Vietnamese: Translation Notes, Translation Questions for 1 Chronicles, 1 Corinthians, 1 John, 1 Kings, 1 Peter, 1 Samuel, 1 Thessalonians, 1 Timothy, 2 Chronicles, 2 Corinthians, 2 John, 2 Kings, 2 Peter, 2 Samuel, 2 Thessalonians, 2 Timothy, 3 John, Acts, Amos, Colossians, Daniel, Deuteronomy, Ecclesiastes, Ephesians, Esther, Exodus, Ezekiel, Ezra, Galatians, Genesis, Habakkuk, Haggai, Hebrews, Hosea, Isaiah, James, Jeremiah, Job, Joel, John, Jonah, Joshua, Jude, Judges, Lamentations, Leviticus, Luke, Malachi, Mark, Matthew, Micah, Nahum, Nehemiah, Numbers, Obadiah, Philemon, Philippians, Proverbs, Psalms, Revelation, Romans, Ruth, Song of Solomon, Titus, Zechariah, Zephaniah
Formatted for Translators

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

©2022 Wycliffe Associates
Released under a Creative Commons Attribution-ShareAlike 4.0 International License.

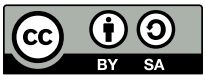
Bible Text: The English Unlocked Literal Bible (ULB)
©2017 Wycliffe Associates
Available at https://bibleineverylanguage.org/translations
The English Unlocked Literal Bible is based on the unfoldingWord® Literal Text, CC BY-SA 4.0. The original work of the unfoldingWord® Literal Text is available at https://unfoldingword.bible/ult/.
The ULB is licensed under the Creative Commons Attribution-ShareAlike 4.0 International License.

Notes: English ULB Translation Notes
©2017 Wycliffe Associates
Available at https://bibleineverylanguage.org/translations
The English ULB Translation Notes is based on the unfoldingWord translationNotes, under CC BY-SA 4.0. The original unfoldingWord work is available at https://unfoldingword.bible/utn.
The ULB Notes is licensed under the Creative Commons Attribution-ShareAlike 4.0 International License.

To view a copy of the CC BY-SA 4.0 license visit http://creativecommons.org/licenses/by-sa/4.0/

Below is a human-readable summary of (and not a substitute for) the license.
You are free to:
Share — copy and redistribute the material in any medium or format. Adapt — remix, transform, and build upon the material for any purpose, even commercially.
The licensor cannot revoke these freedoms as long as you follow the license terms.
Under the following conditions:
Attribution — You must attribute the work as follows: "Original work available at https://BibleInEveryLanguage.org." Attribution statements in derivative works should not in any way suggest that we endorse you or your use of this work.
ShareAlike — If you remix, transform, or build upon the material, you must distribute your contributions under the same license as the original. No additional restrictions — You may not apply legal terms or technological measures that legally restrict others from doing anything the license permits.

Notices:
You do not have to comply with the license for elements of the material in the public domain or where your use is permitted by an applicable exception or limitation.
No warranties are given. The license may not give you all of the permissions necessary for your intended use. For example, other rights such as publicity, privacy, or moral rights may limit how you use the material.



Chapter 1

Genesis 1:1

Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên các tầng trời và trái đất

“Phần này nói về cách Đức Chúa Trời dựng nên các tầng trời và trái đất vào buổi sáng thế”. Câu này tóm tắt toàn bộ phần còn lại của chương. Một số ngôn ngữ dịch là “từ xa xưa Đức Chúa Trời dựng nên các tầng trời và trái đất”. Cách dịch cần thể hiện điều này thật sự đã xảy ra chứ không phải là một câu chuyện dân gian.

Ban đầu

Chỉ về lúc bắt đầu của thế giới và mọi vật trong đó.

Các tầng trời và trái đất

"bầu trời, đất và mọi vật trong đó"

Các tầng trời

Ở đây chỉ về bầu trời.

không có hình dạng và trống không

Đức Chúa Trời chưa đặt thế giới vào trật tự.

Vực

"nước" hay "nước sâu" (UDB) hay "nước lớn"

Các vùng nước

"nước" hoặc "mặt nước"

Genesis 1:3

Phải có ánh sáng

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách ra lệnh cho ánh sáng phải xuất hiện, Đức Chúa Trời đã tạo ra ánh sáng.

Đức Chúa Trời thấy ánh sáng là tốt đẹp

"Đức Chúa Trời xem xét sự sáng và hài lòng về nó.” Từ “tốt đẹp” ở đây có nghĩa là “làm hài lòng” hay “phù hợp”.

phân rẽ ánh sáng khỏi bóng tối

"phân rẽ ánh sáng và bóng tối" hoặc "cho ánh sáng lúc này và bóng tối lúc khác”. Câu này chỉ về việc Đức Chúa Trời tạo nên ban ngày và ban đêm.

Đó là buổi tối và buổi sáng ngày thứ nhất

Đức Chúa Trời làm những việc đó vào ngày đầu thiên vũ trụ tồn tại.

Buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn.

Genesis 1:6

Phải có một cái vòm... hãy để nó phân cách

Chúng là những mệnh lệnh. Bằng cách ra lệnh cho cái vòm phải xuất hiện và phân cách nước, Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên một cái vòm và khiến nó phân rẽ nước.

vòm

"khoảng không rộng lớn." Người Do Thái nghĩ khoảng không này có hình dạng như bên trong một cái vòm hay một cái chén được úp lại.

ở giữa nước

"ở trong nước"

Đức Chúa Trời làm nên vòm trời và phân cách nước

"Bằng cách đó Đức Chúa Trời đã tạo nên vòm trời và phân rẽ nước." Khi Đức Chúa Trời phán thì nó được thực hiện. Câu này giải thích điều Đức Chúa Trời làm nhờ lời Ngài đã phán.

thì có như vậy

"thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa.

Buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn. Xem cách đã dịch ở GEN 1:5. (Xem: Merism)

ngày thứ hai

Chỉ về ngày thứ hai vũ trụ tồn tại. Xem cách dịch “ngày thứ nhất” ở GEN 1:5 và quyết định có nên dịch giống vậy hay không.

Genesis 1:9

Nước... phải được tụ lại

Có thể dịch với động từ ở thể chủ động. Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến cho nước phải tụ lại. Gợi ý dịch: "nước...phải tụ lại” hay “nước... phải góp lại"

phải có chỗ khô cạn xuất hiện

Nước đã che phủ đất. Lúc này nước phải dồn sang một bên và chừa ra đất khô. Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến cho đất khô phải xuất hiện. Gợi ý dịch: “đất khô phải xuất hiện” hoặc “đất khô phải hiện rõ” hoặc “đất khô phải lộ ra”

Chỗ khô

Chỉ về đất không bị nước bao phủ, không có ý nói đến loại đất khô cằn không thể trồng trọt.

thì có như vậy

"Thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa. Dịch giống trong GEN 1:7.

Đất

"đất" hay "mặt đất"

Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt đẹp

“Điều đó” chỉ về đất và biển. Xem cách đã dịch ở GEN 1:4.

Genesis 1:11

Đất phải sinh cây cỏ

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến cho cây cỏ mọc lên trên đất. Gợi ý dịch: "cây cỏ phải mọc lên trên đất" hoặc "cây cỏ phải sinh sôi trên đất"

Cây cối: cỏ kết hạt giống, cây trên đất tùy theo loại mà ra trái

"cây cối, mỗi loại cỏ kết hạt giống và mỗi loại cây đều ra trái” hoặc “cây cối. Chúng phải là những loại cỏ kết hạt và cây trái kết quả. “Cây cối” được dùng ở đây như một thuật ngữ chung bao gồm mọi loại cỏ và cây.

Cỏ

Đây là những loại cây cỏ có thân mềm chứ không phải thân gỗ.

Cây trái kết quả có hạt

"cây kết quả có hạt"

tùy theo loại

Hạt sẽ cho ra cỏ và cây cùng loại. Nhờ đó, cỏ và cây sẽ “tự sinh sản” (UDB).

thì có như vậy

"Thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa. Dịch giống trong GEN 1:7.

Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt đẹp

“Điều đó” chỉ về cây cối, cỏ và cây. Xem cách đã dịch ở GEN

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1:10.

Buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn. Xem cách đã dịch ở GEN 1:5. (Xem: Merism)

Ngày thứ ba

Chỉ về ngày thứ ba vũ trụ tồn tại. Xem cách dịch “ngày thứ nhất” ở GEN 1:5 và quyết định có nên dịch giống vậy hay không.

Genesis 1:14

Phải có các vì sáng trên trời

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến cho các vì sáng xuất hiện.

các vì sáng trên trời

"những vật chiếu sáng trên trời" hoặc "những vật phát ra ánh sáng trên trời." Chúng chỉ về mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao.

Trên trời

"trên vòm trời" hoặc "trong khoảng không lớn trên trời"

đặng phân ra ngày với đêm

"để chia ra ngày với đêm." Nghĩa là “để cho chúng ta phân biệt ngày và đêm.” Mặt trời tức là ban ngày, mặt trăng và các ngôi sao tức là ban đêm.

Để chúng làm dấu

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đa khiến chúng trở thành những dấu hiệu. Gợi ý dịch: “Để chúng là dấu hiệu” hoặc “để chúng cho biết”

Dấu

Ở đây từ này có nghĩa là vật bày tỏ hay chỉ về điều gì đó.

Các mùa

"Các mùa" chỉ về những khoảng thời gian riêng biệt cho các kỳ lễ hội và các việc khác của con người.

định các mùa, ngày và năm

Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao biểu thị sự trôi qua của thời gian. Chúng cho biết khi nào là thời gian cho các sự kiện diễn ra trong tuần, tháng và năm.

Để làm các vì sáng trên trời soi sáng quả đất

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến chúng soi sáng trái đất.

soi sáng quả đất

"để chiếu sáng trái đất" hoặc "để chiếu soi trái đất." Trái đất không tự chiếu sáng nhưng nó được soi sáng và nhờ đó phản chiếu ánh sáng.

thì có như vậy

"Thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa. Xem cách đã dịch ở GEN 1:7.

Genesis 1:16

Đức Chúa Trời tạo nên hai vì sáng lớn

“Bởi đó Đức Chúa Trời tạo nên hai vì sáng lớn.” Câu này giải thích điều Đức Chúa Trời làm nhờ lời Ngài đã phán.

hai vì sáng lớn

“Hai vì sáng rực rỡ.” Hai vì sáng lớn này là mặt trời và mặt trăng.

để cai quản ban ngày

"để cai trị ban ngày như một vị vua cai trị một dân tộc" hoặc "để đánh dấu thời gian ban ngày"

Ban ngày

Chỉ nói đến giờ ban ngày.

vì sáng nhỏ hơn

"vì sáng ít hơn" hoặc "vì sáng yếu hơn"

Trên trời

"trên các tầng trời" hoặc "trong khoảng không trên trời"

phân rẽ ánh sáng khỏi bóng tối

"tách biệt ánh sáng khỏi bóng tối" hoặc "cho ánh sáng lúc này và bóng tối lúc khác”. Xem cách đã dịch ở GEN 1:4.

Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt đẹp

“Điều đó” chỉ về mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao. Xem cách đã dịch ở GEN 1:4.

buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn. Xem cách đã dịch ở GEN 1:5. (Xem: Merism)

ngày thứ tư

Chỉ về ngày thứ tư vũ trụ tồn tại. Xem cách dịch “ngày thứ nhất” ở GEN 1:5 và quyết định có nên dịch giống vậy hay không.

Genesis 1:20

Nước phải đầy dẫy các loài sinh vật

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh cho các loài sinh vật phải đầy dẫy nước, Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên chúng. Một số ngôn ngữ có thể có một từ để chỉ về mọi loại cá và động vật dưới biển. Gợi ý dịch: “Nước phải đầy dẫy nhiều vật sống” hoặc “Phải có nhiều loài động vật sống trong đại dương”

các loài chim phải bay

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời khiến cho các loài chim bay lượn.

Các loài chim

"các loài động vật biết bay" hoặc "những vật biết bay"

Vòm trời

"khoảng không trên trời" hoặc "bầu trời"

Đức Chúa Trời sáng tạo

"Bởi đó Đức Chúa Trời sáng tạo"

Các loài thủy sinh vật to lớn

"các loài động vật to lớn sống dưới biển"

tùy theo loại

Các vật sống sinh ra vật cùng “loại”. Xem cách dịch từ “loại” trong GEN 1:11,12.

mọi loài chim có cánh

"mọi loài vật biết bay có cánh." Nếu dùng từ chỉ về các loài chim thì một số ngôn ngữ sẽ có cách nói tự nhiên hơn là “mọi loài chim”, vì mọi loài chim đều có cánh.

Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt đẹp

“Điều đó” chỉ về các loài chim và cá. Xem cách đã dịch ở GEN 1:4.

Genesis 1:22

ban phước cho chúng

"ban phước cho các loài vật mà Ngài đã dựng nên"

Hãy sanh sản, thêm nhiều

Đây là phước lành của Đức Chúa Trời. Ngài bảo các loài động vật dưới biển phải sanh sản thêm những loại giống chúng, để chúng được đông đúc dưới biển. Từ “thêm nhiều” mô tả chúng cần phải “sanh sản” như thế nào.

Thêm nhiều

"gia tăng thật nhiều về số lượng" hoặc "trở nên nhiều"

các loài chim hãy gia tăng thật nhiều

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là một mệnh lệnh. Bằng lời phán, Đức Chúa Trời khiến cho loài chim gia tăng thêm nhiều.

Các loài chim

"các loài động vật biết bay" hoặc "những vật biết bay." Xem cách đã dịch ở GEN 1:20.

buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn. Xem cách đã dịch ở GEN 1:5. (Xem: Merism)

Ngày thứ năm

Chỉ về ngày thứ năm vũ trụ tồn tại. Xem cách dịch “ngày thứ nhất” ở GEN 1:5 và quyết định có nên dịch giống vậy hay không.

Genesis 1:24

Đất phải sinh các sinh vật

"Đất phải sinh các vật sống" hoặc "Phải có nhiều động vật sống trên đất". Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời khiến đất sinh ra các sinh vật.

tùy theo loại

"để mỗi loài sinh vật sẽ gia tăng số lượng của chúng"

gia súc, các loài bò sát và thú rừng trên đất

Điều này cho thấy Đức Chúa Trời đã tạo nên mọi loại động vật. Nếu ngôn ngữ của bạn có các từ ngữ khác để phân loại động vật thì có thể áp dụng ở đây, nếu không thì có thể sử dụng cách phân loại ở trên.

Gia súc

"các loài động vật do con người nuôi"

Các loài bò sát

"các loài vật nhỏ"

thú rừng trên đất

"động vật hoang dã" hoặc "các loài động vật nguy hiểm"

thì có như vậy

"Thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa. Xem cách đã dịch ở GEN 1:7.

Đức Chúa Trời tạo nên các loài thú rừng

"Bởi đó Đức Chúa Trời tạo nên các loài thú rừng"

Ngài thấy điều đó là tốt đẹp

“Điều đó” chỉ về các sinh vật trên đất. Xem cách đã dịch ở GEN 1:4.

Genesis 1:26

Chúng Ta hãy tạo nên

Từ “chúng ta” ở đây chỉ về Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đang nói điều Ngài dự định sẽ làm. Đại từ “chúng ta” ở số nhiều. Lý do cho cách dùng này có thể là 1) dạng số nhiều cho thấy Đức Chúa Trời đang thảo luận với các thiên sứ là những quần thần trên trời của Ngài hoặc 2) dạng số nhiều báo trước cho điều ngụ ý trong Tân Ước rằng Đức Chúa Trời có ba ngôi. Một số bản dịch rằng “Ta hãy tạo nên” hoặc “Ta sẽ tạo nên”. Nếu dịch như vậy, hãy thêm phần ghi chú đây là từ ở dạng số nhiều.

Theo hình ảnh Chúng Ta và giống như Chúng Ta

Hai cụm từ này có nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người giống Ngài. Câu này không có nghĩa là Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người giống như Ngài. Đức Chúa Trời không có thân thể do đó câu này không mang ý nghĩa là con người có hình dáng giống như Ngài. Gợi ý dịch: “giống với Chúng Ta”.

để quản trị

"cai trị" hay "có thẩm quyền trên"

Đức Chúa Trời sáng tạo loài người... Ngài sáng tạo loài người

Hai câu này có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời tạo dựng nên loài người theo hình ảnh của Ngài.

Đức Chúa Trời sáng tạo loài người

Cách Đức Chúa Trời tạo dựng nên loài người khác với mọi vật khác. Đừng nêu chi tiết rằng Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người chỉ bằng lời phán như ở những câu trước.

Genesis 1:28

Đức Chúa Trời ban phước cho họ

Từ “họ” chỉ về người nam và người nữ mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng.

Hãy sanh sản, thêm nhiều

Đức Chúa Trời bảo người nam và người nữ phải sanh sản thêm những người giống họ để họ được thêm nhiều. Từ “thêm nhiều” giải thích họ cần phải “sanh sản” như thế nào. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:22]

Làm cho đầy dẫy đất

Làm cho con người đầy dẫy đất.

Genesis 1:30

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán.

Mọi loài chim trên trời

"mọi loài chim bay trên trời"

có sinh khí

"có hơi thở" (UDB). Cụm từ này nhấn mạnh rằng sự sống của những loài vật này khác với của cây cối. Cây cối không thở được và dùng làm thức ăn cho động vật. Từ “sinh” ở đây chỉ về sự sống vật lý.

thì có như vậy

"Thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa. Xem cách đã dịch ở GEN 1:7.

Nầy

"Thật vậy." Từ “nầy” nhấn mạnh thêm cho điều được nói sau đó.

mọi việc rất tốt đẹp

Bây giờ Đức Chúa Trời nhìn lại mọi thứ Ngài đã tạo dựng, chúng “rất tốt đẹp”. Xem cách dịch “điều đó là tốt đẹp” ở GEN 1:10.

buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn. Xem cách đã dịch ở GEN 1:5. (Xem: Merism)

Ngày thứ sáu

Chỉ về ngày thứ sáu vũ trụ tồn tại. Xem cách dịch “ngày thứ nhất” ở GEN 1:5 và quyết định có nên dịch giống vậy hay không.

Translation Questions

Genesis 1:1

Ban đầu Đức Chúa Trời tạo dựng nên điều gì?

Đức Chúa Trời tạo dựng nên các từng trời và đất.

Genesis 1:2

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ban đầu Thánh Linh của Đức Chúa Trời làm gì?

Thánh Linh của Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước.

Genesis 1:3

Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên ánh sáng như thế nào?

Đức Chúa Trời phán "Phải có ánh sáng".

Genesis 1:7

Đức Chúa Trời tạo nên điều gì vào ngày thứ hai?

Đức Chúa Trời tạo nên vòm trời giữa hai khoảng nước.

Genesis 1:8

Đức Chúa Trời tạo nên điều gì vào ngày thứ hai?

Đức Chúa Trời tạo nên vòm trời giữa hai khoảng nước.

Genesis 1:10

Đức Chúa Trời gọi đất khô và vùng nước tụ lại là gì?

Đức Chúa Trời gọi đất khô là "đất", còn vùng nước tụ lại Ngài gọi là "biển".

Genesis 1:11

Những loại sinh vật Đức Chúa Trời đã tạo dựng vào ngày thứ ba là gì?

Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên cây cỏ, cây kết trái và rau quả vào ngày thứ ba.

Genesis 1:12

Những loại sinh vật Đức Chúa Trời đã tạo dựng vào ngày thứ ba là gì?

Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên cây cỏ, cây kết trái và rau quả vào ngày thứ ba.

Genesis 1:14

Có các vì sáng ở trên trời để làm gì?

Chúng được dùng để phân chia ngày và đêm, làm dấu cho các mùa, ngày và năm.

Genesis 1:16

Đức Chúa Trời tạo nên điều gì vào ngày thứ tư? What did God make on the fourth day?

Đức Chúa Trời tạo nên hai vì sáng lớn và các ngôi sao.

Genesis 1:21

Đức Chúa Trời tạo nên điều gì vào ngày thứ năm?

Đức Chúa Trời tạo nên các loại sinh vật dưới nước và các loài chim.

Genesis 1:22

Đức Chúa Trời ban mạng lệnh gì cho các loài thủy sinh và chim trời?

Hãy sanh sản, thêm nhiều.

Genesis 1:26

Đức Chúa Trời dựng nên điều gì theo hình ảnh của Ngài?

Đức Chúa Trời dựng nên loài người theo hình ảnh của Ngài.

Loài người được giao quyền cai trị điều gì?

Đức Chúa Trời giao cho con người quyền cai trị loài cá biển, loài chim trời, loài gia súc và khắp cả đất cùng mọi loài bò sát trên mặt đất.

Genesis 1:27

Có điều gì khác biệt trong cách Đức Chúa Trời tạo dựng nên loài người?

Đức Chúa Trời tạo dựng nên loài người theo hình ảnh của Ngài.

Genesis 1:28

Đức Chúa Trời ban mạng lệnh gì cho loài người?

Hãy sanh sản thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất và quản trị nó.

Genesis 1:29

Đức Chúa Trời ban cho loài người thứ gì để ăn?

Đức Chúa Trời ban cho họ mọi thứ cây cỏ kết hạt và mọi loài cây ra trái.

Genesis 1:31

Khi nhìn mọi thứ Ngài đã tạo dựng nên thì Đức Chúa Trời có suy nghĩ gì?

Đức Chúa Trời thấy rằng nó thật rất tốt đẹp.

Chapter 2

Genesis 2:1

Các tầng trời

"bầu trời"

Và mọi vật trong đó

"và mọi vật đông đảo sống trong đó" hoặc "và đông đảo các sinh vật trong đó"

Đã xong

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã dựng nên xong rồi"

Vào ngày thứ bảy Đức Chúa Trời hoàn tất công việc của Ngài

Vào ngày thứ bảy Đức Chúa Trời không làm việc.

Hoàn tất

Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "đã kết thúc"

vào ngày thứ bảy Ngài nghỉ mọi công việc

"vào ngày hôm đó Ngài không làm việc"

Đức Chúa Trời ban phước cho ngày thứ bảy

Có thể là 1) Đức Chúa Trời khiến cho ngày thứ bảy đem đến kết quả tốt lành hoặc 2) Đức Chúa Trời phán rằng ngày thứ bảy là tốt đẹp.

và thánh hóa ngày đó

"và biệt riêng ngày đó" hoặc "và gọi đó là ngày của riêng Ngài"

vào ngày đó Ngài nghỉ mọi công việc

"vào ngày đó Ngài không làm việc"

Genesis 2:4

Thông Tin Tổng Quát:

Phần còn lại của Sáng Thế Ký chương 2 cho biết cách Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người vào ngày thứ sáu.

Đó là những sự kiện về các tầng trời và đất

"Đây là ký thuật về các tầng trời và đất" hoặc "Đây là câu chuyện về các tầng trời và đất". Có thể 1) đây là câu tóm tắt về những sự kiện được mô tả trong Sáng Thế Ký 1:1-2:3 hoặc 2) câu này giới thiệu những sự kiện được mô tả trong Sáng Thế Ký 2. Nếu có thể, hãy dịch câu này sao cho người đọc có thể hiểu được 1 trong 2 cách.

Chúng được tạo dựng

"Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên chúng." Trong chương 1 tác giả luôn gọi Đức Chúa Trời là “Đức Chúa Trời”, nhưng trong chương 2 ông luôn gọi Đức Chúa Trời là “Giê-hô-va Đức Chúa Trời”.

Vào ngày Giê-hô-va Đức Chúa Trời làm nên

"khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời dựng nên." Từ “ngày” chỉ về toàn bộ khoảng thời gian sáng tạo, không phải chỉ là một ngày riêng biệt.

chưa có bụi cây ngoài đồng nào

Không có bụi cây nào mọc ngoài tự nhiên mà động vật có thể ăn được

Chưa có ngọn cỏ ngoài đồng nào

Không có cây lá xanh nào như rau hay cỏ mà động vật và con người có thể ăn được

Cày cấy

Làm những việc cần thiết để giúp cây cối sinh trưởng tốt.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hơi ẩm
Có thể là 1) vật giống sương mù hay sương sớm hoặc 2) những dòng chảy từ mạch nước ngầm.
Khắp mặt đất
Khắp cả đất
Genesis 2:7
Tạo nên
"nhào nặn nên" hoặc "nắn nên" hoặc "dựng nên"
Người ... người
"loài người ... con người" hoặc "một người ... người" không cụ thể chỉ về người nam
Lỗ mũi
"mũi"
Sinh khí
"hơi thở khiến vật sống động." Từ “sinh” ở đây chỉ về sự sống vật lý.
Một khu vường
Đây có thể là một vườn cây ăn trái hoặc một khu vực có tất cả các loại cây.
Hướng đông
"ở phía đông"
Genesis 2:9
Cây sự sống
"cây cho con người sự sống"
Sự sống
Ở đây từ này có nghĩa là “sự sống đời đời” hoặc là sự sống không chấm dứt.
Cây biết điều thiện và điều ác
"cây cho con người khả năng hiểu biết điều thiện và điều ác" hoặc "cây khiến cho những người ăn trái của nó biết điều tốt và điều xấu"
Điều thiện và điều ác
Đây là một phép tu từ chỉ về hai thái cực và tất cả những phạm trù ở giữa. Gợi ý dịch: “mọi điều, cả điều thiện và điều ác”
ở giữa vườn
"ở chính giữa vườn." Hai cây này có thể không nằm chính xác ngay chính giữa khu vườn.
Một dòng sông từ Ê-đen chảy ra để tưới vườn
Khu vườn ở trong Ê-đen. Dòng sông tiếp tục chảy ra khỏi Ê-đen. Gợi ý dịch: “Một dòng sông chảy qua Ê-đen để tưới vườn”.
Genesis 2:11
Bi-sôn
Đây là lần duy nhất dòng sông này được nhắc đến trong Kinh Thánh. .
Khắp vùng Ha-vi-la
"khắp vùng đất có tên là Ha-vi-la." Vùng đất này nằm đâu đó trong sa mạc A-ra-bi. .
là nơi có vàng
Vế này đưa ra thông tin về Ha-vi-la. Một số ngôn ngữ có thể dịch thành một câu riêng biệt. Gợi ý dịch: “Tại Ha-vi-la có vàng”
ở đó còn có nhũ hương và bích ngọc
Từ “ở đó” được đặt đầu câu để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: “đây cũng là nơi người ta có thể tìm thấy nhũ hương và bích ngọc”
Nhũ hương
Đây là loại mủ nhựa ra từ cây, có mùi thơm. Mủ nhựa là một chất sánh đặc lấy từ một số loại cây và có thể bị đốt cháy.
Bích ngọc
"bích ngọc." Bích ngọc là một loại đá rất đẹp.
Genesis 2:13
Ghi-hôn
Đây là lần duy nhất con sông này được nhắc đến trong Kinh Thánh.
Chảy khắp cả vùng đất Cút
Dòng sông không phủ trên cả vùng đất nhưng lượn khúc qua nhiều khu vực trong vùng.
Cả vùng đất Cút
"toàn bộ vùng đất tên là Cút"
Chảy về phía đông lãnh thổ A-si-ri
"chảy trong vùng đất ở phía đông của thành A-si-ri." Sông Ti-gơ-rít chảy từ bắc xuống nam. Cụm từ “chảy về phía đông lãnh thổ A-si-ri” cho biết vị trí của sông Ti-gơ-rít. Một số ngôn ngữ có thể dịch ra thành một câu riêng biệt. Gợi ý dịch: “và nó chảy về phía đông lãnh thổ A-si-ri”
Genesis 2:15
vườn Ê-đen
"khu vườn ở trong Ê-đen"
Để trồng
" để canh tác." Có nghĩa là làm mọi điều cần thiết để giúp cây cối sinh trưởng tốt.
Để giữ vườn
Để trông chừng mọi điều không hay xảy ra trong vườn
Mọi loại cây trong vườn
"Trái của mọi loại cây trong vườn"
Con
Đại từ này ở dạng số ít.
Con được tự do ăn ... con không được ăn
Trong một số ngôn ngữ sẽ tự nhiên hơn khi nói điều không được phép làm trước, sau đó là điều được phép làm, như trong bản UDB.
Được tự do ăn
"được ăn không giới hạn"
cây biết điều thiện và điều ác
"cây cho con người khả năng hiểu biết điều thiện và điều ác" hoặc "cây khiến cho những người ăn trái của nó biết điều tốt và điều xấu". Xem cách đã dịch ở GEN 2:9.
con không được ăn
"Ta sẽ không cho phép con ăn" (UDB) hoặc "con không được ăn"
Genesis 2:18
Ta sẽ tạo nên một người giúp đỡ thích hợp với nó
"Ta sẽ tạo nên một người giúp đỡ phù hợp cho nó"
mọi loài thú ngoài đồng và mọi loài chim trên trời
Cụm từ “ngoài đồng” và “trên trời” cho biết nơi chúng thường ở. Gợi ý dịch: “mọi loài thú vật và chim chóc”.
mọi loài gia súc
"mọi loài động vật do con người chăm sóc"
chẳng tìm được một ai giúp đỡ thích hợp với mình
Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Không có người nào làm bạn thích hợp với mình”
Genesis 2:21
Khiến cho người ngủ mê
"khiến cho người ngủ say." Ngủ say là thời gian ngủ mà người ta khó bị quấy nhiễu và thức giấc.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài dùng chiếc xương sườn ... dựng nên một người nữ
"Từ chiếc xương sườn ... Ngài dựng nên một người nữ". Xương sườn là vật căn bản mà Đức Chúa Trời dùng để tạo dựng nên người nữ.
Bây giờ đây là xương của xương tôi, thịt của thịt tôi
"Cuối cùng, xương của người này giống xương của tôi và thịt của người giống thịt của tôi". Sau khi tìm người bầu bạn trong số tất cả các loài động vật nhưng không được một ai, cuối cùng ông đã nhìn thấy có người giống ông và có thể làm bạn với ông. Người nam có lẽ đang bày tỏ cảm xúc vui mừng, khuây khỏa của mình.
Thịt
Chỉ về các mô mềm trên cơ thể như da và cơ bắp.
Nàng sẽ được gọi là “người nữ”, vì từ người nam mà có
Người dịch có thể viết một ghi chú như sau “trong tiếng Hê-bơ-rơ từ ‘người nữ’ có phát âm giống với từ ‘người nam’.
Genesis 2:24
Thông Tin Tổng Quát:
Các câu sau do tác giả viết, không phải là lời người nam nói.
Bởi vậy
"Vì thế"
người nam sẽ lìa cha mẹ mình
"người nam sẽ không sống trong nhà cha mẹ mình nữa". Câu này chỉ về người nam nói chung, không chỉ về một người nam cụ thể vào thời điểm cụ thể nào.
Họ sẽ trở nên một thịt
Thành ngữ này nói về sinh hoạt tình dục như thể hai cơ thể cùng trở thành một. Gợi ý dịch: "hai thân thể của họ sẽ trở thành một"
Họ đều trần truồng
Từ “họ” chỉ về người nam và người nữ mà Đức Chúa Trời đã dựng nên.
Trần truồng
"không mặc quần áo"
Mà không hổ thẹn
"họ không hổ thẹn vì mình trần truồng" (UDB)

Translation Questions

Genesis 2:2
Đức Chúa Trời làm gì vào ngày thứ bảy?
Ngài nghỉ ngơi mọi công việc mình, Ngài cũng chúc phước và thánh hóa ngày đó.
Genesis 2:3
Đức Chúa Trời làm gì vào ngày thứ bảy?
Ngài nghỉ ngơi mọi công việc mình, Ngài cũng chúc phước và thánh hóa ngày đó.
Genesis 2:6
Trước khi Đức Giê-hô-va làm cho trời mưa thì đất được tưới như thế nào?
Sương bốc lên từ dưới đất.
Genesis 2:7
Đức Giê-hô-va đã tạo dựng nên con người như thế nào?
Đức Giê-hô-va đã nắn nên con người từ bụi đất và truyền hơi sống vào.
Genesis 2:8
Đầu tiên Đức Giê-hô-va đặt con người ở đâu?
Trong vườn Ê-đen.
Genesis 2:9
Hai cây nằm ở giữa vườn là cây gì?
Cây sự sống và cây biết điều thiện và điều ác.
Genesis 2:15
Con người phải làm gì trong khu vườn?
Con người phải làm việc và gìn giữ vườn.
Genesis 2:16
Đức Giê-hô-va truyền bảo gì về những thứ con người được phép ăn?
Con được tự do ăn mọi loại cây trong vườn, trừ cây biết điều thiện và điều ác.
Genesis 2:17
Đức Giê-hô-va truyền bảo gì về những thứ con người được phép ăn?
Con được tự do ăn mọi loại cây trong vườn, trừ cây biết điều thiện và điều ác.
Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xảy ra nếu con người vi phạm mạng lệnh này?
Một khi con người vi phạm mạng lệnh này thì chắc chắn sẽ chết.
Genesis 2:18
Đức Giê-hô-va phán điều gì là không tốt?
Ngài phán rằng con người ở một mình thì không tốt.
Genesis 2:19
Đức Giê-hô-va bảo con người làm gì cho mọi loài sinh vật?
Con người đặt tên cho mọi loài sinh vật.
Genesis 2:20
Trong số mọi loài sinh vật không tìm thấy điều gì?
Một người giúp đỡ thích hợp cho con người.
Genesis 2:22
Đức Giê-hô-va tạo dựng nên người nữ như thế nào?
Đức Giê-hô-va khiến người nam ngủ đi rồi lấy một chiếc xương sườn của người nam và làm nên người nữ từ xương sườn đó.
Genesis 2:23
Vì sao người nam gọi người là "người nữ"?
Vì người nữ ra từ người nam.
Genesis 2:24
Làm thế nào người nam và người nữ trở nên một thịt?
Người nam hiệp nhất với người nữ như vợ mình.
Genesis 2:25
Người nam và vợ có xấu hổ khi trần truồng không?
Không.

Chapter 3
Genesis 3:1
Vả
Tác giả bắt đầu một phần mới của câu chuyện.
quỷ quyệt hơn
"gian giảo hơn" (UDB) hoặc "khôn ngoan trong việc nói dối để đạt được điều mình muốn"
Có thật Đức Chúa Trời đã dặn rằng ‘các con ... trong vườn’ không?
Con rắn giả vờ ngạc nhiên vì Đức Chúa Trời đã đưa ra quy định này. Câu hỏi tu từ này có thể được dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi lấy làm ngạc nhiên vì Đức Chúa Trời phán rằng ‘Các con ... trong vườn’.”
Các người không được
Từ “các ngươi” ở dạng số nhiều, chỉ về người nam và người nữ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúng tôi được ăn ... Đức Chúa Trời đã phán: 'Các con không được ăn
Đầu tiên Ê-va nói cho con rắn biết điều Đức Chúa Trời cho phép làm sau đó là điều không được phép. Một số ngôn ngữ có thể nói điều họ không được làm trước, sau đó là điều họ được phép làm, như trong bản UDB.
Chúng tôi được ăn
"Chúng tôi được phép ăn" hoặc "Chúng tôi được cho phép ăn"
Các con không được ... cũng đừng ... các con sẽ chết
Từ "các con" ở dạng số nhiều, chỉ về người nam và người nữ.
Các con không được ăn
"Con con không được phép ăn" hoặc "Đừng ăn"
cũng đừng đụng đến nó
"và các con không được đụng đến nó" hoặc "và đừng đụng đến nó"
Genesis 3:4
Các ngươi ... các ngươi ... của các ngươi ... các ngươi
Những từ này chỉ về người nam và người nữ cho nên ở dạng số nhiều.
mắt các ngươi sẽ được mở ra
"mắt các ngươi sẽ mở ra". Thành ngữ này có nghĩa là "các ngươi sẽ nhận biết được mọi điều" hoặc "các ngươi sẽ hiểu được những điều mới". Ý nghĩa này có thể được diễn đạt rõ hơn. Gợi ý dịch: "Như thể mắt các ngươi được mở ra"
biết điều thiện và điều ác
"Điều thiện và điều ác" ở đây là một phép tu từ chỉ về hai thái cực và tất cả những phạm trù ở giữa. Gợi ý dịch: "mọi điều, cả điều thiện và điều ác". Xem cách đã dịch ở [GEN 2:9]
đẹp mắt
"Trông nó rất đẹp mắt" hoặc "trông nó rất đẹp" hoặc "nó rất đẹp" (UDB)
và quý vì làm cho mình khôn ngoan
"và người nữ muốn ăn trái cây đó vì nó có thể khiến cho người ta khôn ngoan" hoặc "và người nữ muốn ăn trái cây đó vì nó có thể khiến cho mình biết được điều đúng và điều sai như Đức Chúa Trời"
Genesis 3:7
Mắt cả hai người được mở ra
"Sau đó mắt của họ mở ra" hoặc "Họ nhận biết " hoặc "Họ biết được". Xem cách đã dịch cụm từ "mắt các ngươi sẽ được mở ra" ở GEN 3:5.
Kết
"gắn" hoặc "vá"
Lá cây vả
Nếu người đọc không biết là cây vả như thế nào thì có thể dịch là "những chiếc lá lớn từ cây vả" hoặc đơn giản là "những chiếc lá lớn".
làm khố che thân
Họ làm vậy vì họ xấu hổ. Có thể nêu rõ hàm ý này nếu cần thiết như trong bản UDB. Gợi ý dịch: "và họ che mình lại vì xấu hổ "
lúc chiều mát
"lúc có một cơn gió mát thổi qua"
Trốn khỏi sự hiện diện của Giê-hô-va Đức Chúa Trời
"tránh mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời" hoặc "để Giê-hô-va Đức Chúa Trời không thấy họ" (UDB) hoặc "trốn khỏi Giê-hô-va Đức Chúa Trời"
Genesis 3:9
Con ở đâu?
"Sao con cố tránh mặt ta?" (UDB). Đức Chúa Trời biết người nam đang ở đâu. Khi đáp lại, người nam không nói mình ở đâu nhưng giải thích vì sao ông lẫn trốn.
Con
Trong câu 9 và 11, Đức Chúa Trời đang nói với người nam. Những ngôn ngữ có dạng số ít của từ "con" có thể sử dụng nó ở đây.
Con nghe thấy Chúa
"Con nghe tiếng Chúa"
Ai đã bảo cho con
Đức Chúa Trời biết câu trả lời. Ngài hỏi để buộc A-đam xưng nhận mình đã không vâng lời Đức Chúa Trời.
Có phải con đã ăn ... không?
Một lần nữa, Đức Chúa Trời biết việc này đã xảy ra. Cần dịch sao để cho thấy Đức Chúa Trời đang buộc tội A-đam vì không vâng lời. Câu này có thể dịch thành một câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chắc hẳn con đã ăn ..."
Genesis 3:12
Con đã làm gì vậy?
Đức Chúa Trời biết việc người nữ đã làm. Khi Ngài hỏi như vậy là Ngài đang cho người nữ một cơ hội để nói điều đó với Ngài, đồng thời Ngài bày tỏ sự thất vọng đối với việc người đã làm. Nhiều ngôn ngữ dùng câu hỏi tu từ để la rầy hoặc quở trách. Cho nên, nếu có thể hãy dùng dạng câu thích hợp có thể biểu lộ sự thất vọng này. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Con đã làm điều rất tệ hại"
Genesis 3:14
Chỉ có mầy bị nguyền rủa
"chỉ mình mầy bị nguyền rủa." Từ "nguyền rủa" trong tiếng Hy Lạp nguyên gốc được dùng để nhấn mạnh sự trái ngược giữa phước lành của Đức Chúa Trời trên các loài động vật và lời nguyền rủa này của Ngài trên con rắn. Đây là một "lời nguyền rủa khuôn mẫu" hoặc hình thức thể hiện lời nguyền rủa. Bằng cách truyền phán, Đức Chúa Trời đã khiến cho lời nguyền rủa được thực hiện.
tất cả các loài gia súc và thú đồng
"tất cả các loài gia súc và thú hoang"
Mầy sẽ bò bằng bụng
"Mầy sẽ di chuyển bằng bụng trên mặt đất." Từ "bằng bụng" đứng đầu trong câu tiếng Anh để làm tương phản giữa cách các động vật khác di chuyển bằng chân và cách con rắn phải bò bằng bụng. Đây cũng là một phần của lời nguyền rủa.
Mầy sẽ ăn bụi đất
"Mầy sẽ phải ăn bụi đất." Từ "bụi đất" đứng đầu trong câu Tiếng Anh để nhấn mạnh sự tương phản giữa thức ăn của các loài động vật khác là cây cỏ phía trên mặt đất và loại thức ăn của rắn là những thứ bẩn thỉu nằm trên mặt đất. Đây là một phần của lời nguyền rủa.
Sự thù nghịch giữa mầy và người nữ
Nghĩa là con rắn và người nữ sẽ trở thành kẻ thù của nhau.
Dòng dõi
"con cháu" hoặc "hậu tự". Từ này trong Tiếng Anh còn chỉ về chất mà người nam đưa vào người nữ để hình thành bào thai trong người nữ. Giống như từ "con cháu", từ này có thể mang ý nghĩa chỉ về nhiều người, như từ "hậu tự". Cố gắng tìm một từ ở dạng số ít nhưng có thể chỉ về nhiều người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người sẽ giày đạp ... gót chân người

Từ “người” chỉ về hậu tự của người nữ. Nếu từ “dòng dõi” được dịch ở dạng số nhiều thì câu này có thể dịch là “họ sẽ giày đạp ... gót chân họ”, trong trường hợp này, cần suy xét thêm phần ghi chú cho biết từ “họ” được dịch từ một đại từ số ít.

Giày đạp

"nghiền nát" hoặc "đập" hoặc "tấn công"

Genesis 3:16

Ta sẽ thêm nhiều đau đớn

"Ta sẽ khiến cho cơn đau đớn của con gia tăng thêm nhiều" hoặc "Ta sẽ khiến cho con đau đớn dữ dội"

Khi có con

"trong cơn thai nghén" hoặc "khi sinh con" (UDB)

dục vọng con sẽ hướng về chồng

"Con sẽ có ước muốn mạnh mẽ với chồng". Có thể là 1) “Con sẽ rất muốn gắn bó với chồng” hoặc 2) “Con sẽ muốn điều khiển chồng”

Chồng sẽ cai trị con

"chồng sẽ là chủ của con" hoặc "chồng sẽ kiểm soát con"

Genesis 3:17

A-đam

Tên A-đam trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “người”. Một số bản dịch gọi là “A-đam” và một số khác gọi là “người”. Bạn có thể dùng một trong hai cách vì nó chỉ về cùng một người.

con đã nghe theo vợ

Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "con đã nghe lời vợ"

Đã ăn trái cây

Có thể cho biết vật họ đã ăn là gì. Gợi ý dịch: "đã ăn trái của cây" hoặc "đã ăn những trái của cây"

Con không được ăn

"Con không được phép ăn" hoặc "Đừng ăn trái của cây đó"

Đất đai bị nguyền rủa

Trong Tiếng Anh từ “nguyền rủa” đứng đầu câu để nhấn mạnh rằng đất trước đây là “tốt đẹp” (GEN 1:10) bây giờ phải ở dưới sự nguyền rủa của Đức Chúa Trời. Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ nguyền rủa đất đai"

làm lụng vất vả

" làm việc cực nhọc"

có miếng ăn từ đó mà ra

Từ “đó” chỉ về đất và là phép hoán dụ chỉ về những bộ phận của các loại cây cối mọc lên từ đất mà con người có thể ăn được. Gợi ý dịch: "con sẽ ăn những gì mọc lên từ đó"

rau cỏ ngoài đồng ruộng

Có thể là 1) “cây cỏ mà con coi sóc ngoài đồng” hoặc 2) “những loại cây cỏ mọc hoang ngoài đồng”.

Đổ mồ hôi trán

"Làm việc cực nhọc đổ mồ hôi"

Con sẽ ăn bánh

Từ “bánh” là phép chuyển nghĩa chỉ về thức ăn nói chung. Gợi ý dịch: "con sẽ ăn thức ăn"

Cho đến khi con trở về đất

"cho đến khi con chết đi và thân thể con được đặt trong lòng đất”. Trong một số văn hóa, người ta cho xác người chết vào một cái hố dưới đất. Công việc nhọc nhằn của con người sẽ không chấm dứt cho đến khi họ chết đi và được chôn cất.

Vì con là cát bụi, con sẽ trở về với cát bụi

"Ta đã dựng nên con từ bụi đất nên thân thể con sẽ trở về bụi đất”. Dịch cả hai lần “cát bụi” giống nhau để cho thấy con người bắt đầu và kết thúc trong cùng một điều kiện.

Genesis 3:20

Người

Một số bản dịch là “A-đam”.

Gọi tên vợ là Ê-va

"đặt cho vợ tên là Ê-va" hoặc "gọi vợ là Ê-va" (UDB)

Ê-va

Nhiều bản dịch có thể thêm phần ghi chú “Tên Ê-va nghe giống với từ ‘sống’ trong tiếng Hê-bơ-rơ”.

Mọi loài sống

Từ “sống” ở đây chỉ về con người. Gợi ý dịch: "cả loài người"

Áo da

"áo quần làm bằng da động vật"

Genesis 3:22

Loài người

Có thể là 1) Đức Chúa Trời đang nói đến một người, là người nam, hoặc 2) Đức Chúa Trời đang nói đến loài người nói chung, tức là người nam và vợ. Kể cả khi Đức Chúa Trời đang nói đến một người thì điều Ngài phán cũng được áp dụng cho cả hai.

trở nên một bậc như chúng ta

"giống như chúng ta". Đại từ “chúng ta” ở dạng số nhiều. Xem cách dịch câu “chúng ta hãy tạo nên” trong GEN 1:26.

Biết điều thiện và điều ác

“Điều thiện và điều ác” ở đây là một phép tu từ chỉ về hai thái cực và tất cả những phạm trù ở giữa. Xem cách đã dịch ở GEN 2:9. Gợi ý dịch: “biết mọi điều, gồm cả điều thiện và điều ác”.

Chúng không được phép

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ không cho phép chúng"

Cây sự sống

"cây cho con người sự sống". Dịch giống trong GEN 2:9.

đất đai, là nơi con người từ đó mà ra

" đất đai vì con người ra từ bụi đất". Ở đây không chỉ về một nơi cụ thể nào trên đất mà Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người.

Vì vậy, Đức Chúa Trời đuổi loài người ra khỏi vườn

"Đức Chúa Trời buộc con người phải rời khỏi vườn". Câu này nói đến sự kiện trong GEN 3:23, ở đây chép rằng “Giê-hô-va Đức Chúa Trời truyền cho loài người ra khỏi vườn Ê-đen”. Không phải Đức Chúa Trời đuổi con người đi lần thứ hai.

Để cày cấy

Nghĩa là làm những việc cần thiết để giúp cây cối sinh trưởng tốt. Dịch giống trong GEN 2:5.

để canh giữ con đường đi đến cây sự sống

"để ngăn chặn con người đi đến cây sự sống"

gươm rực lửa

Có thể là 1) thanh gươm phát ra lửa hoặc 2) một ngọn lửa có hình như thanh gươm. Những ngôn ngữ không có gươm thì có thể sử dụng một loại vũ khí khác như cây giáo hay cung tên.

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 3:1

Câu hỏi đầu tiên con rắn hỏi người nữ là gì?

Con rắn hỏi người nữ rằng "Có thật Đức Chúa Trời nói rằng 'Ngươi không được ăn bất kì thứ cây nào trong vườn' không"?

Genesis 3:4

Khi người phụ nữ nói Đức Chúa Trời phán rằng họ sẽ chết nếu ăn loại cây ở giữa vườn thì con rắn nói gì?

Con rắn nói rằng "Các ngươi chắc chắn sẽ không chết đâu".

Genesis 3:5

Con rắn nói điều gì sẽ xảy ra cho người nam và người nữ nếu họ ăn trái cây đó?

Con rắn nói rằng họ sẽ giống như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác.

Genesis 3:6

Điều gì quyến rũ người nữ với trái của cây đó?

Người nữ thấy nó bộ ăn ngon, đẹp mắt và mở trí khôn.

Ai đã ăn trái cây đó?

Người nữ ăn rồi đưa cho chồng cùng ăn nữa.

Genesis 3:7

Điều gì đã xảy ra cho họ khi họ ăn trái cây đó?

Khi họ ăn trái cây đó thì mắt họ mở ra, họ nhận biết mình lõa lồ.

Genesis 3:8

Người nam và người nữ đã làm gì khi Đức Chúa Trời đến khu vườn?

Họ ẩn mình khỏi Đức Chúa Trời.

Genesis 3:10

Vì sao người nam đi trốn khi Đức Chúa Trời đến khu vườn?

Người nam đi trốn Đức Chúa Trời vì người trần truồng và sợ hãi vì điều đó.

Genesis 3:12

Người nam nói ai là người chịu trách nhiệm cho việc đã đưa cho ông trái cây đó?

Người nam nói người nữ chịu trách nhiệm cho việc đó.

Genesis 3:13

Người nữ nói ai là người chịu trách nhiệm cho việc đưa cho cô trái cây đó?

Người nữ nói con rắn chịu trách nhiệm cho việc đó.

Genesis 3:15

Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ khiến giữa con rắn và người nữ như thế nào với nhau?

Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ khiến họ thù ghét nhau.

Genesis 3:16

Đức Chúa Trời rủa sả người phụ nữ điều gì trong việc sinh con?

Đức Chúa Trời sẽ gia tăng thêm nhiều đau đớn cho người nữ khi sinh con.

Genesis 3:17

Đức Chúa Trời rủa sả người nam điều gì về công việc của người?

Đức Chúa Trời rủa sả đất để người nam phải cực nhọc vất vả mới có được thức ăn từ đó.

Genesis 3:20

Người nam đặt tên cho người nữ là gì? Tại sao?

Người nam gọi người nữ là Ê-va vì là mẹ của mọi loài sống.

Genesis 3:21

Đức Chúa Trời đã làm nên thứ gì cho A-đam và Ê-va? Vì sao?

Đức Chúa Trời làm cho họ áo quần bằng da để mặc cho họ.

Genesis 3:22

Vì sao Đức Chúa Trời nói rằng lúc bấy giờ A-đam không được ăn cây sự sống?

Đức Chúa Trời nói rằng A-đam lúc bấy giờ đã biết điều thiện và điều ác nên không được ăn cây sự sống vì sau đó người sẽ sống đời đời.

Genesis 3:24

Đức Chúa Trời đã làm gì để A-đam không ăn được cây sự sống?

Đức Chúa Trời đuổi con người ra khỏi vườn và đặt các chê-ru-bim canh giữ con đường dẫn đến cây sự sống.

Chapter 4

Genesis 4:1

Người

"loài người" hoặc "A-đam" (UDB)

Ăn ở với

Ngôn ngữ của bạn có thể có cách nói tế nhị để chỉ về điều này. Một số bản Kinh Thánh lâu đời hơn viết là “biết”.

Tôi đã sinh được một người

Từ “người” thường mô tả một người nam trưởng thành hơn là một đứa trẻ hay một em bé. Nếu từ này gây nhầm lẫn thì có thể dịch là “bé trai” hoặc “cậu bé” hoặc “em bé trai” hoặc “con trai”.

Ca-in

Một số dịch giả có thể thêm phần ghi chú “Tên Ca-in có phát âm giống với từ “tạo ra” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Ê-va đặt tên đứa bé là Ca-in vì bà đã sinh ra nó”.

Sau đó bà sinh

Chúng ta không biết khoảng cách giữa lần sinh Ca-in và A-bên là bao lâu. Họ có thể là anh em sinh đôi, hoặc Ê-va mang thai lần nữa rồi sinh A-bên. Nếu được, hãy dùng cách diễn đạt không đề cập cụ thể đến khoảng thời gian ở giữa.

Cày cấy

Nghĩa là ông làm những việc cần thiết để giúp cây cối sinh trưởng tốt. Xem cách đã dịch ở GEN 2:5.

Genesis 4:3

Vả

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thị điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Sau một thời gian

Có thể là 1) “một khoảng thời gian trôi qua” hoặc 2) “vào đúng thời điểm”

hoa quả đồng ruộng

Chỉ về thức ăn ra từ những loại cây cối mà ông đã trồng. Gợi ý dịch: "huê lợi" hoặc "vụ mùa"

phần thịt mỡ

Chỉ về phần có nhiều mỡ của những con chiên con mà ông đã giết, đó là phần tốt nhất của con vật. Gợi ý dịch: "một số phần thịt mở của chúng"

Nhận

"đoái đến" hoặc "hài lòng với"

Rất tức giận

Một số ngôn ngữ có thành ngữ thể hiện sự tức giận chẳng hạn như “nổi giận phừng phừng” hoặc “phừng phừng tức giận”.

sa sầm nét mặt

Tức là nét mặt của ông thể hiện sự tức giận hay đố kỵ. Một số ngôn ngữ có thành ngữ mô tả nét mặt của một người khi tức giận.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 4:6

Tại sao con tức giận? Sao con sa sầm nét mặt?

Đức Chúa Trời dùng những câu hỏi tu từ này để nói với Ca-in rằng ông đã sai khi tức giận và cau có, đồng thời cũng cho Ca-in cơ hội để nhận mình sai.

Nếu con ... lẽ nào con không được chấp nhận?

Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để nhắc nhỡ Ca-in về điều lẽ ra ông đã phải biết. Gợi ý dịch: "Con biết rằng nếu con làm điều lành thì Ta sẽ chấp nhận con"

Còn nếu con không ... con phải quản trị nó

Đức Chúa Trời phán như thể tội lỗi là một con người. Gợi ý dịch: "Nhưng nếu con không làm điều lành thì con sẽ có ước muốn phạm tội thêm nữa và rồi con sẽ phạm những điều tội lỗi. Con phải khước từ không làm theo chúng "

tội lỗi rình rập ... để điều khiển con

Ở đây tội lỗi được nói đến như một con thú hoang nguy hiểm đang chờ thời cơ để tấn công Ca-in. Gợi ý dịch: "con sẽ trở nên vô cùng tức giận đến nỗi không thể ngừng việc phạm tội"

Tội lỗi

Các ngôn ngữ không có danh từ “tội lỗi” có thể dịch là “ước muốn phạm tội” hoặc “những điều xấu xa mà bạn muốn làm”.

con phải quản trị nó

Đức Giê-hô-va nói như thể ước muốn phạm tội của Ca-in là một con người và Ca-in có thể quản trị nó. Gợi ý dịch: "con phải quản trị nó để con không phạm tội"

Genesis 4:8

Ca-in nói chuyện với A-bên, em mình

Một số ngôn ngữ sẽ cần cho biết thêm thông tin hàm ý ở đây là Ca-in bảo em mình đi ra ngoài đồng.

Em

A-bên là em trai của Ca-in. Một số ngôn ngữ có thể cần phải dùng từ “em trai”.

xông đến

"tấn công"

A-bên, em con ở đâu

Đức Chúa Trời biết Ca-in đã giết A-bên, nhưng Ngài hỏi Ca-in như vậy để Ca-in phải trả lời.

Con là người giữ em con sao?

Ca-in dùng câu hỏi tu từ này để tránh nói ra sự thật. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Con không phải là người giữ em con!" hoặc "Chăm sóc em không phải là việc của con!"

Genesis 4:10

Con đã làm điều gì vậy?

Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để quở trách Ca-in. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Việc con làm thật tồi tệ!"

máu em con kêu thấu đến Ta

Máu của A-bên là phép hoán dụ chỉ về cái chết của ông, như thể đó là một người đang kêu cầu Đức Chúa Trời trừng phạt Ca-in. Gợi ý dịch: "Máu của em con giống như một người đang kêu cầu ta trừng phạt kẻ đã giết mình"

Bây giờ, con sẽ bị đất rủa sả

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta rủa sả ngươi hầu cho ngươi không thể trồng trọt được lương thực trên đất"

là đất đã hả miệng chịu hút máu của em con

Đức Chúa Trời phán như thể đất là con người có thể uống máu của A-bên. Gợi ý dịch: "là đất đã ướt đẫm máu của em con"

Bởi tay con

Đức Chúa Trời phán như thể chính tay Ca-in đã rót máu A-bên vào “miệng” của đất. Gợi ý dịch: "đã đổ ra khi con giết A-bên” hoặc “từ con”

Canh tác

Nghĩa là ông làm những việc cần thiết để giúp cây cối sinh trưởng tốt. Xem cách đã dịch ở GEN 2:5.

đất sẽ chẳng sinh hoa lợi cho con nữa

Đất được nhân hóa như một người mất hết sức lực. Gợi ý dịch: "đất sẽ không sinh nhiều lương thực cho con"

Người lẩn trốn, kẻ lang thang

Có thể gọp chung hai từ này lại. Gợi ý dịch: "Kẻ lang thang không nhà cửa"

Genesis 4:13

con sẽ bị che khuất khỏi mặt Chúa

Từ “mặt Chúa” chỉ về sự hiện diện của Chúa. Gợi ý dịch: "Con sẽ không thể nói chuyện với Ngài"

Người lẩn trốn, kẻ lang thang

Dịch giống trong GEN 4:12

người ấy sẽ bị báo thù gấp bảy lần

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ báo thù người đó bảy lần" hoặc "Ta sẽ trừng phạt người đó nghiêm khắc như ta trừng phạt ngươi"

Không tấn công người

"không giết Ca-in"

Genesis 4:16

Đi ra khỏi sự hiện diện của Đức Giê-hô-va

Mặc dù Đức Giê-hô-va hiện hữu ở khắp mọi nơi, nhưng thành ngữ này muốn nói như thể Ca-in đi rất xa. Gợi ý dịch: "đi khỏi nơi Đức Giê-hô-va phán với ông"

Nốt

Người dịch có thể thêm vào phần ghi chú “‘Nốt’ có nghĩa là ‘phiêu bạt’”.

Ăn ở với

Ngôn ngữ của bạn có thể có cách nói tế nhị để chỉ về điều này. Một số bản Kinh Thánh lâu đời hơn viết là “biết”. Xem cách đã dịch ở [GEN 4:1]

Ông xây một cái thành

"Ca-in xây một cái thành"

Genesis 4:18

Hê-nóc sinh Y-rát

Ngụ ý rằng Hê-nóc lớn lên và đã cưới vợ. Gợi ý dịch: "Hê-nóc lớn lên, cưới vợ và có một đứa con trai, ông đặt tên là Y-rát"

Y-rát là cha của Mê-hu-da-ên

"Y-rát có một con trai và đặt tên là Mê-hu-da-ên"

A-đa ... Si-la

Tên của nữ

Genesis 4:20

A-đa ... Si-la

Translate these names as in GEN 4:19.

Ông là tổ phụ của các dân sống trong lều trại

Có thể là 1) “Ông là người đầu tiên sống trong lều trại” hoặc 2) “Ông và dòng dõi của ông sống trong lều trại"

sống trong lều trại và nuôi gia súc

Dân vừa sống trong lều lại vừa chăn nuôi súc vật

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ông là tổ phụ của những người chơi thụ cầm và thổi sáo
Có thể là 1) “Ông là người đầu tiên chơi thụ cầm và thổi sáo” hoặc 2) “Ông và dòng dõi của ông chơi thụ cầm và thổi sáo”.
Tu-banh Ca-in, là người rèn đủ các loại dụng cụ bằng đồng và sắt
" Tu-banh Ca-in. Ông làm ra các loại dụng cụ bằng đồng và sắt"
Sắc
Đây là loại kim loại rất cứng được dùng để làm các loại dụng cụ, công cụ và vũ khí.
Genesis 4:23
A-đa ... Si-la
Dịch giống trong GEN 4:19.
Hãy nghe tiếng ta ... hãy nghe ta nói
Lê-méc lặp lại hai lần để nhấn mạnh. Tiếng của ông là phép hoán dụ chỉ về chính ông. Gợi ý dịch: "hãy lắng tai nghe ta"
một người ... một người trẻ
Lê-méc chỉ giết một người.
vì gây thương tích cho ta ... vì đánh ta sưng bầm
"vì nó làm ta bị thương ... vì nó đánh ta sưng bầm" hoặc "vì nó gây thương tích cho ta"
Nếu Ca-in được báo thù bảy lần, thì Lê-méc
Lê-méc biết rằng Đức Chúa Trời sẽ báo thù cho Ca-in bảy lần. Gợi ý dịch: "Vì Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt kẻ giết Ca-in bảy lần, nên Lê-méc "
thì Lê-méc sẽ được báo oán bảy mươi bảy lần
Bảy lần
Bảy mươi bảy
Bảy
Genesis 4:25
Ăn ở với
Ngôn ngữ của bạn có thể có cách nói tế nhị để chỉ về điều này. Một số bản Kinh Thánh lâu đời hơn viết là “biết”. Xem cách đã dịch ở [GEN 4:1]
Và nói " Đức Chúa Trời đã cho tôi một con trai khác
Đây là lý do bà đặt tên con là Sết. Có thể nói rõ ra ý này. Gợi ý dịch: "và giải thích ‘Đức Chúa Trời đã cho tôi một đưa con khác’."
Sết
Người dịch có thể thêm vào phần ghi chú “Tên gọi này có phát âm giống với từ “đã ban cho” trong tiếng Hê-bơ-rơ.'"
Sết sinh được một con trai
Có thể dịch rõ ý hơn. Gợi ý dịch: "Vợ của Sết sinh một con trai"
cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va
Đây là lần đầu tiên con người gọi Đức Chúa Trời bằng danh xưng Đức Giê-hô-va. Có thể dịch rõ ra ý này. Gợi ý dịch: "thờ phượng Đức Chúa Trời bằng danh xưng Đức Giê-hô-va"

Translation Questions

Genesis 4:2
Ca-in và A-bên làm công việc gì?
Ca-in làm ruộng còn A-bên chăn chiên.
Genesis 4:3
Ca-in đem dâng vật gì cho Đức Giê-hô-va?
Ca-in đem dâng một số hoa quả của đồng ruộng.
Genesis 4:4
A-bên đem dâng lễ vật gì cho Đức Giê-hô-va?
A-bên đem dâng một số con đầu lòng của bầy và một số mỡ.
Đức Giê-hô-va đáp ứng thế nào trước của lễ của Ca-in và A-bên?
Đức Giê-hô-va chấp nhận của lễ của A-bên nhưng không chấp nhận của lễ của Ca-in.
Genesis 4:5
Đức Giê-hô-va đáp ứng thế nào trước của lễ của Ca-in và A-bên?
Đức Giê-hô-va chấp nhận của lễ của A-bên nhưng không chấp nhận của lễ của Ca-in.
Ca-in đã phản ứng như thế nào?
Ca-in rất tức giận và nét mặt chán nản.
Genesis 4:7
Đức Giê-hô-va bảo Ca-in cần phải làm gì để được chấp nhận?
Đức Giê-hô-va bảo Ca-in phải làm điều đúng đắn thì sẽ được chấp nhận.
Genesis 4:8
Sau đó, chuyện gì đã xảy ra với Ca-in và A-bên khi ở ngoài đồng?
Ca-in xông đến và giết A-bên.
Genesis 4:9
Khi Đức Giê-hô-va hỏi Ca-in em người ở đâu thì Ca-in đã nói gì?
Ca-in nói rằng "Con không biết. Con là người giữ em con sao"?
Genesis 4:12
Lời rủa sả của Đức Chúa Trời cho Ca-in là gì?
Lời rủa sả của Ca-in là đất sẽ không sinh hoa lợi cho người và người phải lẩn trốn và phiêu bạt.
Genesis 4:15
Đức Giê-hô-va đã làm gì để bảo đảm không ai giết Ca-in?
Đức Giê-hô-va đánh dấu trên Ca-in.
Genesis 4:16
Ca-in đã đi đến đâu để sinh sống?
Ca-in sống trong đất Nốt, phía đông của Ê-đen.
Genesis 4:19
Lê-méc hậu tự của Ca-in có bao nhiêu vợ?
Lê-méc có hai vợ.
Genesis 4:23
Lê-méc nói với những người vợ rằng ông đã làm gì?
Lê-méc nói với những người vợ rằng ông đã giết một người.
Genesis 4:25
Tên của một người con trai nữa sinh cho A-đam và Ê-va là gì?
Một con trai nữa của A-đam và Ê-va được đặt tên là Sết.
Genesis 4:26
Người ta bắt đầu làm gì vào thời của Ê-nót con trai của Sết?
Người ta bắt đầu kêu cầu danh Đức Giê-hô-va.

Chapter 5
Genesis 5:1
Thông Tin Tổng Quát:
Bắt đầu gia phả của A-đam.
Giống như Ngài
Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người giống Ngài. Câu này không có nghĩa là Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người giống như Ngài. Đức Chúa Trời không có thân thể do đó câu này không mang ý nghĩa là con người có hình dáng giống như Ngài. Gợi ý dịch: “giống với Chúng Ta”. Xem cách đã dịch trong [GEN 1:26]

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khi họ được sáng tạo
Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "khi Ngài sáng tạo họ"
Genesis 5:3
130 ... tám trăm
Người dịch có thể viết ở dạng số “130” và “800” hoặc dạng chữ “một trăm ba mươi” và “tám trăm”.
Ông sinh một con trai
"ông có một con trai"
Giống như ông, theo hình ảnh ông
Hai vế này có cùng ý nghĩa, được dùng ở đây như để gợi lại rằng Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người theo hình ảnh của Ngài. Xem cách dịch cụm từ tương tự ở GEN 1:26.
Sết
Dịch giống trong GEN 4:25.
Ông sinh thêm nhiều con trai và con gái
"Ông có thêm nhiều con trai và con gái"
Rồi qua đời
Cụm từ này sẽ được lặp đi lặp lại trong cả chương. Dùng từ thông thường cho từ “qua đời”.
A-đam sống được 930 năm
Con người từng sống rất thọ. Dùng từ thông thường cho từ “năm”. Gợi ý dịch: "A-đam sống trọn 930 năm"
Genesis 5:6
Ông là cha của Ê-nót
Từ “cha” ở đây mang nghĩa thật sự là cha, không phải là ông. Gợi ý dịch: "ông có con trai là Ê-nót."
Ê-nót
Đây là tên người.
Và sinh thêm nhiều con trai và con gái
"và có nhiều con trai và con gái"
Sết sống được 912 năm
"Sết sống trọn 912 năm"
Rồi qua đời
Cụm từ này sẽ được lặp đi lặp lại trong cả chương. Dùng từ thông thường cho từ “qua đời”.
Genesis 5:9
Thông Tin Tổng Quát:
Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 5:6-27 cũng tương tự. Dịch dựa vào chú thích của [GEN 5:6-8]
Genesis 5:12
Thông Tin Tổng Quát:
Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 5:6-27 cũng tương tự. Dịch dựa vào chú thích của [GEN 5:6-8]
Genesis 5:15
Thông Tin Tổng Quát:
Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 5:6-27 cũng tương tự. Dịch dựa vào chú thích của [GEN 5:6-8]
Genesis 5:18
Thông Tin Tổng Quát:
Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 5:6-27 cũng tương tự. Dịch dựa vào chú thích của [GEN 5:6-8]
Genesis 5:21
Ông sinh Mê-tu-sê-la
"ông có con trai là Mê-tu-sê-la"
Mê-tu-sê-la
Đây là tên của nam giới.
Hê-nóc đồng đi với Đức Chúa Trời
Đồng đi với ai đó là phép ẩn dụ ý nói có mối liên hệ mật thiết với người đó. Gợi ý dịch: "Hê-nóc có mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Trời” hoặc “Hê-nóc sống trong sự hiệp nhất với Đức Chúa Trời”
Ông sinh thêm nhiều con trai và con gái
"Ông có thêm nhiều con trai và con gái"
Hê-nóc sống được 365 năm
"Hê-nóc sống trọn 365 năm"
Rồi ông mất biệt
Từ “ông” chỉ về Hê-nóc. Ông không còn trên đất nữa.
Vì Đức Chúa Trời đem ông đi
Nghĩa là Đức Chúa Trời đem Hê-nóc đi với Ngài (Đức Chúa Trời).
Genesis 5:25
Thông Tin Tổng Quát:
Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 5:6-27 cũng tương tự. Dịch dựa vào chú thích của [GEN 5:6-8]
Lê-méc
Lê-méc này khác với Lê-méc trong GEN 4:18.
Genesis 5:28
Sinh một con trai
"có một con trai"
Nô-ê
Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên gọi này có cách phát âm giống từ ‘nghỉ ngơi’ trong tiếng Hê-bơ-rơ”. .
Trong công việc của chúng ta, trong nỗi lao khổ nhọc nhằn của tay chúng ta
Lê-méc lặp lại hai lần để nhấn mạnh sự lao khổ trong công việc. Gợi ý dịch: "trong việc làm lụng vất vả của tay chúng ta"
Genesis 5:30
Lê-méc sống được 777 năm
"Lê-méc sống trọn 777 năm"
Genesis 5:32
Ông sinh
"ông có con trai". Câu này không nói rõ những người con trai được sinh cùng ngày hay sinh vào các năm khác nhau.
Sem, Cham và Gia-phết
Có thể họ không được liệt kê theo thứ tự sinh ra đời. Vẫn còn tranh cãi về việc người nào là anh cả. Khi dịch tránh mang hàm ý danh sách này được liệt kê theo độ tuổi.

Translation Questions

Genesis 5:1
Chương năm của sách Sáng Thế Ký ghi chép về điều gì?
Chương năm của sách Sáng Thế Ký ghi chép về dòng dõi của A-đam.
Loài người được tạo nên giống ai?
Loài người được tạo nên giống như Đức Chúa Trời.
Genesis 5:2
Đức Chúa Trời tạo dựng nên loài người với giới tính gì?
Đức Chúa Trời tạo nên người nam và người nữ.
Genesis 5:5
A-đam sống được bao lâu?
A-đam sống 930 năm.
Genesis 5:8
Sết sống bao lâu?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sết sống 912 năm.
Genesis 5:14
Kê-nan sống bao lâu?
Kê-nan sống 910 năm.
Genesis 5:20
Giê-rệt sống bao lâu?
Giê-rệt sống 962 năm.
Genesis 5:24
Mối liên hệ của Hê-nóc với Đức Chúa Trời như thế nào? Điều gì xảy với ông?
Hê-nóc cùng đi với Đức Chúa Trời và Ngài đem ông đi.
Genesis 5:29
Lê-méc nói gì về Nô-ê, con trai của ông?
Lê-méc nói rằng Nô-ê sẽ cho con người được nghỉ ngơi khỏi lao khổ nhọc nhằn từ đất mà Đức Giê-hô-va đã nguyền rủa.
Genesis 5:32
Con trai của Nô-ê là những ai?
Các con trai của Nô-ê là Sem, Cham và Gia-phết.

Chapter 6
Genesis 6:1
Vả
Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thị điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Họ có nhiều con gái
Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "những người phụ nữ sinh nhiều con gái"
các con trai của Đức Chúa Trời
Người dịch có thể thêm phần ghi chú “Không rõ cụm từ này chỉ về thần linh hay con người. Dù là trường hợp nào thì họ cũng là loài được Đức Chúa Trời tạo dựng”. Một số người cho rằng cụm từ này chỉ về các thiên sứ phản nghịch Đức Chúa Trời, tức là tà linh hay ma quỷ. Số khác lại nghĩ cụm từ này có thể chỉ về những người lãnh đạo có quyền lực, số khác nữa thì cho rằng cụm từ này có thể chỉ về dòng dõi của Sết.
Thần ta
Ở đây Đức Giê-hô-va đang nói về chính Ngài và thần của Ngài, tức là Thánh Linh của Đức Chúa Trời.
Xác thịt
Tức là họ có thân thể vật lý đến một ngày rồi sẽ chết.
Họ sẽ sống 120 năm
Có thể là 1) vòng đời thông thường của con người sẽ giảm xuống còn 120 năm. Gợi ý dịch: "Họ sẽ chỉ sống đến 120 năm" hoặc 2) trong vòng 120 năm tất cả đều sẽ chết. Gợi ý dịch: "Họ sẽ chỉ sống 120 năm"
Genesis 6:4
Người khổng lồ
Người rất cao lớn
Việc này xảy ra khi
"Những người khổng lồ được sinh ra vì"
con trai của Đức Chúa Trời
Dịch giống trong GEN 6:2.
Đó là những người mạnh dạn ngày xưa
"Những người khổng lồ này là những người mạnh dạn thời xưa” hoặc “Những đứa trẻ này lớn lên trở thành những chiến binh hùng mạnh thời xưa”
người mạnh dạn
Những người nam dũng cảm và chiến thắng trên chiến trận
những người danh tiếng
"những người có tiếng tăm"
Genesis 6:5
Khuynh hướng
"xu hướng" hoặc "thói quen"
ý tưởng của lòng họ
Tác giả bản Tiếng Anh dùng từ trái tim như thể tim là bộ phận biết suy nghĩ của cơ thể. Ngôn ngữ của bạn có thể có một từ khác để nói về bộ phận biết suy nghĩ trong cơ thể. Gợi ý dịch: "những tư tưởng giấu kín bên trong họ"
Ngài đau xót trong lòng
Tác giả bản Tiếng Anh dùng từ trái tim như thể tim là bộ phận biết cảm nhận sự đau buồn. Ngôn ngữ của bạn có thể dùng một từ khác để nói về cảm xúc. Gợi ý dịch: "Ngài vô cùng buồn rầu về điều đó"
Genesis 6:7
Ta sẽ quét sạch khỏi mặt đất loài người ...
Tác giả nói về việc Đức Chúa Trời hủy diệt con người như thể Ngài quét bụi khỏi một mặt phẳng. Gợi ý dịch: "Ta sẽ hủy diệt loài người ... để không còn một ai trên đất"
Ta sẽ quét sạch ... loài người mà Ta đã tạo dựng
Một số ngôn ngữ có thể cần dịch thành hai câu. Gợi ý dịch: "Tã đã tạo dựng nên loài người. Ta sẽ quét sạch chúng"
Quét sạch
"tiêu diệt hoàn toàn". Từ “quét sạch” ở đây được dùng theo nghĩa tiêu cực vì Đức Chúa Trời đang nói về việc hủy diệt loài người do tội lỗi của họ.
Nô-ê được ơn trong mắt Đức Giê-hô-va
"Đức Giê-hô-va hài lòng về Nô-ê" hoặc "Đức Giê-hô-va vui lòng về Nô-ê" (UDB)
Trong mắt Đức Giê-hô-va
Từ “mắt” ở đây tượng trưng cho cái nhìn hay ý tưởng. Gợi ý dịch: "trong cái nhìn của Đức Giê-hô-va" hay "trong ý tưởng của Đức Giê-hô-va"
Genesis 6:9
Thông Tin Tổng Quát:
Bắt đầu câu chuyện của Nô-ê, kéo dài đến chương 9.
Đây là những sự kiện về Nô-ê
"Đây là câu chuyện về Nô-ê"
cùng đi với Đức Chúa Trời
Dịch giống trong GEN 5:21.
Nô-ê sinh ba con trai
"Nô-ê có ba con trai" hoặc "Vợ của Nô-ê có ba con trai"
Sem, Cham và Gia-phết
Người dịch có thể thêm vào ghi chú sau: “Những người con trai này không được liệt kê theo thứ tự được sinh ra đời."
Genesis 6:11
Trái đất
Có thể là 1) những người sống trên đất hoặc 2) “chính trái đất”.
đều hư hỏng
Những người làm việc gian ác được nói như thể họ là thức ăn đã bị thối rữa. Gợi ý dịch: "bị thối rữa" hoặc "hoàn toàn gian ác"
Trước mặt Đức Chúa Trời
Có thể là 1) “trong mắt Đức Chúa Trời” hoặc 2) “trong sự

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hiện diện của Đức Giê-hô-va” như ở GEN 4:16.

đầy dẫy điều hung bạo

Tác giả viết như thể sự hung bạo là thứ có thể đem cho vào một vật chứa và trái đất là vật chứa đó. Gợi ý dịch: "và có rất nhiều người hung bạo trên đất" hoặc "vì trên đất toàn những người làm điều gian ác cho nhau"

Nầy

Từ “nầy” ở đây báo hiệu cho chúng ta tập trung chú ý vào thông tin bất ngờ theo sau.

hết thảy xác thịt

Có thể là 1) hết thảy loài người hoặc 2) mọi loài sống, bao gồm cả con người và động vật.

làm bại hoại đường lối mình

Cách cư xử của con người được nói đến như thể một con đường. Gợi ý dịch: "đã không còn sống theo đường lối Đức Chúa Trời mong muốn" hoặc "cư xử theo đường lối gian ác" (UDB)

Genesis 6:13

mọi xác thịt

Dịch giống trong GEN 6:12.

do chúng mà thế gian đầy dẫy điều hung bạo

"con người khắp nơi trên đất đều hung bạo"

Ta sẽ diệt trừ họ cùng đất

"Ta sẽ tiêu diệt cả họ và trái đất" hoặc "Ta sẽ tiêu diệt chúng khi ta hủy điệt trái đất"

một chiếc tàu

Chỉ về một cái hộp rất lớn có thể nổi trên mặt nước kể cả trong bão lớn. “Một chiếc tàu lớn” hoặc “một con tàu” hoặc “một chiếc xà lan”.

Gỗ bách

Người ta không biết rõ đây là loại cây gì. “gỗ được dùng để đóng tàu” hoặc “gỗ tốt”

Phủ nhựa chai

"bôi nhựa chai lên chiếc tàu" hoặc "trét nhựa lên chiếc tàu". Có thể nói rõ lý do làm việc này: “để chống thấm nước”

Nhựa chai

Đây là một loại chất lỏng đặc sệt, có độ dính hoặc nhờn mà người ta dùng để trét lên mặt ngoài của con thuyền để ngăn nước đi vào kẽ hở của gỗ ngấm vào tàu.

Cu-bít

Cu-bít là một đơn vị đo lường, kém hơn nửa mét một chút.

Ba trăm cu-bít

"138 mét." Có thể sử dụng đơn vị đo lường Hê-bơ-rơ từ bản ULB hoặc đơn vị đo theo mét từ bản UDB hoặc đơn vị đo riêng trong văn hóa của bạn nếu bạn biết cách quy đổi ra đơn vị mét. Có thể viết thêm ghi chú: “Ba trăm cu-bít bằng khoảng 138 mét”.

Năm mươi cu-bít

"hai mươi ba mét"

Ba mươi cu-bít

"mười bốn mét"

Genesis 6:16

Một mái che cho tàu

Đây có thể là mái chóp hoặc mái xiên. Mục đích là bảo vệ mọi vật trong tàu khỏi cơn mưa.

Cu-bít

Cu-bít kém hơn nửa mét một chút. Xem cách đã dịch ở [GEN 6:15]

Tầng dưới, tầng thứ hai và tầng thứ ba

"một tầng dưới, một tầng giữa và một tầng trên" hoặc "ba tầng bên trong" (UDB)

Tầng

"sàn" hoặc "bậc"

Kìa

Đức Chúa Trời phán vậy để nhấn mạnh rằng Ngài sẽ làm điều Ngài sắp nói. “Hãy chú ý” hoặc “Hãy lắng nghe điều ta nói”

Ta sẽ dẫn nước lụt đến

"Ta sẽ sai nước lụt đến" hoặc "Ta sẽ làm nên một trận lụt"

tất cả mọi xác thịt

“Xác thịt” ở đây chỉ về mọi loài sống, bao gồm cả loài người và loài vật.

Có sinh khí

Từ “khí” ở đây chỉ về sự sống. Gợi ý dịch: "sống"

Genesis 6:18

lập giao ước với con

"lập một giao ước giữa con và ta"

Với con

Với Nô-ê

con sẽ vào trong tàu

"Con sẽ vào tàu." Một số bản dịch rằng “Con sẽ đi vào tàu”.

Về các sinh vật của mọi loài xác thịt, con phải đem vào tàu mỗi loài một cặp

"Con phải đem vào tàu mỗi loài sinh vật một cặp"

Sinh vật

Động vật mà Đức Chúa Trời tạo nên

mọi loài xác thịt

Dịch giống trong GEN 6:12.

Genesis 6:20

tùy theo loại

"của mỗi loại khác nhau"

loài bò sát trên đất

Chỉ về những loài vật nhỏ di chuyển trên mặt đất (UDB).

mỗi loài một cặp

Chim và động vật mỗi loài một cặp.

giữ cho chúng được sống

"để con có thể giữ cho chúng được sống"

Con…con…con

Những từ này chỉ về Nô-ê, có dạng số ít.

Thức ăn để ăn

"Thức ăn để con người và động vật ăn"

Nô-ê làm theo như vậy. Ông làm theo mọi điều Đức Chúa Trời đã truyền phán cùng ông

Hai câu này có cùng ý nghĩa. Câu thứ hai giải thích cho câu thứ nhất và nhấn mạnh rằng Nô-ê vâng theo lời Đức Chúa Trời. Hai câu tương đương này có thể gọp thành một. Gợi ý dịch: "Nô-ê làm theo mọi điều Đức Chúa Trời đã truyền phán cùng ông"

Translation Questions

Genesis 6:2

Khi loài người gia tăng thêm nhiều trên đất thì các con trai của Đức Chúa Trời đã làm gì?

Các con trai của Đức Chúa Trời cưới những con gái loài người làm vợ.

Genesis 6:3

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lúc bấy giờ Đức Chúa Trời phán gì về tuổi thọ của loài người?
Đức Chúa Trời phán rằng loài người sẽ sống được 120 năm.
Genesis 6:4
Ai là những người hùng mạnh ngày xưa, là những người danh tiếng?
Những người hùng mạnh ngày xưa là những người khổng lồ được sinh ra từ gia đình của các con trai Đức Chúa Trời với những con gái loài người.
Genesis 6:5
Đức Giê-hô-va nhìn thấy điều gì trong tấm lòng con người lúc bấy giờ?
Đức Giê-hô-va thấy sự gian ác của con người rất lớn và mọi ý tưởng của họ đều xấu xa.
Genesis 6:7
Đức Giê-hô-va quyết định làm gì với loài người?
Đức Giê-hô-va quyết định quét sạch loài người khỏi đất.
Genesis 6:8
Nhưng ai được ơn Đức Giê-hô-va?
Nô-ê được ơn Đức Giê-hô-va.
Genesis 6:9
Nô-ê là người như thế nào?
Nô-ê là người công chính, không có gì đáng trách và là người đồng đi cùng Đức Chúa Trời.
Genesis 6:14
Đức Chúa Trời bảo Nô-ê làm gì trước khi Đức Chúa Trời hủy diệt loài người?
Đức Chúa Trời bảo Nô-ê đóng một chiếc tàu.
Genesis 6:17
Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ hủy diệt hết thảy mọi loài xác thịt có hơi sống như thế nào?
Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ dẫn nước lụt đến trên đất.
Genesis 6:18
Nhưng Đức Chúa Trời thiết lập giao ước của Ngài cùng ai?
Đức Chúa Trời thiết lập giao ước của Ngài cùng Nô-ê.
Đức Chúa Trời bảo Nô-e đưa ai lên tàu?
Đức Chúa Trời bảo Nô-ê đưa vợ, ba con trai và vợ của các con trai ông lên tàu.
Genesis 6:19
Những con vật nào được đem lên tàu để bảo tồn sự sống?
Mỗi loài sinh vật hai con, đực và cái, được đem lên tàu.
Genesis 6:22
Nô-ê đáp ứng thế nào với mạng lệnh của Đức Chúa Trời?
Nô-ê làm theo mọi điều Đức Chúa Trời truyền cho ông.

Chapter 7
Genesis 7:1
Thông Tin Tổng Quát:
Các sự kiện trong chương này diễn ra sau khi Nô-ê đóng tàu, thu thập thức ăn và cho vào tàu.
Vào trong tàu ... đem
"Vào tàu ... đem". Nhiều bản viết là “Đi vào trong tàu ... đem”.
Con
Từ “con” chỉ về Nô-ê, ở dạng số ít.
Nhà con
"gia đình của con"
Công bình trước mặt ta
Tức là Đức Chúa Trời thấy Nô-ê là công bình.
trong thế hệ này
Chỉ về tất cả những người sống vào thời đó. Gợi ý dịch: "trong số tất cả những người đang sống"
loài vật thanh sạch
Là loại động vật Đức Chúa Trời cho phép con dân Ngài ăn và dâng tế lễ.
loài vật không thanh sạch
Là loại động vật Đức Chúa Trời không cho phép con dân Ngài ăn và dâng tế lễ.
Để giữ giống
"để nòi giống của chúng được duy trì” hoặc "để sau trận lụt, các loài vật vẫn sống sót"
Genesis 7:4
bốn mươi ngày bốn mươi đêm
Tức là trọn bốn mươi ngày, không phải là tám mươi ngày. Gợi ý dịch: "bốn mươi ngày đêm"
Sống
Chỉ về sự sống vật lý.
Genesis 7:6
Thông Tin Tổng Quát:
Câu 6-12 lặp lại và cho biết chi tiết hơn về sự việc Nô-ê đi vào tàu cùng với gia đình và các loài thú vật được nói đến ở GEN 7:1-5. Đây không phải là một sự kiện mới.
xảy ra trên đất
"diễn ra" hoặc "tràn trên mặt đất"
Vì cớ nước lụt
"vì cơn nước lụt sẽ đến" hoặc "để tránh nước lụt"
Genesis 7:8
Thông Tin Tổng Quát:
Câu 6-12 lặp lại và cho biết chi tiết hơn về sự việc Nô-ê đi vào tàu cùng với gia đình và các loài thú vật được nói đến ở GEN 7:1-5. Đây không phải là một sự kiện mới.
loài vật thanh sạch
Đây là những động vật Đức Chúa Trời cho phép con người ăn và dâng cho Ngài làm của tế lễ.
loài vật thanh sạch
Đây là những loài động vật Đức Chúa Trời không cho phép con người ăn và dâng cho Ngài làm của tế lễ.
Từng cặp
Các loài vật đi vào tàu theo từng cặp một đực, một cái.
Vả
Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện, đó là: cơn nước lụt bắt đầu. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thị điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Sau khoảng thời gian bảy ngày
"sau bảy ngày" hoặc "bảy ngày sau"
nước lụt đến trên đất
Ngụ ý “trời bắt đầu mưa” có thể được nói rõ ra (UDB). Gợi ý dịch: "trời bắt đầu mưa và nước lụt đến trên đất"
Genesis 7:11
Thông Tin Tổng Quát:
Câu 6-12 lặp lại và cho biết chi tiết hơn về sự việc Nô-ê đi vào tàu cùng với gia đình và các loài thú vật được nói đến ở GEN 7:1-5. Đây không phải là một sự kiện mới.
năm thứ sáu trăm của đời Nô-ê
"Khi Nô-ê 600 tuổi"
Tháng thứ hai, vào ngày mười bảy của tháng
Vì Môi-se là người viết sách này nên có thể ông đang nói

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đến tháng thứ hai theo lịch Hê-bơ-rơ. Nhưng điều này vẫn chưa chắc chắn.

Cũng chính trong ngày đó

Chỉ cụ thể ngày bắt đầu mưa. Câu này nhấn mạnh tất cả những sự kiện lớn này xảy ra nhanh chóng như thế nào khi thời điểm đến.

các nguồn của vực lớn nổ tung

"nước từ dưới đất phun ra trên mặt đất"

Vực lớn

Chỉ về biển được cho là nằm dưới lòng đất.

các cửa sổ trên trời mở toang

Chỉ về mưa. Câu này mô tả bầu trời giống như trần nhà ngăn nước ở trên không cho đổ xuống đất. Khi các cửa sổ hay cửa trên trời mở ra thì nước chảy xuống. Gợi ý dịch: "trời mở ra" hoặc "các cửa trên trời mở ra"

Mưa

Nếu ngôn ngữ của bạn có từ để chỉ về một lượng mưa rất lớn thì có thể xem xét để sử dụng ở đây.

Genesis 7:13

Thông Tin Tổng Quát:

Câu 13-18 tiếp tục lặp lại và cho biết chi tiết hơn về việc Nô-ê đi vào tàu cùng gia đình và các loài vật được chép ở GEN 7:1-5. Đây không phải là sự kiện mới.

Cũng chính trong ngày đó

"Trong chính ngày đó". Chỉ về ngày bắt đầu cơn mưa. Câu 13-16 cho biết Nô-ê đã làm gì ngay trước khi cơn mưa bắt đầu.

Thú hoang ... gia súc ... bò sát ... chim

Bốn nhóm này được liệt kê để cho thấy ở đây bao gồm tất cả mọi loài vật. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách phân nhóm khác thì có thể sử dụng ở đây, nếu không có thể sử dụng các nhóm ở trên. Xem cách đã dịch ở GEN 1:24.

Loài bò sát

Chỉ về các loài vật bò trên mặt đất như loài gặm nhấm, côn trùng, thằn lằn và rắn.

tùy theo loại

"để mỗi loài vật sẽ sinh sản thêm lên." Xem cách đã dịch ở GEN 1:24.

Genesis 7:15

Thông Tin Tổng Quát:

Câu 13-18 tiếp tục lặp lại và cho biết chi tiết hơn về việc Nô-ê đi vào tàu cùng gia đình và các loài vật được chép ở GEN 7:1-5. Đây không phải là sự kiện mới.

Từng cặp của mọi loài xác thịt

Từ “xác thịt” chỉ về các loài động vật.

Có sinh khí

Từ “khí” chỉ về sự sống. Gợi ý dịch: "sống động"

đến cùng Nô-ê

Từ “đến” có thể dịch là “đi đến”.

Mọi loài xác thịt

Từ “xác thịt” ở đây chỉ về các loài động vật. Gợi ý dịch: hết thảy các loài động vật"

Sau đó

Có thể nói rõ ý ở đây. Gợi ý dịch: "sau khi họ vào tàu"

Genesis 7:17

Thông Tin Tổng Quát:

Câu 13-18 tiếp tục lặp lại và cho biết chi tiết hơn về việc Nô-ê đi vào tàu cùng gia đình và các loài vật được chép ở GEN 7:1-5. Đây không phải là sự kiện mới.

Nước dâng cao

Việc này diễn ra trong suốt bốn mươi ngày, nước cứ tiếp tục đổ về. “và mực nước trở nên rất sâu”.

nâng chiếc tàu lên

"khiến chiếc tàu nổi lên"

nâng nó lên khỏi mặt đất

"khiến con tàu nổi cao trên mặt đất" hoặc "con tàu nổi trên mặt nước sâu"

Genesis 7:19

Nước dâng rất cao trên mặt đất

"Nước ngập hết cả mặt đất"

Mười lăm cu-bít

"sáu mét". Xem cách đã dịch ở GEN 6:15.

Genesis 7:21

Sống động

"di chuyển" hoặc "đi lại"

Tất cả các loài sinh vật đông đảo trên đất

Chỉ về tất cả các loài động vật sống trên đất theo những đàn lớn.

các loài có sinh khí trong lỗ mũi

Từ “mũi” ở đây tượng trưng cho chính bản thân con vật hoặc con người. Gợi ý dịch: "mọi loài có hơi thở"

Sinh khí

Từ “sinh” và “khí” tượng trưng cho quyền năng khiến con người và động vật được sống động.

Chết

Chỉ về cái chết vật lý.

Genesis 7:23

Vì thế mọi loài sống ... đều bị diệt sạch

Nếu cần có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Vì thế mọi vật sống ... đều phải chết” hoặc “vì thế nước lụt tiêu diệt hoàn toàn mọi loài sống"

Chúng đều bị tiêu diệt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời tiêu diệt hết thảy"

Khỏi đất

"vì thế chúng không còn trên đất nữa"

và các loài ở với ông

"và người cùng động vật ở với ông"

Còn lại

"còn sống" hoặc "sống" hoặc "còn sống sót" (UDB)

Nước bao phủ mặt đất

"Nước sâu bao phủ cả mặt đất" hoặc "nước lụt vẫn giữ nguyên trên đất" (UDB)

Translation Questions

Genesis 7:2

Bảy cặp, đực và cái, của loài vật nào được lên tàu?

Bảy cặp, đực và cái, của mọi loài vật thanh sạch và các loài chim được lên tàu.

Genesis 7:4

Đức Chúa Trời phán sẽ có mưa liên tục trên đất trong bao lâu?

Đức Chúa Trời phán mưa sẽ liên tục trong bốn ngày và bốn mươi đêm.

Genesis 7:6

Nô-ê được bao nhiêu tuổi khi nước lụt đến trên đất?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nô-ê được sáu trăm tuổi khi nước lụt đến trên đất.
Genesis 7:9
Nô-ê đem các con vật vào tàu bằng cách nào?
Các con vật đến cùng Nô-ê và đi vào tàu.
Genesis 7:11
Nước lụt ra từ hai nguồn nào?
Nước ra từ sâu bên dưới lòng đất và từ trên trời.
Genesis 7:16
Khi người và thú vật đã vào tàu cả rồi thì ai là người đóng cửa?
Đức Giê-hô-va đóng cửa tàu.
Genesis 7:20
Mực nước trên đất dâng cao đến đâu?
Nước dâng lên ngập trên các đỉnh núi đến mười lăm cubit.
Genesis 7:21
Những ai chết trên đất vì cơn nước lụt?
Mọi loài di chuyển trên đất cùng hết thảy loài người đều chết.
Genesis 7:23
Ai là những người duy nhất còn sống trên đất?
Chỉ có Nô-ê và những ai ở trên con tàu với ông còn sống sót.

Chapter 8
Genesis 8:1
Nghĩ đến
"nhớ đến" hoặc "nghĩ về"
Tàu
Chỉ về một cái hộp rất lớn có thể nổi trên mặt nước kể cả trong bão lớn. Gợi ý dịch: “Một chiếc tàu lớn” hoặc “một con tàu” hoặc “một chiếc xà lan”. Dịch giống trong GEN 6:14.
Các nguồn của vực và các cửa sổ trên trời đóng lại
"Nước ngừng tuôn ra từ lòng đất và trời ngừng mưa". Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đóng các nguồn của vực và các cửa sổ trên trời"
Các nguồn của vực
"nước từ dưới lòng đất." Xem cách đã dịch trong GEN 7:11.
các cửa sổ trên trời đóng lại
Tức là trời ngừng mưa. Câu này mô tả bầu trời giống như trần nhà ngăn nước ở trên không cho đổ xuống đất. Khi cửa sổ hay cửa trên trời đóng lại thì nước không chảy xuống nữa. Gợi ý dịch: "trời đóng lại" hoặc "các cửa trên trời đóng lại." Xem cách dịch cụm từ “các cửa sổ trên trời” ở GEN 7:11.
Genesis 8:4
Tấp vào
"cập vào" hoặc "dừng lại trên đất khô"
Tháng thứ bảy, vào ngày mười bảy của tháng ... tháng thứ mười
Vì Môi-se là người viết sách này nên có thể ông đang nói đến tháng thứ bảy và thứ mười theo lịch Hê-bơ-rơ, nhưng điều này vẫn chưa chắc chắn.
Vào ngày thứ nhất của tháng
"Vào ngày thứ nhất của tháng thứ mười"
Lộ ra
Có thể dịch rõ nghĩa hơn: "lộ ra trên mặt nước."
Genesis 8:6
Vả
Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thị điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây. Gợi ý dịch: "nầy".
Vả ... cửa sổ mà ông đã làm
Cụm từ “mà ông đã làm” cho biết thông tin về cửa số. Một số ngôn ngữ có thể cần tách cụm này thành một câu đơn: “Nô-ê trổ một cửa sổ trên tàu. Vả, sau bốn mươi ngày ông mở cửa sổ ra”
Con quạ
Một loại chim màu đen chủ yếu ăn xác của động vật chết.
Nó lượn đi lượn lại
Tức là con quạ cứ bay khỏi tàu rồi quay trở lại.
Cho đến khi nước được ráo hết
Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "cho đến khi gió thổi ráo hết nước" hoặc "cho đến khi nước ráo hết"
Genesis 8:8
Để đặt chân
"để đáp" hoặc "để đậu." Nghĩa là đáp lên vật gì đó để nghỉ ngơi khi đang bay.
Chân ... nó trở về ... và đem theo
Theo ngôn ngữ của tác giả thì từ “bồ câu” thuộc giống cái. Bạn có thể dịch những cụm từ này với đại từ “nó ... nó ... nó” hoặc đại từ khác tùy vào cách gọi trong ngôn ngữ của bạn.
Ông ... ông
Nếu bạn sử dụng đại từ giống đực cho từ “bồ câu” thì có thể cần phải thêm tên Nô-ê vào đây để tránh gây nhầm lẫn: “Nô-ê thả một con bồ câu”, “Nô-ê đưa tay”, v.v.
Genesis 8:10
Kìa
"Hãy chú ý" hoặc "điều quan trọng"
một lá ô-liu vừa mới ngắt
"một chiếc lá nó vừa mới ngắt từ cây ô-liu"
Ngắt
"hái"
Ông lại đợi thêm bảy ngày nữa
"Ông lại đợi bảy ngày nữa"
Nó không trở về với ông nữa
Nếu người đọc không hiểu thì có thể nói rõ lý do: “Nó không trở về với ông nữa vì đã tìm được chỗ đậu."
Genesis 8:13
Vả
Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thị điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Vào năm sáu trăm lẻ một
"khi Nô-ê 601 tuổi"
Tháng thứ nhất, vào ngày đầu tiên của tháng
Vì Môi-se là người viết sách này nên có thể ông đang nói đến tháng thứ nhất theo lịch Hê-bơ-rơ, nhưng điều này vẫn chưa chắc chắn.
nước đã rút cạn trên mặt đất
Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "nước phủ trên mặt đất đã khô hết" hoặc "gió thổi khô nước trên mặt đất" .
Mái tàu
Chỉ về phần mái che để giữ nước không chảy vào tàu.
Nầy
Từ “nầy” ở đây báo hiệu cho chúng ta tập trung chú ý vào thông tin quan trọng theo sau.
Tháng thứ hai, vào ngày hai mươi bảy của tháng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngày thứ bảy của tháng
mặt đất đã khô
"mặt đất đã hoàn toàn khô ráo" (UDB)
Genesis 8:15
Hãy ra ... Hãy đem
"Hãy rời khỏi ... Hãy đem." Một số bản dịch viết là “Hãy ra ngoài ... Hãy đem ra”.
mọi vật sống của các xác thịt
"mọi loài sinh vật." Xem cách dịch cụm từ “mọi loài xác thịt” ở GEN 6:12.
Sanh sản và thêm nhiều
Đây là một thành ngữ. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:28]
Genesis 8:18
Nô-ê đi ra
Một số bản dịch viết là “Nô-ê ra ngoài”.
Theo loài của chúng
"theo nhóm cùng loài"
Genesis 8:20
lập một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va
"lập một bàn thờ dành riêng cho Đức Giê-hô-va" hoặc "lập một bàn thờ thờ phượng Đức Giê-hô-va." Có thể ông đã dựng lên bằng đá.
các loài thú thanh sạch ... các loài chim thanh sạch
Từ “thanh sạch” ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời cho phép sử dụng những con vật này làm của tế lễ. Một số loài vật không được dùng làm của tế lễ và được gọi là “không thanh sạch”.
Dâng của lễ thiêu
Nô-ê giết con vật đó rồi thiêu hết trong lửa để dâng cho Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "thiêu thú vật làm của lễ cho Đức Giê-hô-va"
mùi thơm
Chỉ về mùi thơm của thịt bị thiêu.
Nói trong lòng
Từ “lòng” ở đây chỉ về suy nghĩ và cảm xúc của Đức Chúa Trời.
nguyền rủa đất
"gây tổn hại trầm trọng cho đất" (UDB)
Vì loài người
Có thể nói rõ nghĩa là: “vì loài người tội lỗi”.
xu hướng của lòng họ là xấu xa từ lúc còn nhỏ
"từ lúc còn bé họ đã có xu hướng làm điều xấu xa" hoặc "khi còn nhỏ, họ đã muốn làm điều xấu xa"
xu hướng của lòng họ
Từ “lòng” ở đây chỉ về tư tưởng, cảm xúc, mong muốn và ý chí của họ. Gợi ý dịch: "xu hướng của họ" hoặc "thói quen của họ".
Từ lúc con nhỏ
Chỉ về một đứa trẻ đã lớn. Gợi ý dịch: "từ khi còn niên thiếu"
Hễ đất còn
"Hễ đất còn tồn tại" hoặc "miễn là đất còn tồn tại"
mùa gieo giống
"mùa để trồng trọt"
mùa lạnh và nóng, mùa hạ và mùa đông
Cách nói này chỉ về cả hai điều kiện thời tiết chính trong năm. Người dịch có thể dùng cách nói địa phương.
Mùa hạ
Mùa nóng và khô trong năm
Mùa đông
Mùa se lạnh, ẩm ướt hoặc có tuyết rơi trong năm
Sẽ không chấm dứt
"sẽ không ngừng tồn tại" hoặc "sẽ không ngừng diễn ra." Có thể nói ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "sẽ tiếp tục"

Translation Questions

Genesis 8:1
Đức Chúa Trời làm cho nước rút xuống như thế nào?
Đức Chúa Trời khiến một trận gió thổi qua, các nguồn của vực sâu đóng lại và mưa dứt hẳn.
Genesis 8:2
Đức Chúa Trời làm cho nước rút xuống như thế nào?
Đức Chúa Trời khiến một trận gió thổi qua, các nguồn của vực sâu đóng lại và mưa dứt hẳn.
Genesis 8:4
Con tàu tấp vào chỗ nào trên đất?
Con tàu tấp trên núi A-ra-rát.
Genesis 8:9
Lần đầu tiên Nô-ê thả bồ câu ra khỏi tàu thì chuyện gì xảy ra?
Lần đầu tiên thì bồ câu không tìm được nơi nào để đậu nên quay lại tàu của Nô-ê.
Genesis 8:11
Lần thứ hai Nô-ê thả bồ câu ra khỏi tàu thì thế nào?
Lần thứ hai thì bồ câu trở về với lá Ô-liu tươi.
Genesis 8:12
Lần thứ ba Nô-ê thả bồ câu ra thì thế nào?
Lần thứ ba thì bồ câu không trở về với Nô-ê nữa.
Genesis 8:13
Nô-ê nhìn thấy gì khi giở mui tàu và nhìn ra ngoài?
Nô-ê thấy mặt đất đã khô ráo.
Genesis 8:17
Đức Chúa Trời muốn tất cả sinh vật trên tàu đi đâu và làm gì khi rời khỏi tàu?
Đức Chúa Trời muốn mọi sinh vật phải sinh sản và thêm nhiều trên đất.
Genesis 8:20
Nô-ê làm gì khi ra khỏi tàu?
Nô-ê dựng một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va và dâng tế lễ thiêu trên bàn thờ.
Genesis 8:21
Lúc này Đức Chúa Trời lập với loài người hai lời hứa nào?
Đức Chúa Trời hứa sẽ không nguyền rủa đất nữa và sẽ không tiêu diệt mọi loài sinh vật một lần nữa.
Đức Chúa Trời phán loài người có xu hướng gì từ khi còn nhỏ?
Đức Chúa Trời phán rằng loài người có xu hướng xấu xa từ khi còn nhỏ.

Chapter 9
Genesis 9:1
Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy trên mặt đất
Đây là phước lành của Đức Chúa Trời. Ngài bảo Nô-ê và gia đình của ông phải sinh sản thêm nhiều người nữa để trở nên đông đảo. Từ “thêm nhiều” giải thích họ phải “sanh sản” như thế nào. Xem cách đã dịch những mạng lệnh này

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ở [GEN 1:28]

Sự kinh sợ trước các con sẽ bao trùm trên tất cả các loài thú ... và các loài cá biển

Tác giả viết như thể nỗi kinh sợ là một vật thể có thể ở trên người của các loài vật. Gợi ý dịch: "Tất cả các loài thú ... và các loài cá biển đều sẽ kinh sợ các con"

Sự kinh sợ trước các con

Từ “kinh” và “sợ” căn bản có cùng ý nghĩa, được dùng để nhấn mạnh sự sợ hãi của động vật đối với con người. Gợi ý dịch: "sự khiếp sợ các con" hoặc "sự kinh khiếp các con"

Tất cả các loài thú sống trên đất

Đây là loại đầu tiên trong số bốn loại động vật mà tác giả liệt kê, không phải là câu tóm tắt cho tất cả các loại động vật ông nhắc đến sau đó.

Chim

Đây là từ chung chỉ về các loài biết bay. Xem cách đã dịch trong GEN 1:21.

Mọi loài bò sát trên đất

Gồm tất cả các loài động vật nhỏ. Xem cách đã dịch ở GEN 1:25.

Chúng bị phó vào tay các con

Tay là phép hoán dụ chỉ về sự kiểm soát có được của đôi tay. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúng được giao phó vào sự kiểm soát của các con” hoặc “Ta đã đặt chúng dưới sự kiểm soát của các con”

Genesis 9:3

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Sự sống ... máu

Người dịch có thể thêm vào phần ghi chú: “máu là biểu tượng của sự sống”. Họ cũng có thể thêm vào ghi chú tương tự như “Đức Chúa Trời truyền cho con người không được ăn thịt còn máu. Đầu tiên họ phải lấy sạch máu ra trước”.

Genesis 9:5

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Nhưng về máu của các con

Đưa ra sự đối lập giữa máu của con người và máu của động vật (GEN 9:4).

Máu của các con, sinh mạng trong máu của các con

Ngụ ý là máu đã đổ ra. Gợi ý dịch: "nếu ai khiến các con đổ máu” hoặc “nếu ai làm đổ máu các con” hoặc “nếu ai giết các con”

Sinh mạng

Chỉ về sự sống vật lí.

Ta sẽ đòi lại giá phải trả

Giá phải trả ở đây là cái chết của kẻ giết người chứ không phải tiền bạc. Gợi ý dịch: "Ta sẽ buộc kẻ giết các con phải trả giá"

Từ tay

Ở đây từ “tay” chỉ về người chịu trách nhiệm cho việc xảy ra.

Ta sẽ đòi lại máu đó từ tay của mọi loài thú vật

"Ta sẽ buộc các loài vật đã lấy mạng các con phải trả giá"

Ta sẽ đòi lại sinh mạng từ tay của bất kì kẻ nào đã giết anh em mình

"Ta sẽ buộc kẻ lấy mạng sống của người khác phải trả giá"

Từ tay của

Cụm từ này chỉ về người theo cách cá nhân. Gợi ý dịch: "Từ chính người đó"

Anh em

Từ “anh em” ở đây được dùng như một cách nói chung chỉ về những người bà con, chẳng hạn như các thành viên trong cùng một bộ tộc, thị tộc hay nhóm người.

Kẻ nào làm đổ máu người, sẽ bị người khác làm đổ máu lại

Đổ máu là ẩn dụ cho việc giết người. Câu này có nghĩa là nếu một người giết một ai đó thì sẽ bị người khác giết lại. Tuy nhiên, trong phân đoạn này “máu” là từ rất quan trọng và cần được dịch nếu có thể. Hãy dịch cụm từ “làm đổ máu” bằng những từ ngữ thể hiện việc mất máu nghiêm trọng dẫn đến chết người.

Vì Đức Chúa Trời tạo nên loài người theo hình ảnh của Ngài

"vì Đức Chúa Trời tạo nên loài người giống như Ngài" hoặc "vì Ta đã tạo nên loài người theo hình ảnh của Ta"

hãy sanh sản, thêm nhiều

Đây là phước lành của Đức Chúa Trời. Ngài bảo Nô-ê và gia đình của ông phải sinh sản thêm nhiều người nữa để trở nên đông đảo. Từ “thêm nhiều” giải thích họ phải “sanh sản” như thế nào. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:28]

Genesis 9:8

Rồi Đức Chúa Trời phán với Nô-ê và các con trai đang ở với ông

Trước đó Đức Chúa Trời đã phán với họ rồi. Cụm từ này đánh dấu sự thay đổi trong nội dung Đức Chúa Trời sẽ phán. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông” hoặc “sau đó Đức Chúa Trời tiếp tục phán”

Về phần ta

Cụm từ này trong tiếng Anh được dùng để đánh dấu sự thay đổi trong lời phán của Đức Chúa Trời từ việc Nô-ê và các con trai của ông phải làm sang việc Đức Chúa Trời sẽ làm.

Xác lập giao ước của ta với các con

"lập một giao ước giữa các con và ta". Dịch giống trong GEN 6:18.

Genesis 9:11

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Bởi đó ta lập giao ước cùng các con

"Bằng những lời này, ta lập giao ước cùng các con". Xem những từ tương tự đã dịch trong GEN 6:18.

Mọi loài xác thịt

Có thể là 1) hết thảy loài người hoặc 2) tất cả mọi loài, bao gồm cả loài người và loài vật.

Sẽ không có trận lụt nào hủy phá trái đất nữa

"Sẽ không bao giờ có trận lụt nào hủy phá trái đất nữa." Vẫn sẽ có lũ lụt nhưng chúng không hủy diệt toàn bộ trái đất.

Dấu

Tức là dấu hiệu nhắc nhỡ về điều đã hứa.

giao ước ... cho hết thảy thế hệ mai sau

Giao ước áp dụng cho Nô-ê cùng gia đình và hết thảy các thế hệ theo sau.

Genesis 9:14

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Xảy khi

"Mỗi khi." Đây là điều sẽ xảy ra nhiều lần.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ta sẽ nhớ lại giao ước của ta

Không có nghĩa là trước đó Đức Chúa Trời sẽ quên. Gợi ý dịch: "Ta sẽ nghĩ về giao ước của ta"

Ta và các con

Từ “các con” ở dạng số nhiều. Đức Chúa Trời đang phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Các vật sống của mọi loài xác thịt

"mọi loài sinh vật"

Mọi loài xác thịt

Có thể là 1) hết thảy loài người hoặc 2) mọi loài sống, gồm cả loài người và loài vật. Xem cách đã dịch ở [GEN 6:12]

Genesis 9:16

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Để nhớ lại

"để ta sẽ nhớ lại" hoặc "để ta sẽ nghĩ về"

Giữa Đức Chúa Trời và mọi sinh vật.

Đây là lời Đức Chúa Trời đang phán. Gợi ý dịch: "giữa ta và mọi loài sống"

Các vật sống của mọi loài xác thịt

"mọi loài sinh vật." Xem cách đã dịch ở GEN 9:15.

Sau đó Đức Chúa Trời phán với Nô-ê

Trước đó Đức Chúa Trời cũng đang phán với Nô-ê rồi. Cụm từ này đánh dấu phần cuối cùng trong lời phán của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "cuối cùng Đức Chúa Trời phán với Nô-ê rằng" hoặc "vì vậy Đức Chúa Trời phán cùng Nô-ê rằng"

Genesis 9:18

Thông Tin Tổng Quát:

Câu 18-19 giới thiệu về ba con trai của Nô-ê, là những nhân vật quan trọng trong câu chuyện tiếp theo.

Cha

Cham đúng là cha của Ca-na-an.

Genesis 9:20

Nông gia

"người làm nông"

Say

"uống quá nhiều rượu"

Để trần

Câu văn không nói rõ Nô-ê để trần đến mức nào khi ông say rượu. Nhưng phản ứng của những người con trai cho thấy đó là một điều hổ thẹn.

Genesis 9:22

Cha mình

Chỉ về Nô-ê.

Genesis 9:24

Thông Tin Tổng Quát:

Trong câu 25-27 Nô-ê rủa sả con trai của Cham và chúc phước cho các anh em của ông. Những điều Nô-ê nói về họ cũng ứng nghiệm cho dòng dõi của họ như được thể hiện trong bản UDB.

Thông Tin Tổng Quát:

Những cụm từ đan xen trong các câu này nhằm thể hiện chúng là một bài thơ. Nếu có thể hãy giữ theo dạng này để độc giả biết chúng ở thể văn thơ.

Tỉnh rượu

"hết say"

Con trai út

Chỉ về Cham. Gợi ý dịch: "con trai út, là Cham"

Ca-na-an đáng nguyền rủa

"Ta nguyền rủa Ca-na-an" hoặc "Nguyện điều tồi tệ sẽ xảy ra cho Ca-na-an"

Ca-na-an

Đây là một trong những con trai của Cham. Gợi ý dịch: "Con trai của Cham là Ca-na-an"

đầy tớ các đầy tớ của các anh em nó

"nô lệ thấp hèn nhất của các anh em nó" hoặc "nô lệ hèn mọn nhất cho các anh em nó"

Các anh em nó

Có thể chỉ về các anh em của Ca-na-an hoặc những người bà con của ông nói chung.

Genesis 9:26

Thông Tin Tổng Quát:

Nếu có thể, hãy giữ theo dạng văn ở đây để độc giả biết chúng ở thể văn thơ.

Chúc tạ Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Sem

"Ngợi khen Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Sem” hoặc “Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Sem, đáng được ngợi khen” hoặc “Tôi ngợi khen Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Sem” (UDB)

Nguyện Ca-na-an làm nô lệ cho nó

"và Ca-na-an sẽ là nô lệ cho Sem." Ở đây bao gồm cả dòng dõi của Ca-na-an và của Sem.

Nguyện Đức Chúa Trời mở rộng bờ cõi Gia-phết

Có thể là 1) "Nguyện Đức Chúa Trời khiến cho bở cõi của Gia-phết được mở rộng” (UDB) hoặc 2) "Nguyện Đức Chúa Trời khiến cho Gia-phết có hậu tự đông đảo".

Và cho nó sống trong trại của Sem

"và cho nó sống hòa thuận với Sem." Ở đây bao gồm cả dòng dõi của Gia-phết và của Sem.

Nguyện Ca-na-an làm đầy tớ cho nó

" Nguyện Ca-na-an làm đầy tớ cho Gia-phết." Ở đây bao gồm cả dòng dõi của Ca-na-an và của Gia-phết.

Translation Questions

Genesis 9:1

Đức Chúa Trời bảo Nô-ê và các con trai của ông phải làm gì sau khi rời khỏi tàu?

Đức Chúa Trời bảo Nô-ê và các con trai của ông phải sinh sản thêm nhiều và làm đầy dẫy đất.

Genesis 9:3

Bấy giờ Đức Chúa Trời ban cho Nô-ê và các con trai của ông thứ gì làm thức ăn?

Đức Chúa Trời đã ban cho Nô-ê và các con trai của ông cả các loại rau cỏ xanh cùng mọi loài vật nào di chuyển và có sự sống làm thức ăn.

Genesis 9:4

Đức Chúa Trời truyền không được ăn thịt như thế nào?

Đức Chúa Trời truyền không được ăn thịt còn máu.

Đức Chúa Trời phán trong máu có gì?

Đức Chúa Trời phán sự sống ở trong máu.

Genesis 9:5

Đức Chúa Trời phán hình phạt cho việc làm đổ máu người là gì?

Đức Chúa Trời phán kẻ nào làm đổ máu người thì sẽ bị đổ máu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 9:6

Đức Chúa Trời phán hình phạt cho việc làm đổ máu người là gì?

Đức Chúa Trời phán kẻ nào làm đổ máu người thì sẽ bị đổ máu.

Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người theo hình ảnh của ai?

Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người theo hình ảnh của Đức Chúa Trời.

Genesis 9:13

Đức Chúa Trời ban dấu hiệu nào cho giao ước Ngài lập với đất?

Đức Chúa Trời đặt cầu vòng trên tầng mây để làm dấu về giao ước Ngài đã lập với đất.

Genesis 9:15

Đức Chúa Trời lập lời hứa giao ước nào với mọi vật sống trên đất?

Đức Chúa Trời lập lời hứa giao ước rằng mọi loài xác thịt sẽ không bao giờ bị hủy diệt bằng nước lụt nữa.

Genesis 9:18

Ba con trai của Nô-ê tên gì?

Ba con trai của Nô-ê tên là Sem, Cham và Gia-phết.

Genesis 9:20

Chuyện gì xảy ra với Nô-ê sau khi ông trồng vườn nho?

Sau khi trồng vườn nho thì Nô-ê uống rượu và say mèm.

Genesis 9:21

Chuyện gì xảy ra với Nô-ê sau khi ông trồng vườn nho?

Sau khi trồng vườn nho thì Nô-ê uống rượu và say mèm.

Genesis 9:23

Sem và Gia-phết đã che sự trần truồng của cha mình như thế nào?

Sem và Gia-phết đi thụt lùi, quay mặt đi chỗ khác và lấy áo choàng mà che sự trần truồng của cha.

Genesis 9:25

Nô-ê rủa sả Cham điều gì?

Nô-ê rủa sả Cham rằng "Ca-na-an đáng nguyền rủa. Nó sẽ làm đầy tớ cho các đầy tớ của anh em nó".

Genesis 9:26

Nô-ê chúc phước cho ai?

Nô-ê chúc phước cho cả Sem và Gia-phết.

Genesis 9:27

Nô-ê chúc phước cho ai?

Nô-ê chúc phước cho cả Sem và Gia-phết.

Chapter 10

Genesis 10:1

Đây là dòng dõi của các con trai Nô-ê

"Đây là ký thuật về dòng dõi của Nô-ê." Câu này giới thiệu về danh sách các hậu tự của Nô-ê trong Sáng Thế Ký 10:1-11:9.

Genesis 10:2

Từ họ mà có các dân miền duyên hải tách ra đi đến vùng đất của mình

"Các con trai và dòng dõi của Gia-van tách ra, đi đến các vùng ven biển và hải đảo"

Dân miền duyên hải

Chỉ về những người sống dọc bở biển và trên các hòn đảo.

Vùng đất của mình

"đất nước của mình." Đây là nơi người ta chuyển đến sinh sống.

mỗi dân tộc tùy theo ngôn ngữ

"Mỗi dân tộc nói ngôn ngữ riêng" hoặc "Các dân tộc được phân chia theo ngôn ngữ"

Genesis 10:6

Mít-ra-im

Mít-ra-im là tên theo tiếng Hê-bơ-rơ của “Ai Cập”.

Genesis 10:8

Người chinh phục

Có thể là 1) “binh sĩ hùng mạnh” hoặc 2) “người anh hùng” hoặc 3) “người cai trị có uy lực”.

trước mặt Đức Giê-hô-va

Có thể là 1) “trong mắt Đức Giê-hô-va” hoặc 2) “với sự vùa giúp của Đức Giê-hô-va”

Vì thế mới có câu

Ở đây giới thiệu một câu tục ngữ. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách giới thiệu khác. Gợi ý dịch: "Vì thế người ta mới nói (Xem: [[rc://vi/ta/workbench/translate/writingstyles-proverbs]])

Những trung tâm đầu tiên

Có thể là 1) những trung tâm đầu tiên mà ông thành lập hoặc 2) những thành phố quan trọng.

Genesis 10:11

Ông đến xứ A-si-ri

"Nim-rốt tiến vào xứ A-si-ri"

Mít-ra-im trở thành

Ký thuật về dòng dõi của Nô-ê tiếp tục.

Mít-ra-im

Mít-ra-im là một trong những con trai của Cham. Dòng dõi của ông trở thành dân Ai Cập. Mít-ra-im là tên gọi theo tiếng Hê-bơ-rơ của Ai Cập.

Genesis 10:15

Giê-bu-sít ... A-mô-rít ... Ghi-rê-ga-sít

Những tên gọi này chỉ về những nhóm dân lớn hơn ra từ Ca-na-an.

Genesis 10:19

Biên giới

"lãnh thổ" hoặc "biên giới lãnh thổ"

từ Si-đôn, theo hướng Ghê-ra thì đến tận Ga-xa

Có thể nói rõ là theo hướng nam nếu cần thiết. Gợi ý dịch: "từ thành Si-đôn ở phía bắc hướng về phía nam đến tận Ga-xa, gần Ghê-ra"

theo hướng Sô-đôm, Gô-mô-rơ, Át-ma và Sê-bô-im thì đến tận Lê-sa

Có thể nói rõ hướng “đông” hoặc “vùng nội địa” nếu cần thiết. Gợi ý dịch: "còn theo hướng đông về Sô-đôm, Gô-mô-rơ, Át-ma và Sê-bô-im thì đến tận Lê-sa" (Xem: Assumed Knowledge and Implicit Information]])

Đó là con cháu của Cham

Từ “đó” chỉ về những người và nhóm người được liệt kê ở các câu GEN 6-19.

Theo ngôn ngữ của họ

"được phân chia theo các ngôn ngữ khác nhau của họ"

Trong các lãnh thổ

"trong các vùng đất của họ"

Genesis 10:24

A-pác-sát

A-pác-sát là một trong các con trai của Sem.

Pê-léc

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên Pê-léc có nghĩa là ‘phân chia’”.

đất bị phân chia

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "những người trên đất phân chia ra" hoặc "những người trên đất phân rẽ ra"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hoặc "Đức Chúa Trời phân chia những người trên đất"
Genesis 10:26
Giốc-tan
Giốc-tan là một trong các con trai của Hê-be.
Tất cả những người đó
"Những người đó" chỉ về những con cháu của Giốc-tan.
Genesis 10:30
Lãnh thổ của họ
"Vùng đất họ kiểm soát" hoặc "Vùng đất họ sinh sống"
Đó là con cháu của Sem
Từ “đó” chỉ về dòng dõi của Sem (GEN 10:21-29).
Genesis 10:32
Đó là các gia tộc
Chỉ về tất cả những người được liệt kê ở GEN 10:1-31.
Theo
"được liệt kê theo"
Từ họ mà các dân tộc phân chia ra và đi khắp đất
"Từ những gia tộc này mà các dân phân chia ra và phân bố khắp trên mặt đất" hoặc "Những gia tộc này phân rẽ ra và hình thành các dân tộc trên đất"
sau cơn nước lụt
Có thể diễn đạt rõ hơn. Gợi ý dịch: "sau khi cơn nước lụt tàn diệt trái đất"

Translation Questions

Genesis 10:5
Sau cơn nước lụt, con cháu của Nô-ê cuối cùng đã lan ra trên đất thành các gia tộc và khi họ lan ra thì mỗi gia tộc có điều gì riêng?
Khi các gia tộc đã lan ra thì mỗi gia tộc có ngôn ngữ riêng.
Genesis 10:9
Nim-rốt, hậu tự của Cham, nổi tiếng về điều gì?
Nim-rốt nổi tiếng là một thợ săn dũng mãnh trước mặt Đức Giê-hô-va.
Genesis 10:10
Thành đầu tiên của Nim-rốt trong đất Si-nê-a là gì?
Thành đầu tiên của Nim-rốt là Ba-bên.
Genesis 10:11
Ngoài đất Si-nê-a Nim-rốt còn phát triển các thành ở vùng nào nữa?
Nim-rốt còn xây dựng các thành ở A-si-ri.
Genesis 10:15
Ca-na-an là dòng dõi của người con nào của Nô-ê?
Ca-na-an là dòng dõi của Cham.
Genesis 10:20
Sau cơn nước lụt, con cháu của Nô-ê cuối cùng đã lan ra trên đất thành các gia tộc và khi họ lan ra thì mỗi gia tộc có điều gì riêng?
Khi các gia tộc đã lan ra thì mỗi gia tộc có ngôn ngữ riêng.
Genesis 10:25
Điều gì xảy ra vào thời của Pê-léc, hậu tự của Sem?
Vào thời của Pê-léc thì đất được phân chia.
Genesis 10:31
Sau cơn nước lụt, con cháu của Nô-ê cuối cùng đã lan ra trên đất thành các gia tộc và khi họ lan ra thì mỗi gia tộc có điều gì riêng?
Khi các gia tộc đã lan ra thì mỗi gia tộc có ngôn ngữ riêng.
Genesis 10:32
Các dân tộc phân bố khắp trên mặt đất sau cơn nước lụt xuất phát từ đâu?
Các dân tộc xuất phát từ những gia tộc của con trai Nô-ê.

Chapter 11
Genesis 11:1
Bấy giờ
Từ này thể hiện tác giả đang bắt đầu một phần mới của câu chuyện.
cả thế giới
Hết thảy con người trên trái đất
Dùng chung một ngôn ngữ và có những từ ngữ giống nhau
Hai vế câu này căn bản có ý nghĩa giống nhau, nhằm nhấn mạnh rằng toàn bộ loài người đều nói chung một ngôn ngữ.
Ra đi
"di trú" hoặc "di chuyển đó đây"
ở phương đông
Có thể là 1) “ở phương đông” hoặc 2) “từ phương đông” hoặc 3) “đến phương đông”. Lựa chọn ưu tiên hơn là “ở phương đông” vì Si-nê-a nằm về phía đông của nơi con tàu đã tấp vào theo nhận định của các học giả.
Định cư
Ngừng di chuyển từ nơi này sang nơi khác, bắt đầu sống ở một chỗ.
Genesis 11:3
Nào
Nếu ngôn ngữ của bạn có cách nói thúc giục hay truyền khiến cho người khác bắt đầu làm việc giống như từ “nào!” trong tiếng Anh thì có thể sử dụng ở đây.
Nung thật kỹ
Người ta làm gạch từ đất sét rồi nung chúng trong lò lửa nóng hực để chúng cứng và chắc.
Nhựa chai
Một loại chất lỏng sánh, có độ dính, màu đen lấy từ lòng đất.
Hồ
Đây là một chất đặc sệt làm bằng bột vôi, đất sét, cát và nước để làm cho đá hoặc gạch dính chặt với nhau.
Để ghi danh cho chúng ta
"để làm nổi danh chúng ta"
danh
"danh tiếng"
Chúng ta sẽ bị tản lạc
Có thể nói ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "chúng ta sẽ phân rẽ nhau và sống ở nhiều nơi khác nhau"
Genesis 11:5
Dòng dõi của A-đam
"con người"
ngự xuống
Có thể nói rõ Ngài ngự xuống từ đâu: “ngự xuống từ trời”. Ở đây không mô tả Ngài ngự xuống như thế nào. Hãy sử dụng một từ chung có ý nghĩa là “ngự xuống”.
Để xem
"để quan sát" hoặc "để xem xét"
một dân tộc, chung một ngôn ngữ
Hết thay loài người là một dân tộc lớn, nói cùng một ngôn ngữ.
chúng đang khởi công làm việc này
Có thể là 1) “chúng đã bắt đầu làm việc này”, nghĩa là họ đã

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bắt đầu xây dựng tháp nhưng chưa kết thúc, hoặc 2) “đây chỉ mới là điều đầu tiên chúng làm”, nghĩa là trong tương lai chúng sẽ làm những điều lớn hơn nữa.

không có việc gì chúng đã hoạch định mà không làm được

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "bất kể việc gì chúng hoạch định đều sẽ thực hiện được"

Nào

Nếu ngôn ngữ của bạn có cách nói thúc giục hay truyền khiến cho người khác bắt đầu làm việc giống như từ “nào!” trong tiếng Anh thì có thể sử dụng ở đây. Xem cách đã dịch ở GEN 11:3.

Chúng ta hãy xuống

Từ “chúng ta” ở dạng số nhiều mặc dù nó chỉ về Đức Chúa Trời. Một số bản dịch là “ta hãy xuống” hoặc “ta sẽ xuống”. Nếu dịch như vậy thì cần xem xét để thêm vào phần ghi chú cho biết đại từ ở đây có dạng số nhiều. Xem cách đã dịch câu “chúng ta hãy làm nên” ở [GEN 1:26]

làm xáo trộn ngôn ngữ của chúng

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho con người trên khắp thế giới không nói cùng một ngôn ngữ nữa. Gợi ý dịch: "làm đảo lộn ngôn ngữ của chúng"

để chúng không thể hiểu được nhau

Đây là mục đích của việc làm xáo trộn ngôn ngữ của họ. Gợi ý dịch: "để chúng không thể hiểu được tiếng nói của nhau" (UDB)

Genesis 11:8

từ nơi đó

"từ thành đó"

Nó được gọi là Ba-bên, vì tại đó Đức Giê-hô-va đã làm xáo trộn

Tên gọi “Ba-bên” có phát âm giống với từ mang ý nghĩa là “xáo trộn”. Người dịch có thể thêm vào phần ghi chú về điều này.

làm xáo trộn tiếng nói của cả thế giới

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va làm cho con người trên khắp thế giới không còn nói cùng một ngôn ngữ nữa. Gợi ý dịch: "xáo trộn ngôn ngữ của cả thế giới"

Genesis 11:10

Thông Tin Tổng Quát:

Phần còn lại của chương liệt kê dòng dõi của Sem xuống đến Áp-ram.

Đây là dòng dõi của Sem

Câu này bắt đầu cho phần ký thuật dòng dõi của Sem.

Cơn nước lụt

Đây là cơn nước lụt từ thời Nô-ê khi con người trở nên quá gian ác đến nỗi Đức Chúa Trời sai một cơn đại hồng thủy bao trùm cả đất.

Sinh A-bác-sát

"có con trai là A-bác-sát" hoặc "con trai là A-bác-sát được sinh ra"

A-bác-sát

Tên của một người nam

Một trăm ... hai ... năm trăm

Người dịch có thể viết chữ hoặc số "100," "2," và "500."

Genesis 11:12

Ông sinh Sê-lách

"con trai của ông là Sê-lách được sinh ra"

Sê-lách

Tên người

Genesis 11:14

Thông Tin Tổng Quát:

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Genesis 11:16

Thông Tin Tổng Quát:

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Genesis 11:18

Thông Tin Tổng Quát:

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Genesis 11:20

Thông Tin Tổng Quát:

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Genesis 11:22

Thông Tin Tổng Quát:

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Genesis 11:24

Thông Tin Tổng Quát:

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Áp-ram, Na-hô và Ha-ran

Chúng ta không biết các con trai của ông được sinh ra theo thứ tự nào.

Genesis 11:27

Đây là dòng dõi của Tha-rê

Câu này giới thiệu phần ký thuật về dòng dõi của Tha-rê. Sáng Thế Ký 11:27-25:11 viết về dòng dõi của Tha-rê, đặc biệt là Áp-ra-ham, con trai của ông. Gợi ý dịch: "Đây là phần ký thuật về dòng dõi của Tha-rê"

Ha-ran qua đời khi cha của ông là Tha-rê vẫn còn

Tức là Ha-ran qua đời khi cha của ông là Tha-rê vẫn còn sống. Gợi ý dịch: "Ha-ran qua đời khi cha của ông, là Tha-rê còn ở với ông"

Genesis 11:29

Lấy vợ

"cưới vợ"

Dích-ca

Đây là tên của một người nữ.

Bấy giờ

Từ này được sử dụng để cho biết một thông tin mới về Sa-rai sẽ đóng vai trò quan trọng trong các chương kế tiếp.

Hiếm muộn

Từ này mô tả một người phụ nữ không thể thụ thai hay sinh nở.

Genesis 11:31

Ông

Từ “ông” ở đây chỉ về Tha-rê.

Sa-rai là con dâu, vợ của con trai ông là Áp-ra-ham

Con dâu, vợ của con trai ông là Áp-ra-ham

Ha-ran ... Cha-ran

Đây là hai tên gọi khác nhau và được đọc khác nhau trong tiếng Hê-bơ-rơ. Một tên chỉ về người và một tên chỉ về thành phố. (Âm “h” trong tên thành phố đọc rõ hơn âm “h” trong tên người). Bạn có thể chọn cách phát âm khác nhau trong ngôn ngữ dịch để thể hiện điều này.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Genesis 11:1

Ngay sau cơn nướt lụt thì có bao nhiêu ngôn ngữ trên khắp đất?

Ngay sau cơn nướt lụt chỉ có một ngôn ngữ trên khắp đất.

Genesis 11:2

Người ta xây thành và tháp cho mình ở đâu?

Người ta xây thành và tháp cho mình trong đất Si-nê-a.

Genesis 11:4

Thay vì lan ra khắp đất như Đức Chúa Trời truyền phán thì người ta quyết định làm gì?

Thay vì lan ra khắp đất như Đức Chúa Trời truyền phán thì người ta quyết định xây một cái thành và một ngọn tháp.

Họ muốn làm gì cho mình?

Họ muốn tạo danh tiếng cho mình.

Genesis 11:7

Đức Giê-hô-va ngự xuống và làm gì với họ?

Đức Giê-hô-va ngự xuống và làm lộn xộn tiếng nói của họ.

Vì sao Đức Chúa Trời làm như vậy?

Đức Chúa Trời làm lộn xôn tiếng nói của họ để họ không thể hiểu nhau.

Genesis 11:8

Sau đó Đức Chúa Trời khiến con người phải như thế nào?

Đức Chúa Trời khiến con người phải rải ra khắp mặt đất như Ngài đã truyền phán.

Genesis 11:9

Tên của thành mà người ta cố gắng xây dựng là gì?

Tên của thành đó là Ba-bên.

Genesis 11:10

Dòng dõi của người con trai nào của Nô-ê được cung cấp trong chương này?

Dòng dõi của Sam, con trai của Nô-ê được cung cấp trong chương này.

Genesis 11:26

Ai là cha của Áp-ram?

Cha của Áp-ram là Tha-rê.

Genesis 11:27

Ha-ran, con trai của Tha-rê, có một người con trai tên gì?

Ha-ran, con trai của Tha-rê, có một người con trai tên là Lót.

Genesis 11:28

Tha-rê sống ở đâu?

Tha-rê sống ở U-rơ thuộc xứ Canh-đê.

Genesis 11:29

Vợ của Áp-ram tên gì?

Vợ của Áp-ram tên là Sa-rai.

Genesis 11:30

Vợ của Áp-ram có vấn đề gì?

Sa-rai, vợ của Áp-ram, bị hiếm muộn, không có con.

Genesis 11:31

Tha-rê cùng với Áp-ram, Sa-rai và Lót đi đâu?

Tha-rê cùng với Áp-ram, Sa-rai và Lót đi đến đất Ca-na-an.

Chapter 12

Genesis 12:1

Bấy giờ

Từ này được dùng để đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.

Hãy ra khỏi quê hương, bà con thân tộc

"Hãy ra khỏi xứ sở, gia đình của con"

Ta sẽ làm cho con thành một dân lớn

Từ “con” ở đây có dạng số ít, chỉ về Áp-ram, nhưng Áp-ram đại diện cho dòng dõi của ông. Gợi ý dịch: "Qua con ta sẽ lập nên một dân lớn" hoặc "Ta sẽ khiến dòng dõi của con trở thành một dân lớn"

Làm rạng rỡ danh con

Từ “danh” có nghĩa là danh tiếng của một người. Gợi ý dịch: "và khiến con nổi danh"

con sẽ thành một nguồn phước

Được hiểu là trở thành một nguồn phước “cho người khác”. Gợi ý dịch: "con sẽ thành một nguồn phước cho người khác"

Ta sẽ nguyền rủa kẻ nào nhục mạ con

"Ta sẽ nguyền rủa kẻ nào sỉ nhục con" hoặc "nếu ai khinh miệt con ta sẽ rủa sả người đó"

Mọi gia tộc trên đất sẽ nhờ con mà được phước

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Qua con ta sẽ chúc phước cho mọi gia tộc trên đất"

Nhờ con

"Vì con" hoặc "Vì ta đã chúc phước cho con"

Genesis 12:4

Tài sản

Bao gồm động vật và mọi loại của cải.

Những người mà họ đã có được

Có thể là 1) “những nô lệ mà họ có được” (UDB) hoặc 2) "những người mà họ đã quy tụ với mình."

Genesis 12:6

Áp-ram đi qua xứ ấy

Chỉ có tên của Áp-ram được nhắc đến vì ông là người đứng đầu trong gia đình. Đức Chúa Trời đã truyền cho ông phải đem gia đình ông đến đây. Gợi ý dịch: "Vì thế Áp-ram cùng gia đình mình đi qua xứ ấy"

Xứ

"xứ Ca-na-an"

cây sồi của Mô-rê

Mô-rê có thể là một địa danh.

Đức Giê-hô-va đã hiện ra cùng ông

" Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã hiện ra cùng ông"

Genesis 12:8

Ông đóng trại

Áp-ram có rất nhiều người đi cùng. Những người đi từ nơi này sang nơi khác phải sống trong trại. Gợi ý dịch: "họ dựng trại"

cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va

"cầu nguyện trong danh Đức Giê-hô-va" hoặc "thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Sau đó Áp-ram tiếp tục cuộc hành trình

"Sau đó Áp-ram dỡ trại và tiếp tục di chuyển."

Tiến về Nê-ghép

"tiến về vùng Nê-ghép" hoặc "tiến về phía nam" hoặc "hướng về phía nam đến sa mạc Nê-ghép" (UDB)

Genesis 12:10

Có một nạn đói

Vào thời gian đó mùa màng không sinh trưởng tốt. Có thể nói rõ ra ý này. Gợi ý dịch: "Lương thực thiếu thốn"

Trong xứ

"trong khu vực" hoặc "trong xứ Áp-ram đang sinh sống"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đi xuống
Có thể là 1) “đi tiếp về phía nam” (UDB) hoặc 2) "rời Ca-na-an đi đến”. Tốt nhất nên dùng cách nói thông thường chỉ về việc đi từ một chỗ cao hơn đến một chỗ thấp hơn.
họ sẽ giết anh, ... để em sống
Có thể nói rõ lí do họ sẽ giết Áp-ram: "họ sẽ giết anh để cưới được em"
Để nhờ em mà mạng sống anh được an toàn
Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "để nhờ em mà họ sẽ không giết anh"
Genesis 12:14
Xảy khi
Có thể là 1) Cụm từ này được sử dụng để đánh dấu thời điểm sự việc bắt đầu, nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây hoặc 2) "Và sự việc đã diễn ra như vậy" (UDB).
Các triều thần của Pha-ra-ôn thấy nàng
"Các quan chức của Pha-ra-ôn thấy Sa-rai" hoặc " Các quan chức của vua thấy nàng" (UDB)
người phụ nữ nầy bị triệu vào cung Pha-ra-ôn
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Pha-ra-ôn đem nàng vào cung" hoặc "Pha-ra-ôn sai quân lính đem nàng vào cung"
Người phụ nữ nầy
Sa-rai
Cung của Pha-ra-ôn
Có thể là 1) "Gia đình của Pha-ra-ôn," tức là đem về làm vợ hoặc 2) "Nhà của Pha-ra-ôn" hay "cung điện của Pha-ra-ôn", một cách nói uyển ngữ cho thấy Pha-ra-ôn cho bà vào trong số những người vợ của ông.
Vì cớ nàng
"vì cớ Sa-rai" hoặc "nhờ nàng"
Genesis 12:17
Vì Sa-rai, vợ Áp-ram
Có thể nói rõ hơn. Gợi ý dịch: "vì Pha-ra-ôn định lấy Sa-rai, vợ của Áp-ram làm vợ mình"
Pha-ra-ôn triệu Áp-ram vào
"Pha-ra-ôn gọi Áp-ram vào" hoặc "Pha-ra-ôn truyền lệnh cho Áp-ram đến gặp người"
Ngươi đã làm gì cho ta vậy?
Pha-ra-ôn dùng câu hỏi tu từ này để cho thấy ông tức giận thế nào về việc Áp-ram đã làm cho mình. Cũng có thể dịch thành câu cảm thán. Gợi ý dịch: "Ngươi đã làm điều thật tệ bạc cho ta!"
Sau đó Pha-ra-ôn truyền lệnh cho thuộc hạ
"Sau đó Pha-ra-ôn lệnh cho các quan quân"
Họ đưa ông đi cùng với vợ và tất cả những gì ông có
"các quan quân đưa ông rời khỏi Pha-ra-ôn cùng với vợ và mọi tài sản của ông"

Translation Questions

Genesis 12:1
Khi Áp-ram sống ở Cha-ran thì Đức Giê-hô-va bảo Áp-ram làm gì?
Đức Giê-hô-va bảo Áp-ram rời khỏi nhà cha mình mà đi đến vùng đất Ngài sẽ chỉ cho.
Genesis 12:2
Đức Giê-hô-va hứa gì với Áp-ram?
Đức Giê-hô-va hứa rằng Ngài sẽ ban phước cho Áp-ram, làm cho ông nên một dân lớn và chúc phước cho mọi gia tộc trên đất qua ông.
Genesis 12:3
Đức Giê-hô-va hứa gì với Áp-ram?
Đức Giê-hô-va hứa rằng Ngài sẽ ban phước cho Áp-ram, làm cho ông nên một dân lớn và chúc phước cho mọi gia tộc trên đất qua ông.
Genesis 12:5
Ai cùng đi với Áp-ram?
Áp-ram đi cùng với Sa-rai, vợ mình và Lót, con trai của anh em mình.
Áp-ram đi đến vùng đất nào?
Áp-ram đi đến vùng đất Ca-na-an.
Genesis 12:7
Khi Đức Giê-hô-va hiện ra cùng Áp-ram thì Ngài đã hứa gì với ông?
Đức Giê-hô-va hứa rằng dòng dõi của Áp-ram sẽ sống ở Ca-na-an.
Genesis 12:8
Áp-ram đã thờ phượng Đức Giê-hô-va như thế nào?
Áp-ram dựng một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va và cầu khẩn danh Ngài.
Genesis 12:10
Rời khỏi Ca-na-an, Áp-ram đã đi đâu?
Rời khỏi Ca-na-an, Áp-ram đi đến Ai Cập.
Genesis 12:12
Áp-ram lo lắng điều gì khi vào Ai Cập?
Áp-ram lo lắng rằng người Ai Cập sẽ giết ông và bắt Sa-rai, vợ của ông vì bà rất xinh đẹp.
Genesis 12:13
Áp-ram bảo Sa-rai nói về mình thế nào với người Ai Cập?
Áp-ram bảo Sa-rai nói với người Ai Cập rằng bà là em gái của Áp-ram.
Genesis 12:15
Điều gì xảy ra với Sa-rai khi họ vào Ai Cập?
Pha-ra-ôn đem Sa-rai vào cung.
Genesis 12:17
Bấy giờ điều gì xảy ra cho Pha-ra-ôn?
Đức Giê-hô-va đã giáng trên Pha-ra-ôn và cả hoàng gia những tai ương nặng nề.
Genesis 12:18
Pha-ra-ôn hỏi Áp-ram điều gì?
Pha-ra-ôn hỏi Áp-ram vì sao lại nói rằng Sa-rai là em gái ông mà không phải là vợ.
Genesis 12:19
Pha-ra-ôn hỏi Áp-ram điều gì?
Pha-ra-ôn hỏi Áp-ram vì sao lại nói rằng Sa-rai là em gái ông mà không phải là vợ.
Genesis 12:20
Pha-ra-ôn làm gì với Áp-ram và Sa-rai?
Pha-ra-ôn truyền cho Áp-ram và Sa-rai đi.

Chapter 13

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 13:1

Đi lên từ

"rời khỏi" hoặc "đi khỏi"

Đi vào Nê-ghép

Nê-ghép là vùng hoang mạc ở phía nam Ca-na-an, phía tây Ai Cập. Có thể nói rõ ra ý này. Gợi ý dịch: "trở về hoang mạc Nê-ghép"

Áp-ram rất giàu về gia súc, bạc và vàng

"Áp-ram có nhiều gia súc, bạc và vàng"

Gia súc

"vật nuôi" hoặc "thú nuôi"

Genesis 13:3

Ông tiếp tục cuộc hành trình

Áp-ram và gia đình của ông đi từng chặn, từ nơi này sang nơi khác. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "Họ tiếp tục cuộc hành trình"

đến chỗ lần trước ông đã đóng trại

Người dịch có thể thêm phần ghi chú "Xem Sáng Thế Ký 12:8." Có thể nói rõ thời gian ông di chuyển. Gợi ý dịch: "đến chỗ ông từng dựng trại trước khi đi đến Ai Cập"

cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va

"cầu nguyện nhân danh Đức Giê-hô-va" hoặc "thờ phượng Đức Giê-hô-va". Xem cách đã dịch ở GEN 12:8.

Genesis 13:5

Bấy giờ

Từ này được sử dụng để cho thấy thông tin theo sau là bối cảnh giúp độc giả hiểu được những sự kiện tiếp theo.

Vùng đất đó không đủ chỗ cho họ

Không có đủ đồng cỏ và nước uống cho hết thảy gia súc của họ.

Tài sản của họ

Ở đây bao gồm cả gia súc, chúng cần có đồng cỏ và nước.

Không thể ở chung

"không thể sống chung"

Bấy giờ dân Ca-na-an và dân Phê-rê-sít đang còn ở trong xứ

Đây là một phần lí do vì sao vùng đất không đủ chỗ cho họ.

Genesis 13:8

giữa ta và cháu đừng tranh chấp nhau

"Chúng ta đừng tranh chấp nhau"

Tranh chấp

"thù địch" hoặc "tranh chiến" hoặc "gây gổ"

giữa những người chăn bầy của ta và của cháu

"và đừng để những người chăn gia súc của chúng ta tranh chấp nhau"

Dù thế nào chúng ta cũng là gia đình

"vì chúng ta là gia đình"

Gia đình

"bà con" hoặc "họ hàng." Lót là cháu của Áp-ra-ham.

Cả xứ há chẳng ở trước mặt cháu sao?

Ở đây Áp-ra-ham sử dụng câu hỏi tu từ, có thể dịch thành câu khẳng định chắc chắn. Gợi ý dịch: "Cả xứ sẵn có cho cháu ở" .

Hãy rời khỏi ta

Áp-ra-ham đang ân cần nói chuyện với Lót, khuyến khích ông làm điều có ích cho cả hai. "Hãy chia tay nhau."

Nếu cháu sang bên trái, ta sẽ sang bên phải

Có thể là 1) “Nếu cháu đi đường này, ta sẽ đi đường kia” hoặc 2) “Nếu cháu sang phía bắc, ta sẽ sang phía nam”. Áp-ram để Lót chọn phần đất Lót muốn còn ông sẽ lấy phần còn lại.

Genesis 13:10

Cả vùng đồng bằng Giô-đanh

Chỉ về khu vực sông Giô-đanh nói chung.

Được tưới tốt

"có nhiều nước"

tựa như vườn của Đức Giê-hô-va, như đất Ai Cập vậy

"tựa như vườn của Đức Giê-hô-va hay như đất Ai Cập vậy”. Đây là hai nơi khác nhau.

vườn của Đức Giê-hô-va

Đây là một tên gọi khác của vườn Ê-đen.

Vườn

Dùng cùng một từ đã dùng trong GEN 2:8.

Đó là trước khi Đức Giê-hô-va hủy diệt thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ

Câu này báo trước về điều sẽ xảy ra sau đó. Câu này rất quan trọng vì nó giải thích lí do vì sao Lót ở trong vùng về sau không còn màu mở nữa.

Họ hàng

"bà con" hoặc "gia đình." Ở đây chỉ về Lót và Áp-ram cùng gia đình của họ.

Genesis 13:12

Sống

"định cư" hoặc "ở"

đất Ca-na-an

"đất của dân Ca-na-an"

Ông dựng trại đến tận Sô-đôm

Có thể là 1) “Ông dựng trại gần Sô-đôm" (UDB) hoặc 2) "Ông dời trại đến khu vực gần Sô-đôm."

Genesis 13:14

Sau khi Lót lìa khỏi ông

"Sau khi Lót lìa khỏi Áp-ra-ham"

Genesis 13:16

đi khắp chiều dài, chiều ngang của vùng đất

"đi khắp cả vùng đất"

Mam-rê

Đây là tên của người chủ những cây sồi.

Hếp-rôn

Địa danh

một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va

"một bàn thờ để thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Translation Questions

Genesis 13:1

Áp-ram đi đâu sau khi rời khỏi Ai Cập?

Áp-ram đi đến Nê-ghép.

Genesis 13:2

Áp-ram đem theo những gì?

Áp-ram đem theo rất nhiều gia súc, bạc và vàng.

Genesis 13:6

Vì sao có sự tranh chấp giữa những người chăn bầy của Áp-ram và của Lót?

Có sự tranh chấp ở đây vì vùng đất không đủ chỗ cho Áp-ram và Lót sống gần nhau cùng với mọi tài sản của họ.

Genesis 13:7

Vì sao có sự tranh chấp giữa những người chăn bầy của Áp-ram và của Lót?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có sự tranh chấp ở đây vì vùng đất không đủ chỗ cho Áp-ram và Lót sống gần nhau cùng với mọi tài sản của họ.
Genesis 13:9
Áp-ram đề xuất điều gì cho Lót?
Áp-ram đề xuất cho Lót chọn nơi để sống rồi Áp-ram sẽ tìm nơi sống tách biệt với Lót.
Genesis 13:10
Lót chọn sống ở đâu và vì sao?
Lót chọn về phía đông, sống trong đồng bằng sông Giô-đanh vì có nước tưới khắp nơi.
Genesis 13:11
Lót chọn sống ở đâu và vì sao?
Lót chọn về phía đông, sống trong đồng bằng sông Giô-đanh vì có nước tưới khắp nơi.
Genesis 13:12
Sau đó Áp-ram sống ở đâu?
Áp-ram sống ở đất Ca-na-an.
Genesis 13:13
Dân ở Sô-đôm như thế nào?
Dân ở Sô-đôm gian ác tội lỗi nghịch lại Đức Giê-hô-va.
Genesis 13:14
Lúc này, Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ ban cho Áp-ram điều gì?
Đức Giê-hô-va hứa rằng toàn bộ vùng đất Áp-ram nhìn thấy từ chỗ ông đứng sẽ được ban cho ông.
Genesis 13:15
Lúc này, Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ ban cho Áp-ram điều gì?
Đức Giê-hô-va hứa rằng toàn bộ vùng đất Áp-ram nhìn thấy từ chỗ ông đứng sẽ được ban cho ông.
Genesis 13:16
Đức Giê-hô-va phán Áp-ram sẽ có bao nhiêu con cháu?
Đức Giê-hô-va nói cùng Áp-ram rằng con cháu ông sẽ đông đúc không thể đếm được "đông như bụi trên đất".
Genesis 13:18
Sau đó Áp-ram dời đến gần thành nào?
Áp-ram dời đến gần Hếp-rôn.

Chapter 14
Genesis 14:1
Thông Tin Tổng Quát:
Những địa điểm trong [GEN 14:1-2]
Xảy khi
Cụm từ này được sử dùng để đánh dấu mở đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Vào thời của
"Trong thời của"
Họ gây chiến
"họ tranh chiến" hoặc "họ phát động chiến tranh" hoặc "họ chuẩn bị chiến tranh"
Genesis 14:3
Năm vua vừa kể hiệp cùng nhau
Có thể nói rõ rằng có theo những đội quân. Gợi ý dịch: "Năm vua vừa kể cùng các đội quân của họ hiệp cùng nhau"
Mười hai năm họ đã từng thần phục
Những sự kiện trong câu 4-7 xảy ra trước câu 3. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để thể hiện điều này.
Họ đã từng thần phục vua Kết-rô-lao-me
Họ có thể đã nộp thuế và phục vụ trong quân đội của ông. Gợi ý dịch: "họ đã từng ở dưới sự kiểm soát của vua Kết-rô-lao-me"
họ nổi loạn
"họ không chịu phục vụ ông" hoặc "họ không phục vụ ông nữa"
Kéo đến và tấn công
Họ đã làm vậy vì các vua đã nổi loạn.
Dân Rê-pha-im ... dân Xu-xin ... dân Ê-mim ... dân Hô-rít
Đây là tên của các nhóm dân.
Ách-tê-rót Ca-na-im ... Ham ... Sa-vê Kia-gia-tha-gim ... Sê-i-rơ ... Ên Pa-ran
Đây là những địa danh.
Ên Pa-ran, gần với hoang mạc
Vế câu này giúp người đọc hiểu được Ên Pa-ran nằm ở đâu. Có thể dịch thành một câu riêng nếu cần thiết. Gợi ý dịch: "Ên Pa-ran. Ên Pa-ran nằm gần hoang mạc".
Genesis 14:7
Thông Tin Tổng Quát:
Câu 8 và 9 lặp lại điều được nói trong GEN 14:3 và tiếp tục cho biết những gì đã xảy ra khi các vua kéo đánh.
Họ quay lại và đi đến
Từ “họ” chỉ về bốn vị vua đang tấn công vùng Ca-na-an. Tên của họ là Am-ra-phên, A-ri-óc, Kết-rô-lao-me và Ti-đanh. Gợi ý dịch: "họ trở lại và đi đến"
dân A-mô-rít ở tại Hát-sát-sôn Tha-ma
Vế câu này xác định dân A-mô-rít nào bị đánh bại. Cũng có các dân A-mô-rít khác sống ở những nơi khác.
Và vua của Bê-la (còn gọi là Xoa)
Thành Bê-la còn được gọi là Xoa. Thông tin này cũng có thể được đặt ở cuối câu. "và vua của Bê-la đi ra, chuẩn bị cho chiến tranh. Bê-la còn được gọi là Xoa."
Chuẩn bị cho trận chiến
"tham chiến" hoặc "dàn binh." Một số người dịch có thể cần nói thêm quân đội là lực lượng chiến đấu, như bản UDB viết trong câu 9.
Bốn vua giao chiến với năm vua
Vì năm vua được liệt kê trước nên một số ngôn ngữ có thể dịch là “năm vua giao chiến với bốn vua”.
Genesis 14:10
Bấy giờ
Từ này giới thiệu thông tin cơ bản về thung lũng Si-điêm. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách khác để thể hiện điều này.
Đầy những hố nhựa chai
"có rất nhiều hố nhựa chai." Đây là những cái hố dưới đất chứa nhựa chai.
Nhựa chai
Một loại chất lỏng sánh, có độ dính, màu đen lấy từ lòng đất. Xem cách đã dịch ở GEN 11:3.
Vua của Sô-đôm và Gô-mô-rơ
Đây là phép hoán dụ chỉ về vua cùng lực lượng quân đội. Gợi ý dịch: Vua của Sô-đôm và Gô-mô-rơ cùng đội quân của họ"
Họ rơi xuống đó
Có thể là 1) một số quân lính của họ rơi xuống hố nhựa chai hoặc 2) chính các vua bị rơi xuống hố nhựa chai. Vì GEN 14:17 nói rằng vua của Sô-đôm đi đến gặp Áp-ram, ý đầu tiên có vẻ chính xác hơn.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những người còn lại
"Những người không chết trong chiến trận và không rơi xuống hố"
Quân địch
Chỉ về vua Kết-rô-lao-me và các vua khác cùng các đội quân của họ đang tấn công Sô-đôm và Gô-mô-rơ.
Của cải của Sô-đôm và Gô-mô-rơ
“Sô-đôm” và “Gô-mô-rơ” là phép hoán dụ chỉ về người dân sống ở hai thành đó. Gợi ý dịch: "tài sản của dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ" hoặc "của cải của dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ"
lương thực của họ
"đồ ăn và thức uống của họ"
Bỏ đi
"họ rút đi"
Họ cũng bắt Lót, con của anh hoặc em Áp-ram, đang sống ở Sô-đôm, đem đi cùng với gia sản của ông
Các vế câu “con của anh hoặc em Áp-ram” và “đang sống ở Sô-đôm” nhắc độc giả nhớ lại những điều đã được viết về Lót trước đó. Gợi ý dịch: "Họ cũng bắt Lót cùng với hết thảy gia sản của ông. Lót là con của anh hoặc em Áp-ram và hiện đang sống ở Sô-đôm”.
Genesis 14:13
Có một người thoát được đến
" Có một người thoát được khỏi trận chiến và đi đến"
Ông đang sống
"Áp-ram đang sống." Câu này giới thiệu thông tin về bối cảnh.
đều đã liên kết với Áp-ram
"là những đối tác trong hiệp ước với Áp-ram" hoặc "có hiệp ước hòa bình với Áp-ram"
Người bà con mình
Chỉ về Lót, cháu của Áp-ra-ham.
Những người được huấn luyện
"những người được huấn luyện để chiến đấu"
Những người được sinh ra trong nhà mình
" Những người được sinh ra trong nhà Áp-ram”. Họ là con của các đấy tớ trong nhà Áp-ra-ham.
Đuổi theo họ
"đuổi lấy họ"
Đan
Đây là thành phố ở tận phía bắc Ca-na-an, cách xa trại của Áp-ram.
Genesis 14:15
Ông phân bố lực lượng, ban đêm cho người tấn công họ
Đây có thể là một chiến thuật. “Áp-ram phân bố lực lượng thành nhiều nhóm, rồi tấn công quân địch từ nhiều hướng” (UDB).
tất cả tài sản
Chỉ về những thứ quân địch đã cướp từ thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ.
cùng gia tài người
"và tài sản của Lót mà kẻ thù đã cướp đi"
Cũng như các phụ nữ và những người khác
"cũng như các phụ nữ và những người khác bị bốn vua bắt giữ"
Genesis 14:17
Trở về
Có thể nói rõ ngụ ý trong câu nơi ông quay trở về. Gợi ý dịch: "trở về nơi ông sống"
Mên-chi-xê-đéc, vua Sa-lem
Đây là lần đầu tiên vị vua này được đề cập.
bánh và rượu
Người ta thường ăn bánh và rượu. Xem cách đã dịch từ "bánh” ở GEN 3:19 và từ “rượu” ở GEN 9:21.
Genesis 14:19
Người chúc phước cho Áp-ram
Vua Mên-chi-xê-đéc chúc phước cho Áp-ram.
Phước cho Áp-ram từ nơi Đức Chúa Trời Chí Cao, Đấng dựng nên trời và đất!
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời Chí Cao, Đấng dựng nên trời và đất, ban phước cho Áp-ram"
Trời
Chỉ về nơi Đức Chúa Trời ngự.
Đức Chúa Trời Chí Cao, Đấng đã trao
"Đức Chúa Trời Chí Cao, vì Ngài đã trao". Cụm từ “Đấng đã trao” cho chúng ta biết thêm về Đức Chúa Trời Chí Cao.
Chúc tụng Đức Chúa Trời Chí Cao
Đây là một cách ngợi khen Đức Chúa Trời. Xem cách đã dịch từ “chúc tụng” ở GEN 9:26.
vào tay ngươi
"dưới sự kiểm soát của ngươi" hoặc "vào thế lực của ngươi"
Genesis 14:21
Giao người cho ta
Từ “người” chỉ về dân Sô-đôm mà quân địch đã bắt giữ. Áp-ram đã giải cứu họ khi giải cứu Lót.
Tôi đã giơ tay lên
Có nghĩa là “tôi đã thề” hoặc “tôi đã hứa”.
Tôi không nhận gì cả ngoại trừ những gì các thanh niên tôi đã ăn
"Tôi chỉ nhận từ ông những gì các thanh niên tôi đã ăn". Áp-ram từ chối nhận bất kì thứ gì cho bản thân, nhưng thừa nhận rằng quân lính của ông đã ăn một số lương thực trong hành trình trở về Sô-đôm sau trận chiến.
phần thuộc về những người cùng đi với tôi
Có thể nói rõ hết nghĩa của câu này. Gợi ý dịch: "phần của cải đã giành lại được chia phần cho những người giúp lấy lại chúng"
A-ne, Ếch-côn và Mam-rê
Đây là những đồng minh của Áp-ram. (Xem: GEN 14:13). Vì họ là đồng minh của Áp-ram nên họ cùng ông đánh trận. Có thể nói rõ hết nghĩa của câu này. Gợi ý dịch: "đồng minh của tôi là A-ne, Ếch-côn và Mam-rê"

Translation Questions

Genesis 14:11
Điều gì xảy ra cho Sô-đôm sau khi các vua giao chiến tại thung lũng Si-điêm?
Toàn bộ của cải của Sô-đôm bị cướp đi, Lót và hết thảy tài sản của ông cũng bị đem đi.
Genesis 14:12
Điều gì xảy ra cho Sô-đôm sau khi các vua giao chiến tại thung lũng Si-điêm?
Toàn bộ của cải của Sô-đôm bị cướp đi, Lót và hết thảy tài sản của ông cũng bị đem đi.
Genesis 14:14
Áp-ram làm gì khi được báo tin Lót đã bị bắt?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Áp-ram huy động 318 người đã được huấn luyện đuổi theo họ.
Genesis 14:15
Áp-ram đã đánh các vua gần thành lớn nào, kết quả trận đánh thế nào?
Áp-ram đánh các vua ở phía bắc Đa-mách, ông đã đoạt lại được tài sản, Lót và những người khác.
Genesis 14:16
Áp-ram đã đánh các vua gần thành lớn nào, kết quả trận đánh thế nào?
Áp-ram đánh các vua ở phía bắc Đa-mách, ông đã đoạt lại được tài sản, Lót và những người khác.
Genesis 14:17
Hai vị vua nào đã gặp Áp-ram khi ông trở về?
Vua Sô-đôm và Mên-chi-xê-đéc, vua Sa-lem đã gặp Áp-ram khi ông trở về.
Genesis 14:18
Hai vị vua nào đã gặp Áp-ram khi ông trở về?
Vua Sô-đôm và Mên-chi-xê-đéc, vua Sa-lem đã gặp Áp-ram khi ông trở về.
Mên-chi-xê-đéc là gì của Đức Chúa Trời?
Mên-chi-xê-đéc là thầy tế lễ của Đức Chúa Trời Chí Cao.
Mên-chi-xê-đéc đem theo thứ gì khi gặp Áp-ram?
Mên-chi-xê-đéc đem theo bánh và rượu khi gặp Áp-ram.
Genesis 14:19
Mên-chi-xê-đéc nói gì với Áp-ram?
Mên-chi-xê-đéc chúc phước cho Áp-ram và chúc tụng Đức Chúa Trời Chí Cao.
Genesis 14:20
Mên-chi-xê-đéc nói gì với Áp-ram?
Mên-chi-xê-đéc chúc phước cho Áp-ram và chúc tụng Đức Chúa Trời Chí Cao.
Áp-ram đã làm gì sau khi Mên-chi-xê-đéc nói với ông?
Áp-ram dâng cho Mên-chi-xê-đéc một phần mười tất cả mọi vật.
Genesis 14:21
Vua Sô-đôm đưa ra đề nghị gì cho Áp-ram?
Vua Sô-đôm đề nghị để cho Áp-ram giữ mọi tài sản nếu ông giao người lại cho vua.
Genesis 14:22
Vì sao Áp-ram không muốn bất kì tài sản nào?
Vì Áp-ram đã giơ tay thề trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời Chí Cao và ông không muốn vua Sô-đô có cớ nói rằng người làm cho Áp-ram giàu có.
Genesis 14:23
Áp-ram đáp lại thế nào trước lời đề nghị của vua Sô-đôm?
Áp-ram nói rằng ông khống muốn bất kì của cải nào ngoại trừ những gì các thanh niên đã ăn và phần chiến lợi phẩm chia cho những người đi cùng ông.
Vì sao Áp-ram không muốn bất kì tài sản nào?
Vì Áp-ram đã giơ tay thề trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời Chí Cao và ông không muốn vua Sô-đô có cớ nói rằng người làm cho Áp-ram giàu có.
Genesis 14:24
Áp-ram đáp lại thế nào trước lời đề nghị của vua Sô-đôm?
Áp-ram nói rằng ông khống muốn bất kì của cải nào ngoại trừ những gì các thanh niên đã ăn và phần chiến lợi phẩm chia cho những người đi cùng ông.

Chapter 15
Genesis 15:1
Sau các việc đó
"Các việc đó" chỉ về việc các vua tiến đánh và Áp-ram giải cứu Lót.
lời của Đức Giê-hô-va đến
Thành ngữ này có nghĩa là Đức Giê-hô-va phán. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va truyền sứ điệp của Ngài"
lời của Đức Giê-hô-va
Từ “lời” ở đây chỉ về sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va"
cái thuẫn ... phần thưởng
Đức Chúa Trời sử dụng hai phép ẩn dụ này để cho Áp-ram biết bản tính của Ngài và mối liên hệ giữa Ngài với Áp-ram.
Ta là cái thuẫn cho con
Người lính dùng thuẫn để bảo vệ mình khỏi kẻ thù. Gợi ý dịch: "Ta sẽ bảo vệ con như cái thuẫn đỡ" hoặc "Ta là cái thuẫn cho con để bảo vệ con"
phần thưởng
"giá trả". Chỉ về giá trả cho người xứng đáng. Có thể là 1) "Ta là tất cả những gì con cần" hoặc 2) "Ta sẽ cho con mọi điều con cần".
Áp-ram thưa “vì Chúa không cho con
"Áp-ram nói tiếp, 'Vì Chúa không cho con'"
Genesis 15:4
Nầy
Từ “nầy” được dùng để nhấn mạnh việc Đức Giê-hô-va phán với Áp-ra-ham lần nữa.
Lời của Đức Giê-hô-va đến
Thành ngữ này có nghĩa là Đức Chúa Trời phán. Gợi ý dịch: " Đức Giê-hô-va truyền sứ điệp của Ngài." Xem cách đã dịch trong [GEN 15:1]
Lời của Đức Giê-hô-va
Từ “lời” ở đây chỉ về sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va".
Kẻ đó
Chỉ về Ê-li-ê-se, người Đa-mách.
người từ gan ruột con mà ra
"người do chính con sinh ra" hoặc "chính con trai của con". Chính con trai của Áp-ram sẽ là người kế nghiệp ông.
đếm các ngôi sao
"tính các ngôi sao"
Dòng dõi con cũng sẽ như thế
Như Áp-ram không thể đếm tất cả các ngôi sao thì ông cũng không thể đếm hết dòng dõi của ông vì quá đông đúc.
Genesis 15:6
Ông tin Đức Giê-hô-va
Có nghĩa là ông tiếp nhận và tin những gì Đức Giê-hô-va phán là chân thật.
Ngài kể ông là người công chính
"Đức Giê-hô-va kể đức tin của Áp-ram là công chính" hoặc "Đức Giê-hô-va kể Áp-ram là công chính vì Áp-ram tin Ngài"
Ta là Đức Giê-hô-va, Đấng đã đem con ra khỏi U-rơ
Đức Giê-hô-va đang nhắc cho Áp-ra-ham nhớ lại điều Ngài đã làm để ông biết rằng Ngài có quyền năng ban cho ông điều Ngài đã hứa.
Để thừa hưởng nó
"để nhận lấy nó" hoặc "để con có được nó"
làm sao con biết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Áp-ram đang cầu xin có thêm bằng cớ rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban đất cho ông.
Genesis 15:9
Xác mấy con thú đó
"xác chết của chim và các con vật"
Áp-ram xua chúng đi
"Áp-ram đuổi chúng đi". Ông canh chừng lũ chim không cho chúng ăn những thú vật chết.
Genesis 15:12
Áp-ram chìm vào giấc ngủ mê
Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "Áp-ra-ham ngủ say"
bóng tối mịt mùng, kinh hãi
"bóng tối mịt mùng khiến ông kinh hãi"
bao trùm lấy ông
"bao quanh lấy ông"
Người lạ
"kiều dân" hoặc "người ngoại quốc"
phải phục dịch và bị áp bức
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và dân bản xứ sẽ bắt dòng dõi ngươi phục dịch và áp bức chúng"
Genesis 15:14
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Áp-ram khi ông đang mơ.
Ta sẽ phán xét
Từ “phán xét” ở đây là phép hoán dụ chỉ về kết quả sự phán xét của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt"
Mà chúng phải phục dịch
Có thể nõi rõ ý của câu này. Gợi ý dịch: "mà dòng dõi con phải phục dịch"
Dư dật của cải
Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "nhiều của cải" hoặc "nhiều tài sản"
Con sẽ trở về với cha ông
Đây là cách nói tế nhị mang ý nghĩa là “con sẽ qua đời”.
Cha ông
Từ “cha ông” là phép chuyển nghĩa chỉ về tất cả tổ tiên. Gợi ý dịch: “các tổ phụ” hoặc “ông bà tổ tiên”
Con sẽ được chôn cất lúc cao tuổi
"con sẽ qua đời khi rất cao tuổi và được gia đình chôn cất"
Vào thế hệ thứ tư
Ở đây một thế hệ chỉ về một vòng đời 100 năm. “Sau bốn trăm năm”
Họ sẽ trở lại đây
"dòng dõi của con sẽ trở lại đây." Dòng dõi của Áp-ra-ham sẽ trở về đất mà sau này Áp-ram sinh sống, là vùng đất Đức Giê-hô-va hứa ban.
Chưa lên đến cực độ
"chưa đủ mức" hoặc "sẽ tồi tệ hơn nữa trước khi ta trừng phạt chúng"
Genesis 15:17
Kìa
Từ “kìa” báo hiệu cho chúng ta chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.
một lò lửa đang bốc khói, và một ngọn đuốc cháy rực đi qua giữa các phần xác thịt đã mổ
Đức Chúa Trời làm điều này để cho Áp-ram thấy rằng Ngài lập giao ước cùng ông.
Đi qua giữa các phần xác thịt đã mổ
"đi qua giữa hai hàng xác thú vật"
Giao ước
Trong giao ước này Đức Chúa Trời hứa ban phước lành cho Áp-ram, và Ngài sẽ tiếp tục ban phước cho ông hễ ông còn theo Ngài.
Bởi đó ta ban đất này
Bởi lời nói này, Đức Chúa Trời ban đất cho dòng dõi Áp-ram. Đức Chúa Trời sẽ thực hiện điều này, nhưng dòng dõi của ông sẽ không đi vào vùng đất ấy mãi cho đến nhiều năm sau đó.
sông lớn kia, tức là sông Ơ-phơ-rát
"sông lớn, tức là sông Ơ-phơ-rát." Đây là hai cách cùng chỉ về một dòng sông.
dân Kê-nít, Kê-nê-sít, Cát-mô-nít, Hê-tít, Phê-rê-sít, Rê-pha-im, A-mô-nít, Ca-na-an, Ghi-rê-ga-sít và Giê-bu-sít
Đây là tên của những dân tộc sống trong vùng đó. Đức Chúa Trời sẽ cho dòng dõi của Áp-ram chinh phục những dân đó và chiếm lấy đất.

Translation Questions

Genesis 15:1
Khi Đức Giê-hô-va hiện ra cùng Áp-ram, Ngài đã khích lệ ông điều gì?
Đức Giê-hô-va bảo Áp-ram đừng sợ và rằng Ngài là cái thuẫn và phần thưởng rất lớn cho ông.
Genesis 15:2
Áp-ram lo lắng về điều gì?
Áp-ram lo lắng vì ông vẫn không có con và người quản gia của ông sẽ là người thừa kế ông.
Genesis 15:3
Áp-ram lo lắng về điều gì?
Áp-ram lo lắng vì ông vẫn không có con và người quản gia của ông sẽ là người thừa kế ông.
Genesis 15:4
Đức Giê-hô-va phán ai sẽ là người thừa kế của ông?
Đức Giê-hô-va phán rằng người ra từ chính ông sẽ là người thừa kế của ông.
Genesis 15:5
Đức Giê-hô-va phán Áp-ram sẽ có bao nhiêu con cháu?
Đức Giê-hô-va phán rằng Áp-ram sẽ có con cháu đông như số ngôi sao.
Genesis 15:6
Áp-ram đáp ứng với lời hứa của Đức Giê-hô-va như thế nào và sau đó Đức Giê-hô-va đã làm gì?
Áp-ram tin Đức Giê-hô-va và Đức Giê-hô-va kể Áp-ram là công bình.
Genesis 15:8
Áp-ram hỏi Đức Giê-hô-va điều gì về vùng đất?
Áp-ram hỏi Đức Giê-hô-va rằng "Làm sao con biết rằng mình sẽ được thừa hưởng đất nầy?”
Genesis 15:10
Sau đó Áp-ram làm gì với những con vật được truyền phải đem đến?
Áp-ram xẻ chúng làm đôi và để mỗi bên một nửa đối nhau.
Genesis 15:12
Điều gì xảy ra với Áp-ram khi mặt trời lặn?
Khi mặt trời lặn Áp-ram chìm vào một giấc ngủ mê, bóng tối mịt mùng, kinh hãi và dày đặc ập xuống trên ông.
Genesis 15:13
Đức Giê-hô-va phán dòng dõi của Áp-ram sẽ làm nô lệ và bị áp bức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trong bao lâu?
Đức Giê-hô-va phán cùng Áp-ram rằng dòng dõi của ông sẽ làm nô lệ và bị áp bức bốn trăm năm.
Genesis 15:14
Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xảy ra cho dân tộc bắt dòng dõi của Áp-ram làm nô lệ?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ phán xét dân tộc đó.
Genesis 15:15
Đức Giê-hô-va phán cuối đời của Áp-ram sẽ như thế nào?
Đức Giê-hô-va phán rằng Áp-ram sẽ qua đời bình yên lúc tuổi cao.
Genesis 15:16
Điều gì sẽ lên đến cực độ trước khi dòng dõi của Áp-ram trở về vùng đất đã hứa ban cho họ?
Tội lỗi của dân A-mô-rít sẽ đến cực độ trước khi dòng dõi của Áp-ram trở về.
Genesis 15:17
Tối hôm đó có điều gì xảy ra giữa những mãnh con vật mà Áp-ram đã chuẩn bị?
Một lò lửa đang bốc khói và một ngọn đuốc cháy rực đi ngang qua giữa các con vật đã bị xẻ đôi.
Genesis 15:18
Trong ngày đó Đức Giê-hô-va lập giao ước gì với Áp-ram?
Đức Giê-hô-va lập giao ước với Áp-ram rằng Ngài sẽ ban đất nầy cho dòng dõi của Áp-ram.
Genesis 15:21
Trong ngày đó Đức Giê-hô-va lập giao ước gì với Áp-ram?
Đức Giê-hô-va lập giao ước với Áp-ram rằng Ngài sẽ ban đất nầy cho dòng dõi của Áp-ram.

Chapter 16
Genesis 16:1
Bấy giờ
Từ này được sử dụng trong Tiếng Anh để giới thiệu một phần mới trong câu chuyện và đưa ra thông tin bối cảnh về Sa-rai.
Đầy tớ gái
"nô lệ nữ." Lớp nô lệ này phục vụ những người nữ trong nhà.
Có con
"sinh con"
Nhờ nó mà tôi được có con cái
"Qua nó tôi sẽ xây dựng gia đình của tôi"
Áp-ram nghe lời Sa-rai
"Áp-ram làm theo những gì Sa-rai nói”
Nàng coi thường bà chủ mình
"nàng xem thường bà chủ mình’ hoặc “nàng nghĩ rằng mình giá trị hơn bà chủ mình”
Bà chủ mình
Chỉ về Sa-rai. Bà chủ có quyền trên người đầy tớ của mình. Gợi ý dịch: “chủ nhân của mình” hoặc "Sa-rai"
Genesis 16:5
Điều này thật bất công cho tôi
"Điều này thật không công bằng với tôi”
là vì ông
"là trách nhiệm của ông” hoặc “là lỗi của ông”
Tôi đã giao đầy tớ gái của tôi vào lòng ông
Sa-rai dùng từ “lòng” ở đây để chỉ về việc ông ăn nằm với đầy tớ gái. Gợi ý dịch: "Tôi đã giao đầy tớ gái của tôi cho ông để ông ăn nằm với nó"
Tôi bị xem thường trong mắt nó
Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “nó thù ghét tôi” hoặc “nó bắt đầu thù ghét tôi” hoặc “nó cho rằng nó tốt hơn tôi”
Cầu xin Đức Giê-hô-va phân xử giữa tôi và ông
"Tôi muốn Đức Giê-hô-va phân xét xem đó là lỗi của tôi hay lỗi của ông” hoặc “Tôi muốn Đức Giê-hô-va quyết định ai trong chúng ta là người đúng”. Cụm từ “phân xử giữa” có nghĩa là quyết định người nào đúng trong cuộc tranh luận giữa hai người.
Kìa
"Hãy nghe tôi’ hoặc “Hãy chú ý’
Trong quyền của bà
"dưới quyền của bà”
Sa-rai đối xử cay nghiệt với nàng
"Sa-rai đối xử tệ bạc với A-ga”
Và nàng chạy trốn khỏi bà
"và A-ga chạy trốn khỏi Sa-rai"
Genesis 16:7
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va
Có thể là: 1) Đức Giê-hô-va hiện ra như một thiên sứ hoặc 2) đây là một trong số những thiên sứ của Đức Giê-hô-va hoặc 3) đây là một sứ giả đặc biệt đến từ Đức Chúa Trời (một số học giả cho rằng đây là Chúa Giê-xu). Vì cụm từ này không được hiểu rõ, nên tốt nhất chỉ nên dịch là “Thiên sứ của Đức Giê-hô-va" sử dụng từ thường dùng cho “thiên sứ”.
Đồng vắng
Vùng đồng vắng mà nàng đi vào là một sa mạc. Gợi ý dịch: "sa mạc"
Su-rơ
Đây là tên của một nơi nằm ở phía Nam của Ca-na-an và phía Đông của Ai-cập.
bà chủ của tôi
Ở đây chỉ về Sa-rai. Bà chủ có thẩm quyền trên đầy tớ của mình. Gợi ý dịch: "chủ của tôi." Xem cách dịch “bà chủ của nàng” ở GEN 16:4.
Genesis 16:9
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán cùng nàng
"Thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán cùng A-ga”
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va
Xem phần ghi chú về cụm từ này trong GEN 16:7.
Bà chủ của ngươi
Sa-rai. Xem cách dịch cụm từ “bà chủ của nàng” ở GEN 16:4.
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va bảo nàng: “Ta
Khi thiên sứ xưng “Ta” tức là người đang chỉ về Đức Giê-hô-va. Khi dịch nội dung trong dấu ngoặc kép, hãy dịch như lời thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói đồng thời dùng từ “Ta” khi chỉ về Đức Giê-hô-va.
Ta sẽ làm cho dòng dõi ngươi thêm nhiều
"Ta sẽ ban cho ngươi rất nhiều con cháu”
Đông đến nỗi không thể đếm được
"nhiều đến nỗi không ai có thể đếm được”
Genesis 16:11
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va
Xem phần chú thích cho cụm từ này ở GEN 16:7.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Kìa
"Nhìn kìa" hoặc “Hãy nghe” hoặc ‘Hãy chú ý”
Sinh một con trai
"Sinh một con trai"
Ngươi hãy gọi nó
"ngươi hãy đặt tên nó”. Từ “ngươi” chỉ về A-ga.
Ích-ma-ên, vì Đức Giê-hô-va đã lắng nghe
Người dịch có thể thêm vào ghi chú “tên gọi ‘Ích-ma-ên’ nghĩa là ‘Đức Chúa Trời lắng nghe’”.
Nỗi khốn khổ
Nàng khốn khổ vì đau buồn và phải chịu đựng.
Đứa trẻ sẽ như một con lừa rừng
Đây không phải là một lời nhục mạ. Nó có thể có nghĩa là Ích-ma-ên sẽ độc lập và mạnh mẽ như một con lừa rừng. Gợi ý dịch: "Đứa trẻ sẽ giống như một con lừa rừng giữa mọi người"
nó sẽ chống lại mọi người
"nó sẽ là kẻ thù của mọi người"
mọi người sẽ chống lại nó
"mọi người sẽ là kẻ thù của nó"
Nó sẽ ở tách biệt khỏi
Cũng có nghĩa là “Nó sẽ sống thù nghịch với".
Anh em
"bà con" hoặc "họ hàng"
Genesis 16:13
Đức Giê-hô-va Đấng đã phán với mình
"Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã phán cùng mình"
Tôi thật sự còn nhìn thấy ... tôi sao?
A-ga dùng câu hỏi tu từ này để bày tỏ sự kinh ngạc khi bà vẫn còn sống sau khi đã gặp Đức Chúa Trời. Người ta cho rằng nếu họ nhìn thấy Đức Chúa Trời thì họ sẽ chết. Gợi ý dịch: "Tôi thật ngạc nhiên vì tôi vẫn còn sống, ... tôi."
Vì vậy cái giếng được gọi là Bê-la-cha-roi
Người dịch có thể thêm phần ghi chú “Bê-la-cha-roi có nghĩa là ‘giếng của Đấng hằng sống đã đoái xem tôi’”.
Kìa, nó nằm giữa Ca-đe và Bê-re
Từ “kìa” nhằm thu hút sự chú ý vào việc cái giếng này nằm ở một nơi mà cả tác giả và người đọc đều biết. Gợi ý dịch: "Thực tế, nó nằm giữa Ca-đe và Bê-re"
Genesis 16:15
A-ga sinh
Việc A-ga trở về cùng Sa-rai và Áp-ram được ngầm hiểu. Bạn có thể nói rõ hơn là: “Vậy A-ga trở về và sinh”.
Đặt tên cho con trai mà A-ga đã sinh
"đặt tên cho đứa con trai sinh bởi A-ga” hoặc “đặt tên con trai của ông và A-ga”
Áp-ram được
Giới thiệu thông tin bối cảnh về tuổi của A-ga khi những việc này xảy ra. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách đặc biệt để truyền đạt thông tin về bối cảnh.
Sinh Ích-ma-ên cho Áp-ram
Có nghĩa là “sinh con trai của Áp-ram, là Ích-ma-ên”. Điểm trọng tâm là Áp-ram có con trai.

Translation Questions

Genesis 16:1
Sa-rai có ý tưởng gì để Áp-ram có người nối dõi?
Sa-rai nói Áp-ram ngủ vởi A-ga, đầy tớ của bà để nhờ đó mà có con.
Genesis 16:2
Sa-rai có ý tưởng gì để Áp-ram có người nối dõi?
Sa-rai nói Áp-ram ngủ vởi A-ga, đầy tớ của bà để nhờ đó mà có con.
Genesis 16:4
Chuyện gì xảy ra giữa A-ga và Sa-rai khi A-ga có con với Áp-ram?
Sau khi có thai A-ga coi thường Sa-rai.
Genesis 16:5
Sa-rai than phiền với Áp-ram điều gì và Áp-ram đáp lại thế nào?
Sa-rai than phiền rằng do Áp-ram mà A-ga khinh thường bà và Áp-ram bảo Sa-rai cứ làm điều gì bà nghĩ là tốt nhất với A-ga.
Genesis 16:6
Sa-rai than phiền với Áp-ram điều gì và Áp-ram đáp lại thế nào?
Sa-rai than phiền rằng do Áp-ram mà A-ga khinh thường bà và Áp-ram bảo Sa-rai cứ làm điều gì bà nghĩ là tốt nhất với A-ga.
Sa-rai đối xử với A-ga thế nào sau khi A-ga có thai và A-ga đã làm gì?
Sa-rai đối xử cay nghiệt với A-ga và A-ga chạy trốn.
Genesis 16:9
Ở đồng vắng, thiên sứ của Đức Giê-hô-va bảo A-ga làm gì?
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va bảo A-ga trở về với Sa-rai và phục dưới quyền bà ấy.
Genesis 16:10
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va hứa với A-ga điều gì?
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va hứa với A-ga rằng dòng dõi của người sẽ đông đến nỗi không thể đếm được.
Genesis 16:11
Vì sao A-ga được truyền phải đặt tên con mình là Ích-ma-ên?
A-ga được truyền phán phải đặt tên con mình là Ích-ma-ên vì Đức Giê-hô-va đã nghe thấu nỗi khổ của ngươi.
Genesis 16:12
Ích-ma-ên sẽ đối xử với những người khác như thế nào?
Ích-ma-ên sẽ chống lại mọi người, sẽ sống tách biệt khỏi các anh em mình.
Genesis 16:13
A-ga gọi Đức Giê-hô-va là gì?
A-ga gọi Đức Giê-hô-va là "Đức Chúa Trời Đấng thấy tôi".
Genesis 16:16
Áp-ram được bao nhiêu tuổi khi Ích-ma-ên ra đời?
Áp-ram được 86 tuổi khi Ích-ma-ên ra đời.

Chapter 17
Genesis 17:1
Khi Áp-ram được chín mươi chín tuổi
Chín tuổi
Đức Chúa Trời Toàn Năng
"Đức Chúa Trời đầy quyền năng” hoặc “Đức Chúa Trời, Đấng có mọi quyền năng”
Bước đi trước mặt Ta
Bước đi là phép ẩn dụ có nghĩa là sống, và “trước mặt ta” hoặc “trong sự hiện diện của ta” là phép ẩn dụ chỉ về sự vâng phục. Gợi ý dịch: "Sống theo đường lối ta muốn" hoặc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"vâng phục ta"

Thì Ta sẽ xác lập

"Nếu ngươi làm như vậy, thì Ta sẽ xác lập”

Ta sẽ xác lập giao ước của Ta

"Ta sẽ ban giao ước của Ta’ hoặc “Ta sẽ lập giao ước Ta”

Giao ước

Trong giao ước này Đức Chúa Trời hứa ban phước cho Áp-ram, nhưng Ngài cũng đòi hỏi Áp-ram phải vâng phục Ngài.

Làm cho con thêm nhiều gấp bội

"làm cho dòng dõi con gia tăng rất nhiều” hoặc ‘ban cho con rất nhiều con cháu”

Genesis 17:3

Áp-ram sấp mặt xuống đất

"Áp-ram cúi mình sắp mặt xuống đất” hoặc “Áp-ra-ham liền sấp mình cúi mặt xuống đất”. Ông làm như vậy để bày tỏ rằng ông tôn kính Đức Chúa Trời và sẽ vâng lời Ngài.

Về phần Ta

Đức Chúa Trời dùng cụm từ này để giới thiệu những điều Ngài sẽ làm cho Áp-ram như một phần trong giao ước của Ngài và Áp-ram.

Kìa, giao ước của Ta ở với con

Từ “kìa” ở đây cho thấy điều được nói sau đó là chắc chắn: “giao ước của Ta chắc chắn ở với con”.

Cha của nhiều dân tộc

"cha của rất nhiều dân tộc” hoặc “tổ phụ của nhiều dân tộc”

Áp-ra-ham

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: tên “Áp-ram” có nghĩa là “cha tôn quý” còn tên “Áp-ra-ham” có phát âm giống với “cha của nhiều dân tộc”.

Ta sẽ làm cho con sinh sôi nẩy nở thật nhiều

"Ta sẽ khiến con có rất nhiều con cháu”

Từ con Ta sẽ lập nhiều dân tộc

"Ta sẽ khiến dòng dõi của con trở nên nhiều dân tộc”

Các vua sẽ từ nơi con mà ra

"từ giữa dòng dõi của con sẽ có các vua" hoặc "một vài người trong dòng dõi của con sẽ làm vua"

Genesis 17:7

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Áp-ra-ham.

Suốt các dòng dõi chúng nó

"cho mỗi dòng dõi"

Vì đây là giao ước đời đời

"như một giao ước sẽ kéo dài mãi mãi”

làm Đức Chúa Trời của con và dòng dõi của con sau này

"là Đức Chúa Trời của con và Đức Chúa Trời của dòng dõi con” hoặc “giao ước"

Ca-na-an, làm sản nghiệp đời đời

"Ca-na-an, như một tài sản đời đời" hoặc "Ca-na-an, để sở hữu đời đời"

Genesis 17:9

Còn đối với con

Đức Chúa Trời dùng cụm từ này để giới thiệu những gì Áp-ra-ham sẽ phải làm như một phần của giao ước Đức Chúa Trời với ông.

Giữ giao ước của Ta

" tuân giữ giao ước của Ta" hoặc “tôn kính giao ước của Ta” hoặc “vâng giữ giao ước của Ta”

Đây là giao ước của Ta

"Đây là những yêu cầu trong giao ước của ta" hoặc "Đây là một phần trong giao ước của Ta”. Câu này giới thiệu một phần trong giao ước mà Áp-ra-ham phải thực hiện.

Mọi người nam trong các con phải chịu cắt bì

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Con phải làm phép cắt bì cho mọi người nam trong các con"

Mọi người nam

Chỉ về những người nam.

Các con phải được cắt da quy đầu

Một số nơi muốn diễn đạt mang ít tính mô tả hơn, chẳng hạn như: ‘các con phải chịu cắt bì”. Nếu cách dịch cho từ “chịu cắt bì” trong ngôn ngữ của bạn đã bao gồm từ “da quy đầu” thì không cần phải lặp lại. Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Con phải làm phép cắt bì cho mọi người nam trong các con"

Dấu hiệu của giao ước

“dấu hiệu cho thấy giao ước tồn tại”

Dấu hiệu

Có thể là: 1) “dấu hiệu này” hoặc 2) “một dấu hiệu”. Ý đầu tiên có nghĩa là chỉ có một dấu hiệu, còn ý thứ hai có nghĩa là có thể có nhiều hơn một dấu hiệu. “Dấu hiệu” ở đây là điều nhắc nhỡ về lời hứa của Đức Chúa Trời.

Genesis 17:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Áp-ra-ham.

Mọi người nam

"Hết thảy nam giới"

Qua các thế hệ của dân tộc con

"trong mọi thế hệ"

Người được mua bằng tiền

Chỉ những nô lệ. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "mọi người nam mà con mua về"

giao ước của Ta sẽ ở trên thân thể các con

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "các con sẽ đánh dấu giao ước của ta trên thân thể các con"

Là một giao ước đời đời

"như một giao ước đời đời”. Bởi vì giao ước này được đánh dấu trên thân thể, nên không dễ dàng xóa đi được”.

Người nam không chịu cắt bì, tức là không cắt da quy đầu

Có thể dịch ở dạng chủ động, có thể loại bỏ những từ gây hiểu lầm trong ngôn ngữ cẩu bạn. Gợi ý dịch: "Người nam không chịu cắt bì"

Người nam không chịu cắt bì ... da quy đầu sẽ bị trục xuất khỏi dân chúng

Có thể là 1) “Ta sẽ trục xuất tất cả những người nam nào không chịu cắt bì ... da quy đầu ra khỏi dân chúng” hoặc 2) “Ta muốn các con phải trục xuất tất cả những người nam không chịu cắt bì...da quy đầu ra khỏi dân tộc”.

trục xuất khỏi dân tộc

Có thể là 1) “giết” hoặc 2) “đuổi khỏi cộng đồng.

người đó đã phá vỡ giao ước của Ta

"Người đó đã không vâng theo luật định trong giao ước của ta”. Đây là lí do người đó sẽ bị trục xuất khỏi dân tộc.

Genesis 17:15

Còn Sa-rai

Từ “còn” giới thiệu về người tiếp theo được Đức Chúa Trời nói đến.

qua nàng Ta sẽ ban cho con một con trai

"Ta sẽ khiến nàng sinh cho con một con trai"

nàng sẽ làm mẹ các dân tộc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"nàng sẽ là tổ mẫu của nhiều dân tộc" (UDB) hoặc "dòng dõi của nàng sẽ trở thành nhiều dân tộc"

vua của các dân tộc sẽ từ nàng mà ra

"Vua của các dân tộc sẽ ra từ nàng" hoặc "Một vài người trong số những con cháu của nàng sẽ trở thành vua của các dân tộc"

Genesis 17:17

Nói trong lòng

"nghĩ thầm" hoặc "thầm nhủ"

Một người đàn ông đã trăm tuổi có thể nào có con sao?

Áp-ra-ham dùng câu hỏi tu từ này bởi vì ông không tin rằng việc này có thể xảy ra. Gợi ý dịch: "Chắc chắn một người đã trăm tuổi không thể nào có con được"

Sa-ra, một người đã chín mươi tuổi, mà có thể sinh con được sao?

Một lần nữa, Áp-ra-ham dùng câu hỏi tu từ vì ông không tin rằng việc này có thể xảy ra. Mệnh đề "một người đã chín mươi tuổi" cho biết vì sao Áp-ra-ham không tin rằng Sa-ra có thể sinh con. Gợi ý dịch: "Sa-ra đã chín mươi tuổi rồi. Bà ấy có thể sinh con được sao?" hoặc "Sa-ra đã chín mươi tuổi rồi. Chắc chắn bà ấy không thể sinh con được'

Ôi, ước gì Ích-ma-ên được sống trước mặt Ngài

"Xin hãy để Ích-ma-ên thừa hưởng giao ước mà Ngài đã lập cùng con" hoặc "Có lẽ Ích-ma-ên có thể nhận được những phước lành trong giao ước của Ngài". Áp-ra-ham đề nghị một điều mà ông tin điều đó thực sự có thể xảy ra.

Genesis 17:19

Không phải vậy đâu, nhưng Sa-ra, vợ con, sẽ sinh

Đức Chúa Trời phán điều này để sửa lại điều Áp-ra-ham tin, đó là Sa-ra không thể có con.

Con hãy đặt tên nó

Từ "con" chỉ Áp-ra-ham.

Về phần Ích-ma-ên

Cụm từ "về phần" cho thấy Đức Chúa Trời đang chuyển hướng từ chỗ nói về đứa trẻ sắp được sinh ra sang nói về Ích-ma-ên.

Kìa

"Nhìn kìa' hoặc 'Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý những điều Ta sắp nói với ngươi".

làm cho nó sinh sôi nẩy nở

Thành ngữ này có nghĩa là "sẽ làm cho nó có nhiều con cháu".

và khiến nó thêm nhiều quá bội

"và Ta sẽ khiến nó có nhiều con cháu"

Lãnh đạo của các chi phái

"lãnh tụ" hoặc "người cầm quyền." Những người lãnh đạo này không phải là mười hai con trai và cháu của Gia-cốp sẽ đứng đầu mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên.

Nhưng giao ước của Ta sẽ lập cùng Y-sác

Đức Chúa Trời trở lại nói về giao ước của Ngài với Áp-ra-ham và nhấn mạnh rằng Ngài sẽ làm thành lời hứa của Ngài với Y-sác, chứ không phải là Ích-ma-ên.

Genesis 17:22

Khi Ngài đã phán với ông xong

"Khi Đức Chúa Trời đã phán với Áp-ra-ham xong"

Đức Chúa Trời rời Áp-ra-ham mà ngự lên trời

"Đức Chúa Trời lìa khỏi Áp-ra-ham"

Mọi người nam trong số những người ở nhà Áp-ra-ham

"mọi người nam trong nhà Áp-ra-ham" hoặc "tất cả những người nam trong nhà Áp-ra-ham". Chỉ về nam giới ở mọi lứa tuổi: em bé, trẻ nhỏ và người lớn.

Genesis 17:24

Bao gồm những người được sinh ra trong nhà và những người được mua lại bằng tiền từ người ngoại quốc

"Bao gồm những người được sinh ra trong nhà và những người ông đã mua lại từ những người ngoại quốc"

Những người được mua lại bằng tiền từ người ngoại quốc

chỉ những người đầy tớ hoặc các nô lệ.

Những người được mua

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "những người ông đã mua"

Translation Questions

Genesis 17:1

Áp-ram bao nhiêu tuổi khi Đức Giê-hô-va hiện ra lần nữa để xác nhận giao ước với Áp-ram?

Áp-ram được 99 tuổi khi Đức Giê-hô-va hiện ra cùng ông lần nữa.

Đức Giê-hô-va truyền lệnh gì cho Áp-ram về cách ông cần phải sống?

Đức Giê-hô-va truyền cho Áp-ram phải bước đi trước mặt Ngài không chỗ trách được.

Genesis 17:5

Đức Giê-hô-va đổi tên Áp-ram là gì và tên đó có nghĩa là gì?

Đức Giê-hô-va đổi tên của Áp-ram thành Áp-ra-ham, có nghĩa là "cha của nhiều dân tộc".

Genesis 17:8

Trong giao ước, Đức Giê-hô-va ban cho dòng dõi của Áp-ra-ham điều gì?

Trong giao ước, Đức Giê-hô-va ban cho dòng dõi của Áp-ra-ham đất Ca-na-an.

Đức Giê-hô-va phán mối liên hệ giữa dòng dõi của Áp-ra-ham với Đức Giê-hô-va sẽ là gì?

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ là Đức Chúa Trời của dòng dõi Áp-ra-ham.

Genesis 17:10

Đức Giê-hô-va truyền phải làm gì để làm dấu cho giao ước giữa Áp-ra-ham và Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va truyền rằng mỗi người nam phải được cắt bì để làm dấu cho giao ước giữa Áp-ra-ham và Đức Giê-hô-va.

Genesis 17:11

Đức Giê-hô-va truyền phải làm gì để làm dấu cho giao ước giữa Áp-ra-ham và Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va truyền rằng mỗi người nam phải được cắt bì để làm dấu cho giao ước giữa Áp-ra-ham và Đức Giê-hô-va.

Genesis 17:12

Một đứa trẻ phải được cắt bì vào tuổi nào?

Một đứa trẻ phải được cắt bì sau tám ngày tuổi.

Đối với những người ngoại quốc ở trong gia đình có giao ước với Đức Giê-hô-va thì cần phải làm gì?

Những người ngoại quốc ở trong gia đình có giao ước với Đức Giê-hô-va cũng phải được cắt bì.

Genesis 17:13

Đối với những người ngoại quốc ở trong gia đình có giao ước với Đức Giê-hô-va thì cần phải làm gì?

Những người ngoại quốc ở trong gia đình có giao ước với Đức Giê-hô-va cũng phải được cắt bì.

Genesis 17:14

Điều gì sẽ xảy ra cho những người nam không chịu phép cắt bì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bất kì người nam nào không chịu cắt bì sẽ bị trục xuất khỏi dân chúng vì người đó đã phá vỡ giao ước.
Genesis 17:15
Đức Giê-hô-va đổi tên Sa-rai là gì?
Đức Giê-hô-va đổi tên Sa-rai là Sa-ra.
Genesis 17:16
Đức Giê-hô-va hứa từ nơi Sa-ra sẽ có điều gì?
Đức Giê-hô-va hứa rằng từ Sa-ra Áp-ra-ham sẽ có con trai.
Genesis 17:17
Áp-ra-ham phản ứng thế nào trước lời hứa của Đức Giê-hô-va về Sa-ra?
Áp-ra-ham cười và hỏi rằng làm thế nào người đã già như thế mà còn sinh con.
Genesis 17:19
Đức Chúa Trời phán Áp-ra-ham phải đặt tên đứa con Sa-ra sinh ra là gì?
Đức Chúa Trời phán rằng Áp-ra-ham phải đặt tên con là Y-sác.
Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ thiết lập điều gì với Y-sác?
Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ thiết lập giao ước của Ngài với Y-sác.
Genesis 17:20
Đức Chúa Trời hứa điều gì về Ích-ma-ên?
Đức Chúa Trời hứa chúc phước cho Ích-ma-ên, làm sinh sôi nẩy nở và trở nên một dân lớn.
Genesis 17:21
Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ thiết lập điều gì với Y-sác?
Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ thiết lập giao ước với Y-sác.
Genesis 17:24
Sau khi Đức Chúa Trời ngự khỏi Áp-ra-ham thì ông làm gì vào ngày hôm ấy?
Ngay hôm ấy, Áp-ra-ham cắt bì cho tất cả người nam trong nhà mình.
Genesis 17:25
Ích-ma-ên được bao nhiêu tuổi khi chịu cắt bì?
Ích-ma-ên mười ba tuổi khi chịu cắt bì.
Genesis 17:27
Sau khi Đức Chúa Trời ngự khỏi Áp-ra-ham thì ông làm gì vào ngày hôm ấy?
Ngay hôm ấy, Áp-ra-ham cắt bì cho tất cả người nam trong nhà mình.

Chapter 18
Genesis 18:1
Mam-rê
Đây là tên của người chủ những cây sồi.
Nơi cửa trại
"tại lối ra vào của trại" hoặc 'tại lối vào của trại"
Cái nóng ban ngày
"lúc nóng nực nhất trong ngày"
Ông ngước mắt lên, và kìa, ông thấy có ba người đang đứng
"Ông ngước mắt lên và thấy, kìa, có ba người đang đứng"
Kìa
"đột nhiên". Từ "kìa" cho thấy sự việc theo sau rất ngạc nhiên với Áp-ra-ham.
Đối diện với mình
"gần" hoặc "ở đó". Những người này đang đứng gần chỗ ông, nhưng đủ xa để ông phải chạy đến chỗ họ.
cúi
Tức là cúi người, khiêm nhường thể hiện sự tôn trọng và kính cẩn đối với một ai đó.
Genesis 18:3
Chúa
Đây là danh hiệu bày tỏ sự tôn trọng. Có thể là 1) Áp-ra-ham biết rằng một trong số những người này là Đức Chúa Trời hoặc 2) Áp-ra-ham nhận biết rằng những người này đại diện cho Đức Chúa Trời mà đến.
trước mặt Ngài
Áp-ra-ham đang nói với một trong số những người này.
Xin đừng đi luôn
"xin đừng bỏ đi"
Đầy tớ Chúa
"Tôi". Áp-ra-ham tự xưng mình như vậy để bày tỏ lòng tôn trọng đối với những vị khách.
Xin cho một ít nước mang ra
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin cho tôi đem ít nước cho các Ngài" hoặc "Đầy tớ của tôi sẽ mang cho các Ngài một ít nước"
Một ít nước... một ít thức ăn
"ít nước...ít thức ăn". "Một ít" là cách nói lịch sự thể hiện lòng rộng rãi. Áp-ra-ham sẽ đem thức ăn dư dả cho họ.
Rửa chân mình
Tập tục này giúp những người đi đường mỏi mệt được tươi tỉnh sau quãng đường xa.
Của các Ngài.. các Ngài
Áp-ra-ham nói với cả ba người, nên từ "của các Ngài" và "các Ngài" ở dạng số nhiều.
Genesis 18:6
Ba đấu
Khoảng chừng 22 lít
Bánh mì
Bánh này có thể được nướng nhanh trên đá nóng. Đó có thể là những lát bánh dẹp hoặc tròn như những ổ bánh hoặc cuộn bánh nhỏ.
Ông vội chuẩn bị
"người đầy tớ vội chuẩn bị"
Chuẩn bị chúng
"cắt hoặc nước chúng"
Sữa đông
Chỉ phần cứng của sữa đã lên men. Có thể là sữa chua hoặc phô mai.
Thịt bê đã được chuẩn bị
"thịt bê nướng"
trước mặt các đấng ấy
"trước mặt ba vị khách"
Genesis 18:9
Họ hỏi ông
"Sau đó họ hỏi Áp-ra-ham"
Người nói: "Ta nhất định sẽ trở lại cùng ngươi"
Từ "Người" chỉ về người Áp-ra-ham gọi là "Chúa" ở GEN 18:3.
Vào mùa xuân
"vào mùa này năm sau" hoặc "khoảng thời gian này năm sau" (UDB)
Kìa
Từ "kìa" ở đây báo hiệu cho chúng ta chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại cửa lều
"tại lối ra vào của lều' hoặc "tại lối vào lều"
Genesis 18:11
Tôi đã già rồi, chúa tôi cũng đã già rồi, lẽ nào tôi còn có niềm vui ấy được sao?
già rồi, chúa tôi cũng đã già rồi, lẽ nào tôi còn có niềm vui ấy được sao?
Chúa tôi đã già rồi
Nghĩa là "vì chồng tôi cũng đã già rồi".
Chúa tôi
Đây là cách gọi thể hiện sự tôn trọng của Sa-ra đối với chồng mình là Áp-ra-ham.
Genesis 18:13
Tại sao Sa-ra cười và nghĩ rằng: 'Có thật tôi già thế này mà còn sinh con được chăng'?
Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để cho thấy rằng Ngài biết điều Sa-ra đang nghĩ và Ngài không vui lòng về điều đó. Ngài lặp lại câu hỏi tu từ của Sa-ra (GEN 18:12) bằng từ ngữ khác. Gợi ý dịch: "Sa-ra đã sai khi cười và nghĩ rằng 'Tôi sẽ không sinh con được vì tôi đã quá già!'"
Có điều gì quá khó cho Đức Giê-hô-va sao?
"Có điều gì mà Đức Giê-hô-va không thể làm được sao?" Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài như thể Ngài đang nói về một người nào đó để nhắc cho Áp-ra-ham nhớ rằng Ngài, Đức Giê-hô-va là Đấng rất vĩ đại và Ngài có thể làm được mọi điều. Gợi ý dịch: "Không có điều gì mà Ta, Đức Giê-hô-va không thể làm được!"
Đến thời điểm đã định, vào mùa xuân
"đến thời điểm mà Ta đã định, vào mùa xuân"
Thì Sa-ra chối rằng
"Sa-ra chối mà nói rằng"
Ngài trả lời
"Đức Giê-hô-va đáp"
Không, ngươi có cười đó
"Đúng, ngươi có cười đó". Câu này có nghĩa là "Không, không phải như vậy, ngươi thực sự có cười".
Genesis 18:16
Để tiễn bước họ
"để tiễn họ lên đường" hoặc "để chào tạm biệt họ" (UDB). Đi tiễn khách khi khách ra về là một việc lịch sự.
Lẽ nào Ta giấu Áp-ra-ham những điều Ta sắp làm sao?
Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để nói rằng Ngài sẽ cho Áp-ra-ham biết một việc rất hệ trọng và đó là điều Ngài nên làm. Gợi ý dịch: "Ta không nên và cũng sẽ không giấu Áp-ra-ham điều ta sẽ làm" hoặc "ta nên cho Áp-ra-ham biết điều ta sẽ làm và ta sẽ làm như vậy"
Lẽ nào Ta .... làm, vì ....?
"Ta không nên ... làm. Ấy là vì ..."
Mọi dân trên đất sẽ nhờ người mà được phước
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ban phước cho mọi dân trên đất qua Áp-ra-ham".
sẽ nhờ người mà được phước
"sẽ được phước nhờ Áp-ra-ham" hoặc 'sẽ được phước vì Ta đã chúc phước cho Áp-ra-ham". Để dịch cụm từ "nhờ người", xin xem cách đã dịch cho cụm từ "nhờ ngươi" trong GEN 12:3.
Để người có thể hướng dẫn
"để người sẽ hướng dẫn" hoặc "để người sẽ ra lệnh"
Gìn giữ đường lối của Đức Giê-hô-va ... để Đức Giê-hô-va thực hiện ...
Ngài đã hứa
Đức Giê-hô-va đang nói về chính Ngài như thể Ngài là một người khác. Gợi ý dịch: "vâng phục điều ta, Đức Giê-hô-va yêu cầu ... Ta, Đức Giê-hô-va sẽ thực hiện ... Ta đã hứa"
gìn giữ đường lối của Đức Giê-hô-va
"vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va"
làm điều công chính và ngay thẳng
"Bằng cách làm điều công chính và ngay thẳng." Câu này cho biết làm thế nào để giữ theo đường lối của Đức Giê-hô-va.
Để Đức Giê-hô-va thực hiện cho Áp-ra-ham điều Ngài đã hứa với ông
"để Đức Giê-hô-va có thể ban phước cho Áp-ra-ham như Ngài đã phán". Câu này chỉ về lời hứa trong giao ước sẽ chúc phước cho Áp-ra-ham và khiến ông trở thành một dân lớn.
Genesis 18:20
Tiếng than trách về Sô-đôm và Gô-mô-rơ thật quá lớn
Có thể diễn đạt lại, thay danh từ trựu tượng "tiếng than trách" thành động từ "lên án". Gợi ý dịch: "đã có quá nhiều người lên án về dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ về những việc làm gian ác của họ"
Tội ác của họ quá nghiêm trọng
"họ đã phạm tội quá nhiều"
Bây giờ Ta phải ngự xuống đó
"Ta sẽ ngự xuống Sô-đôm và Gô-mô-rơ"
Ngự xuống đó và xem
"ngự xuống đó để tìm hiểu" hoặc "ngự xuống để quyết định"
Xem tiếng than trách ... đã thấu đến ta
Đức Giê-hô-va nói như thể Ngài biết được vấn đề này nhờ Ngài nghe tiếng than khóc và lời buộc tội từ những người chịu khốn khổ. Có thể diễn đạt lại, thay danh từ trựu tượng "tiếng than trách" thành động từ "lên án". Gợi ý dịch: "gian ác như những người lên án chúng đã nói"
Nếu không
"Nếu chúng không gian ác như những tiếng than trách lên án"
Genesis 18:22
Quay đi
"đi khỏi trại của Áp-ra-ham"
Áp-ra-ham vẫn đứng trước mặt Đức Giê-hô-va
"Áp-ra-ham và Đức Giê-hô-va vẫn ở tại đó"
đến gần
"đến gần Đức Giê-hô-va" hoặc "bước đến gần Đức Giê-hô-va"
Quét sạch
Áp-ra-ham nói về việc tiêu diệt con người như thể dùng một cây chổi quét sạch bụi bẩn. Gợi ý dịch: "tiêu diệt"
người công chính lẫn người gian ác
"người công chính với người gian ác"
Genesis 18:24
Thông Tin Tổng Quát:
Áp-ra-ham tiếp tục thưa với Đức Giê-hô-va.
Giả sử có
"Ngộ nhỡ có"
Ngài sẽ quét sạch nơi ấy, mà không chừa nó lại vì cớ năm mươi người công chính trong đó sao?
Áp-ra-ham đang hy vọng Đức Giê-hô-va nói rằng "Ta sẽ không diệt nơi ấy". Gợi ý dịch: "Con nghĩ Ngài sẽ không diệt sạch nơi ấy, mà sẽ giữ nó lại vì cớ năm mươi người công

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chính trong đó"

Quét sạch nơi ấy

"tiêu diệt nơi ấy." Áp-ra-ham nói về việc tiêu diệt con người như thể họ là bụi bẩn bị chổi đùa đi. Gợi ý dịch: "tiêu diệt những người sống ở đó"

không chừa nó lại vì cớ năm mươi người ngay lành trong đó sao?

Áp-ra-ham đang hy vọng Đức Giê-hô-va nói rằng “Ta sẽ không diệt nơi ấy vì cớ năm mươi người công chính ở đó”.

chừa nơi ấy lại

"để dân chúng sống sót"

Vì cớ

"vì"

Không bao giờ Chúa làm như vậy

"Con sẽ không bao giờ muốn Ngài làm điều như vậy" hoặc "Ngài sẽ không muốn làm điều gì như vậy"

Một việc như vậy, giết

"một việc như vậy mà giết” hoặc “một việc như thế, ấy là giết”

kể người công chính cũng như người độc ác

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ đối xử với người công chính như với kẻ gian ác"

Lẽ nào Đấng Phán Xét cả thế gian lại không làm điều công bình sao?

Áp-ra-ham dùng câu hỏi tu từ này để bày tỏ điều ông mong đợi Đức Chúa Trời sẽ làm. Gợi ý dịch: “Đấng Phán Xét cả thế gian nhất định sẽ làm điều công bình” hoặc “vì Chúa là Đấng Phán Xét cả thế gian, nên nhất định Ngài sẽ làm điều phải lẽ!”

Đấng Phán Xét

Đức Chúa Trời thường được gọi là Đấng Phán Xét vì Ngài là quan án toàn hảo duy nhất, đưa ra quyết định cuối cùng, định đoạt điều đúng và sai.

Genesis 18:27

Kìa

Từ “kìa” ở đây nhằm thu hút sự chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.

Con xin đánh bạo mà thưa

"Thứ lỗi cho con bạo gan thưa với Ngài" hoặc "thứ lỗi cho con dám thưa với Ngài"

với Chúa con

Áp-ra-ham bày tỏ lòng tôn trọng đối với Đức Giê-hô-va bằng cách nói với Đức Giê-hô-va như thể ông đang nói với một người khác. Gợi ý dịch: "với Ngài, là Chúa con"

Chỉ là tro bụi

Hình ảnh ẩn dụ này mô tả Áp-ra-ham là một con người bình thường, sẽ chết đi và thân thể sẽ trở thành bụi đất. Gợi ý dịch: “chỉ là một con người hay chết” hoặc “tầm thường như cát bụi”

Thiếu năm người trong số năm mươi người công bình

"chỉ có bốn mươi lăm người công bình”

Vì thiếu năm người

"nếu chỉ thiếu năm người công bình”

Ta sẽ không hủy diệt chúng

"Ta sẽ không hủy diệt Sô-đôm"

Genesis 18:29

Ông thưa cùng Ngài

"Áp-ra-ham thưa cùng Đức Giê-hô-va”

Nếu chỉ tìm thấy bốn mươi người

Câu này có nghĩa là “Nếu Ngài chỉ tìm thấy bốn mươi người công bình tại Sô-đôm và Gô-mô-rơ”

Ngài đáp

"Đức Giê-hô-va trả lời"

Ta sẽ không làm điều đó vì cớ bốn mươi người

"Ta sẽ không hủy diệt những thành đó nếu Ta tìm thấy bốn mươi người công bình ở đó"

Ba mươi

"ba mươi người công bình” hoặc “ba mươi người tốt”

Kìa

Từ ‘kìa” ở đây hướng sự chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.

Con xin đánh bạo mà thưa

"Thứ lỗi cho con bạo gan thưa với Ngài" hoặc "thứ lỗi cho con dám thưa với Ngài". Xem cách đã dịch ở GEN 18:27.

Hai mươi

"hai mươi người công bình’ hoặc “hai mươi người tốt”

Genesis 18:32

Có thể ở đó sẽ tìm thấy mười người

"Có lẽ Ngài sẽ tìm thấy mười người công bình ở đó"

Mười

"mười người công bình” hoặc “mười người tốt”

Và Ngài đáp

"và Đức Giê-hô-va đáp”

Vì cớ mười người

"nếu Ta tìm được ở đó mười người công bình”

Đức Giê-hô-va ngự đi

"Đức Giê-hô-va đi khỏi" hoặc "Đức Giê-hô-va rời đi”

Translation Questions

Genesis 18:2

Khi đang ngồi ở cửa trại, Áp-ra-ham nhìn thấy gì khi ngước mắt lên?

Áp-ra-ham thấy ba người đứng trước mặt mình.

Genesis 18:4

Áp-ra-ham mời họ những gì?

Áp-ra-ham cho họ nước rửa chân và mời dùng bữa.

Genesis 18:5

Áp-ra-ham mời họ những gì?

Áp-ra-ham cho họ nước rửa chân và mời dùng bữa.

Genesis 18:9

Sa-ra đang ở đâu khi vị khách đưa ra lời dự báo?

Sa-ra đang ở trong trại.

Genesis 18:10

Có một vị khách đưa ra lời dự báo nào về Sa-ra?

Có một vị khách nói rằng khi người trở lại thì Sa-ra sẽ có một con trai.

Genesis 18:12

Sa-ra phản ứng thế nào trước lời dự báo của vị khách?

Sa-ra cười thầm khi nghe lời dự báo của vị khách.

Genesis 18:14

Đức Giê-hô-va, là vị khách, đã nói gì về phản ứng của Sa-ra?

Đức Giê-hô-va hỏi vì sao Sa-ra cười và nói rằng "Có điều gì quá khó cho Đức Giê-hô-va không?"

Genesis 18:16

Khi rời khỏi nhà Áp-ra-ham thì các vị ấy đi đâu?

Họ rời khỏi nhà Áp-ra-ham và đi đến Sô-đôm.

Genesis 18:17

Khi họ đi thì Đức Giê-hô-va hỏi câu gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va nói rằng "Lẽ nào Ta giấu Áp-ra-ham điều Ta sắp làm sao?"
Genesis 18:19
Đức Giê-hô-va phán Áp-ra-ham phải làm gì để Ngài làm thành lời hứa với Áp-ra-ham?
Đức Giê-hô-va phán rằng Áp-ra-ham phải dạy cho con cháu và nhà mình làm điều công chính và ngay thẳng.
Genesis 18:20
Vì sao những vị ấy đi đến Sô-đôm?
Những vị ấy đi đến Sô-đôm vì tiếng than oán về Sô-đôm và Gô-mô-rơ quá lớn, và họ muốn xem những thành đó có gian ác như tiếng kêu than không.
Genesis 18:21
Vì sao những vị ấy đi đến Sô-đôm?
Những vị ấy đi đến Sô-đôm vì tiếng than oán về Sô-đôm và Gô-mô-rơ quá lớn, và họ muốn xem những thành đó có gian ác như tiếng kêu than không.
Genesis 18:23
Khi Áp-ra-ham đứng chầu Đức Giê-hô-va thì ông đã hỏi Đức Giê-hô-va điều gì?
Áp-ra-ham hỏi rằng "Chúa sẽ tiêu diệt cả người công chính lẫn người gian ác sao?"
Genesis 18:26
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì nếu có năm mươi người công chính trong thành?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ vì họ mà tha thứ cho cả thành.
Genesis 18:28
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì nếu có bốn mươi lăm người công chính trong thành?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ vì họ mà tha thứ cho cả thành.
Genesis 18:29
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì nếu có bốn mươi người công chính trong thành?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ vì họ mà tha thứ cho cả thành.
Genesis 18:30
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì nếu có ba mươi người công chính trong thành?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ vì họ mà tha thứ cho cả thành.
Genesis 18:31
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì nếu có hai mươi người công chính trong thành?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ vì họ mà tha thứ cho cả thành.
Genesis 18:32
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì nếu có mười người công chính trong thành?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ vì họ mà tha thứ cho cả thành.

Chapter 19
Genesis 19:1
hai thiên sứ
Sáng-thế ký 18 cho biết hai người đi vào thành Sô-đôm. Ở đây, chúng ta biết họ thực sự là các thiên sứ. (Xem: GEN 18:22)
Cổng thành Sô-đôm
"lối vào thành Sô-đôm". Thành này có tường thành bao quanh, nên người ta phải đi qua cổng thành mới vào được bên trong. Đây là nơi rất quan trọng của một thành phố. Những người có quyền lực thường ở đó.
quỳ sấp mặt xuống đất
Ông quỳ gối xuống sau đó chạm trán và mũi xuống đất.
Chúa của tôi
Đây là cụm từ thể hiện sự tôn trọng của Lót đối với các thiên sứ.
Tôi nài xin các ngài quá bước đến nhà của đầy tớ ngài
"Xin mời đến nghỉ lại tại nhà của đầy tớ các ngài"
nhà của đầy tớ các ngài
Lót gọi chính mình là đầy tớ của họ để bảy tỏ sự tôn trọng đối với họ.
Rửa chân mình
Người ta thích rửa chân sau mỗi chuyến đi.
Dậy sớm
"thức dậy sớm"
Chúng tôi sẽ qua đêm
Khi hai thiên sứ nói điều này, họ nói đến chính họ, chứ không nói đến Lót. Hai người họ dự định qua đêm trên phố. Ở đây một số ngôn ngữ sẽ dùng hình thức từ “chúng tôi” không bao hàm người nghe.
Quãng trường của thị trấn
Đây là một nơi công cộng và ở ngoài trời, trong thành phố.
Họ đi với ông
"họ xoay lại và đi cùng ông”
Genesis 19:4
trước khi họ đi nghỉ
"trước khi những người trong nhà Lót đi ngủ"
Những người trong thành, người dân Sô-đôm
"những người trong thành, tức là, những người dân Sô-đôm” hoặc chi dịch là “người dân Sô-đôm”
Nhà
"nhà của Lót"
Cả trẻ lẫn già
“từ người trẻ nhất đến người già nhất”. Câu này có nghĩa là “những người đàn ông ở mọi lứa tuổi” và chỉ về những người dân Sô-đôm ở quanh nhà Lót.
Đã đi vào với ông
"đã vào nhà ông”
Ăn nằm với họ
"quan hệ với họ”. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách tế nhị hơn để thể hiện điều này. Gợi ý dịch: "biết tường tận về họ hay quan hệ tình dục với họ"
Genesis 19:6
Sau ông
"sau lưng mình” hoặc “sau khi ông đã đi qua”
Các anh em của tôi, tôi xin các anh em
“Tôi cầu xin mọi người, các anh em của tôi” "
Các anh em của tôi
Lót nói với với những người trong thành một cách thân thiện, hi vọng rằng họ sẽ nghe ông. Gợi ý dịch: "các bạn của tôi"
Đừng làm điều gian ác như thế
"đừng làm việc gian ác” hoặc “đừng làm việc gian ác như

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thế”
Kìa
"Hãy chú ý” hoặc “Hãy nhìn đây”
Chưa ăn nằm với
"chưa quan hệ tình dục với." Ngôn ngữ của bạn có thể có cách tế nhị hơn để nói điều này. Gợi ý dịch: "chưa biết"
Điều gì vừa mắt anh em
"điều gì anh em muốn” hoặc “điều gì anh em cho là phải”
Dưới bóng mái nhà tôi
Hai người này là khách trong nhà của Lót, nên ông cần phải bảo vệ họ. Từ “mái nhà” là phép chuyển ngữ chỉ về toàn bộ ngôi nhà và là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ của Lót dành cho họ.
Gợi ý dịch: "vào nhà tôi, và Đức Chúa Trời muốn tôi bảo vệ họ"
Genesis 19:9
Lui ra!
“Tránh ra chỗ khác!” hoặc “Tránh ra!” (UDB)
Tên này đến ở đây như một kẻ ngoại quốc
"Tên này đến đây như một kẻ ngoài cuộc” hoặc “Tên ngoại quốc này đã đến sống ở đây”
Tên này
"Lót." Những người đàn ông nói với nhau. Nếu điều này khó hiểu trong ngôn ngữ của bạn thì có thể cho là những người đàn ông nói với Lót, như trong bản UDB.
Mà nay hắn lại trở thành quan tòa của chúng ta
"mà nay hắn nghĩ rằng hắn có quyền dạy chúng ta biết điều gì đúng, điều gì sai" hoặc "nhưng chúng ta sẽ không để hắn ngăn cản chúng ta làm điều chúng ta muốn"
Mà nay hắn
"và dù hắn không có lí do hợp lí nhưng hắn"
Bấy giờ chúng tôi
"Vì người nói những gì chúng ta làm là sai trái, nên chúng ta"
Chúng ta sẽ xử ngươi còn tệ hơn họ
Những người này tức giận vì Lót nói rằng “đừng làm điều gian ác như thế” (GEN 19:7), vì vậy họ đe dọa sẽ cư xử gian ác hơn cả điều Lót lo sợ ban đầu. Gợi ý dịch: "chúng ta sẽ cư xử với ngươi gian ác hơn cả với họ"
Họ chống cự Lót và xông đến gần cửa
Có thể là 1) "Họ cứ tiến gần đến người, là Lót, cho đến khi họ đến đủ gần để phá cửa” hoặc 2) Họ dùng sức đẩy Lót vào tường hay vào cửa nhà và đinh phá sập cửa.
Người ... Lót
Đây là hai cách nói chỉ về Lót.
Genesis 19:10
Nhưng những người này
"nhưng hai vị khách của Lót” hoặc “nhưng hai thiên sứ”
hai thiên sứ giơ tay ra, đem ... đóng cửa lại
Có thể ngôn ngữ của bạn cần phải thêm phần hai thiên sứ mở cửa ra trước. Gợi ý dịch: 'hai thiên sứ mở cửa vừa đủ để đưa tay ra kéo ... và đóng cửa lại"
Những vị khách của Lót gián sự mù lòa trên chúng
Cụm từ “gián sự mù lòa” là một phép ân dụ, các vị khách không thật sự đánh họ. Gợi ý dịch: “Những vị khách của Lót khiến chúng bị mù” hoặc “những vị khách khiến chúng không thấy đường”.
Cả trẻ lẫn già
"những người đàn ông ở mọi lứa tuổi." Phép tu từ này nhấn mạnh rằng những vị khách khiến cho toàn bộ những người đàn ông đó bị mù. Cách nói này có thể chỉ về chỗ đứng xã hội hơn là tuổi tác. Gợi ý dịch: "cả nhỏ lẫn lớn"
Genesis 19:12
Rồi họ nói
"Rồi hai người nói" hoặc "rồi các thiên sứ nói"
Ngươi còn có ai khác ở đây nữa không?
"Người còn người nhà nào khác trong thành này không?” hoặc “Ngươi còn người nhà nào ở nơi này không?”
Bất cứ ai ngươi có trong thành này
"bất cứ thành viên nào khác trong gia đình ngươi sống tại thành này”
Chúng tôi sắp hủy diệt
Từ “chúng tôi” ở đây không bao hàm người nghe. Chỉ có hai thiên sứ hủy diệt thành phố, chứ không có Lót. Nếu ngôn ngữ của bạn có dạng từ “chúng tôi” không bao gồm người nghe thì có thể sử dụng ở đây.
Lời buộc tội về nó trước mặt Đức Giê-hô-va đã quá lớn
Có thể diễn đạt lại để danh từ trừu tượng “lời buộc tội” được thể hiện bằng một động từ. Gợi ý dịch: "quá nhiều người đã thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng dân thành này làm những điều gian ác" (Xem: và cách dịch những từ tương tự ở GEN 18:20)
Genesis 19:14
Lót đi ra
“Vậy, Lót rời khỏi nhà”
Các chàng rể, những người đã hứa cưới con gái mình
rể, những người đã hứa cưới con gái mình
Rạng sáng
"Ngay trước khi mặt trời lên"
Hãy đi
"Hãy đi ngay”
Người không bị quét sạch trong cơn hình phạt cho thành phố này
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "để Đức Giê-hô-va không hủy diệt người luôn với những người dân trong thành này khi Ngài trừng phạt họ”
Không bị quét sạch trong cơn hình phạt
Việc Đức Chúa Trời hủy diệt những người trong thành được nói như thể một người dùng chổi quét sạch bụi bẩn.
Của thành
Từ “thành” ở đây đại diện cho dân chúng.
Genesis 19:16
Nhưng người còn chần chừ
"Nhưng Lót ngần ngại" hoặc "Nhưng Lót không khởi sự rời đi"
Nên những người khách nắm
"Nên hai người nắm" hoặc "nên thiên sứ nắm"
Thương xót người
"thương xót Lót”. Đức Giê-hô-va được mô tả là Đấng “thương xót” vì Ngài giữ gìn mạng sống của Lót và gia đình của người mà không tiêu diệt họ khi Ngài diệt dân Sô-đôm vì việc làm gian ác của họ.
Khi hai thiên sứ đã dẫn họ ra ngoài
"Khi hai thiên sứ đã dẫn gia đình Lót ra ngoài”
Hãy chạy để cứu mạng sống mình!
Đây là cách nói họ hãy chạy đi để không phải chết. Gợi ý dịch: "Hãy chạy thoát thân!"
đừng ngó lại
Được hiểu là đừng ngó lại “thành phố”. Gợi ý dịch: "Đừng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ngó lại thành phố" hoặc "Đừng ngó lại thành Sô-đôm"
ngoài đồng bằng
Tức là đồng bằng sông Giô-đanh. Ở đây chỉ về khu vực sông Giô-đanh nói chung.
Để ngươi không bị quét sạch
Được hiểu là không bị quét sạch với dân cư trong thành. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nếu không Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt ngươi cùng với dân trong thành"
Không bị quét sạch
Việc Đức Chúa Trời hủy diệt những người trong thành được nói như thể một người dùng chổi quét sạch bụi bẩn.
Genesis 19:18
Đầy tớ ngài đã được ơn trước mặt ngài
Việc hài lòng với ai đó được nói như thể "ân huệ" là một vật có thể được tìm thấy. Cũng vậy, "mặt" là phép hoán dụ chỉ về ý tưởng hay quan điểm của một người. Gợi ý dịch: "Ngài đã vui lòng về con"
Đầy tớ ngài
Lót đang bày tỏ lòng tôn trọng khi tự nhận mình là "đầy tớ ngài'. Gợi ý dịch: "Tôi, là đầy tớ ngài, đã"
Ngài đã tỏ lòng nhân từ rất lớn cùng tôi mà cứu mạng sống tôi
Danh từ trừu tượng "lòng nhân từ" có thể được dịch là "nhân từ". Gợi ý dịch: "ngài đã rất nhân từ với tôi khi cứu mạng sống tôi"
Tôi không thể trốn lên núi, bởi vì tai hoạ này sẽ thình lình ập đến trên tôi, và tôi phải chết
Việc không thể chạy đủ xa khỏi Sô-đôm khi Đức Chúa Trời hủy diệt thành phố được nói như thể "tai họa" là một con người, nó sẽ đuổi theo và bắt kịp Lót. Gợi ý dịch: "Tôi và gia đình chắc chắn sẽ chết khi Đức Chúa Trời hủy diệt dân thành Sô-đôm vì những ngọn núi ở quá xa, chúng tôi không thể đến đó an toàn được."
Mạng sống tôi ... tôi không thể trốn thoát ... ập đến trên tôi, và tôi phải chết
Câu này được ngầm hiểu là là gia đình của Lót cũng sẽ chết cùng với ông. Gợi ý dịch: "mạng sống chúng tôi ... chúng tôi không thể trốn thoát ... ập đến trên chúng tôi, và chúng tôi phải chết"
cho tôi trốn vào đó (ấy chẳng phải là một thành nhỏ sao?) để mạng sống tôi được bảo toàn
Lót dùng câu hỏi tu từ này để các thiên sứ thấy rằng đó thực sự là một thành nhỏ. Gợi ý dịch: "cho tôi trốn vào đó. Hãy xem thành đó nhỏ là dường nào. Nếu cho chúng tôi đi đến đó thì chúng tôi sẽ được sống".
cho tôi trốn vào đó
Có thể nói rõ hết yêu cầu của Lót. Gợi ý dịch: "thay vì tiêu diệt thành ấy, hãy cho tôi trốn vào đó"
mạng sống tôi được bảo toàn
Câu này được ngầm hiểu là là gia đình của Lót cũng sẽ được cứu cùng với ông. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "để chúng tôi còn sống" hoặc "để chúng tôi sống sót"
Genesis 19:21
Ta cũng sẽ chấp nhận lời yêu cầu này
"Ta sẽ làm theo điều ngươi cầu xin"
Không thể làm được gì
Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "không thể tiêu diệt các thành khác"
Xoa
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên gọi Xoa có phát âm giống từ 'nhỏ' trong tiếng Hê-bơ-rơ. Lót gọi thành này là "nhỏ" trong Sáng Thế Ký 19:20".
Genesis 19:23
Mặt trời vừa mọc lên trên đất
"Mặt trời đã mọc lên trên đất". Cụm từ "trên đất' có thể được lược bỏ để người đọc ngầm hiểu như trong bản dịch UDB.
Khi Lót tới thành Xoa
Ngụ ý bao gồm cả gia đình đi cùng với ông. Gợi ý dịch: " Khi Lót và gia đình ông tới thành Xoa"
Đức Giê-hô-va khiến mưa lưu huỳnh và lửa từ Đức Giê-hô-va trên trời trút xuống Sô-đôm và Gô-mô-rơ
Cụm từ "từ Đức Giê-hô-va" chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời khiến cho lửa và lưu huỳnh trút xuống thành phố. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va khiến cho lưu huỳnh và lửa từ trời trút xuống Sô-đôm và Gô-mô-rơ"
lưu huỳnh và lửa
Hai từ này được dùng chung để mô tả về cùng một đối tượng. Gợi ý dịch: "lưu huỳnh bốc cháy" hoặc "mưa lửa"
Những thành đó
Căn bản chỉ về Sô-đôm và Gô-mô-rơ nhưng đồng thời cũng chỉ về ba thành khác nữa.
Dân cư của những thành đó
"những người sống trong các thành đó"
Genesis 19:26
Bà biến thành một trụ muối
"bà trở nên như một tượng muối" hoặc "người bà trở nên như một tảng đá cao bằng muối". Vì bà không vâng theo lời các thiên sứ dặn không được ngó lại thành nên Đức Chúa Trời khiến bà trở nên như một bức tượng làm bằng những tảng muối.
Kìa
Từ "kìa" hướng sự chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên tiếp theo.
Như khói của một lò lửa lớn
Câu này cho thấy đó là một lượng khói rất lớn. Gợi ý dịch: "như khói bóc lên từ một lò lửa rất lớn"
Genesis 19:29
Thông Tin Tổng Quát:
Câu 29 là câu tóm tắt của chương này.
Đức Chúa Trời nhớ đến Áp-ra-ham
Câu này cho biết vì sao Đức Chúa Trời giải cứu Lót. "Nhớ đến" còn gọi là "nhớ lại". Điều này không có ngụ ý là Đức Chúa Trời đã quên Áp-ra-ham. Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời lưu tâm đến Áp-ra-ham và thương xót ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời nghĩ đến Áp-ra-ham và thương xót ông"
ra khỏi cuộc tàn phá đó
"ra khỏi sự phá hủy đó" hoặc "ra khỏi nguy hiểm"
Genesis 19:30
Từ Xoa Lót đi lên sống trên núi
Ở đây dùng cụm từ "đi lên" vì Lót đi đến vùng cao hơn ở trên núi.
Genesis 19:31
Cô chị cả
"Con gái đầu của Lót" hoặc "người con gái lớn"
Cô em
"người con gái nhỏ" hoặc "cô em gái"
theo cách thông thường trong thiên hạ

Từ “thiên hạ” ở đây chỉ về con người. Gợi ý dịch: "như người ta làm ở khắp nơi"

Uống rượu

Có thể nói rõ mục đích của họ là khiến cho ông say. Gợi ý dịch: "uống rượu cho đến khi ông say"

Để chúng ta có thể nối dài dòng dõi cha chúng ta

Họ nói về việc sinh con cháu cho Lót như thể gia tộc của ông là một đường gạch mà họ đang làm cho dài ra. Gợi ý dịch: "để chúng ta có thể sinh ra con cái làm nên dòng dõi cho cha"

ông chẳng biết lúc nào nàng nằm, lúc nào nàng dậy

"ông không hề hay biết gì về chuyện đó” hoặc “ông không hề biết nàng đã ăn nằm với mình”

Genesis 19:34

chúng ta hãy phục rượu cho cha ... lúc nào nàng dậy

Dịch những cụm này giống trong GEN 19:32-33.

Uống rượu

Có thể nói rõ mục đích của họ là khiến cho ông say. Gợi ý dịch: "uống rượu cho đến khi ông say"

Để chúng ta có thể nối dài dòng dõi cha chúng ta

Họ nói về việc sinh con cháu cho Lót như thể gia tộc của ông là một đường gạch mà họ đang làm cho dài ra. Gợi ý dịch: "để chúng ta có thể sinh ra con cái làm nên dòng dõi cho cha"

ông chẳng biết lúc nào nàng nằm, lúc nào nàng dậy

"ông không hề hay biết gì về chuyện đó” hoặc “ông không hề biết nàng đã ăn nằm với mình”

Genesis 19:36

Mang thai bởi cha mình

“có thai với cha mình” hoặc ‘có con với cha mình”

Người trở nên

"Người là”

Dân Mô-áp ngày nay

"dân Mô-áp mà hiện nay vẫn còn”

Ngày nay

Từ “ngày nay” chỉ về thời điểm tác giả viết sách Sáng Thế Ký còn sống. Tác giả được sinh ra và viết sách này rất nhiều năm sau thời gia đình Lót sinh sống và qua đời.

Bên Am-mi

Đây là tên của nam giới.

dân Am-môn

"dòng dõi của Am-môn" hoặc "người Am-môn"

Translation Questions

Genesis 19:2

Khi thấy hai thiên sứ vào Sô-đôm thì Lót đề nghị gì với họ?

Lót đề nghị họ nghỉ đêm tại nhà mình rồi sáng mai lên đường.

Các thiên sứ đáp lại cùng Lót thế nào?

Các thiên sứ nói rằng họ sẽ ở đêm ngoài quảng trường thành phố.

Genesis 19:3

Lót nài nỉ nên cuối cùng các thiên sứ quyết định nghỉ đêm ở đâu?

Cuối cùng, các thiên sứ đi cùng với Lót đến nhà ông để nghỉ qua đêm.

Genesis 19:5

Những người nam trong thành vây quanh nhà Lót muốn Lót làm gì?

Những người nam muốn Lót đem hai người khách ra để họ có thể ngủ với hai người đó.

Genesis 19:8

Lót đề nghị điều gì với các người nam trong thành để thay thế?

Lót đề nghị đưa hai con gái mình cho những người nam trong thành thay cho hai vị khách.

Genesis 19:9

Những người nam đó phản ứng thế nào với lời đề nghị của Lót?

Họ bảo Lót lui ra và gần như phá sập cửa.

Genesis 19:11

Sau đó các thiên sứ làm gì?

Các thiên sứ kéo lót vào nhà và làm cho những người nam ở ngoài bị mù.

Genesis 19:13

Các thiên sứ nói họ được Đức Giê-hô-va sai đến để làm gì?

Các thiên sứ nói rằng họ được sai đến để hủy diệt thành phố.

Genesis 19:14

Các con rể của Lót phản ứng thế nào khi Lót bảo họ nhanh chóng rời khỏi Sô-đôm vì nó sắp bị tiêu diệt?

Các con rể của Lót tưởng ông nói đùa.

Genesis 19:15

Rạng sáng, các thiên sứ bảo Lót làm gì?

Các thiên sứ bảo Lót đưa vợ và các con gái ra khỏi thành.

Genesis 19:16

Vì sao dù Lót chần chừ nhưng các thiên sứ nắm tay kéo Lót và gia đình của ông ra khỏi thành?

Các thiên sứ đưa họ ra khỏi thành vì Đức Giê-hô-va thương xót họ.

Genesis 19:17

Các thiên sứ đưa ra chỉ dẫn gì cho Lót khi họ ra ngoài thành?

Các thiên sứ bảo Lót và gia đình ông hãy chạy cứu mạng và đừng nhìn lại.

Genesis 19:22

Thiên sứ cho Lót và gia đình của ông chạy trốn đến đâu?

Lót và gia đình ông được chạy đến một thành nhỏ gọi là Xoa.

Genesis 19:24

Đức Giê-hô-va làm gì khi Lót đến Xoa?

Đức Giê-hô-va giáng mưa lưu huỳnh và lửa từ trời xuống Sô-đôm và Gô-mô-rơ.

Genesis 19:26

Vợ của Lót đã làm gì và điều gì đã xảy ra cho bà?

Vợ của Lót nhìn lại đằng sau và biến thành tượng muối.

Genesis 19:28

Vào sáng sớm Áp-ra-ham nhìn thấy điều gì khi nhìn xuống khắp vùng đồng bằng?

Áp-ra-ham thấy một luồng khói từ dưới đất bốc lên như khói của một lò lửa lớn.

Genesis 19:30

Sau đó Lót đi đến đâu và vì sao?

Sau đó Lót đi lên núi vì sợ sống ở Xoa.

Genesis 19:31

Các con gái của Lót lên kế hoạch gì về cha của mình?

Các con gái của Lót lên kế hoạch cho cha mình say rượu rồi nằm với ông để họ có con.

Genesis 19:32

Các con gái của Lót lên kế hoạch gì về cha của mình?

Các con gái của Lót lên kế hoạch cho cha mình say rượu rồi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nằm với ông để họ có thể có con.
Genesis 19:37
Hai nhóm dân nào ra từ các con gái của Lót?
Nhóm dân Mô-áp và dân Am-môn ra từ các con gái của Lót.
Genesis 19:38
Hai nhóm dân nào ra từ các con gái của Lót?
Nhóm dân Mô-áp và dân Am-môn ra từ các con gái của Lót.

Chapter 20
Genesis 20:1
Su-rơ
Đây là vùng hoang mạc nằm ở biên giới phía đông của Ai Cập.
sai người bắt Sa-ra
"sai người của mình đem Sa-ra về”
Đức Chúa Trời hiện đến cùng A-bi-mê-léc
“Đức Chúa Trời hiện ra cùng A-bi-mê-léc”
Kìa
Từ “kìa” ở đây thêm phần nhấn mạnh cho sự việc theo sau. "Hãy nghe ta" (UDB)
Ngươi là kẻ chết
Đây là cách mạnh mẽ để nói rằng vị vua sẽ chết. Gợi ý dịch: “chắc chắc ngươi sẽ chết” hoặc “ta sẽ giết ngươi”.
Vợ của một người
“phụ nữ đã có chồng”
Genesis 20:4
Bấy giờ ... nàng
Ở đây, từ này được dùng để chuyển câu chuyện sang thông tin về A-bi-mê-léc.
A-bi-mê-léc chưa đến gần nàng
Đây là cách tế nhị để nói rằng ông chưa quan hệ tình dục với nàng. Gợi ý dịch: " A-bi-mê-léc chưa ăn nằm cùng Sa-ra" hoặc " A-bi-mê-léc chưa đụng đến Sa-ra"
Một dân công bình
Từ “dân” chỉ về con người. A-bi-mê-léc lo lắng rằng Đức Chúa Trời sẽ không chỉ trừng phạt ông mà trừng phạt cả dân tộc của ông nữa. Gợi ý dịch: "một dân tộc vô tội"
Chẳng phải chính người đã nói với tôi rằng: “Nàng là em gái tôi” sao? Chính cô ta cũng nói: ‘Đó là anh tôi’
Ở đây một câu trích dẫn có chứa nhiều câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật. Gợi ý dịch: "Chẳng phải chính người đã nói với tôi rằng cô ta là em gái người sao? Chính cô ta cũng nói đó là anh mình"
Chẳng phải chính người đã nói với tôi rằng: “Nàng là em gái tôi” sao?
A-bi-mê-léc dùng câu hỏi tu từ này để nhắc Đức Chúa Trời nhớ về điều Ngài vốn đã biết rồi. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: “Chính Áp-ra-ham đã nói với tôi rằng: “Nàng là em gái tôi” hoặc “Áp-ra-ham đã nói rằng cô ta là em gái người”.
Chẳng phải chính người đã nói ... Chính cô ta
Từ “chính người” và “chính cô ta” được dùng để nhấn mạnh nhằm hướng sự chú ý đến Áp-ra-ham và Sa-ra và để trách họ về việc đã xảy ra.
Tôi đã làm điều này với tấm lòng trung thực và bàn tay trong sạch
Từ “tấm lòng” ở đây chỉ về tư tưởng hay ý định. Từ “bàn tay” chỉ về hành động. Gợi ý dịch: "Tôi đã làm điều này với ý định và hành động ngay thẳng” hoặc “tôi làm điều này không hề có bất cứ ý đinh hoặc hành động xấu xa nào”
Genesis 20:6
Đức Chúa Trời phán cùng người
"Đức Chúa Trời phán với A-bi-mê-léc"
Người làm điều này với lòng trung thực
Từ “lòng” chỉ về tư tưởng hay ý định. Gợi ý dịch: “ngươi đã làm điều này với những ý định tốt” hoặc “ngươi không hề có ý định xấu khi làm việc này”
Động đến nàng
Đây là phép chuyển ngữ chỉ về việc quan hệ tình dục với Sa-ra. Gợi ý dịch: "ăn nằm với nàng"
Vợ của người đó
"vợ của Áp-ra-ham”
Ngươi sẽ sống
"Ta sẽ để ngươi sống”
Tất cả những người thuộc về ngươi
"toàn bộ người của ngươi”
Genesis 20:8
Người thuật lại mọi điều cho họ
"Người kể với họ mọi điều mà Đức Chúa Trời đã phán cùng mình”
Ngươi đã làm gì cho chúng ta vậy?
A-bi-mê-léc dùng câu hỏi tu từ này để buộc tội Áp-ra-ham. Gợi ý dịch: “Ngươi đã làm điều tệ hại cho chúng ta!” hoặc “Hãy xem những điều ngươi đã làm cho chúng ta!”
Cho chúng ta
Từ “chúng ta” ở đây không bao gồm Áp-ra-ham và Sa-ra. Nếu ngôn ngữ của bạn có hình thức từ “chúng ta” không bao gồm người nghe thì hãy sử dụng ở đây.
Ta có phạm tội gì cùng ngươi mà ngươi làm cho ... phạm tội như vậy?
A-bi-mê-léc đã dùng câu hỏi tu từ này để nhắc Áp-ra-ham nhớ lại rằng ông chưa hề có lầm lỗi nào với Áp-ra-ham. Gợi ý dịch: "Ta chưa từng làm điều gì có lỗi với ngươi khiến ngươi ... phạm tội.”
Mà ngươi làm cho ta và cả nước ta phải phạm tội lớn như vậy
Việc khiến cho một người phạm tội được nói như thể “tội lỗi” là một vật có thể được đặt vào người đó. Gợi ý dịch: "mà ngươi phải khiến cho ta và cả nước ta phải phạm tội khủng khiếp như vậy"
Nước ta
Từ “nước” ở đây chỉ về dân chúng. Gợi ý dịch: "dân chúng của nước ta"
Ngươi đã làm cho ta điều không nên làm
"Ngươi không nên làm việc này với ta”
Genesis 20:10
Điều gì xui giục ngươi làm vậy?
"Điều gì khiến ngươi làm vậy?” hoặc “Tại sao ngươi làm điều đó?”. Có thể nói rõ những điều Áp-ra-ham đã làm. Gợi ý dịch: “Vì sao ngươi bảo với ta rằng Sa-ra là em gái ngươi?"
vì tôi nghĩ rằng ‘Hẳn ở nơi này người ta chẳng kính sợ gì Đức Chúa Trời, và vì vợ tôi họ sẽ giết tôi'.
Ở đây một câu trích dẫn có chứa một câu trích dẫn khác. Có thể dịch ở dạng tường thuật. Gợi ý dịch: "Vì tôi nghĩ rằng ở đây không có người nào kính sợ Đức Chúa Trời, có người sẽ giết tôi để cướp vợ của tôi".
ở nơi này người ta chẳng kính sợ
Từ “nơi này” chỉ về dân chúng. Gợi ý dịch: "không có ai ở Ghê-ra này kính sợ Đức Chúa Trời"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

kính sợ Đức Chúa Trời
Tức là vô cùng tôn kính Đức Chúa Trời và bày tỏ điều đó bằng việc vâng lời Ngài.
Bên cạnh đó, nàng thực sự là em gái tôi
"Thật ra Sa-ra cũng là em gái tôi" hoặc "Sa-ra cũng thật là em gái tôi".
Con gái của cha tôi, nhưng không phải là con gái của mẹ tôi
"chúng tôi có cùng cha, nhưng khác mẹ"
Genesis 20:13
Thông Tin Tổng Quát:
Câu 13 tiếp tục phần trả lời của Áp-ra-ham với A-bi-mê-léc.
Nhà cha tôi
"Nhà" ở đây chỉ về gia đình của Áp-ra-ham. Gợi ý dịch: "cha tôi và cả gia đình" hoặc "gia đình cha tôi"
tôi có nói với nàng: 'Nàng phải bày tỏ lòng chung thủy là vợ của ta như vầy: Bất cứ nơi nào chúng ta đi đến, nàng hãy giới thiệu về ta rằng 'đó là anh của tôi'".
Câu trích dẫn ở đây có chứa những câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành lời tường thuật. Gợi ý dịch: "Tôi bảo Sa-ra rằng tôi muốn nàng phải chung thủy với tôi bằng cách nói với mọi người ở mọi nơi chúng tôi đi rằng tôi là anh của nàng"
A-bi-mê-léc đem
"A-bi-mê-léc đem một số" (UDB)
Genesis 20:15
A-bi-mê-léc nói
"A-bi-mê-léc nói với Áp-ra-ham"
Nầy
Từ "nầy" ở đây và ở câu 16 thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau.
đất của ta ở trước mặt ngươi
Đây là một cách để nói "hết thảy đất của ta sẵn dành cho người"
Ngươi muốn ở đâu tuỳ ý
"hãy ở nơi nào ngươi muốn"
Một nghìn
"1,000"
Để che đi mọi lời buộc tội ngươi trong mắt của mọi người ở với ngươi
Việc cho tiền để chứng minh với những người khác rằng Sa-ra vô tội được nói như thể ông đang phủ một bức màn trên lời buộc tội để không ai có thể nhìn thấy. Gợi ý dịch: "Ta đưa chúng cho người, để những người ở với ngươi biết rằng ngươi không làm điều gì sai trái"
Trong mắt
Từ "mắt" ở đây chỉ về ý nghĩ hay quan điểm của một người.
ngươi được minh oan trước mặt mọi người
Cụm từ bị động "được minh oan" có thể được dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "mọi người sẽ biết rằng ngươi trong sạch"
Genesis 20:17
Đều son sẻ
"hoàn toàn không thể có con"
Vì cớ Sa-ra, vợ Áp-ra-ham
Có thể nói rõ toàn bộ ý nghĩa ở đây. Gợi ý dịch: "bởi vì A-bi-mê-léc đã bắt Sa-ra, vợ Áp-ra-ham"

Translation Questions

Genesis 20:1
Áp-ra-ham nói gì về Sa-ra khi ông sống ở Ghê-ra?
Áp-ra-ham nói rằng Sa-ra là em gái của ông.
Genesis 20:2
Áp-ra-ham nói gì về Sa-ra khi ông sống ở Ghê-ra?
Áp-ra-ham nói rằng Sa-ra là em gái của ông.
Genesis 20:3
Đức Chúa Trời phán gì với A-bi-mê-léc sau khi ông đem Sa-ra về?
Đức Chúa Trời hiện đến cùng A-bi-mê-léc trong giấc chiêm bao và phán rằng ông phải chết vì lấy vợ của người khác.
Genesis 20:5
A-bi-mê-léc thưa cùng Đức Chúa Trời rằng ông đã được Áp-ra-ham và Sa-ra nói với mình thế nào?
A-bi-mê-léc thưa cùng Đức Chúa Trời rằng Áp-ra-ham đã nói Sa-ra là em gái ông, còn Sa-ra nói Áp-ra-ham là anh trai mình.
Genesis 20:7
Đức Chúa Trời bảo A-bi-mê-léc phải làm gì và Ngài phán điều gì sẽ xảy ra nếu ông không làm theo?
Đức Chúa Trời bảo A-bi-mê-léc giao Sa-ra lại cho Áp-ra-ham, nếu không ông và tất cả những người thuộc về ông đều sẽ chết.
Genesis 20:8
Người của A-bi-mê-léc phản ứng thế nào khi nghe về những điều Đức Chúa Trời đã phán cùng A-bi-mê-léc?
Người của A-bi-mê-léc rất sợ hãi khi nghe về những điều Đức Chúa Trời đã phán cùng ông.
Genesis 20:11
Áp-ra-ham giải thích vì sao ông đã nói cùng A-bi-mê-léc rằng Sa-ra là em gái mình?
Áp-ra-ham nói rằng ông sợ A-bi-mê-léc sẽ vì Sa-ra mà giết ông.
Genesis 20:12
Sa-ra thật sự là em gái của Áp-ra-ham như thế nào?
Sa-ra là em cùng cha khác mẹ với Áp-ra-ham.
Genesis 20:16
A-bi-mê-léc cho Áp-ra-ham người và những con vật gì?
A-bi-mê-léc cho Áp-ra-ham chiên, bò, tôi trai tớ gái.
A-bi-mê-léc nói với Sa-ra vì sao ông ban cho anh của bà một ngàn miếng bạc?
A-bi-mê-léc nói với Sa-ra rằng ông đã ban cho anh của bà một ngàn miếng bạc để che mọi sự vi phạm nào nghịch cùng bà trong mắt hết thảy những người ở với bà và trước mặt mọi người.
Genesis 20:17
Điều gì xảy ra khi Áp-ra-ham cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho A-bi-mê-léc và những người của ông?
Đức Chúa Trời đã chữa lành cho A-bi-mê-léc, vợ và những tớ gái của ông để họ có thể có con.

Chapter 21
Genesis 21:1
Đức Giê-hô-va chú ý đến Sa-ra
Từ "chú ý" ở đây chỉ về việc Đức Giê-hô-va giúp Sa-ra được có con. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giúp đỡ Sa-ra"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sinh một con trai cho Áp-ra-ham
"sinh con trai của Áp-ra-ham"
Trong tuổi già của người
“khi Áp-ra-ham đã cao tuổi”
Đúng kỳ hạn mà Đức Chúa Trời đã phán với ông
"đúng thời điểm mà Đức Chúa Trời đã phán với ông rằng nó sẽ xảy ra”
Áp-ra-ham đặt tên con trai mà Sa-ra đã sinh cho mình là Y-sác
“Áp-ra-ham đặt tên đứa con trai mà Sa-ra đã sinh cho mình là Y-sác” hoặc “Áp-ra-ham đặt tên cho đứa con trai mới sinh của họ là Y-sác”
Áp-ra-ham làm phép cắt bì cho Y-sác, con trai mình khi nó được tám ngày tuổi
“Khi Y-sác, con trai người được tám ngày tuổi, thì Áp-ra-ham làm phép cắt bì cho nó”
Tám ngày
"8 ngày"
Đã truyền cho ông
"đã truyền dạy Áp-ra-ham phải làm”
Genesis 21:5
một trăm
"100"
Đức Chúa Trời làm cho tôi vui cười
Sa-ra cười vì ngạc nhiên xen lẫn hạnh phúc. Có thể nói rõ ý ở đây. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã làm cho tôi vui cười hạnh phúc"
Ai nghe
Có thể nói rõ điều họ nghe là gì. Gợi ý dịch: "hễ ai nghe về điều Đức Chúa Trời đã làm cho tôi" (UDB)
Có ai dám nói với Áp-ra-ham rằng Sa-ra sẽ cho con bú?
Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chưa từng có ai dám nói với Áp-ra-ham rằng: 'Sa-ra sẽ cho con bú"
cho con bú
Đây là cách tế nhị để nói về việc cho con trẻ bú sữa mẹ. Gợi ý dịch: "cho con bú sữa mình”
Genesis 21:8
Đứa trẻ lớn lên ... Y-sác dứt sữa
"Dứt sữa" là cách lịch sự để nói về một đứa trẻ thôi bú sữa mẹ. Gợi ý dịch: "Y-sác lớn lên và khi đứa trẻ không cần sữa mẹ nữa thì Áp-ra-ham tổ chức một bữa tiệc lớn"
Con trai mà A-ga, người Ai-cập, đã sinh cho Áp-ra-ham
Có thể nói rõ tên con trai của A-ga. Gợi ý dịch: "Ích-ma-ên, con trai của A-ga người Ai-cập và Áp-ra-ham"
Chế giễu
Có thể nói rõ rằng nó đang chế giễu và cười nhạo Y-sác. Gợi ý dịch: "cười nhạo Y-sác"
Genesis 21:10
Bà nói với Áp-ra-ham
"Sa-ra nói với Áp-ra-ham"
Đuổi đi
"tống khứ” hoặc ‘loại bỏ” (UDB)
đứa tớ gái này và con trai của nó
Chỉ về A-ga và Ích-ma-ên. Có thế Sa-ra không gọi tên hai người này ra vì ba đang tức giận với họ.
Với con trai tôi, với Y-sác
“với Y-sác, con trai tôi”
Việc này khiến cho Áp-ra-ham rất đau lòng
"Áp-ra-ham rất buồn rầu về điều Sa-ra nói"
Vì con trai mình
"Vì đó là con trai mình". Ngụ ý chỉ về con trai ông là Ích-ma-ên.
Genesis 21:12
Con đừng buồn vì cớ đứa nhỏ và đứa tớ gái của mình
“Đừng buồn về đứa nhỏ và người hầu gái của mình”
Cứ nghe theo mọi lời nàng nói với con về việc này
Từ “lời” ở đây chỉ về những điều được nói. Gợi ý dịch: "Hãy làm mọi điều mà Sa-ra nói với con về họ"
Ấy là bởi Y-sác mà sẽ có dòng dõi được mang danh ngươi
Cụm từ “được mang danh ngươi” có nghĩa là những người được sinh ra bởi Y-sác sẽ là những người được Đức Chúa Trời xem là dòng dõi mà Ngài đã hứa cho Áp-ra-ham. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Y-sác sẽ là tổ phụ của những dòng dõi mà Ta đã hứa ban cho ngươi"
Ta cũng sẽ làm cho con trai của đứa tớ gái trở thành một dân tộc
Từ “dân tộc” có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ ban cho ông nhiều con cháu để chúng sẽ trở thành một dân lớn. Gợi ý dịch: “Ta sẽ khiến con trai của người đầy tớ gái cũng trở nên tổ tiên của một dân lớn”
Genesis 21:14
Lấy bánh
Có thể là 1) chỉ về thức ăn nói chung hoặc 2) chỉ riêng về bánh mì.
Một bầu da đựng nước a skin of water
“một túiđựng nước’. Vật dụng để chứa nước được làm từ da thú.
Khi nước trong bầu da đã hết
“Khi bầu nước trống rỗng” hoặc “khi họ đã uống hết nước”
Cách xa khoảng chừng một tầm tên bắn
Chỉ về khoảng cách mà một người có thể bắn tên. Khoảng 100m.
Xin đừng để tôi phải chứng kiến cái chết của đứa trẻ
Danh từ trừu tượng “cái chết” có thể địch dịch thành “chết”. Gợi ý dịch: "Tôi không muốn nhìn đưa trẻ chết"
Nàng cất tiếng than khóc
Từ “tiếng” ở đây chỉ về tiếng khóc của nàng. “Cất tiếng” có nghĩa là khóc lớn.
Gợi ý dịch: "nàng la lớn và than khóc" hoặc "nàng khóc lớn"
Genesis 21:17
Tiếng đứa trẻ
“Tiếng của đứa bé trai”. Từ “tiếng” ở đây chỉ về âm thanh của đứa bé khóc hoặc nói. Gợi ý dịch: "tiếng của Ích-ma-ên"
Thiên sức của Đức Chúa Trời
"sức giả từ Đức Chúa Trời’ hoặc “sứ giả của Đức Chúa Trời”
Từ trên trời
“Trời” ở đây là nơi Chúa ngự.
Có chuyện gì với con vậy
"Có chuyện gì vậy” hoặc “Tại sao con khóc”
Tiếng của đứa nhỏ tại chỗ nó đang nằm
Từ “tiếng” chỉ về tiếng khóc hoặc tiếng nói của đứa trẻ. Gợi ý dịch: "tiếng của đứa trẻ nằm đằng kia"
Đứa đứa trẻ lên
"đỡ đứa trẻ đứng dậy"
Ta sẽ khiến nó trở thành một dân lớn
Khiến Ích-ma-ên trở thành một dân lớn có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ cho ông nhiều con cháu, và họ sẽ trở thành một dân lớn. Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến dòng dõi của nó trở thành một dân lớn” hoặc “Ta sẽ khiến nó trở nên tổ phụ của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

một dân lớn"
Genesis 21:19
Đức Chúa Trời mở mắt nàng, và nàng thấy
Đức Chúa Trời khiến A-ga nhận biết được cái giếng đang được nói đến như thể Ngài mở mắt nàng theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời khiến A-ga nhìn thấy" hoặc "Đức Chúa Trời cho A-ga thấy"
Bầu da
"tùi đựng làm từ da" hoặc 'túi nước"
Đứa trẻ
"đứa bé trai" hoặc "Ích-ma-ên"
Đức Chúa Trời ở cùng đứa trẻ
Cụm từ "ở cùng" là một thành ngữ có nghĩa là Đức Chúa Trời giúp đỡ hay chúc phước cho đứa trẻ. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời hướng dẫn đứa trẻ" hoặc "Đức Chúa Trời chúc phước cho đứa trẻ"
trở thành người bắn cung
"trở thành người sử dụng cung tên điêu luyện"
Cưới vợ
"tìm được một người vợ"
Genesis 21:22
Xảy khi
Cụm từ này đánh dấu mở đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt điều này thì có thể sử dụng ở đây.
Phi-côn
Đây là tên người.
Chỉ huy trưởng
"sĩ quan chỉ hủy quân đội" (UDB)
Quân đội của người
Từ "của người" chỉ A-bi-mê-léc.
Đức Chúa Trời ở cùng ngươi trong mọi việc ngươi làm
Cụm từ "ở cùng ngươi" ở đây là một thành ngữ có nghĩa là Đức Chúa Trời giúp đỡ hoặc ban phước cho Áp-ra-ham. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ban phước cho mọi việc người làm"
Vậy nên bây giờ
Từ "bây giờ" không có nghĩa là "ngay tại thời điểm đó", nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau. Gợi ý dịch: "vậy nên"
Hãy thề với ta trước mặt Đức Chúa Trời
Đây là một thành ngữ có nghĩa là đưa ra lời thề long trọng được người có thẩm quyền cao hơn chứng giám, trong trường hợp này là Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "hãy hứa với ta có Đức Chúa Trời làm chứng"
Rằng ngươi sẽ không lừa dối ta
"rằng người sẽ không nói dối ta"
sẽ không lừa dối ... dòng dõi ta
Có thể nói ở dạng câu khẳng định. Gợi ý dịch: "sẽ đối xử tử tế với ta và dòng dõi ta"
Tỏ ra cùng ta ... sự trung thành theo giao ước mà ta tỏ ra cùng người
Hai người lập giao ước với nhau. Danh từ trừu tượng "sự trung thành" có thể dịch thành tính từ "trung thành". Gợi ý dịch: "Hãy trung thành với ta và với cả xứ như ta đã trung thành với ngươi"
Với cả xứ
Từ "xứ" chỉ về con người. Gợi ý dịch: "với dân trong xứ"
Tôi xin thề
Có thể dịch rõ cả câu. Gợi ý dịch: "Tôi xin thề sẽ đối xử tử tế với ông và dân của ông như ông đã đối xử tử tế với tôi"
Genesis 21:25
Áp-ra-ham cũng phàn nàn với A-bi-mê-léc
Có thể là 1) Áp-ra-ham phàn nàn về việc đã xảy ra hoặc 2) Áp-ra-ham cũng trách A-bi-mê-léc
về việc một giếng nước bị các đầy tớ của A-bi-mê-léc chiếm đoạt
"vì đầy tớ của A-bi-mê-léc đã chiếm một trong số các giếng nước của Áp-ra-ham"
Chiếm đoạt của ông
"chiếm lấy của Áp-ra-ham" hoặc "giành quyền sử dụng của" (UDB)
ta không hề nghe nói về chuyện này cho đến hôm nay
"Đây là lần đầu tiên ta nghe về việc này"
Áp-ra-ham bắt chiên và bò, tặng cho vua A-bi-mê-léc
Đây là dấu hiệu của tình bằng hữu và Áp-ra-ham đồng ý lập giao ước với A-bi-mê-léc.
Genesis 21:28
Áp-ra-ham lựa riêng bảy con chiên cái trong bầy
"Áp-ra-ham tách riêng bảy con chiến cái ra khỏi bầy"
Bảy
"7"
Ngươi lựa riêng bảy con chiên cái này để là gì?
"Vì sao ngươi lại để riêng bảy con chiên cái này khỏi bầy?"
Vua sẽ nhận lấy
"vua sẽ lấy"
Từ tay tôi
Từ "tay" chỉ về Áp-ra-ham. Gợi ý dịch: "từ tôi"
Nó như một lời chứng
Từ "nó" chỉ về số quà tặng là bảy con chiên.
Để nó như một lời chứng cho tôi
Danh từ trừu tượng "lời chứng" có thể dịch là "chứng mình". Gợi ý dịch: "chứng minh cho mọi người"
Genesis 21:31
Ông gọi nơi đó
"Áp-ra-ham gọi nơi đó"
Bê-e Sê-ba
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Bê-e Sê-ba có nghĩa là "cái giếng thề nguyện" hoặc "cái giếng số bảy"
Họ đều
"Áp-ra-ham và A-bi-mê-léc"
Phi-côn
Đây là tên người. Xem cách đã dịch tên này trong GEN 21:22.
Trở về xứ Phi-li-tin
"đi về xứ của người Phi-li-tin"
Genesis 21:33
Một cây me
Đây là một loại cây thường xanh có thể mọc trong sa mạc. Có thể dịch theo cách chung hơn. Gợi ý dịch: "một cái cây"
Đức Chúa Trời hằng hữu
"Đức Chúa Trời sống đời đời"
Lâu ngày
Chỉ về một khoảng thời gian dài hơn.

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 21:2
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Sa-ra?
Đức Giê-hô-va thăm viếng Sa-ra và bà sinh cho Áp-ra-ham một con trai vào kỳ hạn đã hứa.
Genesis 21:4
Khi Y-sác được tám ngày tuổi, Áp-ra-ham đã làm gì?
Khi Y-sác được tám ngày tuổi, Áp-ra-ham làm phép cắt bì cho con.
Genesis 21:6
Sa-ra nói Đức Chúa Trời khiến bà làm gì?
Sa-ra nói rằng Đức Chúa Trời khiến bà vui cười.
Genesis 21:9
Vào ngày Y-sác dứt sữa, Sa-ra nhìn thấy điều gì?
Sa-ra nhìn thấy con trai A-ga nhạo cười.
Genesis 21:10
Sa-ra bảo Áp-ra-ham làm gì với A-ga và con trai của A-ga? Vì sao?
Sa-ra bảo Áp-ra-ham đuổi A-ga và con trai nàng đi vì con trai của A-ga sẽ không được cùng thừa kế với Y-sác.
Genesis 21:11
Áp-ra-ham phản ứng thế nào trước yêu cầu của Sa-ra?
Áp-ra-ham đau buồn vì yêu cầu của Sa-ra.
Genesis 21:12
Đức Chúa Trời bảo Áp-ra-ham làm gì?
Đức Chúa Trời bảo Áp-ra-ham nghe theo Sa-ra.
Genesis 21:14
A-ga và con trai nàng đi đâu sau khi Áp-ra-ham cho họ đi?
A-ga và con trai nàng đi vào hoang mạc.
Genesis 21:18
Đức Chúa Trời phán với A-ga Ngài sẽ làm gì cho con trai nàng?
Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ khiến con trai A-ga thành một dân lớn.
Genesis 21:19
Làm sao A-ga và con trai nàng có thể sống sót?
Đức Chúa Trời mở mắt A-ga và nàng nhìn thấy một giếng nước.
Genesis 21:20
Con trai A-ga lớn lên thế nào?
Con trai A-ga trở thành người có tài bắn cung, mẹ chàng cưới cho chàng một cô vợ người Ai Cập.
Genesis 21:21
Con trai A-ga lớn lên thế nào?
Con trai A-ga trở thành người có tài bắn cung, mẹ chàng cưới cho chàng một cô vợ người Ai Cập.
Genesis 21:23
A-bi-mê-léc muốn Áp-ra-ham thề phải làm gì cho ông?
A-bi-mê-léc muốn Áp-ra-ham thề rằng ông sẽ không lừa dối người, con cái hay dòng dõi người. A-bi-mê-léc muốn Áp-ra-ham trung thành với giao ước cũng như A-bi-mê-léc đã làm như vậy.
Genesis 21:25
Áp-ra-ham phàn nàn điều gì với A-bi-mê-léc?
Áp-ra-ham phàn nàn với A-bi-mê-léc về một giếng nước bị đầy tớ của A-bi-mê-léc chiếm đoạt.
Genesis 21:28
Vì sao Áp-ra-ham gửi cho A-bi-mê-léc bảy con chiên cái tơ?
Áp-ra-ham gửi bảy con chiên cái tơ cho A-bi-mê-léc như một lời chứng rằng cái giếng bị tranh chấp là do ông đào.
Genesis 21:30
Vì sao Áp-ra-ham gửi cho A-bi-mê-léc bảy con chiên cái tơ?
Áp-ra-ham gửi bảy con chiên cái tơ cho A-bi-mê-léc như một lời chứng rằng cái giếng bị tranh chấp là do ông đào.
Genesis 21:32
A-bi-mê-léc trở về xứ nào?
A-bi-mê-léc trở về xứ Phi-li-tin.
Genesis 21:33
Áp-ra-ham đã làm gì tại cây me ở Bê-e Sê-ba?
Áp-ra-ham thờ phượng Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời hằng hữu.
Genesis 21:34
Áp-ra-ham sống lâu ngày ở đâu?
Áp-ra-ham sống lâu ngày trong đất người Phi-li-tin.

Chapter 22
Genesis 22:1
Chuyện xảy ra như vầy
Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt điều này thì có thể sử dụng ở đây.
Sau các việc này
Chỉ những sự kiện ở chương 21.
Đức Chúa Trời thử Áp-ra-ham
Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời thử xem Áp-ra-ham có trung tín với Ngài không. Có thể nói rõ ý của câu này. Gợi ý dịch: Đức Chúa Trời thử sự trung tín của Áp-ra-ham.
Có con đây
"Dạ, con xin nghe" hoặc "Dạ, có chuyện gì vậy ạ?"
Đứa con trai duy nhất của ngươi
Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời biết Áp-ra-ham có một con trai khác là Ích-ma-ên. Câu này nhấn mạnh rằng Y-sác là con trai mà Đức Chúa Trời hứa ban cho Áp-ra-ham. Có thể nói rõ ý nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "con trai duy nhất mà ta đã hứa cho ngươi"
mà ngươi yêu mến
Vế này nhấn mạnh tình yêu của Áp-ra-ham dành cho con trai là Y-sác.
Xứ Mô-ri-a
"xứ được gọi là Mô-ri-a"
Thắng lừa
"tải đồ lên lưng lừa" hoặc "chất lên lừa những thứ ông cần cho chuyến đi"
Người trai trẻ
"các đầy tớ" (UDB)
Bắt đầu lên đường cho cuộc hành trình của mình
"bắt đầu chuyến đi" hoặc "bắt đầu đi" (UDB)
Genesis 22:4
Đến ngày thứ ba
“Thứ ba” là số thứ tự của số ba. Gợi ý dịch: "Sau ba ngày đi đường"
thấy nơi đó từ đằng xa
"từ đằng xa đã thấy nơi mà Đức Chúa Trời đã phán”
Những người trai trẻ
"các đầy tớ" (UDB)
Chúng ta sẽ thờ phượng
Từ “chúng ta” chỉ nói đến Áp-ra-ham và Y-sác.
Trở lại cùng các ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"quay lại cùng các ngươi”

Chất chúng trên Y-sác, con mình

“để Y-sác, con trai mình, mang chúng”

Ông cầm trong tay mình

Từ “trong tay mình” nhấn mạnh rằng chính Áp-ra-ham mang những vật đó. Gợi ý dịch: "Chính Áp-ra-ham mang"

Lửa

“Lửa” ở đây chỉ về một cái chảo đựng than đang cháy hoặc một cây đuốc hoặc một cây đèn. Gợi ý dịch: "vật để mồi lửa"

Hai cha con cùng đi

"họ cùng nhau bỏ đi’ hoặc “hai người họ đi cùng nhau”

Genesis 22:7

Cha của con ơi

Đây một cách gọi trìu mến của đứa con với cha mình.

Cha đây

"Ừ, cha nghe" hoặc "Ừ, chuyện gì vậy?" Xem cách đã dịch ở GEN 22:1.

con trai của cha

Đây một cách gọi trìu mến của cha với con mình.

Lửa

“Lửa” ở đây chỉ về một cái chảo đựng than đang cháy hoặc một cây đuốc hoặc một cây đèn. Xem cách đã dịch ở [GEN 22:6]

Con chiên cho của lễ thiêu

"con chiên mà cha sẽ dâng làm của lễ thiêu"

Chính Đức Chúa Trời

Từ “chính” ở đây nhấn mạnh rằng chính Đức Chúa Trời sẽ chu cấp chiên con.

Sẽ chu cấp

"sẽ ban cho chúng ta"

Genesis 22:9

Khi họ đến nơi

" Khi Áp-ra-ham và Y-sác đã đến nơi đó"

Ông trói

"ông buộc"

Trên bàn thờ, trên đống củi

"lên đống củi trên bàn thờ"

Đưa tay ra cầm lấy dao

"cầm lấy con dao"

Genesis 22:11

thiên sứ của Đức Giê-hô-va

Có thể là: 1) Đức Giê-hô-va hiện ra như một thiên sứ hoặc 2) đây là một trong số những thiên sứ của Đức Giê-hô-va hoặc 3) đây là một sứ giả đặc biệt đến từ Đức Chúa Trời (một số học giả cho rằng đây là Chúa Giê-xu). Vì cụm từ này không được hiểu rõ, nên tốt nhất chỉ nên dịch là “Thiên sứ của Đức Giê-hô-va" sử dụng từ thường dùng cho “thiên sứ”. Xem chú thích cho cụm từ này ở GEN 16:7.

Từ trời

Chỉ về nơi Đức Chúa Trời ngự.

Có con đây

"Dạ, con xin nghe" hoặc "Dạ, có chuyện gì vậy ạ?" Xem cách đã dịch ở GEN 22:1.

Đừng tra tay vào đứa trẻ cùng đừng làm chi hại đến nó

Cụm từ “đừng tra tay vào” là một cách để nói “đừng làm hại”. Căn bản Đức Chúa Trời lặp lại cùng một điều hai lần để nhấn mạnh rằng Áp-ra-ham không được làm hại Y-sác. Gợi ý dịch: "dù cách nào cũng đừng làm hại đứa trẻ"

bây giờ, Ta biết rằng... với Ta

Từ "Ta" chỉ về Đức Giê-hô-va. Hãy dịch phần trích dẫn giống như thiên sứ nói và chỉ dùng từ “Ta” khi chỉ về Đức Giê-hô-va.

con kính sợ Đức Chúa Trời

Chỉ về việc tôn trọng Đức Chúa Trời cách sâu sắc và thể hiện sự tôn trong đó bằng cách vâng lời Ngài.

Thấy rằng

"vì Ta thấy rằng"

Con đã không tiếc con trai con ... với Ta

“đã không giữ lại con trai mình... với Ta”. Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "con sẵn sàng dâng con của mình ... cho ta"

Con trai mình, tức con một của con

Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời biết Áp-ra-ham có một con trai khác là Ích-ma-ên. Câu này nhấn mạnh rằng Y-sác là con trai mà Đức Chúa Trời hứa ban cho Áp-ra-ham. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự trong [GEN 22:2]

Genesis 22:13

Kìa

Từ ‘kìa” được dùng để hướng sự chú ý của đến sự việc đáng ngạc nhiên theo sau.

một con chiên đực bị mắc sừng trong bụi cây

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "một con chiên đực, sừng bị mắc vào trong bụi cây" hoặc "một con chiên đực mắc vào trong bụi cây"

Đi bắt con chiên đực đó

"Áp-ra-ham đi đến chỗ con chiên đực và bắt nó"

Sẽ cung ứng ... sẽ được cung ứng

Dùng cùng một từ cho từ “cung ứng” đã dịch ở GEN 22:8.

Cho đến ngày nay

"thậm chí bây giờ”. Câu này có nghĩa là thậm chí đến thời điểm mà tác giả viết sách này.

Điều ấy sẽ được cung ứng

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ chu cấp"

Genesis 22:15

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va

Có thể là: 1) Đức Giê-hô-va hiện ra như một thiên sứ hoặc 2) đây là một trong số những thiên sứ của Đức Giê-hô-va hoặc 3) đây là một sứ giả đặc biệt đến từ Đức Chúa Trời (một số học giả cho rằng đây là Chúa Giê-xu). Vì cụm từ này không được hiểu rõ, nên tốt nhất chỉ nên dịch là “Thiên sứ của Đức Giê-hô-va" sử dụng từ thường dùng cho “thiên sứ”. Xem chú thích cho cụm từ này trong GEN 16:7.

lần thứ nhì

“Thứ nhì” là số thứ tự của số hai. Gợi ý dịch: "lần nữa"

Từ trời

Từ “trời” ở đây chỉ về nơi Đức Chúa Trời ngự.

Và bảo “Đây là lời tiên tri của Đức Giê-hô-va”

"và bảo đây là sứ điệp từ Đức Giê-hô-va" hoặc "và công bố lời phán của Đức Giê-hô-va". Đây là cách nói trang trọng để nói rằng những lời phán theo sau trực tiếp đến từ Đức Giê-hô-va.

Ta lấy chính mình mà thề

“Ta đã hứa và chính mình Ta làm chứng”. Cụm từ “lấy...mà thề” có nghĩa là dùng danh của một vật hoặc một người nào đó làm nền tảng hay sức mạnh để lập lời thề. Không điều gì có năng quyền hơn để Đức Giê-hô-va lập lời thề ngoại trừ chính Ngài.

Con đã làm việc này

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"ngươi đã vâng lời Ta”

không tiếc con mình

"không giữ lại con mình". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "sẵn sàng dâng con mình cho ta"

con mình, đứa con duy nhất của con

Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời biết Áp-ra-ham có một con trai khác là Ích-ma-ên. Câu này nhấn mạnh rằng Y-sác là con trai mà Đức Chúa Trời hứa ban cho Áp-ra-ham. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 22:2]

Nhất định ban phước

"chắc chắn ban phước"

Ta sẽ gia tăng dòng dõi ngươi

"Ta sẽ khiến dòng dõi ngươi gia tăng không ngừng” hoặc “Ta sẽ khiến cho dòng dõi ngươi nên nhiều vô số”

Như sao trên trời, và như cát trên bãi biển

Đức Chúa Trời so sáng dòng dõi của Áp-ra-ham như sao và cát. Giống như con người không tài nào đếm nổi con số khổng lồ của sao trên trời hoặc cát biển, thì dòng dõi của Áp-ra-ham cũng sẽ đông đến nỗi không thể nào đếm hết được. Gợi ý dịch: ‘vượt quá số lượng có thể đếm được”

Như sao trên trời

Từ “trời” ở đây chỉ về mọi thứ chúng ta nhìn thấy bên trên trái đất, bao gồm mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao.

Sẽ chiếm được cổng thành của quân địch

Từ “cổng” ở đây chỉ về toàn bộ thành phố. “Chiếm được cổng thành của quân địch” có nghĩa là tiêu diệt được kẻ thù của họ. Gợi ý dịch: "sẽ hoàn toàn chiến thắng kẻ thù"

Genesis 22:18

Thông Tin Tổng Quát:

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Áp-ra-ham.

Mọi dân trên đất sẽ được phước

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta, Đức Giê-hô-va, sẽ chúc phước cho mọi dân sống ở khắp nơi”

dân trên đất

Từ “dân” ở đây chỉ về dân của các nước.

Con đã vâng lời Ta

Từ “lời” ở dây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán. Gợi ý dịch: "con đã vâng theo những lời ta phán” hoặc "con đã vâng phục ta"

Áp-ra-ham trở lại

Chỉ mình Áp-ra-ham được nêu tên vì ông là cha, nhưng có thể hiểu ngầm rằng con trai của ông đi cùng với ông. Có thể nói rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: “Áp-ra-ham cùng con trai quay trở lại”

Các người trai trẻ

"các đầy tớ” (UDB)

Họ rời khỏi

"họ đi khỏi nơi đó"

Ông sống tại Bê-e Sê-ba

Chỉ mình Áp-ra-ham được nhắc đến bởi vì ông là người lãnh đạo của gia đình và các đầy tớ, nhưng có thể ngầm hiểu rằng họ ở cùng với ông. Có thể nói rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: “Áp-ra-ham và người của mình sống tại Bê-e Sê-ba."

Genesis 22:20

Sau những việc đó, chuyện xảy ra như vầy

“Sau những sự việc này”. Cụm từ “những việc đó” chỉ về những sự việc trong Sáng Thế Ký 22:1-19.

Áp-ra-ham được báo

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "có người báo với Áp-ra-ham"

Minh-ca cũng sinh con

"Minh-ca cũng có con"

Minh-ca

Đây là tên của một người nữ.

Con trưởng người là Út-xơ, em nó là Bu-xơ

"Tên con trai đầu lòng của ngươi là Út-xơ, và tên của đứa kia là Bu-xơ, em nó”

Út-xơ... Bu-xơ... Kê-mu-ên... A-ram... Kê-sết, Ha-xô, Phin-đát, Dít-láp và Bê-tu-ên

Đây toàn là tên của những người nam. Hãy dịch những tên này sao cho thấy rõ rằng ngoại trừ A-ram, tất cả đều là con của Na-hô và Minh-ca.

Genesis 22:23

Bê-tu-ên là cha của Rê-bê-ca

"Bê-tu-ên sau này là cha của Rê-bê-ca"

Đó là tám người con mà Minh-ca đã sinh cho Na-hô, em của Áp-ra-ham

“Đó là tám người con của Minh-ca và Na-hô, em của Áp-ra-ham”. Câu này chỉ về những người con được liệt kê ở GEN 22:21-22.

Tám

"8"

Vợ lẽ của ông

“vợ lẽ của Na-hô”

Rê-u-ma

Đây là tên của phụ nữ.

Cũng sinh

"cũng sanh"

Tê-ba, Ga-ham, Ta-hách và Ma-a-ca

Đây là tên của những người nam.

Translation Questions

Genesis 22:1

Đức Chúa Trời thử Áp-ra-ham điều gì?

Đức Chúa Trời bảo Áp-ra-ham đi đến đất Mô-ri-a và dâng Y-sác làm tế lễ thiêu.

Genesis 22:2

Đức Chúa Trời thử Áp-ra-ham điều gì?

Đức Chúa Trời bảo Áp-ra-ham đi đến đất Mô-ri-a và dâng Y-sác làm tế lễ thiêu.

Genesis 22:3

Áp-ra-ham đáp ứng với mạng lệnh của Đức Chúa Trời như thế nào?

Áp-ra-ham thức dậy sớm, lên đường đi đến nơi Đức Chúa Trời đã phán cùng ông.

Genesis 22:5

Áp-ra-ham nói với hai thanh niên của mình rằng ông và Y-sác làm gì?

Áp-ra-ham nói với hai thanh niên của mình rằng ông và Y-sác đi thờ phượng rồi sẽ trở lại.

Genesis 22:7

Y-sác hỏi Áp-ra-ham điều gì khi họ đang đi cùng nhau?

Y-sác hỏi Áp-ra-ham rằng "Chiên con ở đâu để dâng tế lễ thiêu?"

Genesis 22:8

Áp-ra-ham đã trả lời Y-sác như thế nào?

Áp-ra-ham nói rằng chính Đức Chúa Trời sẽ cung cấp chiên con cho tế lễ thiêu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 22:9

Khi họ đến nơi, Áp-ra-ham lấy gì làm của lễ thiêu và ông đã chuẩn bị như thế nào?

Áp-ra-ham dùng Y-sác làm của lễ thiêu bằng cách trói đứa bé lại và đặt lên bàn thờ.

Genesis 22:12

Khi Áp-ra-ham cầm dao trong tay thì thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán gì cùng Áp-ra-ham?

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va bảo Áp-ra-ham đừng làm hại Y-sác.

Thiên sứ phán bây giờ người đã biết điều gì về Áp-ra-ham?

Thiên sứ phán bây giờ người biết rằng Áp-ra-ham kính sợ Đức Chúa Trời.

Genesis 22:13

Sau đó Đức Chúa Trời cung cấp của lễ thiêu cho Áp-ra-ham như thế nào?

Có một con chiên đực bị mắc trong bụi cây đắng sau Áp-ra-ham và ông dùng nó làm của lễ thiêu.

Genesis 22:14

Áp-ra-ham gọi nơi dâng tế lễ thiêu đó là gì?

Áp-ra-ham gọi nơi đó là "Đức Giê-hô-va sẽ cung ứng".

Genesis 22:16

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói lí do gì mà người chúc phước cho Áp-ra-ham?

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói rằng người chúc phước cho Áp-ra-ham vì ông không tiếc con duy nhất của mình.

Genesis 22:17

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói lí do gì mà người chúc phước cho Áp-ra-ham?

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói rằng người chúc phước cho Áp-ra-ham vì ông không tiếc con duy nhất của mình.

Genesis 22:18

Tất cả các dân tộc trên đất sẽ được phước qua ai và vì sao?

Qua dòng dõi của Áp-ra-ham mà tất cả các dân tộc trên đất sẽ được phước, vì Áp-ra-ham đã vâng theo tiếng thiên sứ của Đức Giê-hô-va.

Chapter 23

Genesis 23:1

Sa-ra sống được một trăm hai mươi bảy năm

Bảy năm

Đây là những năm của đời Sa-ra

Một số bản dịch không có câu này.

Ki-ri-át Ạc-ba

Đây là tên của một thành phố.

Áp-ra-ham than khóc Sa-ra

"Áp-ra-ham rất đau buồn và khóc thương vì Sa-ra đã qua đời"

Genesis 23:3

Đứng dậy và đi khỏi chỗ người vợ quá cố của mình

"đứng dậy và rời khỏi thi thể của vợ mình"

con cháu của Hếch

Từ “con cháu” ở đây chỉ về những người ra từ Hếch. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Hếch"

Giữa các anh

Có thể nói theo địa điểm. “Trong nước các anh” hoặc “ở đây”.

Xin hãy nhượng lại cho tôi một phần đất

"Xin hãy bán cho tôi một phần đất” hoặc “Xin hãy cho phép tôi được mua một miếng đất”

Người chết của tôi

Tính từ đóng vai trò danh từ “người chết” ở đây có thể được dịch thành tính từ hoặc động từ.

Gợi ý dịch: "người vợ đã chết của tôi" hoặc "vợ tôi đã chết"

Genesis 23:5

Con cháu của Hếch

Từ “con cháu” ở đây chỉ về những người ra từ Hếch. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Hếch"

Chúa của tôi

Cụm từ này được dùng để thể hiện sự tôn trọng đối với Áp-ra-ham.

bậc vương hầu của Đức Chúa Trời

Đây là một thành ngữ. Có thể là “một người đàn ông quyền lực”

Người chết của ông

Tính từ đóng vai trò danh từ “người chết” ở đây có thể được dịch thành động từ hoặc đơn giản là “vợ”. Gợi ý dịch: "người vợ đã mất của ông" hoặc "vợ của ông"

Mộ phần tốt nhất của chúng tôi

"Chỗ chôn cất tốt nhất của chúng tôi"

Tiếc với ông mộ phần của mình

"giữ lại không cho ông mộ phần của mình” hoặc “từ chối không cho ông mộ phần của mình”

Genesis 23:7

cúi mình

Tức là cúi xuống hoặc quỳ xuống rất thấp để khiêm nhường bày tỏ sự tôn trọng và kính cẩn trước ai đó.

Trước dân bản địa, con cháu của Hếch

"trước con cháu của Hếch, người sinh sống ở vùng đất này”

con cháu của Hếch

Từ “con cháu” ở đây chỉ về những người ra từ Hếch. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Hếch". Xem cách đã dịch ở [GEN 23:3]

Người chết của tôi

Tính từ đóng vai trò danh từ “người chết” ở đây có thể được dịch thành động từ hoặc đơn giản dịch là “vợ”.

Gợi ý dịch: "người vợ đã chết của tôi" hoặc "vợ tôi".

Ép-rôn...Xô-ha

Đây là tên của những người nam.

hang đá Mặc-bê-la của ông ấy, ở cuối cánh đồng

"hang đá của ông ấy ở cuối cánh đồng tại Mặc-bê-la"

Hang đá Mặc-bê-la

"Hang đá tại Mặc-bê-la." Mặc-bê-la là tên của một khu vực hoặc một vùng. Ép-rôn sở hữu một cánh đồng tại Mặc-bê-la và hang đá ở trong cánh đồng đó.

Của ông ấy

Cho biết thông tin về hang đá. Ép-rôn là chủ của hang đá.

Ở cuối cánh đồng

Nói về hang đá. Hang đá nằm ở cuối cánh đồng của Ép-rôn.

Công khai bán cho tôi

"bán nó cho tôi trước mặt hết thảy các anh” (UDB) hoặc “bán nó cho tôi trước mặt các anh”

Tài sản

"miếng đất mà tôi có thể sở hữu và sử dụng"

Genesis 23:10

Bấy giờ Ép-rôn ngồi giữa con cháu của Hếch

Từ “bấy giờ” được dùng để đánh dấu sự thay đổi từ câu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chuyện đang được ký thuật sang thông tin bối cảnh về Ép-rôn.

Ép-rôn

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch trong [GEN 23:8]

con cháu của Hếch

Từ “con cháu” ở đây chỉ về những người ra từ Hếch. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Hếch". Xem cách đã dịch ở [GEN 23:3]

trước sự chứng kiến của con cháu họ Hếch

Danh từ trừu tượng “sự chứng kiến” có thể được dịch là “nghe” hoặc “lắng nghe”. Gợi ý dịch: “để hết thảy con cháu của Hếch có thể nghe lời ông nói” hoặc “khi hết thảy con cháu họ Hếch đang lắng nghe”

Tất cả những người đến tại cổng thành

Vế này cho biết những người nào trong con cháu của Hếch đang lắng nghe. Gợi ý dịch: "tất cả những người đã tập trung tại cổng thành"

cổng thành

Cổng thành là nơi các lãnh đạo của thành gặp nhau để thống nhất những quyết định quan trọng.

Thành mình

"Thành ông sống". Cụm từ này cho thấy Ép-rôn thuộc về thành đó, không có nghĩa là ông sở hữu thành đó.

Chúa tôi

Cụm từ này được dùng để bày tỏ lòng tôn trọng đối với Áp-ra-ham.

Trước mặt con dân tôi

Từ “trước mặt” chỉ về nhưng người chứng kiến. Gợi ý dịch: "có những người dân trong xứ làm chứng"

con dân tôi

Tức là “những người dân trong sứ” hoặc “những anh em người Hếch của tôi”.

Dân của tôi

my people Cụm từ này cho thấy Ép-rôn thuộc về dân tộc đó, chứ không phải ông là người lãnh đạo của họ.

Tôi xin tặng nó cho ông để chôn người chết của ông

"Tôi xin tặng nó cho ông. Xin hãy chôn người chết của ông”

Người chết của ông

Tính từ đóng vai trò danh từ “người chết” ở đây có thể được dịch thành động từ hoặc đơn giản là “vợ”. Gợi ý dịch: "người vợ đã chết của ông" hoặc "vợ của ông"

Genesis 23:12

sấp mình

Tức là cúi người, khiêm nhường thể hiện sự tôn trọng và kính cẩn đối với một ai đó.

dân của xứ

"những người dân sống ở khu vực đó"

Trước sự chứng kiến của người dân trong xứ

Danh từ trừu tượng “sự chứng kiến” có thể được dịch là “nghe” hoặc “lắng nghe”. Gợi ý dịch: “để hết thảy con cháu của Hếch có thể nghe ông” hoặc “khi hết thảy con cháu họ Hếch đang lắng nghe”

Nhưng nếu ông sẵn lòng

Từ “nhưng” cho thấy có sự tương phản. Ép-rôn muốn tặng cánh đồng cho Áp-ra-ham, nhưng Áp-ra-ham muốn trả tiền mua cánh đồng đó. Gợi ý dịch: "Không, nhưng nếu ông sẵn lòng” hoặc “Không, nhưng nếu ông đồng ý”

Tôi sẽ trả tiền mua cánh đồng này

"Tôi sẽ gửi anh tiền mua cánh đồng này”

Người chết của tôi

Tính từ đóng vai trò danh từ “người chết” ở đây có thể được dịch thành động từ hoặc đơn giản dịch là “vợ”. Gợi ý dịch: "người vợ đã chết của tôi" hoặc "vợ tôi".

Genesis 23:14

Ép-rôn

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch trong [GEN 23:8]

Thưa Chúa, xin hãy nghe tôi

"Xin hãy nghe tôi, chúa của tôi ơi” hoặc “xin hãy nghe tôi, thưa ngài”

Thưa Chúa

Cụm từ này được dùng để thể hiện sự tôn trọng với Áp-ra-ham.

Miếng đất đáng giá bốn trăm siếc-lơ bạc, giữa ông và tôi có đáng gì đâu?

Ép-rôn có ý muốn nói rằng cả ông và Áp-ra-ham đều giàu có nên 400 miếng bạc chỉ là số tiền nhỏ. Câu hỏi tu từ này có thể được dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Miếng đất chỉ đáng bốn trăm siếc-lơ bạc, với tôi và ông thì chẳng đáng gì."

Bốn trăm sếc-lơ bạc

Khoảng 4,5kg bạc.

Bốn trăm

"400"

Hãy chôn người chết của ông

Tính từ đóng vai trò danh từ “người chết” có thể được dịch thành động từ hoặc đơn giản là “vợ”. Gợi ý dịch: "Hãy chôn người vợ đã mất của ông" hoặc "Hãy chôn vợ của ông"

Áp-ra-ham cân cho Ép-rôn số bạc

“Áp-ra-ham cân đủ số bạc và đưa cho Ép-rôn” hoặc “Áp-ra-ham đếm đủ số bạc cho Ép-rôn”

Số bạc mà ông đã nói

"số bạc mà Ép-rôn đã nói"

Trước sự chứng kiến của con cháu họ Hếch

Danh từ trừu tượng “sự chứng kiến” có thể được dịch là “nghe” hoặc “lắng nghe”. Gợi ý dịch: “để hết thảy con cháu của Hếch có thể nghe lời ông nói” hoặc “khi hết thảy con cháu họ Hếch đang lắng nghe”

con cháu họ Hếch

Từ “con cháu” ở đây chỉ về những người ra từ Hếch. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Hếch". Xem cách đã dịch ở [GEN 23:3]

Theo cân lượng chuẩn của các thương gia

"Sử dụng cách cân chuẩn mà các thương gia sử dụng”. Có thể dịch thành một câu mới. Gợi ý dịch: "Ông cân số bạc theo cách các thương gia cân”

Genesis 23:17

Mặc-bê-la

Mặc-bê-la là tên của một khu vực hoặc một vùng. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:9]

Mam-rê

Đây là một tên gọi khác của thành Hếp-rôn. Có thể nó được đặt theo tên của Mam-rê, bạn của Áp-ra-ham sống tại đó.

Như vậy, cánh đồng, gồm cả hang đá và tất cả cây cối trong đó

Cụm từ này giải thích ý của tác giả khi ông dùng từ “cánh đồng của Ép-rôn." Không chỉ có mỗi cánh đồng, mà còn bao gồm cả hang đá và cây cối trong cánh đồng đó nữa.

Được bán qua cho Áp-ra-ham

"trở thành tài sản của Áp-ra-ham khi ông mua nó" hoặc "thuộc về Áp-ra-ham sau khi ông mua nó"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trước mặt con cháu họ Hếch
Từ “trước mặt” chỉ về những người chứng kiến. Gợi ý dịch: "có những người họ Hếch làm chứng"
con cháu họ Hếch
Từ “con cháu” ở đây chỉ về những người ra từ Hếch. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Hếch". Xem cách đã dịch ở GEN 23:3.
Hết thảy những người có mặt tại cổng thành mình
Vế này cho biết những con cháu nào của Hếch chứng kiến Áp-ra-ham mua phần đất đó. Xem cách đã dịch trong [GEN 23:10]
cổng thành mình
Cổng thành là nơi các lãnh đạo của thành gặp nhau để thống nhất những quyết định quan trọng.
Thành mình
"Thành ông sống". Cụm từ này cho thấy Ép-rôn thuộc về thành đó, không có nghĩa là ông sở hữu thành đó.
Genesis 23:19
Sau việc này
"Sau khi ông đã mua cánh đồng"
Hang đá của cánh đồng
"hang đá trong cánh đồng”
Cánh đồng Mặc-bê-la
"cánh đồng tại Mặc-bê-la"
Tức là Hếp-rôn
Có thể là 1) Mam-rê là tên gọi khác của Hếp-rôn hoặc 2) Hếp-rôn trước đây được gọi là Mam-rê hoặc 3) Mam-rê ở rất gần với Hếp-rôn là thành phố rộng lớn hơn nên người ta thường gọi nơi đó là Hếp-rôn.
con cháu của Hếch chuyển nhượng lại cho Áp-ra-ham làm nơi an táng
"trở thành sản nghiệp của Áp-ra-ham dùng làm nơi chôn cất, khi ông mua lại từ con cháu của Hếch"
con cháu của Hếch
Từ “con cháu” ở đây chỉ về những người ra từ Hếch. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Hếch". Xem cách đã dịch ở [GEN 23:3]

Translation Questions

Genesis 23:2
Điều trước tiên Áp-ra-ham làm khi Sa-ra qua đời là gì?
Khi Sa-ra qua đời thì đầu tiên Áp-ra-ham để tang và than khóc cho bà.
Genesis 23:3
Áp-ra-ham đưa ra thỉnh cầu gì với các con trai của họ Hếch?
Áp-ra-ham hỏi xin một nơi làm chỗ an táng.
Genesis 23:4
Áp-ra-ham đưa ra thỉnh cầu gì với các con trai của họ Hếch?
Áp-ra-ham hỏi xin một nơi làm chỗ an táng.
Genesis 23:5
Các con trai của họ Hếch đáp lại thế nào với lời thỉnh cầu của Áp-ra-ham?
Các con trai của họ Hếch đưa chỗ tốt nhất trong những mộ phần của họ cho Áp-ra-ham.
Genesis 23:6
Các con trai của họ Hếch đáp lại thế nào với lời thỉnh cầu của Áp-ra-ham?
Các con trai của họ Hếch đưa chỗ tốt nhất trong những mộ phần của họ cho Áp-ra-ham.
Genesis 23:10
Khi Áp-ra-ham thỉnh cầu hang đá của người Hê-tít làm mộ phần thì Ép-rôn đáp lại thế nào?
Ép-rôn tặng cho Áp-ra-ham hang đá đó với cánh đồng bên cạnh.
Genesis 23:11
Khi Áp-ra-ham thỉnh cầu hang đá của người Hê-tít làm mộ phần thì Ép-rôn đáp lại thế nào?
Ép-rôn tặng cho Áp-ra-ham hang đá đó với cánh đồng bên cạnh.
Genesis 23:12
Áp-ra-ham đáp lại thế nào với lời đề nghị của Ép-rôn?
Áp-ra-ham đề nghị trả tiền cho cánh đồng và hang đá đó.
Genesis 23:13
Áp-ra-ham đáp lại thế nào với lời đề nghị của Ép-rôn?
Áp-ra-ham đề nghị trả tiền cho cánh đồng và hang đá đó.
Genesis 23:14
Ép-rôn đáp lại thế nào trước đề nghị của Áp-ra-ham?
Ép-rôn ra giá bốn trăm siếc-lơ bạc cho cánh đồng và hang đá.
Cuối cùng cuộc trò chuyện giữa Áp-ra-ham và Ép-rôn kết thúc thế nào?
Áp-ra-ham trả bốn trăm siếc-lơ bạc cho Ép-rôn để mua miếng đất.
Genesis 23:15
Ép-rôn đáp lại thế nào trước đề nghị của Áp-ra-ham?
Ép-rôn ra giá bốn trăm siếc-lơ bạc cho cánh đồng và hang đá.
Genesis 23:16
Cuối cùng cuộc trò chuyện giữa Áp-ra-ham và Ép-rôn kết thúc thế nào?
Áp-ra-ham trả bốn trăm siếc-lơ bạc cho Ép-rôn để mua miếng đất.
Genesis 23:17
Cánh đồng của Ép-rôn ở Mặc-bê-la được mua lại bao gồm những gì?
Cánh đồng, hang đá bên trong và hết thảy cây trong cánh đồng cùng đường biên giới quanh nó đều thuộc phần mua lại của Áp-ra-ham.
Genesis 23:18
Cánh đồng của Ép-rôn ở Mặc-bê-la được mua lại bao gồm những gì?
Cánh đồng, hang đá bên trong và hết thảy cây trong cánh đồng cùng đường biên giới quanh nó đều thuộc phần mua lại của Áp-ra-ham.
Genesis 23:19
Sau đó Áp-ra-ham làm gì với hang đá?
Sau đó Áp-ra-ham chôn Sa-ra trong hang đá.

Chapter 24

Genesis 24:1
Bấy giờ
Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện chính. Tác giả bắt đầu kể một phần mới của câu chuyện.
Hãy đặt tay ngươi dưới đùi ta
Áp-ra-ham sắp sửa yêu cầu người đầy tớ này thề phải làm một việc gì đó. Đặt tay người dưới đùi Áp-ra-ham cho thấy người đầy tớ nhất định sẽ làm những điều ông thề.
Và ta sẽ biểu ngươi thề
Có thể diễn đạt thành một câu mệnh lệnh. Gợi ý dịch: "hãy thề"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bởi Đức Giê-hô-va mà thề
Cách nói “bởi … mà thề” có nghĩa là dùng danh của một vật hoặc một người nào đó làm nền tảng hay sức mạnh để lập lời thề. “Hứa với ta có Đức Giê-hô-va làm chứng”
Đức Chúa Trời của trời và Đức Chúa Trời của đất
"Đức Chúa Trời của trời và đất”. Từ “trời” và “đất” được dùng chung có nghĩa là mọi vật mà Đức Chúa Trời tạo dựng nên.
Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời của mọi vật trên trời dưới đất”
Trời
Chỉ về nơi Đức Chúa Trời ngự.
Từ những con gái của người Ca-na-an
"từ những phụ nữ Ca-na-an" hoặc "từ dân Ca-na-an". Chỉ về những người nữ Ca-na-an.
những người mà ta đang sống giữa họ
"giữa những người ta đang sống”. Ở đây từ “ta” chỉ về Áp-ra-ham và hết thảy gia đình cùng đầy tớ của ông. Gợi ý dịch: "giữa những người chúng ta đang sống"
nhưng ngươi sẽ đi
Có thể dịch thành câu mệnh lệnh. Gợi ý dịch: "Hãy thề rằng ngươi sẽ đi" hoặc "Nhưng hãy đi"
Bà con của ta
"gia đình của ta”
Genesis 24:5
Nếu như
"Tôi phải làm gì nếu"
sẽ không chịu theo tôi
"sẽ không theo tôi" hoặc "từ chối cùng tôi trở lại"
Tôi có phải dẫn con trai ông quay trở lại xứ mà ông đã ra khỏi không
"Tôi có nên dẫn con trai ông đến sống ở xứ mà ông đã ra khỏi không"
Phải chắc chắn rằng ngươi không dẫn con trai ta trở lại đó!
Cụm từ “Phải chắc chắn’ nhấn mạnh mệnh lệnh theo sau. “Hãy cẩn thận, đừng dẫn con trai ta trở lại đó” hoặc “Ngươi nhất định không được dẫn con trai ta về đó”.
Đấng đã đem ta ra khỏi nhà cha ta
Từ “nhà” ở đây chỉ về những người trong gia đình của ông. Gợi ý dịch: "Đấng đã đem ta ra khỏi cha ta và cả gia đình ta"
Hứa với ta bằng một lời thề trang trọng
"thề cùng ta"
rằng: ‘Ta sẽ ban cho dòng dõi con đất nầy’
Đây là lời trích dẫn nằm trong một lời trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp.
Gợi ý dịch: "rằng Ngài sẽ ban đất này cho dòng dõi của ta"
Ngài sẽ sai thiên sứ mình
Từ "Ngài" và “mình” chỉ về Đức Giê-hô-va.
Genesis 24:8
Thông Tin Tổng Quát:
Câu 8 tiếp tục lời căn dặn của Áp-ra-ham cho đầy tớ của mình.
Nhưng nếu cô gái ấy không chịu theo ngươi
"Nhưng nếu cô gái ấy từ chối đi cùng ngươi”. Áp-ra-ham đang trả lời câu hỏi của người đầy tớ trong [GEN 24:5]
Ngươi sẽ được tự do khỏi lời thề với ta
"ngươi sẽ được miễn lời thề mà ngươi đã lập cùng ta’. Không phải làm trọn lời thề được nói như thể người ấy được thoát khỏi vật đang buộc vào mình. Gợi ý dịch "ngươi sẽ không cần phải làm những gì mình đã thề”
Đặt tay dưới đùi của Áp-ra-ham, chủ mình
Câu này nhằm bày tỏ rằng ông nhất định sẽ làm những gì mình đnag thề.
Thề cùng người
"lập lời thề với người"
Về việc này
"về lời đề nghị của Áp-ra-ham" hoặc “rằng ông sẽ làm điều Áp-ra-ham cặn dặn”
Genesis 24:10
Rồi lên đường. Ông cũng đem
Câu “Ông cũng đem” cho biết thêm thông tin về những thứ người đầy tớ đem theo trong chuyến hành trình. Ông gom chúng lại trước lúc khởi hành.
Ông cũng đem theo tất cả lễ vật từ chủ mình
Có nghĩa là ông cũng mang theo nhiều vật tốt mà chủ mình muốn tặng cho gia đình của người nữ.
Rời khỏi và đi
"lên đường và đi” hoặc “ông rời đi”
Thành của Na-hô
Có thể là 1) “thành Na-hô sống” hoặc 2) “thành được gọi là Na-hô”. Nếu bạn có thể dịch từ này mà không cần phải phân biệt rõ ý thì hãy làm như vậy.
Ông cho lạc đà quỳ xuống
Lạc đà là những con vật cao lớn có chân dài. Ông cho lạc đà quỳ gối rồi hạ thấp người xuống đất. “Ông cho lạc đà nằm xuống”.
Giếng nước
"giếng" (UDB)
Kéo nước
"lấy nước" (UDB)
Genesis 24:12
Kế đó, ông nói
"Sau đó người đầy tớ nói"
Xin cho tôi được thành công hôm nay và bày tỏ sự thành tín về giao ước cùng chủ tôi là Áp-ra-ham
Có thể dịch câu này với từ nối “bằng cách”. Câu này cho biết người đầy tớ muốn Đức Chúa Trời bày tỏ sự thành tín theo giao ước như thế nào. Gợi ý dịch: "Xin bày tỏ sự thành tín về giao ước cùng chủ tôi là Áp-ra-ham bằng cách cho tôi được thành công hôm nay"
Cho tôi được thành công
"Cho tôi thành công”. Người đầy tớ muốn tìm một người vợ tốt cho con trai của Áp-ra-ham. Danh từ trừu tượng “thành công” có thể dịch thành động từ. Gợi ý dịch: “giúp tôi thành công” hoặc “khiến tôi có thể làm những việc mà tôi phải đến đây”
Bày tỏ sự thành tín về giao ước cùng chủ tôi là Áp-ra-ham
Đây là sự thành tín theo giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập cùng Áp-ra-ham. Danh từ trừu tượng “sự thành tín” có thể dịch thành “thành tín”. Gợi ý dịch: “xin hãy thành tín với chủ tôi là Áp-ra-ham vì cớ giao ước của Ngài”.
Kìa
Ở đây, từ “kìa” thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau.
Suối nước
“con suối” hoặc “giếng nước”
Con gái của những người dân trong thành
"những cô gái trẻ của thành"
Xin hãy khiến mọi việc diễn ra như vầy
"Xin hãy khiến mọi việc diễn ra như thế này” hoặc “Xin khiến việc này xảy ra”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khi tôi nói với cô gái nào rằng: “Xin cô nghiêng bình nước cho tôi uống một ngụm nước”
Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể diễn đạt thành câu trích dẫn dán tiếp. Gợi ý dịch: "Khi tôi hỏi xin cô gái nào cho tôi uống nước trong bình của nàng ấy”
Xin cô nghiêng bình
Người nữ thường mang bình nước trên vai. Cô phải nghiêng xuống để cho ông uống nước.
Bình
bình gốm cỡ trung dùng để đựng và rót các loại chất lỏng.
Rằng Ngài đã tỏ sự thành tín về giao ước cùng chủ tôi
Danh từ trừu tượng “sự thành tín” có thể được dịch là “thành tín”. Gợi ý dịch: "rằng Ngài đã thành tín với chủ của tôi vì cớ giao ước Ngài"
Genesis 24:15
Xảy khi
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu sự việc bắt đầu. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Kìa
Ở đây, từ ‘kìa” được dùng để hướng sự chú ý đến phần thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.
Bình
Đây là bình gốm cỡ trung dùng để đựng và rót các loại chất lỏng. Xem cách đã dịch trong GEN 24:14.
Rê-bê-ca là con gái của Bê-tu-ên, tức là con trai của Minh-ca, vợ của Na-hô, em trai của Áp-ra-ham
"cha của Rê-bê-ca là Bê-tu-ên. Cha mẹ của Bê-tu-ên là Minh-ca và Na-hô. Na-hô là em trai của Áp-ra-ham”
Bê-tu-ên
Bê-tu-ên là cha của Rê-bê-ca. Xem cách đã dịch trong [GEN 22:22]
Na-hô
Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch trong [GEN 11:22]
Minh-ca
Minh-ca là vợ của Na-hô, mẹ của Bê-tu-ên. Xem cách đã dịch trong [GEN 11:29]
Cô xuống suối ... rồi trở lên
Suối là nơi có địa hình thấp hơn chỗ người đầy tớ đang đứng.
Genesis 24:17
Để gặp cô
"để gặp người nữ"
Một chút nước
"một ít nước"
Bình
Đây là bình gốm cỡ trung dùng để đựng và rót các loại chất lỏng. Xem cách đã dịch ở GEN 24:14.
Chủ của tôi
"ông". Ở đây người nữ dùng từ này để bày tỏ sự tôn trọng đối với người nam, dù cô không phải là nô lệ của người.
Cô nhanh chóng hạ bình nước xuống trên tay mình
"cô nhanh chóng hạ bình nước của mình xuống”. Cô đang mang bình trên vai. Cô phải hạ xuống để lấy nước cho người đầy tớ.
Genesis 24:19
Tôi sẽ múc nước
"tôi sẽ lấy nước”
Thế là cô vội vàng trút hết nước trong bình của mình
"Thế là cô nhanh chóng trút hết nước trong bình của mình"
Máng
"máng nước của bầy gia súc” (UDB). Máng là một vật đựng dài dùng để chứa nước cho các con vật uống nước.
Genesis 24:21
Người đàn ông
"Người đầy tớ" (UDB)
Quan sát cô
"quan sát Rê-bê-ca" hoặc “quan sát cô gái”
Để xem
Để biết điều gì đó thường được nói như thể là đang nhìn xem. Gợi ý dịch: "để biết"
làm cho chuyến đi của ông thành công
"làm thành mục đích chuyến đi của ông" hoặc "làm chuyến đi của ông được thành công". Có thể nói cụ thể người đầy tớ muốn xác định điều gì. Gợi ý dịch: "bày tỏ cho ông người nữ sẽ làm vợ Y-sác".
Hay không
Có thể nói rõ thông tin được ngầm hiểu ở đây. Gợi ý dịch: "hay không làm cho chuyến đi của ông thành công"
Một chiếc khoen đeo mũi bằng vàng nặng nửa siếc-lơ
"một chiếc khoen đeo mũi bằng vàng nặng sáu gram" (UDB). Cân nặng thể hiện giá trị của chiếc khoen. Gợi ý dịch: "một chiếc khoen đeo mũi đắt tiền"
Hai vòng đeo tay bằng vàng nặng mười siếc-lơ
"hai vòng đeo tay bằng vàng nặng 10 gram." Cân nặng cho thấy kích cỡ và giá trị của nó. Gợi ý dịch: "hai vòng đeo tay lớn bằng vàng" (UDB)
Cô là con gái của ai?
"Cha cô là ai?”
Trong nhà cha cô có còn phòng... không?
"trong nhà cha cô còn chỗ...không?”
Cho chúng tôi
Có vẻ như có những người khác cùng đi với đầy tớ của Áp-ra-ham. Từ “chúng tôi” ở đây chỉ về người đầy tớ và những người đi cùng ông. (Xem:
nghỉ qua đêm
"ở lại đêm nay" hoặc "ở lại qua đêm"
Genesis 24:24
Cô đáp
"Rê-bê-ca đáp” hoặc “cô gái đáp”
Cùng người
"cùng người đầy tớ”
Tôi là con gái của Bê-tu-ên, con trai mà Minh-ca đã sinh cho Na-hô
"Bê-tu-ên là cha tôi, và ông bà nội tôi là Minh-ca và Na-hô"
Chúng tôi có rất nhiều rơm và cỏ
Ý được ngầm hiểu ở đây là rơm và cỏ cho lạc đà. Có thể nói rõ ra ý này. Gợi ý dịch: "Chúng tôi có rất nhiều rơm và cỏ cho lạc đà"
Cho các ông nghỉ qua đêm
"cho các ông ở lại đêm nay" hoặc "nơi các ông có thể ở lại qua đêm"
Cho các ông
Từ “các ông” ở đây chỉ về người đầy tớ và những người đi cùng ông.
Genesis 24:26
Người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"người đầy tớ" (UDB)

Cúi đầu

Đây là biểu hiện của sự hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời.

Không bỏ sự thành tín về giao ước Ngài và sự đáng tin cậy của Ngài đối với chủ tôi

"đã không ngừng bày tỏ sự thành tín về giao ước của Ngài và sự đáng tin cậy của Ngài đối với chủ tôi". Danh từ trừu tượng "sự thành tín" và "sự đáng tin cậy" có thể được dịch là "thành tín và đáng tin cậy". Gợi ý dịch: "đã luôn bày tỏ sự thành tín và đáng tin cậy của Ngài vì cớ giao ước của Ngài cùng chủ tôi".

Không bỏ

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "luôn bày tỏ"

Họ hàng

"gia đình" hoặc "thị tộc"

Genesis 24:28

chạy về, thuật lại cho nhà mẹ mình

Từ "nhà" ở đây chỉ về tất cả những người sống trong nhà của mẹ mình. Gợi ý dịch: "chạy về nhà, thuật lại cho mẹ mình và mọi người tại đó"

Mọi chuyện

"mọi việc vừa xảy ra"

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện chính. Ở đây tác giả cho biết thông tin bối cảnh về Rê-bê-ca. Tác giả giới thiệu La-ban, anh của Rê-bê-ca.

Khi anh nàng thấy chiếc khoen đeo mũi... và khi người nghe lời kể của Rê-bê-ca em gái mình

Những điều này xảy ra trước khi ông chạy ra chỗ người đầy tớ. Câu này cho biết vì sao La-ban chạy ra chỗ người đầy tớ.

Khi người nghe lời kể của Rê-bê-ca em gái mình rằng: "Đây là những gì người này đã nói với em"

Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gợi ý dịch: "Khi người nghe em gái mình là Rê-bê-ca kể lại những điều mà người đàn ông đã nói cùng nàng"

Kìa

"Thật vậy". Từ "kìa" thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau.

Genesis 24:31

Đến

"Đi vào" hoặc "Vào"

Người được ban phước của Đức Giê-hô-va

"người mà Đức Giê-hô-va đã ban phước"

Người

Ở đây, từ "người" chỉ về người đầy tớ của Áp-ra-ham.

Sao ông lại đứng ở ngoài?

La-ban dùng câu hỏi này để mời người đầy tớ của Áp-ra-ham vào nhà mình. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Ông không cần phải ở bên ngoài."

Vì thế người đầy tớ đi vào nhà

Từ "đi vào" có thể dịch là "vào".

Ông dỡ đồ xuống khỏi lạc đà

Không rõ là ai là người làm công việc này. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Các đầy tớ của La-ban dỡ đồ xuống khỏi lạc đà"

Lạc đà được cho rơm và cỏ, có nước đưa đến

Câu này không nói ai là người làm việc này. Nếu dịch ở dạng chủ động, hãy dùng "những đầy tớ của La-ban" làm chủ ngữ. Gợi ý dịch: "Những đầy tớ của La-ban đem rơm và cỏ cho lạc đà, rồi họ lấy nước"

Cho ông ... ông rửa chân

"cho đầy tớ của Áp-ra-ham và những người đi cùng ông rửa chân"

Genesis 24:33

Họ

Ở đây, từ "họ" chỉ về các thành viên trong gia đình La-ban hoặc những người đầy tớ trong nhà.

Dọn thức ăn trước mặt ông

"đem đồ ăn cho người đầy tớ"

Nói những gì tôi phải nói

"trình bày những lời của mình" hoặc "cho ông biết vì sao tôi đến đây"

Người đã trở nên cường thịnh

Từ "người" ở đây chỉ về Áp-ra-ham.

trở nên cường thịnh

"trở nên rất giàu có"

Ngài đã ban

Từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Genesis 24:36

Thông Tin Tổng Quát:

Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục nói chuyện với gia đình của Rê-bê-ca.

Sinh một con trai cho chủ tôi

"sinh một người con trai"

Ông đã giao ... cho người

"chủ tôi đã giao ... cho con trai mình"

Chủ tôi đã bắt tôi thề rằng

"Chủ bắt tôi thề rằng tôi sẽ làm những điều người dặn tôi, và ông bảo"

trong số những con gái của người Ca-na-an

Chỉ về những người nữ Ca-na-an. Gợi ý dịch: "trong số những người nữ Ca-na-an" hoặc "trong dân Ca-na-an"

Là những người ta đang cư ngụ trên đất của họ

"giữa những người ta đang sống". Ở đây, từ "ta" chỉ về Áp-ra-ham và cả gia đình cùng các người đầy tớ.

đến với bà con ta

"đến với thị tộc ta" (UDB)

Genesis 24:39

Thông Tin Tổng Quát:

Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục nói chuyện với gia đình của Rê-bê-ca.

Có thể cô gái ấy sẽ không chịu theo tôi

Đây là điều có thể xảy ra. Gợi ý dịch: "Nếu như cô gái ấy không chịu theo tôi trở về" hoặc "tôi phải làm gì nếu cô gái ấy không cùng tôi trở về?"

Đấng Ta hằng đi trước mặt Ngài

Việc phục vụ Đức Giê-hô-va được nói như thể Áp-ra-ham đang bước đi trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đấng ta phục vụ"

Ngài sẽ khiến đường lối ngươi được thành công

"Ngài sẽ làm cho chuyến đi của ngươi được thành công"

Dòng dõi

"gia đình"

Nhưng ngươi sẽ được thoát khỏi lời thề với ta nếu ngươi đến cùng bà con ta mà họ không chịu gả nàng. Vậy thì ngươi sẽ không mắc lời thề với ta.

Đây là một tình huống giả định mà Áp-ra-ham cho rằng ít

có khả năng xảy ra. Có thể là 1) “Chỉ có một cách để ngươi thoát khỏi lời thề với ta: nếu ngươi đến cùng bà con ta mà họ không chịu gả nàng thì ngươi sẽ không mắc lời thề với ta” hoặc 2) dựa vào câu 40 “nếu ngươi đi đến nhà cha ta và hỏi cưới một cô gái thì người đã làm xong việc ta giao cho rồi. Nếu họ không gả nàng thì ngươi sẽ được thoát khỏi lời thề với ta”.

ngươi sẽ được thoát khỏi lời thề với ta

"ngươi sẽ được thoát khỏi lời ngươi đã thề cùng ta". Việc không phải giữ theo lời thề được nói như thể được thoát khỏi vật đang cột vào người. Gợi ý dịch: "ngươi sẽ không phải làm những điều đã thề với ta"

Nếu ngươi đến cùng bà con ta

Những ngôn ngữ khác nhau có cách dùng từ đến và đi khác nhau. Gợi ý dịch: "nếu ngươi đến nhà người bà con ta" hoặc "nếu ngươi đi đến bà con ta"

Genesis 24:42

Thông Tin Tổng Quát:

Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục trò chuyện cùng gia đình của Rê-bê-ca.

Suối nước

"giếng nước”

Tôi đứng đây, bên cạnh suối nước này

Người đầy tớ ngắt lời mình đang cầu xin Đức Chúa Trời bằng cách hướng sự chú ý của Đức Chúa Trời vào vị trí ông đang đứng.

người nữ nào đến... người nữ mà tôi nói... người nữ nói cùng tôi

Người đầy tớ trở lại trình bày lời thỉnh cầu của mình, và ông đã ba lần đề cập đến người nữ ông hi vọng sẽ đến.

Để kéo nước

"để lấy nước”

Bình

Đây là bình gốm cỡ trung dùng để đựng và rót các loại chất lỏng. Xem cách đã dịch ở GEN 24:14.

Thì nàng chính là người nữ

Người đầy tớ kết thúc lời thỉnh cầu của mình.

Genesis 24:45

Thông Tin Tổng Quát:

Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục trò chuyện cùng gia đình của Rê-bê-ca.

Thầm nguyện

Cầu nguyện thầm trong tâm trí được nói như thể ông đang nói trong lòng. Từ “lòng” chỉ về tư tưởng và tâm trí của ông. Gợi ý dịch: "cầu nguyện"

Kìa

"quả thật" hoặc "thình lình". Từ “kìa” ở đây cho chúng ta biết cần chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.

Bình

Đây là bình gốm cỡ trung dùng để đựng và rót các loại chất lỏng. Xem cách đã dịch trong GEN 24:14.

Cô xuống suối

Cụm từ “xuống” được dùng ở đây vì suối là nơi có địa hình thấp hơn chỗ người đầy tớ đang đứng.

Suối

"giếng"

Cho lạc đà uống nước

"đem nước cho lạc đà"

Genesis 24:47

Thông Tin Tổng Quát:

Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục trò chuyện cùng gia đình của Rê-bê-ca.

Con gái của Bê-tu-ên, con trai mà Minh-ca đã sinh cho Na-hô

"Cha của tôi là Bê-tu-ên. Ông bà nội là Na-hô và Minh-ca".

khoen ... vòng tay

Trong câu chuyện, những vật này đều làm bằng vàng. Xem cách đã dịch ở GEN 24:22.

Tôi cúi đầu

Đây là biểu hiện của sự hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời.

Dẫn tôi đi đúng đường

"đem tôi đến đây"

Đấng đã dẫn tôi

Có thể dùng từ nối “bởi vì” để thể hiện đây là lí do vì sao người đầy tớ ngợi khen Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "vì Đức Giê-hô-va đã dẫn tôi"

Họ hàng của chủ tôi

Chỉ về Bê-tu-ên, con trai của Na-hô, em trai Áp-ra-ham.

Genesis 24:49

Thông Tin Tổng Quát:

Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục trò chuyện cùng gia đình của Rê-bê-ca.

Vậy nên bây giờ

"Bây giờ" (UDB). Từ “bây giờ” ở đây không có nghĩa là “ngay tại thời điểm đó”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Nếu các ông sẵn lòng lấy lòng tử tế và trung tín đối cùng chủ tôi thì xin cho tôi biết

Có thể nói rõ cách họ bày tỏ lòng tử tế và trung tín như thế nào. Gợi ý dịch: “xin hãy cho tôi biết nếu các ông định tỏ lòng tử tế và trung tín cùng chủ tôi bằng cách gả Rê-bê-ca cho con trai của người’.

Các ông

Từ “các ông” chỉ về La-ban và Bê-tu-ên.

Lòng tử tế và sự trung tín

Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch là “tử tế và trung tín”.

Sự thành tín trong gia đình

Đây là sự thành tín đối cùng những thành viên trong gia đình.

Nếu không

Có thể nói rõ điều được ngầm hiểu ở đây. Gợi ý dịch: "Nhưng nếu các ông không có ý định đối đãi cùng chủ tôi với lòng tử tế và thành tín như người trong nhà"

Genesis 24:50

Bê-tu-ên

Đây là cha của La-ban và Rê-bê-ca.

Điều này đến từ Đức Giê-hô-va

"Đức Giê-hô-va đã khiến tất cả những điều này xảy ra"

chúng tôi không thể nói được là xấu hay tốt

Họ đang nói rằng họ không có thẩm quyền để quyết định việc Đức Chúa Trời làm là tốt hay xấu. Gợi ý dịch: "chúng tôi không dám xét đoán việc Đức Giê-hô-va đang làm"

Kìa

Ở đây, từ ‘kìa” thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau.

Rê-bê-ca đang ở trước mặt ông

"Đây là Rê-bê-ca"

Genesis 24:52

Những lời của họ

"Những lời của La-ban và Bê-tu-ên”. Từ “lời” ở đây chỉ về

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những điều họ nói. Gợi ý dịch: “những lời La-ban và Bê-tu-ên nói”.

Ông sấp mình xuống

Sấp mình trước mặt Đức Chúa Trời là một cách bày tỏ sự ngợi khen Ngài.

Những vật phẩm bằng vàng và bạc

"những vật bằng bạc và vàng” hoặc “những vật làm bằng bạc và vàng”

tặng vật quý giá

"tặng vật đắc giá" hoặc "tặng vật giá trị"

Genesis 24:54

Ông và những người cùng đi

"đầy tớ của Áp-ra-ham và những người của ông"

Nghỉ đêm tại đó

"ngủ lại đêm đó"

Thức dậy vào buổi sáng

“thức dậy vào sáng hôm sau”

Xin cho tôi ra đi

"Xin cho tôi trở về"

Ít ngày nữa, ít nhất là mười ngày

"ít nhất là mười ngày nữa"

Mười

"10"

Sau đó

"Kế đó"

Genesis 24:56

Ông nói

"Người đầy tớ của Áp-ra-ham nói"

Cùng họ

"cùng anh và mẹ của Rê-bê-ca"

Xin đừng cản tôi

"Xin đừng làm tôi chậm trễ” (UDB) hoặc “Xin dừng bắt tôi phải chờ đợi”

Đức Giê-hô-va đã cho chuyến đi của tôi thành công

Từ “chuyến đi” ở đây chỉ về chuyến hành trình. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã khiến tôi hoàn thành mục đích của chuyến đi"

Cho tôi lên đường

"Cho phép tôi rời đi"

Genesis 24:59

Vậy họ đưa em gái họ là Rê-bê-ca

"vậy gia đình đưa Rê-bê-ca"

Em gái họ

Rê-bê-ca là em gái của La-ban. Gợi ý dịch: "người bà con của họ” hoặc “em gái của La-ban”.

Người đầy tớ gái của nàng

Chỉ về người hầu gái đã cho Rê-bê-ca bú khi cô còn nhỏ, chăm sóc cho cô lúc lớn lên, đến tận bây giờ vẫn còn hầu hạ cô”.

Em gái chúng ta

Rê-bê-ca không phải là em gái của mọi người trong gia đình cô. Nhưng họ gọi cô như thế để tỏ ra rằng họ yêu mến cô. Gợi ý dịch: “Rê-bê-ca yêu dấu của chúng ta”

Chúc em trở thành mẹ của hàng triệu người

Từ “mẹ” ở đây mang ý nghĩa là tổ tiên. Gợi ý dịch: “nguyện em trở thành tổ tiên của hàng triệu người” hoặc “chúc em có thật nhiều con cháu”.

Hàng triệu

Tức là một con số rất lớn hoặc một con số không thể đếm được.

Nguyện dòng dõi của em chiếm được cổng thành của những kẻ thù ghét chúng nó

Quân đội sẽ phá cổng thành quân địch và chế ngự dân chúng. Gợi ý dịch: "Nguyện dòng dõi của em đánh bại hoàn toàn những kẻ thù ghét chúng"

Genesis 24:61

Rồi Rê-bê-ca đứng dậy, cùng những người hầu gái của cô cưỡi lạc đà

"Đoạn, Rê-bê-ca và các tì nữ đi ra, cưỡi lạc đà"

Như vậy, người đầy tớ đưa Rê-bê-ca lên đường

" Như vậy, người đầy tớ của Áp-ra-ham đưa Rê-bê-ca trở về"

Bấy giờ

Từ này đánh dấu phần chuyển đổi trong câu chuyện, từ việc người đầy tớ tìm vợ chuyển sang kể về Y-sác.

Bê-la-cha-roi

Đây là tên gọi của giếng nước tại Nê-ghép. Xem cách đã dịch GEN 16:14.

Genesis 24:63

Buổi tối, Y-sác đi ra ngoài đồng để suy ngẫm

"Một buổi tối nọ, Y-sác đi ra đồng để suy ngẫm”. Hẳn đã rất lâu sau khi người đầy tớ và Rê-bê-ca rời khỏi nhà của cô, vì họ phải đi một quãng đường rất xa.

Khi chàng nhìn lên thì thấy, kìa, đàn lạc đà đang đi đến!

Ở đây, từ “kìa” được dùng để hướng sự chú ý đến thông tin đáng ngạc nhiên theo sau. "Khi chàng nhìn lên thì ngạc nhiên khi thấy đoàn lạc đà đang đến”.

Rê-bê-ca nhìn

"Rê-bê-ca nhìn lên"

Nàng nhảy xuống khỏi lạc đà

"nàng nhanh chóng xuống khỏi lạc đà”

Vì thế nàng lấy tấm voan và che mình lại

"Vì thế nàng lấy tấm voan che mặt mình lại". Đây là điều thể hiện sự tôn trọng và hạ mình đối với người nàng sẽ cưới. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu.

Tấm voan

Một miếng vải dùng để che phủ đầu, vai và khuôn mặt.

Genesis 24:66

Và đưa Rê-bê-ca vào, nàng trở thành vợ người

Cả hai vế này đều có nghĩa là Y-sác cưới Rê-bê-ca. Gợi ý dịch: "và cưới Rê-bê-ca" hoặc "và lấy nàng làm vợ"

Vậy, Y-sác được an ủi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Vậy Rê-bê-ca an ủi Y-sác"

Translation Questions

Genesis 24:2

Áp-ra-ham bảo người đầy tớ cao niên nhất của mình thề phải làm gì?

Áp-ra-ham bảo người đầy tớ cao niên nhất của mình thề rằng người sẽ cưới cho Y-sác một người vợ trong vòng bà con của Áp-ra-ham.

Genesis 24:4

Áp-ra-ham bảo người đầy tớ cao niên nhất của mình thề phải làm gì?

Áp-ra-ham bảo người đầy tớ cao niên nhất của mình thề rằng người sẽ cưới cho Y-sác một người vợ trong vòng bà con của Áp-ra-ham.

Genesis 24:5

Áp-ra-ham nhất định người đầy tớ không được làm gì với Y-sác?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Áp-ra-ham nhất định rằng người đầy tớ không được đưa Y-sác trở về xứ mà Áp-ra-ham đã từ đó ra đi.
Genesis 24:6
Áp-ra-ham nhất định người đầy tớ không được làm gì với Y-sác?
Áp-ra-ham nhất định rằng người đầy tớ không được đưa Y-sác trở về xứ mà Áp-ra-ham đã từ đó ra đi.
Genesis 24:12
Đầy tớ của Áp-ra-ham cầu xin Đức Chúa Trời làm gì để cho ông biết đâu là người nữ mà Đức Chúa Trời đã chọn cho Y-sác?
Người đầy tớ cầu xin rằng đó là người nữ mà ông xin nghiên vò cho ông một ngụm nước thì sẽ làm như vậy và còn cho lạc đà của ông uống nước nữa.
Genesis 24:14
Đầy tớ của Áp-ra-ham cầu xin Đức Chúa Trời làm gì để cho ông biết đâu là người nữ mà Đức Chúa Trời đã chọn cho Y-sác?
Người đầy tớ cầu xin rằng đó là người nữ mà ông xin nghiên vò cho ông một ngụm nước thì sẽ làm như vậy và còn cho lạc đà của ông uống nước nữa.
Genesis 24:15
Rê-bê-ca và Áp-ra-ham có liên hệ với nhau như thế nào?
Rê-bê-ca là cháu nội của Na-cô, em trai của Áp-ra-ham.
Genesis 24:17
Rê-bê-ca đã làm gì khi người đầy tớ của Áp-ra-ham hỏi xin nước uống?
Rê-bê-ca cho người đầy tớ uống nước.
Genesis 24:18
Rê-bê-ca đã làm gì khi người đầy tớ của Áp-ra-ham hỏi xin nước uống?
Rê-bê-ca cho người đầy tớ uống nước.
Genesis 24:19
Rê-bê-ca nói gì sau khi cô cho người đầy tớ uống nước xong?
Sau khi Rê-bê-ca cho người đầy tớ uống nước xong thì nói rằng "Tôi cũng sẽ múc nước cho mấy con lạc đà của ông uống nữa, chừng nào đã khát mới thôi".
Genesis 24:26
Người đầy tớ làm gì khi ông nghe Rê-bê-ca có bà con với Áp-ra-ham và ông có thể nghỉ qua đêm tại gia đình của cô?
Người đầy tớ thờ phượng Đức Giê-hô-va và chúc tụng Ngài.
Genesis 24:27
Người đầy tớ làm gì khi ông nghe Rê-bê-ca có bà con với Áp-ra-ham và ông có thể nghỉ qua đêm tại gia đình của cô?
Người đầy tớ thờ phượng Đức Giê-hô-va và chúc tụng Ngài.
Genesis 24:31
La-ban làm gì khi gặp đầy tớ của Áp-ra-ham?
La-ban mời đầy tớ của Áp-ra-ham ở lại nhà mình.
Genesis 24:33
Đầy tớ của Áp-ra-ham khăng khăng phải làm gì trước khi ăn?
Đầy tớ của Áp-ra-ham khăng khăng phải trình bày lí do vì sao ông đến trước khi ăn.
Genesis 24:40
Áp-ra-ham nói Đức Giê-hô-va sẽ giúp đỡ cho người đầy tớ được thành công như thế nào?
Áp-ra-ham có nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ sai thiên sứ Ngài theo người đầy tớ để giúp cho người thành công.
Genesis 24:47
Người đầy tớ trao cho Rê-bê-ca thứ gì khi ông nghe cô có bà con với Áp-ra-ham?
Đầy tớ của Áp-ra-ham đeo chiếc khoen vàng vào mũi và đôi xuyến vào tay cô.
Genesis 24:50
La-ban và Bê-tu-ên đáp lại thế nào khi ông hỏi họ muốn làm gì về việc của Rê-bê-ca?
La-ban và Bê-tu-ên bảo người đầy tớ hãy dẫn Rê-bê-ca đi để Rê-bê-ca làm vợ của con trai Áp-ra-ham.
Genesis 24:51
La-ban và Bê-tu-ên đáp lại thế nào khi ông hỏi họ muốn làm gì về việc của Rê-bê-ca?
La-ban và Bê-tu-ên bảo người đầy tớ hãy dẫn Rê-bê-ca đi để Rê-bê-ca làm vợ của con trai Áp-ra-ham.
Genesis 24:52
Đầy tớ của Áp-ra-ham đã làm gì khi nghe câu trả lời của La-ban và Bê-tu-ên?
Người đầy tớ sấp mình trước Đức Giê-hô-va và trao các sính lễ cho Rê-bê-ca cùng anh và mẹ nàng.
Genesis 24:53
Đầy tớ của Áp-ra-ham đã làm gì khi nghe câu trả lời của La-ban và Bê-tu-ên?
Người đầy tớ sấp mình trước Đức Giê-hô-va và trao các sính lễ cho Rê-bê-ca cùng anh và mẹ nàng.
Genesis 24:54
Sáng hôm sau, khi họ thức dậy thì anh và mẹ của Rê-bê-ca muốn người đầy tớ làm gì?
Sáng hôm sau khi họ thức dậy thì anh và mẹ của Rê-bê-ca muốn người đầy tớ ở lại với họ ít nhất là mười ngày nữa.
Genesis 24:55
Sáng hôm sau, khi họ thức dậy thì anh và mẹ của Rê-bê-ca muốn người đầy tớ làm gì?
Sáng hôm sau khi họ thức dậy thì anh và mẹ của Rê-bê-ca muốn người đầy tớ ở lại với họ ít nhất là mười ngày nữa.
Genesis 24:56
Khi đầy tớ của Áp-ra-ham nói rằng ông muốn đi ngay thì Rê-bê-ca nói nàng muốn làm gì?
Re-bê-ca nói rằng nàng muốn đi cùng với người đầy tớ.
Genesis 24:58
Khi đầy tớ của Áp-ra-ham nói rằng ông muốn đi ngay thì Rê-bê-ca nói nàng muốn làm gì?
Re-bê-ca nói rằng nàng muốn đi cùng với người đầy tớ.
Genesis 24:60
Gia đình của Rê-bê-ca đã chúc phước cho Rê-bê-ca những gì khi nàng lên đường cùng với đầy tớ của Áp-ra-ham?
Gia đình của Rê-bê-ca chúc phước cho nàng rằng chúc em được trở thành mẹ của muôn triệu người và dòng dõi em chiếm được cổng thành của những kẻ ghét họ.
Genesis 24:63
Khi Rê-bê-ca đến thì Y-sác đang làm gì?
Y-sác đang ở ngoài đồng để suy ngẫm.
Genesis 24:64
Rê-bê-ca làm gì khi nhìn thấy Y-sác?
Khi nhìn thấy Y-sác, Rê-bê-ca nhảy xuống khỏi lạc đà và lấy lúp che mặt lại.
Genesis 24:65
Rê-bê-ca làm gì khi nhìn thấy Y-sác?
Khi nhìn thấy Y-sác, Rê-bê-ca nhảy xuống khỏi lạc đà và lấy lúp che mặt lại.
Genesis 24:67
Y-sác làm gì sau khi đầy tớ của Áp-ra-ham thuật lại mọi việc ông đã làm?
Y-sác đưa Rê-bê-ca vào trại của Sa-ra, mẹ mình và cưới nàng làm vợ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 25

Genesis 25:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem.

Tất cả những người này

Chỉ về những người được nêu tên trong câu 2-4.

Genesis 25:5

Áp-ra-ham cho Y-sác tất cả gia tài của mình

"Y-sác thừa kế mọi tài sản của Áp-ra-ham". Thường thì người cha khi cao tuổi sẽ chia gia tài của mình chứ không để việc đó cho người khác làm sau khi ông qua đời.

Genesis 25:7

Đây là số ngày trong đời mà Áp-ra-ham đã sống, 175 năm

"Áp-ra-ham sống được 175 năm"

Áp-ra-ham trút hơi thở cuối cùng và qua đời

"Áp-ra-ham trút hơi thở cuối cùng và qua đời". Cụm từ "trút hơi thở cuối cùng" và "qua đời" có nghĩa căn bản giống nhau. Gợi ý dịch: "Áp-ra-ham qua đời"

Áp-ra-ham trút hơi thở cuối cùng

Đây là cách tế nhị để nói một người qua đời.

Khi tuổi tác đã cao, một người cao niên đã thỏa nguyện về đời mình

Hai vế này căn bản có ý nghĩa giống nhau và nhân mạnh rằng Áp-ra-ham sống rất thọ. Gợi ý dịch: "khi ông sống rất lâu và đã già "

một người cao niên đã thỏa nguyện về đời mình

Việc sống lâu được nói như thể cuộc đời là một bình chứa đã được đổ đầy.

Ông được sum họp với tổ tông mình

Có nghĩa là sau khi Áp-ra-ham qua đời, linh hồn ông đi đến nơi của những người họ hàng bà con đã chết trước ông. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "ông đến chỗ những thành viên trong gia đình đã qua đời trước đó"

Genesis 25:9

Hang đá Mặc-bê-la, trong cánh đồng Ép-rôn

Ép-rôn sở hữu một cánh đồng ở Mặc-bê-la và hang đá tại đó. Áp-ra-ham đã mua lại cánh đồng này từ Ép-rôn.

Mặc-bê-la

Mặc-bê-la là tên của một vùng hoặc một khu vực. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:9]

Ép-rôn...Sô-ha

Đây là tên của những người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:8]

gần Mam-rê

Mặc-bê-la ở gần Mam-rê.

Mam-rê

Đây là một tên gọi khác của thành Hếp-rôn. Có thể nó được đặt theo tên của Mam-rê, bạn của Áp-ra-ham sống tại đó. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:17]

Cánh đồng này Áp-ra-ham đã mua

"Áp-ra-ham đã mua cánh đồng này"

con cháu của Hếch

"dòng dõi của Hếch" hoặc "người Hê-tít". Xem cách đã dịch ở GEN 23:5.

Áp-ra-ham được chôn

Có thể dich ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Họ chôn Áp-ra-ham"

Con trai ông

"con trai của Áp-ra-ham"

Bê-la-cha-roi

Tên gọi nay có nghĩa là "giếng của Đấng hằng sống đoái xem tôi". Xem cách đã dịch ở [GEN 16:14]

Genesis 25:12

Bấy giờ

Từ này được dùng trong tiếng Anh để giới thiệu một phần mới trong câu chuyện và cho biết thông tin về Ích-ma-ên.

Genesis 25:13

Thông Tin Tổng Quát:

Xem.

Đây là các con trai của Ích-ma-ên và tên của họ, đặt theo tên làng, nơi họ đóng trại; mười hai thủ lĩnh của dân tộc họ

Có thể dịch thành hai câu. "Đây là tên mười hai người con trai của Ích-ma-ên. Họ lãnh đạo những chi tộc được đặt theo tên mình, và mỗi người họ đều có làng và chỗ cắm trại riêng".

Mươi hai

"12"

Thủ lĩnh

Từ "thủ lĩnh" ở đây có nghĩa là người lãnh đạo chi tộc, chứ không phải là con trai của vua.

Genesis 25:17

Đây là số năm trong đời của Ích-ma-ên, 137 năm

"Ích-ma-ên sống được 137 năm"

Trút hơi thở cuối cùng và qua đời

Cụm từ "trút hơi thở cuối cùng" và "qua đời" căn bản có nghĩa giống nhau. Gợi ý dịch: "qua đời"

Được sum họp với tổ tông mình

Nghĩa là sau khi Ích-ma-ên qua đời, linh hồn ông đi đến nơi của những người họ hàng bà con đã chết trước ông. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "ông đến chỗ những thành viên trong gia đình đã qua đời trước đó"

Họ sống

"Dòng dõi của ông định cư" (UDB)

Từ Ha-vi-la đến Xu-rơ

"giữa Ha-vi-la và Xu-rơ"

Ha-vi-la

Ha-vi-la nằm ở sa mạc A-ra-bi. Xem cách đã dịch ở [GEN 2:11]

Về phía

"về hướng"

Họ sống thù nghịch nhau

Có thể là: 1) "họ không sống hòa bình với nhau" (UDB) hoặc 2) "Họ sống cách xa những người bà con khác".

Genesis 25:19

Đây là những sự kiện liên quan đến Y-sác, con trai của Áp-ra-ham

Câu này giới thiệu câu chuyện về dòng dõi của Y-sác trong Sáng-thế ký 25:19-35:29. Gợi ý dịch: "Đây là câu chuyện về dòng dõi của Y-sác, con trai Áp-ra-ham"

Bốn mươi tuổi

"40 tuổi"

Khi ông lấy Rê-bê-ca làm vợ

"khi ông cưới Rê-bê-ca"

Bê-tu-ên

Bê-tu-ên là cha của Rê-bê-ca. Xem cách đã dịch trong [GEN 22:22]

Pha-đan A-ram

Đây là một tên gọi khác của vùng Mê-sô-pô-ta-mi, ngày nay là I-rắc.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 25:21

Bà không có con

"bà không thể có thai"

Rê-bê-ca vợ ông có thai

Có thể nói rõ Rê-bê-ca mang thai song sinh: “Rê-bê-ca, vợ ông, có thai đôi”

Các thai nhi đánh nhau trong bụng bà

"các thai nhi đụng nhau trong bụng bà" hoặc "các thai nhi trong bụng bà chen lấn nhau"

Các thai nhi ... trong bụng bà

Rê-bê-ca mang thai đôi.

Bà đi cầu hỏi Đức Giê-hô-va về việc này

“Bà đi và cầu hỏi Đức Giê-hô-va về chuyện này”. Không rõ là bà đi đâu. Có thể bà đi đến nơi nào đó riêng tư để cầu nguyện hoặc đến một nơi để dâng tế lễ.

Genesis 25:23

phán cùng bà

"phán cùng Rê-bê-ca"

Hai nước ... phục vụ đứa nhỏ

Đây là ngôn ngữ văn thơ. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để thể thơ thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Hai nước đang ở trong bụng con

“Hai nước” chỉ về hai đứa trẻ. Mỗi đứa trẻ sẽ là tổ phụ của một dân tộc. Gợi ý dịch: "Hai nước sẽ ra từ thai sinh đôi trong bụng người"

Và hai dân tộc từ bụng con sẽ phân rẽ

“Hai nước” chỉ về hai đứa trẻ. Mỗi đứa trẻ sẽ là tổ phụ của một dân tộc. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và khi con sinh hai đứa trẻ này, chúng sẽ là thù địch của nhau"

Đứa lớn sẽ phục vụ đứa nhỏ

Có thể là 1) "đứa con trai lớn sẽ phục vụ đứa con trại nhỏ” hoặc 2) “dòng dõi của đứa con trai lớn sẽ phục vụ cho dòng dõi của đứa con trai nhỏ”. Nếu có thể, hãy dịch câu này sao cho người đọc có thể hiểu được một trong hai ý trên.

Genesis 25:24

Kìa

Từ “kìa” ở đây thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau. “Thật vậy”

Đỏ hồng toàn thân như một chiếc áo choàng bằng lông

Có thể là 1) da của ông màu đỏ và người có rất nhiều lông hoặc 2) người ông có rất nhiều lông màu đỏ. Gợi ý dịch: “đỏ và có nhiều lông như một chiếc áo choàng lông thú”

Ê-sau

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Ê-sau có cách phát âm giống với từ ‘nhiều lông’”.

Nắm gót chân Ê-sau

“nắm phía sau bàn chân của Ê-sau”

Gia-cốp

Người dịch ó thể thêm vào ghi chú “Tên Gia-cốp có nghĩa là ‘người nắm gót chân’”.

Sáu mươi tuổi

"60 tuổi"

Genesis 25:27

Trở nên một thợ săn giỏi

“giỏi trong việc săn bắn và giết thịt thú rừng làm thức ăn”

Người trầm tĩnh

"người yên lặng” hoặc “người ít năng động”

thường dành thời gian ở trong trại

Thời gian được nói đến như một mặt hàng có thể chi dùng. Gợi ý dịch: "phần lớn thời gian ở trong trại"

Bấy giờ

từ này được dùng để chuyển hướng tập trung từ câu chuyện sang phần thông tin về Y-sác và Rê-bê-ca.

Y-sác yêu

Từ “yêu” ở đây có nghĩa là “thích” hoặc “ưu ái”.

Bởi vì ông ăn thịt mà người săn được

"bởi vì ông ăn thịt thú rừng mà Ê-sau săn được” hoặc “bởi vì ông thích ăn thịt rừng mà Ê-sau bắt được”

Genesis 25:29

Gia-cốp nấu

Vì đây là phần mở đầu cho câu chuyện kể về một sự việc xảy ra vào một thời điểm nên người dịch có thể bắt đầu với cụm từ: “Một ngày kia, Gia-cốp nấu’ như trong bản dịch UDB.

Nấu món hầm

"luộc một ít thức ăn" hoặc "nấu một ít súp". Món hầm này được nấu với đậu lăng. (Xem: GEN 25:34)

Ông đói lả

"ông mệt vì quá đói" hoặc "ông quá đói"

Anh mệt lả rồi

“Tôi đói lả rồi” hoặc “anh đói quá”

Ê-đôm

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Ê-dôm có nghĩa là ‘đỏ’”.

Genesis 25:31

Quyền trưởng nam

"quyền lợi của con trưởng được hưởng hầu hết gia tài của cha mình" (UDB)

Anh sắp chết

Ê-sau nói quá nhằm nhấn mạnh mình đói tới mức nào. Gợi ý dịch: "Anh đói đến nỗi tưởng như sắp chết rồi"

Quyền trưởng nam có ích gì cho anh chứ?

Ê-sau dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng lúc này việc ăn uống quan trọng hơn quyền trưởng nam. Câu này có thể được dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Của thừa kế chẳng ích gì cho anh nếu giờ anh chết đói!"

anh hãy thề trước đi

Có thể nói rõ điều Gia-cốp muốn Ê-sau thề. Gợi ý dịch: “Trước tiên hãy thề với em rằng anh sẽ bán quyền trưởng nam của anh cho em”

Đậu lăng

Giống như hạt đậu, nhưng nó rất nhỏ, tròn và hơi dẹt.

Ê-sau khinh quyền trưởng nam của mình

“Ê-sau cho thấy rằng ông không coi trọng quyền trưởng nam của mình”

Translation Questions

Genesis 25:1

Áp-ra-ham làm gì sau khi Sa-ra qua đời?

Áp-ra-ham cưới một người vợ khác tên là Kê-tu-ra.

Genesis 25:5

Áp-ra-ham phân chia gia tài mình như thế nào?

Áp-ra-ham cho các con trai của vợ lẽ một số phẩm vật và cho Y-sác toàn bộ gia tài mình.

Genesis 25:6

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Áp-ra-ham phân chia gia tài mình như thế nào?
Áp-ra-ham cho các con trai của vợ lẽ một số phẩm vật và cho Y-sác toàn bộ gia tài mình.
Genesis 25:7
Áp-ra-ham sống được bao nhiêu năm?
Áp-ra-ham sống được một trăm bảy mươi lăm năm.
Genesis 25:9
Ai là người chôn Áp-ra-ham?
Cả Y-sác và Ích-ma-ên cùng an táng ông.
Genesis 25:18
Mười hai con trai của Ích-ma-ên sống với nhau như thế nào?
Mười hai con trai của Ích-ma-ên sống trong tình trạng thù nghịch lẫn nhau.
Genesis 25:21
Y-sác đã làm gì vì Rê-bê-ca không có con?
Y-sác khẩn cầu Đức Giê-hô-va cho vợ mình và Đức Giê-hô-va nhậm lời khẩn cầu của ông nên Rê-bê-ca mang thai.
Genesis 25:23
Đức Giê-hô-va phán gì về việc hai đứa trẻ đánh nhau trong bụng Rê-bê-ca?
Đức Giê-hô-va phán rằng hai dân tộc đang ở trong bụng bà, dân nầy mạnh hơn dân kia và đứa lớn phải phục vụ đứa nhỏ.
Genesis 25:25
Ai được sinh ra trước và trông nó như thế nào?
Ê-sau được sinh ra trước, nó đỏ hồng khắp người như cái áo choàng bằng lông.
Genesis 25:26
Ai được sinh ra thứ hai và nó đang làm gì lúc được sinh ra?
Gia-cốp được sinh ra thứ hai, khi sinh ra thì nắm gót của Ê-sau.
Genesis 25:27
Ê-sau là người như thế nào?
Ê-sau là một thợ săn giỏi và là một người của đồng ruộng.
Gia-cốp là người như thế nào?
Gia-cốp là một người trầm tĩnh, thường ở trong trại.
Genesis 25:28
Y-sác yêu thương ai, còn Rê-bê-ca yêu thương ai?
Y-sác yêu Ê-sau còn Rê-bê-ca yêu Gia-cốp.
Genesis 25:30
Tên gọi khác của Ê-sau là gì?
Ê-đôm là tên gọi khác của Ê-sau.
Genesis 25:31
Gia-cốp yêu cầu điều gì để đổi cho món súp đỏ mà Ê-sau muốn ăn vì đang đói lả?
Gia-cốp đòi quyền trưởng nam của Ê-sau để đổi cho món súp đỏ.
Genesis 25:33
Ê-sau đáp lại thế nào trước đề nghị của Gia-cốp?
Ê-sau thề và bán quyền trưởng nam của mình cho Gia-cốp.
Genesis 25:34
Khi đáp lại lời đề nghị của Gia-cốp như vậy Ê-sau đã làm gì với quyền trưởng nam của mình?
Ê-sau đã xem thường quyền trưởng nam của mình khi đáp lại lời đề nghị của Gia-cốp như vậy.

Chapter 26
Genesis 26:1
Bấy giờ
Từ này được dùng để đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.
Nạn đói xảy ra
"Có một nạn đói" hoặc "có một nạn đói khác".
Trong xứ
Có thể nói rõ là xứ nào. Gợi ý dịch: "trong xứ mà Y-sác và gia đình ông sinh sống"
Đã từng xảy ra trong thời của Áp-ra-ham
Cụm từ "trong thời" ở đây là thời Áp-ra-ham còn sống. Gợi ý dịch: "đã từng xảy ra trong đời Áp-ra-ham"
Genesis 26:2
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va bắt đầu phán với Y-sác.
Hiện đến cùng ông
"hiện đến cùng Y-sác"
Đừng xuống Ai Cập
Rời khỏi vùng đất hứa thường được nói là "đi xuống" một nơi khác.
vì Ta sẽ ban cho con và dòng dõi con tất cả các vùng đất này
"vì Ta sẽ ban tất cả các vùng đất này cho con và dòng dõi con"
Ta sẽ làm trọn lời Ta đã thề với Áp-ra-ham, cha của con
"Ta sẽ làm điều ta đã hứa với Áp-ra-ham, cha của con"
Genesis 26:4
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Y-sác.
Ta sẽ làm cho dòng dõi con thêm nhiều
"Ta sẽ khiến con có nhiều con cháu"
Giống như sao trên trời
Câu này so sánh dòng dõi của Y-sác nhiều như sao trên trời. Xem cách đã dịch ở [GEN 22:17]
Trời
Chỉ về mọi thứ chúng ta nhìn thấy bên trên trái đất, bao gồm mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao.
Mọi dân trên đất sẽ được phước
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ban phước cho mọi dân trên đất"
Áp-ra-ham đã vâng lời Ta, tuân giữ những điều Ta truyền dạy cũng như các điều răn, mệnh lệnh và luật lệ của Ta
"Vâng lời Ta" và "tuân giữ những điều Ta truyền dạy cũng như các điều răn, mệnh lệnh và luật lệ của Ta" căn bản có ý nghĩa giống nhau. Gợi ý dịch: "Áp-ra-ham đã vâng lời ta và làm mọi điều ta đã truyền cho"
Vâng lời Ta
Từ "lời" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "vâng phục ta"
Genesis 26:6
Vậy Y-sác cư ngụ tại Ghê-ra
Chỉ có Y-sác được nhắc đến vì ông là người đứng đầu trong gia đình, nhưng cả gia đình của ông đều ở đó cùng ông. Gợi ý dịch: "Vì thế Y-sác và gia đình ông ngụ tại Ghê-ra"
Ông sợ phải thừa nhận
Từ "sợ" chỉ về một cảm giác không dễ chịu của một người trước nguy cơ bản thân hay người khác bị hại. "Ông sợ phải nói"
Để lấy Rê-bê-ca

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"để đoạt Rê-bê-ca"

Vua nhìn thấy, kìa, Y-sác

Từ “kìa” cho thấy điều A-bi-mê-léc nhìn thấy khiến ông rất ngạc nhiên. Gợi ý dịch: "Và vua rất ngạc nhiên khi thấy Y-sác"

Đang âu yếm Rê-bê-ca

Có thể là 1) ông chạm vào bà theo cách người chồng chạm vào vợ mình hoặc 2) ông cười nói với bà như hai vợ chồng.

Genesis 26:9

A-bi-mê-léc truyền cho Y-sác đến cùng mình

Có thể A-bi-mê-léc sai người bảo với Y-sác rằng A-bi-mê-léc muốn gặp ông. Gợi ý dịch: "A-bi-mê-léc sai người đưa Y-sác vào gặp ông"

Vì sao ngươi lại nói: ‘Cô ấy là em gái tôi’?

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Vì sao ngươi nói cô ấy là em gái ngươi?"

Để cướp nàng

"để người có thể đoạt lấy nàng"

Ngươi đã làm gì cho chúng ta vậy?

A-bi-mê-léc dùng câu hỏi này để trách mắng Y-sác. Gợi ý dịch: “Đáng lẽ ngươi không nên làm điều này với chúng ta!”

ngươi làm cho chúng ta mắc tội

Câu này nói về việc khiến cho một người phạm tội như thể “tội lỗi” là một vật thể được đặt trên người đó. Gợi ý dịch: “người sẽ làm cho chúng ta phạm tội lấy vợ của người khác”

Chúng ta

Chỉ về A-bi-mê-léc và dân của ông.

Ai đụng đến người này

Từ “đụng” ở đây có nghĩa là làm hại. Gợi ý dịch: “Ai làm hại người này”

Chắc chắn sẽ bị xử tử

A-bi-mê-léc có thể có ý ra lệnh cho người khác giết bất kì người nào làm hại Y-sác hay Rê-bê-ca. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ xử tử kẻ đó" hoặc "ta sẽ cho người giết kẻ đó"

Genesis 26:12

Thông Tin Tổng Quát:

Từ đây bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Câu chuyện chuyển từ chỗ Y-sác gọi Rê-bê-ca là em gái mình sang chỗ Y-sác trở nên rất giàu có và người Phi-li-tin ganh ghét ông.

trong xứ đó

"tại Ghê-ra"

Gấp trăm lần

Từ này có nghĩa là “hơn gấp trăm lần số ông đã trồng”. Có thể dịch chung chung hơn là: “vụ mùa bội thu”

Ông trở nên giàu có

"Y-sác trở nên giàu có” hoặc “Người trở nên giàu có”

ngày một nhiều thêm đến nỗi ông thành một người vô cùng giàu có

"và ông càng ngày càng có nhiều thêm đến nỗi trở thành vô cùng giàu có"

Chiên

Có thể bao gồm cả dê.

Đầy tớ đông đảo

“Đầy tớ” ở đây chỉ về những người làm và người hầu. Gợi ý dịch: "nhiều đầy tớ"

Người Phi-li-tin ghen tị với ông

"Người Phi-li-tin ganh ghét ông"

Genesis 26:15

Bấy giờ

Ở đây từ này không có nghĩa là “ngay tại thời điểm đó” nhưng cho biết sự việc trong câu chuyện bắt đầu. Có thể dùng từ nối “vì thế” để cho thấy đó là kết của sự việc ở [GEN 26:12-13]

Vào thời của Áp-ra-ham, cha ông

Cụm từ “vào thời” chỉ về khoảng thời gian khi một người còn sống. Gợi ý dịch: "khi Áp-ra-ham, cha ông còn sống"

A-bi-mê-léc nói

Có thể là 1) đây là một động thái khác buộc Y-sác và người của ông phải đi. Gợi ý dịch: "Rồi A-bi-mê-léc nói" hoặc "cuối cùng A-bi-mê-léc nói" hoặc 2) A-bi-mê-léc đưa ra quyết định này vì người dân của ông ganh ghét và cư xử thù địch với Y-sác. Gợi ý dịch: "Vì thế A-bi-mê-léc nói"

quá hùng mạnh so với chúng ta

"hùng mạnh hơn chúng ta quá đỗi"

Vậy, Y-sác rời khỏi

Chỉ có Y-sác được nhắc đến vì ông là người đứng đầu trong gia đình, nhưng cả gia đình và đầy tớ của ông đều đi theo ông. Gợi ý dịch: "Vì thế Y-sác và gia đình ông rời đi".

Genesis 26:18

Y-sác đào

Ở đây chỉ về Y-sác và các đầy tớ của ông. Gợi ý dịch: "Y-sác và các đầy tớ của ông đào"

Họ đã đào

"các đầy tớ của Áp-ra-ham đã đào"

Trong thời của Áp-ra-ham, cha người

Cụm từ “trong thời” chỉ về khoảng thời gian khi một người còn sống. Gợi ý dịch: "khi Áp-ra-ham, cha ông còn sống". Xem cách đã dịch ở GEN 26:15.

Người Phi-li-tin đã lấp chúng lại

Đây là lý do vì sao Y-sác đào lên lại. Có thể dịch theo các cách 1) Vì chuyện này xảy ra trước nên câu này có thể được đặt trước câu nói về việc Y-sác đào chúng lên, như trong bản dịch UDB. Hoặc 2) câu này có thể bắt đầu với: “Y-sác làm như vậy vì người Phi-li-tin đã lấp chúng lại”

Đã lấp chúng lại

"đã lấy đất lấp chúng lại"

Genesis 26:19

Mạch nước

Cụm từ này chỉ về nguồn suối tự nhiên họ phát hiện được khi đào giếng mới. Nó cung cấp một mạch nước có thể uống được và chảy liên tục. Gợi ý dịch: "nước ngọt"

Người chăn

"người trông coi bầy gia súc"

Mạch nước nầy là của chúng tôi

Từ “chúng tôi” ở đây chỉ về những người chăn ở Ghê-ra.

Ê-sết

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Ê-sết nghĩa là ‘tranh giành’ hoặc ‘tranh cãi’".

Genesis 26:21

Sau đó họ đào

"Sau đó đầy tớ của Y-sác đào" (UDB)

Họ tranh cãi

" Những người chăn gia súc ở Ghê-ra tranh cãi với những người chăn gia súc của Y-sác"

Nên ông đặt cho nó

"nên Y-sác đặt cho nó"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sít-na
Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Sít-na có nghĩa là ‘chống đối’ hoặc ‘buộc tội’.
Rê-hô-bốt
Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Rê-hô-bốt có nghĩa là ‘nhường chỗ’ hoặc ‘chỗ trống’.”
Chúng ta... chúng ta
Y-sác đang nói về chính mình ông và gia đình ông.
Genesis 26:23
Từ chỗ đó, Y-sác đi lên Bê-e Sê-ba
Từ “đi lên” ở đây có thể là đi về phía bắc. Hãy nói theo cách tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Gợi ý dịch: "Y-sác rời khỏi đó và đi đến Bê-e Sê-ba"
khiến dòng dõi của con thêm nhiều
“sẽ khiến dòng dõi của con gia tăng thêm nhiều” hoặc “sẽ làm cho dòng dõi con thêm nhiều vô số”
vì Áp-ra-ham, đầy tớ Ta
"vì đầy tớ Ta, Áp-ra-ham” hoặc có thể nói rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: “vì Ta đã hứa cùng Áp-ra-ham, đầy tớ Ta rằng ta sẽ làm như vậy”
Y-sác lập một bàn thờ tại đó
Có thể nói rõ lí do vì sao Y-sác lập bàn thờ. Gợi ý dịch: “Y-sác lập một bàn thờ tại đó để dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va."
Cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va
“Cầu khẩn” có nghĩa là cầu nguyện hay thờ phượng. Từ “danh” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "cầu nguyện Đức Giê-hô-va" hoặc "thờ phương Đức Giê-hô-va"
Genesis 26:26
Đến cùng người
"đến cùng Y-sác"
A-hu-sát
Đây là tên của một người nam.
Bạn mình
Có thể là: 1) "bạn của vua A-bi-mê-léc” hoặc 2) “người cố vấn của vua A-bi-mê-léc”
Phi-côn
Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch ở GEN 21:22.
Genesis 26:28
Họ trả lời
Chỉ về A-bi-mê-léc, A-hu-sát và Phi-côn. Một người trong số họ trả lời và hai người còn lại đồng ý với người nói. Câu này không có nghĩa là cả ba người nói cùng một lúc. Gợi ý dịch: “Một người trong số họ trả lời”
Chúng ta thấy rõ
"chúng ta biết” hoặc “Chúng ta chắc chắn”
Vậy chúng ta hãy lập một giao ước
“vì vậy chúng tôi muốn lập một giao ước”
Như chúng tôi đã đối tốt cùng ông
Có thể dịch thành một câu mới. "Chúng tôi chỉ làm những điều tốt cho ông"
Ông được Đức Giê-hô-va ban phước
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã ban phước cho ông"
Genesis 26:30
Y-sác dọn một bữa tiệc cho họ, rồi họ cùng nhau ăn uống
Dùng bữa cùng nhau là một phần trong việc lập giao ước.
Cho họ
Từ “họ” ở đây chỉ về “A-bi-mê-léc, A-hu-sát và Phi-côn”.
Họ cùng nhau ăn uống
Từ “họ” ở đây chỉ về Y-sác, A-bi-mê-léc, A-hu-sát và Phi-côn. Gợi ý dịch: "họ đều ăn uống" (UDB)
Họ dậy sớm
"Họ thức dậy sớm"
Genesis 26:32
Ông gọi giếng đó là Si-ba
"Vì thế ông gọi giếng đó là Si-ba". Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Si-ba có phát âm giống với từ có nghĩa là ‘lời thề’”.
Bê-e Sê-ba
Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Bê-e Sê-ba có thể hiểu là ‘giếng thề nguyện’ hoặc ‘giếng số bảy’”. (Xem note on GEN 21:32)
Genesis 26:34
Thông Tin Tổng Quát:
Hầu như Sáng-thế ký 26 nói về Y-sác. Những câu này nói về con trai lớn của ông là Ê-sau.
Bốn mươi
"40"
Ông cưới vợ
"Ông kết hôn". Có thể nói rõ là ông cưới hai vợ. Gợi ý dịch: "ông cưới hai người vợ"
Giu-đít ... Bách-mát
Đây là tên những người vợ của Ê-sau.
Bê-ê-ri... Ê-lôn
Đây là tên của những người nam.
người Hê-tít
"dòng dõi của Hết” hoặc “con cháu của Hết”
Họ đem nhiều phiền muộn cho Y-sác và Rê-bê-ca
Ở đây, từ “họ’ chỉ về Giu-đít và Bách-mát. Việc khiến cho ai đó phiền muộn hay buồn rầu được nói như thể “phiền muộn” là một vật thể mà người ta có thể đem đặt vào người khác. Gợi ý dịch: "Họ khiến Y-sác và Rê-bê-ca phiền muộn" hoặc "Y-sác và Rê-bê-ca buồn rầu vì cớ họ"

Translation Questions

Genesis 26:1
Vì sao Y-sác chuyển đến thành Ghê-ra, nơi A-bi-mê-léc làm vua dân Phi-li-tin?
Y-sác chuyển đến Ghê-ra vì trong xứ có nạn đói.
Genesis 26:2
Đức Giê-hô-va đã phán gì với Y-sác trước khi ông chuyển đến Ghê-ra?
Đức Giê-hô-va bảo Y-sác đừng đi đến Ai Cập mà ở lại trong xứ Ngài sẽ chỉ cho ông.
Genesis 26:3
Đức Giê-hô-va phán gì với Y-sác về lời thề của Ngài cùng cha của ông là Áp-ra-ham?
Đức Giê-hô-va phán cùng Y-sác rằng Ngài sẽ làm thành lời Ngài đã thề hứa cùng Áp-ra-ham.
Genesis 26:5
Vì sao Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm điều đó?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm điều đó vì Áp-ra-ham đã vâng lời Ngài, tuân giữ những điều Ngài truyền dạy cũng như các điều răn, mệnh lệnh và luật lệ của Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 26:7
Y-sác đã nói với dân Ghê-ra thế nào về vợ mình, là Rê-bê-ca?
Y-sác bảo với dân Ghê-ra rằng Rê-bê-ca là em gái ông.
Genesis 26:9
Theo A-bi-mê-léc thì điều gì có thể làm cho dân chúng mắc tội vì cớ lời nói dối của Y-sác?
Vì lời nói dối của Y-sác, có thể có người nào đó đến nằm với Rê-bê-ca và làm cho họ mắc tội.
Genesis 26:10
Theo A-bi-mê-léc thì điều gì có thể làm cho dân chúng mắc tội vì cớ lời nói dối của Y-sác?
Vì lời nói dối của Y-sác, có thể có người nào đó đến nằm với Rê-bê-ca và làm cho họ mắc tội.
Genesis 26:11
A-bi-mê-léc truyền lệnh gì về Rê-bê-ca?
A-bi-mê-léc truyền lệnh rằng ai đụng đến Rê-bê-ca thì sẽ bị xử tử.
Genesis 26:16
Vì sao A-bi-mê-léc bảo Y-sác rời xa khỏi người Phi-li-tin?
A-bi-mê-léc bảo Y-sác rời xa khỏi người Phi-li-tin vì ông nói rằng "...vì ngươi hùng mạnh hơn chúng ta".
Genesis 26:18
Vì sao Y-sác phải đào lại mấy cái giếng đã đào trong đời Áp-ra-ham?
Y-sác phải đào lại mấy cái giếng đã đào trong đời Áp-ra-ham vì người Phi-li-tin đã lấp chúng lại sau khi Áp-ra-ham qua đời.
Genesis 26:22
Y-sác đặt tên cho cái giếng mà những người chăn bầy ở Ghê-ra không tranh giành với ông là gì?
Y-sác đặt tên cho cái giếng mà những người chăn bầy ở Ghê-ra không tranh giành với ông là Rê-hô-bốt.
Genesis 26:23
Đức Giê-hô-va xác nhận lại với Y-sác điều gì khi Ngài hiện ra cùng ông ở Bê-e Sê-ba?
Đức Giê-hô-va xác nhận lại rằng Ngài sẽ ban phước cho Y-sác và làm cho dòng dõi ông gia tăng.
Genesis 26:24
Đức Giê-hô-va xác nhận lại với Y-sác điều gì khi Ngài hiện ra cùng ông ở Bê-e Sê-ba?
Đức Giê-hô-va xác nhận lại rằng Ngài sẽ ban phước cho Y-sác và làm cho dòng dõi ông gia tăng.
Genesis 26:28
A-bi-mê-léc muốn lập giao ước gì với Y-sác và vì sao?
A-bi-mê-léc muốn lập giao ước rằng hai bên sẽ không lạm hại nhau vì ông thấy Đức Giê-hô-va ở cùng Y-sác.
Genesis 26:29
A-bi-mê-léc muốn lập giao ước gì với Y-sác và vì sao?
A-bi-mê-léc muốn lập giao ước rằng hai bên sẽ không lạm hại nhau vì ông thấy Đức Giê-hô-va ở cùng Y-sác.
Genesis 26:30
Y-sác đáp lại thế nào với lời đề nghị của A-bi-mê-léc về việc lập một giao ước giữa hai bên?
Y-sác dọn một bữa tiệc và họ thề với nhau.
Genesis 26:31
Y-sác đáp lại thế nào với lời đề nghị của A-bi-mê-léc về việc lập một giao ước giữa hai bên?
Y-sác dọn một bữa tiệc và họ thề với nhau.
Genesis 26:34
Hai người vợ của Ê-sau thuộc dân tộc nào?
Hai người vợ của Ê-sau thuộc nhóm dân Hê-tít.
Genesis 26:35
Mối liên hệ giữa những người vợ của Ê-sau với Y-sác và Rê-bê-ca như thế nào?
Những người vợ của Ê-sau đem sầu muộn cho Y-sác và Rê-bê-ca.

Chapter 27
Genesis 27:1
Mắt người đã mờ
Câu này nói việc sắp bị mù như thể mắt là một chiếc đèn và ánh sáng đã gần tắt. Gợi ý dịch: "ông gần như mù" hoặc "ông hầu như mù"
Ông nói cùng người
"Và Ê-sau trả lời"
Có con đây
"Con đây" hoặc "con xin nghe". Xem cách đã dịch ở GEN 22:1.
Ông nói
"Rồi Y-sác nói"
Nầy
Cụm từ “này” thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau. Gợi ý dịch: "Hãy lắng nghe thật kỹ"
Cha không biết ngày cha chết
Ngụ ý rằng Y-sác biết ông sẽ sớm qua đời. Gợi ý dịch: "Cha có thể chết bất cứ lúc nào"
Chết
Chỉ về cái chết vật lí.
Genesis 27:3
Thông Tin Tổng Quát:
Y-sác tiếp tục dặn dò con trai lớn của mình.
Vũ khí của con
"dụng cụ đi săn của con"
Bao đựng tên của con
Bao đựng tên là túi hoặc bao dùng để đựng mũi tên. Gợi ý dịch: “bao đựng cung tên của con”
Săn thịt thú rừng cho cha
"đi săn thú rừng cho cha"
Hãy làm một bữa ăn thật ngon theo sở thích của cha
Từ “ngon” ở đây chỉ món ăn gì đó có vị rất ngon. Gợi ý dịch: “Hãy nấu một bữa ăn thật ngon mà cha thích”.
chúc phước cho con
Vào thời Kinh Thánh, người cha thường chúc những lời phước lành rất trang trọng cho con mình.
Genesis 27:5
Bấy giờ
Từ “bấy giờ” chuyển sự nhấn mạnh sang Rê-bê-ca và Gia-cốp. .
Rê-bê-ca nghe được những lời Y-sác nói cùng Ê-sau, con trai người
“Rê-bê-ca nghe Y-sác nói chuyện với con trai mình là Ê-sau”
Ê-sau đi ... đem về
Có thể thêm vào cụm từ “vì thế khi” để cho thấy Rê-bê-ca nói với Gia-cốp về những gì bà nghe được khi Ê-sau đã đi rồi. Gợi ý dịch: "Vì thế khi Ê-sau đi ... đem về"
Với Ê-sau, con trai ông ... với Gia-cốp, con trai bà
Ê-sai và Gia-cốp đều là con của Y-sác và Rê-bê-ca. Họ được

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

gọi là “con trai ông” và “con trai bà” để nhấn mạnh rằng mỗi người yêu đứa con trai này hơn đứa con trai kia.

Nầy

Cụm từ “này” thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau. Gợi ý dịch: "Hãy lắng nghe thật kỹ"

Ông dặn “Hãy đem thịt rừng về nấu cho cha một món thật ngon để cha ăn và chúc phước cho con trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va trước khi cha qua đời”

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: Ông dặn Ê-sau ‘đi săn thú rừng, làm món thịt thật ngon mà ông ấy thích’. Sau đó, trước khi qua đời, Y-sác sẽ chúc phước cho Ê-sau trước mặt Đức Giê-hô-va

Hãy đem thịt rừng cho ta

"Hãy đem cho ta thú rừng mà con đã đi săn và giết thịt"

nấu cho cha một món thật ngon

"Nấu cho ta món thịt thật ngon mà ta thích". Xem cách đã dịch ở GEN 27:04.

chúc phước cho con trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va

"chúc phước cho con trước mặt Đức Giê-hô-va"

Trước khi cha qua đời

"trước khi cha chết"

Genesis 27:8

Thông Tin Tổng Quát:

Rê-bê-ca tiếp tục nói với con trai nhỏ của mình là Gia-cốp.

Bây giờ

Từ “bây giờ” không có nghĩa là “ngay tại thời điểm đó”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

nghe lời mẹ bảo

Rê-bê-ca nói “lời mẹ” chỉ về điều bà đang nói. Gợi ý dịch: "vâng lời mẹ và làm điều mẹ bảo con"

Mẹ sẽ làm một món thật ngon từ chúng cho cha con, y theo sở thích của cha con

Từ “ngon” chỉ về món có vị rất ngon. Xem cách đã dịch câu tương tự ở GEN 27:4.

Con sẽ mang nó đến cho cha con

“Rồi hãy mang nó đến cho cha con”

Để ông ấy ăn nó rồi chúc phước cho con

"rồi sau khi cha con ăn xong, ông ấy sẽ chúc phước cho con”

ông ấy sẽ chúc phước cho con

Từ “chúc phước” chỉ về lời chúc phước trang trọng của người cha cho con mình.

Trước khi ông ấy qua đời

"trước khi ông ấy chết"

Genesis 27:11

Con là một người nhẵn nhụi

"Da con rất nhẵn nhụi" hoặc "con không có nhiều lông"

Và con sẽ bị cha coi như một kẻ lừa gạt

"Và cha sẽ nghĩ con là một đứa dối trá” hoặc “Cha sẽ biết con đang lừa gạt người”

Con sẽ tự chuốc lấy sự rủa sả chứ chẳng phải phước lành

Bị rủa sả hay được phước được nói đến như thể lời rủa sả và phước lành là một vật thể được đem đặt lên người khác. Gợi ý dịch: "Sau đó vì điều này mà cha sẽ rủa sả con chứ chẳng phải chúc phước"

Genesis 27:13

Con ơi, để mẹ chịu mọi sự rủa sả

“Hãy để mẹ chịu mọi sự rủa sả của con, con trai”. Bị rủa sả được nói đến như thể lời rủa sả là một vật thể được đem đặt lên người khác. Gợi ý dịch: “Hãy để cha rủa sả mẹ thay cho con, con trai”

Vâng lời mẹ

Rê-bê-ca nói “lời mẹ” chỉ về những điều bà đang nói. Gợi ý dịch: "làm theo những gì mẹ bảo con” hoặc “vâng lời mẹ”.

Đem chúng đến cho mẹ

"đem cho mẹ mấy con dê con"

Nấu những món ngon theo sở thích của cha người

Từ “ngon” chỉ về món có vị rất ngon. Xem cách đã dịch câu tương tự ở GEN 27:4.

Genesis 27:15

Bà đặt da của dê con lên tay người

Da dê con vẫn còn lông.

Ba đặt món ăn ngon cùng bánh mì đã chuẩn bị sẵn vào tay Gia-cốp, con trai mình

"Bà đưa cho Gia-cốp, con trai mình, món ăn ngon và bánh mì mà bà đã chuẩn bị"

Genesis 27:18

Người nói

"và cha người trả lời’ hoặc “Y-sác đáp lời” (UDB)

Cha đây

"Ừ, cha nghe đây" hoặc "Ừ, chuyện gì vậy?" Xem cách đã dịch trong GEN 22:1.

Con đã làm như cha đã dặn

"Con đã làm những việc cha bảo con"

Một ít thịt thú rừng của con

Từ “thịt thú rừng” chỉ về động vật hoang dã mà người ta săn được và giết thịt. Xem cách đã dịch từ “thịt thú rừng” ở GEN 27:3.

Genesis 27:20

Người nói

"Gia-cốp trả lời"

Đem chúng đến cho con

Đây là một thành ngữ có nghĩa là Đức Chúa Trời khiến việc đó xảy ra. Gợi ý dịch: "đã giúp con đi săn được thành công"

Con thật là Ê-sau, con trai cha

"con có thật là Ê-sau, con trai cha"

Genesis 27:22

Gia-cốp đi sang chỗ Y-sác, cha mình

"Gia-cốp lại gần Y-sác, cha mình"

Giọng là giọng của Gia-cốp

Y-sác xem giọng của Gia-cốp chính là Gia-cốp. Gợi ý dịch: "Giọng con nghe giống như Gia-cốp"

Nhưng tay là tay của Ê-sau

Y-sác xem tay của Ê-sau chính là Ê-sau. Gợi ý dịch: "nhưng tay của con giống tay của Ê-sau"

Genesis 27:24

Ông nói

Y-sác hỏi câu hỏi này trước khi chúc phước cho con trai. Gợi ý dịch: "Nhưng trước hết Y-sác hỏi"

Ăn thịt thú rừng của con

Từ “thịt thú rừng” chỉ về động vật hoang dã mà người ta săn được và giết thịt. Xem cách đã dịch từ “thịt thú rừng” ở GEN 27:7.

Và ông uống

"và Y-sác uống"

Genesis 27:26

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ông ngửi mùi từ áo con và chúc phước cho
Có thể nói rõ áo có mùi giống với mùi áo Ê-sau. Gợi ý dịch: "ông ngửi mùi từ áo con và thấy giống mùi áo của Ê-sau thì Y-sác chúc phước cho"
Và ông ngửi
"và Y-sác ngửi"
Mùi
"mùi hương"
Và chúc phước cho
"và sau đó ông chúc phước cho." Chỉ về phước lành trang trọng của một người cha dành cho con mình.
Nầy, mùi hương của con trai ta
Từ “nầy” được dùng như một phép tu từ có nghĩa là “đúng là”. Gợi ý dịch: "Thật sự là mùi hương của con trai ta"
Đức Giê-hô-va đã ban phước
Từ “ban phước” ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va ban điều tốt lành cho cánh đồng và nó trở màu mỡ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va khiến cho được màu mỡ"
Genesis 27:28
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là lời chúc phước của Y-sác. Ông nghĩ rằng mình đang nói với Ê-sau, nhưng thật ra ông đang nói với Gia-cốp.
Ban cho con
Từ “con” ở đây ở dạng số ít, chỉ về Gia-cốp. Nhưng phước lành này cũng được dành cho dòng dõi của Gia-cốp.
Sương từ trời
"Sương" là những giọt nước đọng trên cây cối qua buổi đêm. Có thể nói rõ điều này. Gợi ý dịch: "sương ban đêm từ trời sẽ tưới tắm cho mùa màng của con"
Sự màu mỡ của đất
Đấu màu mỡ được nói như thể đất mập lên hay giàu có. Gợi ý dịch: "đất tốt để sinh mùa màng"
Dư dật ngũ cốc và rượu mới
Nếu không biết “ngũ cốc” và “rượu” thì có thể dịch cách khái quát hơn. Gợi ý dịch: "dư đật đồ ăn và thức uống"
Genesis 27:29
Con ... của con
Những đại từ này ở dạng số ít, chỉ về Gia-cốp. Nhưng phước lành cũng được dành cho dòng dõi của Gia-cốp.
Các nước quỳ lạy
Từ “các nước” ở đây chỉ về người dân. Gợi ý dịch: "dân chúng của mọi nước quỳ lạy"
Quỳ lạy
Tức là cúi xuống để khiêm nhường bày tỏ sự tôn trọng và kính cẩn đối với ai đó.
Hãy cai trị anh em con
"Hãy làm chủ trên anh em con"
anh em con ... con trai của mẹ con
Y-sác đang chúc phước trực tiếp cho Gia-cốp. Nhưng chúng cũng được dành cho dòng dõi của Gia-cốp, là người sẽ cai trị dòng dõi của Ê-sau và của hết thảy những anh em khác của ông.
Và nguyện các con trai của mẹ con sẽ quỳ lạy trước con
"và các con trai của mẹ con sẽ quỳ lạy trước con"
Ai nguyền rủa con sẽ bị nguyền rủa lại
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời rủa sả kẻ nào rủa sả con"
Ai cầu phước cho con sẽ được ban phước lại
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời ban phước cho kẻ cầu phước cho con"
Genesis 27:30
Vừa mới đi khỏi chỗ Y-sác, cha mình
"vừa rời khỏi lều của Y-sác, cha mình”
Món ngon
"món thịt thật ngon mà cha thích". Xem cách đã dịch ở GEN 27:3.
ít thịt rừng của con trai cha
"Của con trai cha’ là cách xưng hô lễ phép của Ê-sau chỉ về thức ăn mà ông đã chuẩn bị.
thịt rừng của con trai cha
“Thịt rừng” chỉ về thú rừng mà người ta đi săn để làm thịt. Xem cách đã dịch từ “thịt rừng” ở GEN 27:7.
chúc phước cho con
Chỉ về lời chúc phước trang trọng của người cha cho con mình.
Genesis 27:32
Nói cùng người
"nói cùng Ê-sau"
Y-sác run rẩy
"Y-sác bắt đầu run rẩy"
Săn thịt rừng này
Thịt rừng chỉ về động vật hoang dã mà người ta săn bắt và giết thịt. Xem cách đã dịch ở GEN 27:7.
Genesis 27:34
Ông bật lên một tiếng kêu rất lớn và cay đắng
Nỗi đau đớn của Ê-sau giống như nếm phải vật đắng. Gợi ý dịch: "ông kêu lớn"
cướp mất lời chúc phước dành cho con rồi
Đây là phép tù từ có nghĩa là Gia-cốp đã lấy đi điều thuộc về Ê-sau. Gợi ý dịch: "Cha đã chúc phước nó thay con rồi"
Genesis 27:36
Có phải đúng như tên gọi nó là Gia-cốp?
Ê-sau dùng một câu hỏi để nhấn mạnh sự tức giận của mình với Gia-cốp. Gợi ý dịch: “Gia-cốp thật là cái tên thích hợp cho em trai con”
Gia-cốp
Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên Gia-cốp có nghĩa là ‘người nắm gót chân”. Trong ngôn ngữ gốc tên “Gia-cốp” có phát âm giống với từ “người lừa dối”.
Nó đã chiếm ... phước lành
Câu này nói về quyền trưởng nam như thể nó là một đồ vật mà người khác có thể cướp mất. Gợi ý dịch: "Nó đã lừa con cho nó số tài sản thừa kế gấp đôi mà lẽ ra con phải nhận được qua quyền con trưởng!"
bây giờ nó còn chiếm luôn phước lành của con
Câu này nói về phước lành như thể nó là một đồ vật mà người khác có thể cướp mất. Gợi ý dịch: "bây giờ nó còn lừa cha chúc phước của con cho nó"
Cha không dành lại cho con một phước lành nào sao
Ê-sau biết rằng cha không thể chúc phước cho ông cùng một điều như đã chúc cho Gia-cốp. Ê-sau đang hỏi rằng còn điều nào mà Y-sác chưa nói với Gia-cốp để chúc phước cho ông không.
Cha còn làm được gì hơn cho con đây, con trai ta?
Y-sác dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông không còn làm được gì khác. Gợi ý dịch: “Cha không thể làm gì khác cho con!"
Genesis 27:38

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cha không còn một phước lành nào cho con sao cha

Có thể dịch ở dạng chủ động. "Cha ơi, còn một phước lành nào cho con không"

Genesis 27:39

Nói cùng ông

"nói cùng Ê-sau"

Nầy

Từ này thêm phần nhấn mạnh cho điều Y-sác nói sau đó. Gợi ý dịch: "Hãy nghe này" hoặc "Hãy chú ý điều tôi sắp nói"

Cách xa nơi màu mỡ của đất

Đây là phép tù từ chỉ về sự phì nhiêu của đất. Gợi ý dịch: "cách xa vùng đất màu mỡ"

Của con ... con

Trong 27:39-40 những đại từ này ở số ít và chỉ về Ê-sau, nhưng điều Y-sác nói cũng dành cho dòng dõi của Ê-sau. .

Sương từ trời

"Sương" là những giọt nước đọng trên cây cối qua buổi đêm. Có thể nói rõ điều này. Gợi ý dịch: "sương ban đêm từ trời tưới tắm cho mùa màng của con"

Con sẽ sống nhờ thanh gươm

Từ “gươm” ở đây chỉ về sự bạo lực. Gợi ý dịch: "Con sẽ cướp và giết người khác để có được điều cần thiết mà tồn tại"

Con sẽ bẻ cái ách của em con trên cổ con

Câu này nói về việc có ông chủ như thể sự kiểm soát của chủ trên một người là cái ách mà người đó phải mang. Gợi ý dịch: "con sẽ giải thoát chính mình khỏi sự cai trị của em con" (UDB)

Genesis 27:41

Ê-sau nói trong lòng

Từ “lòng” ở đây chỉ về chính Ê-sau. Gợi ý dịch: "Ê-sau tự nhủ"

Ngày than khóc cho cha ta đã gần

Chỉ về những ngày người ta đau buồn khi có người thân trong gia đình qua đời.

Những lời của Ê-sau, con trưởng nam, được thuật lại cho Rê-bê-ca

Từ “lời” ở đây chỉ về điều Ê-sau nói. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Có người thuật lại cho Ê-bê-ca kế hoạch của Ê-sau"

Hãy xem

"Hãy nghe này" hoặc "Hãy chú ý"

Để hả giận

"để khuây khỏa"

Genesis 27:43

Bây giờ

Từ này ở đây không có nghĩa là “ngay lúc này” nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý vào điều quan trọng theo sau.

Trốn đến cậu La-ban

"nhanh chóng rời khỏi đây và đi đến cậu La-ban"

Một thời gian

"một khoảng thời gian"

cho đến khi anh con nguôi giận

"cho đến khi anh con bình tĩnh lại"

Đến khi cơn giận của anh con xoay khỏi con

Việc không còn giận nữa được nói đến như thể cơn giận chuyển sang hướng khác. Gợi ý dịch: "đến khi anh con không còn tức giận với con nữa"

Làm sao mẹ có thể mất cả hai đứa con trong một ngày được?

Rê-bê-ca dùng một câu hỏi để nhấn mạnh mối bận tâm của mình. Gợi ý dịch: "Mẹ không muốn mất cả hai đứa con trong một ngày!"

mất cả hai đứa con trong một ngày

Ngụ ý rằng nếu Ê-sau giết Gia-cốp thì người ta sẽ xử tử Ê-sau vì tội giết người.

Mất

Đây là cách nói tế nhị chỉ về việc con trai bà qua đời.

Genesis 27:46

Tôi chán không còn muốn sống nữa

Rê-bê-ca đang phóng đại nhằm nhấn mạnh sự buồn bực của mình về những con dâu người Hê-tít mà Ê-sau đã cưới. Gợi ý dịch "Tôi rất buồn bực”

Mấy con gái của Hếch

"những người nữ Hê-tít này" hoặc "dòng dõi của Hếch"

Như những đứa con gái này trong xứ

Cụm từ “những đứa con gái trong xứ” có nghĩa là những người nữ trong vùng. Gợi ý dịch: "giống những người nữ sống trong xứ này"

Cuộc đời tôi có gì tốt đẹp?

Rê-bê-ca dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng nếu Gia-cốp cưới một người nữ Hê-tít thì bà sẽ buồn rầu ra sao. Gợi ý dịch: “Cuộc đời tôi sẽ thật khủng khiếp!”

Translation Questions

Genesis 27:1

Khi Y-sác tuổi cao thì ông không còn khả năng gì nữa?

Khi Y-sác tuổi cao thì ông không còn nhìn thấy được nữa.

Genesis 27:3

Y-sác bảo Ê-sau làm gì và vì sao?

Y-sác bảo Ê-sau đi săn và làm món ông yêu thích để ông ăn rồi chúc phước cho Ê-sau.

Genesis 27:4

Y-sác bảo Ê-sau làm gì và vì sao?

Y-sác bảo Ê-sau đi săn và làm món ông yêu thích để ông ăn rồi chúc phước cho Ê-sau.

Genesis 27:8

Kế hoạch của Rê-bê-ca chuẩn bị thức ăn cho Y-sác là gì và vì sao?

Rê-bê-ca bảo Gia-cốp bắt hai con dê rồi bà sẽ làm món ăn mà Y-sác yêu thích để Gia-cốp đem đến cho Y-sác và nhận lấy phước lành.

Genesis 27:10

Kế hoạch của Rê-bê-ca chuẩn bị thức ăn cho Y-sác là gì và vì sao?

Rê-bê-ca bảo Gia-cốp bắt hai con dê rồi bà sẽ làm món ăn mà Y-sác yêu thích để Gia-cốp đem đến cho Y-sác và nhận lấy phước lành.

Genesis 27:11

Gia-cốp lo lắng điều gì khi đem thức ăn cho Y-sác?

Gia-cốp lo lắng rằng Ê-sau có nhiều lông còn ông thì nhẵn nhụi, nhỡ Y-sác chạm vào ông thì sẽ phát hiện ông là kẻ lừa gạt và rủa sả ông.

Genesis 27:12

Gia-cốp lo lắng điều gì khi đem thức ăn cho Y-sác?

Gia-cốp lo lắng rằng Ê-sau có nhiều lông còn ông thì nhẵn nhụi, nhỡ Y-sác chạm vào ông thì sẽ phát hiện ông là kẻ lừa gạt và rủa sả ông.

Genesis 27:15

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Rê-bê-ca giải quyết thế nào về việc Ê-sau có nhiều lông còn Gia-cốp thì nhẵn nhụi?
Rê-bê-ca mặc đồ của Ê-sau cho Gia-cốp, bọc da dê lên tay và cổ của Gia-cốp.
Genesis 27:16
Rê-bê-ca giải quyết thế nào về việc Ê-sau có nhiều lông còn Gia-cốp thì nhẵn nhụi?
Rê-bê-ca mặc đồ của Ê-sau cho Gia-cốp, bọc da dê lên tay và cổ của Gia-cốp.
Genesis 27:20
Khi Y-sác hỏi thì Gia-cốp đã trả lời vì sao ông săn được thú nhanh như thế?
Gia-cốp đáp rằng Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sác đã đưa con thú đến cho ông.
Genesis 27:22
Vì không chắc chắn nên Y-sác dùng cách gì để cố gắng xác định ai là người đem thức ăn đến cho mình?
Y-sác rờ tay Gia-cốp và rờ phải lớp da dê có nhiều lông.
Genesis 27:23
Vì không chắc chắn nên Y-sác dùng cách gì để cố gắng xác định ai là người đem thức ăn đến cho mình?
Y-sác rờ tay Gia-cốp và rờ phải lớp da dê có nhiều lông.
Genesis 27:24
Gia-cốp nói gì khi Y-sác hỏi rằng "Có đúng con là Ê-sau, con trai của cha không"?
Gia-cốp thưa: “Dạ phải".
Genesis 27:26
Cuối cùng điều gì đã thuyết phục Y-sác tin rằng người đem thức ăn đến là Ê-sau?
Khi Gia-cốp lại gần hôn Y-sác thì Y-sác ngửi thấy mùi quần áo của Ê-sau.
Genesis 27:27
Cuối cùng điều gì đã thuyết phục Y-sác tin rằng người đem thức ăn đến là Ê-sau?
Khi Gia-cốp lại gần hôn Y-sác thì Y-sác ngửi thấy mùi quần áo của Ê-sau.
Genesis 27:29
Y-sác nói rằng ai sẽ là người quỳ trước Gia-cốp?
Y-sác nói rằng các dân sẽ quỳ trước Gia-cốp và các con trai của mẹ ông đều sẽ quỳ trước ông.
Genesis 27:30
Vừa khi Gia-cốp ra khỏi trại của Y-sác thì Ê-sau làm gì?
Ê-sau trở về từ chuyến đi săn, chuẩn bị thức ăn và đem cho Y-sác.
Genesis 27:31
Vừa khi Gia-cốp ra khỏi trại của Y-sác thì Ê-sau làm gì?
Ê-sau trở về từ chuyến đi săn, chuẩn bị thức ăn và đem cho Y-sác.
Genesis 27:34
Y-sác nói gì khi Ê-sau xin Y-sác chúc phước?
Y-sác nói rằng Gia-cốp đã lừa dối nhận lấy phước lành của Ê-sau rồi.
Genesis 27:35
Y-sác nói gì khi Ê-sau xin Y-sác chúc phước?
Y-sác nói rằng Gia-cốp đã lừa dối nhận lấy phước lành của Ê-sau rồi.
Genesis 27:36
Ê-sau nói Gia-cốp đã lừa ông hai điều nào?
Ê-sau nói rằng Gia-cốp đã lừa lấy quyền trưởng nam của ông và phước lành của ông.
Genesis 27:39
"Phước lành" mà Y-sác ban cho Ê-sau là gì?
Y-sác nói rằng Ê-sau sẽ ở nơi thiếu màu mỡ của đất, rằng ông sẽ phục vụ cho em mình nhưng cuối cùng sẽ nổi dậy và loại đi cái ách của Gia-cốp.
Genesis 27:40
"Phước lành" mà Y-sác ban cho Ê-sau là gì?
Y-sác nói rằng Ê-sau sẽ ở nơi thiếu màu mỡ của đất, rằng ông sẽ phục vụ cho em mình nhưng cuối cùng sẽ nổi dậy và loại đi cái ách của Gia-cốp.
Genesis 27:41
Ê-sau quyết định làm gì sau khi Y-sác qua đời?
Ê-sau quyết định sẽ giết Gia-cốp sau khi Y-sác qua đời.
Genesis 27:43
Rê-bê-ca làm gì sau khi nghe kế hoạch của Ê-sau?
Rê-bê-ca cho Gia-cốp đến chỗ La-ban, anh của bà, ở Cha-ran.

Chapter 28
Genesis 28:1
Con không được cưới
"Đừng cưới"
Hãy đứng dậy, đi
"Hãy đi ngay"
Pha-đan A-ram
Đây là một tên gọi khác của vùng Mê-sô-pô-ta-mi, ngày nay là I-rắc. Xem cách đã dịch ở [GEN 25:20]
Nhà của
Chỉ về con cháu hay những người bà con khác. Gợi ý dịch: "gia đình"
Bê-tu-ên
Bê-tu-ên là cha của Rê-bê-ca. Xem cách đã dịch ở [GEN 22:22]
Cha của mẹ
"ông ngoại con"
một trong các con gái
"trong số các con gái"
Anh của mẹ
"câu con"
Genesis 28:3
Thông Tin Tổng Quát:
Y-sác tiếp tục nói với Gia-cốp
làm con sanh sản, thêm nhiều
Từ “thêm nhiều” giải thích Đức Chúa Trời sẽ khiến cho Gia-cốp “sanh sản” như thế nào. Gợi ý dịch: "ban cho con nhiều con cháu"
Cầu xin Ngài ban cho con và dòng dõi con phước lành của Áp-ra-ham
Câu này nói về việc chúc phước như thể phước lành là một vật mà người ta có thể đem cho. Danh từ trừu tượng “phước lành” có thể dịch là “chúc phước”. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời ban phước cho con và dòng dõi con như Ngài đã ban phước cho Áp-ra-ham” hoặc “Nguyện Đức Chúa Trời ban cho con và dòng dõi con điều Ngài đã hứa cho Áp-ra-ham"
Để con được thừa hưởng đất

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Việc Đức Chúa Trời ban vùng đất Ca-na-an cho Gia-cốp và dòng dõi của ông được nói như thể một đứa con được thừa hưởng tiền và tài sản từ cha mình.

miền đất mà con đang cư ngụ

"miền đất mà con đang ở"

Mà Đức Chúa Trời đã ban cho Áp-ra-ham

"mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho Áp-ra-ham"

Genesis 28:5

Pha-đan A-ram

Đây là một tên gọi khác của vùng Mê-sô-pô-ta-mi, ngày nay là I-rắc. Xem cách đã dịch ở [GEN 25:20]

Bê-tu-ên

Bê-tu-ên là cha của Rê-bê-ca. Xem cách đã dịch ở [GEN 22:22]

Genesis 28:6

Thông Tin Tổng Quát:

Câu chuyện chuyển từ Gia-cốp sang Ê-sau

Bấy giờ

Từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu phần chuyển từ câu chuyện sang thông tin về Ê-sau.

Pha-đan A-ram

Đây là một tên gọi khác của vùng Mê-sô-pô-ta-mi, ngày nay là I-rắc. Xem cách đã dịch ở [GEN 25:20]

Để cưới vợ

"để cưới vợ cho mình"

Ông cũng thấy Y-sác đã chúc phước cho người

"Ê-sau cũng thấy Y-sác đã chúc phước cho Gia-cốp"

Con không được cưới

"Đừng cưới"

Những người nữ của Ca-na-an

"con gái Ca-na-an" hoặc "những người nữ Ca-na-an"

Genesis 28:8

Thông Tin Tổng Quát:

Phần này tiếp tục thông tin về Ê-sau.

Ê-sau thấy

"Ê-sau nhận thấy"

Những đứa con gái Ca-na-an không làm vừa lòng Y-sác, cha mình

"Y-sác cha người không chấp nhận những người nữ Ca-na-an"

Những người nữ Ca-na-an

"các con gái của Ca-na-an" hoặc “những người nữ dân Ca-na-an"

Vậy nên

"Vì điều đó"

Ngoài những người vợ mà ông đã có

"Bên cạnh những người vợ mà ông đã có"

Ma-ha-lát

Đây là tên của con gái Ích-ma-ên.

Nê-ba-giốt

Đây là tên của con trai Ích-ma-ên.

Genesis 28:10

Thông Tin Tổng Quát:

Câu chuyện quay lại với Gia-cốp.

Ông đến một nơi kia và qua đêm tại đó, vì mặt trời đã lặn

“Ông đến một nơi kia và vì mặt trời đã lặn nên ông quyết định qua đêm tại đó”

Genesis 28:12

Ông mơ

"Gia-cốp có một giấc mơ"

dựng lên trên đất

" Bắt từ dưới đất"

Chạm tới trời

Chỉ về nơi Đức Chúa Trời sống.

Kìa

Từ “kìa” ở đây hướng sự chú ý đến thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.

Đức Giê-hô-va đứng ở phía trên

Có thể là 1) “Đức Giê-hô-va đứng ở đầu thang” hoặc 2) “Đức Giê-hô-va đứng bên cạnh Gia-cốp”

Áp-ra-ham, tổ phụ con

Từ “tổ phụ” ở đây có nghĩa là “tổ tiên”. Gợi ý dịch: "Áp-ra-ham, tổ tiên của con” hoặc “Áp-ra-ham, tổ phụ của con”.

Genesis 28:14

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Gia-cốp trong giấc mơ.

Dòng dõi của con sẽ như cát bụi trên đất

Đức Chúa Trời so sánh dòng dõi của Gia-cốp với cát bụi trên đất nhằm nhấn mạnh số lượng đông đảo của họ. Gợi ý dịch: “Con sẽ có nhiều con cháu mà ngươi không thể đếm hết”.

Và con sẽ tràn khắp phương tây

Từ “con” ở đây ở dạng số ít nhưng cũng chỉ về dòng dõi của Gia-cốp. Câu này chỉ nói về Gia-cốp vì ông là người lãnh đạo gia đình. Gợi ý dịch: "và dòng dõi của con sẽ tràn khắp phương tây"

Con sẽ mở rộng

Câu này có nghĩa là dân tộc ông sẽ mở rộng biên giới lãnh thổ và chiếm thêm đất.

đến đông tây nam bắc

Những từ này được dùng chung mang ý nghĩa là “mọi hướng”. Gợi ý dịch: "khắp mọi hướng"

Mọi gia tộc trên đất sẽ nhờ con và dòng dõi con mà được phước

Câu này có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Qua con và dòng dõi con Ta sẽ chúc phước cho mọi gia tộc trên đất”

Nầy

Từ này thêm phần nhấn mạnh cho điều được nói sau đó. Gợi ý dịch: "Kìa" hoặc "nghe này" hoặc "hãy chú ý vào điều Ta sắp nói với con"

Vì Ta sẽ không bỏ con. Ta sẽ làm mọi điều

“Vì Ta sẽ không lìa bỏ con cho đến khi Ta làm mọi điều”

Ta sẽ giữ con

"Ta sẽ giữ con an toàn" hoặc “Ta sẽ bảo vệ con”

Ta sẽ lại đem con vào vào xứ này

"Ta sẽ đem con trở lại xứ này"

Genesis 28:16

Tỉnh giấc

"thức giấc"

Nhà của Đức Chúa Trời... cổng thiên đàng

Cụm từ “cổng thiên đàng” giải thích đây là lối đi vào “nhà của Đức Chúa Trời” và “lối vào nơi Đức Chúa Trời ngự”.

Đây là cổng thiên đàng

Câu này nói về lối vào nơi Đức Chúa Trời ngự như thể đó là một vương quốc theo nghĩa đen có cửa để người ta phải mở ra để đi vào.

Genesis 28:18

Trụ

Đây là một cây trụ kỷ niệm, chỉ đơn giản là một tảng đá lớn hoặc đá cuội được dựng trên một đầu.

đổ dầu lên đỉnh trụ đó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hành động này tượng trưng cho việc Gia-cốp biệt riêng cây trụ cho Đức Chúa Trời. Có thể nói rõ ý của cả câu này. Gợi ý dịch: "đổ dầu lên đỉnh trụ đó để biệt riêng nó cho Đức Chúa Trời"

Bê-tên

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Bê-tên có nghĩa là ‘nhà của Đức Chúa Trời’”.

Lu-xơ

Đây là tên của một thành phố.

Genesis 28:20

Khấn nguyện

"lập lời thề nguyền" hoặc "lời hứa trang trọng với Đức Chúa Trời"

Nếu Đức Chúa Trời ... thì Đức Giê-hô-va sẽ là Đức Chúa Trời của con

Gia-cốp nói với Đức Chúa Trời ở ngôi thứ ba. Có thể dịch thành ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Nếu Ngài ... thì Ngài, Đức Giê-hô-va, sẽ là Đức Chúa Trời mà con thờ phượng"

lúc đi đường

Câu này chỉ về hành trình của Gia-cốp đi tìm vợ và trở về nhà. Gợi ý dịch: "trong chuyến đi này"

cho con bánh ăn

“Bánh” ở đây chỉ về thức ăn nói chung.

về nhà cha của con

Từ “nhà” ở đây chỉ về gia đình của Gia-cốp. Gợi ý dịch: "về nhà cha con và những người còn lại trong gia đình"

Hòn đá thiêng liêng

Tức là hòn đá sẽ đánh dấu nơi Đức Chúa Trời hiện ra cho ông và đó sẽ là nơi người ta có thể thờ phượng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Nhà của Đức Chúa Trời" hoặc "chỗ của Đức Chúa Trời"

Translation Questions

Genesis 28:1

Y-sác căn dặn gì với Gia-cốp trước khi Gia-cốp đi?

Y-sác căn dặn Gia-cốp không được cưới vợ người Ca-na-an.

Genesis 28:2

Y-sác bảo Gia-cốp cưới vợ ở đâu?

Y-sác bảo Gia-cốp cưới một trong các con gái của La-ban, là anh của Rê-bê-ca.

Genesis 28:4

Y-sác cầu xin Đức Chúa Trời ban phước lành của ai cho Gia-cốp?

Y-sác cầu xin Đức Chúa Trời ban phước lành của Áp-ra-ham cho Gia-cốp.

Genesis 28:8

Khi thấy những người nữ Ca-na-an không vừa ý Y-sác thì Ê-sau cưới một người vợ ở đâu?

Ê-sau cưới một người vợ trong số các con gái của Ích-ma-ên, con trai Áp-ra-ham.

Genesis 28:9

Khi thấy những người nữ Ca-na-an không vừa ý Y-sác thì Ê-sau cưới một người vợ ở đâu?

Ê-sau cưới một người vợ trong số các con gái của Ích-ma-ên, con trai Áp-ra-ham.

Genesis 28:12

Trên đường đến Cha-ran, Gia-cốp nằm mơ thấy gì?

Gia-cốp thấy một cái cầu thang nối liền từ đất lên trời, các thiên sứ đi lên đi xuống trên các bậc thang đó và Đức Giê-hô-va đứng trên đầu thang.

Genesis 28:13

Trên đường đến Cha-ran, Gia-cốp nằm mơ thấy gì?

Gia-cốp thấy một cái cầu thang nối liền từ đất lên trời, các thiên sứ đi lên đi xuống trên các bậc thang đó và Đức Giê-hô-va đứng trên đầu thang.

Đức Giê-hô-va phán gì về vùng đất mà Gia-cốp đang nằm ngủ?

Đức Giê-hô-va phán rằng vùng đất mà Gia-cốp đang nằm ngủ sẽ được ban cho ông và dòng dõi ông.

Đức Giê-hô-va ban phước lành của ai cho Gia-cốp?

Đức Giê-hô-va ban phước lành của Áp-ra-ham cho Gia-cốp.

Genesis 28:17

Gia-cốp nói gì về nơi ông đã nằm mơ?

Gia-cốp nói nơi đó là nhà của Đức Chúa Trời và là cổng trời.

Genesis 28:19

Gia-cốp đặt tên cho nơi ông đã nằm mơ là gì?

Gia-cốp đặt tên cho nơi đó là Bê-tên.

Genesis 28:20

Gia-cốp nói Đức Giê-hô-va phải làm gì để Ngài là Đức Chúa Trời của ông?

Gia-cốp nói rằng Đức Giê-hô-va phải ở với ông, gìn giữ ông trong chuyến hành trình để ông được bình an trở về nhà cha của mình.

Genesis 28:21

Gia-cốp nói Đức Giê-hô-va phải làm gì để Ngài là Đức Chúa Trời của ông?

Gia-cốp nói rằng Đức Giê-hô-va phải ở với ông, gìn giữ ông trong chuyến hành trình để ông được bình an trở về nhà cha của mình.

Genesis 28:22

Gia-cốp hứa dâng gì cho Đức Giê-hô-va nếu Đức Giê-hô-va làm những điều đó cho ông?

Gia-cốp hứa dâng cho Đức giê-hô-va một phần mười mọi thứ Đức Giê-hô-va ban cho ông.

Chapter 29

Genesis 29:1

dân phương Đông

Tức là dân Pha-đan A-ram, vùng đất ở phía đông xứ Ca-na-an.

Và, kìa, có ba bầy chiên đang nằm nghỉ cạnh đó

Từ “kìa” đánh dấu phần mở đầu của một sự kiện khác trong câu chuyện chung. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt điều này.

Từ giếng đó

"Vì từ giếng đó". Cụm từ này đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về những người chăn cho chiên uống nước như thế nào.

Họ sẽ cho ... uống nước

"những người chăn sẽ cho.... uống nước” hoặc “những người coi sóc bầy chiên đó sẽ cho... uống nước”

Miệng giếng

Từ “miệng” là cách chỉ về chỗ hở trên giếng. Gợi ý dịch: "chỗ mở ra trên giếng"

Genesis 29:4

Gia-cốp nói với họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Gia-cốp nói với những người chăn"

Hỡi các anh em của tôi

Đây là một cách chào lịch sự đối với người lạ.

La-ban, con trai Na-hô

Ở đây, từ “con trai” chỉ về cháu trai. Một ý nghĩa khác là “La-ban, cháu trai của Na-hô”. (UDB)

Và, nhìn đằng kia kìa, Ra-chên, con gái ông ấy đang dẫn bầy chiên đến

"Nhìn kìa! Ra-chên, con gái người đang dẫn bầy chiên đến"

Genesis 29:7

bây giờ là giữa trưa

"mặt trời vẫn còn ở trên cao" (UDB) hoặc "mặt trời vẫn sáng chói"

Các bầy gia súc được gom lại

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "để các anh gom bầy gia súc lại"

Được gom lại

Tức là gom chúng vào bên trong một bức hàng rào để chúng ở đó qua đêm. Có thể nói rõ ý của cả câu.

Để chúng ăn cỏ

"để chúng ăn cỏ trên cánh đồng"

Chúng tôi không thể cho chúng uống nước

"Chúng tôi phải đợi để cho chúng uống nước". Họ đợi đến giờ chứ không phải đợi được cho phép.

Cho đến khi tất cả các bầy súc vật được tụ tập lại

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "cho đến khi những người chăn khác tụ tập các bầy súc vật của họ"

Khỏi miệng giếng

Từ “miệng” ở đây là cách chỉ đến chỗ mở trên giếng. Gợi ý dịch: "khỏi giếng" hoặc "khỏi chỗ mở trên giếng"

Rồi chúng tôi sẽ cho chiên uống nước

"rồi chúng tôi sẽ cho bầy chiên uống nước"

Genesis 29:9

Anh của mẹ mình

"cậu mình"

Miệng giếng

Từ “miệng” ở đây là cách chỉ đến chỗ mở trên giếng. Gợi ý dịch: "giếng" hoặc "chỗ mở trên giếng"

Genesis 29:11

Gia-cốp hôn Ra-chên

Ở vùng Cận Đông thời xưa, người ta thường chào người bà con bằng một nụ hôn. Tuy nhiên, thông thường là giữa những người nam với nhau. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách chào hỏi trìu mến dành cho người họ hàng thì có thể sử dụng ở đây. Nếu không thì nên dùng cách nào đó cho phù hợp.

Khóc lớn

Gia-cốp khóc vì ông quá vui mừng. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu.

bà con của cha cô

"bà con với cha cô"

Genesis 29:13

Con trai của em gái mình

"cháu trai của mình"

Ôm chầm lấy ông

"ôm lấy ông"

Hôn ông

Ở vùng Cận Đông thời xưa, người ta thường chào người bà con bằng một nụ hôn. Tuy nhiên, thông thường là giữa những người nam với nhau. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách chào hỏi trìu mến dành cho người họ hàng thì có thể sử dụng ở đây. Nếu không thì nên dùng cách nào đó cho phù hợp.

Gia-cốp kể lại cho La-ban mọi việc

“rồi Gia-cốp kể cho La-ban nghe mọi điều mình đã nói với Ra-chên”

Là xương là thịt của ta

Cụm từ này có nghĩa là họ là bà con trực hệ của nhau. Gợi ý dịch: "bà con ta" hoặc "thành viên trong gia đình ta"

Genesis 29:15

Không lẽ vì là bà con của cậu mà cháu phục vụ không công cho cậu sao?

La-ban dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông nên trả công cho Gia-cốp. Câu này có thể dịch thành cầu khẳng định. Gợi ý dịch: “Chắc chắn là ta nên trả công cho con mặc dù con là bà con ta”.

Bấy giờ, La-ban có

Từ ‘bấy giờ’ được dùng ở đây để đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về La-ban và các cô con gái của mình.

Mắt của Lê-a yếu

Có thể là 1) “Mắt của Lê-a không đẹp” hoặc 2) “Mắt của Lê-a xấu”

Gia-cốp yêu Ra-chên

Từ “yêu” ở đây chỉ về sức thu hút lãng mạn giữa một người nam và một người nữ.

Genesis 29:19

Hơn là ta gả nó cho một người khác

"hơn là gả nó cho một người khác"

Nên đối với ông chúng chỉ như đôi ba ngày

"nhưng đối với ông khoảng thời gian đó chỉ chừng đôi ba ngày"

Vì tình yêu mà ông dành cho nàng

"vì tình yêu của ông đối với nàng” hoặc “bởi tình yêu của ông dành cho nàng”

Genesis 29:21

Xin hãy giao vợ cháu cho cháu, vì những ngày giúp việc của cháu đã hoàn tất rồi, để cháu có thể cưới nàng!

Từ “những ngày” ở đây chỉ về một khoảng thời gian dài hơn. Cụm từ “đã hoàn tất” có thể được dịch ở dạng chủ động. Câu khẳng định này rất dứt khoát. Gợi ý dịch: “Xin hãy giao Ra-chên cho cháu để cháu có thể cưới nàng, vì cháu đã làm cho cậu được bảy năm rồi!”

Tổ chức một bữa tiệc

"Chuẩn bị một tiệc cưới". Có vẻ là La-ban sai người khác chuẩn bị bữa tiệc. Gợi ý dịch: "sai người chuẩn bị một bữa tiệc cưới"

Genesis 29:23

Ăn nằm với nàng

Ngụ ý rằng Gia-cốp không biết mình đang ở với Lê-a vì trời tối ông không thấy đường. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu.

La-ban cho đầy tớ gái của mình là Xinh-ba ... làm đầy tớ cho nàng

Ở đây tác giả đưa ra thông tin về việc La-ban cho Xinh-ba theo Lê-a. Có vẻ ông cho Xinh-ba hầu Lê-a trước khi đám cưới.

Xinh-ba

Đây là tên người hầu gái của Lê-a.

Kìa, ấy là Lê-a

“Gia-cốp kinh ngạc khi thấy Lê-a ở trên giường với mình”. Từ “kìa” ở đây cho thấy Gia-cốp rất ngạc nhiên trước điều

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mình đang thấy.

Cậu đã làm gì cho cháu vậy?

Gia-cốp dùng một câu hỏi để thể hiện sự tức giận và kinh ngạc của mình. Gợi ý dịch: "Cháu không thể tin là cậu đã làm điều này với cháu!" Có thể dịch câu hỏi này thành câu khẳng định.

Không phải cháu làm việc cho cậu vì Ra-chên sao?

Gia-cốp dùng những câu hỏi này để thể hiện sự tổn thương của mình khi bị La-ban lừa. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Cháu đã làm việc cho cậu bảy năm để cưới Ra-chên kia mà!"

Genesis 29:26

Chúng ta không có phong tục gả

"Trong gia đình của chúng ta, chúng ta không gả"

Trọn tuần lễ cưới với đứa con gái này

"Tổ chức xong tuần lễ cưới của Lê-a"

Rồi chúng ta cũng sẽ gả đứa kia cho cháu

Có thể nõi rõ nghĩa ở đây. Gợi ý dịch: "rồi tuần sau, chúng ta cũng sẽ gả Ra-chên cho cháu"

Genesis 29:28

Gia-cốp làm như vậy và ở trọn tuần lễ với Lê-a

"Và Gia-cốp làm theo những điều La-ban bảo mà hoàn tất tuần lễ cưới với Lê-a"

Bi-la

Đây là tên người hầu gái của Ra-chên.

Gia-cốp ăn nằm với Ra-chên

Đây là cách tế nhị để nói họ quan hệ tình dục với nhau. Gợi ý dịch: "Gia-cốp cưới Ra-chên"

Ông yêu Ra-chên

Chỉ về tình yêu lãng mạng giữa một người nam và một người nữ.

Genesis 29:31

Lê-a không được yêu

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Gia-cốp không yêu Lê-a"

Không yêu

Đây là phép cường điệu để nhấn mạnh rằng Gia-cốp yêu Ra-chên hơn Lê-a. Gợi ý dịch: "yêu ít hơn Ra-chên"

Vì thế Ngài mở dạ con của nàng

Việc Đức Chúa Trời khiến Lê-a có thể mang thai được nói như thể Đức Chúa Trời mở dạ con của nàng.

Hiếm muộn

"không thể có thai"

Lê-a có thai và sinh một con trai

"Lê-a mang thai và sinh một con trai"

Nàng đặt tên nó là Ru-bên

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Ru-bên có nghĩa là 'Xem kìa, một đứa con trai'".

Đức Giê-hô-va đã thấy nỗi ưu phiền của tôi

Lê-a đang trải qua nỗi đau tinh thần vì Gia-cốp đã từ chối nàng. Danh từ trừu tượng "nỗi ưu phiền" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va nhìn thấy tôi đang chịu khốn khổ"

Genesis 29:33

Sau đó, bà mang thai

"Sau đó, Lê-a lại mang thai"

Sinh một con trai

"sinh một con trai"

Đức Giê-hô-va đã nghe rằng tôi không được yêu thương

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã nghe rằng chồng tôi không yêu thương tôi"

Bà đặt tên nó là Si-mê-ôn

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên Si-mê-ôn có nghĩa là 'lắng nghe'".

Chồng tôi sẽ gắn bó với tôi

"chồng tôi sẽ gần gũi với tôi"

Tôi đã sinh cho ông ấy ba đứa con trai

"Tôi đã sinh ba đứa con trai cho ông ấy"

Tên của nó là Lê-vi

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên Lê-vi có nghĩa là 'gắn bó'".

Genesis 29:35

Bà lại mang thai

"Lê-a lại có thai"

Sinh một con trai

"sinh một con trai"

Bà đặt tên con là Giu-đa

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên Giu-đa có nghĩa là 'ca ngợi'".

Translation Questions

Genesis 29:4

Những người Gia-cốp nói chuyện đến từ đâu?

Họ đến từ Cha-ran.

Genesis 29:6

Tại giếng nước có ai dẫn bầy chiên đến nữa?

Ra-chên, con gái của La-ban cũng dẫn bầy chiên đến giếng nước.

Genesis 29:10

Gia-cốp làm gì cho chiên của La-ban?

Gia-cốp lăn tảng đá khỏi miệng giếng và cho bầy chiên uống nước.

Genesis 29:12

Gia-cốp nói gì với Ra-chên, sau đó Ra-chên làm gì?

Gia-cốp bảo Ra-chên rằng mình là bà con của cha cô, sau đó Ra-chên chạy đi báo tin cho cha.

Genesis 29:13

La-ban phản ứng thế nào khi nghe tin Gia-cốp đến?

La-ban chạy ra đón, ôm chầm lấy Gia-cốp mà hôn, rồi đưa về nhà.

Genesis 29:16

Hãy miêu tả hai con gái của La-ban.

Lê-a là chị, mắt Lê-a yếu còn Ra-chên là em, có dáng người và nét mặt xinh đẹp.

Genesis 29:17

Hãy miêu tả hai con gái của La-ban.

Lê-a là chị, mắt Lê-a yếu còn Ra-chên là em, có dáng người và nét mặt xinh đẹp.

Genesis 29:18

La-ban và Gia-cốp sắp xếp như thế nào về công việc của Gia-cốp?

Họ đồng ý rằng Gia-cốp sẽ phục vụ La-ban bảy năm để đổi lấy Ra-chên.

Genesis 29:20

Vì sao với Gia-cốp bảy năm giúp việc chỉ như đôi ba bữa?

Vì tình yêu Gia-cốp dành cho Ra-chên mà bảy năm giúp

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

việc chỉ như đôi ba bữa.
Genesis 29:23
La-ban lừa Gia-cốp như thế nào?
Vào đêm ngày cưới, La-ban đưa Lê-a cho Gia-cốp thay vì Ra-chên.
Genesis 29:24
La-ban cho ai làm người hầu Lê-a?
La-ban cho đầy tớ gái Xinh-ba theo hầu Lê-a, con gái mình.
Genesis 29:25
La-ban lừa Gia-cốp như thế nào?
Vào đêm ngày cưới, La-ban đưa Lê-a cho Gia-cốp thay vì Ra-chên.
Genesis 29:26
La-ban nói vì sao ông lừa Gia-cốp?
La-ban nói rằng họ không có lệ gả cô em trước khi gả chị cả.
Genesis 29:27
Sau đó La-ban và Gia-cốp sắp xếp thế nào về công việc của Gia-cốp?
Họ đồng ý rằng Gia-cốp sẽ phục vụ La-ban bảy năm nữa để đổi lấy Ra-chên.
Genesis 29:29
La-ban cho ai theo hầu Ra-chên?
La-ban cho Bi-la theo hầu Ra-chên, con gái mình.
Genesis 29:31
Đức Giê-hô-va làm gì khi thấy Gia-cốp không yêu Lê-a?
Đức Giê-hô-va cho Lê-a có thai còn Ra-chên son sẻ.
Genesis 29:32
Lê-a hy vọng điều gì xảy ra nếu bà sinh con trai cho Gia-cốp?
Lê-a hy vọng Gia-cốp sẽ yêu bà nếu bà sinh con trai cho ông.
Tên con trai đầu tiên của Lê-a là gì?
Tên con trai đầu tiên của Lê-a là Ru-bên.
Genesis 29:35
Lê-a nói gì sau khi sinh Giu-đa?
Sau khi sinh Giu-đa Lê-a nói rằng "Lần này tôi ca ngợi Đức Giê-hô-va".

Chapter 30
Genesis 30:1
Khi Ra-chên thấy mình không sinh được cho Gia-cốp đứa con nào
"Khi Ra-chên nhận thấy mình không thể mang thai"
Tôi sẽ chết
Ra-chên dùng cách nói quá để bày tỏ bà thất vọng ra sao khi không có con. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ cảm thấy hoàn toàn vô dụng"
Phải cho tôi có con
"Hãy làm cho tôi mang thai"
Cơn giận của Gia-cốp bừng lên cùng Ra-chên
Cơn giận của Gia-cốp được nói như thể nó là một ngọn lửa. Gợi ý dịch: "Gia-cốp rất giận Ra-chên"
Tôi có thay Đức Chúa Trời, là Đấng không cho bà có con được sao?
Đây là câu hỏi tu từ mà Gia-cốp dùng để trách mắng Ra-chên. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: “Tôi không phải là Đức Chúa Trời! Tôi không phải là người ngăn cản bà có con!”
Genesis 30:3
Bà nói
"Ra-chên nói"
Nhìn xem
"Hãy nghe này" hoặc "Hãy chú ý vào điều tôi sắp nói". Cụm từ này thêm phần nhấn mạnh cho điều Ra-chên nói sau đó.
Đây có Bi-la tớ gái của tôi ... tôi sẽ nhờ nó mà có con
Vào thời đó, cách này được chấp nhận để người nữ hiếm muộn được có con hợp pháp. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu.
Bi-la
Đây là tên người hầu gái của Ra-chên. Xem cách đã dịch GEN 29:29.
trên đầu gối tôi
Đây là cách nói rằng con mà Bi-la sinh sẽ thuộc về Ra-chên. Gợi ý dịch: "cho tôi"
Tôi sẽ nhờ nó mà có con
"và bằng cách này nó sẽ làm cho tôi có con"
Genesis 30:5
Bi-la
Đây là tên người hầu gái của Ra-chên. Xem cách đã dịch ở GEN 29:29.
Sinh cho Gia-cốp một đứa con trai
“sinh một đứa con trai cho Gia-cốp”
bà đặt tên đứa bé
"Ra-chên đặt tên đứa bé"
đặt tên đứa bé là Đan
Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Đan có nghĩa là ‘Ngài đã minh xét’”.
Genesis 30:7
Bi-la ... lại mang thai
"Bi-la ... lại có thai"
và sinh cho Gia-cốp con trai thứ hai
"và sinh con trai thứ hai cho Gia-cốp"
Tôi đã dốc sức chiến đấu với chị tôi
Cụm từ “tôi đã dốc sức chiến đấu” là một thành ngữ được dùng để nhấn mạnh. Đây cũng là phép ẩn dụ nói về nỗ lực của Ra-chên để được có con giống chị mình như thể bà thật sự có một trận chiến với Lê-a. Gợi ý dịch: "Tôi đã phải đấu tranh rất nhiều để được có con như chị tôi là Lê-a"
Và đã thắng
"và tôi đã chiến thắng" hoặc "tôi đã thành công"
Đặt tên đứa bé là Nép-ta-li
Người dịch có thể thêm vào ghi chú “tên Nép-ta-li có nghĩa là ‘cuộc tranh đấu của tôi’”.
Genesis 30:9
Khi Lê-a thấy rằng
“Khi Lê-a nhận biết rằng"
Bà đem Xinh-ba, người hầu của mình, mà trao cho Ga-cốp làm vợ
"Bà đem Xinh-ba, người hầu gái của mình, cho Gia-cốp làm vợ"
Xinh-ba
Đây là tên người hầu gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở GEN 29:24.
Sinh cho Gia-cốp một người con trai
“sinh một người con trai cho Gia-cốp”
Điều này thật may mắn!
“Thật may mắn làm sao!” hoặc “Thật là may mắn”
Gọi tên đứa bé là Gát
Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Gát có nghĩa là ‘may mắn’.”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 30:12
Xinh-ba
Đây là tên người hầu gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:24]
Sinh cho Gia-cốp đứa con trai thứ hai
"sinh đứa con trai thứ hai cho Gia-cốp"
Tôi thật hạnh phúc!
“Tôi thật có phước thay!” hoặc “Tôi thật hạnh phúc biết bao!”
Các con gái
"những người nữ” hoặc “các cô gái”
Đặt tên đứa bé là A-se
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên A-se có nghĩa là ‘hạnh phúc’".
Genesis 30:14
Ru-bên đi
"Ru-bên đi ra"
Vào mùa gặt lúa mì
Ở đây cụm từ ‘vào mùa” là cách nói chỉ về một mùa hoặc một thời điểm trong năm. Gợi ý dịch: “vào thời điểm gặt lúa mì trong năm” hoặc “trong suốt mùa thu hoạch lúa mì”
nhân sâm
Một loại củ được cho là có thể tăng ham muốn tình dục và khả năng sinh sản. Gợi ý dịch: "củ tình yêu”
Đối với cô, ... chồng tôi là một việc nhỏ sao?
"Cô không quan tâm ... chồng tôi sao?" Đây là câu hỏi tu từ được dùng để trách mắng Ra-chên. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "... chồng tôi là đủ rồi".
Bây giờ cô lại muốn ... nữa sao?
Đây là câu hỏi tu từ dùng để trách mắng Ra-chên. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: “Bây giờ cô còn muốn ... nữa!”
Thì ông ấy sẽ ngủ
“Thì Gia-cốp sẽ ngủ” hoặc “Thì tôi sẽ để Gia-cốp ngủ”
Genesis 30:16
Bằng những củ nhân sâm của con trai tôi
"Cho giá của những củ nhân sâm của con trai tôi”. Xem cách đã dịch từ “nhân sâm” ở GEN 30:14.
Bà mang thai
“bà có thai”
Và sinh cho Gia-cốp con trai thứ năm
“và sinh đứa con trai thứ năm cho Gia-cốp”
Đức Chúa Trời đã trả công cho tôi
Việc Đức Chúa Trời ban thưởng cho Lê-a được nói như thể Đức Chúa Trời là ông chủ đang trả lương cho người làm việc cho Ngài. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã ban cho tôi điều xứng đáng” hoặc “Đức Chúa Trời đã thưởng cho tôi”.
Bà gọi tên đứa bé là Y-sa-ca
Người dịch có thể thêm ghi chú: “tên Y-sa-ca có nghĩa là ‘Đó là một phần thưởng’".
Genesis 30:19
Lê-a lại mang thai
"Lê-a lại có thai"
Và sinh con trai thứ sáu cho Gia-cốp
“và sinh cho Gia-cốp đứa con trai thứ sáu”
Bà gọi tên đứa bé là Sa-bu-lôn
Người dịch có thể thêm ghi chú: “Tên Sa-bu-lôn có nghĩa là ‘danh sự’".
Và đặt tên đứa bé gái là Đi-na
Đây là tên con gái của Lê-a.
Genesis 30:22
Đức Chúa Trời nhớ đến Ra-chên và nhậm lời bà
Cụm từ “nhớ đến” cũng là nhớ lại. Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã quên Ra-chên, nhưng có nghĩa là Ngài xem xét lời cầu xin của bà. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời quan tâm đến Ra-chên và ban cho bà điều bà muốn".
Chúa Trời đã cất bỏ nỗi nhục nhã cho tôi
Việc Đức Chúa Trời làm cho Ra-chên không cảm thấy nhục nhã nữa được nói như thể “nỗi nhục nhã” là một đồ vật mà người kia có thể lấy ra khỏi người này. Danh từ trừu tượng “nỗi nhục nhã” có thể dịch là “nhục nhã”. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời đã khiến tôi không còn thấy nhục nhã nữa”.
Bà đặt tên đứa bé là Giô-sép
Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên Giô-sép có nghĩa là ‘nguyện Ngài cho thêm’".
Đức Giê-hô-va đã thêm cho tôi một đứa con trai khác
Các con trai trước của Ra-chên đều được sinh ra nhờ người hầu gái của bà là Bi-la.
Genesis 30:25
Sau khi Ra-chên đã sinh Giô-sép
"Sau khi Ra-chên sinh Giô-sép"
Và cho con đi
"để con có thể đi"
cha biết con đã phục vụ cha thế nào
Gia-cốp nhắc La-ban nhớ lại giao kết của họ (Gen 29:27). Danh từ trừu tượng “sự phục vụ” có thể dịch thành “phục vụ”. Gợi ý dịch: "cha biết con đã phục vụ cha đủ rồi”.
Genesis 30:27
La-ban nói với người
“La-ban nói với Gia-cốp”
Nếu bây giờ cha được ơn trong mắt con
Cụm từ “trong mắt con” là phép hoán dụ chỉ về ý nghĩ hoặc quan điểm của Gia-cốp. Gợi ý dịch: “Nếu cha được ơn với con” hoặc “Nếu con hài lòng với cha”
Hài lòng
Cách nói này có nghĩa là một người được người khác bằng lòng.
Chờ, vì
"hãy ở lại, vì"
Nhờ bói toán Cha đã biết
"Nhờ những nghi thức ma thuật và tâm linh cha đã biết"
Vì con
"nhờ con"
Định rõ tiền công của mình
Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "Hãy cho cha biết cha phải trả con bao nhiêu để giữ con ở lại đây"
Genesis 30:29
Gia-cốp nói cùng người
"Gia-cốp nói cùng La-ban"
Nhờ con mà đàn gia súc của cha đã gia tăng ra sao
"đàn gia súc của cha đã tốt lên ra sao kể từ khi con bắt đầu chăm sóc chúng"
Vì trước khi con đến, cha có rất ít
“trước khi con làm việc cho cha, đàn gia súc của cha rất ít”
Và nó đã gia tăng rất nhiều
"nhưng bây giờ sự giàu có của cha đã gia tăng rất nhiều"
Giờ thì khi nào con mới lo cho gia đình riêng của mình được?
"Giờ thì khi nào con mới chăm sóc cho gia đình riêng của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mình được?" Gia-cốp dùng một câu hỏi để nhân mạnh rằng ông muốn bắt đầu lo cho gia đình riêng của mình. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Bây giờ con muốn chăm lo cho gia đình của con!"

Genesis 30:31

Cha sẽ trả công cho con gì đây

"Cha có thể trả gì cho con" hoặc "Cha có thể cho con điều gì". Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: “Cha có thể trả gì cho con để con ở lại làm việc cho cha” .

Nếu cha làm đều này cho con

Có thể thêm từ nối “nhưng” để thể hiện đây là điều duy nhất Gia-cốp muốn. Gợi ý dịch: "Nhưng nếu cha làm điều này cho con"

Chăn giữ đàn gia súc của cha

“cho ăn và chăm sóc đàn gia súc của cha”

Tách khỏi bầy những con chiên và dê có đốm, có chấm cùng những con chiên màu đen

“và loại ra những con chiên và dê có đốm cùng những con chiên màu đen”

Đây sẽ là tiền công của con

“Đây sẽ là giá để giữ con ở lại đây”

Genesis 30:33

Từ nay về sau, sự ngay thẳng của con sẽ làm chứng cho con

Từ “sự ngay thẳng” có nghĩa là “lòng trung thực”. Câu này nói về sự ngay thẳng như thể đó là một con người có thể làm chứng cho hoặc tố cáo một người khác. Gợi ý dịch: “và sau này, cha sẽ biết con có trung thực với cha hay không”

Nếu trong bầy dê phát hiện có con nào không có đốm và trong bầy chiên có con nào không có lông đen thì những con đó sẽ bị xem là ăn cắp

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nếu cha tìm thấy con dê nào không có đốm hoặc con chiên nào không có lông đen thì cha có thể xem chúng là vật ăn cắp"

Hãy theo như lời con nói

Từ “lời” ở đây chỉ về những điều đã nói. Gợi ý dịch: “Sẽ như lời con nói” hoặc “chúng ta sẽ làm những gì con đã nói” .

Genesis 30:35

Lông vằn và có đốm

"có vằn và đốm"

Lông đốm và lấm chấm

"có đốm"

Những con nào có đốm trắng trên mình

“những con dê nào có đốm trắng trên mình”

Và tất cả những con chiên màu đen

"và hết thảy những con chiên màu đen"

giao cho tay

Từ “tay” ở đây chỉ về sự quản lí và chăm sóc. Gợi ý dịch: “tay của con trai mình chăm sóc chúng”

Genesis 30:37

Cây bạch dương tươi ... cây hạnh ... cây tiêu huyền

Đây là những loại cây có thân gỗ trắng.

Rồi lột vỏ theo từng đường sọc trắng khiến màu trắng trong thân gỗ ở trong lộ ra trên cành

“và lột những phần vỏ cây ra để phần thân gỗ bên dưới lộ ra”

máng nước

Vật đựng dài, không có phần nắp đậy dùng để chứa nước cho động vật uống

Genesis 30:39

Các gia súc giao hợp

"Những con vật thụ thai" hoặc "những con vật kết đôi"

Sinh ra những con có vằn, lấm chấm hoặc đốm

“sinh những con có vằn và có đốm”

Gia-cốp tách riêng

Có thể nói rõ việc này diễn ra trong vài năm. Gợi ý dịch: "Trong suốt vài năm sau đó Gia-cốp tách riêng"

quay mặt về phía

"nhìn về"

Ông tách riêng đàn gia súc của mình

"ông để riêng bầy của mình ra"

Genesis 30:41

Trước mắt của bầy

Từ “mắt” ở đây chỉ về việc “nhìn thấy”. Gợi ý dịch: "để cả bầy có thể nhìn thấy chúng"

giữa những cành đó

"trước những cành đó"

Những con vật yếu hơn

“những con vật ốm yếu hơn”

Vì vậy, các con vật ốm yếu hơn thuộc về La-ban, còn những con mập mạnh hơn thuộc về Gia-cốp

“Vậy những con ốm yếu hơn thuộc về La-ban, trong khi đó những con mập mạnh hơn thì thuộc về Gia-cốp”. Có thể nói rõ hơn. Gợi ý dịch: “Vậy những con ốm yếu hơn thì không có vằn hay đốm nên thuộc về La-ban, còn những con khỏe mạnh hơn thì có vằn hoặc đốm nên thuộc về Gia-cốp”

Genesis 30:43

Người

"Gia-cốp"

Trở nên rất thịnh vượng

“vô cùng thịnh vượng” hoặc “trở nên rất giàu có”

Translation Questions

Genesis 30:2

Theo Gia-cốp thì vì sao Ra-chên không có con?

Theo Gia-cốp thì Đức Chúa Trời không cho bà có con.

Genesis 30:3

Ra-chên làm gì để có con?

Ra-chên đưa Bi-la, con đòi của mình cho Gia-cốp để sinh con thay cho Ra-chên.

Genesis 30:7

Vì sao Ra-chên nói rằng bà đã thắng thế chị mình là Lê-a?

Ra-chên nói rằng bà đã thắng thế vì Bi-la người hầu của bà đã sinh cho Gia-cốp hai con trai.

Genesis 30:8

Vì sao Ra-chên nói rằng bà đã thắng thế chị mình là Lê-a?

Ra-chên nói rằng bà đã thắng thế vì Bi-la người hầu của bà đã sinh cho Gia-cốp hai con trai.

Genesis 30:9

Lê-a làm gì khi thấy bà ngừng sinh sản?

Lê-a đưa Xinh-ba, người hầu của mình cho Gia-cốp để sinh con thay bà.

Genesis 30:10

Điều gì khiến Lê-a nói rằng "Thật may mắn"?

Lê-a nói rằng "Thật may mắn" vì Xinh-ba đẻ tớ của bà sinh con trai cho Gia-cốp.

Genesis 30:11

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều gì khiến Lê-a nói rằng "Thật may mắn"?
Lê-a nói rằng "Thật may mắn" vì Xinh-ba đầy tớ của bà sinh con trai cho Gia-cốp.
Genesis 30:14
Ra-chên đề nghị với Lê-a điều gì để đổi lấy mấy củ ngải sâm của con trai bà?
Để đổi lấy mấy củ ngải sâm của Ru-bên, Ra-chên đề nghị cho Lê-a ngủ với Gia-cốp đêm hôm đó.
Genesis 30:15
Ra-chên đề nghị với Lê-a điều gì để đổi lấy mấy củ ngải sâm của con trai bà?
Để đổi lấy mấy củ ngải sâm của Ru-bên, Ra-chên đề nghị cho Lê-a ngủ với Gia-cốp đêm hôm đó.
Genesis 30:20
Lê-a sinh bao nhiêu con trai cho Gia-cốp?
Lê-a sinh sáu con trai cho Gia-cốp.
Genesis 30:23
Điều gì làm cho Ra-chên nói rằng sự xấu hổ của bà đã được cất đi?
Khi Ra-chên sinh được một con trai cho Gia-cốp thì bà nói rằng sự xấu hổ của bà đã được cất đi.
Genesis 30:25
Sau khi Giô-sép ra đời thì Gia-cốp đề nghị với La-ban điều gì?
Gia-cốp đề nghị La-ban để ông cùng gia đình của mình trở về nhà và quê hương của ông.
Genesis 30:26
Sau khi Giô-sép ra đời thì Gia-cốp đề nghị với La-ban điều gì?
Gia-cốp đề nghị La-ban để ông cùng gia đình của mình trở về nhà và quê hương của ông.
Genesis 30:27
Vì sao La-ban không muốn để Gia-cốp đi?
La-ban đã đoán rằng Đức Giê-hô-va vì cớ Gia-cốp mà ban phước cho ông.
Genesis 30:32
Tiền công Gia-cốp làm việc cho La-ban là gì?
Gia-cốp lấy những con chiên có vằn, có đốm và có màu đen, cùng những con dê có vằn, có đốm trong bầy mà Gia-cốp chăm sóc cho La-ban.
Genesis 30:35
La-ban gian lận với Gia-cốp thế nào về tiền công của ông?
La-ban lấy đi những con vật mà lẽ ra Gia-cốp sẽ được lấy trước khi giao bầy cho Gia-cốp chăm sóc.
Genesis 30:36
La-ban gian lận với Gia-cốp thế nào về tiền công của ông?
La-ban lấy đi những con vật mà lẽ ra Gia-cốp sẽ được lấy trước khi giao bầy cho Gia-cốp chăm sóc.
Genesis 30:37
Gia-cốp lột vỏ tạo thành những đường trắng trên các nhành cây nào?
Gia-cốp lột vỏ tạo thành những đường trắng trên các nhành cây bạch dương, cây hạnh và cành bá tiên còn tươi.
Genesis 30:38
Gia-cốp làm gì với những nhành cây đã lột vỏ đó?
Gia-cốp đặt những nhành cây đã lột vỏ đó trước bầy vật nuôi, trước máng nước của chúng.
Genesis 30:39
Điều gì xảy ra khi bầy vật nuôi giao phối trước những nhánh cây đó?
Khi bầy vật nuôi giao phối trước những nhánh cây đó thì chúng sinh ra con có sọc, có vằn và có đốm.
Genesis 30:42
Kết quả việc Gia-cốp chăn bầy vật nuôi như thế nào?
Kết quả là bầy của La-ban thì ốm yếu còn bầy của Gia-cốp thì mập mạnh.

Chapter 31
Genesis 31:1
Bấy giờ
Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện chính. Ở đây tác giả bắt đầu kể một phần mới của câu chuyện.
Gia-cốp nghe được lời của các con trai La-ban, họ nói rằng
Từ “lời” ở đây chỉ về những điều họ đang nói. Gợi ý dịch: "Gia-cốp nghe các con trai của La-ban nói"
Gia-cốp đã đoạt mọi thứ thuộc về cha chúng ta
Các con trai La-ban đang nói phóng đại vì họ đang tức giận. Gợi ý dịch: "mọi thứ mà Gia-cốp đoạt lấy đều thuộc về cha chúng ta"
Tổ phụ con
"cha con là Y-sác và ông con là Áp-ra-ham"
Genesis 31:4
Gia-cốp sai người gọi Ra-chên và Lê-a ra đồng nơi ông chăn bầy
“Gia-cốp nhắn Ra-chên và Lê-a bảo họ gặp ông ngoài đồng chỗ bầy súc vật”
chỗ bầy súc vật và nói với họ
Có thể dịch thành hai câu ngắn. Gợi ý dịch: "chỗ bầy súc vật. Ông nói với họ"
Tôi thấy thái độ của cha các bà đối với tôi đã thay đổi
“Tôi để ý thấy cha các bà đã không còn hài lòng với tôi nữa”
Các bà biết rằng tôi đã phục vụ cha các bà bằng tất cả sức lực của mình
Từ “các bà” ở đây chỉ về cả Ra-chên và Lê-a. Từ này cũng mang ý nhấn mạnh. Gợi ý dịch: “Chính mình các bà biết rằng tôi đã phục vụ cha các bà bằng tất cả sức lực của mình”.
Genesis 31:7
Đã lừa gạt tôi
“đã nói dối tôi” hoặc “đã đối xử bất công với tôi”
Tiền công của tôi
"điều người bảo sẽ trả cho tôi"
làm hại tôi
Có thể là 1) làm bị thương (UDB) hoặc 2) khiến Gia-cốp chịu khổ bằng bất cứ cách nào.
Những con có đốm
“những con vật có đốm”
Bầy gia súc đẻ con
"Bầy gia súc sinh con"
Những con có vằn
"Những con vật có vằn"
Bằng cách này, Đức Chúa Trời đã lấy bầy của cha các bà mà ban chúng cho tôi
“Đây là cách Đức Chúa Trời đã ban gia súc của cha các bà cho tôi”
Genesis 31:10
Thông Tin Tổng Quát:
Gia-cốp tiếp tục câu chuyện của mình với vợ là Lê-a và Ra-chên.
Một lần nọ trong mùa giao phối
“Trong suốt mùa giao phối”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giao phối với bầy
Từ “bầy” ở đây chỉ về những con dê cái. Gợi ý dịch: "kết đôi với những con dê cái trong bầy"
có vằn, có đốm và lấm chấm
“có vằn, các đốm nhỏ và các đốm lớn”
Thiên sứ của Đức Chúa Trời
Có thể là 1) Chính Đức Chúa Trời đã hiện ra như một người hoặc 2) Một trong số những sứ giả của Đức Chúa Trời đã hiện ra. Vì cụm từ này không được hiểu rõ nên cách tốt nhất chỉ dịch đơn giản là “thiên sứ của Đức Chúa Trời” sử dụng từ thường dùng để chỉ “thiên sứ”.
Tôi thưa
"Và tôi đáp"
Có con đây
"Dạ, con xin nghe" hoặc "Dạ, có chuyện gì vậy ạ?" Xem cách đã dịch ở GEN 22:1.
Genesis 31:12
Thông Tin Tổng Quát:
Thiên sứ của Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Gia-cốp. (Xem: GEN31:10)
Hãy ngước mắt lên
Tức là “Hãy nhìn lên”.
Đang giao phối với bầy
Từ “bầy” ở đây chỉ về những con dê cái. Gợi ý dịch: "đang kết đôi với những con dê cái trong bầy"
Có vằn, lấm chấm và có đốm
“Có vằn và có đốm”
nơi con đã đổ dầu trên trụ đá
Gia-cốp đổ dầu trên trụ đá để biệt riêng cho Đức Chúa Trời.
Xứ ngươi sinh ra
"xứ nơi ngươi được sinh ra"
Genesis 31:14
Ra-chên và Lê-a trả lời người rằng
Câu này không có nghĩa là hai người nói cùng một lúc, mà nhấn mạnh rằng họ đồng tình với nhau.
Chúng tôi có phần gia tài hay sản nghiệp nào trong nhà cha chúng tôi sao?
Ra-chên và Lê-a dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng cha họ chẳng còn lại gì cho họ. Gợi ý dịch: “Hoàn toàn chẳng còn lại gì cho chúng tôi thừa kế từ cha mình”.
Chúng tôi chẳng bị cha đối xử như người dưng sao?
Họ dùng một câu hỏi để tỏ ra sự giận dữ của mình về cách cha họ đã đối xử với họ. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Cha chúng tôi đã đối xử với chúng tôi như những người nữ xa lạ chứ chẳng phải là con gái”
Vì ông đã bán chúng tôi
Có thể làm rõ ý này. Gợi ý dịch: "ông đã bán chúng tôi để được lợi riêng cho mình”
Ngốn sạch cả tiền bạc của chúng tôi
Việc La-ban dùng hết số tiền mà lẽ ra ông phải đưa cho con gái mình được nói như thể ông là một con thú hoang ăn hết số tiền như là đồ ăn. Gợi ý dịch: "ông hoàn toàn tiêu xài hết số tiền của chúng tôi"
Bây giờ là của chúng ta và con cái chúng ta
" thuộc về chúng ta và con cái chúng ta"
nên bây giờ
Từ “bây giờ” ở đây không có nghĩa là “ngay thời điểm đó” nhưng được dùng để hướng sự chú ý đến thông tin quan trọng theo sau.
Mọi điều Đức Chúa Trời đã phán với ông, hãy làm đi
“hãy làm mọi điều Đức Chúa Trời đã phán với ông”
Genesis 31:17
Các con trai mình
Gia-cốp đem hết thảy các con mình đi. Ở đây chỉ nhắc đến con trai bởi vì chúng có địa vị quan trọng là những người thừa kế của ông. Gợi ý dịch: “các con mình”.
Ông lùa toàn bộ vật nuôi của mình
“Ông lùa toàn bộ gia súc của mình”. Từ “vật nuôi” ở đây chỉ về tất cả những con vật được thuần hóa.
Bao gồm bầy súc vật mà ông có được tại Pha-đan A-ram
"và những bầy gia súc khác mà ông có được khi ông ở tại Pha-đan A-ram"
Sau đó ông bắt đầu đi đến cùng cha mình là Y-sác tại xứ Ca-na-an
“Ông đi đến xứ Ca-na-an nơi cha mình là Y-sác sinh sống”.
Genesis 31:19
Khi La-ban đã đi hớt lông chiên
"Khi La-ban đã đi khỏi nhà để hớt lông chiên"
Sông
Ở đây chỉ về sông Ơ-phơ-rát.
hướng thẳng về
"đi về hướng"
vùng đồi núi Ga-la-át
"dãy nũi Ga-la-át" hoặc "núi Ga-la-át"
Genesis 31:22
Vào ngày thứ ba
Văn hóa của người Do Thái tính ngày khởi hành là ngày thứ nhất. Gợi ý dịch: "Hai ngày sau khi họ rời đi"
La-ban được báo tin
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "có người nói với La-ban"
Gia-cốp đã trốn đi
Chỉ có mình Gia-cốp được đề cập đến vì ông là người lãnh đạo gia đình. Có thể nói rõ rằng gia đình ông cùng đi với ông. Gợi ý dịch: “Gia-cốp đã bỏ trốn cùng vợ con mình”
Vậy người đem
"Vậy La-ban đem"
Và đuổi theo ông
"và đuổi theo Gia-cốp"
Suốt cuộc hành trình bảy ngày
La-ban đã tốn hết bảy ngày đi bộ để bắt kịp Gia-cốp.
Ông theo kịp người
“Ông bắt kịp người”
Genesis 31:24
Bấy giờ, đang đêm, Đức Chúa Trời hiện đến cùng La-ban, người A-ram, trong giấc chiêm bao
Từ ‘bấy giờ’ được dùng ở đây để đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về La-ban. Gợi ý dịch: “Đêm đó, Đức Chúa Trời hiện đến cùng La-ban trong giấc mơ”.
Hãy thận trọng, ngươi đừng nói cùng Gia-cốp, dù lành hay dữ
Cụm từ “dù lành hay dữ” đi chung mang ý nghĩa là “bất kì điều gì”. Gợi ý dịch: “Đừng nói điều gì để cố ngăn Gia-cốp không rời đi”
La-ban đuổi kịp Gia-cốp. Bấy giờ, Gia-cốp đóng trại trên núi. La-ban và bà con mình cũng đóng trại trên núi Ghi-lê-át.
Từ ‘bấy giờ’ được dùng ở đây để đánh dấu câu chuyện chuyển sang phần thông tin về Gia-cốp và La-ban. Gợi ý dịch: "Khi La-ban đuổi kịp Gia-cốp thì lúc đó Gia-cốp đã đóng trại trên núi. Vậy La-ban và bà con mình cũng đóng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trại trên núi Ghi-lê-át”.
Genesis 31:26
Đưa các con gái của cha đi như tù binh
La-ban nói về việc Gia-cốp đưa gia đình mình trở về xứ Ca-na-an như thể Gia-cốp bắt họ làm tù nhân sau chiến tranh và buộc họ phải đi với mình. La-ban đang phóng đại sự việc vì ông đang tức giận và cố tìm cách khiến Gia-cốp cảm thấy có lỗi về việc mình đã làm.
Bí mật trốn đi
“lén bỏ trốn”
Với tiệc tùng
“với sự vui vẻ”
Với tiếng đàn và tiếng trống
Những nhạc cụ này chỉ về âm nhạc. Gợi ý dịch: "với tiếng nhạc"
Trống provăng
Một nhạc cụ có đầu giống như chiếc trống có thể vỗ vào và có nhiều mãnh kim loại quanh thân nhạc cụ, tạo ra âm thanh khi nhạc cụ rung lắc.
Để hôn các cháu trai của ta
Từ “cháu trai” ở đây bao gồm tất cả những đứa cháu bất kể trai hay gái. Gợi ý dịch: "hôn các cháu của ta"
Con đã hành động thật dại dột
"con đã hành xử dại dột"
Bây giờ
Từ này không có nghĩa là “ngay lúc này” nhưng được dùng để hướng sự chú ý đến thông tin quan trọng theo sau.
Genesis 31:29
Cha có thừa sức để làm hại các con
Từ “các con” ở dạng số nhiều, chỉ về hết thảy những người đi cùng Gia-cốp. Gợi ý dịch: “Cha có đủ người đi với mình để làm hại tất cả các con”
Hãy thận trọng đừng nói với Gia-cốp dù lành hay dữ
Cụm từ “dù lành hay dữ” được dùng chung mang ý nghĩa là “bất kì điều gì”. Gợi ý dịch: “Đừng nói điều gì để cố ngăn Gia-cốp không rời đi”. Xem cách đã dịch ở [GEN 31:24]
Con đã đi khỏi
Từ ‘con” ở dạng số ít, chỉ Gia-cốp.
Về nhà cha con
Từ “nhà” ở đây chỉ về gia đình. Gợi ý dịch: "trở về nhà với cha và những người còn lại trong gia đình”
Các thần của cha
“các tượng thần của cha”
Genesis 31:31
Vì tôi sợ và nghĩ rằng cha sẽ bắt các con gái cha khỏi tôi nên mới bí mật rời đi
“Tôi bí mật rời đi vì tôi sợ rằng cha sẽ bắt các con gái cha khỏi tôi”
Ai ăn cắp các tượng thần của cha sẽ không được sống nữa
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúng ta sẽ giết người nào ăn cắp tượng thần của cha”
Trước sự chứng kiến của bà con chúng ta
Từ “chúng ta” chỉ về bà con của Gia-cốp, bao gồm cả bà con của La-ban. Hết thảy những người bà con sẽ chứng kiến để đảm bảo mọi việc đều công bằng và trung thực.
Nơi con có vật gì thuộc về cha, xin cha lấy lại
"hãy tìm xem bất kì vật gì con có thuộc về cha thì cha hãy lấy lại"
Vì Gia-cốp không hay biết rằng Ra-chên đã lấy trộm chúng
Câu này chuyển đổi câu chuyện sang phần thông tin về Gia-cốp.
Genesis 31:33
Hai đầy tớ gái
Chỉ về Xinh-ba và Bi-la.
Ông không tìm thấy chúng
"Ông không tìm thấy các tượng thần của mình"
Genesis 31:34
Bấy giờ Ra-chên … trên chúng
Từ “bấy giờ” được dùng ở đây để đánh dấu câu chuyện chuyển sang phần thông tin về Ra-chên.
Yên
Chỗ ngồi đặt trên lưng con vật để một người cưỡi lên nó.
Chúa của con
Gọi một người là “chúa của con” là cách gọi tôn trọng người đó.
Nên con không thể đứng dậy trước mặt cha
"vì con không thể đứng dậy trước mặt cha"
con đang tới thời kỳ
Chỉ về khoảng thời gian trong tháng người phụ nữ bị xuất huyết từ tử cung.
Genesis 31:36
Ông nói với người
"Gia-cốp nói với La-ban"
Con có tội gì? Con có lỗi gì mà cha phải gắt gao truy đuổi con như vậy?
Cụm từ “Con có tội gì” và “Con có lỗi gì” căn bản có ý nghĩa như nhau. Gia-cốp đang đòi La-ban nói ra ông đã làm sai điều gì. Gợi ý dịch: “Con đã làm sai điều gì mà cha phải truy đuổi con như thế?”
gắt gao truy đuổi con
Từ “gắt gao” ở đây có nghĩa là La-ban gấp gáp đuổi theo Gia-cốp để bắt ông.
Cha đã tìm được vật gì thuộc về nhà cha?
“Cha đã tìm được vật gì thuộc về cha?”
Hãy bày chúng ra ở đây trước mặt bà con chúng ta
Từ “chúng ta” ở đây chỉ về bà con của Gia-cốp cùng bà con của La-ban. Gợi ý dịch: "Hãy bày bất kì vật gì cha đã tìm được trước mặt bà con chúng ta"
họ có thể phân xử giữa hai chúng ta
Từ “hai chúng ta” ở đây chỉ về Gia-cốp và La-ban. Cụm từ “phân xử giữa” có nghĩa là quyết định người nào đúng trong cuộc tranh luận. Gợi ý dịch: “họ có thể xét xử giữa hai chúng ta”.
Genesis 31:38
Thông Tin Tổng Quát:
Gia-cốp tiếp tục nói với La-ban.
Hai mươi năm
"20 năm"
Cừu cái
Chiên cái
Không sẩy thai
Có nghĩa là những con cừu không bị kết thúc thai kỳ sớm hoặc con sinh ra không bị chết.
Con không đem về cho cha con vật nào bị thú rừng cắn xé
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Khi thú hoang giết một trong số những thú vật của cha thì con đã không mang nó đến cho cha"
Thay vào đó, con đã chịu sự mất mát đó
Việc Gia-cốp phải kể những con vật chết của La-ban là sự

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mất mát vào bầy riêng của mình được nói như thể đó là một gánh nặng mà ông phải mang trên vai. Gợi ý dịch: “Thay vì kể nó là sự mất mát trong bầy của cha, con đã kể nó là sự mất mát cho bầy của con”.

Con ở đó, ban ngày nắng nóng thiêu đốt, còn ban đêm thì chịu lạnh lẽo

Chịu đựng dưới nhiệt độ nóng và lạnh được nói như thể nhiệt độ là những con vật đang ăn thịt Gia-cốp. Gợi ý dịch: “Con đã ở cùng bầy của cha cả những lúc nắng nóng nhất trong ngày đến những lúc lạnh lẽo nhất ban đêm”

Genesis 31:41

Thông Tin Tổng Quát:

Gia-cốp tiếp tục nói với La-ban.

Hai mươi năm này

“20 năm qua”

Mười bốn năm

"14 năm"

Thay đổi tiền công của con đến mười lần

"Mười lần thay đổi giá ông nói ông sẽ trả." Xem cách đã dịch “tiền công của con” ở GEN 31:7.

Nếu Đức Chúa Trời của cha con, là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, là Đấng mà Y-sác kính sợ, không ở cùng con

Gia-cốp đang chỉ về một Đức Chúa Trời chứ không phải ba Chúa khác nhau. Gợi ý dịch: “Nếu Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham và Y-sác, cha con không ở cùng con”

Đức Chúa Trời của cha con

Từ “cha” ở đây chỉ về Y-sác.

Đấng mà Y-sác kính sợ

Từ “kính sợ” ở đây chỉ về việc “kính sợ Đức Giê-hô-va”, có nghĩa là vô cùng tôn kính Ngài và thể hiện sự tôn kính đó bằng cách vâng phục Ngài.

Tay không

tay

Đức Chúa Trời đã nhìn thấy sự áp bức và công lao của con

Danh từ trừu tượng “sự áp bức” có thể dịch là “áp bức”. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã nhìn thấy con làm việc cực nhọc thế nào và cha đã áp bức con ra sao”

Genesis 31:43

Nhưng hôm nay cha có thể làm được gì cho những đứa con gái này của cha, hoặc cho con cái mà chúng đã sinh ra?

La-ban dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông không thể làm được gì. Câu hỏi tu từ này có thể được dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: “Nhưng cha chẳng thể làm gì để có thể đem các con gái và các cháu của cha trở về với cha”.

để làm chứng

Từ “làm chứng” ở đây không chỉ về một người, nhưng được dùng theo nghĩa bóng chỉ về giao ước Gia-cốp và La-ban lập nên. Giao ước được nói như thể nó là một con người có mặt ở đó khi họ đồng ý cư xử hòa bình với nhau.

Genesis 31:45

Trụ

Là một tảng đá lớn được dựng trên một đầu để đánh dấu nơi sự kiện quan trọng này diễn ra.

chất thành một đống

"gom lại chồng chất lên nhau"

Rồi họ ngồi ăn bên đống đá

Dùng bữa cùng nhau là một phần trong việc lập giao ước với nhau. Có thể nói rõ ý của cả câu.

Y-ê-ga Sa-ha-đu-ta

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Y-ê-ga Sa-ha-du-ta có nghĩa là “đống đá làm chứng” theo ngôn ngữ của La-ban”.

Ga-lét

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Ga-lét có nghĩa là “đống đá làm chứng” theo ngôn ngữ của Gia-cốp.

Genesis 31:48

Đống đá này là lời chứng giữa cha và con

Đống đá không thực sự làm chứng như một con người. Gợi ý dịch: "Đống đá sẽ là một điều nhắc nhỡ giữa cha và con"

Ga-lét

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Ga-lét có nghĩa là “đống đá làm chứng” theo ngôn ngữ của Gia-cốp. Xem cách đã dịch ở [GEN 31:47]

Mích-pa

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Mích-pa có nghĩa là ‘Tháp canh’”.

khi chúng ta khuất mặt nhau

“Khuất mặt” có nghĩa là không còn ở trong sự hiện diện của người kia nữa. Gợi ý dịch: "khi chúng ta không còn gần nhau nữa"

Mặc dầu không có ai khác có mặt cùng chúng ta

Ở đây, từ ‘chúng ta” chỉ về La-ban và Gia-cốp. Gợi ý dịch: “ngay cả khi không có ai khác ở đây chứng kiến chúng ta”.

Xem

"nhớ". Từ này thêm phần nhấn mạnh cho điều được nói sau đó.

Genesis 31:51

Đống đá này là lời chứng, và cây trụ là lời chứng

Những đống đá này sẽ như một điều nhắc nhở và một vật đánh dấu ranh giới cho Gia-cốp và La-ban về thỏa thuận hòa bình của họ. Chúng được nói như thể là những người làm chứng.

Cầu xin Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham và Đức Chúa Trời của Na-hô, Đức Chúa Trời của tổ phụ họ phân xử giữa chúng ta

Áp-ra-ham là ông của Gia-cốp. Na-hô là ông của La-ban. Cha của Áp-ra-ham và Na-hô là Tha-rê. Không phải tất cả họ đều thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Đấng kính sợ của cha mình là Y-sác

Từ “Đấng kính sợ” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va, Đấng Y-sác vô cùng tôn kính và thể hiện sự tôn kính đó bằng cách vâng phục Ngài.

Genesis 31:54

mời các bà con mình dùng bữa

Dùng bữa cùng nhau là một phần trong việc lập giao ước với nhau. Có thể nói rõ ý của cả câu.

Sáng sớm ... trở về nhà

Trong bản gốc tiếng Hê-bơ-rơ, cây 55 là câu đầu tiên trong chương 32, nhưng trong bản dịch Kinh Thánh mới nhất thì nó là câu cuối của chương 31. Chúng tôi đề nghị bạn theo cách đánh số của Kinh Thánh trong ngôn ngữ của bạn.

Chúc phước

Tức là bảy tỏ mong muốn những điều tốt đẹp và ích lợi sẽ xảy ra cho ai đó.

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 31:1
La-ban và các con trai của ông tin rằng Gia-cốp có được mọi của cải từ đâu?
La-ban và các con trai của ông tin rằng Gia-cốp có được mọi của cải từ tài sản của La-ban.
Genesis 31:2
La-ban và các con trai của ông tin rằng Gia-cốp có được mọi của cải từ đâu?
La-ban và các con trai của ông tin rằng Gia-cốp có được mọi của cải từ tài sản của La-ban.
Genesis 31:3
Đức Giê-hô-va truyền phán cho Gia-cốp điều gì?
Đức Giê-hô-va truyền phán Gia-cốp trở về quê cha đất tổ và họ hàng của ông.
Genesis 31:8
Đức Chúa Trời đã lấy bầy gia súc của La-ban mà ban cho Gia-cốp như thế nào?
Đức Chúa Trời khiến cho các con vật đẻ ra con có vằn, có sọc là những con làm tiền công cho Gia-cốp.
Genesis 31:9
Đức Chúa Trời đã lấy bầy gia súc của La-ban mà ban cho Gia-cốp như thế nào?
Đức Chúa Trời khiến cho các con vật đẻ ra con có vằn, có sọc là những con làm tiền công cho Gia-cốp.
Genesis 31:14
Ra-chên và Lê-a có thái độ thế nào đối với La-ban là cha mình?
Ra-chên và Lê-a nói rằng La-ban xem họ như người dưng và tiêu phá hết tiền bạc của họ.
Genesis 31:15
Ra-chên và Lê-a có thái độ thế nào đối với La-ban là cha mình?
Ra-chên và Lê-a nói rằng La-ban xem họ như người dưng và tiêu phá hết tiền bạc của họ.
Genesis 31:19
Ra-chên đã làm gì trước khi lên đường với Gia-cốp?
Ra-chên lấy cắp các tượng thần trong nhà cha mình.
Genesis 31:20
Lúc này Gia-cốp lừa La-ban thế nào?
Gia-cốp lừa La-ban khi không nói cho La-ban biết ông rời đi.
Genesis 31:22
La-ban làm gì khi hay tin Gia-cốp đã bỏ trốn?
La-ban đem bà con anh em mình đuổi theo Gia-cốp và bắt kịp sau bảy ngày.
Genesis 31:23
La-ban làm gì khi hay tin Gia-cốp đã bỏ trốn?
La-ban đem bà con anh em mình đuổi theo Gia-cốp và bắt kịp sau bảy ngày.
Genesis 31:24
Đức Chúa Trời phán gì với La-ban trong giấc mơ?
Đức Chúa Trời bảo La-ban đừng nói gì với Gia-cốp dù lành hay dữ.
Genesis 31:31
Gia-cốp nói vì sao ông âm thầm trốn khỏi nhà La-ban?
Gia-cốp nói rằng ông âm thầm trốn đi vì sợ La-ban sẽ bắt hai con gái của ông lại.
Genesis 31:32
Gia-cốp nói gì khi La-ban buộc tội ông lấy trộm các tượng thần trong nhà?
Gia-cốp nói rằng ai lấy trộm các tượng thần trong nhà La-ban sẽ không được sống nữa.
Genesis 31:34
Vì sao La-ban không tìm thấy các tượng thần của mình trong số tài sản của Gia-cốp?
La-ban không tìm thấy các tượng thần của mình vì Ra-chên ngồi lên trên chúng và nói rằng bà không thể đứng lên vì đang đến kì.
Genesis 31:35
Vì sao La-ban không tìm thấy các tượng thần của mình trong số tài sản của Gia-cốp?
La-ban không tìm thấy các tượng thần của mình vì Ra-chên ngồi lên trên chúng và nói rằng bà không thể đứng lên vì đang đến kì.
Genesis 31:41
Gia-cốp đã làm việc cho La-ban bao lâu và bao nhiêu lần La-ban đã thay đổi tiền công của Gia-cốp?
Gia-cốp đã làm việc cho La-ban hai mươi năm và La-ban đã mười lần thay đổi tiền công của ông.
Genesis 31:43
Như thế nào La-ban cho thấy ông vẫn còn nghĩ rằng tài sản của Gia-cốp là của ông?
La-ban nói rằng mọi tài sản của Gia-cốp mà ông thấy đều là của ông.
Genesis 31:46
Gia-cốp và La-ban đánh dấu nơi họ lập giao ước với nhau như thế nào?
Gia-cốp và La-ban đánh dấu nơi họ lập giao ước với nhau bằng cách chất một đống đá tại đó.
Genesis 31:49
Ai được tuyên bố làm nhân chứng giữa Gia-cốp và La-ban để đảm bảo giao ước được giữ vững?
Đức Chúa Trời được tuyên bố làm nhân chứng giữa Gia-cốp và La-ban để đảm bảo giao ước được giữ vững.
Genesis 31:50
Ai được tuyên bố làm nhân chứng giữa Gia-cốp và La-ban để đảm bảo giao ước được giữ vững?
Đức Chúa Trời được tuyên bố làm nhân chứng giữa Gia-cốp và La-ban để đảm bảo giao ước được giữ vững.
Genesis 31:51
Đống đá và trụ đá được dựng lên để làm gì?
Đống đá và trụ đá đều làm chứng cho giao ước rằng La-ban và Gia-cốp không ai được đi quá đống đá và trụ đá đó để hại người kia.
Genesis 31:52
Gia-cốp và La-ban đã lập giao ước thế nào?
Gia-cốp và La-ban đều đồng ý rằng sẽ không vượt quá đống đá để làm hại nhau.
Đống đá và trụ đá được dựng lên để làm gì?
Đống đá và trụ đá đều làm chứng cho giao ước rằng La-ban và Gia-cốp không ai được đi quá đống đá và trụ đá đó để hại nhau.
Genesis 31:53
Gia-cốp làm gì để thể hiện ông đồng ý với giao ước đó?
Gia-cốp nhân danh Đức Chúa Trời, là Đấng mà Y-sác kính sợ mà thề, để thể hiện rằng ông đồng ý với giao ước đó.
Genesis 31:55
Sáng hôm sau, La-ban làm gì?
La-ban thức dậy hôn các cháu và các con gái mình, chúc phước cho họ rồi trở về nhà.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 32
Genesis 32:1
Ma-ha-na-im
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Ma-ha-na-im có nghĩa là ‘hai trại quân’".
Genesis 32:3
Sê-i-rơ
Đây là khu vực đồi núi ở vùng Ê-đôm.
Đây là điều các ngươi sẽ thưa với Ê-sau, chúa ta: đây là điều Gia-cốp đầy tớ của ông nói: ‘tôi đã … trước mặt anh’.
Đây là câu trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gợi ý dịch: "'Đây là điều ta muốn các ngươi thưa cùng Ê-sau, chúa ta. Hãy thưa cùng người rằng ta đã … trước mặt người'"
Ê-sau, chúa ta
Gia-cốp dùng ngôn từ lịch sự và gọi anh mình là “chúa ta”.
Đầy tớ của anh là Gia-cốp
Gia-cốp dùng ngôn từ lịch sự và gọi anh mình là “đầy tớ của anh”.
Để tôi được ơn trước mặt anh
Từ “mặt” ở đây chỉ về tư tưởng và quan điểm của một người. Gợi ý dịch: "để anh có thể chấp thuận em"
Genesis 32:6
Bốn trăm người
"400 người"
Sợ hãi
Chỉ về cảm giác không dễ chịu của một người trước nguy cơ bản thân hay người khác bị hại.
sầu não
"lo buồn" hoặc "không yên"
đánh một trại, thì trại còn lại sẽ thoát được
Từ “trại” ở đây chỉ về con người. Gợi ý dịch: "tấn công người trong trại này thì người trong trại kia sẽ thoát được"
Genesis 32:9
Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, tổ phụ con; và Đức Chúa Trời của Y-sác, cha con, kính lạy Đức Giê-hô-va
Ở đây không chỉ về những vị thần khác nhau mà chỉ về một Đức Chúa Trời mà hết thảy những người này thờ phượng. Gợi ý dịch: “Hỡi Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, ông của phụ con và của Y-sác, cha con”
Kính lạy Đức Giê-hô-va, là Đấng đã phán với con rằng: ‘Hãy trở về quê hương con và họ hàng con, Ta sẽ khiến con thịnh vượng.’
Đây là câu trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gợi ý dịch: “Kính lạy Đức Giê-hô-va, là Đấng đã phán với con rằng con phải về quê hương con và họ hàng con, Ngài sẽ hậu đãi con”
Họ hàng con
"gia đình con"
Ta sẽ khiến con thịnh vượng
"Ta sẽ làm điều tốt lành cho con" hoặc "Ta sẽ hậu đãi con"
Con không xứng đáng với tất cả những việc làm thành tín theo giao ước của Ngài và sự đảm bảo mà Ngài đã đối cùng đầy tớ Ngài
Danh từ trừu tượng “sự thành tín” và “sự đảm bảo” có thể dịch là “thành tín” và “trung nghĩa”.
Gợi ý dịch: "Con không đáng để Ngài giữ thành tín theo giao ước Ngài và để Ngài giữ trung nghĩa với con, là đầy tớ Ngài"
Đầy tớ Ngài
Đây là cách lịch sự để nói “con”.
ngày nay con lại trở nên hai trại quân nầy
“Con trở thành” chỉ về điều hiện giờ ông đang có. Gợi ý dịch: "mà bây giờ con đã có đủ người, thú vật và tài sản thành hai trại quân"
Genesis 32:11
Giải cứu con
"cứu con"
khỏi tay anh con, khỏi tay Ê-sau
Từ “tay” ở đây chỉ về thế lực. Hai vế này căn bản có nghĩa như nhau. Vế thứ hai làm rõ người anh mà Gia-cốp nói đến chính là Ê-sau. Gợi ý dịch: "khỏi thế lực của anh con, là Ê-sau” hoặc “khỏi anh con, là Ê-sau"
Con sợ anh ấy, rằng anh ấy sẽ
"Con sợ rằng anh ấy sẽ"
Nhưng Ngài phán ‘Ta chắc chắn sẽ khiến con thịnh vượng. Ta sẽ khiến dòng dõi con … đếm’.
Đây là câu trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Gợi ý dịch: "Nhưng Ngài phán rằng Ngài chắc chắn sẽ làm cho con thịnh vượng, và Ngài sẽ khiến dòng dõi của con … đếm”
Khiến con thịnh vượng
"làm điều tốt lành cho con" hoặc "hậu đãi con"
Ta sẽ làm cho dòng dõi con như cát biển
Câu này nói về dòng dõi đông đảo của Gia-cốp như thể số lượng của họ sẽ như những hạt cát trên bở biển.
Không thể đếm được vì chúng quá đông
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không ai có thể đếm được vì chúng quá đông"
Genesis 32:13
Hai trăm
"200"
Hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi ... mười
"20 ... 30 ... 40 ... 10"
Và đàn con của chúng
“và những con con của chúng”
Ông giao chúng vào tay các đầy tớ, từng bầy riêng rẽ
“Giao vào tay” có nghĩa là giao quyền kiểm soát cho họ. Gợi ý dịch: "Ông chia chúng thành những bầy nhỏ và giao từng bầy cho các đầy tớ của mình kiểm soát"
giữ khoảng cách giữa các bầy
"để mỗi bầy đi cách nhau một khoảng"
Genesis 32:17
Ông dặn
"Ông truyền lệnh"
Hỏi ngươi … những con vật đi trước ngươi?'
Đây là câu trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gợi ý dịch: "hỏi ngươi chủ ngươi là ai, ngươi đi đâu và những con vật này của ai"
Ngươi thuộc về ai?
"Chủ ngươi là ai?"
Những con vật đi trước ngươi thuộc về ai?
"ai là chủ của những con vật đi trước ngươi?"
Thì ngươi hãy nói rằng ‘chúng của đầy tớ ông là Gia-cốp. Đây là quà gửi cho chúa tôi là Ê-sau. Và nầy, ông ấy cũng đang đi đến sau chúng tôi.'
Đây là câu trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gợi ý dịch: "Và ta muốn ngươi nói cùng người rằng tất cả những thứ này đều thuộc về Gia-cốp, đầy tớ của người, và ông ấy tặng chúng cho chúa mình, là Ê-sau. Và hãy bảo cùng người rằng Gia-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cốp đang trên đường đến gặp người"

Của đầy tớ ông là Gia-cốp

Gia-cốp gọi mình theo cách lịch sự là đầy tớ của Ê-sau. \

Chúa tôi là Ê-sau

Gia-cốp gọi Ê-sau cách lịch sự là chúa của mình.

Đi đến sau chúng tôi

Từ “chúng tôi” ở đây chỉ về người đầy tớ đang nói và những người đầy tớ khác đang đem các bầy súc vật đến cho Ê-sau.

Genesis 32:19

dặn nhóm thứ hai

"truyền lệnh cho nhóm thứ hai"

Các ngươi cũng phải nói rằng “Đầy tớ của ông là Gia-cốp

Có thể là 1) “Các ngươi cũng sẽ nói rằng: “Tôi tớ ông, là Gia-cốp” hoặc 2) “Các ngươi sẽ nói: ‘đồng thời, đầy tớ của ông là Gia-cốp’”.

Ta sẽ làm dịu anh ấy

“Ta sẽ khiến anh ấy bình tĩnh lại” hoặc ‘Ta sẽ làm anh ấy nguôi giận”

Anh ấy sẽ đón nhận ta

"anh ấy sẽ tử tế chào đón ta"

Vậy, tặng vật đi trước người

“Tặng vật” ở đây chỉ về những người đầy tớ đưa số tặng vật đi.

Chính mình ông thì ở lại

Từ “chính mình” ở đây nhấn mạnh rằng Gia-cốp không đi cùng với các đầy tớ.

Genesis 32:22

Hai người hầu gái

"Hai cô vợ hầu". Ở đây có nghĩa là Xinh-ba và Bi-la.

Chỗ cạn

Chỗ nước nông ở một con sông có thể dễ dàng lội qua.

Gia-bốc

Đây là tên của một con sông.

Toàn bộ tài sản của mình

"tất cả những gì ông có"

Genesis 32:24

Cho đến rạng đông

"Cho đến bình minh" (UDB)

Hông

“khớp xương hông’. Đây là nơi xương chân nối với phần hông.

Hông của Gia-cốp bị trặc khi ông vật lộn với người ấy

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người ấy làm cho phần hông của Gia-cốp bị thương khi ông vật lộn với người"

Vì bình minh đã lên

"mặt trời sắp mọc"

Ban phước

Từ “ban phước” ở đây có nghĩa là đưa ra lời chúc phước trang trọng cho ai đó, khiến những điều tốt đẹp xảy ra cho người đó.

Tôi không cho ngài đi đâu, nếu ngài không ban phước cho tôi

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Không! Ngài phải chúc phước cho tôi rồi tôi sẽ để ngài đi"

Genesis 32:27

Y-sơ-ra-ên

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “tên Y-sơ-ra-ên có nghĩa là ‘Người vật lộn với Đức Chúa Trời’”.

Và với người ta

Từ “người ta” ở đây có nghĩa là “con người” nói chung.

Genesis 32:29

Người ấy đáp: “Tại sao ngươi hỏi tên ta?”

“Người ấy đáp: ‘Sao ngươi lại hỏi về tên của ta?’”. Câu hỏi tu từ này nhằm làm Gia-cốp sửng sốt, để quở trách và khiến Gia-cốp suy nghĩ kỹ về những việc vừa diễn ra giữa ông và người mà ông mới vật lộng cùng. Gợi ý dịch: “Đừng hỏi tên ta!”

Pê-ni-ên

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “tên Pê-ni-ên có nghĩa là ‘mặt của Đức Chúa Trời’”

mặt đối mặt

“Mặt đối mặt” có nghĩa là hai người nhìn nhau trực tiếp ở khoảng cách rất gần.

Và mạng sống tôi được giải cứu

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “nhưng Ngài đã giữ mạng sống tôi”

Genesis 32:31

Đó là lí do tại sao cho đến ngày nay

Câu này đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về dòng dõi của Y-sơ-ra-ên.

Cho đến ngày nay

Nghĩa là cho đến ngày tác giả đang viết sách này.

Gân hông

Chỉ về phần cơ nối xương đùi với khớp đùi.

Khớp xương hông

"khớp hông"

Khi làm trật khớp

"khi đánh"

Translation Questions

Genesis 32:3

Trên đường đến Ca-na-an Gia-cốp gửi tin cho ai?

Trên đường đến Ca-na-an Gia-cốp gửi tin cho anh trai mình là Ê-sau.

Genesis 32:5

Gia-cốp gửi tin để làm gì?

Gia-cốp mong được ơn trước mặt Ê-sau.

Genesis 32:7

Gia-cốp phản ứng thế nào khi nghe tin Ê-sau đem bốn trăm người đến và ông đã làm gì?

Gia-cốp sợ hãi nên chia người của mình thành hai toán để nếu Ê-sau tấn công toán này thì toán kia có thể thoát được.

Genesis 32:8

Gia-cốp phản ứng thế nào khi nghe tin Ê-sau đem bốn trăm người đến và ông đã làm gì?

Gia-cốp sợ hãi nên chia người của mình thành hai toán để nếu Ê-sau tấn công toán này thì toán kia có thể thoát được.

Genesis 32:11

Gia-cốp cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?

Gia-cốp cầu xin Đức Giê-hô-va giải cứu ông khỏi tay Ê-sau.

Genesis 32:12

Gia-cốp nhắc lại lời hứa nào với Đức Giê-hô-va?

Gia-cốp nhắc lại rằng Đức Giê-hô-va đã hứa làm cho Gia-cốp thịnh vượng và cho dòng dõi ông đông như cát biển.

Genesis 32:20

Gia-cốp nghĩ có thể làm được gì khi gửi các tặng phẩm cho Ê-sau anh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mình?
Gia-cốp nghĩ có thể làm cho Ê-sau nguôi giận với những tặng phẩm mà ông gửi đến cho Ê-sau, để sau đó khi ông đến thì Ê-sau sẽ tiếp nhận ông.
Genesis 32:22
Vì sao đêm đó ông chỉ còn một mình?
Ông đã đưa vợ, các nàng hầu cùng các con đi qua chỗ cạn của sông Gia-bốc.
Genesis 32:24
Đêm đó Gia-cốp đã làm gì cho đến rạng đông?
Gia-cốp vật lộn với một người cho đến rạng đông.
Genesis 32:25
Người đó đã làm gì khi không thể thắng được Gia-cốp?
Người đó đánh vào xương hông Gia-cốp, làm cho xương hông bị trặc.
Genesis 32:26
Gia-cốp yêu cầu điều gì trước khi để cho người đó đi?
Gia-cốp yêu cầu người đó phải chúc phước cho ông.
Genesis 32:28
Người đó nói Gia-cốp từ nay sẽ được gọi là gì?
Người đó nói tên của Gia-cốp bây giờ sẽ là Y-sơ-ra-ên.
Genesis 32:30
Gia-cốp nói ông đã thấy ai mặt đối mặt vào đêm hôm đó?
Gia-cốp nói rằng ông đã thấy Đức Chúa Trời mặt đối mặt vào đêm hôm đó.
Genesis 32:32
Gia-cốp gặp vấn đề gì trong cơ thể sau đêm hôm đó?
Gia-cốp bị khập khiểng vì trặc xương hông sau đêm đó.

Chapter 33
Genesis 33:1
Kìa
Từ “kìa’ hướng sự chú ý vào một phần mới đầy ngạc nhiên của câu chuyện.
Bốn trăm người
"400 người"
Gia-cốp chia các con … người hầu gái
Câu này không có nghĩa là Gia-cốp chia đều các con để mỗi người vợ đều có số con bằng nhau ở với mình. Gia-cốp chia các con để mỗi đứa đi cùng với mẹ của mình.
Người hầu gái
"cô vợ hầu." Chỉ về Bi-la và Xinh-ba.
Chính mình ông đi trước dẫn đầu họ
Từ “chính mình” ở đây nhấn mạnh rằng mình Gia-cốp đi trước những người kia.
Ông sấp mình
Từ “sấp mình” ở đây có nghĩa là cúi người để khiêm nhường bày tỏ sự tôn trọng và cung kính trước ai đó.
Genesis 33:4
Gặp ông
"gặp Gia-cốp"
ôm chầm lấy người, bá lấy cổ mà hôn
Có thể dịch ra một câu mới. Gợi ý dịch: "Ê-sau choàng tay quanh Gia-cốp, ôm lấy ông mà hôn"
Rồi họ khóc
Có thể dịch rõ hơn. Gợi ý dịch: “Sau đó Ê-sau và Gia-cốp cùng khóc vì họ hạnh phúc khi gặp lại nhau”
Ông thấy những phụ nữ và trẻ con
"Ông thấy những phụ nữ và trẻ con đi cùng Gia-cốp"
Những đứa con mà Đức Chúa Trời đã nhân từ ban cho đầy tớ anh
Cụm từ “đầy tớ anh” là cách Gia-cốp lịch sự gọi chính mình. Gợi ý dịch: "Đây là những đứa con mà Đức Chúa Trời đã nhận từ ban cho em, đầy tớ của anh"
Genesis 33:6
Người hầu gái
"cô vợ hầu." Chỉ về Bi-la và Xinh-ba.
sấp mình
Đây là biểu hiện bày tỏ sự khiêm nhường và tôn trọng trước một người khác.
Em có ý gì với hết thảy những nhóm mà anh vừa gặp đó?
Cụm từ “hết thảy những nhóm” chỉ về những nhóm của các đầy tớ mà Gia-cốp sai đem tặng vật đến cho Ê-sau. Gợi ý dịch: "Vì sao em sai tất cả những nhóm khác nhau này đến gặp anh?"
Để được ơn trong mắt chúa của em
Cụm từ “trong mắt” chỉ về tư tưởng hay quan điểm của một người. Gợi ý dịch: “để anh, chúa của em có thể sẽ vui lòng với em”
Chúa của em
Cụm từ “chúa của em” là cách lịch sự chỉ về Ê-sau.
Genesis 33:9
Anh có đủ rồi
Được hiểu là có đủ “thú vật” hay “tài sản”. Gợi ý dịch: "Anh có đủ thú vật rồi"
Nếu em được ơn trong mắt anh
Từ “mắt” ở đây chỉ về tư tưởng hay quan điểm của một người. Gợi ý dịch: "nếu anh hài lòng với em"
Món quà từ tay em
Từ “tay” ở đây chỉ về Gia-cốp. Gợi ý dịch: "món quà mà em tặng anh"
Tay em, vì quả thật
Có thể dịch thành một câu mới: "tay tôi. Vì chắc chắn"
Em đã thấy mặt anh, chẳng khác nào thấy mặt Đức Chúa Trời
Không rõ ý nghĩa của phép so sánh này là gì. Có thể là 1) Gia-cốp vui mừng vì Ê-sau tha thứ cho ông như Đức Chúa Trời đã tha thứ cho ông hoặc 2) Gia-cốp kinh ngạc khi gặp lại anh mình như ông kinh ngạc khi nhìn thấy Đức Chúa Trời hoặc 3) Gia-cốp khiêm nhường trước mặt Ê-sau như ông khiêm nhường khi ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời.
Em được thấy mắt anh
Từ “mặt” ở đây chỉ về chính Ê-sau. Tốt nhất nên dịch từ “mặt” vì nó có liên hệ với từ “mặt của Đức Chúa Trời” và “mặt đối mặt” ở GEN 32:30.
Được đem đến cho anh
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "mà các đầy tớ của em đã mang đến cho anh"
Đức Chúa Trời đã đối đãi em cách đầy ơn
"Đức Chúa Trời đã hậu đãi em" hoặc "Đức Chúa Trời đã ban phước cho em rất nhiều"
Vì Gia-cốp cố nài người, nên Ê-sau đã nhận các lễ vật ấy
Theo thông lệ đầu tiên phải từ chối món quà, nhưng sau đó phải chấp nhận nó trước khi người cho cảm thấy bị xúc phạm.
Genesis 33:12
Chúa tôi biết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là cách lịch sự và trang trọng để gọi Ê-sau. Gợi ý dịch: "Anh, chúa tôi, biết"

Những đứa trẻ còn nhỏ

Có thể dịch rõ nghĩa ở đây. Gợi ý dịch: "Những đứa trẻ còn quá nhỏ không thể đi nhanh được"

Nếu chúng bị ép đi nhanh dù chỉ một ngày

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nếu chúng ta ép chúng đi quá nhanh dù chỉ một ngày"

Xin chúa cứ đi trước đầy tớ chúa

Đây là cách Gia-cốp lịch sự và trang trọng gọi chính mình. Gợi ý dịch: "Chúa của tôi, tôi là đầy tớ chúa. Xin hãy đi trước tôi"

Theo bước của bầy gia súc trước em

“theo tốc độ của những con vật mà em đang coi sóc có thể đi được”

Sê-i-rơ

Đây là khu vực đồi núi trong vùng Ê-đôm. Xem cách đã dịch ở [GEN 32:3]

Genesis 33:15

Làm như thế để làm gì?

Gia-cốp dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ê-sau không cần phải để những người đó ở lại. Gợi ý dịch: “Đừng làm vậy” hoặc “Anh không cần phải làm vậy”

Chúa tôi

Đây là cách lịch sự và trang trọng để gọi Ê-sau. Gợi ý dịch: "Anh, chúa của tôi" .

Su-cốt

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “tên Su-cốt có nghĩa là ‘lều trại’”.

cất cho mình một cái nhà

Ngụ ý rằng căn nhà đó cũng dành cho gia đình của ông. Gợi ý dịch: "cất một căn nhà cho mình và gia đình"

cho súc vật

"cho các con vật mà ông chăm sóc"

Genesis 33:18

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Tác giả mô tả Gia-cốp đã làm gì sau khi nghỉ ngơi tại Su-cốt.

Khi Gia-cốp đi từ Pha-đan A-ram

"Sau khi Gia-cốp rời khỏi Pha-đan A-ram"

Khi Gia-cốp ... ông đến ... ông đóng trại

Ở đây chỉ nhắc đến Gia-cốp vì ông là người lãnh đạo gia đình. Ngụ ý rằng gia đình ông đi cùng ông.

Ông đóng trại gần

"ông dựng trại gần"

Miếng đất

"mảnh đất"

Ha-mô

Đây là tên của một người nam.

cha của Si-chem

Si-chem là tên của một thành phố và cũng là tên người.

Một trăm

"100"

Ên Ên-lô-hê Y-sơ-ra-ên

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên Ên Ên-lô-hê Y-sơ-ra-ên có nghĩa là “Đức Chúa Trời là Chúa của Y-sơ-ra-ên”.

Translation Questions

Genesis 33:2

Khi Ê-sau đến chỗ Gia-cốp thì Gia-cốp sắp xếp những người vợ đi sau mình theo thứ tự nào?

Gia-cốp đặt những nàng hầu trước, sau đó đến Lê-a rồi đến Ra-chên.

Genesis 33:3

Khi Ê-sau đến chỗ Gia-cốp thì Gia-cốp sắp xếp những người vợ đi sau mình theo thứ tự nào?

Gia-cốp đặt những nàng hầu trước, sau đó đến Lê-a rồi đến Ra-chên.

Gia-cốp làm gì khi đến gần anh mình?

Gia-cốp sấp mặt xuống đất bảy lần, cho tới khi đến gần anh mình.

Genesis 33:4

Ê-sau làm gì khi gặp em mình?

Ê-sau chạy đến đón, ôm chầm Gia-cốp, bá lấy cổ mà hôn.

Genesis 33:9

Ê-sau bảo Gia-cốp làm gì với số phẩm vật mà ông đã gửi đến trước cho Ê-sau?

Ê-sau bảo Gia-cốp cứ giữ lấy vì ông đã có đầy đủ rồi.

Genesis 33:11

Gia-cốp đưa ra hai lí do nào để Ê-sau chấp nhận phẩm vật của ông?

Gia-cốp nói rằng vì Đức Chúa Trời đã hậu đãi ông và vì ông đã có đầy đủ nên Ê-sau nên nhận lấy những phẩm vật đó của ông.

Genesis 33:12

Gia-cốp nói vì sao ông muốn Ê-sau đi trước còn ông sẽ đi chậm hơn?

Gia-cốp nói rằng ông muốn Ê-sau đi trước vì đàn vật nuôi sẽ chết nếu chúng bị ép đi quá nhanh.

Genesis 33:14

Gia-cốp nói vì sao ông muốn Ê-sau đi trước còn ông sẽ đi chậm hơn?

Gia-cốp nói rằng ông muốn Ê-sau đi trước vì đàn vật nuôi sẽ chết nếu chúng bị ép đi quá nhanh.

Gia-cốp nói ông sẽ đưa gia đình và bầy vật nuôi đến đâu?

Gia-cốp nói ông sẽ đưa gia đình và bầy vật nuôi đến gặp Ê-sau ở Sê-i-rơ.

Genesis 33:17

Gia-cốp đi và cất nhà cho mình tại đâu?

Gia-cốp đi đến Su-cốt, cất cho mình một cái nhà.

Genesis 33:18

Gia-cốp đi và mua một miếng đất ở đâu?

Gia-cốp đi đến Si-chem, mua một miếng đất.

Genesis 33:19

Gia-cốp đi và mua một miếng đất ở đâu?

Gia-cốp đi đến Si-chem, mua một miếng đất.

Chapter 34

Genesis 34:1

Bấy giờ

Ở đây, từ này được dùng để đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.

Đi-na

Đây là tên của con gái Lê-a. Xem cách đã dịch ở [GEN 30:21]

Người Hê-vít

Đây là tên của một nhóm người. Xem cách đã dịch ở [GEN

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

10:17]

Thủ lĩnh của xứ

Ở đây chỉ về Hê-mô không phải Si-chem. Từ được dùng ở đây không chỉ về con trai của vua mà mang ý nghĩa là Hê-mô là người lãnh đạo của những người trong vùng đó.

Cưỡng hiếp cô và ăn nằm với cô

Si-chem cưỡng hiếp Đi-na.

Anh say đắm Đi-na

"Anh bị cô cuốn hút" (UDB). Câu này nói Si-chem yêu Đi-na và muốn ở với cô như thể có điều gì đó buộc anh phải đến với Đi-na. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Anh rất muốn ở cùng Đi-na"

Dịu ngọt nói với cô

Có nghĩa là anh nói những lời yêu thương để thuyết phục cô rằng anh yêu cô và muốn cô cũng yêu mình.

Genesis 34:4

Bấy giờ Gia-cốp

Từ “bấy giờ” được dùng ở đây để đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về Gia-cốp.

Gia-cốp biết được rằng anh ta

Từ “anh ta” chỉ về Si-chem.

Anh ta đã làm nhục

Tức là Si-chem đã làm mất danh dự và làm cho Đi-na nhục nhã khi ép cô ngủ với mình.

làm thinh

Tức là Gia-cốp không nói cũng không có hành động gì về vấn đề đó.

Genesis 34:6

Ha-mô ... đi đến chỗ Gia-cốp

"Ha-mô ... đi gặp Gia-cốp"

Những người này rất tức giận

"Những người này rất giận dữ"

Họ vô cùng tức giận ... lẽ ra không được làm

Có thể dịch thành câu trích dẫn trực tiếp bằng lời của con trai Gia-cốp như trong bản UDB.

Người đã làm ô nhục Y-sơ-ra-ên

Ở đây, từ “Y-sơ-ra-ên” chỉ đến toàn bộ những thành viên trong gia đình của Gia-cốp. Cả nhóm người Y-sơ-ra-ên bị làm ô nhục. Gợi ý dịch: “người đã làm nhục gia đình Y-sơ-ra-ên” hoặc “người đã đem sự nhục nhã cho những người của Y-sơ-ra-ên”

Cưỡng hiếp con gái Gia-cốp

"hãm hiếp con gái Gia-cốp"

Vì một chuyện như thế chẳng bao giờ nên làm

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "vì người không nên làm một chuyện tồi tệ như thế"

Genesis 34:8

Ha-mô nói với họ

"Ha-mô nói với Gia-cốp và các con trai người"

Yêu mến con gái ông

Từ “yêu mến” ở đây chỉ về tình yêu lãng mạn giữa nam và nữ. Gợi ý dịch: "yêu cô và muốn lấy cô làm vợ”.

Gã cô làm vợ người

Trong một số nền văn hóa, cha mẹ là người quyết định cho con mình lấy ai.

Kết thông gia với chúng tôi

Kết thông gia là cưới một thành viên thuộc một nhóm khác chủng tộc, xã hội, tôn giáo hoặc bộ lạc. Gợi ý dịch: “Cho phép kết hôn giữa người của ông và người của chúng tôi”.

Xứ này sẽ mở ra cho các ông

"xứ này sẽ sẵn sàng cho các ông"

Genesis 34:11

Si-chem thưa với cha cô

"Si-chem thưa cùng cha của Đi-na là Gia-cốp"

Xin để tôi được ơn trong mắt các ông, bất cứ điều gì các ông bảo tôi sẽ nạp cho

Từ “mắt” ở đây chỉ về tư tưởng hoặc quan điểm của một người. Gợi ý dịch: "Nếu các ông chấp thuận tôi, tôi sẽ nạp cho các ông bất kì điều gì các ông yêu cầu."

Sính lễ

Trong một số nền văn hóa, thường thì một người nam sẽ đưa tiền, của cải, gia súc và một số lễ vật khác cho gia đình nhà cô dâu vào thời điểm kết hôn.

Các con trai của Gia-cốp dùng mưu trả lời Si-chem và Ha-mô

Danh từ “mưu” có thể dịch thành động từ “nói dối”. Gợi ý dịch: "Nhưng các con trai của Gia-cốp nói dối Si-chem và Ha-mô khi trả lời họ"

Si-chem đã làm nhục Đi-na

Có nghĩa là Si-chem đã làm mất danh dự và khiến Đi-na nhục nhã khi buộc cô ngủ với mình. Xem cách đã địch ở GEN 34:5.

Genesis 34:14

Họ nói với những người kia

"Các con trai của Gia-cốp nói với Si-chem và Ha-mô"

Chúng tôi không thể làm việc này, để gả em gái chúng tôi

"Chúng tôi không thể đồng ý gả Đi-na"

Vì đó sẽ là một điều ô nhục cho chúng tôi

"vì điều đó sẽ khiến chúng tôi nhục nhã". Từ “chúng tôi” ở đây chỉ về các con trai của Gia-cốp và tất cả những người của Y-sơ-ra-ên.

Gả con gái chúng tôi cho các ông ... cưới con gái các ông cho chúng tôi

Nghĩa là họ sẽ để một người trong gia đình Gia-cốp cưới một người sống trong đất của Ha-mô.

Genesis 34:18

Những lời họ nói đẹp lòng Ha-mô và Si-chem, con trai ông

Từ “lời” ở đây chỉ về những điều đã nói. Gợi ý dịch: "Ha-mô và Si-chem con trai mình đồng ý với điều các con trai Gia-cốp đã nói"

Làm những điều họ nói

"chịu cắt bì"

Con gái của Gia-cốp

"Đi-na, con gái của Gia-cốp"

Vì anh là người được tôn trọng nhất trong cả nhà cha mình

Có thể dịch vế này thành một câu mới. Cũng có thể nói rõ rằng Si-chem biết những người khác sẽ đồng ý chịu cắt bì vì họ rất tôn trọng anh. Gợi ý dịch: “Si-chem biết rằng hết thảy những người nam trong nhà cha mình sẽ đồng ý với mình bởi vì anh là người được tôn trọng nhất trong số họ”

Genesis 34:20

Cổng thành mình

Những người lãnh đạo thường gặp nhau ở cổng thành để đưa ra những quyết định chính thức.

Những người này

"Gia-cốp, các con trai người, và những người của Y-sơ-ra-ên"

Hòa bình với chúng ta

Từ “chúng ta” ở đây bao gồm Ha-mô, con trai ông và hết thảy những người họ đang nói chuyện tại cổng thành.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hãy để họ sống trong xứ này và buôn bán ở đó
"hãy để họ sống và buôn bán trong đất này"
Vì thực sự vùng đất này đủ lớn cho họ
Si-chem dùng từ ‘thực sự’ để thêm phần nhấn mạnh cho lời khẳng định của mình. “Vì chắc chắn mảnh đất này đủ rộng lớn cho họ” hoặc “vì quả thật có rất nhiều đất cho họ sống ở đây”
Cưới con gái họ... gả con gái chúng ta cho họ
Chỉ về việc kết hôn giữa người nữ trong nhóm người này với người nam trong nhóm người kia. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở GEN 34:9.
Genesis 34:22
Thông Tin Tổng Quát:
Ha-mô và Si-chem con trai người tiếp tục nói chuyện với những người lớn tuổi trong thành.
Chỉ với điều kiện này thì họ mới đồng ý sống với chúng ta để trở thành một dân tộc: nếu mỗi người nam trong chúng ta chịu cắt bì như họ chịu cắt bì
"Chỉ khi mỗi người nam trong chúng ta chịu cắt bì như những người nam của Y-sơ-ra-ên chịu cắt bì thì họ sẽ đồng ý sống giữa chúng ta và hiệp với chúng ta thành một dân tộc"
Chẳng phải súc vật và tài sản của họ - tất cả những con vật của họ sẽ trở thành của chúng ta sao?
Si-chem đang dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng súc vật và tài sản của Gia-cốp sẽ thuộc về người của Si-chem. Gợi ý dịch: “Toàn bộ số súc vật và tài sản của họ sẽ là của chúng ta!”
Genesis 34:24
Mọi người nam đều chịu phép cắt bì
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Vậy nên Ha-mô và Si-chem cho người làm phép cắt bì cho hết thảy những người nam"
Vào ngày thứ ba
"thứ ba" là số thứ tự của số ba. Có thể dịch không cần đến số thứ tự. Gợi ý dịch: "Sau hai ngày"
Khi họ còn đang đau đớn
"khi những người nam trong thành đang còn đau đớn"
Mỗi người cầm gươm mình
"lấy gươm của mình"
Họ tấn công thành
Từ “thành” ở đây chỉ về người dân. Gợi ý dịch: "họ tấn công những người trong thành"
Yên ổn, và họ giết hết thảy những người nam
Có thể dịch thành một câu mới. “Yên ổn. Si-mê-ôn và Lê-vi giết hết thảy những người trong thành”.
Bằng lưỡi gươm
Từ “lưỡi” ở đây chỉ về cạnh gươm. Gợi ý dịch: "bằng lưỡi của gươm mình" hoặc "bằng gươm của mình"
Genesis 34:27
Những xác chết
"xác chết của Ha-mô, Si-chem và những người của họ"
Cướp phá thành
"cướp mọi thứ giá trị trong thành"
Vì những người này đã làm nhục em gái mình
Chỉ mình Si-chem làm nhục Đi-na, nhưng các con trai của Gia-cốp xem cả nhà Si-chem và mọi người trong thành phải chịu trách nhiệm cho việc làm này.
Đã làm nhục
Nghĩa là Si-chem đã làm mất danh dự và khiến cho Đi-na nhục nhã khi buộc cô ngủ với mình. Xem cách đã dịch ở GEN 34:5.
Họ bắt các các bầy súc vật của chúng
“các con trai Gia-cốp bắt những bầy súc vật của những người này”
Tất cả tài sản của họ
“tất cả của cải và tiền bạc của họ"
Họ bắt giữ tất cả con cái và vợ của chúng
"Họ bắt giữ hết thảy vợ con của chúng"
Genesis 34:30
Gây rắc rối cho cha
Việc khiến ai đó gặp rắc rối được nói như thể rắc rối là một vật được đem đặt lên người khác. Gợi ý dịch: "caused great problems for me"
Khiến cha trở thành điều ghê tởm cho các dân trong xứ này
Việc khiến cho những người quanh vùng ghét Gia-cốp được nói như thể các con trai Gia-cốp làm cho ông phát ra mùi hôi thối. Có thể dịch thành một câu mới. Gợi ý dịch: "Các con khiến cha trở nên ghê tởm đối với những người sống trong xứ này"
Cha chỉ có một ít người ... chống đối và tấn công cha thì cha và cả nhà mình sẽ bị tiêu diệt
Từ “cha” ở đây chỉ về cả nhà Gia-cốp. Gia-cốp nói “cha” vì ông là người lãnh đạo. Gợi ý dịch: "Gia đình cha nhỏ ... chống đối và tấn công chúng ta thì họ sẽ tiêu diệt tất cả chúng ta"
liên kết lại chống đối và tấn công cha
"hình thành một đội quân tấn công cha" hoặc "hình thành một đội quân và tấn công cha"
Thì cha sẽ bị tiêu diệt
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "họ sẽ tiêu diệt cha" hoặc "họ sẽ tiêu diệt chúng ta"
Chẳng lẽ Si-chem được phép đối xử với em gái chúng con như với một gái điếm sao?
Si-mê-ôn và Lê-vi dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Si-chem đã làm điều sai trái và đáng phải chết. Gợi ý dịch: "Lẽ ra Si-chem không được đối xử với em gái chúng con như một gái điếm!"

Translation Questions

Genesis 34:2
Si-chem, con trai Hê-mô làm gì khi nhìn thấy Đi-na, con gái Lê-a?
Si-chem bắt Đi-na đi rồi cưỡng ép cô nằm với mình.
Genesis 34:5
Đầu tiên Gia-cốp làm gì khi nghe chuyện xảy ra cho Đi-na?
Gia-cốp giữ yên lặng cho đến khi các con trai mình ngoài đồng trở về.
Genesis 34:7
Các con trai của Gia-cốp phản ứng thế nào khi nghe về việc Si-chem đã làm với Đi-na?
Các con trai của Gia-cốp rất tức giận.
Genesis 34:8
Hê-mô cha của Si-chem muốn Gia-cốp làm gì?
Hê-mô muốn Gia-cốp gả Đi-na cho Si-chem làm vợ và cho gia đình Gia-cốp kết thông gia với gia đình Hê-mô.
Genesis 34:9

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hê-mô cha của Si-chem muốn Gia-cốp làm gì?
Hê-mô muốn Gia-cốp gả Đi-na cho Si-chem làm vợ và cho gia đình Gia-cốp kết thông gia với gia đình Hê-mô.
Genesis 34:12
Si-chem nói chàng sẵn sàng làm gì để được Đi-na làm vợ?
Si-chem nói rằng chàng sẽ trả sính lễ thật cao theo yêu cầu của Gia-cốp.
Genesis 34:13
Các con trai của Gia-cốp trả lời thế nào và vì sao?
Các con trai của Gia-cốp trả lời Si-chem cách lừa dối vì Si-chem đã làm nhục Đi-na.
Genesis 34:15
Các con trai Gia-cốp đưa ra đòi hỏi gì với Hê-mô trước khi họ đồng ý làm thông gia với nhà Hê-mô?
Các con trai Gia-cốp yêu cầu tất cả những người nam trong nhà Hê-mô phải chịu cắt bì.
Genesis 34:23
Hê-mô và Si-chem nói với những người trong thành rằng điều gì sẽ thuộc về họ nếu họ làm thông gia với nhà Gia-cốp?
Họ nói rằng tất cả bầy súc vật, tài sản và gia súc của Gia-cốp sẽ là của họ nếu họ làm thông gia với nhà Gia-cốp.
Genesis 34:24
Những người trong thành của Hê-mô phản ứng thế nào khi được hỏi họ có sẵn sàng chịu cắt bì hay không?
Những người trong thành của Hê-mô nghe theo Hê-mô và Si-chem, mọi người nam đều chịu cắt bì.
Genesis 34:25
Si-mê-ôn và Lê-vi đã làm gì vào ngày thứ ba sau khi những người nam trong nhà Hê-mô chịu cắt bì?
Si-mê-ôn và Lê-vi giết hết tất cả người nam trong thành của Hê-mô.
Genesis 34:27
Sau đó tất cả các con trai của Gia-cốp làm gì?
Tất cả các con trai của Gia-cốp cướp phá thành, lấy hết mọi của cải và bắt những đàn bà cùng con trẻ.
Genesis 34:29
Sau đó tất cả các con trai của Gia-cốp làm gì?
Tất cả các con trai của Gia-cốp cướp phá thành, lấy hết mọi của cải và bắt những đàn bà cùng con trẻ.
Genesis 34:30
Gia-cốp phản ứng thế nào khi nghe về việc Si-mê-ôn và Lê-vi đã làm?
Gia-cốp nói rằng Si-mê-ôn và Lê-vi đã gây rắc rối cho ông vì dân xứ này có thể sẽ tiêu diệt ông và cả nhà ông.
Genesis 34:31
Si-mê-ôn và Lê-vi nói vì sao họ đã làm như vậy?
Si-mê-ôn và Lê-vi nói họ làm như vậy vì Si-chem đã đối xử với Đi-na như một gái điếm.

Chapter 35
Genesis 35:1
đi lên Bê-tên
Cụm từ “đi lên” được dùng ở đây vì Bê-tên có địa hình cao hơn Si-chem.
lập tại đó một bàn thờ cho Đức Chúa Trời
Đức Chúa Trời nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Gợi ý dịch: "Lập một bàn thờ tại đó cho ta, là Đức Chúa Trời của con"
Nói với nhà mình
"nói với gia đình mình"
Hãy dẹp bỏ các tượng thần ngoại bang giữa các ngươi
"Hãy quăng xa những tượng thần của các ngươi" hoặc "Hãy từ bỏ các tà thần của các ngươi"
thanh tẩy chính mình và thay quần áo
Thanh tẩy chính mình về mặt đạo đức và mặt thuộc thể trước khi đến thờ phượng Đức Chúa Trời là một thông lệ.
thay quần áo
Mặc quần áo mới là biểu hiện cho thấy họ làm cho mình được sạch sẻ trước khi đến với Đức Chúa Trời.
trong ngày nguy khốn của ta
Từ “ngày” có thể là 1) Ngày Gia-cốp chạy trốn khỏi Ê-sau hoặc 2) “ngày” chỉ về một khoảng thời gian Gia-cốp chịu sầu khổ. Gợi ý dịch: "khi ta ở trong hoàn cảnh khó khăn" hoặc "khi ta lâm nguy"
Genesis 35:4
Vậy họ đưa
“vậy mọi người trong nhà Gia-cốp đưa” hoặc “vậy toàn bộ gia đình Gia-cốp và các đầy tớ đưa”
Đang ở trong tay họ
Cụm từ “trong tay họ” có nghĩa là họ sở hữu. Gợi ý dịch: “thuộc tài sản của họ” hoặc “mà họ có”
Những khoen đeo trên tai của họ
"Khuyên tai của họ" (UDB). Ý nghĩa ở đây có thể là 1) Vàng trong bông tai có thể được dùng để đúc thêm tượng thần hoặc 2) họ đã lấy số bông tai này ở thành Si-chem sau khi tấn công nó và giết tất cả dân trong thành. Những đôi bông tai có thể nhắc họ nhớ đến tội lỗi của mình.
Đức Chúa Trời giáng sự kinh hãi trên các thành
Việc Đức Chúa Trời khiến dân của các thành sợ Gia-cốp và gia đình ông được nói như thể sự kinh hãi là đồ vật rơi trên những thành đó. Danh từ trừu tượng “sự kinh hãi” có thể được dịch là “sợ”. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời khiến những người ở các thành xung quanh sợ Gia-cốp và những người của ông"
trên các thành
“Các thành” ở đây chỉ về những người sống trong các thành đó.
Các con trai của Gia-cốp
Ngụ ý là không ai tấn công một người nào trong nhà Gia-cốp. Nhưng hai trong số các con trai của Gia-cốp là Si-mê-ôn và Lê-vi đã tấn công những người Ca-na-an là bà con của Si-chem sau khi người này hãm hiếp con gái của Gia-cốp. Gia-cốp sợ rằng họ sẽ tìm cách trả thù được chép ở GEN 34:30. Gợi ý dịch: “gia đình Gia-cốp” hoặc “nhà Gia-cốp”
Genesis 35:6
Lu-xơ
Đây là tên thành. Xem cách đã dịch ở [GEN 28:19]
Ên Bê-tên
Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên Ên Bê-tên có nghĩa là ‘Đức Chúa Trời của Bê-tên’”.
tại đây Đức Chúa Trời đã bày tỏ mình cho ông
"tại đây Đức Chúa Trời đã bày tỏ mình cho Gia-cốp"
Đê-bô-ra
Đây là tên của một người nữ.
Vú nuôi của Rê-bê-ca
Vú nuôi là người phụ nữ chăm sóc cho con của một người phụ nữ khác. Vú nuôi là một người rất được tôn trọng và

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

quan trọng đối với gia đình.

Bà được an táng tại Bê-tên

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Họ chôn bà tại Bê-tên"

Tại Bê-tên

Cụm từ “tại” được dùng ở đây vì họ chôn bà ở một nơi có địa hình thấp hơn ở Bê-tên.

A-lôn Ba-cút

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên A-lôn Ba-cút có nghĩa là ‘cây sồi than khóc’”

Genesis 35:9

Khi Gia-cốp đi từ Pha-đan A-ram

Có thể nói rõ họ ở Bê-tên. Gợi ý dịch: "Sau khi Gia-cốp rời khỏi Pha-đan A-ram, lúc họ đang ở Bê-tên"

Ban phước

Từ “ban phước” ở đây có nghĩa là đưa ra lời chúc phước trang trọng cho ai đó, khiến những điều tốt đẹp xảy ra cho người đó.

Nhưng ngươi sẽ không còn được gọi là Gia-cốp nữa

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nhưng tên ngươi sẽ không còn là Gia-cốp nữa"

Genesis 35:11

Đức Chúa Trời phán cùng ông

"Đức Chúa Trời phán cùng Gia-cốp"

Hãy sinh sản và thêm nhiều

Đức Chúa Trời bảo Gia-cốp phải sinh nhiều con cái để trở nên đông đảo. Từ “thêm nhiều” giải thích ông phải “sanh sản” như thế nào. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:22]

Một dân tộc rồi một cộng đồng nhiều dân tộc sẽ ra từ con

Từ “dân tộc” và “nhiều dân tộc” ở đây chỉ về dòng dõi của Gia-cốp sẽ hình thành nên các dân tộc này.

Đức Chúa Trời ngự lên khỏi ông

Từ “ngự lên” được dùng ở đây vì nơi Đức Chúa Trời ngự thường được nghĩ là ở trên cao hay bên trên trái đất. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời rời khỏi ông"

Genesis 35:14

Trụ

Đây là một cây trụ kỷ niệm, chỉ đơn giản là một tảng đá lớn hoặc đá cuội được dựng trên một đầu.

Ông đổ của lễ uống và đổ dầu lên đó

Đây là dấu hiệu bày tỏ ông biệt riêng cây trụ cho Đức Chúa Trời.

Bê-tên

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “tên Bê-tê có nghĩa là ‘nhà của Đức Chúa Trời’”.

Genesis 35:16

Ê-phơ-rát

Đây là tên gọi khác của làng Bết-lê-hem.

Bà chuyển dạ và đau đớn dữ dội

"Bà sinh nở rất khó khăn"

Trong cơn đau đớn quặn thắt nhất

"Khi cơn đau đớn dữ dội nhất"

Bà mụ

Người giúp đỡ một phụ nữ khi sinh con

Khi bà sắp chết, trong lúc hấp hối

“Hấp hối” là hơi thở cuối cùng của một người trước khi qua đời. Gợi ý dịch: "Ngay trước khi chết, khi bà trút hơi thở cuối cùng"

Bê-nô-ni

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Bê-nô-ni có nghĩa là ‘con trai của sự đau đớn ta’”.

Bên-gia-min

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “tên Bên-gia-min có nghĩa là ‘con trai của tay phải ta’”. Cụm từ “tay phải” chỉ về vị trí được ưu ái đặc biệt.

Và được chôn cất

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và họ chôn cất bà"

Trên đường

"dọc đường" (UDB)

Đó là vật đánh dấu cho mộ của Ra-chên cho đến ngày nay

"Nó đánh dấu cho mộ của Ra-chên cho đến ngày nay"

Cho đến ngày nay

"cho đến thời điểm hiện tại". Có nghĩa là đến thời điểm tác giả đang viết sách này.

Genesis 35:21

Y-sơ-ra-ên tiếp tục hành trình

Ngụ ý rằng gia đình của Y-sơ-ra-ên và các đầy tớ cùng đi với ông. Có thể nói rõ ý của cả câu.

Bi-la

Đây là tên đầy tớ gái của Ra-chên. Xem cách đã dich ở [GEN 29:29]

Bấy giờ Gia-cốp có mười hai con trai

Cây này bắt đầu một đoạn mới, tiếp tục dẫn dắt vào những câu sau đó.

Mười hai con trai

"12 con trai"

Genesis 35:23

Bi-la

Đây là tên người hầu gái của Ra-chên. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:29]

Genesis 35:26

Xinh-ba

Đây là tên đầy tớ gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:24]

Sinh cho ông ở Pha-đan A-ram

Ngụ ý rằng trong những người này không có Bên-gia-min là người được sinh ra tại xứ Ca-na-an, gần Bết-lê-hem. Ở đây chỉ nhắc đến Pha-đan A-ram vì hầu hết những người con trai này đều được sinh ra tại đó. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: “những con trai được sinh cho ông tại Pha-đan A-ram, ngoại trừ Bên-gia-min được sinh ra tại xứ Ca-na-an”.

Gia-cốp đến chỗ Y-sác

Từ “đến” ở đây có thể dịch là “đi đến”.

Mam-rê

Đây là tên gọi khác của thành Hếp-rôn. Có thể nó được đặt theo tên của Mam-rê, bạn của Áp-ra-ham sống tại đó. Xem cách đã dịch ở [GEN 13:18]

Ki-ri-át-A-ra-ba

Đây là tên của một thành. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:02]

Genesis 35:28

một trăm tám mươi năm

"180 năm"

Y-sác trút hơi thở cuối cùng và qua đời

"Y-sác trút hơi thở cuối cùng rồi qua đời”. Cụm từ “trút hơi thở cuối cùng” và “qua đời” căn bản có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "Y-sác qua đời". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 25:08]

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trút hơi thở cuối cùng
Đây là cách lịch sự để nói một người qua đời. Xem cách đã dịch ở [GEN 25:8]
được sum họp với tổ tiên của mình
Nghĩa là sau khi Y-sác qua đời, linh hồn ông đi đến nơi của những người bà con đã chết trước ông. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “ông đến chỗ những thành viên trong gia đình đã qua đời trước đó”
Người tuổi cao tác lớn, thỏa mãn những năm đời mình
Về “người tuổi cao tác lớn” và “thỏa mãn những năm đời mình” căn bản có ý nghĩa như nhau. Chúng nhấn mạnh rằng Y-sác sống rất lâu. Gợi ý dịch: "Sau khi sống rất lâu và rất cao tuổi"

Translation Questions

Genesis 35:1
Đức Chúa Trời bảo Gia-cốp đi đâu và làm gì?
Đức Chúa Trời bảo Gia-cốp đi đến Bê-tên, lập một bàn thờ cho Ngài.
Genesis 35:2
Sau đó Gia-cốp bảo những người trong nhà mình làm gì?
Gia-cốp bảo họ dẹp bỏ các tượng thần ngoại bang, thanh tẩy chính mình và thay áo quần.
Genesis 35:5
Vì sao khi Gia-cốp và gia đình ông rời đi dân cư các thành chung quanh không đuổi theo họ?
Dân cư các thành chung quanh không đuổi theo họ vì sợ Đức Chúa Trời.
Genesis 35:7
Vì sao Gia-cốp gọi nơi họ đến là "Ên Bê-tên"?
Gia-cốp gọi chỗ đó là "Ên Bê-tên" vì đó là nơi Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài cho Gia-cốp khi Gia-cốp chạy trốn khỏi Ê-sau.
Genesis 35:10
Đức Chúa Trời đặt tên mới cho Gia-cốp là gì?
Đức Chúa Trời đặt tên mới cho Gia-cốp là Y-sơ-ra-ên.
Genesis 35:12
Đức Chúa Trời xác nhận lại với Gia-cốp lời hứa nào?
Đức Chúa Trời xác nhận lại lời hứa rằng Gia-cốp sẽ trở thành nhiều dân tộc, các vua chúa sẽ ra từ dòng dõi ông, vùng đất mà Đức Chúa Trời hứa ban cho Áp-ra-ham và Y-sác sẽ được ban cho ông và dòng dõi ông.
Genesis 35:18
Chuyện gì xảy ra cho Ra-chên khi sinh Bên-gia-min?
Ra-chên qua đời khi sinh Bên-gia-min.
Genesis 35:19
Chuyện gì xảy ra cho Ra-chên khi sinh Bên-gia-min?
Ra-chên qua đời khi sinh Bên-gia-min.
Genesis 35:22
Y-sơ-ra-ên nghe tin Ru-bên đã làm gì?
Y-sơ-ra-ên nghe tin Ru-bên đã ngủ với Bi-la, hầu thiếp của Y-sơ-ra-ên.
Gia-cốp có bao nhiêu con trai?
Gia-cốp có mười hai con trai.
Genesis 35:24
Những con trai nào của Gia-cốp do Ra-chên sinh?
Giô-sép và Bên-gia-min do Ra-chên sinh.
Genesis 35:28
Y-sác sống được bao nhiêu năm?
Y-sác sống được một trăm tám mươi năm.
Genesis 35:29
Ai là người an táng cho Y-sác?
Ê-sau và Gia-cốp an táng cho Y-sác.

Chapter 36
Genesis 36:1
Đây là dòng dõi của Ê-sau (còn gọi là Ê-đôm)
"Đây là dòng dõi của Ê-sau, còn được gọi là Ê-đôm”. Câu này giới thiệu bảng liệt kê dòng dõi của Ê-sau trong Sáng-thế ký 36:1-8. Gợi ý dịch: "Đây là bảng liệt kê dòng dõi của Ê-sau, còn gọi là Ê-đôm”.
A-đa... Ô-hô-li-ba-ma
Đây là tên của Ê-sau.
Ê-lôn, người Hê-tít
"Ê-lôn con cháu của Hê-tít" hoặc "Ê-lôn, con cháu Hê-tít."
Đây là tên của người nam. Xem cách đã dịch ở GEN 26:34.
A-na... Xi-bê-ôn... Nê-ba-giốt
Đây là tên của những người nam.
Người Hê-vít
Chỉ về một nhóm người lớn hơn. Xem cách đã dịch ở GEN 10:17.
Bách-mát
Đây là tên một trong những người vợ của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở GEN 26:34.
Nê-ba-giốt
Đây là tên một trong những con trai của Ích-ma-ên. Xem cách đã dịch ở GEN 28:9.
Genesis 36:4
A-đa... Bách-mát... Ô-hô-li-ba-ma
Đây là tên những người vợ của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:2-3]
Ê-li-pha... Rê-u-ên... Giê-úc... Gia-lam... Cô-ra
Đây là tên của các con trai Ê-sau.
Genesis 36:6
mà ông đã gây dựng tại xứ Ca-na-an
Chỉ về tất cả những thứ mà ông đã tích lũy được khi sống ở xứ Ca-na-an. Gợi ý dịch: "mà ông đã tích lũy được khi sống ở xứ Ca-na-an"
đi vào một xứ
Có nghĩa là di chuyển đến một nơi khác và sống ở đó. Gợi ý dịch: "đi đến sống ở một xứ khác"
Tài sản của họ
"tài sản của Ê-sau và Gia-cốp"
Không thể cung ứng nhu cầu của họ vì bầy gia súc của họ
Vùng đất không đủ lớn để chu cấp cho hết thảy gia súc của Gia-cốp và Ê-sau. Gợi ý dịch: "không đủ lớn để chu cấp cho hết thảy gia súc của họ" hoặc "không đủ lớn cho cả bầy gia súc của Ê-sau và bầy gia súc của Gia-cốp"
Nơi mà họ cư ngụ
Từ “cư ngụ” có nghĩa là chuyển đến một nơi nào đó và sống tại đó. Gợi ý dịch: "nơi họ đã chuyển đến"
Genesis 36:9
Đây là dòng dõi của Ê-sau

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu này giới thiệu danh sách dòng dõi của Ê-sau ở Sáng Thế Ký 36:9-43. Gợi ý dịch: "Đây là danh sách dòng dõi của Ê-sau"

ở miền đồi núi Sê-i-rơ

Điều này có nghĩa là họ sống ở miền đồi núi Sê-i-rơ. Có thể nói rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: "sống ở miền đồi núi Sê-i-rơ"

Ê-li-pha ... Rê-u-ên

Đây là tên của các con trai Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:4]

A-đa ... Bách-mát

Đây là tên những người vợ của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:2-3]

Thê-ma, Ô-ma, Xê-phô, Ga-tham và Kê-na ... A-ma-léc

Đây là tên các con trai của Ê-li-pha.

Thim-na

Đây là tên vợ lẽ của Ê-li-pha .

Genesis 36:13

Rê-u-ên... Giê-úc, Gia-lam và Cô-ra

Đây là tên các con trai của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:4-5]

Na-hát... Xê-rách... Sam-ma... Mích-xa

Đây là tên các con trai của Rê-u-ên.

A-na ... Xi-bê-ôn

Đây là tên của những người nam.

Bách-mát ... Ô-hô-li-ba-ma

Đây là tên những người vợ của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở GEN 36:2-3.

Genesis 36:15

Ê-li-pha

Đây là tên của một trong các con trai Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:4]

Thê-man, Ô-ma, Xê-phô, Kê-na, Cô-ra, Gia-tham và A-ma-léc

Đây là tên các con trai của Ê-li-pha.

A-đa

Đây là tên một trong những người vợ của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở GEN 36:2-3.

Genesis 36:17

Rê-u-ên... Giê-úc, Gia-lam, Cô-ra

Đây là tên các con trai của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:4-5]

Na-hát, Xê-rách, Sam-ma, Mích-xa

Đây là tên các con trai của Rê-u-ên. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:13]

tại xứ Ê-đôm

Có nghĩa là họ sống ở xứ Ê-đôm. Gợi ý dịch: "sống ở xứ Ê-đôm"

Bách-mát ... Ô-hô-li-ba-ma

Đây là tên những người vợ của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:2-3]

A-na

Đây là tên của người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:2]

Genesis 36:20

Sê-i-rơ

“Sê-i-rơ” là tên của một người và một nước.

người Hô-rít

“Hô-rít” chỉ về một nhóm dân. Xem cách đã dịch ở GEN 14:6.

Người bản địa

"người sống ở xứ Sê-i-rơ, cũng được gọi là Ê-đôm"

Lô-than, Sô-banh, Xi-bê-ôn, A-na, Đi-sôn, Ét-xe, Đi-san, ... Hô-ri và Hê-man

Đây là tên của những người nam.

Thim-na

Đây là tên của một người nữ.

Genesis 36:23

Sô-banh... Xi-bê-ôn

Đây là tên của những người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:20]

Anh-van, Ma-na-hát, Ê-banh, Sê-phô, Ô-nam... Ai-gia và A-na

Đây là tên của những người nam.

Genesis 36:25

A-na... Đi-sôn... Ét-xe... Đi-san

Đây là tên của những người nam. Xem cách đã dich ở GEN 36:20-21.

Ô-hô-li-ba-ma

Đây là tên của một người nữ.

Hem-đan, Ếch-ban, Dít-ran và Kê-ran... Binh-han, Xa-van và A-can... Út-xơ và A-ran

Đây là tên của những người nam.

Genesis 36:29

Người Hô-rít

Đây là tên của một nhóm dân. Xem cách đã dịch ở [GEN 14:6]

Lô-than, Sô-banh, Xi-bê-ôn và A-na, Đi-sôn, Ét-xe và Đi-san

Đây là tên của những người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:20-21]

trong đất Sê-i-rơ

Nghĩa là họ sống trong xứ Sê-i-rơ. Gợi ý dịch: "của những người sống trong xứ Sê-i-rơ"

Genesis 36:31

Bê-la... Bê-ô... Giô-báp... Xê-rách

Đây là tên của những người nam.

tên thành của vua

Tức là đây là thành mà vua ở. Gợi ý dịch: "tên của thành phố nơi vua ở"

Đin-ha-ba... Bốt-ra

Đây là những địa danh.

Genesis 36:34

Giô-báp

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:33]

Hu-sam... Ha-đát... Bê-đát... Sam-la

Đây là tên của những người nam.

Hu-sam, người xứ Thê-man

Có nghĩa là Hu-sam sống ở xứ Thê-man. Gợi ý dịch: "Hu-sam sống ở xứ Thê-man"

A-vít... Ma-rê-ca

Đây là các địa danh.

Người Thê-man

"dòng dõi của Thê-man"

tên thành của vua

Tức là đây là thành mà vua ở. Gợi ý dịch: "tên của thành phố nơi vua ở"

Sam-la, người Ma-rê-ca

"Sam-la, từ Ma-rê-ca"

Genesis 36:37

Sam-la

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

36:36]

Sau đó Sau-lơ, người Rê-hô-bốt, ở trên mé sông, lên kế vị

Sau-lơ sống ở Rê-hô-bốt. Rê-hô-bốt nằm bên bờ sông Ơ-phơ-rát. Có thể làm rõ thông tin này. Gợi ý dịch: "sau đó Sau-lơ lên cai trị. Ông xuất thân từ Rê-hô-bốt, bên bờ sông Ơ-phơ-rát"

Sau-lơ ... Ba-anh Ha-nan ... Ạc-bồ ... Ha-đa ... Mát-rết ... Mê-xa-háp

Đây là tên của những người nam.

Rê-hô-bốt... Ba-u

Đây là những địa danh.

Tên thành của vua

Tức là đây là thành mà vua ở. Gợi ý dịch: "tên của thành phố nơi vua ở"

con gái của Mát-rết, cháu ngoại Mê-xa-háp

Có thể thêm vào thông tin bị thiếu. Gợi ý dịch: "cô là con cái của Mát-rết, và cháu của Mê-xa-háp"

Mê-hê-ta-bê-ên

Đây là tên của một người nữ.

Genesis 36:40

các trưởng gia tộc

"các lãnh đạo của gia tộc"

theo gia tộc, địa hạt và tên của họ

Gia tộc và địa hạt được gọi theo tên của người lãnh đạo gia tộc. Xem bản UDB để biết cách dịch rõ nghĩa hơn. Gợi ý dịch: "tên của gia tộc và địa hạt nơi họ sinh sống được gọi theo tên của họ. Đây là tên của họ."

Thim-na, Anh-va, Giê-hết, Ô-hô-li-ba-ma, Ê-la, Phi-nôn, Kê-na, Thê-man, Míp-xa, Mác-đi-ên và Y-ram

Đây là tên của các nhóm dân.

Nơi ở

"nơi cư ngụ" hoặc "nơi họ sống"

Đây là Ê-sau

Danh sách này được nói là của Ê-sau có nghĩa là đó là toàn bộ danh sách dòng dõi của Ê-sau. Gợi ý dịch: "Đây là danh sách dòng dõi của Ê-sau"

Translation Questions

Genesis 36:1

Dòng dõi của Ê-sau còn được gọi là gì?

Dòng dõi của Ê-sau còn được gọi là Ê-đôm.

Genesis 36:2

Ê-sau cưới vợ ở đâu?

Ê-sau cưới vợ từ trong dân Ca-na-an.

Genesis 36:6

Vì sao Ê-sau đi khỏi Gia-cốp em mình?

Ê-sau đi khỏi Gia-cốp em mình vì vùng đất không đủ cho cả hai người họ, tài sản của họ quá nhiều.

Genesis 36:7

Vì sao Ê-sau đi khỏi Gia-cốp em mình?

Ê-sau đi khỏi Gia-cốp em mình vì vùng đất không đủ cho cả hai người họ, tài sản của họ quá nhiều.

Genesis 36:8

Ê-sau cư ngụ tại đâu?

Ê-sau cư ngụ trong vùng đồi núi Sê-i-rơ.

Genesis 36:12

Tên của con trai Thim-na, hầu thiếp của Ê-li-pha, con trưởng nam của Ê-sau là gì?

Tên của con trai Thim-na là A-ma-léc.

Genesis 36:20

Ai là tổ phụ của cư dân trong xứ mà Ê-đôm cư ngụ?

Sê-i-rơ, người Hô-rít là tổ phụ của cư dân trong xứ mà Ê-đôm cư ngụ.

Genesis 36:31

Dân Ê-đôm có gì trước dân Y-sơ-ra-ên?

Dân Ê-đôm có vua trước khi có bất kì vị vua nào cai trị dân Y-sơ-ra-ên.

Genesis 36:43

Ai là tổ phụ của dân Ê-đôm?

Ê-sau là tổ phụ của dân Ê-đôm.

Chapter 37

Genesis 37:1

xứ mà cha của ông đã tạm cư, tức là tại đất Ca-na-an

"tại đất Ca-na-an nơi cha ông sinh sống"

Đây là câu chuyện về Gia-cốp

Câu này giới thiệu danh sách liệt kê con cháu của Gia-cốp ở Sáng Thế Ký 37:1-50:26. “Gia-cốp” ở đây chỉ về toàn bộ gia đình của ông. Gợi ý dịch: "Đây là danh sách liệt kê gia đình của Gia-cốp"

Mười bảy tuổi

"17 tuổi"

Bi-la

Đây là tên người hầu gái của Bi-la. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:29]

Xinh-ba

Đây là tên người hầu gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:24]

Vợ

"vợ lẽ" (UDB). Những người nữ này là người hầu của Lê-a và Ra-chên đã giao cho Gia-cốp để sinh con.

mách lại những chuyện không hay của họ

"mách lại những chuyện không hay của các anh mình"

Genesis 37:3

Bấy giờ

Câu này được dùng để đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về Y-sơ-ra-ên và Giô-sép.

Thương yêu

Chỉ về tình yêu thương huynh đệ hay tình yêu dành cho một người bạn, một thành viên gia đình. Đây là tình yêu tự nhiên của con người giữa những người bạn hay họ hàng bà con.

Cao tuổi

Có nghĩa là Giô-sép được sinh ra khi Y-sơ-ra-ên là một người cao tuổi. Gợi ý dịch: "người được sinh ra khi Y-sơ-ra-ên đã cao tuổi"

Ông may cho cậu

"Y-sơ-ra-ên làm cho Giô-sép"

Một chiếc áo đẹp

"một chiếc áo choàng rất đẹp"

Không nói lời thân thiết với cậu được

"không thể nói năng tử tế với cậu được"

Genesis 37:5

Giô-sép mơ một giấc mơ và kể cho các anh về việc đó. Họ càng ghét cậu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hơn.

Đây là câu tóm tắt các sự kiện trong 37:6-11.

Họ càng ghét cậu hơn.

"Và các anh của Giô-sép càng ghét cậu hơn trước"

Xin nghe em kể giấc mộng mà em đã mơ

"Xin nghe em kể giấc mộng mà em đã thấy" (UDB)

Genesis 37:7

Thông Tin Tổng Quát:

Giô-sép kể cho các anh nghe về giấc mơ của mình.

Nầy

Từ “nầy” hướng sự chú ý đến thông tin gây ngạc nhiên theo sau.

Chúng ta

Từ “chúng ta” chỉ về Giô-sép và tất cả các anh của cậu.

Đang bó những bó lúa

Khi lúa chín, chúng được bó lại thành từng bó và xếp chồng lên nhau cho đến lúc tách hạt ra khỏi cọng rơm.

Và nầy

Từ “nầy” ở đây cho thấy Giô-sép ngạc nhiên vì điều cậu nhìn thấy.

bó lúa của em vươn dậy, đứng thẳng lên ... còn những bó lúa của các anh đều tụ họp chung quanh và cúi rạp xuống

Những bó lúa ở đây đứng và quỳ như thể chúng là con người. Những bó lúa này tượng trưng cho Giô-sép và các anh.

Mầy sẽ cai trị chúng ta sao? Mầy sẽ thống trị chúng ta thật sao?

Cả hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau. Các anh của Giô-sép dùng những câu hỏi này để nhạo báng Giô-sép. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Mầy sẽ chẳng bao giờ là vua của chúng ta, và chúng ta sẽ chẳng bao giờ quỳ xuống trước mầy!"

Cai trị chúng ta

Từ “chúng ta” chỉ về các anh của Giô-sép chứ không bao gồm Giô-sép.

vì giấc mộng và những lời cậu nói

"vì những giấc mơ và lời cậu nói"

Genesis 37:9

Cậu mơ một giấc mơ khác

"Giô-sép có một giấc mơ khác"

mười một ngôi sao

"11 ngôi sao"

cha cậu quở trách cậu. Ông nói với cậu rằng

"Y-sơ-ra-ên quở trách cậu rằng"

Con đã mơ giấc mơ gì vậy? Mẹ con ... sẽ quỳ xuống trước con sao?

Y-sơ-ra-ên dùng câu hỏi để quở trách Giô-sép. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Giấc mơ của con không có thật. Mẹ con, các anh con và cha sẽ không quỳ xuống trước con!"

Ganh ghét

Có nghĩa là tức giận vì ai đó thành công hay nổi tiếng hơn.

Giữ trong đầu

Nghĩa là cứ nghĩ về ý nghĩa giấc mơ của Giô-sép. Gợi ý dịch: "cứ nghĩ xem ý nghĩa của giấc mơ có thể là gì"

Genesis 37:12

Các anh con đang chăn bầy tại Si-chem phải không?

Y-sơ-ra-ên dùng một câu hỏi để bắt đầu cuộc trò chuyện. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Các anh con đang chăn bầy tại Si-chem."

Nào

Ở đây ngụ ý rằng Y-sơ-ra-ên đang bảo Giô-sép chuẩn bị sẵn sàng để đi gặp các anh. Gợi ý dịch: "Hãy chuẩn bị sẵn sàng"

Có con đây

Giô-sép đã sẵn sàng lên đường. "Con đã sẵn sàng lên đường"

Ông bảo với cậu

"Y-sơ-ra-ên nói cùng Giô-sép"

Báo cho cha biết

Y-sơ-ra-ên muốn Giô-sép trở về và cho ông biết tình hình về các anh của cậu cùng bầy gia súc.

Gợi ý dịch: "đến báo cho ta biết con có được tin gì” hoặc “báo lại cho cha”

Từ trũng

"từ thung lũng"

Genesis 37:15

Có một người gặp Giô-sép. Kìa, Giô-sép đang đi lạc trong đồng ruộng

"có một người gặp Giô-sép đang đi lạc trong đồng ruộng"

Kìa

Từ này đánh dấu bắt đầu một sự kiện khác trong mạch chuyện lớn, có thể có những nhân vật khác với sự kiện phía trước. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để biểu đạt điều này.

Cậu tìm gì vậy?

"Cậu đang đi tìm gì vậy?"

Xin vui lòng chỉ giúp tôi ... ở đâu

"Xin chỉ giúp tôi ... ở đâu"

chăn bầy

"dẫn bầy"

Đô-than

Đây là một địa danh cách Si-chem khoảng 22 km.

Genesis 37:18

Họ thấy cậu từ đằng xa

"Các anh của Giô-sép thấy câu khi cậu còn ở đằng xa"

Họ đã lập mưu để giết cậu

"họ lên kế hoạch giết cậu"

Thằng nằm mộng đang đến kìa

"thằng nằm mộng đến rồi kìa"

Bây giờ, nào

Cụm từ này thể hiện các anh đang hành động theo kế hoạch của mình. Gợi ý dịch: "Vậy nên bây giờ"

Thú hoang

"thú nguy hiểm” hoặc “thú dữ”

Xé xác

Hăm hở ăn thịt

Chúng ta sẽ xem các giấc mơ của nó ra sao?

Các anh lên kế hoạch để giết cậu, vì thế thật mỉa mai khi họ nói giấc mơ của cậu thành hiện thực, vì cậu sẽ chết. Gợi ý dịch: "Do đó chúng ta sẽ đảm bảo những giấc mơ của nó không thành hiện thực".

Genesis 37:21

Nghe điều đó

"nghe điều họ đang nói"

khỏi tay họ

Cụm từ “tay họ” chỉ về kế hoạch muốn giết Giô-sép của các anh. Gợi ý dịch: "khỏi họ" hoặc "khỏi kế hoạch của họ"

Chúng ta đừng lấy mạng nó

Cụm từ “lấy mạng nó” là lối chuyển ngữ nói về việc giết người. Gợi ý dịch: "Chúng ta đừng giết Giô-sép"

chớ gây đổ máu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể thể hiện ý phủ định ở động từ. Đồng thời, "đổ máu" là lối chuyển ngữ nói về việc giết người. Gợi ý dịch: "Đừng làm đổ máu" hoặc "Đừng giết nó"

đừng tra tay trên nó

Nghĩa là đừng lạm hại hay đừng làm nó bị thương. Gợi ý dịch: "đừng hại nó"

Để người có thể giải cứu cậu

Có thể dịch thành một câu mới: "Ru-bên nói vậy để anh có thể cứu Giô-sép"

Khỏi tay họ

Cụm từ “tay họ” chỉ về kế hoạch giết Giô-sép của các anh. Gợi ý dịch: "khỏi họ" hoặc "khỏi kế hoạch của họ"

Để đem cậu về

"và trả cậu về"

Genesis 37:23

Xảy khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Họ lột chiếc áo đẹp của cậu

"họ xé toạc chiếc áo đẹp của cậu"

Chiếc áo đẹp

"chiếc áo choàng đẹp". Xem cách đã dịch ở GEN 37:3.

Genesis 37:25

Họ ngồi xuống ăn bánh

"Bánh" là phép hoán dụ chỉ chung cho “thức ăn”. Gợi ý dịch: "Họ ngội xuống ăn" hoặc "cá anh của Giô-sép ngồi xuống ăn"

Họ ngước mắt lên nhìn, và kìa, một đoàn lái buôn

Việc nhìn lên ở đây được nói thể một người thật sự ngước mắt lên theo nghĩa đen. Từ “kìa’ được dùng ở đây để hướng sự chú ý của người đọc đến điều họ nhìn thấy. Gợi ý dịch: “Họ nhìn lên và đột nhiên thấy một đoàn lái buôn”

Mang

"chở"

Hương liệu

"gia vị"

Dầu thơm

Một loại dầu có hương thơm được dùng để chữa bệnh và bảo vệ làn da. “thuốc”

đưa chúng xuống Ai-cập

“Đem chúng xuống Ai-cập”. Có thể làm rõ ý này. Gợi ý dịch: “đem chúng xuống Ai-cập để bán” (

Nếu chúng ta giết em mình rồi giấu máu nó đi thì được lợi gì?

Có thể dich thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúng ta chẳng được lợi gì khi giết em trai chúng ta rồi giấu máu nó đi"

giấu máu nó đi

Đây là phép tu từ chỉ về việc che giấu cái chết của Giô-sép. Gợi ý dịch: "che giấu tội đã giết nó"

Genesis 37:27

Cho người Ích-ma-ên

"cho những người thuộc dòng dõi của Ích-ma-ên" (UDB)

Đừng tra tay mình trên nó

Nghĩa là đừng lạm hại hay đừng làm nó bị thương. Gợi ý dịch: "đừng hại nó"

nó là em, là cốt nhục của chúng ta

Từ “cốt nhục” là phép hóan dụ chỉ về người thân. Gợi ý dịch: "nó là người thân ruột thịt với chúng ta" (Xem:).

Các anh người nghe người

“Các anh em của Giu-đa nghe theo người” hoặc “Các anh em của Giu-đa đồng ý với người”

Mi-đi-an... Ích-ma-ên

Cả hai tên gọi này đều chỉ chung về một nhóm lái buôn mà các anh Giô-sép gặp.

Với hai mươi miếng bạc

"Với giá 20 miếng bạc"

Đưa Giô-sép vào Ai Cập

"đem Giô-sép vào Ai Cập" (UDB)

Genesis 37:29

Ru-bên trở lại hố, và kìa, Giô-sép không có ở đó

“Ru-bên trở lại chỗ cái hố, và ngạc nhiên khi thấy Giô-sép không có ở đó”. Từ “kìa” ở đây cho thấy Ru-bên kinh ngạc khi thấy Giô-sép đã biến mất.

Ông xé áo mình

Đây là hành động thể hiện nỗi đau buồn hay thương tiếc sâu sắc. Có thể dịch rõ hơn. Gợi ý dịch: "Ông đau lòng đến nỗi xé áo mình"

Thằng bé đâu rồi? Còn tôi, tôi sẽ đi đâu bây giờ?

Ru-bên dùng những câu hỏi để nhấn mạnh việc Giô-sép biến mất. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: ‘Thằng bé đã không còn nữa! Bây giờ tôi không thể nào mà trở về nhà được”

Genesis 37:31

Áo của Giô-sép

Chỉ về chiếc áo đẹp mà cha đã may cho cậu.

Máu

"máu dê"

Họ đem nó

"họ đem chiếc áo"

Đã xé xác nó

"đã ăn thịt nó"

Giô-sép chắc chắn đã bị xé ra từng mảnh rồi

Gia-cốp nghĩ rằng một con thú hoang đã xé xác Giô-sép. Gợi ý dịch: "Chắc chắn nó đã xé xác Giô-sép ra từng mảnh rồi"

Genesis 37:34

Gia-cốp xé áo mình

Đây là hành động thể hiện nỗi đau buồn hay thương tiếc sâu sắc. Có thể dịch rõ hơn. Gợi ý dịch: "Gia-cốp đau lòng đến nỗi xé áo mình"

Lấy vải thô quấn ngang lưng

Ở đây, “lưng” chỉ về phần giữa của cơ thể hay còn gọi là phần eo. Gợi ý dịch: “mặc bao gai”

Chổi dậy

Việc những người con đi đến cùng cha họ được mô tả là họ “chổi dậy”. Gợi ý dịch: "đến cùng ông"

Nhưng ông không muốn được an ủi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nhưng ông không chịu để họ an ủi mình"

Thật ta sẽ cứ than khóc mà xuống âm phủ

Nghĩa là ông sẽ than khóc từ lúc đó cho đến khi qua đời. Gợi ý dịch: "Thật khi ta chết và xuống âm phủ ta vẫn còn than khóc"

Người Ma-đi-an bán cậu

"Người Ma-đi-an bán Giô-sép"

Quan chỉ huy vệ binh

"người chỉ huy lính cận vệ của vua"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Genesis 37:1

Gia-cốp định cư ở đâu?

Gia-cốp định cư tại xứ Ca-na-an.

Genesis 37:2

Giô-sép thưa với Gia-cốp cha mình điều gì khi chăn chiên với các anh?

Giô-sép thưa với cha chuyện không hay của các anh.

Genesis 37:3

Y-sơ-ra-ên thể hiện ông yêu Giô-sép hơn những con trai khác như thế nào?

Y-sơ-ra-ên may cho Giô-sép một cái áo choàng dài sang trọng.

Genesis 37:4

Các anh của Giô-sép nghĩ thế nào về Giô-sép?

Các anh của Giô-sép ghét Giô-sép và không nói năng tử tế với cậu.

Genesis 37:7

Giô-sép nhìn thấy gì trong giấc mơ đầu tiên?

Giô-sép nhìn thấy bó lúa của mình đứng dựng lên, còn bó lúa của các anh đều sấp mình xuống trước bó lúa của cậu.

Genesis 37:8

Các anh của Giô-sép nghĩ thế nào về Giô-sép sau khi cậu kể cho họ nghe về giấc mơ thứ nhất của mình?

Các anh của Giô-sép càng ghét cậu hơn nữa.

Genesis 37:9

Giô-sép nhìn thấy gì trong giấc mơ thứ hai?

Giô-sép nhìn thấy mặt trời, mặt trăng và mười một ngôi sao sấp mình xuống trước mặt mình.

Genesis 37:10

Trong giấc mơ thứ hai của Giô-sép, mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao tượng trưng cho điều gì?

Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao tượng trưng cho cha, mẹ và các anh em của Giô-sép.

Genesis 37:14

Gia-cốp sai Giô-sép đi ra thung lũng Hếp-rôn để làm gì?

Gia-cốp sai Giô-sép đi ra thung lũng Hếp-rôn để xem các anh ra sao rồi báo tin cho cha.

Genesis 37:20

Các anh của Giô-sép lên kế hoạch làm gì khi họ thấy Giô-sép đi tới?

Các anh của Giô-sép lên kế hoạch giết Giô-sép rồi ném xuống một cái hố nào đó.

Genesis 37:22

Ru-bên đưa ra gợi ý gì cho các em và vì sao?

Ru-bên gợi ý cho các em chỉ ném Giô-sép xuống hố để sau đó anh có thể cứu Giô-sép lên.

Genesis 37:28

Các anh của Giô-sép bán Giô-sép cho ai và với giá bao nhiêu?

Các anh của Giô-sép bán Giô-sép cho người Ích-ma-ên với hai mươi miếng bạc

Giô-sép được đưa đến đâu?

Giô-sép được đưa đến Ai Cập.

Genesis 37:31

Các anh Giô-sép làm thế nào để vờ như Giô-sép đã chết?

Các anh Giô-sép giết một con dê, đem áo của Giô-sép nhúng vào trong máu rồi đưa cho Gia-cốp.

Genesis 37:32

Các anh Giô-sép làm thế nào để vờ như Giô-sép đã chết?

Các anh Giô-sép giết một con dê, đem áo của Giô-sép nhúng vào trong máu rồi đưa cho Gia-cốp.

Genesis 37:34

Gia-cốp làm gì sau khi ông nhận định Giô-sép đã chết?

Gia-cốp xé quần áo, mặc bao gai và để tang cho con trong nhiều ngày.

Genesis 37:36

Giô-sép bị bán cho ai ở Ai Cập?

Giô-sép bị bán cho Phô-ti-pha, quan thị vệ của Pha-ra-ôn, ở Ai Cập.

Chapter 38

Genesis 38:1

Xảy khi Giu-đa

Câu này giới thiệu một phần mới của câu chuyện, tập trung vào Giu-đa.

một người A-đu-lam tên là Hi-ra

Hi-ra là tên của một người sống ở A-đu-lam. A-đu-lam là quốc tịch của người đó.

Tên là Su-a

Su-a là người nữ Ca-na-an kết hôn với Giu-đa.

Genesis 38:3

Nàng mang thai

"Vợ Giu-đa mang thai"

Nó được đặt tên là Ê-rơ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Cha nó đặt tên là Ê-rơ"

Ê-rơ... Ô-nan... Sê-la

Đây là tên các con trai của Giu-đa.

Gọi nó

"đặt tên cho nó"

Kê-xíp

Đây là một địa danh.

Genesis 38:6

E-rơ

Đây là tên một trong các con trai của Giu-đa. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:3]

gian ác dưới cái nhìn của Đức Giê-hô-va

Cụm từ “dưới cái nhìn” chỉ về Đức Giê-hô-va nhìn thấy sự gian ác của Ê-rơ. Gợi ý dịch: "là gian ác và Đức Giê-hô-va nhìn thấy điều đó"

Đức Giê-hô-va giết người đi

Đức Giê-hô-va giết người vì người gian ác. Có thể nõi rõ điều này. Gợi ý dịch: "Vì thế Đức Giê-hô-va giết người đi"

Genesis 38:8

Ô-nan

Đây là tên của một trong các con trai Giu-đa. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:4]

Hãy làm bổn phận của người em chồng

Em chồng

Gian ác dưới cái nhìn của Đức Giê-hô-va

Cụm từ “dưới cái nhìn” chỉ về việc Đức Giê-hô-va nhìn thấy sự gian ác của Ô-nan. Gợi ý dịch: "gian ác và Đức Giê-hô-va nhìn thấy điều đó"

Đức Giê-hô-va cũng giết người

Đức Giê-hô-va giết người vì việc người làm là gian ác. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "Vì thế Đức Giê-hô-va cũng giết người"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 38:11

Con dâu ông

Dâu

bên nhà cha con

Nghĩa là cô ở nhà cha của mình. Gợi ý dịch: "và ở bên nhà cha con"

cho đến khi Sê-la, con trai cha, khôn lớn

Giu-đa định cho Ta-ma cưới Sê-la khi cậu khôn lớn. Gợi ý dịch: "và khi Sê-la, con trai ta khôn lớn thì có thể cưới con"

Sê-la

Đây là tên một trong các con trai của Giu-đa. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:5]

Vì e rằng “Nó cũng chết như các anh nó

Giu-đa sợ rằng nếu Sê-la cưới Ta-ma thì cậu cũng sẽ chết như các anh. Gợi ý dịch: "Vì ông sợ rằng “Nếu nó cưới người thì có thể cũng sẽ chết như các anh của nó”

Genesis 38:12

Của Su-a

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:2]

Giu-đa đã nguôi ngoai

"Khi Giu-đã đã không còn đau buồn nữa thì ông"

những người thợ hớt lông cho chiên của ông ở Thim-na

"Thim-na, nơi những người của ông đang hớt lông chiên"

Thim-na... Ê-na-im

Đây là các địa danh.

Ông cùng bạn là Hi-ra người A-đu-lam

"Bạn ông là Hi-ram, từ A-đu-lam đi với ông" (UDB)

Hi-ra người A-đu-lam

"Hi-ra" là tên người, và “A-đu-lam” là tên thành người đó sinh sống. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:1]

Ta-ma được báo

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Có người nói cho Ta-ma"

Nầy, cha chồng của chị

Chồng

Cha chồng của chị

Chồng

Cho sự góa bụa của nàng

"những góa phụ mặc"

Mạng

Một loại vật liệu mỏng được dùng để che đầu và mặt của người phụ nữ.

Và quấn mình

Nghĩa là cô dấu mình trong bộ trang phục để người ta không nhận ra. Theo truyền thống, từng phần của bộ trang phục của người phụ nữ là những miếng vải lớn họ dùng để quấn vào người. Gợi ý dịch: "và quấn mình trong trang phục của mình để người ta không nhận ra cô"

Trên đường

"dọc con đường" hoặc "trên con đường"

Nàng vẫn chưa được gả làm vợ chàng

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Giu-đa vẫn không gã nàng cho Sê-la làm vợ"

Genesis 38:15

vì nàng đã che mặt

Giu-đa không nghĩ cô ấy là kỹ nữ chỉ vì cô che mặt mà còn vì cô ngồi ở tại cổng thành. Gợi ý dịch: "vì cô đã che đầu và ngồi tại nơi các kỹ nữ thường ngồi"

Ông đi đến chỗ nàng bên lề đường

Ta-ma đang ngồi bên đường. Gợi ý dịch: "Ông đi đến chỗ nàng đang ngồi bên đường"

Đến

"Đến với tôi" hoặc "Đến lúc này"

Khi Giu-đa nhìn thấy nàng

"Khi Giu-đa nhìn thấy Ta-ma"

Con dâu mình

Dâu

Genesis 38:17

Từ trong bầy

"từ trong bầy dê của tôi"

Con dấu với sợi dây ... cây gậy

“Con dấu” tương tự như một đồng xu có một hình hiệu được khắc trên đó, được dùng để đóng vào sắp ong tan chảy. “Sợi dây” được buộc qua con dấu để người chủ có thể mang nó quanh cổ mình. Cây gậy là một cây gỗ dài giúp đi qua vùng gồ ghề.

Nàng có thai với ông

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ông làm cho nàng có thai"

Genesis 38:19

Mạng che mặt

Một loại vật liệu mỏng được dùng để che đầu và mặt của người phụ nữ. Xem cách đã dịch ở GEN 38:14.

quần áo góa phụ

"quần áo mà người góa phụ mặc". Xem cách đã dịch ở GEN 38:14.

Từ trong bầy

"từ trong bầy của ông"

A-đu-lam

"A-du-lam" là tên thành Hi-ram sinh sống. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:1]

Nhận lấy thứ làm tin

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "lấy lại thứ làm tin"

từ tay người đàn bà

Từ “tay” ở đây nhấn mạnh nàng đang giữ chúng. Tay người đàn bà chỉ về chính người đàn bà.
Gợi ý dịch: "từ người đàn bà"

Genesis 38:21

A-đu-lam

"A-đu-lam" là tên thành mà Hi-ram sinh sống. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:1]

dân địa phương

"một số người sống ở đó"

Người kỹ nữ phục vụ lễ nghi

"Người kỹ nữ phục vụ trong đền thờ"

Ê-na-im

Đây là địa danh. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:14]

Chúng ta không bị mang nhục

Khi người ta phát hiện điều đã xảy ra thì họ sẽ nhạo báng và xem thường ông. Có thể dịch ở dạng chủ động và làm rõ ý này. Gợi ý dịch: "nếu không người ta sẽ cười nhạo chúng ta khi phát hiện chuyện đã xảy ra"

Genesis 38:24

Xảy khi

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người ta báo cho Giu-đa
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "có người báo cho Giu-đa"
Ta-ma con dâu ông
Dâu
Bởi đó mà có thai
Từ “đó” ở đây chỉ về “tội bán dâm” mà cô đã phạm. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "điều đó khiến nó có thai" hoặc "nó có thai"
Đem nó đến đây
"Đem nó ra"
Để nó bị thiêu sống
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúng ta sẽ thiêu chết nó"
Khi nàng bị đem ra
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Khi họ đem nàng ra"
Cha chồng
Chồng
con dấu với sợi dây và cây gậy
“Con dấu” tương tự như một đồng xu có một hình hiệu được khắc trên đó, được dùng để đóng vào sắp ong tan chảy. “Sợi dây” được buộc qua con dấu để người chủ có thể mang nó quanh cổ mình. Cây gậy là một cây gỗ dài giúp đi qua vùng gồ ghề. Xem cách đã dịch ở GEN 38:18.
Sê-la
Đây là tên một trong những con trai của Giu-đa. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:5]
Genesis 38:27
Xảy khi
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.
Nầy
Từ “nầy” hướng chúng ta đến thông tin đầy ngạc nhiên rằng Ta-ma mang thai đôi mà trước đó chưa được biết.
Xảy khi nàng sinh con
Cụm từ “xảy khi” đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Một đứa đưa tay ra
"một trong hai đứa bé đưa tay ra"
Bà mụ
Đây là người giúp đỡ người phụ nữ khi sinh em bé. Xem cách đã dịch ở GEN 35:17.
sợi chỉ điều
"sợi chỉ đỏ tươi"
Vào tay nó
"quanh cổ tay nó"
Genesis 38:29
Xảy khi
Cụm từ này đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Nầy
Từ “nầy” hướng sự chú ý đến thông tin gây ngạc nhiên theo sau.
Mầy đã xé rào!
Câu này cho thấy bà mụ ngạc nhiên khi thấy đứa bé thứ hai chui ra trước. Gợi ý dịch: "Vậy ra mày chui ra trước thế này đây!" hoặc "Mày chui ra trước à!"
nó được đặt tên
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nàng đặt tên nó"
Phê-rết
Đây là tên của bé trai. Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên Phê-rết có nghĩa là ‘xông ra’”.
Xê-rách
Đây là tên của bé trai. Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên Xê-rách có nghĩa là ‘màu điều hoặc đỏ tươi’”.

Translation Questions

Genesis 38:2
Giu-đa cưới vợ ở đâu?
Giu-đa cưới vợ từ trong dân Ca-na-an.
Genesis 38:7
Đức Giê-hô-va làm gì với con trai đầu của Giu-đa là Ê-rơ và vì sao?
Đức Giê-hô-va giết Ê-rơ vì người gian ác.
Genesis 38:9
Ô-nan con trai thứ hai của Giu-đa đã không làm tròn nhiệm vụ em chồng để có con nối dõi cho Ê-rơ như thế nào?
Ô-nan cho xuất tinh rơi xuống đất khi ăn nằm với Ta-ma.
Genesis 38:10
Đức Giê-hô-va làm gì với Ô-nan, con trai thứ hai của Giu-đa và vì sao?
Đức Giê-hô-va giết Ô-nan vì việc cậu làm là xấu.
Genesis 38:11
Sau đó Giu-đa đã hứa gì với Ta-ma?
Giu-đa hứa cho con trai thứ ba của mình là Sê-la làm chồng Ta-ma khi cậu khôn lớn.
Genesis 38:12
Một thời gian dài sau, vì sao Giu-đa cần được an ủi?
Giu-đa được an ủi về việc vợ ông đã mất.
Genesis 38:14
Ta-ma làm gì khi nghe tin Giu-đa đến Thim-na?
Ta-ma cởi bỏ áo góa phụ, lấy mạng che mặt, phủ kín người, rồi đến ngồi bên lối vào Thim-na.
Vì sao Ta-ma làm vậy?
Ta-ma làm vậy vì Sê-la con trai thứ ba của Giu-đa đã khôn lớn mà họ vẫn chưa cho nàng làm vợ chàng.
Genesis 38:18
Ta-ma có được gì làm tín vật đặt cọc trước khi Giu-đa ăn nằm với nàng?
Giu-đa đưa con dấu, sợi dây và cây gậy làm tín vật đặt cọc.
Genesis 38:21
Khi Giu-đa tìm cách lấy lại tín vật của mình bằng cách trả cho người kỵ nữ một con dê con thì ông hay được tin gì?
Giu-đa hay tin rằng không có một kỵ nữ nào trong vùng đó cả.
Genesis 38:24
Giu-đa muốn làm gì khi biết tin Ta-ma có thai?
Giu-đa muốn thiêu sống Ta-ma vì nàng đã làm kỵ nữ và có thai.
Genesis 38:25
Ta-ma làm gì khi bị bắt đến chỗ Giu-đa?
Nàng nói rằng mình đã mang thai bởi chủ nhân của con dấu, sợi dây và cây gậy mà nàng có.
Genesis 38:26
Giu-đa phản ứng thế nào khi nhìn thấy con dấu, sợi dây và cây gậy?
Giu-đa nói rằng Ta-ma đúng hơn ông vì ông đã không cưới

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ta-ma cho Sê-la làm vợ.
Genesis 38:27
Ta-ma sinh mấy người con?
Ta-ma sinh đôi.
Genesis 38:28
Bà mụ làm gì khi một trong hai đứa trẻ sinh đôi của Ta-ma đưa tay ra trước?
Khi một trong hai đứa trẻ sinh đôi của Ta-ma đưa tay ra trước thì bà mụ lấy sợi chỉ đỏ buộc vào tay nó và nói "Đứa nầy ra trước".
Genesis 38:29
Hai anh em do Ta-ma sinh tên là gì?
Hai anh em do Ta-ma sinh tên là Phê-rết và Sê-rách.
Genesis 38:30
Hai anh em do Ta-ma sinh tên là gì?
Hai anh em do Ta-ma sinh tên là Phê-rết và Sê-rách.

Chapter 39
Genesis 39:1
Giô-sép được đem xuống Ai Cập
Đi đến Ai Cập luôn được gọi là “đi xuống” trái ngược với “đi lên” miền đất hứa. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người Ích-ma-ên đưa Giô-sép đến Ai Cập"
Đức Giê-hô-va ở với Giô-sép
Có nghĩa là Đức Giê-hô-va giúp đỡ Giô-sép và luôn ở cùng cậu. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va hướng dẫn Giô-sép và giúp đỡ cậu"
Cậu sống trong nhà
Ở đây tác giả nói việc làm việc trong nhà của chủ như thể đang sống trong nhà của chủ. Chỉ những người đầy tớ đáng tin cậy nhất mới được phép làm việc trong nhà của ông chủ. Gợi ý dịch: "cậu làm việc trong nhà"
Người chủ Ai Cập
Lúc này Giô-sép làm nô lệ cho Phô-ti-pha.
Genesis 39:3
Người chủ thấy rằng Đức Giê-hô-va phù hộ chàng
Nghĩa là người chủ thấy Đức Giê-hô-va đã vùa giúp Giô-sép thể nào. Gợi ý dịch: "Người chủ thấy rằng Đức Giê-hô-va vùa giúp chàng"
Đức Giê-hô-va làm thịnh vượng mọi công việc của chàng
"Đức Giê-hô-va khiến cho mọi việc chàng làm đều được thịnh vượng"
Giô-sép được ơn trước mặt người
“Được ơn” có nghĩa là được ưng thuận bởi ai đó. Cụm từ “trước mặt” chỉ về quan điểm của một người. Có thể mang ý nghĩa là 1) Gợi ý dịch: “Phô-ti-pha hài lòng với Giô-sép” hoặc 2) Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va hài lòng với Giô-sép"
Chàng phục vụ Phô-ti-pha
Ở đây có nghĩa là chàng là đầy tớ riêng của Phô-ti-pha.
Phô-ti-pha đặt Giô-sép cai quản nhà mình cùng mọi tài sản người có
"Phô-ti-pha đặt Giô-sép coi sóc nhà mình cùng mọi vật thuộc về Phô-ti-pha"
Đặt dưới sự coi sóc của chàng
Khi đặt một vật dưới sự coi sóc của ai đó có nghĩa là người đó chịu trách nhiệm chăm sóc và giữ vật đó an toàn. Gợi ý dịch: "Ông sai Giô-sép coi sóc"
Genesis 39:5
Kể từ khi
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu phần tiếp theo của câu chuyện.
Ông đặt Giô-sép cai quản nhà mình cùng mọi tài sản người có
"Phô-ti-pha giao cho Giô-sép chịu trách nhiệm coi sóc nhà cửa và mọi vật thuộc về ông"
Ban phước
“Ban phước” ở đây có nghĩa là khiến những điều tốt lành và ích lợi xảy ra cho người hoặc vật được ban phước.
Phước lành của Đức Giê-hô-va bao phủ
Ở đây tác giả viết ơn phước được Đức Giê-hô-va ban cho như đang bao phủ lên vật gì đó theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ban phước"
Mọi vật Phô-ti-pha có trong nhà cũng như ngoài đồng
Chỉ về nhà cửa, mùa màng và súc vật của ông. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Nhà của Phô-ti-pha cùng hết thảy mùa màng và gia súc"
Phô-ti-pha đặt mọi vật mình có dưới sự coi sóc của Giô-sép
Khi đặt một vật dưới sự coi sóc của ai đó có nghĩa là người đó chịu trách nhiệm chăm sóc và giữ vật đó an toàn. Gợi ý dịch: "Vì thế Phô-ti-pha giao cho Giô-sep chịu trách nhiệm mọi vật ông có"
Ông không cần bận tâm đến bất cứ việc gì ngoài phần thức ăn của mình
Ông không phải lo lắng về bất kì việc gì trong nhà, ông chỉ cần quyết định món ăn của mình mà thôi. Có thể dịch ở thể khẳng định. Gợi ý dịch: "Phô-ti-pha chỉ phải suy nghĩ món mình muốn ăn mà thôi. Ông không phải lo lắng về bất kì việc gì khác trong nhà"
Bấy giờ
Từ “bấy giờ” đánh dầu một quãng ngắt trong mạch truyện, lúc này tác giả đưa ra thông tin bối cảnh về Giô-sép.
Điển trai và tuấn tú
Cả hai từ đều có nghĩa như nhau, chỉ về vẻ bề ngoài được yêu thích của Giô-sép. Có vẻ chàng rất đẹp trai và khỏe mạnh. Gợi ý dịch: "đẹp trai và khỏe mạnh"
Genesis 39:7
Sau các việc ấy
"Và vì thế." Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.
Kìa
"Nghe nầy". Giô-sép dùng từ này để khiến vợ Phô-ti-pha chú ý.
Chủ tôi không bận tâm đến việc tôi làm trong nhà
"chủ tôi không lo lắng gì về việc nhà mà tôi coi sóc". Có thể viết ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "chủ tôi tin cậy tôi về mọi việc trong nhà"
Người đặt mọi thứ người có dưới sự coi sóc của tôi
Khi đặt một vật dưới sự coi sóc của ai đó có nghĩa là người đó chịu trách nhiệm chăm sóc và giữ vật đó an toàn. Gợi ý dịch: "Người đặt tôi phụ trách mọi thứ thuộc về người"
Trong nhà nầy, không có ai lớn hơn tôi
Ở đây tác giả dùng từ lớn muốn nói đến thẩm quyền. Gợi ý dịch: "Trong nhà nầy, tôi có quyền hơn bất kì ai"
Người không giữ lại bất kì thứ gì đối với tôi, chỉ trừ một mình bà
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người cho tôi mọi thứ ngoài trừ một mình bà"
Làm sao tôi có thể làm điều đại ác như thế mà phạm tội với Đức Chúa Trời?
Giô-sép dùng câu hỏi để nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi chắc chắn không thể làm điều gian ác như thế mà phạm tội cùng Đức Chúa Trời".
Genesis 39:10
Bà cứ nói hoài với Giô-sép ngày này qua ngày khác
Nghĩa là bà cứ bảo ông ngủ với bà. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Bà cứ mời gọi Giô-sép ngủ với bà"
ở với bà
"ở gần bà"
Xảy khi
"Và vì thế". Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.
không có một người nhà nào
"Không có người nào khác làm việc trong nhà"
chạy trốn ra ngoài
"và vội chạy ra ngoài" hoặc "và vội chạy ra khỏi nhà"
Genesis 39:13
Xảy khi ... bà gọi
"Sau đó ... bà gọi". Cụm từ “xảy khi” được dùng để đánh dấu sự kiện tiếp theo trong câu chuyện.
và chạy trốn ra ngoài
"và vội chạy ra khỏi nhà"
Người nhà
"người làm việc trong nhà"
Coi kìa
"Nghe nầy". Vợ của Phô-ti-pha dùng từ này để khiến những người đầy tớ chú ý.
Nó đến gần tính ngủ cùng ta
Ở đây, vợ Phô-ti-pha đang buộc tội Giô-sép cố cưỡng bức và nằm cùng mình.
Xảy khi nó nghe ta la lớn thì nó
"Khi nó nghe ta la thì nó". Cụm từ “xảy khi” dùng để đánh dấu sự kiện tiếp theo trong câu chuyện.
Genesis 39:16
Chủ của chàng
"Chủ của Giô-sép". Chỉ về Phô-ti-pha.
Bà nói với ông những lời lẽ như vầy
"Bà giải thích thế này"
Đem về nhà chúng ta
Từ “chúng ta” chỉ về Phô-ti-pha, vợ ông cùng những người còn lại trong nhà.
Đến gần để làm nhục tôi
"đến để đùa cợt với tôi." Ở đây, từ “làm nhục” là phép uyển ngữ để nói “cưỡng ép và ăn nằm”.
Gợi ý dịch: "đến chỗ tôi và cố ép tôi ngủ với nó"
Xảy khi
"Sau đó". Vợ của Phô-ti-pha dùng cụm từ này để đánh dấu sự kiện tiếp theo trong câu chuyện bà đang kể về việc Giô-sép cố ngủ với bà.
Chạy trốn ra ngoài
"vội chạy ra khỏi nhà"
Genesis 39:19
Xảy khi
"Và vì thế." Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.
Chủ của chàng
"Chủ của Giô-sép". Chỉ về Phô-ti-pha. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "Chủ của Giô-sép, Phô-ti-pha"
Nghe lời giải thích của vợ thuật lại
"nghe vợ mình giải thích". Từ “mình” ở đây chỉ về Phô-ti-pha.
Ông rất tức giận
"Phô-ti-pha rất tức giận"
Nơi giam cầm những phạm nhân của vua
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nơi vua giam những tù nhân"
Chàng ở đó
"Giô-sép ở đó"
Genesis 39:21
Nhưng Đức Giê-hô-va ở cùng Giô-sép
Thể hiện Đức Giê-hô-va chăm sóc cho Giô-sép và nhân từ với ông như thế nào. Gợi ý dịch: "Nhưng Đức Giê-hô-va nhân từ với Giô-sép"
Ngài cho chàng được ơn trước mặt cai ngục
Nghĩa là Đức Giê-hô-va khiến người cai ngục ưng thuận với Giô-sép và đối tốt cùng ông. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va khiến người cai ngục hài lòng với Giô-sép"
Cai ngục
"người quản lí ngục" hoặc "người phụ trách nhà tù"
Giao vào tay Giô-sép
Từ “tay” ở đây đại diện cho quyền lực hoặc sự tin tưởng của Giô-sép. Gợi ý dịch: "đặt Giô-sép phụ trách"
Mọi việc họ làm trong tù, Giô-sép đều trông coi
"Giô-sép trông coi mọi việc họ làm trong tù"
Vì Đức Giê-hô-va ở cùng chàng
Thể hiện Đức Giê-hô-va chăm sóc cho Giô-sép và nhân từ với ông như thế nào. Gợi ý dịch: "Vì Đức Giê-hô-va hướng dẫn Giô-sép"
Mọi việc ông làm, Đức Giê-hô-va đều làm cho thịnh vượng
"Đức Giê-hô-va làm cho mọi việc Giô-sép làm đều được thịnh vượng"

Translation Questions

Genesis 39:1
Tại Ai Cập, ai đã mua Giô-sép?
Tại Ai Cập, Phô-ti-pha, quan thị vệ của Pha-ra-ôn đã mua Giô-sép.
Genesis 39:3
Vì sao Giô-sép được thạnh lợi tại Ai Cập?
Giô-sép được thạnh lợi tại Ai Cập vì Đức Giê-hô-va ở với cậu.
Genesis 39:4
Vì sao Giô-sép được thạnh lợi tại Ai Cập?
Giô-sép được thạnh lợi tại Ai Cập vì Đức Giê-hô-va ở với cậu.
Genesis 39:6
Phô-ti-pha đặt Giô-sép coi sóc những gì?
Phô-ti-pha đặt Giô-sép coi sóc mọi thứ.
Genesis 39:7
Vợ của Phô-ti-pha bảo Giô-sép làm gì?
Vợ của Phô-ti-pha bảo Giô-sép nằm với bà.
Genesis 39:8
Giô-sép đáp lại yêu cầu của vợ Phô-ti-pha như thế nào?
Giô-sép từ chối và nói rằng chàng không thể làm điều đại ác như thế mà phạm tội với Đức Chúa Trời.
Genesis 39:9
Giô-sép đáp lại yêu cầu của vợ Phô-ti-pha như thế nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giô-sép từ chối và nói rằng chàng không thể làm điều đại ác như thế mà phạm tội với Đức Chúa Trời.
Genesis 39:12
Giô-sép làm gì khi vợ của Phô-ti-pha nắm áo kéo chàng?
Giô-sép bỏ áo lại trong tay bà và chạy trốn ra ngoài.
Genesis 39:14
Vợ Phô-ti-pha tố cáo Giô-sép thế nào?
Bà buộc tội Giô-sép muốn nằm với bà nhưng bà không chịu.
Genesis 39:15
Vợ Phô-ti-pha tố cáo Giô-sép thế nào?
Bà buộc tội Giô-sép muốn nằm với bà nhưng bà không chịu.
Genesis 39:19
Phô-ti-pha làm gì khi nghe lời buộc tội của Giô-sép?
Phô-ti-pha đùng đùng nổi giận và bắt Giô-sép bỏ vào ngục.
Genesis 39:20
Phô-ti-pha làm gì khi nghe lời buộc tội của Giô-sép?
Phô-ti-pha đùng đùng nổi giận và bắt Giô-sép bỏ vào ngục.
Genesis 39:21
Lúc này, Đức Giê-hô-va bày tỏ điều gì với Giô-sép?
Lúc này, Đức Giê-hô-va bày tỏ sự thành tín theo giao ước với Giô-sép.
Genesis 39:22
Người cai ngục đặt Giô-sép coi sóc điều gì?
Người cai ngục đặt Giô-sép coi sóc tất cả các tù nhân.
Genesis 39:23
Kết quả mọi việc Giô-sép làm như thế nào và vì sao?
Đức Giê-hô-va khiến cho mọi việc chàng làm đều thành công.

Chapter 40
Genesis 40:1
Xảy khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.
Người bưng rượu
Đây là người đem thức uống cho vua.
Người làm bánh cho vua
Chỉ về người làm thức ăn cho vua.
Làm phật lòng chủ mình
"làm chủ mình khó chịu"
quan hầu rượu và quan hầu bánh
"người đứng đầu bọn hầu rượu và người đứng đầu bọn làm bánh"
Vua giam họ trong nhà của viên chỉ huy vệ binh
"Vua giam họ vào ngục, trong nhà được viên chỉ huy vệ binh canh giữ"
Vua giam họ
Vua không bắt giam họ vào ngục nhưng ra lệnh cho họ bị bắt giam. Gợi ý dịch: "Vua ra lệnh giam" hoặc "Vua truyền cho vệ binh giam"
Cùng nhà tù nơi Giô-sép bị giam giữ
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đây cũng là nhà tù Giô-sép đang ở" hoặc "Đây cũng là nhà tù Phô-ti-pha giam Giô-sép"
Genesis 40:4
Họ cứ bị giam giữ một thời gian
"Họ bị bắt giữ trong ngục một thời gian dài"
Genesis 40:6
Giô-sép đến cùng họ
"Giô-sép đến chỗ quan hầu bánh và quan hầu rượu"
Kìa, hai người đều buồn bã
Từ “kìa” ở đây cho thấy Giô-sép ngạc nhiên trước những điều mình thấy. Gợi ý dịch: “Ông ngạc nhiên khi thấy hai người họ buồn bã”
Các quan của Pha-ra-ôn đang ở cùng ông
Chỉ về người bưng rượu và người làm bánh.
Giam trong nhà của chủ chàng
"Trong tù tại nhà của chủ chàng." "Chủ của chàng" chỉ về chủ của Giô-sép, tức là viên chỉ huy vệ binh.
Việc giải mộng chẳng phải thuộc về Đức Chúa Trời sao?
Giô-sép dùng câu hỏi để nhấn mạnh. Có thể viết thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Việc giải mộng thuộc về Đức Chúa Trời!" hoặc "Đức Chúa Trời là Đấng có thể bày tỏ ý nghĩa của những giấc mơ!"
Xin hãy kể cho tôi nghe
Giô-sép đề nghị họ kể cho ông nghe những giấc mơ của họ. Gợi ý dịch: "Xin hãy kể cho tôi nghe những giấc mơ ấy"
Genesis 40:9
Người đứng đầu bọn hầu rượu
Người bưng rượu quan trọng nhất của vua. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2.
Trong giấc mơ của tôi, kìa, có một dây nho trước mặt tôi
"Trong giấc mơ của tôi, tôi nhìn thấy một dây nho trước mặt tôi!" Người bưng rượu dùng từ “kìa” để thể hiện sự ngạc nhiên của ông trước điều ông nhìn thấy và khiến hco Giô-sép chú ý.
Những chùm nho chín
"trở thành những chùm nho chín"
Ép chúng
Nghĩa là ông ép lấy nước. Gợi ý dịch: "ép lấy nước của chúng"
Genesis 40:12
Đây là lời giải nghĩa của nó
"Đây là ý nghĩa của giấc mộng"
Ba cành nho tức là ba ngày
"Ba cành nho tượng trưng cho ba ngày"
Trong ba ngày
"Trong ba ngày nữa"
nâng đầu ông lên
Ở đây Giô-sép nói về việc Pha-ra-ôn thả cho người bưng rượu ra khỏi tù như thể Pha-ra-ôn đang khiến cho ông được ngẩng đầu lên. Gợi ý dịch: "sẽ thả ông khỏi ngục"
phục hồi chức vụ cho ông
"cho ông trở về với chức việc của mình"
Như khi
Có thể thêm vào những từ được lược bỏ. Gợi ý dịch: "như khi ông đã làm khi"
Genesis 40:14
Xin tỏ lòng tốt với tôi
"và xin đối tốt cùng tôi"
Nhắc đến tôi trước Pha-ra-ôn và đem tôi ra khỏi ngục này
Giô-sép có ý là người bưng rượu thưa với Pha-ra-ôn về Giô-sép để Pha-ra-ôn thả ông ra khỏi ngục. Gợi ý dịch: "Xin giúp tôi ra khỏi nhà tù này bằng cách thuật lại cho Pha-ra-ôn biết về tôi"
Vì thật tôi bị bắt cóc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Vì thật người ta đã bắt tôi" hoặc "vì thật người Ích-ma-ên đã bắt tôi"

Đất của người Hê-bơ-rơ

"vùng đất nơi người Hê-bơ-rơ sinh sống"

Ở đây tôi cũng chẳng làm điều gì để họ phải bắt giam tôi trong ngục tối này

"và trong khi tôi ở tại Ai Cập này, tôi cũng không làm gì đáng bị bỏ tù" (UDB)

Genesis 40:16

Người đứng đầu bọn làm bánh

Chỉ về người đứng đầu khâu làm thức ăn cho vua. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2.

Tôi cũng có một giấc mơ, và

"Tôi cũng có một giấc mơ, trong giấc mơ của tôi"

Kìa, có ba giỏ bánh trên đầu tôi

"Có ba giả bánh trên đầu tôi!" Người làm bánh dùng từ “kìa” để thể hiện sự ngạc nhiên của ông trước điều ông nhìn thấy trong giấc mơ và khiến Giô-sép chú ý.

Các thứ bánh được làm cho Pha-ra-ôn

"các món ăn được làm cho Pha-ra-ôn"

Genesis 40:18

Đây là lời giải nghĩa

"Đây là ý nghĩa của giấc mơ"

Ba giỏ tức là ba ngày

"Ba giỏ tượng trưng cho ba ngày"

sẽ cất lấy đầu của ông

Giô-sép cùng dùng cụm từ tượng tự như khi nói với người bưng bánh ở GEN 40:13. Nhưng ở đây mang một ý nghĩa khác. Có thể mang ý nghĩa 1) “sẽ nâng đầu ông lên để vòng dây thừng quanh cổ ông” hoặc 2) “sẽ nâng đầu ông lên để chặt đầu ông”

Thịt

Từ “thịt” ở đây mang nghĩa đen, tức là những mô mềm trên cơ thể người.

Genesis 40:20

Xảy vào ngày thứ ba

"Sau đó, vào ngày thứ ba". Cụm từ “xảy vào” được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.

Vua mở tiệc

"Vua bày một bữa tiệc"

Người đứng đầu bọn bưng rượu

Người đứng đầu việc chuẩn bị và phục vụ nước cho vua. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2.

Người đứng đầu bọn làm bánh

Chỉ về người đứng đầu việc làm thức ăn cho vua. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2.

Vua phục hồi chức việc cho quan hầu rượu

“Chức việc” của quan hầu rượu chỉ về công việc của ông là người đứng đầu bọn hầu rượu. Gợi ý dịch: "Vua cho quan hầu rượu trở về với chức việc của mình"

Nhưng vua treo cổ quan hầu bánh

Pha-ra-ôn không tự mình treo cổ quan hầu bánh, nhưng ra lệnh cho ông phải bị treo cổ. Gợi ý dịch: "Nhưng vua truyền cho quan hầu bánh phải bị treo cổ" hoặc "Nhưng vua truyền cho quân lính treo cổ quan hầu bánh"

như lời Giô-sép giải nghĩa cho họ

Chỉ về lúc Giô-sép giải nghĩa giấc mơ của họ. Gợi ý dịch: "như lời Giô-sép nói trước sẽ xảy ra khi chàng giải nghĩa giấc mỡ cho họ"

Translation Questions

Genesis 40:1

Vì sao vua Ai Cập bắt quan hầu rượu và quan hầu bánh của vua giam vào ngục?

Vua bắt họ vào ngục vì họ xúc phạm vua.

Genesis 40:5

Cùng một đêm có điều gì xảy ra cho cả quan hầu rượu và quan hầu bánh?

Quan hầu rượu và quan hầu bánh đều nằm mộng vào đêm hôm đó.

Genesis 40:7

Vì sao sáng hôm sau cả quan hầu rượu và quan hầu bánh đều buồn bã?

Họ đều buồn bã vì không ai có thể giải nghĩa những giấc mơ của họ.

Genesis 40:8

Vì sao sáng hôm sau cả quan hầu rượu và quan hầu bánh đều buồn bã?

Họ đều buồn bã vì không ai có thể giải nghĩa những giấc mơ của họ.

Giô-sép nói ai có thể giải nghĩa những giấc mơ?

Giô-sép nói Đức Chúa Trời có thể giải nghĩa những giấc mơ.

Genesis 40:12

Giô-sép cho biết ý nghĩa giấc mơ của quan hầu rượu là gì?

Giô-sép cho biết giấc mơ đó có nghĩa là trong vòng ba ngày nữa Pha-ra-ôn sẽ phục hồi chức vụ cho quan hầu rượu.

Genesis 40:13

Giô-sép cho biết ý nghĩa giấc mơ của quan hầu rượu là gì?

Giô-sép cho biết giấc mơ đó có nghĩa là trong vòng ba ngày nữa Pha-ra-ôn sẽ phục hồi chức vụ cho quan hầu rượu.

Genesis 40:14

Giô-sép thỉnh cầu điều gì với quan hầu rượu sau khi giải mộng cho quan đó?

Giô-sép thỉnh cầu quan hầu rượu nhớ đến cậu, tâu với Pha-ra-ôn về trường hợp của cậu và đem cậu ra khỏi ngục.

Genesis 40:18

Giô-sép cho biết ý nghĩa giấc mơ của quan hầu bánh là gì?

Giô-sép cho biết giấc mơ đó có nghĩa là trong vòng ba ngày nữa Pha-ra-ôn sẽ treo quan hầu bánh lên cây.

Genesis 40:19

Giô-sép cho biết ý nghĩa giấc mơ của quan hầu bánh là gì?

Giô-sép cho biết giấc mơ đó có nghĩa là trong vòng ba ngày nữa Pha-ra-ôn sẽ treo quan hầu bánh lên cây.

Genesis 40:20

Ba ngày sau có sự kiện gì đặc biệt?

Ba ngày sau là sinh nhật của Pha-ra-ôn.

Genesis 40:21

Pha-ra-ôn làm gì với quan hầu rượu và quan hầu bánh vào ngày hôm đó?

Pha-ra-ôn phục hồi chức vụ cho quan hầu rượu nhưng treo cổ quan hầu bánh như lời Giô-sép đã giải nghĩa cho họ.

Genesis 40:22

Pha-ra-ôn làm gì với quan hầu rượu và quan hầu bánh vào ngày hôm đó?

Pha-ra-ôn phục hồi chức vụ cho quan hầu rượu nhưng treo cổ quan hầu bánh như lời Giô-sép đã giải nghĩa cho họ.

Genesis 40:23

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Quan hầu rượu có nhớ đến lời thỉnh cầu của Giô-sép với mình không?
Không, quan hầu rượu không nhớ về việc giúp đỡ cho Giô-sép và quên bẵng cậu đi.

Chapter 41
Genesis 41:1
Xảy khi
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Sau trọn hai năm
Hai năm trôi qua kể từ khi Giô-sép giải nghĩa chính xác giấc mơ của quan hầu rượu và quan hầu bánh của Pha-ra-ôn, là những người bị giam cùng với Giô-sép.
Kìa, vua đứng
Từ "kìa" đánh dấu mở đầu một sự kiện khác trong mạch truyện lớn. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt ý này.
Vua đứng
"Pha-ra-ôn đang đứng"
Kìa
"Đột nhiên". Từ “kìa” ở đây cho thấy Pha-ra-ôn ngạc nhiên trước điều ông thấy.
Đẹp đẽ và mập béo
"mạnh khỏe và mập béo"
Gặm cỏ trong đám sậy
"đang ăn cỏ dọc bờ sông"
Sậy
Loại cỏ thân nhỏ, cao, mọc ở nơi ẩm ướt
Kìa, bảy con bò khác
Từ “kìa” ở đây cho thấy Pha-ra-ôn lại ngạc nhiên trước điều mình nhìn thấy.
xấu xí và gầy guộc
"ốm yếu và gầy guộc"
Bờ sông
"bên sông" hoặc "ven sông". Đây là vùng đất cao hơn dọc theo con sông.
Genesis 41:4
xấu xí và gầy guộc
"ốm yếu và gầy guộc". Xem cách đã dịch ở GEN 41:3.
đẹp đẽ và mập béo
"khỏe mạnh và tốt tươi." Xem cách đã dịch ở GEN 41:2.
Thức giấc
"thức dậy"
Lần thứ hai
Từ “thứ hai” là số thứ tự. Gợi ý dịch: "lại"
Kìa, có bảy bông lúa
Từ “kìa” cho thấy Pha-ra-ôn ngạc nhiên trước điều mình thấy.
Bông lúa
Bông lúa là bộ phận sẽ kết hạt của cây.
Mọc trên một cọng lúa
"mọc trên một thân cây". Đây là phần đặc hoặc cao của cây.
Trên một cọng lúa, chắc hạt và tốt tươi
"trên một thân, chúng chắc khỏe và tốt tươi"
Lép hạt và bị gió đông làm cho cháy xém
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "lép và bị thiêu đốt bởi ngọn gió nóng từ phương đông"
Gió đông
Gió từ hướng đông thổi vào từ sa mạc. Sức nóng của gió thường gây tàn hại rất lớn.
Mọc lên
“lớn lên” hoặc “phát triển”
Genesis 41:7
Những bông lép
Ngầm hiểu là bông lúa. Gợi ý dịch: "Những bông lúa lép"
Nuốt
"ăn." Pha-ra-ôn đang mơ thấy bông lúa lép hạt nuốt chửng bông lúa chắc hạt như một người ăn thức ăn.
Bông lúa chắc và đầy hạt
"bông lúa khỏe mạnh và tốt tươi." Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở GEN 41:5.
Thức giấc
"tỉnh giấc"
Kìa
Từ “kìa” cho thấy Pha-ra-ôn ngạc nhiên trước điều ông nhìn thấy.
đó là một giấc mộng
"ông đang mơ"
Xảy khi
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Tinh thần vua bối rối
Ở đây từ “tinh thần” chỉ về con người bên trong hoặc cảm xúc của vua. Gợi ý dịch: “người bối rối trong lòng” hoặc “người bối rối”
Vua truyền gọi
Được hiểu là vua truyền cho đầy tớ. Gợi ý dịch: "Vua sai đầy tớ gọi" hoặc "Vua sai đầy tớ triệu tập"
Tất cả các thuật sĩ và các nhà bác học của Ai-cập
Vua và nhà cầm quyền thời xưa có các nhà thuật sĩ và nhà thông thái làm người cố vấn.
Genesis 41:9
Quan hầu rượu
Người quan trọng nhất lo việc dâng rượu cho vua. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2.
Hôm nay tôi nhớ lại những lỗi lầm của tôi
Từ “hôm nay” được dùng để nhấn mạnh. “Lỗi lầm” của ông là lẽ ra ông nên nói điều gì đó với Pha-ra-ôn sớm hơn. Gợi ý dịch: "Tôi vừa nhận ra tôi đã quên nói với vua chuyện này"
Pha-ra-ôn nổi giận
Quan hầu rượu đang nói về Pha-ra-ôn ở ngôi thứ ba. Đây là cách thông thường để một người bề dưới thưa chuyện với người bề trên. Gợi ý dịch: "Vua, là Pha-ra-ôn nổi giận"
Với bầy tôi của vua
Từ “của vua” chỉ về Pha-ra-ôn. Từ “bầy tôi” ở đây chỉ về quan hầu rượu và quan hầu bánh. Gợi ý dịch: "với chúng thần, là bầy tôi của Ngài"
Đã giam quan hầu bánh và hạ thần vào ngục trong dinh của quan chỉ huy vệ binh
“đã giam quan hầu bánh và hạ thần vào ngục của quan chỉ huy vệ binh”. Từ “dinh” ở đây chỉ về nhà tù.
quan chỉ huy vệ binh
Binh sĩ chịu trách nhiệm vệ binh hoàng gia. Xem cách đã

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch ở GEN 40:2-3.

Quan hầu bánh

Người quan trọng nhất lo việc làm thức ăn cho vua. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2-3.

Trong cùng một đêm, ông ấy và hạ thần đều nằm mơ

"Một đêm nọ, cả hai chúng thần đều nằm mơ"

Chúng thần nằm mơ

“Chúng tôi” ở đây chỉ về quan hầu rượu và quan hầu bánh.

Mỗi người chúng thần mơ những giấc mơ khác nhau

"Giấc mơ của chúng thần có những ý nghĩa khác nhau"

Genesis 41:12

Thông Tin Tổng Quát:

Quan hầu rượu tiếp tục thưa cùng Pha-ra-ôn.

Cùng bị giam ở đó với chúng thần

"Ở trong nhà tù cùng với quan hầu bánh và hạ thần"

Quan chỉ huy vệ binh

Binh sĩ phụ trách vệ binh hoàng gia. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2-3.

Chúng thần đã kể cho anh ta và anh ta đã giải nghĩa những giấc mơ cho chúng thần

"Chúng thần kể cho anh ta nghe những giấc mơ của mình rồi anh ta giải thích ý nghĩa của chúng cho chúng thần"

Anh ta giải thích cho mỗi người chúng thần theo chiêm bao của từng người

Từ “từng người” ở đây chỉ về mỗi người quan hầu rượu và quan hầu bánh, không phải chỉ về người giải nghĩa giấc mơ. Gợi ý dịch: "Anh ta giải thích điều gì sẽ xảy ra cho cả hai chúng thần"

Xảy khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Đúng như anh ta đã giảng giải cho chúng thần thì việc xảy ra như vậy

“những gì anh ta giải thích về những giấc mơ đều xảy ra sau đó”

Pha-ra-ôn đã phục hồi vị trí của hạ thần

Ở đây, quan hầu bánh dùng danh hiệu của Pha-ra-ôn để thưa cùng vua như một cách bày tỏ lòng tôn kính đối với vua. Gợi ý dịch: "Vua đã cho phép hạ thần trở lại công việc của mình”

Người kia

"quan hầu bánh"

Người treo cổ

Từ “người” ở đây chỉ về Pha-ra-ôn. Đồng thời nó đại diện cho những quân lính mà Pha-ra-ôn truyền lệnh treo cổ quan hầu bánh. Gợi ý dịch: "Người ra lệnh cho quân lính treo cổ"

Genesis 41:14

Pha-ra-ôn truyền gọi

Được hiểu là Pha-ra-ôn truyền cho đầy tớ. Gợi ý dịch: "Pha-ra-ôn sai đầy tớ đưa Giô-sép đến"

Ra khỏi ngục tối

“ra khỏi ngục’ hoặc “ra khỏi nhà tù”

Ông cạo râu

Người ta thường cạo mặt và đầu tóc khi chuẩn bị đến diện kiến Pha-ra-ôn.

Đến cùng Pha-ra-ôn

Từ “đến” ở đây có thể dịch là “đi đến”. Gợi ý dịch: "đi đến trước mặt Pha-ra-ôn"

Không có người nào giải thích được nó

"không ai có thể giải thích được ý nghĩa giấc mơ"

Ngươi có thể giải thích nó

“ngươi có thể giải thích ý nghĩa của nó”

Ấy không phải là tôi

“Tôi không phải là người có thể giải thích ý nghĩa của các giấc mơ”

Đức Chúa Trời sẽ thuận ý mà giải đáp cho bệ hạ

"Đức Chúa Trời sẽ vui lòng mà trả lời Pha-ra-ôn"

Genesis 41:17

Kìa, ta đứng

Pha-ra-ôn dùng từ “kìa” để thu hút sự chú ý của Giô-sép vào phần thông tin đáng ngạc nhiên.

Bờ sông Nin

Đây là phần đất cao hơn dọc theo rìa Sông Nin. Gợi ý dịch: "bên canh sông Nin". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở GEN 41:3.

Kìa, bảy con bò

Pha-ra-ôn dùng từ “kìa” để khiến Giô-sép chú ý vào thông tin đầy ngạc nhiên.

Mập béo và đẹp đẽ

"tốt tươi và khỏe mạnh". Xem cách đã dịch ở GEN 41:2.

gặm cỏ trong đám sậy

"ăn cỏ dọc bở sông". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở GEN 41:2.

Genesis 41:19

Kìa, bảy con bò khác

Pha-ra-ôn dùng từ “kìa” để khiến Giô-sép chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên.

xấu xí, gầy guộc

"ốm yếu và gầy guộc". Xem cách đã dịch ở GEN 41:3.

Xấu xí như vậy

Danh từ trừu tượng “xấu xí” có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "những con bò xấu xí” hoặc “những con bò trông tệ hại như vậy”

Những con bò mập béo

"Những con bò tươi tốt." Xem cách đã dịch ở GEN 41:2.

Không thể biết rằng chúng đã ăn những con bò kia

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không ai có thể nói được rằng những con bò gầy guộc đã ăn những con bò mập béo"

Genesis 41:22

Thông Tin Tổng Quát:

Pha-ra-ôn tiếp tục kể cho Giô-sép nghe những giấc mơ của mình.

Ta nhìn thấy trong giấc mơ

Bắt đầu giấc mơ tiếp theo của Pha-ra-ôn sau khi ông tỉnh giấc rồi ngủ trở lại. Gợi ý dịch: "Sau đó ta lại mơ"

Kìa, bảy bông

Pha-ra-ôn dùng từ “kìa” để khiến Giô-sép chú ý vào thông tin ngạc nhiên theo sau.

Bảy bông

Được hiểu là bảy bông lúa. Gợi ý dịch: "bảy bông lúa"

Mọc trên một cọng lúa

"Mọc trên một thân". Thân là bộ phần dày và cao của cây. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở GEN 41:5.

Kìa, có bảy bông lúa nữa

Pha-ra-ôn dùng từ “kìa” để khiến Giô-sép chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khô héo, lép hạt và cháy xém vì gió đông
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "bị khô héo, lép hạt và cháy xém vì gió nóng thổi từ phía đông"
Khô héo
"tàn tạ" hoặc "tàn héo"
Gió đông
Gió từ hướng đông thổi vào từ sa mạc. Sức nóng của gió đông thường gây tàn hại rất lớn cho mùa màng.
Mọc lên
“lớn lên” hoặc “phát triển”
Bảy bông lép
Được hiểu là bông lúa. Xem cách đã dịch ở GEN 41:7. Gợi ý dịch: "Bông lúa lép"
Nuốt
"ăn". Pha-ra-ôn đang mơ thấy bông lúa lép hạt nuốt chửng bông lúa chắc hạt như một người ăn thức ăn. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở GEN 41:7.
Không ai có thể
"không có một người nào có thể" hoặc "không ai trong số họ có thể"
Genesis 41:25
Những giấc mơ của Pha-ra-ôn giống nhau
Ngụ ý là ý nghĩa của chúng giống nhau. Gợi ý dịch: "Cả hai giấc mơ có cùng ý nghĩa"
Đức Chúa Trời đã báo cho bệ hạ biết những việc Ngài sẽ làm
Giô-sép nói với Pha-ra-ôn ở ngôi thứ ba. Đây là cách nói thể hiện sự tôn trọng. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đang bày tỏ cho vua điều Ngài sẽ sớm thực hiện"
Bảy bông tốt
Được hiểu là bông lúa. Gợi ý dịch: "bảy bông lúa tốt"
Genesis 41:27
Thông Tin Tổng Quát:
Giô-sép tiếp tục giải nghĩa giấc mơ của Pha-ra-ôn
Những con bò gầy guộc và xấu xí
"Những con bò gầy gò và ốm yếu". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở GEN 41:3.
Bảy bông lúa lép bị gió đông làm cho cháy xém
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "bảy bông lúa lép cháy xém vì gió nóng từ phía đông"
Đó là điều hạ thần tâu với Pha-ra-ôn ... được bày tỏ cho Pha-ra-ôn
Giô-sép nói với Pha-ra-ôn ở ngôi thứ ba. Đây là cách nói thể hiện sự tôn trọng. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Những sự việc này sẽ xảy ra như điều tôi tâu với bệ hạ ... đã bày tỏ cho bệ hạ, thưa Pha-ra-ôn"
Ngài đã bày tỏ
"Ngài đã tỏ ra"
Kìa
Từ này được dùng để nhấn mạnh điều Giô-sép sẽ nói tiếp theo. Gợi ý dịch: "Hãy chú ý vào điều thần sẽ nói"
Bảy năm dư dật sẽ đến trên khắp xứ Ai Cập
Câu này nói về những năm dư dật như thể thời gian này là vật có thể di chuyển được và đi đến một địa điểm nào đó. Gợi ý dịch: "sẽ có bảy năm dư dật thức ăn trên khắp xứ Ai Cập"
Genesis 41:30
Thông Tin Tổng Quát:
Giô-sép tiếp tục giải nghĩa giấc mơ của Pha-ra-ôn.
Bảy năm đói kém sẽ đến sau đó
Câu này nói về bảy năm đói kém như thể chúng là vật có thể di chuyển và đi đến một địa điểm nào đó. Gợi ý dịch: "Sau đó sẽ có bảy năm khan hiếm thức ăn"
Tất cả những sự dư dật sẽ bị quên lãng ... và nạn đói sẽ tàn phá cả xứ.
Người ta sẽ chẳng nhớ đến sự dư dật từng có... vì nạn đói sẽ theo sau đó
Giô-sép diễn đạt một ý theo hai cách nói khác nhau để nhấn mạnh tầm quan trọng của nó.
Tất cả những sự dư dật sẽ bị quên lãng trên đất Ai Cập
Từ “đất” ở đây chỉ về những người dân. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Dân Ai Cập sẽ quên lãng những năm dư dật thức ăn"
Sẽ tàn hại xứ
Từ “xứ” ở đây chỉ về đất đai, con người và toàn bộ đất nước.
Vì nạn đói sẽ theo sau đó
Câu này nói về nạn đói như thể nó là vật có thể di chuyển được và đi theo sau một điều khác. Gợi ý dịch: "vì thời kỳ đói kém sẽ diễn ra sau đó"
Giấc mơ đó được lặp lại cho Pha-ra-ôn là vì điều đó đã được Đức Chúa Trời quyết định rồi
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ban cho bệ hạ hai giấc mơ để bày tỏ rằng Ngài chắc chắn sẽ khiến những việc này xảy ra"
Genesis 41:33
Thông Tin Tổng Quát:
Giô-sép tiếp tục thưa cùng Pha-ra-ôn
Bấy giờ
Từ này không có nghĩa là “ngay thời điểm này”, nhưng được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.
Pha-ra-ôn hãy tìm
Giô-sép nói với Pha-ra-ôn ở ngôi thứ ba. Đây là cách nói thể hiện sự tôn trọng. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Pha-ra-ôn, người nên tìm"
Đặt người cai quản đất Ai-cập
Cụm từ “đặt người cai quản” có nghĩa là ban quyền lực cho ai đó. Gợi ý dịch: "Ban cho người quyền lực trên đất nước Ai Cập" hoặc "đặt người quản trị đất nước Ai Cập"
Đất Ai Cập
Từ “đất” ở đây chỉ về hết thảy cư dân cùng mọi thứ trong Ai Cập.
Cho họ thu một phần năm hoa lợi mùa màng của Ai Cập
Cụm từ “một phần năm” ở đây là phân số. Gợi ý dịch: "Để họ chia hoa lợi của Ai Cập thành năm phần bằng nhau và thu lấy một phần".
Trong bảy năm được mùa dư dật
"trong suốt bảy năm dư dật thức ăn"
Genesis 41:35
Thông Tin Tổng Quát:
Giô-sép tiếp tục cố vấn cho Pha-ra-ôn
Hãy để họ thu gom
"Cho phép những người đốc công thu gom"
những năm được mùa sắp đến
Câu này nói về năm như thể chúng là vật có thể di chuyển được và đi đến một nơi nào đó. Gợi ý dịch: "trong suốt những năm được mùa sắp sửa diễn ra"
Thâu trữ lúa mì dưới thẩm quyền của Pha-ra-ôn
Cụm từ “dưới thẩm quyền của Pha-ra-ôn” có nghĩa là Pha-ra-ôn ban quyền cho họ. Gợi ý dịch: "lấy thẩm quyền của Pha-ra-ôn để thâu trữ lúa mì"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ phải canh giữ chúng
Thâu trữ lúa mì cho thời kỳ khan hiếm thức ăn. Gợi ý dịch: "Những người đốc công phải cắt cử quân lính ở tại đó để canh gác lúa mì"
Số lương thực này sẽ là nguồn dự trữ cho xứ
Từ “xứ” chỉ về người dân. Gợi ý dịch: "Số lương thực này sẽ dành cho người dân"
Bằng cách này xứ sẽ không bị tiêu diệt vì nạn đói
Từ “xứ” ở đây chỉ về con người. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Bằng cách này người dân sẽ không chết đói trong thời gian đói kém".
Genesis 41:37
Lời khuyên này đẹp lòng Pha-ra-ôn và các triều thần
Từ “lòng” ở đây chỉ về suy nghĩ hoặc quan điểm của một người. Gợi ý dịch: "Pha-ra-ôn và các triều thần của người cho đây là một kết hoạch hay".
các triều thần
Tức là các quan lại của Pha-ra-ôn.
một người như người nầy
"một người như Giô-sép miêu tả"
Trong người có Thần của Đức Chúa Trời
"trong người có Thần của Đức Chúa Trời ngự"
Genesis 41:39
chẳng còn ai khôn ngoan sáng suốt
"không còn ai khác có năng lực trong việc đưa ra quyết định như vậy". Xem cách đã dịch từ “khôn ngoan sáng suốt” ở GEN 41:33.
Ngươi sẽ cai trị nhà của ta
Từ “nhà” ở đây chỉ về hoàng cung của Pha-ra-ôn và những người ở trong đó. Cụm từ “sẽ cai trị” có nghĩa là Giô-sép được giao quyền lực. Gợi ý dịch: "Ngươi sẽ cai quản hết thảy những người trong hoàng cung của ta"
Toàn dân ta sẽ vâng theo lời ngươi
Từ “lời” ở đây chỉ về mệnh lệnh hoặc điều được nói ra. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "ngươi sẽ cai quản dân ta và họ sẽ làm theo điều ngươi truyền khiến"
Chỉ ở ngai vua
Từ “ngai” ở đây chỉ về sự cai trị làm vua của Pha-ra-ôn. Gợi ý dịch: "Chỉ trong vai trò làm vua"
Nầy, ta đã đặt ngươi
Từ “nầy” thêm phần nhấn mạnh cho điều Pha-ra-ôn nói sau đó. Gợi ý dịch: "Kìa, ta đã đặt ngươi"
Ta đã đặt ngươi cai quản cả xứ Ai Cập
Cụm từ “đặt ngươi cai quản” có nghĩa là ban cho quyền hành. Từ “xứ” ở đây chỉ về người dân.
Gợi ý dịch: "Ta đặt ngươi cai quản hết thảy người dân ở Ai Cập"
Genesis 41:42
Pha-ra-ôn cởi chiếc nhẫn, có ấn vua ... vòng vàng vào cổ
Những hành động này tượng trưng cho việc Pha-ra-ôn cho Giô-sép có quyền được làm mọi việc theo kế hoạch của ông.
Nhẫn có ấn vua
Nhẫn có khắc dấu ấn của Pha-ra-ôn. Nó cho phép Giô-sép có quyền và số tiền của cần thiết để thực hiện kế hoạch của ông.
Y phục bằng vải gai mịn
"Vải gai" là một loại vải chắc, mịn được làm từ cây lanh có hoa màu xanh.
Vua cho người đi xe ngựa thứ nhì của vua
Hành động này tỏ rõ cho người dân biết rằng Giô-sép là người đứng thứ hai chỉ sau Pha-ra-ôn.
Hãy quỳ xuống
“Hãy cúi xuống và tôn trọng Giô-sép”. Quỳ và cúi xuống là biểu hiện bảy tỏ sự vinh danh và tôn trọng.
Pha-ra-ôn đặt người cai trị cả xứ
Cụm từ “đặt người cai trị” có nghĩa là giao cho thẩm quyền. Từ “xứ” ở đây chỉ về dân chúng. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở GEN 41:41. Gợi ý dịch: "Ta đặt ngươi cai trị hết thảy dân chúng ở Ai Cập."
Genesis 41:44
Ta là Pha-ra-ôn, nếu chẳng có ngươi
Pha-ra-ôn đang nhấn mạnh thẩm quyền của mình. Gợi ý dịch: "Ta, Pha-ra-ôn, truyền lệnh rằng nếu không có người"
Không có ngươi thì không người nào được nhấc tay hoặc chân lên trong cả xứ Ai Cập
Từ “tay” và “chân” chỉ về những hoạt động của một người. Gợi ý dịch: "sẽ không có người nào ở Ai Cập làm bất kì điều gì nếu không có sự cho phép của ngươi" hoặc "mọi người ở Ai Cập phải xin phép ngươi trước khi làm bất kì việc gì"
Không người nào
Từ “người” chỉ chung về bất kì người nào, dù là nam hay nữ.
Xa-phơ-nát Pha-nê-ách
Người dịch có thể thêm vào ghi chú: Tên Xa-phơ-nát Pha-nê-ách có nghĩa là “người giải thích các điều huyền bí”.
Vua gả Ách-nát con gái của Phô-ti-phê-ra, thầy tế lễ thành Ôn cho ông làm vợ
Tại Ai-cập, các thầy tế lễ là những người có vị thế cao nhất và có nhiều đặc quyền nhất. Cuộc hôn nhân này bày tỏ địa vị được tôn trọng và được đặc ân của Giô-sép.
Gả Ách-nát...cho ông
“Ách-nát’ là tên của người nữ mà Pha-ra-ôn đã gả cho Giô-sép làm vợ.
Con gái của Phô-ti-phê-ra
“Phô-ti-phê-ra” là cha của Ách-nát.
Thầy tế lễ của thành Ôn
Ôn là một thành phố, còn được gọi là Heliopolis, có nghĩa là ‘Thành phố của Mặt trời’ và là trung tâm thờ phượng thần mặt trời, là thần Ra.
Giô-sép đi khắp xứ Ai Cập
Giô-sép tuần hành khắp xứ để giám sát việc chuẩn bị cho thời kỳ hạn hán sắp tới.
Genesis 41:46
ba mươi tuổi
"30 tuổi"
khi ông ra mắt Pha-ra-ôn
Từ “ra mắt” ở đây chỉ về việc Giô-sép bắt đầu phục vụ cho Pha-ra-ôn. Gợi ý dịch: "khi ông bắt đầu phục vụ cho Pha-ra-ôn"
đi tuần khắp xứ Ai Cập
Giô-sép đang đi thanh tra trong xứ để chuẩn bị thực hiện kế hoạch của mình.
Trong bảy năm được mùa
"Trong suốt bảy năm tươi tốt"
đất sanh sản dư dật
"đất sinh ra mùa màng bội thu"
Genesis 41:48
Ông thu gom ... Ông cho

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây từ “ông” có ý nói về các đầy tớ của Giô-sép. Gợi ý dịch: "Giô-sép ra lệnh cho các đầy tớ thu gom ... Họ cho"

Giô-sép thu góp lúa mì nhiều như cát biển

Câu này so sánh lúa mì với cát biển để nhấn mạnh số lượng của chúng rất nhiều. Gợi ý dịch: "Lượng lúa mì Giô-sép thu góp nhiều như cát trên bờ biển"

Giô-sép thu trữ ... ông không

Ở đây từ “Giô-sép” và “ông” có ý nói về đầy tớ của Giô-sép. Gợi ý dịch: "Giô-sép cho đầy tớ thu trữ ... họ không"

Genesis 41:50

Trước khi những năm đói kém xảy đến

Câu này nói như thể năm là thứ có thể di chuyển được và đi đến một địa điểm nào đó. Gợi ý dịch: "Trước khi bảy năm đói kém bắt đầu"

Ách-nát

"Ách-nát" là tên người nữ mà Pha-ra-ôn đã gã cho Giô-sép làm vợ. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Con gái Phô-ti-phê-ra

"Phô-ti-phê-ra" là cha của Ách-nát. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Thầy tế lễ của thành Ôn

Ôn là một thành phố, còn được gọi là Heliopolis, có nghĩa là ‘Thành phố của Mặt trời’ và là trung tâm thờ phượng thần mặt trời, là thần Ra. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Ma-na-se

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên ‘Ma-na-se’ có nghĩa là “làm cho quên”.

nhà cha

Chỉ về cha của Giô-sép là Gia-cốp và gia đình của ông.

Ép-ra-im

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên ‘Ép-ra-im’ có nghĩa là ‘kết quả nhiều’ hoặc ‘sinh con’”.

làm cho ta được hưng thịnh

Từ “hưng thịnh” ở đây có nghĩa là thịnh vượng hoặc có con cái.

Trong xứ khốn khổ của ta

Danh từ trừu tượng “khốn khổ” có thể dịch thành “ta chịu khốn khổ”. Gợi ý dịch: "trong xứ mà ta chịu khốn khổ"

Genesis 41:53

Tất cả các xứ

Tất các các nước lân cận ngoài Ai Cập, bao gồm cả xứ Ca-na-an.

nhưng trong toàn cõi Ai Cập thì có lương thực

Ngụ ý rằng tại đó có lương thực vì Giô-sép truyền lệnh cho dân chúng tích trữ lương thực trong bảy năm được mùa.

Genesis 41:55

Khi cả xứ Ai Cập bị đói

Từ “xứ” ở đây chỉ về người dân. Gợi ý dịch: "Khi toàn bộ dân Ai Cập bị đói"

Nạn đói lan rộng khắp mặt đất

Từ “mặt” ở đây chỉ về bề mặt của đất. Gợi ý dịch: "Nạn đói lan rộng khắp xứ"

Giô-sép mở tất cả các kho và bán cho dân Ai Cập

Ở đây từ “Giô-sép” có ý chỉ về các đầy tớ của Giô-sép. Gợi ý dịch: "Giô-sép cho các đầy tớ của mình mở tất cả các kho và bán lúa cho dân Ai Cập"

Khắp đất đều đi đến Ai Cập

Từ “đất” ở đây chỉ về dân cư ở tất cả các vùng. Gợi ý dịch: "Người từ dân khắp các vùng lân cận đi đên Ai Cập"

Trên khắp đất

"Khắp cả đất". Dường như tất cả những đối tác thương mại và các nước khác nhau thuộc tuyến đường thương mại của Ai Cập bị ảnh hưởng do hạn hán đều đến Ai Cập mua lúa.

Translation Questions

Genesis 41:4

Trong giấc mơ thứ nhất của Pha-ra-ôn, bảy con bò gầy guộc đã làm gì với bảy con bò béo tốt?

Bảy con bò gầy guộc ăn thịt bảy con bò béo tốt.

Genesis 41:7

Trong giấc mơ thứ hai của Pha-ra-ôn, bảy bông lúa lép hạt làm gì với bảy bông lúa chắc hạt?

Bảy bông lúa lép hạt nuốt chửng bảy bông lúa chắc hạt.

Genesis 41:8

Các thuật sĩ và các nhà thông thái của Pha-ra-ôn giải nghĩa những giấc mơ của vua như thế nào?

Các thuật sĩ và các nhà thông thái của Pha-ra-ôn không thể giải nghĩa được những giấc mơ của vua.

Genesis 41:12

Quan hầu rượu nói thế nào với Pha-ra-ôn về Giô-sép?

Quan hầu rượu tâu với Pha-ra-ôn rằng có một thanh niên người Hê-bơ-rơ đã giải nghĩa chính xác giấc mơ của ông và giấc mơ của một người nữa trong lúc họ bị bắt giam.

Genesis 41:13

Quan hầu rượu nói thế nào với Pha-ra-ôn về Giô-sép?

Quan hầu rượu tâu với Pha-ra-ôn rằng có một thanh niên người Hê-bơ-rơ đã giải nghĩa chính xác giấc mơ của ông và giấc mơ của một người nữa trong lúc họ bị bắt giam.

Genesis 41:16

Giô-sép nói ai sẽ giải nghĩa giấc mơ cho Pha-ra-ôn?

Giô-sép nói rằng Đức Chúa Trời sẽ đem lời giải đáp an lành cho Pha-ra-ôn.

Genesis 41:25

Giô-sép nói Đức Chúa Trời đang báo cho Pha-ra-ôn biết điều gì?

Giô-sép nói rằng Đức Chúa Trời đang báo cho Pha-ra-ôn biết trước những việc Ngài sẽ làm.

Genesis 41:26

Bảy con bò béo tốt và bảy bông lúa chắc hạt trong giấc mơ tượng trưng cho điều gì?

Bảy con bò béo tốt và bảy bông lúa chắc hạt tượng trưng cho bảy năm được mùa dư dật.

Genesis 41:27

Bảy con bò gầy guộc và bảy bông lúa lép trong giấc mơ tượng trưng cho điều gì?

Bảy con bò gầy guộc và bảy bông lúa lép tượng trưng cho bảy năm đói kém.

Genesis 41:32

Theo Giô-sép thì vì sao Pha-ra-ôn thấy hai giấc mơ?

Pha-ra-ôn thấy hai giấc mơ vì việc đó đã được Đức Chúa Trời quyết định và Ngài sẽ sớm thực hiện.

Genesis 41:34

Giô-sép khuyên Pha-ra-ôn nên thu trữ bao nhiêu phần hoa lợi của Ai Cập trong bảy năm dư dật?

Giô-sép khuyên Pha-ra-ôn bổ nhiệm một người thu một phần năm hoa lợi của Ai Cập trong bảy năm dư dật.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 41:38
Pha-ra-ôn nói có điều gì ở trong Giô-sép?
Pha-ra-ôn nói Thần của Đức Chúa Trời ngự trong Giô-sép.
Genesis 41:40
Pha-ra-ôn ban cho Giô-sép vị trí thẩm quyền nào?
Pha-ra-ôn ban cho Giô-sép thẩm quyền cai trị trên nhà Pha-ra-ôn và cả xứ Ai Cập, ở vị trí thứ hai chỉ sau Pha-ra-ôn.
Genesis 41:41
Pha-ra-ôn ban cho Giô-sép vị trí thẩm quyền nào?
Pha-ra-ôn ban cho Giô-sép thẩm quyền cai trị trên nhà Pha-ra-ôn và cả xứ Ai Cập, ở vị trí thứ hai chỉ sau Pha-ra-ôn.
Genesis 41:48
Giô-sép thu trữ bao nhiêu lương thực trong bảy năm được mùa dư dật?
Giô-sép thu trữ lương thực nhiều như cát biển, không thể đong lường nổi.
Genesis 41:49
Giô-sép thu trữ bao nhiêu lương thực trong bảy năm được mùa dư dật?
Giô-sép thu trữ lương thực nhiều như cát biển, không thể đong lường nổi.
Genesis 41:50
Tên hai con trai của Giô-sép được sinh ra trước nạn đói là gì?
Hai con trai của Giô-sép tên là Ma-na-se và Ép-ra-im.
Genesis 41:52
Tên hai con trai của Giô-sép được sinh ra trước nạn đói là gì?
Hai con trai của Giô-sép tên là Ma-na-se và Ép-ra-im.
Genesis 41:54
Bảy năm đói kém lan rộng đến đâu?
Bảy năm đói kém lan rộng trên tất cả các xứ.
Genesis 41:55
Giô-sép làm gì khi dân Ai Cập kêu xin Pha-ra-ôn cấp lương thực?
Giô-sép mở các kho lúa mì và bán cho dân Ai Cập.
Genesis 41:56
Giô-sép làm gì khi dân Ai Cập kêu xin Pha-ra-ôn cấp lương thực?
Giô-sép mở các kho lúa mì và bán cho dân Ai Cập.
Genesis 41:57
Có những ai đến Ai Cập để mua lương thực từ Giô-sép?
Khắp cả đất đều đến Ai Cập mua lương thực từ Giô-sép.

Chapter 42
Genesis 42:1
Bấy giờ Gia-cốp trở nên
Từ “bấy giờ” đánh dấu một phần mới của câu chuyện.
Sao các con cứ ngồi nhìn nhau vậy?
Gia-cốp dùng một câu hỏi để quở trách các con trai của ông vì không làm gì để lo chuyện lương thực cả. Gợi ý dịch: "Đừng chỉ ngồi không đó!"
Hãy xuống đó ... đi xuống
Thông thường đi từ Ca-na-an đến Ai Cập được gọi là đi “xuống”
Từ Ai Cập
Ở đây từ “Ai Cập” có ý chỉ về những người bán lúa. Gợi ý dịch: "từ chỗ những người bán lúa ở Ai Cập"
Gia-cốp không cho Bên-gia-min, em Giô-sép
Bên-gia-min và Giô-sép là anh em cùng cha, cùng mẹ. Gia-cốp không muốn mạo hiểm cho đứa con cuối cùng của Ra-chên đi.
Genesis 42:5
Trong số những người đến đây ... có các con trai của Y-sơ-ra-ên
Có thể dịch từ “đến” là “đi đến”. Câu này cũng được hiểu là đi đến “Ai Cập” mua “lúa”. Gợi ý dịch: "Các con trai của Y-sơ-ra-ên đi mua lúa cùng với những người khác đi đến Ai Cập"
Bấy giờ Giô-sép
Từ "bấy giờ" đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về Giô-sép.
Khắp xứ
Từ “xứ” ở đây chỉ về Ai Cập. Gợi ý dịch: "khắp Ai Cập"
toàn dân của xứ
Từ “xứ” ở đây bao gồm Ai Cập và các nước lân cận khác. Gợi ý dịch: "hết thảy dân chúng của tất cả các nước đến mua lúa"
Các anh Giô-sép đến
Có thể dịch từ “đến” thành “đi đến”.
sấp mình xuống đất trước mặt ông
Đây là cách thể hiện sự tôn trọng.
Genesis 42:7
Giô-sép thấy các anh thì nhận ra họ
"Khi Giô-sép thấy các anh mình thì ông nhận ra họ"
Ông che giấu thân phận trước họ
“ông làm như mình không phải là em của họ” hoặc “ông không để họ biết ông là em của họ”
Các ngươi từ đâu đến?
Đây không phải là câu hỏi tu từ mặc dầu ông đã biết câu trả lời. Đây là một phần trong chọn lựa của ông để giữ cho các anh không nhận biết mình.
Genesis 42:9
Các ngươi là gián điệp
Gián điệp là những người bí mật lấy thông tin của quốc gia này để giúp cho một quốc gia khác.
Các ngươi đến để xem những chỗ sơ hở của xứ này
Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: “Các ngươi đến để tìm xem nơi nào trong đất chúng ta không có canh phòng để các ngươi tấn công chúng ta”
Thưa chúa tôi
Đây là cách gọi thể hiện sự tôn trọng đối với ai đó.
Các đầy tớ ngài
Các anh gọi mình là “các đầy tớ ngài”. Đây là cách nói trang trọng đối với người có thẩm quyền hơn. Gợi ý dịch: "Chúng tôi, đầy tớ của ngài" hoặc "Chúng tôi"
Genesis 42:12
Ông nói với họ
"Giô-sép nói với các anh của mình"
Không, các ngươi đến để xem những chỗ sơ hở của xứ này
Có thể nói rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Không, các ngươi đến để tìm xem những nơi nào chúng ta không canh gác để tấn công chúng ta"
Mười hai anh em
"12 anh em"
Kìa, đứa em út
"Xin hãy nghe chúng tôi, đứa em út". Từ “kìa” được dùng để nhấn mạnh điều họ nói sau đó.
Đứa em út hiện ở nhà với cha chúng tôi
"hiện tại đứa em út đang ở với cha chúng tôi"
Genesis 42:14
Thật đúng như ta đã nói, các ngươi là gián điệp

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"như ta đã nói, các ngươi là gián điệp". Xem cách đã dịch từ “gián điệp” ở GEN 42:9.

Đây là cách các ngươi bị thử thách

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đây là cách ta thử các ngươi"

Bởi mạng sống của Pha-ra-ôn

Cụm từ này thể hiện một lời thề. Gợi ý dịch: "Ta lấy mạng sống của Pha-ra-ôn mà thề" (Xem: [[rc://vi/obe/other/oath]])

Hãy cử một người trong các ngươi về đưa cậu em út đến

"Chọn ra một người trong số các người đưa em các ngươi đến"

Các ngươi sẽ bị giam lại

"Số còn lại trong các ngươi phải bị giam lại"

Lời các ngươi phải được thử nghiệm để xem có sự chân thật trong các ngươi không

Từ “lời” ở đây chỉ về những điều đã nói. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "để ta có thể biết được các ngươi có nói thật hay không".

Bị giam

"Bị bỏ tù" (UDB)

Genesis 42:18

Đến ngày thứ ba

Từ “thứ ba” là số thứ tự. Gợi ý dịch: "sau ngày thứ hai"

hãy làm như điều nầy, thì được sống

Có thể nói rõ ý của câu này. Gợi ý dịch: "Nếu các ngươi có thể làm theo điều ta nói thì ta sẽ tha cho các ngươi sống"

kính sợ Đức Chúa Trời

Chỉ về sự tôn kính sâu sắc đối với Đức Chúa Trời, được thể hiện qua việc vâng lời Ngài.

Hãy để một trong số anh em các ngươi bị giam trong ngục này

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "hãy để một trong số các anh em của các ngươi ở lại trong ngục này"

Còn các ngươi phải đi

Từ “các ngươi” ở đây ở dạng số nhiều và chỉ về tất cả những anh em còn lại không bị ở tù. Gợi ý dịch: "nhưng số còn lại trong các người hãy đi"

đem lúa mì về cứu đói cho nhà mình

Từ “nhà” ở đây chỉ về gia đình. Gợi ý dịch: "đem lúa mì về nhà để giúp đỡ cho gia đình các ngươi trong nạn đói này"

Để lời các ngươi được xác minh

Từ “lời” chỉ về những điều đã nói. Có thể dịch câu này ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "để ta biết được điều các ngươi nói là đúng"

các ngươi sẽ không phải chết

Ngụ ý rằng Giô-sép sẽ cho quân lính xử tử các anh nếu ông phát hiện họ là giáng điệp.

Genesis 42:21

Lúc đó, chúng ta đã thấy nỗi khổ đau trong tâm hồn nó

Từ “tâm hồn” chỉ về chính Giô-sép. Gợi ý dịch: “bởi vì chúng ta đã thấy Giô-sép buồn rầu thể nào” hoặc “vì chúng ta đã thấy Giô-sép khổ sở”.

Vì vậy mà nỗi đau khổ này xảy đến cho chúng ta

Danh từ trừu tượng “nỗi đau khổ” có thể dịch thành động từ “chịu đau khổ”. Gợi ý dịch: "Đó là lí do vì sao bây giờ chúng ta phải chịu đau khổ thế này"

Anh đã chẳng bảo các em: “Đừng phạm tội cùng thằng bé” mà các em chẳng chịu nghe sao?

Ru-bên dùng một câu hỏi để quở trách các em mình. Gợi ý dịch: "Anh đã bảo các em đừng làm hại thằng bé vậy mà các em chẳng chịu nghe!"

Anh đã chẳng bảo các em: “Đừng phạm tội nghịch cùng thằng bé”

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Anh đã chẳng bảo các em đừng phạm tội cùng thằng bé" hoặc "Anh đã bảo các em đừng làm hại thằng bé"

Bây giờ, hãy xem

Ở đây, từ “bây giờ” không có nghĩa là “ngay thời điểm này”, nhưng cả hai từ “bây giờ” và “hãy xem” đều được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

huyết nó đòi chúng ta thường lại

Ở đây từ “huyết” chỉ về cái chết của Giô-sép. Các anh nghĩ Giô-sép đã chết. Cụm từ “đòi chúng ta thường lại” có nghĩa là họ phải bị trừng phạt vì điều họ đã làm. Gợi ý dịch: "chúng ta phải gặt lấy những gì đáng phải nhận vì cái chết của nó" hoặc "chúng ta đang chịu khốn khổ vì đã giết nó"

Genesis 42:23

Họ không biết rằng ... một người thông dịch giữa họ

Câu này chuyển từ mạch truyện chính sang thông tin bối cảnh giải thích vì sao các anh nghĩ Giô-sép không thể hiểu được họ.

một người thông dịch

“Người thông dịch” là người dịch điều một người nói sang một thứ tiếng khác. Giô-sép dùng một người phiên dịch giữa mình và các anh để tỏ vẻ như ông không biết tiếng của họ.

Ông quay đi chỗ khác mà khóc

Ngụ ý rằng Giô-sép khóc vì ông xúc động sau khi nghe các anh nói.

Nói chuyện với họ

Giô-sép vẫn nói ngôn ngữ khác và dùng người phiên dịch để nói chuyện với các anh.

Trói người trước mặt họ

Từ “mặt” ở đây chỉ về sự chứng kiến của họ. Gợi ý dịch: "trói người trước sự chứng kiến của họ" hoặc "trói người trong khi họ đang nhìn"

Để cung cấp lương thực cho họ

"để cho họ những điều họ cần"

Những việc đó đã được làm cho họ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "các đầy tớ đã làm cho họ mọi điều Giô-sép truyền"

Genesis 42:26

Khi đến quán trọ, một người trong số họ mở bao lúa mình để cho lừa ăn thì nhìn thấy số tiền của mình. Kìa, nó nằm ở miệng bao

"Khi họ ngừng lại một chỗ để qua đêm, có một người trong số các anh em mở bao lúa mình lấy thức ăn cho lừa. Người ấy thấy tiền của mình nằm ở trong bao!”

Kìa

Từ “kìa” ở đây hướng sự chú ý đến thông tin ngạc nhiên theo sau.

Tiền của tôi được trả lại

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Có người đã để tiền của tôi lại"

Xem này

"Xem bao của tôi này!"

Và lòng họ kinh hãi

Việc trở nên sợ hãi được nói như thể lòng họ đang chùn xuống. Từ “lòng” ở đây chỉ về sự can đảm. Gợi ý dịch: "Và họ trở nên rất sợ hãi" (Xem: and

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 42:29

Chúa của xứ đó

"chúa của xứ Ai Cập"

Nói cách xẳng xớm

"nói cách gay gắt"

chúng con là gián điệp

Gián điệp là người bí mật cố gắng moi thông tin của một nước để giúp đỡ cho nước khác. Xem cách đã dịch từ “gián điệp” ở GEN 42:9.

Chúng con đã thưa với ông ta: ‘Chúng tôi vốn là người lương thiện chứ không phải là gián điệp. Chúng tôi có mười hai anh em, con một cha. Một người không còn nữa … xứ Ca-na-an’.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Chúng con đã thưa với người rằng chúng con vốn là người lương thiện chứ không phải là gián điệp. Chúng con thưa rằng chúng con có mười hai anh em, con một cha, và rằng một anh em không còn nữa … xứ Ca-na-an"

Một người không còn nữa

Được hiểu là một người “anh em”. Gợi ý dịch: "Một người anh em không còn nữa"

Và đứa út hiện đang ở với cha

Ngầm hiểu là “người em” út. Gợi ý dịch: "Người em út hiện đang ở với cha"

Genesis 42:33

Chúa của xứ đó

"Chúa của xứ Ai Cập"

đem lương thực về cứu đói cho nhà mình

Từ “nhà” ở đây chỉ về “gia đình”. Gợi ý dịch: "đem lương thực về giúp đỡ gia đình trong nạn đói"

Hãy đi

"hãy đi về" hoặc "hãy rời khỏi đây"

và các ngươi sẽ được buôn bán trong xứ nầy

"và ta sẽ cho phép các ngươi buôn bán trong xứ nầy"

Genesis 42:35

Xảy khi

Cụm tự này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Kìa

"Trước sự ngạc nhiên của họ". Từ “kìa” ở đây cho thấy các anh ngạc nhiên trước điều họ nhìn thấy.

Các con đã cướp mất con ta

“Các con đã cướp đi các con ta” hoặc “Các con đã khiến ta mất đi hai đứa con”

Mọi chuyện này đều nghịch cùng ta

"Mọi chuyện này đều gây hại cho cha"

Genesis 42:37

Xin giao em cho con

Đây là lời đề nghị cho Ru-bên đem Bên-gia-min đi với mình và chăm sóc cho cậu trong chuyến đi. Gợi ý dịch: "Để con lo cho em" hoặc "Để con chăm sóc cho em"

Con trai ta sẽ chẳng đi xuống đó với các con

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”. Gợi ý dịch: "Con trai ta, Bên-gia-min, sẽ chẳng đi đến Ai Cập với các con"

Với các con

Từ “các con” ở đây ở dạng số nhiều, chỉ về các con trai lớn của Gia-cốp.

Vì anh nó đã chết rồi, chỉ còn lại mình nó

Có thể nói rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: “Vì Ra-chên, vợ ta, chỉ có hai đứa con. Giô-sép thì đã chết và Bên-gia-min là đứa duy nhất còn lại”.

Trên đường các con đi

"khi các con đi đến Ai Cập rồi trở về" hoặc "khi các con đi đường." Từ “đường” ở đây chỉ về chuyến đi.

thì các con sẽ làm cho kẻ đầu bạc này đau lòng mà xuống âm phủ

“Làm cho … xuống âm phủ” là cách nói rằng họ sẽ khiến ông chết và xuống âm phủ. Ông dùng từ “xuống” vì người ta cho rằng âm phủ là một nơi ở dưới lòng đất. Gợi ý dịch: "thì các con sẽ khiên ta, kẻ già cả này, đau buồn mà chết"

kẻ đầu bạc này

Từ này chỉ về Gia-cốp và nhấn mạnh đến tuổi già của ông. Gợi ý dịch: "ta, kẻ già cả này"

Translation Questions

Genesis 42:1

Gia-cốp sai ai xuống Ai Cập để mua lương thực?

Mười người anh của Giô-sép, trong đó không có Bên-gia-min, đi xuống Ai Cập để mua lương thực.

Genesis 42:4

Gia-cốp sai ai xuống Ai Cập để mua lương thực?

Mười người anh của Giô-sép, trong đó không có Bên-gia-min, đi xuống Ai Cập để mua lương thực.

Genesis 42:6

Các anh của Giô-sép làm gì khi họ đến gặp Giô-sép để mua lương thực?

Các anh của Giô-sép sấp mình cúi mặt xuống đất trước mặt Giô-sép.

Genesis 42:7

Giô-sép làm gì khi nhận ra các anh mình?

Giô-sép cải trang và nói gắt gỏng với các anh.

Genesis 42:9

Giô-sép buộc tội các anh điều gì?

Giô-sép buộc tội các anh là gián điệp.

Genesis 42:13

Các anh của Giô-sép nói người em út của họ đang ở đâu?

Các anh của Giô-sép nói người em út của họ đang ở với cha trong xứ Ca-na-an.

Các anh của Giô-sép nói còn thiếu một người em nữa ở đâu?

Các anh của Giô-sép nói còn thiếu một người em nữa đã chết rồi.

Genesis 42:15

Giô-sép đưa ra thử thách nào cho các anh để chứng minh họ không phải là gián điệp?

Giô-sép nói rằng các anh sẽ không được rời khỏi Ai Cập trừ khi người em út đến đó.

Genesis 42:17

Giô-sép giam họ ở đâu và trong bao lâu?

Giô-sép giam họ vào ngục ba ngày.

Genesis 42:18

Giô-sép bảo các anh phải làm gì để được sống?

Giô-sép bảo họ để một người lại trong ngục còn những người khác đem lương thực về Ca-na-an rồi đưa em út quay trở lại.

Genesis 42:20

Giô-sép bảo các anh phải làm gì để được sống?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giô-sép bảo họ để một người lại trong ngục còn những người khác đem lương thực về Ca-na-an rồi đưa em út quay trở lại.
Genesis 42:21
Các anh của Giô-sép tin rằng vì sao cảnh khốn khó này xảy ra cho họ?
Họ tin rằng máu của Giô-sép đòi họ đền lại những gì họ đã làm cho Giô-sép.
Genesis 42:22
Các anh của Giô-sép tin rằng vì sao cảnh khốn khó này xảy ra cho họ?
Họ tin rằng máu của Giô-sép đòi họ đền lại những gì họ đã làm cho Giô-sép.
Genesis 42:24
Giô-sép làm gì khi nghe các anh nói về điều họ đã làm cho mình?
Khi nghe các anh nói về điều họ đã làm cho mình thì Giô-sép quay đi chỗ khác mà khóc.
Genesis 42:25
Giô-sép để lại gì trong mỗi bao của các anh?
Giô-sép để lại tiền của các anh trong bao của mỗi người.
Genesis 42:28
Các anh phản ứng thế nào khi họ biết bao của mỗi người đều có tiền của mình trong đó?
Lòng họ sợ hãi và họ run rẩy nói với nhau.
Các anh trách ai về những việc họ đang gặp phải?
Các anh trách Đức Chúa Trời, hỏi rằng vì sao Ngài đã làm điều đó cho họ.
Genesis 42:35
Các anh và Gia-cốp biết được điều gì khi họ trút hết các bao của mình?
Họ thấy tiền của mỗi người đều ở trong bao của mình.
Genesis 42:36
Gia-cốp sợ điều gì sẽ xảy ra với trường hợp của họ?
Gia-cốp sợ rằng ông sẽ mất Si-mê-ôn và Ba-gia-min.
Genesis 42:37
Ru-bên thề với Gia-cốp điều gì?
Ru-bên thề sẽ đem Bên-gia-min từ Ai Cập trở về cho Gia-cốp, nếu không thì hai con trai của Ru-bên sẽ bị giết.
Genesis 42:38
Gia-cốp có cho Ru-bên đưa Bên-gia-min đến Ai Cập không?
Không, Gia-cốp không cho Ru-bên đưa Bên-gia-min đến Ai Cập.
Gia-cốp nói nếu Bên-gia-min chết thì ông sẽ thế nào?
Gia-cốp nói rằng nếu Bên-gia-min chết thì ông sẽ đau buồn mà xuống âm phủ.

Chapter 43
Genesis 43:1
Nạn đói trong xứ rất trầm trọng
Được hiểu là xứ “Ca-na-an”. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "Nạn đói trong xứ Ca-na-an rất trầm trọng"
Xảy khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Khi họ đã ăn
"Khi Gia-cốp và gia đình mình đã ăn"
Họ đã đem về
"các con trai lớn của Gia-cốp đã đem về"
Mua cho chúng ta
Từ “chúng ta” chỉ về Gia-cốp, các con trai và toàn bộ những người còn lại gia đình.
Genesis 43:3
Giu-đa thưa với cha
"Giu-đa thưa với Gia-cốp, cha mình"
Người đó
Chỉ về Giô-sép, nhưng các anh không biết đó là Giô-sép. Họ gọi ông là “người đó” hoặc “chúa của xứ đó” như trong GEN 42:30.
cảnh cáo chúng con ‘Nếu không có người em cùng đi thì các ngươi sẽ không thấy mặt ta’
Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "cảnh báo chúng con rằng nếu không đem người em út đi cùng thì chúng con sẽ không thấy mặt người”
Nghiêm khắc cảnh cáo chúng con
"rất nghiêm nghị khi người cảnh cáo chúng con rằng"
Các ngươi sẽ không thấy mặt ta
Giu-đa dùng câu này hai lần trong 43:3-5 để nhấn mạnh cùng cha mình rằng họ không thể trở lại Ai-cập mà không có Bên-gia-min. Cụm từ “mặt ta’ chỉ về chính người đó, tức là Giô-sép. Gợi ý dịch: “Các ngươi sẽ không gặp được ta”
Em các ngươi đi cùng các ngươi
Giu-đa đang nói đến Bên-gia-min, con trai cuối cùng của Ra-chên trước khi bà qua đời.
chúng con sẽ không xuống đâu
Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”.
Genesis 43:6
Sao các con xử tệ cùng ta
"Sao các con gây nhiều rắc rối cho ta"
Người ấy hỏi rất kỹ
"Người ấy đặt rất nhiều câu hỏi"
Về chúng con
Từ “chúng con” ở đây không bao hàm người nghe, chỉ về những người anh đi đến Ai Cập và nói chuyện với “người ấy”.
Người hỏi ‘Thân phụ các ngươi còn sống không? Còn người anh em nào nữa không?’
Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Người ấy hỏi thẳng rằng cha còn sống không và chúng con còn anh em nào nữa không".
Chúng con trả lời người dựa theo những câu hỏi đó
"Chúng con trả lời những câu hỏi mà người ấy đặt ra"
Làm sao chúng con biết ông ấy sẽ bảo rằng ... xuống đây?
Những người con dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ không biết người ấy sẽ bảo họ làm gì. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng đinh. Gợi ý dịch: “Chúng con không biết ông ấy sẽ bảo ... xuống đây!”
ông ấy sẽ bảo ‘Hãy đem em các ngươi xuống đây’
Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "ông ấy sẽ bảo chúng con đem em chúng con xuống Ai Cập"
hãy đem em các ngươi xuống đây
Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống.
Genesis 43:8
chúng con sẽ đứng dậy đi ngay để chúng ta được sống mà khỏi phải chết, cả chúng con, cha và các con cháu chúng con
Cụm từ “được sống” và “khỏi phải chết” có ý nghĩa như

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhau. Giu-đa đang nhấn mạnh rằng họ phải mua thức ăn ở Ai Cập để sống sót. Gợi ý dịch: "Chúng con sẽ đi ngay đến Ai Cập mua lúa để cả gia đình chúng ta sống sót"

Chúng con sẽ đứng dậy

Từ “chúng con” ở đây chỉ về các anh sẽ đi đến Ai Cập.

Chúng ta được sống

Từ “chúng ta” ở đây chỉ về các anh, Y-sơ-ra-ên và cả gia đình.

Cả chúng con

Từ “chúng con” ở đây chỉ về những người anh.

Chúng con, cha

Từ “cha” ở dạng số ít, chỉ về Y-sơ-ra-ên.

và các con cháu chúng con

Từ “chúng con” ở đây chỉ về những người anh. Ở đây nói đến những đứa trẻ nhỏ sắp chết trong nạn đói.

Con sẽ chịu bảo lãnh cho em

Danh từ trừu tượng “bảo lãnh” có thể được dịch thành động từ “hứa”. Gợi ý dịch: "Con hứa sẽ đưa em trở về"

Con sẽ chịu trách nhiệm trước mặt cha

Có thể nói rõ Giu-đa sẽ chịu trách nhiệm trước cha như thế nào. Gợi ý dịch: "Con sẽ phải thưa trình với cha mọi chuyện xảy ra cho Bên-gia-min”.

Con sẽ mang tội

Câu này nói như thể “tội” là một đồ vật mà người ta có thể mang được. Gợi ý dịch: "cha có thể trách tội con"

Vì nếu chúng con không trì hoãn

Giu-đa đang nói đến một việc lẽ ra phải được thực hiện trong quá khứ. Giu-đa đang trách cha mình vì phải đợi quá lâu mới chịu sai các con mình đến Ai-cập mua thêm lương thực.

chúng con đã trở về đây lần thứ hai rồi

"chúng con đã trở về hai chuyến rồi"

Genesis 43:11

Nếu vậy thì bây giờ hãy làm thế này

"Nếu đây là lựa chọn duy nhất của chúng ta, thì hãy làm đi"

Đem xuống

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”.

Dầu thơm

Một loại dầu có mùi thơm được dùng để chữa bệnh và bảo vệ da. Gợi ý dịch: "thuốc". Xem cách đã dịch ở GEN 37:25.

Hương liệu

"gia vị". Xem cách đã dịch ở GEN 37:25.

Hạt dẻ

Một loại hạt nhỏ, màu xanh

Hạnh nhân

Một loại hạt có mùi vị dễ chịu

Hãy đem trong tay gấp đôi số tiền

Từ “tay” ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Hãy đem theo mình gấp đôi số tiền"

Số tiền đã được trả lại trong miệng bao các con, hãy đem nó trong tay

Từ “tay” ở đây chỉ về chính người đó. Có thể dịch cụm từ “đã được trả lại” ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "hãy đem trở lại Ai Cập số tiền người ta đã đặt trong bao của các con"

Genesis 43:13

Cũng hãy đem em các con theo

"Cũng hãy đem Bên-gia-min theo"

Lại đi

"trở lại"

Cầu xin Đức Chúa Trời Toàn Năng cho các con được ơn thương xót trước mặt người ấy

Danh từ trừu tượng “ơn thương xót” có thể được dịch thành tính từ “nhân từ”. Gợi ý dịch: "Cầu xin Đức Chúa Trời Toàn Năng khiến người ấy nhân từ cùng các con"

Người anh em kia của các con

"Si-mê-ôn"

Nếu ta mất các con thì ta đành chịu

"Nếu ta mất các con ta thì ta đành chịu". Điều này có nghĩa là Gia-cốp biết rằng ông phải chấp nhận bất kì điều gì xảy ra cho các con mình.

Họ cầm theo trong tay

Từ “tay” ở đây chỉ về toàn bộ con người đó. Gợi ý dịch: "họ cầm theo"

Đi xuống Ai Cập

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”.

Genesis 43:16

Bên-gia-min với họ

"Bên-gia-min với những người anh khác của Giô-sép"

Người quản gia của mình

Người ‘quản gia’ chịu trách nhiệm quản lí mọi việc trong nhà Giô-sép.

Ông đưa họ

Có thể dịch từ “đưa” thành từ “dẫn”.

Đến nhà Giô-sép

"vào nhà Giô-sép"

Genesis 43:18

mấy anh em sợ hãi

"các anh em của Giô-sép sợ hãi"

Họ bị dẫn vào nhà Giô-sép

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "họ sắp vào nhà Giô-sép" hoặc "người quản gia đưa họ vào nhà Giô-sép"

Chính vì số tiền đã để lại trong bao chúng ta lần trước mà chúng ta bị đưa vào đây

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người quản gia đưa chúng ta vào nhà này vì số tiền đã để lại trong bao chúng ta"

Để người tìm cơ hội tấn công chúng ta. Người sẽ bắt chúng ta

Có thể dịch thành một câu. Gợi ý dịch: "Ông ấy chờ cơ hội kết tội chúng ta để bắt chúng ta"

Chúng tôi xuống

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là đi xuống.

Genesis 43:21

Lời dẫn:

Các anh tiếp tục nói chuyện với người quản gia.

Xảy khi

Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Khi chúng tôi về đến quán trọ

"khi chúng tôi đến chỗ định nghỉ qua đêm”

Kìa

Từ ‘kìa” ở đây cho thấy những người anh ngạc nhiên trước những gì họ thấy.

Tiền của người nào nằm trong miệng bao của người ấy, cân nặng đúng y như cũ

"mỗi người đều thấy đủ số tiền của mình trong bao"

Chúng tôi có mang trong tay số tiền ấy trở lại đây

Từ “tay” ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Chúng tôi có đem theo số tiền ấy trở lại đây"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúng tôi cũng có đem theo số tiền khác trong tay để mua lương thực
Từ “tay” ở đây chỉ về chính con người đó. Gợi ý dịch: "Chúng tôi cũng có đem thêm tiền để mua lương thực"
Đem xuống
Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”.
Bình an cho các anh Peace be to you
Danh từ trừu tượng “bình an” có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Hãy an tâm"
Đức Chúa Trời của các anh và Đức Chúa Trời của thân phụ các anh
Không phải người quản gia đang nói về hai Đức Chúa Trời khác nhau. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của các anh, là Đức Chúa Trời mà thân phụ các anh thờ phượng" (UDB)
Genesis 43:24
rửa chân
Phong tục này giúp cho khách đi đường đang mệt mỏi được khỏe khoắn sau một quãng đường xa. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu.
Cỏ cho lừa của họ
"Cỏ" này là loại thức ăn khô dành riêng cho động vật
Genesis 43:26
Họ lấy các món quà trong tay mình
Từ “tay” ở đây chỉ về toàn bộ con người. Gợi ý dịch: "các anh lấy những món quà họ đem theo"
sấp mình xuống trước mặt ông
Đây là cách thể hiện sự tôn trọng và kính nể.
Genesis 43:28
Đầy tớ ngài, là cha chúng tôi
Họ gọi cha mình là “đầy tớ ngài” để thể hiện sự tôn trọng. Gợi ý dịch: "Cha chúng tôi, là đầy tớ ngài”
họ cúi đầu và lạy
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Họ sấp mình trước mặt người đó để thể hiện sự tôn trọng đối vời người đó. Gợi ý dịch: "Họ quỳ xuống trước người"
Ông ngước mắt lên
Câu này có nghĩa là “ông nhìn lên”.
Con trai của mẹ mình thì nói
Có thể dịch thành một câu mới. Gợi ý dịch: "con trai của mẹ mình. Giô-sép nói"
Đây có phải là người em út ... ta không?
Có thể là 1) Giô-sép thật sự hỏi để xác nhận người này là Bên-gia-min, hoặc 2) đây là câu hỏi tu từ. Gợi ý dịch: "Vậy đây là người em út ... ta."
Con ta ơi
Đây là cách gọi thân thiện của một người đối với một người khác ở địa vị thấp hơn mình. Gợi ý dịch: "cậu trai trẻ" (UDB)
Genesis 43:30
vội vã đi ra khỏi phòng
"vội ra khỏi phòng"
Vì ông vô cùng xúc động về em trai mình
Cụm từ “vô cùng xúc động” chỉ về việc có cảm xúc hay tình cảm mạnh mẽ về một sự việc quan trọng được diễn ra. Gợi ý dịch: "vì ông có lòng thương mạnh mẽ dành cho em trai mình” hoặc “vì ông có cảm xúc yêu thương mạnh mẽ dành cho em trai mình”
Nói
Có thể dịch rõ Giô-sép đang nói với ai. Gợi ý dịch: "và nói với các đầy tớ của mình"
Dọn thức ăn lên
Có nghĩa là bày thức ăn cho mọi người ăn.
Genesis 43:32
Các đầy tớ dọn cho Giô-sép ăn riêng, và cho các anh em ăn riêng. Người Ai Cập ăn cùng người cũng dọn riêng
Có nghĩa là Giô-sép, các anh, và những người Ai Cập khác ăn ở ba chỗ khác nhau trong cùng một căn phòng. Gợi ý dịch: “Các đầy tớ dọn cho Giô-sép riêng, dọn cho các anh riêng và những người Ai-cập ăn cùng ông, cũng dọn riêng”
Người Ai Cập ăn cùng người cũng dọn riêng
Đây có thể là những quan chức Ai Cập khác ăn cùng với Giô-sép, nhưng họ cũng ngồi cách biệt với ông và các anh em Hê-bơ-rơ.
Vì người Ai-cập không ăn bánh chung với người Hê-bơ-rơ, bởi đó là việc đáng ghê tởm đối với người Ai-cập
Có thể dịch thành một câu mới: “Họ làm vậy vì người Ai Cập cho rằng thật xấu hổ khi ăn chung với người Hê-bơ-rơ”
không ăn bánh
Từ “bánh” ở đây chỉ về thức ăn nói chung.
Các anh em ngồi trước người
Ngụ ý rằng Giô-sép đã sắp xếp chỗ ngồi cho từng anh em. Có thể nói rõ ngụ ý của câu. Gợi ý dịch: "Các anh em ngồi đối diện người theo vị trí người đã sắp xếp cho"
Anh cả theo quyền trưởng nam của mình, và em út theo tuổi của mình
Từ “anh cả” và “em út” được dùng chung nhằm thể hiện rằng tất cả các anh em đều ngồi theo thứ tự độ tuổi của mình.
Họ kinh ngạc nhìn nhau
“Họ rất đỗi ngạc nhiên khi nhận ra điều này"
nhưng phần của Bên-gia-min lại nhiều gấp năm lần của những anh em khác
Cụm từ “gấp năm lần” có thể nói cách tổng quát hơn. Gợi ý dịch: "Nhưng Bên-gia-min nhận được phần ăn nhiều hơn các anh bội phần"

Translation Questions

Genesis 43:1
Vì sao Y-sơ-ra-ên bảo các con trở lại Ai Cập mua ít lương thực?
Nạn đói trở nên trầm trọng và họ đã ăn hết lương thực từ Ai Cập đem về trong chuyến đi thứ nhất.
Genesis 43:2
Vì sao Y-sơ-ra-ên bảo các con trở lại Ai Cập mua ít lương thực?
Nạn đói trở nên trầm trọng và họ đã ăn hết lương thực từ Ai Cập đem về trong chuyến đi thứ nhất.
Genesis 43:3
Giu-đa nói họ phải thế nào mới trở lại Ai Cập được?
Giu-đa nói rằng họ phải có Bên-gia-min đi cùng thì mới xuống Ai Cập được.
Genesis 43:5
Giu-đa nói họ phải thế nào mới trở lại Ai Cập được?
Giu-đa nói rằng họ phải có Bên-gia-min đi cùng thì mới xuống Ai Cập được.
Genesis 43:9
Giu-đa thề với Y-sơ-ra-ên cha mình thế nào?
Giu-đa nói rằng nếu ông không đưa Bên-gia-min trở về thì ông sẽ mang tội suốt đời.
Genesis 43:11
Y-sơ-ra-ên bảo các anh em đem theo thứ gì đến Ai Cập?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Y-sơ-ra-ên bảo các anh em đem theo một số đặc sản địa phương và đem số tiền gấp đôi.
Genesis 43:12
Y-sơ-ra-ên bảo các anh em đem theo thứ gì đến Ai Cập?
Y-sơ-ra-ên bảo các anh em đem theo một số đặc sản địa phương và đem số tiền gấp đôi.
Genesis 43:14
Y-sơ-ra-ên cầu xin với Đức Chúa Trời thế nào về chuyến đi?
Y-sơ-ra-ên cầu xin Đức Chúa Trời cho các anh em được thương xót tại Ai Cập để tất cả các anh em được tha.
Genesis 43:18
Các anh em phản ứng thế nào khi họ được đưa vào nhà Giô-sép và vì sao?
Các anh em lo sợ rằng họ sẽ bị bắt làm nô lệ vì số tiền để lại trong bao của họ lần trước.
Genesis 43:21
Các anh em nói gì với người quản gia của Giô-sép?
Các anh em nói cùng người quản gia rằng họ có đem theo số tiền để lại trong bao của họ lần trước và tiền để mua lương thực.
Genesis 43:22
Các anh em nói gì với người quản gia của Giô-sép?
Các anh em nói cùng người quản gia rằng họ có đem theo số tiền để lại trong bao của họ lần trước và tiền để mua lương thực.
Genesis 43:23
Người quản gia nói số tiền để lại trong bao của họ đến từ đâu?
Người quản gia nói số tiền để lại trong bao của họ đến từ Đức Chúa Trời của họ.
Genesis 43:26
Các anh em làm gì khi Giô-sép về đến nhà?
Các anh em đem quà tặng vào và sấp mình xuống đất trước mặt Giô-sép.
Genesis 43:27
Giô-sép hỏi các anh em về điều gì?
Giô-sép hỏi các anh em về sự an nguy của cha.
Genesis 43:30
Vì sao Giô-sép phải vội vã ra ngoài và ông làm gì sau đó?
Giô-sép vội vã ra ngoài vì vô cùng xúc động về Bên-gia-min, ông vào phòng riêng và khóc.
Genesis 43:32
Vì sao người Ai Cập và người Hê-bơ-rơ phải ăn riêng?
Vì việc dùng bữa chung với người Hê-bơ-rơ là điều đáng ghê tởm đối với người Ai Cập.
Genesis 43:33
Các anh em được sắp xếp trong bàn ăn như thế nào?
Các anh em được sắp xếp trong bàn ăn theo thứ tự lớn nhỏ và tuổi tác của mình.
Genesis 43:34
Có điều gì khác thường trong những phần ăn của các anh em?
Phần của Bên-gia-min nhiều gấp năm lần của những anh em khác.

Chapter 44
Genesis 44:1
Thông Tin Tổng Quát:
Một sự kiện mới trong câu chuyện bắt đầu. Có lẽ là buổi sáng hôm sau ngày đãi tiệc.
Người quản gia
“Người quản gia” chịu trách nhiệm quản lí các công việc trong nhà Giô-sép.
Tiền của mội người
Tiền của họ là những đồng bạc, có lẽ được đựng trong một túi nhỏ.
Trong miệng bao của người đó
"trong bao của người đó"
để cái chén của ta, là cái chén bạc
"Để cái chén bạc của ta"
vào miệng bao của người út
Được hiểu là người em út. Gợi ý dịch: "vào bao của người em út"
Genesis 44:3
rạng sáng
"trời vừa sáng"
Họ được đưa lên đường, họ và lừa của họ
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta đưa họ lên đường, cùng với lừa của họ"
Sao các ngươi lấy oán trả ơn?
Câu hỏi này dùng để trách mắng các anh. Gợi ý dịch: "Các ngươi đối xử tệ bạc với chúng ta sau khi chúng ta đã tử tế với các ngươi!"
Đây chẳng phải là cái chén mà chủ ta dùng để uống rượu và bói toán sao?
Câu hỏi này dùng để trách mắng các anh. Gợi ý dịch: "Các ngươi đã biết đây là cái chén chủ ta dùng để uống rượu và bói toán!"
Các ngươi đã làm một điều ác, việc các ngươi đã làm
Cụm từ “các ngươi đã làm” được lặp lại mang ý nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Điều các ngươi đã làm thật gian ác"
Genesis 44:6
Nói những lời ấy với họ
Từ “lời” chỉ về những điều được nói ra. Gợi ý dịch: "nói những điều Giô-sép đã bảo"
Sao chúa tôi lại nói những lời lẽ như vậy?
Từ “lời” chỉ về những điều được nói ra. Các anh gọi người quản gia là “chúa tôi”. Đây là cách trang trong để xưng hô với người có thẩm quyền hơn. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Sao ngài lại nói vậy, thưa chúa?”
Không bao giờ đầy tớ chúa lại làm một việc như thế
Các anh gọi mình là “đầy tớ chúa”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn. Gợi ý dịch: "Chúng tôi không bao giờ làm chuyện như vậy!"
Không bao giờ đầy tớ chúa
Câu này nói đến việc làm mà một người không bao giờ muốn làm như thể nó là một đồ vật mà người đó muốn để thật xa khỏi mình.
Genesis 44:8
Đây
Từ này thêm phần nhấn mạnh cho điều các anh nói sau đó.
Số tiền chúng tôi tìm thấy trong miệng bao của mình
"ngài biết số tiền chúng tôi tìm thấy trong miệng bao của mình"
từ Ca-na-an chúng tôi còn đem xuống lại trả ngài
"từ Ca-na-an chúng tôi đem lại cho ngài"
Vậy thì làm sao chúng tôi lại ăn cắp bạc hay vàng trong nhà chủ ngài được chứ?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các anh dùng một câu hỏi để nhấn mạnh họ không ăn cắp đồ gì của chúa xứ Ai Cập. Gợi ý dịch: "Vì thế chúng tôi không bao giờ lấy vật gì trong nhà chủ của ngài!"

Bạc hay vàng

Những từ này được dùng chung để thể hiện họ không ăn cắp một vật quý giá nào.

kẻ tôi tớ nào mà ngài tìm được

Các anh gọi mình là “kẻ tôi tớ”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Từ “tìm được” còn có thể được dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nếu ngài tìm thấy người nào trong chúng tôi ăn cắp cái chén"

chúng tôi cũng sẽ làm nô lệ cho chúa tôi

Cụm từ “chúa tôi” chỉ về người quản gia. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "ngài có thể bắt chúng tôi làm nô lệ cho ngài"

Bây giờ hãy làm như lời các ngươi nói

Từ “bây giờ” không có nghĩa là “tại thời điểm này”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau. Từ “lời” cũng chỉ về điều được nói ra. Gợi ý dịch: "Được lắm. Ta sẽ làm theo điều các ngươi nói"

Tìm thấy chén nơi người nào thì người đó sẽ làm nô lệ cho ta

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nếu ta tìm thấy một bao nào trong số bao của các ngươi có cái chén thì người đó sẽ là nô lệ cho ta"

Genesis 44:11

Đem bao mình xuống

"hạ bao mình xuống"

Người lớn nhất...người nhỏ nhất

Được hiểu là người anh hoặc em. Gợi ý dịch: "người anh lớn nhất ... người em nhỏ nhất"

Nhỏ nhất, và cái chén được tìm thấy trong bao của Bên-gia-min

Có thể dịch thành một câu mới ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nhỏ nhất. Người quản gia tìm thấy chén trong bao của Bên-gia-min".

Họ bèn xé áo mình

Từ “họ” chỉ về các anh. Xé áo là hành động thể hiện nỗi đau buồn hay phiền muộn sâu sắc.

Và trở lại

"và họ trở lại"

Genesis 44:14

Ông vẫn ở đó

"Giô-sép vẫn ở đó"

Họ quỳ xuống trước mặt ông

"họ sấp mình xuống trước ông". Đây là hành động bày tỏ các anh mong muốn chúa của xứ khoan dung cho họ.

Các ngươi không biết rằng một người như ta biết bói toán sao?

Giô-sép dùng một câu hỏi để quở trách các anh. Gợi ý dịch: “Chắc chắn các ngươi biết rằng một người như ta có thể biết mọi việc bằng phép thuật!”

Genesis 44:16

Chúng tôi có thể nói gì cùng chúa tôi? Biết trình bày làm sao? Hay biện minh thế nào?

Cả ba câu hỏi căn bản có nghĩa như nhau. Họ dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng họ không thể nói hay giải thích gì về việc đã xảy ra. Gợi ý dịch: "Chúng tôi không có gì để nói, thưa chúa. Mọi lời nói đều không có giá trị. Chúng tôi không thể bào chữa gì cho mình".

Chúng tôi có thể nói gì cùng chúa tôi ... nô lệ của chúa tôi

Ở đây “chúa tôi” chỉ về Giô-sép. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Chúng tôi có thể nói gì với ngài ... nô lệ của ngài”

Đức Chúa Trời đã vạch ra tội lỗi của các đầy tớ ngài rồi.

“Vạch ra” ở đây không có nghĩa là Đức Chúa Trời chỉ phát hiện ra việc các anh đã làm mà là bây giờ Đức Chúa Trời đang trừng phạt họ vì việc họ đã làm. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đang trừng phạt chúng tôi vì những tội lỗi trong quá khứ"

tội lỗi của các đầy tớ ngài

Các anh gọi họ là “đầy tớ ngài”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: "tội lỗi của chúng tôi"

Và cả người bị tìm thấy đang giữ chén trong tay

Từ “tay” ở đây chỉ về chính người đó. Từ “bị tìm thấy” cũng có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và người giữ chén của ngài"

Ta chẳng bao giờ muốn làm như thế

Câu này nói đến việc làm mà một người không bao giờ muốn làm như thể nó là một đồ vật mà người đó muốn để thật xa khỏi mình. Gợi ý dịch: "Làm như vậy chẳng giống ta chút nào"

Người bị tìm thấy đang giữ cái chén trong tay

Từ “tay” ở đây chỉ về chính người đó. Từ “bị tìm thấy” cũng có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “người giữa chén của ta”

Genesis 44:18

Đến gần

"tiến đến gần"

Xin hãy để đầy tớ ngài

Giu-đa gọi mình là “đầy tớ ngài”. Đây là cách xưng hô trang trọng với một người có thẩm quyền hơn mình. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: “xin hãy để tôi, là đầy tớ ngài”

Nói một lời đến tai chúa tôi

Từ “lời” ở đây là phép hoán dụ chỉ về những điều được nói. Và “tai” là phép cải dung chỉ về cả một con người. Gợi ý dịch: "thưa cùng ngài, là chúa tôi"

đến tai chúa tôi

Từ “chúa tôi” ở đây chỉ về Giô-sép. Đây là cách trang trọng để xưng hô với một người có thẩm quyền hơn mình. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "với ngài"

Xin đừng để cơn tức giận của ngài nỗi lên cùng đầy tớ ngài

Sự tức giận được nói nói đến như một ngọn lửa bùng cháy. Gợi ý dịch: "xin đừng nỗi giận cùng tôi, là đầy tớ ngài"

Vì ngài giống như Pha-ra-ôn

Giu-đa so sánh người với Pha-ra-ôn để nhấn mạnh quyền lực của người. Ông cũng ngụ ý rằng ông không muốn chúa tức giận và xử tử ông. Gợi ý dịch: "vì chúa có quyền chẳng khác gì Pha-ra-ôn và có thể ra lệnh cho quân lính giết tôi"

Chủ tôi có hỏi đầy tớ ngài rằng ‘Các ngươi còn cha hay là anh em nào không?’

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Chủ tôi hỏi chúng tôi có cha hay anh em không".

Chủ tôi hỏi đầy tớ ngài

Giu-đa gọi Giô-sép là “chủ tôi” và “ngài”. Ông cũng gọi mình các anh em mình là “đầy tớ ngài”.

Gợi ý dịch: "Ngài, là chúa tôi, hỏi chúng tôi, là đầy tớ ngài”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hoặc “Ngài hỏi chúng tôi”

Genesis 44:20

Thông Tin Tổng Quát:

Giu-đa tiếp tục thưa cùng Giô-sép

Và chúng tôi đã thưa cùng chúa tôi ‘Chúng tôi có một cha … cha thương nó lắm’.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dân khác. Có thể dịch thành lời tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Và chúng tôi thưa cùng chúa tôi rằng chúng tôi có một cha … cha thương nó lắm"

chúng tôi đã thưa cùng chúa tôi

Giu-đa gọi Giô-sép là “chủ tôi”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với một người có thẩm quyền hơn mình. Gợi ý dịch: "chúng tôi thưa cùng ngài, là chúa tôi"

cha thương nó lắm

Ở đây chỉ về tình yêu dành cho một người bạn hay thành viên trong gia đình.

Ngài có bảo các đầy tớ ngài: ‘Hãy đưa nó xuống gặp ta để ta thấy mặt’.

Đây là lời trích dẫn trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Và ngài có bảo các đầy tớ ngài rằng chúng tôi phải đưa em út chúng tôi xuống gặp ngài để ngài thấy mặt”.

Và ngài có bảo các đầy tớ ngài

Giu-đa tự xưng mình và các anh em mình là “đầy tớ ngài”. Gợi ý dịch: “Rồi ngài có bảo cùng chúng tôi, là các đầy tớ ngài”

Hãy đưa nó xuống gặp ta

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”. Gợi ý dịch: "Hãy đưa nó đến gặp ta"

Và chúng tôi cũng đã thưa với chúa tôi: ‘Đứa trẻ không thể … cha sẽ chết’.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Và chúng tôi cũng đã thưa với chúa tôi rằng đứa trẻ không thể … cha sẽ chết’

cha nó sẽ chết

Ngụ ý rằng cha họ sẽ buồn rầu mà chết.

Genesis 44:23

Thông Tin Tổng Quát:

Giu-đa tiếp tục thưa chuyện cùng Giô-sép

Và ngài lại nói cùng các đầy tớ Ngài ‘Nếu người em út không cùng xuống đây với các ngươi thì các ngươi sẽ không nhìn thấy mặt ta nữa’

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Và ngài lại nói cùng các đầy tớ Ngài rằng nếu người em út không đến đây cùng chúng tôi thì chúng tôi sẽ không gặp được ngài nữa"

Và ngài lại nói cùng các đầy tớ Ngài

Giu-đa gọi mình và các anh em mình là “đầy tớ Ngài”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với một người có thẩm quyền hơn mình. Gợi ý dịch: "Rồi ngài lại nói cùng chúng tôi, là các đầy tớ ngài"

Xuống … đi xuống

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”.

các ngươi sẽ không nhìn thấy mặt ta nữa

Từ “mặt” chỉ về toàn bộ con người. Gợi ý dịch: "các ngươi sẽ không gặp được ta nữa"

Xảy khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Chúng tôi đi lên cùng đầy tớ ngài là cha tôi

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”.

chúng tôi thuật lại cho người nghe những lời chúa tôi nói

Giu-đa gọi Giô-sép là “chúa tôi”. Từ “lời” chỉ về điều được nói ra. Gợi ý dịch: “chúng tôi thuật lại cùng người những điều ngài đã nói, thưa chúa tôi”

Sau đó, cha chúng tôi bảo ‘Hãy trở xuống mua về cho chúng ta một ít lương thực’

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: ‘Sau đó, cha chúng tôi bảo chúng tôi trở xuống Ai Cập để mua lương thực cho chúng tôi cùng gia đình chúng tôi’

Chúng tôi thưa: ‘Chúng con không thể xuống đó được. Nếu em út … cùng chúng con’.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: “Chúng tôi thưa cùng người rằng chúng tôi không thể xuống Ai Cập được. Chúng tôi nói rằng nếu em út đi cùng chúng tôi … cùng chúng tôi”

Thấy mặt người

Từ “mặt” ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "gặp người"

Genesis 44:27

Thông Tin Tổng Quát:

Giu-đa tiếp tục thưa chuyện cùng Giô-sép

nói với chúng tôi: ‘Các con biết rằng vợ ta sinh cho ta hai đứa con trai. Một đứa đã đi mất biệt và ta cũng đã nói “Chắc nó đã bị thú dữ xé xác rồi, và kể từ đó ta vẫn chưa thấy lại nó”. Nếu các con còn đem đứa nầy đi xa ta nữa và tai họa xảy đến cho nó, thì các con làm cho kẻ đầu bạc nầy đau lòng xót dạ mà xuống âm phủ

Ở đây có câu trích dẫn kép và trích dẫn ba. Có thể dịch chúng ở dạng tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "nói với chúng tôi rằng chúng tôi biết vợ người, là Ra-chên, chỉ sinh cho người hai đứa con trai, mà một đứa đã đi mất biệt và nó đã bị thú dữ xé xác rồi, và kể từ đó người vẫn chưa thấy lại nó”. Rồi người nói rằng nếu chúng tôi còn đem đứa kia đi nữa và nó gặp phải tai họa, thì chúng tôi sẽ làm cho người đau buồn mà chết”

nói với chúng tôi

Từ “chúng tôi” ở đây không bao gồm Giô-sép.

Các con biết

Từ “các con” ở đây ở dạng số nhiều và chỉ về các anh.

nó đã bị xé xác rồi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "thú dữ đã xé xác nó rồi"

Tại họa xảy đến cho nó

Điều tồi tệ xảy ra cho một người được nói như thể “tai họa” là thứ có thể di chuyển được và đến với người đó.

các con làm cho kẻ đầu bạc nầy đau lòng xót dạ mà xuống âm phủ

“Làm cho … xuống âm phủ” là cách nói rằng họ sẽ khiến ông chết và xuống âm phủ. Ông dùng từ “xuống” vì người ta tin rằng âm phủ là một nơi nằm dưới lòng đất. Gợi ý dịch: "thì các con sẽ khiến ta, kẻ già cả này, đau buồn mà chết"

kẻ đầu bạc

Từ này chỉ về Gia-cốp và nhấn mạnh đến tuổi già của ông. Gợi ý dịch: "ta, kẻ già cả này"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 44:30

Bây giờ

Từ “bây giờ” không có nghĩa là “tại thời điểm này”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Vậy nên, khi tôi đến ... đau lòng xót dạ mà xuống âm phủ

Giu-đa đang mô tả cho Giô-sép một trường hợp thực tế nhưng theo giả thuyết về điều ông nghĩ sẽ xảy ra cho Gia-cốp khi ông trở về mà không có Bên-gia-min.

Khi tôi đến cùng đầy tớ ngài

Từ “đến” ở đây có thể dịch là “đi đến” hoặc “trở về”.

Thằng bé không đi cùng chúng tôi

"đứa bé không đi cùng chúng tôi"

Vì sự sống của người ràng buộc với mạng sống của thằng bé

Người cha nói rằng ông sẽ chết nếu con trai ông chết, như thể sự sống của họ ràng buộc với nhau theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "vì người nói rằng người sẽ chết nếu thằng bé không trở về"

Vậy

Giu-đa đang nói về một trường hợp giả định trong tương lai như thể nó chắc chắn sẽ xảy ra.

các đầy tớ ngài sẽ làm cho cha già tóc bạc của chúng tôi, cũng là đầy tớ ngài, đau lòng xót dạ mà xuống âm phủ

“Làm cho ... xuống âm phủ” là cách nói họ sẽ khiến cho ông chết và xuống âm phủ. Ông dùng từ “xuống” vì người ta thường tin rằng âm phủ là một nơi nằm dưới lòng đất. Gợi ý dịch: "Và chúng tôi sẽ khiến cho cha già chúng tôi buồn rầu mà chết"

Và các đầy tớ ngài

Giu-đa gọi mình và các anh em mình là “các đầy tớ ngài”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn mình. Gợi ý dịch: "Và chúng tôi, là các đầy tớ ngài” hoặc “và chúng tôi”.

cha già tóc bạc của chúng tôi, cũng là đầy tớ ngài

Từ “tóc bạc” chỉ về Gia-cốp và nhấn mạnh đến tuổi già của ông. Gợi ý dịch: "cha già của chúng tôi"

Kẻ đầy tớ ngài đã đứng làm người bảo lãnh cho thằng bé với cha tôi

Danh từ trừu tượng “người bảo lãnh” có thể được dịch thành động từ “hứa”. Gợi ý dịch: "Vì tôi đã hứa cùng cha tôi về thằng bé"

Vì đầy tớ ngài

Giu-đa gọi mình là “đầy tớ ngài”. Gợi ý dịch: "Vì tôi, là đầy tớ ngài" hoặc "vì tôi"

Thì tôi sẽ mang tội cùng cha

Bị xem là có tội được nói như thể “tội” là một vật mà người ta có thể mang lên được. Gợi ý dịch: "thì cha tôi sẽ trách tội tôi"

Genesis 44:33

Bây giờ

Từ này không có nghĩa là “tại thời điểm này”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Xin cho đầy tớ ngài

Giu-đa gọi mình là “đầy tớ ngài”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn mình. Gợi ý dịch: "xin cho tôi, đầy tớ ngài" hoặc "xin cho tôi"

Cho chúa tôi

Giu-đa gọi Giô-sép là “chúa tôi”. Gợi ý dịch: "cho ngài, là chúa tôi" hoặc "cho ngài"

cho thằng bé đi lên

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là đi lên.

Vì làm sao tôi có thể đi lên cùng cha tôi nếu không có thằng bé đi cùng?

Giu-đa dùng một câu hỏi để nhấn mạnh nỗi đau buồn của ông nếu Bên-gia-min không trở về. Gợi ý dịch: "Tôi không thể trở về cùng cha nếu không có thằng bé đi cùng."

Tôi sợ phải chứng kiến điều bất hạnh giáng xuống trên cha tôi

Một người phải chịu khốn khổ được nói như thể “điều bất hạnh” là một thứ có thể giáng trên một người. Gợi ý dịch: "Tôi sợ phải chứng kiến cha tôi sẽ phải đau khổ dường nào"

Translation Questions

Genesis 44:1

Giô-sép bảo người quản gia làm gì với những bao lương thực của các anh em trước khi họ đi?

Giô-sép bảo người quản gia đổ đầy lương thực vào bao của các anh em, cũng để lại tiền của họ vào bao và để cái chén bạc của ông vào bao của người em út.

Genesis 44:2

Giô-sép bảo người quản gia làm gì với những bao lương thực của các anh em trước khi họ đi?

Giô-sép bảo người quản gia đổ đầy lương thực vào bao của các anh em, cũng để lại tiền của họ vào bao và để cái chén bạc của ông vào bao của người em út.

Genesis 44:4

Giô-sép bảo người quản gia nói thế nào với các anh em khi bắt kịp họ ở ngoài thành?

Giô-sép bảo người quản gia hỏi rằng vì sao họ lấy oán trả ơn và buộc tội họ đã lấy cái chén của Giô-sép.

Genesis 44:5

Giô-sép bảo người quản gia nói thế nào với các anh em khi bắt kịp họ ở ngoài thành?

Giô-sép bảo người quản gia hỏi rằng vì sao họ lấy oán trả ơn và buộc tội họ đã lấy cái chén của Giô-sép.

Genesis 44:9

Các anh em thề họ sẽ làm gì nếu người nào trong số họ lấy cắp chén của Giô-sép?

Các anh em nói rằng cái chén được tìm thấy nơi người nào thì người đó phải chết và những người còn lại sẽ làm nô lệ.

Genesis 44:10

Người quản gia đưa ra trừng phạt nào nếu họ đã lấy cắp cái chén?

Người quản gia nói rằng cái chèn tìm thấy nơi người nào thì người đó phải làm nô lệ còn những người khác vô tội.

Genesis 44:12

Người quản gia tìm được kết quả thế nào và các anh em phản ứng ra sao?

Người quản gia tìm thấy chén trong bao của Bên-gia-min, các anh em xé áo mình.

Genesis 44:13

Người quản gia tìm được kết quả thế nào và các anh em phản ứng ra sao?

Người quản gia tìm thấy chén trong bao của Bên-gia-min, các anh em xé áo mình.

Genesis 44:14

Các anh em làm gì khi trở lại nhà Giô-sép?

Các anh em sấp mình xuống đất trước mặt Giô-sép.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 44:16
Giu-đa nói ai đã vạch ra tội lỗi của các anh em?
Giu-đa nói Đức Chúa Trời đã vạch ra tội lỗi của họ.
Giu-đa nói bây giờ tất cả các anh em sẽ làm gì?
Giu-đa nói bây giờ tất cả các anh em sẽ làm nô lệ cho Giô-sép.
Genesis 44:17
Giô-sép đưa ra hình phạt thế nào cho các anh em?
Giô-sép nói rằng cái chén nơi tay người nào thì người đó làm nô lệ cho ông còn những người khác có thể đi bình an.
Genesis 44:20
Giu-đa cho biết lí do vì sao cha mình yêu thương người em út?
Giu-đa nói rằng người em út là con muộn của cha và là đứa con duy nhất còn lại của mẹ nó.
Genesis 44:22
Các anh em lo lắng điều gì sẽ xảy ra cho cha mình nếu mất người con út?
Các anh em lo lắng rằng cha họ sẽ chết nếu mất người con út.
Genesis 44:23
Giu-đa nói vì sao các anh em buộc phải đem theo Bên-gia-min đến Ai Cập?
Giu-đa nói họ buộc phải đem theo Bên-gia-min vì Giô-sép có nói rằng họ sẽ không thấy mặt Giô-sép nữa nếu người em út không đến.
Genesis 44:26
Giu-đa nói vì sao các anh em buộc phải đem theo Bên-gia-min đến Ai Cập?
Giu-đa nói họ buộc phải đem theo Bên-gia-min vì Giô-sép có nói rằng họ sẽ không thấy mặt Giô-sép nữa nếu người em út không đến.
Genesis 44:28
Y-sơ-ra-ên nghĩ điều gì đã xảy ra cho Giô-sép?
Y-sơ-ra-ên nghĩ rằng Giô-sép chắc chắn đã bị xé xác.
Genesis 44:29
Y-sơ-ra-ên nói ông sẽ thế nào nếu mất Bên-gia-min?
Y-sơ-ra-ên nói rằng các anh em sẽ làm cho ông đầu bạc đau buồn xuống âm phủ.
Genesis 44:31
Giu-đa nói cha ông sẽ thế nào nếu họ về mà không có Bên-gia-min?
Giu-đa nói rằng cha ông sẽ chết.
Genesis 44:32
Giu-đa nói ông đã đứng ra bảo lãnh thế nào cho Bên-gia-min?
Giu-đa nói rằng nếu ông không đưa Bên-gia-min trở về cho cha thì ông sẽ mang tội suốt đời.
Genesis 44:33
Giu-đa xin Giô-sép làm gì để Bên-gia-min được trở về cùng cha?
Giu-đa xin Giô-sép để ông làm nô lệ, cho Bên-gia-min trở về cùng cha.

Chapter 45
Genesis 45:1
Không thể cầm lòng
Có nghĩa là ông không thể kiểm soát được cảm xúc của mình. Có thể dịch ở dạng câu khẳng định. Gợi ý dịch: "sắp bật khóc"
Chung quanh ông
"gần ông"
Nhà của Pha-ra-ôn
Từ “nhà” ở đây chỉ về những người trong cung của Pha-ra-ôn. Gợi ý dịch: "mọi người trong cung Pha-ra-ôn"
Sững sốt trước mặt ông
"sợ hãi ông"
Genesis 45:4
Người mà các anh đã bán sang Ai Cập
Có thể nói rõ ý nghĩa của câu. Gợi ý dịch: "người mà các anh đã bán làm nô lệ cho người lái buôn và họ đem tôi đến Ai Cập"
đừng đau buồn
"đừng buồn rầu" hay "đừng sầu não"
vì đã bán tôi sang đây
Có thể nói rõ nghĩa của câu. Gợi ý dịch: "vì các anh đã bán tôi làm nô lệ và đưa tôi sang Ai Cập này"
bảo tồn sự sống
Từ “sự sống” ở đây chỉ về những người được Giô-sép cứu sống trong suốt nạn đói. Gợi ý dịch: "để tôi có thể cứu nhiều người"
sẽ còn năm năm không cày cấy, không gặt hái
"Còn năm năm nữa không có gieo trồng hay gặt hái". “Không cày cấy, không gặt hái” nói về việc mùa màng sẽ không phát triển vì nạn đói. Gợi ý dịch: "và nạn đói sẽ kéo dài năm năm nữa"
Genesis 45:7
duy trì cho các anh một dòng dõi trên đất
"để các anh và gia đình các anh không bị tuyệt diệt khỏi đất" hoặc "để đảm bảo cho dòng dõi các anh sống sót" (UDB)
cứu mạng sống các anh bằng một cuộc giải cứu vĩ đại
Danh từ trừu tượng “cuộc giải cứu” có thể dịch là “giải cứu”. Gợi ý dịch: "để giữ cho các anh sống sót bằng cách giải cứu các anh một cách quyền năng".
Ngài lập tôi làm cha Pha-ra-ôn
Việc Giô-sép cố vấn và giúp đỡ Pha-ra-ôn được nói như thể Giô-sép là cha của Pha-ra-ôn. Gợi ý dịch: “Ngài đã lập tôi làm người hướng dẫn cho Pha-ra-ôn” hoặc ‘Ngài đã lập tôi làm quân sư cho Pha-ra-ôn”
Của cả nhà người
“Nhà” ở đây chỉ về những người sống trong cung của Pha-ra-ôn. Gợi ý dịch: "cả gia đình người” hoặc “cả cung điện người”
Người cai trị cả xứ Ai Cập
Từ “xứ” ở đây chỉ về người dân. Gợi ý dịch: "người cai trị toàn dân Ai Cập"
Người cai trị
Ở đây Giô-sép muốn nói ông là người cai trị ở vị trí thứ hai sau Pha-ra-ôn, vua Ai Cập. Có thể làm rõ ý này.
Genesis 45:9
Đi lên gặp cha tôi
Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”. Gợi ý dịch: "đi về gặp cha tôi"
nói với người rằng ‘Giô-sép, con của cha, nói nhu vầy: “Đức Chúa Trời đã ... mọi thứ cha có
Đây là lời trích dẫn ba tầng. Có thể được đơn giản thành hai tầng. Gợi ý dịch: "hãy nói cùng người rằng tôi nói như vầy: ‘Đức Chúa Trời đã ... mọi thứ cha có"
Hãy xuống đây với con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”. Gợi ý dịch: "Hãy đến đây với con"

Đến chỗ đói khát

Câu này nói về sự “đói khát” như một điểm đến. Gợi ý dịch: "hao mòn" hoặc "chết đói"

Genesis 45:12

Chính mắt các anh và mắt của của Bên-gia-min em tôi thấy

Từ “mắt” chỉ về toàn bộ người đó. Gợi ý dịch: "Tất cả các anh và Bên-gia-min có thể thấy"

Chính miệng tôi nói chuyện với anh em

Từ “miệng” chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: “rằng tôi, Giô-sép, đang nói chuyện với anh em”.

Về mọi vinh quang của tôi tại Ai Cập

"người dân ở Ai Cập nể trọng tôi dường nào"

cha tôi xuống đây

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”. Gợi ý dịch: "cha tôi đến đây cùng tôi"

Genesis 45:14

Người ôm lấy cổ Bên-gia-min, em mình, mà khóc; Bên-gia-min cũng ôm cổ người mà khóc

"Giô-sép ôm lấy anh mình là Bên-gia-min và họ đều khóc"

Ông hôn tất cả các anh mình

Ở Trung Đông thời xưa, người ta thường chào người thân bằng một cái hôn. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách chào thăm trìu mến dành cho người thân thì hãy sử dùng cách đó. Nếu không, hãy dùng cách dịch nào cho thích hợp.

khóc với họ

Có nghĩa là Giô-sép vừa khóc vừa hôn họ.

Sau đó, các anh em trò chuyện với ông

Trước đó họ quá sợ hãi nên không thể nói gì. Bây giờ họ đã cảm thấy có thể tự do trò chuyện. Có thể dịch rõ nghĩa của câu. Gợi ý dịch: "Sau đó các anh em tự do trò chuyện cùng ông"

Genesis 45:16

Tin tức truyền đến nhà Pha-ra-ôn: “Anh em Giô-sép đã đến”

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Mọi người trong cung Pha-ra-ôn nghe tin rằng các anh em Giô-sép đã đến”

Nhà Pha-ra-ôn

Chỉ về cung của Pha-ra-ôn.

Hãy bảo anh em ngươi: ‘Hãy làm điều nầy: ‘Hãy chất đồ lên lừa và trở về xứ Ca-na-an rước cha và gia đình của các ngươi xuống ở với ta. Ta sẽ ban cho các ngươi phần tốt nhất trong xứ Ai Cập, và các ngươi sẽ hưởng màu mỡ của đất.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Hãy bảo anh em ngươi chất đồ lên lừa, trở về xứ Ca-na-an rước cha và gia đình của các ngươi. Bảo họ xuống đây, ta sẽ ban cho họ phần đất tốt nhất trong xứ Ai Cập, và thức ăn chúng ta có"

Ta sẽ ban cho các ngươi phần tốt nhất trong xứ Ai Cập

"ta sẽ ban cho các ngươi phần đất tốt nhất trong xứ Ai Cập"

các ngươi sẽ hưởng màu mỡ của đất

Thức ăn tốt nhất của đất sinh ra được nói như thể nó là phần màu mỡ của đất. Gợi ý dịch: "các ngươi sẽ ăn thức ăn tốt nhất trong xứ"

Genesis 45:19

Thông Tin Tổng Quát:

Pha-ra-ôn tiếp tục dặn Giô-sép những điều phải thuật lại cho các anh em mình.

Bây giờ

Từ này không có nghĩa là “tại thời điểm này”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Ngươi được truyền lệnh ‘hãy làm như vầy, Hãy đem xe từ Ai Cập về chở vợ con các ngươi. Hãy rước cha các ngươi xuống đây. Đừng lo về tài sản mình, vì những gì tốt nhất của xứ Ai Cập sẽ thuộc về các ngươi’

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Cũng hãy bảo họ đem xe từ Ai Cập về chở vợ con họ và rước cha họ xuống đây. Đừng lo mang theo tài sản mình, vì ta sẽ ban cho họ những điều tốt nhất ta có ở Ai Cập"

Người được truyền lệnh

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta cũng truyền cho ngươi bảo cùng họ" hoặc "cũng hãy bảo họ"

đem xe

"Xe" ở đây là những cổ xe hai hoặc bốn bánh có vật kéo đi.

Genesis 45:21

Và ban cho họ lương thực cần dùng cho chuyến đi

“và ban cho họ những gì họ cần cho chuyến đi"

Ông tặng mỗi người một bộ y phục

Mỗi người được một bộ y phục còn Bên-gia-min được 5 bộ.

ba trăm miếng

"300 miếng"

mười con lừa ... mười con lừa cái

Những con lừa này cũng là một phần trong số quà tặng.

Genesis 45:24

Đừng cãi nhau

Có thể là 1) “đừng tranh cãi” và 2) “đừng lo sợ”

Từ Ai Cập đi lên

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”.

Giô-sép cai trị toàn xứ Ai Cập

“Xứ Ai Cập” ở đây chỉ về người dân ở Ai Cập. Gợi ý dịch: "Giô-sép cai trị hết thảy dân Ai Cập"

Và lòng ông đầy kinh ngạc

Từ “lòng” ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "và ông đầy kinh ngạc" hoặc "ông rất sửng sốt"

ông không tin họ

"ông không chấp nhận điều họ nói là sự thật"

Genesis 45:27

Họ thuật lại cho ông

"Họ thuật lại cho Gia-cốp"

tất cả những lời Giô-sép đã nói với họ

Từ “lời” chỉ về những điều đã được nói ra. Gợi ý dịch: "mọi điều Giô-sép đã nói với họ"

Tinh thần của Gia-cốp, cha họ, mới phấn khởi trở lại

Từ "tinh thần” chỉ về toàn bộ con người đó. Gợi ý dịch: “Gia-cốp cha họ bình tĩnh lại” hoặc “Gia-cốp cha họ trở nên rất phấn khởi”

Translation Questions

Genesis 45:1

Giô-sép làm gì khi tỏ mình cùng các anh mà những người Ai Cập cũng nghe thấy?

Giô-sép bật khóc lớn khi tỏ mình cùng các anh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 45:2
Giô-sép làm gì khi tỏ mình cùng các anh mà những người Ai Cập cũng nghe thấy?
Giô-sép bật khóc lớn khi tỏ mình cùng các anh.
Genesis 45:3
Các anh em phản ứng thế nào khi Giô-sép tỏ mình cùng họ?
Các anh em không đáp nên lời vì quá sửng sốt.
Genesis 45:7
Theo Giô-sép thì vì sao Đức Chúa Trời sai ông đến Ai Cập?
Đức Chúa Trời sai Giô-sép đến Ai Cập để bảo toàn mạng sống và gìn giữ gia đình ông còn sống trên đất.
Genesis 45:8
Đức Chúa Trời đã lập Giô-sép làm gì ở Ai Cập?
Đức Chúa Trời đã lập Giô-sép làm cha Pha-ra-ôn, làm chủ của nhà Pha-ra-ôn và cai trị toàn cõi Ai Cập.
Genesis 45:9
Giô-sép lên kế hoạch như thế nào để chăm sóc cho gia đình mình?
Giô-sép bảo gia đình mình đến sống trong đất Gô-sen, tại đó ông sẽ cấp dưỡng cho họ.
Genesis 45:11
Giô-sép lên kế hoạch như thế nào để chăm sóc cho gia đình mình?
Giô-sép bảo gia đình mình đến sống trong đất Gô-sen, tại đó ông sẽ cấp dưỡng cho họ.
Genesis 45:13
Giô-sép bảo các anh em mau chóng làm gì?
Giô-sép bảo các anh em mau chóng đưa cha đến Ai Cập.
Genesis 45:16
Pha-ra-ôn phản ứng thế nào khi nghe các anh em của Giô-sép đã đến Ai Cập?
Pha-ra-ôn rất vui, vua bảo Giô-sép nói các anh em đưa cha và gia đình của họ đến sống trong sự màu mỡ của Ai Cập.
Genesis 45:18
Pha-ra-ôn phản ứng thế nào khi nghe các anh em của Giô-sép đã đến Ai Cập?
Pha-ra-ôn rất vui, vua bảo Giô-sép nói các anh em đưa cha và gia đình của họ đến sống trong sự màu mỡ của Ai Cập.
Genesis 45:21
Ai được nhận thêm quà và đồ dự phòng cho chuyến đi?
Bên-gia-min được ba trăm miếng bạc và năm bộ quần áo, Y-sơ-ra-ên được hai mươi con lừa chở theo hàng hóa.
Genesis 45:23
Ai được nhận thêm quà và đồ dự phòng cho chuyến đi?
Bên-gia-min được ba trăm miếng bạc và năm bộ quần áo, Y-sơ-ra-ên được hai mươi con lừa chở theo hàng hóa.
Genesis 45:26
Y-sơ-ra-ên phản ứng thế nào khi nghe tin Giô-sép còn sống và là người cai trị toàn xứ Ai Cập?
Lòng Y-sơ-ra-ên sững sờ, không tin lời các anh em khi họ nói với ông.
Genesis 45:28
Y-sơ-ra-ên nói ông muốn làm gì trước khi qua đời?
Y-sơ-ra-ên nói ông muốn gặp Giô-sép trước khi qua đời.

Chapter 46
Genesis 46:1
Đi đến Bê-e Sê-ba
"Đến Bê-e Sê-ba"
Có con đây
"Dạ, con xin nghe"
Đi xuống Ai Cập
Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”.
Ta sẽ làm cho con trở nên một dân lớn
Từ “con” ở dạng số ít, chỉ về Gia-cốp. Từ “con” này cũng chỉ về dòng dõi của Y-sơ-ra-ên sẽ trở thành một dân lớn. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ban cho con thật nhiều con cháu, và họ sẽ trở thành một dân lớn"
Vào Ai-cập
"đến Ai-cập"
Chắc chắn ta sẽ đem con lên lại
Lời hứa được lập ra cùng Gia-cốp. Những lời hứa này sẽ được ứng nghiệm cho toàn bộ con cháu của Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: “Chắc chắc ta lại sẽ đem dòng dõi con ra khỏi Ai-cập”
đem con lên lại
Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”.
Chính tay Giô-sép sẽ vuốt mắt cho con
Cụm từ “chính tay … sẽ vuốt mắt” là một cách để nói rằng Giô-sép sẽ có mặt lúc Y-sơ-ra-ên qua đời và chính Giô-sép sẽ vuốt mắt Gia-cốp vào thời điểm ông qua đời. Gợi ý dịch: "Và Giô-sép sẽ ở đó với con khi con qua đời"
sẽ vuốt mắt cho con
Vuốt mắt khi một người đã chết còn mở mắt là một phong tục. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu.
Genesis 46:5
Lên từ
“ra khỏi”
Lên xe
"Xe" ở đây là những cổ xe hai hoặc bốn bánh có vật kéo đi. Xem cách đã dịch ở GEN 45:19.
Họ đã gây dựng
"họ đã kiếm được” (UDB) hoặc “họ đã thu được”
Người đem theo
"Gia-cốp đem theo"
con trai của các con trai mình
"các cháu trai mình"
Con gái của các con trai mình
"các cháu gái mình"
Genesis 46:8
Đây là tên
Nói đến tên của những người tác giả sắp liệt kê.
Các con của Y-sơ-ra-ên
"các thành viên gia đình của Y-sơ-ra-ên"
Hê-nóc, Pha-lu, Hết-rôn, Cạt-mi ... Giê-mu-ên, Gia-min, Ô-hát, Gia-kin, Xô-ha và Sau-lơ ... Ghẹt-sôn, Hê-hát và Mê-ra-ri
Đây đều là tên của những người nam.
Genesis 46:12
Ê-rơ, Ô-nan, Sê-la
Đây là các con trai của Giu-đa, sinh bởi Su-a, vợ ông. Xem cách đã dịch ở GEN 38:3-5.
Phê-rết và Xê-rách
Đây là những con trai của Giu-đa, sinh bởi con dâu của ông là Ta-ma. Xem cách đã dịch ở GEN 38:29-30.
Hết-rôn... Ma-mun … Thô-la, Phu-va, Gióp ... Sim-rôn ... Sê-rết, Ê-lôn … Gia-lê-ên
Đây đều là tên của những người nam.
Đi-na

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là tên các con gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở GEN 30:21.

Số con trai con gái của ông là ba mươi ba người

ba

Genesis 46:16

Xi-phi-ôn ... Ha-ghi, Su-ni ... Ét-bôn, Ê-ri, A-rô-đi ... A-rê-li ... Dim-na ... Dích-va, Dích-vi ... Bê-ri-a ... Hê-be ... Manh-ki-ên

Đây là tên của những người nam.

Sê-rách

Đây là tên của một người nữ.

Xinh-ba

Đây là tên người hầu gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở GEN 29:24.

Đây là những con trai nàng đã sinh cho Gia-cốp – tất cả là mười sáu người

Chỉ đến 16 người con, cháu và chắc có liên quan đến Xinh-ba.

Genesis 46:19

A-sê-na

"A-sê-na" là tên của người nữ mà Pha-ra-ôn đã gả cho Giô-sép làm vợ. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Phô-ti-phê-ra

"Phô-ti-phê-ra" là cha của A-sê-na. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Thầy tế lễ của thành Ôn

Ôn là một thành phố, còn được gọi là Heliopolis, có nghĩa là ‘Thành phố của Mặt trời’ và là trung tâm thờ phượng thần mặt trời, là thần Ra. Xem cách đã dịch [GEN 41:45]

Bê-la, Bê-ke, Ách-bên, Giê-ra, Na-a-man, Ê-hi, Rô-sơ, Mốp-bim, Húp-bim và Ác-rết

Đây là tên của những người nam.

tất cả là mười bốn người

Chỉ về 14 con trai và cháu trai có liên quan đến Ra-chên.

Genesis 46:23

Hu-sim... Giát-sê-ên, Gu-ni, Giê-xe... Si-lem

Đây là tên của những người nam.

Bi-la

Đây là tên người hầu gái của Ra-chên. Xem cách đã dịch ở GEN 29:29.

Tất cả là bảy người

Chỉ về 7 người con và cháu có liên quan đến Bi-la.

Genesis 46:26

Sáu mươi sáu

sáu

Bảy mươi

"70"

Genesis 46:28

Để chỉ đường vào Gô-sen

"để chỉ cho họ đường đến Gô-sen"

Giô-sép chuẩn bị xe và đi lên

Từ “Giô-sép” ở đây ý nói về các đầy tớ của ông. Gợi ý dịch: "Các đầy tớ của Giô-sép chuẩn bị xe cho ông và ông đi lên"

Đi lên Gô-sen đón Y-sơ-ra-ên

Cụm từ “đi lên” được dùng ở đây vì Giô-sép đi gặp cha ở một nơi cao hơn về địa lí. Gợi ý dịch: "đi đến gặp Y-sơ-ra-ên"

Ôm lấy cổ cha mà khóc một hồi lâu

"ôm choàng lấy cha mà khóc một hồi lâu"

Bây giờ hãy để cha chết

"Bây giờ cha sẵn sàng chết" hoặc "bây giờ cha đã vui lòng chết"

Vì cha đã thấy mặt con, thấy rằng con vẫn còn sống

Từ “mặt” ở đây chỉ về chính người đó. Gia-cốp bày tỏ niềm vui khi nhìn thấy Giô-sép. Gợi ý dịch: "vì ta đã thấy con còn sống"

Genesis 46:31

Nhà cha người

Từ “nhà” ở đây chỉ về gia đình của người. Gợi ý dịch: "gia đình của cha người" hoặc "nhà của cha người"

Tôi sẽ lên tâu cho Pha-ra-ôn

Đi gặp và thưa chuyện với một người có thẩm quyền hơn mình thường được gọi là “đi lên”. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ đi tâu cùng Pha-ra-ôn"

tâu cho Pha-ra-ôn hay rằng: ‘Anh em ... tất cả những thứ họ có’.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "tâu cho Pha-ra-ôn hay rằng anh em ... tất cả những thứ họ có"

Genesis 46:33

Xảy khi It will come about

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng sắp diễn ra trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

và hỏi: ‘Các ngươi làm nghề gì? thì hãy tâu

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "và hỏi các anh làm nghề gì? thì các anh hãy tâu"

thì hãy tâu: ‘các đầy tớ vua ... cả chúng tôi và tổ tiên chúng tôi'

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: " thì các anh hãy tâu rằng các anh ... cả các anh và tổ tiên mình"

các đầy tớ vua

Gia đình của Giô-sép gọi mình là “các đầy tớ vua” khi thưa chuyện cùng Pha-ra-ôn. Đây là cách trang trọng để xưng hô với một người có thẩm quyền hơn mình. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: "Chúng tôi, các đầy tớ vua"

Người chăn chiên là một đối tượng đáng ghê tởm đối với người Ai-cập

Danh từ trừu tượng “đối tượng đáng ghê tởm” có thể dịch thành tính từ “đáng ghê tởm”. Gợi ý dịch: "Người Ai Cập cho những người chăn chiên là đáng ghê tởm"

Translation Questions

Genesis 46:1

Y-sơ-ra-ên làm gì ở Bê-e Sê-ba?

Y-sơ-ra-ên dâng tế lễ lên Đức Chúa Trời của Y-sác, cha mình.

Genesis 46:3

Đức Chúa Trời hứa với Y-sơ-ra-ên điều gì ở Bê-e Sê-ba? Bê What promises did God make to Israel in Beersheba?

Đức Chúa Trời hứa sẽ làm cho ông trở nên một dân lớn, Ngài sẽ đi cùng ông xuống Ai Cập, cũng sẽ đem ông ra khỏi đó và Giô-sép sẽ vuốt mắt cho ông.

Genesis 46:4

Đức Chúa Trời hứa với Y-sơ-ra-ên điều gì ở Bê-e Sê-ba? Bê What promises did God make to Israel in Beersheba?

Đức Chúa Trời hứa sẽ làm cho ông trở nên một dân lớn, Ngài sẽ đi cùng ông xuống Ai Cập, cũng sẽ đem ông ra khỏi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đó và Giô-sép sẽ vuốt mắt cho ông.
Genesis 46:5
Ai đi đến Ai Cập cùng với Y-sơ-ra-ên?
Y-sơ-ra-ên và hết thảy dòng dõi của ông cùng đi với ông đến Ai Cập.
Genesis 46:7
Ai đi đến Ai Cập cùng với Y-sơ-ra-ên?
Y-sơ-ra-ên và hết thảy dòng dõi của ông cùng đi với ông đến Ai Cập.
Genesis 46:12
Hai con trai nào của Giu-đa đã chết tại xứ Ca-na-an?
Ê-rơ và Ô-nan đã chết tại xứ Ca-na-an.
Genesis 46:27
Tổng cộng gia đình Gia-cốp có bao nhiêu người đi đến Ai Cập?
Tổng cộng gia đình Gia-cốp có bảy mươi người đi đến Ai Cập.
Genesis 46:29
Giô-sép đã làm gì để gặp cha mình?
Giô-sép thắng xe đi gặp Y-sơ-ra-ên, cha mình ở Gô-sen.
Giô-sép làm gì khi thấy cha mình?
Giô-sép ôm choàng lấy cổ cha mà khóc một hồi lâu.
Genesis 46:34
Giô-sép dặn các anh em thưa gì với Pha-ra-ôn về nghề nghiệp của họ?
Các anh em được dặn phải thưa cùng Pha-ra-ôn rằng họ chăn nuôi súc vật từ thuở bé.

Chapter 47
Genesis 47:1
Ông chọn năm người trong số các anh em
Bản dịch UDB ghi lại những sự kiện này theo niên đại của Pha-ra-ôn, còn bản dịch ULB liệt kê những sự kiện này theo trình tự tác giả đã viết.
Genesis 47:3
Các đầy tớ bệ hạ là kẻ chăn chiên
"Các đầy tớ bệ hạ chăn những bầy chiên"
Các đầy tớ bệ hạ
Các anh của Giô-sép gọi mình là “các đầy tớ bệ hạ”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn mình. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: "Chúng tôi, là các đầy tớ của bệ hạ" hoặc "chúng tôi"
như tổ tiên chúng tôi
"cả chúng tôi và tổ tiên chúng tôi" hoặc "cả chúng tôi và tổ phụ chúng tôi"
Chúng tôi đến tạm trú trong đất nầy
"Chúng tôi đến kiều ngụ ở Ai Cập ít lâu"
Không có đồng cỏ
"Không có cỏ để ăn"
Bây giờ
Từ này không có nghĩa là “tại thời điểm này”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.
Genesis 47:5
Xứ Ai Cập ở trước mặt ngươi
"Xứ Ai Cập mở rộng cho người" hoặc "Cả xứ Ai Cập sẵn dành cho người"
Hãy cho cha và anh em ngươi ở nơi tốt nhất, là đất Gô-sen.
"Hãy cho cha và anh em ngươi ở đất Gô-sen, là nơi tốt nhất"
Nếu ngươi biết ai có tài trong số họ
Ngụ ý rằng họ có khả năng chăn nuôi súc vật. Gợi ý dịch: "Nếu ngươi biết người nào trong số họ chăn nuôi súc vật giỏi"
Genesis 47:7
Gia-cốp chúc phước cho Pha-ra-ôn
Từ “chúc phước” ở đây có nghĩa là bày tỏ mong muốn những điều tốt lành và ích lợi sẽ xảy đến cho người đó.
Cụ sống được bao lâu rồi?
"Cụ được bao nhiêu tuổi rồi?"
Những năm phiêu bạt của tôi là một trăm ba mươi năm
Cụm từ “những năm phiêu bạt của tôi” chỉ về khoảng thời gian ông sống trên đất đi từ nơi nầy đến nơi kia. Gợi ý dịch: "Tôi đã phiêu bạt trên đất 130 năm"
Những năm tháng đời tôi ngắn ngủi ... không sánh bằng cuộc đời phiêu bạt của tổ phụ tôi
Gia-cốp muốn nói cuộc đời ông ngắn ngủi so với cuộc đời của Áp-ra-ham và Y-sác.
và khổ cực
Gia-cốp đã trải qua rất nhiều đau khổ và phiền muộn trong đời.
Genesis 47:11
Sau đó Giô-sép cho cha và các anh ở
"Sau đó Giô-sép chăm lo cho cha và các anh, giúp xây dựng nơi họ sẽ ở"
Đất Ram-se
Đây là tên gọi khác của đất Gô-sen.
Tùy theo số người phụ thuộc của họ
Từ “người phụ thuộc” ở đây chỉ về những đứa trẻ nhỏ trong gia đình. Gợi ý dịch: "tùy theo số trẻ nhỏ trong gia đình họ"
Genesis 47:13
Bấy giờ
Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắt quãng trong mạch truyện chính. Ở đây tác giả bắt đầu nói về một phần mới của câu chuyện.
Đất Ai-cập và đất Ca-na-an
Chỉ về những người dân sống trong những vùng đất này. Gợi ý dịch: “Người dân Ai-cập và Ca-na-an”
Kiệt quệ
"gầy mòn và ốm yếu"
Giô-sép thu tất cả số tiền bạc trong xứ Ai Cập và Ca-na-an khi bán lúa cho dân chúng
"Dân Ai Cập và Ca-na-an tiêu hết tiền của để mua lúa từ Giô-sép"
Giô-sép thu ... Giô-sép đưa
Có lẽ là Giô-sép ra lệnh cho người hầu của mình thu tiền và đưa đi.
Genesis 47:15
Khi tất cả tiền bạc trong xứ Ai Cập và Ca-na-an đã hết
Từ “xứ” ở đây chỉ về những người sống trong xứ. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Khi người dân Ai Cập và Ca-na-an đã dùng hết tiền bạc của mình"
trong xứ Ai-cập và Ca-na-an
“từ xứ Ai-cập và từ xứ Ca-na-an”
Vì sao chúng tôi phải chết trước mặt ngài vì chúng tôi đã hết sạch tiền?
Người dân dùng một câu hỏi để nhấn mạnh họ đã tuyệt vọng thế nào để mua lương thực. Có thể dịch câu hỏi này thành cầu khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin đừng để chúng tôi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phải chết vì đã hết sạch tiền!"
ông cấp bánh cho họ
Từ “bánh” ở đây chỉ về thức ăn nói chung.
Gợi ý dịch: "Ông cấp thức ăn cho họ"
Genesis 47:18
Họ đến cùng ông
"dân chúng đến cùng Giô-sép"
Chúng tôi không giấu gì chúa
Dân chúng gọi Giô-sép là “chúa”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn mình. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Chúng không giấu gì ngài, thưa chúa” hoặc “chúng tôi không giấu gì ngài"
Chẳng còn gì trước mặt chúa
Từ “mặt” ở đây chỉ về chính Giô-sép. Gợi ý dịch: "Chúng tôi không còn gì để đưa cho ngài, thưa chúa"
Vì sao chúng tôi phải chết trước mắt ngài, cả chúng tôi và đất ruộng của chúng tôi?
Từ “mắt” chỉ về sự chứng kiến của Giô-sép. Dân chúng dùng một câu hỏi để nhất mạnh họ tuyệt vọng thế nào để mua được lương thực. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin đừng đứng nhìn chúng tôi chết và đất chúng tôi hoang vu!"
Vì sao chúng tôi phải chết ... cả chúng tôi và đất ruộng của chúng tôi
Đất đai trở nên hư hoại và vô dụng vì không có hạt giống để gieo trồng, vì thế nó được nói như thể nó sẽ chết.
Genesis 47:20
Như vậy, đất đai thuộc về Pha-ra-ôn
"Vì thế đất đai trở thành của Pha-ra-ôn"
Chỉ có đất của các thầy tế lễ thì Giô-sép không mua
“Nhưng ông không mua đất của các thầy tế lễ”
Các thầy tế lễ được ban cho một phần trợ cấp
“Phần trợ cấp” ở đây là một khoản tiền hoặc thức ăn mà một người thường cho một người khác. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Pha-ra-ôn đã cấp một lượng thức ăn hằng ngày nhất định cho các thầy tế lễ”
Họ ăn phần lương thực mà Pha-ra-ôn đã cấp cho mình
“Họ ăn những gì Pha-ra-ôn cấp cho mình”
Genesis 47:23
Và các ngươi sẽ trồng
“để các ngươi gieo”
Đến mùa gặt, các ngươi phải nộp cho Pha-ra-ôn một phần năm, và bốn phần kia là phần của các ngươi
“Một phần năm” là một số thập phân. Gợi ý dịch: "Vào mùa gặt các ngươi sẽ chia sản lượng thành năm phần. Các ngươi sẽ lấy một phần nộp cho Pha-ra-ôn và bốn phần kìa là của các ngươi"
Làm lương thực cho nhà các ngươi và con cái các ngươi
Có thể nói rõ ý của câu. Gợi ý dịch: "làm lương thực cho nhà các ngươi và lương thực cho con cái các ngươi"
Genesis 47:25
Nguyện chúng tôi được ơn trong mắt ngài.
Từ “mắt” ở đây chỉ về suy nghĩ và quan điểm. Gợi ý dịch: "Nguyện ngài vừa lòng về chúng tôi"
Được ơn
Tức là được ai đó ưng thuận.
Trong đất Ai-cập
“trên đất Ai-cập” hoặc ‘khắp xứ Ai-cập”
Cho đến ngày nay
Chỉ về thời điểm tác giả viết điều này.
Một phần năm
năm
Genesis 47:27
Họ sanh sản và thêm nhiều lên bội phần
Từ “thêm nhiều” giải thích họ “sanh sản” như thế nào. Gợi ý dịch: "Họ có rất nhiều con cái"
Sanh sản
“Sanh sản” ở đây có nghĩa là thịnh vượng hoặc sinh con cháu.
Mười bảy năm
"17 năm"
Những năm cuộc đời của Gia-cốp là một trăm bốn mươi bảy năm
Bảy năm
Genesis 47:29
Khi ngày Y-sơ-ra-ên qua đời đã gần
Câu này nói như thể thời gian có thể di chuyển được và đi đến một nơi nào đó. Gợi ý dịch: "Gần đến ngày Y-sơ-ra-ên qua đời"
Nếu bây giờ cha được ơn trước mặt con
Từ “mặt” ở đây chỉ về suy nghĩ và quan điểm. Gợi ý dịch: "Nếu cha được ơn với con" hoặc "Nếu cha được đẹp lòng con" (UDB)
Bây giờ
Từ này không có nghĩa là “tại thời điểm này”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.
Được ơn
Tức là được ai đó ưng thuận.
Hãy đặt tay con dưới đùi cha
Hành động này là dấu hiệu thể hiện một lời hứa nghiêm túc. Xem cách đã dịch ở [GEN 24:2]
Hãy tỏ cùng cha lòng thành tín và đáng tin cậy
Danh từ trừu tượng “lòng thành tín” và “đáng tin cậy” có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "hãy đối cùng cha cách thành tín và đáng tin cậy"
Xin đừng chôn ta tại Ai-cập
Từ “xin” thêm phần nhấn mạnh cho lời yêu cầu này.
Khi cha đã an giấc với tổ phụ mình
“An giấc” là cách nói lịch sự thay vì nói chết. Gợi ý dịch: "Khi cha chết và đoàn tụ cùng các thành viên gia đình đã chết trước cha"
Hãy thề với cha
“hãy hứa với cha” hoặc “hãy lập lời thề cùng cha”
Thề cùng người
“hứa với người” hoặc “lập lời thề cùng người”

Translation Questions

Genesis 47:3
Năm anh em của Giô-sép thưa cùng Pha-ra-ôn họ làm nghề gì?
Năm anh em thưa cùng Pha-ra-ôn họ làm nghề chăn chiên.
Genesis 47:4
Các anh nói họ cư ngụ thế nào trong đất Ai Cập?
Các anh nói họ tạm trú trong đất Ai Cập.
Genesis 47:6
Pha-ra-ôn bảo Giô-sép làm gì với gia đình của ông?
Pha-ra-ôn bảo Giô-sép cho gia đình ông cư ngụ ở nơi tốt nhất, tức là đất Gô-sen.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Genesis 47:7
Gia-cốp làm gì cho Pha-ra-ôn khi gặp vua và khi lui ra khỏi vua?
Gia-cốp chúc phước cho Pha-ra-ôn khi gặp vua và khi lui ra khỏi vua.
Genesis 47:9
Khi gặp mặt Pha-ra-ôn thì Gia-cốp đã sống được bao nhiêu năm?
Gia-cốp đã sống được một trăm ba mươi năm.
Gia-cốp nói cuộc đời ông như thế nào so với các tổ phụ ông?
Gia-cốp nói cuộc đời ông không được trường thọ như các tổ phụ của ông?
Genesis 47:10
Gia-cốp làm gì cho Pha-ra-ôn khi gặp vua và khi lui ra khỏi vua?
Gia-cốp chúc phước cho Pha-ra-ôn khi gặp vua và khi lui ra khỏi vua.
Genesis 47:14
Giô-sép làm gì trong khi bán lương thực?
Giô-sép thu tất cả số tiền bạc trong xứ Ai Cập và Ca-na-an.
Genesis 47:16
Sau đó Giô-sép làm gì khi trao đổi lương thực cho người Ai Cập?
Giô-sép đổi lấy tất cả các bầy súc vật của người Ai Cập.
Genesis 47:17
Sau đó Giô-sép làm gì khi trao đổi lương thực cho người Ai Cập?
Giô-sép đổi lấy tất cả các bầy súc vật của người Ai Cập.
Genesis 47:18
Sau khi tiền bạc và súc vật đã nộp cho Pha-ra-ôn để đổi lương thực hết rồi thì người Ai Cập đề nghị đổi thứ gì với Pha-ra-ôn để lấy lương thực?
Dân Ai Cập đề nghị đổi ruộng đất và chính họ làm nô lệ cho Pha-ra-ôn để lấy thêm lương thực.
Genesis 47:19
Sau khi tiền bạc và súc vật đã nộp cho Pha-ra-ôn để đổi lương thực hết rồi thì người Ai Cập đề nghị đổi thứ gì với Pha-ra-ôn để lấy lương thực?
Dân Ai Cập đề nghị đổi ruộng đất và chính họ làm nô lệ cho Pha-ra-ôn để lấy thêm lương thực.
Genesis 47:24
Giô-sép yêu cầu phải nộp bao nhiêu phần mùa gặt cho Pha-ra-ôn?
Giô-sép yêu cầu phải nộp một phần năm mùa gặt cho Pha-ra-ôn.
Genesis 47:27
Dân Y-sơ-ra-ên thịnh vượng trong đất Ai Cập như thế nào?
Dân Y-sơ-ra-ên gây được cơ nghiệp tại đất Ai Cập và họ sinh sôi nẩy nở nhanh chóng.
Genesis 47:28
Gia-cốp qua đời lúc bao nhiêu tuổi?
Gia-cốp qua đời lúc một trăm bốn mươi bảy tuổi.
Genesis 47:30
Y-sơ-ra-ên bảo Giô-sép thề sẽ làm gì?
Y-sơ-ra-ên bảo Giô-sép thề ông sẽ an táng Y-sơ-ra-ên tại mộ địa của các tổ phụ.

Chapter 48
Genesis 48:1
Xảy khi
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện.
Một người báo cho Giô-sép
“có người báo với Giô-sép”
Kìa, cha ngài
"Này, cha ngài". Từ “kìa” được dùng để thu hút sự chú ý của Giô-sép.
Vì thế ông đem
"Vì thế Giô-sép đem"
Khi Gia-cốp được báo tin
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Khi có người báo cho Gia-cốp"
Con trai ông là Giô-sép đến thăm ông
"Con trai ông là Giô-sép đã đến cùng ông"
Y-sơ-ra-ên gượng sức ngồi dậy trên giường
Tác giả nói về việc Y-sơ-ra-ên gắng gượng ngồi dậy trên giường như thể ông đang dồn “sức” như người ta thu gọp vật gì đó. Gợi ý dịch: "Y-sơ-ra-ên gắng hết sức ngồi dậy trên giường" hoặc "Y-sơ-ra-ên gắng gượng ngồi dậy trên giường"
Genesis 48:3
Lu-xơ
Đây là tên của một thành phố. Xem cách đã dịch ở [GEN 28:19]
Trong đất Ca-na-an. Ngài đã ban phước cho cha và phán cùng cha.
Cụm từ này có thể được dịch thành một câu mới với bắt đầu khác. Gợi ý dịch: “trong đất Ca-na-an, và Ngài chúc phước cho ta. Rồi Ngài phán cùng ta”
Ban phước
Chỉ về việc Đức Chúa Trời đưa ra lời chúc phước trang trọng cho một ai đó.
và phán với cha ‘Nầy, ta sẽ làm cho con sanh sản và thêm nhiều. Ta sẽ khiến con thành một hội dân. Ta sẽ cho dòng dõi con xứ nầy làm cơ nghiệp đời đời'
Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "và phán với cha rằng Ngài sẽ làm cho cha sanh sản và thêm nhiều. Và Ngài phán Ngài sẽ khiến cha thành một hội dân, sẽ cho dòng dõi cha xứ nầy làm cơ nghiệp đời đời"
Nầy
Đức Chúa Trời dùng từ “nầy” để hướng sự chú ý của Gia-cốp vào điều Ngài sắp nói cùng ông.
ta sẽ làm cho con sanh sản và thêm nhiều
Cụm từ “thêm nhiều” giải thích Đức Chúa Trời sẽ khiến Gia-cốp “sinh sản” như thế nào. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ban cho con nhiều con cháu"
Ta sẽ khiến con thành một hội dân.
Từ “con” ở đây chỉ về Gia-cốp, nhưng đại diện cho dòng dõi của của Gia-cốp. Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến cho dòng dõi con thành nhiều dân tộc"
cơ nghiệp đời đời
"cơ nghiệp vĩnh viễn"
Genesis 48:5
Bây giờ
Từ này không có nghĩa là “tại thời điểm này”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.
Ép-ra-im và Ma-na-se sẽ thuộc về cha
Ép-ra-im và Ma-na-se mỗi người sẽ nhận được một phần đất cũng như các anh của Giô-sép.
Chúng sẽ được liệt kê dưới danh của các anh mình trong phần sản nghiệp của họ
Có thể là 1) các con còn lại của Giô-sép sẽ thừa hưởng phần đất theo chi phái Ép-ra-im và Ma-na-se hoặc 2) Giô-sép sẽ được cho phần đất riêng ngoài đất của Ép-ra-im và Ma-na-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

se và những người con khác của Giô-sép sẽ thừa hưởng phần đất đó. Gợi ý dịch: “Như một phần cơ nghiệp cho chúng, chúng sẽ được liệt kê dưới danh của các anh mình”
Ép-ra-ta
Đây là một tên gọi khác của làng Bết-lê-hem. Xem cách đã dịch ở GEN 35:16.
(tức là Bết-lê-hem)
Tác giả đang đưa ra thông tin về bối cảnh.
Genesis 48:8
Những đứa này là ai?
“Những đứa này là con trai của ai?”
Chúc phước
Người cha thường đưa ra lời chúc phước trang trọng cho con hoặc cháu mình.
Bấy giờ mắt của Y-sơ-ra-ên ... không thể thấy đường
Từ “bấy giờ” đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin bối cảnh về Y-sơ-ra-ên.
Ông hôn chúng
"Y-sơ-ra-ên hôn chúng"
Genesis 48:11
thấy được mặt con nữa
Từ “mặt” ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "gặp lại con nữa"
Giữa hai đầu gối của Y-sơ-ra-ên
Khi Giô-sép đặt các con trai mình trong lòng hoặc trên gối của Y-sơ-ra-ên là dấu hiệu thể hiện Y-sơ-ra-ên nhận nuôi chúng. Điều này cho những đứa trẻ được quyền kế thừa đặc biệt từ Gia-cốp.
rồi ông sấp mặt xuống đất
Giô-sép cúi người thể hiện sự tôn kính đối với cha mình.
tay trái dắt Ma-na-se sang phía phải của cha
Giô-sép dắt những đứa bé như vậy để Y-sơ-ra-ên đặt tay phải lên Ma-na-se. Ma-na-se là anh cả và tay phải mang ý nghĩa là đứa trẻ đó sẽ nhận được phước lớn hơn.
Genesis 48:14
tay phải và đặt trên đầu Ép-ra-im
Đặt tay phải lên đầu Ép-ra-im là dấu hiệu thể hiện nó sẽ nhận được phước lớn hơn.
Y-sơ-ra-ên chúc phước cho Giô-sép
Ở đây “Giô-sép” cũng đại diện cho Ép-ra-im và Ma-na-se. Vì Giô-sép là cha nên chỉ có tên ông được nhắc đến ở đây.
Lạy Đức Chúa Trời mà tổ phụ của con là Áp-ra-ham và Y-sác đã bước đi
Thờ phượng Đức Chúa Trời được nói như là bước đi trước mặt Ngài. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời mà tổ phụ con là Áp-ra-ham và Y-sác đã thờ phượng.
Đấng đã chăm sóc con
Đức Chúa Trời đã chăm sóc Y-sơ-ra-ên như một người chăn coi sóc chiên mình. Gợi ý dịch: “Đấng đã chăm sóc con như người chăn coi sóc con vật của mình”
Thiên sứ
Có thể là 1) chỉ về thiên sứ mà Đức Chúa Trời đã sai đến bảo vệ Gia-cốp hoặc 2) chỉ về Đức Chúa Trời đã hiện ra trong hình thiên sứ để bảo vệ Gia-cốp.
Bảo vệ con
"giải cứu con"
Nguyện chúng được gọi bằng tên của tôi, và tên của tổ phụ tôi là Áp-ra-ham và Y-sác
“Tên” ở đây đại diện cho chính người đó. Cụm từ “chúng được gọi bằng tên của tôi” là thành ngữ mang ý nghĩa là một người được nhớ đến nhờ một người khác. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện người ta nhớ đến Áp-ra-ham, Y-sác và tôi nhờ Ép-ra-im và Ma-na-se"
Nguyện chúng gia tăng bội phần trên mặt đất
Từ “chúng” ở đây chỉ về Ép-ra-im và Ma-na-se nhưng nó cũng đại diên cho dòng dõi của họ. Gợi ý dịch: "Nguyện chúng có nhiều con cháu trên khắp đất"
Genesis 48:17
đặt tay phải của cha trên đầu nó
Tay phải là dấu hiệu cho phước lành lớn hơn, vốn được định sẽ ban cho đứa con cả.
Genesis 48:19
Nó cũng sẽ trở thành một dân tộc và nó cũng sẽ lớn mạnh
Từ “nó” ở đây chỉ về Ma-na-se nhưng đại diện cho dòng dõi của ông. Gợi ý dịch: "Con cả của con sẽ có nhiều con cháu, và chúng sẽ trở thành một dân tộc lớn mạnh"
Hôm đó với những lời này
Từ “lời” ở đây chỉ về những điều được nói ra. Gợi ý dịch: "ngày đó, rằng"
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ nhân danh các cháu mà chúc phước
"Dân Y-sơ-ra-ên sẽ gọi tên các cháu khi họ chúc phước cho người khác"
nhân danh các cháu mà nói rằng 'Cầu xin Đức Chúa Trời làm cho bạn được như Ép-ra-im và Ma-na-se'
Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "nhân danh các cháu. Họ sẽ cầu xin Đức Chúa Trời ban cho người khác được giống như Ép-ra-im và giống Ma-na-se"
như Ép-ra-im và Ma-na-se
Y-sơ-ra-ên gọi tên Ép-ra-im trước là một cách để thể hiện rằng Ép-ra-im sẽ lớn hơn Ma-na-se.
Y-sơ-ra-ên đặt Ép-ra-im trước Ma-na-se
Việc ban cho Ép-ra-im phước lành lớn hơn và trở nên quan trọng hơn Ma-na-se được nói như thể Y-sơ-ra-ên đặt Ép-ra-im đứng trước Ma-na-se theo nghĩa đen.
Genesis 48:21
Sẽ ở cùng các con ... đưa các con trở về ... tổ phụ của các con
Từ “các con” và “của các con” ở dạng số nhiều chỉ về toàn dân Y-sơ-ra-ên.
Sẽ ở cùng các con
Đây là thành ngữ có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ và ban phước cho Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ các con" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho các con"
đưa các con trở về
Từ “đưa” ở đây có thể được dịch là “đem”.
land of your fathers
"xứ của tổ phụ các con"
Còn con, là người được trội hơn các anh em con, cha cho con sườn núi
Có thể là 1) việc Giô-sép được kính trọng và có thẩm quyền hơn các anh được nói như thể ông ở trên họ theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "còn con, là người cao trọng hơn các anh em con, thì cha cho sườn núi" hoặc 2) Gia-cốp có ý muốn nói ông cho Giô-sép nhiều đất hơn các anh của Giô-sép. Gợi ý dịch: "Còn con, ta cho con nhiều hơn các anh. Ta cho con sườn núi"
Còn con
Từ “con” ở đây ở dạng số ít và chỉ về Giô-sép.
sườn núi mà cha đã dùng cung kiếm chiếm lấy từ dân A-mô-rít

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ “kiếm” và “cung” ở đây chỉ về việc đánh nhau trong chiến trận. Gợi ý dịch: "phần đất mà ta đã chiến đấu và chiếm được từ dân A-mô-rít"

Translation Questions

Genesis 48:1

Giô-sép nghe tin gì về cha và sau đó ông làm gì?

Giô-sép nghe tin cha bị bệnh nên ông đưa hai con trai mình đi cùng.

Genesis 48:4

Gia-cốp nhắc lại cho Giô-sép những lời hứa nào của Đức Chúa Trời?

Gia-cốp nhắc lại rằng Đức Chúa Trời hứa rằng ông sẽ sinh sôi nẩy nở thành một cộng đồng gồm nhiều dân tộc và đất Ca-na-an sẽ là cơ nghiệp đời đời cho dòng dõi ông.

Genesis 48:5

Gia-cốp nói ông sẽ xem hai con trai của Giô-sép như thế nào trong quyền kế tự?

Gia-cốp nói ông sẽ kể hai con trai của Giô-sép thuộc về ông.

Genesis 48:6

Gia-cốp nói ông sẽ xem hai con trai của Giô-sép như thế nào trong quyền kế tự?

Gia-cốp nói ông sẽ kể hai con trai của Giô-sép thuộc về ông.

Genesis 48:8

Vì sao Y-sơ-ra-ên không nhận ra hai con trai của Giô-sép?

Y-sơ-ra-ên không nhận ra hai con trai của Giô-sép vì mắt ông đã mờ do tuổi cao.

Genesis 48:10

Vì sao Y-sơ-ra-ên không nhận ra hai con trai của Giô-sép?

Y-sơ-ra-ên không nhận ra hai con trai của Giô-sép vì mắt ông đã mờ do tuổi cao.

Genesis 48:14

Ai là con trưởng nam của Giô-sép?

Ma-na-se là con trưởng nam của Giô-sép.

Y-sơ-ra-ên đặt tay phải trên ai và tay trái trên ai?

Y-sơ-ra-ên đặt tay phải trên Ép-ra-im và tay trái trên Ma-na-se.

Genesis 48:17

Vì sao Giô-sép cố gắng đổi vị trí tay của Y-sơ-ra-ên?

Giô-sép muốn tay phải của Y-sơ-ra-ên đặt trên Ma-na-se vì cậu là con trưởng nam.

Genesis 48:18

Vì sao Giô-sép cố gắng đổi vị trí tay của Y-sơ-ra-ên?

Giô-sép muốn tay phải của Y-sơ-ra-ên đặt trên Ma-na-se vì cậu là con trưởng nam.

Genesis 48:19

Vì sao Y-sơ-ra-ên không chịu đổi vị trí tay trên hai con trai của Giô-sép?

Y-sơ-ra-ên không chịu đổi vì người em sẽ lớn mạnh hơn người con trưởng.

Genesis 48:20

Y-sơ-ra-ên nói dân Y-sơ-ra-ên sẽ chúc phước như thế nào?

Y-sơ-ra-ên nói dân Y-sơ-ra-ên sẽ chúc phước rằng "Cầu xin Đức Chúa Trời làm cho anh được như Ép-ra-im và Ma-na-se".

Genesis 48:21

Y-sơ-ra-ên nói Giô-sép sẽ như thế nào?

Y-sơ-ra-ên nói rằng Giô-sép sẽ được đưa trở về quê cha đất tổ.

Chapter 49

Genesis 49:1

Thông Tin Tổng Quát:

Bắt đầu những lời chúc phước cuối cùng của Gia-cốp dành cho các con trai, tiếp tục cho đến câu 49:27. Các phước lành của Gia-cốp được viết ở dạng văn thơ.

Hỡi các con trai Gia-cốp, hãy tụ họp lại và nghe; Lắng nghe Y-sơ-ra-ên, cha các con

Cả hai câu đều nói một ý nhằm nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Hãy đến và lắng nghe cha các con"

các con trai Gia-cốp. Hãy lắng nghe Y-sơ-ra-ên, cha các con

Gia-cốp gọi mình ở ngôi thứ ba. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: "con trai ta. Hãy nghe ta, cha các con"

Genesis 49:3

Con trưởng nam của cha, là sức lực của cha, và là khởi đầu của sức mạnh cha

Những cụm từ “con trưởng nam của cha, là sức lực của cha” và “khởi đầu của sức mạnh cha” có nghĩa như nhau. Từ “sức lực” và “sức mạnh” chỉ về khả năng sinh con của Gia-cốp. Từ “con trưởng nam” và “khởi đầu” chỉ về Ru-bên là con đầu lòng của ông. Gợi ý dịch: "con đầu lòng của cha khi cha trở thành đàn ông"

Vượt trội về địa vị và vượt trội về quyền lực

Có thể dịch thành một câu mới. Gợi ý dịch: "Con đứng đầu trong sự tôn trọng và quyền lực" hoặc "Con vượt trội hơn mọi người về sự tôn trọng và quyền lực"

hỗn loạn như nước lũ

Gia-cốp so sánh Ru-bên như nước có dòng chảy cuồn cuộn để nhấn mạnh rằng ông không thể kiểm soát cơn giận của mình và không kiên định.

Con sẽ không có được sự vượt trội

“con sẽ chẳng làm đầu trong vòng các em mình”

Vì con đã lên giường cha. Con làm cho nó ô uế, con đi lên giường cha

Từ “giường” ở đây chỉ về vợ lẽ của Gia-cốp là Bi-la. Gia-cốp đang nói về sự việc Ru-bên ăn nằm với Bi-la. (Xem: GEN 35:22). Gợi ý dịch: "vì con đã đi đến giường ta và ăn nằm với Bi-la, vợ lẽ ta. Con làm ta nhục nhã"

con đã lên giường cha ... con đi lên giường cha

Cả hai vế đều có nghĩa như nhau.

Genesis 49:5

Si-mê-ôn và Lê-vi là anh em

Câu này không chỉ mang ý nghĩa họ là anh em trong nhà. Gia-cốp đang nhấn mạnh việc họ cùng với nhau giết dân Si-chem.

Thanh gươm của chúng là khí giới tàn bạo

“Chúng dùng gươm mà làm bị thương và giết người”

Ôi linh hồn ta...tấm lòng ta

Gia-cốp sử dụng từ “linh hồn” và “tấm lòng” để nói về chính mình, và ông nói rằng những người khác, có thể là cả Đức Chúa Trời, tôn trọng ông đến nỗi ông không muốn hiệp với những kẻ lập kế hoạch làm điều ác.

Không vào hội của chúng nó, không tham gia những cuộc hội họp của chúng nó

Hai mệnh đề này về cơ bản có nghĩa như nhau. Gia-cốp kết hợp cả hai để nhấn mạnh rằng ông không muốn tham gia

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vào những kế hoạch gian ác của họ. Gợi ý dịch: “Chắc chắn cha sẽ không tham gia lập kế hoạch gì cùng chúng”

Chúng cắt gân chân bò đực

Câu này nói về việc Si-mê-ôn và Lê-vi làm cho những con bò đực bị què chỉ để cho vui.

Cắt gân chân

Chỉ về việc cắt gân chân của động vật để nó không thể đi được.

Genesis 49:7

Đáng nguyền rủa cho cơn giận của chúng, vì nó quá hung hãn – và cơn phẫn nộ của chúng, vì nó quá bạo tàn

Việc Đức Chúa Trời nguyền rủa Si-mê-ôn và Lê-vi được nói như thể Đức Chúa Trời đang nguyền rủa cơn tức giận và phẫn nộ của họ. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Chúa phán: ‘Ta sẽ rủa sả chúng nó vì cớ cơn giận hung hãn và cơn phẫn nộ bạo tàn của chúng nó” hoặc “Ta, Đức Giê-hô-va, sẽ rủa sả chúng nó bởi vì cơn giận hung hãn và cơn phẫn nộ bạo tàn của chúng nó”

Đáng nguyền rủa cho cơn giận của chúng

Trong lời tiên tri, các nhà tiên tri thường truyền Lời của Đức Chúa Trời như thể chính Đức Chúa Trời đang phán dạy. Điều này nhấn mạnh sự hiệp nhất giữa Đức Chúa Trời và các đấng tiếng tri.

và cơn phẫn nộ của chúng, vì nó quá bạo tàn

Được hiểu là “ta sẽ nguyền rủa”. Gợi ý dịch: "và ta sẽ nguyền rủa cơn phẫn nộ của chúng, vì nó quá bạo tàn"

Ta sẽ tách chúng ra trong nhà Gia-cốp và khiến chúng tản lạc giữa Y-sơ-ra-ên

Từ ‘Ta” chỉ về Đức Chúa Trời. Từ “chúng” chỉ về Si-mê-ôn và Lê-vi, nhưng đây là phép hoán dụ chỉ về dòng dõi của họ. Từ “Gia-cốp” và “Y-sơ-ra-ên” là phép hoán dụ chỉ về toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: “Ta sẽ phân rẽ con cháu chúng nó và làm cho chúng tản lạc giữa dân Y-sơ-ra-ên”

Genesis 49:8

Các anh em sẽ ca tụng con … Các con trai cha sẽ quỳ lạy trước mặt con

Hai câu này có ý nghĩa như nhau.

sẽ ca tụng con. Tay con

Câu thứ hai giải thích lí do cho câu thứ nhất. Có thể thêm vào từ “vì” hoặc “bởi vì” để làm rõ ý.

Gợi ý dịch: "sẽ ca tụng con. Vì tay con" hoặc "sẽ ca tụng con bởi vì tay con"

Tay con sẽ nắm cổ quân thù

Đây là cách để nói “con sẽ chiến thắng kẻ thù”.

Quỳ xuống

Nghĩa là cúi thấp người để khiêm nhường bày tỏ sự tôn trọng và kính nể đối với ai đó.

Genesis 49:9

Giu-đa là một con sư tử tơ

Gia-cốp so sánh Giu-đa như một con sư tử tơ nhằm nhấn mạnh sức mạnh của ông. Gợi ý dịch: “Giu-đa như một con sư tử tơ”

Con ta ơi, con săn được mồi rồi quay về

“Con trai ta, con đã quay về sau khi ăn thịt con mồi mình”

Như sư tử cái

Gia-cốp so sánh Giu-đa với sư tử cái. Sư tử cái là thành phần chính đi săn mồi và bảo vệ con mình.

Ai dám đánh thức nó?

Gia-cốp dùng một câu hỏi để nhấn mạnh Giu-đa đáng sợ như thế nào. Gợi ý dịch: "Không ai muốn đánh thức nó".

Genesis 49:10

vương trượng sẽ không rời khỏi Giu-đa, gậy chỉ huy cũng không ra khỏi hai chân nó

“Vương trượng” và “gậy chỉ huy” là những cây gậy dài được trang trí mà vua thường mang theo. Ở đây, chúng là phép hoán dụ chỉ về quyền cai trị. Và “Giu-đa” đại diện cho dòng dõi của người. Gợi ý dịch: “Quyền cai trị sẽ luôn ở trên dòng dõi Giu-đa”

cho đến khi Đấng Si-lô đến. Các nước sẽ vâng phục Người

Có thể hiểu: 1) “Si-lô” có nghĩa là “cống phẩm”. Gợi ý dịch: “cho đến khi các nước vâng phục Ngài đem cống phẩm cho Ngài” hoặc 2) “Si-lô” chỉ về thành Si-lô. Gợi ý dịch: “cho đến khi Đấng cai trị đến Si-lô. Và các dân sẽ vâng phục người”. Nhiều người cho rằng lời tiên tri này chỉ về Đấng Mê-si, là con cháu vua Đa-vít. Đa-vít là con cháu của Giu-đa.

Các nước sẽ vâng phục Người

Từ “nước” ở đây chỉ về dân chúng. Gợi ý dịch: "Dân tộc các nước sẽ vâng phục người"

Genesis 49:11

buộc lừa mình … vào cành nho được chọn

Cả hai câu có nghĩa như nhau. Ngụ ý rằng cành nho đầy những quả đến nỗi người chủ không quan tâm con lừa sẽ mất một số.

Của người … người

Có thể là 1) chúng chỉ về dòng dõi của Giu-đa. Gợi ý dịch: "của chúng … chúng" hoặc 2) chúng chỉ về Đấng cai trị ở GEN 49:10, có thể chỉ về Đấng Mê-si.

Người đã giặt … trong huyết nho

Cả hai câu đều có nghĩa như nhau. Ngụ ý rằng có nhiều nho đến nỗi họ có thể giặt đồ trong nước nho.

Người đã giặt

Thường thì trong lời tiên tri, các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai được mô tả như việc đó đã xảy ra trong quá khứ. Điều này nhấn mạnh rằng sự kiện này chắc chắn sẽ xảy ra. Gợi ý dịch: “Người sẽ giặt” hoặc “họ sẽ giặt’.

Huyết nho

Câu này ví nước nho như huyết để nhấn mạnh màu đỏ của nó.

Mắt người đậm màu như rượu

Câu này nói màu mắt của một người như màu đỏ của rượu. Có thể là 1) mắt đậm màu chỉ về đôi mắt khỏe hoặc 2) người ta sẽ đỏ mắt khi uống quá nhiều rượu.

Răng người trắng như sữa

Câu này so sánh màu răng của một người với màu trắng của sữa. Ngụ ý rằng sẽ có rất nhiều con bò khỏe mạnh và họ sẽ có nhiều sữa để uống.

Genesis 49:13

Sa-bu-lôn sẽ sống

Chỉ về dòng dõi của Sa-bu-lôn.

Nó sẽ là bến cảng

Từ “nó” chỉ về những thành phố biển mà người Sa-bu-lôn sẽ sinh sống hoặc xây dựng. Những thành phố này sẽ cung cấp nơi trú ẩn cho tàu thuyền.

Bến cảng

Một phần của biển, nằm sát đất liền và là nơi an toàn cho tàu thuyền neo đậu.

Genesis 49:14

Y-sa-ca là một con lừa mạnh mẽ

Gia-cốp nói Y-sa-ca và dòng dõi của người giống như một

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

con lừa để nhấn mạnh rằng họ sẽ làm việc rất chăm chỉ. Gợi ý dịch: "Dòng dõi của Y-sa-ca sẽ giống như một con lừa mạnh mẽ"

Y-sa-ca là

Thường thì trong lời tiên tri, các sự kiện sẽ xảy ra trong tương ra được mô tả như việc đó đã xảy ra trong quá khứ. Điều này nhấn mạnh rằng sự kiện này chắc chắn sẽ xảy ra. Có thể dịch ở thì tương lai. Gợi ý dịch: "Y-sa-ca sẽ là" hoặc "Dòng dõi của Y-sa-ca sẽ là"

Y-sa-ca ... nó thấy ... nó sẽ

Ở đây "Y-sa-ca" là phép hoán dụ chỉ về dòng dõi của người. Gợi ý dịch: "Dòng dõi của Y-sa-ca ... Họ thấy ... Họ sẽ"

Nằm nghỉ giữa chuồng

Có thể là 1) "nằm giữa những bó họ đang mang" hoặc 2) "nằm giữa hai chuồng chiên". Dù là cách nào thì Gia-cốp cũng nói về dòng dõi của Y-sa-ca như thể họ là những con lừa đã làm việc chăm chỉ và nằm xuống để nghỉ ngơi.

một nơi nghỉ ngơi thật thoải mái và đất đai thật tốt đẹp

"Một nơi nghỉ ngơi thật thoải mái và đất đai thật màu mỡ"

Nó sẽ nghiêng vai mang gánh nặng

"Nghiêng vai mang gánh nặng" là một cách để nói "làm việc cật lực, mang lấy gánh nặng"

trở nên đầy tớ làm những công việc đó

"sẽ làm nô lệ cho người khác"

Genesis 49:16

Đan sẽ xét sử dân mình

Ở đây "Đan" đại diện cho dòng dõi của ông. Gợi ý dịch: "Dòng dõi của Đan sẽ xét xử dân mình"

Dân mình

Có thể là 1) "dân tộc Đan" hoặc 2) "dân Y-sơ-ra-ên"

Đan sẽ là con rắn bên đường

Gia-cốp nói Đan và dòng dõi của ông như những con rắn. Mặc dù rắn là loài nhỏ bé nhưng nó có thể hạ gục người khỏi yên ngựa. Đan cũng vậy, mặc dầu là một chi tộc nhỏ, nhưng rất nguy hiểm đối với kẻ thù của mình. Gợi ý dịch: "Dòng dõi của Đan sẽ giống như con rắn bên đường"

Lạy Đức Giê-hô-va! Con trông chờ ơn cứu rỗi của Ngài

Danh từ trừu tượng "ơn cứu rỗi" có thể dịch là "cứu chuộc". Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, con trông chờ Ngài cứu chuộc con"

Con trông chờ

Từ "con" chỉ về Gia-cốp.

Genesis 49:19

Gát... A-se... Nép-ta-li

Những tên này chỉ về dòng dõi của mỗi người.

Theo gót chúng

Từ "gót" ở đây chỉ về những kẻ cướp bóc bỏ chạy khỏi dòng dõi của Gát.

thức ăn bổ béo

"Bổ béo" ở đây có nghĩa là "ngon".

Nép-ta-li là nai cái thả chuồng

Gia-cốp nói dòng dõi của Nép-ta-li như nai cái tự do chạy nhảy. Có thể câu này nhấn mạnh rằng họ là những sứ giả nhanh nhẹn. Gợi ý dịch: "Dòng dõi của Nép-ta-li sẽ giống như nai cái thả chuồng"

Sinh ra những chú nai con xinh đẹp

"Nai con" là nai còn nhỏ. Ý nghĩa của từ này trong tiếng Hê-bơ-rơ không rõ ràng. Một số bản dịch ghi là "những lời văn hoa" hoặc "nói những điều tốt đẹp"

Genesis 49:22

Giô-sép là cành cây trĩu quả

Ở đây "Giô-sép" là phép hoán dụ chỉ về dòng dõi của ông. Gia-cốp nói họ như ba nhánh cây sai trái. Câu này nhấn mạnh rằng họ sẽ gia tăng rất đông đảo.

Cành cây

Cành lớn của cây

Nhánh nó leo lên tường

Những nhánh cây phát triển và lan rộng trên tường được nói như chúng đang leo lên tường.

Genesis 49:24

Thông Tin Tổng Quát:

Gia-cốp tiếp tục chúc phước cho Giô-sép và dòng dõi của ông.

cung nó vẫn vững bền his bow will remain steady

Người giữ vững cung được nói như thể chính cái cung giữ vững nó. Câu này ngụ ý rằng ông giữ vững cung khi nhắm vào kẻ thù. Gợi ý dịch: "nó sẽ giữ vững cung mình khi nhắm vào kẻ thù"

Cung nó ... đôi tay nó

Từ "nó" ở đây chỉ về Giô-sép, đại diện cho dòng dõi của ông. Gợi ý dịch: "cung chúng ... đôi tay chúng"

đôi tay nó sẽ thuần thục

Từ "đôi tay" ở đây chỉ về cánh tay của một người khi giữ vững cung của mình. Gợi ý dịch: "cánh tay của nó sẽ cứng mạnh khi nhắm cung tên mình"

tay Đấng Quyền Năng

"Tay" thể hiện sức mạnh của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "quyền năng của Đấng Quyền Năng"

vì danh của Đấng Chăn Chiên

Từ "danh" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "vì Đấng Chăn Chiên"

Đấng Chăn Chiên

Gia-cốp ví Đức Giê-hô-va như "Đấng Chăn Chiên". Điều này nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va hướng dẫn và bảo vệ con dân Ngài.

Vầng Đá

Gia-cốp ví Đức Giê-hô-va như "Vầng Đá" mà người ta có thể trèo lên tìm chỗ ẩn nấp khỏi kẻ thù. Điều này nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va bảo bệ cho con dân Ngài.

Genesis 49:25

Thông Tin Tổng Quát:

Gia-cốp tiếp tục chúc phước cho Giô-sép và dòng dõi của ông. (Xem: GEN 49:22-23)

giúp đỡ con ... ban phước cho con

Từ "con" ở đây chỉ về Giô-sép, đại diện cho dòng dõi của ông. Gợi ý dịch: "giúp đỡ dòng dõi của con ... ban phước cho chúng"

phước lành từ trời cao

Từ "trời" ở đây chỉ về những cơn mưa giúp cho mùa màng phát triển.

phước lành từ vực thẳm

Từ "vực" ở đây chỉ về nước dưới lòng đất cung cấp cho sông và giếng.

Phước lành của vú mẹ và dạ con

"Vú mẹ và dạ con" ở đây chỉ về khả năng sinh con và cho con bú của một người mẹ.

Genesis 49:26

Thông Tin Tổng Quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gia-cốp tiếp tục chúc phước cho Giô-sép và dòng dõi của ông.

các đỉnh núi xưa

Không rõ từ này có ý nghĩa gì trong ngôn ngữ gốc. Một số bản dịch Kinh Thánh dùng từ “các tổ phụ của cha” thay vì “các đỉnh núi xưa”.

Chúng sẽ ở trên đầu Giô-sép

Từ “chúng” ở đây chỉ về những phước lành của cha Giô-sép.

Trên đầu của ông hoàng giữa các anh em mình

Gia-cốp mong muốn những ơn phước này đươc truyền đến cho người quan trọng nhất trong dòng dõi của người. Gợi ý dịch: "trên đầu người quan trọng nhất trong dòng dõi của Giô-sép"

ông hoàng giữa các anh em mình

"người quan trọng nhất trong các anh em mình"

Genesis 49:27

Bên-gia-min là một con sói đói khát

Ở đây “Bên-gia-min” đại diện cho dòng dõi của ông. Gia-cốp ví dòng dõi của Bên-gia-min như con sói đói khát để nhấn mạnh rằng họ sẽ là những chiến binh hung hăn. Gợi ý dịch: " Dòng dõi của Bên-gia-min sẽ giống như bầy sói đói khát"

Genesis 49:28

Đây là mười hai chi phái của Y-sơ-ra-ên

“Đây” chỉ về các con trai của Gia-cốp được nhắc đến trong 49:1-27. Mỗi một người con trai trở thành người lãnh đạo của chi tộc mình.

khi ông chúc phước cho họ

Từ “chúc phước” ở đây chỉ về việc đưa ra lời chúc phước trang trọng.

Ông chúc phước cho mỗi người từng lời chúc phước thích hợp

"Ông ban cho mỗi người con trai một phước lành phù hợp"

Ông dặn bảo chúng

"ông truyền bảo chúng"

Cha sắp về với tổ tiên

Đây là cách tế nhị để nói ông sắp chết. Gợi ý dịch: "Cha sắp chết")

về với tổ tiên

Gia-cốp đang chỉ về nơi linh hồn của ông sẽ đi đến khi ông chết. Ông mong đợi được đoàn tụ cùng Áp-ra-ham và Y-sác ở đời sau.)

Ếp-rôn, người Hê-tít

Đây là tên của một người nam. "Người Hê-tít" có nghĩa là “dòng dõi của Hếch”. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:8]

Mặc-bê-la

Mặc-bê-là một địa danh. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:9]

Mam-rê

Đây là một tên gọi khác của thành Hếp-rôn. Có thể nó được đặt theo tên của Mam-rê, bạn của Áp-ra-ham sống tại đó. Xem cách đã dịch ở [GEN 13:18]

Genesis 49:31

Thông Tin Tổng Quát:

Gia-cốp tiếp tục nói với các con trai mình.

trong đó đã được mua lại

Có thể nói rõ người mua. Gợi ý dịch: "Trong đó đã được Áp-ra-ham mua lại"

Từ dân họ Hếch

"từ người Hê-tít"

Dứt những lời căn dặn cho các con của mình

“dặn dò các con mình xong” hoặc “truyền dặn các con mình xong”

Người rút chân lên giường

Gia-cốp đang ngồi trên giường. Bây giờ, Gia-cốp xoay lại và đặt chân mình lên giường để có thể nằm xuống.

Trút hơi thở cuối cùng

Đây là cách tế nhị để nói một người chết.

về với tổ tông mình

Sau khi chết, linh hồn ông đi đến nơi của những người thân đã chết trước ông.)

Translation Questions

Genesis 49:1

Vì sao Gia-cốp tụ họp các con trai lại?

Gia-cốp tụ họp các con trai lại để nói những điều sẽ xảy đến cho họ và dòng dõi họ trong tương lai.

Genesis 49:3

Ru-bên có đặc tính tích cực nào?

Ru-bên nổi bật trong phẩm giá và thế lực. euben was outstanding in dignity and power.

Genesis 49:4

Vì sao Ru-bên không vượt trội hơn ai dù ông là con trưởng?

Ru-bên không vượt trội hơn ai vì ông đã làm cho giường cha mình ô uế.

Genesis 49:7

Gia-cốp rủa sả gì về Si-mê-ôn và Lê-vi?

Gia-cốp rủa sả cơn giận hung tàn của Si-mê-ôn và Lê-vi.

Genesis 49:8

Gia-cốp nói các con trai khác của ông sẽ làm gì trước Giu-đa?

Gia-cốp nói các con trai khác của ông sẽ quỳ lạy trước mặt Giu-đa.

Genesis 49:10

Có lời hứa nào về tương lai cho Giu-đa?

Giu-đa được hứa rằng vương trượng sẽ không lìa khỏi ông cho đến khi Đấng Si-lô đến, và các dân sẽ vâng phục Đấng đó.

Genesis 49:13

Gia-cốp nói dòng dõi của Sa-bu-lôn sẽ sống ở đâu?

Gia-cốp nói dòng dõi của Sa-bu-lôn sẽ sống cạnh bờ biển.

Genesis 49:17

Gia-cốp nói Đan giống như con vật nào?

Gia-cốp nói Đan giống như con rắn độc.

Genesis 49:20

Gia-cốp nói A-se sẽ nổi tiếng về điều gì?

Gia-cốp nói A-se sẽ nổi tiếng về việc cung cấp cao lương mỹ vị cho nhà vua.

Genesis 49:22

Gia-cốp nói Giô-sép sống như loại cây nào?

Gia-cốp nói Giô-sép sống như cành cây trĩu quả, nhánh nó phủ qua tường.

Genesis 49:24

Gia-cốp nói ai sẽ giữ cung của Giô-sép vững chắc và tay ông điêu luyện?

Gia-cốp nói rằng tay Đấng Quyền Năng của Gia-cốp, vầng Đá của Y-sơ-ra-ên sẽ giữ cung của Giô-sép vững chắc và tay ông điêu luyện.

Genesis 49:31

Ai đã được chôn tại nơi Gia-cốp muốn mình sẽ được an táng tại đó?

Áp-ra-ham, Sa-ra, Y-sác, Rê-bê-xa và Lê-a đã được chôn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trước tại đó.
Genesis 49:33
Gia-cốp làm gì sau khi chúc phước và chỉ dẫn cho các con trai của mình?
Gia-cốp trút hơi thở cuối cùng và về với tổ tông mình.

Chapter 50
Genesis 50:1
Ông gục vào mặt cha mình
Từ “gục” chỉ về việc suy sụp tinh thần. Gợi ý dịch: "ông đau buồn gục vào cha mình"
Những người hầu là thầy thuốc của ông
"những người hầu của ông chuyên lo cho người chết"
ướp xác cha mình
“Ướp xác” là một cách đặc biệt để bảo quản thi hài trước khi chôn. Gợi ý dịch: "để chuẩn bị xác cha mình trước khi chôn"
Họ dành bốn mươi ngày
" Họ dành 40 ngày"
bảy mươi ngày
"70 ngày"
Genesis 50:4
Ngày than khóc
“những ngày than khóc người” hoặc “những ngày than khóc cho người”
Giô-sép nói với triều đình của Pha-ra-ôn
“Triều đình” ở đây chỉ về các triều thần làm nên triều đình của Pha-ra-ôn. Gợi ý dịch: "Giô-sép nói với các triều thần của Pha-ra-ôn"
Nếu bây giờ tôi được ơn trong mắt các ông
Cụm từ “trong mắt các ông” là phép hoán dụ chỉ về ý tưởng và quan điểm của Gia-cốp. Gợi ý dịch: "Nếu tôi được ơn với các ông" hoặc "Nếu các ông thuận lòng với tôi" (UDB)
được ơn
Đây là thành ngữ có nghĩa là được ai đó chấp thuận.
xin tâu với Pha-ra-ôn như thế này: ‘Cha tôi đã bắt tôi thề rằng: “Nầy, cha sắp chết. Con hãy chôn cha trong phần mộ mà cha đã đục sẵn ở Ca-na-an. Con sẽ chôn cha tại đó.” Bây giờ, xin cho tôi lên đó chôn cha tôi, rồi tôi sẽ trở lại’.
Câu này có hai và ba lời trích dẫn lồng vào nhau. Có thể dịch thành câu tường thật gián tiếp. Gợi ý dịch: "xin tâu với Pha-ra-ôn rằng cha tôi đã bắt tôi thề rằng sau khi người chết tôi sẽ chôn cha trong phần mộ mà người đã đục sẵn ở Ca-na-an. Xin các ông xin Pha-ra-ôn cho tôi đi chôn cha tôi, rồi tôi sẽ trở lại"
Nầy, cha sắp chết.
"Nầy, cha đang hấp hối"
xin cho tôi lên
Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”.
Pha-ra-ôn đáp
Ngụ ý rằng các thành viên trong triều đình tâu cùng Pha-ra-ôn và lúc này Pha-ra-ôn đáp lại cho Giô-sép.
Như cụ đã bắt ngươi thề
"như ngươi đã thề cùng cụ"
Genesis 50:7
Giô-sép lên
Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”.
Tất cả các quần thần ... các trưởng lão trong triều ... các trưởng lão trong xứ
Tất cả những nhà lãnh đạo quan trọng nhất của vua đều tham dự tang lễ.
trưởng lão trong triều
Đây là người cố vấn cho vua.
Trưởng lão trong nhà vua
Từ “nhà” ở đây chỉ về triều đình của Pha-ra-ôn.
xứ Ai Cập, cũng như tất cả người nhà, các anh em và những thân quyến của cha ông
Có thể dịch thành một câu mới: "xứ Ai Cập. Tất cả người nhà của Giô-sép, các anh em của ông và những thân quyến của cha ông cũng đi cùng ông"
Nhà của Giô-sép ... nhà của cha
Từ “nhà” ở đây chỉ về gia đình của họ.
Xe
Ở đây chỉ về những người cưỡi trên xe.
Thật là một đoàn người rất đông
"Thật là một cuộc tụ họp rất lớn"
Genesis 50:10
Khi họ đến
Từ “họ” chỉ về những người tham dự tang lễ.
sân A-tát floor of Atad
Có thể là 1) từ “A-tát” nghĩa là “gai” và có thể chỉ về nơi có rất nhiều cây gai mọc, hoặc 2) có thể đây là tên của người chủ sân đập lúa.
Họ than khóc và đau buồn dữ dội
“họ đau buồn hết mực và khóc lóc thống thiết”
Bảy ngày
"7 ngày"
trong sân A-tát
“trong sân đập lúa của A-tát”
Đây là một sự kiện đáng buồn cho người Ai-cập
"Sự đau buồn than khóc của người Ai-cập rất lớn"
A-bên Mích-ra-im
Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên A-bên Mích-ra-im có nghĩa là “sự khóc than của dân A-cập”.
Genesis 50:12
Vậy các con trai người
“Vậy các con trai Gia-cốp”
Như lời người đã căn dặn họ
“như lời người đã truyền cho họ”
Các con trai đưa ông
"Các con trai đưa thi thể ông"
Mặc-bê-la
Mặc-bê-la là một địa danh. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:9]
Mam-rê
Đây là một tên gọi khác của thành Hếp-rôn. Có thể nó được đặt theo tên của Mam-rê, bạn của Áp-ra-ham sống tại đó. Xem cách đã dịch ở [GEN 13:18]
Ép-rôn, người Hê-tít
Đây là tên của một người nam. “Người Hê-tít” có nghĩa là “dòng dõi của Hếch”. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:8]
Giô-sép trở về lại Ai-cập
“Giô-sép trở về Ai-cập”
Tất cả những người đi với ông
“tất cả những người đã đến với ông”
Genesis 50:15

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu như Giô-sép còn giữ cơn giận cùng chúng ta

Ở đây cơn giận được ví như một vật mà Giô-sép có thể giữ trong tay. Gợi ý dịch: "Nếu như Giô-sép thực ra vẫn còn tức giận chúng ta"

Muốn báo trả chúng ta về tất cả những việc ác mà chúng ta đã làm cho nó

Việc báo thù người đã hại ông được ví như thể một người trả cho người khác những gì họ đã nợ.
Gợi ý dịch: "muốn báo thù về những việc ác mà chúng ta đã làm cho nó"

Trước khi qua đời, cha em có truyền dặn rằng: ‘hãy nói với Giô-sép thế này: “Xin con hãy tha thứ lỗi lầm của các anh con và tội ác của chúng khi chúng làm hại con”

Câu này có hai và ba câu trích dẫn lồng ghép. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Trước khi qua đời, cha em có truyền dặn phải bảo em tha thứ cho các anh về những việc ác mà các anh đã làm cùng em".

Trước khi qua đời, cha em có truyền dặn rằng

Gia-cốp là cha của tất cả các anh em. Ở đây họ nói “cha em” để nhấn mạnh rằng Giô-sép cần chú ý vào điều cha ông nói.
Gợi ý dịch: "Trước khi qua đời, cha chúng ta có truyền"

và tội ác của chúng khi chúng làm hại con

“vì những việc gian ác mà chúng đã làm cùng con”

Bây giờ

Từ này không có nghĩa là “tại thời điểm này”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

xin hãy tha thứ cho các đầy tớ của Đức Chúa Trời của cha

Các anh gọi mình là “các đầy tớ của Đức Chúa Trời của cha”. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: "xin hãy tha thứ cho các anh, là đầy tớ của Đức Chúa Trời của cha"

Giô-sép khóc khi họ nói cùng ông

"Giô-sép bật khóc khi nghe những lời này"

Genesis 50:18

Sấp mặt trước ông

Họ quỳ xuống, mặt cúi xuống đất. Đây là dấu hiệu của sự hạ mình và tôn trọng Giô-sép.

Tôi thay thế cho Đức Chúa Trời sao?

Giô-sép dùng câu hỏi này để an ủi các anh mình. Gợi ý dịch: “Tôi không thay được Đức Chúa Trời” hoặc “Tôi không phải là Đức Chúa Trời”.

Các anh định hại tôi

“các anh định làm điều ác hại tôi”

Đức Chúa Trời lại định cho nó thành điều lành

"Đức Chúa Trời định nó cho điều lành”

Vậy nên bây giờ đừng sợ hãi

“vậy nên đừng e sợ tôi”

Tôi sẽ chu cấp cho các anh cùng con cái các anh

“Tôi sẽ luôn đảm bảo cho anh và con cái các anh có đủ ăn”

Người an ủi họ như thể và dùng lời tử tế mà nói với họ

“Ông dùng những lời tử tế mà an ủi họ”

Genesis 50:22

Một trăm mười năm

"110 năm"

con cháu của Ép-ra-im đến đời thứ ba

"con và cháu của Ép-ra-im" (UDB)

Ma-ki

Đây là tên cháu trai của Giô-sép.

Được đặt trên đầu gối của Giô-sép

Cách nói này có nghĩa là Giô-sép nhận các con của Ma-ki làm con mình, tức là chúng sẽ có được quyền thừa kế đặc biệt từ Giô-sép.

Genesis 50:24

Chắc chắn sẽ đến cùng anh em

Trong câu 50:24-26 từ “anh em” chỉ về các anh em của Giô-sép, nhưng cũng chỉ về dòng dõi của họ.

đem anh em ra khỏi xứ nầy để đi lên xứ

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”. Gợi ý dịch: "đem anh em ra khỏi xứ này và đưa anh em đến xứ"

Họ ướp xác ông

“Ướp xác” là một cách đặc biệt để bảo quản thi hài trước khi chôn. Xem cách đã dịch ở GEN 50:1.

Ông được đặt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "họ đặt ông"

trong quan tài

"trong hòm". Đây là một cái hộp để đặt xác người chết.

Translation Questions

Genesis 50:2

Giô-sép làm gì với xác của Y-sơ-ra-ên sau khi ông qua đời?

Giô-sép cho ướp xác cha mình.

Genesis 50:3

Giô-sép làm gì với xác của Y-sơ-ra-ên sau khi ông qua đời?

Giô-sép cho ướp xác cha mình.

Genesis 50:4

Giô-sép xin Pha-ra-ôn điều gì về việc an táng cha mình và vì sao ông xin như vậy?

Giô-sép xin được đến xứ Ca-na-an để an táng cha mình vì cha ông đã bắt ông thề như vậy.

Genesis 50:6

Giô-sép xin Pha-ra-ôn điều gì về việc an táng cha mình và vì sao ông xin như vậy?

Giô-sép xin được đến xứ Ca-na-an để an táng cha mình vì cha ông đã bắt ông thề như vậy.

Genesis 50:7

Ai cùng đi với Giô-sép để an táng Y-sơ-ra-ên?

Tất cả các triều thần Pha-ra-ôn, các trưởng lão trong triều, các trưởng lão trong xứ Ai Cập, nhà Giô-sép, các anh em Giô-sép và những người trong gia đình cha ông, cùng với những chiến xa và kỵ binh đều đi với Giô-sép.

Genesis 50:9

Ai cùng đi với Giô-sép để an táng Y-sơ-ra-ên?

Tất cả các triều thần Pha-ra-ôn, các trưởng lão trong triều, các trưởng lão trong xứ Ai Cập, nhà Giô-sép, các anh em Giô-sép và những người trong gia đình cha ông, cùng với những chiến xa và kỵ binh đều đi với Giô-sép.

Genesis 50:11

Người Ca-na-an nói gì khi họ thấy Giô-sép và những người đi với ông?

Người Ca-na-an nói đây là một dịp rất buồn cho người Ai Cập.

Genesis 50:14

Giô-sép và các anh em đi đâu sau khi an táng cho cha?

Giô-sép và các anh em cùng trở về Ai Cập.

Genesis 50:15

Các anh Giô-sép lo lắng về điều gì sau khi Y-sơ-ra-ên qua đời?

Các anh Giô-sép lo lắng rằng Giô-sép sẽ báo trả mọi việc ác

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mà các anh đã làm cho Giô-sép.
Genesis 50:17
Các anh xin Giô-sép làm gì về những việc sai trái mà các anh đã làm với Giô-sép?
Các anh xin Giô-sép tha thứ cho họ về những việc sai trái họ đã làm với Giô-sép.
Genesis 50:18
Các anh của Giô-sép làm gì khi họ đến gặp Giô-sép?
Khi đến gặp Giô-sép, các anh Giô-sép quỳ xuống trước mặt ông.
Genesis 50:20
Giô-sép nói Đức Chúa Trời đã làm điều lành nào qua những việc ác của các anh?
Giô-sép nói Đức Chúa Trời đã làm điều lành là cứu mạng sống của nhiều người.
Genesis 50:22
Giô-sép sống được bao lâu?
Giô-sép sống được một trăm mười tuổi.
Genesis 50:24
Giô-sép nói điều gì sắp xảy ra cho ông?
Giô-sép nói ông sắp qua đời.
Giô-sép nói Đức Chúa Trời sẽ làm thành lời hứa nào cho dòng dõi của Y-sơ-ra-ên?
Giô-sép nói rằng Đức Chúa Trời sẽ thăm viếng dân chúng và dẫn họ về xứ mà Đức Chúa Trời đã hứa cho Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp.
Genesis 50:25
Giô-sép bảo dân Y-sơ-ra-ên thề phải làm gì?
Giô-sép bảo họ thề phải đem theo hài cốt của ông khi họ rời khỏi Ai Cập.
Genesis 50:26
Người ta làm gì với xác của Giô-sép sau khi ông qua đời?
Người ta ướp xác Giô-sép và liệm trong một quan tài tại Ai Cập.

Chapter 1
Exodus 1:1
Hộ gia đình
Nói đến tất cả những người cùng sống với nhau trong nhà, thường là gia đìn lớn ở chung với đầy tớ.
Bảy mươi
"70"
Giô-sép ở tại Ai Cập
"Giô-sép đã sống ở Ai Cập trước anh em mình"
Exodus 1:6
Tất cả những anh em
Bao gồm 10 người anh và 1 người em.
Ra nhiều quả
Sự sanh ra của trẻ em Y-sơ-ra-ên được kể như họ là thực vật sanh ra trái. AT: “có nhiều trẻ con” hoặc “sanh nhiều trẻ con”
Đất ở bị chúng chiếm
Câu này có thể dịch ở thể chủ động.AT: “Chúng chiếm hết đất”
Bởi chúng
Từ “chúng” nói đến dân Y-sơ-ra-ên.
Exodus 1:8
Cai trị trên khắp Ai Cập
Từ “Ai Cập” ở đây kể đến người dân của Ai Cập.AT: “bắt đầu cai trị dân Ai Cập”
Ông phán với người dân
"Vị vua phán với người dân của mình"
Dân của ông
Là những người sống ở Ai Cập, người Ai Cập.
Để chúng ta
Từ “chúng ta” được tính toàn bộ và nói đến vị vua và người dân của ông, người Ai Cập.
Chiến tranh xảy đến
Ở đây chiến tranh được được xem như những người có thể gây ra.
Ra khỏi xứ
"ra khỏi Ai Cập"
Exodus 1:11
Những cai nô
"những cai nô." Là những người Ai Cập mà công việc của họ thúc ép người Y-sơ-ra-ên làm việc.
Đàn áp họ lao động vất vả
"bắt người Y-sơ-ra-ên lao động nặng nhọc cho người Ai Cập."
Các kho cất giữ
Đây là nơi mà những người trong coi thức ăn cùng những thứ quan trọng khác và giữ chúng được an toàn.
Exodus 1:13
Làm...việc khắc nghiệt
"làm...việc rất vất vả" hoặc "ép buộc...làm việc"
Làm đời sống họ cay đắng
Đời sống khó khăn của người Y-sơ-ra-ên được xem như thể họ ăn thức ăn có vị đắng, rất khó ăn.
Hồ
Đây là loại keo hồ hoặc bùn đặt giữa gạch hoặc đá để giữ chúng khi keo hồ khô.
Đòi hỏi họ làm các việc cực nhọc
“Người Ai Cập bắt họ làm việc rất vất vả” hoặc “Người Ai Cập ép họ làm việc vất vả”
Exodus 1:15
Vua của Ai Cập
Vị vua của Ai Cập được gọi là Pha-ra-ôn.
Các bà đỡ
Là những người đàn bà giúp đỡ thai phụ sanh con.
Siếp-ra ... Phu-a
Đây là tên của những phụ nữ Hê-bơ-rơ.
Trên ghế đẩu
Những người phụ nữ này ngồi ghế đẩu thấp khi thai phụ sanh con. Vì thế, họ trợ giúp sanh con. AT: "khi họ sanh con"
Exodus 1:18
Những bà mụ
Những người đàn bà này giúp thai phụ sanh con. Xem bản dịch trong EXO 1:16.
Sao các ngươi lại làm như vậy, và để cho những đứa con trai sống?
Pha-ra-ôn hỏi câu hỏi này để quở trách những bà mụ vì họ để cho những bé trai sống. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như một mệnh lệnh. AT: “Các ngươi không tuân theo mệnh lệnh của ta đi giết những đứa bé trai!” !" .
Những người phụ nữ này không giống như phụ nữ Ai Cập
Những bà mụ trả lời khôn khéo để làm nguôi cơn thịnh nộ của Pha-ra-ôn.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Exodus 1:20

Đức Chúa Trời bảo vệ những bà mụ

Đức Chúa Trời ngăn cản Pha-ra-ôn giết những bà mụ.

Những bà mụ

Những người đàn bà này giúp cho phụ nữ sanh con. Xem bản dịch trong EXO 1:16.

Dân số ngày càng đông lên

"Dân Y-sơ-ra-ên ngày càng tăng lên về số lượng"

Kính sợ Đức Chúa Trời

"tôn kính Đức Chúa Trời" hoặc "có sự tôn kính Đức Chúa Trời"

Ngài ban phước cho nhà họ

"cho phép họ có con"

Ngươi phải ném mỗi đứa con trai... xuống sông

Mệnh lệnh này được ban ra để dìm chết những đứa bé trai. Câu này ý nghĩa dứt khoát.AT: “Ngươi phải... xuống song cho chúng chết đuối”

Translation Questions

Exodus 1:1

Các con trai của Y-sơ-ra-ên cùng đi với Gia-cốp đến đất nước nào?

Các con trai của Y-sơ-ra-ên đi đến Ai Cập với Gia-cốp.

Exodus 1:5

Con cháu của Gia-cốp có bao nhiêu người?

Hết thảy con cháu của Gia-cốp có bảy mươi người.

Exodus 1:8

Ai không biết đến Giô-sép?

Một vị vua mới lên ngôi cai trị Ai Cập không biết đến Giô-sép.

Vua Ai Cập nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu họ không khôn khéo đối xử với dân Y-sơ-ra-ên?

Vua Ai Cập sợ rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ tiếp tục gia tăng và nếu chiến tranh xảy ra thì họ sẽ bắt tay với quân thù mà đánh lại người Ai Cập rồi bỏ khỏi xứ.

Exodus 1:11

Các đốc công hà hiếp dân Y-sơ-ra-ên như thế nào?

Các đốc công hà hiếp dân Y-sơ-ra-ên bằng những công việc nặng nề.

Exodus 1:12

Người Ai Cập áp bức họ càng nhiều thì điều gì xảy ra?

Người Ai Cập áp bức dân Y-sơ-ra-ên càng nhiều thì họ càng gia tăng và lan rộng chừng nấy.

Exodus 1:16

Vua Ai Cập bảo các bà mụ làm gì nếu đứa bé sinh ra là bé trai?

Vua Ai Cập bảo các bà mụ rằng nếu đứa bé sinh ra là bé trai thì họ phải giết đi.

Exodus 1:17

Vì sao những bà mụ không làm theo lời vua Ai Cập đã ra lệnh?

Những bà mụ kính sợ Đức Chúa Trời nên không làm theo lời vua Ai Cập đã ra lệnh.

Exodus 1:19

Các bà mụ nói phụ nữ Hê-bơ-rơ khác với phụ nữ Ai Cập như thế nào?

Họ nói rằng phụ nữ Hê-bơ-rơ rất khỏe mạnh và đã sinh trước khi bà đỡ đến.

Exodus 1:22

Pha-ra-ôn ra lệnh cho dân chúng phải làm gì với các bé trai?

Pha-ra-ôn ra lệnh cho dân chúng rằng "Phải ném tất cả các con trai mới sinh xuống sông".

Chapter 2

Exodus 2:1

Bấy giờ

Từ này được sử dụng để đánh dấu ngắt ngang trong sự kiện chính. Ở đây, tác giả bắt đầu kể về một phần mới dưới dạng tường thuật. Nếu bạn có cách dịch ngôn ngữ khác, thêm ý kiến ở đây.

ba

"3"

Exodus 2:3

Giỏ bằng mây

Đây là cái giỏ được làm từ một loại cỏ cao mọc nhiều trên sông Nin ở Ai Cập.

Được bịt kín bằng nhựa thông và hắc ín

Bạn có thể hiểu theo nghĩa rõ ràng đây là thứ chống thấm nước. AT: “Trét lớp nhựa vào để giữ cho nước không thể thấm vào trong”

Bịt kín

“Bịt kín” ở đây có nghĩa bà ấy bao phủ một lớp ngoài không thấm nước.

Nhựa

Đây là một chất bám dính đen được làm từ dầu thô. Nó được sử dụng để không thấm nước. AT : “nhựa”

Hắc ín

Đây là một chất bám dính màu bạc hoặc màu đen có thể lẩm từ nhựa cây hoặc dầu thô. Vì vậy, “hắc ín” không chỉ bao gồm “nhựa đường” mà còn từ “nhựa cây”. Nó được dùng chống thấm nước. AT: “hắc ín” hoặc “nhựa cây”

Đám sậy

“Đám sậy” là loại cỏ thân cao mọc ở chỗ đầm lầy, vùng ẩm ướt.

ở đằng xa

Điều này có nghĩa bà ấy đứng đủ xa để không bị chú ý, nhưng đủ ở gần để nhìn thấy cái rương mây.

Exodus 2:5

Người hầu

"người đầy tớ"

Trông thấy

Từ “trông thấy” là dấu hiệu theo dõi thông tin bất ngờ đang diễn ra.

Exodus 2:7

Cho bú

"đưa cho mút"

Exodus 2:9

Bà đem nó lại

"người phụ nữ Hê-bơ-rơ mang nó lại"

Nó trở thành con của bà ấy

"nó trở thành con nuôi của con gái Pha-ra-ôn."

Vì ta đã vớt nó ra khỏi nước

Người dịch có thể thêm chú thích gạch chân: “Cái tên Môi-se nghe giống là từ Hê-bơ-rơ nghĩa là lấy ra.”

Vớt nó

"lấy nó"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Exodus 2:11

đánh

"đánh" hoặc "đấm"

Anh ta nhìn hướng này và hướng khác

Hai hướng ngược nhau được kết hợp thành nghĩa của từ “mọi nơi.” AT: “Anh ấy nhìn khắp nơi”

Exodus 2:13

Anh ta ra đi

"Môi-se ra đi"

Trông thấy

Từ “trông thấy” ở đây diễn tả Môi-se ngạc nhiên bởi những gì mình thấy. Bạn có thể dịch theo ngôn ngữ của bạn với cùng nghĩa này.

Người đã làm sai

Đây là cách thông thường khi nói về “kẻ gây ra ẩu đả” AT: “kẻ có tội gây ra ẩu đả trước”

Ai cho ngươi làm người chỉ đạo và phân xử trên chúng ta?

Người đàn ông dùng câu hỏi này để quở trách Môi-se về việc can thiệp cuộc ẩu đả. AT: “Ngươi không phải người chỉ đạo và có quyền phân xử bọn ta!”

Ngươi định giết ta như việc ngươi giết tên Ai Cập đó sao?

Người đàn ông sử dụng câu hỏi ở đây để mỉa mai. AT: “Chúng ta biết ngươi đã giết tên Ai Cập hôm qua. Ngươi tốt hơn không nên giết ta!”

Exodus 2:15

Bấy giờ khi Pha-ra-ôn nghe được điều đó

Từ “bấy giờ” được sử dụng đánh dấu ở đây để sự cắt ngang trong sự kiện. Ở đây tác bắt đầu kể về phần mới của tình tiết.

Bấy giờ thầy tế lễ của Ma-đi-an có bảy người con gái

Từ “bấy giờ” được sử dụng để đánh dấu sự cắt ngang trong sự kiện. Ở đây tác giả kể về những người mới trong câu chuyện.

Kéo nước

Nghĩa là họ mang nước lên khỏi giếng.

Máng ăn

Dài, hẹp, phần đựng mở ra để chứa thức ăn hoặc nước uống cho vật nuôi.

Đuổi chúng đi

"xua đuổi chúng đi"

Cứu giúp chúng

"giải nguy cho chúng"

Exodus 2:18

Tại sao các con bỏ người ở lại?

Câu hỏi này là một sự quở trách nhẹ cho đám con gái vì không mời Môi-se đến nhà họ theo như văn hóa mến khách thông thường. AT: “Con không nên để người đàn ông này ở lại giếng”

Exodus 2:21

Môi-se đồng ý ở lại với người

"Môi-se đồng ý sống với Rê-u-ên"

Sê-phô-ra

Đây là con gái của Rê-u-ên.

Ghẹt-sôn

Đây là con trai của Môi-se.

Cư ngụ ở vùng đất lạ

"người xa lạ ở vùng đất ngoại bang"

Exodus 2:23

Tiếng rên rỉ

Họ làm vậy vì họ thấy khổ sở và buồn phiền. AT: "tiếng thở dài"

Tiếng cầu xin của họ thấu đến Đức Chúa Trời

Tiếng kêu cầu của người Y-sơ-ra-ên được kể như chúng là con người và có khả năng đi đến nơi của Đức Chúa Trời. AT: “Đức Chúa Trời nghe thấy lời cầu xin của họ”

Đức Chúa Trời nhắc lại sự giao ước của mình

Đây là cách thông thường khi nói về Đức Chúa Trời nhớ lại những điều Ngài hứa. AT: “Đức Chúa Trời nhớ lại sự giao ước của mình”

Translation Questions

Exodus 2:2

Người nữ Lê-vi đã giấu con trai mình trong bao lâu?

Người nữ Lê-vi đã giấu con trai mình trong ba tháng.

Exodus 2:3

Người nữ Lê-vi lấy gì để trét kín cái thúng bằng cói?

Người nữ Lê-vi lấy chai và nhựa thông trét kín cái thúng bằng cói.

Exodus 2:4

Chị đứa bé phải đứng ở đằng xa để làm gì?

Chị đứa bé phải đứng ở đằng xa để xem chuyện gì sẽ xảy ra cho đứa bé.

Exodus 2:5

Con gái Pha-ra-ôn làm gì khi các nữ tì đi dạo dọc bờ sông?

Con gái Pha-ra-ôn làm gì khi các nữ tì đi dạo dọc bờ sông.

Exodus 2:7

Cô bé gọi ai để chăm sóc đứa trẻ cho con gái của Pha-ra-ôn?

Cô bé đi gọi mẹ đứa trẻ đến để chăm sóc đứa trẻ cho con gái của Pha-ra-ôn.

Exodus 2:8

Cô bé gọi ai để chăm sóc đứa trẻ cho con gái của Pha-ra-ôn?

Cô bé đi gọi mẹ đứa trẻ đến để chăm sóc đứa trẻ cho con gái của Pha-ra-ôn.

Exodus 2:10

Ai đặt tên cho đứa bé là Môi-se?

Con gái của Pha-ra-ôn đặt tên cho đứa bé là Môi-se.

Exodus 2:12

Môi-se giấu xác người Ai Cập mà ông đã giết ở đâu?

Môi-se đã giết người Ai Cập rồi giấu xác người đó dưới cát.

Exodus 2:13

Khi hai người Hê-bơ-rơ đánh nhau thì Môi-se hỏi người nào rằng "Sao anh đánh đồng bào mình?"

Khi hai người Hê-bơ-rơ đánh nhau thì Môi-se nói với người có lỗi rằng: “Sao anh đánh đồng bào mình?”

Exodus 2:15

Vì sao Pha-ra-ôn không giết Môi-se?

Pha-ra-ôn tìm giết Môi-se nhưng Môi-se trốn khỏi Pha-ra-ôn và ở tại xứ Ma-đi-an.

Exodus 2:17

Ai cố đuổi các con gái của thầy tế lễ Ma-đi-an đi?

Những người chăn chiến đến cố đuổi các con gái của thầy tế lễ Ma-đi-an đi.

Exodus 2:24

Đức Chúa Trời nhớ lại giao ước với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp khi nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khi Đức Chúa Trời nghe tiếng than thở của họ thì Ngài nhớ đến giao ước của Ngài với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp.

Chapter 3

Exodus 3:1

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va

Đây là chính Đức Giê-hô-va hiện ra như một thiên sứ, không phải thiên sứ do Đức Giê-hô-va gửi đến. “Đức Giê-hô-va hiện ra như một thiên sứ” (UDB).

Trông thấy

Từ “trông thấy” ở đây diễn tả rằng Môi-se thấy điều gì đó rất khác biệt so với những gì ông mong đợi.

Exodus 3:4

Biệt riêng ra

"làm nên thánh"

Đức Chúa Trời của cha ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Tất cả những người này cùng tôn thờ Đức Chúa Trời. AT: “Đức Chúa Trời của cha ngươi, của Y-sác, và của Gia-cốp”

Cha của ngươi

Có thể mang những nghĩa 1) “tổ tiên ngươi” hoặc 2) “cha của ngươi”. Nếu nó mang nghĩa “tổ tiên ngươi”, thì cụm từ này sẽ làm rõ ý “cha ngươi” nói đến: Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Nếu nó nghĩa “cha ngươi”, thì nó nói đến đến chính người cha của Môi-se.

Exodus 3:7

Những cai nô

"những cai nô." Là những người Ai Cập mà công việc của họ thúc ép người Y-sơ-ra-ên làm việc. Xem thêm bản dịch trong EXO 1:11.

Vùng đất đượm sữa và mật ong

"nơi có sữa và mật ong chảy." Đức Chúa Trời nói về vùng đất tốt cho vật nuôi và cây cối như thể sữa và mật ong từ vật nuôi và cây cối chảy trên khắp vùng đất đó. AT: “vùng đất màu mỡ cho vật nuôi và gieo trồng mùa màng”

Đượm

“tràn trề” hoặc “dư dật về”

Sữa

Trước đây sữa được lấy từ bò cái và dê cái, là thức ăn tiêu biểu được sản xuất từ vật nuôi. AT: “thức ăn từ vật nuôi”

Mật ong

Trước đây mật ong được lấy từ hoa, là thức ăn tiêu biểu từ cây trồng. AT: “thức ăn từ cây trồng”

Exodus 3:9

Tiếng kêu của dân Y-sơ-ra-ên thấu đến ta

Từ “tiếng kêu” ở đây được xem như thể chúng là con người và có khả năng tự chúng di chuyển. AT: “Ta có nghe tiếng kêu khóc của dân Y-sơ-ra-ên”

Exodus 3:11

Tôi là ai, sao tôi có thể gặp Pha-ra-ôn… Ai Cập?

Môi-se sử dụng câu hỏi này để hỏi Đức Chúa Trời rằng không người nào và cũng không có ai sẽ chịu lắng nghe ông. AT: “Tôi không đủ quan trọng để gặp Pha-ra-ôn…Ai Cập”

Exodus 3:13

Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se, “Ta là Đấng tự hữu hằng hữu”

Đây là sự đáp lời của Đức Chúa Trời trước câu hỏi của Môi-se về danh xưng của Ngài. Điều này được nói khá rõ ràng. AT: “Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se, “Hãy nói với chúng rằng Đức Chúa Trời nói danh mình ra, “Ta là Đấng tự hữu hằng hữu.”

Ta là Đấng tự hữu hằng hữu

Có thể mang những nghĩa 1) Chính câu này là danh xưng của Đức Chúa Trờ hoặc 2) Đức Chúa Trời không nói về danh xưng của Ngài nhưng bày tỏ vài điều về chính Ngài. Qua cách nói này, Đức Chúa Trời đang dạy dỗ rằng Ngài là đời đời; Ngài đã luôn luôn sống và sẽ luôn luôn sống.

Ta là

Cách diễn đạt này không tương đương với động từ “là”, có thể diễn dịch thành “TA SỐNG” hoặc “TA TỒN TẠI”

Exodus 3:16

Thông tin tổng quát

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se.

Đức Chúa Trời của tổ phụ ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, của Y-sác, và của Gia-cốp

Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-Cốp đều là ba tổ phụ của Môi-se. Tất cả họ đều thờ lạy Đức Chúa Trời.

Ta quả thực đã dõi theo các ngươi

Từ “các ngươi” nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Vùng đất đượm sữa và mật ong

"Nơi có sữa và mật ong tuôn chảy." Đức Chúa Trời nói đến vùng đất tốt cho vật nuôi và cây cối như sữa và mật ong từ vật nuôi và cây cối đang tuôn chảy qua vùng đất. AT: “vùng đất màu mỡ cho sự chăn nuôi vật nuôi và gieo trồng mùa màng. Xem thêm bản dịch trong [EXO 3:8]

Đượm

“tràn trề” hoặc “dư dật về”

Sữa

Trước đây sữa được lấy từ bò cái và dê cái, là thức ăn tiêu biểu được sản xuất từ vật nuôi. AT: “thức ăn từ vật nuôi”

Mật ong

Trước đây mật ong được lấy từ hoa, là thức ăn tiêu biểu từ cây trồng. AT: “thức ăn từ cây trồng”

Họ sẽ nghe lời ngươi

Từ “ngươi” nói đến Môi-se. AT: “Các trưởng lão sẽ nghe lời ngươi”

Exodus 3:19

Thông tin tổng quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se.

Trừ khi tay ngươi bắt buộc

Có thể dịch với dạng chủ động. Từ “tay” hoán dụ cho sức lực của chủ nhân đôi tay. Có thể mang những nghĩa 1) “chỉ khi ông ta thấy rằng ông ta không có quyền làm bất cứ điều gì khác”

Ta sẽ giơ tay mình ra và tấn công

Từ “tay” nói đến sức mạnh của Đức Chúa Trời. AT: “Ta sẽ tấn công mạnh mẽ”

Sẽ không đi với tay không

Bằng tay

Mỗi phụ nữ ở lại nhà hàng xóm của mình

"mỗi phụ nữ Ai Cập ở lại trong nhà hàng xóm của mình "

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Exodus 3:1

Cha vợ của Môi-se là ai?

Giê-trô, thầy tế lễ xứ Ma-đi-an, là cha vợ của Môi-se.

Exodus 3:2

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va hiện ra với Môi-se như thế nào?

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va hiện ra với Môi-se trong ngọn lửa giữa một bụi gai.

Exodus 3:4

Ai gọi Môi-se từ giữa bụi gai?

Đức Chúa Trời gọi Môi-se từ giữa bụi gai

Exodus 3:5

Vì sao Đức Chúa Trời bảo Môi-se cởi giày ra?

Đức Chúa Trời phán rằng "Đừng đến gần! Hãy cởi giày khỏi chân con vì chỗ con đang đứng là đất được thánh hóa cho mục đích của ta".

Exodus 3:8

Đức Giê-hô-va ngự xuống để làm gì? Why did Yahweh come down?

Đức Giê-hô-va ngự xuống để giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi thế lực của người Ai Cập và đem họ ra khỏi xứ ấy, đưa đến một vùng đất tốt đẹp và rộng rãi, đượm sữa và mật.

Exodus 3:10

Đức Giê-hô-va sai Môi-se đến gặp Pha-ra-ôn để làm gì?

Đức Giê-hô-va sai Môi-se đến gặp Pha-ra-ôn để Môi-se đưa dân của Đức Giê-hô-va, tức là dân Y-sơ-ra-ên, ra khỏi Ai Cập.

Exodus 3:12

Đâu là dấu hiệu cho Môi-se biết Đức Giê-hô-va đã sai ông?

Dấu hiệu cho Môi-se biết Đức Giê-hô-va đã sai ông đó là khi Môi-se đem dân chúng ra khỏi Ai Cập rồi thì ông sẽ thờ phượng Đức Chúa Trời trên núi này.

Exodus 3:14

Khi dân Y-sơ-ra-ên hỏi Môi-se tên của Đức Chúa Trời là gì thì ông phải nói với họ thế nào?

Khi dân Y-sơ-ra-ên hỏi Môi-se tên của Đức Chúa Trời là gì thì ông phải nói rằng "TA LÀ ĐẤNG TỰ HỮU HẰNG HỮU".

Exodus 3:18

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi vào hoang mạc bao lâu để dâng sinh tế cho Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của họ?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi ba ngày đường vào hoang mạc để dâng sinh tế cho Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của họ.

Exodus 3:19

Vua Ai Cập sẽ không để cho dân Y-sơ-ra-ên đi trừ khi có điều gì xảy ra?

Vua Ai Cập sẽ không để cho dân Y-sơ-ra-ên đi trừ khi tay vua buộc phải làm vậy.

Chapter 4

Exodus 4:1

Nếu họ không tin

"Nếu dân Y-sơ-ra-ên không tin"

Exodus 4:4

Nắm lấy đuôi nó

"nhặt cái đuôi nó lên" hoặc "túm lấy cái đuôi nó"

Trở nên cây gậy

"trở thành cây gậy" hoặc "biến thành cây gậy"

Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp đều là ba tổ phụ của họ. Tất cả họ đều thờ phượng Đức Chúa Trời.

Exodus 4:6

Nầy

Từ này được sử dụng như dấu chấm than, diễn tả sự ngạc nhiên.

Trắng như tuyết

Từ “như” ở đây được sử dụng để so sánh tay của Môi-se trông giống điều gì. Bệnh phong cùi là nguyên nhân làm da nhìn trắng. Bạn không có từ nào cho từ tuyết trong ngôn ngữ của bạn. Vì vậy, xem xét lựa chọn mô tả về trắng. AT: “trắng như lông cừu” hoặc “trắng như cát ngoài bãi biển”

Exodus 4:8

Đáp lại

"thừa nhận" hoặc "chấp nhận"

Exodus 4:10

Hùng biện

"người giỏi ăn nói"

Tôi chậm ăn nói và chậm miệng lưỡi

Cụm từ “chậm ăn nói” và “chậm miệng có nghĩa cơ bản giống nhau. Môi-se sử dụng chúng để nhấn mạnh rằng ông không phải là người giỏi ăn nói.

Chậm miệng lưỡi

Từ “lưỡi” nói đến khả năng nói của Môi-se. AT: “không có khả năng nói tốt”

Ai dựng nên miệng của con người?

Đức Giê-hô-va sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng Sáng Tạo có thể làm cho con người nói được. AT: “Ta Đức Giê-hô-va là Đấng tạo ra miệng lưỡi con người và tạo khả năng để nói!”

Ai làm cho con người câm, điếc hoặc thấy hoặc mù?

Đức Giê-hô-va sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng quyết định khả năng nói và nghe, hoặc nhìn thấy của con người. AT: “Ta Đức Giê-hô-va làm cho con người có thể nói, hoặc nghe, hoặc thấy hoặc mù!”

Không phải ta, Đức Giê-hô-va sao?

Đức Giê-hô-va sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng chỉ riêng Ngài quyết định những điều này. AT: “Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng duy nhất làm được điều này!”

Ta sẽ ở cùng miệng ngươi

Từ “miệng” nói đến khả năng nói của Môi-se. AT: “Ta sẽ cho ngươi khả năng nói”

Exodus 4:14

Người sẽ vui trong lòng

Từ “trong lòng” nói đến những cảm xúc và suy nghĩ bên trong. AT: “người sẽ rất vui sướng”

Sắp đặt lời nói trong trong miệng ngươi

Những từ này được xem như thể chúng là một thứ gì đó có thể chất được đặt trong miệng của một người. Từ “lời nói” nói đến sứ điệp. AT: “ban cho ông sứ điệp để ông thuật lại”

Ta sẽ ở cùng miệng ngươi

Từ “miệng” ở đây tượng trưng cho sự lựa chọn của Môi-se trong lời nói. AT: “Ta sẽ cho ngươi những lẽ thật để nói”

Với miệng ngươi

Từ “miệng” ở đây tượng trưng cho sự lựa chọn của A-rôn để nói. AT: “Ngài sẽ bảo ông những gì phải nói”

Ông ấy sẽ thành miệng ngươi

Từ “miệng” ở đây tương ứng cho việc A-rôn lập lại những gì

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se nói với ông. AT: “Ông ấy sẽ nói những gì ngươi bảo ông ấy nói”

Ngươi sẽ như Chúa của người như ta, Đức Chúa Trời

Từ “như” ở đây có nghĩa Môi-se sẽ có quyền năng với A-rôn như Đức Chúa Trời đã làm cho Môi-se. AT: “ngươi sẽ nói cùng A-rôn với thẩm quyền ta phán với ngươi”.

Exodus 4:18

Cha vợ

Cha vợ

Exodus 4:21

Người sẽ cứng lòng

Từ “lòng” nói về Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “tấm lòng là nguyên nhân khiến Pha-ra-ôn ngang bướng”

Y-sơ-ra-ên là con trai ta

Từ “Y-sơ-ra-ên” ở đây tượng trưng cho tất cả dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: “Dân sự của Y-sơ-ra-ên là con của ta”

Là con ta, con trai đầu lòng của ta

Ở đây dân Y-sơ-ra-ên được xem như thể họ là con trai đầu lòng và là niềm hân hoan và tự hào. AT: “như là con trai đầu lòng của ta”

Ngươi đã từ chối để nó đi

Từ “nó” nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên như con của Đức Chúa Trời. AT: “ngươi đã từ chối để con ta đi”

Ta chắc chắn sẽ giết con trai ngươi, con trai đầu lòng của ngươi

Từ “con trai” ở đây xem như con trai thật sự của “Pha-ra-ôn”

Exodus 4:24

Đức Giê-hô-va gặp Môi-se và định giết ông

Việc này xảy ra do Môi-se đã không cắt bì cho con trai của mình.

Sê-phô-ra

Đây là tên vợ của Môi-se.

Dao bằng đá

Đây là con dao có lưỡi mài bằng đá.

Tới chân người

Có thể từ “chân” ở đây trang trọng hơn nói đến bộ phận sinh dục của con người.

Người là chồng của tôi bởi huyết

Nghĩa của phép ẩn dụ này không rõ ràng. Nó hầu như được hiểu hơn khi nói trong văn hóa đó. AT: “người có liên quan với tôi bởi máu này” hoặc “người là chồng tôi bởi máu”

Exodus 4:27

Đức Giê-hô-va phán cùng A-rôn

Bạn có thể muốn thêm từ để đánh dấu phần mở đầu ở phần mới của câu chuyện, như bản dịch UDB làm.

Tại núi của Đức Chúa Trời

Có thể núi này tại Si-na-i, nhưng đoạn văn không nhắc đến thông tin này.

Ngài đã sai người để nói

Từ “Ngài” nói về Giê-hô-va, và “người” nói về Môi-se.

Exodus 4:29

Dấu lạ cho mọi người

"trước mọi người" hoặc "trước sự có mặt của mọi người"

Đã dõi theo dân Y-sơ-ra-ên

"quan sát dân Y-sơ-ra-ên" hoặc "quan tâm đến dân Y-sơ-ra-ên"

Họ cúi đầu

Có thể mang những nghĩa 1) Họ cúi đầu trong sợ kính sợ hoặc 2) “Họ hạ thấp người trong sự kính sợ.”

Translation Questions

Exodus 4:2

Trong tay Môi-se có gì?

Trong tay Môi-se có một cây gậy.

Exodus 4:4

Cây gậy của Môi-se biến thành gì khi ông ném nó xuống đất?

Cây gậy của Môi-se biến thành một con rắn khi ông ném nó xuống đất.

Môi-se phải nắm lấy con rắn ở đâu?

Môi-se phải nắm lấy đuôi con rắn.

Exodus 4:6

Lần đầu Môi-se lấy tay mình ra khỏi áo thì chuyện gì xảy ra?

Lần đầu Môi-se lấy tay mình ra khỏi áo thì tay ông nổi phung trắng.

Exodus 4:12

Ai sẽ là miệng của Môi-se và dạy ông điều phải nói?

Đức Giê-hô-va sẽ là miệng của Môi-se và dạy ông điều phải nói.

Exodus 4:14

Khi gặp Môi-se A-rôn sẽ như thế nào?

Khi gặp Môi-se A-rôn sẽ vui mừng trong lòng.

Exodus 4:16

Với A-rôn, Môi-se sẽ giống như ai?

Môi-se sẽ giống như Đức Chúa Trời cho A-rôn.

Exodus 4:19

Vì sao Môi-se có thể trở về Ai Cập?

Môi-se có thể trở về Ai Cập vì tất cả những người tìm giết ông đã chết hết rồi.

Exodus 4:21

Vì sao Đức giê-hô-va sẽ làm cho Pha-ra-ôn cứng lòng?

Đức Giê-hô-va sẽ làm cho Pha-ra-ôn cứng lòng, không cho dân chúng ra đi.

Exodus 4:22

Vì Pha-ra-ôn từ chối không cho con trưởng nam của Đức Giê-hô-va đi nên Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với con trưởng nam của Pha-ra-ôn?

Vì Pha-ra-ôn từ chối không cho con trưởng nam của Đức Giê-hô-va đi nên Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ giết con trưởng nam của Pha-ra-ôn.

Exodus 4:23

Vì Pha-ra-ôn từ chối không cho con trưởng nam của Đức Giê-hô-va đi nên Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với con trưởng nam của Pha-ra-ôn?

Vì Pha-ra-ôn từ chối không cho con trưởng nam của Đức Giê-hô-va đi nên Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ giết con trưởng nam của Pha-ra-ôn.

Exodus 4:24

Khi họ dừng chân nghỉ qua đêm thì Đức Giê-hô-va tìm cách làm gì Môi-se?

Khi họ dừng chân nghỉ qua đêm thì Đức Giê-hô-va gặp Môi-se và tìm cách giết ông.

Exodus 4:27

A-rôn gặp Môi-se ở đâu?

A-rôn gặp Môi-se tại núi của Đức Chúa Trời.

Exodus 4:30

Ai làm những dấu lạ của Đức Giê-hô-va trước mặt dân chúng?

A-rôn làm những dấu lạ của Đức Giê-hô-va trước mặt dân

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chúng.

Chapter 5

Exodus 5:1

Sau những chuyện đó xảyra

Điều này không rõ Môi-se và A-rôn đợi bao lâu cho đến khi họ gặp Pha-ra-ôn.

Dâng lễ cho ta

Đây là sự tán dương để thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Ai là Đức Giê-hô-va?

Pha-ra-ôn sử dụng câu hỏi này để tỏ ra rằng ông không công nhận Đức Giê-hô-va như một vị thần chính đáng. AT: “Ta không biết Đức Giê-hô-va”

Tại sao ta phải…để dân Y-sơ-ra-ên đi?

Pha-ra-ôn sử dụng câu hỏi này để nói rõ ông không quan tâm vâng lời Đức Giê-hô-va hoặc để dân Y-sơ-ra-ên thờ lạy Ngài. AT: “Ông ta không là gì với ta và ta cũng sẽ không để dân Y-sơ-ra-ên đi!”

Nghe lời người nói

Từ “lời người nói” tượng trưng cho lời Đức Chúa Trời phán. AT: “nghe những gì Ngài phán”

Exodus 5:3

Đức Chúa Trời của người Hê-bơ-rơ

Đây cũng là thuật ngữ được sử dụng cho Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên hoặc Đức Giê-hô-va.

Hoặc bằng gươm đao

Từ “gươm đao” tượng trưng cho chiến tranh hoặc sự tấn công bởi thù địch. AT: “hoặc bởi thù địch tấn công chúng tôi”

Tại sao ngươi đang làm cho chúng nó nghỉ việc?

Pha-ra-ôn sử dụng câu hỏi này để diễn tả sự nổi nóng của mình hướng về Môi-se và A-rôn về việc mang dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi công việc của họ. AT: “chấm dứt làm rối trí mọi người khỏi công việc họ đang làm!”

Exodus 5:6

Những cai nô

"những cai nô." Là những người Ai Cập mà công việc của họ thúc ép người Y-sơ-ra-ên làm việc. Xem thêm bản dịch trong EXO 1:11.

Ngươi không còn đưa

Từ “ngươi” trong những đoạn này là số nhiều và nói về các cai nô và các đốc công.

Exodus 5:10

Những cai nô

"những cai nô." Là những người Ai Cập mà công việc của họ thúc ép người Y-sơ-ra-ên làm việc. Xem thêm bản dịch trong EXO 1:11.

Ta không còn phát rơm cho ngươi…kiếm rơm ở nơi đâu ngươi thấy

Từ “ngươi” ở trong đoạn này thuộc số nhiều và đề cập tới dân Y-sơ-ra-ên.

Các ngươi phải tự đi

Từ “các ngươi” ở đây nhấn mạnh rằng người Y-sơ-ra-ên sẽ không còn giúp họ nữa.

Khối việc sẽ không giảm

Có thể dịch ở dạng bị động. AT: “ngươi phải tiếp tục công việc để làm ra cùng số gạch như trước đây”

Exodus 5:12

Khắp đất Ai Cập

Đây là sự phóng đại này được sử dụng để diễn tả sự nỗ lực lớn của dân Y-sơ-ra-ên làm trước yêu cầu của Pha-ra-ôn. AT: "khu vực rộng lớn"

Những cai nô

"những cai nô." Là những người Ai Cập mà công việc của họ thúc ép người Y-sơ-ra-ên làm việc. Xem thêm bản dịch trong EXO 1:11.

Gốc rạ

Là một phần của cây còn thừa lại sau khi vụ gặt.

Tại sao các ngươi không làm ra số gạch theo yêu cầu…như ngày trước?

Những tên cai nô sử dụng câu hỏi này để biểu lộ họ tức giận vì thiếu số gạch. AT: “Các ngươi không sản xuất đủ số gạch, cả hôm qua lẫn hôm nay, như ngươi làm như ngày trước!”

Exodus 5:15

Kêu than

"phàn nàn"

Họ tiếp tục nói chúng tôi, “Hãy làm gạch đi!”

Từ “họ” ở đây nhắc đến những tên cai nô Ai Cập.

Exodus 5:19

Khi họ bảo

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Khi Pha-ra-ôn bảo họ”

Cung điện

Đây là một nhà rộng lớn để Vua sống trong đó.

Các người làm chúng tôi khó chịu

Dân Ai Cập đáp lại dân Y-sơ-ra-ên cùng một cách họ phản ứng trước mùi hôi hám

Đặt gươm kiếm vào tay chúng để giết chúng tôi

Từ “gươm kiếm” ở đây tượng trưng cho thời cơ để hủy diệt kẻ thù. AT: “cho chúng một cơ hội để giết chúng tôi” (UDB)

Exodus 5:22

Chúa ơi, tại sao người gây khổ sở cho dân sự này?

Cây hỏi này biểu lộ sự thất vọng của ông thế nào khi dân Ai Cập đang ngày càng đối đãi khắc nghiệt với dân Y-sơ-ra-ên lúc bấy giờ. AT: “Chúa ơi, tôi thấy phiền muộn khi Ngài gây khổ sở cho những người này.”

Tại sao Ngài sai tôi tới nơi này trước?

Câu hỏi này biểu lộ Môi-se thất vọng thế nào khi Đức Chúa Trời đã sai ông tới Ai Cập. AT: “Tôi ước Ngài chưa từng gửi tôi tới đây!”

Nói với ông ta tên của ngươi

Từ “tên” ở đây tượng trưng cho sứ điệp của Đức Chúa Trời. AT: “cho ông ta biết thông điệp của ngươi”

Translation Questions

Exodus 5:1

Vì sao Pha-ra-ôn phải để cho dân của Đức Giê-hô-va đi?

Pha-ra-ôn phải để cho dân của Đức Giê-hô-va đi để họ cử hành một lễ cho Ngài trong hoang mạc.

Exodus 5:3

Vì sao dân Y-sơ-ra-ên phải đi ba ngày đường vào hoang mạc để dâng sinh tế cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ?

Dân Y-sơ-ra-ên phải đi ba ngày đường vào hoang mạc và dâng sinh tế cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ để Ngài không giáng dịch bệnh hoặc gươm đao trên họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Exodus 5:6
Pha-ra-ôn ra lệnh cho ai không phát rơm cho dân Y-sơ-ra-ên làm gạch nữa?
Pha-ra-ôn ra lệnh cho các đốc công và các trưởng toán không phát rơm cho dân Y-sơ-ra-ên làm gạch nữa.
Exodus 5:7
Pha-ra-ôn ra lệnh cho ai không phát rơm cho dân Y-sơ-ra-ên làm gạch nữa?
Pha-ra-ôn ra lệnh cho các đốc công và các trưởng toán không phát rơm cho dân Y-sơ-ra-ên làm gạch nữa.
Exodus 5:11
Mặc dù dân Y-sơ-ra-ên phải tự đi kiếm rơm lấy nhưng điều gì không được giảm bớt?
Mặc dù dân Y-sơ-ra-ên phải tự đi kiếm rơm lấy nhưng lượng công việc của họ vẫn không được giảm bớt.
Exodus 5:14
Các đốc công của Pha-ra-ôn đã đánh những ai?
Các đốc công của Pha-ra-ôn đã đánh những trưởng toán người Y-sơ-ra-ên, là người mà họ đã chỉ định để theo dõi các nhân công.
Exodus 5:15
Vì lỗi của ai mà các toán trưởng người Y-sơ-ra-ên bị đánh?
Do chính dân của Pha-ra-ôn mà các toán trưởng người Y-sơ-ra-ên bị đánh.
Exodus 5:16
Vì lỗi của ai mà các toán trưởng người Y-sơ-ra-ên bị đánh?
Do chính dân của Pha-ra-ôn mà các toán trưởng người Y-sơ-ra-ên bị đánh.
Exodus 5:20
Khi họ lui khỏi Pha-ra-ôn thì Môi-se và A-rôn ở đâu?
Khi họ lui khỏi Pha-ra-ôn thì Môi-se và A-rôn đang đứng bên ngoài cung điện.
Exodus 5:22
Môi-se nói ai đã mang họa đến cho dân Y-sơ-ra-ên?
Môi-se nói Chúa đã mang họa đến cho dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 6
Exodus 6:1
Bàn tay quyền năng của ta
Từ “tay” ở đây tượng trưng cho những hành động của Đức Chúa Trời hoặc những công việc. AT: “quyền năng mà ta bày tỏ trong công việc của ta”
Exodus 6:2
Ta đã hiện ra với Áp-ra-ham, với Y-sác, và cả Gia-cốp
“Ta đã bày tỏ chính ta cho Áp-ra-ham, cho Y-sác, và cho Gia-cốp”
Tôi không biết đến bọn họ
Có thể định ở dạng chủ động. AT: “Bọn chúng không biết ta”
Lầm bầm
Điều này có nghĩa là tạo ra những âm thanh buồn bã do nỗi đau và chịu đựng.
Exodus 6:6
Nói với dân Y-sơ-ra-ên
Đây là mệnh lệnh từ Đức Giê-hô-va tới Môi-se. AT: “Đức Giê-hô-va phán với Môi-se đi nói với dân Y-sơ-ra-ên.”
Exodus 6:8
Ta thề
"Ta hứa" hoặc "Ta nói ta sẽ"
Exodus 6:10
Nếu dân Y-sơ-ra-ên không nghe lời tôi, thì sao Pha-ra-ôn nghe tôi, khi tôi không phải là người giỏi ăn nói?
Môi-se hỏi câu hỏi này hi vọng Đức Chúa Trời sẽ thay đổi ý định của người về việc sử dụng Môi-se. Câu hỏi tu từ này có thể dịch thành câu mệnh lệnh. AT: “Khi dân Y-sơ-ra-ên đã không nghe lời tôi, cũng không nghe Pha-ra-ôn, bởi vì tôi không phải là người giỏi ăn nói!”
Exodus 6:14
Những người đứng đầu trong dòng họ
Từ “đứng đầu” nói về những tổ tiên chính gốc của thị tộc. AT: "Những tổ tiên của thị tộc"
Hê-nóc ... Sau-lơ
Đây đều là tên của những người nam.
Exodus 6:16
Ghẹt-sôn ... Mê-ra-ri
Đây đều là tên của những người nam.
Am-ram…U-xi-ên
Đây đều là tên của những người nam.
Exodus 6:20
Dít-sê-ha ... Cô-rê ... Xiếc-ri
Đây đều là tên của những người nam.
U-xi-ên…Mi-sa-ên…Sít-ri
Đây đều là tên của những người nam.
Exodus 6:23
Na-đáp…Y-tha-ma
Đây đều là tên của những người nam.
Phi-nê-a
Đây là tên của người nam.
Đây là những người đứng đầu trong dòng họ
Từ “đứng đầu” ở đây tượng trưng cho những lãnh đạo dòng dõi. AT: “Đây là những lãnh đạo trong dòng dõi”
Exodus 6:26
Bởi nhóm người mâu thuẫn
"một đám người vào thời đó" hoặc "một nhóm gia đình sau nữa"
Exodus 6:28
Tôi không giỏi…Tại sao Pha-ra-ôn nghe lời tôi?
Môi-se hỏi câu hỏi này để hi vọng thay đổi ý định của Đức Chúa Trời. Câu hỏi tu từ này có thể dịch dưới dạng tuyên bố. AT: “Tôi không giỏi… Pha-ra-ôn nhất định sẽ không nghe tôi!”

Translation Questions

Exodus 6:1
Vì sao Pha-ra-ôn sẽ để cho dân Y-sơ-ra-ên đi?
Pha-ra-ôn sẽ để cho dân Y-sơ-ra-ên đi bởi bàn tay quyền năng của Đức Giê-hô-va.
Exodus 6:2
Đức Giê-hô-va đã hiện ra cho Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp như thế nào?
Đức Giê-hô-va đã hiện ra cho Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp với danh hiệu là Đức Chúa Trời Toàn Năng.
Exodus 6:5
Đức Giê-hô-va nghe thấy điều gì và Ngài đã nhớ lại điều gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va đã nghe lời thở than của dân Y-sơ-ra-ên bị người Ai Cập bắt làm nô lệ và Ngài nhớ lại giao ước của Ngài.
Exodus 6:8
Đức Giê-hô-va sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên điều gì làm sản nghiệp?
Đức Giê-hô-va sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên đất mà Ngài đã thề ban cho Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp làm sản nghiệp.
Exodus 6:12
Vì sao Môi-se nghĩ rằng Pha-ra-ôn sẽ không nghe ông?
Môi-se nghĩ rằng Pha-ra-ôn sẽ không nghe ông vì ông không giỏi ăn nói.
Exodus 6:18
Kê-hát sống được bao lâu?
Kê-hát sống được 133 tuổi.
Exodus 6:20
Am-ram cưới ai?
Am-ram cưới Giô-kê-bết, em gái của cha mình.
Exodus 6:23
Ai sinh Na-đáp và A-bi-hu?
Ê-li-sê-ba sinh Na-đáp và A-bi-hu.
Exodus 6:26
A-rôn và Môi-se phải đưa dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi đất Ai Cập như thế nào?
A-rôn và Môi-se phải đưa dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi đất Ai Cập theo binh ngũ của họ.

Chapter 7
Exodus 7:1
Ta sẽ lập ngươi như Đức Chúa Trời
"Ta sẽ khiến Pha-ra-ôn coi ngươi như Đức Chúa Trời"
Exodus 7:3
Lòng Pha-ra-ôn cứng cỏi
Từ “lòng” ở đây nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng rắn lại. AT: “sẽ khiến Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng.” Xem thêm bản dịch trong [EXO 4:21]
Nhiều dấu hiệu…nhiều phép lạ
Từ “dấu hiệu” và “phép lạ” về cơ bản là cùng nghĩa. Chúa sử dụng chúng để nhấn mạnh sự vĩ đại của những gì Ngài sẽ làm ở Ai Cập.
Đặt tay ta vào… tra vào bằng tay ta
Từ “tay ta” tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. AT: “sử dụng quyền năng ta chống lại… bày tỏ năng quyền lớn mạnh của ta chống lại”
Exodus 7:6
Vả A-rôn tám mươi ba tuổi
Ba tuổi
Exodus 7:8
Khi Pha-ra-ôn nói với ngươi, “Hãy làm phép màu,” thì ngươi sẽ nói với A-rôn, “Lấy gậy của anh và ném xuống trước mặt Pha-ra-ôn, vậy nó sẽ hóa thành con rắn.”
Câu này có thể được phát biểu như đoạn trích dẫn gián tiếp. AT: “Khi Pha-ra-ôn bảo ngươi làm phép màu, thì ngươi hãy nói A-rôn cầm gậy của người và ném trước mặt Pha-ra-ôn, vậy nó sẽ hóa thành con rắn.”
Exodus 7:11
Nuốt lấy
"ăn ngấu nghiến" hoặc "ăn tươi nuốt sống"
Lòng Pha-ra-ôn lại cứng cỏi
Ở đây “lòng” nói đến tới Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng ông cứng cỏi. AT: “Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn”
Exodus 7:14
Lòng của Pha-ra-ôn cứng cỏi
Ở đây “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: "Pha-ra-ôn ngang bướng." Xem thêm bản dịch trong [EXO 7:13]
Khi người ra ngoài bờ sông
Nghĩa trọn vẹn của câu này có thể làm rõ ràng. AT: “Khi người đi xuống sông Nin để tắm” (UDB) (See:
Exodus 7:16
Nói với người
"Nói với Pha-ra-ôn"
Đập nước
"đánh vào nước"
Exodus 7:19
Khắp tất cả
"trong mỗi phần của"
Exodus 7:20
Lòng của Pha-ra-ôn lại cứng cỏi
Từ “lòng” nói đến đến Pha-ra-ôn. Thái độ cứng lòng của ông được xem như lòng của ông ấy cứng cỏi. AT: “Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn." Xem thêm bản dịch trong [EXO 7:13]
ở sông
Tên của con sông này có thể nói rõ. AT: "ở sông Nin"
Exodus 7:23
Tất cả người Ai Cập
Từ “tất cả” ở đây được cường điệu để nhấn mạnh vấn đề nghiêm trọng thế nào. AT: “Nhiều người dân Ai Cập”

Translation Questions

Exodus 7:1
Đối với Pha-ra-ôn, Đức Giê-hô-va khiến Môi-se giống như ai?
Đức Giê-hô-va khiến Môi-se như chúa của Pha-ra-ôn.
Exodus 7:3
Đức Giê-hô-va sẽ làm cho lòng Pha-ra-ôn thế nào?
Đức Giê-hô-va sẽ làm cho lòng Pha-ra-ôn cứng cõi.
Exodus 7:5
Khi nào thì người Ai Cập sẽ biết Đức Giê-hô-va là ai?
Người Ai Cập sẽ biết Đức Giê-hô-va là ai khi Ngài giang tay trên Ai Cập và đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi họ.
Exodus 7:9
Cây gậy của Môi-se sẽ biến thành gì?
Cây gậy của Môi-se sẽ biến thành một con rắn.
Exodus 7:11
Làm thế nào gậy của các pháp sư và thầy phù thủy của Pha-ra-ôn biến thành rắn?
Gậy của các pháp sư và thầy phù thủy của Pha-ra-ôn biến thành rắn nhờ ma thuật của họ.
Exodus 7:15
Môi-se phải đứng ở đâu để gặp Pha-ra-ôn?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se phải đứng ở bờ sông để gặp Pha-ra-ôn.
Exodus 7:17
Sống sẽ biến thành gì?
Sống sẽ biến thành máu.
Exodus 7:19
Nước gì sẽ biến thành máu?
Các sông, suối, hồ và các ao nước của người Ai Cập, thậm chí là nước trong các vật chứa bằng gỗ và đá đều sẽ biến thành máu.
Exodus 7:22
Lòng Pha-ra-ôn thế nào?
Lòng Pha-ra-ôn cứng cõi.
Exodus 7:24
Người Ai Cập cố gắng tìm nước uống như thế nào?
Người Ai Cập đào quanh sông để tìm nước uống.

Chapter 8
Exodus 8:1
Con sông
"sông Nin"
Nhào bột trong bát
Đây là những cái bát để làm bánh mì.
Exodus 8:8
Sau đó Pha-ra-ôn gọi cho Môi-se và A-rôn
"Sau đó Pha-ra-ôn cho mời Môi-se và A-rôn"
Người ban cho tôi đặc ân lúc tôi cầu nguyện vì người
"Người định thời điểm tôi sẽ cầu nguyện vì người" hoặc "Người có thể chọn thời điểm để tôi cầu nguyện vì người"
Exodus 8:13
Người lại cứng lòng
"Pha-ra-ôn cứng lòng." Từ “cứng lòng” nghĩa là vua trở nên ngang bướng.
Đúng như Đức Giê-hô-va đã phán rằng điều người sẽ làm
"đúng như Đức Giê-hô-va phán rằng điều Pha-ra-ôn sẽ làm"
Exodus 8:18
Ấy là ngón tay của Đức Chúa Trời
Từ “ngón tay của Đức Chúa Trời” tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. AT: “Đây là công việc quyền năng của Đức Chúa Trời”
Lòng của Pha-ra-ôn cứng cỏi
Từ “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Xem thêm bản dịch trong Exodus 8:20
Đứng trước Pha-ra-ôn
"hiện diện chính mình trước Pha-ra-ôn"
Để dân của ta đi
"để dân của ta được tự do"
Exodus 8:22
Thông tin tổng quát
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Pha-ra-ôn thông qua Môi-se.
Vùng đất bị hủy hoại bởi bầy ruồi
Câu này có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Bầy ruồi phá hoại vùng đất”
Exodus 8:25
Ngay trước mắt họ
Đây là cách thông thường khi nói về “sự có mặt của một ai đó.” AT: “trong lúc họ có mặt”
Họ sẽ không ném đá chúng tôi sao?
Môi-se hỏi câu hỏi này để tỏ cho Pha-ra-ôn vua Ai Cập sẽ không cho phép dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng Đức Giê-hô-va. AT: “họ nhất định sẽ ném đá chúng tôi!”
Exodus 8:28
Người sẽ không đối xử giả dối nữa bằng cách không để cho dân của tôi đi
Câu này có thể ở dạng bị động. AT: “người phải bắt đầu đối xử thật lòng với chúng tôi và để cho dân của chúng tôi đi”
Nhưng người đừng cư xử giả dối
"Nhưng người chớ lừa gạt chúng tôi" hoặc "Nhưng người chớ nối dối chúng tôi"
Exodus 8:30
Pha-ra-ôn cứng cỏi lòng mình
Từ “lòng” nói đến tới Pha-ra-ôn. Xem thêm bản dịch trong [EXO 7:13]

Translation Questions

Exodus 8:2
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu Pha-ra-ôn từ chối không để dân của Đức Giê-hô-va đi?
Nếu Pha-ra-ôn từ chối không để dân của Đức Giê-hô-va đi thì Ngài sẽ giáng tai vạ ếch nhái trên khắp bờ cõi của Pha-ra-ôn.
Exodus 8:3
Ếch nhái từ dưới sông sẽ bò đi đâu?
Ếch nhái sẽ bò lên đi vào nhà, phòng ngủ và lên cả giường của người Ai Cập. Chúng sẽ bò vào nhà đầy tớ của họ. Chúng sẽ bò lên người, lên bếp lò và bò vào thùng nhồi bột của họ.
Exodus 8:6
A-rôn đưa tay ra trên đâu?
A-rôn đưa tay trên các nguồn nước của Ai Cập.
Exodus 8:9
Môi-se cho Pha-ra-ôn đặc ân gì?
Môi-se cho Pha-ra-ôn được định khi nào thì Môi-se phải cầu nguyện cho Pha-ra-ôn, cho quần thần và dân chúng của vua để ếch nhái bị tiêu diệt khỏi họ và nhà họ, chỉ còn lại ở dưới sông mà thôi.
Exodus 8:15
Pha-ra-ôn làm gì sau khi thấy đã thoát nạn ếch nhái?
Khi thấy đã thoát nạn ếch nhái thì Pha-ra-ôn cứng lòng, không chịu nghe lời Môi-se và A-rôn.
Exodus 8:17
bụi trên đất biến thành gì?
Tất cả bụi trên đất đều biến thành muỗi tràn khắp đất Ai Cập.
Exodus 8:18
Khi các thuật sĩ cố dùng ma thuật hóa muỗi thì thế nào?
Các thuật sĩ cố dùng ma thuật hóa muỗi nhưng họ không thể làm được.
Exodus 8:21
Ở đâu sẽ đầy ruồi nhặng?
Nhà của người Ai Cập sẽ đầy ruồi nhặng, thậm chí trên đất họ đứng cũng đầy ruồi.
Exodus 8:22

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vì sao sẽ không có ruồi nhặng ở Gô-sen?
Đức Giê-hô-va sẽ biệt riêng đất Gô-sen, sẽ không có ruồi nhặng tại đó. Điều này xảy ra để Pha-ra-ôn biết rằng Đức Giê-hô-va đang ngự giữa xứ này.
Exodus 8:25
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên không dâng sinh tế ở Ai Cập?
Sinh tế mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ là vật ghê tởm cho người Ai Cập.
Exodus 8:26
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên không dâng sinh tế ở Ai Cập?
Sinh tế mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ là vật ghê tởm cho người Ai Cập.
Exodus 8:32
Ai đã làm cứng lòng Pha-ra-ôn sau khi ruồi nhặng bay đi hết?
Lần nầy Pha-ra-ôn cũng lại cứng lòng.

Chapter 9
Exodus 9:1
Thông tin tổng quát
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se về việc thỏa thuận với Pha-ra-ôn và mang dân Hê-bơ-rơ ra khỏi Ai Cập.
Nếu người từ chối để chúng tôi đi, nếu người vẫn giữ chúng tôi ở lại
Hai mệnh đề có nghĩa cơ bản giống nhau. Họ muốn nhấn mạnh với Pha-ra-ôn những gì sẽ diễn ra nếu Pha-ra-ôn làm vậy. AT: “Nếu người từ chối để chúng tôi ra đi”
Thì bàn tay của Đức Giê-hô-va sẽ đụng tới vật nuôi của các ngươi
Từ “bàn tay” ở đây tượng trưng cho quyền năng của Đức Giê-hô-va làm đau đớn vật nuôi của họ bởi bệnh tật. AT: “thì quyền năng của Đức Giê-hô-va sẽ gây đau đớn cho vật nuôi của các ngươi”
Trên vật nuôi của các ngươi
Từ “các ngươi” ở đây nói đến đến tất ca người dân Ai Cập có sở hữu vật nuôi.
Vật nuôi của Y-sơ-ra-ên
Từ “Y-sơ-ra-ên” nói đến đến dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: “Thú nuôi thuộc về dân sự của Y-sơ-ra-ên”
Vật nuôi của Ai Cập
Từ “Ai Cập” nói đến dân sự của Ai Cập. AT: “Vật nuôi thuộc về dân sự của Ai Cập”
Exodus 9:5
Định kỳ
"sắp đặt thời gian" hoặc "quy định thời gian"
Toàn bộ vật nuôi của Ai Cập chết
Cách cường điệu này để nhấn mạnh sự nghiêm trọng của sự kiện. AT: “một số lượng lớn vật nuôi của Ai Cập chết” ulb_exo/09_05/notes/2
Pha-ra-ôn tra xét
Pha-ra-ôn điều tra sự thật về tình trạng này.
Trông thấy
Từ “trông thấy” ở đây bộc lộ rằng Pha-ra-ôn kinh ngạc bởi những gì ông thấy.
Lòng của ông lại ngang bướng
Từ “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. AT: “ông ta từ chối thay đổi thay đổi ý định”
Exodus 9:8
lò
Cái lò
Nhỏ bé
"rất nhỏ"
Hóa thành
"nhanh chóng hiện ra"
Exodus 9:11
Đức Giê-hô-va làm cho Pha-ra-ôn cứng lòng
Từ “lòng” ở đây nói về Pha-ra-ôn. Thái độ cứng lòng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “Đức Giê-vô-va khiến Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn: Xem bản dịch với cách nói tương tự trong [EXO 7:13]
Exodus 9:13
Ngay cả chính ngươi
Điều này có nghĩa ngay cả Pha-ra-ôn sẽ bị hại bởi tai họa.
Tôi sẽ làm điều này vì vậy người có thể biết
Từ “điều này” nhắc đến bệnh dịch mà Môi-se đã nói với Pha-ra-ôn.
Exodus 9:15
Giơ bàn tay của ta ra và tấn công ngươi
Từ “bàn tay ta của ta” nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời. AT: “dùng quyền năng của ta để đánh vào ngươi”
Vì thế danh ta có thể được xưng ra trên khắp trái đất
Ở đây “danh ta” tượng trưng cho danh tiếng của Đức Giê-hô-va. AT: “vì thế con người khắp nơi sẽ biết ta vĩ đại”
Nâng chính ngươi lên để chống nghịch dân của ta
Sự chống nghịch của Pha-ra-ôn là ngăn cản dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng Đức Giê-hô-va được xem như thể ông đưa mình lên như một hàng rào ngăn cản họ.
Exodus 9:18
Nghe này!
"Gây chú ý với điều quan trọng tôi sắp nói với người"
Exodus 9:27
Truyền đến
"gọi"
Exodus 9:29
Môi-se nói với ông
"Môi-se nói với Pha-ra-ôn"
Giơ tay của tôi lên Đức Giê-hô-va
Động tác này tượng trưng đi kèm với cầu nguyện. AT: "giơ tay của tôi và cầu nguyện lên Giê-hô-va"
Vinh hiển Giê-hô-va Đức Chúa Trời
Vinh hiển Đức Chúa Trời bao gồm vâng lời Ngài và sống trong đường lối để bày tỏ Ngài vĩ đại như thế nào.
Exodus 9:31
Cây gai
Đây là cây trồng để sản xuất ra sợi lanh, có thể tạo ra vải lanh.
Lúa mạch
Đây là một loại hạt được sử dụng làm bánh mì; cũng có thể dùng làm thức ăn gia súc.
Lúa mì
Đây là một loại thuộc ngũ cốc.
Giơ tay của ông lên Đức Giê-hô-va
Động tác này tượng trưng đi kèm với cầu nguyện. AT: “giơ tay của ông hướng về Đức Giê-hô-va và cầu nguyện”
Exodus 9:34
Cứng cỏi trong lòng
Ở đây từ “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “trở

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nên ngang bướng hơn”

Lòng của Pha-ra-ôn cứng cỏi

Từ “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể tấm lòng của ông cứng cỏi. AT: “Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn.” EXO 7:13.

Translation Questions

Exodus 9:3

Tay của Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên đâu?

Tay của Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên các súc vật của người Ai Cập ở ngoài đồng, trên ngựa, lừa, lạc đà, bò và chiên.

Exodus 9:7

Vì sao thậm chí sau khi các con vật chết, Pha-ra-ôn vẫn không để dân Y-sơ-ra-ên đi?

Lòng Pha-ra-ôn chai cứng nên ông không cho dân sự đi.

Exodus 9:8

Thứ gì sẽ biến thành bụi khắp đất Ai Cập?

Tro trong lò sẽ biến thành bụi khắp đất Ai Cập.

Exodus 9:9

Thứ gì sẽ biến thành bụi khắp đất Ai Cập?

Tro trong lò sẽ biến thành bụi khắp đất Ai Cập.

Exodus 9:11

Vì sao các thuật sĩ không thể chống đối Môi-se được?

Các thuật sĩ không thể chống đối Môi-se được vì bị ung nhọt.

Exodus 9:15

Vì sao Đức Giê-hô-va không đưa tay ra hành hại Pha-ra-ôn và dân chúng bằng bệnh dịch và tiêu diệt họ khỏi đất?

Đức Giê-hô-va không hành hại Pha-ra-ôn và dân chúng để bày tỏ quyền năng của Ngài và danh Ngài được truyền rao khắp đất.

Exodus 9:16

Vì sao Đức Giê-hô-va không đưa tay ra hành hại Pha-ra-ôn và dân chúng bằng bệnh dịch và tiêu diệt họ khỏi đất?

Đức Giê-hô-va không hành hại Pha-ra-ôn và dân chúng để bày tỏ quyền năng của Ngài và danh Ngài được truyền rao khắp đất.

Exodus 9:19

Đức Giê-hô-va cảnh báo gì về cơn mưa đá?

Đức Giê-hô-va phán rằng mọi người và vật còn ở ngoài đồng chưa được đem vào nhà sẽ chết hết khi mưa đá trút xuống.

Exodus 9:20

Những ai đem nô lệ và súc vật của họ vào nhà?

Những quần thần nào của Pha-ra-ôn tin lời Đức Giê-hô-va thì lật đật đem đầy tớ và súc vật của mình vào nhà.

Exodus 9:25

Mưa đá tàn phá những gì khắp đất Ai Cập?

Khắp đất Ai Cập, mưa đá tàn phá mọi vật ở ngoài đồng, cả người lẫn súc vật; rau cỏ ngoài đồng bị giập, tất cả cây cối đều bị gãy đổ.

Exodus 9:27

Khi cơn mưa đá xảy ra, Pha-ra-ôn thừa nhận điều gì?

Vua thừa nhận rằng lần nầy vua đã phạm tội. Đức Giê-hô-va là công chính, còn vua và dân của vua đều tội lỗi.

Exodus 9:32

Loại cây nào không bị mưa đá làm hư hại? Vì sao?

Lúa mì và tiểu mạch không bị hư hại vì chúng trổ muộn.

Chapter 10

Exodus 10:1

Vì ta đã làm cứng cỏi lòng người và lòng quần thần

Đức Giê-hô-va nói về việc làm Pha-ra-ôn và quần thần của vua ngang bướng như thể Ngài làm lòng của họ cứng cỏi. Tham khảo cách dịch "Đức Giê-hô-va làm lòng Pha-ra-ôn cứng cỏi" trong [EXO 9:12]

Khác nhau

"nhiều khác biệt"

Exodus 10:3

nghe

Từ này thêm vào nhấn mạnh những gì sắp được nói. AT: “Chú ý tới những gì tôi sắp nói với người”

Exodus 10:5

Mưa đá

Mưa đá là những giọt mưa đông lạnh lại khi rơi xuống từ các đám mây.

Chưa từng thấy

Có thể ở dạng chủ động. AT: “chưa từng có ai thấy”

Exodus 10:7

Mối đe dọa

“Mối đe dọa” là ai đó đem lại rắc rối và nguy hại.

Đến chừng nào người này mới không đe dọa chúng tôi?

Quần thần của Pha-ra-ôn hỏi câu hỏi này để bộc lộ cho Pha-ra-ôn thấy mức độ thiệt hại trong Ai Cập. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Chúng tôi không cho phép người này tiếp tục mang rắc rối cho chúng tôi!”

Ai Cập bị hủy diệt

Cụm từ này có thể ở dạng chủ động. AT: “những tai họa đó đã hủy diệt Ai Cập” hoặc “ Đức Chúa Trời của họ đã hủy diệt Ai Cập”

Exodus 10:9

Nếu ta để ngươi và con cái các ngươi đi

Pha-ra-ôn hỏi điều này để nhấn mạnh rằng ông không để Môi-se mang con cái đi với họ để thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Sau đó Môi-se và A-rôn bị xua đuổi trước mặt Pha-ra-ôn

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Sau đó Pha-ra-ôn xua đuổi Môi-se và A-rôn khỏi mặt ông ấy” hoặc “Sau đó Pha-ra-ôn và quần thần của ông đã đuổi Môi-se và A-rôn ra khỏi mặt ông”

Exodus 10:14

Vì thế trời tối sầm lại

Có rất nhiều cào cào xuất hiện trên đất hóa thành ra tối tăm. Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “vì thế chúng xuất phủ đen khắp đất” hoặc “vì thế khắp đất xuất hiện tối đen”

Exodus 10:16

Lúc này

"một lần nữa"

Mang sự chết này ra khỏi ta

Từ “sự chết” ở đây nói đến sự hủy hoại bởi bầy cào cào trên khắp đất Ai Cập, điều cuối cùng dẫn đến sự chết của mọi người bởi vì không còn mùa màng. Nghĩa đầy đủ của câu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

này có thể làm rõ. AT: “ngừng sự hủy hoại dẫn đến cái chết của chúng ta”
Exodus 10:19
Cất lên bầy cào cào
"chuyển bầy cào cào lên"
Đức Giê-hô-va làm cứng lòng của Pha-ra-ôn
Ở đây “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “khiến Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn. Xem bản dịch của cụm từ này trong [EXO 9:12]
Exodus 10:21
Màn đêm phủ xuống
Đức Giê-hô-va nói đến sự tối tăm vô cùng như thể nó dày để mọi người có thể cầm nó trên tay. Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “màn đêm dày đặc để mọi người có thể có thể cầm nó trên tay”
Exodus 10:24
Không móng chân nào của chúng để lại
Ở đây từ “móng chân” nói đến toàn bộ thú vật. Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “chúng tôi không để lại phía sau dù là một con thú”
Exodus 10:27
Đức Giê-hô-va làm lòng của Pha-ra-ôn cứng cỏi
Từ “lòng” ở đây nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được nói đến như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “khiến Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn.” [EXO 9:12]
Ông ta sẽ không để các ngươi đi
"Pha-ra-ôn sẽ không để các ngươi đi"
Khá giữ mình
"đảm bảo một điều" hoặc "chắc chắn một điều"
Ngươi thấy mặt ta
Ở đây từ “mặt” nói đến toàn bộ con người. AT: “ngươi thấy ta”
Chính người đã nói
Với những từ này, Môi-se nhấn mạnh rằng Pha-ra-ôn đã nói lên sự thật. AT: “Những gì người nói là đúng”

Translation Questions

Exodus 10:1
Vì sao Đức Giê-hô-va làm Pha-ra-ôn và các quần thần cứng lòng?
Đức Giê-hô-va làm Pha-ra-ôn và các quần thần cứng lòng để bày tỏ các dấu lạ của quyền năng Ngài ra giữa họ. Ngài cũng làm vậy để dân Y-sơ-ra-ên có thể thuật lại cho con cháu mình những việc Ngài đã làm.
Exodus 10:2
Vì sao Đức Giê-hô-va làm Pha-ra-ôn và các quần thần cứng lòng?
Đức Giê-hô-va làm Pha-ra-ôn và các quần thần cứng lòng để bày tỏ các dấu lạ của quyền năng Ngài ra giữa họ. Ngài cũng làm vậy để dân Y-sơ-ra-ên có thể thuật lại cho con cháu mình những việc Ngài đã làm.
Exodus 10:5
Con vật gì sẽ phủ kín mặt đất đến nỗi người ta không còn thấy đất nữa?
Châu chấu sẽ phủ kín mặt đất đến nỗi người ta không còn thấy đất nữa.
Exodus 10:9
Pha-ra-ôn nói gì khi Môi-se tâu cùng vua rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi cả già lẫn trẻ, cùng con trai và con gái?
Pha-ra-ôn nói rằng "Không được! Chỉ có đàn ông các ngươi đi thôi".
Exodus 10:11
Pha-ra-ôn nói gì khi Môi-se tâu cùng vua rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi cả già lẫn trẻ, cùng con trai và con gái?
Pha-ra-ôn nói rằng "Không được! Chỉ có đàn ông các ngươi đi thôi".
Exodus 10:13
Châu chấu đến từ đâu?
Gió đông đem châu chấu đến.
Exodus 10:16
Pha-ra-ôn nói ông đã làm gì cùng Đức Giê-hô-va?
Pha-ra-ôn nói rằng ông đã phạm tội với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Môi-se.
Exodus 10:19
Có bao nhiêu châu chấu còn lại ở Ai Cập sau khi Đức Giê-hô-va dẫn một luồng gió tây rất mạnh đến?
Không còn một con châu chấu nào trong khắp lãnh thổ Ai Cập sau khi Đức Giê-hô-va dẫn một luồng gió tây rất mạnh đến.
Exodus 10:22
Trong ba ngày đêm tối người dân Ai Cập như thế nào?
Trong ba ngày đêm tối người ta không nhìn thấy nhau, không ai ra khỏi nhà mình được.
Exodus 10:24
Sau tai vạ bóng tối, Pha-ra-ôn nói dân Y-sơ-ra-ên phải để lại thứ gì khi đi thờ phượng Đức Giê-hô-va?
Pha-ra-ôn nói dân Y-sơ-ra-ên phải để bầy chiên và bò ở lại khi đi thờ phượng Đức Giê-hô-va.
Exodus 10:28
Pha-ra-ôn nói điều gì sẽ xảy ra cho Môi-se nếu vua còn thấy mặt ông lần nữa?
Pha-ra-ôn nói ngày nào Môi-se thấy mặt vua thì Môi-se sẽ chết.

Chapter 11

Exodus 11:1
Ông ta sẽ để các ngươi đi khỏi đây
Mỗi lần xuất hiện của từ “ngươi” trong câu này là ở số nhiều và nói đến Môi-se, phần còn lại của dân Y-sơ-ra-ên. (See:
Exodus 11:4
Giữa đêm
Đây là thời gian của 12 giờ (vào ban đêm) hoặc 24 giờ.
Tất cả con đầu lòng…con trưởng của Pha-ra-ôn…con đầu lòng của đầy tớ gái…con đầu lòng của súc vật
Từ “đầu lòng” luôn nói đến sanh ra con trai lớn nhất.
Người ngồi trên ngôi của mình
Cụm từ này nói tới Pha-ra-ôn.
Kẻ đang ngồi sau cối xay
"Kẻ đang ngồi xay ở cối " hoặc "kẻ ở phía sau cối xay xay thóc"
Exodus 11:6
Sau đó tôi sẽ đi
Điều này có nghĩa là Môi-se và dân Y-sơ-ra ên sẽ rời khỏi Ai Cập. AT: “Sau đó tôi sẽ rời khỏi nơi đây” hoặc “Sau đó tôi sẽ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đi ra khỏi Ai Cập”

Exodus 11:9

Đức Giê-hô-va làm lòng Pha-ra-ôn cứng cỏi

Từ “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “Đức Giê-hô-va khiến Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn.” Xem thêm bản dịch của câu này trong [EXO 9:12]

Translation Questions

Exodus 11:1

Mỗi người nam và nữ phải xin người láng giềng mình thứ gì sau tai vạ cuối cùng?

Mỗi người nam và nữ phải xin người láng giềng mình những món đồ bằng bạc và vàng sau tai vạ cuối cùng.

Exodus 11:2

Mỗi người nam và nữ phải xin người láng giềng mình thứ gì sau tai vạ cuối cùng?

Mỗi người nam và nữ phải xin người láng giềng mình những món đồ bằng bạc và vàng sau tai vạ cuối cùng.

Exodus 11:3

Môi-se được ấn tượng trong mắt những ai?

Môi-se rất được ấn tượng trong mắt những quần thần của Pha-ra-ôn và dân Ai Cập.

Exodus 11:5

Các con trưởng nam nào sẽ chết?

Tất cả các con trưởng nam trong xứ Ai Cập sẽ chết, từ thái tử của Pha-ra-ôn đang trị vì cho đến con cả của người hầu gái đang xay cối và tất cả con đầu lòng của súc vật.

Exodus 11:6

Đã từng có tiếng khóc inh ỏi khắp xứ Ai Cập như lần sau tai vạ cuối cùng vào khi nào?

Chưa từng có tiếng khóc inh ỏi như vậy và sẽ chẳng bao giờ có nữa.

Chapter 12

Exodus 12:1

Tháng này sẽ bắt đầu của các tháng, tháng đầu của năm cho ngươi

Hai cụm từ này nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng tháng mà các sự kiện của chương này diễn ra sẽ là sự khởi đầu của năm dương lịch của họ.

Tháng đầu của năm

Tháng đầu của lịch Hê-bơ-rơ bao gồm phần cuối cùng của tháng Ba và phần đầu của tháng Tư dựa trên lịch Phương Tây. Nó được đánh dấu khi Đức Giê-hô-va giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi dân Ai Cập.

Exodus 12:3

Nếu mỗi nhà quá ít ăn một con cừu

Câu này nghĩa là không có đủ người trong nhà để ăn nguyên con cừu. AT: “Nếu không có đủ người trong nhà để ăn nguyên con cừu”

Người và người lân cận của mình

Ở đây “người” nói đến người mà đứng đầu trong gia đình.

Exodus 12:5

Hoàng hôn

Điều này nói đến thời gian lúc chiều tối khi mặt trời lặn nhưng vẫn có những tia sáng.

Trên hai trụ cửa và trên khung cửa của ngôi nhà

"phần cạnh bên và phần trên của đường vào trong nhà"

Ăn với bánh không men

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Ăn với bánh mà được làm không men”

Rau đắng

Đây là một đám cây nhỏ và có sức sống tốt và thường có vị rất tệ.

Exodus 12:9

Không ăn khi còn sống

“không ăn thịt cừu hoặc thịt dê chưa nấu chín”

Ngươi không để thứ gì còn thừa lại đến sáng hôm sau

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Không được phép để bất cứ thứ gì đến sáng hôm sau”

Thắt lưng

Điều này nói đến một mảnh da hoặc vải cột quanh chỗ lưng.

Ăn cách vội vàng

"ăn nhanh chóng"

Đó là Lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ “đó” nói đến việc ăn thịt đến ngày thứ mười của tháng. AT: “Lễ này là Lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va”

Exodus 12:12

Ta sẽ mang sự trừng phạt trên các thần của Ai Cập

Đây có thể ở dạng danh động từ. AT: "Ta sẽ trừng phạt tất cả các thần của Ai Cập"

Cho sự đến của ta tới ngươi

Điều này ngụ ý Đức Giê-hô-va sẽ nhìn thấy máu được đánh dấu trước nhà của dân Y-sơ-ra-ên. AT: “rằng ta sẽ nhìn thấy khi ta đến”

Ta sẽ đi qua ngươi

Từ “đi ngang” là cách thông thường khi nói về việc không viếng thăm hoặc vào bên trong. AT: “Ta sẽ không vào bên trong nhà ngươi”

Với ngươi, suốt thế hệ của dân ngươi

"với ngươi và toàn bộ thế hệ của dòng dõi ngươi"

Exodus 12:15

Người đó sẽ bị truất ra khỏi Y-sơ-ra-ên

Cách ẩn dụ “truất ra” có ít nhất ba nghĩa. Chúng có thể diễn đạt ở hình thức chủ động: 1) “dân sự của Y-sơ-ra-ên phải đuổi người đó đi” hoặc 2) “Ta sẽ không còn coi người đó là người của dân sự Y-sơ-ra-ên” hoặc 3) “dân sự của Y-sơ-ra-ên phải giết người đó.”

Sự nhóm hiệp này dành riêng cho ta

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “sự nhóm hiệp này ngươi phải biệt riêng cho ta”

Không việc gì được làm trong những ngày đó

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi sẽ không làm việc trong những ngày đó”

Chỉ có duy nhất một việc mà ngươi có thể làm

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Đó phải là công việc duy nhất ngươi làm”

Exodus 12:17

Rút quân đội ra khỏi

Thuật ngữ sử dụng cho nhóm này là thuật ngữ quân đội, nói đến một số lượng lớn quân lính. AT “hết quân đoàn này tới quân đoàn khác” hoặc “hết toán quân này tới toán quân

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

kia”

Hoàng hôn

Điều này nói đến thời gian lúc chiều tối khi mặt trời lặn nhưng vẫn có những tia sáng. Xem thêm bản dịch trong EXO 12:6.

Mười bốn ngày trong tháng đầu tiên

Đây là tháng đầu tiên của lịch Hê-bơ-rơ. Mười bốn ngày là gần bắt đầu của tháng Tư theo lịch Phương Tây.

Hai mươi mốt ngày tháng đó

Ngày đầu tiên của tháng

Exodus 12:19

Không men nào được tìm thấy trong nhà ngươi

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Không có bất kì men nào trong nhà người”

Phải bị truất khỏi dân sự Y-sơ-ra-ên

Cách ẩn dụ “truất” có ít nhất ba nghĩa. Chúng có thể diễn đạt ở thể chủ động: 1) “dân sự của Y-sơ-ra-ên phải đuổi người đó đi” hoặc 2) “Ta sẽ không còn coi người đó là người của dân sự Y-sơ-ra-ên” hoặc 3) “dân sự Y-sơ-ra-ên phải giết người đó.” Xem bản dịch “phải truất ra khỏi Y-sơ-ra-ên” trong [EXO 12:15]

Bánh làm không men

Câu này có thể dịch theo ở dạng chủ động. AT: “bánh mà ngươi làm không men.” Xem bản dịch trong EXO 12:08. (See: Active or Passive)

Exodus 12:21

Triệu đến

"chính thức cho gọi"

Chùm kinh giới

Đây là loại thực vật thuộc họ cây bạc hà, mọc thành bụi và dùng phần nhánh.

Phần trên của khung cửa và hai bên thanh dọc của khung cửa

"phần cạnh và phần bên trên của lối đi vào trong nhà." Xem bản dịch tương tự trong EXO 12:7.

Exodus 12:23

Đi qua cửa nhà ngươi

Ở đây từ “cửa” ý nói đến toàn bộ ngôi nhà. Điều này có nghĩa rằng Chúa sẽ tha cho nhà Y-sơ-ra-ên có máu trên cánh cửa. AT: “đi qua cửa nhà ngươi”

Exodus 12:24

Lễ này...hành động thờ phượng này

Những cụm từ này nói đến Sự Vượt Qua hoặc Lễ Bánh không men. Cử hành lễ Vượt Qua là hành động để thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Exodus 12:26

Ngài để nhà chúng ta tự do

Điều này có nghĩa rằng Đức Giê-hô-va tha cho con trai đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên. AT: “Ngài không giết con trai đầu lòng trong nhà họ”

Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Môi-se và A-rôn

"mọi thứ mà Đức Giê-hô-va phán với Môi-se và A-rôn để làm"

Exodus 12:29

Giữa đêm

"vào lúc giữa của ban đêm"

Mọi con đầu lòng trên đất Ai Cập...mọi con đầu lòng của súc vật

Ở đây, “đầu lòng” luôn nói đến sanh ra con trai lớn nhất. Xem bản dịch tương tự trong EXO 11:5.

Người ngồi trên ngai của mình

Câu này nói đến Pha-ra-ôn.

Con đầu lòng của kẻ trong tù

"con đầu lòng của người trong tù." Câu này nói đến những người bị giam giữ, nói chung, và không riêng biệt người nào ở tù.

Có tiếng kêu la ầm ĩ trong Ai Cập

Câu này ở dạng với hình thức bằng lời nói. AT: “Hết thảy Ai Cập hò hét inh ỏi”

Không có nhà nào mà không có người chết

Sự phủ định gấp đôi này nhấn mạnh điều xác thực. AT: “bởi vì có người chết trong mỗi nhà”

Exodus 12:31

Chúng ta đều chết hết

Dân Ai Cập sử dụng thì hiện tại để nhấn mạnh rằng họ chắc chắn sẽ chết nếu dân Y-sơ-ra-ên không rời khỏi Ai Cập. AT: “Chúng ta đều sẽ chết nếu các ngươi không rời khỏi”

Exodus 12:34

Họ đem bột nhồi rồi buộc trong áo và trên vai

Câu này có thể ở hình thức chủ động. AT: “Họ buộc bột đã nhồi rồi trong áo và trên vai”

Exodus 12:37

Ram-se

Ram-se là một thành phố Ai Cập chủ yếu, nơi ngũ cốc được tích trữ. Xem bản dịch của từ này trong EXO 1:11.

Họ đếm khoảng 600,000 đàn ông

"Tổng số đàn ông là 600,000 người"

Bánh không men bằng bột

"bánh bằng bột không chứa men"

Họ bị đuổi khỏi Ai Cập

Câu này có thể là dạng ở hình thức chủ động. AT: “dân Ai Cập đuổi họ ra khỏi Ai Cập”

Exodus 12:41

Đội quân của Đức Giê-hô-va

Điều này nói đến chi tộc của Y-sơ-ra-ên. Xem bản dịch “đội quân” trong EXO 12:17.

Được tuân giữ bởi hết thảy dân Y-sơ-ra-ên

Câu này có thể là dạng ở hình thức chủ động. AT: “mkkmmmmmmmmmmmmHết thảy dân Y-sơ-ra-ên đều tuân theo”

Toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên đến khắp thế hệ của họ

"Hết thảy dân Y-sơ-ra-ên và toàn bộ thế hệ của dòng dõi họ"

Exodus 12:43

Không người ngoại có thể ăn nó

Đại từ “nó” nói đến bữa ăn Vượt qua.

Mọi nô lệ của Y-sơ-ra-ên

"Mỗi nô lệ của Y-sơ-ra-ên"

Mua bằng tiền

Câu này có thể là dạng ở hình thức chủ động. AT: “người Y-sơ-ra-ên bỏ tiền ra mua”

Exodus 12:45

Thức ăn phải được ăn trong nhà người đó

Câu này có thể là dạng ở hình thức chủ động. AT: “Mỗi nhà Y-sơ-ra-ên phải ăn thức ăn trong nhà mình”

Ngươi không được làm gãy cái xương nào của nó

"ngươi không được làm gãy cái xương nào." Ở đây từ “nó” nói đến thịt chiên con mà mỗi nhà Y-sơ-ra-ên sẽ ăn.

Exodus 12:47

Toàn bộ người liên quan tới người phải cắt bì

Câu này có thể là dạng ở thể chủ động. AT: “người đó phải

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cắt bì toàn bộ đàn ông liên quan với người”

Những người được sanh ra trong xứ

Ở đây từ “xứ” nói đến Ca-na-an. Cách biểu đạt “sanh ra trong xứ” nghĩa là người Y-sơ-ra-ên bản xứ. AT: “những người Y-sơ-ra-ên được sanh ra”

Không người cắt bì có thể ăn

Có thể theo nghĩa câu . AT: “chỉ có người cắt bì có thể ăn”

Exodus 12:49

Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh Môi-se và A-rôn

"mọi điều mà Đức Giê-hô-va phán với Môi-se và A-rôn để làm"

Việc xảy ra

Mệnh đề này được sử dụng để đánh dấu sự kiện quan trọng của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách dịch khác, bạn có thể tham khảo ở đây.

Bởi nhóm quân đội

Thuật ngữ sử dụng cho nhóm này là thuật ngữ quân sự nói đến một lượng lớn quân lính. AT: “bởi sự phân chia” hoặc “bởi trung đoàn của họ.” Xem bản dịch “nhóm quân đội” trong EXO 12:17.

Translation Questions

Exodus 12:3

Mỗi gia đình Y-sơ-ra-ên phải làm gì vào ngày mùng mười của tháng thứ nhất này?

Vào ngày mùng mười tháng này mỗi gia đình phải bắt một con chiên con hoặc dê con.

Exodus 12:4

Nếu nhà nào ít người quá, không ăn hết một con thì phải làm sao?

Nếu nhà nào ít người quá, không ăn hết một con thì tùy theo số người mà chung với người hàng xóm để bắt chiên hay dê con.

Exodus 12:6

Khi nào cả hội chúng Y-sơ-ra-ên phải giết những con vật đó?

Cả hội chúng Y-sơ-ra-ên phải giết những con vật đó vào lúc chạng vạng.

Exodus 12:8

Dân Y-sơ-ra-ên phải ăn thịt chiên hay dê đó với thứ gì?

Họ phải ăn với bánh không men và rau đắng.

Exodus 12:10

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì nếu thịt chiên còn thừa lại?

Họ không được để vật gì thừa đến sáng mai. Họ phải thiêu hết những vật còn thừa vào sáng hôm sau.

Exodus 12:13

Khi Đức Giê-hô-va nhìn thấy máu bôi trên nhà thì sẽ thế nào?

Khi Đức Giê-hô-va nhìn thấy máu đó thì Ngài sẽ lướt qua.

Exodus 12:15

Nếu ai ăn bánh có men từ ngày thứ nhất đến ngày thứ bảy thì sẽ thế nào?

Nếu ai ăn bánh có men từ ngày thứ nhất đến ngày thứ bảy thì sẽ bị loại trừ khỏi Y-sơ-ra-ên.

Exodus 12:16

Việc duy nhất dân Y-sơ-ra-ên được làm trong suốt bảy ngày bánh không men này là gì?

Trong những ngày, họ không được làm gì cả ngoại trừ việc chuẩn bị thức ăn cho mỗi người.

Exodus 12:18

Dân Y-sơ-ra-ên phải ăn bánh không men khi nào?

Dân Y-sơ-ra-ên phải ăn bánh không men từ chạng vạng ngày mười bốn của tháng đầu tiên cho đến chạng vạng ngày hai mươi mốt của tháng đó.

Exodus 12:22

Dân Y-sơ-ra-ên phải bôi máu trong chậu lên những nơi nào?

Dân Y-sơ-ra-ên phải bôi máu trong chậu lên thanh ngang và hai thanh dọc của khung cửa.

Exodus 12:23

Đức Giê-hô-va sẽ lướt qua cửa nhà của một người khi nào?

Đức Giê-hô-va sẽ lướt qua cửa nhà của một người khi thấy huyết trên thanh ngang và hai thanh dọc của khung cửa.

Exodus 12:26

Khi con cháu dân Y-sơ-ra-ên hỏi họ "Nghi lễ này có ý nghĩa gì?" thì họ phải nói thế nào?

Khi con cháu dân Y-sơ-ra-ên hỏi họ "Nghi lễ này có ý nghĩa gì?" thì họ phải nói rằng "Đó là lễ dâng sinh tế Vượt Qua của Đức Giê-hô-va. Vì khi hành hại người Ai Cập, Ngài đã vượt qua các nhà của dân Y-sơ-ra-ên và dung tha nhà chúng ta.

Exodus 12:27

Khi con cháu dân Y-sơ-ra-ên hỏi họ "Nghi lễ này có ý nghĩa gì?" thì họ phải nói thế nào?

Khi con cháu dân Y-sơ-ra-ên hỏi họ "Nghi lễ này có ý nghĩa gì?" thì họ phải nói rằng "Đó là lễ dâng sinh tế Vượt Qua của Đức Giê-hô-va. Vì khi hành hại người Ai Cập, Ngài đã vượt qua các nhà của dân Y-sơ-ra-ên và dung tha nhà chúng ta.

Exodus 12:30

Vì sao có tiếng kêu khóc inh ỏi trong Ai Cập?

Có tiếng kêu khóc inh ỏi trong Ai Cập vì không một nhà nào là không có người chết.

Exodus 12:35

Dân Y-sơ-ra-ên hỏi xin người Ai Cập thứ gì?

Dân Y-sơ-ra-ên hỏi xin người Ai Cập các món đồ bằng bạc, bằng vàng và quần áo.

Exodus 12:39

Vì sao bánh không có men?

Bánh không có men vì dân Y-sơ-ra-ên bị đuổi khỏi Ai Cập và không thể trì hoãn thêm để chuẩn bị lương thực.

Exodus 12:41

Dân Y-sơ-ra-ên đã ở Ai Cập bao lâu?

Họ đã ở Ai Cập 430 năm.

Exodus 12:43

Ai không được ăn chung lễ Vượt Qua?

Người ngoại bang không được ăn chung lễ Vượt Qua.

Exodus 12:48

Nếu một người ngoại bang sống với người Y-sơ-ra-ên và muốn giữ lễ Vượt Qua cho Đức Giê-hô-va thì mọi người nam của người đó phải làm gì?

Nếu một người ngoại bang sống với người Y-sơ-ra-ên và muốn giữ lễ Vượt Qua cho Đức Giê-hô-va thì mọi người nam của người đó phải chịu cắt bì.

Chapter 13

Exodus 13:1

Biệt riêng cho ta... mỗi con trai đầu lòng

Đức Chúa Trời yêu cầu mỗi con trai đầu lòng để biệt riêng cho Người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Exodus 13:3

Gọi ngày này là kỷ niệm

Từ “Gọi…kỷ niệm” là cách thông thường nói về một người nhớ về một điều gì đó. AT: “Nhớ và tổ chức vào ngày này”

Nhà nô lệ

Môi-se nói về Ai Cập như thể đó là ngôi nhà của người giam giữ nô lệ. AT: “đó là nơi mà ngươi là nô lệ”

Bàn tay quyền năng của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ “bàn tay” nói đến uy quyền. Xem bản dịch “bàn tay quyền năng” trong [EXO 6:1]

Không bánh có men nào có thể ăn

Cụm từ này có thể là dạng ở hình thức chủ động. AT: ‘ngươi không được ăn bánh có men”

Tháng của A-bíp

Đây là tên của tháng đầu tiên của lịch Hê-bơ-rơ. A-bíp diễn ra suốt phần cuối tháng Ba và phần đầu tháng Tư theo lịch Phương Tây.

Một xứ đượm sữa và mật ong

Trước đây sữa được lấy từ bò cái và dê cái, “sữa” là thức ăn tiêu biểu bởi vật nuôi. Mật ong là sản phẩm từ hoa, “mật ong” là thức ăn tiêu biểu từ cây cối. AT: “thức ăn từ vật nuôi và từ cây cối.” Xem thêm bản dịch trong [EXO 3:8]

Ngươi phải giữ việc thờ phượng này

Khi dân Y-sơ-ra-ên sống ở Ca-na-an, họ phải tổ chức Lễ Vượt Qua theo ngày này mỗi năm. Xem bản dịch của mệnh đề này trong EXO 12:25.

Exodus 13:6

Thông tin tổng quát

Môi-se tiếp tục nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Trong bảy ngày

"trong bảy ngày"

Bánh không men được ăn

Cụm từ có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi phải ăn bánh không men”

Không bánh có men nào được thấy giữa các ngươi

Cụm từ có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi không thấy bất kì bánh có men nào giữa các ngươi”

Không men nào được thấy

Cụm từ này có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi không thể thấy bất kì men nào!”

Trong vòng biên giới của ngươi

"bên trong phần tiếp giáp của lãnh thổ ngươi"

Exodus 13:8

Vào ngày đó hãy nói với con ngươi, “Đây là bởi những gì Đức Giê-hô-va làm cho ta, khi ta rồi khỏi Ai Cập.”

Đoạn trích dẫn có thể là dạng trích dẫn gián tiếp. AT: “Vào ngày đó ngươi phải nói con ngươi rằng đây là bởi những gì Đức Giê-hô-va đã làm ngươi khi rời khỏi Ai Cập”

Đây sẽ là sự nhắc lại cho tay ngươi, sự nhắc lại cho trán ngươi

Đây là hai sự nhắc nhở khác nhau về thuộc thể vì thế mọi người sẽ không quên điều quan trọng.

Sự nhắc lại cho tay ngươi

Môi-se nói đến việc tổ chức lễ như thể nó đang cột đồ vật quanh tay họ để nhắc nhở họ những gì Đức Giê-hô-va đã làm. AT: “giống như điều gì ngươi cột quanh tay ngươi như một sự nhắc nhở”

Sự nhắc nhở trên trán ngươi

Môi-se nói đến việc tổ chức lễ như thể nó đang cột đồ vật quanh đầu họ để nhắc nhở họ những gì Đức Giê-hô-va đã làm. AT: “giống như điều gì ngươi cột quanh đầu ngươi như một sự nhắc nhở”

Vì luật của Đức Giê-hô-va trên miệng ngươi

Từ “trong miệng ngươi” ở đây nhắc đến lời mà họ nói. AT: “vì ngươi luôn nói đến luật của Đức Giê-hô-va”

Bàn tay quyền năng

Từ “tay” ở đây tượng trưng cho công việc của Đức Chúa Trời và công việc. AT: “năng quyền ta bày tỏ trong công việc của ta.” EXO 6:1.

Exodus 13:11

Vả Ngài ban xứ đó cho ông

"và Ngài ban xứ Ca-na-an cho ông "

Mỗi con lừa đầu lòng

Dân Y-sơ-ra-ên được chọn để giết con lừa đầu lòng hoặc mua chuộc một con chiên.

Một con trai đầu lòng của ngươi trong số những đứa con trai của ngươi

Mỗi người trong Y-sơ-ra-ên người đã có con trai, phải chuộc nó lại.

Exodus 13:14

Khi con trai ngươi hỏi ngươi sau này, “Điều này có nghĩa gì?” thì ngươi nói với nó

Đoạn trích đầu tiên là dạng như lời dẫn gián tiếp. AT: “Khi con trai ngươi sau này hỏi nó nghĩa gì, thì người nói với nó”

Bàn tay quyền năng

Từ “tay” ở đây tượng trưng cho việc làm và công trình của Đức Chúa Trời. AT: “quyền năng ta bày tỏ trong công việc của ta.” [EXO 6:1]

Nhà của nô lệ

Môi-se nói đến Ai Cập như thể nó là ngôi nhà, nơi giam giữ nô lệ. AT: “Nơi ngươi là nô lệ.” Xem bản dịch trong [EXO 13:3]

Đây sẽ là sự nhắc lại cho tay ngươi, sự nhắc lại cho trán ngươi

Hai cách diễn đạt để tưởng nhớ tầm quan trọng của sự kiện vượt qua. Xem bản dịch tương tự trong [EXO 13:8-10]

Exodus 13:17

Không xa

"gần vị trí của họ "

Dân sự sẽ chẳng thay đổi ý định …và…trở lại Ai Cập

Trước đây Y-sơ-ra-ên đã sống trong cảnh nô lệ trọn đời họ, họ quen với sự yên bình hơn là chiến tranh và thích quay lại làm nô lệ hơn đấu tranh.

Exodus 13:19

Đóng trại tại Ê-tam

Ê-tam nằm ở phía nam trên đường của Phi-li-tin, ở biên giới của đồng vắng.

Trụ của mây…trụ của lửa

“mây trong hình dạng cột trụ… lửa trong hình dạng cột trụ.” Đức Chúa Trời ở với họ trong cột mây vào ban ngày và cột lửa vào ban đêm.

Translation Questions

Exodus 13:1

Các con đầu lòng thuộc về ai?

Các con đầu lòng thuộc về Đức Giê-hô-va.

Exodus 13:4

Dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập vào tháng nào?

Dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập vào tháng A-bíp.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Exodus 13:9

Vì sao sự giải cứu này sẽ trở thành dấu nhắc nhỡ trên tay và trên trán của họ?

Sự giải cứu này sẽ trở thành dấu nhắc nhỡ trên tay và trên trán của họ để cho luật pháp của Đức Giê-hô-va ở trên miệng họ.

Exodus 13:13

Dân Y-sơ-ra-ên phải chuộc lại mỗi con lừa đầu lòng bằng gì?

Mỗi con lừa đầu lòng dân Y-sơ-ra-ên phải chuộc lại bằng một con chiên con.

Exodus 13:17

Vì sao Đức Chúa Trời không dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi bằng con đường qua đất Phi-li-tin?

Đức Chúa Trời không dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi bằng con đường qua đất Phi-li-tin vì Ngài nói rằng "Có thể dân chúng sẽ đổi ý khi họ gặp chiến trận rồi quay trở lại Ai Cập.

Exodus 13:19

Giô-sép đã bắt dân Y-sơ-ra-ên phải thề điều gì?

Giô-sép đã bắt dân Y-sơ-ra-ên phải thề mà rằng "Các con phải đem hài cốt ta đi cùng các con".

Exodus 13:21

Ban đêm Đức Giê-hô-va đi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên như thế nào? Vì sao?

Ban đêm Ngài đi trong một trụ lửa để soi sáng. Nhờ vậy họ đi được cả ngày lẫn đêm.

Chapter 14

Exodus 14:1

Phi-Ha-hi-rốt ...Mít-đôn...Ba-anh-Sê-phôn

Có những thành phố ở phía đông biên giới của Ai Cập.

Ngươi hãy đóng trại

Ở đây từ “ngươi” ở số nhiều và nói đến Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên.

Pha-ra-ôn sẽ nói về dân Y-sơ-ra-ên, “Họ đi lang thang khắp đất. Đồng vắng đã gần chỗ họ.”

Câu này ở dạng như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “Pha-ra-ôn tuyên bố dân Y-sơ-ra-ên đang lang thang trên đất và đồng vắng đã gần chỗ họ”

Đồng vắng đã gần chỗ họ

Pha-ra-ôn nói đến đồng vắng như con người đã đặt bẫy dân Y-sơ-ran-ên.

Exodus 14:4

Thông tin tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ dẫn Môi-se nơi sẽ đi và những gì Đức Giê-hô-va sẽ làm.

Ta sẽ làm cứng lòng của Pha-ra-ôn

Ở đây “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được nói đến như thể lòng của ông cứng cỏi. Xem bản dịch tương tự trong [EXO 9:12]

Người sẽ đuổi theo bọn họ

"Pha-ra-ôn sẽ đuổi theo dân sự Y-sơ-ra-ên"

Ta sẽ làm vinh hiển

"Mọi người sẽ tôn kính ta"

Dân Ai Cập sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va

"Dân Ai Cập sẽ hiểu ta là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời thật sự"

Vì thế Y-sơ-ra-ên đóng trại như họ được chỉ dẫn

Câu này ở dạng chủ động. AT: “Vì thế dân Y-sơ-ra-ên đóng trại như Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn họ”

Khi Vua của Ai Cập nói vậy

Câu này ở dạng chủ động. AT: “Khi có người nói Vua của Ai Cập”

Vua của Ai Cập

Câu này nói đến Pha-ra-ôn.

Đã chạy trốn

"đã chạy trốn"

Ý định của Pha-ra-ôn và thuộc hạ của người chống lại đoàn dân

Ở đây từ “ý định” nói đến thái độ của họ đối với dân Y-sơ-ra-ên. AT: “Pha-ra-ôn và thuộc hạ thay đổi thái độ đối với đoàn dân

Chúng ta đã làm gì để dân Y-sơ-ra-ên tự do, thoát khỏi sự phục dịch cho chúng ta?

Họ hỏi câu hỏi này để họ tự cho mình đã bị lừa dối. Câu hỏi tu từ này có thể dịch dưới dạng câu mệnh lệnh. AT: “Chúng ta đã làm một việc ngu ngốc vì để cho dân Y-sơ-ra-ên trở nên tự do khỏi sự phục dịch chúng ta!”

Exodus 14:6

Người lấy sáu trăm xe thượng hạng

"Người lấy 600 trong số xe tốt nhất"

Đức Giê-hô-va làm cứng lòng của Pha-ra-ôn

Từ “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng ông cứng cỏi. Xem bản dịch tương tự trong [EXO 9:12]

Phi Ha-hi-rốt ... Ba-anh Sê-phôn

Đây là tên những thành phố thuộc phía đông biên giới Ai Cập. Xem bản dịch của chúng trong [EXO 14:02]

Exodus 14:10

Khi Pha-ra-ôn đến gần

Từ “Pha-ra-ôn” ở đây miêu tả cho toàn bộ đội quân Ai Cập. AT: “Khi Pha-ra-ôn và đội quân của ông đến gần”

Họ cảm thấy sợ hãi

"Dân Y-sơ-ra-ên thấy sợ hãi"

Chẳng phải không có mộ phần ở Ai Cập sao mà người mang chúng tôi đi, để chết nơi đồng vắng này?

Dân Y-sơ-ra-ên hỏi câu hỏi này để bộc lộ sự thất vọng và sợ hãi của họ trước cái chết. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Có rất nhiều nghĩa địa ở Ai Cập cho chúng tôi chôn cất. Người không cần phải mang chúng tôi đến đồng vắng này để chết!”

Tại sao người lừa dối chúng tôi như thế này, mang chúng tôi ra khỏi Ai Cập?

Dân Y-sơ-ra-ên hỏi câu hỏi này nhằm quở trách Môi-se khi mang họ tới hoang mạc này để chết. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Người không nên lừa dối chúng tôi bằng cách mang chúng tôi ra khỏi Ai Cập như thế này!”

Chúng tôi chẳng phải đã nói với người những gì ở Ai Cập??

Dân Y-sơ-ra-ên hỏi câu hỏi này để nhấn mạnh rằng đây là những gì chúng tôi đã nói với Môi-se. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như một câu mệnh lệnh. AT: “Đây là chính xác những gì chúng tôi đã nói với người khi chúng tôi ở Ai Cập.”

Chúng tôi đã nói với người, “Để chúng tôi yên, vì thà chúng tôi làm việc cho dân Ai Cập.”

Có thể ở dạng trích dẫn gián tiếp. AT: “Chúng tôi đã nói với người rằng để chúng tôi yên, vì thà chúng tôi làm việc cho

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dân Ai Cập.”
Exodus 14:13
Môi-se nói với dân sự
Môi-se đáp lại sự sợ hãi của Y-sơ-ra-ên.
Lo liệu cho các ngươi
Đại từ “các ngươi” nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên.
Cho các ngươi không bao giờ thấy mặt dân Ai Cập
Môi-se sử dụng cách tế nhị để nói Đức Chúa Trời chuẩn bị hủy diệt đội quân Ai Cập. AT: “Bởi Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt Ai Cập”
Exodus 14:15
Tại sao ngươi, Môi-se, cứ kêu cầu ta?
Môi-se dường như đã cầu xin với Đức Chúa Trời để được giúp đỡ vì thế Chúa sử dụng câu hỏi này buộc Môi-se phải hành động. Câu hỏi tu từ có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Đừng kêu cầu ta nữa, Môi-se.” See:
Phân rẽ nước thành hai
"phân rẽ biển thành hai phần"
Nhận thấy
"biết"
Ta sẽ làm cứng lòng của dân Ai Cập
Ở đây “lòng” nói đến chính dân Ai Cập. Thái độ ngang bướng của họ được xem như thể lòng của họ cứng cỏi. Xem bản dịch tương tự trong [EXO 9:12]
Vì vậy họ sẽ theo sau
"vì thế dân Ai Cập sẽ đi trên biển theo sau dân Y-sơ-ra-ên"
Exodus 14:19
Trại của Ai Cập và trại của Y-sơ-ra-ên
"quân đội của Ai Cập và dân sự Y-sơ-ra-ên" (UDB)
Vì thế một bên không thể tới gần bên còn lại
Điều này có nghĩa rằng dân Ai Cập và dân Y-sơ-ra-ên không thể đến gần nhau.
Exodus 14:21
Gió đông
Gió đông hình thành ở phía đông và thổi sang phía Tây.
đông
Hướng mặt trời mọc
Nước phân rẽ ra
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va phân rẽ nước ra”
ở bên phải và bên tay trái của họ
“ở mỗi bên của họ” hoặc “ở cả hai bên của họ”
Exodus 14:23
Ngài gây hoang mang giữa dân Ai Cập
Hoang mang là khi một người trở nên sợ hãi mà họ không thể suy nghĩ thông thường.
Bánh xe ngựa của họ bị mắc kẹt
Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Bùn làm kẹt bánh xe ngựa của họ” hoặc “Bánh xe ngựa của họ đang mắc kẹt trong bùn”
Exodus 14:26
Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, “Giơ hai tay của ngươi…và lính kỵ của họ.”
Có thể ở dạng câu dẫn gián tiếp. AT: “Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se giơ tay của ông ra vì thế nước sẽ phủ lại dân Ai Cập, xe ngựa của họ, và kỵ binh của họ.”
Phủ lại
"đổ xuống"
Dân Ai Cập vội vã bỏ chạy
Từ khi biển đổ từ trên xuống dân Ai Cập, thay vì chạy trốn, họ đã chạy ngay vào bên trong nước.
Đức Giê-hô-va xô dân Ai Cập
"Đức Giê-hô-va đẩy dân Ai Cập" hoặc “Đức Giê-hô-va xô đẩy dân Ai Cập”
Exodus 14:29
Y-sơ-ra-ên
Mỗi lần xuất hiện của “Y-sơ-ra-ên” nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: “dân Y-sơ-ra-ên” hoặc “Y-sơ-ra-ên”
Ra khỏi bàn tay của Ai Cập
Ở đây từ “tay” nói đến sức mạnh. AT: “khỏi sức mạnh của Ai Cập”
Trên bờ biển
"phần đất dọc theo đường bờ biển"

Translation Questions

Exodus 14:5
Khi vua Ai Cập được báo tin dân Y-sơ-ra-ên đã trốn đi rồi thì tâm trí Pha-ra-ôn và quần thần của vua như thế nào?
Khi vua Ai Cập được báo tin dân Y-sơ-ra-ên đã trốn đi rồi thì tâm trí Pha-ra-ôn và quần thần của vua trở nghịch cùng họ.
Exodus 14:9
Người Ai Cập bắt kịp dân Y-sơ-ra-ên ở đâu?
Người Ai Cập bắt kịp dân Y-sơ-ra-ên đang đóng trại trên bờ biển, gần Phi Ha-hi-rốt, trước Ba-anh Sê-phôn.
Exodus 14:12
Dân Y-sơ-ra-ên nói thà làm gì còn tốt hơn phải chết trong hoang mạc?
Họ nói rằng thà phục dịch người Ai Cập còn hơn phải chết trong hoang mạc.
Exodus 14:14
Vì Đức Giê-hô-va sẽ chiến đấu cho dân Y-sơ-ra-ên nên họ phải làm gì?
Đức Giê-hô-va sẽ chiến đấu cho dân Y-sơ-ra-ên còn họ chỉ phải đứng yên lặng.
Exodus 14:17
Vì sao người Ai Cập sẽ theo dân Y-sơ-ra-ên xuống biển?
Đức Giê-hô-va sẽ làm cứng lòng người Ai Cập để chúng theo dân Y-sơ-ra-ên xuống biển.
Exodus 14:20
Áng mây cản trở người Ai Cập nhưng giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên như thế nào?
Áng mây là mây đen cho người Ai Cập nhưng lại soi sáng cho dân Y-sơ-ra-ên, vì thế suốt đêm hai bên không tiến gần nhau được.
Exodus 14:21
Đức Giê-hô-va cho gió đông thổi dồn biển lại trong bao lâu?
Đức Giê-hô-va cho gió đông thổi dồn biển lại trong suốt đêm đó.
Exodus 14:24
Đức Giê-hô-va từ trong trụ mây và lửa nhìn xuống quân đội Ai Cập vào lúc nào?
Vào sáng sớm, Đức Giê-hô-va từ trong trụ mây và lửa nhìn xuống quân đội Ai Cập.
Exodus 14:28
Có bao nhiêu binh lính trong đạo quân của Pha-ra-ôn sống sót khi đi qua biển?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Không ai còn sống sót khi đi qua biển.
Exodus 14:31
Dân Y-sơ-ra-ên làm gì khi thấy quyền năng lớn mà Đức Giê-hô-va đã dùng để nghịch lại người Ai-cập?

Khi dân Y-sơ-ra-ên thấy quyền năng lớn mà Đức Giê-hô-va đã dùng để nghịch lại người Ai-cập thì họ kính sợ Đức Giê-hô-va, tin cậy Ngài và đầy tớ Ngài là Môi-se.

Chapter 15
Exodus 15:1
Thông tin Tổng quát
Đây là bài ca nói về sự kiện xảy ra trong EXO 14:26-28.
Ngựa và người cưỡi ngựa bị Ngài ném vào biển
Môi-se hát về Đức Chúa Trời khiến biển bao phủ và dìm chết ngựa, người cưỡi ngựa như thể Đức Chúa Trời ném chúng vào trong biển. AT: “Ngài đã làm biển bao phủ khắp ngựa và người cưỡi ngựa”
Ngựa và người cưỡi ngựa
Cụm từ này nói đến tất cả hoặc nhiều ngựa và kỵ binh Ai Cập đuổi theo Y-sơ-ra-ên.
Người cưỡi ngựa
Đây là người ngồi trên ngựa hoặc di chuyển trên xe được ngựa kéo.
Exodus 15:2
Đức Giê-hô-va là sức mạnh của tôi
Có thể mang những nghĩa 1) “Đức Giê-hô-va là người nắm giữ sức mạnh của tôi” hoặc 2) “Đức Giê-hô-va là Đấng mạnh mẽ bảo vệ tôi.”
Và bài ca tụng
Môi-se gọi Đức Giê-hô-va là sự ca tụng của ông bởi vì Đức Giê-hô-va là người ông ca tụng. AT: “và Đấng tôi ca tụng”
Ngài trở thành Đấng giải cứu tôi
Môi-se gọi Đức Chúa Trời là Đấng giải cứu ông bởi vì Đức Chúa Trời cứu ông. AT: “Ngài đã cứu tôi” hoặc “Ngài là Đấng đã cứu tôi”
Đức Giê-hô-va là một chiến binh
Môi-se gọi Đức Chúa Trời là một chiến binh bởi vì Đức Chúa Trời uy quyền chống lại dân Ai Cập và chiến thắng. AT: “Đức Giê-hô-va như là một chiến binh”
Exodus 15:4
Ngài ném xe ngựa của Pha-ra-ôn và đội quân của vua vào trong biển
Môi-se hát về Đức Chúa Trời khiến biển bao phủ xe ngựa của Pha-ra-ôn và đội quân của ông như thể Đức Chúa Trời đã ném chúng vào trong biển. AT: “Ngài đã làm cho biển bao phủ lấy xe ngựa của Pha-ra-ôn và đội quân” hoặc “Ngài đã làm những người cưỡi xe ngựa của Pha-ra-ôn và đội quân xuống biển”
Họ chìm xuống sâu như tảng đá
Cũng giống như tảng đá không nổi mà chìm xuống đáy biển, những tên quân thù chìm xuống đáy biển. AT: “họ chìm sâu xuống nước như đá chìm xuống đáy biển”
Exodus 15:6
Tay phải của Ngài, Đức Giê-hô-va, vinh hiển trong sức mạnh
Môi-se nói về Đức Chúa Trời như thể Ngài có đôi tay. Bàn tay phải nói đến sức mạnh của Đức Chúa Trời hoặc một điều Đức Chúa Trời làm cho hùng mạnh. AT: “Đức Giê-hô-va, sức mạnh của người là vinh hiển” hoặc “Đức Giê-hô-va, những gì Ngài làm vinh hiển trong quyền năng” See:
Tay phải của người, Đức Giê-hô-va, đã phá tan quân thù
Môi-se nói về Đức Chúa Trời như thể Ngài có đôi tay. Bàn tay phải nói đến sức mạnh của Đức Chúa Trời. AT: “Đức Giê-hô-va, sức mạnh của người đã phá tan quân thù” hoặc “Đức Giê-hô-va, bởi sức mạnh của Ngài đã phá tan quân thù”
Đã phá tan quân thù
Môi-se nói đến quân thù như thể chúng mỏng manh và có thể làm vỡ như thủy tinh hoặc đồ gốm. AT: “đã hoàn toàn phá hủy quân thù”
Những kẻ nổi dậy chống lại Ngài
Những kẻ nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời được xem như thể sự nổi dậy chống lại Ngài. AT: “những kẻ nổi loạn này chống lại Ngài” hoặc “kẻ thù của Ngài”
Người nổi cơn thịnh nộ
Môi-se nói đến cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời như thể nó là người đầy tớ mà Đức Chúa Trời sai khiến làm điều gì đó. AT: “Ngài tỏ cơn thịnh nộ của Ngài ra” hoặc “Ngài hành động theo cơn thịnh nộ của Ngài”
Đốt chúng như rơm rạ
Môi-se nói đến cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời như thể chúng là lửa và hoàn toàn đốt sạch mỗi thứ. Kẻ thù của Ngài hoàn toàn bị hủy diệt như rơm rạ trong lửa. AT: “chúng hoàn toàn hủy diệt quân thù của Ngài như lửa đốt sạch rơm rạ”
Bởi luồng hơi từ lỗ mũi Ngài
Môi-se nói đến Đức Chúa Trời như thể Đức Chúa Trời có mũi, và ông nói đến luồng hơi như thể Đức Chúa Trời thổi gió từ mũi Ngài. AT: “Người thổi trên biển và” (UDB).
Exodus 15:9
Sự mong ước của ta sẽ thỏa lòng chúng
Có thể diễn đạt với hình thức chủ động. AT: “Ta sẽ thỏa lòng sự mong ước của ta trên chúng” hoặc “ta sẽ lấy mọi thứ ta muốn từ chúng”
Bàn tay của ta sẽ hủy diệt chúng
Những kẻ thù nói đến sự tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên bằng sức mạnh của bàn tay của họ như thể đó là bàn tay của họ sẽ tiêu diệt chúng. AT: “Ta sẽ tiêu diệt chúng bằng bàn tay ta”
Nhưng Ngài thở hơi ra
Môi-se nói rõ Đức Chúa Trời thở ra hơi như thể Đức Chúa Trời thổi hơi qua lỗ mũi của Ngài hoặc miệng. AT: “Nhưng Ngài thổi ra hơi”
Bị đắm như chì trong nước lớn
Chì là một kim loại nặng và thường được sử dụng để làm mọi thứ chìm trong nước. Từ “Chì” ở đây được sử dụng để diễn tả kẻ thù của Đức Chúa Trời bị tiêu diệt nhanh thế nào. AT: “chìm nhanh như chì trong nước biển sâu”
Ai sánh được như Ngài, Đức Giê-hô-va, giữa các thần?
Môi-se sử dụng cầu hỏi này để diễn tả Chúa tuyệt vời như thế nào. AT: “Ô Đức Giê-hô-va, không ai được như Ngài giữa các thần!”
Ai được như Ngài, ...làm những phép lạ?
Môi-se sử dụng câu hỏi này để diễn tả Chúa tuyệt vời như thế nào. AT: Không ai sánh như Ngài. Không ai oai nghiêm trong thần tánh như Ngài, không ai vinh hiển trong vinh hiển như Ngài, không ai làm phép lạ như Ngài đã làm!”
Exodus 15:12

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bởi tay phải của Ngài
Cụm từ “tay phải” tượng trưng cho quyền năng mạnh mẽ của Đức Chúa Trời. AT: “bởi quyền năng mạnh mẽ của người”
Ngài giơ tay phải ra
Môi-se nói về Đức Chúa Trời khiến điều gì đó xảy ra như thể Đức Chúa Trời giơ tay của Ngài ra. AT: “Bởi năng quyền mạnh mẽ của Ngài làm điều đó xảy ra”
Đất nuốt chúng
Môi-se nhân cách hóa đất như thể nó có thể nuốt hoặc ăn ngấu nghiến bằng miệng. AT: “Đất ăn ngấu nghiến chúng”
Exodus 15:14
Run sợ
Điều này có nghĩa là run rẩy vì sợ hãi.
Sự kinh khiếp sẽ vây lấy dân Phi-li-tin
Môi-se nói đến sự kinh khiếp như thể chúng là con người có thể vồ chặt người nào đó và làm họ vô cùng sợ hãi. AT: “Dân Phi-li-tin sẽ sợ hãi”
Sẽ kinh khiếp
Môi-se nói với dân sự sẽ trở nên yếu ớt từ sự sợ hãi của họ khi kinh khiếp. AT:” sẽ yếu từ sợ hãi” hoặc “sẽ sợ hãi và nhút nhát”
Exodus 15:16
Câu kết nối:
Môi-se tiếp tục hát về các dân tộc của các nước khác sẽ cảm thấy thế nào khi thấy Đức Chúa Trời của họ.
Sự khiếp sợ và sự kinh hãi sẽ đổ trên chúng
Hai từ này đều nói đến sự sợ hãi sẽ thình lình tấn công họ. AT: “Sự sợ hãi sẽ thình lình tấn công chúng”
Sự kinh hãi
Sự kinh hãi là sợ hãi tột cùng hoặc băn khoăn về điều gì đó sắp xảy ra hoặc có thể xảy ra.
Bởi vì sức mạnh nơi cánh tay ngươi
Cánh tay của Đức Chúa Trời tượng trưng cho sức mạnh vĩ đại của Ngài. AT: “Bởi vì sức mạnh vĩ đại của Ngài”
Chúng nó sẽ trở nên như đá
Có thể theo những nghĩa 1) “Họ sẽ câm lặng như đá” hoặc 2) “Họ sẽ im lìm như đá”
Exodus 15:17
Ngài sẽ mang họ vào
Nơi Đức Chúa Trời sẽ mang họ vào nơi định sẵn. Trước khi Môi-se chưa thật sự ở Ca-na-an, một vài ngôn ngữ khác sử dụng “đem” hơn là “mang”. AT: “Ngài sẽ đem dân sự Ngài đến Ca-na-an”
Lập họ trên núi
Môi-se nói về việc Đức Chúa Trời ban cho dân sự của Ngài vùng đất để sống như thể họ là cây được Đức Chúa Trời trồng. AT: “định cư họ trên núi” hoặc “để họ sống trên núi”
Ngọn núi của sản nghiệp ngươi
Câu này nói đến Núi Si-ôn ở vùng đất thuộc Ca-na-an.
Của sản nghiệp ngươi
Môi-se nói về việc Đức Chúa Trời hứa sẽ ban cho dân sự Ngài ngọn núi mãi mãi như thể Ngài sẽ ban nó cho họ như món sản nghiệp. AT: “rằng ta đã ban cho họ như món sản nghiệp”
Bàn tay của Ngài đã lập nên
Cụm từ “bàn tay của Ngài” nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời. AT: “ta đã lập nên bởi quyền năng của ta”
Exodus 15:19
Mi-ri-am…A-rôn
Mi-ri-ôn là người chị gái của Môi-se và A-rôn.
Trống cơm
Đây là nhạc cụ âm nhạc như một cái trống nhỏ, cũng có thể có phần kim loại xung quanh một bên và tạo ra âm thanh khi lắc.
Thắng lợi vinh hiển
"thắng lợi vinh hiển trên kẻ thù của Ngài"
Ngựa và người cưỡi ngựa đã bị Ngài ném trong biển
Mi-ri-am hát về Đức Chúa Trời khiến biển bao phủ và dìm chết ngựa và người cưỡi ngựa như thể Đức Chúa Trời đã ném chúng vào trong biển. Xem bản dịch trong [EXO15:01]
Exodus 15:22
Môi-se lãnh đạo Y-sơ-ra-ên
Từ “Y-sơ-ra-ên” tương ứng với dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: “Môi-se lãnh đạo dân sự Y-sơ-ra-ên”
Đồng vắng Su-rơ…Ma-ra
Chúng tôi không biết chính xác vị trí của những nơi này.
Exodus 15:24
Phàn nàn với Môi-se và nói
"thấy bất hạnh và nói Môi-se" hoặc "tức giận nói Môi-se"
Lời của Đức Giê-hô-va là Chúa ngươi
Đức Giê-hô-va đang phán bằng giọng của Ngài. AT: “lời của ta!”
Làm những gì ngay thẳng trong mắt Ngài
Cụm từ “trong mắt Ngài” ở đây tượng trưng cho những gì Đức Chúa Trời suy nghĩ và quyết định. AT: “làm những gì Đức Giê-hô-va cho rằng là phải”
Ta sẽ không giáng trên các ngươi bất cứ bệnh nào
Đức Chúa Trời nói về việc khiến cho mọi người bị bệnh như giáng bệnh trên dân Ai Cập. AT: “Ta sẽ không khiến bất cứ bệnh nào trên các ngươi”
Exodus 15:27
Ê-lim
Đây là ốc đảo trong sa mạc, nơi có nước và bóng cây.
Mười hai
"12"
Bảy mươi
"70"

Translation Questions

Exodus 15:1
Đức Giê-hô-va ném ai xuống biển?
Đức Giê-hô-va ném ngựa và người cưỡi ngựa xuống biển.
Exodus 15:5
Người Ai Cập chìm xuống đáy biển sâu như thế nào?
Người Ai Cập chìm xuống đáy biển sâu như một hòn đá.
Exodus 15:8
Nước được dồn lại như thế nào?
Hơi thở từ lỗ mũi Đức Giê-hô-va khiến nước dồn lại.
Exodus 15:13
Đức Giê-hô-va lấy điều gì mà dẫn dân Ngài đã giải cứu?
Đức Giê-hô-va dẫn dân Ngài đã giải cứu trong sự thành tín theo giao ước Ngài. Ngài đã dùng quyền năng đưa họ về nơi ngự thánh của Ngài.
Exodus 15:14
Dân chúng sẽ làm gì khi nghe về việc Đức Giê-hô-va đã giải cứu dân Y-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sơ-ra-ên?
Dân chúng sẽ nghe và họ sẽ run rẩy.
Exodus 15:17
Đức Giê-hô-va sẽ đưa dân Y-sơ-ra-ên đến đâu?
Đức Giê-hô-va sẽ đưa dân Y-sơ-ra-ên đến trồng trên núi cơ nghiệp Ngài, là nơi Đức Giê-hô-va đã lập nên để ngự.
Exodus 15:20
Những ai đã chơi trống cơm?
Nữ tiên tri Mi-ri-am và tất cả những người nữ đều chơi trống cơm.
Exodus 15:23
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên không thể uống nước tại Ma-ra?
Dân Y-sơ-ra-ên không thể uống nước tại Ma-ra vì nước bị đắng.
Exodus 15:25
Làm thế nào nước đắng ở Ma-ra trở thành nước ngọt?
Đức Giê-hô-va chỉ cho Môi-se một khúc gỗ, ông ném xuống nước thì nước trở nên ngọt để uống.

Chapter 16
Exodus 16:1
Đồng vắng Sin
Từ “Sin” ở đây là tên Hê-bơ-rơ của đồng vắng này. Đây không từ tiếng anh “sin
Vào ngày mười lăm của tháng thứ hai
Đây là thời điểm trùng hợp với cuối tháng Tư và đầu tháng Năm theo lịch phương Tây. AT: “vào ngày mười lăm của tháng thứ hai”
Toàn bộ dân chúng của Y-sơ-ra-ên
“Tất cả dân Y-sơ-ra-ên.” Đây là sự tổng quát. Môi-se và A-rôn không phàn nàn. AT: “Dân Y-sơ-ra-ên”
Phàn nàn
"giận dữ và kêu ca"
Giá như chúng tôi chịu chết
Đây là cách nói khi họ ước mình được chết. AT: “Chúng tôi ước mình được chết!”
Bởi bàn tay của Đức Chúa Trời
Cụm từ “bàn tay của Đức Chúa Trời” tượng trưng cho việc làm của Đức Chúa Trời. AT: “bởi việc làm cua Đức Chúa Trời” See:
Exodus 16:4
Ta sẽ làm mưa bánh từ trời rơi xuống các ngươi
Đức Chúa Trời nói đến thức ăn rơi xuống từ trời như thể cơn mưa. AT: “Ta sẽ làm mưa bánh rơi xuống từ trời như cơn mưa” hoặc “Ta sẽ làm bánh rơi xuống cho các ngươi từ trời”
bánh
Đức Chúa Trời nói đến thức ăn mà Ngài sẽ gởi như thể đó là bánh. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn bánh này mỗi ngày, giống như họ ăn bánh mỗi ngày như trước đây. AT: “thức ăn” hoặc “thức ăn như bánh”
Đi trong luật pháp của ta
Đức Chúa Trời nói về sự vâng theo luật pháp của Ngài khi bước trong đó. AT: “vâng theo luật pháp của ta” hoặc “sống theo như luật pháp của ta”
Luật của ta
"mệnh lệnh của ta"
Nó sẽ xảy ra đến ngày thứ sáu để họ
"Nó sẽ xảy ra đến ngày thứ sáu để họ" hoặc "Vào ngày thứ sáu họ"
Vào ngày thứ sáu
"vào ngày thứ sáu"
Gấp hai
"hai lần" hoặc "2 lần"
Exodus 16:6
Chúng ta là ai mà các ngươi oán trách chúng ta?
Môi-se sử dụng câu hỏi này để tỏ rõ cho mọi người rằng thật dại dột khi oán trách họ. AT: “Chúng ta không đủ quyền cho các người oán trách chúng ta.” Hoặc “Thật dại dột khi oán trách chúng ta, bởi vì chúng ta không thể làm những gì các người muốn.”
bánh
Môi-se nói về thức ăn mà Đức Chúa Trời sẽ ban phát như thể nó là bánh. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn thức ăn này mỗi ngày, cũng như họ đã ăn bánh này mỗi ngày trước đây. AT: “thức ăn” hoặc “thức ăn như bánh.” Xem bản dịch trong [EXO 16:4]
Ta và A-rôn là ai?
Môi-se sử dụng câu hỏi này để tỏ rõ dân sự rằng ông và A-rôn không đủ năng quyền để cho họ những gì họ muốn. AT: “A-rôn và ta không thể cho các ngươi những gì các ngươi muốn.”
Lời oán trách không chống lại chống ta; họ chống lại Đức Giê-hô-va
Dân chúng đang oán trách Môi-se và A-rôn, người hầu việc của Đức Giê-hô-va. Vì bởi sự oán trách họ, dân chúng thật sự chống lại Đức Giê-hô-va. AT: Sự oán trách của các ngươi không thật sự chống lại chúng tôi; họ chống lại Đức Giê-hô-va, bởi vì chúng ta là người hầu việc Ngài”
Exodus 16:9
Xảy ra
Cụm từ này được sử dụng để đánh dầu sự kiện quan trọng của câu chuyện. Sự kiện quan trọng ở đây là mọi người nhìn thấy vinh hiển của Đức Giê-hô-va. Nếu ngôn ngữ của bạn dịch theo cách này, bạn có thể sử dụng nó ở đây.
Trông thấy
Từ “trông thấy” ở đây diễn tả rằng mọi người thấy một điều gì đó đáng chú ý.
bánh
Đức Chúa Trời nói về thức ăn mà Ngài sẽ gửi như thể nó là bánh. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn thức ăn này mỗi ngày, cũng như họ đã ăn bánh mỗi ngày vào lúc trước. AT: “thức ăn” hoặc “thức ăn như bánh.” Xem bản dịch trong [EXO 16:4]
Exodus 16:13
Xảy ra… như thế
Cụm từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu những phần quan trọng của sự kiện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách dịch cho cụm từ này, bạn có thể xem thêm ở dây.
Chim cút
Đây là loài chim nhỏ, thân khá tròn trĩnh.
Như sương
Người đọc biết sương trông thế nào, vì thế cụm từ này sẽ giúp họ hiểu bông tuyết trông thế nào. Sương giá là đóng băng đọng lại hình thành trên mặt đất. Nó rất nhỏ. AT: “trông giống như sương” hoặc “nó thật nhỏ như sương”
bánh
Môi-se nói về thức ăn mà Đức Chúa Trời như thể nó là bánh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn thức ăn này mỗi ngày, cũng như họ đã ăn bánh mỗi ngày như lúc trước. AT: “thức ăn” hoặc “thức ăn như bánh” [EXO 16:4]

Exodus 16:16

Câu nối:

Môi-se tiếp tục nói với dân sự về thức ăn mà Đức Chúa Trời chu cấp cho họ.

Ô-me

"hai lít"

Không thiếu

"không thiếu một" hoặc "có đủ"

Exodus 16:22

Việc xảy ra rằng

Cụm từ được sử dụng ở đây để bắt đầu phần mới của câu chuyện. Đoạn 16:22-30 nói về những gì dân sự làm qua sự việc nhặt ma-na vào ngày thứ sáu và ngày thứ bảy trong tuần. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách đánh dấu phần mới của câu chuyện, bạn có thể sử dụng nó ở đây.

Vào ngày thứ sáu

"vào ngày thứ sáu"

Gấp hai

"hai lần" hoặc "2 lần"

bánh

Nói đến bánh xuất hiện như lớp tuyết mỏng trên đất mỗi sáng.

Nghiêm trang

"nghiêm túc" hoặc "yên lặng và suy gẫm"

Exodus 16:24

Không trở nên hôi hám

"không có mùi thối rữa"

Hôm này là ngày biệt riêng cũng như ngày Sa-bát để tôn kính Đức Giê-hô-va

"hôm nay là ngày Sa-bát và được sử dụng chỉ để tôn kính Đức Giê-hô-va"

Exodus 16:26

Nhưng ngày thứ bảy

"nhưng vào ngày thứ bảy"

Ma-na

Đây là tên Y-sơ-ra-ên của loại bánh mà Giê-hô-va khiến nó hiện ra cho họ mỗi sáng.

Họ không tìm thấy

"họ không tìm thấy ma-na nào"

Exodus 16:28

Thông tin tổng quát

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, nhưng từ “ngươi” nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên trong nghĩa chung.

Các ngươi khước từ lời răn dạy và luật pháp của ta đến khi nào?

Đức Chúa Trời sử dụng câu hỏi này để trách mắng bởi vì họ không vâng lời luật pháp của Ngài. AT: “Ngươi, dân sự vẫn không giữ lời răn dạy và luật pháp!”

Giữ lời răn dạy và luật của ta

"vâng theo lời răn dạy và luật của ta"

Đức Giê-hô-va đã ban cho ngươi ngày Sa-bát

Đức Giê-hô-va nói về việc dạy dỗ dân sự nghỉ ngơi vào ngày Sa-bát như thể ngày Sa-bát là một món quà. AT: “Ta, Đức Giê-hô-va, đã dạy ngươi nghỉ ngơi vào ngày Sa-bát”

Ngày thứ sáu...hai ngày... ngày thứ bảy

"ngày thứ sáu ... hai ngày ... ngày thứ bảy"

bánh

Nói đến bánh xuất hiện như sương mỏng trên đất mỗi buổi sáng.

Exodus 16:31

Ma-na

Đây là tên Y-sơ-ra-ên của loại bánh mà Đức Giê-hô-va khiến nó hiện ra cho họ mỗi sáng. Xem bản dịch trong EXO 16:26.

Hột rau mùi

Hột rau mùi cũng được biết như ngò. Con người sấy khô hạt giống và xay nó thành bột và bỏ thêm vào thức ăn như thêm gia vị.

Bánh quế

Bánh rất mỏng và giòn

Ô-me

"2 lít"

bánh

Đây là bánh xuất hiện như bông tuyết mỏng trên đất mỗi bữa sáng.

Exodus 16:33

Bấy giờ ô-me bằng một phần mười ê-pha

Ô-mê và Ê-pha là hai đơn vị dùng đo lường thể tích. Câu này sẽ giúp mọi người hiểu đơn vị ô-mê là bao nhiêu. Nhiều ngôn ngữ không sử dụng phân số, có thể diễn đạt lại. AT: “Bấy giờ 10 ô-mê bằng 1 ê-pha”

Ô-me

"hai lít"

Translation Questions

Exodus 16:1

Hoang mạc Sin nằm ở đâu?

Đồng vắng Sin nằm giữa Ê-lim và Si-nai.

Exodus 16:3

Theo dân Y-sơ-ra-ên thì vì sao Môi-se đưa họ vào hoang mạc?

Họ nói Môi-se đưa họ vào hoang mạc này để cả đoàn dân phải chết đói.

Exodus 16:4

Vì sao mỗi ngày dân chúng sẽ đi ra lượm phần bánh trong ngày?

Mỗi ngày dân chúng sẽ đi ra lượm phần bánh trong ngày để Đức Giê-hô-va thử xem họ có bước đi trong luật lệ Ngài không.

Exodus 16:6

Làm thế nào dân Y-sơ-ra-ên sẽ biết Đức Giê-hô-va đã đem họ ra khỏi đất Ai Cập?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ biết Đức Giê-hô-va đã đem họ ra khỏi đất Ai Cập khi buổi tối Đức Giê-hô-va cho họ ăn thịt và buổi sáng Ngài cho họ ăn bánh no nê.

Exodus 16:8

Làm thế nào dân Y-sơ-ra-ên sẽ biết Đức Giê-hô-va đã đem họ ra khỏi đất Ai Cập?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ biết Đức Giê-hô-va đã đem họ ra khỏi đất Ai Cập khi buổi tối Đức Giê-hô-va cho họ ăn thịt và buổi sáng Ngài cho họ ăn bánh no nê.

Exodus 16:10

Điều gì hiện ra trong đám mây?

Hào quang của Đức Giê-hô-va hiện ra trong đám mây.

Exodus 16:14

Bánh mà Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên ăn có kích thước như thế nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bánh mà Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên ăn nhỏ tròn và mỏng như sương.
Exodus 16:15
Bánh mà Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên ăn có kích thước như thế nào?
Bánh mà Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên ăn nhỏ tròn và mỏng như sương.
Exodus 16:18
Khi dân Y-sơ-ra-ên lường bánh Đức Giê-hô-va ban cho thì mỗi người được bao nhiêu?
Khi họ lường bằng ô-me thì ai lượm nhiều chẳng thừa, ai lượm ít cũng chẳng thiếu. Mỗi người đều lượm đủ cho nhu cầu của mình.
Exodus 16:20
Bánh mà một số người Y-sơ-ra-ên để lại đến sáng hôm sau thì trở nên thế nào?
Bánh mà một số người Y-sơ-ra-ên để lại đến sáng hôm sau thì sinh ra sâu và có mùi hôi thối.
Exodus 16:22
Vào ngày thứ sáu thì dân Y-sơ-ra-ên lượm bao nhiêu bánh?
Vào ngày thứ sáu, họ lượm gấp đôi số bánh, mỗi người hai ô-me.
Exodus 16:24
Bánh được để cho ngày thứ bảy thì như thế nào?
Bánh được để cho ngày thứ bảy thì không trở nên hôi thối cũng không có sâu bọ trong đó.
Exodus 16:27
Dân Y-sơ-ra-ên tìm dược bao nhiêu ma-na vào ngày thứ bảy?
Khi vài người đi ra lượm ma-na vào ngày thứ bảy thì họ chẳng tìm được gì cả.
Exodus 16:29
Mỗi người Y-sơ-ra-ên phải làm gì vào ngày thứ bảy?
Vào ngày thứ bảy mỗi người phải ở yên chỗ mình, không ai được ra ngoài.
Exodus 16:31
Ma-na là gì?
Ma-na màu trắng giống như hạt ngò, có vị như bánh ngọt pha mật ong.
Exodus 16:32
Vì sao phải giữ lại một ô-me ma-na?
Phải giữ lại một ô-me ma-na qua các thế hệ để con cháu họ có thể thấy thứ bánh mà Đức Giê-hô-va đã cho họ ăn nơi hoang mạc.
Exodus 16:33
Một ô-me ma-na sẽ được giữ ở đâu?
Một ô-me ma-na sẽ được đựng trong bình và đặt bên cạnh bảng chứng ước trong hòm giao ước.
Exodus 16:34
Một ô-me ma-na sẽ được giữ ở đâu?
Một ô-me ma-na sẽ được đựng trong bình và đặt bên cạnh bảng chứng ước trong hòm giao ước.
Exodus 16:35
Dân Y-sơ-ra-ên ăn ma-na trong bao lâu?
Dân Y-sơ-ra-ên ăn ma-na trong bốn mươi năm cho đến khi họ vào vùng đất định cư.

Chapter 17
Exodus 17:1
Đồng vắng Sin
Từ “Sin” ở đây là tên Hê-bơ-rơ của đồng vắng. Nó không phải từ tiếng Anh “sin”
Rê-phi-đim
Từ này có nghĩa “nơi nghỉ ngơi”, một nơi nghỉ ngơi trong chuyến đi dài băng qua đồng vắng.
Tại sao các ngươi cãi lẫy với ta? Tại sao ngươi thử Đức Giê-hô-va?
Môi-se sử dụng những câu hỏi để la mắng dân sự. AT: “Ngươi không được quấy rầy ta! Ngươi không được thử Đức Giê-hô-va!”
Giết chúng tôi, con chúng tôi và gia súc bởi sự chết khát sao?
Dân sự sử dụng câu hỏi này để buộc tội Môi-se về việc muốn giết họ. AT: “Người chỉ mang chúng tôi ra khỏi đây để giết chúng tôi, con cái và gia súc vì không có nước để uống!”
Exodus 17:4
Ma-sa
Một nơi trong sa mạc, tên nó nghĩa là “ướm thử”
Mê-ri-ba
Một nơi trong sa mạc mà tên của nó có nghĩa là “cãi vả”
Exodus 17:8
Rê-phi-đim
Đây là tên của một nơi trong sa mạc.
Vì vậy Giô-suê đánh A-ma-léc
Giô-suê đại diện dân Y-sơ-ra-ên lãnh đạo cuộc chiến đấu. AT: “vì vậy Giô-suê và những người đàn ông được chọn chống lại dân A-ma-léc”
Hu-rơ
Hu-rơ là bạn của Môi-se và A-rôn
Exodus 17:11
Y-sơ-ra-ên chiến thắng…A-ma-léc lại thắng hơn
Từ “Y-sơ-ra-ên” và “A-ma-léc” đại diện nhóm chiến đấu từ mỗi nhóm. AT: “Dân Y-sơ-ra-ên chiến đấu giành chiến thắng…dân A-ma-léc chiến đấu lại thắng hơn
Tay trở nên nặng trịch
Tác giả viết về cánh tay của Môi-se trở nên mệt mỏi như thể tay của ông trở nên nặng trịch. AT: “cánh tay trở nên mỏi mệt”
Cùng với lưỡi gươm
Lưỡi gươm tượng trưng cho cuộc chiến đấu. AT: "trong cuộc chiến đấu"
Exodus 17:14
Ta sẽ hoàn toàn xóa sạch kỷ niệm về A-ma-léc
Đức Chúa Trời nói về việc hủy diệt A-ma-léc như thể Ngài xóa bỏ ký ức của mọi người về A-ma-léc. Khi một nhóm người hoàn toàn bị hủy diệt, sẽ không có ai nhắc với mọi người về họ. AT: “Ta sẽ hoàn toàn hủy diệt A-ma-léc”
Tay giơ lên
Dân sự giơ tay của họ lên khi họ lập nên một lời hứa hoặc cam kết, vì thế hành động giơ tay tượng trưng cho việc lập nên một lời hứa. AT: “một lời hứa được lập nên”
Tay giơ lên
Có thê ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va giơ tay của Ngài” hoặc “Đức Giê-hô-va lập nên một lời hứa uy nghiêm”
A-ma-léc
Nói đến dân A-ma-léc. AT: “dân A-ma-léc”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Exodus 17:1

Vì sao dân chúng trách Môi-se về hoàn cảnh của họ?

Dân chúng trách Môi-se về hoàn cảnh của họ vì lúc này không có nước uống.

Exodus 17:2

Vì sao dân chúng trách Môi-se về hoàn cảnh của họ?

Dân chúng trách Môi-se về hoàn cảnh của họ vì lúc này không có nước uống.

Exodus 17:4

Môi-se sợ dân chúng sẽ làm gì ông?

Môi-se sợ dân chúng sẵn sàng ném đá ông.

Exodus 17:6

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm gì để cung cấp nước cho dân chúng uống?

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se đập cây gậy của ông vào tảng đá thì nước sẽ chảy ra cho dân chúng uống.

Exodus 17:9

Môi-se đứng ở đâu khi dân A-ma-léc tấn công Y-sơ-ra-ên?

Môi-se đứng trên đỉnh đồi cầm cây gậy của Đức Chúa Trời trong tay.

Exodus 17:11

Điều gì xảy ra khi Môi-se giơ tay lên và khi ông hạ tay xuống?

Khi Môi-se giơ tay lên thì quân Y-sơ-ra-ên thắng thế, nhưng khi ông hạ tay xuống thì quân A-ma-léc lại bắt đầu thắng thế.

Exodus 17:12

A-rôn và Hu-rơ đã giúp đỡ thế nào để giữ tay của Môi-se đưa lên?

A-rôn và Hu-rơ lấy một hòn đá kê cho ông ngồi. Đồng thời, A-rôn và Hu-rơ giữ tay Môi-se đưa lên, mỗi người một bên.

Exodus 17:14

Vì sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se chép lại trận chiến với dân A-ma-léc?

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se chép lại trận chiến này vào một cuốn sách vì Ngài sẽ xóa sạch ký ức về dân A-ma-léc ở dưới trời.

Chapter 18

Exodus 18:1

Ông gia của Môi-se

Cha vợ

Dẫn Sê-phô-ra, vợ của Môi-se...và hai người con trai

Có thể mang những nghĩa 1) Giê-trô dẫn Sê-phô-ra và hai con con trai của bà tới Môi-se, hoặc 2) Giê-trô đã sớm chào mừng sự trở lại của Sê-phô-ra và hai người con trai của bà.

Sau khi người dẫn bà về nhà

Đây là điều Môi-se đã làm sớm hơn. Nghĩa đầy đủ của nó có thể làm rõ. AT: “sau khi Môi-se đã dẫn bà về nhà với cha mẹ bà”

Ghẹt-sôn

Đây là con trai của Môi-se và Sê-phô-ra, tên của người có nghĩa là “người ngoại bang”

Ê-li-ê-se

Đây là con trai của Môi-se và Sê-phô-ra, tên của người có nghĩa là “Đức Chúa Trời là Đấng cứu giúp tôi.”

Lưỡi gươm của Pha-ra-ôn

Điều này tương ứng với việc truy sát bởi Pha-ra-ôn hoặc đội quân của Pha-ra-ôn. AT: “việc truy sát bởi Pha-ra-ôn”

Exodus 18:5

Nơi ông cắm trại

Có thể ở dạng chủ động. AT: “nơi ông cắm trại với dân Y-sơ-ra-ên”

Exodus 18:7

Cúi mình xuống, và hôn người

Những hành động tượng trưng này là cho cách thông thường mà mọi người bày tỏ lòng tôn trọng cao quý và sự thành tâm trong văn hóa.

Vì ơn của Y-sơ-ra-ên

Từ “Y-sơ-ra-ên” tượng trưng cho dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: “để mà cứu giúp dân sự Y-sơ-ra-ên”

Tất cả sự thử thách đã đến với họ

Môi-se viết về sự khó nhọc xảy ra cho họ như thể sự thử thách đã đến với họ. AT: “tất cả sự thử thách đã xảy ra với họ” hoặc “tất cả sự thử thách mà họ kinh nghiệm được”

Exodus 18:9

Tay của người Ê-díp-tô...tay của Pha-ra-ôn

Bàn tay tượng trưng cho sức mạnh của một người để làm việc gì đó. AT: “sức mạnh của người Ê-díp-tô...sức mạnh của Pha-ra-ôn” hoặc “những gì người Ê-díp-tô làm với các ngươi...những gì Pha-ra-ôn đã làm với các người”

Exodus 18:13

Con đang làm gì với dân sự?

Giê-trô sử dụng câu hỏi này để chỉ cho Môi-se biết những gì ông đang làm là không tốt. Câu hỏi tu từ có thể ở dạng mệnh lệnh. AT: “Con không nên làm tất cả điều này cho dân sự!”

Tại sao con ngồi một mình...từ sáng tới chiều?

Giê-trô sử dụng câu hỏi này để chỉ cho Môi-se biết ông làm việc quá nhiều. Câu hỏi tu từ có thể ở dạng mệnh lệnh. AT: “Con không nên ngồi một mình...từ sáng tới chiều!”

Con ngồi một mình

Từ “ngồi” ở đây là hoán dụ cho “người phán xử”. Người phán xử ngồi một chỗ họ lắng nghe những người kêu nài. AT: “con phán xét một mình” hoặc “con chỉ là người phân xử dân sự”

Exodus 18:17

Con chắc chắn sẽ đuối sức

"con chắc chắn sẽ làm mình rất mệt mỏi"

Gánh nặng này sẽ đè nặng trên con

Giê-trô nói về công việc khó nhọc mà Môi-se đang làm như thể đó là một gánh nặng vật chất Môi-se phải mang vác. AT: “Công việc này quá sức cho con”

Lời chỉ bảo

"sự hướng dẫn" hoặc "chỉ thị"

Đức Chúa Trời sẽ ở cùng con

Giê-trô nói về Đức Chúa Trời việc cứu giúp Môi-se như thể Ngài sẽ ở cùng Môi-se. AT: “Chúa sẽ cứu giúp con” hoặc “Chúa sẽ ban cho con sự khôn ngoan”

Ngươi sẽ mang cuộc tranh luận đến con

Giê-trô nói với Môi-se hãy nói Đức Chúa Trời về cuộc tranh chấp của họ như thể Môi-se mang cuộc tranh luận của họ tới Chúa. AT: “con trình lên Chúa về cuộc tranh luận của họ” hoặc “con trình Đức Chúa Trời những gì họ tranh luận tới”

Con phải tỏ ra cho họ con đường để đi

Giê-trô nói về cuộc sống hoặc cách cư xử như việc bước đi.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

AT: “Con phải tỏ ra cho họ sống thế nào” hoặc “con phải tỏ ra cho họ cư xử thế nào”

Exodus 18:21

Câu nối

Giê-trô tiếp tục nói với Môi-se.

Vả lại, con phải chọn lấy

“Thêm vào đó, con phải chọn” hoặc “Con cũng phải chọn”

Con phải lập trên dân sự

Giê-trô nói về việc ban cho họ quyền trên khắp dân sự như việc đặt họ trên khắp dân sự. AT: “Con phải trao cho họ uy quyền trên khắp họ”

Một ngàn, trăm, năm mươi, và của mười

"nhóm của một nghìn, nhóm của một trăm, nhóm của năm mươi, và nhóm của mười"

Sự việc hằng ngày

"sự việc hiện tại"

Những việc nan giải họ mang đến cho con

Giê-trô nói về việc Môi-se gặp khó khăn khi họ mang đến ông. AT: “sự việc khó khăn họ sẽ nói với con” hoặc “khi có những sự việc khó khăn, họ sẽ nói với con vì con phân xử cho họ.”

Họ sẽ mang gánh nặng cùng con

Giê-trô nói về công việc nặng nề mà họ sẽ làm như thể nó đó là gánh nặng mà họ gánh. AT: “họ sẽ làm gánh nặng cùng con” hoặc “họ sẽ giúp con làm gánh nặng”

Chịu đựng được

Nhưng gì họ sẽ chịu đựng được có thể rõ ràng. AT: “chịu đựng áp lực của công việc”

Exodus 18:24

Làm đầu trên khắp dân sự

Môi-se viết về người lãnh đạo trên dân sự như thể họ là đầu của chi thể. AT: “người lãnh đạo của mọi người”

Đàn ông có tài

Những người có tài để làm việc gì đó rõ ràng. AT: “đàn ông và là người có khả năng lãnh đạo” hoặc “đàn ông, người có khả năng phán xét”

Hoàn cảnh

"tình thế"

Hoàn cảnh khó khăn họ mang tới Môi-se

Tác giả viết về việc Môi-se nói đến hoàn cảnh khó khăn như mang đến ông. AT: “Hoàn cảnh khó khăn họ nói với Môi-se” hoặc “Khi có hoàn cảnh khó khăn, họ nói Môi-se và ông phân xử họ”

Những việc nhỏ

"những việc dễ"

Translation Questions

Exodus 18:1

Giê-trô là ai?

Giê-trô là thầy tế lễ Ma-đi-an và là ông gia của Môi-se.

Exodus 18:2

Tên hai con trai của Môi-se là gì?

Hai con trai của Môi-se tên là Ghẹt-sôm và Ê-li-ê-se.

Exodus 18:6

Môi-se ở đâu khi Giê-trô đưa vợ và các con trai của ông đến?

Môi-se đang đóng trại trong hoang mạc tại núi Đức Chúa Trời khi Giê-trô đem các con trai và vợ của Môi-se đến cho ông.

Exodus 18:7

Môi-se chào ông gia của mình như thế nào?

Ông cúi chào và hôn người.

Exodus 18:9

Giê-trô vui mừng về điều gì?

Giê-trô vui mừng về các việc tốt lành mà Đức Giê-hô-va đã làm cho Y-sơ-ra-ên qua đó Ngài đã giải cứu họ khỏi thế lực của người Ai Cập.

Exodus 18:11

Làm thế nào Giê-trô biết Đức Giê-hô-va là vĩ đại hơn tất cả các thần?

Giê-trô biết Đức Giê-hô-va là vĩ đại hơn tất cả các thần vì khi người Ai Cập đối xử kiêu căng với dân Y-sơ-ra-ên thì Đức Chúa Trời giải cứu dân Ngài.

Exodus 18:12

Những ai dùng bữa trước mặt Đức Chúa Trời?

A-rôn và tất cả các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên dùng bữa trước mặt Đức Chúa Trời cùng với ông gia của Môi-se.

Exodus 18:13

Dân chúng đứng quanh Môi-se bao lâu khi ông ngồi xét xử dân chúng?

Dân chúng đứng quanh ông từ sáng đến tối.

Exodus 18:15

Vì sao dân chúng đến cùng Môi-se?

Dân chúng đến cùng Môi-se để cầu hỏi ý muốn của Đức Chúa Trời. Khi có tranh chấp gì thì họ đến cùng ông.

Exodus 18:16

Vì sao dân chúng đến cùng Môi-se?

Dân chúng đến cùng Môi-se để cầu hỏi ý muốn của Đức Chúa Trời. Khi có tranh chấp gì thì họ đến cùng ông.

Exodus 18:17

Vì sao Giê-trô nói điều Môi-se đang làm là không tốt?

Giê-trô nói điều Môi-se đang làm là không tốt vì chắc chắn ông sẽ đuối sức và dân chúng đến cùng ông cũng vậy. Việc đó quá nặng nề cho ông, một mình ông không thể làm nổi.

Exodus 18:18

Vì sao Giê-trô nói điều Môi-se đang làm là không tốt?

Giê-trô nói điều Môi-se đang làm là không tốt vì chắc chắn ông sẽ đuối sức và dân chúng đến cùng ông cũng vậy. Việc đó quá nặng nề cho ông, một mình ông không thể làm nổi.

Exodus 18:21

Giê-trô bảo Môi-se chọn những ai để lập trên dân chúng?

Giê-trô bảo Môi-se chọn trong dân chúng những người tài năng, kính sợ Đức Chúa Trời, chân thật và ghét lợi bất chính.

Exodus 18:22

Những người tài năng này sẽ xét xử những trường hợp nào?

Những người tài năng này sẽ xét xử dân chúng trong những trường hợp hằng ngày còn những trường hợp khó thì trình cho Môi-se. Tất cả những việc nhỏ thì chính họ sẽ xét xử.

Chapter 19

Exodus 19:1

Trong tháng thứ ba...vào những ngày tương tự

Điều này có nghĩa họ đến đồng vắng vào ngày đầu tiên của tháng, cũng như họ rời Ai Cập vào ngày đầu tiên của tháng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngày đầu tiên của tháng thứ ba theo lịch Hê-bơ-rơ là gần giữa tháng Năm theo lịch phương Tây. AT: “Vào tháng thứ ba…ngày đầu tiên của tháng”

Đã đi khỏi

"đã rời khỏi"

Rê-phi-đim

Đây là khu vực cạnh đồng vắng của Si-na-I, là nơi dân sự Y-sơ-ra-ên đã cắm trại. Xem bản dịch trong [EXO 17:1]

Exodus 19:3

Nhà của Gia-cốp

Từ “nhà” ở đây tượng trưng cho gia đình của Gia-cốp và dòng dõi. AT: “dòng dõi của Gia-cốp”

Nhà của Gia-cốp, dân sự Y-sơ-ra-ên

Cụm từ “dân sự Y-sơ-ra-ên” giải thích những gì “nhà của Gia-cốp”.

Ngươi đã thấy

Từ “ngươi” ở đây nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên. Đức Giê-hô-va đang phán cùng Môi-se những gì nói với Y-sơ-ra-ên.

Ta chở các ngươi trên cánh của chim ưng

Chúa phán về việc chở dân của Ngài khi họ di chuyển như thể Ngì là chim ưng và chở họ trên cánh của Ngài. AT: “Ta giúp ngươi di chuyển như chim ưng mang con của nó trên đôi cánh”

Ngoan ngoãn nghe theo lời của ta

Ngoan ngoãn có thể diễn đạt như động từ. AT: “lắng nghe lời ta và vâng lời ta”

Lời của ta

Lời của Đức Chúa Trời tượng trưng những gì Ngài phán. AT “những gì ta phán” hoặc “lời của ta”

Giữ giao ước của ta

"làm theo những gì giao ước của ta yêu cầu các ngươi làm"

Của cải quí giá

"kho báu"

Nước của thầy tế lễ

Đức Chúa Trời nói về dân sự của Ngài như thể họ là thầy tế lễ. AT: “vương quốc của những người giống như thầy tế lễ” hoặc “vương quốc quốc của những người làm những gì thầy tế lễ làm”

Exodus 19:7

Dặn họ trước những lời đó

Tác giả viết về Môi-se việc nói dân sự một số điều như thể Ngài sắp đặt hững lời đó trước cho họ. AT: “bảo họ tất cả những lời đó”

Tất cả những lời đó được Đức Giê-hô-va ra lệnh cho ông

Từ “những lời đó” nói đến những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: “tất cả Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho ông”

Môi-se đến thưa lại

Nơi Môi-se đến có thể được nói rõ. AT: “Môi-se quay trở lại núi để báo cáo”

Những lời của dân sự

Từ “những lời” nhắc đến những gì dân sự nói. AT: “những gì dân sự nói”

Exodus 19:10

Ngươi phải biệt chúng riêng cho ta

Câu này có thể mang nghĩa “nói chúng biệt riêng chính chúng cho ta” hoặc “nói chúng giữ thanh sạch chính chúng cho ta”

Áo quần

“đồ mặc "

Sẵn lòng

Đây là mệnh lệnh cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Exodus 19:12

Thông tin tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Phân định giới hạn

"tạo nên ranh giới." Đây là một sự đánh dấu hoặc đại loại như vật chắn ngang.

Bất cứ ai đụng vào núi chắc chắn sẽ bị đặt trước cái chết

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi chắc chắc đặt cái chết cho bất cứ kẻ nào đụng vào núi” hoặc “Ngươi phải giết những ai đụng vào núi”

Bất kì ai đụng

"những ai đụng vào” hoặc “bất kể ai đụng"

Đến cả con người

"con người làm điều đó" hoặc "người đụng vào núi"

Ngươi chắc phải ném đá hoặc bắn tên

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi chắc chắn phải ném đá hoặc bắn tên kẻ đó”

Bắn tên

Điều này nói đến việc giết ai đó bắn mũi tên từ cây cung hoặc ném đá từ ná .

Tiếng kèn dài

"hồi dài, lớn tiếng"

Exodus 19:14

Không đến gần vợ ngươi

Đây là cách tế nhị khi nói về việc ngủ với vợ của họ. AT: “không ngủ với vợ ngươi”

Exodus 19:16

Run sợ

"run rẩy trong sợ hãi"

Xuống

"đi xuống"

Như khói của lò nung

Điều này diễn tả có một lượng khói rất lớn. AT: “như đám khói từ đám cháy lớn”

Lò nung

Cái lò này có thể làm nóng chảy vô cùng

Exodus 19:19

Ngày càng lớn và lớn hơn

"tiếp tục trở nên lớn và lớn hơn"

Trong tiếng

Từ “tiếng” ở đây nói đến âm thanh do Chúa Tạo nên. Có thê mang những nghĩa 1) “bởi lời nói vang rền như sấm” hoặc 2) “bởi lời nói” hoặc 3) “bởi việc khiến sấm phát ra tiếng”

Ngài cho gọi Môi-se

"Ngài ra lệnh Môi-se đi lên"

Không vượt qua

Chúa nói về việc bước qua ranh giới như thể họ phá vỡ rào cản và bước qua nó. AT: “không đi xa hơn ranh giới” hoặc “không vượt qua rào cản” Xem bản dịch “vạch ranh giới” trong [EXO 19:12]

Exodus 19:23

Đi xuống

"trở xuống"

Vượt qua rào cản

Đức Chúa Trời nói về việc đi qua ranh giới như thể họ phải phá vỡ rào cản và bước qua nó. AT: “đi xa hơn ranh giới” hoặc “vượt qua rào cản.” Xem bản dịch cụm từ tương tự

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trong [EXO 19:21]

Translation Questions

Exodus 19:1

Dân Y-sơ-ra-ên vào đến hoang mạc Si-nai khi nào?

Vào tháng thứ ba kể từ khi ra khỏi Ai Cập, cùng ngày đó dân Y-sơ-ra-ên đến hoang mạc Si-nai.

Exodus 19:5

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì nếu họ muốn trở nên tài sản đặc biệt của Đức Giê-hô-va?

Dân Y-sơ-ra-ên phải vâng theo lời Đức Giê-hô-va và giữ giao ước Ngài thì họ sẽ là tài sản đặc biệt của Ngài trong số mọi dân tộc.

Exodus 19:9

Vì sao Đức Giê-hô-va đến cùng dân chúng trong một đám mây dày đặc?

Đức Giê-hô-va đến cùng dân chúng trong một đám mây dày đặc để họ có thể nghe khi Ngài truyền bảo và tin tưởng Môi-se suốt đời.

Exodus 19:10

Dân chúng phải giữ mình thánh sạch như thế nào?

Dân chúng phải giữ mình thánh sạch bằng cách sẵn sàng cho Đức Giê-hô-va ngự xuống và giặt quần áo mình.

Exodus 19:12

Ai chạm đến núi thì sẽ thế nào?

Ai chạm đến núi chắc chắn sẽ bị xử tử.

Exodus 19:13

Dân chúng phải xử tử người chạm đến núi như thế nào?

Họ phải ném đá hoặc bắn tên người nào chạm đến núi.

Exodus 19:16

Vì sao dân chúng run sợ?

Có sấm chớp và một đám mây dày đặc ở trên núi cùng tiếng kèn vang dội. Vì thế tất cả dân chúng ở trong trại đều run sợ.

Exodus 19:22

Những thầy tế lễ phải làm gì để Đức Giê-hô-va không đánh phạt họ?

Những thầy tế lễ khi đến gần Đức Giê-hô-va phải biệt riêng mình ra, chuẩn bị sẵn sàng cho sự ngự xuống của Ngài để Ngài không đánh phạt họ.

Exodus 19:24

Ai là người có thể đi cùng với Môi-se lên núi?

Chỉ có A-rôn có thể đi cùng với Môi-se lên núi.

Chapter 20

Exodus 20:1

Nhà của nô lệ

"nơi mà ngươi là nô lệ"

Ngươi không được có thần khác trước mặt ta

"Ngươi không được thờ thần khác ngoại trừ ta"

Exodus 20:4

Không giống như tượng

"và ngươi không được tạc tượng"

Ngươi không được quỳ lại hoặc thờ phượng chúng

Từ “chúng” nói đến tạc tượng hoặc thần tượng.

Kỵ tà

Đức Chúa Trời muốn dân sự người .

Trừng phạt tội của tổ phụ đến trừng phạt con cháu

Đức Chúa Trời sẽ phạt dân sự bởi tội lỗi của tổ tiên.

Thế hệ thứ ba và thứ tư

"thế hệ thứ ba và thứ tư." Ở đây “thứ ba” và “thứ tư” là số thứ tự của “3” và “4”

Ta bày tỏ hẹn ước đến ngàn đời

"bởi sự giao ước của ta, ta sẽ chung thủy đến ngàn đời" hoặc "Ta sẽ chung thủy yêu đến ngàn đời"

Ngàn đời cho những kẻ

"nhiều thế hệ của những người đó"

Exodus 20:7

Lấy danh của ta

"sử dụng tên của ta"

Bất kính

"thiếu kính trọng" hoặc "không có sự tôn trọng riêng"

Ta sẽ không chứa tội lỗi

"Ta chắc sẽ xem xét tội lỗi" hoặc "Ta chắc sẽ trừng phạt"

Exodus 20:8

Làm hết công việc của ngươi

"làm hết bổn phận thông thường của ngươi"

Phía trong cánh cổng

Những thành phố có tường vây quanh chứng để tránh kẻ thù, và cánh cổng cho mọi người đi vào và đi ra. AT: “trong cộng đồng của ngươi” hoặc “bên trong thành phố của ngươi”

Ngày thứ bảy

"vào ngày thứ bảy." Ở đây “thứ bảy” là số thứ tự của “7.”

Nên thánh vào ngày nghỉ

Có thể mang những nghĩa 1) Chúa khiến ngày nghỉ đem lại những kết quả tốt, hoặc 2) Chúa nói rằng ngày nghỉ là tốt lành.

Biệt riêng ra

"biệt riêng ra cho ý định đặc biệt"

Exodus 20:12

Ngươi không được phạm tội tà dâm

"Ngươi không được có tình dục với bất kì ai ngoài vợ chồng ngươi"

Exodus 20:15

Không được làm chứng dối

"không được nói những điều sai" hoặc "không được nói dối về ai đó"

Không được tham

"không có ý muốn kiên quyết để có" hoặc "không vì muốn để có"

Exodus 20:18

Tiếng

"tiếng động"

Núi ra khói

"khói đến từ núi"

Họ run

"họ run rẩy trong sợ hãi"

Đứng cách xa

"đứng xa ra" hoặc "đứng giữ khoảng cách" (UDB)

Sự kính sợ Ngài ở các ngươi, và vì thế các ngươi không phạm tội

"vì ngươi kính sợ người và không phạm tội"

Đến gần

"bước gần hơn"

Exodus 20:22

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là những gì ngươi phải nói dân Y-sơ-ra-ên
"Nói dân Y-sơ-ra-ên như vậy"
Chính ngươi đã thấy điều ta phán với ngươi từ trời
"Ngươi đã nghe ta phán với các ngươi từ trời"
Ngươi sẽ không làm cho mình những thần sánh ngang với ta
"Ngươi không được làm thần tượng cũng như những thần khác ngoại trừ ta"
Các thần bằng bạc hay bằng vàng
"Các thần làm ra từ bạc hoặc vàng" hoặc "thần tượng làm ra từ bạc hoặc vàng"
Exodus 20:24
Bàn thờ bằng đất nung
Đất nung là nguyên liệu từ đất, như là đá, đất, hoặc đất sét.
Khiến danh ta được vinh hiển
Ở đây “danh” là hoán dụ cho bản chất của Đức Chúa Trời. Có thể ở dạng chủ động. AT: “cho danh được vinh hiển”
Ngươi không được bước lên bục của bàn thờ ta
"Không được tới bàn thờ ta bằng cách bước lên bục"
Phơi trần những phần riêng tư của ngươi
"Phơi bày cơ thể trần trụi của các ngươi"

Translation Questions

Exodus 20:3
Trước mặt Đức Giê-hô-va dân Y-sơ-ra-ên không được có điều gì?
Trước mặt Ngài họ không được có các thần nào khác.
Exodus 20:4
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên không được làm tượng chạm hay quỳ lạy trước chúng?
Dân Y-sơ-ra-ên không được làm tượng chạm hay quỳ lạy trước chúng vì Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời ghen tương.
Exodus 20:5
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên không được làm tượng chạm hay quỳ lạy trước chúng?
Dân Y-sơ-ra-ên không được làm tượng chạm hay quỳ lạy trước chúng vì Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời ghen tương.
Đức Giê-hô-va trừng phạt tội ác của tổ tiên bao lâu?
Đức Giê-hô-va trừng phạt tội ác của tổ tiên trên con cháu họ, đến đời thứ ba thứ tư của những kẻ ghét Ngài.
Exodus 20:7
Dân Y-sơ-ra-ên không được lạm dụng danh ai?
Họ không được lạm dụng danh Đức Chúa Trời.
Exodus 20:8
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên phải giữ ngày Sa-bát nên thánh và nghỉ ngơi trong ngày đó?
Dân Y-sơ-ra-ên phải giữ ngày Sa-bát nên thánh và nghỉ ngơi trong ngày đó vì trong sáu ngày Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời, đất, biển và muôn vật trong đó, vào ngày thứ bảy thì Ngài nghỉ.
Exodus 20:10
Những ai phải giữ ngày Sa-bát nên thánh và nghỉ ngơi trong ngày đó?
Dân Y-sơ-ra-ên không được làm bất kì việc gì, bao gồm họ, con trai, con gái, tôi trai tớ gái, súc vật của họ, cả đến người ngoại bang trong nhà họ nữa.
Exodus 20:11
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên phải giữ ngày Sa-bát nên thánh và nghỉ ngơi trong ngày đó?
Dân Y-sơ-ra-ên phải giữ ngày Sa-bát nên thánh và nghỉ ngơi trong ngày đó vì trong sáu ngày Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời, đất, biển và muôn vật trong đó, vào ngày thứ bảy thì Ngài nghỉ.
Exodus 20:12
Kết quả của việc dân Y-sơ-ra-ên tôn kính cha mẹ mình là gì?
Dân Y-sơ-ra-ên phải tôn kính cha mẹ mình để họ được sống lâu trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời họ ban cho.
Exodus 20:18
Vì sao dân chúng run sợ?
Hết thảy dân chúng thấy cảnh sấm chớp, tiếng kèn thổi và núi bốc khói thì họ run sợ và đứng xa ra.
Exodus 20:19
Dân Y-sơ-ra-ên nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu Đức Chúa Trời phán với họ?
Họ nghĩ rằng nếu Đức Chúa Trời phán với họ thì họ sẽ chết.
Exodus 20:25
Điều gì xảy ra nếu dân Y-sơ-ra-ên dùng dụng cụ của họ để đẽo đá làm bàn thờ?
Nếu họ dùng dụng cụ để đẽo đá làm bàn thờ thì sẽ làm nó ra ô uế.

Chapter 21
Exodus 21:1
Thông tin tổng quát
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Ngươi phải đặt để cho họ
"ngươi phải đưa cho họ” hoặc “ngươi phải nói với họ"
Exodus 21:2
Thông tin tổng quát
Đức Giê-hô-va phán với Môi-se luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.
Nếu chỉ nó ở, ngươi phải thả tự do cho nó
Từ “chỉ nó” nghĩa có thể rõ ràng. Một vài ngôn ngữ yêu cầu thêm vào điều kiện, anh đó kết hôn trong khi là nô lệ. AT: “Nếu anh ta trở thành nô lệ khi anh ta chưa vợ, và nếu anh ta kết hôn khi anh ta là nô lệ, người chủ chỉ cần thả tự do cho người đàn ông”
Chỉ nó
"một mình” hoặc “chưa vợ"
Nếu nó kết hôn
"nếu anh ta kết hôn khi còn là nô lệ" hoặc “nếu anh ta đến như một người kết hôn”
Exodus 21:5
Thẳng thắng nói
"nói cách rõ ràng"
Tôi không muốn tự do
"Tôi không muốn chủ để tôi tự do"
Xỏ vào tai nó
"làm một lỗ ở tai của anh ta"
giùi
Một dụng cụ có đầu nhọn để tạo lỗ
Cho đến trọn đời của nó
"đến khi cuối đời của anh ta" hoặc "đến khi anh ta chết"
Exodus 21:7
Đã định
"đã lựa chọn"
Ngươi phải để cô ấy chuộc lại
Đây là ở dạng chủ động. AT: “ông phải cho phép gia đình cô

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mua cô ấy trở lại”

Không có quyền để bán

"không có uy quyền để bán"

Ông đã đối đãi với cô cách lừa dối

"ông đã lừa gạt với cô"

Exodus 21:9

Định

"lựa chọn"

Ông không được giảm thức ăn của cô, quần áo, hoặc quyền lợi hôn nhân của cô

Điều này có thể ở dạng bị động. AT: “ngươi phải đem cho người vợ đầu cùng thức ăn, quần áo, và quyền loại hôn nhân mà cô nhận được trước đó”

Giảm bớt đi

"mang đi" hoặc "làm ít lại"

Hoặc quyền lợi hôn nhân của cô

Bao gồm những thứ mà người chồng phải làm cho vợ của mình, kể cả ngủ với cô. AT: “và ông phải tiếp tục ngủ với cô như lúc trước”

Exodus 21:12

Đánh

"đánh đập" hoặc "tấn công"

Ngươi chắc chắn phải bị xử tử

Đây có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi phải chắc chắn thực hiện với người đó” hoặc “ngươi chắc chắn phải giết người đó”

Không được làm việc đó với sự toan tính

"không lập kế hoạch làm việc đó" hoặc "không làm việc đó vì mục đích"

Ta sẽ tìm ra nơi hắn lẩn trốn

Ý định của việc chọn nơi có thể nói rõ ở đây. AT: “Ta sẽ chọn nơi hắn có thể chạy trốn”

Theo như kế hoạch tính toán

"sau khi suy nghĩ cẩn thận"

Phải bắt lấy hắn

Từ “hắn” nói đến kẻ đã giết hàng xóm của anh ta.

Vì anh có thể chết

Có thể ở dạng chủ động. AT: “vì thế ngươi có thể giết anh ta”

Exodus 21:15

Bắt cứ ai đánh ba hoặc mẹ của mình thì phải xử chết

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “Nếu ai đó đánh cha hoặc mẹ của mình, ngươi phải xử hắn chết” hoặc “Ngươi chắc phải giết kẻ đã đánh cha hoặc mẹ mình”

Nhất định phải

"chắc chắn phải"

Trong quyền sở hữu của mình

"của mình"

Kẻ bắt cóc phải bị xử tử

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi chắc phải giết kẻ bắt cóc”

Bất kì ai nguyền rủa cha hoặc mẹ mình phải bị xử tử

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi chắc phải giết bất kì ai nguyền rủa cha hoặc mẹ mình”

Exodus 21:18

Bị liệt giường

Có thể ở dạng chủ động. AT: “không thể ra khỏi giường” hoặc “phải ở lại giường”

Khỏe lại

"trở nên tốt hơn"

Gậy

Đây là cây gậy có thể chống để hỗ trợ khi đi lại.

Lãng phí thời giờ

Có thể nói đến tình trạng khi một người không thể làm việc kiếm tiền. Bạn có thể diễn đạt rõ trong bản dịch này. AT: “thời giờ anh ta không thể làm việc”

Chi trả cho anh ta hoàn toàn bình phục

"trả tiền thuốc thang cho anh ta" hoặc "trả cho anh ta chi phí chữa lành" (UDB)

Exodus 21:20

Cũng bởi đánh đòn

"do bởi bị thương" hoặc "bởi chủ anh ta đánh anh ta"

Người đó chắc phải bị phạt

Có thể ở dạng chủ động. AT: "ngươi phải phạt người đó"

Để ông ta chịu mất mát của người đầy tớ

Bạn có thể diễn đạt rõ ràng trong bản dịch rằng người đầy tớ có lợi ích với chủ của anh ta. AY: “bởi vì ông ta mất người đầy tớ, người có lợi ích với ông”

Exodus 21:22

Bà ta sẩy thai

"đứa bé chết trong tử cung của mẹ" hoặc "đứa bé được sinh ra quá sớm và chết"

Người có tội phải bị phạt

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi chắc phải phạt người có tội” hoặc “kẻ có tội phải chịu phạt”

Khi quan án định

"những gì quan án quyết định"

Ngươi phải lấy mạng đền mạng, mắt đền mắt

Điều này có nghĩa nếu bà ta bị tổn thương, người gây ra cho bà ta phải chịu cùng một cách thương tổn. AT: “ông ta phải đền mạng của mình, đền mắt của mình cho bà ta.”

Exodus 21:26

Nếu ai

Ở đây “ai” nói đến người chủ của nô lệ.

Đền bù

"phải trả." Đền bù là những gì một người làm cho người khác hoặc hoàn lại để bù đắp những gì đã làm mất mát.

Exodus 21:28

húc

"bị thương bằng sừng của nó"

Con bò phải bị ném đá

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi phải ném đá con bò tới chết”

Thịt của nó không được ăn

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi không được ăn thịt nó”

Người chủ của con bò được tha bổng

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi phải tha bổng cho chủ nhân của con bò”

Người chủ cũng phải bị xư chết

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi cũng phải giết chủ của nó”

Nếu khoản bồi thường được yêu cầu cho mạng của nó

Nếu chủ của con bò có thể trả tiền phạt cho mạng của nó, thì ông ta phải trả bất cứ giá nào mà quan án quyết định. Ý nghĩa đầy đủ có thể dịch rõ, cũng có thể ở dạng chủ động. AT: “nếu chủ của con bò có thể trả tiền phạt để cứu mạng của nó, ông ta phải trả đầy đủ số lượng mà quan án bảo ông ta phải trả”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Exodus 21:31

Bị húc

"bị thương bởi sừng của nó"

Ba chục siếc-lơ bạc

"330 gram của siếc-lơ bạc" Một siếc-lơ nặng 7 gram.

Con bò phải bị ném đá

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi phải giết con bò bằng cách ném đá nó”

Exodus 21:33

Mở miệng hầm

"không đóng cái hố dưới mặt đất" hoặc "Mở cái hố dưới mặt đất"

Hoàn lại mất mát

Chủ phải trả phí hao tổn cho chủ của nó. AT: “trả cho chủ của con vật chết”

Sẽ thuộc về mình

Người bồi thường thiệt hại cho con vật sẽ trở thành chủ của con vật chết và có thể làm gì mình muốn. Nghĩa đầy đủ của câu này có thể dịch rõ. AT: “sẽ thuộc về chủ của cái hố”

Exodus 21:35

Chia tiền

"chia tiền" hoặc "chia tiền họ nhận"

Nếu đã tỏ tường

Có thể ở dạng chủ động. AT: “nếu mọi người hiểu” hoặc “nếu người chủ hiểu được”

Có tật húc trong quá khứ

"đã húc con khác trước đó"

Chủ của nó không giữ nó

Điều này có nghĩa người chủ đã không giữ con bò của mình an toàn bên trong chuồng. Có thể đã được dịch. AT: “chủ của nó không giữ nó bên trong chuồng”

Chủ phải lấy bò thường bò

Người chủ của con bò đã giết con bò khác phải đưa một con bò cho người bị mất bò. Cau này có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “Người chủ của con bò đã giết con bò khác chắc chắn phải đền một con bò sống cho người có con bò đã chết”

Translation Questions

Exodus 21:1

Ai là người phải đặt những luật lệ trước mặt dân Y-sơ-ra-ên?

Môi-se phải đặt những luật lệ trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Exodus 21:4

Nếu người chủ cưới vợ cho người đầy tớ và vợ sinh được con trai hay gái thì họ sẽ thế nào khi người đầy tớ được tự do ra đi?

Nếu người chủ cưới vợ cho người đầy tớ và vợ sinh được con trai hay gái thì vợ và các con sẽ thuộc về người chủ còn người đầy tớ sẽ ra đi một mình.

Exodus 21:6

Nếu người đầy tớ không ra đi thì thế nào?

Nếu người đầy tớ không ra đi thì chủ phải dẫn người lại gần cửa hay trụ cửa, rồi lấy mũi dùi xỏ tai. Người đó sẽ phục vụ người chủ trọn đời.

Exodus 21:8

Chủ không được bán nữ tì cho ai?

Chủ không được quyền bán nữ tì cho người ngoại bang.

Exodus 21:9

Khi nào một nữ tì được tự do ra đi mà không trả tiền?

Nếu con trai của chủ cưới một nữ tì rồi cưới một vợ khác cho mình thì không được cắt giảm phần thức ăn, quần áo hay quyền làm vợ của nàng. Nhưng nếu người không chu cấp ba thứ đó cho nàng thì nàng sẽ được tự do ra đi mà không trả tiền.

Exodus 21:11

Khi nào một nữ tì được tự do ra đi mà không trả tiền?

Nếu con trai của chủ cưới một nữ tì rồi cưới một vợ khác cho mình thì không được cắt giảm phần thức ăn, quần áo hay quyền làm vợ của nàng. Nhưng nếu người không chu cấp ba thứ đó cho nàng thì nàng sẽ được tự do ra đi mà không trả tiền.

Exodus 21:13

Nếu một người vô tình giết người thì Đức Giê-hô-va ban cho người điều gì?

Nếu một người vô tình giết người thì Đức Giê-hô-va sẽ định cho một chỗ để người đó ẩn náu.

Exodus 21:17

Ai nguyền rủa cha hay mẹ mình thì sẽ thế nào?

Ai nguyền rủa cha hay mẹ mình thì chắc chắn phải bị xử tử.

Exodus 21:18

Nếu hai người đánh nhau, người nầy đánh người kia bằng một viên đá hay bằng nắm đấm, người kia phải nằm liệt giường thì kẻ đánh người đó phải làm gì?

Nếu hai người đánh nhau, người nầy đánh người kia bằng một viên đá hay bằng nắm đấm, người kia phải nằm liệt giường thì kẻ đánh người đó phải đền bù thiệt hại cho thời gian của người đó nghỉ việc.

Exodus 21:19

Nếu hai người đánh nhau, người nầy đánh người kia bằng một viên đá hay bằng nắm đấm, người kia phải nằm liệt giường thì kẻ đánh người đó phải làm gì?

Nếu hai người đánh nhau, người nầy đánh người kia bằng một viên đá hay bằng nắm đấm, người kia phải nằm liệt giường thì kẻ đánh người đó phải đền bù thiệt hại cho thời gian của người đó nghỉ việc.

Exodus 21:20

Nếu người chủ nô lấy gậy đánh nam hay nữ nô lệ của mình mà người nô lệ ấy còn sống một hai ngày thì người chủ sẽ bị phạt thế nào?

Nếu người chủ nô lấy gậy đánh nam hay nữ nô lệ của mình mà người nô lệ ấy còn sống một hai ngày thì người chủ không bị phạt vì người phải chịu mất người đầy tớ...

Exodus 21:21

Nếu người chủ nô lấy gậy đánh nam hay nữ nô lệ của mình mà người nô lệ ấy còn sống một hai ngày thì người chủ sẽ bị phạt thế nào?

Nếu người chủ nô lấy gậy đánh nam hay nữ nô lệ của mình mà người nô lệ ấy còn sống một hai ngày thì người chủ không bị phạt vì người phải chịu mất người đầy tớ...

Exodus 21:22

Nếu người ta đánh nhau và gây thương tích cho một phụ nữ có thai, làm hư thai nhưng không gây thương tổn gì khác, thì kẻ gây thương tích sẽ phải thế nào?

Nếu người ta đánh nhau và gây thương tích cho một phụ nữ có thai, làm hư thai nhưng không gây thương tổn gì khác, thì kẻ gây thương tích phải bồi thường nếu người chồng yêu cầu và trả tiền theo quyết định của quan tòa.

Exodus 21:23

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu có gây thương tổn trầm trọng thì kẻ gây thương tích phải thế nào?
Nếu có gây thương tổn trầm trọng thì kẻ gây thương tích phải lấy mạng đền mạng, lấy mắt đền mắt, lấy răng đền răng, lấy tay đền tay, lấy chân đền chân, lấy phỏng đền phỏng, lấy vết bầm đền vết bầm, lấy thương tích đền thương tích.
Exodus 21:25
Nếu có gây thương tổn trầm trọng thì kẻ gây thương tích phải thế nào?
Nếu có gây thương tổn trầm trọng thì kẻ gây thương tích phải lấy mạng đền mạng, lấy mắt đền mắt, lấy răng đền răng, lấy tay đền tay, lấy chân đền chân, lấy phỏng đền phỏng, lấy vết bầm đền vết bầm, lấy thương tích đền thương tích.
Exodus 21:26
Nếu chủ nô đánh vào mắt của nam hay nữ nô lệ mình và làm hỏng mắt đó hoặc nếu người chủ đánh gãy răng của một nam hay nữ nô lệ mình thì phải bồi thường thế nào?
Nếu chủ nô đánh vào mắt của nam hay nữ nô lệ mình và làm hỏng mắt đó hoặc nếu người chủ đánh gãy răng của một nam hay nữ nô lệ mình thì người chủ phải để cho người nô lệ được ra đi tự do, để đền lại chiếc răng.
Exodus 21:27
Nếu chủ nô đánh vào mắt của nam hay nữ nô lệ mình và làm hỏng mắt đó hoặc nếu người chủ đánh gãy răng của một nam hay nữ nô lệ mình thì phải bồi thường thế nào?
Nếu chủ nô đánh vào mắt của nam hay nữ nô lệ mình và làm hỏng mắt đó hoặc nếu người chủ đánh gãy răng của một nam hay nữ nô lệ mình thì người chủ phải để cho người nô lệ được ra đi tự do, để đền lại chiếc răng.
Exodus 21:29
Nếu con bò vốn có thói hay húc người và chủ bò đã từng được cảnh cáo nhưng vẫn không canh giữ, để nó húc chết một người đàn ông hay đàn bà thì con bò và người chủ của nó sẽ thế nào?
Nếu con bò vốn có thói hay húc người và chủ bò đã từng được cảnh cáo nhưng vẫn không canh giữ, để nó húc chết một người đàn ông hay đàn bà thì bò phải bị ném đá và chủ bò sẽ bị xử tử.
Exodus 21:33
Nếu một người mở nắp miệng hầm hay đào hầm mà không đậy lại, và nếu có một con bò hay lừa té xuống đó thì chủ hầm sẽ phải làm gì?
Nếu một người mở nắp miệng hầm hay đào hầm mà không đậy lại, và nếu có một con bò hay lừa té xuống đó thì chủ hầm sẽ phải bồi thường thiệt hại.
Exodus 21:34
Nếu một người mở nắp miệng hầm hay đào hầm mà không đậy lại, và nếu có một con bò hay lừa té xuống đó thì chủ hầm sẽ phải làm gì?
Nếu một người mở nắp miệng hầm hay đào hầm mà không đậy lại, và nếu có một con bò hay lừa té xuống đó thì chủ hầm sẽ phải bồi thường thiệt hại.
Exodus 21:35
Nếu bò của người nầy húc chết bò của người kia thì hai con bò sẽ thế nào?
Nếu bò của người nầy húc chết bò của người kia thì hai người phải bán con bò còn sống rồi chia đôi tiền và họ cũng phải chia con bò đã chết.

Chapter 22
Exodus 22:1
Thông tin tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se về luật của mình cho dân sự Y-sơ-ra-ên.
Nếu kẻ trộm được tìm thấy
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Nếu ai đó tìm thấy kẻ trộm”
Đương vào
"sử dụng sức để đột nhập vào bên nhà"
Nếu ông ta bị đánh đập tới chết
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Nếu ai đó đánh kẻ trộm khiến hắn chết”
Không tội sát nhân nào sẽ được gán cho anh ta
"không ai sẽ buộc tội sát nhân cho anh ta"
Nếu mặt trời đã mọc trước khi hắn ta đột nhập
"nếu nó sáng trước khi hắn ta đột nhập" hoặc "Nếu hắn ta đột nhập sau khi mặt trời mọc"
Tội lỗi được định cho người giết anh ta
"người đã giết anh ta sẽ bị buộc tội giết người"
Bồi thường
“chi trả cho những gì anh ta đánh cắp"
Kẻ đó sẽ bị bán cho tội trộm cắp của mình
Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi phải bán kẻ đó như một tên nô lệ để trả những gì hắn ta trộm cắp”
Nếu con vật được tìm thấy còn sống trong tay kẻ trộm
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Nếu họ tìm thấy kẻ trộm có con vật còn sống bởi kẻ trộm cắp”
Bồi thường gấp đôi
Trả hai con vật cho mỗi con anh ta lấy
Exodus 22:5
Nếu một người để vật nuôi gặm
"nếu một người để vật nuôi của mình ăn cây trồng"
Gặm
"ăn cây trồng"
Anh ta phải hoàn trả lại
"anh ta phải trả lại cho chủ của ruộng đó"
Exodus 22:6
Nếu lửa bùng cháy và lan ra ở bụi gai
"Nếu một ai đó bắt đầu để lửa cháy và lan ra từ bụi gai"
Lan ra từ ở gai
"phân tán ra trên mặt đất qua những cây khô"
Bó lúa
Đây là lúa đã được cắt ra và cột thành bó. “bó lúa” hoặc “mùa gặt lúa”
Cây lúa đứng
Đây là những cây lúa chưa bị cắt, nhưng nó sẵn sàng để thu hoạch.
Cánh đồng bị thiêu đốt
"lửa thiêu đốt cánh đồng" hoặc “lửa hủy diệt cánh đồng”
Nhất định phải bồi thường
"chắc chắn phải bồi thường số lúa mà lửa hủy diệt"
Exodus 22:7
Giữ cẩn thận
"trông chừng nó" hoặc "giữ nó an toàn"
Nếu nó bị lấy cắp
Có thể ở dạng chủ động. AT: “nếu một ai đó lấy cắp nó”
Kẻ cắp
Một người nào đó lấy cắp một vài thứ
Nếu kẻ cắp bị phát hiện

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Nếu các ngươi tìm ra kẻ cắp”

Đến trước khi quan án xem xét

"đến trước khi quan án để họ có thể xem xét"

Tra tay vào tài sản của kẻ lân cận

Đây là một thành ngữ. Nếu bạn có nói nào trong ngôn ngữ của mình, bạn có thể sử dụng ở đây. AT: “Tài sản của người lân cận bị lấy cắp”

Cho đòi cả hai phải đến quan án

Quan án phải lắng nghe cả hai người khai nhận các món thuộc về họ và quan án sẽ quyết định ai là kẻ có tội.

Exodus 22:10

Thề với Đức Giê-hô-va phải dẫn đến cả hai người

Chỉ có người bị buộc tội về việc lấy cắp con vật phải thề. Chủ mất con vật phải chấp nhận lời thề đã thốt ra. Có thể ở dạng chủ động. AT: “người chăm sóc cho con vật phải thề trước Đức Giê-hô-va và chính người đó phải chấp nhận lời thề đó”

Nhưng nếu nó bị lấy cắp khỏi chủ

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Nhưng nếu một ai đó lấy cắp con vật khỏi chủ nó”

Nếu vật nuôi bị xé xác nhiều mảnh

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Nhưng nếu thú hoang xé xác vật nuôi ra nhiều mảnh”

Người đó không phải hoàn trả vật bị xé

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Người đó không phải hoàn trả con vật bị thú hoang tiêu diệt”

Exodus 22:14

Hãy bồi thường

"hãy hoàn trả bằng con khác" hoặc "hãy bồi thường cho chủ bằng con khác"

Nếu con vật được thuê

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Nếu một ai đó thuê con vật”

Sẽ phải bồi thường giá được thuê

Người mượn vật nuôi sẽ không trả người chủ những gì nhiều hơn tiền mướn hoặc phí thuê. Phí này sẽ bồi thường hao tổn của con vật. Có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “Món tiền một người trả phí thuê con vật sẽ bao gồm hao tổn của con vật”

Phí thuê

"tiền thuê" hoặc "tiền trả để thuê con vật"

Exodus 22:16

Dụ dỗ

"làm cho tin"

Không hứa hôn

"không hứa hẹn kết hôn"

Nếu anh ta ngủ với cô ấy

Ngủ với một ai đó là uyển ngữ của việc có tình dục. AT: "Nếu anh ta có tình dục với cô ấy"

Tiền sính lễ

"của hồi môn" hoặc "tiền cưới cô dâu"

Anh ấy, anh ta

Những đại từ nói về người đàn ông là người dụ dỗ gái đồng trinh.

Exodus 22:18

Bất kì ai ngủ với con vật phải xử tử

Ở đây “ngủ với con vật” là cách nói trại của việc một người có tình dục với thú vật. Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi chắc chắn phải giết bất kì ai có tình dục với thú vật.”

Exodus 22:20

Đức Giê-hô-va sẽ hoàn toàn hủy diệt

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ hoàn toàn hủy diệt”

Bạc đãi người ngoại

"ngược đãi người ngoại" hoặc "lừa đảo người ngoại"

Exodus 22:22

Ngươi không được ngược đãi góa phụ hoặc trẻ mồ côi

Có thể dịch ở dạng bị động. AT: “Ngươi hãy đối xử tốt với tất cả góa phụ và trẻ mồ côi”

Góa phụ

"những phụ nữ đã chết chồng"

Trẻ mồ côi

"trẻ mồ côi" hoặc "đứa trẻ không có cha mẹ"

Ta sẽ giết ngươi bằng gươm kiếm

Giết “bằng gươm kiếm” là cách hoán dụ để nói đến một người sẽ chết cách dữ dội, hoặc có thể chiến đấu trong chiến tranh. AT: “ngươi sẽ chết cách dữ dội”

Exodus 22:25

Kẻ cho vay

"người cho mượn tiền"

Trả người tiền lãi

"trả người tiền lãi cho việc vay mượn " hoặc "trả người tiền lãi cho sự vay mượn"

Áo xống cầm cố

"áo choàng ngoài để phụ thêm" hoặc "áo choàng như sự bảo đảm để hoàn trả món nợ "

Chỉ để che thân

"chỉ áo ngoài" hoặc "chỉ áo giữ ấm cho người"

Lấy gì khác để người có thể ngủ?

Câu hỏi nhằm nhấn mạnh. Bạn có thể dịch nó như câu mệnh lệnh. AT: “Ngươi sẽ không có gì mặc khi người ngủ!”

Thương xót

"nhân từ" hoặc "khoan dung"

Exodus 22:28

Ngươi không được bổ báng ta, Đức Chúa Trời

"Ngươi không được lăng mạ Đức Chúa Trời" hoặc "Không được nói xấu đến Đức Chúa Trời"

Không nguyền rủa Vua

"không cầu xin Chúa làm những điều xấu đến Vua"

Exodus 22:29

Ngươi không được trễ nãi dâng lễ

Có thể ở dạng bị động. AT: “Ngươi hãy mang tất cả của dâng lễ của ngươi”

Ngươi hãy dâng con đầu lòng của ngươi

"dâng hiến con đầu lòng "

Trong bảy ngày

Có thể được đánh số. AT: “Trong bảy ngày sau khi chúng được sinh ra”

Ngày thứ tám

Có thể được đánh số. AT: “ngày thứ tám”

Dâng chúng cho ta

"dâng hiến chúng cho ta"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Exodus 22:2

Nếu một người giết kẻ trộm sau khi mặt trời mọc thì người nào sẽ mắc tội?

Nếu mặt trời mọc trước khi kẻ trộm đột nhập thì kẻ giết người phạm tội sát nhân.

Exodus 22:3

Nếu một người giết kẻ trộm sau khi mặt trời mọc thì người nào sẽ mắc tội?

Nếu mặt trời mọc trước khi kẻ trộm đột nhập thì kẻ giết người phạm tội sát nhân.

Nếu kẻ trộm không có gì thì phải bồi thường thế nào?

Nếu kẻ trộm không có gì thì phải bị bán vì tội trộm cắp.

Exodus 22:7

Nếu một người giao tiền bạc hay đồ vật cho người lân cận mình giữ và bị mất trộm trong nhà người đó, nhưng tên trộm không bị bắt thì sẽ thế nào?

Nếu một người giao tiền bạc hay đồ vật cho người lân cận mình giữ và bị mất trộm trong nhà người đó, nếu tên trộm bị bắt thì nó phải đền gấp đôi. Nhưng nếu tên trộm không bị bắt thì chủ nhà phải đến trước mặt các quan tòa để xác định người này có đụng tay vào tài sản của người lân cận mình không.

Exodus 22:8

Nếu một người giao tiền bạc hay đồ vật cho người lân cận mình giữ và bị mất trộm trong nhà người đó, nhưng tên trộm không bị bắt thì sẽ thế nào?

Nếu một người giao tiền bạc hay đồ vật cho người lân cận mình giữ và bị mất trộm trong nhà người đó, nếu tên trộm bị bắt thì nó phải đền gấp đôi. Nhưng nếu tên trộm không bị bắt thì chủ nhà phải đến trước mặt các quan tòa để xác định người này có đụng tay vào tài sản của người lân cận mình không.

Exodus 22:10

Nếu một người giao lừa, bò, chiên, hoặc súc vật nào khác cho người lân cận mình giữ, và nó bị chết, bị thương hay bị bắt mất mà không ai thấy thì phải bồi thường thế nào?

Nếu một người giao lừa, bò, chiên, hoặc súc vật nào khác cho người lân cận mình giữ, và nó bị chết, bị thương hay bị bắt mất mà không ai thấy thì người kia không phải bồi thường gì cả.

Exodus 22:11

Nếu một người giao lừa, bò, chiên, hoặc súc vật nào khác cho người lân cận mình giữ, và nó bị chết, bị thương hay bị bắt mất mà không ai thấy thì phải bồi thường thế nào?

Nếu một người giao lừa, bò, chiên, hoặc súc vật nào khác cho người lân cận mình giữ, và nó bị chết, bị thương hay bị bắt mất mà không ai thấy thì người kia không phải bồi thường gì cả.

Exodus 22:16

Khi một người dụ dỗ một trinh nữ chưa đính hôn và nằm với nàng thì người đó phải cưới nàng làm vợ như thế nào?

Khi một người dụ dỗ một trinh nữ chưa đính hôn và nằm với nàng thì người đó phải nộp sính lễ và cưới nàng làm vợ.

Exodus 22:21

Vì sao dân Y-sơ-ra-ên không được bạc đãi người ngoại kiều?

Dân Y-sơ-ra-ên không được bạc đãi người ngoại kiều hay áp bức người vì họ cũng từng là kẻ ngoại kiều trong đất Ai Cập.

Exodus 22:22

Nếu dân Y-sơ-ra-ên ức hiếp bất cứ một bà góa hay một trẻ mồ côi nào thì sẽ thế nào?

Nếu dân Y-sơ-ra-ên cứ ức hiếp họ và họ kêu van Đức Giê-hô-va thì Ngài chắc chắn sẽ nghe tiếng kêu của họ. Cơn giận của Ngài sẽ bừng lên, Ngài sẽ dùng gươm giết họ; vợ của họ sẽ trở nên góa bụa và con các họ sẽ mồ côi.

Exodus 22:24

Nếu dân Y-sơ-ra-ên ức hiếp bất cứ một bà góa hay một trẻ mồ côi nào thì sẽ thế nào?

Nếu dân Y-sơ-ra-ên cứ ức hiếp họ và họ kêu van Đức Giê-hô-va thì Ngài chắc chắn sẽ nghe tiếng kêu của họ. Cơn giận của Ngài sẽ bừng lên, Ngài sẽ dùng gươm giết họ; vợ của họ sẽ trở nên góa bụa và con các họ sẽ mồ côi.

Exodus 22:26

Nếu ai lấy áo choàng của người lân cận mình làm vật thế chấp thì người đó phải trả cho họ khi nào?

Nếu ai lấy áo choàng của người lân cận mình làm vật thế chấp thì người đó phải trả cho họ trước khi mặt trời lặn.

Exodus 22:31

Dân Y-sơ-ra-ên không được ăn thịt gì? Họ phải làm gì với chúng?

Dân Y-sơ-ra-ên không được ăn thịt bị thú ngoài đồng xé mà phải ném nó cho chó ăn.

Chapter 23

Exodus 23:1

Thông tin tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Làm chứng dối

Điều này cùng nghĩa với nói dối hoặc làm chứng sai sự thật.

Ngươi cũng không làm chứng khác đi

"và ngươi cũng không được nói"

Hùa theo đám đông

Cách ẩn dụ này diễn tả sự ủng hộ của một người với đám đông như thể người đó thắng lợi dễ dàng khi cấu kết với họ. AT: “làm những gì đám đông muốn” hoặc “đồng tình với đa số”

Xuyên tạc công lý

Làm trái luật hoặc những việc trái đạo đức dẫn đến phán quyết sai trật

Exodus 23:4

Thông tin tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Exodus 23:6

Ngươi không được làm sai công lý

“Ngươi không được làm những việc đem đến kết quả trái luật pháp” mà kết quả ảnh hưởng sự tự do cho kẻ có tội hoặc trừng phạt với kẻ vô tội.

Xét theo

Trong cụm từ này, “nó” nói đến sự phán xét đúng đắn, một quyết định đúng đắn.

Việc kiện cáo

"tranh chấp"

Ta sẽ không buông tha kẻ gian ác

"Ta sẽ không tìm thấy kẻ ác không tội lỗi" hoặc "Ta sẽ không kể đến người ác mà họ vô tội "

Vật hối lộ mờ mắt ... làm lầm đường

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây “vật hối lộ” được mô tả như thể đó là một con người. AT: “vật hối lộ làm nghi ngờ…phá hoại”
Cuộc sống của người ngoại
"cách sống của người xa lạ sống ở đất khách"
Exodus 23:10
Thông tin Tổng Quát
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se về luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.
Hoa lợi
"thức ăn từ cây trồng"
Không cày bừa
"không cày cấy" hoặc "bỏ hoang"
Đất bỏ hoang
"trong tình trạng tự nhiên" hoặc "không dùng để sản xuất"
Vì thế người nghèo giữa các ngươi có thể ăn
Người nghèo có thể ăn những thức ăn gieo trồng trên cánh đồng không canh tác. Có thể dịch rõ trong bản dịch. AT: “vậy người nghèo giữa các ngươi có thể thu hoạch và ăn những thức ăn được gieo trồng trên chính cánh đồng”
Exodus 23:12
Thông tin Tổng quát
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.
Chú ý đến
"làm" hoặc "vâng lời"
Bò và lừa của ngươi
"những con vật làm việc của ngươi"
Mỗi người ngoại có thể nghỉ ngơi và dưỡng sức lại
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Mỗi người ngoại có thể dưỡng sức và lấy lại sức”
Không nhắc đến danh các thần khác
Ở đây “danh” là ẩn dụ cho việc cầu nguyện các thần khác. AT: “Không cầu nguyện với các thần khác”
Exodus 23:14
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se về luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.
A-bíp
Đây là tên của tháng đầu tiên của lịch Hê-bơ-rơ. A-bít là suốt thời gian một phần từ cuối tháng Ba đến phần đầu của tháng Tư theo lịch Phương Tây. Xem bản dịch trong [EXO 13:4]
Không xuất hiện trước ta với tay không
tay
Exodus 23:16
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.
Ngươi hãy tiến hành
"Ngươi hãy cử hành" hoặc "Ngươi hãy tổ chức"
Lễ Mùa Gặt
Lễ hội này tổ chức vào mùa gặt cuối cùng toàn bộ mùa vụ của năm.
Tất cả các người nam phải xuất hiện trước mặt ta
Ở đây từ “xuất hiện” có nghĩa cùng tập hợp cho việc cầu nguyện. AT: “Tất cả đàn ông phải cùng tập hợp lại thờ phượng ta”
Exodus 23:18
Thông tin tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Môi-se về luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.
Vỗ béo để hiến tế
Vỗ béo để thiêu như của lễ cho Đức Chúa Trời và không bao giờ ăn.
Chọn hoa quả đầu mùa tốt nhất
"Tốt nhất và sản vật đầu tiên của vụ mùa"
Ngươi không nấu dê con trong sữa của mẹ nó
Đây là phép màu giúp sanh sản nhiều hơn giữa dân Ca-na-an, điều mà Y-sơ-ra-ên không được phép tham dự.
Exodus 23:20
Thông tin tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp của Ngài cho dân sự của Y-sơ-ra-ên.
Nghe theo lời
"Lắng nghe lời Ngài"
Đừng khiêu khích Ngài, vì Ngài sẽ không tha thứ
"Nếu ngươi khiêu khích Ngài, Ngài sẽ không tha thứ"
Danh ta ngự trên ngươi
Ở đây “danh” nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời. AT: "Ngươi có quyền năng của ta"
Nếu ngươi thực sự vâng theo lời Ngài
Ở đây “lời” tượng trưng những gì thiên sứ nói. AT: “Nếu ngươi cẩn thận vâng theo những gì Ngài nói”
Thù nghịch với kẻ thù ngươi và đối đầu với kẻ đối đầu ngươi
Hai cụm từ này nghĩa giống nhau và được dùng để nhấn mạnh.
Exodus 23:23
Thông tin Tổng quát
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.
Ngươi chớ…như họ làm
Dân Y-sơ-ra-ên không được sống như dân thờ phượng thần khác. AT: “Ngươi chớ…sống như dân thờ phượng những thần khác”
Ta sẽ ban phước trên bánh và nước
Đây là sự phân khúc nghĩa là thức ăn và thức uống. AT: "Ta sẽ chúc phước trên thức ăn và thức uống của ngươi" hoặc "Ta sẽ chúc phước ngươi bằng việc cho thức ăn và thức uống"
Exodus 23:26
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.
Không phụ nữ nào son sẽ hoặc sẽ sẩy thai trong xứ người
Có thể ở dạng bị động. AT: “Mỗi phụ nữ sẽ có khả năng sanh đẻ và chăm sóc tốt cho đứa trẻ”
Sẩy thai
Có thai kết thúc sớm cách thình lình.
Đàn ong
Loài côn trùng bay được và có thể chích mọi người và gây đau đớn
Hoặc đất trở nên bỏ hoang
"vì không ai sống trên đất đó"
Exodus 23:30
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.
Điều này sẽ là cái bẫy cho ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều này có nghĩa việc thờ phượng các thần khác sẽ dẫn Y-sơ-ra-ên dẫn đến sự hủy diệt như thể họ là động vật trúng bẫy của thợ săn.

Translation Questions

Exodus 23:5

Nếu dân Y-sơ-ra-ên thấy lừa của kẻ ghét mình bị ngã quỵ vì chở nặng thì họ phải làm gì?

Nếu dân Y-sơ-ra-ên thấy lừa của kẻ ghét mình bị ngã quỵ vì chở nặng thì họ không được làm ngơ mà phải giúp người ấy đỡ con lừa dậy.

Exodus 23:8

Vì sao dân Y-sơ-ra-ên không được nhận của hối lộ?

Họ không được nhận của hối lộ vì của hối lộ làm mù quáng những người nhìn thấy và xuyên tạc lời nói của người trung thực.

Exodus 23:11

Vì sao dân Y-sơ-ra-ên phải để đồng ruộng họ không canh tác vào năm thứ bảy?

Vào năm thứ bảy dân Y-sơ-ra-ên phải để đồng ruộng mình không canh tác và bỏ hoang để cho kẻ nghèo khổ trong dân họ được thức ăn từ đó.

Exodus 23:12

Vì sao dân Y-sơ-ra-ên phải nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy?

Vào ngày thứ bảy họ phải nghỉ để cho bò và lừa của họ được nghỉ, con trai của nữ nô lệ và người ngoại bang lấy lại sức.

Exodus 23:15

Lễ Bánh Không Men được giữ vào tháng nào?

Lễ Bánh Không Men được giữ vào tháng A-bíp.

Dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập vào tháng nào?

Họ ra khỏi Ai Cập vào tháng A-bíp.

Exodus 23:16

Lễ Mùa Gặt và Lễ Thu Hoạch được giữ vào khi nào?

Con phải giữ lễ Mùa Gặt với những hoa quả đầu tiên của công lao con khi gieo trồng ngoài đồng. Con cũng hãy giữ lễ Thu Hoạch vào cuối năm, khi con thu hoạch hoa màu ngoài đồng.

Exodus 23:18

Mỡ sinh tế dâng trong ngày lễ của Đức Giê-hô-va có thể được giữ lại đến khi nào?

Mỡ sinh tế dâng trong ngày lễ của Đức Giê-hô-va không được để lại suốt đêm cho đến sáng.

Exodus 23:21

Nếu dân Y-sơ-ra-ên chống nghịch cùng thiên sứ của Đức Giê-hô-va thì sẽ thế nào?

Nếu họ chống nghịch cùng người thì người sẽ không tha cho sự vi phạm của họ.

Exodus 23:24

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với các thần ngoại bang?

Họ phải phá hủy chúng hoàn toàn và đập vụn các trụ thờ của chúng.

Exodus 23:29

Vì sao Đức Giê-hô-va không đuổi hết các dân ngoại trước mặt dân Y-sơ-ra-ên trong một năm?

Đức Giê-hô-va không đuổi hết họ đi trong một năm vì đất sẽ trở nên hoang vu và thú rừng sẽ sinh sôi nhiều quá cho họ.

Exodus 23:33

Vì sao các dân ngoại không được sống trong xứ của dân Y-sơ-ra-ên?

Họ không được sống trong xứ của dân Y-sơ-ra-ên vì họ sẽ khiến cho Y-sơ-ra-ên phạm tội cùng Đức Giê-hô-va.

Chapter 24

Exodus 24:1

Na-đáp...A-bi-hu

Đây là tên của những người nam. Xem bản dịch tên những người này trong [EXO 6:23]

Bảy mươi trưởng lão Y-sơ-ra-ên

"70 trưởng lão của Y-sơ-ra-ên"

Exodus 24:3

Đồng thanh

Đây là thành ngữ có nghĩa là dân sự trong một sự đồng ý. AT: “cùng nhau” hoặc “ trong sự đồng ý”

Chân núi

"phần nền của ngọn núi" hoặc "phần thấp nhất của núi"

Exodus 24:5

Môi-se lấy phân nửa máu và đặt trong cái chậu

Môi-se lấy phân nửa máu trong chậu để mà rưới nó lên mọi người EXO 24:8. Điều này xác nhận sự tham dự của mọi người trong sự giao ước giữa dân Y-sơ-ra-ên và Đức Chúa Trời.

Ông rưới phân nửa còn lại lên bàn thờ

Ở đây bàn thờ tượng trưng Đức Chúa Trời. Điều này xác nhận sự có mặt của Đức Chúa Trời trong sự giao ước giữa Ngài và dân Y-sơ-ra-ên.

Exodus 24:7

Chúng ta sẽ vâng lời

Đây có thể ở dạng chủ động. AT: “Chúng ta sẽ nghe theo mọi điều”

Rồi Môi-se lấy máu

Điều này nói đến máu mà Môi-se đã đặt vào trong chậu. Có thể dịch rõ. AT: “Rồi Môi-se lấy máu để trong chậu”

Exodus 24:9

Na-đáp...A-bi-hu

Đây là tên của những người đàn ông. Xem bản dịch những tên này trong [EXO 6:23]

Dưới chân Ngài

Điều này được xem như thể Đức Chúa Trời có bàn chân người.

Mặt sàn lát bằng đá Sa-phia

"mặt sàn được lát từ đá màu xanh dương được gọi là Sa-phia"

Mặt sàn

Bề mặt khô cứng để đi hoặc chạy lên

Đá Sa-phia

Đây là loại đá quý có màu xanh dương.

Trong ngần như bầu trời

Đây là lối so sánh. AT: “trong ngần như bầu trời khi không có đám mây”

Đức Chúa Trời không đặt tay trong cơn giận trên những người lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên

Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời không làm hại những người lãnh đạo. AT: “Đức Chúa Trời không làm hại lãnh đạo

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Y-sơ-ra-ên”

Exodus 24:12

Bảng bằng đá, luật pháp và điều răn dạy

Đức Chúa Trời đã viết luật pháp và điều răn dạy trên bảng bằng đá. Có thể nói rõ. AT: “Hai phiến đá nơi Ngài đã viết tất cả mạng lệnh”

Với kẻ hầu mình Giô-suê

"với Giô-suê kẻ hầu Môi-se" hoặc "với Giô-suê người giúp đỡ Giô-Suê"

Exodus 24:14

Đợi chúng tôi

"đợi Giô-suê và tôi"

Hu-rơ

Hu-rơ là người đàn ông, bạn của Môi-se và A-rôn. Xem bản dịch các tên này trong [EXO 17:10]

Exodus 24:16

Vinh hiển Đức Giê-hô-va

Đây là ánh sáng chói lóa trước sự có mặt của Đức Chúa Trời. AT: “Ánh sáng chói lóa tỏ ra sự có mặt của Đức Chúa Trời”

Như ngọn lửa hừng

Điều này có nghĩa sự vinh quang của Đức Giê-hô-va là rất lớn và dường như ánh sáng bừng bừng trông giống ngọn lửa.

Trước mắt dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây “mắt” nói đến những suy nghĩ của họ về những gì họ được thấy. AT: “tới dân Y-sơ-ra-ên”

Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm

"Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm"

Translation Questions

Exodus 24:1

Bao nhiêu trưởng lão phải lên thờ phượng Đức Giê-hô-va từ đằng xa?

70 trưởng lão phải lên thờ phượng Đức Giê-hô-va từ đằng xa.

Exodus 24:4

Mười hai trụ đá tượng trưng cho điều gì?

Mười hai trụ đá tượng trưng cho mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên.

Exodus 24:5

Môi-se để máu của con bò làm sinh tế cho Đức Giê-hô-va ở đâu?

Môi-se lấy một nửa máu đựng trong các chậu, còn nửa kia thì rảy trên bàn thờ.

Exodus 24:6

Môi-se để máu của con bò làm sinh tế cho Đức Giê-hô-va ở đâu?

Môi-se lấy một nửa máu đựng trong các chậu, còn nửa kia thì rảy trên bàn thờ.

Exodus 24:8

Đức Giê-hô-va đã lập giao ước với dân Y-sơ-ra-ên như thế nào?

Đức Giê-hô-va đã lập giao ước với dân Y-sơ-ra-ên bằng cách ban lời hứa cho họ.

Exodus 24:9

Ai nhìn thấy Đức Giê-hô-va?

Môi-se, A-rôn, Na-đáp, A-bi-hu cùng bảy mươi trưởng lão của Y-sơ-ra-ên nhìn thấy Đức Giê-hô-va.

Exodus 24:10

Ai nhìn thấy Đức Giê-hô-va?

Môi-se, A-rôn, Na-đáp, A-bi-hu cùng bảy mươi trưởng lão của Y-sơ-ra-ên nhìn thấy Đức Giê-hô-va.

Exodus 24:12

Vì sao Đức Giê-hô-va ban cho Môi-se các bảng đá, luật pháp và điều răn?

Đức Giê-hô-va ban cho Môi-se các bảng đá, luật pháp và điều răn mà Ngài đã viết để Môi-se dạy dỗ cho dân chúng.

Exodus 24:14

Nếu ai có bất hòa gì thì đến gặp người nào?

Nếu ai có bất hòa gì thì đến gặp A-rôn và Hu-rơ.

Exodus 24:17

Vẻ vinh quang của Đức Giê-hô-va trông như thế nào?

Vẻ vinh quang của Đức Giê-hô-va trông như một đám lửa đang bừng cháy trên đỉnh núi trước mắt dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 25

Exodus 25:1

Những ai được thúc đẩy bởi lòng thành

Đây là một thành ngữ cho biết ý muốn của một người để dâng của lễ. AT: “Những ai muốn dâng của lễ”

Các ngươi hãy nhận

Từ “các ngươi” nói đến Môi-se và những người lãnh đạo.

Exodus 25:3

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Chất liệu màu xanh dương, tím, và đỏ điều

Có thể mang những nghĩa 1) “chất liệu để nhuộm xanh, tím, và đỏ điều,” hầu như chỉ len, hoặc 2) “xanh dương, tím, và màu đỏ” để nhuộm vải lanh.

Đỏ điều

"màu đỏ"

Bò biển

Một số lượng lớn động vật sống ở biển và ăn động vật

Gia vị

Những cây được phơi khô được nghiền thành bột và để trong dầu, hoặc thức ăn bỏ nó vào tăng mùi thơm hoặc vị ngon

Mã não

Một loại đá có giá trị dưới lớp đất có màu trắng, đen, đỏ hoặc nâu.

Đá quý giá gắn vào

Có thể ở dạng chủ động. AT: “đá quý giá để ai đó gắn vào”

Đá quý giá

"ngọc có giá trị" hoặc "ngọc quý báu"

Exodus 25:8

Thông tin Tổng quát

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Đền tạm...đền thánh

Những từ này có cùng nghĩa.

Ngươi hãy làm

Từ “ngươi” ở số nhiều và nói Môi-se cùng dân sự Y-sơ-ra-ên .

Chỉ ngươi cách làm

"chỉ ngươi bản thiết kế" hoặc "chỉ ngươi mẫu vẽ." Ở đây

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“ngươi” ở số ít và nói đến Môi-se.
Exodus 25:10
Thông tin Tổng quát
Đức Giê-hô-va phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Hai thước rưỡi cu-bít...một thước rưỡi cu-bít
"2.5 cu-bít...1.5 cu-bít"
Exodus 25:12
Thông tin Tổng quát
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Đúc bốn nhẫn bằng vàng
Đúc là phương pháp dùng vàng nấu chảy, đổ vào cái khuôn để tạo hình dáng cho nhẫn, và sau đó để cho nó cứng lại.
Để khiên cái hòm
"để mà ngươi khiên cái hòm"
Exodus 25:15
Thông tin Tổng quát
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Nắp chuộc tội
Đây là nắp đặt trên phần đỉnh của hòm, nơi của lễ chuộc tội được thực hiện.
Hai thước rưỡi cu-bít...một thước rưỡi cu-bít
"2.5 cu-bít...1.5 cu-bít"
Vàng dát mỏng
"đập cho vàng mỏng ra"
Exodus 25:19
Thông tin Tổng quát
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Nắp chuộc tội
Đây là nắp đặt phần đỉnh của hòm, nơi của lễ chuộc tội thực hiện. Xem bản dịch trong EXO 25:17.
Chúng phải được làm
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi hãy làm chúng”
Ngươi hãy để
Ở đây “ngươi” nói đến Môi-se và dân sự Y-sơ-ra-ên.
Exodus 25:22
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Đó là ở chỗ hòm nơi Ta sẽ gặp ngươi
“Ta sẽ gặp ngươi ở chỗ hòm.” Trong 25:22 từ “ngươi” là số ít và nói đến Môi-se.
Nắp lễ chuộc tội
Đây là cái nắp để đặt trên phần đỉnh của hòm, nơi của lễ chuộc tội được thực hiện EXO 25:17.
Exodus 25:23
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì mọi người phải làm .
Hai cu-bít...một cu-bít...một cu-bít rưỡi
"2 cu-bít...1 cu-bít...1.5 cu-bít"
Exodus 25:25
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Một gang tay chiều rộng
Một phép đo khoảng 7 đến 8 cen-ti-mét.
Lắp vào nó
"lắp vào bàn"
Cái chân
"cái chân"
Nhẫn phải đính vào
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi hãy đính nhẫn”
Để khiêng
"vì thế ngươi có thể khiêng"
Exodus 25:28
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Để bàn có thể khiêng bằng chúng
Có thể ở dạng chủ động. AT: “để ngươi có thể khiêng cái bàn bằng chúng”
Được dùng để rót đồ uống
Có thể ở dạng chủ động. AT: “để ngươi có thể dùng chúng rót đồ uống”
Bánh Thiết trần
Bánh này tượng trưng cho sự có mặt của Đức Chúa Trời.
Exodus 25:31
Vàng dát mỏng
"Đập cho vàng mỏng ra." Xem bản dịch trong EXO 25:18.
Làm cái chân đèn
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Làm cái chân đèn”
Cái đài, cái bầu, và hoa đó được làm nguyên khối từ những phần rời
Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Làm cái đài, cái bầu, và hoa đó làm từng phần cùng với chân đèn”
Exodus 25:33
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. (See: EXO 25:31-32)
Hạt quả hạnh
Hoa màu hồng hoặc trắng và có năm cánh.
Exodus 25:35
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục Môi-se những gì dân sự phải làm. Đức Giê-hô-va đang mô tả về cái đèn đứng. (See: EXO 25:31-32)
Làm từng phần
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “ngươi hãy làm chúng thành từng phần cùng cái đèn đứng”
Exodus 25:37
Thông tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Để chúng phát sáng từ đó
"để chúng tỏa ra ánh sáng từ đó"
Cái kẹp và khay của chúng phải làm bằng vàng ròng
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Làm cái kẹp và khay của chúng bằng vàng nguyên chất”
Một ta-lâng
Một ta-lâng nặng 34 kg.
Và phụ tùng của nó
Cái kẹp và cái khay
Ngươi hãy làm theo điều được dạy trên núi
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ta đang dạy ngươi ở trên núi”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Exodus 25:1

Dân Y-sơ-ra-ên phải nhận lấy lễ vật của những ai?

Dân Y-sơ-ra-ên phải nhận lấy lễ vật của tất cả những ai thành tâm dâng hiến.

Exodus 25:7

Mã não và các thứ ngọc khác được định để làm gì?

Mã não và các thứ ngọc khác được định để gắn ê-phót và bảng đeo ngực.

Exodus 25:8

Vì sao dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm cho Đức Giê-hô-va một Đền Thánh?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm cho Đức Giê-hô-va một Đền Thánh để Ngài ngự giữa họ.

Exodus 25:10

Môi-se phải bọc lớp gỗ keo bằng gì?

Ông phải bọc cả trong lẫn ngoài bằng vàng ròng.

Exodus 25:11

Môi-se phải bọc lớp gỗ cây keo bằng gì?

Ông phải bọc cả trong lẫn ngoài bằng vàng ròng.

Exodus 25:14

Môi-se phải để các đòn ở đâu? Vì sao?

Ông phải xỏ đòn vào khoen bên hông hòm giao ước để khiêng hòm.

Exodus 25:15

Các đòn phải được giữ ở đâu?

Các đòn phải được giữ ở trong khoen của hòm giao ước, không được rút ra.

Exodus 25:20

Chê-ru-bim phải hướng mặt vào đâu?

Chê-ru-bim phải đối mặt nhau, hướng vào giữa nắm thi ân.

Exodus 25:22

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se từ đâu?

Đức Giê-hô-va sẽ phán với ông từ trên nắp thi ân, giữa hai chê-ru-bim trên hòm chứng ước.

Exodus 25:23

Môi-se phải làm đường viền gì chung quanh bàn bằng gỗ cây keo?

Ông phải đặt một đường viền bằng vàng chung quanh bàn bằng gỗ cây keo.

Exodus 25:24

Môi-se phải làm đường viền gì chung quanh bàn bằng gỗ cây keo?

Ông phải đặt một đường viền bằng vàng chung quanh bàn bằng gỗ cây keo.

Exodus 25:27

Vì sao các khoen phải được gắn vào khung?

Các khoen phải được gắn vào khung để có chỗ xỏ đòn khiêng.

Exodus 25:29

Phải dùng vật dụng gì để rót các của lễ quán?

Phải dùng dĩa, thìa, bình và bát để rót các của lễ quán.

Exodus 25:31

Phải có bao nhiêu nhánh nứt ra từ các phía của chân đèn bằng vàng ròng?

Phải có sáu nhánh nứt ra hai bên chân đèn, ba nhánh bên nầy và ba nhánh bên kia.

Exodus 25:32

Phải có bao nhiêu nhánh nứt ra từ các phía của chân đèn bằng vàng ròng?

Phải có sáu nhánh nứt ra hai bên chân đèn, ba nhánh bên nầy và ba nhánh bên kia.

Exodus 25:33

Phải có bốn cái đài hình hoa hạnh nhân trên phần nào của chân đèn?

Ngay trên chân đèn phải có bốn cái đài hình hoa hạnh nhân.

Exodus 25:34

Phải có bốn cái đài hình hoa hạnh nhân trên phần nào của chân đèn?

Ngay trên chân đèn phải có bốn cái đài hình hoa hạnh nhân.

Exodus 25:35

Ở dưới mỗi cặp nhánh phải có gì?

Dưới mỗi hai nhánh phải gắn một đài lá.

Exodus 25:39

Môi-se phải dùng bao nhiêu vàng để làm chân đèn và các đồ phụ tùng của nó?

Ông phải dùng một ta-lâng vàng để làm chân đèn và các đồ phụ tùng của nó.

Chapter 26

Exodus 26:1

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. (See: EXO 25:1)

Ngươi hãy làm

Đức Giê-hô-va đang phán với Môi-se, vì từ “ngươi” là số ít. Đức Giê-hô-va có thể chờ đợi Môi-se bảo người khác làm việc thực tế, nhưng Môi-se sẽ là người có trách nhiệm giám sát công việc được hoàn thành đúng. “Bảo thợ thủ công làm”

Bức màn

Chúng rất lớn, những tấm vải dệt lớn được dùng để phủ và chia vách tường trong đền tạm.

Chỉ đỏ

Chỉ nhuộm màu đỏ thẫm

Thợ thủ công

Là người có kĩ năng làm ra những đồ vật đẹp bằng tay

Hai mươi tám cu-bít…4 cu-bít

8 cu-bít…4 cu-bít

Năm bức màn phải ghép lại với nhau…phải ghép lại với nhau

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Khâu năm bức màn với nhau thành một bộ, và khâu năm bức màn khác với nhau thành một bộ”

Exodus 26:4

Cái vòng…cái móc

Cái móc nối những cái vòng để giữ những bức màn lại với nhau.

Một bộ

"Một bộ của năm bức màn"

Bộ thứ hai

"bộ thứ hai từ năm bức màn"

Exodus 26:7

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Mười một…ba mươi…bốn

"11 … 30 … 4"

Cu-bít

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.
Exodus 26:10
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Cái vòng ... cái móc
Cái móc nối những cái vòng để giữ bức màn lại với nhau. Xem bản dịch của những từ này trong EXO 26:4-6.
Exodus 26:12
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Cu-bít
Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.
Nhuộm
"có màu sắc"
Exodus 26:15
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Những cái khung
Nói đến những cái khung hoặc các ô để chúng ghép những mảnh gỗ nhỏ hơn lại với với nhau.
Mười cu-bít...một cu-bít rưỡi
"10 cu-bit...1.5 cu-bít"
Exodus 26:19
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Đế bằng bạc
Chúng đều bằng bạc chặn những khe hở để giữ tấm ván một chỗ.
Bệ
Bệ bằng bạc giữ bảng gỗ khỏi mặt đất.
Phải có hai bệ
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đặt hai bệ”
Kế đó
Điều này nói về những gì ở hai tấm ván đầu tiên thì sẽ làm cho những tấm còn lại. Điều này đươc nói rõ trong bản dịch. AT: "và hai lỗ mộng cho mỗi tấm ván còn lại"
Exodus 26:22
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Những tấm ván này phải rời ở đáy, nhưng ghép ở phần đỉnh
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Tách rời những tấm ván ở đáy, nhưng ghép chúng ở phần đỉnh”
Đế bằng bạc
Chúng đều bằng bạc chặn những khe hở để giữ tấm ván một chỗ. Xem bản dịch trong EXO 26:19.
Toàn bộ
"tổng số"
Và kế đó
Điều này nói về những gì ở hai tấm ván đầu tiên thì sẽ làm cho những tấm còn lại. Xem bản dịch trong [EXO 26:21]
Exodus 26:26
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se thế nào xây đền tạm.
Xà ngang
Những thanh chống nằm ngang này giữ vững kết cấu.
Mặt sau của đền tạm hướng về phía tây
Mặt trước của đền tạm hướng về phía đông.
Exodus 26:29
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se thế nào để đền tạm được xây.
Để chúng dùng như người giữ xà ngang
"Cái sẽ giữ xà ngang" hoặc "bởi chúng sẽ giữ xà ngang"
Xà ngang
Những thanh chống nằm ngang này giữ vững kết cấu. Xem bản dịch trong EXO 26:26.
Ta đã chỉ trên núi
Có thể ở dạng chủ động. AT: “điều ta đã dạy ngươi ở trên núi này”
Exodus 26:31
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se làm thế nào để xây đền tạm.
Ngươi hãy làm
Đức Giê-hô-va đang phán cùng Môi-se, vì từ “ngươi” ở số ít. Đức Giê-hô-va có thể đang đợi Môi-se bảo ai đó khác làm công việc, nhưng Môi-se sẽ là người có trách nhiệm giám sát công viện được hoàn thành đúng. “Bảo thợ làm” Xem bản dịch này trong [EXO 26:1]
Cái móc
Những cái móc nối những vòng lại để giữ bức màn. Xem bản dịch của những từ này trong EXO 26:4-6.
Ngươi hãy mang hòm Giao Ước
Hòm Giao Ước là một cái rương chứa đựng các điều răn. Có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “Ngươi hãy mang cái rương chứa đựng các điều răn”
Bức màn để ngăn cách nơi thành
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Bức màn sẽ ngăn cách nơi thánh”
Exodus 26:34
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Nắp thi ân
Đây là cái nắp đặt trên phần đỉnh nơi của lễ thi ân được thực hiện. Xem bản dịch trong EXO 25:17.
Trên hòm giao ước
"trên rương chứa các điều răn dạy"
Cái bàn phải để trên phía Bắc
Có thể cái bàn giữ bánh tượng trưng cho sự có mặt của Đức Chúa Trời. Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đặt bàn để bánh thuộc sự có mặt của Đức Chúa Trời ở phía Bắc”
Exodus 26:36
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se thế nào để xây đền tạm.
Bức màn
Đây là một bức màn lớn làm từ vải.
Chỉ xanh, tím, và đỏ tươi
Có thể mang những nghĩa 1) “chỉ nhuộm màu xanh, tím, và đỏ,” có thể chỉ len, hoặc 2) “thuốc nhuộm màu xanh, tím, và đỏ” để nhuộm vải. Xem bản dịch trong EXO 25:4.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thêu cực xảo
"Khâu vải lại cách tinh vi." Đây là vải làm từ sợi vải lanh tốt được một người bện lại với nhau để tạo ra sợi chỉ chắc hơn.

Người thêu dệt
"là người may các mẫu thiết kế vào vải" hoặc "là người thêu dệt"

Translation Questions

Exodus 26:1

Môi-se sẽ giao cho ai làm Đền Tạm với mười tấm màng dệt bằng chỉ gai mịn, len màu xanh, tím và đỏ với hình chê-ru-bim?

Môi-se phải giao cho một người thợ tài giỏi làm Đền Tạm với mười tấm màng dệt bằng chỉ gai mịn, len màu xanh, tím và đỏ với hình chê-ru-bim.

Exodus 26:5

Vì sao Môi-se phải làm năm mươi cái vòng trên bức màn thứ nhất và năm mươi cái vòng trên bức màn cuối của bộ màn thứ hai?

Ông phải làm năm mươi cái vòng trên bức màn thứ nhất và năm mươi cái vòng trên bức màn cuối của bộ màn thứ hai để các vòng hai bên phải đối nhau.

Exodus 26:7

Môi-se phải làm bức màn bằng gì để phủ trên Đền Tạm giống như chiếc lều?

Ông phải làm những bức màn bằng lông dê để phủ trên Đền Tạm giống như chiếc lều.

Exodus 26:12

Phần dư ra của bức màng trại được mắc ở đâu?

Phần dưa ra của bức màng trại phải mắc ở phía sau Đền Tạm.

Exodus 26:17

Mỗi tấm phải có gì để ghép chúng lại với nhau?

Mỗi tấm phải có hai cái mộng để ghép các tấm ván lại với nhau.

Exodus 26:19

Vì sao phải có hai lỗ mộng dưới mỗi tấm ván?

Phải có hai lỗ mộng dưới mỗi tấm ván để khớp với hai cái mộng của nó.

Exodus 26:30

Môi-se phải dựng Đền Tạm như thế nào?

Ông phải dựng Đền Tạm theo kiểu mẫu Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn cho ông trên núi.

Exodus 26:33

Mục đích của bức màn là để làm gì?

Bức màn này là để phân biệt nơi thánh và nơi chí thánh.

Exodus 26:35

Chân đèn nằm ở phía nào của đền tạm?

Chân đèn nằm đối diện với cái bàn về phía nam Đền Tạm.

Chapter 27

Exodus 27:1

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. (See: EXO25:01)

Dài năm cu-bít và rộng năm cu-bít

"dài 2.2 cách mỗi cạnh"

Bệ thờ phải hình vuông và cao ba cu-bít

"Bệ thờ phải hình vuông và cao 1.3 mét"

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Ngươi hãy làm phần mở rộng có bốn gốc hình dạng như sừng bò

"Ngươi hãy làm phần nhô ra như sừng bò ở bốn góc"

Sừng phải được làm

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi phải làm cái sừng”

Phải bọc chúng

"phải bọc đền và sừng"

Exodus 27:3

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những dân sự phải làm.

Cái chậu

"cái bát"

Cái lò

Đó là cái lò để giữ than đá khỏi đền thờ.

Đồ dùng

Đây là những công cụ, chậu, được phục vụ cho mục đích sử dụng.

Ngươi phải làm cái vĩ cho bàn thờ, cái lưới cho cái lò

"Ngươi phải làm cái vĩ đồng cho bàn thờ”

Cái vĩ

Một cái khung có thanh đan chéo để giữ gỗ khi đốt.

Exodus 27:5

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Ngươi phải đặt cái vĩ dưới rìa của bàn thờ

Cái vĩ lò được đặt bên trong bàn thờ. Có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “Ngươi phải đặt cái vĩ dưới rìa của bàn thờ, ở bên trong bàn thờ”

Cái vĩ

Đây là cái khung có thanh đan chéo để giữ gỗ khi đốt cháy. Xem bản dịch trong EXO 27:4.

Ngươi hãy làm cột cho bàn thờ

Những cây cột được dùng khiêng bàn thờ. Điều này được nói rõ trong bản dịch. AT: “Ngươi hãy làm cột để khiêng bàn thờ”

Exodus 27:7

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Cây cột phải đặt bên trong chiếc nhẫn, và cây cột phải ở hai bên của bàn thờ, để mang vác

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi hãy đặt cây cột bên trong chiếc nhẫn và đặt chúng ở mỗi bên của bàn thờ để mang vác”

Tấm ván

Loại dài, độ phẳng của gỗ dày hơn tấm vách.

Ngươi được dạy trên núi

Có thể ở dạng chủ động. AT: “điều mà ta đã dạy ngươi trên núi”

Exodus 27:9

Phải có rèm treo...hành lang

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi phải đặt rèm treo...sân trước”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Rèm treo bằng vải gai mịn
“rèm treo” là một tấm màn lớn làm từ vải. Xem bản dịch trong EXO 26:36
Vải gai mịn
“vải gai mịn” Vải này làm từ chỉ gai mịn được người ta đan lại với nhau để sợi chỉ chắc hơn.
Một trăm cu-bít
"44 mét"
Cũng phải có cái móc...cột trụ
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi cũng phải gắn cái móc...cột trụ”
Cột trụ
Là một đoạn gỗ kiên cố dựng thẳng đứng và dùng để chống đỡ.
Exodus 27:11
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Cũng vậy ... thanh trụ bạc
Trong 27:11 xem bản dịch những từ tương tự trong EXO 27:9-10.
Phải có rèm treo
Có thể xem như câu mệnh lệnh. AT: "ngươi hãy làm rèm treo"
Phải có màn che
Có thể xem như câu mệnh lệnh. AT: “ngươi hãy làm màn che”
Phải có mười cây cột
Có thể xem như câu mệnh lệnh. AT: “Ngươi hãy làm mười cây cột”
Hành lang cũng phải dài năm mươi cu-bít
Có thể xem như mệnh lệnh. AT: “Hãy làm hành lang dài năm mươi cu-bít”
Exodus 27:14
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Rèm treo
Đây là những bức màn lớn làm từ vải. Xem bản dịch trong EXO 26:36.
Những cây cột
Đây là những đoạn gỗ kiên cố dựng thẳng đứng. Xem bản dịch của những từ này EXO 27:10.
Lỗ trụ
Đây là những kim loại chặn những khe rãnh để giữ tấm ván một chỗ. Xem bản dịch trong EXO 26:19.
Năm mươi cu-bít
Khoảng 7 mét
Cổng sân phải có hai mươi bức màn dài hai mươi cu-bít
Có thể xem như câu mệnh lệnh. AT: “Ngươi hãy làm bức màn dài 20 cu-bít cho cổng sân”
Hãy làm bức màn... vải gai mịn, công việc như thợ dệt
Có thể xem như câu chủ động. AT: “Ngươi hãy làm bức màn...vải gai mịn, công việc của thợ dệt” hoặc “Thợ dệt phải làm bức màn...vải gai mịn”
Chỉ xanh, tím, và đỏ cùng với vải gai mịn
Có thể mang những nghĩa 1) “chỉ nhuộm xanh, tím, và đỏ,” có thể chỉ len, hoặc 2) “nhuộm xanh, tím, đỏ” cho vải.
Thợ dệt
Người may vá mẫu thiết kế trên vải
Exodus 27:17
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Một trăm cu-bít
"100 cu-bít." Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.
Rèm treo vải gai mịn
"vải gai mịn” Vài này làm từ chỉ gai mịn được người ta bện lại với nhau để chỉ bện chắc hơn. Xem bản dịch trong EXO 26:36.
Hầu hết cọc lều và hành lang phải làm từ đồng
Có thể ở dạng chủ động. AT: “và làm hết cọc lều cho đền tạm và hành lang bằng đồng”
Cọc cắm lều
Đoạn gỗ vót nhọn hoặc kim loại được dùng kiên cố các góc lều trên mặt đất.
Exodus 27:20
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Lều Hội Kiến
Đây là tên khác của đền tạm.
Hòm giao ước
Đây là cái rương chứa đựng phiến đá thánh mà Đức Giê-hô-va đã viết lên các điều răn dạy.
Luật này sẽ là quy định cuối cùng
"Ta đòi hỏi dân sự làm điều này như quy định cuối cùng"

Translation Questions

Exodus 27:2
Môi-se phải làm phần vươn ra ở bốn góc bàn thờ như thế nào?
Ông phải làm phần vươn ra ở bốn góc bàn thờ như sừng bò.
Exodus 27:3
Môi-se phải làm tất cả dụng cụ của bàn thờ bằng gì?
Môi-se phải làm tất cả dụng cụ của bàn thờ bằng đồng.
Exodus 27:9
Phải treo loại rèm thế nào ở phía nam của hành lang?
Phải treo các tấm rèm bằng sợi gai mịn dài một trăm cu-bít ở phía nam hành lang.
Exodus 27:19
Tất cả các dụng cụ được dùng trong Đền Tạm, các cây cọc của Đền Tạm và hành lang đều phải làm bằng gì?
Tất cả các dụng cụ được dùng trong Đền Tạm, các cây cọc của Đền Tạm và hành lang đều phải làm bằng đồng.
Exodus 27:21
Điều gì sẽ là một luật đời đời cho các thế hệ con dân Y-sơ-ra-ên?
A-rôn và các con trai người sẽ gìn giữ cho ngọn đèn luôn sáng trước mặt Đức Giê-hô-va từ tối cho đến sáng. Đây sẽ là một luật đời đời cho các thế hệ con dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 28

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Exodus 28:1

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. (See: EXO 25:1)

Gọi chính ngươi

Ở đây từ “chính ngươi” nói đến Môi-se.

Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma

Đây là tên của những người đàn ông.

Các ngươi hãy làm

Ở đây “các ngươi” nói đến mọi người.

Áo biệt riêng cho ta

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Áo mà ngươi sẽ biệt riêng cho ta”

Exodus 28:4

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Làm ra áo khoác dệt

"áo khoác thiết kế bằng cách dệt"

Mũ xếp

Là mũ cao che phủ làm từ vải quấn quanh đầu trong vài lần.

Thắt lưng

Là mảnh vải được mặc quanh eo hoặc thắt chéo ngực.

Exodus 28:6

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Vải gai mịn bện

Vải gai bện

Thợ lành nghề

Người có thể tạo ra những vật thể tuyệt đẹp bằng tay.

Nó phải được làm nguyên một miếng

Có thể ở dạng chủ động. AT: “họ phải làm nó thành một miếng”

Đá mã não

Những loại đá quý giá này nằm ở các lớp đất có màu trắng, đen, đỏ hoặc nâu. Xem bản dịch trong [EXO 25:7]

Exodus 28:10

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Việc thợ khắc vào đá, như việc khắc trên ấn

"Giống như cách người ta khắc một cái ấn"

Thợ khắc

Là người khắc các mẫu từ vật liệu thô cứng như gỗ, đá, hoặc kim loại.

Con dấu

Vật khắc bằng đá dùng để đóng dấu lên các mẫu bằng dấu sáp.

cái móc

Mảnh kim loại giữ cho đá trên bộ áo lễ.

Exodus 28:13

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Cái móc

Đây là những mảnh kim loại giữ mỗi viên đá trên áo dài lễ. Xem bản dịch trong EXO 28:11.

Hai dây chuyền nhỏ bằng vàng ròng như sợi thừng nhỏ

"hai dây chuyền bằng vàng ròng được quấn lại như sợi thừng nhỏ"

Exodus 28:15

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Việc của thợ khéo tay, thiết kế như áo dài lễ

"thợ khéo tay sẽ làm chúng như áo dài lễ"

Gang tay

Một gang tay dài 22 cen-ti-mét.

Exodus 28:17

Thông tin Tổng quát:

Nhữn màu sắc của viên đá quý được nhắc ở đây có thể khác với những thứ trong UDB.

Đá quý

"ngọc có giá trị" hoặc "ngọc quý báu ." Xem bản dịch những từ này trong [EXO 25:7]

Hồng ngọc ... ngọc thạch anh

Đây là tên của viên đá quý giá.

Lam ngọc

Đây là viên đá quý có màu xanh. Xem bản dịch trong EXO 24:10.

Mã não

Đây là viên đá có giá trị dưới các lớp đất có màu đen, trắng, đỏ hoặc nâu. Xem bản dịch những từ này trong [EXO 25:7]

Chúng phải lắp vào cái bảng bằng vàng

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi phải lắp chúng vào bảng bằng vàng”

Exodus 28:21

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Những viên đá này phải sắp xếp

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Ngươi phải sắp xếp những viên đá"

Vòng khắc con dấu

Con dấu là đá được khắc để đóng lên mẫu bằng chất sáp. Ở đây đá được gắn lên trên cái vòng. Xem bản dịch “con dấu” trong EXO 28:11.

Sợi dây như sợi thừng, bện bằng vàng ròng

"sợi dây làm bằng vàng ròng và được bện như sợi thừng.” Xem bản dịch tương tự trong EXO 28:14.

Exodus 28:25

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Sợi dây bện

"dây bện như dây thừng nhỏ." Xem bản dịch trong EXO 28:14.

Hai cái bảng

Đây là hai bảng kèm theo những viên đá. Có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “hai cái bảng kèm theo viên đá”

Exodus 28:27

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Dây thắt dệt mịn

Đây là một dây vải được làm từ các sợi chỉ vải hẹp mà

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người ta xoắn lại với nhau để tạo ra một sợi chỉ mạnh hơn.
Dây thắt dệt
Phải buộc nó
Có thể ở dạng chủ động. AT: “vì thế chúng phải được buộc”
Bảng đeo ngực sẽ không tách rời khỏi áo dài lễ
Có thể ở dạng bị động. AT: “Bảng đeo ngực phải gắn với áo dài lễ”
Exodus 28:29
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Người sẽ mang tên những người của Y-sơ-ra-ên trên lòng mình nơi bảng đeo ngực
Nói đến tên của dòng dõi khắc trên mười viên đá nơi bảng đeo ngực như được mô tả trong EXO 28:17-21.
Trên lòng mình
"trên lòng của A-rôn" hoặc "trên ngực của ông"
U-rim và Thu-mim ... Nghĩa là làm theo những quyết định
Mệnh đề thứ hai xuất hiện để nói đến U-rim và Thu-mim và giải thích những ý định của họ.
U-rim và Thu-mim
Không rõ chúng là gì. Chúng là những đồ vật, có thể là đá, được thầy tế lễ dùng để quyết định ý muốn của Đức Chúa Trời như thế nào.
Exodus 28:31
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Phải làm việc như thợ dệt
Có thể xem như câu mệnh lệnh. AT: “Thợ dệt phải làm cái áo choàng này”
Thợ dệt
"người thêu dệt" hoặc "người tạo ra mảnh vải bằng việc sử dụng chỉ"
Exodus 28:33
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Môi-se những gì dân sự làm.
Quả lựu
Quả lựu là loại quả tròn với lớp da bên ngoài đỏ.
Cái chuông vàng và quả lựu
Cụm từ này được lặp đi lặp lại để diễn tả các mẫu thiết kế trên áo choàng.
Áo choàng cho A-rôn khi ông hầu việc
Có thể ở dạng chủ động. AT: "A-rôn phải mặc áo choàng khi ông hầu việc"
Nghe thấy tiếng
Có thể ở dạng chủ động. AT: “để chuông tạo ra tiếng”
Và vì thế ông khỏi chết
Điều này ám chỉ ông sẽ chết vì không vâng lời Đức Giê-hô-va. AT: “Ông sẽ không chết bởi vì không tuân lệnh sự hướng dẫn của ta”
Exodus 28:36
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Khắc trên đó, như khắc trên con dấu
"khác trên đó như cách người ta khắc con dấu." Xem bản dịch tương tự trong EXO 28:11
Mũ xếp
Đây là cái mũ cao phủ bên ngoài được xếp quanh đầu trong vài lần. Có thể xem bản dịch trong EXO 28:4.
Thẻ đó phải đặt trên trán của A-rôn
Có thể ở dạng chủ động. AT: “A-rôn phải mang nó trên đầu mình”
Khăn xếp phải luôn đặt trên trán người
Có thể ở dạng chủ động. AT: “A-rôn phải luôn mang khăn xếp trên trán mình”
Exodus 28:39
Thông tin Tổng quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Mũ xếp
Đây là mũ cao bao phủ bằng vải xếp quanh đầu trong vài lần. Xem bản dịch trong EXO 28:4.
Khăn quàng vai
Khăn quàng vai là mảnh vải trang trí cho người mặc, quấn quanh thắt lưng hoặc ngang ngực. Xem bản dịch trong EXO 28:4.
Công việc của thợ dệt
Thợ dệt là người may các mẫu thiết kế trên vải. Xem bản dịch trong EXO 26:36.
Exodus 28:40
Thông tin Tổng quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Khăn quàng vai
Khăn quàng vai là mảnh vải trang trí cho người mặc, quấn quanh lưng hoặc ngang ngực. Xem bản dịch trong EXO 28:4.
Dải buộc đầu
Dải buộc đầu thì hẹp, là một mảnh vải trang trí được quấn quanh đầu trên mắt.
Ngươi hãy mặc bộ này cho A-rôn, anh ngươi
A-rôn là anh trai lớn của Môi-se. Bạn có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “Mặc những bộ này cho anh trai ngươi A-rôn”
Exodus 28:42
Thông tin Tổng quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Quần trong
Đây là quần lót, đồ mặc bên dưới lớp quần áo ngoài, kế lớp da.
Lều Hội Kiến
Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.
Luật đời đời
"luật sẽ không giờ kết thúc"

Translation Questions

Exodus 28:1
Ai sẽ là những người làm thầy tế lễ phục vụ Đức Giê-hô-va?
A-rôn, các con trai người là Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma sẽ là những người làm thầy tế lễ phục vụ Đức Giê-hô-va.
Exodus 28:5
Các thợ thủ công sẽ phải dùng chất liệu gì làm trang phục cho các thầy tế lễ?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các thợ thủ công sẽ phải dùng vải gai mịn màu vàng, xanh, tím và đỏ.
Exodus 28:9
Phải khắc điều gì trên hai viên ngọc mã não?
Phải khắc tên của mười hai con trai Y-sơ-ra-ên trên hai viên ngọc mã não.
Exodus 28:10
Tên của mười hai con trai Y-sơ-ra-ên phải được khắc trên hai viên ngọc mã não theo thứ tự nào?
Tên của mười hai con trai Y-sơ-ra-ên phải được khắc trên hai viên ngọc mã não theo thứ tự sinh trước sau của họ.
Exodus 28:12
Vì sao A-rôn phải mang tên mười hai con trai của Y-sơ-ra-ên trên vai mình?
A-rôn phải mang tên của họ trên hai vai mình như một điều nhắc nhỡ cho Đức Giê-hô-va.
Exodus 28:15
Bảng đeo ngực để ra quyết định phải có hình gì?
Bảng đeo ngực để ra quyết định phải có hình vuông.
Exodus 28:16
Bảng đeo ngực để ra quyết định phải có hình gì?
Bảng đeo ngực để ra quyết định phải có hình vuông.
Exodus 28:17
Những viên ngọc phải được khảm vào như thế nào?
Chúng phải được khảm vào khuôn bằng vàng.
Exodus 28:20
Những viên ngọc phải được khảm vào như thế nào?
Chúng phải được khảm vào khuôn bằng vàng.
Exodus 28:24
Môi-se phải gắn hai dây chuyền vàng ở đâu?
Ông phải gắn hai dây chuyền vàng vào hai góc của bảng đeo ngực.
Exodus 28:28
Vì sao Môi-se phải buộc các khoen của bảng đeo ngực với các khoen của ê-phót?
Ông phải buộc các khoen của bảng đeo ngực với các khoen của ê-phót để bảng đeo ngực không bị rời khỏi ê-phót.
Exodus 28:30
Môi-se phải gắn gì trên bảng đeo ngực để ra quyết định?
Ông phải gắn U-rim và Thu-mim trên bảng đeo ngực để ra quyết định.
Exodus 28:31
Ai phải là người làm áo choàng cho ê-phót?
Một thợ dệt sẽ phải may áo choàng cho ê-phót.
Exodus 28:32
Ai phải là người làm áo choàng cho ê-phót?
Một thợ dệt sẽ phải may áo choàng cho ê-phót.
Exodus 28:35
Vì sao A-rôn phải mặc áo choàng khi hành lễ?
A-rôn phải mặc áo choàng khi hành lễ để khi đi vào hay ra nơi thánh trước mặt Đức Giê-hô-va, nó sẽ phát ra tiếng. Nhờ vậy A-rôn khỏi phải chết.
Exodus 28:36
Làm thế nào A-rôn mang lấy bất cứ tội lỗi nào liên quan đến lễ vật thánh mà con dân Y-sơ-ra-ên đã dâng hiến?
A-rôn sẽ mang lấy bất cứ tội lỗi nào liên quan đến lễ vật thánh mà con dân Y-sơ-ra-ên đã dâng hiến bằng cách buộc cái thẻ được khắc chứ trên trán của mình.
Exodus 28:38
Làm thế nào A-rôn mang lấy bất cứ tội lỗi nào liên quan đến lễ vật thánh mà con dân Y-sơ-ra-ên đã dâng hiến?
A-rôn sẽ mang lấy bất cứ tội lỗi nào liên quan đến lễ vật thánh mà con dân Y-sơ-ra-ên đã dâng hiến bằng cách buộc cái thẻ được khắc chứ trên trán của mình.
Exodus 28:40
Môi-se phải làm gì để cho các con trai A-rôn được vinh dự và trang trọng?
Ông phải làm áo choàng, thắt lưng và mũ cho các con trai A-rôn được vinh dự và trang trọng.
Exodus 28:42
Đồ lót trong che đến đâu?
Đồ lót trong che từ thắt lưng đến bắp đùi.

Chapter 29
Exodus 29:1
Bấy giờ
Từ “bấy giờ” đánh dấu sự thay đổi của chủ đề từ vải của thầy tế đến thầy tế lễ.
Ngươi hãy làm
Ở đây “ngươi” nói đến Môi-se.
Biệt riêng chúng ra
"biệt riêng A-rôn"
Hầu việc ta
Ở đây “ta” nói đến Đức Giê-hô-va.
Con bê con
Con bò đực con
Cũng lấy bánh không men nhồi với dầu
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Cũng lấy bánh không men và nhồi chúng với dầu”
bánh nhỏ…bánh tráng…bánh không men
Đây là những loại thức ăn khác nhau làm từ bột mì.
Exodus 29:3
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se
Ngươi phải đặt chúng
"Ngươi phải đặt bánh nhỏ, bánh tráng, và bánh không men"
Và dâng chúng cùng bò và hai chiên đực
Ở đây “dâng” nghĩa là dâng lên để cúng tế. Nghĩa đầy đủ được dịch rõ. AT: “và dâng chúng lên cho ta khi ngươi cúng tế bò và hai chiên đực”
Lều Hội Kiến
Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.
Exodus 29:5
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Áo ngoài
Đây là áo choàng với thiết kế kết lại . Xem bản dịch trong EXO 28:4.
Thắt lưng dệt khéo léo
Thắt lưng dệt
Mũ xếp
Đây là mũ cao phủ quanh làm từ vải quấn quanh đầu trong vài lần. Xem bản dịch trong EXO 28:4.
Vương miện thánh
Đây là vương miện được mô tả trong EXO 29:6 được khắc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những chữ “dâng cho Đức Giê-hô-va” (UDB) và làm bằng vàng ròng.
Exodus 29:8
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Mang con trai của ngươi
"mang con trai của A-rôn"
Áo ngoài
Chúng là áo khoác với thiết kế đan kết lại. Xem bản dịch trong EXO 28:4.
Khăn quàng vai
Khăn quàng vai là mảnh vải trang trí được người ta mặc quanh vai hoặc ngang ngực. Xem bản dịch những từ này trong EXO 28:4.
Khăn buộc đầu
Khăn buộc đầu là loại nhỏ, mảnh vải trang trí được buộc quanh đầu phía trên mắt. Xem bản dịch trong EXO 28:40.
Công việc của thầy tế lễ
"bổn phận của thầy tế lệ"
Sẽ thuộc về họ
Công việc của thầy tế lễ cũng sẽ là công việc của dòng dõi A-rôn. Bản dịch có thể được nói rõ. AT: “sẽ thuộc về họ và dòng dõi họ”
Luật đời đời
"luật sẽ không chấm dứt." xem bản dịch trong EXO 28:43.
Exodus 29:10
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Lều Hội Kiến
Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.
Ngươi phải giết bò đực
Con bò dâng tế phải được giết bởi Môi-se, không phải thầy tế lễ, ở ô cửa, không phải bên trong lều hội kiến.
Giết con bò đực
Trong đoạn văn nói đến những gì phải làm với máu của con bò, thuật ngữ “giết” ám chỉ phương thức tương tự như “cắt cổ và lấy máu để trong cái bát”.
Exodus 29:12
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Cái sừng
Đó là phần nhô ra trông giống sừng bò gắn ở bốn góc của bàn thờ. Xem bản dịch trong EXO 27:2.
Phần máu còn lại
"máu còn thừa lại"
Bọc lại bộ phận bên trong
"gói lại nội tạng"
gan ... quả cật
Đây là những nội tạng bên trong cơ thể.
Còn như máu của con bò, cũng như da và phân nó
"Còn phần còn lại của của con bò "
Exodus 29:15
Ngươi phải giết chiên đực
Những của lễ sinh tế cho thầy tế lễ, đó là Môi-se, không phải A-rôn hoặc con trai người, người đã giết những con vật.
ở bàn thờ
Không giống như của dâng lễ bò đực thiêu ngoài đền tạm, cừa đực đuôc thiêu trong bàn thờ.
Những phần bên trong
"nội tạng." Xem bản dịch trong EXO 29:13.
Exodus 29:19
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Rồi ngươi phải giết chiên đực
Chiên đực bị giết bằng cách cắt cổ. Có thể được nói rõ trong bản dịch. AT: “Rồi giết chiên đực bằng cách cắt cổ chiên đực”
Exodus 29:21
Thông tin Tổng quát:
Đức Gie-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
A-rôn sẽ biệt riêng cho ta
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Bằng cách này, ngươi sẽ dâng A-rôn cho ta”
Exodus 29:22
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Những phần bên trong...gan...quả cật
Chúng nhắc đến nội tạng bên trong cơ thể. Xem bản dịch trong EXO 29:13.
Lấy một ố...trước mặt ta, Đức Giê-hô-va
Ở 29:23 xem bản dịch của những từ tương tự trong EXO 29:2.
Sẽ ở trước mặt ta
Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi phải đặt trước mặt ta”
Exodus 29:24
Thông tin Tổng quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se.
Ngươi hãy đặt chúng
Ở đây “chúng” nói đến những đồ cúng tế đề cập trong đoạn trước.
Nó sẽ là của lễ cho ta bằng lửa
Có thể ở dạng chủ động. AT: “thiêu chúng như của lễ cho ta”
Exodus 29:26
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Chiên đực để dâng
"chiên đực để dâng" hoặc "chiên đực để giết"
Chiên đực của A-rôn để dâng
"Chiên đực để ngươi sử dụng dâng tế A-rôn"
Ban cho dân Y-sơ-ra-ên
Có thể ở dạng chủ động. AT: "điều mà Y-sơ-ra-ên được ban cho"
Bởi sự điều chỉnh của lễ thân hữu, điều này
"Đó sẽ là luật lâu dài cho việc này"
Lấy ra từ Lễ của Y-sơ-ra-ên
Có thể ở dạng chủ động. AT: “điều mà họ sẽ lấy ra từ Lễ của Y-sơ-ra-ên”
Exodus 29:29
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Áo thánh của A-rôn phải dành riêng cho con trai cuả người
Những trang phục thuộc về thầy tế lễ và không chỉ trang phục cá nhân của A-rôn. AT: “A-rôn phải dành riêng áo thánh cho con trai của người”
Họ sẽ được xức dầu và phong thánh
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Họ phải mặc áo thánh khi họ xức dầu và phong thánh cho con trai họ trước ta”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lều hội kiến
Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.
Exodus 29:31
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Chiên đực cho lễ phong chức của các thầy tế lễ
"chiên đực mà ngươi giết khi ngươi phong chức cho các thầy tế lễ"
ở nơi thánh
Đây không phải là nơi thánh cùng chỗ với nơi thánh nhất. Đây là nơi cùng chỗ với hành lang. AT: "ở nơi đi vào lều hội kiến"
Lều hội kiến
Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.
Được dâng cho
Có thể ở dạng chủ động. AT: “để ngươi cúng tế”
Nó không được ăn
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Không ai có thể ăn nó”
Vì nó đã được biệt riêng cho ta
Có thể ở dạng chủ động. AT: “vì ngươi để riêng nó cho ta”
Exodus 29:35
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Theo cách này, theo tất cả những mệnh lệnh ta ban cho ngươi, ngươi hãy thết đãi A-rôn và con của người
"Ta có mệnh lệnh cho ngươi là thết đãi A-rôn và con của người bằng cách này"
Bàn thờ sẽ hoàn toàn biệt riêng cho ta
"Để bàn thờ sẽ thánh nhất" (UDB)
Sẽ biệt riêng cho Đức Giê-hô-va
"cũng sẽ rất thánh"
Exodus 29:38
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Ngươi phải đều đặn dâng lên bàn thờ mỗi ngày
"ngươi phải hằng ngày dâng lên bàn thờ"
Exodus 29:40
Thông tin Tổng quát
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-xe.
Phần mười...phần tư
"1/10 ... 1/4"
Ê-pha
Một ê-pha khoảng 22 lít.
hin
Một hin khoảng 3.7 lít.
Exodus 29:41
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Đó sẽ là của lễ cho ta bằng lửa
Có thể ở dạng chủ động. AT: “đó sẽ là của lễ thiêu cho ta”
Suốt thế hệ của dân ngươi
"trải qua khắp thế hệ của dòng dõi ngươi”." Xem bản dịch trong EXO 12:14.
Exodus 29:43
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Lều sẽ biệt riêng cho ta bởi vinh hiển của ta
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Sự hiện diện huy hoàng của ta sẽ dành riêng cho lều của ta”
Exodus 29:45
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Translation Questions

Exodus 29:1
Phải lấy gì để tấn phong A-rôn và các con trai người?
Để tấn phong A-rôn và các con trai người phải có: một con bò tơ đực và hai con chiên đực không tì vết, bánh mì không men, bánh ngọt không men pha dầu, và bánh xốp bằng bột mì mịn không men pha dầu.
Exodus 29:2
Phải lấy gì để cung hiến A-rôn và các con trai người?
Để cung hiến A-rôn và các con trai người phải có: một con bò tơ đực và hai con chiên đực không tì vết, bánh mì không men, bánh ngọt không men pha dầu, và bánh xốp bằng bột mì mịn không men pha dầu.
Exodus 29:4
Môi-se phải tắm rửa cho A-rôn và các con trai người bằng gì?
Môi-se phải tắm rửa cho A-rôn và các con trai người bằng nước.
Exodus 29:9
Chức vụ tế lễ sẽ thuộc về ai?
Chức vụ tế lễ sẽ thuộc về A-rôn và các con trai người.
Exodus 29:13
Môi-se phải làm gì với mỡ, lớp bọc gan và hai trái cật?
Ông phải lấy mỡ bọc nội tạng, lớp bọc gan và hai trái cật, cùng với mỡ trên đó mà đốt trên bàn thờ.
Exodus 29:18
Một con chiên đực làm tế lễ thiêu sẽ tạo ra thứ gì cho Đức Giê-hô-va?
Nó sẽ tạo ra hương thơm cho Đức Giê-hô-va.
Exodus 29:20
Môi-se phải làm gì với con chiên đực thứ hai?
Ông phải bôi lên trái tai bên phải của A-rôn và các con trai người, bôi lên ngón cái bàn tay phải và ngón cái bàn chân phải của họ, và phải rảy khắp mọi phía của bàn thờ.
Exodus 29:21
Môi-se phải rảy gì trên mình A-rôn, áo của người cũng như trên mình và trên áo của các con trai người?
Môi-se phải lấy một ít máu trên bàn thờ và ít dầu xức mà rảy trên mình A-rôn, áo của người cũng như trên mình và trên áo của các con trai người.
Exodus 29:22
Chiên đực dùng để làm gì?
Chiên đực dùng vào lễ tấn phong thầy tế lễ cho Đức Giê-hô-va.
Exodus 29:26
Điều gì phải thuộc về A-rôn và dòng dõi người đời đời?
Cái ức của con sinh tế được đưa lên và cái đùi của con sinh tế được trình dâng phải thuộc về A-rôn và dòng dõi người đời đời.
Exodus 29:28
Điều gì phải thuộc về A-rôn và dòng dõi người đời đời?
Cái ức của con sinh tế được đưa lên và cái đùi của con sinh tế được trình dâng phải thuộc về A-rôn và dòng dõi người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đời đời.
Exodus 29:30
Thầy tế lễ tiếp theo sẽ ra từ đâu?
Thầy tế lễ tiếp theo sẽ ra từ các con trai của A-rôn.
Exodus 29:31
Chiên đực dùng trong lễ phong chức phải được nấu như thế nào?
Chiên đực dùng trong lễ phong chức phải được nấu trong một nơi thánh.
Exodus 29:37
Sau khi bàn thờ được thanh tẩy thì bất cứ vật gì chạm vào nó sẽ như thế nào?
Bất cứ vật gì chạm vào bàn thờ đều sẽ trở nên thánh giống như bàn thờ.
Exodus 29:39
Môi-se phải dâng mỗi con chiên con vào lúc nào?
Môi-se phải dâng một con vào buổi sáng và một con vào chiều tối.
Exodus 29:40
Chiên con thứ nhất phải được dâng cùng với thứ gì?
Phải dâng chiên con thứ nhất với một phần mười ê-pha bột mì mịn, một phần tư hin dầu ép từ trái ô-liu và một phần tư hin rượu làm lễ quán.
Exodus 29:42
Chiên con phải được dâng ở đâu?
Chiên con phải được dâng tại cửa lều hội kiến trước mặt Đức Giê-hô-va.
Exodus 29:45
Đức Giê-hô-va sẽ ngự ở đâu?
Đức Giê-hô-va sẽ ngự giữa dân Y-sơ-ra-ên và làm Đức Chúa Trời của họ.

Chapter 30
Exodus 30:1
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va phán với Môi-se làm thế nào dựng nên đồ đạc thờ phượng.
Ngươi hãy làm
Ở đây “ngươi” nói đến Môi-se và dân sự Y-sơ-ra-ên.
Các sừng phải được làm
Đây là phần nhô ra trông giống như sừng bò được gắn ở bốn góc của bàn thờ. Xem bản dịch “sừng” trong [EXO 27:2]
Exodus 30:3
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Hương bàn thờ
"bàn thờ được thấp hương"
Được gắn vào đó
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Cái mà ngươi sẽ gắn vào bàn thờ”
Exodus 30:5
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Hòm bảng chứng
Hòm bảng chứng là cái tủ đựng các điều răn dạy. Có thể nói rõ trong bản dịch. Xem bản dịch trong [EXO 26:33]
Nắp chuộc tội
Đây là nắp đặt trên phần đỉnh của hòm nơi của lễ chuộc tội được làm. Xem bản dịch trong EXO 25:17.
Nơi ta sẽ gặp ngươi
Ở đây “ngươi” nói đến Môi-se.
Exodus 30:7
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Suốt thế hệ của dân sự ngươi
"trải qua các thế hệ của dòng dõi ngươi." Xem bản dịch trong EXO 12:14.
Nhưng ngươi phải dâng lên
Dù từ “ngươi” được cho là Môi-se, nhưng lời trích dẫn lại có nét đặc trưng về A-rôn và dòng dõi của ông khi và những gì họ dâng hương lên bàn thờ.
Exodus 30:10
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Các sừng
Đây là phần nhô lên trông giống như sừng bò được gắn ở bốn góc của bàn thờ. Xem bản dịch trong EXO 27:2.
Suốt thế hệ của dân ngươi
"trải qua suốt thế hệ của dòng dõi ngươi." Xem bản dịch trong EXO 12:14.
Exodus 30:11
Khi ngươi kiểm tra
Có thể mang những nghĩa 1) “ngươi” chỉ nói đến Môi-se hoặc 2) “ngươi” nói đến Môi-se và trưởng lão của Y-sơ-ra-ên trong thế hệ sau này khi họ kiểm tra dan số.
Sự điều tra dân số Y-sơ-ra-ên
Những trưởng lão tính số đàn ông Y-sơ-ra-ên.
Mọi người phải được đếm
Có thể ở dạng chủ động. Họ chỉ tính số đàn ông. AT: “Mọi phải được tính” hoặc “Mỗi đàn ông mà ngươi tính”
Nửa sê-ken bạc
"1/2 sê-ken bạc." Người dịch có thể sử dụng đơn vị đo lường để người đọc hiểu được và làm tròn số: “5.5 gram bạc” hoặc “6 gram bạc”
Theo như trọng lượng sê-ken của nơi thánh
Đây rõ ràng sê-ken nặng hơn một cân vào thời đó. Chi tiết này của người từng sử dụng.
20 ghê-ra
"20 ghê-ra." Ghê-ra là đơn vị được người ta đo lường vật gì có trọng lượng rất nhỏ.
Từ 20 tuổi trở lên
Một lượng lớn được kể đến như những người trưởng thành hoặc những người nhỏ hơn. AT: “từ hai mươi tuổi hoặc hơn” hoặc “người hai mươi tuổi hoặc lớn hơn”
Exodus 30:15
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Mọi người
Chỉ đàn ông dâng của lễ.
Nửa sê-ken
Người dịch có thể sử dụng đơn vị đo lường để mọi người có thể hiểu và làm tròn số: “5.5 gram bạc” hoặc “6 gram bạc.” Xem bản dịch trong [EXO 3:13]

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đó sẽ là kỷ niệm cho Y-sơ-ra-ên trước mặt ta, để chuộc mạng sống của họ
Có thể mang những nghĩa 1) “Đó sẽ là kỷ niệm dân Y-sơ-ra-ên để chuộc mạng sống của họ” hoặc 2) “Đó sẽ là kỷ niệm cho Y-sơ-ra-ên để họ chuộc mạng sống của mình.”
Exodus 30:17
Ngươi hãy làm
Ở đây “ngươi” nói đến Môi-se và dân sự Y-sơ-ra-ên.
Cái chậu
"cái bát" hoặc "bồn"
Chân bằng đồng
Đây là cái kệ sẽ đặt đồ lên.
Kệ để rửa
Cụm từ giải thích những gì thầy tế sử dụng cái bồn lớn để làm gì.
Bàn thờ
Bàn thờ để đồ cúng tế
Exodus 30:19
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Nước trong đó
"nước trong cái chậu"
Cho A-rôn và dòng dõi ngươi, đến thế hệ của dân ngươi
"Cho A-rôn và suốt thế hệ của dòng dõi người." Xem bản dịch tương tự trong EXO 12:14.
Exodus 30:22
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Gia vị
Cây cỏ làm khô xay thành bột và để chung với dầu hoặc thức ăn tạo mùi thơm hoặc vị ngon. Xem bản dịch trong [EXO 25:6]
500 sê-ken…250 sê-ken
"500 sê-ken ... 250 sê-ken." Một sê-ken khoảng 11 gram. Người dịch có thể sử dụng đơn vị để người đọc có thể hiểu và làm tròn: "5.7 kí-lô-gam ... 11.4 kí-lô-gam" hoặc "6 kí-lô-gam ... 3 kí-lô-gam"
Cây quế ... cây mía ... xương bồ
Đây là những gia vị ngọt.
Một hin
Người dịch có thể sử dụng đơn vị để người đọc biết và làm tròn số: “3.7 lít” hoặc “4 lít”
Với những thành phần
"với những thứ"
Công việc của thợ chế nước hoa
Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se làm việc thợ chế nước hoa làm hoặc 2) Môi-se làm chính công việc của ông theo cách thợ chế nước hoa làm nó.
Thợ chế nước hoa
Người có kĩ năng trộn lẫn các gia vị và dầu.
Exodus 30:26
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Ngươi phải xức dầu thánh
Ở đây “ngươi” nói đến Môi-se.
Hòm bảng chứng
Hòm bảng chứng là cái tủ chứa đựng các lời răn dạy. Có thể nói rõ trong bản dịch. Xem bản dịch trong [EXO 26:33]
Bàn thờ cho của lễ thiêu
"bàn thờ nơi của lễ được thiêu"
Exodus 30:29
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Biệt riêng chúng ra
Nói đến những thứ liệt kê trong EXO 30:26-28.
Suốt thế hệ của dân sự ngươi
"suốt thế hệ của dòng dõi ngươi." Xem bản dịch trong EXO 12:14.
Exodus 30:32
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì Môi-se phải nói với dân sự.
Nó không được đổ xuống da thịt của con người
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi không được để dầu thánh, nó dành riêng cho Đức Giê-hô-va dùng trên da của con người”
Cùng một cách
"cùng một thành phần" hoặc "cùng một thứ"
Người đó phải bị trục xuất khỏi dân sự
Phép ẩn dụ “trục xuất” có ít nhất ba nghĩa. Chúng có thể diễn tả ở thể chủ động: 1) “Ta sẽ không còn để người đó trong dân sự Y-sơ-ra-ên” 2) “dân sự Y-sơ-ra-ên phải đuổi người đó đi” hoặc 3) “dân sự Y-sơ-ra-ên phải giết người đó.”
Exodus 30:34
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì phải làm. Đức Giê-hô-va chỉ ra mệnh lệnh cho Môi-se: tất cả trường hợp từ “ngươi” là số ít. Tuy nhiên, từ “pha trộn bởi thợ chế nước hoa” có thể mang nghĩa Môi-se đưa cho thợ chế nước hoa hương liệu, pha trộn chúng, nghiền chúng rồi đưa cho Môi-se đặt phần trộn lẫn trước hòm, như trong UDB.
Tô hiệp hương, loa yểm hương, phong chi hương
Chúng là những hương liệu.
Làm chúng thành hình dáng của nén hương, pha trộn bởi thợ chế nước hoa
Cụm từ “pha trộn” có thể ở dạng chủ động. AT: “Làm chúng có hình dạng như nén hương để thợ chế nước hoa pha trộn” hoặc “thợ chế nước hoa phải trộn nó thành loại như nén hương”
Pha trộn bởi thợ pha chế
Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se ra lệnh cho thợ chế nước hoa làm công việc 2) Môi-se làm công việc theo cách thợ pha chế làm. Xem bản dịch những từ này trong EXO 30:25.
Ngươi sẽ xay chúng
"Ngươi sẽ nghiền chúng." Ở đây “ngươi” nói đến Môi-se.
Về phần các ngươi
Ở đây “các ngươi” là số nhiều và nói đến Môi-se và tất cả dân sự.
Exodus 30:37
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.
Ngươi không để kẻ nào
Từ “ngươi” ở đây nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên.
Cùng một cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"cùng một thành phần" hoặc "cùng một thứ." Xem bản dịch trong EXO 30:32.

Đó phải là vật thánh nhất cho ngươi

"Ngươi phải để nó là vật thánh nhất"

Nước hoa

Đây là chất nước có mùi dễ chịu được người ta xức trên người.

Phải trục xuất khỏi dân sự

Phép ẩn dụ “trục xuất” có ít nhất ba nghĩa. Chúng được diễn tả ở thể chủ động: 1) “ Ta không còn để người đó là người trong dân sự Y-sơ-ra-ên” 2) “dân sự Y-sơ-ra-ên phải đuổi người đó đi” hoặc 3) “dân Y-sơ-ra-ên phải giết người đó.” Xem bản dịch trong [EXO 30:33]

Translation Questions

Exodus 30:4

Khoen dùng để làm gì?

Khoen dùng để xỏ đòn khiêng bàn thờ.

Exodus 30:6

Môi-se phải để bàn thờ dâng hương ở đâu?

Môi-se phải để bàn thờ dâng hương trước bức màn che hòm chứng ước.

Exodus 30:8

Thứ hương duy nhất được đốt trên bàn thờ dâng hương là gì?

Vào buổi tối, khi thắp đèn, A-rôn cũng sẽ đốt hương thơm trên bàn thờ dâng hương. Không được xông thứ hương nào khác trên bàn thờ dâng hương.

Exodus 30:9

Thứ hương duy nhất được đốt trên bàn thờ dâng hương là gì?

Vào buổi tối, khi thắp đèn, A-rôn cũng sẽ đốt hương thơm trên bàn thờ dâng hương. Không được xông thứ hương nào khác trên bàn thờ dâng hương.

Exodus 30:10

A-rôn phải cử hành lễ chuộc tội trên các sừng bàn thờ dâng hương bao lâu một lần?

A-rôn phải cử hành lễ chuộc tội trên các sừng bàn thờ dâng hương một năm một lần.

Exodus 30:12

Vì sao mỗi người phải nộp tiền chuộc mạng sống mình cho Đức Giê-hô-va?

Mỗi người phải nộp tiền chuộc mạng sống mình cho Đức Giê-hô-va để không ai mắc tai ương gì trong khi Môi-se kiểm tra dân số.

Exodus 30:16

Sau khi Môi-se nhận tiền chuộc từ dân Y-sơ-ra-ên thì ông phải dùng nó như thế nào?

Sau khi Môi-se nhận tiền chuộc từ dân Y-sơ-ra-ên thì ông phải dùng tiền đó vào công việc của lều hội kiến.

Exodus 30:18

Môi-se phải đặt cái bồn bằng đồng ở đâu?

Môi-se phải đặt nó ở giữa khoảng lều hội kiến và bàn thờ.

Exodus 30:20

A-rôn và các con trai của người phải làm gì khi vào lều hội kiến hay khi đến gần bàn thờ để hầu việc Đức Giê-hô-va như dâng tế lễ thiêu cho Ngài?

Khi vào lều hội kiến hay khi đến gần bàn thờ để hầu việc Đức Giê-hô-va như dâng tế lễ thiêu thì họ phải lấy nước rửa mình.

Exodus 30:23

Có những thành phần gì trong dầu xức thánh?

Những thành phần trong dầu xức thánh là 500 siếc-lơ nước một dược, 250 siếc-lơ hương nhục quế, 250 siếc-lơ hương xương bồ, 500 siếc-lơ quế bì theo đơn vị siếc-lơ của nơi thánh, và một hin dầu ô-liu.

Exodus 30:25

Có những thành phần gì trong dầu xức thánh?

Những thành phần trong dầu xức thánh là 500 siếc-lơ nước một dược, 250 siếc-lơ hương nhục quế, 250 siếc-lơ hương xương bồ, 500 siếc-lơ quế bì theo đơn vị siếc-lơ của nơi thánh, và một hin dầu ô-liu.

Exodus 30:32

Không được làm gì với dầu xức thánh?

Không được xức lên da và cũng không được pha chế một thứ dầu nào khác theo công thức này vì đây là dầu thánh.

Exodus 30:33

Nếu ai pha chế thứ gì giống như loại hương hay dầu xức thánh này để làm dầu thơm thì sẽ thế nào?

Người nào pha chế thứ gì giống như vậy để làm dầu thơm sẽ bị loại trừ khỏi dân chúng.

Exodus 30:38

Nếu ai pha chế thứ gì giống như loại hương hay dầu xức thánh này để làm dầu thơm thì sẽ thế nào?

Người nào pha chế thứ gì giống như vậy để làm dầu thơm sẽ bị loại trừ khỏi dân chúng.

Chapter 31

Exodus 31:1

Ta đã kêu tên

Đức Chúa Trời xem việc chọn riêng một người như việc kêu tên họ. AT: “Ta đã chọn”

Bết-sa-lê-ên…U-ri…Hu-rơ

Đây là tên của những người đàn ông.

Exodus 31:3

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Ta đã làm đầy dẫy Bết-sê-la-ên bằng Thần của ta

Đức Giê-hô-va xem việc ban Thần của Ngài tên Bết-sê-la-ên như thể Bết-sê-la-ên là một cái chai và Thần của Đức Chúa Trời là nước. AT: “Ta đã ban Thần của ta cho Bết-sê-la-ên”

Những việc đòi sự thạo nghề

Danh từ trừu “sự thạo nghề” có thể dịch như “làm nghề” hoặc “công việc.” AT: “làm tất cả các nghề” hoặc “vì thế người có thể làm mọi việc”

Exodus 31:6

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Ô-hô-li-áp…A-hi-sa-mạc

Đây là tên của những người đàn ông.

Ta đã ban kĩ năng vào trong lòng những ai thông minh

Đức Chúa Trời xem việc làm cho người có khả năng làm mọi việc như thể Ngài đặt năng lực trong lòng họ. At: “Ta đã ban kĩ năng cho những ai thông minh” hoặc “Ta đã làm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những ai thông minh có khả năng làm tốt mọi thứ”

Lều Hội Kiến

Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.

Hòm bảng chứng

Hòm bảng chứng là cái tủ chứa đựng các điều răn dạy. Điều này có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “Tủ chứng đựng các lời răn dạy.” Xem bản dịch trong [EXO 26:33]

Nắp chuộc tội

Đây là cái nắp đặt trên phần đỉnh của hòm là nơi của lễ chuộc tội được thực hiện. Xem bản dịch trong EXO 25:17.

Bàn thờ xông hương

"bàn thờ đốt hương." Xem bản dịch trong EXO 30:03.

Bàn thờ trong của lễ thiêu

"bàn thờ chỗ mà dâng lễ được thiêu." See how you translated this in EXO 30:28.

Exodus 31:10

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với môi-se.

Áo dệt tinh xảo

Áo dệt

Những thợ thủ công

"Những người này có tay nghề trong việc làm ra những đồ vật đẹp"

Exodus 31:12

Ngươi khá cẩn thận giữ ngày Sa-bát của Đức Giê-hô-va

Đức Chúa Trời xem việc vâng lời dạy của Ngài về Sa-bát như việc giữ Sa-bát. AT: “Ngươi khá cẩn thận vâng lời dạy của Đức Giê-hô-va về Sa-bát”

Suốt thế hệ của dân ngươi

"trải qua suốt thế hệ của dòng dõi ngươi." Xem bản dịch trong EXO 12:14.

Ngài sẽ biệt tiêng ngươi cho chính Ngài

Đức Chúa Trời xem việc chọn người như việc biệt riêng họ cho chính Ngài. AT: “Ngài đã chọn ngươi thành dân của Ngài”

Vì phải đối đãi với ngươi nên thánh

Có thể ở dạng chủ động. AT: “làm ngươi đối đãi nên thánh”

Người nào phạm đến

Đức Chúa Trời xem việc đối xử với Sa-bát bằng sự vô lễ như việc bất kính với nó. AT: “Người phạm Sa-bát bằng sự vô lễ” hoặc “Người không vâng lời luật của Sa-bát”

Phải bị xử tử

"phải bị giết." Có thể ở dạng chủ động. AT: "ngươi phải giết" hoặc "ngươi phải thi hành"

Phải trục xuất khỏi dân sự

Phép ẩn dụ “trục xuất” có ít nhất ba nghĩa. Chúng diễn tả ở nghĩa chủ động: 1) “Đức Giê-hô-va không còn để người đó trong dân sự của Ngài” 2) “ngươi hãy đuổi người đó đi” hoặc 3) “ngươi phải giết người đó.”

Nhưng ngày thứ bảy

"nhưng ngày thứ 7"

Exodus 31:16

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì ông phải nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Phải giữ Sa-bát

Đức Chúa Trời xem việc vâng lời dạy dỗ của Ngài về Sa-bát như việc giữ Sa-bát. AT: “phải vâng lời dạy dỗ của Đức Giê-hô-va về Sa-bát”

Họ phải kỉ niệm nó trải qua các thế hệ của họ

“Họ và suốt thế hệ của dòng dõi họ phải kỉ niệm nó.” Xem bản dịch “suốt thế hệ của họ” trong EXO 12:42.

Luật đời đời

"luật không bao giờ kết thúc." Xem bản dịch trong EXO 28:43.

Exodus 31:18

Viết bởi tay Ngài

Có thể dịch ở động từ chủ động. AT: "cái mà Đức Giê-hô-va đã viết trên tay Ngài"

Translation Questions

Exodus 31:3

Bết-sa-lê-ên có những khả năng gì nhờ Đức Giê-hô-va làm cho đầy dẫy thần Ngài?

Đức Giê-hô-va làm cho Bết-sa-lê-ên đầy dẫy thần Ngài để ban cho người sự khôn ngoan, sự thông sáng, và sự hiểu biết trong mọi loại thủ công mỹ nghệ, để thiết kế và chế tạo các vật bằng vàng, bạc và đồng; cũng để khắc đá khảm ngọc, chạm gỗ, làm mọi thứ nghề thợ.

Exodus 31:5

Bết-sa-lê-ên có những khả năng gì nhờ Đức Giê-hô-va làm cho đầy dẫy thần Ngài?

Đức Giê-hô-va làm cho Bết-sa-lê-ên đầy dẫy thần Ngài để ban cho người sự khôn ngoan, sự thông sáng, và sự hiểu biết trong mọi loại thủ công mỹ nghệ, để thiết kế và chế tạo các vật bằng vàng, bạc và đồng; cũng để khắc đá khảm ngọc, chạm gỗ, làm mọi thứ nghề thợ.

Exodus 31:6

Vì sao Đức Giê-hô-va ban sự khéo léo vào lòng hết thảy những người khôn ngoan?

Đức Giê-hô-va ban sự khéo léo vào lòng hết thảy những người khôn ngoan để họ có thể làm mọi việc Ngài truyền phán.

Exodus 31:14

Những ai xúc phạm hay làm việc vào ngày Sa-bát thì sẽ thế nào?

Tất cả những ai xúc phạm ngày Sa-bát chắc chắn phải bị xử tử. Còn ai làm việc vào ngày Sa-bát hẳn phải bị loại trừ khỏi dân chúng.

Exodus 31:17

Vì sao ngày Sa-bát sẽ luôn là một dấu giữa Đức Giê-hô-va và dân Y-sơ-ra-ên?

Ngày Sa-bát sẽ luôn là một dấu giữa Đức Giê-hô-va và dân Y-sơ-ra-ên vì Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời và đất trong sáu ngày, sang ngày thứ bảy Ngài nghỉ ngơi và tĩnh dưỡng.

Exodus 31:18

Ai là người viết trên hai bảng chứng ước?

Đức Giê-hô-va ban cho Môi-se hai bảng chứng ước do chính tay Đức Giê-hô-va viết lên.

Chapter 32

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Exodus 32:1

Mọi người trông thấy

Ở đây việc hiểu một điều gì được xem như nó đang được nhìn thấy. AT: “Nọi người nhận ra”

Nào, hãy làm các thần

Từ “nào” trở nên thuyết phục mệnh lệnh theo sau nó. Mọi người đòi hỏi A-rôn phải làm thần tượng cho họ.

Đi trước chúng tôi

"lãnh đạo chúng tôi" hoặc "trở thành lãnh đạo của chúng tôi"

Đem chúng lại ta

Từ “chúng” nói đến các vòng vàng.

Exodus 32:3

Tất cả mọi người

Điều này kể đến những người không chấp nhận Môi-se như lãnh đạo của họ và cũng như Chúa của Môi-se.

Đúc trong khuôn, và làm thành tượng bò mộng

A-rôn nấu chảy vàng và đổ ra khuôn thành hình dạng của con bò. Khi vàng đặc lại, A-rôn lấy ra khỏi khuôn, và vàng đặc lại có hình dáng của con bò.

Exodus 32:5

Khi A-rôn nhìn thấy

"Khi A-rôn nhìn thấy những gì dân sự làm"

Ăn uống trong sự ca tụng cuồng nhiệt

"có buổi tiệc điên cuồng." Mỗi người có thể cư xử phóng đãng ở buổi tiệc.

Exodus 32:7

Lìa bỏ con đường ta dạy chúng

Ở đây Đức Chúa Trời kể đến dân sự không vâng lời những gì Ngài đã dạy họ như thể Ngài nói họ bước trên con đường nào đó và họ rời khỏi con đường đó. AT: “ngưng việc ta dạy chúng làm” hoặc “ đã thôi vâng lời những gì ta dạy chúng phải làm”

Chúng đã đúc tượng cho mình con bò

"Chúng đã làm một tượng vàng cho mình hình dạng như con bò"

Exodus 32:9

Ta đã thấy dân này

Ở đây Đức Giê-hô-va so sánh việc hiểu rõ dân sự khi nhìn thấy họ. AT: “Ta biết dân này”

Là dân cứng cổ

Dân bướng bỉnh

Bây giờ

Từ “bây giờ” được sử dụng ở đây để đánh dấu những gì Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se. Ở đây Đức Giê-hô-va những gì Ngài sẽ làm với dân sự.

Cơn thịnh nộ của ta nổi lên cùng chúng nó

Đức Giê-hô-va nói đến cơn giận dữ của Ngài như thể nó là ngọn lủa có thể bùng cháy. AT: “Cơn giận dữ của ta sẽ hướng về chúng” hoặc “Ta cực kì giận chúng” (UDB)

Cho ngươi

Từ “ngươi” nói đến Môi-se.

Tại sao Ngài nổi cơn thạnh nộ cùng dân Ngài

Môi-se sử dụng câu hỏi này để cố gắng thuyết phục Đức Giê-hô-va không nổi giận với dân của Ngài. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Đừng để cơn giận của Ngài nổi lên cùng dân Ngài”

Lớn lao…bàn tay mạnh mẽ

Đây là hai mệnh đề cùng nghĩa và được gộp lại để nhấn mạnh.

Bàn tay mạnh mẽ

Ở đây “bàn tay” nói đến điều mà Đức Giê-hô-va đã làm. AT: “và điều năng quyền Ngài đã làm”

Exodus 32:12

Thông tin Tổng quát:

Môi-se tiếp tục thuyết phục Chúa không hủy diệt Y-sơ-ra-ên.

Tại sao dân Ê-díp-tô nói, “Ngài để chúng đi…hủy diệt chúng khỏi mặt đất?”

Môi-se sử dụng câu hỏi này để thuyết phục Chúa không hủy diệt dân Ngài. Câu hỏi nhấn mạnh có thể dịch bằng câu mệnh lệnh. AT: Nếu Ngài hủy diệt dân của Ngài, dân Ê-díp-tô sẽ nói, “Ngài để chúng đi…hủy diệt chúng khỏi mặt đất.”

Mặt đất

"khỏi bề mặt của trái đất" hoặc "khỏi trái đất"

Từ bỏ cơn thịnh nộ của Ngài

"ngừng lại cơn thịnh nộ của Ngài" hoặc "Ngưng việc giận dữ"

Cơn thịnh nộ của Ngài

Môi-se nói đến cơn giận của Chúa như thể nó là lửa đang bốc cháy. AT :”cơn giận khủng khiếp của Ngài”

Nhớ lại Áp-ra-ham

"Nhớ đến Áp-ra-ham" hoặc "nghĩ về Áp-ra-ham"

Thề

"làm lời tuyên thệ" hoặc "lời hứa cách "

Họ sẽ thừa hưởng mãi mãi

Chúa nói với họ việc sở hữu vùng đất như thể họ thừa hưởng nó. AT: Họ sẽ sở hữu nó mãi mãi”

Exodus 32:15

Bảng chiếu chỉ giao ước

Đây là hai bang bằng đá đã được Chúa khắc các lời răn dạy của Ngài.

Hai bảng là việc làm của chính Chúa, và được chính Ngài viết lên

Hai mệnh đề này có cùng nghĩa. Cụm từ thứ hai giải thích bảng thế nào là “công việc của chính Đức Chúa Trời”

Exodus 32:17

Nói cùng Môi-se

Điều này có vẻ như Giô-suê gặp Môi-se khi Môi-se đang trở lại trại.

Exodus 32:19

Bảng

"Đây là hai phiến đá mà Đức Giê-hô-va đã viết lên"

Exodus 32:21

Rồi Môi-se nói với A-rôn, “Những gì với dân này…một tội lỗi lớn trên họ?”

Có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “Rồi Môi-se hỏi A-rôn những gì dân sự làm với ông, mà ông đã mang lại tội lỗi lớn trên họ”

Anh đã mang lại tội lỗi lớn trên họ

Móise kể đến nguyên nhân dân sự gây ra tội lỗi như thể tội lỗi là một vật thể và A-rôn dặt chúng trên họ. AT: “anh đã gây ra cho họ tội lỗi khủng khiếp”

Đừng để cơn thịnh nộ của Ngài nổi lên

A-rôn xem cơn thịnh nộ của Môi-se như thể nó là ngọn lửa bùng cháy. “đừng nổi giận”

Họ chuyên làm điều ác

Việc quyết định tội ác được xem như việc chuyên làm điều ác. AT: “Họ quyết định làm những điều gì xấu xa”

Này Môi-se

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân sự bộc lộ sự vô lễ khi đặt từ “này” trước tên của Môi-se, như thể Môi-se là một ai đó họ không biết và không tin cậy.

Vì vậy tôi nói với họ, ‘Bất kì ai có vàng, hãy tháo ra.’

Có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “vì vậy tôi đã nói với họ rằng bất cứ ai có vàng hãy tháo ra”

Tôi đã ném vào trong lửa, và thành ra con bò này

Thay vì nhận quyền làm con bò, A-rôn cho rằng con bò đã thoát ra lửa một cách dị thường.

Exodus 32:25

Đang phóng túng

"đang cư xử cách phóng túng" hoặc "không gì điều khiển chinh họ"

Thì Môi-se đang đứng ở lối vào… “Ai đứng về phía của Đức Giê-hô-va, đến với ta.”

Có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “thì Môi-se đứng ở cửa trại quân và nói rằng ai ở cùng phía của Đức Giê-hô-va thì đến với ông”

Ai ở cùng phía của Đức Giê-hô-va

Môi-se nói đến việc trung thành với Đức Giê-hô-va như việc đứng về phía của Ngài. AT: “Bất kì ai trung thành với Đức Giê-hô-va” hoặc “Bất kì ai hầu việc Đức Giê-hô-va”

Đi qua đi lại từ cửa này đến cửa kia

“đi vào và đi ra từ một cửa của trại đến cửa khác”

Exodus 32:28

Ba ngàn người

"3000 người"

Ngươi đã dâng mình hầu việc Đức Giê-hô-va

Câu này có nghĩa “Ngươi đã được chọn để hầu việc Đức Giê-hô-va” hoặc “Ngươi đã trở thành người hầu việc của Đức Giê-hô-va.”

Mỗi người trong các ngươi hãy mang lấy việc chống đối con mình và anh hem mình

Việc họ phải vâng phục Đức Chúa Trời có thể nói rõ. AT: “ngươi phải vâng lời Đức Giê-hô-va và giết con và anh em ngươi”

Exodus 32:30

Các ngươi đã phạm một tội rất lớn

Họ đã thờ thần tượng.

Có thể ta chuộc tội được cho các ngươi

Môi-se kể đến việc thuyết phục Chúa tha tội dân sự như thể ông có thể chuộc tội cho họ. AT: “Có thể ta thuyết phục Đức Giê-hô-va tha tội cho ngươi”

Xóa tên tôi khỏi sách

Từ “tôi” ở đây nói đến tên của Môi-se. AT: “xóa tên tôi khỏi sách”

Sách mà Ngài đã viết

Những gì Chúa đã viết trong sách có thể nói rõ. AT: “sách mà Ngài đã viết tên của dân Ngài”

Exodus 32:33

Sách mà Ngài đã viết

Cụm từ “kẻ đó” tượng trưng cho “tên của người đó.” AT: “Ta sẽ xóa tên người đó ra khỏi sách của ta”

Sách của ta

Nói đến sách của Đức Giê-hô-va mà Môi-se nói đến EXO 32:32.

Nhưng ngày nào ta phạt chúng nó, ta sẽ phạt chúng nó

Vào một ngày mà Đức Chúa Trời quyết định trừng phạt họ, điều rõ ràng là Chúa đang phân xử họ.

Đức Giê-hô-va giáng tai họa trên dân sự

Tai họa này có thể là cơn bệnh nghiêm trọng. AT: “Đức Giê-hô-va làm dân sự bệnh nặng”

Họ đã làm con bò, vật đó do A-rôn làm

Mặc dù A-rôn làm con bò, nhưng dân sự cũng phạm tội vì họ bảo A-rôn làm điều đó. AT: “Họ bảo A-rôn làm con bò”

Translation Questions

Exodus 32:1

Dân chúng tụ họp quanh A-rôn bảo ông làm một tượng thần cho họ vào khi nào?

Khi dân chúng thấy Môi-se lâu xuống núi thì họ tụ họp quanh A-rôn bảo ông làm một tượng thần cho họ.

Exodus 32:4

Ai là người nhận vàng từ dân sự, dùng khuôn đúc và làm thành một con bò con?

A-rôn nhận vàng từ họ, dùng khuôn đúc và làm thành một con bò con.

Exodus 32:6

Sau khi dân chúng dâng các của lễ thiêu và của lễ thù ân thì họ đã làm gì?

Sau khi dân chúng dâng các của lễ thiêu và của lễ thù ân thì họ ngồi xuống ăn uống, rồi đứng dậy mở cuộc truy hoan.

Exodus 32:8

Dân chúng nói ai là thần đã đem họ ra khỏi đất Ai Cập?

Dân chúng nói con bò vàng là thần đã đem họ ra khỏi đất Ai Cập.

Exodus 32:11

Khi Đức Giê-hô-va nổi giận thì Môi-se đã làm gì?

Môi-se cố gắng làm cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông nguôi giân.

Exodus 32:14

Đức Giê-hô-va đổi ý không làm điều gì?

Đức Giê-hô-va đổi ý không trừng phạt như Ngài đã định giáng trên dân Ngài.

Exodus 32:15

Đức Giê-hô-va viết trên phần nào của bảng đá?

Bảng đá được viết trên cả hai mặt, cả mặt trước và mặt sau.

Exodus 32:17

Khi Giô-suê nghe tiếng dân chúng la lên thì ông nghĩ đang có vấn đề gì?

Khi Giô-suê nghe tiếng dân chúng la lên thì ông nghĩ trong trại quân có tiếng giao chiến.

Exodus 32:19

Sau khi nhìn thấy tượng bò con, Môi-se đã làm gì với hai bảng đá?

Ông ném hai bảng đá khỏi tay mình, vỡ nát dưới chân núi.

Exodus 32:20

Môi-se đã làm gì với tượng bò con?

Môi-se lấy tượng bò con mà dân chúng đã đúc đem đốt trong lửa, nghiền thành bột, rồi rải trên mặt nước và bắt con dân Y-sơ-ra-ên uống.

Exodus 32:24

A-rôn cho biết con bò con được đúc ra thế nào?

A-rôn nói rằng dân chúng đưa vàng cho ông rồi ông ném nó vào lửa và thành ra con bò con.

Exodus 32:25

Ai đã để cho dân dân chúng buông tuồng?

A-rôn đã để cho họ buông tuông.

Exodus 32:26

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những ai tụ họp quanh Môi-se khi ông bảo người nào về phía Đức Giê-hô-va hãy đến với ông?
Khi Môi-se bảo người nào về phía Đức Giê-hô-va hãy đến với ông thì tất cả người Lê-vi đều tụ họp quanh ông.
Exodus 32:28
Người Lê-vi đã làm gì?
Người Lê-vi làm theo điều Môi-se truyền và có khoảng ba ngàn người trong dân chúng chết.
Exodus 32:29
Vì sao người Lê-vi được đặt vào phục vụ Đức Giê-hô-va?
Người Lê-vi được đặt vào phục vụ Đức Giê-hô-va vì mỗi người họ đã nghịch cùng anh em mình.
Exodus 32:32
Môi-se muốn Đức Giê-hô-va làm gì nếu Ngài không tha tội cho dân chúng?
Môi-se muốn Đức Giê-hô-va xóa tên ông khỏi sách Ngài đã viết nếu Ngài không tha tội cho dân chúng.
Exodus 32:35
Đức Giê-hô-va trừng phạt dân chúng thế nào vì họ đã làm ra con bò con?
Đức Giê-hô-va giáng tai họa trên dân chúng vì họ đã làm ra con bò con.

Chapter 33
Exodus 33:1
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Môi-se cơn thịnh nộ của Ngài.
Vùng đất đó, nơi đượm sữa và mật ong
Vùng đất tốt lành cho sự phát triển chăn nuôi và trồng trọt. Xem bản dịch trong [EXO 3:8]
Đượm
"đầy đủ về" hoặc "có sự dư dật về"
Sữa
Bấy giờ sữa lấy tử bò và dê, thức ăn này tiêu biểu cho sản phẩm của gia súc. AT: “thức ăn từ gia súc”
Mật ong
Bấy giờ mật ong là sản phẩm từ hoa, thức ăn này tiêu biểu cho cây cối. AT: “thức ăn từ cây cối”
Dân cứng đầu
"những người khước từ sự thay đổi"
Exodus 33:4
Trang sức
Trang phục đẹp như các dây chuỗi và vòng với trang sức trên đó.
Dân cứng đầu
"những người khước từ sự thay đổi." Xem bản dịch trong EXO 33:3.
Exodus 33:7
Trụ mây
Đám mây có hình dáng cột trụ. Xem bản dịch trong [EXO 13:22]
Hạ xuống
Nơi chúng hạ xuống có thể rõ ràng. AT: “hạ xuống từ trời”
Exodus 33:10
Đức Giê-hô-va sẽ đối diện với Môi-se
Việc nói trực tiếp hơn là thông qua giấc mơ và nằm mơ, được kể như thể Môi-se và Chúa thấy mặt nhau khi họ nói chuyện. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ nói trực tiếp với Môi-se”
Người đàn ông trẻ
Quá già để thành người lính (EXO 17:9-10), nhưng trẻ hơn nhiều so với Môi-se
Exodus 33:12
Nầy
"Nhìn xem!" hoặc "Nghe này!" hoặc "Chú ý những điều tôi nói với Ngài ."
Tôi biết danh Ngài
Biết danh một ai đó bởi hiểu họ tốt lành. AT: “Tôi hiểu Ngài tốt lành”
Ngươi cũng được ơn trước mặt ta
Đây là một phần của những gì Chúa đã nói với Môi-se. AT: “Ta vui lòng về ngươi” hoặc “Ta hài lòng về ngươi”
Nếu tôi được ơn trước mặt Ngài
Đây là một phần của những gì Môi-se nói với Chúa. AT: “Nếu tôi vui lòng với Ngài” hoặc “Nếu tôi được lòng với Ngài”
Cho tôi biết đường Ngài
Có thể có nghĩa: 1) “cho tôi biết những gì Ngài định làm trong tương lai” hoặc 2) “cho tôi biết dân sự có thể làm gì vui lòng Ngài.”
Exodus 33:14
Chính ta sẽ đi
Sự có mặt của Chúa tượng trưng chính Ngài. AT: "Ta sẽ đi"
Đi với ngươi...cho ngươi
Từ “ngươi” ở đây nói đến Môi-se. Nó ở số ít.
Ta sẽ cho ngươi an nghỉ
"ta sẽ để ngươi nghỉ ngơi"
Nếu không
"Nếu Ngài không đi cùng chúng tôi"
Làm thế nào để biết
Có thể diễn tả ở thể chủ động. AT: “làm thế nào dân sự biết”
Làm thế nào biết ...dân sự?
Môi-se sử dụng câu hỏi này nhằm nhấn mạnh nếu Chúa không đi với họ, sẽ không ai biết Môi-se đã được ơn trước mặt Chúa. AT: “sẽ không ai biết...dân sự.”
Sẽ không biết nếu
"Sẽ không chỉ biết được nếu "
Exodus 33:17
Thông tin Tổng quát:
Khi Đức Giê-hô-va sử dụng từ “ngươi” trong phân đoạn này, nó ở số ít và nhắc đến Môi-se.
Ngươi đã được ơn trước mặt ta
Thành ngữ này có nghĩa rằng Chúa vui lòng về ông. Xem bản dịch trong [EXO 33:12]
Ta biết danh ngươi
Biết danh một người là hiểu rõ về họ. Xem bản dịch trong [EXO 33:12]
Exodus 33:19
Ta sẽ bày tỏ lòng nhân từ của ta trước mặt ngươi
Chúa nói đến việc đồng hành qua Môi-se để Môi-se có thể thấy lòng nhân từ như thể chỉ lòng nhân từ của Chúa sẽ đi qua Môi-se. AT: “Ta sẽ đi qua ngươi để ngươi thấy lòng nhân từ của ta”
Exodus 33:21
Nầy
"Trông thấy" hoặc "Lắng nghe" hoặc "Chú ý những gì ta sắp nói với ngươi."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngươi sẽ thấy lưng của ta
Chỉ vì Đức Giê-hô-va sẽ đi ngang qua Môi-se.
Nhưng mặt ta sẽ không nhìn thấy
Có thể diễn tả ở dạng chủ động. AT: “nhưng ngươi sẽ không thấy mặt ta”

Translation Questions

Exodus 33:2
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ sai ai đi trước Môi-se?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ sai một thiên sứ đi trước Môi-se.
Exodus 33:3
Vì sao Đức Giê-hô-va không đi lên cùng Môi-se?
Đức Giê-hô-va không đi lên cùng ông vì Y-sơ-ra-ên là một dân cứng đầu. Đức Giê-hô-va có thể sẽ tiêu diệt họ dọc đường.
Exodus 33:5
Đức Giê-hô-va truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải lột bỏ thứ gì?
Họ phải lột bỏ trang sức của mình.
Exodus 33:9
Mỗi lần Môi-se đi vào lều hội kiến thì có điều gì xảy ra?
Mỗi lần Môi-se đi vào lều hội kiến thì trụ mây giáng xuống, dừng tại cửa lều, và Đức Giê-hô-va nói chuyện với Môi-se.
Exodus 33:11
Đức Giê-hô-va trò chuyện với Môi-se thế nào?
Đức Giê-hô-va trò chuyện với Môi-se mặt đối mặt, như một người nói chuyện với bạn mình.
Exodus 33:13
Môi-se muốn Đức Giê-hô-va bày tỏ cho ông điều gì? Vì sao?
Môi-se muốn Đức Giê-hô-va bày tỏ cho ông các đường lối Ngài để ông biết Ngài và tiếp tục được ơn trước mặt Ngài.
Exodus 33:16
Làm sao để biết Môi-se được ơn trước mặt Đức Giê-hô-va?
Người ta biết Môi-se được ơn trước mặt Đức Giê-hô-va nếu Đức Giê-hô-va đi cùng họ để họ được phân biệt với muôn dân trên mặt đất.
Exodus 33:19
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm ơn và thương xót ai?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm ơn cho ai Ngài muốn làm ơn, và thương xót ai Ngài muốn thương xót.
Exodus 33:20
Vì sao Môi-se không thể thấy mặt Đức Giê-hô-va?
Môi-se không thể thấy mặt Đức Giê-hô-va vì không ai thấy mặt Ngài mà còn sống.
Exodus 33:23
Khi Đức Giê-hô-va rút tay lại thì Môi-se thấy được gì?
Khi Đức Giê-hô-va rút tay lại thì Môi-se thấy sau lưng Ngài nhưng không thấy được mặt Ngài.

Chapter 34

Exodus 34:1
Bảng
"phiến đá mỏng." Xem bản dịch trong EXO 31:18
Exodus 34:3
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Không sự tụ tập hoặc bầy vật nào được thấy trên núi
Việc nhìn thấy tương ứng với làm việc đó. AT: “Đừng để bất kì ai khác trên núi”
Không sự tụ tập hoặc bầy vật nào ở trước núi
"Ngay cả người hoặc bầy đàn không được phép đến gần núi để kiếm ăn."
Exodus 34:5
Đứng gần Môi-se
"Đứng gần Môi-se trên núi"
Ngài xướng tên “Đức Giê-hô-va”
Có thể mang những nghĩa 1) “Ngài cất tiếng “Đức Giê-hô-va” hoặc 2) “Ngài tuyên bố Đức Giê-hô-va là ai.” Theo nghĩa thứ hai, “danh” sẽ tượng trưng Chúa là ai.
Giê-hô-va, Giê-hô-va, Chúa giàu lòng nhân từ và thương xót
Chúa nói về chính Ngài. AT: “Ta, Đức Giêt-hô-va, là Chúa, và Đấng giàu lòng nhân từ và thương xót”
Đầy dẫy tình yêu thương và chân thật
"luôn luôn bày tỏ lòng thương xót và chân thật"
Giàu lòng thương xót
“luôn chung thủy với giao ước của ta”. Xem bản dịch cụm từ tương tự trong EXO 20:6.
Đầy dẫy ... sự đáng tin cậy
"luôn đáng tin tưởng"
Nhưng Ngài sẽ
Đức Giê-hô-va đang nói về chính Ngài. AT: "Nhưng ta sẽ"
Ngài sẽ không kể kẻ có tội là vô tội
Đức Giê-hô-va đang nói về chính Ngài. AT: "Ta sẽ không để kẻ có tội được vô tội "
Không để kẻ có tội vô tội
"chắc sẽ không bỏ qua tội lỗi" hoặc "chắc sẽ không kẻ phạm tội vô tội " hoặc "chắc sẽ không để kẻ phạm tội tự do"
Ngài sẽ mang sự trừng phạt tội lỗi của tổ phụ trên con cháu họ
Việc trừng phạt dân sự được kể như thể sự trừng phạt là một vật được người ta mang đặt trên dân sự. AT: “Ngài sẽ trừng phạt con cháu dựa trên tội lỗi của tổ phụ”
Con cháu họ
Từ “con cháu” tương ứng với hậu vệ. AT: “hậu vệ của họ”
Exodus 34:8
Nếu tôi đã được ơn trước mặt của Ngài
Việc vui lòng một người được kể như tìm thấy ơn trước mặt họ. Xem bản dịch trong [EXO 33:12]
Tội ác và tội lỗi của chúng tôi
Từ “tội ác” và “ tội lỗi” về cơ bản là củng nghĩa và được gộp lại để nhấn mạnh. AT: "tất cả tội lỗi của chúng tôi"
Nhận chúng tôi là cơ nghiệp của Ngài
Việc một người sở hữu vĩnh viễn được kể như nó là vật gì đó mà người ta thừa kế. AT: “nhận chúng tôi như dân của Ngài mãi mãi” hoặc “chấp nhận chúng tôi như dân thuộc về Ngài mãi mãi”
Exodus 34:10
Dân của ngươi
Ở đây “ngươi” nói đến Môi-se.
Đó là sự khủng khiếp mà ta đang làm với ngươi
Sự khủng khiếp là điều khiến mọi người sợ hãi. Trong trường hợp này, dân sự sẽ kinh khiếp Chúa khi họ thấy những gì Ngài làm. AT: “Những gì ta làm với các ngươi sẽ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khiến dân sự sợ hãi ta”

Ta đang làm với ngươi

Ở đây “ngươi” nói đến Môi-se và dân sự Y-sơ-ra-ên.

Exodus 34:12

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se. Ở đây Ngài nói với Môi-se những gì ông và dân sự phải làm

Chúng sẽ trở thành cái bẫy cho ngươi

Dân sự những người xúi giục người khác phạm tội được kể như thể chúng là cái bẫy. AT: “Chúng sẽ cám dỗ ngươi phạm tội”

Tự xưng của người là ‘Đố kị,’

Từ “tự xưng” ở đây tượng trưng cho tính cách của Chúa. AT: “Ta, Giê-hô-va, người luôn đố kị” hoặc Ta, Giê-hô-va, luôn đố kị”

Ta, Giê-hô-va, tự xưng là ‘Đố kị,’

Từ “tự xưng” ở đây nghĩa là Chúa quan tâm đến việc giữ vinh hiển của Ngài. Nếu dân của Ngài thờ phượng thần khác, Ngài mất đi sự vinh hiển, bởi vì khi dân của Ngài không tôn kính Ngài, dân khác cũng sẽ như vậy. AT: “Ta, Giê-hô-va, luôn giữ vinh hiển của ta”

Exodus 34:15

Câu nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se làm thế nào dân của Ngài cư xử với người ngoại.

Để chúng phóng đãng với thần của chúng

Chúa nói đến dân sự thờ phượng các thần khác như thể họ phóng đãng với đàn ông khác. AT: “để chúng thờ phượng thần khác” hoặc “bởi vì họ thờ lạy thần khác như sự phóng túng họ làm với đàn ông khác”

Và các ngươi sẽ ăn đồ cúng của họ

Hậu quả của việc ăn đồ cúng của thần khác có thể nói rõ. AT: “và các ngươi sẽ ăn của cúng và trở nên tội lỗi từ việc thờ lạy thần khác” hoặc “và các ngươi sẽ phóng đãng theo thần của chúng và ăn đồ cúng từ nơi chúng”

Exodus 34:18

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục ohan1 với dân sự những gì phải làm.

Bảy ngày

"7 ngày"

Vào tháng của A-bíp

Đây là tên của tháng đầu tiên trong lịch Hê-bơ-rơ. A-bíp diễn ra suốt vào phần cuối tháng Ba và phần đầu tháng Tư theo lịch phương Tây. Xem bản dịch A-bíp trong [EXO 13:4]

Exodus 34:19

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Chuộc lại

Con trai đầu lòng và con lừa đầu lòng thuộc Đức Giê-hô-va, nhưng Đức Giê-hô-va không muốn chúng hiến tế cho Ngài. Do đó, Y-sơ-ra-ên hiến tế chiên con để thế chỗ. Sự cho phép này Y-sơ-ra-ên chuộc lại con lừa và con trai từ Đức Giê-hô-va.

Không ai xuất hiện trước ta mà tay không

tay

Exodus 34:21

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Dù mùa cày hay mùa gặt

"Dù khi ngươi chuẩn bị cày cấy hoặc thu hoạch vụ mùa"

Mùa gặt

Lễ hội này được biết đến như Lễ của chỗ nấp hoặc Lễ của Lều trại. Ý tưởng đến từ thói quen làm việc của nông dân sống trong các lều tạm thời, hoặc túp lều, ở trong cánh đồng nhằm bảo vệ mùa màng khi mùa gặt. Từ “gặt” nghĩa là khi họ thu hoạch mùa vụ.

Exodus 34:23

Thông tin Tổng quát:

Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Exodus 34:25

Máu của con sinh tế

Việc lấy máu từ động vật có thể nói rõ. AT: “máu của động vật được ngươi hiến tế cho ta”

Với bất kì men

Việc có bất kì men trong bánh mì có thể nói rõ. AT: “bánh mì có men trong đó”

Exodus 34:27

Môi-se ở đây

"Môi-se ở trên núi"

Bốn mươi ngày

"40 ngày"

Bốn mươi ngày và đêm

"trong bốn mươi ngày, cả ngày và đêm"

Ông viết

"Môi-se viết"

Exodus 34:29

Đã trở nên sáng rực

"đã bắt đầu rực rỡ"

Lại gần ông

"đến gần ông" hoặc "tới chỗ ông." Họ không đi lên núi.

Exodus 34:32

Tất cả mạng lệnh mà Giê-hô-va trao cho ông

Ban bố mạng lệnh được kể như thể mạng lệnh là một vật có thể trao. AT: “Tất cả mạng lệnh mà Giê-hô-va đã nói với ông” hoặc “mọi thứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ”

Exodus 34:34

Ông tháo ra

"Môi-se tháo ra"

Những gì Ngài đã phán dặn

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Những gì Đức Giê-hô-va đã phán với ông”

Translation Questions

Exodus 34:1

Đức Giê-hô-va viết gì trên bảng đá mới?

Đức Giê-hô-va viết trên bảng đá mới những lời đã có trên những bảng đá đầu tiên mà Môi-se đã làm vỡ.

Exodus 34:3

Ai được phép đi đến bất kì đâu trên núi?

Không ai ngoài Môi-se được phép đi đến bất kì đâu trên núi.

Exodus 34:5

Khi Đức Giê-hô-va ngự xuống trong đám mây và đứng bên Môi-se thì Ngài phán điều gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khi Đức Giê-hô-va ngự xuống trong đám mây và đứng bên Môi-se thì Ngài tuyên bố danh Ngài là "Giê-hô-va".
Exodus 34:7
Đức Giê-hô-va có xóa bỏ tội lỗi không?
Đức Giê-hô-va sẽ không xóa bỏ tội lỗi.
Exodus 34:10
Đức Giê-hô-va sắp lập điều gì?
Đức Giê-hô-va sắp lập một giao ước.
Exodus 34:12
Nếu dân Y-sơ-ra-ên lập giao ước với dân cư sinh sống trong đất mà họ sẽ vào thì sẽ thế nào?
Nếu họ lập giao ước với dân cư sinh sống trong đất mà họ sẽ vào thì dân cư đó sẽ trở thành một cái bẫy giữa dân Y-sơ-ra-ên.
Exodus 34:14
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên không được thờ một thần nào khác?
Họ không được thờ một thần nào khác vì Đức Giê-hô-va, danh Ngài là "ghen tương", Ngài là Đức Chúa Trời ghen tương.
Exodus 34:15
Nếu dân Y-sơ-ra-ên ăn các của cúng của cư dân trong xứ thì sẽ thế nào?
Nếu dân Y-sơ-ra-ên ăn các của cúng của cư dân trong xứ thì họ cũng sẽ cưới con gái chúng nó cho con trai họ, con gái chúng hành dâm với các tà thần rồi quyến dụ con trai họ cũng hành dâm với các tà thần của chúng.
Exodus 34:16
Nếu dân Y-sơ-ra-ên ăn các của cúng của cư dân trong xứ thì sẽ thế nào?
Nếu dân Y-sơ-ra-ên ăn các của cúng của cư dân trong xứ thì họ cũng sẽ cưới con gái chúng nó cho con trai họ, con gái chúng hành dâm với các tà thần rồi quyến dụ con trai họ cũng hành dâm với các tà thần của chúng.
Exodus 34:18
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên phải ăn bánh không men trong bảy ngày vào thời gian đã được ấn định trong tháng A-bíp?
Dân Y-sơ-ra-ên phải ăn bánh không men trong bảy ngày vào thời gian đã được ấn định trong tháng A-bíp, vì trong tháng A-bíp dân Y-sơ-ra-ên đã ra khỏi Ai Cập.
Exodus 34:20
Nếu dân Y-sơ-ra-ên không chuộc lại con lừa đầu lòng bằng một con chiên con thì sẽ thế nào?
Nếu dân Y-sơ-ra-ên không chuộc lại con lừa đầu lòng bằng một con chiên con thì họ phải bẻ cổ nó.
Exodus 34:21
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì vào ngày thứ bảy, kể cả trong mùa cày cấy hay mùa gặt?
Vào ngày thứ bảy, dân Y-sơ-ra-ên phải nghỉ ngơi. Kể cả trong mùa cày cấy hay mùa gặt, họ cũng phải nghỉ.
Exodus 34:23
Tất cả nam giới phải ra mắt Đức Giê-hô-va bao lâu một lần?
Tất cả nam giới phải ra mắt Đức Giê-hô-va mỗi năm ba lần.
Exodus 34:24
Ai sẽ tham muốn xâm lược xứ sở của dân Y-sơ-ra-ên khi họ lên ra mắt Đức Giê-hô-va mỗi năm ba lần?
Sẽ chẳng một ai tham muốn xâm lược xứ sở của dân Y-sơ-ra-ên khi họ lên ra mắt Đức Giê-hô-va mỗi năm ba lần.
Exodus 34:26
Dân Y-sơ-ra-ên phải đem gì vào nhà Đức Giê-hô-va?
Họ phải đem hoa quả đầu mùa tốt nhất của đồng ruộng mình vào nhà Đức Giê-hô-va.
Exodus 34:28
Môi-se đã không làm gì khi ông ở với Đức Giê-hô-va trong bốn mươi ngày đêm?
Khi Môi-se ở với Đức Giê-hô-va trong bốn mươi ngày đêm thì ông không ăn bánh, cũng không uống nước.
Exodus 34:30
Vì sao khi A-rôn và dân Y-sơ-ra-ên nhìn thấy Môi-se thì sợ đến gần ông?
Khi A-rôn và dân Y-sơ-ra-ên nhìn Môi-se thấy da mặt ông sáng rực thì sợ đến gần ông.
Exodus 34:33
Khi Môi-se ngưng nói chuyện với họ thì ông lấy gì che mặt?
Khi đã ngưng nói chuyện với họ, Môi-se lấy lúp che mặt lại.
Exodus 34:34
Môi-se mở lúp che mặt khi nào?
Mỗi khi Môi-se đến trước mặt Đức Giê-hô-va để hầu chuyện Ngài, thì ông mở lúp che mặt.

Chapter 35
Exodus 35:1
Ngày thứ bảy
"ngày thứ bảy" hoặc "thứ bảy"
Bất cứ ai làm việc gì vào ngày đó phải bị xử tử
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi phải giết kẻ nào làm việc vào ngày đó”
Exodus 35:4
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với Y-sơ-ra-ên làm những thứ Giê-hô-va ra lệnh cho ông. EXO 25:3-7.
Dâng của lễ cho Giê-hô-va
"Dâng lên của tích góp được cho Giê-hô-va "
Tất cả những ai có lòng thành
Từ “lòng” nói đến một người mang đến của lễ. AT: “mỗi ngày ai có lòng thành”
Exodus 35:10
Thông tin Tổng quát:
Môi-se tiếp tục nói với dân sự những gì Chúa ra lệnh cho họ làm.
Những người khéo léo
"Mỗi người có tay nghề"
Cái móc
Cái móc nối các vòng để giữ bức màn lại. Xem bản dịch các từ này EXO 26:4-6.
Lỗ trụ
Đây là những vật nặng đặt trên đất và giữ các vật gắn vào chúng khỏi dịch chuyển. Xem bản dịh trong EXO 25:31.
Nắp chuộc tội
Đây là cái nắp đặt trên phần đỉnh của cái hòm, là nơi của lễ chuộc tội được thực hiện. Xem bản dịch trong EXO 25:17.
Exodus 35:13
Họ đem đến
"dân Y-sơ-r-ên đem đến"
Bánh hiện diện
Bánh này tượng trưng cho sự hiện diện của Chúa. Xem bản dịch trong EXO 25:30.
Vỉ lò bằng đồng
Đây là khung có thanh đan chéo bằng đồng để giữ lửa khi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đốt. Xem bản dịch “vỉ lò” trong EXO 27:4.
Exodus 35:17
Bức rèm che
Đây là những bức màn làm từ vải. Xem bản dịch trong EXO 26:36.
Cột trụ
Đây là những khúc gỗ kiên cố dựng thẳng đứng và sử dụng để chống. Xem bản dịch những từ này trong EXO 27:10.
Lỗ trụ
Đây là những khối trũ có những lỗ bên trong để giữ các bảng một chỗ. Xem bản dịch trong EXO 26:19.
Các cọc
Các khúc gỗ hoặc kim loại vuốt nhọn được sử dụng để đóng các góc của lều trại xuống đất. Xem bản dịch trong EXO 27:19.
Áo dệt tinh xảo
Áo dệt
Exodus 35:20
Tất cả các chi phái Y-Sơ-ra-ên
Đây là những người trong chi phái. AT: “Những người từ các chi phái của Y-sơ-ra-ên”
Lòng của những ai được lay động
Ở đây “lòng” nói đến con người. Tấm lòng đáp ứng từ Chúa được kể đến như thể nó là nước bị khuấy động bởi giông tố. AT: “Những ai đáp ứng lại Chúa”
Những ai có lòng
Ở đây “lòng” nói đến con người. AT: “Ai có lòng” hoặc “Ai có ý muốn”
Tất cả những ai có lòng
Ở đây “lòng” nói đến con người. AT: “mọi người có ý muốn”
Trâm, hoa tai, nhẫn, và vòng tay
Đây là những loại khác nhau của trang sức.
Exodus 35:23
Kẻ nào có…đem chúng đến
Trong 35:23 xem bản dịch của những từ này trong EXO 25:4-5.
Exodus 35:25
Xanh, tím, hoặc len đỏ
Có thể mang những nghĩa 1) “nguyên liệu được nhuộm xanh, tím, và đỏ, “có thể là chỉ, hoặc 2) “xanh, tím, hoặc màu đỏ” để nhuộm vải. Xem bản dịch những từ tương tự trong EXO 25:4.
Lòng của ai được lay động
Ở đây “lòng” nói đến người đàn bà. Tấm lòng của những đàn bà đáp ứng với Chúa được kể đến như họ là nước bị khuấy động bởi giông bão. AT: “Những ai đáp ứng với Chúa”
Exodus 35:27
Các lãnh đạo…Môi-se làm
Trong 35:27-29 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:1-2 và EXO 25:3-7.
Những ai sẵn lòng
Ở đây “lòng” nói đến mọi người. AT: “những ai vui lòng”
Exodus 35:30
Ngài đã làm đầy dẫy Bết-sa-lê-ên bằng Thánh linh Ngài
Thánh Linh của Chúa đã ban cho Bết-sa-lê-ên khả năng làm việc được kể đến như thể Ngài làm điều gì đó làm đầy dẫy Bết-sa-lê-ên.
Có kĩ năng và lành nghề
Trong 35:30-33 xem bản dịch những từ này EXO 31:1-2 và EXO 31:3-5.
Exodus 35:34
Thông tin Tổng quát:
Môi-se tiếp tục nói với dân sự.
Ngài cũng ban cho tấm lòng ông khả năng dạy dỗ
Ở đây “tấm lòng” nói đến Bê-sa-lê-ên. Khả năng dạy dỗ được kể như thể nó là một thứ có thể đặt vào trong lòng. AT: “Ngài ban cho Bê-sa-lê-ên khả năng để dạy”
Đầy dẫy họ sự khéo léo
Khéo léo để sáng tạo những đồ vật tuyệt đẹp như thể nó là điều thứ có thể làm đầy ở một con người. AT: “làm cho họ rất khéo tay”
Ô-hi-li-áp con trai của A-hi-sa-mạc, từ chi phái Đan
“Ô-hô-li-áp” và “A-hi-sa-mạc” là tên những người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:6]
Người thợ khắc
Người khắc mẫu thiết kế trên nguyên liệu cứng như gỗ, đá, hoặc kim loại.
Thợ thuê
Người may các mẫu thiết kế trên vải.
Thợ thủ công
Những người có tay nghề làm ra những đồ vật tuyệt đẹp bằng tay.
Thợ dệt vải
Người tạo ra vải bằng chỉ
Người thiết kế nghệ thuật
Người tạo ra cái đẹp bằng những nguyên liệu.

Translation Questions

Exodus 35:3
Khi nào dân Y-sơ-ra-ên không được đốt lửa?
Họ không được đốt lửa trong bất kì nhà nào vào ngày Sa-bát.
Exodus 35:5
Ai nên đem lễ vật dâng cho Đức Giê-hô-va?
Tất cả những ai có nhiệt tâm nên đem lễ vật cho Đức Giê-hô-va.
Exodus 35:20
Hết thảy các chi phái Y-sơ-ra-ên đi đâu?
Hết thảy các chi phái Y-sơ-ra-ên đều rút lui khỏi Môi-se.
Exodus 35:21
Có những ai đến đem lễ vật dâng cho Đức Giê-hô-va để dùng vào việc cất Đền Tạm?
Tất cả những người được thúc giục trong lòng, và có tinh thần tự nguyện đều đến đem lễ vật dâng cho Đức Giê-hô-va để dùng vào việc cất Đền Tạm.
Exodus 35:27
Phải khảm thứ gì vào ê-phót và bảng đeo ngực?
Phải khảm bích ngọc và các thứ ngọc khác vào ê-phót và bảng đeo ngực.
Exodus 35:30
Đức Giê-hô-va gọi đích danh ai?
Đức Giê-hô-va đã gọi đích danh Bết-sa-lê-ên, con trai của U-ri, cháu của Hu-rơ, thuộc bộ tộc Giu-đa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 36

Exodus 36:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se tiếp tục nói với dân sự.

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Ô-hô-li-áp

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:6]

Người mà Đức Giê-hô-va ban cho kĩ năng và khả năng

Ở đây kĩ năng và khả năng được kể như thể chúng là một thứ mà Đức Giê-hô-va có thê đặt vào bên trong con người.

Theo như tất cả Đức Giê-hô-va đã ban bố

"theo như Đức Giê-hô-va đã ban lệnh"

Exodus 36:2

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Ô-hô-li-áp

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:6]

Trong tâm trí những người Đức Giê-hô-va đã ban kĩ năng

Ở đây "tâm trí" nói đến người có được khéo tay bởi Đức Giê-hô-va. AT: "người Đức Giê-hô-va đã ban cho kĩ năng"

Lòng những ai được Ngài lay động

Ở đây "lòng" nói đến con người. Tấm lòng đáp ứng với Chúa được kể như thể nó là nước bị khuấy động bởi giông tố. AT: "Người đáp ứng với Chúa"

Exodus 36:5

Thợ thủ công nói với Môi-se...ra lệnh chúng tôi làm."

Có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "Thợ thủ công nói với Môi-se rằng dân sự đã mang rất nhiều, đủ để làm việc mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh họ làm"

Thợ thủ công nói với Môi-se

"Những người đàn ông làm việc ở nhà thờ nói với Môi-se"

Exodus 36:8

Tất cả thợ thủ công...tham gia cùng nhau

Trong 38:8-10 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:1-3.

Mười bức màn làm từ vải mịn

Những bức màn là những tấm vải dệt và may lại với nhau vì thế họ có thể treo thành hình bức tường hoặc lều trại.

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên cua người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Exodus 36:11

Ông thắt cái vòng...trở nên một

Trong 36:11-13 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:4-6.

Thắt vòng xanh

Vòng bằng vải xanh

Bức màn

Những tấm vải dệt lớn, nặng được sử dụng để bao phủ và che bức tường của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 26:01.

Ông làm

Ở đây "ông" nói đến Bết-sa-lê-ên, nhưng bao gồm những người đàn ông làm việc trên đền thờ.

Năm mươi cái móc vàng

"50 móc vàng"

Exodus 36:14

Bết-sa-lê-ên làm bức màn...bộ thứ hai

Trong 36:14-17 xem bản dịch của những từ này trong EXO 26:7-9 và EXO 26:10.

Làm thành mười một

"làm 11"

Ba mươi cu-bít

"30 cu-bít"

Năm mươi vòng

"50 vòng"

Exodus 36:18

Bết-sa-lê-ên làm ... phủ trên đó

Trong 36:18-19 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:11 và EXO 26:14.

Năm mươi cái móc bằng đồng

"50 móc bằng đồng"

Exodus 36:20

Bết-sa-lê-ên ... về hướng nam

Trong 36:20-23 xem bản dịch của những từ này EXO 26:15-18.

Mười cu-bít ... một cu-bít rưỡi

"10 cu-bít ... 1.5 cu-bít"

Hai cọc gỗ chỗ nối ghép

Cọc gỗ là miếng gỗ nhỏ được cắm phía sau tấm bảng để kiên cố.

Exodus 36:24

Bết-sa-lê-ên làm ... và kế đó

Trong 36:24-26 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:19-21.

Bốn mươi lỗ mộng bằng bạc

"40 lỗ mộng bằng bạc"

Hai mươi tấm

"20 tấm"

Và kế đó

Có hai lỗ mộng phía dưới và cách mỗi tấm.

Exodus 36:27

Về phía đằng sau ... cua đền tạm

Trong 36:27-28 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:22-23.

ở phía tây

Về hướng của phía tây

Về góc sau

Góc ở đằng sau đền tạm.

Exodus 36:29

Trong 36:29-30 xem bản dịch những từ này trong.

EXO 26:24-25.

Mười sáu lỗ mộng hết thảy

"16 lỗ mộng hết thảy"

Và kế đó

Sẽ có hai lỗ mộng phía dưới và ở mỗi tấm.

Exodus 36:31

Bết-sa-lê-ên làm...bằng vàng

Trong 36:31-34 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:26-28 và EXO 26:29.

Hướng tây

Về phía tây

Đầu này đến đầu kia

Từ một mặt của đền tạm tới mặt khác.

Exodus 36:35

Bết-sa-lê-ên làm...lỗ mộng bằng bạc

Trong 36:35-36 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:31-32.

Exodus 36:37

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ông làm...làm bằng bạc
Trong 36:37-38 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:36-37.
Ông làm
Ở đây “ông” nói đến Bết-sa-lê-ên và những việc ông làm. “Bết-sa-lê-ên và thợ của ông làm”
Rèm treo
Bức màn

Translation Questions

Exodus 36:1
Ai sẽ làm công việc xây dựng Đền Thánh?
Bết-sa-lê-ên, Ô-hô-li-áp và những người khôn ngoan khác mà Đức Giê-hô-va đã ban sự khéo léo và hiểu biết để xây dựng Đền Thánh.
Exodus 36:3
Dân chúng vẫn tiếp tục làm gì?
Dân chúng cứ tiếp tục đem những lễ vật tình nguyện đến cho Môi-se mỗi buổi sáng.
Exodus 36:6
Môi-se truyền cho dân chúng làm gì?
Môi-se truyền rằng không ai trong trại quân được đem thêm lễ vật dâng cho việc xây dựng Đền Thánh nữa.
Exodus 36:11
Bết-sa-lê-ên làm các vòng ở đâu?
Ông thắt vòng bằng chỉ xanh trên biên bức màn chót của bộ màn thứ nhất; và cũng làm như vậy trên biên bức màn chót của bộ màn thứ hai.
Exodus 36:13
Bết-sa-lê-ên nối các bức màn với nhau như thế nào?
Ông làm năm mươi cái móc bằng vàng, rồi móc các bức màn lại với nhau.
Exodus 36:18
Bết-sa-lê-ên làm năm mươi cái móc bằng đồng để làm gì?
Bết-sa-lê-ên làm năm mươi cái móc bằng đồng để kết các bộ màn phủ lại với nhau thành một.
Exodus 36:24
Dưới mỗi tấm có bao nhiêu lỗ mộng?
Dưới mỗi tấm có hai lỗ mộng.
Exodus 36:33
Bết-sa-lê-ên làm thanh ngang nằm ở dâu?
Ông làm thanh ngang ở giữa các tấm ván, tức là nằm khoảng nửa trên để cài từ đầu này đến đầu kia.
Exodus 36:38
Bết-sa-lê-ên lấy gì bọc năm cây trụ có móc?
Bết-sa-lê-ên lấy vàng bọc năm cây trụ có móc.

Chapter 37
Exodus 37:1
Bết-sa-lê-ên
Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]
Hai cu-bít rưỡi ... một cu-bít rưỡi
"2.5 cu-bít ... 1.5 cu-bít"
Bốn chân của nó
Có bốn khúc gỗ chống đỡ hòm được kể như thể chúng là chân người hoặc chân thú.
Exodus 37:4
Thông tin Tổng quát:
Công việc của nhóm người Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và các đồ đạc.
Ông làm ... và nửa cu-bít
Trong 37: 4-6 xem bản dịch của những từ này trong EXO 25:13-14 và EXO 25:17.
Ông làm
Qua từ “ông” nói đến Bết-sa-lê-ên, “ông “ có thể bao gồm tất cả thợ làm giúp đỡ Bết-sa-lê-ên.
Hai cu-bít rưỡi ... một bít rưỡu
"2.5 cu-bít ... 1.5 cu-bít"
Exodus 37:7
Thông tin tổng quát:
Công việc của nhóm người Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.
Bết-sa-lê-ên làm ... phần giữa của nắp chuộc tội
Trong 37:7-9 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:18 và EXO 25:19-20.
Chúng được làm thành một cái
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ông làm chúng thành một cái”
Chê-bu-rim dang cánh ra và che phủ
Bết-sa-lê-ên đặt trên tượng như thể chúng là chê-bu-rim thực sự đang dang cánh và che phủ nắp chuộc tội. AT: “Họ đã đặt những sinh vật có cánh và dang ra che phủ nắp chuộc tội”
Chê-bu-rim đối diện nhau và nhìn vào
Bết-sa-lê-ên đặt tượng Chê-bu-rim như thể chúng là Chê-bu-rim thực sự đang đối mặt nhau và nhìn vào nắp chuộc tội.
Exodus 37:10
Thông tin Tổng quát:
Nhóm người làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.
Bết-sa-lê-ên làm ... bốn chân
Trong 37:10-13 xem bản dịch như EXO 25:23-24 và EXO 25:25-26.
Hai cu-bít ... một cu-bít ... một cu-bít rưỡi
"2 cu-bít ... 1 cu-bít ... 1.5 cu-bít"
Gang tay
Đây là chiều rộng của tay một người khi ngón tay căng ra.
Bốn chân
Đây là bốn khúc gỗ chống hòm được kể đến như thể chúng là chân của con người hoặc động vật.
Exodus 37:14
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.
Cái vòng ... vàng ròng
Trong 37:14 - 16 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:27 and EXO 25:28-29.
Vòng được gắn vào
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Bết-sa-lê-ên gắn vào cái vòng”
Dĩa, thìa, chén, tô, và chén được dùng cho việc dâng lễ quán
Chỉ có tô và chén được dùng cho việc dâng lễ quán. AT: “dĩa và chén, cũng như bình và cái bát được thầy tế sử dụng cho việc dâng lễ quán”
Exodus 37:17
Câu nối:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Thông tin Tổng quát:

Ông làm ... từ chân đèn

Trong 37:17-19 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:31-32 và EXO 25:33.

Đài hoa, cuống lá, và hoa phải làm thành một khối cùng nó

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Ông làm đài hoa, cuống lá, và hoa đó thành một khối cùng với chân đèn”

Và ba cái đài làm như hoa của quả hạnh

Có thể ở dạng chủ động. AT: “rồi ông làm 3 cái đài trông giống hột hanh nhân sắp nở”

Hoa của quả hạnh

Hoa của của quả hạnh có màu trắng hoặc hồng với năm cánh mọc nở ra từ cây hạnh.

Exodus 37:20

Ở chân đèn...vàng ròng

Trong 37:20-22 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:34 and EXO 25:35-36.

Có bốn đài hoa được làm như hoa hạnh nhân

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Có bốn đài hoa được Bết-sa-lê-ên làm giống như hoa hạnh nhân”

Làm thành một khối với chúng

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Cái mà ông làm thành một cùng với chân đèn”

Exodus 37:23

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Bết-sa-lê-ên làm ... ta-lâng vàng ròng

Trong 37:23-24 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:37-39.

Cái kẹp

Đây là dụng cụ làm từ hai thanh gỗ hoặc kim loại được nối ở đầu và dùng để gấp đồ vật.

Một ta-lâng

"34 kí-lô-gam"

Exodus 37:25

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và dụng cụ.

Bết-sa-la-ên làm ... vàng cho nó

Trong 37:25-26 xem bản dịch những từ này trong EXO 30:1-2 và EXO 30:3.

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Sừng nó làm thành một khối

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ông làm các sừng thành một khối chung với bàn thờ”

Exodus 37:27

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-la-sê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Ông làm hai nhẫn vàng...bằng vàng

Trong 37:27-28 xem bản dịch những từ này trong EXO 30:4 và EXO 30:5

Gắn chúng

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Cái mà họ gắn với bàn thờ”

Công việc của thợ pha chế

Thợ pha chế có kĩ năng pha trộn gia vị và dầu. Xem bản dịch trong EXO 30:25.

Translation Questions

Exodus 37:1

Bết-sa-lê-ên làm hòm giao ước bằng vật liệu gì?

Bết-sa-lê-ên làm hòm giao ước bằng gỗ cây keo.

Exodus 37:5

Vì sao Bết-sa-lê-ên xỏ đòn vào các khoen ở bên hông hòm giao ước?

Ông xỏ đòn vào các khoen ở bên hông hòm giao ước để khiêng hòm.

Exodus 37:9

Chê-ru-bim hướng mặt về đâu?

Chê-ru-bim đối mặt nhau và hướng vào giữa nắp thi ân.

Exodus 37:16

Phải có những vật dụng nào ở trên bàn?

Trên bàn phải có đĩa, muỗng, bát và bình dùng để rót lễ quán.

Exodus 37:19

Trên mỗi nhánh nứt ra từ chân đèn có những gì?

Mỗi nhánh có ba cái cốc làm giống hình hoa hạnh nhân, có cuốn lá và hoa, trên nhánh khác cũng có ba cái cốc làm giống hình hoa hạnh nhân, có cuốn lá và hoa.

Exodus 37:24

Bết-sa-lê-ên dùng bao nhiêu vàng để làm chân đèn và các đồ phụ tùng khác?

Ông dùng một ta-lâng vàng để làm chân đèn và các đồ phụ tùng khác.

Exodus 37:26

Bao quanh bàn thờ dâng hương là gì?

Bao quanh bàn thờ dâng hương là một đường viền vàng.

Exodus 37:29

Ai là người làm dầu thánh để xức và hương thơm nguyên chất?

Bết-sa-lê-ên là người làm dầu thánh để xức và hương thơm nguyên chất.

Chapter 38

Exodus 38:1

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Bết-sa-lê-ên làm...trang bị bằng vàng

Trong 38:1-3 xem bản dịch những từ này trong EXO 27:1-2 và EXO 27:3.

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Các sừng được làm thành một khối

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ông làm các sừng thành một khối”

Exodus 38:4

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ông làm ... xỏ đòn khiêng
Trong 38:4-5 xem bản dịch những từ này trong EXO 27:4 và EXO 27:5.
Được đặt dưới thành
Có thể ở dạng chủ động. AT: "chúng được đặt dưới thành"
Exodus 38:6
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.
Bết-sa-lê-ên làm ... bằng ván
Tấm ván là một miếng gỗ dài, khá nhẵn và dày hơn tấm bảng. Xem bản dịch những từ này trong EXO 27:7-8.
Exodus 38:8
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.
Cái chậu lớn bằng đồng với chân bằng đồng
Cái chân chống đỡ cái chậu bằng đồng. Xem bản dịch trong EXO 30:18.
Ông làm chậu từ tấm gương
Vật bằng đồng làm từ những tấm rương. Có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “Chậu bằng đồng làm từ những tấn gương”
Tấm gương
Tấm gương là một miếng kim loại hoặc thủy tinh được đánh bóng để phản chiếu hình ảnh.
Exodus 38:9
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và công cụ.
Ông cũng làm...như làm nuông trụ bằng bạc
Trong 38:9-10 xem bản dịch những từ này trong EXO 27:9-10.
Một trăm ...hai mươi
"100 ... 20"
Cu-bít
Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.
Exodus 38:11
Cũng như vậy về phía bắc ... cột trụ bằng bạc
Trong 38:11-12 xem bản dịch những từ này trong EXO 27:11-12.
Một trăm ... hai mươi ... năm mươi ... mười
"100 ... 20 ... 50 ... 10"
Cu-bít
Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.
Exodus 38:13
Hành lang
Trong 38:13-16 xem bản dịch những từ này trong EXO 27:13 and EXO 27:14-16.
Năm mươi ... mười lăm ... ba
"50 ... 15 ... 3"
Cu-bít
Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.
Tất cả rèm treo quanh hành lang làm từ vải mịn
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Bết-sa-la-ên và các thợ làm tất cả rèm treo quanh hành lang bằng vải mịn”
Exodus 38:17
Lỗ trụ ... hành lang làm bằng đồng
Trong 38:17-20, xem bản dịch những từ này trong EXO 27:16 và EXO 27:17-19.
Các lỗ trụ cho cột trụ làm bằng đồng
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Bết-sa-lê-ên và các thợ làm lỗ trụ cho cột trụ bằng bạc”
Cái móc và thanh trụ cho cây cột làm bằng bạc, và cũng phủ bạc trên phần đỉnh của cây cột
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Họ làm móc, thanh trụ cho cây cột, và phủ trên đỉnh của cây cột bằng bạc”
Hết thảy cột hành lang đều phủ bạc
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Họ phủ lên cột hành lang bằng bạc”
Hai mươi ... năm ... bốn
"20 ... 5 ... 4"
Cu-bít
Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.
Bức màn được làm
Có thể dịch ở dạng chủ động. "Họ làm ra bức màn"
Phủ phần đỉnh và thanh trụ của nó bằng bạc
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Họ phủ bạc trên phần đỉnh của cột và thanh trụ của nó”
Tất cả cọc lều cho đền tạm và hành lang phải làm bằng đồng
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Họ làm tất cả các cọc lều cho đền tạm và hành lang bằng đồng”
Exodus 38:21
Câu nối:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.
General Information:
Được ghi lại
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Điều mà Môi-se truyền cho các thầy Lê-vi gi”
Y-tha-ma
Đây là tên của người nam. Xem bản dịch tên này trong EXO 6:23.
Bết-sa-lê-ên con trai của U-ri cháu của Hu-rơ
"Bết-sa-lê-ên" và "U-ri" tên của người nam. Xem bản dịch tên này trong EXO 31:1-2.
Đức Giê-hô-va đã ra lệnh
"mọi điều mà Đức Giê-hô-va phán với Môi-se phải làm"
Ô-hô-li-áp con trai của A-hi-sa-mạc
"Ô-hô-li-áp" và "A-hi-sa-mạc" tên của người nam. Xem bản dịch trong EXO 31:6.
Thợ khắc, như một người thợ tài giỏi, và như thợ thêu
"như một thợ khắc và thợ thêu”
Exodus 38:24
Tất cả vàng được dùng cho công trình
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Tất cả vàng được dân sự dùng cho công trình”
Hai mươi chín ta-lâng...một trăm ta-lâng
Chín ta-lâng...một trăm ta-lâng
730 siếc-lơ ... 1,775 siếc-lơ
Một siếc-lơ là 11 gram.
Đo lường mức trung bình siếc-lơ đền thánh
Đây là số siếc-lơ rõ ràng nhiều hơn một cân vào thời đó. Chi tiết này là được sử dụng. Xem bản dịch trong [EXO 30:13]
Số bạc được dâng bởi hội chúng
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Số bạc này được hội chúng dâng”
Một bê-ka
Một bê-ka bằng ½ siếc-lơ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nửa siếc-lơ
"1/2 siếc-lơ"
Con số này đạt được dựa trên tiêu chuẩn của người được tính trong cuộc điều tra số dân
Mỗi người nam 20 tuổi hoặc lớn hơn được kể đến trong điều tra số dân, được yêu cầu nộp nửa siếc-lơ.
Hai mươi tuổi
"20 tuổi"
Exodus 38:27
Một trăm ta-lâng bạc trong tổng số
Một ta-lâng là 34 kí-lô-gam. AT: “Những người thợ tính được 100 ta-lâng bạc” hoặc “Những người thợ tính được 3,400 kí-lô-gam bạc”
Mộ trăm...bảy mươi
"100 ... 70"
Siếc-lơ
Một siếc-lơ là 11 gram.
Bết-sa-lê-ên
Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]
Exodus 38:30
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền thánh và đồ đạc.
Vỉ lò
Đây là một khung có các thanh đan chéo để giữ gỗ khi đốt. Xem bản dịch trong EXO 27:04.
Cọc lều
Đây là cọc đồng sắc nhọn được dùng để cố định các góc của lều trại trên mặt đất. Xem bản dịch trong EXO 27:19.

Translation Questions

Exodus 38:1
Bàn thờ dâng tế lễ thiêu dài và rộng bao nhiêu?
Bàn thờ dâng tế lễ thiêu dài năm cu-bít và rộng năm cu-bít.
Exodus 38:7
Bết-sa-lê-ên đóng bàn thờ như thế nào?
Ông đóng bàn thờ rỗng bằng ván ghép lại.
Exodus 38:8
Những tấm gương soi là của ai?
Những tấm gương soi là của các phụ nữ phục vụ tại cửa lều hội kiến.
Exodus 38:16
Tất cả các tấm rèm chung quanh hành lang làm bằng gì?
Tất cả các tấm rèm chung quanh hành lang làm bằng vải gai mịn.
Exodus 38:17
Bao nhiêu trụ của hành lang được bọc bạc?
Tất cả trụ của hành lang đều được bọc bạc.
Exodus 38:21
Ai là người hướng dẫn cho người Lê-vi?
Y-tha-ma, con trai của thầy tế lễ A-rôn hướng dẫn cho người Lê-vi.
Exodus 38:24
Tổng số vàng được dùng cho công trình này là bao nhiêu?
Tổng số vàng được dùng cho công trình là hai mươi chín ta-lâng, bảy trăm ba chục siếc-lơ theo siếc-lơ của nơi thánh.
Exodus 38:26
Có bao nhiêu người từ hai mươi tuổi trở lên được kiểm kê trong cuộc điều tra dân số?
Có 603,550 người từ hai mươi tuổi trở lên được kiểm kê trong cuộc điều tra dân số.

Chapter 39
Exodus 39:1
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tìm cách làm trang phục tế lễ.
Họ làm
Từ “họ” nói đến Bết-sa-lê-ên, Ô-hô-li-áp, và các thợ khác.
Như Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se
"y như Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm"
Exodus 39:2
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.
Bết-sa-lê-ên
Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]
Exodus 39:4
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục áo lễ.
Nó làm thành một mảnh với ê-phót, làm bằng vải gai mịn
Có thể ở dạng chủ động. AT: “họ làm nó thành một mảnh với ê-phót bằng vải gai mịn”
Như Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se
"cũng như Đức Giê-hô-va đã nói Môi-se làm.” Xem bản dịch những cụng từ này trong EXO 39:01.
Exodus 39:6
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục trang phục áo lễ.
Con dấu
Đây là viên đá có khắc được dùng để đóng dấu lên các mẫu bằng dấu sáp. Xem bản dịch trong EXO 28:11.
Mười hai con
"12 con"
Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Môi-se
"cũng như Đức Giê-hô-va nói với Môi-se đã làm." Xem bản dịch những cụm từ trong EXO 39:01.
Exodus 39:8
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.
Ông làm
"Bết-sa-lê-ên làm" hoặc "Bết-sa-lê-ên và các thợ làm"
Gang tay
Một gang tay dài 23 cen-ti-mét.
Exodus 39:10
Thông tin Tổng quát:
Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.
Họ đặt trên đó
"Các thợ đặt trên bằng đeo ngực”
Hồng ngọc ... ngọc thạch anh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một số ngôn ngữ không có từ của những loại đá này. Việc quan trọng là chúng quý giá và khác nhau. Xem bản dịch những từ này trong [EXO 28:17-20]

Các đá này được gắn trên bảng vàng

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Họ gắn đá này trên bảng bằng vàng”

Exodus 39:14

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.

Các viên đá được sắp xếp

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Các thợ sắp xếp những viên đá”

Exodus 39:17

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.

Hai dây chuyền cột

"hai dây chuyền làm bằng vàng ròng và thắt lại như sợi thừng.” Xem bản dịch trong EXO 28:14.

Exodus 39:19

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ như được ra lệnh trong EXO 28:26 và EXO 28:27.

Đai thắt dệt mịn

Đai thắt dệt

Exodus 39:21

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ như mạng lệnh trong EXO 28:28.

Để chúng có thể dính vào

Có thể ở dạng chủ động. AT: “để chúng có thể dính vào”

Bảng đeo ngực không được trở nên tách rời khỏi ê-phót

"Bảng đeo ngực sẽ ở chung với ê-phót”

Exodus 39:22

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ theo như mạng lệnh trong EXO 28:31-32 and EXO 28:33.

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Exodus 39:25

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-la-sê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ như mạng lệnh trong EXO 28:34-35.

Chuông bằng vàng ròng

Chúng là những chuông nhỏ.

Chuông và quả lựu, chuông và quả lựu

Đây là những mẫu phụ theo được lập lại dọc theo phần mép đáy áo choàng.

Exodus 39:27

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.

Họ làm…ra lệnh Môi-se

Trong 39:27-29 xem bản dịch những từ này trong EXO 28:39 và EXO 28:40 and EXO 28:42.

Khăn xếp

Đây là nón ôm lấy đầu mặc bởi những người nam làm từ mảnh vải dài quấn quanh đầu.

Quần lót trong

Đây là trang phục mặc ở bên ngoài, kế làn da. AT: “quần lót trong”

Khăn quàng vai

Đây là mảnh vải mặc từ quanh vai hoặc quanh thắt lưng.

Exodus 39:30

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ như mạng lệnh trong EXO 28:36-37.

Vương miệng thánh

Đây là vương miệng chạm trỗ làm từ vàng ròng. Xem bản dịch trong EXO 29:6.

Exodus 39:32

Thông tin Tổng quát:

Dân Y-sơ-ra-ên hoàn thành những việc Đức Giê-hô-va ra lệnh trong EXO 35:4-9 và EXO 35:10-12.

Tiếp tục làm việc đền tạm, lều hội kiến, đã hoàn thành. Dân sự Y-sơ-ra-ên làm mọi điều

“đền tạm” và “lều hội kiến” cùng nghĩa. Có thể ở dạng chủ động. AT: “Dân Y-sơ-ra-ên hoàn thành tất cả công việc trên đền tạm”

Cái móc

Những cái móc nối những vòng để giữ bức màn lại với nhau. Xem bản dịch của chúng trong EXO 26:4-6.

Lỗ trụ

Đây là những vật nặng đặt trên đất và giữ cho các vật gắn vào nó khỏi dịch chuyển. Xem bản dịch trong EXO 25:31.

Nắp chuộc tội

Đây là cái nắp đặt trên phần đỉnh của hòm, nơi của lễ chuộc tội được thực hiện. Xem bản dịch trong EXO 25:17.

Exodus 39:36

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục thực hiện những điều họ làm cho Môi-se.

Bánh hiện diện

Bánh này tượng trưng cho sự hiện diện của Chúa. Xem bản dịch trong EXO 25:30.

Vỉ lò

Đây là một khung có thanh đan chéo để giữ gỗ khi đốt. Xem bản dịch trong EXO 27:4.

Exodus 39:40

Thông tin Tổng quat:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục thực những việc họ làm cho Môi-se.

Họ mang lại

"Dân sự Y-sơ-ra-ên mang lại"

Đền tạm, lều hội kiến

Chúng có cùng nghĩa.

Exodus 39:42

Vì vậy dân sự

"và vì thế dân sự"

Thấy

Từ “thấy” ở đây gây chú ý thông tin được đề cập.

Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh, trong cách họ làm

"Họ đã làm theo cách mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ”

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Exodus 39:5

Vật gì được gắn thành một với ê-phót?

Đai thắt lưng được gắn thành một với ê-phót.

Vật gì được khắc tên mười hai con trai của Y-sơ-ra-ên?

Các viên ngọc được khắc tên mười hai con trai của Y-sơ-ra-ên.

Exodus 39:10

Có bao nhiêu hàng ngọc trên bảng đeo ngực?

Có bốn hàng ngọc trên bảng đeo ngực.

Exodus 39:17

Dây chuyền nối những gì?

Những sợi dây chuyền nối các góc của bảng đeo ngực với hai khuôn khảm được gắn phía trước cầu vai của ê-phót.

Exodus 39:18

Dây chuyền nối những gì?

Những sợi dây chuyền nối các góc của bảng đeo ngực với hai khuôn khảm được gắn phía trước cầu vai của ê-phót.

Exodus 39:21

Vì sao họ dùng một sợi dây màu xanh buộc các khoen của bảng đeo ngực với các khoen của ê-phót?

Họ dùng một sợi dây màu xanh buộc các khoen của bảng đeo ngực với các khoen của ê-phót để bảng đeo ngực được gắn ngay trên đai thắt của ê-phót. Như vậy bảng đeo ngực không bị rớt khỏi ê-phót.

Exodus 39:22

Nằm chính giữa áo dài của ê-phót là gì?

Cổ áo khoét chính giữa áo dài của ê-phót.

Exodus 39:23

Nằm chính giữa áo dài của ê-phót là gì?

Cổ áo khoét chính giữa áo dài của ê-phót.

Exodus 39:25

Họ gắn những gì giữa hai trái lựu vòng theo suốt lai áo?

Họ gắn những cái chuông giữa hai trái lựu vòng theo suốt lai áo.

Exodus 39:30

Họ khắc gì trên miếng thẻ bằng vàng ròng dùng làm mão thánh?

Trên miếng thẻ bằng vàng ròng dùng làm mão thánh, họ khắc chữ "THÁNH CHO ĐỨC GIÊ-HÔ-VA".

Exodus 39:43

Môi-se thấy gì khi ông xem xét tất cả các công việc?

Môi-se xem xét tất cả các công việc và thấy họ đã hoàn tất đúng như lời Đức Giê-hô-va truyền dạy.

Chapter 40

Exodus 40:1

Mùng một tháng giêng của năm mới

Năm mới đánh dấu thời gian Chúa giải cứu dân của Ngài ra khỏi Ai Cập. Việc này xảy ra giữa tháng ba theo lịch Phương Tây.

Exodus 40:3

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Đặt hòm bảng chứng trong đó

"đặt hòm bảng chứng trong hòm thánh”

Phủ hòm đó bằng bức màn

"đặt hòm đó sau bức màn"

Exodus 40:5

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Hòm bảng chứng

Điều này nói đến “hòm thánh” (UDB).

Exodus 40:8

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Tất cả đồ đạc

"tất cả những thứ thuộc một phần trong đó"

Exodus 40:12

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Ngươi đem đến

Môi-se sẽ tự làm những điều này.

Chúng được biệt riêng cho ta

Có thể ở dạng chủ động. AT: “chúng được biệt riêng cho ta”

Exodus 40:14

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Suốt thế hệ của dân ngươi.

"suốt thế hệ của dòng dõi ngươi.” Xem cách dịch những cụm từ tương tự trong EXO 12:14.

Exodus 40:17

Để đền tạm được dựng nên

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Mọi người dựng đền tạm”

Mùng một tháng giêng

Điều này nói chính xác một năm sau khi Chúa giải cứu dân sự của Ngài khỏi Ai Cập. Việc này xảy ra khoảng giữa tháng ba theo lịch phương Tây. Xem bản dịch trong [EXO 40:2]

Trong năm thứ hai

Đây là năm thứ hai sau khi Đức Giê-hô-va đem dân Ngài ra khỏi Ai Cập.

Môi-se dựng

Môi-se là vị lãnh đạo. Dân sự giúp Môi-se ây dựng đền tạm

Cây cột

Là những khúc gỗ kiên cố được dựng thẳng và dùng để chống đỡ.

Exodus 40:21

Ông đem

Môi-se là lãnh đạo. Ông có các thợ phụ việc ông.

Để che

"ở phía trước"

Exodus 40:24

Ông đặt chân đèn trước lều hội kiến

Môi-se hướng dẫn các thợ di chuyển chân đèn. Điều này được nói rõ trong bản dịch. AT: “Thợ của Môi-se dựng chân đèn trong hòm thánh”

Exodus 40:26

Phía trước bức màn

Bức màn này tách nơi thánh và nơi chí thánh. Điều này có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “phía trước bức màn biệt riêng nơi thánh khỏi nơi chí thánh”

Exodus 40:31

Rửa tay và chân họ trong chậu

Họ rửa chân bằng nước trong chậu. Điều này được nói rõ trong bản dịch. AT: “rửa tay và chân họ bằng nước trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chậu”
Vậy
"như vậy"
Exodus 40:34
Vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy dẫy
"Sự hiện diện oai quyền của Đức Giê-hô-va đầy dẫy"
Exodus 40:36
Bay lên trên khỏi
Có thể ở dạng chủ động. AT: “nâng lên khỏi”
Được cất lên
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Được nâng lên”

Translation Questions

Exodus 40:2
Môi-se phải dựng Đền Tạm vào khi nào?
Môi-se phải dựng Đền Tạm vào ngày mồng một tháng giêng của năm mới.
Exodus 40:3
Môi-se phải che hòm giao ước lại như thế nào?
Môi-se phải lấy màn che hòm giao ước lại.
Exodus 40:7
Môi-se phải đặt bồn rửa ở đâu?
Môi-se phải đặt bồn rửa ở khoảng giữa lều hội kiến và bàn thờ.
Exodus 40:11
Vì sao Môi-se phải xức dầu cho bồn cùng chân bồn?
Môi-se phải xức dầu cho bồn cùng chân bồn để sửa soạn nó cho việc phục vụ Đức Giê-hô-va.
Exodus 40:20
Môi-se đặt bảng chứng ước ở đâu?
Môi-se đặt bảng chứng ước trong hòm giao ước.
Exodus 40:26
Môi-se đặt bàn thờ dâng hương bằng vàng ở đâu?
Môi-se đặt bàn thờ dâng hương bằng vàng trong lều hội kiến ở phía trước bức màn.
Exodus 40:31
Môi-se, A-rôn và các con trai của A-rôn rửa tay chân trong bồn rửa mức độ thường xuyên như thế nào?
Môi-se, A-rôn và các con trai của A-rôn rửa tay chân trong bồn rửa mỗi khi vào lều hội kiến và khi đến gần bàn thờ.
Exodus 40:32
Môi-se, A-rôn và các con trai của A-rôn rửa tay chân trong bồn rửa mức độ thường xuyên như thế nào?
Môi-se, A-rôn và các con trai của A-rôn rửa tay chân trong bồn rửa mỗi khi vào lều hội kiến và khi đến gần bàn thờ.
Exodus 40:35
Vì sao Môi-se không thể vào lều hội kiến được?
Môi-se không thể vào lều hội kiến được vì đám mây bao phủ trên đó và vì vinh quang của Đức Giê-hô-va đầy dẫy Đền Tạm.
Exodus 40:36
Khi nào dân Y-sơ-ra-ên lên đường?
Mỗi khi đám mây cất lên khỏi Đền Tạm thì dân Y-sơ-ra-ên lên đường.

Chapter 1
Leviticus 1:1
từ Lều Hội Kiến, phán rằng: “Hãy đi nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng: “Khi một người nào
Từ đây, Đức Giê-hô-va bắt đầu phán cùng Môi-se. Lời của Ngài kéo dài cho đến 3:17. Có thể dịch câu này mà không dùng câu trích dẫn trong câu trích dẫn. Tham khảo cách dịch: “từ Lều Hội Kiến mà dặn Môi-se phải nói điều này cho dân Y-sơ-ra-ên: “ Khi một người nào”.
Khi một người nào trong các con
"Khi người nào trong các con” hoặc “Khi ai trong các con”
Leviticus 1:3
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Đức Giê-hô-va.
Nếu lễ vật của người ấy... người ấy phải dâng
Ở đây, “người ấy” chỉ về người đem tế lễ đến cho Đức Giê-hô-va. Có thể dịch lại câu này dùng ngôi thứ hai, như trong [LEV 1:2]
để nó được chấp nhận trước mặt Đức Giê-hô-va
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “để Đức Giê-hô-va sẽ chấp nhận nó”
đặt tay mình trên đầu
Đây là hành động mang tính tượng trưng đồng nhất người dâng tế lễ với con sinh tế mà người đó đang dâng lên. Làm như vậy, người nầy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế, để khi người ta giết con sinh tế đó thì Đức Chúa Trời sẽ tha thứ những tội lỗi của người ấy.
thì nó sẽ được chấp nhận thay cho người để làm sự chuộc tội cho người đó
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ chấp nhận nó thay cho người và tha thứ những tội lỗi của người”
Leviticus 1:5
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
Kế đến, người ấy phải giết con bò đực
Ở đây, “người ấy” chỉ về người dâng tế lễ. Có thể viết từ này ở ngôi thứ hai. Tham khảo cách dịch: “Kế đến, các con phải giết con bò đực”
trước mặt Đức Giê-hô-va
"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"
sẽ dâng máu đó
Câu này ngụ ý rằng khi máu chảy ra từ con sinh tế thì các thầy tế lễ hứng máu đó trong tô. Sau đó, họ sẽ đem tô máu nầy dâng lên cho Đức Giê-hô-va tại bàn thờ.
Sau đó, người ấy phải lột da con sinh tế làm tế lễ thiêu và sả thịt ra từng miếng
Như đã được trình bày trong 1:9, người nầy cũng phải lấy nước rửa bộ lòng và giò của con sinh tế. Người phải làm việc nầy trước khi trao những miếng thịt cho các thầy tế lễ để các thầy tế lễ đặt chúng trên bàn thờ. Như trong bản dịch UDB, ở đây bạn có thể mô tả các chỉ dẫn về bộ lòng và giò của con sinh tế
Sau đó, người ấy phải lột da
Ở đây, “người ấy” chỉ về người dâng tế lễ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Leviticus 1:7

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.

sẽ nhóm lửa trên bàn thờ và chất củi lên để giữ lửa

Câu này có thể có nghĩa là các thầy tế lễ đặt những viên than hồng lên trên bàn thờ, rồi sau đó xếp củi lên trên than đó. Hoặc bạn có thể phải sắp xếp lại trật tự của những hành động này như trong bản dịch tiếng Anh UDB. Tham khảo cách dịch: “sẽ xếp củi lên trên đền thờ và nhóm lửa”

để giữ lửa

Đây là một cách nói mang nghĩa là cứ cho củi vào lửa. Hãy dịch cụm từ này sao cho người ta hiểu được rằng lửa trên bàn thờ phải luôn giữ cho cháy. Tham khảo cách dịch: “để giữ lửa cháy”

Nhưng bộ lòng và giò của nó thì người phải rửa với nước

Người nầy sẽ làm như vậy trước khi trao những miếng thịt cho các thầy tế lễ để đặt trên bàn thờ. Bạn có thể mô tả ý này ở cuối của LEV 1:6.

bộ lòng

Đây là bao tử và ruột.

người phải rửa

Ở đây, “người” chỉ về người dâng tế lễ.

Nó sẽ tỏa ra mùi thơm cho Ta

Đức Giê-hô-va vui lòng với người thờ phượng chân thành đang dâng tế lễ như thể Ngài vui lòng trước mùi thơm từ tế lễ thiêu đó.

một tế lễ dâng lên bằng lửa cho Ta

Đức Giê-hô-va đang bảo Môi-se rằng những tế lễ đó sẽ được dâng lên bằng lửa. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “tế lễ thiêu cho Ta”

Leviticus 1:10

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

trước mặt Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Leviticus 1:12

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Kế đến, người phải xẻ…được dâng lên cho Ngài bằng lửa

Đối với 1:12-13, xem cách bạn đã dịch nhiều trong số những từ nầy trong LEV 1:7-9.

Kế đến người phải xẻ

Ở đây, “người” chỉ về người dâng tế lễ. Có thể viết từ này ở ngôi thứ hai. Tham khảo cách dịch: ‘Kế đến, các con phải xẻ nó”

Rồi thầy tế lễ sẽ dâng tất cả lên và thiêu chúng trên bàn thờ

"Rồi thầy tế lễ sẽ thiêu tất cả trên bàn thờ”

nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

nó sẽ là tế lễ được dâng lên cho Ngài bằng lửa

Đức Giê-hô-va dặn Môi-se rằng các thầy tế lễ phải thiêu tế lễ của họ bằng lửa. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “đó sẽ là tế lễ thiêu cho Ta” hoặc “đó sẽ làm tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va”

Leviticus 1:14

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

vặn đứt đầu nó

"vặn đứt đầu nó”

Thì máu của nó phải được vắt hết ra

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Sau đó, thầy tế lễ phải vắt hết máu của nó ra”

Leviticus 1:16

Người phải

"Thầy tế lễ phải”

cái diều của nó và những thứ trong đó

Diều là cái túi nhỏ trong cổ họng của con chim, nơi chứa thức ăn chưa được tiêu hóa.

và ném nó cạnh bàn thờ

Ở đây, “nó” chỉ về cái diều và những thứ trong cái diều đó.

nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

nó sẽ là tế lễ được dâng lên cho Ngài bằng lửa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “đó sẽ là tế lễ thiêu cho Ta” hoặc “đó sẽ làm tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va”

Translation Questions

Leviticus 1:3

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se truyền cho dân chúng phải đem con vật gì từ đàn gia súc làm tế lễ thiêu?

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se truyền cho dân chúng phải đem con đực không tì vết từ đàn gia súc làm tế lễ thiêu.

Leviticus 1:4

Đức Giê-hô-va truyền cho một người phải làm gì để của lễ được chấp nhận như một sinh tế chuộc tội thay cho người ấy?

Đức Giê-hô-va truyền cho người đó phải đặt tay trên đầu con vật làm tế lễ thiêu để của lễ được chấp nhận thay cho người ấy.

Leviticus 1:5

Các thầy tế lễ phải làm gì với máu của con bò?

Các thầy tế lễ phải dâng máu đó lên và rảy chung trên bàn thờ phía trước lều hội kiến.

Leviticus 1:8

Những ai là thầy tế lễ?

Các con trai của A-rôn là thầy tế lễ.

Leviticus 1:9

Phải làm gì với bộ lòng và giò trước khi đem thiêu trên bàn thờ?

Bộ lòng và giò phải được rửa với nước trước khi đem thiêu trên bàn thờ.

Của lễ thiêu sẽ tạo ra thứ gì làm đẹp lòng Đức Giê-hô-va?

Của lễ thiêu sẽ tạo ra hương thơm làm đẹp lòng Đức Giê-hô-va.

Leviticus 1:10

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se truyền cho dân chúng phải đem con vật gì từ đàn gia súc để làm tế lễ thiêu?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va truyền cho dân chúng phải đem chiên hoặc dê đực không tì vết từ đàn gia súc để làm tế lễ thiêu.
Leviticus 1:11
Chiên hoặc dê đực phải được giết ở phía nào của bàn thờ?
Chiên hoặc dê đực phải được giết ở phía bắc của bàn thờ.
Các con trai của A-rôn phải rảy máu của chiên hay dê ở đâu?
Các con trai của A-rôn phải rảy máu của chiên hay dê ở xung quanh bàn thờ.
Leviticus 1:14
Đức Giê-hô-va phán có thể đem loại chim nào để làm của lễ thiêu?
Đức Giê-hô-va phán có thể đem chim gáy hoặc bồ câu con làm của lễ thiêu.

Chapter 2
Leviticus 2:1
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
là bột lọc
"là bột mì mịn nhất" hoặc "là bột mì tốt nhất"
bột mì
loại bột làm từ lúa mì
Người sẽ lấy
"Người phải lấy"
lấy ra một nắm
"lấy ra thứ người có thể giữ trong tay mình"
một tế lễ tượng trưng
Một nắm tế lễ chay tượng trưng cho toàn bộ tế lễ chay đó. Cụm từ này có nghĩa là toàn bộ tế lễ đều thuộc về Đức Giê-hô-va.
Nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va
Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]
đó sẽ là tế lễ được dâng lên cho Ngài bằng lửa
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "đó sẽ là tế lễ thiêu dâng lên cho Ngài"
Leviticus 2:4
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục căn dặn Môi-se những việc dân sự và các thầy tế lễ phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.
được nướng trong lò
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con đã nướng trong lò"
lò
Đây có thể là một vật rỗng được làm từ đất sét. Người ta đốt lửa dưới lò, và hơi nóng sẽ nướng chín ổ bánh đặt bên trong lò.
bánh mềm làm từ bột lọc
Hiểu ngầm ở đây là bánh mềm không men.
được thoa dầu
Hãy dịch cụm từ này để cho thấy được dầu sẽ được thoa trên bánh. Tham khảo cách dịch: "có dầu trên bánh"
Nếu của lễ chay của các con được nướng bằng vỉ sắt
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nếu các con nướng của lễ chay của các con trên vỉ sắt"
vỉ sắt
Đây là loại đĩa dày được làm từ đất sét hoặc bằng kim loại. Vỉ này được đặt ở trên lửa, là bánh sẽ được làm chín ở trên bề mặt của vỉ.
Leviticus 2:6
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.
chia nó
Ở đây, "nó" chỉ về tế lễ chay được nấu trên vỉ sắt.
Nếu của lễ chay của các con được nấu
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nếu các con nấu của lễ chay của mình"
trong chảo
Chảo là tấm kim loại với các cạnh tròn viền quanh. Bột được đặt trong chảo và nấu chín bằng lửa.
nó phải được làm
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "con phải làm nó"
Leviticus 2:8
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.
được làm từ những nguyên liệu này
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con đã làm từ bột lọc và dầu"
nó sẽ được trình dâng
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "con sẽ trình dâng nó"
Sau đó, thầy tế lễ... dâng bằng lửa
Đối với 2:9-10, Hãy xem cách bạn đã dịch nhiều trong số những từ nầy trong LEV 2:2-3.
tế lễ tượng trưng
Một nắm lấy từ tế lễ chay tượng trưng cho toàn bộ tế lễ chay đó. Cụm từ này có nghĩa là toàn bộ tế lễ này thuộc về Đức Giê-hô-va. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 2:2.
Đó sẽ là tế lễ được dâng bằng lửa
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đó sẽ là tế lễ thiêu"
nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va
Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]
từ tế lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "từ tế lễ thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va"
Leviticus 2:11
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.
Không một tế lễ chay nào mà các con dâng lên cho Đức Giê-hô-va được làm với men
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Không được dùng men trong tế lễ chay mà các con dâng lên cho Đức Giê-hô-va"
làm tế lễ được dâng lên bằng lửa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “làm tế lễ thiêu”

Con sẽ dâng chúng

"Con sẽ dâng của lễ chay được làm với men hoặc mật ong”

chúng sẽ không được dùng để tỏa hương thơm trên bàn thờ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con sẽ không dùng chúng để tạo hương thơm trên bàn thờ” hoặc “con sẽ không thiêu chúng trên bàn thờ”

muối của giao ước của Đức Chúa Trời các con

Câu này ngụ ý rằng muối là biểu tượng tượng trưng cho giao ước với Đức Chúa Trời.

Leviticus 2:14

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.

được rang bằng lửa và rồi xay ra

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: ‘mà các con đã rang trên lửa rồi xay”

tế lễ tượng trưng

Một nắm lấy từ tế lễ chay tượng trưng cho toàn bộ tế lễ chay đó. Cụm từ này có nghĩa là toàn bộ tế lễ này thuộc về Đức Giê-hô-va. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 2:2.

Đây là tế lễ được dâng bằng lửa lên cho Đức Giê-hô-va

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đây là tế lễ thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va”

Translation Questions

Leviticus 2:1

Có thể đem loại của lễ chay nào làm lễ vật cho Đức Giê-hô-va?

Có thể lấy bột lúa mì mịn làm lễ vật cho Đức Giê-hô-va.

Phải làm gì để chuẩn bị bột lúa mì mịn trước khi dâng cho Đức Giê-hô-va?

Phải cho dầu và nhũ hương vào bột trước khi dâng cho Đức Giê-hô-va.

Leviticus 2:3

Phần của lễ chay còn lại sẽ thuộc về ai?

Phần của lễ chay còn lại sau khi thiêu sẽ thuộc về A-rôn và các con trai người.

Leviticus 2:4

Nếu của lễ chay được nướng trên chảo sắt phẳng thì phải thế nào?

Nếu của lễ chay được nướng trên chảo sắt phẳng thì đó phải được làm bằng bột không men nhồi với dầu.

Leviticus 2:11

Không được cho những thứ gì vào của lễ chay?

Không được cho men và mật ong vào của lễ chay.

Leviticus 2:13

Phải luôn có thứ gì trong của lễ chay?

Phải luôn có muối trong của lễ chay.

Chapter 3

Leviticus 3:1

Thông tin chung:

Môi-se tiếp tục truyền bảo dân sự những điều Đức Giê-hô-va muốn họ làm.

trước mặt Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va” hoặc “cho Đức Giê-hô-va"

đặt tay mình trên đầu

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tễ lễ với con sinh tế mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

Các con trai của A-rôn, tức là những thầy tế lễ, sẽ rảy máu nó

Câu này ngụ ý rằng trước khi họ rảy máu thì họ phải dùng một cái tô hứng máu đó khi nó chảy ra từ con sinh tế.

Leviticus 3:3

bộ lòng

Đây là bao tử và ruột.

gần chỗ thắt lưng

Đây là một phần trên cơ thể, ở hai bên xương sống, nằm giữa xương sườn và xương chậu.

phần thùy gan

Đây là phần cong hoặc bo tròn của lá gan, được xem là phần ngon nhất của lá gan. Tham khảo cách dịch: “phần ngon nhất của lá gan”.

Nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

nó sẽ là tế lễ được dâng lên cho Ngài bằng lửa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "nó sẽ là tế lễ thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va”

Leviticus 3:6

dâng nó trước mặt Đức Giê-hô-va

"dâng nó trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va” hoặc “dâng nó cho Đức Giê-hô-va”

đặt tay mình trên đầu

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người đó với con sinh tế mà người đó đang dâng. Làm như vậy, người này đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế.

Các con trai của A-rôn sẽ rảy máu của nó

Câu này ngụ ý rằng trước khi họ rảy máu, họ phải lấy tô hứng máu khi nó chảy ra từ con sinh tế.

Leviticus 3:9

làm tế lễ được dâng lên bằng lửa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “làm tế lễ thiêu”

Mỡ, toàn bộ mỡ... hai trái cật- người ấy sẽ gỡ toàn bộ chúng.

Cụm “người ấy sẽ gỡ toàn bộ chúng” có thể được đặt ở phần đầu câu. Tham khảo cách dịch: “Người ấy sẽ gỡ phần mỡ, toàn bộ mỡ... hai trái cật”

bộ lòng

Đây là bao tử và ruột.

gần chỗ bộ lòng, và hai trái cật

Có thể bắt đầu một câu mới ở đây. Tham khảo cách dịch: “gần chỗ bộ lòng. Người phải gỡ luôn hai trái cật”

gần chỗ thắt lưng

Đây là một phần trên cơ thể, ở hai bên xương sống, nằm giữa xương sườn và xương chậu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phần thùy gan
Đây là phần cong hoặc bo tròn của lá gan, được xem là phần ngon nhất của lá gan. Tham khảo cách dịch: “phần ngon nhất của lá gan”.
sẽ thiêu tất cả trên bàn thờ như một tế lễ thiêu về thức ăn dâng lên cho Đức Giê-hô-va
Hãy dịch câu này theo cách làm rõ rằng Đức Giê-hô-va không thực sự ăn những đồ ăn đó. Tham khảo cách dịch: “sẽ thiêu những thứ đó trên bàn thờ như một của lễ cho Đức Giê-hô-va. Và chúng đến từ những nguồn cung cấp thực phẩm của các ngươi” (UDB)
Leviticus 3:12
trước mặt Đức Giê-hô-va
"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va” hoặc “cho Đức Giê-hô-va”
đặt tay mình trên đầu
Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tễ lễ với con sinh tế mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]
các con trai của A-rôn sẽ rảy máu của nó
Câu này ngụ ý rằng trước khi họ rảy máu đó, họ phải hứng máu đó trong một cái tô khi nó chảy ra từ con sinh tế.
sẽ dâng tế lễ được dâng lên bằng lửa của mình
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “sẽ dùng lửa để dâng tế lễ của mình” hoặc “sẽ thiêu tế lễ của mình”
Leviticus 3:15
Người ấy cũng sẽ
Ở đây, “người” chỉ về người dâng tế lễ.
sẽ thiêu tất cả trên bàn thờ như là tế lễ về thức ăn dùng lửa dâng lên
Hãy dịch cụm từ này theo cách để người đọc không hiểu rằng Đức Giê-hô-va thực sự ăn thức ăn đó. Tham khảo cách dịch: “sẽ thiêu nhưng thứ đó trên bàn thờ như một tế lễ cho Đức Giê-hô-va, như thể chúng là đồ ăn được dâng lên cho Đức Giê-hô-va” (UDB)
để tỏa hương thơm
Đức Giê-hô-va vui lòng với mùi thơm của thịt đang cháy khi Ngài vui lòng với sự chân thành của người thờ phượng. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]
Đây sẽ là luật lệ đời đời cho dòng dõi các con
Câu này có nghĩa là họ và dòng dõi của họ phải vâng giữ mạng lệnh này mãi mãi.
hoặc huyết
"hoặc ăn huyết”

Translation Questions

Leviticus 3:1
Phải dâng của lễ thù ân là con vật gì từ trong bầy?
Của lễ thù ân phải là con đực hoặc cái không tì vết từ trong bầy.
Leviticus 3:2
Của lễ thù ân phải được giết ở đâu?
Của lễ thù ân phải được giết tại cửa lều hội kiến.
Leviticus 3:3
Phần nào của của tế lễ thù ân phải được lấy ra và đặt trên bàn thờ?
Phần mỡ dính với bộ lòng, thùy gan và cật phải được lấy ra và đặt trên bàn thờ.
Leviticus 3:4
Phần nào của của tế lễ thù ân phải được lấy ra và đặt trên bàn thờ?
Phần mỡ dính với bộ lòng, thùy gan và cật phải được lấy ra và đặt trên bàn thờ.
Leviticus 3:6
Có sự khác biệt nào trong của lễ thù ân lấy từ bầy súc vật nhỏ thay vì bầy súc vật lớn không?
Không có sự khác biệt nào.
Leviticus 3:8
Có sự khác biệt nào trong của lễ thù ân lấy từ bầy súc vật nhỏ thay vì bầy súc vật lớn không?
Không có sự khác biệt nào.
Leviticus 3:9
Vật khác biệt phải được lấy ra khỏi của lễ thù ân từ bầy súc vật nhỏ là gì?
Nguyên cái đuôi mỡ chặt gần cuối xương sống phải được lấy ra nếu của lễ thù ân từ bầy súc vật nhỏ.
Leviticus 3:16
Mỡ thuộc riêng về ai?
Mỡ thuộc riêng về Đức Giê-hô-va.
Leviticus 3:17
Đức Giê-hô-va truyền cho dân chúng không được ăn thứ gì ở khắp nơi họ cư trú?
Đức Giê-hô-va truyền cho dân chúng không được ăn mỡ và huyết ở khắp nơi họ cư trú.

Chapter 4

Leviticus 4:1
Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, mà rằng: “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên: “Khi người nào phạm tội
Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và truyền ông đi nói với dân Y-sơ-ra-ên như vầy: “Khi người nào phạm tội"
mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh không được làm
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân sự không được làm”
nếu người làm điều gì đó vốn bị cấm
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu người làm điều gì mà Đức Giê-hô-va không cho phép”
những điều sau phải được thực hiện
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ấy phải làm những điều sau”
để đem tội lỗi đến trên dân sự
Danh từ “tội” có thể được diễn đạt như một tính từ. Tham khảo cách dịch: “để khiến dân sự phạm tội”
Leviticus 4:4
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Môi-se những việc dân sự phải làm.
Người ấy phả dẫn con bò đực đó
"Thầy tế lễ thượng phẩm phải dẫn con bò đực đó”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đặt tay người trên đầu nó
Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tễ lễ với con sinh tế mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]
Thầy tế lễ đã được xức dầu sẽ lấy một phần máu
Câu này ngụ ý rằng thầy tế lễ sẽ dùng tô hứng máu chảy ra từ con bò.
Leviticus 4:6
rảy một ít máu đó
"nhỏ một phần máu đó" hoặc "hất một ít máu đó"
các sừng của bàn thờ
Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Tham khảo cách dịch: "những phần nhô ra từ bốn góc của bàn thờ" (UDB)
đổ hết
"đổ hết phần máu còn lại"
chỗ chân bàn thờ
"ở phần mặt đáy của bàn thờ"
Leviticus 4:8
Người ấy sẽ cắt bỏ
"Thầy tế lễ ấy sẽ cắt bỏ"
phần mỡ quanh bộ lòng... cùng với hai trái cật- người ấy phải cắt bỏ hết những phần nầy
Có thể đặt về "người ấy phải cắt bỏ hết những phần này" ở đầu câu. Tham khảo cách dịch: "Người ấy phải cắt bỏ phần mỡ quanh bộ lòng.... với hai trái cật"
bộ lòng
Đây là bao tử và ruột.
gần chỗ thắt lưng
Đây là một phần trên cơ thể, ở hai bên xương sống, nằm giữa xương sườn và xương chậu.
phần thùy gan
Đây là phần cong hoặc bo tròn của lá gan, được xem là phần ngon nhất của lá gan. Tham khảo cách dịch: "phần ngon nhất của lá gan".
Leviticus 4:11
Phần da... bộ phận của con bò- người ấy phải đem tất cả những phần nầy ra ngoài
Có thể đặt vế "người ấy phải đem tất cả những phần nầy ra ngoài" ở đầu câu. Tham khảo cách dịch: "Thầy tế lễ đó phải đem phần da... những phần của con bò ra ngoài"
một nơi mà họ đã dọn sạch cho Ta
Một nơi tinh sạch theo nghi thức và phù hợp dùng cho việc phục vụ Đức Chúa Trời được nói đến như thể nơi đó rất sạch sẽ.
họ đã dọn sạch cho Ta
Ở đây, "họ" chỉ về các thầy tế lễ, và "Ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.
Leviticus 4:13
không hay biết
"không biết"
đã ra lệnh không được làm
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "đã ra lệnh cho họ không được làm"
và nếu họ phạm tội
"và họ phạm tội" hoặc "và họ đáng bị Đức Chúa Trời trừng phạt"
khi tội lỗi mà họ đã phạm được phát giác
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "khi họ nhận ra mình đã phạm tội"
sẽ đặt tay họ trên đầu
Đây là một hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người đó với con sinh tế mà họ đang dâng lên. Làm như vậy, họ đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va qua con sinh tế. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [LEV 1:4]
con bò đực đó sẽ bị giết
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "và họ sẽ giết con bò đực đó"
Leviticus 4:16
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
Thầy tế lễ đã được xức dầu sẽ đem một phần máu
Câu này ngụ ý rằng thầy tế lễ sẽ dùng tô để hứng máu chảy ra từ con bò đực đó.
phía trước bức màn
Câu này ngụ ý rằng đây là bức màn trước nơi chí thánh.
Leviticus 4:18
Người sẽ bôi
"Thầy tế lễ sẽ bôi"
các sừng của bàn thờ
Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 4:7.
người sẽ đổ hết máu
"người sẽ đổ hết phần máu còn lại"
tất cả mỡ từ nó và thiêu chúng
"tất cả mỡ trong con bò đực rồi thiêu số mỡ nầy"
Leviticus 4:20
người phải làm
"thầy tế lễ đó phải làm"
Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho dân sự
Có thể diễn đạt danh từ "lễ chuộc tội" như một động từ. Tham khảo cách dịch: "Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho tội của dân sự"
họ sẽ được tha thứ
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho họ"
Leviticus 4:22
Đức Chúa Trời đã ra lệnh không được làm
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời đã lệnh cho dân sự không được làm"
sau đó tội mà người đã phạm được tỏ ra cho người
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "sau đó người nhận ra mình đã phạm tội"
Leviticus 4:24
Người ấy sẽ đặt
"Người lãnh đạo đó sẽ đặt"
đặt tay mình trên đầu
Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tễ lễ với con sinh tế mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nơi họ giết
"nơi các thầy tế lễ giết”
trước mặt Đức Giê-hô-va
"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va” hoặc “cho Đức Giê-hô-va”
Thầy tế lễ đó sẽ lấy máu
Câu này ngụ ý rằng thầy tế lễ sẽ dùng tô hứng máu chảy ra từ con dê đó.
các sừng của bàn thờ
Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 4:7.
Leviticus 4:26
Người sẽ thiêu
"Thầy tế lễ sẽ thiêu”
Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho người lãnh đạo đó
Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho người lãnh đạo đó"
người lãnh đạo đó sẽ được tha thứ
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ những tội lỗi của người lãnh đạo đó”
Leviticus 4:27
Đức Giê-hô-va đã lệnh cho người không được làm
Toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên được lệnh không được phạm tội. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân sự không được làm”
tội lỗi mà người đã phạm được tỏ ra cho người
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người nhận biết được tội lỗi mà mình đã phạm”
Leviticus 4:29
đặt tay mình trên đầu
Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tễ lễ với con sinh tế mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]
Thầy tế lễ sẽ lấy một phần máu đó
Câu này ngụ ý rằng thầy tế lễ đó sẽ hứng máu chảy ra từ con sinh tế trong một cái tô.
các sừng của bàn thờ
Cụm từ này chỉ bốn góc cạnh của bàn thờ, chúng có hình dạng giống như sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 4:7.
toàn bộ phần máu còn lại
"toàn bộ phần máu còn lại trong tô”
Leviticus 4:31
Người ấy phải cắt bỏ
Ở đây, “người” chỉ về người dâng tế lễ.
giống như mỡ được cắt bỏ
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “giống như một người cắt bỏ mỡ”
sẽ thiêu chúng
"sẽ thiêu phần mỡ đó”
để tỏa ra mùi thơm cho Đức Giê-hô-va
Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]
Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho the man
Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho những tội lỗi của người đó"
người ấy sẽ được tha thứ
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho những tội lỗi của người đó"
Leviticus 4:32
đặt tay mình trên đầu
Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tễ lễ với con sinh tế mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]
nơi họ giết
"nơi các thầy tế lễ giết”
Leviticus 4:34
các sừng của bàn thờ
Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 4:7.
người sẽ đổ toàn bộ máu của nó
"người sẽ đổ phần máu còn lại của nó”
Người ấy phải cắt bỏ
Ở đây, “người” chỉ về người dâng tế lễ.
giống như phần mỡ của chiên con được cắt bỏ
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “giống như người ta cắt bỏ phần mở của chiên con”
thầy tế lễ sẽ thiêu chúng
"thầy tế lễ sẽ thiêu phần mỡ đó”
những tế lễ được dâng lên bằng lửa cho Đức Giê-hô-va
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “những tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va”
sẽ làm lễ chuộc tội cho người vì những tội mà người đã phạm
Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “sẽ chuộc tội cho những tội lỗi mà người đó đã phạm”
người đó sẽ được tha thứ
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho những tội lỗi của người đó"

Translation Questions

Leviticus 4:3
Chương bốn của sách Lê-vi Ký nói về loại của lễ nào?
Chương bốn của sách Lê-vi Ký nói về của lễ chuộc tội.
Leviticus 4:6
Thầy tế lễ phải rảy huyết từ của lễ chuộc tội bao nhiêu lần trước mặt Đức Giê-hô-va, phía trước bức màn của nơi chí thánh?
Thầy tế lễ phải rảy huyết từ của lễ chuộc tội bảy lần trước mặt Đức Giê-hô-va, phía trước bức màn của nơi chí thánh.
Leviticus 4:11
Phải đem phần nào của con bò ra nơi tinh sạch cho Đức Giê-hô-va và đổ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trên tro?
Da bò, phần thịt còn lại với đầu, giò, bộ lòng và phân của nó phải được đem ra chỗ đổ tro.
Leviticus 4:15
Nếu cả hội chúng Y-sơ-ra-ên vô ý phạm tội thì ai phải đặt tay trên của lễ chuộc tội?
Các trưởng lão phải đặt tay trên của lễ chuộc tội nếu cả hội chúng Y-sơ-ra-ên vô ý phạm tội.
Leviticus 4:20
Nếu cả hội chúng Y-sơ-ra-ên vâng theo chỉ dẫn về của lễ chuộc tội thì sẽ thế nào?
Nếu cả hội chúng Y-sơ-ra-ên vâng theo chỉ dẫn về của lễ chuộc tội thì họ sẽ được tha thứ.
Leviticus 4:23
Nếu một người lãnh đạo phạm tội thì phải dâng con vật gì?
Nếu một người lãnh đạo phạm tội thì phải dâng một con dê đực không tì vết.
Leviticus 4:27
Nếu một thường dân phạm tội thì phải dâng của lễ là gì?
Nếu một thường dân phạm tội thì phải dâng một con dê cái không tì vết làm của lễ chuộc tội.
Leviticus 4:32
Một người có thể đem một con chiên cái không tì vết làm của lễ chuộc tội được không?
Được, có thể đem một con chiên cái không tì vết làm của lễ chuộc tội.

Chapter 5
Leviticus 5:1
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
những điều mà người đó buộc phải làm chứng lại
Cả luật Do Thái và những nhà lãnh đạo đều buộc dân sự phải làm chứng nếu như họ là nhân chứng của một vụ vi phạm luật. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “những điều mà quan toà đã buộc người đó làm chứng lại"
Đức Chúa Trời đã định là ô uế
Những điều mà Đức Chúa Trời đã tuyên bố là không phù hợp để dân sự chạm đến hoặc ăn được nói đến như thể vật đó không được sạch sẽ.
xác
"xác chết”
người ấy bị ô uế
Một người không được chấp nhận cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó không sạch sẽ, bị ô uế.
Leviticus 5:3
nếu người ấy chạm vào sự ô uế của ai đó, bất kể là sự ô uế nào
Danh từ “sự ô uế” có thể được diễn đạt như một tính từ. Tham khảo cách dịch: “nếu người ấy chạm vào bất cứ thứ gì khiến một người ra ô uế”
sự ô uế
Những điều Đức Giê-hô-va đã tuyên bố không phù hợp để người ta chạm đến hoặc ăn được nói đến như thể vật đó không được sạch sẽ.
người không hay biết về nó
"người không nhận ra nó” hoặc “người không biết về nó”
nếu người nào lấy môi mình thề vội
Ở đây, “môi” tượng trưng cho cả người đó. Tham khảo cách dịch: “Nếu người nào vội vàng thề”
nếu người nào vội vàng thề
Câu này có nghĩa là lập lời thề mà không nghiêm túc suy nghĩ về nó. Ngụ ý của câu này là sau khi lập lời thề thì người đó không thể hoàn thành nó hay chính người đó cũng không thực sự muốn thực hiện điều đó.
Leviticus 5:5
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho him
Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho him"
Leviticus 5:7
Nếu người không có đủ khả năng mua một con chiên
"Nếu người không đủ tiền mua một con chiên”
người sẽ vặn cổ nó nhưng không để cho đầu con chim đứt lìa
"người sẽ vặn cổ để giết chết con chim, nhưng không để đầu con chim đứt lìa”
Leviticus 5:10
như đã được mô tả trong những lời hướng dẫn
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “như Đức Giê-hô-va đã hướng dẫn”
Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho người vì tội lỗi mà người đã phạm
Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc những tội mà người đó đã phạm”
người đó sẽ được tha thứ
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho người đó”
Leviticus 5:11
một phần mười ê-pha
Một ê-pha bằng 22 lít. Một phần mười ê-pha bằng khoảng 2 lít.
một phần mười
Đây là một phần trong số mười phần bằng nhau.
Leviticus 5:12
Người phải đem nó
"Người phải đem bột lọc đó”
tế lễ tượng trưng
Một nắm tế lễ mà thầy tế lễ thiêu trên bàn thờ tượng trưng cho toàn bộ số tế lễ đó. Câu này có nghĩa là toàn bộ tế lễ nầy đều thuộc về Đức Giê-hô-va. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 2:2.
bên trên các tế lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “bên trên các tế lễ thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va’
sẽ làm lễ chuộc tội
Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “sẽ chuộc tội”
người ấy sẽ được tha thứ
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ những tội lỗi của người ấy”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Leviticus 5:14

phạm tội với những vật thuộc về Đức Giê-hô-va

Câu này có nghĩa là người nầy đã phạm tội khi không dâng cho Đức Giê-hô-va những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho người phải dâng. Tham khảo cách dịch: “những tội khi không dâng cho Đức Giê-hô-va những điều thuộc về Ngài”

giá trị của nó phải được định giá bằng những siếc-lơ bạc

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ấy phải định xem con cừu đực này đáng giá bao nhiêu siếc-lơ"

siếc-lơ

Một siếc-lơ nặng bằng khoảng 11 gram.

siếc-lơ nơi thánh

Có thể điều nầy có nghĩa là có ít nhất hai cách để cân siếc-lơ. Câu này chỉ về cách các thầy tế lễ trong nơi thánh cân một siếc-lơ ra sao. Tham khảo cách dịch: “chuẩn chính thức trong lều thánh” (UDB)

nơi thánh

Đây là tên gọi khác của lều thánh.

người ấy phải thêm một phần năm Người phải add một phần năm

Điều này có nghĩa là người ấy phải trả thêm một khoảng bằng một phần năm giá trị của vật mà mình nợ Đức Giê-hô-va..

một phần năm

Đây là một phần trong tổng thể gồm năm phần bằng nhau.

Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho him

Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho him"

người ấy sẽ được tha thứ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho người đó”

Leviticus 5:17

đã ra lệnh không được làm

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “đã lệnh cho dân sự không được làm”

phải gánh chịu tội lỗi của mình

Tội lỗi của một người được nói đến như một vật mà người đó phải mang vác. Ở đây, từ “tội” tượng trưng cho hình phạt dành cho tội lỗi đó. Tham khảo cách dịch: “người phải chịu trách nhiệm về tội của mình” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ hình phạt người vì cớ tội lỗi của người”

bằng đúng giá trị hiện hành

Điều này có nghĩa là người nấy phải quyết định con chiên đực đó đáng giá bao nhiêu siếc-lơ bằng cách dùng siếc-lơ tiêu chuẩn chính thức của lều thánh. Xem [LEV 5:15]

người ấy sẽ được tha thứ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho người"

người ấy nhất định là có tội trước mặt Đức Giê-hô-va

"Đức Giê-hô-va nhất định xem người là có tội”

Translation Questions

Leviticus 5:1

Có tội thiếu sót nào mà một người có thể phải chịu?

Nếu một người phạm tội vì không làm chứng về việc mà mình đã thấy hoặc biết khi được yêu cầu làm nhân chứng thì người ấy phải chịu hình phạt.

Leviticus 5:2

Khi một người chạm vào bất kì vật gì Đức Chúa Trời định là ô uế thì sẽ thế nào?

Nếu một người chạm vào bất kì vật gì Đức Chúa Trời định là ô uế thì người đó sẽ bị xem là ô uế và mắc tội.

Leviticus 5:5

Khi một người mắc tội thì phải làm hai việc gì?

Người mắc tội phải xưng nhận tội mình đã phạm và mang của lễ chuộc tội mình dâng cho Đức Giê-hô-va.

Leviticus 5:6

Khi một người mắc tội thì phải làm hai việc gì?

Người mắc tội phải xưng nhận tội mình đã phạm và mang của lễ chuộc tội mình dâng cho Đức Giê-hô-va.

Phải mang con vật nào làm của lễ chuộc tội dâng cho Đức Giê-hô-va?

Phải mang một con dê hoặc chiên cái làm của lễ chuộc tội dâng cho Đức Giê-hô-va.

Leviticus 5:7

Nếu người ấy không đủ khả năng mua một con chiên thì có thể đem gì đến làm của lễ chuộc tội dâng cho Đức Giê-hô-va?

Nếu người ấy không đủ khả năng mua một con chiên thì có thể đem hai con chim gáy hoặc hai con bồ câu con làm của lễ chuộc tội dâng cho Đức Giê-hô-va.

Leviticus 5:11

Nếu người ấy không đủ khả năng mua hai con chim gáy hay hai con bồ câu con thì có thể đem gì đến làm của lễ chuộc tội?

Nếu người ấy không đủ khả năng mua hai con chim gáy hay hai con bồ câu con thì có thể đem một phần mười ê-pha bột lúa mì mịn không trộn dầu hay nhũ hương làm của lễ chuộc tội.

Leviticus 5:15

Nếu người nào vi phạm mạng lệnh và phạm tội vì không đem dâng vật Đức Giê-hô-va yêu cầu thì phải dâng của lễ gì?

Của lễ này phải là một con chiên đực không tì vết từ trong bầy được đánh giá bằng siếc-lơ bạc.

Chapter 6

Leviticus 6:1

vị phạm mạng lệnh chống lại Đức Giê-hô-va

"bất tuân một trong những mạng lệnh của Đức Giê-hô-va”

lừa dối người lân cận của mình về những thứ mà người đã giao phó cho mình

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nói dối người lân cận của mình về những thứ mà người đã cho mình mượn"

người lân cận của mình

Ở đây, “người lân cận” có nghĩa là bất cứ một người Y-sơ-ra-ên nào, không phải chỉ những người sống gần bên.

chiếm đoạt những thứ đã được giao phó cho mình

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “không trả lại những thứ mà mình đã mượn”

Leviticus 6:5

đầy đủ

"đầy đủ” hoặc “ hoặc “toàn bộ"

thêm một phần năm

Điều này có nghĩa là người đó phải trả lại mọi thứ mà mình đã mượn từ người khác cộng thêm một phần năm tổng giá

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trị của nó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 5:16]

để trả cho chủ của vật được mượn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để trả cho người mà mình đã mượn”

người ấy bị buộc tội

Người đã ăn cắp sẽ bị giải đến trước quan tòa và bị phán là có tội. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “quan tòa sẽ tuyên bố người có tội”

theo đúng trị giá hiện tại

Điều này có nghĩa là người nấy phải quyết định con chiên đực đó đáng giá bao nhiêu siếc-lơ bằng cách dùng siếc-lơ tiêu chuẩn chính thức của lều thánh. Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 5:15]

Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho người

Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho người"

trước mặt Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

người ấy sẽ được tha thứ

Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va, chứ không phải là thầy tế lễ, sẽ tha thứ cho người đó. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho người”

Leviticus 6:8

Kế đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, mà rằng: “Hãy truyền lệnh cho A-rôn và các con trai người rằng: “Đây là luật

Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Kế đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và dặn người phải truyền lệnh cho A-rôn và các con trai người rằng: “Đây là luật”

phải ở trên mặt bàn thờ

"phải trên nóc bàn thờ”

lửa của bàn thờ phải được giữ cho cháy luôn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con phải giữ cho lửa của bàn thờ luôn cháy”

Leviticus 6:10

y phục bằng vải gai của mình

Vải gai là loại vải màu trắng. Tham khảo cách dịch: “y phục màu trắng của mình”

Người ấy sẽ hốt tro

"Người ấy sẽ gom tro”

sau khi lửa đã thiêu cháy hết phần tế lễ thiêu

Ngọn lửa hoàn toàn thiêu rụi tế lễ thiêu được nói đến như thể nó đã nuốt trọn hoặc thiêu thụ hết tế lễ thiêu.

đến một chỗ tinh sạch

Một nơi phù hợp được sử dụng cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể nơi đó sạch sẽ.

Leviticus 6:12

Lửa trên bàn thờ phải luôn được giữ cho cháy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ phải giữ cho lửa trên bàn thờ luôn cháy” "

như được yêu cầu trên đó

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “trên đó như Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh”

Leviticus 6:14

để tỏa hương thơm

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với người thờ phượng thành tâm đã dâng của lễ được nói đến như thể Đức Chúa Trời hài lòng về hương thơm của tế lễ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [LEV 1:9]

tế lễ tượng trưng

Một nắm lấy từ tế lễ chay tượng trưng cho toàn bộ tế lễ chay đó. Cụm từ này có nghĩa là toàn bộ tế lễ này thuộc về Đức Giê-hô-va. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 2:2.

Leviticus 6:16

Chúng phải được ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ phải ăn chúng”

Bột đó không được nướng có men

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không được pha men vào bột đó mà nướng” Tham khảo cách dịch: "Do not bake it with yeast"

những tế lễ được dùng lửa dâng lên

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “những tế lễ thiêu”

Người nào chạm đến chúng sẽ trở nên thánh

Đây là lời cảnh báo ngầm hiểu ở đây là những người nam không thuộc dòng dõi A-rôn đó không được chạm vào của lễ đó. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

Leviticus 6:19

khi từng người con được xức dầu

Câu này ngụ ý rằng họ sẽ được xức dầu khi trở thành thầy tế lễ. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Cũng có thể dịch những câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “khi người xức dầu cho từng người con, phong chức tế lễ cho chúng”

một phần mười ê-pha

Một ê-pha tương đương với 22 lít. Một phần mười ê-pha vào khoảng 2 lít.

một phần mười

Đây là một phần trong số mười phần bằng nhau.

Leviticus 6:21

Nó phải được làm

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con phải làm nó”

trên vỉ nướng

Đây là một tấm kim loại hoặc đất sét dày. Người ta đặt vì nảy trên lửa, và nướng bánh trên mặt của nó. Xem cách bạn đã dịch "chảo bằng sắt đáy phẳng” trong [LEV 2:5]

Khi bột được nhồi kỹ

"Khi bột đã được trộn kỹ với dầu” hoặc “Khi bột đã được nhồi kỹ với dầu”

con sẽ đem nó vào

Ở đây, “con” chỉ về người dâng tế lễ.

để tỏa ra mùi thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

như được truyền lệnh

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho con”

tất cả những lễ vật này sẽ được thiêu

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cách dịch: “người phải thiêu tất cả số đó”

sẽ bị thiêu rụi hoàn toàn

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người phải thiêu rụi chúng”

Chúng không được ăn

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không ai được ăn nó”

Leviticus 6:24

Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se, mà rằng: “Hãy nói với A-rôn và các con trai của người rằng: “Đây là luật

Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se và bảo người nói với A-rôn và các con trai của người rằng: “Đây là luật”

nói với A-rôn và các con trai người

Đức Giê-hô-va đang phán với A-rôn và các con trai của ông, nhưng những luật lệ này áp dụng cho tất cả những thầy tế lễ thực hiện việc dâng tế lễ. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

Tế lễ chuộc tội phải bị giết tại… trước mặt Đức Giê-hô-va

Bạn có thể nói rõ ràng rằng nơi này chỉ cạnh phía Bắc của bàn thờ. Xem LEV 1:10-11.

Tế lễ chuộc tội phải bị giết

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải giết tế lễ chuộc tội”

nơi tế lễ thiêu bị giết

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “nơi các con giết con sinh tế làm tế lễ thiêu”

trước mặt Đức Giê-hô-va

“cho Đức Giê-hô-va”

Chúng phải được ăn

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người phải ăn chúng”

Leviticus 6:27

Bất cứ thứ gì chạm đến thịt sinh tế sẽ trở nên thánh

Đây là một lời cảnh báo ngầm hiểu là không ai bên cạnh các thầy tế lễ được phép chạm đến thịt của tế lễ chuộc tội. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

nếu máu của sinh tế bị văng lên

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu máu của sinh tế văng lên”

nồi đất mà thịt con sinh tế được nấu trong đó phải bị đập bể

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải đập bể nồi đất mà các con dùng để nấu thịt con sinh tế”

Nếu nó được nấu trong nồi đồng, thì nồi đó phải được lau chùi và cọ rửa bằng nước cho sạch

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nếu các con nấu thịt sinh tế trong nồi đồng thì các con phải cọ rửa và lau nó bằng nước sạch”

Leviticus 6:29

không một tế lễ chuộc tội nào được phép ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “không ai có thể ăn tế lễ chuộc tội”

máu của nó được mang vào Lều Hội Kiến

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà thầy tế lễ lấy máu của nó đem làm Lều Hội Kiến”

Nó phải bị thiêu

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ phải thiêu nó đi”

Translation Questions

Leviticus 6:1

Nếu một người phạm tội với người lân cận mình thì phải làm gì?

Nếu một người phạm tội với người lân cận mình thì phải trả lại vật mình đã lấy hoặc vật bị mất mà mình lượm được.

Leviticus 6:4

Nếu một người phạm tội với người lân cận mình thì phải làm gì?

Nếu một người phạm tội với người lân cận mình thì phải trả lại vật mình đã lấy hoặc vật bị mất mà mình lượm được.

Leviticus 6:5

Nếu một người nói dối về bất kì điều gì thì phải làm gì?

Nếu một người nói dối về bất kì điều gì thì phải bồi hoàn đầy đủ cộng với một phần năm giá trị.

Leviticus 6:6

Nếu phạm những tội trên thì một người phải đem gì đến cho thầy tế lễ để làm của lễ chuộc tội?

Nếu phạm những tội trên thì một người phải đem một con chiên đực không tì vết từ trong bầy đến cho thầy tế lễ.

Leviticus 6:9

Của lễ thiêu được giữ trên bàn thờ bao lâu?

Của lễ thiêu được giữ trên bàn thờ suốt đêm cho đến sáng.

Leviticus 6:10

Thầy tế lễ phải mặc gì để hốt tro trên bàn thờ?

Thầy tế lễ phải mặc y phục bằng vải gai với đồ lót cũng bằng vải gai vào mình để hốt tro trên bàn thờ.

Leviticus 6:11

Thầy tế lễ phải làm gì trước khi đem tro ra ngoài trại quân?

Thầy tế lễ phải thay y phục bằng vải gai ra và mặc y phục khác vào trước khi đem tro ra ngoài trại quân.

Leviticus 6:12

Thứ gì phải được giữ luôn?

Lửa trên bàn thờ phải giữ cho cháy luôn.

Leviticus 6:13

Thứ gì phải được giữ luôn?

Lửa trên bàn thờ phải giữ cho cháy luôn.

Leviticus 6:16

Các thầy tế lễ phải làm gì với của lễ chay còn lại?

Các thầy tế lễ phải ăn của lễ chay còn lại không có men.

Leviticus 6:20

Các con trai của A-rôn phải làm gì khi các con trai của họ được xức dầu?

Các con trai của A-rôn phải dâng của lễ chay là một phần mười ê-pha bột lúa mì mịn, một nữa vào buổi sáng và một nữa vào buổi chiều.

Leviticus 6:21

Của lễ chay phải được chuẩn bị như thế nào?

Của lễ chay phải được trộn kỹ với dầu trên chảo nướng, sau đó nướng thành nhiều miếng.

Leviticus 6:22

Ai sẽ dâng của lễ chay này?

Con trai nào của A-rôn kế nhiệm chức thầy tế lễ thượng phẩm thì sẽ dâng của lễ chay này.

Leviticus 6:26

Theo luật về của lễ chuộc tội thì thầy tế lễ phải làm gì với của lễ?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thầy tế lễ phải ăn của lễ chuộc tội.
Leviticus 6:28
Phải làm gì với nồi đất đun áo bị dính huyết sinh tế?
Nồi đất đun áo bị dính huyết sinh tế phải bị đập bể đi.
Leviticus 6:30
Phần nào của của lễ chuộc tội không được ăn?
Không được ăn bất cứ phần nào của của lễ chuộc tội vì huyết nó đã được đem vào lều hội kiến để làm lễ chuộc tội tại nơi thánh.

Chapter 7
Leviticus 7:1
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những điều ông phải thuật lại cho A-rôn và các con trai người.
nơi giết các con sinh tế
Bạn có thể nói rõ ràng rằng ở đây chỉ nơi mà các con vật dùng cho các tế lễ thiêu bị giết. Xem [LEV 1:10-11]
Toàn bộ mỡ trong đó phải được dâng lên
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ phải dâng toàn bộ mỡ của nó”
bộ lòng
Đây là bao tử và ruột.
gan... hai trái cật... hai trái cật
Hãy dịch những cụm từ này như cách bạn đã làm trong LEV 3:4.
gần thắt lưng
Đây là một phần trên cơ thể, ở hai bên xương sống, nằm giữa xương sườn và xương chậu. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 3:4.
tất cả những phần này phải được lấy ra
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “thầy tế lễ phải lấy những phần này ra”
Leviticus 7:5
như một tế lễ được dâng lên bằng lửa
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “làm tế lễ thiêu”
Chúng phải được ăn
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ phải ăn chúng”
Leviticus 7:7
Cùng một luật áp dụng cho cả hai
"Luật này cho cả hai là như nhau"
về thầy tế lễ dùng chúng làm lễ chuộc tội
Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “về thầy tế lễ dâng của lễ này để chuộc tội cho ai đó”
da
bộ lông hoặc bộ da của vật nuôi
Leviticus 7:9
được nướng trong lò... được chiên trong chảo
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà người ta nướng trong lò... mà người ta chiên trong chảo”
lò
Đây có thể là một vật rỗng làm bằng đất sét. Người ta thắp lửa ở phía dưới và hơi nóng của nó sẽ nướng chín phần bột ở trong lò. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 2:4]
chảo chiên
Đây là tấm kim loại hình tròn. Bột được đặt ở trong chảo và nấu bằng lửa. Xem cách bạn đã dịch "pan" in [LEV 2:7]
vỉ nướng
Đây là tấm kim loại hoặc đất sét dày. Người ta đặt vỉ nảy trên lửa, và nướng bánh trên mặt của nó. Xem cách bạn đã dịch "chảo sắt đáy phẳng” trong [LEV 2:5]
Leviticus 7:11
bằng bánh được làm không men, và được trộn với dầu
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bằng bánh người ấy làm không men nhưng có trộn với dầu”
bánh... được trộn với dầu
Ở đây, “bánh” chỉ về loại bánh to.
bằng bánh không men, và được trộn với dầu
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bằng bánh nhỏ mà người ấy làm không dùng men, và có thoa dầu”
bánh... thoa dầu
Ở đây, “bánh” chỉ về loại bánh nhỏ.
bằng bánh làm từ bột lọc được trộn với dầu
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bằng bánh mà người làm từ bột lọc có trộn dầu”
bánh làm bằng bột lọc
Ở đây, “bánh” chỉ về loại bánh lớn. Nó tương tự với loại bánh đầu tiên được làm từ loại bột ngon nhất.
Leviticus 7:13
bánh được làm có men
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bánh mà người ấy làm có dùng men”
bánh
Chỉ về loại bánh lớn.
Leviticus 7:15
Người trình dâng
"Người dâng”
để dâng lời cảm tạ
Danh từ “lời cảm tạ” có thể dịch thành động từ. Tham khảo cách dịch: “để cảm tạ Đức Giê-hô-va”
thịt của sinh tế phải được ăn... nó có thể được ăn
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ấy phải ăn thịt sinh tế... người có thể ăn nó”
Leviticus 7:17
vào ngày thứ ba
Thứ ba ở đây là số thứ tự của số ba. Tham khảo cách dịch: “sau hai ngày”
phải bị thiêu
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người đó phải thiêu nó”
Nếu bất cứ phần thịt nào trong tế lễ bình an của người nào được ăn trong ngày thứ ba
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu ai ăn thịt trong tế lễ bình an của mình trong ngày thứ ba”
nó sẽ không được chấp nhận
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận nó”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phần thịt đó cũng sẽ không được ghi nhận cho người đã dâng nó
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va cũng sẽ không coi trọng tế lễ mà người đó đã dâng lên”
sẽ mang lấy tội của người
Một người chịu trách nhiệm về tội lỗi mà mình đã phạm được nói đến như thể người đó phải mang tội đó như một vật gì đó trên người.
Leviticus 7:19
Thịt nào chạm vào vật ô uế thì không được ăn
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “không ai được ăn thịt đã chạm và điều ô uế”
vật không sạch
Thứ mà Đức Giê-hô-va tuyên bố không được phép chạm đến hoặc ăn được nói đến như thể bản thân nó không được sạch sẽ.
Nó phải bị thiêu
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải thiêu nó”
người nào tinh sạch
Một người được chấp nhận cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ.
người không tinh sạch
Một người không phù hợp cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó không được sạch sẽ, bị dơ bẩn.
người đó phải bị cắt bỏ khỏi dân sự mình
Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người đó không được sống giữa dân sự của mình nữa” hoặc “các con phải phân rẽ người đó khỏi dân sự mình”
Leviticus 7:21
bất cứ vật không tinh sạch nào
Những thứ Đức Giê-hô-va tuyên bố không được đụng đến hoặc ăn đến được nói đến như thể vật đó bị bẩn, không sạch.
dù là sự ô uế của người hoặc của loài vật không tinh sạch
Ở đây, “người” chỉ về con người nói chung. Tham khảo cách dịch: “dù là người hay loài vật”
hoặc của vật ô uế và đáng ghê tởm
"hoặc của vật ô uế nào đó mà Đức Giê-hô-va ghê tởm”
người đó phải bị trục xuất khỏi dân sự mình
Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 7:20]
Leviticus 7:22
Tiếp đó, Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, mà rằng: “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên, rằng: “Các ngươi không được ăn mỡ
Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Tiếp đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và truyền ông đi nói với dân Y-sơ-ra-ên như vầy: 'Các ngươi không được ăn mỡ”
đã chết mà không phải là của tế lễ
"bị chết nhưng không phải là tế lễ”
mỡ của con thù bị thú dữ xé
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mỡ của con thú bị thú dữ giết”
có thể được dùng
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con có thể dùng”
Leviticus 7:25
tế lễ dùng lửa dâng lên
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “tế lễ thiêu”
người đó phải bị trục xuất khỏi dân sự mình
Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 7:20]
Các con không được ăn huyết
"Các con không được ăn huyết”
trong bất cứ nhà nào của các con
"tại bất cứ nhà nào của các con” hoặc “mọi nơi nào các con ở”
Leviticus 7:28
Vậy Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, mà rằng: “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng: “Người nào dâng”
Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Sau đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và truyền ông đi nói với dân Y-sơ-ra-ên như vầy: 'Người nào dâng”
Của lễ cho Đức Giê-hô-va phải được dâng lên bằng lửa, chính tay người đó phải đem nó
Có thể đặt câu “chính tay người đó phải đem nó” ở đầu câu. Cụm từ “sẽ được dâng lên bằng lửa” có thể nói ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Chính người đó phải đem của lễ mà mình định thiêu làm tế lễ cho Đức Giê-hô-va”
chính tay người đó phải đem nó
Ở đây, “tay” tượng trưng cho chính người đó. Tham khảo cách dịch: “chính người đó phải đem nó”
ngực
Phần cơ thể trước của con thú, bên dưới cổ.
để phần ngực có thể được đưa qua lại như một tế lễ dâng đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để thầy tế lễ có thể dâng nó lên cho Đức Giê-hô-va như một tế lễ dâng đưa qua đưa lại”
có thể được đưa qua lại như một tế lễ dâng đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va
Hành động nâng tế lễ lên cao là hành động nang tính biểu tượng cho thấy người đó đang dâng tế lễ đó cho Đức Giê-hô-va.
Leviticus 7:31
đùi
Phần trên của chân, bên trên đầu gối.
như một tế lễ được dâng lên
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch: “và dâng nó lên như một tế lễ”
Leviticus 7:33
Vì Ta đã lấy
Ở đây, “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.
là của tế lễ dâng lên
"được dâng lên làm tế lễ”
Leviticus 7:35
những tế lễ được dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va”
mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh họ phải được nhận chúng từ dân Y-sơ-ra-ên
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên phải đưa cho họ”
mà người xức dầu cho các thầy tế lễ
"mà Môi-se đã xức dầu cho các thầy tế lễ”
trải qua mọi thế hệ
Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong LEV 3:17.
Leviticus 7:37
Câu nối
Đây là phần kết của lời nói bắt đầu trong câu LEV 7:29.

Translation Questions

Leviticus 7:7
Của lễ nào giống của lễ chuộc sự mắc lỗi?
Của lễ chuộc tội giống của lễ chuộc sự mắc lỗi.
Leviticus 7:8
Thầy tế lễ sẽ giữ phần nào của của lễ thiêu?
Thầy tế lễ sẽ giữ phần da của của lễ thiêu.
Leviticus 7:9
Của lễ nào thuộc về thầy tế lễ?
Của lễ chay là thuộc về thầy tế lễ.
Leviticus 7:10
Của lễ nào thuộc về thầy tế lễ?
Của lễ chay là thuộc về thầy tế lễ.
Leviticus 7:17
Phải làm gì với thịt sinh tế chưa ăn hết còn dư lại đến ngày thứ ba?
Thịt sinh tế chưa ăn hết còn dư lại đến ngày thứ ba thì phải thiêu đi.
Leviticus 7:25
Ai ăn mỡ súc vật hoặc huyết chim hay súc vật thì sẽ thế nào?
Ai ăn mỡ súc vật hoặc huyết chim hay súc vật thì sẽ bị trục xuất khỏi dân chúng.
Leviticus 7:26
Ai ăn mỡ súc vật hoặc huyết chim hay súc vật thì sẽ thế nào?
Ai ăn mỡ súc vật hoặc huyết chim hay súc vật thì sẽ bị trục xuất khỏi dân chúng.
Leviticus 7:32
Phải tặng gì cho thầy tế lễ sau khi mỡ đã được thiêu trên bàn thờ?
Sau khi mỡ đã được thiêu trên bàn thờ thì phải tặng phần đùi phải cho thầy tế lễ.

Chapter 8
Leviticus 8:1
Thông tin chung:
Trong chương 8, Môi-se phong chức tế lễ cho A-rôn và các con trai của ông theo những mạng lệnh của Đức Giê-hô-va mà Môi-se đã ghi lại trong sạch Xuất Ê-díp-tô-ký.
lễ phục
"trang phục của thày tế lễ” hoặc “lễ phục mà các thầy tế lễ mặc”
Leviticus 8:4
Đức Giê-hô-va đã ra lệnh phải làm
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va lệnh cho chúng ta làm”
Leviticus 8:6
rồi lấy nước rửa cho họ
Đây là hành động mang tính biểu tượng. Đó là nghi thức làm sạch nhằm chuẩn bị những người này để trở thành thầy tế lễ.
áo lót... thắt đai lưng... áo choàng... ê-phót... thắt đai lưng bằng vải kết tinh xảo
Đây là những lễ phục đặc biệt mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân sự làm cho các thầy tế lễ.
đai thắt lưng
miếng vải dài được buộc quanh hông hoặc ngực.
buộc nó vào người ông
"buộc nó quanh người ông”
Leviticus 8:8
Ông cũng đeo bảng đeo ngực vào người
"Môi-se đeo bảng đeo ngực vào cho A-rôn”
bảng đeo ngực... khăn xếp... thẻ vàng, mão triều thánh
Tất cả đều là y phục đặc biệt mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân sự làm cho các thầy tế lễ.
U-rim và Thu-mim
Không rõ đây là gì. Chúng là những vật dụng mà thầy tế lễ bằng một cách nào đó dùng nó để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời.
khăn xếp
Miếng vải dài quấn quanh đầu của người nam, che phủ đầu của họ.
thẻ vàng, mão triều thánh
Hai cụm từ này cùng chỉ về một thứ. Đó là cái thẻ bằng vàng nguyên chất đính trên khăn xếp.
Leviticus 8:10
mọi vật dụng của nó
Những thứ này là toàn bộ số bình, vỉ, xẻng, chỉa ba được dùng tại bàn thờ.
chậu rửa
Đây là chậu rửa bằng đồng được đặt ở giữa bàn thờ và lều tạm.
chân chậu rửa
Đây là chân đế để đặt chậu rửa lên trên, và được làm bằng đồng.
Leviticus 8:12
Ông đổ
"Môi-se đổ”
những đai thắt lưng
Đây là hình thức số nhiều của "đai thắt lưng." Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 8:7.
Leviticus 8:14

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đặt tay họ trên đầu
Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất A-rôn và các con trai của ông với con sinh tế đang được dâng lên. Làm như vậy, họ đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]
các sừng của bàn thờ
Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 4:7.
biệt riêng nó ra cho Đức Chúa Trời
"biệt riêng bàn thờ ra cho Đức Chúa Trời"
để làm lễ chuộc tội cho nó
Ở đây, "lễ chuộc tội" có nghĩa là khiến bàn thờ trở nên có thể sử dụng được, phù hợp để dùng trong việc phục vụ Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "để khiến nó trở thành chỗ thích hợp để dâng những tế lễ chuộc tội"
Leviticus 8:16
bộ lòng
Đây là bao tử và ruột. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 1:9.
gan... hai trái cật ... hai trái cật
Hãy dịch những từ này như bạn đã làm trong LEV 3:4.
bộ da
Đây là bộ lông hoặc bộ da của vật nuôi
Leviticus 8:18
đặt tay họ trên đầu
Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất A-rôn và các con trai của ông với con sinh tế đang được dâng lên. Làm như vậy, họ đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]
Leviticus 8:20
Ông xả thịt con chiên
"Môi-se xả thịt con chiên"
tỏa mùi thơm
Việc Đức Giê-hô-va vui lòng về người thờ phượng chân thật đã dâng của lễ đó được nói đến như thể Ngài vui lòng về hương thơm bốc lên từ tế lễ thiêu đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [LEV 1:9]
một của lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "một của lễ mà người thiêu lên cho Đức Giê-hô-va"
Leviticus 8:22
con chiên đực dùng cho lễ phong chức
Từ "lễ phong chức" là một danh từ trừu tượng. Tham khảo cách dịch: "con chiên đực dùng để biệt riêng A-rôn và các con trai của ông ra để phục vụ Đức Chúa Trời"
đặt tay họ trên đầu
Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất A-rôn và các con trai của ông với con thú mà họ đang dâng lên. Làm như vậy, họ đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]
Môi-se lấy một ít máu của nó
Câu này ngụ ý rằng Môi-se dùng tô để hứng máu chảy ra từ con sinh tế. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.
Leviticus 8:25
bộ lòng
Đây là bao tử và ruột. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 1:9.
gan... hai trái cật... hai trái cật
Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong LEV 3:4.
đùi bên phải
Đùi là phần nằm trên đầu gối của chân. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 7:32.
giỏ bánh không men để trước mặt Đức Giê-hô-va
Câu này không nói đến vị trí của giỏ bánh, nhưng cho thấy số bánh đó Môi-se đã dâng lên cho Đức Giê-hô-va.
đặt tất cả những thứ đó vào tay A-rôn và tay các con trai ông
Ở đây, "tay" đại diện cho chính người đó. Tham khảo cách dịch: "trao tất cả những thứ đó cho A-rôn và các con trai của ông"
giơ chúng lên trước mặt Đức Giê-hô-va như một tế lễ dâng đưa qua đưa lại
Câu này ngụ ý rằng A-rôn và các con trai của ông dâng tế lễ đó lên cho Chúa. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "họ giơ chúng lên trước mặt Đức Giê-hô-va như một tế lễ dâng đưa qua đưa lại"
giơ chúng lên
Đây là hành động mang tính biểu tượng chỉ về tế lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va.
Leviticus 8:28
Môi-se lấy chúng
Ở đây, "chúng" chỉ về mỡ, đùi và toàn bộ số bánh.
từ tay họ
Ở đây, "tay" đại diện cho chính người đó. Tham khảo cách dịch: "từ A-rôn và các con trai của ông"
Chúng là tế lễ phong chức
"Chúng là tế lễ để biệt riêng A-rôn và các con trai của ông ra cho công việc phục vụ Đức Giê-hô-va"
một của lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va"
tỏa mùi thơm
Việc Đức Giê-hô-va vui lòng về người thờ phượng chân thật đã dâng của lễ đó được nói đến như thể Ngài vui lòng về hương thơm bốc lên từ tế lễ thiêu đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [LEV 1:9]
ngực
phần thân trước của con vật, phía ở dưới cổ.
lễ phong chức
Đây là một buổi lễ chính thức khiến ai đó trở thành một thầy tế lễ.
Leviticus 8:31
giỏ dùng trong lễ phong chức
Có nghĩa là giỏ đựng những tế lễ được dùng khi phong chức tế lễ cho A-rôn và các con trai của ông. Tham khảo cách dịch: "giỏ"
như Ta đã ra lệnh, rằng: "A-rôn và các con trai người sẽ ăn chúng"
Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: "như Ta đã ra lệnh cho các anh em phải làm"
cho đến khi những ngày phong chức của các anh em được trọn
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "cho đến khi anh em giữ trọn những ngày trong lễ phong chức của mình"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lễ phong chức
Đây là buổi lễ chính thức lập ai đó làm thầy tế lễ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 8:29.
Leviticus 8:34
phải được làm
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chúng ta phải làm”
để làm lễ chuộc tội cho anh và các cháu
Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “để chuộc tội lỗi của anh và các cháu”
đây là điều tôi đã lệnh
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “đây là những gì Ngài đã truyền lệnh cho tôi”

Translation Questions

Leviticus 8:1
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải làm gì với A-rôn và các con trai của ông?
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se đưa A-rôn và các con trai của ông cùng các lễ phục, dầu xức, bò, hai con chiên đực và giỏ bánh không men đến cửa lều hội kiến.
Leviticus 8:3
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se phải truyền gọi ai đến lều hội kiến?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se phải truyền gọi toàn thể hội chúng đến cửa lều hội kiến.
Leviticus 8:7
Môi-se mặc gì cho A-rôn?
Ông mặc áo dài cho A-rôn, thắt đai lưng và mặc áo khoác.
Leviticus 8:8
Môi-se gắn gì lên bảng đeo ngực?
Môi-se gắn U-rim và Thu-mim lên bảng đeo ngực.
Leviticus 8:9
Mão triều thánh là gì?
Mão triều thánh là tấm thẻ bằng vàng.
Leviticus 8:10
Môi-se lấy dầu xức bôi lên đâu?
Môi-se lấy dầu xức bôi lên đền tạm và mọi vật trong đó.
Leviticus 8:12
Môi-se tấn phong cho A-rôn như thế nào?
Môi-se lấy dầu xức cho A-rôn để tấn phong cho ông.
Leviticus 8:14
Môi-se làm gì với huyết con bò được đem đến làm của lễ chuộc tội?
Môi-se dùng ngón tay lấy máu bôi lên các sừng của bàn thờ. Sau đó ông đổ máu dưới chân bàn thờ.
Leviticus 8:15
Môi-se làm gì với huyết con bò được đem đến làm của lễ chuộc tội?
Môi-se dùng ngón tay lấy máu bôi lên các sừng của bàn thờ. Sau đó ông đổ máu dưới chân bàn thờ.
Leviticus 8:18
Môi-se làm gì với huyết chiên đực dùng làm tế lễ thiêu?
Môi-se giết con chiên đực và rảy máu chung quanh bàn thờ.
Leviticus 8:19
Môi-se làm gì với huyết chiên đực dùng làm tế lễ thiêu?
Môi-se giết con chiên đực và rảy máu chung quanh bàn thờ.
Leviticus 8:23
Môi-se làm gì với huyết con chiên đực thứ hai, tức là con chiên đực dùng cho lễ phong chức?
Môi-se lấy huyết con chiên đực dùng cho lễ phong chức bôi lên trái tai bên phải của A-rôn, trên ngón cái của bàn tay phải và trên ngón cái của bàn chân phải.
Leviticus 8:35
Các thầy tế lễ phải ở tại cửa lều hội kiến bao lâu?
Các thầy tế lễ phải ở tại cửa lều hội kiến bảy ngày bảy đêm.
Leviticus 8:36
A-rôn và các con trai người đáp ứng thế nào trước những điều Đức Giê-hô-va truyền bảo?
Họ làm mọi điều Đức Chúa Trời đã truyền dạy qua Môi-se.

Chapter 9

Leviticus 9:1
trong ngày thứ tám
Từ “thứ tám” là số thứ tự của số tám.
trước mặt Đức Giê-hô-va
“cho Đức Giê-hô-va” hoặc “trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"
Leviticus 9:3
Thông tin chung:
Môi-se tiếp tục nói với A-rôn.
Anh phải nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng: “Hãy bắt một con dê đực... sẽ hiện ra với anh em”
Môi-se tiếp tục nói với A-rôn. Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Và hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên bắt một con dê đực.. sẽ hiện ra cho toàn thể dân sự”
một tuổi
"mười hai tháng tuổi”
để dâng lên trước mặt Đức Giê-hô-va
"để dâng cho Đức Giê-hô-va”
Leviticus 9:6
đã ra lệnh cho anh em phải làm
Ở đây, “anh em” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
để vinh quang của Ngài sẽ hiện ra với anh em
Ở đây, “vinh quang” tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “để Ngài sẽ tỏ cho anh em thấy vinh quang trong sự hiện diện của Ngài”
làm lễ chuộc tội cho chính anh và cho dân sự... dâng tế lễ thay cho dân sự để làm lễ chuộc tội cho họ
Đây là hai tế lễ khác nhau. Tế lễ đầu tiên là để chuộc tội cho tội lỗi của thầy tế lễ thượng phẩm. Khi thầy tế lễ thượng phẩm phạm tội, nó cũng sẽ khiến cho dân sự mắc tội theo. (Xem: LEV 4:3). Của lễ thứ hai là để chuộc tội cho những tội lỗi mà chính dân sự phạm phải.
Leviticus 9:8
các con trai của A-rôn đem máu sinh tế đến cho ông
Câu này ngụ ý rằng họ sẽ dùng tô để hứng máu chảy ra từ con sinh tế. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ này của câu.
các sừng của bàn thờ
Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 4:7.
dưới chân bàn thờ
"dưới đáy bàn thờ”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Leviticus 9:10
người thiêu
"A-rôn thiêu”
hai trái cật... gan... hai trái cật
Hãy dịch những từ này như bạn đã làm trong LEV 3:4.
bộ da đó
Đây là bộ lông hoặc bộ da của vật nuôi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 7:8.
Leviticus 9:12
các con trai của ông đưa máu sinh tế cho ông
Câu này ngụ ý rằng những người con trai nầy sẽ dùng tô để hứng máu chảy ra từ son sinh tế. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.
bộ lòng
Đây là bao tử và ruột. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 1:9.
Leviticus 9:15
con dễ đực đầu tiên
Từ “đầu tiên” là số thứ tự của một. Tham khảo cách dịch: “con dê đực dùng làm tế lễ của ông”
cùng với tế lễ thiêu buổi sáng
Câu này nói về của lễ đầu tiên mỗi ngày. Các thầy tế lễ sẽ dâng tế lễ thiêu này vào buổi sáng sớm, trước khi dâng những của lễ khác. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.
Leviticus 9:18
Người giết
"A-rôn giết”
Các con trai A-rôn đưa máu sinh tế cho ông
Câu này ngụ ý rằng máu đựng trong một cái tô. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.
bộ lòng
Đây là bao tử và ruột. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 1:9.
hai trái cật... gan... hai trái cật
Hãy dịch những từ này như bạn đã làm trong LEV 3:4.
Leviticus 9:20
Họ lấy những phần đó
"Các con trai A-rôn lấy những phần đó”
đặt chúng
Từ “chúng” chỉ mỡ và bộ lòng đã được liệt kê trước đó.
ngực
Đây là phần thân trước của con sinh tế, ở bên dưới cổ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 7:30.
đùi bên phải
Đây là phần trên của chân, phía trên đầu gối. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 7:32.
trước mặt Đức Giê-hô-va
“cho Đức Giê-hô-va”
Leviticus 9:22
rồi ông đi xuống
Người ta dùng cụm từ “đi xuống” bởi vì nơi đặt bàn thờ cao hơn nơi mà dân sự đang đứng.
Vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra với cả dân sự
Ở đây, “vinh quang” tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va bày tỏ cho cả dân sự thấy vinh quang trong sự hiện diện của Ngài”
Một ngọn lửa ra từ Đức Giê-hô-va và thiêu hủy
"Yahweh sent a fire that consumed"
thiêu hủy tế lễ thiêu
Ngọn lửa thiêu rụi hoàn toàn của lễ thiêu được nói đến như thể nó đã nuốt trọn hoặc đốt sạch tế lễ thiêu.
sấp mặt xuống đất
"sấp mặt mình xuống đất". Đây là dấu hiện của sự tôn trọng và tôn kính.

Translation Questions

Leviticus 9:1
Môi-se gọi A-rôn, các con trai của người và các trưởng lão Y-sơ-ra-ên vào ngày nào?
Môi-se gọi A-rôn, các con trai của người và các trưởng lão Y-sơ-ra-ên vào ngày thứ tám.
Leviticus 9:2
Hai con vật mà Môi-se bảo A-rôn và các con trai người mang đến dâng cho Đức Giê-hô-va là gì?
Môi-se bảo A-rôn đem đến một con bê từ trong bầy và một con chiên đực không tì vết.
Leviticus 9:3
Môi-se bảo A-rôn truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải đem con vật gì đến dâng cho Đức Giê-hô-va?
Môi-se bảo A-rôn truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải đem một con dê đực, một con bê, một con chiên con, một con bò và một con chiên đực đến dâng cho Đức Giê-hô-va.
Leviticus 9:4
Môi-se bảo A-rôn truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải đem con vật gì đến dâng cho Đức Giê-hô-va?
Môi-se bảo A-rôn truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải đem một con dê đực, một con bê, một con chiên con, một con bò và một con chiên đực đến dâng cho Đức Giê-hô-va.
Leviticus 9:6
Vì sao Đức Giê-hô-va truyền họ làm điều này?
Đức Giê-hô-va truyền cho họ làm điều này để vinh quang Ngài hiện ra với họ.
Leviticus 9:22
Sau khi A-rôn dâng các của lễ như Môi-se đã truyền thì ông làm gì cho dân chúng?
Sau khi A-rôn dâng các của lễ như Môi-se đã truyền thì ông giơ tay lên và chúc phước cho dân chúng.
Leviticus 9:24
Có điều gì xảy ra khi vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra với dân chúng?
Khi vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra với dân chúng thì có một ngọn lửa phát ra thiêu đốt tế lễ thiêu và mỡ trên bàn thờ.
Dân chúng làm gì khi có lửa phát ra từ trước mặt Đức Giê-hô-va?
Khi lửa phát ra từ trước mặt Đức Giê-hô-va thì dân chúng la lên và sấp mặt xuống.

Chapter 10
Leviticus 10:1
Na-đáp và A-bi-hu
Đây là tên của các con trai A-rôn.
lư hương

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

một bình chứa bằng kim loại mà các thầy tế lễ dùng để dựng than hồng hoặc trầm hương.
bỏ lửa vào trong đó
"bỏ than đang cháy vào trong đó”
Rồi họ dâng một thứ lửa không được chấp nhận trước mặt Đức Giê-hô-va, là lửa mà Ngài không hề ra lệnh cho họ phải dâng
"Nhưng Đức Giê-hô-va không chấp thuận tế lễ của họ bởi vì nó không tuân theo những điều Ngài đã lệnh cho họ dâng”
thứ lửa không được chấp nhận trước mặt Đức Giê-hô-va
"thứ lửa Đức Giê-hô-va không chấp nhận”
Vậy nên lửa ra từ Đức Giê-hô-va
"Vậy nên Đức Giê-hô-va giáng lửa xuống”
ra từ Đức Giê-hô-va
"ra từ Đức Giê-hô-va”
thiêu hủy họ
Việc ngọn lửa hoàn toàn thiêu cháy những người đó được nói như thể ngọn lửa đã ăn nuốt hoặc toàn toàn thiêu rụi họ.
họ chết Đức Giê-hô-va
"họ chết trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"
Leviticus 10:3
"Đây là những gì Đức Giê-hô-va nói đến khi Ngài phán: “Ta sẽ bày tỏ sự thánh khiết của ta… trước toàn thể dân sự.”
Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Đây là những điều Đức Giê-hô-va nói đến khi Ngài phán rằng Ngài sẽ bày tỏ sự thánh khiết của Ngài… những ai đến gần Ngài, và Ngài sẽ được tôn vinh… dân sự”
Ta sẽ bày tỏ sự thánh khiết của Ta cho những người đến gần Ta
Cụm từ “những người đến gần Ta” chỉ những thầy tế lễ phục vụ Đức Giê-hô-va. “Ta sẽ bày tỏ cho những người đến gần Ta biết rằng Ta là thánh” hoặc “Những người đến gần đặng thờ phượng Ta nhận biết Ta là thánh”
Ta sẽ được tôn vinh trước toàn thể dân sự
Phần thứ hai trong lời tuyên bố của Đức Giê-hô-va vẫn đề cập đến thầy tế lễ, là những người đến gần Đức Giê-hô-va. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ phải tôn vinh Ta trước toàn thể dân sự” hoặc “Họ phải tôn kính Ta trước sự có mặt của toàn thể dân sự”
Mi-sa-ên… Ên-sa-phan… U-xi-ên
Đây đều là tên của nam.
anh em các ngươi
Cụm từ này không chỉ về anh em ruột thịt. Ở đây, từ “anh em” có nghĩa là bà con thân thuộc hoặc anh em họ.
Leviticus 10:5
Vậy họ đến gần
"Vậy Mi-sa-ên và Ên-sa-phan đến gần”
khiêng họ ra, trên người họ vẫn còn đang mặc áo lót của thầy tế lễ
khiêng xác vẫn còn đang mặc áo lót của thầy tế lễ trên người của Na-đáp và A-bi-hu ra.
Ê-lê-a-sa ... Y-tha-ma
Đây là tên của các con trai A-rôn.
Anh và các cháu đừng làm rối tóc mình, cũng đừng xé áo mình
Đức Giê-hô-va đang dặn A-rôn và các con trai của ông không được để lộ bất kỳ một dấu hiện nào của đau buồn hay than khóc ra ngoài
để anh và các cháu khỏi phải chết
"để anh và các cháu sẽ không phải chết”
không nổi giận với cả hội chúng
Ở đây, “hội chúng” chỉ về toàn bộ dân chúng Y-sơ-ra-ên, không chỉ là nhóm những nhà lãnh đạo không thôi. Tham khảo cách dịch: “không nổi dân với hết thảy dân Y-sơ-ra-ên”
cả nhà Y-sơ-ra-ên
Ở đây, “nhà” đại diện cho dân sự. Tham khảo cách dịch: “toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên”
cho những người đã bị lửa của Đức Giê-hô-va thiêu cháy
"cho những người Đức Giê-hô-va đã dùng lửa thiêu cháy họ”
Leviticus 10:8
Đây sẽ là
Ở đây, từ “đây” chỉ trở lại mạng lệnh cấm những thầy tế lễ không được uống rượu nho hoặc rượu mạnh khi họ vào trong Lều Hội Kiến.
một mạng lệnh đời đời cho mọi thế hệ của các con
Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong LEV 3:17.
phân biệt
Ở đây, bạn có thể bắt đầu một câu mới. “Các con phải làm điều này để có thể phân biệt được”
giữa thánh khiết và phàm tục
Các tính từ “thánh khiết” và “phàm tục” là những tính từ bổ nghĩa cho danh từ, có thể được viết lại như tính từ. Tham khảo cách dịch: “giữa điều gì là thánh khiết và điều gì là phàm tục” hoặc “giữa những điều dành riêng cho Đức Chúa Trời và điều phàm tục”
giữa ô uế và thanh sạch
Các tính từ bổ ngữ “ô uế” và “thanh sạch” ở đây có thể được viết lại như tính từ. Tham khảo cách dịch: “giữa điều gì là ô uế và điều gì là thanh sạch” hoặc “giữa những điều Đức Chúa Trời không chấp nhận và những điều Ngài sẽ chấp nhận”
ô uế
Một người hoặc một vật mà Đức Giê-hô-va tuyên bố không được chạm đến được nói đến như thể vật đó không được sạch sẽ.
thanh sạch
Một người hoặc một vật mà Đức Giê-hô-va tuyên bố có thể chạm đến được nói đến như thể vật đó thì sạch sẽ.
Leviticus 10:12
những tế lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va”
vì đó là phần rất thánh
"vì tế lễ chay là rất thánh”
đây là những điều tôi được truyền lệnh phải nói với các anh
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “đây là những điều Đức Giê-hô-va đã lệnh cho tôi phải nói với các anh”
Leviticus 10:14
Phần ngực được đưa qua đưa lại và cái đùi thì được trình dâng lên cho Đức Giê-hô-va
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Phần ngực và đùi mà người đó đã đưa qua đưa lại và trình dâng lên cho Đức Giê-hô-va”
ngực
phần thân trước của con vật, phía ở dưới cổ.
đùi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Phần trên đầu gối của chân.

tại một nơi thanh sạch

Một nơi thích hợp để dùng cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể đó là nơi sạch sẽ.

vì chúng được ban cho làm phần riêng của anh và các con anh

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vì Đức Giê-hô-va đã ban chúng làm phần riêng cho anh và các con anh”

Anh cùng các con trai con gái của anh

Ở đây, “anh” chỉ về A-rôn.

Từ nay về sau, chúng sẽ là phần riêng của anh và các con trai anh

Hãy dịch câu này sao cho người đọc hiểu được rằng phần đó thuộc về A-rôn và các con trai của ông. Tham khảo cách dịch: “phần này sẽ luôn thuộc về anh và các con trai của anh”

Leviticus 10:16

nó đã bị thiêu

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các thầy tế lễ đã thiêu nó”

Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma

Hãy dịch nhưng tên này như bạn đã làm trong LEV 10:6.

Tại sao các cháu không ăn... trước Ngài?

Môi-se dùng câu hỏi nầy để trách mắng Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định.

Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các cháu phải ăn... trước Ngài”

Vì phần đó rất thánh

"vì tế lễ chuộc tội nầy rất thánh”

để lấy đi sự gian ác của hội chúng

Việc khiến Đức Giê-hô-va tha thứ cho dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể sự gian ác của họ là một vật mà Đức Giê-hô-va có thể lấy khỏi họ.

trước Ngài

"trong sự hiện diện của Ngài”

huyết của nó không được đem

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các cháu không được đem huyết của nó”

Leviticus 10:19

việc này đã xảy đến

A-rôn đang nói về cái chết của hai con trai mình.

Liệu việc này Đức Giê-hô-va có vui lòng hay không?

Người ta sẽ phải ăn những tế lễ này trong sự vui mừng và hạnh phúc. A-rôn sử dụng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ không vui lòng khi ông ăn những tế lễ đó trong khi ông còn đang buồn rầu vì cớ cái chết của hai con trai mình. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn Đức Giê-hô-va sẽ không vui lòng”

Translation Questions

Leviticus 10:1

Ai đã dâng loại lửa không được chấp nhận cho Đức Giê-hô-va?

Na-đáp và A-bi-hu, con trai của A-rôn, đã dâng loại lửa không được chấp nhận cho Đức Giê-hô-va.

Leviticus 10:2

Kết quả cho hành động đó của họ là gì?

Một ngọn lửa phát ra từ trước mặt Đức Giê-hô-va thiêu nuốt họ.

Leviticus 10:4

Môi-se đã gọi ai đem xác họ ra khỏi Đền Tạm?

Mi-sa-ên và Ên-sa-phan, hai con trai của U-xi-ên là chú của A-rôn, được Môi-se gọi đến để khiên xác họ đi.

Leviticus 10:7

Môi-se nói gì với A-rôn và các con trai người?

Môi-se bảo rằng họ không nên ra khỏi lều hội kiến nếu không họ sẽ chết.

Leviticus 10:9

Đức Giê-hô-va phán với A-rôn và các con trai người thế nào về thứ họ không được uống?

Đức Giê-hô-va phán với A-rôn và các con trai người rằng họ không được uống rượu hay thức uống làm cho say trước khi vào lều hội kiến.

Leviticus 10:16

Vì sao Môi-se nổi giận với Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma là hai con trai còn lại của A-rôn?

Môi-se nổi giận với Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma vì họ để cho con dê dùng làm tế lễ chuộc tội bị cháy thiêu.

Chapter 11

Leviticus 11:1

trong vòng tất cả các các loài vật

"trong số tất cả những loài vật”

Leviticus 11:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.

móng chẻ làm hai

Điều này có nghĩa là thay vì có một móng duy nhất thì nó lại chẻ ra làm hai phần.

nhai lại

Điều này chỉ loài vật ợ lại thức ăn từ trong dạ dày lên rồi nhai lại chúng.

một số loài vật thì có một trong hai hoặc nhai lại hoặc móng chẻ làm hai

Nghĩa là, loài vật đó không đồng thời có cả hai đặc điểm, mà chỉ có một trong hai.

lạc đà là loại không thanh sạch cho các con

Loài lạc đà mà dân sự không được phép ăn được nói đến như thể thân thể của chúng không sạch, dơ dáy.

Leviticus 11:5

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.

con lửng núi

một loại đồng vật nhỏ sống ở những nơi nhiều đá.

không thanh sạch cho các con

Những loài vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được ăn đến được nói như thể cơ thể của chúng không được sạch sẽ.

thỏ

Loài động vật nhỏ có tai dài thường sống trong những cái hang trên đất.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cũng không được đụng đến xác của chúng
"cũng không được đụng đến xác chết của chúng”
Leviticus 11:9
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.
vây
Đây là bộ phận mỏng, dẹt mà loài cá dùng để di chuyển trong nước.
vảy
những miếng nhỏ bao phủ toàn thân loài cá.
mọi loài sinh vật sống dưới biển hoặc sông hồ không có vây và vảy
"mọi loài sinh vật sống trong biển hoặc sông nhưng không có vây và vảy”
chúng phải bị coi là đáng ghê tởm đối với các con
Đức Giê-hô-va ra lệnh cho dân sự phải khước từ và gớm ghê việc ăn những loài vật đó.Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải ghê tởm chúng” hoặc “các con phải khước từ chúng hoàn toàn”
Leviticus 11:11
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.
Vì chúng phải bị ghê tởm
"ghê tởm” nghĩa là khước từ hoặc coi thường vật đó. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì các con phải ghê tởm chúng” hoặc “Bởi vì các con phải hoàn toàn khước từ chúng”
xác của chúng phải bị ghê tởm
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải ghê tởm xác chết của nó” hoặc “các không không được đụng đến xác chết của chúng”
Tất cả những loài vật ở dưới nước mà không có vây và không có vâtr
"Những loài nào sống dưới nước mà không có vây hoặc vẩy”
phải bị các con ghê tởm
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải ghê tởm” hoặc “các con phải nhất quyết khước từ”
Leviticus 11:13
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.
kền kền… diều hâu… chim ưng… quạ… chim dù dì… cú mèo… mòng biển… diều hâu
Đây là những loài chim hoặc hoạt động về đêm hoặc ăn những loài gặm nhấm và động vật chết.
Leviticus 11:17
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.
chim cú mèo nhỏ ... chim cú mèo lớn ... chim cốc… cú tuyết… cú vọ… chim ưng biển… chim đầu rìu
Đây là những loài chim ăn các loài gặm nhấm và côn trùng, và hoạt động về đêm.
chim cú mèo lớn
"chim cú mèo lớn”
cò… diệc
Đây là những loài chim ăn các loài gặm nhấm và thằn lằn.
dơi
Mặc dầu không phải là chim, nhưng dơi cũng nằm trong danh sách nầy bởi vì nó có cánh và có thể bay. Dơi có một cơ thể phủ nhiều lông và thường chủ yếu hoạt động về đêm. Thức ăn của nó là côn trùng và các loài gặm nhấm.
Leviticus 11:20
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.
Tất cả những loài côn trùng có cánh và bò bằng bốn chấn thì đều đáng ghê tởm cho các con
Từ “đáng ghê tởm” có thể dịch lại thành một động từ. Tham khảo cách dịch: “các con phải ghê tởm mọi loại côn trùng có cánh và bò bằng bốn chân”
loài côn trùng…. bò bằng bốn chân
Ở đây, cụm từ “bốn chân” là một cách nói có nghĩa là chúng bò trên mặt đất và phân biệt những loài công trùng này với những loài vật có thể bay được khác, như chim chẳng hạn, chim là loài chỉ có hai chân. Tham khảo cách dịch: “loài côn trùng… bò trên mặt đất”
cào cào, muỗm, dế hoặc châu chấu
Đây là những loài côn trùng nhỏ, ăn cây cỏ và có thể nhảy được.
các loài côn trùng bay được có bốn chân
“các loài công trùng bay được có bốn chân”
Leviticus 11:24
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va bắt đầu nói với Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự sẽ xem là không thanh sạch.
Nếu các con đụng đến xác của một trong số những loài vật nầy, các con sẽ bị ô uế bởi chúng cho đến chiều tối
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nếu các con đụng đến xác chết của một loài nào trong số những loài vật này thì các con sẽ bị ô uế”
Các con sẽ bị ô uế
Một người Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài bởi vì người đó đã đụng đến xác chết của một trong số những loài này được nói đến như thể thân thể người đó không được sạch sẽ, bị vấy bẩn.
những loài vật này
Chỉ những loài vật mà Ngài sắp sửa liệt kê trong những câu kế tiếp.
Leviticus 11:26
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.
Những loài nào… thì không thanh sạch cho các con
Những loài vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được ăn này được nói đến như thể cơ thể của chúng dơ dáy.
móng chẻ
Điều này có nghĩa là móng bị chẻ ra làm hai phần thay vì là một móng có một phần duy nhất. Xem cách bạn đã dịch những từ này trong LEV 11:3.
nhai lại

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều này có nghĩa là loài vật ợ thức ăn từ dạ dày lên để nhai lại. Xem cách bạn đã dịch những từ này trong LEV 11:3.
Người nào đụng đến chúng sẽ bị ô uế
Một người Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài bởi vì người đó đã đụng đến một trong số những loài vật này được nói đến như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn.
chân
chân của loài vật có vuốt
cho đến chiều tối
"cho đến lúc mặt trời lặn"
Leviticus 11:29
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.
đây là những loài vật không thanh sạch cho các con
Những loài vật Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được ăn đến được nói đến như thể thân thể của chúng dơ dáy.
con chồn
một loài động vật nhỏ có lông màu nâu, ăn các loài chim và những loài vật nhỏ khác.
thằn lằn lớn, tắc kè, kỳ đà, thằn lằn, thằn lằn bóng và tắc kè hoa
Đây là những loài bò sát khác nhau có bốn chân.
thằn lằn bóng
"thằn lằn sa mạc”
Leviticus 11:31
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.
đây là những loài vật không thanh sạch cho các con
Những loài vật Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được đụng đến hoặc ăn đến này được nói đến như thể thân thể của chúng dơ bẩn.
Người nào đụng đến chúng... sẽ bị ô uế
Một người Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài bởi vì người đó đã đụng đến xác chết của một trong số những loài này được nói đến như thể thân thể người đó không được sạch sẽ, bị vấy bẩn.
cho đến chiều tối
"cho đến khi mặt trời lặn"
vật đó sẽ bị ô uế
Vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được đụng đến bởi vì bị xác chết của những loài vật này rơi trúng được nói đến như thể bản thân vật đó là dơ bẩn. Vật đó được nói là sạch sẽ sau khi nó đã được rửa sạch.
Thì nó mới được sạch
Người ta nói đến một vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự có thể đụng đến sau khi nó đã được rửa sạch như thể bản thân vật đó sạch sẽ.
và dù cho nó có được dùng cho việc gì thì nó phải được ngâm vào trong nước
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và dù cho các con dùng nó ra sao thì các con cũng phải ngâm nó trong nước”
Leviticus 11:34
Tất cả những loại thức ăn thanh sạch
Thức ăn mà Đức Chúa Trời tuyên bố rằng dân sự có thể ăn được nói đến như thể bản thân chúng sạch sẽ.
và được phép ăn
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con có thể ăn được”
thì sẽ bị ô uế
Thức ăn sẽ trở nên không được phép cho dân sự ăn vì cớ nước ô uế đã văng trúng nó được nói đến như thể thức ăn đó không được sạch sẽ.
có thể uống được
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con có thể uống”
của xác đó
"của xác chết đó”
Nó phải bị đập bể
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải đập bể nó” hoặc “các con phải đập vỡ nó”
Leviticus 11:36
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.
Một suối nước hoặc bể chứa... sẽ vẫn thanh sạch
Nước mà dân sự được phép uống từ một con suối hoặc bể chứa được nói đến như thể nước đó bị bẩn.
bể chứa nơi nước uống được trữ lại
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bể chứa đựng nước uống”
xác chết của một loài vật không thanh sạch
Xác chết của một con vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được đụng đến hoặc ăn đến được nói đến như thể nó không sạch, dơ dáy.
người ấy sẽ bị ô uế
Một người Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài bởi vì người đó đã đụng đến xác chết của một trong số những loài vật đó được nói đến như thể thân thể của người đó không sạch sẽ.
hạt giống sắp được gieo
"hạt giống mà các con định gieo”
những hạt giống đó vẫn được tinh sạch... chúng sẽ bị ô uế
Những hạt giống mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự có thể trồng được được nói đến như thể hạt giống đó sạch, không bị vấy bẩn, và những hạt giống không được chấp nhận thì được nói đến như thể hạt giống đó không sạch sẽ.
Nhưng nếu hạt giống đã được tưới nước
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nhưng nếu các con đã tưới nước cho những hạt giống đó”
Leviticus 11:39
ai đụng đến xác chết đó sẽ bị ô uế cho đến chiều tối
Một người mà Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài bởi vì người đụng đến xác chết của một con thú được ví như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn.
cho đến chiều tối
"cho đến khi mặt trời lặn"
Leviticus 11:41
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.
sẽ bị ghê tởm
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải ghê tởm” hoặc “các con phải loại bỏ”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chúng không được dùng làm thức ăn
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con không được ăn chúng”
chúng phải bị ghê tởm
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải ghê tởm chúng hoặc “các con phải loại chúng ra”
Leviticus 11:43
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.
Các con đừng làm cho mình bị ô uế.... các con đừng để bị ô uế bởi chúng
Đức Giê-hô-va lặp lại cùng một ý hai lần để nhấn mạnh mạng lệnh cấm họ không được ăn bất kỳ loài vật không thanh sạch nào.
Các con đừng làm cho mình bị ô uế
Một người mà Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài được ví như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn.
để các con khỏi bị ô uế bởi chúng
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để các con không vì cớ chúng mà không còn được tinh sạch nữa”
Leviticus 11:46
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va xong phần căn dặn Môi-se và A-rôn những thứ Ngài cho phép và những thứ Ngài cấm dân sự ăn.
để nhờ đó sự phân biệt giữa..... được lập ra
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để nhờ đó các con phân biệt được giữa”
giữa loài không thanh sạch và loài tinh sạch
Những loài vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được phép đụng đến hoặc ăn đến được nói đến như thân thể của chúng bị vấy bẩn, và những loài Ngài tuyên bố dân sự được phép đụng và ăn đến được nói đến như thể thân thể của chúng sạch sẽ.
có thể ăn được... không thể ăn được
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con có thể ăn... các con không được ăn”

Translation Questions

Leviticus 11:3
Những loài vật nào sống trên đất mà Đức Giê-hô-va bảo Môi-se và A-rôn rằng dân Y-sơ-ra-ên có thể ăn?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se và A-rôn truyền cho dân Y-sơ-ra-ên rằng họ được ăn bất kì con vật nào có móng chẻ và nhai lại.
Leviticus 11:4
Nếu một con vật chỉ có móng rẻ hoặc chỉ nhai lại thì dân chúng có được phép ăn không?
Nếu một con vật chỉ có một trong hai điều trên thì dân chúng không được ăn.
Leviticus 11:9
Loài vật sống dưới nước nào mà dân Y-sơ-ra-ên được phép ăn?
Những con vật sống dưới nước có vây và có vảy thì dân Y-sơ-ra-ên được phép ăn.
Leviticus 11:13
Đức Giê-hô-va phán loại chim ưng, diều hâu và quạ nào phải bị xem là kinh tởm và không được ăn?
Đức Giê-hô-va phán không được ăn bất kì loại chim ưng, diều hâu và quạ nào. Chúng đều phải bị xem là kinh tởm.
Leviticus 11:16
Đức Giê-hô-va phán loại chim ưng, diều hâu và quạ nào phải bị xem là kinh tởm và không được ăn?
Đức Giê-hô-va phán không được ăn bất kì loại chim ưng, diều hâu và quạ nào. Chúng đều phải bị xem là kinh tởm.
Leviticus 11:21
Dân chúng được phép ăn loại côn trùng nào?
Dân chúng có thể ăn những loại côn trùng nào chân có khớp để nhảy trên đất.
Leviticus 11:23
Với những côn trùng bốn chân biết bay thì dân chúng phải làm gì?
Dân chúng phải ghê tởm những côn trùng bốn chân biết bay.
Leviticus 11:29
Những con vật bò trên mặt đất nào được xem là không thanh sạch?
Chuột nhũi, chuột nhắt, các loại thằn lằn lớn, cắc kè, kỳ đà, thạch sùng, kỳ nhông và cắc ké được xem là không thanh sạch.
Leviticus 11:30
Những con vật bò trên mặt đất nào được xem là không thanh sạch?
Chuột nhũi, chuột nhắt, các loại thằn lằn lớn, cắc kè, kỳ đà, thạch sùng, kỳ nhông và cắc ké được xem là không thanh sạch.
Leviticus 11:35
Bất kỳ thứ gì một con vật không tinh sạch chạm vào thì sẽ thế nào?
Bất kỳ thứ gì một con vật không tinh sạch chạm vào thì sẽ trở nên không tinh sạch.
Leviticus 11:42
Đức Giê-hô-va phán thế nào về những vật bò trên mặt đất?
Tất cả những con vật bò trên mặt đất phải bị xem là đáng kinh tởm và ô uế.
Leviticus 11:45
Vì sao Đức Giê-hô-va phán dân Y-sơ-ra-ên phải nên thánh?
Đức Giê-hô-va phán rằng dân chúng phải nên thánh vì Ngài là thánh.

Chapter 12
Leviticus 12:1
nàng sẽ bị ô uế
Một người nữ mà những người khác không được đụng đến bởi vì nàng đang trong kỳ bị ra huyết từ tử cung nói đến như thể thân thể của nàng bị vấy bẩn, không sạch.
trong chu kỳ hàng tháng của nàng
Chỉ khoảng thời gian trong tháng người nữ bị ra huyết từ tử cung
da bao quy đầu của đứa trẻ phải được cắt bì
Chỉ thầy tế lễ mới có thể làm phép cắt bì. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “thầy tế lễ phải làm phép cắt bì cho đứa bé trai đó”
Leviticus 12:4
kỳ thanh tẩy của người mẹ sẽ kéo dài trong ba mươi ba ngày

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có nghĩa là người mẹ sẽ bị ô uế trong vòng ba mươi ba ngày.

ba mươi ba ngày

"33 ngày"

bà ấy sẽ bị ô uế trong hai tuần

Một người nữ mà những người khác không được đụng đến bởi vì nàng bị ra huyết từ tử cung được nói đến như thể thân thể của nàng bị vấy bẩn, không sạch.

trong hai tuần

“trong 14 ngày"

trong kỳ của nàng

Câu này chỉ về khoảng thời gian trong tháng khi người phụ nữ đang trong kỳ bị ra huyết từ tử cung. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 12:2]

sáu mươi sáu ngày

"66 ngày"

Leviticus 12:6

Khi kỳ thanh tẩy của bà đã trọn

"Khi kỳ thanh tẩy của người mẹ đã trọn”

dù sinh con trai hay con gái

Cụm này chỉ về số ngày thanh tẩy khác nhau dựa trên việc bà sinh con trai hay con gái.

Leviticus 12:7

và bà sẽ được tinh sạch khỏi việc mất huyết

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và của lễ đó sẽ khiến bà tinh sạch khỏi việc xuất huyết xảy ra khi sinh con”

Nếu bà không đủ khả năng dâng một con chiên

Hãy dịch cụm từ này sao cho làm sáng tỏ việc người nữ đó không đủ khả năng mua một con sinh tế. Tham khảo cách dịch: “Nếu bà không đủ tiền để mua một con chiên”

thì bà sẽ được thanh sạch

Một người phụ nữ mà những người khác có thể đụng đến được nói như thể thân thể của bà sạch, không bị vấy bẩn.

Translation Questions

Leviticus 12:2

Đức Giê-hô-va phán thế nào với Môi-se về người phụ nữ khi sinh con trai?

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se rằng một người phụ nữ khi sinh con trai sẽ bị ô uế trong bảy ngày và vào ngày thứ tám đứa trẻ sẽ được cắt bì.

Leviticus 12:3

Đức Giê-hô-va phán thế nào với Môi-se về người phụ nữ khi sinh con trai?

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se rằng một người phụ nữ khi sinh con trai sẽ bị ô uế trong bảy ngày và vào ngày thứ tám đứa trẻ sẽ được cắt bì.

Leviticus 12:4

Người phụ nữ phải làm gì sau khi bị ô uế?

Người phụ nữ phải trải qua thời kỳ thanh tẩy trong ba mươi ba ngày và không được vào Đền Tạm hay chạm vào bất kì vật thánh nào trong thời gian này.

Leviticus 12:5

Với người phụ nữ khi sinh bé gái thì có những đòi hỏi khác biệt nào?

Nếu người phụ nữ sinh bé gái thì phải bị ô uế trong hai tuần và trải qua thời kỳ thanh tẩy trong sáu mươi sáu ngày.

Leviticus 12:6

Người phụ nữ phải làm gì khi kết thúc thời kỳ thanh tẩy?

Khi kết thúc thời kỳ thanh tẩy, người phụ nữ phải đem đến cho thầy tế lễ một chiên con một tuổi để làm tế lễ thiêu và một bồ câu hoặc một chim gáy để làm tế lễ chuộc tội.

Leviticus 12:8

Nếu như người phụ nữ sinh con không đủ khả năng dâng một chiên con thì thế nào?

Nếu người phụ nữ không đủ khả năng dâng một chiên con thì phải dâng một cặp chim gáy hoặc một cặp bồ câu con để dùng làm tế lễ thiêu và tế lễ chuộc tội.

Sau khi đã làm những việc đó thì người phụ nữ sẽ thế nào?

Sau khi đã làm những việc đó thì người phụ nữ sẽ được tinh sạch.

Chapter 13

Leviticus 13:1

thì người phải được đưa đến

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “thì người ta phải đưa người đến”

tới một trong các con trai của người

"tới một trong các con trai A-rôn”

Leviticus 13:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm.

da thịt người ấy

Ở “người ấy” chỉ người mắc bệnh ngoài da.

bệnh lây nhiễm

Bệnh dễ lây lan từ người này sang người khác.

người sẽ tuyên bố người ấy là không tinh sạch

"thầy tế lễ phải tuyên bố người ấy là ô uế”. Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể người đó bị vấy bẩn, không sạch.

trong bảy ngày

“trong vòng 7 ngày"

Leviticus 13:5

thầy tế lễ phải khám cho người ấy

Ở đây, “người ấy” chỉ người mắc bệnh da liễu.

nếu nó không lan ra trên da

Có nghĩa là nếu bệnh về da đó không tăng kích cỡ hoặc không lan sang những vùng khác trên cơ thể.

ngày thứ bảy

"thứ bảy” là số thứ tự của số 7. Tham khảo cách dịch: “ngày thứ 7”

bảy ngày

"7 ngày"

thầy tế lễ phải tuyên bố người ấy là thanh sạch... người ấy được sạch

Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.

chứng phát ban

Nghĩa là một vùng da bị nổi ban đó, nhưng chứng phát ban này không lây lan cho những người khác.

Leviticus 13:7

người ấy... người

Chỉ người mắc bệnh về da.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.
bệnh lây nhiễm
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.
Leviticus 13:9
Người nầy phải được đưa đến cùng thầy tế lễ
Các thầy tế lễ quyết định xem bệnh này có đang lây lan ra hay không. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ta phải đưa người đến cùng thầy tế lễ"
nếu có trên da có lở loét
Ở đây, “vết lở loét” có nghĩa là vết thương hở trên da hoặc chỉ phần da non kéo lên, nhưng phần thịt xung quanh nó vẫn bị bệnh. Hoặc là nó chỉ về căn bệnh ngoài da chưa được chữa đúng cách.
bệnh da liễu mạn tính
Đây là căn bệnh cứ tiếp diễn hoặc tái phát trong suốt một thời gian dài.
thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch ... người vốn không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.
Leviticus 13:12
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
thầy tế lễ phải tuyên bố người đó ... thanh sạch ... người ấy sẽ bị ô uế
Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn và người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.
Leviticus 13:15
Thầy tế lễ phải ... tuyên bố người không thanh sạch bởi vì vết lở loét đó là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.
tuyên bố người không thanh sạch
Ở đây, “người” chính là người mắc bệnh về da đó.
vết lở loét
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong LEV 13:10.
bệnh lây nhiễm
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.
thầy tế lễ sẽ tuyên bố người ấy đã được sạch
Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.
Leviticus 13:18
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
mụt nhọt
Một vùng da bị nhiễm bệnh và đau đớn.
thì nó phải được tỏ cùng thầy tế lễ
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “thì người phải cho thầy tế lễ thấy nó”
thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.
Leviticus 13:21
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
kiểm tra nó
Ở đây, “nó” chỉ mụt nhọt trắng hoặc đốm hồng trên da.
thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.
Thầy tế lễ phải tuyên bố người là thanh sạch
Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.
Leviticus 13:24
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
bệnh lây nhiễm
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.
thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.
Leviticus 13:26
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
kiểm tra nó
Ở đây, “nó” chỉ về vết phỏng trên da người đó.
thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.
bệnh lây nhiễm
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.
Thầy tế lễ phải tuyên bố người là thanh sạch
Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.
Leviticus 13:29
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.
Leviticus 13:31
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
Leviticus 13:32
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
thì người ấy phải bị cạo đầu và râu nhưng vùng nhiễm bệnh thì không được cạo
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người phải cạo phần lông gần vết lở loét nhưng không được cạo phần lông ở trên vùng lở loét”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Leviticus 13:34
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da."
bệnh đó
Ở đây, "bệnh" này là bệnh ở trên đầu hoặc trên cằm của người đó.
Thầy tế lễ phải tuyên bố người là thanh sạch ... người sẽ được sạch
Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.
Leviticus 13:35
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
sau khi thầy tế lễ tuyên bố người đã sạch... Người ấy thanh sạch và thầy tế lễ phải tuyên bố người là thanh sạch
Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.
Người đó không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.
Leviticus 13:38
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
a dull white
"a faded white"
chứng phát ban
Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:6.
Người thanh sạch
"Người đó thanh sạch"
Người thanh sạch
Người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vấy bẩn.
Leviticus 13:40
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
Người thanh sạch
Người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vấy bẩn.
Leviticus 13:42
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
bệnh lây nhiễm
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.
người không thanh sạch ... tuyên bố người không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến như thể thân thể của người không sạch, bị vấy bẩn.
Leviticus 13:45
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.
bên ngoài trại quân
Trại quân là khu vực nơi phần lớn người Y-sơ-ra-ên sống. Người không thanh sạch không được phép sống giữa dân sự bởi vì bệnh của người đó có thể lây lan cho những người khác.
Ô uế, ô uế
Người mà những người khác không được đụng đến như thể thân thể của người không sạch, bị vấy bẩn.
Leviticus 13:47
Quần áo bị ô uế đầy mốc
"Quần áo có mốc meo trên đó" hoặc "Quần áo lên mốc meo"
bị ô uế
trở nên ô uế bởi vì dính thứ gì đó gây hại.
mốc
loại nấm, thường là màu trắng, phát triển trên những vật ẩm ướt.
hoặc trên đồ dệt hoặc đan
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "hoặc bất cứ thứ gì mà người ta dệt hoặc đan"
nếu có mốc xanh hoặc mốc đỏ trên quần áo
"nếu có mốc xanh hoặc đỏ trên quần áo"
bất cứ vật gì được làm bằng da
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bất cứ thứ gì người ta làm từ da"
vật đó phải được trình cho thầy tế lễ
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người sở hữu phải trình nó cho thầy tế lễ" (UDB)
Leviticus 13:50
bảy ngày
"7 ngày"
ngày thứ 7
"thứ bảy" là số chỉ thứ tự cho 7. Tham khảo cách dịch: "ngày thứ 7"
bất cứ vật gì bằng da
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bất cứ thứ gì người ta dùng da để làm"
bất cứ thứ gì mà trên đó những vết mốc độc hại được tìm thấy
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bất cứ thứ gì mà người tìm thấy vết mốc gây hại trên đó"
vật đó bị ô uế
Người ta nói về những thứ Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được phép chạm đến như thể vật đó bị lấm bẩn.
nó có thể gây bệnh
Những vết mốc gây hại đó có thể gây bệnh cho người đến tiếp xúc với vật đó.
Vật đó phải bị thiêu rụi
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người phải thiêu rụi vật đó"
Leviticus 13:53
rồi người sẽ truyền lệnh cho họ
"rồi thầy tế sẽ ra lệnh cho những chủ sở hữu các vật đó". Ở đây, thầy tế lễ sẽ nói cho dân sự biết những việc họ sẽ phải làm với những vật dụng trong gia đình có khả năng đã bị lây nhiễm.
trên đó vết mốc được tìm thấy
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "trong đó họ đã tìm thấy vết mốc"
sau khi vật bị nấm mốc đã được rửa sạch
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "sau khi họ đã rửa sạch vật bị nấm mốc"
vật đó không thanh sạch
Người ta nói về những thứ Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không được phép chạm đến như thể vật đó bị lấm bẩn.

Con phải thiêu những vật đó

Ở đây, từ “con” không chính xác là chỉ đến các thầy tế lễ. Nó chỉ có nghĩa là người nào đó thiêu cháy vật đó.

Leviticus 13:56

sau khi nó đã được rửa sạch

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sau khi người chủ sở hữu đã rửa sạch nó”

Các con phải thiêu cháy

Ở đây, từ “con” không chính xác là chỉ đến các thầy tế lễ. Nó chỉ có nghĩa là người nào đó thiêu cháy vật đó.

nếu ngươi rửa sach vật đó

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu người chủ sở hữu rửa sạch nó”

thì vật đó phải được rửa sạch

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “thì người chủ sở hữu phải rửa sạch nó”

vật đó sẽ được thanh sạch

Một vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự có thể đụng đên được nói đến như thể vật đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.

Leviticus 13:59

nấm mốc ở trên quần áo... được làm bằng da

Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong LEV 13:47-48.

đặng con có thể tuyên bố vật đó

"để thầy tế lễ có thể công bố vật đó”

thanh sạch hoặc không thanh sạch

Một vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự có thể đụng đên được nói đến như thể vật đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn và người ta nói về những thứ Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được phép chạm đến như thể vật đó bị lấm bẩn.

Translation Questions

Leviticus 13:2

Đức Giê-hô-va phán một người phải làm gì khi trên da sưng lên hoặc đóng vảy hoặc có đốm trắng có thể trở nên nhiễm trùng?

Đức Giê-hô-va phán rằng bất kì ai bị nhiễm trùng trên da thì phải đến gặp A-rôn hoặc một trong các con trai của người, tức là các thầy tế lễ.

Leviticus 13:4

Nếu thầy tế lễ định cho chỗ sưng lên hoặc đóng vảy hoặc đốm trắng đó không bị nhiễm trùng thì phải làm gì?

Nếu thầy tế lễ không thể định chỗ sưng lên hoặc đóng vảy hoặc đốm trắng đó là bị nhiễm trùng thì người ấy phải bị cách ly một tuần để được khám lại.

Leviticus 13:6

Nếu chỗ sưng lên hoặc đóng vảy hoặc đốm trắng đó rõ ràng là không bị nhiễm trùng thì thế nào?

Nếu chỗ sưng lên hoặc đóng vảy hoặc đốm trắng đó không bị nhiễm trùng thì thầy tế lễ sẽ tuyên bố người ấy là thanh sạch sau khi người ấy giặt quần áo mình.

Leviticus 13:9

Ba điều kiện để định chỗ sưng lên hoặc đóng vảy hoặc đốm trắng có nhiễm trùng hay không là gì?

Ba điều kiện để định chỗ sưng lên hoặc đóng vảy hoặc đốm trắng bị nhiễm trùng hay không đó là trên da có vết sưng trắng, lông chuyển sang màu trắng và trong vết sưng có lớp thịt đỏ.

Leviticus 13:10

Ba điều kiện để định chỗ sưng lên hoặc đóng vảy hoặc đốm trắng có nhiễm trùng hay không là gì?

Ba điều kiện để định chỗ sưng lên hoặc đóng vảy hoặc đốm trắng bị nhiễm trùng hay không đó là trên da có vết sưng trắng, lông chuyển sang màu trắng và trong vết sưng có lớp thịt đỏ.

Leviticus 13:11

Nếu thầy tế lễ định đây là bệnh kinh niên trên da thì thầy tế lễ phải làm gì?

Nếu thầy tế lễ định đây là bệnh kinh niên trên da thì thầy tế lễ phải tuyên bố người ấy là ô uế mà không cần cách ly.

Leviticus 13:14

Nếu bệnh trên da đó lan phủ khắp cơ thể và thấy có chỗ thịt đỏ xuất hiện thì người đó phải bị tuyên bố thế nào?

Nếu bệnh trên da đó lan phủ khắp cơ thể và thấy có chỗ thịt đỏ xuất hiện thì người đó phải bị tuyên bố là ô uế.

Leviticus 13:16

Làm thế nào người ô uế được thanh sạch trở lại?

Người ô uế có thể được thanh sạch trở lại nếu chỗ thịt đỏ chuyển sang màu trắng và người ấy được thầy tế lễ tuyên bố là thanh sạch.

Leviticus 13:17

Làm thế nào người ô uế được thanh sạch trở lại?

Người ô uế có thể được thanh sạch trở lại nếu chỗ thịt đỏ chuyển sang màu trắng và người ấy được thầy tế lễ tuyên bố là thanh sạch.

Leviticus 13:18

Thầy tế lễ phải làm gì nếu khám thấy một người có một mụt nhọt trên da mà nay sưng lên hay có đốm trắng và lõm sâu hơn mặt da, lông chuyển sang màu trắng?

Thầy tế lễ phải tuyên bố người ấy là ô uế.

Leviticus 13:19

Thầy tế lễ phải làm gì nếu khám thấy một người có một mụt nhọt trên da mà nay sưng lên hay có đốm trắng và lõm sâu hơn mặt da, lông chuyển sang màu trắng?

Thầy tế lễ phải tuyên bố người ấy là ô uế.

Leviticus 13:29

Bệnh nhiễm trùng nào có thể khiến một người bị ô uế nếu bị trên đầu hay dưới cằm?

Nếu một người nam hay người nữ có bệnh ngứa trên đầu hay dưới cằm thì nó có thể bị nhiễm trùng và làm cho người ấy bị ô uế.

Leviticus 13:40

Người bị rụng tóc, hói đầu sẽ được tuyên bố thế nào?

Người bị rụng tóc, hói đầu sẽ được tuyên bố là tinh sạch.

Leviticus 13:44

Chỗ hói đầu như thế nào thì người đó bị tuyên bố là ô uế?

Nếu chỗ hói đầu có vết loét trắng hồng mà thầy tế lễ định là bệnh nhiễm trùng thì phải tuyên bố người đó là ô uế.

Leviticus 13:45

Người ô uế phải làm gì để người khác biết mình bị ô uế?

Người ô uế phải mặc quần áo rách, xõa tóc, che mặt từ mũi trở xuống và la lên rằng "Ô uế, ô uế" khi gặp những người khác. Người cũng phải sống một mình bên ngoài trại quân.

Leviticus 13:46

Người ô uế phải làm gì để người khác biết mình bị ô uế?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người ô uế phải mặc quần áo rách, xõa tóc, che mặt từ mũi trở xuống và la lên rằng "Ô uế, ô uế" khi gặp những người khác. Người cũng phải sống một mình bên ngoài trại quân.
Leviticus 13:57

Thầy tế lễ phải làm gì với quần áo bằng len, vải gai, da hay bất kì món đồ gì bằng da có vết mốc lây lan?

Nếu quần áo bằng len, vải gai, da hay bất kì món đồ gì bằng da có vết mốc lây lan thì thầy tế lễ phải đốt nó đi.

Chapter 14

Leviticus 14:1

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va phán bảo Môi-se và A-rôn những điều mà dân sự phải làm khi ai đó đã hết bệnh về da. .

ngày được thanh tẩy của người

Cụm từ này chỉ về ngày thầy tế lễ tuyên bố người đó sẽ được sạch theo nghi lễ.

Người nầy phải được đưa đến cùng thầy tế lễ

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người ta phải đưa người đến cùng thầy tế lễ" hoặc "Người ấy phải đi đến cùng thầy tế lễ"

Leviticus 14:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi người nào đó hết bệnh về da.

bệnh nhiễm trùng về da

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.

người sắp được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

những loài chim thanh sạch

Những loài chim mà Đức Chúa Trời cho phép dân sự ăn và dùng làm của lễ thiêu được nói đến như thể thân thể chúng sạch sẽ.

sợi chỉ màu đỏ đậm

"sợi chỉ màu đỏ"

cây bài hương

một loại thảo dược có mùi dễ chịu được dùng làm thuốc

Leviticus 14:6

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi người nào đó hết bệnh về da.

con chim đã bị giết

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "con chim mà người đó đã giết"

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

thầy tế lễ sẽ tuyên bố người đó sẽ được sạch

Người mà những người khác có thể đụng đến và được Đức Chúa Trời chấp nhận cho những mục đích của Ngài được nói đến như thể thân thể họ sạch sẽ.

Leviticus 14:8

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va phán bảo Môi-se và A-rôn những điều mà dân sự phải làm khi ai đó đã hết bệnh về da. .

Người đang được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

thì người sẽ được sạch

Người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vấy bẩn.

Leviticus 14:10

người ấy phải lấy

Ở đây, "người ấy" chỉ người đã được thanh tẩy.

ê-pha

Một ê-pha tương đương 22 lít.

lót

Một lót tương đương 0.31 lít.

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

Leviticus 14:12

lót

Một lót tương đương 0.31 lít.

trong khu vực đền tạm

Cụm từ này làm sáng tỏ thêm cho cụm từ trước đó và phần sau định nghĩa nơi thầy tế lễ sẽ giết con chiên.

Leviticus 14:14

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

lót

Một lót tương đương 0.31 lít.

rẩy một ít dầu ... trước mặt Đức Giê-hô-va

"rẩy một ít dầu ... trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va." Ở đây, không hề đề cập đến thứ mà thầy tế lễ rảy dầu lên trên.

Leviticus 14:17

số dầu còn lại trong tay mình

"số dầu còn lại trong tay mình"

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

trước mặt Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Leviticus 14:19

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

người sẽ được sạch

Người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vấy bẩn.

Leviticus 14:21

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi người nào đó hết bệnh về da.

không thể mua nổi

"không đủ tiền để mua"

sẽ được đưa lên đưa xuống... cho chính mình

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà thầy tế lễ sẽ đưa lên đưa xuống... cho chính mình"

một phần mười ê-pha

Một phần mười ê-pha tương đương với 22 lít.

lót

Một lót tương đương 0.31 lít.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Leviticus 14:24

lót

Một lót tương đương 0.31 lít.

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

Leviticus 14:26

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi người nào đó hết bệnh về da.

rảy ... một ít dầu ... trước mặt Đức Giê-hô-va

"rảy ... một ít dầu ... trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va". Không có thêm thông tin gì về vật mà thầy tế lễ rảy dầu lên.

Leviticus 14:28

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

Leviticus 14:30

Người ấy phải dâng

"Thầy tế lễ phải dâng"

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

bệnh nhiễm trùng về da

Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.

người không thể mua nổi

Hãy dịch cụm từ này sao cho người đọc hiểu rõ rằng người đó không đủ tiền để mua một tế lễ theo tiêu chuẩn. Tham khảo cách dịch: “người không đủ tiền để mua”

Leviticus 14:33

Khi các con đã đến

Ở đây, “các con” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

nấm mốc

Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:47.

trong vùng đất thuộc tài sản của các con

Từ “tài sản” có thể được dịch thành một động từ. Tham khảo cách dịch: “trong vùng đất mà các con có”

Leviticus 14:36

để không thứ gì trong nhà các con sẽ bị thành ra không thanh sạch

Một khi thầy tế lễ tuyên bố nhà đã bị ô uế thì mọi vật trong nhà cũng sẽ trở nên ô uế. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để người không cần phải tuyên bố mọi vật còn lại trong nhà là ô uế”

nhà đó sẽ bị làm ra ô uế

Ngôi nhà mà Đức Giê-hô-va tuyên bố dân sự không được đụng đến và sống trong đó được nói đến như thể nhà đó sạch sẽ.

trong chỗ vách tường bị hư

Điều này có nghĩa thầy tế lễ sẽ định xem nấm mốc có ăn sâu vào hay không hay chỉ ở trên bề mặt của bức tường.

Leviticus 14:39

trong đó nấm mốc đã được tìm thấy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “trong đó họ đã tìm thấy nấm mốc đó”

một nơi không thanh sạch

Một nơi có thể ở và được dùng cho những mục đích của Đức Chúa Trời như thể đó là một nơi sạch sẽ.

Leviticus 14:41

Người sẽ yêu cầu

Ở đây, “người” chỉ thầy tế lễ.

toàn bộ tường bên trong nhà sẽ bị cạo

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chủ nhà sẽ cạo toàn bộ tường trong nhà”

lớp hồ bị ô uế đã bị cạo bỏ

Đây là phần hồ bị nấm mốc. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “lớn hồ bị ô uế mà họ đã cạo bỏ”

nơi không thanh sạch

Một nơi có thể ở và được dùng cho những mục đích của Đức Chúa Trời như thể đó là một nơi sạch sẽ.

đá đã bị gỡ bỏ

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “đá họ đã gỡ bỏ”

họ phải dùng đất sét mới để trát nhà lại

"họ dùng đất sét mới để trát đá”

Leviticus 14:43

trong nhà... thì được trát vữa lại

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “trong nhà sau khi người chủ nhà đã gỡ bỏ những hòn đá cũ, cạo tường và dùng đất sét trát lên những tảng đá mới”

ngôi nhà không thanh sạch

Một ngôi nhà mà dân sự không được phép ở trong đó được nói đến như thể nhà đó không sạch sẽ.

Leviticus 14:45

Nhà đó phải bị dỡ bỏ

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ phải dỡ bỏ nhà đó”

Đá, gỗ và toàn bộ hồ của nhà ấy phải bị đem đi khỏi

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ phải đem số đá, gỗ và toàn bộ hồ trong nhà đi”

bất cứ người nào vào trong nhà đó... sẽ bị ô uế

Một người mà dân sự không được đụng đến hoặc người không phù hợp cho những mục đích của Đức Chúa Trời bởi vì người đó đã vào trong nhà kia được nói đến như thể thân thể của người đó không sạch sẽ.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

Leviticus 14:48

ngôi nhà đó được trát vữa

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chủ nhà trát lớp đất sét mới lên trên những hòn đá đó”

người sẽ tuyên bố nhà đó thanh sạch

Một nơi mà dân sự có thể ở được nói đến như thể nơi đó sạch sẽ.

Leviticus 14:49

gỗ cây tuyết tùng, sợi chỉ màu đỏ đậm và cây bài hương

Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong LEV 14:4.

huyết của con chim bị giết

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “máu của con chim mà người đã giết”

Leviticus 14:52

Người ấy sẽ thanh tẩy ngôi nhà

"Thầy tế lễ sẽ thanh tẩy ngôi nhà theo nghi lễ”

nhà đó sẽ được thanh sạch

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngôi nhà mà dân sự có thể ở được được nói đến như thể nhà đó sạch sẽ.

Leviticus 14:54

bệnh nhiễm trùng về da

Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.

nấm mốc

Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:47.

chứng phát ban

Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:6.

không thanh sạch hoặc ... thanh sạch

Người và vật mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không thanh sạch, và những thứ mà dân sự được đụng đến như thể chúng sạch sẽ.

Translation Questions

Leviticus 14:3

Vào ngày người bệnh được thanh tẩy, thầy tế lễ phải khám cho người bệnh ở đâu?

Thầy tế lễ phải khám người bệnh ở ngoài trại quân để xem bệnh nhiễm trùng đã được lành chưa.

Leviticus 14:4

Thầy tế lễ truyền cho người bệnh phải đem gì đến để công bố thanh sạch cho người?

Thầy tế lễ truyền cho người bệnh phải đem hai con chim sống và tinh sạch, một khúc gỗ hương nam, một sợi chỉ màu đỏ sậm và cành bài hương.

Leviticus 14:7

Sau khi rảy hỗn hợp máu, nước, gỗ hương nam và cành bài hương lên người bệnh bảy lần thì thầy tế lễ phải làm gì với con chim còn lại?

Sau khi rảy hỗn hợp đó lên người bệnh bảy lần thì thầy tế lễ phải thả con chim còn lại ra ngoài đồng.

Leviticus 14:8

Người được thanh tẩy phải làm gì sau khi được thầy tế lễ tuyên bố thanh sạch?

Người được thanh tẩy phải giặt quần áo, cạo sạch tóc lông, tắm trong nước và phải ở bên ngoài trại mình trong bảy ngày.

Leviticus 14:9

Người được thanh tẩy phải làm gì sau khi được thầy tế lễ tuyên bố thanh sạch?

Người được thanh tẩy phải giặt quần áo, cạo sạch tóc lông, tắm trong nước và phải ở bên ngoài trại mình trong bảy ngày.

Leviticus 14:10

Vào ngày thứ tám, người được thanh tẩy phải đem con vật gì đến cho thầy tế lễ nếu có đủ khả năng?

Vào ngày thứ tám, người được thanh tẩy phải đem cho thầy tế lễ hai chiên con đực không tì vết, một chiên con cái một tuổi không tì vết và ba phần mười ê-pha bột lúa mì mịn trộn dầu và một lót dầu.

Leviticus 14:21

Nếu người được thanh tẩy là người nghèo khó không đủ khả năng dâng những lễ vật trên thì có thể thay bằng gì?

Nếu người được thanh tẩy là người nghèo khó không đủ khả năng dâng nhiều chiên thì có thể đem một chiên con đực, một phần mười bột mì mịn trộn với dầu, một lót dầu và hai con chim gáy hoặc bồ câu con.

Leviticus 14:28

Thầy tế lễ bôi dầu dùng trong việc thanh tẩy ở đâu?

Thầy tế lễ bôi dầu lên trái tai phải, ngón cái tay phải, ngón cái chân phải và phần dầu còn lại bôi lên đầu của người được thanh tẩy.

Leviticus 14:29

Thầy tế lễ bôi dầu dùng trong việc thanh tẩy ở đâu?

Thầy tế lễ bôi dầu lên trái tai phải, ngón cái tay phải, ngón cái chân phải và phần dầu còn lại bôi lên đầu của người được thanh tẩy.

Leviticus 14:44

Một căn nhà bị tuyên bố là ô uế khi nào?

Một căn nhà bị thầy tế lễ tuyên bố là ô uế nếu có đốm trắng không thể trừ bỏ được.

Leviticus 14:45

Nếu vết mốc ăn lan trong nhà không thể ngăn chặn được thì ngôi nhà đó sẽ thế nào?

Ngôi nhà sẽ bị phá dỡ nếu vết mốc ăn lan trong nhà không thể ngăn chặn được.

Leviticus 14:52

Nếu vết mốc đã bị trừ bỏ thì làm thế nào căn nhà được tuyên bố là thanh sạch?

Căn nhà sẽ được tuyên bố là thanh sạch nhờ thầy tế lễ rảy lên hỗn hợp huyết chim với nước, gỗ hương nam, cành bài hương và chỉ màu đỏ.

Chapter 15

Leviticus 15:1

chảy ra từ cơ thể của người đó

Cụm từ này chỉ về những phần kín của người nam.

người ấy bị ô uế

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.

nó là không thanh sạch

"thân thể của người đó không thanh sạch" hoặc "người không thanh sạch"

Leviticus 15:4

không thanh sạch

Giường ngủ hoặc những vật nào mà người đó ngồi lên trên mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không sạch sẽ.

Người nào đụng đến giường của người... không thanh sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

Leviticus 15:6

người ấy sẽ bị ô uế

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

người nào đụng đến cơ thể

"người đụng đến bất cứ bộ phận nào trên cơ thể"

Leviticus 15:8

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người thanh sạch
Người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vấy bẩn.
người ấy sẽ bị ô uế
Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.
yên
Yên là chỗ ngồi làm bằng da mà người ta đặt lên trên lưng ngựa để cưỡi lên nó.
Bất cứ cái yên nào ... sẽ trở nên không thanh sạch
Vật gì đó mà Đức Giê-hô-va tuyên bố không được đụng đến được nói như thể nó không sạch sẽ.
Leviticus 15:10
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm để tránh tình trạng lây nhiễm.
người đó
Cụm từ này chỉ người bị chảy mủ.
sẽ trở nên không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.
cho đến chiều tối
"cho đến khi mặt trời lặn"
Người nào bị người chảy mủ đó đụng đến
"Người nào mà người bị chảy mủ đó đụng đến”
người nào bị đụng phải
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người nào mà người đụng phải”
Bất cứ bình bằng sành nào mà người bị bệnh lậu đó đụng đến phải bị đập bể
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Phải đập bể những bình bằng sành nào mà người bị bệnh lậu đó đụng đến”
mọi vật chứa bằng gỗ phải được rửa trong nước
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “phải rửa mọi vật chứa bằng gỗ trong nước”
Leviticus 15:13
được thanh sạch khỏi mủ của mình
Một người khỏi bệnh được nói đến như thể thân thể của người này thanh sạch. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Tham khảo cách dịch: "hết bị chảy mủ”
Thì người sẽ được sạch
Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.
Leviticus 15:16
không thanh sạch cho đến chiều tối
Người hoặc vật mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không sạch sẽ.
cho đến chiều tối
"cho đến khi mặt trời lặn"
Mọi quần áo... phải được giặt rửa sạch bằng nước
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Phải lấy nước giặt rửa sạch mọi loại quần áo hoặc đồ da có dính tinh dịch"
Leviticus 15:19
đang trong kỳ kinh nguyệt... chu kỳ của người
Cả hai cụm từ này đều chỉ về khoảng thời gian máu chảy ra từ tử cung của người nữ.
sự ô uế của bà sẽ tiếp tục
"bà vẫn sẽ bị ô uế”
sẽ trở nên không thanh sạch
Người hoặc vật mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không sạch sẽ.
Leviticus 15:21
giường của người
Cụm từ này chỉ về người phụ nữ đang trong kỳ kinh nguyệt.
người đó sẽ trở nên không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.
cho đến chiều tối
"cho đến khi mặt trời lặn"
Leviticus 15:24
dòng máu ô uế của bà
"dòng máu không thanh sạch của bà” hoặc “máu từ tử cung của bà”
sẽ trở nên không thanh sạch
Người hoặc vật mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không sạch sẽ.
Leviticus 15:25
bà sẽ trở nên ô uế như thể bà đang ở trong kỳ kinh nguyệt của mình
Câu này có nghĩa là nếu người nữ đó bị rong huyết nhưng không phải đang ở trong kỳ kinh nguyệt bình thường của mình, thì bà sẽ vẫn bị ô uế như thể bà đang ở trong kỳ kinh nguyệt của mình.
người không thanh sạch ... người nào đụng đến ... sẽ trở nên không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể họ không thanh sạch.
mọi thứ bà người lên sẽ trở nên không thanh sạch
Những vật mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không sạch sẽ.
Leviticus 15:28
Nhưng nếu bà
Từ “bà” chỉ người phụ nữ đang ở trong chu kỳ kinh nguyệt.
được thanh sạch khỏi dòng máu của mình
Người nữ không còn bị chảy máu nữa được nói đến như thể thân thể bà đã sạch sẽ. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “không còn bị chảy máu nữa”
người sẽ được sạch
Người nữ mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể bà sạch sẽ.
bà phải đem theo
"bà phải đem theo”
dòng máu chảy không thanh sạch của bà
"dòng máu chảy khiến bà trở nên ô uế”
Leviticus 15:31
Đây là cách các con phải phân rẽ dân Y-sơ-ra-ên khỏi sự không thanh sạch của họ
Đức Giê-hô-va nói về việc ngăn ngừa dân Y-sơ-ra-ên khỏi bị ô uế như thể giữ dân Y-sơ-ra-ên ở một khoảng cách an toàn khỏi sự không thanh sạch. Tham khảo cách dịch: “Đây là cách các con phải giữ dân Y-sơ-ra-ên khỏi bị ô uế”
sự không thanh sạch của họ
Những người không phù hợp cho những mục đích của Đức Chúa Trời mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của họ không sạch sẽ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Leviticus 15:32
Đây là những luật lệ
"Đây là những điều phải thực hiện”
khiến người không thanh sạch... người nữ không thanh sạch
Những người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể họ không thanh sạch.
đang trong kỳ kinh nguyệt
"đang có kinh nguyệt” hoặc “đang chảy máu từ tử cung”

Translation Questions

Leviticus 15:3
Đức Giê-hô-va phán với Môi-se và A-rôn tình trạng một người bị tiết mủ là thế nào?
Đức Giê-hô-va phán với Môi-se và A-rôn rằng bất kì người nào khi thân thể bị tiết mủ ra thì người đó bị ô uế.
Leviticus 15:7
Người đụng đến người bị ô uế vì thân thể bị tiết mủ thì sẽ thế nào?
Ai đụng đến người ô uế thì cũng sẽ bị ô uế và phải tắm trong nước, giặt quần áo và bị ô uế đến chiều tối.
Leviticus 15:13
Người được thanh tẩy khỏi bệnh bị tiết mủ phải tắm trong nước nào?
Người được thanh tẩy khỏi bệnh bị tiết mủ phải tắm trong dòng nước chảy.
Leviticus 15:15
Người bị ô uế phải nộp gì cho thầy tế lễ để dùng làm của lễ chuộc tội và của lễ thiêu?
Người bị ô uế phải nộp hai con chim gáy hoặc bồ câu con cho thầy tế lễ để dùng làm của lễ chuộc tội và của lễ thiêu.
Leviticus 15:16
Người hay vật nào dính tinh dịch thì sẽ thế nào?
Tất cả phải được tắm giặt trong nước và bị ô uế đến chiều tối.
Leviticus 15:18
Người hay vật nào dính tinh dịch thì sẽ thế nào?
Tất cả phải được tắm giặt trong nước và bị ô uế đến chiều tối.
Leviticus 15:19
Người phụ nữ sẽ bị ô uế bao lâu khi có kinh?
Người phụ nữ sẽ bị ô uế bảy ngày.
Leviticus 15:24
Người đàn ông sẽ bị ô uế bao lâu khi ăn nằm với một người phụ nữ đang có kinh và dính huyết kinh nguyệt vào người?
Người ấy sẽ bị ô uế trong bảy ngày?
Leviticus 15:29
Người phụ nữ phải đem gì làm của lễ vào ngày thứ tám sau khi huyết đã cầm lại?
Người phụ nữ phải đem đến hai con chim gáy hoặc bồ câu con.

Chapter 16

Leviticus 16:1
hai con trai của A-rôn
Chỉ Na-đáp và A-bi-hu. Họ chết bởi vì đã đem một thứ lửa mà Đức Giê-hô-va không chấp nhận. (Xem: LEV 10:1-2)
Leviticus 16:3
Vậy đây là cách
"Đây là cách”
quần áo lót
"quần áo trong." Đây là quần áo được mặc trong cùng phía dưới lớp quần áo ngoài.
đai thắt lưng
miếng vải cột quanh vòng eo hoặc hông.
khăn xếp
Đây là phần che phủ đầu được làm từ những mảnh vải quấn lại.
từ hội chúng
"từ hội chúng”
Leviticus 16:6
tế lễ chuộc tội cho chính mình
"tế lễ chuộc tội cho chính mình”
Leviticus 16:8
con dê gánh tội
"con dê bị thả đi”. A-rôn sai người thả con dê vào trong đồng vắng.
lá thăm rơi trúng
"lá thăm chỉ rõ”
Nhưng con dê... phải được dâng sống trước mặt Đức Giê-hô-va
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nhưng A-rôn phải đem con dê... còn sống trước mặt Đức Giê-hô-va"
Leviticus 16:11
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những việc A-rôn phải làm trong Lễ Chuộc Tội.
người phải giết con bò đực
A-rôn phải dùng tô hứng máu của con bò đực để lát sau người có thể rảy máu đó trên nắp chuộc tội. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.
Leviticus 16:12
lư hương
vật chứa trầm hương và lửa, được các thầy tế lễ sử dụng.
hương thơm
"hương thơm”. Chỉ về mùi, không phải vị của bột hương.
Leviticus 16:14
máu của bò đực
Đây là phần máu A-rôn đã hứng trong tô trong LEV 16:11.
dùng ngón tay mình rảy nó
Người dùng ngón tay để té máu đó.
phía trước nắp chuộc tội
Người bôi máu đó lên trên phần nóc nắp. Cũng bôi nó ở mặt bên của nắp chuộc tội đối ngang với người khi người vào nơi chí thánh.
trước nắp chuộc tội
Ý nghĩa khả thi: 1) “bên dưới nắp chuộc tội phía bên trên của hòm Giao Ước” hoặc “trên nền đất trước nắp thi ân”.
Leviticus 16:15
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những điều A-rôn phải làm trong Lễ Chuộc Tội.
người phải rảy nó trên nắp chuộc tội và rồi phía trước nắp chuộc tội
A-rôn rảy máu này y như cách mà người đã làm với máu của bò đực. Xem cách bạn đã dịch những chỉ dẫn trước đó trong LEV 16:14.
Người phải làm lễ chuộc tội cho nơi thánh vì cớ những việc làm ô uế

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của dân Y-sơ-ra-ên
Tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên khiến nơi thánh bị ô uế.
những việc làm ô uế... sự nổi loạn... tội lỗi
Về cơ bản, những cụm từ này cùng chỉ về một ý. Chúng nhấn mạnh việc dân sự đã phạm đủ loại tội.
những việc làm ô uế
Những việc làm tội lỗi khiến dân sự trở nên không chấp nhận được trước mặt Đức Giê-hô-va được nói đến như thể như thể thân thể của họ không sạch sẽ actions.
giữa những việc làm ô uế của họ
Cụm từ “những việc làm ô uế của họ” tượng trưng cho những người làm những điều tội lỗi. Tham khảo cách dịch: “giữa những người phạm tội”
Leviticus 16:17
Người phải đi ra bàn thờ trước mặt Đức Giê-hô-va
Đây là bàn thờ dâng tế lễ ở ngay bên trong của sân trong Đền Tạm.
và làm lễ chuộc tội cho nó
Giống như nơi thánh và Lều Hội Kiến, bàn thờ bị ô uế bởi tội lỗi của dân sự.
các sừng của bàn thờ
"những phần nhô ở góc cạnh của bàn thờ" (UDB). Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 4:7.
để thanh tẩy nó
Đền thờ phù hợp để được sử dụng cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể nó có bề ngoài sạch sẽ.
biệt riêng nó ra cho Đức Giê-hô-va, xa khỏi những việc làm ô uế của dân Y-sơ-ra-ên
Bàn thờ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va được nói đến như thể nó bị tách biệt khỏi tội lỗi của dân sự.
những việc làm ô uế
Những việc làm tội lỗi khiến dân sự trở nên không chấp nhận được trước mặt Đức Giê-hô-va được nói đến như thể như thể thân thể của họ không sạch sẽ actions.
Leviticus 16:20
Người phải dân con dê còn sống đó
Đây là con dê được gọi là con dê chịu tội trong câu LEV 16:10.
xưng tội trên nó
"xưng tội trên con dê đó”
Người phải chất những tội lỗi đó trên đầu con dê
Những việc làm của A-rôn ở đây là hành động mang tính biểu tượng chuyển tội lỗi của dân sự sang con dê đó như một dấu hiệu cho thấy con dê sẽ phải chịu những trừng phạt cho những tội lỗi của dân sự.
sự gian ác ... sự chống nghịch... tội lỗi
Về cơ bản những cụm từ này cùng nói về một điều. A-rôn đang xưng nhận mọi tội lỗi mà dân sự đã phạm phải.
Leviticus 16:23
và cởi bỏ lễ phục bằng vải gai
Đây là những trang phục đặc biệt mà A-rôn chỉ mặc khi ông vào nơi chí thánh.
Người phải tắm rửa thân thể trong nước ở nơi thánh
Ở đây, “nơi thánh” không chỉ về Lều Hội Kiến. Câu này có nghĩa là một nơi khác được để riêng ra cho người để tắm rửa.
mặt y phục thường
Đây là những y phục mà A-rôn mặc trong những nhiệm vụ thường ngày của mình.
Leviticus 16:25
Người phải thiêu
"A-rôn phải thiêu"
Người đã thả con dê gánh tội ra phải giặt sạch quần áo và tắm mình trong nước
Người nầy bị ô uế bởi vì người có tiếp xúc với con dê gánh tội, là con dê sinh tế mang lấy tội lỗi của dân sự.
con dê gánh tội
"con dê bị thả đi”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 16:8.
Leviticus 16:27
máu của nó được đem
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “máu của nó sẽ được A-rôn đem”
phải được đem
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “ai đó phải đem”
bộ da của chúng
"da của chúng”. Ở đây, “của chúng” chỉ con dê đực và con dê.
Leviticus 16:29
cho các con
Từ “các con” ở dạng số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
ngày thứ mười trong tháng thứ bảy
Đây là tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ mười này gần với ngàu cuối tháng mười một trong lịch phương Tây.
lễ chuộc tội sẽ được lập cho các con
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “A-rôn sẽ làm lễ chuộc tội cho các con”
để thanh tẩy các con... vậy các con sẽ được thanh sạch
Những người được chấp nhận cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể họ sạch sẽ.
Đó là một ngày Sa-bát trọng thể để các con nghỉ ngơi
Đây không phải giống như ngày Sa-bát mà họ vẫn giữ vào ngày thứ bảy hằng tuần. Đây là ngày Sa-bát đặc biệt trong kỳ Lễ Chuộc Tội.
Leviticus 16:32
người sẽ được xức dầu và được phong chức
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người họ sẽ xức dầu và phong chức cho”
chỗ của cha mình
Khi thầy tế lễ thượng phẩm qua đời thì một trong số các con trai của người sẽ thế chỗ cho người.
lễ phục thánh
Đây là những bộ quần áo đặc biệt mà thầy tế lễ thượng phẩm phải mặc khi vào nơi chí thánh.
cho toàn thể dân sự trong hội chúng
"cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên”
Leviticus 16:34
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va hoàn thành việc căn dặn Môi-se những việc dân Y-sơ-ra-ên phải làm trong kỳ Lễ Chuộc Tội.
Và mọi việc sẽ được làm y như Đức Giê-hô-va đã lệnh cho Môi-se
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Và Môi-se làm y như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh” hoặc “Và A-rôn đã làm y như Đức Giê-hô-va lệnh cho Môi-se”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Leviticus 16:2

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se cảnh báo A-rôn không được vào nơi chí thánh phía trong bức màn như thế nào?

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se cảnh báo A-rôn không phải lúc nào cũng có thể vào nơi chí thánh phía trong bức màn.

Leviticus 16:3

A-rôn phải đem gì theo khi vào nơi chí thánh?

A-rôn phải đem theo một con bò đực tơ dùng làm của lễ chuộc tội và một con chiên đực dùng làm của lễ thiêu.

Leviticus 16:4

A-rôn phải làm gì trước khi mặc y phục thầy tế lễ vào?

A-rôn phải tắm trong nước trước khi mặc y phục thầy tế lễ vào.

Leviticus 16:5

Ai phải đem cho A-rôn hai con dê đực và một con chiên đực?

Hội chúng Y-sơ-ra-ên phải cho A-rôn hai con dê đực và một con chiên đực.

Leviticus 16:8

Vì sao A-rôn phải bắt thăm những con dê?

A-rôn phải bắt thăm những con dê để chọn con nào dâng cho Đức Giê-hô-va và con nào gánh tội.

Leviticus 16:10

Con dê được bắt thăm để gánh tội sẽ thế nào?

Con dê được bắt thăm để gánh tội sẽ được dâng trước mặt Đức Giê-hô-va để chuộc tội, sau đó thả vào hoang mạc.

Leviticus 16:11

A-rôn dâng con bò đực cho ai?

A-rôn dâng con bò đực làm của lễ chuộc tội cho mình và nhà mình.

Leviticus 16:13

Phải có thứ gì bao phủ nắp thi ân trên hòm chứng ước để A-rôn khỏi chết?

Đám mây của khói hương phải bao phủ nắp thi ân để A-rôn khỏi chết.

Leviticus 16:17

Còn ai khác phải ở trong lều với A-rôn khi ông làm lễ chuộc tội ở nơi chí thánh?

Không một ai được ở trong lều khi A-rôn làm lễ chuộc tội ở nơi chí thánh.

Leviticus 16:21

A-rôn phải làm gì khi đặt tay trên đầu con dê đực gánh tội?

A-rôn phải xưng tất cả gian ác của dân Y-sơ-ra-ên, mọi vi phạm và tội lỗi của họ.

Leviticus 16:23

A-rôn phải làm gì với y phục của thầy tế lễ?

A-rôn phải cởi y phục thầy tế lễ và để lại trong lều hội kiến.

Leviticus 16:29

Đức Giê-hô-va phán lễ chuộc tội phải được cử hành khi nào?

Lễ chuộc tội phải được cử hành vào ngày thứ mười của tháng thứ bảy hàng năm.

Chapter 17

Leviticus 17:1

trước Đền Tạm của Ngài

"trước Đền Tạm của Đức Giê-hô-va "

người ấy phải bị loại bỏ khỏi vòng dân sự mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 7:20]

Leviticus 17:5

cho thầy tế lễ để được dâng lên

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “cho thầy tế lễ để người có thể dâng chúng”

Leviticus 17:7

vì như vậy chúng đã hành xử như những kẻ mại dâm

Dân sự không trung tín với Đức Giê-hô-va khi thờ phượng các tà thần được nói đến như thể họ hành xử như một người nam phản bội vợ mình khi phạm tội ngoại tình. Tham khảo cách dịch: “vì như vậy chúng đã không trung tín với Đức Giê-hô-va”

một quy định đời đời cho họ trải qua các thế hệ của dân họ

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong LEV 3:17.

Leviticus 17:8

người đó phải bị truất khỏi dân tộc mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 7:20]

Leviticus 17:10

Ta sẽ để mặt Ta nghịch cùng kẻ đó

Từ “mặt” tượng trưng cho chính người đó. Các nói này có nghĩa là sẽ loại bỏ ai đó hoặc vật gì đó. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ nghịch cùng kẻ đó” hoặc “Ta sẽ loại bỏ kẻ đó”

Ta sẽ truất nó khỏi vòng dân tộc mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không cho phép kẻ đó sống giữa dân sự nó nữa” hoặc “Ta sẽ tách kẻ đó khỏi dân sự nó”

Vì sự sống của một con thú nằm trong huyết của nó… chuộc tội cho sự sống

Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời dùng huyết con sinh tế để chuộc tội cho những tội lỗi của dân sự bởi vì huyết đó là sự sống. Dân sự không nên ăn huyết vì cớ huyết có mục đích đặc biệt này.

Leviticus 17:12

Ta phán

Ở đây, “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

không một ai trong các con được ăn huyết

"không một ai trong các con được ăn thịt có lẫn huyết ở trong”

có thể ăn thịt được

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Ta đã dặn họ có thể ăn thịt được”

rồi lấy đất lấp huyết đó lại

"rồi lấy bụi đất lấp huyết đó lại”

Leviticus 17:14

sự sống của mọi sinh vật nằm trong huyết của nó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu này có nghĩa là máu khiến các loài sinh vật sống động. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “mọi loài sinh vật có thể sống được là nhờ huyết của nó”

Ai ăn nó phải bị truất khỏi

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người nào ăn huyết thì sẽ không được sống giữa dân sự mình nữa” hoặc “Các con phải phân rẽ người ăn huyết ra khỏi dân sự của nó”

Leviticus 17:15

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

bị thú dữ xé xác

Một con vật bị thú dữ giết được nói đến như thể con thú dữ đó đã xé xác con vật đó thành nhiều mảnh. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà thú dữ giết chết”

dân bản xứ

"là người Y-sơ-ra-ên”

người ấy sẽ bị ô uế ... Thì người sẽ được sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ và người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vấy bẩn.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

thì người sẽ mang tội của mình

Tội lỗi của một người được ví như một vật mà người đó phải mang trên người. Ở đây, từ “tội” tượng trưng cho hình phạt dành cho tội lỗi đó. Tham khảo cách dịch: “thì người phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của mình” hoặc “thì Ta sẽ trừng phạt người vì cớ tội lỗi của người”

Translation Questions

Leviticus 17:3

Nếu một người nam giết một con bò, chiên con hay dê mà không đem đến cửa lều hội kiến để dâng làm của lễ cho Đức Giê-hô-va thì sẽ mắc tội gì?

Người giết một con bò, chiên con hay dê mà không đem đến cửa lều hội kiến để dâng làm của lễ cho Đức Giê-hô-va thì sẽ mắc tội làm đổ máu và phải bị truất khỏi dân chúng.

Leviticus 17:4

Nếu một người nam giết một con bò, chiên con hay dê mà không đem đến cửa lều hội kiến để dâng làm của lễ cho Đức Giê-hô-va thì sẽ mắc tội gì?

Người giết một con bò, chiên con hay dê mà không đem đến cửa lều hội kiến để dâng làm của lễ cho Đức Giê-hô-va thì sẽ mắc tội làm đổ máu và phải bị truất khỏi dân chúng.

Leviticus 17:5

Mục đích của mạng lệnh này là gì?

Mạng lệnh này là để dân chúng phải dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va tại cửa lều hội kiến thay vì dâng ngoài đồng.

Leviticus 17:7

Mạng lệnh này sẽ chấm dứt điều gì?

Mạng lệnh này sẽ chấm dứt việc dân chúng dâng sinh tế cho những tượng thần dê.

Leviticus 17:11

Đức Giê-hô-va phán điều gì chuộc được tội?

Đức Giê-hô-va phán huyết chuộc được tội.

Leviticus 17:13

Đức Giê-hô-va phán dân Y-sơ-ra-ên hay các ngoại kiều sống giữa họ khi giết thịt thú vật hay chim thì phải thế nào?

Đức Giê-hô-va phán rằng trong dân Y-sơ-ra-ên hoặc trong các ngoại kiều đang sống giữa họ ai giết thịt thú vật hay chim thì phải đổ huyết nó ra hết rồi lấy đất lấp lại.

Leviticus 17:15

Người ăn thịt của một con thú đã chết hoặc bị thú khác xé thì phải làm gì?

Người nào ăn thịt của một con thú đã chết hoặc bị thú khác xé thì phải giặt quần áo, tắm trong nước và bị ô uế đến chiều tối.

Nếu người đó không giặt quần áo và tắm trong nước thì phải thế nào?

Nếu người đó không giặt quần áo và tắm trong nước thì phải mang tội mình.

Chapter 18

Leviticus 18:4

Luật pháp của Ta là điều các con phải làm, và mạng lệnh của Ta là điều các con phải giữ

Hai vế này về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng dân sự phải tuân giữ mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ phải làm. Bạn có thể dịch cặp đôi này thành một câu khẳng định chuyển tải được yêu cầu phải giữ mọi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Các on phải tuân theo mọi quy định và mạng lệnh của Ta”

để các con bước đi trong chúng

Việc vâng giữ những mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được nói đến như thể những mạng lệnh đó là con đường mà dân sự bước đi trên đó. Tham khảo cách dịch: “để các con sống theo những điều đó”

Leviticus 18:6

vợ của cha các con

Đôi lúc, một người đàn ông có nhiều vợ. Đức Chúa Trời không cho phép người con trai quan hệ tình dục với bất cứ người nữ nào đã được gả cho cha mình.

Leviticus 18:9

cho dù nàng là con gái của cha hay con gái của mẹ các con

Câu này có nghĩa là một người nam không được quan hệ tình dục với chị em gái của mình, dù họ là anh em cùng cha cùng mẹ hay cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha.

dù nàng được nuôi dưỡng trong nhà các con hay ở nơi khác xa các con

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dù nàng lớn lên trong nhà các con hay ở xa chỗ các con”

Đừng quan hệ tình dục với con gái của vợ của cha các con

Ý nghĩa khả thi: “Đừng quan hệ tình dục với chị em gái cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha của các con” (UDB). Ở đây, người nam không cùng cha hoặc không cùng mẹ với người nữ. Hai trở thành anh chị em khi cha mẹ của họ lấy nhau.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Leviticus 18:12

Đừng đến gần người vì mục đích đó

"Đừng đến chỗ người để quan hệ tình dục với người"

Leviticus 18:15

Đừng quan hệ tình dục với người

Đức Giê-hô-va lặp lại lời này để nhấn mạnh mạng lệnh này.

Leviticus 18:19

kinh nguyệt

Đây là khoảng thời gian khi người nữ bị chảy máu từ tử cung.

người không thanh sạch

Người nữ mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của nàng không sạch sẽ.

vợ của người lân cận

"vợ của bất cứ người nam nào"

Leviticus 18:21

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những điều dân sự không được phép làm để khỏi bị ô uế.

Các con không được dâng bất cứ đứa con nào của mình để bỏ nó vào lửa

Cụm từ "bỏ vào lửa" có nghĩa là thiêu cháy thứ gì đó bằng lửa như một tế lễ. Tham khảo cách dịch: "Các con không được thiêu sống con cái mình"

các con không được xúc phạm danh Đức Chúa Trời các con

Ở đây, từ "xúc phạm" có nghĩa là không tôn kính. Từ "danh" đại diện cho chính Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "các con không được làm ô nhục Đức Chúa Trời mình"

Xem:

Leviticus 18:22

Đó là sự đồi bại

Ở đây, "đồi bại" chỉ về việc làm trái với quy luật tự nhiên mà Đức Giê-hô-va đã định cho chúng.

Leviticus 18:24

các dân tộc kia bị ô uế

Cụm từ này chỉ những nhóm dân vốn đã sống tại Ca-na-an. Hãy dịch cụm từ "các dân tộc" chỉ về con người. Tham khảo cách dịch: "các dân tộc đó đã tự làm ô uế mình"

Đất đã bị ô uế

"Những dân đó đã làm ô uế đất"

đất mửa dân nó ra

Việc Đức Giê-hô-va đánh đuổi các dân đó ra khỏi đất Ca-na-an được nói đến như thể đất đó là một con người mửa các dân đó ra. Tham khảo cách dịch: "Ta đã đánh đuổi các dân đó ra khỏi vùng đất ấy, như một người mửa thức ăn ra"

Leviticus 18:26

bất cứ điều nào trong những điều đáng ghê tởm đó

"bất cứ điều nào trong số những điều đáng ghê tởm đó"

Ấy là sự gian ác

Cụm từ này nói đến "những điều đáng ghê tởm đó"

Vậy nên hãy cẩn thận

"Vậy nên hãy cẩn thận mà vâng phục Ta"

để đất đó không mửa.... như nó đã mửa các dân

Việc Đức Giê-hô-va đánh đuổi các dân đó ra khỏi đất Ca-na-an được nói đến như thể đất đó là một con người mửa các dân đó ra. Xem cách bạn đã dịch ẩn dụ này trong [LEV 18:25]

Leviticus 18:29

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán dặn Môi-se những điều dân sự không được làm.

những người... sẽ bị trục xấu khỏi dân sự của họ

Trong bản gốc tiếng anh, những người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể họ bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người... sẽ không được sống giữa dân sự mình nữa" hoặc "Các con phải tác những người đó... khỏi dân của họ"

những điều đã từng được làm tại đây trước các con

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những điều mà những dân trước lúc các con đến đã từng làm"

bởi chúng

Ở đây, "chúng" chỉ những phong tục đáng ghê tởm được nói đến trước đó.

Translation Questions

Leviticus 18:3

Đức Giê-hô-va phán dân chúng không được làm giống với dân ở hai nơi nào?

Đức Giê-hô-va phán họ không được làm theo dân Ai Cập và Ca-na-an.

Leviticus 18:6

Đức Chúa Trời cấm không được quan hệ tình dục với nhóm người nào?

Đức Giê-hô-va cấm không được quan hệ tình dục với những người bà con gần.

Leviticus 18:19

Vì sao người đàn ông không được quan hệ tình dục với người phụ nữ đang trong kỳ kinh nguyệt?

Người đàn ông không được quan hệ tình dục với người phụ nữ đang trong kỳ kinh nguyệt vì khi đó người phụ nữ đang bị ô uế.

Leviticus 18:21

Dân chúng không được dâng gì cho thần Mo-lóc?

Dân chúng không được dâng con cái cho thần Mo-lóc.

Leviticus 18:22

Câu 22 và 23 không cho phép hai việc quan hệ tình dục nào?

Câu 22 và 23 không cho phép quan hệ tình dục với người đàn ông khác hoặc với thú vật.

Leviticus 18:23

Câu 22 và 23 không cho phép hai việc quan hệ tình dục nào?

Câu 22 và 23 không cho phép quan hệ tình dục với người đàn ông khác hoặc với thú vật.

Leviticus 18:28

Điều gì đã xảy ra cho dân tộc sống ở đó trước dân Y-sơ-ra-ên?

Dân tộc sống ở đó trước dân Y-sơ-ra-ên đã làm cho đất trở thành ô uế và đất đã mửa họ ra.

Leviticus 18:29

Trong dân chúng hay các ngoại kiều sống giữa họ nếu người nào làm một trong những điều đáng ghê tởm ấy thì sẽ bị thế nào?

Người nào làm một trong những điều đáng ghê tởm ấy thì sẽ bị trục xuất khỏi dân chúng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 19

Leviticus 19:1

giữ những ngày Sa-bát của Ta

"chú ý giữ những ngày Sa-bát của Ta" hoặc "tôn trọng những ngày nghỉ ngơi của Ta"

Đừng xoay qua những hình tượng vô giá trị

Việc thờ hình tượng được nói đến như thể nó đang xoay mình hướng sang phía chúng. Tham khảo cách dịch: "Đừng bắt đầu thờ những hình tượng vô ích"

Leviticus 19:5

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

các con phải dâng chúng để các con được chấp nhận

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Ý nghĩa khả thi: 1) Đức Giê-hô-va sẽ chấp nhận người dâng tế lễ. Tham khảo cách dịch: "các con phải dâng chúng cách phải lẽ để Ta sẽ chấp nhận các con" hoặc 2) Đức Giê-hô-va sẽ chấp nhận tế lễ từ người đó. Tham khảo cách dịch: "các con phải dâng chúng cách phải lẽ để Ta sẽ chấp nhận tế lễ của các con"

Nó phải được ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con phải ăn nó"

Nó phải bị thiêu

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con phải thiêu nó"

Nếu phần đó bị ăn đến

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nếu các con ăn bất cứ phần nào trong đó"

Nó không được chấp nhận

Ăn tế lễ sau khoảng thời gian đã định là chống nghịch Đức Chúa Trời và gia tăng tội lỗi mà tế lễ đó sẽ phải che đậy. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con không được ăn đồ đó"

người nào... phải mang lấy tội lỗi của chính mình

Tội lỗi của một người được ví như một vật mà người đó phải mang trên người. Ở đây, từ "tội" tượng trưng cho hình phạt dành cho tội lỗi đó. Tham khảo cách dịch: "người nào... phải chịu trách nhiệm cho tội lỗi của chính mình"

Người đó phải bị trục xuất khỏi dân sự mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 7:20]

Leviticus 19:9

Khi các con gặt hái mùa màng trong đất mình thì đừng gặt sạch đến tận góc ruộng

"Khi các con thu hoạch mùa màng, đừng gặt sạch từ đầu cho đến cuối bờ ruộng"

cũng đừng thu lượm toàn bộ sản vật trong vụ mùa của mình

Câu này nói đến việc trở lại đồng ruộng lần nữa để lượm mót lại những sản vật còn sót lại sau lần thu hoạch đầu tiên. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "đừng quay trở lại đặng mót lại toàn bộ những vật còn sót lại"

Leviticus 19:11

Đừng lấy danh Ta mà thề dối

"Đừng lấy danh Ta để thề điều gì không thật"

Leviticus 19:13

Đừng áp bức người lân cận mình hay cướp giật của người

Ở đây, "người lân cận" chỉ "bất kỳ ai". Tham khảo cách dịch: "Đừng làm hại hay cướp giật của ai"

Các con không được giữ tiền lương của người làm thuê cho đến tận sáng hôm sau

Đức Giê-hô-va ra lệnh cho những người chủ phải trả tiền công đúng giờ cho người làm của mình khi người đã xong công việc ngày đó. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

Leviticus 19:15

Đừng xét xử bất công

Cách nói phủ định kép nhằm mục đích nhấn mạnh. Có thể dịch sang cách nói khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Phải luôn xét xử công bằng"

Các con không được thiên vị người nghèo, cũng đừng thiên vị kẻ quyền thế

Từ "nghèo" và "quyền thế" là hai thái cực khác nhau, cộng gộp với nhau thì sẽ chỉ về "mọi người". Bạn có thể dịch câu này cách nào đó để làm sáng tỏ điều này. Tham khảo cách dịch: "Các con không được dựa trên số tiền họ có mà thiên vị bất cứ người nào"

hãy phân xử người lân cận mình một cách công minh

"hãy phân xử mọi người dựa theo điều đúng đắn"

Đừng đi đây đó phao tin đồn thất thiệt

"Đừng đi đây đó đồn nhảm với những người khác"

Leviticus 19:17

Đừng để lòng ghen ghét anh em mình

Việc liên tục ghét một người nào đó được nói đến như thể trong lòng có sự ghen ghét họ. Tham khảo cách dịch: "Đừng giữ lòng ghen ghét anh em mình"

Các con phải thành thật quở trách người lân cận mình

"Các con phải khiển trách người đang phạm tội"

Leviticus 19:19

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

áo quần được dệt bằng hai loại vật liệu khác nhau

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "áo quần mà người ta dệt từ hai loại vật liệu khác nhau"

Leviticus 19:20

người được hứa gả cho người chồng

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã đính ước với một người đàn ông khác"

nhưng người chưa được chuộc ra hoặc chưa được trả tự do

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nhưng người mà chồng sắp cưới của nàng vẫn chưa chuộc lại hoặc chưa trả sự tự do cho nàng"

họ phải bị trừng phạt

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải trừng phạt người nữ nô lệ đó cùng với người nam đã ăn nằm với nàng"

Họ không phải bị tử hình

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con không được giết họ"

Người đàn ông phải đem một con chiên đực làm tế lễ chuộc tội mình đến tại trước cửa Lều Hội Kiến cho Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Người nam phải đem một con chiên đực làm tế lễ chuộc tội dâng lên cho Đức Giê-hô-va tại trước cửa Lều Hội Kiến”

tội mà người đã phạm phải sẽ được tha thứ

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ tội mà người đã phạm”

Leviticus 19:23

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

thì các con phải xem trái của những cây đó là trái cấm không được phép ăn ... Chúng không được dùng làm thức ăn

Đức Giê-hô-va lặp lại lệnh cấm để nhấn mạnh lệnh đó và làm rõ rằng đây là điều bắt buộc phải làm trong ba năm đầu ra trái của cây đó. Hãy dịch câu này để làm rõ khoảng thời gian để mặc cây này, không đụng đến. Tham khảo cách dịch: "thì các con không được ăn trái của những cây đó trong vòng ba năm đầu tiên”

các con phải kể những trái của nó như trái cấm không được ăm

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải xem những trái của cây đó là thứ Ta đã cấm các con không được ăn”

Trái đó phải bị cấm với các con

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ta đã cấm trái đó với các con”

Chúng không được dùng làm thức ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con không được ăn nó”

Leviticus 19:29

các nước sẽ sa vào dâm loạn và cả xứ sẽ đầy dẫy sự gian ác

Ở đây, từ “nước” và “xứ” đều chỉ về những người dân sống tại đó. Việc nhiều người làm mại dâm và những việc gian ác khác được nói đến như thể họ đã ngã vào đó hoặc trở nên đầy dẫy những điều đó. Tham khảo cách dịch: “dân sự bắt đầu sự dâm loạn và làm nhiều điều gian ác”

Leviticus 19:31

người chết hoặc với các thần linh

Ý nghĩa khả thi: 1) “người chết” và “thần linh” là hai điều khác nhau hoặc 2) đây là phép trùng lặp có nghĩa là “thần linh của những người chết’

Không được tìm kiếm chúng, hoặc chúng sẽ khiến các con bị ô uế

"Đừng tìm kiếm những người đó. Nếu các con tìm kiếm họ, họ sẽ khiến các con bị ô uế”

Leviticus 19:32

Các con phải đứng dậy

Đứng thẳng lên trước mặt ai đó là dấu hiệu thể hiện sự tôn trọng.

người tóc bạc

Cụm từ này chỉ những người tóc đã chuyển sang bạc vì tuổi già, hoặc “người già”

Leviticus 19:35

Không được dùng cân gian dối

Điều này ngăn cấm việc cố ý sử dụng những dụng cụ cân đo đong đếm không chính xác khi đo lường mọi thứ.

ê-pha

Đây là dụng cụ đong lúa.

hin

Đâu là dụng cụ đo chất lỏng.

phải vâng phục.. và thực hiện chúng

Những cụm từ này cùng nói về một ý và nhấn mạnh mạng lệnh phải vâng phục.

Translation Questions

Leviticus 19:3

Đức Giê-hô-va bảo dân chúng phải làm hai điều gì?

Đức Giê-hô-va bảo dân chúng phải tôn kính cha mẹ và giữ ngày Sa-bát của Ngài.

Leviticus 19:4

Đức Giê-hô-va bảo dân chúng phải làm hai điều gì?

Đức Giê-hô-va bảo dân chúng phải tôn kính cha mẹ và giữ ngày Sa-bát của Ngài.

Leviticus 19:10

Vì sao Đức Giê-hô-va bảo dân chúng chừa lại những góc trong cánh đồng, không hái sạch vườn nho hay nhặt những trái rớt xuống đất?

Lương thực hay nho không thu hoạch phải được chừa lại cho người nghèo và các ngoại kiều.

Leviticus 19:15

Dân chúng không được thiên vị ai?

Dân chúng không được thiên vị một người nào vì nghèo hay giàu nhưng phải phân xử người lân cận mình cách công minh.

Leviticus 19:18

Dân chúng phải làm gì thay vì trả thù hay mang thù hận?

Thay vì trả thù hay mang mối hận dân chúng phải yêu thương người lân cận như chính mình.

Leviticus 19:19

Dân chúng phải làm gì khi gieo giống ngoài đồng?

Khi gieo giống ngoài đồng, dân chúng không được trồng hai loại giống trên cùng một cánh đồng.

Leviticus 19:25

Người trồng cây ăn trái phải đợi bao lâu mới được ăn trái?

Người trồng cây ăn trái phải đợi đến năm thứ năm mới được ăn trái.

Leviticus 19:27

Dân chúng được truyền không được theo thói quen ngoại giáo nào?

Những thói quen ngoại giáo dân chúng được truyền không được giữ theo đó là xén tóc vòng quanh đầu và tỉa râu.

Leviticus 19:32

Đức Giê-hô-va bảo dân chúng phải tôn trọng và đứng dậy trước mặt ai?

Đức Giê-hô-va bảo dân chúng phải đứng dậy trước mặt người tóc bạc và tôn kính người già cả.

Leviticus 19:34

Đức Giê-hô-va phán vì sao dân Y-sơ-ra-ên phải yêu thương các kiều dân như chính thân mình?

Đức Giê-hô-va truyền cho dân chúng phải yêu thương các kiều dân vì dân Y-sơ-ra-ên cũng từng là kiều dân trong xứ Ai Cập.

Chapter 20

Leviticus 20:1

dâng bất cứ người con nào của mình lên cho Mô-lóc

Những người thờ phượng Mô-lóc thiêu chết con của mình để làm tế lễ. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "giết bất cứ người con nào của mình làm tế lễ dâng lên Mô-lóc”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhất định phải bị xử tử. Dân trong xứ phải ném đá người ấy
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "dân trong xứ phải ném đá người ấy cho đến chết"
Leviticus 20:3
Ta cũng sẽ để mặt Ta nghịch cùng người đó
Cụm từ "để mặt Ta nghịch cùng" là một cách nói có nghĩa là "loại bỏ" hoặc "kiên quyết chống nghịch". Tham khảo cách dịch: "Ta cũng sẽ loại bỏ người" hoặc "Ta cũng sẽ chống nghịch người"
người đã dâng con mình
"người đã dâng con mình làm tế lễ"
để làm ô uế nơi thánh của Ta và xúc phạm danh thánh của Ta
"và làm như thế, người đã làm ô uế nơi thánh của Ta và xúc phạm danh thánh của Ta"
xúc phạm danh thánh của Ta
Danh Đức Chúa Trời tượng trưng cho chính Đức Chúa Trời và danh tiếng của Ngài. Tham khảo cách dịch: "làm ô nhục danh tiếng của Ta" hoặc "làm ô nhục Ta"
nhắm mắt làm ngơ
Cụm từ "nhắm mắt làm ngơ" ngụ ý rằng họ "không thể nhìn thấy" và tượng trưng cho việc họ không thể nào hiểu được. Tham khảo cách dịch: "không để ý đến" hoặc "làm ngơ" (UDB)
những kẻ làm điếm mình để có thể thông dâm với Mô-lốc
Cụm từ này so sánh những người không trung tín với Đức Giê-hô-va với những người làm điếm. Tham khảo cách dịch: "những kẻ không trung tín với Đức Giê-hô-va"
Leviticus 20:6
để làm điếm với chúng
Cụm từ này so sánh những kẻ không trung tín với những người làm điếm. Tham khảo cách dịch: "khi làm như vậy, chúng tìm kiếm sự chỉ bảo từ các thần đó hơn là từ Ta"
để mặt Ta nghịch
"loại bỏ" hoặc "kiên quyết chống đối". . Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 20:3.
Leviticus 20:8
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
Các con phải giữ các mạng lệnh Ta và thực hiện chúng
Từ "giữ" và "thực hiện" về cơ bản cùng nói về một ý. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh ý dân sự phải vâng phục Đức Chúa Trời.
nhất định phải bị xử tử
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con nhất định phải xử tử"
Leviticus 20:10
Một người phạm tội tà dâm với vợ của một người khác, nghĩa là, người nào phạm tội tà dâm với vợ của người lân cận mình
Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của nó. Tham khảo cách dịch: "Người nam phạm tội tà dâm với vợ của người khác"
nhất định phải bị xử tử
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con nhất định phải xử tử cả hai người bọn chúng"
nằm cùng vợ của cha mình để ngủ với nàng
Đây là một cách nói tế nhị rằng người đó đã quan hệ tình dục với vợ của cha mình. Một vài ngôn ngữ sử dụng các nói trực tiếp hơn, chẳng hạn như "quan hệ tình dục với vợ của cha mình"
Chúng đã làm điều đồi bại
Ở đây, Đức Chúa Trời gọi một người nam quan hệ tình dục với vợ của con trai mình là một "điều đồi bại", một tội nghiêm trọng. Xem cách bạn đã dịch từ "điều đồi bại" này ở trong LEV 18:23.
Leviticus 20:13
một người đàn ông ngủ với
Đây là một cách nói tế nhị rằng người đó đã quan hệ tình dục với một người nam khác. Tham khảo cách dịch: "một người nam quan hệ tình dục với"
như với một người nữ
Người này đối với người nam kia như đối xử với một người nữ. Tham khảo cách dịch: "giống như người nằm cùng một người nữ"
điều đáng ghê tởm
"điều đáng xấu hổ" hoặc "điều gớm ghiếc"
Họ nhất định phải bị xử tử
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con nhất định phải xử tử bọn chúng"
Họ phải bị thiêu, cả người đó và người nữ
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con phải thiêu chết cả người nam và người nữ"
Leviticus 20:15
Người đó nhất định phải bị xử tử
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con nhất định phải xử tử người"
các con phải giết người nữ và con thú đó. Chúng nhất định phải bị xử tử
Cả hai mệnh đề đều cùng nói về một ý. Chúng nhấn mạnh ý cả người nữ và con thú đó đều phải chết.
Chúng nhất định phải bị xử tử
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con nhất định phải xử tử chúng"
Leviticus 20:17
một người nam ngủ với
Đây là một cách nói tế nhị rằng người đó đã quan hệ tình dục với chị em gái của mình. Một vài ngôn ngữ dùng cách nói trực tiếp hơn, như "một người nam đã quan hệ tình dục với"
dù là con gái của cha mình hay con gái của mẹ mình
Câu này nghĩa là một người nam không được phép ngủ với chị em gái của mình, cho dù đó là chị em gái cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "cho dù đó là chị em gái ruột của người hoặc chị em gái cùng mẹ khác cha hay cùng cha khác mẹ"
phải bị truất khỏi
Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đó không được phép sống giữa dân sự mình nữa" hoặc "các con phải phân rẽ người đó khỏi dân sự của mình". Xem cách bạn đã dịch ý này trong LEV 7:20.
Người phải mang tội của mình
Cụm từ này có nghĩa là người đó phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của mình. Tham khảo cách dịch: "Người phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của mình" hoặc "Các con phải trừng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phạt người”
kỳ kinh nguyệt
giai đoạn người nữ bị chảy máu từ tử cung
người đã để lộ máu của người nữ, nguồn máu của nàng
Cụm từ này so sánh việc quan hệ tình dục với một người nữ đang trong kỳ kinh nguyệt với việc vén bỏ bức màn che phủ của một điều gì đó đáng lẽ phải luôn được giấu kín. Có thể nói rõ đây là một điều đáng xấu hổ. Tham khảo cách dịch: “người đã làm điều đáng xấu hổ khi để lộ dòng máu của nàng”
Cả người nam và người đó phải bị truất khỏi
Có thể nói rõ tại sao phải làm điều này. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì họ đã làm điều đáng xấu hổ này, nên cả người nam và người nữ phải bị truất khỏi”
Leviticus 20:19
ngủ với
Đây là một cách nói tế nhị rằng người đó đã quan hệ tình dục bác gái hoặc thiếm của mình. Một số ngôn ngữ dùng cách nói trực tiếp hơn, như “đã quan hệ tình dục với”
Các con phải mang tội của mình
Cách nói “mang tội của mình” nghĩa là “các con phải chịu trách về tội lỗi của mình” hoặc “Ta sẽ trừng phạt các con”
Ta sẽ cất bỏ những phần sản nghiệp nào mà con cái họ có thể nhận được từ cha mẹ mình
Nhiều bản dịch Kinh Thánh dịch là “họ sẽ chết mà không có con”
Leviticus 20:22
vùng đất mà Ta đã mang các con vào ở sẽ không mửa các con ra
Cụm từ này mô tả vùng đất này như thể một người nôn mửa từ chối đồ ăn dở. Thay vì từ chối đồ ăn dở, vùng đất từ chối dân sự và loại bỏ họ. Xem cách bạn đã dịch ẩn dụ này trong [LEV 18:25]
Các con không được bước đi theo
Làm những việc của một người thờ cúng thần tượng được nói đến như thể là bước đi trong đường của họ. Tham khảo cách dịch: “các con không được theo”
đuổi khỏi
"đuổi"
Leviticus 20:24
một vùng đất chảy tràn sữa và mật
Cụm từ “chảy tràn sữa và mật” nghĩa là vùng đất đó giàu có và màu mỡ với đủ thức ăn cho tất cả mọi người. Tham khảo cách dịch: “vùng đất thích hợp cho việc trồng trọt và chăn nuôi” hoặc “vùng đất màu mỡ”
Leviticus 20:26
Ta đã tách các con
"Ta đã chia các con” hoặc “Ta đã biệt riêng các con”
Leviticus 20:27
nói chuyện với
"cố gắng để liên lạc với”
nhất định phải bị xử tử
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ nhất định phải xử tử”

Translation Questions

Leviticus 20:2
Bất cứ ai trong dân Y-sơ-ra-ên dâng con cho thần Mo-lóc thì sẽ thế nào?
Bất cứ ai dâng con cho thần Mo-lóc thì sẽ bị xử tử.
Leviticus 20:3
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì người đó nếu dân chúng không xử tử người?
Nếu dân chúng không xử tử người đó thì Đức Giê-hô-va sẽ loại trừ người đó khỏi dân chúng.
Leviticus 20:6
Đức Giê-hô-va truyền cho dân chúng không hướng về những ai?
Đức Giê-hô-va truyền cho dân chúng không được nói chuyện với những kẻ liên lạc với người chết hay các linh.
Leviticus 20:13
Một người đàn ông quan hệ tình dục với một người đàn ông khác thì kết quả sẽ thế nào?
Một người đàn ông quan hệ tình dục với một người đàn ông khác là làm một điều ghê tởm, cả hai đều phải bị xử tử.
Leviticus 20:15
Nếu một người đàn ông hay đàn bà quan hệ tình dục với thú vật thì sẽ bị thế nào?
Cả người đàn ông, đàn bà và con thú đó đều phải bị xử tử.
Leviticus 20:16
Nếu một người đàn ông hay đàn bà quan hệ tình dục với thú vật thì sẽ bị thế nào?
Cả người đàn ông, đàn bà và con thú đó đều phải bị xử tử.
Leviticus 20:24
Đức Giê-hô-va mô tả thế nào về xứ mà Ngài đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va gọi đó là "xứ đượm sữa và mật".

Chapter 21
Leviticus 21:1
khiến mình không thanh sạch
Một người không phù hợp cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó không được sạch sẽ, bị dơ bẩn
trong vòng dân sự mình
"trong vòng dân Y-sơ-ra-ên”
trinh nữ
Cụm từ này cũng có thể được dịch thành “thiếu nữ”
Leviticus 21:4
góc
"cạnh” (UDB) hoặc “bất cứ phần nào”
Họ phải nên thánh
"Họ phải được biệt riêng”
không làm ô nhục danh Đức Chúa Trời mình
Từ “danh” này được dùng để chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “không được làm nhục danh tiếng Đức Chúa Trời” hoặc “không được làm nhục Đức Chúa Trời mình”
bánh của Đức Chúa Trời họ
Ở đây, “bánh” chỉ về “đồ ăn” nói chung. Đức Giê-hô-va không ăn những tế lễ này. Ở đây, đang nói đến chính sự chân thành của những người dâng thức ăn đó làm vui lòng Đức Chúa Trời.
Leviticus 21:7
Họ không được
"Các thầy tế lễ không được”
vì chúng đã được để riêng ra

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"vì chúng đã được biệt riêng” (UDB)

Các con sẽ biệt riêng người ra

"Các con phải coi thầy tế lễ là nên thánh”

vì người chính là người dâng bánh lên cho Đức Chúa Trời các con

Ở đây, “bánh” chỉ về “đồ ăn” nói chung. Đức Giê-hô-va không ăn những tế lễ này. Hãy dịch vế này theo cách làm rõ ràng Đức Chúa Trời không hề ăn những đồ ăn này.

Người phải nên thánh đối với các con

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con phải xem người là nên thánh”

Nàng phải bị thiêu

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con phải thiêu chết nàng”

Leviticus 21:10

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những điều các thầy tế lễ phải làm.

xức dầu

Nói về dầu được dùng trong nghi thức phong chức thầy tế lễ thượng phẩm. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

trên những người đã được xức dầu trên đầu, và những người đã được phong chức

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "trên những người mà họ đã xức dầu và phong chức cho người”

không được xõa tóc hoặc xé áo mình

Xõa tóc và xé áo quần là dấu hiệu của sự than khóc. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

được rời khỏi nơi thánh

Câu này không có nghĩa là thầy tế lễ thượng phẩm đó không bao giờ được rời đi. Đức Chúa Trời đang không cho phép người rời đi để than khóc cho người đã chết.

Leviticus 21:13

từ dân tộc của người

"từ giữa chi tộc của người, tức là chi tộc Lê-vi”

người sẽ không làm ô uế con cháu mình trong vòng dân tộc mình

Khi cưới một người nữ không nên thánh hoặc không tin kính, thầy tế lễ đó sẽ khiến con mình không xứng đáng để làm chức tế lễ. Tham khảo cách dịch: “thì người sẽ không làm con mình trở nên không xứng đáng vì cưới một người nữ không tin kính”

Leviticus 21:16

Người không được đến gần để dâng đồ ăn lên cho Đức Chúa Trời mình

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "Người không được đến để dâng tế lễ thiêu trên bàn thờ của Đức Chúa Trời”

Leviticus 21:18

không được đến gần Đức Giê-hô-va

Một thầy tế lễ phải đáp ứng được những tiêu chuẩn cụ thể về thân thể mình để có thể đến gần Đức Giê-hô-va. Câu này không ám chỉ rằng những khiếm khuyết trên thân thể là hậu quả của tội lỗi hay cho rằng toàn bộ những người có khiếm khuyết trên cơ thể đều không được đến gần Đức Giê-hô-va.

người bị dị tật hoặc bị biến dạng

"người mà thân thể hoặc mặt của người bị biến dạng”

để dâng bánh của Đức Chúa Trời mình

Ở đây, “bánh” chỉ về “đồ ăn” nói chung. Tham khảo cách dịch: "để dâng tế lễ thiêu về đồ ăn trên bàn thờ của Đức Chúa Trời”

Leviticus 21:22

Người có thể

Ở đây, “người” chỉ về thầy tế lễ bị dị tật về thân thể.

ăn thức ăn của Đức Chúa Trời mình

"ăn thức ăn được dâng lên cho Đức Chúa Trời mình”. Đây là những phần trong tế lễ thuộc về các thầy tế lễ và họ có thể ăn chúng.

vật chí thánh hoặc vật thánh

Cụm này cũng chỉ về thức ăn đã được dâng lên. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "một ít tế lễ đã được dâng lên trong nơi chí thánh hoặc một ít tế lễ đã được dâng lên trong nơi thánh”

với các con trai của người

"với các con trai A-rôn"

Translation Questions

Leviticus 21:2

Thầy tế lễ được phép để mình bị ô uế vì cái chết của ai?

Thầy tế lễ chỉ được phép để mình bị ô uế vì những người thân thuộc.

Leviticus 21:3

Thầy tế lễ được phép để mình bị ô uế vì cái chết của ai?

Thầy tế lễ chỉ được phép để mình bị ô uế vì những người thân thuộc.

Leviticus 21:5

Có những quy định nào cho các thầy tế lễ phải giữ về tóc và râu?

Các thầy tế lễ không được cạo đầu hay tỉa râu mép.

Leviticus 21:9

Nếu con gái của thầy tế lễ tự sỉ nhục mình vì làm gái mại dâm thì sẽ thế nào?

Nếu con gái của thầy tế lễ tự sỉ nhục mình vì làm gái mại dâm thì sẽ bị thiêu sống.

Leviticus 21:11

Thầy tế lễ thượng phẩm phải tránh điều gì kể cả đó là cha hay mẹ mình?

Thầy tế lễ thượng phẩm không được đến bất kì nơi nào có xác chết, kể cả đó là cha hay mẹ mình.

Leviticus 21:14

Thầy tế lễ không được cưới người phụ nữ như thế nào?

Thầy tế lễ không được cưới đàn bà góa, đàn bà ly dị hay gái mại dâm.

Leviticus 21:18

Đức Giê-hô-va không muốn những người nào đến gần Ngài để trình dâng của lễ?

Đức Giê-hô-va không muốn những người khuyết tật đến gần Ngài.

Chapter 22

Leviticus 22:1

bảo họ họ phải tránh xa những vật thánh

"bảo họ khi nào họ nên tránh xa những vật thánh”. Đức Giê-hô-va sắp sửa mô tả những trường hợp một thầy tế lễ không thanh sạch và không được phép chạm đến những vật thánh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

xúc phạm danh thánh của Ta
Từ “xúc phạm” ở đây nghĩa là không làm nhục, làm ô danh. Từ “danh” đại diện cho chính Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “làm ô nhục danh tiếng của Ta” hoặc “làm ô nhục Ta”
trải qua nhiều thế hệ của các con
"từ nay trở đi”
trong khi người không thanh sạch
Một người không phù hợp cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó không được sạch sẽ, bị dơ bẩn
người đó phải bị truất khỏi trước mặt Ta
Một thấy tế lễ không được phục vụ Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể người đó bị truất khỏi sự hiện diện của Đức Giê-hô-va, như người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một nhành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đó sẽ không phục vụ với tư cách là thầy tế lễ nữa”
Leviticus 22:4
bệnh nhiễm trùng về da
một bệnh về da dễ lây cho người khác.
mũ chảy từ cơ thể người
"mủ trên người”
từ thân thể người
Đây là một cách nói tế nhị để chỉ những bộ phận kín của người nam. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [LEV 15:1]
cho đến khi người ấy được thanh sạch
Một người phù hợp với những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ.
Người nào đụng đến vật gì không thanh sạch
Những vật Đức Giê-hô-va không cho phép đụng đến hoặc ăn đến được nói đến như thể chúng không được sạch sẽ.
khi tiếp xúc với người chết
"khi đụng đến xác chết”
tế lễ được dâng cho Đức Giê-hô-va
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "những tế lễ mà người ta đã dâng cho Đức Giê-hô-va”
hoặc người nào đụng đến bất cứ loài bò sát nào hoặc người nào khiến người đó bị ô uế,
Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "hoặc người nào bị ô uế vì đụng đến một loài bò sát hoặc đụng đến một người bị ô uế"
thầy tế lễ đó ... sẽ trở nên không thanh sạch
Một người không phù hợp cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó không được sạch sẽ, bị dơ bẩn
cho đến chiều tối
"cho đến khi mặt trời lặn"
Leviticus 22:7
thì người sẽ được thanh sạch
"thì thầy tế lễ đó sẽ được coi là thanh sạch”. Một người phù hợp với những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ.
đã chết hoặc bị thú dữ giết
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà người ta thấy nó đã chết hoặc đã bị thú dữ giết”
Leviticus 22:10
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những điều A-rôn và các con trai của ông phải làm.
Leviticus 22:12
tế lễ dâng
Từ “sự góp phần” có thể được dịch thành động từ. Tham khảo cách dịch: “những tế lễ thánh mà dâng sự đã dâng”
Leviticus 22:14
Người phải đền lại cho thầy tế lễ vật đã ăn, cộng thêm một phần năm giá trị vật ấy
Ý nghĩa khả thi: 1) rằng người đó phải thay thể đồ mà mình đã ăn bằng cùng loại thức ăn hoặc 2) người đó phải trả tiền cho thầy tế lễ về thức ăn mà mình đã ăn.
một phần năm
Đây là một phần trong tổng thể gồm năm phần bằng nhau.
không được xúc phạm đến những vật thánh
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “phải tôn trọng những vật thánh”
mà họ đã đưa lên cao và trình dâng
Cụm từ “đưa lên cao” chỉ về hành động mang tính biểu tượng cho sự tôn trọng cho việc dâng điều gì đó lên cho Đức Giê-hô-va. Về có bản nó có cùng nghĩa với từ “dâng”. Tham khảo cách dịch: “mà họ đã dâng lên”
khiến họ phải mang tội
Tội lỗi được nói đến như thể là một vật mà con người có thể mang vác trên người. Ý nghĩa khả thi: 1) họ sẽ phải chịu trách nhiệm về những tội lỗi đó và trở nên có tội. Tham khảo cách dịch: “họ sẽ có tội vì những tội mà mình đã phạm” hoặc 2) từ “tội” là một hoán dụ để chỉ về những hình phạt dành cho tội lỗi mà họ đã phạm. Tham khảo cách dịch: “họ sẽ nhận hình phạt vì mình có tội”
Leviticus 22:17
ngoại kiều
"một người khách lạ”
nếu nó được nhận
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "nếu Đức Giê-hô-va nhận tế lễ đó” hoặc “nếu Ta, tức là Đức Giê-hô-va, chấp nhận tế lễ đó”
Leviticus 22:20
được nhận
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "để Ta chấp nhận nó” hoặc “để Đức Giê-hô-va chấp nhận nó”
Leviticus 22:22
bị què hoặc bị tật
Những từ này đều chỉ về những khuyết điểm do tai nạn gây ra.
mụn chốc, vết lở loét, hoặc ghẻ
Đây là những loại bệnh về da.
sẽ không được chấp nhận
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ không chấp nhận” haowjc “Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận”
bị dị tật hoặc nhỏ
Đây là những khuyết điểm trên con vật có từ thuở sinh ra.
Leviticus 22:24
không được dâng bánh của Đức Chúa Trời các con
Ở đây, “bánh” chỉ về đồ ăn nói chung. Đức Chúa Trời không

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ăn những tế lễ đó. Các thầy tế lễ sẽ dâng tế lễ đó trên bàn thờ của Đức Chúa Trời, và họ sẽ ăn một ít thịt trong đó. Tham khảo cách dịch: “không được dâng con thú làm của lễ dâng về thức ăn cho Đức Chúa Trời các con”

từ tay của người nước ngoài

Từ “tay” ở đây chỉ về chính người đó. Câu này ngụ ý rằng dân Y-sơ-ra-ên không thể sử dụng những con thú được mua từ những người nước ngoài làm tế lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời, bởi vì người nước ngoài đã thiến những con vật của họ, chính điều đó khiến chúng không được Đức Chúa Trời chấp nhận. Tham khảo cách dịch: “mà người nước ngoài đã đưa cho các con, bởi vì họ đã thiến những con vật của mình”

chúng sẽ không được nhận vì các con đâu

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận chúng từ các con”

Leviticus 22:26

nó có thể được chấp nhận

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con có thể chấp nhận nó”

dùng làm tế lễ dùng lửa dâng lên

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "dùng làm tế lễ thiêu”

Leviticus 22:28

Chúng phải được ăn

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải ăn chúng”

nó đã được dâng

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà con đã dâng nó”

Leviticus 22:31

giữ mạng lệnh Ta và thực hiện chúng

Từ “giữ” và “thực hiện” cùng nói về một ý. Chúng nhấn mạnh rằng dân sự phải vâng theo những mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “vâng giữ những mạng lệnh của Ta”

Các con không được làm ô nhục danh thánh của Ta

Ở đây, từ “danh” chỉ về chính Đức Chúa Trời và danh tiếng của Ngài. Tham khảo cách dịch: “Các con không được làm nhục Ta” hoặc “Các con không được làm nhục danh tiếng thánh của Ta”

Ta phải được dân Y-sơ-ra-ên nhận biết là thánh

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Dân Y-sơ-ra-ên phải nhận biết Ta là thánh”

Translation Questions

Leviticus 22:2

Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xúc phạm đến danh thánh của Ngài?

Đức Giê-hô-va phán rằng bất kì ai ô uế dù vì lí do gì mà đến gần các vật thánh của Ngài thì sẽ xúc phạm đến danh thánh của Ngài.

Leviticus 22:3

Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xúc phạm đến danh thánh của Ngài?

Đức Giê-hô-va phán rằng bất kì ai dù vì lí do gì bị ô uế mà đến gần các vật thánh của Ngài thì sẽ xúc phạm đến danh thánh của Ngài.

Leviticus 22:6

Thầy tế lễ phải làm gì khi đụng vào bất kì vật gì khiến mình bị ô uế?

Ông phải tắm trong nước và bị ô uế cho đến chiều tối.

Leviticus 22:9

Các thầy tế lễ không tuân giữ điều Đức Giê-hô-va truyền phán thì sẽ thế nào?

Họ sẽ mắc tội và chết vì xúc phạm Đức Giê-hô-va.

Leviticus 22:10

Chỉ những ai được ăn các lễ vật thánh?

Những người duy nhất được ăn các lễ vật thánh là thầy tế lễ, gia đình người và những nô lệ người đã mua.

Leviticus 22:11

Chỉ những ai được ăn các lễ vật thánh?

Những người duy nhất được ăn các lễ vật thánh là thầy tế lễ, gia đình người và những nô lệ người đã mua.

Leviticus 22:13

Con gái thầy tế lễ đã lấy chồng không phải là thầy tế lễ thì có được ăn những lễ vật thánh không?

Không, trừ khi con gái ấy đã ly dị hoặc góa chồng và trở về ở với cha.

Leviticus 22:14

Nếu một người vô tình ăn lễ vật thánh thì phải làm gì?

Nếu một người vô tình ăn lễ vật thánh thì phải đền lại cho thầy tế lễ và cộng thêm một phần năm.

Leviticus 22:18

Loại thú vật nào được chấp nhận làm của tế lễ?

Đó phải là một con đực không tì vết từ trong bầy gia súc, chiên hay dê.

Leviticus 22:20

Yêu cầu quan trọng nhất cho bất kì con vật nào được đem dâng cho Đức Giê-hô-va là gì?

Bất kì con vật nào được dâng cho Đức Giê-hô-va cũng phải không tì vết.

Leviticus 22:26

Một con bê, chiên hay dê được dâng làm của lễ cho Đức Giê-hô-va phải được bao nhiêu tuổi?

Một con bê, chiên hay dê được dâng làm của lễ cho Đức Giê-hô-va ít nhất phải được tám ngày tuổi.

Leviticus 22:30

Của lễ tạ ơn phải được ăn khi nào?

Nó phải được ăn nội trong ngày dâng của lễ.

Chapter 23

Leviticus 23:1

những kỳ lễ đã được ấn định cho Đức Giê-hô-va

Đây là những kỳ lễ mà Đức Giê-hô-va đã ấn định thời gian. Dân sự sẽ thờ phượng Ngài tại những kỳ lễ này. Tham khảo cách dịch: “những kỳ lễ cho Đức Giê-hô-va” hoặc “những kỳ lễ của Đức Giê-hô-va”

Leviticus 23:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm trong ngày và thời gian đặc biệt.

ngày thứ bảy là ngày sa-bát của sự nghỉ ngơi

Đây là điều mà dân sự phải làm thường xuyên. Sau mỗi sáu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ngày làm việc, họ phải nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy.
cuộc hội họp thánh
Yêu cầu dân sự họp lại để thờ phượng Đức Chúa Trời vào ngày đó được nói đến như thể ngày đó là một cuộc hội họp. Tham khảo cách dịch: “một ngày thánh, khi các con phải họp lại để thờ phượng Ta”
Leviticus 23:4
vào thời điểm ấn định của chúng
"và thời điểm thích hợp của chúng”
ngày mười bốn tháng giêng… ngày mười lăm trong tháng ấy
Tháng đầu tiên trong lịch của người đánh dấu thời điểm Đức Giê-hô-va đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập. Ngày mười bốn và mười lăm gần với những ngày đầu tiên của tháng Tư trong lịch Tây.
lúc hoàng hôn
"lúc mặt trời lặn”
Leviticus 23:7
Ngày đầu tiên các con phải biệt riêng ra để nhóm họp lại
"Các con phải biệt riêng ngày đầu tiên để nhóm họp lại với nhau” hoặc “Các con phải làm khác biệt trong ngày đầu tiên và nhóm họp lại với nhau”
sẽ dâng tễ lễ là thức ăn
Họ sẽ dâng nó lên cho Đức Giê-hô-va bằng cách thiêu nó trên bàn thờ.
Ngày thứ bảy là một cuộc hội họp được biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va
Yêu cầu dân sự hội họp trong ngày đó được nói đến như thể ngày đó là một cuộc hội họp. Được biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va có nghĩa là khi họ họp lại, họ phải thờ phượng Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Ngày thứ bảy là ngày mà các con phải họp lại cùng nhau để thờ phượng Đức Giê-hô-va”
Leviticus 23:9
bó lúa đầu mùa
"bó lúa đầu tiên” hoặc “bó lúa đầu”. “bó lúa” là một mớ lúa mà người ta cột chung lại.
để nó được chấp nhận
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "để Đức Giê-hô-va sẽ chấp nhận nó” hoặc “và Ta sẽ chấp nhận nó”
Leviticus 23:12
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
hai phần mười ê-pha
Một ê-pha tương đương với 22 lít. Tham khảo cách dịch: "bốn lít rưỡi”
một phần tư hi
Một hi tương đương với 3,7 lít. Tham khảo cách dịch: “một lít”
dù là lúa rang hoặc lúa tươi
"hoặc lúa đã rang hoặc chưa rang”
Đây sẽ là quy định đời đời trải qua mọi thế hệ của dân tộc các con
Câu này có nghĩa là họ và dòng dõi của họ phải vâng giữ mạng lệnh này mãi mãi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 3:17.
Leviticus 23:15
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
năm mươi ngày
"50 ngày"
thứ bảy
Đây là số chỉ thứ tự của bảy. Xem:
Leviticus 23:17
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
được làm từ hai phần mười ê-pha. Chúng phải được làm từ bột mịn có men và nướng lên
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con đã làm từ hai phần mười ê-pha bột có men và rồi nướng lên”
hai phần mười ê-pha
Lượng này sấp xỉ 4,5 lít. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rưỡi”
và tỏa hương thơm lên cho Đức Giê-hô-va
Sự vui lòng của Chúa với mùi thơm từ tế lễ tượng trưng cho sự hài lòng của Ngài với người thiêu tế lễ đó. Tham khảo cách dịch: “và Đức Giê-hô-va sẽ hài lòng về các con” hoặc “làm vui lòng Đức Giê-hô-va”
Leviticus 23:19
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
Leviticus 23:22
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
Khi các con gặt lúa trong đất của mình, các con không được gặt hết đến tận góc ruộng mình
"Khi các con thu hoạch vụ mùa của mình, đừng thu hoạch hết cho đến tận cuối bờ ruộng mình”
Leviticus 23:23
ngày mồng một tháng bảy
Đây là tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày đầu tiên trong tháng này gần với giữa tháng Chín trong lịch Tây.
một ngày nghỉ thánh
một khoảng thời gian chỉ dành cho sự thờ phượng, không làm việc.
các con phải dùng lửa dâng tế lễ lên cho Đức Giê-hô-va
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải dâng tế lễ mà các con dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va” hoặc “Các con phải thiêu tế lên trên bàn thờ cho Đức Giê-hô-va"
Leviticus 23:26
ngày mồng mười tháng bảy này
Đây là tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ mười trong tháng này gần với cuối tháng Chín trong lịch Tây.
ngày chuộc tội
Vào ngày này hằng năm, thầy tế lễ thượng phẩm sẽ dâng tế lễ lên cho Đức Giê-hô-va để Đức Giê-hô-va có thể tha thứ cho mọi tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "ngày chuộc tội the để được sự tha thứ”
Leviticus 23:28
Câu nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sự phải làm hằng năm.
phải bị truất khỏi dân sự mình
Bị loại bỏ được nói đến như thể bị cắt bỏ, truất bỏ. Xem cách bạn đã dịch ý này trong [LEV 7:20]
Leviticus 23:30
Câu nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm hằng năm.
trong ngày đó
"trong ngày chuộc tội"
Đây sẽ là quy định đời đời trải qua mọi thế hệ của dân tộc các con
Câu này có nghĩa là họ và dòng dõi của họ phải vâng giữ mạng lệnh này mãi mãi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong LEV 3:17.
ngày Sa bát của sự nghỉ ngơi thánh
Ngày này không giống với ngày Sa bát mà họ vẫn giữ vào ngày thứ bảy hằng tuần. Đây là một ngày Sa bát đặc biệt vào ngày chuộc tội.
các con phải hạ mình
Trong trường hợp này, hạ mình ngụ ý rằng họ sẽ không ăn bất kỳ thức ăn nào. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "các con phải hạ mình và không ăn gì cả"
ngày thứ chín trong tháng đó
Cụm này chỉ về tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ chín gần với cuối tháng Chín trong lịch lịch Tây. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "ngày mồng chín tháng bảy"
Từ chiều tối đó cho đến chiều tối hôm sau
"Từ lúc mặt trời lặn hôm đó cho đến lúc mặt trợ lặn hôm sau"
Leviticus 23:33
ngày mười lăm tháng bảy
Ngày này gần với những ngày đầu tháng mười trong lịch Tây.
Lễ Lều Tạm
Đây là dịp lễ mà trong suốt bảy ngày đó dân Y-sơ-ra-ên sống trong những căn lều tạm bợ như là cách để nhớ lại khoảng thời gian họ đã có khi sống trong đồng vắng sau khi rời Ai Cập.
Leviticus 23:35
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va đang đưa ra những chỉ dẫn về Lễ Lều Tạm.
Leviticus 23:37
Câu nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm hằng năm.
Đây là những kỳ lễ đã được ấn định
Câu này chỉ về những kỳ lễ đã được nói đến trong 23:1-36.
Leviticus 23:39
Câu nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm hằng năm.
Lễ Lều Tạm
Đây là dịp lễ mà trong suốt bảy ngày đó dân Y-sơ-ra-ên sống trong những căn lều tạm bợ như là cách để nhớ lại khoảng thời gian họ đã có khi sống trong đồng vắng sau khi rời Ai Cập. Xem cách bạn đã dịch it in LEV 23:34.
ngày mười lăm tháng bảy
Đây là tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày mười lăm tháng này gần với những ngày đầu tháng Mười trong lịch Tây.
khi các con đã thu hoạch hoa quả
Từ “hoa quả” ở đây tượng trưng cho nhiều loại thổ sản. Tham khảo cách dịch: “sau khi các con đã thu hoạch thổ sản”
Leviticus 23:40
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục những chỉ dẫn của Ngài về Lễ Lều Tạm.
các nhánh chà là... những cành liễu từ suối
Những nhành cây này có thể được dùng cho: 1) để dựng lều tạm hoặc 2) để vẫy chúng như một phần trong lễ hội vui mừng của họ. Một vài bản dịch thì nói rõ công dụng của nó, trong khi một số khác thì để người đọc tự hiểu.
liễu
loại cây cao, lá kim, mọc gần dòng nước.
Leviticus 23:42
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục những chỉ dẫn của Ngài về Lễ Lều Tạm.
dòng dõi của các con, từ thế hệ này sang thế hệ khác, có thể biết
"thế hệ này sang thế hệ khác” là một cách nói rằng thế hệ này sống sau thế hệ khác. Tham khảo cách dịch: “dòng dõi của các con trong các thế hệ tương lai có thể biết’ hoặc “mọi dòng dõi của các con có thể học biết mãi”

Translation Questions

Leviticus 23:3
Đức Giê-hô-va phán thế nào về công việc và ngày Sa-bát?
Đức Giê-hô-va phán rằng dân chúng phải làm việc trong sáu ngày, nhưng ngày thứ bảy là ngày Sa-bát, là một ngày nghỉ.
Leviticus 23:5
Lễ nào phải được tổ chức vào ngày thứ mười bốn của tháng thứ nhất?
Lễ Vượt qua của Đức Giê-hô-va phải được tổ chức vào ngày thứ mười bốn của tháng thứ nhất.
Leviticus 23:6
Lễ nào tiếp theo sau lễ Vượt qua vào ngày thứ mười lăm của tháng thứ nhất?
Lễ bánh không men theo sau lễ Vượt qua vào ngày thứ mười lăm của tháng thứ nhất.
Leviticus 23:10
Dân chúng phải đem gì đến cho thầy tế lễ sau mùa gặt thứ nhất trong xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ?
Dân chúng phải đem đến cho thầy tế lễ một bó lúa đầu mùa sau mùa gặt thứ nhất trong xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ.
Leviticus 23:27
Đức Giê-hô-va định ngày nào là ngày lễ chuộc tội?
Đức Giê-hô-va định ngày mồng mười tháng bảy là ngày lễ chuộc tội.
Leviticus 23:31
Dân chúng không được làm gì vào ngày lễ chuộc tội?
Dân chúng không được làm bất cứ công việc gì vào ngày lễ chuộc tội.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Leviticus 23:33
Đức Giê-hô-va phán phải tổ chức lễ gì vào ngày thứ mười lăm của tháng thứ bảy?
Đức Giê-hô-va phán phải tổ chức lễ lều tạm cho Đức Giê-hô-va vào ngày thứ mười lăm của tháng thứ bảy.
Leviticus 23:40
Dân chúng phải lấy những gì để vui mừng trong lễ lều tạm của Đức Giê-hô-va?
Dân chúng phải lấy các loại trái cây tốt nhất, các cành chà là, các nhánh cây đầy lá, và những cành liễu mọc bên suối để vui mừng trước mặt Đức Giê-hô-va.
Leviticus 23:42
Dân Y-sơ-ra-ên phải ở đâu trong suốt lễ lều tạm cho Đức Giê-hô-va?
Dân Y-sơ-ra-ên phải ở trong lều nhỏ bảy ngày trong suốt lễ lều tạm cho Đức Giê-hô-va.

Chapter 24
Leviticus 24:1
Thông tin chung:
Đức Chúa Trời truyền cho Môi-se những chỉ dẫn về những thứ trong Lều Hội Kiến
dầu ô-liu ép nguyên chất
"dầu ô-liu nguyên chất"
đèn
Chỉ về cái đèn ở trên hoặc những đèn ở trong lều thánh của Đức Giê-hô-va. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "đèn ở trong Lều Hội Kiến"
Leviticus 24:3
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục hướng dẫn Môi-se về những vật trong Lều Hội Kiến.
Bên ngoài bức màn phía trước bảng chứng ước
Cụm từ "hòm bảng chứng ước" tượng trưng cho cả bảng đá mà các điều luật đã được viết lên hoặc cái rương có đặt bảng đá đó ở trong. Những vật này được giữa trong nơi chí thánh, vốn là một căn phòng nằm phía sau bức màn trong Lều Hội Kiến. Tham khảo cách dịch: "Bên ngoài bức màn trước phía trước những bảng luật pháp của hòm bảng chứng ước" hoặc "bên ngoài bức màn nằm trước rương giao ước"
bức màn
Đây là tấm vải dày được treo làm vách ngăn, chứ không bức màn mỏng treo cửa sổ.
từ chiều tối cho đến sáng sớm
"từ lúc mặt trời lặn đến khi mặt trời mọc" hoặc "cả đêm"
Đây sẽ là quy định đời đời trải qua mọi thế hệ của dân tộc các con
Câu này có nghĩa là họ và dòng dõi của họ phải vâng giữ mạng lệnh này mãi mãi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong LEV 3:17.
Leviticus 24:5
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục hướng dẫn Môi-se về những vật trong Lều Hội Kiến.
hai phần mười ê-pha
Bằng khoảng 4,5 lít. Tham khảo cách dịch: "bốn lít rưỡi"
bàn làm bằng vàng ròng trước mặt Đức Giê-hô-va
Đây là bàn ở trong nơi thánh, tức là nơi trước nơi chí thánh.
Leviticus 24:7
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục hướng dẫn Môi-se về những vật trong Lều Hội Kiến.
Các con phải rắc nhũ hương nguyên chất dọc theo mỗi hàng bánh
Có lẽ nhũ hương được đặt bên cạnh bánh, hơn là rắc trực tiếp trên bánh. Tham khảo cách dịch: "Các con phải rắc nhũ hương bên cạnh từng hàng bánh"
như một tế lễ tượng trưng
Có thể nói rõ nhũ hương sẽ tượng trưng thay cho điều gì. Tham khảo cách dịch: "để thay cho bánh làm tế lễ" hoặc "sẽ là một tế lễ thay cho bánh"
Nhũ hương này sẽ được đốt lên cho Đức Giê-hô-va
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con sẽ đốt nhũ hương lên cho Đức Giê-hô-va"
Tế lễ này
"Bánh được dâng lên này"
vì đó là phần từ tế lễ
"vì họ đã lấy nó từ tế lễ"
những tế lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa
"tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va" hoặc "tế lễ mà các con thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va"
Leviticus 24:10
Bấy giờ
Cụm từ này đánh dấu một phần mới trong cuốn sách.
xúc phạm danh của Đức Giê-hô-va và nguyền rủa Đức Chúa Trời
Về cơ bản, cả hai cụm từ nầy đều cùng nói về một ý. Tham khảo cách dịch: "xúc phạm Đức Giê-hô-va bằng cách nguyền rủa Ngài" hoặc "nói những điều khủng khiếp về Đức Giê-hô-va"
Sê-lô-mít
Đây là tên của một người nữ.
Điệp-ri
Đây là tên của một người nam.
Leviticus 24:13
Tất cả những ai đã nghe nó nói phải đặt tay trên đầu nó
Họ sẽ đặt tay mình trên đầu người đó để bày tỏ rằng người là một kẻ phạm tội.
Leviticus 24:15
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục truyền cho Môi-se biết họ phải làm gì với kẻ đã nguyền rủa Đức Chúa Trời.
phải mang tội của mình
Chịu khổ vì tội lỗi được nói đến như thể người đó phải mang vác tội lỗi của mình. Tham khảo cách dịch: "phải chịu khổ vì tội của mình" hoặc "phải bị trừng phạt"
chắc chắn phải bị xử tử
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "dân sự nhất định phải xử tử người đó" hoặc "dân sự nhất định phải giết chết người đó"
Leviticus 24:17
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Môi-se những điều dân sự phải làm khi ai đó làm điều sai quấy.
Và kẻ giết người nhất định phải bị xử tử
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con nhất định phải xử tử kẻ giết người"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phải trả lại nó
Có thể nói rõ người đó sẽ trả lại nó bằng cách nào. Tham khảo cách dịch: “phải trả lại nó bằng cách bồi thường cho người một con vật còn sống”
mạng đền mạng
Đây là một cách nói có nghĩa là mạng sống của con vật này thế cho con vật kia. Tham khảo cách dịch: “một mạng này thế cho mạng kia” hoặc “để thay thế cho con vật mà người đã giết”
Leviticus 24:19
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Môi-se những điều dân sự phải làm khi ai đó làm điều sai quấy.
người phải chịu
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải làm cho người”
chỗ gãy đền chỗ gãy, mắt đền mắt, răng đền răng
Những cụm từ này nhấn mạnh rằng một người sẽ phải chịu thiệt hại y như người đó đã làm cho người khác.
chỗ gãy đền chỗ gãy
Chỉ về những cái xương bị gãy. Tham khảo cách dịch: “xương gãy đền xương gãy” hoặc “Nếu người làm gãy xương của ai đó thì một trong số xương của người phải bị bẻ gãy” hoặc “Nếu người làm gãy xương của ai đó, họ sẽ làm gãy lại một trong số các xương của người”
mắt đền mắt
Cụm từ này chỉ về mắt đã bị thương nghiêm trọng hoặc đã bị móc ra. Tham khảo cách dịch: “Nếu người làm hư hoại mắt của ai đó, một trong hai mắt của người sẽ bị làm hư” hoặc “Nếu người làm hư mắt của ai đó, họ sẽ làm hư mắt người”
răng đền răng
Cụm từ này chỉ về răng đã bị gãy văng ra ngoài miệng. Tham khảo cách dịch: “Nếu người làm gãy răng của ai đó thì một trong số răng của người phải bị bẽ gãy” hoặc “Nếu người làm gãy răng của aid dó thì họ sẽ bẻ gãy một trong số răng của họ”
người nào giết người thì phải bị xử tử
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ phải xử tử kẻ nào giết người”
Leviticus 24:22
thực hiện mạng lệnh
"vâng giữ mạng lệnh”

Translation Questions

Leviticus 24:3
A-rôn phải làm gì với dầu tinh khiết mà dân chúng đem đến cho ông?
A-rôn phải giữ cho đèn luôn cháy trước hòm chứng ước trong lều hội kiến mỗi ngày từ tối tới sáng.
Leviticus 24:5
Thầy tế lễ phải xếp thứ gì thành hai hàng mỗi bên sáu cái vào mỗi ngày Sa-bát?
Thầy tế lễ phải xếp mười hai ổ bánh thành hai hàng mỗi bên sáu cái vào mỗi ngày Sa-bát.
Leviticus 24:6
Thầy tế lễ phải xếp thứ gì thành hai hàng mỗi bên sáu cái vào mỗi ngày Sa-bát?
Thầy tế lễ phải xếp mười hai ổ bánh thành hai hàng mỗi bên sáu cái vào mỗi ngày Sa-bát.
Leviticus 24:9
Ai được phép ăn mười hai ổ bánh đó?
A-rôn và các con trai người sẽ ăn nó trong nơi thánh.
Leviticus 24:14
Dân Y-sơ-ra-ên được truyền phải làm gì với kẻ nào nguyền rủa danh Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải đem người đó ra ngoài trại, đặt tay trên người và ném đá cho chết đi.
Leviticus 24:17
Ai giết người thì phải bị thế nào?
Người đó chắc chắn phải bị xử tử.
Leviticus 24:19
Đức Giê-hô-va phán phải làm gì với người gây thương tích hay giết người?
Đức Giê-hô-va phán với dân chúng phải xử họ như họ đã gây ra cho người khác, mắt đền mắt, răng đền răng.
Leviticus 24:20
Đức Giê-hô-va phán phải làm gì với người gây thương tích hay giết người?
Đức Giê-hô-va phán với dân chúng phải xử họ như họ đã gây ra cho người khác, mắt đền mắt, răng đền răng.

Chapter 25
Leviticus 25:1
đất đó phải giữ năm sa-bát cho Đức Giê-hô-va
Đất đó được nói đến như thể nó là một con người vâng giữ năm sa-bát bằng cách nghỉ ngơi. Giống như dân sự phải nghỉ ngơi vào năm thứ bảy hằng năm, dân sự sẽ tôn kính Đức Chúa Trời bằng cách để cho đất nghỉ vào năm thứ bảy hằng năm. Tham khảo cách dịch: “các con phải vâng theo luật sa-bát mà để cho đất nghỉ vào năm thứ bảy hằng năm cho Đức Giê-hô-va” hoặc “các con phải vâng giữ năm sa-bát của Đức Giê-hô-va bằng cách không canh tác trên đất đó vào các năm thứ 7 hằng năm”
Leviticus 25:3
cắt tỉa vườn nho
Cắt tỉa vườn nho là cắt những nhánh và dây nho để giúp cho trái nho phát triển tốt hơn.
ngày Sa bát của sự nghỉ ngơi thánh dành cho đất phải được giữ
Không canh tác trên đất được nói đến như thể để cho đất nghỉ ngơi. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải giữ ngày Sa bát về sự nghỉ ngơi thánh dành cho đất” hoặc “các con phải giữ luật ngày Sa bát bằng cách không canh tác trên đất vào những năm thứ bảy"
Leviticus 25:5
Các con không được sắp đặt... những người ở với con sẽ thu lượm thức ăn
Trong 25: 6-6, Đức Giê-hô-va ngụ ý rằng Ngài sẽ không cho phép người chủ ruộng sai những người làm công của mình thu hoạch đất đó như người vẫn thường làm trong sáu năm kia. Tuy nhiên, Đức Giê-hô-va sẽ cho phép từng cá nhân đi khắp những đồng ruộng đó để thu lượm và ăn những trái

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mà họ tìm được.

vườn nho không được cắt tỉa của các con

Câu này có nghĩa là không ai chăm sóc cho vườn nho đó và cũng không cắt tỉa chúng như họ vẫn làm trong sáu năm kia. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "vườn nho mà con không cắt tỉa"

Bất cứ vật gì mà đất không được canh tác đó sinh ra

"bất cứ thứ gì mọc trên đất không được canh tác đó"

đất không được canh tác

Câu này có nghĩa là không ai chăm sóc cho những khu vườn hay những nông trại đó như họ vẫn làm trong suốt sáu năm qua. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "những khu vườn mà các con không hề chăm sóc"

bất cứ thứ gì đất sinh ra

"bất cứ thứ gì mọc trên đất đó"

Leviticus 25:8

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Sẽ có bảy lần bảy năm sa-bát

"Chúng sẽ là là bảy lần bảy năm"

bốn mươi chín năm

“49 năm"

ngày mùng mười tháng bảy

Đây là tháng thứ bảy trong lịch của người Do Thái. Ngày mười gần với ngày cuối của tháng chín trong lịch Tây.

ngày chuộc tội

Vào ngày nầy hằng năm, thầy tế lễ thượng phẩm sẽ dâng tế lễ lên cho Đức Giê-hô-va để Đức Giê-hô-va tha thứ những tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 23:27.

Leviticus 25:10

năm thứ năm mươi

Đây là số chỉ thứ tự. Tham khảo cách dịch: “năm 50”

năm hân hỉ cho các con

Năm hân hỉ là năm mà người Do Thái phải trả đất mà họ đang sở hữu lại cho chủ ban đầu của nó và trả tự do cho các nô lệ. Tham khảo cách dịch: “năm phục hồi cho các con” hoặc “năm cho các con trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ”

tài sản và các nô lệ phải được trả lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải trả lại những tài sản và nô lệ"

Leviticus 25:11

năm hân hỉ cho các con

"năm phục hồi" hoặc “năm để các con trả lại đất”. Có thể nói rõ là họ trả đất lại cho ai. Tham khảo cách dịch: “năm để các con trả đất lại cho Ta”

Các con phải ăn những vật gì tự mọc trên ruộng

Đức Giê-hô-va không cho phép người chủ đất sai người làm công của mình thu hoạch trên đất đó như họ vẫn làm trong sáu năm qua. Tuy nhiên, Ngài lại cho phép các cá nhân được đi khắp các đồng ruộng đó và ăn những thứ họ tìm được.

Leviticus 25:13

năm hân hỉ nầy

"năm phục hồi này" hoặc “năm mà con phải trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ nầy”

Leviticus 25:15

Thông tin chung:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Môi-se những điều dân sự phải làm.

có thể được thu hoạch

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con có thể thu hoạch"

năm hân hỉ sau

"năm phục hồi sau" hoặc “năm kế tiếp phải trả lại đất”

Leviticus 25:18

vâng theo những mệnh lệnh của Ta, giữ luật pháp Ta và thực hiện chúng

Tất cả những cụm từ nầy về cơ bản đều cùng chỉ về một điều. Chúng nhấn mạnh rằng dân sự phải vâng theo mọi điều mà Đức Giê-hô-va phán.

các con sẽ ăn no nê

Câu nầy có nghĩa là họ sẽ đủ cho đến khi dạ dày của họ no nê. Tham khảo cách dịch: “các con sẽ ăn cho đến khi no nê” hoặc “các con sẽ ăn nhiều”

Leviticus 25:20

Có thể các con sẽ thắc mắc

Ở đây, “các con” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ truyền cho phước hạnh của Ta đến trên các con

Đức Chúa Trời phán về phước hạnh của Ngài như thể nó là một người có thể vâng lời Ngài. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ ban phước Ta trên các con” hoặc “Ta sẽ ban phước cho các con”

từ những lương trực được dự trữ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "từ lương thực mà các con đã dự trữ"

Leviticus 25:23

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Đất không được bán vĩnh viễn cho một người chủ mới

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con không được bán đứt đất mình cho một người khác"

Các con phải giữ quyền về sự chuộc lại

Danh từ “sự chuộc lại” có thể được viết thành động từ “chuộc lại” hoặc “mua lại”. Tham khảo cách dịch: “Các con phải nhớ rằng người chủ ban đầu có quyền chuộc lại đất bất cứ khi nào người muốn”

các con hãy cho đất đó được gia đình chủ đất mua lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con hãy cho gia đình mà các con đã mua đất đó chuộc lại nó"

Leviticus 25:26

đất được bán

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã bán đất"

trả lại số tiền trội ra cho người mà mình đã bán đất

Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "trả lại cho người mua đất số tiền mà người đó có lẽ đã kiếm được"

năm hân hỉ

"năm phục hồi" hoặc “năm trả lại đất." Xem cách bạn đã dịch it in LEV 25:10.

đất sẽ được trả lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mua đất sẽ trả đất đó lại"

sẽ trở về phần tài sản của mình

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"sẽ trở lại đất của mình”
Leviticus 25:29
sau khi nó đã được bán
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "sau khi người đã bán nó”
quyền về sự chuộc lại
Danh từ “sự chuộc lại” có thể được chuyển thành động từ “chuộc lại” hoặc “mua lại”. Tham khảo cách dịch: "quyền chuộc nó lại”
Nếu ngôi nhà không được chuộc lại
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nếu người hoặc gia đình người không chuộc lại ngôi nhà”
Ngôi nhà đó sẽ không được trả lại
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người đã mua ngôi nhà đó sẽ không phải trả lại nó”
năm hân hỉ
"năm phục hồi” hoặc “năm trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ"
Leviticus 25:31
Nhưng các nhà trong các làng mạc không có tường thành
Một vài làng mạc không có tường thành bao quanh chúng.
Các nhà đó có thể được chuộc lại và phải được trả lại
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con có thể mua lại những nhà đó và những người đã mua chúng thì phải trả chúng lại”
năm hân hỉ
"năm phục hồi” hoặc “năm trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ"
những nhà thuộc sở hữu của người Lê-vi trong thành của họ
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “nhà cửa mà người Lê-vi sở hữu trong các thành của họ”
có thể được chuộc lại bất cứ lúc nào
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "người Lê-vi có thể chuộc lại chúng bất cứ lúc nào”
Leviticus 25:33
ngôi nhà đã được bán trong thành của nó phải được trả lại
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã mua ngôi nhà trong thành của nó phải trả nhà đó lại"
năm hân hỉ
"năm phục hồi” hoặc “năm trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ"
tài sản của họ giữa dân Y-sơ-ra-ên
Đất Ca-na-an đã được chia ra cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng trong phần đất đó người Lê-vi chỉ nhận được 48 thành cùng với những đồng ruộng quanh đó. Tham khảo cách dịch: “phần của họ trong đất mà dân Y-sơ-ra-ên sở hữu” hoặc “tài sản của họ trong đất của Y-sơ-ra-ên”
Nhưng những ruộng đồng thuộc về thành của họ thì không được phép bán
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Những người Lê-vi không được phép bán những ruộng đồng quanh thành phố của họ”
Leviticus 25:35
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
Không được tính lãi cho người
"Không được bắt người trả lại cho các con nhiều người số các con đã cho người mượn”
Leviticus 25:39
các con không được bắt người ấy phải làm việc như một nô lệ. Hãy coi người như một người làm thuê
Câu này có nghĩa là người chủ phải đối xử với người Y-sơ-ra-ên đó tôn trọng hơn so với đối xử với một nô lệ.
năm hân hỉ
"năm phục hồi” hoặc “năm trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ"
Leviticus 25:42
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục truyền cho Môi-se những điều ông phải nói lại với dân sự.
họ là những đầy tớ của Ta
"đồng bào của con là những đầy tớ của Ta”
Họ sẽ không bị bán như nô lệ
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con không được phép bán họ như nô lệ”
các con có thể mua nô lệ từ họ
"các con có thể mua nô lệ từ những nước đó”
Leviticus 25:47
sau khi người Y-sơ-ra-ên kia đã bị bán rồi, thì người có thể được mua lại. Người trong gia đình người ấy có thể chuộc người lại
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "sau khi người ngoại kiều kia mua người Y-sơ-ra-ên đó thì người trong gia đình Y-sơ-ra-ên có thể mua người lại”
Leviticus 25:49
cho đến năm hân hỉ
Một người Y-sơ-ra-ên sẽ chỉ làm nô lệ cho đến năm hỉ. Những hướng dẫn này là cho một người Y-sơ-ra-ên khi họ muốn mua lại sự tự do của mình trước năm hân hỉ.
năm hân hỉ
"năm phục hồi” hoặc “năm trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ"
Giá chuộc của người phải được tính
Động từ “được tính” có thể chuyển thành động từ ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ phải tính giá chuộc của người” hoặc “Họ phải tính xem phải trả cho người ngoại kiều kia bao nhiêu để trả tự do cho người Y-sơ-ra-ên đó”
tương ứng với lương phải trả cho một người làm thuê
Nếu người Y-sơ-ra-ên đó mua lại sự tự do của mình thì người ngoại kiều kia sẽ phải thuê một đầy tớ để làm công việc mà đáng lẽ ra người Y-sơ-ra-ên kia đã phải làm. Động từ “được trả” và “được thuê” có thể được chuyển sang động từ ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dựa theo số tiền lương mà một người phải trả để thuê một đầy tớ”
theo đúng số năm mà đáng lẽ ra người phải tiếp tục làm
"theo số năm mà người Y-sơ-ra-ên đó đáng ra phải tiếp tục làm việc tính cho đến năm hân hỉ”
Leviticus 25:51
Người phải trả lại
"người nô lệ Y-sơ-ra-ên phải trả lại”
Leviticus 25:53

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người sẽ được đối xử
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người ngoại kiều đã mua người làm nô lệ phải đối xử với người”
người không bị đối xử hà khắc
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "không ai được ngược đãi người”
Nếu người ấy không được chuộc bằng những phương cách ấy
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động, và có thể nói rõ người sẽ được chuộc là ai. Tham khảo cách dịch: “Nếu không ai dùng những cách ấy để chuộc người lại từ người chủ đã mua người làm nô lệ”
bằng những phương cách ấy
"bằng cách nầy”
Người phải phục vụ cho đến năm hân hỉ, người và con cái của mình
Những nô lệ người Y-sơ-ra-ên và con cái của họ sẽ phục vụ những người ngoại bang cho đến năm hân hỉ và rồi người chủ ngoại bang kia phải trả tự do cho người Y-sơ-ra-ên đó cùng với con cái của người.
Đối với Ta, dân Y-sơ-ra-ên là đầy tớ
"Vì đối với Ta dân Y-sơ-ra-ên là đầy tớ”. Đây chính là lí do Đức Chúa Trời muốn dân được trả tự do trong năm hân hỉ. Họ là đầy tớ của Ngài. Họ không được phép làm đầy tớ lâu dài cố định của một người nào khác.

Translation Questions

Leviticus 25:4
Đức Giê-hô-va phán phải làm gì sau khi đã cày cấy, cắt tỉa và thu hoa lợi của đồng ruộng và vườn nho trong sáu năm?
Đức Giê-hô-va phán rằng sau sáu năm cày cấy, cắt tỉa và thu hoa lợi của đồng ruộng và vườn nho thì năm thứ bảy là năm Sa-bát để đồng ruộng và vườn nho được nghỉ ngơi.
Leviticus 25:9
Cần phải làm gì vào ngày mười tháng bảy của năm thứ bốn mươi chín?
Phải thổi kèn vang khắp xứ vào cả ngày mười tháng bảy của năm thứ bốn mươi chín.
Leviticus 25:10
Năm thứ năm mươi sẽ được gọi là gì?
Năm thứ năm mươi sẽ được gọi là năm hân hỉ.
Sự kiện quan trọng gì sẽ diễn ra vào năm hân hỉ?
Vào năm hân hỉ, tài sản và nô lệ sẽ được trở về nhà mình.
Leviticus 25:12
Phải ăn gì vào năm hân hỉ?
Vào năm hân hỉ chỉ nên ăn lương thực tự mọc lên.
Leviticus 25:15
Dân chúng phải xem xét điều gì khi mua và bán đất?
Dân chúng phải xem xét còn bao nhiêu năm nữa đến năm hân hỉ tiếp theo. Còn càng nhiều năm thì đất càng có giá trị.
Leviticus 25:17
Dân chúng phải xem xét điều gì khi mua và bán đất?
Dân chúng phải xem xét còn bao nhiêu năm nữa đến năm hân hỉ tiếp theo. Còn càng nhiều năm thì đất càng có giá trị.
Leviticus 25:21
Đức Giê-hô-va sẽ chăm sóc cho dân Ngài như thế nào trong năm thứ bảy, tức là năm Sa-bát, khi không có gieo trồng chi hết?
Đức Giê-hô-va phán cùng dân chúng rằng hoa lợi của năm thứ sáu sẽ gấp ba lần, như vậy sẽ có lương thực cho năm thứ bảy.
Leviticus 25:23
Đức Giê-hô-va phán thế nào với dân chúng về quyền sở hữu đất vĩnh viễn?
Đức Giê-hô-va phán rằng không được bán đất vĩnh viễn cho chủ mới vì đất đai thuộc về Ngài.
Leviticus 25:30
Tài sản gì không phải trả lại trong năm hoan hỉ?
Căn nhà được mua trong thành có tường bao bọc sẽ trở thành tài sản vĩnh viễn của người đã mua nó hơn một năm.
Leviticus 25:35
Dân chúng phải đối xử thế nào với người đồng xứ bị nghèo khó không thể tự nuôi sống mình?
Dân chúng phải giúp đỡ người ấy, không được lấy lãi hay tìm cách trục lợi người đó.
Leviticus 25:36
Dân chúng phải đối xử thế nào với người đồng xứ bị nghèo khó không thể tự nuôi sống mình?
Dân chúng phải giúp đỡ người ấy, không được lấy lãi hay tìm cách trục lợi người đó.
Leviticus 25:40
Dân chúng phải làm gì với người đồng xứ bán mình làm nô lệ?
Dân chúng phải đối xử với người đồng xứ bán mình làm nô lệ như người làm thuê, không bắt người phải làm việc như nô lệ.

Chapter 26

Leviticus 26:1
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.
giữ những ngày Sa-bát của Ta
"vâng giữ mọi luật lệ về ngày Sa-bát của Ta”
Leviticus 26:3
đi trong luật pháp của Ta, giữ những mạng lệnh của Ta và làm theo
Đây là ba cách để diễn đạt cùng một ý, nhấn mạnh rằng dân sự phải vâng giữ mọi điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ phải làm. Tham khảo cách dịch: “Nếu các con cẩn thận làm theo những luật pháp và mạng lệnh Ta”
đi trong luật pháp của Ta
Việc sống theo những luật pháp đó được nói đến như thể họ phải bước đi trong những luật pháp đó. Tham khảo cách dịch: “Nếu các con ăn ở theo luật pháp của Ta” hoặc “Nếu các con sống theo những luật pháp của Ta”
Leviticus 26:5
sẽ ăn bánh no nê
Ở đây, bánh tượng trưng cho thức ăn. “no nê” có nghĩa là dạ dày của họ no căng thức ăn. Tham khảo cách dịch: “sẽ ăn uống cho đến khi các con no nê” hoặc “sẽ có rất nhiều thức ăn để ăn”
Ta sẽ ban hòa bình trong xứ
"Ta sẽ khiến hòa bình có trong xứ”
gươm sẽ không đi qua lãnh thổ các con
Ở đây, “gươm” tượng trưng cho quân đội của kẻ thù hoặc những đợt tấn công của kẻ thù. Tham khảo cách dịch: “sẽ chẳng có kẻ thù nào tấn công các con”
Leviticus 26:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chúng sẽ gục ngã trước các con bởi gươm
Ở đây “gục ngã” tượng trưng cho việc chết, và “gươm” tượng trưng cho cả việc dùng gươm tấn công dân sự hoặc trận chiến nhìn chung. Tham khảo cách dịch: “chúng sẽ chết khi các con dùng gươm tấn công chúng” hoặc “các con sẽ giết chúng trong trận chiến”
Năm người trong các con sẽ truy đuổi một trăm, và một trăm trong các con sẽ truy đuổi một vạn
Câu này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên sẽ chiến thắng những kẻ thù lớn mạnh hơn mình.
Năm... một trăm... một vạn
"5 ... 100 ... 10,000"
Leviticus 26:9
Ta sẽ quan tâm để các con
"Ta sẽ tỏ ân điển cùng các con” hoặc “Ta sẽ ban phước cho các con” (UDB)
khiến các con sinh sôi nảy nở và thêm nhiều
Cả hai cụm từ này chỉ về việc Đức Chúa Trời khiến họ có nhiều con cháu đặng họ trở nên một dân lớn.
khiến các con sinh sôi nẩy nở
Đức Chúa Trời nói về việc họ có nhiều con cháu như thể họ là những cây kết nhiều trái. Tham khảo cách dịch: “khiến các con có nhiều con cháu”
Các con sẽ ăn thức ăn được dự trữ trong một thời gian dài
"Các con sẽ có đủ thức ăn dự trữ để ăn trong một khoảng thời gian dài” hoặc “các người sẽ có đủ thức ăn để dữ trữ và dùng trong một thời gian dài”
Leviticus 26:11
Ta sẽ đặt Đền Tạm Ta ở giữa các con
"Ta sẽ đặt nơi ngự của Ta giữa các con”
Ta sẽ không ghê tởm các con
"Ta sẽ chấp nhận các con”
Ta sẽ đi giữa các con
Việc đi giữa họ tượng trưng cho việc sống với họ. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ ở giữa các con”
Ta đã bẻ gảy ách của các con
Đức Chúa Trời phán về cảnh nô lệ của họ như thể họ phải mang lấy một các ách mà các con vật thường mang để làm những công việc nặng nhọc. Bẻ gảy ách tượng trưng cho việc giải phóng, trả tự do cho họ. Tham khảo cách dịch: “Ta đã giải phóng các con khỏi làm những công việc cực nhọc mà chúng bắt các con làm”
Leviticus 26:14
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va đang phán cùng Môi-se những việc sẽ xảy ra nếu như dân sự không vâng giữ mạng lệnh của Ngài.
Leviticus 26:16
nếu các con làm những điều này
Cụm từ “những điều này” chỉ những điều đã được liệt kê trong LEV 26:14-15.
Ta sẽ giáng nỗi kinh hoàng trên các con
Ở đây, “nỗi kinh hoàng” tượng trưng cho những điều khiến dân sự phải khiếp sợ. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ giáng xuống những tai họa khiến các con phải khiếp sợ”
sẽ làm hao mòn sự sống các con
"sẽ từ từ cất đi mạng sống các con” hoặc “dần dần sẽ khiến các con phải chết”. Chính nhưng căn bệnh và cơn sốt đó sẽ làm điều này.
Các con sẽ phí công gieo giống
Cụm từ “phí công” có nghĩa là họ sẽ chẳng thu được gì từ công việc của mình. Tham khảo cách dịch: “Các con sẽ gieo giống vô ích” hoặc “Các con sẽ gieo giống, nhưng chẳng thu được gì”
Ta sẽ để mặt Ta nghịch lại các con
Câu này có nghĩa là Ngài sẽ chống nghịch họ. Mặt Ngài ở đây bày tỏ cơn giận của Ngài và Ngài sẽ đánh họ. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ chống đối các con” hoặc “Ta sẽ nghịch lại các con”
các con sẽ bị kẻ thù áp đảo
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "kẻ thù của các con sẽ đánh bại các con”
Leviticus 26:18
bảy lần
Ở đây, “bảy lần” không phải là bảy lần theo nghĩa đen. Mà nó có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ gia tăng sự nặng nề trong những hình phạt của Ngài.
Ta sẽ bẻ gãy sự kiêu hãnh về sức lực của các con
Việc sử dụng quyền lực để khiến họ không kiêu ngạo nữa được nói đến như thể Ngài sẽ bẻ gãy sự kiêu ngạo của họ. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ trừng phạt các con và làm cho các con không còn kiêu ngạo về sức lực của mình nữa” hoặc “Ta sẽ trừng phạt các con để các con chẳng thể kiêu hãnh về sức lực của mình nữa”
Ta sẽ làm cho trời trên đầu con trở nên như sắt và đất của con ra như đồng
Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ không cho mưa từ trời xuống nữa. Điều này sẽ khiến đất trở nên khô cứng đến nỗi dân sự chẳng thể nào gieo giống hay trồng trọt được.
Sức lực các con sẽ bị tiêu hao vô ích
Việc làm lụng rất chăm chỉ và cực nhọc được nói đến như thể họ sẽ dùng toàn bộ sức lực của mình cho đến khi hết sức. Cụm từ “vô ích” có nghĩa là họ sẽ chẳng thu lại được sau khi đã gắng sức làm lụng cực khổ. Tham khảo cách dịch: “Các con sẽ làm việc cực khổ vô ích” hoặc “Các con sẽ làm việc cực khổ nhưng lại chẳng nhận được gì tốt”
Leviticus 26:21
đi ngược lại Ta
Đi tượng trưng cho cách sống, ăn ở. Đi ngược lại Đức Chúa Trời tượng trưng cho việc chống đối hoặc nổi loạn nghịch cùng Ngài. Tham khảo cách dịch: “nổi loạn chống nghịch Ta”
Ta sẽ giáng tai họa trên các con gấp bảy lần
Danh từ “tai họa” có thể được chuyển lại thành động từ “đánh”. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ đánh các con thêm gấp bảy lần”
Ta sẽ giáng tai họa trên các con gấp bảy lần
Trong nguyên bản tiếng Anh, việc Đức Giê-hô-va khiến tai họa xảy đến trên dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Ngài sẽ đánh họ. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến gấp bảy lần tai họa giáng trên các con” hoặc “Ta sẽ trừng phạt các con nặng nề gấp bảy lần”
bảy lần
Ở đây, “bảy lần” không phải là bảy lần theo nghĩa đen. Mà ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ gia tăng sự nặng nề trong những hình phạt của Ngài.
tương đương với những tội lỗi của các con
Danh từ “tội lỗi” có thể được viết lại thành động từ “phạm tội”. Tham khảo cách dịch: “tùy theo mức độ các con đã

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phạm tội nhiều ra sao”

sẽ bắt cắp con cái các con

Việc bắt cắp tượng trưng cho hành động tấn công hoặc kéo chúng đi xa. Tham khảo cách dịch: “sẽ tấn công con cái các con” hoặc “sẽ kéo con cái con đi”

Vậy đường xá của các con sẽ trở nên hoang vắng

"Vậy sẽ chẳng có ai đi trên đường xá của các con”. Hoang vắng có nghĩa là không có ai ở đó.

Leviticus 26:23

Nếu như dù cho có những việc như thế

"Nếu khi Ta trừng phạt các con như vậy” hoặc “Nếu Ta phạt các con như vậy và”

các con vẫn không chấp nhận sự sửa phạt của Ta

Chấp nhận sự sửa phạt của Ngài tượng trưng cho việc có đáp ứng đúng với sự sửa phạt đó. Trong trường hợp này, cách đáp ứng đúng là quyết định vâng phục Ngài. Tham khảo cách dịch: “các con vẫn không chịu nghe sự sửa phạt của Ta” hoặc “các con vẫn không vâng phục Ta”

bước đi trong sự chống nghịch lại Ta

Bước đi tượng trưng cho cách sống, ăn ở. Bước đi trong sự chống nghịch Ngài có nghĩa là chống nghịch Ngài hoặc chống đối Ngài. Tham khảo cách dịch: ‘chống nghịch Ta” hoặc “chống đối Ta”

Ta cũng sẽ bước đi trong sự chống nghịch lại các con

Bước đi tượng trưng cho cách sống, hành xử. Bước đi trong sự chống nghịch lại các con có nghĩa là chống đối họ hoặc chống lại họ. Tham khảo cách dịch: “Ta cũng sẽ chống đối các con’ hoặc “Ta sẽ chống lại các con”

Chính Ta sẽ trừng phạt các con gấp bảy lần

Số 7 tượng trưng cho sự trọn vẹn. Tham khảo cách dịch: “Về phần Ta sẽ trừng phạt các con nhiều lần nữa” hoặc “Chính ta sẽ trừng phạt các con cách nặng nề nhất”

vì cớ tội lỗi của các con

Danh từ “tội lỗi” có thể được viết lại thành động từ. Tham khảo cách dịch: “bởi vì các con cứ tiếp tục phạm tội nghịch cùng ta”

Leviticus 26:25

Ta sẽ mang gươm giáo đến trên các con

Ở đây, từ “gươm giáo” tượng trưng cho quân đội hoặc sự tấn công từ kẻ thù. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ đem quân đội của kẻ thù đến nghịch cùng các con” hoặc “Ta sẽ khiến quân đội kẻ thù đến tấn công các con”

sẽ báo thù

"sẽ trừng phạt các con”

vì đã vi phạm giao ước

"vì đã bất tuân giao ước” hoặc “bởi vì các con không làm theo giao ước”

Các con sẽ bị nhóm lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con sẽ tụ họp lại” hoặc “các con sẽ trốn”

các con sẽ bị nộp vào tay kẻ thù các con

Ở đây, “vào tay” có nghĩa là “vào quyền kiểm soát” và chỉ về việc bị kẻ thù họ đánh bại. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "kẻ thù của các con sẽ đánh bại các con”

Khi Ta cắt nguồn cung cấp lương thực

Việc phá hủy lượng lương thực mà dân sự dự trữ hoặc ngăn dân sự không cho họ lấy được nó được nói đến như thể cắt bỏ nguồn cung cấp thực phẩm. Tham khảo cách dịch: “Khi Ta khiến các con không thể lấy thức ăn được nữa”

mười phụ nữ sẽ nướng bánh của các con trong một cái lò

Câu này ngụ ý rằng sẽ có rất ít bột đến nỗi cái lò nhỏ đó cũng có thể chứa hết toàn bộ số bánh mà những người phụ nữ đó nướng.

họ sẽ cân bánh để chia phần

Câu này có nghĩa là thức ăn ít đến độ họ sẽ phải cân tính xem mỗi người sẽ nhận được bao nhiêu.

Leviticus 26:27

Nếu các con không chịu nghe Ta

Nghe tượng trưng cho việc vâng theo những lời Ngài đã phán. Tham khảo cách dịch: “Nếu các con không vâng phục Ta”

đi ngược lại Ta

Bước đi tượng trưng cho lối sống, cách ứng xử. Đi ngược lại ai đó tượng trưng cho việc chống đối hoặc chống lại người đó. Tham khảo cách dịch: “chống đối Ta” hoặc “chống lại Ta”

Ta sẽ đi ngược lại với các con

Bước đi tượng trưng cho lối sống, cách ứng xử. Đi ngược lại ai đó tượng trưng cho việc chống đối hoặc chống lại người đó. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ chống lại các con”

Ta sẽ phạt các con gấp bảy lần nữa

Ở đây, “bảy lần nữa” không phải là bảy lần theo nghĩa đen. Nó có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ gia tăng tính khắc nghiệt trong hình phạt của Ngài.

Leviticus 26:29

Ta sẽ phá hủy… chặt hạ… quăng xác các con

Bởi vì Đức Chúa Trời sẽ sai một đội quân đến để làm những điều này, Ngài đang phán như thể chính Ngài sẽ làm những điều đó. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ sai một đội quân của kẻ thù đến để phá hủy… chặt hạ… quăng xác các con”

xác của các con

"xác chết của các con”

xác thần tượng của các con

Đức Chúa Trời nói về những thần tượng như thể chúng đã từng sống và rồi chết. Tham khảo cách dịch: “những thần tượng không có sự sống của các con”

Leviticus 26:31

Ta sẽ làm cho thành của các con đổ nát và phá hủy những nơi thánh của các con

Bởi vì Đức Chúa Trời sẽ sai một đội quân đến để làm những điều này, Ngài đang phán như thể chính Ngài sẽ làm những điều đó. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ sai quân đội của kẻ thù đến biến thành của các con thành ra đổ nát và phá hủy những nơi thánh của các con”

những nơi thánh của các con

Những nơi này là chỗ người ta thờ phượng các thần thượng thay vì thờ phượng Đức Chúa Trời

Ta sẽ không vui lòng về mùi thơm từ tế lễ của các con nữa

Thường thì sự vui lòng của Chúa về mùi thơm từ của tế lễ tượng trưng cho sự vui lòng của Ngài về những người thiêu tế lễ đó. Nhưng trong trường hợp này, dân sự sẽ thiêu tế lễ, nhưng Đức Chúa Trời lại không vui lòng về họ. Tham khảo cách dịch: “Các con sẽ thiêu tế lễ, nhưng Ta sẽ không vui lòng về các con”

Ta sẽ rút gươm Ta ra mà truy đuổi các con

Câu này tượng trưng cho việc sai những đội quân đến để tấn công họ. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ sai quân đội của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

kẻ thù đến tấn công các con” hoặc “Ta sẽ sai quân đội của kẻ thù cầm gươm đến tấn công các con”

Đất đai các con sẽ bị bỏ hoang và các thành trì sẽ bị tàn phá

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con sẽ bỏ đất đai của mình, và kẻ thù sẽ phá hủy những thành trì của các con”

Leviticus 26:34

Thì đất sẽ vui hưởng năm sa-bát của nó

Dân sự đáng lẽ ra phải vâng giữ luật về ngày Sa-bát mà cứ đến năm thứ 7 thì không trồng trọt trên đất đó. Đức Chúa Trời phán về điều này như thể đất đai là một con người vâng giữ năm sa-bát và nghỉ ngơi. Tham khảo cách dịch: “Đoạn, đất sẽ nghỉ ngơi y theo luật về năm sa-bát” hoặc Đoạn, theo như đã định trong luật về năm sa-bát, người ta sẽ không canh tác trên đất đó”

đất sẽ được nghỉ ngơi

Đức Chúa Trời phán về đất không được canh tác như thể nó là một con người sẽ được nghỉ ngơi. Tham khảo cách dịch: “người ta sẽ không canh tác trên đất đó”

Ta sẽ đưa sự sợ hãi vào trong lòng các con

Đưa nỗi sợ hãi vào lòng của họ tượng trưng cho việc khiến họ sợ hãi. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến các con sợ hãi khiếp kinh”

như thể các con đang chạy trốn khỏi gươm giáo

Gươm giáo tượng trưng cho người sẵn sàng dùng gươm giáo để giết ái đó hoặc chỉ về cuộc tấn công từ quân đội của kẻ thù. Tham khảo cách dịch: “như thể các con đang chạy trốn khỏi kẻ cầm gươm truy đuổi các con” hoặc “như thể các con đang trốn chạy khỏi quân đội kẻ thù”

Leviticus 26:37

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục mô tả những điều sẽ xảy ra cho dân Y-sơ-ra-ên khi họ bị đày sang nước của kẻ thù.

như thể các con đang chạy trốn khỏi gươm giáo

Gươm giáo tượng trưng cho người sẵn sàng dùng gươm giáo để giết ái đó hoặc chỉ về cuộc tấn công từ quân đội của kẻ thù. Tham khảo cách dịch: “như thể các con đang chạy trốn khỏi kẻ cầm gươm truy đuổi mình” hoặc “như thể các con đang trốn chạy khỏi quân đội kẻ thù”

để đứng trước mặt kẻ thù mình

Đứng trước kẻ thù tượng trưng cho việc không suy sụp khi kẻ thù tấn công mà đánh lại chúng. Tham khảo cách dịch: “để chống cự lại kẻ thù của các con khi chúng tấn công các con” hoặc “để đánh trả kẻ thù của mình”

đất của kẻ thù sẽ nuốt chửng các con

Đức Giê-hô-va phán về đất của kẻ thù như thể nó là một con thú dữ sẽ ăn nuốt dân Y-sơ-ra-ên. Từ “nuốt chửng” nhấn mạnh ý đa số dân Y-sơ-ra-ên sẽ chết ở đó. Tham khảo cách dịch: “các con sẽ chết trong đất của kẻ thù mình”

Những kẻ còn sót lại trong vòng các con

"Những kẻ còn sống sót trong các con”

hao mòn trong tội lỗi của mình

Hao mòn trong tội lỗi của họ tượng trưng cho việc họ bị hao mòn vì cớ những tội lỗi của họ.

tội lỗi của tổ phụ họ

Ở đây, “tổ phụ họ” chỉ tổ tiên của những người đó.

Leviticus 26:40

tội lỗi của tổ phụ họ

Ở đây, “tổ phụ họ” chỉ tổ tiên của những người đó.

sự làm phản của mình để rồi không trung tín với Ta

đi ngược lại cùng Ta

Bước đi tượng trưng cho thái độ và cách sống. Bước đi ngược lại cùng Đức Chúa Trời tượn trưng cho việc chống đối hoặc chống nghịch Ngài. Tham khảo cách dịch: “chống đối Ta” hoặc ‘nổi loạn nghịch cùng Ta”

xoay nghịch lại cùng chúng

Hành động này tượng trưng cho việc chống nghịch lại họ. Tham khảo cách dịch: “chống nghịch chúng”

nếu tấm lòng không chịu cắt bì của chúng trở nên khiêm nhường

Ở đây. từ “tấm lòng không chịu cắt bì” nói đến chính những người đó. Tham khảo cách dịch: “Nếu chúng chịu hạ mình thay vì cứ ngang bướng không chịu vâng phục”

thì Ta sẽ nhớ lại giao ước Ta với Gia-cốp, giao ước Ta với Y-sác và giao ước Ta với Áp-ra-ham

"nhớ lại” có nghĩa là “chủ ý nhớ lại”. Ở đây, nó tượng trưng cho việc thực hiện giao ước của Ngài. Tham khảo cách dịch: “thì Ta sẽ thực hiện giao ước mà Ta đã lập cùng Gia-cốp, Y-sác và Áp-ra-ham”

Ta sẽ nhớ lại xứ nầy

“nhớ lại” có nghĩa là “chủ ý nhớ lại”. Ở đây, nó tượng trưng cho việc thực hiện lời hứa của Ngài về xứ nầy. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ thực hiện lời hứa của Ta về xứ nầy”

Leviticus 26:43

Đất sẽ bị chúng bỏ hoang

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Dân Y-sơ-ra-ên sẽ bỏ hoang đất của mình”

để nó sẽ được vui hưởng năm sa-bát của nó

Đức Giê-hô-va nói về đất đó như thể nó là một con người đang vui mừng về sự nghỉ ngơi, bởi vì người ta sẽ không gieo trồng hay canh tác trên nó. Việc làm này sẽ khiến đất trở nên màu mỡ hơn. Tham khảo cách dịch: “vậy nó sẽ hưởng lợi từ năm sa-bát”

Leviticus 26:44

Thông tin chung:

Phần này kết thúc sứ điệp mà Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se tại núi Si-nai liên quan đến những phước lành dành cho sự vâng phục cũng như hình phạt cho sự bất tuân.

Ta sẽ nhớ lại giao ước cùng tổ phụ chúng nó

“nhớ lại” có nghĩa là “chủ ý nhớ lại”. Ở đây, nó tượng trưng cho việc thực hiện giao ước của Ngài Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ thực hiện giao ước đã lập cùng tổ phụ chúng nó”

trước mắt các dân

Nghĩa là trước sự nhận biết của các dân đó. Tham khảo cách dịch: “trong sự nhận biết của các dân” hoặc “và các dân biết về nó”

các dân

Tượng trưng cho người dân của các nước đó. Tham khảo cách dịch: “trước mắt dân của các nước đó”

Translation Questions

Leviticus 26:1

Đức Giê-hô-va bảo dân chúng không được làm gì?

Đức Giê-hô-va bảo dân chúng không được làm những hình tượng.

Leviticus 26:3

Dân chúng phải làm gì thì Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ ban mưa và hoa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

màu?
Đức Giê-hô-va phán rằng dân chúng phải đi theo luật lệ Ngài, gìn giữ các điều răn của Ngài và làm theo để được Ngài ban mưa và hoa màu.
Leviticus 26:6
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì để dân chúng được bình an?
Đức Giê-hô-va sẽ đuổi thú dữ và khiến gươm đao không đi qua xứ.
Leviticus 26:12
Nếu dân chúng làm những gì Đức Giê-hô-va truyền bảo thì Ngài hứa sẽ làm gì cho họ?
Nếu dân chúng làm những gì Đức Giê-hô-va truyền bảo thì Ngài hứa sẽ đi giữa họ, làm Đức Chúa Trời của họ và họ sẽ làm dân Ngài.
Leviticus 26:16
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ sai bệnh dịch và bệnh sốt gì nếu họ không vâng theo các điều răn Ngài?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ sai bệnh dịch và bệnh sốt làm mờ mắt họ và sức lực họ hao mòn nếu không chịu vâng theo các điều răn Ngài.
Leviticus 26:18
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì nếu dân chúng không vâng theo các điều răn và mạng lệnh Ngài?
Đức Giê-hô-va phán nếu dân chúng không vâng theo các điều răn Ngài thì họ sẽ bị trừng phạt gấp bảy lần tội lỗi của họ.
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì với thời tiết nếu Y-sơ-ra-ên không vâng theo các điều răn Ngài?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm cho trời trên đầu họ trở nên như sắt (hạn hán).
Leviticus 26:19
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì với thời tiết nếu Y-sơ-ra-ên không vâng theo các điều răn Ngài?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm cho trời trên đầu họ trở nên như sắt (hạn hán).
Leviticus 26:21
Đức Giê-hô-va phán nếu dân Y-sơ-ra-ên không nghe Ngài thì Ngài sẽ thú dữ đến với họ. Đức Giê-hô-va phán chúng sẽ làm gì?
Đức Giê-hô-va phán chúng sẽ bắt con cái của họ đi, tiêu diệt gia súc của họ và làm cho dân số giảm xuống.
Leviticus 26:22
Đức Giê-hô-va phán nếu dân Y-sơ-ra-ên không nghe Ngài thì Ngài sẽ thú dữ đến với họ. Đức Giê-hô-va phán chúng sẽ làm gì?
Đức Giê-hô-va phán chúng sẽ bắt con cái của họ đi, tiêu diệt gia súc của họ và làm cho dân số giảm xuống.
Leviticus 26:40
Nếu dân chúng không vâng lời Đức Giê-hô-va thì họ có mất hết hy vọng không?
Đức Giê-hô-va phán rằng nếu dân chúng xưng nhận tội ác của mình, tội ác của tổ phụ mình, tội bội bạc với Ngài và hạ xuống thuận phục sự sửa phạt về tội ác mình, thì Ngài sẽ nhớ lại giao ước Ngài đã lập với Gia-cốp, Y-sác và Áp-ra-ham.
Leviticus 26:42
Nếu dân chúng không vâng lời Đức Giê-hô-va thì họ có mất hết hy vọng không?
Đức Giê-hô-va phán rằng nếu dân chúng xưng nhận tội ác của mình, tội ác của tổ phụ mình, tội bội bạc với Ngài và hạ xuống thuận phục sự sửa phạt về tội ác mình, thì Ngài sẽ nhớ lại giao ước Ngài đã lập với Gia-cốp, Y-sác và Áp-ra-ham.
Leviticus 26:45
Bất kể tội lỗi họ thế nào, Đức Giê-hô-va hứa Ngài sẽ làm gì?
Đức Giê-hô-va hứa sẽ không bỏ họ hay ghê tởm họ đến nỗi phải tận diệt họ và hủy bỏ giao ước Ngài đã lập với họ, để Ngài là Đức Chúa Trời của họ.

Chapter 27
Leviticus 27:1
Nếu có người nào lập lời khấn nguyện đặc biệt với Đức Giê-hô-va
Trong trường hợp này, lời khấn nguyện nói về việc dâng chính người đó hoặc một người khác lên cho Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Nếu có người nào khấn nguyện dâng ai đó lên cho Đức Giê-hô-va”
hãy dùng những định giá sau
Thay vì dâng người đó, người sẽ dâng cho Chúa một lượng bạc nhất định. Tham khảo cách dịch: “hãy dùng những những định giá sau làm lễ vật dâng lên cho Chúa thay thế cho con người” hoặc “hãy dâng cho Chúa những lượng bạc sau thay vì con người”
Leviticus 27:3
giá trị chuẩn của các con
"Số bạc phải trả” hoặc “Các con phải trả”
hai mươi ... sáu mươi ... năm mươi ... ba mươi
"20 ... 60 ... 50 ... 30"
năm mươi siếc-lơ bạc
Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "năm mươi miếng bạc, mỗi miếng nặng mười gram” hoặc “năm trăm gram bạc"
theo siếc-lơ nơi thánh
Có nhiều loại siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Loại siếc-lơ được nói đến ở đây là loại người ta dùng trong nơi thánh của đền tạm. Nó nặng khoảng 11gram. Tham khảo cách dịch: “Hãy dùng loại siếc-lơ được dùng trong nơi thánh” hoặc “Khi người cân số bạc đó, hãy dùng cái cân được sử dụng trong nơi thánh”
ba mươi siếc-lơ
Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "ba mươi miếng bạc, mỗi miếng nặng mười gram” hoặc “ba trăm gram bạc"
Leviticus 27:5
năm ... hai mươi ... mười ... ba
"5 ... 20 ... 10 ... 3"
định giá chuẩn của các con
"tổng số phải trả” hoặc “các con phải trả”
hai mươi siếc-lơ
Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "hai mươi miếng bạc” hoặc “hai trăm gram bạc"
và cho người nữ là mười siếc-lơ
Người ta đã lược bỏ hai cụm từ “ở độ tuổi đó” và “định giá chuẩn của các con sẽ là”, nhưng phần đó phải được hiểu rõ. Tham khảo cách dịch: “và cho người nữ ở độ tuổi đó thì định giá chuẩn của các con sẽ là mười siếc-lơ"
mười siếc-lơ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "mười miếng bạc" hoặc “một trăm gram bạc"

năm siếc-lơ bạc

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "năm miếng bạc" hoặc “năm mươi gram bạc"

ba siếc-lơ

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "ba miếng bạc" hoặc “ba mươi gram bạc"

Leviticus 27:7

từ sáu mươi tuổi trở lên

"sáu mươi tuổi trở lên"

sáu mươi ... mười lăm ... mười

"60 ... 15 ... 10"

mười lăm siếc-lơ

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "mười lăm miếng bạc" hoặc “150 gram bạc"

và cho một người nữ là mười siếc-lơ

Người ta đã lược bỏ hai cụm từ “ở độ tuổi đó” và “định giá chuẩn của các con sẽ là”, nhưng phần đó phải được hiểu rõ. Tham khảo cách dịch: "và cho một người nữ ở độ tuổi đó thì định giá chuẩn của các con sẽ là mười siếc-lơ"

người được dâng lên phải được trình diện trước thầy tế lễ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người phải trình diện người mà mình dâng lên trước thầy tế lễ”

Leviticus 27:9

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

biệt riêng ra cho Ngài

"biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va”

cả nó và con thú mà nó đổi lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "cả nó và con thú mà người ấy đổi lại” hoặc những con thú này có thể được nhắc đến đơn giản là “cả hai con thú đó”

Leviticus 27:11

trên thực tế là không thanh sạch, Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận nó

Nếu Đức Giê-hô-va không chấp nhận một con thú nhất định làm tế lễ, con thú được nói đến như thể thân thể nó dơ dáy, không sạch sẽ. Có thể con thú đó không thanh sạch bởi vì nó là một loại thú không sạch hoặc bởi vì nó có khiếm khuyết nào đó. Tham khảo cách dịch: “trên thực tế là loại Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận”

giá thị trường

Đây là giá trị thường thấy của con thú khi người ta mua hoặc bán chúng.

muốn chuộc lại nó

"muốn mua lại nó”

Leviticus 27:14

Người phải trả thêm một phần năm giá đã định vào giá chuộc nó

“một phần năm” là một phần của vật gì đó được chưa thành năm phần bằng nhau. Tham khảo cách dịch: “Người ấy phải chia giá trị của ngôi nhà ra thành năm phần bằng nhau, cộng thêm một phần y như thế nữa, và trả toàn bộ số tiền đó”

Leviticus 27:16

lượng hạt giống cần có để gieo trồng trên đất đó

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "lượng hạt giống mà một người cần để gieo trồng trên đất đó”

một ô-me lúa mạch trị giá

Ở đây, “một ô-me” lúa mạch tượng trưng cho một miếng đất cần tới một ô-me lúa mạch để trồng đủ trên đất đó. Tham khảo cách dịch: “một miếng đất cần tới một ô-me lúa mạch để gieo trồng sẽ được tính là” hoặc “giá trị của một miếng đất cần tới một ô-me lúa mạch để gieo sẽ là”

ô-me

1 ô-me tương đương với 220 lít.

năm mươi siếc-lơ bạc

Nếu cần phải sử dụng đơn vị cân nặng hiện hành thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "năm mươi miếng bạc, mỗi miếng nặng mười gram” hoặc “năm trăm gram bạc"

Leviticus 27:17

Năm hân hỉ

50 năm diễn ra một lần. Xem cách bạn đã dịch "năm hân hỉ" trong LEV 25:10.

giá của nó sẽ không thay đổi

"không thay đổi” nghĩa là “y nguyên” hoặc “giữ nguyên”. Tham khảo cách dịch: “giá của nó vẫn y nguyên” hoặc “giá trị của nó sẽ là giá đã định”

giá của nó phải bị giảm

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người phải giảm mức giá đã được ước lượng”

Leviticus 27:19

nó không thể được chuộc lại nữa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "người không thể mua lại nó nữa”

Nếu người không chuộc lại cánh đồng

Thời gian để chuộc lại cánh đồng có thể được nói rõ. Tham khảo cách dịch: “Nếu người không chuộc lại cánh đồng trước năm hân hỉ”

trong năm hân hỉ

"trong năm phục hồi” hoặc “năm các con phải trả lại đất và phóng thích nô lệ”. Đây là năm mà người Do Thái phải trả đất lại cho chủ ban đầu của nó cũng như trả tự do cho các nô lệ. Xem cách bạn đã dịch it in LEV 25:13

đã được dâng hiến hoàn toàn cho Đức Giê-hô-va

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "ai đó đã dâng trọn cho Đức Giê-hô-va”

Leviticus 27:24

người mà nó đã được mua lại... chủ đất

Hai cụm từ này cùng chỉ về một người. Thường thì miếng đất được mua từ chủ của nó.

người mà nó đã được mua lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã bán nó”

Tất cả mọi giá cả phải được định

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các thầy tế lễ phải định những giá ước lượng”

theo cân nặng của siếc-lơ nơi thánh

Có nhiều loại siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Loại siếc-lơ được nói đến ở đây là loại người ta dùng trong nơi thánh của lều thánh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hai mươi ghê-ra phải tương đương với một siếc-lơ
Mục đích của câu này là để nói rõ siếc-lơ nơi thánh nặng bao nhiêu. Ghê-ra là đơn vị cân nặng nhỏ nhất của người Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Một siếc-lơ giá hai mươi ghê-ra”
Hai mươi ghê-ra bằng một siếc-lơ
Nếu cần thiết phải dùng đơn vị cân nặng hiện nay thì đây là cách dịch. Tham khảo cách dịch: “Một siếc-lơ nặng mười gram”
Leviticus 27:26
Không ai được biệt riêng
"Không ai được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va”
một phần năm của được thêm vào giá đó
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người phải thêm một phần năm vào giá đó”
Nếu con thú không được chuộc lại
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nếu người đó không mua lại con thú”
nó phải được bán theo giá đã định
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Thầy tế lễ phải bán nó theo giá đã định”
Leviticus 27:28
mọi vật nào mà một người dâng lên cho Đức Giê-hô-va, từ mọi điều người có, cho dù là người hay thú vật, hay đất đai của gia đình người
đều không được phép bán hoặc bị chuộc lại
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Không ai được bán hoặc chuộc lại bất cứ thứ gì mà một người đã dâng lên cho Đức Giê-hô-va, từ mọi thứ người có, cho dù đó là người, thú vật, hay đất đai của gia đình người” hoặc “Nếu một người dâng lên cho Đức Giê-hô-va mọi điều mình đó, cho dù là người hay thú vật, hay đất đai của gia đình người, thì không ai được phép bán hay chuộc lại nó”
Mọi vật đã được biệt hiến đều rất thánh cho Đức Giê-hô-va
"Mọi vật mà mọi người biệt hiến đều rất thánh cho Đức Giê-hô-va”
Không một khoản tiền chuộc nào được trả
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. "Không ai trả tiền chuộc”
cho người đã bị phó cho sự hủy diệt
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "cho người nào mà Đức Giê-hô-va đã phó cho sự hủy diệt”
cho người đã bị phó cho sự hủy diệt
Lí do tại sao một người lại bị phó cho sự hủy diệt có thể được làm rõ. Tham khảo cách dịch: “cho người nào Đức Giê-hô-va đã định phải chết vì cớ tội lỗi của người đó”
Người đó phải bị xử tử
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải xử tử người đó” hoặc “các con phải giết người đó”
Leviticus 27:30
Nếu một người chuộc lại vật gì trong phần mười của mình
"nếu một người muốn mua lại vật gì trong phần mười của mình”
Leviticus 27:32
bất cứ thứ gì đi qua dưới cây gậy của người chăn
Cụm này nói về cách họ đếm vật nuôi của mình. Tham khảo cách dịch: “khi các con đếm gia súc của mình bằng cách giơ cây gậy chăn của mình lên và đi qua phía dưới cây gậy từ bên kia” hoặc “khi con đếm gia súc của mình”
một phần mười phải được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải biệt riêng một phần mười ra cho Đức Giê-hô-va”
một phần mười
"mọi phần mười súc vật”
thì cả con thú bị đổi và con đổi
"thì cả hai con thú”
Chúng không thể được chuộc lại
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người không thể chuộc lại chúng” hoặc “Người ấy không thể mua lại chúng”
Leviticus 27:34
Đó là những mạng lệnh
Đây là câu tuyên bố vắn tắt, nói đến những mạng lệnh được đưa ra trong những chương trước.

Translation Questions

Leviticus 27:2
Giá trị tiêu chuẩn dùng để làm gì?
Khi một người được dâng lên cho Đức Giê-hô-va thì người đó có lời thề nguyện đặc biệt phải dùng đến giá trị tiêu chuẩn.
Leviticus 27:3
Giá trị tiêu chuẩn của một người nam từ hai mươi đến sáu mươi tuổi là bao nhiêu?
Một người nam từ hai mươi đến sáu mươi tuổi có giá trị tiêu chuẩn là năm mươi siếc-lơ bạc.
Leviticus 27:4
Giá trị tiêu chuẩn của một người nữ từ hai mươi đến sáu mươi tuổi là bao nhiêu?
Một người nữ từ hai mươi đến sáu mươi tuổi có giá trị tiêu chuẩn là ba mươi siếc-lơ.
Leviticus 27:8
Nếu một người có lời thề nguyện nhưng không đủ khả năng trả số giá trị tiêu chuẩn của người mình dâng thì thế nào?
Nếu một người có lời thề nguyện nhưng không đủ khả năng trả số giá trị tiêu chuẩn thì người đó phải trình diện với thầy tế lễ và thầy tế lễ sẽ ấn định giá trị người đó tùy theo số tiền người lập lời thề có thể trả.
Leviticus 27:11
Có những thứ nào khác được dâng cho Đức Giê-hô-va mà thầy tế lễ phải định giá trị?
Thầy tế lễ cũng định giá trị một con vật được dâng làm tế lễ, nhà cửa hay một phần đất đai.
Leviticus 27:14
Có những thứ nào khác được dâng cho Đức Giê-hô-va mà thầy tế lễ phải định giá trị?
Thầy tế lễ cũng định giá trị một con vật được dâng làm tế lễ, nhà cửa hay một phần đất đai.
Leviticus 27:16
Có những thứ nào khác được dâng cho Đức Giê-hô-va mà thầy tế lễ phải định giá trị?
Thầy tế lễ cũng định giá trị một con vật được dâng làm tế lễ,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhà cửa hay một phần đất đai.
Leviticus 27:23
Vào năm hoan hỉ một người phải làm gì với cánh đồng đã dâng cho Đức Giê-hô-va?
Khi một người đã dâng cánh đồng cho Đức Giê-hô-va và năm hoan hỉ đến thì thầy tế lễ sẽ định giá cánh động theo năm hoan hỉ và người ấy phải trả trong ngày hôm đó như lễ vật thánh cho Đức Giê-hô-va.
Leviticus 27:26
Những con vật nào thuộc riêng về Đức Giê-hô-va?
Con đầu lòng của mọi súc vật thuộc riêng về Đức Giê-hô-va.
Leviticus 27:28
Phần nào của những thứ được dâng cho Đức Giê-hô-va có thể được bán hay chuộc lại?
Không vật gì được dâng cho Đức Giê-hô-va có thể được bán hay chuộc lại.
Leviticus 27:31
Nếu một người chuộc lại vật gì trong một phần mười thì phải trả thêm gì nữa?
Nếu một người chuộc lại vật gì trong một phần mười thì phải trả thêm một phần năm giá trị đó.

Chapter 1
Numbers 1:1
ngày đầu tiên trong tháng thứ hai
"ngày mồng một tháng hai". Đây là tháng thứ hai trong lịch người Hê-bơ-rơ. Ngày đầu tiên nầy gần với ngày giữa tháng Tư trong lịch Tây.
năm thứ hai
"năm thứ 2" hoặc "năm 2"
đếm những người đó theo tên
Câu nầy có nghĩa là đếm số người người nam bằng cách ghi lại tên của họ. Tham khảo cách dịch: "Hãy đếm những người đó, ghi lại tên của từng người"
hai mươi tuổi
"20 tuổi"
ghi lại số người nam theo nhóm quân của họ
Câu nầy nói đến việc phân chia những người nam vào sư đoàn của họ.
Numbers 1:4
người trưởng tộc
"người đứng đầu của một chi tộc"
phục vụ cùng các con
"giúp đỡ các con"
Ê-lít-su... Sê-đêu... Sê-lu-mi-ên... Xu-ri-ha-đai
Đây đều là tên của nam.
Numbers 1:7
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục liệt kê những người đứng đầu các chi tộc cho Môi-se.
Numbers 1:10
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục liệt kê những người đứng đầu các chi tộc cho Môi-se.
Numbers 1:12
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục liệt kê những người đứng đầu các chi tộc cho Môi-se..
Numbers 1:16
những người nam được chọn
Có thể chuyển cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người nam mà Đức Giê-hô-va đã chọn"
Numbers 1:17
nhận những người đó
"tập hợp những người nầy lại"
những người đã được ghi tên
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người mà họ đã ghi tên lại"
ngày đầu tiên của tháng thứ hai
"ngày mồng 1 tháng 2". Đây là tháng thứ hai trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày đầu tiên nầy gần với giữa tháng Tư theo lịch Tây. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:1]
Đoạn, mỗi người ... nhận biết dòng họ của mình. Họ phải khai tên chi tộc và gia tộc mình theo tổ tiên của mình.
Câu thứ hai về cơ bản có cùng nghĩa với câu thứ nhất và được thêm vào để làm rõ nghĩa hơn.
Họ phải khai tên
Ở đây, "khai tên" có nghĩa là "nói". Tham khảo cách dịch: "Mỗi người phải nói"
Numbers 1:20
hết thảy đều được ghi tên
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ ghi tên tất cả"
có thể ra trận
"người có thể ra trận"
46.500 người nam
"bốn mươi sáu nghìn năm trăm người nam"
Numbers 1:22
tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc
Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]
Numbers 1:24
tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc
Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]
Numbers 1:26
tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc
Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]
Numbers 1:28
tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc
Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]
Numbers 1:30
tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc
Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]

Numbers 1:32

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc

Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]

Numbers 1:34

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc

Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]

Numbers 1:36

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc

Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]

Numbers 1:38

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc

Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]

Numbers 1:40

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc

Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]

Numbers 1:42

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc

Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]

Numbers 1:44

Vậy, toàn bộ những người nam trong Y-sơ-ra-ên... đều được khai tên theo chi tộc của mình

Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số nầy. Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong [NUM 1:20]

Numbers 1:47

những người nam thuộc chi tộc Lê-vi không được tính

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Môi-se và A-rôn không tính những người nam thuộc chi tộc Lê-vi"

những người thuộc chi tộc Lê-vi

Trong một số ngôn ngữ, đây là động từ ở thể bị động. Nếu cần thiết có thể viết khác đi. Tham khảo cách dịch: "những người từ chi tộc Lê-vi"

không được tính chi tộc Lê-vi

Ở đây, "chi tộc Lê-vi" chỉ toàn bộ những người nam đủ tiêu chuẩn ra trận trong chi tộc Lê-vi. Tham khảo cách dịch: "không được tính những người nam trong chi tộc Lê-vi"

Numbers 1:50

Đền Tạm Chứng Ước

Đền Tạm cũng được gọi bằng tên gọi dài hơn nầy bởi vì trong Đền Tạm có đặt hòm giao ước chứa luật pháp của Đức Chúa Trời.

mọi thứ trong đó

Ở đây, từ "đó" chỉ Đền Tạm.

Những người Lê-vi phải lo việc vận chuyển Đền Tạm

Công việc của họ là khiêng Đền Tạm theo mỗi khi dân sự phải di chuyển đến nơi khác. Tham khảo cách dịch: "Khi các con di chuyển, người Lê-vi sẽ phải khiêng Đền Tạm theo"

đóng trại mình xung quanh nó

Câu nầy có nghĩa là họ sẽ dựng trại của mình xung quanh Đền Tạm. Tham khảo cách dịch: "dựng trại của mình xung quanh Đền Tạm"

Numbers 1:51

Khi Đền Tạm chuẩn bị được dựng lên

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Khi đến lúc dựng Đền Tạm"

Bất cứ người lạ nào... phải bị giết

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bất cứ người lạ nào... phải chết" hoặc "các con phải giết những người lạ"

ngọn cờ

lá cờ lớn

nhóm quân của mình

"sư đoàn của mình"

Numbers 1:53

Đền Tạm Chứng Ước

Đền Tạm còn được gọi với tên gọi dài nầy bởi vì trong Đền Tạm có đặt hòm giao ước bên trong đựng luật pháp của Đức Chúa Trời. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 1:50.

để cơn giận của Ta không giáng trên dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, Đức Giê-hô-va nói về việc không hình phạt dân Y-sơ-ra-ên như thể cơn giận của Ngài sẽ không thình lình giáng trên họ. Cụm từ "giáng trên" chỉ về việc cơn giận của Ngài cùng dân sự. Tham khảo cách dịch: "để trong cơn giận Ta không trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên"

Đức Giê-hô-va đã truyền qua Môi-se

Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se mọi điều mà dân Y-sơ-ra-ên phải làm, và sau đó Môi-se truyền lại cho dân Y-sơ-ra-ên.

Translation Questions

Numbers 1:1

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải kiểm kê những ai trong cuộc điều tra dân số?

Ngài truyền cho Môi-se kiểm kê tất cả nam đinh của Y-sơ-ra-ên, tất cả những người nam từ hai mươi tuổi trở lên.

Numbers 1:3

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải kiểm kê những ai trong cuộc điều tra dân số?

Ngài truyền cho Môi-se kiểm kê tất cả nam đinh của Y-sơ-ra-ên, tất cả những người nam từ hai mươi tuổi trở lên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Numbers 1:4
Ai sẽ là tộc trưởng giúp đỡ cho Môi-se?
Mỗi bộ tộc phải có một người, một tộc trưởng, là người lãnh đạo bộ tộc.
Numbers 1:18
Mỗi người xác định dòng tộc của mình như thế nào?
Họ phải khải từng người theo bộ tộc và gia đình từ tổ tiên của mình.
Numbers 1:46
Có bao nhiêu người nam được kê lại từ các bộ tộc từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được?
Có 603,550 người nam từ các bộ tộc.
Numbers 1:47
Những người nam thuộc chi tộc nào không được kiểm kê?
Những người nam thuộc chi tộc Lê-vi không được kiểm kê.
Numbers 1:50
Người Lê-vi được chỉ định trông coi việc gì?
Người Lê-vi được chỉ định trông coi Đền Tạm, tất cả đồ đạc và mọi vật trong đó.
Numbers 1:51
Người Lê-vi phải làm gì với những người lạ đến gần Đền Tạm?
Người Lê-vi phải giết những người lạ nào đến gần Đền Tạm.
Numbers 1:52
Dân Y-sơ-ra-ên phải đóng trại ở đâu?
Mỗi người phải dựng trại gần ngọn cờ của nhóm quân mình.
Numbers 1:53
Người Lê-vi phải đóng trại ở đâu?
Họ phải đóng trại quanh Đền Tạm chứng ước.
Numbers 1:54
Dân chúng có làm theo điều Đức Giê-hô-va phán dặn không?
Có, họ làm theo mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn qua Môi-se.

Chapter 2
Numbers 2:1
quanh cờ hiệu của mình
Từ “cờ hiệu” ở đây bốn nhóm lớn mà các chi tộc đã được chia vào. Mỗi một cờ hiệu đều được lệnh phải cắm trại chung với nhau. Các cờ hiệu được đại diện bằng một ngọn cờ.
với những ngọn cờ trong nhà cha mình
Mỗi một đại gia đình đóng trại ở dưới ngọn cờ mình, trong khu vực được chỉ định cho cờ hiệu của mình.
ngọn cờ
Ngọn cờ ở đây là một lá cờ lớn.
Numbers 2:3
dưới cờ hiệu của mình
“cờ hiệu” ở đây chỉ bốn nhóm người lớn hơn mà các chi tộc đã được chia vào. Mỗi cờ hiệu được lệnh phải cắm trại cùng nhau. Mỗi một cờ hiệu được đại diện bằng một ngọn cờ. Xem cách bạn đã dịch từ “cờ hiệu” trong NUM 2:2.
Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp
Dịch tên của người nam nầy theo cách bạn đã dịch trong NUM 1:7.
74.600
"bảy mươi bốn nghìn sáu trăm”
Numbers 2:5
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi các chi tộc cùng đội quân của mình sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
Na-tha-na-ên, con trai Xu-a
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:8.
sư đoàn
Đây là một từ dùng trong quân đội chỉ một nhóm lính lớn. Mỗi một chi tộc chính là “sư đoàn” của chính chi tộc đó.
Numbers 2:7
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
Ê-li-áp, con trai của Hê-lôn
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:9.
57.400
Con số nầy bổ nghĩa cho người nam nam. Tham khảo cách dịch: “57.400 người nam"
Numbers 2:9
Tổng quân số của trại quân Giu-đa là 186.400
Con số nầy bao gồm toàn bộ số người nam trong các chi tộc đóng trại dưới cờ hiệu của Giu-đa. Tham khảo cách dịch: “Số người nam đóng trại dưới cờ hiệu của Giu-đa là 186.400"
Họ sẽ đi đầu tiên
Câu nầy có nghĩa là họ sẽ lên đường đầu tiên khi trại của dân Y-sơ-ra-ên di chuyển. Tham khảo cách dịch: “Khi di chuyển đến nơi khác, họ sẽ đi đầu tiên”
đầu tiên
"thứ nhất”
Numbers 2:10
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
dưới cờ hiệu của mình
“cờ hiệu” ở đây chỉ bốn nhóm người lớn hơn mà các chi tộc đã được chia vào. Mỗi cờ hiệu được lệnh phải cắm trại cùng nhau. Mỗi một cờ hiệu được đại diện bằng một ngọn cờ. Xem cách bạn đã dịch từ “cờ hiệu” trong NUM 2:2.
Ê-li-su, con trai của Sê-đêu
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:5.
46.500
Con số nầy bổ nghĩa cho người nam nam. Tham khảo cách dịch: "46.500 người nam"
Numbers 2:12
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
Sê-lu-mi-ên, con trai của Xu-ri-ha-đai
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:6.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

59.300
Con số nầy bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: "59.300 người nam"
Numbers 2:14
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
Ê-li-a-sáp, con trai của Đê-u-ên
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:14.
45.650
Con số nầy bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: "45.650 người nam"
Numbers 2:16
Tổng quân số trong trại quân Ru-bên, theo từng sư đoàn là 151.450
Con số nầy bao gồm toàn bộ những người nam trong các chi tộc cắm trại dưới cờ hiệu của Ru-bên. Tham khảo cách dịch: “Tổng số những người nam đóng trại dưới cờ hiệu của Ru-bên, theo từng sư đoàn là 151.450”
thứ nhì
"thứ hai”
Numbers 2:17
Lều Hội Kiến phải đi ra... giữa các trại quân khác
Câu nầy có nghĩa là khi di chuyển để nơi khác, người Lê-vi phải khiêng Lều Hội Kiến đi ở giữa các chi tộc khác.
Họ phải đi ra
"Họ” ở đây chỉ đến mười hai chi tộc.
dưới ngọn cờ mình
Không phải mỗi người đều có ngọn cờ riêng của mình, nói đúng hơn, cụm từ này chỉ về ngọn cờ thuộc về chi tộc của người đó. Tham khảo cách dịch: “dưới ngọn cờ của chi tộc mình”
Numbers 2:18
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
dưới cờ hiệu của họ
“cờ hiệu” ở đây chỉ bốn nhóm người lớn hơn mà các chi tộc đã được chia vào. Mỗi cờ hiệu được lệnh phải cắm trại cùng nhau. Mỗi một cờ hiệu được đại diện bằng một ngọn cờ. Xem cách bạn đã dịch từ “cờ hiệu” trong NUM 2:2.
40.500
Con số nầy bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: "40.500 người nam"
Numbers 2:20
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
Bên cạnh họ
Câu nầy có nghĩa là chi tộc Ma-na-se sẽ đóng trại tiếp theo sau chi tộc Ép-ra-im.
32.200
Con số nầy bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: "32.200 người nam"
Numbers 2:22
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
A-bi-đan, con trai của Ghi-đê-ô-ni
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:11.
35.400
Con số nầy bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: “35.400 người nam"
Numbers 2:24
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
Tổng quân số trong trại quân Ép-ra-im là 108.100
Con số nầy bao gồm tất cả những người nam trong các chi tộc đóng trại dưới cờ hiệu của Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: “Số người nam đóng trại dưới cờ hiệu của Ép-ra-im là 108.100”
thứ ba
"thứ 3"
Numbers 2:25
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
các sư đoàn thuộc trại quân của Đan
Chỉ về các sư đoàn của Đan, A-se và Nép-ta-li dưới cờ hiệu của Đan. Tham khảo cách dịch: “các sư đoàn đóng trại dưới cờ hiệu của Đan”
A-hi-ê-xe, con trai của A-mi-sa-đai
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:12.
62.700
Con số nầy bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: “62.700 người nam"
Numbers 2:27
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
Pha-ghi-ên, con trai của Óc-ran
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:13.
41.500
Con số nầy bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: “41.500 người nam"
Numbers 2:29
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.
A-hi-ra, con trai của Ê-nan
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:15.
53.400
Con số nầy bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: “53.400 người nam"
Numbers 2:31

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

Tổng số người đóng trại chung với Đan là 157.600

Con số nầy bao gồm tất cả những người trong các chi tộc đóng trại dưới cờ hiệu của Đan. Tham khảo cách dịch: “Số người nam đóng trại dưới cờ hiệu của Đan là 157.600”

Numbers 2:32

Tất cả đều được tính

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se và A-rôn đã tính hết thảy họ”

theo sư đoàn của họ

Ở đây, từ “họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 2:34

Họ rời khỏi trại

Câu nầy chỉ lúc họ sẽ di chuyển đến một nơi khác. Tham khảo cách dịch: “Khi đi, họ rời trại”

Translation Questions

Numbers 2:1

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se và A-rôn cho các chi tộc đóng trại ở đâu?

Đức Giê-hô-va truyền cho các chi tộc đóng trại quanh cờ của nhóm quân mình và quanh cờ hiệu nhỏ của chi tộc mình. Trại của họ phải hướng mặt về lều hội kiến.

Numbers 2:2

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se và A-rôn cho các chi tộc đóng trại ở đâu?

Đức Giê-hô-va truyền cho các chi tộc đóng trại quanh cờ của nhóm quân mình và quanh cờ hiệu nhỏ của chi tộc mình. Trại của họ phải hướng mặt về lều hội kiến.

Numbers 2:3

Môi-se truyền cho 74,600 người trong quân đội của chi tộc Giu-đa phải cắm trại ở đâu và ai phải lãnh đạo đội quân của họ?

Họ phải đóng trại quanh cờ của Giu-đa về phía đông của lều hội kiến là phía mặt trời mọc và Na-ha-sôn phải lãnh đạo đội quân.

Numbers 2:4

Môi-se truyền cho 74,600 người trong quân đội của chi tộc Giu-đa phải cắm trại ở đâu và ai phải lãnh đạo đội quân của họ?

Họ phải đóng trại quanh cờ của Giu-đa về phía đông của lều hội kiến là phía mặt trời mọc và Na-ha-sôn phải lãnh đạo đội quân.

Numbers 2:5

54,400 người của chi tộc Y-sa-ca phải cắm trại ở đâu và ai phải là người lãnh đạo đội quân?

Họ phải cắm trại bên canh Giu-đa và Na-tha-na-ên phải lãnh đạo đội quân.

Numbers 2:6

54,400 người của chi tộc Y-sa-ca phải cắm trại ở đâu và ai phải là người lãnh đạo đội quân?

Họ phải cắm trại bên canh Giu-đa và Na-tha-na-ên phải lãnh đạo đội quân.

Numbers 2:7

57,400 người của chi tộc Sa-bu-lôn phải cắm trại ở đâu và ai phải lãnh đạo đội quân của họ?

Họ phải cắm trại bên cạnh Y-sa-ca và Ê-li-áp phải lãnh đạo đội quân.

Numbers 2:8

57,400 người của chi tộc Sa-bu-lôn phải cắm trại ở đâu và ai phải lãnh đạo đội quân của họ?

Họ phải cắm trại bên cạnh Y-sa-ca và Ê-li-áp phải lãnh đạo đội quân.

Numbers 2:9

Những ai phải đi ra khỏi trại đầu tiên?

Tất cả những đội quân đóng trại với Giu-đa phải đi ra khỏi trại đầu tiên.

Numbers 2:10

46,500 người của chi tộc Ru-bên phải cắm trại ở đâu và ai phải lãnh đạo đội quân của họ?

Họ phải cắm trại quanh cờ của Ru-bên về phía nam và Ê-li-su phải lãnh đạo đội quân.

Numbers 2:11

46,500 người của chi tộc Ru-bên phải cắm trại ở đâu và ai phải lãnh đạo đội quân của họ?

Họ phải cắm trại quanh cờ của Ru-bên về phía nam và Ê-li-su phải lãnh đạo đội quân.

Numbers 2:12

59,300 người của chi tộc Si-mê-ôn phải đóng trại ở đâu và ai phải lãnh đạo đội quân của họ?

Họ phải cắm trại bên cạnh Ru-bên và Sê-lu-mi-ên phải lãnh đạo đội quân của họ.

Numbers 2:13

59,300 người của chi tộc Si-mê-ôn phải đóng trại ở đâu và ai phải lãnh đạo đội quân của họ?

Họ phải cắm trại bên cạnh Ru-bên và Sê-lu-mi-ên phải lãnh đạo đội quân của họ.

Numbers 2:14

45,650 người của chi tộc Gát phải đóng trại ở đâu và ai phải lãnh đạo đội quân của họ?

Họ phải cắm trại kế tiếp và Ê-li-a-sáp phải lãnh đạo đội quân của họ.

Numbers 2:15

45,650 người của chi tộc Gát phải đóng trại ở đâu và ai phải lãnh đạo đội quân của họ?

Họ phải cắm trại kế tiếp và Ê-li-a-sáp phải lãnh đạo đội quân của họ.

Numbers 2:16

Những ai phải đi ra trại thứ hai?

Tất cả các đội quân đóng trại với Ru-bên phải đi ra thứ hai.

Numbers 2:24

Có bao nhiêu người được kiểm kê trong trại của Ép-ra-im?

Có 108,100 người được kiểm kê trong trại của Ép-ra-im.

Khi nào thì Ép-ra-im phải nhổ trại so với các trại khác?

Ép-ra-im phải nhổ trại thứ ba.

Numbers 2:25

Ai là thủ lĩnh của người Đan?

Thủ lĩnh của người Đan là A-hi-ê-xe con trai của A-mi-sa-đai.

Numbers 2:32

Môi-se và A-rôn không kiểm kê những ai trong dân Y-sơ-ra-ên và vì sao?

Môi-se không kiểm kê người Lê-vi trong dân Y-sơ-ra-ên vì Đức Giê-hô-va truyền phán cùng Môi-se như vậy.

Numbers 2:33

Môi-se và A-rôn không kiểm kê những ai trong dân Y-sơ-ra-ên và vì sao?

Môi-se không kiểm kê người Lê-vi trong dân Y-sơ-ra-ên vì Đức Giê-hô-va truyền phán cùng Môi-se như vậy.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Numbers 2:34
Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì?
Dân Y-sơ-ra-ên làm mọi điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán cho Môi-se. Họ đóng trại theo ngọn cờ mình và ra đi theo gia tộc và thứ tự các gia đình của tổ phụ mình.

Chapter 3
Numbers 3:1
Bây giờ
Ở đây, tác giả dùng từ “bây giờ” để chuyển sang thuật lại một sự kiện lịch sử mới.
Na-đáp, trưởng nam
"Na-đáp, người là trưởng nam”
Na-đáp… A-bi-hu… Y-tha-ma
Đây đều là tên của nam.
Numbers 3:3
những thầy tế lễ đã được xức dầu và được lập lên
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những thầy tễ lễ mà Môi-se đã xức dầu cho và lập lên”
Na-đáp… A-bi-hu… Y-tha-ma
Dịch tên những người nầy như cách bạn đã dịch trong NUM 3:2.
ngã chết trước mặt Đức Giê-hô-va
Cụm từ “ngã chết” có nghĩa là chết cách bất thình lình. Tham khảo cách dịch: “đột nhiên chết trước mặt Đức Giê-hô-va”
trước mặt Đức Giê-hô-va
Câu nầy chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va, có nghĩa là Đức Giê-hô-va thấy mọi việc đã xảy ra. Tham khảo cách dịch: “trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”
họ dâng lên Ngài một thứ lửa không đẹp lòng Ngài
Ở đây, “lửa” được dùng để chỉ “trầm hương đang cháy”. Tham khảo cách dịch: “cách họ dâng hương dâng lên không vừa lòng Đức Giê-hô-va”
Numbers 3:5
Hãy đem chi tộc Lê-vi đến
Ở đây, “chi tộc” chỉ những người nam trong chi tộc đó. Tham khảo cách dịch: “Hãy đem những người nam trong chi tộc Lê-vi đến”
Numbers 3:7
thay cho
"cho”. Từ nầy có nghĩa là làm một việc gì đó cho một người khác, với tư cách là người đại diện của họ.
giúp các chi tộc của Y-sơ-ra-ên
Ở đây, “các chi tộc của Y-sơ-ra-ên” chỉ người Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “giúp người Y-sơ-ra-ên”
họ phải giúp các chi tộc trong Y-sơ-ra-ên làm những công việc của Đền Tạm
Cụm từ “làm” có nghĩa là “phục vụ”. Tham khảo cách dịch: “họ phải giúp các chi tộc Y-sơ-ra-ên bằng cách phục vụ trong Đền Tạm”
công việc phục vụ Đền Tạm
"công việc trong Đền Tạm”
Numbers 3:9
Con phải giao
"con” chỉ Môi-se.
Họ đã được giao phó hoàn toàn
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta đã giao phó hết cho họ”
bất cứ người lạ nào đến gần sẽ bị xử tử
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con phải giết những người lạ nào đến gần” hoặc “bất cứ người lạ nào đến gần đều sẽ phải chết”
nhưng bất cứ người lạ nào đến gần
Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “nhưng bất cứ người lạ nào đến gần đền tạm”
Numbers 3:11
Kìa
"Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý đến những điều Ta sắp phán cùng con”
Ta đã nhận người Lê-vi
"Ta đã chọn người Lê-vi”
Numbers 3:14
Hãy đếm số con cháu
Đức Giê-hô-va đang lệnh cho Môi-se chỉ đếm số con cháu là nam. Tham khảo cách dịch: “Hãy đếm những con cháu là nam”
trong nhà tổ tiên họ
Ở đây, “nhà tổ tiên họ” cũng có nghĩa là “gia đình tổ tiên họ”. Đây là phép hoán dụ cho “chi tộc” của họ. Tham khảo cách dịch: “theo chi tộc của họ”.
theo lời Đức Giê-hô-va, y như Ngài đã lệnh phải làm
Cả hai cụm từ nầy về cơ bản chỉ cùng một điều, được sử dụng chung để nhấn mạnh ý Môi-se đã vâng lời Đức Giê-hô-va.
Numbers 3:17
Thông tin chung:
Đây là danh sách dòng dõi của Lê-vi.
Các chi tộc ra từ
Ở đây, tác giả nói về việc “bắt nguồn từ”
Numbers 3:21
ra từ Ghẹt-sôn
Ở đây, tác giả nói đến việc “bắt nguồn từ” như thể “ra từ”. Tham khảo cách dịch: “bắt nguồn từ Ghẹt-sôn”
Gia tộc Líp-ni… gia tộc Si-mê-i… gia tộc Ghẹt-sôn
"gia tộc Líp-ni” và “gia tộc Si-mê-i” là tên của hai gia tộc được đặt theo tên của người đứng đầu gia tộc đó. “gia tộc Ghẹt-sôn” là tên của những người là con cháu của Ghẹt-sôn.
Toàn bộ những người nam từ một tháng tuổi trở lên được đều được tính
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se tính tất cả những người nam từ một tháng trở lên”
7.500
“bảy nghìn năm trăm”
Numbers 3:24
Ê-li-a-sáp… La-ên
Đây đều là tên của nam.
các bức màn treo trong sân
"những tấm màn trong sân”
sân nhỏ bao quanh Nơi Thánh và bàn thờ
"tức là phần sân bao quanh Nơi Thánh và bàn thờ”
Numbers 3:27
Thông tin chung:
Đây là danh sách những chi tộc là dòng dõi của Cô-hát.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cô-hát
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.
Có 8.600 người nam nam được tính
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se đã tính 8.600 người nam nam”
tuổi từ một tháng trở lên
"từ một tháng tuổi trở lên”
Numbers 3:30
Thông tin chung:
Những câu nầy cho chúng ta thông tin về các chi tộc dòng dõi của Cô-hát.
những vật thánh được dùng trong việc thờ phượng của họ
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những vật thánh mà các thầy tế lễ dùng cho việc thờ phượng”
Numbers 3:33
Thông tin chung:
Đây là danh sách những chi tộc bắt nguồn từ Mê-ra-ri.
6.200 người nam nam đã được tính
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se đã tính 6.200 người nam nam”
Numbers 3:36
khung
Đây là một tấm gỗ lớn mà người ta dùng nhiều tấm gỗ nhỏ hơn ghép lại.
cây xà ngang
Đây là những cây xà đỡ tạo độ vững chãi cho Đền Tạm.
trụ
Trụ là cây gỗ chắc dựng thẳn đứng được dùng như cột chống đỡ.
đế cột
Đây là những đế để dựng những cây cột lên trên.
những vật dụng
Chỉ tất cả những vật được dùng để gắn kết những cây xà ngang, cột trụ và đế trụ lại với nhau.
với đế của chúng
Ở đây, “chúng” chỉ những “cột và trụ”
đế, cọc và dây thừng
Tất cả đều là vật dụng dùng để cố định những cây cột và trụ.
Numbers 3:38
con trai của người
Ở đây, “của người” chỉ A-rôn.
về hướng mặt trời mọc
Về phía đông của đền tạm. Tham khảo cách dịch: “ở phía đông, hướng mặt trời mọc”
để hoàn thành nhiệm vụ
Cụm từ “hoàn thành” nguyên bản là danh từ, nhưng có thể điễn dạt thành động từ. Tham khảo cách dịch: “để thực hiện nhiệm vụ”
Bất cứ người lạ nào đến gần Nơi Thánh sẽ bị xử tử
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con phải giết những người lạ đến gần Nơi Thánh” hoặc “Những người lạ đến gần Nơi Thánh sẽ phải chết”
hai mươi hai nghìn người nam
"22.000 người nam" hoặc “22.000 đàn ông”
Numbers 3:40
Con phải bắt gia súc của người Lê-vi
Chỉ toàn bộ súc vật của người Lê-vi. Tham khảo cách dịch: “con phải bắt hết gia súc của người Lê-vi”
Numbers 3:42
mọi con tưởng nam
"mọi con trai đầu lòng”
Numbers 3:46
làm giá chuộc cho
Danh từ “giá chuộc” có thể được dịch với động từ “chuộc lại”. Tham khảo cách dịch: “để chuộc lại”
con đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên
"các con trai đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên”
năm siếc lơ
Một siếc lơ là đơn vị cân nặng tương đương với 11gr. Tham khảo cách dịch: “khoảng 55 gram bạc”
những người vượt quá số người Lê-vi
Câu nầy có nghĩa là số con đầu lòng trong vòng các chi tộc khác của Y-sơ-ra-ên nhiều hơn tổng số người nam Lê-vi là 273 người.
Con phải lấy siếc-lơ nơi thánh làm cân đo chuẩn của mình
Câu nầy có nghĩa là, siếc-lơ nầy phải nặng bằng siếc-lơ trong Nơi Thánh. Tham khảo cách dịch: “Con phải dùng cân nặng của siếc-lơ nơi thánh làm cân đó chuẩn của mình
hai mươi ghê-ra
"20 ghê-ra”. Một ghê-ra là đơn vị cân nặng gần bằng 0.57 kg.
giá chuộc mà con đã trả
Ở đây, từ “giá” chỉ số siếc-lơ mà Môi-se đã thu nhận. Tham khảo cách dịch: “số tiền mà con đã thu về sự chuộc lại của họ”

Translation Questions

Numbers 3:1
Đây là lịch sử về điều gì?
Đây là lịch sử về dòng dõi A-rôn và Môi-se.
Numbers 3:2
Tên các con trai của A-rôn là gì?
Tên các con trai của A-rôn là Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma.
Numbers 3:4
Vì sao Na-đáp và A-bi-hu ngã chết trước mặt Đức Giê-hô-va?
Na-đáp và A-bi-hu ngã chết trước mặt Đức Giê-hô-va khi họ dâng cho Ngài thứ lửa không được chấp nhận.
Các con trai nào của A-rôn phục vụ trong chức thầy tế lễ với A-rôn?
Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma cùng phục vụ với cha mình là A-rôn trong chức thầy tế lễ.
Numbers 3:6
Đức Giê-hô-va phán chi tộc nào phải phụ giúp A-rôn trong chức thầy tế lễ?
Chi tộc Lê-vi phải phụ giúp cho A-rôn.
Numbers 3:7
Nhiệm vụ của chi tộc Lê-vi là gì?
Họ phải thi hành các nhiệm vụ thay cho A-rôn và toàn thể dân chúng, coi sóc tất cả các vật dụng và giúp đỡ các chi tộc trong các nghi lễ của Đền Tạm.
Numbers 3:8
Nhiệm vụ của chi tộc Lê-vi là gì?
Họ phải thi hành các nhiệm vụ thay cho A-rôn và toàn thể

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dân chúng, coi sóc tất cả các vật dụng và giúp đỡ các chi tộc trong các nghi lễ của Đền Tạm.
Numbers 3:9
Đức Giê-hô-va ban ai để giúp đỡ A-rôn và các con trai người?
Đức Giê-hô-va ban người Lê-vi cho A-rôn và các con trai người để phục vụ trong chức thầy tế lễ cho dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 3:10
Đức Giê-hô-va ban ai để giúp đỡ A-rôn và các con trai người?
Đức Giê-hô-va ban người Lê-vi cho A-rôn và các con trai người để phục vụ trong chức thầy tế lễ cho dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 3:11
Đức Giê-hô-va biệt riêng những ai cho Ngài?
Đức Giê-hô-va biệt riêng người Lê-vi và tất cả các con đầu lòng trong Y-sơ-ra-ên cả người lẫn súc vật cho Ngài.
Numbers 3:13
Đức Giê-hô-va biệt riêng những ai cho Ngài?
Đức Giê-hô-va biệt riêng người Lê-vi và tất cả các con đầu lòng trong Y-sơ-ra-ên cả người lẫn súc vật cho Ngài.
Đức Chúa Trời đã biệt riêng tất cả các con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên khi nào?
Ngài đã biệt riêng tất cả các con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên vào ngày Ngài đánh phạt tất cả các con đầu lòng trong đất Ai Cập.
Numbers 3:15
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải kiểm kê những ai trong chi tộc Lê-vi?
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải kiểm kê hết thảy những người nam của Lê-vi từ một tháng tuổi trở lên.
Numbers 3:16
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải kiểm kê những ai trong chi tộc Lê-vi?
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải kiểm kê hết thảy những người nam của Lê-vi từ một tháng tuổi trở lên.
Numbers 3:17
Con trai của Lê-vi là những ai?
Các con trai của Lê-vi là Ghẹt-sôn, Kê-hát và Mê-ra-ri.
Numbers 3:23
Các chi tộc của Ghẹt-sôn phải đóng trại ở đâu?
Các chi tộc của Ghẹt-sôn phải đóng trại về hướng tây của Đền Tạm.
Numbers 3:24
Ai phải lãnh đạo các chi tộc của dòng dõi Ghẹt-sôn?
Ê-li-a-sáp, con trai của La-ên phải lãnh đạo các chi tộc của dòng dõi Ghẹt-sôn.
Numbers 3:25
Ai phải coi sóc các tấm màng của Đền Tạm, lều với các tấm phủ, tấm màn nơi cửa vào, các tấm màn của hành lang, tấm màn nơi cửa vào hành lang, hành lang, dây thừng và tất cả mọi vật trong lều hội kiến?
Các chi tộc của Ghẹt-sôn cắm trại ở phía tây của Đền Tạm phải coi sóc các tấm phủ Đền Tạm, màn và dây thừng.
Numbers 3:26
Ai phải coi sóc các tấm màng của Đền Tạm, lều với các tấm phủ, tấm màn nơi cửa vào, các tấm màn của hành lang, tấm màn nơi cửa vào hành lang, hành lang, dây thừng và tất cả mọi vật trong lều hội kiến?
Các chi tộc của Ghẹt-sôn cắm trại ở phía tây của Đền Tạm phải coi sóc các tấm phủ Đền Tạm, màn và dây thừng.
Numbers 3:31
Các chi tộc của Kê-hát cắm trại ở phía nam Đền Tạm phải làm gì?
Họ phải coi sóc nơi thánh, tấm màn và tất cả mọi vật trong nơi thánh.
Numbers 3:32
Ê-lê-a-sa, con trai của thầy tế lễ A-rôn phải giám sát ai?
Ông phải giám sát những người lãnh đạo của người Lê-vi và những người coi sóc nơi thánh.
Numbers 3:35
Ai là người phải lãnh đạo các chi tộc của Mê-ra-ri đang cắm trại ở phía bắc của Đền Tạm?
Xu-ri-ên, con trai của A-bi-hai phải lãnh đạo các chi tộc của Mê-ra-ri.
Numbers 3:36
Các chi tộc của Mê-ra-ri cắm trại ở phía bắc của Đền Tạm phải làm gì?
Họ phải coi sóc các tấm ván của Đền Tạm, cây xà ngang, trụ, đế, những vật dụng và mọi thứ đi kèm.
Numbers 3:37
Các chi tộc của Mê-ra-ri cắm trại ở phía bắc của Đền Tạm phải làm gì?
Họ phải coi sóc các tấm ván của Đền Tạm, cây xà ngang, trụ, đế, những vật dụng và mọi thứ đi kèm.
Numbers 3:38
Môi-se, A-rôn và các con trai đóng trại ở phía đông của Đền Tạm phải làm gì?
Họ phải thực hiện các nhiệm vụ của nơi thánh và các nhiệm vụ của dân Y-sơ-ra-ên.
Bất kì người ngoại nào đến gần nơi thánh thì sẽ thế nào?
Bất kì người ngoại nào đến gần nơi thánh thì sẽ bị xử tử.
Numbers 3:39
Môi-se và A-rôn đã kiểm kê những ai?
Môi-se và A-rôn đã kiểm kê hết thảy những người nam trong chi tộc Lê-vi từ một tháng tuổi trở lên.
Numbers 3:41
Môi-se đem những ai cho Đức Giê-hô-va để thay thế cho con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên và súc vật của họ?
Môi-se lấy người Lê-vi và súc vật của họ thay cho con trai đầu lòng và súc vật của Y-sơ-ra-ên.
Numbers 3:43
Sau đó Môi-se kiểm kê những ai?
Môi-se kiểm kê hết thảy con trai đầu lòng của Y-sơ-ra-ên kể từng tên, từ một tháng tuổi trở lên.
Numbers 3:45
Hết thảy người Lê-vi thuộc về ai?
Người Lê-vi thuộc về Đức Giê-hô-va.
Numbers 3:46
Môi-se thu bao nhiêu siếc-lơ nơi thánh cho một con đầu lòng khi chuộc lại 273 con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên vượt quá số người Lê-vi?
Môi-se thu 5 siếc-lơ cho một con đầu lòng khi chuộc lại 273 con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên vượt quá số người Lê-vi.
Numbers 3:51
Môi-se giao số tiền cho ai để chuộc lại con đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên?
Ông giao số tiền cho A-rôn và các con trai người như Đức Giê-hô-va đã truyền phán.
Môi-se làm bao nhiêu phần những gì Đức Giê-hô-va đã phán dặn?
Môi-se làm mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn.

Chapter 4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Numbers 4:1

Kê-hát

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

ba mươi đến năm mươi tuổi

"30 đến 50 tuổi”

tham gia vào nhóm

Từ “nhóm” chỉ những người còn lại làm việc trong Lều Hội Kiến.

dành riêng cho Ta

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Ta đã đặc biệt chọn ra cho Ta”

Numbers 4:5

Khi trại quân chuẩn bị

Ở đây, “trại quân” chỉ hết thảy những người ở trong trại quân đó. Tham khảo cách dịch: “Khi dân sự chuẩn bị” hoặc

để tiến tới

Câu nầy chỉ việc dân sự đang dời đi đến một địa điểm khác. Tham khảo cách dịch: “để đi đến một địa điểm khác”

dùng nó để phủ Hòm Chứng Ước lại

Từ “nó” chỉ bức màn ngăn cách nơi Chí Thánh và Nơi Thánh.

xỏ đòn khiêng vào

Những cây đòn nầy được xỏ qua những cái khuyên tròn trên Hòm Chứng Ước để có thể dùng các đòn đó mà khiêng Hòm đi. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “xỏ đòn khiêng qua những khuyên tròn ở bên hông Hòm Chứng Ước”

Numbers 4:7

bánh trần thiết

Đây là bánh tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “bánh về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

Trên đó, họ phải đặt

Từ “đó” chỉ tấm vải xanh.

tô và bình rót

Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “tô và bình được dùng để rót lễ quán”

Họ phải phủ chúng

Ở đây, “chúng” chỉ những “đĩa, thìa, tô và bình”

Bánh phải luôn có

Phải luôn luôn có bánh.

vải đỏ sậm

"vải đỏ”

xỏ đòn khiêng

Đòn khiêng được xỏ qua những khuyên tròn ở cạnh bàn. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “xỏ đòn khiêng qua các khuyên tròn trên cạnh bàn”

Numbers 4:9

Họ phải để… vào một tấm phủ bằng da bò biển

"Họ phải phủ… bằng những tấm da bò biển”

họ phải đặt chúng trên cáng khiêng

"họ phải đặt tất cả những vật dụng nầy trên cáng để khiêng chúng đi” (UDB)

xỏ đòn khiêng vào

Đòn khiêng được xỏ qua những khuyên tròn ở các cạnh bên của bàn thờ để có thể khiêng bàn thờ đi. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “xỏ đòn khiêng vào các khuyên tròn trên cạnh bàn thờ”

Numbers 4:12

cáng khiêng

Một cái cáng hình chữ nhật được ghép bằng nhiều cây gỗ lại với nhau, dùng để khiêng đồ.

dùng cho công việc trong nơi thánh

Từ “công việc” là một danh từ trừu tượng có thể được diễn đạt bằng động từ “thờ phượng”. Tham khảo cách dịch: “được dùng khi thờ phượng Đức Giê-hô-va trong nơi thánh”

về công việc của bàn thờ

Từ “công việc” là một danh từ trừu tượng có thể được diễn đạt bằng động từ “phục vụ”. Tham khảo cách dịch: “khi phục vụ tại bàn thờ”.

xỏ đòn khiêng vào

Đòn khiêng được xỏ vào những khuyên tròn trên cạnh bàn thờ để có thể khiêng dùng nó mà khiêng bàn thờ đi. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “xỏ đòn khiêng vào những khuyên tròn trên cạnh bàn thờ”

Numbers 4:15

khiêng nơi thánh

Ở đây, nơi thánh chỉ tất cả mọi vật dụng cấu thành nên nơi thánh mà A-rôn và các con trai của ông đã lấy vải và da phủ lên. Tham khảo cách dịch: “để khiêng mọi vật dụng thuộc về nơi thánh”

khi trại quân tiến về trước

Ở đây, từ “trại quân” chỉ về tất cả dân sự trong trại quân. Tham khảo cách dịch: “khi dân sự di chuyển tiến về trước”

Kê-hát

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

những vật thánh

"vật thánh”

dầu thắp sáng

Ở đây, từ “sáng” được dùng để chỉ “đèn”. Tham khảo cách dịch: “dầu thắp đèn”

việc coi sóc

Ở đây, danh từ trừu tượng “việc coi sóc” có thể được diễn đạt như một động từ. Tham khảo cách dịch: “những người coi sóc”

Numbers 4:17

người Kê-hát

Cụm từ nầy chỉ về con cháu của Kê-hát. Hãy dịch như cách bạn dã làm trong NUM 3:27.

sẽ bị tiêu diệt khỏi người Lê-vi

Cụm từ nầy chỉ về sự cái chết của người Kê-hát. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “làm bất cứ điều gì khiến Ta tiêu diệt họ hoàn toàn khỏi người Lê-vi”

khi làm như vậy

Cụm từ nầy nói đến những điều Đức Giê-hô-va sẽ nói tiếp đó. Môi-se sẽ bảo vệ người Kê-hát bằng cách cho không cho phép họ vào xem nơi thánh.

công việc của người, công việc đặc biệt của người

Về cơ bản, nghĩa của hai cụm từ nầy giống nhau, và được kết hợp với nhau để nhấn mạnh.

Numbers 4:21

các con cháu Ghẹt-sôn

Chỉ những người nam. Tham khảo cách dịch: “các con trai cháu trai của Ghẹt-sôn”

Ghẹt-sôn

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

3:17.
từ ba mươi đến năm mươi tuổi
"từ 30 tuổi đến 50 tuổi"
tham gia vào nhóm phục vụ trong Lều Hội Kiến
Từ “nhóm” ở đây chỉ những người khác cũng làm việc trong Lều Hội Kiến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 4:3.
Numbers 4:24
Đây là công việc của gia tộc… thời gian họ làm và những vật dụng họ phải khiêng
Đây là câu mô tả cho chúng ta biết nội dung câu tiếp theo là gì. Có thể kết thúc câu nầy bằng dấu hai chấm, thay vì dấu chấm, như trong bản dịch UDB.
người Ghẹt-sôn
Chỉ về con cháu của Ghẹt-sôn. Dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong NUM 3:21.
tấm phủ bằng da bò biển ở phía trên đó
Đây là tấm phủ ngoài được đặt trên tấm phủ trong trên nóc Lều Hội Kiến. Tham khảo cách dịch: “tấm phủ ngoài bằng da bò biển được đặt trên đó” hoặc “tấm phủ ngoài làm từ da bò biển”
Tất cả những việc phải làm với những điều nầy
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Bất cứ công việc nào mà những điều nầy yêu cầu”
Numbers 4:27
hướng dẫn
"giám sát"
Đây là công việc của các gia tộc thuộc dòng dõi Ghẹt-sôn trong Lều Hội Kiến
Ở đây, từ “công việc” là danh từ trừu tượng có thể được diễn đạt thành một động từ. Và từ “đây” chỉ những điều Đức Giê-hô-va vừa phán. Tham khảo cách dịch: “Đây là cách mà các gia tộc thuộc dòng dõi Ghẹt-sôn sẽ làm trong Lều Hội Kiến”
Y-tha-ma
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:2.
Numbers 4:29
con cháu Mê-ra-ri
Chỉ những người nam. Tham khảo cách dịch: “những người nam thuộc dòng dõi Mê-ra-ri”
Mê-ra-ri
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.
xếp họ
"ghi họ vào danh sách”
ba mươi tuổi... năm mươi tuổi
"30 tuổi... 50 tuổi"
tham gia vào nhóm người phục vụ trong Lều Hội Kiến
Từ “nhóm” chỉ những người còn lại cùng làm việc trong Lều Hội Kiến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 4:3.
Numbers 4:31
Đây là trách nhiệm của họ
"Đây” tức là những điều Đức Giê-hô-va sẽ phán kế đó.
đế trụ, cọc, dây thừng và mọi vật dụng liên quan đến chúng
Từ “chúng” chỉ những trụ ở trong sân.
các xà ngang, trụ và đế trụ… và dây thừng của chúng
Đây là mọi bộ phận của khung Đền Tạm. Xem cách bạn đã dịch những bộ phận nầy trong NUM 4:31-32.
Hãy liệt kê tên những đồ vật mà họ phải khiêng
"Hãy liệt kê ngay trước tên của từng người những đồ vật mà họ phải khiêng”
Numbers 4:33
dưới sự hướng dẫn của Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn
Từ “sự hướng dẫn” là một danh từ trừu tượng có thể diễn dạt bằng một động từ. Tham khảo cách dịch: “như Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn, hướng dẫn họ”
Y-tha-ma
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:2.
Numbers 4:34
con cháu Kê-hát
Chỉ những người nam. Tham khảo cách dịch: “những người nam là con cháu Kê-hát”
người Kê-hát
Chỉ về con cháu của Kê-hát. Dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong NUM 3:27.
ba mươi tuổi... năm mươi tuổi
"30 tuổi... 50 tuổi"
tất cả những người sẽ gia nhập nhóm những người
Ở đây, từ “sẽ” không có nghĩa là người nam này “chọn” tham gia vào nhóm những người phục vụ trong Lều Hội Kiến, nhưng đúng hơn là họ được “chỉ định” vào nhóm người nầy. Tham khảo cách dịch: “tất cả những người được chỉ định gia nhập vào nhóm những người”
gia nhập nhóm những người sẽ phục vụ trong Lều Hội Kiến
Từ “nhóm” nói đến những người khác cũng làm việc trong Lều Hội Kiến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 4:3.
2.750 người nam
"hai nghìn bảy trăm năm mươi”
Numbers 4:38
Con cháu Ghẹt-sôn
Chỉ những người nam. Tham khảo cách dịch: “Những người nam thuộc dòng dõi Ghẹt-sôn"
Con cháu Ghẹt-sôn được thống kê
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se và A-rôn thống kê các con cháu Ghẹt-sôn"
từ ba mươi đến năm mươi tuổi
"từ 30 đến 50 tuổi"
tất cả những người sẽ tham vào nhóm
Ở đây, từ “sẽ” không có nghĩa là những người nầy tự “chọn” tham gia vào nhóm những người phục vụ trong Lều Hội Kiến, nhưng đúng hơn là họ được “chỉ định” vào nhóm đó. Tham khảo cách dịch: “tất cả những người được chỉ định gia nhập nhóm"
gia nhập nhóm những người sẽ phục vụ trong Lều Hội Kiến
Từ “nhóm” nói đến những người khác nữa cũng làm việc trong Lều Hội Kiến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 4:3.
thống kê theo chi tộc mình
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người Môi-se và A-rôn đã thống kê theo chi tộc mình"
2.630
"2.630 người nam"
Numbers 4:41

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

họ vâng theo
Từ “họ” nói đến Môi-se và A-rôn.
Numbers 4:42
Con cháu Mê-ra-ri được thống kê
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se và A-rôn thống kê số con cháu Mê-ra-ri"
từ ba mươi đến năm mươi tuổi
"từ 30 đến 50 tuổi"
tất cả những người sẽ tham vào nhóm
Ở đây, từ “sẽ” không có nghĩa là những người nầy tự “chọn” tham gia vào nhóm những người phục vụ trong Lều Hội Kiến, nhưng đúng hơn là họ được “chỉ định” vào nhóm đó. Tham khảo cách dịch: “tất cả những người được chỉ định gia nhập nhóm"
gia nhập nhóm những người sẽ phục vụ trong Lều Hội Kiến
Từ “nhóm” nói đến những người khác nữa cũng làm việc trong Lều Hội Kiến.. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 4:3.
thống kê theo chi tộc mình
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người Môi-se và A-rôn đã thống kê theo chi tộc mình"
Numbers 4:45
họ vâng theo
Từ “họ” nói đến Môi-se và A-rôn.
Numbers 4:46
từ ba mươi đến năm mươi
Chỉ những người nam. Tham khảo cách dịch: “những người nam từ ba mươi đến năm mươi"
từ ba mươi đến năm mươi
"từ 30 đến 50"
Numbers 4:49
Theo lệnh của Đức Giê-hô-va
"Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"
cứ thống kê mỗi người theo loại… Ông thống kê mỗi người theo loại
trách nhiệm mà người đó giữ
Cả hai cụm từ nầy có ý nghĩa tương tự nhau và được dùng chung để nhấn mạnh cách thức Môi-se thống kê toàn bộ dân sự.
theo loại công việc mà người đó được chỉ định làm
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “theo loại công việc người đó được giao” hoặc “theo loại công việc mà ông đã phân cho từng người làm”
người đó giữ
"người đó có"
họ vâng theo những điều Đức Giê-hô-va đã lệnh cho mình
Ở đây, hai từ “họ” và “mình” đều chỉ về Môi-se và A-rôn.

Translation Questions

Numbers 4:1
Môi-se và A-rôn phải thực hiện việc gì?
Môi-se và A-rôn phải thực hiện cuộc điều tra dân số các con cháu của Kê-hát trong vòng người Lê-vi là nam từ 30 đến 50 tuổi.
Numbers 4:3
ôi-se và A-rôn phải thực hiện việc gì?
Môi-se và A-rôn phải thực hiện cuộc điều tra dân số các con cháu của Kê-hát trong vòng người Lê-vi là nam từ 30 đến 50 tuổi.
Numbers 4:4
Các con cháu của Kê-hát phải làm gì để phục vụ trong lều hội kiến?
Họ phải coi sóc các vật chí thánh được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va trong lều hội kiến.
Numbers 4:5
A-rôn và các con trai của người phải tháo vật gì xuống khi trại dời đi?
Họ phải vào lều tháo màn ngăn cách nơi chí thánh và nơi thánh, lấy tấm da bò biển và tấm vài xanh phủ lên hòm giao ước rồi xỏ đòn vào khiêng.
Numbers 4:6
A-rôn và các con trai của người phải tháo vật gì xuống khi trại dời đi?
Họ phải vào lều tháo màn ngăn cách nơi chí thánh và nơi thánh, lấy tấm da bò biển và tấm vài xanh phủ lên hòm giao ước rồi xỏ đòn vào khiêng.
Numbers 4:7
A-rôn và các con trai người phải trải tấm vải xanh ở đâu để đặt lên đó đĩa, thìa, chén và bình dùng cho lễ quán?
Họ phải trải tấm vải xanh trên bàn bánh cung hiến rồi đặt lên đó đĩa, thìa, chén và bình dùng cho lễ quán.
Phải luôn luôn có gì trên bàn?
Phải luôn luôn có bánh trên bàn bánh cung hiến.
Numbers 4:9
Chân đèn và hết thảy phụ kiện của nó phải được chuẩn bị như thế nào để dời đi?
Họ phải lấy tấm vải xanh phủ lên trên chân đèn và hết thảy phụ kiện của nó rồi dùng da bò biển bọc lại, đặt lên cáng để khiêng đi.
Numbers 4:10
Chân đèn và hết thảy phụ kiện của nó phải được chuẩn bị như thế nào để dời đi?
Họ phải lấy tấm vải xanh phủ lên trên chân đèn và hết thảy phụ kiện của nó rồi dùng da bò biển bọc lại, đặt lên cáng để khiêng đi.
Numbers 4:11
Sau đó họ phải lấy gì để phủ bàn bánh cung hiến và phải xỏ gì vào để khiêng đi?
Họ phải lấy tấm vải đỏ và tấm da bò biển phủ bàn bánh cung hiến rồi xỏ đòn khiêng vào.
Bàn thờ vàng và các vật dụng của nó phải được chuẩn bị thế nào để mang đi?
Bàn thờ vàng và hết thảy vật dụng của nó phải được bọc trong tấm vải xanh, bên ngoài phủ tấm da bò biển sau đó xỏ đòn khiêng vào.
Numbers 4:12
Hết thảy vật dụng dùng cho nơi thánh phải được chuẩn bị thế nào?
Hết thảy vật dụng dùng cho nơi thánh phải được bọc trong tấm vải xanh, bên ngoài phủ tấm da bò biển rồi đặt lên cáng để khiêng.
Numbers 4:13
Họ lấy gì khỏi bàn thờ và phải trải gì trên bàn thờ?
Họ lấy tro của bàn thờ ra và trải tấm vải tím lên trên.
Numbers 4:14
Hết thảy các vật dụng của bàn thờ phải được đặt ở đâu?
Hết thảy các vật dụng của bàn thờ phải được đặt trên cáng để khiêng.
Bàn thờ phải được phủ bằng gì trước khi xỏ đòn khiêng vào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bàn thờ phải được phủ bằng tấm da bò biển trước khi xỏ đòn khiêng vào.
Numbers 4:15
Ai là những người đến khiêng nơi thánh sau khi A-rôn và các con trai người đã phủ nơi thánh và hết thảy vật dụng của nơi thánh để sẵn sàng dời trại?
Các con cháu của Kê-hát là những người đến để khiêng nơi thánh sau khi A-rôn và các con trai người đã phủ nơi thánh và hết thảy vật dụng của nơi thánh để sẵn sàng dời trại.
Numbers 4:16
Ê-lê-a-sa, con trai A-rôn phải coi sóc và giám sát việc gì?
Ông phải coi sóc về dầu và đèn cũng như giám sát việc coi sóc hương liệu, tế lễ chay hằng hiến, dầu xức, Đền Tạm và tất cả các vật dụng trong đó.
Numbers 4:18
Các chi tộc Kê-hát không thể bị xóa bỏ khỏi những ai để họ được sống, không phải chết?
Các chi tộc Kê-hát không thể bị xóa bỏ khỏi người Lê-vi để họ được sống, không phải chết.
Numbers 4:19
Các chi tộc Kê-hát không thể bị xóa bỏ khỏi những ai để họ được sống, không phải chết?
Các chi tộc Kê-hát không thể bị xóa bỏ khỏi người Lê-vi để họ được sống, không phải chết.
Numbers 4:20
Đức Giê-hô-va cảnh báo Môi-se và A-rôn rằng các chi tộc Kê-hát không được vào nhìn xem điều gì nếu không họ sẽ chết?
Các chi tộc Kê-hát không được vào nhìn xem nơi thánh nếu không họ sẽ chết.
Chỉ ai được phép đi vào nơi thánh?
Chỉ có A-rôn và các con trai người được phép đi vào nơi thánh.
Numbers 4:22
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm gì về việc kiểm kê những người phục vụ trong lều hội kiến thuộc các chi tộc Ghẹt-sôn?
Môi-se phải thực hiện cuộc điều tra dân số kiểm kê những người từ ba mươi đến năm mươi tuổi.
Numbers 4:23
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm gì về việc kiểm kê những người phục vụ trong lều hội kiến thuộc các chi tộc Ghẹt-sôn?
Môi-se phải thực hiện cuộc điều tra dân số kiểm kê những người từ ba mươi đến năm mươi tuổi.
Numbers 4:24
Công việc của người Ghẹt-sôn là gì?
Công việc của người Ghẹt-sôn là mang tất cả những tấm màn, tấm phủ của Đền Tạm và lều hội kiến, tấm phủ da bò biển cùng các màn của hành lang, cửa vào hành lang, những dây thừng và tất cả các vật dụng liên quan đến việc phục vụ.
Numbers 4:26
Công việc của người Ghẹt-sôn là gì?
Công việc của người Ghẹt-sôn là mang tất cả những tấm màn, tấm phủ của Đền Tạm và lều hội kiến, tấm phủ da bò biển cùng các màn của hành lang, cửa vào hành lang, những dây thừng và tất cả các vật dụng liên quan đến việc phục vụ.
Numbers 4:27
Ai là người phải chỉ dẫn tất cả việc phục vụ của người Ghẹt-sôn do thầy tế lễ Y-tha-ma đứng đầu?
A-rôn và các con trai người phải chỉ dẫn tất cả việc phục vụ của con cháu Ghẹt-sôn.
Numbers 4:28
Ai là người phải chỉ dẫn tất cả việc phục vụ của người Ghẹt-sôn do thầy tế lễ Y-tha-ma đứng đầu?
A-rôn và các con trai người phải chỉ dẫn tất cả việc phục vụ của con cháu Ghẹt-sôn.
Numbers 4:31
Chi tộc Mê-ra-ri phải làm gì trong công việc phục vụ cho lều hội kiến?
Họ phải coi sóc khung Đền Tạm cùng với các trụ, các vật dụng, dây thừng và lập một danh sách những vật họ phải khiêng đi.
Numbers 4:32
Chi tộc Mê-ra-ri phải làm gì trong công việc phục vụ cho lều hội kiến?
Họ phải coi sóc khung Đền Tạm cùng với các trụ, các vật dụng, dây thừng và lập một danh sách những vật họ phải khiêng đi.
Numbers 4:34
Môi-se, A-rôn và những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đã vâng lời Đức Giê-hô-va làm việc gì?
Họ kiểm kê hết thảy người nam của Kê-hát từ ba mươi đến năm mươi tuổi tùy theo loại công việc người đó được giao cho trong Đền Tạm, họ kiểm kê những người có thể khiêng và coi sóc các vật trong lều hội kiến.
Numbers 4:35
Môi-se, A-rôn và những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đã vâng lời Đức Giê-hô-va làm việc gì?
Họ kiểm kê hết thảy người nam của Kê-hát từ ba mươi đến năm mươi tuổi tùy theo loại công việc người đó được giao cho trong Đền Tạm, họ kiểm kê những người có thể khiêng và coi sóc các vật trong lều hội kiến.
Numbers 4:41
Còn có những ai được kiểm kê theo các chi tộc của mình từ 30-50 tuổi?
Các con cháu của Ghẹt-sôn cũng được kiểm kê theo các chi tộc mình.
Numbers 4:42
Môi-se và A-rôn còn kiểm kê những ai theo chi tộc từ 30-50 tuổi?
Các con cháu Mê-ra-ri cũng được kiểm kê theo chi tộc mình.
Numbers 4:44
Môi-se và A-rôn còn kiểm kê những ai theo chi tộc từ 30-50 tuổi?
Các con cháu Mê-ra-ri cũng được kiểm kê theo chi tộc mình.
Numbers 4:47
Khi Môi-se kiểm kê người Lê-vi theo chi tộc từ 30-50 tuổi thì ông kiểm kê theo điều gì?
Môi-se kiểm kê từng người có thể phục vụ trong Đền Tạm, có thể khiêng và coi sóc các vật trong lều hội kiến.

Chapter 5
Numbers 5:1
bệnh da liễu truyền nhiễm
Chỉ về bệnh phung, loại bệnh gây ảnh hưởng đến da và dễ lây cho người khác.
vết lở loét rỉ mủ
Chỉ vết thương hở khiến dịch chảy ra.
người nào bị ô uế vì đụng vào xác chết
Nếu một người đụng vào xác chết thì họ sẽ bị xem là ô uế.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một người không được Đức Chúa Trời chấp nhận cho những mục đích của Ngài được nói như thế họ thân thể họ không sạch.

Các con phải đuổi

Ở đây, “các con” ở dạng số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Dân Y-sơ-ra-ên làm theo y như vậy

Câu nầy có nghĩa là họ đã đuổi những người bị ô uế đi. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên đuổi những người ô uế ra khỏi trại quân”

Numbers 5:5

bất cứ tội gì như người ta làm với nhau

"bất cứ tội gì mà người ta thường phạm với nhau”

và bất trung với ta

Nếu ai đó phạm tội với người khác, điều nầy có nghĩa là họ cũng phạm tội với Đức Giê-hô-va và Đức Giê-hô-va xem người đó là bất trung với Ngài. Tham khảo cách dịch: “chúng cũng phạm tội với ta”

giá cho tội của mình

Ở đây, “tội” của người nầy chỉ “lỗi lầm” của người đó. Tham khảo cách dịch: “những thứ được xem như một món tiền phù hợp với những điều sai trái mà mình đã làm”

trả thêm một phần năm nữa

Câu nầy có nghĩa là người đó phải trả thêm một phần năm trong tổng giá mà người đó nợ.

một phần năm

Đây là một phần trong số năm phần bằng nhau.

Numbers 5:8

Nhưng nếu người bị thiệt hại không có bà con ruột thịt nào để lãnh khoản bồi thường

Thường thì người bị thiệt hại sẽ nhận khoản bồi thường, nhưng nếu người đó chẳng may qua đời thì khoản bồi thường sẽ chuyển cho người bà con thân thuộc nhất của người đó. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Nhưng nếu người bị thiệt hại đã qua đời mà không có bà con thân thuộc nào nhận khoản bồi thường”

nếu người bị thiệt hại

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu người bị người có lỗi làm thiệt hại”

người đó phải trả khoản bồi thường đó cho Ta qua thầy tế lễ

Nếu một người trả cho thầy tế lễ khoản bồi thường cho lỗi của mình thì cũng giống như người đó đã trả khoản bồi thường đó cho Đức Giê-hô-va.

để chuộc tội cho mình

Của lễ chuộc tội được làm ra vì tội lỗi của người đó. Ở đây, Đức Giê-hô-va chỉ tội lỗi của người đó như “chính người đó”. Tham khảo cách dịch: “để chuộc tội mình”

những vật được biệt riêng bởi dân Y-sơ-ra-ên để đem đến cho thầy tế lễ

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những vật mà dân Y-sơ-ra-ên biệt riêng ra để đem đến cho thầy tế lễ”

Những vật thánh mà mỗi người dâng hiến sẽ thuộc về thầy tế lễ; nếu ai dâng vật gì cho thầy tễ lễ thì vật ấy sẽ thuộc về người

Về cơ bản thì cả hai cụm từ nầy có nghĩa giống nhau và có thể được gộp lại để cho thấy của lễ mà dân sự dâng sẽ thuộc về thầy tế lễ mà họ đã dâng cho.

Numbers 5:11

Nếu vợ của người nào bỏ đi và phạm tội cùng chồng mình

Đây là điều có thể sẽ xảy ra. Đức Giê-hô-va đang cho Môi-se biết phải làm gì nếu điều nầy xảy ra.

vợ của người nào bỏ đi

Câu nầy có nghĩa là nàng rời bỏ chồng và không chung thủy với chồng. Tham khảo cách dịch: “vợ của người nào không chung thủy” "

phạm tội cùng chồng mình

Câu nầy có nghĩa là nàng đã phản bội chồng mình và phạm tội với người khi ăn nằm với một người đàn ông khác. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “phạm tội nghịch cùng chồng mình khi ăn nằm với một người đàn ông khác”

Numbers 5:13

Và nếu có một người nam khác ăn nằm với nàng

"và một người nam khác ăn nằm với nàng”. Câu nầy có thể được viết lại thành một phần của câu trước. Câu nầy giải thích nàng đã phạm tội cùng chồng mình ra sao. Đây là gải định chuyện có thể xảy ra. Đức Giê-hô-va đang căn dặn Môi-se phải làm gì nếu chuyện nầy thực sự xảy ra.

nàng bị thất tiết... vợ mình thật sự bị thất tiết... vợ người không bị thất tiết

Những cụm từ nầy có thể được diễn đạt sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nàng đã tự mình làm mất trinh tiết.... vợ mình thật sự đã làm mất trinh tiết... vợ người không hề làm mất trinh tiết”

đang phạm tội

Cụm từ nầy chỉ hành động phạm tội ngoại tình. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “đang phạm tội ngoại tình” hoặc “đang ngủ với người”

tính ghen tuông vẫn nói với người

Ở đây, từ “tính” chỉ về thái độ vả cảm xúc của một người. Tính “ghen tuông” của người chồng được nói đến như một con người thực thụ có thể nói chuyện với người chồng được. Tham khảo cách dịch: “người chồng có thể cảm thấy ghen tuông và trở nên nghi ngờ”.

người chồng nổi tính ghen

Ở đây, từ “tính” chỉ về thái độ vả cảm xúc của một người. Ý nghía của việc tính ghen tuông “nổi” lên có nghĩa là người chồng bắt đầu có những cảm xúc ghen tuông. Tham khảo cách dịch: “người nam có thể đâm ra nghi ngờ vô cớ”

Numbers 5:15

một phần mười

Đây là một trong số mười phần bằng nhau.

một phần mười ê-pha

Có thể viết lại bằng đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “một phần mười ê-pha

của lễ chay về sự ghen tuông

"của lễ chay cho sự ghen tuông”

vật chỉ về tội lỗi

“vật chỉ về” là một vật đưa ra bằng chứng về một điều gì đó. Trong trường hợp nầy, người nầy dâng một của lễ để xác định xem liệu vợ mình có phạm tội ngoại tình hay không.

Numbers 5:16

gần và để nàng trước Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”. Thầy tế lễ sẽ đem nàng đến gần bàn thờ. Tham khảo cách dịch: “gần bàn thờ và để nàng trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

Numbers 5:18

trước Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”
của lễ chay về sự nghi ngờ
Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong NUM 5:15.
nếu con đi lầm đường
Từ “đi lầm đường” là một thành ngữ mang nghĩa “không chung thủy”. Tham khảo cách dịch: “nếu con đã không chung thủy với chồng mình”
mà phạm tội bất khiết
"khi làm điều bất khiết”. Cụm từ nầy chỉ về “phạm tội ngoại tình”
con sẽ thoát khỏi nước đắng nầy
Cụm từ “thoát” khỏi một điều gì đó có nghĩa là sẽ không bị điều đó làm cho tổn hại nữa. Tham khảo cách dịch: “mặc dầu có thể nhưng nước đắng nầy sẽ không làm tổn hại con”
nước đắng đem đến sự rủa sả nầy
Ở đây, nước đắng được mô tả như thể có thể đem sự rủa sả đến. Điều nầy có nghĩa là khi người nữ nầy uống nước đó, nó sẽ khiến nàng không thể sinh con nếu như nàng thực sự có tội. Tham khảo cách dịch: “nước đắng nầy có thể sẽ là sự rủa sả cho con”
Numbers 5:20
dưới chồng mình
Cụm từ nầy có nghĩa là nàng đang ở dưới quyền của chồng mình. Tham khảo cách dịch: “dưới quyền của chồng mình”
đã đi lầm đường
Cụm từ “đi lầm đường” là một thành ngữ mang nghĩa “không chung thủy”. Tham khảo cách dịch: “đã không chung thủy với chồng mình”
con bị ô uế
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con đã tự làm ô uế mình”
có thể đem sự rủa rả xuống trên nàng
Cụm từ “có thể đem sự rủa sả xuống trên nàng” là một thành ngữ có nghĩa là sự rủa sả giáng trên nàng. Tham khảo cách dịch: “có thể khiến sự rủa sả giáng trên nàng”
Đức Giê-hô-va sẽ khiến con trở nên sự rủa sả... cho dân sự con như vậy
Ở đây, tác giả đang nói về người nữ chịu sự rủa sả mà Đức Giê-hô-va giáng trên người, là điều khiến những người khác cũng sẽ rủa sả nàng nữa. Câu nầy nói như thể chính bản thân người nữ đó là một sự rủa sả vậy. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì Đức Giê-hô-va rủa sả con, nên những người khác cũng sẽ rủa sả con vậy, và Đức Giê-hô-va sẽ cho dân sự thấy rằng con thật sự bị rủa sả”
sẽ được tỏ ra cho dân sự con như vậy
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Ngài sẽ tỏ cho dân sự con thât như một sự rủa sả”
đùi người sẽ ốm tong teo và bụng con sẽ phình ra
Ý nghĩa khả thi: 1) rằng người nữ đó sẽ không thể có con được hoặc 2) rằng người nữ sẽ sinh non và đứa bé sẽ chết.
bắp đùi con sẽ ốm tong teo
Ở đây, từ “bắp đùi” là một cách nói lịch sự để chỉ phần tử cung hoặc bộ phận kín đáo của người nữ đó. Tham khảo cách dịch: “tử cung con sẽ trở nên vô dụng”
Numbers 5:23
người phải rửa sạch các lời trù ẻo đó đi
Câu nầy có nghĩa là ông sẽ rửa sạch vết mực ghi lời rủa sả ra khỏi cuộn giấy.
các lời trù ẻo
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các lời rủa sả mà mình đã viết”
Numbers 5:24
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, thứ tự của các sự kiện có phần hơi khó hiểu, chúng được viết theo cách nầy để nhấn mạnh làm thế nào mà nước đắng lại đem đến sự rủa sả. Có vẻ như người nữ nầy uống nước đắng, thầy tế lễ dâng của lễ thiêu, và rồi người nữ lại uống nước đắng. Nhưng thực chất nàng chỉ uống nước đắng một lần, như trong bản dịch UDB có làm rõ.
Thầy tế lễ sẽ bắt người nữ uống nước... sự rủa sả sẽ vào nàng và trở nên đắng hơn
Nếu sắp xếp lại thứ tự các thông tin trong những câu nầy bằng cách đặt câu 24, là câu đưa thông tin về việc người nữ uống nước đắng, sau câu 26 thì có lẽ có giúp ích hơn. Bản UDB cũng dịch những câu nầy theo cách tương tự.
của lễ chay kỉ niệm
Một nhúm của lễ chay đại diện cho toàn bộ số của lễ chay. Điều nầy có nghĩa là toàn bộ số của lễ chay đều thuộc về Đức Giê-hô-va.
của lễ chay cho sự ghen tuông
"của lễ chay về sự ghen tuông". Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 5:15.
Numbers 5:27
nếu nàng bị ô uế vì nàng đã phạm
Câu nầy có thể được viết ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu nàng đã tự làm ô uế mình khi phạm”
đã phạm tội
Ở đây, từ “tôi” chính xác là chỉ về việc phạm tội ngoại tình. Có thể làm rõ ý nghĩa của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “phạm tội ngoại tình”
Bụng nàng sẽ phình lên và bắp đùi sẽ gầy ốm đi
Ý nghĩa khả thi: 1) rằng người nữ sẽ không thể có con được hoặc 2) rằng người nữ sẽ sinh non và đứa bé sẽ chết. Ở đây, từ “bắp đùi” là một cách nói lịch sự để chỉ về tử cung hoặc bộ phận kín đáo của nàng. . Xem cách bạn đã dịch những định nghĩa nầy trong NUM 5:21.
Người nữ sẽ bị rủa sả trong vòng dân sự mình
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Dân sự nàng sẽ rủa sả nàng”
không bị ô uế
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “không tự làm ô ueeus mình”
nếu nàng trong sạch
Ở đây, “vô tội” được nói như “trong sạch”.
thì nàng sẽ thoát được
Ý nghĩa khả thi: 1) “thì nàng sẽ không bị rủa sả” hoặc 2) “thì nàng sẽ không bị buộc tội”
có con
"mang thai”
Numbers 5:29
luật ghen tuông
"luật giải quyết sự ghen tuông”
lầm lạc khỏi chồng mình
Cụm từ “lầm lạc’ là một thành ngữ có nghĩa là “không chung thủy”. Tham khảo cách dịch: “phản bội chồng mình”
và bị thất tiết
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và tự làm ô uế mình”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tính ghen tuông
Cụm từ nầy chỉ về thái độ và cảm xúc ghen tuông của người chồng. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 5:14]
khi người nghi ngờ vợ mình
Đây là thành ngữ có nghĩa là người chồng nghi ngờ vợ đã phản bội mình khi ăn nằm với một người đàn ông khác. Tham khảo cách dịch: “và nghi ngờ rằng vợ đã phản bội mình” hoặc “và nghi ngờ rằng vợ đã ăn nằm với một người đàn ông khác”
trước mặt Đức Giê-hô-va
"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"
Numbers 5:31
sẽ thoát tội vì dẫn vợ mình đến trước thầy tế lễ
"sẽ không có lỗi gì trong việc dẫn vợ mình đến trước thầy tế lễ”
phải chịu
"phải chịu đựng”

Translation Questions

Numbers 5:2
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se đuổi cả nam lẫn nữ bị vấn đề gì ra khỏi trại?
Đức Giê-hô-va truyền phán rằng Môi-se phải đuổi tất cả những người bị bệnh nhiễm trùng da hay lở loét và tất cả những người nào bị ô uế vì đụng vào xác chết.
Numbers 5:3
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se đuổi cả nam lẫn nữ bị vấn đề gì ra khỏi trại?
Đức Giê-hô-va truyền phán rằng Môi-se phải đuổi tất cả những người bị bệnh nhiễm trùng da hay lở loét và tất cả những người nào bị ô uế vì đụng vào xác chết.
Numbers 5:7
Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng những người nào mắc tội với người khác thì phải làm gì?
Mỗi người mắc tội với người khác phải xưng tội mình ra, phải đền bù cho người mình đã mắc tội và trả thêm một phần năm nữa.
Numbers 5:8
Vật bồi thường là gì và người ấy phải làm gì nếu người bị thiệt hại không có người bà con nào để lãnh số bồi thường đó?
Người ấy phải trình giá đó với một con chiên đực cho thầy tế lễ và chúng sẽ thuộc về thầy tế lễ.
Numbers 5:10
Vật bồi thường là gì và người ấy phải làm gì nếu người bị thiệt hại không có người bà con nào để lãnh số bồi thường đó?
Người ấy phải trình giá đó với một con chiên đực cho thầy tế lễ và chúng sẽ thuộc về thầy tế lễ.
Numbers 5:15
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải làm gì với người vợ bị chồng cho là đã phạm tội với mình?
Người đàn phải ông dẫn vợ mình đến gặp thầy tế lễ, đem theo của lễ quán cho nàng và bột lúa mạch làm của lễ chay chỉ về tội lỗi.
Numbers 5:16
Thầy tế lễ làm gì trước tiên?
Ông phải đưa người phụ nữ đến trước mặt Đức Giê-hô-va rồi lấy một bình nước thánh, hòa bụi dưới nền nhà vào nước.
Numbers 5:17
Thầy tế lễ làm gì trước tiên?
Ông phải đưa người phụ nữ đến trước mặt Đức Giê-hô-va rồi lấy một bình nước thánh, hòa bụi dưới nền nhà vào nước.
Numbers 5:18
Kế đó thầy tế lễ làm gì?
Thầy tế lễ mở khăng trùm đầu và xõa tóc nàng xuống, đặt tế lễ chay về sự ghen tuông trên tay nàng. Thầy tế lễ cầm nước đắng bắt nàng phải thề rằng nàng sẽ bị nguyền rủa nếu nàng đã không chung thủy.
Numbers 5:19
Kế đó thầy tế lễ làm gì?
Thầy tế lễ mở khăng trùm đầu và xõa tóc nàng xuống, đặt tế lễ chay về sự ghen tuông trên tay nàng. Thầy tế lễ cầm nước đắng bắt nàng phải thề rằng nàng sẽ bị nguyền rủa nếu nàng đã không chung thủy.
Numbers 5:22
Sự nguyền rủa sẽ gây ra điều gì nếu người phụ nữ đã phạm tội?
Sự nguyền rủa sẽ khiến cho đùi nàng rữa nát và bụng nàng phình lên.
Numbers 5:24
Thầy tế lễ phải làm gì với nước đắng mang sự rủa sả đó?
Thầy tế lễ phải bắt người phụ nữ uống nước đắng đó.
Numbers 5:25
Thầy tế lễ đã làm gì với của lễ chay?
Thầy tế lễ sẽ lấy tế lễ chay nơi tay nàng đưa lên cho Đức Giê-hô-va, dâng một phần cho Đức Giê-hô-va và thiêu nó trên bàn thờ.
Numbers 5:26
Thầy tế lễ đã làm gì với của lễ chay?
Thầy tế lễ sẽ lấy tế lễ chay nơi tay nàng đưa lên cho Đức Giê-hô-va, dâng một phần cho Đức Giê-hô-va và thiêu nó trên bàn thờ.
Thầy tế lễ đã làm gì với nước đắng?
Ông trao nước đắng cho người phụ nữ uống.
Numbers 5:27
Điều gì xảy ra cho người nữ nếu nàng đã phạm tội với chồng mình?
Bụng người nữ phình lên, đùi nàng rữa nát và nàng bị rủa sả trong dân chúng.
Numbers 5:28
Còn nếu nàng không bị thất tiết thì sẽ thế nào?
Nàng được tự do và có thể sinh con.
Numbers 5:29
Luật về sự ghen tuông này là gì?
Là luật cho người phụ nữ lỗi đạo và thất tiết. Đây cũng là luật cho người đàn ông khi nổi ghen với vợ mình.
Numbers 5:30
Luật về sự ghen tuông này là gì?
Là luật cho người phụ nữ lỗi đạo và thất tiết. Đây cũng là luật cho người đàn ông khi nổi ghen với vợ mình.

Chapter 6

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Numbers 6:1

tự biệt riêng mình... người biệt riêng

"tự biệt riêng mình cho ai đó" có nghĩa là "dâng mình" cho người đó. Tham khảo cách dịch: "dâng chính mình... người đó tự dâng mình"

người ấy phải kiêng

Cách nói nầy có nghĩa là người ấy không được ăn hoặc uống những đồ đó. Tham khảo cách dịch: "người ấy không được dùng"

giấm được làm từ rượu

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "giấm mà người ta làm từ rượu"

giấm

loại đồ uống được tạo ra khi rượu và một thức uống loại mạnh khác được lên men trong một thời gian dài và trở nên có vị chua

hoặc rượu mạnh

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: "hoặc giấm làm từ rượu mạnh"

nho khô

"nho khô"

người ấy được biệt riêng cho Ta

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ấy biệt mình riêng cho ta"

bất cứ món gì làm từ nho

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bất cứ món nào mà người ta làm từ nho"

cả hột lẫn vỏ

Hai bộ phần này được đưa ra để nhấn mạnh rằng toàn bộ những phần của trái nho đều không được ăn. Tham khảo cách dịch: "bất cứ phần nào của trái nho"

Numbers 6:5

hứa nguyện biệt riêng

Đây là cách diễn đạt trong đó từ "biệt riêng" có nghĩa là "dâng mình". Tham khảo cách dịch: "hứa nguyện dâng mình.

dao cạo không được đụng đến đầu người

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "không ai được dùng dao cạo cho đầu người"

kỳ mà sự biệt riêng mình cho Đức Giê-hô-va

Cụm từ "sự biệt riêng" là danh từ trừu tượng, bạn có thể chuyển nó thành động từ. Ở đây, "sự biệt riêng" là một cách nói mang nghĩa "sự dâng mình". Tham khảo cách dịch: "kỳ người biệt riêng mình cho Đức Giê-hô-va" hoặc "kỳ người dâng mình cho Đức Giê-hô-va"

cho Đức Giê-hô-va được hoàn tất

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "cho Đức Giê-hô-va hoàn tất"

Người ấy phải được biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người ấy phải biệt mình riêng ra cho Đức Giê-hô-va"

Numbers 6:6

biệt riêng... biệt riêng.... sự biệt riêng

Ở đây, "biệt riêng" có nghĩa là 'dâng mình". Tham khảo cách dịch: "dâng mình... dâng mình... sự dâng mình"

ô uế

Một người không được chấp nhận cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như một người có thân thể bị ô uế hoặc không sạch.

người được biệt riêng

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã biệt mình riêng"

sự biệt riêng mình của người

Danh từ ""sự biệt riêng" có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "mà người biệt riêng mình"

được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã biệt mình riêng ra cho Đức Giê-hô-va" hoặc "đã biệt riêng cho Đức Giê-hô-va"

Numbers 6:9

làm ô uế đầu của người đã biệt riêng ra thánh

Từ "đầu" ở đây tượng trưng cho tóc của người nam Na-xi-rê, đại diện cho lời thề nguyện của người. Tham khảo cách dịch: "làm ô uế mái tóc dài của người, là điều bày tỏ cho mọi người biết người đã được biệt riêng cho Đức Chúa Trời" hoặc "người bị ô uế"

trong ngày thuộc về sự thanh tẩy của người ấy

Danh từ trừu tượng "sự thanh tẩy" có thể được chuyển sang danh từ gốc động từ. Tham khảo cách dịch: "trong ngày người làm cho mình trở nên đẹp lòng Đức Chúa Trời"

ngày thứ bảy

"ngày thứ 7"

Numbers 6:10

ngày thứ tám

"ngày thứ 8"

Numbers 6:12

trong những ngày dâng mình cho Chúa của người

"trong thời gian người ấy lại được biệt riêng ra thánh"

Người ấy phải đem một con chiên đực... như một của lễ chuộc tội

Người nam nầy sẽ mang một con chiên đực đến cho thầy tế lễ để làm của lễ dâng. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: "Người ấy phải đem một con chiên đực một tuổi đến cho thầy tế lễ như một của lễ chuộc tội"

Các ngày trước lúc người bị ô uế thì không được tính

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người không được tính những ngày trước lúc người tự làm ô uế mình"

sự dâng mình của người đã bị ô uế

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã tự làm ô uế" hoặc "người đã khiến mình trở nên không đẹp lòng Đức Chúa Trời"

Numbers 6:13

về sự biệt riêng của người

Ở đây, "sự biệt riêng" có nghĩa là "sự dâng mình." Danh từ nầy cũng có thể được chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "về sự dâng mình của người" hoặc "mà người dâng mình"

Người phải bị đưa đến

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người ta phải đem người ấy" hoặc "Người phải đi đến"

Người ấy phải dâng của lễ mình cho Đức Giê-hô-va

Người ấy phải đem của lễ của mình đến cho thầy tế lễ để được dâng lên cho Đức Giê-hô-va. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: "Người ấy phải dâng của lễ mình lên cho Đức Giê-hô-va bằng cách đem của lễ đó đến cho thầy tế lễ để dâng" hoặc "Người ấy phải dâng của lễ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mình lên cho Đức Giê-hô-va bằng cách đem của lễ đến cùng thầy tế lễ là người sẽ dâng chúng”

bánh không men

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bánh mà người không hề dùng men để làm”

bột lọc trộn dầu

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu”

bánh xốp không men thoa dầu

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bánh xốp không men mà người đã thoa với dầu”

bánh xốp không men

Những lát bánh nhỏ dẹp

cùng với đó là của lễ chay và lễ quán

Từ “đó” chỉ những của lễ khác mà người Na-xi-rê được lệnh phải đem tới. Thường thì, của lễ chay và lễ quán phải kèm theo những của lễ hy sinh khác. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “cùng với của lễ chay và lễ quán mà Đức Giê-hô-va yêu cầu phải kèm theo những của lễ khác”

Numbers 6:16

Thầy tế lễ phải dâng của lễ chuộc tội của người

“người” ở đây nói đến người nam Na-xi-rê lập lời thề nguyện.

của lễ bình an

"như một của lễ bình an”

Thầy tế lễ cũng phải dâng… lễ quán

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ cũng phải dâng… lễ quán cho Đức Giê-hô-va” s

Numbers 6:18

chỉ về sự biệt riêng của mình

Ở đây, “sự biệt riêng” có nghĩa là “sự dâng mình". Danh từ trừu tượng nầy cũng có thể được viết lại ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: “ Danh từ trừu tượng nầy cũng có thể được viết lại ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: “chỉ về sự dâng mình của người” hoặc “cho biết người đã biệt mình riêng ra thể nào”

Numbers 6:19

thịt vai luộc của chiên đực

Câu nầy có nghĩa là người đã luộc phần thịt vai của con chiên đực. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “phần thịt vai của chiên đực mà người đã luộc chín”

chỉ về sự biệt riêng

Ở đây, “sự biệt riêng” có nghĩa là “sự dâng mình”. Danh từ trừu tượng nầy cũng có thể được viết thành động từ. Tham khảo cách dịch: “chỉ về sự dâng mình” hoặc “cho thấy người đã dâng mình cho Đức Giê-hô-va”

Thầy tế lễ phải đưa chúng qua lại

Sau khi đã trao những món đó cho người Na-xi-rê rồi, thầy tế lễ sẽ lấy chúng lại để dâng lên cho Đức Giê-hô-va. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Kế đó, thầy tế lễ phải lấy những vật đó lại và đưa chúng qua lại”

cùng với

"cũng như”

được đưa qua đưa lại

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà thầy tế lễ đã đưa qua đưa lại”

đã được dâng

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà người đã dâng”

Numbers 6:21

sự biệt riêng của mình

Ở đây, “sự biệt riêng” có nghĩa là “sự dâng mình". Danh từ trừu tượng nầy cũng có thể được viết lại ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: “sự dâng mình của người” hoặc “về việc dâng mình cho Đức Giê-hô-va”

Còn những của lễ khác mà người có thể dâng

Cụm từ nầy chỉ về việc người Na-xi-rê quyết định dâng những lễ khác ngoài những của lễ mà mình được lệnh phải dâng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Nếu người quyết định dâng thêm của lễ nào khác”

người phải làm trọn những bổn phận trong lời hứa nguyện mà mình đã lập

"người vẫn phải tuân theo những luật lệ trong lời hứa nguyện mà mình đã lập”

người phải làm trọn những bổn phận… để giữ lời hứa nguyện được quy định trong luật dành cho người Na-xi-rê

Về cơ bản, cả hai cụm từ nầy có nghĩa như nhau và được dùng chung để nhấn mạnh rằng người phải giữ những bổn phận trong lời hứa nguyện của mình.

lời hứa nguyện được quy định trong luật dành cho người Na-xi-rê

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “lời hứa nguyện mà luật dành cho người Na-xi-rê nói đến”

Numbers 6:22

Các con phải chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên

“các con” ở dạng số nhiều

Cầu xin Đức Giê-hô-va ban phước cho con và gìn giữ con

Ở đây, “con” ở số ít

gìn giữ

Đây là cách diễn đạt, trong đó “gìn giữ” có nghĩa là “bảo vệ”.

Numbers 6:25

chiến sáng mặt Ngài trên con

Đây là cách diễn đạt với ý nghĩa có ý định tốt đối với một người nào đó. Hành động nầy cũng có thể được diễn đạt qua nụ cười. Tham khảo cách dịch: “mỉm cười với con”

nhìn con đầy thương xót

Ở đây, cụm từ “nhìn” có nghĩa là bày tỏ một thái độ gì đó với người kia. Tham khảo cách dịch: “làm ơn cho con”

Nguyện Đức Giê-hô-va chiếu sáng mặt Ngài trên con… và ban bình an cho con

Ở đây, “con” ở số ít

Họ phải trao danh Ta

Ở đây, Đức Giê-hô-va tuyên tố dân Y-sơ-ra-ên là dân thuộc về Ngài bằng cách nói rằng Ngài đang trao cho họ “danh Ngài”. Tham khảo cách dịch: “họ phải khiến dân Y-sơ-ra-ên biết rằng chúng nó thuộc về Ta”

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Numbers 6:2
Ai là người biệt riêng mình bằng lời thề nguyện làm người Na-xi-rê cho Đức Giê-hô-va?
Một người nam hay nữ thề nguyện làm người Na-xi-rê để biệt riêng mình cho Đức Giê-hô-va.
Numbers 6:3
Người đã thề làm người Na-xi-rê không được ăn gì trong những ngày biệt riêng cho Đức Giê-hô-va?
Người ấy không uống rượu, các thức uống làm cho say, giấm, nước nho, nho, nho khô và bất kì thứ gì có nho.
Numbers 6:4
Người đã thề làm người Na-xi-rê không được ăn gì trong những ngày biệt riêng cho Đức Giê-hô-va?
Người ấy không uống rượu, các thức uống làm cho say, giấm, nước nho, nho, nho khô và bất kì thứ gì có nho.
Numbers 6:5
Người ấy không được làm gì trong những ngày biệt riêng của mình?
Trong những ngày biệt riêng người ấy không được cạo tóc trên đầu.
Numbers 6:6
Trong những ngày biệt riêng cho Đức Giê-hô-va, người thề nguyện làm người Na-xi-rê không được đến gần thứ gì?
Người thề nguyện làm người Na-xi-rê không được đến gần xác chết.
Numbers 6:8
Người ấy được biệt riêng cho ai trong những ngày được biệt riêng ra thánh?
Trong thời gian biệt riêng người ấy được biệt riêng ra thánh cho Đức Giê-hô-va.
Numbers 6:9
Bảy ngày sau khi bị ô uế do xác chết, người Na-xi-rê phải làm gì?
Sau bảy ngày, người Na-xi-rê phải cạo tóc trên đầu.
Numbers 6:10
Vào ngày thứ tám người Na-xi-rê bị ô uế cần phải đem gì đến cho thầy tế lễ làm của lễ chuộc tội tại cửa lều hội kiến trong ngày người ấy biệt riêng mình ra thánh?
Vào ngày thứ tám, người ấy phải đem của lễ chuộc tội là hai con chim gáy hoặc bồ câu con đến cho thầy tế lễ tại cửa lều hội kiến. Sau đó người ấy phải biệt riêng mình ra thánh trong chính ngày đó.
Numbers 6:11
Vào ngày thứ tám người Na-xi-rê bị ô uế cần phải đem gì đến cho thầy tế lễ làm của lễ chuộc tội tại cửa lều hội kiến trong ngày người ấy biệt riêng mình ra thánh?
Vào ngày thứ tám, người ấy phải đem của lễ chuộc tội là hai con chim gáy hoặc bồ câu con đến cho thầy tế lễ tại cửa lều hội kiến. Sau đó người ấy phải biệt riêng mình ra thánh trong chính ngày đó.
Hai của lễ ấy để làm gì?
Hai của lễ ấy dùng làm của lễ chuộc tội và của lễ thiêu chuộc tội.
Numbers 6:12
Người ấy phải mang của lễ chuộc lỗi gì đến để tái biệt riêng mình cho Đức Giê-hô-va?
Để tái biệt riêng mình cho Đức Giê-hô-va người ấy phải đem đến một con chiên đực một tuổi để làm tế lễ chuộc lỗi.
Numbers 6:14
Người Na-xi-rê bị ô uế phải đem của lễ chuộc tội gì đến cửa lều hội kiến cùng với chiên đực là của lễ chuộc lỗi?
Người ấy phải đem của lễ chuộc tội là một con chiên cái một tuổi không tì vết và một con chiên đực không tì vết để làm của lễ thù ân, một giỏ bánh không men, của lễ chay và của lễ quán cho Đức Giê-hô-va.
Numbers 6:15
Người Na-xi-rê bị ô uế phải đem của lễ chuộc tội gì đến cửa lều hội kiến cùng với chiên đực là của lễ chuộc lỗi?
Người ấy phải đem của lễ chuộc tội là một con chiên cái một tuổi không tì vết và một con chiên đực không tì vết để làm của lễ thù ân, một giỏ bánh không men, của lễ chay và của lễ quán cho Đức Giê-hô-va.
Numbers 6:16
Ai phải dâng tế lễ của người Na-xi-rê cho Đức Giê-hô-va?
Thầy tế lễ phải dâng chúng trước mặt Đức Giê-hô-va.
Numbers 6:17
Ai phải dâng tế lễ của người Na-xi-rê cho Đức Giê-hô-va?
Thầy tế lễ phải dâng chúng trước mặt Đức Giê-hô-va.
Numbers 6:18
Người Na-xi-rê phải làm gì với số tóc đã cạo?
Người ấy phải lấy tóc đó cho vào lửa đang cháy dưới của lễ thù ân.
Numbers 6:19
Thầy tế lễ đặt gì vào tay người Na-xi-rê để giơ lên làm của lễ dâng cho Đức Giê-hô-va?
Thầy tế lễ đặt vào tay người Na-xi-rê miếng thịt vai luộc của chiên đực, một ổ bánh không men trong giỏ và một cái bánh xốp không men để dâng cho Đức Giê-hô-va.
Numbers 6:20
Thầy tế lễ đặt gì vào tay người Na-xi-rê để giơ lên làm của lễ dâng cho Đức Giê-hô-va?
Thầy tế lễ đặt vào tay người Na-xi-rê miếng thịt vai luộc của chiên đực, một ổ bánh không men trong giỏ và một cái bánh xốp không men để dâng cho Đức Giê-hô-va.
Sau đó, của lễ này với cái ức và đùi được giơ lên sẽ dành riêng cho ai?
Của lễ này với cái ức và đùi được giơ lên sẽ dành riêng cho thầy tế lễ.
Sau đó người Na-xi-rê có thể uống vật gì?
Người Na-xi-rê có thể uống rượu.
Numbers 6:25
A-rôn và các con trai người phải chúc phước gì từ Đức Giê-hô-va cho dân chúng?
A-rôn và các con trai người phải chúc phước là sự sáng và sự bình an từ Đức Giê-hô-va cho dân chúng.
Numbers 6:26
A-rôn và các con trai người phải chúc phước gì từ Đức Giê-hô-va cho dân chúng?
A-rôn và các con trai người phải chúc phước là sự sáng và sự bình an từ Đức Giê-hô-va cho dân chúng.

Chapter 7
Numbers 7:1
Môi-se đã hoàn thành Đền Tạm
"Môi-se đã dựng xong Đền Tạm”
những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên, tức là các trưởng gia tộc
Cả hai cụm từ nầy cùng mô tả một nhóm người theo hai cách khác nhau. Tham khảo cách dịch: “những người lãnh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đạo Y-sơ-ra-ên, cũng là các trưởng gia tộc”
các trưởng gia tộc
Ở đây, những người lãnh đạo các gia tộc được nói đến với tên gọi “trưởng”. Tham khảo cách dịch: “những người lãnh đạo của các gia tộc”
đã giám sát việc kiểm kê dân số
Danh từ “việc kiểm kê” có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “đã phụ giúp A-rôn và Môi-se kiểm kê dân số”
Họ đem các lễ vật đến trước mặt Đức Giê-hô-va ... Họ dâng những vật ấy trước Đền Tạm
Câu nầy có nghĩa là họ dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va và đem chúng đến chỗ Đền Tạm. Có thể kết hợp cả hai vế nầy để làm rõ nghĩa của câu. Tham khảo cách dịch: “Họ đem các lễ vật đến cho Đức Giê-hô-va và dâng chúng lên cho Ngài ngay trước Đền Tạm”
sáu cỗ xe có mái che và mười hai con bò đực
"6 cỗ xe có mái che và 12 con bò đực”
Numbers 7:4
cho mỗi người tế lễ mà công việc của họ yêu cầu
"cho mỗi người tế lễ như họ cần cho công việc của mình”
Numbers 7:6
Ghẹt-sôn ... Mê-ra-ri
Dịch tên của những người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.
do công việc của họ cần đến
"bởi vì đây là những thứ họ cần để làm công việc của mình”
dưới sự coi sóc của Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn
"dưới sự giám sát của Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn” hoặc “Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn trông coi công việc của họ”
Y-tha-ma
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:2.
Ông làm vậy vì
Từ “ông” ở đây chỉ về Môi-se.
vì công việc của họ cần
"vì đây là những thứ họ cần để làm công việc của mình”
Numbers 7:9
không một vật nào trong những vật nầy
Chỉ những cỗ xe kéo và bò đực.
Kê-hát
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.
công việc của họ là công việc
"công việc của họ thì”
vật thánh thuộc về Đức Giê-hô-va
Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu về những vật nào thuộc về Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “những vật thánh mà Đức Giê-hô-va dành riêng cho Đền Tạm”
Numbers 7:10
dâng lễ vật của mình
"dâng của lễ”
Mỗi một lãnh đạo phải dâng của lễ trong ngày của mình
"Mỗi ngày, một lãnh đạo phải dâng của lễ mình”
Numbers 7:12
ngày đầu tiên
"người thứ nhất” hoặc “ngày 1”
Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp
Đây đều là tên của nam. Xem cách bạn đã dịch những tên gọi nầy trong NUM 1:7
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần, số cân nặng nầy có thể được viết theo đơn vị tính hiện nay. Tham khảo cách dịch: “một đĩa bạc nặng gần một kỹ rưỡi” hoặc “một đãi bạc nặng 1,43 kg”
một cái bát bằng bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bằng bạc nặng 70 siếc-lơ”. Nếu cần, số cân nặng nầy có thể được viết theo đơn vị hiện nay. Tham khảo cách dịch: “một cái bát bằng bạc nặng 0.8 kg” hoặc “một cái bát bằng bạc nặng 770 gr”
theo cân nặng tiêu chuẩn của siếc lơ nơi thánh
Có những siếc-lơ với những số cân nặng khác nhau. Siếc lơ nầy là cái mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Nếu bạn chuyển đổi số cân nặng nầy sang đơn vị đo lường hiện đại thì ở đây có một cách khác để dịch cụm từ nầy. Tham khảo cách dịch: “tính theo cân nặng chuẩn dùng trong nơi thánh”
bột lọc trộn dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu”
một cái đĩa bằng vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, cụm từ nầy có thể viết lại theo đơn vị đo lượng hiện nay. Tham khảo cách dịch: “một đĩa vàng nặng 0.1 kg” hoặc “một cái đĩa vàng nặng 110gr”
Numbers 7:15
tất cả đều một tuổi
"mỗi con một tuổi”
Đó là của lễ dâng của Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp
"Đây là những vật mà Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp đã dâng”
Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:7.
Numbers 7:18
ngày thứ hai
"ngày thứ 2” hoặc “ngày 2”
Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:8.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ”. Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bột lọc trộn dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
Numbers 7:20
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a
"Đó là những vật mà Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a đã dâng"
Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:8.
Numbers 7:24
ngày thứ ba
"ngày thứ 3” hoặc “ngày 3”
Ê-li-áp, con trai Hê-lôn
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:9.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bột lọc trộn dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
Numbers 7:27
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của Ê-li-áp, con trai Hê-lôn
"Đó là những vật mà Ê-li-áp, con trai Hê-lôn dâng làm của lễ”
Ê-li-áp, con trai Hê-lôn
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:9.
Numbers 7:30
ngày thứ tư
"ngày thứ 4” hoặc “ngày 4”
Ê-lít-su, con trai Sê-đêu
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:5.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bột lọc trộn dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
Numbers 7:33
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của Ê-lít-su, con trai Sê-đêu
"Đó là những vật mà Ê-lít-su, con trai Sê-đêu dâng làm của lễ"
Ê-lít-su, con trai Sê-đêu
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:5.
Numbers 7:36
ngày thứ năm
"ngày thứ 5” hoặc “ngày 5”
Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đa
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:6.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bột lọc trộn dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
Numbers 7:39
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đa
"Đó là những vật mà Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đa dâng làm của lễ"
Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đa
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:6.
Numbers 7:42
ngày thứ sáu
"ngày thứ 6” hoặc “ngày 6”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:14.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bột lọc trộn dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
Numbers 7:45
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên
"Đó là những vật mà Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên dâng làm của lễ"
Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:14.
Numbers 7:48
ngày thứ bảy
"ngày thứ 7” hoặc “ngày 7”
Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bột lọc trộn dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
Numbers 7:51
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút
"Đó là những vật mà Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút đã dâng”
Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.
Numbers 7:54
ngày thứ tám
"ngày thứ 8” hoặc “ngày 8”
Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bột lọc trộn dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
Numbers 7:57
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su
"Đó là những vật mà Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su dâng làm của lễ"
Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.
Numbers 7:60
ngày thứ chín
"ngày thứ 9” hoặc “ngày 9”
A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ô-ni
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:11.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bộc lọc nhồi dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
Numbers 7:63
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ô-ni
"Đó là những vật mà A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ô-ni dâng làm của lễ"
A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ô-ni
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:11.
Numbers 7:66
ngày thứ mười
"ngày thứ 10” hoặc “ngày 10”
A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:12.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bột lọc trộn dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
Numbers 7:69
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai
"Đó là những vật mà A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai dâng làm của lễ"
A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:12.
Numbers 7:72
ngày thứ mười một
"ngày thứ 11” hoặc “ngày 11”
Pha-ghi-ên, con trai Óc-ran
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:13.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bộc lọc nhồi dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
Numbers 7:75
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của Pha-ghi-ên, con trai Óc-ran
"Đó là những vật mà Pha-ghi-ên, con trai Óc-ran dâng làm của lễ"
Pha-ghi-ên, con trai Óc-ran
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:13.
Numbers 7:78
ngày thứ mười hai
"ngày thứ 12” hoặc “ngày 12”
A-hi-ra, con trai Ê-nan
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:15.
một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
"một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]
theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]
bột lọc trộn dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu"
một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]
Numbers 7:81
tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”
Đó là lễ vật của A-hi-ra, con trai Ê-nan

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Đó là những vật mà A-hi-ra, con trai Ê-nan dâng làm của lễ"

A-hi-ra, con trai Ê-nan

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:15.

Numbers 7:84

biệt riêng tất cả những lễ vật nầy

Cụm từ “biệt riêng” có nghĩa là dành riêng ra vì mục đích cụ thể. Trong trường hợp nầy, những của lễ nầy được dâng cho Đức Giê-hô-va.

trong thời gian Môi-se xức dầu bàn thờ

Ở đây, trong nguyên bản tiếng Anh từ “day” (ngày) chỉ một khoảng thời gian chung. Các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên dâng nhưng lễ vật nầy trong khoảng thời gian 12 ngày. Tham khảo cách dịch: “khi Môi-se xức dầu bàn thờ”

Mỗi một đĩa bạc cân nặng 130 siếc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]

mỗi bát nặng bảy mươi siếc-lơ

"mỗi bát nặng 70 siếc-lơ”. Nếu cần thiết, bạn có thể viết lại số cân nặng nầy theo đơn vị đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh

Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

Tổng cộng số vật chứa bằng bạc cân nặng… Tổng số đĩa vàng cân nặng

"Tổng toàn bộ số vật chứa bằng bạc cân nặng… Tổng toàn bộ số đĩa vàng cân nặng”

vật chứa bằng bạc

Cụm từ nầy toàn bộ những của lễ dâng được làm từ bạc, gồm cả đĩa và bát.

Mỗi cái đĩa bằng vàng trong tổng số mười cái…. nặng mười siếc-lơ

"Mỗi cái đĩa bằng vàng trong tổng số 12 cái… nặng 10 siếc-lơ”. Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng nầy trong [NUM 7:14]

Numbers 7:87

mười hai ... hai mươi bốn… sáu mươi

"12 ... 24 ... 60". Có thể viết lại những con số nầy bằng số thay vì bằng chữ.

một tuổi

"được một tuổi”

sau khi bàn thờ được xức dầu

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sau khi Môi-se đã xức dầu bàn thờ”

Numbers 7:89

ông nghe tiếng Chúa phán với mình

Ở đây, “tiếng Chúa” chỉ về Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “ông nghe Đức Giê-hô-va phán với mình”

từ trên nắp thi ân ... ở giữa hai chê-ru-bim

Cả hai vế nầy đều chỉ về cùng một địa điểm.

Hòm Chứng Ước

Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong NUM 4:5.

Ngài phán với ông

"Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se”

Translation Questions

Numbers 7:1

Môi-se xức dầu và biệt ra thánh điều gì cho Đức Giê-hô-va vào ngày Đền Tạm và bàn thờ được hoàn tất?

Ông xức dầu và biệt riêng ra thánh Đền Tạm, hết thảy vật dụng trong đó, bàn thờ và tất cả vật dụng của bàn thờ cho Đức Giê-hô-va.

Numbers 7:3

Những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đem gì đến làm lễ vật trước Đền Tạm?

Họ đem sáu cỗ xe có mui và mười hai con bò đực làm lễ vật trước Đền Tạm.

Numbers 7:5

Môi-se giao các lễ vật cho ai?

Môi-se giao các lễ vật cho người Lê-vi tùy theo yêu cầu chức việc của mỗi người.

Numbers 7:7

Ghẹt-sôn và con cháu ông nhận được gì theo yêu cầu chức việc của họ?

Ghẹt-sôn và con cháu ông nhận được hai cỗ xe và bốn con bò đực.

Numbers 7:8

Mê-ra-ri và con cháu ông nhận được gì theo yêu cầu chức việc của họ?

Mê-ra-ri và con cháu ông nhận được bốn cỗ xe và tám con bò đực.

Numbers 7:9

Vì sao con cháu của Kê-hát không được nhận xe hay bò từ số lễ vật?

Con cháu của Kê-hát không được nhận xe hay bò từ số lễ vật vì họ phải khiêng trên vai các vật dụng được biệt riêng cho Đền Tạm.

Numbers 7:10

Khi nào thì mỗi người lãnh đạo phải dâng các lễ vật của mình lên bàn thờ?

Vào ngày của mình, từng người lãnh đạo sẽ dâng các lễ vật của mình trước bàn thờ.

Numbers 7:12

Chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ đầu tiên?

Giu-đa là chi tộc đầu tiên trong số 12 chi tộc dâng của lễ lên bàn thờ.

Numbers 7:18

Vào ngày thứ hai, chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ?

Vào ngày thứ hai, Y-sa-ca là chi tộc dâng của lễ lên bàn thờ trong số 12 chi tộc của Y-sơ-ra-ên.

Numbers 7:24

Vào ngày thứ ba, chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ?

Vào ngày thứ ba, Sa-bu-lôn là chi tộc dâng của lễ lên bàn thờ trong số 12 chi tộc của Y-sơ-ra-ên.

Numbers 7:30

Vào ngày thứ tư, chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ?

Vào ngày thứ tư, Ru-bên là chi tộc dâng của lễ lên bàn thờ trong số 12 chi tộc của Y-sơ-ra-ên.

Numbers 7:36

Vào ngày thứ năm, chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ?

Vào ngày thứ năm, Si-mê-ôn là chi tộc dâng của lễ lên bàn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thờ trong số 12 chi tộc của Y-sơ-ra-ên.
Numbers 7:42
Vào ngày thứ sáu, chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ?
Vào ngày thứ sáu, Gát là chi tộc dâng của lễ lên bàn thờ trong số 12 chi tộc của Y-sơ-ra-ên.
Numbers 7:54
Vào ngày thứ tám, chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ?
Vào ngày thứ tám, Ma-na-se là chi tộc dâng của lễ lên bàn thờ trong số 12 chi tộc của Y-sơ-ra-ên.
Numbers 7:60
Vào ngày thứ chín, chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ?
Vào ngày thứ chín, Bên-gia-min là chi tộc dâng của lễ lên bàn thờ trong số 12 chi tộc của Y-sơ-ra-ên.
Vào ngày thứ mười một, chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ?
Vào ngày thứ mười một, A-se là chi tộc dâng của lễ lên bàn thờ trong số 12 chi tộc của Y-sơ-ra-ên.
Vào ngày thứ mười hai, chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ?
Vào ngày thứ mười hai, Nép-ta-li là chi tộc dâng của lễ lên bàn thờ trong số 12 chi tộc của Y-sơ-ra-ên.
Numbers 7:66
Vào ngày thứ mười, chi tộc nào trong số 12 chi tộc Y-sơ-ra-ên dâng của lễ lên bàn thờ?
Vào ngày thứ mười, Đan là chi tộc dâng của lễ lên bàn thờ trong số 12 chi tộc của Y-sơ-ra-ên.
Numbers 7:89
Khi Môi-se ở trong lều hội kiến thì Đức Giê-hô-va phán với ông từ đâu?
Đức Giê-hô-va phán với Môi-se từ nắp thi ân trên hòm chứng ước, giữa hai chê-ru-bim.

Chapter 8
Numbers 8:1
phải chiếu sáng phía trước
"phải chiếu sáng về phía trước
Numbers 8:3
để soi sáng
"để chiếu sáng”
Chân đèn được làm bằng
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người ta đã làm chân đèn”
với đế đèn trông như những bông hoa
Họ được lệnh phải làm những đế đèn sao cho giống với những bông hoa nở rộ. Tham khảo cách dịch: “với đế đèn giống những bông hoa nở rộ”
Numbers 8:7
để thanh tẩy học
Ở đây, “họ” chỉ về người Lê-vi.
Hãy rảy nước thanh tẩy trên họ
Môi-se rảy nước trên họ tượng trưng cho sự thanh tẩy của họ. Tham khảo cách dịch: “Hãy rảy trên họ nước tượng trưng cho sự thanh tẩy”
giặt quần áo của họ
Người Lê-vi phải giặt quần áo của mình. Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “rồi bảo họ giặt quần áo của mình”
một con bò đực tơ cùng với của lễ chay
Thường thì khi dâng một con bò đực tơ, người ta thường bắt buộc phải dâng cùng với một của lễ chay.
bằng bộc lọc nhồi dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bằng bộc lọc mà họ đã nhồi với dầu”
Numbers 8:9
tập hợp cả hội chúng
"tập trung cả hội chúng”
trước mặt Ta, là Đức Giê-hô-va
Ở đây, Đức Giê-hô-va đang dùng chính danh xưng của mình để nói về Ngài.
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải đặt tay trên người Lê-vi
Người ta thường làm hành động “đặt tay” trên ai đó để dâng họ riêng ra đặng làm công việc hoặc phục vụ Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên phải đặt tay mình trên người Lê-vi, để dâng họ lên cho Ta”
như một tế lễ đưa qua đưa lại
A-rôn sẽ dùng một lượng tế lễ tương đương để trình diện người Lê-vi cho Đức Giê-hô-va như thể những người Lê-vi chính là một tế lễ được dâng lên cho Ngài. Tham khảo cách dịch: “nếu họ là tế lễ đưa qua đưa lại”
Numbers 8:12
Người Lê-vi sẽ đặt tay trên đầu hai con bò đực
Đây là một hành động tượng trưng đồng nhất người Lê-vi với con sinh tế đang được dâng lên. Làm như vậy, người dâng đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế.
dâng họ lên cho Ta như một của lễ dâng đưa qua đưa lại
A-rôn sẽ trình diện người Lê-vi lên cho Đức Giê-hô-va như thể ông đang dâng một của lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “dâng họ lên cho Ta, như thể đang dâng một của lễ dâng đưa qua đưa lại”
Numbers 8:14
Con phải thanh tẩy họ. Con phải dâng họ lên như một của lễ dâng đưa qua đưa lại
Đức Giê-hô-va đang lặp lại những điều nầy nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của chúng. Bắt buộc phải thực hiện điều nầy trước khi người Lê-vi đi phục vụ tại Lều Hội Kiến. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Nhưng trước tiên, con phải thanh tẩy họ. Con phải dâng họ lên như một của lễ dâng đưa qua đưa lại”
Con phải dâng họ lên như một của lễ dâng đưa qua đưa lại
A-rôn sẽ trình diện người Lê-vi lên cho Đức Giê-hô-va như thể họ là một của lễ dâng đưa qua đưa lại trước Ngài. Tham khảo cách dịch: “Con phải dâng họ lên cho Ta, như thể đang dâng một của lễ dâng đưa qua đưa lại”
Numbers 8:16
mọi con trai đầu lòng, tức là con trưởng nam
Về cơ bản, cả hai vế nầy nói về cùng một ý và được dùng chung để nhấn mạnh cho những con trai đầu lòng.
con trai đầu lòng
Đây là một cách nói. Trong nguyên bản tiếng anh, từ con trai đầu lòng được diễn đạt bằng cụm từ “to open the womb"
Ta đã lấy mạng sống

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là một cách nói nhẹ nhàng khi một người giết một người nào đó. Tham khảo cách dịch: “Ta đã giết”

Ta đã biệt riêng họ

Ở đây, “họ” chỉ về “mọi con trai đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 8:18

Ta đã ban người Lê-vi như một tặng phẩm cho A-rôn và các con trai người

Việc Đức Giê-hô-va chỉ định người Lê-vi giúp đỡ cho A-rôn và các con trai người được nói đến như thể họ là một món quà mà Đức Giê-hô-va ban tặng cho A-rôn và các con trai người.

Ta đã chọn họ... Ta đã ban họ

Ở đây, “họ” chỉ về người Lê-vi.

thay cho mọi con đầu lòng

Có thể thêm từ còn thiếu vào để làm rõ nghĩa của câu. Tham khảo cách dịch: “thay vì chọn mọi con đầu lòng”

khi họ đến gần

Ở đây, “họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 8:20

Môi-se, A-rôn, và cả hội chúng Y-sơ-ra-ên... Dân Y-sơ-ra-ên cũng đối với họ như vậy.

Ở đây có ba câu tương đương cùng đưa ra một thông tin giống nhau. Thông tin nầy được lặp lại để nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên đối xử với người Lê-vi y như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh. Tham khảo cách dịch: “Môi-se, A-rôn và cả hội chúng Y-sơ-ra-ên đều làm cho người Lê-vi mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Môi-se liên quan đến người Lê-vi”

Numbers 8:22

làm công việc của mình

Từ “công việc” là một danh từ, có thể được viết lại ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: “để làm việc”

trước mặt A-rôn và trước mặt các con trai A-rôn

"dưới sự giám sát của A-rôn và các con trai ông”

Việc nầy là

"Những điều họ làm là”

Họ đã đối đãi với hết thảy người Lê-vi như vậy

"Họ đã làm cho người Lê-vi mọi điều Đức Giê-hô-va ra lệnh”. Từ “họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 8:23

Tất cả những điều nầy dành cho người Lê-vi

"Tất cả những quy định nầy là dành cho người Lê-vi”

hai mươi lăm tuổi

“25 tuổi"

phải tham gia vào nhóm những người sẽ phục vụ trong Lều Hội Kiến

Từ “nhóm” nói đến những người khác nữa cũng làm việc trong Lều Hội Kiến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 4:3.

Numbers 8:25

ở tuổi năm mươi

"lúc 50 tuổi” hoặc “khi họ 50 tuổi”

Translation Questions

Numbers 8:2

Mạng lệnh Đức Giê-hô-va truyền cho A-rôn về bảy ngọn đèn là gì?

Đức Giê-hô-va truyền rằng những ngọn đèn phải chiếu sáng phía trước chân đèn.

Numbers 8:4

Ai chỉ dẫn cho Môi-se kiểu mẫu đèn?

Đức Giê-hô-va chỉ dẫn cho Môi-se kiểu mẫu đèn.

Numbers 8:5

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se làm gì với người Lê-vi?

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se biệt riêng người Lê-vi khỏi dân Y-sơ-ra-ên và thanh tẩy họ.

Numbers 8:7

Môi-se làm gì với người Lê-vi để thanh tẩy họ?

Môi-se dùng nước thanh tẩy rảy trên họ, dùng dao cạo sạch toàn thân và giặt quần áo.

Numbers 8:8

Người Lê-vi đem đến lễ vật gì?

Người Lê-vi đem đến hai con bò đực tơ và của lễ chay bằng bột lúa mì mịn nhồi với dầu.

Numbers 8:10

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se bảo dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì cho người Lê-vi để thanh tẩy họ?

Đức Giê-hô-va truyền cho dân Y-sơ-ra-ên đặt tay trên người Lê-vi.

Numbers 8:11

Vì sao họ trình diện người Lê-vi như một tế lễ đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va?

Họ trình diện người Lê-vi thay cho dân chúng để người Lê-vi phục vụ Đức Giê-hô-va.

Numbers 8:12

Những con bò đực cho người Lê-vi là tế lễ gì?

Những con bò đực là tế lễ chuộc tội và tế lễ thiêu để chuộc tội cho người Lê-vi.

Người Lê-vi đặt tay họ ở đâu?

Người Lê-vi đặt tay họ lên đầu những con bò đực.

Numbers 8:14

Chi tộc nào được biệt riêng, thanh tẩy và dâng lên như một tế lễ cho Đức Giê-hô-va để họ phục vụ trong lều hội kiến?

Chi tộc Lê-vi được biệt riêng, thanh tẩy và dâng lên như một tế lễ cho Đức Giê-hô-va để họ phục vụ trong lều hội kiến.

Numbers 8:15

Chi tộc nào được biệt riêng, thanh tẩy và dâng lên như một tế lễ cho Đức Giê-hô-va để họ phục vụ trong lều hội kiến?

Chi tộc Lê-vi được biệt riêng, thanh tẩy và dâng lên như một tế lễ cho Đức Giê-hô-va để họ phục vụ trong lều hội kiến.

Numbers 8:17

Đức Giê-hô-va đã biệt riêng tất cả con đầu lòng của người và vật cho Ngài vào khi nào?

Đức Giê-hô-va đã biệt riêng tất cả con đầu lòng của người và vật cho Ngài từ ngày Ngài cất mạng sống các con đầu lòng người Ai Cập trong xứ Ai Cập.

Numbers 8:19

Đức Giê-hô-va ban ai cho dân Y-sơ-ra-ên để chuộc tội của dân chúng hầu cho họ không gặp tai họa nào khi đến gần nơi thánh?

Ngài ban người Lê-vi cho A-rôn và các con trai người, thay cho con đầu lòng, để làm việc và chuộc tội cho dân chúng trong lều hội kiến.

Numbers 8:20

Môi-se, A-rôn và hết thảy hội chúng có làm theo mọi điều Đức Giê-hô-va đã truyền về người Lê-vi không?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có, họ làm theo mọi điều Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se về người Lê-vi.

Numbers 8:24

Đức Giê-hô-va phán gì với Môi-se về giới hạn độ tuổi trong việc phục vụ tại lều hội kiến?

Người Lê-vi hai mươi lăm tuổi có thể phục vụ đến năm mươi tuổi.

Numbers 8:26

Họ có thể làm gì khi không được phục vụ tại Đền Tạm sau 50 tuổi?

Người Lê-vi sau 50 tuổi có thể phụ giúp cho các anh em mình.

Chapter 9

Numbers 9:1

Vào tháng đầu tiên

"vào tháng thứ nhất". Đây là tháng đầu tiên trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Tháng nầy đánh dấu thời điểm Đức Chúa Trời đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập.

năm thứ hai

"năm thứ 2" hoặc "năm 2"

sau khi họ đã ra khỏi đất Ai-cập

Ở đây, "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Cụm từ "ra khỏi" có nghĩa là rời khỏi. Tham khảo cách dịch: "sau khi họ rời khỏi đất Ai-cập"

Hãy để dân sự... vào thời gian cố định của năm

Từ "cố định" có nghĩa là "đã ấn định". Câu nầy có nghĩa là đây là thời điểm để tổ chức Lễ Vượt Qua hàng năm. Tham khảo cách dịch: "Hãy để dân sự... vào một thời gian ấn định của năm, tức là thời gian mà hiện tại họ đang tổ chức"

Vào ngày thứ mười bốn... vào thời điểm đã ấn định trong năm

Đây là thời gian đã định trong năm để họ tổ chức Lễ Vượt Qua. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: "Vào ngày thứ mười bốn... và giữ lế đó, vì đây là thời gian mà các con sẽ tổ chức lễ nầy hàng năm"

ngày thứ mười bốn

"ngày thứ 14"

làm theo mọi quy định và giữ luật lệ

Về cơ bản, cả hai cụm từ nầy có nghĩa như nhau và được dùng chung để nhấn mạnh rằng họ phải vang giữ những mạng lệnh đó.

Các con phải giữ lễ đó

Ở đây, cụm từ "giữ lễ đó" là một cách nói nghĩa là phải tổ chức lễ đó. Tham khảo cách dịch: "Các con phải tổ chức lễ đó" hoặc "Các con phải làm lễ đó"

Numbers 9:4

giữ Lễ Vượt Qua

Ở đây, từ "giữ" có nghĩa là tổ chức. Tham khảo cách dịch: "tổ chức Lễ Vượt Qua" hoặc "làm Lễ Vượt Qua"

vào ngày mười bốn của tháng đầu tiên

"vào ngày 14 tháng đầu tiên"

Numbers 9:6

bị ô uế bởi xác chết

Câu nầy có ngụ ý là họ đã chạm vào xác chết, là điều khiến họ bị ô uế. Bạn có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: "bị ô uế vì họ đã chạm vào xác chết"

ô uế

Một người mà Đức Chúa Trời xem là không được chấp nhận hoặc bị vấy bẩn về mặt thuộc linh được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

giữ Lễ Vượt Qua

Ở đây, từ "giữ" có nghĩa là tổ chức. Tham khảo cách dịch: "tổ chức Lễ Vượt Qua" hoặc "làm Lễ Vượt Qua"

vì cớ xác chết

Câu nầy có ngụ ý là họ đã chạm vào xác chết, là điều khiến họ bị ô uế. Bạn có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: "bị ô uế vì chúng tôi đã chạm vào xác chết"

Tại sao ông lại không cho chúng tôi dâng tế lễ... trong vòng người Y-sơ-ra-ên?

Người nầy đặt câu hỏi để phàn nàn về việc họ không được phép tham gia tổ chức Lễ Vượt Qua. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu nói. Tham khảo cách dịch: "Thật không công bằng khi ông không cho chúng tôi dâng tế lễ... trong vòng người Y-sơ-ra-ên."

cố định

ấn định hoặc định trước

Numbers 9:9

ô uế

Một người bị Đức Chúa Trời xem là không được chấp nhận hoặc bị vấy bẩn về mặt thuộc linh được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

vì cớ xác chết

Câu nầy chỉ về việc người nào đó đã đụng vào xác chết. Tham khảo cách dịch: "bởi vì các con đã chạm vào xác chết"

giữ Lễ Vượt Qua

Ở đây, từ "giữ" có nghĩa là tổ chức. Tham khảo cách dịch: "tổ chức Lễ Vượt Qua" hoặc "làm Lễ Vượt Qua"

Numbers 9:11

giữ Lễ Vượt Qua

Ở đây, từ "giữ" có nghĩa là tổ chức. Tham khảo cách dịch: "tổ chức Lễ Vượt Qua" hoặc "làm Lễ Vượt Qua"

ngày thứ mười bốn của tháng thứ hai

"ngày thứ 14 của tháng thứ 2"

vào chiều

"vào lúc mặt trời lặn"

Họ phải ăn nó

"Họ phải ăn chiên con Vượt Qua"

với bánh không men

"với bánh được làm không có men" hoặc "với bánh không chứa men"

rau đắng

Đây là những loại cây nhỏ, có vị khá nồng và khó ăn.

hay bẻ gãy bất cứ xương nào của nó

"và họ không được bẻ gãy bất cứ xương nào của nó"

Numbers 9:13

Người nào tinh sạch

Một người Đức Chúa Trời chấp thuận về mặt thuộc linh được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không vấy bẩn.

giữ Lễ Vượt Qua

Ở đây, từ "giữ" có nghĩa là tổ chức. Tham khảo cách dịch: "tổ chức Lễ Vượt Qua" hoặc "làm Lễ Vượt Qua"

người ấy phải bị khai trừ

Ở đây, cụm từ "khai trừ" có nghĩa là bị chối bỏ và bị đuổi đi.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo cách dịch: “người ấy phải bị đuổi khỏi” hoặc “con phải đuổi người ấy đi”

cố định

ấn định hoặc định trước

Người ấy sẽ mang lấy tội mình

Ở đây, người ta nói đến khái niệm về một người nam sẽ phải gánh chịu những hậu quả của tội lỗi mình như thể tội của người đó là một vật nặng mà người ấy phải mang lấy. Tham khảo cách dịch: “Người ấy sẽ phải chịu những hình phạt vì cớ tội lỗi của mình”

sống giữa các con

Ở đây, từ “các con” ở dạng số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Người ấy phải giữ lễ ấy và làm theo mọi điều Ngài ra lệnh

"người ngoại quốc đó phải giữ lễ đó và làm theo mọi điều mà Đức Giê-hô-va ra lệnh”

giữ những quy định của Lễ Vượt Qua, và vâng theo những luật lệ về lễ đó

Về cơ bản, hai vế nầy cùng nói về một ý và được dùng chung với nhau để nhấn mạnh rằng người ngoại quốc kia phải giữ mọi luật lệ về Lễ Vượt Qua.

trong xứ

"trong đất Y-sơ-ra-ên”

Numbers 9:15

Đền Tạm được dựng lên

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người Lê-vi dựng Đền Tạm”

Lều Chứng Ước

Đây là tên gọi khác của Đền Tạm. Xem cách bạn đã dịch cụm từ "Đền Tạm Chứng Ước" trong NUM 1:50.

Nó giống như vầng lửa, kéo dài cho đến sáng

Câu nầy nói về hình dạng xuất hiện của đám mây lúc ban đêm. Ở đây, đám mây được so sánh nhìn giống như lửa. Tham khảo cách dịch: “Ban đêm, đám mây giống như một vầng lửa lớn và cứ vậy cho đến sáng”

Nó cứ tiếp tục như thế

Nếu giải thích ra rằng câu nầy chỉ về đám mây bao phủ trên Đền Tạm thì sẽ dễ hiểu hơn. Tham khảo cách dịch: “Đám mây cứ bao phủ trên Đền Tạm như thế”

ban đêm giống như vầng lửa

Hình dáng của đám mây được so sánh với vầng lửa lớn. Tham khảo cách dịch: “ban đêm, nó giống như vầng lửa lớn”

đám mây được cất lên

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “di chuyển” hoặc “Đức Giê-hô-va cất đám mây lên”

đám mây dừng lại

"đám mây ngừng lại không di chuyển nữa”

Numbers 9:18

Theo lệnh của Đức Giê-hô-va

Có thể viết lại từ “lệnh” ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: “Khi Đức Giê-hô-va ra lệnh”

Numbers 9:20

trên Đền Tạm

"trên Đền Tạm”

làm trại

Ở đây, từ “làm” có nghĩa là “dựng”. Tham khảo cách dịch: “dựng trại”

từ buổi chiều đến sáng mai

Câu nầy có nghĩa là đám mây chỉ ở trên Đền Tạm trong một đêm. Bạn có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “chỉ từ buổi chiều cho đến sáng mai” hoặc “chỉ ngự trên đền tạm trong một đêm”

Nếu đám mây cứ tiếp tục như thế

Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. "Nếu đám mây ngự trên Đền Tạm”

chỉ khi nào đám mây cất lên thì họ mới ra đi

"và khi đám mây di chuyển thì họ sẽ ra đi”

Numbers 9:22

đám mây được cất lên

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “đám mây lên cao”

theo lệnh của Đức Giê-hô-va

Có thể viết lại từ “lệnh” ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: “những điều Đức Giê-hô-va ra lệnh”

mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được ban bố qua Môi-se

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã ban ra qua Môi-se”

Translation Questions

Numbers 9:1

Ai phán với Môi-se trong hoang mạc Si-nai?

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se trong hoang mạc Si-nai.

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se khi nào?

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se vào tháng đầu tiên của năm thứ hai sau khi ra khỏi Ai Cập.

Numbers 9:3

Dân Y-sơ-ra-ên phải giữ lễ Vượt qua vào lúc nào khi họ ở tại hoang mạc Si-nai?

Hằng năm họ phải giữ lễ Vượt qua vào ngày mười bốn tháng thứ nhất.

Numbers 9:7

Môi-se đến cầu hỏi Đức Giê-hô-va điều gì?

Môi-se đến cầu hỏi Đức Giê-hô-va vì có những người bị ô uế nhưng muốn giữ lễ Vượt qua.

Numbers 9:10

Câu trả lời cho điều Môi-se hỏi Đức Giê-hô-va là gì?

Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng nếu một người bị ô uế vì xác chết hoặc vì bận đi xa thì người đó vẫn có thể giữ lễ Vượt qua.

Numbers 9:11

Những người đó phải giữ lễ Vượt qua khi nào ngoài ngày mười bốn tháng giêng?

Những người bị ô uế hoặc bận đi xa sẽ giữ lễ Vượt qua vào ngày 14 tháng 2.

Một số quy tắc giữ lễ Vượt qua là gì?

Họ ăn lễ Vượt qua với bánh không men và rau đắng, không được để dư lại đến sáng mai, cũng không được bẻ gãy bất cứ xương nào.

Numbers 9:12

Một số quy tắc giữ lễ Vượt qua là gì?

Họ ăn lễ Vượt qua với bánh không men và rau đắng, không được để dư lại đến sáng mai, cũng không được bẻ gãy bất cứ xương nào.

Numbers 9:13

Điều gì khiến cho một người bị khai trừ khỏi dân tộc mình?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người tinh sạch và không đi xa mà không giữ lễ Vượt qua Đức Giê-hô-va đã yêu cầu thì sẽ bị khai trừ khỏi dân tộc mình.
Numbers 9:14
Luật lễ Vượt qua cho người lạ trong đất của người Y-sơ-ra-ên là gì?
Người đó phải giữ lễ Vượt qua, phải làm theo mọi mạng lệnh và vâng giữ luật pháp.
Numbers 9:15
Ban đêm thì đám mây trên Đền Tạm trở nên thế nào?
Ban đêm đám mây trở nên như lửa.
Numbers 9:16
Ban đêm thì đám mây trên Đền Tạm trở nên thế nào?
Ban đêm đám mây trở nên như lửa.
Numbers 9:17
Làm thế nào dân chúng biết khi nào phải lên đường hay dừng lại?
Khi đám mây cất lên khỏi lều thì dân chúng ra đi; khi đám mây dừng lại thì dân chúng ở trong trại mình.
Numbers 9:19
Dân chúng sẽ làm gì khi đám mây cứ ở trên Đền Tạm nhiều ngày?
Dân chúng sẽ vâng theo chỉ dẫn của Đức Giê-hô-va và không ra đi.
Numbers 9:20
Dân chúng chỉ ra đi duy nhất khi nào?
Dân chúng chỉ ra đi duy nhất khi đám mấy cất lên theo lệnh của Đức Giê-hô-va.
Numbers 9:21
Dân chúng chỉ ra đi duy nhất khi nào?
Dân chúng chỉ ra đi duy nhất khi đám mấy cất lên theo lệnh của Đức Giê-hô-va.
Numbers 9:22
Khi nào thì dân Y-sơ-ra-ên ở lại trong trại mà không lên đường?
Khi đám mấy ngự trên Đền Tạm thì dân Y-sơ-ra-ên ở lại trong trại mà không lên đường.
Numbers 9:23
Làm thế nào dân Y-sơ-ra-ên biết được mạng lệnh của Đức Giê-hô-va?
Dân Y-sơ-ra-ên biết được mạng lệnh của Đức Giê-hô-va qua Môi-se.

Chapter 10
Numbers 10:1
Hãy làm hai cây kèn bằng bạc
Câu nầy có nghĩa là Đức Giê-hô-va ra lệnh cho Môi-se tìm ai đó làm một cái kèn bằng bạc. Chứ ông không tự mình làm nó. Tham khảo cách dịch: “Hãy sai ai đó làm ra hai cây kèn bằng bạc”
Con sẽ dùng những cây kèn đó
Môi-se sẽ không tự mình thổi cây kèn, mà ông lệnh cho các thầy tế lễ làm việc đó.
Numbers 10:3
trước mặt con
"khi có mặt con”. Câu nầy có nghĩa là Môi-se sẽ ở đó cùng với thầy tế lễ khi họ thổi kèn.
những nhà lãnh đạo, các trưởng tộc của Y-sơ-ra-ên
Cả hai cụm nầy đều cùng chỉ về một nhóm người. Ở đâu, vế thứ hai được dùng để mô tả cho vế thứ nhất. Tham khảo cách dịch: “những nhà lãnh đạo, tức là các trưởng tộc của Y-sơ-ra-ên”
Khi các con thổi tiếng kèn vang
Ở đây, từ “các con” ở dạng số nhiều. Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, nhưng Ngài đang nói đến các thầy tế lễ thổi kèn. Các thầy tế lễ sẽ thổi kèn, không phải Môi-se. Tham khảo cách dịch: “Khi họ thổi tiếng kèn vang”
Numbers 10:6
Khi các con thổi tiếng kèn vang
Ở đây, từ “các con” ở dạng số nhiều. Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, nhưng Ngài đang nói đến các thầy tế lễ thổi kèn. Các thầy tế lễ sẽ thổi kèn, không phải Môi-se. Tham khảo cách dịch: “Khi họ thổi tiếng kèn vang”
Khi cả hội chúng nhóm lại
"Để nhóm cả hội chúng lại”
thứ nhì
"thứ 2"
Họ sẽ phải thổi kèn tiếng vang để chúng ra đi
"họ” chỉ các thầy tế lễ thổi kèn và “chúng” chỉ dân Y-sơ-ra-ên.
là quy định cho các con
"là luật lệ cho các con”. Ở đây, từ “các con” ở dạng số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 10:9
Khi con ra trận… áp bức con
Đức Giê-hô-va đang phán với Môi-se và dùng từ “con”, nhưng thực ra Ngài đang nói đến dân Y-sơ-ra-ên ra trận. Tham khảo cách dịch: “Khi dân Y-sơ-ra-ên ra trận… áp bức dân Y-sơ-ra-ên”
thì con phải thổi kèn báo động
Lại một lần nữa, Đức Giê-hô-va dùng từ “con” để nói với Môi-se, nhưng thực ra Ngài muốn Môi-se sai các thầy tế lễ thổi kèn. Tham khảo cách dịch: “thì con phải ra lệnh cho các thầy tế lễ thổi kèn báo động”
nghĩ đến các con
Cụm từ “nghĩ đến” có nghĩa là nhớ. Tham khảo cách dịch: “nhớ lại các con”
Numbers 10:10
những ngày vui mừng
Danh từ “những ngày vui mừng” có thể được viết lại thành động từ “tổ chức lễ hội”. Tham khảo cách dịch: “khi các con tổ chức lễ hội”
con phải thổi kèn
Lại một lần nữa, Đức Giê-hô-va dùng từ “con” để nói với Môi-se, nhưng thực ra Ngài muốn Môi-se sai các thầy tế lễ thổi kèn. Tham khảo cách dịch: “con phải ra lệnh cho các thầy tế lễ thổi kèn” ,
các ngày đầu tháng
Trong lịch của người Hê-bơ-rơ có 12 tháng. Tuần đầu của mặt trăng, lúc mặt trăng chiếu ánh sáng bạc, sẽ đánh dấu thời điểm bắt đầu của một tháng theo lịch mặt trăng. (See:
những tế lễ thiêu của các con… những tế lễ bình an của các con… các con cùngTa
Trong những cụm từ nầy, từ “các con” và “của các con” đều ở dạng số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
trên những tế lễ
"trong sự tôn kính những tế lễ”
sẽ làm một sự nhắc nhở cho Ta về các con
"sẽ làm một sự nhắc nhở Ta về các on”. Từ “sự nhắc nhở” có thể được viết lại bằng động từ “nhắc nhở”. Tham khảo cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch: “sẽ luôn nhắc Ta nhớ về các con”

Những điều nầy sẽ làm

Từ “những điều nầy” chỉ về những cái kèn và những của lễ dâng.

Numbers 10:11

trong năm thứ hai

"trong năm thứ 2” hoặc “trong năm 2”. Đây là năm thứ hai sau khi Đức Giê-hô-va đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập.

vào ngày hai mươi tháng hai

"vào ngày 20 tháng 2”. Đây là tháng thứ hai trong lịch của người Hê-bơ-rơ.

đám mây được cất lên

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “đám mây cất lên”

Đền Tạm Chứng Ước

Đền Tạm cũng được gọi bằng tên gọi dài nầy bởi vì hòm giao ước có đựng luật pháp của Đức Chúa Trời được dặt ở trong đó. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong NUM 1:50.

mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được ban cho qua Môi-se

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã ban qua Môi-se”

Numbers 10:14

Trại quân dưới ngọn cờ của con cháu Giu-đa

Trại quân nầy gồm ba chi tộc ở dưới khu của Giu-đa: Giu-đa, Y-sa-ca, Sa-bu-lôn.

đi ra trước

"đi ra đầu tiên”. Cụm từ “đi ra” có nghĩa là họ thu dọn trại và bắt đầu di chuyển.

Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:7.

Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:8.

Ê-li-áp, con trai Hê-lôn

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:9.

Numbers 10:17

Ghẹt-sôn ... Mê-ra-ri

Dịch tên của những người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

những đội quân dưới cờ hiệu của trại quân Ru-bên

Cụm từ nầy chỉ những đội quân của các chi tộc dưới của sư đoàn Ru-bên, bao gồm: Ru-bên, Si-mê-ôn và Gát.

Ê-lít-su, con trai Sê-đêu

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:5.

Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đa

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:6.

Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:14.

Numbers 10:21

người Kê-hát

Chỉ về con cháu của Kê-hát. Dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong NUM 3:27.

Những đội quân dưới cờ hiệu của dòng dõi Ép-ra-im

Cụm từ nầy chỉ những đội quân thuộc các chi tộc ở dưới quyền của sư đoàn Ép-ra-im, bao gồm: Ép-ra-im, Ma-na-se và Bên-gia-min.

Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.

Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.

A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ô-ni

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:11.

Numbers 10:25

Các đội quân cắm trại dưới cờ hiệu của dòng dõi Đan

Câu nầy chỉ những đội quân của các chi tộc dưới trướng sư đoàn của Đan, bao gồm: Đan, A-se và Nép-ta-li.

A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:12.

Pha-ghi-ên, con trai Óc-ran

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:13.

A-hi-ra, con trai Ê-nan

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:15.

Numbers 10:29

Hô-báp, con trai Rê-u-ên

Đây là tên của một người nam.

mà Đức Giê-hô-va mô tả

"mà Đức Giê-hô-va mô tả cho chúng ta”

chúng tôi sẽ hậu đãi anh

"chúng tôi sẽ đối đãi tử tế với anh”

Numbers 10:31

Anh phải canh chừng cho chúng tôi

Cụm từ “canh chừng” có nghĩa là hướng dẫn và chăm sóc. Tham khảo cách dịch: “Anh có thể hướng dẫn chúng tôi và chỉ cho chúng tôi cách sống trong hoang mạc nầy thể nào”

Numbers 10:33

Họ khởi hành

"họ” ở đây chỉ đến dân Y-sơ-ra-ên.

núi của Đức Giê-hô-va

Chỉ núi Si-nai. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Núi Si-nai, núi của Đức Giê-hô-va”

Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va đi trước họ

Khi họ di chuyển, nhóm những người Lê-vi sẽ khiêng Hòm Giao Ước đi trước dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Những người khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va đi trước dân sự khi họ di chuyển”

ban ngày

"mỗi ngày” hoặc “trong lúc ban ngày”

Numbers 10:35

Mỗi khi hòm giao ước ra đi

Ở đây, người ta nói đến Hòm Giao Ước như thể nó là một người tự đi được. Nhưng thực ra, người ta khiêng Hòm Giao Ước đi. Tham khảo cách dịch: “Mỗi khi những người khiêng Hòm Giao Ước di chuyển”

Lạy Đức Giê-hô-va, xin chỗi dậy

Ở đây, cụm từ “xin chỗi dậy” là một lời câu xin Đức Giê-hô-va hành động, trong trường hợp nầy Môi-se đang cầu xin

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài làm tản lạc kẻ thù của họ.

Khiến những kẻ ghét Ngài chạy trốn khỏi Ngài

Ở đây, Môi-se nói về việc Đức Giê-hô-va khiến kẻ thù của họ chạy trốn khỏi dân Y-sơ-ra-ên như thể họ đang chạy trốn khỏi chính Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy khiến những kẻ ghét Ngài chạy trốn khỏi Hòm Giao Ước và dân sự Ngài”

Khi nào Hòm Giao Ước dừng

Ở đây, người ta nói đến Hòm Giao Ước như thể một người có thể tự mình di chuyển. Còn thực sự thì người ta khiêng Hòm Giao Ước đi. Tham khảo cách dịch: “Khi nào những người khiêng Hòm Giao Ước dừng lại”

hàng chục nghìn

Cụm từ nầy chỉ về dân sự. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “hàng chục nghìn dân sự”

Translation Questions

Numbers 10:2

Vì sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm hai cây kèn bằng bạc?

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm hai cây kèn bằng bạc để triệu tập dân chúng hoặc tháo trại lên đường.

Numbers 10:3

Ai là người thổi kèn?

Các thầy tế lễ là người thổi kèn.

Numbers 10:4

Đâu là dấu hiệu để chỉ tập trung những người lãnh đạo với Môi-se?

Khi các thầy tế lễ chỉ thổi một kèn thì đó là dấu hiệu để những người lãnh đạo tập trung với Môi-se.

Numbers 10:5

Đâu là dấu hiệu để dân chúng ở phía đông bắt đầu lên đường?

Dấu hiệu để dân chúng ở phía đông bắt đầu lên đường là tiếng kèn thổi vang.

Numbers 10:7

Tiếng kèn thổi ngắn là dấu hiệu cho điều gì?

Hội chúng phải tập trung.

Numbers 10:8

Ai phải luôn là người thổi kèn?

Các con trai A-rôn là những thầy tế lễ sẽ là những người duy nhất thổi kèn.

Numbers 10:9

Khi họ ra trận và Đức Giê-hô-va nghe tiếng kèn báo động thì Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?

Khi họ ra trận và Đức Giê-hô-va nghe tiếng kèn báo động thì Đức Giê-hô-va sẽ nhớ đến họ và giải cứu họ khỏi kẻ thù.

Numbers 10:10

Trong những ngày lễ, điều gì sẽ nhắc nhở rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của họ?

Họ sẽ thổi kèn trong khi dâng những tế lễ thiêu và tế lễ thù ân.

Numbers 10:11

Vào ngày hai mươi tháng hai của năm thứ hai có điều gì xảy ra?

Vào ngày hai mươi tháng hai của năm thứ hai đám mây cất lên khỏi Đền Tạm.

Numbers 10:12

Dân Y-sơ-ra-ên đi đâu sau khi rời khỏi hoang mạc Si-nai?

Dân chúng đi từ hoang mạc Si-nai đến hoang mạc Pha-ran.

Numbers 10:14

Trại nào đi trước nhất?

Trại Giu-đa ra đi trước nhất.

Numbers 10:17

Ai là người coi sóc Đền Tạm?

Con cháu Ghẹt-sôn và con cháu Mê-ra-ri.

Numbers 10:21

Ai là người khiêng các vật thánh của Đền Tạm?

Người Kê-hát sẽ khiêng các vật thánh.

Numbers 10:22

Các đội quân dưới ngọn cờ nào phải ra đi tiếp theo?

Các đội quân dưới ngọn cờ Ép-ra-im phải ra đi tiếp theo.

Numbers 10:25

Đội quân dưới ngọn cờ nào ra đi cuối cùng?

Các đội quân dưới ngọn cờ của dòng dõi Đan ra đi cuối cùng.

Numbers 10:29

Rê-u-ên là ai?

Rê-u-ên là cha vợ của Môi-se.

Môi-se mời ai đi với dân Y-sơ-ra-ên?

Môi-se mời Hô-báp là con trai của cha vợ mình.

Numbers 10:30

Hô-báp muốn đi đâu?

Hô-báp muốn trở về xứ sở của ông và dân tộc ông.

Numbers 10:31

Vì sao Môi-se muốn Hô-báp đi với họ?

Môi-se muốn Hô-báp đi với họ vì Hô-báp biết phải đóng trại thế nào trong hoang mạc.

Numbers 10:33

Ban ngày vật gì ở trên họ khi họ khiêng hòm giao ước lên đường?

Ban ngày đám mấy của Đức Giê-hô-va ở trên họ khi họ khiêng hòm giao ước lên đường.

Numbers 10:34

Ban ngày vật gì ở trên họ khi họ khiêng hòm giao ước lên đường?

Ban ngày đám mấy của Đức Giê-hô-va ở trên họ khi họ khiêng hòm giao ước lên đường.

Numbers 10:35

Môi-se cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì khi họ lên đường?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va khiến kẻ thù Ngài bị tản lạc, và kẻ ghét Ngài phải chạy trốn khỏi Ngài.

Numbers 10:36

Môi-se thưa gì cùng Đức Giê-hô-va khi họ ngừng lại?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va trở lại với muôn vàn con dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 11

Numbers 11:1

Lửa từ Đức Giê-hô-va bùng cháy

"Đức Giê-hô-va giáng lửa bùng cháy”

Nơi đó được gọi là

Có thể chuyển câu nầy sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ đặt tên nơi đó”

Numbers 11:4

Ai sẽ cho chúng tôi thịt để ăn?

Dân Y-sơ-ra-ên đặt câu hỏi nầy để phàn nàn và bày tỏ mong muốn có thứ gì đó khác để ăn ngoài ma-na. Có thể chuyển

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi muốn có thịt để ăn”.

chúng tôi chẳng muốn ăn nữa

"chúng tôi không muốn ăn” hoặc “chúng tôi không thể ăn”

Numbers 11:7

hạt ngò

Cây ngò cũng được biết đến như cây rau mùi. Hạt khô của nó được dùng làm gia vị.

nhựa cây

Loại chất đặc dính màu vàng nhạt.

Numbers 11:9

trong mắt Môi-se

Cụm từ “mắt Môi-se” đại diện cho những ý kiến hoặc suy nghĩ của ông. Tham khảo cách dịch: “theo ý kiến của Môi-se”

Numbers 11:11

Thông tin chung:

Môi-se dùng một vài câu hỏi tu từ để phàn nàn cùng Đức Giê-hô-va.

Sao Ngài lại đối xử tệ cùng tôi tớ Ngài? Sao Ngài không vui lòng về con?

Môi-se dùng những câu hỏi nầy để phàn nàn về cách Đức Chúa Trời đối đãi với ông lúc nầy. Có thể chuyển câu nầy thành một câu tuyên bố. Tham khảo cách dịch: “Ngài chẳng nên đối xử với con, là tôi tớ Ngài, tệ như thế. Ngài không nên nổi giận với con” hoặc “Con là tôi tớ Ngài đã chẳng làm gì sai để Ngài phải đối xử tệ với con như vậy”

Ngài khiến con phải mang lấy gánh nặng của cả dân tộc nầy

Môi-se đang phàn nàn và nói về việc dẫn dắt dân sự cũng như việc chu cấp cho họ như thế ông đang mang trên mình một vật nặng. Tham khảo cách dịch: “Ngài khiến con chịu trách nhiệm lo cho cả dân nầy, nhưng việc nầy quá khó khăn cho con”

Con có mang thai dân nầy không? Con có sinh ra họ đâu mà Ngài lại bảo con

Môi-se dùng những câu hỏi nầy để khiến Đức Chúa Trời suy nghĩ về việc Môi-se không phải là cha của họ. Tham khảo cách dịch: “Con không phải là cha của cả dân nầy. Vậy nên thật không công bằng khi Ngài lại bảo con”

Hãy bồng ẵm họ trong lòng con như người cha bồng ẵm con mình

Câu nầy có nghĩa là Môi-se sẽ chịu trách nhiệm về dân nầy vì những người nầy không thể tự chăm sóc cho mình được, giống như một người cha phải chăm lo cho đứa bé mới sinh.

Chẳng lẽ con lại bồng ẵm họ… sẽ ban cho họ?

Có thể dịch câu hỏi tu từ nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ngài không nên mong đợi con bồng ẵm họ… sẽ ban cho họ” hoặc “Con không thể nào bồng ẵm họ… sẽ ban cho họ”

Numbers 11:13

Con sẽ kiếm thịt ở đâu mà phát cho cả đoàn dân nầy?

Môi-se dùng câu hỏi nầy để phàn nàn rằng việc ông phát thịt cho cả dân sự là điều không thể. Tham khảo cách dịch: “Rõ ràng con không thể nào tìm đủ thịt mà phát cho cả đoàn dân nầy”

Một mình con không thể gánh vác cả dân nầy

Môi-se đang nói đến việc dẫn dắt và chu cấp cho dân sự như thể ông đang gánh vác họ. Tham khảo cách dịch: “Một mình con không thể chu cấp cho cả dân nầy được”

Họ quá khó khăn cho con

Đây là cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “Trách nhiệm nầy quá khó khăn đối với con”

Numbers 11:16

một phần Thần linh ngự trên con

“thần linh” ở đây đại diện cho năng quyền mà Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã được ban cho Môi-se để làm những điều Đức Chúa Trời bảo ông làm. Tham khảo cách dịch: “một phần năng quyền của Thần Linh đã được ban cho con”

Họ sẽ mang lấy gánh nặng về dân tộc nầy với con

Đức Chúa Trời nói về trách nhiệm dẫn dắt và chu cấp cho dân sự như thể nó là một gánh nặng mà Môi-se và những người lãnh đạo khác phải gánh lấy. Tham khảo cách dịch: “Họ sẽ giúp con coi sóc dân nầy”

Con sẽ không phải gánh vác nó một mình.

Đức Chúa Trời nói về trách nhiệm dẫn dắt và chu cấp cho dân sự như thể nó là một gánh nặng mà Môi-se và những nhà lãnh đạo khác phải mang vác. Tham khảo cách dịch: “Con sẽ không phải một mình chăm lo cho họ”

Numbers 11:18

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Ai sẽ cho chúng tôi thịt để ăn?

Người Y-sơ-ra-ên đặt câu hỏi nầy để phàn nàn và diễn tả mong ước có gì đó khác để ăn ngoài ma-na. Có thể chuyển câu hỏi nầy thành một câu phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi ước gì mình có thịt để ăn”

cho đến chừng nào thịt tràn ra lỗ mũi anh em

Ý nghĩa khả thi: 1) Đức Chúa Trời nói về việc nôn mửa như thể thức ăn sẽ tràn ra lỗ mũi của họ. Tham khảo cách dịch: “cho đến chừng anh em buồn nôn đến nôn mửa” hoặc 2) họ sẽ ăn nhiều đến nỗi tưởng chừng như thịt có thể tràn ra từ lỗ mũi của họ. Tham khảo cách dịch: “cho đến chừng tường như thịt sẽ phải tràn ra lỗ mũi của anh em”

Tại sao chúng ta lại rời Ai Cập?

Dân sự đã đặt câu hỏi nầy để bày tỏ sự tiếc nuối cũng như để phàn nàn. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra chúng ta chẳng bao giờ nên rời khỏi Ai Cập”

Numbers 11:21

Chúng ta có nên giết hết gia súc và vật nuôi để đáp ứng cho họ không?

Chúng ta có nên bắt hết cá dưới biển để làm thỏa lòng họ không?

Môi-se dùng những câu hỏi nầy để bày tỏ nghi ngờ của mình rằng sẽ chẳng thể nào có đủ thịt để cho tất cả mọi người ăn. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sẽ phải giết toàn bộ số gia súc và vật nuôi và bắt toàn bộ số cá dưới biển để đáp ứng cho họ”

gia súc và vật nuôi

Về cơ bản, hai từ nầy cùng chỉ về một điều. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh một số lượng rất lớn các loài vật.

tất cả cá dưới biển

Môi-se dùng cách nói quá nầy để cho thấy ông không thể nào tin nổi việc có thể chu cấp thức ăn cho toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên ra sao.

để thỏa mãn họ

"để thỏa mãn cơn đói mong muốn của họ”

Tay Ta ngắn sao?

Ở đây, từ “tay” đại diện cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sử dụng câu hỏi nầy để quở trách Môi-se vì

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cho rằng Đức Chúa Trời không đủ quyền ăng để chu cấp đủ thịt cho dân sự. Tham khảo cách dịch: “Con cho rằng ta không đủ quyền năng để làm việc nầy sao?” hoặc “Con phải biết rằng ta đủ mạnh để làm việc nầy”

Numbers 11:24

lời của Đức Giê-hô-va

Cụm từ “lời của Đức Giê-hô-va” đại diện cho những điều Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “những điều Đức Giê-hô-va đã phán”

một phần Thần linh ở trên Môi-se

“Thần linh” ở đây đại diện cho năng quyền mà Thần Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se. Tham khảo cách dịch: “một phần năng quyền mà Thần linh đã ban cho Môi-se”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong NUM 11:17.

đặt nó trên bảy mươi trưởng lão

Ban quyền năng cho các trưởng lão được nói đến như thể đặt Thần linh trên họ. Tham khảo cách dịch: “ban nó cho bảy mươi trưởng lão”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự ở trong [NUM 11:17]

Khi Thần ngự trên họ

Có năng lực đến từ Thần Linh được nói đến như thể Thần ngự ở trên họ. Tham khảo cách dịch: “Khi họ có năng lực đến từ Thần”

Numbers 11:26

Thần cũng ngự trên họ

Thân ban năng lực cho họ được nói đến như thể Thần ngự ở trên họ. Tham khảo cách dịch: “Thần cũng ban năng lực cho họ nữa”

Tên của họ được viết trên danh sách

Câu nầy có thể được viết ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se đã viết tên của họ trên danh sách”

Numbers 11:28

ngăn họ

"bảo họ ngừng nói tiên tri”

Có phải anh ganh tị cho tôi không?

Môi-se dùng câu hỏi nầy để quở trách Giô-suê. Có thể dịch câu nầy thành một lời phát biểu, nếu cần. Tham khảo cách dịch: “Anh không nên ganh tị vì tôi”

Có phải anh ganh tị cho tôi không?

Có thể làm rõ những điều mà Giô-suê ganh tị, nếu cần. Tham khảo cách dịch: “Có phải anh lo rằng họ sẽ lấy đi thứ gì đó thuộc về tôi?” hoặc “Có phải anh lo rằng những người đó sẽ không tôn trọng thẩm quyền của tôi nữa?”

rằng Ngài sẽ đặt Thần của Ngài lên trên tất cả bọn họ

Môi-se nói về việc Thần của Đức Chúa Trời được ban cho con người như thể Đức Chúa Trời sẽ đặt Thần của Ngài trên họ. Tham khảo cách dịch: “rằng Thần của Đức Chúa Trời sẽ ban năng lực cho hết thảy bọn họ”

Numbers 11:31

chim cút

một loài chim nhỏ

khoảng chừng một ngày đường mỗi bên

"khoảng cách theo mỗi hướng chừng bằng một người đi bộ trong một ngày”

khoảng hai cu-bít

Cu-bít là một đơn vị đo lường bằng khoảng 46 cm. Tham khảo cách dịch: “khoảng 92cm” hoặc “khoảng 1m”

Không ai nhặt ít hơn mười hô-me

Cách nói phủ định kép nầy có thể được viết lại ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ai cũng nhặt được ít nhất là mười hô-me”

mười hô-me

Hô-me là một đơn vị đo thể tích, bằng khoảng 220 lít. Tham khảo cách dịch: “2.200 lít”

Numbers 11:33

Trong khi thịt vẫn ở giữa răng họ, trong khi họ đang nhai nó

Về cơ bản thì cả hai vế nầy đều nói về cùng một điều. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh một ý rằng Đức Chúa Trời đã ngay lập tức trừng phạt họ, ngay cả khi họ đang ăn thịt. Tham khảo cách dịch: “Trong họ vẫn còn đang ăn thịt”

Nơi ấy được đặt tên là Kíp-rốt Ha-tha-va

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ đã đặt tên nơi đó là Kíp-rốt Ha-tha-va”

Hát-sê-rốt

Đây là tên một nơi trong hoang mạc.

Translation Questions

Numbers 11:1

Đức Giê-hô-va lắng nghe những lời gì của dân chúng?

Dân chúng phàn nàn về những cảnh gian khổ của mình và Đức Giê-hô-va nghe thấy điều đó.

Numbers 11:2

Môi-se làm gì khi dân chúng kêu cứu ông vì bị lửa đốt?

Khi họ kêu cầu Môi-se, ông cầu nguyện với Đức Giê-hô-va thì lửa dừng lại.

Numbers 11:4

Dân Y-sơ-ra-ên than khóc đòi hỏi điều gì?

Dân Y-sơ-ra-ên than khóc rằng “Ai sẽ cho chúng tôi ăn thịt?"

Numbers 11:8

Dân chúng tìm thấy ma-na ở đâu?

Dân chúng đi tản ra trong khu trại và nhặt ma-na.

Numbers 11:9

Ma-na rơi xuống trên trại quân khi nào?

Khi sương xuống ban đêm trên trại quân thì ma-na cũng rơi xuống.

Numbers 11:11

Môi-se nói Đức Giê-hô-va đã đối đãi ông như thế nào?

Môi-se nói rằng Đức Giê-hô-va đã bạc đãi đầy tớ Ngài.

Numbers 11:13

Dân chúng kêu khóc điều gì trước mặt Môi-se?

Họ kêu khóc trước mặt Môi-se và đòi ăn thịt.

Numbers 11:16

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se đem ai đến cho Ngài?

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se đem bảy mươi trưởng lão Y-sơ-ra-ên đến cho Ngài.

Numbers 11:17

Đức Giê-hô-va phán những người lãnh đạo phải làm gì sau khi Ngài lấy Thần Ngài ngự trên họ?

Đức Giê-hô-va phán rằng những người lãnh đạo sẽ mang gánh nặng của dân tộc này cùng với Môi-se.

Numbers 11:18

Ai sẽ cho dân chúng ăn thịt?

Đức Giê-hô-va sẽ ban thịt cho họ ăn.

Numbers 11:20

Đức Giê-hô-va phán dân chúng sẽ ăn thịt trong bao lâu?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân chúng sẽ ăn thịt trọn một tháng.
Numbers 11:23
Đức Giê-hô-va phán Môi-se sẽ thấy điều gì về lời Ngài?
Đức Giê-hô-va phán Môi-se sẽ thấy lời Ngài phán có đúng hay không.
Numbers 11:25
Bảy mươi trưởng lão đã làm gì khi Thần ngự trên họ?
Khi Thần ngự trên bảy mươi trưởng lão thì họ nói tiên tri.
Numbers 11:26
Điều gì xảy ra cho hai người ở lại trong trại?
Thần cũng ngự trên hai người ở lại trong trại.
Numbers 11:28
Giô-suê xin Môi-se làm gì với hai người đang nói tiên tri trong trại?
Giô-suê xin Môi-se ngăn họ lại.
Numbers 11:31
Chim cút rơi cách trại bao xa?
Chim cút rơi gần trại, khoảng một ngày đường bên phía này và một ngày đường bên phía kia.
Numbers 11:32
Dân chúng bận rộn nhặt chim cút trong bao lâu?
Dân chúng bận rộn nhặt chim cút cả ngày đó, đêm đó và cả ngày hôm sau.
Numbers 11:33
Đức Giê-hô-va nổi giận và đã làm gì trong khi dân chúng vẫn còn đang ăn thịt?
Trong khi dân chúng vẫn còn đang ăn thịt thì Đức Giê-hô-va nổi giận cùng họ và trừng phạt họ bằng một tai họa nặng nề.

Chapter 12
Numbers 12:1
Đức Giê-hô-va chỉ phán với Môi-se thôi sao? Không phải Ngài cũng phán với chúng ta nữa sao?
Mi-ri-am và A-rôn đặt ra những câu hỏi nầy để phàn nàn về việc Môi-se có quá nhiều thẩm quyền trong khi họ lại không. Bạn có thể diễ đạt câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va không chỉ phán với một mình Môi-se. Ngài còn phán với chúng ta nữa”
Bấy giờ, Đức Giê-hô-va nghe được
Từ “Bấy giờ” hướng sự chú ý vào ý quan trọng sau đó.
Vả, Môi-se
"Vả” được dùng để ngắt đoạn trong cốt chuyện. Người kể đang cung cấp những thông tin về tính cách của Môi-se.
Numbers 12:4
trụ mây
Hình dạng của đám mây được mô tả như thể nó là một cái trụ. Tham khảo cách dịch: “đám mây có hình giống cây trụ” hoặc “một đám mây lớn”
Numbers 12:6
Đây tớ Ta là Môi-se thì không giống như vậy
"Ta không phán với Môi-se như vậy”
Người thật trung tín trong cả nhà Ta
Ở đây, “nhà ta” đại diện cho đất nước Y-sơ-ra-ên. Trung tín trong nhà Chúa đại diện cho việc trung tín trong việc dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Môi-se đang trung tín dẫn dắt dân Ta” hoặc “Môi-se là người Ta tin tưởng để dẫn dắt dân Ta, tức là dân Y-sơ-ra-ên”
Vậy tại sao các con không sợ mà nói hành đầy tớ Ta, là Môi-se?
Đức Giê-hô-va đặt ra câu hỏi nầy để quở trách Mi-ri-am và A-rôn. Có thể dịch câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các con phải sợ hãi về việc nói hành đầy tớ Ta, là Môi-se”
nói hành đầy tớ Ta, nói hành Môi-se
Cụm từ “nghịch cùng Môi-se” làm rõ ý ông là người “đầy tớ” mà Đức Giê-hô-va đang nhắn đến. Tham khảo cách dịch: “nói hành đầy tớ Ta, là Môi-se”
Numbers 12:9
Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên với hai người
Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va được nói đến như thể nó là một ngọn lửa. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ cùng họ”
trắng như tuyết
Bệnh phung khiến da của Mi-ri-am trở nên màu trắng. Tham khảo cách dịch: “trở nên trắng toát”
Numbers 12:11
xin đừng bắt tội chúng tôi
Bắt tội người nào đó là nói rằng họ có lỗi về tội lỗi của họ. Ở đây, nó tượng trưng cho việc trừng phạt họ vì cớ tội lỗi của họ.
Xin đừng để chị ấy như một hài nhi đã chết, da thịt đã bị ăn hết phân nửa
Căn bịnh phung của Mi-ri-am khiến thân thể thối rữa cho đến chết. Thịt bị thối rữa được nói đến như thể nó bị ăn mất. Tham khảo cách dịch: “Xin đừng để bà như một hài nhi đã chết, da thịt bị thối rữa hết phân nửa”
Numbers 12:13
Đức Chúa Trời ôi xin hãy làm ơn, xin chữa lành cho chị
Ở đây, từ “xin” được lặp lại để nhấn mạnh.
Nếu cha chị phỉ nhổ trên mặt chị
Câu nầy mô tả một việc gì đó có thể đã xảy ra trong quá khứ, nhưng thực ra thì không. Phỉ nhổ trên mặt người khác là một hành động lăng mạ thậm tệ.
Mi-ri-am bị cách li ngoài trại quân
Trong bản tiếng Anh, người ta nói đến việc bị đuổi ra khỏi trại quân và không được phép quay trở lại như thể phía sau bà có một cái cửa đã bị đóng lại. Tham khảo cách dịch: “Mi-ri-am bị đuổi ra khỏi trại quân” hoặc “Mi-ri-am bị giữ ngoài trại quân”
Mi-ri-am bị cách li ngoài trại quân
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se giữ Mi-ri-am cách li ngoài trại quân” hoặc “Môi-se đuổi Mi-ri-am ra khỏi trại quân”
Numbers 12:16
Hát-sê-rốt
Đây là tên một nơi trong hoang mạc. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong NUM 11:35.

Translation Questions

Numbers 12:1
Vì sao Mi-ri-am và A-rôn nói nghịch cùng Môi-se?
Mi-ri-am và A-rôn nói nghịch cùng Môi-se vì ông đã cưới một người nữ xứ Cút làm vợ.
Numbers 12:3
Câu nào nhấn mạnh Môi-se là người khiêm hòa?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se là người rất khiêm hòa, khiêm hòa hơn hết mọi người trên thế gian.
Numbers 12:4
Đức Giê-hô-va gọi Môi-se, A-rôn và Mi-ri-am đến đâu?
Đức Giê-hô-va gọi Môi-se, A-rôn và Mi-ri-am đến lều hội kiến.
Numbers 12:5
Đức Giê-hô-va hiện ra phán cùng họ ở đâu và tại đâu?
Đức Giê-hô-va ngự xuống trong trụ mây đứng tại cửa lều.
Numbers 12:6
Đức Giê-hô-va bày tỏ Ngài thế nào cho các tiên tri trong vòng dân chúng?
Khi có một nhà tiên tri ở giữa dân chúng thì Đức Giê-hô-va bày tỏ Ngài cho người đó trong khải tượng và chiêm bao.
Numbers 12:8
Đức Giê-hô-va phán cách khác biệt cho Môi-se hơn các tiên tri khác như thế nào?
Đức Giê-hô-va phán trực tiếp với Môi-se, không dùng khải tượng hay lời bí ẩn.
Numbers 12:9
Đức Chúa Trời phản ứng thế nào với A-rôn và Mi-ri-am?
Cơn thịnh nộ của Ngài nổi phừng lên cùng họ.
Numbers 12:10
A-rôn thấy gì ở Mi-ri-am khi Đức Giê-hô-va lìa đi và đám mây cất lên khỏi lều?
Khi đám mây cất lên khỏi lều thì Mi-ri-am liền bị phong hủi trắng như tuyết.
Numbers 12:11
A-rôn nói thế nào về điều họ đã nói về Môi-se?
A-rôn nói rằng họ đã nói cách dại dột và đã phạm tội.
Numbers 12:12
A-rôn mô tả thân hình bị phong hủi của Mi-ri-am trông như thế nào?
Ông mô tả bà giống như trẻ sơ sinh đã chết, da thịt bị thối rữa hết phân nửa.
Numbers 12:14
Đức Giê-hô-va phán sự trừng phạt nào là bình thường khi người cha nhổ trên mặt con gái mình?
Đức Giê-hô-va phán rằng nếu cha nàng phỉ nhổ trên mặt nàng thì nàng sẽ chịu sỉ nhục trong bảy ngày.
Numbers 12:15
Mi-ri-am phải ở đâu trong 7 ngày và dân chúng không làm gì cho đến khi Mi-ri-am trở lại trại?
Mi-ri-am bị giữ ngoài trại quân trong bảy ngày và dân chúng không ra đi cho đến khi Mi-ri-am trở lại trại.

Chapter 13
Numbers 13:1
là xứ mà Ta đã ban
Đức Chúa Trời vốn đã quyết định rằng xứ Ca-na-an sẽ thuộc về dân Y-sơ-ra-ên, nhưng tính tới thời điểm nầy họ vẫn chưa đi vào vùng đất đó. Tham khảo cách dịch: “là xứ mà Ta đã quyết định ban cho” hoặc “là xứ mà Ta sẽ sớm ban cho”
Những người đó phải là những người lãnh đạo giữa họ
"Những người con sai đi phải là lãnh đạo trong chi tộc của người đó”
Numbers 13:3
Sam-mua, con trai Xa-cu
Đây đều là tên của những người nam.
Numbers 13:5
Sa-phát… Hô-ri… Giê-phu-nê… Di-ganh… Giô-sép… Nun
Tất cả đều là tên của nam.
Numbers 13:9
Phan-thi… Ra-phu… Gát-đi-ên… Sô-đi… Ga-đi… Su-si… A-mi-ên… Ghê-ma-li
Tất cả đều là tên của nam.
về chi tộc Giô-sép (tức là, về chi tộc Ma-na-se)
Có thể làm rõ mối quan hệ giữa Giô-sép và Ma-na-se. Tham khảo cách dịch: “về chi tộc Giô-sép, con trai Ma-na-se”
Numbers 13:13
Sê-thu… Mi-ca-ên… Nách-bi… Vấp-si… Gu-ên.. Ma-ki
Tất cả đều là tên của nam.
Hô-sê, con trai Nun
Dịch tên của những người nầy như bạn đã làm trong NUM 13:8.
Numbers 13:17
Xứ đó tốt hay xấu? Ở đó có những thành nào? Những thành đó chỉ là những trại quân hay là những thành kiên cố?
Môi-se đặt ra những câu hỏi nầy để giải thích những loại thông tin mà những người do thám sẽ phải báo cáo lại cho ông. Bạn có thể chuyển những câu hỏi nầy thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Hãy xem liệu xứ đó tốt hay xấu, ở đó họ có những thành trì như thế nào, và những thành đó chỉ là những trại quân hay là những thành có tường bảo vệ xung quanh”
Những thành đó chỉ là những trại quan hay chúng là những thành trì kiên cố
Những thành trì kiên cố có những bức tường vững chắc bao quanh để bảo vệ dân thành khỏi quân đội của kẻ thù. Còn những trại quân thì không có những bức tường thành như thế.
Numbers 13:21
Sin… Rê-hốp… Xô-an
Đây là tên của các địa điểm.
hoang mạc Sin
Từ “Sin” ở đây là tên gọi một đồng vắng theo tiếng Hê-bơ-rơ. Đây không phải là từ “sin”
Thành Hếp-rôn đã được xây dựng trước thành Xô-an của Ai-cập bảy năm
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người Ca-na-an đã xây dựng thành Hếp-rôn bảy năm trước khi người Ai-cập xây thành Xô-an”
A-hi-man… Sê-sai… Thanh-mai
Đây là tên của những chi tộc được đặt theo tên của tổ tiên họ.
A-nác
Đây là tên của một người nam.
Numbers 13:23
Ếch-côn
Đây là tên một địa danh.
giữa hai người trong nhóm của mình
"hai người nam trong nhóm của mình”
Nơi đó được đặt tên là
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ đặt tên nơi ấy là”
Numbers 13:25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sau bốn mươi ngày
"Sau 40 ngày”
Họ đem lời thuật lại
Ở đây, “lời” chỉ về sự báo cáo. Tham khảo cách dịch: “Họ báo cáo lại” hoặc “Họ thuật lại những điều mình đã thấy”
Numbers 13:27
Vùng đất nầy thật sự chày tràn sữa và mật
"Thật sự sữa và mật chảy chàn tại đó”. Họ nói về vùng đất màu mỡ, tốt cho cả vật nuôi và cây trồng như thể sữa và mật thu từ những cây trồng và vật nuôi tại đó có thể chảy tràn khắp cả xứ. Tham khảo cách dịch: “Vùng đất nầy thực sự rất thích hợp cho chăn nuôi và tồng trọt” hoặc “Đây thật sự là một vùng đất màu mỡ”
sữa
Vì sữa được lấy từ bò và dễ, nên nó đại diện cho những đàn gia súc và cả thực phẩm thu được từ những bầy gia súc đó. Tham khảo cách dịch: “thực phẩm từ bầy gia súc”
mật
Bởi vì mật ong được lấy từ hoa, nên nó đại diện cho cây trồng và những thực phẩm thu được từ những loại cây trồng đó. Tham khảo cách dịch: “nông sản”
Numbers 13:32
Họ loan tin... Họ nói
Ở đây, “họ” chỉ về tất cả những người đã đi do thám xứ Ca-na-an, ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê.
vùng đất mà họ đã do thám
Ở đây, “họ” chỉ về tất cả những người đã đi do thám xứ Ca-na-an, bao gồm cả Giô-suê và Ca-lép.
một vùng đất ăn nuốt hết thả dân cư của nó
Những người nầy đang tả về xứ Ca-na-an, hoặc những người dân xứ Ca-na-an, rất nguy hiểm như thế vùng đất nầy có thể ăn hết con người. Tham khảo cách dịch: “một vùng đất nguy hiểm” hoặc “một vùng đất nơi dân cư tại đó sẽ giết chết chúng ta”
A-nác
Đây là tên của một người nam.
Theo cách nhìn của chúng tôi... theo cách nhìn của họ
Ở đây, cách nhìn đại diện cho ý kiến. Tham khảo cách dịch: “Theo ý kiến của chúng tôi... theo ý kiến của họ”
nếu đem so với họ thì chúng tôi chỉ như cào cào
Những người nầy nhắc đến cào cào để bày tỏ họ nghĩ mình nhỏ bé ra sao khi so sánh với những người dân xứ đó. Tham khảo cách dịch: “nếu đem so với họ thì chúng tôi chỉ nhỏ bé như cào cào”

Translation Questions

Numbers 13:2
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se sai một số người đến đâu?
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se sai một số người đi do thám đất Ca-na-an mà Ngài ban cho dân Y-sơ-ra-ên.
Những người được sai đi từ trong dân Y-sơ-ra-ên thuộc hàng ngũ nào?
Hết thảy họ đều là những người lãnh đạo từ mỗi chi tộc trong dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 13:16
Môi-se đặt tên cho Hô-sê, con trai Nun, người đã được chọn là gì?
Môi-se gọi Hô-sê, con trai Nun, là Giô-suê.
Numbers 13:18
Môi-se bảo họ do thám thế nào về những người ở trong xứ đó?
Môi-se bảo họ do thám xem dân ở trong xứ đó mạnh hay yếu, ít hay nhiều.
Numbers 13:19
Môi-se bảo họ phải chú ý điều gì về các thành trong xứ đó?
Môi-se bảo họ xem các thành chỉ là những trại quân hay là thành kiên cố.
Numbers 13:20
Môi-se bảo những người lãnh đạo phải tìm hiểu điều gì về xứ và phải mang về những gì?
Môi-se bảo những người lãnh đạo phải xem đất đai màu mỡ hay cằn cỗi, có cây cối hay không và họ phải mang những mẫu hoa quả về.
Numbers 13:23
Những người đó cắt được vật gì trong thung lũng Ếch-côn?
Khi những người đó đến thung lũng Ếch-côn, họ cắt một cành nho có một chùm nho.
Numbers 13:25
Họ mất bao lâu để do thám xứ?
Họ trở về sau bốn mươi ngày do thám xứ.
Numbers 13:26
Ngoài Môi-se và A-rôn họ còn thuật lại cho ai?
Họ còn thuật lại cho toàn thể hội chúng Y-sơ-ra-ên.
Numbers 13:28
Những người đó thuật lại thế nào về dân trong xứ?
Họ thuật lại rằng dân trong xứ này khỏe mạnh.
Họ thuật lại thế nào về các thành trong xứ?
Họ thuật lại rằng các thành kiên cố và rộng lớn.
Numbers 13:30
Ca-lép thúc giục dân chúng tấn công xứ lúc nào?
Ngay lúc đó, Ca-lép thúc giục dân chúng tấn công xứ.
Numbers 13:31
Vì sao những người khác đã đi cùng Ca-lép thì nói rằng họ không thể tấn công dân thành đó được?
Những người khác đi cùng Ca-lép nói rằng họ không thể tấn công dân thành đó được vì chúng mạnh hơn họ.
Numbers 13:33
Những người đó mô tả họ thấy mình nhỏ bé thế nào so với dân khổng lồ của xứ?
Họ nói rằng họ thấy mình chỉ như con cào cào so với dân khổng lồ của xứ đó.

Chapter 14

Numbers 14:1
Tại sao Đức Giê-hô-va lại đem chúng tôi đến vùng đất nầy để chết bởi gươm?
Dân sự dùng câu hỏi nầy để phàn nàn và kết tội Đức Giê-hô-va vì đã đối xử bất công với họ. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một lời phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra Đức Giê-hô-va chẳng nên đem chúng tôi đến vùng đất nầy để chết bởi gươm”
để chết bởi gươm
Ở đây, “gươm” đại diện cho cả việc bị giết bởi gươm và việc bị giết trên chiến trường. Tham khảo cách dịch: “để chết khi người ta dùng gươm mà tấn công chúng tôi” hoặc “để chết trong chiến trận” hoặc
Chúng tôi quay trở lại Ai Cập không tốt hơn sao?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những người đặt ra câu hỏi nầy để khuyến khích những người khác đồng thuận mình rằng sẽ tốt hơn là trở lại Ai Cập. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một lời phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Quay trở lại Ai Cập sẽ tốt cho chúng ta hơn là cố gắng chiếm xứ Ca-na-an”

Numbers 14:4

Họ nói với nhau

Câu nầy chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

sấp mặt xuống đất

"sấp mình cuis mặt xuống đất”. Môi-se và A-rôn làm như vậy để bày tỏ rằng họ đang tự hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời. Họ sợ rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt dân sự vì tôi nổi dậy chống nghịch với Ngài. Tham khảo cách dịch: “khiêm nhường sấp mặt xuống đất trước mặt Đức Chúa Trời” hoặc “sấp mặt xuống đất mà cầu nguyện với Đức Chúa Trời”

Numbers 14:6

Nun… Giê-phu-ên

Đây đều là tên của nam.

là hai trong số những người được sai đi

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “là hai trong số những người Môi-se đã sai đi”

xé quần áo mình

Xé quần áo là một hành động cho thấy người đó đang rất đau buồn và đang than khóc.

Vùng đất chảy tràn sữa và mật

Họ nói về vùng đất tốt cho cả vật nuôi và cây trồng như thể sữa và mật lấy từ những vật nuôi và cây trồng đó chảy tràn khắp cả xứ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 13:27]

Numbers 14:9

Câu nối:

Giô-suê và Ca-lép tiếp tục nói với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên.

Chúng ta nuốt chửng chúng dễ như bánh

Giô-suê và Ca-lép nói về việc tiêu diệt kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên như thể họ sẽ ăn nuốt chúng. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sẽ tiêu diệt chúng dễ như ăn bánh”

Sự bảo hộ của chúng sẽ bị bỏ ra khỏi chúng

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ cất bỏ sự bảo hộ ra khỏi chúng”

Sự bảo hộ của chúng

Cụm từ nầy chỉ về bất cứ một người nào hoặc bất cứ thứ gì có thể bảo vệ cho họ. Tham khảo cách dịch: “Người nào bảo hộ cho chúng”

Numbers 14:11

Dân nầy sẽ xem thường Ta cho đến chừng nào? Chúng sẽ không tin tin, mặc cho mọi dấu lạ… chúng đến chừng nào?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi nầy để cho thấy Ngài đang nổi giận và mất kiên nhẫn đối với dân Y-sơ-ra-ên. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một lời phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Dân nầy đã xem thường Ta quá lâu rồi. Chúng đã không tin Ta quá lâu rồi, mặc cho toàn bộ những phép lạ… chúng”

tước quyền sản nghiệm của chúng

"không chấp nhận chúng làm dân Ta”. Câu nầy có thể ngụ ý rằng Ngài sẽ tiêu diệt họ, và có một số bản dịch dịch câu nầy theo ý như vậy.

từ chính chi tộc của con, Ta sẽ làm nên

Ở đây, từ “con” ở số ít, và chỉ về Môi-se.

Numbers 14:13

người ta tận mắt nhìn thấy Ngài

Ý nghĩa khả thi: 1) Môi-se đang nói về việc Đức Chúa Trời bày tỏ chính mình Ngài cho dân sự Ngài như thể Ngài đã cho phép họ có thể thực sự nhìn thấy mặt Ngài. Tham khảo cách dịch: “họ đã nhìn thấy Ngài” hoặc 2) Môi-se đang nói đến mối liên hệ mật thiết giữa ông và Đức Chúa Trời như thể Môi-se có thể nhìn thấy mặt Đức Chúa Trời khi Ngài phán với ông. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài phán trực tiếp với con”

Numbers 14:15

như một người

Giết tất cả dân sự cùng một lúc được nói đến như thế giết hết thảy bọn họ như đang giết một người. Tham khảo cách dịch: “tất cả cùng một lúc”

Numbers 14:17

Ngài sẽ không xóa tội

"Chắc chắn Ngài sẽ không rửa sạch kẻ có tội”. Hành động rửa sạch tội lỗi của con người là một hình ảnh ẩn dụ chỉ về việc không trừng phạt họ. Đức Chúa Trời sẽ không xóa bỏ tội lỗi của người có tội. Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ luôn trừng phạt kẻ có tội”

khi Ngài đem đến sự trừng phạt về tội lỗi của tổ phụ trên con cháu của họ

Việc trừng phạt con người được nói đến như thể hình phạt là một vật thể có thể đem đến mà đặt trên con người. Tham khảo cách dịch: “khi Ngài vì tội lỗi của một người phạm tội mà trừng phạt con cháu của người đó” "

Numbers 14:20

khắp đất sẽ đầy dẫy vinh quang Ta

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vinh quang của Ta sẽ đầy dẫy khắp đất”

chúng vẫn cứ xúi giục Ta

"chúng vẫn cứ thử Ta”

những mười lần

Ở đây, con số 10 tượng trưng cho rất rất nhiều lần. Tham khảo cách dịch: “quá nhiều lần”

đã không nghe lời Ta

Ở đây, “nghe” tượng trưng cho sự vâng lời, và lời của Đức Chúa Trời tượng trưng cho những điều Ngài đã nói. Tham khảo cách dịch: “đã không vâng theo những điều Ta phán”

Numbers 14:23

Câu nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

vì người có một tinh thần khác biệt

Ở đây, “tinh thần” tượng trưng cho thái độ của người. Ca-lép sẵn sàng vâng phục Đức Chúa Trời. Có thể làm rõ thái độ của ông ở đây là gì. Tham khảo cách dịch: “bởi vì người có một thái độ khác” hoặc “bởi vì người sẵn sàng vâng phục Đức Chúa Trời” (See: và)

Numbers 14:26

Ta phải chịu đựng dân gian ác nầy cứ oán trách Ta cho đến bao giờ?

Đức Giê-hô-va đặt ra câu hỏi nầy bởi vì Ngài đã mất kiên nhẫn với dân sự. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một lời phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Ta đã chịu đựng dân gian ác nầy, những kẻ cứ oán trách Ta, đủ lâu rồi”

Ta đã nghe những lời phàn nàn của dân Y-sơ-ra-ên

Từ “phàn nàn” là một danh từ, bạn có thể chuyển nó thành động từ. Tham khảo cách dịch: “Ta đã nghe dân Y-sơ-ra-ên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phàn nàn”
Numbers 14:28
như lời Ta đã nghe các con phàn nàn
"như Ta đã nghe các con phàn nàn”
Thân thể đã chết của các con sẽ ngã
Thân thể đã chết của họ ngã xuống tượng trưng cho việc họ chết đi. Tham khảo cách dịch: “Các con sẽ chết”
các con là những người được ghi tên trong cuộc điều tra dân số
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con là những người mà Môi-se đã ghi tên trong cuộc điều tra dân số”
từ hai mươi tuổi trở lên
"từ hai mươi tuổi trở lên”
Numbers 14:31
Thân thể đã chết của các con sẽ ngã
Thân thể đã chết của họ ngã xuống tượng trưng cho việc họ chết đi. Tham khảo cách dịch: “Các con sẽ chết”
Con cái các con sẽ là những kẻ chăn chiên trong hoang mạc
Một số bản dịch hiện đại thì dịch thành: “Con cái các con sẽ lang thang trong hoang mạc”. Điều nầy là vì trong thời xưa, những người chăn chiên thường sẽ đi từ nơi nầy sang nơi khác để bầy chiên và bầy gia súc của họ có thể tìm được đồng cỏ.
Chúng sẽ chịu những hậu quả về việc làm của các con
"Chúng nó ẽ phải chịu đựng những hậu quả từ việc làm của các con” hoặc “Chúng sẽ phải chịu khổ vì việc làm của các con”
cho đến thi hài cuối cùng của các con
Thi hài là một xác chết. Thi hài cuối cùng tượng trưng cho người người cuối cùng trong họ chết đi. Tham khảo cách dịch: “cho đến khi người cuối cùng trong các con chết đi” hoặc “cho đến khi tất cả các con đều chết đi”
Numbers 14:34
chịu những hậu quả vì tội lỗi của các con
"chịu những hậu quả về tội lỗi của các con” hoặc “chịu khổ vì cớ tội lỗi của các con”
họ sẽ chết hết
Câu này rõ ràng có nghĩa là họ sẽ không còn tồn tại nữa. Tham khảo cách dịch: “Họ sẽ bị diệt vong” hoặc “hết thảy họ sẽ bị tiêu diệt”
Numbers 14:36
Vậy nên những người… phàn nàn với Môi-se
Phần thông tin trong [NUM 14:36-37]
chết bởi bệnh dịch trước mặt Đức Giê-hô-va
"chết bởi bệnh dịch trong sự hiện diện của Ngài”. Bởi vì câu này nói rằng họ chết trong sự hiện diện của Chúa nên ngụ ý rằng chính Chúa khiến họ phải chết. Tham khảo cách dịch: “chết trong sự hiện diện của Chúa vì cớ dịch bệnh mà Ngài đã gây ra”
Numbers 14:39
Nhìn xem
Ở đây, “nhìn xem” thêm ý nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. “Quả thật”
Numbers 14:41
Sao bây giờ các con lại làm trái lệnh của Đức Giê-hô-va?
Môi-se hỏi câu hỏi này để quở trách dân Y-sơ-ra-ên. Có thể dịch câu hỏi tu từ nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các con không nên lại làm trái lệnh của Đức Giê-hô-va”
Đức Giê-hô-va không ở với các con
Việc giúp đỡ họ được nói đến như thể ở với họ. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ không giúp đỡ các con”
để bảo vệ các con khỏi bị đánh bại bởi kẻ thù các con
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để không cho kẻ thù các con đánh bại các con” hoặc “để ban cho các con chiến thắng kẻ thù”
các con sẽ chết bởi gươm
Ở đây, “gươm” chỉ về chiến trận. Tham khảo cách dịch: “các con sẽ chết trên chiến trường” hoặc “họ sẽ giết các con khi các con chiến đấu với họ”
các con đã xây lưng không theo Đức Giê-hô-va
Vâng phục Đức Giê-hô-va được nói đến như theo Ngài, và không vâng phục Chúa nữa được nói đến như thể xây khỏi Ngài. Tham khảo cách dịch: “các con đã không còn vâng phục Đức Giê-hô-va nữa” hoặc “các con đã quyết định không vâng phục Đức Giê-hô-va”
Ngài sẽ không ở với các con
Giúp đỡ họ được nói đến như thể ở cùng với họ. Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ không giúp các con”
Numbers 14:44
họ dám đi lên núi
"họ dám đi lên núi trong khi Đức Chúa Trời không chấp thuận”
đi lên núi
Phần lớn lãnh thổ Y-sơ-ra-ên cao hơn mực nước biển. Khi dân Y-sơ-ra-ên vượt sông Giô-đanh để tấn công người Ca-na-an, để tiến xa hơn vào đất Ca-na-an thì họ phải trèo qua những đỉnh núi.

Translation Questions

Numbers 14:1
Dân chúng phản ứng thế nào khi nghe tin về những người khổng lồ trong xứ đó?
Đêm đó hết thảy dân chúng đều khóc lóc.
Numbers 14:2
Hết thảy dân Y-sơ-ra-ên ước điều gì khi họ chỉ trích Môi-se và A-rôn?
Họ nói cùng Môi-se và A-rôn rằng họ ước gì họ đã chết tại Ai-cập hoặc trong đồng vắng.
Numbers 14:3
Họ nghĩ có điều gì tốt hơn là vào xứ mà Đức Giê-hô-va đưa họ đến?
Họ nghĩ rằng thà đem vợ con trở về Ai Cập còn hơn.
Numbers 14:4
Dân chúng nói với nhau họ sẽ làm gì?
Họ nói sẽ chọn một lãnh đạo khác và trở về Ai Cập.
Numbers 14:5
Môi-se và A-rôn làm gì trước mặt hội chúng?
Môi-se và A-rôn sấp mặt xuống trước mặt cả hội chúng.
Numbers 14:6
Giô-suê và Ca-lép phản ứng thế nào?
Giô-suê và Ca-lép xé áo mình mà nói chuyện với cả dân chúng.
Numbers 14:7
Giô-suê và Ca-lép phản ứng thế nào?
Giô-suê và Ca-lép xé áo mình mà nói chuyện với cả dân chúng.
Numbers 14:8

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giô-suê và Ca-lép nói cùng dân chúng rằng nếu Đức Giê-hô-va hài lòng về họ thì sẽ thế nào?
Họ nói rằng nếu Đức Giê-hô-va hài lòng về họ thì Ngài sẽ đem họ vào đó và ban xứ cho họ.
Giô-suê và Ca-lép mô tả xứ đó như thế nào?
Giô-suê và Ca-lép mô tả đó là xứ đượm sữa và mật.
Numbers 14:9
Vì sao Giô-suê và Ca-lép nói rằng dân xứ đó sẽ không được che chở, bảo vệ nữa?
Họ nói rằng dân xứ đó sẽ không được che chở, bảo vệ nữa vì Đức Giê-hô-va ở cùng dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 14:10
Hết thảy dân chúng muốn làm gì với Giô-suê, Ca-lép và vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra tại đâu?
Hết thảy dân chúng muốn ném đá Giô-suê và Ca-lép. Vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra tại lều hội kiến.
Numbers 14:12
Đức Giê-hô-va đưa ra ơn phước nào cho chi tộc của Môi-se sau khi giáng dịch bệnh trên họ và tước quyền thừa kế của dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng Ngài sẽ làm cho chi tộc của ông thành một dân lớn mạnh hơn cả dân Y-sơ-ra-ên hiện tại.
Numbers 14:13
Môi-se nói dân Ai Cập sẽ làm gì khi nghe về việc Đức Giê-hô-va tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên?
Môi-se nói rằng người Ai Cập sẽ thuật lại việc đó cho cư dân xứ này.
Numbers 14:16
Môi-se nói các nước sẽ nói gì nếu Đức Giê-hô-va giết dân Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc?
Ông nói rằng họ sẽ nói vì Đức Giê-hô-va không thể dẫn dân này vào đất mà Ngài đã thề hứa cho họ, do đó Ngài đã giết họ trong hoang mạc.
Numbers 14:19
Vì sao Môi-se cầu xin Đức Giê-hô-va tha thứ tội lỗi cho dân chúng?
Môi-se cầu xin Đức Giê-hô-va tha thứ tội lỗi cho dân chúng vì đức thành tín lớn lao theo giao ước của Ngài.
Numbers 14:20
Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xảy ra vì Ngài đã tha thứ cho họ theo lời Môi-se cầu xin?
Đức Giê-hô-va phán rằng thật như Ngài hằng sống, khắp đất sẽ đầy dẫy vinh quang Ngài.
Numbers 14:21
Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xảy ra vì Ngài đã tha thứ cho họ theo lời Môi-se cầu xin?
Đức Giê-hô-va phán rằng thật như Ngài hằng sống, khắp đất sẽ đầy dẫy vinh quang Ngài.
Numbers 14:22
Tất cả những người đã thấy vinh quang và phép lạ Ngài làm tại Ai Cập và trong hoang mạc đã làm gì?
Tất cả những người đã thấy vinh quang và phép lạ của Ngài đã thử Ngài 10 lần và không nghe theo tiếng Ngài.
Numbers 14:23
Điều gì sẽ xảy ra cho những người khinh thường Đức Giê-hô-va?
Những người khinh thường Đức Giê-hô-va sẽ không thấy được xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề hứa ban cho cha ông họ.
Numbers 14:24
Ca-lép đã làm gì vì có một tinh thần khác biệt và điều gì sẽ đến với ông?
Ca-lép có một tinh thần khác biệt, đã hết lòng theo Đức Giê-hô-va; nên ông sẽ được vào đất mình đã do thám và con cháu ông sẽ sở hữu đất ấy.
Numbers 14:25
Ngày hôm sau Đức Giê-hô-va bảo dân chúng đi đâu?
Đức Giê-hô-va bảo dân chúng sáng hôm sau quay trở lại và đi vào hoang mạc về hướng Biển Đỏ.
Numbers 14:29
Đức Giê-hô-va phán dân chúng bao nhiêu tuổi sẽ ngã chết trong hoang mạc?
Đức Giê-hô-va phán rằng thây của những người từ hai mươi tuổi trở lên sẽ ngã chết trong hoang mạc.
Numbers 14:30
Hai người duy nhất trên 20 tuổi mà Đức Giê-hô-va phán sẽ đem họ vào xứ Ngài đã hứa cho dân tộc họ là ai?
Ngài phán Ngài chỉ đem Ca-lép và Giô-suê vào đất Ngài đã hứa cho dân tộc họ.
Numbers 14:31
Đức Giê-hô-va phán Ngài còn đem ai vào xứ nữa?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ đem vào xứ những đứa con nhỏ mà cha mẹ nói chúng sẽ trở thành những nạn nhân.
Numbers 14:34
Dân chúng sẽ gánh hậu quả tội lỗi mình trong bao nhiêu năm và vì sao?
Dân chúng sẽ gánh hậu quả tội lỗi mình trong bốn mươi năm vì họ đã do thám xứ trong 40 ngày.
Numbers 14:36
Điều gì xảy ra cho những người đã đi do thám xứ?
Tất cả những người Môi-se sai đi do thám xứ đều chết dưới tai vạ của Đức Giê-hô-va.
Numbers 14:37
Điều gì xảy ra cho những người đã đi do thám xứ?
Tất cả những người Môi-se sai đi do thám xứ đều chết dưới tai vạ của Đức Giê-hô-va.
Numbers 14:38
Trong số những người đi do thám xứ thì ai còn sống?
Trong những người đi do thám xứ chỉ có Giô-suê và Ca-lép còn sống.
Numbers 14:41
Vì sao Môi-se bảo dân chúng đừng đi vào xứ?
Môi-se bảo dân chúng đừng đi vào xứ vì họ đã vi phạm mạng lệnh của Đức Giê-hô-va và vì Ngài không còn ở với họ để khiến cho kẻ thù không đánh bại họ.
Numbers 14:42
Vì sao Môi-se bảo dân chúng đừng đi vào xứ?
Môi-se bảo dân chúng đừng đi vào xứ vì họ đã vi phạm mạng lệnh của Đức Giê-hô-va và vì Ngài không còn ở với họ để khiến cho kẻ thù không đánh bại họ.
Numbers 14:44
Ai không ra khỏi trại để đi lên đồi cùng với dân chúng?
Môi-se và hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đều không ra khỏi trại khi dân chúng đi lên đồi.

Chapter 15
Numbers 15:1
Thông tin chung:
Dân 15:1-32 cho biết những điều Đức Chúa Trời bảo Môi-se đi nói với dân Y-sơ-ra-ên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tỏa hương thơm lên cho Đức Giê-hô-va từ những bầy gia súc hoặc vật nuôi đó
"từ những bầy gia súc hoặc vật nuôi đó tỏa ra hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Sự hài lòng của Chúa về hương thơm đó tượng trưng cho sự hài lòng của Ngài về những người thiêu tế lễ. Tham khảo cách dịch: "làm vui lòng Đức Giê-hô-va khi thiêu tế lễ từ bầy gia súc hoặc súc vật của mình"
Numbers 15:4
của lễ thiêu
Chỉ của lễ được nhắc đến trong NUM 15:3.
một phần mười ê-pha
Một ê-pha là đơn vị đo thể tích bằng khoảng 22 lít. Tham khảo cách dịch: "khoảng 2 lít" hoặc "hai lít"
một phần tư hin
Một hin là đơn vị đo thể tích bằng khoảng 3.7 lít. Tham khảo cách dịch: "khoảng 1 lít" hoặc "một lít"
Numbers 15:6
hai phần mười ê-pha
Một ê-pha là đơn vị đo thể tích bằng khoảng 22 lít. Tham khảo cách dịch: "4 lít" hoặc "bốn lít rưỡi"
một phần ba hin
Một hin là đơn vị đo thể tích bằng khoảng 3.7 lít. Tham khảo cách dịch: "một lít"
Nó sẻ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va
"Nó sẻ tỏa hương thương làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Sự vui lòng của Chúa với hương thơm này tượng trưng cho sự vui lòng của Ngài về người thiêu tế lễ. Tham khảo cách dịch: "Con sẽ làm vui lòng Đức Giê-hô-va khi dâng của lễ đó"
Numbers 15:8
ba phần mười ê-pha
Bạn có thể đổi nó ra đơn vị đo hiện nay. Tham khảo cách dịch: "sáu lít rưỡi"
một nửa hin
Bạn có thể đổi nó ra đơn vị đo hiện nay. Tham khảo cách dịch: "hai lít"
được dâng bằng lửa
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà con đã thiêu trên bàn thờ"
để tỏa hương thơm dâng lên cho Đức Giê-hô-va
"để tỏa hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Việc Chúa vui lòng với những người thờ phượng thật dâng tế lễ như vậy được nói đến như thể Đức Chúa Trời vui lòng với hương thơm tế lễ. Tham khảo cách dịch: "làm vui lòng Đức Giê-hô-va qua việc dâng tế lễ đó"
Numbers 15:11
Phải làm như vậy
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Con phải làm điều này"
phải làm theo như đã mô tả
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "con phải làm như Ta đã mô tả"
được dâng bằng lửa
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà họ đã thiêu trên bàn thờ"
để tỏa hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va
"để tỏa hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Việc Chúa vui lòng với những người thờ phượng thật dâng tế lễ như vậy được nói đến như thể Đức Chúa Trời vui lòng với hương thơm tế lễ. Tham khảo cách dịch: "làm vui lòng Đức Giê-hô-va qua việc dâng tế lễ đó"
Numbers 15:14
người ấy phải dùng lửa dâng một tế lễ
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ấy phải thiêu của tễ lễ trên bàn thờ"
để có hương thơm dâng lên cho Đức Giê-hô-va
"để có hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Việc Chúa vui lòng với những người thờ phượng thật dâng tế lễ như vậy được nói đến như thể Đức Chúa Trời vui lòng với hương thơm tế lễ. Tham khảo cách dịch: "làm vui lòng Đức Giê-hô-va qua việc dâng tế lễ đó"
Con ra sao thì người ngoại kiều đó cũng phải như vậy
Ý nghĩa khả thi: 1) "Con và người ngoại kiều ở với con trước mặt Đức Giê-hô-va đều như nhau" hoặc 2) "Cả con và người ngoại kiều đó đều được xử theo cùng một luật pháp"
Người phải làm như con trước mắt Đức Giê-hô-va
"Người phải làm như con làm trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va". Bởi vì câu này nói rằng họ phải làm như dân Y-sơ-ra-ên làm trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va, ngụ ý rằng họ phải vâng theo mọi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "người phải làm như con làm mà vâng theo mọi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va"
Numbers 15:17
thực phẩm trong xứ đó
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "thực phẩm mà xứ sản sinh" hoặc "thực phẩm mà các con làm ra trong xứ"
Numbers 15:20
bột nhồi đầu tiên của các con
Có thể câu này chỉ 1) những lúa mì đầu tiên mà họ thu hoạch được trong suốt mùa hoặc 2) bột nhào mà họ làm ra từ những hạt lúa mì đầu tiên của họ.
ổ bánh
Gọi nó là ổ bánh ngụ ý rằng họ đã nấu phần bột nhào trước.
dâng nó lên như một tế lễ được dâng lên
Từ "dâng nó lên" chỉ về việc dâng nó lên như một lễ vật". Tham khảo cách dịch: "để dâng nó lên làm lễ vật"
tễ lễ được dâng lên từ sân đập lúa
Tế lễ được nói đến như thể lấy lên từ sân đạp lúa bởi vì đó là nơi họ tách lúa mì khỏi những phần khác trong cây lúa.
Numbers 15:22
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se những điều mà ông phải nói với dân sự.
Thông tin chung:
Từ "các con" ở đây chỉ dân Y-sơ-ra-ên.
để có hương thơm dâng lên cho Đức Giê-hô-va
"để có hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Chúa vui lòng với những người thờ phượng thật dâng tế lễ được nói đến như thể Đức Chúa Trời vui lòng với hương thơm tế lễ". Tham khảo cách dịch: "làm vui lòng Đức Giê-hô-va qua việc thiêu của lễ đó"
phải làm của lễ chay và lễ quán
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "con phải làm của lễ chay và lễ quán"
như đã được lệnh theo ý chỉ của Ta
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch: “như những mạng lệnh trong sắc lệnh” hoặc “như Ta đã lệnh khi Ta lập sắc lệnh”

Numbers 15:25

Họ sẽ được tha thứ

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ tha thứ cho chúng”

dâng lên bằng lửa

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà họ dâng bằng lửa” hoặc “mà họ thiêu trên bàn thờ”

cả hội chúng Y-sơ-ra-ên sẽ được tha thứ

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ tha thứ cho cả hội chúng Y-sơ-ra-ên”

Numbers 15:27

một con dê cái một tuổi

"một con dê cái 1 tuổi”

Người đó sẽ được tha thứ khi của lễ chuộc tội được dâng lên

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ tha thứ cho người đó khi thầy tế lễ dâng của lễ chuộc tội”

Numbers 15:30

Người đó phải bị khai trừ khỏi dân sự Ngài

Phép ẩn dụ “bị khai trừ” có ít nhất ba ý nghĩa. Có thể được diễn đạt theo thể chủ động: 1) “dân sự Ngài phải đuổi người đó đi” hoặc 2) “Ta sẽ không xem người đó thuộc về dân Y-sơ-ra-ên nữa” hoặc 3) “dân sự Ngài phải giết người đó”

đã phạm mạng lệnh của Ta

Không vâng lệnh được nói như thể là phạm phải nó. Tham khảo cách dịch: “đã không vâng theo vâng lệnh của Ta” hoặc “đã không vâng theo những gì Ta ra lệnh”

Tội lỗi của người ấy sẽ ở trên chính người ấy

Ở đây, “tội lỗi” đại diện cho 1) hình phạt cho tội lỗi đó hoặc 2) tội đó. Tội ở trên người là một phép ẩn dụ cho một trong hai ý sau 1) bị trừng phạt hoặc 2) bị ở trong tình trạng tội lỗi. Tham khảo cách dịch: 1) “Ta sẽ trừng phạt người vì cớ tội lỗi của người đó” hoặc 2) “Ta sẽ xem người là tội lỗi”

Numbers 15:32

Chưa chưa được công bố phải làm gì với người

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va chưa công bố họ phải làm gì với người”

Numbers 15:35

Người nầy nhất định phải bị xử tử

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con nhất định phải xử tử người đó”

Numbers 15:37

con cháu Y-sơ-ra-ên

Y-sơ-ra-ên là một tên gọi khác của Gia-cốp. Dân Y-sơ-ra-ên chính là con cháu của người. Tham khảo cách dịch: “dân Y-sơ-ra-ên”

để thực hiện chúng

"để vâng theo chúng”

để con không nhìn vào lòng và mắt mình

"nhìn vào” ở đây là phép ẩn dụ chỉ về việc nghĩ đến. Lòng ở đây tượng trưng cho điều một người muốn. Tham khảo cách dịch: “để con không nghĩ về điều mình muốn”

khiến chính mình gian dâm với chúng

Không trung thành với Đức Chúa Trời khi lựa chọn làm những điều họ muốn được nói đến như thể họ là những người nữ không chung thủy với chồng mình khi quyết định có mối liên hệ tội lỗi với một người nam khác. Có thể nói rõ đó là làm như vậy là một điều đáng xấu hổ. Tham khảo cách dịch: “bất trung với Ta cách hổ thẹn” hoặc “làm những điều đó thay vì vâng phục Ta”

Numbers 15:40

Câu nối:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán bảo Môi-se những điều phải nói với dân Y-sơ-ra-ên. Từ “các con” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

gợi nhớ

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “nhớ lại”

Ta là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các con

Mệnh đề này được lặp lại để nhấn mạnh.

Translation Questions

Numbers 15:3

Các tế lễ trong kỳ lễ hội tạo ra điều gì cho Đức Giê-hô-va?

Các tế lễ trong kỳ lễ hội tạo ra hương thơm cho Đức Giê-hô-va.

Numbers 15:4

Họ phải đem của lễ chay gì khi dâng một con chiên đực?

Khi dâng một con chiên đực họ phải đem của lễ chay là bột lúa mì nhồi dầu.

Numbers 15:5

Dân chúng phải đem của lễ quán gì cùng với của lễ thiêu hoặc khi dâng một chiên con?

Dân chúng phải chuẩn bị rượu làm của lễ quán cùng với của lễ thiêu hoặc khi dâng một chiên con.

Numbers 15:12

Ai là người phải vâng giữ theo những luật lệ về của tế lễ đó?

Tất cả những người Y-sơ-ra-ên bản xứ đều phải chuẩn bị những sinh tế và của tế lễ như những gì Đức Giê-hô-va đã miêu tả ở đây.

Numbers 15:13

Ai là người phải vâng giữ theo những luật lệ về của tế lễ đó?

Tất cả những người Y-sơ-ra-ên bản xứ đều phải chuẩn bị những sinh tế và của tế lễ như những gì Đức Giê-hô-va đã miêu tả ở đây.

Numbers 15:15

Luật pháp và mạng lệnh được áp dụng cho người ngoại bang ở giữa dân Y-sơ-ra-ên như thế nào?

Luật pháp và mạng lệnh được áp dụng như nhau cho người lữ khách và người ngoại bang ở giữa dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 15:16

Luật pháp và mạng lệnh được áp dụng cho người ngoại bang ở giữa dân Y-sơ-ra-ên như thế nào?

Luật pháp và mạng lệnh được áp dụng như nhau cho người lữ khách và người ngoại bang ở giữa dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 15:20

Dân chúng phải làm gì với bột nhồi đầu tiên của họ?

Dân chúng phải dâng một ổ bánh làm từ bột nhồi đầu tiên của họ.

Numbers 15:21

Đức Giê-hô-va truyền cho dân chúng dâng của lễ từ bột nhồi đầu tiên của họ trong bao lâu?

Ngài phán rằng họ phải dâng của lễ này theo cách đưa lên từ thế hệ này sang thế hệ kia.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Numbers 15:24
Hội chúng phải làm gì nếu vô ý phạm tội?
Toàn thể hội chúng phải dâng một con bò đực tơ, một của lễ chay, của lễ quán và một dê đực làm của lễ chuộc tội.
Numbers 15:25
Thầy tế lễ cần phải làm lễ chuộc tội cho ai và vì sao?
Thầy tế lễ cần phải làm lễ chuộc tội cho cả hội chúng vì vô ý phạm tội.
Numbers 15:26
Thầy tế lễ cần phải làm lễ chuộc tội cho ai và vì sao?
Thầy tế lễ cần phải làm lễ chuộc tội cho cả hội chúng vì vô ý phạm tội.
Numbers 15:30
Phải làm gì với những người cố ý phạm tội và vì sao?
Những người cố ý phạm tội phải bị khai trừ khỏi dân tộc mình vì đã khinh thường lời Đức Giê-hô-va và vi phạm điều răn của Ngài.
Numbers 15:31
Phải làm gì với những người cố ý phạm tội và vì sao?
Những người cố ý phạm tội phải bị khai trừ khỏi dân tộc mình vì đã khinh thường lời Đức Giê-hô-va và vi phạm điều răn của Ngài.
Numbers 15:35
Hội chúng đã làm gì với người bị bắt gặp đang lượm củi ngày Sa-bát?
Hội chúng đem người đó ra ngoài trại và ném đá đến chết.
Numbers 15:36
Hội chúng đã làm gì với người bị bắt gặp đang lượm củi ngày Sa-bát?
Hội chúng đem người đó ra ngoài trại và ném đá đến chết.
Numbers 15:38
Dòng dõi Y-sơ-ra-ên được truyền phải làm gì trên áo mình?
Dòng dõi Y-sơ-ra-ên được truyền phải làm các tua nơi viền áo bằng sợi dây màu xanh.
Numbers 15:39
Các tua này là vật nhắc nhỡ điều gì?
Các tua này là vật nhắc nhỡ rằng họ phải giữ mọi điều răn của Đức Giê-hô-va, không đi theo lòng và mắt mình.
Numbers 15:40
Các tua này còn là vật nhắc nhỡ cho điều gì nữa?
Các tua này là lời nhắc nhỡ phải vâng theo mọi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va và rằng họ phải biệt riêng ra thánh cho Đức Chúa Trời.
Numbers 15:41
Đức Giê-hô-va phán Ngài đã làm gì để trở thành Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài đã đem họ ra khỏi đất Ai Cập để làm Đức Chúa Trời của họ.

Chapter 16
Numbers 16:1
Kê-hát
Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.
nổi lên chống lại Môi-se
Nổi loạn hoặc chỉ trích một người có thẩm quyền được nói đến như thể họ nổi lên tranh đấu. Tham khảo cách dịch: “nổi loạn chống lại Môi-se”
hai trăm năm mươi
"250"
những thành viên có danh tiếng trong hội chúng
"những người nổi danh trong hội chúng” hoặc “những người quan trọng trong hội chúng”
Các người đã đi quá xa rồi
Câu này tượng trưng cho việc làm điều gì đó vượt quá điều mình nên làm. Tham khảo cách dịch: “Các người quá lắm rồi!” hoặc “Các người tự cho mình là có quyền hơn mình vốn có”
Tại sao các người tự nhấc mình lên trên những người khác trong hội chúng của Đức Giê-hô-va?
Người đang hỏi câu này đang trách mắng Môi-se và A-rôn. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các người đã sai khi tự nhấc mình lên trên những người khác trong hội chúng của Đức Giê-hô-va.”
tự nhấc mình lên trên những người khác
Việc cho rằng ai đó quan trọng được nói đến như thể là nhấc người đó lên. Tham khảo cách dịch: “tự cho mình quan trọng hơn những người khác”
Numbers 16:4
người sấp mặt xuống đất
Câu này cho thấy Môi-se đang hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời. Ông sợ rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt dân sự vì dám nổi loạn chống nghịch cùng Đức Chúa Trời và những người lãnh đạo mà Ngài đã chọn lựa.
ai được biệt riêng cho Ngài
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người Đức Giê-hô-va đã biệt riêng ra cho mình”
Numbers 16:6
Câu nối:
Môi-se tiếp tục nói với Cô-ra và những người theo ông.
lư hương
vật để đốt trầm hương trong đó.
trước mặt Đức Giê-hô-va
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"
người đó sẽ được biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ biệt riêng người đó ra cho Ngài”
Các con đã đi quá xa
Câu này tượng trưng cho việc làm điều gì đó vượt quá điều mình nên làm. Tham khảo cách dịch: “Các người quá lắm rồi!” hoặc “Các người tự cho mình là có quyền hơn mình vốn có”
Numbers 16:8
Anh em cho rằng ... để phục vụ hội chúng là việc nhỏ mọn sao?
Môi-se dùng câu hỏi này để quở trách Cô-ra và những người theo ông. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Anh em xử sự như thể cho rằng.... để phục vụ hội chúng là một việc nhỏ mọn” hoặc “Anh em không nên cho rằng... phục vụ hội chúng là một việc nhỏ mọn”
một việc nhỏ mọn cho anh em
"không đủ cho anh em” hoặc “chẳng quan trọng đối với anh em”
anh em lại tìm kiếm chức tế lễ
Việc muốn có được chức thầy tế lễ được nói đến như thể đang tìm kiếm nó. Tham khảo cách dịch: “anh em cũng muốn được chức thầy tế lễ” hoặc “anh em cũng muốn làm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thầy tế lễ”

Sao anh em lại đi phàn nàn về A-rôn, là người vốn vâng phục Đức Giê-hô-va?

Môi-se dùng câu hỏi này để cho họ thấy rằng khi họ phàn nàn về những việc A-rôn đang làm ấy là họ đang phàn nàn nghịch cùng Đức Giê-hô-va, bởi vì A-rôn đang làm những điều Đức Giê-hô-va bảo người phải làm. Tham khảo cách dịch: “Ấy chẳng phải là anh em đang phàn nàn về A-rôn đâu, nhưng về chính Đức Giê-hô-va, là Đấng mà A-rôn vâng phục”

Numbers 16:12

Việc ông đem chúng tôi… để giết chúng tôi trong hoang mạc này là chuyện nhỏ sao?

Đa-than và A-bi-ram dùng câu hỏi này để oán trách Môi-se. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ông hành xử như thể đối với ông việc ông đem chúng tôi… để chúng tôi có thể chết trong hoang mạc này là chuyện nhỏ vậy”

chuyện nhỏ

"chưa đủ” hoặc “không quan trọng”

xử chảy tràn sữa và mật

Họ nói về vùng đất tốt cho cả cây trồng và vật nuôi như thể sữa và mật từ những vật nuôi và cây trồng đó chảy tràn khắp cả xứ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 14:08]

làm sản nghiệp

Những người nầy nói đến những điều Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ thuộc về họ mãi mãi như thể chúng là của thừa kế của họ vậy.

Bây giờ ông lại muốn làm mù mắt chùng tôi bằng những lời hứa xáo rỗng sao?

Dân sự dùng câu hỏi này để buộc tội Môi-se. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ ông lại muốn làm mù mắt chúng tôi bằng những lời hứa xáo rỗng” (See:

làm mù mắt chúng tôi

Dối gạt người ta được nói đến như thể làm cho họ bị mù. Tham khảo cách dịch: “phỉnh gạt chúng tôi”

bằng những lời hứa xáo rỗng

Họ nói về những lời hứa không thực hiện như thể chúng là những bình chứa rỗng. Tham khảo cách dịch: “bằng những lời hứa mà ông không thực hiện” hoặc “khi hứa làm những điều mà ông không làm”

Numbers 16:15

Con không hề lấy một con lừa nào của họ

Một con lừa ở đây tượng chưng cho bất cứ thứ gì mà một người có thể nhận từ người khác. Tham khảo cách dịch: “Con không hề lấy bất cứ thứ gì của họ, kể cả một con lừa”

lư hương

vật để đốt trầm hương trong đó

Numbers 16:20

để Ta sẽ ăn nuốt chúng nó

Việc hủy hiệt dân sự được nói đến như thể Đức Chúa Trời sẽ ăn họ. Tham khảo cách dịch: “để Ta sẽ hủy diệt chúng nó” hoặc “và Ta sẽ hủy diệt chúng nó”

sấp mặt xuống đất

Hành động này cho thấy Môi-se và A-rôn đang hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời của các thần linh của toàn nhân loại

Ở đây, “thần linh” tượng trưng cho khả năng sống động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời là Đấng ban sự sống cho toàn nhân loại”

Nếu chỉ có một người phạm tội mà Ngài lại nổi giận với cả hội chúng sao?

Môi-se và A-rôn dùng câu hỏi này để nài xin Đức Chúa Trời bênh vực cho dân sự. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “xin đừng nổi giận với cả hội chúng chỉ vì một người phạm tội”

Numbers 16:25

anh em sẽ bị ăn nuốt

Bị hủy diệt được nói đến như thể họ sẽ bị ăn nuốt. Tham khảo cách dịch: “anh em sẽ bị hủy diệt”

anh em sẽ bị ăn nuốt bởi những tội lỗi của họ

Bị hủy diệt vì cớ tội lỗi của họ được nói đến như thể những tội lỗi đó sẽ hủy diệt ho. Tham khảo cách dịch: “anh em sẽ bị hủy diệt vì cở tất cả những tội lỗi của họ”

anh em sẽ bị ăn nuốt bởi những tội lỗi của họ

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những tội lỗi của họ sẽ hủy diệt anh em” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt anh em vì cớ những tội lỗi của họ”

Numbers 16:28

Nhờ điều nầy, anh em sẽ biết

Ở đây, “điều này” tức là những điều Môi-se để nói sau đó.

như một cái miệng lớn nuốt chửng họ

Môi-se nói như thể đất sống động và lỗ hổng trên mặt đất mà những người này sẽ bị rơi vào đó là một cái miệng lớn sẽ ăn nuốt họ. Tham khảo cách dịch: “và chúng sẽ ngã vào đó và bị chôn dưới lòng đất”

Numbers 16:31

Đất hả miệng nuốt họ

Môi-se nói như thể đất sống động và nói đến lỗ hổng mà những người đó rơi vào như thể đó là miệng của đất. Tham khảo cách dịch: “Đất sẽ nứt ra như một cái miệng rộng, và họ sẽ rơi vào và bị chôn trong đó” hoặc “Có một lỗ hổng lớn trên đất, và họ rơi vào rồi bị chôn trong đó”

Numbers 16:33

còn đang sống mà xuống âm phủ

Cụm từ tương tự xuất hiện ở NUM 16:30. Hãy xem cạch bạn đã dịch cụm từ này ở đó.

Họ kêu la

"Họ” chỉ “Toàn thể dân Y-sơ-ra-ên”

Đất cũng sắp nuốt chửng chúng ta!

Dân sự nói về đất như thể nó đang sống động. Tham khảo cách dịch: “Đất có thể nứt ra và chúng ta cũng sẽ bị rơi vào đó” hoặc “Nếu đất lại nứt ra nữa thì chúng ta cũng sẽ bị rơi vào và bị chôn trong đó”

Numbers 16:36

từ chỗ đám lửa

Chỉ đám lửa đã thiêu cháy 250 người.

những kẻ đã mất sự sống mình

Mất sự sống của họ tượng trưng cho việc chết. Tham khảo cách dịch: “những kẻ đã chết”

Hãy lấy chúng làm

Ở đây, “chúng” chỉ những lư hương. Tham khảo cách dịch: “Hãy bảo Ê-lê-a-sa làm chúng”

chúng được biệt riêng… Chúng sẽ là một dấu hiệu

Ở đây, “chúng” là những lư hương.

Numbers 16:39

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đã từng được sử dụng bởi những người đã bị thiêu cháy
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà những người đã bị lửa thiêu cháy sử dụng”
trở nên như Cô-ra và nhóm của ông ấy
Có thể nói rõ những người này đã ra sao. Tham khảo cách dịch: “chết như Cô-ra và nhóm người của ông đã chết”
Numbers 16:41
Kế đó, chuyện xảy ra
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ bạn dùng có cách diễn đạt cho ý này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
họp nhau chống lại Môi-se và A-rôn
"họp nhau lại để oán trách Môi-se và A-rôn"
kìa
"thình lình”. Ở đây, “kìa” cho thấy dân sự sửng sốt trước những điều mình xem thấy.
Numbers 16:44
để Ta sẽ ăn nuốt chúng
Đức Chúa Trời nói về việc hủy diệt những người nầy như thể Ngài sẽ ăn họ. Tham khảo cách dịch: “để Ta sẽ hủy diệt chúng” hoặc “và Ta sẽ hủy diệt chúng”
sấp mặt mình xuống đất
Cụm từ nầy chỉ ra rằng Môi-se và A-rôn đang hạ mình trước Đức Chúa Trời.
cơn thịnh nộ từ Đức Giê-hô-va đang đến
Cơn thịnh nộ đến từ Đức Chúa Trời tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời đang nổi cơn thịnh nộ. Đức Thánh Linh “Đức Chúa Trời đang nổi cơn thịnh nộ cùng chúng ta” hoặc “Đức Giê-hô-va đang nổi cơn thịnh nộ và sắp sửa trừng phạt theo cơn giận của mình
Numbers 16:47
ông bỏ hương vào lư
Bỏ trầm hương vào lư ở đây tượng trưng cho việc đốt nó lên. Tham khảo cách dịch: “ông đốt trầm hương”
dịch bệnh được dừng lại
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dịch bệnh ngừng lây lan”

Translation Questions

Numbers 16:1
Ai là người cùng với Đa-than, A-bi-ram và Ôn tụ tập một số người để chống lại Môi-se?
Cô-rê đã tụ tập một số người để chống lại Môi-se.
Numbers 16:2
Cùng với Cô-rê, A-bi-ram và Ôn có những ai nổi dậy chống lại Môi-se?
Hai trăm năm mươi người lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên cùng nổi dậy chống lại Môi-se.
Numbers 16:3
Cô-rê và những người khác cho rằng hai người nào đã tự nhấc mình lên trên hội chúng của Đức Giê-hô-va?
Họ cho rằng Môi-se và A-rôn tự nhấc mình lên trên hội chúng của Đức Giê-hô-va.
Numbers 16:4
Môi-se đã làm gì khi nghe các lãnh đạo nói với ông?
Môi-se sấp mặt xuống khi nghe các lãnh đạo nói với mình.
Numbers 16:5
Môi-se nói ai sẽ cho Cô-rê và những người theo ông biết người được chọn làm thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va là ai bằng cách đưa người đó đến gần Ngài vào sáng mai?
Môi-se nói cùng Cô-rê và những người theo ông rằng Đức Giê-hô-va sẽ cho họ biết Ngài đã chọn ai làm thầy tế lễ bằng cách đưa người đó đến gần Ngài vào sáng mai.
Numbers 16:6
Môi-se chỉ dẫn cho ai đem lư hương đến để biết Đức Giê-hô-va đã chọn ai làm người thánh và họ phải làm gì với lư hương đó?
Môi-se chỉ dẫn cho Cô-rê và hết thảy những người theo ông ngày hôm sau phải đem lư hương đến, bỏ lửa và hương liệu vào trước mặt Đức Giê-hô-va để biết được Đức Giê-hô-va đã chọn ai làm người thánh.
Numbers 16:7
Môi-se chỉ dẫn cho ai đem lư hương đến để biết Đức Giê-hô-va đã chọn ai làm người thánh và họ phải làm gì với lư hương đó?
Môi-se chỉ dẫn cho Cô-rê và hết thảy những người theo ông ngày hôm sau phải đem lư hương đến, bỏ lửa và hương liệu vào trước mặt Đức Giê-hô-va để biết được Đức Giê-hô-va đã chọn ai làm người thánh.
Numbers 16:8
Đức Giê-hô-va biệt riêng người Lê-vi khỏi hội chúng Y-sơ-ra-ên để làm gì?
Đức Giê-hô-va của Y-sơ-ra-ên đã biệt riêng người Lê-vi khỏi hội chúng Y-sơ-ra-ên để đem họ đến gần Ngài, làm công việc trong Đền Tạm của Đức Giê-hô-va và đứng trước mặt hội chúng mà phục vụ họ.
Numbers 16:9
Đức Giê-hô-va biệt riêng người Lê-vi khỏi hội chúng Y-sơ-ra-ên để làm gì?
Đức Giê-hô-va của Y-sơ-ra-ên đã biệt riêng người Lê-vi khỏi hội chúng Y-sơ-ra-ên để đem họ đến gần Ngài, làm công việc trong Đền Tạm của Đức Giê-hô-va và đứng trước mặt hội chúng mà phục vụ họ.
Numbers 16:10
Cô-rê và người Lê-vi họp lại nghịch cùng ai khi họ đòi chức tế lễ của A-rôn và phàn nàn chống lại người?
Cô-rê và người Lê-vi họp lại nghịch cùng Đức Giê-hô-va khi họ đòi chức tế lễ của A-rôn và phàn nàn chống lại người.
Numbers 16:11
Cô-rê và người Lê-vi họp lại nghịch cùng ai khi họ đòi chức tế lễ của A-rôn và phàn nàn chống lại người?
Cô-rê và người Lê-vi họp lại nghịch cùng Đức Giê-hô-va khi họ đòi chức tế lễ của A-rôn và phàn nàn chống lại người.
Numbers 16:12
Đa-than và A-bi-ram nói gì khi Môi-se gọi họ đến và họ nói gì về Môi-se?
Đa-than và A-bi-ram nói rằng họ sẽ không đến. Họ nói rằng Môi-se đã đem họ ra khỏi xứ đượm sữa và mật để giết họ trong hoang mạc và rằng ông muốn cai trị họ.
Numbers 16:13
Đa-than và A-bi-ram nói gì khi Môi-se gọi họ đến và họ nói gì về Môi-se?
Đa-than và A-bi-ram nói rằng họ sẽ không đến. Họ nói rằng Môi-se đã đem họ ra khỏi xứ đượm sữa và mật để giết họ trong hoang mạc và rằng ông muốn cai trị họ.
Numbers 16:15
Môi-se tức giận cầu xin điều gì với Đức Giê-hô-va về của lễ của Đa-than và A-bi-ram, và Môi-se nói ông không lấy gì của họ hay không làm điều gì với họ?
Môi-se tức giận cầu xin Đức Giê-hô-va đừng chấp nhận tế lễ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của họ và Môi-se nói rằng ông không bắt một con lừa nào của họ và cũng không làm hại một ai trong bọn họ.
Numbers 16:16
Môi-se truyền cho 250 người và A-rôn đem theo vật gì vào ngày hôm sau và phải đến đâu?
Môi-se truyền cho A-rôn và 250 người cầm lư hương đến trước mặt Đức Giê-hô-va.
Numbers 16:17
Môi-se truyền cho 250 người và A-rôn đem theo vật gì vào ngày hôm sau và phải đến đâu?
Môi-se truyền cho A-rôn và 250 người cầm lư hương đến trước mặt Đức Giê-hô-va.
Numbers 16:19
Điều gì hiện ra khi Cô-rê và những người hội hiệp theo ông chống lại Môi-se và A-rôn đứng trước cửa lều hội kiến?
Khi Cô-rê và những người hội hiệp theo ông chống lại Môi-se và A-rôn đứng trước cửa lều hội kiến thì vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra cùng toàn thể hội chúng.
Numbers 16:20
Đức Giê-hô-va muốn Môi-se và A-rôn làm gì?
Đức Giê-hô-va muốn Môi-se và A-rôn đứng tách khỏi hội chúng để Ngài tiêu diệt họ ngay lập tức.
Numbers 16:21
Đức Giê-hô-va muốn Môi-se và A-rôn làm gì?
Đức Giê-hô-va muốn Môi-se và A-rôn đứng tách khỏi hội chúng để Ngài tiêu diệt họ ngay lập tức.
Numbers 16:22
Môi-se và A-rôn đã làm gì và nói gì khi Đức Chúa Trời của linh hồn mọi người truyền cho họ tách khỏi hội chúng đang họp lại ở cửa lều?
Môi-se và A-rôn sấp mặt xuống hỏi Đức Chúa Trời của linh hồn mọi người rằng Ngài nổi giận với cả hội chúng khi chỉ một người phạm tội thôi sao?
Numbers 16:23
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se bảo hội chúng làm gì?
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se bảo hội chúng tránh xa lều của Cô-rê, Đa-than và A-bi-ram.
Numbers 16:24
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se bảo hội chúng làm gì?
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se bảo hội chúng tránh xa trại của Cô-rê, Đa-than và A-bi-ram.
Numbers 16:25
Ai đi theo Môi-se khi ông đi về phía Đa-than và A-bi-ram bảo hội chúng tránh xa trại của những kẻ hung ác này và không đụng đến vật gì thuộc về họ?
Các trưởng lão đi theo Môi-se khi ông đi về phía Đa-than và A-bi-ram bảo hội chúng tránh xa trại của những kẻ hung ác này và không đụng đến vật gì thuộc về họ.
Ông nói điều gì sẽ xảy ra nếu hội chúng đứng gần trại của họ?
Ông nói hội chúng sẽ bị tiêu diệt vì tội lỗi của họ.
Numbers 16:26
Ai đi theo Môi-se khi ông đi về phía Đa-than và A-bi-ram bảo hội chúng tránh xa trại của những kẻ hung ác này và không đụng đến vật gì thuộc về họ?
Các trưởng lão đi theo Môi-se khi ông đi về phía Đa-than và A-bi-ram bảo hội chúng tránh xa trại của những kẻ hung ác này và không đụng đến vật gì thuộc về họ.
Ông nói điều gì sẽ xảy ra nếu hội chúng đứng gần trại của họ?
Ông nói hội chúng sẽ bị tiêu diệt vì tội lỗi của họ.
Numbers 16:27
Ai đi ra đứng ở cửa trại cùng với vợ con và cháu chắt mình?
Đa-than và A-bi-ram đi ra đứng ở cửa trại cùng với vợ con và cháu chắt mình.
Numbers 16:28
Làm thế nào dân chúng biết rằng Đức Giê-hô-va đã sai Môi-se làm mọi việc đó chứ chẳng phải ông làm tự ý mình?
Nếu những người đó chết cách thường tình thì Đức Giê-hô-va không sai Môi-se. Nếu Đức Giê-hô-va làm đất hả miệng ra nuốt họ còn đang sống mà xuống âm phủ thì hết thảy dân chúng biết rằng những người đó đã xúc phạm đến Đức Giê-hô-va.
Numbers 16:30
Làm thế nào dân chúng biết rằng Đức Giê-hô-va đã sai Môi-se làm mọi việc đó chứ chẳng phải ông làm tự ý mình?
Nếu những người đó chết cách thường tình thì Đức Giê-hô-va không sai Môi-se. Nếu Đức Giê-hô-va làm đất hả miệng ra nuốt họ còn đang sống mà xuống âm phủ thì hết thảy dân chúng biết rằng những người đó đã xúc phạm đến Đức Giê-hô-va.
Numbers 16:31
Điều gì xảy ra khi Môi-se vừa dứt lời với Cô-rê và những người theo ông?
Khi Môi-se vừa dứt lời thì đất hả miệng nuốt Cô-rê, những người theo Cô-rê cùng gia quyến và tất cả tài sản của họ.
Numbers 16:32
Điều gì xảy ra khi Môi-se vừa dứt lời với Cô-rê và những người theo ông?
Khi Môi-se vừa dứt lời thì đất hả miệng nuốt Cô-rê, những người theo Cô-rê cùng gia quyến và tất cả tài sản của họ.
Numbers 16:33
Điều gì xảy ra cho mọi người trong gia đình họ?
Mọi người trong gia đình họ còn đang sống mà xuống âm phủ, đất lấp lại và họ bị tiêu diệt khỏi hội chúng.
Numbers 16:34
Cả Y-sơ-ra-ên làm gì và họ sợ điều gì?
Cả Y-sơ-ra-ên chạy trốn vì sợ đất sẽ nuốt họ.
Numbers 16:35
Điều gì xảy ra cho 250 người đã dâng hương cho Chúa?
Lửa từ Đức Giê-hô-va lòe ra thiêu hủy hai trăm năm mươi người đã dâng hương.
Numbers 16:37
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se bảo Ê-lê-a-sa, con trai thầy tế lễ A-rôn làm gì và vì sao?
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se bảo Ê-lê-a-sa lượm các lư hương ra khỏi chỗ lửa cháy và rải than trong các lư hương ra vì chúng đã được thánh hóa và biệt riêng cho Ngài.
Numbers 16:38
Môi-se bảo Ê-lê-a-sa làm gì với phần kim loại từ lư hương của những kẻ chết vì tội lỗi mình?
Ê-lê-a-sa phải dát thành những tấm mỏng để bọc bàn thờ vì chúng được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va.
Những tấm dát bọc bàn thờ đó là dấu hiệu cho điều gì?
Những tấm dát bọc bàn thờ đó là dấu hiệu cho sự hiện diện của Đức Giê-hô-va với dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 16:39
Những lư hương bằng đồng trở thành vật nhắc nhở như thế nào?
Chúng sẽ trở thành một vật nhắc nhở cho dân Y-sơ-ra-ên để không ai ngoài dòng A-rôn được đến xông hương trước mặt Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Numbers 16:40
Những lư hương bằng đồng trở thành vật nhắc nhở như thế nào?
Chúng sẽ trở thành một vật nhắc nhở cho dân Y-sơ-ra-ên để không ai ngoài dòng A-rôn được đến xông hương trước mặt Đức Giê-hô-va.
Numbers 16:41
Sáng hôm sau cả hội chúng Y-sơ-ra-ên cằn nhằn điều gì chống lại Môi-se và A-rôn?
Sáng hôm sau cả hội chúng Y-sơ-ra-ên cằn nhằn chống lại Môi-se và A-rôn rằng họ đã giết con dân của Đức Giê-hô-va.
Numbers 16:42
Điều gì xảy ra khi hội chúng nhìn về phía lều hội kiến?
Mây bao phủ lều hội kiến và vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra.
Numbers 16:43
Môi-se và A-rôn đi đến đâu?
Môi-se và A-rôn đến trước lều hội kiến.
Numbers 16:45
Đức Giê-hô-va phán gì với Môi-se khi họ đứng trước lều thánh?
Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng họ phải tránh xa hội chúng để Ngài tiêu diệt chúng ngay lập tức.
A-rôn và Môi-se làm gì khi họ được Đức Giê-hô-va phán phải tránh xa khỏi hội chúng?
A-rôn và Môi-se sấp mặt xuống đất khi họ được Đức Giê-hô-va phán phải tránh xa khỏi hội chúng.
Numbers 16:46
Môi-se bảo A-rôn làm gì để ngăn chặn tai họa từ cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va?
Môi-se bảo A-rôn lấy lư hương bỏ lửa từ bàn thờ vào và bỏ hương liệu lên trên, rồi mau chóng đi đến giữa hội chúng.
Numbers 16:47
A-rôn chạy đi đâu để làm lễ chuộc tội khi tai họa lan ra và ông đứng ở giữa những gì?
A-rôn chạy đến giữa hội chúng để làm lễ chuộc tội khi tai họa lan ra, ông đứng giữa kẻ chết và người sống.
Numbers 16:48
A-rôn chạy đi đâu để làm lễ chuộc tội khi tai họa lan ra và ông đứng ở giữa những gì?
A-rôn chạy đến giữa hội chúng để làm lễ chuộc tội khi tai họa lan ra, ông đứng giữa kẻ chết và người sống.
Numbers 16:49
Ngoài những người chết trong vụ Cô-rê, có bao nhiêu người chết trong tai họa này?
Ngoài những người chết trong vụ Cô-rê, có 14,700 người chết trong tai họa này.
Numbers 16:50
Điều gì xảy ra lúc A-rôn trở lại cửa lều?
Lúc A-rôn trở lại cửa lều thì tai họa dừng lại.

Chapter 17
Numbers 17:1
mười hai
"12"
Numbers 17:3
Câu nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
cây gậy của Lê-vi
Cái tên Lê-vi ở đây chỉ về chi tộc Lê-vi.
cho mỗi người đứng đầu từ chi tộc của tổ tiên người đó
Ở đây, “người đó” chỉ “mỗi người đứng đầu”
Hòm Chứng Ước
Cụm từ "Hòm Chứng Ước" chỉ hòm đựng những bảng đá mà các điều răn trong giao ước được viết trên đó. Tham khảo cách dịch: “Hòm Giao Ước” hoặc “cái rương chứa Hòm Chứng Ước"
cây gậy của người Ta chọn sẽ nở hoa
"hoa sẽ bắt đầu mọc trên cây gậy của người Ta chọn”
khiến những lời cằn nhằn của dân Y-sơ-ra-ên nghịch cùng con phải ngưng lại
Ở đây, “những lời cằn nhằn” là danh từ trừu tượng, bạn có thể chuyển nó thành động từ. Tham khảo cách dịch: “khiến dân Y-sơ-ra-ên ngưng cằn nhằn nghịch cùng con”
Numbers 17:6
được chọn từ mỗi một chi tộc do tổ tiên truyền lại
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người Môi-se đã chọn từ mỗi một chi tộc của tổ tiên họ”
Lều Chứng Ước
Cụm từ "Hòm Chứng Ước" chỉ về hòm có chứa những bảnh đá có ghi những luật pháp trong giao ước. Tham khảo cách dịch: “Lều của Hòm Chứng Ước” hoặc “Lều có đặt Hòm Chứng Ước”
Numbers 17:8
kìa
Từ “kìa” ở đây chỉ một điều gì đó đặc biệt quan trọng đã xảy ra. Có thể có một từ tương tự trong ngôn ngữ của bạn.
Numbers 17:10
Hòm Chứng Ước
Cụm từ "Hòm Chứng Ước" chỉ hòm có chứa những bảnh đá có ghi những luật pháp trong giao ước. Tham khảo cách dịch: “Lều của Hòm Chứng Ước” hoặc “Lều có đặt Hòm Chứng Ước”
để con có thể chấm dứt những lời cằn nhằn chống lại Ta
Cụm từ “những lời cằn nhằn” là danh từ trừu tượng, bạn có thể chuyển nó thành động từ. Tham khảo cách dịch: “để con có thể ngăn chúng không cằn nhằn nghịch cùng ta”
nếu không chúng sẽ chết
Đây là điều sẽ xảy ra nếu dân sự tiếp tục căn nhằn. Đức Chúa Trời muốn ngăn cản điều này. Tham khảo cách dịch: “để chúng sẽ không phải chết”
Numbers 17:12
Chúng tôi sẽ chết tại đây. Chúng tôi sẽ chết hết!
Cả hai cụm từ này về cơ bản đều cùng chỉ về một điều và được kết hợp để nhấn mạnh.

Translation Questions

Numbers 17:2
Đức Giê-hô-va phán mỗi chi tộc trong dân Y-sơ-ra-ên phải nộp vật gì và làm gì với vật đó?
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se bảo dân Y-sơ-ra-ên phải nộp mười hai cây gậy, mỗi cây từ một lãnh đạo của một chi tộc và viết tên người đó lên cây gậy của họ.
Numbers 17:3
Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se viết tên ai lên cây gậy của Lê-vi?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se viết tên A-rôn lên cây gậy của Lê-vi.
Numbers 17:4
Môi-se phải làm gì với mười hai cây gậy?
Môi-se phải để các gậy đó trong lều hội kiến trước hòm chứng Ước.
Đức Giê-hô-va phán cây gậy của người được Đức Giê-hô-va chọn sẽ như thế nào?
Cây gậy của người được Đức Giê-hô-va chọn sẽ trổ hoa.
Numbers 17:5
Điều gì sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va khiến cho cây gậy trổ hoa?
Đức Giê-hô-va sẽ làm câm nín những tiếng cằn nhằn của dân Y-sơ-ra-ên chống lại Môi-se.
Numbers 17:6
Khi Môi-se nói cùng dân Y-sơ-ra-ên thì có những ai nộp gậy mình cho ông?
Tất cả những người lãnh đạo chi tộc đều nộp gậy mình cho ông, kể cả A-rôn.
Numbers 17:8
Điều gì xảy ra khi Môi-se đặt những cây gậy trước mặt Đức Giê-hô-va trong lều chứng ước?
Khi Môi-se đặt những cây gậy trước mặt Đức Giê-hô-va trong lều chứng ước thì gậy của A-rôn đâm chồi, trổ hoa và ra trái hạnh nhân chín.
Numbers 17:9
Môi-se làm gì với tất cả các cây gậy?
Môi-se rút tất cả cây gậy trước mặt Đức Giê-hô-va, mỗi người thấy cây gậy của mình và lấy về.
Numbers 17:10
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm gì với cây gậy của A-rôn?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se đặt cây gậy của A-rôn trước hòm chứng ước.
Vì sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se đặt cây gậy của A-rôn trước hòm chứng ước?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se đặt cây gậy của A-rôn trước hòm chứng ước để giữ làm một dấu hiệu cho tội dân chúng đã nổi loạn nhờ đó Môi-se làm câm nín những lời cằn nhằn chống lại Đức Giê-hô-va.
Numbers 17:12
Dân Y-sơ-ra-ên sợ điều gì?
Dân Y-sơ-ra-ên sợ rằng họ sẽ chết khi ai nấy đến gần Đền Tạm của Đức Giê-hô-va.
Numbers 17:13
Dân Y-sơ-ra-ên sợ điều gì?
Dân Y-sơ-ra-ên sợ rằng họ sẽ chết khi ai nấy đến gần Đền Tạm của Đức Giê-hô-va.

Chapter 18
Numbers 18:1
mọi tội lỗi phạm đến Nơi Thánh
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mọi tỗi lỗi mà dân sự đã phạm nghịch cùng Nơi Thánh”
mọi tội lỗi đã phạm bởi những người trong chức thầy tế lễ
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mọi tội lỗi mà những người trong chức thầy tế lễ phạm phải”
những người trong chức thầy tế
"thầy tế lễ nào”
Numbers 18:3
Câu nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với A-rôn.
Họ phải phục vụ con... Họ phải cùng với con
"Họ” chỉ về những người trong chi tộc Lê-vi, từ “con” ở số ít chỉ về A-rôn.
nếu không họ và cả các con cũng sẽ chết
Ở đây, “họ” chỉ về bất cứ một người nào trong chi tộc Lê-vi đến “gần bất cứ thứ gì trong Nơi Thánh” , từ “các con” ở số nhiều và chỉ về cả A-rôn và những người còn lại trong chi tộc Lê-vi phục vụ trong vai trò hỗ trợ.
không đến gần các các con. Các con phải nhận trách nhiệm
Ở đây, “các con” ở số nhiều chỉ cả A-rôn và những người Lê-vi còn lại.
để cơn thịnh nộ của Ta không giáng trên dân Y-sơ-ra-ên nữa
Ý nghĩa khả thi: 1) câu này tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời vô cùng tức giận với dân Ngài. Tham khảo cách dịch: “để Ta không nổi giận với dân Y-sơ-ra-ên” hoặc 2) câu này tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời trừng phạt họ vì cơn thịnh nộ của Ngài. Tham khảo cách dịch: “để Ta không phạt dân Y-sơ-ra-ên nữa”
Numbers 18:6
Câu nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với A-rôn.
Họ là món quà cho các con
Đức Giê-hô-va chỉ định những người Lê-vi để giúp đỡ A-rôn được nói đến như thể họ là món quà mà Đức Giê-hô-va ban cho A-rôn. Tham khảo cách dịch: “Họ giống như món quà cho con”
được dâng cho Ta
Ở đây, “được dâng” cho Đức Chúa Trời tượng trưng cho việc được biệt riêng ra để phục vụ Đức Chúa Trời. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Ta đã biệt riêng cho Ta” hoặc “và Ta đã biệt riêng họ ra cho Ta”
chỉ có con và các con trai của con
Ở đây, “con” và “của con” đều ở dạng số ít và chỉ về A-rôn. Những lần xuất hiện khác của “các con” và “của các con” thì ở số nhiều và chỉ về A-rôn cùng các con trai của ông.
thi hành chức thầy tế lễ
"làm công việc của thầy tế lễ”
mọi thứ ở trong bức màn
Ở trong bực màn tượng trưng cho việc ở trong căn phòng phía sau bức màn. Tham khảo cách dịch: “mọi thứ ở trong căn phòng phía sau bức màn”
Bất cứ người ngoại nào đến gần phải bị xử tử
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Bất cứ người ngoại nào đến gần phải chết” hoặc “Các con phải giết chết người ngoại nào đến gần”
người đến gần
Có thể nói rõ họ không được đến gần những vật nào. Tham khảo cách dịch: “người đến gần những vật thánh”
Numbers 18:8
những tế lễ được dâng lên cho Ta
Ở đây, “được dâng lên cho Ta” tượng trưng cho việc dâng thứ gì đó lên cho Đức Chúa Trời. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những tế lễ mà dân sự dâng lên cho Ta”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ta đã ban những lễ vật ấy cho con
Đức Chúa Trời phán như thể Ngài đã làm điều đó rồi bởi vì đây là quyết định mà Ngài đã ra trước đó. Tham khảo cách dịch: “Ta ban những lễ vật nầy cho con”
như phần riêng của các con
Phần là một phần trong thứ gì đó mà một người nhận được. Tham khảo cách dịch: “như là phần mà con sẽ luôn nhận được”
được giữ khỏi lửa
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã không thiêu rụi trên bàn thờ”
Những vật đó rất thánh
"những phần nầy rất thánh”
Numbers 18:10
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.
tinh sạch theo quy định
Ở trạng thái làm vừa lòng Đức Chúa Trời được nói đến như thể họ tinh sạch. Tham khảo cách dịch: “làm Ta hài lòng”
Numbers 18:12
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.
những sản vật đầu mùa
Cụm từ này chỉ những sản vật đầu mùa là dầu, rượu và lúa mì tốt nhất mà họ thu hoạch được.
Tất cả những người tinh sạch trong nhà con
Làm vừa lòng Đức Chúa Trời được nói đến như thể họ sạch. Tham khảo cách dịch: “Những người Ta đẹp lòng trong nhà con”
Numbers 18:14
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.
Mọi vật lọt lòng mẹ đầu tiên, mọi con đầu lòng
Về cơ bản thì cả hai vế nầy đều nói về cùng một điều. Tham khảo cách dịch: “Mọi con trai đầu lòng”
Mọi vật lọt lòng mẹ đầu tiên
Cách nói “lọt lòng mẹ đầu tiên” nghĩa là con trai đầu lòng mà một người mẹ sinh được.
dân sự nhất định phải chuộc lại mọi con trai đầu lòng
Thay vì dâng con trai đầu lòng của mình làm tế lễ, dân sự phải trả giá chuộc con trai mình cho thầy tế.
Những con đầu lòng sẽ được dân sự chuộc lại thì phải được chuộc lại sau khi được một tháng tuổi
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Dân sự phải chuộc chúng lại khi chúng được một tháng tuổi”
Những con đầu lòng sẽ được chuộc lại
Có vẻ, cụm từ này nói chỉ đề cập đến những con trai đầu lòng của dân sự thì phải được chuộc lại, không phải những con thú đầu lòng không tinh sạch.
năm siếc-lơ... bằng với hai mươi ghê-ra
Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị đo lường hiện tại, thì ở đây có hai cách chuyển đổi. Tham khảo cách dịch: “năm miếng bạc... bằng với mười gram” hoặc “năm mươi gram bạc, tính theo cân chuẩn dùng trong Nơi Thánh”
năm siếc-lơ
siếc-lơ mà một đơn vị cân nặng. Có thể làm rõ cái gì được cân nặng ở đây. Tham khảo cách dịch: “năm siếc-lơ bạc”
siếc-lơ Nơi Thánh
Có nhiều loại siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Đây chính là loại siếc-lơ mà dân sự phải dùng trong Nơi Thánh của Lều thánh. Nó nặng hai mươi ghê-ra, bằng khoảng 11 gram.
Numbers 18:17
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.
con phải rảy huyết của chúng
Có thể làm rõ rằng ông phải giết những con vật này. Tham khảo cách dịch: “Con phải giết và rảy huyết chúng”
được dâng bằng lửa
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà con dâng bằng lửa" or "mà người dùng lửa thiêu trên bàn thờ”
một thứ hương làm vui lòng Đức Giê-hô-va
Sự vui lòng của Chúa với hương thơm đó tượng trưng cho sự vui lòng của Ngài đối với người thiêu của tế lễ. Tham khảo cách dịch: “và Đức Giê-hô-va sẽ vui lòng với con”
phần ức dâng đưa qua đưa lại và cái đùi bên phải
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “cái ức và đùi bên phải mà người dâng làm lễ vật lên cho Ta”
Numbers 18:19
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.
Ta đã ban cho con
Đức Chúa Trời phán như thể Ngài đã làm điều này rồi bởi vì đây là quyết định mà Ngài đã ra trước đó. Tham khảo cách dịch: “Ta ban cho con”
như một phần liên tục
Phần là một phần của một thứ gì đó mà một người nhận được. Tham khảo cách dịch: “như một phần mà người sẽ luôn nhận được”
một giao ước đời đời bằng muối... một giao ước ràng buộc đời đời
Cả hai cụm từ này cùng chỉ về một điều. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh một ý rằng giao ước này sẽ tồn tại mãi mãi. Tham khảo cách dịch: “một giao ước đời đời”
một giao ước đời đời bằng muối
"một giao ước được lập bằng muối”. Muối tượng trưng cho sự lâu bền vĩnh cữu và được dùng trong các tễ lễ và các bữa ăn thuộc về giao ước. Tham khảo cách dịch: “một giao ước lâu dài” hoặc “một giao ước đời đời”
Con sẽ không có phần cơ nghiệp nào trong đất của dân sự
Đức Chúa Trời nói về phần đất mà những người khác sẽ nhận được như thể họ được thừa kế chúng. Tham khảo cách dịch: “Con sẽ không nhận được bất kỳ phần đất nào của dân sự” hoặc “Con sẽ không nhận được bất kỳ phần đất nào mà dân Y-sơ-ra-ên sẽ nhận”
Ta chính là phần của con và cơ nghiệp của con
Đức Chúa Trời nói về sự tôn trọng lớn mà A-rôn và dòng dõi của ông sẽ nhận được khi phục vụ Ngài trong chức thầy tế lễ như thể Đức Chúa Trời làm một điều gì đó mà họ sẽ thừa hưởng. Tham khảo cách dịch: “Thay vào đó, Ta sẽ cho con phục sự Ta và Ta sẽ chu cấp cho con qua sự phục vụ đó”
Numbers 18:21
Câu nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.
Kìa, Ta đã ban

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ “kìa” ở đây thêm nhấn mạnh cho phần phía sau. Tham khảo cách dịch: “quả thật, Ta đã ban”

làm cơ nghiệp của họ

Đức Chúa Trời nói đến những điều mà A-rôn và dòng dõi của họ sẽ nhận được như thể họ sẽ được thừa hưởng chúng. Tham khảo cách dịch: “làm phần của họ trong những điều Ta ban cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 18:23

Câu nối:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.

họ không có phần cơ nghiệp giữa dân Y-sơ-ra-ên

Đức Chúa Trời nói về phần đất mà những người khác trong dân Y-sơ-ra-ên sẽ chiếm hữu được như thể họ sẽ thừa hưởng chúng. Người Lê-vi sẽ không được nhận bất lỳ phần đất nào. Tham khảo cách dịch: “họ không được sở hữu bất kỳ phần đất nào trong vùng đất mà những người khác trong Y-sơ-ra-ên nhận được”

làm sản nghiệp của họ

Đức Chúa Trời nói về những thứ mà A-rôn và dòng dõi của ông sẽ nhận được như thể họ sẽ được thừa hưởng chúng. Tham khảo cách dịch: “làm phần của họ trong những điều Ta ban cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 18:25

Khi nào các con nhận từ dân Y-sơ-ra-ên phần mười mà Ta đã ban cho các con từ họ

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ dâng cho Đức Giê-hô-va phần mười trong các sản vật và gia súc của mình, và Đức Giê-hô-va sẽ ban chúng cho người Lê-vi.

làm sản nghiệp của con

Đức Chúa Trời nói về những gì mà A-rôn và dòng dõi ông sẽ nhận được như thể họ sẽ được thừa hưởng nó. Tham khảo cách dịch: “như phần của con trong những điều Ta đã ban cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên”

Lễ vật của các con phải được các con xem là

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải xem lễ vật của mình”

Numbers 18:28

Câu nối:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán bảo Môi-se những điều ông phải nói với người Lê-vi.

con phải lấy lễ vật của Ta đưa cho thầy tế lễ A-rôn

Ở đây, “của Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va. Đây là phần của Đức Giê-hô-va trong ý nghĩa là họ phải dâng nó cho Ngài. Tham khảo cách dịch: “Ngươi phải đưa cho A-rôn phần dâng mà ngươi nợ Đức Giê-hô-va”

mà Ta đã ban cho con

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho con”

Numbers 18:30

Câu nối:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se.

phần tốt nhất trong đó

"phần tốt nhất trong số những thứ con đã nhận từ dân Y-sơ-ra-ên”

phần còn lại trong những lễ vật của các con

“lễ vật” là những tế lễ mà dân Y-sơ-ra-ên dâng lên cho Đức Chúa Trời và những tế lễ mà người Lê-vi nhận từ họ.

Các con sẽ không chịu bất cứ tội gì khi ăn uống những vật đó

"Các con sẽ không có tội khi các con ăn và uống những vật đó”

Translation Questions

Numbers 18:1

Đức Giê-hô-va phán chỉ có A-rôn, các con trai của ông và gia tộc ông chịu trách nhiệm về việc gì?

Đức Giê-hô-va phán cùng A-rôn rằng ông, các con trai của ông và gia tộc ông chịu trách nhiệm cho những tội lỗi liên quan đến nơi thánh.

Đức Chúa Trời phán ai sẽ chịu trách nhiệm về những tội lỗi liên quan đến chức tế lễ?

Chỉ có A-rôn và các con trai của ông chịu trách nhiệm về những tội lỗi liên quan đến chức tế lễ.

Numbers 18:2

Chi tộc nào sẽ giúp đỡ A-rôn và các con trai ông khi họ phục vụ trước lều chứng ước?

Chi tộc Lê-vi, chi tộc của tổ phụ A-rôn sẽ giúp đỡ A-rôn và các con trai ông khi họ phục vụ trước lều chứng ước.

Numbers 18:3

Người Lê-vi không được đi đâu khi họ phục vụ A-rôn và lều?

Người Lê-vi không được đến gần những vật trong nơi thánh hoặc trên bàn thờ.

Nếu người Lê-vi đến gần những vật trong nơi thánh hoặc trên bàn thờ thì sẽ thế nào?

Nếu người Lê-vi đến gần những vật trong nơi thánh hoặc trên bàn thờ thì họ và A-rôn sẽ chết.

Numbers 18:4

Ai không được đến gần A-rôn?

Người ngoại bang không được đến gần A-rôn.

Người Lê-vi chịu trách nhiệm cho việc gì?

Người Lê-vi sẽ cộng tác với A-rôn coi sóc lều hội kiến và làm công việc trong lều.

Numbers 18:5

Vì sao A-rôn và các con trai người phải coi sóc nơi thánh và bàn thờ?

A-rôn và các con trai người phải coi sóc nơi thánh và bàn thờ để cơn thịnh nộ không giáng trên dân Y-sơ-ra-ên nữa.

Numbers 18:6

Đức Giê-hô-va ban cho A-rôn và các con trai người điều gì và vì sao?

Đức Giê-hô-va đã chọn người Lê-vi để ban cho A-rôn, họ được dâng cho Đức Giê-hô-va để làm những việc lều hội kiến.

Numbers 18:7

Chỉ những ai được phép thi hành chức tế lễ trong tất cả các việc liên quan đến bàn thờ và phía trong màn?

Chỉ có A-rôn và các con trai người có thể thi hành chức tế lễ trong tất cả các việc liên quan đến bàn thờ và phía trong màn.

Nếu người ngoại nào đến gần bàn thờ của Đức Giê-hô-va phía trong màn thì sẽ thế nào?

Nếu người ngoại nào đến gần bàn thờ của Đức Giê-hô-va phía trong màn thì sẽ bị xử tử.

Numbers 18:8

Những tế lễ thánh nào dâng cho Đức Giê-hô-va sẽ được ban cho A-rôn và các con trai của ông như một phần của họ vĩnh viễn?

Những tế lễ chí thánh mà dân Y-sơ-ra-ên đã dâng cho Đức Giê-hô-va chưa được thiêu hết sẽ là một phần vĩnh viễn của A-rôn và các con trai người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Numbers 18:9
Những tế lễ thánh nào dâng cho Đức Giê-hô-va sẽ được ban cho A-rôn và các con trai của ông như một phần của họ vĩnh viễn?
Những tế lễ chí thánh mà dân Y-sơ-ra-ên đã dâng cho Đức Giê-hô-va chưa được thiêu hết sẽ là một phần vĩnh viễn của A-rôn và các con trai người.
Những tế lễ khác dành cho ông và các con trai ông là gì?
Tất cả lễ vật mà dân chúng đem đến, bao gồm tế lễ chay, tế lễ chuộc tội, tế lễ chuộc sự mắc lỗi đều dành cho A-rôn và các con trai ông.
Numbers 18:10
Mọi người nam Lê-vi phải ăn những tế lễ đó như thế nào?
Mọi người nam Lê-vi phải ăn những tế lễ đó như một vật rất thánh, được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va.
Numbers 18:11
Đức Giê-hô-va ban cho ai phần được biệt riêng trong hết thảy tế lễ dâng đưa qua đưa lại của dân Y-sơ-ra-ên để làm một phần vĩnh viễn cho họ?
Đức Giê-hô-va ban phần được biệt riêng trong hết thảy tế lễ dâng đưa qua đưa lại của dân Y-sơ-ra-ên cho các con trai, con gái được tinh sạch của A-rôn để làm một phần vĩnh viễn cho họ.
Numbers 18:12
Còn những thứ gì khác được ban cho nhà A-rôn?
Hết thảy dầu tốt nhất, rượu mới, ngũ cốc, các hoa quả đầu mùa và thổ sản đầu mùa mà dân chúng đem dâng cho Đức Giê-hô-va đều sẽ thuộc về A-rôn và những người tinh sạch trong nhà người.
Numbers 18:13
Còn những thứ gì khác được ban cho nhà A-rôn?
Hết thảy dầu tốt nhất, rượu mới, ngũ cốc, các hoa quả đầu mùa và thổ sản đầu mùa mà dân chúng đem dâng cho Đức Giê-hô-va đều sẽ thuộc về A-rôn và những người tinh sạch trong nhà người.
Numbers 18:15
Dân chúng phải chuộc lại những gì?
Dân chúng phải chuộc lại mọi con trai đầu lòng của loài người và con đực đầu lòng của thú vật không thanh sạch.
Numbers 18:16
Dân chúng phải chuộc lại các con trai đầu lòng vào lúc nào?
Dân chúng phải chuộc lại các con trai đầu lòng sau khi chúng một tháng tuổi.
Numbers 18:17
Những thú vật nào không được chuộc lại, nhưng chúng là thánh, được biệt riêng làm tế lễ cho Đức Giê-hô-va mà A-rôn và các con trai người có thể ăn được?
Các con đầu lòng của bò, chiên hoặc dê không được chuộc lại vì chúng là thánh, được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va, A-rôn và các con trai người có thể ăn được.
Numbers 18:18
Những thú vật nào không được chuộc lại, nhưng chúng là thánh, được biệt riêng làm tế lễ cho Đức Giê-hô-va mà A-rôn và các con trai người có thể ăn được?
Các con đầu lòng của bò, chiên hoặc dê không được chuộc lại vì chúng là thánh, được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va, A-rôn và các con trai người có thể ăn được.
Numbers 18:19
Đức Giê-hô-va phán vật gì sẽ được ban cho A-rôn và các con trai, con gái người làm phần vĩnh viễn cho họ vì những tế lễ đó là một giao ước bằng muối đời đời trước mặt Đức Giê-hô-va cho A-rôn và cho dòng dõi người?
Đức Giê-hô-va ban tất cả lễ vật thánh mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho A-rôn và các con trai, con gái người làm phần vĩnh viễn cho họ vì những tế lễ đó là một giao ước bằng muối đời đời trước mặt Đức Giê-hô-va cho A-rôn và cho dòng dõi người.
Numbers 18:20
Vì sao Đức Giê-hô-va bảo A-rôn sẽ không có cơ nghiệp trong xứ giữa dân chúng?
Đức Giê-hô-va bảo A-rôn sẽ không có cơ nghiệp trong xứ vì Đức Giê-hô-va là phần và cơ nghiệp của ông.
Numbers 18:21
Đức Giê-hô-va còn ban điều gì cho dòng dõi Lê-vi làm cơ nghiệp để trả cho công khó của họ phục vụ trong lều hội kiến?
Đức Giê-hô-va còn ban mọi thuế phần mười của Y-sơ-ra-ên cho dòng dõi Lê-vi làm cơ nghiệp để trả cho công khó của họ phục vụ trong lều hội kiến.
Numbers 18:22
Đức Giê-hô-va phán kể từ đó trở đi ai sẽ chết nếu dân chúng đến gần lều hội kiến của Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va phán kể từ đó trở đi dân Y-sơ-ra-ên không được đến gần lều hội kiến nếu không họ sẽ chết.
Numbers 18:27
Người Lê-vi dâng cho Đức Giê-hô-va lễ vật gì khi họ nhận của lễ chay hay rượu từ dân Y-sơ-ra-ên?
Của lễ người Lê-vi dâng lại cho Đức Giê-hô-va là một phần mười của lễ chay hay rượu đó.
Numbers 18:28
Người Lê-vi phải giao cho ai hết thảy số phần mười họ đã nhận từ dân Y-sơ-ra-ên để làm lễ vật dâng cho Đức Giê-hô-va?
Người Lê-vi phải giao cho A-rôn hết thảy số phần mười họ đã nhận từ dân Y-sơ-ra-ên để làm lễ vật dâng cho Đức Giê-hô-va.

Chapter 19
Numbers 19:1
một quy định, một luật pháp
Hai từ này có cùng nghĩa. Tham khảo cách dịch: “quy định của luật pháp” hoặc “quy định hợp pháp”
đem đến cho con
Ở đây, từ con ở số ít và chỉ về Môi-se.
tật nguyền hoặc tì vết
Về cơ bản, hai từ nầy cùng chỉ về một điều và nhấn mạnh rằng con vật đó không có chỗ khiếm khuyết nào.
Numbers 19:3
trước mặt ông
"trước mắt ông” hoặc “để ông có thể nhìn thấy nó”
Thầy tế lễ phải lấy gỗ bá hương
"Thầy tế lễ” chỉ về Ê-lê-a-sa.
chỉ len đỏ sậm
"chỉ len đỏ”
Numbers 19:7
Sau đó, ông phải giặt quần áo mình
Ở đây, “ông” chỉ thầy tế lễ Ê-lê-a-sa.
người sẽ cứ bị ô uế
Không được Đức Chúa Trời chấp nhận hoặc không phù hợp để làm bất cứ công việc thánh nào được nói đến như thể

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không được tinh sạch.
Numbers 19:9
Người nào tinh sạch
Được Đức Chúa Trời chấp nhận hoặc phù hợp để làm công việc thánh được nói đến như thể tinh sạch.
Tro đó phải được giữ
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con phải giữ số tro này”
trong một nơi tinh sạch
Được Đức Chúa Trời chấp nhận được nói đến như thể được tinh sạch.
người sẽ cứ bị ô uế
Không được Đức Chúa Trời chấp nhận hoặc không phù hợp để làm bất cứ công việc thánh nào được nói đến như thể không được tinh sạch.
Numbers 19:11
Thông tin chung:
Những quan niệm về “tinh sạch” và “thanh tẩy” tượng trưng cho việc được Đức Chúa Trời chấp nhận.
Thông tin chung:
Những quan niệm về “không tinh sạch”, “ô uế”, “không trong sạch” và “sự ô uế” tượng trưng cho tình trạng mà Đức Chúa Trời không vui lòng.
xác chết của người nào đó
"xác chết của người nào”
thanh tẩy mình
Người nầy sẽ xin người tinh sạch nào đó thanh tẩy cho mình bằng cách rẩy một ít nước hoàn với tro của con bò cái lên mình. Xin ai đó thanh tẩy cho người được nói đến như thể người sẽ tự thanh tẩy cho mình. Tham khảo cách dịch: “xin ai đó thanh tẩy cho mình”
Nếu người không thanh tẩy mình trong ngày thứ ba, thì người sẽ không được tinh sạch trong ngày thứ bảy
Có thể diễn đạt ý này ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “người ấy sẽ được tinh sạch trong ngày thứ bảy chỉ khi nào người ấy thanh tẩy mình trong ngày thứ ba”
Người đó phải bị khai trừ
Ở đây, cụm từ “bị khai trừ” có nghĩa là bị từ chối và bị đuổi đi. Tham khảo cách dịch: “Người đó phải bị đuổi” hoặc “con phải đuổi người đó”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 9:13]
nước tẩy uế không được rẩy trên người ấy
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “không ai rẩy nước tẩy uế trên người”
nước tẩy uế
"nước được rẩy trên những vật ô uế để khiến chúng trở nên tinh sạch” hoặc “nước để khiến vật trở nên tinh sạch”
Người ấy sẽ cứ bị ô uế, sự ô uế của người sẽ cứ ở trên người
Hai cụm từ nầy về cơ bản cùng chỉ về một ý, và được kết hợp để nhấn mạnh.
Numbers 19:14
Thông tin chung:
Quan niệm về “ô uế” tượng trưng cho việc không được Đức Chúa Trời vui lòng chấp nhận hoặc không phù hợp để sử dụng.
Những bình nào không có nắp che phủ lại thì bị ô uế
Câu này có thể chuyển thành dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Những bình chứa nào hở sẽ chỉ được sạch khi nào chúng có nắp đậy lại”
ai bị giết bằng gươm
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người nào bị người khác dùng gươm giết”
Numbers 19:17
Thông tin chung:
Từ “ô uế” có nghĩa là không được Đức Chúa Trời vui lòng chấp nhận hoặc không phù hợp để dùng. "
Thông tin chung:
“Tinh sạch” và “thanh tẩy” có nghĩa là ở trong tình trạng được Đức Chúa Trời vui lòng chấp nhận.
Numbers 19:20
Thông tin chung:
“Tinh sạch” và “thanh tẩy” có nghĩa là ở trong tình trạng được Đức Chúa Trời vui lòng chấp nhận.
Thông tin chung:
“ô uế”, “làm ô uế” và “không tinh sạch” có nghĩa là ở trong tình trạng không được Đức Chúa Trời chấp nhận.
người đó sẽ bị khai trừ
Ở đây, cụm từ “bị khai trừ” có nghĩa là bị từ chối và bị đuổi đi. Tham khảo cách dịch: “Người đó phải bị đuổi khỏi” hoặc “con phải đuổi người đó đi”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 9:13]
Nước tẩy uế không được rẩy trên người
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không ai được rảy nước tẩy uế trên người”
nước tẩy uế
"nước được rẩy trên những vật ô ueeus để khiến chúng trở nên tinh sạch” hoặc “nước khiến vật được tinh sạch”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 19:13

Translation Questions

Numbers 19:2
Quy định hay luật pháp mà Đức Giê-hô-va truyền cho dân Y-sơ-ra-ên là gì?
Đức Giê-hô-va truyền cho dân Y-sơ-ra-ên mang đến một con bò cái màu đỏ không tì vết và chưa từng mang ách.
Numbers 19:3
Thầy tế lễ Ê-lê-a-sa phải đem con bò cái đến nơi nào để người ta giết trước mặt ông?
Thầy tế lễ Ê-lê-a-sa phải đem con bò cái mà người ta sẽ giết trước mặt ông ra ngoài trại quân.
Numbers 19:4
Ê-lê-a-sa làm gì với huyết con bò cái?
Ê-lê-a-sa dùng ngón tay nhúng huyết nó rảy bảy lần phía trước cửa lều hội kiến.
Numbers 19:5
Một thầy tế lễ khác phải làm gì với con bò cái đó?
Một thầy tế lễ khác phải thiêu da, thịt, huyết và phân của nó trước mặt Ê-lê-a-sa.
Numbers 19:6
Thầy tế lễ ném gỗ bá hương, cành bài hương và chỉ len đỏ sậm vào đâu?
Thầy tế lễ phải ném gỗ bá hương, cành bài hương và chỉ len đỏ sậm vào giữa con bò cái đang bị thiêu.
Numbers 19:7
Ê-lê-a-sa bị ô uế bao lâu sau khi ông đã giặt áo quần, tắm mình trong nước và trở lại trại quân?
Ê-lê-a-sa bị ô uế đến chiều tối sau khi ông đã giặt áo quần,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tắm mình trong nước và trở lại trại quân.
Numbers 19:8
Thầy tế lễ thiêu con bò cái bị ô uế bao lâu sau khi giặt áo quần, tắm trong nước và trở lại trại quân?
Thầy tế lễ thiêu con bò cái bị ô uế đến chiều tối sau khi giặt áo quần, tắm trong nước và trở lại trại quân.
Numbers 19:9
Một người tinh sạch đã làm gì với tro của con bò cái?
Một người tinh sạch đã hốt tro của con bò cái đổ ở ngoài trại quân, nơi tinh sạch.
Tro đổ ở ngoài trại quân, nơi tinh sạch sẽ thế nào?
Tro đó phải được giữ cho hội chúng Y-sơ-ra-ên để hòa với nước tẩy uế vì là một tế lễ tế lễ chuộc lỗi.
Numbers 19:10
Luật định đời đời cho người hốt tro của con bò cái là gì?
Người hốt tro của con bò cái phải giặt áo quần mình và bị ô uế đến chiều tối.
Numbers 19:11
Người nào đụng đến xác người chết sẽ bị ô uế bao lâu?
Người nào đụng đến xác người chết sẽ bị ô uế trong bảy ngày.
Numbers 19:12
Người đụng đến xác người chết phải thanh tẩy mình như thế nào?
Người đụng đến xác người chết phải thanh tẩy mình vào ngày thứ ba và ngày thứ bảy để được tinh sạch vào ngày thứ bảy.
Người nào đụng đến xác người chết mà không thanh tẩy mình vào ngày thứ ba thì sẽ thế nào?
Người nào không thanh tẩy mình vào ngày thứ ba sau khi chạm vào xác người chết thì sẽ không được tinh sạch vào ngày thứ bảy.
Numbers 19:13
Vì sao người đụng đến xác chết mà không thanh tẩy mình thì vẫn bị ô uế và người đó sẽ như thế nào?
Người đụng đến xác chết mà không thanh tẩy mình thì vẫn bị ô uế vì người đã làm ô uế Đền Tạm của Đức Giê-hô-va.
Người đó sẽ bị khai trừ khỏi Y-sơ-ra-ên và vẫn còn ô uế.
Numbers 19:14
Người nào đi vào trại có người chết hoặc người đã ở trong trại khi có người chết thì sẽ thế nào?
Cả người đi vào trại có người chết và người đã ở trong trại khi có người chết đều sẽ bị ô uế trong bảy ngày.
Numbers 19:15
Bình đựng nào không đậy nắp khi có người chết trong trại thì sẽ thế nào?
Tất cả bình không đậy nắp đều sẽ bị ô uế khi có người chết trong trại.
Numbers 19:16
Luật định cho bất kì người nào ở ngoài trại đụng đến người bị gươm giết hoặc một xác chết hoặc hài cốt hay mồ mả là gì?
Người Y-sơ-ra-ên nào đụng đến người bị gươm giết hoặc một xác chết hoặc hài cốt hay mồ mả thì sẽ bị ô uế trong bảy ngày.
Numbers 19:17
Phải sử dụng thứ gì cho người bị ô uế và phải hòa nó với thứ gì?
Phải sử dụng tro từ của lễ thiêu và hòa nó vào bình với nước ngoài sông hay suối.
Numbers 19:18
Một người phải làm gì với tro từ của lễ thiêu được hòa với nước sông hay suối trong bình đó?
Một người tinh sạch sẽ lấy cành bài hương nhúng vào nước ấy rồi rảy trên trại, trên đồ đạc, trên những người có mặt trong trại có người chết và trên người nào đã đụng vào hài cốt hoặc xác chết hoặc mồ mả.
Numbers 19:21
Người rảy nước tẩy uế sẽ thế nào và người ấy sẽ bị ô uế bao lâu?
Người rảy nước tẩy uế phải giặt áo quần mình và bị ô uế đến chiều tối.
Numbers 19:22
Người nào chạm vào vật gì người ô uế đã chạm thì sẽ thế nào?
Người nào chạm vào vật gì người ô uế đã chạm thì sẽ bị ô uế đến chiều tối.

Chapter 20
Numbers 20:1
hoang mạc Sin
Từ “Sin” ở đây là tên gọi trong tiếng Hê-bơ-rơ của một hoang mạc, không là từ “sin”
tháng đầu tiên
Đây là tháng thứ nhất trong lịch Hê-bơ-rơ. Tháng nầy đánh dấu thời điểm khi Đức Chúa Trời giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi người Ai Cập. Tháng thứ nhất nầy là khoảng thời gian kéo dài từ cuối tháng Ba đến đầu tháng Tư trong lịch phương Tây.
và được chôn
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và họ chôn bà”
Numbers 20:2
họ tụ họp lại
Ở đây, “họ” chỉ về toàn hội chúng.
tụ họp lại cùng nhau
“tụ lại thành đám đông mà đi tới”
trước Đức Giê-hô-va
Cụm nầy tương ứng với việc ở trước lều của Đức Giê-hô-va.
Numbers 20:4
Câu nối:
Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục phàn nàn với Môi-se và A-rôn.
Sao ông đem hội chúng của Đức Giê-hô-va vào hoang mạc nầy để chúng tôi và súc vật của chúng tôi phải chết ở đây?
Dân sự dùng câu hỏi nầy để phàn nàn với Môi-se và A-rôn. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra ông không nên đem hội chúng của Đức Giê-hô-va vào hoang mạc nầy để chúng tôi và cả súc vật của chúng tôi phải chết ở đây.”
Và tại sao ông lại khiến chúng tôi đi lên khỏi Ai Cập để đem chúng tôi vào nơi khủng khiếp nầy?
Dân sự dùng câu hỏi nầy để phàn nàn với Môi-se và A-rôn. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Đáng lẽ ra ông không nên khiến chúng tôi rời khỏi Ai Cập để đem chúng tôi vào nơi khủng khiếp nầy”
Numbers 20:6
sấp mặt xuống đất
Cụm từ nầy chỉ ra rằng Môi-se và A-rôn đang hạ mình trước Đức Chúa Trời.
Numbers 20:7
trước mắt họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây, “mắt họ” đại diện cho những người Y-sơ-ra-ên đang chứng kiến việc Môi-se đang làm. Tham khảo cách dịch: “khi họ đang nhìn xem con”

từ chỗ trước Đức Giê-hô-va

Cụm nầy tương ứng với lều của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “từ lều của Đức Giê-hô-va”

Numbers 20:10

Chúng tôi phải khiến nước chảy ra từ tảng đá nầy cho các con sao?

Môi-se đặt ra câu hỏi nầy trong tâm trạng thất vọng để quở trách dân sự vì họ phàn nàn. Có thể dịch câu nầy sang một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các con đã oán trách rằng không có nước. Được, vậy chúng tôi sẽ khiến nước chảy ra từ tảng đá nầy” hoặc “Các con sẽ chẳng vui lòng kể cả khi chúng tôi khiến nước chảy ra từ tảng đá nầy. Nhưng ta sẽ làm như vậy”

Chúng tôi phải

Ở đây, từ “chúng tôi” chỉ về Môi-se và A-rôn và có thể bao gồm cả Đức Giê-hô-va, nhưng không bao gồm dân sự.

Numbers 20:12

Bởi vì các con đã không tin Ta, cũng không tôn thánh Ta trước mắt dân Y-sơ-ra-ên

Có thể làm rõ việc Môi-se đã thể hiện rằng ông đã không tin và không tôn thánh Đức Chúa Trời ra sao. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì các con đã không tin Ta, cũng không tôn thánh Ta trước mắt dân Y-sơ-ra-ên, mà đập vào tảng đá thay vì phán với nó như Ta đã truyền dặn các con”

trước mắt dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, mắt đại hiện cho những người Y-sơ-ra-ên chứng kiến những việc Môi-se đã làm. Tham khảo cách dịch: “lúc dân Y-sơ-ra-ên đang nhìn xem các con”

Nơi nầy được gọi

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người ta gọi nơi nầy”

Numbers 20:14

Em vua là Y-sơ-ra-ên

Môi-se dùng cụm từ nầy để nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên và dân Ê-đôm có mối liên hệ với nhau, bởi vì tổ tiên của họ, tức là Gia-cốp và Ê-sau, vốn là anh em.

Khi chúng tôi kêu cầu với Đức Giê-hô-va

"Khi chúng tôi cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va xin Ngài cứu giúp chúng tôi”

Ngài đã nghe tiếng của chúng tôi

Ở đây, “tiêng” tượng trưng cho lời kêu khóc hoặc những lời họ đã thưa với Ngài. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã nghe tiếng kêu khóc của chúng tôi” hoặc “Ngài đã nghe điều chúng tôi cầu xin”

Kìa

Từ “Kìa” ở đây đánh dấu phần chuyển chủ đề. Họ vừa thuật lại quá khứ của mình. Giờ, họ nói về hoàn cảnh hiện tại khi chuẩn bị xin vua làm điều gì đó.

Numbers 20:17

Câu nối:

Các sứ giả tiếp tục thưa chuyện cùng vua Ê-đôm.

Chúng tôi sẽ không xây qua bên phải hay bên trái

Ở đây, “xây qua” có nghĩa là rời khỏi con đường đang đi. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi sẽ không rời khỏi đường đó theo bất kỳ hướng nào”

đường cái của vua

Đây là con đường chính nối thành Đa-mách ở phía Bắc với vịnh Aqaba bở phía Nam.

Numbers 20:18

Con không được đi ngang... để tấn công con

Ở đây, từ “con” ở dạng số ít và chỉ về Môi-se, người đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Dân con không được đi ngang qua... để tấn công chúng”

Ta sẽ cầm gươm mà đến

Ở đây, gươm chỉ về quân đội của vua. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ sai quân”

dân Y-sơ-ra-ên

Cụm từ nầy nói đến những sứ giả người Y-sơ-ra-ên.

đi bộ ngang qua

Cách nói nầy có nghĩa là họ sẽ chỉ đi bộ ngang qua khu vực đó. Họ sẽ không đi xe ngựa đến để tấn công dân Ê-đôm.

Numbers 20:20

vua Ê-đôm đi đến nghịch cùng Y-sơ-ra-ên với tay mạnh mẽ cùng nhiều binh lính

Ở đây, từ tay tượng trưng cho quân đội hùng mạnh của vị vua nầy. Tham khảo cách dịch: “cua Ê-đôm sai một đội quân hùng mạnh đến tấn công Y-sơ-ra-ên”

vượt qua biên giới của họ

Ở đây, “của họ” chỉ về người Ê-đôm.

Numbers 20:22

Dân Y-sơ-ra-ên, toàn thể hội chúng

Cụm từ “toàn thể hội chúng” nhấn mạnh ý tất cả những người thuộc “dân Y-sơ-ra-ên” đều có mặt, không loại trừ ai.

A-rôn sẽ được sum họp với tổ tiên mình

Đây là cách nhẹ nhàng để nói rằng A-rôn sẽ chết. Câu nầy có nghĩa là đây là lúc A-rôn sẽ qua đời và linh hồn của ông sẽ đi đến nơi các tổ phụ mình. Tham khảo cách dịch: “A-rôn sẽ chết”

nổi loạn nghịch lại lời của Ta

Ở đây, “lời của Ta” tượng trưng cho những điều Đức Chúa Trời đã phán. Tham khảo cách dịch: “không chịu làm những gì Ta đã truyền”

Numbers 20:25

Câu nối:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se.

phải chết và được sum họp với tổ tiên của mình

Về cơ bản thì cả hai vế nầy đều nói về cùng một điều. Cả hai cụm từ nầy có nghĩa là đây là lúc A-rôn qua đời và linh hồn của ông sẽ đi đến nơi các tổ tiên của mình.

Numbers 20:27

ba mươi ngày

"30 ngày"

Translation Questions

Numbers 20:1

Ai đã đi vào hoang mạc Xin và dừng lại tại Ca-đe?

Dân Y-sơ-ra-ên đã đi vào hoang mạc Xin.

Chuyện gì xảy ra cho Mi-ri-am tại Ca-đe?

Mi-ri-am qua đời và được chôn tại Ca-đe.

Numbers 20:2

Điều gì xảy ra khiến dân chúng phàn nàn chống lại Môi-se và A-rôn?

Không có nước cho dân sự.

Numbers 20:3

Điều gì xảy ra khiến dân chúng phàn nàn chống lại Môi-se và A-rôn?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Không có nước cho dân sự.
Numbers 20:4
Dân chúng, hội chúng của Đức Giê-hô-va, hỏi Môi-se và A-rôn điều gì?
Dân chúng hỏi Môi-se và A-rôn rằng vì sao hai người đem họ và súc vật của họ vào hoang mạc để phải chết.
Numbers 20:5
Trong hoang mạc Xin này người ta không có những gì?
Người ta không có hạt, cây vả, cây nho, cây lựu hay nước để uống.
Numbers 20:6
Điều gì xảy ra cho Môi-se và A-rôn khi họ đến cửa lều hội kiến và sắp mặt xuống?
Vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra với họ khi họ sắp mặt xuống tại cửa lều hội kiến.
Numbers 20:7
Vì sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se cầm gậy,triệu tập hội chúng lại và truyền cho tảng đá trước mắt dân chúng?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm vậy để đá phun nước ra cho dân chúng và súc vật của họ uống.
Numbers 20:9
Vì sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se cầm gậy,triệu tập hội chúng lại và truyền cho tảng đá trước mắt dân chúng?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm vậy để đá phun nước ra cho dân chúng và súc vật của họ uống.
Numbers 20:10
Môi-se gọi dân chúng là gì trước khi ông đập vào tảng đá?
Môi-se gọi dân chúng là dân nổi loạn.
Điều gì xảy ra khi Môi-se dùng gậy đập vào tảng đá hai lần?
Khi Môi-se đập vào tảng đá thì nước phun trào ra, hội chúng và súc vật của họ cùng uống nước.
Numbers 20:11
Điều gì xảy ra khi Môi-se dùng gậy đập vào tảng đá hai lần?
Khi Môi-se đập vào tảng đá thì nước phun trào ra, hội chúng và súc vật của họ cùng uống nước.
Numbers 20:12
Đức Giê-hô-va phán cho Môi-se và A-rôn điều gì sẽ xảy ra vì họ không tin cậy Đức Giê-hô-va hay tôn thánh Ngài trước mặt dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phán rằng họ sẽ không được dẫn hội chúng vào đất mà Ngài đã ban cho họ.
Numbers 20:13
Đức Giê-hô-va phán cho Môi-se và A-rôn điều gì sẽ xảy ra vì họ không tin cậy Đức Giê-hô-va hay tôn thánh Ngài trước mặt dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phán rằng họ sẽ không được dẫn hội chúng vào đất mà Ngài đã ban cho họ.
Numbers 20:14
Môi-se sai sứ giả đến gặp ai để nói về những khó khăn dân chúng đã trải qua?
Môi-se sai sứ giả đến gặp vua Ê-đôm.
Numbers 20:16
Môi-se sai sứ giả đến gặp ai để nói về những khó khăn dân chúng đã trải qua?
Môi-se sai sứ giả đến gặp vua Ê-đôm.
Numbers 20:17
Môi-se xin vua Ê-đôm cho phép dân chúng làm gì?
Môi-se xin vua Ê-đôm cho phép dân Y-sơ-ra-ên đi ngang qua xứ.
Môi-se nói dân chúng sẽ không làm gì cho đến khi đi qua hết biên giới của vua?
Môi-se nói dân chúng sẽ không xây qua bên phải hay bên trái cho đến khi đi qua hết biên giới của vua.
Numbers 20:18
Vua đáp lại Môi-se thế nào?
Vua đáp lại rằng dân Y-sơ-ra-ên không được đi qua địa phận của vua, nếu họ cố đi qua vua sẽ cầm gươm tấn công họ.
Numbers 20:19
Dân Y-sơ-ra-ên đáp lại vua Ê-đôm thế nào?
Dân Y-sơ-ra-ên đáp lại rằng họ chỉ đi theo đường cái, nếu bầy súc vật có uống nước thì họ sẽ trả tiền và họ chỉ đi ngang qua đó chứ không làm điều gì khác.
Numbers 20:20
Vua Ê-đôm làm gì sau khi từ chối không cho dân Y-sơ-ra-ên đi qua xứ?
Vua Ê-đôm đem một đạo quân hùng hậu ra ngăn chặn dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 20:21
Vua Ê-đôm làm gì sau khi từ chối không cho dân Y-sơ-ra-ên đi qua xứ?
Vua Ê-đôm đem một đạo quân hùng hậu ra ngăn chặn dân Y-sơ-ra-ên.
Y-sơ-ra-ên làm gì khi vua Ê-đôm từ chối không cho họ bước qua biên giới?
Y-sơ-ra-ên quay đi khỏi xứ Ê-đôm.
Numbers 20:22
Dân Y-sơ-ra-ên đi đâu khi họ lên đường từ Ca-đe?
Dân Y-sơ-ra-ên đi đến núi Hô-rơ.
Numbers 20:23
Đức Giê-hô-va phán điều gì với Môi-se và A-rôn về hậu quả cho sự nổi loạn của họ?
Đức Giê-hô-va phán với họ rằng A-rôn sẽ về với tổ tiên mình, người không được vào xứ đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên vì cả hai đều đã nổi loạn không vâng theo lời Ngài về nước uống Mê-ri-ba.
Numbers 20:24
Đức Giê-hô-va phán điều gì với Môi-se và A-rôn về hậu quả cho sự nổi loạn của họ?
Đức Giê-hô-va phán với họ rằng A-rôn sẽ về với tổ tiên mình, người không được vào xứ đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên vì cả hai đều đã nổi loạn không vâng theo lời Ngài về nước uống Mê-ri-ba.
Numbers 20:25
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se và A-rôn phải đem ai theo lên núi Hô-rơ?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se và A-rôn phải đem Ê-lê-a-sa, con trai A-rôn, theo lên núi Hô-rơ.
Numbers 20:26
Vì sao Đức Giê-hô-va bảo họ cởi y phục tế lễ A-rôn ra mà mặc cho Ê-lê-a-sa, con trai người?
Đức Giê-hô-va bảo họ rằng A-rôn sẽ qua đời và về với tổ tiên.
Numbers 20:27
Hội chúng làm gì sau khi Môi-se làm theo điều Đức Giê-hô-va truyền phán và họ thấy A-rôn qua đời?
Khi toàn thể hội chúng thấy A-rôn qua đời thì hết thảy khóc thương người trong ba mươi ngày.
Numbers 20:29
Hội chúng làm gì sau khi Môi-se làm theo điều Đức Giê-hô-va truyền phán và họ thấy A-rôn qua đời?
Khi toàn thể hội chúng thấy A-rôn qua đời thì hết thảy khóc thương người trong ba mươi ngày.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 21

Numbers 21:1

vua tiến đánh Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “vua tiến đánh” có nghĩa là quân đội của vua tiến đánh. Tham khảo cách dịch: “quân đội của vua tiến đánh Y-sơ-ra-ên”

Y-sơ-ra-ên hứa nguyện

Câu nầy chỉ dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên hứa nguyện” hoặc “Dân Y-sơ-ra-ên lập lời hứa nguyện”

nghe tiếng của dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “nghe” có nghĩa là Đức Giê-hô-va làm như điều họ đã cầu xin. Tham khảo cách dịch: “làm những điều dân Y-sơ-ra-ên cầu xin”

tiếng của dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “tiếng” là phép hoán dụ chỉ lời thỉnh cầu của họ. Tham khảo cách dịch: “những điều dân Y-sơ-ra-ên cầu xin”

Họ đã tiêu diệt toàn bộ dân ấy và các thành của họ

"Dân Y-sơ-ra-ên đã tiêu diệt toàn bộ đội quân Ca-na-an cùng các thành của họ”

Nơi đó được gọi là Họt-ma

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ gọi nơi đó là Họt-ma”

Numbers 21:4

Tại sao ông lại đem chúng tôi ra khỏi Ai Cập để chết trong hoang mạc nầy?

Dân sự dùng câu hỏi nầy để oán trách Môi-se. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đáng lẽ ông không nên khiến chúng tôi rời khỏi Ai Cập để chết trong hoang mạc nầy!"

Numbers 21:6

chúng tôi đã xúc phạm Đức Giê-hô-va và ông

"chúng tôi đã nói những điều tồi tệ về Đức Giê-hô-va và ông”

chúng tôi

Từ “chúng tôi” ở đây chỉ dân sự, không phải Đức Giê-hô-va hay Môi-se.

Numbers 21:8

Hãy làm một con rắn

Bởi vì việc Môi-se phải làm một con rắn thật là điều không thể, nên câu nầy ngụ ý rằng ông phải làm hình một con rắn. Có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “Hãy làm hình một con rắn”

những người bị cắn

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những ai bị rắn cắn”

một con rắn đồng

"một con rắn bằng đồng”

Nếu ai nhìn con rắn đồng thì sẽ sống sót

Ở đây, người chỉ “bất cứ người nào” bị con rắn cắn.

Numbers 21:10

đối mặt Mô-áp

Ở đây, “mặt” là một cách nói có nghĩa là “đối ngang” hoặc “gần kề”. Tham khảo cách dịch: “gần kề Mô-láp”

Numbers 21:12

làm biên giới lãnh thổ của Mô-áp, nằm giữa Mô-áp và A-mô-rít

Câu nầy có nghĩa là hai dân tộc nầy sống hai bên bờ sông, con sông là biên giới giữa họ. Dân Mô-áp sống ở phía Nam của sông và dân A-mô-rít sống ở phía Bắc.

Numbers 21:14

Va-hép tại Su-pha

Cả hai đều là tên gọi của các địa danh.

triền dốc của các thung lũng chạy về hướng thành A-rơ và đi xuống phía biên giới của Mô-áp

"những triền dốc dẫn đến thành A-rơ và biên giới Mô-áp”

Numbers 21:16

đến Bê-e, ấy đó chỗ cái giếng

Có thể chuyển thành hai câu. Tham khảo cách dịch: “đến Bê-e. Tại đó có một cái giếng” (UDB)

nơi Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: “Hãy tập họp dân chúng lại để Ta ban nước cho chúng”

Câu nầy có thể chuyển thành câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “nơi Đức Giê-hô-va truyền Môi-se đi tập họp dân sự lại để Ngài ban nước cho họ”

Numbers 21:17

Hỡi giếng, hãy tuôn trào lên

Ở đây, “giếng” đại diện cho nguồn nước trong giếng đó. Dân Y-sơ-ra-ên đang nói với nước trong giếng như thể nước đó là một con người có thể nghe thấy họ, và họ đang xin nước làm đầy giếng. Tham khảo cách dịch: “Hỡi nước, hãy dâng đầy giếng kia!”

Giếng mà những nhà lãnh đạo của chúng ta đã đào, các quý tộc của dân Chúa đã bới

Về cơn bản, cả hai cụm từ nầy cùng nói một ý, và nhấn mạnh vai trò của các nhà lãnh đạo trưa trong việc đào giếng nầy.

bằng vương trượng và cây gậy của mình

Vương trượng là vật dụng mà những người có thẩm quyền hay cầm, còn gậy thì mọi người đều có. Không một vật nào trong số hai vật nầy là dụng cụ để đào đất. Cả hai vật dụng nầy nhấn mạnh rằng những người xưa không quá tự hào khi sử dụng bất cứ một công cụ nào mà mình sẵn có. Tham khảo cách dịch: “thậm chí dùng chính vương trượng và cây gậy của mình"

Numbers 21:19

Na-ha-li-ên... Ba-mốt

Đây đều là tên của các địa danh.

Núi Phích-ga

Đây là tên của một ngọn núi.

nhìn xuống hoang mạc

Đây là một cách diễn đạt. Đây là cách để nói rằng ngọn núi nầy cao và người ta nói về đỉnh của nó như thể là một người đang nhìn xuống để xem vùng hoang mạc bên dưới mình. Tham khảo cách dịch: “nổi lên giữa hoang mạc”

Numbers 21:21

Sau đó, Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ dân Y-sơ-ra-ên, và đặc biệt là những nhà lãnh đạo của họ. Tham khảo cách dịch: “Sau đó, dân Y-sơ-ra-ên”

Chúng tôi sẽ không rẽ vào đồng ruộng hay vườn nho

"Chúng tôi sẽ không đi vào bất cứ đồng ruộng hay vườn nho nào của vua”

đường cái của vua

Đây là con đường chính nối liền thành Đa-mách ở phía Bắc và vịnh Aqabah ở phía Nam. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 20:17.

đi qua biên giới của mình

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"vượt qua biên giới của mình". Ở đây, "của mình" chỉ dân A-mô-rít.

Gia-hát

Đây là tên một địa danh.

vua giao chiến cùng Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "vua" chỉ về đội quân của vua Si-hôn, và "Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "đội quân của vua giao chiến cùng dân Y-sơ-ra-ên"

Numbers 21:24

Y-sơ-ra-ên tấn công

Ở đây, "Y-sơ-ra-ên" chỉ dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Dân Y-sơ-ra-ên tấn công"

dùng lưỡi gươm

"dùng phần sắc bén của gươm". "lưỡi gươm" liên tưởng đến sự chết chóc và hủy diệt hoàn toàn. Tham khảo cách dịch: "và hoàn toàn đánh bại chúng" (UDB)

lấy đất của họ

"chiếm lấy đất của dân A-mô-rít". Ở đây, từ "của họ" chỉ về dân A-mô-rít.

dân Am-môn... dân A-mô-rít

"người Am-môn... người A-mô-rít" hoặc "những người ở Am-môn... những người ở A-mô" Những tên gọi nầy tương tự nhau, nhưng chúng chỉ hai nhóm người khác nhau.

được củng cố

"được phòng thủ chắc chắn" (UDB). Dân Y-sơ-ra-ên đã không tấn công người tấn công người Ma-môn.

Hết-bôn và toàn bộ các làm mạc của nó

Ở đây, "của nó" là từ sở hữu cho thấy mối liên hệ tồn tại giữa thành Hết-bôn và những làng lân cận nầy. Tham khảo cách dịch: "Hết-bôn và các làng mạc lân cận mà nó kiểm soát"

Si-hôn đã chiếm toàn bộ đất đai của vua nầy

Ở đây, "của vua" nầy chỉ vua Mô-áp.

Numbers 21:27

Hêt-bôn... thành của Si-hôn

Đây là hai tên gọi cùng chỉ về một thành.

Hãy khiến thành của Si-hôn lại được được xây dựng lại và được thiết lập lại

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Hãy cho người xây lại và thiết lập lại thành của Si-hôn"

xây dựng lại và được thiết lập

Cả cụm từ nầy rất giống nhau và nhấn mạnh rằng thành nầy sẽ được xây dựng lại hoàn toàn. Tham khảo cách dịch: "được xây dựng lại hoàn toàn"

Một ngọn lửa từ Hết-bôn, một ngọn lửa từ thành của Si-hôn

Hai cụm từ nầy về cơ bản cùng chỉ về một điều và nhấn mạnh rằng sự hủy diệt sẽ bắt đầu tại Hết-bôn. Ngọn lửa nầy là nói về một đội quân hủy diệt. Tham khảo cách dịch: "Vua Si-hôn sẽ dẫn đầu một đạo quân hùng mạnh từ thành Hết-bôn"

ăn nuốt A-rơ của Mô-áp

Đạo quân của Si-hôn được nói đến như thể một loại động vật có thể ăn nuốt cả thành A-rơ. Tham khảo cách dịch: "phá hủy thành A-rơ trong đất Mô-áp"

Numbers 21:29

Mô-áp... dân Kê-móc

Cả hai cụm từ nầy cùng chỉ về một dân tộc.

dân Kê-móc

"Kê-móc" là tên gọi của một tà thần mà dân Mô-áp thờ phượng. Tham khảo cách dịch: "dân thờ phượng thần Kê-móc"

Nó đã khiến các con trai mình

"Nó" và "của mình" chỉ về Kê-móc.

chúng ta đã chiến thắn Si-hôn

Ở đây, từ "chúng ta" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên là những người đã đánh bại Si-hôn.

Hết-bôn bị phá hủy

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Chúng ta đã phá hủy Hết-bôn"

Hết-bôn... Heshbon ... đến tận Đi-bôn.. đến Mê-đê-ba

Đây là toàn bộ những đại điểm trong vương quốc của Si-hôn. Điều nầy có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên đã phá hủy toàn bộ nước của Si-hôn.

Numbers 21:31

đuổi

"đuổi đi"

Numbers 21:33

đi ra tấn công họ

"giao chiến với họ"

Hãy xử nó như con đã làm với Si-hôn, vua dân A-mô-rít

Dân Y-sơ-ra-ên đã hủy diệt toàn bộ Si-hôn. Tham khảo cách dịch: "Hãy hủy diệt nó như con đã hủy diệt Si-hôn, vua dân A-mô-rít"

Vậy họ giết vua

"Vậy quân đội của Y-sơ-ra-ên đã giết chết Óc"

không một ai trong dân của ông được để cho sống sót

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "toàn bộ dân của ông đều chết"

họ chiếm đất đai của vua Óc

"họ nắm quyền kiểm soát đất đai củavua Óc"

Translation Questions

Numbers 21:1

vua A-rát, người Ca-na-an làm gì khi nghe tin dân Y-sơ-ra-ên đang đi đến trên con đường A-tha-rim?

Vua A-rát tiến đánh Y-sơ-ra-ên và bắt một số người làm tù binh.

Numbers 21:2

Đức Giê-hô-va làm gì để đáp lại lời hứa nguyện của Y-sơ-ra-ên rằng họ sẽ tận diệt các thành của vua A-rát nếu Đức Giê-hô-va cho Y-sơ-ra-ên chiến thắng họ?

Đức Giê-hô-va nhậm lời dân Y-sơ-ra-ên và cho họ chiến thắng dân Ca-na-an.

Numbers 21:3

Đức Giê-hô-va làm gì để đáp lại lời hứa nguyện của Y-sơ-ra-ên rằng họ sẽ tận diệt các thành của vua A-rát nếu Đức Giê-hô-va cho Y-sơ-ra-ên chiến thắng họ?

Đức Giê-hô-va nhậm lời dân Y-sơ-ra-ên và cho họ chiến thắng dân Ca-na-an.

Nơi Y-sơ-ra-ên tiêu diệt dân Ca-na-an và các thành của họ được gọi là gì?

Nơi đó được gọi là Họt-ma.

Numbers 21:4

Lòng dân chúng thế nào khi đi từ núi Hô-rơ hướng về Biển Đỏ để vòng qua xứ Ê-đôm?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lòng dân chúng sờn ngã.
Numbers 21:5
Dân chúng phàn nàn điều gì nghịch cùng Đức Chúa Trời và Môi-se?
Dân chúng phàn nàn nghịch cùng Đức Chúa Trời và Môi-se rằng tại sao đem họ ra khỏi Ai Cập để họ chết trong hoang mạc vì họ không có bánh cũng không có nước và họ đã chán ngấy mấy thứ thức ăn.
Numbers 21:6
Điều gì xảy ra khi Đức Giê-hô-va sai rắn độc đến trong dân chúng?
Rắn cắn chết nhiều người.
Numbers 21:7
Dân chúng cầu xin Môi-se làm gì sau khi họ xưng nhận mình đã phạm tội và nói nghịch cùng Đức Giê-hô-va và A-rôn?
Dân chúng cầu xin Môi-se kêu cầu Đức Giê-hô-va cho rắn lìa xa họ.
Numbers 21:8
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm gì sau khi Môi-se cầu xin cho dân chúng?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm một con rắn rồi treo nó trên một cây sào.
Numbers 21:9
Nếu dân chúng khi bị rắn cắn nhìn vào con rắn bằng đồng đó thì sẽ thế nào?
Người nào bị cắn mà nhìn vào con rắn bằng đồng đó thì sẽ được sống.
Numbers 21:16
WDân chúng tìm thấy gì ở Bê-e?
Có một cái giếng nước mà Đức Giê-hô-va đã từng bảo dân chúng tập hợp lại để Đức Giê-hô-va ban nước cho họ.
Numbers 21:17
Y-sơ-ra-ên hát về điều gì?
Họ hát về giếng nước mà những người lãnh đạo đã đào để cho họ nước.
Numbers 21:18
Y-sơ-ra-ên hát về điều gì?
Họ hát về giếng nước mà những người lãnh đạo đã đào để cho họ nước.
Numbers 21:21
Dân Y-sơ-ra-ên sai sứ giả đến gặp ai?
Dân Y-sơ-ra-ên sai sứ giả đến gặp Si-hôn, vua dân A-mô-rít.
Numbers 21:22
Các sứ giả Y-sơ-ra-ên thỉnh cầu vua Si-hôn điều gì?
Dân Y-sơ-ra-ên thỉnh cầu cho họ đi ngang qua lãnh thổ của vua mà không uống nước giếng của vua và chỉ đi trên đường cái của vua.
Numbers 21:23
Vua đáp lại thế nào với lời thỉnh cầu của Y-sơ-ra-ên?
Vua từ chối không cho dân Y-sơ-ra-ên đi qua biên giới. Vua tập hợp quân đội và tấn công Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc.
Numbers 21:24
Y-sơ-ra-ên làm gì trước sự tấn công của vua Si-hôn?
Y-sơ-ra-ên dùng gươm tấn công quân đội của vua Si-hôn và chiếm đất của họ.
Numbers 21:31
Dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu sống ở đâu?
Dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu sống trong đất của dân A-mô-rít.
Numbers 21:32
Sau khi Môi-se sai người do thám Gia-ê-xe thì thế nào?
Dân Y-sơ-ra-ên chiếm các làng mạc và đuổi dân A-mô-rít khỏi đó.
Numbers 21:33
Vua Óc làm gì khi Y-sơ-ra-ên quay trở lại và đi lên về hướng Ba-san?
Vua Óc và toàn quân đi ra đánh Y-sơ-ra-ên tại Ết-rê-i.
Numbers 21:34
Đức Giê-hô-va phán gì với Môi-se về Óc và đội quân của vua?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se đừng sợ vua Óc mà xử người như đã xử Si-hôn, vua dân A-mô-rít vì Ngài đã cho họ chiến thắng vua ấy cùng quân đội và đất của người.
Numbers 21:35
Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên đáp ứng thế nào với sự chỉ dẫn của Đức Giê-hô-va?
Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên giết vua Óc, các con trai, đội quân và dân chúng của người rồi chiếm lấy đất đai.

Chapter 22
Numbers 22:1
ở bờ bên kia của sông Giô-đanh từ thành đó
Dân Y-sơ-ra-ên đóng trại ở bờ phía đông của sông Giô-đanh. Giê-ri-cô nằm ở bờ phía tây của sông.
Numbers 22:2
Ba-lác, con trai Xếp-bô
Ba-lác là vua của Mô-áp.
Mô-áp rất sợ dân Y-sơ-ra-ên… Mô-áp rất kinh hãi trước dân Y-sơ-ra-ên
Cả hai cụm từ nầy đều cùng chỉ về một điều, và nhấn mạnh người Mô-áp sợ hãi ra sao.
Mô-áp rất sợ
Ở đây, “Mô-áp” chỉ dân Mô-áp. Tham khảo cách dịch: “Hết thảy người Mô-áp đều rất sợ”
vì họ rất đông
"bởi vì họ rất đông”
Vua của Mô-áp bàn với các trưởng lão Mi-đi-an
Người Mô-áp và Mi-đi-an là hai nhóm dân khác nhau, nhưng lúc bấy giờ dân Mi-đi-an đang sống trên đất của Mô-áp.
Dân nầy sẽ nuốt chửng mọi thứ quanh chúng ta như bò ăn cỏ trên đồng vậy
Cách dân Y-sơ-ra-ên sẽ tiêu diệt đội quân của họ được nói đến như thể dân Y-sơ-ra-ên là con bò ăn những cỏ trên đồng.
Lúc bấy giờ, Ba-lác, con trai Xếp-bô đang làm vua Mô-áp
Câu nầy, chuyển từ câu chuyện chính sang phần thông tin về Ba-lác.
Numbers 22:5
Vua sai sứ giả
"Ba-lác sai các sứ giả”
Bê-ô
Đây là tên của cha của Ba-la-am.
Phê-thô-rớ
Đây là tên của một thành.
của đất nước người và dân tộc người
"của đất nước và dân của Ba-la-am”
Vua gọi ông
"Ma-lác gọi Ba-la-am”. Ba-lác không nói trực tiếp với Ba-la-am nhưng qua các sứ giả mà vua đã phái đi.
Chúng phủ khắp mặt đất
Đây là phép nói quá nhằm nhấn mạnh họ đông đến mức nào. Tham khảo cách dịch: “Chúng rất đông”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mặt đất
Chỉ phần bề mặt của trái đất.
đánh đuổi chúng
"đuổi chúng”
Ta biết rằng kẻ nào con chúc phước thì sẽ được phước, con kẻ nào con rủa sả thì sẽ bị rủa sả
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta biết rằng người có năng quyền để chúc phước hoặc để rủa sả người ta”
Numbers 22:7
tiền công cho lời tiên đoán
Danh từ “lời tiên đoán” có thể được chuyển thành một hành động. Tham khảo cách dịch: “tiền trả cho Ba-la-am để rủa sả dân Y-sơ-ra-ên”
Họ đến gặp Ba-la-am
Có thể bạn muốn nói rằng: “Họ đi đến gặp Ba-la-am”
nói với người những lời của Ba-lác
Từ “những lời” ở đây chỉ đến lời nhắn. Tham khảo cách dịch: “thuật lại cho ông lời nhắn từ Ba-lác”
Tôi sẽ đem đến cho các ông
Lời thuật lại của Ba-la-am được nói đến như thể nó là thứ gì đó mà ông sẽ đem đến cho những sứ giả nầy. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ nói cho các ông”
Numbers 22:9
Đức Chúa Trời đến cùng Ba-la-am
"Đức Chúa Trời hiện ra cùng Ba-la-am”
Những người đến gặp con là ai?
Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để mở đầu cuộc nói chuyện. Có thể dịch câu hỏi tu từ nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Nó cho Ta biết về những người đã đến gặp con”
Nầy, một dân… đánh đuổi dân nầy
Ba-la-am nói lại rõ ràng lời nhắn mà Ba-lác chuyển cho ông. Xem cách bạn đã dịch nhiều cụm như vầy trong NUM 22:5-6.
đánh đuổi chúng
"đuổi chúng”
Numbers 22:12
vì dân đó đã được ban phước
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vì Ta đã ban phước cho dân đó”
Numbers 22:15
Họ đến gặp Ba-la-am
Có thể nói “Họ đi gặp Ba-la-am”
dân nầy
Danh từ số ít chỉ dân Y-sơ-ra-ên như một nhóm người. Tham khảo cách dịch: “nhóm người nầy”
Numbers 22:18
Dù cho Ba-lác có ban cho tôi cả cung điện đầy vàng bạc của vua
Ba-la-am đang mô tả điều gì đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Ông đang nhấn mạnh rằng không có điều gì có thể khiến ông không vâng lời Đức Giê-hô-va.
Tôi không thể nào vượt qua mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va… và cũng không thể làm ít hơn hay nhiều hơn những gì Ngài phán cùng tôi
Câu nầy có nghĩa là dù là gì đi nữa Ba-la-am cũng không thể làm trái lời Đức Giê-hô-va.
Numbers 22:21
thắng yên lừa mình
Yên là chỗ để ngồi được đặt trên lưng của một con vật để cưỡi nó.
Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời nổi phừng lên
Sự tăng tiến trong cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời được nói đến như thể nó là một ngọn lửa đang bắt đầu bùng cháy. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời nổi cơn thịnh nộ”
với tư cách là một người thù địch cùng Ba-la-am
"với tư cách là kẻ thù của Ba-la-am” hoặc ‘để ngăn cản Ba-la-am”
với cây gươm trần của mình
Thanh cươm đã được rút khỏi bao của nó để sẵn sàng dùng. Tham khảo cách dịch: “với lưỡi gươm sẵn sàng tấn công của mình”
Con lửa bèn tránh khỏi đường mà đi xuống ruộng
Con lừa làm như thế để tránh thiên sứ của Đức Giê-hô-va.
bắt nó trở lại trên đường
Đôi lúc, trong tiếng Anh, lừa cái được nói đến với danh xưng “her” hoặc “she” (từ chỉ giới tính nữ).
Numbers 22:24
Nó đi ép vào tường
Đây là hành động nỗ lực tránh khỏi thiên sứ của Đức Giê-hô-va đang ở trên đường.
Nó đi
Đôi lúc, trong tiếng Anh, lừa cái được nói đến với danh xưng “her” hoặc “she” (từ chỉ giới tính nữ).
kẹp chân Ba-la-am vào tường
"ép chân Ba-la-am vào tường” hoặc “cọ xát chân của Ba-la-am vào tường”
Numbers 22:26
Cơn giận của Ba-la-am nổi phừng lên
Sự tăng tiến trong cơn giận của Ba-la-am được nói đến như thể nó là một ngọn lửa bắt đầu bừng cháy. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ba-la-am nổi giận bừng bừng”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 22:22]
Numbers 22:28
Đoạn, Đức Giê-hô-va mở miệng con lừa cái để nó có thể nói được
“mở miệng” liên hệ khả năng nói được. Tham khảo cách dịch: ‘Đoạn, Đức Giê-hô-va khiến con lừa có thể nói chuyện như con người”
Nó nói với Ba-la-am
"Con lừa cái nói với Ba-la-am”
Tôi không phải là con lừa mà ông vẫn cưỡi từ trước đến nay sao?
Câu hỏi nầy được dùng để buộc tội Ba-la-am đã đối xử bất công với con lừa. Có thể chuyển câu hỏi nầy thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi là con lừa mà ông đã cưỡi cả đời mình, từ trước cho đến thời điểm hiện tại”
Có thường làm chuyện như vậy với ông bao giờ chưa?
Câu hỏi nầy được dùng để buộc tội Ba-la-am thêm rằng cách nhìn của ông về con lừa là bất công. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi chưa bao giờ có thói quen làm như vậy với ông!”
Numbers 22:31
Đoạn, Đức Giê-hô-va mở mắt Ba-la-am, và ông nhìn thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va
“mở mắt” liên hệ với việc có thể nhìn thấy. Tham khảo cách dịch: “Đoạn, Đức Giê-hô-va khiến Ba-la-am có thể nhìn thấy thiên sứ của Ngài”
với gươm trần

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gươm được rút ra khỏi bao của nó để sẵn sàng sử dụng. Tham khảo cách dịch: “với thanh gươm sẵn sàng tấn công của mình”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 22:23]

Ba-la-am cúi đầu và sấp mặt xuống đất

Hành động nầy cho thấy Ba-la-am đã hạ mình trước mặt thiên sứ.

Tại sao con đánh lừa cái của con đến ba lần?

Câu hỏi nầy được dùng để buộc tội Ba-la-am đã làm sai. Có thể dịch câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra con không nên đánh lừa cái của mình ba lần đó”

như một người chống đối con

"như kẻ thù của con” hoặc “để ngăn cản con”

Nếu nó không tránh.. đã giết con và để cho nó sống

Câu nói giả định nầy chỉ những việc đáng lẽ đã xảy ra nhưng không xảy ra, nhưng ấy không phải là vì hành động của con lừa cái đã cứu Ba-la-am.

Numbers 22:34

Vậy nên bây giờ, nếu việc nầy không vui lòng Ngài

"Vậy nếu Ngài không muốn tôi tiếp tục đi” (UDB)

với những người lãnh đạo của Ba-lác

"với những người lãnh đạo mà Ba-lác đã sai đến”. Xem cách bạn đã dịch từ “Ba-lác” trong NUM 22:2.

Numbers 22:36

Ạt-nôn

Đây là tên của một con sông. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong NUM 21:13.

Không phải ta đã sai người đến để mời con sao?

Câu hỏi tu từ nầy được dùng để quở trách Ba-la-am vì đã trì hoãn việc đến đó. Có thể dịch câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Rõ ràng ta đã sai con đến mời con

Tại sao con không đến với ta?

Câu hỏi tu từ nầy được dùng để quở trách Ba-la-am vì đã trì hoãn việc đến đó. Có thể dịch câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra con phải đến với ta!”

Ta không thể khiến con được vẻ vang sao?

Câu hỏi tu từ nầy được dùng để quở trách Ba-la-am vì đã trì hoãn việc đến đó. Có thể dịch câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Rõ ràng con biết rằng ta có thể trả tiền cho con vì đã đến với ta”

Numbers 22:38

Bây giờ tôi có quyền nói bất cứ điều gì chăng?

Ba-la-am dùng câu hỏi nầy để cho Ba-lác biết rằng ông sẽ không thể làm mọi việc mà Ba-lác yêu cầu ông phải làm. Có thể dịch câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Nhưng tôi không có chút quyền nào để nói những điều tôi muốn” .

những lời mà Đức Chúa Trời đặt trong miệng tôi

Ở đây, “những lời” chỉ về sứ điệp đến từ Đức Chúa Trời. Sứ điệp ở đây được nói đến như thế đó là thứ gì đó mà Đức Chúa Trời đặt vào trong miệng của ông. Tham khảo cách dịch: “sứ điệp mà Đức Chúa Trời muốn tôi nói”

Ki-ri-át Hút-sốt

Đây là tên của một thành.

một ít thịt

"một ít thịt lấy từ tế lễ”

Numbers 22:41

nơi cao của Ba-anh

Ý nghĩa khả thi: 1) cụm từ nầy chỉ về Ba-mốt trong NUM 21:19. Từ Ba-mốt có nghĩa là “nơi cao”, hoặc 2) đây là một nơi cao khác mà con ta dâng tế lễ cho Ba-anh.

Translation Questions

Numbers 22:1

Thành nào gần nơi dân Y-sơ-ra-ên đóng trại trong đồng bằng Mô-áp, bên kia sông Giô-đanh?

Thành Giê-ri-cô ở bên kia sông Giô-đanh, gần nơi họ cắm trại.

Numbers 22:2

Vì sao dân Mô-áp sợ dân Y-sơ-ra-ên?

Dân Mô-áp sợ dân Y-sơ-ra-ên vì họ đã thấy mọi điều dân Y-sơ-ra-ên làm cho dân A-mô-rít và vì dân Y-sơ-ra-ên rất đông.

Numbers 22:3

Vì sao dân Mô-áp sợ dân Y-sơ-ra-ên?

Dân Mô-áp sợ dân Y-sơ-ra-ên vì họ đã thấy mọi điều dân Y-sơ-ra-ên làm cho dân A-mô-rít và vì dân Y-sơ-ra-ên rất đông.

Numbers 22:4

Ba-lác là vua của nước nào?

Ba-lác là vua Mô-áp.

Numbers 22:5

Ba-lác muốn Ba-la-am là gì với dân ra từ Ai Cập?

Ba-lác muốn Ba-la-am nguyền rủa dân ra từ Ai Cập.

Vì sao Ba-lác muốn Ba-la-am nguyền rủa dân ra từ Ai Cập?

Ông muốn Ba-la-am nguyền rủa dân đó vì họ phủ khắp mặt đất, họ đang ở kề bên ông và quá mạnh so với ông.

Numbers 22:6

Ba-lác muốn Ba-la-am là gì với dân ra từ Ai Cập?

Ba-lác muốn Ba-la-am nguyền rủa dân ra từ Ai Cập.

Vì sao Ba-lác muốn Ba-la-am nguyền rủa dân ra từ Ai Cập?

Ông muốn Ba-la-am nguyền rủa dân đó vì họ phủ khắp mặt đất, họ đang ở kề bên ông và quá mạnh so với ông.

Ba-lác biết Ba-la-am có thể làm gì?

Ba-lác biết rằng kẻ nào Ba-la-am chúc phước thì được phước, còn kẻ nào ông nguyền rủa thì bị rủa.

Numbers 22:8

Ba-la-am nói gì khi nghe những lời của Ba-lác?

Ba-la-am bảo các sứ giả ở qua đêm tại đó rồi ông sẽ trả lời họ điều Đức Giê-hô-va phán cùng ông.

Numbers 22:11

Ba-la-am thưa gì cùng Đức Giê-hô-va về lời đề nghị của những người Ba-lác sai đến với ông?

Ba-la-am thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng Ba-lác bảo ông nguyền rủa dân Y-sơ-ra-ên để Ba-lác có thể đánh họ và đuổi họ đi.

Numbers 22:12

Đức Chúa Trời bảo Ba-la-am làm gì về việc đi cùng các sứ giả và về việc nguyền rủa dân Y-sơ-ra-ên?

Đức Chúa Trời bảo Ba-la-am đừng đi với những người đó, cũng đừng nguyền rủa dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 22:13

Ba-la-am nói gì với các lãnh đạo của Ba-lác vào sáng hôm sau?

Ba-la-am bảo các lãnh đạo của Ba-lác trở về xứ mình vì Đức Giê-hô-va không cho ông đi với họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Numbers 22:14
Những người lãnh đạo nói gì với Ba-lác khi họ trở về gặp ông?
Những người lãnh đạo nói với Ba-lác rằng Ba-la-am từ chối đi với họ.
Numbers 22:17
Ba-lác cố gắng làm cho Ba-la-am đến gặp ông bằng cách nào khi sai thêm những người lãnh đạo tôn trọng hơn đến gặp Ba-la-am?
Ba-lác cố gắng làm cho Ba-la-am rủa sả dân Y-sơ-ra-ên bằng cách trọng thưởng ngươi, cho người được vinh danh và làm mọi điều người muốn.
Numbers 22:18
Ba-la-am nói gì với người của Ba-lác để đáp lại yêu cầu của họ?
Ba-la-am nói cùng họ rằng ông không thể vượt qua mệnh lệnh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông và cũng không thể làm bớt đi hay thêm vào những gì Ngài phán cùng ông.
Numbers 22:19
Vì sao Ba-la-am bảo người của Ba-lác ở lại đợi qua đêm?
Ba-la-am bảo người của Ba-lác ở lại đợi qua đêm để ông biết Đức Giê-hô-va sẽ phán với ông điều gì nữa.
Numbers 22:20
Đức Chúa Trời bảo Ba-la-am làm gì khi Ngài hiện đến với ông trong ban đêm?
Ban đêm, Đức Chúa Trời hiện đến với Ba-la-am bảo ông dậy đi với người của Ba-lác nhưng chỉ làm theo những gì Đức Chúa Trời phán dặn.
Numbers 22:21
Sáng hôm sau Ba-la-am làm gì?
Sáng hôm sau Ba-la-am thức dậy, thắng yên lừa và đi với các lãnh đạo Mô-áp.
Numbers 22:22
Vì sao Đức Chúa Trời nổi giân?
Đức Chúa Trời nổi giân vì Ba-la-am đi với họ.
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đã làm gì?
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng trên đường như thù nghịch với Ba-la-am.
Numbers 22:23
Con lừa của Ba-la-am thấy ai đang đứng trên đường?
Con lừa của Ba-la-am thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng trên đường với cây gươm trần nơi tay.
Con lừa của Ba-la-am làm gì khi thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va và Ba-la-am làm gì với con lừa của mình?
Con lừa của Ba-la-am tránh qua một bên và đi xuống ruộng; Ba-la-am đánh nó để bắt nó đi trở lại trên đường.
Numbers 22:24
Bên phải và bên trái thiên sứ của Đức Giê-hô-va là gì khi người đứng trên con đường nhỏ giữa các vườn nho?
Bên phải và bên trái thiên sứ có hai vách tường.
Numbers 22:25
Con lừa làm gì khi thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va cầm gươm trần đứng trên con đường nhỏ và sau đó Ba-la-am phản ứng thế nào với hành động của con lừa?
Khi thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va thì con lừa nép vào vách và ép chân Ba-la-am, nên ông đánh nó nữa.
Numbers 22:27
Con lừa làm gì khi thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng tại một chỗ hẹp khác mà không còn chỗ để xoay qua bên nào và Ba-la-am đã làm gì?
Con lừa nằm quỵ xuống và Ba-la-am lấy gậy đánh nó.
Numbers 22:28
Con lừa hỏi Ba-la-am điều gì khi Đức Giê-hô-va mở miệng cho nó nói?
Con lừa hỏi Ba-la-am nó đã làm gì mà ông đánh nó ba lần.
Numbers 22:29
Ba-la-am đáp lại con lừa thế nào và ông ước có thể làm gì con lừa?
Ba-la-am đáp lại con lừa rằng ông đánh nó vì nó hành động ngu xuẩn và ông ước chi có gươm trong tay để giết nó.
Numbers 22:31
Ba-la-am thấy gì và làm gì khi Đức Giê-hô-va mở mắt ông?
Ba-la-am nhìn thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng trên đường tay cầm thanh gươm trần nên Ba-la-am cúi rạp mình và sấp mặt xuống đất.
Numbers 22:32
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói vì sao con lừa của ông làm như vậy?
Thiên sứ nói với Ba-la-am rằng khi con lừa nhìn thấy thiên sứ thì nó đi tránh một bên đến ba lần.
Numbers 22:33
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói vì sao con lừa của ông làm như vậy?
Thiên sứ nói với Ba-la-am rằng khi con lừa nhìn thấy thiên sứ thì nó đi tránh một bên đến ba lần.
Thiên sứ nói lẽ ra điều gì đã xảy ra cho Ba-la-am nếu con lừa của ông không tránh đi?
Thiên sứ nói với Ba-la-am rằng nếu con lừa của ông không tránh đi thì thiên sứ đã giết Ba-la-am và để cho con lừa sống.
Numbers 22:34
Ba-la-am xưng nhận điều gì với thiên sứ và ông đề nghị sẽ làm gì?
Ba-la-am xưng nhận ông đã phạm tội và đề nghị rằng ông sẽ quay trở về.
Numbers 22:35
Thiên sứ đáp lại Ba-la-am thế nào?
Thiên sứ đáp rằng Ba-la-am cứ đi với họ nhưng chỉ nói những điều thiên sứ bảo ông nói.
Numbers 22:36
Ba-lác làm gì khi ông nghe Ba-la-am đến?
Ba-lác đi ra đón Ba-la-am.
Numbers 22:37
Ba-lác hỏi Ba-la-am điều gì khi gặp ông tại Ạt-nôn, một thành ở biên giới Mô-áp?
Ba-lác hỏi Ba-la-am vì sao ông không đến khi Ba-lác cho mời ông và Ba-la-am nghĩ rằng Ba-lác không thể làm cho ông được vẻ vang hay sao.
Numbers 22:38
Ba-la-am nói với Ba-lác rằng ông chỉ có thể nói điều gì?
Ba-la-am nói với Ba-lác rằng ông chỉ có thể nói điều mà Đức Chúa Trời đặt trong miệng ông.
Numbers 22:39
Ba-lác làm gì khi ông và Ba-la-am đến Ki-ri-át Hút-sốt?
Khi họ đến Ki-ri-át Hút-sốt thì Ba-lác dâng dâng bò và chiên làm của lễ rồi đem cho Ba-la-am và những người lãnh đạo ở với ông.
Numbers 22:40
Ba-lác làm gì khi ông và Ba-la-am đến Ki-ri-át Hút-sốt?
Khi họ đến Ki-ri-át Hút-sốt thì Ba-lác dâng dâng bò và chiên làm của lễ rồi đem cho Ba-la-am và những người lãnh đạo ở với ông.
Numbers 22:41
Ba-la-am nhìn thấy gì khi Ba-lác đem ông lên miếu thờ Ba-anh?
Ba-la-am chỉ nhìn thấy một phần dân Y-sơ-ra-ên trong trại quân.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 23

Numbers 23:1

Ba-lác

Đây là vua của Mô-áp. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 22:2.

chuẩn bị bảy con bò đực và bảy con chiên đực

"giết bảy con bò đực và bảy con chiên đực làm tế lễ”

Xin vua hãy đứng cạnh tế lễ thiêu của mình, còn tôi sẽ đi

"Xin vua hãy ở lại đây với tế lễ thiêu của mình, còn tôi sẽ đi ra xa một quãng”

Numbers 23:4

Con đã dâng một con bò đực và một chiên đực

Phần thông tin ông đã giết những con vật nầy làm của lễ thiêu đã được nói rồi. Tham khảo cách dịch: “Con đã giết một con bò đực và một chiên đực rồi thiêu chúng làm tế lễ”

Đức Giê-hô-va đặt một sứ điệp trong miệng Ba-la-am

Ở đây, Đức Giê-hô-va ban cho Ba-la-am một sứ điệp được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đặt nó vào trong miệng ông. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va phán bảo Ba-la-am những điều Ngài muốn ông nói với Ba-lác”

Numbers 23:7

Ba-lác đã mời tôi từ A-ram… vua của Mô-áp từ những đồi núi phương Đông

Những cụm từ nầy cùng nói về một ý.

'Hãy đến, nguyền rủa Gia-cốp cho ta”… “Hãy đến đặng gây khó dễ cho Y-sơ-ra-ên”

Cả hai lời nầy đều nói về cùng một ý. Cả hai nhấn mạnh rằng Ba-lác muốn Ba-la-am rủa sả dân Y-sơ-ra-ên.

Làm sao tôi có thể rủa sả những người mà Đức Chúa Trời không rủa sả? Làm sao tôi có thể chống đối những người mà Đức Giê-hô-va không hề chống đối?

Những câu hỏi nầy nhằm nhấn mạnh sự từ chối không vâng phục Đức Chúa Trời của Ba-la-am. Có thể dịch những câu hỏi nầy thành những lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Nhưng tôi không thể rủa sả những người Đức Chúa Trời không hề rủa sả. Tôi cũng không thể chống đối với những người mà Đức Giê-hô-va không chống đối!”

Numbers 23:9

từ đỉnh núi tôi thấy người… từ trên đồi tôi nhìn người

Cả hai về nầy đều nói về cùng một ý. Ba-la-am nhìn thấy Y-sơ-ra-ên từ trên đỉnh đồi.

Tôi thấy người… tôi nhìn người

Từ “người” ở đây là phép hoán dụ chỉ dân Y-sơ-ra-ên.

Có một dân

"Có một nhóm người”

không coi mình như một nước bình thường

Câu phủ định nầy được dùng để nhấn mạnh rằng ý ngược lại là đúng. Tham khảo cách dịch: “họ coi mình là một nước đặc biệt”

Numbers 23:10

Ai có thể đếm hết bụi cát của Gia-cốp hay tính được chỉ một phần tư của Y-sơ-ra-ên?

Ở đây, “bụi cát của Gia-cốp” là phép ẩn dụ nói về số lượng dân Y-sơ-ra-ên như thể họ nhiều như những hạt cát bụi. Có thể dịch câu hỏi tu từ nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Người Y-sơ-ra-ên nhiều đến nỗi không thể đếm được. Chẳng ai có thể đếm nổi dù chỉ một phần tư số họ bởi vì họ quá đông”

cái chết của người công chính

Ngầm hiểu ở đây là cái chết yên ổn. Có thể nói rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “cái chết yên ổn của người công chính”

người công chính… giống như của người

Đây là những hình ảnh hoán dụ chỉ dân Y-sơ-ra-ên như thể đang nói đến một người.

Numbers 23:11

Ba-lác

Đây là vua của Mô-áp. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 22:2.

Con đã làm gì cho ta vậy?

Ba-lác dùng câu hỏi nầy để trách mắng Ba-la-am. Có thể dịch câu hỏi tu từ nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ta không thể tin là con lại làm điều nầy với ta!”

nhưng hãy xem

Cụm nầy nhấn mạnh hành động bất ngờ theo sau.

Tôi lại không nên cẩn thận chỉ nói những điều mà Đức Giê-hô-va đặt trong miệng tôi sao?

Ba-la-am dùng câu hỏi nầy để biện họ cho những việc làm của mình. Có thể dịch câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi phải cẩn trọng chỉ nói những gì Đức Giê-hô-va bảo tôi phải nói”

đặt trong miệng tôi

Sứ điệp mà Cháu ban cho được nói đến một điều gì đó mà Đức Chúa Trời đã đặt vào trong miệng ông. Tham khảo cách dịch: “muốn tôi nói”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 22:38]

Numbers 23:13

Tại đó, con sẽ rủa sả chúng cho ta

"Tại đó, con sẽ rủa sả dân Y-sơ-ra-ên cho ta”

cánh đồng của Xô-phim

Các dịch giả có thể thêm phần ghi chú với nôi dung: "Từ “Xô-phim” có nghĩa là “quan sát” hoặc “theo dõi”.”

núi Phích-ga

Đây là tên của một ngọn núi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 21:20.

Numbers 23:16

đặt lời phải nói trong miệng ông

Những lời phải nói ở đây được nói đến như thể nó là vật gì đó mà Đức Chúa Trời đặt vào trong miệng ông. Tham khảo cách dịch: “truyền cho ông những điều phải nói”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 22:38]

Ngài bảo

"Đoạn, Đức Giê-hô-va bảo”

hỡi Ba-lác, và nghe… Hãy nghe tôi, hỡi con trai Xếp-bô

Cả hai về nầy đều nói về cùng một ý và được lặp lại để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nầy đối với Ba-lác để ông phải chú ý lắng nghe.

con trai Xếp-bô

Chỉ về Ba-lác. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 22:2.

Numbers 23:19

Ngài có hứa điều gì mà không làm sao? Ngài có phán sẽ làm điều gì đó mà lại không thực hiện nó sao?

Cả hai câu hỏi nầy đều nói về cùng một ý và nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời làm những điều Ngài hứa sẽ làm. Có thể dịch những câu hỏi nầy thành những lời khẳng định.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo cách dịch: “Ngài không bao giờ hứa điều gì mà không làm thành điều Ngài đã hứa. Ngài luôn làm đúng những gì Ngài nói sẽ làm”

Tôi đã được lệnh phúc phước

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho tôi chúc phước dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 23:21

sự gian khổ nơi Gia-cốp… sự khó nhọc nơi Y-sơ-ra-ên

Cả hai về nầy đều nói về cùng một ý. Ý nghĩa khả thi: 1) Đức Chúa Trời chỉ ban cho Y-sơ-ra-ên những điều tốt lành hoặc 2) trong Y-sơ-ra-ên chẳng có tội lỗi gì khiến Ngài phải xét xử họ.

reo hò vì vua của họ đang ở giữa họ

"họ reo mừng bởi vì Đức Giê-hô-va là vua của họ”

với sức mạnh như của bò rừng

Phép so sánh nầy có nghĩa là sức mạnh vĩ đại của Đức Giê-hô-va được so ngang bằng với một con bò

Numbers 23:23

Không có phù chú nào có thể chống lại Gia-cốp… chẳng có bói toán nào làm hại Y-sơ-ra-ên

Cả hai dòng nầy cùng nói về một ý, rằng không một lời rủa sả nào mà ai đó đặt trên dân Y-sơ-ra-ên có hiệu nghiệm. Ở đây, “Gia-cốp” là phép hoán dụ chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

phải nói rằng

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. "người ta sẽ nói”

Hãy xem những điều Đức Chúa Trời đã làm!

Câu nầy ngụ ý rằng những việc Đức Chúa Trời đã làm cho họ đều tốt lành. Tham khảo cách dịch: “Hãy nhìn xem những việc tốt lành mà Đức Chúa Trời đã làm cho họ!”

Numbers 23:24

dân đó nổi lên như sư tử cái… nó đã giết

Câu nầy là một phép ẩn dụ nói rằng dân Y-sơ-ra-ên đã đánh bại kẻ thù của mình như thể dân Y-sơ-ra-ên là một con sư tử đang ăn nuốt con mồi của mình.

Numbers 23:25

Ba-lác

Đây là vua của Mô-áp. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 22:2.

Không phải tôi đã nói với vua là tôi phải nói mọi điều mà Đức Giê-hô-va bảo tôi phải nói sao?

Ba-la-am dùng câu hỏi nầy để nhắc Ba-lác nhớ lại rằng trước khi đến chỗ Ba-lác, Ba-la-am đã từ chối việc không vâng lời Đức Chúa Trời. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi đã nói với vua trước đó là tôi phải nói mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã dặn tôi phải nói”

Numbers 23:28

nhìn xuống hoang mạc

Thông tin ngầm hiểu ở đây là hoang mạc nầy chính là nơi Y-sơ-ra-ên cắm trại. Tham khảo cách dịch: “nhìn xuống hoang mạc nơi Y-sơ-ra-ên đang ở”

Translation Questions

Numbers 23:1

Tiên tri Ba-la-am nói vua Ba-lác làm gì?

Ba-la-am bảo Ba-lác xây cho ông bảy bàn thờ, chuẩn bị bảy con bò đực và bảy chiên đực.

Numbers 23:2

Ba-lác làm gì với yêu cầu của Ba-la-am?

Ba-lác làm như Ba-la-am yêu câu, họ dâng một con bò đực và một con chiên đực trên mỗi bàn thờ.

Numbers 23:3

Ba-la-am nói cùng Ba-lác Đức Giê-hô-va có thể làm gì khi Ba-la-am đi ra một mình?

Ba-la-am nói cùng Ba-lác rằng Đức Giê-hô-va có thể hiện ra với ông và ông sẽ thuật lại cho Ba-lác điều gì Ngài tỏ cho ông.

Numbers 23:5

Đức Giê-hô-va bảo Ba-la-am làm gì?

Đức Giê-hô-va bảo Ba-la-am trở về nói sứ điệp cho Ba-lác.

Numbers 23:7

Hai câu Ba-la-am hỏi ở phần đầu sứ điệp Đức Chúa Trời ban cho ông là gì?

Ba-la-am hỏi rằng "Người mà Đức Chúa Trời không nguyền rủa, tôi sẽ nguyền rủa làm sao? Kẻ mà Đức Chúa Trời không tố cáo, tôi sẽ tố cáo thế nào?"

Numbers 23:8

Hai câu Ba-la-am hỏi ở phần đầu sứ điệp Đức Chúa Trời ban cho ông là gì?

Ba-la-am hỏi rằng "Người mà Đức Chúa Trời không nguyền rủa, tôi sẽ nguyền rủa làm sao? Kẻ mà Đức Chúa Trời không tố cáo, tôi sẽ tố cáo thế nào?"

Numbers 23:9

Ba-la-am nói Y-sơ-ra-ên xem họ là dân như thế nào?

Ba-la-am nói rằng dân Y-sơ-ra-ên không xem mình là một dân bình thường.

Numbers 23:10

Ba-la-am nói gì về số lượng dân Y-sơ-ra-ên?

Ông nói rằng không ai đếm được một phần tư của Y-sơ-ra-ên.

Ba-la-am ước được chết thế nào?

Ba-la-am ước được chết cái chết của người công chính và ông muốn kết thúc cuộc đời mình như kết thúc của Y-sơ-ra-ên.

Numbers 23:11

Ba-lác nói Ba-la-am đã làm gì thay vì rủa sả kẻ thù của ông?

Ba-lác nói Ba-la-am đã chúc phước cho kẻ thù của ông thay vì rủa sả họ.

Numbers 23:12

Ba-la-am đáp lại thế nào khi Ba-lác nói ông đã chúc phước cho kẻ thù của Ba-lác thay vì rủa sả họ?

Ba-la-am đáp rằng ông phải cẩn thận nói điều mà Đức Giê-hô-va đặt trong miệng ông.

Numbers 23:13

Ba-lác muốn Ba-la-am làm gì khi Ba-lác đem Ba-la-am đến một nơi khác để có thể nhìn thấy phần gần nhất của dân Y-sơ-ra-ên, kẻ thù của Ba-lác?

Ba-lác muốn Ba-la-am nguyền rủa kẻ thủ của Ba-lác.

Numbers 23:14

Ba-lác đưa Ba-la-am đến đâu và ông đã làm gì ở đó?

Ba-lác đưa Ba-la-am đến đỉnh núi Phích-ga, tại đó ông xây bảy bàn thờ nữa và dâng một bò đực, một chiên đực trên mỗi bàn thờ.

Numbers 23:15

Ba-la-am bảo Ba-lác ông sẽ làm gì trong khi Ba-lác đứng gần tế lễ thiêu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của vua?
Ba-la-am nói rằng ông sẽ đi gặp Đức Giê-hô-va.
Numbers 23:19
Sứ điệp mà Đức Giê-hô-va đặt trong miệng của Ba-la-am là gì?
Ba-la-am nói rằng Đức Chúa Trời không nói dối và Ngài không đổi ý.
Numbers 23:20
Ba-la-am nói rằng ông không thể làm gì về mạng lệnh phải chúc phước cho Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời?
Ba-la-am nói rằng ông không thể đảo ngược mạng lệnh phải chúc phước cho Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời.
Numbers 23:21
Ba-la-am nói ai ở cùng dân Y-sơ-ra-ên?
Ba-la-am nói Đức Giê-hô-va ở cùng dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 23:22
Ba-la-am nói sức mạnh của Đức Chúa Trời giống như điều gì?
Ông nói sức mạnh của Đức Chúa Trời giống như sức mạnh của bò rừng.
Numbers 23:23
Điều gì không thể chống lại hay làm hại Y-sơ-ra-ên?
Bùa ngải hay bói toán không thể chống lại hay làm hại Y-sơ-ra-ên.
Người ta phải nói gì về Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên?
Người ta phải nói rằng "Hãy xem những điều Đức Chúa Trời đã làm!"
Numbers 23:24
Ba-la-am mô tả dân Y-sơ-ra-ên giống như điều gì?
Dân Y-sơ-ra-ên giống như sư tử tấn công và ăn thịt con mồi.
Numbers 23:25
Ba-lác nói gì với Ba-la-am sau khi Ba-la-am nói tiên tri?
Ba-lác nói với Ba-la-am rằng ông đừng nguyền rủa cũng đừng chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 23:26
Ba-la-am nói với Ba-lác điều duy nhất ông có thể nói là gì?
Ba-la-am nói với Ba-lác rằng ông chỉ có thể nói điều Đức Giê-hô-va bảo ông nói.
Numbers 23:27
Ba-lác nghĩ Ba-la-am có thể làm gì nếu ông đưa Ba-la-am đến một chỗ khác?
Ba-lác nghĩ Đức Chúa Trời có thể cho Ba-la-am nguyền rủa dân Y-sơ-ra-ên từ một chỗ khác.
Numbers 23:28
Bấy giờ Ba-lác đưa Ba-la-am đến đâu?
Ba-lác đưa Ba-la-am đến đỉnh núi Phê-ô.
Numbers 23:29
Lần này Ba-la-am bảo Ba-lác làm gì và Ba-lác đã làm gì?
Ba-la-am bảo Ba-lác xây bảy bàn thờ nên Ba-lác làm như Ba-la-am nói và dâng trên mỗi bàn thờ một con bò đực và một con chiên đực.
Numbers 23:30
Lần này Ba-la-am bảo Ba-lác làm gì và Ba-lác đã làm gì?
Ba-la-am bảo Ba-lác xây bảy bàn thờ nên Ba-lác làm như Ba-la-am nói và dâng trên mỗi bàn thờ một con bò đực và một con chiên đực.

Chapter 24
Numbers 24:1
như những lần trước
"giống như đã làm những lần trước"
Numbers 24:2
Ông ngước mắt lên
Ở đây, "ngước mắt lên" là một cách nói có nghĩa là nhìn lên. Tham khảo cách dịch: "Ông nhìn lên"
Thần của Đức Chúa Trời đến trên ông
Câu nầy có nghĩa là Thần của Đức Chúa Trời điều khiển ông để nói tiên tri.
Ông nhận được lời tiên tri nầy
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời ban cho ông lời tiên tri nầy"
Ba-la-am, con trai của Bê-ô
Bê-ô là cha của Ba-la-am. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 22:5.
người có mắt mở to ra
Cách nói nầy có nghĩa là ông nhìn thấy và hiểu rõ. clearly.
Numbers 24:4
Thông tin chung:
Ba-la-am tiếp tục nói tiên tri dưới sự cảm thúc của Thần Đức Chúa Trời.
Người nói.... Người thấy... người cúi mình
Ở đây, Ba-la-am đang nói đến chính mình là "người"
người cúi sấp mình
Đây là một hành động hạ mình.
mắt con vẫn mở
Ở đây, "mắt... vẫn mở" là một cách nói có nghĩa là Ba-la-am đã nhận được khả năng nhận biết những gì Đức Chúa Trời muốn nói.
Hỡi Gia-cốp, trại con tốt dường bao; hỡi Y-sơ-ra-ên, nơi con ở đẹp biết mấy!
Cả hai lời nầy đều nói về cùng một ý. Chúng nhấn mạnh rằng đối với Ba-la-am thì trại của người Y-sơ-ra-ên rất đẹp.
Numbers 24:6
Thông tin chung:
Ba-la-am tiếp tục nói tiên tri dưới sự cảm thúc của Thần Đức Chúa Trời.
Giống như những thung lũng trải dài
Ba-la-am nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể số lượng của họ đông đến nỗi có thể phủ đầy các thung lung.
giống như những khu vườn gần bờ sông
Ba-la-am nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là những khu vườn được tưới nước đầy đủ, cho trái trĩu cành.
những cây trầm hương được trồng bởi Đức Giê-hô-va
Trầm hương là loại cây có mùi dễ chịu, có thể mọc tươi tốt trong cả những điều kiện khô hạn. Ba-la-am nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ sẽ phát triển và tỏa mùi dễ chịu như những cây trầm hương. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những cây trầm hương mà Đức Giê-hô-va đã trồng"
giống như những cây hương năm gần bên dòng nước
Cây hương nam là loại cây cao lớn nhất ở Y-sơ-ra-ên. Ba-la-am nói đến dân Y-sơ-ra-ên như thể họ phát triển lớn mạnh như những cây hương nam được tưới nước đầy đủ.
Numbers 24:7
Thông tin chung:
Ba-la-am tiếp tục nói tiên tri dưới sự cảm thúc của Thần Đức Chúa Trời.
Nước chảy... được tưới nước đầy đủ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lượng nước dồi dào được liên hệ với phước hạnh của Đức Chúa Trời trên những vụ mùa của xứ. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên ban nước dồi dào cho vụ mùa của họ”

hạt giống của họ sẽ được tưới nước đầy đủ

Hạt giống được tưới nước đầy đủ chỉ về những ân phước của Đức Chúa Trời trên dân sự của Ngài để họ sẽ có được vụ mùa bội thu. Tham khảo cách dịch: “họ sẽ có nước dư dật để hạt giống của họ sẽ phát triển khỏe mạnh”

Vua của họ sẽ vượt trội hơn... nước của họ sẽ được tôn cao

Hai vế nầy có nghĩa tương tự nhau, nhấn mạnh rằng so với các nước khác thì Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho họ nhiều thế nào.

Vua của họ sẽ vượt trội hơn A-gát

“vượt trội hơn” chỉ về vinh hiển và quyền thế cao hơn. Câu nầy có nghĩa là những vua sau nầy của Y-sơ-ra-ên sẽ được cao trọng hơn và có quyền lực nhiều hơn A-gát. A-gát là vua của A-ma-léc.

nước của họ sẽ được tôn cao

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những dân khác sẽ tôn cao vương quốc của họ”

Numbers 24:8

Thông tin chung:

Ba-la-am tiếp tục nói tiên tri dưới sự cảm thúc của Thần Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đem người

"Đức Chúa Trời đem dân Y-sơ-ra-ên”

với sức mạng như con bò rừng

Phép so sánh nầy nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên có sức mạnh rất lớn.

Người sẽ ăn nuốt các nước

Ba-la-am nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là những loài thú rừng ăn nuốt kẻ thù của họ. Câu nầy có nghĩa là họ sẽ tiêu diệt kẻ thù của mình.

Numbers 24:9

Thông tin chung:

Ba-la-am kết thúc lời tiên tri được nói ra dưới sự cảm thúc của Thần Đức Chúa Trời.

Người thu mình xuống như sư tử đực và như sư tử cái

Trong phép so sánh nầy, Ba-la-am so sánh dân Y-sơ-ra-ên với cả sư tử đực và sư tử cái. Câu nầy có nghĩa là họ nguy hiểm và luôn ở thế sẵn sàng tấn công.

Ai dám đánh thức người?

Ba-la-am dùng một câu hỏi để cảnh báo mọi dân khác không được khiêu khích dân Y-sơ-ra-ên. Có thể dịch câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Không ai dám đánh thức người!”

Nguyện người nào chúc phước cho người sẽ được phước và người nào rủa sả người sẽ bị rủa sả

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nguyện Đức Chúa Trời chúc phước cho người nào chúc phước dân Y-sơ-ra-ên, nguyện Ngài rủa sả người nào rủa sả dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 24:10

Cơn giận của Ba-lác nổi phừng lên

Sự tăng tiến trong cơn giận của Ba-lác được nói đến như thể nó là một ngọn lửa đang bắt đầu bùng cháy. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ba-lác vô cùng tức giận”

trong cơn nóng giận, người đập tay mình

Đây là dấu hiện của tâm trạng vô cùng thất vọng và giận dữ.

Numbers 24:12

Dù cho Ba-lác có ban cho tôi tòa lâu đài đầy bạc vàng của mình

Ba-la-am đang mô tả một chuyện sẽ không bao giờ xảy ra. Câu nầy nhấn mạnh rằng sẽ chẳng có điều gì khiến cho Ba-la-am không vâng lời Đức Chúa Trời.

Không phải tôi đã nói điều nầy với họ sao?

Ba-la-am dùng câu hỏi để nhắc Ba-lác nhớ lại những điều ông đã nói trước đó. Có thể dịch câu hỏi tu từ nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi đã nói với họ điều nầy”

dân nầy

"dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 24:15

Ba-la-am, con trai của Bê-ô

Bê-ô là cha của Ba-la-am. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 22:5.

người có mắt mở to ra

Cách nói này có nghĩa là ông nhìn thấy và hiểu rõ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 24:3]

người có tri thức của Đấng Chí Cao

Từ “tri thức” có thể được chuyển thành một hành động. Tham khảo cách dịch: “người biết những điều mà Đức Chúa Trời Chí Cao đã bày tỏ cho mình”

sấp mình xuống đất

Đây là dấu hiệu quy phục Đức Chúa Trời.

Numbers 24:17

Thông tin chung:

Ba-la-am tiếp tục nói lời tiên tri đầu tiên trong số bốn lời tiên tri của mình.

Tôi thấy Ngài, nhưng bây giờ Ngài không có ở đây. Tôi nhìn Ngài, nhưng Ngài không ở gần

Cả hai lời nầy đều nói về cùng một ý. Ba-la-am có khải tượng về sự kiện trong tương lai. Từ “Ngài” chỉ về người lãnh đạo trong tương lai của dân Y-sơ-ra-ên.

Một ngôi sao sẽ ra từ Gia-cốp

Ở đây, “ngôi sao” chỉ về vua của Y-sơ-ra-ên sẽ lên nắm quyền.

ra từ Gia-cốp

Ở đây, “Gia-cốp” chỉ con cháu của Gia-cốp. Tham khảo cách dịch: “từ trong vòng con cháu của Gia-cốp”

Một vương trượng sẽ trỗi lên từ Y-sơ-ra-ên

Câu này cũng nói cùng một ý với phần đầu của câu này. Ở đây, “cây vương trượng” chỉ về vị vua đầy quyền lực.

ra khỏi Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ những người Y-sơ-ra-ên sau này. Tham khảo cách dịch: “từ trong vòng những người Y-sơ-ra-ên ngày sau”

đập vỡ những người lãnh đạo của Mô-áp

Ý nghĩa khả thi: 1) người sẽ đập vỡ đầu của những người lãnh đạo Mô-áp hoặc 2) người sẽ tiêu diệt những người lãnh đạo Mô-áp

toàn bộ dòng dõi của Sết

Cụm này chỉ dân Mô-áp, vốn là dòng dõi của Sết

Numbers 24:18

Thông tin chung:

Ba-la-am kết thúc lời tiên tri đầu tiên trong số bốn lời tiên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tri của mình.

Ê-đôm sẽ trở thành thuộc địa của Y-sơ-ra-ên

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên sẽ chiếm Ê-đôm”

Sê-i-rơ cũng sẽ là thuộc địa của họ

Ở đây, Sê-i-rơ chỉ những người sống gần núi Sê-i-rơ. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Y-sơ-ra-ên cũng sẽ đánh chiếm dân Sê-i-rơ”

Một vị vua sẽ ra từ Gia-cốp

Gia-cốp là tổ tiên của dân Y-sơ-ra-ên. “Gia-cốp” là một hình ảnh hoán dụ cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên.

của thành nó

Cụm này chỉ thành của A-rơ nơi Ba-lác gặp Ba-la-am.

Numbers 24:20

Ba-la-am nhìn A-ma-léc

Ở đây, “A-ma-léc” là hoán dụ chỉ người dân A-ma-léc. Câu này tiếp tục phần khải tượng của Ba-la-am trong khi xây nhìn về hướng nước A-ma-léc, và rồi ông nói tiên tri về dân A-ma-léc.

sự cuối cùng của người

Một đại từ số ít được sử dụng bởi vì dân A-ma-léc được nói đến như một người.

Numbers 24:21

người Kê-nít

Đây là tên của một nhóm người là con cháu của Ca-in

Nơi con ở là bền vững

"Nơi con được phòng thù chắc chắn”

tổ của người ở trong những tảng đá

Đây là phép ẩn dụ có nghĩa là họ ở những nơi an toàn, kiên cố. Tham khảo cách dịch: “nơi người ở chắc chắn như tổ chim xây cao trên những tảng đá”

Nhưng Ca-in sẽ bị tàn phá khi A-sy-ri bắt các con làm tù mình

Ca-sin là một trong những thành chủ chốt nơi người Kê-nít ở. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Tuy nhiên, người A-sy-ri sẽ tiêu diệt người Kê-nít và bắt họ làm tù binh”

Numbers 24:23

Ai sẽ sống sót khi Đức Chúa Trời làm điều này?

Có thể dịch câu hỏi tu từ nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Sẽ chẳng ai sống sót khi Đức Chúa Trời làm điều này!”

Kít-tim

Đây là tên của một thành trên một hòn đảo tại biển Địa Trung Hải.

Translation Questions

Numbers 24:1

Tiên tri Ba-la-am không làm gì khi ông thấy Đức Giê-hô-va muốn ban phước cho Y-sơ-ra-ên?

Ba-la-am không dùng bói toán nhưng nhìn về phía hoang mạc.

Numbers 24:2

Điều gì xảy ra khi Ba-la-am ngước mắt lên thấy Y-sơ-ra-ên đóng trại theo từng bộ tộc?

Khi Ba-la-am ngước mắt lên thấy Y-sơ-ra-ên đóng trại thì Thần của Đức Chúa Trời ngự trên ông và ông nhận được lời tiên tri.

Numbers 24:3

Điều gì xảy ra khi Ba-la-am ngước mắt lên thấy Y-sơ-ra-ên đóng trại theo từng bộ tộc?

Khi Ba-la-am ngước mắt lên thấy Y-sơ-ra-ên đóng trại thì Thần của Đức Chúa Trời ngự trên ông và ông nhận được lời tiên tri.

Numbers 24:4

Ba-la-am làm gì khi thấy khải tượng của Đấng Toàn Năng?

Ba-la-am quỳ xuống và mở mắt ra.

Numbers 24:5

Ba-la-am nói gì về trại của Gia-cốp?

Ba-la-am nói trại của Gia-cốp thật đẹp.

Numbers 24:6

Ba-la-am mô tả nơi Y-sơ-ra-ên ở đẹp như thế nào?

Ba-la-am mô tả các thung lũng như vườn bên bờ sông, như cây lô hội Đức Giê-hô-va trồng và như cây hương nam nơi mé nước.

Numbers 24:7

Đức Chúa Trời ban phước gì cho Y-sơ-ra-ên trong đất họ sống?

Đức Chúa Trời ban phước cho Y-sơ-ra-ên có nước chảy, nó cũng sẽ tưới những hạt giống họ trồng.

Vương quốc Y-sơ-ra-ên sẽ như thế nào?

Vương quốc họ sẽ được tôn cao.

Numbers 24:8

Đức Chúa Trời đã đem dân Ngài ra khỏi đâu?

Đức Chúa Trời đã đem dân Ngài ra khỏi Ai Cập.

Ba-la-am nói gì về sức mạnh của Y-sơ-ra-ên?

Ba-la-am nói sức mạnh của Y-sơ-ra-ên như bò rừng.

Các nước nghịch cùng Y-sơ-ra-ên sẽ thế nào?

Ba-la-am nói rằng Y-sơ-ra-ên sẽ nuốt các nước nghịch cùng người, bẻ gãy xương chúng ra từng mảnh, và bắn tên tiêu diệt chúng.

Numbers 24:9

Ba-la-am nói tiên tri thế nào về điều sẽ xảy ra cho những người chúc phước hoặc nguyền rủa Y-sơ-ra-ên?

Những ai chúc phước Y-sơ-ra-ên sẽ được chúc phước, những ai nguyền rủa Y-sơ-ra-ên sẽ bị nguyền rủa.

Numbers 24:10

Ba-lác thể hiện sự tức giận cùng Ba-la-am như thế nào?

Ba-lác giận dữ đập hai tay vào nhau.

Numbers 24:11

Ba-lác nói ai đã làm cho Ba-la-am không nhận được phần thưởng đã hứa?

Ba-lác nói rằng Đức Giê-hô-va đã làm cho Ba-la-am không nhận được phần thưởng của mình.

Numbers 24:13

Ba-la-am nói cùng Ba-lác rằng ông không thể làm gì thậm chí Ba-lác có cho ông tòa lâu đài đầy bạc vàng của vua đi nữa?

Ba-la-am nói cùng Ba-lác rằng ông không thể vượt qua mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va để nói điều gì tốt hay xấu theo ý mình.

Ba-la-am nói ông chỉ có thể nói điều gì?

Ba-la-am nói ông chỉ có thể nói điều Đức Giê-hô-va bảo ông nói.

Numbers 24:14

Ba-la-am cảnh báo Ba-lác điều gì trước khi ông trở về với dân tộc mình?

Ba-la-am cảnh báo cho Ba-lác biết Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì với dân Ba-lác trong những ngày sắp đến.

Numbers 24:16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ba-la-am nói lời tiên tri, lời phán, tri thức và khải tượng của ông đến từ đâu?
Ba-la-am nói lời tiên tri, lời phán, tri thức và khải tượng của ông đến từ Đức Chúa Trời, Đấng Chí Cao, Đấng Toàn Năng.
Numbers 24:17
Ba-la-am nói điều gì sẽ ra từ Gia-cốp và trỗi dậy từ Y-sơ-ra-ên?
Ba-la-am nói rằng một ngôi sao sẽ ra từ Gia-cốp và một vương trượng sẽ trỗi dậy từ Y-sơ-ra-ên.
Ba-la-am nói ngôi sao và vương trượng sẽ làm gì với các lãnh đạo của Mô-áp và hết thảy dòng dõi của Sết?
Ba-la-am nói rằng ngôi sao và vương trượng sẽ đập vỡ và tiêu diệt các lãnh đạo của Mô-áp và hết thảy dòng dõi của Sết.
Numbers 24:18
Ê-đôm và Sê-i-rơ sẽ thế nào khi Y-sơ-ra-ên dùng vũ lực chinh phục họ?
Ê-đôm và Sê-i-rơ sẽ trở thành sản nghiệp của Y-sơ-ra-ên và Y-sơ-ra-ên sẽ dùng vũ lực chinh phục họ.
Numbers 24:19
Ai sẽ ra từ Gia-cốp và người sẽ làm gì?
Vua cầm quyền sẽ ra từ Gia-cốp và người sẽ tiêu diệt những kẻ sống sót của thành.
Numbers 24:20
Điều gì sẽ xảy ra cho A-ma-léc, là quốc gia lớn nhất?
Cuối cùng, A-ma-léc, là quốc gia lớn nhất sẽ bị diệt vong.
Numbers 24:21
Ba-la-am nói tiên tri thế nào về Ca-in và người Kê-nít sống ở nơi bền vững trên vầng đá?
Ca-in sẽ bị thiêu đốt khi A-sy-ri bắt họ đi lưu đày.
Numbers 24:22
Ba-la-am nói tiên tri thế nào về Ca-in và người Kê-nít sống ở nơi bền vững trên vầng đá?
Ca-in sẽ bị thiêu đốt khi A-sy-ri bắt họ đi lưu đày.
Numbers 24:24
Ai sẽ ra từ bờ biển Kít-tim tấn công A-sy-ri và chinh phục Hê-be, và rồi điều gì sẽ xảy ra với họ?
Síp sẽ ra từ bờ biển Kít-tim tấn công A-sy-ri và chinh phục Hê-be, nhưng rồi họ cũng sẽ bị diệt vong.

Chapter 25
Numbers 25:1
Sít-tim
Đây là một nơi thuộc Mô-áp.
cúi mình
Đây là hành động thờ phượng.
Phê-ô
Phê-ô là tên của một ngọn núi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 23:28.
Cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên
Sự gia tăng trong cơn giận của Đức Giê-hô-va được nói đến như thể nó là một ngọn lửa bắt đầu bốc cháy. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi cơn thạnh nộ”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 21:20]
Numbers 25:4
toàn bộ những người lãnh đạo của dân nầy
Câu nầy ngụ ý chỉ những người lãnh đạo phạm tội thờ hình tượng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “toàn bộ những người lãnh đạo của dân nầy, là những người phạm tội thờ hình tượng”
để phơi chúng dưới ánh nắng mặt trời
Câu nầy có nghĩa là những người lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên sẽ giết chết những người nầy và để xác của họ ở ngoài nơi mọi người đều có thể nhìn thấy.
với những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên
"với những người lãnh đạo không phạm tội thờ hình tượng trong dân Y-sơ-ra-ên”
Phê-ô
Phê-ô là tên của một ngọn núi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 23:28.
Numbers 25:6
dẫn một người nữ Mi-đi-an đến giữa những thành viên trong nhà mình
Câu nầy ngụ ý rằng ông dẫn người nữ nầy đến giữu trại quân của mình để quan hệ với bà. Tham khảo cách dịch: “dẫn một người nữ Mi-đi-an đến chỗ trại quân Y-sơ-ra-ên để ngủ với nàng”
trước sự chứng kiến của Môi-se và toàn bộ hội chúng Y-sơ-ra-ên
Ở đây, “trước sự chứng kiến” là một cách diễn đạt với ý nghĩa là họ đã nghe hoặc đã biết chuyện nầy.
Ê-lê-a-sa
Đây là tên con trai của A-rôn. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong NUM 3:2.
Numbers 25:8
Ông đi theo
"Phi-nê-a đi theo”
Numbers 25:10
đã xoay cơn thịnh nộ của ta ra khỏi dân Y-sơ-ra-ên
Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời được nói đến như thể nó là một vật có thể bị kéo qua một bên để ngừng nó lại. Tham khảo cách dịch: “khiến Ta không còn giận dân Y-sơ-ra-ên nữa”
Ta đã không ăn nuốt dân Y-sơ-ra-ên trong cơn tức giận của mình
Đức Giê-hô-va được nói đến như thế Ngài là con vật dữ tợn có thể ăn nuốt dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Ta đã không hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên trong cơn giận kinh khiếp của mình”
Numbers 25:12
Vì thế, hãy nói rằng: “Đức Giê-hô-va phán: “Nầy, Ta ban cho Phi-nê-a... dân Y-sơ-ra-ên””
Câu nầy tiếp tục lời của Đức Giê-hô-va trong câu trước. Câu nầy có lời trích dẫn kép
Numbers 25:14
Bấy giờ
Từ nầy chuyển từ phần câu chuyện chính sang phần thông tin về Xim-ri và Cô-bi.
người đã bị giết
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người mà Phi-nê-a đã giết”
Xim-ri... Sa-lu... Xu-rơ
Đây đều là tên của nam.
Cô-bi
Đây là tên của nữ.
Numbers 25:16
bằng sự giả dối của chúng
Danh từ “sự giả dối” có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “khi lừa dối các con”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúng đã dẫn các con vào gian ác
"Họ thuyết phục các con làm việc ác”
trong trường hợp của Phê-ô ... trong chuyện của Phê-ô
Cả hai cụm từ nầy đều có nghĩa là những việc nầy đã diễn ra tại núi Phê-ô.
Phê-ô
Phê-ô là tên của một ngọn núi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 23:28.
người bị giết
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người mà Phi-nê-a đã giết”

Translation Questions

Numbers 25:1
Điều gì khiến Đức Giê-hô-va nổi giận cùng Y-sơ-ra-ên?
Những người nam bắt đầu ngủ với các người nữ Mô-áp, dân chúng ăn và quỳ lạy trước các thần Mô-áp.
Numbers 25:2
Điều gì khiến Đức Giê-hô-va nổi giận cùng Y-sơ-ra-ên?
Những người nam bắt đầu ngủ với các người nữ Mô-áp, dân chúng ăn và quỳ lạy trước các thần Mô-áp.
Numbers 25:4
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm gì với các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên thờ lạy Ba-anh Phê-ô?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se giết hết thảy các lãnh đạo Y-sơ-ra-ên dự phần thờ lạy Ba-anh Phê-ô và treo họ lên trước mặt Đức Giê-hô-va.
Numbers 25:6
Hội chúng Y-sơ-ra-ên đang ở đâu khi một người trong dân chúng dẫn một người nữ Ma-đi-an đến giữa gia đình mình?
Hội chúng Y-sơ-ra-ên đang khóc lóc tại cửa lều hội kiến khi một người trong dân chúng dẫn một người nữ Ma-đi-an đến giữa gia đình mình.
Numbers 25:7
Phi-nê-a, con trai Ê-lê-a-sa làm gì khi nhìn thấy người nam Y-sơ-ra-ên và người nữ Ma-đi-an?
Khi Phi-nê-a nhìn thấy người nam Y-sơ-ra-ên và người nữ Ma-đi-an thì đứng dậy giữa hội chúng, cầm một cây giáo trong tay.
Numbers 25:8
Điều gì xảy ra cho người Y-sơ-ra-ên đã đem người nữ Ma-đi-an vào trại trước mắt Môi-se?
Thầy tế lễ Phi-nê-a cầm giáo đâm vào cả người nam và người nữ.
Đức Chúa Trời làm gì để ngăn chặn họ ngủ với những người nữ Mô-áp và thờ thần Ba-anh Phê-ô, và có bao nhiêu người chết?
Đức Chúa Trời giáng tai họa trên họ và số người chết là 24,000 người.
Numbers 25:9
Đức Chúa Trời làm gì để ngăn chặn họ ngủ với những người nữ Mô-áp và thờ thần Ba-anh Phê-ô, và có bao nhiêu người chết?
Đức Chúa Trời giáng tai họa trên họ và số người chết là 24,000 người.
Numbers 25:11
Vì sao cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va quay khỏi dân Y-sơ-ra-ên?
Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va quay đi vì Phi-nê-a mang lòng sốt sắng của Đức Giê-hô-va.
Numbers 25:12
Tên gọi đầu tiên Đức Giê-hô-va gọi giao ước về chức tế lễ đời đời là gì?
Đức Giê-hô-va gọi giao ước về chức tế lễ đời đời là giao ước bình an.
Numbers 25:13
Vì sao Đức Giê-hô-va lập giao ước về chức tế lễ đời đời với Phi-nê-a?
Đức Giê-hô-va lập giao ước với Phi-nê-a vì ông sốt sắng cho Đức Giê-hô-va và đã chuộc tội cho dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 25:17
Vì sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se phải xem dân Ma-đi-an như kẻ thù và tấn công họ?
Đức Chúa Trời bảo Môi-se xem dân Ma-đi-an như kẻ thù và tấn công họ vì họ đã xem Y-sơ-ra-ên như kẻ thù khi phỉnh gạt người Y-sơ-ra-ên.
Numbers 25:18
Vì sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se phải xem dân Ma-đi-an như kẻ thù và tấn công họ?
Đức Chúa Trời bảo Môi-se xem dân Ma-đi-an như kẻ thù và tấn công họ vì họ đã xem Y-sơ-ra-ên như kẻ thù khi phỉnh gạt người Y-sơ-ra-ên.
Đức Giê-hô-va gọi Cốt-bi, con gái của một thủ lĩnh Ma-đi-an bị giết vào ngày tai họa xảy đến là gì?
Ngài gọi Cốt-bi, con gái của một thủ lĩnh Ma-đi-an bị giết vào ngày tai họa xảy đến là chị em của họ.

Chapter 26

Numbers 26:1
Hãy đếm toàn bộ hội chúng
Họ sẽ chỉ đếm người nam, không đếm người nữ. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Hãy đếm toàn bộ những người nam trong hội chúng”
hai mươi tuổi trở lên
"20 tuổi trở lên"
Numbers 26:3
nói cùng họ
"nói với những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên”
các đồng bằng
Đồng bằng là một vùng rộng lớn và bằng phẳng của xứ.
hai mươi tuổi trở lên
"20 tuổi trở lên"
Numbers 26:5
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
là con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên
Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ người nam còn được biết đến là Gia-cốp.
Từ con trai của người
Từ “của người” chỉ về Ru-bên.
Numbers 26:8
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Ê-li-áp... Đa-than... A-bi-ram
Hãy dịch tên của những người nầy như cách bạn đã dịch trong NUM 16:1.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Numbers 26:10
Đất hả miệng nuốt hai người ấy
Ở đây, đất được nói đến như thể một con người thực sự đang hả miệng ra mà ăn thứ gì đó. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va khiến đất nứt ra và hai người rơi xuống lỗ sâu đó”
lửa ăn nuốt 250 người
Ở đây, lửa được nói đến như thể nó là một con vật lớn đang nuốt chửng thứ gì đó. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va khiến lửa thiêu chết 250 người”
dòng dõi Cô-ra
"toàn bộ gia đình Cô-ra”
chết hết
"tuyệt diệt”
Numbers 26:12
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:15
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:19
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:23
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:26
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:28
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:30
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:33
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:35
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Đây là con cháu của Giô-sép
Từ “đây” chỉ toàn bộ con cháu của các con trai Giô-sép, là Ép-ra-im và Ma-na-se. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Đây là dòng dõi của Giô-sép, tức là con cháu của các con trai người là Ma-na-se và Ép-ra-im”
đã đếm từng chi tộc của họ
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ đếm những người trong từng chi tộc của mình”
Numbers 26:38
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:42
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:44
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:48
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên. theo chi tộc và gia đình của họ.
Numbers 26:51
Tổng số đầy đủ
"Tổng số”
601.730
"sáu trăm lẻ một nghìn bảy trăm ba mươi”
Numbers 26:52
Đất phải được chia
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con phải chia xứ nầy”
những người nầy
Câu nầy chỉ toàn bộ những người nam được thống kê theo chi tộc của mình, bắt đầu trong NUM 26:5.
theo số tên của họ
"theo số người trong từng chi tộc”
Numbers 26:54
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
chia nhiều sản nghiệp hơn
Trong đoạn nầy, từ “sản nghiệp” chỉ về đất được thừa hưởng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “chia nhiều đất hơn cho họ làm sản nghiệp”
những người được thống kê
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người mà các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên đã thống kê”
đất nầy phải được chia
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con phải chia đất nầy”
bằng những lá thăm ngẫu nhiên
"bằng cách bắt thăm”
nó sẽ được chia
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con sẽ chia nó”
phân cho họ
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và con phải phân đất cho họ”
Numbers 26:57
Thông tin chung:
Đây là danh sách của các chi tộc Lê-vi. Môi-se đếm những người Lê-vi riêng với các chi tộc khác bởi vì người Lê-vi không được nhận bất cứ phần đất nào.
được đếm theo từng chi tộc
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch: “mà các nhà lãnh đạo cũng đã đếm theo từng chi tộc” "

Ghẹt-sôn ... Kê-hát ... Mê-ra-ri ... Amram

Dịch tên của những người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17-19.

Nàng sinh các con cho Am-ram

"Nàng và Am-ram có các con”

Numbers 26:60

Na-đáp..A-bi-hu… Y-tha-ma

Dịch tên của những người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:2.

họ dâng trước mặt Đức Giê-hô-va thứ lửa không được chấp nhận

Ở đây, từ “lửa” được dùng để chỉ “hương thơm”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 3:4]

những người được thống kê

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người mà các nhà lãnh đạo đã thống kê”

hai mươi ba nghìn

"23.000"

một tháng tuổi trở lên

"một tháng tuổi trở lên”

họ không được tính

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nhưng các nhà lãnh đạo không hề tính đến họ”

vì chẳng có sản nghiệp nào được ban cho họ

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Ở đây, “sản nghiệp” chỉ phần đất được thừa kế. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “bởi vì Đức Giê-hô-va phán họ sẽ không nhận được bất cứ phần đất nào làm sản nghiệp”

Numbers 26:63

những người được thống kê bởi Môi-se và thầy tế lễ Ê-lê-a-sa

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người mà Môi-se và thầy tế lễ Ê-lê-a-sa đã thống kê”

không có người nào

"không có người nam nào”

những người đã được thống kê bởi Môi-se và thầy tế lễ A-rôn

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người Môi-se và thầy tế lễ A-rôn đã đếm”

khi các con cháu Y-sơ-ra-ên được thống kê

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “khi họ thống kê các con cháu Y-sơ-ra-ên"

Numbers 26:65

Trong vòng họ không còn một người nào sống sót, ngoại trừ

Từ “họ” chỉ toàn bộ dân sự, tức là những người đã được thống kê tại hoang mạc Si-nai. Câu nầy có thể được chuyển sang dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Những người duy nhất còn sống sót là”

con trai Giê-phu-nê

Giê-phu-nê là cha của Ca-lép. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 13:6.

con trai của Nun

Nun là cha của Giô-suê. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 11:28.

Translation Questions

Numbers 26:2

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se và Ê-lê-a-sa làm gì sau tai họa đó?

Đức Giê-hô-va bảo họ kiểm tra dân số cả hội chúng Y-sơ-ra-ên từ hai mươi tuổi trở lên theo gia tộc của họ, tức là những người có thể ra trận được.

Numbers 26:4

Môi-se và Ê-lê-a-sa nói với dân chúng rằng Đức Giê-hô-va đã truyền cho họ làm gì?

Họ nói với dân chúng rằng họ cần kiểm tra dân số từ hai mươi tuổi trở lên, là những người Y-sơ-ra-ên đã ra khỏi xứ Ai Cập.

Numbers 26:5

Con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên là ai?

Con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên là Ru-bên.

Numbers 26:7

Các chi tộc của dòng dõi Ru-bên được bao nhiêu người?

Các chi tộc của dòng dõi Ru-bên được 43,730 người.

Numbers 26:9

Các con trai của Ê-li-áp, hậu tự của Ru-bên là ai và các con trai người đã làm gì?

Các con trai của Ê-li-áp là Nê-mu-ên, Đa-than và A-bi-ram. Đa-than và A-bi-ram nổi loạn cùng Đức Giê-hô-va khi đi theo Cô-rê, người đã thách thức Môi-se và A-rôn.

Numbers 26:10

Điều gì đã xảy ra cho hết thảy những người theo Cô-rê và trở nên một lời cảnh báo?

Đất đã nuốt họ và lửa thiêu đốt 250 người.

Numbers 26:11

Dòng dõi của ai không bị tuyệt diệt?

Dòng dõi của Cô-rê không bị tuyệt diệt.

Numbers 26:14

Ai được liệt kê tiếp theo trong số các con trai của Y-sơ-ra-ên và số con cháu của họ là bao nhiêu?

Các chi tộc của Si-mê-ôn được liệt kê tiếp theo trong số các con trai của Y-sơ-ra-ên; họ có tổng số là 22,200 người.

Numbers 26:18

Số người nam trong dòng dõi của Gát là bao nhiêu?

Số người nam trong dòng dõi của Gát là 40,500 người.

Numbers 26:19

Điều gì xảy ra cho các con trai của Giu-đa là Ê-rơ và Ô-nan?

Họ đã qua đời tại Ca-na-an.

Numbers 26:22

Số con cháu khác của Giu-đa là bao nhiêu người?

Số con cháu khác của Giu-đa là 76,500 người.

Numbers 26:25

Số người trong các chi tộc của dòng dõi Y-sa-ca là bao nhiêu?

Số người trong các chi tộc của dòng dõi Y-sa-ca là 64,300 người.

Numbers 26:27

Dòng dõi của Sa-bu-lôn được bao nhiêu người?

Dòng dõi của Sa-bu-lôn được 60,500 người.

Numbers 26:28

Các con của Giô-sép là ai?

Các con của Giô-sép là Ma-na-se và Ép-ra-im.

Numbers 26:33

Xê-lô-phát, con trai Hê-phe không có con trai nhưng có bao nhiêu con gái?

Xê-lô-phát, con trai Hê-phe không có con trai nhưng có năm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

con gái.
Numbers 26:34
Có bao nhiêu người ra từ dòng dõi của Ma-na-se?
Số người ra từ dòng dõi của Ma-na-se là 52,700 người.
Numbers 26:37
Có bao nhiêu người ra từ dòng dõi của Ép-ra-im?
Số người ra từ dòng dõi của Ép-ra-im là 32,500 người.
Numbers 26:41
Có bao nhiêu người ra từ dòng dõi của Bên-gia-min?
Số người ra từ dòng dõi của Bên-gia-min là 45,600 người.
Numbers 26:43
Có bao nhiêu người ra từ dòng dõi của Đan?
Số người ra từ dòng dõi của Đan là 64,400 người.
Numbers 26:47
Có bao nhiêu người ra từ dòng dõi của A-se?
Số người ra từ dòng dõi của A-se là 53,400 người.
Numbers 26:50
Có bao nhiêu người ra từ dòng dõi của Nép-ta-li?
Số người ra từ dòng dõi của Nép-ta-li là 45,400 người.
Numbers 26:51
Tổng số người Y-sơ-ra-ên được kiểm tra là bao nhiêu?
Tổng số người Y-sơ-ra-ên được kiểm tra là 601,730.
Numbers 26:53
Đức Giê-hô-va phán đất sẽ được phân chia như thế nào?
Đức Giê-hô-va phán sẽ phân chia đất cho họ làm sản nghiệp tùy theo số người trên danh sách.
Numbers 26:54
Ai sẽ được hưởng đất nhiều hơn hay ít hơn để làm sản nghiệp?
Chi tộc nào có dân số đông hơn thì phải được sản nghiệp lớn hơn, và bộ tộc nào ít hơn thì phải được một sản nghiệp nhỏ hơn.
Numbers 26:55
Đất sẽ được chia bằng cách nào?
Đất sẽ được chia bằng cách bóc thăm theo chi tộc tổ tông mình.
Numbers 26:57
Dòng họ Ghẹt-sôn, Kê-hát và Mê-ra-ri thuộc chi tộc nào?
Dòng họ Ghẹt-sôn, Kê-hát và Mê-ra-ri thuộc chi tộc Lê-vi.
Numbers 26:58
Dòng họ Líp-ni, Hếp-rôn, Mách-li, Mu-si và Cô-rê thuộc chi tộc nào?
Dòng họ Líp-ni, Hếp-rôn, Mách-li, Mu-si và Cô-rê thuộc chi tộc Lê-vi.
Tổ phụ của Am-ram là ai?
Tổ phụ của Am-ram là Kê-hát.
Numbers 26:59
Các con của Am-ram và Giô-kê-bết, con của Lê-vi được sinh ở Ai Cập, là ai?
Các con của họ là A-rôn, Môi-se và chị của hai người là Mi-ri-am.
Numbers 26:60
Ai là cha của Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma?
A-rôn là cha của Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma.
Numbers 26:61
Điều gì xảy ra cho Na-đáp và A-bi-hu, và vì sao họ chết?
Na-đáp và A-bi-hu chết khi họ dâng lửa không được chấp nhận trước mặt Đức Giê-hô-va.
Numbers 26:62
Số những người nam từ một tháng tuổi trở lên của người Lê-vi là bao nhiêu?
Số những người nam từ một tháng tuổi trở lên của người Lê-vi là 23,000.
Vì sao số những người nam từ một tháng tuổi trở lên của họ không được tính chung với dân số Y-sơ-ra-ên?
Số những người nam từ một tháng tuổi trở lên của họ không được tính chung với dân số Y-sơ-ra-ên vì họ không được đất làm sản nghiệp giữa dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 26:63
Môi-se và thầy tế lễ Ê-lê-a-sa kiểm kê dân số Y-sơ-ra-ên ở đâu?
Môi-se và Ê-lê-a-sa kiểm kê dân số Y-sơ-ra-ên trong đồng bằng Mô-áp gần sông Giô-đanh ở Giê-ri-cô.
Numbers 26:64
Bao nhiêu người Môi-se và thầy tế lễ A-rôn kiểm kê đã được kiểm kê trong cuộc kiểm tra dân số tại hoang mạc Si-na-i?
Không có ai Môi-se và thầy tế lễ A-rôn kiểm kê đã được kiểm kê trong cuộc kiểm tra dân số tại hoang mạc Si-na-i.
Numbers 26:65
Vì sao Môi-se và A-rôn không thể kiểm kể những dòng dõi này?
Đức Giê-hô-va đã phán rằng những người đó sẽ chết trong hoang mạc ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê.

Chapter 27
Numbers 27:1
Kế đó, Môi-se đến các con gái của Xê-lô-phát ... con trai của Giô-sép
"Đoạn, các con gái của Xê-lô-phát, con trai của Hê-phe, con trai của Gi-lê-át, con trai của Ma-ki con trai của Ma-na-se, thuộc các chi tộc của Ma-na-se con trai Giô-sép đi đến cùng Môi-se". Câu này cho chúng ta biết về bảng phả hệ của Xê-lô-phát.
Xê-lô-phát, con trai Hê-phe… Mách-la, Nô-a, Hốt-la, Mích-ca và Tiệt-sa
Hãy dịch những tên nầy như cách bạn đã làm trong NUM 26:33.
Ghi-lê-át… Ma-ki
Hãy dịch những tên nầy như cách bạn đã làm trong NUM 26:29.
Numbers 27:2
Họ đứng
"Các con gái Xê-lô-phát đứng"
những kẻ hiệp lại chống đối Đức Giê-hô-va theo phe Cô-ra
Những người theo phe Cô-ra họp lại với nhau để chống nghịch Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va khiến họ phải chết vì cớ tội lỗi của mình. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “những kẻ đã chết vì ở trong vòng những kẻ theo Cô-ra mà chống nghịch cùng Đức Giê-hô-va”
vì tội lỗi mình
"vì cớ tội lỗi của mình”
Numbers 27:4
Tại sao danh cha chúng tôi lại bị loại khỏi những thành viên của gia tộc người chỉ vì không có con trai?
Thời bấy giờ, chỉ những con trai mới nhận được đất làm sản nghiệp. Những cô con gái ở đây đang dùng câu hỏi nầy để đề nghị rằng họ phải được nhận phần gia sản đó và tiếp tục ở trong chi tộc của gia đình mình. Có thể chuyển câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các ông không nên loại bỏ danh cha chúng tôi ra khỏi các thành

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

viên chi tộc chỉ bởi vì người không có con trai”
Xin hãy cho chúng tôi phần đất giữa bà con của cha chúng tôi
Câu nầy có nghĩa là họ đang xin được hưởng phần đất gần nơi các bà con của cha mình hưởng phần đất. Có thể làm rõ ý nghĩa của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy cho chúng tôi phần đất nơi bà con của cha chúng tôi đang sống"
Numbers 27:6
giữa bà con của cha chúng tôi
Câu nầy có nghĩa là họ sẽ được hưởng phần đất mà bà con của cha họ đang được hưởng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “nơi bà con của cha họ đang sống”
Numbers 27:9
Thông tin chung:
Câu nầy tiếp tục phần luật pháp của Đức Chúa Trời về những người sẽ được nhận phần đất nếu một người không có con trai.
là luật lệ được thiết lập bởi sắc lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “là luật lệ mà dân Y-sơ-ra-ên phải vâng giữ”
đã truyền cho ta
Ở đây, “ta” chỉ về Môi-se.
Numbers 27:12
núi A-ba-rim
Đây là dãy núi tại Mô-áp.
mà Ta đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên
Ở đây, Đức Giê-hô-va đang nói đến vùng đất mà Ngài sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên như thể Ngài đã ban nó cho họ rồi. Ngài phán như vậy để nhấn mạnh lời cam kết của Ngài sẽ ban đất đó cho họ. Tham khảo cách dịch: “mà Ta sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên”
con cũng sẽ được sum họp cùng tổ phụ của con
Đây là phép uyển ngữ có nghĩa là Môi-se sẽ chết và linh hồn của ông sẽ đi đến chỗ tổ tiên của mình. Tham khảo cách dịch: “con sẽ chết”
giống như A-rôn, anh con
Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây là A-rôn đã qua đời. Tham khảo cách dịch: “giống như anh con là A-rôn đã qua đời vậy”
hai con đã nổi loạn
Từ này chỉ về Môi-se và A-rôn.
hoang mạc Sin
Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã làm trong NUM 13:21.
lúc nước chảy ra từ vầng đá, trong cơn giận của con
Câu nầy nói đến sự kiện khi Đức Giê-hô-va khiến đá chảy ra từ tảng đá một cách kỳ diệu. Đức Chúa Trời bảo Môi-se phải phán với tảng đá đó. Thế nhưng thay vì làm thế, Môi-se lại đập vào tảng đá bởi vì ông giận dân sự.
các con đã không tôn Ta nên thánh
"các con đã không tôn thánh Ta”
trước mắt cả dân sự
ở đây, “mắt cả dân sự” chỉ đến chính dân sự. Viết như vậy để nhấn mạnh những điều mà họ đã thấy. Tham khảo cách dịch: “ngày trước toàn thể dân sự”
nước Mê-ri-ba
Dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong NUM 20:13.
Numbers 27:15
Đức Chúa Trời của các thần linh trong mọi người
Ý nghĩa khả thi: 1) ở đây, “thần linh” chỉ toàn thể mọi người. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời trên toàn thể loài người” hoặc 2) nhắc đến “thần linh” để chỉ về việc Đức Chúa Trời đã ban sự sống và hơi thở cho toàn thể con người. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời là Đấng ban hơi thở cho toàn thể con người” hoặc “Đức Chúa Trời là Đấng ban sự sống cho toàn nhân loại”
một người trên cả dân sự
“trên” một nhóm người có nghĩa là có thẩm quyền để dẫn dắt họ. Tham khảo cách dịch: “một người để dẫn dắt cả dân sự”
một người có thể đi ra và đi vào trước mặt họ, dẫn họ đi ra và đem họ đi vào
Đây là cách diễn đạt có nghĩa một người sẽ dẫn dắt cả dân sự và cũng lãnh đạo quân đội tham chiến.
để dân sự Ngài không giống như chiên không có người chăn
Đây là phép so sánh có nghĩa là không có người chăn thì dân sự sẽ đi lang thang đây đó mà không có người giúp đỡ.
Numbers 27:18
Hãy chọn Giô-suê, con trai của Nun, người mà Thần Ta ngự trong người
Thần của Đức Giê-hô-va ở trong Giô-suê, có nghĩa là Giô-suê vâng phục Đức Giê-hô-va và làm theo những mạng lệnh của Ngài.
đặt tay con trên người
Đây là dấu hiệu của việc dâng một người cho công việc của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “đặt tay con trên người để chỉ định người”
và ngay trước mắt dân sự hãy ra lệnh cho người đó phải dẫn dắt chúng
Ở đây, “mắt dân sự” chỉ về chính dân sự. Câu nầy được viết như vậy để nhấn mạnh những điều họ đã thấy. Tham khảo cách dịch: “và ngay trước mắt chúng hãy ra lệnh cho Giô-suê dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên”
Numbers 27:20
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se về Giô-suê.
Con phải lấy một phần thẩm quyền của con mà mặc trên người
Ở đây, Đức Giê-hô-va nói về việc Môi-se trao một phần thẩm quyền của mình cho Giô-suê như thể thẩm quyền đó là quần áo mà Môi-se có thể mặc lên cho Giô-suê. Tham khảo cách dịch: “con nên trao cho người một phần thẩm quyền của con” hoặc “Hãy để người quyết định việc dân sự nên làm”
U-rim
Đây là hòn đá thánh mà thầy tế lễ thượng phẩm mặc trên bảng đeo ngực của mình. Người dùng nó để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời.
Theo lệnh của người, dân sự sẽ đi ra và đi vào
Câu nầy có nghĩa là Giô-suê sẽ có thẩm quyền để ra lệnh cho hội chúng Y-sơ-ra-ên trong việc di chuyển. “đi ra” và “đi vào” là hai lệnh trái ngược nhau được dùng để nhấn mạnh ý người sẽ toàn quyền trên việc di chuyển của họ. Tham khảo cách dịch: “Người sẽ điều khiển sự di chuyển của cả hội chúng”
cả người và toàn thể dân Y-sơ-ra-ên ở với người, tức là toàn thể hội chúng
Cả hai vế nầy đều chỉ về cùng một điều, và chúng được dùng chung với nhau để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: “cả người và toàn thể nước Y-sơ-ra-ên”
Numbers 27:22
và đặt người trước

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"và bảo người đứng trước”

Ông đặt tay trên người và lệnh cho người phải dẫn dắt

"ông” chỉ Môi-se, và “người” chỉ Giô-suê.

Ông đặt tay trên người

Hành động đặt tay là cách để biệt riêng một người để làm công việc đặt biệt cho Đức Chúa Trời.

phải dẫn dắt

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây là dẫn dắt dân sự. Tham khảo cách dịch: “phải dẫn dắt dân sự” hoặc “phải trở thành người lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên”

như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho mình

Ở đây, “mình” chỉ về Môi-se

Translation Questions

Numbers 27:3

Vì sao Xê-lô-phát chết trong hoang mạc?

Xê-lô-phát chết trong hoang mạc không phải vì thuộc vào những kẻ hiệp lại chống đối Đức Giê-hô-va theo phe Cô-rê nhưng ông đã chết vì tội lỗi mình.

Numbers 27:4

Các con gái của Xê-lô-phát muốn Môi-se cho họ điều gì?

Các con gái của Xê-lô-phát muốn Môi-se cho họ phần đất trong vòng các bà con của cha họ.

Numbers 27:8

Đức Giê-hô-va phán phần sản nghiệp của một người sẽ thế nào khi người đó chết mà không có con trai?

Khi một người chết mà không có con trai thì phần sản nghiệp của người đó phải được giao cho con gái người.

Numbers 27:9

Nếu một người chết không có con trai hay con gái thì ai sẽ nhận sản nghiệp của người đó?

Nếu một người chết không có con trai hay con gái thì sản nghiệp của người đó sẽ được giao cho anh em người.

Numbers 27:12

Vì sao Môi-se phải về cùng tổ phụ mình mà không được đi vào xứ Đức Giê-hô-va đã ban cho họ?

Môi-se phải về cùng tổ phụ mình vì ông và A-rôn đã nổi loạn chống lại mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va khi tức giận mà đập vào tảng đá.

Numbers 27:14

Vì sao Môi-se phải về cùng tổ phụ mình mà không được đi vào xứ Đức Giê-hô-va đã ban cho họ?

Môi-se phải về cùng tổ phụ mình vì ông và A-rôn đã nổi loạn chống lại mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va khi tức giận mà đập vào tảng đá.

Numbers 27:15

Vì sao Môi-se xin Đức Giê-hô-va lập một người trên hội chúng?

Môi-se xin Đức Giê-hô-va lập một người trên hội chúng để họ sẽ không như chiên không có người chăn.

Numbers 27:17

Vì sao Môi-se xin Đức Giê-hô-va lập một người trên hội chúng?

Môi-se xin Đức Giê-hô-va lập một người trên hội chúng để họ sẽ không như chiên không có người chăn.

Numbers 27:18

Vì sao Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se đặt tay trên Giô-suê, con trai của Nun?

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se chọn Giô-suê vì ông là người có thần của Ngài ngự vào.

Numbers 27:19

Vì sao Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se đặt tay trên Giô-suê, con trai của Nun?

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se chọn Giô-suê vì ông là người có thần của Ngài ngự vào.

Numbers 27:20

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se trao thẩm quyền thế nào cho Giô-suê?

Môi-se phải trao cho Giô-suê thẩm quyền tìm kiếm ý muốn của Đức Giê-hô-va bằng cách cầu hỏi U-rim và truyền cho cả hội chúng Y-sơ-ra-ên vâng lời người.

Numbers 27:21

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se trao thẩm quyền thế nào cho Giô-suê?

Môi-se phải trao cho Giô-suê thẩm quyền tìm kiếm ý muốn của Đức Giê-hô-va bằng cách cầu hỏi U-rim và truyền cho cả hội chúng Y-sơ-ra-ên vâng lời người.

Numbers 27:22

Môi-se đáp lại mạng lệnh của Đức Giê-hô-va như thế nào?

Môi-se đem Giô-suê ra trước mặt thầy tế lễ Ê-lê-a-sa và cả hội chúng, đặt tay trên người và ủy thác trách nhiệm lãnh đạo như Đức Giê-hô-va đã phán dặn.

Numbers 27:23

Môi-se đáp lại mạng lệnh của Đức Giê-hô-va như thế nào?

Môi-se đem Giô-suê ra trước mặt thầy tế lễ Ê-lê-a-sa và cả hội chúng, đặt tay trên người và ủy thác trách nhiệm lãnh đạo như Đức Giê-hô-va đã phán dặn.

Chapter 28

Numbers 28:1

vào thời điểm ấn định

"vào thời điểm mà Ta đã chọn”

thực phẩm làm tế lễ của Ta được được dâng bằng lửa tỏa ra

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “thực phẩm làm tế lễ mà các con sẽ thiêu trên bàn thờ tỏa ra”

hương thơm cho Ta

"mùi mà Ta ưa thích”

Numbers 28:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

tế lễ được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. "của lễ thiêu” hoặc “của lễ mà các con sẽ dùng lửa thiêu trên bàn thờ”

được trộn với

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. “mà các con đã trộn với”

một phần mười ê-pha

"một phần mười” có nghĩa là một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “2 lít” hoặc “một phần mười ê-pha

một phần tư hin

“một phần tư” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số bốn phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “1 lít” hoặc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“một phần tư hin
dầu đã được giã
"dầu ép” hoặc “dầu ô-liu nguyên chất”. Cụm từ nầy dùng để chỉ loại dầu được ép ra từ trái ô-liu.
Numbers 28:6
đã được lập tại núi Si-nai
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Đức Giê-hô-va đã lập tại núi Si-nai”
được dâng bằng lửa
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà con đã thiêu trên bàn thờ”
một phần tư hin
“một phần tư” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số bốn phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “1 lít” hoặc “một phần tư hin
Con phải đổ lễ quán là rượu ra trong nơi Thánh cho Đức Giê-hô-va
Câu nầy mô tả lễ quán được dâng cùng với chiên con. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Phải có lễ quán là rượu và con phải đổ nó ra trong nơi thánh cho Đức Giê-hô-va”
giống như của lễ đã được dâng
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “giống như của lễ mà con đã dâng”
Numbers 28:9
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
hai phần mười ê-pha
“hai phần mười” có nghĩa là hai phần được lấy ra từ mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rưỡi” hoặc “hai phần mười ê-pha
được trộn với dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã trộn với dầu”
lễ quán chung với nó
Có nhiều loại tế lễ được quy định phải dân cùng với lễ quán. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “của lễ quán dâng kèm theo đó”
Numbers 28:11
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
ba phần mười ê-pha
“ba phần mười” có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “sáu lít” hoặc “ba phần mười ê-pha
hai phần mười
Còn thiếu cụm từ “ê-pha”, và bạn có thể thêm cụm từ đó vào. “hai phần mười” có nghĩa là hai phần được lấy ra từ mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rưỡi” hoặc “hai phần mười ê-pha
một phần mười ê-pha
“một phần mười” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “2 lít” hoặc “một phần mười ê-pha
được trộn với dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. “mà các con đã trộn với dầu”
được dâng bằng lửa
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. "mà con đã thiêu trên bàng thờ”
Numbers 28:14
một nửa hin
"một nửa” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số hai phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “hai lít” hoặc “một nửa hin
một phần ba hin
“một phần ba” có nghĩa là lấy ra một phần trong một tổng thể có ba phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “1.2 lít” hoặc “một là một phần năm lít” hoặc “một nửa hin
một phần tư hin
“một phần tư” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số bốn phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “1 lít” hoặc “một phần tư hin
Một con dê đực phải được dâng lên cho Đức Giê-hô-va như một của lễ chuộc tội
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con phải dâng một con dê đực lên cho Đức Giê-hô-va như một của lễ chuộc tội”
Numbers 28:16
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
vào ngày mười bốn của tháng đầu tiên.... ngày người lăm của tháng ấy
"vào ngày 14 của tháng thứ 1... ngày 15 của tháng ấy”. Câu nầy chỉ về tháng đầu tiên trong lịch của người Hê-bơ-rơ.
tức là đến ngày Lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va
"con phải tổ chức Lễ Vượt Qua cho Đức Giê-hô-va”
một buổi tiệc phải được tổ chức
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. "con phải tổ chức một buổi tiệc”
bánh không men phải được ăn
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. "con phải ăn bánh không men”
ngày thứ nhất
"ngày thứ 1”
phảo có một cuộc hội họp thánh để thờ tôn kính Đức Giê-hô-va
"các con phải nhóm hợp lại để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va”. Cụm từ “cuộc hội họp thánh” nghĩa là dân sự phải nhóm họp lại với nhau để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.
Numbers 28:19
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
các con phải dâng tễ lễ được dâng bằng lửa, tức là của lễ thiêu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải thiêu của lễ trên bàn thờ”
ba phần mười ê-pha
“ba phần mười” có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “sáu lít” hoặc “ba phần mười ê-pha

được trộn với dầu

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã trộn với dầu”

hai phần mười

Cụm từ “ê-pha bột lọc” còn thiếu, bạn có thể thêm nó vào trong cụm từ nầy. “hai phần mười” có nghĩa là lấy ra hai phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rưỡi bộc lọc” hoặc “hai phần mười ê-pha bộc lọc

một phần mười ê-pha

“một phần mười” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “2 lít” hoặc “một phần mười ê-pha

để làm lễ chuộc tội

Từ “lễ chuộc tội” có thể được chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “để chuộc tội”

Numbers 28:23

được yêu cầu mỗi buổi sớm mai

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Đức Giê-hô-va đã yêu cầu mỗi buổi sớm mai”

Như đã được mô tả ở đây

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Như Ta, là Đức Giê-hô-va, đã mô tả tại đây”

thực phẩm làm tế lễ được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải thiêu những tế lễ bằng thực phẩm trên bàn thờ”

hương thơm dễ chịu cho Đức Giê-hô-va

"như một hương thơm dễ chịu cho Đức Giê-hô-va”

Chúng phải được dâng

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải dâng chúng”

tổ chức một cuộc hội họp thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va

"nhóm họp lại cùng nhau để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va”. Cụm từ “cuộc hội họp thánh” có nghĩa là dân sự nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.

Numbers 28:26

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

ngày hoa quả đầu mùa

"ngày hoa quả đầu mùa, ấy là ngày”. Cụm từ nầy chỉ những ngày trong suốt Lễ Các Tuần, khi dân sự dâng của lễ chay lên cho Đức Giê-hô-va.

tổ chức một cuộc hội họp thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va

“nhóm họp lại cùng nhau để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va”. Cụm từ “cuộc hội họp thánh” có nghĩa là dân sự nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.

được trộn với dầu

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã trộn với dầu”

ba phần mười ê-pha

“ba phần mười” có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “sáu lít” hoặc “ba phần mười ê-pha

ba phần mười ê-pha

“ba phần mười” có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “sáu lít” hoặc “ba phần mười ê-pha

hai phần mười

Cụm từ “ê-pha bột lọc” còn thiếu, bạn có thể thêm nó vào trong cụm từ nầy. “hai phần mười” có nghĩa là lấy ra hai phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rưỡi bộc lọc” hoặc “hai phần mười ê-pha bộc lọc

Numbers 28:29

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

một phần mười ê-pha

“một phần mười” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “2 lít” hoặc “một phần mười ê-pha

bột lọc trộn dầu

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà con đã trộn với dầu”

làm sự chuộc tội

Cụm từ “sự chuộc tội” có thể được diễn đạt với động từ “chuộc tội”. Tham khảo cách dịch: “để chuộc tội”

những lễ quán của chúng

Cụm từ nầy chỉ về việc phải dâng kèm những lễ quán khi dâng từng con sinh tế lên làm tế lễ. Tham khảo cách dịch: “những lễ quán được dâng cùng với chúng” hoặc “những lễ quán đi kèm với chúng”

Translation Questions

Numbers 28:2

Đức Giê-hô-va nói các tế lễ tạo ra điều gì cho Ngài?

Đức Giê-hô-va nói các tế lễ tạo ra hương thơm cho Ngài.

Numbers 28:3

Hai con gì được dâng làm tế lễ thiêu hằng hiến mỗi ngày, một con vào buổi sáng và một con vào buổi tối?

Tế lễ thiêu hằng hiến vào các buổi sáng và các buổi tối phải là chiên con đực không tì vết.

Numbers 28:4

Hai con gì được dâng làm tế lễ thiêu hằng hiến mỗi ngày, một con vào buổi sáng và một con vào buổi tối?

Tế lễ thiêu hằng hiến vào các buổi sáng và các buổi tối phải là chiên con đực không tì vết.

Numbers 28:5

Họ còn phải dâng thêm vật gì với tế lễ thiêu hằng hiến?

Họ còn phải dâng một phần mười ê-pha bột lúa mì nhồi với một phần tư hin dầu ép làm của lễ chay.

Numbers 28:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Của lễ quán gì được dâng cho Đức Giê-hô-va cùng với tế lễ thiêu hằng hiến và họ làm gì với của lễ quán đó?
Cùng với các tế lễ đó phải có một phần tư hin rượu được đổ ra trong nơi thánh.
Numbers 28:8
Của lễ quán gì được dâng cho Đức Giê-hô-va cùng với tế lễ thiêu hằng hiến và họ làm gì với của lễ quán đó?
Cùng với các tế lễ đó phải có một phần tư hin rượu được đổ ra trong nơi thánh.
Numbers 28:9
Những vật gì phải được dâng vào ngày Sa-bát?
Vào ngày Sa-bát, phải dâng hai chiên con đực một tuổi không tì vết, bột lúa mì mịn nhồi với dầu và của lễ quán.
Numbers 28:10
Những vật gì phải được dâng vào ngày Sa-bát?
Vào ngày Sa-bát, phải dâng hai chiên con đực một tuổi không tì vết, bột lúa mì mịn nhồi với dầu và của lễ quán.
Numbers 28:11
Những sinh tế đặc biệt nào phải được dâng vào mỗi đầu tháng?
Vào mỗi đầu tháng phải dâng những sinh tế đặc biệt là hai con bò đực tơ, một con chiên đực và bảy chiên con đực một tuổi không tì vết.
Numbers 28:12
Phải dâng của lễ chay nào với hai con bò đực và một con chiên đực?
Của lễ chay cho mỗi con bò đực là ba phần mười ê-pha bột lúa mì mịn nhồi dầu, còn của lễ chay cho một con chiên đực là hai phần mười bột lúa mì mịn nhồi dầu.
Numbers 28:13
Của lễ chay cho mỗi chiên con là gì?
Của lễ chay cho mỗi chiên con là một phần mười ê-pha bột lúa mì mịn nhồi dầu.
Numbers 28:14
Những tế lễ thiêu đặc biệt này phải được dâng bao lâu một lần?
Những tế lễ thiêu đặc biệt này phải được dâng vào mỗi tháng trong năm.
Numbers 28:15
Vật gì được dâng cùng với tế lễ thiêu hằng hiến và của lễ quán?
Phải dâng một con dê đực làm tế lễ chuộc tội cho Đức Giê-hô-va.
Numbers 28:16
Lễ Vượt qua của Đức Giê-hô-va được cử hành khi nào?
Lễ Vượt qua của Đức Giê-hô-va được cử hành vào ngày mười bốn tháng thứ nhất.
Lễ hội sẽ được tổ chức vào ngày nào và phải ăn bánh gì trong bảy ngày?
Lễ hội sẽ được tổ chức vào ngày mười lăm của tháng thứ nhất và họ phải ăn bánh không men trong bảy ngày.
Numbers 28:17
Lễ hội sẽ được tổ chức vào ngày nào và phải ăn bánh gì trong bảy ngày?
Lễ hội sẽ được tổ chức vào ngày mười lăm của tháng thứ nhất và họ phải ăn bánh không men trong bảy ngày.
Numbers 28:18
Họ đã làm gì để tôn vinh Đức Giê-hô-va vào ngày thứ nhất của lễ Vượt qua và họ không làm gì vào ngày đó?
Họ có cuộc hội họp thánh để tôn vinh Đức Giê-hô-va; vào ngày đó họ không được làm công việc thường lệ nào cả.
Numbers 28:19
Những sinh tế gì phải được dâng suốt bảy ngày lễ Vượt qua?
Họ phải dâng hai con bò đực tơ, một con chiên đực và bảy chiên con đực một tuổi không có tì vết.
Numbers 28:20
Những tế lễ chay gì phải được dâng với hai con bò đực tơ và con chiên đực?
Họ phải dâng ba phần mười ê-pha bột lúa mì mịn nhồi dầu với những con bò đực và hai phần mười với con chiên đực.
Numbers 28:21
Họ phải dâng vật gì với những chiên con?
Họ phải dâng một phần mười ê-pha bột lúa mì mịn nhồi dầu với mỗi chiên con.
Numbers 28:22
Dê đực được dâng làm gì?
Dê đực được dâng làm tế lễ chuộc tội để làm lễ chuộc tội cho họ.
Numbers 28:25
Điều gì xảy ra vào ngày thứ bảy của lễ Vượt qua?
Vào ngày thứ bảy của lễ Vượt qua họ phải có cuộc hội họp thánh để tôn vinh Đức Giê-hô-va và không được làm một công việc thường lệ nào cả.
Numbers 28:26
Họ phải dâng gì vào ngày hoa quả đầu mùa trong kỳ lễ Các Tuần và họ làm gì vào ngày hôm đó?
Vào ngày hoa quả đầu mùa, họ dâng tế lễ chay mới cho Đức Giê-hô-va trong kỳ lễ Các Tuần, và có cuộc hội họp thánh để tôn vinh Đức Giê-hô-va và không được làm một công việc thường lệ nào cả.

Chapter 29
Numbers 29:1
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
vào ngày mồng một tháng bảy
"vào ngày mồng 1 tháng 7". Cụm từ nầy chỉ tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ.
tổ chức một cuộc hội họp thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va
“nhóm họp lại cùng nhau để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va”. Cụm từ “cuộc hội họp thánh” có nghĩa là dân sự nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.
Đó sẽ là ngày để các con thổi kèn
Ở đây, từ “các con” chỉ những người Y-sơ-ra-ên mà ở đây đại diện là các thầy tế lễ. Các thầy tế lễ thổi kèn để bắt đầu buổi thờ phượng hoặc để nhóm họp dân chúng lại. Tham khảo cách dịch: “Đó sẽ là ngày khi các thầy tễ lễ thổi kèn”
Numbers 29:2
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
Numbers 29:3
của lễ chay của chúng
Cụm từ nầy chỉ những của lễ chay bắt buộc phải dâng kèm với từng con sinh tế khi được dâng làm tế lễ. Tham khảo cách dịch: “những của lễ chay được dâng cùng với chúng” hoặc “những của lễ chay kèm theo chúng”
được trộn với dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã trộn với dầu”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ba phần mười ê-pha
“ba phần mười” có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “sáu lít” hoặc “ba phần mười ê-pha
hai phần mười
Còn thiếu cụm từ “ê-pha”, và bạn có thể thêm cụm từ đó vào. “hai phần mười” có nghĩa là hai phần được lấy ra từ mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rưỡi” hoặc “hai phần mười ê-pha
một phần mười
“một phần mươi” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “2 lít” hoặc “một phần mười ê-pha”
làm sự chuộc tội
Cụm từ “sự chuộc tội” có thể được diễn đạt với động từ “chuộc tội”. Tham khảo cách dịch: “để chuộc tội”
Numbers 29:6
tháng thứ bảy… các ngày đầu tháng
"tháng thứ 7… ngày mùng 1 mỗi tháng”. Từ “tháng” ở đây chỉ những tháng trong lịch của người Hê-bơ-rơ.
của mỗi tháng: của lễ thiêu đặc biệt… với nó
Đây là tế lễ được dâng vào các ngày mồng một của mỗi tháng.
của lễ thiêu hằng hiến, cùng với của lễ chay và lễ quán của nó
Câu nầy chỉ những của lễ mà các thầy tế lễ sẽ phải dâng hằng ngày. Của lễ chay và lễ quán được dâng cùng với những của lễ thiêu hằng hiến. Tham khảo cách dịch: “của lễ thiêu hằng hiến, cùng với của lễ chay và lễ quán đi kèm với nó”
các con sẽ vâng theo những điều đã quy định
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con sẽ vâng theo điều luật của Đức Giê-hô-va” hoặc “các con sẽ làm theo những điều Đức Giê-hô-va đã ban hành”
tế lễ được dâng bằng lửa cho Đức Giê-hô-va
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “của tế kễ mà các con thiêu trên bàn thờ cho Đức Giê-hô-va”
Numbers 29:7
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
ngày mùng mười tháng bảy
"ngày thứ 10 của tháng thứ 7”. Từ “tháng” chỉ những tháng trong lịch của người Hê-bơ-rơ.
tổ chức một cuộc hội họp thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va
“nhóm họp lại cùng nhau để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va”. Cụm từ “cuộc hội họp thánh” có nghĩa là dân sự nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.
Numbers 29:9
được trộn với dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã trộn với dầu”
ba phần mười ê-pha
“ba phần mười” có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “sáu lít” hoặc “ba phần mười ê-pha
hai phần mười
Còn thiếu cụm từ “ê-pha”, và bạn có thể thêm cụm từ đó vào. “hai phần mười” có nghĩa là hai phần được lấy ra từ mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rưỡi” hoặc “hai phần mười ê-pha
một phần mười ê-pha
“một phần mười” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “2 lít” hoặc “một phần mười ê-pha
về sự chuộc tội
Từ “sự chuộc tội” có thể được diễn đạt với động từ “chuộc tội”, Tham khảo cách dịch: “chuộc tội cho các con”
của lễ chay của nó, và lễ quán của chúng
Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng”
Numbers 29:12
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
mồng mười lăm tháng bảy
"mồng 15 tháng 7”. Từ “tháng” chỉ những tháng trong lịch của người Hê-bơ-rơ.
tổ chức một cuộc hội họp thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va
“nhóm họp lại cùng nhau để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va”. Cụm từ “cuộc hội họp thánh” có nghĩa là dân sự nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.
các con phải giữ lễ nầy cho Ngài
Đây là một cách diễn đạt. Ở đây, từ “giữ” có nghĩa là tiến hành hoặc tổ chức. Từ “Ngài” chỉ về Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “các con phải tiến hành lễ nầy cho Đức Giê-hô-va” hoặc “các con phải tổ chức lễ nầy cho Đức Giê-hô-va”
tế lễ được dâng bằng lửa
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. "các con phải thiêu nó trên bàn thờ"
mười ba con bò đực tơ, hai con chiên đực và mười bốn chiên con
"13 con bò đực tơ, 2 con chiên đực và 14 chiên con”
Numbers 29:14
được trộn với dầu
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã trộn với dầu”
ba phần mười ê-pha
“ba phần mười” có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “sáu lít” hoặc “ba phần mười ê-pha
mười ba còn bò đực.... mười bốn con chiên
"13 con bò đực… 14 con chiên”
hai phần mười
Còn thiếu cụm từ “ê-pha”, và bạn có thể thêm cụm từ đó vào. “hai phần mười” có nghĩa là hai phần được lấy ra từ mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “bốn lít

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

rưỡi” hoặc “hai phần mười ê-pha
một phần mười ê-pha
“một phần mười” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ nầy theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “2 lít” hoặc “một phần mười ê-pha
của lễ chay và lễ quan dâng cùng với nó
Của lễ chay và lễ quán thường được dâng kèm với của lễ thiêu hằng hiến.
Numbers 29:17
ngày thứ hai của cuộc hội họp
"ngày thứ 2 của kỳ lễ”. Ở đây, “cuộc hội họp” chỉ về Lễ Các Tuần.
mười hai con bò đực tơ, hai con chiên đực và mười bốn chiên con đực
"12 con bò đực tơ, 2 con chiên đực và 14 chiên con đực” See:
như đã được lệnh
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"
của lễ chay và lễ quán của chúng
Của lễ chay sẽ được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với cả của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “cùng với của lễ chay và lễ quán được dâng kèm với chúng”
Numbers 29:20
ngày thứ ba của cuộc hội họp
"ngày thứ 3 của kỳ lễ”. Ở đây, từ “cuộc hội họp” chỉ về Lễ Các Tuần.
mười một con bò đực, hai con chiên đực và mười bốn chiên con đực
"11 con bò đực, 2 con chiên đực và 14 chiên con đực”
như đã được lệnh
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"
của lễ chay và lễ quán của chúng
Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng”
Numbers 29:23
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Môi-se về những điều dân sự phải làm suốt kỳ lễ trong tháng thứ bảy.
ngày thứ tư của cuộc hội họp
"ngày thứ 4 của kỳ lễ”. Ở đây, từ “cuộc hội họp” chỉ về Lễ Các Tuần.
mười bốn chiên con đực
"14 chiên con đực”
như đã được lệnh
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"
của lễ chay và lễ quán của chúng
Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng”
Numbers 29:26
ngày thứ năm của cuộc hội họp
"ngày thứ 5 của kỳ lễ”. Ở đây, từ “cuộc hội họp” chỉ về Lễ Các Tuần.
mười bốn chiên con đực
"14 chiên con đực"
như đã được lệnh
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"
của lễ chay và lễ quán của chúng
Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng”
Numbers 29:29
ngày thứ sáu của cuộc hội họp
"ngày thứ 6 của kỳ lễ”. Ở đây, từ “cuộc hội họp” chỉ về Lễ Các Tuần.
mười bốn chiên con đực
"14 chiên con đực"
như đã được lệnh
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"
của lễ chay và lễ quán của chúng
Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng”
Numbers 29:32
ngày thứ bảy của cuộc hội họp
"ngày thứ 7 của kỳ lễ”. Ở đây, từ “cuộc hội họp” chỉ về Lễ Các Tuần.
mười bốn chiên con đực
"14 chiên con đực"
như đã được lệnh
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"
của lễ chay và lễ quán của chúng
Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng”
Numbers 29:35
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va phán bảo Môi-se những điều dân sự phải làm sau kỳ lễ bảy ngày trong tháng thứ bảy.
ngày thứ tám
Từ “thứ tám” là số chỉ thứ tự cho số tám.
có một cuộc hội họp trọng thể khác
"lại nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va”. Đây là một cuộc hội họp khác tương tự như cuộc hội họp vào những ngày đầu của kỳ lễ.
tế lễ được dâng bằng lửa
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải thiêu nó trên bàn thờ"
Numbers 29:37
của lễ chay và lễ quán của chúng
Những của lễ nầy sẽ được dâng cùng với bò đực, chiên đực và chiên con. Tham khảo cách dịch: “những của lễ chay và lễ quán”
như đã được lệnh
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"
của lễ chay và lễ quán của chúng
Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng”
Numbers 29:39
Đây là những thứ mà các con phải dâng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Những của lễ nầy là những thứ các con phải dâng”

các kỳ lễ cố định

"các kỳ lễ đã hoạch định”. Đây là những kỳ lễ diễn ra theo lịch trình thường lệ. Từ “cố định” có nghĩa là “định” hoặc “định trước”.

Translation Questions

Numbers 29:1

Vì sao dân Y-sơ-ra-ên có cuộc hội họp thánh vào ngày đầu tiên của tháng bảy; họ làm gì và không làm gì vào ngày đó?

Vào ngày đầu tiên của tháng bảy dân Y-sơ-ra-ên có cuộc hội họp thánh để tôn vinh Đức Giê-hô-va; họ không làm một công việc thường lệ nào cả và họ thổi kèn.

Numbers 29:2

Vào ngày đó, họ dâng những con vật gì và vì sao?

Vào ngày đó, họ dâng tế lễ thiêu là một con bò đực tơ, một con chiên đực và bảy chiên con đực một tuổi không tì vết để tạo ra hương thơm cho Đức Giê-hô-va.

Numbers 29:3

Họ phải dâng của lễ chay gì với những con vật đó?

Với những con vật đó họ phải dâng của lễ chay là bột mì mịn nhồi dầu.

Numbers 29:4

Họ dâng một con dê đực để làm gì?

Họ dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội để chuộc tội cho mình.

Numbers 29:6

Khi nào họ phải dâng của lễ chuộc tội này, bên cạnh tất cả của lễ hằng hiến họ dâng vào mỗi tháng?

Họ phải dâng của lễ chuộc tội này vào tháng thứ bảy, bên cạnh tất cả của lễ hằng hiến họ phải dâng vào mỗi tháng.

Numbers 29:7

Đức Giê-hô-va nói dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì vào ngày mười của tháng thứ bảy?

Vào ngày mười của tháng thứ bảy dân Y-sơ-ra-ên phải có buổi hội họp thánh để tôn vinh Đức Giê-hô-va, hạ mình xuống và không làm việc gì cả.

Numbers 29:8

Họ phải dâng những con vật gì làm tế lễ thiêu để tạo ra hương thơm cho Đức Giê-hô-va vào ngày mười lăm của tháng thứ bảy?

Vào ngày mười lăm của tháng thứ bảy dân Y-sơ-ra-ên phải dâng một con bò đực tơ, một con chiên đực và bảy chiên con đực một tuổi không tì vết.

Numbers 29:9

Dân Y-sơ-ra-ên phải dâng chung thứ gì với mỗi con vật?

Dân Y-sơ-ra-ên phải dâng mỗi con vật chung với bột lúa mì nhồi dầu.

Numbers 29:10

Dân Y-sơ-ra-ên phải dâng chung thứ gì với mỗi con vật?

Dân Y-sơ-ra-ên phải dâng mỗi con vật chung với bột lúa mì nhồi dầu.

Numbers 29:11

Con dê đực được dâng làm gì?

Con dê đực được dâng làm của lễ chuộc tội.

Numbers 29:12

Vào ngày nào họ sẽ có cuộc hội họp thánh khác để tôn vinh Đức Giê-hô-va mà không được làm một công việc thường lệ nào, và lần này họ phải giữ một lễ cho Đức Giê-hô-va trong bảy ngày?

Vào ngày mười lăm tháng bảy sẽ có cuộc hội họp thánh khác để tôn vinh Đức Giê-hô-va mà không được làm một công việc thường lệ nào, và lần này họ phải giữ một lễ cho Đức Giê-hô-va trong bảy ngày.

Numbers 29:13

Vào ngày này, họ phải dâng bao nhiêu con bò đực, chiên đực và chiên con đực một tuổi không tì vết?

Vào ngày này, họ phải dâng mười ba con bò đực tơ, hai con chiên đực và mười bốn chiên con đực một tuổi không tì vết.

Numbers 29:16

Bên cạnh của lễ chay, của lễ quán và các sinh tế khác thì họ phải dâng con vật gì làm của lễ chuộc tội?

Bên cạnh của lễ chay, của lễ quán và các sinh tế khác thì họ phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội.

Numbers 29:17

Họ dâng bao nhiêu con bò đực vào ngày hội họp thứ hai?

Vào ngày hội họp thứ hai, họ dâng mười hai con bò đực tơ.

Numbers 29:20

Họ dâng bao nhiêu con bò đực vào ngày hội họp thứ ba?

Vào ngày hội họp thứ ba họ dâng mười một con bò đực và những lễ vật như ngày hôm trước.

Numbers 29:22

Họ dâng bao nhiêu con bò đực vào ngày hội họp thứ ba?

Vào ngày hội họp thứ ba họ dâng mười một con bò đực và những lễ vật như ngày hôm trước.

Numbers 29:23

Họ dâng bao nhiêu con bò đực vào ngày hội họp thứ tư ngoài những lễ vật như ngày hôm trước?

Vào ngày hội họp thứ tư dân Y-sơ-ra-ên phải dâng mười con bò đực và những lễ vật như ngày hôm trước.

Numbers 29:25

Họ dâng bao nhiêu con bò đực vào ngày hội họp thứ tư ngoài những lễ vật như ngày hôm trước?

Vào ngày hội họp thứ tư dân Y-sơ-ra-ên phải dâng mười con bò đực và những lễ vật như của ngày hôm trước.

Numbers 29:26

Dân Y-sơ-ra-ên phải tổ chức ngày hội họp thứ năm như thế nào?

Vào ngày thứ năm, dân Y-sơ-ra-ên phải dâng chín con bò đực và những lễ vật như ngày hôm trước.

Numbers 29:28

Dân Y-sơ-ra-ên phải tổ chức ngày hội họp thứ năm như thế nào?

Vào ngày thứ năm, dân Y-sơ-ra-ên phải dâng chín con bò đực và những lễ vật như của ngày hôm trước.

Numbers 29:29

Dân Y-sơ-ra-ên phải tổ chức ngày hội họp thứ sáu như thế nào?

Vào ngày thứ sáu, các con phải dâng tám con bò đực và những lễ vật như của ngày hôm trước.

Numbers 29:31

Dân Y-sơ-ra-ên phải tổ chức ngày hội họp thứ sáu như thế nào?

Vào ngày thứ sáu, các con phải dâng tám con bò đực và những lễ vật như của ngày hôm trước.

Numbers 29:32

Dân Y-sơ-ra-ên phải tổ chức ngày hội họp thứ bảy như thế nào?

Vào ngày thứ bảy, dân Y-sơ-ra-ên phải dâng bảy con bò đực và những lễ vật như của ngày hôm trước.

Numbers 29:34

Dân Y-sơ-ra-ên phải tổ chức ngày hội họp thứ bảy như thế nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vào ngày thứ bảy, dân Y-sơ-ra-ên phải dâng bảy con bò đực và những lễ vật như của ngày hôm trước.

Numbers 29:35

Dân Y-sơ-ra-ên phải tổ chức ngày hội họp thứ tám như thế nào?

Vào ngày thứ tám, dân Y-sơ-ra-ên phải có cuộc hội họp trọng thể khác và không được làm một công việc thường lệ nào cả.

Numbers 29:36

Họ phải dâng những con vật gì vào ngày thứ tám để làm tế lễ thiêu dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va?

Họ phải dâng một con bò đực, một con chiên đực và bảy chiên con đực một tuổi không tì vết.

Numbers 29:37

Họ phải dâng vật gì nữa ngoài bò đực, chiên đực và bảy chiên con đực một tuổi không tì vết? [29:35]

Ngoài bò đực, chiên đực và bảy chiên con đực một tuổi không tì vết, họ phải dâng của lễ chay, của lễ quán và một con dê đực làm tế lễ chuộc tội.

Numbers 29:38

Họ phải dâng vật gì nữa ngoài bò đực, chiên đực và bảy chiên con đực một tuổi không tì vết? [29:35]

Ngoài bò đực, chiên đực và bảy chiên con đực một tuổi không tì vết, họ phải dâng của lễ chay, của lễ quán và một con dê đực làm tế lễ chuộc tội.

Numbers 29:39

Ngoài tế lễ thiêu, tế lễ chay, lễ quán và tế lễ thù ân họ phải dâng những tế lễ nào nữa?

Ngoài tế lễ thiêu, tế lễ chay, lễ quán và tế lễ thù ân, họ còn có những tế lễ hứa nguyện và những tế lễ tự nguyện.

Numbers 29:40

Môi-se truyền lại cho dân Y-sơ-ra-ên điều gì?

Môi-se truyền lại cho dân Y-sơ-ra-ên mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn.

Chapter 30

Numbers 30:1

Khi một người nào hứa nguyện cùng Đức Giê-hô-va, hoặc thề nguyện

Hai câu nầy có ý nghĩa tương tự nhau và được kết hợp để nhấn mạnh việc lập thờ thề hoặc hứa nguyện.

buộc mình với lời hứa

Ở đây, Môi-se nói về một người hứa nguyện làm điều gì đó như thể lời hứa của người là một vật thể nào đó mà người có thể buộc vào người. Tham khảo cách dịch: “buộc mình phải thực hiện lời hứa” hoặc “hứa hẹn làm gì đó”

người ấy không được nuốt lời. Người phải giữ lời hứa của mình mà làm mọi điều miệng mình nói ra

Hai câu nầy có ý nghĩa tương tự nhau và được kết hợp để nhấn mạnh rằng người phải thực hiện những lời hứa của mình. Ở đây, “lời” là phép hoán dụ chỉ những điều mà người đã nói.

người ấy không được nuốt lời

Từ “lời” ở đây chỉ lời thề nguyện và hứa nguyện của người nam. Ở đây, Môi-se nói về việc thực hiện những điều nầy như thể nó là một vật thể mà người nam đó có thể nuốt được. Tham khảo cách dịch: “người ấy phải làm trọn những lời hứa của mình”

mọi điều miệng người nói ra

Ở đây, “miệng” là phép hoán dụ chỉ những điều mà người nam đó đã nói. Tham khảo cách dịch: “làm mọi điều mà người đã nói sẽ làm”

Numbers 30:3

buộc mình với lời hứa

Ở đây, Môi-se nói về một người nữ hứa nguyện làm một điều gì đó như thể lời hứa của nàng là một vật thể mà nàng có thể buộc vào người mình. Tham khảo cách dịch: “buộc mình phải thực hiện lời hứa” hoặc “hứa làm điều gì đó”

lời khấn hứa và lời thề nguyện

Cả hai cụm từ nầy có nghĩa rất giống nhau. Chúng nhấn mạnh những điều mà nàng đã hứa nguyện sẽ làm. Tham khảo cách dịch: “lời thề nguyện”

mà nàng đã buộc mình vào mình

Ở đây, Môi-se nói đến cách một người nữ buộc chính mình phải thực hiện một lời hứa nguyện như thể lời hứa nguyện của nàng là một vật mà nàng có thể buộc vào người mình. Tham khảo cách dịch: “là điều mà chính mình nàng đã buộc mình phải thực hiện”

để thay đổi nàng

"để hủy bỏ những lời nàng đã nói”

thì mọi lời hứa nguyện của nàng sẽ còn hiệu lực. Mọi lời hứa nguyện… sẽ còn hiệu lực

Hai câu khẳng định nầy về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng nàng phải giữ mọi lời hứa nguyện của mình.

sẽ còn hiệu lực

Đây là một cách diễn đạt. Câu nầy có nghĩa là lời hứa nguyện của nàng sẽ còn hiệu lực và nàng buộc phải thực hiện những điều đó. Tham khảo cách dịch: “nàng sẽ bị buộc thực hiện”

Numbers 30:5

lời hứa nguyện và lời hứa của nàng

Hai cụm từ nầy có nghĩa tương tự nhau. Chúng nhấn mạnh những điều nàng đã hứa sẽ làm. Tham khảo cách dịch: “lời hứa nguyện của nàng”

nàng đã tự nhận lấy

Ở đây, việc người nữ nầy buộc mình phải thực hiện lời hứa nguyện của nàng được nói đến như thể lời hứa nguyện của nàng là áo quần mà nàng mặc lên người. Tham khảo cách dịch: “mà nàng đã buộc chính mình” hoặc “mà nàng đã lập”

sẽ còn hiệu lực

Đây là một cách diễn đạt, có nghĩa rằng những lời thề nguyện của nàng sẽ còn hiệu lực và nàng bị buộc phải thực hiện những điều đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 30:4]

Numbers 30:6

lời khấn hứa mà nàng tự buộc vào mình

Ở đây, Môi-se đang nói đến cách thức một người nữ buộc mình làm trọn một lời hứa nguyện như thể lời hứa nguyện đó của nàng là một vật mà nàng có thể buộc vào người. Tham khảo cách dịch: “những lời khấn hứa mà nàng đã buộc mình thực hiện”

nhưng nếu người phản đối nàng

Ở đây, việc người cha bác bỏ lời hứa nguyện của người nữ nầy được nói đến như thể ông đang gạt bỏ nàng. Tham khảo cách dịch: “nếu người phản đối lời hứa nguyện của nàng” hoặc “nếu người bác bỏ lời hứa nguyện của nàng”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sẽ không còn hiệu lực nữa
Đây là một cách diễn đạt, nó có nghĩa là lời hứa nguyện của nàng sẽ không còn hiệu lực nữa và nàng sẽ không bị buộc phải thực hiện những điều đó. Tham khảo cách dịch: “nàng sẽ không bị buộc phải thực hiện”
Đức Giê-hô-va sẽ tha tội cho nàng
Câu nầy nói về việc Đức Giê-hô-va tha thứ cho nàng vì đã không thực hiện những lời hứa nguyện của mình. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho nàng vì không thực hiện những lời hứa nguyện của mình”
trong khi còn ở dưới những lời thề nguyện đó
Đây là một cách diễn đạt. Ở “dưới” những lời thề nguyện của nàng có nghĩa là nàng bị buộc với chúng và rằng những lời thề nguyện đó vẫn còn hiệu lực. Tham khảo cách dịch: “trong khi nàng vẫn còn buộc với những lời hứa nguyện đó”
vội
làm việc gì đó mà chưa suy nghĩ kỹ càng
những ràng buộc đó
Từ “những ràng buộc” có thể viết lại thành động từ “bắt buộc”. Tham khảo cách dịch: “những điều nàng đã buộc mình phải làm”
Numbers 30:8
lời thề nguyện mà nàng đã lập… những lời vội vàng của môi nàng
"lời thề nguyện mà nàng đã lập… ấy là, lời vội vàng của môi nàng”. Cả hai cụm từ nầy đều nói về cùng một ý. Cụm thứ hai mô tả cho lời thề nguyện mà người nữ đó đã lập.
những lời vội vàng của môi nàng
Cụm từ “những lời vội vàng” chỉ đến lời hứa vội mà nàng đã lập. Ở đây, “môi nàng” chỉ về chính người nữ. Người nữ nầy được nhắc đến như “môi nàng” với vì môi thì được liên hệ với những điều nàng nói. Tham khảo cách dịch: “những điều vội vàng mà nàng đã nói” hoặc “lời hứa vội vàng của nàng”
là những điều mà nàng đã tự buộc với mình
Ở đây, Môi-se nói về cách một người nữ đã tự buộc mình thực hiện một lời hứa như thể lời hứa cả nàng là một vật thể mà nàng có thể buộc vào người mình được. Tham khảo cách dịch: “là những điều nàng buộc mình phải thực hiện”
Đức Giê-hô-va sẽ giải thoát nàng
Ở đây, Môi-se nói về việc Đức Giê-hô-va tha thứ cho người nữ nầy vì đã không làm trọn lời hứa nguyện của mình như thể Ngài đang giải thoát nàng khỏi điều gì đó đang ràng buộc nàng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho nàng” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho nàng vì đã không làm trọn lời hứa nguyện của mình”
Numbers 30:9
Thông tin chung:
Môi-se tiếp tục thuật lại cho những người lãnh đạo các chi tộc những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh.
một người đàn bà ly dị
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “một người đàn bà đã bị chồng li dị”
mà nàng đã buộc mình
Ở đây, Môi-se nói về cách thức người nữ nầy buộc mình phải thực hiện lời hứa nguyện như thể lời hứa nguyện của bà là một vật mà nàng có thể buộc vào người mình được. Tham khảo cách dịch: “điều mà nàng đã buộc mình phải thực hiện”
sẽ còn hiệu lực will remain in force against her
Đây là một cách diễn đạt ngụ ý rằng lời hứa nguyện của nàng sẽ còn hiệu lực và nàng buộc phải thực hiện những điều đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 30:4]
nếu một người đàn bà đã hứa nguyện trong nhà chồng mình
Cụm từ nầy nói về một người nữ đã kết hôn. Bạn có thể nói rõ ý nghĩa của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “nếu một người nữ đã kết hôn lập lời hứa nguyện”
thì mọi lời hứa nguyện của nàng vẫn còn giá trị… vẫn còn hiệu lực
Đây là một cách diễn đạt. Cụm từ “vẫn còn hiệu lực” có nghĩa là những lời hứa nguyện của nàng sẽ vẫn còn hiệu lực và nàng buộc phải thực hiện những điều đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 30:4]
mọi lời hứa nguyện của nàng vẫn còn đó .. những ràng buộc mà nàng đã lập vẫn còn hiệu lực
Hai câu nầy về cơ bản cùng nói về một điều đến hai lần để nhấn mạnh và có thể dùng chung với nhau. Tham khảo cách dịch: “thì mọi lời khấn hứa và thề nguyện mà nàng đã lập vẫn còn hiệu lực”
Numbers 30:12
thì mọi điều ra từ môi nàng
Ở đây, những điều người đàn bà nầy nói được nói đến như thứ gì đó ra từ môi nàng. Tham khảo cách dịch: “thì mọi điều nàng đã nói”
sẽ không còn hiệu lực
Đây là một cách diễn đạt ngụ ý rằng những lời khấn hứa của nàng sẽ không còn hiệu lực nữa và nàng sẽ không còn bị ràng buộc phải thực hiện chúng. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 30:6]
Đức Giê-hô-va sẽ giải thoát nàng
Ở đây, Môi-se nói về việc Đức Giê-hô-va tha thứ cho người đàn bà nầy vì không thực hiện những lời hứa nguyện của mình như thể Ngài đang giải thoát nàng khỏi thứ gì đó đang trói buộc nàng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho nàng” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho nàng vì đã không thực hiện lời hứa nguyện của mình”
Numbers 30:13
Mọi lời khấn hứa hay thề nguyện… có thể được chấp nhận hoặc hủy bỏ bởi người chồng
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Chồng nàng có thể chấp nhận hoặc hủy bỏ bất cứ lời khấn hứa hay thề nguyện nào mà nàng đã lập đang ràng buộc nàng không được làm điều gì đó”
đang ràng buộc nàng
Ở đây, Môi-se đang nói đến lời hứa nguyện mà một người nữ đã buộc mình làm như thể nó là một vật gì đó buộc vào người nàng. Tham khảo cách dịch: “mà nàng bị buộc phải”
những lời hứa nguyện ràng buộc
Môi-se mô tả những lời hứa nguyện của người nữ như thể nó là vật gì đó mà nàng bị buộc vào người. Tham khảo cách dịch: “những ràng buộc” hoặc “những lời hứa nguyện”
vì anh ta không nói gì với nàng
Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “bởi vì anh ta không nói gì với nàng về chúng”
Numbers 30:15

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thì người chồng sẽ chịu trách nhiệm về tội của vợ mình
Câu nầy có nghĩa là nếu nàng không thực hiện lời hứa nguyện của mình thì chồng sẽ có tội về tội của vợ. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch:
“nếu nàng không thực hiện lời hứa nguyện của mình, thì nàng sẽ không có tội về tội của mình, mà chồng sẽ mang lấy tội thay vì vợ”

Translation Questions

Numbers 30:1
Một người có lời hứa nguyện thì không được làm gì?
Người đó không được thất tín.
Numbers 30:2
Một người có lời hứa nguyện thì không được làm gì?
Người đó không được thất tín.
Numbers 30:3
Khi một người nữ ở nhà cha mình có hứa nguyện với Đức Giê-hô-va và cha nàng nghe lời thề hứa đó mà không phản đối gì thì lời thề hứa đó có hiệu lực không?
Lời thề hứa đó có hiệu lực.
Numbers 30:4
Khi một người nữ ở nhà cha mình có hứa nguyện với Đức Giê-hô-va và cha nàng nghe lời thề hứa đó mà không phản đối gì thì lời thề hứa đó có hiệu lực không?
Lời thề hứa đó có hiệu lực.
Numbers 30:5
Khi một người nữ ở nhà cha mình có hứa nguyện với Đức Giê-hô-va và cha nàng ngăn cản khi nghe lời thề hứa đó thì lời thề hứa đó có hiệu lực không?
lời thề hứa đó không có hiệu lực.
Numbers 30:6
Nếu người nữ đã kết hôn có thề hứa với Đức Giê-hô-va và chồng nàng nghe thấy nhưng không ngăn cản nàng thì lời thề hứa có hiệu lực không?
Lời thề hứa đó có hiệu lực.
Numbers 30:7
Nếu người nữ đã kết hôn có thề hứa với Đức Giê-hô-va và chồng nàng nghe thấy nhưng không ngăn cản nàng thì lời thề hứa có hiệu lực không?
Lời thề hứa đó có hiệu lực.
Numbers 30:8
Nếu người chồng ngăn cản nàng khi nghe về lời thế hứa đó thì lời thế hứa đó có hiệu lực không?
Lời thề hứa đó không có hiệu lực.
Numbers 30:9
Nếu một góa phụ hay một người phụ nữ đã ly dị có thề hứa cùng Đức Giê-hô-va thì lời thế hứa đó có hiệu lực không?
Lời thế hứa đó có hiệu lực.
Numbers 30:10
Nếu người nữ ở nhà chồng mình có lời thế hứa với Đức Giê-hô-va và chồng nàng hủy bỏ lời thế hứa đó khi nghe thấy thì lời thế hứa đó có hiệu lực không?
Lời thế hứa đó không có hiệu lực.
Numbers 30:15
Nếu người chồng muốn hủy bỏ lời hứa nguyện của nàng một thời gian dài sau khi nghe thấy thì lời thề hứa có hiệu lực không?
Lời thế hứa đó vẫn có hiệu lực, nếu người chồng phá vỡ lời thế hứa đó thì phải chịu trách nhiệm cho tội lỗi của vợ và chịu phạt vì đã phá vỡ nó.

Chapter 31
Numbers 31:1
Hãy báo thù dân Mi-đi-an vì những gì chúng đã làm cho Y-sơ-ra-ên
Đức Giê-hô-va đang trừng phạt dân Mi-đi-an vì đã thuyết phục người Y-sơ-ra-ên thờ thần tượng.
con sẽ qua đời và được sum họp cùng tổ tiên của mình
Về cơ bản thì cả hai vế nầy đều nói về cùng một điều. Đây là một cách nhẹ nhàng nhằm nhấn mạnh rằng đây chính là lúc Môi-se qua đời và linh hồn ông sẽ đi đến chỗ các tổ tiên của mình.
Numbers 31:3
Hãy trang bị một số người trong anh em để ra trận
"Hãy trang bị vũ khí cho một số người trong anh em”
tiến đánh dân Mi-đi-an và báo thù dân đó cho Đức Giê-hô-va
"hãy ra trận tiến đánh dân Mi-đi-an đặng trừng phạt chúng vì những điều chúng đã làm với chúng ta”
một nghìn… mười hai nghìn
"1.000 ... 12.000"
hàng nghìn hàng vạn người nam trong Y-sơ-ra-ên
"rất nhiều người nam Y-sơ-ra-ên”
từ mỗi chi tộc, một nghìn người được chọn để ra trận
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mỗi chi tộc phái 1.000 người nam ra trận”
mười hai nghìn người trong tổng số
Cả 12 chi tộc đều phái người đi, tính cả chi tộc Lê-vi. Tất cả mỗi chi tộc đều phái 1.000 người nam tham gia vào cuộc chiến.
Numbers 31:6
Ê-vi, Rê-kem, Xu-rơ, Hu-rơ và Rê-ba
Đây đều là tên các vua của Mi-đi-an.
Ba-la-am, con trai của Bê-ô
Bê-ô là cha của Ba-la-am. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NUM 22:5.
Numbers 31:9
Họ lấy mọi vật nầy làm chiến lợi phẩm
"Họ lấy mọi tài sản của người Mi-đi-an làm của riêng”
Họ đốt hết tất cả các thành mà người Mi-đi-an ở cùng toàn bộ trại quân Mi-đi-an
"Quân đội Y-sơ-ra-ên đốt cháy toàn bộ thành trì nơi người Mi-đi-an và mọi trại quân Mi-đi-an”
Numbers 31:11
Họ lấy
"Quân đội Y-sơ-ra-ên lấy”
chiến lợi phẩm
Cụm từ nầy chỉ những loại tài sản vật chất mà họ giành lại được sau khi giết dân Mi-đi-an.
các đồng bằng
Một khu vực rộng lớn thuộc vùng đất bằng phẳng
Numbers 31:13
những chỉ huy trưởng hàng nghìn quân
Đây là những người lãnh đạo chỉ huy những đội quân từ 1.000 đến 10.000 lính.
hàng nghìn… hàng trăm nghìn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hiểu ngầm ở đây là chỉ về số “quân” lính. Tham khảo cách dịch: “hàng nghìn lính… hàng trăm lính”
chỉ huy trưởng hàng trăm
Đây là những người lãnh đạo trong quân đội, chỉ huy từ 100 đến 1.000 lính.
Sao anh em lại để tất cả phụ nữ sống sót?
Luật pháp rất rõ ràng về việc người nào được sống. Quân đội của những người nầy đã vi phạm luật pháp khi để cho tất cả phụ nữ và trẻ em được sống. Đây là lời quở trách những người lãnh đạo quân đội.
Numbers 31:16
Hãy xem
Nói đến việc lắng nghe và hiểu những điều người nói đang nói với hội chúng của họ.
đã ngủ với người nam
đã có quan hệ tình dục với người nam
Numbers 31:18
Thông tin chung:
Môi-se đang nói với các viên chỉ huy quân đội Y-sơ-ra-ên về việc trở nên tinh sạch trước mặt Đức Chúa Trời.
những người chưa từng ngủ với người nam nào
Câu nầy chỉ về những người nữ còn trinh.
Tất cả anh em
Môi-se đang nói đến tất cả những người tham gia chiến trận, không riêng gì những nhà lãnh đạo quân sự.
anh em phải tự thanh tẩy mình
Họ phải trở nên tinh sạch về mặt thuộc linh trước khi vào trại quân.
mọi vật bằng da và lông dê, và mọi đồ đạc bằng gỗ
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mọi vật mà người ta làm từ da thú, lông dê hoặc gỗ”
Numbers 31:21
Thông tin chung:
Ê-lê-a-sa dạy những người lính những nghi lễ để trở nên tinh sạch trước mặt Đức Giê-hô-va sau khi ra trận.
vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc và chì
Những kim loại được dùng lúc bấy giờ.
có thể chịu lửa
"sẽ không cháy”
đưa ngang qua lửa
"đặt nó vào lửa”
nước tẩy uế
Chỉ loại nước mà người ta đã trộn với một ít tro từ của lễ chuộc tội. Xem: NUM 19:17-19.
thì các anh em sẽ được tinh sạch
Đây là những nghi lễ để trở nên tinh sạch trước mặt Đức Giê-hô-va.
Numbers 31:25
Kiểm kê tất cả những chiến lợi phẩm đã thu được
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Hãy kiểm kê tất cả những của cải mà những người lính thu được”
chiến lợi phẩm
Cụm từ nầy chỉ về mọi vật dụng đã lấy từ những người mà dân Y-sơ-ra-ên đã giết hoặc bắt giữ trong trận chiến.
những nhà lãnh đạo của hội chúng thuộc các chi tộc
"những nhà lãnh đạo của từng chi tộc”
Numbers 31:28
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Thông tin chung:
“Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.
Sau đó, hãy thu thuế được nộp cho Ta bởi những người lính đã ra trận
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Hãy thu thuế từ chiến lợi phẩm các những người lính và dâng chúng cho Ta”
cứ mỗi năm trăm
"cứ mỗi 500"
trong một nửa thuộc về họ
"trong một nửa thuộc về những người lính”
sẽ được dâng lên cho Ta
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà người sẽ dâng lên cho Ta”
Numbers 31:30
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.
Cũng lấy trong một nửa thuộc về dân Y-sơ-ra-ên
"Cũng lấy trong một nửa số chiến lợi phẩm thuộc về dân Y-sơ-ra-ên”
cứ mỗi năm chục
"cứ mỗi 50”
người chăm lo
Họ là những người coi sóc và bảo quản Đền Tạm cũng như những của lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va.
Numbers 31:32
Bấy giờ
Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắt đoạn trong lời dạy chính. Ở đây, Môi-se bắt đầu liệt kê số lượng chiến lợi phẩm và chia nó cho những người lính, cho dân sự và dâng lên cho Đức Giê-hô-va bao nhiêu.
bảy mươi hai nghìn con bò, sáu mươi mốt nghìn con lừa và ba mươi hai nghìn người nữ
"72.000 con bò, 61.000 con lừa, và 32.000 người nữ"
người nữ chưa từng ngủ với bất cứ người nam nào
Chỉ những trinh nữ.
Numbers 31:36
Thông tin chung:
Môi-se đang liệt kê những chiến lợi phẩm được chia cho những người lính cũng như phần thuế dâng lên cho Đức Giê-hô-va.
Một nửa được giữ cho những người lính
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Trong số những con chiên thuộc về những người lính”
ba mươi sáu nghìn
36.000
bảy mươi hai
72
Numbers 31:39
Thông tin chung:
Môi-se đang liệt kê những chiến lợi phẩm được chia cho những người lính cũng như phần thuế dâng lên cho Đức Giê-hô-va.
sáu mươi mốt
61
mười sáu nghìn
16.000
ba mươi hai

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

32

sẽ là của lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sẽ là của lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va”

Numbers 31:42

Thông tin chung:

Môi-se đang liệt kê những chiến lợi phẩm được chia cho dân chúng cũng như phần thuế dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

ba mươi sáu nghìn con bò

36.000 con bò

mười sáu nghìn trinh nữ

"16.000 trinh nữ". Trước đó đã nói rõ rằng toàn bộ những người nam và phụ nữ có chồng bị bắt giữ đã bị giết chết.

Numbers 31:47

Thông tin chung:

Môi-se đang liệt kê những chiến lợi phẩm được chia cho dân chúng cũng như phần thuế dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

Thông tin chung:

Mức thuế trong phần của dân chúng cao hơn so với mức thuế trong phần của những người lính.

Numbers 31:48

Các sĩ quan chỉ huy hàng nghìn quân

Đây là những người lãnh đạo trong quân đội chỉ huy từ 1.000 đến 10.000 quân. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 31:14]

hàng nghìn... hàng trăm

Ngầm hiểu ở đây là số “quân”. Tham khảo cách dịch: “hàng nghìn quân... hàng trăm quân”

chỉ huy trưởng hàng trăm quân

Đây là những nhà lãnh lãnh đạo quân đội chỉ huy từ 100 đến 1.000 quân. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 31:14]

Các đầy tớ ông đã đếm

Những viên chỉ huy quân đội nầy từ nhận mình là “đầy tớ ông”. Đây là một cách tôn trọng đối với một người có thẩm quyền cao hơn mình.

không thiếu một người nào

Có thể chuyển thành câu khẳng định. “chúng tôi biết chắng rằng tất cả mọi người đều ở đây”

Numbers 31:50

Thông tin chung:

Những viên chỉ huy quân đội tiếp tục nói với Môi-se.

dây chuyền và vòng tai, nhẫn, bông tai và kiềng

Đây là toàn bộ những loại nữ trang mà dân đó đeo.

để làm của lễ chuộc tội cho chúng tôi trước mặt Đức Giê-hô-va

"để cảm tạ Đức Chúa Trời vì đã gìn giữ mạng sống chúng tôi”

số vàng cùng toàn bộ số đồ trang sức ấy

"tất cả những vật dụng bằng vàng ấy” hoặc “tất cả đồ trang sức bằng vàng ấy”

Numbers 31:52

Tất cả những lễ vật bằng vàng mà họ đã dâng lên cho Đức Giê-hô-va- tức là những của lễ từ các chỉ huy trưởng hàng nghìn quân và các chỉ huy trưởng hàng trăm quân- nặng

"Toàn bộ số vàng mà các chỉ huy trưởng trong quân đội dâng lên cho Đức Giê-hô-va nặng”

16.750

"mười sáu nghìn bảy trăm năm mươi”

siếc-lơ

1 siếc-lơ = 11 gram

như một vật tưởng nhớ của dân Y-sơ-ra-ên cho Đức Giê-hô-va

Số vàng nầy sẽ nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên nhớ rằng Đức Giê-hô-va đã ban cho họ chiến thắng. Chúng cũng khiến Đức Giê-hô-va nhớ lại rằng dân sự đã làm trọn sự báo thù của Ngài trên dân Mi-đi-an.

Translation Questions

Numbers 31:1

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se điều gì sẽ xảy ra sau khi ông báo thù người Ma-đi-an cho dân Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng Môi-se sẽ qua đời và về cùng tổ tiên mình.

Numbers 31:2

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se điều gì sẽ xảy ra sau khi ông báo thù người Ma-đi-an cho dân Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng Môi-se sẽ qua đời và về cùng tổ tiên mình.

Numbers 31:3

Mỗi chi tộc phải gửi bao nhiêu người ra trận tiến đánh dân Ma-đi-an?

Mỗi chi tộc phải gửi một nghìn quân.

Numbers 31:5

Mỗi chi tộc phải gửi bao nhiêu người ra trận tiến đánh dân Ma-đi-an?

Mỗi chi tộc phải gửi một nghìn quân.

Numbers 31:6

Điều gì xảy ra trong trận chiến dân Y-sơ-ra-ên tiến đánh người Ma-đi-an?

Tất cả người Ma-đi-an đều bị giết, kể cả các vua của họ và Ba-la-am.

Numbers 31:8

Điều gì xảy ra trong trận chiến dân Y-sơ-ra-ên tiến đánh người Ma-đi-an?

Tất cả người Ma-đi-an đều bị giết, kể cả các vua của họ và Ba-la-am.

Numbers 31:9

Đạo quân Y-sơ-ra-ên lấy những gì của người Ma-đi-an làm chiến lợi phẩm?

Đạo quân Y-sơ-ra-ên bắt phụ nữ, trẻ em Ma-đi-an và tất cả súc vật, bầy chiên và của cải của chúng làm chiến lợi phẩm.

Numbers 31:13

Vì sao Môi-se nổi giận với các cấp chỉ huy quân đội của Y-sơ-ra-ên?

Môi-se nổi giận với các cấp chỉ huy quân đội của Y-sơ-ra-ên vì họ để tất cả phụ nữ Ma-đi-an sống sót.

Numbers 31:15

Vì sao Môi-se nổi giận với các cấp chỉ huy quân đội của Y-sơ-ra-ên?

Môi-se nổi giận với các cấp chỉ huy quân đội của Y-sơ-ra-ên vì họ để tất cả phụ nữ Ma-đi-an sống sót.

Numbers 31:16

Vì sao Môi-se nổi giận việc các cấp chỉ huy quân đội của Y-sơ-ra-ên vì họ để tất cả phụ nữ Ma-đi-an sống sót?

Môi-se nổi giận vì những người nữ Ma-đi-an theo mưu kế của Ba-la-am khiến dân Y-sơ-ra-ên phạm tội cùng Đức Giê-hô-va.

Numbers 31:17

Môi-se truyền cho các cấp chỉ huy quân đội Y-sơ-ra-ên phải giết những ai?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se truyền cho các cấp chỉ huy giết hết trẻ em nam và tất cả những phụ nữ nào đã ăn nằm với người nam.
Numbers 31:18
Môi-se nói các cấp chỉ huy quân đội có thể giữ cho mình những ai?
Môi-se nói các cấp chỉ huy quân đội có thể giữ cho mình tất cả những thiếu nữ chưa ăn nằm với người nam nào.
Các quân lính đã giết người hoặc đụng đến xác chết phải đóng trại ngoài trại quân Y-sơ-ra-ên bao lâu?
Họ phải ở ngoài trại quân bảy ngày.
Numbers 31:19
Những ai trong quân đội Y-sơ-ra-ên phải thanh tẩy mình?
Tất cả những người trong quân đội đã giết người hay đụng đến xác chết đều phải thanh tẩy mình.
Các quân lính đã giết người hoặc đụng đến xác chết phải đóng trại ngoài trại quân Y-sơ-ra-ên bao lâu?
Họ phải ở ngoài trại quân bảy ngày.
Các quân lính và tù binh của họ cắm trại ngoài trại quân Y-sơ-ra-ên phải thanh tẩy mình vào ngày nào?
Những người cắm trại ngoài trại quân Y-sơ-ra-ên phải thanh tẩy mình vào ngày thứ ba và ngày thứ bảy.
Numbers 31:20
Những ai trong quân đội Y-sơ-ra-ên phải thanh tẩy mình?
Tất cả những người trong quân đội đã giết người hay đụng đến xác chết đều phải thanh tẩy mình.
Numbers 31:25
Môi-se bảo thầy tế lễ Ê-lê-a-sa phải chia chiến lợi phẩm cho hai nhóm nào?
Môi-se bảo thầy tế lễ Ê-lê-a-sa phải phân chia chiến lợi phẩm cho những quân lính ra trận và toàn bộ hội chúng còn lại.
Numbers 31:27
Môi-se bảo thầy tế lễ Ê-lê-a-sa phải chia chiến lợi phẩm cho hai nhóm nào?
Môi-se bảo thầy tế lễ Ê-lê-a-sa phải phân chia chiến lợi phẩm cho những quân lính ra trận và toàn bộ hội chúng còn lại.
Numbers 31:28
Thuế mà các quân lính phải trả cho thầy tế lễ Ê-lê-a-sa là gì?
Các quân lính phải trả thuế là một phần năm trăm số người, bò, lừa, chiên hay dê.
Numbers 31:29
Thuế mà các quân lính phải trả cho thầy tế lễ Ê-lê-a-sa là gì?
Các quân lính phải trả thuế là một phần năm trăm số người, bò, lừa, chiên hay dê.
Numbers 31:30
Dân Y-sơ-ra-ên phải nộp thuế gì cho người Lê-vi là những người coi sóc Đền Tạm?
Dân Y-sơ-ra-ên phải nộp thuế là một phần năm mươi số người, bò, lừa, chiên và dê.
Numbers 31:31
Dân Y-sơ-ra-ên phải nộp thuế gì cho người Lê-vi là những người coi sóc Đền Tạm?
Dân Y-sơ-ra-ên phải nộp thuế là một phần năm mươi số người, bò, lừa, chiên và dê.
Numbers 31:50
Vì sao các cấp chỉ huy quân đội Y-sơ-ra-ên dâng tế lễ cho Đức Giê-hô-va?
Họ đem dâng tế lễ để chuộc tội cho mình trước mặt Đức Giê-hô-va.
Numbers 31:51
Vì sao các cấp chỉ huy quân đội Y-sơ-ra-ên dâng tế lễ cho Đức Giê-hô-va?
Họ đem dâng tế lễ để chuộc tội cho mình trước mặt Đức Giê-hô-va.
Numbers 31:52
Vì sao tất cả vàng của những chỉ huy trưởng một nghìn quân và chỉ huy trưởng một trăm quân phải được dâng cho Đức Giê-hô-va?
Nó được đặt trong lều hội kiến để nhắc Đức Giê-hô-va về dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 31:54
Vì sao tất cả vàng của những chỉ huy trưởng một nghìn quân và chỉ huy trưởng một trăm quân phải được dâng cho Đức Giê-hô-va?
Nó được đặt trong lều hội kiến để nhắc Đức Giê-hô-va về dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 32
Numbers 32:1
Bấy giờ
Từ nầy được dùng ở đây để cung cấp thông tin cơ bản về các chi tộc Ru-bên và Gát.
A-ta-rốt, Đi-bôn, Gia-ê-xe, Nim-ra, Hết-bôn, Ê-lê-a-sa, Sê-bam, Nê-bô và Bê-ôn
Đây là tên của các thành.
Numbers 32:4
Thông tin chung:
Những người từ chi tộc Ru-bên và Gát tiếp tục thưa chuyện cùng Môi-se, Ê-lê-a-sa và các nhà lãnh đạo khác.
vùng đất mà Đức Giê-hô-va đã đánh chiếm trước mặt hội chúng Y-sơ-ra-ên
Người ta nói đến việc Đức Giê-hô-va khiến dân Y-sơ-ra-ên có thể đánh bại những người dân sống trong vùng đất đó như thể chính Đức Giê-hô-va đi trước dân Y-sơ-ra-ên và đánh bại dân đó. Tham khảo cách dịch: “những vùng đất mà Đức Giê-hô-va đã khiến chúng ta có thể đánh bại các dân sống tại đó”
Chúng tôi, là các đầy tớ ông
Những người thuộc chi tộc Ru-bên và Gát tự nhận mình như vậy để bày tỏ sự kính trọng đối với một người có thẩm quyền cao hơn mình.
Nếu chúng tôi được ơn trong mắt ông
Cụm từ “trong mắt ông” là hình ảnh hoán dụ cho những suy nghĩ và ý kiến của người đó. Tham khảo cách dịch: “Nếu chúng tôi được ơn trước mặt ông” hoặc “Nếu ông vui lòng với chúng tôi”
xin đất nầy được ban cho chúng tôi
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “xin ban đất nầy cho chúng tôi”
Xin đừng bắt chúng tôi đi qua sông Giô-đanh
Họ muốn vùng đất ở phía đông của sông Giô-đanh thay vì vượt sông sang bờ phía tây để nhận đất tại đó. Tham khảo cách dịch: “Xin đừng bắt chúng tôi đi qua sông Giô-đanh để nhận phần đất ở bờ phía bên đó”
Numbers 32:6
Anh em các con phải đi ra trận trong khi các con thì định cư ở đây sao?
Môi-se đặt ra câu hỏi nầy để quở trách những người thuộc các chi tộc Gát và Ru-bên. Tham khảo cách dịch: “Thật sai trái khi các con định cư lại vùng đất nầy trong khi anh em các con phải ra trận”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao làm nản lòng… vùng đất mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ?
Môi-se đặt ra câu hỏi nầy để khiến trách những người từ các chi tộc Gát và Ru-bên. Tham khảo cách dịch: “Đừng làm nản lòng… vùng đất mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ” hoặc “Việc làm của các con sẽ làm nản lòng.. vùng đất mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ”
làm nản lòng những người Y-sơ-ra-ên khiến họ không đi
Ở đây từ “lòng” tượng trưng cho chính dân sự và cũng chỉ về xuất phát điểm của những cảm xúc của họ. Tham khảo cách dịch: “làm nản lòng những người Y-sơ-ra-ên khiến họ không đi” hoặc “khiến dân Y-sơ-ra-ên không muốn đi”
Numbers 32:8
Thông tin chung:
Môi-se tiếp tục nói với những người từ các chi phái Gát và Ru-bên.
thung lũng Ếch-côn
Đây là tên một địa danh. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 13:23]
Họ thấy vùng đất
Câu nầy chỉ về việc nhìn thấy những thứ có trong xứ. Tham khảo cách dịch: “Họ thấy những người dân cường tángvà thành trì kiên cố trong xứ”
làm nản lòng dân Y-sơ-ra-ên
Ở đây từ “lòng” tượng trưng cho chính dân sự và cũng chỉ về xuất phát điểm của những cảm xúc của họ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 32:7]
Numbers 32:10
Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên
Người ta nói đến việc Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nổ như thể cơn giận của Ngài là ngọn lửa bắt đầu cháy phừng lên. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ”
không một ai trong số những người
Cụm từ nầy chỉ cả nam lẫn nữ.
từ hai mươi tuổi trở lên
"20 tuổi trở lên”
hoàn toàn theo Ta
Hết lòng với Đức Giê-hô-va và vâng phục Ngài được nói đến như thể họ đi theo Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “hoàn toàn vâng phục Ta” hoặc “hoàn toàn hết lòng với Ta”
Giê-phu-nê… Nun
Đây đều là tên của nam.
người Kê-nít
Đây là tên của một nhóm người.
Numbers 32:13
Cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên cùng dân Y-sơ-ra-ên
Người ta nói đến việc Đức Giê-hô-va nổi giận như thể cơn giận của Ngài là một ngọn lửa bắt đầu bùng cháy. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi giận cùng dân Y-sơ-ra-ên”
bốn mươi năm
"40 năm"
tất cả những thế hệ... trước mặt Ngài bị tiêu diệt
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài tiêu diệt tất cả những thế hệ… trước mặt” hoặc “mọi thế hệ… trước mặt Ngài chết đi”
những kẻ đã làm điều ác trước mặt Ngài
Trước mặt người khác có nghĩa là ngay trước người đó, nơi người đó có thể nhìn thấy. Tham khảo cách dịch: “những kẻ đã làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va" hoặc “những kẻ đã làm điều ác trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”
anh em đã dấy lên thế chỗ của tổ phụ mình
Việc những người thuộc chi tộc Ru-bên và Gát đã làm y như tổ phụ của họ đã làm được nói đến như thể họ đang đứng ở chỗ mà tổ phụ của họ đã từng đứng. Tham khảo cách dịch: “anh em đã bắt đầu hành xử y như tổ phụ mình”
làm tăng thêm cơn thịnh nộ đang bùng cháy của Đức Giê-hô-va với Y-sơ-ra-ên
Những người khiến cho Đức Giê-hô-va nổi giận hơn nữa được nói đến như thể cơn giận của Ngài là ngọn lửa và những người đó đang thêm dầu vào lửa. Tham khảo cách dịch: “khiến Đức Giê-hô-va càng thêm giận Y-sơ-ra-ên”
tất cả dân nầy
"toàn bộ dân nầy” hoặc “toàn bộ dòng dõi nầy của dân sự”
Numbers 32:16
sẽ sẵn sàng và trang bị vũ khí
"sẽ trang bị vũ khí sẵn sàng” hoặc “sẽ sẵn sàng ra trận”
trong các thành kiên cố
"trong các thành vững chắc”
Numbers 32:18
Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo của Gát và Ru-bên tiếp tục nói.
nhận sản nghiệp của mình
Những phần đất mà người dân sẽ nhận được như một phần tài sản cố định lâu dài được nói đến như thể nó là của thừa kế mà người đó sẽ được nhận. Tham khảo cách dịch: “đã nhận được phần đất của mình”
Numbers 32:20
Nếu anh em đã trang bị vũ khí cho mình
"nếu anh em đã cầm vũ khí của mình”
trước mặt Đức Giê-hô-va
Câu nầy có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ ra trận với họ và khiến họ có thể đánh bại kẻ thù của mình mà nhận lấy phần đất của mình. Tham khảo cách dịch: “trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"
cho đến khi Ngài đã đuổi hết kẻ thù Ngài ra khỏi trước mặt Ngài
"cho đến khi Đức Giê-hô-va đã đuổi hết kẻ thù của Ngài ra khỏi sự hiện diện của Ngài”. Các đại từ nhân xưng ở đây đều chỉ về Đức Giê-hô-va. Việc Đức Giê-hô-va khiến dân Y-sơ-ra-ên có thể đánh bại kẻ thù của mình được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đang đánh trận. Tham khảo cách dịch: “cho đến khi Đức Giê-hô-va khiến quân lính của anh em đánh bại kẻ thù và đuổi chúng khỏi sự hiện diện của Ngài”
và đất ấy được chinh phục trước mặt Ngài
Ở đây, từ “đất” chỉ về những dân sống tại vùng đất đó. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và trong sự hiện diện của Ngài, dân Y-sơ-ra-ên đã chinh phục hết thảy những dân sống trong vùng đất đó”
anh em có thể trở về
Câu nầy ngụ ý rằng họ sẽ trở về bờ phía đông của sông Giô-đanh. Tham khảo cách dịch: “anh em có thể trở lại vùng đất ở bờ phía đông nầy của sông Giô-đanh”
Anh em sẽ không mắc lỗi gì hết với Đức Giê-hô-va và với dân Y-sơ-ra-ên
Ý nghĩa khả thi: 1) “Lúc ấy, anh em đã hoàn thành xong bổn phận của mình đối với Đức Giê-hô-va và với dân Y-sơ-ra-ên” hoặc 2) “Đức Giê-hô-va hay người Y-sơ-ra-ên sẽ chẳng thể trách móc anh em điều gì”
Numbers 32:23
Chắc chắn rằng tội lỗi anh em sẽ chỉ anh em ra

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se nói về tội lỗi như thể tội lỗi là một người đang kết tội người có tội kia. Điều nầy có nghĩa là người đó không thể nào thoát khỏi án phạt dành cho tội lỗi của mình. Tham khảo cách dịch: “Biết chắc rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt anh em vì cớ tội lội của anh em”

Các đầy tớ ông

Những người thuộc chi tộc Gát và Ru-bên tự nhận mình là “đấy tớ ông”. Đây là cách nói kính trọng với một người có thẩm quyền cao hơn mình.

Numbers 32:26

sẽ vượt qua

Bạn có thể làm rõ ý ở đây là họ sẽ vượt qua sông Giô-đanh. Tham khảo cách dịch: “sẽ vượt qua sông Giô-đanh”

những người được trang bị vũ khí để ra trận

"những người được chuẩn bị để ra trận”

Numbers 32:28

những người được trang bị vũ khí

"những người cầm vũ khí sẵn sàng”

nếu đất đó bị chinh phục trước anh em

Ở đây, từ “đất” chỉ những dân sống tại đó. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu Đức Giê-hô-va chinh phục những dân sống trong xứ đó trước mặt anh em” hoặc “nếu họ giúp anh em chinh phục dân sống trong xứ đó”

thì họ sẽ được phần tài sản của mình trong anh em tại xứ Ca-na-an

"thì những con cháu Gát và Ru-bên sẽ nhận những phần đất chung với anh em tại xứ Ca-na-an”

Numbers 32:31

Chúng tôi sẽ cầm vũ khí vượt qua

Bạn có thể làm rõ rằng họ sẽ vượt qua sông Giô-đanh. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi sẽ vượt qua sông Giô-đanh và sẵn sàng đánh trận”

sản nghiệp của mình

Người ta nói đến phần đất mà những người nầy sẽ nhận làm tài sản lâu dài của mình như thể nó là tài sản thừa kế mà họ sẽ nhận được. Tham khảo cách dịch: “phần đất mà chúng tôi sẽ sở hữu”

sẽ vẫn ở với chúng tôi

Câu nầy nói đến quan hệ sở hữu. Tham khảo cách dịch: “sẽ là của chúng tôi"

Numbers 32:33

vương quốc của Si-hôn… và của Óc

Đây là tên của những vị vua cai trị trên hai vương quốc riêng biệt nầy. Tham khảo cách dịch: “vương quốc của Si-hôn… và vương quốc của Óc”

Numbers 32:34

Đi-bôn, A-ta-rốt, A-rô-e, Ạt-rốt Sô-phan, Gia-ê-xe, Giô-bê-ha, Bết Nim-ra và Hết Ha-ran

Đây là tên các thành..

Numbers 32:37

Hếch-bôn, Ê-lê-a-lê, Ki-ri-a-ta-im, Nê-bô, Ba-anh Mê-ôn… Síp-ma

Đây là tên các thành..

về sau, tên các thành nầy đã được thay đổi

Câu nầy có thể dịch qua thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “về sau, người ta đã thay đổi tên của các thành nầy”

Ma-ki

Đây là tên của một người nam. Xem cách bạn đã dịch tên gọi nầy trong NUM 26:29.

Numbers 32:40

Gia-rơ… Nô-bách

Đây đều là tên của nam.

Ha-vốt Giai-rơ… Kê-nát

Đây là tên các thành.

Translation Questions

Numbers 32:1

Vì sao con cháu Ru-bên và Gát đến thưa cùng Môi-se?

Con cháu Ru-bên và Gát đến thưa cùng Môi-se vì họ thấy đất Gia-ê-xe và Ga-la-át là đất thích hợp cho việc chăn nuôi súc vật mà con cháu Ru-bên và Gát có rất đông súc vật.

Numbers 32:3

Vì sao con cháu Ru-bên và Gát đến thưa cùng Môi-se?

Con cháu Ru-bên và Gát đến thưa cùng Môi-se vì họ thấy đất Gia-ê-xe và Ga-la-át là đất thích hợp cho việc chăn nuôi súc vật mà con cháu Ru-bên và Gát có rất đông súc vật.

Numbers 32:6

Môi-se nghĩ vì sao con cháu của Gát và Ru-bên muốn ở tại Gia-ê-xe và Ga-la-át?

Ông nghĩ họ muốn định cư tại đó để cho các anh em của mình ra trận.

Numbers 32:7

Môi-se nghĩ lòng dân Y-sơ-ra-ên sẽ thế nào nếu dân Gát và Ru-bên định cư ở đó?

Ông nghĩ rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ nản lòng.

Numbers 32:9

Tổ phụ của họ đã làm gì khi được Môi-se sai đi từ Ca-đe Ba-nê-a để do thám xứ?

Họ đã thấy xứ và làm cho dân Y-sơ-ra-ên nản lòng không chịu vào xứ.

Numbers 32:10

Vì sao Đức Giê-hô-va thề rằng không một ai trong dân Y-sơ-ra-ên từ hai mươi tuổi trở lên ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê được thấy xứ Ngài đã thề hứa cho Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp?

Đức Giê-hô-va thề như vậy vì Ngài nổi giận khi người Y-sơ-ra-ên không hết lòng theo Ngài.

Numbers 32:12

Vì sao Đức Giê-hô-va thề rằng không một ai trong dân Y-sơ-ra-ên từ hai mươi tuổi trở lên ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê được thấy xứ Ngài đã thề hứa cho Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp?

Đức Giê-hô-va thề như vậy vì Ngài nổi giận khi người Y-sơ-ra-ên không hết lòng theo Ngài.

Numbers 32:13

Đức Giê-hô-va đã làm gì vì nổi giận cùng dân Y-sơ-ra-ên?

Ngài khiến họ lang thang trong hoang mạc bốn mươi năm.

Numbers 32:16

Con cháu của Ru-bên và Gát hứa điều gì cùng Môi-se nếu ông cho họ xây chuồng súc vật và xây thành cho các gia tộc họ?

Họ hứa sẽ cầm vũ khí đi với quân đội Y-sơ-ra-ên và không trở về cho tới khi đưa Y-sơ-ra-ên đến nơi của họ.

Numbers 32:17

Con cháu của Ru-bên và Gát hứa điều gì cùng Môi-se nếu ông cho họ xây chuồng súc vật và xây thành cho các gia tộc họ?

Họ hứa sẽ cầm vũ khí đi với quân đội Y-sơ-ra-ên và không trở về cho tới khi đưa Y-sơ-ra-ên đến nơi của họ.

Numbers 32:20

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se quyết định thế nào về yêu cầu của con cháu Ru-bên và Gát đưa ra?
Ông bảo họ rằng nếu họ ra trận với dân Y-sơ-ra-ên và đuổi kẻ thù trong xứ thì họ có thể trở về vùng đất của mình và vô tội với Đức Giê-hô-va cùng dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 32:22
Môi-se quyết định thế nào về yêu cầu của con cháu Ru-bên và Gát đưa ra?
Ông bảo họ rằng nếu họ ra trận với dân Y-sơ-ra-ên và đuổi kẻ thù trong xứ thì họ có thể trở về vùng đất của mình và vô tội với Đức Giê-hô-va cùng dân Y-sơ-ra-ên.
Numbers 32:28
Nếu con cháu Ru-bên và Gát không đi qua chiến đấu cùng Y-sơ-ra-ên để chiếm xứ Đức Giê-hô-va ban cho thì thế nào?
Nếu họ không đi qua chiến đấu cùng Y-sơ-ra-ên thì họ sẽ không nhận được đất ở Ga-la-át mà nhận sản nghiệp mình trong đất Ca-na-an.
Numbers 32:30
Nếu con cháu Ru-bên và Gát không đi qua chiến đấu cùng Y-sơ-ra-ên để chiếm xứ Đức Giê-hô-va ban cho thì thế nào?
Nếu họ không đi qua chiến đấu cùng Y-sơ-ra-ên thì họ sẽ không nhận được đất ở Ga-la-át mà nhận sản nghiệp mình trong đất Ca-na-an.
Numbers 32:31
Con cháu Gát và Ru-bên cùng một nửa chi tộc Ma-na-se hứa gì với các lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên?
Họ hứa sẽ vượt qua sông đi vào xứ Ca-na-an.
Numbers 32:32
Con cháu Gát và Ru-bên cùng một nửa chi tộc Ma-na-se hứa gì với các lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên?
Họ hứa sẽ vượt qua sông đi vào xứ Ca-na-an.
Numbers 32:33
Môi-se ban đất của ai cho con cháu Gát, Ru-bên và một nửa chi tộc Ma-na-se?
Ông ban cho họ đất của Si-hôn, vua dân A-mô-rít và đất của Óc, vua xứ Ba-san.

Chapter 33
Numbers 33:1
thoe từng đội ngũ của họ
"theo nhóm quân của họ". Câu nầy có nghĩa là mỗi chi tộc đều có quân đội riêng của mình, những người nầy đều được trang bị vũ khí để bảo vệ những người trong chi tộc đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ "nhóm quân" trong NUM 1:3.
như đã được lệnh từ Đức Giê-hô-va
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"
departure after departure
"từ nơi nầy đến nơi khác"
Numbers 33:3
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
trong tháng đầu tiên, khởi hành vào ngày thứ mười lăm tháng giêng
Ở đây, từ "đầu tiên" là số thứ tự thứ nhất, và "mười lăm" là số thứ tự số mười lăm. Đây là tháng thứ nhất trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ mười lăm tức là vào đầu tháng 4 theo lịch phương Tây.
dân Y-sơ-ra-ên công khai rời đi, trước sự chứng kiến của người Ai Cập
"dân Y-sơ-ra-ên rời đi ngay trước mắt dân Ai Cập"
con đầu lòng của họ
Ở đây là những con trai đầu lòng. Tham khảo cách dịch: "những con trai đầu lòng của họ"
Ngài cũng trừng phạt các thần của họ
Người ta nói đến việc Đức Giê-hô-va chứng tỏ Ngài quyền năng hơn mọi tà thần mà người Ai Cập thờ phượng như thể Đức Giê-hô-va đã trừng phạt những tà thần đó. Tham khảo cách dịch: "Ngài cũng đã chứng tỏ Ngài trổi hơn những thần của họ"
Numbers 33:5
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
bắt đầu đi từ
"khởi hành từ"
tại rìa hoang mạc
"ở ven hoang mạc"
Numbers 33:8
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
đi qua giữa biển
Câu nầy nói về lúc Đức Giê-hô-va rẽ biển Đỏ để dân Y-sơ-ra-ên có thể thoát khỏi quân đội Ai Cập.
mười hai suối nước... bảy mươi cây chà là
"12 suối nước... 70 cây chà là"
Numbers 33:11
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
nơi không có chút nước nào được tìm thấy để dân sự uống
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nơi người ta không thể tìm ra nước uống"
Numbers 33:15
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
Numbers 33:19
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
Numbers 33:23
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
Numbers 33:27
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
Numbers 33:31
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
Numbers 33:35
Thông tin chung:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
Numbers 33:38
năm thứ bốn mươi sau khi
Ở đây, “thứ bốn mươi” là số thứ tự bốn mươi. Tham khảo cách dịch: “40 năm sau khi”
vào ngày thứ nhất của tháng thứ năm
“thứ năm” và “thứ nhất” là số chỉ tứ tự cho số năm và một. Đây là tháng thứ năm trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ nhất nầy gần với giữa tháng Bảy trong lịch phương Tây.
Numbers 33:40
Người Ca-na-an, vua của A-rát
"Vua A-rát người Ca-na-an”
A-rát
Đây là tên thành phố Ca-na-an.
nghe nói về sự xuất hiện của dân Y-sơ-ra-ên
"nghe tin rằng dân Y-sơ-ra-ên đang tiến đến”
Numbers 33:41
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
Numbers 33:44
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
Numbers 33:47
Thông tin chung:
Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.
các đồng bằng
Một khu vực rộng lớn thuộc vùng đất bằng phẳng
Numbers 33:50
đánh đổ tất cả các nơi cao của chúng
"phá hủy tất cả các nơi cao của chúng”
Numbers 33:53
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
thừa hưởng xứ ấy
Dân Y-sơ-ra-ên tuyên bố xứ đó là tài sản cố định lâu dài của mình như thể họ đang được thừa hưởng vùng đất đó.
Thăm của chi tộc nào rơi xuống đâu thì vùng đất đó sẽ thuộc về họ
"Mỗi chi tộc sẽ nhận được phần đất mà lá thăm rơi trúng”
Numbers 33:55
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
giống như cái dằm trong mắt các con và cái gai nơi hông các con
Giống như những vật nhỏ rơi vào ở trong mắt của một người hoặc một cái gai nhỏ đâm vào da thịt của người đó khiến người đó cảm thấy rất khó chịu, thì cũng vậy dù một phần nhỏ dân Ca-na-an nếu còn chừa lại trong xứ sẽ gây họa lớn cho dân Y-sơ-ra-ên.

Translation Questions

Numbers 33:3
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên có thể ngang nhiên rời khỏi Ram-se mà không bị người Ai Cập chống đối?
Họ có thể ngang nhiên rời đi vì người Ai Cập lo chôn cất những con đầu lòng của mình.
Numbers 33:4
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên có thể ngang nhiên rời khỏi Ram-se mà không bị người Ai Cập chống đối?
Họ có thể ngang nhiên rời đi vì người Ai Cập lo chôn cất những con đầu lòng của mình.
Numbers 33:9
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên chọn đóng trại tại Ê-lim?
Họ chọn đóng trại tại đó vì có mười hai suối nước và bảy mươi cây chà là.
Numbers 33:14
Dân Y-sơ-ra-ên không thể tìm thấy gì tại Rê-phi-đim?
Không có nước tại Rê-phi-đim.
Numbers 33:38
Sau khi Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập được bao lâu thì A-rôn qua đời tại núi Hô-rơ?
A-rôn qua đời bốn mươi năm sau khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập.
Numbers 33:39
Sau khi Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập được bao lâu thì A-rôn qua đời tại núi Hô-rơ?
A-rôn qua đời bốn mươi năm sau khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập.
Numbers 33:50
Qua Môi-se, Đức Giê-hô-va truyền cho dân chúng phải làm gì sau khi vượt qua sông Giô-đanh để vào xứ Ca-na-an?
Đức Giê-hô-va truyền cho họ đuổi tất cả dân bản địa và phá hủy hết hình tượng cùng miếu thờ của họ.
Numbers 33:52
Qua Môi-se, Đức Giê-hô-va truyền cho dân chúng phải làm gì sau khi vượt qua sông Giô-đanh để vào xứ Ca-na-an?
Đức Giê-hô-va truyền cho họ đuổi tất cả dân bản địa và phá hủy hết hình tượng cùng miếu thờ của họ.
Numbers 33:53
Đức Giê-hô-va muốn dân Y-sơ-ra-ên chia xứ mà họ sẽ sở hữu như thế nào?
Đức Giê-hô-va muốn dân Y-sơ-ra-ên bắt thăm để chia xứ, giao sản nghiệp lớn cho các chi tộc đông người và sản nghiệp nhỏ cho các chi tộc ít người.
Numbers 33:54
Đức Giê-hô-va muốn dân Y-sơ-ra-ên chia xứ mà họ sẽ sở hữu như thế nào?
Đức Giê-hô-va muốn dân Y-sơ-ra-ên bắt thăm để chia xứ, giao sản nghiệp lớn cho các chi tộc đông người và sản nghiệp nhỏ cho các chi tộc ít người.
Numbers 33:55
Nếu dân Y-sơ-ra-ên không đuổi hết dân bản địa đi thì sẽ thế nào?
Những người mà họ để lại sẽ khiến cho cuộc sống họ trở nên khó khăn.
Numbers 33:56
Nếu dân Y-sơ-ra-ên không đuổi hết dân bản địa đi thì sẽ thế nào?
Những người mà họ để lại sẽ khiến cho cuộc sống họ trở nên khó khăn.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 34

Numbers 34:1

hoang mạc Sin

Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong NUM 33:12.

Numbers 34:4

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục cho Môi-se biết về biên giới của vùng đất mà Ngài đang ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 34:6

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục cho Môi-se biết về biên giới của vùng đất mà Ngài đang ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 34:7

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục cho Môi-se biết về biên giới của vùng đất mà Ngài đang ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

Núi Hô-rơ

Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong NUM 20:22.

Numbers 34:10

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục cho Môi-se biết về biên giới của vùng đất mà Ngài đang ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 34:13

cho chín chi tộc và cho một nửa chi tộc

Câu nầy có nghĩa là những chi tộc còn lại của Y-sơ-ra-ên, tức là những người sẽ sống ở phần phía Tây của sông Giô-đanh của đất Ca-na-an. Chi tộc Ru-bên, Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se đã nhận được phần đất của mình ở phía Đông sông Giô-đanh rồi.

theo như phần sản nghiệp được chia cho chi tộc của tổ tiên họ

"theo cách Đức Giê-hô-va đã chia phần tài sản cho chi tộc của tổ tiên họ"

Hai chi tộc và phân nửa chi tộc nầy

"Chi tộc Ru-bên, Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se"

Numbers 34:16

chia xứ này làm sản nghiệp của các con

Ở đây, "các con" ở số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Những người này sẽ bắt thăm để chia đất. Sau đó họ sẽ chia phần đất đó các chi tộc của mình.

Numbers 34:19

Thông tin chung:

Đây là sanh sách những người phụ giúp trong việc phân chia đất đai cho các chi tộc.

Numbers 34:21

Thông tin chung:

Phần nầy tiếp tục danh sách những người sẽ phụ giúp việc phân chia đất đai giữa các chi tộc.

Numbers 34:24

Thông tin chung:

Phần nầy tiếp tục danh sách những người sẽ phụ giúp việc phân chia đất đai giữa các chi tộc.

Numbers 34:27

Thông tin chung:

Phần nầy bao gồm danh sách những người sẽ phụ giúp việc phân chia đất đai giữa các chi tộc.

Translation Questions

Numbers 34:13

Ai sẽ là những người nhận được xứ Ca-na-an làm sản nghiệp?

Chín chi tộc rưỡi của Y-sơ-ra-ên sẽ nhận được xứ Ca-na-an làm sản nghiệp.

Numbers 34:14

Con cháu Ru-bên, Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se sẽ được nhận phần đất của mình là gì?

Con cháu Ru-bên, Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se sẽ được nhận phần đất của mình bên kia sông Giô-đanh, về phía đông Giê-ri-cô.

Numbers 34:15

Con cháu Ru-bên, Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se sẽ được nhận phần đất của mình là gì?

Con cháu Ru-bên, Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se sẽ được nhận phần đất của mình bên kia sông Giô-đanh, về phía đông Giê-ri-cô.

Numbers 34:16

Ai là người sẽ chia xứ cho họ làm sản nghiệp?

Đó là thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, Giô-suê con trai Nun và một người lãnh đạo của mỗi chi tộc.

Numbers 34:18

Ai là người sẽ chia xứ cho họ làm sản nghiệp?

Đó là thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, Giô-suê con trai Nun và một người lãnh đạo của mỗi chi tộc.

Numbers 34:29

Đức Giê-hô-va truyền cho những người đó làm gì?

Ngài truyền cho họ phân chia xứ Ca-na-an và giao cho mỗi chi tộc phần đất của mình.

Chapter 35

Numbers 35:1

các đồng bằng

Một khu vực rộng lớn thuộc vùng đất bằng phẳng

chia một ít từ phần đất sản nghiệp của họ cho người Lê-vi

Đức Giê-hô-va không ban cho người Lê-vi phần đất dành riêng cho họ, nên họ phải sống ở các thành thuộc các chi tộc khác.

cánh đồng cỏ

Đây là một vùng đất đầy cỏ để chăn thả gia súc.

Numbers 35:3

một nghìn cu-bít

"1.000 cu-bít". Nếu cần thiết hãy dùng đơn vị đo khoảng cách hiện nay, đây là cách đổi. Tham khảo cách dịch: "457 mét"

Numbers 35:5

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

hai nghìn cu-bít

"2.000 cu-bít". 1 cu-bít = 46 cm

Numbers 35:6

kẻ giết người

Cụm từ nầy chỉ những người đã giết chết ai đó, nhưng vẫn chưa phân định được là họ cố ý hay vô tình giết chết người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đó.
bốn mươi hai… bốn mươi tám
"42 ... 48"
Numbers 35:8
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
Numbers 35:9
không cố ý
"vô tình”
Numbers 35:12
người báo thù
Cụm từ nầy chỉ người bà con thân thuộc muốn trả thù bằng cách giết chết người bị buộc tội giết người kia.
để kẻ bị tố cáo giết người kia không bị giết trước khi đứng trước mặt hội chúng để chịu xét xử
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để không ai có thể giết chết kẻ bị tố cáo giết người kia trước khi hội chúng có thể xét xử người tại tòa”
Numbers 35:14
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
Numbers 35:16
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
Kẻ đó phải bị xử tử
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con nhất định phải xử tử người”
Numbers 35:19
Người đòi nợ máu
Ở đây, “máu” là phép hoán dụ chỉ kẻ giết người. Tham khảo cách dịch: “Người trả thù kẻ sát nhân” hoặc “Thân nhân của người chết tìm cách báo thù”
cư xử thô bạo với người khác vì ganh ghét
"áp đảo người khác” hoặc “hành xử thô bạo với một người”
kẻ sát nhân đã đánh chết người đó phải bị xử tử
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “thân nhân của người chết phải xử tử kẻ sát nhân đó” hoặc “kẻ sát nhân phải chết”
Numbers 35:22
không hề có tư thù gì trước đó
"không hề lên kế hoạch vì ghen ghét trước đó”
không hề phục kích
Một người cố tính tìm cách hãm hại người khác được nói đến như thể người đó đang ẩn mình để phục kích người kia. Tham khảo cách dịch: “mà không hề cố tình tìm cách hãm hại nạn nhân”
Numbers 35:24
người báo thù máu
Ở đây” “máu” là phép ẩn dụ chỉ về kẻ giết người. Hãy dịch những cụm từ nầy y như cách bạn đã làm trong [NUM 35:19]
Hội chúng phải giải cứu người bị buộc tội giết người đó
Câu nầy có nghĩa là nếu hội chúng xét xử rằng đây chỉ là vụ ngộ sát, không hề cố ý, thì họ phải giải cứu người bị buộc tội kia khỏi thân nhân của người bị giết, là những người muốn giết người ngộ sát kia. Còn nếu hội chúng xét xử rằng đây là vụ cố ý giết người thì thân nhân của người chết phải xử tử kẻ sát nhân kia.
người được xức dầu thánh
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: người mà các con đã xức dầu thánh”
Numbers 35:26
người báo thù máu
ở đây, từ “máu” là phép hoán dụ chỉ về kẻ giết người. Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã làm trong [NUM 35:19]
Numbers 35:29
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.
qua mọi thế hệ con cháu các con
"và mọi con cháu sau nầy của các con”
kẻ giết người phải bị giết
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ta sẽ xử tuwuer kẻ giết người”
theo như được thuật lại trên lời của các nhân chứng
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “theo lời khai của các nhân chứng” hoặc “như lời khai làm chứng về vụ giết người”
Những chỉ với lời khai của một nhân chứng thì không thể khiến ai đó bị xử tử
Lời khai của một nhân chứng thì không đủ để buộc tội người ta về tội giết người. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nhưng lời của một nhân chứng thì không đủ để các con xử tử một ngời”"
Numbers 35:31
Kẻ đó chắc chắn phải bị xử tử
Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải xử tử kẻ đó”
Các con không được… cho phép kẻ đó được ở trong sản nghiệp của nó
Câu nầy ngụ ý rằng người đó đã rời khỏi thành ẩn náu để trở về nhà. Tham khảo cách dịch: “Các con không được… cho phép kẻ đó rời khỏi thành ẩn náu mà trở về nhà để sống trong phần sản nghiệp của nó”
bằng cách nầy
"khi nhận tiền chuộc”
Numbers 35:33
Chớ làm như vậy mà làm ô uế đất mà các con đang ở, bởi vì máu từ kẻ sát nhân làm ô uế đất ấy.
Việc khiến đất trở nên không chấp nhận được trước mắt Đức Giê-hô-va được nói đến như thể người ta đang làm ô nhiễm đất đó. Tham khảo cách dịch: “Đừng làm cho đất mà các con đang ở trở nên không đẹp lòng Ta, vì máu của kẻ giết người khiến đất trở nên không đẹp lòng Ta”
bằng cách nầy
Câu nầy có nghĩa là bởi việc không vâng theo những luật pháp liên quan đến kẻ giết người.
Không một sự chuộc tội nào có thể dâng lên cho đất, ngoại trừ bằng máu của người đã làm đổ máu
Câu nầy nói đến lúc một người cố ý giết một người khác. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Khi một người làm đổ máu trên đất, thì chỉ có việc xử tử kẻ giết người đó mới có thể chuộc tội cho đất”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Numbers 35:1

Đức Giê-hô-va truyền cho mỗi chi tộc Y-sơ-ra-ên phải làm gì cho người Lê-vi?

Ngài truyền cho họ phải cấp cho người Lê-vi những thành lấy từ trong phần sản nghiệp mình để họ ở và cả những cánh đồng chung quanh đó.

Numbers 35:2

Đức Giê-hô-va truyền cho mỗi chi tộc Y-sơ-ra-ên phải làm gì cho người Lê-vi?

Ngài truyền cho họ phải cấp cho người Lê-vi những thành lấy từ trong phần sản nghiệp mình để họ ở và cả những cánh đồng chung quanh đó.

Numbers 35:6

Phải có bao nhiêu thành được cấp cho người Lê-vi?

Phải cấp bốn mươi tám thành cho người Lê-vi.

Trong số đó có sáu thành người Lê-vi sẽ được nhận để làm gì?

Chúng được dùng làm thành ẩn náu để kẻ sát nhân bị buộc tội có thể trốn ở đó.

Numbers 35:16

Khi nào thì một người bị buộc tội chắc chắn phải bị xử tử?

Người đó sẽ bị xử tử nếu dùng đồ sắt, cục đá hay vật bằng gỗ đánh chết một người.

Numbers 35:18

Khi nào thì một người bị buộc tội chắc chắn phải bị xử tử?

Người đó sẽ bị xử tử nếu dùng đồ sắt, cục đá hay vật bằng gỗ đánh chết một người.

Numbers 35:20

Nếu một người bị buộc tội làm chết người không dùng vũ khí thì sẽ thế nào?

Nếu một người bị buộc tội xô đẩy một người hay là cố ý ném vật gì vào một người hay đánh bằng tay gây chết người thì người đó phải bị xử tử.

Numbers 35:21

Nếu một người bị buộc tội làm chết người không dùng vũ khí thì sẽ thế nào?

Nếu một người bị buộc tội xô đẩy một người hay là cố ý ném vật gì vào một người hay đánh bằng tay gây chết người thì người đó phải bị xử tử.

Numbers 35:25

Hội chúng phải làm gì để cứu kẻ ngộ sát khỏi tay người đòi nợ máu?

Hội chúng phải giải cứu kẻ ngộ sát bằng cách gửi người đó trở về thành ẩn náu là nơi người đó đã chạy trốn.

Numbers 35:26

Khi nào thì kẻ đòi nợ máu giết kẻ sát nhân mà không phạm tội giết người?

Nếu kẻ đòi nợ máu gặp kẻ sát nhân bên ngoài giới hạn của thành ẩn náu là nơi người đó đã chạy đến ẩn mình thì kẻ đòi nợ máu có thể giết người mà không phạm tội sát nhân.

Numbers 35:27

Khi nào thì kẻ đòi nợ máu giết kẻ sát nhân mà không phạm tội giết người?

Nếu kẻ đòi nợ máu gặp kẻ sát nhân bên ngoài giới hạn của thành ẩn náu là nơi người đó đã chạy đến ẩn mình thì kẻ đòi nợ máu có thể giết người mà không phạm tội sát nhân.

Numbers 35:28

Khi nào người bị buộc tội được tự do trở về trong sản nghiệp mình?

Người sẽ được tự do trở về sau khi thầy tế lễ thượng phẩm qua đời.

Numbers 35:30

Trước khi một kẻ sát nhân bị xử tử thì cần có điều gì?

Phải có lời chứng của nhiều hơn một nhân chứng trước khi một kẻ sát nhân bị xử tử.

Numbers 35:31

Dân chúng có thể chấp nhận tiền chuộc mạng thế nào cho kẻ sát nhân?

Dân chúng không được nhận tiền chuộc mạng cho một kẻ sát nhân hay nhận tiền để cho kẻ cố sát được ở trong thành ẩn náu.

Numbers 35:32

Dân chúng có thể chấp nhận tiền chuộc mạng thế nào cho kẻ sát nhân?

Dân chúng không được nhận tiền chuộc mạng cho một kẻ sát nhân hay nhận tiền để cho kẻ cố sát được ở trong thành ẩn náu.

Numbers 35:33

Thứ duy nhất có thể chuộc tội cho đất đã thấm máu là gì?

Chỉ có máu của kẻ đã làm đổ máu mới chuộc tội được cho đất đó.

Numbers 35:34

Thứ duy nhất có thể chuộc tội cho đất đã thấm máu là gì?

Chỉ có máu của kẻ đã làm đổ máu mới chuộc tội được cho đất đó.

Chapter 36

Numbers 36:1

Ma-ki

Đây là tên của một người nam. Hãy dịch tên gọi nầy như cách bạn đã làm trong [NUM 26:29]

Các ông được lệnh từ Đức Giê-hô-va

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho các ông”

Xê-lô-phát

Đây là tên của một người nam. Hãy dịch tên gọi nầy như cách bạn đã làm trong [NUM 26:33]

Numbers 36:3

sẽ bị truất khỏi phần sản nghiệp của tổ phụ chúng tôi

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sẽ không còn thuộc về phần sản nghiệp của tổ phụ chúng tôi nữa”

Phần sản nghiệp đó sẽ được thêm vào

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Phần sản nghiệp đó sẽ thuộc về”

sẽ bị truất khỏi phần sản nghiệp của chúng tôi

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sẽ không còn thuộc về phần sản nghiệp của chúng tôi nữa”

Năm Hân Hỉ của dân Y-sơ-ra-ên

Câu nầy nói đến một dịp lễ năm mươi năm mới có một lần. Trong dịp lễ nầy, tất cả những phần đất mà người ta đã bán hoặc trao đổi phải được trả lại cho người chủ ban đầu của nó.

phần sản nghiệp của họ sẽ được thêm vào

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “phần sản nghiệp của họ sẽ thuộc về”

phần sản nghiệp của họ sẽ bị truất khỏi sản nghiệp của chi tộc tổ phụ chúng tôi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ sẽ lấy đi phần đất sản nghiệp của chi tộc chúng tôi”

Numbers 36:5

theo lời của Đức Giê-hô-va

"theo những điều Đức Giê-hô-va đã phán”

Hãy để họ kết hôn với người họ vừa ý

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Hãy để họ kết hôn với người mình muốn”

nhưng họ chỉ được kết hôn trong vòng chi tộc của tổ phụ mình

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nhưng họ chỉ được cưới người ở trong chi tộc của tổ phụ mình”

Numbers 36:7

Không một phần sản nghiệp nào

Từ “phần sản nghiệp” tượng trưng cho phần đất mà mỗi chi tộc đã nhận được như một của thừa kế. Tham khảo cách dịch: “Không một phần đất nào”

Numbers 36:8

người thừa hưởng phần một sản nghiệp trong chi tộc của mình

"người thừa hưởng một phần đất trong chi tộc của mình”

có thể thừa hưởng phần sản nghiệp

Vùng đất mà mỗi chi tộc sở hữu được nói đến như thể đó là một phần của thừa kế mà họ nhận được.

Không một phần sản nghiệp nào được chuyển từ tay chi tộc nầy sang tay chi tộc kia

Hành động chuyển quyền sở hữu từ chi tộc nầy sang một chi tộc khác được nói đến như thể phần tài sản nầy được chuyển từ tay người nay sang tay người khác. Tham khảo cách dịch: “Không ai được chuyển quyền sở hữu về bất cứ một phần đất nào từ chi tộc nầy sang chi tộc khác”

Numbers 36:10

Mách-la, Tiệt-sa. Hốt-la, Minh-ca và Nô-a

Đây đều là tên của nữ. Hãy dịch những tên nầy như bạn đã dịch trong [NUM 26:33]

sản nghiệp của họ

Vùng đất mà các con gái của Xê-lô-phát có được nói đến nhưu thể nó là một phần gia tài mà họ được thừa kế. Tham khảo cách dịch: “vùng đất mà họ nhận được như của thừa kế”

Numbers 36:13

các đồng bằng

Một khu vực rộng lớn thuộc vùng đất bằng phẳng

Translation Questions

Numbers 36:1

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải giao đất của Xê-lô-phát cho ai?

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải giao đất của Xê-lô-phát cho các con gái người.

Numbers 36:2

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải giao đất của Xê-lô-phát cho ai?

Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se phải giao đất của Xê-lô-phát cho các con gái người.

Numbers 36:3

Nếu các con gái của ông kết hôn với những người nam thuộc chi tộc khác của dân Y-sơ-ra-ên thì đất của Xê-lô-phát sẽ thế nào?

Nếu như vậy thì phần đất của họ sẽ thuộc về chi tộc của người họ đã kết hôn.

Numbers 36:4

Nếu người con gái kết hôn với người nam thuộc chi tộc khác khi năm hân hỉ đến thì đất của người con gái đó sẽ thế nào?

Khi năm hân hỉ đến thì phần đất đã thuộc về người nữ sẽ thuộc về chi tộc của chồng nàng và bị truất khỏi chi tộc của Xê-lô-phát.

Numbers 36:5

Qua Môi-se Đức Giê-hô-va truyền lệnh gì về các con gái của Xê-lô-phát?

Ngài truyền lệnh rằng các con gái của Xê-lô-phát chỉ được kết hôn trong vòng chi tộc của cha mình.

Numbers 36:6

Qua Môi-se Đức Giê-hô-va truyền lệnh gì về các con gái của Xê-lô-phát?

Ngài truyền lệnh rằng các con gái của Xê-lô-phát chỉ được kết hôn trong vòng chi tộc của cha mình.

Numbers 36:7

Điều gì không bao giờ được xảy ra với các sản nghiệp trong Y-sơ-ra-ên?

Không một sản nghiệp nào trong Y-sơ-ra-ên được chuyển từ chi tộc này qua chi tộc khác. Phần sản nghiệp của mỗi người phải được giữ gìn trong vòng chi tộc của tổ phụ mình.

Numbers 36:8

Vì sao Đức Giê-hô-va truyền rằng mỗi người nữ Y-sơ-ra-ên có sản nghiệp trong chi tộc mình phải kết hôn với người ở các thị tộc thuộc chi tộc của tổ phụ mình?

Đức Giê-hô-va truyền lệnh này để mỗi người trong dân Y-sơ-ra-ên đều được thừa hưởng phần sản nghiệp của tổ phụ mình.

Numbers 36:9

Vì sao Đức Giê-hô-va truyền rằng mỗi người nữ Y-sơ-ra-ên có sản nghiệp trong chi tộc mình phải kết hôn với người ở các thị tộc thuộc chi tộc của tổ phụ mình?

Đức Giê-hô-va truyền lệnh này để mỗi người trong dân Y-sơ-ra-ên đều được thừa hưởng phần sản nghiệp của tổ phụ mình.

Numbers 36:10

Các con gái của Xê-lô-phát tuân theo mạng lệnh này của Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ kết hôn với các thị tộc thuộc con cháu Ma-na-se để sản nghiệp của họ còn giữ lại trong chi tộc tổ phụ mình.

Numbers 36:12

Các con gái của Xê-lô-phát tuân theo mạng lệnh này của Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ kết hôn với các thị tộc thuộc con cháu Ma-na-se để sản nghiệp của họ còn giữ lại trong chi tộc tổ phụ mình.

Chapter 1

Deuteronomy 1:1

Bên kia Giô-đanh

Điều này nói đến vùng đất ở phía bên kia sông Giô-đanh, về phía đông Y-sơ-ra-ên. Môi-se hướng về phía đông Giô-đanh khi ông nói với dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: “phía đông Giô-đanh”

Su-phơ…Pha-ran…Tô-phên…La-ban…Hát-sê-rốt…Đi-xa-háp

Đây là tên của những địa điểm.

Đó là chuyến đi mười một ngày từ Hô-rếp…đến Ca-đe-Ba-nê-a

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Mất mười một ngày để đi từ Hô-rếp...đến Ca-đe-Ba-nê-a”
Mười một
"11"
Deuteronomy 1:3
Nó xảy ra vào năm thứ bốn mươi, trong tháng mười một, vào ngày đầu của tháng, mà Môi-se nói
"Họ đã sống trong đồng vắng bón mươi năm, mười một tháng, và một ngày, khi Môi-se nói "
Thứ bốn mươi
Thứ 40
Vào tháng mười một, ngày đầu của tháng
Đây là tháng mười một của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày đầu gần giữa tháng Một theo lịch phương Tây.
Thứ mười một
Thứ 11
Đức Giê-hô-va đã tấn công
"Đức Giê-hô-va đã cho phép dân Y-sơ-ra-ên đánh bại"
Si-hôn...Óc
Đây là tên của những vị vua.
Hết-bôn...Ách-ta-rốt và Ết-rê-i
Đây là tên của những thành phố.
Deuteronomy 1:5
Bên kia Giô-đanh
Điều này nói đến vùng đất bên kia sông Giô-đanh, về phía đông Y-sơ-ra-ên. Môi-se hướng về phía đông khi ông nói về điều này. AT: “phía đông của sông Giô-đanh.” Dich câu này theo như trong DEU 1:1.
Phán cùng chúng ta
Từ “chúng ta” nói đến Môi-se và những người khác của Y-sơ-ra-ên.
Người đã sống lâu trên vùng đồi này
Đây là một cách diễn đạt. AT: “Ngươi không cần ở lại núi này nữa”
Deuteronomy 1:7
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì Đức Giê-hô-va phán với họ.
Quay lại và tiếp tục chuyến đi
"quay lại chuyến đi của ngươi"
Đồi núi...Ơ-phơ-rát
Đức Giê-hô-va đang mô tả vị trí của vùng đất Ngài đã hứa ban cho dân Y-sơ-ra-ên.
Đồi núi
Đây là khu vực trong ngọn đồi gần nơi dân A-mô-rít sống.
Đồng bằng
Khu vực đất thấp và bằng phẳng.
Kìa
"chú ý những gì ta sắp nói"
Ta đã sắm sẵn vùng đất cho ngươi
"ta ban vùng đất này cho ngươi"
Mà Đức Giê-hô-va thề
Đức Giê-hô-va đang nói như thể Ngài là con người khác. AT: “rằng ta, Đức Giê-hô-va, thề”
cha ông
Từ “cha ông” là cách hoán dụ cho toàn bộ tổ tiên. AT: “tổ tiên”
Deuteronomy 1:9
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì đức Giê-hô-va phán với họ.
Ta nói với ngươi vào lúc đó
Từ “ta” nói đến Môi-se. Cụm từ “vào lúc đó” nói đến lúc dân Y-sơ-ra-ên ở Hô-rếp, cùng lúc tại núi Si-na-i. AT: “Khi chúng ta ở Hô-rếp, ta nói các cùng người”
Ta không đủ khả năng gánh vác các người một mình
Ở đây “gánh vác các người” nghĩa là “dẫn dắt các người” hoặc “cai trị các người.” AT: “Thật quá khó để tôi dẫn dắt các người một mình”
Như vô số vì sao trên trời
Đây là cách cường điệu, có nghĩa là Chúa đã làm tăng đáng kể số người Y-sơ-ra-ên. AT: “một đám đông có nhiều người”
Một ngàn lần
Cụm từ “một ngàn lần” là phép ẩn dụ cho “rất nhiều.” AT: “rất nhiều lần”
Một ngàn
1000
Deuteronomy 1:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Nhưng làm thế nào một mình ta gánh vác trách nhiệm, gánh nặng, và các tranh chấp của các người được?
Môi-se sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông không thể giải quyết vấn để của họ một mình. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Ta không thể gánh vác trách nhiệm, gánh nặng, và các tranh chấp của các người.”
Gánh vác trách nhiệm, gánh nặng của các người
Môi-se nói những vấn đề và lời than phiền của mọi người mà ông cần quan tâm như thể một vật nặng ông đang mang vác. AT: “quan tâm những vấn đề, những than phiền của các người”
Các tranh luận của các người
"những tranh cãi của các người" hoặc "những bất đồng của các người"
Những người nam có tiếng tốt từ mỗi chi phái
"người nam từ mỗi chi phái được người Y-sơ-ra-ên tôn trọng "
Deuteronomy 1:15
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Và người nam có tiếng tốt
"và người nam được dân sự ngươi tôn trọng." Xem bản dịch trong DEU 1:13.
Của một ngàn...của một trăm...của năm mươi...của mười
"của nhóm 1,000 ... của nhóm 100 ... của nhóm 50 ... và của nhóm 10"
Người chỉ huy...người quản lý
Đây là các danh hiệu khác nhau của các lãnh đạo trong chính quyền của Y-sơ-ra-ên.
Hết chi phái này tới chi phái khác
"từ mỗi chi phái của các ngươi"
Phân xử công bằng giữa ngươi và anh em ngươi
"làm điều phải và quyết định công bằng về các tranh luận của người Y-sơ-ra-ên với nhau”
Deuteronomy 1:17
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói về việc phân xử, vì các mệnh lệnh ở số nhiều.
Ngươi sẽ không tỏ ra thiên vị

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"không được tỏ ra thiên vị"

Ngươi hãy nghe người nghèo cũng như nghe người giàu

Hai thái cực “người nghèo” và “người giàu” tượng trưng tất cả mọi người. AT: “ngươi sẽ đối đãi mọi người như nhau”

Ngươi sẽ không sợ hãi đối mặt những người này

Từ “mặt’ là cách hoán dụ cho toàn bộ con người. “Ngươi sẽ không” là mệnh lệnh. “Sẽ không sợ bất kì ai”

Vào lúc đó

Điều này có nghĩa là thời điểm họ ở tại Hô-rếp, tại núi Si-na-i.

Deuteronomy 1:19

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của dân Y-sơ-ra-ên làm.

Đồng vắng khủng khiếp mà ngươi thấy

"sa mạc rộng lớn và nguy hiểm mà ngươi đã băng qua"

Deuteronomy 1:20

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của dân Y-sơ-ra-ên làm.

Kìa…Chúa của ngươi…trước ngươi; hãy đi lên, hãy chiếm lấy…cha của ngươi…đến người; đừng sợ hãi, cũng đừng nản lòng

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể ông đang nói với một người, vì những từ này ở số ít, không phải số nhiều. .

Đã sắm sẵn đất này trước cho ngươi

"đã ban đất này cho ngươi." Xem bản dịch trong DEU 1:8.

Deuteronomy 1:22

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của dân Y-sơ-ra-ên làm.

Mười hai người

"12 người đàn ông"

Họ quay lại và đi

"Họ rời nơi đó và đi"

Thung lũng của Ếch-côn

Đây là thung lũng ở vùng Hô-rếp, nơi ở phía nam Giê-ru-sa-lem.

Do thám nó

"điều tra nơi mà họ sẽ tấn công"

Deuteronomy 1:25

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của Y-sơ-ra-ên phải làm.

Họ chọn

"12 người đàn ông được chọn"

Lấy những sản vật từ xứ đó trong tay họ

"chọn những sản vật từ vùng đất đó"

đem lại những lời và nói

Người nói như thể “lời” là vật chất được người ta mang đến. AT: “bảo chúng tôi”

Nói rằng, “đó là vùng đất tốt lành mà Đức Giê-hô-va, Chúa chúng ta ban cho chúng ta.”

Lời trích dẫn trực tiếp có thể dịch như lời trích dẫn gián tiếp. AT: “nói rằng vùng đất mà Đức Giê-hô-va, Chúa chúng ta đang ban cho chúng ta thật tốt lành”

Deuteronomy 1:26

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ trước của dân Y-sơ-ra-ên làm.

Các người chưa dám tấn công

Chúa ra lệnh dân Y-sơ-ra-ên phải tấn công và hủy diệt dân A-mô-rít, nhưng dân Y-sơ-ra-ên sợ hải và chưa dám chiến đấu với họ.

Trong tay của người A-mô-rít

Ở đây “trong tay” nghĩa là giao cho dân A-mô-rít cầm quyền trên họ. AT: “trong sự cầm quyền của dân A-mô-rít”

Chúng ta có thể đi đâu bây giờ?

Câu hỏi này nhấn mạnh trông họ sợ hãi thế nào. Câu hỏi tu từ có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Chúng ta không có nơi nào để đi.”

Làm lòng tôi nao núng

Điểu nảy có nghĩa là họ trở nên sợ hãi. AT: “làm chúng tôi quá sợ hãi”

Và kiên cố tới tận trời

Đây là cách cường điệu để nhấn mạnh mọi người khiếp sợ thế nào bởi vì thành phố thật rộng lớn và vững chắc.

Kiên cố tới

"có những tường thành cao hơn hết"

Con trai của A-na-kim

Đây là dòng dõi của A-na là người to lớn và dữ tợn.

Deuteronomy 1:29

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của Y-sơ-ra-ên phải làm.

Ta nói cùng các ngươi

"ta nói tổ phụ các người"

Trước mắt các người

Ở đây cách hoán dụ “trước mắt các người” nói đến những gì họ thấy. AT: “Khi chính các người trông thấy”

Các người đã thấy…Đức Giê-hô-va là Chúa đã mang các người…các người đi…các người đến

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các trường hợp “ngươi” và “các ngươi” ở số ít.

Giê-hô-va là Chúa đã mang vác các ngươi, như người cha bồng ẵm con mình

Ở đây sự chăm sóc của Đức Giê-hô-va được so sánh như người cha. AT: “Đức Giê-hô-va là Chúa đã săn sóc các người, như người cha chăm nom con mình "

Cho đến khi ngươi đến nơi

"cho đến khi ngươi đến vùng đất mà Chúa hứa ban cho ngươi"

Deuteronomy 1:32

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của Y-sơ-ra-ên làm.

Giê-hô-va là Chúa ngươi…Đấng đi trước các ngươi

Môi-e nhắc nhở họ những con đường Đức Giê-hô-va đã đi trước dân Y-sơ-ra-ên trong suốt những chuyến đi của họ vừa qua.

Đóng trại

"dựng lều trại các người lên"

Deuteronomy 1:34

Thông tin tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì Đức Giê-hô-va phán với họ.

Nghe tiếng từ lời của các người

"nghe những gì các người đang nói"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài thề và nói
Chúa lập lời thề không cho phép những ai chống đối lại Ngài việc vào vùng đất Ngài hứa ban cho họ.
Sẽ thấy
"sẽ vào"
Trừ ra Ca-lép
"ngoại trừ Ca-lép"
Giê-phu-nê
Đây là tên cha của Ca-lép.
Ông đã hoàn toàn theo Đức Giê-hô-va
Đức Giê-hô-va nói như thể Ngài là người khác. AT: “ông đã hoàn toàn vâng lời ta”
Deuteronomy 1:37
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế đi trước của Y-sơ-ra-ên làm.
Đức Giê-hô-va giận dữ với ta bởi vì các ngươi
Điều này nói đến lúc Môi-se không vâng theo những gì Đức Giê-hô-va bảo ông phải làm bởi vì Môi-se giận dữ với dân sự Y-sơ-ra-ên. (See:
Nun
Đây là tên cha của Giô-suê.
Người đứng trước ngươi
Tại sao Giô-suê đứng trước Môi-se có thể nói rõ. AT: “người đứng trước ngươi như người hầu” hoặc “người giúp ngươi”
Deuteronomy 1:39
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của Y-sơ-ra-ên làm.
Chưa biết điều lành hoặc dữ
Họ chưa biết những gì là tốt lành và những gì là xấu xa.
Quay lại và đi tiếp chặng đường
"xoay lại và đi lại con đường ngươi đang đã đi tới "
Deuteronomy 1:41
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ Y-sơ-ra-ên đi trước làm.
Phạm tội chống lại Đức Giê-hô-va
"chúng ta đã chống đối Đức Giê-hô-va bởi không vâng lời Ngài "
Chúng tôi sẽ theo
"chúng tôi sẽ vâng lời"
Tấn công vùng đồi núi
Ở đây cách hoán dụ “vùng đồi núi” tượng trưng cho những người sống ở đó. AT: “tấn công dân sống ở vùng đồi núi”
Vì ta sẽ không ở với các ngươi, và các ngươi sẽ bị đánh bại bởi kẻ thù
Có thể ở dạng chủ động. AT: “kẻ thù sẽ đánh bại các ngươi bởi vì ta sẽ không ở cùng các ngươi "
Deuteronomy 1:43
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Tấn công vùng đồi núi
Sự hoán dụ “vùng đồi núi” có nghĩa là những người sống ở đó. AT: “tấn công những người sống ở vùng đồi núi "
Đuổi các ngươi như bầy ong
Con “ong” là côn trùng nhỏ, biết bay sống trong bầy đàn lớn, chích những ai đe dọa chúng. Điều này có nghĩa là nhiều người A-mô-rít tấn công quân lính Y-sơ-ra-ên chạy trận.
Đánh các ngươi xuống Sê-i-rơ, xa tận Họt-ma
"đánh các ngươi xuống tận vùng đất của Sê-i-rơ và đuổi các ngươi xa đến thành phố của Họt-ma "
Đánh ngã các ngươi
"giết những quân lính của ngươi"
Deuteronomy 1:45
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước làm.
Quay trở lại
"trở về Ca-đe"

Translation Questions

Deuteronomy 1:1
Môi-se nói với toàn dân Y-sơ-ra-ên ở đâu?
Môi-se ở bên kia sông Giô-đanh, tại đồng vắng, trong đồng bằng của thung lũng sông Giô-đanh.
Deuteronomy 1:3
Môi-se nói cùng dân Y-sơ-ra-ên mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã truyền phán cho mình lúc nào?
Nhằm năm bốn mươi, ngày mồng một tháng mười một.
Deuteronomy 1:8
Đức Giê-hô-va đã thề sẽ ban xứ nầy cho ai?
Đức Giê-hô-va đã thề với Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp sẽ ban xứ đó cho họ và cho con cháu sau nầy của họ.
Deuteronomy 1:9
Tại sao Môi-se cảm thấy một minhg ông không thể gánh vác nổi dân sự?
Đức Chúa Trời đã gia tăng dân số của họ, khiến họ đông như sao trời.
Deuteronomy 1:10
Tại sao Môi-se cảm thấy ông không thể một mình gánh vác dân sự?
Đức Chúa Trời đã khiến họ thêm lên nhiều, đông như sao trên trời.
Deuteronomy 1:12
Ai sẽ giúp đỡ Môi-se gánh vác những trách nhiệm nặng nề, những gánh nặng, và việc kiện tụng của dân sự?
Họ sẽ chọn ra những người khôn ngoan có tiếng tốt trong mỗi bộc tộc để làm những người lãnh đạo họ.
Deuteronomy 1:13
Ai sẽ giúp đỡ Môi-se gánh vác những trách gánh nặng, nan đề và các việc kiện tụng trong dân sự?
Dân sự sẽ chọn ra những người khôn ngoan có tiếng tốt trong mỗi chi tộc để làm những người lãnh đạo trên mình.
Deuteronomy 1:16
Môi-se đã ra lệnh cho các thẩm phán phải làm gì?
Ông đã ra lệnh cho họ lắng nghe những việc kiện tụng giữa các anh em mình, và với những người khách ngoại ban ở cùng người.
Deuteronomy 1:19
Dân Y-sơ-ra-ên đã đi ngang qua những gì khi họ đi từ Hô-rếp đến vùng đồi núi kia?
Họ đã đi ngang qua một đồng vắng mênh mông và khủng khiếp.
Deuteronomy 1:22
Tại sao dân sự yêu cầu Môi-se sai những người đi trước họ?
Họ yêu cầu Môi-se sai những người đi trước họ để do thám xứ đó và về báo tin cho họ biết những thành đó ra sao và

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

họ phải tấn công những thành đó thế nào.
Deuteronomy 1:23
Môi-se đã chọn ai để đi do thám xứ trong vùng đồi núi đó?
Ông đã chọn mười hai người, mỗi chi phái một người.
Deuteronomy 1:25
Mười hai người nầy đã thuật lại những gì về xứ đó?
Họ thuật lại rằng: "Xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ban cho thật là tốt."
Deuteronomy 1:27
Những người nầy cho rằng lí do tại sao Đức Giê-hô-va đem họ ra khỏi đất Ai Cập?
Họ cho rằng Đức Giê-hô-va ghét họ và Ngài đem họ ra khỏi đất Ai Cập để tiêu diệt họ.
Deuteronomy 1:28
Những anh em của họ nói về dân xứ đó ra sao?
Họ bảo rằng dân xứ đó cao lớn hơn dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 1:29
Môi-se nêu ra lí do nào khiến dân sự không cần phải sợ hãi?
Ông bảo họ đừng sợ hãi, bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ đi trước họ và sẽ chiến đấy cho họ như Ngài đã từng làm tại Ai Cập và trong đồng vắng.
Deuteronomy 1:31
Đâu là lí do mà Môi-se đưa ra để bảo dân sự không cần phải sợ hãi?
Ông bảo họ không sợ hãi, bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ đi trước mặt họ và sẽ chiến đấu cho họ như Ngài đã làm tại đất Ai Cập và trong đồng vắng.
Deuteronomy 1:34
Vì giận nên Đức Giê-hô-va đã phán gì?
Ngài thề rằng: "Chắc chắn không một ai thuộc thế hệ gian ác nầy được thấy xứ sở tốt đẹp nầy, ngoại trừ Ca-lép."
Deuteronomy 1:35
Trong cơn giận, Đức Giê-hô-va đã phán điều gì?
Ngài thề rằng: "Chắc chắn ngoại trừ Ca-lép thì sẽ không một ai trong số dòng dõi gian ác nầy có thể nhìn thấy được xứ tốt đẹp mà ta sẽ ban cho họ".
Deuteronomy 1:38
Đức Giê-hô-va phán bảo Môi-se làm gì cho Giô-suê, con trai Nun?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se phải khích lệ Giô-suê để ông sẽ lãnh đạo Y-sơ-ra-ên tiếp nhận xứ nầy là sản nghiệp.
Deuteronomy 1:39
Đức Giê-hô-va phán ai sẽ vào và chiếm xứ đó?
Ngài phán rằng những con trẻ của họ sẽ vào và chiếm xứ đó?
Deuteronomy 1:43
Dân sự đã làm gì khi Đức Giê-hô-va phán dặn họ không được đánh xứ đồi núi đó?
Họ ngạo mạn đi lên đánh xứ đó, và dân A-mô-rít đến đánh đuổi họ như ong đuổi.
Deuteronomy 1:44
Dân sự đã làm gì khi Đức Giê-hô-va bảo họ không được tấn công vùng núi đó?
Họ ngạo mạn đi lên và tấn công vùng núi đó, rồi dân A-mô-rít đi ra đánh chiến cùng họ và đánh đuổi họ như ong đuổi.

Chapter 2
Deuteronomy 2:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước làm.
Rồi họ trở lại và đi tiếp hành trình
"rồi họ quay lại và đi"
Chúng ta đi quanh núi Sê-i-rơ trong nhiều ngày
Có thể mang những nghĩa 1) dân Y-sơ-ra-ên di chuyển quanh núi tên gọi Sê-i-rơ trong thời gian dài 2) dân Y-sơ-ra-ên đi lạc trong vùng gọi là núi Sê-i-rơ trong thời gian dài.
Núi Sê-i-rơ
Đây là khu vực vùng núi phía nam biển chết. Khu vực này cũng được gọi là “Ê-đôm.”
Nhiều ngày
Một số ngôn ngữ dịch thành “nhiều đêm”
Deuteronomy 2:4
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va đang phán với Môi-se.
Của anh em ngươi, dòng dõi của Ê-sau
"của họ hàng ngươi, dòng dõi của Ê-sau "
Ta đã ban núi Sê-i-rơ cho Ê-sau làm sản nghiệp
Đức Giê-hô-va đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên rằng Ngài đã ban đất đai cho dòng dõi của Ê-sau.
Deuteronomy 2:6
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang chỉ dẫn dân Y-sơ-ra-ên trong cách họ cư xử với dòng dõi Ê-sau.
Các ngươi sẽ mua thức ăn từ họ
Đức Giê-hô-va đang cho phép họ hoặc chỉ dẫn họ, không phải mệnh lệnh, và Ngài đang bảo họ không được trộm cắp. “Ta cho phép các ngươi mua thức ăn từ họ” hoặc “ Nếu ngươi cần thức ăn, ngươi hãy mua chúng từ họ”
Từ họ
"từ dòng dõi của Ê-sau"
Bằng tiền
Trả bằng tiền
Chúa đã ban phước cho các ngươi...tay các ngươi...đường ngươi đi...
Chúa của ngươi... cùng ngươi, và ngươi không thiếu
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Mọi việc nằm trong tay ngươi
Cụm từ “việc trong tay ngươi” nói mọi việc họ đã làm. AT: “mọi công việc của ngươi”
Ngài đã biết đường ngươi đi
Đây là cách hoán dụ cho “Ngài biết những gì xảy ra với các người khi các người đang đi trên đường”
Bốn mươi năm
"40 năm"
Ngươi không thiếu gì hết
Đây là cách nói giảm cho câu “ngươi đã có mọi thứ ngươi cần.”
Deuteronomy 2:8
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Bởi anh em chúng ta
"bởi họ hàng chúng ta"
Ê-lát ... Ê-xi-ôn-Ghê-be
Đây là tên của những thành phố.
Chúng ta trở lại
"chúng ta tiếp tục đi"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Deuteronomy 2:9

Thông tin Tổng quát:

Đây là những lời cuối cùng của Môi-se về việc nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên Đức Giê-hô-va hướng dẫn họ thế nào trong đồng vắng.

Đừng gây rắc rối cho Mô-áp

Từ “Mô-áp” là cách hoán dụ cho dân Mô-áp. AT: “Đừng gây rắc rối với dân Mô-áp”

A-rơ

Đây là tên thành phố ở Mô-áp.

Dòng dõi của Lót

Dân sự Y-sơ-ra-ên là họ hàng với dòng dõi Mô-áp. Mô-áp là con trai của Lót. Lót là cháu trai của Áp-ra-ham.

Deuteronomy 2:10

Thông tin Tổng quát:

Người viết bắt đầu cho thông tin cơ bản về người dân của vùng đất. Những từ này không phải những lời của Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Dân Ê-mim sống…gọi họ là Ê-mim

Những từ này cho thông tin phía sau về người Ê-mim, là người đã sống trong vùng đất trước dân Mô-a-bít.

Ê-mim…Rê-pha-im

Đây là tên của nhóm dân được cho là khổng lồ.

A-na-kim

Đây là dòng dõi của A-na là người rất to lớn và hung tợn. Xem bản dịch trong DEU 1:28.

Deuteronomy 2:12

Thông tin Tổng quát:

Tiếp tục thông tin cơ bản về sự khác nhau của nhóm dân đã sống trong vùng đất. .

Hô-rít

Đây là tên của một nhóm dân.

Hủy diệt bọn chúng trước họ

"giết hết bọn chúng để không ai trong trong chúng rời đi mà sống sót” hoặc “loại bỏ bọn chúng khỏi mặt họ bằng cách giết hết chúng”

Deuteronomy 2:13

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì đã xảy ra với họ trong đồng vắng.

'Bấy giờ hãy đứng dậy…Xê-rết.' Vậy

"'Đoạn Đức Giê-hô-va phán, “Bấy giờ hãy đứng dậy…Xê-rết.’ Vậy.” Có thể dịch như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “Đoạn Đức Giê-hô-va nói họ hãy đứng dậy…Xê-rết. Vậy”

Đứng dậy

Bắt đầu làm điều gì.

Khe suối Xê-rết

Đây là con suối chảy ngang Biển Chết từ đông nam và tạo thành biên giới giữa Ê-đôm và Mô-áp.

Bấy giờ

Từ “bấy giờ” đánh dấu để thay đổi từ câu chuyện thành thông tin cơ bản về thời gian dân Y-sơ-ra-ên lưu lạc và cơn thịnh nộ của Chúa đối với thế hệ đó.

Ba mươi tám năm

Tám năm

Đã đi khỏi dân sự

Đây là cách tế nhị khi nói về việc “đã chết.”

Bàn tay của Đức Giê-hô-va đã chống lại

Ở đây “bàn tay của Đức Giê-hô-va” nói đến quyền năng của Đức Giê-hô-va. AT: “Đức Giê-hô-va sử dụng quyền năng của Ngài chống lại” hoặc “Đức Giê-hô-va trừng phạt”

Deuteronomy 2:16

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Ngươi là…ngươi đến…đừng gây rối…ban cho ngươi

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, các trường hợp “ngươi” và mệnh lệnh “đừng gây rối” ở số ít.

Vượt qua A-rơ

Đây là tên thành phố của Mô-áp. Xem bản dịch “A-rơ” trong [DEU 2:9]

Đến dòng dõi của Lót

Dân sự Y-sơ-ra-ên có họ hàng với dòng dõi Am-môn. Am-môn là con trai của Lót. Lót là cháu trai của Áp-ra-ham.

Deuteronomy 2:20

Thông tin Tổng quát:

Những đoạn này bắt đầu cho thông tin cơ bản về nhóm dân sống trong vùng đất.

Đó cũng được coi là

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Mọi người cũng cho rằng”

Rê-pha-im

Đây là tên của nhóm dân. Xem bản dịch này trong [DEU 2:11]

Xam-xu-mim

Đây là tên khác của nhóm người Rê-pha-im.

A-na-kim

Đây là tên của nhóm dân. Xem bản dịch này trong DEU 1:28.

Hủy diệt chúng trước dân Am-mô

"cho phép dân Am-môn đánh bại chúng” hoặc “cho phép dân Am-môn giết hết chúng "

Nối tiếp và sống ở chỗ của chúng

"dân Am-môn tiếp quản mọi thứ dân Rê-pha-im đã sở hữu và sống chỗ dân Rê-pha-im đã sống "

Hô-rít

Đây là tên của nhóm dân. Xem bản dịch này trong DEU 2:12.

Nối tiếp họ và sống chỗ họ đã sống

"tiếp quản mọi thứ dân Hô-rít đã sở hữu và sống nơi dân Hô-rít đã sống”

Deuteronomy 2:23

Thông tin Tổng quát:

Người viết kết thúc việc mô tả Chúa cho phép Ê-sau đoạt vùng đất và Ê-sau đang sống thế nào.

A-vim … Cáp-tô-rim

Đây là tên của những nhóm dân.

Cáp-tô

Đây là tên địa danh. Nó có thể là tên khác của hòn đảo Rít-ti tọa lạc ở Biển Lớn.

Hủy diệt chúng

"hủy diệt A-vim"

Sống ở chỗ họ

"sống ở nơi A-vim đã sống"

Deuteronomy 2:24

Thông tin Tổng quát:

Người viết đã kết thúc bằng việc đưa thông tin cơ bản và nhắc lại những gì Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy đứng dậy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va đang phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. “Hãy đứng lên” hoặc “Hãy đi.”

Tiếp tục chuyến đi của ngươi

"tiếp tục hành trình"

Khe núi Ạt-nôn

Đây là tên của khe núi của sông Ạt-nôn. Nó tạo biên giới giữa Mô-áp và A-mô-rít.

Ta đã ban vào trong tay ngươi

Cách ẩn dụ “vào trong tay ngươi” nghĩa là “trong sự điều khiển hoặc quyền lực của ngươi.” AT: “Ta đã ban cho ngươi sức mạnh để đánh bại”

Tay ngươi…Bắt đầu chiếm nó…chiến đấu…sự khiếp sợ của ngươi…những điều về ngươi…bởi vì ngươi

Môi-se nói dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, các trường hợp “ngươi” và “của ngươi”, mệnh lệnh “bắt đầu chiếm lấy” và “chiến đấu” ở số ít.

Si-hôn

Đây là tên của vị vua. Xem bản dịch này trong DEU 1:4.

Hết-bôn

Đây là tên của thành phố. Xem bản dịch này trong DEU 1:4.

Giao chiến với ngươi

"đánh lại ông ta ta cùng đội quân "

Để nỗi sợ hãi và sự kinh khiếp

Từ “sợ hãi” và “kinh khiếp” nghĩa cơ bản là giống nhau và nhấn mạnh sự sợ hãi dữ dội. AT: “làm cho sợ hãi khủng khiếp"

Những người dưới toàn bộ bầu trời

Đây là một cách diễn đạt. AT: “mọi người trên đất” (

Run rẩy và trở nên khốn khổ

Đây là phép thay thế đôi và nhấn mạnh rằng mọi người sẽ “run rẩy trong khốn khổ."

Deuteronomy 2:26

Ta sai phái

Ở đây “ta” nói đến Môi-se.

Đồng vắng Kê-đê-mốt

Đây là tên của một nơi gần thung lũng Ạt-nôn.

Si-hôn…Hết-bôn

Đây là tên của một người nam và một địa điểm. Xem bản dịch của chúng trong DEU 1:4.

Với những lời hòa bình

Ở đây cách ẩn dụ “những lời hòa bình” nghĩa là “với ý muốn hòa bình” hoặc “với thông điệp từ tôi cho sự hòa bình."

Tôi sẽ không quay sang bên phải hay bên trái

Cụm từ này nhấn mạnh rằng họ sẽ luôn đi trong một hướng. Nó có thể ở dạng bị động. “tôi sẽ không thay đổi hướng đi” hoặc “tôi sẽ luôn ở trong một đường đi”

Deuteronomy 2:28

Thông tin Tổng quát:

Điều này tiếp tục thông điệp của Môi-se tới vua Si-hôn.

Ngươi sẽ bán cho tôi thức ăn bằng tiền, vì thế tôi có thể ăn, bán tôi nước bằng tiền, vì vậy tôi có thể uống

Môi-se nói với Si-hôn rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ không trộm cắp từ dân A-mô-rít và thỉnh cầu Si-hôn và dân của người bán thức ăn, nước uống cho Y-sơ-ra-ên; ông không đưa ra mệnh lệnh. AT: “Tôi mong chờ để trả tiền mua thức ăn để ăn, và trả tiền mua nước để được uống”

Bán cho tôi…tôi có thể ăn…ban cho tôi…tôi có thể uống

Môi-se đang nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là chính Môi-se. AT: “bán cho tôi và dân tôi…chúng tôi có thể ăn…ban cho tôi…chúng tôi có thể uống”

Chỉ để tôi đi ngang qua

"để chúng tôi bước qua đất của các người"

A-rơ

Đây là tên của một địa danh. Xem bản dịch này trong [DEU 2:9]

Deuteronomy 2:30

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự những gì xảy ra trong quá khứ.

Si-hôn…Hết-bôn

Đây là tên của một người nam và một địa điểm. Xem cách dịch của chúng trong [DEU 1:4]

Chúa của các người…sức mạnh của các người

Môi-se nói đến dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, tất cả trường hợp “các người” ở sốt ít.

Tâm trí người cứng cỏi và làm lòng người ngang ngạnh

Cả hai cụm từ này cùng nghĩa và nhấn mạnh rằng “khiến ông trở nên rất cứng cỏi.”

Giao Si-hôn và đất của ông ta trước ngươi

"ban Si-hôn và đất của ông ta lên cho ngươi"

Bắt đầu chiếm nó, để mà ngươi thừa hưởng đất của ông ta

"lấy quyền sở hữu đất của ông ta, vì thế ngươi có thể thừa hưởng nó"

Deuteronomy 2:32

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.

Si-hôn

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch này trong [DEU 1:4]

Gia-hát

Đây là tên của thành phố ở Mô-áp

Deuteronomy 2:34

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự về những gì xảy ra trong quá khứ.

Chúng ta lấy hết thành của ông ta

"Chúng ta đoạt lấy hết thành của vua Si-hôn"

Hủy diệt hoàn toàn từng thành

"giết hết những người sống trong từng thành"

Deuteronomy 2:36

A-rô-e

Đây là tên của thành phố ở phía bắc bờ sông Ạt-nôn.

Khe Ạt-nôn

"Ạt-nôn" là tên của con sông. Xem cách dịch này trong DEU 2:24.

Không có thành nào là quá cao với chúng ta

Đây là mệnh đề phủ định được sử dụng để nhấn mạnh thành công của họ trong trận đánh. Có thể ở dạng bị động. AT: “chúng ta có khả năng đánh bại dân ở mỗi thành dù cho thành đó tường cao quanh đó”

Ngươi đã không đi

Môi-se nói đến dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế “ngươi” là số ít.

Sông Gia-bốc

Đây là tên của con sông tạo thành biên giới giữa đất của Si-hôn và đất của dân Am-môn.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Deuteronomy 2:1

Môi-se nói rằng họ sẽ khởi hành đi đâu?

Họ sẽ đi vào trong đồng vắng, về hướng Biển Đỏ.

Deuteronomy 2:4

Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân sự phải cẩn thận không được làm gì?

Họ phải cẩn thận không được đánh chiến với con cháu Ê-sau, vì Đức Giê-hô-va sẽ không ban cho họ đất của những người đó.

Deuteronomy 2:5

Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân sự phải cẩn thận không được làm gì?

Họ phải cẩn thận không được đánh chiến với con cháu Ê-sau, vì Đức Giê-hô-va sẽ không ban cho họ đất của những người đó.

Deuteronomy 2:6

Dân sự lấy thức ăn và nước uống ở đâu?

Họ mua thức ăn và nước uống từ dân Sê-i-rơ để họ có thể ăn uống.

Deuteronomy 2:9

Đức Giê-hô-va phán bảo họ không được làm gì tại Mô-áp?

Họ không được gây hấn hay đánh chiến với dân Mô-áp bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ không ban xứ đó cho họ.

Deuteronomy 2:14

Phải mất bao lâu để Y-sơ-ra-ên đi từ Ca-đe Ba-nê-a đến khe Xê-rết?

Họ mất 38 năm để đi đến khe Xê-rết.

Deuteronomy 2:16

Chuyện gì đã xảy ra với tất cả những người có thể chiến đấu được?

Tất cả những người có thể chiến đấu được đều bị chết khỏi giữa dân sự.

Deuteronomy 2:19

Đức Giê-hô-va đã ban xứ của dân Am-môn cho ai?

Đức Giê-hô-va đã ban xứ đó cho con cháu Lot.

Deuteronomy 2:25

Dân xứ đó sẽ làm gì khi họ nghe tin về dân Y-sơ-ra-ên?

Họ sẽ run rẩy và khiếp đảm vì cớ dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 2:26

Môi-se đã gửi những lời hòa nhã nào đến vua Hết-bôn?

Môi-se xin vua cho phép dân sự được đi ngang qua xứ trên đường cái, không quay qua bên phải hay bên trái.

Deuteronomy 2:27

Môi-se đã gửi những lời hòa nhã nào đến vua Hết-bôn?

Môi-se xin vua cho phép ông được đi ngang qua xứ trên đường cái, không quay qua bên phải hay bên trái.

Deuteronomy 2:28

Môi-se đã lên kế hoạch gì để kiếm thức ăn và nước uống cho dân sự?

Ông đã xin vua Hết-bôn bán đồ ăn thức uống cho ông để đổi lấy tiền đặng dân sự có thể ăn và uống.

Deuteronomy 2:29

Môi-se định kiếm đồ ăn và nước uống cho dân sự thế nào?

Ông xin vua Hết-bôn bán đồ ăn thức uống cho mình đổi lấy tiền để dân sự có thể ăn và uống.

Deuteronomy 2:32

Chuyện gì đã xảy ra khi Si-hôn đi ra nghênh chiến Môi-se?

Đức Giê-hô-va đã phó vua cho Môi-se và dân sự đã đánh bại và giết chết vua, cùng các con trai và toàn bộ dân sự của vua.

Deuteronomy 2:33

Chuyện gì xảy ra khi vua Si-hôn đi ra nghênh chiến với Môi-se?

Đức Giê-hô-va đã phó vua đó cho Môi-se, và dân sự đã đánh bại vua, giết chết vua cùng các con trai và toàn thể dân sự của vua đó.

Deuteronomy 2:34

Chuyện gì đã xảy ra với hết thảy những thành có người ở?

Môi-se đã đánh bắt vua của các thành đó và tiêu diệt họ, cả bà bà lẫn trẻ con, không để một ai sống sót.

Chapter 3

Deuteronomy 3:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Óc…Si-hôn

Đây là tên những vị vua. Xem cách dịch của chúng trong [DEU 1:4]

Ết-rê-i…Hết-bôn

Đây là tên của những thành phố. Xem cách dịch những từ này trong [DEU 1:4]

Đức Giê-hô-va nói tôi, “Đừng sợ hãi ông ta;…ban cho ngươi…dưới sự kiểm soát của ngươi..Ngươi sẽ làm…như ngươi làm…ở Hết-bôn.”

Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se như thể Môi-se là dân Y-sơ-ra-ên, vì thế mệnh lệnh “đừng sợ hãi” và các trường hợp “ngươi” và “các ngươi” ở số nhiều.

Sợ hãi ông ta…trên ông ta…dân và đất của ông ta

Ở đây từ “ông ta” và “của ông ta” nói đến Óc.

Ta đã ban cho ngươi sự chiến thắng

Đức Giê-hô-va nói về những gì Ngài sẽ làm như thể Ngài đã làm rồi.

Ngươi sẽ làm với ông ta như ngươi đã làm với Si-hôn

Từ “ngươi” là cách ẩn dụ cho “dân ngươi.” AT: “Ngươi sẽ hủy diệt Óc và dân của ông ta như ngươi đã làm với Si-hôn”

Deuteronomy 3:3

Và hết dân của ông ta được đặt dưới quyền kiểm soát của chúng tôi

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “và Đức Giê-hô-va đặt hết dân của Óc dưới kiểm soát của chúng tôi "

Chúng tôi đánh người chết

Từ “ông” là cách ẩn dụ cho toàn dân của ông. AT: “Chúng tôi giết hết dân của ông ta”

Không ai trong dân của ông ta còn lại

Đây là cách nói giảm được sử dụng để nhấn mạnh rằng người Y-sơ-ra-ên không để bất kì ai sống. AT: “hết thảy dân của ông ta sẽ chết”

Không một thành mà chúng ta không chiếm

Đây là cách phủ định gấp hai để nhấn mạnh họ sẽ chiếm hết 60 thành phố. AT: “chúng ta chiếm từng thành đó”

Sáu mươi thành

"60 thành"

Vùng Ạt-gốp

Đây là tên vùng nằm trong Ba-san.

Deuteronomy 3:5

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Hết thảy các thành đều kiên cố

"Hết thành đó được bảo vệ"

Bên cạnh đó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"thêm vào đó" hoặc "không bao gồm"

Si-hôn

Đây là tên của vị vua. Xem cách dịch này trong [DEU 1:4]

Hết-bôn

Đây là tên của thành phố. Xem cách dịch này trong [DEU 1:4]

Hoàn toàn hủy diệt mỗi thành

"giết hết những người sống trong mỗi thành"

Deuteronomy 3:8

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Chiếm hết của hai vua

Đây là cách hoán dụ “chiếm hết” nghĩa là “khỏi sự kiểm soát của.” AT: “khỏi sự kiểm soát của hai vua” hoặc “khỏi hai vua”

A-mô-rít…Ba-san…Ết-rê-i…Óc

"dân A-mô-rít…đất của Ba-shan…thành của Ết-rê-i…Vua Óc”

Dịch những từ này như cách của bạn DEU 1:4.

Bên kia Giô-đanh

Điều này nói đến vùng đất bên kia sông Giô-đanh, về phía đông Y-sơ-ra-ên. Môi-se hướng về phía đông của Giô-đanh khi ông nói điều này. AT: “phía đông của sông Giô-đanh”

Dịch theo cách này DEU 1:1.

Khe Ạt-nôn

Dịch những từ này theo cách của bạn DEU 2:24.

Núi Hẹt-môn…Si-ri-ôn…Sê-ni-rơ

Đây là các tên của cùng ngọn núi ở phía bắc giáp ranh Ba-san.

Của đồng bằng

Đây là vùng đất cao, bằng phẳng nằm giữa sông Ạt-nôn và Núi Ga-la-át.

Sanh-ca

Đây là tên của thành phố gần Ết-rê-i.

Deuteronomy 3:11

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Về cái còn lại…cách người ta đo

Đây là thông tin phía sau về vua Óc.

Rê-pha-im

Dịch theo cách của bạn trong DEU 2:11.

Nầy!

"Hãy chú ý những điều quan trọng tôi sắp nói."

Không phải nó ở trong Ráp-ba, …sống?

Người viết sử dụng câu hỏi để nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên rằng họ có thể đi đến Ráp-ba và thấy Óc rộng thế nào. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như mệnh lệnh. Có thể mang những nghĩa 1) “Nó đã ở Ráp-ba,…sống.” hoặc 2) “Nó đã ở Ráp-ba…sống.”

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Cách mọi người đo lường

"theo số cu-bít lớn nhất người ta sử dụng"

Deuteronomy 3:12

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự những gì xảy ra trong quá khứ.

A-rô-e

Dịch tử nảy trong DEU 2:36.

Khe của Ạt-nôn

Dịch từ này trong DEU 2:24.

Vùng của Ạt-gôn

Dịch những từ này trong DEU 3:4.

Cùng lãnh thổ được gọi là vùng Rê-pha-im

Người viết bắt đầu giới thiệu thông tin cơ bản về vùng đất mà dân Y-sơ-ra-ên chiếm được.

Rê-pha-im

Dịch theo như cách này trong DEU 2:11.

Deuteronomy 3:14

Thông tin Tổng quát:

Tiếp tục thông tin cơ bản về vùng đất mà dân Y-sơ-ra-ên chiếm được. (See: DEU 3:13)

Giai-rơ

Đây là tên của người nam.

Ghê-su-rít và Ma-ca-thít

Đây là nhóm dân sống phía Tây của Ba-shan.

Ha-vốt Giai-rơ

Người dịch có thể gạch chân: “Tên của Ha-vốt Giai-rơ” nghĩa là “làng lều trại của Giai-rơ” hoặc “khu vực của Giai-rơ”

Deuteronomy 3:15

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta cho

Ở đây “ta” nói đến Môi-se.

Ma-ki

"dòng dõi của Ma-ki." Đây là con trai của Ma-ne-se. Ông đã chết trước khi Môi-se cho vùng đất này.

Khe Ạt-nôn

Đây là tên thung lũng của sông Ạt-nôn. Nó tạo đường biên giới giữa Mô-áp và dân A-mô-rít. Xem bản dịch này trong DEU 2:24.

Sông Gia-bốt

Đây là tên của sông được tạo thành từ biên giới giữa đất của Si-hôn và đất của A-mô-rít. Xem bản dịch trong DEU 2:37.

Deuteronomy 3:17

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Cũng là đường biên giới khác

"Đường biên giới phía tây của Ru-bên và lãnh thổ Ga-đi-tê"

Ki-nê-rết

"Biển Ki-ni-rết." Đây là cùng chỗ với “biển Ga-li-lê” hoặc “Biển Gê-nê-sa-rết."

Núi Pít-ga

Đây là tên núi ở phía bắc thuộc dãy núi A-ba-rim.

Deuteronomy 3:18

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta ra lệnh này cho các người

Môi-se nhắc nhở chi phái Ru-bên, chi phái Gát, và một nửa chi tộc của Ma-na-sê rằng họ phải giúp dân Y-sơ-ra-ên xâm lược phần đất còn lại mà Chúa hứa cho họ.

Sẽ trang bị vũ khí đi trước

"sẽ mang vũ khí và vượt qua sông Giô-đanh trước "

Anh em các người, dân Y-sơ-ra-ên

"người bạn Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 3:19

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với chi phái Ru-bên, Gát, và một nửa chi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phái Ma-na-sê.

Đức Giê-hô-va ban phần còn lại cho anh em các ngươi

Người viết nói như thể khả năng có phần còn lại là một vật thể được trao như món quà. Từ "còn lại" cũng là cách ẩn dụ cho cuộc sống yên bình không có chiến tranh. AT: "Đức Giê-hô-va cho anh em các ngươi phần còn lại" hoặc "Đức Giê-hô-va cho phép anh em các ngươi ngưng đấu tranh và sống hòa bình"

Bên kia sông Giô-đanh

Điều này nói đến vùng đất bang qua sông Giô-đanh, về phía đông của Y-sơ-ra-ên. Môi-se hướng về phía đông Giô-đanh khi ông nói về điều này. AT: "phía đông sông Giô-đanh." Dịch theo như trong DEU 1:1.

Rồi họ sẽ trở lại

Môi-se đang nhấn mạnh rằng các chi phái khác phải chiếm đất của họ trước khi Đức Giê-hô-va cho phép ba chi phái chiếm hữu đất của họ. "chỉ khi ngươi trở lại."

Deuteronomy 3:21

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Mắt ngươi trông thấy

Ở đây "mắt" nói đến Giô-suê. AT: "Ngươi đã thấy"

Deuteronomy 3:23

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự những gì xảy ra trong quá khứ.

Tôi cầu xin

Ở đây "tôi" nói tới Môi-se. Điều này có nghĩa ông hỏi Chúa cách sốt sắng, cách tình cảm.

Chỉ dạy đầy tớ của người

Ở đây "người đầy tớ của người" là cách tế nhị về việc nói một người có quyền năng to lớn. AT: "chỉ dạy tôi, tôi là đầy tớ của người,"

Bàn tay quyền năng của người

Ở đây cách hoán dụ "bàn tay" nghĩa là quyền lực hoặc sức mạnh. AT: "sức mạnh của người"

Có thần nào...làm được?

Môi-se sử dụng câu hỏi để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va là Chúa duy nhất có quyền năng làm được việc Ngài đã làm. Câu hỏi tu từ có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Không có thần nào...làm được."

Trên trời hay dưới đất

Hai thái cực này có nghĩa "bất cứ nơi đâu."

Bên kia Giô-đanh

"phía Tây của sông Giô-đanh." Khi Môi-se nói lời này với Đức Giê-hô-va, ông hướng về phía đông sông Giô-đanh ở Mô-áp.

Deuteronomy 3:26

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Đức Giê-hô-va giận dữ với tôi vì các người

Việc này nói đến lúc Môi-se không vâng lời Đức Giê-hô-va phán với ông bởi vì Môi-se giận dữ với dân sự Y-sơ-ra-ên. Dịch như cách trong [DEU 1:37]

Pít-ga

Dịch theo như trong DEU 3:17.

Ngước mắt lên

Từ "ngước mắt xem" là thành ngữ nghĩa là nhìn xem. AT: "nhìn xem"

Deuteronomy 3:28

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se.

Bết-Phê-ô

Đây là tên của thành phố ở Mô-áp gần núi Pít-ga.

Translation Questions

Deuteronomy 3:1

Óc, vua Ba-san đã làm gì với dân Y-sơ-ra-ên khi dân sự tiến đến xứ của người?

Trên đường đi đến Ba-san, vua Ba-san và toàn quân đi ra tấn công Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 3:3

Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì với vua Ba-san và dân sự của vua?

Họ đã đánh giết vua Ba-san tan tác cho đến khi không còn một người nào của vua sống sót, và đánh chiếm tất cả các thành của vua.

Deuteronomy 3:4

Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì với vua Ba-san và dân sự của vua đó?

Họ đã đánh chết vua Ba-san cho đến khi không còn một người nào trong dân của vua đó sống sót rồi đánh chiếm tất cả các thành của vua.

Deuteronomy 3:7

Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì với những súc vật và chiến lợi phẩm từ các thành ấy?

Họ đã giữ lại cho mình tất cả súc vật và chiến lợi phẩm từ các thành ấy.

Deuteronomy 3:12

Môi-se đã giao xứ mà họ đã đánh chiếm được cho ai?

Ông gave xứ đó cho người Ru-bên, người Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se.

Deuteronomy 3:13

Môi-se ban xứ mà họ đã chiếm cho ai?

Ông đã giao xứ đó cho người Ru-bên, người Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se.

Deuteronomy 3:18

Môi-se đã ra lệnh cho các lính chiến của người Ru-bên và người Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se phải làm gì?

Ông đã truyền lệnh cho họ phải cho cho những lính chiến cầm vũ khí đi qua trước anh em mình là con dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 3:20

Đức Giê-hô-va phán khi nào thì người Ru-bên và người Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se có thể trở về phần sản nghiệp của mình?

Đức Giê-hô-va phán họ có thể trở về sau khi Đức Giê-hô-va đã ban cho các anh em của họ được an cư lạc nghiệp, tức là khi
họ nhận được xứ của mình.

Deuteronomy 3:22

Môi-se đã căn dặn Giô-suê không làm gì?

Ông khuyên Giô-suê đừng sợ kẻ thù bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ là Đấng chiến đấu cho ông.

Deuteronomy 3:25

Môi-se đã cầu khẩn được đi đâu và ngắm gì những gì?

Ông đã cầu xin Đức Giê-hô-va cho ông đi qua và nhìn thấy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

miền đất tươi tốt phía bên kia Giô-đanh và Li-ban.
Deuteronomy 3:27
Đức Giê-hô-va đã làm gì để cho phép Môi-se đi ngắm nhìn xứ đó?
Đức Giê-hô-va bảo ông đi lên đỉnh Phích-ga, ngước mắt nhìn chung quanh vì ông sẽ không được đi qua sông Giô-đanh nầy.
Deuteronomy 3:28
Đức Giê-hô-va đã truyền Môi-se làm gì cho Giô-suê?
Ngài truyền cho Môi-se phải hướng dẫn Giô-suê, khích lệ và củng cố tinh thần của người, bởi vì chính người sẽ đi qua trước mặt dân sự và dẫn họ vào nhận xứ mà ông thấy đó làm sản nghiệp.
Deuteronomy 3:29
Đức Giê-hô-va đã truyền Môi-se làm gì cho Giô-suê?
Ngài truyền cho Môi-se phải hướng dẫn Giô-suê, khích lệ và củng cố tinh thần của người, bởi vì chính người sẽ đi qua trước mặt dân sự và dẫn họ vào nhận xứ mà ông thấy đó làm sản nghiệp.

Chapter 4
Deuteronomy 4:1
Ta dạy các ngươi
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên những gì Chúa muốn họ làm.
Làm theo chúng
"và vâng theo chúng"
Ngươi sẽ không thêm lời nào…cũng sẽ không giảm bớt chúng
Đức Giê-hô-va không muốn dân của Ngài tạo ra luật mới, hoặc bớt đi những điều Ngài đã ban cho họ.
Deuteronomy 4:3
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Mắt ngươi đã thấy
Ở đây "mắt" nói đến dân Y-sơ-ra-ên.
Bởi vì Ba-anh-Phê-o
Nghĩa đầy đủ của câu này có thể nói rõ. AT: "Bởi vì tội lỗi các người liên quan tới Ba-anh-Phê-o"
Phê-o
Dịch theo như trong DEU 3:29.
Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã hủy diệt chúng giữa các ngươi
Môi-se nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì vậy "các ngươi" và "ngươi" ở số ít.
Những người níu lấy Đức Giê-hô-va
Người viết nói như thể việc tin cậy vào Đức Giê-hô-va và vâng lời Ngài giống như giữ chặt một người. AT: "những người cẩn thận vâng lời Đức Giê-hô-va"
Deuteronomy 4:5
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Nầy
"Hãy chú ý"
Để ngươi làm theo giữa xứ mình
"để ngươi vâng lời chúng khi ngươi sống trên đất"
Giữ và làm theo chúng
Hai cụm từ nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng họ vâng theo chúng. AT: "cẩn thận vâng theo chúng"
Đây là sự khôn ngoan của ngươi và sự hiểu biết của ngươi trước dân sự
Từ "ngôn ngoan" vả "hiểu biết" là cách hoán dụ cho sự tin tưởng của dân sự rằng dân Y-sơ-ra-ên là khôn ngoan và hiểu biết những gì quan trọng. AT: "đây là những gì sẽ bày tỏ cho mọi người về sự khôn ngoan và sự hiểu biết"
Trước mặt mọi người
Cách hoán dụ "trước mặt của" nghĩa là "trong sự đánh giá của." Điều này có nghĩa là người khác sẽ cho rằng dân Y-sơ-ra-ên khôn ngoan.
Nước lớn này có dân khôn ngoan và hiểu biết
Từ "nước" là cách hoán dụ cho người sống trên nước đó. AT: "người dân của nước lớn này thật khôn ngoan và có hiểu biết"
Deuteronomy 4:7
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Có nước lớn nào khác có…Ngài? Có nước nào khác có…ngày nay?
Câu hỏi tu từ có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Không nước lớn nào khác…Ngài. Không nước lớn nào khác…ngày nay."
Deuteronomy 4:9
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Chỉ lưu ý…gìn giữ chính ngươi…ngươi không được quên…mắt của ngươi…đời ngươi…khiến họ hiểu để con và cháu họ…ngươi đứng trước Giê-hô-va Chúa ngươi
Môi-se nói dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, các trường hợp "ngươi," "của ngươi," và "chính ngươi," cũng như mệnh lệnh "lưu ý," "đề phòng," và "làm cho hiểu" là ở số ít.
Chỉ lưu ý và khá cẩn thận đề phòng chính ngươi
"Cẩn thận lưu ý và thật sự ghi nhớ những điều này luôn"
Ngươi không được quên…chúng không rời khỏi lòng ngươi
Những cụm từ này cùng nghĩa và nhấn mạnh rằng người Y-sơ-ra-ên phải ghi nhớ những gì họ trông thấy.
Mắt ngươi đã thấy
Ở đây "mắt" là cách hoán dụ cho một người. AT: "ngươi đã thấy"
Nhóm họp ta cùng mọi người
"mang mọi người lại với nhau và đem họ đến với ta"
Deuteronomy 4:11
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về lịch sử của họ.
Có lửa ở lòng trời
Đây là một cách diễn đạt. "Lòng của" nghĩa là "ở giữa của" hoặc "nơi tận trong cùng của," và "trời" ở đây nói đến bầu trời. AT: "có lửa bay lên trời"
Có sự tối tăm, mây, và bóng tối mịt mù
Ở đây "bóng tối mịt mù" mô tả đám mây. AT: "có sự mịt mù, mây đen"
Bóng đêm mịt mù
Có thể mang nghĩa khác là "mây âm u"
Deuteronomy 4:13
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Ngài bày tỏ
"Đức Giê-hô-va công bố"
Với ngươi
Ở đây "ngươi" nói đến dân Y-sơ-ra-ên là người ở núi Hô-rếp.
Trong vùng đất mà ngươi băng qua để chiếm lấy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"sau khi ngươi vượt qua sông Giô-đanh và chiếm lấy xứ"
Deuteronomy 4:15
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Khá giữ gìn chính mình
Có thể mang những nghĩa 1) "ngươi cần thận về hành động mình" hoặc 2) "giữ gìn tâm hồn mình cách cẩn thận."
Đừng làm hư hoại chính mình
"đừng làm những gì sai"
Bò trên đất
"bò trên mặt đất"
Deuteronomy 4:19
Ngươi không được ngước mắt lên...và nhìn...và bị lôi cuốn...Giê-hô-va Chúa ngươi
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp "ngươi" và "của ngươi" , cùng các từ "lên," "nhìn", và "bị cuốn" ở số ít.
Ngươi không...và bị lôi cuốn theo để thờ lạy
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đừng...và đừng để một ai làm ngươi muốn thờ phượng" hoặc "Đừng...và đừng cho phép chính ngươi thờ lạy"
Các thiên thể trên trời
"mọi thứ các ngươi nhìn thấy trên trời." Đây là cách khác khi nói về mặt trời, mặt trăng, và các vì sao.
Điều mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã phân chia cho mọi dân
Đây là một cách diễn đạt. Môi-se nói đến các vì sao như thể chúng là vật thể nhỏ như thức ăn mà Đức Giê-hô-va đang chia và phân phát cho mỗi nhóm dân. AT: "Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã đặt ở đây để giúp mọi dân"
Đem ngươi ra khỏi lò lửa bằng sắt
Môi-se nói đến Ai Cập và những lao động khổ sai mà dân Y-sơ-ra-ên chịu đựng như thể đó là cái lò sắt có nhiệt độ và dân Y-sơ-ra-ên là sắt. AT: "đem ngươi ra khỏi đất nơi mà các ngươi bị bắt lao động khổ sai"
Người mà được sự thừa kế của
Đây là thành ngữ có thể dịch "những người chỉ thuộc về Ngài"
Deuteronomy 4:21
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Đức Giê-hô-va giận dữ với tôi bởi vì các ngươi
Điều này nói đến lúc Môi-se không vâng theo những gì Đức Giê-hô-va phán ông làm bởi vì Môi-se giận dữ với dân Y-sơ-ra-ên. Nghĩa đầy đủ của câu mệnh lệnh này có thể làm rõ. Dịch theo như trong [DEU 1:37]
Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đang ban cho ngươi
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy "ngươi" và "của ngươi" ở số ít.
Deuteronomy 4:23
Khá chú ý đến chính ngươi
"cẩn thận chú ý"
Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã cấm ngươi...Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
Môi-se nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "ngươi" và " của ngươi" là ở số ít.
Đức Giê-hô-va của ngươi như ngọn lửa tàn phá, Đức Chúa Trời ky tà
Môi-se so sánh Đức Giê-hô-va làm thế nào khi Ngài giận dữ như cách ngọn lửa phá hủy mọi thứ. "Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ nghiêm khắc trừng phạt và phá hủy ngươi như ngọn lửa bởi vì Ngài không muốn các người thờ lạy thần khác"
Deuteronomy 4:25
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Ngươi sinh ra...Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
Từ "ngươi" và "các ngươi" ở số ít ở đây.
Sinh ra
Trở thành cha của, hoặc trở thành tổ tiên của
Nếu ngươi làm hư hoại chính mình
"nếu ngươi làm những gì sai." Tương tự những từ xuất hiện trong DEU 4:16.
Và làm những gì xấu xa trước mắt Đức Giê-hô-va Chúa ngươi, khiêu khích Ngài giận dữ
Đây là một cách diễn đạt. AT: "và ngươi khiến Đức Giê-hô-va Chúa ngươi giận dữ bởi làm những việc Ngài cho là xấu xa"
Ta gọi trời và đất làm chứng
Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se đang gọi những ai sống dưới bầu trời và trái đất để làm chứng những gì ông nói hoặc 2) Môi-se đang gọi trời và đất như thể chúng là con người, và ông đang gọi chúng để làm chứng những gì ông nói.
Ngươi sẽ không kéo dài những ngày của ngươi
Những ngày dài là cách ẩn dụ cho cuộc sống thọ. AT: "ngươi sẽ không thể sống lâu"
Nhưng ngươi sẽ hoàn toàn bị hủy diệt
Trong đoạn 4:27, không phải mỗi dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị giết. Ở đây "hoàn toàn hủy diệt" là cách cường điệu và nhấn mạnh rằng nhiều dân Y-sơ-ra-ên sẽ chết. AT: "nhưng Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt nhiều người các ngươi "
Deuteronomy 4:27
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Đức Giê-hô-va sẽ phân tán các ngươi giữa mọi dân
Môi-se nói như thể mọi người là hạt giống để Đức Giê-hô-va sẽ phân tán trên khắp cánh đồng. "Đức Giê-hô-va sẽ sai ngươi đến những nơi khác nhau và bắt ngươi sống ở đó"
Sẽ dẫn ngươi đi
"sẽ sai ngươi" hoặc "sẽ khiến kẻ thù của ngươi mang ngươi đi"
Công việc của tay người đàn ông, gỗ và đá
Ở đây "tay của người đàn ông" nói đến chính những người đàn ông, và "công việc...gỗ và đá" đến thần tượng mà họ tạo ra. AT: "Gỗ và đá những vật được tôn sùng do tay người làm ra"
Deuteronomy 4:29
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên. Ông nói như thể họ là một người, vậy các trường hợp "ngươi" và "của ngươi" ở số ít.
Nhưng tại nơi đó
"Nhưng tại nơi ngươi trong các quốc gia khác"
Ngươi sẽ tìm kiếm
Từ "ngươi" ở đây là số ít.
Khi ngươi tìm cầu Ngài
"khi ngươi thật sự cố gắng tìm Ngài" hoặc "khi ngươi thật sự cố gắng hiểu Ngài"
Hết lòng ngươi và bằng cả tâm hồn ngươi
Thành ngữ "bằng cả...lòng" nghĩa là "hoàn toàn" và "bằng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cả…tâm hồn” nghĩa là “bằng cả con người của ngươi.” Hai mệnh đề này có cùng nghĩa. AT: “bằng cả con người của ngươi” hoặc “bằng cả sức lực của ngươi”
Deuteronomy 4:30
Sẽ xảy đến
"sẽ diễn ra"
Trong những ngày sau cuối
"về sau" hoặc "sau đó"
Lắng nghe lời Ngài
Ở đây “lắng nghe” nghĩa là nghe và vâng lời, và “lời Ngài” nói đến Đức Giê-hô-va và những gì Ngài phán. “vâng lời những gì Ngài phán”
Deuteronomy 4:32
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, tất cả trường hợp “ngươi” và “của ngươi” và mệnh lệnh “hỏi ngay” ở số ít.
Đã bao giờ các ngươi nghe tiếng Chúa phán ra từ giữa lửa, như ngươi đã nghe, và sống?
Ở đây dân Y-sơ-ra-ên được nhắc nhở việc Đức Giê-hô-va nhắc nhở họ cách lạ lùng thế nào trong quá khứ. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Không có dân nào khác cạnh ngươi được nghe Chúa phán giữa lửa và sống."
Nghe thấy tiếng của Đức Chúa Trời phán
Từ “tiếng” là cách hoán dụ cho Đức Chúa Trời, là Đấng đang phán. AT: “nghe thấy lời của Đức Chúa Trời khi Ngài phán”
Deuteronomy 4:34
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Trong bàn tay năng quyền, và bởi sự giơ cánh tay
Ở đây “bàn tay năng quyền” và “sự giơ cánh tay” là đối tượng ẩn dụ cho quyền năng của Đức Giê-hô-va. AT: “và bởi sự bày tỏ quyền năng Ngài”
Trước mắt ngươi
Ở đây “mắt” nói đến toàn bộ con người. AT: “phía trước ngươi”
Deuteronomy 4:35
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Để ngươi chứng kiến những điều đó
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va bày tỏ cho ngươi những điều đó "
Ngài làm cho ngươi nghe…làm cho ngươi thấy
"Ngài làm cho ngươi nghe thấy ... làm cho ngươi trông thấy"
Làm ngươi…ngươi nghe
Môi-se nói như thể mọi người đang lắng nghe ông nói là những người đã nghe ông nói tại núi Si-na-i nhiều năm trước. Những người tại núi Si-na-i thực ra là tổ phụ của những người đang nghe Môi-se đang nói những lời này. AT: “làm cha của các ngươi…tổ phụ của các ngươi nghe thấy”
Deuteronomy 4:37
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì vậy các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Tổ phụ của các ngươi
Điều này nói đến Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, và con trai của Gia-cốp.
Cùng sự hiện diện của Ngài, cùng quyền năng vĩ đại của Ngài
“cùng quyền năng vĩ đại đến từ sự hiện diện của Ngài” hoặc “bằng quyền năng vĩ đại của Ngài”
Deuteronomy 4:39
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì vậy các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Đặt nó nơi lòng ngươi
Đây là thành ngữ. AT: “hãy nhớ nó”
ở nơi trời cao và nơi đất thấp
Hai cụm từ “ở trời” và “dưới đất” cho thấy hai thái cực và có nghĩa “mọi nơi.” AT: “khắp mọi nơi”
Kéo dài những ngài của ngươi
Những ngày dài là cách ẩn dụ cho cuộc sống thọ. AT: “có khả năng sống thời gian dài.” Dịch những từ này theo cách của bạn trong [DEU 4:26]
Deuteronomy 4:41
Thông tin Tổng quát:
Cách phát ngôn của Môi-se, bắt đầu trong DEU 1:6, đã kết thúc. Và người viết đang tường thuật cho đến hết trong DEU 1:5.
Bết-se…Ra-mốt…Gô-lan
Đây là tên của những thành phố.
Deuteronomy 4:44
Này là luật
Việc này nói đến luật mà Môi-se sẽ ban ra trong chương kế tiếp.
Bết Phê-ô
Đây là tên của thành phố ở Mô-áp gần núi Pít-ga. Xem bản dịch trong [DEU 3:29]
Si-hôn…A-mô-rít…Hết-bôn
"Vua Si-hôn…người A-mô-rít…thành phố Hết-bôn.” Dịch những từ này theo cách trong DEU 1:4.
Deuteronomy 4:47
Xứ của người
Xứ sở của vua Si-hôn
Vua Óc của Ba-san
Dịch theo cách trong DEU 1:4.
Bên kia Giô-đanh về hướng đông…phía đông của phía Giô-đanh
Điều này nói đến vùng đất bên kia sông, phía đông của Y-sơ-ra-ên. Môi-se hướng về phía đông Giô-đanh khi ông nói điều này. AT: “ở bên sông Giô-đanh về phía đông…phía đông bên sông Giô-đanh"
A-rô-e
Đây là tên của thành phố. Dịch theo như trong DEU 2:36.
Khe của Ạt-nôn
Đây là tên của một địa điểm. Dịch theo như trong DEU 2:24.
Núi Si-ri-ôn…Núi Hẹt-môn
Đây là tên của những ngọn núi. Dịch theo như trong DEU 3:8-9.
Biển A-ra-bát…Núi Pít-ga
Dịch những từ này theo cách DEU 3:17.

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Deuteronomy 4:1
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì để họ có thể sống mà vào nhận xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ?
Họ phải lắng nghe và vâng giữ những luật pháp mà Môi-se sẽ dạy dỗ họ để họ có thể đánh chiếm xứ đó.
Deuteronomy 4:2
Dân sự không được làm gì?
Họ không được thêm hay bớt điều gì Môi-se đã truyền cho, mà phải giữ các điều răn của Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 4:4
Đức Giê-hô-va đã tiêu diệt những người nào?
Đức Giê-hô-va đã tiêu diệt những kẻ theo Baal Peor.
Deuteronomy 4:6
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải giữ các luật pháp mà Môi-se đã truyền cho họ?
Họ phải giữ và làm theo để họ sẽ có được sự khôn ngoan và hiểu biết trước mặt các dân khác.
Deuteronomy 4:9
Tại sao dân sự phải chú ý thận trọng và canh giữ cẩn mật linh hồn mình?
Họ phải chú ý thận trọng và canh giữ cẩn mật linh hồn mình để họ không quên những điều mình đã thấy, nhưng giữ những điều đó trong lòng mình và dạy cho con và cháu họ biết những điều đó.
Deuteronomy 4:10
Tại sao dân sự phải chú ý và canh giữ linh hồn mình?
Họ phải chú ý và canh giữ linh hôn mình để họ không quên những điều chính mắt mình đã thấy, nhưng giữ những điều đó trong lòng và dạy cho con cháu mình biết những điều đó.
Deuteronomy 4:11
Từ giữa đám lửa trên núi, dân sự đã nghe thấy điều gì?
Họ nghe thấy tiếng của Đức Giê-hô-va từ giữa đám lửa, nhưng không thấy một hình dạng nào cả.
Deuteronomy 4:12
Từ giữa đám lửa trên núi, dân sự đã nghe thấy điều gì?
Họ nghe thấy tiếng của Đức Giê-hô-va từ giữa đám lửa, nhưng không thấy một hình dạng nào cả.
Deuteronomy 4:15
Dân sự được dặn không được làm gì?
Họ được dặn không được hủy hoại mình khi tạc tượng mang hình ảnh của bất cứ hình dạng nào, kể cả hình người nam, người nữ, hoặc hình chim, những loài bò sát và hình cá.
Deuteronomy 4:18
Dân sự được truyền dặn không được làm gì?
Dân sự được truyền dặn không được làm bại hoại mình khi làm những tượng chạm theo bất cứ hình ảnh nào như người nam hay người nữ, chim chóc, các côn trùng bò trên mặt đất và cá.
Deuteronomy 4:19
Tại sao Môi-se bảo dân sự phải cẩn thận về mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao?
Ngài bảo họ rằng họ phải cẩn thận để không bị lôi kéo đi thờ phượng các tầng trời, mặt trời, mặt trăng hoặc các ngôi sao.
Deuteronomy 4:20
Tại sao Đức Giê-hô-va lại đem dân sự ra khỏi lò luyện sắt, Ai Cập?
Ngài đã đem họ ra khỏi Ai Cập để trở thành một dân riêng của Ngài, sản nghiệp của Ngài.
Deuteronomy 4:21
Đức Giê-hô-va đã làm gì với Môi-se bởi vì Ngài nổi giận với Môi-se?
Ngài sẽ không cho Môi-se vào trong xứ tốt đẹp qua sông Giô-đanh, nhưng Môi-se sẽ chết ở bên ngoài xứ đó.
Deuteronomy 4:22
Đức Giê-hô-va đã làm gì với Môi-se vì Ngài nổi giận với ông?
Ngài sẽ không cho Môi-se vào trong xứ tốt lành bên kia sông Giô-đanh, nhưng Môi-se sẽ qua đời ở bên ngoài xứ đó.
Deuteronomy 4:24
Tại sao Đức Giê-hô-va cấm Y-sơ-ra-ên làm tượng chạm?
Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ là một đám lửa thiêu đốt và là Đức Chúa Trời kỵ tà.
Deuteronomy 4:26
Nếu dân sự làm hủy hoại mình và làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va thì chuyện gì sẽ xảy ra?
Họ sẽ bị tận diệt khỏi xứ Giô-đan.
Deuteronomy 4:27
Môi-se nói Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân sự?
Đức Giê-hô-va sẽ phân tán dân sự và họ chỉ còn một số ít giữa các dân tộc, tại đó họ sẽ thờ phượng các thần bằng gỗ và bằng đá.
Deuteronomy 4:28
Môi-se nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân sư?
Đức Giê-hô-va sẽ làm tản lạc dân sự và họ sẽ chỉ một số ít còn lại trong các nước khác mà tại đó họ sẽ thờ cúng các thần bằng gỗ và bằng đá.
Deuteronomy 4:29
Khi nào thì dân sự sẽ tìm được Đức Giê-hô-va?
Họ sẽ tìm được Ngài khi họ hết lòng, hết linh hồn tìm kiếm Ngài.
Deuteronomy 4:30
Điều gì sẽ khiến dân sự trở lại cùng Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ và lắng nghe tiếng của Ngài?
Khi họ ở trong sự hoạn nạn, và khi tất cả những điều nầy xảy đến trên họ thì họ sẽ trở lại cùng Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 4:34
Đức Chúa Trời đã làm gì cho dân sự khi họ ở tại Ai Cập?
Đức Chúa Trời chọn cho mình một dân tộc từ giữa một dân tộc khác bằng những thử thách, bằng dấu lạ phép mầu, bằng chiến tranh, bằng cánh tay uy quyền, bằng những việc làm rất quyền phép và những nỗi khiếp sợ.
Deuteronomy 4:35
Đức Giê-hô-va đã khiến việc gì xảy đến cho dân sự để họ nhận biết Ngài là Đức Chúa Trời?
Ngài khiến họ nghe tiếng Ngài giữa các tầng trời, và trên đất Ngài cho họ thấy ngọn lửa rất lớn của Ngài.
Deuteronomy 4:36
Đức Giê-hô-va đã khiến việc gì xảy ra cho dân sự để họ biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời?
Ngài cho anh em nghe tiếng Ngài phát ra từ trời và trên đất Ngài cho họ thấy đám lửa lớn của Ngài.
Deuteronomy 4:37
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên bởi vì Ngài thương tổ phụ của họ?
Ngài đã chọn dòng dõi họ, Ngài đã đích thân hiện diện và dùng quyền năng lớn lao của Ngài đem họ ra khỏi Ai Cập.
Ngài đã đuổi các dân tộc lớn mạnh hơn họ đi và ban cho dân sự xứ sở của những người đó.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Deuteronomy 4:38
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên bởi vì Ngài yêu mến tổ phụ của họ?
Ngài chọn con cháu của họ và đã đích thân Ngài dùng quyền năng của Ngài mà đem họ ra khỏi Ai Cập. Ngài đã ban cho họ xứ đó sau khi đã đánh đuổi các dân tộc lớn mạnh hơn dân sự ra khỏi đó.
Deuteronomy 4:41
Nếu một người ngộ sát kẻ khác thì có thể chạy đến đâu?
Người đó có thể chạy đến một trong ba thành ẩn náu mà Môi-se đã chọn ở phía đông Sông Giô-đanh.
Deuteronomy 4:42
Nếu một người vô tình giết chết một người khác, thì người đó có thể chạy trốn đến đâu?
Người đó có thể chạy trốn đến một trong ba thành ẩn náu mà Môi-se đã chọn ở phía đông sông Giô-đanh.
Deuteronomy 4:44
Môi-se đã đặt trước mặt dân Y-sơ-ra-ên những gì?
Ông đã đặt những luật pháp; những luật lệ và luật pháp trong giao ước mà ông đã nói với họ khi họ đi ra khỏi xứ Ai Cập.
Deuteronomy 4:45
Môi-se đã đặt những gì trước dân Y-sơ-ra-ên?
Môi-se đã đặt luật pháp, những quy tắc về giao ước, luật định và các luật lệ khác mà ông đã truyền cho họ khi ra khỏi Ai Cập.
Deuteronomy 4:48
Hai vua Mô-rít đã mở rộng bờ cõi xứ mình đến đâu?
Lãnh thổ nầy kéo dài từ A-rô-ê, tức bên bờ thung lũng Ạt-nôn chạy dài đến Núi Si-ri-ôn (tức Núi Hẹt-môn) và gồm cả vùng cao nguyên A-ra-ba bên kia sông Giô-đanh, về phía đông, cho đến Biển Chết, dưới chân núi Phích-ga.
Deuteronomy 4:49
Xứ sở của hai vua A-mô-rít kéo dài đến đâu?
Lãnh thổ của họ kéo dài từ A-rô-e, trên bờ sông Ạt-nôn cho đến núi Si-ôn (hoặc núi Hẹt-môn) và gồm cả đồng bằng thuộc thung lũng sông Giô-đanh, cho đến biển A-ra-ba, đến chân núi Phích-ga.

Chapter 5
Deuteronomy 5:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Gọi cả Y-sơ-ra-ên
Môi-se muốn mỗi người trong Y-sơ-ra-ên lắng nghe và vâng theo những lời của ông, nhưng tiếng của ông không đủ lớn để mọi người có thể nghe thấy ông.
Ta sẽ truyền nơi tai các ngươi hôm nay
Ở đây "tai" nói đến toàn bộ con người. Cách ẩn dụ này nhấn mạnh những người biết những gì Môi-se đã nói với họ, vì vậy họ không thể phạm tội và sau đó nói rằng họ không biết họ đang phạm tội.
Đức Giê-hô-va không lập giao ước này với tổ phụ chúng ta
Có thể mang những nghĩa 1) Đức Giê-hô-va đã không chỉ những lập giao ước với những người Hô-rếp, mà còn lập giao ước cho thế hệ sau này của dân Y-sơ-ra-ên 2) Đức Giê-hô-va không lập giao ước này với tổ phụ xa của họ như là Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp' thay vì, giao ước này bắt đầu cho với dân Y-sơ-ra-ên ở Hô-rếp.
Deuteronomy 5:4
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Trên núi
"trên núi"
Lúc đó
Môi-se đang nói đến về sự kiện xảy ra 40 năm trước đó.
Khỏi nhà của nô lệ
Ở đây cách ẩn dụ "nhà của nô lệ" nói đến Ai Cập nơi mà dân Y-sơ-ra-ên từng là nô lệ. AT: "ra khỏi nơi mà các ngươi là nô lệ"
Deuteronomy 5:7
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở mọi người những gì Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ. Cụm từ "ngươi sẽ" hoặc "ngươi sẽ không" là những mệnh. Ông nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.
Ngươi sẽ không có thần nào khác trước mặt ta
"Ngươi không được thờ phượng thần nào khác ngoài ta"
Là những thứ dưới đất, hoặc những thứ bên dưới nước
Có thể nói rõ hơn, AT: "là những thứ dưới đất nơi chân ngươi, hoặc những thứ trong nước bên dưới đất "
Deuteronomy 5:9
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp "ngươi" và "các ngươi" ở số ít.
Ngươi không được quì lạy chúng hoặc hầu việc chúng
"Ngươi sẽ không thờ phượng bằng việc tạc tượng hoặc làm theo mệnh lệnh của chúng"
Ngươi sẽ không
"không bao giờ"
Ta...là Chúa kỵ tà
"ta...muốn ngươi chỉ thờ phượng mình ta"
Đến một ngàn, cho những kẻ yêu mến ta
Một vài dịch giả cho là "đến một ngàn đời cho những kẻ yêu mến ta." Từ "một ngàn" là cách ẩn dụ hoặc cường điệu cho con số quá nhiều không thể đếm. AT: "đến một ngàn người, đến những kẻ yêu mến ta"
Deuteronomy 5:11
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy tất cả trường hợp của "ngươi" và "của ngươi" ở số ít.
Ngươi sẽ không lấy tên của Đức Giê-hô-va
"Ngươi sẽ không sử dụng tên của Đức Giê-hô-va"
Ngươi sẽ không
Dịch theo trong cách DEU 5:09.
Trong sự bất kính
"thiếu thận trọng" hoặc "không tôn trọng tên riêng" hoặc "vì mục đích sai trái"
Đức Giê-hô-va sẽ không giữ kẻ nào vô tội
Có thể ở dạng bị động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ không qua tâm đến kẻ nào phạm tôi" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ phạt người đó"
Deuteronomy 5:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người, vậy các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Giữ nên thánh
"dành riêng cho Đức Chúa Trời"
Làm hết các việc của ngươi
"làm hết công việc thông thường của ngươi"
Ngày thứ bảy
"ngày thứ bảy." Ở đây “thứ bảy” là số thứ tự của bảy.
Vào ngày đó ngươi sẽ không làm
"vào ngày đó đừng làm"
Ở trong cửa thành của ngươi
Ở đây “cửa” nhắc đến chính thành phố đó. AT: “bên trong cộng đồng của ngươi” hoặc “bên trong thành phố của ngươi” hoặc “đang sống với ngươi”
Deuteronomy 5:15
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp của “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Ngươi sẽ nhớ lại
Đây là thành ngữ. AT: "ngươi phải nhớ"
Bởi bàn tay năng quyền và bởi sự dang tay
Ở đây “bàn tay năng quyền” và “sự dang tay” là cách ẩn dụ cho sự quyền năng của Đức Chúa Trời. Dịch theo như trong [DEU 4:34]
Deuteronomy 5:16
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Deuteronomy 5:17
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Ngươi sẽ không
Dịch theo như trong DEU 5:09.
Ngươi không được phạm tội tà dâm
"Ngươi không được ngủ với một ai khác ngoài vợ chồng ngươi"
Ngươi không được làm chứng dối chống lại kẻ lân cận mình
"Ngươi không được nói dối với người khác"
Deuteronomy 5:21
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Ngươi sẽ không
Dịch theo như trong DEU 5:09.
Deuteronomy 5:22
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì Đức Giê-hô-va phán.
Deuteronomy 5:23
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.
Nghe tiếng
Từ “tiếng” là cách ẩn dụ cho giọng nói của một người đang nói. AT: "nghe giọng nói" hoặc "nghe Đức Giê-hô-va đang phán"
Deuteronomy 5:25
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở người Y-sơ-ra-ên những gì họ đã nói với Môi-se.
Nhưng tại sao chúng tôi phải chết?
Họ sợ hãi rằng họ sẽ phải chết nếu Đức Giê-hô-va phán với họ. Câu hỏi này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Chúng tôi sợ rằng chúng tôi sẽ chết."
Ngoài chúng tôi ở đây...phải chết?
Câu hỏi này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Không có ai khác ngoài chúng tôi...phải chết."
Mọi xác thịt
Đây là cách hoán dụ cho “hết thảy mọi người” hoặc “hết thảy người đang sống."
Deuteronomy 5:28
Khi với ông nói với tôi
Ở đây “tôi” nói đến Môi-se.
Ồ, điều đó có
Nếu ngôn ngữ của bạn có thành ngữ để diễn đạt khát vọng mãnh liệt cho điều gì, bạn có thể sử dụng nó ở đây. AT: “Ta đã rất vui sướng nếu nó là "
Deuteronomy 5:31
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se.
Ngươi sẽ dạy chúng
"ngươi sẽ dạy dân Y-sơ-ra-ên"
Deuteronomy 5:32
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói dân sự Y-sơ-ra-ên.
Ngươi sẽ giữ
Môi-se đang ban bố mạng lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên.
Ngươi sẽ không quay sang phải hoặc sang trái
Điều này so sánh một người không vâng lời Chúa là một người thay đổi hướng đi đúng. AT: “ngươi sẽ không vâng lời người trong con đường nào” hoặc “ngươi sẽ không làm mọi điều Ngài phán”
Kéo dài những ngày của ngươi
Những ngày dài là cách ẩn dụ cho đời sống thọ. Dịch theo như trong DEU 4:40. AT: "có khả năng sống lâu"

Translation Questions

Deuteronomy 5:2
Đức Giê-hô-va lập giao ước với ai tại núi Hô-rếp?
Đức Giê-hô-va đã lập giao ước với Y-sơ-ra-ên tại núi Hô-rếp, không phải với tổ phụ của họ, nhưng với những người hiện còn đang sống.
Deuteronomy 5:3
Đức Giê-hô-va đã lập giao ước với ai tại núi Hô-rếp?
Đức Giê-hô-va đã lập giao ước với dân Y-sơ-ra-ên tại núi Hô-rếp, không phải với tổ phụ của họ, nhưng với những người đang sống.
Deuteronomy 5:4
Tại sao Môi-se đứng giữa Đức Giê-hô-va và dân sự khi Đức Giê-hô-va bày tỏ lời của Ngài cho họ?
Bởi vì dân sự sợ ngọn lửa mà Đức Đức Chúa Trời đang phán ra từ đó.
Deuteronomy 5:5
Tại sao Môi-se lại đứng giữa Đức Giê-hô-va và dân sự khi Đức Giê-hô-va bày tỏ lời của Ngài cho họ?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bởi vì dân sự sợ lửa mà Đức Giê-hô-va từ đó phán truyền ra với họ.
Deuteronomy 5:6
Đức Giê-hô-va đã phán với dân Y-sơ-ra-ên rằng Ngài là ai?
Ngài phán rằng: "Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, Đấng đã đem con ra khỏi đất Ai Cập là nhà nô lệ."
Deuteronomy 5:8
Đức Chúa Trời truyền cho dân Y-sơ-ra-ên không được làm gì, cũng không được quỳ lạy hay thờ phượng điều gì?
Họ không được làm tượng chạm hoặc thứ gì giống như những vật trở trên trời, dưới dất hoặc nơi nước sâu.
Deuteronomy 5:9
Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt sự gian ác của tổ phụ họ ra sao khi họ cúi lạy hoặc thờ thần tượng?
Đức Giê-hô-va sẽ phạt sự gian ác của tổ phụ họ bằng cách giáng hình phạt trên đời con cháu họ.
Deuteronomy 5:10
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho những kẻ yêu mến Ngài và giữ các mạng lệnh của Ngài?
Ngài sẽ tỏ cho họ sự thành tín về giao ước Ngài.
Deuteronomy 5:11
Đức Giê-hô-va sẽ không dung tha tội lỗi của những kẻ nào?
Ngài sẽ không dung tha tội lỗi của những kẻ lạm dụng danh Ngài.
Deuteronomy 5:12
Đức Giê-hô-va phán bảo gì về ngày thứ bảy?
Ngày thứ bảy là ngày sa-bát cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ, vậy nên họ phải giữ ngày ấy nên thánh và không được làm bất cứ công việc gì.
Deuteronomy 5:14
Đức Giê-hô-va phán gì về ngày thứ bảy?
Ngày thứ bảy là ngày sa-bát dành cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của dân sư, nên họ phải giữ ngày đó là ngày thánh và không được làm bất cứ công việc gì.
Deuteronomy 5:15
Tại sao Đức Giê-hô-va ra lệnh cho họ phải giữ ngày sa-bát?
Ngài muốn họ nhớ rằng họ từng làm nô lệ trong xứ Ai Cập, và Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã dùng cánh tay đầy quyền năng của Ngài mà đem họ ra khỏi đó.
Deuteronomy 5:16
Nếu dân sự hiếu kính cha mẹ mình thì Đức Giê-hô-va phán chuyện gì sẽ xảy đến cho họ?
Họ sẽ được sống lâu và hưởng phước trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã ban cho họ.
Deuteronomy 5:17
Dân sự được lệnh không được làm gì?
Họ không được giết người, phạm tội tà dâm, trộm cắp, hoặc làm chứng dối hại người lân cận mình.
Deuteronomy 5:20
Dân sự được truyền dặn không được làm gì?
Họ không được giết người, phạm tội tà dâm, trộm cướp hay làm chứng dối vu cáo người lân cận mình.
Deuteronomy 5:22
Đức Giê-hô-va đã viết những lời của Ngài ở đâu?
Ngài đã viết những lời đó xuống trên các bảng đá và rồi ban chúng cho Môi-se.
Deuteronomy 5:25
Dân sự cho rằng chuyện gì sẽ xảy ra cho họ nếu như họ cứ tiếp tục nghe tiếng của Đức Giê-hô-va?
Dân sự sẽ bị đám lửa nầy thiêu nuốt và sẽ chết mất.
Deuteronomy 5:27
Dân sự khẳng định họ sẽ làm gì khi Môi-se lặp lại những lời của Đức Giê-hô-va cho họ nghe?
Họ khẳng định họ sẽ nghe và vâng giữ các lời của Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 5:28
Đức Giê-hô-va đã phán gì về phản ứng của dân sự?
Ngài phán rằng Ngài đã nghe những lời dân sự nói và những điều đó là đúng.
Deuteronomy 5:33
Môi-se khẳng định chuyện gì sẽ xảy ra cho dân sự nếu họ vâng giữ mọi luật lệ và mạng lệnh của Đức Giê-hô-va mà Môi-se đã truyền cho họ?
Nếu họ giữ những mạng lệnh đó thì họ sẽ sống, hưởng phước hạnh và được trường thọ trong xứ mà họ sẽ nhận làm sản nghiệp.

Chapter 6
Deuteronomy 6:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang phát ngôn với dân Y-sơ-ra-ên, Ngài bắt đầu trong [DEU 5:1]
Phải giữ...để giữ
"phải vâng lời...để vâng lời"
Vượt qua sông Giô-đanh
"đi qua hướng khác của sông Giô-đanh"
Để những ngày của ngươi được dài thêm
Những ngày dài là cách ẩn dụ nói về sự sống lâu. Có thể ở dạng chủ động. Điều này có thể dịch tương tự “kéo dài những ngày của ngươi” trong [DEU 4:26] and (
Deuteronomy 6:3
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể dân Y-sơ-ra-ên là một người.
Lắng nghe lời họ
Ở đây “lắng nghe” nghĩa là vâng lời, và “họ” nói đến các lời răn dạy của Đức Giê-hô-va. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “lắng nghe lời răn dạy của Đức Giê-hô-va, luật, và các chiếu chỉ "
Giữ chúng
"vâng lời chúng"
Vùng đất đượm sữa và mật ong
Đây là thành ngữ. AT: “vùng đất dồi dào sữa và mật ong chảy” hoặc “vùng đất rất tốt cho việc chăn nuôi và trồng trọt "
Deuteronomy 6:4
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể dân Y-sơ-ra-ên là một người.
Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi là duy nhất
"Chúa Đức Giê-hô-va chúng tôi là duy nhất và chỉ mình Ngài "
Hết cả lòng ngươi, hết cả tâm hồn ngươi, và hết sức lực của ngươi
Những cụm từ này gộp lại nhấn mạnh rằng một người cần có tình yêu trọn vẹn của Chúa và hoàn toàn dành riêng cho Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Deuteronomy 6:6

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Ta đang ban lệnh cho ngươi

Môi-se đang nói các điều răn dạy của Chúa cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Sẽ ở nơi lòng ngươi

Đây là thành ngữ. AT: “ngươi phải luôn ghi nhớ”

Ngươi sẽ sốt sắng giảng dạy…ngươi sẽ nói

"ta ban lệnh cho ngươi sốt sắng giảng dạy…ta ban lệnh ngươi để nói.” Người đọc nên hiểu chúng như những mệnh lệnh.

Deuteronomy 6:8

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói cho dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Cột chúng

Điều này ẩn dụ cho “viết những từ này nơi giấy, để giấy trong túi, và cột túi lại.” Cách ẩn dụ này có thể là cách ẩn dụ cho “vâng theo những lời này như thể nó thuộc nơi đó.” AT: “cột những từ đó”

Như là dấu trên tay ngươi

"như một thứ khiến ngươi nhớ luật của ta"

Chúng sẽ dùng như miếng vải buộc ngang trán

Đây là cách ẩn dụ cho “viết những lời đó vào miếng giấy, đặt miếng giấy vào túi nhỏ, và cột túi đó lên đầu.” Cách ẩn dụ này có thể là cách ẩn dụ cho “vâng theo những lời đó như thể chúng thuộc nơi đó." AT: "những lời của ta sẽ dùng như miếng vải buộc ngang trán"

Miếng vải buộc trán

Trang trí cho người mang nó trên trán

Ngươi sẽ viết

Đây là mạng lệnh.

Deuteronomy 6:10

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Rộng lớn và các thành tốt mà ngươi không thể xây

Hết thảy các thành phố sẽ thuộc về dân Y-sơ-ra-ên khi họ chinh phục người ở Ca-na-an.

Ra khỏi nhà nô lệ

Ở đây cách ẩn dụ “nhà nô lệ” nói đến Ai Cập, nơi mà dân Y-sơ-ra-ên đã làm nô lệ. AT: “ra khỏi nơi mà ngươi là nô lệ”

Deuteronomy 6:13

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Ngươi sẽ kính sợ Đức Giê-hô-va Chúa ngươi, ngươi sẽ thờ phượng, và ngươi sẽ thề bởi danh Ngài

“Đó là Đức Giê-hô-va Chúa của ngươi và không ngoài ai khác ngươi sẽ kính sợ; chỉ có mình Ngài là Đấng ngươi sẽ thờ phượng, và bởi danh Ngài mà ngươi sẽ thề." Ngôn ngữ của bạn có thể có cách dịch khác để nhấn mạnh Đức Giê-hô-va đang nói với người Y-sơ-ra-ên không thờ phượng hoặc không hầu việc thần khác.

Ngươi sẽ thề bởi danh Ngài

Thề bởi danh của Đức Giê-hô-va có nghĩa là lấy Đức Giê-hô-va làm nền tảng hoặc sức mạnh trên mà lời thề được lập nên. Cách ẩn dụ “danh Ngài” nói đến chính Đức Giê-hô-va. AT: “ngươi sẽ thề và thỉnh cầu Đức Giê-hô-va xác nhận nó” hoặc “khi ngươi thề ngươi sẽ nói nói danh Ngài"

ở giữa các ngươi

"những ai sống giữa các ngươi"

Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ đốt cháy ngươi

Môi-se so sánh cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va với một ai khởi đầu như lửa hủy diệt mọi thứ. Điều này có thể ở dạng chủ động. Cơn thịnh nộ đốt cháy là cách ẩn dụ cho việc trở nên rất giận dữ. AT: “Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ nổi cơn thịnh nộ” hoặc “Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ rất giận dữ”

Hủy diệt ngươi khỏi

"hủy diệt ngươi để ngươi không còn nơi để ở"

Deuteronomy 6:16

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Ngươi đừng thử Đức Giê-hô-va

Ở đây “thử” nghĩa là thử thách Đức Giê-hô-va và ép Ngài chứng tỏ chính Ngài.

Ma-sa

Đây là tên của địa danh ở sa mạc. Người dịch có thể thêm gạch chân để nói: “Tên ‘Ma-sa’ có nghĩa là ‘thử thách.’

Deuteronomy 6:18

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể dân Y-sơ-ra-ên là một người.

Ngươi sẽ làm những gì phải lẽ và thiện trước mặt Đức Giê-hô-va

Thành ngữ này là một mệnh lệnh và là một phước lành. Nếu dân Y-sơ-ra-ên vâng lời Đức Giê-hô-va, họ sẽ nhận phước lành từ Đức Giê-hô-va. AT: “Làm những gì Đức Giê-hô-va nói là lẽ phải và thiện "

Deuteronomy 6:20

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang phán với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Đó là những giao ước chiếu chỉ…truyền cho cha

Câu hỏi này là cách ẩn dụ. AT: “Làm những gì giao ước chiếu chỉ…mạng lệnh dành cho cha” hoặc “Tại sao cha vâng theo nhựng giao ước chiếu chỉ…mệnh lệnh cho cha "

Con trai ngươi

Điều này nói đến con cái của những người trưởng thành mà Môi-se đang nói những lời của Đức Giê-hô-va.

Bởi bàn tay năng quyền

Ở đây “bàn tay năng quyền” nói đến quyền năng của Đức Giê-hô-va. Xem bản dịch ở trong [DEU 4:34]

Và cả nhà người

Ở đây cách hoán dụ “nhà của người” nói đến dân của Đức Giê-hô-va. AT: “và cả dân của người”

Trước mắt ngươi

Ở đây từ “mắt” nói đến toàn bộ con người. AT: “nơi chúng tôi có thể thấy chúng"

Đã đem chúng tôi vào

Nghĩa đầy đủ của câu mệnh lệnh này có thể nói rõ. AT: “đã đem chúng tôi vào trong Ca-na-an "

Deuteronomy 6:24

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người. Ông nói với họ những gì

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

họ nên nói với con cái của họ về lời răn dạy của Đức Giê-hô-va.

Trước mặt Đức Giê-hô-va

"trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va" hoặc "nơi Đức Giê-hô-va có thể thấy chúng tôi"

Giữ

"vâng lời"

Chúng tôi được xưng công bình

Đây là cách ẩn dụ. AT: “Ngài sẽ xưng công bình của chúng tôi "

Translation Questions

Deuteronomy 6:2

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu dân Y-sơ-ra-ên và con cháu họ giữ mọi luật lệ và mạng lệnh của Đức Giê-hô-va trong trọn đời mình?

Nếu họ giữ mọi luật lệ và mạng lệnh của Ngài thì họ sẽ được sống lâu.

Deuteronomy 6:3

Môi-se đã mô tả xứ mà dân sự sẽ vào ra sao?

Ông nói rằng ấy là xứ đượm sữa và mật.

Deuteronomy 6:5

Dân Y-sơ-ra-ên phải lấy gì để yêu mến Đức Giê-hô-va?

Họ phải hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực mà kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời.

Deuteronomy 6:6

Khi nào thì dân sự nên ân cần dạy dỗ các mạng lệnh trong lòng mình cho con cháu họ?

Họ phải dạy các mạng lệnh đó cho con cháu họ khi họ ngồi trong nhà cũng như lúc ra ngoài đường, khi họ đi ngủ cũng như lúc thức dậy.

Deuteronomy 6:7

Khi nào thì dân sự nên ân cần dạy dỗ các điều răn của Đức Giê-hô-va ở trong lòng họ cho con cháu của họ?

Dân sự phải dạy dỗ các điều răn của Đức Giê-hô-va cho con cháu mình khi họ ngồi trong nhà, lúc đi ngoài đường khi họ nằm ngủ và khi họ thức dậy.

Deuteronomy 6:10

Dân Y-sơ-ra-ên không được quên Đức Giê-hô-va những lúc nào?

Họ không được quên Đức Giê-hô-va khi họ ăn uống và được thỏa mãn trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề với tổ phụ của họ.

Deuteronomy 6:12

Dân Y-sơ-ra-ên không được quên Đức Giê-hô-va những khi nào?

Họ không được quên Đức Giê-hô-va khi họ ăn và được no nê thỏa mãn trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề sẽ ban cho tổ phụ của họ.

Deuteronomy 6:15

Chuyện gì sẽ xảy ra cho dân Y-sơ-ra-ên nếu như họ thờ phượng các thần khác và chọc giận Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời kỵ tà?

Nếu cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên ngịch cùng họ thì Ngài sẽ tiêu diệt họ khỏi mặt đất.

Deuteronomy 6:16

Họ không được lặp lại những việc làm nào mà họ đã phạm tại Ma-sa?

Họ đã thử Đức Giê-hô-va tại Ma-sa.

Deuteronomy 6:20

Dân sự phải phản ứng ra sao khi con cái của họ hỏi về các quy tắc, luật lệ bà những mệnh lệnh khác mà Đức Giê-hô-va đã truyền?

Họ phải kể cho con cái của mình biết rằng họ từng là nô lệ của Pha-ra-ôn nhưng Đức Giê-hô-va đã đem họ ra khỏi Ai Cập và ban cho họ xứ mà Ngài đã thề cùng tổ phụ của họ.

Deuteronomy 6:23

Dân sự phải phản ứng ra sao khi con cái họ hỏi về những quy tắc, luật lệ, mệnh lệnh trong giao ước mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho họ?

Họ phải kể cho con cái mình rằng ngày xưa họ là nô lệ của Pha-ra-ôn nhưng Đức Giê-hô-va đã đem họ ra khỏi Ai Cập và ban cho họ xứ mà Ngài đã thề sẽ ban cho tổ phụ của họ.

Deuteronomy 6:24

Tại sao dân sự phải kính sợ Đức Giê-hô-va?

Họ phải kính sợ Ngài để họ luôn được phước và để Ngài giữ họ được sống động.

Chapter 7

Deuteronomy 7:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang phán với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Deuteronomy 7:2

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang phán với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Ban cho ngươi sự chiến thắng trên họ

Môi-se nói đến sự chiến thắng như thể nó là vật thể mà một người có thể cho người khác. AT: "cho phép ngươi đánh bại chúng"

Trên chúng

Ở đây “chúng” nói đến bảy nước từ DEU 7:1.

Deuteronomy 7:4

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Vì chúng sẽ

"Nếu ngươi cho phép con cái các ngươi cưới người từ nước ngoài, những ý định của người ngoại”

Vì cơn giận dữ của Đức Giê-hô-va sẽ nổi lên chống lại ngươi

Môi-se so sánh cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va với một người bắt đầu như ngọn lửa. Điều này nhấn mạnh quyền năng của Đức Giê-hô hủy diệt những gì kiến Ngài giận dữ. Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ nổi cơn thịnh nộ của Ngài chống lại ngươi” hoặc “Rồi Đức Giê-hô-va sẽ trở nên rất giận dữ với ngươi "

Chống lại ngươi

Từ “ngươi” nói đến toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên và ở số nhiều.

Ngươi sẽ đối đãi...ngươi sẽ phá...đập...hạ...đốt

Môi-se đang nói với toàn dân Y-sơ-ra-ên ở đây, vì vậy những từ này ở số nhiều.

Deuteronomy 7:6

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Ngươi là dân tộc được biệt riêng ra

Đức Giê-hô-va chọn dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Ngài trong cách đặc biệt được kể như Đức Giê-hô-va biệt riêng họ khỏi dân tộc khác.

Là những thứ trên mặt đất

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là thành ngữ. AT: "những vật sống trên đất"
Deuteronomy 7:7
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đứ Giê-hô-va. Tất cả trường hợp “ngươi” và “của ngươi” ở số nhiều.
Không phải vì đặt tình yêu Ngài lên ngươi
"không yêu ngươi"
Bằng bàn tay quyền năng
Ở đây “bàn tay quyền năng” nói đến sức mạnh của Đức Giê-hô-va. AT: “bằng bàn tay năng quyền của Ngài.” Những từ này cũng xuất hiện trong [DEU 4:34]
Chuộc ngươi khỏi nhà nô lệ
Môi-se nói đến Đức Giê-hô-va cứu chuộc dân Y-sơ-ra-ên khỏi cuộc sống nô lệ như thể Đức Giê-hô-va trả tiền để sở hữu nô lệ. AT: "giải cứu ngươi khỏi cuộc sống nô lệ"
Nhà của nô lệ
Ở đây cách hoán dụ “nhà của nô lệ” nói đến Ai Cập, nơi mà dân Y-sơ-ra-ên đã là nô lệ. AT: “ra khỏi nơi ngươi là nô lệ." Dịch những từ này như trong DEU 6:12.
Bàn tay của Pha-ra-ôn
Ở đây “bàn tay” nghĩa là “Sự kiểm soát.” AT: “sự kiểm soát của Pha-ra-ôn”
Deuteronomy 7:9
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.
Cho đến ngàn đời
"đến 1,000 đời"
Báo ứng những kẻ ghét Ngài
Thành ngữ này có nghĩa “báo ứng chúng ngay lập tức và công khai để chúng biết Chúa đã trừng phạt chúng."
Ngài sẽ không khoan dung trên bất cứ ai ghét Ngài
"Đức Giê-hô-va sẽ nghiêm khắc trừng phạt những ai ghét Ngài"
Deuteronomy 7:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va. Ông nói như thể dân Y-sơ-ra-ên một người trong câu 12 và hết thảy mọi người trong nhóm ở câu 13.
Và gia tăng ngươi
"và thêm số lượng dân ngươi lên"
Bông trái của thân thể ngươi
Đây là thành ngữ cho “con cái ngươi."
Bông trái của ngươi trên đất
Đây là thành ngữ “mùa màng của ngươi."
Tăng thêm gia súc của ngươi
"gia súc của ngươi sẽ thêm nhiều lên"
Deuteronomy 7:14
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.
Ngươi sẽ được phước hơn mọi dân khác
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ta sẽ ban phước cho người nhiều hơn ta ban cho những người khác "
Không có ai son sẻ, nam hoặc nữ không có con giữa các ngươi và gia súc của ngươi
Mô-se sử dụng câu mệnh lệnh phủ định để nhấn mạnh rằng tất cả họ đều có khả năng để có con, Điều này có thể ở dạng bị động. AT: “Hết thảy các người sẽ có khả năng có con và gia súc của ngươi cũng sẽ sinh sản "
Giữa các ngươi...gia súc của ngươi
Từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số nhiều.
Cất lấy khỏi ngươi những bệnh tật
"chắc chắn rằng ngươi sẽ không bệnh" hoặc "giữ ngươi hoàn toàn khỏe mạnh"
Không có bệnh tật xấu xa...ý định Ngài đặt trên ngươi, nhưng Ngài sẽ đặt chúng cho những ai ghét ngươi
Môi-se nói như thể bệnh tật là một vật nặng mà Đức Giê-hô-va sẽ đặt bên trên mọi người. AT: “Ngài sẽ không làm ngươi bệnh bởi bất cứ bệnh tật xấu xa...nhưng Ngài sẽ làm chúng với kẻ thù"
Deuteronomy 7:16
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.
Ngài sẽ diệt hết các dân tộc
"Ta ra lệnh ngươi hủy diệt hoàn toàn mọi dân tộc"
Mắt của ngươi sẽ không thương hại chúng
Đây là mệnh lệnh. Môi-se nói như thể những gì mắt trông thấy là chính mắt thấy. AT: “đừng cho phép những gì mắt trông thấy khiến ngươi thương hại chúng” hoặc “đừng thương hại chúng bởi những gì ngươi thấy là đang làm hại chúng "
Ngươi sẽ không thờ phượng
"không bao giờ thờ phượng"
Chúng sẽ đánh bẫy ngươi
Nếu ngươi thờ phượng những thần khác, chúng sẽ như thú vật bị dính bẫy của thợ săn, và chúng sẽ không có khả năng thoát ra.
Deuteronomy 7:17
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.
Nếu ngươi nói trong lòng...đừng sợ hãi
Mọi người không phải sợ hãi dù cho họ nhận biết dân tộc đó mạnh hơn họ. "Mặc dù ngươi nói với lòng mình"
Nói trong lòng mình
"nghĩ"
Làm thế nào tôi đuổi chúng?
Môi-se sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng họ sẽ thấy sợ hãi dân tộc khác. Câu hỏi này có thể dịch như mệnh lệnh. AT: “Tôi không thể đánh bại chúng "
Ngươi sẽ nhớ lại
Đây là thành ngữ. AT: "ngươi phải nhớ"
Điều mắt ngươi thấy
Ở đây “mắt” nói đến những gì mọi người thấy. AT: “điều mà ngươi thấy "
Bàn tay quyền năng, và sự giơ tay
Ở đây “bàn tay năng quyền” và “sự giơ ta” là sự ẩn dụ cho sức mạnh của Đức Giê-hô-va. AT: “và quyền năng vĩ đại.” Dịch theo như trong [DEU 4:34]
Deuteronomy 7:20
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.
Vả lại
"cũng vậy"
Sai bầy ong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể mang những nghĩa 1) Chúa sai những côn trùng biết bay đến đốt họ và khiến đau nhức, hoặc là 2) Chúa sẽ khiến họ trở nên khiếp sợ và muốn bỏ chạy.

Diệt vong trước mặt ngươi

"chết đi để ngươi không nhìn thấy chúng nữa"

Ngươi sẽ không

"không bao giờ"

Chúa vĩ đại và đáng sợ hãi

"Chúa vĩ đại và khiếp sợ" hoặc "Chúa vĩ đại khiến mọi người sợ hãi"

Từng chút một

"từ từ"

Deuteronomy 7:23

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Ban cho ngươi chiến thắng trên

"cho phép ngươi để đánh bại"

Chiến thắng trên chúng

"chiến thắng trên kẻ thù và các dân tộc khác"

Ngài sẽ để chúng hoang mang

"Ngài sẽ làm chúng không thể suy nghĩ cách rõ ràng "

Cho đến khi chúng bị hủy diệt

Có thể ở dạng chủ động. AT: “cho đến khi Ngài đã hủy diệt chúng”

Ta sẽ khiến danh của chúng bị hủy diệt dưới trời

Dân Y-sơ-ra-ên hủy diệt hoàn toàn hết dân tộc của các nước khác, và trong tương lai sẽ không một ai nhớ đến chúng.

Đứng trước ngươi

"chống lại ngươi" hoặc "che chở chúng chống lại ngươi"

Deuteronomy 7:25

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Chúa Trời. Trong câu 25 Ngài nói với nhóm, vì hình thức “ngươi” ở số nhiều, nhưng ở câu 26 ông lại nói dân Y-sơ-ra-ên là một người, vì thế hình thức này ở số ít.

Ngươi sẽ đốt

Đây là mệnh lệnh.

Thần của họ

"Thần của các dân tộc khác"

Đừng thèm thuồng...mắc bẫy bởi nó

Những từ thêm vào dẫn dắt cho việc thiêu đốt các thần tượng.

Ngươi sẽ bị mắc bẫy bởi chúng

Dù lấy vàng hoặc bạc ở các thần tượng cũng có thể khiến cho mọi người bắt đầu thờ phượng chúng. Bởi việc làm này họ sẽ giống như con vật bị mắc bẫy. Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “Nó sẽ trở nên bẫy cho ngươi "

Sẽ là sự ghê tởm cho Đức Giê-hô-va Chúa ngươi

Những từ này nói lý do Đức Giê-hô-va muốn dân sự thiêu đốt những thần tượng. “làm điều này bởi vì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ghét rất nhiều"

Ngài sẽ vô cùng ghê tởm và gớm ghiếc

Từ “ghê tởm” và “gớm ghiếc” có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh mức độ mãnh liệt của sự căm ghét. AT: "Ngài sẽ hoàn toàn căm ghét"

Phải dành riêng ra để hủy diệt

Đức Giê-hô-va nguyền rủa điều này và hứa sẽ hủy diệt chúng được kể như Đức Giê-hô-va đang đặt một vật ra khỏi những thứ khác. Có thể ở dạng chủ động. AT: “vì Đức Giê-hô-va đã dành riêng ra để hủy diệt "

Translation Questions

Deuteronomy 7:2

Dân sự phải làm gì với những dân ở trong xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ làm sản nghiệp?

Họ phải tấn công và tuyệt diệt những dân ấy.

Dân Y-sơ-ra-ên không được phép làm gì với các dân của những nước đó?

Họ không được lập giao ước với chúng, cũng không được thương xót chúng, hoặc cưới gả với các con trai hay con gái của chúng.

Deuteronomy 7:3

Dân Y-sơ-ra-ên không được làm gì với các dân tộc khác?

Dân sự không được lập giao ước với họ, hay thương xót họ hay kết thông giao với các dân đó cho các con trai con gái mình.

Deuteronomy 7:5

Dân Y-sơ-ra-ên phải đối xử với dân của các nước đó ra sao?

Họ phải đập vỡ các bàn thờ, nghiền nát các trụ thờ, triệt hạ các tượng A-sê-ra, và đốt những hình chạm của chúng.

Deuteronomy 7:8

Đức Giê-hô-va đã giữ lời thề hứa của Ngài với dân được chọn của Ngài thế nào?

Đức Giê-hô-va giữ lời thề hứa của Ngài và giải cứu họ ra khỏi nhà nô lệ và khỏi tay của Pha-ra-ôn.

Deuteronomy 7:9

Chuyện gì sẽ xảy ra cho những kẻ yêu mến Đức Giê-hô-va và giữ các mạng lệnh của Ngài?

Với những kẻ yêu mến Ngài, Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ giao ước và lòng nhân từ đến ngàn đời.

Deuteronomy 7:12

Nếu như dân sự giữ các luật lệ của Đức Giê-hô-va thì họ sẽ được phước như thế nào?

Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho họ bằng cách làm cho dân số họ gia tăng thêm nhiều, cho thổ sản trên đất, lúa, rượu, dầu và súc vật của họ được thêm lên nhiều.

Deuteronomy 7:13

Nếu như dân sự giữ các luật lệ của Đức Giê-hô-va thì họ sẽ được Ngài ban phước ra sao?

Chúa sẽ ban phước cho họ bằng cách khiến cho họ thêm lên nhiều, làm cho thổ sản, ngũ cốc, rượu và dầu và súc vật của họ thêm lên nhiều.

Deuteronomy 7:17

Đức Chúa Trời sẽ làm gì với những nước mà Y-sơ-ra-ên khiếp sợ?

Đức Chúa Trời khiến những hoạn nạn lớn xảy đến trên họ và thể hiện năng quyền của Ngài như họ đã nhìn thấy tại Ai Cập.

Deuteronomy 7:19

Đức Chúa Trờisẽ làm gì với các nước mà dân Y-sơ-ra-ên khiếp sợ?

Đức Chúa Trời sẽ giáng trên họ những sự khổ nạn lớn và những dấu lạ phép mầu y như họ đã thấy tại Ai Cập.

Deuteronomy 7:20

Đức Chúa Trời đã sai ong đến giữa họ trong bao lâu?

Đức Chúa Trời đã sai ong đến trên họ cho đến chứng những

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

kẻ sống sót và chạy trốn khỏi Y-sơ-ra-ên đều bị tiêu diệt.
Deuteronomy 7:21
Dân sự không nên sợ hãi các dân ấy?
Đức Chúa Trời, là Đấng vĩ đại và đáng kính sợ đang ở giữa dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 7:22
Tại sao dân sự không nên kinh khiếp trước các dân khác?
Đức Chúa Trời, là Đấng vĩ đại và đáng kính sợ, ở giữa dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 7:23
Đức Chúa Trời sẽ ban cho dân sự chiến thắng trên các nước khác ra sao?
Đức Chúa Trời sẽ khiến các nước ấy rơi vào tình trạng hoảng loạn kinh khiếp trong trận chiến cho đến khi chúng bị tiêu diệt.
Deuteronomy 7:25
Họ sẽ phải làm gì với những thần của các nước khác?
Họ phải thiêu hủy những hình tượng tạc của các thần ấy.
Deuteronomy 7:26
Họ phải làm gì với hình tượng các thần của các dân đó?
Họ phải thiêu hủy hình tượng của các thần đó.

Chapter 8
Deuteronomy 8:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.
Ngươi phải giữ...ngươi sẽ sống và thêm nhiều lên, đi vào trong và chiếm lấy...tổ phụ ngươi
Các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” là danh từ số ít.
Bốn mươi năm
"40 năm"
Ngài sẽ hạ thấp ngươi
"Ngài sẽ để ngươi cảm thấy yếu lòng và tội lỗi thế nào"
Ngươi sẽ nhớ lại
Đây là thành ngữ. AT: "Ngươi phải nhớ"
Nhận ra
"biểu lộ" hoặc "tỏ ra"
Những gì trong tim ngươi
Từ lòng là vật tượng trưng cho tính cách của một người. AT: “Những bản tính của loài người” hoặc “cách cư xử thế nào”
Deuteronomy 8:3
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người. Ông đang nhắc nhở họ những gì mà họ nên “nhớ lại”
Ngài hạ thấp ngươi
"Đức Giê-hô-va bày tỏ cho ngươi yếu đuối và tội lỗi là thế nào." Xem “Ngài sẽ hạ thấp” ngươi được dịch trong DEU 8:2.
Cho ngươi ăn ma-na
"ban cho ngươi ma-na để ăn"
Không chỉ bởi bánh mà con người mới sống
Ở đây “bánh” tượng trưng cho mọi thức ăn. AT: “thức ăn không chỉ là thứ con người cần để có thể sống"
Nhưng bởi những điều nói ra từ miệng Đức Giê-hô-va để con người sống
Ở đây “miệng của Đức Giê-hô-va” là cách hoán dụ cho những lời mà Đức Giê-hô-va nói. AT: “Dân sự phải vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va để họ có thể sống” hoặc “dân sự phải làm những gì mà Đức Giê-hô-va phán với họ để được sống"
Deuteronomy 8:4
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.
Quần áo ngươi mặc ... bốn mươi năm
Đây là vật phẩm cuối cùng mà họ nên “gợi nhớ” (DEU 8:2).
Bốn mươi năm
"40 năm"
Ngươi phải nghĩ...ngươi phải giữ...đi trong đường lối Ngài và làm vinh hiển Ngài
Điều này đang liệt kê các mệnh lệnh bắt đầu trong DEU 8:1-2.
Ngươi sẽ nghĩ về lòng mình
Ở đây cách hoán dụ “lòng” tượng trưng cho suy nghĩ và sự hiểu biết của một người. AT: "Ngươi sẽ hiểu"
Deuteronomy 8:7
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.
Xứ sở của
"xứ sở cùng với" hoặc "xứ sở đó có"
Deuteronomy 8:9
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.
Xứ sở mà các ngươi sẽ ăn bánh mà không thiếu
"xứ sở sẽ có dồi dào thức ăn cho ngươi"
Nơi mà ngươi sẽ không thiếu thứ gì
Có thể ở dạng bị động. AT: “Nơi mà ngươi sẽ có mọi thứ ngươi cần"
Đá làm ra từ sắt
Đá đó toàn bộ là quặng sắt. Sắt là kim loại cứng dùng để làm gươm kiếm và lưỡi cày.
Khai thác đồng
"khai phá đồng." Đồng là kim loại mềm dẻo sử dụng để làm dụng cụ gia đình.
Ngươi sẽ ăn và no
"Ngươi sẽ có đủ thức ăn để ăn đến khi ngươi no"
Ngươi sẽ chúc phước
"ngươi sẽ ca tụng" hoặc "ngươi sẽ cảm tạ"
Deuteronomy 8:11
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.
Đừng quên lãng các lời dạy của Ngài
"đừng ngưng vâng theo các điều răn của Ngài" hoặc "vâng theo các điều lời dạy dỗ của Ngài"
Cẩn thận điều đó, khi ngươi ăn...sống trong họ
Môi-se bắt đầu nói với họ điều thứ hai mà họ phải cẩn thận. Đây là một danh sách dài nối tiếp đoạn trước.
Cẩn thận điều đó, lúc mà ngươi ăn và đã no, khi ngươi xây cất
Có thể mang nghĩa khác là không có mệnh đề “khi nào” nhưng thay vào phần mở đầu của danh sách kết quả của việc thờ ơ các mạng lệnh của Đức Giê-hô-va: “Nếu ngươi ăn và no, và cất xây cất thì ngươi sẽ quên lãng các mệnh lệnh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của Ngài”

Khi ngươi ăn và no

"Khi ngươi có đủ thức ăn để ăn"

Deuteronomy 8:13

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Khi các bầy đàn của ngươi…vàng thêm lên

Những từ này kết thúc danh sách mệnh đề “khi” bắt đầu bằng “khi ngươi ăn” (DEU 8:12).

Các đàn và các bầy của ngươi

"các đàn gia súc và các bầy cừu và dê"

Thêm lên

"tăng lên con số" hoặc "trở nên nhiều"

Tất cả thứ ngươi có tăng lên

"ngươi có nhiều thứ hơn" hoặc "nguơi sở hữu nhiều thứ hơn"

Để rồi lòng ngươi trở nên cao ngạo…ngươi quên Đức Giê-hô-va

Môi-se nói đến hai điều sẽ xảy ra nếu nếu có các mệnh lệnh “khi” (DEU 8:12-13) become true.

Lòng ngươi trở nên cao ngạo

Đây là thành ngữ. AT: "ngươi sẽ tự mãn"

Đấng đã mang ngươi ra

Môi-se bắt đầu nhắc người Y-sơ-ra-ên những gì họ biết về Đức Giê-hô-va.

Ra khỏi nhà nô lê

Đây là cách hoán dụ thời điểm họ là nô lệ ở Ai Cập. AT: “ra khỏi nơi mà ngươi từng là nô lệs "

Deuteronomy 8:15

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Người lãnh đạo ngươi ... đến về sau

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những gì họ biết về Đức Giê-hô-va

Và qua

"và dẫn ngươi qua"

Rắn lửa

"rắn có độc"

Đất khô cằn

Cụm từ này mô tả đất đang thiếu nước như một người đang khát nước khi anh ta cần nước uống. AT: "đất khô cằn"

Ai dẫn ngươi…ai mang…ai cho ăn

"Đức Giê-hô-va,…là Đấng dẫn dắt…Đấng cho ăn"

Làm việc lành cho ngươi

"để giúp ngươi" hoặc "vì nó sẽ là điều lành cho ngươi"

Và ngươi nói với lòng mình

Đây là điều thứ ba mà dân sự phải làm khi lòng họ “trở nên cao ngạo” và họ “quên Đức Giê-hô-va”

Quyền năng và bàn tay quyền năng của ta đạt được sự giàu có này

Ở đây “bàn tay” nói đến sức mạnh hoặc khả năng của một người. AT: “Ta có sự giàu sang này vì ta mạnh mẽ và quyền lực” hoặc “ta có những điều này bởi quyền năng và khả năng của ta"

Deuteronomy 8:18

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Nhưng ngươi sẽ nhớ lại

Thành ngữ này là mệnh lệnh. AT: "Nhưng hãy nhớ"

Để Ngài có thể

"vì Ngài có thể"

Để Ngài có thể làm trọn

Có thể mang những nghĩa 1) “theo cách Ngài làm trọn” hoặc 2) “theo cách Ngài thành tính với việc làm trọn."

Làm trọn

"thực hiện" hoặc "thi hành"

Như ngày nay

"như Ngài đang làm" hoặc "như Ngài đang làm trọn các giao ước"

Theo sau các thần khác

Bước đi là cách ẩn dụ cho việc vâng lời. AT: "hầu việc thần khác"

Chống lại ngươi… ngươi sẽ…trước ngươi…ngươi bị tiêu diệt…ngươi sẽ không…Chúa của ngươi

Các trường hợp “ngươi” ở số ít.

Ta cảnh cáo ngươi

"ta răn đe ngươi" hoặc "ta nói với ngươi trước các chứng cớ "

Ngươi sẽ bị hủy diệt

"ngươi chắc chắ sẽ chết"

Trước ngươi

"trước mặt ngươi"

Không nghe theo lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây “lời của Đức Giê-hô-va” nghĩa là những gì Đức Giê-hô-va bảo họ làm. AT: "không vâng theo cách lời răn dạy của Đức Giê-hô-va"

Translation Questions

Deuteronomy 8:2

Dân Y-sơ-ra-ên phải nhớ lại những gì?

Họ phải nhớ lại cách Đức Chúa Trời đã hạ họ xuống và thử họ trong vòng bốn mươi năm trong đồng vắng.

Deuteronomy 8:3

Tại sao Đức Giê-hô-va lại hạ dân sự xuống, khiến họ đói khổ và rồi cho họ ăn ma-na?

Ngài làm những việc ấy để khiến dân sự nhận biết rằng họ không thể sống chỉ nhờ bánh mà thôi, nhưng nhờ mọi lời phán ra từ miệng Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 8:4

Dân sự đã sống sót trong bốn mươi năm trong đồng vắng ra sao?

Quần áo họ chẳng sờn sách và chân họ chẳng hề bị sưng phù.

Deuteronomy 8:5

Đức Giê-hô-va đã sửa phạt dân Y-sơ-ra-ên như thế nào?

Đức Giê-hô-va đã sửa phạt họ như người cha sửa phạt con trai mình.

Deuteronomy 8:7

Xứ tốt đẹp mà Đức Chúa Trời sẽ đem họ vào có những gì?

Xứ ấy sẽ có nhiều sông suối và khe nước, có lúa mì, cây nho, cây vả, cây lựu, cây ô-liu và mật ong.

Deuteronomy 8:8

Ở trong xứ tốt đẹp mà Đức Chúa Trời sẽ đem họ vào có gì?

Xứ đó sẽ có nhiều sông suối và mạch nước tuôn chảy, có lúa mì, lúa mạch, cây nho, cây vả, cây lựu, cây ô-liu và mật ong.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Deuteronomy 8:10

Tại sao dân sự sẽ chúc tụng Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ chúc tụng Ngài bởi vì cớ xứ sở tốt đẹp mà Ngài đã ban cho họ.

Deuteronomy 8:11

Dân sự được nhắc nhở không được làm gì?

Họ được nhắc nhở không được quên Đức Giê-hô-va và sao lãng các mạng lệnh của Ngài.

Deuteronomy 8:13

Tại sao dân sự có thể sẽ Đức Giê-hô-va là Đấng đã đem họ ra khỏi Ai Cập?

Khi đàn súc vật và các bầy chiên của họ gia tăng, và vàng bạc của họ thêm lên nhiều, thì lòng của họ kiêu căng mà quên mất Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 8:14

Tại sao dân sự lại quên Đức Giê-hô-va là Đấng đã đem họ ra khỏi Ai Cập?

Khi bầy gia súc và súc vật của họ thêm lên nhiều, vàng và bạc của họ gia tăng thì họ liền lên mình kiêu ngạo và quên Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 8:15

Đức Giê-hô-va đã chu cấp nước uống và thức ăn cho dân Y-sơ-ra-ên trong đồng vắng khủng khiếp đó ra sao?

Đức Giê-hô-va khiến nước chảy ra từ tảng đá rất cứng cho họ và ban cho họ ma-na để ăn.

Deuteronomy 8:16

Đức Giê-hô-va đã chu cấp nước uống và thức ăn cho dân Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc khắc nghiệt kia bằng cách nào?

Đức Giê-hô-va đã khiến nước chảy ra từ tảng đá rất cứng cho họ và ban ma-na cho họ.

Deuteronomy 8:19

Điều gì sẽ khiến dân sự bị biệt vong giống như những nước trước mặt họ?

Họ sẽ bị diệt vọng nếu như họ quên đi sự giàu có của họ từ đâu mà có mà bước đi theo các thần khác, không chịu nghe theo Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 8:20

Điều gì sẽ khiến dân sự bị tiêu diệt như các dân tộc trước mặt họ?

Họ sẽ bị tiêu diệt nếu như họ quên mất sự giàu có của mình từ đâu có, mà đi theo các thần khác và không chịu nghe theo tiếng của Đức Giê-hô-va.

Chapter 9

Deuteronomy 9:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Hỡi Y-sơ-ra-ên

"Hãy nghe, dân Y-sơ-ra-ên." Từ "Y-sơ-ra-ên" là cách ẩn dụ cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Chiếm lấy

"lấy đất khỏi"

Thành lớn từ trời

Đây là cách cường điệu để nhấn mạnh mọi người khiếp sợ thế nào bởi các thành phố quá to lớn và kiên cố. AT: "có những tường rất cao." Xem cách dịch những từ tương tự trong [DEU 1:28]

Con trai của A-na-kim

Dòng dõi của A-nắc là người rất cao lớn và dữ tợn. Xem bản dịch những từ tương tự trong [DEU 1:28]

Ai có thể đứng trước con trai của A-nắc?

Điều này có nghĩa A-nắc có quyền uy và mọi người sợ hãi chúng. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Không có ai là người có thể đánh bại chính con trai của A-nắc."

Deuteronomy 9:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Ngày nay

"bây giờ"

Như ngọn lửa tàn phá

Đức Giê-hô-va quyền thế và có khả năng hủy diệt quân đội của các dân tộc khác.

Chinh phục họ trước ngươi

"làm họ yếu để ngươi có thể điều khiển họ"

Deuteronomy 9:4

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Đừng nói trong lòng mình

Ở đây “trong lòng mình” nghĩa là “trong suy nghĩ của người.” AT: "Đừng tự mình nghĩ"

Đã đuổi chúng ra

"đã đuổi dân tộc khác đi"

Deuteronomy 9:5

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Lòng ngay thẳng của ngươi

"bởi vì ngươi luôn suy nghĩ và khát vọng điều phải lẽ"

Để Ngài làm ứng nghiệm những lời

Ở đây cách hoán dụ “những lời” nói đến những gì Chúa đã hứa. AT: “để Ngài có thể làm trọn sự hứa nguyện"

Tổ tiên của ngươi, Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp

Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp là “các tổ phụ” mà Môi-se đang nói.

Deuteronomy 9:6

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Deuteronomy 9:7

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Nhớ lấy và đừng quên

Môi-se lặp lại cùng mệnh lệnh với sự phủ định và khẳng định để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ghi nhớ. AT: “Cẩn thận ghi nhớ " (See: [[rc://vi/ta;vol2/translate/figs-doublet]])

Ngươi đã chọc giận Đức Giê-hô-va thế nào

Ở đây “ngươi” nói đến dân Y-sơ-ra-ên hiện diện cùng với Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên thế hệ trước đó.

Ngươi đã đến nơi này, ngươi đã nổi loạn…ngươi đã chống đối…ngươi chọc giận…hủy diệt ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các trường hợp “ngươi” ở số ít.

Đến nơi này

Điều này nói đến Khe sông Giô-đanh.

Deuteronomy 9:9

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Bảng bằng đá, Bảng Giao ước mà Đức Giê-hô-va làm cho ngươi

Ở đây cụm từ thứ hai làm sáng tỏ “bảng đá” là một vật mà Chúa viết mười điều răn.

Bốn mươi ngày và bốn đêm

"40 ngày và 40 đêm"

Trên chúng được viết mọi điều giống như những lời Đức Giê-hô-va công bố với ngươi

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va viết lên chúng giống với những lời Ngài đả nói với ngươi"

Đức Giê-hô-va công bố ... ra khỏi giữa đám lửa

Việc này như thể Đức Giê-hô-va đứng giữa lửa và nói lớn tiếng.

Vào ngày nhóm hiệp

Danh từ trừu tượng “nhóm hiệp” có thể diễn đạt như động từ “cùng tụ họp.” AT: "vào ngày mà hết thảy dân Y-sơ-ra-ên đến và gặp gỡ nhau tại một chỗ"

Deuteronomy 9:11

Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm

"40 ngày và 40 đêm"

Hai bảng đá, hai bảng giao ước

Cụm từ thứ hai làm rõ “hau bảng đá” là vật mà Chúa viết mười điều răn.

Dân ngươi...đã hủy hoại chính họ

"dân ngươi ... đang làm những việc sai." Những từ tương tự trong DEU 4:16.

Chúng đã vội bỏ con đường mà ta đã truyền cho chúng

Môi-se nói như thể việc vâng theo mạng lệnh của Chúa là một chặng đường dài để đi theo. AT: “Họ đã bắt đầu không vâng theo mạng lệnh của ta "

Deuteronomy 9:13

Xóa tên của chúng khỏi dưới trời

"làm cho tên của chúng hoàn toàn biến mất" hoặc "giết hết bọn chúng để không còn ai nhớ đến chúng." Xem bản dịch những từ tương tự trong DEU 7:24.

Deuteronomy 9:15

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Trông thấy

Từ “trông thấy” ở đây diễn tả Môi-se ngạc nhiên bởi những gì ông thấy.

Đúc cho chính nó một con bò

Dân Y-sơ-ra-ên của thế hệ trước đã yêu cầu A-rôn làm một con bò kim loại để họ có thể thờ phượng nó. Nghĩa đầy đủ của mệnh đề này có thể làm rõ.

Ngươi đã sớm rời bỏ con đường mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho ngươi

Môi-se nói như thể việc vâng theo những mạng lệnh của Đức Giê-hô-va là bước trên con đường dài. AT: “Ngươi đã sớm không vâng theo những gì Đức Giê-hô-va đã lệnh cho ngươi." Những từ tương tự trong DEU 9:12.

Deuteronomy 9:17

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Ta phá vỡ chúng trước mắt các ngươi

Ở đây “mắt của ngươi” là cách hoán dụ cho dân Y-sơ-ra-ên. AT: “Ta phá vỡ chúng ngay trước mắt ngươi” hoặc “ta phá vỡ chúng tại nơi ngươi nhìn thấy chúng"

Sấp mặt xuống

"sấp mặt của tôi xuống đất." Đây là cách bày tỏ Đức Giê-hô-va tuyệt vời mà Môi-se thì không.

Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm

"40 ngày và 40 đêm"

Deuteronomy 9:19

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Ta sợ hãi cơn thịnh nộ và cơn nóng giận mà Đức Giê-hô-va giận dữ đủ để chống lại và hủy diệt ngươi

Những từ “cơn thịnh nộ và cơn nóng giận” là cách hoán dụ cho những gì Đức Giê-hô-va sẽ làm vì Ngài đang giận và không hài lòng. AT: “Đức Giê-hô-va giận dữ ngươi-Ngài vô cùng không hài lòng về ngươi-Ngài giận đủ để hủy diệt ngươi, và ta sợ hãi những gì Ngài sẽ làm"

Deuteronomy 9:21

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Ta lấy...đốt...đập...nghiền...ném

Môi-se có thể ra lệnh cho những người đàn ông khác làm việc thật. AT: “Ta đã để mọi người lấy...đập...nghiền...ném"

Tội lỗi của ngươi

Con bò vàng. AT: "Làm ra hình tượng khiến ngươi phạm tội"

Deuteronomy 9:22

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.

Tha-bê-ra...Ma-sa...Kíp-rốt-Ha-tha-va

Đây là tên những địa điểm mà dân Y-sơ-ra-ên vượt qua khi họ ở đồng vắng.

Đi lên

Họ ở vùng thấp, và xứ sở Đức Giê-hô-va đã nói họ chiếm lấy ở trên đồi.

Nổi loạn chống lại mạng lệnh

Từ “mạng lệnh” là cách ẩn dụ cho chính Đức Giê-hô-va. AT: “chống lại Đức Giê-hô-va; ngươi không vâng theo các mạng lệnh"

Lắng nghe lời Ngài

Ở đây “lời Ngài” nghĩa là những gì Chúa đã phán. AT: “vâng theo những gì Ngài phán”

Từ những ngày mà ta biết ngươi

"từ lúc ta bắt đầu dẫn dắt ngươi." Một vài bản dịch đọc thành "từ những Ngài mà ta biết ngươi," ngày mà Đức Giê-hô-va biết họ trước.

Deuteronomy 9:25

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Sấp mặt trước Đức Giê-hô-va

"sấp mặt của tôi xuống đất." Dịch theo như trong DEU 9:18.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm
"40 ngày và 40 đêm"
Ngài đã mua chuộc
Môi-se nói như thể Đức Giê-hô-va đã giải cứu người Y-sơ-ra-ên bởi sự việc trả tiền để đem tự do cho họ khỏi nô lệ. AT: "Ngài đã giải cứu"
Qua quyền năng của Ngài
Từ “quyền năng” là cách ẩn dụ cho quyền năng vĩ đại của Đức Giê-hô-va. AT: "qua quyền năng vĩ đại của Ngài"
Bởi bàn tay quyền năng
Ở đây “bàn tay quyền năng” nói đến quyền năng của Đức Giê-hô-va. AT: “bởi quyền năng lớn mạnh của Ngài.” Những từ tương tự cũng xuất hiện trong DEU 4:34.
Deuteronomy 9:27
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang cầu nguyện với Đức Giê-hô-va để Ngài có thể không hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên.
Nhớ lại
Đây là thành ngữ. AT: "Ghi nhớ"
Xứ mà Ngài mang chúng tôi khỏi đó
Từ “xứ sở” là cách ẩn dụ cho dân Ai Cập. AT: “để dân Ai Cập”
Nói rằng
"có thể nói"
Bởi sức mạnh vĩ đại và sự bày tỏ quyền năng Ngài
Những cụm từ này nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh sức mạnh vĩ đại của Đức Giê-hô-va mà Ngài sử dụng cứu dân của Ngài.

Translation Questions

Deuteronomy 9:1
Dân Y-sơ-ra-ên chuẩn bị đi đâu?
Y-sơ-ra-ên chuẩn bị vượt sông Giô-đanh.
Deuteronomy 9:3
Chuyện gì sẽ xảy ra trước lúc Y-sơ-ra-ên vượt sông Giô-đanh?
Đức Giê-hô-va sẽ đi trước mặt họ và sẽ như một đám lửa hừng hủy diệt các nước khác.
Deuteronomy 9:4
Môi-se đã căn dặn dân sự không được tự nhủ trong lòng điều gì sau khi Đức Giê-hô-va đã đánh đuổi kẻ thù của họ ra khỏi xứ?
Ông căn dặn dân Y-sơ-ra-ên không được nghĩ rằng ấy là bởi vì sự công chính của dân Y-sơ-ra-ên mà Đức Giê-hô-va ban xứ đó cho họ chiếm hữu.
Deuteronomy 9:5
Lí do khiến Đức Chúa Trời đánh đuổi các nước đó đi trước khi dân dân Y-sơ-ra-ên vượt sông Giô-đanh là gì?
Ngài đánh đuổi các dân ấy ra khỏi xứ vì cớ sự gian ác của họ, cũng như để giữ những lời mà Ngài đã thề với tổ phụ của Y-sơ-ra-ên, là Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp.
Deuteronomy 9:7
Tại sao Đức Giê-hô-va lại nổi giận cùng dân Y-sơ-ra-ên?
Ngài nổi giận đến nỗi đã hủy diệt họ bởi vì họ đã chọc giận Ngài và nổi loạn chống nghịch Ngài.
Deuteronomy 9:8
Tại sao Đức Giê-hô-va lại nổi giận với dân Y-sơ-ra-ên?
Ngài nổi giận đủ để hủy diệt họ bởi vì họ đã chọc giận Ngài và nổi loạn chống nghịch Ngài.
Deuteronomy 9:9
Môi-se đã ăn và uống gì trên núi Hô-rếp?
Ông không ăn uống gì trong vòng bốn mươi ngày bốn mươi đêm ở trên núi.
Deuteronomy 9:12
Tại sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se nhanh chóng đi xuống núi?
Đức Giê-hô-va phán bảo ông rằng dân sự đã bại hoại khi xoay bỏ đường lối mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh và đúc cho mình một hình tượng.
Deuteronomy 9:13
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ xóa bỏ dân Y-sơ-ra-ên và lập một nước lớn mạnh hơn họ?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài thấy họ là một dân cứng cổ.
Deuteronomy 9:14
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ xóa tên dân Y-sơ-ra-ên và làm cho họ trở nên một dân lớn mạnh hơn trước?
Đức Giê-hô-va phán Ngài thấy họ là một dân cứng lòng.
Deuteronomy 9:15
Dân Y-sơ-ra-ên đã làm ra gì trong tội lỗi của mình?
Họ đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va khi đúc cho mình hình tượng một con bò con.
Deuteronomy 9:16
Dân Y-sơ-ra-ên đã làm ra thứ gì trong tội lỗi của mình?
Họ đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va khi làm một tượng con bò con.
Deuteronomy 9:17
Môi-se đã làm gì sau khi ông thấy dân sự đã làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va?
Ông đã ném các bảng đá vỡ nát trước mắt họ, ông sấp mặt trước mặt Đức Giê-hô-va trong bốn mươi ngày bốn mươi đêm không ăn không uống.
Deuteronomy 9:18
Môi-se đã làm gì sau khi ông thấy dân sự đã làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va?
Ông đã ném bể hai bảng đá luật pháp ngay trước mắt họ, họ đã sấp mình xuống trước mặt Đức Giê-hô-va trong bốn mươi ngày bốn mươi đêm không ăn không uống.
Deuteronomy 9:19
Tại sao Môi-se cầu nguyện cho dân sự và A-rôn?
Ông đã cầu nguyện bởi vì Đức Giê-hô-va nổi giận cùng dân sự và A-rôn, đủ để hủy diệt họ.
Deuteronomy 9:20
Tại sao Môi-se cầu nguyện cho dân sự và A-rôn?
Ông đã cầu nguyện bởi vì Đức Giê-hô-va đã nổi giận và không hài lòng với dân sự và A-rôn, đủ để hủy diệt họ.
Deuteronomy 9:21
Môi-se đã làm gì với con bò vàng mà dân sự đã đúc ra?
Môi-se đã thiêu rụi tượng con bò vàng, nghiền nát rồi tán nhuyễn thành bụi rồi đổ bụi ấy vào khe nước từ trên núi chảy xuống.
Deuteronomy 9:22
Dân sự đã chọn giận Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ ra sao?
Họ đã nổi loạn chống nghịch các điều răn của Đức Giê-hô-va và họ không tin cũng không nghe tiếng của Ngài.
Deuteronomy 9:24
Dân sự đã chọn giận Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ ra sao?
Họ đã nổi lên chống nghịch các điều răn của Đức Giê-hô-va và họ không tin cũng không nghe tiếng Ngài.
Deuteronomy 9:25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se cầu nguyện gì không sấp mặt xuống đất trong bốn mươi ngày bốn mươi đêm?
Ông đã cầu nguyện cho dân sự và cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va sẽ không bị tiêu diệt.
Deuteronomy 9:26
Môi-se cầu nguyện gì không sấp mặt xuống đất trong bốn mươi ngày bốn mươi đêm?
Ông đã cầu nguyện cho dân sự và cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va sẽ không bị tiêu diệt.
Deuteronomy 9:27
Môi-se đã cầu xin Đức Giê-hô-va không để cho dân xứ đó nói gì?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va không để các dân đó nói rằng vì Đức Giê-hô-va ghét dân sự nên Ngài đã đem Y-sơ-ra-ên vào đồng vắng để giết họ.
Deuteronomy 9:28
Môi-se đã cầu xin Đức Giê-hô-va không để cho dân xứ đó nói gì?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va không để các dân đó nói rằng vì Đức Giê-hô-va ghét dân sự nên Ngài đã đem Y-sơ-ra-ên vào đồng vắng để giết họ.

Chapter 10
Deuteronomy 10:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.
Vào lúc đó
"Sau khi ta cầu nguyện xong"
Trước
"trước" là số thứ tự của một. Nó nói đến bộ bảng đầu tiên mà Môi-se đã làm vỡ.
Trên núi
Ở đây “ngọn núi” nói đến núi Si-na-i .
Deuteronomy 10:3
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.
Như cái trước
Ở đây “trước” nói đến bộ bảng đầu tiên. AT: “2 bộ bảng đá giống như cái trước"
Đi lên núi
"đi lên núi Si-na-i"
Ra khỏi giữa giữa
Nó như thể Đức Giê-hô-va là người đứng giữa lửa và nói lớn tiếng. Dịch điều này như trong DEU 9:10
Vào ngày nhóm họp
Danh từ trừu tượng “nhóm họp” có thể diễn tả như động từ “tụ họp với nhau.” AT: “vào ngày mà hết thảy dân Y-sơ-ra-ên đến và cùng gặp nhau ở một chỗ.” Dịch điều này như trong DEU 9:10.
Deuteronomy 10:5
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.
Ta trở lại
Ở đây “ta” nói đến Môi-se.
Đi xuống khỏi núi
"đi xuống khỏi núi Si-na-i"
Trong hòm
"trong hộp" hoặc "trong rương" (UDB)
Deuteronomy 10:6
Thông tin Tổng quát:
Người viết cho một tính toán ngắn những nơi Y-sơ-ra-ên đã đi chuyển.
Người Y-sơ-ra-ên…xứ sở của suối nhỏ
Điều này đưa thông tin bối cảnh về nơi dân Y-sơ-ra-ên đi chuyển. Nó cũng bao gồm cái chết tự nhiên của A-rôn ở Mô-sê-ra.
Bê-rốt Bê-nê Gia-can ... Gút-gô-đa ... Dốt-ba-tha
Đây là tên những địa điểm khác nhau dân Y-sơ-ra-ên vượt qua khi ở đồng vắng.
Bê-rốt Bê-nê Gia-can
Người dịch có thể thêm gạch chân: “Tên ‘Bê-rốt Bê-nê Gia-can’ nghĩa là những điều tốt lành thuộc về dân Gia-can.”
Ông được chôn tại đó
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Đó là nơi họ chôn cất ông” hoặc “dân Y-sơ-ra-ên chôn cất ông tại đó "
Ê-lê-a-sa
Đây là tên người con trai của A-rôn.
Deuteronomy 10:8
Thông tin Tổng quát:
Người viết đưa thông tin bối cảnh về chi phái Lê-vi.
Đứng trước Đức Giê-hô-va để hầu việc Ngài
"phục vụ dâng tế lễ theo Đức Giê-hô-va yêu cầu"
Trong danh Ngài
"bằng thẩm quyền của Đức Giê-hô-va" hoặc "để đại diện cho Đức Giê-hô-va"
Như ngày nay
"như họ đang làm ngày nay"
Không phân chia cũng không thừa hưởng đất đó
Chi phái Lê-vi không nhận được phân chia của đất hứa khi họ đến đây. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.
Đức Giê-hô-va là cơ nghiệp của ông
Đức Giê-hô-va nói đến quan hệ đặc biết mà A-rôn và dòng dõi của ông sẽ có cùng với ông như thể Đức Giê-hô-va là điều gì đó mà họ sẽ truyền thừa. AT: "Đức Giê-hô-va là những gì họ có" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ cho phép họ hầu việc Ngài và Ngài sẽ chu cấp cho họ qua việc hầu việc"
Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế từ “ngươi” ở đây là số ít.
Nói với ông ta
"nói với chi phái của Lê-vi"
Deuteronomy 10:10
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nhắc lại với dân Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.
Như lần đầu
"đầu" là số thứ tự của một. Ở đây nói đến lần đầu tiên Môi-se đi lên núi Si-na-i để nhận bảng đá từ Đức Giê-hô-va. “như ta đã làm lần đầu"
Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm
"40 ngày và 40 đêm"
Hủy diệt ngươi
Môi-se nói dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế từ “ngươi” ở đây là số ít.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chiếm lấy xứ đó
"chiếm đất đó" hoặc "chiếm quyền sở hữu của đất đó"
Tổ phụ của ngươi
Điều này nói đến Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp.
Ban cho họ
"ta đã ban cho ngươi, dòng họ của ngươi"
Deuteronomy 10:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.
Bấy giờ, Y-sơ-ra-ên
Ở đây cách hoán dụ “Y-sơ-ra-ên” nói đến dân Y-sơ-ra-ên. AT: “Bấy giờ, dân Y-sơ-ra-ên”
Làm những gì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi yêu cầu ngươi, kính sợ...để ngươi được phước
Môi-se sử dụng câu hỏi để dạy dân sự Y-sơ-ra-ên. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Đây là những gì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi yêu cầu ngươi làm: kính sợ...để ngươi được phước."
Bước đi trong đường Ngài
Môi-se nói như thể việc vâng lời Đức Giê-hô-va là việc bước đi trên đường. AT: “vâng theo mọi mạng lệnh của Ngài"
Hết lòng và hết tâm hồn của ngươi
Thành ngữ “bằng cả lòng ngươi” nghĩa là “hoàn toàn” và “hết lòng ngươi” nghĩa là “với cả sự sống của ngươi.” Hai cụm từ này có nghĩa tương tự nhau. Xem bản dịch này trong [DEU 4:29]
Deuteronomy 10:14
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.
Trông thấy
Từ “trông thấy” nhấn mạnh những gì được nói đến là quan trọng. “Chú ý” hoặc “xem này” hoặc “nghe này "
Trời...đất
Những từ diễn tả hai thái cực, và được gộp lại có nghĩa mọi điều ở mọi nơi thuộc về Đức Giê-hô-va.
Trời và các từng trời
Điều này nói đến nơi cao nhất ở trên trời. Mọi điều ở trời đều thuộc về Chúa.
Chọn ngươi
Ở đây từ “ngươi” nói đến hết thảy dân Y-sơ-ra-ên và ở số ít.
Deuteronomy 10:16
Bởi vậy
"bởi vì điều này"
Cắt bì nơi tấm lòng của mình
Từ “cắt bì” nói đến lớp da bao phủ ở phần kín của người đàn ông được cắt bỏ khi cắt bì. Ở đây Môi-se đang nói đến việc cắt bì thánh. Điều này có nghĩa mọi người phải cắt bỏ tội lỗi ra khỏi đời sống của họ.
Chúa của Chúa
"Chúa tối cao" hoặc "Chỉ có Chúa là thật"
Chúa là chủ
"Chúa tối cao" hoặc "Chúa vĩ đại"
Đấng đáng sợ
"là Đấng khiến người khác sợ hãi"
Deuteronomy 10:18
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Ngài thi hành công lý cho kẻ mồ côi
"Đức Giê-hô-va chắc chắn mọi mọi người đối xử công bằng với kẻ mồ côi"
Kẻ mồ côi
Những trẻ em có cha mẹ đã chết hoặc không có họ hàng.
Góa bụa
Một góa bụa thật sự là chồng người đó đã chết và không có con cái để chăm sóc cho cô ta lúc tuổi già.
Vì vậy
"Bởi vì như vậy"
Deuteronomy 10:20
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Đấng ngươi sẽ thờ phượng
"Ngài là Đấng ngươi phải thờ phượng"
Đấng mà ngươi phải dựa vào
Để có mối quan hệ tốt với Đức Giê-hô-va và hoàn toàn nương cậy Ngài được kể như thể một một người đang dựa vào Đức Giê-hô-va. AT: “Ngươi phải dựa vào Ngài” hoặc “Ngài là Đấng ngươi phải nương cậy"
Bởi danh Ngài mà ngươi thề
Thề bởi danh Đức Giê-hô-va nghĩa là đặt Đức Giê-hô-va là nền tảng và sức mạnh cho lời thề được lập nên. Ở đây “danh” tượng trưng cho chính Đức Giê-hô-va. Xem bản dịch của cụm từ tương tự trong [DEU 6:13]
Khi mắt ngươi đã thấy
Ở đây “mắt” nói đến toàn bộ người đó. AT: “Điều mà chính ngươi đã thấy"
Ngài là sự ngợi khen của ngươi
Có thể mang những nghĩa 1) “Ngài là Đấng ngươi phải ngợi khen” hoặc 2) “Đó là bởi ngươi thờ phượng Ngài để người khác sẽ khen ngợi ngươi”
Deuteronomy 10:22
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Đi xuống Ai Cập
"di chuyển hướng nam tới Ai Cập" hoặc "đi tới Ai Cập"
Bảy mươi người
"70 người"
Nhiều như sao trên trời
Điều này nhấn mạnh số lượng lớn người Y-sơ-ra-ên ở cùng Môi-se. AT: “nhiều hơn ngươi có thể đếm”

Translation Questions

Deuteronomy 10:2
Đức Giê-hô-va phán bảo đặt hai bảng đá viết những lời của Đức Giê-hô-va ở đâu?
Đức Giê-hô-va bảo ông đặt hai bảng đá đó vào trong hòm bằng gỗ mà Môi-se đã đóng.
Deuteronomy 10:4
Đức Giê-hô-va đã viết gì trên hai bảng đá đó khi Môi-se cầm chúng trong tay đi lên núi?
Đức Giê-hô-va đã viết mười điều răn trên hai bảng đá đó như bảng đầu tiên.
Deuteronomy 10:5
Khi Môi-se quay xuống núi thì ông đã đặt hai bảng đá đó ở đâu?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ông đã đặt chúng trong các hòm bằng gỗ mà ông đã đóng theo y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho mình.

Deuteronomy 10:6

Chuyện gì đã xảy ra với A-rôn tại Mô-sê-ra?

A-rôn đã chết và được chôn tại Mô-sê-ra.

Deuteronomy 10:8

Đức Giê-hô-va đã lựa chọn chi tộc nào để khiêng Hòm Giao Ước và đứng trước mặt Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va chọn chi tộc Lê-vi đặng khiêng Hòm Giao Ước và đứng trước mặt Đức Giê-hô-va để phục sự Ngài và để nhân danh Ngài mà chúc phước cho dân sự.

Deuteronomy 10:10

Lần này Môi-se đã ở trên núi trong bao lâu?

Ông đã ở trên núi trong bốn mươi ngày bốn mươi đêm, y như lần đầu tiên.

Deuteronomy 10:12

Môi-se nói rằng Đức Giê-hô-va yêu cầu Y-sơ-ra-ên làm gì?

Đức Giê-hô-va yêu cầu dân Y-sơ-ra-ên kính sợ Ngài, bước đi trong đường lối của Ngài, yêu mến Ngài, hết lòng hết linh hồn mà thờ phượng Ngài, và giữ các mạng lệnh của Ngài.

Deuteronomy 10:13

Môi-se nói rằng Đức Giê-hô-va đòi hỏi dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì?

Đức Giê-hô-va đòi hỏi dân Y-sơ-ra-ên phải hết lòng hết linh hồn mà kính sợ Ngài, bước đi trong mọi đường lối của Ngài, yêu mến Ngài, thờ phượng Ngài và vâng giữ các điều răn của Ngài.

Deuteronomy 10:16

Tại sao Môi-se lại bảo dân sự cắt bì?

Ông bảo họ làm phép cắt bì tấm lòng.

Deuteronomy 10:19

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên yêu thương những người tha hương?

Y-sơ-ra-ên phải yêu thương những người tha hương vì họ cũng đã từng là khách tha hương ở đất Ai Cập.

Deuteronomy 10:22

Đức Chúa Trời đã chúc phước cho tổ phụ dân sự ra sao khi họ đi xuống Ai Cập?

Khi tổ phụ của họ đi xuống Ai Cập thì chỉ có bảy ngươi người và Đức Chúa Trời làm cho họ thêm lên nhiều như sao trên trời vậy.

Chapter 11

Deuteronomy 11:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Luôn giữ

"luôn vâng lời"

Deuteronomy 11:2

Người không biết cũng không thấy

"người không có kinh nghiệm"

Bàn tay năng quyền của Ngài, hoặc cánh tay Ngài giơ ra

Ở đây “bàn tay quyền năng” và “cánh tay giơ ra” là cách ẩn dụ cho sức mạnh của Đức Giê-hô-va. Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 4:34]

ở giữa Ai Cập

"trong Ai Cập"

Toàn xứ của người

Ở đây “xứ” tượng trưng cho dân. AT: "toàn xứ của Người"

Deuteronomy 11:4

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên trưởng thành, là người lớn tuổi nhìn thấy những gì Chúa đã làm ở Ai Cập.

Chúng cũng không thấy những gì Ngài làm

"Con cái các ngươi cũng không thấy những gì Đức Giê-hô-va đã làm"

Quân đội Ai Cập

"quân lính Ai Cập"

Họ đuổi theo các ngươi

Ở đây “ngươi” nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên là người còn sống khoảng 40 năm trước đó.

Đến nơi này

Điều này có nghĩa rằng đồng bằng của sông Giô-đanh, nơi mà Môi-se đang nói với họ trước khi họ băng qua Ca-na-an.

Deuteronomy 11:6

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở những người trưởng thành dạy dỗ con của họ những việc làm quyền năng của Chúa.

Đa-than và A-bi-ram, con trai của Ê-li-áp

Môi-se đang nói đến sự kiện trong quá khứ lúc mà Đa-than và A-bi-ram nổi lên chống lại Môi-se và A-rôn. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Đa-than…A-bi-ram…Ê-li-áp

Đây là tên của những người nam.

Con trai của Ru-bên

"dòng dõi của Ru-bên"

Đất mở miệng ra và nuốt chúng

Đức Giê-hô-va khiến đất tách ra vì thế dân sự rơi xuống được kể như thể đất có miệng và có khả năng nuốt con người.

Mọi vật sống đi theo họ

Điều này nói đến tôi tớ và gia súc của họ.

Tại giữa cả Y-sơ-ra-ên

Điều này có nghĩa hết thảy dân Y-sơ-ra-ên làm chứng những gì xảy ra với Đa-than, A-bi-ram, gia đình của họ, và những vật họ sở hữu.

Nhưng mắt các ngươi đã thấy

Ở đây “mắt” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “nhưng các ngươi đã thấy"

Deuteronomy 11:8

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Chiếm lấy xứ

"chiếm lấy xứ"

Nơi ngươi đang vượt qua để chiếm lấy

Cụm từ “đang vượt qua” được sử dụng vì dân Y-sơ-ra-ên sẽ vượt qua sông Giô-đanh để tiến vào xứ Ca-na-an.

Kéo dài những ngày của ngươi

Những ngày dài là cách ẩn dụ cho cuộc sống thọ. AT: “có thể sống lâu” Dịch những từ này theo như trong [DEU 4:26]

Vùng đất đượm sữa và mật ong

Đây là thành ngữ. AT: “vùng đất dồi dào sữa và mật ong chảy” hoặc “vùng đất tốt cho chăn nuôi và trồng trọt" Xem bản dịch này trong DEU 6:3.

Deuteronomy 11:10

Tưới chúng bằng chân ngươi

Có thể mang những nghĩa 1) “chân” là cách hoán dụ để

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tượng trưng cho công việc vất vả để đi vác nước tưới cánh đồng hoặc 2) họ sẽ sử dụng chân của họ để đạp bánh xe để cung cấp nước cho cánh đồng.

Vườn rau cỏ

"khi vườn rau" hoặc "khu vườn trồng rau củ"

Hút nước nhờ mưa trời

Vùng đất nhận và hấp thu nhiều nước được kể như thể vùng đất đang uống nước. AT: "mưa từ trời ban nguồn nước dồi dào"

Mắt của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi luôn ngó xem

Ở đây “mắt” tượng trưng cho sự chú ý và săn sóc. AT: "Đức Giê-hô-va Chúa ngươi luôn dõi theo nó"

Từ đầu năm cho đến cuối năm

Ở đây hai thái cực “bắt đầu” và “kết thúc” được sử dụng cùng nhau nghĩa là toàn bộ một năm. AT: “liên tiếp trải qua một năm"

Deuteronomy 11:13

Nó sẽ xảy ra, nếu

Điều này có nghĩa những gì Đức Giê-hô-va hứa sẽ xảy ra nếu dân Y-sơ-ra-ên vâng theo mạng lệnh của Ngài.

Điều ta truyền

Ở đây “ta” nói đến Môi-se.

Hết cả lòng và hết cả tâm hồn ngươi

Thành ngữ “hết cả lòng ngươi” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng…hồn” nghĩa là “hết cả mạng sống.” Hai nhóm từ này có nghĩa tương tự. Xem bản dịch này trong [DEU 4:29]

Ta sẽ ban mưa trên đất ngươi trong mùa

"Ta sẽ khiến mưa trên ngươi trong mùa thích hợp"

Ta sẽ ban

Ở đây “ta” nói đến Đức Giê-hô-va. Điều này có thể ở ngôi ba. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ ban” hoặc “Ngài sẽ ban"

Mưa đầu mùa và mưa cuối mùa

Điều này nói đến mưa lúc bắt đầu mùa gieo trồng và mưa lúc vụ mùa mãn kỳ để thu hoạch. AT: "mưa mùa thu và mưa mùa xuân" hoặc "mưa ngay mỗi mùa”

Deuteronomy 11:16

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khá chú ý về chính mình

"Cẩn thận" hoặc "đề phòng"

Để lòng ngươi không bị đánh lừa

Ở đây “lòng” tượng trưng cho khát vọng hoặc ý nghĩ của một người. Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “để những khát vọng của ngươi không đánh lừa ngươi " hoặc "để ngươi không đánh lừa chính mình"

Ngươi quay đi và thờ phượng những thần khác

Việc bỏ Đức Giê-hô-va và thờ phượng những thần khác được kể như thể một người sẽ quay người mình và đi trong sự hướng dẫn khác ngoài Đức Giê-hô-va. AT: "ngươi bắt đầu thờ phượng những thần khác"

Để cơn thạnh nộ của Đức Giê-hô-va không nổi lên nghịch cùng ngươi

Chúa trở nên giận dữ được kể như thể đó là ngọn lửa đang cháy. Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: "Để mà Đức Giê-hô-va không trở nên giận dữ với ngươi"

Để Ngài không đóng từng trời khiến không có mưa, và đất không sinh ra hoa quả

Chúa khiến không mưa rơi xuống từ trời được kể như thể Ngài đóng bầu trời lại. AT: “để Ngài không khiến mưa ngừng rơi từ trời cho mùa màng không sinh trưởng ở đất"

Deuteronomy 11:18

Để những lời của ta trong lòng và tâm hồn của ngươi

Một người luôn nghĩ về và xem xét những gì Môi-se truyền được kể như thể lòng và tâm hồn là một vật chứa và những lời của Môi-se là dung lượng lấp đầy vật chứa. AT: “Cẩn thận ghi nhớ những điều ta đang nói với các ngươi"

Những lời của ta

Ở đây “lời” tượng trưng cho các điều răn dạy mà Môi-se đang nói.

Lòng và tâm hồn ngươi

Ở đây “lòng” và “tâm hồn” tượng trưng cho ý định và suy nghĩ của một người.

Buộc chúng

"buộc những lời." Đây là cách hoán dụ tượng trưng cho một người viết những lời trên giấy da, đặt miếng giấy da vào túi nhỏ, và cột túi đó lại. Phép hoán dụ này lần lượt có thể là ẩn dụ với ý nghĩa là mọi người phải cẩn thận vâng theo mạng lệnh của Môi-se. Xem bản dịch những từ tương tự trong [DEU 6:8]

Như một dấu trên tay ngươi

"như một điều khiến ngươi nhớ lại luật pháp của ta"

Để chúng như mảnh vải giữa mắt ngươi

"để những lời của ta như mảnh vải giữa mắt ngươi." Đây là phép hoán dụ tượng trưng cho một người viết những lời của Môi-se vào miếng da, đặt miếng da vào túi nhỏ, và cột cái túi đó giữa mắt của người đó. Cách hoán dụ này lần lượt có thể là sự ẩn dụ với ý nghĩa một người phải cẩn thận vâng theo tất cả mạng lệnh của Môi-se. Xem bản dịch những cụm từ tương tự trong [DEU 6:8]

Mảnh vải bịt ngang trán

Đồ trang sức mà một người một người đeo trên trán

Khi ngươi ngồi trong nhà, khi ngươi đi trên đường, khi ngươi nằm, và khi ngươi thức dậy

Sử dụng những địa điểm khác nhau “trong nhà ngươi” và “trên đường”, và sự đối lập “khi ngươi nằm” và “thức dậy”, tượng trưng cho bất kì nơi đâu, lúc nào. Người dân Y-sơ-ra-ên bàn luận các điều răn dạy của Chúa và dạy cho con cái của họ bất cứ lúc nào và nơi nào.

Deuteronomy 11:20

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Ngươi sẽ viết chúng trên bản lề cửa nhà ngươi và trên cửa thành ngươi

Dịch những từ này như bạn làm trong DEU 6:9.

Những ngày của ngươi và của con ngươi được thêm lên

Ở đây “những ngày” tượng trưng cho một khoảng thời gian dài. Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va có thể khiến ngươi và con ngươi sống lâu"

Cho tổ phụ ngươi

Điều này nói đến Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp.

Ban cho ngươi những ngày dài của trời ở trên đất

Điều này so sánh con người ở trên đất bao lâu thì cũng tồn tại ở trời trên đất bấy lâu. Đây là cách nói “mãi mãi.” AT: “ban cho họ sự sở hữu đời đời” hoặc “cho phép họ sống ở đó mãi mãi”

Deuteronomy 11:22

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Vì nếu các ngươi sốt sắng giữ các điều răn dạy mà ta truyền cho, để làm theo

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Vì nếu các người cẩn thận làm mọi điều ta truyền cho các người"

Đi trong đường lối Ngài

Đức Giê-hô-va muốn một người sống và cư xử thế nào được kể như chúng là những cách hoặc những đường của Đức Giê-hô-va. Một người vâng theo Đức Giê-hô-va được kể như bước đi trên đường hoặc cách đó.

Bám lấy Ngài

Để có một mối quan hệ tốt với Đức Giê-hô-va và hoàn toàn nương cậy Ngài được kể như thể một người đang nương dựa Đức Giê-hô-va. AT: “nương cậy Ngài” hoặc “có mối quan hệ tốt với Ngài " Xem những từ tương tự dịch thế nào trong DEU 10:20.

Hết thảy dân tộc này ra khỏi mặt ngươi, và ngươi sẽ trục xuất những dân đó

Ở đây “các dân tộc” tượng trưng cho nhóm dân đã sống tại Ca-na-an. AT: “hết thảy những người này sẽ ra khỏi ngươi, và ngươi sẽ chiếm lấy đất khỏi từ những người này"

Lớn hơn và mạnh hơn ngươi

Mặc dù quân đội của Y-sơ-ra-ên nhỏ và yếu hơn nhóm dân sống ở Ca-na-an, Đức Giê-hô-va sẽ cho phép dân Y-sơ-ra-ên đánh bại họ.

Deuteronomy 11:24

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Mọi nơi mà bước chân của ngươi đặt lên

Ở đây “bước chân của ngươi” tượng trưng cho toàn bộ con ngươi. AT: “Mọi nơi ngươi đi"

Từ con sông, sông Ơ-phơ-rát

"từ con sông Ơ-phơ-rát"

Không ai có thể đứng trước các ngươi

Cụm từ “đứng trước ngươi” là thành ngữ. AT: “Không ai có thể ngăn ngươi” hoặc “không ai có thể chống lại ngươi"

Đức Giê-hô-va sẽ để sự sợ hãi và kinh khiếp của ngươi lên xứ mà ngươi đặt chân lên

Đức Giê-hô-va khiến mọi người rất sợ hãi được kể như nỗi sợ và kinh khiếp là một vật mà Ngài đặt lên mọi người. AT: “Đức Giê-hô-va Chúa ngươi khiến mọi nơi ngươi đi sẽ rất sợ hãi ngươi"

Nỗi sợ hãi và sự kinh khiếp của ngươi

Những từ “sợ hãi” và “kinh khiếp” có cùng nghĩa và nhấn mạnh sự sợ hãi dữ dội. AT: “nỗi sợ kinh khiếp của ngươi”

Trên khắp xứ mà ngươi đặt chân lên

Ở đây “xứ sở” là cách hoán dụ cho hết thảy mọi người trên đất. AT: “trên khắp dân ở mỗi nơi ngươi đi"

Deuteronomy 11:26

Thông tin Tổng quát:

Ở đây Môi-se tóm tắt hai lựa chọn mà dân Y-sơ-ra-ên có thể chọn. Họ có thể chọn để vâng lời và nhận được ơn phước của Chúa hoặc họ có thể chọn không vâng theo và nhận sự trừng phạt của Chúa.

Kìa, ta đặt trước các ngươi phước lành và rủa xả

Ban cho mọi người sự lựa chọn nếu như họ muốn Chúa chúc phước họ hoặc rủa xả họ được kể như thể việc chúc phước và rủa xả là một vật mà Môi-se sắp đặt trước họ.

Phước lành

Đây là danh từ trừu tượng có thể xem như dạng động từ. AT: “Chúa sẽ chúc phước ngươi"

Sự rủa xả

Danh từ trừu tượng này có thể xem như động từ. AT: “Chúa sẽ rủa xả ngươi"

Nhưng xây bỏ con đường mà ta truyền cho ngươi ngày nay, theo sau các thần khác

Mạng lệnh của Đức Giê-hô-va mà Môi-se đang nói với dân sự được kể như thể chúng là đường hoặc cách của Chúa. Không vâng theo mạng lệnh của Chúa được kể như thể một người xoay mình lại trong các chỉ dẫn khác của Đức Giê-hô-va để bước theo thần khác. AT: “ngưng việc vâng theo những gì ta truyền cho ngươi ngày nay, để mà thờ phượng thần khác"

Theo sau những thần khác mà ngươi không biết

Cụm từ “thần mà ngươi không biết” nói đến những vị thần mà nhóm dân thờ phượng. Dân Y-sơ-ra-ên biết Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài đã bày tỏ chính Ngài cho họ và họ đã kinh nghiệm quyền năng của Ngài.

Deuteronomy 11:29

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Người sẽ đặt ơn phước trên núi Ga-ri-xim, và sự rủa xả trên núi Ê-banh

Sự chúc phước và sự rủa xả được kể như thể chúng là một vật mà người ta sẽ đặt trên núi. AT: "một số trong các ngươi phải đứng trên đỉnh núi Ga-ri-xim và tuyên bố những gì lí do Đức Giê-hô-va chúc phước ngươi, và số khác phải đứng trên đỉnh núi Ê-banh tuyên bó những gì khiến Đức Giê-hô-va rủa xả ngươi"

Núi Ga-ri-xim ... Núi Ê-banh

Đây là tên những ngọn núi ở phía tây của sông Giô-đanh.

Không phải chúng bên kia sông Giô-đanh...Mô-rê?

Dân Y-sơ-ra-ên ở phía đông sông Giô-đanh. Môi-se sử dụng câu hỏi để nhắc nhở dân sự nơi những ngọn núi tọa lạc. Câu hỏi này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Như ngươi biết, chúng ở bên kia Giô-đanh...Mô-rê."

Bên kia Giô-đanh

"phía tây của sông Giô-đanh"

Phía tây của con đường phía tây

"ở phía tây"

Đối diện với Ghinh-ganh

"gần Ghinh-ganh" Đây có thể không cùng chỗ với thành phố gần Giê-ri-cô. Môi-se có thể nói đến một nơi gần Si-chem.

Cây sồi của Mô-rếp

Đây là những cây thánh gần Ghinh-ganh.

Deuteronomy 11:31

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hết thảy luật và mạng lệnh

Đây là các luật và mạng lệnh Môi-se sẽ ban trong Phục truyền 12-26.

Ta đặt trước mặt các ngươi ngày nay

Điều này không có nghĩa chúng mới. Môi-se đang xem xét lại những luật và mạng lệnh mà ông truyền 40 năm qua.

Ta đặt trước ngươi

Các luật và mạng lệnh của Chúa, điều mà Môi-se đang nói với dân sự, được kể như thể chúng là một vật mà Môi-se đặt trước mọi người. AT: “Ta đang truyền cho các người"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Deuteronomy 11:1

Môi-se bảo dân sự phải luôn luôn giữ bốn điều nào của Đức Giê-hô-va?

Ông dặn họ phải luôn luôn giữ những lời dạy của Đức Giê-hô-va cùng các luật lệ, mạng lệnh và điều răn của Ngài.

Deuteronomy 11:2

Ai không biết cũng không thấy sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va và quyền năng của Ngài bày tỏ ở tại Ai Cập?

Con cháu của dân Y-sơ-ra-ên không biết cũng không thấy sự đoán phạt hay quyền năng của Đức Giê-hô-va tại Ai Cập.

Deuteronomy 11:4

Đức Giê-hô-va đã dùng điều gì để nhấn chìm quân Ai Cập khi chúng đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va đã khiến nước Biển Đỏ nhấn chìm quân đội Ai Cập khi chúng đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 11:7

Mắt dân Y-sơ-ra-ên đã xem thấy những điều gì?

Mắt dân Y-sơ-ra-ên đã xem thấy mọi công việc vĩ đại mà Đức Giê-hô-va đã làm.

Deuteronomy 11:8

Chuyện gì sẽ xảy ra cho dân sự nếu như họ vâng giữ mọi điều răn?

Nếu dân sự chịu vâng giữ mọi điều răn thì họ sẽ được mạnh mẽ để đi vào đánh chiếm xứ mà Đức Giê-hô-va đã hứa ban cũng như họ sẽ được sống lâu.

Deuteronomy 11:9

Chuyện gì sẽ xảy ra cho dân sự nếu như họ vâng giữ mọi điều răn?

Nếu dân sự chịu vâng giữ mọi điều răn thì họ sẽ được mạnh mẽ để đi vào đánh chiếm xứ mà Đức Giê-hô-va đã hứa ban cũng như họ sẽ được sống lâu.

Deuteronomy 11:11

Tại sao đất hứa lại khác với xứ Ê-díp-tô, và khác biệt ra sao?

Xứ mà họ sẽ nhận là một xứ có các đồi núi và thung lũng, được nhuần tưới bởi mưa trời.

Deuteronomy 11:14

Đức Giê-hô-va sẽ ban gì cho dân sự nếu như họ vâng giữ các điều răn của Ngài, và hết lòng, hết linh hồn mà phục sự Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ mưa mùa thu và mưa mùa xuân để họ có thể thu hoạch hoa màu, rượu mới và dầu.

Deuteronomy 11:17

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu dân sự xây bỏ Ngài mà đi thờ phượng các thần khác?

Ngài sẽ nổi giận và đóng các tầng trời lại để không có mưa nữa.

Deuteronomy 11:19

Khi nào thì dân Y-sơ-ra-ên nên dạy dỗ con cháu của họ các điều răn của Đức Giê-hô-va?

Họ phải dạy dỗ con cháu của họ các điều răn của Đức Giê-hô-va khi họ ngồi, đi đường, nằm ngủ cũng như lúc thức dậy.

Deuteronomy 11:21

Dân sự phải làm gì để các ngày của họ và của con cháu họ được thêm lên nhiều?

Họ sẽ viết các điều răn của Đức Giê-hô-va lên khung cửa nhà mình và trước cổng thành của mình.

Deuteronomy 11:22

Nếu dân sự vâng giữ mọi điều răn của Đức Giê-hô-va và trung tín với Ngài, thì Ngài sẽ làm gì cho họ?

Đức Giê-hô-va sẽ đuổi tất cả các dân tộc nầy khỏi trước mặt họ và họ sẽ trục xuất những dân tộc lớn và mạnh hơn mình.

Deuteronomy 11:23

Nếu dân sự vâng giữ mọi điều răn của Đức Giê-hô-va và trung tín với Ngài, thì Ngài sẽ làm gì cho họ?

Đức Giê-hô-va sẽ đuổi tất cả các dân tộc nầy khỏi trước mặt họ và họ sẽ trục xuất những dân tộc lớn và mạnh hơn mình.

Deuteronomy 11:25

Tại sao không một ai có thể đương đầu với dân Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va sẽ gieo nỗi sợ hãi và kinh hoàng trước dân Y-sơ-ra-ên trên khắp xứ đó.

Deuteronomy 11:26

Ngày hôm ấy, Môi-se đã đặt trước mặt dân sdân Y-sơ-ra-ên những gì?

Ông đã đặt trước mặt họ phước lành và nguyền rủa.

Deuteronomy 11:31

Dân sự phải đi đâu để chiếm lấy xứ đó?

Họ phải vượt qua sông Giô-đanh để đánh chiếm và sống trong xứ đó.

Chapter 12

Deuteronomy 12:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngươi phải giữ

"ngươi phải vâng lời"

Hết những ngày mà ngươi sống trên đất

Ở đây “ngày” tượng trưng cho thời gian dài. Cũng vậy, “sống trên đất” là thành ngữ có nghĩa là cuộc sống dài của con người. AT: "ngươi sống lâu dài"

Ngươi chắc sẽ hủy diệt

"Nguơi phải hủy diệt"

Các dân tộc mà ngươi sẽ chiếm lấy

Ở đây “các dân tộc” tượng trưng cho nhóm dân sống ở Ca-na-an. AT: “Nhóm dân mà các ngươi chiếm đất của chúng"

Deuteronomy 12:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngươi sẽ phá vỡ các bệ thờ

"ngươi phải kéo các bệ thờ của những dân này" hoặc "ngươi phải hủy diệt bệ thờ của những dân này"

Đập thành từng mảnh

"phá vỡ từng mảnh" hoặc "làm tan vỡ "

Ngươi phải hạ bỏ

"ngươi phải đốn ngã"

Xóa tên của chúng

Ở đây “tên của chúng” tượng trưng cho “những ký ức về chúng.” AT: “xóa bỏ chúng để hoàn toàn không ai nhớ đến” hoặc “xóa bỏ mọi thứ tượng trưng cho những thần giả"

Nơi đó

Điều này nói đến mỗi nơi các dân thờ phượng thần của họ.

Ngươi sẽ không thờ phượng Đức Giê-hô-va Chúa ngươi như thế

"Ngươi sẽ không thờ phượng Đức Giê-hô-va Chúa ngươi như những dân khác thờ phượng thần của chúng”

Deuteronomy 12:5

Nơi mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ chọn ra các chi phái để đặt danh Ngài

Ở đây “danh Ngài” nói đến chính Chúa. Đức Giê-hô-va sẽ chọn một vị trí Ngài sẽ sống và mọi người sẽ đến thờ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phượng Ngài tại đó.
Đó là chỗ các ngươi sẽ đi
Họ sẽ đi thờ phượng nơi mà Chúa quyết định.
Đây là của lễ dâng lên bởi tay ngươi
Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ người đó. AT: “Của lễ mà ngươi dâng lên"
Của lễ thề nguyện, của lạc hiến
"của lễ để làm trọn sự hứa nguyện, của lễ tự nguyện." Đây là các loại của lễ.
Con đầu lòng trong bầy bò và dê
Chúa yêu cầu dân sự dâng cho Ngài mỗi con đầu lòng trong bầy vật nuôi của họ.
Deuteronomy 12:7
Ở tại đó
Điều này nói đến địa điểm mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn những con trẻ để hầu việc.
Hân hoan vì mọi điều mà tay ngươi đặt vào
Ở đây “đặt tay ngươi vào” tượng trưng cho toàn bộ người đó và công việc đã hoàn thành. AT: “hân hoan về hết thảy việc ngươi đã làm"
Deuteronomy 12:8
Đừng làm mọi điều mà chúng tôi đang làm ngày nay
"Ngươi sẽ không làm như chúng tôi đang làm ngày nay." Điều này có nghĩa họ sẽ thờ phượng trong đất hứa khác với cách họ thờ phượng vào lúc đó.
Bấy giờ mỗi người hãy làm những gì là phải trước mắt họ
Ở đây “mắt” tượng trưng cho suy nghĩ hoặc ý kiến của một người. AT: “mỗi người đang làm những gì họ cho rằng là phải lẽ"
Để an nghỉ
Danh từ “an nghỉ” có thể dịch như động từ. AT: “vào xứ sở nơi ngươi sẽ nghỉ ngơi"
Để thừa hưởng điều mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ ban cho
Xứ sở mà Chúa sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên được kể như thể nó là tài sản mà người cha để lại để thừa để cho con của ông. AT: "vào xứ sở mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ ban cho ngươi như của cải đời đời"
Deuteronomy 12:10
Và sống trong xứ
Điều này nói đến vùng đất Ca-na-an.
Trong xứ sở mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ để ngươi thừa kế
Chúa sẽ ban đất Ca-na-an cho dân Y-sơ-ra-ên được kể như thể Ngài là người cha ban quyền thửa kế cho con Ngài.
Khi Ngài ban cho ngươi bình an khỏi kẻ thù xung quanh ngươi
"Khi Ngài ban cho ngươi yên bình khỏi kẻ thù xung quanh ngươi"
Sẽ xảy ra tại nơi mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi chọn để khiến danh Ngài ở
Ở đây “danh” tượng trưng cho chính Chúa. AT: “sẽ ở nơi mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ở"
Của lễ dâng lên bởi tay ngươi
Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “của lễ mà ngươi dâng lên"
Hết thảy của lễ ngươi chọn cho sự hứa nguyện
"hết thảy của lễ tự nguyện để làm trọn hứa nguyện"
Deuteronomy 12:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Hoan hỉ trước Đức Giê-hô-va
"hoan hỉ trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"
Người Lê-vi ở cửa thành của ngươi
Ở đây “cửa thành” là nói đến chính thành phố. AT: “người Lê-vi sống bên trong thành phố của người” hoặc “người Lê-vi đang sống cùng ngươi"
Khiến người đã không có phần hoặc thừa kế giữa các ngươi
Sự việc mà Đức Giê-hô-va sẽ không ban bất cứ xứ sở cho người Lê-vi được kể như thể người cha không ban cho con sự thừa kế.
Người đã không có phần
Ở đây “người” nói đến người Lê-vi. Người Lê-vi tượng trưng cho cả dòng dõi. AT: “chúng đã không có phần"
Deuteronomy 12:13
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Khá chú ý về ngươi
"Chú ý"
Mỗi nơi mà ngươi thấy
"bất cứ nơi làm hài lòng ngươi" hoặc "bất cứ nơi nào ngươi muốn"
Nhưng đó là ở nơi mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn
Của lễ thiêu mà ngươi thực hiện tại đền tạm. Chính Đức Giê-hô-va sẽ chọn nơi đền tạm tọa lạc.
Deuteronomy 12:15
Tuy nhiên, ngươi phải giết và ăn con vật bên trong cửa thành của ngươi
Dân sự chỉ giết con vật để cúng tế trong nơi mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn. Họ có thể giết con vật để ăn bất cứ nơi đâu họ muốn. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.
Bên trong các cửa thành của ngươi
Ở đây “cửa thành” tượng trưng cho toàn bộ thành phố. AT: “bên trong thành phố của ngươi” hoặc “tại nhà của ngươi"
Ô uế ... người
Người không được thừa nhận các ý định của Đức Chúa Trời được kể như thể người đó có thân thể bần thỉu.
Người tinh sạch
Người được thừa nhận các ý định của Đức Chúa Trời được kể như thể họ có thân thể sạch sẽ.
Loài linh dương và loài nai
Đây là động vật hoang dã có chân dài mảnh khảnh có thể chạy nhanh. AT: “loài linh dương và loài nai"
Nhưng ngươi đừng ăn huyết
Huyết tượng trưng cho sự sống và Chúa không cho phép mọi người ăn huyết cùng với thịt. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.
Deuteronomy 12:17
Thông tin Tổng quát:
Môi-se mô tả cho mọi người hết thảy lễ vật đặc biệt và hi sinh đều thực hiện ở đền tạm.
Bên trong cửa thành của ngươi
Ở đây “cửa thành” tượng trưng cho toàn bộ thành phố. AT: “bên trong thành phố của ngươi” hoặc “tại nhà của ngươi”
Không của lễ nào ngươi dâng lên bởi tay mình
Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “không của lễ nào mà ngươi không mang đến cho Đức Giê-hô-va"
Deuteronomy 12:18
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Ngươi sẽ ăn chúng
"ngươi sẽ ăn của lễ của ngươi"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trước Giê-hô-va
"trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”
Người Lê-vi ở bên trong cửa thành của ngươi
Ở đây “cửa thành” tượng trưng cho toàn bộ thành phố. AT: "bất kì người Lê-vi sống bên trong thành phố của ngươi"
Mọi thứ do tay ngươi làm
Ở đây “do tay ngươi làm” tượng trưng cho toàn bộ con người và công việc người đó làm. AT: "hân hoan về các việc ngươi đã làm"
Chú ý về chính mình
"Cẩn thận"
Ngươi chớ từ bỏ
Có thể ở dạng bị động. AT: “ngươi phải chăm sóc"
Deuteronomy 12:20
Mở rộng bờ cõi của ngươi
"mở rộng lãnh thổ của ngươi" hoặc "ban cho ngươi nhiều đất hơn"
Ngươi nói, ‘Tôi muốn ăn thịt,’ bởi vì ngươi khao khát ăn thịt
Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp này có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "và ngươi xác định rằng ngươi muốn ăn thịt"
Như linh hồn ngươi khát khao
Từ “linh hồn” nói đến toàn bộ con người. AT: “như ngươi muốn” hoặc “như ngươi ao ước"
Deuteronomy 12:21
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Chọn để đặt danh Ngài
Ở đây “danh” nói đến chính Chúa. Đức Giê-hô-va sẽ chọn nơi mà Ngài sẽ ở và mọi người sẽ đến thờ phượng Ngài. AT: "chọn để ở"
Trong một cửa thành của ngươi
Ở đây “cửa thành” tượng trưng cho toàn bộ thành phố. AT: “bên trong thành phố của ngươi” hoặc “trong cộng đồng của ngươi"
Như hồn ngươi khao khát
Ở đây “hồn” nói đến toàn bộ con người. AT: "như ngươi khao khát"
Như loài linh dương và loài nai bị ăn thịt
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Cũng như ngươi ăn thịt linh dương và nai"
Linh dương và nai
Đây là loài động vật hoang dã có chân dài mảnh khảnh chạy nhanh. Xem bản dịch những từ này torng DEU 12:15.
Ô uế ... con người
Người không được chấp nhận các ý định của Chúa được kể như thể họ là người có thân thể dơ bẩn.
Người tinh sạch
Người được chấp nhận các ý định của Chúa được kể như thể họ là người có thân thể sạch sẽ.
Deuteronomy 12:23
Huyết là sự sống
Ở đây cách huyết duy trì sự sống được kể như thể huyết là chính sự sống. AT: "huyết duy trì sự sống" hoặc "huyết làm cho con vật và người sống"
Ngươi sẽ không ăn sự sống với thịt
Từ “sự sống” ở đây tượng trưng cho máu duy trì sự sống. AT: “Ngươi sẽ không những gì duy trì sự sống cùng với thịt " hoặc "ngươi sẽ không ăn huyết, thứ duy trì sống, cùng với thịt"
Những gì phải lẽ trước mắt Giê-hô-va
Ở đây “mắt” tượng trưng cho suy nghĩ và ý kiến. AT: “Những gì phải lẽ theo như Đức Giê-hô-va” hoặc “Những gì Đức Giê-hô-va nói là phải lẽ”
Deuteronomy 12:26
Của lễ cho sự hứa nguyện của ngươi
"của lễ để làm trọn sự hứa nguyện" hoặc "của lễ hứa nguyện"
Huyết của vật hi sinh sẽ đổ ra
Có thể ở dạng chủ động. AT: "thầy tế lễ sẽ đổ huyết của vật hi sinh"
Ngươi sẽ ăn thịt
Luật của Chúa ghi rõ những phần của con vật cho của lễ thiêu, những phần cho thầy tế lễ và những phần cho người phục vụ ăn. Nghĩa đầy đủ của câu mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "ngươi sẽ ăn một ít thịt"
Deuteronomy 12:28
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Hãy tuân theo bà lắng nghe những lời mà ta truyền cho ngươi
Ở đây “những lời” tượng trưng cho những gì Môi-se đang nói. AT: “Cẩn thận lắng nghe và vâng lời mà ta đang truyền cho ngươi"
Để phước theo ngươi và cùng con cháu ngươi sau này
Ở đây “con cháu” nghĩa là hết thảy dòng dõi của họ. AT: "để ngươi và dòng dõi ngươi được thịnh vượng"
Khi ngươi làm những điều lành và ngay thẳng
Từ “tốt lành” và “ngau thẳng” có cùng nghĩa và nhấn mạnh sự quan trọng của cách cư xử phải lẽ. AT: "khi ngươi làm những gì phải lẽ"
Trước mắt của Đức Giê-hô-va
Ở đây “mắt” tượng trưng cho suy nghĩ và ý kiến. AT: “theo như Đức Giê-hô-va"
Deuteronomy 12:29
Đuổi những dân khác
Đức Giê-hô-va hủy diệt nhóm dân ở Ca-na-an được kể như thể Ngài đuổi họ đi, như cắt một mảnh vải khỏi quần áo hoặc như cắt nhánh cây khỏi cành cây.
Dân tộc khác
Ở đây “dân khác” tượng trưng cho dân sống ở Ca-na-an.
Khi ngươi đi chiếm của họ, và ngươi đuổi họ
"khi ngươi lấy mọi thứ khỏi họ"
Khá chú ý về chính mình
"cẩn thận"
Ngươi sẽ không mắc bẫy theo chúng... mắc bẫy vì tìm biết thần của chúng, thỉnh cầu chúng
Một người tìm biết và thờ phượng thần khác được kể như thể họ mắc bẫy của thợ săn. Có thể ở dạng chủ động. AT: "ngươi đừng hành động như chúng...cũng đừng tìm biết về thần của chúng, thỉnh cầu"
Không mắc bẫy để theo chúng
Dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng thần tượng như người Ca-na-an thờ phượng thần tượng được kể như thể dân Y-sơ-ra-ên theo sau một nhóm dân khác.
Sau khi chúng bị hủy diệt khỏi mặt ngươi
Có thể ở dạng chủ động. AT: "sau khi Đức Giê-hô-va hủy diệt chúng khỏi mặt ngươi"
Mà hỏi rằng, ‘Các dân này thờ thượng thần của họ thế nào? Ta cũng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

muốn làm như vậy’

Đây là câu hỏi lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. AT: "mà hỏi rằng các dân này thờ phượng thần của họ thế nào để ta có thể làm như vậy"

Deuteronomy 12:31

Đừng thêm vào hay bớt ra khỏi chúng

Các luật không được thêm hơn hoặc bớt đi mà Chúa đã ban cho.

Translation Questions

Deuteronomy 12:2

Môi-se căn dặn dân Y-sơ-ra-ên phải phá hủy những nơi nào?

Họ sẽ phải phá hủy toàn bộ những nơi thờ các thần tượng của các dân mà dân Y-sơ-ra-ên đã đánh đuổi.

Deuteronomy 12:3

Đức Giê-hô-va đã truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với tên của các thần thuộc các nước đó?

Ngài truyền cho dân Y-sơ-ra-ên xóa tên các thần ấy khỏi những chỗ đó.

Deuteronomy 12:5

Dân Y-sơ-ra-ên phải đi đến nơi nào và đem các của lễ thiêu, các sinh tế, thuế một phần mười và các lễ vật của mình đến?

Dân sự sẽ đi đến nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình sẽ chọn.

Deuteronomy 12:8

Dân Y-sơ-ra-ên đang làm những việc gì?

Họ đang làm những việc họ cho là phải.

Deuteronomy 12:10

Đức Giê-hô-va sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên sự yên nghỉ nào khi họ vượt qua sông Giô-đanh?

Ngài sẽ ban cho họ sự an nghỉ, thoát khỏi sự vây hãm của mọi kẻ thù, và họ sẽ được sống yên ổn.

Deuteronomy 12:15

Dân Y-sơ-ra-ên có thể giết và ăn thịt những loài vật nào?

Dân Y-sơ-ra-ên có thể giết và ăn thịt các súc vật trong tất cả các thành của mình.

Deuteronomy 12:16

Dân Y-sơ-ra-ên không được phép ăn gì?

Dân Y-sơ-ra-ên không được phép ăn huyết, nhưng phải đổ huyết trên đất như đổ nước vậy.

Deuteronomy 12:17

Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dặn rằng họ không thể ăn các phần mười và các con sinh tế của mình ở đâu?

Họ không thể ăn chúng trong các thành của mình.

Deuteronomy 12:18

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn các phần mười và các sinh tế của mình ở đâu?

Họ sẽ ăn chúng ở trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời trong nơi mà Ngài sẽ chọn.

Deuteronomy 12:19

Dân Y-sơ-ra-ên được truyền không được quên điều gì?

Họ được dặn không được quên người Lê-vi chừng nào họ còn sống trong xứ của dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 12:20

Dân Y-sơ-ra-ên có thể ăn những gì khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình mở rộng bờ cõi của họ như Ngài đã phán hứa với họ?

Dân Y-sơ-ra-ên có thể ăn thịt như họ ước ao.

Deuteronomy 12:21

Dân Y-sơ-ra-ên có thể ăn gì nếu như nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chọn để đặt danh Ngài ở xa chỗ của họ?

Nếu như nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chọn để đặt danh Ngài ở xa chỗ của dân Y-sơ-ra-ên, thì dân Y-sơ-ra-ên có thể giết một vài trong số những bầy súc vật mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ.

Deuteronomy 12:23

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với huyết?

Dân Y-sơ-ra-ên không nên ăn huyết, mà phải đổ nó ra trên đất như nước.

Deuteronomy 12:24

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với huyết?

Dân Y-sơ-ra-ên không nên ăn huyết, mà phải đổ nó ra trên đất như nước.

Deuteronomy 12:26

Dân Y-sơ-ra-ên được truyền phải đem những vật gì đến nơi mà Đức Giê-hô-va đã chọn?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ đem những vật đã được biệt riêng nên thánh mà họ có và những của lễ dâng về lời hứa nguyện của họ đến nơi mà Đức Giê-hô-va đã chọn.

Deuteronomy 12:27

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ dâng các của lễ thiêu, thịt và huyết của nó, tại đâu trên bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi đến nơi mà Đức Giê-hô-va đã chọn để dâng các của lễ thiêu, thịt và huyết của nó, trên bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.

Deuteronomy 12:28

Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dặn phải làm gì để họ và con cháu họ cũng sẽ được phước đời đời?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải giữ và vâng theo mọi lời mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho họ và làm những điều tốt đẹp và ngay thẳng dưới mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình để họ và con cháu họ cũng sẽ được phước đời đời.

Deuteronomy 12:30

Đức Giê-hô-va đã truyền dặn dân Y-sơ-ra-ên phải cẩn thận những điều gì khi Đức Chúa Trời đã diệt những dân đó khỏi trước mặt họ và khi dân Y-sơ-ra-ên tiến vào để trục xuất các dân đó đặng sống trong xứ của họ?

Dân Y-sơ-ra-ên phải chú ý cẩn thận để không bị mắc bẫy rồi bắt chước các dân đó mà đi theo hoặc tìm hiểu về các thần của các nước đó.

Deuteronomy 12:31

Để thờ phượng các thần thì những dân đó đã làm gì với các con trai và con gái của mình?

Các dân đó đã thiêu các con trai con gái của mình trong lửa cho các thần đó.

Chapter 13

Deuteronomy 13:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nếu có sự nổi lên giữa các ngươi

"Nếu có sự xuất hiện giữa các ngươi" hoặc "Nếu ai đó giữa các ngươi tự cho mình là"

Kẻ nằm mơ

Đây là người nhận sứ điệp từ Chúa qua giấc mơ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một dấu hoặc phép lạ

Đây là hai từ có cùng nghĩa và nhắc đến những điều kì diệu khác nhau.

Xảy đến

"diễn ra" hoặc "xảy ra"

Có người nói với ngươi rằng, ‘Chúng ta hãy đi theo các thần khác, để mọi người không biết, và chúng ta hãy thờ phượng họ'

Có thể dịch như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “và có người chúng tôi hầu việc và thờ phượng thần khác để mọi người không biết"

Hãy đi theo các thần khác

Thờ phượng thần khác được kể như thể họ đang theo sau hoặc dõi theo các thần khác.

Theo sau thần khác, để ngươi không biết

Nhóm từ “Các thần mà mọi người không biết” nói đến các thần mà những nhóm khác thờ phượng. Dân Y-sơ-ra-ên biết Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài đã bày tỏ chính Ngài cho họ và họ đã kinh nghiệm quyền năng của Ngài.

Đừng nghe theo những lời của tiên tri, hoặc những kẻ hay chiêm bao

Từ “lời” tượng trưng những gì được nói. AT: “đừng nghe những gì tiên tri nói với những gì kẻ nằm chiêm bao nói"

Bằng cả tấm lòng ngươi và cả tâm hồn ngươi

Thành ngữ “bằng cả lòng ngươi” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng…hồn” nghĩa là “bằng cả sự sống của ngươi." Hai nhóm từ này có cùng nghĩa. Xem bản dịch này trong [DEU 4:29]

Deuteronomy 13:4

Ngươi sẽ bước đi theo sau Đức Giê-hô-va Chúa của ngươi

Việc vâng lời và thờ phượng Đức Giê-hô-va được kể như thể mọi người đang bước theo sau và dõi theo Đức Giê-hô-va.

Vâng theo lời Ngài

Ở đây “lời” tượng trưng cho những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: “vâng theo những gì Ngài phán"

Níu lấy Ngài

Để có mối quan hệ tốt với Đức Giê-hô-va và hoàn toàn nương dựa Ngài được kể như thể một người đang bám lấy Đức Giê-hô-va. AT: "nương dựa Ngài"

Sẽ bị xử tử

Có thể ở dạng chủ động. AT: "ngươi phải giết"

Hắn đã xúi nổi loạn

Danh từ trừu tượng “nổi loạn” có thể ở dạng động từ. AT: “hắn đã cố gắng làm ngươi nổi loạn"

Đấng đã chuộc ngươi khỏi nhà nô lệ

Đức Giê-hô-va giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi cuộc sống nô lệ ở Ai Cập được kể như thể Đức Giê-hô-va trả tiền chuộc dân của Ngài khỏi cảnh nô lệ. AT: “Đấng giải cứu ngươi khỏi nơi mà ngươi là nô lệ"

Nhà nô lệ

Ở đây “nhà nô lệ” tượng trưng cho Ai Cập là nới dân của Đức Giê-ho-va đã từng là nô lệ.

Kéo ngươi ra khỏi con đường mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi truyền cho ngươi bước đi

Chúa muốn một người sống và cư xử thế nào được kể như thể nó là con đường hoặc phương cách mà Chúa muốn dân của Ngài đi. Một người cố gắng khiến người khác ngưng vâng lời Chúa được kể như thể một người cố gắng ngăn người khác ngừng bước đi trong đường lối Chúa. AT: "khiến ngươi không vâng theo những gì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi truyền"

Gạt kẻ dữ ra khỏi các ngươi

Ở đây “kẻ dữ” nói đến con người xấu xa hoặc cư xử xấu xa. AT: “Ngươi phải loại bỏ khỏi giữa dân Y-sơ-ra-ên kẻ làm điều ác" hoặc "Ngươi phải giết kẻ ác này"

Deuteronomy 13:6

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Vợ của lòng ngươi

Lòng là phần ngực của một người. Đây là thành ngữ mà anh ta giữ chặt trong lồng ngực mình, yêu và giữ cô ấy trong lòng. AT: "vợ ngươi yêu" hoặc "vợ ngươi thân yêu ôm ấp"

Người bạn đồng lòng với ngươi

Ở đây “lòng” tượng trưng cho cuộc sống của một người. Điều này nghĩa là một người quan tâm bạn của anh ta nhiều như anh ta quan tâm vợ của mình. AT: “bạn thân yêu của ngươi” hoặc “người bạn ngươi yêu quí như ngươi yêu chính mình"

Dụ dỗ ngươi các kín đáo mà nói rằng, 'Chúng ta hãy đi và thờ phượng ... tận cùng trái đất.'

Điều này có thể dịch như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “thử thuyết phục cách riêng tư để ngươi đi và thờ phượng…tận cùng trái đất."

ở xung quanh ngươi

"ở gần quanh ngươi"

Từ đầu này đến đầu kia của tận cùng trái đất

Ở đây nói đến thái cực của trái đất “mọi nơi trên trái đất." AT: "trên khắp trái đất"

Deuteronomy 13:8

Đừng bằng lòng theo nó

"Đừng đồng thuận những gì nó muốn"

Mắt của ngươi cũng đừng thương xót nó

Ở đây “mắt của ngươi” nói đến toàn bộ con người. AT: “Ngươi cũng đừng nhìn nó với lòng thương hại" hoặc "Cũng đừng bày tỏ sự nhân từ với nó"

Ngươi cũng đừng dung thứ hoặc bao che cho nó

"ngươi cũng đừng bày tỏ sự nhân từ hoặc giấu những việc gì nó làm"

Tay ngươi phải xử tử nó đầu tiên

Điều này có nghĩa ngươi phải ném đá vào kẻ tội lỗi đầu tiên. Từ “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: "ngươi phải đánh chết nó đầu tiên"

Tay của dân sự

Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “những người khác sẽ tham gia cùng ngươi"

Deuteronomy 13:10

Nó đã cố kéo ngươi ra khỏi Đức Giê-hô-va

“quay đi khỏi Đức Giê-hô-va.” Một người cố gắng khiến người khác ngưng vâng lời Đức Giê-hô-va được kể như thể một người đang cố gắng khiến người khác xoay người và rời bỏ D

Khỏi nhà nô lệ

Ở đây “nhà của nô lệ” nói đến Ai Cập nơi dân của Đức Giê-hô-va đã từng là nô lệ. AT: “ra khỏi nơi ngươi là nô lệ"

Hết thảy dân Y-sơ-ra-ên sẽ nghe và sợ hãi

Điều này ám chỉ rằng khi một người nghe về một người bị hành hình, họ sẽ sợ hãi như họ bị như vậy.

Deuteronomy 13:12

Thông tin Tổng quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Có vài kẻ xấu xa đã đi khỏi giữa ngươi

Cụm từ “khỏi giữa ngươi” nghĩa là những người xấu xa là người Y-sơ-ra-ên sống giữa cộng đồng.

Đã dụ dỗ ngươi khỏi thành của mình và nói, ‘Chúng ta hãy đi và thờ phượng những thần khác mà mọi người không biết'

Có thể dịch như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “đã thuyết phục những người sống trong thành phố của họ đi và thờ phượng mà mọi người không biết"

Đã dụ dỗ người dân ra khỏi thành của họ

Một người khiến người khác không vâng lời Đức Giê-hô-va như thể họ một người đã khiến người khác quay đi và rời bỏ Đức Giê-hô-va.

Xem xét kĩ càng, thăm dò, và hết sức điều tra

Hầu hết các cụm từ nghĩa cơ bản giống nhau. Môi-se đang nhấn mạnh rằng họ phải cẩn thận tìm kiếm những gì xảy ra đúng sự thật ở thành phố.

Thật là điều ghê tỏm đã xảy ra giữa ngươi

Có thể ở dạng chủ động. AT: "điều mà mọi người đã làm là một điều ghê tỏm"

Deuteronomy 13:15

Bằng lưỡi gươm

Ở đây “lưỡi” tượng trưng cho toàn bộ thanh gươm. AT: “bằng gươm của ngươi"

Hết mọi cướp bóc

"hết mọi của cướp." Điều này nói đến của cải và kho báu mà đội quân thu góp được sau khi đánh thắng.

Đống hư tàn

"đống đổ nát"

Nó không bao giờ xây lại

Có thể ở dạng chủ động. AT: “không ai có thể xây lại thành phố"

Deuteronomy 13:17

Không có vật gì đặt riêng để hủy diệt dính ở trong tay ngươi

Đức Giê-hô-va nguyền rủa điều này và hứa sẽ hủy diệt nó được kể như thể Đức Giê-hô-va đã đặt vật này ra khỏi những vật khác. Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngươi không được giữ những thứ Chúa đã lệnh ngươi hủy diệt"

Dính ở trong tay ngươi

Đây là thành ngữ. AT: “ngươi phải giữ"

Đức Giê-hô-va sẽ nguôi cơn thịnh nộ dữ dội của Ngài

Đức Giê-hô-va không còn giận dữ được kể như thể cơn thịnh nộ của Ngài là một vật và Ngài đem nó đi khỏi. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ ngưng giận dữ"

Tổ phụ của ngươi

Ở đây “tổ phụ” nghĩa là tổ tiên và ông cha.

Ngươi hãy nghe lời Đức Giê-hô-va

Ở đây “lời” tượng trưng cho những gì Đức Giê-hô-va nói. AT: “ngươi hãy vâng theo những gì Đức Giê-hô-va nói"

Những gì là ngay thẳng trước mắt của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi

Ở đây “mắt” đại diện cho suy nghĩ và ý kiến. AT: “điều cho là ngay thẳng theo như Đức Giê-hô-va Chúa ngươi” hoặc “những gì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi cho rằng là ngay thẳng"

Translation Questions

Deuteronomy 13:3

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên không được nghe theo lời của những kẻ tự cho mình là tiên tri hoặc của những kẻ nằm mộng rồi báo cho mọi người một dấu lạ hoặc một phép mầu rồi bảo: "Chúng ta hãy đi tho các thần khác, là các thần mà anh em không hề biết, và chúng ta hãy thờ phượng các thần đó"?

Dân Y-sơ-ra-ên không được nghe theo bởi vì Đức Giê-hô-va đang thử xem họ có hết lòng, hết lình hồn mà yêu mến Ngài hay không.

Deuteronomy 13:5

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với những kẻ tự cho mình là tiên tri hoặc của những kẻ nằm mộng bảo họ phải đi thờ phượng các thần khác?

Họ phải xử tử những kẻ tiên tri hoặc những kẻ nằm mộng đó.

Deuteronomy 13:9

Dân Y-sơ-ra-ên đã được truyền dạy phải làm gì với những kẻ bí mật dụ dỗ họ rằng: "Chúng ta hãy đi và thờ lạy các thần khác", là những thần mà anh em không hề biết?

Họ phải nhất định phải giết những kẻ dụ dỗ mình đi thờ phượng các thần khác.

Deuteronomy 13:10

Dân Y-sơ-ra-ên phải giết những kẻ tìm cách lôi kéo mình xa cách khỏi Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình thế nào?

Họ phải ném đá kẻ đó cho đến chết.

Deuteronomy 13:14

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì nếu như họ nghe biết rằng có những kẻ gian ác ra từ một trong số những thành của mình mà nói rằng: "Chúng ta hãy đi và thờ lạy các thần khác"?

Họ phải điều tra và tìm kiểu kỹ càng, để xem điều đó có thật hay không.

Deuteronomy 13:15

Nếu như dân Y-sơ-ra-ên biết rằng đúng là các dân của thành đó đã rủ nhau đi và thờ phượng các thần khác thì họ phải làm gì với thành đó?

Họ phải dùng gươm tấn công dân cư trong thành đó và tận diệt thành đó.

Deuteronomy 13:17

Tại sao không được xảy ra sơ sót với những vật đánh bị tận diệt?

Những vật đó không được dính lại trên tay của dân Y-sơ-ra-ên, để Đức Giê-hô-va sẽ nguôi cơn thịnh nộ của mình.

Chapter 14

Deuteronomy 14:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Các ngươi là ...các ngươi là dân tộc ... đã chọn các ngươi

Tất cả những chuyện xảy ra “các ngươi” đều nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Bao gồm Môi-se là một phần của dân sự. AT: "Chúng ta là người ... chúng ta là dân tộc ... đã chọn chúng tôi"

Đừng vì người chết mà cắt thịt mình, cũng đừng cạo những phần của mặt ngươi

Đây là những cách mọi người sống ở Ca-na-an bày tỏ rằng họ đau lòng trên người đã chết. Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên đừng làm như họ. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cũng đừng cạo những phần trên mặt của ngươi
"đừng cạo phần trước đầu ngươi"
Vì các ngươi là một dân tộc…mặt đất
Dịch những từ này theo như trong DEU 7:6.
Các ngươi là dân tộc được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
Đức Giê-hô-va chọn dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Ngài theo cách đặc biệt được kể như thể Đức Giê-hô-va biệt riêng khỏi những dân tộc khác. Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã biệt riêng ngươi khỏi những dân tộc khác"
Đức Giê-hô-va đã chọn các ngươi để sở hữu cơ nghiệp của chính Ngài
Điều này có nghĩa cơ bản giống như phần đầu của câu. Chúng đều có nghĩa dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Đức Giê-hô-va theo cách đặc biệt.
Dân để sở hữu cơ nghiệp của chính Ngài
"dân để sở hữu kho báu của Ngài" hoặc "dân của Ngài"
Hơn mọi dân tộc trên mặt đất
"khỏi mọi những nhóm dân trên thế giới"
Deuteronomy 14:3
Ngươi không được ăn những thứ kinh tởm
Dân Y-sơ-ra-ên không được ăn những thứ mà Chúa phán là không thích hợp để ăn.
Loài nai, loài linh dương, loài hoẵng
Đây là mọi loài hươu nai. Có thể dịch thành “mọi loài hươu nai."
Linh dương
Đây là động vật hoang dã có chân dài mãnh khãnh có thể chạy nhanh. Xem bản dịch này trong DEU 12:15.
Loài hoẵng
Một loài thuộc hươu nai
Dê núi, và loài linh dương
Cả hai đều là loài linh dương. Có thể dịch thành “mọi loài linh dương."
Dê núi
Một loài thuộc linh dương
Deuteronomy 14:6
Có móng rẽ ra
"có móng tách ra" (UDB). Đây là móng được chia thành hai phần thay vì là một.
Loài vật nhai lại
Điều này có nghĩa là loài lấy thức ăn từ dạ dày và nhai nó lại.
Con thỏ
Đây là loài động vật có tai dài thường sống trong hang dưới đất.
Loài thỏ rừng
Đây là loài động vật nhỏ sống ở nơi nhiều đá.
Chúng không tinh sạch cho ngươi
Điều này Đức Giê-hô-va không cho phép dân của Ngài ăn được kể như thể chúng là vật dơ bẩn.
Deuteronomy 14:8
Loài heo là không tinh sạch cho ngươi
Điều này Đức Giê-hô-va không cho phép dân Ngài ăn được kể như thể chúng là vật dơ bẩn.
Deuteronomy 14:9
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Về phần những loài dưới nước ngươi có thể ăn
"ngươi có thể ăn những loài động vật sống dưới nước"
Vây cá
Phần mỏng, bẹt của loài cá dùng để di chuyển trong nước
Vảy
Các miếng nhỏ bao phủ thân cá
Chúng không tinh sạch cho ngươi
Điều mà Đức Giê-hô-va không cho phép dân của Ngài ăn được kể như thể chúng là vật dơ bẩn.
Deuteronomy 14:11
Các loài chim tinh sạch
Loài động vật Chúa cho phép dân Ngài ăn được kể như thể loài động vật có thân sạch.
Đại bàng…kền kền... chim ưng biển ... diều hâu đỏ ... diều hâu đen ... chim ưng
Đây là loài chim vừa thức đêm vừa ăn những loài động vật nhỏ và những con vật chết.
Deuteronomy 14:14
Loài quạ ... chim cốc
Đây là những loài chim vừa thức đêm vừa ăn những loài động vật nhỏ và các con vật chết.
Deuteronomy 14:18
Con cò ... con diệc, chim đầu rìu
Đây là loài chim những loài động vật nhỏ và thằn lằn.
Loài dơi
Động vật có cánh và lớp da thú, thường thức vào đêm và ăn côn trùng và loài gặm nhắm.
Mọi loài có cánh, vật theo bầy
Điều này có nghĩa là những loài côn trùng bay được mà di chuyển theo đàn.
Không sạch cho ngươi
Những loài vật mà Chúa không cho phép dân của Ngài ăn được kể như thể loài vật có thân thể dơ bẩn.
Chúng không thể ăn
Có thể dịch ở dạng chú động. AT: "ngươi không được ăn chúng"
Những vật bay được tinh sạch
Những loài vật mà Đức Giê-hô-va cho phép dân của Ngài ăn được kể như thể đó là loài vật có thân thể sạch.
Deuteronomy 14:21
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Mọi thứ tự nó chết
Điều này có nghĩa là loài vật chết cách tự nhiên.
Để các ngươi là dân tộc biệt riêng cho Giê-hô-va Chúa ngươi
Đức Giê-hô-va chọn dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Ngài theo cách đặc biệt được kể như thể Đức Giê-hô-va biệt riêng họ khỏi những dân tộc khác. Có thể ở dạng chủ động. AT: “để Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã biệt riêng các ngươi khỏi những dân tộc khác"
Deuteronomy 14:22
Một phần mười hoa lợi từ hạt giống của ngươi
Điều này có nghĩa họ sẽ đưa số phần mười bằng nhau từ thu hoạch của họ.
Qua mỗi năm
"mỗi một năm"
Trước mặt Đức Giê-hô-va
"trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"
Deuteronomy 14:24
Mang chúng
Ở đây “chúng” nói đến một phần mười từ vụ mùa và vật

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nuôi.

Ngươi sẽ đổi của lễ thành tiền

"ngươi sẽ bán của lễ thành tiền"

Buộc tiền nơi tay ngươi, rồi đi

"đặt tiền trong túi và mang nó cùng với ngươi"

Deuteronomy 14:26

Để những gì ngươi khao khát

"cho những gì ngươi muốn"

Trước Đức Giê-hô-va

"trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Người Lê-vi ở trong cửa của ngươi

Ở đây “cửa” tượng trưng cho toàn bộ thành phố hoặc thị trấn. AT: “Bất kì người Lê-vi sống trong thành của ngươi"

Đừng bỏ người đó

Có thể ở dạng bị động. AT: "đảm bảo đưa một phần mười của ngươi cho người Lê-vi"

Vì họ không có phần chia hoặc thừa hưởng cùng với ngươi

Chi phái Lê-vi không nhận được phần chia đất như sự thừa hưởng của họ. Phần chia của họ trong phần thừa hưởng là vinh dự để hầu việc Đức Giê-hô-va như thầy lễ của họ. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Không được chia cũng không được thừa hưởng cùng với ngươi

Chúa không ban xứ sở cho người Lê-vi được kể như thể Ngài không ban cho họ sự thừa hưởng.

Deuteronomy 14:28

Cứ ba năm ngươi sẽ dâng lên hết phần mười từ sản vật của ngươi

Cứ mỗi ba năm dân Y-sơ-ra-ên lấy phần mười tích trữ trong chính thành của họ để sử dụng cung cấp cho người Lê-vi, người mồ côi, góa bụa và người ngoại.

Trong một cửa thành của ngươi

Ở đây “cửa” tượng trưng cho toàn bộ thành phố hoặc thị trấn. AT: “bên trong thành phố của ngươi"

Bởi vì họ đã không được chia cũng không thừa hưởng cùng ngươi

Chúa không ban bất kì xứ sở cho người Lê-vi được kể như thể Ngài không ban cho họ sự thừa kế.

Người mồ côi

Đây là những đứa trẻ mà cha mẹ của chúng đều đã chết và không có họ hàng chăm sóc cho chúng.

Góa bụa

Đây là người phụ nữ có chồng đã chết và không có con cái để chăm sóc bà khi tuổi già.

Trong các công việc do tay ngươi làm

Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ người đó. Điều này nói đến công việc mà một người làm. AT: “trong hết thảy công việc ngươi làm"

Translation Questions

Deuteronomy 14:1

Môi-se hướng dẫn dân sự của Đức Giê-hô-va không được làm gì?

Họ không được vì người chết mà cắt da thịt mình, hoặc cạo tóc phía trên trán.

Deuteronomy 14:6

Hai đặc tính của những con vật mà dân Y-sơ-ra-ên được phép ăn?

Dân Y-sơ-ra-ên được phép ăn những loài vật có móng chẽ và nhai lại.

Deuteronomy 14:8

Tại sao không được ăn thịt heo?

Heo là loài không thanh sạch cho dân Y-sơ-ra-ên bởi vì nó tuy có móng chẽ, nhưng không nhai lại.

Deuteronomy 14:9

Đặc điểm của các sinh vật sống dưới nước mà dân Y-sơ-ra-ên được phép ăn là gì?

Họ có thể ăn những loài có cả vây và có vẩy.

Deuteronomy 14:19

Dân Y-sơ-ra-ên có được phép ăn các loài côn trùng có cánh di chuyển theo từng đàn hay không?

Tất cả những loài côn trùng có cánh và di chuyển theo đàn đều là không thanh sạch cho dân Y-sơ-ra-ên và không được phép ăn.

Deuteronomy 14:21

Dân Y-sơ-ra-ên có thể ăn thịt những con vật đã chết hay không?

Họ không được ăn thịt những con thú đã chết, nhưng họ có thể đem nó cho một người ngoại quốc.

Dân Y-sơ-ra-ên không được làm gì với một con dê con?

Họ không được phép nấu thịt con dê con trong sữa của mẹ nó.

Deuteronomy 14:22

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với tất cả những sản phẩm từ hạt giống của mình?

Dân Y-sơ-ra-ên phải dâng tất cả phần mười về sản phẩm của giống của nó.

Deuteronomy 14:23

Dân Y-sơ-ra-ên phải ăn những phần mười về lúa gạo, rượu mới và dầu cùng những con đầu lòng trong bầy chiên bầy bò của mình ở đâu?

Dân Y-sơ-ra-ên phải ăn những phần mười về lúa gạo, rượu mới và dầu cùng những con đầu lòng trong bầy chiên bầy bò của mình tại địa điểm mà Ngài sẽ chọn làm nơi thánh của Ngài.

Deuteronomy 14:24

Dân Y-sơ-ra-ên được phép làm gì với những phần mười đó nếu địa điểm mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn để danh Ngài ngự quá xa?

Họ có thể đổi những của lễ dâng đó thành bạc rồi mang bạc đó theo mình đi đến địa điểm mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn nếu như họ phải đi quá xa mới có thể đến được nơi đó, xa đến nỗi không thể mang theo những phần mười đó được.

Deuteronomy 14:25

Dân Y-sơ-ra-ên được phép làm gì với những phần mười đó nếu địa điểm mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn để danh Ngài ngự quá xa?

Họ có thể đổi những của lễ dâng đó thành bạc rồi mang bạc đó theo mình đi đến địa điểm mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn nếu như họ phải đi quá xa mới có thể đến được nơi đó, xa đến nỗi không thể mang theo những phần mười đó được.

Deuteronomy 14:27

Ai không có phần cơ nghiệp với dân Y-sơ-ra-ên nhưng không được quên họ?

Người Lê-vi ở trong thành của dân sự không có phần cơ nghiệp với dân sự nhưng không được quên họ.

Deuteronomy 14:28

Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dạy phải làm gì vào cuối mỗi ba năm?

Cuối mỗi ba năm, dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải dâng trọn một phần mười sản phẩm của năm ấy cho người Lê-vi, những người ngoại quốc, những kẻ mồ côi cha, và người góa bụa.

Deuteronomy 14:29

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dạy phải làm gì vào cuối mỗi ba năm?
Cuối mỗi ba năm, dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải dâng trọn một phần mười sản phẩm của năm ấy cho người Lê-vi, những người ngoại quốc, những kẻ mồ côi cha, và người góa bụa.

Chapter 15
Deuteronomy 15:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Bảy năm
"7 năm"
Ngươi phải xóa bỏ nợ
"tha thứ những điều mà người ta vẫn còn nợ ngươi "
Đây là cách miễn nợ
"Ấy là thế nào để tha thứ nợ"
Người chủ nợ
Một người cho người khác mượn tiền
Kẻ lân cận hoặc anh em
Từ “kẻ lân cận” hoặc “anh em” có phần giống nhau về nghĩa và nhấn mạnh mối quan hệ khắng khít mà họ đã sát cánh với người Y-sơ-ra-ên. AT: "bạn của người Y-sơ-ra-ên"
Bởi sự xóa nợ của Đức Giê-hô-va đã truyền ra
Có thể ở dạng chủ động. AT: “bởi Đức Giê-hô-va đã yêu cầu ngươi xóa nợ"
Tay ngươi phải miễn
Đây là thành ngữ. AT: “ngươi không được đòi lại" hoặc "ngươi không được yêu cầu trả lại"
Deuteronomy 15:4
Không nghèo
Đây là tính từ định mức “nghèo” có thể xem như một tính từ. AT: "không người nghèo" hoặc "không một ai nghèo"
Xứ sở mà Ngài ban
Điều này nói đến vùng đất Ca-na-an.
Ngài ban cho ngươi để chiếm lấy sản nghiệp
Xứ sở mà Đức Giê-hô-va đang ban cho dân của Ngài được kể như thể nó là gia tài mà Đức Giê-hô-va ban cho họ.
Chỉ khi ngươi chăm chú lắng nghe lời Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
Ở đây cách hoán dụ “lời của Đức Giê-hô-va” nói đến những gì chính Đức Giê-hô-va phán. AT: “Chỉ khi ngươi cẩn thận vâng theo những gì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi phán"
Ngươi sẽ mượn... ngươi sẽ không vay
Từ “tiền” có thể hiểu. Bạn có thể làm rõ nghĩa đầy đủ của câu lệnh này. AT: “ngươi sẽ mượn tiền…ngươi sẽ không mượn tiền"
Nhiều dân tộc ... trên nhiều dân tộc
Ở đây “những dân tộc” tượng trưng cho mọi người. AT: “người của nhiều dân tộc…trên nhiều người của nhiều dân tộc"
Ngươi sẽ quản cai trên dân tộc, nhưng họ sẽ không cai trị ngươi
Ở đây “cai trị trên” có nghĩa là vượt trội về tài chính. Điều này có nghĩa cơ bản giống phần trước của câu.
Deuteronomy 15:7
Nếu có người nghèo
Ở đây “người” nghĩa là con người theo cách chung chung. AT: "nếu có người nghèo"
Một trong số anh em của ngươi
"một trong số người Y-sơ-ra-ên thân thiết của ngươi"
Trong một cửa thành của ngươi
Ở đây “cửa” tượng trưng cho toàn bộ thành phố hoặc thị trấn. AT: “bên trong thành của ngươi"
Ngươi đừng cứng lòng
Trở nên cứng cỏi được kể như thể một người cứng lòng của họ. AT: “ngươi đừng cứng cỏi"
Cũng đừng khép tay trước anh em nghèo khó của mình
Một người từ chối chu cấp cho người nghèo được kể như thể người đó khép tay của mình để người nghèo không nhận điều gì. AT: “cũng đừng từ chối giúp đỡ người Y-sơ-ra-ên thân thiết nghèo khó"
Nhưng ngươi phải mở rộng tay mình với người đó
Một người giúp đỡ người nghèo khó được kể như thể anh ta mở rộng tay của mình với người khác. AT: “nhưng ngươi phải giúp người đó"
Deuteronomy 15:9
Không có ý tưởng xấu xa trong lòng của ngươi, mà nói rằng
Ở đây “lòng” tượng trưng cho tâm trí của một người. AT: “không nghĩ đến những tư tưởng xấu xa"
Năm thứ bảy, năm phóng thích, đã gần
Điều này ám chỉ rằng bởi vì năm phóng thích sẽ sớm xảy ra, mọi người nghĩ điều này sẽ miễn cưỡng để giúp người nghèo vì có thể người nghèo không thể trả lại cho anh ta. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.
Bảy năm
Từ “bảy năm” là số thứ tự của số bảy.
Năm phóng thích
"năm xóa bỏ những nợ nần"
Đã gần
Một điều sẽ sớm xảy ra được kể như thể nó là vật chất ở gần. AT: "sẽ sớm xảy ra"
Để ngươi sẽ không keo kiệt khi nhìn thấy anh em nghèo khó và không cho họ điều gì
"để ngươi không cứng lòng và từ chối cho điều gì tới bạn Y-sơ-ra-ên của ngươi"
Kêu lên cùng Đức Giê-hô-va
"tiếng kêu thấu đến Đức Giê-hô-va để nhờ giúp"
Nó sẽ là tội lỗi cho ngươi
"Đức Giê-hô-va sẽ cho rằng những gì ngươi đã làm là tội lỗi"
Lòng ngươi sẽ không tiếc
Ở đây “lòng” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “ngươi sẽ không hối tiếc điều đó” hoặc “ngươi sẽ không vui"
Trong hết thảy những điều ngươi đặt tay vào
Ở đây “đặt tay của ngươi” tượng trưng cho toàn bộ con người và công việc người đó đã làm. AT: "trong những việc ngươi làm"
Deuteronomy 15:11
Vì người nghèo sẽ không ngừng tồn tại trong xứ
Điều này có thể ở dạng bị động. AT: “Vì sẽ luôn có người nghèo trong xứ"
Vì người nghèo
Tính từ làm chức năng danh từ “người nghèo” có thể dịch như một tính từ. AT: “Vì người nghèo"
Ta lệnh cho ngươi mà nói rằng, ‘Ngươi chắc phải mở tay mình ra…trong xứ ngươi.’
Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp này có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "ta lệnh cho ngươi mở rộng tay của mình ... trong tay của ngươi"
Mở rộng tay của ngươi với anh em của mình, người túng thiếu, người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nghèo khó
Một người sẵn lòng giúp người khác được kể như thể tay của người đó mở ra. AT: "giúp đỡ người Y-sơ-ra-ên thân thiết, những người túng thiếu, những người nghèo khó"
Anh em ngươi, người túng thiếu, người nghèo khó
Từ “túng thiếu” và “nghèo khó” nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng những người đó không thể giúp chính họ. AT: “giúp người Y-sơ-ra-ên thân thiết không thể giúp chính họ"
Deuteronomy 15:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Nếu anh em của ngươi
Ở đây “anh em” nghĩa là người Y-sơ-ra-ên nói chung, dù là nam hay nữ. AT: “Nếu người Y-sơ-ra-ên thân thiết" hoặc "Nếu người Hê-bơ-rơ thân thiết"
Bị bán cho ngươi
Nếu một người không thể trả nợ cho họ, đôi khi họ bán chính họ làm nô lệ để trả những gì mình nợ. Có thể dịch như dạng chủ động. AT: "bán chính họ cho ngươi"
6 năm
"6 năm"
Năm thứ bảy
"năm thứ bảy." “thứ bảy” này là số thứ tự của số bảy.
Ngươi không để người đi tay không
tay
Tùy ý công cấp cho anh ta
"hào phóng ban cho anh ta"
Deuteronomy 15:15
Nhớ rằng ngươi là nô lệ
Ở đây “ngươi” bao gồm tổ tiên của họ là nô lệ nhiều năm. AT: "nhớ rằng ngươi đã từng là nô lệ"
Rằng Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã chuộc ngươi
Đức Giê-hô-va giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi cuộc sống nô lệ ở Ai Cập được kể như thể Đức Giê-hô-va trả tiền để cứu dân Ngài khỏi cảnh nô lệ.
Nếu anh ta nói với ngươi, ‘Tôi không muốn rời xa ngươi’
Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "nếu anh ta nói với ngươi rằng anh ta sẽ không đi khỏi ngươi"
Nhà của ngươi
Ở đây “nhà” tượng trưng cho gia đình của một người.
Rồi ngươi lấy dùi và đục nó qua tai của anh ta vào cửa
Rồi ngươi sẽ đặt vào tay anh ta gần khung cửa gỗ trong nhà ngươi, và đặt một điểm bằng dùi qua dái tai của anh ta trong miếng gỗ"
Cái dùi
Là một dụng cụ có đầu bén được dùng để làm lỗ
Mãi mãi
"cho đến cuối đời của anh ta" hoặc "đến khi anh ta chết"
Deuteronomy 15:18
Nó hẳn là khó khăn cho ngươi để thả tự do cho anh ta khỏi ngươi
Điều này có nghĩa rằng họ không bằng lòng khi họ để ai đó tự do. Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: "Hãy vui lòng khi ngươi để anh ta tự do"
Bằng hai lần giá trị của một người làm thuê
Điều này có nghĩa người chủ chỉ trả tổng số cho nô lệ này để làm việc hơn là anh ta để một người được thuê để làm công việc.
Người được thuê
Đây là người làm việc vì được trả tiền.
Deuteronomy 15:19
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Xén
Cắt bỏ lông hoặc tóc
Trước mặt Đức Giê-hô-va
"trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"
Năm qua năm
"mỗi năm" hoặc "một năm"
què
Người què hoặc người tàn tật thân thể
Deuteronomy 15:22
Trong cửa của ngươi
Ở đây “cửa” tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: “trong cộng đồng của ngươi” hoặc “bên trong thành phố của ngươi"
Không tinh sạch...những người
Một người không được chấp nhận bởi ý định của Chúa được kể như thể một người có thân thể không sạch.
Người tinh sạch
Một người được chấp nhận bởi các ý định của Chúa được kể như thể một người có thân thể sạch sẽ.
Linh dương hay nai
Đây là loài động vật hoang dã có chân dài mảnh khảnh chạy nhanh. Xem bản dịch trong DEU 12:15.
Ngươi không được ăn huyết của chúng
"ngươi không được dùng huyết của nó." Đức Giê-hô-va không cho phép người Y-sơ-ra-ên dùng huyết bởi vì huyết tượng trưng cho sự sống. (See: DEU 12:23)

Translation Questions

Deuteronomy 15:1
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì vào cuối mỗi bảy năm?
Vào cuối mỗi bảy năm thì dân Y-sơ-ra-ên phải tha nợ.
Deuteronomy 15:2
Tại sao cứ mỗi bảy năm thì lại phải tha nợ?
Mỗi chủ nợ sẽ tha món nợ mà mình đã cho người lân cận hoặc anh em của mình vay bởi vì lệnh tha nợ của Đức Giê-hô-va đã được công bố.
Deuteronomy 15:3
Dân Y-sơ-ra-ên vẫn có thể yêu cầu ai trả nợ vào cuối mỗi bảy năm?
Dân Y-sơ-ra-ên vẫn có thể yêu cầu những người ngoại quốc trả nợ cho mình.
Deuteronomy 15:4
Tại sao sẽ không có người nghèo khó nào ở giữa dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ ban phước cho dân sự trong xứ mà Ngài ban cho họ làm cơ nghiệp.
Deuteronomy 15:6
Chuyện gì sẽ xảy ra cho dân Y-sơ-ra-ên để cho thấy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên đã ban phước cho họ?
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ cho nhiều nước vay nhưng họ không vay mượn ai cả; dân Y-sơ-ra-ên sẽ cai trị nhiều nước nhưng các nước ấy sẽ chẳng cai trị dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 15:7
Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dạy phải làm gì nếu như ở giữa họ có người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nghèo khó?
Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dạy không được cứng lòng hay bo bo giữ của đối với những người lân cận nghèo khó của mình.
Deuteronomy 15:9
Dân Y-sơ-ra-ên phải cẩn thận không được làm gì trong năm thứ bảy, tức là năm tha nợ đã gần kề?
Họ không được từ chối ban cho người anh em nghèo khó của mình trong năm thứ bảy, là năm tha nợ đang đến gần.
Deuteronomy 15:10
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên đáp lại việc họ ban cho những người anh em nghèo khó của mình khi năm thứ bảy đã gần kề?
Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho mọi công việc của của họ và mọi công trình mà tay họ làm.
Deuteronomy 15:11
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên được lệnh phải mở rộng tay mình mà giúp đỡ cho anh em mình, cho những người túng thiếu và những người nghèo khó trong xứ của mình?
Vì trong xứ lúc nào cũng có những người nghèo khó.
Deuteronomy 15:14
Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dạy phải chu cấp gì cho một người nam hoặc một người nữ Hê-bơ-rơ đã được trả tự do trong năm thứ bảy đó?
Họ phải rộng rãi cung cấp cho những người đó những súc vật trong bầy của mình, các sản phẩm từ sân đập lúa hoặc từ hầm ép rượu như Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình đã ban phước cho dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 15:15
Khi trả tự do cho các nô lệ thì dân Y-sơ-ra-ên phải nhớ đến điều gì?
Dân Y-sơ-ra-ên được dạy phải nhớ lại rằng họ từng là nô lệ trong đất Ai Cập.
Deuteronomy 15:16
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với người nam hoặc người nữ nô lệ thưa với họ rằng: "Tôi sẽ không đi xa khỏi ông"?
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải lấy một cái dùi và kê tai người ấy vào cửa mà xuyên tai, thì người nam hoặc người nữ ấy sẽ làm nô lệ suốt đời cho người Y-sơ-ra-ên đó.
Deuteronomy 15:17
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với người nam hoặc người nữ nô lệ thưa với họ rằng: "Tôi sẽ không đi xa khỏi ông"?
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải lấy một cái dùi và kê tai người ấy vào cửa mà xuyên tai, thì người nam hoặc người nữ ấy sẽ làm nô lệ suốt đời cho người Y-sơ-ra-ên đó.
Deuteronomy 15:18
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên đừng cho là khó khăn khi trả tự do cho các nô lệ?
Họ không nên coi đó là một việc khó khăn bởi vì người ấy đã phục dịch họ trong sáu năm, gấp hai lần giá trị của một người làm thuê.
Deuteronomy 15:19
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với những con đực đầu lòng trong bầy gia súc và súc vật của mình?
Hằn năm, họ phải ăn con đầu lòng đó trước mặt Đức Giê-hô-va tại địa điểm mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn.
Deuteronomy 15:20
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với những con đực đầu lòng trong bầy gia súc và súc vật của mình?
Hằn năm, họ phải ăn con đầu lòng đó trước mặt Đức Giê-hô-va tại địa điểm mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn.
Deuteronomy 15:21
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với những con đực đầu lòng bị què hay mù hay có bất cứ dị tật nào?
Họ không được dâng nó lên cho Đức Giê-hô-va, nhưng phải ăn thịt những con vật đó trong thành của mình.
Deuteronomy 15:23
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với huyết của những con đầu lòng có khuyết tật đó?
Họ phải đổ huyết của những con đầu lòng bị khuyết tật đó xuống đất như đổ nước.

Chapter 16
Deuteronomy 16:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Tháng A-bíp
Đây là tháng đầu tiên theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó đánh dấu lúc Chúa mang dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập. Nó diễn ra một phần cuối tháng ba và đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.
Giữ lễ Vượt qua
Điều này ám chỉ “giữ lễ Vượt qua” rằng họ sẽ tổ chức và ăn bữa ăn lễ Vượt qua. AT: "tổ chức bữa ăn Vượt qua" hoặc "ăn bữa ăn Vượt qua"
Ngươi sẽ dâng vật hi sinh lễ Vượt qua
Ở đây “lễ Vượt qua” tượng trưng cho con vật được hi sinh cho lễ Vượt qua. AT: Cho lễ Vượt qua ngươi sẽ dâng vật hi sinh"
Deuteronomy 16:3
Bằng nó
Ở đây “nó” nói đến con vật họ sẽ hi sinh và ăn.
Bảy ngày
"7 ngày"
Bánh hoạn nạn
Đây là tên của loại bánh không men. Nghĩa đầy đủ có thể làm rõ. AT: “bánh này sẽ nhắc nhở ngươi đã chịu đựng thế nào khi ở Ai Cập"
Ra khỏi đất Ai Cập trong vội vã
Đoàn dân đã rời khỏi Ai Cập cách nhanh chóng vì họ không đủ thời gian để làm bánh có men. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “ra khỏi đất Ai Cập trong vội vã vì ngươi không đủ thời gian làm bánh có men"
Làm điều này trong suốt ngày của đời ngươi
"làm điều này ngay khi ngươi còn sống"
Gợi nhớ
Đây là thành ngữ. AT: "nhớ lấy"
Không men được thấy giữa ngươi
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "không được có bất kì men giữa các ngươi"
Bên trong toàn bộ biên giới của ngươi
"bên trong khắp lãnh thổ của ngươi" hoặc "trong khắp xứ sở của ngươi"
Ngày đầu tiên
“đầu tiên” này là số thứ tự cho số một.
Deuteronomy 16:5
Ngươi không được dâng vật sinh tế trong lễ Vượt qua
Ở đây “lễ Vượt qua” tượng trưng cho con vật để hi sinh. AT: "Cho lễ Vượt qua ngươi không được dâng con vật sinh tế"
Bên mỗi cửa của ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây “cửa” tượng trưng cho thành phố và thị trấn. AT: "bên trong mỗi thành của ngươi"

Lúc mặt trời lặn

"lúc hoàng hôn"

Deuteronomy 16:7

Ngươi phải nướng nó

"ngươi phải nấu nó"

Sáu ngày

"6 ngày"

Bảy ngày

"ngày thứ bảy" là số thứ tự cho số bảy.

Cuộc họp long trọng

"cuộc họp đặc biệt"

Deuteronomy 16:9

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Đếm bảy tuần

"đếm 7 tuần"

Từ lúc ngươi bắt đầu đặt lưỡi hái chỗ cây lúa

Cụm từ “đặt lưỡi hái chỗ cây lúa” là cách nói đến việc bắt đầu thời điểm thu hoạch. AT: "từ lúc ngươi bắt đầu thu hoạch lúa"

Lưỡi hái

Là dụng cụ có lưỡi bẻ cong được dùng để cắt cỏ, lúa, và các dây leo

Bằng sự đóng góp của lễ tự nguyện từ tay ngươi mà ngươi sẽ dâng

Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “và ngươi sẽ tự do dâng lễ"

Theo như Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã ban phước ngươi

"theo như vụ thu hoạch mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã ban cho ngươi" Điều này có nghĩa rằng mọi người sẽ dựa vào bao nhiêu họ dâng hoặc bao nhiêu họ thu hoạch năm đó.

Deuteronomy 16:11

Con trai ngươi, con gái ngươi, đầy tớ trai, đầy tớ gái, người Lê-vi

Điều này không nhắc đến người cụ thể. Nó có nghĩa phân loại người theo cách chung chung. AT: "con trai ngươi, con gái ngươi, con gái ngươi, đầy tớ trai, đầy tớ gái, bất kể người Lê-vi"

Trong cửa của ngươi

Ở đây “cửa” tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: “ở trong thành của ngươi"

Người ngoại, kẻ mồ coi, và góa bụa

Điều này nói đến những loại người theo cách chung chung. AT: "hết thảy người ngoại, trẻ mồ côi, và góa phụ"

Kẻ mồ côi

Chúng là trẻ em có cha mẹ đều đã chết và không có họ hàng để chăm sóc cho chúng.

Góa phụ

Là những người phụ nữ có chồng đã chết và không có con để chăm sóc cho bà ta lúc tuổi già.

Gợi nhớ

Đây là thành ngữ. AT: "nhớ lấy"

Deuteronomy 16:13

Lễ lều tạm

Những tên khác của lễ này là “tiệc ở lều”, “hội ở lều,” và “Lễ tụ họp." Trong suốt mùa gặt, nông dân sẽ dựng cái lều tạm thờ trên cánh đồng. Lễ này nhằm lúc sau khi vụ mùa cuối của năm.

Bảy ngày

"7 ngày"

Bên trong cửa của ngươi

Ở đây từ “cửa” tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: "trong thành của ngươi"

Deuteronomy 16:15

Lễ hội

"lễ lều tạm"

Hết thảy việc do tay ngươi

Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “hết thảy việc ngươi làm"

Deuteronomy 16:16

Hết thảy người nam phải xuất hiện trước Đức Giê-hô-va

Những người nam được phép, nhưng Đức Giê-hô-va không yêu cầu họ đến. Các người nam phải hiện diện cùng toàn bộ gia đình họ.

Phải xuất hiện trước Đức Giê-hô-va

"phải đến và đứng trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Họ sẽ không xuất hiện trước Đức Giê-hô-va với tay không, còn tùy, mỗi người

Tay, tùy vào, mỗi người

Deuteronomy 16:18

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngươi phải lập quan xét

"ngươi phải bổ nhiệm quan xét" hoặc "ngươi phải chọn quan xét"

Bên trong cửa thành của ngươi

Ở đây “cửa” tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: “bên trong thành của ngươi"

Họ sẽ lấy

Có thể ở dạng chủ động. AT: "ngươi sẽ chọn họ"

Phân xử mọi người cách ngay thẳng

"phân xử mọi người công bằng"

Ngươi không được cất lấy công lý bằng sức mạnh

Môi-se nói đến công lý như thể nó là vật thể mà một người có thể kéo mạnh khỏi người yếu. AT: “ngươi không được bất công khi ngươi phán xử” Câu này có thể ở dạng bị động. Ngôn ngữ phải có từ mang nghĩa “sử dụng sức mạnh để cất đi." AT: "ngươi phải giải quyết công bằng."

Ngươi không được

Ở đây “ngươi” nói đến những người được chỉ định làm quan án và trưởng lão.

Để của hối lộ làm mù mắt sự khôn ngoan và xuyên tạc những lời ngay thẳng

Việc nhận của hối lộ được kể như thể của hối lộ mua chuộc mọi người. AT: "ngay cả một người khôn ngoan nhận của hối lộ sẽ trở nên mù, và ngay cả người ngay thẳng nhận của hối lộ sẽ nói dối"

Của hối lộ làm mù mắt người khôn ngoan

Một người khôn ngoan nhận của hối lộ để người đó không nói những lời chống lại điều ác được kể như thể anh ta trở nên mù.

Người khôn ngoan

Tính từ làm chức năng danh từ “người khôn ngoan” có thể dịch như tính từ. AT: "người khôn ngoan" hoặc "người hiểu biết"

Và xuyên tạc những lời ngay thẳng

Tính từ mang chức năng danh từ “ngay thẳng” có thể ở dịch

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ở dạng tính từ. AT: "và khiến người ngay thẳng nói dối"
Theo sau công lý, chỉ theo sau công lý
Công lý được kẻ đến như thể người đó đang bước đi. Một người đang làm những gì phải và công bằng được kể như thể anh ta theo sát phía sau công lý. AT: "chỉ làm những gì phải"
Thừa kế xứ sở mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ban cho ngươi
Việc nhận xứ sở mà Chúa ban cho dân sự được kể như thể dân sự được thừa kế xứ sở từ Chúa.
Deuteronomy 16:21
Ngươi sẽ không
Ở đây “ngươi” nói đến hết thảy dân Y-sơ-ra-ên.
Trụ đá thánh nào, thứ mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ghét
Cụm từ “điều mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ghét” đưa thêm nhiều thông tin về cột đá thánh. AT: "bất kì cột đá thánh nào vì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ghét chúng"
Trụ đá thánh
Điều này nói đến những cột đá thần tượng được sử dụng để thờ thần giả.

Translation Questions

Deuteronomy 16:1
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải giữ tháng A-bíp và giữ lễ Vượt Qua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình?
Đức Giê-hô-va đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập vào ban đêm của tháng A-bíp.
Deuteronomy 16:2
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì để giữ lễ Vượt Qua?
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ dâng một vài trong số những con vật trong bầy gia súc và súc vật của mình tại địa điểm mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn làm nơi thánh của Ngài.
Deuteronomy 16:3
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn bánh không lên men hoặc bánh không có men trong địa phận của mình trong suốt bảy ngày?
Họ sẽ ăn bánh không lên men hoặc bánh không có men bởi vì họ đã phải vội vàng ra khỏi đất Ai Cập.
Deuteronomy 16:4
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn bánh không lên men hoặc bánh không có men trong địa phận của mình trong suốt bảy ngày?
Họ sẽ ăn bánh không lên men hoặc bánh không có men bởi vì họ đã phải vội vàng ra khỏi đất Ai Cập.
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với thịt sinh tế mà họ dâng vào buổi tối ngày thứ nhất?
Dân Y-sơ-ra-ên phải bỏ những thịt sinh tế mà họ dâng vào buổi tối ngày thứ nhất, không được để đến sáng hôm sau.
Deuteronomy 16:6
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ dâng sinh tế lễ Vượt Qua ở đâu?
Họ sẽ dâng sinh tế tại địa điểm mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn làm nơi thánh của Ngài.
Khi nào thì dâng sinh tế của lễ Vượt Qua?
Sinh tế của lễ Vượt Qua sẽ được dâng vào vào buổi tối, khi mặt trời vừa lặn, là thời điểm năm xưa họ đã ra khỏi Ai Cập.
Deuteronomy 16:8
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì trong sáu ngày đầu tiên khi họ tổ chức lễ Vượt Qua?
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn bánh không men trong sáu ngày.
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì trong ngày thứ bảy khi họ tổ chức lễ Vượt Qua?
Trong ngày thứ bảy, họ sẽ có buổi lễ long trọng và không làm bất cứ công việc gì.
Deuteronomy 16:9
Dân Y-sơ-ra-ên quyết định thời điểm bắt đầu kỳ Lễ Các Tuần cho Đức Giê-hô-va bằng cách nào?
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ bắt đầu tính bảy tuần kể từ thời điểm họ bắt đầu mang liềm ra gặt lúa.
Deuteronomy 16:10
Dân Y-sơ-ra-ên quyết định thời điểm bắt đầu kỳ Lễ Các Tuần cho Đức Giê-hô-va bằng cách nào?
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ bắt đầu tính bảy tuần kể từ thời điểm họ bắt đầu mang liềm ra gặt lúa.
Dân Y-sơ-ra-ên dâng những gì trong kỳ lễ Các Tuần?
Họ phải dâng các lễ vật tự nguyện lên cho Đức Giê-hô-va như Đức Giê-hô-va đã ban phước cho họ.
Deuteronomy 16:12
Mọi người trong dân Y-sơ-ra-ên, kể cả những người ngoại quốc, phải nhớ lại những điều gì trong suốt lễ Các Tuần?
Họ phải nhớ lại lúc họ làm nô lệ tại Ai Cập.
Deuteronomy 16:13
Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dặn phải giữ kỳ lễ nào trong suốt bảy ngày sau khi họ đã thu hoạch hoa lợi từ sân đập lúa và hầm ép rượu của mình?
Họ phải giữ lễ Lều Tạm trong suốt bảy ngày sau khi họ bắt đầu thu hoạch mùa màng của mình.
Deuteronomy 16:16
Mọi người nam của dân Y-sơ-ra-ên phải trình diện trƯớc của Đức Giê-hô-va tại địa điểm mà Ngài chọn trong ba kỳ lễ nào?
Họ phải trình diện trước mặt Ngài trong ba kỳ lễ: Lễ Bánh Không Men, lễ Các Tuần và lễ Lều Tạm.
Deuteronomy 16:17
Thay vì đến tay không thì mọi người nam trong dân Y-sơ-ra-ên phải dâng gì lên cho Đức Giê-hô-va?
Mọi người nam trong dân Y-sơ-ra-ên sẽ dâng lên cho Đức Giê-hô-va theo khả năng của mình .
Deuteronomy 16:18
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ tìm những quan án và quan chức của mình ở đâu?
Các quan án và quan chức đó sẽ được chọn từ mỗi chi tộc để phân xử dân sự cách công minh.
Deuteronomy 16:19
Tại sao các quan án và các quan chức không được làm sai lệch công lý hoặc thiên vị khi nhận hối lộ?
Của hối lộ làm mù mắt kẻ khôn ngoan và xuyên tạc lý lẽ của người công chính.
Deuteronomy 16:20
Khi theo đuổi công lý thì các quan án và các quan chức sẽ nhận được gì?
Họ phải theo đuổi công lý và chỉ công lý mà thôi, để họ được sống và nhận lấy xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em ban cho họ.
Deuteronomy 16:21
Dân Y-sơ-ra-ên không được dựng gì cho mình?
Họ không được dựng bất cứ loại trụ thờ nào cho thần A-sê-ra hoặc bằng gỗ hay bằng đá.
Deuteronomy 16:22
Dân Y-sơ-ra-ên không được dựng gì cho mình?
Họ không được dựng bất cứ loại trụ thờ nào cho thần A-sê-ra hoặc bằng gỗ hay bằng đá.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 17

Deuteronomy 17:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

ấy là sự gớm ghiếc

"đó là điều gớm ghiếc" hoặc "đó là điều gì đó sai trái." Đó là con vật ra mắt khỏe mạnh không có bất kì dị dạng nào.

Đó sẽ là sự ghê tởm cho Đức Giê-hô-va

"đó sẽ là việc ghê tởm với Đức Giê-hô-va"

Deuteronomy 17:2

Nếu nó tìm thấy giữa các ngươi

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “Nếu ngươi tìm ai đó” hoặc “Nếu có bất kì ai giữa các ngươi"

Trong một cửa thành của ngươi

Ở đây “cửa” tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: “sống trong thành phố của ngươi"

Điều gì là xấu xa trước Đức Giê-hô-va Chúa ngươi

Ở đây, “trước Đức Giê-hô-va” nghĩa là những gì Đức Giê-hô-va cho rằng hoặc nghĩ về điều gì. AT: "Điều gì mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi nghĩ là xấu xa"

Vi phạm giao ước của Ngài

"không vâng lời giao ước của Ngài"

Người nào đi

"nếu ngươi tìm thấy ai đi"

Một trong những vật trên trời

"một trong những vì sao"

Không phải điều ta truyền

"điều mà ta không truyền cho ai làm"

Nếu ngươi được nói về điều đó

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: "nếu ai đó nói ngươi về hành động bất tuân này"

Hãy điều tra cách kỹ lưỡng

Danh từ trừu tượng “điều tra” có thể xem như động từ. AT: "ngươi phải cẩn thận điều tra những gì xảy ra"

Thật là sự ghê tởm đã xảy ra ở Y-sơ-ra-ên

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ai đó đã làm điều xấu xa ở Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 17:5

Từ miệng của hai hoặc ba lời chứng, sẽ để người đó bị xử tử

Ở đây “miệng” tượng trưng cho chứng cứ của lời làm chứng. Điều này có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Nếu 2 hoặc 3 lời làm chứng chống lại một người, thì ngươi phải hành hình người đó"

Nhưng nếu từ miệng làm chứng của một người thì anh ta không phải xử tử

Ở đây “miệng” tượng trưng cho chứng cứ từ lời làm chứng. Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "nhưng nếu chỉ một người chống lại anh ta, thì ngươi không được hành hình anh ta"

Tay của những kẻ làm chứng phải xử tử đầu tiên, sau này đến tay của dân sự

Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “Chính những kẻ làm chứng phải là kẻ bị ném đá. Sau đó đến dân sự sẽ hành hình kẻ ném đá"

Và ngươi sẽ loại bỏ những kẻ ác giữa các ngươi

Tính từ làm chức năng danh từ “kẻ ác” có thể ở dạng tính từ. AT: “ngươi phải xóa bỏ khỏi dân Y-sơ-ra-ên người làm những việc ác này" hoặc "ngươi phải hành hình những kẻ ác"

Deuteronomy 17:8

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nếu xảy ra chuyện

"Nếu có chuyện" hoặc "Nếu có tình cảnh"

Quyền của một người và quyền của người khác

“Quyền” là quyền hợp pháp của một người để làm một điều hoặc sở hữu điều gì.

Bên trong cửa thành của ngươi

Ở đây “cửa thành” thượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: "bên trong thành của ngươi"

Ngươi sẽ tìm thấy lời khuyên của họ

Danh từ trừu tượng “lời khuyên bảo” có thể ở dạng động từ. AT: "ngươi sẽ hỏi họ để khuyên bảo ngươi"

Họ sẽ cho ngươi sự phán định

Danh từ “sự phán định” có thể ở dạng động từ. AT: "họ sẽ quyết định trên vấn đề"

Deuteronomy 17:10

Ngươi phải theo luật quy định cho họ

Một người vâng theo những gì thầy tế lễ và quan xét quyết định được kể như thể họ là vật theo luật pháp. Có thể ở dạng chủ động. AT: "Ngươi phải vâng theo những gì các quan xét và thầy tế lễ quyết định các vấn đề"

Đừng quay sang một bên những gì họ nói với ngươi, bên phải hay bên trái

Một người không làm đúng những gì các quan xét và thầy tế lễ nói được kể như thể người đó rẽ ngoặt con đường đúng. AT: “Đừng bất tuân những gì họ nói với ngươi " Có thể ở dạng bị động. AT: "Làm mọi điều họ nói"

Deuteronomy 17:12

Không nghe theo thầy tế lễ... hoặc không nghe theo các quan xét

"và không vâng lời thầy tế lễ... hoặc không vâng lời các quan xét"

Ngươi phải cất lấy cái ác khỏi Y-sơ-ra-ên

Tính từ làm chức năng danh từ “cái ác” có thể dịch như tính từ. AT: "ngươi phải dọn khỏi giữa Y-sơ-ra-ên những người làm điều xấu xa" hoặc "ngươi phải xử tử những kẻ xấu xa"

Hết thảy dân sự phải nghe và sợ hãi

Điều này ám chỉ rằng khi dân sự nghe đến một người bị xử tử vì cư xử ngạo mạn, họ sẽ sợ hãi và chính họ không cư xử ngạo mạn.

Deuteronomy 17:14

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi ngươi đã vào xứ

Từ “đến” có thể dịch thành “đã đi” hoặc “vào trong."

Rồi ngươi nói, ‘Tôi sẽ lập vị vua trên chính tôi, như các dân tộc xung quanh tôi'

Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp có thể ở dạng câu trích dẫn gián tiếp. AT: "rồi ngươi quyết định rằng ngươi muốn vị vua cũng như người của những dân khác chung quanh ngươi có vua"

Lập vị vua trên chính tôi

Cho một ai đó quyền thống trị như vua ở Y-sơ-ra-ên được kể như thể mọi người đặt một người ở vị trí bên trên họ.

Như mọi dân tộc khác xung quanh tôi

"như mọi dân khác chung quanh"

Hết thảy dân khác

hết thảy dân Ở đây “những dân” tượng trưng cho

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những người sống ở những quốc gia.

Một trong giữa anh em của ngươi

"một trong các Y-sơ-ra-ên thân thiết"

Người ngoại, người không phải anh em ngươi

Tất cả những mệnh đề này nghĩa giống nhau. Chúng nói đến người không phải là người Y-sơ-ra-ên. AT: “người ngoại” hoặc “không phải người Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 17:16

Bởi Đức Giê-hô-va phán cùng ngươi, ‘Ngươi không trở lại đường đó nữa'

Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "Bởi Đức Giê-hô-va đã phán với ngươi rằng ngươi sẽ không trở lại Ai Cập nữa"

Để lòng người không xoay khỏi Đức Giê-hô-va

Ở đây “lòng” nói đến toàn bộ con người. Vua thường kết hôn với phụ nữ ngoại bang là người thờ lại những thần khác. Vua của Y-sơ-ra-ên bắt đầu thờ lại những thần giả theo vợ mình được kể như thể lòng xoay khỏi Đức Giê-hô-va. AT: "để họ không khiến ngươi xoay khỏi Đức Giê-hô-va và bắt đầu thờ lại thần giả"

Deuteronomy 17:18

Khi người ngồi trên ngai thuộc vương quốc mình

Ở đây “ngôi” tượng trưng cho sức mạnh và quyền lực như vua. Ngồi lên ngôi nghĩa là trở thành vua. AT: "khi người trở thành vua"

Theo luật ở trước mặt thầy tế lễ, người Lê-vi

"theo luật đã chép mà thầy tế lễ Lê-vi giữ"

Để giữ các lời từ những quy định và luật này, tuân theo chúng

Ở đây hai nhóm từ có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh vị vua phải vâng theo hết thảy các luật của Chúa.

Deuteronomy 17:20

Để lòng của người không tự cao trên anh em mình

Ở đây “lòng của người” nói đến toàn bộ con người. Một vị vua trở nên kiêu ngạo được kể đến như thể lòng của người được nâng lên. AT: “để ngươi không trở nên ngạo mạn " hoặc "để ông không nghĩ rằng ông giỏi hơn những người Y-sơ-ra-ên thân thiết của ông"

Để ông không đi xa khỏi các điều răn dạy, sang bên phải hoặc bên trái

Vị vua không vâng theo những mạng lệnh của Chúa được kể như thể một người không theo đúng đường. AT: “để ông không bất tuân các điều răn dạy " Có thể ở dạng bị động. AT: "để ông vâng theo hết các điều răn dạy"

Kéo dài những ngày của ông

Những ngày dài là cách ẩn dụ cho sống lâu. Có thể dịch tương tự "kéo dài những ngày của ông" trong [DEU 4:26]

Translation Questions

Deuteronomy 17:1

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên không được dâng lên Giê-hô-va Đức Chúa Trời một con bò đực hoặc một con chiên có tì vết hay có khuyết tật?

Đó sẽ là điều ghê tởm đối với Đức Giê-hô-va nếu như họ dâng lên con sinh tế có tì vết hoặc khiếm khuyết.

Deuteronomy 17:4

Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dạy phải làm gì nếu như họ biết có một người nam hoặc nữ trong các thành của mình đã làm điều ác dưới mắt Giê-hô-va Đức Chúa Trời?

Dân Y-sơ-ra-ên phải điều tra thật cặn kẽ để xem điều đó có đúng và chính xác hay không.

Deuteronomy 17:5

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với người nam hay nữ đã làm điều gian ác như thờ phượng các thần khác và sấp mình xuống trước mặt họ?

Dân Y-sơ-ra-ên phải ném đá họ cho đến chết.

Deuteronomy 17:6

Cần phải có bao nhiêu nhân chứng để kết án một người tội chết?

Cần phải có hai hoặc ba nhân chứng để kết án một người tội chết.

Deuteronomy 17:7

Ai phải là người đầu tiên ném đá người bị tử hình kia?

Các nhân chứng phải là người đầu tiên ném đá người, rồi sau đó mới đến những người còn lại trong dân Y-sơ-ra-ên.

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải ném đá một người đã làm điều gian ác là thờ phượng các thần khác cho đến chết?

Điều nầy sẽ loại trừ sự gian ác ra khỏi họ.

Deuteronomy 17:9

Nếu dân Y-sơ-ra-ên gặp phải vấn đề quá khó để phán xử thì ai sẽ là người phán xử?

Họ phải đi đến gặp các thầy tế lễ và người Lê-vi và các quan án đương nhiệm để xin ý kiến của các thầy tế lễ.

Deuteronomy 17:12

Người nào phải bị xử tử để diệt trừ tội ác khỏi Y-sơ-ra-ên?

Người nào kiêu căng không vâng lời thầy tế lễ hoặc không vâng lời các quan ác thì phải chết để diệt trừ tội ác khỏi Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 17:15

Khi ở trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho mình, dân Y-sơ-ra-ên sẽ lập một vua cai trị trên họ?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ chọn trong vòng anh em mình một người mà Đức Giê-hô-va sẽ lựa chọn.

Deuteronomy 17:16

Tại sao vua dân Y-sơ-ra-ên không được có thêm nhiều ngựa, cũng không vì muốn thêm nhiều ngựa mà đưa dân chúng trở lại Ai Cập?

Vua không được có thêm nhiều ngựa, cũng không vì muốn thêm nhiều ngựa mà đưa dân chúng trở lại Ai Cập bởi vì Đức Giê-hô-va đã phán với dân Y-sơ-ra-ên không bao giờ được trở lại con đường đó nữa.

Deuteronomy 17:17

Tại sao vua không được có nhiều vợ?

Vua không được có nhiều vợ để lòng vua không xây bỏ Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 17:18

Vua đã được truyền dạy phải giữ bên mình vật gì và đọc suốt đời mình, để học tập kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời, tuân giữ mọi lời trong luật pháp và thực hành các mệnh lệnh nầy?

Vua phải chép lại cho mình một bản sao luật pháp nầy, là bản sẽ ở bênh vua và vua sẽ đọc nó suốt đời mình.

Deuteronomy 17:19

Vua đã được truyền dạy phải giữ bên mình vật gì và đọc suốt đời mình, để học tập kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời, tuân giữ mọi lời trong luật pháp và thực hành các mệnh lệnh nầy?

Vua phải chép lại cho mình một bản sao luật pháp nầy, là bản sẽ ở bênh vua và vua sẽ đọc nó suốt đời mình.

Deuteronomy 17:20

Tại sao vua lại được truyền dạy phải giữ cuộn sách luật pháp đó bên mình?

Vua phải giữ cuộn sách luật pháp đó bên mình để lòng vua không kiêu ngạo với anh em mình và để vua không xây bỏ các điều răn của Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 18

Deuteronomy 18:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những gì Đức Giê-hô-va muốn họ làm.

Sẽ không có phần chia, cũng không thừa hưởng với Y-sơ-ra-ên

Người Lê-vi không nhận bất kì xứ sở từ Đức Giê-hô-va được kể như thể họ nhận sự thừa hưởng. AT: "sẽ không có bất kì xứ sở của họ" hoặc "sẽ không nhận bất kì xứ sở nào mà dân Y-sơ-ra-ên sở hữu"

Không chia

"không có phần" hoặc "không chia phần"

Giữa các anh em

"giữa các chi phái của Y-sơ-ra-ên" hoặc "giữa những người Y-sơ-ra-ên khác"

Đức Giê-hô-va là sản nghiệp của họ

Môi-se nói đến vinh dự lớn lao mà A-rôn và dòng dõi của ông sẽ hầu việc Đức Giê-hô-va như thầy tế lễ hầu việc Đức Giê-hô-va như một điều họ sẽ kế nghiệp. Xem bản dịch những từ tương tự trong DEU 10:9. AT: "để cho, họ có Đức Giê-hô-va" hoặc "để cho, Đức Giê-hô-va sẽ cho phép họ hầu việc Ngài và Ngài sẽ chu cấp cho họ qua sự hầu việc đó "

Deuteronomy 18:3

Phần thừa hưởng của thầy tế lễ

"đòi hỏi của thầy tế lễ" hoặc "những phần của thầy tế lễ"

Những phần bên trong

Bao gồm dạ dày và ruột.

Ngươi phải đưa cho họ

"ngươi phải đưa cho thầy tế lễ"

Đã chọn người

Ở đây “người” tượng trưng cho hết thảy người Lê-vi.

Đứng để hầu việc trong danh Đức Giê-hô-va

Ở đây “danh của Đức Giê-hô-va” có nghĩa là chính Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: "thành người đầy tớ riêng biệt của Ngài" hoặc "phục vụ như người đại diện của Đức Giê-hô-va"

Người và con trai người mãi mãi

Ở đây “Ngài” tượng trưng cho hết thảy người Lê-vi. AT: "người Lê-vi và dòng dõi của họ mãi mãi"

Deuteronomy 18:6

Khát khao bằng cả hồn mình

Đây là thành ngữ. AT: "mong ước mãnh liệt" hoặc "thật sự muốn"

Người phải hầu việc trong danh Đức Giê-hô-va Chúa người

Ở đây “danh” tượng trưng cho Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: "người phải hầu việc Đức Giê-hô-va như thầy tế lễ"

Người đứng trước Đức Giê-hô-va

"người hầu việc trong đền thờ trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Gia sản của gia đình người

Đây là những gì thầy tế lễ sẽ thừa kế từ cha của người.

Deuteronomy 18:9

Khi ngươi đã đến

Ở đây “đến” có thể dịch thành “đi” hoặc “vào.”

Ngươi đừng học cách giữ các điều ghê tởm của những dân đó

Chúa căm ghét những hoạt động tôn giáo của những người ở các nước xung quanh. Ngài cho rằng họ thật sự xấu xa. Ở đây “những dân” tượng trưng cho mọi người. AT: “ngươi đừng làm những điều ghê tởm mà những người của dân khác làm"

Đừng có ai giữa các ngươi

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đừng có ai giữa có ngươi"

Để con trai hoặc con gái ngươi ngang qua lửa

"hi sinh con cái người bởi lửa trên bàn thờ"

Bất cứ ai sử dụng bói toán…người nói với linh hồn

Đây là những người khác nhau thực hành ma thuật. Chúa đã cấm mỗi loại ma thuật. Nếu bạn không có từ cho những loại người này, có thể nói chung chung. AT: "bất kì ai sử dụng ma thuật để thử tìm ra những gì xảy ra trong tương lai, thử bùa chú, hoặc nói với linh hồn những người đã chết"

Xem bói

Sử dụng ma thuật để tiên đoán tương lai

Deuteronomy 18:12

Đuổi chúng ra

Ở đây “chúng” nói đến người đã sống ở Ca-na-an.

Cho những dân này

Ở đây “những dân” có nghĩa là những nhóm dân sống ở Ca-na-an. AT: "Cho những nhóm dân này"

Đuổi ra khỏi

"chiếm chỗ" hoặc "đuổi đi"

Deuteronomy 18:15

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ dấy lên ngươi một tiên tri

Đức Giê-hô-va lập một người tiên tri được kể như thể Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên hoặc nâng một người lên.

Một trong số anh em của ngươi

"một trong những người Y-sơ-ra-ên thân thiết"

Đó là những gì ngươi thỉnh cầu

Ở đây “ngươi” nói đến dân Y-sơ-ra-ên ở núi Hô-rếp khoảng 40 năm trước đây.

ở Hô-rếp vào ngày nhóm hiệp

"vào ngày các ngươi cùng nhóm hiệp ở Hô-rếp"

Ngày nhóm hiệp, mà nói, ‘Để chúng tôi không nghe lời Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi, cũng không thấy đám lửa lớn này nữa, hoặc chúng tôi sẽ chết'

Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "ngày nhóm hiệp khi ngươi nói rằng ngươi không muốn nghe lời Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi, cũng không thấy ngọn lửa lớn này nữa, bởi vì chúng tôi sợ rằng mình sẽ chết"

Để chúng tôi không nghe lời Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi

Ở đây “lời” tượng trưng Đức Giê-hô-va nói. AT: “Để chúng tôi không nghe Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi nói”

Deuteronomy 18:17

Ta sẽ dấy lên một tiên tri cho các ngươi

Đức Giê-hô-va chỉ định người làm tiên tri được kể như thể Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên hoặc nâng một người lên.

Từ giữa những anh em của họ

"từ giữa những người Y-sơ-ra-ên thân thiết"

Ta sẽ đặt lời của ta trong miệng người

Đức Giê-hô-va bảo tiên tri những gì để nói được kể như thể Đức Giê-hô-va sẽ đặt những lời trong miệng của tiên tri.

Nói với chúng

"nói với người Y-sơ-ra-ên"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Không nghe những lời của ta mà người đã nhân danh ta
Ở đây “những lời” tượng trưng những gì Đức Giê-hô-va nói. Ở đây cách hoán dụ “danh của ta” tượng trưng cho Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: "không nghe lời người khi người nói sứ điệp của ta"
Đòi hỏi người đó
"ta sẽ đòi trách nhiệm người đó” hoặc “ta sẽ trừng phạt người đó." Ở đây “người” nói đến người không nghe lời tiên tri.
Deuteronomy 18:20
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va đang phán.
Người nói những lời ngạo mạn
Ở đây “lời” tượng trưng cho sứ điệp. AT: “người dám nói những sứ điệp” hoặc “người ngạo mạn dám nói sứ điệp"
Trong danh ta
Ở đây “danh của ta” nói đến chính Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: “cho ta” hoặc “bởi uy quyền của ta”
Lời mà ta không truyền
Ở đây “lời” tượng trưng cho sứ điệp. AT: “sứ điệp mà ta không truyền"
Kẻ nhân danh những thần khác
Ở đây “danh” tượng trưng cho chính những thần và uy quyền của họ. Điều này có nghĩa là tiên tri thỉnh cầu những thần giả bảo tiên tri nói sứ điệp nào đó.
Đây là những gì người phải nói trong lòng mình
Ở đây “lòng” tượng trưng cho suy nghĩ của con người. AT: “người tự hỏi mình” hoặc “người phải nói với chính mình"
Làm thế nào chúng tôi nhận ra sứ điệp mà Đức Giê-hô-va đã không nói?
"Làm thế nào chúng tôi biết nếu sứ điệp mà tiên tri nói là từ Đức Giê-hô-va?" Ở đây “chúng tôi” nói đến người Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 18:22
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va đang nói.
Tiên tri nói trong danh của Đức Giê-hô-va
Ở đây “danh của Đức Giê-hô-va” nói đến chính Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: “tiên tri tuyên bố về ta” hoặc “tiên tri tuyên bố uy quyền của ta"
Tiên tri ngạo mạn nói những lời
"tiên tri đã nói sứ điệp này không bởi uy quyền của ta"

Translation Questions

Deuteronomy 18:1
Tại sao các thầy tế lễ dòng Lê-vi phải ăn các sinh tế dâng lên cho Đức Giê-hô-va như phần cơ nghiệp của họ?
Các thầy tế lễ dòng Lê-vi sẽ ăn những sinh tế đó vì họ không có phần cơ nghiệp giữa các anh em mình.
Deuteronomy 18:2
Tại sao các thầy tế lễ dòng Lê-vi phải ăn các sinh tế dâng lên cho Đức Giê-hô-va như phần cơ nghiệp của họ?
Các thầy tế lễ dòng Lê-vi sẽ ăn những sinh tế đó vì họ không có phần cơ nghiệp giữa các anh em mình.
Deuteronomy 18:3
Dân sự phải biếu cho các thầy tế lễ những phần nào trong những sinh tế mà dân sự đã dâng lên cho Chúa?
Các thầy tế lễ sẽ nhận được phần vai,hai cái má và những nội tạng của con bò đực và chiên cùng các sản vật đầu mùa gồm lúa gạo, rượu mới, dầu và bộ lông chiên từ con sinh tế của dân sự.
Deuteronomy 18:4
Dân sự phải biếu cho các thầy tế lễ những phần nào trong những sinh tế mà dân sự đã dâng lên cho Chúa?
Các thầy tế lễ sẽ nhận được phần vai,hai cái má và những nội tạng của con bò đực và chiên cùng các sản vật đầu mùa gồm lúa gạo, rượu mới, dầu và bộ lông chiên từ con sinh tế của dân sự.
Deuteronomy 18:5
Tại sao các thầy tế lễ nhận những phần nầy từ các con sinh tế của dân sự?
Họ sẽ nhận những phần nầy bởi vì Đức Giê-hô-va đã chọn họ để phục vụ trong danh của Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 18:6
Khi nào thì một người Lê-vi có thể phục vụ tại địa điểm mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn làm nơi thánh của Ngài?
Một người Lê-vi có thể phục vụ tại địa điểm mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn làm nơi thánh của Ngài khi họ rời khỏi bất cứ thành nào trong toàn cõi Y-sơ-ra-ên với mong muốn được phục vụ Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 18:7
Khi nào thì một người Lê-vi có thể phục vụ tại địa điểm mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn làm nơi thánh của Ngài?
Một người Lê-vi có thể phục vụ tại địa điểm mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn làm nơi thánh của Ngài khi họ rời khỏi bất cứ thành nào trong toàn cõi Y-sơ-ra-ên với mong muốn được phục vụ Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 18:9
Một vài trong số những tập tục đáng ghê tởm mà các nước bản xứ làm theo là gì?
Một vài trong số những tập tục đáng ghê tởm ấy là dâng các con gái của họ qua lửa, sử dụng bói toán, dùng chiêm tinh, ma thuật và cầu hồn.
Deuteronomy 18:11
Một vài trong số những tập tục đáng ghê tởm mà các nước bản xứ làm theo là gì?
Một vài trong số những tập tục đáng ghê tởm ấy là dâng các con gái của họ qua lửa, sử dụng bói toán, dùng chiêm tinh, ma thuật và cầu hồn.
Deuteronomy 18:12
Tại sao Đức Giê-hô-va đuổi các nước đó ra khỏi xứ?
Đức Giê-hô-va đuổi các nước ấy ra khỏi xứ bởi vì họ nghe theo những kẻ dùng tà thuật và bói khoa.
Deuteronomy 18:14
Tại sao Đức Giê-hô-va đuổi các nước đó ra khỏi xứ?
Đức Giê-hô-va đuổi các nước ấy ra khỏi xứ bởi vì họ nghe theo những kẻ dùng tà thuật và bói khoa.
Deuteronomy 18:15
Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ dấy lên một ai từ trong vòng dân sự?
Đức Giê-hô-va đã hứa rằng trong tương lai Ngài sẽ dấy lên một nhà tiên tri như Môi-se từ giữa dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 18:20
Điều gì khiến một nhà tiên tri phải chết?
Nhà tiên tri sẽ chết nếu như người cả gan nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói những điều Đức Giê-hô-va không bảo nói, hoặc người nhân danh các thần khác mà nói.
Deuteronomy 18:22
Nếu lời tiên tri được nói ra trong danh Đức Giê-hô-va nhưng lại không

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

xảy ra thì điều đó có nghĩa là gì?
Nếu một lời tiên tri không xảy ra, thì đó không phải là lời mà Đức Giê-hô-va đã phán.

Chapter 19
Deuteronomy 19:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Khi Đức Giê-hô-va Chúa ngươi cắt những dân tộc
Đức Giê-hô-va hủy diệt người sống ở Ca-na-an được kể như thể Ngài cắt họ, giống như miếng vải cắt từ quần áo hoặc cắt nhánh cây khỏi cây.
Những dân tộc
Điều này tượng trưng cho những nhóm dân sống ở Ca-na-an.
Những xứ sở của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ban cho ngươi
"những dân tộc đang sống trong xứ mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ban cho ngươi"
Kế thừa họ
"lấy xứ khỏi những dân đó" hoặc "chiếm lấy xứ sở sau khi những dân đã đi"
Chọn ba thành
"chọn 3 thành"
Ngươi phải xây đường
Họ xây đường để thuận tiện cho người dân di chuyển đến các thành này.
Chia lãnh thổ của ngươi thành ba phần
Điều này ám chỉ một trong những thành phố họ chọn phải ở từng phần của xứ sở đó.
Xứ mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi vì ngươi để kế nghiệp
Đức Giê-hô-va ban xứ sở cho người Y-sơ-ra-ên được kể như thể dân sự thừa hưởng xứ sở.
Deuteronomy 19:4
Đây là luật
"đây là lời chỉ dẫn" hoặc "đây là sự hướng dẫn"
Cho kẻ sát nhân
Từ “người” thì có thể hiểu. AT: “kẻ giết người khác"
Và kẻ sát nhân trốn ở đó
"kẻ sát nhận lẩn trốn qua một trong những thành phố" hoặc "kẻ sát nhân chạy qua một trong những thành phố"
Sự sống
"cứu lấy mạng của mình." Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “gia đình của người đã chết không giết kẻ sát nhân để báo thù"
Bất kì ai vô ý giết kẻ lân cận mình
Ở đây “kẻ lân cận” nghĩa là bất kì ai theo nghĩa chung chung. AT: “bất kì ai giết người khác bởi tai nạn"
Và không ghét người đó trước đây
"nhưng không ghét kẻ lân cận trước khi giết người đó." Điều này ám chỉ không có lý do cho một người giết kẻ lân cận của mình cách chủ tâm.
Khi một người đi vào rừng...đốn gỗ
Tác giả đưa tình huống giả thuyết nơi một người ngẫu nhiên giết người khác.
Lưỡi rìu trượt khỏi cán
Phần kim loại của lưỡi rìu rớt khỏi tay cầm.
Rớt xuống kẻ lân cận khiến chết
Điều này nghĩa là lưỡi rìu rớt trúng và giết kẻ lân cận.
Một trong những thành phố và sống
"một trong những thành phố để cứu mạng mình." Điều này ám chỉ gia đình của người đã chết có thể cố gắng để báo thù. Người ngộ sát có thể lẩn trốn một trong những thành phố, và người dân sẽ bảo vệ anh ta.
Deuteronomy 19:6
Thông tin Tổng quát:
Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Kẻ báo thù huyết
Ở đây “huyết” tượng trưng cho người đã bị giết. “Huyết kẻ báo thù” có quan hệ thân thiết với người đã bị giết. Mối quan hệ này có trách nhiệm trừng phạt kẻ giết người.
Kẻ lấy đi sự sống
Đây là thành ngữ. AT: “là kẻ giết người khác"
Trong cơn nóng giận
Một người đang rất giận dữ được kể như thể cơn giận là một điều gì đó có thể trở nên nóng. AT: "và đang rất giận dữ"
Và người tấn công kẻ đó
"và kẻ báo thù huyết tấn công người đã giết người khác"
Mặt dù người không đáng chết, và người không đáng xử tử khi người không ghét kẻ lân cận trước khi việc này xảy ra
"mặc dù anh ta không đáng chết khi vô tình giết người khác và không phải kẻ thù "
Deuteronomy 19:8
Thông tin Tổng quát:
Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Mở rộng bờ cõi của ngươi
"ban cho ngươi nhiều đất để sở hữu"
Y như người đã thề với tổ phụ ngươi
"như Ngài đã hứa tổ phụ ngươi rằng Ngài sẽ làm"
Nếu ngươi giữ các điều răn dạy
"Nếu ngươi vâng theo các điều răn dạy"
Và luôn bước trong đường Ngài
Chúa muốn một người sống và cư xử thể nào được kể như thể nó là các hay đường lối của Đức Giê-hô-va. Một người vâng theo Đức Giê-hô-va được kể như thể người đó đi trên đường của Đức Giê-hô-va. AT: "luôn vâng lời Ngài"
Ngươi phải thêm ba thành cho chính ngươi
Nghĩa đầy đủ của nhóm từ này có thể làm rõ. AT: “ngươi phải chọn ba thành cho người đó chạy trốn khi người đó vô tình giết người"
Ngoài ba thành này
"thêm ba thành ngươi đã xây"
Để cho huyết vô tội không đổ ra
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Để cho các thành viên gia đình không giết kẻ vô tội"
Huyết kẻ vô tội không vô tội
Ở đây “huyết” tượng trưng cho mạng sống của một người. Để huyết đổ ra nghĩa là giết một người. Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "không ai giết người vô tội"
ở giữa xứ sở
"trong xứ" hoặc "trong lãnh thổ"
Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ban cho ngươi để kế nghiệp
Xử sở mà Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên được kể như thể nó là gia sản.
Để huyết vô tội không đổ trên ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân Y-sơ-ra-ên đang phạm tội trên người chết vì họ không xây dựng thành phố là nơi an toàn cho “kẻ báo thù huyết” được kể như thể phạm tội của người chết ở trên họ.

Tội giết người

Ở đây “huyết” tượng trưng cho sự sống và “tội giết người” tượng trưng cho tội lỗi một người đã giết kẻ vô tội.

Trên ngươi

Điều này có nghĩa rằng nếu thành viên gia đình giết kẻ vô tội, thì hết thảy người Y-sơ-ra-ên sẽ phạm tội khi để điều đó xảy ra.

Deuteronomy 19:11

Kẻ lân cận

Ở đây “lân cận” là bất kì một người chung chung.

Gài mưu hại người

Nghĩa đầy đủ của nhóm từ này có thể làm rõ. AT: “lẩn trốn và rình rập để mà giết người” hoặc “lên kế hoạch giết người"

Nổi lên chống người

Đây là thành ngữ. AT: “tấn công người"

Những vết thương nghiêm trọng khiến chết người

"những tổn thương khiến chết người" hoặc "giết người"

Phải sai và kéo nó khỏi nơi đó

"phải sai một người bắt nó và mang nó trở lại thành phố mà nó trốn"

Giải nó

Đây là thành ngữ. AT: "trao nó cho"

Trong tay người liên quan

Ở đây “tay” tượng trưng cho sự ủy quyền của người nào đó. AT: “để quyền của người có liên quan chịu trách nhiện" hoặc "người liên quan chịu trách nhiệm"

Trong tay người có liên quan

Điều này liên quan đến người đã bị giết. Điều này liên quan đến trách nhiệm phải trừng phạt kẻ giết người.

Nó phải chết

"kẻ giết người phải chết" hoặc "những người có trách nhiệm phải hành hình kẻ giết người"

Mắt ngươi không được thương xót nó

Ở đây “mắt ngươi” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “Đừng bày tỏ lòng nhân từ với nó” hoặc “Đừng cảm thấy thương tiếc nó"

Ngươi phải diệt kẻ ác khỏi Y-sơ-ra-ên

Ở đây “kẻ ác” liên quan đến phạm tội giết người vô tội. AT: "ngươi phải hành hình kẻ phạm tội để cho dân Y-sơ-ra-ên sẽ không phạm tội trên cái chết của người vô tội"

Từ Y-sơ-ra-ên

Ở đây “Y-sơ-ra-ên” nói đến người Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 19:14

Thông tin Tổng quát:

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngươi đừng dời cột mốc của kẻ thân cận mình

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “Ngươi không được dời xứ sở khỏi kẻ lân cận mình bằng cách dời vật đánh dấu trên lãnh thổ"

Chúng đặt ở chỗ

"thứ mà tổ tiên ngươi đặt"

Cách đây rất lâu

Ý của Môi-se là khi họ đã chết trên xứ sở rất lâu, họ không nên dời biên giới mà tổ tiên tổ của họ đã làm, lúc họ lần đầu nhận xứ sở.

Sản nghiệp ngươi mà ngươi sẽ thừa hưởng, ở xứ sở mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ban cho ngươi sở hữu

Đức Giê-hô-va ban xứ sở cho dân Y-sơ-ra-ên được kể như thể họ đang thừa hưởng xứ sở. AT: "trong xứ sở mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ban cho ngươi sở hữu"

Deuteronomy 19:15

Thông tin Tổng quát:

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Một lời làm chứng

"lời làm chứng đơn phương" hoặcc "chỉ một lời làm chứng"

Không được nổi dậy chống lại người nào

Ở đây “nổi dậy” nghĩa là đứng dậy ở cung điện và chống lại một người với quan án. AT: “không được nói với quan án về những điều xấu mà một người đã làm"

Bất kì tội lỗi nào của nó

"bất cứ lúc nào người đó làm điều xấu"

Từ miệng của hai, hoặc ba người làm chứng

Từ “miệng” tượng trưng những gì người làm chứng nói. Điều này ám chỉ rằng phải có ít nhất hai hoặc ba lời làm chứng. AT: "từ lời khai của hai hoặc ba người” hoặc "dựa trên những gì"

Bất kì điều gì phải xác nhận

Có thể dịch ở dạng chú động. AT: "để ngươi xác nhận rằng người này phạm tội"

Cho rằng

"lúc" hoặc "nếu"

Lời chứng bất chính

"lời chứng một người có ý định làm hại một ai khác"

Nổi dậy để chống một người bằng cách chứng dối

Ở đây “nổi dậy” nghĩa là đứng trước quan toà và phản biện một người với quan án. AT: “nói với quan tòa để người phạm tội gặp nhiều rắc rối" hoặc "nói với quan tòa một người phạm tội, để quan tòa sẽ trừng phạt người đó"

Deuteronomy 19:17

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Có tranh luận giữa mỗi bên

"một bên tranh luận với bên khác"

Phải đứng trước Đức Giê-hô-va, trước thầy tế lễ và quan án

Điều này có nghĩa giữa hai người phải đến đền thờ nơi hiện diện của Đức Giê-hô-va ở. Ở đền thờ có thầy tế lễ và quan án có quyền thi hành quyết định luật pháp cho Đức Giê-hô-va.

Đứng trước Đức Giê-hô-va, trước thầy tế lễ và quan xét

Cụm từ “đứng trước” là thành ngữ. Nó nghĩa là đi đến một ai đó có thẩm quyền và để người đó thi hành quyết định pháp luật về vấn đề.

Các quan án phải sốt sắng điều tra

"Người quan án phải làm việc vất vả để định đoạt những gì xảy ra"

Thì ngươi phải làm cho hắn, như hắn đã làm với anh em mình

"để ngươi trừng phạt những lời chứng dối như cách hắn muốn trừng phạt một người khác"

Ngươi phải dọn cái ác giữa các ngươi

Danh từ trừu tượng “cái ác” có thể ở dạng tính từ. AT: "bằng cách trừng phạt lời chứng dối, ngươi sẽ chấm dứt tội ác trong dân của ngươi"

Deuteronomy 19:20

Cho những người còn lại

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"khi ngươi trừng phạt những lời chứng dối, thì còn lại những người"

Sẽ nghe và sợ

Nghĩa đầy đủ của nhóm từ này có thể làm rõ. AT: “sẽ nghe về sự trừng phạt và sợ hãi chịu trừng phạt"

Không còn bất cứ tội lỗi nào liên quan

"không bao giờ làm điều ác như thế"

Mắt ngươi sẽ không thương xót

Ở đây “mắt” nói đến toàn bộ con người. AT: “Ngươi không thương xót nó” hoặc “Ngươi không bày tỏ lòng nhân từ"

Mạng đền mạng...chân đền chân

Ở đây cụm từ được rút ngắn bởi vì nghĩa đã được hiểu. Nó nghĩa là anh ta làm hại đến người khác.

Translation Questions

Deuteronomy 19:1

Tại sao Đức Giê-hô-va lại truyền cho dân sự lựa chọn ra ba thành ở giữa xứ?

Ngài truyền cho dân sự phải lựa chọn ra ba thành để kẻ giết người có thể chạy trốn đến đó.

Deuteronomy 19:3

Tại sao Đức Giê-hô-va lại truyền cho dân sự lựa chọn ra ba thành ở giữa xứ?

Ngài truyền cho dân sự phải lựa chọn ra ba thành để kẻ giết người có thể chạy trốn đến đó.

Deuteronomy 19:4

Đức Giê-hô-va đã chuẩn bị gì cho người vô ý giết chết người lân cận mình, mà trước đó không hề thù ghét gì người?

Đức Giê-hô-va chuẩn bị ba cái thành ẩn náu để người đó có thể chạy trốn và ở tại đó.

Deuteronomy 19:5

Đức Giê-hô-va đã chuẩn bị gì cho người vô ý giết chết người lân cận mình, mà trước đó không hề thù ghét gì người?

Đức Giê-hô-va chuẩn bị ba cái thành ẩn náu để người đó có thể chạy trốn và ở tại đó.

Deuteronomy 19:6

Tại sao một kẻ giết người đó lại chạy đến thành ẩn náu?

Người nầy phải chạy trốn để bà con của người đã qua đời trong cơn giận dữ sẽ không rượt đuổi và giết chết người ấy.

Deuteronomy 19:7

Tại sao một kẻ giết người đó lại chạy đến thành ẩn náu?

Người nầy phải chạy trốn để bà con của người đã qua đời trong cơn giận dữ sẽ không rượt đuổi và giết chết người ấy.

Deuteronomy 19:8

Điều kiện để thêm ba thành ẩn náu nữa là gì?

Nếu Đức Giê-hô-va mở rộng bờ cõi của dân sự, thì họ phải thêm ba thành ẩn náu nữa.

Deuteronomy 19:9

Điều kiện để thêm ba thành ẩn náu nữa là gì?

Nếu Đức Giê-hô-va mở rộng bờ cõi của dân sự, thì họ phải thêm ba thành ẩn náu nữa.

Deuteronomy 19:11

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu một người vì thù ghét người lân cận mình mà rình đợi để tấn công và khiến người ấy bị thương nặng mà chết rồi chạy trốn đến một trong số các thành ẩn náu?

Các trưởng lão của thành có kẻ giết người đó phải đem người ra giao cho những người bà con thân thuộc của người đã chết để kẻ giết người đó phải chết như là hình phạt vì tội đã làm đổ máu giữa dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 19:13

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu một người vì thù ghét người lân cận mình mà rình đợi để tấn công và khiến người ấy bị thương nặng mà chết rồi chạy trốn đến một trong số các thành ẩn náu?

Các trưởng lão của thành có kẻ giết người đó phải đem người ra giao cho những người bà con thân thuộc của người đã chết để kẻ giết người đó phải chết như là hình phạt vì tội đã làm đổ máu giữa dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 19:15

Cần bao nhiêu nhân chứng để khẳng định một vấn đề?

Cần phải có hai hoặc ba nhân chứng lên tiếng để xác định vấn đề đó.

Deuteronomy 19:17

Khi có tranh chấp giữa hai người thì phải làm gì?

Thì cả hai người đó, những người tranh cãi đó, phải đứng trước mặt Đức Giê-hô-va, trước các thầy tế lễ và các quan án đương nhiệm. Các quan án đó phải điều tra kỹ lưỡng, để xem nhân chúng đó có phải là kẻ làm chứng gian vu cáo cho anh em mình hay không.

Deuteronomy 19:18

Khi có tranh chấp giữa hai người thì phải làm gì?

Thì cả hai người đó, những người tranh cãi đó, phải đứng trước mặt Đức Giê-hô-va, trước các thầy tế lễ và các quan án đương nhiệm. Các quan án đó phải điều tra kỹ lưỡng, để xem nhân chúng đó có phải là kẻ làm chứng gian vu cáo cho anh em mình hay không.

Deuteronomy 19:19

Phải làm gì khi phát hiện hiện lời chứng của nhân chứng đó không đúng?

Nếu lời chứng của nhân chứng đó bị phát hiện là giả dối thì họ phải xử kẻ làm chứng dối đó y như điều hắn muốn làm với anh em mình.

Chapter 20

Deuteronomy 20:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi ngươi ra giao chiến với kẻ thù của ngươi

"Khi ngươi ra ngoài để chiến đấu với kẻ thù ngươi"

Thấy ngựa, xe ngựa

Mọi người cho rằng quân đội có nhiều ngựa và xe ngựa sẽ rất mạnh. Nghĩa đầy đủ của nhóm từ này có thể làm rõ.

Ngài đã mang ngươi lên khỏi xứ Ai Cập

Đức Giê-hô-va mang dân sự từ Ai Cập đến Ca-na-an. Thông thường sử dụng từ “lên” nói đến việc di chuyển từ Ai Cập đến Ca-na-an. AT: "Đức Giê-hô-va đã dẫn ngươi ra khỏi xứ Ai Cập"

Deuteronomy 20:2

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nói với dân sự

"nói với quân lính Y-sơ-ra-ên"

Đừng để lòng ngươi nao núng. Đừng kinh sợ hoặc sợ hãi. Đừng sợ hãi chúng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có bốn cách diễn tả nhưng hết thảy chúng đều cùng nghĩa và nhấn mạnh rằng chúng không sợ hãi. Nếu ngôn ngữ của bạn không có bốn cách để diễn tả khái niệm này, bạn có thể sử dụng ít hơn.

Đừng để lòng ngươi nao núng

Ở đây "lòng" tượng trưng cho can đảm của con người. Để lòng ngươi nao núng là thành ngữ có nghĩa là "Đừng sợ hãi"

Đức Giê-hô-va Chúa ngươi là Đấng đang đi cùng với ngươi để chiến đấu với kẻ thù của ngươi

Đức Giê-hô-va đánh bại kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên được kể như thể Đức Giê-hô-va là chiến binh chiến đấu cùng với dân Y-sơ-ra-ên.

Để cứu ngươi

"ban cho ngươi chiến thắng"

Deuteronomy 20:5

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói những gì chỉ huy quân đội nói với dân Y-sơ-ra-ên trước trận chiến.

Các chỉ huy nói

Công việc của chỉ huy quyết định người rời khỏi quân đội. Nghĩa đầy đủ của nhóm từ này có thể làm rõ.

Có ai...Để người đó đi và quay về nhà mình

"Nếu bất kì người lính đã xây nhà mới của mình và chưa khánh thành nó, anh ta phải trở về nhà của mình"

Để anh ta không chết trong trận chiến và người khác khánh thành nó

Người chỉ huy đang diễn tả tình huống có thể xảy ra với người lính. AT: "để mà, nếu người đó chết trong trận chiến, người khác sẽ không khánh thành ngôi nhà thay vì người đó"

Deuteronomy 20:6

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang mô tả những hoàn cảnh để cho phép một người rời khỏi quân đội.

Có ai đã trồng...để người đó về nhà

"Nếu một người đã có vườn nho mới, nhưng chưa thu hoạch nho, anh ta sẽ trở về nhà mình"

Để người đó sẽ không chết trong trận chiến và người khác hưởng được thành quả

Người chỉ huy đang mô tả tình huống có thể xảy ra với người lính. AT: "để mà, nếu người đó chết trong trận chiến, người khác sẽ thu hoạch thành quả thay vì người đó"

Có người đã đính ước với người phụ nữ...Để anh ta về nhà

"Nếu có người đã hứa hẹn để cưới người phụ nữ, nhưng chưa kết hôn với cô ta, thì anh ta có thể trở về nhà mình"

Để anh ta không chết trong trận chiến và người khác cưới cô ấy

Chỉ huy đang mô tả tình huống có thể xảy ra với người lính. AT: "để mà, nếu anh ta chết trong trận chiến, người khác không kết hôn với cô ấy thay vì anh ta"

Deuteronomy 20:8

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang mô tả những hoàn cảnh có để cho phép một người rời khỏi quân đội.

Ai là người sợ hãi và nhút nhát? Để anh ta đi và trở về nhà mình

"Nếu có một người lính nào ở đây sợ hãi và không dũng cảm, anh ta sẽ quay về nhà mình"

Sợ hãi và nhút nhát

Những từ này có nghĩa cơ bản giống nhau. AT: "sợ hãi để chiến đấu trong trận chiến"

Để lòng của anh em khác không nhụt chí như lòng của anh ta

Đây là thành ngữ. AT: "người Y-sơ-ra-ên khác không trở nên sợ hãi như anh"

Lòng anh em...lòng của anh ta

Ở đây "lòng" tượng trưng cho lòng dũng cảm của con người.

Họ phải chỉ định vị tướng trên họ

"người chỉ huy phải chỉ định người nào là tướng và lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 20:10

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi các ngươi hành quân để tấn công một thành

Ở đây "thành" tượng trưng cho mọi người. AT: "khi các ngươi tấn công người trong thành phố"

Hãy giảng hòa với dân đó

"cho dân trong thành có cơ hội đầu hàng"

Mở cửa của họ cho ngươi

Ở đây "cửa" nói đến cổng thành phố. Cụm từ "mở cổng thành" tương ứng với những người đầu hàng và cho phép người Y-sơ-ra-ên vào trong thành của họ. AT: "để các người vào trong thành của họ"

Hết thảy các người mà ngươi đã tìm thấy

Có thể ở dạng chủ động. AT: "hết thảy mọi người trong thành phố"

Bắt chúng phục dịch ngươi

"bắt chúng thành nô lệ của ngươi"

Deuteronomy 20:12

Nhưng nếu nó không muốn giảng hòa

Ở đây "nó" nói đến thành phố, tương ứng với cho con người. AT: "Nhưng nếu dân thành đó không đầu hàng" hoặc "Nhưng nếu người thành đó không chấp nhận hòa bình"

Deuteronomy 20:14

Những con trẻ

"trẻ con"

Và hết thảy chiến lợi phẩm

"và các thứ của cải"

Của cướp được

Các của cải giá trị mà người thắng trận chiến lấy được từ những người mà họ tấn công.

Hết thảy thành phố

Ở đây "thành phố" tương ứng với cho người dân. AT: "những người sống trong thành phố"

Deuteronomy 20:16

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ở thành phố của những người mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi ban cho ngươi thừa hưởng

Thành phố ở Ca-na-an mà Đức Giê-hô-va ban cho mọi được kể đến như thể mọi người kế nghiệp thành phố.

Ngươi đừng cứu sống vật không còn thở

"ngươi đừng để bất kì điều gì còn sống." Có thể ở dạng bị động. AT: "ngươi phải giết những thứ sống"

Ngươi phải hoàn toàn hủy diệt chúng

"ngươi phải hoàn toàn hủy diệt những nhóm dân này"

Làm điều để chúng

"Hủy diệt những dân này để chúng"

Làm điều gì theo điều ghê tởm của chúng...thần của chúng

"làm những điều ghê tởm theo như người trong các nước

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

này đã làm với thần của họ"

Nếu ngươi làm, ngươi sẽ phạm tội nghịch Đức Giê-hô-va Chúa ngươi

"nếu ngươi làm như người đó, ngươi sẽ phạm tội nghịch với Đức Giê-hô-va Chúa ngươi"

Deuteronomy 20:19

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Giao chiến

"chiến đấu trong chiến tranh"

Cầm rìu để phá chúng

"đốn cây bằng rìu"

Vậy cây ở ngoài đồng là con người cho anh em vây hãm sao?

Câu hỏi tu từ này nhắc nhở mọi người những gì họ đã biết. Câu hỏi này có thể dịch như mệnh lệnh. AT: "Vì cây trái không phải con người, vì thế chúng không phải kẻ thù của ngươi"

Ngươi biết những cây không để ăn

"ngươi biết những cây không trồng để ăn trái"

Đồn lũy

Đây là dụng cụ và là công trình, như cái thang và tháp, theo nhu cầu thì đặt nó để bao vây thành.

Đến khi nó bị hạ

Đây là thành ngữ. AT: “cho đến khi dân trong thành thua cuộc chiến”

Nó bị hạ

Ở đây “nó” nói đến thành phố và tương ứng với cho dân trong thành.

Translation Questions

Deuteronomy 20:1

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên không nên sợ hai khi họ dàn binh đi giao chiến với các quân thù mình?

Dân Y-sơ-ra-ên không nên sợ hãi bởi vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, là Đấng đã đem họ ra khỏi đất Ai Cập, sẽ ở cùng họ.

Deuteronomy 20:2

Phải làm gì khi dân Y-sơ-ra-ên kéo ra gần chiến trường?

Thầy tế lễ phải phán với dân sự và trấn an họ đừng sợ hãi, vì Đức Giê-hô-va ở cùng họ để chiến đấu cho họ.

Deuteronomy 20:4

Phải làm gì khi dân Y-sơ-ra-ên kéo ra gần chiến trường?

Thầy tế lễ phải phán với dân sự và trấn an họ đừng sợ hãi, vì Đức Giê-hô-va ở cùng họ để chiến đấu cho họ.

Deuteronomy 20:5

Nếu một người mới xây nhà mới mà chưa kịp khánh thành thì người đó phải làm gì?

Người đó phải trở về nhà mình để không chết trong chiến trận và có kẻ khác khánh thành nhà của người.

Deuteronomy 20:7

Nếu một người đã đính hôn với một người nữ mà chưa cưới nàng thì phải làm gì?

Người ấy phải trở về cưới người nữ ấy để người không bị chết trong chiến trận và có kẻ khác cưới nàng chăng.

Deuteronomy 20:10

Khi dân Y-sơ-ra-ên tấn công một thành mà nếu thành đó chịu chấp nhận điều kiện giải hòa thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Toàn dân trong thành đó sẽ phải phục dịch cho dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 20:11

Khi dân Y-sơ-ra-ên tấn công một thành mà nếu thành đó chịu chấp nhận điều kiện giải hòa thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Toàn dân trong thành đó sẽ phải phục dịch cho dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 20:12

Phải làm gì nếu thành đó không chấp nhận đề nghĩ giải hòa, nhưng thay vào đó lại khai chiến cùng dân Y-sơ-ra-ên?

Dân Y-sơ-ra-ên phải tấn công thành đó và khi Đức Giê-hô-va ban chiến thắng cho dân Y-sơ-ra-ên thì dân sự phải giết hết thảy những người nam trong thành.

Deuteronomy 20:13

Phải làm gì nếu thành đó không chấp nhận đề nghĩ giải hòa, nhưng thay vào đó lại khai chiến cùng dân Y-sơ-ra-ên?

Dân Y-sơ-ra-ên phải tấn công thành đó và khi Đức Giê-hô-va ban chiến thắng cho dân Y-sơ-ra-ên thì dân sự phải giết hết thảy những người nam trong thành.

Deuteronomy 20:16

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải tận diệt mọi vật biết thở trong thành thuộc xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ làm cơ nghiệp?

Họ phải tiêu diệt mọi vật đó để dân xứ đó không dạy họ làm theo những đường lối gớm ghiết của họ mà phạm tội cùng Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 20:18

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải tận diệt mọi vật biết thở trong thành thuộc xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ làm cơ nghiệp?

Họ phải tiêu diệt mọi vật đó để dân xứ đó không dạy họ làm theo những đường lối gớm ghiết của họ mà phạm tội cùng Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 20:19

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với những cây cối trong thành mà họ đã tấn công đó?

Dân Y-sơ-ra-ên không nên chặt những cây ăn trái, nhưng họ có thể chặt bỏ những cây không dùng làm thức ăn để xây dựng đồn lũy đánh thành đó.

Deuteronomy 20:20

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì với những cây cối trong thành mà họ đã tấn công đó?

Dân Y-sơ-ra-ên không nên chặt những cây ăn trái, nhưng họ có thể chặt bỏ những cây không dùng làm thức ăn để xây dựng đồn lũy đánh thành đó.

Chapter 21

Deuteronomy 21:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nếu một người bị giết

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Nếu một người tìm thấy người khác đã bị giết"

Nằm trên cánh đồng

Người chết đang nằm trên cánh đồng.

Và biết được người đã tấn công anh ta

Có thể ở dạng chủ động. AT: “và có người biết người tấn công anh ta"

Ngươi phải đo lường từ thành phố

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"ngươi phải đo lường khoảng cách từ thành phố"

Người đã bị giết

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người đã bị giết" hoặc "xác người chết"

Deuteronomy 21:3

Người bị giết

Có thể ở dạng chủ động. AT: “người bị một người giết"

Chưa mang ách

"chưa mang ách"

Nước chảy

Đây là thành ngữ cho nước chuyển động. AT: "dòng chảy"

Tại khe không ai cày hay gieo

Có thể ở dạng chủ động. AT: “khe ở nơi không ai cày hay gieo hoặc gieo hạt"

Deuteronomy 21:5

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Phải đến gần

"phải đến khe"

Để những người Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã chọn để hầu việc người

"bởi vì các thầy tế lễ là người Đức Giê-hô-va Chúa người đã chọn để hầu việc ngươi"

Đức Giê-hô-va Chúa ngươi

Môi-se nói đến người Y-sơ-ra-ên như thể ông nói với một người, vậy từ “của ngươi” ở số ít.

Chúc phước cho dân sự

"chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên"

Trong danh của Đức Giê-hô-va

Ở đây cách hoán dụ “trong danh của” nói đến Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: "khi một người nói và làm những gì chính Đức Giê-hô-va nói và làm"

Nghe lời khuyên của họ

"nghe những gì thầy tế lễ nói"

Theo những lời của họ phán quyết

Ở đây cách hoán dụ “lời của họ” nói đến những gì thầy tế lễ nói. AT: "bởi những gì thầy tế lễ nói, điều đó sẽ quyết định"

Trong mỗi vụ kiện tụng và hành hung

"mỗi lần dân sự mang nhau ra tòa vì họ bất đồng với người khác hoặc một người gây thương tích cho một người"

Deuteronomy 21:6

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Con bò cái bị vặn cổ

Có thể ở dạng chủ động. AT: “cổ bò cái bị thầy tế lễ bẻ gãy"

Và họ phán quyết các trường hợp

"và họ phải xác nhận với Đức Giê-hô-va về trường hợp này"

Tay chúng tôi không làm đổ huyết này

Ở đây “tay” là cách hoán dụ cho toàn con người và “đổ huyết này” là cách hoán dụ cho việc giết người vô tội. AT: "Chúng tôi không giết người vô tội này"

Mắt chúng tôi cũng không thấy gì

Ở đây “mắt” nói đến toàn bộ con người. AT: "và chúng tôi cũng không thấy ai giết người này"

Deuteronomy 21:8

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với các trưởng lão những gì họ nên nói khi họ rửa tay của mình trên con bò cái. Ông nói với họ như thể họ là một người, vậy những từ “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.

Ngài đã mua chuộc

Đức Giê-hô-va giải cứu người Y-sơ-ra-ên khỏi cuộc sống ở Ai Cập được kể như thể Đức Giê-hô-va trả tiền để giải cứu dân của Ngài khỏi cảnh nô lệ.

Và đừng để huyết vô tội ở giữa dân Y-sơ-ra-ên của người

"đừng đối xử dân Y-sơ-ra-ên của người như thể họ phạm tội giết người vô tội"

Sự đổ máu sẽ tha thứ cho họ

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ chi dân Y-sơ-ra-ên của Ngài về cái của người vô tội"

Ngươi sẽ cất lấy huyết vô tội khỏi giữa các ngươi

"ngươi sẽ không phạm tội giết người vô tội nữa"

Những gì ngay thẳng trước mắt Đức Giê-hô-va

Từ “trước mắt Đức Giê-hô-va” là cách hoán dụ cho “những gì Đức Giê-hô-va nghĩ là phải."

Deuteronomy 21:10

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể ông đang nói với một người, vậy các từ "ngươi" và "của người" ở số ít.

Ngươi đi ra

"các người lính ra ngoài" (UDB)

Ngươi đã mong ước cô ấy

Cách nói tế nhị cho "ngươi muốn ngủ với cô ấy."

Mong muốn lấy cô ấy cho ngươi làm vợ

"muốn cô ấy"

Cô ấy sẽ cạo đầu mình

"cô ấy sẽ cạo hết tóc trên đầu"

Cắt móng tay

"cắt móng tay"

Deuteronomy 21:13

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể ông nói với một người, vậy các từ "ngươi" và "của người" ở số ít.

Cô ta sẽ cởi hết đồ đang mặc

Cô ấy sẽ làm điều này sau khi người đàn ông mang cô về nhà và cô ấy cạo đầu, cắt móng tay, móng chân của cô [DEU 21:12]

Lúc cô ấy bị bắt giam

Có thể ở dạng chủ động. AT: “khi ngươi bắt giữ cô ấy"

Đầy tháng

"nguyên tháng" hoặc "toàn bộ tháng"

Nhưng nếu ngươi không ham thích cô ta

"Nhưng nếu ngươi ngủ với cô ấy rồi quyết định không muốn cưới cô ấy làm vợ"

Để cô ấy đi nơi cô ấy muốn

"để cô ấy đi bất cứ nơi nào cô ấy muốn"

Vì ngươi làm nhục cô ấy

"bởi vì ngươi làm xấu hổ cô ấy vì ngủ với cô áy rồu đuổi đi"

Deuteronomy 21:15

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Một người yêu và một người ghét

Có thể ở dạng chủ động. AT: Có thể mang những nghĩa 1) “người đàn ông yêu một người vợ và ghét một người vợ khác hoặc 2) “một người đàn ông yêu một người vợ hơn yêu một người vợ khác"

Họ điều sanh con

"và các vợ đều đã có con với người đó"

Nếu con đầu lòng thuộc về người vợ bị ghét

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể ở dạng chủ động. AT: "nếu con đầu lòng thuộc về người vợ mà người đàn ông ghét"

Vào một ngày mà người nam

"khi người nam"

Người nam để lại cho con trai mình thừa kế những mình sở hữu

"người nam ban của cải cho con trai của mình như món sản nghiệp"

Ông không được lập con trai đầu lòng của người vợ được yêu trước con của vợ bị ghét

"ông không được đối xử con của người vợ được yêu như thể nó là con đầu lòng thay vì con của người vợ bị ghét"

Chia gấp đôi

"gấp hai"

Đứa con đó là sức mạnh đầu tiên của ngươi

"người con đó cho thấy rằng một người có thể trở thành cha của những đứa con trai"

Deuteronomy 21:18

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Có người không vâng lời cha hoặc mẹ của nó

Ở đây “lời” là cách hoán dụ cho những gì con người nói. AT: "có người không vâng theo những gì cha hoặc mẹ nó nói"

Họ trừng trị nó

"họ phạt nó vì việc làm sai trái của nó" hoặc "họ dạy dỗ và chỉ dẫn nó"

Phải bắt nó và dẫn nó đi

"phải ép nó đi ra"

Deuteronomy 21:20

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp “ngươi” ở số ít.

Con trai này của chúng tôi

"con trai của chúng tôi"

Nó không vâng lời chúng tôi

Ở đây “lời” là cách hoán dụ cho những gì con người nói hoặc toàn bộ con người đó. AT: “nó không vâng theo những gì chúng tôi bảo nó làm" hoặc "nó không vâng lời chúng tôi"

Kẻ tham ăn

Người ăn và uống rất nhiều

Người say sưa

Là người uống nhiều rượu và thường xuyên uống

Ném đá nó tới chết

"ném đá vào người nó tới khi nó chết"

Ngươi sẽ dọn cái ác ra khỏi giữa các ngươi

Tính từ “xấu xa” có thể dịch như nhóm từ danh từ. AT: “ngươi phải dọn ra khỏi giữa dân Y-sơ-ra-ên những kẻ làm điều xấu này" hoặc "ngươi phải hành hình kẻ xấu xa này"

Cả Y-sơ-ra-ên

Từ “Y-sơ-ra-ên” là cách hoán dụ cho người Y-sơ-ra-ên. AT: “Hết thảy người Y-sơ-ra-ên"

Sẽ nghe nó và sợ

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “sẽ nghe về những gì xảy ra với đứa con trai và sợ hãi và sợ hãi rằng mọi người cũng sẽ trừng phạt chúng"

Deuteronomy 21:22

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể ông đang nói chuyện với một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.

Nếu một người phạm tội đáng chết

"Nếu một người đã làm một điều sai thì ngươi cần trừng phạt bằng cách giết nó "

Nó bị xử tử

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi xử tử nó” hoặc “ngươi giết nó”

Ngươi treo nó trên cây

Có thể mang những nghĩa 1) “sau khi nó đã chết, ngươi treo nó trên cây” hoặc 2) “ngươi giết nó bằng cách treo nó trên cột gỗ "

Chôn nó trong ngày

"chôn nó cùng ngày mà ngươi hành hình nó"

Những ai bị treo là ghê tởm cho Chúa

Có thể ở dạng chủ động. AT: “có thể mang những nghĩa 1) “vì Chúa nguyền rủa mọi người treo trên cây” và 2) “người bị treo trên cây là những kẻ Chúa nguyền rủa."

Đừng làm ô uế đất

Để những điều Chúa nguyền rủa treo trên cây

Translation Questions

Deuteronomy 21:1

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như có người bị giết nằm sải trên đồng mà chẳng biết ai đã tấn công người?

Các trưởng lão và các quan án phải đo đạc để quyết định thành gần nhất với người đã bị giết.

Deuteronomy 21:2

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như có người bị giết nằm sải trên đồng mà chẳng biết ai đã tấn công người?

Các trưởng lão và các quan án phải đo đạc để quyết định thành gần nhất với người đã bị giết.

Deuteronomy 21:5

Đức Giê-hô-va muốn dân Y-sơ-ra-ên đáp ứng ra sao với những lời của các thầy tế lễ của Ngài?

Đức Giê-hô-va muốn họ chấp nhận lời cố vấn của các thầy tế lễ của Ngài là phán quyết trong mọi cuộc tranh cãi hoặc trong những trường hợp bị hành hung.

Deuteronomy 21:6

Các trưởng lão ở thành gần nhất với người bị giết phải thực hiện những nghi lễ nào để việc làm đổ huyết nầy sẽ được tha thứ?

Các trưởng lão của thành nầy phải rửa tay mình trên con bò cái tơ mới bị vặn cổ và nói rằng: "Tay chúng tôi chẳng đổ huyết nầy, mắt chúng tôi cũng chẳng thấy việc đó."

Deuteronomy 21:7

Các trưởng lão ở thành gần nhất với người bị giết phải thực hiện những nghi lễ nào để việc làm đổ huyết nầy sẽ được tha thứ?

Các trưởng lão của thành nầy phải rửa tay mình trên con bò cái tơ mới bị vặn cổ và nói rằng: "Tay chúng tôi chẳng đổ huyết nầy, mắt chúng tôi cũng chẳng thấy việc đó."

Deuteronomy 21:10

Môi-se bảo dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì khi họ ra chiến đấu cùng quân thù nghịch mình và Đức Giê-hô-va ban cho họ chiến thắng?

Họ được truyền dặn phải bắt kẻ thù mình làm phu tù.

Deuteronomy 21:11

Một người nam Y-sơ-ra-ên sẽ phải đối đã với một người nữ bị bắt làm phu tù như thế nào?

Nếu một người nam thấy một người nữ xinh đẹp và muốn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lấy nàng làm vợ thì người phải dẫn nàng về nhà, tại đó nàng sẽ cạo đầu mình cắt móng tay mình.
Deuteronomy 21:12
Một người nam Y-sơ-ra-ên sẽ phải đối đã với một người nữ bị bắt làm phu tù như thế nào?
Nếu một người nam thấy một người nữ xinh đẹp và muốn lấy nàng làm vợ thì người phải dẫn nàng về nhà, tại đó nàng sẽ cạo đầu mình cắt móng tay mình.
Deuteronomy 21:13
Người nữ phu tù đó được phép khóc than cho cha mẹ mình trong bao lâu?
Nàng sẽ khóc than cho cha mẹ mình trong vòng một tháng trước khi nàng trở thành vợ của người nam đó.
Deuteronomy 21:14
Dân Y-sơ-ra-ên phải đối xử ra sao với một người nữ phu tù mà mình đã lấy làm vợ nhưng không còn ưa nàng nữa?
Người ấy phải để cho nàng ấy đi, không được bán nàng lấy tiền.
Deuteronomy 21:15
Nếu một người nam có hai vợ, và người ghét bỏ người vợ đã sinh cho mình đứa con trai trưởng nam, thì người ấy phải trao chia sản nghiệp của mình cho những người thừa kế mình ra sao?
Người nầy phải công nhận người con trai của người vợ bị ghét bỏ là trưởng nam bằng cách chia cho nó một phần gấp đôi về mọi tài sản mình có.
Deuteronomy 21:17
Nếu một người nam có hai vợ, và người ghét bỏ người vợ đã sinh cho mình đứa con trai trưởng nam, thì người ấy phải trao chia sản nghiệp của mình cho những người thừa kế mình ra sao?
Người nầy phải công nhận người con trai của người vợ bị ghét bỏ là trưởng nam bằng cách chia cho nó một phần gấp đôi về mọi tài sản mình có.
Deuteronomy 21:18
Một người sẽ dẫn đứa con trai cứng đầu ngỗ nghịch của mình đến chỗ ai nếu đứa con trai đó không chịu vâng lời cha hoặc mẹ mình?
Người đó và vợ phải dẫn đứa con trai đó đến trước cổng thành giao cho các trưởng lão.
Deuteronomy 21:20
Cha mẹ của đứa con trai ngỗ nghịch đó phải nói gì với các trưởng lão của thành mình?
Cha mẹ của đứa con trai ngỗ nghịch đó phải thưa với các trưởng lão rằng: "Con chúng tôi cứng đầu ngỗ nghịch, chỉ biết ăn chơi nhậu nhẹt và không chịu vâng lời chúng tôi."
Deuteronomy 21:21
Tại sao các trưởng lão của thành đó phải đáp lại bằng cách ném đá đứa con trai đó cho đến chết?
Dân sự phải ném đá đứa con trai đó cho đến chết để loại trừ rội ác ra khỏi họ và khiến cho cả dân Y-sơ-ra-ên đều biết đến chuyện đó mà sợ hãi."

Chapter 22
Deuteronomy 22:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Lạc đường
"đi xa khỏi chủ nó"
Làm như ngươi không thấy
Đây là thành ngữ. AT: “làm như thể ngươi không thấy chúng” hoặc “bỏ đi không làm gi”
Nếu người Y-sơ-ra-ên thân thiết của người không gần ngươi
"Nếu người Y-sơ-ra-ên thân thiết của ngươi sống xa ngươi"
Hoặc nếu ngươi không biết nó
"hoặc nếu ngươi không biết chủ của nó là ai"
Nó phải ở với ngươi tới khi ngươi tìm được
"ngươi phải giữ con vật ở cùng ngươi cho đến khi chủ của nó tìm ra nó"
Deuteronomy 22:3
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Ngươi phải làm vậy với chủ của con lừa
"ngươi phải trả con lừa giống như vậy"
Ngươi phải làm như vậy với chủ của áo
"ngươi phải trả lại chủ của áo giống như vậy"
Làm như ngươi không thấy
Đây là thành ngữ. AT: “ngươi đừng làm như thể ngươi không thấy một người bị mất" hoặc "ngươi đừng bỏ đi mà không làm gì"
Ngươi phải đỡ nó dậy
"ngươi phải giúp người Y-sơ-ra-ên thân thiết, đỡ con vật đứng lên lại"
Deuteronomy 22:5
Thông tin Tổng quát:
Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Những gì thuộc về người nam
"quần áo nam"
Deuteronomy 22:6
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Tổ chim
Nhà của loài chim làm cho chúng từ củi, cỏ, cây, và bùn
Những con nhỏ hoặc trứng trong đó
"những con chim con hoặc trứng trong tổ"
Và chim mẹ đang ấp con
"và chim mẹ đang ấp chim con"
Những ngày của ngươi kéo dài
Những ngày dài là cách hoán dụ cho cuộc sống lâu. AT: “có khả năng sống lâu." Dịch những từ theo như trong [DEU 4:26]
Deuteronomy 22:8
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Lan can cho mái nhà ngươi
Là hàng rào thấp trên mép nhà để mọi người không ngã xuống mái nhà
Để ngươi không đổ máu trên nhà ngươi
Máu là biểu tượng cho cái chết. AT: “để không mắc tội bởi nhà ngươi nếu có người chết”
Nếu có người ngã khỏi đó
"nếu có người ngã khỏi mái nhà vì ngươi không làm lan can"
Deuteronomy 22:9

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Để toàn bộ vụ gặt không bị tịch thu vì nơi thành
Từ “nơi thánh” là cách hoán dụ cho thấy tế lễ là người làm việc trong nơi thánh. Có thể ở dạng chủ động. AT: "để thầy tế lễ trong nơi thánh của Đức Giê-hô-va không lấy đi toàn bộ vụ gặt" hoặc "để các ngươi không làm ô uế mùa gặt và thầy tế lễ không cho phép ngươi dùng nó"
Sản lượng của vườn nho
"và thành quả được trồng trên vườn nhho"
Lông chiên
Mềm, lông xoắn mọc trên con chiên
Vải lanh
Chỉ làm từ cây lanh
Deuteronomy 22:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "ngươi" ở đây là số ít.
Kết tua
"tua" (UDB). Đây là chỉ được buộc lại với nhau và móc từ đầu đến mỗi góc của áo choàng.
Áo choàng
Là một áo dài mà người mặc phủ ngoài quần áo khác
Deuteronomy 22:13
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Rồi buộc tội cô ấy những điều đáng xấu hổ
"rồi buộc tội cô ấy ngủ với một người trước khi cô ấy kết hôn"
Rao những tiếng xấu về cô ấy
Danh từ trừu tượng “tiếng” có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "làm những người khác nghĩ cô ấy là người xấu"
Nhưng khi tôi đến gần cô ấy
Đây là cách tế nhị nói đến “có mối liên hệ xác thịt với một người." AT: "nhưng khi tôi ngủ với cô ta"
Tôi không tìm thấy bằng chứng trinh khiết ở cô ấy
Danh từ trừu tượng “bằng chứng” có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "Cô ấy không thể chứng minh với tôi rằng cô ấy là gái đồng trinh"
Deuteronomy 22:15
Thông tin Tổng quát:
Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Phải chứng minh sự trinh khiết của cô ấy
Danh từ trừu tượng “chứng minh” có thể dịch thành nhóm động từ. AT: “phải lấy một điều để chứng minh rằng cô ấy là gái đồng trinh"
Deuteronomy 22:16
Thông tin Tổng quát:
Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Anh ta buộc tội cô ấy làm điều xấu hổ
Nghĩa đầy đủ có thể làm rõ. AT: “anh ta đã buộc tội cô ấy đã ngủ với một người trước khi anh cưới cô ấy"
Tôi không thấy con gái của ông không chứng minh mình còn trinh khiết
Danh từ trừu tượng “chứng minh” và “trinh khiết” có thể dịch thành nhóm động từ. AT: “Con gái của ông không chứng minh rằng mình là gái đồng trinh"
Vả, đây là bằng chứng cho sự trinh khiết của con gái tôi
Danh từ trửu tượng “chứng minh” và “trinh khiết” có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "nhưng đây là bằng chứng rằng con gái tôi là gái đồng trinh"
Bấy giờ họ sẽ trải áo ra trước các trưởng lão của thành
Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “Bấy giờ người mẹ và cha sẽ trải áo cùng với vết máu cho các trưởng lão để chứng minh rằng cô gái là gái đồng trinh"
Deuteronomy 22:18
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Rồi họ trừng phạt anh ta
"rồi họ bắt anh ta trả tiền như một hình phạt"
Một trăm siếc-lơ
"100 siếc-lơ"
Và đưa chúng cho cha của cô gái
"và đưa tiền cho cha của cô gái"
Đã khiến tiếng xấu cho gái đồng trinh của Y-sơ-ra-ên
Danh từ trừu tượng “tiếng” có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "đã khiến mọi người nghĩ rằng cô gái đồng trinh của Y-sơ-ra-ên là người xấu"
Anh ta không được đuổi cô ấy đi
"không cho phép anh ta ly dị cô ta"
Trong suốt những ngày của anh ta
Đây là một cách diễn đạt. AT: "trong suốt đời anh ta"
Deuteronomy 22:20
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Nhưng nếu điều này là thật
"nhưng nếu nó là thật" hoặc "nhưng nếu những gì người đàn ông nói là đúng"
Chứng minh sự trinh khiết không tìm thấy ở cô gái
Có thể ở dạng chủ động. AT: “người đàn ông không tìm thấy bằng chứng rằng cô gái là trinh nữ”
Bằng chứng về trinh khiết
Danh từ trừu tượng “bằng chứng” và “trinh khiết” có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "Một điều chứng minh rằng cô gái là trinh nữ"
Rồi họ mang cô gái ra ngoài
"rồi các trưởng lão đem cô gái ra ngoài"
Ném đá cô ấy đến chết
"ném đá vào cô ấy đến khi cô ấy chết"
Vì cô ấy đã phạm một việc đáng hổ thẹn ở Y-sơ-ra-ên
"bởi vì cô gái đã làm một điều hổ thẹn ở Y-sơ-ra-ên"
Việc như điếm đĩ trong nhà của cha cô ta
"làm như điếm đĩ khi sống trong nhà của cha cô ấy"
Ngươi sẽ dọn cái ác
Tính từ “cái ác” có thể dịch thành nhóm danh từ. AT: “ngươi phải dọn khỏi giữa Y-sơ-ra-ên người làm điều xấu xa này" hoặc "ngươi phải hành hình người xấu xa này"
Deuteronomy 22:22
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vật từ “ngươi” ở số ít.
Nếu một người được tìm thấy
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu có người tìm thấy một người"
Rồi ngươi sẽ cất dọn
"theo cách này ngươi sẽ cất dọn" (see UDB)
Deuteronomy 22:23
Thông tin Tổng quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” ở số ít.

Đính ước cho một người

"một người được hứa gả"

Bắt...đá

Những mạng lệnh được gửi cho người Y-sơ-ra-ên như một nhóm và ở số ít .

Bắt cả bọn chúng

"rồi ngươi phải mang người nữ và người nam đã ngủ với cô ấy"

Vì cô ấy không kêu lên

"vì cô ấy không gọi ai giúp"

Vì anh ta xâm phạm đến vợ của người thân cận mình

Người Y-sơ-ra-ên lúc bấy giờ nghĩ rằng người nam và người nữ đã đính hôn với nhau để kết hôn thành chồng và vợ. Nghĩa đầy đủ của câu lệnh có thể làm rõ. AT: “vì anh ta ngủ với người nữ thuộc về người anh em"

Và ngươi sẽ dọn cái ác khỏi giữa các ngươi

Tính từ “cái ác” có thể dịch thành nhóm danh từ. AT: "ngươi phải dọn khỏi Y-sơ-ra-ên người làm điều ác này” hoặc “ngươi phải hành hình kẻ ác này"

Deuteronomy 22:25

Người nữ đã hứa hôn

Điều này có nghĩa cha mẹ của người nữ đã đồng ý để cô ấy cưới một người nam nào đó, nhưng người nữ chưa cưới người nam.

Chỉ người nam ngủ với người nữ phải chết

"ngươi chỉ giết người nam ngủ với người nữ"

Vì cô ta không đáng chết

"ngươi không phạt bằng cách giết cô ấy qua những việc cô ấy làm"

Trường hợp này giống như việc người nam tấn công người lân cận mình và giết đi

"vì tình huống này giống tình huống một người tấn công một người khác và giết đi"

Vì người nam gặp người nữ trên cánh đồng

"bởi vì người nam tìm thấy người nữ làm việc trên cánh đồng"

Deuteronomy 22:28

Nhưng người chưa đính hôn

"nhưng cha mẹ của người đó chưa hứa hôn với người khác mà cô ấy sẽ kết hôn"

Và nếu họ phát hiện

Có thể ở dạng chủ động. AT: “nếu có người khám phá ra những gì xảy ra"

Năm mươi siếc-lơ bạc

Một siếc-lơ nặng mười một gram. AT: “năm mươi mẩu bạc” hoặc “550 gram bạc"

Deuteronomy 22:30

Không được lấy vợ của cha cho mình

Nghĩa đầy đủ của mệnh đề này có thể làm rõ. AT: “đừng kết hôn với người vợ trước của cha, dù cho bà ta không phải là mẹ"

Translation Questions

Deuteronomy 22:2

Môi-se bảo dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì khi họ thấy con vật của anh em mình trong Y-sơ-ra-ên đi lạc?

Họ không được dẫn con vật đó về nhà mình, nhưng phải dẫn chúng trở về cho anh em mình trong dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 22:4

Môi-se bảo dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì khi họ thấy con vật của anh em trong dân Y-sơ-ra-ên mình ngã trên đường?

Họ phải giúp đỡ anh em Y-sơ-ra-ên mình mà đỡ con vật đó dậy.

Deuteronomy 22:5

Những việc làm nào Đức Giê-hô-va cho là đáng ghê tởm?

Đức Giê-hô-va ghê tởm khi một người đàn bà mặc quần áo của đàn ông và đàn ông mặc quần áo của đàn bà.

Deuteronomy 22:6

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì nếu như họ bắt gặp chim mẹ đang ủ chim con hoặc ấp trứng trong tổ?

Họ phải thả chim mẹ, nhưng được phép bắt chim con.

Deuteronomy 22:7

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì nếu như họ bắt gặp chim mẹ đang ủ chim con hoặc ấp trứng trong tổ?

Họ phải thả chim mẹ, nhưng được phép bắt chim con.

Deuteronomy 22:8

Khi một người trong dân Y-sơ-ra-ên xây nhà thì có yêu cầu gì?

Người đó được yêu cầu phải làm một cái hàng rào có thanh chắn quanh mái nhà để tránh trường hợp có người rơi từ mái nhà xuống gây tội đổ máu trong nhà người đó.

Deuteronomy 22:9

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên được truyền dạy không được gieo hai loại hạt giống trong vườn nho?

Dân Y-sơ-ra-ên không được gieo hai loại hạt giống để sản vật thu được sẽ không bị sung vào nơi thánh.

Deuteronomy 22:18

Phải làm gì nếu một người nam vu khống vợ mình?

Các trưởng lão trong thành phải trừng phạt người chồng bằng cách phạt người một trăm siếc-lơ bạc đưa cho cha của người vợ và người chồng không bao giờ được đuổi người vợ đó đi.

Deuteronomy 22:19

Phải làm gì nếu một người nam vu khống vợ mình?

Các trưởng lão trong thành phải trừng phạt người chồng bằng cách phạt người một trăm siếc-lơ bạc đưa cho cha của người vợ và người chồng không bao giờ được đuổi người vợ đó đi.

Deuteronomy 22:20

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu không tìm thấy bằng chứng chứng tỏ trinh tiết của người vợ?

Nếu không tìm thấy bằng cớ chứng tỏ trinh tiết của người vợ đó thì người vợ sẽ bị dẫn ra và vị ném đá cho đến chết vì nàng đã phạm điều đồi bại.

Deuteronomy 22:21

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu không tìm thấy bằng chứng chứng tỏ trinh tiết của người vợ?

Nếu không tìm thấy bằng cớ chứng tỏ trinh tiết của người vợ đó thì người vợ sẽ bị dẫn ra và vị ném đá cho đến chết vì nàng đã phạm điều đồi bại.

Deuteronomy 22:22

Phải làm gì nếu một người đàn ông bị bắt gặp đang nằm với vợ của người khác?

Cả người đàn ông và người đàn bà đó đều phải bị ném đá

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cho đến chết để diệt trừ tội ác đó.
Deuteronomy 22:23
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên được lệnh phải ném đá cả người trinh nữ đã đính hôn và người đàn ông khác cho đến chết nếu như họ bị bắt gặp nằm cùng nhau?
Dân sự được lệnh phải ném đá cả hai người cho đến chết bởi vì cô gái đó đã không cứu dù đang ở trong thành, còn người đàn ông kia có tội vì đã chiếm đoạt vợ của người anh em mình.
Deuteronomy 22:24
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên được lệnh phải ném đá cả người trinh nữ đã đính hôn và người đàn ông khác cho đến chết nếu như họ bị bắt gặp nằm cùng nhau?
Dân sự được lệnh phải ném đá cả hai người cho đến chết bởi vì cô gái đó đã không cứu dù đang ở trong thành, còn người đàn ông kia có tội vì đã chiếm đoạt vợ của người anh em mình.
Deuteronomy 22:25
Phải làm gì nếu người đàn ông ép buộc cô gái đã đính hôn nằm cùng mình đương khi hai người đang ở ngoài đồng?
Nếu chuyện nầy xảy ra trên đồng ruộng thì người nam đó phải chết, nhưng không được làm gì với cô gái đó vì người nam kia đã gặp cô gái nầy ở ngoài đồng và ở đó không có ai để cứu nàng.
Deuteronomy 22:27
Phải làm gì nếu người đàn ông ép buộc cô gái đã đính hôn nằm cùng mình đương khi hai người đang ở ngoài đồng?
Nếu chuyện nầy xảy ra trên đồng ruộng thì người nam đó phải chết, nhưng không được làm gì với cô gái đó vì người nam kia đã gặp cô gái nầy ở ngoài đồng và ở đó không có ai để cứu nàng.
Deuteronomy 22:28
Phải làm gì nếu một người đàn ông ăn nằm với một trinh nữ, chưa đính hôn, và bị bắt quả tang?
Thì người đàn ông đó phải nộp cho cha cô gái năm mươi siếc-lơ bạc và lấy cô gái đó làm vợ chứ không được ruồng bỏ nàng.
Deuteronomy 22:29
Phải làm gì nếu một người đàn ông ăn nằm với một trinh nữ, chưa đính hôn, và bị bắt quả tang?
Thì người đàn ông đó phải nộp cho cha cô gái năm mươi siếc-lơ bạc và lấy cô gái đó làm vợ chứ không được ruồng bỏ nàng.
Deuteronomy 22:30
Tại sao một người nam không được lấy vợ của cha mình?
Một người nam không được lấy vợ của cha mình bởi vì người sẽ làm nhục hôn nhân của cha mình.

Chapter 23
Deuteronomy 23:1
Một người nam bị giập hay bị hoạn
"phần riêng tư trên cơ thể người nam bị giập hay cắt"
Sẽ vào trong hội của Đức Giê-hô-va
Đây là một cách diễn đạt. AT: “sẽ thêm đủ thành viên của hội đồng Y-sơ-ra-ên”
Con không hợp pháp
Có thể mang những nghĩa 1) con được sinh bởi cha mẹ phạm tội loạn luân hoặc ngoại tình hoặc 2) đứa con sanh ra bởi gái mại dâm.
Mãi đến đời thứ của mười của dòng dõi nó
“Thứ mười” này là số thứ tự của số mười. AT: "ngay cả sau khi thế hệ thứ mười của dòng dõi đứa con hoang"
Không ai
"không ai trong dòng dõi này"
Deuteronomy 23:3
Sẽ không thuộc hội của Đức Giê-hô-va
Đây là một cách diễn đạt. AT: “sẽ không thuộc thành viên của hội đồng Y-sơ-ra-ên"
Mãi đến thế hệ thứ mười của dòng dõi nó
“Thứ mười” này là số thứ tự của mười. AT: “ngay cả sau khi thế hệ thứ mười của dòng dõi nó"
Họ không gặp ngươi cùng bánh và nước
Nghĩa đầy đủ của mệnh đề này có thể làm rõ. AT: “họ không chào đón ngươi bằng cách mang thức ăn và nước uống"
Chống lại ngươi ... nguyền rủa ngươi
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, từ “ngươi” ở đây là số ít.
Deuteronomy 23:5
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Không nghe
Đây là một cách diễn đạt. AT: “không chú ý"
Đổi sự nguyền rủa thành sự chúc phước cho ngươi
"đã chúc phước ngươi và không nguyền rủa ngươi"
Ngươi đừng mưu cầu bình an hoặc thịnh vượng cho chúng
Có thể mang những nghĩa 1) “ngươi đừng lập hiệp ước hòa bình với dân Am-môn và dân Mô-a-bít" hoặc 2) "Ngươi đừng gì khiến mọi thứ trở nên tốt đẹp cho 2 nhóm dân này, để chúng có khả năng thịnh vượng" (UDB).
Trọn những ngày của các ngươi
Đây là một cách diễn đạt. AT: "miễn là các ngươi là một dân "
Deuteronomy 23:7
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Ngươi đừng ghê tởm người Ê-đôm
"Đừng ghét người Ê-đôm"
Vì người là anh em ngươi
"bởi vì người là họ hàng ngươi"
Ngươi đừng ghê tởm người Ê-díp-tô
"đừng ghét người Ê-díp-tô"
Dòng dõi của đời thứ ba sanh ra họ sẽ thuộc về hội của Đức Giê-hô-va
“Thứ ba” này là số thứ tự của số ba. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh có thể làm rõ. AT: “Nếu người Ê-đôm hoặc người Ê-díp-tô đến sống trong cộng đồng Y-sơ-ra-ên, con cháu họ sẽ trở nên thành viên của cộng đồng"
Deuteronomy 23:9
Khi các ngươi giao chiến với kẻ thù, ngươi phải giữ chính mình
Môi-se nói ở đây với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.
Chống lại kẻ thù của ngươi
"chiến đấu chống lại kẻ thù ngươi"
Giữ các ngươi khỏi mọi điều ác

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"giữ chính các ngươi khỏi mọi điều ác"

Bất kì người nam không tinh sạch bởi những gì xảy ra với anh ta trong đêm

Đây là cách tế nhị nói về việc anh ta đã xuất tinh. AT: “bất kì người nam không tinh sạch bởi vì mộng tinh khi ngủ"

Deuteronomy 23:12

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Ngươi phải có thứ gì trong số các công cụ của ngươi để đào

"ngươi phải có dụng cụ để ngươi có thể sử dụn để đào"

Khi ngươi ngồi xổm để giải tỏa cho mình

Đây là cách tế nhị khi nói về việc đi ngoài. AT: "Khi ngươi ngồi xổm để đi ngoài"

Ngươi phải đào bằng nó

"ngươi phải đào cái hố bằng dụng cụ"

Lấp những gì đã thải ra từ ngươi

"lấp phân của ngươi"

Để Ngài không thấy những thứ không tinh sạch giữa các ngươi

"để Đức Giê-hô-va không thấy thứ không tinh sạch giữa các ngươi "

Deuteronomy 23:15

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Nô lệ đã trốn thoát khỏi chủ mình

Nghĩa đầy đủ của câu này có thể làm rõ. AT: “nô lệ từ nước khác trốn thoát khỏi chủ nó và đến Y-sơ-ra-ên" (See:)

Để nó sống với ngươi

"để tên nô lệ sống giữa các ngươi"

Deuteronomy 23:17

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở số ít.

Mại dâm ... mại dâm ... chó

Đức Giê-hô-va đưa những danh sách đầy đủ về hình thức mại dâm của nam và nữ để ngăn cấm bất kì ai bởi lí do nào.

Mại dâm ...giữa những đứa con gái ...giữa con trai

Có thể mang những nghĩa mà Môi-se muốn 1) nghiêm cấm người nữ và nam làm những việc tình dục ở nơi đền thờ hầu việc hoặc 2) sử dụng uyển ngữ để ngăn cấm người nữ và nam làm những việc tình dục để kiếm tiền.

Ngươi đừng đem tiền công của mại dâm...vào trong nhà

"người nữ kiếm tiền từ mại dâm không được mang tiền đó ... vào trong nhà"

Con chó

Một người cho phép người nam làm tình với mình để kiếm tiền

Trong nhà của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi

"trong đền thờ"

Cho bất kì lời thề

"để thực hiện lời thề"

Những điều này

Tiền công của mại dâm nữ và mại dâm nam.

Deuteronomy 23:19

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là ở số ít.

Ngươi đừng lấy tiền lãi với người Y-sơ-ra-ên thân thiết của ngươi

"Nếu ngươi cho người anh em mượn cái gì, ngươi đừng bắt người trả lại nhiều hơn những gì người mượn"

Mượn lấy lãi

Cho một người mượn và ép người đó trả lại nhiều hơn những gì đã mượn

Tiền lãi ... thứ gì mượn lấy lãi

"ngươi đừng tính lãi khi ngươi cho một người mượn tiền, thức ăn, hay điều gì khác"

Mọi việc do tay ngươi làm

Đây là một cách diễn đạt. AT: "mọi việc mà ngươi làm"

Deuteronomy 23:21

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Ngươi đừng trì hoãn làm cho xong nó

"ngươi đừng giữ nhiều thời gian để làm trọn lời hứa nguyện"

Vì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi chắc sẽ đòi nó từ ngươi

"bởi vì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ quở và phạt ngươi nếu ngươi không làm trọn hứa nguyện"

Nhưng nếu ngươi kiềm chế hứa nguyện, nó sẽ không có tội cho ngươi

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “Nhưng, nếu ngươi làm hứa nguyện, ngươi sẽ không có tội vì ngươi đã không hứa nguyện để làm trọn"

Đã đi ra từ miệng ngươi

Đây là một cách diễn đạt. AT: "Những lời ngươi đã nói"

Theo như ngươi đã thề nguyện với Đức Giê-hô-va Chúa ngươi

"Bất cứ điều gì ngươi đã thề nguyện với Đức Giê-hô-va Chúa ngươi mà ngươi sẽ làm"

Những điều mà ngươi đã tự ý hứa nguyện bởi miệng ngươi

"những điều mà mọi người đã nghe ngươi hứa bởi vì ngươi muốn làm nó"

Bởi miệng ngươi

"để mọi người nghe ngươi nói"

Deuteronomy 23:24

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Ngươi sẽ ăn tùy ý nho ngươi thèm muốn

"để ngươi sẽ tùy thích ăn nho đến khi no"

Nhưng ngươi không để thứ gì trong giỏ của ngươi

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “nhưng ngươi đừng cho thêm nho vào giỏ của mình để mang đi"

Khi ngươi đi vào đồng lúa mạch chín của kẻ lân cận mình

"khi ngươi đi qua cánh đồng của kẻ lân cận mình là nơi lúa mạch chín"

Ngươi có thể đưa tay nhổ ngọn lúa

"ngươi có thể ăn hạt lúa bằng tay mình"

Đừng đặt lưỡi hái trên lúa của kẻ lân cận mình

"đừng cắt lúa của kẻ lân cận ngươi và lấy nó cho ngươi"

Cái liềm

Dụng cụ sắc bén mà nông dân dùng để thu hoạch lúa mì

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Deuteronomy 23:1
Những người nào không được phép gia nhập hội của Đức Giê-hô-va?
Người nam nào bị giập tinh hoàn hoặc bị cắt dương vật hoặc những đứa con ngoại hôn sẽ không được phép gia nhập hội của Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 23:2
Những người nào không được phép gia nhập hội của Đức Giê-hô-va?
Người nam nào bị giập tinh hoàn hoặc bị cắt dương vật hoặc những đứa con ngoại hôn sẽ không được phép gia nhập hội của Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 23:3
Tại sao không một người Am-môn và người Mô-áp nào sẽ được vào hội chúng của Đức Giê-hô-va?
Họ không thể vào hội chúng của Chúa bởi vì họ họ đã không mang bánh và nước ra tiếp trợ cho dân Y-sơ-ra-ên khi dân sự đi ra khỏi Ai Cập mà còn mướn Ba-la-am đến rủa sả dân sự.
Deuteronomy 23:4
Tại sao không một người Am-môn và người Mô-áp nào sẽ được vào hội chúng của Đức Giê-hô-va?
Họ không thể vào hội chúng của Chúa bởi vì họ họ đã không mang bánh và nước ra tiếp trợ cho dân Y-sơ-ra-ên khi dân sự đi ra khỏi Ai Cập mà còn mướn Ba-la-am đến rủa sả dân sự.
Deuteronomy 23:5
Bằng chứng nào cho thấy Đức Giê-hô-va không nghe theo Ba-la-am?
Đức Giê-hô-va đã biến lời rủa sả của Ba-la-am trở thành lời chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 23:7
Tại sao người Ê-đôm và người Ai Cập được phép gia nhập hội chúng của Đức Giê-hô-va?
Người Ê-đôm được phép ở trong hội chúng vì họ là anh em của dân Y-sơ-ra-ên và người Ai Cập được phép ở trong hội chúng bởi vì dân Y-sơ-ra-ên từng là ngoại kiều sống trong đất của họ.
Deuteronomy 23:8
Tại sao người Ê-đôm và người Ai Cập được phép gia nhập hội chúng của Đức Giê-hô-va?
Người Ê-đôm được phép ở trong hội chúng vì họ là anh em của dân Y-sơ-ra-ên và người Ai Cập được phép ở trong hội chúng bởi vì dân Y-sơ-ra-ên từng là ngoại kiều sống trong đất của họ.
Deuteronomy 23:9
Làm thế nào để một người nam trong quân đội Y-sơ-ra-ên bị ô uế vì những việc đã xảy đến cho người lúc ban đêm có thể được sạch trở lại để người có thể trở lại trong trại quân?
Người ấy có thể tắm mình trong nước vào buổi chiều tối và rồi được phép trở lại trong trại quân.
Deuteronomy 23:11
Làm thế nào để một người nam trong quân đội Y-sơ-ra-ên bị ô uế vì những việc đã xảy đến cho người lúc ban đêm có thể được sạch trở lại để người có thể trở lại trong trại quân?
Người ấy có thể tắm mình trong nước vào buổi chiều tối và rồi được phép trở lại trong trại quân.
Deuteronomy 23:12
Tại sao Đức Giê-hô-va hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên về nơi chốn và cách thức phóng uế?
Vì Đức Giê-hô-va đi lại giữa doanh trại của họ, vậy nên doanh trại của họ phải thánh sạch, để Ngài không thấy có gì bất khiết giữa họ và không bỏ họ mà đi.
Deuteronomy 23:14
Tại sao Đức Giê-hô-va hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên về nơi chốn và cách thức phóng uế?
Vì Đức Giê-hô-va đi lại giữa doanh trại của họ, vậy nên doanh trại của họ phải thánh sạch, để Ngài không thấy có gì bất khiết giữa họ và không bỏ họ mà đi.
Deuteronomy 23:15
Những chỉ dẫn của Đức Giê-hô-va về những người nô lệ là gì?
Một nô lệ đã trốn thoát khỏi của chủ của mình sẽ không bị trả lại nhưng cho phép họ được sống trong thành nào họ chọn.
Deuteronomy 23:16
Những chỉ dẫn của Đức Giê-hô-va về những người nô lệ là gì?
Một nô lệ đã trốn thoát khỏi của chủ của mình sẽ không bị trả lại nhưng cho phép họ được sống trong thành nào họ chọn.
Deuteronomy 23:17
Tại sao Đức Giê-hô-va không cho phép bất kì gái điếm hoặc người nam làm điếm ở giữa dân Y-sơ-ra-ên cũng không cho phép tiền làm ra của họ được dùng để trả lời hứa nguyện trong nhà của Ngài?
Đức Giê-hô-va gớm ghiếc mọi điều liên quan đến những việc làm gian ác của những người gái điếm hoặc nam làm điếm.
Deuteronomy 23:18
Tại sao Đức Giê-hô-va không cho phép bất kì gái điếm hoặc người nam làm điếm ở giữa dân Y-sơ-ra-ên cũng không cho phép tiền làm ra của họ được dùng để trả lời hứa nguyện trong nhà của Ngài?
Đức Giê-hô-va gớm ghiếc mọi điều liên quan đến những việc làm gian ác của những người gái điếm hoặc nam làm điếm.
Deuteronomy 23:19
Cách giải quyết về việc cho người ngoại quốc vay mượn khác với khi cho anh em trong dân Y-sơ-ra-ên vay mượn ra sao?
Họ không được tính lãi với anh chị em Y-sơ-ra-ên của mình, nhưng họ được phép tính lãi trên người ngoại quốc.
Deuteronomy 23:20
Cách giải quyết về việc cho người ngoại quốc vay mượn khác với khi cho anh em trong dân Y-sơ-ra-ên vay mượn ra sao?
Họ không được tính lãi với anh chị em Y-sơ-ra-ên của mình, nhưng họ được phép tính lãi trên người ngoại quốc.
Deuteronomy 23:21
Việc hoàn nguyện của dân Y-sơ-ra-ên với Đức Giê-hô-va quan trọng ra sao?
Người Y-sơ-ra-ên không được chậm trễ trong việc thực hiện lời hứa nguyện mà mình đã lập cùng Đức Giê-hô-va, nhưng người ấy phải giữ những điều miệng mình tự do hứa nguyện để người sẽ không phạm tội cùng Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 23:23
Việc hoàn nguyện của dân Y-sơ-ra-ên với Đức Giê-hô-va quan trọng ra sao?
Người Y-sơ-ra-ên không được chậm trễ trong việc thực hiện lời hứa nguyện mà mình đã lập cùng Đức Giê-hô-va, nhưng người ấy phải giữ những điều miệng mình tự do hứa nguyện để người sẽ không phạm tội cùng Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 23:24
Đức Giê-hô-va đã đưa ra những chỉ dẫn rộng rãi ra sao về việc dân Y-sơ-ra-ên có thể ăn những vật gì từ vườn nho và cánh đồng của người lân cận mình?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ có thể tùy thích ăn nho từ vườn nho của người lân cận mình miễn là họ không hái bỏ vào giỏ đựng, và họ có thể bứt bông lúa từ ruộng của người lân cận mình tùy thích nhưng không được dùng lưỡi liềm cắt lúa.

Deuteronomy 23:25

Đức Giê-hô-va đã đưa ra những chỉ dẫn rộng rãi ra sao về việc dân Y-sơ-ra-ên có thể ăn những vật gì từ vườn nho và cánh đồng của người lân cận mình?

Họ có thể tùy thích ăn nho từ vườn nho của người lân cận mình miễn là họ không hái bỏ vào giỏ đựng, và họ có thể bứt bông lúa từ ruộng của người lân cận mình tùy thích nhưng không được dùng lưỡi liềm cắt lúa.

Chapter 24

Deuteronomy 24:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi một người lấy vợ và kết hôn với cô ta

Nhóm từ “lấy vợ” và “cưới vợ” cùng nghĩa với nhau. AT: “Khi một người nam kết hôn với một người nữ"

Nếu nàng không thuận mắt chàng

Ở đây “trong mắt chàng” nói đến toàn bộ con người. AT: "nếu chàng quyết định không cưới cô ấy"

Vì chàng tìm thấy những điều không đủ tư cách ở cô ấy

"vì vài điều chàng quyết định rằng chàng không muốn giữ nàng"

Chàng phải viết cho nàng giấy chứng nhận li hôn

"chàng phải đưa vợ mình một giấy chính thức nói rằng họ không kết hôn nữa"

Nàng sẽ đi và thành vợ người nam khác

"nàng sẽ đi và kết hôn với người nam khác"

Deuteronomy 24:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên về việc phụ nữ li hôn và kết hôn.

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Nếu người chồng thứ hai ghét cô ấy

"nếu người chồng thứ hai quyết định ghét người phụ nữ"

Giấy chứng nhận li hôn

Đây là giấy chính thức nói rằng người nam và người nữ không kết hôn nữa. Dịch điều này theo như trong DEU 24:1.

Đặt nó vào tay cô ấy

"đưa nó cho cô ấy"

Người nam lấy cô ấy làm vợ mình

"người nam thứ hai kết hôn với người nữ"

Sau khi nàng đã trở nên ô uế

Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: “sau khi cô đã trở nên không tinh sạch bởi việc li hôn và tái hôn với người nam khác"

Ngươi đừng khiến đất này trở nên tội lỗi

Vùng đất được kể như thể nó có tội. AT: “Ngươi đừng trải tội lỗi xung quanh trong xứ"

Deuteronomy 24:5

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi một người nam lấy vợ mới

"khi một người mới cưới vợ"

Cũng đừng lệnh cho anh ta đi hay trách nhiệm làm gì

Có thể ở dạng chủ động. AT: "không ai ép anh ta sống xa nhà mình và làm việc gì"

Anh ta sẽ tự do ở nhà

"anh ta sẽ tự do sống ở nhà"

Deuteronomy 24:6

Thớt cối

Một dụng cụ làm bột mì bằng cách xay lúa mạch giữa hai đĩa nặng bằng đá

Đĩa đá trên

Phần đĩa trên bằng đá trong cái cối

Để điều đó không cầm giữ cuộc sống của một người

Từ “cuộc đời” là cách hoán dụ cho nhu cầu của một người để giữ chính người đó còn sống. AT: "bởi vì anh ta lấy khỏi một người những gì mà người đó cần để làm thức ăn cho gia đình"

Deuteronomy 24:7

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Nếu một người bị bắt cóc

Đây là một cách diễn đạt cho “nếu một người bắt cóc.” Có thể ở dạng chủ động. AT: “Nếu ngươi tìm thấy một người bị bắt cóc"

Bắt cóc

Sử dụng sức lực để ép người vô tội rời khỏi nhà của họ và giam cầm họ

Một trong số anh em từ giữa dân Y-sơ-ra-ên

"một trong anh em Y-sơ-ra-ên thân thiết"

Tên cướp đó phải chết

"những người Y-sơ-ra-ên khác phải giết tên cướp như cách trừng phạt những gì nó làm"

Ngươi phải dọn cái ác khỏi giữa các ngươi

Tính từ “cái ác” có thể dịch thành cụm danh từ. AT: "ngươi phải dọn khỏi giữa dân Y-sơ-ra-ên những kẻ làm điều xấu xa” hoặc “ngươi phải hành hình những người xấu này"

Deuteronomy 24:8

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy chú ý…ngươi cẩn thận quan sát…gợi nhớ những gì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên ở đây như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” và mệnh lệnh “hãy chú ý” và “gợi nhớ” ở số ít.

Chú ý đến tai họa bệnh phung

"Chú ý nếu ngươi bị bệnh phung” hoặc “chú ý nếu ngươi có bệnh phung"

Mọi sự hướng dẫn ban cho ngươi mà thầy tế lễ, người Lê-vi, dạy ngươi

Có thể ở dạng chủ động. AT: “mọi hướng dẫn mà ta đã ban cho ngươi và thầy tế lễ , những ai là người Lê-vi, dạy ngươi làm"

Dạy ngươi…ngươi sẽ làm…các ngươi đi ra

Môi-se ở đây nói với nhóm dân Y-sơ-ra-ên, vậy các trường hợp của từ “ngươi” ở số ít

Như ta đã truyền cho chúng, để ngươi sẽ làm

"ngươi phải làm đúng những gì ta đã truyền cho chúng"

Truyền cho chúng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ “chúng” nói đến thầy tế lễ, những ai là người Lê-vi.
Gợi nhớ
Đây là một cách diễn đạt. AT: "nhớ"
Khi ngươi ra khỏi Ai Cập
"trong suốt thời gian lúc ngươi rời khỏi Ai Cập"
Deuteronomy 24:10
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Khi các ngươi cho kẻ lân cận mình mượn thứ chi
"khi ngươi cho kẻ lân cận mình mượn thứ gì"
Lấy đồ cầm cố của anh ta
"lấy đồ thế chấp của anh ta"
Đồ cầm cố của anh ta
Đây là cách hoán dụ cho “những gì anh đã hứa trả ngươi nếu anh ta không trả lại đồ vay mượn"
Ngươi sẽ đứng bên ngoài
"ngươi sẽ đứng đợi bên ngoài nhà anh ta "
Deuteronomy 24:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Ngươi không ngủ mà còn giữ đồ cầm của người
"ngươi không giữ áo xống người qua đêm"
Đồ cầm của người
Đây là cách hoán dụ cho “những gì anh ta hứa sẽ trả cho ngươi nếu anh ta không trả lại đồ vay mượn." Dịch theo như trong [DEU 24:10]
Hoàn trả đồ cầm cố cho người
"cho anh ta trả lại những gì anh ta mượn ngươi, để chứng tỏ rằng anh ta sẽ trả đồ mượn"
Để anh ta ngủ có áo choàng và chúc phước ngươi
Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: “để anh ta có áo choàng của mình để giữ ấm khi anh ta ngủ, và anh ta sẽ biết ơn ngươi"
Áo choàng
Áo choàng hoặc trang phục khác giữ cho con người ấm áp lúc đêm. Đây có thể là “đồ cầm cố” Môi-se đang nói trong DEU 24:10-12
Nó sẽ là điều ngay thẳng cho ngươi trước Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
"Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ đồng ý cách ngươi giải quyết việc này"
Deuteronomy 24:14
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Ngươi đừng đàn áp người làm thuê
"ngươi đừng đối xử tệ bạc với người làm thuê"
Người làm thuê
Người kiếm tiền hằng ngày từ công việc của mình
Đáng thương và nghèo túng
Hai từ này có nghĩa giống nhau và nhấn mạnh rằng đây là người không thể giúp chính mình.
ở trong thành ngươi
Ở đây “cổng thành” nghĩa là thị trấn hoặc thành phố. AT: "một trong những thành phố của ngươi"
Mỗi ngày ngươi phải đưa cho anh ta tiền công
"ngươi sẽ đưa anh ta tiền anh ta kiếm mỗi một ngày"
Mặt trời lặn mà chưa giải quyết xong việc
Đây là một cách diễn đạt. Người Y-sơ-ra-ên cho rằng ngày mới bắt đầu khi mặt trời lặn. AT: “ngươi phải trả cho người vào cùng ngày anh ta không làm việc"
Vì anh ta nghèo và trông chờ vào nó
Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: “bởi vì anh ta nghèo khó và phụ thuộc vào tiền công để mua thức ăn cho những ngày tới"
Anh ta không kêu lên về ngươi với Đức Giê-hô-va
"anh ta không kêu cầu với Đức Giê-hô-va và xin người trừng phạt ngươi"
Deuteronomy 24:16
Cha mẹ không bị xử tử vì con cái của họ
Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi đừng hành hình cha mẹ bởi những điều xấu mà con cái họ làm"
Cũng không xử tử con cái bởi cha mẹ
Có thể ở dạng chủ động, AT: “ngươi đừng hành hình đứa con bởi điều xấu mà cha mẹ nó làm"
Mọi người phải xử tử kẻ nào phạm tội của nó
Có thể ở dạng chủ động. AT: "ngươi chỉ hành hình một người bởi vì những điều xấu mà chinh người đó làm"
Deuteronomy 24:17
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Ngươi không được lấy đi công lý mà quyền của người ngoại hoặc kẻ mồ côi
Môi-se nói đến công lý như thể nó là một vật thể mà mà người mạnh có thể giật mạnh khỏi người yếu. AT: "ngươi đừng đối xử với người ngoại hoặc kẻ mồ côi cách bất công"
Kẻ mồ côi
Điều này nhắc đến trẻ con có cha mẹ đều đã chết và không có họ hàng để chăm sóc chúng.
Cũng đừng lấy áo ngoài của góa phụ như vật cầm cố
Người cho vay lấy những gì từ người mượn để chắc rằng cô ta có thể trả lại cho anh ta. Anh ta không được phép lấy áo ngoài của cô ta bởi vì cô ta cần nó để giữ ấm. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “không lấy áo ngoài của góa phụ như vật cầm cố với vì cô ta cần nó để giữ ấm"
Gợi nhớ
Đây là một cách diễn đạt. AT: “nhớ”
Deuteronomy 24:19
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Khi ngươi gặt lúa của mình trên đồng
"khi ngươi cắt lúa xuống trên cánh đồng của ngươi"
Từng bó
Lúa mà người gặt đã cột lại với nhau
Nó sẽ cho người ngoại, kẻ mồ côi, hoặc góa phụ
Bạn có thể làm rõ thông tin để dễ hiểu. AT: "ngươi phải để lại những bó lúa cho người ngoại, kẻ mồ côi, hoặc góa phụ có thể lấy nó"
Trong mọi việc do tay ngươi làm
Ở đây “tay” nói đến toàn bộ con người. AT: "trong hết thảy việc mà ngươi làm"
Khi ngươi lắc cây ô-liu
Bạn có thể làm rõ thông tin để dễ hiểu. AT: "Khi ngươi lắc nhánh cây ô-liu, khiến trái ô-liu rơi xuống đất để ngươi nhặt chúng lên"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngươi đừng đi qua những nhánh lần nữa
"đừng hái những trái ô-liu còn từ cây"
Nó sẽ thuộc về người ngoại, kẻ mồ côi, hoặc cho góa bụa
Bạn có thể làm rõ thông tin để dễ hiểu. AT: “những trái ô-liu còn trên nhánh cây sẽ thuộc về người ngoại, trẻ mồ côi, và góa phụ hái chúng cho họ"
Deuteronomy 24:21
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Nó sẽ thuộc về người ngoại, cho kẻ mồ côi, hoặc cho góa phụ
"những chùm nho mà ngươi không hái sẽ thuộc về người ngoại, kẻ mồ côi, và góa phụ hái"
Cho người ngoại, kẻ mồ côi, hoặc cho góa phụ
Từ này nói đến những nhóm dân. AT: “cho người ngoại, cho những kẻ mồ côi, hoặc cho góa phụ"
Gợi nhớ
Đây là một cách diễn đạt. AT: “nhớ”

Translation Questions

Deuteronomy 24:1
Đức Giê-hô-va cho phép một người nam li dị vợ ra sao?
Nếu một người nam nhận thấy ở vợ có những điều không tương xứng, người ấy có thể viết cho nàng một giấy li hôn, trao vào tay nàng rồi đuổi nàng ra khỏi nhà mình muốn đi đâu thì đi và có thể làm vợ một người khác.
Deuteronomy 24:2
Đức Giê-hô-va cho phép một người nam li dị vợ ra sao?
Nếu một người nam nhận thấy ở vợ có những điều không tương xứng, người ấy có thể viết cho nàng một giấy li hôn, trao vào tay nàng rồi đuổi nàng ra khỏi nhà mình muốn đi đâu thì đi và có thể làm vợ một người khác.
Deuteronomy 24:3
Đức Giê-hô-va không cho phép làm điều gì nếu người chồng thứ hai viết cho nàng một tờ giấy li hôn và đuổi nàng ra khỏi nhà hoặc nếu người chồng ấy chết đi?
Đức Giê-hô-va không cho phép người chồng đầu tiên là người đã đuổi nàng đi lại lấy nàng làm vợ mình một lần nữa.
Deuteronomy 24:4
Đức Giê-hô-va không cho phép làm điều gì nếu người chồng thứ hai viết cho nàng một tờ giấy li hôn và đuổi nàng ra khỏi nhà hoặc nếu người chồng ấy chết đi?
Đức Giê-hô-va không cho phép người chồng đầu tiên là người đã đuổi nàng đi lại lấy nàng làm vợ mình một lần nữa.
Deuteronomy 24:5
Những đặc quyền nào dành cho một người nam mới cưới vợ?
Người không phải đi đánh trận hoặc bị buộc phải đảm nhận công tác gì, nhưng người ấy có thể ở nhà trong vòng một năm để đem lại niềm vui cho người vợ mới cưới của mình.
Deuteronomy 24:6
Tại sao không một người nào được phép lất cối xay hoặc thớt cối trên làm vật thế chấp?
Không một người nàm được phép lấy chúng vì như thế là người đang lấy kế sinh nhai của một người để làm vật thế chấp.
Deuteronomy 24:7
Trong những trường hợp nào thì một người sẽ bị phán là kẻ trộm và phải chết?
Một người sẽ bị tuyên bố là kẻ trộm và phải chết nếu như người đó bắt cóc một người nào trong số những anh em mình trong Y-sơ-ra-ên và đối xử với người nô lệ hoặc bán người đi.
Deuteronomy 24:8
Đức Giê-hô-va đưa ra những lời cảnh báo nào về bệnh phung mà Môi-se truyền lại cho dân Y-sơ-ra-ên?
Môi-se bảo dân sự phải cẩn thận chú ý và làm theo mọi hướng dẫn mà Đức Giê-hô-va đã ban cho các thầy tế lễ và người Lê-vi về bất kỳ một dịch bệnh phung nào.
Deuteronomy 24:9
Đức Giê-hô-va đưa ra những lời cảnh báo nào về bệnh phung mà Môi-se truyền lại cho dân Y-sơ-ra-ên?
Môi-se bảo dân sự phải cẩn thận chú ý và làm theo mọi hướng dẫn mà Đức Giê-hô-va đã ban cho các thầy tế lễ và người Lê-vi về bất kỳ một dịch bệnh phung nào.
Deuteronomy 24:10
Có những hạn chế nào được đưa ra khi cho một người lân cận mình vay mượn?
Khi cho người lân cận của mình vay mượn thì người cho mượn sẽ không vào nhà để lấy vật thế chấp, nhưng đứng ở ngoài và đợi người đã nhận khoản vay đó đem vật thế chấp đó ra.
Deuteronomy 24:11
Có những hạn chế nào được đưa ra khi cho một người lân cận mình vay mượn?
Khi cho người lân cận của mình vay mượn thì người cho mượn sẽ không vào nhà để lấy vật thế chấp, nhưng đứng ở ngoài và đợi người đã nhận khoản vay đó đem vật thế chấp đó ra.
Deuteronomy 24:12
Phải làm gì nếu người đem đồ đến thế chấp là một người nghèo khó?
Nếu người vay đó là một người nghèo khó thì người cho vay không được giữ vật thế chấp đó trong tài sản của mình mà đi ngủ, nhưng phải trả lại vật thế chấp đó cho người trước khi mặt trời lặn để người đó có thể lấy áo choàng để đắp ngủ.
Deuteronomy 24:13
Phải làm gì nếu người đem đồ đến thế chấp là một người nghèo khó?
Nếu người vay đó là một người nghèo khó thì người cho vay không được giữ vật thế chấp đó trong tài sản của mình mà đi ngủ, nhưng phải trả lại vật thế chấp đó cho người trước khi mặt trời lặn để người đó có thể lấy áo choàng để đắp ngủ.
Deuteronomy 24:14
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì để không ức hiếp người làm thuê nghèo khó và bần cùng?
Họ phải thanh toán tiền công cho người ấy mỗi ngày, vì người ấy vốn nghèo khó và chỉ biết trông chờ vào khoản tiền lương ấy.
Deuteronomy 24:15
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì để không ức hiếp người làm thuê nghèo khó và bần cùng?
Họ phải thanh toán tiền công cho người ấy mỗi ngày, vì người ấy vốn nghèo khó và chỉ biết trông chờ vào khoản

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tiền lương ấy.
Deuteronomy 24:16
Đức Giê-hô-va đã làm rõ rằng mọi người phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của mình ra sao?
Đức Giê-hô-va căn dặn dân Y-sơ-ra-ên rằng cha mẹ sẽ không bị xử tử vì tội lỗi của con cái mình và con cái cũng không bị xử tử vì cớ tội lỗi của cha mẹ mình.
Deuteronomy 24:17
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên được nhắc nhở về khoảng thời gian làm nô lệ tại Ai Cập của mình và cách Đức Giê-hô-va đã giải cứu họ khỏi đó?
Họ được nhắc nhở để họ không đối xử bất công với những người ngoại quốc hoặc những kẻ mồ côi cha, cũng không lấy áo choàng của người góa bụa làm vật thế chấp.
Deuteronomy 24:18
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên được nhắc nhở về khoảng thời gian làm nô lệ tại Ai Cập của mình và cách Đức Giê-hô-va đã giải cứu họ khỏi đó?
Họ được nhắc nhở để họ không đối xử bất công với những người ngoại quốc hoặc những kẻ mồ côi cha, cũng không lấy áo choàng của người góa bụa làm vật thế chấp.
Deuteronomy 24:19
Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dặn phải làm gì khi họ thu hoạch đồng ruộng của mình hoặc rung cây ô-liu?
Khi dân Y-sơ-ra-ên thu hoạch đồng ruộng của mình thì họ không quay lại để lấy bó lúa còn sót lại trên đồng cũng không rung cây ô-liu lần hai, nhưng phải để những trái còn sót lại cho những người ngoại quốc, những kẻ mồ côi cha, và người góa bụa.
Deuteronomy 24:20
Dân Y-sơ-ra-ên được truyền dặn phải làm gì khi họ thu hoạch đồng ruộng của mình hoặc rung cây ô-liu?
Khi dân Y-sơ-ra-ên thu hoạch đồng ruộng của mình thì họ không quay lại để lấy bó lúa còn sót lại trên đồng cũng không rung cây ô-liu lần hai, nhưng phải để những trái còn sót lại cho những người ngoại quốc, những kẻ mồ côi cha, và người góa bụa.

Chapter 25
Deuteronomy 25:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Nếu tội lỗi của người phạm tội đáng bị đánh
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Nếu quan án ra lệnh họ đánh người phạm tội"
Và đánh trước mặt người
Có thể ở dạng chủ động. AT: “anh ta sẽ thấy họ đánh anh ta"
Với số đòn theo đã lệnh, tùy theo tội của anh ta
"số lần anh ta bị phạt tùy thuộc hành vi tội anh ta làm"
Deuteronomy 25:3
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Vị quan án sẽ phạt anh ta bốn mươi đòn
"Vị quan án sẽ để họ đánh người có tội 40 lần"
Nhưng đừng đánh anh ta hơn số đó
"nhưng vị quan án sẽ không để họ đánh anh ta hơn 40 lần"
Vì nếu anh ta chịu nhiều hơn số đó và đánh anh ta với nhiều đòn
"vì nếu vị quan án cho họ đánh anh ta nhiều hơn 40 lần"
Thì người anh em Y-sơ-ra-ên sẽ thấy bẻ mặt trước mắt ngươi
Có thể ở dạng chủ động. AT: "thì vị quan án sẽ làm bẻ mặt những người anh em Y-sơ-ra-ên của ngươi trước mặt mọi người"
Bẻ mặt trước mặt ngươi
Ở đây cách hoán dụ “trước mắt ngươi” nói đến những gì họ thấy. AT: "bẻ mặt, và ngươi sẽ thấy hết mọi điều đó." Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 1:8]
Deuteronomy 25:4
Ngươi đừng khóa miệng con bò
"ngươi đừng đặt thứ gì trên miệng con bò"
Khi nó đạp lên lúa
Khi nó tách lúa khỏi trấu bằng cách bước đi trên hoặc kéo gỗ nặng trên đó
Deuteronomy 25:5
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Nếu anh em sống với nhau
Có thể mang những nghĩa: 1) “Nếu anh em sống cùng tài sản hoặc 2) “Nếu anh em sống gần nhau."
Thì người vợ của người chồng chết không cưới một ai khác
Có thể ở dạng chủ động. AT: “thì gia đình của người chết đừng để góa phụ cưới người khác"
Và làm bổn phận của anh em chồng với cô ta
"và làm những gì anh em chồng có nghĩa vụ phải làm"
Sẽ nối danh người anh trai chết
Từ “danh” là cách hoán dụ cho dòng dõi gia đình của một người. AT: “sẽ tiếp tục dòng dõi gia đình của người anh em đã chết"
Để danh của người sẽ không tuyệt khỏi Y-sơ-ra-ên
Từ “danh” là cách hoán dụ cho dòng dõi gia đình của một người. AT: "để dòng dỏi gia đình người sẽ không biến mất khỏi Y-sơ-ra-ên"
Deuteronomy 25:7
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Phải đi lên cửa thành gặp các trưởng lão
Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: “phải đi lên cửa thành là nơi có các trưởng lão để kiện"
Từ chối nối dòng để lưu danh của anh người
Ở đây “danh” nói đến sự hoán dụ của một người qua dòng dõi của anh ta. AT: "từ chối sinh cho anh trai người đứa con trai"
Người từ chối thực hiện nghĩa vụ của em chồng với tôi
"người không làm những gì mà anh em chồng có nghĩa vụ phải làm và cưới tôi"
Tôi không muốn lấy cô ấy
"Tôi không muốn kết hôn với cô ấy"
Deuteronomy 25:9
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Đi đến anh ta trước sự có mặt của các trưởng lão
"sẽ đi đến gần anh ta cùng với các trưởng lão ở đó"
Người không dựng nhà với anh em mình
Ở đây “nhà” là cách ẩn dụ cho gia đình. AT: “Người không chịu sinh cho anh trai người đứa con trai và tiếp tục dòng dõi của anh trai"
Danh anh ta sẽ bị gọi ở Y-sơ-ra-ên
"Người ở Y-sơ-ra-ên sẽ biết gia đình anh ta như vậy"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sẽ cởi giày của anh ta
Ở đây việc tháo giày tương ứng cho người em trai sẽ không được nhận tài sản từ người anh đã chết. Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. Cũng có thể xem như dạng chủ động. AT: "Nhà của người có giày sẽ bị góa phụ của anh trai người cởi nó khỏi chân" hoặc "Nhà của người không cưới vợ của người anh đã chết" hoặc "Nhà có người bị khinh miệt" hoặc "Nhà người bị xấu hổ"
Deuteronomy 25:11
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Khỏi tay người anh ta đánh
Ở đây “tay” nói đến sức mạnh hay quyền lực. AT: "để người đánh anh ta không đánh anh ta nữa” hoặc “khỏi người đánh anh ta"
Mắt ngươi sẽ không thương hại
Ở đây “mắt” nghĩa là toàn bộ con người. AT: “ngươi đừng cảm thấy hối tiếc cho cô ta" hoặc "ngươi đừng bày tỏ lòng thương xót với cô ta"
Deuteronomy 25:13
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Trong giỏ của ngươi đừng có những cái cân khác nhau, lớn và nhỏ
Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. Bạn cũng có thể làm rõ để thông tin dễ hiểu. AT: "Ngươi đừng lừa mọi người bằng cách sử dụng cân lớn hơn khi ngươi mua đồ, và sử dụng cái cân nhỏ hơn khi ngươi bán đồ"
Cái cân
Cái cân bằng đá được dùng là vật đo lường để xác định một vật nặng bao nhiêu
Ngươi đừng có trong nhà mình cái đo lường khác, lớn và nhỏ
Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. Bạn có thể làm rõ để thông tin dễ hiểu. AT: " Ngươi đừng lừa mọi người bằng cách sử dụng cân lớn hơn khi ngươi mua đồ, và sử dụng cái cân nhỏ hơn khi ngươi bán đồ"
Vật đo lường
Vật đo lường là một cái giỏ hoặc một vật chứa khác để đo lường vật đó bao nhiêu.
Deuteronomy 25:15
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên về việc sử dụng cân gian lận và đo lường khi mua và bán. Ông nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Nguyên vẹn và công bằng
"chính xác và ngay thẳng"
Cân nặng ... đo lường
Dịch những từ này như trong DEU 25:13.
Những ngày của ngươi sẽ dài
Đây là một cách diễn đạt. AT: "ngươi sẽ sống lâu"
Cho những người làm điều này, những việc bất nghĩa
"Vì một người lừa mọi người bằng cách sử dụng những cái cân có kích cỡ khác nhau để đo lường"
Deuteronomy 25:17
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, ngoại trừ những ghi chú từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Gợi nhớ những gì A-ma-léc làm với ngươi
Đây là một cách diễn đạt, và “A-ma-léc” là cách hoán dụ cho người A-ma-léc. AT: "Nhớ những gì dân A-mac-léc làm cho ngươi"
Khi ngươi đi ra
Từ “ngươi” ở đây là số nhiều.
Họ gặp ngươi trên đường thế nào
"họ gặp ngươi dọc đường thế nào"
Tấn công các ngươi ở phía sau
"và tấn công dân của các ngươi ở hàng phía sau"
Những người yếu ở sau ngươi
"những người yếu ở hàng phía sau"
Uể oải và mệt mỏi
Những từ này có cùng nghĩa và nhấn mạnh những người này mệt thế nào. AT: "mệt và kiệt sức"
Người không kính sợ Chúa
Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: “anh ta không sợ hãi sự trừng phạt của Chúa" hoặc "người không kính trọng Chúa"
Ngươi phải xóa ký ức về A-ma-léc khỏi dưới trời
"Ngươi phải giết hết người A-ma-léc để không ai nhớ đến chúng nữa"

Translation Questions

Deuteronomy 25:1
Quan án sẽ giải quyết tranh chấp giữa hai người tại tòa ra sao?
Người sẽ tuyên án người công bình là vô tội và kết tội kẻ gian ác bị đánh trước mặt mình.
Deuteronomy 25:3
Tại sao quan án giới hạn số đòn đánh mà kẻ gian ác sẽ bị phạt?
Người sẽ ra lệnh đánh đòn không được quá bốn mươi đòn để kẻ có tội sẽ không bị sỉ nhục.
Deuteronomy 25:5
Đức Giê-hô-va đã lập ra một sự đảm bảo nào để tên của một người không bị xóa khỏi dân Y-sơ-ra-ên?
Nếu một người chết đi mà không có con trai thì anh em của người đó phải lấy vợ góa của người đã chết làm vợ mình để đứa con trai đầu lòng mà nàng sinh ra sẽ mang tên của người anh em đã khuất của người đó.
Deuteronomy 25:6
Đức Giê-hô-va đã lập ra một sự đảm bảo nào để tên của một người không bị xóa khỏi dân Y-sơ-ra-ên?
Nếu một người chết đi mà không có con trai thì anh em của người đó phải lấy vợ góa của người đã chết làm vợ mình để đứa con trai đầu lòng mà nàng sinh ra sẽ mang tên của người anh em đã khuất của người đó.
Deuteronomy 25:9
Đức Giê-hô-va đã ra lệnh phạt nào với dân Y-sơ-ra-ên nếu anh em của người đã chết đó không muốn lấy chị hay em dâu mình?
Vợ của người đã chết đó sẽ đến trước mặt các trưởng lão, lột dép của người đó ra, nhổ vào mặt người và cho người biết nếu một người không chịu gây dựng nhà anh em mình thì sẽ phải chịu như vậy.
Deuteronomy 25:10
Đức Giê-hô-va đã ra lệnh phạt nào với dân Y-sơ-ra-ên nếu anh em của người đã chết đó không muốn lấy chị hay em dâu mình?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vợ của người đã chết đó sẽ đến trước mặt các trưởng lão, lột dép của người đó ra, nhổ vào mặt người và cho người biết nếu một người không chịu gây dựng nhà anh em mình thì sẽ phải chịu như vậy.
Deuteronomy 25:11
Nguyên nhân nào khiến một người vợ bị chặt tay?
Nếu hai người đàn ông đánh nhau và vợ của một trong hai người cố gắng giải vây chồng mình mà đưa tay nắm lấy chỗ kín của người đàn ông kia, thì nàng sẽ bị chặt tay.
Deuteronomy 25:12
Nguyên nhân nào khiến một người vợ bị chặt tay?
Nếu hai người đàn ông đánh nhau và vợ của một trong hai người cố gắng giải vây chồng mình mà đưa tay nắm lấy chỗ kín của người đàn ông kia, thì nàng sẽ bị chặt tay.
Deuteronomy 25:15
Đức Giê-hô-va ghê tởm việc làm bất chính nào?
Đức Giê-hô-va ghê tởm khi một người sử dụng hai quả cân một già một non để cân chứ không phải chỉ sử dụng một quả cân chuẩn xác và trung thực.
Deuteronomy 25:16
Đức Giê-hô-va ghê tởm việc làm bất chính nào?
Đức Giê-hô-va ghê tởm khi một người sử dụng hai quả cân một già một non để cân chứ không phải chỉ sử dụng một quả cân chuẩn xác và trung thực.
Deuteronomy 25:17
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải xóa sạch mọi dấu tích của dân A-ma-léc trên đất?
Dân A-ma-léc không kính sợ Đức Chúa Trời, họ đã đón đường dân Y-sơ-ra-ên và tấn công những người đã mệt lả và kiệt sức bị tụt lại phía sau khi dân sự ra khỏi Ai Cập.
Deuteronomy 25:19
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải xóa sạch mọi dấu tích của dân A-ma-léc trên đất?
Dân A-ma-léc không kính sợ Đức Chúa Trời, họ đã đón đường dân Y-sơ-ra-ên và tấn công những người đã mệt lả và kiệt sức bị tụt lại phía sau khi dân sự ra khỏi Ai Cập.

Chapter 26
Deuteronomy 26:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Lần thu hoạch đầu tiên trong suốt vụ mùa
"lần thu hoạch hoa quả đầu tiên trong vụ mùa" hoặc "lần thu hoạch đầu tiên trong vụ mùa." “Đầu tiên” này là số thứ tự cho số một.
Deuteronomy 26:3
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Deuteronomy 26:5
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Tổ phụ tôi lang thang ở A-ram
Đây là phần mở đầu của mệnh lệnh mà người Y-sơ-ra-ên nam làm khi mang giỏ của mình.
Lang thang ở A-ram
Điều này nói đến Gia-cốp, người là tổ phụ của hết thảy người Y-sơ-ra-ên. Ông sống nhiều năm ở A-ram- Na-hai-ram, vùng này tọa lạc ở Sy-ri-a.
Và ở đó
"và sống cuộc đời còn lại của ông ở đó"
Tại nơi ông đến
Từ “ông” là cách hoán dụ cho “dòng dõi của Gia-cốp."
Lớn, mạnh
Những từ này có nghĩa cơ bản giống nhau. Chúng nhấn mạnh rằng Y-sơ-ra-ên trở nên dân tộc rộng lớn và mạnh mẽ. AT: “rất lớn”
Deuteronomy 26:6
Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp tục những gì người Y-sơ-ra-ên phải nói khi họ mang vụ đầu mùa đến Đức Giê-hô-va.
Đối xử tệ và làm chúng tôi khổ sở
Đây là hai mệnh đề có nghĩa cơ bản giống nhau. Chúng nhấn mạnh rằng người Ê-díp-tô cư xử rất khắc nghiệt.
Đối xử chúng tôi
Ở đây “chúng tôi” nói đến người Y-sơ-ra-ên đang sống ở Ai Cập. Người nói bao gồm chính mình như một người dù ông có sống ở Ai Cập hay không.
Ngài nghe tiếng chúng tôi
Ở đây “tiếng” nói đến toàn bộ con người và tiếng kêu hoặc cầu khẩn của ông ta. AT: “Ngài nghe tiếng kêu của chúng tôi” hoặc “Ngài nghe thấy chúng tôi cầu nguyện"
Nỗi đau, sự lao khổ, và sự áp bức của chúng tôi
"người Ê-díp-tô làm đau chúng tôi, bắt chúng tôi làm việc rất nặng nhọc, và họ áp bức chúng tôi"
Deuteronomy 26:8
Thông tin Tổng quát:
Điều này nối tiếp những gì người Y-sơ-ra-ên phải nói khi một người mang vụ đầu mùa đến Đức Giê-hô-va.
Đức Giê-hô-va đem chúng tôi
Ở đây “chúng tôi” nói đến người Y-sơ-ra-ên đã sống ở Ai Cập. Người nói tính luôn chính mình trong số đó dù ông sống ở Ai Cập hay không.
Bằng tay năng quyền, sự giơ cánh tay ra
Ở đây “tay năng quyền” và “sự giơ cánh tay” là cách ẩn dụ cho quyền năng của Đức Giê-hô-va. AT: “bởi sự bày tỏ năng quyền của Ngài." Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 4:34]
Với nỗi sợ lớn lao
"những việc làm kinh hãi mà mọi người thấy chúng"
Xứ đượm sữa và mật ong
Đây là một cách diễn đạt. AT: “vùng đất nơi mà dồi dào sữa và mật ong chảy” hoặc “vùng đất tốt cho chăn nuôi và trồng trọt." Xem bản dịch này trong DEU 6:3.
Deuteronomy 26:10
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên những gì họ phải nói khi họ mang vụ đầu mùa của họ đến Đức Giê-hô-va. Ông nói với họ như thể họ là một người, vậy từ “ngươi”” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Vụ thu hoạch đầu tiên
"vụ thu hoạch hoa quả đầu mùa" hoặc "vụ thu hoạch đầu mùa"
Ngươi phải đặt chúng xuống

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"ngươi phải để cái giỏ xuống."

Ngươi hãy vui mừng vì mọi điều Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã làm cho ngươi

"ngươi hãy vui mừng và biết ơn vì mọi điều tốt lành mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đã làm cho ngươi"

Deuteronomy 26:12

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Vào năm thứ ba

“thứ ba” này là số thự tự cho số ba. Cứ ba năm người Y-sơ-ra-ên phải đem một phần mười của thu hoạch cho người nghèo.

Kẻ mồ côi

Đây là những đứa trẻ mà cha mẹ của chúng đều đã chết và không có họ hàng để chăm sóc cho chúng.

Góa phụ

Điều này có nghĩa là một người phụ nữ có chồng đã chết và không có con để chăm sóc cho bà ta lúc về già.

Ăn ở trong cửa thành ngươi và ăn no nê

Ở đây “cửa” nghĩa là thị trấn hoặc thành phố. AT: “để những người ở trong thành ngươi có đủ thức ăn để ăn"

Tôi đã đem ra khỏi

Đây là những từ đầu tiên của mệnh lệnh khác mà người Y-sơ-ra-ên phải nói.

Tôi cũng không quên chúng

Điều này có nghĩa rằng ông đã vâng theo hết các điều răn dạy của Chúa.

Deuteronomy 26:14

Thông tin Tổng quát:

Điều này nối tiếp những gì người Y-sơ-ra-ên phải nói với Đức Giê-hô-va khi họ đem thuế phần mười của họ cho người nghèo.

Tôi không ăn chúng trong lúc tang của tôi

"Tôi đã không ăn một trong phần mười khi tôi đang có tang"

Lúc tôi không tinh sạch

Ở đây “tinh sạch” nghĩa là một người dơ bẩn theo như Luật. Chúa không cho phép người dơ bẩn đụng vào thuế phần mười ông dâng cho Chúa. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "Khi tôi dơ bẩn theo như Luật" hoặc "khi Luật nói rằng tôi không thể đụng chúng"

Tôi đã nghe tiếng của Đức Giê-hô-va Chúa tôi; tôi đã vâng theo mọi điều các người truyền cho tôi làm

Ở đây “tiếng của Đức Giê-hô-va” là cách hoán dụ cho những gì Đức Giê-hô-va nói. Những mạng lệnh đều chia sẻ nghĩa như nhau. Chúng nhấn mạnh rằng một người đã vâng theo mọi điều răn dạy của Đức Giê-hô-va.

Từ nơi thành nơi ngươi sống, từ trời

Hai nhóm từ này nghĩa như nhau. AT: “từ trời, nơi ở thánh của ngươi"

Xứ đượm sữa và mật ong

Đây là một cách diễn đạt. AT: “xứ dồi dào sữa và mật ong chảy” hoặc “xứ sở vượt trỗi cho trồng trọt và chăn nuôi."Xem bản dịch này trong DEU 6:3.

Deuteronomy 26:16

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Bằng cả lòng và cả tâm hồn của ngươi

Cách diễn đạt “bằng cả…lòng” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng cả…hồn” nghĩa là “bằng cả sự sống của ngươi.” Những nhóm từ này có nghĩa tương tự nhau. AT: “bằng cả sự sống ngươi” hoặc “bằng cả sức lực ngươi.” Dịch theo như trong [DEU 4:29]

Ngươi sẽ bước đi trong đường lối Ngài và giữ các luật của Ngài, các mạng lệnh của Ngài, và ngươi sẽ nghe lời của Ngài

Những từ “đi,” “giữ,” và “nghe” có nghĩa giống nhau ở đây. Ở đây “tiếng” nói đến những gì Chúa nói. AT: “để ngươi hoàn toàn vâng theo mọi điều Đức Giê-hô-va truyền"

Deuteronomy 26:18

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Dân thuộc sở hữu của Ngài

"dân thuộc về Ngài"

Ngài sẽ đặt ngươi lên nơi cao

Đây là một cách diễn đạt. AT: “Ngài sẽ khiến ngươi quan trọng hơn” hoặc “Ngài sẽ khiến ngươi tuyệt hơn nữa"

Ngài sẽ đặt ngươi nơi cao trên mọi dân khác mà Ngài tạo, sự khen ngợi, tiếng tốt, và vinh hiển

Có thể mang những nghĩa 1) “Ngài sẽ khiến ngươi trở nên vĩ đại hơn những dân khác mà Ngài đã lập nên, và Ngài sẽ cho phép ngươi tán dương Ngài và vinh hiển Ngài" (UDB) hoặc 2) "Ngài sẽ để mọi người ca ngợi ngươi hơn họ ca ngợi mọi dân khác mà Ngài đã lập; mọi dân sẽ nói rằng ngươi sẽ tốt hơn những dân khác, và họ sẽ tôn trọng ngươi."

Ngươi sẽ thành dân được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va Chúa ngươi

Đức Giê-hô-va chọn người Y-sơ-ra-ên thuộc về Ngài theo cách đặc biệt được kể như thể Đức Giê-hô-va biệt riêng họ khỏi những dân khác. Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sẽ biệt riêng ngươi khỏi những dân khác"

Translation Questions

Deuteronomy 26:1

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì khi chiếm lấy xứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ?

Dân Y-sơ-ra-ên phải lấy một phần thổ sản đầu mùa thu hoạch được trong xứ đó, bỏ vào trong một cái giỏ và đi đến nơi đi đến địa điểm mà Đức Giê-hô-va đã chọn làm nơi thánh của Ngài.

Deuteronomy 26:2

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì khi chiếm lấy xứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ?

Dân Y-sơ-ra-ên phải lấy một phần thổ sản đầu mùa thu hoạch được trong xứ đó, bỏ vào trong một cái giỏ và đi đến nơi đi đến địa điểm mà Đức Giê-hô-va đã chọn làm nơi thánh của Ngài.

Deuteronomy 26:3

Dân Y-sơ-ra-ên phải nói gì với thầy tế lễ khi họ đem cái giỏ đến đưa cho người?

Dân Y-sơ-ra-ên phải nói với người: "Hôm nay tôi xin thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng tôi đã đến trong xứ mà Ngài đã ban cho tổ phụ của chúng tôi."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Deuteronomy 26:5

Dân Y-sơ-ra-ên phải nói ai là tổ phụ của mình?

Dân Y-sơ-ra-ên phải nói rằng tổ phụ của họ là người A-ram đi phiêu bạt.

Deuteronomy 26:6

Người Ai Cập đã đối xử với dân Y-sơ-ra-ên ra sao khi dân sự ở tại Ai Cập?

Họ đã ngược đãi và hành hạ dân Y-sơ-ra-ên, bắt họ phải làm những công việc của nô lệ.

Deuteronomy 26:8

Đức Giê-hô-va đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập thế nào?

Ngài đã dùng cánh tay quyền năng, với quyền năng và năng lực rất đáng sợ của Ngài, dùng các phép mấu và dấu lạ để đem họ ra khỏi Ai Cập.

Deuteronomy 26:9

Đức Giê-hô-va đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập thế nào?

Ngài đã dùng cánh tay quyền năng, với quyền năng và năng lực rất đáng sợ của Ngài, dùng các phép mấu và dấu lạ để đem họ ra khỏi Ai Cập.

Deuteronomy 26:10

Mục đích của việc đặt giỏ những sản phẩm đầu mùa đó trước mặt Đức Giê-hô-va là gì?

Mục đích là để thờ phượng Đức Giê-hô-va và vui mừng về mọi việc tốt lành mà Ngài đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên, gia đình họ, người Lê-vi, và những người ngoại quốc sống giữa vòng dân sự.

Deuteronomy 26:11

Mục đích của việc đặt giỏ những sản phẩm đầu mùa đó trước mặt Đức Giê-hô-va là gì?

Mục đích là để thờ phượng Đức Giê-hô-va và vui mừng về mọi việc tốt lành mà Ngài đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên, gia đình họ, người Lê-vi, và những người ngoại quốc sống giữa vòng dân sự.

Deuteronomy 26:12

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì sau khi họ đã nộp xong mọi phần mười từ sản vật thu hoạch được của mình?

Dân Y-sơ-ra-ên phải dâng nó cho người Lê-vi, cho những người ngoại quốc, cho những kẻ mồ côi cha, và cho người góa bụa để họ được ăn no nê.

Deuteronomy 26:15

Dân Y-sơ-ra-ên muốn Đức Giê-hô-va làm gì cho họ?

Dân Y-sơ-ra-ên muốn Đức Giê-hô-va từ trời nhìn xuống và chúc phước cho họ trong xứ mà Ngài đã ban cho họ.

Deuteronomy 26:16

Đức Giê-hô-va ra lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên làm gì?

Ngài ra lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên phải hết lòng hết linh hồn mà tuân giữ các luật lệ và mệnh lệnh của Ngài.

Deuteronomy 26:17

Dân Y-sơ-ra-ên đã tuyên nhận điều gì trước mặt Đức Giê-hô-va?

Họ đã tuyên nhận rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời và họ sẽ bước đi trong đường lối của Ngài, giữ các mạng lệnh của Ngài và lắng nghe tiếng Ngài.

Deuteronomy 26:18

Đức Giê-hô-va đã thừa nhận điều gì với dân Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va đã thừa nhận rằng dân Y-sơ-ra-ên là sản nghiệp của Ngài và Ngài sẽ lập họ được khen ngợi, danh tiếng và tôn trọng vượt trên các dân tộc khác để họ sẽ là một dâm tộc thánh cho Ngài.

Deuteronomy 26:19

Đức Giê-hô-va đã thừa nhận điều gì với dân Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va đã thừa nhận rằng dân Y-sơ-ra-ên là sản nghiệp của Ngài và Ngài sẽ lập họ được khen ngợi, danh tiếng và tôn trọng vượt trên các dân tộc khác để họ sẽ là một dâm tộc thánh cho Ngài.

Chapter 27

Deuteronomy 27:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, ngoại trừ nơi ghi chú từ “ngươi” và “của ngươi” là ở số ít.

Truyền cho ngươi ngày nay... ngươi sẽ vượt qua

Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên như một nhóm, vậy cả trường hợp từ “ngươi” ở số nhiều.

Ta truyền

Ở đây “Ta” nói đến Môi-se. Các trưởng lão ở đây đồng tình với Môi-se, nhưng là người duy nhất nói.

Trét chúng bằng vữa

Vữa thường là sự trộn lẫn của vôi, cát, và nước được trải ra một vật. Nó khô thì có hình dạng cứng, bề mặt phẳng để mọi người có thể viết. AT: "trải vữa lên chúng " hoặc "làm chúng để ngươi có thể viết lên"

Xứ đượm sữa và mật ong

Đây là một cách diễn đạt. Xem bản dịch này trong [DEU 6:3]

Deuteronomy 27:4

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Ngươi sẽ vượt qua...dựng...ta đang truyền cho ngươi

Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên như nói với một nhóm, vậy các trường hợp “ngươi” và mệnh lệnh “dựng” là số nhiều.

Trét vữa lên chúng

"trải vữa lên trên chúng” hoặc “làm chúng để ngươi có thể viết trên chúng.” Dịch điều này như trong DEU 27:2.

Núi Ê-banh

Đây là núi gần Shi-chem. Xem bản dịch của nó trong DEU 11:29.

Ngươi đừng để đồ bằng sắt gia công đá

Điều này nói đến cái đục làm cho đá phẳng hơn, để chúng khớp với nhau hơn. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "ngươi đừng đục đẽo bàn thờ đá bằng dụng cụ sắt"

Deuteronomy 27:6

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Đá chưa làm

Đá ở hình dạng tự nhiên chưa có người tạo dáng bằng dụng cụ kim loại

Viết lên đá

Điều này nói đến đá mà họ dựng trên núi Ê-banh và phủ bằng vôi. (DEU 27:2, DEU 4)

Deuteronomy 27:9

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vâng lời của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
Ở đây cách hoán dụ “lời của Đức Giê-hô-va” nhắc đến những gì Ngài nói. AT: “vâng những gì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi nói"
Ta truyền
Môi-se đang truyền. Người Lê-vi cùng đồng tình với Môi-se, nhưng ông là người duy nhất nói.
Deuteronomy 27:11
Những chi phái này
Ở đây cách ẩn dụ “chi phái” nói đến người từ chi phái của Si-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Y-sa-ca, Giô-sép, Bên-gia-min. AT: "Người từ những dân này"
Núi Ga-ri-xim
Là một núi nhỏ ở phía bắc núi Ê-banh. Dịch như trong DEU 11:29.
Giô-sép
Điều này bao gồm chi phái của Ê-phơ-ram và Ma-na-se, những hậu duệ của Giô-sép.
Deuteronomy 27:13
Núi Ê-banh
Dịch điều này như trong DEU 11:29.
Đáng nguyền rủa
"nói lớn tiếng Đức Giê-hô-va sẽ nguyền rủa Y-sơ-ra-ên thế nào"
Deuteronomy 27:15
Đáng rủa sả người nào ... dựng nó nơi kín đáo
Đây là mệnh lệnh người Lê-vi phải quát tháo với người Y-sơ-ra-ên. Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyền rủa ... dựng nó nơi kín đáo "
Làm nó bởi tay người thợ
Đây là một cách diễn đạt. AT: “một thứ do người làm ra”
Người thợ
Là người biết làm sao để tạo ra thứ đẹp
Deuteronomy 27:16
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.
Con người sẽ nguyền rủa
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyền rủa người"
Người dời cột móc của kẻ lân cận mình
Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh có thể làm rõ. AT: “ngươi chiếm đất khỏi chủ nó bằng cách dời vật đánh dấu khỏi lãnh thổ"
Deuteronomy 27:18
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.
Người đáng nguyền rủa
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ nguyền rủa người"
Dùng vũ lực để lấy đi công lý của người ngoại...góa phụ
Môi-se nói về công lý như thể nó là vật thể mà một người mạnh dùng sức lực kéo nó khỏi người yếu. Ngôn ngữ của bạn phải có một từ mang nghĩa “dùng vũ lực lấy đi." AT: "đối xử với người ngoại ...góa phụ bất công" Những từ tượng tự xuất hiện trong DEU 24:17.
Kẻ mồ côi
Đây là những đứa trẻ có cha mẹ đều đã chết và không có họ hàng để chăm sóc cho chúng.
Góa phụ
Điều này có nghĩa là một người phụ nữ có chồng đã chết và không có con để chăm sóc cho bà ta lúc về già.
Deuteronomy 27:20
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.
Người đó sẽ bị rủa sả
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ nguyền rủa người đó"
Vợ của cha người
Điều này không nói đến mẹ của anh ta, nhưng là vợ khác của cha anh ta.
Anh ta đã lấy sự quyền của cha mình
Khi một người nam kết hôn với người nữ, chỉ anh ta có quyền hợp pháp ngủ với cô ấy. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "anh ta đã lấy đi quyền hợp pháp của cha mình"
Người ngủ với loại thú vật
Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “người ngủ với các loại thú vật theo cách mà người nam ngủ với người nữ"
Deuteronomy 27:22
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.
Người sẽ bị rủa sả
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ nguyền rủa người"
Con gái của cha nó, hoặc con gái của mẹ nó
Điều này có nghĩa một người nam không thể ngủ với chị em gái của nó, dù cho chị em khác mẹ hoặc cha.
Deuteronomy 27:24
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.
Người sẽ bị nguyền rủa
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ nguyền rủa người nam"
Deuteronomy 27:26
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.
Người sẽ bị nguyền rủa
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ nguyền rủa người này"

Translation Questions

Deuteronomy 27:1
Môi-se và các trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải giữ điều gì?
Môi-se và các trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên truyền dặn cho dân sự phải vâng giữ mọi điều răn mà Môi-se đã truyền cho họ ngày đó.
Deuteronomy 27:4
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì sau khi họ vượt qua sông Giô-đanh để vào xứ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ?
Họ phải dựng một số hòn đá lớn và quét vôi lên rồi viết trên đó những lời của luật pháp nầy.
Deuteronomy 27:5
Dân Y-sơ-ra-ên phải xây dựng gì trên núi Ê-banh?
Dân Y-sơ-ra-ên lập một bàn thờ bằng đá, mà không được dùng đến những dụng cụ bằng sắt,cho Đức Giê-hô-va để dâng những của lễ thiêu lên cho Ngài.
Deuteronomy 27:8
Dân Y-sơ-ra-ên viết gì lên trên bia đá mà họ đã quét vôi lên trên?
Họ phải viết rõ ràng lên trên bia đá đó mọi lời của luật pháp nầy.
Deuteronomy 27:9
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải nghe tiếng của Đức Giê-hô-va và vâng giữ những mạng lệnh của Ngài hôm nay?
Đây là điều quan trọng bởi vì ngày hôm nay họ đã trở thành dân sự của Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 27:10
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải nghe tiếng của Đức Giê-hô-va và vâng giữ những mạng lệnh của Ngài hôm nay?
Đây là điều quan trọng bởi vì ngày hôm nay họ đã trở thành dân sự của Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 27:11
Tại sao sáu chi tộc của dân Y-sơ-ra-ên được lệnh phải đứng trên núi Ga-ri-xim?
Môi-se bảo dân sự thuộc sáu chi tộc của dân Y-sơ-ra-ên phải đứng trên núi Ga-xi-rim để chúc phước cho dân sự.
Deuteronomy 27:12
Tại sao sáu chi tộc của dân Y-sơ-ra-ên được lệnh phải đứng trên núi Ga-ri-xim?
Môi-se bảo dân sự thuộc sáu chi tộc của dân Y-sơ-ra-ên phải đứng trên núi Ga-xi-rim để chúc phước cho dân sự.
Deuteronomy 27:13
#Tại sao sáu chi tộc của dân Y-sơ-ra-ên được lệnh phải đứng trên núi Ê-banh?
Sáu chi tộc của dân Y-sơ-ra-ên được truyền dặn phải đứng trên núi Ê-banh để rủa sả.
Deuteronomy 27:15
Điều nào là điều đáng ghê tởm đối với Đức Giê-hô-va?
Điều đáng ghê tởm đối với Đức Giê-hô-va là tượng chạm hoặc tượng đúc do người thợ thủ công làm ra và được đặt trong nơi bí mật.
Deuteronomy 27:20
Tại sao kẻ nào nằm với vợ của cha mình thì sẽ bị rủa sả?
Nếu một người nằm ở vợ của cha mình thì sẽ bị rủa sả bởi vì người ấy đã khinh bỉ cha mình.
Deuteronomy 27:24
Người Lê-vi tuyên bố rằng nếu một người bí mật đánh chết người láng giềng mình hoặc nhận của hối lộ để giết người vô tội thì sẽ bị gì?
Người đó sẽ bị rủa sả.
Deuteronomy 27:25
Người Lê-vi tuyên bố rằng nếu một người bí mật đánh chết người láng giềng mình hoặc nhận của hối lộ để giết người vô tội thì sẽ bị gì?
Người đó sẽ bị rủa sả.
Deuteronomy 27:26
Tại sao người Lê-vi tuyên bố một người phải vâng giữ luật pháp để thừa nhận những lời của luật pháp đó?
Một người phải vâng giữ mọi lời của luật pháp nầy để người đó sẽ không bị rủa sả.

Chapter 28
Deuteronomy 28:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Nghe tiếng Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
Ở đây cách hoán dụ “tiếng của Đức Giê-hô-va” nhắc đến những gì Ngài phán. AT: “những gì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi phán”
Để giữ
"vâng lời"
Đặt ngươi lên cao
Môi-se nói về việc trở nên quan trọng và trở nên vĩ đại như thể nó đang ở một vật cao hơn, như ở ngọn đồi cao. "làm ngươi quan trọng hơn” hoặc “làm ngươi vĩ đại"
Mọi phước này đến gần người và thình lình đến với ngươi
Môi-se mô tả sự chúc phước như một người sẽ tấn công người khác cách bất ngờ hoặc săn đuổi và bắt họ. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước theo cách hoàn toàn bất ngờ cho ngươi như thể ngươi không thể trốn thoát khỏi việc Ngài chúc phước ngươi"
Deuteronomy 28:3
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Ngươi sẽ được phước
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước ngươi"
ở trong thành…ở trên đồng
Sự phân loại này có nghĩa rằng Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước họ ở mọi nơi.
Bông trái của thân thể ngươi, và bông trái của ruộng đất ngươi, và bông trái cho vật nuôi của ngươi
Cách diễn đạt này cho “con ngươi, vụ mùa của ngươi, và con vật của ngươi" hình thức phân loại cho mọi giá trị của Y-sơ-ra-ên.
Bông trái cho vật nuôi của ngươi, sự thêm lên vật nuôi của ngươi, và bầy nhỏ của bầy đàn ngươi
Ba cách nói về việc Đức Giê-hô-va sẽ làm con vật của Y-sơ-ra-ên nhiều và mạnh. AT: "mọi con vật của ngươi cùng với đàn bò và đàn chiên"
Deuteronomy 28:5
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Chúc phước
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước"
Giỏ và thùng nhồi bột của ngươi
Người Y-sơ-ra-ên dùng một cái giỏ để mang lúa. Thùng nhồi bột là một cái bát người ta dùng để nhồi bột và làm bánh. AT: "mọi thức ăn ngươi đã trồng và mọi thức ăn mà ngươi ăn"
Khi ngươi đi vào…lúc ngươi đi ra
Cách phân loại này nói đến mọi hoạt động sống ở nơi họ đi.
Deuteronomy 28:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Khiến kẻ thù ngươi nổi dậy cùng ngươi để bị đánh bại trước mặt ngươi
Có thể ở dạng chủ động. AT: “khiến ngươi đánh bại quân thù tấn công ngươi"
Nhưng sẽ chạy trốn bảy đường trước mặt ngươi
"nhưng chúng sẽ chạy khỏi ngươi theo bảy hướng"
Bảy đường
"theo nhiều hướng khác nhau"
Đức Giê-hô-va sẽ khiến phước lành đến cùng ngươi trong kho lúa của ngươi
Môi-se mô tả Đức Giê-hô-va chúc phước cho người Y-sơ-ra-ên như thể Đức Giê-hô-va ra lệnh cho một người để tấn công họ cách bất ngờ. AT: "Khi Đức Giê-hô-va chúc phước ngươi, ngươi sẽ bất ngờ bởi lúa nhiều dường nào trong kho"
Trong mọi điều ngươi làm
Đây là một cách diễn đạt. AT: "mọi thứ ngươi làm"
Deuteronomy 28:9
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Đức Giê-hô-va sẽ lập các ngươi thành dân tộc được biệt riêng cho chính Ngài
Đức Giê-hô-va chọn dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Ngài theo cách đặc biệt được kể như thể Ngài đặt họ ở nơi khác khỏi những nơi dân tộc khác sống. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ khiến các ngươi là dân thánh thuộc về Ngài"
Ngươi được gọi theo danh của Đức Giê-hô-va
Ở đây cách hoán dụ “gọi bởi danh Đức Giê-hô-va” nghĩa là thuộc về Ngài. Có thể xem ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va đã gọi các ngươi thuộc về Ngài"
Deuteronomy 28:11
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Bông trái của thân thể ngươi, bông trái của gia súc ngươi, bông trái của ruộng đất ngươi
Đây là một cách diễn đạt. AT: "với con cái, vật nuôi, và vụ mùa." Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 28:4]
Kho của Ngài trên trời
Môi-se nói đến những đám mây làm mưa rơi như thể chúng là tòa nhà là nơi Ngài cất trữ mưa. AT: "the clouds"
Vào đúng lúc
"lúc vụ mùa cần nó"
Mọi việc do tay ngươi
Từ “tay” là cách nói hoán dụ về toàn bộ con người. AT: "mọi việc mà ngươi làm"
Deuteronomy 28:13
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Đầu, không phải đuôi
Điều này mô tả các dân tộc của Y-sơ-ra-ên như con vật, nghĩa là người Y-sơ-ra-ên sẽ luôn lãnh đạo các dân khác và không bao giờ hầu việc sau họ. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ vượt trội trong quyền lực, tiền bạc, và danh vọng.
Sẽ chỉ ở trên...sẽ không bao giờ ở bên dưới
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ cai trị những dân khác và không giờ có nước khác cai trị họ.
Ta truyền cho ngươi
Môi-se đang nói với mọi người Y-sơ-ra-ên, vậy từ “các ngươi” là số nhiều.
Nếu ngươi không xây bỏ khỏi...bên phải hay bên trái
"nếu ngươi không bất tuân...trong lối nào khác"
Deuteronomy 28:15
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Nhưng nếu
Ở đây Môi-se bắt đầu mô tả sự rủa sả dân sự sẽ nhận lãnh nếu họ bất tuân.
Tiếng của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
Ở đây cách hoán dụ “tiếng của Đức Giê-hô-va” nghĩa là những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: "những gì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi đang phán"
Thì mọi rủa sả sẽ đến với ngươi và đuổi theo ngươi
Môi-se mô tả sự rủa sả như một người sẽ tấn công họ cách bất ngờ hoặc đuổi theo và bắt họ. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ rủa sả ngươi trong cách hoàn toàn bất ngờ với ngươi, như thể ngươi không trốn thoát khỏi sự nguyền rủa ngươi"
Đến với ngươi và đuổi theo ngươi
Dịch như trong DEU 28:2.
Deuteronomy 28:16
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Thông tin Tổng quát:
Những nhóm từ này xuất hiện ở đầu trong chương này. Xem bản dịch những từ này trong DEU 28:3-4 and DEU 28:5-6.
Ngươi sẽ bị rủa sả
Có thể ở dạn chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyền rủa ngươi"
Trong thành...trên đồng
Sự phân loại này nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước họ ở mọi nơi. Dịch những từ này theo như trong [DEU 28:3]
Giỏ của ngươi và thùng nhồi bột của ngươi
Người Y-sơ-ra-ên thường dùng giỏ để mang lúa. “Thùng nhồi bột” là cái bát mà người ta dùng để nhồi bột và làm bánh. AT: “mọi thức ăn ngươi đã trồng và mọi thức ăn ngươi ăn." Dịch theo như trong [DEU 28:5]
Deuteronomy 28:18
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Thông tin Tổng quát:
Nhóm từ này xuất hiện ở đầu chương. Xem bản dịch những từ này trong DEU 28:3-4 and DEU 28:5-6.
Sẽ bị nguyền rủa
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ rủa sả"
Bông trái của thân thể ngươi, bông trái của ruộng ngươi
Đây là một cách diễn đạt cho “con của ngươi, vụ mùa của ngươi." Dịch như trong [DEU 28:4]
Thêm lên vật nuôi của ngươi, con nhỏ trong bầy đàn ngươi
Đây là hai cách nói mà Đức Giê-hô-va sẽ làm cho vật nuôi của Y-sơ-ra-ên nhiều thêm và mạnh khỏe. AT: "đàn gia súc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

và bầy chiên "
Khi ngươi đi ra...khi ngươi ra ngoài
Sự phân loại này nói đến những hoạt động hằng ngày ở những nơi họ đi. Dịch như trong [DEU 28:6]
Deuteronomy 28:20
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói đến người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Rủa sả, hỗn loạn, quở phạt
"tai họa, sợ hãi, và sự vô vọng"
Trong mọi điều ngươi làm
Đây là một cách diễn đạt. AT: "mọi điều ngươi làm"
Đến khi ngươi bị hủy diệt
Có thể ở dạng chủ động. AT: “đến khi kẻ thù ngươi hủy diệt ngươi"
Từ bỏ ta
Ở đây “ta” nói đến Đức Giê-hô-va.
Bám lấy ngươi
"vẫn còn theo ngươi"
Deuteronomy 28:22
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Bệnh lây nhiễm, bị sốt, bị cháy nắng
Mọi từ này nói đến dịch bệnh khiến mọi người trở nên yếu và chết. "dịch bệnh và cơn sốt nóng bừng sẽ làm ngươi yếu"
Hạn hán
"thiếu mưa"
Nấm mốc
Nấm mọc lên từ cây trồng và khiến chúng bị mục rữa
Chúng sẽ truy đuổi ngươi
Môi-se nói đến những điều tệ hại sẽ diễn ra cho người Y-sơ-ra-ên như thể họ là người hoặc con vật sẽ đuổi theo sau người Y-sơ-ra-ên. AT: "các ngươi sẽ đau khổ vì chúng"
Deuteronomy 28:23
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Bầu trời...sẽ như đồng
Môi-se nói đến bầu trời sẽ như đồng bởi vì không có mưa. AT: “bầu trời...sẽ không mưa”
Mặt đất...sẽ như sắt
Môi-se nói đến đất trở nên như sắt bởi vì không có vụ mùa gieo trồng. AT: "không có gì sẽ gieo trồng trên đất"
Khiến mưa trên đất ngươi thành bụi và cát
"thay vì mưa, sẽ có bão cát"
Đến khi ngươi bị hủy diệt
Có thể ở dạng chủ động. AT: “đến khi nó hủy diệt ngươi"
Deuteronomy 28:25
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Đức Giê-hô-va sẽ khiến ngươi bị đánh ngã trước kẻ thù ngươi
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến kẻ thù ngươi đánh bại ngươi"
Đánh bại ngươi trước
Dịch những từ trong DEU 28:7.
Sẽ trốn chạy bảy ngã trước chúng
Điều này có nghĩa là người Y-sơ-ra-ên sẽ sợ và hoang mang, chạy xa khỏi kẻ thù họ. AT: "các ngươi sẽ chạy trốn theo bảy hướng"
Bảy hướng
"theo nhiều hướng khác nhau"
Ngươi sẽ bị xô đẩy đây đó ở giữa các nước
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Dân của các nước khác sẽ đuổi các ngươi từ nước này đến nước khác"
Deuteronomy 28:27
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Nhọt ở Ê-díp
"cùng bệnh ngoài da ta nguyền rủa người Ê-díp-tô "
Nhọt...loét, hoại huyết, và bệnh ghẻ
Đây là những loại khác nhau của bệnh về da.
Mà các ngươi không thể chữa lành
Có thể ở dạng chủ động. AT: "để không ai có khả năng chữa lành ngươi"
Mò mẫm vào buổi trưa như kẻ mù dò dẫm trong tối tăm
Người Y-sơ-ra-ên sẽ gặp cuộc sống khó khăn trong khi mọi người khác đang tận hưởng cuộc sống. “sẽ như người mù mò mẫm trong tối tăm dù là ban trưa"
Ngươi sẽ bị áp bức và cướp đoạt
"những người mạnh sẽ luôn áp bức và cướp của ngươi"
Deuteronomy 28:30
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Bò của ngươi sẽ bị giết trước mắt ngươi
Có thể ở dạng chủ động. AT: “ngươi sẽ thấy một người giết bò của ngươi"
Lừa của ngươi sẽ bị đánh cắp trước mắt ngươi và sẽ không ai trả lại cho ngươi
Có thể ở dạng chủ động. AT: “có người sẽ chiếm lấy lừa của ngươi bằng cách bắt và sẽ không trả nó lại"
Chiên của ngươi sẽ bị nộp cho kẻ thù
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ta sẽ đưa cừu của ngươi cho kẻ thù ngươi" hoặc "ta sẽ cho phép kẻ thù của ngươi chiếm cừu của ngươi"
Deuteronomy 28:32
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Con trai của ngươi và con gái của ngươi sẽ bị nộp cho dân khác
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ta sẽ nộp con trai và con gái của ngươi cho dân khác” hoặc “kẻ thù của ngươi sẽ chiếm con trai và con gái của ngươi"
Mắt ngươi sẽ trông đợi chúng hằng ngày, nhưng sẽ không làm được gì với chúng
Ở đây “mắt ngươi” nói đến toàn bộ con người. AT: “ngươi sẽ ngày càng mệt mỏi khi ngươi luôn dõi theo chúng và không còn thấy chúng nữa"
Không còn sức mạnh trong tay ngươi
Ở đây “sức mạnh trong tay ngươi” nói đến sức mạnh.” AT: “Ngươi sẽ bất lực để làm gì với nó"
Deuteronomy 28:33
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các dân tộc
Ở đây cách hoán dụ “các dân tộc” nghĩa là mọi người từ các nước. AT: “dân từ các nước"
Ngươi sẽ luôn bị đàn áp và dày vò
Từ “đàn áp” và “dày vò” có cùng nghĩa với nhau. Có thể ở dạng chủ động. AT: "chúng sẽ luôn đàn áp và dày vò ngươi” hoặc “chúng sẽ không ngớt đàn áp ngươi"
Ngươi sẽ trở nên điên cuồng bởi những gì ngươi thấy
"những gì ngươi thấy sẽ khiến ngươi trở nên điên cuồng"
Những thứ ngươi không thể chữa lành
Có thể ở dạng chủ động. AT: "sẽ không ai có khả năng chữa lành"
Deuteronomy 28:36
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Tục ngữ, và là trò cười, giữa mọi dân nơi Đức Giê-hô-va sẽ dẫn ngươi đi
Những từ “tục ngữ” và “trò cười” có nghĩa cơ bản giống nhau. Có thể dịch thành câu mới. AT: “mọi người sẽ dựng lên những câu tục ngữ và trò cười về ngươi" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho ngươi bị mọi người cười nhạo và chế giễu ngươi."
Trò đùa
Là từ hay nhóm từ mà mọi người sử dụng để chế giễu người khác
Deuteronomy 28:38
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Nhưng sẽ thu hoạch được ít hạt trong đó
"nhưng sẽ thu hoạch được ít thức ăn"
Deuteronomy 28:40
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang mô tả sự rủa sả nếu dân sự không vâng lời Ngài. Ngài nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Nhưng ngươi sẽ không xức dầu nào trên người mình
Mọi người xức dầu trên người họ để làm da họ khỏe mạnh.
Cây ô-li-ve sẽ rơi trái
"cây ô-liu sẽ rơi trái của chúng khi chúng chín" hoặc "cây ô-liu sẽ rụng trái của chúng khi chín"
Deuteronomy 28:42
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Sẽ càng lên càng cao; chính mình ngươi sẽ ngày càng hạ thấp hơn
Cách diễn đạt này nghĩa là người ngoại bang sẽ có nhiều quyền lực, tiền, và danh dự hơn dân Y-sơ-ra-ên.
Họ sẽ trở nên đầu, còn ngươi sẽ thành đuôi
Điều này có nghĩa là người ngoại sẽ thành người lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên. Xem bản dịch của những từ tương tự trong [DEU 28:13]
Deuteronomy 28:45
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” là ở số ít.
Mọi rủa sả này sẽ đến với ngươi và sẽ đuổi theo và bắt kịp ngươi đến khi ngươi bị hủy diệt
Môi-se mô tả sự rủa sả như một người sẽ tấn công họ cách bất ngờ và đuổi theo và bắt lấy họ. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ rủa sả ngươi cách này, sẽ hoàn toàn bất ngờ cho ngươi, và nó sẽ như một kẻ đuổi theo ngươi và ngươi không thể trốn thoát khỏi việc nó rủa sả ngươi"
Sẽ đến với ngươi…và bắt kịp ngươi
Dịch như trong DEU 28:2.
Tiếng của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
Ở đây từ “tiếng của Đức Giê-hô-va” là cách hoán dụ cho những gì Đức Giê-hô-va nói. AT: “những gì Đức Giê-hô-va Chúa ngươi nói"
Các điều răn dạy và các quy định của Ngài
Những từ “các điều răn dạy” và “quy định” là cách nói sánh đôi cho “mọi điều Đức Giê-hô-va đã truyền cho ngươi làm."
Deuteronomy 28:47
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Sự hân hoan và vui mừng trong lòng
Ở đây “sự hân hoan” và “vui mừng trong lòng” nghĩa giống nhau. Chúng nhấn mạnh rằng mọi người sẽ rất vui lòng thờ phượng Đức Giê-hô-va.
Họ sẽ đặt ách sắt trên cổ ngươi
Đây là cách hoán dụ Đức Giê-hô-va cho phép kẻ thù đối xử hung ác với người Y-sơ-ra-ên và khiến họ thành nô lệ.
Deuteronomy 28:49
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Từ xa xôi, từ tận cùng trái đất
Hai nhóm từ này có nghĩa giống nhau và nhấn mạnh rằng kẻ thù sẽ đến từ một dân ở rất xa dân Y-sơ-ra-ên.
Từ nơi tận cùng trái đất
Đây là một cách diễn đạt. AT: “từ nơi mà ngươi không biết đến" (
Như đại bàng vồ lấy con mồi của nó
Điều này có nghĩa kẻ thù sẽ đến bất ngờ và người Y-sơ-ra-ên sẽ không thể cản chúng.
Một nước có mặt dữ tợn và không tôn trọng người già và không bày tỏ sự thương xót
Từ “nước” là cách hoán dụ cho dân sự của nước đó. AT: "một nước mà dân có nét mặt dữ tợn, chúng sẽ không tôn trọng người giá và không bày tỏ sự thương xót"
Đến khi ngươi bị hủy diệt
Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “đến khi chúng hủy diệt ngươi” hoặc “đến khi chúng để ngươi không còn gì"
Deuteronomy 28:52
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang mô tả đội quân sẽ tấn công người Y-sơ-ra-ên như thể chúng không vâng lời Đức Giê-hô-va. Ông nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Trong cửa thành của ngươi
Ở đây nhóm từ “cửa thành ngươi” tương ứng cho thành phố. AT: “thành của ngươi"
Bông trái của thân thể ngươi, thịt của con trai và con gái của ngươi
Ở đây “máu của con trai và con gái của ngươi” giải thích phép hoán dụ “bông trái của thân thể ngươi." Dân sự sẽ rất đói sau khi quân thù bao quanh thành họ, chúng sẽ ăn thịt con của họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hoa trái của thân thể ngươi
Đây là một cách diễn đạt. AT: “con của ngươi” (
Deuteronomy 28:54
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Người nào yếu ớt và mảnh khảnh giữa các ngươi-người nam
Môi-se đang nói rằng không chỉ có một người chờ ăn thịt con họ, mà thậm chí còn những người sau cũng mong chờ con cái của anh ta sẽ ăn con của anh ta. "người yếu ớt và rất mảnh khảnh giữa các ngươi-ngay cả anh ta "
Giữa các ngươi
Môi-se đang nói với toàn thể dân Y-sơ-ra-ên như một nhóm, vậy từ “ngươi” ở đây là số nhiều.
Khắp cửa thành ngươi
Ở đây “cửa thành ngươi” tương ứng cho thành phố. AT: “khắp thành ngươi"
Deuteronomy 28:56
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Những người đàn bà yếu ớt và mảnh khảnh giữa các ngươi...
Môi-se đang nói rằng không chỉ có một ngườu muốn ăn thịt con họ, mà thậm chí người phụ nữ cao quý và thông thường rất hiền lành, người không mong sẽ ăn con cái của họ, nhưng lại ăn con cái của họ. Từ “ngươi” ở đây là số ít. "người phụ nữ yếu ớt và mảnh khảnh giữa các ngươi... mỏng amnh-ngay cả cô ta"
Nàng không dám đặt chân mình xuống đất vì sự yểu điệu và yếu ớt
Môi-se đang phóng đại. Ông đang nhấn mạnh người phụ nữ quý phái này rất giàu và sống nơi xa xỉ, cô ta không cho phép mình bị dơ bẩn.
Vì sự yểu điệu và sự yếu ớt
Những danh từ tương ứng cho “sự yểu điệu” và “sự yếu ớt” có thể xem như những mệnh đề. AT: "bởi vì cô ấy yểu điệu và yếu ớt"
Trong cửa thành ngươi
Ở đây “cửa thành” tương ứng cho chính phố. AT: “trong thành ngươi”
Deuteronomy 28:58
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Được ghi lại
Có thể ở dạng chủ động. AT: “ta ghi lại"
Danh vinh hiển và kinh hãi này, Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
Ở đây “danh” nói đến chính Đức Giê-hô-va. AT: “Đức Giê-hô-va Chúa ngươi là dấng vinh hiển và đáng sợ"
Đức Giê-hô-va sẽ giáng ngươi bệnh dịch khủng khiếp, và dòng dõi ngươi
"Đức Giê-hô-va sẽ gửi bệnh dịch khủng khiếp trên ngươi và dòng dõi ngươi” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ khiến ngươi và dòng dõi ngươi hứng chịu từ bệnh dịch khủng khiếp"
Deuteronomy 28:60
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Ngài sẽ mang lại cho ngươi mọi tai họa của Ai Cập
"Ngài sẽ khiến ngươi chịu đựng những dịch bệnh "
Chúng sẽ bám sát vào ngươi
"tai họa sẽ không ngừng, và không ai có khả năng chữa lành cho ngươi khỏi chúng"
Các chứng bệnh và tai họa không được chép
Cách nói cường điệu này có thể ở dạng chủ động. AT: “chứng bệnh và tai họa mà ta không ghi lại"
Đến khi ngươi bị hủy diệt
Có thể ở dạng chủ động. AT: “đến khi chúng đã hủy diệt các ngươi"
Ngươi sẽ bị bỏ lại ... ngươi giống như ...ngươi không nghe
Môi-se đang nói với nhóm dân Y-sơ-ra-ên, vậy các trường hợp “ngươi” là số nhiều.
Các ngươi vốn đông như sao trên trời
Điều này có nghĩa rằng trong quá khứ có rất nhiều người Y-sơ-ra-ên.
Nghe lời Đức Giê-hô-va
Ở đây cách hoán dụ “tiếng của Đức Giê-hô-va” nhắc đến những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: "theo những gì Đức Giê-hô-va phán"
Deuteronomy 28:63
Làm điều lành trên ngươi...gia thêm cho ngươi...vui mừng làm cho ngươi bị tàn lụi và diệt vong. Ngươi sẽ nhận lấy
Môi-se đang nói với nhóm dân Y-sơ-ra-ên, vậy các trường hợp “ngươi” ở số nhiều.
Các ngươi đang...tản lại ngươi...ngươi sẽ thờ phượng...ngươi không biết...tổ phụ của ngươi cũng không
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Đức Giê-hô-va vui mừng làm điều lành trên ngươi, và gia thêm cho ngươi
"Đức Giê-hô-va vui mừng làm điều lành trên ngươi và khiến ngươi trở nên nhiều "
Ngài sẽ vui mừng khiến ngươi bị tàn lụi
"Ngài sẽ vui mừng khiến ngươi chết"
Ngươi sẽ bị kéo ra khỏi xứ mà ngươi sắp nhận lãnh
Môi-se nói với dân sự mặc dù họ là bông trái mà Đức Giê-hô-va sẽ nhổ khỏi bụi cây. Có thể ở dạng chủ động. AT: "Ngài sẽ cất dọn ngươi khỏi xứ mà ngươi đang vào nhận lãnh"
Từ cuối đầu này của trái đất đến đầu cuối kia của trái đất
Hai thái cực này cùng có nghĩa là mọi nơi trên trái đất. AT: “khắp trái đất” hoặc “mọi nơi trên trái đất"
Deuteronomy 28:65
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” của “của ngươi” ở đây là số ít.
Không có sự nghỉ ngơi nào nơi chân ngươi
Ở đây nhóm từ “dưới chân ngươi” nói đến toàn bộ con người. AT: "ngươi sẽ liên tục đi lạc bởi vì ngươi không có nhà cố định là nơi ngươi có thể nghỉ ngơi"
Đức Giê-hô-va sẽ ban cho ngươi có một tấm lòng run sợ, mắt yếu, và linh hồn hao mòn
Đây là một cách diễn đạt. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ khiến ngươi sợ hãi, không hi vọng, và buồn rầu"
Mạng sống ngươi sẽ treo trước ngươi
"Ngươi sẽ không biết khi nào ngươi sẽ sống hay chết"
Deuteronomy 28:67
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bởi vì sự sợ hãi ở trong lòng ngươi
Đây là một cách diễn đạt. AT: “bởi vì ngươi đang cảm thấy sự sợ hãi "
Những điều mà mắt ngươi sẽ thấy
Ở đây “mắt” nói đế toàn bộ con người. AT: “Những điều kinh hãi ta sé ép ngươi thấy"
Ta đã phán
Ở đây “ta” nói đến Đức Giê-hô-va.
Ngươi sẽ bán chính ngươi…kẻ thù của ngươi…sẽ mua ngươi
Môi-se đang nói với nhóm dân Y-sơ-ra-ên, vậy mọi trường hợp “ngươi,” “của ngươi,” và “chính ngươi” ở số nhiều.

Translation Questions

Deuteronomy 28:1
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì để được Đức Giê-hô-va chúc phước và được lập trổi hơn mọi nước trên đất nầy?
Dân Y-sơ-ra-ên cần phải cẩn thận nghe tiếng của Đức Giê-hô-va và giữ mọi điều răn của Ngài.
Deuteronomy 28:2
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì để được Đức Giê-hô-va chúc phước và được lập trổi hơn mọi nước trên đất nầy?
Dân Y-sơ-ra-ên cần phải cẩn thận nghe tiếng của Đức Giê-hô-va và giữ mọi điều răn của Ngài.
Deuteronomy 28:7
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên nếu như họ vâng theo các mạng lệnh của Ngài?
Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho kẻ thù của họ bị đánh bại trước mặt họ.
Deuteronomy 28:9
Đức Giê-hô-va sẽ khiến dân Y-sơ-ra-ên trở nên gì nếu như họ vâng theo các mạng lệnh của Ngài?
Ngài sẽ thiết lập họ làm một dân thánh cho Ngài.
Deuteronomy 28:12
Đức Giê-hô-va sẽ mở gì cho dân Y-sơ-ra-ên nếu như họ vâng theo các mạng lệnh của Ngài?
Đức Giê-hô-va sẽ mở kho từ trời của Ngài để ban mưa đúng mùa trên đất đai của họ, và ban phước cho mọi công việc của tay họ làm.
Deuteronomy 28:15
Chuyện gì sẽ xảy ra cho dân Y-sơ-ra-ên nếu như họ không nghe theo tiếng của Đức Giê-hô-va cũng như không giữ mọi điều răn của Ngài?
Mọi sự rủa sả sẽ bất thình lình giáng trên họ.
Deuteronomy 28:23
Các từng trời và đất sẽ thành ra gì cho dân Y-sơ-ra-ên nếu như họ không vâng giữ các điều răn của Đức Giê-hô-va?
Các từng trời sẽ như đồng và đất sẽ như sắt.
Deuteronomy 28:25
Nếu dân Y-sơ-ra-ên không vâng giữ các điều răn của Đức Giê-hô-va thì khi họ đánh chiến cùng các kẻ thù mình, họ sẽ bị gì?
Họ sẽ bị đánh bại trước mặt kẻ thù của mình rồi phải theo bảy đường mà chạy trốn khỏi chúng.
Deuteronomy 28:27
Nếu như dân Y-sơ-ra-ên bất tuân thì Ngài sẽ dùng gì mà đánh họ?
Ngài sẽ dùng ung nhọt, ghẻ chốc, bướu, ngứa ngày tấn công họ, cũng sẽ làm cho họ trở nên điên khùng, mù lòa và lẳng trí.
Deuteronomy 28:28
Nếu như dân Y-sơ-ra-ên bất tuân thì Ngài sẽ dùng gì mà đánh họ?
Ngài sẽ dùng ung nhọt, ghẻ chốc, bướu, ngứa ngày tấn công họ, cũng sẽ làm cho họ trở nên điên khùng, mù lòa và lẳng trí.
Deuteronomy 28:30
Chuyện gì sẽ xảy ra nếu dân Y-sơ-ra-ên is đính hôn với một người nữ hoặc xây cất một cái nhà hoặc trồng một vườn nho?
Người ấy sẽ không được nằm cùng người nữ ấy, cũng không được sống trong nhà mình đã xây mà cũng chẳng được ăn trái của vườn nho mình.
Deuteronomy 28:32
Chuyện gì sẽ xảy ra cho các con trai con gái của dân Y-sơ-ra-ên?
Các con trai con gái của họ sẽ bị nộp cho các dân khác, và họ sẽ đi tìm nhưng không tìm được chúng.
Deuteronomy 28:37
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên điều gì giữa các nước khác?
Họ sẽ trở nên trở thành nỗi kinh hoàng, đề tài đàm tiếu và giễu cợt giữa các dân tộc.
Deuteronomy 28:38
Sự bất tuân của dân Y-sơ-ra-ên sẽ ảnh hướng đến mùa màng mà họ gieo trồng ra sao?
Họ sẽ gieo thật nhiều giống và trồng nhiều vườn nho, nhưng họ sẽ không ăn bông trái thành quả của công sức mình vì sâu bọ và châu chấu sẽ ăn hết.
Deuteronomy 28:39
Sự bất tuân của dân Y-sơ-ra-ên sẽ ảnh hướng đến mùa màng mà họ gieo trồng ra sao?
Họ sẽ gieo thật nhiều giống và trồng nhiều vườn nho, nhưng họ sẽ không ăn bông trái thành quả của công sức mình vì sâu bọ và châu chấu sẽ ăn hết.
Deuteronomy 28:43
Những người ngoại quốc cao trọng hơn dân Y-sơ-ra-ên ra sao?
Nnhững người ngoại quốc sẽ cho họ vay và trở thành đầu trong khi dân Y-sơ-ra-ên lại không thể cho ai mượn và trở thành đuôi.
Deuteronomy 28:44
Những người ngoại quốc cao trọng hơn dân Y-sơ-ra-ên ra sao?
Nnhững người ngoại quốc sẽ cho họ vay và trở thành đầu trong khi dân Y-sơ-ra-ên lại không thể cho ai mượn và trở thành đuôi.
Deuteronomy 28:45
Chuyện gì sẽ xảy ra bởi vì dân Y-sơ-ra-ên không nghe tiếng của Đức Giê-hô-va và vâng giữ các điều răn của Ngài?
Tất cả những lời nguyền rủa sẽ thình lình giáng trên họ cho đến khi họ bị tiêu diệt.
Deuteronomy 28:46
Chuyện gì sẽ xảy ra bởi vì dân Y-sơ-ra-ên không nghe tiếng của Đức Giê-hô-va và vâng giữ các điều răn của Ngài?
Tất cả những lời nguyền rủa sẽ thình lình giáng trên họ cho đến khi họ bị tiêu diệt.
Deuteronomy 28:47
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải phục dịch những kẻ thù của Đức Giê-hô-va?
Họ sẽ phải phục dịch những kẻ thù của Đức Giê-hô-va bởi vì khi được thịnh vượng họ đa không thờ phượng Đức Giê-hô-va với cả tấm lòng hân hoan vui vẻ.
Deuteronomy 28:48
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải phục dịch những kẻ thù của Đức Giê-hô-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

va?
Họ sẽ phải phục dịch những kẻ thù của Đức Giê-hô-va bởi vì khi được thịnh vượng họ đa không thờ phượng Đức Giê-hô-va với cả tấm lòng hân hoan vui vẻ.
Deuteronomy 28:49
Môi-se đã nói tiên tri về dân Y-sơ-ra-ên ra sao?
Đức Giê-hô-va sẽ đưa một dân tộc từ nơi xa xôi đến tấn công họ, không hề kính trọng người già cũng chẳng xót thương người trẻ, chúng sẽ cướp lấy mọi thức ăn và gia súc của dân sự.
Deuteronomy 28:51
Môi-se đã nói tiên tri về dân Y-sơ-ra-ên ra sao?
Đức Giê-hô-va sẽ đưa một dân tộc từ nơi xa xôi đến tấn công họ, không hề kính trọng người già cũng chẳng xót thương người trẻ, chúng sẽ cướp lấy mọi thức ăn và gia súc của dân sự.
Deuteronomy 28:54
Trong khi thành bị vây hãm, những người đàn ông hiền lành và lịch thiệp giữa dân sự cũng sẽ không chia sẻ gì với anh chị em mình hay với người vợ yêu dấu của mình hay với đứa con còn sống sót lại của mình?
Người ấy sẽ không chia cho ai một miếng thịt nào, thịt của những đứa con mà người ấy sẽ ăn.
Deuteronomy 28:55
Trong khi thành bị vây hãm, những người đàn ông hiền lành và lịch thiệp giữa dân sự cũng sẽ không chia sẻ gì với anh chị em mình hay với người vợ yêu dấu của mình hay với đứa con còn sống sót lại của mình?
Người ấy sẽ không chia cho ai một miếng thịt nào, thịt của những đứa con mà người ấy sẽ ăn.
Deuteronomy 28:56
Trong thời gian thành bị vây hãm, người đàn bà sẽ làm gì với đứa con mới sinh của mình và đứa trẻ mà mình sẽ sinh ra?
Trong thời gian thành bị vây hãm, người đàn bà sẽ ăn đứa con mới sinh và đứa con mà mình sắp sinh ra.
Deuteronomy 28:57
Trong thời gian thành bị vây hãm, người đàn bà sẽ làm gì với đứa con mới sinh của mình và đứa trẻ mà mình sẽ sinh ra?
Trong thời gian thành bị vây hãm, người đàn bà sẽ ăn đứa con mới sinh và đứa con mà mình sắp sinh ra.
Deuteronomy 28:59
Chuyện gì sẽ xảy ra nếu dân Y-sơ-ra-ên không kính sợ danh Đức Giê-hô-va vâng giữ mọi lời trong sách luật pháp?
Họ sẽ nếm trải những dịch bệnh kinh khiếp và bệnh tật nặng nề.
Deuteronomy 28:62
Sẽ có bao nhiêu người trong số ít những người Y-sơ-ra-ên sẽ còn lại sau khi Đức Giê-hô-va đã trừng phạt họ?
Họ sẽ chỉ còn một số ít người và sẽ bị tản lạc từ đầu nầy cho đến cuối đầu kia của địa cầu.
Deuteronomy 28:65
Dân Y-sơ-ra-ên có tìm được sự an nghỉ khi họ bị tản lạc giữa các nước hay không?
Họ sẽ chẳng được thanh thản và cũng chẳng có chỗ nào nghỉ chân.

Chapter 29
Deuteronomy 29:1
Đây là lời mà Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se nói
Điều này nói đến những lời mà Môi-se sắp nói.
Trong xứ của Mô-áp
Đây là vùng nằm ở đông Giô-đanh, nơi mà dân Y-sơ-ra-ên đang ở lại trước khi họ vào trong xứ Ca-na-an. "Khi họ ở xứ Mô-áp"
Những lời được thêm vào trong sự giao ước...ở Hô-rếp
Những mạng lệnh bổ sung này được ban ra để làm giao ước của Đức Giê-hô-va, áp dụng tốt hơn cho dân sự một khi họ ổn định ở xứ sở mới. Những mạng lệnh mới này không thuộc những giao ước khác, mà là được bổ sung vào bản giao ước ban đầu.
Deuteronomy 29:2
Ngươi đã thấy mọi thứ mà Đức Giê-hô-va đã làm trước mắt ngươi
Ở đây “mắt” nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va mong họ nhớ rằng họ đã thấy nó. AT: "ngươi đã thấy mọi điều Đức Giê-hô-va làm để ngươi thấy và ghi nhớ những gì Ngài làm"
Những sự khốn khổ vô cùng mà mắt ngươi thấy
Ở đây “mắt” nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va mong họ nhớ rằng họ đã thấy nó. AT: "chính ngươi thấy dân sự chịu đựng sự khủng khiếp"
Mắt ngươi
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “của ngươi” ở đây là số ít.
Những dấu, những phép lạ lớn lao
Những từ “dấu” và “phép lạ” đều nói đến tai họa mà Đức Giê-hô-va giáng xuống Ê-díp. AT: "và mọi điều lớn lao mà Đức Giê-hô-va làm"
Đức Giê-hô-va không ban cho ngươi tấm lòng để biết, mắt để thấy, tai để nghe
Dân sự có tấm lòng, mắt, và tai. Cách hoán dụ này nói đến việc Đức Giê-hô-va không cho phép họ hiểu những gì họ thấy, nghe Đức Giê-hô-va là ai, làm thế nào và tại sao họ phải vâng lời Ngài.
Ban cho ngươi tấm lòng để biết
Đây là một cách diễn đạt. AT: "cho phép ngươi hiểu"
Deuteronomy 29:5
Ta đã dẫn ngươi
Đức Giê-hô-va đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Bốn mươi năm
"40 năm"
Giày ngươi...chân ngươi
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “của ngươi” ở đây là số ít.
Thức uống có cồn khác
Thức uống cồn có thể làm từ ngũ cốc lên men. Chúng không phải là rượu chưng cất.
Deuteronomy 29:7
Si-hôn, vua của Hết-sôn, và Óc, vua của Ba-san
Dịch những tên này như trong DEU 1:4.
Đến giao chiến với chúng ta
Ở đây “chúng ta” nói đến Môi-se và dân sự Y-sơ-ra-ên.
Giữ những lời của giao ước này và làm theo chúng
Hai nhóm từ này cùng nghĩa và nhấn mạnh rằng dân sự phải vâng theo điều răn dạy của Đức Giê-hô-va. AT: "vâng theo những lời của giao ước này"
Deuteronomy 29:10
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giữa trại của ngươi…củi của ngươi…nước của ngươi
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Những người ngoại giữa trại ngươi, từ người đốn gỗ đến người kéo nước
Có rất nhiều người ngoại giữa dân Y-sơ-ra-ên. AT: “Người ngoại giữa trại của ngươi, từ những người đốn gỗ đến người lấy nước"
Deuteronomy 29:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Vào trong sự giao ước của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi và trong lời thề mà Đức Giê-hô-va Chúa ngươi lập cùng ngươi ngày nay
"hòa hợp với giao ước và lời thề để ngươi vâng theo mọi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi"
Dân cho chính Ngài
"nhóm dân để thuộc riêng Ngài"
Deuteronomy 29:14
Ta lập
Ở đây “ta” nói đến Đức Giê-hô-va. “Đức Giê-hô-va lập”
Đứng đây cùng chúng ta
Ở đây “chúng ta” nói đến Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên.
Những ai không ở đây
"con cháu chúng ta sau này, chúng không ở đây"
Chúng ta kiều ngụ
"chúng ta là nô lệ"
Deuteronomy 29:17
Lòng của ai ngày nay thay đổi khỏi Đức Giê-hô-va Chúa chúng ta
Ở đây “lòng” nói đến toàn bộ con người, và “thay đổi” nghĩa là ngưng vâng lời. AT: "những ai không còn vâng lời Đức Giê-hô-va Chúa chúng ta"
Bất kì rễ nào sanh rễ đắng và ngải cứu
Môi-se nói với đến một người kín đáo thờ phượng một thần khác như thể anh ta là một cái rễ, và hành vi tội lỗi anh ta làm là thờ thần đó, và anh khuyến khích kẻ khác làm, như cây đắng gây độc hại cho mọi người. AT: “bất kì một người thờ thần tượng và khiến người khác không vâng lời Đức Giê-hô-va"
Kẻ đó
Người được mô tả ở câu 18.
Chúc phước trong lòng mình
Đây là một cách diễn đạt. AT: "chúc mừng chính mình" hoặc "khuyến khích lòng mình"
Dù ta đi trong sự cứng lòng
Đây là thành ngữ. AT: “mặc dù ta vẫn khước từ vâng theo Đức Giê-hô-va"
Điều này sẽ hủy diệt chỗ ẩm ướt cùng chỗ khô ráo
Ở đây những từ “ướt” và “khô” là cách ẩn dụ cho người ngây thẳng và người xấu xa. Hình thức này là cách phân loại cho “mọi người." AT: "Điều nảy sẽ khiến Đức Giê-hô-va hủy diệt cả người ngây thẳng và người độc ác trên đất"
Ướt…khô
Những tính từ thông thường này có thể dịch như danh từ. Bởi vì vùng đất thường khô và mọi người cần mưa để cây trồng phát triển, những từ ẩn này ẩn dụ cho “”sống…chết" hoặc "tốt…xấu." AT: "thứ ướt…thứ khô” hoặc “người tốt…người xấu"
Deuteronomy 29:20
Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va và sự kỵ tà của người sẽ cháy âm ỉ
Giống như ngọn lửa dần cháy mãnh liệt, vì thế cơn thịnh nộ và sự kỵ tà của Chúa dần mãnh liệt. AT: “cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va sẽ bùng như ngọn lửa"
Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va và tính kỵ tà của Ngài
Ở đây từ “kỵ tà” mô tả “cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va." AT: cơn giận dữ kỵ tà của Đức Giê-hô-va"
Được ghi chép
Có thể ở dạng chủ động. AT: "ta đã ghi lại"
Mọi rủa sả được ghi trong sách này sẽ đến với ngươi
Môi-se mô tả những rủa sả như người sẽ tấn công họ cách bất ngờ. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ rủa sả ngươi bằng những rủa sả được viết trong sách này theo cách hoàn toàn .” Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 28:15]
Đức Giê-hô-va sẽ xóa tên ngươi khỏi dưới trời
Điều này có nghĩa Chúa sẽ hoàn toàn hủy diệt một người và gia đình của người. Trong tương lai mọi người sẽ không nhớ đến người đó. Nhóm từ tương tự xuất hiện trong DEU 7:24.
Deuteronomy 29:22
Thế hệ kế tiếp, con cháu các ngươi sẽ trỗi dậy sau ngươi
Những từ “con cháu…sau ngươi” sẽ là người “thế hệ kế tiếp”.
Tai họa trên xứ này và dịch bệnh mà Đức Giê-hô-va đã làm ra
"Chúa rủa sả xứ Ca-na-an bằng tai họa và dịch bệnh thế nào"
Khi ngươi thấy toàn xứ này trở nên lưu huỳnh và diêm sinh
Người ta để lưu huỳnh và muối vào đất để không thứ gì phát triển. "Kho họ thấy Đức Giê-hô-va đã đốt cháy xứ này bằng lưu huỳnh và muối"
Không nơi nào được gieo hoặc thu hoạch hoa màu
Có thể ở dạng chủ động. AT: “Không nơi nào có thể gieo hạt và vụ mùa không mang lại kết quả"
Như sự sụp đổ của Sô-đôm và Gô-mô-rơ
Danh từ trừu tượng “sụp đổ” có thể dịch như mệnh đề. AT: “như lúc Đức Giê-hô-va hoàn toàn hủy diệt Sô-đôm và Gô-mô-ráp"
Át-ma và Sê-bô-im
Đây là tên của những thành phố mà Đức Giê-hô-va hủy diệt cùng với Sô-đôm và Gô-mô-rơ.
Trong cơn giận dữ và thịnh nộ của Ngài
Danh từ trừu tượng “giận dữ” và “thịnh nộ” về cơ bản có cùng nghĩa và có thể dịch như một nhóm tính từ. AT: "Khi Ngài rất giận dữ"
Chúng nó sẽ cùng nói với mọi nước khác…làm sao?
Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. AT: “Chúng sẽ cùng mọi nước khác hỏi tại sao Đức Giê-hô-va làm điều này trên xứ sở, và sự nóng giận của cơn thịnh nộ này nghĩa làm sao."
Chúng sẽ cùng nói với mọi nước khác
"dòng dõi của ngươi và mọi dân của nước khác sẽ nói"
Sự nóng giận của cơn thịnh nộ này nghĩa là gì?
"Sự nóng giận khủng khiếp này là làm sao?"
Deuteronomy 29:25
Đó là bởi vì học phản bội giao ước của Đức Giê-hô-va, Chúa của tổ tiên họ
Đây là câu trả lời cho “Tại sao Đức Giê-hô-va làm việc này cho xứ này?" (DEU 29:24). "Đức Giê-hô-va đã việc này cho xứ này bởi vì dân Y-sơ-ra-ên không làm theo lời hứa và luật

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của giao ước Ngài"

Hầu việc thần khác và cúi lạy chúng

"vâng lời những thần khác và thờ lạy chúng"

Deuteronomy 29:27

Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nghịch cùng đất này

Môi-se so sánh việc Đức Giê-hô-va đang bắt đầu giận dữ với ai như ngọn lửa đang cháy. Điều này nhấn mạnh quyền năng của Chúa hủy diệt những gì khiến Ngài giận dữ, và có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va đã trở nên giận dữ cùng đất này"

Đất này, để gây ra cho nó

Ở đây “đất” là cách hoán dụ tương ứng cho dân sự. AT: “dân của đất này, để gây ra cho chúng"

Được ghi lại

Có thể ở dạng chủ động. AT: “được ta ghi lại”

Đức Giê-hô-va đã trừ diệt chúng khỏi xứ của chúng...và đã ném chúng

Dân Y-sơ-ra-ên được so sánh như cây xấu mà Đức Giê-hô-va đã nhổ và ném khỏi vườn. AT: "Đức Giê-hô-va đã cất dọn chúng khỏi xứ của chúng...và đã ép chúng đi"

Trong giận dữ, trong thịnh nộ, trong cơn nổi nóng

Những từ “giận dữ,” “thạnh nộ,” và “cơn nổi nóng” có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh mức độ mãnh liệt của cơn giận dữ của Đức Giê-hô-va. AT: "trong cơn giận dữ vô cùng" hoặc "bởi vì Ngài vô cùng giận dữ."

Deuteronomy 29:29

Những vấn đề bí mật thuộc riêng về Đức Giê-hô-va Chúa ngươi

"Một vài điều Đức Giê-hô-va Chúa ngươi không bày tỏ, và chỉ Ngài biết chúng"

Điều đó được bày tỏ

Có thể ở dạng chủ động. AT: “được Ngài đã bày tỏ"

Chúng ta làm mọi lời của điều này

Từ “những lời” là cách hoán dụ cho “mạng lệnh.” AT: “chúng ta sẽ làm mọi điều mà luật này truyền cho chúng ta làm"

Translation Questions

Deuteronomy 29:1

Đức Giê-hô-va đã lập giao ước với ai?

Đức Giê-hô-va đã lập giao ước với dân Y-sơ-ra-ên trong xứ Mô-áp.

Giao ước trước đó mà Đức Giê-hô-va đã lập với dân Y-sơ-ra-ên là gì?

Đức Giê-hô-va trước đó đã lập giao ước với dân Y-sơ-ra-ên tại núi Hô-rếp.

Deuteronomy 29:2

Môi-se đã nhắc nhở toàn dân Y-sơ-ra-ên điều gì?

Môi-se nhắc toàn dân Y-sơ-ra-ên nhớ lại mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã làm trước mặt họ trong xứ Ai Cập cho Pha-ra-ôn, các quần thần và cả xứ sở của vua ấy.

Deuteronomy 29:4

Tại sao Môi-se nói rằng dân Y-sơ-ra-ên cần phải nhắc nhớ lại những sự đau đớn thống khổ mà chính mắt họ đã nhìn thấy, cùng những dấu lạ và phép mầu phi thường?

Môi-se nói rằng cho đến Ngài hôm nay Đức Giê-hô-va cũng chưa ban cho họ tấm lòng để biết, con mắt để thấy hay lỗ tai để nghe mọi điều.

Deuteronomy 29:5

Tại sao Đức Giê-hô-va dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên suốt bốn mươi năm trong đồng vắng, áo họ mặc không sờn chỉ, dép họ mang không mòn và họ cũng không ăn bánh hay uống rượu hay thức uống của men?

Ngài đã làm những việc đó để họ nhận biết rằng Ngài là Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.

Deuteronomy 29:6

Tại sao Đức Giê-hô-va dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên suốt bốn mươi năm trong đồng vắng, áo họ mặc không sờn chỉ, dép họ mang không mòn và họ cũng không ăn bánh hay uống rượu hay thức uống của men?

Ngài đã làm những việc đó để họ nhận biết rằng Ngài là Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.

Deuteronomy 29:9

Dân Y-sơ-ra-ên cần phải làm gì để được thịnh vượng trong mọi việc?

Họ cần phải giữ mọi lời của giao ước nầy và thực hành những lời ấy để họ được thịnh vượng trong mọi việc mình làm.

Deuteronomy 29:10

Toàn dân Y-sơ-ra-ên phải đứng trước mặt ai?

Toàn dân Y-sơ-ra-ên phải đứng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.

Deuteronomy 29:11

Toàn dân Y-sơ-ra-ên phải đứng trước mặt ai?

Toàn dân Y-sơ-ra-ên phải đứng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.

Deuteronomy 29:12

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải đứng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình?

Họ đứng trước mặt Đức Giê-hô-va để bước vào giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời và lời thề mà Ngài lập với họ ngày đó.

Deuteronomy 29:13

Đức Giê-hô-va muốn làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên qua giao ước nầy?

Ngài muốn khiến dân Y-sơ-ra-ên trở thành dân của Ngài.

Deuteronomy 29:14

Những người nào được tính vào giao ước và lời thề mà Đức Giê-hô-va lập với dân Y-sơ-ra-ên tại Mô-áp trong ngày hôm đó?

Tất cả những người ngày hôm đó đứng tại Mô-áp và những người không ở đó với họ đều được tính vào trong giao ước và lời thề mà Đức Giê-hô-va lập với dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 29:15

Những người nào được tính vào giao ước và lời thề mà Đức Giê-hô-va lập với dân Y-sơ-ra-ên tại Mô-áp trong ngày hôm đó?

Tất cả những người ngày hôm đó đứng tại Mô-áp và những người không ở đó với họ đều được tính vào trong giao ước và lời thề mà Đức Giê-hô-va lập với dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 29:16

Dân Y-sơ-ra-ên lại được nhắc nhớ về những điều gì?

Họ được nhắc nhớ về việc họ đã sống trong xứ Ai Cập ra sao và họ đã đi ngang qua địa phận các nước ra làm sao.

Deuteronomy 29:17

Tại sao dân sự lại được nhắc nhớ lại những việc ghê tởm mà họ đã thấy khi họ rời khỏi Ai Cập?

Họ được nhắc nhớ lại những việc ghê tởm mà họ đã thấy để không có một người nào trong số họ thay lòng đổi dạ với Đức Giê-hô-va, mà đi thờ cúng các thần của những dân tộc đó và để không có rễ rinh ra trái độc và quả đắng giữa họ.

Deuteronomy 29:18

Tại sao dân sự lại được nhắc nhớ lại những việc ghê tởm mà họ đã thấy khi họ rời khỏi Ai Cập?

Họ được nhắc nhớ lại những việc ghê tởm mà họ đã thấy để

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không có một người nào trong số họ thay lòng đổi dạ với Đức Giê-hô-va, mà đi thờ cúng các thần của những dân tộc đó và để không có rễ rinh ra trái độc và quả đắng giữa họ.
Deuteronomy 29:19
Người nào nghe được các lời rủa sả nầy thì không được tự nhủ trong lòng điều gì?
Người nào nghe được các lời rủa sả nầy thì không được nói rằng họ sẽ có sự bình an dù người có cứng lòng đi theo đường riêng của mình.
Deuteronomy 29:20
Chuyện gì sẽ xảy ra với người cho rằng họ sẽ có sự bình an dù mình có cứng lòng đi theo đường riêng?
Đức Giê-hô-va sẽ sẽ không tha thứ cho người ấy đâu nhưng cơn giận và sự ky tà của Đức Giê-hô-va sẽ đốt cháy người ấy, cả các lời nguyền rủa chép trong sách nầy sẽ đổ xuống trên nó và Đức Giê-hô-va sẽ xóa tên nó ra khỏi dưới trời.
Deuteronomy 29:22
Thế hệ nào sẽ đến thấy và hỏi khi họ sẽ thấy những tai ương và dịch bệnh mà Đức Giê-hô-va đã giáng trên đất nầy?
Họ sẽ hỏi lại sao Đức Giê-hô-va đã làm như thế cho xứ nầy và cơn thịnh nộ kinh khiếp nầy có nghĩa là gì.
Deuteronomy 29:24
Thế hệ nào sẽ đến thấy và hỏi khi họ sẽ thấy những tai ương và dịch bệnh mà Đức Giê-hô-va đã giáng trên đất nầy?
Họ sẽ hỏi lại sao Đức Giê-hô-va đã làm như thế cho xứ nầy và cơn thịnh nộ kinh khiếp nầy có nghĩa là gì.
Deuteronomy 29:25
Dân sự sẽ phản ứng ra sao khi thế hệ nầy đến và hỏi tại sao Đức Giê-hô-va lại làm thế với xứ nầy?
Dân sự sẽ nói rằng ấy là gì họ đã nói rằng it is bởi vì họ lìa bỏ giao ước của Đức Giê-hô-va và bởi vì họ đã đi mà thờ phượng các thần khác và sấp mình xuống trước mặt các thần đó, là những thần mà họ không hề biết và những thần mà Chúa không hề ban cho họ.
Deuteronomy 29:26
Dân sự sẽ phản ứng ra sao khi thế hệ nầy đến và hỏi tại sao Đức Giê-hô-va lại làm thế với xứ nầy?
Dân sự sẽ nói rằng ấy là gì họ đã nói rằng it is bởi vì họ lìa bỏ giao ước của Đức Giê-hô-va và bởi vì họ đã đi mà thờ phượng các thần khác và sấp mình xuống trước mặt các thần đó, là những thần mà họ không hề biết và những thần mà Chúa không hề ban cho họ.
Deuteronomy 29:27
Dân sự sẽ nói điều gì nổi lên nghịch cùng xứ nầy?
Dân sự sẽ nói rằng cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên nghịch cùng xứ nầy.
Deuteronomy 29:28
Dân sự nói rằng trong cơn nóng giận, Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với những kẻ mà Ngài đã nhổ họ khỏi đất của họ?
Dân sự sẽ nói rằng Đức Giê-hô-va, trong cơn giận lôi đình, nóng giận và thịnh nộ dữ dội của Ngài đã quăng họ vào một xứ khác.
Deuteronomy 29:29
Những điều bí mật nầy thuộc về ai?
Những điều bí mật nầy chỉ thuộc về mình Đức Giê-hô-va.
Những điều đã được mặc khải nầy thuộc về ai?
Những điều đã được mặc khải mãi mãi thuộc về dân Y-sơ-ra-ên và về dòng dõi của họ để họ có thể làm theo mọi lời của luật pháp nầy.

Chapter 30
Deuteronomy 30:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy những từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Khi mọi điều này đã xảy đến với ngươi
Môi-se mô tả sự rủa sả của [DEU 29:27]
Mà ta đã đặt trước ngươi
"mà ta vừa nói với ngươi"
Nhắc chúng nhớ
Đây là một cách diễn đạt. AT: “nhớ đến chúng"
Giữa mọi dân tộc khác
"khi ngươi đang sống trong những dân khác"
Đã đuổi ngươi
"đã ép ngươi đi"
Vâng theo lời Ngài
Ở đây “lời” là nhắc đến những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: “vâng theo những gì Ngài phán"
Hết cả lòng và hết cả hồn ngươi
Cách diễn đạt “bằng cả…lòng” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng cả…hồn" nghiã là “bằng cả sự sống ngươi” hoặc “bằng cả sức lực ngươi." Dịch những từ này như trong [DEU 4:29]
Đổi sự giam cầm ngươi
"giải thoát ngươi khỏi sự giam cầm.” Danh từ trừu tượng “sự giam cầm” có thể dịch như mệnh đề. AT: "giải thoát ngươi khỏi những kẻ đã bắt giữ ngươi"
Deuteronomy 30:4
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Dù cho những người của ngươi bị đày ở tận chân trời
"Dù là những người của ngươi bị đày ở nơi xa nhất"
Dưới trời
"dưới trời" hoặc "trên đất"
Deuteronomy 30:6
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Cắt bì nơi lòng ngươi
Đây không phải là cắt bì theo nghĩa đen. Nó có nghĩa là Chúa sẽ cất dọn tội lỗi của họ và cho họ khả năng yêu mến và vâng theo lời Ngài.
Hết cả lòng ngươi và hết cả tâm hồn của ngươi
Cách diễn đạt “hết cả…lòng” nghĩa là “hoàn toàn” và “hết cả…tâm hồn” nghĩa là “bằng cả sự sống của ngươi." Hai nhóm từ này có nghĩa giống nhau. AT: "hết cả sự sống của ngươi” hoặc “hết cả sức lực của ngươi." Dịch theo như trong [DEU 4:29]
Vâng theo lời của Đức Giê-hô-va
Ở đây “lời” nghĩa là những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: “vâng lời những gì Đức Giê-hô-va phán”
Sẽ đặt mọi sự rủa sả này lên kẻ thù của ngươi
Môi-se nói đến sự rủa sả như thể chúng là một vật nặng hoặc vật che phủ mà một người có thể đặt trên đầu của một

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người khác. AT: "sẽ khiến kẻ thù của ngươi chịu đựng những sựa rủa sả này”
Deuteronomy 30:9
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Công việc của tay ngươi
Ở đây “tay” nói đến toàn bộ con người. AT: “trong mọi việc ngươi làm"
Bông trái của thân thể ngươi…bông trái của gia súc ngươi…bông trái của ruộng đất ngươi
Ba nhóm từ này là cách diễn đạt cho “con cháu…vật nuôi…vụ mùa." Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 28:4]
Được ghi lại
Có thể ở dạng chủ động. AT: “ta đã ghi lại"
Bằng cả lòng ngươi và cả tâm hồn ngươi
Cách diễn đạt “bằng cả…lòng” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng cả…hồn” nghĩa là “bằng cả sự sống của ngươi.” Hai nhóm từ này có nghĩa tương tự nhau. AT: “bằng cả sự sống ngươi” hoặc “bằng cả sức lực ngươi." Dịch theo như trong [DEU 4:29]
Deuteronomy 30:11
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Cũng không phải là quá tầm tay của ngươi
Môi-se nói đến khả năng hiểu những gì mà điều răn dạy yêu cầu một người làm, như thể nó là một người có khả năng với tay đến một vật. AT: "cũng không quá khó để ngươi hiểu những gì Đức Giê-hô-va yêu cầu ngươi làm"
Ai sẽ lên trời cho chúng ta và mang nó xuống, đặng chúng ta có thể nghe nó, để mà chúng ta sẽ làm?
Ở đây Môi-se sử dụng câu hỏi tu từ để nhấn mạnh điều dân Y-sơ-ra-ên nghĩ rằng mạng lệnh của Đức Giê-hô-va quá khó để họ hiểu. Câu hỏi này có thể dịch thành câu mệnh lệnh. AT: "Một người phải lên trời để học biết các điều răn dạy của Đức Giê-hô-va và trở lại nói chúng tôi những gì họ biết để chúng tôi vâng lời họ."
Deuteronomy 30:13
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Ai sẽ vượt qua biển cho chúng ta và mang nó, đặng chúng ta nghe nó, để chúng tôi sẽ làm theo nó?
Câu hỏi tu từ này nối tiếp ý tưởng mà dân Y-sơ-ra-ên nghĩ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va quá khó để hiểu. Câu hỏi này có thể dịch như câu lệnh. AT: "Một người phải vượt qua biển để học các điều răn dạy của Chúa và họ trở lại, nói chúng biết biết các đó"
Trong miệng và trong lòng ngươi
Điều này có nghĩa mọi người đã hiểu mạng lệnh của Chúa và có thể nói chúng cho người khác.
Deuteronomy 30:15
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Ta đã đặt trước ngươi
"ta đã nói với ngươi"
Sự sống và điều lành, cái chết và điều ác
Bạn có thể làm rõ thông tin ẩn này. AT: "Những gì lành sẽ khiến ngươi sống, những gì dữ sẽ khiến ngươi chết"
Và tăng lên
"có thêm nhiều dòng dõi"
Deuteronomy 30:17
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Nếu ngươi đổi lòng mình…nhưng lại bị kéo đi và cúi lạy những thần khác và thờ phượng chúng
Ở đây “lòng” nói đến toàn bộ con người. Điều này có thể dịch thành chủ động. AT: "nếu ngươi ngừng trung thành với Chúa…và dân sự sống trong xứ thuyết phục ngươi cúi lạy và thờ phượng những thần khác"
Ngày nay ngươi…ngươi sẽ không kéo dài ngày của ngươi
Môi-se nói với nhóm dân Y-sơ-ra-ên.
Kéo dài những ngày của ngươi
Những ngày dài là cách tương ứng cho cuộc sống thọ. AT: “có khả năng sống lâu.” Dịch những từ này theo như trong [DEU 4:26]
Deuteronomy 30:19
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp “ngươi” và “của ngươi” là ở số ít.
Ta đã bắt trời và đất làm chứng
Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se đang gọi những người sống ở trời và đất để làm chứng những gì ông nói, hoặc 2) Môi-se đang nói với trời và đất như thể chúng là con người, và ông đang bắt chúng làm chứng cho những gì ông nói
Làm chứng chống lại ngươi
"sẵn lòng để nói rằng ngươi đã làm điều xấu"
Chống lại ngươi ngày nay
Môi-se nói với người nhóm dân Y-sơ-ra-ên.
Vâng theo lời Ngài
Ở đây “lời” nói đến những gì Đức Giê-hô-va nói. AT: “vâng theo những gì Ngài nói"
Và bám theo Ngài
"nương dựa theo Ngài"
Để Ngài là sự sống của ngươi và những ngày dài của ngươi
"sự sống ngươi” và “những ngày dài của ngươi” là cách ẩn dụ cho một người có thể ban sự sống và những ngày dài. Bạn có thể kết hợp hai nhóm từ nếu bạn thấy cần thiết. AT: "Đức Giê-hô-va là Đấng duy nhất có thể cho phép ngươi sống lâu"
Thề với tổ phụ ngươi
"thề rằng Ngài sẽ ban cho tổ phụ của ngươi"

Translation Questions

Deuteronomy 30:2
Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì để Đức Giê-hô-va sẽ hủy bỏ sự lưu đày của họ mà thương xót họ và trở lại đem họ trở về từ mọi dân mà Ngài đã làm cho họ tản lạc đến đó?

Họ phải trở lại cùng Đức Giê-hô-va và vâng giữ lời Ngài, hết lòng hết linh hồn mình mà đi theo mọi lời Ngài đã truyền dặn.
Deuteronomy 30:3

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân Y-sơ-ra-ên phải làm gì để Đức Giê-hô-va sẽ hủy bỏ sự lưu đày của họ mà thương xót họ và trở lại đem họ trở về từ mọi dân mà Ngài đã làm cho họ tản lạc đến đó?

Họ phải trở lại cùng Đức Giê-hô-va và vâng giữ lời Ngài, hết lòng hết linh hồn mình mà đi theo mọi lời Ngài đã truyền dặn.

Deuteronomy 30:4

Đức Giê-hô-va sẽ nhóm họp những người bị lưu đày của dân Y-sơ-ra-ên ở đâu lại?

Đức Giê-hô-va sẽ nhóm họp những người bị lưu đày của dân Y-sơ-ra-ên từ những nơi xa xôi nhất dưới trời.

Deuteronomy 30:5

Đức Giê-hô-va sẽ đem dân tản lạc của Y-sơ-ra-ên đến nơi nào?

Đức Giê-hô-va sẽ đem họ vào trong xứ mà tổ tiên họ đã chiếm hữu.

Deuteronomy 30:6

Tại sao Đức Giê-hô-va sẽ cắt bì tấm lòng của dân Y-sơ-ra-ên và con cháu họ?

Đức Giê-hô-va sẽ cắt bì tấm lòng của họ để họ sẽ hết lòng hết linh hồn yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và để họ sẽ được sống.

Deuteronomy 30:7

Đức Giê-hô-va sẽ giáng những lời rủa sả đã ở trên dân Y-sơ-ra-ên trên những người nào?

Đức Giê-hô-va sẽ giáng những lời rủa sả nầy trên kẻ thù của họ và trên những kẻ ghét và bắt bớ dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 30:8

Chuyện gì sẽ xảy ra khi dân Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ vâng giữ tiếng của Đức Giê-hô-va và sẽ vâng giữ mọi điều răn của Ngài mà Môi-se đã truyền cho họ.

Deuteronomy 30:9

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì khi Ngài khiến dân Y-sơ-ra-ên được thành công mỹ mãn trong mọi công việc của tay họ làm, trên con cháu họ, trên súc vật và hoa lợi của đất họ?

Đức Giê-hô-va sẽ lấy làm vi mừng trên dân Y-sơ-ra-ên khi Ngài lấy làm vui mừng trên tổ phụ họ.

Deuteronomy 30:10

Dân Y-sơ-ra-ên cần phải làm gì để Đức Giê-hô-va sẽ lấy làm vui lòng trên họ?

Dân Y-sơ-ra-ên cần phải vâng giữ lời của Đức-hô-va Đức Chúa Trời mình, vâng giữ các điều răn của Ngài và các luật lệ đã được ghi trong sách luật pháp nầy mà hết lòng hết linh hồn quay về cùng Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 30:11

Môi-se cho rằng điều nào không quá khó cho quân sự và cũng không quá tầm tay của họ?

Môi-se cho rằng các điều răn mà ông truyền cho dân Y-sơ-ra-ên không quá khó cũng không quá xa tầm tay của họ.

Deuteronomy 30:14

Lời đó nằm ở đây?

Những lời đó ở rất gần anh chị em, ở trong miệng và trong lòng anh chị em. để anh chị em có thể vâng theo.

Deuteronomy 30:15

Môi-se đã đặt những gì trước mặt dân Y-sơ-ra-ên?

Môi-se đã đặt sự sống và điều thiện, sự chết và điều ác trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 30:16

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu dân Y-sơ-ra-ên vâng giữ các điều lệ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình mà Môi-se đã truyền cho họ?

Họ sẽ sống, gia tăng đông đúc và Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho họ trong xứ mà họ sẽ đi.

Deuteronomy 30:17

Chuyện gì sẽ xảy ra cho dân sự nếu họ thay lòng đổi dạ không chịu nghe, những lại bị lôi cuốn mà sấp mình xuống thờ lạy và phục vụ các thần khác?

Họ chắc chắn sẽ bị diệt vong và họ sẽ không được sống lâu trong xứ mà họ sẽ chiếm lấy.

Deuteronomy 30:18

Chuyện gì sẽ xảy ra cho dân sự nếu họ thay lòng đổi dạ không chịu nghe, những lại bị lôi cuốn mà sấp mình xuống thờ lạy và phục vụ các thần khác?

Họ chắc chắn sẽ bị diệt vong và họ sẽ không được sống lâu trong xứ mà họ sẽ chiếm lấy.

Deuteronomy 30:19

Môi-se yêu cầu dân Y-sơ-ra-ên chọn gì khi ông gọi trời và đất làm chứng?

Môi-se đang yêu cầu dân sự chọn sự sống để họ và con cháy họ được sống.

Deuteronomy 30:20

Tại sao dân sự nên chọn sự sống?

Họ nên chọn sự sống để yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, để vâng giữ lời Ngài và để bám chặt Ngài vì Ngài là sự sống của họ và là sự sống lâu của họ.

Chapter 31

Deuteronomy 31:1

Một trăm hai mươi tuổi

"120 tuổi"

Ta không thể đi ra đi vào nữa

Ở đây thái cực “đi ra” và “đi vào” được sử dụng cùng nhau nghĩa là Môi-se không còn có thể làm những gì sức khỏe con người có thể làm. AT: "Tôi không còn có thể đi mọi nơi mà Ngài muốn tôi đi, vì thể tôi không thể lãnh đạo nữa"

Chúa của ngươi ...trước ngươi ...trước ngươi... ngươi sẽ chiếm lấy ... trước ngươi

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.

Ngươi sẽ chiếm lấy chúng

"ngươi sẽ chiếm lấy đất"

Giô-suê, ông sẽ đi trước ngươi, như Đức Giê-hô-va dã phán

"Giô-suê sẽ dẫn ngươi qua sông, như Đức Giê-hô-va đã hứa"

Deuteronomy 31:4

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài đã làm với Si-hôn và Óc, vui của dân A-mô-rít

Ở đây “Si-hôn” và “Óc” nói đến hai vị vua của dân A-mô-rít và quân đội của họ. Dịch những tên này như trong [DEU 1:4]

Hãy mạnh mẽ và can đảm

"hãy mạnh mẽ và can đảm"

Đừng e ngại, cũng đừng sợ hãi chúng

"đừng sợ hãi chút nào"

Đức Giê-hô-va Chúa ngươi...cùng ngươi...không quên cũng không bỏ ngươi

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Ngài sẽ không quên cũng không từ bỏ ngươi
"Ngài sẽ luôn làm trọn lời hứa của mình với ngươi, và luôn bên ngươi"
Deuteronomy 31:7
Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như họ là một người, vậy các từ “ngươi” và “của ngươi” ở đây là số ít.
Trước cả dân Y-sơ-ra-ên
Điều này có nghĩa toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên đều có mặt. AT: "trước sự có mặt của toàn dân Y-sơ-ra-ên"
Hãy mạnh mẽ và can đảm
"Hãy mạnh mẽ và can đảm." Dịch như trong DEU 31:5.
Ngài sẽ khiến chúng thừa hưởng nó
"Ngài hứa sẽ giúp chúng chiếm xứ sở"
Deuteronomy 31:9
Giao nó cho các thầy tế lễ, con cháu Lê-vi
"cho nó cho người Lê-vi, những ai là thầy tế lễ"
Bảy năm
"7 năm"
ấn định cho sự xóa nợ
"để xóa nợ"
Lễ Lều Tạm
Những tên khác của lễ hội này là “Lễ tạm,” “Hội Lều tạm,” và “Lễ tụ họp." Trong suốt vụ thu hoạch, người nông dân phải dựng một lều tạm thời trên cánh đồng. Lễ hội này diễn ra vào cuối vụ mùa của năm. Dịch theo như trong DEU 16:13.
Đức Giê-hô-va Chúa ngươi...ngươi sẽ đọc
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các từ "ngươi" và "của ngươi" ở đây là số ít.
Cho họ nghe
"để họ có thể nghe thấy chúng"
Deuteronomy 31:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với thầy tế lễ và các trưởng lão.
Những người ngoại ở trong cửa thành của ngươi
Ở đây “cửa thành” tương ứng cho chính thành phố đó. Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp “của ngươi” ở đây là số ít. AT: "người ngoại sống trong thành của ngươi"
Giữ mọi lời trong luật này
"cẩn thận vâng theo mọi điều răn dạy trong luật này"
Deuteronomy 31:14
Kìa,
"Chú ý những gì ta sắp nói với các ngươi."
Trụ mây
Đây là một đám mây khói dày có hình dạng giống cột dựng đứng.
Deuteronomy 31:16
Kìa, các ngươi
"Chú ý những gì ta sắp nói với các ngươi."
Ngươi sẽ an giấc với tổ phụ của các ngươi
Đây là cách lịch sự để nói “ngươi sẽ chết." AT: "ngươi sẽ chết và cùng tổ phụ của ngươi đã chết trước ngươi"
Sẽ nổi lên và làm việc giống như đĩ điếm
"sẽ bắt đầu phản bội ta"
Deuteronomy 31:17
Thông tin Tổng quát
Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se.
Cơn giận của ta sẽ bùng lên chống lại chúng
Đức Giê-hô-va so sánh cơn giận của Ngài với ai khởi đầu như ngọn lửa. Điều này nhấn mạnh quyền năng của Chúa sẽ hủy diệt những gì khiến Ngài giận dữ. Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: "Ta sẽ nổi cơn thịnh nộ của mình chống lại chúng" hoặc "Ta sẽ trở nên giận dữ với chúng"
Ta sẽ giấu mặt ta khỏi chúng
Đây là một cách diễn đạt. AT: “ta sẽ không giúp chúng"
Chúng sẽ tàn phá
Câu này có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Ta sẽ cho phép kẻ thù của chúng tàn phá chúng"
Tàn phá
Đây là cách ẩn dụ cho “hoàn toàn hủy diệt.”
Nhiều tai họa và hoạn nạn sẽ tìm chúng
Điều này mô tả những tai họa và hoạn nạn như thể chúng là con người. AT: “Chúng sẽ chịu đựng nhiều tai họa và hoạn nạn"
Có phải những tai họa này không xảy ra với chúng tôi...ở giữa?
Điều này mô tả những tai họa và hoạn nạn như thể chúng là con người. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như một câu mệnh lệnh. AT: “Những tai họa này đang hủy diệt tôi...ở giữa."
Chúa của tôi không ở giữa chúng tôi
"Chúa không còn bảo vệ chúng tôi” hoặc “Chúa đã để chúng tôi một mình"
Deuteronomy 31:19
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se về dân Y-sơ-ra-ên.
Đặt trong miệng họ
Đây là một cách diễn đạt. AT: “Khiến chúng nhớ và hát nó"
Xứ đượm sữa và mật ong
Đây là một cách diễn đạt. AT: “xứ sở dồi dào sữa và mật ong chảy” hoặc “xứ sở tốt cho vật nuôi và cây trồng " Xem bản dịch này trong DEU 6:3.
Deuteronomy 31:21
Khi nhiều tai họa và hoạn nạn xảy ra với dân này
Ở đây tai họa và hoạn nạn được mô tả như thể chúng là con người và có thể tìm thấy dân sự. AT: “khi dân này chịu đựng nhiều tai họa và hoạn nạn"
Bài ca này sẽ xác nhận trước họ như một lời làm chứng
Điều này nói đến bài ca như thể chúng là con người xác nhận lời chứng trước tòa chống lại Y-sơ-ra-ên.
Nó sẽ không bị lãng quên từ miệng của dòng dõi họ
Có thể xét ở dạng chủ động. AT: “dòng dõi của họ sẽ không quên giữ chúng trong miệng của họ"
Nó sẽ không bị lãng quên từ miệng của dòng dõi họ
Có thể xét ở dạng chủ động. AT: “dòng dõi của họ sẽ không quên giữ chúng trong miệng của họ"
Nó sẽ không bị lãng quên từ miệng của dòng dõi họ
Cách diễn đạt “quên nó từ miệng” nghĩa là ngưng nói về chúng. AT: “dòng dõi của họ sẽ không về nó với nhau nữa"
Những ý tưởng của chúng đang hình thành
"những gì chúng dự định làm"
Xứ mà ta đã hứa
"xứ mà ta đã hứa ban cho ngươi"
Deuteronomy 31:22
Hãy mạnh mẽ và can đảm
"hãy mạnh mẽ và can đảm." Xem bản dịch này trong DEU

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

31:5.

Deuteronomy 31:24

Lời chứng chống lại ngươi

Môi-se nói với người Lê-vi như thể họ là một người, vì thế từ “ngươi” ở số ít.

Deuteronomy 31:27

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với người Lê-vi về dân Y-sơ-ra-ên.

Sự nổi loạn và cứng cổ của ngươi

Môi-se nói với người Lê-vi như thể họ là một người, vì thế từ “ngươi” ở số ít.

Sự cứng cổ của ngươi

Dịch từ này theo cách bạn dịch từ “cứng cỏi” trong DEU 9:6.

Huống chi sau khi ta qua đời?

Câu hỏi tu từ này nhấn mạnh dân sự nổi loạn thế nào. Chúng có thể dịch như một câu mệnh lệnh. AT: “các ngươi sẽ còn nổi loạn hơn sau khi ta chết."

Để ta sẽ nói những lời này nơi tai họ

Ở đây “trong tai họ” nghĩa là chính dân sự. AtT: “để ta sẽ nói những lời của bài ca này với họ"

Bắt trời và đất để làm chứng chống lại họ

Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se đang bắt những người sống trên trời và đất để làm chứng cho những gì ông nói 2) Môi-se đang bắt trời và đất như thể chúng là con người, và ông bắt chúng phải làm chứng cho những gì ông nói. Nhóm từ tương tự xuất hiện trong [DEU 30:19]

Ngươi sẽ hoàn toàn hư hỏng

"ngươi sẽ làm những gì sai trái.” Những từ tương tự xuất hiện trong DEU 4:16.

Từ bỏ con đường mà ta đã truyền cho các ngươi

"ngưng làm theo những sự chỉ dẫn ta đã ban cho ngươi." Những từ tương tự xuất hiện trong DEU 9:12.

Bởi vì ngươi sẽ làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây “trước mặt Đức Giê-hô-va” nghĩa là “theo ý của Đức Giê-hô-va.” AT: "bởi vì ngươi sẽ làm những gì Đức Giê-hô-va cho là ác"

Qua công việc do tay ngươi làm

Ở đây “tay của ngươi” nghĩa là chính dân sự. AT: "bởi những gì ngươi đã làm"

Deuteronomy 31:30

Môi-se đọc lại nơi tai của toàn thể hội đồng của Y-sơ-ra-ên

Ở đây “tai” nói đến toàn bộ con người. AT: “Môi-se đọc cho toàn bộ dân sự Y-sơ-ra-ên"

Đọc

Có thể mang những nghĩa 1) "ca ngợi" hoặc 2) "nói."

Lời của bài ca này

Bạn có thể làm rõ để hiểu thông tin. AT: “lời của bài ca mà Đức Giê-hô-va dạy ông"

Translation Questions

Deuteronomy 31:1

Môi-se đã bảo toàn thể dân Y-sơ-ra-ên gì về tuổi già của mình?

Ông bảo họ rằng hiện nay ông đã được một trăm hai mươi tuổi và rằng ông không thể đi ra đi vào được nữa.

Deuteronomy 31:2

Môi-se đã bảo toàn thể dân Y-sơ-ra-ên gì về tuổi già của mình?

Ông bảo họ rằng hiện nay ông đã được một trăm hai mươi tuổi và rằng ông không thể đi ra đi vào được nữa.

Đức Giê-hô-va đã phán bảo cùng Môi-se gì về việc vượt qua sông Giô-đanh?

Ngài phán bảo với Môi-se rằng ông sẽ không qua sông Giô-đanh nhưng Đức Chúa Trời sẽ đi trước Môi-se qua sông Giô-đanh và sẽ hủy diệt các nước khỏi trước dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 31:3

Đức Giê-hô-va đã phán bảo cùng Môi-se gì về việc vượt qua sông Giô-đanh?

Ngài phán bảo với Môi-se rằng ông sẽ không qua sông Giô-đanh nhưng Đức Chúa Trời sẽ đi trước Môi-se qua sông Giô-đanh và sẽ hủy diệt các nước khỏi trước dân Y-sơ-ra-ên.

Đức Giê-hô-va phán rằng ai sẽ thay cho Môi-se vượt qua sông Giô-đanh?

Đức Giê-hô-va bảo Môi-se rằng Giô-suê sẽ vượt qua sông Giô-đanh trước dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 31:4

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Si-hôn và Óc, vua dân A-mô-rít?

Đức Giê-hô-va đã hủy diệt họ và xứ của họ.

Deuteronomy 31:5

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên khi họ đối mặt với các dân tộc khác trong trận chiến?

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ ban chiến thắng cho dân Y-sơ-ra-ên khi dân Y-sơ-ra-ên đánh chiến với các dân khác.

Deuteronomy 31:6

Môi-se hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên những gì?

Môi-se bảo họ phải mạnh dạn và can đảm, không sợ hãi không kinh khiếp các nước đó bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ đi với họ và sẽ không từ bỏ cũng chẳng lìa bỏ họ.

Deuteronomy 31:7

Môi-se nói gì với Giô-suê trước mặt toàn dân Y-sơ-ra-ên?

Môi-se bảo Giô-suê phải mạnh mẽ và can đảm vì Giô-suê sẽ cùng với dân sự đi vào xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề với tổ phụ họ rằng sẽ ban cho họ và Đức Giê-hô-va cho họ thừa hưởng xứ đó.

Deuteronomy 31:8

Môi-se bảo Giô-suê rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho ông?

Môi-se bảo Giô-suê rằng Đức Giê-hô-va sẽ đi trước Giô-suê, ở cùng ông và Ngài sẽ không lìa bỏ hay từ bỏ Giô-suê nên Giô-suê đừng sợ hãi hay ngã lòng.

Deuteronomy 31:9

Sau khi viết xong bảng luật pháp thì Môi-se đưa cho ai?

Môi-se đưa luật pháp đó cho các thầy tế lễ, các con trai của người Lê-vi, tức là những người khiêng hòm giao ước và ông cũng trao các bản sao chép cho các trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 31:10

Bao lâu thì Môi-se truyền cho các thầy tế lễ đọc luật pháp mà ông đã trao cho họ?

Môi-se truyền cho các thầy tế lễ đọc luật pháp vào mỗi cuối bảy năm, trong dịp lễ Lều Tạm, cho toàn dân Y-sơ-ra-ên nghe.

Deuteronomy 31:11

Bao lâu thì Môi-se truyền cho các thầy tế lễ đọc luật pháp mà ông đã trao cho họ?

Môi-se truyền cho các thầy tế lễ đọc luật pháp vào mỗi cuối bảy năm, trong dịp lễ Lều Tạm, cho toàn dân Y-sơ-ra-ên nghe.

Deuteronomy 31:12

Tại sao Môi-se bảo các thầy tế lễ phải triệu tập dân chúng lại, cả đàn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ông, đàn bà, trẻ con và những ngoại quốc?
Môi-se bảo các thầy tế lễ triệu tập toàn thể dân chúng lại để họ và con cháu họ có thể nghe và học biết mà kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và giữ mọi lời chép trong luật pháp đó.
Deuteronomy 31:13
Tại sao Môi-se bảo các thầy tế lễ phải triệu tập dân chúng lại, cả đàn ông, đàn bà, trẻ con và những ngoại quốc?
Môi-se bảo các thầy tế lễ triệu tập toàn thể dân chúng lại để họ và con cháu họ có thể nghe và học biết mà kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và giữ mọi lời chép trong luật pháp đó.
Các thầy tế lễ phải đọc luật pháp cho dân Y-sơ-ra-ên trong bao lâu?
Các thầy tế lễ phải đọc luật pháp đó cho dân sự trong suốt khoảng thời gian họ sống trong xứ mà họ sẽ vượt sông Giô-đanh để đánh chiếm xứ đó.
Deuteronomy 31:14
Tại sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se phải gọi Giô-suê đến và trình diện tại lều Hội Kiến?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se gọi Giô-suê đến lều Hội Kiến bởi vì ngày qua đời của Môi-se đã gần rồi.
Chuyện gì xảy ra khi Môi-se và Giô-suê trình diện trong lều Hội Kiến?
Khi Môi-se và Giô-suê đến trình diện trong lều Hội Kiến, Đức Giê-hô-va hiện ra tại lều trong một trụ mây dừng ngay tại cửa lều.
Deuteronomy 31:15
Chuyện gì xảy ra khi Môi-se và Giô-suê trình diện trong lều Hội Kiến?
Khi Môi-se và Giô-suê đến trình diện trong lều Hội Kiến, Đức Giê-hô-va hiện ra tại lều trong một trụ mây dừng ngay tại cửa lều.
Deuteronomy 31:16
Đức Giê-hô-va đã phán bảo với Môi-se dân sự sẽ hành động ra sau khi Môi-se an giấc cùng tổ phụ của mình?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se rằng dân sự sẽ nổi loạn và thông dâm với các thần của dân ngoại tại trong xứ mà họ sắp vào, và rằng họ sẽ quên Đức Giê-hô-va và phá vỡ giao ước mà Ngài đã lập với họ.
Deuteronomy 31:17
Đức Giê-hô-va phán với Môi-se Ngài sẽ làm gì khi dân sự quên đi giao ước của Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se rằng vào ngày dân sự từ bỏ giao ước của Ngài, cơn giận của Ngài sẽ nổi phừng lên nghịch cùng họ, Ngài sẽ lìa bỏ họ và ẩn mặt Ngài khỏi họ.
Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se chuyện gì sẽ xảy đến cho dân sự khi Đức Giê-hô-va ẩn mặt Ngài khỏi họ?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se rằng nhiều tai ương và thảm họa sẽ đổ xuống trên họ, và Ngài cũng sẽ ẩn mặt Ngài khỏi họ vì họ đã xây sang các thần khác.
Deuteronomy 31:18
Đức Giê-hô-va đã nói với Môi-se chuyện gì sẽ xảy đến cho dân sự khi Đức Giê-hô-va ẩn mặt Ngài khỏi họ?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se rằng nhiều tai ương và thảm họa sẽ đổ xuống trên họ, và Ngài cũng sẽ ẩn mặt Ngài khỏi họ vì họ đã xây sang các thần khác.
Deuteronomy 31:19
Tại sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se chép một bài hát rồi dạy cho dân Y-sơ-ra-ên và đặt nó vào miệng họ?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se chép một bài hát rồi dạy cho dân sự để bài hát đó sẽ là một lời chứng của Đức Giê-hô-va nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 31:20
Đức Giê-hô-va đã nói với Môi-se dân sự sẽ làm gì khi họ ở trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề sẽ ban cho tổ phụ của họ?
Đức Giê-hô-va bảo với Môi-se rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi theo các thần khác, thờ phượng các thần ấy, khinh thường Đức Giê-hô-va và phá bỏ giao ước của Ngài.
Deuteronomy 31:21
Đức Giê-hô-va đã nói với Môi-se rằng bài ca đó sẽ làm gì khi có nhiều điều ác và lộn xộn trong dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se rằng bài ca đó sẽ làm chứng trước dân Y-sơ-ra-ên như một nhân chứng và con cháu của dân sự sẽ không quên bài ca nầy.
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài biết điều gì về dân sự trước khi Ngài đưa họ vào xứ mà Ngài đã thề ban cho họ?
Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài biết những kế hoạch mà hôm nay dân sự đang lên.
Deuteronomy 31:22
Môi-se đã chờ đợi trong bao lâu trước khi ông chép bài ca mà Đức Giê-hô-va đã bảo ông viết?
Môi-se đã viết bài ca nầy ngay trong ngày Đức Giê-hô-va bảo ông viết và nội trong ngày đó ông đã dạy nó cho dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 31:23
Đức Giê-hô-va đã truyền mạng lệnh nào cho Giô-suê, con trai Nun?
Đức Giê-hô-va truyền cho Giô-suê phải mạnh dạn và can đảm.
Tại sao Đức Giê-hô-va truyền cho Giô-suê phải mạnh dạn và can đảm?
Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê phải mạnh dạn và can đảm vì Giô-suê sẽ đem dân Y-sơ-ra-ên vào trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề sẽ ban cho họ và Đức Giê-hô-va hứa với Giô-suê rằng Ngài sẽ ở cùng Giô-suê.
Deuteronomy 31:24
Môi-se giao những lời của luật pháp lại cho ai sau khi ông đã chép xong những lời ấy?
Môi-se giao những lời của luật pháp mà ông đã chép cho người Lê-vi, tức là những người khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 31:25
Môi-se giao những lời của luật pháp lại cho ai sau khi ông đã chép xong những lời ấy?
Môi-se giao những lời của luật pháp mà ông đã chép cho người Lê-vi, tức là những người khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va.
Môi-se dặn người Lê-vi phải làm gì với sách luật pháp khi ông đã viết xong sách đó?
Môi-se bảo người Lê-vi hãy lấy sách đó đặt cạnh Hòm Giao Ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình để sách ấy sẽ như lời chứng cáo buộc họ.
Deuteronomy 31:26
Môi-se dặn người Lê-vi phải làm gì với sách luật pháp khi ông đã viết xong sách đó?
Môi-se bảo người Lê-vi hãy lấy sách đó đặt cạnh Hòm Giao Ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình để sách ấy sẽ như lời chứng cáo buộc họ.
Deuteronomy 31:27
Môi-se nói cùng người Lê-vi rằng ngày hôm nay khi ông còn sống thì ông đã biết gì về họ?
Môi-se bảo người Lê-vi rằng ông đã biết về sự phản nghịch

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của họ cũng như việc họ đã nổi loạn chống nghịch Đức Giê-hô-va ra sao.
Deuteronomy 31:28
Tại sao Môi-se bảo người Lê-vi phải triệu tập các trưởng lão của các bộ tộc và quan chức của họ lại?
Môi-se bảo người Lê-vi phải triệu tập các trưởng lão và các quan chức lại để ông có thể nói thẳng với họ những lời mình muốn nói và lấy đất trời làm chứng cáo buộc họ.
Deuteronomy 31:29
Môi-se nói rằng ông biết chuyện gì sẽ xảy ra sau khi ông qua đời?
Môi-se nói rằng sau khi ông qua đời thì dân sự sẽ bại hoại và xây khỏi đường lối mà ông đã truyền cho họ.
Môi-se nói rằng chuyện gì sẽ happen khi dân sự xây khỏi đường lối mà Môi-se đã truyền cho họ?
Môi-se khẳng định rằng trong tương lai tai họa sẽ giáng trên dân sự sau khi họ xây khỏi đường lối mà Môi-se đã truyền cho họ.
Tại sao Môi-se khẳng định tai họa sẽ giáng trên dân sự?
Môi-se khẳng định tai họa sẽ giáng trên dân sự bởi vì họ sẽ làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, chọc giận Ngài bằng những công việc tay họ làm.
Deuteronomy 31:30
Môi-se đã hát những gì cho toàn dân Y-sơ-ra-ên nghe?
Môi-se hát mọi lời trong bài hát mà mình đã viết.

Chapter 32
Deuteronomy 32:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se ca ngợi bài thơ ca với dân Y-sơ-ra-ên.
Hãy lắng tai, hỡi trời...Hỡi đất hãy nghe
Đức Giê-hô-va phán với trời và đất như thể chúng đang ở đó lắng nghe. Có thể mang những nghĩa 1) Đức Giê-hô-va đang phán với những người ở trời và đất, hoặc 2) Đức Giê-hô-va đang phán với trời và đất như thể chúng là con người.
Để lời dạy của ta rơi xuống như cơn mưa ... và như trận mưa rào trên cây cối
Điều này có nghĩa Đức Giê-hô-va muốn dân sự thiết tha nhận lấy lời dạy dỗ ích lợi của Ngài.
Nhỏ giọt
Sử dụng từ trong ngôn ngữ của bạn cho quá trình hình thành sương.
sương
Nước hình thành trên lá cây và cỏ vào buổi sớm lạnh
Cỏ mềm
"cây mới mọc"
Mưa rào
Cơn mưa lớn
Deuteronomy 32:3
Thông tin Tổng quát:
Môi-se hát về bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.
Tung hô danh Đức Giê-hô-va
"nói Đức Giê-hô-va nhân lành thế nào"
Tôn vinh sự vĩ đại của Chúa
"làm cho mọi người biết đến Chúa là vĩ đại"
Vầng đá
Đây là tên riêng mà Môi-se gọi Đức Giê-hô-va, như đá, mạnh mẽ và có khả năng bảo vệ dân Ngài.
Công việc Ngài
"mọi điều Ngài làm"
Mọi đường của Ngài là công bình
"Ngài làm mọi điều trong đường lối công bình"
Ngài là công bình và lẽ phải
Hai từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va là công bằng và làm những gì thiện.
Deuteronomy 32:5
Thông tin Tổng quát:
Môi-se hát một bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Môi-se đang sử dụng song song để nhấn mạnh những gì ông đang nói.
Làm điều đồi bại chống nghịch lại Ngài
"chống đối Ngài bằng những việc sai trái." Những từ tương tự xuất hiện trong DEU 04:16.
Một dòng dõi đồi bại và dối trá
Các từ “đồi bại” và “dối trá” nghĩa cơ bản giống nhau. Môi-se sử dụng chúng để nhấn mạnh dòng dỏi này tội lỗi thế nào. AT: "một dòng dõi hoàn toàn xấu xa"
Các ngươi đền đáp Đức Giê-hô-va cách này...dân sự?
Môi-se sử dụng câu hỏi để trách mắng dân sự. AT: “ngươi phải dâng Đức Giê-hô-va sự ngợi khen đúng ...dân sự."
Ngươi là dân dại dột và ngu si
Các từ “dại dột” và “ngu si” cùng nghĩa với nhau và nhấn mạnh dân sự dại dột thế nào khi không vâng lời Đức Giê-hô-va. AT: "ngươi là dân hoàn toàn ngu si"
Cha ngươi...đã tạo ra ngươi...dựng nên ngươi và lập ngươi
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các từ "ngươi" và "của ngươi" ở đây là số ít.
Ngài không phải cha ngươi, Đấng đã tạo ra ngươi?
Môi-se sử dụng câu hỏi để trách mắng dân sự. Câu hỏi tu từ này có thể dịch thành câu mệnh lệnh. AT: “Đức Giê-hô-va là cha ngươi và là Đấng tạo ra ngươi."
Deuteronomy 32:7
Thông tin Tổng quát:
Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.
Gợi nhớ...nghĩ về...cha ngươi...dạy ngươi...trưởng lão của ngươi...nói ngươi
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các từ "ngươi" và "của ngươi" ở đây là số ít.
Gợi nhớ
Đây là một cách diễn tả. AT: “Nhớ”
Ngày xưa
"những ngày cách đây rất lâu." Môi-se nói đến thời gian khi tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên còn sống.
Nghĩ về những năm của đời trước
Đây là cách lập lại những gì Môi-se vừa nói trong phần trước. Môi-se muốn dân Y-sơ-ra-ên tập trung vào lịch sử của họ như một dân tộc.
Ngài sẽ dạy ngươi
"Ngài sẽ khiến ngươi hiểu” hoặc “Ngài sẽ ban khả năng để ngươi hiểu nó"
Ban cho dân sự sản nghiệp
"đặt dân vào nơi họ muốn sống." Những từ, "ban cho ngươi như sản nghiệp," xuất hiện trong DEU 4:21.
Ngài định biên giới cho các dân, như Ngài xác định số thần của họ
Chúa chia phần cho mỗi dân, cùng với thần của họ, để thuộc lãnh thổ của họ. Theo cách này, Ngài hạn chế ảnh hưởng thần tượng của những dân khác.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Deuteronomy 32:9

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát một bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Khi ông nói dân Y-sơ-ra-ên, ông nói về họ như thể họ là một người khác và như thể họ là một người.

Vì sự phân chia của Đức Giê-hô-va là dân Ngài, Gia-cốp là phần sản nghiệp Ngài

Hai nhóm từ có nghĩa cơ bản như nhau và có thể kết hợp. AT: "Dòng dõi của Gia-cốp là sản nghiệp của Đức Giê-hô-va"

Ngài tìm người…che chở người và chăm sóc người…giữ gìn người

"Ngài tìm Gia-cốp…che chở ông và chăm sóc ông…giữ gìn ông" Bạn có thể dịch điều này như thể Môi-se đang nói với nhiều người Y-sơ-ra-ên. "Ngài tìm tổ phụ chúng tôi…che chở họ và chăm sóc học…gìn giữ họ" (See UDB)

Tiếng hét nơi đồng vắng

Ở đây "tiếng hét" nói đến âm thanh mà gió tạo ra khi nó thổi qua vùng đất trống.

Ngài gìn giữ ông như con ngươi của mình

Đây là một cách diễn đạt. Con ngươi của mắt nói đến lòng đen trong cầu mắt để cho phép một người nhìn thấy. Đây là phần quan trọng và nhạy cảm của cơ thể. Điều này nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên rất quan trọng với Chúa và Ngài bảo vệ. AT: "Ngài bảo vệ Ngài như một vật rất giá trị và quí giá"

Deuteronomy 32:11

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Như đại bàng gìn giữ con và bay quanh con của nó. Đức Giê-hô-va giang cánh của Ngài và giữ họ, mang họ trên đầu cánh của Ngài

Điều này có nghĩa Đức Giê-hô-va trông nom và bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên khi họ ở trong sa mạc.

Đầu cánh

Phần bìa bên ngoài của cánh chim

Dẫn người…cùng người

Môi-se lại nói với dân Y-sơ-ra-ên như "Gia-cốp"

Deuteronomy 32:13

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài đã khiến người cưỡi trên nơi cao của xứ

Đây là một cách diễn đạt. Từ "người" nói đến dân Y-sơ-ra-ên. AT: "Đức Giê-hô-va khiến họ cưỡi trên nơi cao của xứ" hoặc "Đức Giê-hô-va giúp họ chiếm xứ sở"

Khiến người cưỡi…cho người ăn…nuôi dưỡng người

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như "Gia-cốp"

Ngài cho người ăn cây trái trên đồng

"Ngài mang người đến xứ sở dồi dào cây trồng để ngươu có thể ăn"

Ngài nuôi dưỡng ông bằng mật ong từ đá, dầu từ khe đá

Xứ sở có nhiều bầy ong hoang dã, con vật đem lại mật, cùng tổ ong ở trong các hốc đá. Cũng có nhiều cây ô-liu, cây cung cấp dầu, và mọc trên đá, đồi, và núi.

Nuôi dưỡng ông bằng mật ong

Điều này giống như người mẹ cho đứa bé bú sữa. "để người hút mật ong"

Deuteronomy 32:14

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát một bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Ông nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "ngươi" ở đây là số ít.

Người ăn

Môi-se đang nói về dân Y-sơ-ra-ên như "Gia-cốp"

Chiên béo, cừu Ba-san và dê

Dân Y-sơ-ra-ên có nhiều đàn vật khỏe mạnh.

Deuteronomy 32:15

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang hát bài ca của ông với dân Y-sơ-ra-ên.

Giê-su-run

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là con vật được ăn đầy được chủ đặt tên Giê-su-run. Bạn có thể thêm gạch chân , "Tên "Giê-su-run" nghĩa là "kẻ ngây thẳng." Nếu ngôn ngữ của bạn không thể nói dân Y-sơ-ra-ên như Giê-su-run, bạn có thể nói đến dân Y-sơ-ra-ên như nhiều người, như UDB làm.

Trở nên mập mạp và đạp đá

Giê-su-run, con vật được ăn đầy đủ đạp đá thay vì trở nên hiền lành là cách hoán dụ cho dân Y-sơ-ra-ên, những người nổi loạn dù Chúa đã chăm sóc họ.

Ngươi trở nên mập mạp, ngươi quá béo, và ngươi đã được ăn no

Môi-se trách dân Y-sơ-ra-ên qua lời trong bài hát Giê-su-run. "ngươi trở nên mập mạp, ngươi trở nên béo hơn, béo như ngươi có thể"

Vầng đá giải cứu ông

Điều này có nghĩa Đức Giê-hô-va mạnh mẽ như đá và có khả năng bảo vệ dân Ngài.

Vầng đá

Đây là tên riêng mà Môi-se gọi Đức Giê-hô-va, Ngài, như đá, mạnh mẽ và có khả năng bảo vệ dân Ngài. Dịch như trong DEU 32:4.

Chúng làm Đức Giê-hô-va đố kỵ

Dân Y-sơ-ra-ên làm Đức Giê-hô-va đố kỵ.

Deuteronomy 32:17

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang hát bài ca của ông với dân Y-sơ-ra-ên.

Chúng cúng bái

"Dân Y-sơ-ra-ên cúng bái"

Các thần mà mới xuất hiện

Điều này có nghĩa dân Y-sơ-ra-ên gần đây tìm biết các thần này.

Cha của ngươi

Môi-se đang nói với nhiều người Y-sơ-ra-ên, vậy từ "của ngươi" là số nhiều.

Ngươi đã bỏ mặt….cha cua3 ngươi…ngươi quên…cho ngươi

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các từ "ngươi" và "của ngươi" ở đây là số ít.

Ngươi đã bỏ mặt Vầng đá

Ở đây Đức Giê-hô-va được gọi là Vầng đá bởi vì Ngài mạnh mẽ và che chở. AT: "Ngươi đã bỏ mặt sự chở che vủa Đức Giê-hô-va"

Vầng đá

Đây là tên riêng mà Môi-se gọi Đức Giê-hô-va, Ngài, như đá, mạnh mẽ và có khả năng bảo vệ dân Ngài. Dịch theo như trong DEU 32:4.

Ngài trở thành cha của ngươi…Ngài sanh ngươi ra

Điều này so sánh Đức Giê-hô-va như người cha và người mẹ. Điều này có nghĩa Chúa sinh ra họ để sống và thành một nước. AT: "Người sanh ra ngươi…Người ban sự sống cho ngươi"

Deuteronomy 32:19

Thông tin Tổng quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Con trai và con gái của Ngài

Điều này nói đến dân Y-sơ-ra-ên là người Đức Giê-hô-va ban sự sống và lập thành một nước.

Ta sẽ giấu mặt ta khỏi chúng

Đây là thành ngữ. AT: “Ta sẽ quay khỏi chúng” hoặc “Ta sẽ thôi giúp chúng"

Ta sẽ xem họ cuối cùng ra sao

"ta sẽ xem những gì xảy ra với họ"

Deuteronomy 32:21

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn những lời của Đức Giê-hô-va.

Chúng đã làm ta ghen tỵ

Ở đây “ta” nói đến Đức Giê-hô-va.

Những thần không phải

"Những thần giả"

Những điều vô giá trị

"những thần không giá trị"

Dân không ra gì

"Người không thuộc về một nhóm dân"

Dân dối trá

Dịch từ “dối trá” như trong DEU 32:6.

Deuteronomy 32:22

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời Đức Giê-hô-va.

Vì lửa nổi lên trong cơn giận của ta...nền tảng của núi

Đức Giê-hô-va so sánh cơn giận của Ngài như ngọn lửa. Điều này nhấn mạnh quyền năng của Ngài để hủy diệt những gì khiến Ngài giận dữ.

Lửa nổi lên trong cơn giận dữ của ta và đốt cháy...nó nuốt...lập

Câu này có thể xét ở dạng chủ động. AT: “Ta nổi lửa bởi vì ta giận, và nó đốt...nó nuốt...lập” hoặc “Khi ta giận dữ, ta hủy diệt kẻ thù của ta như ngọn lửa, và ta hủy diệt mọi thứ trên đất...ta nuốt...ta đặt"

Xuống tận Âm phủ

"ngay cả thế giới của sự chết"

Deuteronomy 32:23

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời của Đức Giê-hô-va.

Ta sẽ chất đầy tai họa trên chúng

Đức Giê-hô-va nói về những điều xấu sẽ xuất hiện với dân Y-sơ-ra-ên chúng là một thứ dơ bẩn mà Ngài có thể chất lên đầu dân Y-sơ-ra-ên. AT: "ta sẽ khiến những điều xấu xảy ra với chúng"

Ta sẽ bắn những mũi tên của ta vào chúng

Ở đây Đức Giê-hô-va so sánh những điều xấu Ngài sẽ khiến xảy ra với dân Y-sơ-ra-ên như một người bắn hết mũi tên khỏi cung. AT: "ta sẽ làm mọi điều ta có thể để giết chúng"

Chúng sẽ kiệt quệ vì đói lả

Có thể xét ở dạng chủ động. Danh từ trừu tượng “đói lả” có thể dịch thành động từ “trở nên đói." AT: "Chúng sẽ yếu và chết vì chúng đói"

Chúng sẽ...đói và nuốt chửng bằng cách đốt cháy và tàn phá cay đắng

Có thể mang những nghĩa “đốt nóng” 1) dân Y-sơ-ra-ên sẽ chịu đựng cơn sốt hoặc 2) Thời tiết sẽ cực kì nóng trong suốt kì hạn hán hoặc đói kém. Có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Chúng sẽ... đói, và đốt cháy và tai họa kinh khiếp"

Ta sẽ để trên răng của những con vật hoang, mọi thứ độc của loài bò dưới bụ

Răng và độc là cách hoán dụ cho con vật sử dụng những thứ này để giết. AT: "ta sẽ khiến những con vật cắn chúng, và những vật bò trong bụi cắn và đầu độc chúng"

Deuteronomy 32:25

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời của Đức Giê-hô-va.

Bên ngoài gươm đao sẽ lấy đi

Ở đây “gươm đao” tương ứng cho quân đội của kẻ thù. AT: "Khi dân Y-sơ-ra-ên ra ngoài, quân đội kẻ thù sẽ giết họ"

Sự kinh khủng sẽ làm

Đức Giê-hô-va nói về việc sợ hãi như thể chúng là một người vào trong nhà và giết hết thảy những ai sống trong đó. AT: “ngươi sẽ chết vì ngươi sợ hãi"

Trai trẻ và gái đồng trinh, đứa bé còn bú, người tóc bạc

Đây là thuật ngữ mô tả những người có độ tuổi khác nhau được gộp chung lại, mà những loại người đó sẽ chết.

Ta nói ta sẽ...đi, rằng ta sẽ...loài người

"Ta nói, ‘ta sẽ...đi, và ta sẽ...loài ngươi '"

Ta sẽ khiến mọi ký ức về chúng biến khỏi giữa loài người

"ta sẽ khiến mọi dân quên chúng"

Deuteronomy 32:27

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca về dân Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời của Đức Giê-hô-va.

Nhưng ta sợ sự khêu khích của kẻ thù

"ta sỡ sự khiêu khích của quân thù"

Khiêu khích của kẻ thù

Danh từ trừu tượng này có thể dịch như động từ. AT: “kẻ thù sẽ chọc tức ta" hoặc "kẻ thù sẽ khiến ta nổi giận"

Kẻ thù

Đức Giê-hô-va nói đến kẻ thù của Ngài như thể chúng là một người. AT: “kẻ thù của ta” hoặc “thù địch của ta”

Lầm hiểu

"hiểu sai"

Tay của chúng ta tán dương

Ở đây “tay” tương ứng cho sức mạnh hoặc quyền lực của con người. Tán dương là một cách diễn đạt cho việc đánh bại kẻ thù. AT: "Chúng ta đã đánh bại chúng bởi vì chúng ta mạnh hơn"

Deuteronomy 32:28

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời của Đức Giê-hô-va.

Ồ, chúng thông minh, chúng hiểu điều này, chúng sẽ xem xét kết cuộc số phận của chúng

Môi-se xét một điều mà ông ước là thật, như ông biết rằng họ không thông minh và không hiểu rằng sự bất tuân của họ sẽ khiến Đức Giê-hô-va giáng tai họa trên họ.

Kết cuộc số phận của chúng

Danh từ trừu tượng “số phận” có thể dịch thành động từ. AT: “những gì sắp xảy ra với họ"

Deuteronomy 32:30

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn những lời của Đức Giê-hô-va và nói với họ nhiều hơn về

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những gì họ đã hiểu nếu họ thông minh
Làm thế nào một người theo đuổi một nghìn...trừ khi...đã bán...Đức Giê-hô-va đã giao nộp chúng?
Môi-se sử dụng câu hỏi để trách dân sự không đủ thông minh để hiểu tại sao quân thù của họ đang đánh bại họ. Câu hỏi này có thể dịch thành một mệnh lệnh. AT: “Các ngươi đã nhận ra tại sao một ngàn lính bị đánh bại bởi một người trong quân lính...bởi vì...Đức Giê-hô-va đã bỏ ngươi."
Làm thế nào một người xua đuổi một nghìn, và hai người đánh mười nghìn
Bạn có thể làm rõ để hiểu thông tin. AT: “Làm thế nào 1 tên quân thù có thể xua đuổi 1,000 người đàn ông, và 2 tên quân thù khiến 10,000 người đàn ông bỏ chạy"
Trừ khi Hòn Đá đã bán chúng
Từ “Hòn Đá” nói đến Đức Giê-hô-va Đấng mạnh mẽ và có năng lực bảo vệ dân của Ngài. AT: “trừ khi Đức Giê-hô-va, Hòn Đá của họ, đã giao cho họ"
Đá của chúng...đá của chúng ta
"Vầng đá" là tên riêng mà Môi-se gọi Đức Giê-hô-va, Ngài, như vầng đá, mạnh mẽ và có khả năng bảo vệ dân sự Ngài. Dịch từ “Đá” như trong DEU 32:4.
Đá của kẻ thù chúng ta không giống đá của chúng ta
Thần của kẻ thù và thần giả không quyền lực như Đức Giê-hô-va.
Cũng như kẻ thù của chúng ta thừa nhận
"không chỉ chúng ta nói vậy, nhưng kẻ thù của chúng ta cũng nói vậy"
Deuteronomy 32:32
Thông tin Tổng quát:
Môi-se hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời của Đức Giê-hô-va.
Vì nho của chúng đến từ nho của Sô-đôm...chồi của chúng đắng
Môi-se so sánh kẻ thù người thờ thần giả với những người ác sống ở Sô-đôm và Gô-mô-rơ và cây nho ra quả độc. Điều này có nghĩa kẻ thù của họ độc ác và sẽ khiến dân Y-sơ-ra-ên chết nếu dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu làm như những người sống quanh họ.
Nho của chúng đến từ nho của Sô-đôm, và từ đồng của Gô-mô-rơ
Cây nho là cách hoán dụ cho nhóm dân. “Nó như thể nho của họ là một nhánh nho mọc trên đất của Sô-đôm và Gô-mô-rơ" hoặc AT: "Họ làm điều xấu như cách người sống ở Sô-đôm và Gô-mô-rơ làm"
Chùm của họ
"chùm nho của họ"
Deuteronomy 32:33
Thông tin Tổng quát:
Môi-se hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn những lời của Đức Giê-hô-va.
Nho của chúng độc như rắn và nọc độc dữ tợn như rắn hổ
Môi-se đang so sánh kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên như cây nho đem lại trái và rượu độc. Điều này có nghĩa là kẻ thù của họ ác độc.
Rắn hổ
"Loại rắn"
Điều này không giữ kĩ bởi ta, được niêm phong giữa kho tàng của ta?
Câu hỏi này nhấn mạnh rằng kế hoạch của Đức Giê-hô-va cho dân Y-sơ-ra-ên được giữ kĩ như là kho báu có giá trị. Câu hỏi tu từ có thể dịch như mệnh lệnh. Nó cũng có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Ta biết những gì ta định làm cho dân Y-sơ-ra-ên và kẻ thù của chúng, và ta đã khóa chúng lại như một người khóa của cải giá trị của mình."
Deuteronomy 32:35
Thông tin Tổng quát:
Môi-se hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên. Đây là đoạn cuối Môi-se trích dẫn những lời của Đức Giê-hô-va bắt đầu trong [DEU 32:20]
Sự báo thù thuộc về ta, và sự báo đền
Những từ “báo thù” và “sự báo đền” nghĩa cơ bản giống nhau. AT: “Ta sẽ báo thù và trừng phạt kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên” "
Sự báo đền
Để trừng phạt hoặc thưởng cho một người vì những gì người đó đã làm
Chân của chúng trượt ngã
"chúng không chỗ nương tựa" bởi vì một số điều xấu đã xảy ra với chúng
Ngày của tai họa cho chúng
"thời điểm để ta trừng phạt chúng"
Những điều đến với chúng sẽ nhanh chóng xảy ra
Đức Giê-hô-va nói đến những việc xấu sẽ xảy ra cho kẻ thù của Ngài như thể điều xấu là người hăm hở chạy đến trừng phạt chúng. AT: "ta sẽ trừng phạt chúng nhanh chóng"
Deuteronomy 32:36
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên.
Vì Đức Giê-hô-va sẽ đoán xét công bình với dân của Ngài
Danh từ trừu tượng “công bình” có thể dịch thành một động từ. AT: “Vì Đức Giê-hô-va sẽ làm những gì công bằng với dân của Ngài"
Ngài sẽ thương xót đầy tớ của Ngài
"Ngài sẽ cảm thấy cần giúp đỡ đầy tớ Ngài"
Deuteronomy 32:37
Thông tin Tổng quát:
Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.
Ở nơi thần của chúng nó, hòn đá mà chúng nương tựa?
Đức Giê-hô-va trách mắng dân Y-sơ-ra-ên về việc tìm kiếm sự chở che của thần khác. Câu hỏi này có thể dịch thành mệnh lệnh. AT: “Kìa, những thần mà dân Y-sơ-ra-ên nghĩ là bảo vệ chúng đã không đến giúp chúng."
Những thần ăn mỡ của vật sinh tế và uống rượu của lễ dâng?
Ở đây Đức Giê-hô-va chế giễu dân Y-sơ-ra-ên về việc dâng của lễ cho thần khác. Câu hỏi này có thể dịch thành mệnh lệnh. AT: “Những thần mà dân Y-sơ-ra-ên dâng thịt và rượu đã không đến giúp họ."
Để chúng đứng dậy và giúp ngươi, để chúng bảo vệ ngươi
Đức Giê-hô-va nói điều này để nhạo báng dân Y-sơ-ra-ên. Ngài biết những thần này không thể giúp họ. AT: "Những thần này không có khả năng đứng dậy và giúp hay bảo vệ ngươi"
Deuteronomy 32:39
Thông tin Tổng quát:
Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.
Ta, dù Ta
"Ta, chỉ Ta" hoặc "Ta, riêng Ta" Đức Giê-hô-va lặp lại "Ta" để nhấn mạnh chỉ có Ngài là Chúa.
Ta giơ tay mình lên trời và nói
"Ta giơ tay mình lên trời và thề” hoặc “Ta đã lập lời thề” Giơ tay là dấu hiệu để thực hiện lời thề.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Như ta hằng sống
"như điều chắc rằng ta hằng sống" hoặc "Ta thề rằng sự sống ta không bao giờ kết thúc" Mệnh lệnh này ủa quyết với dân sự những gì Chúa phán trong DEU 32:41- DEU 32:42 will happen.
Deuteronomy 32:41
Thông tin Tổng quát:
Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.
Khi ta mài lưỡi gươm sáng của ta
Điều này có nghĩa Chúa đang chuẩn bị phán xử vả trừng phạt kẻ thù của Ngài. AT: "Khi ta mài lưỡi gươm sáng chói" hoặc "Khi ta sẵn sàng phán xử kẻ thù của ta"
Khi tay ta bắt đầu mang công lý
Ở đây "tay" nói đến toàn bộ con người. AT: "Khi ta sẵn sàng xét xử cái ác"
Deuteronomy 32:42
Thông tin Tổng quát:
Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.
Ta sẽ khiến mũi tên của ta say huyết, và gươm của ta sẽ ăn thịt cùng máu
Đức Giê-hô-va nói đến những mũi tên như thể chúng là con người mà Ngài lấy rượu và khiến chúng say, và gươm đao như thể con người đói mà nó ăn thịt con vật và uống cạn máu. Cách hoán dụ này là cách hoán dụ cho người lính sử dụng tên và gươm để giết nhiều quân thù. Điều này lần lượt là cách ẩn dụ cho Đức Giê-hô-va giết kẻ thù của Ngài trong chiến tranh].
Từ đầu của kẻ lãnh đạo quân thù
Có thể mang những nghĩa "từ những kẻ tóc dài trong quân thù."
Deuteronomy 32:43
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần cuối trong bài ca của Môi-se.
Hãy vui mừng, các nước
Môi-se nói đến dân trên mọi nước như thể họ đang lắng nghe.
Vì Ngài sẽ báo thù huyết của tôi tớ Ngài; Ngài sẽ trả sự báo thù trên kẻ thù của Ngài
Ở đây "máu của tôi tớ Ngài" tương ứng cho sự sống của tôi tớ vô tội của Ngài, là kẻ bị giết. AT: "vì Ngài lấy sự báo thù trên kẻ thù của Ngài, kẻ giết tôi tớ Ngài"
Deuteronomy 32:44
Thuật lại...đang thuật lại
Có thể mang những nghĩa 1) "nói ... đang nói" hoặc 2) "hát ... đang hát."
Nơi tai của mọi người
Ở đây "tai" tương ứng cho chính dân sự và nhấn mạnh rằng Môi-se muốn chắc chắc họ nghe rõ bài ca. AT: "đến dân sự vì họ muốn nghe nó"
Deuteronomy 32:46
Ông nói với họ
"Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên"
Hãy chú tâm
Đây là một cách diễn đạt. AT: "Chú ý đến" hoặc "Nghĩ về"
Ta đã làm chứng với ngươi
Có thể mang những nghĩa 1) "Ta đã tỏ ra cho ngươi," nói đến những gì Đức Giê-hô-va đã phán với ông để làm với dân Y-sơ-ra-ên nếu họ không vâng lời, hoặc 2) "Ta đã truyền cho ngươi," nhắc đến những gì Đức Giê-hô-va truyền cho họ làm.
Con cháu ngươi
"con cháu ngươi và dòng dõi ngươi"
Đây là
"luật này là"
Không phải việc không giá trị
"một điều rất quan trọng"
Bởi vì nó là sự sống ngươi
"bởi vì ngươi sẽ sống nếu ngươi vâng theo nó"
Kéo dài những ngày của ngươi
Những ngày dài là cách ẩn dụ cho sự sống lâu. AT: "có khả năng sống lâu" Dịch những từ này như trong [DEU 4:26]
Deuteronomy 32:48
Núi A-ba-rim
Đây là tên của dãy núi Mô-áp.
A-ba-rim, đỉnh núi Nê-bô
"Abarim and climb up Mount Nebo"
Núi Nê-bô
Đây là nơi cao nhất ở núi A-ba-rim.
Đối diện Giê-ri-cô
"ở phía bên kia của con sông của Giê-ri-cô"
Deuteronomy 32:50
Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va kết thúc cuộc nói chuyện với Môi-se.
Sẽ đoàn tụ cùng dân người
Đây là cách tế nhị khi nói về linh hồn của Môi-se sẽ cùng linh hồn họ hàng của người trong thế giới bên kia. AT: "cùng tổ phụ ngươi là người chết trước ngươi" (See:)
Núi Hô-rơ
Đây là tên của ngọn núi giáp với Ê-đôm.
Mê-ri-ba
Đây là tên của một địa điểm trong sa mạc nơi Môi-se không vâng lời Chúa.
Đồng vắng Sin
Đây là tên của đồng vắng ở phía nam biên giới của Giu-đa.

Translation Questions

Deuteronomy 32:1
Môi-se mời gọi trời đất làm gì?
Môi-se mời gọi trời hãy lắng tai nghe ông nói và ông cũng xin đất hay nghe những lời miệng ông nói ra.
Deuteronomy 32:2
Môi-se so sánh lời dạy và lời mình nói ra với điều gì?
Môi-se so sánh lời dạy của mình với mưa và lời ông nói ra như sương.
Deuteronomy 32:3
Môi-se tuyên bố và gán sự vĩ đại cho ai?
Môi-se tung hô dang của Đức Giê-hô-va và gán sự oai nghi vĩ đại cho Đức Chúa Trời.
Deuteronomy 32:4
Công việc của ai là hoàn hảo và đường lối của ai là công bình?
Công việc của Vầng Đá là toàn hảo và đường lối Ngài là công bình.
Ai không hề phạm tội và luôn chính trực công bình?
Đức Chúa Trời là thành tín, vô tội, chính trực và công bình.
Deuteronomy 32:5
Môi-se gọi dân sự, là dân hành động gian ác nghịch cùng Đức Giê-hô-va,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

là gì?
Môi-se gọi họ là một dòng dõi gian ác và không ngay thẳng, là dân ngu si khờ dại.
Deuteronomy 32:6
Môi-se gọi dân sự, là dân hành động gian ác nghịch cùng Đức Giê-hô-va, là gì?
Môi-se gọi họ là một dòng dõi gian ác và không ngay thẳng, là dân ngu si khờ dại.
Môi-se nói rằng ai đã dựng và lập dân Y-sơ-ra-ên?
Môi-se nói rằng Đức Giê-hô-va đã dựng và lập dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 32:7
Môi-se cho rằng cha ông và các trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên có thể nhắc dân sự nhớ lại những điều gì?
Môi-se nói rằng cha ông và các trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên có thể nhắc dân sự nhớ lại những ngày xa xưa và các thế hệ đã qua.
Deuteronomy 32:8
Môi-se cho rằng cha ông và các trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên có thể cho dân sự biết gì về Đấng Tối cao đã phân chia sản nghiệp cho muôn dân?
Môi-se nói rằng Đấng Tối cao đã phân chia loài người, định biên giới cho các dân tộc theo số con dân của dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 32:9
Phần của Đức Giê-hô-va là gì và ai là sản nghiệp của Ngài?
Phần của Đức Giê-hô-va là dân Ngài,
Gia-cốp là sản nghiệp Ngài.
Deuteronomy 32:10
Đức Giê-hô-va đã tìm được Gia-cốp (tức là dân sự Ngài) ở đâu?
Đức Giê-hô-va đã tìm thấy Gia-cốp (dân sự Ngài) trong nơi hoang vắng.
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho dân sự Ngài?
Đức Giê-hô-va đã che chở họ, chăm sóc họ và gìn giữ họ như con ngươi của mắt Ngài.
Deuteronomy 32:11
Môi-se so sánh sách Đức Giê-hô-va chăm sóc dân sự Ngài với gì?
Môi-se so sánh cách Đức Giê-hô-va chăm sóc dân sự Ngài như đại bàng canh giữ tổ của mình và giang cánh che chở con non mình.
Deuteronomy 32:12
Chỉ một mình ai dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên?
Chỉ một mình Đức Giê-hô-va dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 32:15
Chuyện gì xảy ra khi Giê-su-run (dân Y-sơ-ra-ên) to béo mập tròn?
Khi Giê-su-run (dân Y-sơ-ra-ên) to béo mập tròn và được thỏa mãn thì đã lìa bỏ và chối từ Đức Giê-hô-va, dùng những thần xa lạ khiến Ngài phải ghen tức và chọc giận Ngài bằng những thần tượng đáng ghê tởm của mình.
Deuteronomy 32:16
Chuyện gì xảy ra khi Giê-su-run (dân Y-sơ-ra-ên) to béo mập tròn?
Khi Giê-su-run (dân Y-sơ-ra-ên) to béo mập tròn và được thỏa mãn thì đã lìa bỏ và chối từ Đức Giê-hô-va, dùng những thần xa lạ khiến Ngài phải ghen tức và chọc giận Ngài bằng những thần tượng đáng ghê tởm của mình.
Deuteronomy 32:17
Dân sự của Đức Chúa Trời đã quên mất ai khi họ cứ tiếp tục dấy loạn?
Họ quên đi Đức Chúa Trời là Đấng đã sinh ra mình.
Deuteronomy 32:18
Dân sự của Đức Chúa Trời đã quên mất ai khi họ cứ tiếp tục dấy loạn?
Họ quên đi Đức Chúa Trời là Đấng đã sinh ra mình.
Deuteronomy 32:19
Đức Giê-hô-va đã làm gì vì dân sự Ngài chọc giận Ngài?
Đức Giê-hô-va từ bỏ dân sự Ngài bởi vì họ chọc giận Ngài.
Deuteronomy 32:20
Đức Giê-hô-va đã làm gì vì dân sự Ngài chọc giận Ngài?
Đức Giê-hô-va từ bỏ dân sự Ngài bởi vì họ chọc giận Ngài.
Deuteronomy 32:21
Đức Giê-hô-va sẽ dùng ai để khiến dân Y-sơ-ra-ên ghen tức?
Đức Giê-hô-va sẽ khiến họ ghen tức với một dân không phải là dân, và sẽ khiến họ tức giận bởi một dân tộc ngu dốt.
Deuteronomy 32:23
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ chất gì trên dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ chất tai ương trên họ.
Deuteronomy 32:27
Điều gì khiến Đức Giê-hô-va không làm những việc mà Ngài đã đe dọa dân sự của Ngài?
Đức Giê-hô-va sẽ không làm mọi điều mà Ngài đã đe dọa dân sự của Ngài bởi vì kẻ thù họ sẽ hiểu lầm mà nói rằng: "Chiến thắng về tay chúng ta."
Deuteronomy 32:28
Dân Y-sơ-ra-ên là một dân thiếu mất điều gì?
Dân Y-sơ-ra-ên kém khôn ngoan và thiếu hiểu biết.
Deuteronomy 32:29
Môi-se muốn dân Y-sơ-ra-ên phải xem xét điều gì?
Môi-se muốn dân Y-sơ-ra-ên phải xem xét số phận trước mắt của mình.
Deuteronomy 32:30
Làm sao dân Y-sơ-ra-ên có thể khiến kẻ thù của mình tháo chạy và chiến thắng chúng?
Dân Y-sơ-ra-ên có thể chiến thắng bởi vì Đức Giê-hô-va đã ban chiến thắng cho họ và vầng đá của kẻ thù dân Y-sơ-ra-ên không giống như Vầng Đá của dân sự.
Deuteronomy 32:31
Làm sao dân Y-sơ-ra-ên có thể khiến kẻ thù của mình tháo chạy và chiến thắng chúng?
Dân Y-sơ-ra-ên có thể chiến thắng bởi vì Đức Giê-hô-va đã ban chiến thắng cho họ và vầng đá của kẻ thù dân Y-sơ-ra-ên không giống như Vầng Đá của dân sự.
Deuteronomy 32:33
Cây nho của kẻ thù đến từ đâu và những trái nho của chúng được mô tả thế nào?
Cây nho của chúng đến từ Sô-đôm và Gô-mô-rơ và trái của nó thì đắng và có độc.
Rượu từ nho của Sô-đôm và Gô-mô-rơ được mô tả thế nào?
Rượu nho của chúng được mô tả như nọc độc của rắn, như nọc của rắn độc.
Deuteronomy 32:34
Cây nho của kẻ thù đến từ đâu và những trái nho của chúng được mô tả thế nào?
Cây nho của chúng đến từ Sô-đôm và Gô-mô-rơ và trái của nó thì đắng và có độc.
Chương trình kế hoạch của Đức Giê-hô-va được giữ thế nào?
Chương trình của Đức Giê-hô-va sẽ do Ngài giữ và được niêm phong trong kho tàng của Ngài.
Deuteronomy 32:35
Sự trả thù và báo ứng thuộc về ai?
Sự trả thù và báo ứng thuộc về Đức Giê-hô-va.
Ngày hoạn nạn và ngày những sự đó sẽ xảy đến nhanh chóng thế nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tai họa đã gần và những việc phải xảy đến sẽ nhanh chóng diễn ra.
Deuteronomy 32:36
Ai sẽ xét xử cho dân sự Ngài và có lòng thương xót trên đầy tớ của Ngài?
Đức Giê-hô-va sẽ xét xử cho dân sự Ngài và có lòng thương xót trên đầy tớ của Ngài.
Deuteronomy 32:37
Sự cứu giúp và bảo vệ của dân Y-sơ-ra-ên không đến từ ai?
Sự cứu giúp và bảo vệ của dân Y-sơ-ra-ên không đến từ các thần khác, vầng đá ẩn náu của họ và các thần ăn các sinh tế cùng uống rượu lễ quán của ho.
Deuteronomy 32:38
Sự cứu giúp và bảo vệ của dân Y-sơ-ra-ên không đến từ ai?
Sự cứu giúp và bảo vệ của dân Y-sơ-ra-ên không đến từ các thần khác, vầng đá ẩn náu của họ và các thần ăn các sinh tế cùng uống rượu lễ quán của ho.
Deuteronomy 32:39
Đức Chúa Trời phán ngoài Ngài thì có ai là thần và Ngài nói rằng chỉ mình Ngài mới có thể làm gì?
Đức Chúa Trời nói rằng ngoài Ngài không có thần nào khác và chỉ mình Ngài sẽ giết và làm cho sống lại, sẽ làm cho bị thương và chữa cho lành.
Deuteronomy 32:40
Đức Chúa Trời, là chân thần duy nhất, đã hứa gì khi Ngài giơ tay lên trời?
Khi Ngài giơ tay lên trời, Ngài hứa rằng Ngài sẽ sống đời đời và Ngài sẽ hành động.
Deuteronomy 32:41
Đức Chúa Trời sẽ đem sự phán xét và báo thù trên ai?
Đức Chúa Trời sẽ đem sự phán xét và báo thù trên trên kẻ thù của Ngài và những kẻ ghét Ngài.
Deuteronomy 32:42
Đức Chúa Trời nói rằng các mũi tên của Ngài sẽ say máu của ai và lưỡi gươm của Ngài sẽ nuốt thịt ai?
Các mũi tên của Đức Chúa Trời sẽ say máu của những kẻ bị giết và những kẻ phu tù, lưỡi gươm của Ngài sẽ nuốt thịt từ đầu của các tướng lãnh quân thù.
Deuteronomy 32:43
Ai sẽ vui mừng với dân Chúa khi Ngài trả thù huyết của các đầy tớ Ngài và báo thù các kẻ thù Ngài?
Các nước sẽ vui mừng với dân Chúa.
Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho ai trong xứ Ngài?
Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho xứ và cho dân sự Ngài.
Deuteronomy 32:44
Ai đã hát hết các lời của bài ca nầy cho dân sự nghe?
Môi-se và Giô-suê đã hát hết các lời của bài ca nầy cho dân sự nghe.
Deuteronomy 32:46
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên sẽ để tâm trí trên những lời mà Môi-se đã làm chứng cho họ?
Dân sự sẽ để tâm trí mình tập trung vào những lời của Môi-se để họ có thể truyền cho con cháu mình giữ mọi lời của luật pháp nầy.
Deuteronomy 32:48
Tại sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se phải đi lên núi đối diện Giê-ri-cô?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se đi lên trên núi để ông có thể nhìn thấy xứ Ca-na-an mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên làm sản nghiệp.
Deuteronomy 32:49
Tại sao Đức Giê-hô-va bảo Môi-se phải đi lên núi đối diện Giê-ri-cô?
Đức Giê-hô-va bảo Môi-se đi lên trên núi để ông có thể nhìn thấy xứ Ca-na-an mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên làm sản nghiệp.
Deuteronomy 32:50
Đức Giê-hô-va phán rằng chuyện gì sẽ xảy đến cho Môi-se trên núi?
Đức Giê-hô-va phán rằng Môi-se sẽ chết trên núi đó giống như A-rôn đã chết trên núi Hô-sơ và đã được sum họp với dân sự Ngài.
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Môi-se sẽ chết trên núi đó?
Môi-se sẽ chết trên núi đó bởi vì đã không trung tín với Đức Giê-hô-va tại mạch nước Mê-ri-ba ở Ca-đe, vì Môi-se đã không tôn kính Đức Giê-hô-va giữa dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 32:51
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Môi-se sẽ chết trên núi đó?
Môi-se sẽ chết trên núi đó bởi vì đã không trung tín với Đức Giê-hô-va tại mạch nước Mê-ri-ba ở Ca-đe, vì Môi-se đã không tôn kính Đức Giê-hô-va giữa dân Y-sơ-ra-ên.
Deuteronomy 32:52
Đức Giê-hô-va phán rằng Môi-se sẽ nhìn thấy gì trước khi chết?
Đức Giê-hô-va phán rằng Môi-se sẽ nhìn thấy xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên nhưng ông sẽ không đến đó.

Chapter 33
Deuteronomy 33:1
Thông tin Tổng quát:
Môi-se bắt đầu chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên. Môi-se nói đến việc chúc phước với dạng của bài thơ ngắn.
Đức Giê-hô-va đến từ Si-na-i và dấy từ Sê-i-rơ lên chúng. Ngài chiếu sáng từ núi Pha-ran
Môi-se so sánh Đức Giê-hô-va như mặt trời mọc. AT: "Khi Đức Giê-hô-va đến từ Si-na-i, Ngài hướng về họ như lúc mặt trời mọc từ ở Sê-i-rơ và lặn ở núi Pha-ran"
Trên chúng
"trên dân Y-sơ-ra-ên"
Mười ngàn vị thánh
"10,000 thiên sứ"
Ở tay phải Ngài lóe lên tia chớp
Có thể mang những nghĩa 1) “Ở tay phải Ngài là ngọn lửa cháy” hoặc 2) “Ngài mang lửa luật pháp” hoặc 3) “Ngài đến từ phương nam, xuống sườn núi."
Deuteronomy 33:3
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, điều mà ông bắt đầu làm trong [DEU 33:2]
Thông tin Tổng quát:
Những câu này khó hiểu.
Dân sự
"dân Y-sơ-ra-ên"
Các thánh của Ngài đều trong tay Ngài…chân Ngài…lời của Ngài
Các đại từ “của Ngài” và “Ngài” nói đến Đức Giê-hô-va. AT: “các thánh của Ngài ở trong tay Ngài…chân của Ngài…lời của Ngài"
Các vị thánh đều trong tay Ngài
Bàn tay là cách ẩn dụ cho quyền năng và sự che chở. AT: “Ngài che chở các vị thánh"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Kế thừa
"sở hữu" hoặc "sở hữu vật quý giá"
Deuteronomy 33:5
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang chúc phước các chi phái của Y-sơ-ra-ên, ông bắt đầu làm trong [DEU 33:2]
Thông tin Tổng quát:
Câu 5 khó hiểu.
Có một vị vua
"Đức Giê-hô-va trở thành vua" (UDB)
Giê-su-run
Đây là tên khác của Y-sơ-ra-ên. Dịch như trong DEU 32:15.
Để Ru-bên sống
Điều này bắt đầu sự chúc phước của Môi-se với từng chi phái của Y-sơ-ra-ên.
Dù số người sẽ ít
Có thể mang nghĩa khác 1) “và có thể số người không ít” hoặc 2) “dù số người ít."
Deuteronomy 33:7
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, điều mà ông bắt đầu làm trong [DEU 33:2]
Tiếng của Giu-đa
Ở đây “tiếng của Giu-đa” nói đến sự kêu la và cầu nguyện của dân Giu-đa. AT: "Khi người Giu-đa cầu nguyện cho ngươi"
Để giúp
Danh từ trừu tượng “giúp” có thể dịch thành động từ. At: “giúp người chiến đấu"
Deuteronomy 33:8
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, ông bắt đầu làm trong [DEU 33:2]
Thu-mim và U-rim của Ngài
Đây là các viên đá thánh mà các thầy tế lễ thượng phẩm mang nó trên miếng che ngực và sử dụng lúc quyết định ý muốn của Chúa. Ở đây “của ngươi” nói đến Đức Giê-hô-va.
Người trung thành của Ngài
"người tôn sùng Ngài" hoặc "Những người tìm kiếm hài lòng Ngài." Điều này nói đến chi phái Lê-vi.
Ma-sa
Dịch như trong DEU 6:16. Người dịch có thể thêm gạch chân: “Tên ‘Ma-sa’ nghĩa là ‘sự thử thách.'"
Mê-ri-ba
Dịch như trong DEU 32:51. Người dịch có thể thêm gạch chân: "Tên 'Mê-ri-ba' nghĩa là 'tranh cãi' hoặc 'gây chuyện.'"
Deuteronomy 33:9
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, ông bắt đầu làm trong [DEU 33:2]
Vì họ gìn giữ lời Ngài
Ở đây “lời” nói đến các lời răn dạy của Đức Giê-hô-va. AT: "vì họ vâng theo các lời răn dạy của Ngài"
Gìn giữ…giữ
Những từ này đều có nghĩa trông nom và bảo vệ. Chúng thường hoán dụ cho từ “vâng lời,” nhưng ở đây chúng có thể dịch theo nghĩa đen bởi vì chúng nói đến thời gian khi người Lê-vi thật sự giết những người đang nổi loạn chống Đức Giê-hô-va.
Deuteronomy 33:10
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang chúc phước cho các chi phái Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông đang mô tả chi phái Lê-vi, ông bắt đầu trong [DEU 33:8]
Của Ngài…của Ngài…của Ngài…của Ngài
Môi-se đang nói với Đức Giê-hô-va, vậy các từ này ở số ít.
Deuteronomy 33:11
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đangg chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông đang mô tả chi phái của Lê-vi, ông bắt đầu trong [DEU 33:8]
Nhận
"vui lòng với" hoặc "bằng lòng nhận"
Công việc tay Ngài
Ở đây từ “tay” nói đến toàn bộ con người. AT: “các công việc mà Ngài làm"
Bảy gãy chỗ lưng
Chỗ lưng được cho rằng nơi tập trung sức mạnh. AT: “Lấy đi sức mạnh của” hoặc “hoàn toàn hủy diệt"
Nổi dậy…nổi dậy
Cụm từ này được sử dụng hai lần như cách hoán dụ. AT: “nổi dậy để chiến đấu…khiến nhiều phiền phức hơn"
Nổi dậy chống lại
Đây là thành ngữ. AT: “chiến đấu chống lại"
Deuteronomy 33:12
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang chúc phước các chi phái của Y-sơ-ra-ên; bài chúc phước là bài thơ ngắn.
Kẻ được Đức Giê-hô-va yêu mến
Ở đây Môi-se đang nói đến các thành viên của chi pháo Bên-gia-min. Điều này có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Kẻ mà Đức Giê-hô-va yêu mến"
Sống trong sự che chở
Danh từ trừu tượng “che chở” có thể dịch như cụm động từ. AT: “sống ở nơi không ai có thể làm hại được"
Người sống giữa tay Đức Giê-hô-va
Có thể mang những nghĩa 1) Đức Giê-hô-va che chở chi phái Bên-gia-min bằng quyền năng Ngài hoặc 2) Đức Giê-hô-va sống trong vùng đồi núi của chi phái Bên-gia-min. Trong cả hai bản dịch, nó đều có nghĩa Đức Giê-hô-va săn sóc họ.
Deuteronomy 33:13
Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang chúc phước các chi phái của Y-sơ-ra-ên; bài chúc phước là bài thơ ngắn.
Về Giô-sép
Điều này nói đến chi phái Ép-ra-im và chi phái Ma-na-se. Cả hai chi phái thuộc dòng dõi Giô-sép.
Xứ của ông được chúc phước bởi Đức Giê-hô-va
Câu này có thể xét ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước xứ họ"
Bằng những thứ quý báu từ trời, là sương
"Bằng sương quí giá từ trời " hoặc "bằng cơn mưa quí giá từ trời"
sương
Nước động lại trên lá và cỏ vào mỗi buổi sớm. Dịch như trong DEU 32:2.
Sâu thẳm nằm bên dưới
Điều này nói đến nước nằm sâu dưới lòng đất.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Deuteronomy 33:14

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước các chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông đang diễn tả chi phái của Giô-sép, ông bắt đầu làm trong [DEU 33:13]

Xứ mà Ngài chúc phước

Câu này có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước cho xứ Ngài." Dịch theo như trong [DEU 33:13]

Những hoa lợi quý giá của mặt trời

"những vụ mùa tốt nhất mà mặt trời làm nó lớn"

Bằng những sản vật quý giá nhất của tháng

"bằng sản vật tốt nhất tăng trưởng từng tháng"

Những thứ hàng đầu ... những thứ quý báu

Môi-se có thể nói đến cây lương thực. Nghĩa đầy đủ của câu trình bày này có thể làm rõ. AT: "trái cây tốt nhất...trái cây quý nhất "

Núi xưa

"núi tồn tại cách đây rất lâu"

Núi đồi vĩnh cữu

"ngọn đồi tồn tại mãi mãi"

Deuteronomy 33:16

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước này là bài thơ ngắn. Ông đang mô tả chi phái Giô-sép, ông bắt đầu trong [DEU 33:13]

Xứ mà Ngài sẽ chúc phước

Có thể xét ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước xứ của Ngài." Dịch theo như trong [DEU 33:13]

Sự dư dật của nó

Danh từ trừu tượng “dư dật” có thể dịch thành cụm động từ. AT: “Những sản vật của nó trong với số lượng lớn "

Đấng ở bụi gai cháy

Nghĩa đầy đủ của mệnh đề này có thể làm rõ. AT: "Đức Giê-hô-va, Đấng phán với Môi-se từ bụi gai cháy”

Để sự chúc phước giáng trên đầu của Giô-sép

Điều này hoán dụ cho một người đặt tay mình trên đầu con trai và thỉnh cầu Chúa chúc phước cho con trai. Người đó là Đức Giê-hô-va. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước cho Giô-sép như người cha chúc phước cho con trai của mình"

Giáng trên đầu của Giô-sép, và trên đỉnh đầu của ông

Ở đây “đầu” và “đỉnh đầu” nói đến toàn bộ con người và cũng nhắc đến dòng dõi của Giô-sép. AT: "lên trên dòng dõi của Giô-sép"

Đỉnh đầu

Có thể mang những nghĩa khác là “trán”.

Deuteronomy 33:17

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông đang mô tả các chi phái của Giô-sép, ông bắt đầu trong [DEU 33:13]

Con bò đực đầu lòng, oai nghiêm nơi Ngài

Con bò là cách ẩn dụ cho một điều gì lớn và mạnh mẽ. Từ “đầu lòng” là cách ẩn dụ cho sự vinh hiển. AT: "Mọi người sẽ tôn vinh dòng dõi của Giô-sép, chúng sẽ nhiều và mạnh mẽ"

Sừng của người như sừng của

Sừng là cách hoán dụ cho sức mạnh. AT: “Người mạnh như"

Sừng đó người sẽ húc

Húc bằng sừng của người là cách hoán dụ cho sức mạnh. AT: "Ông mạnh mẽ đến nổi sẽ húc"

Mười ngàn Ép-ra-im...một ngàn Ma-na-se

Điều này có nghĩa là chi phái Ép-ra-im sẽ mạnh hơn chi phái Ma-na-se. AT: "dân Ép-ra-im, có số dân khoảng 10,000 ... dân Ma-na-se, có số dân khoảng 1,000"

Deuteronomy 33:18

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho từng chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông nói về chi phái Sa-bu-lôn và Y-sa-ca như thể họ là một người, vậy từ “ngươi” và “của ngươi” và mệnh lệnh “hãy vui mừng” ở đây là số ít.

Hãy vui mừng, Sa-bu-lôn, về cuộc dã ngoại của ngươi, và ngươi, Y-sa-ca, trong lều của ngươi

Dân sự Sa-bu-lôn ở vị trí gần biển Lớn. Họ vượt biển và buôn bán với người khác. Dân Y-sa-cha thích cuộc sống hòa bình và làm việc trên đất, chăn nuôi gia súc. Bạn có thể làm rõ thông tin để dễ hiểu.

Ở chỗ đó họ sẽ mời

"Đó là nơi mà họ sẽ mời"

Của lễ công bình

"nhận của lễ" hoặc "của lễ riêng"

Vì họ hút sự dư dật của biển, và cát trên bãi biển

Có thể mang những nghĩa 1) Họ sẽ trao đổi với người đi ngang qua biển hoặc 2) họ đang bắt đầu sử dụng cát để làm gốm.

Vì họ mút sự dư dật của biển

Người Hê-bơ-rơ dịch từ “mút” ở đây nhắc đến một trẻ sơ sinh bú sữa mẹ nó như thế nào. Điều này nghĩa là mọi người sẽ kiếm được sự giàu có từ biển như một đứa trẻ có được sữa từ mẹ nó.

Deuteronomy 33:20

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn.

Đáng ngợi khen Ngài là Đấng mở rộng Gát

Câu này có thể xét ở dạng chủ động. AT: Có thể mang những nghĩa 1) “Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước Gát và ban cho ông nhiều đất để sống" hoặc 2) "Mọi người sẽ nói rằng Đức Giê-hô-va là nhân lành bởi vì Ngài ban cho Gát nhiều đất đai để sống"

Ông sống ở đó như sư tử cái, và ông sẽ xé cánh tay lẫn đầu

Điều này có nghĩa Gát mạnh mẽ và vững chắc, và họ sẽ đánh bại kẻ thù của họ trong trận chiến.

Deuteronomy 33:21

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông đang mô tả chi phái Gát như một người, điều mà ông bắt đầu trong [DEU 33:20]

Sự phân chia của lãnh đạo

Điều này có nghĩa một phần lớn lãnh thổ mà lãnh đạo thường lấy.

Ông đến với người đứng đầu dân sự

"Họ gặp các lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên"

Ông thực hiện công lý của Đức Giê-hô-va và mạng lệnh của Ngài với dân Y-sơ-ra-ên

"Họ vâng theo các điều mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho dân Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 33:22

Thông tin Tổng quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Môi-se đang chúc phước các chi phái của Y-sơ-ra-ên; bài chúc phước là bài thơ ngắn.

Đan là sư tử con nhảy ra khỏi Ba-san

Dân của Đan mạnh mẽ như sư tử con, và họ tấn công kẻ thù của họ là kẻ sống ở Ba-san. Bạn có thể dịch rõ để thông tin dễ hiểu.

Deuteronomy 33:23

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên. Ông nói về dòng dõi Nép-ta-li như thể họ là một người.

Thỏa lòng với ân huệ

Đức Giê-hô-va chúc phước với Nép-ta-li được kể như thể nếu "ân huệ" là thức ăn mà Nép-ta-li ăn đến khi ông không còn đói nữa. AT: "Người đã có mọi điều tốt đẹp ông mong ước bởi vì Đức Giê-hô-va vui lòng về ông"

Trần trề ơn phước của Đức Giê-hô-va

Ơn phước được kể như thể chúng là thức ăn mà Nép-ta-li ăn đến khi ông không giữ được nữa. AT: "người mà Đức Giê-hô-va đã chúc phước để người có đủ nhu cầu cần "

Chiếm lấy

Môi-se nói như thể các chi phái của Nép-ta-lu như một người, vậy các từ này ở số ít.

Xứ ở phía Tây và phía Nam

Điều này nói đến xứ sở xung quanh hồ Ga-li-lê. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Deuteronomy 33:24

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn.

Nhúng chân mình trong dầu ô-liu

Dầu ô-liu được sử dụng cho thức ăn và cho dan mặt hoặc cánh tay. Bàn chân dơ bản mà đặt trong dầu ô-liu làm mất giá trị của dầu. Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: "có quá nhiều dầu ô-liu mà ông ta có khả năng lãng phí nó"

Then cửa thành ngươi ...đời ngươi...sự an ninh của ngươi

Môi-se nói đến chi phái A-se như thể họ là một người, vậy các trường "của ngươi" ở số ít.

Then cửa thành ngươi bằng đồng và sắt

Thành có những then cửa ngang lớn để tránh chặn kẻ thù. AT: "Ngươi sẽ an toàn khỏi tấn công của kẻ thù ngươi"

Deuteronomy 33:26

Giê-su-run

Đây là tên khác của dân Y-sơ-ra-ên. Nó có nghĩa "người ngay thẳng." Dịch như trong [DEU 32:15]

Cưỡi trên các tầng trời...trên đám mây

Đây là hình ảnh của Đức Giê-hô-va đang cưỡi trên những đám mây như vị vua trên xe ngựa của mình trên chiến trường. AT: "cưỡi trên các tầng trời như vị vua xông pha trên chiến trường ...trên đám mây như vị vua cưỡi xe ngựa"

Để cứu ngươi

"giúp ngươi." Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "ngươi" ở đây là số ít.

Deuteronomy 33:27

Chúa vĩnh hằng là nơi nương náu

Danh từ trừu tượng "nương náu," có nghĩa là chỗ che chở hoặc nơi an toàn khỏi nguy hiểm, có thể xét ở dạng động từ. AT: "Chúa vĩnh hằng sẽ bảo vệ dân của Ngài"

Bên dưới cánh tay đời đời

Các từ "cánh tay đời đời" là cách ẩn dụ cho lời hứa của Đức Giê-hô-va để bảo vệ dân Ngài mãi mãi. AT: "Ngài sẽ ủng hộ và chăm sóc dân Ngài mãi mãi"

Ngài đuổi...Ngài phán

Môi-se nói về tương lai như thể nó là quá khứ để nhấn mạnh rằng những gì ông đang nói sẽ trở thành sự thật. AT "Ngãi sẽ đuổi...Ngài phán"

Trước ngươi...hủy diệt

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "ngươi" và mệnh lệnh "hủy diệt" là ở số ít.

Ngài phán, "Hủy diệt đi!"

Nếu câu trích dẫn trực tiếp không dịch tốt ở ngôn ngữ của bạn, bạn có thể đổi nó thành câu dẫn gián tiếp. AT: "Ngài sẽ nói ngươi hủy diệt chúng!"

Deuteronomy 33:28

Y-sơ-ra-ên ở...suối của Gia-cốp được giải cứu

Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se nói về tương lai như thể nó là quá khứ để nhấn mạnh rằng những gì ông đang nói sẽ thành sẽ thành sự thật, "Y-sơ-ra-ên sẽ ở...suối của Gia-cốp sẽ giải cứu" hoặc 2) Môi-se đang chúc phước Y-sơ-ra-ên, "Y-sơ-ra-ên sẽ ở...và suối của Gia-cốp sẽ giải cứu."

Suối của Gia-cốp

Có thể mang những nghĩa 1) Nhà của Gia-cốp hoặc 2) Dòng dõi của Gia-cốp

Trời của ngươi nhỏ sương

Sương được kể đến rất nhiều như thể nó là mưa. Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se đang chúc phước cho Y-sơ-ra-ên, "có nhiều sương bao phủ khắp đất như mưa" hoặc 2) Môi-se đang nói những gì xảy ra trong tương lai, "nhiều sương bao phủ đất như mưa."

Sương

Nước động lại trên lá và cỏ vào sáng sớm. Translate as in DEU 32:2.

Deuteronomy 33:29

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ "ngươi" và "của ngươi" ở đây là số ít.

Ai giống như ngươi, dân được cứu bởi Đức Giê-hô-va...oai nghiêm?

Câu hỏi tu từ này có thể dịch như một mệnh lệnh. Nó cũng có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Không có nhóm dân khác như ngươi, dân mà Đức Giê-hô-va đã cứu...oai nghiêm."

Cái khiên...thanh gươm

Sự phân loại này nói đến Đức Giê-hô-va đang bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên khỏi kẻ thù của họ và cho phép họ tấn công kẻ thù của họ.

Cái khiên để giúp ngươi

Từ "khiên" là cách ẩn dụ cho Đức Giê-hô-va bảo vệ và cha chở dân Y-sơ-ra-ên. Danh từ trừu tượng "giúp" có thể xét ở động từ. AT: "Đấng bảo vệ ngươi và giúp đỡ ngươi"

Thanh gươm của sự oai nghiêm

Từ "thanh gươm" là cách ẩn dụ cho quyền lực để giết bằng gươm để mà thắng trận. AT: "Đấng cho phép ngươi thắng trận và có sự oai uyền"

Ngươi sẽ giẫm đạp chúng ở nơi cao

Có thể mang những nghĩa 1) dân Y-sơ-ra-ên sẽ hủy diệt nơi mà các dân khác thờ phượng thần giả hoặc 2) dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi trên lưng của kẻ thù khi dân Y-sơ-ra-ên đánh bại chúng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Deuteronomy 33:1

Môi-se chúc phước lành nầy cho dân Y-sơ-ra-ên khi nào?

Môi-se chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên trước khi chết.

Deuteronomy 33:2

Môi-se đã mô tả Đức Giê-hô-va như thế nào?

Môi-se mô tả Đức Giê-hô-va là Đấng đã chiếu sáng từ núi Pha-ran, cùng đến với muôn nghìn đấng thánh, và từ tay phải Ngài phát ra những tia chớp.

Deuteronomy 33:3

Đức Giê-hô-va cảm nhận về dân Y-sơ-ra-ên ra sao?

Đức Giê-hô-va yêu thương dân Y-sơ-ra-ên.

Các thánh của dân Y-sơ-ra-ên đã đáp lại tình yêu thương của Đức Giê-hô-va ra sao?

Các thánh của dân Y-sơ-ra-ên quỳ xuống dưới chân của Đức Giê-hô-va để đón nhận lời chỉ dạy của Ngài.

Deuteronomy 33:4

Môi-se nói gì về luật pháp mà ông đã truyền cho dân sự?

Môi-se gọi luật pháp đó là sản nghiệp của cộng đồng Gia-cốp.

Deuteronomy 33:5

Khi các cấp lãnh đạo của dân sự họp lại cùng mọi bộ tộc của dân Y-sơ-ra-ên thì Đức Giê-hô-va trở thành ai?

Đức Giê-hô-va trở thành vua của Giê-su-run (dân Y-sơ-ra-ên).

Deuteronomy 33:6

Môi-se đã nói chuyện gì sẽ xảy đến cho Ru-bên?

Môi-se đã nói rằng Ru-bên sẽ sống và lưu truyền mãi mãi nhưng số người của nó sẽ ít.

Deuteronomy 33:7

Môi-se chúc phước gì cho Giu-đa?

Môi-se cầu xin Đức Giê-hô-va ban phước cho Giu-đa bằng cách lắng nghe tiếng của Giu-đa, đem người về với dân sự Ngài và chiến đấu cho Ngài.

Deuteronomy 33:8

Môi-se bảo người Lê-vi làm gì khi ông chúc phước cho họ?

Môi-se bảo người Lê-vi phải dạy các luật lệ của Đức Giê-hô-va, dâng hương và của lễ thiêu trên bàn thờ của Đức Giê-hô-va, để chúc tụng Đức Giê-hô-va và chấp nhận công việc của tay Ngài và đánh gãy hông của những kẻ nổi dậy chống nghịch cùng Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 33:12

Môi-se nói gì về phước lành của Bên-gia-min?

Đức Giê-hô-va phán rằng Bên-gia-min là người được Đức Giê-hô-va yêu mến, Đức Giê-hô-va sẽ che chở người suốt đời và người sẽ sống trong tay của Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 33:16

Ai là đứng đầu anh em mình?

Giô-sép là người đứng đầu trên anh em mình.

Deuteronomy 33:17

Hàng vạn người Ép-ra-im và hàng nghìn người Ma-na-se sẽ làm gì?

Họ sẽ đẩy mọi dân tộc đến tận cùng trái đất.

Deuteronomy 33:18

Môi-se nói rằng các phước lành của Sa-bu-lôn và Y-sa-ca sẽ đến từ đâu?

Các phước lành của Sa-bu-lôn và Y-sa-ca đến từ các núi, sự giàu có của biển và từ những bãi cát ẩn giấu trong các bờ biển.

Deuteronomy 33:19

Môi-se nói rằng các phước lành của Sa-bu-lôn và Y-sa-ca sẽ đến từ đâu?

Các phước lành của Sa-bu-lôn và Y-sa-ca đến từ các núi, sự giàu có của biển và từ những bãi cát ẩn giấu trong các bờ biển.

Deuteronomy 33:20

Môi-se nói rằng Gát sẽ sống ra sao khi bờ cõi của người được mở rộng?

Gát sẽ sống ở đó như một con sư tử cái vồ xé mồi cả tay lẫn đầu.

Deuteronomy 33:21

Gát đã làm gì cho Đức Giê-hô-va?

Gát đã thi hành sự công chính của Đức Giê-hô-va và các luật lệ của Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 33:22

Môi-se đã mô tả Đan ra sao?

Môi-se đã mô tả Đan như một sư tử tơ từ Ba-san nhảy xông ra.

Deuteronomy 33:23

Môi-se đã nói rằng Nép-ta-li sẽ đánh chiếm gì?

Nép-ta-li sẽ chiếm hữu phần đất phía tây và phía nam.

Deuteronomy 33:24

Môi-se đã nói gì về phước lành cho A-se?

Môi-se nói rằng A-se sẽ được phước hơn các con trai khác, rằng người sẽ dầm chân mình trong dầu ô-liu và người sẽ được an ninh trong cả đời mình.

Deuteronomy 33:25

Môi-se đã nói gì về phước lành cho A-se?

Môi-se nói rằng A-se sẽ được phước hơn các con trai khác, rằng người sẽ dầm chân mình trong dầu ô-liu và người sẽ được an ninh trong cả đời mình.

Deuteronomy 33:27

Môi-se nói rằng Đức Chúa Trời sẽ làm gì với các kẻ thù của Giê-su-run (tức là kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên)?

Môi-se nói rằng Đức Chúa Trời sẽ xô đuổi kẻ thù của Giê-su-run (tức là kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên) ra khỏi trước mặt họ và rằng Đức Chúa Trời phán rằng: "Hãy diệt chúng đi!"

Deuteronomy 33:28

Dòng dõi của Gia-cốp sẽ sống ra sao?

Dòng dõi của Gia-cốp sẽ sống bình an và yên ổn trong xứ sở của ngũ cốc và rượu mới.

Deuteronomy 33:29

Môi-se mô tả dân Y-sơ-ra-ên thế nào?

Môi-se mô tả dân Y-sơ-ra-ên như một dân được phước và được cứu bởi Đức Giê-hô-va và kẻ thù của họ sẽ phải đến run sợ trước họ.

Chapter 34

Deuteronomy 34:1

Núi Nê-bô

Đây là đỉnh cao nhất của núi Pít-ga là một phần phía bắc của dãy núi A-ba-rim. Dịch như trong DEU 32:49.

Pít-ga

Dịch như trong DEU 3:17.

Thành cây chà là

Đây là tên khác của Giê-ri-cô.

Deuteronomy 34:4

Bết-Phê-ô

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là thị trấn ở Mô-áp. Xem bản dịch này trong DEU 3:29.

Trông thấy chúng bằng mắt ngươi

"chính mắt ngươi trông thấy"

Đến ngày nay

Điều này nói đến thời gian được viết hoặc soạn thảo, không phải thời gian hiện tại trong thế kỉ thứ 21.

Deuteronomy 34:7

Một trăm hai mươi tuổi…ba mươi ngày

"120 tuổi ... 30 ngày"

Mắt ông không mờ, sức lực của ông không giảm

Điều này có nghĩa mắt ông và thân thể vẫn còn mạnh và khỏe.

Deuteronomy 34:9

Con trai của Nun

Dịch như trong DEU 1:38.

Giô-suê…được đầy dẫy thần trí khôn ngoan

Người viết kể đến như thể Giô-suê là vật chứa và thần trí là vật chất có thể cho vào trong vật chứa. AT: "Đức Giê-hô-va cho phép Giô-suê…trở nên rất thông minh"

Môi-se đặt tay của người

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “Môi-se đã đặt tay của ông lên người để biệt riêng Giô-suê hầu việc Đức Giê-hô-va."

Deuteronomy 34:10

Đức Giê-hô-va biết giáp mặt

Đây là thành ngữ. Nó có nghĩa là Đức Giê-hô-va và Môi-se đã có mối quan hệ khắng khít.

Trong mọi sự lớn lao

"người làm mọi điều lớn lao"

Translation Questions

Deuteronomy 34:1

Từ nơi nào mà Môi-se đã được xem toàn xứ mà các chi tộc của Y-sơ-ra-ên sẽ đánh chiếm?

Từ đỉnh Phích-ga, Môi-se được xem toàn xứ mà các chi tộc của Y-sơ-ra-ên sẽ đánh chiếm.

Deuteronomy 34:3

Từ nơi nào mà Môi-se đã được xem toàn xứ mà các chi tộc của Y-sơ-ra-ên sẽ đánh chiếm?

Từ đỉnh Phích-ga, Môi-se được xem toàn xứ mà các chi tộc của Y-sơ-ra-ên sẽ đánh chiếm.

Deuteronomy 34:4

Đức Giê-hô-va cho phép Môi-se xem thấy điều gì trước khi chết?

Đức Giê-hô-va đã cho phép Môi-se xem thấy xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề ban cho Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp.

Deuteronomy 34:6

Môi-se qua đời tại đâu và Đức Giê-hô-va đã chôn Môi-se ở đâu?

Môi-se đã qua đời trong xứ Mô-áp và Đức Giê-hô-va đã chôn người trong thung lũng của xứ xứ Mô-áp đối diện Bết-Phê-o.

Deuteronomy 34:7

Tình trạng thân thể của Môi-se ra sao khi ông qua đời ở tuổi một trăm hai mươi?

Khi Môi-se qua đời thì ông vẫn còn mạnh khỏe và mắt vẫn nhìn thấy rõ.

Deuteronomy 34:8

Dân Y-sơ-ra-ên đã than khóc Môi-se trong bao lâu?

Dân sự đã than khóc Môi-se trong ba mươi ngày.

Deuteronomy 34:9

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên lại lắng nghe Giô-suê và làm những gì Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se?

Dân Y-sơ-ra-ên lắng nghe Giô-suê bởi vì Giô-suê được đầy dẫy thần khôn ngoan và Môi-se đã đặt tay trên người.

Deuteronomy 34:10

Đức Giê-hô-va đã biết Môi-se ra sao?

Đức Giê-hô-va biết Môi-se mặt đối mặt.

Từ trước về sau, có một đấng tiên tri nào giống Môi-se trong dân Y-sơ-ra-ên hay không?

Trong toàn dân Y-sơ-ra-ên, không bao giờ có một đấng tiên tri nào giống như Môi-se.

Deuteronomy 34:12

Từ trước về sau, có một đấng tiên tri nào giống Môi-se trong dân Y-sơ-ra-ên hay không?

Trong toàn dân Y-sơ-ra-ên, không bao giờ có một đấng tiên tri nào giống như Môi-se.

Chapter 1

Joshua 1:1

Đức Giê-hô-va

Đây là danh xưng của Đức Chúa Trời mà Ngài đã mặc khải cho dân sự Ngài trong thời kỳ Cựu Ước. Xem thêm phần chú giải ở trang Những Thuật Ngữ Quan Trọng về cách dịch danh xưng này.

Nun

Cha của Giô-suê

Đi qua sông Giô-đanh

Chữ "đi qua" có nghĩa là "đi qua bờ bên kia của sông.” Cũng có nghĩa như: “đi từ bên này qua bên kia của sông Giô-đanh”

Con và cả dân này

Chữ “con” ở đây nói đến Giô-suê.

Ta ban cho các con

Chữ “các con” ở đây là cả Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên.

Bàn chân các con

Ở đây hàm ý đến bất cứ nơi nào mà Giô-suê đặt chân đến trong cuộc hành trình băng qua Sông Giô-đanh của ông. Nó cũng có nghĩa “Bất cứ nào con đến, phần đất đó sẽ thuộc về Y-sơ-ra-ên”

Joshua 1:4

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giô-suê.

Địa phận các con

Chữ “các con” ở đây là cả dân Y-sơ-ra-ên chứ không phải chỉ riêng Giô-suê.

Đứng nổi trước mặt con

Trong câu 5, những chữ “con” là nói về Giô-suê.

Ta sẽ không lìa con, không bỏ con đâu.

Những chữ “lìa” và “bỏ” đều có ý nghĩa tương tự nhau. Nhưng Đức Giê-hô-va đã kết hợp chúng lại để nhấn mạnh rằng Ngài sẽ chẳng bao giờ làm những điều như vậy. Cũng giống như: “Ta sẽ ở cùng ngươi luôn”

Joshua 1:6

Thông tin Tổng quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va truyền các mạng lệnh cho Giô-suê.

Hãy mạnh dạn và can đảm

Đức Giê-hô-va truyền lệnh cho Giô-suê phải vượt qua nỗi sợ hãi của mình với lòng can đảm.

Đừng xây qua bên phải hoặc bên trái

Đây hoàn toàn được phán ra như là một mạng lệnh. Tương tự như: “Hãy làm nó y như vậy” hoặc “Hãy làm chúng đúng như thế”

Được thành công

"đạt được mục đích" hay “hoàn thành mục tiêu”

Joshua 1:8

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giô-suê.

Hãy luôn luôn ghi nhớ

Nó có nghĩa là Giô-suê phải luôn luôn nhớ đến quyển sách luật pháp này. Chữ “luôn luôn” làm tăng thêm độ mạnh cũng như tầm quan trọng.

Được thịnh vượng và thành công

Hai từ này có ý nghĩa tương tự nhau và đều nhấn mạnh đến sự thịnh vượng và thành công lớn.

Chẳng phải Ta đã truyền phán với con sao?

Ở đây nói đến mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã truyền phán với Giô-suê. Tương tự: “Ta đã phán cùng con!”

Hãy mạnh dạn, can đảm!

Đức Giê-hô-va truyền phán với Giô-suê.

Joshua 1:10

Dân chúng

"Dân Y-sơ-ra-ên"

Trong ba ngày

"Trong ba ngày nữa"

Vượt qua sông Giô-đanh này

"vượt qua" có nghĩa là đi qua bờ bên kia của sông. Tương tự như: “đi qua bờ bên kia của Sông Giô-đanh”

Joshua 1:12

Thông tin tổng quát:

Người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se đã được chọn để ban cho phần đất bên nầy sông Giô đanh, về hướng mặt trời mọc.

Người Ru-bên

Đây là dòng dõi của Ru-bên.

Người Gát

Là dòng dõi của Gát.

Joshua 1:14

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê tiếp tục nói cùng người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se.

Con cái các ngươi

"con nhỏ các ngươi"

Bên này sông Giô-đanh

Nghĩa là phía đông của Sông Giô-đanh. Về sau này, hầu hết người Y-sơ-ra-ên mới sống ở phía tây của sông Giô-đanh, nên họ gọi phía đông là “bên này sông Giô-đanh.” Ở thời điểm này họ vẫn còn ở bên bờ phía đông.Có ý nghĩa tương tự: “Phía đông của Sông Giô-đanh”

Ban sự an nghỉ cho anh em của anh em

Ở đây nói đến dân Y-sơ-ra-ên sẽ đánh bại mọi kẻ thù nghịch với họ đang cư ngụ tại vùng đất Ca-na-an mà chúng đã xâm chiếm.

Anh em sẽ trở về chiếm lấy sản nghiệp

Tức là họ sẽ sống trọn đời còn lại của mình trên phần đất đó cách yên ổn.

Phía bên nầy sông Giô-đanh, về hướng mặt trời mọc

Nghĩa là về phía đông của sông Giô-đanh.

Joshua 1:16

Thông tin Tổng quát:

Dân Y-sơ-ra-ên ở đây cụ thể là người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se mà họ đã thưa với Giô-suê.

Chống lại mệnh lệnh của ông và không vâng theo bất cứ điều gì ông truyền bảo

Hai câu này có ý nghĩa cơ bản giống nhau và để nhấn mạnh rằng bất cứ hình thức không vâng lời nào cũng sẽ bị đoán phạt.

Sẽ bị xử tử

Câu này có thể được đặt ở trạng thái chủ động. Như: “Chúng tôi sẽ xử tử”

Hãy mạnh dạn và thật can đảm

Dân Y-sơ-ra-ên và Đức Chúa Trời đều xem cả hai đặc tính này là quan trọng đối với Giô-suê để ông đeo đuổi điều đó cho đến cùng khi ông là vị lãnh đạo của dân sự.

Translation Questions

Joshua 1:1

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê làm gì sau khi Môi-se qua đời?

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê vượt sông Giô-đanh và dẫn dân Y-sơ-ra-ên vào xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ.

Joshua 1:3

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê làm gì sau khi Môi-se qua đời?

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê vượt sông Giô-đanh và dẫn dân Y-sơ-ra-ên vào xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ.

Joshua 1:5

Tại sao Đức Giê-hô-va nói rằng sẽ chẳng ai có thể chống cự Giô-suê?

Đức Giê-hô-va nói rằng sẽ chẳng ai có thể chống cự Giô-suê vì Ngài sẽ ở cùng Giô-suê như Ngài đã ở cùng Môi-se.

Joshua 1:7

Đức Giê-hô-va yêu cầu Giô-suê làm ba điều gì?

Đức Giê-hô-va yêu cầu Giô-suê phải mạnh mẽ, dạn dĩ và vâng giữ luật pháp.

Joshua 1:8

Đức Giê-hô-va yêu cầu Giô-suê suy gẫm điều gì ngày và đêm?

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê suy gẫm quyển sách luật pháp ngày và đêm.

Joshua 1:11

Giô-suê ra lệnh cho các quan trưởng của dân sự phải làm gì?

Giô-suê truyền lệnh cho các quan trưởng của dân sự phải ra lệnh dân sự sắm sẵn lương thực để ba ngày nữa sẽ băng qua sông Giô-đanh.

Joshua 1:13

Giô-suê nói về hai điều gì mà Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh cho người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se phải ghi nhớ?

Hai điều mà Giô-suê nói rằng Môi-se đã nói chính là Đức Giê-hô-va truyền lệnh cho người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se phải ghi nhớ rằng "Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi đã cho các ngươi an nghỉ và ban xứ này cho các ngươi."

Joshua 1:14

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giô-suê bảo người Ru-bên, người Gát và nửa chi phái Ma-na-se làm gì?

Giô-suê bảo người Ru-bên, người Gát và nửa chi phái Ma-na-se để lại vợ, con cái và bầy gia súc trong xứ mà Môi-se ban cho họ về phía bên này sông Giô-đanh, nhưng hết thảy người mạnh dạn, phải cầm binh khí đi ngang qua trước anh em mình, và giúp đỡ họ.

Joshua 1:16

Dân sự trả lời về mệnh lệnh của Giô-suê thế nào?

Dân sự đáp ứng với mệnh lệnh của Giô-suê bằng cách nói rằng họ sẽ làm mọi điều ông dặn biểu và đi khắp nơi nào ông sai đi.

Chapter 2

Joshua 2:1

Nun

Đây là cha của Giô-suê.

Si-tim

Đây là một địa danh ở về phía đông của Sông Giô-đanh. Nó có nghĩa là “Cây Keo.”

Do thám

Những người này đã đến vùng đất để thu thập thông tin về việc làm thế nào dân Y-sơ-ra-ên có thể chinh phục được vùng đất này.

Joshua 2:4

Thông tin Tổng quát:

Kỹ nữ Ra-hab bảo vệ hai thám tử Y-sơ-ra-ên khỏi sự giết hại.

Nhưng người đàn bà đem giấu hai người nầy

Chuyện này xảy ra trước khi sứ giả nhà vua nói chuyện với cô.

Người đàn bà

Người đàn bà ở đây là nói đến Ra-háp, cô gái điếm

Lúc trời tối

Đây là thời điểm mà ngày bắt đầu chuyển sang đêm tối.

Joshua 2:6

Nhưng cô ấy đã đem họ lên mái nhà, giấu dưới đống cây gai mà cô trải trên mái

Đây là thông tin về bối cảnh và giải thích về cách mà cô giấu những người đàn ông ở đó [JOS 2:4]

Mái nhà

Mái nhà thì bằng phẳng và chắc chắn, nên mọi người có thể đi lại trên đó.

Cây gai

Một loại thực vật được trồng để lấy sợi, sợi này được dùng để dệt quần áo.

Những người của vua đuổi theo họ

Những người đó đuổi theo các thám tử là bởi họ nghe theo những gì Ra-háp nói với họ JOS 2:5.

Chỗ cạn

Là nơi mà một dòng sông hay là một dòng nước nông đến mức mọi người có thể đi bộ qua bờ bên kia

Joshua 2:8

Trước khi hai người do thám đi ngủ

Cụm từ này nói đến việc đi ngủ vào ban đêm.

Tôi biết rằng Đức Giê-hô-va đã ban cho các ông xứ nầy

Chữ “các ông” ở đây là tất cả dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Nỗi sợ hãi vì các ông đã ập xuống trên chúng tôi

"Sự sợ hãi có thể được bày tỏ theo cách khác. Tương tự câu: ”Chúng tôi sợ các ông”

Nản lòng thối chí trước các ông

Ở đây so sánh những con người sợ hãi với sự tan ra và chảy đi của băng. Các nghĩa có thể là: 1) Họ sẽ trở nên yếu đuối trước dân Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ sẽ chạy tán loạn. Tương tự câu: “Sẽ sợ đến nỗi họ không thể chống cự lại các ông.”

Joshua 2:10

Thông tin Tổng quát::

Ra- háp tiếp tục nói với các thám tử Y-sơ-ra-ên.

Biển Sậy

Đây là một tên khác của Biển Đỏ.

Si-hôn ... Óc

Đây là tên của các vị vua A-mô-rít.

Lòng chúng tôi tan nát, chẳng ai trong chúng tôi còn can đảm

Hai cụm từ này mang nghĩa giống nhau, kết hợp lại để nhấn mạnh. Cụm từ “Lòng chúng tôi tan nát” so sánh với sự sợ hãi của người Giê-ri-cô với sự tan băng và chảy ra.

Joshua 2:12

Thông tin Tổng quát:

Ra-háp tiếp tục nói với các thám tử Y-sơ-ra-ên.

Hãy thề với tôi...Cho tôi một dấu hiệu bảo đảm

Đây là những câu giống nhau của Ra-háp để tìm kiếm sự đảm bảo từ các thám tử.

Tôi đã đối xử nhân từ với hai ông

Chữ “hai ông” ở đây chính là hai thám tử.

Được sống...cứu chúng tôi khỏi chết

Một cách nói lịch sự của câu “đừng giết chúng tôi.”

Joshua 2:14

Thông tin Tổng quát::

Các thám tử Y-sơ-ra-ên hứa với Ra-háp điều mà cô cầu xin. JOS 2:12

Mạng sống chúng tôi sẽ đền cho mạng sống cô

Đây là cách nói khác “Nếu chúng tôi chết, thì cô sẽ chết. Còn nếu chúng tôi sống, thì cô cũng sẽ sống.”

Joshua 2:15

Thông tin Tổng quát:

Các thám tử người Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói chuyện với Ra-háp.

Nếu cô không làm điều này

Câu này nhấn mạnh điều kiện của lời hứa mà các thám tử đã hứa với Ra-háp. Chữ “điều này” nói đến việc “buộc sợi chỉ điều này vào cửa sổ” trong [JOS 2:18]

Joshua 2:18

Câu Kết nối:

Các thám tử Y-sơ-ra-ên nói rõ điều kiện mà họ đã nhấn mạnh trong JOS 2:15.

Thông tin Tổng quát:

Các thám tử người Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói chuyện với Ra-háp

Nếu người nào đi ra ngoài cửa nhà cô

Cụm từ này nhấn mạnh đến một điều kiện, gây ra một tình huống giả định.

Máu người ấy sẽ đổ lại trên đầu người ấy

Câu này có nghĩa là “cái chết của họ là lỗi của chính họ.”

Trên đầu người ấy

Chữ “đầu” tượng trưng cho trách nhiệm cá nhân.

Chúng tôi vô tội

“Chúng tôi sẽ không có tội”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nhưng nếu ai tra tay
“Nếu chúng tôi gây ra thương vong”
Joshua 2:20
Thông tin Tổng quát:
Hai thám tử người Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Ra-háp về lời hứa của họ với cô.
Thông tin Tổng quát:
Các thám tử yêu cầu Ra-háp giữ yên lặng về sự xuất hiện của họ nếu không họ được giải phóng khỏi lời hứa bảo vệ gia đình cô.
Nếu cô tiết lộ
“Cô” là nói đến Ra-háp.
Hãy làm đúng như lời hai ông đã nói
Ra-háp đã đồng ý với những thỏa thuận trong lời thề để bảo vệ gia đình cô.
Joshua 2:22
Thông tin Tổng quát:
Hai thám tử Y-sơ-ra-ên rời khỏi thành Giê-ri-cô.
Những người truy đuổi họ trở về
“Những kẻ đuổi theo họ đã trở về thành Giê-ri-cô.”
Nhưng không tìm được họ
Ở đây nói đến những người không tìm được các thám tử.
Joshua 2:23
Hai người do thám trở về
Hai thám tử đã trở về trại của người Y-sơ-ra-ên.
Trở về và vượt sông và quay trở lại
Đây là những cách diễn đạt tương tự để nói đến sự trở lại nơi mà dân Y-sơ-ra-ên đã cắm trại.
Vượt qua
“Vượt qua” có nghĩa là đi qua phía bờ sông đối diện. Tương tự câu “đi từ phía bờ bên này sang bờ sông Giô-đanh bên kia”
Nun
Đây là tên của một người đàn ông; tức là cha của Giô-suê.
Mọi điều đã xảy ra cho họ
“Tất cả mọi điều mà hai thám tử đã trải qua và nhìn thấy.”
Chúng ta
Chữ “chúng ta” nói đến dân Y-sơ-ra-ên.
Tất cả dân trong xứ đều nao núng
Dân cư của vùng đất đối với dân Y-sơ-ra-ên giống như một thực thể đang tan chảy dưới sức nóng.

Translation Questions

Joshua 2:1
Hai thám tử từ Si-tim tìm được nơi trú ngụ ở đâu khi Giô-suê sai họ đi do thám xứ?
Hai thám tử trú ngụ tại nhà của một kỹ nữ tên là Ra-háp.
Joshua 2:4
Ra-háp làm gì với hai thám tử khi người của vua truy tìm họ?
Khi người của vua đến gặp Ra-háp đặng tìm các thám tử, bà đã giấu họ.
Joshua 2:5
Ra-háp nói gì với người của vua?
Ra-háp nói với người của vua rằng các thám tử đã ở đó, nhưng họ đã rời đi rồi.
Joshua 2:9
Tại sao Ra-háp nói với các thám tử về lý do bà giấu họ?
Ra-háp nói cho các thám tử biết rằng bà đã giấu họ vì bà biết Đức Giê-hô-va sẽ ban xứ đó cho họ.
Joshua 2:10
Ra-háp nói những lý do gì mà bà tin rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban xứ cho người Y-sơ-ra-ên?
Ra-háp nói bà tin là Đức Giê-hô-va đã ban xứ đó cho người Y-sơ-ra-ên vì nước Biển Đỏ bày khô để họ có thể thoát khỏi Ai Cập, và họ đã hủy diệt các vua của A-mô-rít.
Joshua 2:12
Ra-háp xin các thám tử làm gì?
Ra-háp xin các thám tử làm ơn và tha mạng cho bà và gia đình bà khi họ đến chiếm lấy xứ.
Joshua 2:13
Ra-háp xin các thám tử làm gì?
Ra-háp xin các thám tử làm ơn và tha mạng cho bà và gia đình bà khi họ đến chiếm lấy xứ.
Joshua 2:14
Các thám tử hứa gì với Ra-háp?
Các thám tử hứa với Ra-háp rằng họ sẽ đối đãi nhân từ và thành tín với bà nếu bà không tiết lộ về công việc của họ.
Joshua 2:18
Các thám tử bảo Ra-háp làm gì để được an toàn?
Các thám tử bảo Ra-háp thòng một sợi dây chỉ điều từ nơi cửa sổ và hóm hiệp cha mẹ, anh em, hết thảy bà con của bà lại trong nhà mình.
Joshua 2:23
Các thám tử báo cáo gì với Giô-suê khi họ trở về từ thành phố của Ra-háp?
Các thám tử kể cho Giô-suê nghe về mọi điều đã xảy ra, và rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ xứ đó.
Joshua 2:24
Các thám tử báo cáo gì với Giô-suê khi họ trở về từ thành phố của Ra-háp?
Các thám tử kể cho Giô-suê nghe về mọi điều đã xảy ra, và rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ xứ đó.

Chapter 3
Joshua 3:1
Thức dậy
Cụm từ “thức dậy” có nghĩa là “thức giấc.”
Si-tim
Một vùng đất của dân Mô-áp, phía tây sông Giô-đanh là nơi dân Y-sơ-ra-ên cắm trại trước khi họ tiến vào vùng đất hứa Ca-na-an.
Joshua 3:2
Những người lãnh đạo
Đây là những người đang nắm giữ vị trí chỉ huy hay là những người có thẩm quyền.
Dân chúng
Đây là dân tộc Y-sơ-ra-ên.
Hai ngàn cu-bít
“2000 cu-bit.” Chữ “cu-bit” là một đơn vị đo chiều dài bằng với khoảng cách từ khuỷu tay đến đầu ngón tay.
Joshua 3:5
Hãy thánh hóa chính mình

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ này nói đến sự chuẩn bị đặc biệt để được sạch về thánh sạch trước Đức Giê-hô-va.

Đức Giê-hô-va sẽ làm những việc kỳ diệu.

Đức Giê-hô-va sẽ làm những phép lạ cho mọi người đều thấy và nếm trải.

Hãy khiêng Hòm Giao Ước

Cụm từ này nói đến những người Lê-vi khiêng Hòm Giao Ước với mục đích đưa nó đi từ địa điểm này tới một địa điểm khác.

Joshua 3:7

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-sua về điều mà thầy tế lễ phải làm.

Ta sẽ làm cho con được tôn trọng

Đức Giê-hô-va sẽ khiến Giô-suê được tôn trọng trước mặt toàn dân Y-sơ-ra-ên.

Trước mặt toàn dân Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này nói đến tất cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ thấy sự kiện này.

Mé sông Giô-đanh

Giô-suê đến gần bờ hay mé sông Giô-đanh

Joshua 3:9

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê nói với dân Y-sơ-ra-ên về điều mà Đức Giê-hô-va sẽ làm.

Đuổi đi khỏi mắt anh em

Giê-hô-va sẽ buộc các dân tộc khác sống trên đất này phải rời khỏi đây hoặc bị giết chết.

Vượt qua

“Vượt qua” có nghĩa là đi qua phía đối diện bên kia bờ sông. Tương tự câu: “Sẽ đi từ bờ bên này qua bờ đối diện.”

Joshua 3:12

Thông tin Tổng quát

Giô-suê tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên về phép lạ mà Đức Giê-hô-va sẽ làm.

Thông tin Tổng quát:

Giống như cha ông của dân Y-sơ-ra-ên đã vượt qua Biển Đỏ, những người này cũng sẽ kinh nghiệm sự vượt qua sông Giô-đanh như trên đất khô.

Lòng bàn chân

Ở đây nói đến lòng bàn chân của họ.

Thượng nguồn

Từ này nói đến hướng của nước sông Giô-đanh đang chảy về phía dân Y-sơ-ra-ên.

Dồn lại thành một khối

Nước sẽ dồn lại một điểm hay một nơi. Nước không chảy quanh các thầy tế lễ.

Joshua 3:14

Hòm Giao Ước

Từ “hòm” ở đây nói đến một cái hòm chứa những phiến đá.

Mé nước

Từ này nói đến bề mặt của nước hoặc là bờ sông nơi nước chảy đến vùng đất khô.

Lúc ấy nước sông Giô-đanh dâng lên tràn bờ trong suốt mùa gặt

Đây là thông tin về bối cảnh và nó nhấn mạnh đến quy mô của việc mà Đức Giê-hô-va đang làm.

Joshua 3:17

Thông tin Tổng quát

Sự kiện vượt qua sông Giô-đanh một cách kỳ diệu tiếp tục diễn ra.

Sông Giô-đanh

Cụm từ này nói đến lòng sông Giô-đanh.

Vượt qua

Cụm từ này nói đến việc đi qua phía bờ sông phía đối diện. Tương tự câu: "đi từ bờ sông bên này sang bờ sông bên kia"

Translation Questions

Joshua 3:3

Các quan trưởng bảo dân sự phải làm gì khi các thầy tế lễ người Lê-vi khiêng hòm giao ước?

Các quan trưởng bảo dân sự phải đi theo sau hòm giao ước khi các thầy tế lễ người Lê-vi khiêng hòm.

Joshua 3:4

Tại sao các thầy tế lễ bảo dân sự phải đứng đằng sau cách hòm giao ước chừng 2000 cu-bít?

Thầy tế lễ bảo dân sự đứng đằng sau hòm giao ước để họ có thể thấy lối đi vì họ chưa bao giờ đi lối đó trước đây.

Joshua 3:5

Giô-suê nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm gì giữa dân sự trong ngày đó?

Giô-suê nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm "những việc lạ lùng" giữa dân sự trong ngày đó.

Joshua 3:8

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê nói gì với các thầy tế lễ khi họ đến Sông Giô-đanh? \

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê nói các thầy tế lễ dừng lại ở Sông Giô-đanh.

Joshua 3:13

Giô-suê nói với dân sự điều gì sẽ xảy ra khi bàn chân của các thầy tế lễ khiêng hòm chạm Sông Giô-đanh?

Giô-suê nói với dân sự rằng nước sẽ chia ra khi bàn chân của các thầy tế lễ khiêng hòm chạm xuống nước.

Joshua 3:16

Dân sự vượt Sông Giô-đanh ở đâu?

Dân sự vượt Sông Giô-đanh gần Giê-ri-cô.

Joshua 3:17

Những thầy tế lễ khiêng hòm giao ước làm gì đang khi dân sự vượt sông?

Những thầy tế lễ khiêng hòm giao ước vẫn đứng vững trên đất khô giữa sông Giô-đanh trong khi cả Y-sơ-ra-ên đi qua.

Chapter 4

Joshua 4:1

Thông tin Tổng quát:

Mặc dù Đức Giê-hô-va đang phán trực tiếp với Giô-suê, nhưng mọi sự kiện đang diễn ra bao gồm luôn cả dân Y-sơ-ra-ên.

Vượt qua

Cụm từ “vượt qua” nói đến việc đi ngang qua bên bờ sông đối diện. Tương tự như: "băng qua"

Sông Giô-đanh

Con sông Giô-đanh

Truyền lệnh cho họ: ' ... '

Trích dẫn được lồng ghép vào nhau có thể phát biểu như

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

một trích dẫn gián tiếp. Tương tự câu: “Hãy ra lệnh cho họ lấy mười hai tảng đá giữa sông Giô-đanh, nơi chân những thầy tế lễ đã đứng và đem chúng theo, đặt chúng nơi mà các con ngủ đêm nay.”

Joshua 4:4

Thông tin Tổng quát:

Giô-sua bảo mười hai người điều phải làm.

Tại giữa sông Giô-đanh, rồi mỗi người vác một tảng đá trên vai mình

Mỗi người trong số mười hai người nhặt một tảng đá lớn từ đáy sông Giô-đanh và mang chúng qua bờ bên kia để xây một tảng đá kỷ niệm.

Joshua 4:6

Thông tin Tổng quát:

Giô-sua nói cho dân Y-sơ-ra-ên nghe về ý nghĩa của mười hai tảng đá.

Nước sông Giô-đanh đã bị cắt ngang trước Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va

Câu này có thể trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã cắt ngang nước sông Giô-đanh trước Hòm Giao Ước của Ngài"

Nước sông Giô-đanh

Sông Giô-đanh

Bị cắt ngang trước Hòm Giao Ước

Sông Giô-đanh bị Đức Chúa Trời ngăn lại không chảy tới Hòm Giao Ước đang được các thầy tế lễ mang đi.

Nước sông Giô-đanh đã bị cắt ngang

Nước đang chảy xuống sông Giô-đanh bị ngăn lại trước hòm giao ước để mọi người và Hòm Giao Ước đi trên đáy sông khô ráo.

Joshua 4:8

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục làm theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va

Họ lấy 12 tảng đá từ giữa lòng sông Giô-đanh

Câu này nói đến mười hai người nhặt đá ở giữa đáy sông Giô-đanh.

Giô-suê cũng dựng mười hai tảng đá giữa sông Giô-đanh

Đây là mười hai hòn đá khác, chứ không phải những hòn đá mà mười hai người đã mang lên từ đáy sông.

Joshua 4:10

Sông Giô-đanh

Cụm từ này nói đến sông Giô-đanh.

Dân chúng

Cụm từ này nói đến dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Vượt qua

Cụm từ này nghĩa là vượt qua phía bờ sông đối diện. Tương tự câu: "đi từ bờ bên này sang bờ bên kia"

Trước mặt dân chúng

Ở đây tức là trước mặt mọi người hay là trong tầm mắt của mọi người. Mọi người nhìn thấy hòm giao ước được khiêng bởi các thầy tế lễ.

Joshua 4:12

Con cháu Ru-bên, con cháu Gát, và phân nửa bộ tộc Ma-na-se cầm khí giới đi trước dân Y-sơ-ra-ên.

Đây là những quân lính của ba dòng tộc chịu trách nhiệm lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên ra trận để dành bờ phía Đông của sông Giô-đanh.

Như họ đã

Chữ “họ” nói đến dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Họ đã kính trọng Môi-se

Cụm từ này không chỉ nói đến sự tôn trọng, vinh danh mà còn là phục tùng mệnh lệnh của ông và đối xử với ông như là một chỉ huy quân đội giống như là khi họ đi theo Môi-se.

Joshua 4:15

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va phán với Giô-suê cho các thầy tế lễ lên khỏi sông Giô-đanh.

Joshua 4:17

Thông tin Tổng quát:

Tác Giả đang nói rõ rằng việc cắt ngang sông Giô-đanh không khác gì với việc rẽ đôi Biển Đỏ cho thế hệ trước đó.

Nước sông Giô-đanh trở về chỗ cũ, chảy tràn cả hai bờ như trước

Sông Giô-đanh đã chảy tràn lên hai bờ sông và làm ngập khu vực trước và sau khi Y-sơ-ra-ên đã đi qua trên vùng đất khô.

Bốn ngày

Bốn ngày

Joshua 4:19

Lên khỏi sông Giô-đanh

Ở đây nói đến khi dân Y-sơ-ra-ên đã vượt qua sông Giô-đanh như trên đất khô.

Ngày mồng mười tháng giêng

Đây là tháng đầu tiên theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ 10 là gần cuối tháng 3 theo Dương Lịch.

Mười hai hòn đá mà dân chúng đã lấy dưới sông Giô-đanh

Mỗi bộ tộc đã lấy một hòn đá từ sông Giô-đanh nên Giô-sua có thể xây một sự kỷ niệm cho sự kiện vượt qua sông Giô-đanh này.

Joshua 4:22

Thông tin Tổng quát

Giô-suê tiếp tục nhắc mọi người nhớ về mục đích của đống đá.

Anh em sẽ nói cho con cháu mình

Đó là vì Y-sơ-ra-ên dạy cho con cháu họ biết về phép lạ của Đức Chúa Trời để họ luôn luôn kính sợĐức Giê-hô-va.

Bàn tay quyền năng của Đức Giê-hô-va

Câu này nói đến quyền năng của Đức Giê-hô-va hùng mạnh. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va là Đấng Toàn Năng”

Translation Questions

Joshua 4:3

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê truyền lệnh cho mười hai người phải lấy gì từ sông Giô-đanh?

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê truyền lệnh cho mười hai người lấy mười hai hòn đá từ chỗ đất khô ở giữa sông Giô-đanh nơi các thầy tế lễ đang đứng, và đem đặt tại chỗ họ sẽ ngủ vào ban đêm.

Joshua 4:7

Mục đích của việc lấy hòn đá đến nơi họ sẽ ngủ qua đêm mà Giô-suê nói là gì?

Các hòn đá sẽ trở thành vật kỷ niệm để nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên mãi mãi nhớ về việc Đức Giê-hô-va đã làm.

Joshua 4:9

Giô-suê dựng công trình kỷ niệm của mười hai hòn đá ở đâu?

Giô-suê dựng công trình kỷ niệm của mười hai hòn đá ở nơi các thầy tế lễ đứng trên đất khô giữa Sông Giô-đanh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Joshua 4:13

Có chừng bao nhiêu người được sắm sửa ra trận đi qua trước mặt Đức Giê-hô-va đến trong đồng bằng Giê-ri-cô?

Có chừng 40,000 người nam được sắm sửa ra trận, đi qua trước mặt Đức Giê-hô-va, đến trong đồng bằng Giê-ri-cô, đặng đánh giặc.

Joshua 4:18

Điều gì xảy ra khi các thầy tế lễ khiêng hòm giao ước đã lên khỏi Sông Giô-đanh?

Khi các thầy tế lễ khiêng hòm giao ước đã lên khỏi Sông Giô-đanh, nước sông Giô-đanh trở lại chỗ cũ.

Joshua 4:20

Giô-suê dựng các hòn đá đã lấy khỏi sông Giô-đanh ở đâu?

Giô-suê dựng các hòn đá đã lấy khỏi sông Giô-đanh ở Ghinh-ganh.

Joshua 4:24

Tại sao Giô-suê bảo dân sự nói với con cái về việc Đức Giê-hô-va đã làm cho họ tại sông Giô-đanh?

Giô-suê bảo dân sự nói với con cái về việc Đức Giê-hô-va đã làm cho họ tại sông Giô-đanh hầu cho mọi dân trên thế giới đều biết rằng tay của Đức Giê-hô-va là rất mạnh.

Chapter 5

Joshua 5:1

Mất hết tinh thần và chẳng còn gan dạ nào

Hai cụm từ này về cơ bản là đồng nghĩa và nhấn mạnh đến nỗi sợ hãi tột cùng của họ.

Lòng họ chẳng còn gan dạ nào

Chữ “lòng” ở đây nói đến lòng can đảm của họ. Họ sợ đến nỗi lòng can đảm của họ đã tan chảy ra như sáp ong ở trong lửa. Tương tự câu: “Họ mất hết lòng can đảm.”

Mất hết tinh thần

Ở đây “tinh thần” nói đến ý chí chiến đấu của họ. AT: “Họ chẳng còn ý chí chiến đấu.”

Joshua 5:2

Giô-suê tự làm cho mình những con dao bằng đá lửa…ông cắt bì cho tất cả các người đàn ông

Có hơn 600.000 đàn ông vào lúc đó, vậy nên có thể hiểu rằng trong khi Giô-suê chịu trách nhiệm làm điều này thì nhiều người khác đã giúp ông. Nếu điều này khiến các độc giả của bạn nhầm lẫn bạn có thể muốn giải thích rõ ràng. Tương tự câu: “Giô-suê và người Y-sơ-ra-ên tự làm dao bằng đá lửa…họ cắt bì cho tất cả các người đàn ông.”

Ghi-bê-a Ha-ra-lốt

Đây là nơi được đặt tên để tưởng nhớ người Y-sơ-ra-ên tự dâng mình cho Đức Giê-hô-va. Nó có nghĩa là “Đồi da qui đầu.”

Joshua 5:4

Thông tin Tổng quát

Lý do tại sao tất cả đàn ông của dân Y-sơ-ra-ên phải cắt bì được giải thích.

Các chiến sĩ

Những người nam đủ tuổi để trở thành những chiến binh.

Joshua 5:6

Vâng theo tiếng của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ “tiếng” nói đến những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tương tự câu: “Tuân theo mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ.”

Đất đượm sữa và mật

Đức Chúa Trời nói đến vùng đất tốt lành cho động vật và thực vật như là sữa và mật từ những động vật và thực vật đó chảy tràn khắp đất. AT: “Một vùng đất tuyệt vời dành cho vật nuôi và trồng trọt mùa màng.”

Joshua 5:8

Hôm nay Ta đã cất khỏi các con nỗi ô nhục của Ai Cập

Sự nhục nhã được nói đến ở đây như là một hòn đá lớn chặn ngang đường họ. Từ “cất khỏi” ở đây mang nghĩa là “dời đi”. Tương tự câu: “Hôm nay Ta đã dời đi khỏi các con nỗi ô nhục của Ai Cập.” hay là “Các con đã chịu nhục nhã khi làm nô lệ ở xứ Ê-díptô. Nhưng, ngày nay ta đã khiến cho các con không còn bị nhục nhã nữa.”

Joshua 5:10

Ngày thứ mười bốn tháng ấy

Đây là cuối tháng 3 theo Dương Lịch. Tương tự câu: “ngày thứ 14 tháng giêng”

Joshua 5:13

Ông ngước mắt lên nhìn

Ở đây ngước lên được nói đến theo đúng nghĩa đen là Giô-suê đưa tay lên mắt và ngước nhìn. Cụm từ này nghĩa là “ông ngước lên.”

Thấy

Chữ “thấy” báo cho chúng ta biết phải đặc biệt chú ý đến thông tin mới. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt điều này.

Một người rút gươm ra và cầm nó trong tay của mình

Những từ “một người” và “của mình” nói đến một người đang đứng trước mặt Giô-suê.

Joshua 5:14

Người ấy đáp

Chữ “người ấy” nói đến người mà Giô-suê nhìn thấy.

Chẳng thuộc phe nào cả

Đây là phần mở đầu câu trả lời của người ấy đối với câu hỏi của Giô-suê “Ngươi thuộc về phe chúng ta hay là phe địch?”. Câu trả lời ngắn gọn này rất rõ ràng. Tương tự câu: “Ta không theo các ngươi hay là theo kẻ thù các ngươi.”

Giô-suê liền sấp mặt xuống đất, thờ lạy

Đây là một hành động thờ phượng.

Hãy cởi giày khỏi chân.

Đây là một hành động thể hiện sự tôn kính

Translation Questions

Joshua 5:2

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê làm gì với dao bằng đá lửa?

Đức Giê-hô-va truyền lệnh cho Giô-suê phải cắt bì hết thảy những người nam trong Y-sơ-ra-ên.

Joshua 5:6

Tại sao Giô-suê được truyền lệnh phải cắt bì hết thảy mọi người nam trong Y-sơ-ra-ên?

Giô-suê được truyền lệnh phải cắt bì hết thảy mọi người nam trong Y-sơ-ra-ên vì những bé trai đã được sinh ra trong lúc dân sự đi lang thang trong đồng vắng đã không được cắt bì.

Joshua 5:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao Giô-suê được truyền lệnh phải cắt bì hết thảy mọi người nam trong Y-sơ-ra-ên?
Giô-suê được truyền lệnh phải cắt bì hết thảy mọi người nam trong Y-sơ-ra-ên vì những bé trai đã được sinh ra trong lúc dân sự đi lang thang trong đồng vắng đã không được cắt bì.
Joshua 5:10
Dân Y-sơ-ra-ên giữ điều gì vào ngày mười bốn trong tháng, buổi chiều tối, và trong đồng bằng Giê-ri-cô?
Dân Y-sơ-ra-ên giữ lễ Vượt qua nhằm ngày mười bốn tháng này, trong đồng bằng Giê-ri-cô, vào lối chiều tối.
Joshua 5:12
Điều gì không xảy ra vào ngày sau khi dân Y-sơ-ra-ên ăn sản vật trong xứ?
Từ trời không còn ma-na nữa sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã ăn hết sản vật trong xứ.
Joshua 5:13
Giô-suê gặp ai đang đứng trước mặt ông ở gần Giê-ri-cô?
Giô-suê thấy một người cầm gươm trần trong tay mình.
Joshua 5:14
Giô-suê nói gì với người nam có tay cầm gươm trần?
Giô-suê nói với người nam có tay cầm gươm trần, "Ngươi là người của chúng ta hay là người của kẻ thù nghịch chúng ta?
Người cầm gươm trần trong tay nói gì?
Người cầm gươm trần trong tay nói Giô-suê rằng ông ấy là tướng đạo binh của Đức Giê-hô-va.
Joshua 5:15
Tướng đạo binh của Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê làm gì?
Tướng đạo binh của Đức Giê-hô-va bảo bảo Giô-suê cởi giày mình ra, vì nơi ông đang đứng là đất thánh.

Chapter 6
Joshua 6:1
Bấy giờ
Từ này được dùng ở đây để đánh dấu sự gián đoạn của cốt truyện. Đến đây người kể chuyện nói với chúng ta lý do tại sao cổng thành Giê-ri-cô được đóng và khóa lại.
Ta đã phó Giê-ri-cô, vua và các dũng sĩ của nó vào tay con
Ở đây cụm từ “vào tay con” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã ban cho Giô-suê sức mạnh để tiêu diệt chúng. Tương tự câu “Ta đã ban cho con sức mạnh để đánh bại thành Giê-ri-cô, vua, và các dũng sĩ của nó.”
Joshua 6:3
Câu Kết Nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Giô-suê về những điều mà dân chúng phải làm.
Phải làm như vậy trong sáu ngày
"Các con phải làm như vậy mỗi ngày một lần trong sáu ngày"
Bảy thầy tế lễ sẽ cầm bảy cây kèn bằng sừng đi trước Hòm Giao Ước
Bảy thấy tế lễ này sẽ đi trước những thầy tế lễ khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va và họ đi diễu hành vòng quanh thành.
Joshua 6:5
Câu Kết Nối:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Giô-suê về mọi điều dân sự phải làm.
Họ phải thổi một hồi kèn dài với cây kèn bằng sừng
Từ “họ” ở đây chính là bảy thầy tế lễ. Từ “cây kèn bằng sừng” và “kèn trumpet” chính là cây kèn tiếng vang bằng sừng mà các thầy tế lễ thổi. JOS 6:4.
Vách thành
“Phần tường bên ngoài thành” hay “Tường bao quanh thành”
Joshua 6:6
Nun
Đây là cha của Giô-suê.
Hãy khiêng Hòm Giao Ước
“Hãy nhấc Hòm Giao Ước lên”
Joshua 6:8
Bảy thầy tế lễ cầm bảy kèn bằng sừng trước mặt Đức Giê-hô-va
Ý nghĩa của cụm từ “trước mặt Đức Giê-hô-va” có thể là 1) “Vâng lời Đức Giê-hô-va” hoặc 2) “Đi trước Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va”
Họ thổi kèn
"Họ thổi kèn vang to" hoặc “ Những thầy tế lễ thổi cây kèn bằng sừng”
Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va theo sau
Có thể nói rõ hơn là có những người khiêng Hòm Giao Ước. Tương tự: “Những thầy tế lễ khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va sẽ theo sau”
Họ thổi kèn
"Họ thổi kèn vang to" hoặc “ Những thầy tế lễ thổi cây kèn bằng sừng”
Joshua 6:10
Đừng nói một lời nào
Nói lời nào nghĩa là nói chuyện hay la lớn tiếng. Cũng có nghĩa là: “"đừng la lớn, đừng để ai nghe tiếng mình
Nhưng Giô-suê đã truyền lệnh cho dân chúng
Giô-suê đã truyền lệnh cho dân chúng trước khi họ bắt đầu đi vòng chung quanh thành. Nghĩa tương tự: “Giô-suê truyền lệnh cho dân sự”
Joshua 6:12
Họ thổi kèn
Ở đây nghĩa là họ thổi kèn nhằm làm cho chúng tạp nên một âm thanh lớn nhiều lần. Tương tự: “Họ tiếp tục thổi kèn tiếng vang” hoặc “Những thầy tế lễ tiếp tục thổi cây kèn bằng sừng”
Họ làm như vậy
Câu này có nghĩa là, “ Dân Y-sơ-ra-ên đi vòng chung quanh thành Giê-ri-cô mỗi ngày một lần.” ulb_jos/06_15/notes/0
Joshua 6:15
Thổi kèn
"Thổi kèn vang to" hoặc “Thổi cây kèn bằng sừng”
Đã ban cho anh em
Chữ “anh em” tức là toàn bộ dân tộc Y-sơ-ra-ên.
Joshua 6:17
Câu kết nối:
Giô-suê lại nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Thành và mọi vật trong thành sẽ bị phú dâng cho Đức Giê-hô-va để hủy diệt đi
Nó có thể được nói ở thể chủ động. Như: “ Anh em phải tiêu diệt thành cùng mọi thứ trong đó để làm của lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va” hoặc “ Anh em phải biệt riêng ra thành

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cùng mọi thứ trong đó để làm của lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng cách phá hủy nó đi”

Phải thận trọng về những vật mình lấy

Phải thận trọng được nói đến như thể họ đang nhắc nhở chính mình. “Phải cẩn thận rằng không ai được lấy một vật gì”

Anh em sẽ đem sự rối loạn vào trong đó

Làm điều gì đó đem lại hậu quả tệ hại cho trại quân được nói đến như là đang đem sự rối loạn vào trong đó. Cũng giống như: “Anh em sẽ gây ra tại họa cho nó”

Kho của Đức Giê-hô-va

Sự lưu giữ những vật được biệt riêng để dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

Joshua 6:20

Dân chúng la lên

"Dân Y-sơ-ra-ên la lên"

Nó xảy đến

Câu này được sử dụng ở đây để ghi dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt, bạn có thể xem thêm cách sử dụng nó ở đây.

Gươm

Mặc dầu nhiều người Y-sơ-ra-ên sử dụng gươm, nhưng ở đây ý nói đến một cuộc tấn công khốc liệt hay một trận chiến nói chung. Cũng như: “với thanh gươm sắc bén của họ” hay “trong cuộc chiến”

Joshua 6:23

Họ phóng hỏa đốt thành

Chữ “họ” ở đây là những binh sĩ Y-sơ-ra-ên. Nó không chỉ nói đến hai chàng thanh niên đã đem Ra-háp và cả gia quyến cô ra khỏi nhà.

Joshua 6:25

Cô ấy sống ở giữa Y-sơ-ra-ên

Chữ “Cô ấy” tức là Ra-háp và dòng dõi của cô. Tức là: “Dòng dõi của cô sống ở giữa Y-sơ-ra-ên”

Cho đến ngày nay

“Bây giờ” hay “thậm chí là ngày hôm nay.” Dòng dõi của Ra-háp vẫn còn đang sống ở giữa dân Y-sơ-ra-ên khi trước giả viết nên câu chuyện này.

Joshua 6:26

Ai trỗi dậy và xây lại thành Giê-ri-cô nầy sẽ bị rủa sả trước mặt Đức Giê-hô-va

Bị rủa sả trước mặt Đức Giê-hô-va tức là bị Đức Giê-hô-va rủa sả. Cũng giống như: “Nguyện Đức Giê-hô-va rủa sả người nào xây lại thành”

Ai đặt nền nó lại thì con trưởng nam mình phải chết

Hậu quả cho những ai đặt lại nền mới cho Giê-ri-cô đó là con trưởng nam của họ sẽ phải chết. Nó được nói đến như là cái giá mà người đó phải trả. Cũng như: “ Nếu người nào đặt nền nó lại, người ấy sẽ mất con trưởng nam mình” hoặc “ Nếu ai đặt nền nó lại, con trưởng nam của họ sẽ phải chết”

Ai dựng cửa nó lại thì con út mình phải chết

Hậu quả cho những ai dựng cửa mới lại cho Giê-ri-cô đó là con út họ sẽ phải chết. Nó được nói đến như là cái giá mà họ phải trả. Cũng giống như: “Nếu ai đặt lại nền nó lại, người đó sẽ mất con út của mình” hoặc “ Nếu người nào đặt nền nó lại, con út họ sẽ phải chết”

Danh tiếng ông đồn ra khắp xứ

“Danh tiếng của Giô-suê được đồn ra.”. Được biết đến ở khắp xứ tức là danh tiếng của ông được đồn ra khắp xứ. Cũng tương tự như: “Giô-suê trở nên nổi tiếng khắp xứ" hoặc “Cả xứ đều biết đến Giô-suê”

Translation Questions

Joshua 6:1

Đức Giê-hô-va hứa với Giô-suê điều gì về Giê-ri-cô?

Đức Giê-hô-va hứa với Giô-suê rằng Ngài sẽ phó Giê-ri-cô vào tay ông.

Joshua 6:3

Các chiến sĩ Y-sơ-ra-ên phải đi vòng quanh tường thành Giê-ri-cô bao nhiêu lần trong sáu ngày đầu tiên?

Mỗi ngày trong sáu ngày, các chiến sĩ Y-sơ-ra-ên phải đi vòng quanh tường thành Giê-ri-cô một lần.

Joshua 6:5

Đức Giê-hô-va bảo họ phải làm gì vào ngày thứ bảy?

Đức Giê-hô-va bảo họ phải đi vòng quanh Giê-ri-cô bảy lần vào ngày thứ bảy, và khi các thầy tế lễ thổi kèn vang.

Đức Giê-hô-va nói điều gì sẽ xảy ra nếu người Y-sơ-ra-ên và các thầy tế lễ làm vậy?

Đức Giê-hô-va nói các tường thành quanh Giê-ri-cô sẽ sụp đổ nếu dân sự và các thầy tế lễ làm như vậy.

Joshua 6:10

Giô-suê bảo dân sự không làm gì cho đến ngày thứ bảy?

Giô-suê bảo dân sự chớ la hét cho đến ngày thứ bảy.

Joshua 6:17

Giô-suê bảo dân sự tha mạng sống cho ai khi Đức Giê-hô-va phó thành vào tay họ?

Giô-suê bảo dân sự tha mạng sống cho Ra-háp và mọi người trong nhà của bà vì bà đã giấu các thám tử.

Joshua 6:19

Giô-suê nói với dân sự về những vật gì là thánh với Đức Giê-hô-va và phải được đem vào kho?

Giô-suê bảo dân sự rằng phàm bạc, vàng, và hết thảy vật bằng đồng cùng bằng sắt đều sẽ biệt riêng ra thánh cho Đức Giê-hô-va; các vật đó sẽ nhập kho.

Joshua 6:21

Dân Y-sơ-ra-ên làm gì khi các tường thành Giê-ri-cô sụp đổ?

Dân Y-sơ-ra-ên chiếm thành và hủy diệt mọi thứ trong thành bằng lưỡi gươm.

Joshua 6:22

Giô-suê ra lệnh cho hai người trẻ đã do thám xứ phải làm gì?

Giô-suê bảo hai thám tử vào nhà của kỹ nữ và đem bà cùng gia đình bà ra ngoài, như họ đã thề với bà.

Joshua 6:26

Giô-suê nói điều gì sẽ xảy ra với người nào cố xây lại Giê-ri-cô?

Giô-suê nói rằng người nào cố xây lại Giê-ri-cô sẽ bị rủa sả.

Chapter 7

Joshua 7:1

Các vật đáng bị diệt

“ Những vật mà Đức Chúa Trời đã phán rằng họ phải tiêu diệt để làm của lễ dâng lên cho Ngài”

A-can ... Cạt-mi ... Xáp-đi ... Xê-rách

Đây là tên của những người nam.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi bừng

“Cơn giận” và “nổi bừng” cho chúng ta biết cường độ mãnh liệt, nó không chỉ là cảm xúc được biểu lộ ra. Tương tự như: “Cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi bừng lên như một ngọn lửa” hoặc “Đức Giê-hô-va đã rất nóng giận”

Joshua 7:2

Cả dân chúng

Ở đây nói đến quân đội Y-sơ-ra-ên.

Dân A-hi quá ít

Chữ “dân” tức là người A-hi.

Joshua 7:4

Vài ba nghìn người đi lên đó

Những người này là chiến binh của quân đội.Tương tự: “Ba nghìn người thuộc trong quân đội sẽ đi lên đó”

Có khoảng ba nghìn người … ba mươi sáu người

Sáu người

Lòng dân chúng rất sợ hãi … họ mất hết sự can đảm

Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau và được nối với nhau để nhấn mạnh sự sợi hãi đến tột độ của dân chúng.

Lòng dân chúng rất sợ hãi

Sự hoảng sợ của dân chúng được nói đến như thể lòng họ đang rất sợ hãi. Tương tự câu: “ Dân chúng rất là sợ hãi”

Lòng dân chúng

Cụm từ “dân chúng” nói đến những lính chiến của dân Y-sơ-ra-ên.

Họ mất hết sự can đảm

“ Họ không còn can đảm nữa”

Joshua 7:6

Phó chúng con vào tay người A-mô-rít mà tiêu diệt đi

Giô-suê đang hỏi rằng đây có phải là lý do mà Đức Chúa Trời đã đem họ qua sông Giô-đanh chăng. Câu tương tự: “ Có phải Ngài đã làm vậy để phó chúng con vào tay người A-mô-rít mà tiêu diệt đi chăng”

Phó chúng con vào tay người A-mô-rít mà tiêu diệt đi

Tay người A-mô-rít là biểu tượng cho quyền lực và sức mạnh của họ. Phó dân Y-sơ-ra-ên vào tay họ để tiêu diệt tức là cho phép dân A-mô-rít có quyền trên dân Y-sơ-ra-ên và hủy diệt họ. Câu tương tự: “ Cho phép dân A-mô-rít hủy diệt chúng con sao”

Giá như chúng con quyết định khác đi

Chữ “giá như” thể hiển một nỗi ước ao về điều gì đó đã không xảy ra. Câu tương tự: “Con ước chi chúng con đã quyết định khác đi”

Joshua 7:8

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê đã bày tỏ nỗi thất vọng với Đức Chúa Trời.

Con biết nói làm sao khi Y-sơ-ra-ên đã quay lưng chạy trốn trước kẻ thù mình!

Giô-suê đã nói điều này để bày tỏ sự bối rối của ông đến nỗi ông không biết phải nói thế nào. Câu tương tự: “Con biết phải nói làm sao. Dân Y-sơ-ra-ên đã quay lưng chạy trốn trước kẻ thù mình.”

Y-sơ-ra-ên đã quay lưng chạy trốn trước kẻ thù mình!

Hành động này là hành động bỏ chạy trước kẻ thù họ. Câu tương tự: “Y-sơ-ra-ên đã bỏ chạy trước kẻ thù họ”

Họ sẽ bao vây chúng con và diệt danh tiếng chúng con khỏi đất

Diệt danh tiếng của dân Y-sơ-ra ên khỏi đất tức là khiến cho người ta không còn nhớ đến Y-sơ-ra-ên nữa. Trong trường hợp này, họ làm việc đó bằng cách tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên. Câu tương tự: “Họ sẽ bao vây và diệt chúng tôi, và danh tiếng chúng tôi không còn trên đất”

Lúc ấy, Chúa sẽ làm sao cho danh lớn của Ngài

Cụm từ “danh lớn của Ngài” ở đây tức là thanh danh và quyền thế của Đức Chúa Trời. Câu tương tự: “Lúc ấy, Chúa sẽ làm sao để người ta sẽ biết rằng danh Ngài là lớn”

Lúc ấy, Chúa sẽ làm sao cho danh lớn của Ngài?

Giô-suê dùng câu hỏi này để bày tỏ cho Đức Chúa Trời thấy rằng nếu dân Y-sơ-ra-ên bị diệt đi, thì mọi dân trên đất sẽ nghĩ rằng danh Đức Chúa Trời thật không đáng vĩ đại. Câu tương tự: “Vậy thì sẽ không còn điều gì để Ngài có thể làm cho danh lớn của Ngài.” hoặc “Vậy thì, người ta sẽ không biết rằng Ngài là Đấng Vĩ Đại.”

Joshua 7:10

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va nói cho Giô-suê biết vì sao dân Y-sơ-ra-ên bị rủa sả.

Tại sao con sấp mặt xuống đất như vậy?

Đức Chúa Trời đặt câu hỏi này nhằm trách Giô-suê về hành động sấp mặt xuống đất như vậy. Câu tương tự: “Hãy ngừng việc sấp mặt xuống đất như vậy!”

Vật được biệt riêng

Đây là những vật “ đáng bị hủy diệt” từ JOS 6:18-19. Câu tương tự: “Vật đã bị rủa sả” hoặc “những vật mà Đức Chúa Trời đã rủa sả”

Họ lấy các vật đáng bị hủy diệt, ăn cắp, lừa dối, thậm chí giấu các vật đó trong các vật dụng của mình

Giấu các vật đó trong các vật dụng của mình tức là cố gắng làm mọi cách để không cho mọi người biết họ phạm tội. Câu tương tự: “Họ đã lấy các vật đó, rồi cố gắng để không cho mọi người biết rằng họ đang phạm tội”

Không thể chống cự nổi kẻ thù mình

Chống cự nổi kẻ thù mình tức là chiến đấu thắng lại kẻ thù của mình. Câu tương tự: “Không thể chiến đấu thắng lại kẻ thù mình” hoặc “không thể đánh bại kẻ thù mình”

Họ đã xây lưng chạy trốn trước kẻ thù mình

Hành động này tức là bỏ chạy trước kẻ thù. Câu tương tự: “ Họ đã bỏ chạy trước kẻ thù mình”

Ta không còn ở với các con nữa

Ở với dân Y-sơ-ra-ên tức là giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên. Câu tương tự: “Ta sẽ không giúp đỡ các con nữa”

Joshua 7:13

Câu Kết Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giô-suê và cho ông biết những điều ông phải nói với dân chúng

Dân chúng

Ở đây chính là dân Y-sơ-ra-ên.

Các con không thể chống cự nổi kẻ thù mình

Chống cự nổi kẻ thù mình tức là chiến đấu thắng lại kẻ thù của mình. Câu tương tự: “Các con không thể chiến đấu thắng lại kẻ thù mình” hoặc “Các con không thể đánh bại kẻ thù mình”

Joshua 7:14

Câu Kết Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giô-suê về những điều mà ông phải nói với dân chúng

Anh em sẽ đến theo từng bộ tộc

Dân Y-sơ-ra-ên có tất cả mười hai bộ tộc. Cụm từ “theo từng bộ tộc” có nghĩa là “mỗi bộ tộc.” Câu tương tự: “Mỗi bộ tộc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trong anh em phải đến trước mặt Đức Giê-hô-va”
Bộ tộc nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, sẽ đến theo từng gia tộc
Một bộ tộc được tạo nên bởi nhiều gia tộc. Câu tương tự: “Từ bộ tộc mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, mỗi gia tộc sẽ phải đến gần”
Bộ tộc nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra
Lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải bắt thăm, và qua đó, họ sẽ biết bộ tộc nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra. Điều này được nói rất rõ ràng. Câu tương tự: “Bộ tộc nào mà Đức Giê-hô-va đã dùng thăm mà chỉ định" hoặc “Bộ tộc nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra khi chúng ta bắt thăm”
Gia tộc nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, sẽ đến theo từng gia đình
Gia tộc được hình thành bởi nhiều gia đình. Câu tương tự: “Từ gia tộc mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, mỗi gia đình sẽ phải đến gần”
Gia đình nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, sẽ đến từng người
Một gia đình có được là bởi nhiều người. Câu tương tự: “Từ gia đình nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, mỗi người sẽ phải đến gần”
Người nào bị chỉ ra
Câu này có thể được phát biểu ở thể chủ động. Câu tương tự: “Người nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra”
Nó đã vi phạm giao ước của Đức Giê-hô-va
Vi phạm giao ước có nghĩa là không vâng theo lời. Câu tương tự: “Nó đã không vâng theo giao ước của Đức Giê-hô-va”
Joshua 7:16
Thông tin Tổng quát:
Giô-suê làm theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va, cho dân Y-sơ-ra-ên đến trước mặt Đức Giê-hô-va.
Cho dân Y-sơ-ra-ên đến gần theo từng bộ tộc
Cụm từ “theo từng bộ tộc” có nghĩa là mỗi bộ tộc. Câu tương tự: “Cho mỗi bộ tộc trong Y-sơ-ra-ên đến gần”
Bộ tộc Giu-đa bị chỉ ra
Câu này có thể viết lại theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã chỉ ra bộ tộc Giu-đa”
Ông cho gia tộc Xê-rách đến gần từng người một
Cụm từ “từng người một” là một thành ngữcó nghĩa là mỗi một người. Từ người ở trong câu này là những lãnh đạo trong gia tộc đó. Tương tự như câu: “Ông cho mỗi người trong gia tộc Xê-rách đến gần.” hay là “Trong gia tộc Xê-rách, ông cho mỗi người lãnh đạo của gia tộc đó đến gần”
Gia tộc Xê-rách
Gia tộc này được đặt theo tên người tộc trưởng là Xê-rách Xáp-đi…A-can…Cạt-mi…Xê-rách.
Đây là tên của những người đàn ông. Hãy dịch tên họ theo như bạn đã làm trong [JOS 7:1]
Joshua 7:19
Xưng ra tội lỗi của con đối với Ngài
"Xưng ra tội lỗi của con" có thể được diễn đạt bằng động từ xưng tội. Tương tự câu: "Hãy xưng tội con với Ngài”
Chớ giấu diếm ta điều gì cả
Che giấu thông tin tương đương với việc cố không cho ai biết về thông tin đó. Tương tự câu: “Đừng cố ngăn trở ta biết điều mà con đã làm.”
Hai trăm siếc-lơ
Nặng hơn hai ký.
Năm mươi siếc-lơ
Nặng hơn nửa ký.
Chúng được giấu dưới đất
Câu này có thể được diễn đạt theo thể chủ động. Tương tự câu: “Tôi đã giấu chúng dưới đất.”
Joshua 7:22
Họ thấy
"Những người Giô-suê sai đi đã thấy"
Bày chúng ra
Hãy sử dụng từ ngữ trong ngôn ngữ của bạn để miêu tả việc trút, đổ nhiều vật nhỏ ra khỏi một cái túi lớn trên mặt đất.
Joshua 7:24
Thung lũng A-cô
Tên đó nghĩa là “thung lũng Khuấy Rối,” nhưng A-cô được dịch tốt nhất là theo âm của nó.
Joshua 7:25
Sao con khuấy rối chúng ta?
Giô-suê sử dụng câu hỏi này để quở trách A-can. Tương tự câu: “Con đã khuấy rối chúng ta.”
Họ hỏa thiêu tất cả ,và họ ném đá chúng.
Những nghĩa có thể của câu này là 1) Dân Y-sơ-ra-ên hỏa thiêu gia đình A-can cho đến chết và sau đó chôn lấp họ bằng đá. Hoặc 2) Dân Y-sơ-ra-ên ném đá gia đình A-can đến chết và sau đó hỏa thiêu thân xác người.
Đức Giê-hô-va liền nguôi cơn thạnh nộ
Nguôi cơn thạnh nộ tương ứng với nguôi cơn nóng giận. Cơn thạnh nộ tương ứng với cơn giận dữ dội. Câu tương tự: “Đức Giê-hô-va ngưng cơn giận Ngài”
Cho đến ngày nay
Nơi đó vẫn còn được gọi là thung lũng A-cô vào thời điểm tác giả viết lại câu chuyện này. Tương tự câu: “Cho đến ngày nay” hoặc “Cho đến bây giờ.”

Translation Questions

Joshua 7:1
Tại sao cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên cùng dân Y-sơ-ra-ên?
Cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên cùng dân Y-sơ-ra-ên vì A-can đã lấy cho mình những vật đáng diệt.
Joshua 7:3
Những thám tử mà Giô-suê sai đến thành A-hi báo cáo gì với ông?
Các thám tử được sai đến thành A-hi báo cáo với Giô-suê rằng chỉ một ít quân cũn gco1 thể đánh bại A-hi vì ở đó có ít người.
Joshua 7:5
Điều gì xảy ra với nhóm quân nhỏ hơn gồm ba ngàn người đến đánh A-hi?
Nhóm quân nhỏ hơn mà đến đánh A-hi đã bị người A-hi đuổi và có ba mươi sáu người trong số đó bị giết.
Joshua 7:6
Giô-suê làm gì khi ông biết quân đội mình bị đánh bại ở A-hi?
Khi Giô-suê hay tin quân đội của mình bị đánh bại ở A-hi, ông xé áo mình, rải bụi đất trên đầu mình, và sấp mặt xuống đất trước hòm của Đức Giê-hô-va.
Joshua 7:11
Đức Giê-hô-va cho Giô-suê biết lý do gì mà quân của ông bị bại trận ở A-hi?
Đức Giê-hô-va cho Giô-suê biết rằng quân của ông bị bại trận vì Y-sơ-ra-ên đã phạm tội qua việc ăn cắp một số thứ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đáng bị hủy diệt.
Joshua 7:13
Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê làm gì?
Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê đứng dậy làm cho dân sự nên thánh và giao nộp những vật đáng diệt.
Joshua 7:15
Đức Giê-hô-va nói điều gì sẽ xảy ra với kẻ đã ăn cắp những vật đáng diệt?
Đức Giê-hô-va nói rằng kẻ đã ăn cắp những vật đáng diệt sẽ bị thiêu đốt cùng những vật họ giữ.
Joshua 7:21
A-can nói với Giô-suê rằng ông đã lấy những gì?
A-can nói với Giô-suê rằng ông đã lấy một cái áo choàng đẹp, hai trăm siếc-lơ bạc, và một nén vàng.
Joshua 7:24
Giô-suê và cả dân Y-sơ-ra-ên đem A-can và những vật ông ấy giữ đến đâu?
Giô-suê và cả dân Y-sơ-ra-ên đem A-can và những vật ông ấy giữ đến thung lũng A-cô.
Joshua 7:26
Điều gì xảy ra với cơn giận phừng phừng của Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va nguôi cơn thạnh nộ của Ngài.

Chapter 8
Joshua 8:1
Đừng sợ; cũng đừng nản chí
Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Đức Giê-hô-va kết hợp chúng để nhấn mạnh rằng không có lý do gì phải sợ hãi.
Ta đã phó vua A-hi...đất đai của nó vào tay con
Giao chúng vào tay của dân Y-sơ-ra-ên có nghĩa là cho dân Y-sơ-ra-ên được chiến thắng và cai trị chúng. Câu tương tự: “Ta đã cho con được chiến thắng vua A-hi và dân của chúng, và ta cũng ban cho con quyền cai trị thành trì và đất đai của chúng nó”
Ta đã phó
Đức Chúa Trời nói về điều Ngài hứa như thể là Ngài đã làm rồi, bởi vì Ngài chắc chắn sẽ thực hiện lời hứa đó. Tương tự câu: “Ta chắc chắn sẽ phó” hay là “Ta đang phó”
Vua nó (Vua cô ấy)
Chữ “nó”
Joshua 8:3
Chiến sĩ
"Quân đội của Y-sơ-ra-ên"
Ba chục nghìn quân
"30.000 người"
Joshua 8:5
Thông tin Tổng quát:
Giô-suê tiếp tục giải thích về chiến lược cho quân lính nghe.
Sẽ phó thành ấy vào tay anh em
“Tay” tượng trưng cho việc nắm quyền điều khiển và sức mạnh của dân chúng trên kẻ thù.
Joshua 8:8
Thông tin Tổng quát
Giô-suê kết thúc việc giải thích chiến lược cho quân lính của mình.
Giô-suê sai các người đó ra đi
Cụm từ này liên quan đến việc Giô-suê sai 30.000 quân đã được chọn đến chỗ họ định phục kích thành A-hi.
Nơi họ mai phục
“Là nơi mà họ sẽ ẩn náu cho tới thời điểm tấn công.”
Joshua 8:10
Năm nghìn quân
"5000 quân." Nhóm quân này có thể là một phần của nhóm “30.000 quân”
Joshua 8:13
Thông tin Tổng quát:
Người Y-sơ-ra-ên chuẩn bị chiến đấu với người A-hi.
Đội quân chủ đạo
Nhóm quân lính đông nhất, không phải nhóm phục kích.
Đội quân mai phục phía sau
Những người đang “mai phục ở phía tây thành.” (Xem: JOS 8:12)
Joshua 8:15
Chúng tôi sẽ chạy trốn trước mặt chúng
Chúng tôi sẽ chạy trốn trước mặt người A-hi. Cụm từ “trước mặt chúng” tức là người A-hi sẽ thấy và nghĩ như vậy. Tương tự câu: “Hãy để người A-hi nghĩ rằng người Y-sơ-ra-ên đã bị bại trận”
Chúng tôi sẽ chạy trốn trước mặt chúng
Cụm từ “chạy trốn” có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Hãy để cho người A-hi nghĩ rằng họ đã đánh bại người Y-sơ-ra-ên”
Trước mặt chúng ... chúng chạy đuổi theo ... bị nhử ra xa
Chữ “chúng” ở đây nói đến quân đội A-hi.
Họ bỏ chạy ... rượt đuổi theo họ
Chữ “họ” ở đây nói đến quân đội của Y-sơ-ra-ên.
Tất cả dân trong thành họp lại
Câu này có thể trình bày theo thể chủ động.Tương tự câu: “Các người lãnh đạo kêu gọi tất cả mọi người trong thành họp lại”
Tất cả dân trong thành
Tác giả nói chungvề mọi người, nhưng đó là tất cả những người có thể chiến đấu. Tương tự câu “Tất cả mọi người trong thành mà có thể giúp đuổi theo đội quân Y-sơ-ra-ên”
Chúng bỏ trống thành
“Họ hoàn toàn bỏ lại thành phố mà không hề có sự bảo vệ.” hoặc “Sau khi họ rời khỏi, không còn ai ở trong thành để bảo vệ”
Joshua 8:18
Ta sẽ trao thành A-hi vào tay con
Trao thành A-hi vào tay dân Y-sơ-ra-ên tượng trưng cho việc người Y-sơ-ra-ên chiến thắng và nắm quyền điều khiển A-hi. Tương tự câu: “Ta sẽcho ngươi chiến thắng dân A-hi” hay “Ta sẽ khiến ngươi chiếm được thành A-hi”
Joshua 8:24
Khi người Y-sơ-ra-ên đã giết hết cư dân thành ... và khi tất cả chúng đã ngã chết dưới lưỡi gươm cho đến người cuối cùng
Tác giả sử dụng một lúc cả hai câu có ý nghĩa tương đồng nhau, để nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên đã vâng theo mạng lệnh Đức Giê-hô-va và tiêu diệt toàn bộ dân A-hi.
Đã ngã dưới lưỡi gươm
Chữ ngã ở đây nói đến sự chết, và lưỡi gươm tức là trận chiến hay quân đội Y-sơ-ra-ên. Câu tương tự: “đã chết trong trận chiến” hoặc “đã chết khi quân đội Y-sơ-ra-ên tấn công họ”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mười hai nghìn
"12,000"
Joshua 8:27
Đống tro tàn
Đó là nơi mà con người đã từng sinh sống, nhưng bây giờ, không còn ai ở nữa.
Joshua 8:29
Cho đến ngày nay
“Hôm nay” hay “thậm chí ngay lúc này”
Joshua 8:30
Núi Ê-banh
Một ngọn núi ở Ca-na-an
Joshua 8:34
Không một lời nào trong tất cả các lời Môi-se đã truyền dặn mà Giô-suê không đọc
Câu này có thể được diễn đạt cách quả quyết và chắc chắn. Câu tương tự: “Giô-suê đã đọc từng lời trong tất cả mọi điều mà Môi-se đã truyền dặn” hoặc “Giô-suê đã đọc hết thảy luật pháp của Môi-se”
Y-sơ-ra-ên
Tức là dân Y-sơ-ra-ên

Translation Questions

Joshua 8:1
Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê làm gì để chiếm thành A-hi?
Đức Giê-hô-va bảo GIô-suê phải đem theo mình hết thảy quân lính, chổi dậy đi lên phục binh thành A-hi.
Joshua 8:2
Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê làm gì để chiếm thành A-hi?
Đức Giê-hô-va bảo GIô-suê phải đem theo mình hết thảy quân lính, chổi dậy đi lên phục binh sau thành A-hi.
Dân sự phải làm gì với của cướp được từ A-hi?
Đức Giê-hô-va bảo dân sự có thể đoạt lấy hóa tài và súc vật cho mình.
Joshua 8:3
Khi nào thì Giô-suê sai ba mươi ngàn người mạnh dạn và mạnh mẽ đi đến thành A-hi?
Giô-suê sai ba mươi ngàn người mạnh dạn và mạnh mẽ đến A-hi vào ban đêm.
Joshua 8:4
Giô-suê có kế hoạch làm gì với người của ông khi họ đến thành?
Khi Giô-suê cùng người của ông đến thành và dân trong thành đi ra đánh, người của Giô-suê sẽ chạy trốn như lúc trước.
Joshua 8:8
Người của Giô-suê làm gì với thành đó khi họ chiếm?
Khi họ chiếm được thành, họ phóng hỏa nó.
Joshua 8:15
Người của thành A-hi làm gì khi quân của Giô-suê chạy trốn vào đồng vắng?
Người của A-hi đuổi theo quân của Giô-suê khi họ chạy trốn vào đồng vắng, cho đến khi không còn sót lại một ai trong thành.
Joshua 8:17
Người của thành A-hi làm gì khi quân của Giô-suê chạy trốn vào đồng vắng?
Người của A-hi đuổi theo quân của Giô-suê khi họ chạy trốn vào đồng vắng, cho đến khi không còn sót lại một ai trong thành.
Joshua 8:18
Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê phải ra dấu gì khi ông sẵn sàng cho quân ông chiếm thành?
Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê giơ cây giáo trong tay về phía A-hi.
Joshua 8:23
Người Y-sơ-ra-ên bắt sống ai và đem đến cho Giô-suê?
Người Y-sơ-ra-ên bắt sống Vua A-hi và giải đến Giô-suê.
Joshua 8:26
Giô-suê hủy diệt ai trong thành A-hi?
Giô-suê hủy diệt tất cả người dân ở A-hi.
Joshua 8:27
Y-sơ-ra-ên lấy gì từ thành A-hi trước khi họ phóng hỏa?
Y-sơ-ra-ên lấy cho mình những súc vật và hóa tài của thành này, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn
Joshua 8:29
Giô-suê làm gì với vua A-hi?
Giô-suê treo cổ vua A-hi trên một cái cây và sau đó ném xác ông ấy ra trước cổng thành.

Chapter 9
Joshua 9:1
Giô-đanh
Tên rút ngắn của Sông Giô-đanh
Dưới quyền chỉ huy
Quyền chỉ huy ở đây tượng trưng cho người có thể điều khiển được họ. Ở dưới quyền của ông tức là vâng lời mệnh lệnh của ông. Câu tương tự: “Vâng lời mệnh lệnh của vị lãnh đạo”
Joshua 9:3
Mưu kế
Một âm mưu xảo trá được đề ra nhằm đánh lừa Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên
Khô và nát vụn
“Khô và đầy mốc” hoặc “hư thiu và nát vụn”
Joshua 9:6
Dân Y-sơ-ra-ên
Ở đây là toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên.
Dân Hê-vít
Đây là tên khác của dân Ga-ba-ôn.
Có lẽ các người sống ở gần chúng tôi thì làm sao chúng tôi có thể lập hòa ước với các người được?
Giô-suê muốn nhấn mạnh rằng người Y-sơ-ra-ên phải tuân theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va trước nhất. Câu tương tự: “Nếu các người sống ở gần chúng tôi, thì chúng tôi không thể lập hòa ước với các người được.”
Joshua 9:9
Giô-đanh
Đây là tên rút ngắn của Sông Giô-đanh.
Si-hôn
Đây là tên vị vua bại trận của A-mô-rít.
Hết-bôn
Là tên một thành phố hoàng gia của dân Mô-áp.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Óc
Đây là tên vị vua bại trận của Ba-san.
Ách-ta-rốt
Đây là tên một thành phố được biết đến bởi sự thờ nữ thần có cùng tên.
Joshua 9:11
Ở trong tay ông
Cụm từ này có nghĩa là “đi theo ông.” Chữ “tay” ở đây tượng trưng cho quyền sở hữu người Ga-ba-ôn theo những điều khoản trong hòa ước.
Chúng đến và nói với họ
Chữ “họ” ở đây chính là người Y-sơ-ra-ên.
Joshua 9:14
Giô-suê lập hòa ước với chúng và cam kết để cho chúng sống,và các nhà lãnh đạo của hội chúng cũng thề hứa với chúng nữa.
Hai câu này đều đang nói đến cùng một sự kiện đang xảy ra. Giô-suê, người đứng đầu của dân Y-sơ-ra-ên, đã cam kết sẽ không tiêu diệt người Ga-ba-ôn. Các nhà lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên, họ cũng đã lập cùng một hòa ước đó. Câu tương tự: “Giô-suê và các nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên đã lập một hòa ước bằng huyết với người Ga-ba-ôn.”
Dân
Ở đây nói đên người Y-sơ-ra-ên..
Joshua 9:16
Ngày thứ ba
Ở đây nói đến số ba theo thứ tự.
Kê-phi-ra
Đây là một trong những thành của người Ga-ba-ôn.
Bê-ê-rốt
Đây là tên một địa danh.
Ki-ri-át Giê-a-rim
Đây là tên một địa danh.
Joshua 9:18
Dân
Ở đây là dân Y-sơ-ra-ên.
Joshua 9:20
Người Ga-ba-ôn phải đốn củi, xách nước cho cả hội chúng
“Người Ga-ba-ôn trở nên những người đốn củi và xách nước”
Joshua 9:22
Nhà Đức Chúa Trời của ta
Đây là cụm từ nói đến nơi cư ngụ của Đức Giê-hô-va, là Đền Tạm.
Joshua 9:24
Tùy ý ông cho là tốt, là phải
Chữ “tốt” và “phải” có ý nghĩa cơ bản tương đồng nhau. Câu tương tự: “Tùy ý ông cho là ngay thẳng và công bình”
Joshua 9:26
Cho họ
Chữ “họ” ở đây tức là người Ga-ba-ôn.
Cho đến ngày nay
Cụm từ “ngày nay” tương ứng với khoảng thời gian mà tác giả đang sống. Câu tương tự: “mãi cho đến bây giờ”

Translation Questions

Joshua 9:1
Các vua sống bên này sông Giô-đanh ở vùng cao nguyên làm gì để gây chiến chống lại Giô-suê và Y-sơ-ra-ên?
Các vua sống bên này sông Giô-đanh ở vùng cao nguyên rập một ý hiệp với nhau đặng giao chiến với Giô-suê và Y-sơ-ra-ên.
Joshua 9:2
Các vua sống bên này sông Giô-đanh ở vùng cao nguyên làm gì để gây chiến chống lại Giô-suê và Y-sơ-ra-ên?
Các vua sống bên này sông Giô-đanh ở vùng cao nguyên rập một ý hiệp với nhau đặng giao chiến với Giô-suê và Y-sơ-ra-ên.
Joshua 9:3
Ai tính dùng mưu kế?
Dân Ga-ba-ôn tính dùng mưu kế.
Joshua 9:4
Ai tính dùng mưu kế?
Dân Ga-ba-ôn tính dùng mưu kế.
Các "sứ giả" người Ga-ba-ôn tự mình chuẩn bị như thế nào?
Người Ga-ba-ôn giả bộ đi sứ, lấy bao cũ chất cho lừa mình, và bầu chứa rượu cũ rách vá lại, dưới chơn mang giày cũ vá,và trên mình quần áo cũ mòn; hết thảy bánh về lương bị họ đều khô và miếng vụn.
Joshua 9:5
Các "sứ giả" người Ga-ba-ôn tự mình chuẩn bị như thế nào?
Người Ga-ba-ôn giả bộ đi sứ, lấy bao cũ chất cho lừa mình, và bầu chứa rượu cũ rách vá lại, dưới chơn mang giày cũ vá,và trên mình quần áo cũ mòn; hết thảy bánh về lương bị họ đều khô và miếng vụn.
Joshua 9:6
Khi người Ga-ba-ôn đến gặp Giô-suê tại Ghinh-ganh, họ nói họ đến từ đâu?
Người Ga-ba-ôn nói rằng họ đến từ một xứ rất xa.
Người Ga-ba-ôn muốn người Y-sơ-ra-ên làm gì?
Người Ga-ba-ôn muốn người Y-sơ-ra-ên lập giao ước cùng họ.
Joshua 9:14
Người Y-sơ-ra-ên không làm gì?
Người Y-sơ-ra-ên không cầu hỏi Đức Giê-hô-va.
Joshua 9:15
Giô-suê hứa gì với người Ga-ba-ôn?
Giô-suê lập hòa cùng chúng nó, và kết ước cho chúng nó sống.
Joshua 9:16
Chỉ trong vài ngày sau, người Y-sơ-ra-ên biết được gì về những người đến từ Ga-ba-ôn?
Người Y-sơ-ra-ên hay rằng những người đến từ Ga-ba-ôn chính là những người láng giềng và sống gần họ.
Joshua 9:18
Tại sao người Y-sơ-ra-ên không đánh người Ga-ba-ôn?
Người Y-sơ-ra-ên không đánh người Ga-ba-ôn vì họ đã chỉ danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên mà thề.
Joshua 9:19
Tại sao người Y-sơ-ra-ên không đánh người Ga-ba-ôn?
Người Y-sơ-ra-ên không đánh người Ga-ba-ôn vì họ đã chỉ danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên mà thề.
Joshua 9:21
Người Ga-ba-ôn làm gì cho người Y-sơ-ra-ên?
Người Ga-ba-ôn trở thành những kẻ đốn củi và xách nước cho hết thảy người Y-sơ-ra-ên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Joshua 9:24
Người Ga-ba-ôn nói với Giô-suê lý do gì mà họ lừa dối ông?
Người Ga-ba-ôn nói với Giô-suê rằng họ rất sợ hãi cho sự sống mình.
Joshua 9:26
Điều gì xảy ra cho người Ga-ba-ôn?
Giô-suê giải cứu họ khỏi tay người Y-sơ-ra-ên và cắt chúng nó làm kẻ đốn củi và xách nước cho hội chúng và cho bàn thờ của Đức Giê-hô-va.
Joshua 9:27
Điều gì xảy ra cho người Ga-ba-ôn?
Giô-suê giải cứu họ khỏi tay người Y-sơ-ra-ên và cắt chúng nó làm kẻ đốn củi và xách nước cho hội chúng và cho bàn thờ của Đức Giê-hô-va.

Chapter 10
Joshua 10:1
Khi
Chữ này được dùng ở đây để đánh dấu sự gián đoạn của cốt truyện chính. Ở đây tác giả nói đến một người mới trong câu chuyện, A-đô-ni Xê-đéc.
A-đô-ni Xê-đéc
Đây là tên của một vị vua quan trọng.
Joshua 10:3
Giạt-mút
Đây là tên của một thành phố
La-ki
Đây là tên của một thành phố.
Éc-lôn
Đây là tên của một thành phố.
Hô-ham ... Phi-ram ... Gia-phia ... Đê-bia
Đây là tên của các vị vua.
Hãy lên với tôi
Thành Giê-ru-sa-lem ở vị trí cao hơn những thành phố khác ở Ca-na-an. Câu tương tự: “Hãy đến nơi của tôi”
Joshua 10:5
Giạt-mút
Đây là tên của một thành.
La-ki
Đây là tên của một thành phố.
Éc-lôn
Đây là tên của một thành
Joshua 10:6
Họ thưa rằng
Chữ “họ” ở đây nói đến người Ga-ba-ôn.
Xin đừng bỏ rơi
Lời cầu xin nhún nhường này được trình bày theo thể phủ định nhưng mang nghĩa khẳng định. Tương tự câu “Xin hãy đến và dùng sức mạnh các ông.”
Tay các ông
Chữ “tay” ở đây nói đến sức mạnh của người Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu “Xin hãy dùng sức mạnh của các ông để bảo vệ chúng tôi.”
Joshua 10:8
Ta đã phó chúng vào tay con
Ở đây chữ “tay” thay thế cho sức mạnh và khả năng của dân Y-sơ-ra-ên để đánh bại kẻ thù. Chữ “chúng” nói đến đội quân đang tấn công.
Joshua 10:9
Giô-suê đi lên
Ở đây toàn bộ quân đội Y-sơ-ra-ên được nhắc đến qua tên vị chỉ huy của họ, tức là Giô-suê.
Bết Hô-rôn
Đây là tên một địa điểm.
A-xê-ca ... Ma-kê-đa
Đây là tên những địa danh.
Joshua 10:11
Khiến đá tảng từ trời rơi xuống
"khiến những hòn mưa đá lớntừ trời xuống"
Joshua 10:12
Hỡi Mặt Trời hãy đứng yên tại trên Ga-ba-ôn! Hỡi Mặt Trăng hãy dừng lại trên thung lũng A-gia-lôn
Giô-suê đang cầu nguyện cầu xin Đức Giê-hô-va khiến cho dòng thời gian ngừng lại vào ngày hôm đó.
Mặt Trời ... Mặt Trăng
Giô-suê ra lệnh cho Mặt Trăng và Mặt Trời như thể chúng là con người.
Thung lũng A-gia-lôn
Đây là tên một địa điểm.
Joshua 10:13
Dân
Ở đây nói đến người dân Y-sơ-ra-ên.
Chẳng phải điều nầy được chép trong sách Gia-sa sao?
Người viết sử dụng câu hỏi này như là mộtthông tin bên lề nhằm nhắc nhở người đọc rằng sự kiện này có tư liệu được cung cấp rõ ràng. Tương tự câu: “Điều này đã được chép trong sách Gia-sa.”
Joshua 10:15
Ma-kê-đa
Đây là tên của một thành phố.
Có người báo cho Giô-suê biết
Những người đưa tin đến và báo cho Giô-suê. Tương tự câu: “Có ai đó đã đến báo tin cho Giô-suê”
Joshua 10:18
Vào tay anh em
Cụm từ “tay anh em” ở đây nghĩa là “trong sự kiểm soát của anh em”
Joshua 10:20
Ma-kê-đa
Dịch tương tự theo cách bạn đã làm trong [JOS 10:10]
chẳng một kẻ nào dám hé môi nói nghịch
Ở đây cụm từ “hé môi” hàm ý đến lời nói của kẻ thù về người Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Không ai dám phàn nàn hay phản đối lại."
Joshua 10:22
Giạt-mút ... La-ki ... Éc-lôn
Đây là tên của các địa danh.
Joshua 10:24
Tất cả người nam của Y-sơ-ra-ên
Mọi người lính của Y-sơ-ra-ên
Joshua 10:26
Cho đến ngày nay
Cho đến lúc tác giả viết lại câu chuyện này.
Joshua 10:28
Ông tiêu diệt thành và mọi sinh vật trong đó, không để một ai sống sót.
Câu thứ hai tóm tắt lại câu đầu để nhấn mạnh rằng Giô-suê

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không để một bất kỳ một ai hay thú vật nào sống sót.
Joshua 10:29
Líp-na
Đây là tên của một thành phố.
Phó vào tay Y-sơ-ra-ên
Chữ “tay” ở đây mang nghĩa là “quyền điều khiển của.” Tương tự câu: “Trao quyền điều khiển nó vào dân Y-sơ-ra-ên”
Joshua 10:31
Líp-na ... La-ki
Đây là tên của những thành quan trọng.
Vào tay Y-sơ-ra-ên
Cụm từ này nghĩa là “dân Y-sơ-ra-ên được nắm quyền điều khiển.” Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã trao quyền kiểm soát La-ki cho Y-sơ-ra-ên”.
Joshua 10:33
Hô-ram
Đây là tên của một người nam là vua.
Ghê-xe
Đây là tên của một thành phố.
Joshua 10:34
Éc-lôn
Đây là tên của một thành phố.
Họ đánh chiếm và lấy gươm diệt thành ... tận diệt thành và mọi người trong đó
Hai cụm từ này có nghĩa tương tự nhau. Cả hai đều chỉ ra sự hủy diệt hoàn toàncủa Éc-lôn.
La-ki
Đây là tên của một thành phố. Hãy xem cách bạn dịch tên này trong JOS 10:3.
Joshua 10:36
Éc-lôn
Đây là tên một thành phố. Hãy xem cách bạn dịch tên này trong [JOS 10:3]
Họ chiếm và lấy gươm diệt thành.
Gươm tượng trưng cho quân đội Y-sơ-ra-ên và diệt mang nghĩa tàn sát và hủy diệt. Tương tự câu: “Họ đã đánh chiếm và giết chóc và phá hủy”
Joshua 10:38
Đê-bia
Đây là tên của một thành phố.
Họ lấy gươm diệt chúng
Gươm tượng trưng cho quân đội Y-sơ-ra-ên và diệt mang ý nghĩa tàn sát và hủy diệt. Tương tự câu: “Họ đánh giết và phá hủy chúng.”
Joshua 10:40
Tất cả các vua xứ đó, ông không để một ai sống sót. Ông tận diệt mọi vật có hơi thở
Hai cụm từ này cùng có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh sự tận diệt mọi thứ mà dân Y-sơ-ra-ên đã thực hiện theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va.
Giô-suê lấy gươm đánh bại các vua ấy
Gươm tượng trưng cho quân đội Y-sơ-ra-ên và đánh bại nhấn mạnh ý tàn sát và hủy diệt. Tương tự câu: “Giô-suê đã đánh giết và hủy diệt họ.”

Translation Questions

Joshua 10:2
Tại sao dân Giê-ru-sa-lem sợ rằng người Ga-ba-ôn đã lập hòa ước với Y-sơ-ra-ên?
Dân Giê-ru-sa-lem sợ vì Ga-ba-ôn là một thành lớn, một đế đô thật; lại lớn hơn thành A-hi, và cả dân sự nó đều là người mạnh dạn.
Joshua 10:3
Vua Giê-ru-sa-lem nhờ các vua khác làm gì?
Vua Giê-ru-sa-lem nhờ các vua khác đến gặp ông và giúp ông đánh Ga-ba-ôn.
Joshua 10:4
Vua Giê-ru-sa-lem nhờ các vua khác làm gì?
Vua Giê-ru-sa-lem nhờ các vua khác đến gặp ông và giúp ông đánh Ga-ba-ôn.
Joshua 10:5
Các vua làm gì?
Họ đem tất cả quân đội mình đến và đánh Ga-ba-ôn.
Joshua 10:6
Người Ga-ba-ôn làm gì khi họ thấy tất cả các vua và quân lính?
Dân Ga-ba-ôn sai người đi báo tin cho Giô-suê đặng ông đến giải cứu họ.
Joshua 10:8
Đức Giê-hô-va phán gì với Giô-suê?
Đức Giê-hô-va phán với Giô-suê rằng các vua đã bị phó vào tay ông.
Joshua 10:11
Đức Giê-hô-va giết hầu hết quân thù như thế nào?
Đức Giê-hô-va khiến đá lớn rớt từ trời giết nhiều người hơn số người bị dân Y-sơ-ra-ên giết bằng gươm.
Joshua 10:12
Giô-suê nói gì với Đức Giê-hô-va vào ngày Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên sự chiến thắng?
Giô-suê nói với Đức Giê-hô-va, "Hỡi mặt trời, hãy dừng lại trên Ga-ba-ôn; Hỡi mặt trăng, hãy ngừng lại trên trũng A-gia-lôn!"
Joshua 10:16
Điều gì xảy ra với năm vua?
Năm vua ẩn trong một hang đá tại Ma-kê-đa.
Joshua 10:20
Điều gì xảy ra với quân đội của các vua?
Người Y-sơ-ra-ên giết hầu hết chúng. Chỉ một ít người sống sót chạy thoát.
Joshua 10:26
Điều gì xảy ra với năm vua ẩn trong hang ở Ma-kê-đa?
Năm vua trốn trong hang bị dẫn đến Giô-suê, bị đánh và bị giết, họ treo cả năm người trên năm cây cho đến khi mặt trời lặn, sau đó ném vào trong hang.
Joshua 10:27
Điều gì xảy ra với năm vua ẩn trong hang ở Ma-kê-đa?
Năm vua trốn trong hang bị dẫn đến Giô-suê, bị đánh và bị giết, họ treo cả năm người trên năm cây cho đến khi mặt trời lặn, sau đó ném vào trong hang.
Joshua 10:40
Giô-suê và quân Y-sơ-ra-ên làm gì trong khắp xứ ở vùng cao nguyên, Nê-ghép, vùng đồng bằng và đồi núi?
Giô-suê và quân Y-sơ-ra-ên chế ngự tất cả các vua, không chừa một ai sống sót.
Joshua 10:42

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao Giô-suê thành công trong việc bắt tất cả những vua này và xứ của họ?

Giô-suê thành công trong việc bắt tất cả những vua này và xứ của họ vì Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đánh thay cho Y-sơ-ra-ên.

Chapter 11

Joshua 11:1

Gia-bin ... Giô-báp

Đây là tên của các vị vua.

Hát-so ... Ma-đôn ... Sim-rôn ... Ạc-sáp ...Ki-nê-rết ... Đô-rơ ... Núi Hẹt-môn

Đây là tên các địa danh.

Joshua 11:4

Một đạo quân đông như cát nơi bờ biển

Sự cường điệu này nhấn mạnh số lượng quân lính rất lớn mà các vị vua này đã hợp lại. Tương tự câu: “Một đạo quân lớn xuất hiện đông đến nỗi như cát trên bờ biển.”

Mê-rôm

Đây là tên một địa danh.

Joshua 11:6

Ta sẽ nạp thây của tất cả chúng nó cho Y-sơ-ra-ên

Đức Giê-hô-va khiến Y-sơ-ra-ên có thể chiến thắng quân đội của kẻ thù và giết tất cả quân lính ở đây được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đã giết tất cả các quân lính của kẻ thù và giao cho Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: “Ta sẽ khiến Y-sơ-ra-ên giết tất cả quân lính chúng trong chiến trận.”

Cắt nhượng ngựa

“đánh què ngựa bọn chúng bằng cách cắt chân ngựa”. Thực tế thì khi những gân phía sau chân ngựa bị cắt thì ngựa không thể đi lại được.

Mê-rôm

Đây là tên một địa danh.

Joshua 11:8

Đức Giê-hô-va phó chúng vào tay Y-sơ-ra-ên

Ở đây từ “tay” tượng trưng cho quyền lực. Đức Giê-hô-va khiến cho đội quân Y-sơ-ra-ên chiến thắng kẻ thù của họ như thể Đức Giê-hô-va giao kẻ thù vào tay Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu “Đức Giê-hô-va khiến Y-sơ-ra-ên chiến thắng kẻ thù”

Dùng gươm đánh, truy đuổi chúng ...giết chúng

Ở đây từ “gươm” tượng trưng cho tất cả các loại vũ khí mà họ thường dùng để tấn công kẻ thù. Tương tự như câu “dùng mọi vũ khí để tấn công chúng ... đánh chúng”

Mít-rê-phốt Ma-im

Đây là tên một địa danh.

Gân kheo (nhượng)

Đây là một thực tế khi gân kheo của chân bị cắt thì những con ngựa không thể chạy được. Hãy dịch từ này theo cách tương tự bạn đã dịch trong JOS 11:6.

Joshua 11:10

Ông dùng gươm giết vua thành nầy

“Giô-suê dùng gươm giết vua thành Hát-so”

Hát-so xưa vốn đứng đầu các vương quốc đó

Hát-so là nước quan trọng nhất được coi như đứng đầu trong tất cả các vương quốc. Tương tự câu: Hát-so chính là nước quan trọng nhất trong tất cả các vương quốc.

Họ dùng gươm giết tất cả người trong thành ... không để một vật có hơi thở nào còn sống sót

Hai cụm từ này có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh sự tận diệt hoàn toàn.

Ông để dành chúng cho sự hủy diệt

Từ “Ông” ở đây nói đến Giô-suê và là phép hoán dụ cho đội quân mà ông lãnh đạo. Sự tận diệt mọi vật sống trong thành được nói đến như thể những sinh vật sống đó được dành riêng cho sự hủy diệt. Tương tự câu: “Quân đội hủy diệt hoàn toàn bọn chúng.”

Joshua 11:12

Giết chúng bằng gươm

"giết chúng"

Thành ở trên đồi núi

"những thành được cất trên các ngọn đồi nhỏ."

Joshua 11:14

Về phần mình

Cụm từ này nói đến quân đội Y-sơ-ra-ên.

Họ dùng gươm giết mọi người và tận diệt chúng. Họ không để cho một người nào sống sót.

Hai cụm từ này cùng mang nghĩa tương tự và nhấn mạnh sự tận diệt.

Giô-suê không bỏ sót điều nào mà Đức Giê-hô-va phán dặn

Cụm từ mang nghĩa phủ định này nhấn mạnh rằng Giô-sua đã làm mọi điều mà Đức Giê-hô-va phán dặn. Tương tự câu: “Giô-suê đã làm mọi điều mà Đức Giê-hô-va phán dặn”

Joshua 11:16

Núi Ha-lát ... Ba-anh Gát

Đây là tên các địa danh.

Joshua 11:18

Vì Đức Giê-hô-va đã khiến các vua ấy cứng lòng

Đức Giê-hô-va khiến người trong các thành ấy ngoan cố như thể Đức Giê-hô-va đã làm cho lòng họ cứng lại. Tương tự câu: “Đó là vì Đức Giê-hô-va đã khiến họ hành động cách ngoan cố.”

Joshua 11:21

A-na-kim

Đây là dòng dõi của A-nác

Đê-bia ... A-náp

Đây là tên các địa danh.

Joshua 11:23

Giô-suê ban xứ ấy cho Y-sơ-ra-ên làm sản nghiệp

Giô-suê ban vùng đất cho Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể ông cho Y-sơ-ra-ên một di sản như là một sản nghiệpđời đời. Tương tự câu: “Giô-suê ban vùng đất cho Y-sơ-ra-ên như là một sản nghiệp đời đời.”

Xứ được yên ổn, không còn giặc giã

Mọi người không còn chiến tranh nữa, như thể vùng đất này là hình ảnh một người đã nghỉ ngơi khỏi những cuộc chiến tranh. Tương tự câu: “người ta không còn chiến tranh trong vùng đất này nữa” hay là “đã có sự hòa bình trong xứ”

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Joshua 11:1
Gia-bin, vua Hát-so đã làm gì khi ông biết dân Y-sơ-ra-ên đã chiến thắng tại Ga-ba-ôn?
Ông sai sứ giả đến gặp nhiều vua từ khu vực đó.
Joshua 11:3
Gia-bin, vua Hát-so đã làm gì khi ông biết dân Y-sơ-ra-ên đã chiến thắng tại Ga-ba-ôn?
Ông sai sứ giả đến gặp nhiều vua từ khu vực đó.
Joshua 11:4
Các vua phản ứng gì với thông điệp của Gia-bin?
Đáp lại thông điệp của Gia-bin, các vua này đã hẹn nhau đến đóng trại chung gần nước Mê-rôm, đặng giao chiến cùng Y-sơ-ra-ên.
Quân số của họ trông như thế nào?
Quân số của họ đông như cát trên bờ biển.
Joshua 11:5
Các vua phản ứng gì với thông điệp của Gia-bin?
Đáp lại thông điệp của Gia-bin, các vua này đã hẹn nhau đến đóng trại chung gần nước Mê-rôm, đặng giao chiến cùng Y-sơ-ra-ên.
Joshua 11:6
Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê sẽ làm gì sau trận đánh?
Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê rằng Ngài sẽ làm què quặt ngựa của chúng và đốt cháy chiến mã của chúng.
Joshua 11:10
Giô-suê làm gì với Hát-so và vua của nó?
Giô-suê phóng hỏa thành và dùng gươm giết vua ấy.
Joshua 11:11
Giô-suê làm gì với Hát-so và vua của nó?
Giô-suê phóng hỏa thành và dùng gươm giết vua ấy.
Joshua 11:12
Giô-suê làm gì với những vua còn lại và những thành đã gây chiến với Y-sơ-ra-ên?
Giô-suê bắt các vua và giết họ, nhưng ông không phóng hỏa các thành của họ.
Joshua 11:13
Giô-suê làm gì với những vua còn lại và những thành đã gây chiến với Y-sơ-ra-ên?
Giô-suê bắt các vua và giết họ, nhưng ông không phóng hỏa các thành của họ.
Joshua 11:14
Môi-se đã ra lệnh Giô-suê làm gì?
Môi-se đã ra lệnh Giô-suê phải giết hết thảy người ở đó.
Joshua 11:15
Giô-suê có làm mọi điều mà Môi-se đã truyền ông phải làm không?
Vâng. Giô-suê có làm mọi điều mà Môi-se đã truyền ông phải làm.
Joshua 11:19
Thành phố duy nhất nào lập hòa cùng Y-sơ-ra-ên?
Ga-ba-ôn là thành duy nhất lập hòa cùng Y-sơ-ra-ên.

Chapter 12
Joshua 12:1
Nầy
Từ này được dùng ở đây để đánh dấu sự gián đoạn trong cốt truyện chính. Ở đây tác giả bắt đầu cung cấp thông tin về bối cảnh.
A-ra-ba ... A-rô-e
Đây là tên các địa danh.
Si-hôn ... Hết-bôn
Hãy dịch những từ này tương tự theo cách mà bạn đã dịch trong JOS 9:10.
Joshua 12:3
Biển Ki-nê-rết
Đây là một địa danh. Hãy dịch theo cách tương tự trong JOS 11:2.
Bết Giê-si-mốt ... núi Phích-ga ... Ách-ta-rốt ... Ết-rê-i ... Sanh-ca
Đây là tên các địa danh.
Óc, vua Ba-san
Hãy dịch những từ này tương tự theo cách bạn đã dịch trong JOS 9:10.
Dân Rê-pha-im ... dân Ma-ca-thít
Đây là tên của các nhóm người.
Joshua 12:6
Người Ru-bên
Đây là dòng dõi của Ru-bên.
Người Gát
Đây là dòng dõi của Gát.
Phân nửa bộ tộc Ma-na-se
Gọi là phân nửa bởi vì một nửa kia của bộ tộc đã nhận một phần sản nghiệp tại vùng đất Ca-na-an.
Joshua 12:7
Ba-anh-Gát ... Núi Ha-lát ... A-ra-ba
Đây là tên các địa danh.
Joshua 12:9
Ê-na-im ... Giạt-mút ... La-ki ... Éc-lôn ... Ghê-xe
Đây là tên của các thành phố. Dịch chữ “Giạt-mút,” “La-ki,” và “Éc-lôn” giống như bạn đã làm trong [JOS 10:3]
Joshua 12:13
Đê-bia ... Ghê-đe ... Họt-ma ... A-rát ... Líp-na ... A-đu-lam ... Ma-kê-đa
Đây là tên của các thành phố.
Joshua 12:17
Tháp-bu-ách ... Hê-phe ... A-phéc ... Sa-rôn ... Ma-đôn ... Hát-so ... Sim-rôn Mê-rôn ... Ạc-sáp
Đây là tên của các thành phố.
Joshua 12:21
Tha-a-nác ... Mê-ghi-đô ... Kê-đe ... Giốc-nê-am ... Đô-rơ ... Gô-im ... Tiệt-sa
Đây là tên của các thành phố.
Tất cả là ba mươi mốt vua
Tất cả

Translation Questions

Joshua 12:1
Dân Y-sơ-ra-ên làm gì với xứ bên phía đông Giô-đanh?
Họ chiếm lấy xứ ở bên kia sông Giô-đanh, về phía mặt trời mọc.
Joshua 12:6
Ai hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên khi họ đánh bại dân ở phía đông Giô-đanh?
Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va hướng dẫn họ khi họ đánh bại dân ở phía đông Giô-đanh.
Joshua 12:7
Ai hướng dẫn dân Y-sơ-ra-ên khi họ đánh bại dân ở phía tây Giô-đanh?
Giô-suê hướng dẫn họ khi họ đánh bại dân ở phía tây Giô-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đanh.
Joshua 12:24
Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên chế ngự bao nhiêu vua trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ?
Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên chế ngự ba mươi mốt vua trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ

Chapter 13
Joshua 13:2
Đây là đất còn lại
Bạn phải nói rõ rằng đây là phần đất mà Y-sơ-ra-ên vẫn còn cần phải đánh chiếm.Tương tự câu: “Đây là phần đất còn lại để dân Y-sơ-ra-ên đánh chiếm”
Si-cô
Đây là tên một địa danh.
Vốn được coi là thuộc về dân Ca-na-an
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “mà bây giờ dân Ca-na-an xem như đó là sản nghiệp của họ”
A-vim
Đây là tên một nhóm người.
Joshua 13:4
Mê-a-ra ... A-phéc ... Ba-anh Gát ... Núi Hẹt-môn
Đây là tên các địa danh.
Dân Ghi-bê-lít
Đây là tên của một nhóm người sống ở Ghê-banh.
Joshua 13:6
Mít-rê-phốt Ma-im
Tên một địa danh
Xứ nầy ... làm sản nghiệp
Phần đất mà Y-sơ-ra-ên sẽ nhận lấy được nói đến như là một phần sản nghiệp đời đời mà họ sẽ có được.
Joshua 13:8
A-rô-e ... Mê-đê-ba ... Đi-bôn
Đây là tên các địa danh.
Thung lũng
Một nơi có sông ở phía xa bên dưới vùng đất chỗ sườn núi.
Miền bình nguyên
Vùng đất phẳng ở phía bên trên sông
Joshua 13:10
Hết-bôn ... Sanh-ca ... Ách-ta-rốt ... Ết-rê-i
Đây là tên các địa danh.
Dân Ma-ca-thít ... dân Rê-pha-im
Đây là tên của các nhóm người.
Địa phận dân Ghê-su-rít
“Phần đất mà dân Ghê-su-rít sống”
Môi-se đánh bại chúng
“Môi-se” ở đây tức là quân đội Y-sơ-ra-ên mà Môi-se đã lãnh đạo. Tương tự câu: “Môi-se và người Y-sơ-ra-ên đã tấn công chúng”
Joshua 13:13
Dân Ghê-su-rít và dân Ma-ca-thít
Đây là tên các nhóm người.
Ghê-sua và dân Ma-a-ca còn ở giữa dân Y-sơ-ra-ên"
Cả “Ghê-sua” và “Ma-a-ca” đều là tên của tổ tiên “dân Ghê-su-rít” và “dân Ma-ca-thít” hay tên của thành phố mà họ sống. Tương tự câu: “Những người đó sống ở giữa dân Y-sơ-ra-ên”
Cho đến ngày nay
Ở đây đề cập đến khoảng thời gian mà tác giả đang viết sách này.
Joshua 13:14
Môi-se không cấp sản nghiệp
Phần đất mà Môi-se đã chia cho các bộ tộc của Y-sơ-ra-ên được nói đến như là một phần sản nghiệp đời đời mà họ nhận được.
Những tế lễ dâng bằng lửa cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ... là sản nghiệp của họ"
Tác giả nói đến sự vinh dự lớn lao của người Lê-vi có được nhờ phục vụ Đức Giê-hô-va với chức vụ là các thầy tế lễ,đó là những của lễ chính là sản nghiệp của họ. Câu tương tự: “Những tế lễ dâng bằng lửa cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời.. là phần chu cấp cho họ”
Những tế lễ dâng bằng lửa cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời
“Những của lễ mà người ta mang đến cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời”
Dâng bằng lửa
Ở đây có thể được trình bày bằng thể chủ động. Câu tương tự: “mà các thầy tế lễ đốt bằng lửa”
Joshua 13:15
A-rô-e ... Mê-đê-ba
Đây là tên các địa danh.
Thung lũng ... miền bình nguyên
Hãy dịch những chữ này tương tự cách mà bạn đã làm trong JOS 13:9.
Joshua 13:17
Hết-bôn ... Đi-bôn ... Ba-mốt-Ba-anh ... Bết-Ba-anh-Mê-ôn ... Gia-hát ... Kê-đê-mốt ... Mê-phát ... Ki-ri-a-ta-im ... Síp-ma ... Xê-rết-Ha-sa-cha
Đây là tên các địa danh.
Joshua 13:20
Bết-Pê-o ... Pít-ga ... Bết-Giê-si-mốt ... Hết-bôn
Đây là tên của các địa danh.
Si-hôn...Ê-vi ... Rê-kem ... Xu-rơ ... Hu-rơ ... Rê-ba
Đây là các tên của người.
Với các thủ lĩnh Ma-đi-an
“ông cũng đã đánh bại các thủ lĩnh của Ma-đi-an”
Joshua 13:22
Đây là ranh giới của họ
Sông Giô-đanh là biên giới phía tây của địa phận mà bộ tộc Ru-bên nhận được.
Đó là sản nghiệp của người Ru-bên
Phần đất mà Môi-se chia cho bộ tộc Ru-bên được nói đến như đó là một phần sản nghiệp đời đời mà bộ tộc Ru-bên nhận được.
Được cấp theo từng gia tộc
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “mà Môi-se đã cấp cho mỗi gia tộc”
Joshua 13:24
Gia-ê-xe ... A-rô-e ... Hết-bôn ... Ra-mát Mít-pê ... Bê-tô-nim ... Ma-ha-na-im ... Đê-bia
Đây là tên của các địa danh.
Joshua 13:27
Bết Ha-ram ... Bết Nim-ra ... Xa-phôn ... Hết-bôn
Đây là tên của các địa danh.
Joshua 13:29
Môi-se cũng cấp một phần đất cho phân nửa bộ tộc Ma-na-se

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vùng đất mà Môi-se cấp cho phân nửa bộ tộc Ma-na-se được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà Môi-se cấp cho họ làm sản nghiệp đời đời.

Phân nửa bộ tộc Ma-na-se

Chỉ có phân nửa bộ tộc Ma-na-se được nhận phần đất này bởi vì nửa còn lại đã nhận phần đất bên kia bờ sông Giô-đanh.

Được cấp cho

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Môi-se đã cấp cho”

Ma-ha-na-im ... Giai-rơ ... Ách-ta-rốt ... Ết-rê-i

Đây là tên của các địa danh.

Ma-ki

Đây là tên của một người nam.

Những vùng đất này được cấp

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Môi-se đã cấp những vùng đất này”

Joshua 13:32

Đó là sản nghiệp mà Môi-se đã phân chia

Vùng đất mà Môi-se đã cấp cho các bộ tộc của Y-sơ-ra-ên ở bờ phía đông của sông Giô-đanh được nói đến như thể đó là một sản nghiệp đời đời mà Môi-se đã chia cho họ. Tương tự câu: “Đây là vùng đất mà Môi-se cấp cho họ làm sản nghiệp”

Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, là phần sản nghiệp của họ

Tác giả nói đến sự vinh dự lớn lao của người Lê-vi có được nhờ phục vụ Đức Giê-hô-va với chức vụ là các thầy tế lễ, Đức Giê-hô-va như thể là sản nghiệp thừa kế của họ. Tương tự câu: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên chính là sản nghiệp mà họ có”

Translation Questions

Joshua 13:1

Tại sao Đức Giê-hô-va phán với Giô-suê rằng phần xứ phải đánh lấy hãy còn nhiều lắm?

Đức Giê-hô-va phán với Giô-suê rằng phần xứ phải đánh lấy hãy còn nhiều lắm vì Giô-suê đã già tuổi đã cao.

Joshua 13:6

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê làm gì sau khi Ngài đuổi dân trong xứ trước mặt quân Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê bắt thăm chia xứ cho Y-sơ-ra-ên làm sản nghiệp như Đức Giê-hô-va đã truyền.

Joshua 13:7

Xứ phải được chia cho ai?

Xứ phải được chia làm cơ nghiệp cho chín chi phái và nửa chi phái Ma-na-se.

Joshua 13:8

Hai chi phái khác và nửa chi phái còn lại đã lãnh cơ nghiệp ở đâu?

Một nửa chi phái Ma-na-se, chi phái Ru-bên và Gát đã lãnh cơ nghiệp ở bên kia sông Giô-đanh về phía đông.

Joshua 13:14

Môi-se không giao cơ nghiệp cho chi phái nào?

Môi-se không giao cơ nghiệp cho chi phái Lê-vi.

Môi-se giao cơ nghiệp gì cho chi phái Lê-vi?

Môi-se giao cho chi phái Lê-vi "những của lễ dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, được dâng bằng lửa" làm cơ nghiệp.

Joshua 13:23

Địa phận của chi phái Ru-bên ở đâu?

Địa phận người Ru-bên có sông Giô-đanh làm giới hạn.

Chapter 14

Joshua 14:1

Đây là sản nghiệp mà dân Y-sơ-ra-ên nhận lãnh

Vùng đất mà dân Y-sơ-ra-ên nhận, được nói đến như thể đó là những tài sản thừa kế mà họ được nhận làm sản nghiệp đời đời.

Được cấp cho họ bởi thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, Giô-suê con trai của Nun, và bởi các trưởng tộc trong các chi tộc của Y-sơ-ra-ên

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu. “do thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, Giô-suê, con trai Nun, và các trưởng tộc trong các chi tộc của Y-sơ-ra-ên phân phát cho họ”

Các trưởng tộc

"các tộc trưởng của các bộ tộc"

Joshua 14:2

Họ bắt thăm để phân chia sản nghiệp

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Ê-lê-a-sa, Giô-suê, và các trưởng tộc đã bắt thăm để phân chia sản nghiệp”

Bởi tay Môi-se

Chữ “tay” ở đây tức là chính Môi-se và có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã sử dụng Môi-se như một người đại diện để thực thi mạng lệnh của Ngài. Tương tự câu: “qua Môi-se”

Môi-se đã cấp sản nghiệp cho hai bộ tộc và phân nửa bộ tộc ở bên kia sông Giô-đanh nhưng ông không cấp cho người Lê-vi sản nghiệp nào giữa các bộ tộ

Phân nửa bộ tộc ở bên kia sông Giô-đanh nhưng ông không cấp cho người Lê-vi sản nghiệp nào

Người Lê-vi không được cấp phần đất nào làm sản nghiệp

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Và Môi-se đã không cấp một phần đất nào làm sản nghiệp cho người Lê-vi”

Phần

"phần"

Mà chỉ được cấp các thành để ở

Động từ này có thể được lấy từ cụm từ trước đó. Tương tự câu: “nhưng ông chỉ cấp cho họ các thành để ở”

Những đồng cỏ

Những cánh đồng cỏ cho vật nuôi ăn

Những nguồn cung ứng thuộc thể

Là những thứ về thuộc thể mà họ cần để nuôi gia đình

Joshua 14:6

Giê-phu-nê

Đây là tên một người nam.

Người Kê-nít

Đây là tên của một nhóm người.

Tôi trở về báo cáo cách trung thực đúng theo lòng tôi

Chữ “lòng” ở đây thay cho những suy nghĩ, nhận định. Cụm từ này là một cáchdiễn đạt nói đến báo cáo đó được tường trình một cách trung thực. Tương tự câu: “Tôi đã đem đến cho người một báo cáo trung thực.”

Joshua 14:8

Đã làm cho dân chúng sờn lòng

Làm cho mọi người rất sợ hãi được diễn tả như thể họ bị

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sờn lòng. Tương tự câu: “làm cho dân chúng rất sợ hãi”

Còn tôi trung thành vâng theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tôi

Trung thành với Đức Giê-hô-va được nói như là hoàn toàn vâng theo Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “Tôi giữ lòng trung thành với Đức Giê-hô-va”

Vùng đất này ... sẽ thuộc về anh và con cháu anh làm sản nghiệp đời đời

Vùng đất mà Ca-lép và dòng dõi của ông nhận, được nói đến như thể nó là một tài sản thừa kế mà họ sẽ được nhận làm sản nghiệp đời đời.

Vùng đất mà chân anh đã đạp đến

Ở đây “chân anh” thay thế cho Ca-lép. Tương tự câu: “Vùng đất mà anh đã đạp chân lên đó”

Joshua 14:10

Kìa

“hãy chú ý.”Từ này nhấn mạnh thêm điều sắp nói.

Trong lúc Y-sơ-ra-ên còn đi trong hoang mạc

"trong lúc dân Y-sơ-ra-ên còn lang thang trong hoang mạc."

Hiện nay tôi vẫn còn mạnh khỏe như ngày xưa

"Tôi vẫn còn mạnh khỏe như khi xưa"

Vào ra

Câu này là cách diễn đạt nói tới những hoạt động thường ngày. Tương tự câu: “Những điều tôi làm hàng ngày.”

Joshua 14:12

Vùng đồi núi

Những nghĩa có thể là: 1) nhiều ngọn đồi lớn hay những ngọn núi nhỏ hoặc là 2) một ngọn núi.

Dân A-na-kim

Đây là tên của một nhóm người.

Joshua 14:13

Cấp Hếp-rôn cho Ca-lép làm sản nghiệp

Hếp-rôn được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà Ca-lép được nhận làm sản nghiệp đời đời.

Cho đến ngày nay

Ở đây nói đến khoảng thời gian mà tác giả viết sách này.

Ông trung thành vâng theo Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời

Trung thành với Đức Giê-hô-va được nói đếnnhư là hoàn toàn vâng theo Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “ông giữ lòng trung thành với Đức Giê-hô-va”

Ki-ri-át A-ra-ba

Đây là một địa danh

Từ đó về sau, xứ sở được bình yên, không còn giặc giã

Người dân không còn đánh nhau nữa được nói như thể vùng đất này giống nhưmột người được nghỉ ngơi không còn chiến tranh với ai nữa. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [JOS 11:23]

Translation Questions

Joshua 14:4

Hai chi phái nào làm nên chi phái của Giô-sép?

Chi phái Ma-na-se và Ép-ra-im làm nên chi phái của Giô-sép.

Joshua 14:7

Ca-lép được bao nhiêu tuổi khi Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, sai ông đi do thám xứ?

Ông được bốn mươi tuổi khi Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, sai ông từ Ca-đe-Ba-nê-a đi do thám xứ

Joshua 14:9

Môi-se thề sẽ ban gì cho Ca-lép?

Môi-se thề sẽ ban cho Ca-lép đất mà chân ông đạp đến để làm sản nghiệp cho ông và con cái ông mãi mãi.

Joshua 14:10

Ca-lép được bao nhiêu tuổi khi ông đến gặp Giô-suê?

Ca-lép được tám mươi lăm tuổi khi ông đến gặp Giô-suê.

Joshua 14:12

Ca-lép xin Giô-suê cho ông điều gì?

Ca-lép xin Giô-suê cho ông miền cao nguyên để làm cơ nghiệp.

Chapter 15

Joshua 15:1

Xin

Đây là tên của một vùng hoang mạc

Vùng vịnh

Phần nhỏ của biển lấn sâu vào đất liền

Từ cuối Biển Muối, tức là từ vùng vịnh hướng về phía nam

“từ vùng vịnh hướng về phía nam, tức là từ cuối Biển Muối.” Hai câu này đều nói đến cùng một địa điểm. Cụm từ thứ hai nói rõ hơn về địa điểm mà tại đó biên giới phía nam bắt đầu.

Hướng về phía nam

“quay hướng về phía nam”

Joshua 15:3

Ranh giới của họ

“Ranh giới của phần đất thuộc về bộ tộc Giu-đa”

Ạc-ráp-bim ... Xin ... Hết-rôn ... Át-đa ... Cạt-ca ... Át-môn

Đây là tên các địa danh.

Suối Ai Cập

Một dòng sông nhỏ ở bờ tây nam của vùng đất, gần Ai Cập

Joshua 15:5

Nơi cửa sông Giô-đanh

Nơi dòng sông đổ ra biển được nói đến như là đó là cửa sông.

Ranh giới ... chạy

“ranh giới ...là”

Bết Hốt-la ... Bết A-ra-ba

Đây là tên của các địa danh.

Hòn đá Bô-han

Ở đây giống như một hòn đá lớn mà người ta dùng để đặt làm mốc ranh giới và được đặt theo tên người, là Bô-han.

Joshua 15:7

Đê-bia ... thung lũng A-cô ... dốc A-đu-mim ... Ên Sê-mết ... Ên Rô-ghên ... thung lũng Bên Hi-nôm ... thung lũng Rê-pha-im

Đây là tên các địa danh.

Joshua 15:9

Nép-thô-ách .. núi Ép-rôn ... Ba-la ...Ki-ri-át Giê-a-rim ... Núi Sê-i-rơ ... Núi Giê-a-rim ... Kê-sa-lôn ... Bết Sê-mết ... Thim-na

Đây là tên các địa danh.

Joshua 15:11

Siếc-rôn ... núi Ba-la ... Giáp-nê-ên

Đây là tên của các địa danh.

Joshua 15:13

Ki-ri-át A-ra-ba ... Đê-bia ... Ki-ri-át Sê-phe

Đây là tên của các địa danh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

A-ra-ba ... A-nác ... Sê-sai ... A-hi-man ... Tha-mai
Đây là tên người.
Ba con trai của A-nác: Sê-sai, A-hi-man, và Tha-mai, dòng dõi của A-nác
Những cái tên này tiêu biểu cho gia tộc của những ai là con cháu của Sê-sai, A-hi-man, và Tha-mai. Chữ “con trai” và “dòng dõi” ở đây có cùng ý nghĩa với nhau. Tương tự câu: “ba gia tộc, Sê-sai, A-hi-man, và Tha-mai, là dòng dõi của A-nác”
Từ đó ông đi lên đánh
“Từ đó ông đi lên để đánh”
Joshua 15:16
Ki-ri-át Sê-phe
Đây là tên của một địa danh.
Ạc-sa
Đây là tên một người nữ.
Ốt-ni-ên ... Kê-na
Đây là tên của những người nam.
Joshua 15:18
Khi Ạc-sa về với Ốt-ni-ên
Đây là cách diễn đạt để nói đến việc Ạc-sa trở nên vợ của Ốt-ni-ên. Tương tự câu: “Khi Ạc-sa trởnên vợ của Ốt-ni-ên”
Nàng thuyết phục chàng xin cha nàng một thửa ruộng
Ở đây có thể được dịch như câu tường thuật trực tiếp. Tương tự câu: “Nàng cố gắng thuyết phục chàng, ‘hãy xin cha tôi cho tôi một thửa ruộng’”
Joshua 15:19
Các suối nước ở miền trên và miền dưới
Chữ “miền trên” và “miền dưới” là nói đến độ cao về mặt địa lý của các suối nước.
Joshua 15:20
Đó là sản nghiệp của bộ tộc Giu-đa
Phần đất mà bộ tộc Giu-đa nhận, được nói đến như đó là phần sản nghiệp đời đời mà họ có được.Tương tự câu: “Đây là phần đất mà bộ tộc Giu-đa đã nhận được như là một phần sản nghiệp”
Theo từng gia tộc của họ
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “mà Giô-suê đã cấp cho từng gia tộc của họ”
Joshua 15:21
Câu Kết nối:
Tác giả liệt kê các thành ở cực nam mà Giu-đa nhận làm sản nghiệp. Danh sách này tiếp tục trong [JOS 15:32]
Joshua 15:25
Câu Kết nối:
Danh sách của các thành tiếp theo.
Joshua 15:29
Câu Kết nối:
Danh sách của các thành tiếp theo.
Joshua 15:33
Thông tin Tổng quát:
Tác giả liệt kê các thành phía bắc mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.
Joshua 15:37
Câu Kết nối:
Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.
Joshua 15:40
Câu Kết nối:
Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.
Joshua 15:42
Câu Kết nối:
Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.
Joshua 15:45
Câu Kết nối:
ác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.
Khu định cư
“làng mạc”
Suối Ai Cập
Một dòng sông nhỏ ở bờ tây nam của phần đất gần Ai Cập
Joshua 15:48
Câu Kết nối:
Tác giả liệt kê các thành mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.
Joshua 15:52
Câu Kết nối:
Tác giả liệt kê các thành mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.
Joshua 15:55
Câu Kết nối:
Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp
Joshua 15:58
Câu Kết nối:
Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.
Joshua 15:60
Câu Kết nối:
Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.
Joshua 15:63
Cho đến ngày nay
Ở đây nói đến khoảng thời gian mà tác giả viết sách này.

Translation Questions

Joshua 15:1
Giới hạn phía nam đến phần đất của Giu-đa được mở rộng là gì?
Giới hạn phía nam chính là đồng vắng Sin.
Joshua 15:5
Giới hạn về hướng đông trong xứ của Giu-đa?
Giới hạn về hướng đông là Biển Mặn.
Joshua 15:8
Thành của dân Giê-bu-sít tên gì?
Thành của dân Giê-bu-sít tên là Giê-ru-sa-lem.
Joshua 15:12
Biên giới phía tây của người Giu-đa là gì?
Biên giới phía tây của người Giu-đa là Biển Lớn và vùng duyên hải.
Joshua 15:19
Ca-lép ban gì cho Ách-sa, con gái ông, khi nàng xin?
Ca-lép cho Ách-sa các suối ở trên và ở dưới.
Joshua 15:63
Người Giu-đa không đuổi được dân nào ra khỏi Giê-ru-sa-lem?
Người Giu-đa không đuổi được dân Giê-bu-sít ra khỏi Giê-ru-sa-lem.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 16

Joshua 16:1

Con cháu Giô-sép

Cụm từ “con cháu Giô-sép” bao gồm những con cháu của hai con trai Giô-sép, là Ma-na-se và Ép-ra-im. Vì phân nửa bộ tộc Ma-na-se đã nhận phần đất phía Đông của sông Giô-đanh, nên cụm từ này nói đến bộ tộc của Ép-ra-im và nửa còn lại của bộ tộc Ma-na-se. Tương tự câu: “Bộ tộc của Ép-ra-im và nửa còn lại của bộ tộc Ma-na-se”

Lu-xơ ... A-ta-rốt

Đây là những địa danh.

Dân A-rê-kít

Đây là tên của một nhóm người

Joshua 16:3

Dân Giáp-lê-tít

Đây là tên của một nhóm người

Bết Hô-rôn Hạ ... Ghê-xe

Đây là những địa danh.

Con cháu của Giô-sép, là Ma-na-se và Ép-ra-im

"các bộ tộc Ma-na-se và Ép-ra-im, là con trai của Giô-sép"

Đã nhận lãnh phần sản nghiệp của họ

Vùng đất mà các bộ tộc của Ma-na-se và Ép-ra-im sở hữu được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế họ nhận được làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “đã nhận vùng đất này làm sản nghiệp của họ.”

Joshua 16:5

Địa phận này ... đã được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Địa phận này ... mà Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ”

A-tê-rốt A-đa ... Bết Hô-rôn Thượng ... Mít-mê-thát ... Tha-a-nát Si-lô ... Gia-nô-ách ... Na-ra-tha

Đây là các địa danh.

Joshua 16:8

Tháp-bu-ách ... Ca-na

Đây là các địa danh.

Đó là sản nghiệp của bộ tộc Ép-ra-im

Vùng đất mà Ép-ra-im sở hữu được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận được làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất mà bộ tộc Ép-ra-im được nhận làm sản nghiệp.”

Đã được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Vùng đất mà Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ”

Những thành dành riêng

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những thành mà Giô-suê đã dành riêng”

Trong sản nghiệp của người Ma-na-se

Vùng đất mà bộ tộc Ma-na-se sở hữu được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận được làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Trong vùng đất mà người Ma-na-se đã nhận làm sản nghiệp.”

Joshua 16:10

Cho đến ngày nay

Ở đây nói đến khoảng thời gian mà tác giả viết sách này.

Chúng bị cưỡng bách lao động như nô lệ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Người Y-sơ-ra-ên buộc những dân này phải lao động như nô lệ.”

Translation Questions

Joshua 16:4

Hai chi phái nào của Giô-sép cùng nhận sản nghiệp?

Các chi phái của Giô-sép và Ép-ra-im, con cháu của Giô-sép.

Joshua 16:10

Chi phái Ép-ra-im không đuổi dân nào ra khỏi Ghê-xe?

Chi phái Ép-ra-im không thể đuổi dân Ca-na-an ra khỏi Ghê-xe.

Chapter 17

Joshua 17:1

Ông là người con đầu lòng

“Ông chính là người con cả”

Ma-ki ... A-bi-ê-se, Hê-léc, Át-ri-ên, Si-chem, Hê-phe, và Sê-mi-đa

Đây là tên của những người nam.

Con cháu của Ma-ki được cấp cho vùng đất Ga-la-át và Ba-san

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê cấp vùng đất Ga-la-át và Ba-san cho con cháu của Ma-ki”

Đất được cấp ... chia đất theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp đất ... và chia chúng theo từng gia tộc của họ”

Joshua 17:3

Xê-lô-phát ... Hê-phe ... Ê-lê-a-sa

Đây là tên của những người nam.

Mách-la, Nô-a, Hốt-la, Minh-ca và Tiệt-sa

Đây là tên của những người nữ.

Ban cho chúng tôi một phần sản nghiệp

Vùng đất được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Ban cho chúng tôi đất làm sản nghiệp.”

Ông cấp cho các cô ấy một phần sản nghiệp

Những ý nghĩa có thể là 1) “Giô-suê đã cấp cho những cô gái ấy một phần sản nghiệp” hoặc 2) “Ê-lê-a-sa cấp cho các cô ấy một phần sản nghiệp.”

Joshua 17:5

Được mười phần đất

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp mười phần đất”

Mười phần đất

“Mười phần”

Có một phần sản nghiệp

Vùng đất được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “được nhận đất như một phần sản nghiệp”

Đất Ga-la-át được chia cho

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp đất Ga-la-át”

Joshua 17:7

Phía nam

“chạy về phía nam”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mít-mê-tháp ... Tháp-bu-ách
Đây là các địa danh.
Joshua 17:9
Ranh giới
“Ranh giới của Ma-na-se”
Suối
Một dòng sông rất nhỏ
Ca-na
Tên của một dòng suối
Phía bắc tiếp giáp với A-se
Những ý nghĩa có thể là 1) “Đó là ranh giới của Ma-na-se về phía bắc giáp với đất thuộc về bộ tộc A-se” hay là 2) “Người ta có thể đi về phía bắc đến đất của A-se”. Tương tự câu: “A-se ở phía bắc” hay là “Người ta có thể đi về phía bắc để đến đất A-se”
Phía đông tiếp giáp với Y-sa-ca
Động từ này có thể được lấy từ cụm từ trước đó. Tương tự câu: “Đi về phía đông,người ta có thể đến Y-sa-ca”
Joshua 17:11
Bết Sê-an ... Díp-lê-am ... Đô-rơ ... Ên-đô-rơ ... Tha-na-ác ... Mê-ghi-đô ... Na-phốt
Đây là những địa danh.
Joshua 17:14
Con cháu Giô-sép
Câu này nói đến các bộ tộc của Ép-ra-im và Ma-na-se.
Vì Đức Giê-hô-va đã ban phước cho chúng tôi... Vậy tại sao ông chia cho chúng tôi chỉ có một phần đất làm sản nghiệp thôi?
Dân của hai bộ tộc Ép-ra-im và Ma-na-se hỏi câu này để nhấn mạnh rằng Giô-suê nên cấp cho họ thêm đất. Tương tự câu: “Ông nên chia cho chúng tôi thêm đất...Vì Đức Giê-hô-va đã ban phước cho chúng tôi.”
Một phần và một khoảnh đất làm sản nghiệp
Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Trong cụm từ thứ hai, vùng đất được nói đến đó như thể tài sản thừa kế mà dân đó nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Một phần đất được cấp làm sản nghiệp của chúng tôi”
Phần
phần
Một dân đông người
“nhiều người”
Nếu anh em đông như vậy
“Vì anh em đông như vậy”
Dân Rê-pha-im
Đây là tên của một dân.
Joshua 17:16
Bết Sê-an ... Gít-rê-ên
Đây là các địa danh.
Nhà Giô-sép
Từ “nhà” ở đây nói đến dòng dõi, con cháu. Tương tự câu: “Các con cháu của Giô-sép”
Anh em hãy lên khai phá nó
“Các anh em sẽ phát quang cây rừng” hay là “anh em sẽ chặt hạ cây rừng.”

Translation Questions

Joshua 17:1
Ai là con đầu lòng của Giô-sép?
Ma-na-se là con đầu lòng của Giô-sép.
Ma-ki là ai?
Ma-ki là con đầu lòng của Ma-na-se và là cha của Ga-la-át.
Joshua 17:4
Tại sao các con gái của Xê-lô-phát đến gặp Ê-lê-a-sa, Giô-suê, và các quan trưởng?
Các con gái của Xê-lô-phát đến gặp Ê-lê-a-sa, Giô-suê, và các quan trưởng vì họ không có anh em trai để hưởng sản nghiệp.
Giô-suê làm gì cho các con gái của Xê-lô-phát?
Giô-suê ban cho các con gái của Xê-lô-phát một phần sản nghiệp trong anh em của cha các con gái đó.
Joshua 17:13
Dân Y-sơ-ra-ên làm gì với người Ca-na-an khi dân Y-sơ-ra-ên đã được cường thạnh?
Khi dân Y-sơ-ra-ên đã được cường thạnh, bèn bắt dân Ca-na-an phải phục dịch
Joshua 17:14
Con cháu Giô-sép nói gì với Giô-suê?
Con cháu Giô-sép nói với Giô-suê rằng vùng cao nguyên không đủ cho số người của họ.
Joshua 17:15
Giô-suê nói gì với con cháu Giô-sép?
Giô-suê bảo con cháu Giô-sép tự mình đi lên rừng và khai phá vùng đất ở xứ của dân Phê-ri-xi và Rê-pha-im.

Chapter 18

Joshua 18:1
Toàn xứ đều ở dưới quyền kiểm soát của họ
Họ đã chế ngự những người sống ở vùng đất này trước khi họ dựng Lều Hội Kiến. Tương tự câu: “Sau khi họ đã chinh phục được vùng đất”
Những bộ tộc chưa được phân chia sản nghiệp
Vùng đất mà các bộ tộc sẽ nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời.
Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Các bộ tộc mà Giô-suê chưa cấp đất làm sản nghiệp.”
Joshua 18:3
Anh em còn lần lữa cho đến chừng nào ... đã ban cho anh em?
Giô-suê hỏi câu này để khuyến khích dân Y-sơ-ra-ên chiếm quyền sở hữu vùng đất. Tương tự câu: “Các anh em đã lần lữa đủ lâu rồi ... đã ban cho anh em”
Khắp xứ
Chữ “khắp” có nghĩa là theo mọi hướng. Tương tự câu: “mọi hướng của xứ” hay là “khắp vùng đất”
Vẽ bản đồ theo từng phần sản nghiệp
Điều này có nghĩa là họ sẽ vẽ bản đồ phần đất mà mỗi bộ tộc sẽ được nhận làm sản nghiệp.
Phần sản nghiệp của họ
Vùng đất mà họ vẽ bản đồ được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà mỗi bộ tộc sẽ được nhận làm sản nghiệp đời đời.
Joshua 18:5
Thông tin Tổng quát:
Giô-suê tiếp tục nóivới các con cháu của Y-sơ-ra-ên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ sẽ chia xứ
“Họ sẽ chia vùng đất”
Giu-đa sẽ lưu lại
“Bộ tộc Giu-đa sẽ ở lại”
Nhà Giô-sép
Chữ “nhà” ở đây thay thế cho con cháu của Giô-sép. Cụm từ này nói đến các bộ tộc Ép-ra-im và Ma-na-se. Tương tự câu: “Các bộ tộc của Ép-ra-im và Ma-na-se”
Joshua 18:7
Thông tin Tổng quát:
Giô-suê tiếp tục nói với các con cháu của Y-sơ-ra-ên.
Không được chia đất
“không có phần đất nào”
Vì chức tế lễ của Đức Giê-hô-va là phần sản nghiệp của họ
Giô-suê nói về vinh dự lớn lao mà người Lê-vi có được nhờ sự hầu việc Đức Giê-hô-va quachức vụ những thầy tế lễ như thể đó là phần sản nghiệp của họ. Tương tự câu: “Chức tế lễ của Đức Giê-hô-va chính là sản nghiệp mà họ có được”
Phân nửa bộ tộc Ma-na-se
“phân nửa bộ tộc Ma-na-se”
Đã lãnh phần sản nghiệp của họ
Vùng đất mà các bộ tộc đã nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đã nhận vùng đất làm sản nghiệp của họ”
Joshua 18:8
Thông tin Tổng quát
Giô-suê nói với 21 người đi xem xét khắp xứ.
Khắp xứ
Chữ “khắp” mang nghĩa là khắp mọi hướng. Tương tự câu: “khắp mọi nơi trong vùng đất” hay là “khắp vùng đất.”
Joshua 18:10
Mỗi bộ tộc được chia phần đất của họ
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã chia phần đất cho mỗi bộ tộc”
Joshua 18:11
Bộ tộc thuộc con cháu của Ben-gia-min được bắt thăm theo từng gia tộc của họ
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Mỗi gia tộc trong bộ tộc của Benjamin bắt thăm để nhận đất”
Nằm giữa bộ tộc Giu-đa và bộ tộc Giô-sép
“Nằm giữa vùng đất thuộc về dòng dõi của Giu-đa và vùng đất thuộc về dòng dõi của Giô-sép”
Bộ tộc Giô-sép
Ở đây nói đến bộ tộc Ép-ra-im và Ma-na-se.
Bết A-ven
Đây là một địa danh
Joshua 18:13
Ranh giới ... Biên giới
Những cụm từ này cùng nói đến một thứ.
Lu-xơ ... A-ta-rốt A-đa ... Bết Hô-rôn ... Ki-ri-át Ba-anh ... Ki-ri-át Giê-a-rim
Đây là các địa danh
Joshua 18:15
Ki-ri-át Giê-a-rim ... Ép-rôn ... Nép-thô-ách ... Bên Hi-nôm ... Rê-pha-im ... Hi-nôm ... Ên- Rô-ghên
Đây là các địa danh
Joshua 18:17
Ên Sê-mết ... Ghê-li-lốt ... A-đu-mim ... Bết A-ra-ba
Đây là các địa danh.
Hòn đá Bô-han
Có thể đây là một hòn đá lớn mà ai đó đã dựng để làm cột mốc và được đặt theo tên một người, là Bô-han. Hãy xem cách bạn đã dịch từ này như thế nào trong JOS 15:6.
Triền núi Bết A-ra-ba
Vùng đất nằm ở chỗ dốc hay là đỉnh núi được nói đến như là triền núi. Tương tự câu: “Dốc núi Bết A-ra-ba”
Joshua 18:19
Triền núi phía bắc của Bết A-ra-ba
Vùng đất nằm ở chỗ dốc hay là đỉnh núi được nói đế như là triền núi. Tương tự câu: “Dốc núi phía bắc của Bết A-ra-ba”
Bết Hốt-la
Đây là một địa danh.
Đây là sản nghiệp của con cháu Bên-gia-min
Vùng đất mà bộ tộc Bên-gia-min đã nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất mà bộ tộc Bên-gia-min đã nhận làm sản nghiệp.”
Được cấp theo từng gia tộc của họ
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ”
Joshua 18:21
Thông tin Tổng quát
Tác giả lên danh sách các thành trong vùng đất mà bộ tộc Bên-gia-min nhận làm sản nghiệp.
Các làng mạc của chúng
“Các làng mạc xung quanh chúng”
Joshua 18:25
Thông tin Tổng quát:
Tác giả tiếp tục liệt kê các thành trong vùng đất mà bộ tộc Ben-gia-min nhận làm sản nghiệp.
Đó là sản nghiệp của con cháu Ben-gia-min
Đất đai và các thành mà bộ tộc Bên-gia-min đã nhận, được nói đến như thể đó là tài sản thừa kế mà họnhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Bên-gia-min đã nhận làm sản nghiệp”

Translation Questions

Joshua 18:2
Khi hội dúng nhóm họp tại Si-lô, có bao nhiêu chi phái trong dân Y-sơ-ra-ên chưa được phân phát sản nghiệp?
Khi hội dúng nhóm họp tại Si-lô, có bảy chi phái trong dân Y-sơ-ra-ên chưa được phân phát sản nghiệp.
Joshua 18:4
Giô-suê sai ai đi thăm dò khắp xứ?
Giô-suê sai ba người trong mỗi bảy chi phái để thăm dò khắp xứ.
Ba người từ mỗi chi phái phải là gì để báo cáo Giô-suê?
Ba người từ mỗi chi phái phải viết phần mô tả về xứ, quan sát theo phần cơ nghiệp mình, và sau đó trở về báo cáo Giô-suê.
Joshua 18:10
Giô-suê làm gì sau khi họ đã thăm dò và trở về?
Giô-suê bắt thăm cho họ tại Si-lô trước mặt Đức Giê-hô-va sau khi họ đã thăm dò khắp xứ.
Joshua 18:11

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chi phái Ben-gia-min được trao sản nghiệp giữa hai chi phái nào?
Chi phái Ben-gia-min được trao sản nghiệp giữa con cháu Giu-đa và con cháu Giô-sép.

Chapter 19
Joshua 19:1
Bộ tộc thuộc con cháu Si-mê-ôn bắt thăm được phần đất thứ nhì
“Lần thứ hai Giô-suê bắt thăm, thì lá thăm chỉ ra bộ tộc Si-mê-ôn.”
Thứ nhì
số hai trong danh dách
Được cấp theo từng gia tộc của họ
Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp đất theo từng gia tộc của họ.” "
Con cháu Si-mê-ôn được sản nghiệp giữa phần đất của con cháu Giu-đa
Vùng đất được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà các bộ tộc nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Vùng đất mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời nằm ở giữa vùng đất mà bộ tộc Giu-đa nhận làm sản nghiệp.”
Joshua 19:2
Thông tin Tổng quát
Tác giả lập danh sách các thành phố nằm trong vùng đất mà bộ tộc Si-mê-ôn nhận làm sản nghiệp.
Con cháu Si-mê-ôn đã được sản nghiệp
Vùng đất và các thành mà bộ tộc Si-mê-ôn đã nhận, được nói đến như thể đó là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Họ có những thành sau làm sản nghiệp của họ”
Joshua 19:5
Thông tin Tổng quát:
Tác giả tiếp tục liệt kê các thành nằm trong vùng đất mà bộ tộc Si-mê-ôn nhận làm sản nghiệp.
Xiếc-lác
Dịch từ này tương tự trong JOS 15:31.
Joshua 19:8
Đó là sản nghiệp của bộ tộc Si-mê-ôn
Vùng đất và các thành mà bộ tộc Si-mê-ôn đã nhận, được nói đến như thể đó là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Si-mê-ôn đã nhận làm sản nghiệp.”
Được cấp theo từng gia tộc của họ
Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “mà Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ.”
Phần đất của con cháu Giu-đa
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “phần đất mà Giô-suê đã ấp cho bộ tộc Giu-đa.”
Giữa phần đất của họ
“giữa phần đất của người Giu-đa”
Joshua 19:10
Lần bắt thăm thứ ba
Hãy dịch cụm từ này tương tự theo cách mà bạn đã dịch trong JOS 19:1.
Thứ ba
Số ba trong danh sách
Sa-rít ... Ma-rê-a-la ... Đáp-bê-sết ... Giốc-nê-am
Đây là những địa danh.
Đối diện Giốc-nê-am
“phía bên kia Giốc-nê-am”
Joshua 19:12
Sa-rít ... Kít-lốt Tha-bô ... Đáp-bê-rát ... Gia-phia ... Gát Hê-phe ... Ết Cát-sin ... Rim-môn ... Nê-a
Đây là tên các địa danh.
Joshua 19:14
Ha-na-thôn ... Díp-thách Ên ... Cát-tát ... Na-ha-la ... Sim-rôn ... Di-đê-a-la ... Bết-lê-hem
Đây là tên những địa danh.
Bết-lê-hem
Đây không phải là “Bết-lê-hem” ở phía nam của Giê-ru-sa-lem vùng Giu-đa.
Đây là sản nghiệp của người Sa-bu-lôn
Vùng đất và các thành mà bộ tộc Sa-bu-lôn đã nhận, được nói đến như thể chúng là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Sa-bu-lôn đã nhận làm sản nghiệp.”
Được cấp theo từng gia tộc họ
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đãcấp vùng đất đó theo từng gia tộc của họ.”
Joshua 19:17
Lần bắt thăm thứ tư
Dịch cụm từ này tương tự như trong JOS 19:1.
Thứ tư
Thứ tư trong danh sách
Kê-su-lốt ... Su-nem ... Ha-pha-ra-im ... Si-ôn ... A-na-cha-rát
Đây là tên các thành.
Joshua 19:20
Ra-bít ... Ki-si-ôn ... Ê-bết ... Rê-mết ... Ên Ga-nim ... Ên Ha-đa ... Bết Phát-sết ... Sa-chát-si-ma
Đây là tên các thành.
Tha-bô
Đây là tên của một ngọn núi
Joshua 19:23
Đây là sản nghiệp của con cháu Y-sa-ca
Vùng đất và các thành mà bộ tộc Y-sa-ca đã nhận, được nói đến như thể chúng là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Y-sa-ca đã nhận làm sản nghiệp.”
Được cấp theo từng gia tộc của họ
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ.”
Joshua 19:24
Lần bốc thăm thứ năm
Dịch cụm từ này tương tự theo cách bạn đã dịch trong JOS 19:1.
Thứ năm
Số năm theo danh sách
Được cấp theo từng gia tộc của họ
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ.”
Hên-cát, Ha-li, Bê-ten, Ạc-sáp, A-lam-mê-léc, A-mê-át, and Mi-sê-anh ... khe Si-hô Líp-nát
Đây là tên các thành.
Joshua 19:27
Bết Đa-gôn ... thung lũng Díp-thách Ên ... Bết Ê-méc ... Nê-i-ên ... Ka-bun ... Ếp-rôn ... Rê-hốp ... Ham-môn ... Ca-na
Đây là những địa danh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Joshua 19:29

Hô-sa ... Ạc-xíp ... U-ma ... A-phéc ... Rê-hốp

Đây là tên những địa danh.

Joshua 19:31

Đây là sản nghiệp của con cháu thuộc bộ tộc A-se

Vùng đất và các thành mà bộ tộc A-se đã nhận, được nói đến như thể chúng là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc A-se nhận làm sản nghiệp.”

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp nó theo từng gia tộc của họ.”

Joshua 19:32

Lần bắt thăm thứ sáu

Dịch cụm từ này tương tự cách bạn đã dịch trong JOS 19:1.

Thứ sáu

Số sáu trong danh sách

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã chia vùng đất này theo từng gia tộc của họ.”

Hê-lép ... Sa-na-nim ... A-đa-mi Nê-kép ... Giáp-nê-ên ... Lạc-cum ... Át-nốt Tha-bô ... Học-cốc

Đây là tên các thành.

Joshua 19:35

Xi-đim ... Xe-rơ ... Ha-mát ... Ra-cát ... Ki-nê-rết ... A-đa-ma ... Ra-ma ... Hát-so ... Ết-rê-i ... Ên Hát-so

Đây là tên các thành.

Ha-mát

Nơi này không nằm cùng vị trí như “Ha-mát”, mà nằm ở bờ tây của biển Ga-li-lê.

Joshua 19:38

Gi-rê-ôn ... Mít-đa-ên ... Hô-rem ... Bết A-nát

Đây là tên của các thành.

Đây là sản nghiệp của bộ tộc thuộc con cháu Nép-ta-li

Vùng đất và các thành mà bộ tộc Nép-ta-li đã nhận, được nói đến như thể chúng là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Nép-ta-li được nhận làm sản nghiệp.”

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã chia vùng đất này theo từng gia tộc của họ”

Joshua 19:40

Lần bắt thăm thứ bảy

Dịch cụm từ này tương tự cách bạn đã dịch trong JOS 19:1.

Thứ bảy

Số bảy trong danh sách

Ranh giới của họ

Vùng đất mà bộ tộc Đan đã nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ được nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Vùng đất mà bộ tộc Đan đã nhận làm sản nghiệp” ulb_jos/19_40/notes/3

Joshua 19:43

Ê-lôn, Thim-na-tha, Éc-rôn, Ên-the-kê, Ghi-bê-thôn, Ba-lát, Giê-hút, Bê-nê Bê-rác, Gát Rim-môn, Mê Giạt-côn, và Ra-côn

Đây là các địa danh.

Đối diện Gia-phô

“Đối diện với Gia-phô” hay là “gần Gia-phô”

Joshua 19:47

Lê-sem

Đây là tên một thành.

Đây là sản nghiệp của bộ tộc Đan

Vùng đất và các thành mà bộ tộc Đan đã nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ được nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Đan đã nhận làm sản nghiệp”

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã chia vùng đất theo từng gia tộc của họ

Joshua 19:49

Lấy một phần sản nghiệp ở giữa họ mà cấp cho Giô-suê, con trai của Nun

Thành mà Giô-suê đã nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà ông nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “cấp cho một thành ở giữa đất của họ cho Giô-suê con trai của Nun làm sản nghiệp.”

Thành Thim-nát Sê-rách

Đây là tên một thành.

Joshua 19:51

Đó là các sản nghiệp ... phân phát

Vùng đất và các thành mà các bộ tộc khác nhau đã nhận, được nói đến như thể chúng là những tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là những phần đất và các thành ... được cấp làm sản nghiệp”

Translation Questions

Joshua 19:1

Phần đất bắt thăm thứ nhì trúng về chi phái nào?

Phần đất bắt thăm thứ nhì trúng về chi phái Si-mê-ôn.

Joshua 19:9

Sản nghiệp của người Si-mê-ôn vốn chiếc ở phần đất của chi phái nào?

Sản nghiệp của người Si-mê-ôn vốn chiếc ở phần đất của người Giu-đa.

Tại sao sản nghiệp của người Si-mê-ôn được chiếc ở phần đất của người Giu-đa?

Sản nghiệp của người Si-mê-ôn được chiếc ở phần đất của người Giu-đa bởi vì lãnh thổ của người Giu-đa lớn quá.

Joshua 19:10

Phần đất thứ ba bắt thăm trúng về chi phái nào?

Phần đất thứ ba bắt thăm trúng về chi phái Sa-bu-lôn.

Joshua 19:17

Phần thứ tư bắt thăm trúng về chi phái nào?

Phần thứ tư bắt thăm trúng về chi phái Y-ca-sa.

Joshua 19:24

Phần thứ năm bắt thăm trúng về chi phái nào?

Phần thứ năm bắt thăm trúng về chi phái A-se.

Joshua 19:32

Phần thứ sáu bắt thăm trúng về chi phái nào?

Phần thứ sáu bắt thăm trúng về chi phái Nép-ta-li.

Joshua 19:38

Trong sản nghiệp của chi phái Nép-ta-li, có bao nhiêu thành?

Có mười chín thành trong sản nghiệp của chi phái Nép-ta-li.

Joshua 19:40

Phần thứ bảy bắt thăm trúng về chi phái nào?

Phần thứ bảy bắt thăm trúng về chi phái Đan.

Joshua 19:50

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân Y-sơ-ra-ên cấp sản nghiệp nào cho Giô-suê sau khi họ đã hoàn tất việc chia xứ?

Dân Y-sơ-ra-ên vâng mạng của Đức Giê-hô-va, cấp cho Giô-suê cái thành mà người xin, tức là thành Thim-nát-Sê-rách.

Chapter 20

Joshua 20:1

Bởi tay của Môi-se

Ở đây "tay của Môi-se" nói đến những câu Kinh Thánh mà Môi-se đã viết. Tương tự câu: "qua những điều mà Môi-se đã viết."

Vô ý giết người

Điều này xảy ra khi một người vô ý giết một người khác, và không cố tình làm như vậy.

Đòi nợ máu cho người bị giết

Sự đổ máu của một người ở đây thay cho cái chết của họ. Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "trả thù cho cái chết của một người"

Joshua 20:4

Kẻ ngộ sát sẽ chạy trốn

Ở đây chữ "kẻ ngộ sát" ám chỉ người đã tình cờ giết một ai đó.

Trình bày sự việc cho các trưởng lão của thành ấy nghe

"thuyết phục các trưởng lão của thành rằng anh ta không cố ý giết người.

Họ sẽ tiếp nhận người ấy

Chữ "họ" nói đến các trưởng lão và "người ấy" nói đến kẻ ngộ sát.

ở đó với họ

Cụm từ này nói đến cả thành chứ không chỉ riêng các trưởng lão.

Joshua 20:5

Đòi nợ máu cho người bị giết

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "trả thù cho cái chết của một người."Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [JOS 20:3]

Nộp vào

Cụm từ này mang nghĩa nộp ai đó vào quyền người khác.

Làm thiệt mạng người lân cận mình chỉ vì vô ý ... vô ý làm thiệt mạng ai

Những cụm từ này mang nghĩa giống nhau.

Được xét xử trước hội chúng

Đây là cụm từ miêu tả việc xét xử để tìm công lý từ một tòa án là hội đồng của những người cùng thành với người này.

Joshua 20:7

Thông tin Tổng quát:

Có nhiều tên riêng trong đoạn này.

Sông Giô-đanh

Đây là tên ngắn của Sông Giô-đanh.

Joshua 20:9

Không bị tay kẻ đòi nợ máu giết chết

Chữ "tay" ở đây có nghĩa là người này sẽ là đại diện trực tiếp giết kẻ lánh nạn. Tương tự câu: "sẽ không bị giết bởi kẻ đòi nợ máu"

Đòi nợ máu

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "trả thù cho cái chết của một người." Hãy xem cáchbạn đã dịch cụm từ tương tự trong [JOS 20:3]

Translation Questions

Joshua 20:2

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê nói gì với dân sự?

Đức Giê-hô-va bảo Giô-suê nói với dân sự rằng họ phải lập các thành ẩn náu.

Joshua 20:3

Thành ẩn náu là gì?

Thành ẩn náu là nơi mà kẻ sát nhơn vì bất ý giết ai có thể trốn đó được; các thành ấy dùng cho các ngươi ẩn náu khỏi kẻ báo thù huyết.

Joshua 20:4

Kẻ sát nhân sẽ giải thích vụ việc của mình cho ai?

Kẻ sát nhân sẽ đứng nơi cổng thành, thuật sự tình cho các trưởng lão của thành ấy nghe.

Joshua 20:6

Sau khi người đó chạy trốn đến thành ẩn náu và đứng trước mặt hội chúng để chịu đoán xét, việc gì phải xảy ra trước khi người đó được phép trở về nhà?

Người đó không thể rời thành ẩn náu và trở về nhà cho đến khi thầy tế lễ thượng phẩm qua đời.

Joshua 20:9

Bị cáo sẽ làm gì trong thành ẩn náu để tránh bị giết bởi người muốn trả thù máu đã đổ?

Trước tiên bị cáo sẽ đứng hầu trước mặt hội chúng.

Chapter 21

Joshua 21:1

Ê-lê-a-sa ... Nun

Đây là tên của những người nam

Chúng nói với họ

"Các trưởng gia tộc người Lê-vi nói với họ"

Đức Giê-hô-va đã truyền bảo bởi tay Môi-se

Cụm từ "bởi tay của" có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã dùng Môi-se như một sứ giả để giải bày mạng lệnh của Ngài. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se để truyền mạng lệnh cho anh em"

Joshua 21:3

Những thành sau đây

Ở đây đề cập đến những thành sẽ được liệt kê ở những câu kế tiếp.

Joshua 21:4

Bắt thăm

Một phương pháp chọn ngẫu nhiên để dời đổi quyết định của nhà lãnh đạo, thường được sử dụng với ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ quyết định kết quả. Hãy xem cách bạn dịch nó trong JOS 19:1.

Người Kê-hát

Những thầy tế lễ trong nhóm này là dòng dõi của con trai Kê-hát về dòng Lê-vi. Một phần trong họ cũng là dòng dõi của A-rôn, cháu trai của Kê-hát

Mười ba thành ... mười thành

Số thành

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Phân nửa bộ tộc
Phân nửa bộ tộc bởi vì nửa còn lại đã nhận phần sản nghiệp của họ trước khi bang qua Sông Giô-đanh.
Joshua 21:6
Ghẹt-sôn
Ghẹt-sôn là một trong số các con trai của Lê-vi.
Bắt thăm
Một phương pháp chọn ngẫu nhiên để dời đổi quyết định của nhà lãnh đạo, thường được sử dụng với ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ quyết định kết quả. Hãy xem cách bạn dịch nó trong JOS 19:1.
Mê-ra-ri
Mê-ra-ri là một trong số các con trai của Lê-vi.
Joshua 21:8
Đức Giê-hô-va đã truyền phán bởi tay Môi-se
Cụm từ “bởi tay của” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã dùng Môi-se như một sứ giả để giải bày mạng lệnh của Ngài. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se để truyền mạng lệnh cho anh em”
Các gia tộc Kê-hát
Những thầy tế lễ trong nhóm này là dòng dõi của con trai Kê-hát về dòng Lê-vi. Một phần trong họ cũng là dòng dõi của A-rôn, cháu trai của Kê-hát. Hãy xem cách bạn dịch nó trong [JOS 21:2]
Bắt thăm
Một phương pháp chọn ngẫu nhiên để dời đổi quyết định của nhà lãnh đạo, thường được sử dụng với ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ quyết định kết quả. Hãy xem cách bạn dịch nó trong JOS 19:1.
Joshua 21:11
A-ra-ba là cha của A-nác
Đây là thông tin thêm về tên của người đã xây dựng thành phố Ki-ri-át A-ra-ba.
A-nác
Đây là tên của một người nam.
Miền đồi núi
Một vùng đất có độ cao tự nhiên, nhỏ hơn núi.
Đồng cỏ
Một vùng đất được bao phủ bởi cỏ hoặc các loài thực vật phù hợp cho việc chăn nuôi các loại gia súc.
Các cánh đồng của thành
Khu vực đất trống ở chung quanh thành và thuộc về thành, nó luôn được gieo trồng theo vụ mùa.
Các làng mạc
Khu dân cư nhỏ, luôn nhỏ hơn thành phố.
Joshua 21:13
Líp-na ... Giạt-thia ... Ê-thê-mô-a ... Hô-lôn ... Đê-bia ... A-in ... Giu-ta
Đây là tên các địa danh.
Chín thành ... hai bộ tộc
Số thành và bộ tộc trong phân đoạn.
Joshua 21:17
Từ bộ tộc Bên-gia-min mà cấp Ga-ba-ôn cho họ
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Bộ tộc Bên-gia-min đã cấp Ga-ba-ôn”
Ghê-ba ... A-na-tốt ... Anh-môn
Đây là tên các thành.
Mười ba thành
"13 thành"
Joshua 21:20
Các gia tộc Kê-hát
Những thầy tế lễ trong nhóm này là dòng dõi của con trai Kê-hát về dòng Lê-vi. Một phần trong họ cũng là dòng dõi của A-rôn, cháu trai của Kê-hát.
Họ được các thành ấy
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “họ đã nhận các thành ấy”
Bắt thăm
Một phương pháp chọn ngẫu nhiên để dời đổi quyết định của nhà lãnh đạo, thường được sử dụng với ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ quyết định kết quả. Hãy xem cách bạn dịch nó trong JOS 19:1.
Ghê-xe ... Kíp-sa-im ... Bết Hô-rôn
Tên của các thành
Tất cả là bốn thành
Ở đây nói đến danh sách các tổng số.
Joshua 21:23
Từ bộ tộc Đan, các gia tộc Kê-hát cũng được cấp thành Ên-thê-kê
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Bộ tộc Đan đã chia cho các gia tộc Kê-hát thành Ên-thê-kê”
Những gia tộc thuộc dòng Kê-hát
Những thầy tế lễ trong nhóm này là dòng dõi của con trai Kê-hát về dòng Lê-vi. Một phần trong họ cũng là dòng dõi của A-rôn, cháu trai của Kê-hát. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [JOS 21:20]
Ên-the-kê ... Ghi-bê-thôn ... A-gia-lôn ... Gát-rim-môn
Đây là tên của các thành.
Bốn thành
Ở đây nói đến số các thành.
Joshua 21:25
Từ phân nửa bộ tộc Ma-na-se, các gia tộc Kê-hát cũng được cấp thành
Tha-a-nác
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Phân nữa bộ tộc Ma-na-se đã chia cho các gia tộc Kê-hát thành Tha-a-nác”
Tha-a-nác ... Gát Rim-môn
Đây là tên của các thành.
Hai thành ... Tất cả mười thành đó
Số của các thành được liệt kê
Gia tộc Kê-hát ... dòng Kê-hát
Những thầy tế lễ trong nhóm này là dòng dõi của con trai Kê-hát về dòng Lê-vi. Một phần trong họ cũng là dòng dõi của A-rôn, cháu trai của Kê-hát. Hãy xem cách bạn đã dịch nó trong JOS 21:2.
Joshua 21:27
Từ lãnh thổ của nửa chi tộc Ma-na-se, các họ hàng Ghẹt-sôn, người Lê-vi được cấp Gô-lan
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Phân nửa bộ tộc Ma-na-se, người Lê-vi, đã nhận Gô-lan từ phân nửa bộ tộc Ma-na-se”
Gô-lan ... Bết-ê-ra
Tên của các thành
Vô ý giết ai
Ở đây nói đến cái chết mà kết quả là từ một hành động không dự tính trước đế hãm hại người khác.
Hai thành
Số thành
Joshua 21:28

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ cũng cấp cho con cháu Ghẹt-sôn thành Ki-si-ôn
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Các con cháu Ghẹt-sôn cũng đã nhận thành Ki-si-ôn”
Ki-si-ôn ... Đáp-bê-rát ... Giạt-mút ... Ên Ga-nim ... Mi-sê-anh ... Áp-đôn ... Hên-cát ... Rê-hốp
Tên của các thành
Người ta cũng lấy từ bộ tộc A-se, đó là Mi-sê-anh mà cấp cho họ
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Họ đã nhận Mi-sê-anh từ bộ tộc A-se”
Tất cả là bốn thành
Ở đây nói đến số các thành được liệt kê.
Joshua 21:32
Người ta cũng lấy từ bộ tộc Nép-ta-li, đó là thành Kê-đe mà cấp cho các con cháu Ghẹt-sôn
Ở đây có thể được nói theo thể chủ động. Tương tự câu: “Các con cháu Ghẹt-sôn cũng nhận thành Kê-đe từ bộ tộc Nép-ta-li”
Ghẹt-sôn
Đây là tên người.
Ha-mốt Đô-rơ ... Cạt-than
Đây là tên của các thành.
Tổng cộng các thành là mười ba thành
"13 thành tổng cộng"
Joshua 21:34
Người ta cũng lấy từ bộ tộc Sa-bu-lôn mà cấp cho những gia tộc Mê-ra-ri - tức là những người Lê-vi còn lại: đó là thành Giốc-nê-am
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những người Lê-vi còn lại – tức là những gia tộc Mê-ra-ri – đã nhận thành Giốc-nê-am từ bộ tộc Sa-bu-lôn”
Mê-ra-ri
Tên của một người
Giốc-nê-am ... Cạt-ta ... Đim-na ... Na-ha-la
Tên của các thành
Tất cả là bốn thành
Các thành được nói đến với tổng số.
Joshua 21:36
Bốn thành
Ở đây nói đến tổng số các thành.
Bết-se ... Giát-sa ... Kê-đê-mốt ... Mê-phát ... Ra-mốt
Tên của các thành
Người ta cũng lấy từ bộ tộc Gát, đó là Ra-mốt, mà cấp cho họ
Ở đây có thể được nói theo thể chủ động. Tương tự câu: “Họ đã nhận Ra-mốt từ bộ tộc Gát”
Ma-ha-na-im
Đây là tên của một thành.
Joshua 21:39
Các gia tộc Mê-ra-ri cũng được cấp thành Hết-bôn
Ở đây có thể được nói theo thể chủ động. Tương tự câu: “Các gia tộc Mê-ra-ri cũng nhận được thành Hết-bôn”
Hết bôn ... Gia-ê-xe
Đây là tên của các thành.
Tổng cộng là mười hai thành
"12 thành tổng cộng"
Các thành họ bắt thăm mà có được, là mười hai thành
Ở đây có thể được nói theo thể chủ động. Tương tự câu: “họ đã nhận mười hai thành này bởi bắt thăm”
Bắt thăm
Một phương pháp chọn ngẫu nhiên để dời đổi quyết định của nhà lãnh đạo, thường được sử dụng với ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ quyết định kết quả. Hãy xem cách bạn dịch nó trong JOS 19:1.
Joshua 21:41
Tổng cộng các thành của người Lê-vi ở giữa lãnh thổ
Ở đây có thể được nói theo thể chủ động. Tương tự câu: “ Người Lê-vi đã nhận các thành của họ từ giữa lãnh thổ”
Bốn mươi tám thành
Tám thành
Joshua 21:43
Ngài đã thề hứa
"Ngài đã đưa ra một lời hứa"
Không một kẻ thù nào đứng nổi trước mặt họ
Ở đây được nói theo thể phủ định để nhấn mạnh thêm lời tuyên bố này. Câu tương tự: “Họ đã đánh bại mọi kẻ thù nghịch mình”
phó tất cả kẻ thù vào tay họ
“vào tay họ” ở đây có nghĩa là “vào quyền của họ.” Câu tương tự: “đã giao cho họ quyền để đánh bại kẻ thù nghịch mình”
Trong mọi lời hứa tốt lành mà Đức Giê-hô-va đã ban cho nhà Y-sơ-ra-ên, chẳng có một lời nào là vô hiệu. Tất cả đều được ứng nghiệm
Ở đây được trình bày theo thể phủ định để nhấn mạnh lời tuyên bố này. Câu tương tự:”Mọi lời hứa tốt lành mà Đức Giê-hô-va đã ban cho nhà Y-sơ-ra-ên đều được ứng nghiệm”

Translation Questions

Joshua 21:1
Ai xin dân Y-sơ-ra-ên cấp các thành phố cho họ ở và đồng cỏ cho bầy gia súc của họ?
Các trưởng tộc người Lê-vi xin dân Y-sơ-ra-ên cấp cho họ các thành phố để ở và đồng cỏ cho bầy gia súc của họ.
Joshua 21:2
Ai xin dân Y-sơ-ra-ên cấp các thành phố cho họ ở và đồng cỏ cho bầy gia súc của họ?
Các trưởng tộc người Lê-vi xin dân Y-sơ-ra-ên cấp cho họ các thành phố để ở và đồng cỏ cho bầy gia súc của họ.
Joshua 21:8
Dân Y-sơ-ra-ên quyết định trao các thành phố và đồng cỏ cho người Lê-vi như thế nào?
Dân Y-sơ-ra-ên quyết định trao các thành phố và đồng cỏ cho người Lê-vi bằng cách bắt thăm, y như Đức Giê-hô-va đã truyền dặn.
Joshua 21:18
Con cháu A-rôn được cấp cho bao nhiêu thành?
Con cháu A-rôn nhận tất cả các thành từ con cháu Mê-ra-ri.
Joshua 21:26
Con cháu Kê-hát được cấp bao nhiêu thành?
Con cháu Kê-hát nhận tất cả mười thành.
Joshua 21:33
Gia tộc Ghẹt-sôn được cấp cho bao nhiêu thành?
Gia tộc Ghẹt-sôn nhận tất cả các thành từ gia tộc Mê-ra-ri.
Joshua 21:40
Gia tộc Mê-ra-ri được cấp cho bao nhiêu thành?
Gia tộc Mê-ra-ri nhận tất cả mười hai thành.
Joshua 21:41
Người Lê-vi được cấp cho bao nhiêu thành từ giữa sản nghiệp của dân

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Y-sơ-ra-ên?
Bốn mươi tám thành, bao gồm các đồng cỏ, được cấp cho người Lê-vi từ giữa sản nghiệp.
Joshua 21:44
Đức Giê-hô-va đã thề gì với tổ phụ Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va đả thề sẽ ban xứ cho họ, làm cho tứ phía đều được an nghỉ.

Chapter 22
Joshua 22:1
Người Ru-bên
Những người thuộc bộ tộc Ru-bên
Người Gát
Những người thuộc bột tộc Gát
Vâng theo mọi điều tôi truyền bảo
“Mọi điều tôi truyền bảo” ở đây tức là mọi điều mà Giô-suê đã nói. Câu tương tự: “đã vâng theo mọi điều tôi nói”
Anh em đã không bỏ rơi anh em mình
Ở đây có thể được nói đến theo cách khẳng định. Câu tương tự: “Anh em đã luôn ở bên cạnh anh em mình”
Joshua 22:4
Đi theo đường lối Ngài
Một người vâng theo Đức Giê-hô-va được nói đến như thể người ấy đang đi trong con đường hay đường lối của Đức Giê-hô-va. Câu tương tự: “vâng theo mọi điều Ngài phán”
hết lòng, hết linh hồn
Thuật ngữ “lòng” và “linh hồn” ở đây được dùng kết hợp lại với nhau để nói mọi điều trong lòng người. Câu tương tự: “với tất cả mọi điều mà anh em suy nghĩ và cảm nhận” hoặc “với tất cả mọi điều trong anh em”
Joshua 22:7
Giô-đanh
Đây là tên ngắn của Sông Giô-đanh.
Sắt
Một thứ kim loại cứng, chắc, có từ tính
Chiến lợi phẩm
Quân đội thắng trận sẽ lấy mọi thứ có giá trị từ bên mà họ đánh chiếm được.
Joshua 22:9
mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va truyền phán bởi tay Môi-se
Cụm từ “bởi tay” ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã dùng Môi-se như là một sứ giả để bày tỏ mạng lệnh của Ngài. Câu tương tự: “mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se để bày tỏ cho anh em”
Joshua 22:10
Giô-đanh
Đây là tên ngắn của Sông Giô-đanh.
Thuộc đất Ca-na-an
Các bộ tộc người Y-sơ-ra-ên đã sống ở bên kia Sông Giô-đanh sẽ bước vào đất Ca-na-an tại nơi mà họ lập bàn thờ. Nơi đây được nói đến như là “mặt trước” hay là “lối vào” vùng đất Ca-na-an, nơi mà các bộ tốc khác đã sống. Câu tương tự: “tại lối vào vùng đất Ca-na-an”
Ghê-li-lốt
Tên của một thành
Joshua 22:12
Tiến đánh
Một trạng thái chiến đấu quân đội giữa hai nước hay các dân tộc với nhau.
Joshua 22:13
Ê-lê-a-sa
Tên người
Joshua 22:15
Toàn thể hội chúng của Đức Giê-hô-va nói
Tất cả mọi người Y-sơ-ra-ên thống nhất nói cùng nhau như thể họ là một người. Câu tương tự: “Tất cả mọi người Y-sơ-ra-ên cùng hỏi” (UDB)
Joshua 22:17
Tội lỗi của chúng ta tại Phê-ô như thế vẫn chưa đủ sao?
Câu hỏi này nhấn mạnh tầm quan trọng của tội lỗi trước đây của họ. Ở đây có thể được viết như một lời bày tỏ. Câu tương tự: “ Chúng tôi đã phạm tội cách thậm tệ tại Phê-ô!”
Phê-ô
Đây là tên của một địa danh. Hãy dịch giống như trong [JOS 13:20]
Cho đến bây giờ chúng ta vẫn chưa rửa sạch được
Ở đây có thể trình bày theo thể khẳng định. Câu tương tự: “Chúng ta giờ vẫn còn đang chịu sự hổ thẹn vì cớ tội lỗi đó”
Thế mà ngày nay anh em lại từ bỏ Đức Giê-hô-va sao?
Câu hỏi này được dùng để quở trách dân sự vì cớ tội lỗi họ. Ở đây có thể được viết như một lời khẳng định. Câu tương tự: “Ngày nay, anh em chớ từ bỏ Đức Giê-hô-va!”
Joshua 22:19
A-can ... Xê-rách
Tên của những người nam
Chẳng phải A-can, con trai Xê-rách đã phạm tội bất trung về vật đáng bị hủy diệt? Và cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va đã nổi lên với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên sao?
Các câu hỏi này được dùng để nhắc dân sự nhớ về hình phạt của tội lỗi trong quá khứ. Những câu hỏi này có thể được viết như một lời khẳng định. Câu tương tự: “A-can, con trai Xê-rách, đã phạm tội bất trung về vật đáng bị hủy diệt. Và bới cớ đó cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã nổi lên với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên!”
Joshua 22:21
Nếu đây là sự nổi loạn hay bất trung ...nguyện chính Đức Giê-hô-va hạch tội chúng tôi
Ba bộ tộc đã đưa ra hai giả định nhằm khẳng định rằng điều đó không phải là sự thật. Họ đã không lập bàn thờ để thờ một thần nào khác.
Joshua 22:24
Thông tin Tổng quát:
Người Ru-bên, người Gát, và phân nửa bộ tộc Ma-na-se trả lời rằng
con cháu của anh em một mai nói với con cháu chúng tôi rằng ... Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên?
Đây là một lời buột tội giả thiết mà ba bộ tộc nghĩ rằng con cháu của các bộ tộc khác sẽ có thể làm sau này.
Các người đâu có liên hệ gì với Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên?
Ba bộ tộc sử dụng câu hỏi tu từ này để nhấn mạnh tình thế mà họ đang cố tránh. Ở đây có thể được viết như lời khẳng định. Câu tương tự: “Anh em không có liên hệ gì với Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên!”
Joshua 22:25
Thông tin Tổng quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người Ru-bên, người Gát, và phân nửa bộ tộc Ma-na-se tiếp tục trả lời

Đức Giê-hô-va đã đặt sông Giô-đanh ... chẳng có phần gì nơi Đức Giê-hô-va

Ở đây tiếp tục đưa ra lời buộc tội giả thiết mà ba bộ tộc nghĩ rằng con cháu của các bộ tộc khác có thể sẽ làm sau này.

Giô-đanh

Đây là tên ngắn của Sông Giô-đanh.

Như vậy con cháu của anh em sẽ làm cho con cháu chúng tôi không tiếp tục kính sợ Đức Giê-hô-va nữa

Ba bộ tộc lập nên bàn thờ để tránh tình cảnh giả thiết này sẽ xảy ra trong tương lai.

Joshua 22:26

Thông tin Tổng quát:

Người Ru-bên, người Gát, và phân nửa bộ tộc Ma-na-se trả lời.

để làm chứng giữa chúng tôi và anh em

Bàn thờ được nói đến như thể đó là vật làm chứng để chứng minh cho quyền lời của ba bộ tộc.

Như thế, về sau con cháu anh em không nói với con cháu chúng tôi rằng: “Các người không có phần gì nơi Đức Giê-hô-va!"

Đây là tình cảnh gả thiết mà ba bộ tộc không muốn xảy ra.

không có phần gì

"không có phần" hay "không có sản nghiệp"

Joshua 22:28

Thông tin Tổng quát:

Người Ru-bên, người Gát, và phân nửa bộ tộc Ma-na-se chấm dứt phần trả lời của họ.

thì chúng tôi sẽ trả lời: ... làm chứng giữa chúng tôi và các người!"

Ba bộ tộc đang nói đến câu trả lời tiềm năng để đáp trả sự buộc tội có thể xảy ra hoặc không sau này.

Chúng tôi ngày nay không hề có ý nổi loạn

Họ không hề nghĩ đến việc họ sẽ nổi loạn được nói đến như thể đó là cái gì đó rất xa cách với họ. Câu tương tự: “Chúng tôi chắc chắn không hề nổi loạn”

lìa bỏ Ngài

Không còn đi theo Đức Giê-hô-va được nói đến như là họ đang lìa bỏ Ngài. Câu tương tự: “không còn đi theo Ngài”

Joshua 22:30

nghe những lời

Chữ “những lời” ở đây tức là thông điệp được đến bởi những lời nói. Câu tương tự: “nghe thông điệp được truyền lại"

họ đều lấy làm hài lòng theo mắt mình

Chữ “theo mắt mình” ở đây có nghĩa là “theo quan điểm của họ.”

phạm tội bất trung với Ngài

“hủy bỏ lời hứa với Ngài”

anh em đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi tay Đức Giê-hô-va

Chữ “tay Đức Giê-hô-va” ở đây nói đến hình phạt của Ngài. Bảo vệ dân sự ở đây được nói đến như là sự giải cứu khỏi tay của Ngài. Câu tương tự: “anh em đã khiến Đức Giê-hô-va không trừng phạt chúng ta”

Joshua 22:32

Nghe lời tường trình, dân Y-sơ-ra-ên hài lòng theo mắt mình

“Hài lòng theo mắt mình” ở đây có nghĩa là “chấp thuận.” Câu tương tự: “Dân sự chấp thuận lời tường trình của những người lãnh đạo.”

hủy diệt vùng đất

“hủy diệt mọi thứ trong xứ”

Joshua 22:34

Vì họ nói

Ở đây nói đến người Ru-bên và người Gát.

bàn thờ nầy làm chứng giữa chúng ta

Bàn thờ được nói đến như đó là bằng chứng để xác nhận cho ba bộ tộc.

Translation Questions

Joshua 22:1

Giô-suê khen gì với người Ru-bên, Gát, và nửa chi phái Ma-na-se?

Giô-suê khen họ bằng cách nói rằng họ đã giữ theo mọi điều Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, truyền cho họ, và không có bỏ anh em mình nhưng vâng giữ mọi điều phải vâng giữ, tức là mạng lịnh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời họ.

Joshua 22:3

Giô-suê khen gì với người Ru-bên, Gát, và nửa chi phái Ma-na-se?

Giô-suê khen họ bằng cách nói rằng họ đã giữ theo mọi điều Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, truyền cho họ, và không có bỏ anh em mình nhưng vâng giữ mọi điều phải vâng giữ, tức là mạng lịnh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời họ.

Joshua 22:5

Giô-suê bảo các chi phái này phải cẩn thận về điều gì khi họ trở về trại mình?

Giô-suê bảo các chi phái nảy phải cẩn thận làm theo điều răn và luật pháp mà Môi-se đã truyền cho họ.

Joshua 22:8

Giô-suê bảo phân nửa chi phái Ma-na-se chia cái gì giữa anh em của họ?

Giô-suê bảo nửa chi phái Ma-na-se chia của cướp ở giữa anh em của họ.

Joshua 22:10

Người Ru-bên, Gát, và nửa chi phái Ma-na-se làm gì gần sông Giô-đanh khiến cho dân Y-sơ-ra-ên ở xứ Ca-na-an giận?

Người Ru-bên, Gát, và nửa chi phái Ma-na-se lập một bàn thờ tại đó gần sông Giô-đanh, ngay chỗ thuộc về dân Y-sơ-ra-ên.

Joshua 22:11

Người Ru-bên, Gát, và nửa chi phái Ma-na-se làm gì gần sông Giô-đanh khiến cho dân Y-sơ-ra-ên ở xứ Ca-na-an giận?

Người Ru-bên, Gát, và nửa chi phái Ma-na-se lập một bàn thờ tại đó gần sông Giô-đanh, ngay chỗ thuộc về dân Y-sơ-ra-ên.

Joshua 22:12

Dân Y-sơ-ra-ên làm gì khi họ hay tin về bàn thờ đó?

Dân Y-sơ-ra-ên bèn hiệp lại tại Si-lô, đặng kéo lên hãm đánh các chi phái đó khi họ hay tin về bàn thờ.

Joshua 22:13

Dân Y-sơ-ra-ên sai những sứ giả nào đến gặp người Ru-bên, Gát, và nửa chi phái Ma-na-se?

Dân Y-sơ-ra-ên sai Phi-nê -a, con trai thầy tế lễ Ê-lê -a-sa, và mười quan trưởng làm sứ giả đến cùng người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se.

Joshua 22:14

Dân Y-sơ-ra-ên sai những sứ giả nào đến gặp người Ru-bên, Gát, và nửa chi phái Ma-na-se?

Dân Y-sơ-ra-ên sai Phi-nê -a, con trai thầy tế lễ Ê-lê -a-sa, và mười quan trưởng làm sứ giả đến cùng người Ru-bên,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se.
Joshua 22:16
Sứ giả của dân Y-sơ-ra-ên nói gì với người Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se?
Sứ giả của dân Y-sơ-ra-ên nói với người Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se rằng, "Vì sao ngày nay các ngươi bỏ Đức Giê-hô-va, mà lập một bàn thờ đặng phản nghịch cùng Đức Giê-hô-va?"
Joshua 22:18
Dân Y-sơ-ra-ên lo lắng về điều gì nếu người Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se phản nghịch Đức Giê-hô-va?
Dân Y-sơ-ra-ên lo rằng nếu người Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se phản nghịch Đức Giê-hô-va, chắc Ngài sẽ nổi giận cùng cả hội chúng Y-sơ-ra-ên.
Joshua 22:26
Các chi phái Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se nói gì với các sứ giả của dân Y-sơ-ra-ên?
Các chi phái Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se nói với các sứ giả của dân Y-sơ-ra-ên rằng họ đã xây bàn thờ, chẳng phải để dâng của lễ thiêu hay là dâng hi sinh, nhưng để làm chứng giữa họ và dân Y-sơ-ra-ên rằng họ sẽ giữ cuộc thờ phượng của Đức Giê-hô-va trước mặt Ngài để con cháu đời sau nhìn thấy.
Joshua 22:27
Các chi phái Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se nói gì với các sứ giả của dân Y-sơ-ra-ên?
Các chi phái Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se nói với các sứ giả của dân Y-sơ-ra-ên rằng họ đã xây bàn thờ, chẳng phải để dâng của lễ thiêu hay là dâng hi sinh, nhưng để làm chứng giữa họ và dân Y-sơ-ra-ên rằng họ sẽ giữ cuộc thờ phượng của Đức Giê-hô-va trước mặt Ngài để con cháu đời sau nhìn thấy.
Joshua 22:30
Thầy tế lễ Phi-nê-a và các sứ giả khác nói gì về những lời họ nghe từ người Ru-bên, Gát, và Ma-na-se?
Phi-nê-a và những sứ giả khác đều bằng lòng với những gì mà người Ru-bên, Gát, và Ma-na-se nói.
Joshua 22:33
Dân Y-sơ-ra-ên làm gì khi Phi-nê-a và các sứ giả thuật lại cho họ?
Dân Y-sơ-ra-ên ngợi khen Đức Chúa Trời và không đề cập đến chiến tranh nữa.
Joshua 22:34
Người Ru-bên và Gát đặt tên bàn thờ là gì?
Người Ru-bên và Gát đặt tên bàn thờ là "Chứng tích".

Chapter 23
Joshua 23:1
đã già
Đã sống nhiều năm
Joshua 23:4
Giô-đanh
Đây là tên ngắn của Sông Giô-đanh.
phía tây
Ở đây nói đến hướng mặt trời lặn.
Joshua 23:6
đừng xây qua bên phải hoặc bên trái
Không vâng theo mạng lệnh của luật pháp Môi-se được nói đến như là xây qua bên phải hoặc bên trái khỏi đường mình.
đừng pha trộn
Những nghĩa có thể có là 1) kết thân với họ hoặc là 2) cưới gả với họ.
nhắc đến
Nói về
danh các thần của chúng
Ở đây nói đến các thần của các dân tộc còn lại.
Gắn bó với Giê-hô-va Đức Chúa Trời
“hãy giữ chặt lấy Đức Giê-hô-va.” Tin cậy Đức Giê-hô-va được nhắc đến như thể họ đang giữ chặt lấy Ngài. Tương tự câu: “tiếp tục tin cậy Đức Giê-hô-va”
Đến ngày nay
“cho đến thời điểm hiện tại”
Joshua 23:9
Đứng nổi trước mặt anh em
Từ “đứng” ở đây có nghĩa là giữ vị trí trong trận đánh. Chữ “anh em” nói đến toàn thể dân Y-sơ-ra-ên.
Một người
“Một người”
Một nghìn người
“1,000”
Joshua 23:12
Hiệp với phần còn lại của các dân tộc này
Việc tin theo niềm tin của các dân tộc này được nói đến như thể là nắm chặt lấy họ. Tương tự câu: “tin theo niềm tin của phần còn lại của các dân tộc này”
Lưới và bẫy
Những từ “lưới” và “bẫy” về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau. Chúng cùng nói đến các dân tộc khác như thể họ là những cái bẫy chết người gây ra phiền phức cho dân Y-sơ-ra-ên.
Làm roi đánh vào sườn, làm gai đâm vào mắt
Cụm từ này nói đến những rắc rối mà những dân tộc này sẽ gây ra cho dân Y-sơ-ra-ên như thể họ sẽ bị đau đớn khibị roi đánh và gai đâm.
Joshua 23:14
Tôi sắp đi con đường mà cả thế gian phải đi
Giô-suê sử dụng một thuật ngữ tế nhị để nóiđến cái chết của ông. Tương tự câu: “Tôi sắp phải chết”
Hãy hết lòng, hết linh hồn nhận biết rằng
Ở đây các từ “lòng” và “linh hồn” mang nghĩa tương tự nhau. Chúng cùng nhau nhấn mạnh sự nhận biết sâu sắc cách cá nhân.
Chẳng có một lời nào sai, nhưng tất cả đều ứng nghiệm
Những từ này nhấn mạnh rằng mọi lời hứa của Đức Giê-hô-va sẽ xảy ra. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “mọi lời đó sẽ thành sự thực”
Joshua 23:16
Ngài cũng sẽ làm vậy
Câu này nói đến sự trừng phạt đã được cảnh báo trong câu trước.
Đi phụng sự các thần khác cùng quỳ lạy trước chúng
Hai cụm từ này mang nghĩa về cơ bản là giống nhau. Cụm từ thứ hai miêu tả cách mà mọi người “thờ phượng các thần khác”.
Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va sẽ nổi bừng lên với anh em
Từ “nổi bừng” là một ẩn dụ cho sự khởi đầu cơn thịnh nộ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của Đức Giê-hô-va, giống như một ngọn lửa được “thổi bùng lên” hay là bắt đầu” bốc cháy” hoặc rất dễ cháy giống như cỏ khô hay các cành cây khô. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va sẽ bắt đầu nổi giận với anh em.”

Translation Questions

Joshua 23:1

Giô-suê làm gì sau khi Đức Giê-hô-va ban sự an nghỉ cho Y-sơ-ra-ên khỏi các kẻ thù của họ?

Sau khi Đức Giê-hô-va ban sự an nghỉ cho Y-sơ-ra-ên khỏi các kẻ thù của họ, Giô-suê gọi cả Y-sơ-ra-ên.

Joshua 23:2

Giô-suê làm gì sau khi Đức Giê-hô-va ban sự an nghỉ cho Y-sơ-ra-ên khỏi các kẻ thù của họ?

Sau khi Đức Giê-hô-va ban sự an nghỉ cho Y-sơ-ra-ên khỏi các kẻ thù của họ, Giô-suê gọi cả Y-sơ-ra-ên.

Joshua 23:3

Giô-suê nói ai đã đánh thay cho họ?

Giô-suê nói rằng Đức Giê-hô-va đã đánh thay cho họ.

Joshua 23:7

Giô-suê bảo dân sự không được đề cập điều gì?

Giô-suê bảo dân sự chớ xưng đến danh các thần của các nước vẫn ở giữa họ.

Joshua 23:13

Giô-suê nói Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu họ kết sui gia với những người sống sót của các nước vẫn ở giữa họ?

Giô-suê nói với dân sự rằng Đức Giê-hô-va sẽ khiến họ tàn lụi khỏi xứ tốt lành mà họ đã được Ngài ban nếu họ kết sui gia với phần còn lại của các nước vẫn ở giữa họ.

Joshua 23:14

Giô-suê nói điều gì sẽ xảy ra với ông?

Giô-suê nói ông sẽ đi đường cả thế gian phải đi.

Joshua 23:16

Giô-suê nói điều gì sẽ khiến Đức Giê-hô-va đem đến cho dân Y-sơ-ra-ên những điều tệ hại?

Giô-suê nói Đức Giê-hô-va sẽ đem đến cho dân Y-sơ-ra-ên những điều tệ hại nếu họ bỏ giao ước của Đức Giê-hô-va.

Chapter 24

Joshua 24:1

Giô-suê họp các bộ tộc Y-sơ-ra-ên

Việc Giô-suê gọi các bộ tộc được nói đến như thể ông nhóm hiệp họ lại với nhau. Tương tự câu: “Giô-suê yêu cầu tất cả các bộ tộc Y-sơ-ra-ên đến gặp mình.”

Họ đều trình diện trước

“Họ đến và đứng trước” hay “đến trước”

Thuở xưa

“nhiều năm trước”

Phán thế này

Giô-suê bắt đầu nhắc lại điều mà Đức Giê-hô-va đã phán từ trước. Lời trích dẫn này được tiếp tục cho tới cuối câu 13.

ulb_jos/24_01/notes/4

Joshua 24:3

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những gì mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Sê-i-rơ

Tên một địa danh hay là địa điểm

Đi xuống

Vị trí của Ai Cập ở thấp hơn so với vùng đất Ca-na-an. Tương tự câu “đã đi”

Joshua 24:5

Thông tin Tổng quát

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Đem các con ra khỏi đó ... đem tổ phụ các con ra khỏi

Đức Giê-hô-va lần lượt nối tiếp giữa hai cụm từ với nhau, và cả hai đều nói đến dân Y-sơ-ra-ên, trong quá khứ và hiện tại. Chữ “các con” ở số nhiều trong suốt cuộc nói chuyện này và nhắc đến toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Xem:

Joshua 24:7

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Tổ phụ các con ... các con

Đức Giê-hô-va lần lượt nối tiếp giữa hai cụm từ với nhau, và cả hai đều nói đến dân Y-sơ-ra-ên, trong quá khứ và hiện tại. Chữ “các con” ở số nhiều trong suốt cuộc nói chuyện này và nhắc đến toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Xem:

Biển

Ở đây tức là Biển Sậy.

ởtrong hoang mạc

Một khu vực không có người sinh sống, một hoang mạc

Joshua 24:8

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Các con

Chữ “các con” ở số nhiều trong suốt cuộc nói chuyện nói đến toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Xem:

Giô-đanh

Đây là tên ngắn của sông Giô-đanh.

Phó chúng vào tay các con

Từ "tay" ở đây nói đến quyền lực. Tương tự câu: “khiến cho các con có thể chinh phục được chúng”

Joshua 24:9

Thông tin Tổng quát

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Ba-lác ... Xếp-bô

Đây là tên của những người nam

Các con

Từ “các con” ở số nhiều trong suốt cuộc nối chuyện nói đến toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Xem:

Đã giải cứu các con khỏi tay hắn

Từ “tay” ở đây nói đến quyền lực. Tương tự câu: “khiến con có thể chiến thắng hắn”

Joshua 24:11

Thôngtin Tổng quát

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Các con

Từ “các con” ở số nhiều trong suốt cuộc nối chuyện nói đến

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Xem:

Giô-đanh

Đây là tên ngắn của sông Giô-đanh

Ong lỗ

Một loại côn trùng nhỏ bay nhanh, có ngòi và sống theo bầy. Ở đây rất nhiều "ong lỗ" được nói đến như thể là một con.

Joshua 24:13

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê kết thúc việc trích dẫn những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Joshua 24:14

Nếu anh em chẳng thích phụng sự Đức Giê-hô-va theo mắt mình

Ở đây cụm từ "mắt mình" là hoán dụ đôi. Đầu tiên nói đến cách nhìn của họ, nhưng cách nhìn sau đó kết hiệp với sự ao ước. Tương tự câu: "Nếu các con không muốn"

Nhà ta

Cụm từ này thay thế cho gia đình của Giô-suê đang sống trong nhà ông. Tương tự cụm từ: "gia đình tôi"

Joshua 24:16

Chúng tôi và các tổ phụ chúng tôi ... chúng tôi

Dân chúng nói như thể họ đang có mặt cùng với tổ phụ của họ và đổi những từ "chúng tôi" thành "tổ phụ chúng tôi" Xem:

Nhà nô lệ

Ở đây từ "nhà" là một cách diễn đạt để nói đến nơi họ làm nô lệ. Tương tự câu: "nơi mà chúng tôi làm nô lệ"

Các dân mà chúng tôi đi ngang qua

"Các dân mà chúng tôi đi ngang qua"

Joshua 24:19

Dân chúng

Từ này nói đến dân Y-sơ-ra-ên

Ngài là Đức Chúa Trời kỵ tà

Đức Chúa Trời muốn con dân của Ngài chỉ thờ phượng mình Ngài mà thôi.

Ngài sẽ hủy diệt anh em

Cơn thạnh nộ Đức Giê-hô-va được nói đến như thể Ngài là lửa và sẽ thiêu hủy họ. Tương tự câu: "Ngài sẽ hủy diệt anh em bằng lửa."

Joshua 24:21

Dân chúng

Từ này nói đến dân Y-sơ-ra-ên

Hướng lòng anh em về Giê-hô-va

Quyết định tuân theo Đức Giê-hô-va chỉ được nói đến như là hướng lòng về Ngài. Ở đây chữ "lòng" thay thế cho tất cả của một con người. Trong trường hợp này, thì chữ "lòng" ở dạng số nhiều bởi vì nó nói đến tất cả người dân Y-sơ-ra-ên như là một nhóm đơn lẻ. Tuy nhiên, hay hơn cả là nên dịch ra theo dạng số nhiều vì chữ "anh em" ở dạng số nhiều. Tương tự câu: "anh em hãy hướng mình về Đức Giê-hô-va" hay là "hãy quyết định tuân theo Đức Giê-hô-va"

Joshua 24:24

Dân chúng

Ở đây nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Chúng tôi sẽ nghe lời Ngài

Ở đây chữ "nghe" mang nghĩa là tuân lệnh, vâng theo. Tương tự câu: "Chúng tôi sẽ vâng theo mọi điều Ngài phán bảo chúng tôi làm."

Ông đặt ở đó luật pháp và điều lệ cho họ

Thiết lập luật pháp được nói đến giống như là Giô-suê đặt họ vào một nơi tương tự như công trình kỷ niệm. Tương tự câu: "Ông thiết lập luật pháp và điều lệ" hay là "Ông ban luật pháp và điều lệ cho họ để tuân theo."

Sách luật pháp của Đức Chúa Trời

Cuốn sách này ở đây như là phần tiếp theo những sách của Môi-se.

Dựng tại đó

"đặt nó tại đó"

Joshua 24:27

Dân chúng

Từ này nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Hòn đá này sẽ làm chứng ... Nó có nghe mọi lời Đức Giê-hô-va đã phán với chúng ta

Hòn đá mà Giô-suê đã dựng được nói đến như là một người nghe được những điều đã nói và có thể làm chứng về mọi lời đã nói đó.

Kẻo anh em

"nếu anh em"

Joshua 24:29

110 tuổi

"một trăm mười tuổi"

Thim-nát Sê-rách ... Núi Ga-ách

Tên của các địa danh

Joshua 24:31

Trong suốt thời gian Giô-suê còn sống

Đây là một cách diễn đạt nói đến suốt cả cuộc đời của Giô-suê.

Sống lâu hơn Giô-suê

"sống lâu hơn Giô-suê"

Joshua 24:32

Hài cốt của Giô-sép ... được chôn ở Si-chem,

Có vẻ như sẽ hữu ích khi thay đổi trật tự của phần đầu câu này. Tương tự câu: "Dân Y-sơ-ra-ên đem hài cốt của Giô-sép lên khỏi xứ Ê-díp-tô và chôn chúng ở Si-chem."

Một trăm miếng

"100 miếng"

Ê-lê-a-sa

Tên của một người nam

Ghi-bê-át

Tên một địa danh

Translation Questions

Joshua 24:1

Giô-suê nói với ai và ở đâu?

Giô-suê nhóm hiệp các chi phái Y-sơ-ra-ên tại Si-chem, và gọi các trưởng lão Y-sơ-ra-ên, các quan trưởng, các quan xét, và các quan tướng.

Joshua 24:13

Đức Giê-hô-va nói Ngài đã ban gì cho dân Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va nói Ngài đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên đất mà họ không có cày, những thành mà họ không có xây, và các ngươi ở đó; những vườn nho và cây ô-li-ve mà các họ không có trồng.

Joshua 24:15

Giô-suê nói gì về chính ông và gia đình ông?

Giô-suê nói rằng ông và nhà ông sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

va.

Joshua 24:18

Dân Y-sơ-ra-ên trả lời Giô-suê thế nào?

Dân Y-sơ-ra-ên trả lời Giô-suê bằng cách nói rằng họ cũng sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Joshua 24:19

Giô-suê trả lời dân Y-sơ-ra-ên thế nào?

Giô-suê bảo dân Y-sơ-ra-ên rằng họ không thể hầu việc Đức Giê-hô-va vì cớ sự vi phạm và tội lỗi của họ.

Joshua 24:21

Cuối cùng thì dân Y-sơ-ra-ên nói gì với Giô-suê?

Cuối cùng dân Y-sơ-ra-ên nói với Giô-suê, "Không đâu; vì chúng tôi sẽ phục sự Đức Giê-hô-va."

Joshua 24:26

Giô-suê làm gì để đánh dấu giao ước với dân sự đã lập trong ngày đó?

Giô-suê viết những lời này vào sách Luật pháp của Đức Chúa Trời và lấy một hòn đá lớn dựng tại đó ở dưới cây dẻ bộp gần nơi thánh của Đức Giê-hô-va.

Joshua 24:27

Giô-suê nói hòn đá sẽ là vật chứng về điều gì?

Giô-suê nói hòn đá sẽ là vật làm chứng cho dân Y-sơ-ra-ên vì nó có nghe mọi lời Đức Giê-hô-va đã phán cùng Y-sơ-ra-ên.

Joshua 24:32

Dân Y-sơ-ra-ên đem hài cốt của ai ra khỏi Ai Cập?

Dân Y-sơ-ra-ên đem hài cốt của Giô-sép ra khỏi Ai Cập.

Chapter 1

Judges 1:1

Câu nối:

Sách Các Quan Xét tiếp tục câu chuyện về Giô-suê và cũng là phần mở đầu một phần mới trong câu chuyện.

sẽ đánh dân Ca-na-an cho chúng con

Từ “chúng con” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Giu-đa sẽ đánh

Ở đây, Giu-đa đại diện cho những người nam thuộc về chi tộc Giu-đa. Đức Giê-hô-va đang ra lệnh cho những người này phải tấn công trước. Tham khảo cách dịch: “những người nam của chi tộc Giu-đa sẽ đánh trước”

Hãy xem

"Kìa” hoặc “Thật vậy’. Từ này nhấn mạnh những ý tiếp theo.

đất ấy

Cụm từ này chỉ về đất mà dân Ca-na-an ở. Tham khảo cách dịch: “đất của dân Ca-na-an”

anh em mình

"những người Y-sơ-ra-ên đồng bào của mình” hoặc “họ hàng của mình”

Hãy đi lên với chúng tôi

Những người trong chi tộc Giu-đa và Si-mê-ôn đóng trại cùng với những người Y-sơ-ra-ên khác tại thung lũng của sông Giô-đanh. Vùng đất được chia cho Giu-đa là ở những ngọn đồi phía trên thung lũng. Có một số ngôn ngữ thì thường không nói rõ là người ta sẽ đi lên hay là đi xuống. Tham khảo cách dịch: “Hãy đến cùng chúng tôi” hoặc “Hãy đi với chúng tôi”

đã được chia cho chúng tôi... đã được chia cho anh em

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Đức Giê-hô-va đã chia cho chúng tôi... mà Đức Giê-hô-va đã chia cho anh em”

cũng vậy, chúng tôi sẽ đi với anh em

"chúng tôi cũng sẽ đi với anh em” hoặc “chúng tôi sẽ đi với anh em y như vậy”

Judges 1:4

Những người Giu-đa tấn công

Câu này ngụ ý chỉ những người nam của chi tộc Si-mê-ôn đã tiến đánh cùng với những người nam của chi tộc Giu-đa.

Họ đã giết người ngàn

"Họ đã giết khoảng 10.000" hoặc “Họ đã giết rất nhiều”

trong số chúng

"lính của dân Ca-na-an và dân Phê-rê-sít” hoặc “kẻ thù”

Bê-xéc

Đây là một vùng núi thuộc Ca-na-an.

A-đô-ni Bê-xéc

Người này là người đứng đầu đội quân của Ca-na-an và Phê-rê-sít.

họ giao chiến với hắn

Ở đây, “hắn” chỉ về A-đô-ni Bê-xéc và quân đội của ông. Tham khảo cách dịch: “họ giao chiến với hắn cùng đội quân của hắn”

Judges 1:6

truy đuổi hắn

"đuổi theo hắn”

bảy mươi vua

"70 vua"

lượm thức ăn mình dưới bàn tôi

"ăn thức ăn thừa dưới bàn của tôi”. Ép những vị vua này ăn thức ăn thừa tượng trưng cho toàn bộ những cách thức mà A-đô-ni Bê-xéc đã làm để hạ nhục những vị vua đó.

những người đã bị chặt ngón tay cái và ngón chân cái

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những kẻ ta đã sai người chặt bỏ ngón tay cái và ngón chân cái” hoặc “những kẻ bọn ta đã chặt ngón tay cái và ngón chân cái”

Judges 1:8

thành Giê-ru-sa-lem và chiếm thành đó

Ở đây “thành” chỉ những người dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: “những người sống tại Giê-ru-sa-lem và đánh bại họ”

Họ đã tấn công nó

Ở đây, “nó” chỉ về thành Giê-ru-sa-lem, tượng trưng cho dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: “Họ đã tấn công người dân trong thành”

bằng lưỡi gươm

"bằng mũi gươm”. Ở đây, “gươm” tượng trưng cho gươm giáo cùng những loại vũ khí khác mà quân lính sử dụng trong chiến trận. Tham khảo cách dịch: “bằng gươm của họ” hoặc “bằng vũ khí của họ”

người Giu-đa đi xuống để đánh

Thường thì người ta hay dùng từ “xuống” khi nói về việc từ Giê-ru-sa-lem đi xuống. Tham khảo cách dịch: “người Giu-đa tiến đánh”

trong vùng Nê-ghép

"trong vùng hoang mạc miền nam Giu-đa" (UDB)

vùng đồi thấp dưới chân núi

những ngọn đồi dưới chân núi hoặc những dãy núi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tên Hếp-rôn trước kia là Ki-ri-át A-ra-ba
Đây là phần thông tin bối cảnh. Có một vài người lần đầu đọc sách này thì trước đó đã có nghe nói về Ki-ri-át A-ra-ba nhưng không biết rằng đây cũng chính là thành mà họ gọi là Hếp-rôn.
Sê-sai, A-hi-man và Thanh-mai
Đây là tên gọi của ba người Ca-na-an đứng đầu thành Hếp-rôn. Mỗi một người đại diện cho quân đội của họ. Tham khảo cách dịch: “Sê-sai, A-hi-man, Thanh-mai và quân đội của họ”
Judges 1:11
Thông tin bối cảnh:
Xem:
tên Đê-bia trước đây là Ki-ri-át Sê-phe
Có thể tác giả viết như vầy bởi vì độc giả của ông vốn đã biết về thành Đê-bia. Nhưng vào thời điểm dân Y-sơ-ra-ên tấn công thành này, thì nó có tên là Ki-ri-át Sê-phe. “là thành từng được gọi là Ki-ri-át Sê-phe”)
trước đây
"khi xưa” hoặc “lúc trước”
Ai đánh và chiếm được thành Ki-ri-át Sê-phe
Ở đây, “Ki-ri-át Sê-phe” đại diện cho những người dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: “Ai tấn công và đánh bại những người dân thành Ki-ri-át Sê-phe rồi chiếm lấy thành của họ”
Ạc-sa
Đây là tên gọi của con gái Ca-lép.
Ốt-ni-ên, con trai Kê-na
Đây đều là tên của nam.
Judges 1:14
nàng giục chàng
"Ạc-sa giục Ốt-ni-ên"
cho nàng một thửa ruộng… Bởi vì cha đã cho con đất
Câu này ngụ ý rằng Ca-lép đã cho nàng thửa ruộng đó khi nàng xin ông trong câu 14. Trong câu 15, lúc này nàng đang hỏi xin thêm những suối nước ngoài thửa ruộng mà mình đã xin.
Xin cho con một phước lành
"Xin cho con một đặc ân” hoặc “Xin cha làm điều này cho con”
Vì cha đã cho con đất trong miền Nê-ghép
Ca-lép đã cho Ạc-sa trong cuộc hôn nhân của nàng với Ốt-ni-ên, để nàng có thể sống cùng Ốt-ni-ên trong thành mà Ốt-ni-ên đã chiếm được tại Nê-ghép. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì cha đã cho con làm của hồi môn để sống tại Nê-ghép”
Judges 1:16
của ông gia Môi-se
"của cha vợ Môi-se”
ông gia người Kê-nít đi lên
"ông gia, là một người trong dân Kê-nít, đi lên”
từ thành Cây Chà Là đi lên… vào hoang mạc
"rời thành Cây Chà Là… và đi đến trong hoang mạc”
Thành Cây Chà Là
Đây là tên gọi khác của thành Giê-ri-cô.
A-rát
Đây là tên của một thành tại Ca-na-an.
người Si-mê-ôn, là anh em mình
Ở đây, “anh em” chỉ những người bà con họ hàng thuộc một chi tộc khác trong Y-sơ-ra-ên.
Xê-phát
Đây là tên của một thành tại Ca-na-an.
Họ gọi thành đó là Họt-ma
Sau khi dân Y-sơ-ra-ên tiêu diệt Xê-phát, họ đổi tên nó thành “Họt-ma”. Tên “Họt-ma” có nghĩa là “tận diệt”.
Judges 1:18
Đức Giê-hô-va ở với chi tộc Giu-đa
Ở đây, “ở với” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã giúp đỡ chi tộc Giu-đa.
những vùng đồng bằng
đây là một khu đất rất rộng, bằng phẳng và không có cây cối.
Judges 1:20
thành Hếp-rôn được giao cho Ca-lép (như lời Môi-se đã nói)
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se đã giao thành Hếp-rôn cho Ca-lép”
ba con trai của A-nác
Người ta dùng những người lãnh đạo của những nhóm dân này để chỉ cho toàn bộ những người trong nhóm dân đó. Tham khảo cách dịch: “ba con trai của A-nác và dân sự của họ”
A-nác
Đây là tên của một người nam. A-nác và con cháu của ông nổi tiếng vì rất cao lớn.
cho đến ngày nay
"cho đến nay”. Chỉ về thời điểm sách Các Quan Xét được viết ra.
Judges 1:22
Nhà Giô-sép
Ở đây, “nhà” tượng trưng cho con cháu, dòng dõi. Ma-na-se và Ép-ra-im là hai con trai của Giô-sép; có thể từ “nhà Giô-sép” ở đây là chỉ về dòng dõi của Ma-na-se và Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: “dòng dõi của Ma-na-se và Ép-ra-im” hoặc “những người thuộc các chi tộc Ma-na-se và Ép-ra-im”
đánh Bê-tên
Ở đây, “Bê-tên” đại diện cho toàn bộ người dân sống tại Bê-tên.
do thám
để bí mật lấy thông tin
thành này lúc trước được gọi là Lu-xơ
Đây là phần thông tin bối cảnh. Có thể một vài người lần đầu đọc sách này đã có nghe nói về Lu-xơ, nhưng lại không biết đây cũng chính là thành mà họ gọi là Bê-tên.
những người do thám
những người bí mật thu thập thông tin
Judges 1:25
họ tấn công thành đó
Ở đây, “thành” đại diện cho những người dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: “họ tấn công dân thành đó”
bằng lưỡi gươm
"bằng mũi gươm” Ở đây, “gươm” tượng trưng cho gươm giáo cùng những loại vũ khí khác mà quân lính sử dụng trong chiến trận. Tham khảo cách dịch: “bằng gươm của mình” hoặc “bằng vũ khí của mình”
chạy trốn
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “thoát”
Lu-xơ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thành mới này bắt đầu từ đất của dân Hê-tít, và được theo tên của thành Lu-xơ, gần Bê-tên, mà dân thành đó đã rời đi.

là tên của thành đó cho đến ngày nay

"tên đó hiện vẫn là tên của thành nầy". Từ “cho đến ngày nay” chỉ về thời điểm sách Các Quan Xét được viết.

Judges 1:27

Bết-sê-an… Đô-rơ… Díp-lê-am… Mê-ghi-đô

Đây đều là tên của các thành.

bởi vì dân Ca-na-an quyết chí phải sống trong vùng đất ấy

“quyết chí” nghĩa là quyết định chắc chắn làm điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “bởi vì dân Y-sơ-ra-ên nhất định không chịu rời khỏi vùng đất ấy”

Khi Y-sơ-ra-ên trở nên hùng mạnh

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Khi dân Y-sơ-ra-ên trở nên hùng mạnh hơn”

họ bắt dân Ca-na-an phải làm việc nặng nhọc để phục dịch mình

“họ bắt dân Ca-na-an phải làm việc nặng nhọc cho mình”

Judges 1:29

Ép-ra-im không

Ở đây, “Ép-ra-im” đại diện cho những người dân hoặc quân lính của chi tộc Ép-ra-im.

Ghê-xe

Tên của của một trong số những thành tại đất Ép-ra-im.

Judges 1:30

Sa-bu-lôn không đuổi

Ở đây, "Sa-bu-lôn" đại diện cho những người dân hoặc những người lính trong chi tộc Sa-bu-lôn.

Kít-rôn… Na-ha-lô

Đây đều là tên của các thành trong xứ Ca-na-an.

nhưng Sa-bu-lôn bắt

Ở đây, "Sa-bu-lôn" đại diện cho những người thuộc chi tộc Sa-bu-lôn.

công việc cực nhọc

"công việc khó khăn"

Judges 1:31

A-se không đuổi

Ở đây, "A-se" đại diện cho những người dân hoặc những người lính trong chi tộc A-se.

A-cô… Si-đôn… Ách-lác, Ạc-xíp, Hên-ba, A-phéc… Rê-hốp

Đây đều là tên của các thành trong xứ Ca-na-an.

Judges 1:33

Bết Sê-mết… Bết A-nát

Đây đều là tên của các thành.

dân Bết Sê-mết và Bết A-nát bị bắt phải làm việc cực nhọc cho Nép-ta-li

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dân Nép-ta-li bắt dân Bết Sê-mết và Bết A-nát làm nô lệ làm việc cho họ”

Judges 1:34

Thông tin bối cảnh:

Xem:

không cho họ đi xuống

"ngăn cản không cho họ xuống”

đồng bằng

Một vùng đất rộng lớn không có cây cối.

núi Hê-re

Đây là tên của một ngọn đồi lớn mà thành của A-gia-lôn được xây dựng trên đó.

A-gia-lôn… Sa-an-bim

Đây đều là tên của các thành.

sức mạnh quân sự của nhà Giô-sép đã chế ngự họ

"các chi tộc về dòng dõi của Giô-sép đã có thể chinh phục họ bằng quân đội hùng mạnh của mình”

nhà Giô-sép

Ở đây, “nhà” tượng trưng cho con cháu, dòng dõi. Ma-na-se và Ép-ra-im là hai con trai của Giô-sép; có thể từ “nhà Giô-sép” ở đây là chỉ về dòng dõi của Ma-na-se và Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: “dòng dõi của Ma-na-se và Ép-ra-im” hoặc “những người thuộc các chi tộc Ma-na-se và Ép-ra-im”

đồi Ạc-ráp-bim

Đây con con đèo phía Đông Nam của Biển Chết. Nó còn được gọi là “đèo Bọ Cạp”

Sê-la

Đây là tên gọi của một thành.

Translation Questions

Judges 1:1

Ai sẽ lãnh đạo dân Y-sơ-r-ên khi họ đi lên đánh dân Ca-na-an?

Giu-đa sẽ lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên đi đánh người Ca-na-an.

Judges 1:4

Người Giu-đa đánh ai?

Người Giu-đa đánh A-đô-ni-Bê-xéc.

Judges 1:5

Người Giu-đa đánh ai?

Người Giu-đa đánh A-đô-ni-Bê-xéc.

Judges 1:7

Ai lượm đồ ăn rớt dưới bàn A-đô-ni-Bê-xéc?

Bảy mươi vua, là các vua bị chặt ngón cái của tay và chơn, lượm vật chi rớt dưới bàn A-đô-ni-Bê-xéc.

Judges 1:10

Thuở xưa Hếp-rôn được gọi là gì?

Thuở xưa Hếp-rôn được gọi là Ki-ri-át A-ra-ba.

Judges 1:12

Ca-lép trao gì cho Ốt-ni-ên?

Ca-lép gả Ách-sa, con gái của ông, cho Ốt-ni-ên.

Judges 1:13

Ca-lép trao gì cho Ốt-ni-ên?

Ca-lép gả Ách-sa, con gái của ông, cho Ốt-ni-ên.

Judges 1:15

Vì Ách-sa đang ở Nê-ghép, nàng muốn cha nàng cho nàng cái gì?

Vì Ách-sa đang ở Nê-ghép, nàng muốn cha nàng cho nàng các suối nước.

Judges 1:16

Đồng vắng Giu-đa nằm ở đâu?

Đồng vắng Giu-đa nằm ở Nê-ghép.

Judges 1:19

Tại sao dân Giu-đa không thể đuổi dân cư ở vùng đồng bằng?

Họ không thể đuổi dân cư ở vùng đồng bằng vì dân cư đó có thiết xa.

Judges 1:21

Tại sao dân Giê-bu-sít sống chung với người Ben-gia-min tại Giê-ru-sa-lem?

Vì người Ben-gia-min không đuổi dân Giê-bu-sít đã định cư tại Giê-ru-sa-lem, nên dân Giê-bu-sít sống chung với người Ben-gia-min tại Giê-ru-sa-lem.

Judges 1:25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều gì xảy ra với người chỉ cho các thám tử từ nhà Giô-sép cách vào Bê-tên?
Các thám tử để người đó và cả nhà người thoát và người đó đến xứ của dân Hê-tít và xây một thành phố và gọi là Lu-xơ.
Judges 1:26
Điều gì xảy ra với người chỉ cho các thám tử từ nhà Giô-sép cách vào Bê-tên?
Các thám tử để người đó và cả nhà người thoát và người đó đến xứ của dân Hê-tít và xây một thành phố và gọi là Lu-xơ.
Judges 1:28
When Israel became strong, what did they do to the Canaanites?
Khi Y-sơ-ra-ên trở nên cường thạnh, họ làm gì với người Ca-na-an?
When Israel became strong, they forced the Canaanites to serve them with hard labor, but they never drove them out completely.
Khi Y-sơ-ra-ên trở nên cường thạnh, thì bắt dân Ca-na-an phục dịch; nhưng không có đuổi chúng nó đi hết.
Judges 1:32
Tại sao chi phái A-se sống giữa dân Ca-na-an?
Chi phái A-se sống giữa dân Ca-na-an vì họ không đuổi chúng đi hết.
Judges 1:34
Ai chế ngự dân A-mô-rít ở Núi Hê-re, A-gia-lôn, và Sa-an-bim?
Nhà Giô-sép chế ngự chúng.
Judges 1:35
Ai chế ngự dân A-mô-rít ở Núi Hê-re, A-gia-lôn, và Sa-an-bim?
Nhà Giô-sép chế ngự chúng.

Chapter 2
Judges 2:1
thiên sứ của Đức Giê-hô-va
Ý nghĩa khả thi: 1) “thiên sứ đại diện cho Đức Giê-hô-va”, hoặc 2) “sứ giả phục vụ cho Đức Giê-hô-va”, hoặc 3) nó có thể chỉ về chính Đức Giê-hô-va, khi Ngài nói chuyện với con người mà Ngài trông giống như một thiên sứ. Một trong hai nghĩa nầy sẽ giải thích tại sao thiên sứ lại xưng là “Ta” như thể chính Đức Giê-hô-va đang phán.
từ Ghinh-ganh đi lên Bô-kim
"rời khỏi Ghinh-ganh và đi đến Bô-kim”
Bô-kim
Đây là điều dân Y-sơ-ra-ên đặt tên cho nơi này trong 2:5 sau khi vị thiên sứ đó quở trách dân sự. “Bô-kim” có nghĩa là “than khóc”
và phán
Người đọc ngầm hiểu rằng thiên sứ của Đức Giê-hô-va đang phán với dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “và phán với dân Y-sơ-ra-ên”
đem các con lên từ Ai Cập
"dân các con ra khỏi Ai Cập”
tổ phụ các con
"tổ tiên các con” hoặc “cha ông các con”
phá vỡ giao ước của Ta với các con
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “quên làm những điều mà Ta đã hứa sẽ làm cho các con”
các con đã không nghe tiếng Ta
Ở đây, "tiếng” tượng trưng cho những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “các con đã không vâng theo những mạng lệnh của Ta”
Con đã làm điều gì vậy?
Đức Giê-hô-va đã đưa ra câu hỏi này để khiến dân Y-sơ-ra-ên nhận ra rằng họ đã không vâng lời Đức Giê-hô-va và sẽ phải chịu khổ vì điều đó. Tham khảo cách dịch: “Các con đã làm điều tồi tệ”
Judges 2:3
Thông tin bối cảnh:
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Vì thế bây giờ Ta phán: “Ta sẽ không… cạm bẫy cho các con.”
Đây là câu trích dẫn nằm trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu trích dẫn trực tiếp này thành câu trích dẫn gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Vậy nên bây giờ Ta bảo cùng các con rằng Ta sẽ không… cạm bẫy cho các con”
trở nên gai nơi hông các con
Việc dân Ca-na-an khiến dân Y-sơ-ra-ên khổ sở được nói đến như thể dân Ca-na-an sẽ là gai đâm vào hông của người Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “khiến các con phải khổ sở”
gai
những phần gỗ sắc nhọn dài đến 7cm mọc ra từ thân một vài loại cây.
thần của chúng sẽ là cạm bẫy cho các con
Việc dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng thần của người Ca-na-an được nói đến như thể những tà thần đó là bẫy của người thợ săn dùng để bắt và làm bị thương con thú.
kêu la và khóc lóc
"khóc lóc thảm thiết”
Judges 2:6
Bấy giờ, khi Giô-suê
Ở đây, “Bấy giờ” được dùng để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến câu chuyện chính. Ở đây, người kể chuyện bắt đầu phần tóm tắt giải thích những thế hệ Y-sơ-ra-ên sau khi Giô-suê qua đời đã phạm tội và thờ phượng tà thần ra sao đến nỗi Đức Giê-hô-va đã trừng phạt họ, nhưng sau đó Ngài sai những quan xét đến để giải cứu họ. Phần tóm tắt này kết thúc trong 2:23.
khi Giô-suê…. qua đời lúc 110 tuổi
Những sự kiện trong 1:1-2:5 đã xảy ra sau khi Giô-suê qua đời. Đây là những sự kiện được thuật lại cách chi tiết trong phần cuối của sách Giô-suê.
đến nơi được phân cho mình
Có thể làm rõ hơn câu này. Tham khảo cách dịch: “đến nơi mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ”
trong trọn đời
Cụm từ này có nghĩa là thời gian mà ai đó đã sống. Tham khảo cách dịch: “trọn đời”
các trưởng lão
Ở đây, cụm từ này chỉ về những người giúp đỡ trong việc dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên, tham gia vào những vấn đề công lý xã hội và trong những vấn đề mang tính tôn giáo, chẳng hạn như duy trì luật pháp Môi-se.
sống lâu hơn ông
Cụm từ này có nghĩa là sống lâu hơn người nào đó. Tham khảo cách dịch: “sống lâu hơn Giô-suê”
Nun
Đây là tên của một người nam.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Judges 2:9
ông đã chia phần
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Đức Chúa Trời đã ban cho ông”
Thim-nát Hê-re
Đây là tên của một khu vực trong xứ.
Núi Ga-ách
Đây là tên của một ngọn núi.
Cả thế hệ đó cũng được sum họp với tổ phụ của mình
Cụm từ “cũng được sum họp với tổ phụ của mình” nghĩa là giống như những người trước đó trong thế hệ này đã qua đời, linh hồn của những người nầy cũng sẽ đi đến nơi mà tổ phụ là những người đã chết trước họ đã đi đến. Đây là một cách tế nhị để nói rằng họ đã chết.
tổ tiên
Ở đây, cụm từ này có nghĩa là tổ tiên của một một người hoặc một nhóm dân.
lớn lên
"già đi” hoặc “lớn hơn”
những người chẳng biết Đức Giê-hô-va
Ở đây, “chẳng biết” có nghĩa là họ không kinh nghiệm được Đức Giê-hô-va hoặc năng quyền của Ngài như các thế hệ trước.
Judges 2:11
điều ác trước mắt Đức Giê-hô-va
Ở đây, “trước mắt” tượng trưng cho những điều Đức Giê-hô-va xem xét hoặc suy nghĩ về điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “những điều Đức Giê-hô-va gọi là điều điều ác”
các thần Ba-anh
Đây là dạng số nhiều của Ba-anh. Dù “Ba-anh” thường là tên của một tà thần, từ này cũng được dùng để chỉ nhiều thần tượng khác thường được thờ phượng chung với Ba-anh.
Họ đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va
Việc dân Y-sơ-ra-ên không còn vâng phục Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể họ đã lìa bỏ Ngài.
tổ phụ
"tổ tiên” hoặc “cha ông”
Họ đi theo các thần khác
Việc dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu thờ phượng các tà thần được nói đến như thể họ đi theo sau những tà thần đó.
sấp mình xuống trước các thần ấy
Đây là hành động thờ phượng và thể hiện sự tôn kính với ai đó.
Họ đã chọc giận Đức Giê-hô-va
"Họ khiến Đức Giê-hô-va nổi giận”
Các thần Át-tạt-tê
Đây là dạng số nhiều của Át-tạt-tê, được thờ phượng như một nữ thần ở nhiều hình thức khác nhau.
Judges 2:14
Cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên cùng Y-sơ-ra-ên
Cơn giận của Đức Giê-hô-va được mô tả đang bùng cháy như một ngọn lửa. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi giận cùng dân Y-sơ-ra-ên”
Ngài phó họ cho bọn cướp chiếm đoạt hết tài sản của họ
"Ngài khiến bọn cướp chiếm đoạt hết tài sản của họ”
Ngài bán họ làm nô lệ là những người bị bắt phục bởi sức mạnh của những kẻ thù xung quanh mình, để họ không tài nào có thể chống cự với kẻ thù của mình nữa
Việc Đức Giê-hô-va cho phép kẻ thù bắt dân Y-sơ-ra-ên làm nô lệ được nói đến như thể Ngài đã bán họ làm nô lệ. Cụm từ “những người bị bắt phục bởi” có thể được chuyển sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài cho phép kẻ thù của họ chế ngự họ và bắt họ làm nô lệ, và họ không tài nào chống cự với những kẻ thù hùng mạnh của mình nữa”
tay của Đức Giê-hô-va nghịch cùng họ để đánh bại họ
Ở đây, “tay” tượng trưng cho năng quyền của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã giúp kẻ thù của họ đánh bại họ”
họ đã lâm vào cảnh khốn cùng cực kỳ bi đát
"họ chịu thiệt hại tồi tệ”
Judges 2:16
Sau đó, Đức Giê-hô-va đã dấy lên những quan xét
Việc Đức Giê-hô-va chỉ định những người sẽ trở thành các quan xét được nói đến như thể Ngài đang đỡ hoặc nâng những người đó lên.
khỏi tay những kẻ
Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực, sức mạnh. Tham khảo cách dịch: “khỏi uy quyền của những kẻ thù”
họ không chịu nghe lời các quan xét của mình
"họ sẽ không nghe theo các quan xét của mình”
phó mình cho các thần khác như những kẻ điếm đĩ và thờ phượng chúng
Những người phản bội Đức Giê-hô-va để đi thờ phượng những thần khác được nói đến như thể họ là những kẻ điếm đĩ. Tham khảo cách dịch: “phản bội Ngài khi đi thờ phượng các tà thần”
Họ đã vội xoay bỏ khỏi con đường mà tổ phụ mình đã sống
Tác giả nói về những người không sống như tổ phụ của mình, tức những người đã thờ phượng Đức Giê-hô-va, như thể những người đó đã xoay mình và đi theo một hướng khác với các tổ phụ của mình.
tổ phụ của mình
“tổ tiên của mình” hoặc “cha ông mình”
Judges 2:18
Khi Đức Giê-hô-va dấy lên các quan xét
Việc Đức Giê-hô-va chỉ định nhiều người để trở thành các quan xét được nói đến như thể Ngài đỡ hoặc nâng những người đó lên.
các quan xét cho họ… giải cứu họ
Từ “họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
tay của kẻ thù mình
Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực, sức mạnh của những kẻ thù sẽ làm hại dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “uy quyền của kẻ thù mình”
trọn những ngày mà các quan xét đã sống
"chừng nào các quan xét còn sống”
lòng thương xót
có lòng thương xót cho ai đó hoặc điều gì đó
khi họ kêu rên
Âm thanh được tạo ra bởi một người đang chịu đau đớn được dùng để mô tả nỗi đau đớn mà dân Y-sơ-ra-ên đang chịu đựng. Tham khảo cách dịch: “khi họ chịu đau đớn”
họ lại quay đi
Những người không vâng phục Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể họ xoay người lìa bỏ Đức Giê-hô-va.
tổ phụ của mình
“tổ tiên của mình” hoặc “cha ông mình”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ lại đi theo những thần khác để phục vụ và thờ phượng họ
Việc dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng những thần khác được nói đến như thể họ đang bước đi theo sau những thần khác. Tham khảo cách dịch: “Họ lại đi phục vụ và thờ phượng các thần khác”
Họ không chịu từ bỏ bất cứ việc gian ác nào hay là đường lối cố chấp của mình
"Họ không chịu ngưng làm những điều gian ác và tính cố chấp”. Có thể chuyển câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ cứ làm những điều gian ác và cứ ngoan cố”
Judges 2:20
Cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên cùng Y-sơ-ra-ên
Cơn giận của Đức Giê-hô-va được mô tả đang bùng cháy như một ngọn lửa. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [JDG 2:14]
nước này đã vi phạm
Ở đây, "nước” đại diện cho những người dân trong nước đó. Tham khảo cách dịch: “những người nầy đã vi phạm” hoặc “dân Y-sơ-ra-ên đã vi phạm”
tổ phụ
Ở đây, từ này chỉ về những tổ phụ của một người hoặc một nhóm dân nhất định.
họ đã không nghe tiếng Ta
Ở đây, "tiếng” đại diện cho những điều Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “họ đã không làm theo những gì Ta đã lệnh cho họ” hoặc “họ đã không vâng lời Ta”
bất cứ một nước nào
Ở đây, "nước” đại diện cho những nhóm dân đã sống tại Ca-na-an trước dân Y-sơ-ra-ên.
họ có gìn giữ đường lối của Đức Giê-hô-va và bước đi trên đó
Cách thức Đức Giê-hô-va muốn dân sự phải sống hoặc hành xử được nói đến như thể đó là một con đường hoặc một lối đi. Một người vâng phục Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ đang bước đi trên đường của Ngài.
Ngài không cho phép Giô-suê đánh bại chúng
"Ngài không để cho Giô-suê đánh bại họ”
không cho phép Giô-suê
Ở đây, "Giô-suê” tượng trưng cho quân đội của người. Tham khảo cách dịch: “không cho phép Giô-suê cùng quân đội của người”

Translation Questions

Judges 2:1
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đem dân Y-sơ-ra-ên đi đâu?
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đem họ đến xứ mà Ngài đã thề sẽ ban cho tổ phụ họ.
Judges 2:3
Khi thiên sứ nói là sẽ không đuổi dân Ca-na-an khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, họ làm gì?
Khi thiên sứ nói là sẽ không đuổi dân Ca-na-an khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, họ bèn cất tiếng lên khóc.
Judges 2:4
Khi thiên sứ nói là sẽ không đuổi dân Ca-na-an khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, họ làm gì?
Khi thiên sứ nói là sẽ không đuổi dân Ca-na-an khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, họ bèn cất tiếng lên khóc.
Judges 2:7
Dân sự phục vụ Đức Giê-hô-va bao lâu?
Dân sự phục vụ Đức Giê-hô-va trong trọn đời Giô-suê và trọn đời các trưởng lão còn sống lâu hơn Giô-suê.
Judges 2:12
Dân Y-sơ-ra-ên theo các thần nào?
Dân Y-sơ-ra-ên theo chính các thần của những dân ở xung quanh họ.
Judges 2:15
What had Yahweh sworn to Israel?
Đức Giê-hô-va đã thề gì với Y-sơ-ra-ên?
Yahweh had sworn that wherever Israel went out to fight, Yahweh's hand would be against them to defeat them.
Đức Giê-hô-va đã thề rằng bất luận họ đi đến đâu, tay của Đức Giê-hô-va vẫn nghịch cùng họ đặng giáng họa cho.
Judges 2:16
Các quan xét làm gì?
Các quan xét giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi tay kẻ cướp bóc.
Judges 2:19
Điều gì xảy ra khi quan xét qua đời?
Khi quan xét qua đời, Y-sơ-ra-ên lại làm ác hơn các tổ phụ mình.
Judges 2:21
Tại sao Đức Giê-hô-va không đuổi khỏi trước mặt họ một dân nào mà Giô-suê để lại khi người qua đời?
Đức Giê-hô-va không đuổi khỏi trước mặt họ một dân nào mà Giô-suê để lại khi người qua đời, để xem thử họ có giữ và đi theo đường của Đức Giê-hô-va, như tổ phụ họ chăng.
Judges 2:22
Tại sao Đức Giê-hô-va không đuổi khỏi trước mặt họ một dân nào mà Giô-suê để lại khi người qua đời?
Đức Giê-hô-va không đuổi khỏi trước mặt họ một dân nào mà Giô-suê để lại khi người qua đời, để xem thử họ có giữ và đi theo đường của Đức Giê-hô-va, như tổ phụ họ chăng.

Chapter 3

Judges 3:1
Bấy giờ, Đức Giê-hô-va
Ở đây, từ "Bấy giờ” mở đầu một phần mới trong câu chuyện.
những nước nầy
Cụm từ này chỉ về những nhóm dân mà người kể chuyện sẽ liệt kê trong 3:3.
nhưng người chưa từng trải qua bất kỳ một trận chiến nào tại Ca-na-an
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người chưa từng tham gia bất kỳ trận chiến nào tại Ca-na-an”
Ngài làm vậy để dạy chiến trận cho các thế hệ mới của dân Y-sơ-ra-ên, những người trước đây chưa biết về nó
Câu này chen ngang vào phần diễn biến chính của câu chuyện. Người kể chuyện cung cấp thông tin bối cảnh giải thích tại sao Đức Giê-hô-va lại chừa lại một vài trong số những nhóm dân sống tại Ca-na-an. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va chừa những nước này lại giữa dân Y-sơ-ra-ên để dạy cho những người trai trẻ chưa từng tham chiến trước đó cách để chiến đấu”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

năm vị vua
Năm vị vua này đại diện cho dân tộc của họ. Tham khảo cách dịch: “năm vị vua và dân sự của họ”
Núi Ba-anh Hẹt-môn
Đây là ngọn núi cao nhất trong Y-sơ-ra-ên.
đèo Ha-mát
Đây là tên của một vùng nằm ở vùng biên giới phía Bắc Ca-na-an.
Judges 3:4
Những nước này được chừa lại
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã chừa những nước nầy lại ở Ca-na-an” hoặc “Đức Giê-hô-va đã để những nước này tiếp tục sống tại Ca-na-an”
như một phương tiện
"như một cách”
liệu họ có… đã ban cho tổ phụ của họ
Từ “họ” và “của họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
những mạng lệnh mà Ngài đã ban cho
"những mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã ban”
Judges 3:7
điều ác trước mắt Đức Giê-hô-va
Ở đây, "trước mắt Đức Giê-hô-va” đại diện cho những điều Đức Giê-hô-va xem xét hoặc nghĩ về điều gì đó. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 2:11]
quên Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình
Ở đây, "quên” là một cách nói có nghĩa là “họ đã không vâng phục… nữa”
cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên
Đức Giê-hô-va trở nên rất giận dữ được nói đến như thể cơn giận của Ngài là thứ gì đó có thể bừng cháy, Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ”
bán họ vào tay Cu-san Ri-sa-tha-im
Việc cho phép dân Y-sơ-ra-ên bị đánh bại được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đã bán họ cho Cu-san Ri-sa-tha-im. Tham khảo cách dịch: “cho phép Cu-san Ri-sa-tha-im và quân đội của hắn đánh bại họ”
vào tay Cu-san Ri-sa-tha-im
Ở đây, “tay” là một hoán dụ đại diện cho quyền lực hoặc sự kiểm soát. Cũng vậy, “Cu-san Ri-sa-tha-im” đại diện cho quân đội của hắn.
Cu-san Ri-sa-tha-im
Đây là tên của một người nam.
A-ram Na-ha-ra
Đây là tên của một quốc gia.
Judges 3:9
Đức Giê-hô-va dấy lên một người nào đó
Việc Đức Giê-hô-va chỉ định người nào đó để làm một công việc đặc biệt được nói đến như thể Đức Giê-hô-va nâng đỡ người đó lên.
Ốt-ni-ên ... Kê-na
Hãy dịch những tên gọi này theo cách bạn đã làm trong JDG 1:13.
trao quyền cho ông
Cụm từ này có nghĩa là Đức Giê-hô-va giúp Ốt-ni-ên có và phát triển những phẩm chất cần có để trở thành một người lãnh đạo vĩ đại.
ông lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên
Ở đây, trong bản tiếng Anh, từ "xét xử” (quan xéts) có nghĩa là ông lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên.
ông ra trận
Ở đây, "ông” chỉ Ốt-ni-ên, người đại diện cho quân đội Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Ốt-ni-ên và quân lính Y-sơ-ra-ên đi chiến đấu cùng quân đội của Cu-san Ri-sa-tha-im”
Đức Giê-hô-va ban cho ông chiến thắng Cu-san Ri-sa-tha-im, vua A-ram
Ở đây, " Cu-san Ri-sa-tha-im” đại diện cho quân đội của người. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va giúp quân Y-sơ-ra-ên đánh bại quân của Cu-san Ri-sa-tha-im, vua A-ram”
Tay của Ốt-ni-ên
Ở đây, "tay” là hoán dụ chỉ về quân đội. Tham khảo cách dịch: “Quân đội của Ốt-ni-ên"
Xứ được hòa bình
“Xứ” được dùng để chỉ những người dân sống trong xứ đó. Tham khảo cách dịch: “Những người dân tại đó đã sống hòa bình”
bốn mươi năm
"40 năm"
Judges 3:12
điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
Ở đây, “trước mặt Đức Giê-hô-va” đại diện cho những cân nhắc hoặc suy nghĩ của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 2:11]
Đức Giê-hô-va ban sức mạnh cho Éc-lôn, vua Mô-áp
Danh từ “sức mạnh” có thể được chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va khiến Éc-lôn, vua Mô-áp, trở nên mạnh mẽ”
cho Éc-lôn, vua Mô-áp để chế ngự dân Y-sơ-ra-ên
Ở đây, "Éc-lôn, vua Mô-áp” đại diện cho quân đội của vua đó. Tham khảo cách dịch: “cho Éc-lôn, vua Mô-áp và quân lính của vua khi họ tấn công quân đội Y-sơ-ra-ên”
Éc-lôn
Đây là tên một vị vua.
Thành Cây Chà Là
Đây là tên gọi khác của thành Giê-ri-cô. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 1:16.
mười tám năm
"18 năm"
Judges 3:15
kêu cầu Đức Giê-hô-va
Ở đây, cụm từ này có nghĩa la lớn hoặc nói lớn tiếng cùng ai đó đang ở rất xa. Nó cũng có nghĩa là cầu xin ai đó giúp đỡ, đặc biệt là Đức Chúa Trời.
dấy lên một người
Việc Đức Giê-hô-va chỉ định người nào đó để giữ chức vụ đặc biệt cho Ngài được nói đến như thể Ngài nâng hoặc đỡ người ấy lên.
Ê-hút ... Ghê-ra
Đây đều là tên của nam.
thuận tay trái
Ê-hút cầm gươm bằng tay trái dễ dàng và thuận tiện hơn.
Judges 3:16
một cu-bít
Nếu cần thiết phải dùng đơn vị đo độ dài hiện tại, thì ở đây có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: “dài 46 cm” hoặc “dài khoảng nửa mét”
ông buộc nó dưới áo mình trên đùi phải
"ông cột nó trên đùi phải dưới áo của mình”
đùi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"phần trên của chân”

Bấy giờ, Éc-lôn là một người rất mập

Ở đây, "Bấy giờ” được dùng để đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Người kể chuyện đang cung cấp thông tin về Éc-lôn.

Judges 3:19

khi ông đến chỗ các tượng đá được chạm ở gần Ghinh-ghanh

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “khi ông đến chỗ gần Ghinh-ghanh, nơi người ta tạc các hình tượng”

nơi lầu mát

Đây là căn phòng ở tầng trên, được dùng để nghỉ ngơi và làm mát trong những ngày nóng nực.

Vua liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi của mình

Đừng lên là một dấu hiện tôn kinh Đức Chúa Trời để nghe sứ điệp của Ngài.

Judges 3:21

mũi gươm thấu ra đến tận lưng vua

"mũi gươm xuyên thấu qua khỏi lưng của người”

không rút ra

"không kéo ra” (UDB)

hành lang

một căn phòng bên ngoài, với những bức tường thấp và mái che

Judges 3:24

Chắc vua đang đi vệ sinh

Đây là cách nói tế nhị để nói về việc ai đó đi đại tiện hoặc đi tiểu.

cho đến chừng chúng cảm thấy mình đang bỏ qua nhiệm vụ của mình

Họ đã chờ cho đến khi họ cảm thấy lo lắng rằng đã có chuyện không hay xảy ra và nhiệm vụ của họ là mở cửa vào phòng riêng của vua mình.

lấy chìa khóa và mở chúng

"lấy chìa khóa và mở cửa”

Judges 3:26

Trong khi những đầy tớ đó đang chần chờ... Ê-hút đã tẩu thoát

Câu này cho biết chuyện đã xảy ra trước lúc các đầy tớ mở cửa lên lầu và thấy vua đã chết. Tham khảo cách dịch: “Cùng lúc đó, khi các tôi tớ đang còn đợi bên ngoài lầu... Ê-hút đã tẩu thoát”

Sê-i-ra

Đây là tên gọi của một thành.

Khi ông đến nơi

Có thể nói rõ hơn. Tham khảo cách dịch: “Khi ông đã đến Sê-i-ra”

Judges 3:28

Thông tin bối cảnh:

Ê-hút nói với dân Y-sơ-ra-ên tại Ép-ra-im.

vì Đức Giê-hô-va sắp sửa đánh bại kẻ phụ cả anh em

Việc Đức Giê-hô-va giúp dân Y-sơ-ra-ên đánh bại kẻ thù của họ được nói đến như thể Đức Giê-hô-va là một chiến sĩ tham gia đánh trận và đánh bại kẻ thù của họ.

chiếm giữ các chỗ cạn

"giành quyền kiểm soát những chỗ cạn”

các chỗ cạn

Những chỗ nước cạn của một dòng sông, và có thể dễ dàng lội sang bờ bên kia.

không cho ai qua

"không để ai qua”

mười nghìn người

"10.000 người"

những người can đảm

"những người có năng lực” hoặc “những người đánh trận giỏi”

Mô-áp bị khuất phục bởi sức mạnh của dân Y-sơ-ra-ên

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “quân đội Y-sơ-ra-ên đã đánh bại dân Mô-áp”

sức mạnh của dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "sức mạnh” đại diện cho quân đội Y-sơ-ra-ên.

xứ được yên ổn

Ở đây, "xứ” đại diện cho những người dân sống tại đó. Tham khảo cách dịch: “dân Y-sơ-ra-ên sống yên bình”

tám mươi năm

"80 năm"

Judges 3:31

quan xét

Đức Chúa Trời đã lập nên các quan xét để dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên trong những lúc khó khăn sau khi họ đã vào được Đất Hứa, và trước khi họ có các vua cai trị. Thường thì các quan xét giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi kẻ thù của họ.

Sam-ga

Tên của một người nam.

A-nát

Tên của một người nam.

thúc

"lùa" hoặc “hướng”

Ông cũng đã giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi nguy hiểm

Từ “nguy hiểm” chỉ về những kẻ thù đã cố hãm hại dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Ông cũng đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi kẻ thù của họ”

Translation Questions

Judges 3:1

Why did Yahweh leave nations to test Israel?

Yahweh left nations to test Israel to teach warfare to the new generation of the Israelites who had not known it before.

Judges 3:4

What would Yahweh do by means of the remaining nations?

Yahweh would test Israel by means of the remaining nations, to confirm whether they would obey the commands he gave their ancestors through Moses.

Judges 3:7

What did the people of Israel worship?

They worshiped the Baals and the Asherahs.

Judges 3:9

Who did Yahweh first raise up, who would come to help the people of Israel?

Yahweh first raised up Othniel the son of Kenaz, Caleb's younger brother.

Judges 3:12

Who gave strength to Eglon the king of Moab?

Yahweh gave strength to Eglon the king of Moab.

Judges 3:15

When did Yahweh raise up Ehud to help the people of Israel?

Yahweh raised up Ehud to help the people of Israel when

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

they called out to him.
Judges 3:16
Where did Ehud strap on the sword he made?
He strapped it on under his clothing on his right thigh.
Judges 3:19
Who was with Ehud and the king when Ehud told him the message?
Only Ehud and the king were there.
Judges 3:20
Who was with Ehud and the king when Ehud told him the message?
Only Ehud and the king were there.
Judges 3:22
Why did fat close over the blade?
Fat closed over the blade, for Ehud did not draw the sword out of the king's body.
Judges 3:24
When the king's servants saw that the doors of the upper room were locked, what did they think?
When the king's servants saw that the doors of the upper room were locked, they thought he was relieving himself in the coolness of the upper room.
Judges 3:26
When did Ehud escape?
While the servants were waiting, wondering what they should do, Ehud escaped.
Judges 3:28
How did the people of Israel prevent the Moabites from crossing the river?
The people of Israel captured the fords of the Jordan across from the Moabites.
Judges 3:31
With what did Shamgar kill 600 Philistines?
Shamgar killed the Philistines with a stick used to goad the cattle.

Chapter 4
Judges 4:1
Ê-hút
Hãy dịch tên gọi nầy như cách bạn đã làm trong JDG 3:15.
điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
Ở đây, “trước mặt Đức Giê-hô-va” đại diện cho những cân nhắc hoặc suy nghĩ của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 2:11]
Đức Giê-hô-va đã bán họ vào tay của Gia-bin, vua Ca-na-an
Ở đây, "tay" chỉ về quyền lực của Gia-bin trên dân Y-sơ-ra-ên. Quyết định của Đức Giê-hô-va để ban cho Gia-bin quyền cai trị trên Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Ngài đã bán họ cho Gia-bin. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã cho phép họ bị đánh bại bởi quyền lực của Gia-bin, vua Ca-na-an”
Gia-bin ... Si-sê-ra
Đây đều là tên của nam
Hát-so ... Ha-rô-sết
Đây là tên của các thành hoặc các địa danh.
chín trăm xe ngựa bằng sắt
"900 xe ngựa bằng sắt"
hai mươi năm
"20 năm"
Judges 4:4
Bấy giờ
Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắn đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Tác giả đang cung cấp thông tin về Đê-bô-ra.
Đê-bô-ra
Đây là tên của một người nữ
Láp-bi-đốt
Đây là tên của một người nam
quan xét
Đức Chúa Trời đã lập các quan xét để dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên trong những lúc khó khăn. Thường thì các quan xét đã giải cứu dân sự khỏi kẻ thù của họ.
cây chà là Đê-bô-ra
Đây là loại cây được đặt theo tên của Đê-bô-ra.
Judges 4:6
Thông tin bối cảnh:
Tác giả của sách Quan xét gọi con người, thành trì, núi non và sống theo tên của chúng.
Ba-rác ... A-bi-nô-am
Đây đều là tên của nam.
núi Tha-bô
Đây là tên của một ngọn núi.
mười nghìn người
"10.000 người"
Ta sẽ kéo... ra
Ở đây, “Ta” chỉ về Đức Chúa Trời.
dụ Si-sê-ra ra
Ở đây, "Si-sê-ra" đại diện cho quân đội của hắn. Tham khảo cách dịch: “dụ Si-sê-ra và quân đội của hắn ra”
dụ ra
khiến người ta ra khỏi nơi an toàn
Si-sê-ra ... Gia-bin
Hãy dịch những tên gọi này theo cách bạn đã làm trong JDG 4:2.
Ki-sôn
Đây là tên của một con sông.
Judges 4:8
Thông tin bối cảnh:
Ba-rác bàn bạc với Đê-bô-ra.
Ba-rác
Hãy dịch tên gọi nầy như cách bạn đã làm trong JDG 4:6.
con đường ông đi sẽ không dẫn đến vinh quang
Lựa chọn mà Ba-rác đưa ra được nói đến như thể Ba-rác đang chọn một con đường để đi. Và “vinh quang” được nói đến như thể nó là đích đến mà một người đang đi tới. Tham khảo cách dịch: “sẽ chẳng ai tôn vinh ông vì những việc ông làm”
vì Đức Giê-hô-va sẽ bán Si-sê-ri vào tay một người nữ
Ở đây, “tay” chỉ về khả năng giết chết ông của bà. Tham khảo cách dịch: “vì Đức Giê-hô-va sẽ khiến một người nữ đánh bại Si-sê-ra”
Si-sê-ra
Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong JDG 4:2.
Đê-bô-ra
Hãy dịch tên gọi nầy như cách bạn đã làm trong JDG 4:4.
Judges 4:10
Mười nghìn người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"10.000 người"
Judges 4:11
Bấy giờ
Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắn đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Tác giả đang đưa ra phần thông tin về Hê-be, người Kê-nít.
Hê-be ... Hô-báp
Đây đều là tên của nam.
Người Kê-nít
Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong 1:16
ông gia Môi-se
"cha vợ Môi-se"
Xa-na-nim
Đây là tên gọi của một thành.
Judges 4:12
Khi họ báo cho Si-sê-ra
Ở đây, từ "họ" không chỉ cụ thể là ai. Tham khảo cách dịch: "Khi có người báo cho Si-sê-ra"
Si-sê-ra
Hãy dịch tên này theo cách bạn đã làm trong JDG 4:2.
Ba-rác ... A-bi-nô-am ... núi Tha-bô
Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:6.
Si-sê-ra triệu tập toàn bộ chiến xa của mình
Ở đây, "chiến xa" đại diện cho những người lính lái những chiến xa đó.
chín trăm xe ngựa bằng sắt
"900 xe ngựa bằng sắt"
Ha-rô-sết
Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong JDG 4:2.
Ki-sôn River
Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong JDG 4:7.
Judges 4:14
Đức Giê-hô-va đã ban chiến thắng cho ông
Bởi vì Đê-bô-ra chắc chắn về chiến thắng nên bà nói như thể Ba-rác Ba-rác đã giành chiến thắng trong trận chiến này rồi. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ ban chiến thắng cho ông"
Không phải Đức Giê-hô-va đang dẫn đường cho ông sao?
Đê-bô-ra đặt ra câu hỏi này để nhắc Ba-rác nhớ rằng họ chiến đấu bên cạnh Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Hãy nhớ rằn, Đức Giê-hô-va đang dẫn dắt ông"
cùng với mười ngàn
"cùng với 10.000"
Judges 4:15
Đức Giê-hô-va khiến quân đội của Si-sê-ra trở nên lộn rộn
"Đức Giê-hô-va khiến cho quân đội Si-sê-ra trở nên hoảng loạn" hoặc "Đức Giê-hô-va khiến cho quân đội hoang mang"
toàn bộ chiến xa của hắn
Ở đây, "chiến xa" ở đây đại diện cho những quân lính lái những chiến xa nầy.
Ba-rác đuổi theo
Ở đây, "Ba-rác" đại diện cho quân đội của người. Tham khảo cách dịch: "Ba-rác và quân lính của ông đuổi theo"
Ha-rô-sết
Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong JDG 4:2.
toàn bộ quân lính của Si-sê-ra bị giết dưới lưỡi gươm
Ở đây, "gươm" tượng trưng cho gươm giáo cùng những loại vũ khí khác mà quân lính sử dụng trong chiến trận. Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ba-rác và quân lính của ông đã giết toàn bộ quân lính của Si-sê-ra bằng gươm của mình"
Judges 4:17
Si-sê-ra ... Gia-bin ... Hát-so
Hãy dịch những tên gọi này theo cách bạn đã làm trong JDG 4:2.
chạy trốn
Đây là một cách diễn đạt có nghĩa là ông chạy bộ chứ không phải là cưỡi ngựa hay đi trên một chiến xa.
Gia-ên
Đây là tên của một người nữ.
Hê-be
Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong JDG 4:11.
Người Kê-nít
Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong JDG 1:16.
nhà của Hê-be người Kê-nít
Ở đây, "nhà" đại diện cho một gia đình. Tham khảo cách dịch: "gia đình của Hê-be người Kê-nít"
Xin hãy rẽ qua đây
Câu này có nghĩa là chuyển hướng đi trong hành trình để có thể nghỉ ngơi. Tham khảo cách dịch: "Xin hãy đến đây"
mền
Một tấm vải rộng trùm người để ngủ cho ấm, làm từ lông cừu hoặc da thú.
Judges 4:19
Hắn nói với nàng
"Si-sê-ra nói với Gia-ên"
Judges 4:21
cây cọc lều
Một cây gỗ hoặc cây sắt có đầu nhọn, giống như một cây đinh lớn, được đóng vào đất để giữ góc lều chặt dưới đất.
cái búa
một dụng cụ bằng gỗ, nặng được dùng để đóng cọc lều xuống đất.
giấc ngủ say
Giống như một người mắc kẹt dưới một cái hố sâu, không dễ để trèo khỏi đó, thì một người ngủ say cũng khó mà tỉnh giấc dễ dàng được.
nó xuyên qua
"nó tạo một lỗ"
Ba-rác còn đang truy đuổi
"Ba-rác còn đang đuổi theo" hoặc "Ba-rác còn đang theo sau"
Judges 4:23
Đức Chúa Trời đã đánh bại Gia-bin, vua Ca-na-an, trước dân Y-sơ-ra-ên
Việc Đức Chúa Trời khiến dân Y-sơ-ra-ên đánh bại Gia-bin và quân đội của hắn được nói đến như thể chính Đức Chúa Trời đã đánh bại Gia-bin như dân Y-sơ-ra-ên đã thấy.
Sức mạnh
"Sức mạnh quân sự"
họ tiêu diệt người đi
Ở đây, "người" chỉ về Gia-bin là người đại diện cho quân đội của người. Tham khảo cách dịch: "họ tiêu diệt Gia-bin cùng quân đội của người"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Judges 4:3

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu Đức Giê-hô-va giúp đỡ?

Dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu Đức Giê-hô-va giúp đỡ vì Gia-bin có chín trăm xe sắt và trong hai mươi năm, người hà hiếp dân Y-sơ-ra-ên cách hung bạo trong hai mươi năm.

Judges 4:4

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên đến gặp Đê-bô-ra?

Dân Y-sơ-ra-ên đến gặp Đê-bô-ra đặng giải quyết tranh chấp của họ.

Judges 4:7

Đức Giê-hô-va khiến Si-sê-ra gặp Ba-rắc ở đâu?

Đức Giê-hô-va khiến Si-sê-ra gặp Ba-rắc tại khe Kít-sôn.

Judges 4:8

Tại sao Đức Giê-hô-va cho một người nữ đánh bại Si-sê-ra?

Đức Giê-hô-va khiến một người nữ đánh bại Si-sê-ra vì Ba-rắc không đi mà không có Đê-bô-ra.

Judges 4:9

Tại sao Đức Giê-hô-va cho một người nữ đánh bại Si-sê-ra?

Đức Giê-hô-va khiến một người nữ đánh bại Si-sê-ra vì Ba-rắc không đi mà không có Đê-bô-ra.

Judges 4:11

Người Kê-nít là con cháu của ai?

Người Kê-nít là con cháu của Hô-báp, em vợ của Môi-se.

Judges 4:16

Bao nhiêu người trong quân đội của Si-sê-ra sống sót?

Không ai trong quân đội của Si-sê-ra sống sót.

Judges 4:17

Tại sao Si-sê-ra đi đến trại của Gia-ên?

Si-sê-ra đến trại của Gia-ên, vì vì Gia-bin, vua Hát-so, và nhà Hê-be, người Kê-nít, hòa hảo với nhau.

Judges 4:19

Khi Si-sê-ra xin nước, Gia-ên đưa gì cho ông?

Khi Si-sê-ra xin nước, Gia-ên đưa sữa cho ông.

Judges 4:21

Gia-ên giết Si-sê-ra bằng cách nào?

Gia-ên lấy một cây nọc trại, và tay nắm cái búa, đóng thủng màng tang người, thấu xuống đất.

Chapter 5

Judges 5:1

Trong ngày đó

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Trong ngày dân Y-sơ-ra-ên đánh bại đội quân của vua Gia-bin”

Đê-bô-ra

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:4.

Ba-rác ... A-bi-nô-am

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:6.

khi dân chúng vui vẻ tự nguyện đi lính

"khi những người nam đồng ý ra trận”

Judges 5:3

Thông tin bối cảnh:

Bài ca của Đê-bô-ra và Ba-rác tiếp tục bằng thơ ca..

Hỡi các vua, hãy nghe! Hỡi các nhà lãnh đạo, hãy chú ý!

Đê-bô-ra và Ba-rác nói với các vị vua và những người lãnh đạo này như thể họ đang có mặt tại đó lắng nghe bài ca này.

các ngươi là các vua… các ngươi là các nhà lãnh đạo

Cụm này chỉ về những vua và các nhà lãnh đạo nói chung, không chỉ cụ thể một vị vua hay một người lãnh đạo nào.

khi Ngài đi ra từ Sê-i-rơ, khi Ngài đi từ Ê-đôm

Câu này nói đến thời điểm khi dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ê-đôn để bắt đầu chinh phục dân tại Ca-na-an. Việc Đức Giê-hô-va đã thêm sức cho dân sự Ngài để có thể đánh bại dân Ca-na-an được nói đến như thể Ngài là một chiến sĩ chỉ đạo quân Y-sơ-ra-ên.

Sê-i-rơ

Sê-i-rơ là một ngọn núi ở biên giới của Y-sơ-ra-ên và Ê-đôm.

đất rung chuyển, và các từng trời cũng run rẩy, mây cũng tuôn nước xuống

Ý nghĩa khả thi: 1) ngôn ngữ thi ca này nhấn mạnh năng quyền của Đức Giê-hô-va bằng cách mô tả năng quyền đó gây ra động đất và những cơn bão hoặc 2) việc dân Ca-na-an kinh hãi khi dân Y-sơ-ra-ên sắp sửa tấn công mình được nói đến như thể đất và trời đang run rẩy.

Judges 5:5

Thông tin bối cảnh:

Bài ca của Đê-bô-ra và Ba-rác tiếp tục với thơ ca.

Các núi rúng động

Điều này có thể đề cập đến những trận động đất và gây ấn tượng rằng những ngọn núi đó rúng động bởi vì chúng rất sợ Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Các núi run sợ”

trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây, "mặt” chỉ về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

cả núi Si-nai cũng run rẩy

Khi xưa, lúc Môi-se và Y-sơ-ra-ên ở trên núi Si-nai, núi đã rúng động. Tham khảo cách dịch: “ngày xưa, núi Si-nai cũng run rẩy”

Trong thời của

Ở đây, "thời” đại diện cho một quãng thời gian dài. Tham khảo cách dịch: “Trong suốt cả cuộc đời của”

Sam-ga ... A-nát ... Gia-ên

Đây đều là tên gọi của nhiều người. Xem cách bạn đã dịch tên gọi Sam-ga và A-nát trong [JDG 3:31]

con trai của A-nát

Cha của Sam-ga được đề cập để hỗ trợ nhận diện Sam-ga và thời gian người sống.

những đường cái bị bỏ hoang

Có thể chuyển sang thể chủ động và bạn có thể nói rõ lí do tại sao những con đường đó lại bị bỏ hoang. Tham khảo cách dịch: “người đã không còn dùng đến những đường cái nữa, bởi vì họ sợ kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên”

các lối quanh co

Cụm từ này chỉ về những con đường nhỏ hơn mà ít người đi trên đó hơn.

Judges 5:7

một người mẹ lên cầm quyền trong Y-sơ-ra-ên

Câu này nói về khả năng lãnh đạo của Đê-bô-ra như thể bà là mẹ của Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “bà chăm sóc dân Y-sơ-ra-ên như một người mẹ chăm lo cho con cái mình”

họ chọn các thần mới

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng những thần mới”
tranh chiến tại các cổng thành
Ở đây, "cổng” đại diện cho các thành. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “kẻ thù tấn công dân sự trong các thành của Y-sơ-ra-ên”
tại đó, không một cái khiên hoặc cây giáo được tìm thấy trong vòng bốn mươi ngàn người Y-sơ-ra-ên
Câu này có thể là một cách quá về lượng vũ khí ít ỏi mà dân Y-sơ-ra-ên có. Tham khảo cách dịch: “có rất ít vũ khí dùng trong chiến trận còn lại trong Y-sơ-ra-ên”
bốn mươi ngàn người Y-sơ-ra-ên
"40.000 người Y-sơ-ra-ên”
Judges 5:9
Lòng tôi cảm thông với các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên
Từ “lòng” đại diện cho cảm xúc của một người. Cụm từ “Lòng tôi cảm thông” là một cách nói thể hiện rằng Đê-bô-ra cảm thấy biết ơn hoặc cảm kích. Tham khảo cách dịch: ‘Tôi cảm kích trước những nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên”
những người cưỡi trên lừa trắng… những người đi bộ trên đường
Có thể hai hình ảnh tương phản này là chỉ về người giàu và người nghèo. Tham khảo cách dịch: “những người giàu có cưỡi trên lừa trắng… những người nghèo khó đi bộ trên đường”. Hai thái cực đối lập hoàn toàn này được dùng chung để chỉ tất cả mọi người.
ngồi trên yên là những tấm thảm
Những tấm thảm này được dùng làm yên lừa để khiến người cưỡi cảm thấy thoải mái hơn.
Judges 5:11
Thông tin bối cảnh:
Bài cả của Đê-bô-ra và Ba-rác tiếp tục.
Hãy nghe tiếng của những người
Ở đây, “tiếng” đại diện cho người đang hát. Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe những người”
đi xuống các cổng thành
Ở đây, "cổng” đại diện cho cả thành. Tham khảo cách dịch: “trở lại thành mình”
Judges 5:12
Thông tin bối cảnh:
Bài ca của Đê-bô-ra và Ba-rác tiếp tục với thơ ca.
Hãy tỉnh thức, tỉnh thức
Người nói có thể là 1) dân Y-sơ-ra-ên hoặc 2) Đê-bô-ra đang nói với chính mình hoặc 3) tác giả của bài hát này
Đê-bô-ra
Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:4.
Ba-rác ... A-bi-nô-am
Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:6.
cùng tôi với các dũng sĩ
Từ “tôi” chỉ Đê-bô-ra.
Judges 5:14
từ Ép-ra-im, những người gốc A-ma-léc
Những người Ép-ra-im đến sống trong xứ này, là nơi mà dòng dõi dân A-ma-léc đã sống trước đó được nói đến như thể người Ép-ra-im được trồng và rễ của họ đâm sâu vào đất. Tham khảo cách dịch: “từ Ép-ra-im, xứ đó là nơi dòng dõi dân A-ma-léc đã từng sống”
theo sau ngươi
Ở đây, "ngươi” chỉ những người Ép-ra-im. Có thể nói ở ngôi thứ ba. Tham khảo cách dịch: “theo sau chúng”
Ma-ki
Đây là nơi dòng dõi của Ma-ki sống. Ma-ki là con trai của Ma-na-se và cháu Giô-sép.
từ Sa-bu-lôn những người cầm gậy chỉ huy
Những người chỉ huy quân đội được mô tả bằng cây gậy của họ, tức là biểu tượng cho thẩm quyền của họ. Tham khảo cách dịch: “những nhà lãnh đạo quân đội từ Sa-bu-lôn”
Judges 5:15
Đê-bô-ra
Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:4.
Y-sa-ca theo Ba-rác
Ở đây, "Y-sa-ca” chỉ về chi tộc Y-sa-ca. Tham khảo cách dịch: “chi tộc Y-sa-ca theo Ba-rác”
Ba-rác
Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:6.
cùng nhau xông vào thung lũng ấy theo lệnh của người
"theo lệnh người mà cùng nhau xông vào thung lũng”
xông vào theo
"theo sau” hoặc “đi theo”
có sự nghi ngại trong lòng
Ở đây, "lòng” chỉ về những suy nghĩ. Việc những người này đang bàn luận với nhau nhưng lại không thể nào đưa ra quyết định phản làm gì được nói đến như thể họ đang đắn đo suy nghĩ trong lòng. Tham khảo cách dịch: “có nhiều ý kiến bàn luận về điều họ nên làm”
Judges 5:16
Tại sao các ngươi lại ngồi giữa những lò sưởi, nghe những kẻ chăn chiên thổi sáo gọi bầy mình?
Câu hỏi này được đưa ra để phê bình người của chi tộc Ru-bên vì họ đã quyết định không tham gia vào cuộc chiến. Tham khảo cách dịch: “Tại sao các ngươi lại ngồi quanh đống lửa của mình để nghe những người chăn chiên thổi sáo gọi bầy mình thay vì chuẩn bị cho trận chiến?”. Có thể dịch câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các ngươi nên cùng chúng tôi chiến đấu thay vì ở nhà mà nghe những kẻ chăn chiên thổi sáo gọi bầy mình.”
những lò lửa
Một số bản dịch Kinh Thánh dịch thành “các chuồng chiên” hoặc “các ràn chiên”
tại đó có những do dự trong lòng
Ở đây, "lòng” chỉ về những suy nghĩ. Việc những người này đang bàn luận với nhau nhưng lại không thể nào đưa ra quyết định phản làm gì được nói đến như thể họ đang đắn đo suy nghĩ trong lòng. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 5:15]
Judges 5:17
Ghi-lê-át ở
Ở đây, "Ghi-lê-át" đại diện cho những người nam từ Ghi-lê-át, là những người lẽ ra đã phải tham chiến. Tham khảo cách dịch: “những người nam của Ghi-lê-át ở”
bên kia sông Giô-đanh
Chỉ bờ phía đông của sông Giô-đanh.
còn Đan, sao cứ lang thang trên những con tàu?
Câu hỏi nầy được đặt ra để bày tỏ cơn giận bởi vì những người trong chi tộc Đan không chiến đấu vì dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “còn những người nam của Đan đáng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lẽ ra không nên cứ ở trên tàu của mình" hoặc "những người thuộc chi tộc Đan đã không chiến đấu cùng chúng tôi. Thay vào đó, họ cứ lái tàu lang thang trên biển"

Đan, sao người

Ở đây, "Đan' đại diện cho những người nam trong chi tộc Đan, là những người lẽ ra phải tham gia vào cuộc chiến. Tham khảo cách dịch: "những nam của Đan, tại sao họ"

lang thang trên những con tàu

Chi tộc Đang ở gần biển Địa Trung Hải. Họ đi thuyền buôm trên biển để kiếm tiền qua việc buôn bán và đánh bắt cá.

A-se cứ ở trên bờ biển và sống gần các bến cảng của mình

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "những người trong chi tộc A-se cũng không giúp chúng tôi. Họ chỉ cứ ở trên bờ biển gần những bến cảng của mình"

A-se cứ ở

Ở đây, "A-se" đại diện cho những người nam đáng lẽ đã phải đi đánh trận. Tham khảo cách dịch: "Những người nam A-se cứ ở"

các bến cảng

những chỗ nước sâu trên bờ biển, nơi tàu thuyền được neo đậu.

Nép-ta-li, cũng

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: "Nép-ta-li cũng là chi tộc dám liều mạng sống mình"

Judges 5:19

Các vua đến, họ chiến đấu… các vua Ca-na-an đánh

Vua của một nhóm dân được dùng để chỉ về đội quân mà vua đó chỉ huy. Tham khảo cách dịch: "Các vua và quân đội của họ tiến đến đánh… các vua Ca-na-an và quân đội của họ đánh"

chúng đánh… đánh

Từ "chúng tôi" được ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: "họ đánh chúng tôi… đánh chúng tôi"

Tha-a-nác ... Mê-ghi-đô

Hãy dịch tên của những nơi này như bạn đã làm trong JDG 1:27.

không một chút bạc làm chiếm lợi phẩm

Ở đây, "bạc" tượng trưng cho bất kỳ kho báu nào nói chung. Tham khảo cách dịch: "không một chút bạc hay châu báu nào khác làm chiến lợi phẩm"

chiến lợi phẩm

những thứ bị cướp, thường là trong những trận chiến hoặc do kẻ cắp.

Từ trời các vì sao chiến đấu, chúng theo quỹ đạo của mình mà đánh Si-sê-ra

Đức Giê-hô-va giúp dân Y-sơ-ra-ên đánh bại Si-ê-ra và quân đội của hắn được nói đến như thể chính những vì sao đã đánh chiến cùng Si-ê-ra và quân đội của hắn. Câu này có thể chỉ việc Đức Giê-hô-va dùng những nhân tố tự nhiên, đặc biệt là mưa bão, để đánh bại Si-ê-ra.

nghịch cùng Si-sê-ra

Ở đây, "Si-sê-ra" đại diện cho toàn bộ quân lính của hắn.

Si-sê-ra

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:2.

Judges 5:21

Sông Ki-sôn cuốn trôi chúng đi

Do mưa lớn nên dòng sông bị ngập lụt và nhanh chóng khiến cho những chiến xa bị kẹt trong bùn và nhấn chìm nhiều binh lính. Tham khảo cách dịch: "Sông Ki-sôn bị ngập lụt và cuốn trôi lính của Si-sê-ra"

Ki-sôn

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong JDG 4:6.

Hỡi linh hồn ta, hãy bước đi mạnh mẽ

Ở đây, "linh hồn" chỉ về chính người đó. Từ "của ta" chỉ về Đê-bô-ra. Tham khảo cách dịch: "Ta dặn mình hãy cứ bước đi mạnh mẽ"

Đoạn, tiếng vó ngựa dồn dập, tiếng của những con chiến mã phi nước đại

Câu này mô tả âm thành được tạo ra bởi đoàn ngựa chạy khỏi chiến trường. Tham khảo cách dịch: "Đoạn, tôi nghe thấy tiếng ngựa bỏ chạy. Những con chiến mã của Si-sê-ra đang bỏ chạy"

phi nước đại

chạy rất nhanh

Judges 5:23

Hãy nguyền rủa Mê-rô

Ở đây, "Mê-rô" đại diện cho những người dân sống tại đó. Tham khảo cách dịch: "Hãy nguyền rủa những người ở Mê-rô"

Mê-rô

Đây là tên gọi của một thành.

dân cư

những người dân sống tại một nơi nào đó.

Judges 5:24

Gia-ên

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:18.

Hê-be

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:11.

Người Kê-nít

Hãy dịch tên nhóm dân này như bạn đã làm trong JDG 1:16.

đem cho hắn bơ

Ở đây, "bơ" chỉ về sữa đã đóng cục. Đây là loại sữa hảo hạng và cũng là thức uống mà người của Gia-ên ưa thích. Tham khảo cách dịch: "đem cho hắn sữa chua" hoặc "đem cho hắn sữa đông"

chén dùng cho những ông hoàng

Cụm từ này có nghĩa là cái chén đó là loại có chất lượng tốt nhất bởi vì người ta phải dâng cho những ông hoàng những vật tốt nhất.

Judges 5:26

Nàng với tay lấy cây cọc lều

"Tay trái Gia-ên chộp lấy cây cọc lều"

cây cọc lều

Một cây gỗ hoặc cây sắt có đầu nhọn, giống như một cây đinh lớn, mà người ta dùng búa để đóng nó xuống đất để giữ góc lều chặt dưới đất. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 4:21.

và tay phải nàng cầm cái búa của người thợ

Có thể diễn đạt câu này thành một câu hoàn chỉnh. Tham khảo cách dịch: "và tay phải nàng chộp lấy cái búa"

cái búa

Đây là một dụng cụ bằng gỗ, nặng được dùng để đóng cọc lều xuống đất. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 4:21.

Si-sê-ra

Hãy dịch tên gọi nầy như cách bạn đã làm trong JDG 4:2.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nằm sóng soài
không có chút sức lực nào hoặc bất động
hắn đã bị giết cách tàn khốc
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nàng đã giết hắn” hoặc “hắn đã chết”
Judges 5:28
khung cửa
Đây là khung cửa làm từ những thanh gỗ đan chéo nhau.
Tại sao xe ngựa của con tôi lâu đến? Tại sao vó ngựa kéo xe của nó lại chậm trễ thế kia?
Cả hai câu hỏi này đều nói về cùng một ý. Có thể kết hợp cả hai câu này lại với nhau. Tham khảo cách dịch: “Tại sao Si-sê-ra lại lâu về nhà như thế?”
xe ngựa của nó ... Tại sao vó ngựa kéo xe nó
Cả hai đều đại diện cho Si-sê-ra. Tham khảo cách dịch: “Si-sê-ra ... Tại sao nó”
Judges 5:29
nàng hầu khôn ngoan nhất
“công chúa” là con gái của vua, nhưng “công chúa” cũng có thể chỉ những nữ cố vấn cho gia đình của nhà vua. Tham khảo cách dịch: “những người nữ khôn ngoan nhất”
chính bà cũng tự cho mình câu trả lời tương tự
"bà cũng tự nhủ như vậy”
Chẳng phải chúng đã tìm được và phân chia chiến lợi phẩm đó sao?
Bà dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ tin rằng những việc đó đã xảy ra. Tham khảo cách dịch: “Chắc hẳn chúng đã chiếm được rất nhiều chiến lợi phẩm đến nỗi phải mất một thời gian dài để chia chác.”
Một, hai thiếu nữ cho mỗi chiến binh.... của những người chiếm được chiến lợi phẩm
Bà dùng câu hỏi để nhấn mạnh họ tin rằng điều đó nhất định đã xảy ra. Tham khảo cách dịch: “Phải có một hoặc hai thiếu nữ cho mỗi chiến binh... của những người chiếm được chiến lợi phẩm”
Một hoặc hai thiếu nữ cho mỗi chiến binh
Ở đây, "tử cung” đại diện cho một thiếu nữ. Mẹ của Si-sê-ra tin rằng những chiến binh của Si-sê-ra đã bắt giữ được rất nhiều phụ nữ. Tham khảo cách dịch: “Mỗi chiến binh sẽ nhận được một hoặc hai người nữ”
vải nhuộm
"vải nhuộm màu” hoặc “những bộ quần áo nhuộm màu”
thêu
"khâu tỉ mỉ”
cho cổ của những người chiến thắng
Ở đây, "cổ” đại diện cho những người lính của Si-sê-ra. Tham khảo cách dịch: “cho những người lính chiến thắng đeo”
Judges 5:31
để cho những người yêu kính Ngài
"để cho những người yêu kính Đức Giê-hô-va”
giống như mặt trời mọc lên rực rỡ
Dân Y-sơ-ra-ên ước được giống như mặt trời mọc lên bởi vì không một quân đội của một nước nào có thể đủ hùng mạnh để ngăn mặt trời mọc lên được.
xứ được hòa bình
Ở đây, "xứ” đại diện cho những người dân Y-sơ-ra-ên sống tại đó. Tham khảo cách dịch: “và dân Y-sơ-ra-ên đã sống hòa bình”
trong bốn mươi năm
"trong 40 năm"

Translation Questions

Judges 5:4
Đất rúng động khi nào?
Đất rúng động khi Đức Giê-hô-va đi ra từ Sê-i-rơ, khi Ngài qua vùng Ê-đôm.
Judges 5:6
Khách bộ hành đi trên những con đường nào?
Khách bộ hành đi trên những lối quanh quẹo.
Judges 5:8
Giữa bốn mươi ngàn người Y-sơ-ra-ên, người ta chẳng thấy gì?
Giữa bốn mươi ngàn người Y-sơ-ra-ên, Người ta chẳng thấy khiên, cũng chẳng thấy cây giáo.
Judges 5:10
Cái gì được dùng làm cái yên trên lừa trắng?
Yên được làm bằng nhung để trên lưng lừa trắng.
Judges 5:13
Dân sự của Đức Giê-hô-va đi xuống gặp ai?
Dân sự của Đức Giê-hô-va đi xuống gặp Đê-bô-ra giữa những chiến sĩ.
Judges 5:15
Y-sa-ca làm gì với Ba-rắc?
Y-sa-ca đồng tâm hiệp lực với Ba-rắc, họ cùng nhau xông vào thung lũng
Judges 5:18
Sê-bu-lôn liều mình làm gì?
Sê-bu-lôn sẽ liều mình đến chết.
Judges 5:20
Những gì đánh Si-sê-ra từ đường của chúng trên trời?
Các vì sao chiến đấu đánh Si-sê-ra theo đường của chúng trên trời.
Judges 5:24
Tại sao thiên sứ của Đức Giê-hô-va rủa sả Mê-rô?
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va rủa sả Mê-rô vì họ không đến giúp đỡ Đức Giê-hô-va.
Judges 5:26
Gia-ên nắm lấy cái gì?
Gia-ên nắm lấy cây nọc, tay phải bà cầm búa của người thợ.
Judges 5:28
Mẹ của Si-sê-ra ngóng trông qua đâu?
Mẹ của Si-sê-ra ngóng trông qua cửa sổ, nhìn qua lưới rèm.
Judges 5:31
Những ai yêu mến Đức Giê-hô-va sẽ giống như gì?
Những người yêu mến Đức Giê-hô-va sẽ giống như mặt trời mọc lên rạng rỡ.

Chapter 6
Judges 6:1
điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
Ở đây, “trước mặt Đức Giê-hô-va” đại diện cho những cân nhắc hoặc suy nghĩ của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 2:11]
Tay của Mi-đi-an

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho dân Mi-đi-an. Và “tay” đại diện cho quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “quyền kiểm soát của dân Mi-đi-an" hoặc “quyền kiểm soát của người Mi-đi-an"

Thế lực của người Mi-đi-an đè nặng trên dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "thế lực của người Mi-đi-an" chỉ về dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: “dân Mi-đi-an hùng mạnh hơn và áp bức dân Y-sơ-ra-ên”

hang

những chỗ ẩn nấp trên các vách đá.

Judges 6:3

Chúng đóng quân

"Quân đội của chúng đóng trại” hoặc “Quân đội của chúng sẽ dựng trại”

Judges 6:5

Hễ khi nào chúng cùng bầy súc vật và lều trại mình đi lên

Xứ của dân Mi-đi-an nằm ở phía Nam Y-sơ-ra-ên, gần Biển Đỏ. Nên người ta thường dùng cụm từ “đi lên” để nói về việc đi từ Mi-đi-an đến Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Hễ khi nào dân Mi-đi-an đem những bầy súc vật và lều trại của mình đến đất Y-sơ-ra-ên”

chúng sẽ tiến đến như đám cào cào

Dân Mi-đi-an được ví như đám cào cào bởi vì số lượng người và vật của họ tràn đến rất đông đến nỗi ăn hết mọi thứ mọc lên.

Số đó không thể đếm hết được

Đây là một cách nói quá, cách nói cường điều để cho thấy con số đó là rất lớn.

Mi-đi-an làm suy yếu

Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho dân Mi-đi-an.

kêu cầu Đức Giê-hô-va

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “cầu xin Đức Giê-hô-va cứu giúp”

Judges 6:7

kêu cầu Đức Giê-hô-va

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “cầu xin Đức Giê-hô-va cứu giúp”

vì cớ Mi-đi-an

Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: “vì cớ dân Mi-đi-an"

Ta đã đem các con lên từ Ai Cập

"Ta đã dẫn các con ra khỏi Ai Cập”

nhà nô lệ

Môi-se nói về Ai Cập như thể Ai Cập là một ngôi nhà nơi người ta bị giữ làm nô lệ. Tham khảo cách dịch: “nơi các con phải chịu làm nô lệ”

Judges 6:9

từ tay

Trong cụm từ này, “tay” đại diện cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát.

vâng theo tiếng Ta

Ở đây, "tiếng Ta” đại diện cho những gì Đức Giê-hô-va ra lệnh. Tham khảo cách dịch: “vâng giữ mạng lệnh của Ta” hoặc “vâng phục Ta”

Judges 6:11

Bấy giờ

Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, người kể bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

thiên sứ của Đức Giê-hô-va

Trong 6:11-24, Đức Giê-hô-va lấy hình dạng một thiên xứ mà hiện ra với Ghi-đê-ôn. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va, xuất hiện như một thiên sứ” hoặc “Đức Giê-hô-va”

Óp-ra

Đây là tên gọi của một thành.

A-bi-ê-xê-rít

Đây là một nhóm dân được đặt theo tên của tổ phụ họ là A-bia-xe.

đang đập lúa mạch trên sàn

Đây là một công đoạn gọi là “đập lúa”. Ghi-đê-ôn đang đập lúa xuống sàn nhà để tác phần hạt ra khỏi thân lúa.

hiện ra với ông

"đến cùng ông”

Judges 6:13

Thưa ngài

Ghi-đê-ôn dùng từ “ngài” là một cách chào hỏi lịch sự đối với một người lạ. Ông không hề nhận biết là mình đang nói chuyện với Đức Giê-hô-va trong hình dạng một thiên sứ hoặc một con người bình thường.

Tất cả những việc lạ lùng mà tổ phụ chúng tôi đã kể cho chúng tôi nghe ở đâu, khi họ nói rằng: “Chẳng phải Đức Giê-hô-va đã đem chúng ta lên khỏi Ai Cập sao?”

Ghi-đê-ôn dùng một câu hỏi để bác bỏ lời tuyên bố của người lạ mặt kia rằng Đức Giê-hô-va ở cùng ông. Có thể dịch câu trích dẫn gián tiếp này thành một câu trích dẫn trực tiếp. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi chẳng thấy bất cứ việc lạ lùng nào giống như những điều tổ phụ chúng tôi đã kể cho chúng tôi nghe về lúc Đức Giê-hô-va đã đem chúng tôi lên từ Ai Cập”

phó chúng tôi vào tay dân Mi-đi-an

Cụm từ “phó chúng tôi vào” có nghĩa là Đức Giê-hô-va cho phép dân Y-sơ-ra-ên bị đánh bại. Tham khảo cách dịch: “cho phép dân Mi-đi-an đánh bại chúng tôi”

phó chúng tôi vào tay

Ở đây, “tay” tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát.

Mi-đi-an

Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: “dân Mi-đi-an"

Judges 6:14

Đức Giê-hô-va nhìn ông

"Đức Giê-hô-va nhìn Ghi-đê-ôn”

khỏi tay

Ở đây, “tay” tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát.

Mi-đi-an

Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: “dân Mi-đi-an"

Chẳng phải ta sai con đó sao?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để khẳng định với Ghi-đê-ôm rằng Ngài đang sai phái ông. Ở đây, “sai” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã chỉ định Ghi-đê-ôn cho một nhiệm vụ cụ thể. Tham khảo cách dịch: “Ta, là Đức Giê-hô-va, đang sai phái con!”

Lạy Chúa

Lúc nầy, Ghi-đê-ôn gọi người đó là “Chúa” thay vì “ngài” như trong JDG 6:13. Ở đây, có vẻ như Ghi-đê-ôn biết hoặc nghi ngờ rằng mình đang nói chuyện với Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sao con có thể giải cứu Y-sơ-ra-ên được?
Ghi-đê-ôn dùng một câu hỏi đến nhấn mạnh rằng ông không nghĩ rằng mình có thể giải cứu dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Tôi không thể nào giải cứu dân Y-sơ-ra-ên được!”
Nầy
"Xin hãy hiểu rằng” hoặc “Xin Chúa nghe con”
trong Ma-na-se
"trong chi tộc Ma-na-se”
trong nhà cha con
Ở đây, “nhà” đại diện cho một gia đình. Tham khảo cách dịch: “trong gia đình cha con” hoặc “trong gia đình con”
Judges 6:16
Ta sẽ ở cùng con
Ở đây, "ở cùng con” là một cách nói có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ giúp đỡ và ban phước cho Ghi-đê-ôn.
như một người
Bạn có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: “dễ như thể con đang đánh một người vậy”
bày nó trước mặt Ngài
"đặt nó trước Ngài”
Judges 6:19
từ một ê-pha bột mì
Nếu cần thiết phải dùng đơn vị đo lường hiện nay thì ở đây chúng ta có một cách dịch. Tham khảo cách dịch: “với 22 lít bột mì”
nước thịt
nước mà người ta đã nấu thức ăn, chẳng hạn như thịt”
trong đó
chúng cho Ngài
"chúng cho thiên sứ của Đức Chúa Trời”
thiên sứ của Đức Chúa Trời
Đây cũng chính là thiên sứ của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời, đang ở trong hình dạng của một thiên sứ” hoặc “Đức Chúa Trời”
Judges 6:21
thiên sứ của Đức Giê-hô-va
Trong 6:11-24 Đức Giê-hô-va đã hiện ra với Ghi-đê-ôn trong hình dạng của một thiên sứ. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:11.
mất hút
"biến mất”
Judges 6:22
thiên sứ của Đức Giê-hô-va
Trong 6:11-24 Đức Giê-hô-va đã hiện ra với Ghi-đê-ôn trong hình dạng của một thiên sứ. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:11.
Ôi, Chúa Giê-hô-va!
Từ “ôi” ở đây cho thấy Ghi-đê-ôn đã rất kinh hãi.
thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va mặt đối mặt
Cụm từ này chỉ về hai người đang ở rất gần nhau. Tham khảo cách dịch: “thực sự đã thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va"
Đức Giê-hô-va phán với ông
Có vẻ như, Đức Giê-hô-va đang từ trời phán với Ghi-đê-ôn.
Cho đến ngày nay
Cụm từ này chỉ về thời điểm sách Các Quan Xét được viết.
Óp-ra
Hãy dịch tên gọi của thành nầy như các bạn đã làm trong JDG 6:11.
gia tộc A-bi-ê-xê-rít
Hãy dịch tên nhóm dân này như bạn đã làm trong JDG 6:11.
Judges 6:25
con bò đực thứ nhì
Từ “thứ nhì” là số chỉ thứ tự của “số hai”. Tham khảo cách dịch: “một con bò đực khác”
bên cạnh đó
"bên cạnh bàn thờ Ba-anh”
trên đỉnh của nơi ẩn nấp nầy
Thành Óp-ra nằm trên đỉnh đồi. Dân Y-sơ-ra-ên chạy trốn đến đây, để trốn khỏi dân Mi-đi-an.
xây nó thật ngay ngắn
"đặt những hòn đá thật ngay ngắn” hoặc “và xây nó thật hoàn chỉnh”
Judges 6:27
làm như Đức Giê-hô-va đã phán cùng mình
Câu này chỉ về mạng lệnh của Đức Giê-hô-va trong JDG 6:25-26.
Judges 6:28
thức dậy
"thức dậy ra khỏi giường” hoặc “thức giấc”
bàn thờ Ba-anh đã bị phá sập, và tượng A-sê-ra bên cạnh bị phá đổ xuống, và con bò đực thứ nhì đã được dâng trên bàn thờ mới xây
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ nhận ra ai đó đã phá sập bàn thờ Ba-anh, đánh đổ tượng thần A-sê-ra bên cạnh đó, và xây một bàn thờ mới rồi dâng con bò đực thứ hai trên đó”
Judges 6:30
nó phải bị xử tử
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chúng tôi phải giết nó coi như hình phạt”
Judges 6:31
Các người sẽ bênh vực cho Ba-anh sao?
Giô-suê dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng con người không cần phải che chở, bảo vệ cho một vị thần. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi không nên bênh vực cho Ba-anh”
bào chữa chuyện này
"biện hộ” hoặc “đưa ra lời bào chữa”
Các người sẽ cứu hắn sao?
Giô-suê dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng con người không cần phải giải cứu cho một vị thần. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi không nên cố gắng cứu Ba-anh”.
Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Nó có nghĩa là “hãy để Ba-anh tự biện hộ cho mình”
bởi vì ông nói rằng
"vì Giô-suê đã nói rằng”
Judges 6:33
Bấy giờ
Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, người kể bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.
họp lại với nhau
Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “họp lại thành một đội quân”
Judges 6:34
vượt qua sông Giô-đanh
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “kiểm soát

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ghi-đê-ôn”
gia tộc A-bi-ê-xê-rít
Hãy dịch tên nhóm dân này như bạn đã làm trong JDG 6:11.
để họ sẽ theo ông
Ở đây, người đọc ngầm hiểu từ “ra trận”. Tham khảo cách dịch: “để họ sẽ theo ông ra trận”
và họ cũng được kêu gọi theo ông
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “kêu gọi họ theo ông”
đến A-se, Sa-bu-lôn và Nép-ta-li
Tất cả những từ này đều đại diện cho những người dân trong từng chi tộc. Tham khảo cách dịch: “đến các chi tộc A-se, Sa-bu-lôn và Nép-ta-li”
Judges 6:36
lông chiên
bộ lông chiên
sương
nước đọng trên cây cối sau một đêm
thì con sẽ nhận biết Chúa sẽ
Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “đây sẽ là một dấu hiệu từ Ngài, để con sẽ nhận biết rằng Chúa sẽ”
Judges 6:38
Ghi-đê-ôn chổi dậy
"Ghi-đê-ôn ra khỏi giường”
vắt
vặn và siết chặt để loại bỏ nước ra

Translation Questions

Judges 6:2
Dân Y-sơ-ra-ên làm gì vì cớ người Ma-đi-an?
Vì sợ người Ma-đi-an, nên dân Y-sơ-ra-ên làm cho mình những nơi ẩn náu trong núi, trong các hầm và đồn.
Judges 6:3
Mỗi hki dân Y-sơ-ra-ên đi ra gieo giống thì điều gì xảy ra?
Mỗi khi dân I-sơ-ra-ên đi ra gieo giống, dân Mi-đi-an, dân A-ma-léc, và các dân phương đông kéo đến đánh họ.
Judges 6:5
Bao nhiêu người Ma-đi-an và A-ma-léc đi đánh?
Không thể đếm hết được.
Judges 6:10
Dân Y-sơ-ra-ên đang sống trong xứ của ai?
Họ đang sống trong xứ của dân A-mô-rít.
Judges 6:11
Tại sao Ghi-đê-ôn tách lúa bằng cách đập trên sân, nơi bàn ép rượu?
Ghi-đê-ôn tách lúa bằng cách đập trên sân, nơi bàn ép rượu nhằm tránh khỏi dân Ma-đi-an.
Judges 6:13
Ghi-đê-ôn nghĩ Đức Giê-hô-va đã làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên?
Ghi-đê-ôn nghĩ rằng Đức Giê-hô-va đã bỏ họ và phó họ vào tay dân Ma-đi-an.
Judges 6:15
Tại sao Ghi-đê-ôn nghĩ ông không thể giải cứu Y-sơ-ra-ên?
Ghi-đê-ôn nghĩ ông không thể giải cứu Y-sơ-ra-ên vì gia đình ông là gia tộc yếu kém nhất trong chi tộc Ma-na-se; còn ông là kẻ nhỏ nhất trong gia đình của ông.
Judges 6:18
Tại sao Đức Giê-hô-va đợi Ghi-đê-ôn?
Đức Giê-hô-va đợi Ghi-đê-ôn đem của lễ đến cho Ngài.
Judges 6:20
Thiên sứ của Đức Chúa Trời bảo Ghi-đê-ôn để thịt và bánh không men ở đâu?
Thiên sứ của Đức Chúa Trời bảo Ghi-đê-ôn để thịt và bánh không men ở trên một tảng đá.
Judges 6:21
Điều gì xảy ra khi thiên sứ của Đức Giê-hô-va đưa tay ra, dùng đầu gậy cầm nơi tay đụng vào thịt và bánh không men?
Khi thiên sứ của Đức Giê-hô-va đưa tay ra, dùng đầu gậy cầm nơi tay đụng vào thịt và bánh không men; lửa từ tảng đá bùng lên thiêu đốt thịt và bánh không men.
Judges 6:22
Tại sao Ghi-đê-ôn sợ khi ông hiểu rằng ông đã nhìn thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va?
Ghi-đê-ôn sợ khi ông hiểu rằng ông đã nhìn thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va vì ông nghĩ ông chắc hẳn sẽ chết.
Judges 6:23
Tại sao Ghi-đê-ôn sợ khi ông hiểu rằng ông đã nhìn thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va?
Ghi-đê-ôn sợ khi ông hiểu rằng ông đã nhìn thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va vì ông nghĩ ông chắc hẳn sẽ chết.
Judges 6:26
Đức Giê-hô-va bảo Ghi-đê-ôn xây gì trên chót ở nơi trú ẩn?
Đức Giê-hô-va bảo Ghi-đê-ôn xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va trên chót ở nơi trú ẩn.
Judges 6:27
Tại sao Ghi-đê-ôn làm theo điều Đức Giê-hô-va bảo ông làm vào ban đêm?
Ghi-đê-ôn làm theo điều Đức Giê-hô-va bảo ông làm vào ban đêm vì ông quá sợ nhà cha mình cùng kẻ trong thành, nên không dám làm theo lịnh ấy ban ngày.
Judges 6:30
Tại sao dân trong thành muốn giết Ghi-đê-ôn?
Dân chúng muốn giết Ghi-đê-ôn, vì ông đã phá dỡ bàn thờ thần Ba-anh, và đánh hạ hình tượng A-sê-ra ở trên.
Judges 6:32
Tại sao Ghi-đê-ôn được đặt tên là, "Giê-ru-ba-anh"?
Ghi-đê-ôn được đặt tên là, "Giê-ru-ba-anh", vì ông nói, "Ba-anh phải tranh luận cùng người," vì Ghi-đê-ôn có phá dỡ bàn thờ của hắn.
Judges 6:36
Ghi-đê-ôn làm gì để xem liệu Đức Giê-hô-va có định dùng ông để cứu Y-sơ-ra-ên không?
Ghi-đê-ôn để một thứ lông cừu trên sân đạp lúa. Ông nói rằng nếu chỉ có sương trên trên bộ lông cừu, và đất chung quanh đều khô ráo, thì ông biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ dùng ông để cứu Y-sơ-ra-ên.
Judges 6:37
Ghi-đê-ôn làm gì để xem liệu Đức Giê-hô-va có định dùng ông để cứu Y-sơ-ra-ên không?
Ghi-đê-ôn để một thứ lông cừu trên sân đạp lúa. Ông nói rằng nếu chỉ có sương trên trên bộ lông cừu, và đất chung quanh đều khô ráo, thì ông biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ dùng ông để cứu Y-sơ-ra-ên.
Judges 6:38
Khi Ghi-đê-ôn vắt lông chiên, và vắt nước sương ra từ lông, nước nhiều

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cỡ nào?
Khi Ghi-đê-ôn vắt lông chiên, và vắt nước sương ra từ lông, hứng đầy một chén.
Judges 6:39
Phép thử thứ nhì của Ghi-đê-ôn đối với Chúa là gì?
Phép thử thứ nhì của Ghi-đê-ôn là để Chúa làm cho lông cừu khô, và đất xung quanh bị phủ đầy sương.

Chapter 7
Judges 7:1
Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Xem cách bạn đã dịch tên của ông trong JDG 6:32.
họ cắm trại
"họ dựng trại”
suối Ha-rốt... đồi Mô-rê
Đây là tên của các địa danh.
Trại của Mi-đi-an ở phía bắc họ
Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho quân đội của dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: “Quân đội của người Mi-đi-an dựng trại ở phía Bắc quân đội Y-sơ-ra-ên”
Judges 7:2
vì Ta đã ban cho con chiến thắng dân Mi-đi-an
Từ “chiến thắng” là một danh từ. Tham khảo cách dịch: “vì Ta sẽ khiến con đánh bại dân Mi-đi-an”
Chính sức lực của chúng tôi đã giải cứu chúng tôi
Ở đây, "sức lực” tượng trưng cho chính dân sự. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi đã tự giải cứu mình không cần đến sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời”
Bấy giờ
Từ này không có nghĩa là “tại thời điểm đó”, nhưng nó được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào điểm quan trong sau đó.
công bố vào tai của dân sự
Ở đây, “tại” chỉ về chính dân sự. Tham khảo cách dịch: “công bố cho dân sự”
Ai sợ hãi, ai run rẩy
Cả hai cụm từ này đều cùng nói về một ý.
run rẩy
Từ này mô tả nỗi sợ hãi khiến cho một người run không kiểm soát được. Tham khảo cách dịch: “run sợ”
hãy để người trở về
Bạn có thể làm rõ nơi người sẽ đi. Tham khảo cách dịch: “hãy để người trở về nhà mình”
núi Ghi-lê-át
Đây là tên của một ngọn núi trong vùng Ghi-lê-át.
hai mươi hai nghìn
"22.000"
mười nghìn còn lại
Ở đây, người đọc ngầm hiểu từ “người” hoặc “người nam”. Tham khảo cách dịch: “10.000 người ở lại” hoặc “10.000 người nam ở lại”
mười nghìn
"10.000"
Judges 7:4
và tại đó ta sẽ giảm số lượng của họ lại cho con
Ở đây, "số lượng” đại diện cho quân đội Y-sơ-ra-ên. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “và tại đó Ta sẽ tỏ cho con biết phải cho người nào về, như vậy đội quân của con sẽ ít người hơn”
Judges 7:5
Ghi-đê-ôn đem
Từ “đem” có thể được dịch thành “nắm” hoặc “dẫn dắt”
liếm
uống nước bằng cách dùng dưỡi liếm
Ba trăm người
"300 người"
Judges 7:7
Ba trăm người
"300 người"
Ta sẽ giải cứu các con và ban cho các con chiến thắng
Ở đây, "các con” ở số nhiều chỉ Ghi-đê-ôn và dân Y-sơ-ra-ên.
Vậy, những người đã được chọn
Có thể chuyển sang thể chủ động. tl “Vậy, những người mà Đức Giê-hô-va đã chọn”
lấy những đồ dự trữ và kèn của mình
Ở đây, "của mình” chỉ về quân lính Y-sơ-ra-ên là những người rời khỏi quân đội.
Bấy giờ
Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, người kể bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.
Judges 7:9
Hãy tấn công các trại quân, vì Ta sẽ ban cho các con chiến thắng chúng
Ở đây, "trại quân” chỉ về toàn bộ quân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: “Hãy tấn công quân Mi-đi-an, vì Ta sẽ giúp đỡ các con đánh bại chúng”
sợ không dám đi xuống
Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “sợ không dám xuống tấn công”
Phu-ra
Đây là tên của một người nam.
và lòng can đảm của các con sẽ được củng cố
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và những gì các con nghe thấy sẽ làm vững lòng các con”
những trạm canh gác
những chỗ ở phần rìa của nơi đó, mà quân lính đứng canh gác coi chừng quân đội của kẻ thù.
Judges 7:12
dày đặc như những bầy cào cào
Ở đây, "bầy” có nghĩa là một đám lớn. Tác giả ví sánh đội quân của họ như một đám cào cào nhằm nhấn mạnh số lượng đông quân lính tại đó.
Lạc đà của chúng nhiều... nhiều như cát nơi bờ biển
Tác giả dùng cách nói cường điệu, nói quá để nhấn mạnh rằng có rất nhiều lạc đà.
Lạc đã của họ nhiều không đếm xuể
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Lạc đà của họ nhiều vô số kể”
Judges 7:13
Điều này không gì hơn là gươm của Ghi-đê-ôn
Ở đây, "gươm của Ghi-đê-ôn” chỉ về đợt tấn công của quân đội Ghi-đê-ôn. Tham khảo cách dịch: “Ổ bánh bằng lúa mạch trong giấc mơ của anh hẳn phải là quân đội của Ghi-đê-ôn”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Chúa Trời đã ban cho người chiến thắng Mi-đi-an
Sự kiện chưa xảy ra nầy được nói đến như thể nó đã xảy ra rồi. Câu này nhằm nhấn mạnh ý sự việc này nhất định sẽ xảy ra. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời nhất định sẽ giúp dân Y-sơ-ra-ên đánh bại dân Mi-đi-an”
Judges 7:15
Ba trăm người
"300 người"
Judges 7:17
Vì Đức Giê-hô-va và vì Ghi-đê-ôn!
Người đọc ngầm hiểu từ “chúng ta chiến đấu”. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta chiến đấu vì Đức Giê-hô-va và vì Ghi-đê-ôn!”
Judges 7:19
một trăm người
"100 người"
ngay lúc mới đổi phiên gác
Lúc mới đổi phiên gác sẽ vào khoảng 10 giờ tối.
Judges 7:20
Gươm của Đức Giê-hô-va và của Ghi-đê-ôn
Ở đây, "gươm” chỉ về sự chiến đấu của họ. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta chiến đấu vì Đức Giê-hô-va và vì Ghi-đê-ôn”
Judges 7:22
bă trăm cây kèn
"300 cây kèn"
Đức Giê-hô-va khiến gươm của người Mi-đi-an nghịch cùng bạn của mình
Ở đây, "gươm” chỉ về đợt tấn công bằng gươm của họ. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va khiến người Mi-đi-an chém giết lẫn nhau”
Bết Si-ta... A-bên Mê-hô-la... Ta-bát
Đây là tên gọi của các thị trấn và thành quách.
Người Y-sơ-ra-ên từ Nép-ta-li, A-se và toàn bộ Ma-na-se được triệu tập
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ghi-đê-ôn triệu tập dân Y-sơ-ra-ên từ các chi tộc Nép-ta-li, A-se và toàn bộ Ma-na-se”
Judges 7:24
Bết Ba-ra
Đây là tên gọi của một thành.
và chiếm giữ các nguồn nước, cả đến Bết Ba-ra và sông Giô-đanh
"và chiếm giữ những khu vực thuộc sông Giô-đanh cho đến tận Bết Ba-ra về phía nam”
Ô-rếp ... Xê-ép
Đây đều là tên của nam.
tại tảng đá Ô-rếp ... tại bàn ép nho Xê-ép
Những nơi này được đặt tên như thế sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã giết Ô-rếp và Xê-ép tại đó.

Translation Questions

Judges 7:2
Tại sao Đức Giê-hô-va cho những lính sợ hãi trở về?
Đức Giê-hô-va cho những lính sợ hãi trở về để Y-sơ-ra-ên không thể khoe khoang nghịch lại Đức Giê-hô-va rằng, "Chính tay ta đã tự giải thoát lấy ta."
Judges 7:3
Tại sao Đức Giê-hô-va cho những lính sợ hãi trở về?
Đức Giê-hô-va cho những lính sợ hãi trở về để Y-sơ-ra-ên không thể khoe khoang nghịch lại Đức Giê-hô-va rằng, "Chính tay ta đã tự giải thoát lấy ta."
Judges 7:4
Tại sao Đức Giê-hô-va bảo Ghi-đê-ôn đem binh lính xuống nơi mé nước?
Đức Giê-hô-va muốn có số binh lính nhỏ hơn bằng cách bảo Ghi-đê-ôn rằng người nào sẽ đi với ông.
Judges 7:5
Đức Giê-hô-va bảo Ghi-đê-ôn phân chia binh lính như thế nào?
Đức Giê-hô-va bảo Ghi-đê-ôn tách riêng những ai liếm nước như chó liếm.
Judges 7:7
Ghi-đê-ôn giữ lại bao nhiêu lính?
Ghi-đê-ôn giữ lại ba trăm lính và cho số còn lại về nhà.
Judges 7:8
Ghi-đê-ôn giữ lại bao nhiêu lính?
Ghi-đê-ôn giữ lại ba trăm lính và cho số còn lại về nhà.
Judges 7:10
Nếu Ghi-đê-ôn lo sợ, điều gì tiếp thêm sự can đảm cho Ghi-đê-ôn?
Nếu Ghi-đê-ôn sợ hãi, ông được bảo phải đi xuống trại, và lắng nghe những gì họ nói, và ông sẽ thêm lòng can đảm tấn công trại đó.
Judges 7:11
Nếu Ghi-đê-ôn lo sợ, điều gì tiếp thêm sự can đảm cho Ghi-đê-ôn?
Nếu Ghi-đê-ôn sợ hãi, ông được bảo phải đi xuống trại, và lắng nghe những gì họ nói, và ông sẽ thêm lòng can đảm tấn công trại đó.
Judges 7:13
Khi có một người thuật điềm chiêm bao cho bạn mình nghe, người đó nói giấc mơ đó có ý nghĩa gì?
Khi có một người thuật điềm chiêm bao cho bạn mình nghe, người đó nói giấc mơ đó nói về Ghi-đê-ôn. Đức Chúa Trời đã ban cho ông chiến thắng trên dân Ma-đi-an và toàn thể quân đội của chúng.
Judges 7:14
Khi có một người thuật điềm chiêm bao cho bạn mình nghe, người đó nói giấc mơ đó có ý nghĩa gì?
Khi có một người thuật điềm chiêm bao cho bạn mình nghe, người đó nói giấc mơ đó nói về Ghi-đê-ôn. Đức Chúa Trời đã ban cho ông chiến thắng trên dân Ma-đi-an và toàn thể quân đội của chúng.
Judges 7:16
Ghi-đê-ôn phát gì cho ba trăm lính của ông?
Ghi-đê-ôn phát cho họ tất cả kèn, bình không, và đuốc ở trong bình.
Judges 7:19
Khi nào lính của Ghi-đê-ôn thổi kèn và đập bể bình cầm nơi tay?
Chỉ khi người Ma-đi-an thay đổi lính canh, lính của Ghi-đê-ôn thổi kèn và đập bể bình cầm nơi tay.
Judges 7:22
Khi binh lính thổi ba trăm cái kèn, Đức Giê-hô-va làm gì?
Khi họ thổi ba trăm cái kèn, Đức Giê-hô-va khiến trở gươm của mỗi người Ma-đi-an chém lẫn bạn mình.
Judges 7:24
Người Ép-ra-im nhóm lại và kiểm soát những chỗ có nước đến tận đâu?
Người Ép-ra-im nhóm lại và kiểm soát những chỗ có nước đến tận Bết Ba-ra và dọc theo bờ Sông Giô-đanh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 8

Judges 8:1

Ông đã làm gì với chúng tôi vậy?

Những người thuộc chi tộc Ép-ra-im đang chỉ trích Ghi-đê-ôn bằng câu hỏi này bởi vì ông đã không tính đến họ trong quân đội của mình. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu nói khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ông đã đối xử bất công với chúng tôi”

nghịch cùng Mi-đi-an

Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho quân đội của người Mi-đi-an.

họ đã tranh cãi dữ dội với ông

"họ đã giận dữ tranh cãi với ông” hoặc “họ trách móc ông nặng nề”

Judges 8:2

Thông tin bối cảnh:

Ghi-đê-ôn đáp lời những người Ép-ra-im.

Nếu so sánh với anh em thì tôi đã làm được gì?

Ghi-đê-ôn dùng câu hỏi này để tỏ ra sự tôn trọng những người Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: “Những việc tôi làm chẳng đáng gì khi so sánh với những việc anh em đã làm đâu!”

Chẳng phải nho mót của Ép-ra-im còn hơn cả mùa nho của A-bi-ê-xe sao?

Ghi-đê-ôn dùng câu hỏi này để xoa diu người Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắc là nho mà người Ép-ra-im các anh lượm mót lại còn hơn cả mùa nho mà chúng tôi là con cháu A-bi-ê-xe ở đây thu hoạch được!” (Xem:

Chẳng phải nho mót của Ép-ra-im còn hơn cả mùa nho của A-bi-ê-xe sao?

Việc Ghi-đê-ôn và quân đội của ông đánh bại dân Mi-đi-an được nói đến như một mùa thu hoạch nho. Còn những người Ép-ra-im giết chết Ô-rếp và Xê-ép lúc cuối trận chiến được ví như thể nho mót lúc cuối mùa. Tham khảo cách dịch: “Những điều mà anh em là người Ép-ra-im đã làm lúc cuối trận chiến còn quan trọng hơn những điều mà chúng tôi là con cháu A-bi-ê-xe đã làm lúc ban đầu” và

A-bi-ê-xe

Đây là tên của một trong số những tổ phụ của Ghi-đê-ôn. Ghi-đê-ôn dùng tên gọi của người để chỉ về dòng dõi của A-bi-ê-xe và đất đai của họ.

Ô-rếp và Xê-ép

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 7:25.

Nếu so sánh với anh em thì tôi đã làm được gì?

Ghi-đê-ôn dùng câu hỏi này để tỏ ra sự tôn trọng những người Ép-ra-im. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu nói khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Những việc anh em đã làm còn quan trọng hơn những việc tôi làm” Xem:)

nguôi đi

"dịu xuống”

Judges 8:4

ba trăm người

"300 người"

tiếp tục cuộc truy đuổi

Từ “cuộc truy đuổi” là một danh từ, có thể diễn đạt lại thành động từ. Tham khảo cách dịch: “tiếp tục đuổi theo kẻ thù của mình”

Xê-bách và Xanh-mu-na

Đây đều là tên của nam.

Judges 8:6

Tay của Xê-bách và Xanh-mu-na hiện có ở nắm trong tay ông không?

Các thủ lĩnh nầy dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên vẫn chưa bắt được Xê-bách và Xanh-mu-na. Tham khảo cách dịch: “Ông vẫn chưa bắt được Xê-bách và Xanh-mu-na"

Tay của Xê-bách và Xanh-mu-na

Ở đây, "tay” chỉ về chính người đó.

hiện có nắng trong tay ông

Ở đây, “tay” tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát.

Tại sao chúng tôi phải cấp bánh cho quân lính của ông?

Những thủ lĩnh nầy dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ chẳng có lí do nào để cấp bánh cho người Y-sơ-ra-ên cả. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi chẳng thấy có lí do nào để cấp bánh cho quân lính của ông”

Tôi sẽ cùng gai gốc trong hoang mạc và xé da các người ra

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ lấy gai gốc trong hoang mạc bện thành một cây roi để đánh xé da thịt các người”

gai gốc

những phần sắc nhọn nhô ra ở trên thân dây leo hoặc thân cây, có thể cào xước da thịt của người và động vật.

Judges 8:8

Từ đó ông đi lên

Ở đây, "Ông” chỉ về Ghi-đê-ôn. Ghi-đê-ôn đại diện cho những người lính đang theo ông. Tham khảo cách dịch: “Họ rời khỏi đó” hoặc “Ghi-đê-ôn cùng 300 người lính của mình rời khỏi đó”

Phê-nu-ên

Tên của một địa danh.

và cũng nói với dân ở đó y như vậy

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “và cũng hỏi xin thức ăn tại đó y như vậy” hoặc “và ông cũng hỏi xin họ bánh”

Khi tôi trở lại đây bình an

Đây là cách nói nhẹ nhàng chỉ về việc đánh bại kẻ thù của ông. Tham khảo cách dịch: “Sau khi tôi đã đánh bại hoàn toàn quân Mi-đi-an”

Tôi sẽ kéo đổ cái tháp nầy

Ở đây, "tôi” đại diện cho Ghi-đê-ôn và quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Người của tôi và tôi sẽ kéo đổ cái tháp nầy”

Judges 8:10

Bấy giờ

Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, người kể bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

Xê-bách và Xanh-mu-na

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 8:5.

Cạt-cô

Đây là tên gọi của một thành.

mười lăm nghìn người

"15.000 người"

những người đã được huấn luyện đánh trận bằng gươm

Đây là một cách nói chỉ về những người lính. Tham khảo cách dịch: “binh sĩ”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bằng gươm
Ở đây, "gươm" tượng trưng cho gươm giáo và những loại vũ khí khác mà quân lính dùng trong chiến trận.
đã gục ngã
Đây là cách nói nhẹ nhàng để chỉ về những người đã chết trong chiến trận. Tham khảo cách dịch: “đã bị giết” hoặc “đã chết trong trận chiến”
Judges 8:11
Ghi-đê-ôn đi lên
Ở đây, "Ghi-đê-ôn” đại diện cho toàn bộ binh lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Ghi-đê-ôn và binh lính của ông đi lên”
Ông đánh bại
Ở đây, "Ông” chỉ về Ghi-đê-ôn là người đại diện cho toàn bộ binh sĩ của ông. Tham khảo cách dịch: “Ghi-đê-ôn và binh lính của mình đã đánh bại”
Nô-bách và Giô-bê-ha
Đây là tên thành.
Xê-bách và Xanh-mu-na
Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 8:5.
hoang mang sợ hãi
sợ hãi hoặc lo lắng cực độ khiến người ta không thể suy nghĩ hay hành động bình thường được.
Judges 8:13
đèo Hê-re
Đây là tên gọi của một con đường chạy giữa hai ngọn núi.
Tình cờ ông gặp một thanh niên
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “Ông gặp một thanh niên”
tra hỏi nó
Có thể nói rõ những điều Ghi-đê-ôn đã hỏi nam thanh niên đó. Tham khảo cách dịch: “ông hỏi người đó chỉ ra tên của tất cả những thủ lĩnh trong thành”
bảy mươi bảy người
"77 người"
Judges 8:15
Xê-bách và Xanh-mu-na
Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 8:5.
Ông đã đánh bại Xê-bách và Xanh-mu-na chưa?
Ghi-đê-ôn trích lời của người Su-cốt khi họ chế giễu ông bằng một câu hỏi. Tham khảo cách dịch: “Ông chưa hề đánh bại được Xê-bách và Xanh-mu-na."
Ghi-đê-ôn bắt... ông trừng trị... ông kéo
Ở đây, "Ghi-đê-ôn”tượng trưng cho quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Ghi-đê-ôn và quân lính của ông bắt... họ trừng trị... họ kéo”
gai góc
Đây là phần sắc, nhọn mọc ra từ thân các cây dây leo và cây có thể cào xước da người và động vật. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 8:7.
Phê-nu-ên
Hãy dịch tên của thành này như bạn đã làm trong JDG 8:8.
Judges 8:18
Xê-bách và Xanh-mu-na
Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 8:5.
Tha-bô
Hãy dịch tên của thành này như bạn đã làm trong JDG 4:6.
Ông sao thì chúng cũng y như vậy
"Chúng y như ông”
Như Đức Giê-hô-va hằng sống
Cách diễn đạt này là một lời thề mang tính tôn giáo, được dùng để nhấn mạnh rằng những điều ông sắp nói là thật. Tham khảo cách dịch: “Ta hứa với các ngươi rằng”
Judges 8:20
Giê-the
Đây là tên con trai Ghi-đê-ôn.
Vì người thể nào thì sức lực thể ấy
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “Một người nam thì phải làm như vậy”
trăng lưỡi liềm
Đây là hình dạng cong, có hai điểm nhọn. Trăng có hình dạng này khi nó gần như bị che khuất hoàn toàn.
đồ trang sức
"đồ trang trí"
Judges 8:22
ông, con trai ông và cháu ông
Câu này ngụ ý rằng họ muốn sau khi Ghi-đê-ôn chết thì dòng dõi của ông sẽ cai trị họ. Tham khảo cách dịch: “ông và dòng dõi ông sau khi ông qua đời”
ra khỏi tay của Mi-đi-an
Ở đây, "tay" tượng trưng cho quyền lực của dân Mi-đi-an cai trị trên dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “khỏi quyền lực của dân Mi-đi-an” hoặc “khỏi dân Mi-đi-an”
của Mi-đi-an
Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: “của dân Mi-đi-an"
Judges 8:24
Ghi-đê-ôn nói với họ
"Ghi-đê-ôn nói với dân Y-sơ-ra-ên”
khuyên tai
đồ nữ trang đeo trên tai
chiến lợi phẩm
những thứ cướp được hoặc lấy từ những người bị giết trong chiến tranh.
Dân Mi-đi-an có những khuyên tai vàng bởi vì họ là dân Ích-ma-ên
Tác giả đang đưa ra thông tin nền về dân Mi-đi-an.
áo choàng
được làm từ một tấm vải lớn, và được mặc khoác qua vai như một chiếc áo choàng
Judges 8:26
1.700 siếc lơ vàng
Nếu nhất thiết phải dùng đơn vị đo cân nặng hiện nay thì ở đây có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: “18,7 kg vàng” hoặc “khoảng 20 kg vàng”
những đồ trang sức hình trăng lưỡi liềm
Hãy dịch vế này như cách bạn đã làm trong JDG 8:21.
mặt dây chuyền
những mảnh trang sức treo ở cuối sợi dây chuyền hoặc chuỗi hạt
được các vua Mi-đi-an mặc
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các vua Mi-đi-an thường mặc”
Judges 8:27
Ghi-đê-ôn lấy những khuyên tai vàng đó làm một cái ê-phót
"Ghi-đê-ôn dùng vàng từ những khuyên tai đó làm một cái

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ê-phót”

Óp-ra

Hãy dịch tên của thành này như bạn đã làm trong JDG 6:11.

cả Y-sơ-ra-ên đã tự điếm mình khi thờ phượng nó tại đó

Câu này nói về việc thờ phường các tà thần như thể đó là hành động làm mại dâm. Tham khảo cách dịch: “dân Y-sơ-ra-ên phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va khi thờ phượng cái ê-phót ở đó”

cả Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "cả" là một cách nói quá nhằm nhấn mạnh rằng có rất nhiều người đã thờ lạy trang phục đó. Tham khảo cách dịch: “rất nhiều người trong Y-sơ-ra-ên đi thờ lạy trang phục đó”

Nó trở thành một cái bẫy cho Ghi-đê-ôn và những người trong nhà ông

Câu này nói về việc thờ lạy cái ê-phót như thể nó là một cái bẫy. Tham khảo cách dịch: “nó trở thành sự cám dỗ cho Ghi-đê-ôn và gia đình ông” hoặc “Ghi-đê-ôn và gia đình ông đã phạm tội khi thờ lạy nó”

cho những người ở trong nhà ông

Ở đây, "nhà ông” đại diện cho gia đình Ghi-đê-ôn. Tham khảo cách dịch: “cho gia đình ông”

Vậy dân Mi-đi-an bị khất phục trước dân Y-sơ-ra-ên

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Vậy Đức Giê-hô-va bắt phục dân Mi-đi-an trước người Y-sơ-ra-ên” hoặc “Vậy Đức Giê-hô-va giúp dân Y-sơ-ra-ên đánh bại dân Mi-đi-an”

họ không ngẩng đầu lên được nữa

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “họ không tấn công dân Y-sơ-ra-ên nữa”

Và xứ đã được hòa bình

Ở đây, "xứ” đại diện cho những người dân sống tại Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Và dân Y-sơ-ra-ên đã sống hòa bình”

bốn mươi năm

"40 năm"

trong thời Ghi-đê-ôn

Ở đây, "thời” chỉ về cả cuộc đời của ông. Tham khảo cách dịch: “trọn đời Ghi-đê-ôn”

Judges 8:29

Giê-ru Ba-anh

Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Xem cách bạn đã dịch tên của ông trong JDG 6:32.

bảy mươi con trai

"70 con trai”

Judges 8:32

tuổi già nua

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “khi người đã rất già”

được chôn

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ đã chôn người"

Óp-ra

Hãy dịch tên của thành này như bạn đã làm trong JDG 6:11.

gia tộc A-bi-ê-xê-rít

Hãy dịch tên nhóm dân này như bạn đã làm trong JDG 6:11.

Lúc ấy

Cụm từ nầy ở đây được dùng để đánh dấu phần mở đầu của một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt ý nầy, bạn có thể xem xét dùng ở đây.

lại xây khỏi

Việc dân sự chối bỏ Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ quay lưng lại đi khỏi Ngài. Tham khảo cách dịch: “họ không thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa”

hành dâm khi thờ phượng Ba-anh

Câu này nói về việc thờ phượng các tà thần như thể việc đó là sự mại dâm. Tham khảo cách dịch: “họ phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va khi thờ phượng Ba-anh”

Ba-anh Bê-rít

Đây là tên gọi của một tà thần.

Judges 8:34

khỏi tay mọi kẻ thù của họ

Ở đây, “tay” tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “khỏi quyền lực của mọi kẻ thù họ” hoặc “khỏi mọi kẻ thù của họ”

tứ phía

"những kẻ vây chung quanh họ”

nhà của Giê-ru Ba-anh

Ở đây, "nhà của” đại diện cho gia đình của một người. Tham khảo cách dịch: “gia đình của Giê-ru Ba-anh"

Giê-ru Ba-anh

Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:32.

Translation Questions

Judges 8:1

Tại sao người Ép-ra-im bắt bẻ Ghi-đê-ôn?

Người Ép-ra-im bắt bẻ Ghi-đê-ôn vì ông không gọi họ khi ông đi đánh dân Ma-đi-an.

Judges 8:5

Ghi-đê-ôn xin người Su-cốt điều gì?

Ghi-đê-ôn xin người Su-cốt cho ít bánh cho những người đi theo ông.

Judges 8:6

Tại sao Ghi-đê-ôn nói với người Phê-nu-ên rằng ông sẽ phá hủy cái tháp?

Ghi-đê-ôn nói với người Phê-nu-ên rằng ông sẽ phá hủy cái tháp vì họ không cho quân của ông ăn bánh, như người Su-cốt đã từ chối.

Judges 8:11

Tại sao Ghi-đê-ôn đánh bại kẻ thù tại hướng đông Nô-bách và Giô-bê-ha?

Ghi-đê-ôn đánh bại quân thù, vì họ vẫn tưởng rằng mình bình an vô-sự.

Judges 8:15

Ghi-đê-ôn cho người Su-cốt thấy ai trước khi ông trừng phạt họ?

Ghi-đê-ôn cho người Su-cốt thấy Xê-bách và Xanh-mu-na trước khi ông trừng phạt họ.

Judges 8:16

Ghi-đê-ôn cho người Su-cốt thấy ai trước khi ông trừng phạt họ?

Ghi-đê-ôn cho người Su-cốt thấy Xê-bách và Xanh-mu-na trước khi ông trừng phạt họ.

Judges 8:18

Xê-bách và Xanh-mu-na giết ai tại Tha-bô?

Xê-bách và Xanh-mu-na giết các anh em của Ghi-đê-ôn.

Judges 8:19

Xê-bách và Xanh-mu-na giết ai tại Tha-bô?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Xê-bách và Xanh-mu-na giết các anh em của Ghi-đê-ôn.
Judges 8:20
Tại sao Giê-the không rút gươm ra?
Giê-the không rút gươm ra vì sợ, người vẫn còn thiếu niên.
Judges 8:23
Who did Gideon say would rule over the men of Israel?
Gideon said Yahweh would rule over the men of Israel.
Judges 8:24
Ghi-đê-ôn xin người Y-sơ-ra-ên thứ gì?
Ghi-đê-ôn xin họ giao lại những vòng đã đoạt lấy.
Judges 8:27
Từ các vòng đó, Ghi-đê-ôn làm gì?
Ghi-đê-ôn làm một cái ê-phót từ các vòng đó.
Dân Y-sơ-ra-ên làm gì với cái ê-phót bằng vàng đó?
Y-sơ-ra-ên phạm tội tà dâm bằng việc thờ lạy nó.
Judges 8:33
Điều gì xảy ra ngay khi Ghi-đê-ôn qua đời?
Ngay khi Ghi-đê-ôn qua đời, dân Y-sơ-ra-ên lại sa ngã và phạm tội tà dâm với các Thần Ba-anh.

Chapter 9
Judges 9:1
Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:32.
Xin hãy hỏi điều nầy, sao cho toàn bộ những người lãnh đạo tại Si-chem có thể nghe thấy: “Cả bảy mươi con trai của Giê-ru-ba-anh cai trị các ông hay chỉ một người cai trị các đông, điều nào tốt hơn?”
Đây là câu trích dẫn nằm trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu trích dẫn trực tiếp thành một câu trích dẫn gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy hỏi những nhà lãnh đạo của Si-chem liệu họ muốn bảy mươi con trai Giê-ru-ba-anh cai trị mình hay họ muốn chỉ một trong số những con trai của ông cai trị họ”
bảy mươi
"70"
Tôi là xương thịt của các ông
Ở đây, "xương thịt của các ông” tượng trưng cho họ hàng của ai đó. Tham khảo cách dịch: “Tôi là thành viên trong gia đình ông”
Judges 9:3
Bà con bên ngoại của ông thay ông nói với các nhà lãnh đạo
Câu này có nghĩa là họ hàng của mẹ A-bi-mê-léc đã nói với các nhà lãnh đạo đó, đề nghị họ lập A-bi-mê-léc lên làm vua của mình.
họ đồng ý theo A-bi-mê-léc
"họ đồng ý để A-bi-mê-léc làm lãnh đạo của mình”
nhà
Ở đây, "nhà” tượng trưng cho một cái ngôi đền thờ thờ.
bảy mươi miếng bạc
Cụm từ nầy có nghĩa siếc-lơ bạc. Một siếc-lơ nặng 11 gr. Nếu cần phải dịch từ này sang đơn vị đo lường hiện tại thì bạn có thể dịch như thế nầy. Tham khảo cách dịch: “gần một ký bạc”
bảy mươi
"70"
Ba-anh Bê-rít
Đây là tên gọi của một tà thần. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 8:33.
du đãng và liều lĩnh
"hung bạo và dại dột”
Judges 9:5
Óp-ra
Hãy dịch tên của thành này như bạn đã làm trong 6:11.
một tảng đá
"1 tảng đá”
bảy mươi
"70"
Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:32.
Bết Mi-lô
Đây là tên gọi một địa danh.
Judges 9:7
Thông tin bối cảnh:
Giô-tham bắt đầu kể một câu chuyện ngụ ngôn, trong đó những cái cây đại diện cho những nhóm người khác nhau.
Khi Giô-tham được báo về chuyện này
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Khi Giô-tham hay biết rằng A-bi-mê-léc đã giết các anh em mình”
Núi Ga-ri-xim
Đây là một ngọn núi.
Cây cối đi ra xức dầu cho một vị vua cai trị chúng. Và chúng nói với cây ô-liu rằng: “Hãy cai trị chúng tôi!”
Cây cối được nói đến như thể chúng là con người.
xức dầu cho một vị vua cai trị chúng
Ở đây, xức dầu là một hành động mang tính biểu tượng tượn trưng cho việc chỉ định một người làm vua. Tham khảo cách dịch: “lập một vị vua cai trị trên hết thảy chúng”
Hãy cai trị chúng tôi
"Hãy làm vua của chúng tôi”
Judges 9:9
Thông tin bối cảnh:
Giô-tham tiếp tục kể câu chuyện ngụ ngôn của mình, trong đó cây cối đại diện cho những nhóm dân khác nhau.
cây ô-liu trả lời chúng
Câu này nói về cây cối như thể chúng là con người có thể nghe thấy và nói chuyện.
Chẳng lẽ ta lại bỏ dầu của mình… những câu khác ư?
Cây ô-liu đưa ra câu hỏi nầy để từ chối không chịu làm vua. Có thể diễn đạt câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không từ bỏ dầu của mình… những cây khác đâu.”
lay động
“lay động” có nghĩa là lắc lư, chuyển động trong gió. Ở đây, cây ô-liu dùng cụm từ nầy để nói về việc “cai trị”
cây vả
Cụm từ nầy nói về cây vả nhưng thể nó là một con người có thể nghe được nói được.
Chẳng lẽ tôi lại từ bỏ sự ngon ngọt của mình… các cây khác ư?
Cây vả nầy đang đưa ra câu hỏi nầy để từ chối làm vua. Có thể chuyển câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ không từ bỏ sự ngon ngọt của mình… các cây khác”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sự ngon ngọt và trái ngon của mình
Từ “sự ngon ngọt” là một danh từ. Có thể chuyển nó thành một tính từ để mô tả những trái cây mọc trên cây nầy. Tham khảo cách dịch: “những trái ngon ngọt của mình”
Judges 9:12
Thông tin bối cảnh:
Giô-tham tiếp tục kể câu chuyện ngụ ngôn của mình, trong đó cây cối đại diện cho những nhóm dân khác nhau.
Cây cối nói
Cụm từ nầy nói về cây cối như thể chúng là con người có thể nghe được nói được.
với cây nho
Cụm từ nầy nói về dây nho như thể nó là một con người có thể nghe được nói được.
Chẳng lẽ tôi lại từ bỏ rượu ngon của mình… các cây khác ư?
Cây nho nầy đang hỏi câu nầy để từ chối làm vua. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ không từ bỏ rượu ngon của mình… các cây khác”
bụi gai
Bụi gai là những phần sắc nhọn nhô ra có thể gây thương tích. Bụi gai nầy có rất nhiều gai sắc nhọn trên những nhánh của nó.
Judges 9:15
Thông tin bối cảnh:
Giô-tham tiếp tục câu chuyện ngụ ngôn của mình, trong đó cây cối đại diện cho những nhóm dân khác nhau, và đang đưa ra lời thỉnh cầu.
Bụi gai trả lời
Bụi gai được nói đến như thể nó có thể nghe được nói được.
xức dầu tôi làm vua các người
Xức dầu cho ai đó là một hành động mang tính biểu tượng để lập ai đó lên làm vua. Tham khảo cách dịch: “để lập tôi làm vua của các người”
tìm sự an toàn
Từ “an toàn” là một danh từ, có thể diễn đạt thành một tính từ. Tham khảo cách dịch: “được an toàn”
thì nguyện lửa từ bụi gai
Bụi gai xưng mình là “bụi gai”. Tham khảo cách dịch: “thì nguyện lửa từ tôi, tức là bụi gai”
lửa từ bụi gai và nguyện nó thiêu rụi cây tùng hương của Li-ban
Câu này có nghĩa là hãy để bụi gai đó cháy để nó sẽ thiêu cháy luôn cả những cây tùng hương.
Bấy giờ
Cụm từ nầy không có nghĩa là “tại thời điểm đó”, nhưng nó được dùng để thu hút sự chú ý vào điểm quan trọng theo sau đó.
nếu các ông đã hậu đãi Giê-ru Ba-anh và nhà của người, và nếu các ông đã trừng phạt người như người xứng đáng
Giô-tham đã đưa ra khả năng là những điều họ làm là tốt, nhưng ông vẫn không thực sự tin rằng những chuyện họ đã làm là tốt. Tham khảo cách dịch: “nếu các ông đã làm điều phải lẽ còn Giê-ru Ba-anh thì đáng bị các ông giết hết mọi con trai của người”
Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong 6:32.
nhà người
Ở đây, "nhà” chỉ về gia đình của Ghi-đê-ôn.
Judges 9:17
Thông tin bối cảnh:
Trong thời gian đó và địa điểm đó, Giô-tham đang đưa ra lời thỉnh cầu về tình cảnh nầy.
và nhớ rằng cha tôi đã đánh trận vì các ông… ra khỏi tay của Mi-đi-an
Ở đây, Giô-tham đang bày tỏ rằng ông không thể tin dân Si-chem đã đối xử tệ bạc với Ghi-đê-ôn cùng gia đình ông như thế kể cả sau khi Ghi-đê-ôn đã chiến đấu để cứu dân Si-chem.
ra khỏi tay của Mi-đi-an
Ở đây, “tay” tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “ra khỏi quyền của dân Mi-đi-an” hoặc “khỏi dân Mi-đi-an”
các ông đã nổi lên chống lại
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “các ông đã chống đối” hoặc “các ông đã nổi loạn chống lại”
nhà cha tôi
Ở đây, "nhà” đại diện cho gia đình. Tham khảo cách dịch: “gia đình của cha tôi”
bảy mươi
"70"
một tảng đá
"1 tảng đá"
nữ tì của người
Ở đây, "của người” chỉ về Ghi-đê-ôn.
Judges 9:19
Nếu các ông đối xử chân thật và chính trực với Giê-ru Ba-anh cũng như nhà của người
Giô-tham đưa ra khả năng là những việc họ đã làm là phải lẽ, nhưng ông không thực sự tin chắc vào điều đó. Tham khảo cách dịch: “Nếu các ông đã đối xử với Giê-ru Ba-anh và gia đình người như họ đáng được như vậy”
Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Nó có nghĩa là “hãy để Ba-anh tự biện hộ cho mình”. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong 6:32.
nhà người
Ở đây, "nhà” chỉ về gia đình của người. Tham khảo cách dịch: “gia đình của người”
Nhưng nếu không phải như vậy
Giô-tham đưa ra khả năng ngược lại là những điều họ đã làm là xấu và đang đưa ra một lời nguyền rủa. Giô-tham không tin rằng những việc họ đã làm là xấu, là gian ác. Tham khảo cách dịch: “Nhưng nếu các ông đã đối xử với Giê-ru Ba-anh và gia đình người như họ không đáng bị như vậy”
nguyện lửa ra từ A-bi-mê-léc thiêu rụi dân Si-chem
Giô-tham đang rủa sả. Ông nói về việc A-bi-mê-léc tiêu diệt dân Si-chem như thể ông sẽ dùng lửa thiêu rụi họ.
Nguyện lửa ra từ người Si-chem và Bết-mi-lô thiêu rụi A-bi-mê-léc
Giô-tham đang rủa sả. Ông nói về việc người dân Si-chem và Bết-mi-lô tiêu diệt A-bi-mê-léc như thể họ sẽ dùng lửa thiêu chết ông.
Bết Mi-lô
Đây là tên gọi một địa danh. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong JDG 9:6.
Bê-e
Đây là tên gọi của một thành.
Judges 9:22

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ba
"3"
Đức Chúa Trời sai một ác thần đến giữa A-bi-mê-léc và các nhà lãnh đạo của Si-chem
Câu nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời áp dụng lời rủa sả của Giô-tham bằng cách sai một ác thần đến gây ra những rắc rối và thù oán giữa A-bi-mê-léc và các nhà lãnh đạo Si-chem.
Đức Chúa Trời làm như vậy để điều tàn bạo sẽ xảy ra... giúp hắn giết anh em mình
Có thể chuyển vế bị động nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời làm như vậy để báo thù cho bảy mươi con trai Giê-ru-ba-anh mà A-bi-mê-léc, tức anh em của họ, cùng với sự giúp sức của người Si-chem đã giết”.
bảy mươi
"70"
Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:32.
Judges 9:25
bố trí người mai phục trên các đỉnh núi để họ có thể phục kích người
"sai người mai phục trên các đỉnh núi để chờ tấn công A-bi-mê-léc”
Chuyện nầy đã được thuật lại cho A-bi-mê-léc
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người đã báo cho A-bi-mê-léc về những người đang phục kích ông”
Judges 9:26
Ga-anh ... Ê-bết
Đây đều là tên của nam.
có sự tin cậy hắn
Từ “sự tin cậy” là một danh từ có thể được chuyển thành động từ “tin cậy”. Tham khảo cách dịch: “đã tin tưởng hắn”
Chúng đi ra ngoài đồng
Ở đây, "chúng” chỉ về Ga-anh cùng với bà con của hắn và người Si-chem.
chúng giẫm nát số nho đó
Họ làm như thế để có thể ép lấy nước nho làm rượu.
giẫm
"ép” hoặc “dậm mạnh”
trong nhà
Ở đây, "nhà” tượng trưng cho một ngôi đền thờ.
Judges 9:28
Ga-anh ... Ê-bết
Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 9:26.
A-bi-mê-léc là ai, và Si-chem là ai mà chúng ta phải phục vụ hắn?
Ga-anh dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng dân Si-chem không phải phục vụ A-bi-mê-léc. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta chẳng phải phục vụ A-bi-mê-léc!”
A-bi-mê-léc là ai, và Si-chem là ai
Cả hai câu hỏi này đều nói về cùng một ý. Ga-anh xưng A-bi-mê-léc là “Si-chem” bởi vì mẹ của A-bi-mê-léc đến từ Si-chem.
Hắn không phải là con trai Giê-ru Ba-anh sao? Con Xê-bun không phải là kẻ phụ tá của hắn sao?
Ga-anh dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng dân Si-chem không phải phục vụ A-bi-mê-léc. Tham khảo cách dịch: “Hắn chỉ là con trai của Giê-ru Ba-anh còn Xê-bun chỉ là phụ tá của hắn”.
Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:32.
Xê-bun
Đây là tên của một người nam.
Hãy phục vụ người của Ha-mô, là tổ phụ của Si-chem đi
Ga-anh có ý là dân Si-chem nên thờ phượng những người là con cháu của Ha-mô, nghĩa là những người thuần là dân Ca-na-an, và không phục vụ những người mà tổ phụ của họ là người Y-sơ-ra-ên.
Tại sao chúng ta phải phục vụ hắn chứ?
Ga-anh dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng dân Si-chem không nên phục vụ A-bi-mê-léc. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta không nên phục vụ A-bi-mê-léc!”
Ta ước gì dân nầy ở dưới quyền của ta
"Ta ước chi mình là người cai trị dân Si-chem”
Judges 9:30
Xê-bun
Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 9:28.
nghe lời của Ga-anh, con trai Ê-bết
Ở đây, "lời” đại diện cho những gì đã được nói ra. Tham khảo cách dịch: “nghe những gì Ga-anh, con trai Ê-bết nói”
Ga-anh ... Ê-bết
Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 9:26.
cơn giận của ông bừng lên
Việc trở nên giận dữ được nói đến như thể một ngọn lửa đang bắt đầu bùng cháy. Tham khảo cách dịch: “ông rất tức giận”
để lừa
Xê-bun đang lừa Ga-anh và dân Si-chem. Tham khảo cách dịch: “một cách bí mật”
chúng đang khích động dân thành chống lại ông
Câu này nói về dân trong thành đó bắt đầu khó chịu như thể họ một loại chất lỏng đang xô động trong nồi. Tham khảo cách dịch: “chúng đang thuyết phục dân trong thành nổi loạn chống lại ông”
thành
Ở đây, “thành” đại diện cho những người dân sống trong thành đó.
Judges 9:32
Thông tin bối cảnh:
Các sứ giả của Xê-bun tiếp tục nói với A-bi-mê-léc.
Bây giờ
Câu nầy không có nghĩa là “tại thời điểm đó”, nhưng nó được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào ý quan trọng sau đó.
trận phục kích
"ẩn mình rồi thình lình tấn công chúng”
ông xử họ sao tùy ý
Câu nầy có nghĩa là họ có thể làm bất cứ điều gì mình muốn để tiêu diệt những người theo Ga-anh.
Judges 9:34
và tất cả những người đi với mình
"và toàn bộ những người đi với A-bi-mê-léc” hoặc “và toàn bộ những người chiến đấu cho A-bi-mê-léc”
họ đã mai phục Si-chem

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây, "Si-chem” đại diện cho dân Si-chem. Tham khảo cách dịch: “họ ẩn mình để bất ngờ tấn công dân Si-chem”
chia thành bốn đội
"chia làm bốn nhóm”
Ga-anh ... Ê-bết
Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 9:26.
Judges 9:36
Ga-anh
Đây là tên của một người nam. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 9:26.
Xê-bun
Đây là tên của một người nam. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 9:28.
Ngươi thấy bóng núi mà tưởng chúng là người
Xê-bun đang cố khiến Ga-anh rối trí và không để ông chuẩn bị cho trận chiến. Tham khảo cách dịch: “Đó không phải là người, chúng chỉ là bóng núi thôi”
một đội
"1 nhóm" hoặc “1 đội quân”
Judges 9:38
Xê-bun
Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 9:28.
Những lời phách lối của ngươi đó bây giờ ở đâu rồi?
Xê-bun đang dùng câu hỏi nầy để trách mắng. Từ “lời” chỉ những điều đã nói ra. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ ngươi không nói phách lối” hoặc “Bây giờ ngươi không kiêu ngạo”
chính ngươi đã nói: “A-bi-mê-léc là ai mà chúng ta phải phục vụ hắn?”
Xê-bun đang trích dẫn lời của Ga-anh ngược lại cho Ga-anh. Có thể chuyển câu nầy thành một câu khẳng định và là một câu trích dẫn gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “ngươi chính là người đã quả quyết là chúng ta không nên phục vụ A-bi-mê-léc”
Đó không phải là những người mà ngươi đã khinh thường hay sao?
Xê-bun đang thách thức Ga-anh bằng câu hỏi này. Tham khảo cách dịch: “Đây là những người mà ông đã khinh thường.”
khinh thường
"ghét bỏ” hoặc “không ưa”
Ga-anh
Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 9:26.
Và nhiều người gục ngã bởi những vết thương chí mạng
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “Và nhiều người đã tử thương”
Judges 9:41
A-ru-ma
Đây là tên gọi của một thành.
Xê-bun
Đây là tên của một người nam. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 9:28.
Ga-anh
Đây là tên của một người nam. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 9:26.
việc nầy đã được báo cho A-bi-mê-léc
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “có người đã thuật lại chuyện này với A-bi-mê-léc”
chia họ thành ba đội
"chia họ thành 3 nhóm”
họ mai phục ngoài đồng
"họ ẩn nấp trên đồng để thình lình tấn công dân trong thành”
ông tấn công
Ở đây, "ông” chỉ về A-bi-mê-léc là người đại diện cho toàn thể quân lính của mình. Tham khảo cách dịch: “họ tấn công”
Judges 9:44
những toán quân
"những nhóm lính”
hai... kia
"2... kia”
A-bi-mê-léc tiến đánh... Ông kéo đổ
Ở đây, "A-bi-mê-léc” đại diện cho những người lính của ông. Tham khảo cách dịch: “A-bi-mê-léc và quân lính của ông tiến đánh... Họ kéo đổ”
nghịch cùng thành đó
Ở đây, “thành” đại diện cho những người dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: “nghịch lại những người dân Si-chem”
kéo đổ
"phá hủy"
rải muối trên đó
"rải muối trên xứ đó”. Rải muối trên xứ đó để không cho bất cứ một vật gì có thể phát triển ở đó.
Judges 9:46
nhà
Ở đây, từ nầy chỉ về một cái đền thờ.
Ên Bê-rít
Từ “Ên” có nghĩa là “thần”. Đây cũng chính là tà thần “Ba-anh Bê-rít” trong [JDG 8:33]
A-bi-mê-léc được báo tin
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người đã báo tin cho A-bi-mê-léc”
Judges 9:48
núi Sanh-môn
Đây là tên của một ngọn núi.
chất đống
Từ nầy có nghĩa là chất những nhánh cây đó thành một đống lớn.
khoảng một nghìn
"khoảng 1.000"
Judges 9:50
Thê-bết
Đây là tên gọi của một thành.
đóng trại quân nghịch cùng Thê-bết
"đóng trại quân bên ngoài thành Thê-bết”
Judges 9:52
tiến đánh thành đó
"tấn công thành đó”
thớt cối
Hai phiến đá lớn, dẹp, hình tròn được dùng trong cối xay lúa để xay lúa mì. Thớt cối là phiến đá ở trên đỉnh, người ta lăn nó trên phiến đá phía dưới theo hình tròn để có thể nghiền phần lúa mì đã được cho vào giữa hai phiến đá đó.
người vác binh khí
Đây là người mang vác binh khí cho A-bi-mê-léc.
đâm ông
Cụm từ nầy có nghĩa là người thanh niên kia đã dùng gươm đâm xuyên qua người của A-bi-mê-léc.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Judges 9:55
bảy mươi
"70"
khiến mọi tội ác của người Si-chem đổ lại trên đầu họ
"tội ác đổ lại trên đầu họ" là một cách nói. Tham khảo cách dịch: "trừng phạt người Si-chem vì mọi việc ác mà họ đã làm"
giáng trên họ lời rủa sả của Giô-tham, con trai Giê-ru Ba-anh
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: "lời rủa sả của Giô-tham, con trai Giê-ru Ba-anh đã xảy đến cho họ"
Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Xem cách bạn đã dịch tên gọi nầy trong JDG 6:32.

Translation Questions

Judges 9:1
Ai là cha của A-bi-mê-léc?
Giê-ru-ba-anh là cha của A-bi-mê-léc.
Judges 9:3
Tại sao người thân của mẹ A-bi-mê-léc đồng ý theo ông?
Họ đồng ý theo A-bi-mê-léc, vì họ nói, "Người là anh em ta."
Judges 9:4
A-bi-mê-léc dùng bảy mươi miếng bạc vào việc gì?
A-bi-mê-léc dùng bảy mươi miếng bạc để mướn những kẻ bại hoại hoang đàng đi theo mình.
Judges 9:5
Tại sao Giô-tham không bị giết?
Giô-tham không bị giết vì ông trốn thoát được.
Judges 9:7
Giô-tham nói với các lãnh đạo của Si-chem lúc nào?
Giô-tham nói với họ trong cùng ngày họ dấy lên chống lại nhà cha ông và giết các con trai ông, bảy mươi người, tại trụ đá.
Judges 9:18
Giô-tham nói với các lãnh đạo của Si-chem lúc nào?
Giô-tham nói với họ trong cùng ngày họ dấy lên chống lại nhà cha ông và giết các con trai ông, bảy mươi người, tại trụ đá.
Judges 9:20
Nếu dân sự lấy sự chơn thật và chánh trực mà đãi Giê-ru-ba-anh và nhà người thì điều gì sẽ xảy ra?
Nếu dân sự lấy sự chơn thật và chánh trực mà đãi Giê-ru-ba-anh và nhà người thì lửa ra từ A-bi-mê-léc thiêu nuốt những người Si-chem cùng họ Mi-lô; và nguyện lửa ra từ những người Si-chem cùng họ Mi-lô mà thiêu nuốt A-bi-mê-léc.
Lời rủa của Giô-tham là gì?
Lời rủa của Giô-tham là lửa ra từ A-bi-mê-léc thiêu nuốt những người Si-chem cùng họ Mi-lô; và nguyện lửa ra từ những người Si-chem cùng họ Mi-lô mà thiêu nuốt A-bi-mê-léc.
Judges 9:23
Tại sao Chúa sai một ác thần đến giữa A-bi-mê-léc và các lãnh đạo của Si-chem?
Chúa sai một ác thần đến giữa A-bi-mê-léc và các lãnh đạo của Si-chem để báo thù cho tội ác đối với bảy mươi con trai của Giê-ru-ba-anh.
Judges 9:24
Tại sao Chúa sai một ác thần đến giữa A-bi-mê-léc và các lãnh đạo của Si-chem?
Chúa sai một ác thần đến giữa A-bi-mê-léc và các lãnh đạo của Si-chem để báo thù cho tội ác đối với bảy mươi con trai của Giê-ru-ba-anh.
Judges 9:25
Các lãnh đạo người Si-chem muốn phục kích ai?
Các lãnh đạo người Si-chem muốn phục kích A-bi-mê-léc.
Judges 9:28
Ai muốn ra lệnh dân sự?
Ga-anh muốn ra lệnh dân sự.
Judges 9:29
Ai muốn ra lệnh dân sự?
Ga-anh muốn ra lệnh dân sự.
Judges 9:30
Tại sao Xê-bun nổi giận phừng phừng?
Khi Xê-bun nghe được các lời của Ga-anh, con trai Ê-bết nói, thì cơn giận người phừng lên.
Judges 9:31
Tại sao Xê-bun sai sứ giả đến gặp A-bi-mê-léc?
Ông sai sứ giả đến gặp A-bi-mê-léc đặng lừa ông ấy.
Judges 9:36
Xê-bun mô tả những người trên đỉnh núi thế nào?
Xê-bun nói rằng chúng là bóng trên núi.
Judges 9:38
Xê-bun bảo Ga-anh làm gì?
Xê-bun bảo Ga-anh đi ra giao chiến nghịch lại A-bi-mê-léc.
Judges 9:40
Điều gì xảy ra khi Ga-anh đánh A-bi-mê-léc?
Ga-anh bị A-bi-mê-léc đuổi theo, chạy trốn trước mặt người, và nhiều người bị thương ngã chết dọc đường, cho đến cửa thành.
Judges 9:45
A-bi-mê-léc làm gì sau khi ông chiếm được thành?
A-bi-mê-léc hãm đánh thành trọn ngày, bèn chiếm lấy và giết hết thảy người ở trong, rồi phá thành và rắc muối ở đó.
Judges 9:46
Các lãnh đạo của tháp Si-chem rút về đâu?
Các lãnh đạo của tháp Si-chem rút về trong đồn của miếu thần Bê-rít.
Judges 9:48
A-bi-mê-léc giết tất cả các nhà lãnh đạo và dân chúng trong tháp Si-chem thế nào?
A-bi-mê-léc lên núi Xanh-môn, cầm lấy nơi tay một cái rìu chặt một nhánh cây, đỡ nó lên và vác trên vai, rồi châm lửa.
Judges 9:49
A-bi-mê-léc giết tất cả các nhà lãnh đạo và dân chúng trong tháp Si-chem thế nào?
A-bi-mê-léc lên núi Xanh-môn, cầm lấy nơi tay một cái rìu chặt một nhánh cây, đỡ nó lên và vác trên vai, rồi châm lửa.
Judges 9:52
Khi A-bi-mê-léc đến gần cửa tháp Thê-bết, điều gì xảy ra với ông?
Khi A-bi-mê-léc đến gần cửa tháp Thê-bết, một người nữ ném thớt cối trên đầu A-bi-mê-léc làm bể sọ người.
Judges 9:53
Khi A-bi-mê-léc đến gần cửa tháp Thê-bết, điều gì xảy ra với ông?
Khi A-bi-mê-léc đến gần cửa tháp Thê-bết, một người nữ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ném thớt cối trên đầu A-bi-mê-léc làm bể sọ người.
Judges 9:54
Tại sao A-bi-mê-léc bảo người lính bác binh khí rút gươm ra và giết ông?
A-bi-mê-léc bảo người lính bác binh khí rút gươm ra và giết ông kẻo ngườ ita lại nói A-bi-mê-léc bị giết bởi một người nữ.
Judges 9:57
Lời rủa của Giô-tham là gì?
Lời rủa của Giô-tham là lửa ra từ A-bi-mê-léc thiêu nuốt những người Si-chem cùng họ Mi-lô; và nguyện lửa ra từ những người Si-chem cùng họ Mi-lô mà thiêu nuốt A-bi-mê-léc.

Chapter 10
Judges 10:1
Thô-la... Phu-a... Đô-đô
Đây đều là tên của nam.
Sa-mia
Đây là tên gọi một địa danh.
nổi dậy giải cứu Y-sơ-ra-ên
"đến để giải cứu Y-sơ-ra-ên" hoặc "trở thành lãnh đạo sẽ giải cứu Y-sơ-ra-ên"
giải cứu Y-sơ-ra-ên
Ở đây, "Y-sơ-ra-ên" đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên.
Ông xét xử Y-sơ-ra-ên
Ở đây, "xét xử" có nghĩa là ông dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên.
hai mươi ba năm
"23 năm"
và được chôn
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "và họ chôn cất ông"
Judges 10:3
Theo sau ông là Giai-rơ, người Ghi-lê-át
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Gia-rơ, người Ghi-lê-át, trở thành lãnh đạo sau Thô-la"
Giai-rơ
Đây là tên của một người nam.
người Ghi-lê-át
Giai-rơ xuất thân từ chi tộc Ghi-lê-át
Ông xử đoán Y-sơ-ra-ên
Ở đây, "xử đoán" có nghĩa là ông lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên
Y-sơ-ra-ên
Ở đây, "Y-sơ-ra-ên" đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên.
hai mươi hai năm
"22 năm"
ba mươi
"30"
Ha-vốt Giai-rơ
Đây là tên của một vùng miền, được đặt theo tên của một người nam.
Cho đến ngày nay
Cụm từ nầy có nghĩa là cho đến thời điểm sách Các Quan-xét đươuc viết ra.
được chôn
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ đã chôn người"
Kha-môn
Đây là tên gọi một địa danh.
Judges 10:6
thêm những điều ác mà họ đã làm trước mặt Đức Giê-hô-va
Cụm này nói về điều ác như thể nó là một vật mà người ta có thể gắn nó vào một vật để khiến vật đó to hơn. Tham khảo cách dịch: "tiếp tục làm những điều mà Đức Giê-hô-va phán là gian ác"
trước mặt Đức Giê-hô-va
Ở đây, "trước mặt Đức Giê-hô-va" đại diện cho những cân nhắc hoặc suy nghĩ của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Tham khảo cách dịch: "theo Đức Giê-hô-va"
Các thần Át-tạt-tê
Đây là dạng số nhiều của Át-tạt-tê, được thờ phượng như một nữ thần ở nhiều hình thức khác nhau. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 2:13.
Họ đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va và không còn thờ phượng Ngài nữa
Về cơ bản, tác giả lặp lại những điều tương tự hai lần để nhấn mạnh. Có thể kết hợp cả hai điều này lại. Tham khảo cách dịch: "Họ đã hoàn toàn không còn thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa"
Họ đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va
Không còn vâng phục và không còn thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể dân sự đã rời bỏ Đức Giê-hô-va mà đi đến một nơi khác.
Đức Giê-hô-va nổi giận phừng phừng cùng iis
Việc Đức Giê-hô-va nổi giận được nói đến như thể cơn giận là một ngọn lửa bừng cháy. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ cùng Y-sơ-ra-ên"
Ngài bán họ vào tay của người Phi-li-tin và vào tay của người Am-môn
Việc Đức Giê-hô-va cho phép người Phi-li-tin và người Am-môn đánh bại Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Ngài đã bán dân Y-sơ-ra-ên cho họ.
vào tay
Ở đây, "tay" tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát.
Judges 10:8
giày đạp và áp bức
Về cơ bản, hai từ này cùng nói về một ý và nhấn mạnh dân Y-sơ-ra-ên đã phải chịu đựng nhiều như thế nào. Tham khảo cách dịch: "bị áp bực tệ hại"
mười tám năm
"18 năm"
những người ở bên kia sông Giô-đanh
Có nghĩa là ở bờ phía Đông sông Giô-đanh.
tức là ở tại Ghi-lê-át
"vùng này còn được gọi là Ghi-lê-át"
Giu-đa ... Bên-gia-min
"Giu-đa" và "Bên-gia-min" chỉ những người thuộc về các chi tộc đó. Tham khảo cách dịch: "những người thuộc chi tộc Giu-đa... những người thuộc chi tộc Bên-gia-min"
nhà của Ép-ra-im
Từ "nhà" chỉ những người thuộc chi tộc Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: "những người thuộc chi tộc Ép-ra-im"
như vậy Y-sơ-ra-ên chịu khốn khổ kinh khiếp
"Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "như vậy dân Y-sơ-ra-ên chịu cảnh khốn cùng"
Judges 10:10
dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu Đức Giê-hô-va
Có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên thống thiết kêu cầu Đức Giê-hô-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

va cứu giúp.

vì chúng con đã lìa bỏ Đức Chúa Trời chúng con

Việc dân sự không còn vâng phục cũng như không thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể họ lìa bỏ Đức Giê-hô-va để đi đến một nơi khác.

lìa bỏ Đức Chúa Trời chúng con

Dân sự đang thưa chuyện cùng Đức Giê-hô-va và xưng Ngài là "Đức Chúa Trời chúng con". Có thể dùng ngôi thứ hai. Tham khảo cách dịch: "đã lìa bỏ Ngài, là Đức Chúa Trời chúng con"

Chẳng phải Ta đã giải cứu các con... dân Si-đôn sao?

Đức Chúa Trời đang quở trách dân Y-sơ-ra-ên vì sự thờ phượng các thần khác của họ. Có teher dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Ta là Đấng đã giải cứu các con.. dân Si-đôn".

dân Ma-ôn

Đây là những người từ gia tộc hoặc gia đình của Ma-ôn.

khỏi uy quyền của chúng

Ở đây, "uy quyền" đại diện cho chính người A-ma-léc và người Ma-ôn. Tham khảo cách dịch: "khỏi chúng"

Judges 10:13

các con lại lìa bỏ Ta

Việc dân sự không còn vâng phục cũng như không thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể họ lìa bỏ Đức Giê-hô-va để đi đến một nơi khác.

Ta sẽ không mãi thêm lên số lần Ta giải cứu các con

Cụm từ "mãi thêm lên số lần" là một cách nói có nghĩa là cứ tiếp tục làm một việc gì đó. Bạn có thể nói rõ ý nghĩa ngầm hiểu trong câu nói của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ không tiếp tục giải cứu các con hết lần nầy đến lần khác" hoặc "Các con có thể biết chắc rằng Ta sẽ không giải cứu các con nữa"

Judges 10:15

Họ xoay bỏ các tà thần ngoại bang

Việc dân sự không còn thờ phượng các tà thần nữa được nói đến như thể họ xoay qua một hướng khác, xoay khỏi các tà thần đó.

các tà thần ngoại bang mà họ có

Bạn có thể nói rõ ý nghĩa ngầm hiểu của câu nầy. Tham khảo cách dịch: "các tà thần ngoại bang mà họ có hình tượng của chúng"

Và Ngài không thể chịu đựng nổi trước cảnh khốn khổ của dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, Y-sơ-ra-ên chỉ dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Và Ngài không muốn dân Y-sơ-ra-ên phải chịu đau khổ thêm nữa"

Judges 10:17

Ai là người sẽ bắt đầu để đánh dân Am-môn?

"Ai là người sẽ lãnh đạo quân đội của chúng ta tiến đánh dân Am-môn?"

Translation Questions

Judges 10:1

Sa-mia ở đâu?

Sa-mia ở miền cao nguyên Ép-ra-im.

Judges 10:6

Tại sao Đức Giê-hô-va nổi cơn thạnh nộ trên dân Y-sơ-ra-ên?

Dân Y-sơ-ra-ên từ bỏ Đức Giê-hô-va và không còn thờ lạy Ngài, vì vậy Ngài nổi cơn thạnh nộ trên dân Y-sơ-ra-ên.

Judges 10:7

Tại sao Đức Giê-hô-va nổi cơn thạnh nộ trên dân Y-sơ-ra-ên?

Dân Y-sơ-ra-ên từ bỏ Đức Giê-hô-va và không còn thờ lạy Ngài, vì vậy Ngài nổi cơn thạnh nộ trên dân Y-sơ-ra-ên.

Judges 10:9

Tại sao Y-sơ-ra-ên bị khốn đốn rất nhiều?

Dân A-mô-ri cũng vượt qua Sông Giô-đanh tiến đánh Giu-đa, Bên-gia-min, và nhà Ép-ra-im. Dân I-sơ-ra-ên bị khốn đốn rất nhiều.

Judges 10:14

Đức Giê-hô-va nói dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu ai để được giúp đỡ?

Đức Giê-hô-va bảo họ kêu cầu các thần mà họ đã thờ lạy.

Judges 10:16

Tại sao Đức Giê-hô-va không thể chịu nổi nỗi đau khổ của dân I-sơ-ra-ên nữa?

Y-sơ-ra-ên dẹp bỏ tất cả các thần ngoại bang ra khỏi họ, và họ trở lại thờ Chúa. Lòng Ngài không thể chịu nổi nỗi đau khổ của dân I-sơ-ra-ên nữa.

Chapter 11

Judges 11:1

người Ghi-lê-át

Đây là người đến từ vùng Ghi-lê-át. Tên cha ông cũng là Ghi-lê-át, đây là một sự trùng khớp. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 10:3]

Khi các con trai của vợ người ấy lớn lên

"Khi các con trai của vợ Ghi-lê-át lớn lên"

trong xứ Tóp

Tóp là tên của một vùng.

họ đến và đi với ông

"họ đã theo ông" hoặc ""họ cùng nhau đi mọi nơi"

Judges 11:4

Một thời gian sau

"Sau một thời gian" (UDB)

gây chiến cùng dân Y-sơ-ra-ên

Cụm từ "gây chiến" có nghĩa họ tấn công dân Y-sơ-ra-ên và gây chiến cùng dân Y-sơ-ra-ên. Ở đây, "Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "tấn công dân Y-sơ-ra-ên"

để chúng ta có thể đánh với

"để chúng ta có thể đánh lại"

Judges 11:7

nhà cha tôi

Ở đây, "nhà" chỉ những người sống trong nhà đó. Tham khảo cách dịch: "gia đình tôi"

Đó là lí do tại sao bấy giờ chúng tôi xoay sang ông

Từ "đó" chỉ những điều Giép-thê nói về việc họ đang gặp rắc rối. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi xoay sang ông bởi vì chúng tôi đang gặp rắc rối"

đánh với dân Am-môn

"đánh lại dân Am-môn"

Judges 11:9

thủ lĩnh và chỉ huy

Về cơ bản thì cả hai từ này cùng nói về một ý, và được lặp

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lại để nhấn mạnh Giép-thê đã trở nên quan trọng ra sao. Bạn có thể kết hợp hai từ nầy lại. Tham khảo cách dịch: “chỉ huy”

Khi ở trước Đức Giê-hô-va tại Mích-pa, Giép-thê lặp lại mọi lời mà mình đã hứa

Ở đây, cụm từ “trước Đức Giê-hô-va” có nghĩa là ông lặp lại những lời hứa của mình như một lời thề nguyện trước mặt Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Khi Giép-thê ở tại Mích-pa, ông lặp lại mọi lời hứa nầy như một lời thề nguyện trước mặt Đức Giê-hô-va"

mọi lời mà mình đã hứa

Cụm từ nầy chỉ về những lời mà ông đã hứa với các nhà lãnh đạo của Ghi-lê-át về việc trở thành nhà lãnh đạo của họ.

Judges 11:12

Giữa chúng ta có mâu thuẫn gì

"Tại sao ông lại chống lại chúng tôi?” Giép-thê đang hỏi vị vua tại sao họ lại giận dữ với dân Y-sơ-ra-ên.

Tại sao ông lại kéo quân đến chiếm xứ chúng tôi

Ở đây, từ nầy chỉ về vua Am-môn, người đang được nói đến, là hoán dụ cho những quân linh của Am-môn. Tham khảo cách dịch: “Tại sao quân lính của ông lại kéo đến xâm chiếm xứ chúng tôi?”

kéo quân đến chiếm

"đến để đánh chiếm”

Ạt-nôn ... Gia-bốc

Đây là tên của hai con sông.

đến tận sông Giô-đanh

"đến bên kia sông Giô-đanh"

trong hòa bình

"cách êm thắm" hoặc “đừng cố gắng biện hộ cho họ”

Judges 11:14

người nói

Ở đây, từ “người” chỉ về sứ giả đang nói với vua Am-môn. Có thể viết lại bằng từ “họ” như trong bản tiếng Anh UDB, chỉ về một nhóm các sứ giả. Tham khảo cách dịch: “Giép-thê dặn các sứ giả phải nói” hoặc “họ nói”

họ đi lên khỏi Ai Cập

Bất cứ lúc nào người ta đi đến vùng đất hứa thì đều được nói là “đi lên đất hứa”. Khi dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ai Cập, họ đang trên đường để tới đất hứa.

Judges 11:17

Thông tin bối cảnh:

Các sứ giả của Giép-thê tiếp tục nói.

Khi ấy dân Y-sơ-ra-ên sai các sứ giả

Đây là những sứ giả mà các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên sai đến. Tham khảo cách dịch: “Khi các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên sai sứ giả đến”

đi ngang qua

"đi qua” hoặc “vượt qua”

không chịu nghe

Đây là cụm từ có nghĩa là “từ chối”. Tham khảo cách dịch: “đã từ chối” hoặc “từ chối thỉnh cầu của họ”

Họ cũng đã sai sứ giả đến gặp vua Mô-áp

Lí do dân Y-sơ-ra-ên sai sứ giả đến gặp vua Mô-áp có thể được nêu rõ. Tham khảo cách dịch: “Họ cũng sai các sứ giả đến gặp vua Mô-áp với cùng một yêu cầu đó”

nhưng người cũng đã từ chối

Vua Mô-áp đã từ chối lời thỉnh cầu của dân Y-sơ-ra-ên xin được đi ngang qua xứ Mô-áp. Tham khảo cách dịch: “nhưng người cũng đã từ chối không cho họ đi ngang qua xứ Mô-áp”

Ạt-nôn

Đây là tên của một con sông. Hãy dịch tên nầy như bạn đã làm trong JDG 11:13.

Judges 11:19

Thông tin bối cảnh:

Các sứ giả của Giép-thê tiếp tục nói.

Y-sơ-ra-ên sai sứ giả đến gặp Si-hôn

Các sứ giả nầy được những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên sai đi. Tham khảo cách dịch: “Khi các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên sai các sứ giả”

Si-hôn

Đây là tên gọi của một người.

Hết-bôn ... Gia-hát

Đây là tên của các thành.

Nhưng Si-hôn không tin tưởng Y-sơ-ra-ên để cho họ đi ngang qua lãnh thổ của mình

Si-hôn không tin rằng Y-sơ-ra-ên sẽ đi ngang qua lãnh thổ của mình cách êm đềm. Tham khảo cách dịch: “Nhưng Si-hôn không tin dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi ngang qua lãnh thổ của mình cách êm đềm”

Tại đó, người đánh

Từ “người” chỉ về Si-hôn, và là cách nói hoán dụ để chỉ về quân đội của người. Tham khảo cách dịch: “Tại đó, họ đánh” hoặc “Tại đó, quân đội của người đã đánh”

Judges 11:21

Thông tin bối cảnh:

Các sứ giả của Giép-thê tiếp tục nói.

Si-hôn

Hãy dịch tên của người nầy y như cách bạn đã dịch trong JDG 11:19.

phó Si-hôn và toàn quân của vua ấy vào tay Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực, sức mạnh để đánh bại kẻ thù trong chiến trận. Tham khảo cách dịch: “ban cho Y-sơ-ra-ên năng lực đánh bại Si-hôn và toàn quân của vua ấy”

Ạt-nôn ... Gia-bốc

Hãy dịch tên của những con sông nầy như cách bạn đã làm trong JDG 11:13.

Judges 11:23

Thông tin bối cảnh:

Các sứ giả của Giép-thê tiếp tục nói.

bây giờ các ngươi có nên đánh chiếm đất của họ không?

Giép-thê đang quở trách vua của dân Am-môn bằng một câu hỏi. Từ “của họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Vậy nên, bây giờ người không nên đánh chiếm đất của họ”

Chẳng lẽ các ngươi sẽ không chiếm lấy xứ mà Kê-mốt, thần của ngươi, đã ban cho ngươi sao?

Giép-thê đang quở trách vua của người Am-môn bằng một câu hỏi. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi chỉ nên chiếm lấy xứ mà Kê-mốt, tức là thần của ngươi, ban cho ngươi?”

chiếm

Từ nầy có nghĩa là nắm quyền kiểm soát thứ gì đó. Tham khảo cách dịch: “kiểm soát” hoặc “chiếm tài sản của”

Kê-mốt

Tên gọi một tà thần.

Ngày nay, ngươi có thực sự trổi hơn Ba-lác, con trai Xếp-bô, vua Mô-áp

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hay không?
Giép-thê đang quở trách vua của dân Am-môn bằng một câu hỏi. Tham khảo cách dịch: “Ngươi chẳng trổi hơn Ba-lác, con trai Xếp-bô, tức là vua dân Mô-áp”
Ba-lác… Xếp-bô
Đây đều là tên của nam.
Liệu ông ấy có dám tranh cãi với Y-sơ-ra-ên khi nào chưa?
Giép-thê đang quở trách vua của dân Am-môn bằng một câu hỏi. Tham khảo cách dịch: “Nhưng người chưa hề dám tranh cãi với Y-sơ-ra-ên”
Có khi nào ông ấy gây chiến cùng họ chưa?
Giép-thê dùng câu hỏi nầy để quở trách vua Am-môn. Tham khảo cách dịch: “Ông ấy cũng chưa khi nào gây chiến với họ.”
Judges 11:26
Thông tin bối cảnh:
Các sứ giả của Giép-thê tiếp tục nói.
bă trăm năm
"300 năm"
Hết-bôn
Hãy dịch tên của thành nầy như cách bạn đã làm trong JDG 11:19.
A-rô-e
Đây là tên gọi của một thành.
Ạt-nôn
Hãy dịch tên của thành nầy như cách bạn đã làm trong JDG 11:13.
Vậy tại sao các ông không lấy lại chúng trong thời gian đó?
Giép-thê dùng câu hỏi nầy để quở trách vua Am-môn. Tham khảo cách dịch: “lẽ ra các ông phải lấy lại chúng trong thời gian đó” hoặc “bây giờ đã quá trễ, đáng lẽ ra từ rất lâu về trước các ông phải lấy lại chúng”
Tôi không có phạm lỗi với ông, nhưng ông đang làm điều sai với tôi khi tấn công tôi
Giép-thê đang nói với người Si-hôn. Ở đây, Giép-thê nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là chính ông và nói về dân Am-môn như thể họ chính là Si-hôn, vua của họ. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên không hề phạm lỗi gì với dân tộc của ông, nhưng dân tộc của ông lại đang làm điều sai quấy khi tấn công chúng tôi”
phạm lỗi với ông… làm điều sai với tôi
Phạm lỗi với ai đó có nghĩa là làm điều gì đó sai với họ. Tham khảo cách dịch: “đối xử bất công với ông… đối xử bất công với tôi” hoặc “đối xử không công bằng với ông… đối xử không công bằng với tôi”
Judges 11:29
Thần của Đức Giê-hô-va đến trên Giép-thê
Câu nầy có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va tác động trên quyết định của Giép-thê. Tham khảo cách dịch: “Thần của Đức Giê-hô-va làm chủ Giép-thê”
ông vượt qua Ghi-lê-át và Ma-na-se… từ Mích-pa thuộc Ghi-lê-át
Giép-thê đi qua những nơi nầy để tuyển quân cho quân đội của ông đặng đi tham chiến với dân Am-môn. Tham khảo cách dịch: “ông tập hợp người cho đội quân của mình khi ông đi qua Ghi-lê-át và Ma-na-se… từ Mích-pa thuộc Ghi-lê-át”
Con sẽ dâng nó lên
Câu nầy có nghĩa là dâng điều gì đó làm tế lễ. Tham khảo cách dịch: “Con sẽ dâng nó lên cho Ngài” hoặc “Ta sẽ dâng nó làm tế lễ cho Ngài”
Judges 11:32
Vậy Giép-thê vượt qua… Đức Giê-hô-va ban cho người chiến thắng…
Ông tấn công
Bởi vì Giép-thê là lãnh đạo của đội quân của ông, ông và đội quân của ông thường được nói như chính mình ông. Tham khảo cách dịch: “Vậy Giép-thê và quân đội của ông vượt qua… Đức Giê-hô-va ban cho họ chiến thắng… họ tấn công”
A-rô-e
Hãy dịch tên của thành nầy như bạn đã dịch trong JDG 11:26.
Mi-nít… A-bên Kê-ra-mim
Đây là tên của các thành.
hai mươi thành
"bao gồm 20 thành"
Judges 11:34
trống lắc tay
nhạc cụ có phần mặt trên giống như trống, có thể đánh vào để tạo ra âm thanh, và có những miếng kim loại bao quanh các mặt bên để tạo ra tiếng động khi người ta lắc nó.
ông xé áo mình
Đây là một hành động thể hiện sự than khóc hoặc đau buồn hết mực. Tham khảo cách dịch: “ông đau buồn xé áo mình”
Con làm cha đau buồn khốn khổ vô cùng.. con là người khiến cha đau đớn
Giép-thê lặp lại cùng một ý hai lần để nhấn mạnh rằng ông rất đau buồn
Con làm cha đau buồn khốn khổ vô cùng
Ở đây, Giép-thê nói về nỗi đau buồn cùng cực của mình như một vật gì đó đang giày vò mình, Tham khảo cách dịch: “Con làm cha đau buồn cùng cực” hoặc “Con khiến cha đau buồn quá mức”
con là người khiến cha đau đớn
Ở đây, Giép-thê nói về nỗi đau đớn phiền muộn của mình như thể nó là một cơn đau đớn. Tham khảo cách dịch: “con là người khiến cha khổ sở” hoặc “con khiến cha đau đớn vô cùng”
Cha không thể nào làm trái lời hứa của mình được
Làm trái lời hứa có nghĩa là không làm điều mà bạn đã hứa sẽ làm. Tham khảo cách dịch: “Cha phải thực hiện những điều mình đã hứa” hoặc “Cha không thể thất hứa được”
Judges 11:36
đã báo thù cho cha chống lại những kẻ thù của cha, tức là dân Am-môn
Đức Giê-hô-va đã trả thù cho ông bằng cách đánh bại những kẻ thù của ông. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “đã trả thù cho cha chống lại những kẻ thù của cha, tức là dân Am-môn, bằng cách đánh bại chúng”
Xin cha hãy hứa với con điều nầy
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Xin cha hãy giữ lời hứa nầy với con” hoặc “Xin cha hãy giữ lời hứa nầy về con” "
than khóc về sự đồng trinh của con
"than khóc bởi vì con là một trinh nữ” hoặc “than khóc bởi vì con sẽ chẳng bao giờ được kết hôn”
Judges 11:38
người Ghi-lê-át
Chỉ người đến từ Ghi-lê-át. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 10:3.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Judges 11:1

Giép-thê là con ai?

Giép-thê là con của một kỵ nữ.

Judges 11:5

Tại sao các trưởng lão Ga-la-át đi đem Giép-thê ở xứ Tóp về?

Các trưởng lão Ga-la-át đi đem Giép-thê ở xứ Tóp về để ông sẽ là lãnh đạo của họ.

Judges 11:6

Tại sao các trưởng lão Ga-la-át đi đem Giép-thê ở xứ Tóp về?

Các trưởng lão Ga-la-át đi đem Giép-thê ở xứ Tóp về để ông sẽ là lãnh đạo của họ.

Judges 11:7

Tại sao các trưởng lão Ga-la-át quay sang Giép-thê?

Các trưởng lão Ga-la-át quay sang Giép-thê vì họ đang gặp rắc rối.

Judges 11:8

Tại sao các trưởng lão Ga-la-át quay sang Giép-thê?

Các trưởng lão Ga-la-át quay sang Giép-thê vì họ đang gặp rắc rối.

Judges 11:9

Nếu các trưởng lão Ga-la-át đem Giép-thê về đặng đánh dân Am-môn, và nếu Đức Giê-hô-va phó chúng nó vào tay tôi, điều gì sẽ xảy ra với Giép-thê?

Nếu các trưởng lão Ga-la-át đem Giép-thê về đặng đánh dân Am-môn, và nếu Đức Giê-hô-va phó chúng nó vào tay tôi, Giép-thê sẽ làm đầu họ.

Judges 11:12

Tại sao dân Am-môn đem lực lượng đến chiếm xứ của Y-sơ-ra-ên?

Dân Am-môn đem lực lượng đến chiếm xứ của Y-sơ-ra-ên vì khi Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, họ hãm đánh xứ của Am-môn.

Judges 11:13

Tại sao dân Am-môn đem lực lượng đến chiếm xứ của Y-sơ-ra-ên?

Dân Am-môn đem lực lượng đến chiếm xứ của Y-sơ-ra-ên vì khi Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, họ hãm đánh xứ của Am-môn.

Judges 11:17

Ai không bằng lòng cho Y-sơ-ra-ên băng qua xứ?

Vua Ê-đôm và vua Mô-áp không bằng lòng cho Y-sơ-ra-ên băng qua xứ.

Judges 11:18

Tại sao Y-sơ-r-ae6n không vào lãnh thổ của Mô-áp?

Họ không vào lãnh thổ của Mô-áp, vì Ạc-nôn là ranh giới của Mô-áp.

Judges 11:21

Ai cho Y-sơ-ra-ên chiến thắng Si-hôn?

Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, cho Y-sơ-ra-ên chiến thắng Si-hôn.

Judges 11:26

Y-sơ-ra-ên ở tại tại Hết-bôn và các thành địa hạt nó, A-rô-e và các vùng phụ cận của nó, cùng tất cả các thành dọc theo Ạc-nôn trong bao lâu?

Trong ba trăm năm, I-sơ-ra-ên tại Hếch-bôn và các vùng phụ cận của nó, A-rô-e và các vùng phụ cận của nó, cùng tất cả các thành dọc theo Ạc-nôn.

Judges 11:30

Nếu Đức Giê-hô-va cho Giép-thê chiến thắng dân Am-môn, Giép-thê sẽ làm gì?

Nếu Đức Giê-hô-va cho Giép-thê chiến thắng dân Am-môn, bất cứ ai từ cửa nhà con ra đón ông sẽ thuộc về Chúa, ông sẽ dâng người ấy làm của lễ thiêu.

Judges 11:32

Khi Giép-thê đi đến dân Am-môn đặng giao chiến cùng chúng nó, ai cho ông chiến thắng?

Khi Giép-thê đi đến dân Am-môn đặng giao chiến cùng chúng nó, và Đức Giê-hô-va phó chúng nó vào tay người.

Judges 11:34

Giép-thê có bao nhiêu con?

Giép-thê chỉ có một con.

Judges 11:36

Con gái của Giép-thê muốn làm gì trước khi ông làm mọi điều mà ông đã hứa?

Nàng muốn ông cho nàng được thong thả trong hai tháng, nàng sẽ đi ở trên núi đặng cùng chị em bạn của nàng và khóc về sự đồng trinh của nàng.

Judges 11:37

Con gái của Giép-thê muốn làm gì trước khi ông làm mọi điều mà ông đã hứa?

Nàng muốn ông cho nàng được thong thả trong hai tháng, nàng sẽ đi ở trên núi đặng cùng chị em bạn của nàng và khóc về sự đồng trinh của nàng.

Judges 11:39

Giép-thê làm gì với con gái ông?

Ông làm cho nàng tùy theo lời khấn nguyện mình đã hứa.

Chapter 12

Judges 12:1

Lệnh triệu tập được truyền ra cho người Ép-ra-im

Ở đây, "lệnh triệu tập" có thể được diễn đạt thành một động từ. Tham khảo cách dịch: “người Ép-ra-im được tập hợp lại” hoặc “người Ép-ra-im đã tập hợp quân lính của mình”

Xa-phôn

Đây là tên gọi của một thành.

vượt qua... vượt qua

hoặc “đi qua... đi” hoặc “làm một cuộc hành trình qua... đi qua”

Chúng tôi sẽ đốt nhà của ông luôn với ông

Câu này có nghĩa sẽ đốt nhà cùng với những người đang ở trong đó. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi sẽ đốt nhà của ông khi ông vẫn còn ở trong đó”

Khi tôi kêu cứu các ông, các công

Ở đây, từ “các ông” ở dạng số nhiều và chỉ những người Ép-ra-im.

đã không đến giải cứu tôi

Ở đây, Giép-thê đang nói đến những người Ghi-lê-át, cũng như chính mình ông. Tham khảo cách dịch: “không giải cứu chúng tôi”

Judges 12:3

các ông đã không giải cứu tôi

Ở đây, từ “các ông” ở dạng số nhiều và chỉ những người Ép-ra-im. Ở đây, Giép-thê đang nói đến những người Ghi-lê-át, kể cả chính ông, khi ông xưng “tôi”. Tham khảo cách dịch: “các ông đã không giải cứu chúng tôi”

Tôi cược cả mạng sống mình vào sức mạnh của mình

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ này có nghĩa là mạo hiểm cả mạng sống của mình, chỉ tin tưởng vào sức mạnh của chính mình. Cũng vậy, ở đây Giép-thê tiếp tục nói đến dân Ghi-lê-át như thể đang nói về chính mình. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi đã liều mạng sống mình, đặt cược vào sức mạnh của các ông”

Đức Giê-hô-va ban cho tôi chiến thắng

Giép-thê đang nói đến Đức Giê-hô-va ban cho người Ghi-lê-át chiến thắng người Am-môn. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va ban cho chúng tôi chiến thắng chúng” hoặc “Đức Giê-hô-va cho chúng tôi đánh bại họ trong trận chiến”

ông đánh lại người Ép-ra-im

Từ “ông” chỉ về Giép-thê và toàn bộ những người lính chiến người Ghi-lê-át. Tham khảo cách dịch: “họ đánh lại người Ép-ra-im”

Tại sao các ông lại gây chiến với tôi?

Ở đây, từ “các ông” ở dạng số nhiều và chỉ những người Ép-ra-im. Cũng vậy, ở đây Giép-thê đang nhắc đến người Ghi-lê-át, tính luôn cả ông, khi ông xưng “tôi”. Tham khảo cách dịch: “Tại sao các công lại gây chiến với chúng tôi?”

Dân Ghi-lê-át các ngươi là những kẻ trốn chạy

Bạn có thể nói rõ ý nghĩa của lời nhục mạ nầy. Tham khảo cách dịch: “Dân Ghi-lê-át các ngươi không thuộc về nơi nầy. Các người chỉ là kẻ đến đây ở nhờ mà thôi”

vượt qua dân Am-môn

Câu này có nghĩa là họ đã tấn công dân Am-môn khi như thể họ đã vượt qua dân Am-môn. Tham khảo cách dịch: “tấn công dân Am-môn khi chúng tôi đi qua vùng đất của họ”

người Ghi-lê-át

"người đến từ Ghi-lê-át"

tại Ép-ra-im- tại Ép-ra-im và Ma-na-se

"trong đất của Ép-ra-im và Ma-na-se” hoặc “trong xứ của Ép-ra-im và Ma-na-sa”. Ở đây, “Ép-ra-im” và “Ma-na-se” chỉ về vùng lãnh thổ và được đặt theo tên của các chi tộc sống tại đó.

Judges 12:5

đến Ép-ra-im

"đến đất của Ép-ra-im"

Người Ghi-lê-át chiếm

"người Ghi-lê-át nắm quyền kiểm soát” hoặc “người Ghi-lê-át chiếm đóng”

những chỗ cạn

Những chỗ nước nông trên con sông mà bạn có thể lội bộ qua được

người Ép-ra-im

"những người từ chi phái Ép-ra-im"

Si-bô-lét... Xi-bô-lét

Những từ này vô nghĩa. Hãy ghi y nguyên như vậy trong ngôn ngữ của bạn, và đảm bảo rằng chữ cái đầu tiên của mỗi từ phải được dịch khác nhau “S” và “x”.

phát âm

"nói"

bốn mươi hai nghìn

"42.000"

Bốn mươi hai nghìn người Ép-ra-im bị giết

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ đã giết bốn mươi hai nghìn người Ép-ra-im”

Judges 12:7

Giép-thê người Ghi-lê-át qua đời và được chôn

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Giép-thê người Ghi-lê-át qua đời và họ chôn cất người”

Judges 12:8

Íp-san ở Bết-lê-hem

Đây là tên của một người nam đến từ Bết-lê-hem.

Ông đã gả ba mươi cô con gái

Câu này có nghĩa là ông cho phép các cô con gái của mình đi lấy chồng. Tham khảo cách dịch: “Ông có ba mươi cô con gái và đã chuẩn bị hôn nhân cho từng người”

ông đã đem ba mươi người con gái từ những người bên ngoài về cho các con trai mình

Cụm “đem họ về từ bên ngoài” có nghĩa là ông đã cưới những người nữ từ các gia tộc khác cho các con trai của mình. Tham khảo cách dịch: “ông đã cưới ba mươi người con gái từ các gia tộc khác cho các con trai của mình”

Judges 12:10

được chôn cất tại Bết-lê-hem

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ đã chôn cất người tại Bết-lê-hem”

Ê-lôn

Đây là tên của một người nam.

người Sa-bu-lôn

người nào đó từ chi tộc Sa-bu-lôn

A-gia-lôn

Hãy dịch tên của nơi nầy như cách bạn đã làm trong JDG 1:35.

được chôn tại A-gia-lôn

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ đã chôn người tại A-gia-lôn”

Judges 12:13

Áp-đôn... Hi-lên

Đây đều là tên của nam.

người Phi-ra-thôn... Phi-ra-thôn

Phi-ra-thôn là tên của một địa danh, một người đến từ nơi đó được gọi là người Phi-ra-thôn.

Họ cưỡi trên bảy mươi con lừa

Những người này sở hữu bảy mươi con lừa, là con vật mà họ đang cưỡi. Ở đây, từ “cưỡi” được dùng thay thế cho từ “sở hữu”. Tham khảo cách dịch: “Họ có bảy mươi con lừa”

bốn mươi con trai... ba mươi cháu trai... bảy mươi con lừa

"40 con trai ... 30 cháu trai ... 70 con lừa

Translation Questions

Judges 12:1

Người Ép-ra-im muốn làm gì với nhà Giép-thê vì ông không gọi họ đi cùng ông?

Ép-ra-im muốn đốt nhà Giép-thê và thiêu sống ông vì ông không gọi họ đi cùng đặng đánh dân Am-môn.

Judges 12:4

Tại sao người Ga-la-át đánh dân Ép-ra-im?

Người Ga-la-át đánh người Ép-ra-im vì họ nói, "Bọn Ga-la-át các ngươi chỉ là thứ trốn chui trốn nhủi giữa Ép-ra-im và Ma-na-se chứ có tài cán gì.”

Judges 12:5

Người Ga-la-át kiểm tra xem nếu người khác là người Ép-ra-im như thế nào?

Họ họ bảo người ấy, “Hãy nói, ‘Si-bô-lết,’” và người ấy nói,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“Xi-bô-lết,” vì người ấy không thể phát âm đúng giọng được, họ liền bắt người ấy và giết ngay tại chỗ cạn, nơi lội qua Sông Giô-đanh.

Judges 12:6

Người Ga-la-át kiểm tra xem nếu người khác là người Ép-ra-im như thế nào?

Họ họ bảo người ấy, “Hãy nói, ‘Si-bô-lết,’” và người ấy nói, “Xi-bô-lết,” vì người ấy không thể phát âm đúng giọng được, họ liền bắt người ấy và giết ngay tại chỗ cạn, nơi lội qua Sông Giô-đanh.

Chapter 13

Judges 13:1

điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây, “trước mặt Đức Giê-hô-va” đại diện cho những cân nhắc hoặc suy nghĩ của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “những điều Đức Giê-hô-va phán là điều ác”. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 2:11]

Ngài phó họ vào tay của người Phi-li-tin

Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực, sức mạnh để đánh bại kẻ thù trong chiến trận. Tham khảo cách dịch: “Ngài cho phép dân Phi-li-tin đánh bại họ” hoặc “Ngài cho phép họ bị dân Phi-li-tin áp bức”

bốn mươi năm

"40 năm"

Xô-ra

Đây là tên gọi một thành tại Y-sơ-ra-ên. Thuộc vùng Giu-đa, gần biên giới của Đan.

Người Đan

những người đến từ chi tộc Đan

Ma-nô-a

Đây là tên của một người nam.

Judges 13:3

sinh một con trai

Chỉ về việc sinh con. Tham khảo cách dịch: “sinh một con trai” hoặc “có một bé trai”

vật gì không tinh sạch

Những thứ Đức Giê-hô-va đã tuyên bố không được ăn được nói đến như thể chúng không được sạch.

Nhìn kìa

"Hãy chú ý” hoặc “Hãy nghe”

Không một dao cạo nào được đưa qua đầu người

Ở đây, từ “đầu” ở đây chỉ về tóc của người. Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không ai được phép cắt tóc người”

dao cạo

một con dao sắc bén được dùng để cạo trọc đầu

một người Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy có nghĩa là người sẽ được dâng cho Đức Chúa Trời làm người Na-xi-rê. Tham khảo cách dịch: “một người Na-xi-rê được dâng cho Đức Chúa Trời” hoặc “dâng cho Đức Chúa Trời làm người Na-xi-rê”

từ trong bụng mẹ

Ở đây, từ “bụng” chỉ về khoảng thời gian trước khi đưa trẻ được sinh ra. Tham khảo cách dịch: “từ trước khi người sinh ra”

Tay của dân Phi-li-tin

Ở đây, từ “tay” có nghĩa là quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “quyền kiểm soát của dân Phi-li-tin” hoặc “dưới quyền kiểm soát của dân Phi-li-tin”

Judges 13:6

Một người của Đức Chúa Trời

Câu nầy có nghĩa là người này được Đức Chúa Trời sai đến. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Một người mà Đức Chúa Trời sao đến”

diện mạo của người ấy rất giống như của thiên sứ Đức Chúa Trời, rất đáng sợ

Ở đây, "đáng sợ” có nghĩa là “khủng khiếp”. Tham khảo cách dịch: “Tôi vất sợ người bởi vì người nhìn giống như thiên sứ của Đức Chúa Trời”

Nhìn kìa

"Hãy chú ý” hoặc “Hãy nghe”

sinh một đứa con trai

Cụm từ nầy nói về việc sinh con. Tham khảo cách dịch: “sinh một con trai” hoặc “có một bé trai”

bất cứ thức ăn nào mà luật pháp tuyên bố là không tinh sạch

Những thứ Đức Giê-hô-va đã tuyên bố không được ăn được nói đến như thể chúng không được sạch.

một người Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy có nghĩa là người sẽ được dâng cho Đức Chúa Trời làm người Na-xi-rê. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 3:5. Tham khảo cách dịch: “một người Na-xi-rê được dâng cho Đức Chúa Trời” hoặc “dâng cho Đức Chúa Trời làm người Na-xi-rê”

từ khi người còn ở trong bụng mẹ cho đến ngày người qua đời

Cụm từ nầy nhấn mạnh là chuyện này sẽ xảy ra trong cả đời người. Tham khảo cách dịch: “trọn cả đời người”

Judges 13:8

Ma-nô-a

Hãy dịch tên của người nam nầy như cách bạn đã làm trong JDG 13:2.

đến với người nữ

Bạn có thể làm rõ phần ý nghĩa ngầm hiểu lời của tác giả. Tham khảo cách dịch: “đến chỗ vợ của Ma-nô-a”

Judges 13:10

Nhìn kìa

"Nghe kìa” hoặc “Hãy chú ý đến những gì tôi sắp kể với ông”

Người

Từ này chỉ về thiên sứ của Đức Chúa Trời trong [JDG 13:3]

Judges 13:12

lời của ông

Câu này chỉ về những gì người đó đã nói. Tham khảo cách dịch: “những điều ông đã nói”

bất cứ vật gì từ cây nho

Ở đây, thiên sứ đang nói đến bất kỳ loại thức ăn nào mọc từ cây nho như thể nó “đến từ” cây nho. Tham khảo cách dịch: “bất cứ thứ gì mọc từ cây nho”

mà luật pháp tuyên bố là không tinh sạch

Những thứ Đức Giê-hô-va đã tuyên bố không được ăn được nói đến như thể chúng không được sạch. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [JDG 13:7]

Judges 13:15

chuẩn bị một con dê con cho ông

Bạn có thể nói rõ ý nghĩa ngầm hiểu trong lời nói của Ma-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nô-a. Tham khảo cách dịch: “nấu một con dê con cho ông ăn”
Judges 13:17
lời của ông thành hiện thực
Cụm từ “lời của ông” chỉ những lời mà thiên sứ đó đã nói. Tham khảo cách dịch: “những điều ông đã nói thành hiện thực”
Sao ngươi hỏi danh ta?
Thiên sứ đặt ra câu hỏi nầy như một lời quở trách. Có thể viết câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ngươi không nên hỏi ta danh ta là gì”
Danh ấy rất diệu kỳ
Nếu giải thích rõ ràng hơn tại sao họ không nên hỏi danh của người thì sẽ hữu ích hơn. Tham khảo cách dịch: “Danh đó quá diệu kỳ để ngươi có thể hiểu được”
Judges 13:19
với của lễ chay
Luật nầy quy định phải dâng một của lễ chay khi dâng một của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “với của lễ chay cùng với nó”
trên tảng đá
"trên bàn thờ”. Bàn thờ mà Ma-nô-a dâng tế lễ nằm trên một tảng đá.
Người đã làm điều gì đó
"thiên sứ đã làm điều gì đó”
thiên sứ của Đức Giê-hô-va cũng bay lên trong ngọn lửa của bàn thờ
"thiên sứ của Đức Giê-hô-va trở lại trời qua những ngọn lửa trên bàn thờ”
sấp mặt xuống đất
"sấp mình xuống đất, cúi đầu”. Đây là dấu hiệu của sự tôn trọng và tôn kính, nhưng nó cũng cho thấy sự kính sợ Đức Giê-hô-va của họ.
Judges 13:21
rằng người chính là thiên sứ của Đức Giê-hô-va
Từ “người” chỉ người mà Ma-nô-a và vợ mình đã gặp.
Chúng ta chắc chắn sẽ chết, vì chúng ta đã thấy Đức Chúa Trời
Câu này ngụ ý rằng họ cho rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến họ phải chết. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng chết bởi vì chúng ta đã thấy Ngài”
Judges 13:23
Ngài sẽ không cho chúng ta thấy tất cả những việc nầy, và lần nầy Ngài cũng sẽ không để chúng ta nghe những điều như thế
Về cơ bản, vợ của Ma-nô-a lặp lại cùng một ý hai lần để nhấn mạnh. Có thể gộp hai câu này lại. Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ không cho chúng ta biết những điều Ngài muốn chúng ta làm”
Judges 13:24
người đàn bà nầy
"vợ của Ma-nô-a"
sinh một con trai
Cụm từ nầy chỉ về việc sinh con. Tham khảo cách dịch: “sinh một con trai” hoặc “có một bé trai”
lớn lên
"trở thành một người lớn” hoặc “trưởng thành”
Thánh Linh của Đức Giê-hô-va bắt đầu khuấy động trong người
Ở đây, cách Thánh Linh của Đức Giê-hô-va tác động đến Sam-sôn được so sánh với cách người ta khuấy cái thìa trong nồi. Tham khảo cách dịch: “Thánh Linh của Đức Giê-hô-va bắt đầu tác động đến Sam-sôn”
Ma-ha-ne Đan ... Ê-ta-ôn
Ma-ha-ne Đan là tên của một trại quân tạm thời mà chi tộc Đang ở trong khi họ đi tìm một chỗ ở lâu dài. Ên-ta-ôn là tên của một thành.
Xô-ra
Hãy dịch tên của thành nầy như cách bạn đã làm trong JDG 13:2.

Translation Questions

Judges 13:2
Tại sao vợ của Ma-nô-a không sinh con?
Vợ của Ma-nô-a không thể có thai và vì vậy bà không sinh con.
Judges 13:5
Tại sao dao cạo sẽ không cạo trên đầu đứa trẻ?
Dao cạo sẽ không cạo trên đầu nó, vì đứa trẻ sẽ thành một người Na-xi-rê, biệt riêng cho Đức Chúa Trời.
Judges 13:6
Người của Đức Chúa Trời trông ra sao?
Người của Đức Chúa Trời trông như thiên sứ của Đức Chúa Trời.
Judges 13:9
Khi thiên sứ của Đức Chúa Trời đến lần thứ nhì, ở đó có ai?
Khi thiên sứ của Đức Chúa Trời đến lần thứ nhì, chỉ có vợ của Ma-nô-a ở đó.
Judges 13:12
Ma-nô-a hỏi thiên sứ điều gì?
Ma-nô-a hỏi thiên sứ về những quy luật dành cho đứa trẻ và việc làm của đứa trẻ ấy.
Judges 13:16
Nếu Ma-nô-a chuẩn bị một của lễ thiêu, ông phải dâng cho ai?
Nếu Ma-nô-a chuẩn bị một của lễ thiêu, ông phải dâng cho Đức Giê-hô-va.
Judges 13:19
Đức Giê-hô-va làm việc lạ lùng gì đang khi Ma-nô-a và vợ ông xem?
Đang khi Ma-nô-a và vợ ông đang nhìn xem, thiên sứ của Đức Chúa Trời thăng thiên theo ngọn lửa trên bàn thờ.
Judges 13:20
Đức Giê-hô-va làm việc lạ lùng gì đang khi Ma-nô-a và vợ ông xem?
Đang khi Ma-nô-a và vợ ông đang nhìn xem, thiên sứ của Đức Chúa Trời thăng thiên theo ngọn lửa trên bàn thờ.
Judges 13:25
Thần của Đức Giê-hô-va bắt đầu cảm động Sam-sôn ở đâu?
Thần của Đức Giê-hô-va bắt đầu cảm động Sam-sôn ở trong dinh Đan.

Chapter 14

Judges 14:1
Sam-sôn đi xuống Thim-na
Cụm từ “đi xuống” được dùng ở đây bởi vì Thim-na ở vị trí cao hơn so với nhà cha ông. Thim-na là tên của một thành
trong trũng Sô-réc.
một trong số những con gái của Phi-li-tin
Từ “con gái” là một cách nói tế nhị để chỉ những người con gái trẻ đẹp, chưa chồng. Tham khảo cách dịch: “một trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

số những người phụ nữ chưa chồng trong vòng người Phi-li-tin" hoặc "những cô gái người Phi-li-tin"

Bây giờ xin cha mẹ hãy cưới nàng cho con làm vợ

Đây là một cách diễn đạt. Sam-sôn đang yêu cầu cha mẹ mình đi thưa chuyện cưới hỏi với cha mẹ của người nữ Phi-li-tin kia. Tham khảo cách dịch: "Bây giờ xin cha mẹ hãy sắp xếp để cưới nàng làm vợ con" hoặc "Xin cha mẹ hãy chuẩn bị cho con cưới nàng!"

Judges 14:3

Chẳng lẽ trong vòng bà con con hay trong cả dân tộc chúng ta, không có lấy một người nữ sao?

Họ đặt ra câu hỏi để đề nghị rằng họ có thể tìm cho Sam-sôn một người vợ trong vòng dân tộc của mình. Có thể viết câu hỏi nầy lại thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Chắc chắn trong vòng dân tộc con có những người nữ mà con có thể cưới làm vợ"

các con gái của bà con con

Từ "con gái" là một cách nói lịch sự để chỉ người nữ còn trẻ và chưa chồng. Tham khảo cách dịch: "một trong số những thiếu nữ trong vòng bà con của con"

Chẳng lẽ con đi cưới vợ từ những kẻ Phi-li-tin không cắt bì kia sao?

Câu hỏi nầy được đặt ra để quở trách Sam-sôn. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Bạn có thể làm rõ lí do tại sao cha mẹ Sam-sôn không muốn ông cưới một người Phi-li-tin. Tham khảo cách dịch: "Con không nên cưới một người nữ Phi-li-tin bởi vì dân Phi-li-tin không hề thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Xin hãy cưới nàng cho con

Đây là một cách nói. Sam-sôn đang yêu câu cha mẹ của mình đi thưa chuyện với cha mẹ của người nữ Phi-li-tin kia về chuyện cưới xin. Tham khảo cách dịch: "Giờ xin cha hãy sắp xếp để nàng có thể làm vợ con"

nàng vừa ý con

Câu này có nghĩa là Sam-sôn cho rằng nàng ra xinh đẹp. Tham khảo cách dịch: "Con vui thích bởi vẻ đẹp của nàng" hoặc "Nàng ấy thật đẹp"

việc nầy

Cụm từ nầy chỉ về yêu cầu cưới người nữ Phi-li-tin kia của Sam-sôn.

vì Ngài muốn tạo xung đột

Từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va

Judges 14:5

Sam-sôn đi xuống Thim-na

Cụm từ "đi xuống" được dùng chỗ nầy bởi vì Thim-na nằm ở vị trí cao nhà cha Sam-sôn. Thim-na làm một thành ở trong trũng Sô-réc. Hãy dịch tên của thành nầy như bạn đã dịch trong JDG 14:1.

Thì kìa, một con sư tử tơ tiến tới

Ở đây, từ "kìa" được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào sự kiện ngạc nhiên sắp xảy ra trong câu chuyện. Cụm từ "tiếp tới" có nghĩa là con sư tử đó đi đến gần ông. Tham khảo cách dịch: "Thình linh, một con tư tử tơ tiến đến gần ông"

gầm thét

"đe dọa ông". Đây là âm thanh lớn, vang rền mà một con sư tử tạo ra khi nó đe dọa tấn công điều gì đó.

Thần của Đức Giê-hô-va bỗng đến trên ông

Cụm từ "đến trên" có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va tác động đến Sam-sôn. Trong trường hợp nầy, Ngài khiến ông trở nên rất mạnh. Tham khảo cách dịch: "Thần của Đức Giê-hô-va khiến ông trở nên rất mạnh"

xé đôi

xé thành hai mảnh

chẳng có gì trong tay

Ở đây, câu này cho thấy ông không có gì trong tay để nhấn mạnh rằng ông không cầm bất cứ vũ khí gì trong tay. Tham khảo cách dịch: "không có vũ khí"

Judges 14:7

nàng vừa ý Sam-sôn

Câu này có nghĩa là ông cho rằng nàng rất xinh đẹp. Tham khảo cách dịch: "ông vừa ý trước vẻ đẹp của nàng" hoặc "ông cho rằng nàng rất xinh đẹp"

ông ghé qua

Có nghĩa là ông rời đường mình đi để ghé lại làm điều gì đó. "Ông rẽ qua"

xác

"xác chết"

Và kìa có một đàn ong

Ở đây, từ "kìa" được dùng để hướng sự chú ý của người đọc vào một việc gì đó đáng ngạc nhiên xảy ra trong câu chuyện. Tham khảo cách dịch: "Ông thấy một đàn ong"

đàn

một đám đông những con côn trùng

hốt lên

"bụm lên"

Judges 14:10

Cha của Sam-sôn đi xuống chỗ người nữ ấy

Cụm từ "đi xuống" được dùng để cho thấy Thim-na ở vị trí thấp hơn nhà của Sam-sôn. Ở đây, đi xuống không nhất thiết phải có nghĩa là đi từ nơi cao xuống nơi thấp, vì ông đã ở tại Thim-na với Sam-sôn rồi. Tham khảo cách dịch: "Cha của Sam-sôn đi đến nhà người nữ ấy"

phong tục của các thanh niên

Có thể sẽ dễ hiểu nếu như nói rõ rằng đây là phong tục cưới hỏi. Tham khảo cách dịch: "phong tục của các thanh niên sắp cưới"

ba mươi người trong số các bạn của mình

"30 trong số các bạn của mình"

Judges 14:12

câu đố

một trò chơi mà người chơi phải đoán câu trả lời cho một câu hỏi khó

có thể tìm ra nó

Câu này có nghĩa là đoán ra được ý nghĩa của câu đố. Tham khảo cách dịch: "có thể đoán được nghĩa của nó"

ba mươi chiếc áo choàng bằng vải lanh và ba mươi bộ y phục

"30 chiếc áo choàng bằng vải lanh và 30 bộ y phục"

Nhưng nếu các bạn không thể nói với tôi

Ở đây, từ "các bạn" ở dạng số nhiều và chỉ những vị khách tại bữa tiệc.

vải lanh

một loại vải

Judges 14:14

Thông tin bối cảnh:

Sam-sôn đưa ra câu đố của mình. Bởi vì đây được cho là một câu đố khó hiểu, nên đừng dịch theo cách mà người đọc có thể ngay lập tức đoán được nó có nghĩa gì.

Vật để ăn ra từ giống ăn mà ra

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Thức ăn từ giống ăn mà ra" hoặc "Thức ăn ra từ giống ăn"

thức ăn

Từ "thức ăn" là một danh từ, có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "vật ăn được"

Vật ngọt ra từ giống mạnh mà ra

"Ra từ giống mạnh là vật ngọt" hoặc "Vật ngọt ra từ giống mạnh"

giống mạnh

Chỉ về điều gì đó mạnh mẽ. Tham khảo cách dịch: "vật mạnh"

khách của ông

"những người tại bữa tiệc của ông"

không thể tìm ra câu trả lời

Ở đây, đoán được câu trả lời của câu đố được nói đến như thể nó là điều gì đó ẩn giấu mà các vị khách phải tìm tòi và tìm ra. Tham khảo cách dịch: "không thể đoán được đáp án"

Judges 14:15

ngày thứ tư

"ngày thứ 4"

Dụ

Làm cho mê muội hoặc lừa ai đó làm điều mà họ không muốn

nhà cha cô

Ý nghĩa khả thi: 1) cụm từ nầy chỉ về một ngôi nhà thực sự. Tham khảo cách dịch: "nhà mà cha ngươi và gia đình người đang ở" hoặc 2) "nhà" chỉ về những người sống trong đó. Tham khảo cách dịch: "gia đình cô'

sẽ thiêu rụi

Cụm từ "thiêu rụi" có nghĩa là thiêu cháy hết, thiêu rụi vật gì đó. Nếu một người bị "thiêu rụi" có nghĩa là người đó bị thiêu đến chết.

Có phải cô đã mời chúng tôi đến đây để khiến chúng tôi thành ra nghèo khổ không?

Họ đặt câu hỏi nầy cho nàng để buộc tội nàng vì đã mời họ đến đây đặng khiến cho họ nghèo khó. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Cô đã mang chúng tôi đến đây để khiến chúng tôi nghèo khổ"

để khiến chúng tôi nghèo khổ

Họ sẽ trở nên nghèo khổ nếu như họ phải mua cho Sam-sôn những bộ y phục mới khi họ không thể giải câu đố mà ông đã đưa ra. Tham khảo cách dịch: "để khiến chúng tôi thành ra nghèo khổ bằng cách bắt chúng tôi phải mua cho hắn những bộ y phục mới"

Judges 14:16

Anh chỉ ghét em thôi! Không thương em chút nào!

Vợ của Sam-sôn nhắc lại cùng một điều hai lần để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: "Thực ra anh chẳng hề thương em"

câu đố

một trò chơi trong đó người chơi phải khám ra ra câu trả lời cho một câu hỏi hóc búa.

Nhìn xem

Đây là một cách nói được dùng để thu hút sự chú ý. "Kìa" có nghĩa "Nghe kìa". Tham khảo cách dịch: "Hãy nghe em nói" hoặc "Hãy chú ý những gì em sắp nói đây"

Nếu anh đã không nói cho cha mẹ anh, anh phải nói cho em sao?

Sam-sôn đang quở trách nàng vì đòi hỏi ông phải cho nàng biết đáp án. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Anh thậm chí đã không nói cho cha mẹ anh biết. Anh cũng sẽ không tiết lộ cho em" hoặc "em không nên đòi anh phải nói cho em biết, bởi vì kể cả cha mẹ anh là người thân cận với anh hơn em mà anh còn không nói"

trong suốt bảy ngày tiệc của họ

Ý nghĩa khả thi: 1) 'trong suốt bảy ngày trong tiệc của họ" hoặc "trong suốt những ngày còn lại trong số bảy ngày đãi tiệc của họ"

ngày thứ bảy

"ngày thứ 7"

nàng gây sức ép lớn trên ông

Ở đây, "gây sức ép" có nghĩa là "nài nỉ". Tham khảo cách dịch: "nàng cứ nài nỉ ông nói cho mình biết"

Judges 14:18

ngày thứ bảy

"ngày thứ 7"

những người trong thành

Chỉ những người bà con của vợ Sam-sôn. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "những thanh niên kia" hoặc "bà con của nàng"

Có gì ngọt hơn mật? Có gì mạnh hơn sư tử?

Đây là đáp án cho câu đố kia. Có thể viết lại thành một khẳng định thay vì một câu hỏi. Nếu cần có thể nói rõ câu này liên hệ với câu đố ra sao bằng cách thêm nhiều thông tin hơn. Tham khảo cách dịch: "Mật ngọt còn sư tử thì mạnh" hoặc "Mật thì ngọt và nó ra từ một con sư tử"

Nếu các người không cày ruộng bằng bò cái tơ của tôi

Sam-sôn so sánh cách họ lợi dụng vợ của ông để có câu trả lời với một người dùng bò cái tơ của người khác để cày ruộng của mình. Tham khảo cách dịch: "Nếu các ngươi không lợi dụng vợ của tôi"

cày ruộng

Cày nghĩa là dùng một con vật để kéo lưỡi cày xuyên qua đất nhằm chuẩn bị đất gieo trồng.

Judges 14:19

đến trên Sam-sôn với sức mạnh

Cụm từ "đến trên" có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va tác động trên Sam-sôn. Trong trường hợp nầy, Ngài khiến ông trở nên rất mạnh. Tham khảo cách dịch: "khiến Sam-sôn trở nên rất mạnh" hoặc "khiến Sam-sôn đầy sức mạnh"

giết ba mươi người

"giết 30 người" -

những người đó

"những người sống tại đó"

chiến lợi phẩm

những vật nhờ cưỡng đoạt mà có được, thường là sau một trận đánh hoặc cuộc chiến

những bộ quần áo

Những thứ nầy là từ chiến lợi phẩm mà ông cướp được Ách-Ca-lôn. Tham khảo cách dịch: "những bộ quần áo mà ông đã chiếm được"

điên tiết

"rất giận dữ"

đi lên nhà cha mình

Cụm từ "đi lên" được dùng ở đây, bởi vì Sam-sôn đang ở tại Thim-na là một nơi có vị trí cao hơn chỗ nhà cha ông.

vợ của ông bị gả cho người bạn thân của ông

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “cha vợ của ông đã gả con gái mình cho người bạn thân của Sam-sôn”

bạn thân
"bạn thân thiết”

Translation Questions

Judges 14:2

Sam-sôn muốn ba mẹ ông cho ông cưới ai làm vợ?

Sam-sôn muốn cha mẹ ông hỏi một người nữ trong Thim-na, một trong các con gái của người Phi-li-tin, để làm vợ ông.

Judges 14:3

Tại sao Sam-sôn muốn cha mẹ ông cho ông cưới một người nữ ở Thim-na làm vợ?

Ông muốn cha mẹ ông cho ông cưới một người nữ ở Thim-na làm vợ vì khi ông thấy nàng, nàng đẹp mắt ông.

Judges 14:6

Làm thế nào Sam-sôn có thể xé xác sư tử?

Thần của Đức Giê-hô-va cảm động Sam-sôn rất mạnh, và ông xé xác con sư tử.

Judges 14:8

Trong xác con sư tử có gì?

Trong xác con sư tử có một đoàn ong và mật.

Judges 14:13

Sam-sôn sẽ có gì nếu ba mươi người bạn không thể trả lời câu đố của ông?

Sam-sôn sẽ được ba mươi cái áo trong, và ba mươi bộ áo lễ nếu ba mươi người bạn không thể trả lời câu đố của ông.

Judges 14:15

Điều gì sẽ xảy ra với vợ của Sam-sôn nếu nàng không dụ chồng nàng cho lời giải câu đố?

Nếu vợ của Sam-sôn không dụ chồng nàng cho lời giải câu đố, ba mươi người bạn sẽ thiêu nàng và nhà của cha nàng.

Judges 14:17

Vợ Sam-sôn khóc trong bao lâu đặng có được lời giải câu đố?

Trong bảy ngày ăn tiệc nàng cứ khóc như vậy trước mặt người.

Judges 14:19

Làm sao Sam-sôn có được ba mươi bộ áo?

Sam-sôn đi xuống Ách-kê-lôn đánh hạ ba mươi người trong số đó và lột lấy áo xống của họ.

Chapter 15

Judges 15:1

Ông tự nhủ

Cụm này nói về việc suy nghĩ. Tham khảo cách dịch: “Ông nghĩ thầm”

Tôi sẽ đến phòng của vợ mình

Sam-sôn định ngủ với vợ mình. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ đến phòng của vợ ta để chúng tôi có thể ngủ với nhau”

không cho phép ông vào

Thêm những từ còn thiếu vào có thể sẽ giúp ích. Tham khảo cách dịch: “không cho phép ông vào phòng nàng”

nên cha đã trao nó cho bạn con rồi

Câu này có nghĩa là ông đã gả nàng làm vợ bạn của Sam-sôn. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “nên cha đã gả nó cho bạn của con rồi”

không phải sao?

Ông đặt ra câu hỏi này ngụ ý rằng Sam-sôn phải đồng ý với ông. Có thể viết câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ta hi vọng con đồng ý”

Con hãy lấy nó để thay thế

Ông đang đề nghị Sam-sôn cưới nàng làm vợ. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Con hãy cưới nó làm vợ để thay thế”

Judges 15:3

Con sẽ chẳng mắc tội gì với dân Phi-li-tin khi con làm hại họ

Sam-sôn cho rằng bởi vì dân Phi-li-tin đã gây hại cho ông nên nếu ông có tấn công họ thì ông cũng chẳng có tội gì. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Nếu con có làm hại dân Phi-li-tin thì con cũng chẳng có tội gì bởi vì họ đã làm tổn hại cho con”

bắt trăm con cáo

"300 con cáo"

cáo

Cáo là loại động vật trông giống như chó nhưng có đuôi dài và ăn các loài chim làm tổ cùng accs loài vậy nhỏ khác.

từng cặp

một cặp là hai, chẳng hạn như hai con cáo hoặc hai đuôi cáo

đuôi với đuôi

"bằng đuôi của chúng”

đuốc

Đuốc là một cái gậy bằng gỗ, có buộc một vật dễ bắt lửa ở đằng đầu. Người ta dùng đuốc để mồi lửa thắp sáng những vật khác hoặc để chiếu sáng.

Judges 15:5

lúa chưa gặt

lúa còn đang phát triển trên đồng

lúa đã bó

những cây lúa được chất thành đống sau khi đã được thu hoạch.

vườn cây ăn quả

Vườn cây ăn quả là nơi người ta trồng những cây ra trái.

người Thim-na

Đây là một người đến từ Thim-na.

con rể của một người Thim-na

Chồng của con gái một người khác được rói là “con rể”

lấy vợ của Sam-sôn gả cho bạn của hắn

Cha vợ của Sam-sôn đã gả vợ Sam-sôn cho một người bạn của Sam-sôn. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “bắt vợ của Sam-sôn và cho phép nàng cưới một người bạn của Sam-sôn”

thiêu rụi

Cụm từ “thiêu rụi” có nghĩa là thiêu hủy hoàn toàn một vật gì đó. Nếu một người bị “thiêu rụi” có nghĩa là người đó bị thiêu chết.

Judges 15:7

nói với họ

"nói với người Phi-li-tin”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu các người đã làm như vậy
"Bởi vì các người đã làm như vậy”
ông chém chúng thành nhiều mảnh, cả hông và đùi
Ở đây, "hông và đùi” chỉ về cả cơ thể. Đây là một cách mô tả tượng hình về cách Sam-sôn đã giết người Phi-li-tin. Tham khảo cách dịch: “Ông chặt chúng thành nhiều mảnh”
ông đi xuống
Ở đây, cụm từ “đi xuống” không giống như ông đi xuống chỗ thấp hơn, mà đúng hơn thì đây là cách mô tả một người nào đó đang đi đến một nơi khác. Tham khảo cách dịch: “ông đi”
hang đá
Một cái hốc trên đồi hoặc triền núi.
vách đá
Một ngọn đồi hoặc triền núi đá cao.
Ê-tam
Đây là tên gọi của một vùng đồi núi gần Giê-ru-sa-lem.
Judges 15:9
dân Phi-li-tin đi lên.. ở Giu-đa
Cụm từ ‘đi lên” được dùng ở đây bởi vì dân Phi-li-tin đi từ chỗ thấp lên Giu-đa là nơi cao hơn chỗ của họ.
chuẩn bị cho trận chiến
"tổ chức hàng ngũ cho trận chiến”
Lê-hi
Đây là tên gọi của một thành ở Giu-đa.
đối xử với hắn y như hắn đã làm với chúng tôi
Dân Phi-li-tin đang so sánh cách thức họ muốn giết Sam-sôn với cách ông đã giết rất nhiều người Phi-li-tin. Tham khảo cách dịch: “giết hắn y như hắn đã giết nhiều người trong chúng tôi”
Judges 15:11
ba nghìn người Giu-đa
"3.000 người Giu-đa"
hang đá Ê-tam
Hãy dịch cụm từ nầy y như cách bạn đã làm trong JDG 15:8.
Anh không biết dân Phi-li-tin đang thống trị chúng ta sao? Anh đã làm gì cho chúng tôi vậy?
Người Giu-đa hỏi Sam-sôn những câu này để trách ông, Có thể viết những câu hỏi nầy thành những câu khẳng định, Tham khảo cách dịch: “Anh biết là dân Phi-li-tin đang cai trị trên chúng ta nhưng anh lại làm như thể không phải như vậy. Những việc anh làm đã gây thiệt hại rất lớn cho chúng ta”
Tôi chỉ làm cho chúng những gì chúng đã làm cho tôi
Sam-sôn đang nói đến việc họ đã giết vợ ông ra sao và cách ông giết họ để báo thù như thế nào. Tham khảo cách dịch: “Chúng đã giết vợ tôi, thì tôi giết lại chúng”
Judges 15:12
tay của dân Phi-li-tin
Ở đây, "tay” chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “quyền của dân Phi-li-tin”
nộp anh cho chúng
Câu này có nghĩa là giao ai đó cho người khác kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “nộp anh cho dân Phi-li-tin”
lên khỏi hang đá
Chỉ về hang đá trên vách núi tại Ê-tam, nơi Sam-sôn đã đến trong [JDG 15:8]
Judges 15:14
Khi ông đến
Sam-sôn không đi một mình, mà ông đang bị những người dùng dây thừng trói ông lại dẫn đến. Tham khảo cách dịch: “Khi họ đến”
Lê-hi
Đây là tên gọi của một thành ở Giu-đa. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 15:9.
đến trên ông với sức mạnh
Cụm từ “đến trên” có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va tác động đến Sam-sôn. Trong trường hợp này, Ngài khiến ông trở nên rất mạnh mẽ. Tham khảo cách dịch: “khiến Sam-sôn trở nên rất mạnh”
Những dây thừng trói cánh tay ông thành ra như sợi lanh bị lửa đốt
Sam-sôn dễ dàng bứt những dây thừng trói tay mình. Tác giả đang mô tả cách Sam-sôn đã bứt đứt những dây thừng đó dễ dàng ra sao bằng cách nói rằng chúng trở nên như những sợi lanh bị lửa đốt. Tham khảo cách dịch: “Ông giật đứt những dây thừng trên cánh tay mình dễ dàng như thể chúng là những sợi lanh bị cháy”
sợi lanh
những sợi lanh được dùng để làm chỉ hoặc vải
Judges 15:15
một cái xương hàm lừa còn tươi
Cụm từ nầy có nghĩa là con lừa chỉ vừa mới chết và xương của nó vẫn chưa bắt đầu phân hủy. Xương hàm lừa là phần xương hàm dưới.
một nghìn người
"1.000 người"
một xương hàm của con lừa
"một cái xương hàm lừa”
chất thành đống
Cụm từ này mô tả Sam-sôn đã giết chết bao nhiêu người. Số xác chết nhiều đến nỗi có thể chất thành những đống xác lớn. Tham khảo cách dịch: “Tôi đã chất thây họ thành từng đống”
Judges 15:17
Ra-mát Lê-hi
Đây là tên gọi một địa danh. Nó có nghĩa là “đồi xương hàm”
khát nước quá đỗi
"cần uống nước”
Nhưng giờ con lại phải chết khát và ngã
Có thể dịch: 1) Sam-sôn khát nát đến nỗi sẽ chết. AT: "Nhưng giờ con sẽ chết khát và xác con ngã” hoặc 2) Sam-sôn đang nói quá về cơn khát của mình khi hỏi xem liệu ông có chết vì khát hay không. Tham khảo cách dịch: “Nhưng giờ Ngài để cho con mệt lả vì cơn khát của mình đến nỗi con ngã”
chết khát
Cụm từ này có nghĩa là chết bởi vì không được uống ước đủ nên cơ thể không có đủ nước.
ngã vào tay những kẻ không chịu cắt bì
Cụm từ “ngã vào tay” có nghĩa là bị bắt giữ. “Những kẻ không chịu cắt bì” chỉ người Phi-li-tin, và từ “không chịu cắt bì” nhấn mạnh ý họ không hề thờ phượng Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “bị những kẻ vô thần người Phi-li-tin bắt giữ”
Judges 15:19
chẻ ra một chỗ trũng
"mở một lỗ dưới đất” hoặc “mở một cái hố”. Cụm từ này chỉ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

về một tầng đất thấp hơn nơi Đức Giê-hô-va khiến suối nước xuất hiện.

Lê-hi

Hãy dịch cụm từ này như cách mà bạn đã làm trong JDG 15:9

sức lức của ông trở lại và ông khỏe ra

Về cơ bản, cả hai cụm từ nầy đều cùng chỉ về một ý và nhấn mạnh rằng Sam-sôn đã mạnh mẽ trở lại. Có thể kết hợp hai câu nầy lại. Tham khảo cách dịch: “ông mạnh trở lại” hoặc “ông khỏe ra”

Ên Ha-cô-rê

Đây là tên gọi một suối nước, có nghĩa là “suối của người kêu cầu”

nó vẫn còn ở Lê-hi cho đến ngày nay

Câu này có nghĩa là suối nước đó không bị khô cạn đi, nhưng vẫn còn y nguyên. Cụm từ “cho đến ngày nay” chỉ về thời điểm “hiện tại”. Tham khảo cách dịch: “thậm chí ngày này người ta vẫn tìm thấy suối nước đó tại Lê-hi”

trong thời kỳ người Phi-li-tin

Chỉ về khoảng thời gian dân Phi-li-tin cai trị đất Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “trong khoảng thời gian dân Phi-li-tin cai trị Y-sơ-ra-ên”

trong hai mươi năm

"trong 20 năm"

Translation Questions

Judges 15:1

Khi Sam-sôn đi thăm vợ ông, tại sao cha nàng không cho phép ông vào?

Người cha nghĩ rằng Sam-sôn ghét vợ mình, vì vậy ông gả nàng cho bạn của Sam-sôn.

Judges 15:3

Sam-sôn cố gắng chứng minh vô tội như thế nào đối với người Phi-li-tin khi ông hại họ?

Sam-sôn cố gắng chứng minh vô tội đối với người Phi-li-tin khi ông hại họ bằng cách đi bắt ba trăm con chó rừng, cũng lấy những đuốc, rồi cột đuôi mỗi hai con lại, thả chó rừng vào trong lúa mì của dân Phi-li-tin.

Judges 15:4

Sam-sôn cố gắng chứng minh vô tội như thế nào đối với người Phi-li-tin khi ông hại họ?

Sam-sôn cố gắng chứng minh vô tội đối với người Phi-li-tin khi ông hại họ bằng cách đi bắt ba trăm con chó rừng, cũng lấy những đuốc, rồi cột đuôi mỗi hai con lại, thả chó rừng vào trong lúa mì của dân Phi-li-tin.

Judges 15:6

Khi người Phi-li-tin hay tin rằng Sam-sôn đã đốt ruộng của họ, họ làm gì?

Khi người Phi-li-tin hay tin rằng Sam-sôn đã đốt ruộng của họ, họ thiêu vợ ông và cha của nàng.

Judges 15:7

Tại sao Sam-sôn đánh dân Phi-li-tin tan tác, bằng một cuộc tàn sát lớn?

Sam-sôn đánh dân Phi-li-tin tan tác, bằng một cuộc tàn sát lớn để trả thù việc họ giết vợ ông và cha vợ của ông.

Judges 15:8

Tại sao Sam-sôn đánh dân Phi-li-tin tan tác, bằng một cuộc tàn sát lớn?

Sam-sôn đánh dân Phi-li-tin tan tác, bằng một cuộc tàn sát lớn để trả thù việc họ giết vợ ông và cha vợ của ông.

Judges 15:9

Tại sao dân Phi-li-tin đi lên đánh Giu-đa?

Dân Phi-li-tin đi lên đánh Giu-đa đặng họ có thể bắt Sam-sôn, và như vậy họ có thể đãi ông y như ông đã đãi họ.

Judges 15:10

Tại sao dân Phi-li-tin đi lên đánh Giu-đa?

Dân Phi-li-tin đi lên đánh Giu-đa đặng họ có thể bắt Sam-sôn, và như vậy họ có thể đãi ông y như ông đã đãi họ.

Judges 15:12

Khi người Giu-đa đến trói Sam-sôn, ông bắt họ thề gì?

Khi người Giu-đa đến trói Sam-sôn, ông bắt họ thề rằng chính họ sẽ không giết ông.

Judges 15:15

Sam-sôn giết một ngàn người bằng cái gì?

Sam-sôn giết một ngàn người bằng một cái hàm lừa còn mới tinh.

Judges 15:18

Sau khi Sam-sôn giết một ngàn người bằng một cái hàm lừa còn mới tinh, ông nghĩ ông sẽ chết thế nào?

Sau khi Sam-sôn giết một ngàn người bằng một cái hàm lừa còn mới tinh, ông nghĩ ông sẽ chết vì khát.

Judges 15:19

Làm thế nào Sam-sôn có nước?

Đức Chúa Trời liền chẻ hòn đá bộng ở tại Lê-chi, có nước chảy ra.

Chapter 16

Judges 16:1

ông lên giường cùng nàng

Đây là một cách nói tế nhị cho việc ngủ với nàng. Tham khảo cách dịch: “ông ngủ cùng nàng”

Dân Ga-xa được tin

Từ “dân Ga-xa” chỉ những người ở Ga-xa. Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người thuật lại cho dân Ga-xa”

Dân Ga-xa bao vây nơi đó... họ rình giữ ông suốt cả đêm tại cổng thành

Câu này ngụ ý rằng một vài người Ga-xa đã bao vây chỗ đó, nơi Sam-sôn đang qua đêm và một số người khác thì rình giữ ông tại cổng thành để ông không thể nào rời đi được.

Chúng giữ yên lặng cả đêm

Ý nghĩa khả thi: 1) “Cả đêm ấy, chúng không gây ra bất cứ tiếng ồn nào” hoặc 2) “Cả đêm ấy, chúng không cố gắng tấn công ông”

Judges 16:3

nửa đêm

"nửa đêm”

hai cột trụ của nó

cộng chống đỡ cổng thành. Có thể những cột trụ này được làm từ những thân cây chôn sâu xuống đất. Hai cánh cửa của cổng thành được gắn liền với hai cột trụ đó.

then cài cửa và mọi thứ

Có thể then cài cửa là một cây sắt nặng dùng để gắn cánh cửa vào cột trụ. Cửa của cổng thành có thể được làm bằng những cây dầm gỗ nặng hoặc làm từ những thanh sắt.

vai

một bộ phần trên cơ thể người, kết nối phần tay và cổ vào phần thân.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hếp-rôn
Đây là tên gọi của một thành.
Judges 16:4
thung lũng Sô-réc
Đây là tên của một thung lũng gần nhà Sam-sôn.
Hãy đánh lừa
làm cho mê muội hoặc phỉnh lừa ai đó làm điều mà họ không muốn làm
để xem
Đây là một cách diễn đạt có nghĩa là để biết điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “để hiểu” hoặc “để biết”
sức mạnh khủng khiếp của hắn nằm ở đâu
Đây là một cách nói chỉ về sức mạnh của ông từ đâu mà đến. Tham khảo cách dịch: “điều khi khiến hắn ta trở nên rất mạnh”
chúng ta có thể chế ngự hắn bằng cách nào
"làm sao để chúng ta có thể chế ngự hắn”
Judges 16:6
trói anh lại mà anh bị chế ngự
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “trói anh lại để chế ngự được anh” hoặc “trói anh lại để giam giữ anh”
dây cung còn tươi
Dây cung thường được làm từ những bộ phận của con thú, thường là từ gân của chúng. “dây cung còn tươi” chỉ những gân lấy từ một con thú mới bị giết, máu chưa khô.
chưa bị phơi khô
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vẫn chưa bị khô” hoặc “chưa khô” (UDB)
Judges 16:8
chưa bị phơi khô
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vẫn chưa bị khô” hoặc “chưa khô”
nàng dùng chúng trói Sam-sôn lại
"Đa-li-la dùng những sợi dây cung còn tươi trói Sam-sôn lại”
Bấy giờ
Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắn đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, tác giả cung cấp thông tin bối cảnh về người Phi-li-tin mà Đa-li-la đã mai phục sẵn để bắt giữ Sam-sôn.
Người Phi-li-tin chống lại anh
Cụm từ “chống lại” có nghĩa là họ sẵn sàng bắt giữ ông. Tham khảo cách dịch: “Người Phi-li-tin đang ở đây để bắt giữ anh”
người bứt sợi dây cung như sợi chỉ đụng phải lửa
Tác giả mô tả cách ông đã bứt đứt sợi dây cung dễ dàng như thế nào bằng cách so sánh chúng với cách các sợi chỉ khi chúng bị cháy. Tham khảo cách dịch: “người bứt đứt sợi chỉ dễ như bứt một sợi chỉ bị cháy” hoặc “người bứt đứt sợi dây dễ như thể chúng được làm bằng những sợi chỉ mảnh”
Judges 16:10
Nầy anh đã gạt em… nói dối em
Cả hai cụm từ này về cơ bản cùng chỉ về một ý, được nhắc lại hai lần để nhấn mạnh. Có thể gộp hai câu này lại. Tham khảo cách dịch: “Anh đã gạt em”
anh bị chế ngự
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ta có thể chế ngự anh”
Người Phi-li-tin đang theo anh
Cụm từ “theo anh” có nghĩa là họ đang ở đó để bắt giữ họ. Tham khảo cách dịch: “Người Phi-li-tin đang ở đây để bắt giữ anh”
nằm mai phục
Cụm từ này có nghĩa là họ ẩn nấp và mai phục chờ đến thời điểm thích hợp để tấn công. Tham khảo cách dịch: “chờ để tấn công anh”
như thể chúng là một sợi chỉ
Tác giả đang mô tả cách Sam-sôn giựt đứt những sợi dây thừng dễ dàng ra sao bằng cách so sánh chúng với người bứt đứt sợi chỉ. Tham khảo cách dịch: “dễ dàng như thể chúng chỉ là sợi chỉ"
Judges 16:13
anh đã gạt tôi và nói dối tôi
Đa-li-la về cơ bản lặp lại cùng một ý tới hai lần để nhấn mạnh. Có thể gộp hai câu này lại. Tham khảo cách dịch: “anh đã gạt tôi”
anh có thể bị chế ngự
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ta có thể chế ngự anh”
dệt
đan chéo những mảnh vật liệu lại với nhau để chúng có thể giữ chặt nhau đúng vị trí.
lọn tóc
những búi tóc nhỏ
vải
vải được dệt khi bện những sợi chỉ lại với nhau
khung cửi
loại máy móc được dùng để kết những sợi chỉ lại thành một miếng vải
rồi đóng chặt nó vào khung cửi
"rồi đóng chặt thớ vải đó vào khung cửi”
đóng chặt
đóng đinh để có thể cố định một vật vào một nơi
Anh sẽ giống như bất cứ người nào khác
Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Anh sẽ yếu như bao người khác”
Người Phi-li-tin chống lại anh
Cụm từ “chống lại anh” có nghĩa là họ ở đây để bắt giữ ông. Tham khảo cách dịch: “Người Phi-li-tin ở đây để bắt giữ anh”
ông nhổ cả chỉ lẫn ghim cài ra khỏi khung cửi
Sam-sôn nhổ cả chỉ ra khỏi khung cửi khi ông giật tóc mình khỏi khung cửi. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “giật tóc mình ra, cùng với ghim cài và vải trên khung cửi” (UDB)
Judges 16:15
Làm sao anh nói “Anh yêu em” trong khi anh không chia sẻ bí bật của mình với em?
Đa-li-la đặt ra câu hỏi này để nói rằng nếu Sam-sôn thực sự yêu cô thì ông sẽ nói bí mật của mình cho cô biết. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Khi anh nói “Anh yêu em” thì anh chỉ nói dối thôi vì anh chẳng chịu chia sẻ bí mật của mình cho em”
thúc ép ông… ép buộc ông
Ở đây, tác giả nói về cách Đa-li-la cố gắng thuyết phục Sam-sôn như thể bà đang gây áp lực cho ông để thuyết phục ông nói cho bà biết điều bà muốn biết. Tham khảo cách dịch:

“cố gắng hết sức để thuyết phục ông… cứ cố gắng thuyết phục ông”

bằng lời nói của mình

Cụm từ này chỉ về những điều Đa-li-la nói với Sam-sôn. Tham khảo cách dịch: “bằng những điều nói ông”

đến nỗi ông muốn chết đi được

Tác giả dùng cách nói quá, cách nói cường điệu để nhấn mạnh Sam-sôn cảm thấy khổ sở ra sao. Tham khảo cách dịch: “đến nỗi ông cảm thấy khổ sở cùng cực"

Judges 16:17

nói với nàng biết mọi điều

Ở đây, "mọi điều” chỉ về mọi thứ về ngọn nguồn sức mạnh của mình. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “kể với nàng mọi điều về sức mạnh của mình” hoặc “cho nàng biết sự thật”

dao cạo

Một lưỡi dao sắc bén được dùng để cạo trọc đầu một người.

một Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời

Câu này có nghĩa là ông đã được biệt riêng làm người Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [JDG 3:5]

từ lòng mẹ

Ở đây, "từ lòng mẹ” chỉ về trọn cả đời ông. Tham khảo cách dịch: “trọn đời anh” hoặc “trước khi anh được sinh ra”

Nếu đầu anh bị cạo đi

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nếu ai đó cạo đầu anh”

cạo

để cạo sạch tóc tới tận gốc sát với da đầu bằng một dao cạo

sức mạnh của anh sẽ lìa khỏi anh

Sam-sôn đang nói về sức mạnh của ông như thể nó là một con người có thể rời bỏ ông. Tham khảo cách dịch: “Anh sẽ không còn mạnh sức nữa”

Judges 16:18

Đa-li-la thấy

Ở đây, từ “thấy” là một cách nói có nghĩa là nhận ra điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “nhận ra”

sự thật về mọi việc

Ở đây, từ “mọi việc” chỉ về mọi thứ về lí do tại sao Sam-sôn lại mạnh. Tham khảo cách dịch: “sự thật về lí do tại sao ông mạnh”

Lại trở nên lần nữa

Đa-li-la đang nói với các nhà lãnh đạo lại đến nơi nàng đang sống. Ở đây, nhà giống như một nơi cao hơn chỗ các nhà lãnh đạo từ đó đi lên.

đem bạc trong tay

Cụm từ này có nghĩa là họ đem đến cho nàng số bạc mà họ đã hứa đưa cho nàng nếu như nàng giúp họ bắt giữ Sam-sôn. Tham khảo cách dịch: “đem theo mình số bạc mà họ đã hứa sẽ đưa cho nàng”

Nàng làm cho ông ngủ thiếp đi

"Nàng khiến ông ngủ thiếp đi”

trên đủi mình

Cụm từ này có nghĩa là ông ngủ đầu kê trên đùi nàng. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “đầu kê trên đùi mình”

đùi

đùi là phần trên của chân lộ ra khi một người ngồi xuống.

bảy lọn tóc trên đầu người

Sam-sôn có bảy lọn tóc trên đầu mình. Ở đây, những lọn tóc của ông được mô tả như những vật gì đó thuộc về đầu của người. Tham khảo cách dịch: “bảy lọn tóc trên đầu người” hoặc “cả bảy lọn tóc”

khuất phục người

"kiểm soát người”

sức mạnh của ông đã lìa khỏi ông

Ở đây, sức mạnh của Sam-sôn được mô tả như thể nó là một con người sẽ rời khỏi ông. Tham khảo cách dịch: “sức mạnh của ông đã không còn” hoặc “ông không còn mạnh mẽ nữa”

Judges 16:20

Người Phi-li-tin chống lại anh

Cụm từ “chống lại” có nghĩa là họ sẵn sàng bắt giữ ông. Tham khảo cách dịch: “Người Phi-li-tin đang ở đây để bắt giữ anh”

thức giấc

"thức dậy"

ra ngoài

"thoát”

móc mắt ông

Cụm từ này có nghĩa là họ đã lấy mắt của ông ra khỏi đầu của ông. Tham khảo cách dịch: “móc bỏ mắt của ông”

xuống Ga-xa

Cụm từ “xuống” được dùng ở đây để bởi vì người Phi-li-tin đem Sam-sôn đến Ga-xa là nơi thấp hơn nhà ông, tức là nơi họ đã bắt giữ ông.

trói ông bằng những cái cùm bằng đồng

"xích ông lại bằng những cái cùm bằng đồng” hoặc “dùng những cái cùm bằng đồng trói ông lại”

những cái cùm

những cái khóa ở cuối các sợi dây xích nơi chân hoặc tay, hoặc cả tay và chân ông.

xay cối đá

"xoay cối đá theo vòng tròn”

cối đá

Một tảng đá hình tròn rất lớn và nặng lăn tròn trên những hạt lúa mì để làm nát chúng ra. Một cái cối đá sẽ lăn tròn trên lúa mì khi nó được một con vật to lớn như bò hoặc ngựa kéo theo hình tròn.

sau khi nó đã bị cạo đi

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sau khi dân Phi-li-tin đã cạo nó”

Judges 16:23

Đa-gôn

một tà thần chính của người Phi-li-tin

chế ngự

"đánh bại"

trao hắn vào tay của chúng ta

Ở đây, tác giả nói về việc Sam-sôn ở dưới quyền kiểm soát của các nhà lãnh đạo Phi-li-tin như thể ông là một thứ gì đó họ túm chặt bằng tay. Tham khảo cách dịch: “đặt hắn dưới sự kiểm soát của chúng ta”

ké phá hoại của xứ sở chúng ta

Cụm từ này chỉ về Sam-sôn. Từ “kẻ phá hoại” có thể được ghi lại bằng một động từ “phá hoại”. Tham khảo cách dịch: “kẻ đã phá hoại xứ sở của chúng ta”

kẻ đã giết nhiều người chúng ta

Ở đây, từ “chúng ta” chỉ về những người Phi-li-tin. Những người đang nói không kể mình trong số những người đã bị

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sam-sôn giết. Tham khảo cách dịch: “kẻ đã giết nhiều người trong dân tộc của chúng ta”

Judges 16:25

Hãy gọi Sam-sôn… Chúng kêu Sam-sôn

Bởi vì Sam-sôn là tù nhân, người ta sẽ không trực tiếp gọi ông, nhưng đúng hơn là dân Phi-li-tin yêu cầu người có trách nhiệm dẫn ông ra ngoài. Tham khảo cách dịch: “Hãy bảo họ dẫn Sam-sôn ra… Chúng đem Sam-sôn”

cậu bé

"cậu thiếu niên”. Đây không phải là một cậu bé, nhưng đúng hơn là một thiếu niên.

Hãy để ta chạm vào các cây cột đền

"Hãy để ta chạm đến những cây cột chống đỡ cho ngôi đền nầy”

Judges 16:27

Bấy giờ

Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắt đoạn trong câu chuyện chính trong khi tác giả đưa ra thông tin nền.

ba nghìn người cả nam lẫn nữ

"3.000 người cả nam lẫn nữ”

nhìn

"theo dõi"

trong khi Sam-sôn làm trò vui cho họ

"trong khi Sam-sôn biểu diễn cho họ xem”. Cụm từ “làm trò vui” có nghĩa là pha trò trước mặt dân chúng để làm cho họ cười và cảm thấy vui vẻ.

Judges 16:28

kêu cầu Đức Giê-hô-va

"cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va”

nhớ đến con

Câu này có nghĩa là nhớ đến ông và hoàn cảnh của ông. Tham khảo cách dịch: “nhớ con”

chỉ lần này thôi

"một lần nữa thôi”

trong một đòn

Cụm từ này có nghĩa là Sam-sôn muốn trả thù bằng một hành động dứt khoát duy nhất, sẽ xô ngã các cột trụ đền. Tham khảo cách dịch: “tất cả chỉ trong một lần”

chống đỡ ngôi đền

"chống đỡ ngôi đền”

Judges 16:30

Ông dùng sức mạnh giang rộng tay

Khi Sam-sôn giang tay mình ra để xô ngã những cột trụ của ngôi đền. Tham khảo cách dịch: “Ông dùng sức mạnh của mình để đẩy các cây cột trụ” hoặc “ông dùng sức mạnh của mình để xô các cây cột trụ”

những người chết

Cụm từ này chỉ về những người đã chết. Tham khảo cách dịch: “người chết”

còn nhiều hơn

"có số lượng nhiều hơn”

cả nhà cha ông

Ở đây, từ “nhà” chỉ gia đình của ông. Tham khảo cách dịch: “cả gi đình cha ông”

Sau đó, anh em ông và cả nhà cha ông đều đi xuống

Cụm từ “đi xuống” được dùng ở đây bởi vì nơi xuất phát điểm của gia đình Sam-sôn cao hơn Ga-xa.

Xô-ra ... Ê-ta-ôn

Hãy dịch tên gọi của những nơi này theo cách mà bạn đã làm trong JDG 13:25.

trong mộ của Ma-nô-a, cha ông

"nơi Ma-nô-a, cha ông, được chôn cất”

Ma-nô-a

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong JDG 13:2.

Sam-sôn đã làm quan xét trong hai mươi năm

Câu tương tự nầy cũng có ở trong JDG 15:20. Ở đây, người ta lặp lại câu này để nhắc độc giả nhớ lại ông đã làm quan xét của Y-sơ-ra-ên trong bao lâu. Tham khảo cách dịch: “Sam-sôn đã làm quan xét của Y-sơ-ra-ên trong vòng hai mươi năm trước khi chết”

hai mươi năm

"20 năm"

Translation Questions

Judges 16:2

Người Ga-xa lập kế hoạch giết Sam-sôn khi nào?

Người Ga-xa lập kế hoạch giết Sam-sôn vào ban ngày.

Judges 16:3

Sam-sôn thoát khỏi Ga-xa thế nào?

Sam-sôn nắm hai cánh cửa thành và hai cây trụ, nhổ nó lên luôn với cây then.

Judges 16:5

Nếu Đa-li-la dụ Sam-sôn, các quan trưởng Phi-li-tin sẽ cho nàng thứ gì?

Nếu Đa-li-la dụ Sam-sôn, các quan trưởng Phi-li-tin sẽ cho nàng 1.100 miếng bạc.

Judges 16:9

Khi Đê-li-la nói với Sam-sôn là người Phi-li-tin đang xông hãm ông, ông làm gì với các sợi dây cung mà ông bị trói?

Khi Đê-li-la nói với Sam-sôn là người Phi-li-tin đang xông hãm ông, ông bứt các dây cung.

Judges 16:12

Khi Sam-sôn bức những sợi dây lớn trói cánh tay, những kẻ binh phục đang nằm ở đâu?

Khi Sam-sôn bức những sợi dây lớn trói cánh tay, những kẻ binh phục đang nằm trong một phòng.

Judges 16:16

Đê-li-la gây sức ép lên Sam-sôn cỡ nào?

Bà gây sức ép lên ông đến nỗi ông muốn chết.

Judges 16:17

Tại sao dao cạo không bao giờ đưa lên đầu Sam-sôn?

Sam-sôn không bao giờ được cạo đầu bằng dao cạo, vì ông là người Na-xi-rê được biệt riêng cho Đức Chúa Trời từ trong bụng mẹ.

Judges 16:19

Làm sao Đa-li-la có thể bắt đầu khuất phục Sam-sôn?

Đa-li-la bắt đầu khuất phục ông khi những mớ tóc trên đầu ông bị cạo, vì sức lực lìa khỏi ông.

Judges 16:21

Dân Phi-li-tin bắt Sam-sôn làm gì?

Dân Phi-li-tin bắt Sam-sôn phải xay cối trong ngục.

Judges 16:23

Tại sao các quan trưởng Phi-li-tin nhóm họp lại đặng dâng một tế lễ lớn cho thần Đa-gôn của họ?

Các quan trưởng Phi-li-tin nhóm họp lại đặng dâng một tế

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lễ lớn cho thần Đa-gôn của họ, vì họ nói, "Thần chúng ta đã phó Sam-sôn vào tay chúng ta."
Judges 16:26
Ai giúp Sam-sôn rờ đến các cột đỡ chịu cái đền, hầu cho ông dựa vào đó.
Đứa trẻ giúp Sam-sôn rờ đến các cột đỡ chịu cái đền, hầu cho ông dựa vào đó.
Judges 16:28
Why did Samson want God to strengthen him?
Tại sao Sam-sôn muốn Đức Chúa Trời thêm sức cho ông?
Samson wanted God to strengthen him so that he could have revenge in one blow on the Philistines for taking his two eyes.
Sam-sôn muốn Đức Chúa Trời thêm sức cho ông để ông báo thù dân Phi-li-tin về sự mất hai con mắt ông.
Judges 16:30
Sam-sôn giết bao nhiêu người khi tòa nhà sụp đổ?
Sam-sôn giết giết nhiều người hơn là giết trong khi còn sống.

Chapter 17
Judges 17:1
Có một người nam
Đây là một cách giới thiệu nhân vật mới trong diễn tiến câu chuyện.
Mi-ca
Đây là tên của một người nam. Đây không phải là người đã viết sách Mi-chê.
mẹ đã bị mất cắp
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà người ta đã lấy cắp của mẹ”
Chính con đã lấy nó
"Con chính là người đã lấy nó”
Judges 17:3
biệt riêng
Từ này có nghĩa là dâng vật gì đó cho một mục đích cụ thể. Tham khảo cách dịch: “hiến dâng”
kim loại đúc
kim loại đã bị nấu chảy và đổ vào khuôn để tạo ra một hình dạng đặc biệt.
Mẹ trả bạc lại cho con
"Mẹ đưa bạc lại cho con”
hai trăm miếng bạc
"200 miếng bạc”
chúng được đặt trong nhà Mi-ca
Từ “chúng” chỉ về những tượng chạm bằng bạc. Có thể chuyển câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Mi-ca đã để chúng trong nhà mình”
Judges 17:5
nhà thờ thần tượng
Cụm từ này chỉ về một ngôi nhà được dùng riêng cho việc thờ phượng thần tượng. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “có một ngôi nhà dành cho việc thờ hình tượng”
mọi người cứ làm những điều hợp với mắt mình
Ở đây, “mắt” của mỗi người là hình ảnh hoán dụ cho ý kiến, qua điểm hoặc ý chí tự do làm theo điều mình muốn của người đó. Tham khảo cách dịch: “mọi người cứ làm điều mình cho là phải”
Judges 17:7
ở Bết-lê-hem
"từ Bết-lê-hem”
thuộc gia tộc Giu-đa
Cụm từ này có nghĩa là người này đang sống trong gia đình của Giu-đa, tức là chi tộc Giu-đa. Tham khảo cách dịch: “người sống trong chi tộc Giu-đa”
Người ở đó để làm trọn những phận sự của mình
"Người sống và làm việc tại đó”
tìm một nơi sinh sống
"tìm một nơi khác để sống”
nơi tôi sẽ cư trú
Ngụ ý rằng người đang tìm kiếm một nơi để sống và làm việc. Tham khảo cách dịch: “nơi tôi sẽ sống và làm việc”
Judges 17:10
một người cha và thầy tế lễ
Từ “cha” ở đây, được dùng trong ý nghĩa là một người cố vấn, tham vấn; chứ không phải là một người cha theo nghĩa đen. Tham khảo cách dịch: “người chỉ bảo và thầy tế lễ”
một bộ quần áo
"một bộ quần áo”. Người sẽ nhận được điều này hằng năm. Có thể thêm từ còn thiếu vào. Tham khảo cách dịch: “mỗi năm một bộ quần áo”
Vậy, người Lê-vi vào nhà người
Câu này ngụ ý rằng người Lê-vi chấp nhận lời đề nghị của Mi-ca nên đi vào nhà người. Tham khảo cách dịch: “Vậy người Lê-vi chấp nhận lời đề nghị của người rồi đi vào nhà người”
đối với Mi-ca người thành niên ấy trở nên như một trong các con trai của ông
Mối liên hệ giữa người Lê-vi kia và Mi-ca trở nên giống như mối liên hệ gần gũi giữa một người cha và con trai. Tham khảo cách dịch: “người thanh niên ấy trở nên gần gũi với Mi-ca và như một trong các con trai của ông”
Judges 17:12
Mi-ca biệt riêng người Lê-vi nầy
Ở đây, "biệt riêng" có nghĩa là Mi-ca “dâng” hoặc “phong chức” cho người. Tham khảo cách dịch: “Mi-ca biệt dâng người Lê-vi nầy”
ở trong nhà Mi-ca
Ở đây, việc sống trong nhà Mi-ca được nói đến như thể “ở” trong nhà ông. Tham khảo cách dịch: “sống trong nhà của Mi-ca”

Translation Questions

Judges 17:2
Mi-ca ăn cắp gì?
Mi-ca ăn cắp 1.100 miếng bạc của mẹ ông.
Judges 17:3
Mẹ của Mi-ca biệt riêng số bạc đó cho việc gì?
Bà biệt riêng số bạc cho Đức Giê-hô-va, dưới tên con trai bà đặng khắc một hình tượng và đúc một pho tượng.
Judges 17:5
Mi-ca lập một trong những con trai của ông để làm gì?
Ông lập một trong các con trai của ông để làm tư tế.
Judges 17:8
Tại sao người Lê-vi rời Bết-lê-hem?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người Lê-vi rời Bết-lê-hem đặng tìm một nơi để sống.
Judges 17:10
Mi-ca yêu cầu người Lê-vi làm gì cho ông?
Mi-ca yêu cầu người Lê-vi ở với ông, làm cố vấn và tư tế cho ông.
Judges 17:13
Tại sao Mi-ca nghĩ Đức Giê-hô-va sẽ làm ơn cho ông?
Mi-ca nghĩ Đức Giê-hô-va sẽ làm ơn cho ông vì một người Lê-vi trở thành tư tế của ông.

Chapter 18
Judges 18:1
Trong thời ấy... từ trong các chi tộc Y-sơ-ra-ên
Đây là phần thông tin nền về Y-sơ-ra-ên và những người trong chi tộc Đan.
Trong thời ấy
Cụm từ này giới thiệu phần mở đầu của một sự kiện khác trong diễn tiến câu chuyện.
không nhận được sản nghiệp nào từ
Cụm từ này chỉ riêng về những vùng đất được thừa hưởng, là nơi họ sẽ sống ở đó. Tham khảo cách dịch: “không nhận được bất kỳ vùng đất nào làm sản nghiệp”
trong toàn bộ chi tộc mình
Cụm từ “toàn bộ” chỉ về tất cả những người trong chi tộc đó. Tham khảo cách dịch: “từ trong số tất cả những người trong chi tộc mình”
binh sĩ có kinh nghiệm
"dũng sĩ có kinh nghiệm”
đi do thám xứ
Tham khảo cách dịch: “đi khắp cả xứ để do thám xứ đó”
Xô-ra
Hãy dịch tên gọi của thành nầy như bạn đã dịch trong JDG 13:2.
Ê-ta-ôn
Hãy dịch tên gọi của thành nầy như bạn đã dịch trong JDG 13:25.
Mi-ca
Hãy dịch tên của người nam nầy như bạn đã dịch trong JDG 17:1.
Judges 18:3
họ nhận ra giọng nói của người Lê-vi trẻ tuổi
Họ nhận ra người nam đó qua giọng nói của người. Ở đây, “lời” chỉ về “giọng nói”. Tham khảo cách dịch: “họ nghe người Lê-vi trẻ tuổi kia nó thì nhận ra giọng người”
Judges 18:7
La-ít
Đây là tên gọi của một thành.
Chẳng có ai áp bức họ trong xứ đó
"Chẳng có kẻ thù nào đô hộ họ trong đất của họ”
họ không giao tiếp với ai
"họ không có liên hệ với bất cứ người ngoài nào”. Điều này có nghĩa là họ sống cách xa những thành khác đến độ họ sống tách biệt với những người khác.
Xô-ra
Hãy dịch tên của thành nầy như bạn đã dịch trong 13:2.
Ê-ta-ôn
Hãy dịch tên của thành nầy như bạn đã dịch trong 13:25.
Judges 18:9
Anh em định không làm gì sao?
Câu hỏi này được hỏi cách mỉa mai với ý nghĩa là họ phải làm điều ngược lại. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Anh em phải hành động ngay!”
Đừng chần chừ không chịu tấn công
Hai từ mạng nghĩa phủ định, “không chịu” và “chần chừ” được dùng chung để nhấn mạnh ý khẳng định là phải mau chóng tấn công. Tham khảo cách dịch: “Hãy mau lên! Phải tấn công!”
xứ rộng mênh mông
"xứ đó rất rộng”. Đây là lời mô tả về kích thước của xứ đó.
không thiếu thứ gì trên đất
Người này đang dùng cách nói quá, cách nói cường điệu để nhấn mạnh rằng đây là một nơi đáng sống. Tham khảo cách dịch: “Ở đó chúng ta sẽ có mọi thứ mình cần”
không thiếu
Hai từ mang nghĩa phủ định này được dùng chung để nhấn mạnh ý khẳng định. Tham khảo cách dịch: “có đủ mọi thứ”
Judges 18:11
Sáu trăm người
"600 người"
Ki-ri-át Giê-a-rim
Đây là tên gọi của một thành.
Ma-ha-nê Dan
Hãy dịch tên gọi của nơi nầy như cách bạn đã làm trong 13:25.
Cho đến ngày nay
Cụm từ nầy có nghĩa là có điều gì đó vẫn còn y nguyên. Có chỉ về thời điểm “hiện tại”. Tham khảo cách dịch: “và tên gọi đó hiện vẫn còn”
Judges 18:13
La-ít
Hãy dịch tên của thành nầy như cách bạn đã làm trong 18:7.
Anh em có biết rằng trong những nhà nầy có một cái ê-phót... một pho tượng đúc... không? Bây giờ hãy quyết định xem mình sẽ làm gì.
Năm người nầy đặt ra câu hỏi nầy để gợi ý và ủng hộ việc họ sẽ đánh cắp những pho tượng đó. Có thể viết lại những câu hỏi này thành một câu khẳng định và đưa phần thông tin ngầm hiểu vào trong dấu ngoặc đơn. Tham khảo cách dịch: “Những nhà này có chứa một cái ê-phót... tượng đúc.
Judges 18:15
họ rẽ tại đó
"họ rẽ”
họ chào hỏi người
Từ “người” chỉ về người Lê-vi kia.
sáu trăm Người Đan
"600 Người Đan"
Judges 18:17
sáu trăm người
"600 người"
Judges 18:19
Anh làm thầy tế lễ trong nhà của một người tốt hơn... một gia tộc trong Y-sơ-ra-ên tốt hơn?
Họ đặt câu hỏi này để ngụ ý rằng điều họ nói là đúng. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khảo cách dịch: “Anh làm thầy tế lễ cho một chi tộc và một gia tộc trong Y-sơ-ra-ên còn tốt hơn là chỉ làm cho một gia đình”

Lòng thầy tế lễ kia vui mừng

Ở đây, thầy tế lễ được nói đến qua “tấm lòng” của người để nhấn mạnh cảm xúc của người đó. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ vui mừng”

Judges 18:21

Họ để trẻ em nhỏ đi trước

Họ di chuyển theo cách nầy để bảo vệ trẻ em nhỏ. Nếu Mi-ca và người của ông có tấn công họ, thì những người đó sẽ phải giáp mặt với những người lính trước, chứ không phải trẻ em. Tham khảo cách dịch: “Họ để trẻ em đi trước để bảo vệ chúng”

một khoảng khá xa some

"một khoảng cách đáng kể”. Cụm từ nầy chỉ về một khoảng cách ngắn nhưng đủ xa coi là vừa phải.

những người ở gần nhà Mi-ca được tập hợp lại

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Mi-ca tập hợp những người nam gần nhà mình”

chúng đuổi kịp người Đan

Câu này ngụ ý rằng họ đuổi theo người Đan. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “chúng đuổi theo người Đan và bắt kịp họ”

họ quay lại

"người Đan nhìn quanh”

Tại sao ngươi lại tập hợp những người nầy lại?

Câu hỏi này là một lời trách mắng. Có thể dịch sang câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đáng ra ông không nên tập hợp người của mình để đuổi theo chúng tôi”

được tập hợp lại

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “tập hợp những người nầy lại”

Judges 18:24

các thần mà tôi đã tạo ra

Mi-ca không tạo nên những thần tượng của mình, đúng hơn là những người thợ đã làm nên chúng. Tham khảo cách dịch: “các thần mà tôi đã làm cho mình” hoặc “các thần mà tôi đã sai thợ làm cho mình”

Tôi còn lại gì?

Mi-ca đặt ra câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông chẳng còn lại gì quan trọng. Tham khảo cách dịch: “Tôi chẳng còn lại gì” hoặc “Các người đã lấy đi mọi thứ quan trọng với tôi”

Sao các người còn hỏi tôi: “Chuyện gì khiến ông bực mình?”?

Mi-ca đặt câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng người Đan rõ ràng đã biết ông đang bực về chuyện gì. Tham khảo cách dịch: “Các người biết rõ tôi đang khốn đốn” hoặc “Các người biết tôi buồn bực đến mức nào vì những chuyện các người đã làm cho tôi!”

Ông đừng để chúng tôi nghe ông nói bất cứ chuyện gì

Cụm từ “chúng tôi nghe thấy ông nói” đề cập đến việc người Đan nghe Mi-ca thuật lại những chuyện đã xảy ra, nhưng cũng có thể là họ đã được người khác kể lại rằng Mi-ca đã kể lể những chuyện đã xảy ra. Tham khảo cách dịch: “Ông đừng để chúng tôi biết ông đã nói bất cứ điều gì” hoặc “Ông không nên kể gì về việc nầy”

nghe ông nói bất cứ chuyện gì

Từ “bất cứ điều gì” chỉ về bất cứ thông tin nào về việc người Đan đến nhà Mi-ca và trộm những bức tượng của ông. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “nghe ông nói bất cứ điều gì về chuyện này” hoặc “nghe ông nói bất cứ điều gì về chuyện đã xảy ra”

gia đình ông sẽ bị giết

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và giết cả nhà ông”

đi đường mình

Cụm từ nầy có nghĩa là họ tiếp tục cuộc hành trình của mình. Tham khảo cách dịch: “tiếp tục trên hành trình của mình” hoặc “tiếp tục đi”

họ quá mạnh đối với mình

Câu này đề cập đến việc những người Đan quá mạnh để Mi-ca và người của ông đánh lại. Tham khảo cách dịch: “họ quá mạnh để ông và người của mình đánh lại”

Judges 18:27

những thứ Mi-ca đã làm

Mi-ca không làm ra những tượng thần của mình, mà đúng hơn là những người thợ thủ công đã làm ra chúng cho ông. Tham khảo cách dịch: “những thứ đã được làm ra cho Mi-ca” hoặc “những vật của Mi-ca”

La-ít

Hãy dịch cụm từ này như cách mà bạn đã làm trong 18:7.

bằng gươm

"bằng gươm của mình”. Ở đây, "gươm” đại diện cho gươm giáo và những thứ vũ khí khác mà quân lính sử dụng trong trận chiến.

họ không giao thiệp với ai

Điều nầy có nghĩa là họ sống đủ xa các thành khác để họ sống tách biệt với những người khác. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong JDG 18:7.

Bết Rê-hốp

Đây là tên của một thành.

Judges 18:30

Rồi Giô-na-than, con trai Ghẹt-sôm, cháu Môi-se

Đây là lên của người trai trẻ Lê-vi, là người từng phục vụ như một thầy tư tế cho Mi-ca. Có thể nói rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Người trai trẻ Lê-vi nọ tên là Giô-na-than, con trai Ghẹt-sôm, cháu Môi-se, và”

cho đến ngày lưu đày của xứ

Cụm từ này đề cập đến thời gian sau đó, khi người Đan bị kẻ thù của mình bắt giữ. Ở đây, xứ bị chiếm được nói đến như thể nó là một tù nhân bị kẻ thù bắt giữ. Tham khảo cách dịch: “cho đến ngày kẻ thù của họ đánh chiếm xứ của họ” hoặc “cho đến ngày kẻ thù của họ bắt giữ họ”

mà người đã làm

Mi-ca không làm ra những tượng thần của mình, đúng hơn là những người thợ thủ công đã làm chúng cho ông. Tham khảo cách dịch: “đã được làm ra cho ông” hoặc “mà những người thợ thủ công của ông đã làm cho ông”

Translation Questions

Judges 18:1

Tại sao chi phái Đan tìm kiếm một nơi để định cư?

Chi phái Đan tìm kiếm một nơi để định cư bởi vì so với các chi tộc khác của I-sơ-ra-ên, họ chưa nhận được sản nghiệp.

Judges 18:5

Người Đan muốn người Lê-vi tìm gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người Đan muốn người Lê-vi tìm ý Chúa.
Judges 18:9
Năm người đến từ chi phái Đan muốn làm gì với xứ La-ít?
Năm người đến từ chi phái Đan muốn chiếm xứ.
Judges 18:14
Năm người nói trong nhà ở La-ít có gì?
Năm người nói trong nhà ở La-ít có một cái ê-phót, những thê-ra-phim, và một tượng chạm với chơn bằng vàng gang.
Judges 18:17
Ai cướp lấy tượng chạm?
Năm người đã đi do thám xứ đến đó và cướp lấy tượng chạm.
Judges 18:24
Tại sao Mi-ca giận?
Mi-ca giận vì người Đan cướp lấy các thần mà ông đã làm, họ cướp lấy thầy tế lễ, và bỏ đi.
Judges 18:26
Khi nào Mi-ca trở về nhà mình?
Khi Mi-ca thấy chúng mạnh hơn mình, bèn trở về nhà mình.
Judges 18:28
Tại sao không còn ai để cứu dân ở La-ít?
Không còn ai để cứu dân ở đó vì thành ở xa Si-đôn, và không giao thiệp với ai hết.
Judges 18:30
Ai là thầy tế lễ trong chi phái Đan?
Giô-na-than, con trai Ghẹt-sôn, cháu Môi-se, và hết thảy hậu tự của người, đều làm thầy tế lễ trong chi phái Đan cho đến ngày chúng bị lưu đày khỏi xứ.

Chapter 19
Judges 19:1
Trong thời đó
Cụm từ này giới thiệu phần mở đầu của một sự kiện khác trong diễn tiến câu chuyện.
hẻo lánh
xa nơi có nhiều người ở
không chung thủy với người
Câu này có nghĩa là nàng không chung thủy trong mối liên hệ của họ và bắt đầu quan hệ tình dùng với những người khác. Có thể nói rõ ý nầy ra nếu cần. Tham khảo cách dịch: “bắt đầu quan hệ tình dục với những người khác”
Judges 19:3
thuyết phục người ở lại
"nói chuyện với con rể để người quyết định ở lại”
Judges 19:5
người chuẩn bị
người Lê-vi chuẩn bị
Hãy ăn chút bánh để có sức
Ở đây, "bánh” chỉ về “thức ăn”. Tham khảo cách dịch: “Hãy ăn một ít để có sức đi đường”
Xin con hãy ở lại đêm nay
"Xin con ở lại một đêm nữa” (UDB)
Judges 19:7
Hãy lấy sức, và đợi cho đến xế chiều
Người cha vợ nầy đang đề nghị ông ăn để lấy sức. Người cũng đề nghị ông chờ cho đến chiều hẳn đi. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Con hãy ăn một ít để có sức mà đi đường, và đợi cho đến xế chiều rồi hẳn đi”
Judges 19:9
Nầy, ngày đã gần tối
"đã gần hết ngày” hoặc “trời đã gần tối”
Judges 19:10
tức là Giê-ru-sa-lem
"nơi sau này được gọi là Giê-ru-sa-lem”
Người có một cặp lừa đã thắng yên
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã thắng yên cho hai con lừa của mình”
Nào
Đây là một cách diễn đạt một lời đề nghị. Tham khảo cách dịch: “Tôi đề nghị”
ghé qua
Cụm từ này có nghĩa là dừng lại nơi nào đó để nghỉ ngơi giữa chuyến đi. Tham khảo cách dịch: “dừng lại ở”
Judges 19:12
ghé vào
Cụm từ này có nghĩa là trên đường đi thì dừng lại nơi nào đó để nghỉ ngơi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [JDG 19:11]
Nào
Đây là một cách diễn đạt được dùng để đưa ra lời đề nghị. Tham khảo cách dịch: “Tôi đề nghị”
Judges 19:14
ghé qua
Cụm từ này có nghĩa là trên đường đi thì dừng lại nơi nào đó để nghỉ ngơi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [JDG 19:11]
Rồi người đi
Ở đây, từ “người” chỉ người Lê-vi, nhưng thực ra là chỉ người Lê-vi cùng với đầy tớ và người vợ lẽ của mình. Tham khảo cách dịch: “Rồi họ đi”
tiếp đón họ vào nhà mình
Cụm từ này dùng cho ai đó mời họ nghỉ qua đêm tại nhà mình. Tham khảo cách dịch: “mời họ vào nhà mình để nghỉ qua đêm”
Judges 19:16
người Bên-gia-min
Người Bên-gia-min là con cháu, dòng dõi của Bên-gia-min. Hãy dịch tên của những người này như cách bạn đã làm trong JDG 3:15.
Cụ ngước mắt lên
Ở đây, người đàn ông này nhìn lên và chú ý đến điều quanh mình được nói đến như thể người đang “ngước mắt lên”. Tham khảo cách dịch: “Cụ nhìn lên”
phố chợ của thành
khu hội họp, nơi người ta tụ tập đông đúc ban ngày
Judges 19:18
người tiếp tôi vào nhà mình
Cụm từ này dùng cho ai đó mời họ nghỉ qua đêm tại nhà mình. Tham khảo cách dịch: “người mời tôi vào ở tại nhà mình”
tiếp tôi
Ở đây, người Lê-vi nói mình, nhưng thực ra ông đang nói đến mình cùng đầy tớ và vợ bé của mình nữa. Tham khảo cách dịch: “dẫn chúng tôi”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

và còn có bánh và rượu
"và chúng tôi có rất nhiều đồ ăn thức uống"
tôi và nữ tỳ của ông đây, và cho người trai trẻ này đi cùng tôi tớ ông
Người Lê-vi nói về chính mình và những người khác như thể là đầy tớ và dùng ở ngôi thứ ba để bày tỏ sự kính trọng. Tham khảo cách dịch: “tôi, vợ bé và đầy tớ của tôi”
Chúng tôi không thiếu gì cả
Có thể viết lại câu này ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi có đủ mọi thứ mình cần”
Judges 19:20
Chỉ cần không
"Không được”. Từ “chỉ” được dùng ở đây để nhấn mạnh điều mà ông cụ không muốn người Lê-vi làm.
phố chợ
Chỉ về nơi phố chợ của thành. Hãy dịch cụm từ này như cách mà bạn đã làm trong JDG 19:17.
dẫn người Lê-vi vào nhà mình
Câu này có nghĩa là ông cụ mời người Lê-vi vào nghỉ qua đêm tại nhà mình. Và khi mời người Lê-vi thì ông cũng mời luôn cả vợ bé và đầy tớ của người Lê-vi nữa. Tham khảo cách dịch: “mời người Lê-vi cùng với các đầy tớ của người vào nhà mình”
Judges 19:22
người... vây quanh nhà
Có rất nhiều người đứng vây quanh ngôi nhà.
Judges 19:24
Kìa
Từ nầy được dùng để thu hút sự chu ý của mọi người. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy nghe”
đám người đó không thèm nghe người
Ở đây, tác giả nói về việc “đồng tình” như thể họ chịu “nghe”. Tham khảo cách dịch: “đám người đó không chấp nhận lời đề nghị của người”
người khách đã bắt vợ bé của mình
"người Lê-vi đã bắt vợ bé của mình”
lúc rạng sáng
"khi mặt trời lên” hoặc “lúc sáng sớm”. Chỉ về thời điểm mặt trời bắt đầu mọc.
cho đến khi trời sáng
Cụm từ này chỉ về buổi sáng khi trời bên ngoài đã sáng. Tham khảo cách dịch: “cho đến lúc mặt trời mọc”
Judges 19:27
Nhưng không thấy trả lời
Người đàn bà không trả lời bởi vì nàng đã chết. Có thể nói rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Nhưng nàng không trả lời vì nàng đã chết”
Judges 19:29
chân ra chân, tay ra tay
"theo từng bộ phận”. Tác giả dùng cách mô tả tượng hình nầy để cho thấy người Lê-vi đó đã cắt thân thể nang ra thành từng mảnh ra sao nhằm nhấn mạnh những việc người đã làm. “tứ chi” chỉ về tay chân của một người. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có cụm từ tương tự thì có thể lược bỏ phần nầy trong bản dịch của bạn.
mười hai miếng
"12 miếng"
gửi những mảnh đó đi khắp nơi, cả xứ Y-sơ-ra-ên
Câu này có nghĩa là ông gửi những phần khác nhau đến mười hai vùng khác nhau trên Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “gửi từng mảnh đi đến những nơi khác nhau trên khắp địa phận Y-sơ-ra-ên”

Chapter 20
Judges 20:1
như một người
Phép so sánh này nói về những nhóm người hành động như một người. Tham khảo cách dịch: “như thể họ là một người”
từ Đan đến Bê-e Sê-ba
Chỉ về cả xứ nầy. Tham khảo cách dịch: “từ cả mười một chi tộc”
Đức Chúa Trời—400.000 bộ binh
"Đức Chúa Trời và cả 400.000 lính thường đến”
sẵn sàng chiến đấu
"có tài chiến đấu”. Không phải họ sẽ đánh giết lẫn nhau.
Judges 20:3
Bấy giờ
Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắn đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, tác giả của sách cung cấp thông tin nền về những điều dân Bên-gia-min đã biết.
đã đi lên Mích-pa
Mích-pa nằm ở trên cao, phía các đỉnh núi.
để qua đêm
"suốt cả đêm” hoặc “ở qua đêm”
Judges 20:5
điều gian ác và sự xúc phạm
Từ “sự xúc phạm” giải thích, mô tả cho từ “sự gian ác”. Tham khảo cách dịch: “việc làm gian ác đầy sỉ nhục”
Bấy giờ
Từ nầy được dùng để giới thiệu đoạn kết trong lời phát biểu của người Lê-vi.
hãy đưa ra lời khuyên dạy và chỉ bảo của mình tại đây
Từ “lời khuyên dạy” và “chỉ bảo” cùng chỉ về một điều và được lặp lại để nhấn mạnh. Có thể kết hợp hai từ nầy lại. Tham khảo cách dịch: “hãy quyết định xem chúng ta cần phải giải quyết việc nầy ra sao”
Judges 20:8
như một người
So sánh một nhóm người như một người duy nhất. Tham khảo cách dịch: “như thể họ chỉ là một người”
Không một ai trong chúng ta được đi đến trại mình... không một ai trong chúng ta được trở về nhà mình
Cả hai vế này lặp lại cùng một ý đến hai lần để nhấn mạnh. Bạn có thể kết hợp cả hai lại. Những từ như “không một ai... đi” và “không một ai... trở về” nhấn mạnh dân sự sẽ phải ở lại đó ra sao. Có thể chuyển hai vế nầy sang thể khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Hết thảy chúng ta phải ở lại đây”
Nhưng bây giờ
Những từ này giới thiệu phần chính trong những lời mà dân sự nói sau lời tuyên bố ban đầu.
như lá thăm đã chỉ ra
Ở đây, từ này bao gồm hành động tung lên cao hoặc lăn những hoàn đá nhỏ đã được đánh dấu để định xem Đức Chúa Trời muốn điều gì.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Judges 20:10
cứ một trăm người lấy mười người… cứ một nghìn người lấy một trăm người … cứ mười nghìn người lấy một nghìn người
"100 người lấy 10 người… 1.000 người lấy 100 người… 10.000 người lấy 1.000 người”
lương thực
"thức ăn” hoặc “đồ dự trữ"
tập hợp lại chống lại thành ấy
"cùng hiệp lại tiến đánh thành ấy”
Judges 20:12
xử tử chúng
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “giết chúng” hoặc “hành hình chúng”
tiếng của anh em mình
Ở đây, “tiếng” chỉ những thông điệp mà họ đã nói. Tham khảo cách dịch: “lời anh em mình nói”
Judges 20:15
hai mươi sáu nghìn
"26.000"
bảy trăm
"700"
thuận tay trái
Một người thuận tay trái ;à người sử dụng tay trái của mình thành thạo và khéo léo hơn tay phải của mình.
có thể dùng ná bắn đá trúng một sợi tóc mà không hề trật
Ở đây, "trúng một sợi tóc mà không hề trật” rõ ràng là cách nói quá để thể hiện họ ngắm bắn chính xác ra sao. Hai từ mang nghĩa phủ định “không” “trật” được dùng kết hợp để nhấn mạnh một ý khẳng định. Có thể chuyển sang câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “có thể dùng ná bắn đá rất chuẩn xác” hoặc “có thể dùng ná bắng đá rất chính xác”
Judges 20:17
không tính
"không bao gồm”
tìm cầu sự chỉ dẫn từ Đức Chúa Trời
"hỏi Đức Chúa Trời phải làm gì” hoặc “hỏi Đức Chúa Trời phải tiếp tục ra sao”
Judges 20:19
chuyển trại của mình đến gần Ghi-bê-a
Có một số nghi vấn về ý nghĩa của đoạn văn này trong tiếng Hê-bơ-rơ. Một số bản dịch thì “đã đi ra và phải đối mặt với Ghi-bê-a”
hai mươi hai nghìn
"22.000"
Judges 20:22
tự làm vững mạnh mình
Ở đây, "làm vững mạnh” là một cách nói có nghĩa là họ khích lệ lẫn nhau.
họ dàn trận
Câu này có thể mang nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên chuẩn bị hàng ngũ cho trận chiến ngày hôm sau.. Xem bản dịch tiếng Anh UDB.
Họ tìm cầu sự hướng dẫn từ Đức Giê-hô-va
Không nói rõ cách thức họ sử dụng là gì. Có thể các thầy tế lễ bắt thăm để tra xem ý muốn của Đức Chúa Trời.
Judges 20:24
mười tám nghìn
"18.000"
Judges 20:26
trước mặt Đức Giê-hô-va
"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va” hoặc “cùng Đức Giê-hô-va”
Judges 20:27
vì Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời… phụng sự trước hòm trong những ngày đó
Đây là phần thông tin bối cảnh mà tác giả chèn vào để giúp người đọc hiểu được dân sự đã cầu xin câu trả lời từ Đức Giê-hô-va ra sao.
ở tại đó, trong những ngày nầy
"ở tại Bê-tên trong những ngày đó”
đang phụng sự trước hòm
Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “đang phụng sự với tư cách thầy tế lễ trước hòm”
Hãy chiến đấu
Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Hãy tấn công quân đội Bên-gia-min”
Judges 20:29
Y-sơ-ra-ên bố trí lính
Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “dân Y-sơ-ra-ên”
những nơi bí mật
"ở nơi phục kích”
Judges 20:31
đánh dân sự
Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “đánh dân Y-sơ-ra-ên”
họ bị dụ ra xa khỏi thành
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dân Y-sơ-ra-ên dụ chúng ra xa khỏi thành”
Chúng bắt đầu giết một số người trong dân sự
Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Người Bên-gia-min bắt đầu giết hại một số người trong dân Y-sơ-ra-ên”
Judges 20:32
giống như lần đầu
"giống như lần trước” hoặc “giống như hai lần đầu”
Ba-anh Tha-ma
Đây là tên gọi của một thành.
Ma-rê Ghi-bê-a
Đây là tên gọi một địa danh. Một số bản dịch khác dịch là “những cánh đồng tại Ghi-bê-a” hoặc “phía tây Ghi-bê-a” hoặc “Ma-rê Ghê-ba”
Judges 20:34
mười nghìn
"10.000"
những người được chọn
Đây là một cách diễn đạt chỉ những người lính giỏi. Tham khảo cách dịch: “lính được huấn luyện kỹ”
tai họa đã gần kề mình
Ở đây, tại họa ở khắp nơi được nói đến như thể tai họa đang đứng rất gần họ. Tham khảo cách dịch: “họ sẽ sớm bị tiêu diệt hoàn toàn”
Judges 20:36
Dân Y-sơ-ra-ên đã nhường đất lại cho người Bên-gia-min, bởi họ tin tưởng những người mà mình đã đặt mai phục bên ngoài Ghi-bê-a
Từ câu này trở đi cho đến hết câu 14 là phần thông tin bối cảnh mà tác giả chèn vào để giải thích cho người đó hiểu đợt mai phục đó đã đánh bại người Bên-gia-min ra sao.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đã nhường đất lại cho người Bên-gia-min
Đây là một cách diễn đạt có nghĩa là họ chủ ý rút lui. Tham khảo cách dịch: “đã để người Bên-gia-min tiến tới trước”
họ tin tưởng những người
Đây là một cách diễn đạt có nghĩa tin nơi quân lính của mình.
Judges 20:39
Thông tin bối cảnh:
Câu này tiếp tục cung cấp thông tin bối cảnh mà tác giả đã chèn vào để giải thích cho người đọc trận mai phục này đã đánh bại người Bên-gia-min ra sao.
sẽ quay đi rời khỏi trận chiến
"sẽ rút khỏi trận chiến”
họ đã bị đánh bại trước chúng ta
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chúng ta đã đánh bại chúng”
Judges 20:40
Thông tin bối cảnh:
Câu này tiếp tục cung cấp thông tin bối cảnh mà tác giả đã chèn vào để giải thích cho người đọc trận mai phục này đã đánh bại người Bên-gia-min ra sao.
tai họa
"tai hại kinh khiếp” hoặc “điều khốn khổ” hoặc “điều bất hạnh”
đến trên mình
Cách nói này có nghĩa là chuyện đó đã xảy đến với họ. Tham khảo cách dịch: “đã xảy ra cho mình”
Judges 20:42
Nhưng trận chiến đa bắt lấy họ
Câu này nói về trận chiến như thể nó là một con người có thể bắt kịp ai đó. Tham khảo cách dịch: “Nhưng lính chiến Y-sơ-ra-ên đã bắt kịp họ” hoặc “Nhưng họ không thể thoát khỏi trận chiến”
Judges 20:43
Nô-hát
Đây là tên gọi một địa danh.
giẫm đạp họ
Sự tận diệt người Bên-gia-min được nói đến như thể dân Y-sơ-ra-ên giẫm đạp trên xác của họ. Tham khảo cách dịch: “họ hủy diệt chúng hoàn toàn”
giết chúng
"giết chúng khi chúng đang trốn chạy”
mười tám nghìn
"18.000"
lỗi lạc trên chiến trường
"đã chiến đấu anh dũng trong trận chiến”
Judges 20:45
Họ đổi hướng chạy trốn
"Những người Bên-gia-min còn lại đổi hướng chạy trốn”
năm nghìn ... hai nghìn
"5.000 ... 2.000"
Ghi-đôm
Đây là tên gọi một địa danh.
hai mươi lăm nghìn
"25.000"
Judges 20:47
sáu trăm
"600"
trở lại đánh người Bên-gia-min
Những người Bên-gia-min này không phải quân lính trốn chạy đến tảng đá Rim-môn, nhưng là những người vẫn ở trong thành.
cả thành
Ở đây, “thành” chỉ những người dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: “mọi người dân ở trong thành”
trên đường mình đi
Cách nói này chỉ mọi thứ mà họ tìm thấy khi tiến đến thành đó. Tham khảo cách dịch: “họ tới”

Chapter 21
Judges 21:1
Bấy giờ, dân Y-sơ-ra-ên có lập lời thề... cưới một người Bên-gia-min
Phần thông tin nền này cho người đọc biết về lời hứa nguyện mà dân Y-sơ-ra-ên đã lập trước khi đánh với người Bên-gia-min.
Người Bên-gia-min
Đây là tên gọi dòng dõi của Bên-gia-min. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 3:15.
Lạy Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, tại sao chuyện này lại xảy ra cho Y-sơ-ra-ên, ấy là ngày nay chúng tôi sẽ mất đi một trong số những chi tộc của mình?
Dân Y-sơ-ra-ên dùng câu hỏi này để thể hiện nỗi đau buồn sâu sắc của mình. Tham khảo cách dịch: “Hỡi Đức Giê-hô-va, chúng tôi lấy làm đau buồn khi một trong số những chi tộc Y-sơ-ra-ên bị tiêu diệt hoàn toàn”
Judges 21:4
Dân Y-sơ-ra-ên hỏi: “Trong tất cả những chi tộc Y-sơ-ra-ên, có người nào không đến dự ngày hội họp trước Đức Giê-hô-va không?”
Dân sự đang nói về ngày hội họp của dân Y-sơ-ra-ên tại Mích-pa trước khi họ tấn công người Bên-gia-min.
Vì họ đã lập lời thề trọng đại liên quan đến những người không đi đến cùng Đức Giê-hô-va tại Mích-pa. Họ nói: “Người đó nhất định phải bị xử tử”
Đây là phần thông tin bối cảnh giải thích cho người đọc hiểu về lời hứa nguyện mà dân Y-sơ-ra-ên đã lập tại Mích-pa trước khi họ tấn công người Bên-gia-mins.
Judges 21:6
Chi tộc Bên-gia-min, anh em mình
Ở đây, "chi tộc Bên-gia-min, anh em mình” chỉ những con cháu còn sống sót của Bên-gia-min. Tham khảo cách dịch: “những người Bên-gia-min còn sống sót”
một chi tộc đã bị truất khỏi Y-sơ-ra-ên
Tình trạng bị tiêu diệt của người Bên-gia-min được nói đến như thể họ đã bị cắt bỏ khỏi Y-sơ-ra-ên bằng dao. Tham khảo cách dịch: “một chi tộc đã bị loại bỏ”. Đây là một cách nói quá bởi vì vẫn còn 600 người sống sót. Tuy nhiên, những người nữ Bên-gia-min đã bị giết, nên chưa thể chắc chắn về tương lai của chi tộc này.
Ai sẽ tìm vợ cho những người còn sót lại, bởi vì chúng ta đã lập lời thề cùng Đức Giê-hô-va rằng chúng ta sẽ không để cho bất cứ người nào trong số họ cưới con gái của chúng ta?
Dân Y-sơ-ra-ên muốn gả vợ cho số ít người Bên-gia-min còn sống sót đó, nhưng lời hứa nguyện của họ tại Mích-pa không cho phép họ làm điều đó.
Judges 21:8
Gia-bét Ghi-lê-át

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là tên gọi của một thành.
dân sự đã được tập trung theo thứ tự
"người ta đếm số người đã họp tại Mích-pa”
không một người Gia-bét Ghi-lê-át nào có mặt tại đó
Câu này nói về cuộc hội họp trước đó tại Mích-pa. Tham khảo cách dịch: “không một người Gia-bét Ghi-lê-át nào có mặt tại Mích-pa”
mười hai nghìn
"12.000"
giết chúng đi, kể cả đàn bà và trẻ em
Câu tiếp theo sẽ đưa ra trường hợp ngoại lệ đối với chỉ thị chung này.
Judges 21:11
Gia-bét Ghi-lê-át
Đây là tên gọi của một thành. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 21:8.
đã ngủ cùng một người nam
Đây là một cách nói tránh cho những mối liên hệ tình dục.
bốn trăm thiếu nữ
"400 thiếu nữ”
Judges 21:13
giảng hòa
Danh từ “hòa bình” có thể chuyển sang động từ. Tham khảo cách dịch: “muốn giảng hòa với họ”
Gia-bét Ghi-lê-át
Đây là tên gọi của một thành. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 21:8.
tại đó, không có đủ người nữ cho tất cả bọn họ
Tại đó có sáu trăm người nam Bên-gia-min, và chỉ có bốn trăm người nữ từ Gia-bét Ghi-lê-át.
tạo một sự chia cắt giữa các chi tộc Y-sơ-ra-ên
"đã khiến các chi tộc Y-sơ-ra-ên không hiệp một”
Judges 21:16
Người Bên-gia-min
Cụm từ này chỉ về con cháu Bên-gia-min. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 3:15.
phụ nữ của chi tộc Bên-gia-min đã bị giết hết
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chúng ta đã giết toàn bộ những người nữ của chi tộc Bên-gia-min”
Phải có sản nghiệp... không bị diệt khỏi Y-sơ-ra-ên
Người Y-sơ-ra-ên đang làm quá vấn đề. Họ đã gả vợ cho bốn trăm người nam Bên-gia-min, vậy nên chi tộc này sẽ không thể bị diệt chủng được.
Judges 21:18
vợ cho người Bên-gia-min
Ở đây, Bên-gia-min chỉ những người nam thuộc dòng dõi của Bên-gia-min. “vợ cho người nam Bên-gia-min”
ở phía bắc Bê-tên, phía đông con đường đi từ Bê-tên lên Si-chem và phía nam Lê-bô-na
Đây là phần thông tin bối cảnh giải thích cho độc giả hiểu thành Si-lô nằm tại đâu.
Lê-bô-na
Đây là tên gọi của một thành.
Judges 21:20
mỗi người trong anh em hãy bắt lấy một người vợ... trở về đất Bên-gia-min
Người đọc ngầm hiểu rằng những người nam Bên-gia-min đó sẽ đem những người nữ kia cùng trở về xứ của họ với họ. Có thể nói rõ phần nầy. Tham khảo cách dịch: “mỗi một người trong anh em phải cướp lấy một người nữ trong số những người nữ Si-lô, rồi sau đó đem họ trở về xứ Bên-gia-min để làm vợ mình”
Judges 21:22
Xin hãy làm ơn cho chúng tôi!
Danh từ “ơn” có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy đối xử nhân từ với chúng tôi và với người Bên-gia-min”
bởi trong suốt cuộc chiến tranh, chúng tôi không cưới vợ cho mỗi một người nam
Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “bởi vì chúng tôi không cưới vợ cho từng người bọn họ trong suốt cuộc chiến tranh với Gia-bét Ghi-lê-át"
anh em vô tội.... không gả con gái mình cho chúng
Câu này chỉ về người Si-lô. Họ không sẵn lòng gả con gái mình cho người Bên-gia-mins, và như vậy họ không hề vi phạm lời hứa của mình.
Judges 21:23
số vợ mà họ cần
Câu này chỉ về một người vợ cho một người nam trong số hai trăm người nam Bên-gia-min không cưới được vợ từ Gia-bét Ghi-lê-át (Xem: JDG 21:14).
Judges 21:25
Lúc ấy, không có vua trong Y-sơ-ra-ên
"Y-sơ-ra-ên chưa có vua”
điều đúng theo mắt mình
Ở đây, "mắt” đại diện cho những suy nghĩ hoặc ý kiến của người đó. Tham khảo cách dịch: “những gì người cho là đúng”

Chapter 1
Ruth 1:1
Xảy ra
"Có" hoặc là “ Này là điều đã xảy ra.” Đây là cách thông thường để bắt đầu một câu chuyện lịch sử.
trong đời các quan xét
"suốt thời kỳ các quan xét lãnh đạo và cai trị Y-sơ-ra-ên”
trong xứ
"trong xứ Y-sơ-ra-ên”
có một người
"một người." Đây là cách thông thường để giới thiệu một nhân vật trong câu chuyện.
Người Ê-phơ-rát thuộc Bết-lê-hem trong xứ Giu-đa
Đây là dân của bộ tộc Ép-ra-im đã định cư ở Bết-lê-hem trong xứ Giu-đa.
Ruth 1:3
để nàng lại với hai con trai
"Na-ô-mi chỉ còn có hai con trai bên cạnh mình” (UDB)
cưới vợ
"kết hôn với một người nữ." Đây là cách diễn đạt để nói đến việc cưới một người nữ. Họ không lấy người nữ nào đã lập gia đình rồi.
là người Mô-áp
Các con trai của Na-ô-mi đã cưới vợ trong bộ tộc Mô-áp. Người Mô-áp thờ lạy các thần khác.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

một người tên là
"tên của một trong những người nữ"
người kia tên là
"tên của người nữ còn lại"
mười năm
Mười năm sau khi Ê-li-mê-léc và Na-ô-mi đến vùng đất Mô-áp, các con trai họ là Mạc-lôn và Ki-li-ôn cũng qua đời.
để lại Na-ô-mi
Na-ô-mi là người đàn bà góa.
Ruth 1:6
khi còn ở xứ Mô-áp, Na-ô-mi nghe nói rằng
"trong khi Na-ô-mi còn đang sống ở Mô-áp, bà nghe nói." Ở đây ngụ ý là những tin tức này đến từ Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "bà đã nghe tin từ Y-sơ-ra-ên khi còn đang ở trong xứ Mô-áp"
đã đoái thương dân Ngài và ban lương thực cho họ
Đức Chúa Trời đã đoái xem nhu cầu của họ và cung ứng những mùa gặt đầy kết quả cho họ.
con dâu
theo luật
họ lên đường trở về
"họ đi dọc theo con đường." Lên đường trở về là sự diễn đạt của việc bước đi rời xa.
Ruth 1:8
con dâu
theo luật
các con mỗi người
Na-ô-mi đang nói với hai người, vì thế nên cách nói trong chữ "các con" là ở số hai được dùng trong suốt cuộc nói chuyện của bà.
nhà mẹ mình
"đến nhà mẹ của mỗi các con"
tỏ lòng thương
"bày tỏ rằng mình là người hiếu nghĩa"
lòng thương
"lòng thương" bao gồm tình yêu thương, sự ân cần, và lòng trung thành.
với những người quá cố
"với chồng các con, là những người đã mất." Na-ô-mi muốn nói đến hai con trai đã mất của bà.
ban cho hai con được
"cho hai con" hoặc là "để cho hai con có được"
bình an
"Bình an" ở đây kể đến sự yên ổn trong hôn nhân.
nơi nhà chồng mới
với nhà chồng mới của họ, không phải chồng của một ai khác. Ở đây nói đến cả nhà vật chất thuộc về sở hữu của chồng, cũng như sự bảo bọc khỏi những hổ thẹn khi kết hôn.
hai nàng òa lên khóc
Ở đây tức là các người con gái đã gào lên khóc hoặc than khóc cách cay đắng.
Chúng con sẽ trở về
Khi Ọt-ba và Ru-tơ nói "chúng con," họ muốn nói đến chính họ, chứ không phải là Na-ô-mi. Vì thế cách nói có sự bao gồm cả hai cũng như riêng biệt từng người "chúng con" được sử dụng cho từng người từ lúc này.
với mẹ
Chữ "mẹ" ở đây là số ít, nói đến Na-ô-mi.
Ruth 1:11
Chứ đi với mẹ làm gì?
Đây là câu hỏi tu từ. Tương tự câu : "Thật vô lý khi các con phải đi với mẹ." hoặc " Các con không nên đi với mẹ."
Mẹ đâu còn các con trai trong lòng để có thể làm chồng các con được?
Na-ô-mi dùng câu hỏi này để nói rằng bà không thể có thêm đứa con trai nào khác để họ có thể kết hôn. Tương tự câu: "Hiển nhiên là mẹ không thể có thêm một đứa con trai nào nữa để có thể trở thành chồng của các con."
mẹ già rồi, không lấy chồng được nữa
Lý do về một người chồng là rất quan trọng được nói đến cách rõ ràng. Tương tự câu: "quá già để tái hôn và sinh sản thêm nữa"
sinh con trai
"sinh con" hoặc "đẻ thêm con trai"
chẳng lẽ các con cứ đợi cho đến khi chúng khôn lớn sao?Chẳng lẽ các con không lấy chồng khác sao?
Đây là những câu hỏi tu từ, mà không mong có câu trả lời. Tương tự câu: "các con sẽ không đợi cho đến khi chúng lớn để lấy chúng. Các con nên muốn lấy chồng bây giờ."
Nỗi cay đắng của mẹ nhiều gấp bội các con
Điều gây đau buồn cho bà được bày tỏ cách rõ ràng. Tương tự câu: "Nỗi cay đắng của mẹ thật lớn vì hai con không có chồng"
tay của Đức Giê-hô-va đã giơ ra giáng họa trên mẹ
Chữ "tay" nói đến sức mạnh và quyền thế của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã gây nên những điều kinh khiếp xảy ra cho mẹ"
Ruth 1:14
òa lên khóc
Ở đây nghĩa là họ đã gào khóc lớn tiếng và than khóc cách cay đắng.
Nầy
"Nầy" ở đây có nghĩa là "Hãy chú ý nầy."
Ru-tơ không chịu lìa bà
"Ru-tơ trung thành với bà." Tương tự câu: "Ru-tơ không chịu rời bỏ bà" hoặc "Ru-tơ sẽ không lìa bỏ bà"
chị dâu con
theo luật
các thần của nó
Trước khi Ọt-ba và Ru-tơ kết hôn với các con trai của Na-ô-mi, họ đã thờ các thần của Mô-áp. Từ khi kết hôn, họ bắt đầu thờ phượng Đức Chúa Trời của Na-ô-mi.
Ruth 1:16
mẹ ở nơi nào
"mẹ sống ở đâu"
Dân tộc của mẹ là dân tộc của con
Ru-tơ đang nói đến dân tộc của Na-ô-mi tức là dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Con sẽ xem dân tộc của đất nước mẹ như là dân tộc của chính con" hay là "Con sẽ xem bà con họ hàng của mẹ như là bà con họ hàng của con"
Mẹ chết ở nơi nào, con cũng muốn chết và được chôn nơi đó
Câu này nói đến ao ước của Ru-tơ là trải qua phần đời còn lại của mình ở vùng đất và thành phố mà Na-ô-mi sống.
Nguyện Đức Giê-hô-va giáng họa trên con
Câu này nói đến việc Ru-tơ cầu xin Đức Chúa Trời trừng phạt nàng nếu như nàng không làm theo lời mình đã nói giống như một câu thành ngữ tiếng Anh "Xin Chúa ngăn cản, nếu..."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Na-ô-mi không nói nữa
"Na-ô-mi ngừng tranh luận với Ru-tơ"
Ruth 1:19
Xảy đến
“Xảy ra”. Cụm từ này đánh dấu một tình tiết truyện mới
cả thành
“Mọi người trong thành”
Có phải Na-ô-mi đấy không?
Vì đã nhiều năm từ khi Na-ô-mi sống ở Bết-lê-hem và không còn chồng cùng hai con nữa, có vẻ như các phụ nữ đang nhấn mạnh sự nghi ngờ rằng liệu người phụ nữ này có thực là Na-ô-mi. Hãy coi như đây là một câu hỏi thực sự, chứ không phải là một câu hỏi tu từ.
Đừng gọi tôi là Na-ô-mi
Cái tên “Na-ô-mi” có nghĩa là “ngọt ngào”. Kể từ khi Na-ô-mi mất chồng cùng các con, bà không còn cảm thấy cuộc đời bà phù hợp với tên của bà nữa.
Cay đắng
Đây là một cách dịch theo nghĩa của cái tên. Nó cũng thường được dịch dựa theo âm của nó là “Mara.”
Tôi ra đi với của cải dư đầy, nhưng Đức Giê-hô-va dắt tôi về tay không
Khi Na-ô-mi rời khỏi Bết-lê-hem, chồng bà cùng hai con trai vẫn còn đang sống, và bà rất hạnh phúc. Na-ô-mi trách cứ Đức Giê-hô-va về cái chết của chồng cùng hai con trai, nói rằng Ngài đã khiến bà trở về Bết-lê-hem mà không còn họ nữa, và bây giờ bà cay đắng và bất hạnh.
lên án tôi
“kết án tôi có tội”
Khiến tôi chịu nhiều khốn khổ
“Đã giáng họa trên tôi ” hay “đã giáng bi kịch xuống tôi”
Ruth 1:22
Thế là Na-ô-mi cùng với con dâu là Ru-tơ
Ở đây mở đầu một tuyên bố sơ lược. Bản tiếng Anh đánh dấu sự kiện này bằng từ “thế là.” Hãy xác định cách diễn đạt của bạn để đánh dấu những tuyên bố tổng quát hay kết luận như thế nào và làm như vậy cách tương tự.
Đầu mùa gặt lúa mạch
“Là thời điểm các nông dân chỉ mới bắt đầu thu hoạch vụ lúa mạch của họ”

Translation Questions

Ruth 1:1
Câu chuyện về Ru-tơ xảy ra vào thời kỳ nào trong lịch sử Do Thái?
Câu chuyện ấy xảy ra trong thời các quan xét.
Tại sao Ê-li-mê-léc cùng gia đình ông chuyển đến Mô-áp?
Ông chuyển đến đó vì ở Giu-đa có một cơn đói kém.
Ruth 1:2
Tại sao Ê-li-mê-léc cùng gia đình ông chuyển đến Mô-áp?
Ông chuyển đến đó vì ở Giu-đa có một cơn đói kém.
Ruth 1:3
Điều gì xảy ra với gia đình của Na-ô-mi tại Mô-áp?
Chồng và hai con trai của bà đều chết, để lại cho bà hai người con dâu.
Ruth 1:5
Điều gì xảy ra với gia đình của Na-ô-mi tại Mô-áp?
Chồng và hai con trai của bà đều chết, để lại cho bà hai người con dâu.
Ruth 1:6
Tại sao Na-ô-mi quyết định quay về Giu-đa?
Bà nghe rằng Đức Giê-hô-va có ban lương thực cho dân Giu-đa.
Ruth 1:8
Na-ô-mi muốn hai con dâu bà làm gì?
Bà muốn họ trở về nhà mẹ của họ và tìm chồng khác.
Ruth 1:9
Na-ô-mi muốn hai con dâu bà làm gì?
Bà muốn họ trở về nhà mẹ của họ và tìm chồng khác.
Ruth 1:13
Na-ô-mi tin ai là nguồn phiền muộn của bà?
Bà tin rằng Đức Giê-hô-va là nguồn phiền muộn của bà.
Ruth 1:16
Khi Ru-tơ ở lại với Na-ô-mi, Ru-tơ hứa gì với Na-ô-mi?
Bà nói, "vì mẹ đi đâu, tôi sẽ đi đó; mẹ ở nơi nào, tôi sẽ ở nơi đó. Dân sự của mẹ, tức là dân sự của tôi; Đức Chúa Trời của mẹ, tức là Đức Chúa Trời của tôi; mẹ thác nơi nào, tôi muốn thác và được chôn nơi đó."
Ruth 1:17
Khi Ru-tơ ở lại với Na-ô-mi, Ru-tơ hứa gì với Na-ô-mi?
Bà nói, "vì mẹ đi đâu, tôi sẽ đi đó; mẹ ở nơi nào, tôi sẽ ở nơi đó. Dân sự của mẹ, tức là dân sự của tôi; Đức Chúa Trời của mẹ, tức là Đức Chúa Trời của tôi; mẹ thác nơi nào, tôi muốn thác và được chôn nơi đó."
Ruth 1:19
Na-ô-mi trở về thị trấn nào?
Bà trở về Bết-lê-hem.
Ruth 1:20
Na-ô-mi muốn được gọi là gì và tại sao?
Bà muốn được gọi là "Cay đắng", vì bà tin rằng Đức Giê-hô-va đã đãi bà cách cay đắng lắm.
Ruth 1:22
Na-ô-mi và Ru-tơ đến Bết-lê-hem nhằm thời điểm nào trong năm?
Nhằm đầu mùa gặt lúa mạch.

Chapter 2

Ruth 2:1
Na-ô-mi có một người bà con bên chồng
Cụm từ này giới thiệu thông tin mới trước khi câu chuyện tiếp tục. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để giới thiệu thông tin mới.
Một người có quyền thế và giàu có
“Một người giàu có, xuất chúng.” Câu này có nghĩa là Bô-ô là một người giàu có và có danh tiếng tốt trong cộng đồng ông sống.
Ru-tơ, người Mô-áp
Đến đây câu chuyện lại bắt đầu. Bạn cần phải xem cách diễn đạt của bạn để bắt đầu trở lại câu chuyện sau khi bị gián đoạn.
Người Mô-áp
Đây là một cách khác để nói đến người phụ nữ thuộc bộ tộc hay đất nước Mô-áp.
ra ngoài ruộng để mót lúa
“thu lượm những hạt lúa rớt lại phía sau những thợ gặt”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hay là “nhặt những hạt lúa rớt lại phía sau những thợ gặt”

bông lúa

“phần đầu” hay là “phần thân.” “Bông lúa” là phần cây lúa có chứa hạt.

Theo sau người nào sẵn lòng cho con mót

Ru-tơ nói đến sự vui lòng trông đợi sự cho phép hay đồng ý. Tương tự câu “ai sẽ cho phép con mót lúa”

con gái ta

Ru-tơ quan tâm đến Na-ô-mi như thể bà là mẹ đẻ của cô. Hãy chắc rằng trong ngôn ngữ của bạn có thể sử dụng từ này cho ai đó không phải là con ruột.

Ruth 2:3

Nàng may mắn gặp được

Ru-tơ không nhận ra rằng cánh đồng mà cô đi mót lúa thuộc về họ hàng của Na-ô-mi là Bô-ô.

Lúc ấy, Bô-ô

Chữ “lúc ấy” báo hiệu cho chúng ta một sự kiện quan trọng là Bô-ô đang đến cánh đồng. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách đặc biệt để giới thiệu một sự kiện hay là những nhân vật quan trọng.

từ Bết-lê-hem đến

Các cánh đồng ở ngoài vùng Bết-lê-hem một khoảng cách chưa rõ.

ban phước cho ông

“ban cho ông những điều tốt lành” hay là “khiến ông hạnh phúc”

Ruth 2:5

Cô gái trẻ kia là con của ai thế?

Các nghĩa có thể của câu này là: 1) Bô-ô đang hỏi về chồng của Ru-tơ hay là 2) Bô-ô đang hỏi về ba mẹ hoặc người người giám hộ hiện tại của Ru-tơ.

trông coi

“phụ trách” hoặc “quản lý”

chòi

“lều” hay “chòi”. Đây là một lều hoặc chòi tạm trong cánh đồng để tránh nắng.

Ruth 2:8

Này con gái ta, hãy nghe

Câu này có thể được diễn đạt lại như một mệnh lệnh. Tương tự câu: “Hãy nghe ta nói, con gái ta!” hay là “Hãy chú ý kỹ điều ta nói với con, con gái ta!”

con gái ta

Đây là một cách xưng hô trìu mến dành cho một người phụ nữ trẻ hơn. Ru-tơ thực sự không phải là con đẻ của Bô-ô, vậy nên hãy cẩn thận để bản dịch không làm cho Ru-tơ bị hiểu lầm thành con của Bô-ô.

Xem họ gặt trong ruộng nào

Xem tượng trưng cho sự quan sát điều gì đó hoặc chú ý đến điều gì đó. Tương tự câu: “Chỉ quan sát cánh đồng” hay là “chỉ chú ý đến cánh đồng”

Ta há không cấm các đầy tớ ta ... con?

Bô-ô sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh điều ông đã làm để giúp Ru-tơ. Tương tự câu: “Ta đã ra lệnh nghiêm cấm các đầy tớ ta… con”

Đầy tớ trai ... và những tớ gái

“những người làm công nam… những người làm công nữ.” Chữ “đầy tớ ta” được dùng 3 lần nói đến những người nam trẻ đang gặt lúa trong cánh đồng. Một vài ngôn ngữ có thể nói điều này bằng một từ và họ dùng một từ khác mang nghĩa những người làm công nữ.

nước nơi bình của chúng sẽ múc cho

Múc nước có nghĩa là kéo nước từ giếng lên hay lấy nó từ bình chứa nước ra.

Ruth 2:10

nàng bèn sấp mình xuống dưới chân Bô-ô, cúi đầu đến đất

Đây là những hành động thể hiện sự kính trọng. Nàng đã bày tỏ sự kính trọng đến Bô-ô với lòng biết ơn về những điều mà ông đã làm cho nàng. Đó cũng là cử chỉ của lòng khiêm nhường.

Vì sao con được ơn trước mặt ông

Ru-tơ đang thật sự muốn hỏi.

người ngoại quốc

Ru-tơ đã cam kết trung thành với Đức Chúa Trời cách cá nhân, nhưng nàng được mọi người biết đến như là “Người Mô-áp.”

Nó đã được thuật lại cho ta nghe

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Người ta có thuật cho ta nghe” hoặc là “ Người ta đã nói cho ta biết”

để đi đến một dân tộc

Bô-ô đang nói đến việc Ru-tơ đã theo Na-ô-mi để đến ngụ tại một làng và một cộng đồng, một đất nước, một tôn giáo mà cô ất chưa hề biết đến.

báo đáp

"đền đáp lại cho con" hoặc là "đáp trả lại cho con"

điều con đã làm

Đây là một hành động của đức tin, lựa chọn sống với Na-ô-mi ở Bết-lê-hem và tin cậy nơi Đức Chúa Trời của Na-ô-mi.

Cầu xin Đức Giê-hô-va ban thưởng cho con dư dật

Đây là sự bày tỏ mang tính chất thi ca mang ý nghĩa tương tự câu trước. Tương tự câu: “Cầu xin Đức Giê-hô-va đền đáp lại dư dật cho con hơn những gì con đã làm”

đến núp dưới cánh

Bô-ô dùng hình ảnh của một con chim mẹ nhóm các chim con lại dưới cánh của mình để bảo vệ chúng, nhằm miêu tả đến sự bảo vệ của Đức Chúa Trời dành cho những ai tin cậy nơi Ngài. Tương tự câu: “Con sẽ tìm được nơi yên nghỉ trong sự an toàn chăm sóc của Ngài.”

Ruth 2:13

Nguyện con cứ được ơn trước mặt chúa

Ở đây nói đến việc cầu xin một ân huệ. Tương tự câu: “Hãy cho con được ơn từ ông” hay “Xin ông hãy nhận con”

Con không ngang hàng với các tớ gái chúa

Những nghĩa có thể là 1) Ru-tơ không phải là một trong những đầy tớ gái của Bô-ô hoặc là 2) Ru-tơ đã không nghĩ rằng cuộc hôn nhân của mình với con trai Na-ô-mi có thể đem lại cho cô ấy bất kỳ đặc ân nào tại Bết-lê-hem.

Ruth 2:14

Đến bữa ăn

Ở đây nói đến buổi ăn trưa.

lấy bánh chấm nước giấm mà ăn

Đây là một bữa ăn trưa đơn giản ở tại cánh đồng. Người ta ngồi trên đất ở chung quanh một miếng vải có chén giấm và đĩa bánh vụn. Họ sẽ chấm bánh vào chén giấm để thấm ướt nó và có thêm mùi vị trước khi ăn.

nước giấm

một dạng nước xốt để chấm bánh mì. Người Y-sơ-ra-ên thường lên men rượu để làm giấm.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ruth 2:15

Khi nàng đứng dậy đi mót, Bô-ô dặn bảo các đầy tớ

Trong ngữ cảnh của lời dặn, có lẽ là Ru-tơ đã đi ra xa và không còn nghe lời dặn bảo của Bô-ô. Tương tự câu: “Và khi Ru-tơ đứng dậy đi mót, Bô-ô dặn bảo các đầy tớ nam cách riêng tư”

Khi nàng đứng dậy

"Khi cô ấy đứng dậy"

dù có mót giữa các bó lúa

"dù" ở đây nói đến “ở trên hay vượt xa hơn điều mà một người bình thường làm.” Bô-ô dặn bảo các đầy tớ ông hãy để cho Ru-tơ mót quanh các bó lúa. Người mót lúa thường bị cấm không cho ở gần chỗ gặt lúa.

cũng hãy rút vài gié trong bó lúa bỏ rớt cho nàng mót

“rút một vài gié lú ra khỏi bó và để cho nàng” hoặc là “để lại đằng sau các gié lúa để nàng lượm”

Đừng trách móc nàng điều gì

“Đừng làm cho nàng xấu hổ” hay là “đừng làm nàng hổ thẹn”

Ruth 2:17

đập lúa

Nàng tách phần hạt ăn được khỏi vỏ và thân cây, là những phần bỏ đi.

lúa mạch

Cụm từ này nói đến phần hạt ăn được.

Được chừng một ê-pha lúa mạch

“khoảng 13 ký lúa mạch”

Nàng vác lúa trở vào trong thành

Câu này ngụ ý rằng Ru-tơ vác lúa mạch về nhà.

Mẹ chồng nàng thấy

mẹ chồng nàng thấy

Ruth 2:19

Hôm nay con mót lúa ở đâu? Con làm việc ở đâu?

Na-ô-mi hỏi điều giống nhau bằng hai cách khác nhau để chỉ ra rằng bà rất quan tâm đến việc đã xảy ra với Ru-tơ hôm đó.

Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho Bô-ô

Na-ô-mi đang cầu xin Đức Chúa Trời ban thưởng cho Bô-ô vì lòng tốt của ông dành cho Ru-tơ và chính bà.

vì Ngài không ngớt làm ơn

“Ngài tiếp tục giữ lòng thành tín.” Các nghĩa có thể là 1) Bô-ô nhớ đến trách nhiệm của ông với Na-ô-mi như là một thành viên của dòng tộc hay là 2) Na-ô-mi đang nói đến Đức Giê-hô-va đang hành động qua Bô-ô hoặc là 3) Đức Giê-hô-va tiếp tục bày tỏ sự thành tín cho người sống và kẻ chết.

cho người sống

“cho những người đang sống”. Na-ô-mi và Ru-tơ là những người “đang sống.”

kẻ chết

“những người đã chết.” Chồng và các con của Na-ô-mi là những “kẻ chết.”

Là bà con của chúng ta, là một trong những người có quyền chuộc lại sản nghiệp của chúng ta

Người có quyền chuộc lại sản nghiệp

Người bà con có quyền chuộc lại sản nghiệp

Người có quyền chuộc lại sản nghiệp

Ruth 2:21

Ông ấy còn nói với con rằng

“Thậm chí ông ấy còn nói với con rằng.” Câu này bày tỏ rằng những điều sau đó là những lời quan trọng nhất của Bô-ô dành cho Ru-tơ.

Hãy ở với các đầy tớ ta

Bô-ô đang nói đến sự bảo vệ về thân thể mà các người đầy tớ của ông có thể làm.

đi theo

“làm việc cùng”

gặp rắc rối

Các nghĩa có thể ở đây là 1) Những người làm công có thể lạm dụng Ru-tơ hoặc bắt giữ nàng và ngủ với nàng hoặc là 2) Ở cánh đồng khác, người chủ có thể gây trở ngại hoặc ngăn không cho cô mót lúa cho đến cuối vụ gặt.

Ruth 2:23

Ru-tơ ở với

Ru-tơ làm việc trong những cánh đồng của Bô-ô cùng với những người làm công của ông suốt ngày, nên cô được an toàn.

Nàng sống với mẹ chồng mình

theo luật

Translation Questions

Ruth 2:1

Mối quan hệ giữa chồng quá cố của Na-ô-mi và Bô-ô là gì?

Họ là người bà con.

Ruth 2:2

Khi lần đầu tiên Ru-tơ đi ra ngoài đặng lượm mót, Ru-tơ nói bà sẽ theo ai trong khi mót lúa?

Bà nói bà sẽ theo ai sẵn lòng cho bà mót.

Ruth 2:3

Mối quan hệ giữa chồng quá cố của Na-ô-mi và Bô-ô là gì?

Họ là người bà con.

Ruth 2:4

Bô-ô chào gì với các con gặt của ông?

Ông nói, "Nguyện Đức Giê-hô-va ở cùng các ngươi!"

Ruth 2:5

Bô-ô muốn biết gì về Ru-tơ?

Ông muốn biết bà là con của ai.

Ruth 2:8

Bô-ô bảo gì với Ru-tơ về việc mót lúa?

Ông nói, "Hãy ở cùng các tớ gái ta."

Ruth 2:9

Bô-ô bảo gì với Ru-tơ về việc mót lúa?

Ông nói, "Hãy ở cùng các tớ gái ta."

Ruth 2:10

Sau khi được hướng dẫn một cách thiện chí, Ru-tơ hỏi Bô-ô điều gì?

Bà hỏi, "Vì duyên cớ nào tôi được ơn trước mặt ông?"

Ruth 2:11

Bô-ô có nghe về việc lành nào về Ru-tơ?

Ông có nghe rằng Ru-tơ đã lìa gia đình mình đặng theo Na-ô-mi.

Ruth 2:12

Bô-ô nói Ru-tơ đã được che chở dưới cánh của ai?

Ru-tơ đã được che chở dưới cánh của Đức Giê-hô-va.

Ruth 2:15

Bô-ô bày tỏ thêm thiện chí gì với Ru-tơ khi họ quay trở lại làm việc sau giờ ăn?

Ông cho phép Ru-tơ mót lúa giữa các bó lúa, và ra lệnh cho

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

các con gặt phải rút vài gié lúa trong bó lúa.
Ruth 2:16
Bô-ô bày tỏ thêm thiện chí gì với Ru-tơ khi họ quay trở lại làm việc sau giờ ăn?
Ông cho phép Ru-tơ mót lúa giữa các bó lúa, và ra lệnh cho các con gặt phải rút vài gié lúa trong bó lúa.
Ruth 2:19
Khi Na-ô-mi thấy Ru-tô đem về một lượng lớn lúa, bà hỏi gì?
Bà hỏi, "Ngày nay, con có mót ở đâu?"
Ruth 2:20
Mối quan hệ giữa chồng quá cố của Na-ô-mi và Bô-ô là gì?
Họ là người bà con.
Na-ô-mi chúc Bô-ô điều gì khi bà nghe rằng Bô-ô đã giúp Ru-tơ?
Bà nói, "Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho người"
Na-ô-mi cho rằng ai giờ đây đã ban những điều tốt lành cho bà?
Bà quy về Đức Giê-hô-va.
Ruth 2:22
Tại sao Na-ô-mi cho rằng việc Ru-tơ làm chung với các tớ gái của Bô-ô là tốt?
Bằng cách đó, Ru-tơ sẽ không bị hại ở bất kỳ ruộng nào khác.
Ruth 2:23
Ru-tơ làm gì cho đến hết mùa gặt lúa mạch?
Bà mót với các công nhân của Bô-ô và sống với Na-ô-mi.

Chapter 3
Ruth 3:1
mẹ chồng
Theo luật
Con gái của mẹ
Ru-tơ trở thành con gái của Na-ô-mi vì cưới con trai bà và bởi vì những hành động sau này của nàng khi chăm sóc cho Na-ô-mi sau khi trở về Bết-lê-hem.
Lẽ nào mẹ không lo cho con một chỗ an thân?
Na-ô-mi sử dụng câu hỏi này để nói với Ru-tơ điều bà dự định làm. Tương tự câu: “Mẹ phải kiếm một chỗ an thân cho con!” hoặc là “Mẹ phải tìm cho con một người chồng để chăm sóc con!”
một chỗ an thân
Các nghĩa có thể là 1) về nghĩa đen là tìm một căn nhà cho nàng sống hoặc là 2) về nghĩa bóng là tìm một người chồng để chăm sóc cho nàng. Na-ô-mi có lẽ có cả hai ý định trong đầu.
các tớ gái mà con đã đi theo
"các người làm công nữ mà con đang cùng làm việc”
chẳng phải là bà con của chúng ta sao?
Na-ô-mi dùng câu hỏi này có lẽ để nhắc cho Ru-tơ nhớ về điều mà bà đã nói với nàng trước đó. Tương tự câu: “ông ấy là người bà con với chúng ta.”
Này
Thuật ngữ này báo hiệu rằng những câu tiếp theo là rất quan trọng.
sảy lúa mạch
Sảy lúa mạch có nghĩa là tách hạt lúa từ vỏ bằng việc hất tung lên cả hạt thóc và vỏ trên không khí, và để cho gió thổi bay vỏ đi.
Ruth 3:3
xức dầu thơm
Ở đây có thể nói đến việc thoa dầu có mùi hương dễ chịu lên ai đó, giống như phụ nữ ngày hôm nay dùng nước hoa vậy.
đi xuống sân đập lúa
Ở đây nói đến việc rời khỏi thành và đi về hướng khu vực đập lúa.
giở mền dưới chân ông
Ở đây có nghĩa là dời bỏ áo choàng hay tấm mền mà ông đang đắp chân để chúng phơi trần ra và bị lạnh.
nằm xuống
"nằm xuống ngay dưới chân ông"
Chính ông sẽ nói điều gì con phải làm
Phong tục đặc trưng vào lúc bấy giờ không được minh bạch lắm, nhưng ở đây được hiểu như là một cách thừa nhận văn hóa để một người nữ đến nói chuyện với một người nam rằng cô ấy sẵn sàng kết hôn với người ấy. Bô-ô sẽ hiểu phong tục này mà chấp nhận hoặc là khước từ lời đề nghị của cô ấy.
Chính ông sẽ
"Khi thức giấc, chính ông sẽ "
Ruth 3:6
trong lòng khoan khoái
"ông thấy thoải mái" hoặc là "ông đang có tâm trạng tốt." Nó không có ý nói rằng Bô-ô đã uống quá chén.
ru-tơ đi nhè nhẹ đến
"nàng nhẹ nhàng bước đến" hoặc là "nàng yên lặng bước đến để không ai có thể nghe thấy cô ấy"
giở mền dưới chân ông ấy
"dời bỏ tấm mền khỏi chân ông"
nằm xuống
"nằm xuống tại chân ông"
Ruth 3:8
Xảy đến
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt điều này, bạn có thể xem cách sử dụng nó ở đây.
nửa đêm
"vào lúc giữa đêm"
giật mình
Không rõ rằng điều gì đã làm Bô-ô giật mình. Có thể là ông bỗng nhiên cảm thấy lạnh nơi chân.
trở giấc
Ông đã nhìn và trông thấy điều gì đã làm ông giật mình.
một phụ nữ nằm dưới chân mình
Người phụ nữ đó là Ru-tơ, nhưng Bô-ô không thể nhận ra nàng trong bóng tối.
tớ gái ông
Ru-tơ nói cách khiêm tốn với Bô-ô.
Xin ông đắp mền trên tớ gái ông
Đây là một cách thể hiện văn hóa trong việc kết hôn. Tương tự câu: “Hãy cưới tôi”
người bà con gần
Một người họ hàng thân thuộc có trách nhiệm đặc biệt đối với gia đình mở rộng của họ.
Ruth 3:10
con gái ta
Bô-ô sử dụng cách diễn đạt này như là một biểu hiện của lòng tôn trọng đối với Ru-tơ là một người nữ trẻ tuổi hơn.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

việc hiếu nghĩa của con làm lần nầy còn lớn hơn lần trước
"lần nầy còn tử tế hơn lần trước"
việc hiếu nghĩa của con làm lần nầy còn lớn hơn
Ở đây ý nói đến việc Ru-tơ cầu xin Bô-ô cưới nàng. Khi kết hôn với người bà con của Na-ô-mi, Ru-tơ sẽ có thể lo liệu cho Na-ô-mi cũng như bày tỏ lòng hiếu nghĩa to lớn dành cho Na-ô-mi.
lần trước
Ở đây nón đến cách mà Ru-tơ đã lo liệu cho mẹ chồng của nàng trước đó bằng việc ở với bà và mót lúa kiếm lương thực cho cả hai.
vì con chẳng chạy theo
"con không mưu cầu việc kết hôn với." Ru-tơ có thể phớt lờ nhu cầu của bà Na-ô-mi để tìm kiếm cho mình một người chồng không thuộc về dòng họ của Na-ô-mi.
Ruth 3:12
một người bà con khác gần hơn ta
Đây là trách nhiệm của một người nam bà con gần nhất để có thể giúp đỡ người góa phụ.
nếu ông ấy không muốn chuộc sản nghiệp con lại
"nếu ông ấy không cưới người góa phụ của bà con ông và nhận làm cha của những đứa con cho người bà con đã chết"
chỉ Đức Giê-hô-va hằng sống mà thề rằng
"Chắc chắn như là Đức Giê-hô-va hằng sống." Đây là một lời thề thông thường của người Do Thái.
Ruth 3:14
nàng ngủ dưới chân của ông
Ru-tơ ngủ dưới chân Bô-ô. Họ đã không quan hệ nam nữ cùng nhau.
trước khi hai người ta có thể nhận ra nhau
Thời điểm này trong ngày có thể được nói đến như là đêm tối. Tương tự câu: “trong khi trời còn tối”
vạt áo choàng
Một mảnh vải được mặc choàng qua vai
sáu đấu lúa mạch
Số lượng thật sự không được đề cập đến rõ ràng. Nó đủ để được cho là rộng lượng, những vừa đủ nhỏ để Ru-tơ có thể tự mình mang đi. Một số người nghĩ rằng nó khoảng chừng 30 ký.
trút cho nàng
Số lượng lúa mạch quá nhiều đến nỗi Ru-tơ cần giúp đỡ để nhận lấy nó và mang đi.
Sau đó, ông trở vào thành
Hầu hết những người xưa viết lại là “ông trở vào,” nhưng cũng có một số người viết là “nàng trở vào.” Có cả hai bản tiếng Anh dịch khác nhau như vậy. Lựa chọn tốt nhất là “ông trờ vào.”
Ruth 3:16
Việc thế nào rồi,con của mẹ?
Điều mà Ru-tơ hiểu được qua câu hỏi này có thể được làm sáng tỏ hơn. Tương tự câu: “Điều gì đã xảy ra vậy, con gái của mẹ?” hoặc là “Bô-ô đã hành động thế nào với con?”
mọi điều Bô-ô đã làm cho mình
"mọi điều mà Bô-ô đã làm"
Con chớ trở về cùng mẹ chồng với hai tay không
"Đừng đi với hai tay không" hoặc là "Đừng đi mà không đem theo gì" hay "Hãy chắc rằng con phải đem theo thứ gì"
giải quyết việc nầy
Ở đây nói đến việc quyết định ai sẽ là người chuộc sản nghiệp của Na-ô-mi và cưới Ru-tơ làm vợ.

Translation Questions

Ruth 3:1
Na-ô-mi nói mà ao ước gì cho Ru-tơ?
Bà ước Ru-tơ tìm được một chỗ nghỉ ngơi, và nàng sẽ được phước hạnh.
Ruth 3:3
Na-ô-mi bảo Ru-tơ làm gì trước khi đi xuống sân đạp lúa?
Bà bảo nàng phải tắm rửa, xức dầu và mặc quần áo.
Ruth 3:4
Ru-tơ phải làm gì khi bà đến nơi Bô-ô đang ngủ?
Bà phải dở mền dưới chơn người và nằm xuống.
Ruth 3:5
Ru-tơ có thái độ gì với lời chỉ dẫn của Na-ô-mi?
Bà sẵn sàng làm theo lời hướng dẫn của Na-ô-mi.
Ruth 3:8
Vào nửa đêm, Bô-ô ngạc nhiên khi thấy gì?
Ông ngạc nhiên khi thấy có một người phụ nữ nằm dưới chân mình!
Ruth 3:9
Ru-tơ yêu cầu Bô-ô làm gì?
Bà nói, "Xin đắp mền ông trên kẻ tớ gái ông, vì ông có quyền chuộc sản nghiệp tôi."
Ruth 3:10
Tại sao Bô-ô xin Đức Giê-hô-va ban phước cho Ru-tơ?
Vì Ru-tơ theo Bô-ô chứ chẳng theo những gã trai trẻ.
Ruth 3:11
Bô-ô nói ông sẽ làm gì đối với yêu cầu của Ru-tơ?
Ông nói ông sẽ làm bất cứ điều gì bà xin.
Ruth 3:12
Bô-ô gặp trở ngại nào trong việc ngay lập tức thực hiện phần của người bà con cho Ru-tơ?
Có một người bà con khác gần hơn Bô-ô.
Ruth 3:13
Bô-ô định quyết định thế nào về người thực hiện vai trò người bà con cho Ru-tơ?
Nếu người bà con gần nhất sẵn sàng, người đó sẽ thực hiện nghĩa vụ của người bà con, nhưng nếu người đó không sẵn sàng, Bo-ô sẽ là người bà con.
Ruth 3:14
Tại sao Ru-tơ rời khỏi sân đạp lúa sớm trước khi bất cứ ai có thể phát hiện bà?
Vì Bô-ô nói rằng người ta không nên biết là bà đã đến sân đạp lúa.
Ruth 3:15
Bô-ô ban cho Ru-tơ món quà gì trước khi bà rời sân đạp lúa?
Ông giao cho bà sáu đấu lúa mạch.
Ruth 3:18
Na-ô-mi chắc chắn rằng Bô-ô sẽ giải quyết vấn đề vào lúc nào?
Ông sẽ giải quyết điều đó vào cuối ngày trong ngày hôm đó.

Chapter 4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ruth 4:1

cổng thành

"cổng của thành" hoặc là "cổng của Bết-lê-hem." Đây là lối vào chính của thành lũy Bết-lê-hem. Ở đây có một sân rộng cạnh cổng được dùng để làm nơi hội họp nhằm bàn luận những vấn đề chung.

người có quyền chuộc sản nghiệp

Đây là người bà con gần nhất còn sống của Ê-li-mê-léc.

các trưởng lão của thành

“Những lãnh đạo của thành”

Ruth 4:3

Na-ô-mi ... có rao bán miếng đất

Trách nhiệm của người bà con là phải mua lại miếng đất của người họ hàng mình và chăm sóc cho gia đình của người đó. Trong trường hợp này, điều đó có nghĩa là người bà con đó phải mua đất của Na-ô-mi, cưới Ru-tơ và chăm sóc cho Na-ô-mi.

trước sự chứng kiến của

Điều này làm cho việc bàn bạc và giải quyết được hợp pháp và ràng buộc với nhau.

mua sản nghiệp đó

Ở đây có nghĩa là mua miếng đất để giữ nó lại trong gia đình họ.

Sau anh, quyền này thuộc về tôi

Bô-ô là người bà con kế tiếp có quyền chuộc lại miếng đất.

Ruth 4:5

Khi mua ruộng... thì anh cũng

Bô-ô diễn đạt điều này để thông báo cho họ hàng của ông về trách nhiệm đi kèm mà người ấy phải làm nếu mua miếng đất.

từ tay Na-ô-mi

“từ quyền sở hữu của Na-ô-mi.”

anh cũng thay cho Ru-tơ

“Anh cũng phải cưới Ru-tơ”

Ru-tơ ... vợ của người quá cố

“Ru-tơ ... vợ góa của con trai Ê-li-mê-léc”

để lưu danh người quá cố

“Để nàng có thể sinh một con trai nhằm thừa hưởng gia sản và tiếp tục lưu danh người chồng quá cố của nàng” (UDB)

làm hại đến sản nghiệp của tôi

Ông ấy sẽ phải mất đi một phần tài sản của mình cho con của Ru-tơ nếu bà sanh nó ra.

xin anh hãy thay tôi chuộc sản nghiệp ấy

“Xin chính anh hãy chuộc sản nghiệp ấy” hoặc là “Xin anh hãy chuộc sản nghiệp ấy thay tôi.”

Ruth 4:7

Ngày xưa

“Thời xưa.” Câu này có ý nói rằng các tục lệ đã thay đổi từ khi câu chuyện diễn ra cho tới khi cuốn sách được viết.

giày

“dép có quai”

Người có quyền chuộc sản nghiệp

Ở đây nói đến người đồng ý trao đổi với ông. Trong hoàn cảnh này thì người bà con gần đưa cho Bô-ô giày của mình.

Ruth 4:9

Các trưởng lão và cả dân chúng

Cụm từ này nói đến tất cả những người đang có mặt tại nơi họp mặt, không phải mọi người trong thành.

mọi tài sản thuộc về Ê-li-mê-léc, và tất cả những gì thuộc về Ki-li-ôn và Mạc-lôn

Câu này nói đến tất cả đất và những tài sản của người chồng và các con trai đã chết của Na-ô-mi.

từ tay Na-ô-mi

Tay của Na-ô-mi là đại diện cho Na-ô-mi. Bà chịu trách nhiệm về việc trao đổi tiền bạc. Tương tự câu: “Từ Na-ô-mi”

để lưu danh người quá cố trên sản nghiệp người ấy

Con trai đầu lòng mà Ru-tơ sinh ra sẽ được xem là con hợp pháp của Mạc-lôn và sẽ thừa hưởng vùng đất mà Bô-ô đã mua từ Na-ô-mi. Tương tự câu: “Để tôi có thể cho nàng ấy một đứa con trai là người sẽ thừa hưởng tài sản của người quá cố.”

hầu cho danh người quá cố không bị mai một giữa anh em và quê hương mình

Bị lãng quên được nói đến như là tên của một người bị mai một khỏi danh sách những người đã từng sống trước đây. Tương tự câu: “để ông ấy không bị quên lãng bởi dòng dõi của anh em mình và người dân trong thành này.”

ở cổng thành

Cổng thành là nơi các quyết định hợp pháp quan trọng được ban ra, như là những quyết định về việc ai là chủ sở hữu miếng đất.

Ruth 4:11

tất cả mọi người ở cổng thành

“những người đang họp nhau ở gần cổng.”

vào nhà anh

Câu này có nghĩa đen và nghĩa bóng. Khi Ru-tơ cưới Bô-ô, nàng sẽ chuyển vào nhà của Bô-ô. Ngôi nhà cũng là tượng trưng cho việc trở thành một phần của gia đình Bô-ô vì trở thành vợ ông.

Giống như Ra-chên và Lê-a

Đây là hai người vợ của Gia-cốp, người đã được đổi tên thành Y-sơ-ra-ên.

đã xây dựng nhà Y-sơ-ra-ên

“đã sinh nhiều đứa trẻ để trở thành dân tộc Y-sơ-ra-ên”

chúc cho anh được thịnh vượng ở Ép-ra-ta

Ép-ra-ta là tên của gia tộc mà Bô-ô là thành viên ở Bết-lê-hem.

Nhà anh giống như nhà

Đức Chúa Trời ban phước dư dật cho Giu-đa qua con của ông là Pha-rết. Mọi người đang cầu xin Đức Chúa Trời ban phước cho Bô-ô tương tự như vậy qua các con của Ru-tơ.

Tha-ma đã sinh cho Giu-đa

Tha-ma cũng là một góa phụ. Giu-đa có một con trai với bà để tiếp tục nối dõi.

Nguyện dòng dõi mà Đức Giê-hô-va ban cho anh qua

Đức Giê-hô-va sẽ ban cho Bô-ô con cái qua Ru-tơ.

Ruth 4:13

Bô-ô cưới Ru-tơ làm vợ

“Bô-ô cưới Ru-tơ” hay là “Bô-ô lấy Ru-tơ làm vợ.”

Khi họ ăn ở với nhau

“Ông và Ru-tơ có quan hệ nam nữ với nhau”

Hôm nay Ngài chẳng từ chối ban cho bà một cháu trai, có quyền chuộc lại sản nghiệp

“Hôm nay Ngài đã ban cho bà một người có quyền chuộc sản nghiệp rất tốt”

Nguyện cháu được nổi danh

Ở đây nói đến sự nổi tiếng và tên tuổi của cháu trai Na-ô-mi.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đứa bé ấy sẽ an ủi lòng bà
Cụm từ này có lẽ nói đến việc Na-ô-mi sẽ kinh nghiệm được trở lại niềm vui và sự hy vọng trong cuộc đời của bà khi bà có một đứa cháu trai mới được sinh ra. Tương tự câu: “Người sẽ đem trở lại niềm vui cho bà” hay “Người sẽ khiến bà thấy trẻ lại” (UDB)
nuôi dưỡng bà lúc về già
“Đứa bé ấy sẽ chăm sóc bà lúc già.” (UDB)
quý hơn bảy con trai
“Số bảy” là con số trọn vẹn của người Hê-bơ-rơ. Cả hai con trai của Na-ô-mi đều đã chết trước khi họ sinh con, nhưng Ru-tơ đã sinh một cháu trai cho Na-ô-mi nhờ Bô-ô. Tương tự câu: “Quý hơn bất kỳ đứa con trai nào.”
Ruth 4:16
Na-ô-mi bồng đứa trẻ
Ở đây nói rằng Na-ô-mi giữ đứa trẻ. Hãy chắc rằng câu này không giống như là bà lấy nó khỏi tay Ru-tơ.
Để vào lòng mình
“Giữ đứa bé sát vào ngực bà.” Đây là một sự bày tỏ tình yêu và cảm xúc dành cho đứa bé.
Một bé trai đã sinh cho Na-ô-mi
“Đứa bé này giống như con trai của Na-ô-mi.” “Mọi người hiểu rằng đứa bé là cháu trai của Na-ô-mi chứ không phải con đẻ của bà.
ông nội của Đa-vít
“ông nội của vua Đa-vít.” Dù rằng từ “vua” không được nói đến, nhưng rõ ràng là với những đọc giả từ ban đầu thì Đa-vít là Vua Đa-vít.
Ruth 4:18
dòng dõi của Pha-rết
“những hậu tự kế tiếp.” Bởi vì điều đó đã được nhắc đến trước đó rằng Pha-rết là con trai của Giu-đa, người viết tiếp tục lên danh sách của dòng dõi của Pha-rết.
Hết-rôn ... Ram

Translation Questions

Ruth 4:1
Bô-ô đến đâu để giải quyết vấn đề về việc xác định ai sẽ là người bà con cho Ru-to8?
Ông đến cổng thành.
Ruth 4:2
Bô-ô bảo ai phải ngồi làm nhân chứng?
Ông chọn mười người trong các trưởng lão của thành.
Ruth 4:3
Bô-ô trước tiên yêu cầu người bà con phải chuộc gì nếu họ muốn?
Ông yêu cầu người đó phải chuộc miếng đất của Ê-li-mê-léc.
Ruth 4:4
Bô-ô trước tiên yêu cầu người bà con phải chuộc gì nếu họ muốn?
Ông yêu cầu người đó phải chuộc miếng đất của Ê-li-mê-léc.
Người bà con kia trả lời gì?
Ông nói, "Tôi sẽ chuộc."
Ruth 4:5
Bô-ô yêu cầu người bà con kia thêm về điều gì?
Ông bảo người đó cũng phải cưới Ru-tơ nhằm danh của Ê-li-mê-léc sẽ tiếp tục đi cùng với sản nghiệp của họ.
Ruth 4:6
Sau việc này, người bà con kia trả lời gì?
Ông ấy nói, "Tôi không chuộc lại được."
Tại sao người bà con kia nói rằng ông ấy không thể là Đấng cứu chuộc?
Vì điều đó sẽ làm tổn hại đến sản nghiệp của ông.
Ruth 4:8
Người bà con kia làm gì để chứng minh rằng Bô-ô sẽ là người giải cứu?
Ông cởi giày và đưa nó cho Bô-ô.
Ruth 4:9
Bô-ô nhắc các trưởng lão rằng họ đã chứng kiến hai sự thỏa thuận gì?
Họ đã làm chứng rằng Bô-ô đã giết tất cả những người thuộc về Ê-li-mê-léc, và ông cũng muốn Ru-tơ làm vợ.
Ruth 4:10
Bô-mô nhắc các trưởng lão rằng họ đã chứng kiến hai thỏa thuận gì?
Họ làm chứng rằng Bô-ô đã mua mọi thứ của Ê-li-mê-léc, và rằng ông được cưới Ru-tơ làm vợ.
Ruth 4:12
Dân sự muốn Bô-ô nhận phước lành nào?
Dân sự khao khát ông sẽ bởi Ru-tơ mà có con cái.
Ruth 4:15
Tại sao những người nữ nói rằng Ru-tơ giỏi hơn bảy con trai của Na-ô-mi?
Vì Ru-tơ có lòng yêu Na-ô-mi, và vì Ru-tơ đã sanh cho Na-ô-mi một cháu trai.
Ruth 4:16
Mối quan hệ giữa Na-ô-mi và các con của Ru-tơ là gì?
Na-ô-mi trở thành người nuôi đứa trẻ ấy.
Ruth 4:17
Tên con trai của Ru-tơ là gì?
Tên con trai ấy là Ô-bết.
Ai phải là người vâng lời cha mẹ và ông bà?
Ô-bết là cha của Gie-sê và ông nội của David.

Chapter 1
1 Samuel 1:1
Ra-ma-tha-im-Xô-phim
Đây là tên của một ngôi làng nhỏ, nằm về phía tây bắc Giê-ru-sa-lem, cách khoảng tám ki-lô-mét.
Ên-ca-na ... Giê-rô-ha ... Ê-li-hu… Tô-hu… Xu-phơ
Đây đều là tên của nam.
Phê-ni-na
Đây là tên của một người nữ.
1 Samuel 1:3
Người nầy
"Người nấy” chỉ về Ên-ca-na.
Ê-li, Hóp-ni và Phi-nê-a
Đây đều là tên của nam.
1 Samuel 1:5
An-ne
Tên của một người nữ. Hãy dịch giống như trong [1SA 1:1]
Đối thủ của bà cứ chọc tức bà
Người vợ kia thường khiến An-ne đau buồn và xấu hổ.
khiến bà không sinh con được
"khiến bà hiếm muộn” hoặc “không cho bà có con”
1 Samuel 1:7
đối thủ của bà
Chính là Phê-ni-na, một người vợ khác của Ên-ca-na. Đối thủ là một người ganh đua, cạnh tranh với người khác.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong trường hợp nầy, Phê-ni-na đang ganh đua với An-ne, gắng sức khiến Ên-Ca-na yêu thương mình nhất.

An-ne, sao mình khóc? Sao không chịu ăn? Sao lòng mình buồn rầu thế? Tôi không quý cho mình hơn mười đứa con trai sao?

Có thể dịch những câu hỏi nầy thành những câu khẳng định, nếu cần. Tham khảo cách dịch: “An-ne, mình không nên than khóc làm gì. Mình hãy ăn uống và vui mừng lên bởi vì so với mười đứa con trai thì tôi còn tốt cho mình hơn” hoặc “Không có gì mình phải buồn rầu hết. Tôi bênh vực mình và như vậy là đủ rồi”

hơn mười đứa con trai

Ên-ca-na dùng cách diễn đạt nầy để nhấn mạnh đối với ông bà An-ne quan trọng đến mức nào. Tham khảo cách dịch: “hơn bất kỳ đứa con trai nào”

1 Samuel 1:9

Thông tin chung:

An-ne bắt đầu kêu cầu Đức Giê-hô-va, và Ê-li quan sát bà.

An-ne đứng dậy sau khi

Có thể nói rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Có thể lều của bà An-ne gần bên Lều Tạm hoặc bà từ chỗ lều của mình đi đến Lều Tạm để cầu nguyện. Tham khảo cách dịch: “An-ne đứng dậy và đi đến nhà Đức Giê-hô-va để cầu nguyện sau khi”

Lúc ấy, thầy tế lễ Ê-li

Từ "lúc ấy” được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến câu chuyện. Ở đây, tác giả đang kể về một nhân vật mới trong câu chuyện. Người nầy chính là thầy tế lễ Ê-li.

đền thờ của Đức Giê-hô-va

Ở đây, “đền thờ” thật ra là một cái lều, nhưng đó là nơi dân sự thờ phượng Đức Giê-hô-va, vậy nên ở đây tốt nhất là dịch nầy thành từ “đền thờ”.

Bà rất đau buồn

An-ne rất khổ sở hoặc đau buồn vì không có con và còn thường xuyên bị Phê-ni-na, vợ khác của chồng mình, chế giễu.

1 Samuel 1:11

Thông tin chung:

Lời cầu nguyện của An-ne tiếp tục.

nỗi sầu khổ của tôi tớ Ngài

Cụm từ nầy chỉ về việc 1) An-ne không có khả năng mang thai hoặc 2) cách Phê-ni-na thường xuyên nhục mạ bà. Danh từ “nỗi sầu khổ” có thể dịch thành một cụm động từ. Tham khảo cách dịch: “con chịu khổ thế nào vì con không thể mang thai được” hoặc “cách người phụ nữ kia đang làm khổ con”.

nhớ đến con

Đây là lời cầu xin Đức Chúa Trời hành động thay cho An-ne. Đức Chúa Trời biết rõ chuyện gì đang xảy ra với An-ne; Ngài không hề quên.

không quên tôi tớ Ngài

Cụm từ nầy gần như nói cùng một ý với cụm "nhớ đến con."

1 Samuel 1:12

Ê-li quan sát bà

Ê-li là thầy tế lễ thượng phẩm, nên ông có mặt trong Đền Tạm của Đức Chúa Trời và chịu trách nhiệm về nó.

1 Samuel 1:15

Tôi là một phụ nữ có tâm thần sầu khổ

"Tôi là một phụ nữ đang sầu khổ lắm”

dốc đổ linh hồn tôi trước mặt Đức Giê-hô-va

Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa “giãi bày những cảm xúc sâu thẩm của tôi cùng Đức Giê-hô-va”

tôi tớ Ngài

An-ne xưng mình ở một thân phận khác để bày tỏ sự hèn mọn của mình.

Tôi đang nói ra một loạt những lo lắng và bực tức của mình

Đây là một cách khác để nói rằng bà có một “tâm thần sầu khổ”, như trong 1:15. Danh từ “một loại”, “nỗi lo lắng” và “sự bực tức” có thể chuyển sang dạng tính từ và động từ. Tham khảo cách dịch: “Tôi nói bởi vì tôi buồn bực lắm, còn đối thủ của tôi thì trêu chọc tôi nhiều lắm”

lo lắng và buồn bực

Cả hai từ nầy đều có nghĩa là An-ne đang buồn và bực bởi vì đối thủ của bà cứ trêu chọc bà.

lo lắng

Phê-ni-na chọc tức và quấy rầy bà.

buồn bực

An-ne đang nói về nỗi buồn khổ và xấu hổ của mình vì Phê-ni-ê đối với bà rất tàn nhẫn.

1 Samuel 1:17

Vậy, Ê-li trả lời

Ê-li là thầy tế lễ trưởng ở tại Đền Tạm.

tôi tớ Ngài

An-ne nói về mình như thể bà đang nói đến một người khác nhằm bày tỏ sự tôn trọng đối với Ê-li, tức là thầy tế lễ trưởng.

và ăn uống, vẻ mặt nàng

Ở đây, “vẻ mặt” là phép hoán dụ để cho chính An-ne. Nếu cần, bạn có thể dịch câu nầy thành hai câu riêng biệt. Tham khảo cách dịch: “và ăn uống. Nàng” hoặc “và ăn uống. Người ta có thể thấy rằng nàng”

1 Samuel 1:19

nhớ đến bà

Đức Chúa Trời biết những chuyện xảy ra với An-ne, Ngài không hề quên. Những từ tương tự xuất hiện trong 1SA 1:11.

An-ne có thai

"An-ne mang thai”

1 Samuel 1:21

nhà mình

Từ “nhà” là một phép hoán dụ để chỉ những người trong trong nhà đó. Tham khảo cách dịch: “gia đình mình”

được cai sữa

ngừng uống sữa và bắt đầu chỉ ăn những loại thức ăn cứng.

nó có thể ra mắt trước Đức Giê-hô-va và ở đó mãi mãi

An-ne đã hứa với Đức Chúa Trời rằng bà sẽ để Sa-mu-ên sống và làm việc cùng với thầy tế lễ Ê-li trong đền thờ. (1SA 1:11).

cho con trai mình bú

"cho con trai mình bú sữa”

1 Samuel 1:24

ê-pha

Một ê-pha tương đương với khoảng 22 lít đồ khô.

bầu

Rượu được giữ trong một cái bầu làm bằng da thú, không phải trong chai thủy tinh.

1 Samuel 1:26

Bà nói: “Ôi, chúa tôi! Thật như ông đang sống, thưa chúa tôi!

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây, cách nói “Thật như ông đang sống” cho thấy bà An-ne đang rất thành thật. Tham khảo cách dịch: “Thưa ông, những điều tôi sắp nói với ông đây chắc chắn là thật”

đã ban cho tôi điều tôi đã cầu xin Ngài

An-ne đang ví lời cầu xin như một vật mà người nầy có thể cầm đưa cho người khác, và bà nói về lời cầu xin như thể nó là câu trả lời cho lời cầu xin của bà. Danh từ “lời cầu xin” có thể được dịch thành một động từ. Tham khảo cách dịch: “đã bằng lòng thực hiện điều tôi đã cầu xin Ngài”

ông thờ phượng Đức Giê-hô-va

"Ông” ở đây chỉ về Ên-ca-na, nhưng bản dịch tiếng Anh UDB và nhiều bản dịch khác lại nhắc đến từ nầy như một hoán dụ cho chính Ên-ca-na và gia đình ông.

nó được Đức Giê-hô-va mượn

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Tôi cho Đức Giê-hô-va mượn nó”

Translation Questions

1 Samuel 1:1

Hai người vợ của Ên-ca-na là ai?

Vợ của Ên-ca-na là An-ne và Phê-ni-na.

1 Samuel 1:2

Hai người vợ của Ên-ca-na là ai?

Vợ của Ên-ca-na là An-ne và Phê-ni-na.

An-ne có bao nhiêu người con?

An-ne không có con.

1 Samuel 1:5

Tại sao Ên-ca-na cho An-ne một phần gấp đôi?

Ông cho An-ne một phần gấp đôi vì ông yêu bà.

1 Samuel 1:6

Tại sao đối thủ của An-ne trêu ghẹo nàng?

Bà vợ kia trêu ghẹo An-ne nhằm giục nàng lằm bằm vì Đức Giê-hô-va đã khiến nàng son sẻ.

1 Samuel 1:9

An-ne làm gì vì nàng quá sầu khổ về việc không có con?

Nàng đến nhà Đức Giê-hô-va, vừa cầu khẩn vừa tuôn tràn giọt lệ.

1 Samuel 1:10

An-ne làm gì vì nàng quá sầu khổ về việc không có con?

Nàng đến nhà Đức Giê-hô-va, vừa cầu khẩn vừa tuôn tràn giọt lệ.

1 Samuel 1:11

An-ne khẩn nguyện gì với Đức Giê-hô-va?

An-ne khẩn nguyện rằng nếu Đức Giê-hô-va ban cho nàng một con trai, nàng sẽ dâng cho Đức Giê-hô-va và dao cạo sẽ không đụng đến đầu con trai ấy.

1 Samuel 1:12

Vì An-ne thầm nguyện với Đức Giê-hô-va, nên thầy tế lễ Hê-li nghĩ gì về hành động của nàng?

Hê-li thấy An-ne nhóp nhép miệng nhưng không nghe tiếng nàng, vì vậy ông cho rằng nàng đang say rượu.

1 Samuel 1:14

Vì An-ne thầm nguyện với Đức Giê-hô-va, nên thầy tế lễ Hê-li nghĩ gì về hành động của nàng?

Hê-li thấy An-ne nhóp nhép miệng nhưng không nghe tiếng nàng, vì vậy ông cho rằng nàng đang say rượu.

1 Samuel 1:15

An-ne đảm bảo với Hê-li rằng nàng đang làm gì?

An-ne đảm bảo với Hê-li rằng nàng không say rượu nhưng đang thầm nguyện với Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 1:16

An-ne đảm bảo với Hê-li rằng nàng đang làm gì?

An-ne đảm bảo với Hê-li rằng nàng không say rượu nhưng đang thầm nguyện với Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 1:17

Hê-li nói gì với An-ne khiến nàng trở về, ăn uống và không cảm thấy buồn nữa?

Hê-li bảo nàng hãy đi bình an và nguyện Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nhậm lời nàng đã cầu xin cùng Ngài.

1 Samuel 1:18

Hê-li nói gì với An-ne khiến nàng trở về, ăn uống và không cảm thấy buồn nữa?

Hê-li bảo nàng hãy đi bình an và nguyện Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nhậm lời nàng đã cầu xin cùng Ngài.

1 Samuel 1:20

Khi An-ne thụ thai và sanh một con trai, nàng đặt tên là gì?

Nàng đặt tên con trai ấy là Sa-mu-ên vì nàng đã cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho.

1 Samuel 1:21

Tại sao An-ne không đi với chồng nàng lên đền thờ để dâng của lễ hàng năm?

Vì nàng vẫn đang trông nom đứa bé.

1 Samuel 1:23

Tại sao An-ne không đi với chồng nàng lên đền thờ để dâng của lễ hàng năm?

Vì nàng vẫn đang trông nom đứa bé.

1 Samuel 1:24

An-ne đem gì theo nàng, cùng với con trai, đến nhà Đức Giê-hô-va đặng đưa cho thầy tế lễ Hê-li?

An-ne đem theo một của lễ gồm ba con bò đực ba tuổi, một ê-pha bột mì, và một bầu rượu đưa cho thầy tế lễ.

1 Samuel 1:25

An-ne đem gì theo nàng, cùng với con trai, đến nhà Đức Giê-hô-va đặng đưa cho thầy tế lễ Hê-li?

An-ne đem theo một của lễ gồm ba con bò đực ba tuổi, một ê-pha bột mì, và một bầu rượu đưa cho thầy tế lễ.

1 Samuel 1:26

An-ne dâng gì cho Đức Giê-hô-va?

An-ne dâng con trai nàng cho Đức Giê-hô-va chừng nào mà đứa bé còn sống.

1 Samuel 1:28

An-ne dâng gì cho Đức Giê-hô-va?

An-ne dâng con trai nàng cho Đức Giê-hô-va chừng nào mà đứa bé còn sống.

Chapter 2

1 Samuel 2:1

Thông tin chung:

An-ne ngâm một bài ca cho Đức Giê-hô-va.

Lòng con hân hoan

"Con rất vui mừng’

trong Đức Giê-hô-va

"vì chính Đức Giê-hô-va” hoặc “vì Đức Giê-hô-va thật lớn thay”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sừng con được ngước cao
Sừng là hình ảnh biểu tượng cho sức mạnh. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ con được mạnh mẽ”
1 Samuel 2:2
Thông tin chung:
An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.
Chẳng có vầng đá nào như Đức Chúa Trời chúng con
Đây là một cách diễn đạt khác cho ý Đức Chúa Trời rất vững chắc và thành tín.
vầng đá
Đây là một tảng đá đủ lớn để người ta có thể nấp sau nó hoặc đứng lên trên đó cao hơn những kẻ thù của họ.
1 Samuel 2:3
Thông tin chung:
An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va. Bà hát như thể những người khác đang lắng nghe mình.
không một chút kiêu ngạo
"không một lời ngạo mạn nào”
mọi hành động đều được Ngài cân nhắc
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài cân nhắc mọi hành động của con người” hoặc “Ngài hiểu rõ tại sao người ta lại làm thế”
Cây cung của người dũng sĩ bị gãy
Ý nghĩa khả thi: 1) những cây cung đó bị gãy hoặc 2) những người mang cung đó bị ngăn cấm không được hành động. Tham khảo cách dịch: “Những người dũng sĩ bắn cung không được hành động”
Cây cung của người dũng sĩ bị gãy
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va bẻ gãy cũng tên của những người dũng sĩ” hoặc “Đức Giê-hô-va khiến cả người mạnh nhất bị yếu sức”
những người trượt chân thắt lưng bằng sức mạnh
Ẩn dụ nầy có nghĩa là họ sẽ không còn bị vấp ngã nữa, nhưng sức lực của họ sẽ như một sợi dây nịt lực, gắn bó chặt chẽ, ở mãi với họ. Tham khảo cách dịch: “nhưng Ngài khiến những người trượt chân trở nên mạnh mẽ”
mặc lấy… dây nịt lưng
Đây là một từ chung để chỉ về việc buộc một vật gì đó quanh hông để chuẩn bị làm việc.
1 Samuel 2:5
Thông tin chung:
An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.
sinh nở bảy lần
sinh bảy người con
héo hon tiều tụy
bị yếu sức đi, buồn và cô đơn
1 Samuel 2:6
Thông tin chung:
An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.
Đức Giê-hô-va giết… làm cho sống… đem xuống… nâng lên… khiến một số người trở nên nghèo khó… số khác được giàu có… hạ thấp… nhấc lên
Đức Giê-hô-va kiểm soát mọi việc.
1 Samuel 2:8
Thông tin chung:
An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.
người nghèo túng
những người không có những thứ mình cần
ra khỏi bụi đất… ra khỏi đống tro
Đây là những ẩn dụ chỉ về những vị trí thấp nhất trong xã hội.
1 Samuel 2:9
Thông tin chung:
An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.
gìn giữ bước chân của những người trung tín với Ngài
Ở đây, từ “bước chân” là một hoán dụ chỉ về cách một người bước đi, do đó nó là ẩn dụ cho cách một người quyết định cuộc đời mình sẽ ra sao. Tham khảo cách dịch: “không để những người trung tín của Ngài khỏi những quyết định dại dột” hoặc “khiến những người trung tín của Ngài ra những quyết định khôn ngoan”
những kẻ ác sẽ phải im lặng trong tối tăm
Có thể chuyển câu nói tế nhị cho rằng Đức Giê-hô-va sẽ giết những kẻ ác nầy sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ khiến kẻ ác phải im lặng trong tối tăm” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ đặt những kẻ ác trong tối tăm và khiến họ im lặng như người chết”
những kẻ ác sẽ phải im lặng trong tối tăm
Cụm từ “phải im lặng” là một cách nói cho “bị bắt phải im lặng”. Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ khiến họ phải im lặng”
nhờ sức mạnh
"bởi vì người đó mạnh”
1 Samuel 2:10
Thông tin chung:
An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.
Những kẻ chống đối Đức Giê-hô-va sẽ bị đập tan
Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ đập tan những kẻ chống đối Ngài”
đập tan thành nhiều mảnh
Cách nói nầy có nghĩa là “đánh bại”
khắp cùng trái đất
Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa là mọi nơi. Tham khảo cách dịch: “cả trái đất”
nâng cao sừng được xức dầu của Ngài
Sừng là biểu tượng của sức mạnh. “Ngài sẽ khiến người lãnh đạo mà Ngài đã chọn mạnh hơn kẻ thù của người”. Những từ tương tự có trong 1SA 2:1.
được xức dầu của Ngài
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người mà Ngài đã xức dầu” hoặc “người mà Ngài đã xức dầu cho”. Dầu là biểu tượng cho thấy Đức Giê-hô-va đã chọn người mà Ngài đã xức dầu lên trên để lãnh đạo và dẫn dắt dân sự”
1 Samuel 2:12
Thông tin chung:
Khi người ta dâng con vật làm của lễ dâng, họ sẽ thiêu mỡ của con sinh tế, tiếp theo là luộc phần thịt rồi ăn nó.
không biết Đức Giê-hô-va
không nghe hoặc vâng lời Đức Giê-hô-va
phong tục
Phong tục là hành động mà người ta thường xuyên làm.
cái chảo… ấm… vạc… nồi
những vật đựng để nấu thức ăn. Nếu ngôn ngữ của bạn không có những từ riêng rẽ cho những vật này, hãy dịch là “những vật dụng mà người ta dùng để nấu thịt”
cái chảo
vật dụng nhỏ bằng sắt dùng để đun nấu thức ăn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ấm
vật dụng nặng, bằng sắt, rộng dùng để đun nấu
vạc
vật dụng nặng, bằng sắt, rộng dùng để đun nấu
nồi
vật dụng bằng đất sét dùng để nấu ăn
1 Samuel 2:15
Thông tin chung:
Khi người ta dâng con vật làm tế lễ, đầu tiên họ sẽ thiêu mỡ của con sinh tế rồi kế đến sẽ luộc phần thịt và dâng một ít cho thầy tế lễ, rồi ăn phần còn lại.
Tệ hơn nữa, trước khi
"Họ thậm chí còn làm những việc tệ hơn điều đó. Trước khi"
họ thiêu
"người dâng tế lễ lấy tế lễ của mình đem đến cho các thầy tế lễ rồi các thầy tế lễ thiêu"
Hãy đưa thịt cho thầy tế lễ để nướng
"Hãy đưa cho tôi một ít thịt để tôi có thể đưa chúng cho thầy tế lễ đặng người có thể nướng chúng"
nướng
nấu trên lửa
luộc
nấu trong nước
sống
chưa được nấu
xem thường tế lễ của Đức Giê-hô-va
Người trai trẻ kia không thích những hướng dẫn của Đức Giê-hô-va về tế lễ và cũng không chú ý gì tới chúng.
1 Samuel 2:20
vì cớ lời cầu xin của nàng cùng Đức Giê-hô-va
An-ne đã cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho mình một đứa con và hứa nguyện với Ngài rằng bà sẽ dâng đứa trẻ đó để hầu việc trong đền thờ.
trước mặt Đức Giê-hô-va
nơi Đức Giê-hô-va có thể nhìn thấy người và Sa-mu-ên có thể học biết về Đức Giê-hô-va
1 Samuel 2:22
Sao các con lại làm những việc như thế?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Thật tệ khi các con lại làm những việc như thế!”
1 Samuel 2:25
ai sẽ biện hộ cho người đó?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn không một ai có thể biện hộ cho người đó”
biện hộ cho người đó
"cầu xin Đức Giê-hô-va thương xót người đó”
lời của cha mình
Đây là phép hoán dụ trong đó lời nói đại diện cho chính người nói. Tham khảo cách dịch: “cha mình” hoặc “những điều cha mình nói”
1 Samuel 2:27
người của Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy thường được dùng để chỉ về tiên tri của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Một người nghe và thuật lại mọi lời từ Đức Chúa Trời”
Ta đã không tỏ mình… nhà… sao?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ngươi phải biết rằng Ta đã từng tỏ mình… nhà.”
nhà tổ phụ ngươi
Từ “nhà” là hoán dụ chỉ những người sống trong ngôi nhà đó. Tham khảo cách dịch: “gia đình của tổ phụ ngươi”
tổ phụ ngươi
A-rôn
để đi lên bàn thờ của Ta và xông hương
Cụm từ nầy chỉ về việc dâng tế lễ cho Đức Giê-hô-va
để mặc ê-phót trước mặt Ta
Từ “mặc ê-phót” là phép hoán dụ chỉ về công việc của các thầy tế lễ, là những người mặc những ê-phót đó. Tham khảo cách dịch: “để làm những việc mà Ta đã lệnh cho các thầy tế lễ phải làm”
1 Samuel 2:29
X
người của Đức Chúa Trời tiếp tục nói với Ê-li.
Vậy thì tại sao các ngươi lại coi thường những sinh tế… ngự?
Câu hỏi nầy là một lời quở trách. Có thể dịch nó thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi không được coi thường những sinh tế của Ta… nơi Ta ngự.”
nơi Ta ngự
"nơi dân sự dâng lễ vật cho Ta”
nuôi béo mình bằng những phần tốt nhất trong mọi lễ vật
Phần ngon nhất trong các lễ vật phải được thiêu rụi như một lễ vật dâng lên cho Đức Giê-hô-va, nhưng các thầy tế lễ lại ăn nó.
nhà tổ phụ ngươi
Từ “nhà” là hoán dụ chỉ những người sống trong ngôi nhà đó. Tham khảo cách dịch: “gia đình của tổ phụ ngươi”. Hãy dịch giống như trong [1SA 2:27]
phải vào ra trước mặt Ta
Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa “sống vâng phục Ta”
Không đời nào Ta làm điều đó
"Ta nhất định sẽ không cho phép gia đình ngươi phải phục vụ Ta đời đời”
những kẻ coi thường ta thì sẽ ít được coi trọng
Cụm từ “ít được coi trọng” là một cách nói tránh hài hước cho nghĩa “bị khinh miệt”. Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không coi trọng những kẻ đã coi thường Ta” hoặc “Ta sẽ khinh miệt những kẻ coi thường Ta”
1 Samuel 2:31
Kìa
"Hãy nghe kỹ những điều Ta sắp phán đây” hoặc “Những điều Ta sắp nói đây rất quan trọng”
Ta sẽ cắt bỏ sức mạnh của ngươi và sức mạnh của nhà cha ngươi
Từ “cắt bỏ… sức mạnh” có thể là một cách nói tránh để chỉ cái chết của một người trai trẻ, mạnh mẽ; từ “nhà cha ngươi” là phép cải dung cho nghĩa là “gia đình ngươi”. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ giết ngươi cùng mọi nam thanh niên mạnh mẽ trong gia đình ngươi"
khiến mắt ngươi mờ dần
“khiến ngươi mất đi thị lực” hoặc “khiến ngươi bị mù”
1 Samuel 2:34
Ta sẽ dấy lên… một thầy tế lễ trung tín
"Ta sẽ lập một người trở thành thầy tế lễ"
cho Ta

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"để phục vụ Ta”

những điều trong lòng Ta và trong tâm trí Ta

"những điều Ta muốn người phải làm và những điều Ta bảo người làm”

Ta sẽ xây cho người một nhà kiên cố

Ở đây, “nhà” là một cách nói được dùng cho “dòng dõi”. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ bảo đảm rằng người luôn có con cháu phục vụ trong vai trò thầy tế lễ thượng phẩm”

1 Samuel 2:36

người

thầy tế lễ trung tín mà Đức Chúa Trời sẽ dấy lên

để tôi được ăn một miếng ăn

Ở đây, “miếng bánh” được dùng để chỉ về “thức ăn”. Tham khảo cách dịch: “để tôi có cái để ăn”

Translation Questions

1 Samuel 2:1

Tại sao An-ne thách đố kẻ thù nghịch nàng?

Nàng nói cách dạn dĩ vì nàng vui mừng nơi sự cứu rỗi của Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 2:3

Tại sao An-ne nói rằng chúng ta không nên kiêu ngạo hay nói lời xấc xược?

Chúng ta không nên kiêu ngạo hay nói lời xấc xược vì Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời thông biết mọi điều, Ngài cân nhắc mọi việc làm của người.

1 Samuel 2:5

Trong bài ca của An-ne, ai là người héo mòn?

Người nữ có nhiều con là người bị héo mòn.

1 Samuel 2:6

Ai khiến cho chết và làm cho sống, nếu người ta xuống Âm phủ hoặc được sống lại?

Đức Giê-hô-va là Đấng khiến cho chết và làm cho sống, nếu người ta xuống Âm phủ hoặc được sống lại

1 Samuel 2:7

Ai làm cho nghèo nàn, và làm cho giàu có?

Đức Giê-hô-va làm cho nghèo nàn, và làm cho giàu có.

1 Samuel 2:8

Ai nâng người nghèo và cất nhắc người thiếu thốn lên ngồi chỗ vinh dự?

Đức Giê-hô-va cất nhắc họ lên ngồi chỗ vinh dự.

1 Samuel 2:9

An-ne nói ai sẽ bảo vệ chân của người thánh Ngài và khiến kẻ ác phải im lặng trong nơi tối tăm?

Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ chân họ và khiến kẻ ác im lặng.

1 Samuel 2:10

Ai đoán xét bốn phương khắp đất và ban năng lực cho vua Ngài?

Đức Giê-hô-va đoán xét bốn phương khắp đất và ban năng lực cho vua Ngài.

1 Samuel 2:11

Đứa trẻ nào phục vụ Đức Giê-hô-va trước mặt thầy tế lễ Hê-li?

Sa-mu-ên phục vụ Đức Giê-hô-va trước mặt thầy tế lễ Hê-li.

1 Samuel 2:12

Hai con trai của ai là gian tà?

Các con trai của thầy tế lễ Hê-li là người gian tà.

1 Samuel 2:13

Phong tục của thầy tế lễ với dân sự khi dâng của lễ là gì?

Phong tục của họ là tôi tớ của thầy tế lễ đến lúc người ta nấu thịt, tay cầm chĩa ba để lấy thịch cho thầy tế lễ.

1 Samuel 2:14

Phong tục của thầy tế lễ với dân sự khi dâng của lễ là gì?

Phong tục của họ là tôi tớ của thầy tế lễ đến lúc người ta nấu thịt, tay cầm chĩa ba để lấy thịch cho thầy tế lễ.

1 Samuel 2:15

Các con trai của thầy tế lễ làm điều ác nào khi họ nói với các tôi tớ đó?

Thay vì ăn thịt đã được luộc, các con trai Hê-li hướng dẫn các tôi tớ thuật cho dân sự chỉ để nọ ăn thịt sống.

1 Samuel 2:16

Các con trai của thầy tế lễ làm điều ác nào khi họ nói với các tôi tớ đó?

Thay vì ăn thịt đã được luộc, các con trai Hê-li hướng dẫn các tôi tớ thuật cho dân sự chỉ để nọ ăn thịt sống.

1 Samuel 2:17

Tại sao tội lỗi của hai con trai Hê-li quá lớn?

Họ phạm tội lớn trước mặt Đức Giê-hô-va vì họ khinh bỉ của tế lễ dâng cho Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 2:18

Mỗi năm, mẹ của Sa-mu-ên làm cái gì cho ông để ông mặc?

Bà may cho ông một cái ê-phót bằng vải gai.

1 Samuel 2:19

Mỗi năm, mẹ của Sa-mu-ên làm cái gì cho ông để ông mặc?

Bà may cho ông một cái ê-phót bằng vải gai.

1 Samuel 2:20

Hê-li chúc phước cho Ên-ca-na và vợ ông thế nào?

Hê-li chúc phước cho Ên-ca-na và vợ ông bằng cách cầu nguyện cho An-ne sẽ có được nhiều con hơn.

1 Samuel 2:21

Đức Giê-hô-va đáp ứng gì với lời cầu xin của Hê-li cho cha mẹ của Sa-mu-ên có thêm nhiều con cái?

Đức Giê-hô-va lại một lần nữa giúp đỡ An-ne và nàng sanh được thêm ba con trai và hai con gái.

1 Samuel 2:23

Hê-li nói gì với các con trai ông khi ông tuổi đã rất cao?

Hê-li nói với các con trai ông rằng họ đang làm điều ác và họ khiến dân sự của Đức Giê-hô-va bất tuân.

1 Samuel 2:24

Hê-li nói gì với các con trai ông khi ông tuổi đã rất cao?

Hê-li nói với các con trai ông rằng họ đang làm điều ác và họ khiến dân sự của Đức Giê-hô-va bất tuân.

1 Samuel 2:25

Tại sao các con trai của Hê-li không nghe lời ông?

Các con trai của Hê-li không nghe lời ông vì Đức Giê-hô-va muốn giết họ.

1 Samuel 2:26

Ai lớn lên và càng được đẹp lòng Đức Giê-hô-va và mọi người?

Sa-mu-ên lớn lên và càng được đẹp lòng Đức Giê-hô-va và mọi người.

1 Samuel 2:27

Ai nói với Hê-li rằng Đức Giê-hô-va đã chọn tổ phụ của Hê-li giữa các chi phái trong Y-sơ-ra-ên để làm thầy tế lễ của Ngài?

Một người của Đức Chúa Trời nói với Hê-li rằng Đức Giê-hô-va đã chọn tổ phụ của Hê-li.

1 Samuel 2:28

Ai nói với Hê-li rằng Đức Giê-hô-va đã chọn tổ phụ của Hê-li giữa các chi phái trong Y-sơ-ra-ên để làm thầy tế lễ của Ngài?

Một người của Đức Chúa Trời nói với Hê-li rằng Đức Giê-hô-va đã chọn tổ phụ của Hê-li.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 2:29
Hê-li coi khinh các của lễ và của dâng Đức Giê-hô-va như thế nào?
Ông coi khinh các của lễ và của dâng Đức Giê-hô-va bằng cách kính trọng các con trai mình hơn Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 2:33
Đức Giê-hô-va nói với Hê-li điều gì sẽ xảy ra với những người trong gia đình ông?
Đức Giê-hô-va nói với Hê-li rằng tất cả mọi người trong gia đình ông sẽ chết.
1 Samuel 2:34
Đức Giê-hô-va nói dấu hiệu rằng tất cả mọi người trong nhà Hê-li sẽ chết là gì?
Cả hai con trai của Hê-li sẽ chết trong cùng một ngày.
1 Samuel 2:35
Ai sẽ bước đi trước mặt Đấng chịu xức dầu đời đời của Đức Giê-hô-va?
Một thầy tế lễ trung tín là người Đức Giê-hô-va dấy lên sẽ bước đi trước mặt Đấng chịu xức dầu đời đời của Ngài.
Tại sao mọi người trong gia đình của Hê-li sẽ đến và lạy trước mặt thầy tế lễ trung tín?
Họ sẽ xin ông ấy phong cho một chức tế lễ đặng có thể có đồ ăn.

Chapter 3
1 Samuel 3:1
Lời của Đức Giê-hô-va thì hiếm
"Đức Giê-hô-va không thường phán với con người"
Đèn của Đức Chúa Trời
Đây là chân đèn có bảy ngọn nến ở trong nơi thánh của Đền Tạm, được thắp sáng cả ngày lẫn đêm cho đến khi nó trống rỗng.
đền thờ của Đức Giê-hô-va
Ở đây, "đền thờ" thật ra là một cái lều, nhưng đó là nơi dân sự thờ phượng Đức Giê-hô-va, vậy nên ở đây tốt nhất là dịch từ nầy thành từ "đền thờ". Hãy dịch giống như trong 1SA 1:9.
1 Samuel 3:5
hỡi con trai của Ta
Ê-li không phải là cha ruột của Sa-mu-ên. Ê-li đang nói như thể ông là cha của Sa-mu-ên để tỏ cho Sa-mu-ên thấy rằng ông không hề giận nhưng Sa-mu-ên cần phải nghe ông.
1 Samuel 3:7
cũng chưa hề có một sứ điệp nào từ Đức Chúa Trời được bày tỏ cho cậu
Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va cũng chưa hề bày tỏ bất kỳ một thông điệp nào cho cậu"
1 Samuel 3:9
tôi tớ Ngài
Ê-li bảo Sa-mu-ên phải thưa chuyện với Đức Giê-hô-va như thể Sa-mu-ên là một người khác để Sa-mu-ên có thể bày tỏ sự kính trọng với Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Con"
1 Samuel 3:10
Đức Giê-hô-va đến và đứng
Ý nghĩa khả thi: 1) Đức Giê-hô-va thực sự đã hiện ra và đứng trước Sa-mu-ên hoặc 2) Đức Giê-hô-va khiến Sa-mu-ên nhận biết sự hiện diện của Ngài.
tôi tớ Ngài
Sa-mu-ên thưa chuyện cùng với Đức Giê-hô-va ở một thân phận khác để có thể bày tỏ sự kính trọng đối với Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Con"
khiến ai nghe đến nó đều phải lùng bùng cả hai tai
Ở đây, "tai... sẽ lùng bùng" là một cách nói có nghĩa là mọi người sẽ sốc và ngạc nhiên trước những điều mình nghe được. Tham khảo cách dịch: "sẽ khiến ai nghe thấy đều phải kinh ngạc"
lùng bùng
cảm giác như có ai đó đang dùng một vật nhọn, nhỏ để chọc nhẹ vào tai, cảm giác đó là vì lạnh hoặc bởi vì ai đó đã đập mạnh trúng phần cơ thể đó.
1 Samuel 3:12
từ đầu cho đến cuối
Đây là một cách nói chỉ về sự hoàn toàn, trọn vẹn. Tham khảo cách dịch: "tất cả mọi điều"
giáng sự rủa sả trên chúng
"làm những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ trừng phạt những kẻ làm điều đó"
những tội lỗi của nhà người
"những tội lỗi mà những người trong nhà người đã phạm"
1 Samuel 3:15
nhà của Đức Giê-hô-va
"nhà" ở đây thật sự là một căn lều, nhưng tốt nhất ở đây nên dịch thành "nhà".
con trai ta
Ê-li không phải là cha ruột của Sa-mu-ên. Ê-li nói như thể ông là cha của Sa-mu-ên để cho Sa-mu-ên thấy rằng ông không hề giận, nhưng Sa-mu-ên phải trả lời ông. Hãy dịch giống như trong [1SA 1:6]
1 Samuel 3:17
điều Ngài đã phán
"sứ điệp mà Đức Giê-hô-va đã ban"
Nguyện Đức Chúa Trời sẽ làm như thế với con, và thậm chí hơn thế nữa
Đây là một cách nói nhấn mạnh Ê-li đang nghiêm túc ra sao. Tham khảo cách dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời trừng phạt con như cách Ngài đã phán là Ngài sẽ trừng phạt ta, và thậm chí là nặng nề hơn thế nữa"
1 Samuel 3:19
không để bất cứ một lời tiên tri nào của người không thành hiện thực
"khiến mọi điều mà người đã nói tiên tri đều xảy ra"
Toàn thể Y-sơ-ra-ên
"Hết thảy dân chúng trong Y-sơ-ra-ên"
từ Đan đến Bê-e Sê-ba
Chỉ về "mọi nơi trong xứ". Tham khảo cách dịch: "từ đầu xứ nầy đến xứ khác" hoặc "từ cực Bắc của Đan cho đến cực Nam Bê-e Sê-ba"
Sa-mu-ên được lập
Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va đã lập"

Translation Questions

1 Samuel 3:2
Sa-mu-ên trả lời thế nào khi ông nghe Đức Giê-hô-va gọi ông đang khi nằm trên giường?
Sa-mu-ên trả lời, "Có con đây."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 3:4
Sa-mu-ên trả lời thế nào khi ông nghe Đức Giê-hô-va gọi ông đang khi nằm trên giường?
Sa-mu-ên trả lời, "Có con đây."
1 Samuel 3:5
Hê-li bảo Sa-mu-ên làm gì khi Sa-mu-ên đến gặp ông?
Hê-li nói rằng ông không gọi Sa-mu-ên, và bảo ông trở về giường.
1 Samuel 3:7
Điều gì chưa bao giờ được mặc khải cho Sa-mu-ên?
Sứ điệp từ Đức Giê-hô-va chưa bao giờ được bày tỏ cho Sa-mu-ên.
1 Samuel 3:8
Hê-li nhận ra gì sau lần thứ ba Sa-mu-ên đến gặp ông?
Hê-li nhận ra rằng Đức Giê-hô-va đã gọi cậu bé.
1 Samuel 3:9
Hê-li nói Sa-mu-ên trả lời thế nào nếu Đức Giê-hô-va lại gọi ông?
Hê-li bảo Sa-mu-ên nói, "Lạy Chúa, xin phán dạy, tôi tớ Ngài đang nghe."
1 Samuel 3:11
Đức Giê-hô-va nói điều gì sẽ xảy ra với lỗ tai của mọi người khi họ nghe điều Đức Giê-hô-va sẽ làm?
Đức Giê-hô-va nói tai của những ai nghe điều Ngài sắp làm sẽ lùng bùng.
1 Samuel 3:13
Các con trai của Hê-li đem lại cho chính họ điều gì?
Các con trai của Hê-li đã khiến chính họ bị rủa sả.
1 Samuel 3:14
Điều gì sẽ không bao giờ được chuộc bởi của dâng hay của tế lễ?
Tội lỗi của nhà Hê-li sẽ không bao giờ được chuộc bởi của dâng hay của tế lễ.
1 Samuel 3:15
Sa-mu-ên sợ làm gì vào buổi sáng khi ông mở cửa nhà của Đức Giê-hô-va?
Ông sợ nói cho Hê-li nghe về khải tượng từ Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 3:17
Sa-mu-ên làm gì sau khi Hê-li bảo rằng ông không được giấu điều chi mà Đức Giê-hô-va đã phán?
Sa-mu-ên kể cho ông nghe mọi điều và không giấu gì cả.
1 Samuel 3:20
Toàn dân Y-sơ-ra-ên từ Đan đến Bê-e-sê-ba biết gì về Sa-mu-ên?
Toàn dân Y-sơ-ra-ên biết rằng Sa-mu-ên được chọn làm tiên tri của Đức Giê-hô-va.

Chapter 4
1 Samuel 4:1
Ê-bên Ê-xe ... A-phéc
Đây đều là tên các địa danh.
Y-sơ-ra-ên bị dân Phi-li-tin đánh bánh, là dân đã giết
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dân Phi-li-tin đánh bại người Y-sơ-ra-ên và giết” hoặc “Y-sơ-ra-ên ngạc chết trước dân Phi-li-tin, là dân đã giết”
khoảng bốn nghìn người
Ở đây, con số bốn nghìn là số chẵn. Có thể có ít hơn hoặc nhiều người hơn thế. Từ “khoảng” cho thấy đó không phải là con số chính xác. Tham khảo cách dịch: ‘khoảng 4.000 người”
1 Samuel 4:3
những người đó
những người lính đã chiến đấu trong trận chiến với dân Phi-li-tin.
Tại sao ngày nay Đức Giê-hô-va lại khiến chúng ta bại trận trước dân Phi-li-tin? Chúng ta hãy đem
Các trưởng lão thực sự không hiểu tại sao Đức Giê-hô-va lại khiến họ bại trận, nhưng họ cho rằng mình biết cách nào đảm bảo chuyện đó không tái diễn. (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)
Đấng ngự trên các chê-ru-bim
Mặc dầu Đức Giê-hô-va hiện diện ở khắp mọi nơi, Ngài lại tỏ mình cho dân sự Ngài từ phía trên những bức tượng chê-ru-bim ở nóc Hòm Giao Ước.
Phi-nê-a
Phi-nê-a nầy không phải là cháu trai của A-rôn trong Xuất Ê-díp-tô ký và Dân số ký
ở đó
ở tại Si-lii
1 Samuel 4:5
Khi Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va vào trại quân
"Khi dân chúng khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va vào trại quân”. Có thể một số ngôn ngữ thì cần phải thêm phần thông tin ngầm hiểu vào. Tham khảo cách dịch: “Dân chúng, cùng với Hóp-ni và Phi-nê-a, nhấc Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va lên mà khiêng vào trại quân. Khi dân chúng đã khiếng Hòm Giao Ước vào trại quân rồi”
Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va đã vào trại quân
"dân chúng đã khiếng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va vào trại quân”
1 Samuel 4:7
Họ hỏi... họ nói
Rõ ràng mệnh đề thứ hai là nói về những điều dân Phi-li-tin nói chuyện với nhau. Còn mệnh đề thứ nhất thì có thể chỉ những suy nghĩ của họ, mặc dầu cũng có thể đó là lời họ nói với nhau. Nếu được, bạn hãy tránh nói rõ người nghe ở đây là ai. Tham khảo cách dịch: “họ tự nhủ... Họ nói với nhau” hoặc “họ nói với nhau... họ nói với nhau”
Một vị thần đã đến
Dân Phi-li-tin thờ rất nhiều thần, vật nên có thể họ tin rằng một trong những vị thần đó hoặc một trong những vị thần mà họ không thờ phượng, đã vào trong trại quân của dân Y-sơ-ra-ên. Một ý nghĩa khác có thể là họ đang nói đến chính danh xưng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên: “Đức Chúa Trời đã đến”. Bởi vì 4:8 ghi là “các vị thần”
Ai sẽ bảo vệ chúng ta khỏi sức mạnh của những vị thần quyền năng nầy?
Câu hỏi nầy là một cách thể hiện nỗi sợ hãi tột độ. Có thể viết lại câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chẳng có một người nào có thể bảo vệ chúng ta khỏi những vị thần quyền năng nầy”
những vị thần quyền năng nầy... các thần đã đánh
Bởi vì từ “god”
Hãy là đấng nam nhi!
"phải mạnh mẽ lên mà chiến đấu”
1 Samuel 4:10
Y-sơ-ra-ên bị đánh bại
Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch: “họ đánh bại Y-sơ-ra-ên”. Từ “Y-sơ-ra-ên” là một phép hoán dụ để chỉ về “quân đội Y-sơ-ra-ên”

Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời bị chiếm đoạt

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Dân Phi-li-tin cũng cướp đi Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời”

1 Samuel 4:12

quần áo rách rưới, đầu người đầy bụi đất

Đây là cách thể hiện nỗi đau buồn khôn xiết trong văn hóa của người Y-sơ-ra-ên.

lòng ông bồn chồn lo lắng

Ê-li sợ rằng đang có chuyện xấu.

cả thành

Đây là phép hoán dụ chỉ “hết thảy dân trong thành”

1 Samuel 4:14

Người đó

"Người Bên-gia-min kia”

1 Samuel 4:16

Và người nói

"Và Ê-li nói"

con trai ta

Ê-li không phải là cha ruột của người kia. Ê-li nói như thể ông là cha của người kia để cho người kia biết ông không giận, nhưng người đó phải trả lời ông.

Y-sơ-ra-ên đã chạy trốn khỏi dân Phi-li-tin

Đây là một câu khẳng định chung khái quát những chuyện đã xảy ra.Tiếp theo người kia sẽ thuật lại chi tiết.

Hơn nữa.... Ngoài ra hai con trai ông cũng

"Giờ tôi sẽ kể cho ông nghe điều tệ hơn… Giờ tôi sẽ kể cho ông nghe điều tệ hơn nữa” hoặc “Không chỉ… dân sự, nhưng hai con trai ông”

Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị cướp mất

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dân Phi-li-tin đã chiếm lấy Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời"

1 Samuel 4:18

Khi người ấy nhắc đến

"Khi người Bên-gia-min kia nhắc đến”

nhắc đến

"nói đến”

Cổ ông bị gãy

"Ông bị gãy cổ vì té”

1 Samuel 4:19

con dâu của ông

Con dâu của Ê-li

Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị chiếm đoạt

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. "dân Phi-li-tin đã chiếm lấy Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời"

quan tâm đến những lời họ nói

"chú ý đến những điều họ nói” hoặc “cảm thấy khá hơn”

1 Samuel 4:21

Y-ca-bốt

Tên gọi nầy thực sự là một cụm từ có nghĩa là “không còn sự vinh hiển”. Một tên gọi riêng đôi khi lại tiết lộ những thông tin về người, nơi hoặc vật mà đó.

vì Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị chiếm đoạt… Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị chiếm đoạt

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vì dân Phi-li-tin đã chiếm giữ Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời ... bởi vì dân Phi-li-tin đã chiếm giữ Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời"

Translation Questions

1 Samuel 4:1

Kết quả trận chiến giữa Y-sơ-ra-ên và dân Phi-li-tin là như thế nào?

Y-sơ-ra-ên bị Phi-li-tin đánh bại.

1 Samuel 4:2

Kết quả trận chiến giữa Y-sơ-ra-ên và dân Phi-li-tin là như thế nào?

Y-sơ-ra-ên bị Phi-li-tin đánh bại.

1 Samuel 4:3

Các trưởng lão Y-sơ-ra-ên quyết định làm gì để họ có thể được an toàn khỏi sức mạnh của kẻ thù?

Các trưởng lão quyết định rằng họ nên thỉnh hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đi cùng họ.

1 Samuel 4:4

Ai đi còn hòm giao ước của Đức Giê-hô-va vạn quân?

Hai con trai của Hê-li, Hóp-ni và Phi-nê-a đi cùng hòm giao ước.

1 Samuel 4:5

Dân Phi-li-tin tự hỏi gì khi họ nghe có tiếng vui mừng lớn từ dân Y-sơ-ra-ên?

Dân Phi-li-tin thắc mắc ý nghĩa của tiếng la hò đó trong trại quân Hê-bơ-rơ.

1 Samuel 4:6

Dân Phi-li-tin tự hỏi gì khi họ nghe có tiếng vui mừng lớn từ dân Y-sơ-ra-ên?

Dân Phi-li-tin thắc mắc ý nghĩa của tiếng la hò đó trong trại quân Hê-bơ-rơ.

1 Samuel 4:7

Dân Phi-li-tin nói ai đã vào trong trại quân Hê-bơ-rơ?

Dân Phi-li-tin nói Đức chúa Trời đã ngự đến trong trại quân Hê-bơ-rơ.

1 Samuel 4:8

Dân Phi-li-tin nói Đức Chúa Trời đã đánh người Ai Cập trong đồng vắng bằng gì?

Họ nói rằng Đức Chúa Trời đã đánh người Ai Cập bằng đủ các thứ tai vạ.

1 Samuel 4:10

Điều gì xảy ra với hai con trai của Hê-li khi dân Phi-li-tin đánh và đánh bại Y-sơ-ra-ên?

Hai con trai của Hê-li, Hóp-ni và Phi-nê-a, đều chết.

1 Samuel 4:11

Điều gì xảy ra với hai con trai của Hê-li khi dân Phi-li-tin đánh và đánh bại Y-sơ-ra-ên?

Hai con trai của Hê-li, Hóp-ni và Phi-nê-a, đều chết.

1 Samuel 4:12

Cả thành phố làm gì khi người từ chốn trận địa vào trong thành phố và báo tin?

Khi người đó báo tin, cả thành phố khóc lóc.

1 Samuel 4:13

Cả thành phố làm gì khi người từ chốn trận địa vào trong thành phố và báo tin?

Khi người đó báo tin, cả thành phố khóc lóc.

1 Samuel 4:14

Hê-li hỏi gì khi ông nghe tiếng la trong thành?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hê-li hỏi sự ồn ào đó là gì.
1 Samuel 4:16
Người đàn ông nói với Hê-li điều gì đã xảy ra với các con trai ông và hòm của Đức Chúa Trời khi Y-sơ-ra-ên bị dân Phi-li-tin đánh bại?
Người đàn ông nói với Hê-li rằng hai con trai ông đã chết và hòm của Đức Chúa Trời đã bị lấy đi.
1 Samuel 4:17
Người đàn ông nói với Hê-li điều gì đã xảy ra với các con trai ông và hòm của Đức Chúa Trời khi Y-sơ-ra-ên bị dân Phi-li-tin đánh bại?
Người đàn ông nói với Hê-li rằng hai con trai ông đã chết và hòm của Đức Chúa Trời đã bị lấy đi.
1 Samuel 4:18
Hê-li gặp chấn thương nào đến nỗi chết khi ông ngửa xuống khỏi ghế mình ở bên phía cửa?
Hê-li gãy cổ và chết.
1 Samuel 4:19
Điều gì xảy ra khi người vợ đang mang thai của Phi-nê-a hay rằng hòm đã bị đánh cắp, cha chồng và chồng đã chết?
Vợ của Phi-nê-a bị đau đớn, khòm xuống và đẻ.
1 Samuel 4:21
Vợ của Phi-nê-a đặt tên gì cho đứa bé và vì sao?
Bà đặt tên đứa bé là Y-ca-bốt vì sự vinh hiển đã lìa khỏi Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 4:22
Vợ của Phi-nê-a đặt tên gì cho đứa bé và vì sao?
Bà đặt tên đứa bé là Y-ca-bốt vì sự vinh hiển đã lìa khỏi Y-sơ-ra-ên.

Chapter 5
1 Samuel 5:1
Bấy giờ
Từ nầy đánh dấu phần mở đầu cho một sự kiện mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ hoặc cụm từ tương tự thì bạn có thể dùng ở đây.
nhà của Đa-gôn
Từ nầy chỉ về đền thờ của Đa-gôm, một vị thần của dân Phi-li-tin.
kìa, Đa-gôn
"Họ kinh ngạc quá đỗi khi thấy Đa-gôn”
Đa-gôn đã ngã sấp mặt xuống đất
Người đọc phải hiểu được rằng chính Đức Giê-hô-va đã khiến tượng Đa-gôn ngã sấp mặt xuống đất trong suốt đêm hôm đó.
1 Samuel 5:4
Đa-gôn đã ngã
Người đọc phải hiểu được rằng chính gh đã khiến cho Đa-gôn ngã.
Đầu và cả hai tay của Đa-gôn đều bị đứt nằm trên
Câu nầy nói như thể Đức Giê-hô-va là một người lính chiến đã đánh bại kẻ thù của mình và chặt đầu cùng tay của kẻ thù đó.
tay
hai bàn tay, đây là cách nói để chỉ cả cánh tay
Đây là lí do tại sao, kể cả ngày nay
Tác giả sắp cung cấp một số thông tin nền ngoài lề, không liên quan đến câu chuyện chính.
1 Samuel 5:6
Tay của Đức Giê-hô-va đè nặng trên
"Đức Giê-hô-va trừng phạt nghiêm khắc”
u bướu
Ý nghĩa khả thi: 1) vùng thịt u đau đớn ở bên dưới thịt hoặc 2) bệnh trĩ.
cả thành Ách-đốt và vùng lãnh thổ của nó
Tên thành nầy là hoán dụ chỉ những người dân sống trong thành. “cả dân thành Ách-đốt và những người sống trong vùng quanh Ách-đốt”
nhận ra
"hiểu được”
Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên
Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang nói về tên gọi riêng của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ tin rằng Y-sơ-ra-ên thờ phượng một trong số nhiều thần, "Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên."
1 Samuel 5:8
làm gì với Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên ... Hãy để Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên
Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang nói về tên gọi riêng của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ tin rằng Y-sơ-ra-ên thờ phượng một trong số nhiều thần, “làm gì với Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên ... Hãy để Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên."
khiêng Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên
Tác giả dùng tên riêng của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên
Tay của Đức Giê-hô-va nghịch cùng
"Đức Giê-hô-va trừng phạt”
cả bé cả lớn
Tất cả bọn họ. Tham khảo cách dịch: “cả trẻ lẫn già, cả nghèo lẫn giàu”
cái bướu
Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong 1SA 5:6
1 Samuel 5:10
kêu khóc
"kêu khóc sợ hãi”
1 Samuel 5:11
Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang nói về tên gọi riêng của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ tin rằng Y-sơ-ra-ên thờ phượng một trong số nhiều thần, "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.". Hãy dịch giống như trong 1SA 5:7.
khắp cả thành ai ai cũng sợ chết
"người dân trong khắp cả thành đều sợ rằng mình sẽ chết”
tay của Đức Chúa Trời rất nặng nề tại đó
Tay là hình ảnh hoán dụ về việc Đức Chúa Trời trừng phạt dân sự. “Đức Giê-hô-va đang trừng phạt dân thành tại đó rất nặng nề”
Những người không chết
Cụm từ nầy ngụ ý rằng rất nhiều người đã chết.
những cái bướu
Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong 1SA 5:6.
tiếng kêu la trong thành thấu đến tận trời
Từ “thành” là phép hoán dụ chỉ những người dân sống trong thành đó. Ý nghĩa khả thi: 1) cụm từ “thấu đến tận trời” là một cách nói chỉ về “rất dữ dội”, “dân thành kêu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khóc ầm ĩ” hoặc 2) từ “trời” là phép hoán dụ chỉ các thần của dân sự, “dân thành kêu khóc đến các thần của họ”

Translation Questions

1 Samuel 5:1

Hôm sau người Phi-li-tin thấy tượng Đa-gôn ở đâu sau khi họ đem hòm của Đức Chúa Trời vào trong đền thờ thần Đa-gôn?

Tượng Thần Đa-gôn đang nằm sấp xuống đất trước Rương của Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 5:3

Hôm sau người Phi-li-tin thấy tượng Đa-gôn ở đâu sau khi họ đem hòm của Đức Chúa Trời vào trong đền thờ thần Đa-gôn?

Tượng Thần Đa-gôn đang nằm sấp xuống đất trước Rương của Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 5:4

Sáng hôm sau, sau khi họ đã đặt tượng Đa-gôn trở về chỗ cũ trước chiếc hòm, thì tượng Đa-gôn còn lại gì?

Đầu của Đa-gôn và hai bàn tay đều gãy rời, nằm ngay ở ngạch cửa, chỉ có thân mình Đa-gôn là còn lại.

1 Samuel 5:6

Tại sao dân Ách-đốt nói rằng chiếc hòm không nên được ở với họ?

Tay Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã giáng phạt họ và nghịch cùng thần Đa-gôn của họ.

1 Samuel 5:7

Tại sao dân Ách-đốt nói rằng chiếc hòm không nên được ở với họ?

Tay Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã giáng phạt họ và nghịch cùng thần Đa-gôn của họ.

1 Samuel 5:8

Dân Phi-li-tin dời hòm của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đến đâu?

Dân Phi-li-tin dời hòm đến Gát.

1 Samuel 5:9

Đức Giê-hô-va khiến dân trong thành Gát khổ sở vì điều gì?

Đức Giê-hô-va khiến họ bị bướu độc mọc trên mình.

1 Samuel 5:10

Dân Éc-rôn nói rằng Đức Chúa Trời sẽ làm gì đối với họ vì chiếc hòm đã được đem đến thành của họ?

Họ nói rằng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên sẽ giết họ và dân của họ.

1 Samuel 5:11

Dân Éc-rôn yêu cầu các quan trưởng đem chiếc hòm đến đâu?

Họ yêu cầu phải trả chiếc hòm về đúng chỗ của nó.

1 Samuel 5:12

Tiếng than khóc của người dân trong thành thấu đến đâu?

Tiếng than khóc trong thành vang vọng khắp vòm trời.

Chapter 6

1 Samuel 6:1

những thầy tế lễ và thuật sĩ

Đây là những thầy tế lễ và các thuật sĩ thờ phượng Đa-gôn.

Hãy cho chúng tôi biết phải trả hòm ấy

Dân Phi-li-tin muốn biết cách làm sao để trả lại Hòm Giao Ước mà không chọc giận Đức Giê-hô-va thêm nữa.

1 Samuel 6:3

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang nói về danh xưng riêng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ tin rằng dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng một trong số rất nhiều vị thần, "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên." Hãy dịch giống như trong 1SA 5:7.

bằng mọi cách phải gửi cho Người một lễ vật chuộc tội

Cụm từ “bằng mọi cách” là một cách nói mạnh mẽ. Tham khảo cách dịch: “các anh em phải gửi một lễ vật chuộc tội”

anh em sẽ được chữa lành

"anh em sẽ không bị bệnh nữa”

anh em

Đại từ “anh em” ở dạng số nhiều, chỉ về toàn thể dân Phi-li-tin.

tại sao tay Ngài không được nhấc khỏi anh em

Ở đây, “tay” là một hình ảnh hoán dụ đại diện cho năng quyền của Đức Chúa Trời để làm khổ sở hoặc trừng phạt. Tham khảo cách dịch: “tại sao Ngài không làm dịu bớt những khổ sở của anh em”

những cái bướu

Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong 1SA 5:6.

chuột

Nhiều hơn một con. Ý nghĩa khác có thể là “chuột lớn”

1 Samuel 6:5

những mô hình

Mô hình là một vật trông giống như thật.

những cái bướu

Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong 1SA 5:6.

chuột

Có nhiều hơn một con chuột. Một nghĩa khác của nó là “chuột lớn”." Hãy dịch giống như trong 1SA 6:4.

đang tàn phá

"đang phá hoại”

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang nói đến danh xưng riêng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ tin rằng dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng một trong số rất nhiều vị thần, "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên." Hãy dịch giống như trong 1SA 5:7.

cất tay Ngài khỏi anh em, khỏi các thần và xứ sở của anh em

Ở đây, từ “tay” là hình ảnh hoán dụ được dùng để đại diện cho năng quyền của Đức Chúa Trời để làm khổ sở hoặc trừng phạt con người. Tham khảo cách dịch: “ngừng trừng phạt anh em, các thần và xứ sở của anh em”

Tại sao anh em cứng lòng, như người Ai Cập và Pha-ra-ôn đã cứng lòng?

Các thầy tế lễ và thuật sĩ dùng câu hỏi nầy để cố gắng thuyết phục dân Phi-li-tin suy nghĩ nghiêm túc về những chuyện sẽ xảy ra nếu như họ từ chối không chịu vâng phục Đức Chúa Trời. Có thể dịch câu nầythành một lời cảnh cáo. Tham khảo cách dịch: “Đừng ngoan cố như dân Ai Cập và Pha-ra-ôn đã từng!”

cứng lòng

Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa là ngoan cố hoặc không sẵn lòng vâng phục Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “không chịu vâng phục Đức Chúa Trời”

chẳng phải dân Ai Cập đã để dân sự đi và họ đã đi sao?

Đây là một câu hỏi khác được dùng để nhắc dân Phi-li-tin về việc đến cuối cùng đã để dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ai Cập ra sao để Đức Chúa Trời không còn làm khổ sở dân Ai Cập

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nữa. Có thể chuyển câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “nên nhớ rằng dân Ai Cập đã thả người Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập”

1 Samuel 6:7

hai con bò cái còn cho con bú

"hai con bò cái có những con bê con vẫn còn đang bú sữa”

Rồi hãy thả cho nó tự đi

Thường thì hai con bò cái nầy sẽ quay trở về nhà với bê con của nó.

nếu nó đi... đến Bết Sê-mết, thì ấy chính Đức Giê-hô-va

Có vẻ như các con bò cái sẽ không đi lang thang đến Bết Sê-mết trong khi bê con của chúng đã trở lại vùng Phi-li-tin.

1 Samuel 6:10

hai con bò cái còn đang cho con bú

"hai con bò cái có bê con vẫn còn đang bú sữa”. Hãy dịch giống như trong 1SA 6:7.

những hình bướu đúc

"tượng những cái bướu của họ”

những cái bướu

Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong 1SA 5:6.

Hai con bò cái đi thẳng theo hướng về Bết Sê-mết

Thường thì bò cái đang cho con bú sẽ trở về với bê con của chúng, nhưng hai con bò cái nầy lại đi đến Bết Sê-mết.

vừa đi vừa rống

Rống là âm thanh mà những con bò cái tạo ra.

chúng không quay qua bên trái cũng không quay qua bên phải

"chúng đi thẳng”

1 Samuel 6:13

Bấy giờ

Tác giả đang giới thiệu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách nào để đánh dấu phần mới trong câu chuyện thì bạn có thể sử dụng nó ở đây.

người Bết Sê-mết

Đây là người Y-sơ-ra-ên.

ngước mắt lên

"nhìn lên”

1 Samuel 6:14

Ở đó có một tảng đá lớn

Đây là một tảng đá mà dân sự dùng làm bàn thờ khi họ dâng những con bò cái đó làm tế lễ.

Người Lê-vi đem Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va xuống

Việc nầy đã xảy ra trước khi dân chẻ gỗ xe làm củi để dâng hai con bò cái đó lên cho Đức Giê-hô-va.

Người Lê-vi dỡ Hòm Giao Ước xuống

Dựa theo luật Môi-se, thì chỉ có người Lê-vi mới được phép đụng đến Hòm Giao Ước.

cùng với hộp đựng những tượng bằng vắng

"hợp có đựng những hình tượng chuột và bướu bằng vàng”

1 Samuel 6:16

năm lãnh chúa của dân Phi-li-tin

"năm vị vua của Phi-li-tin

1 Samuel 6:17

những cái bướu

Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong 1SA 5:6.

chuột

Có nhiều hơn một con chuột. Một nghĩa khác của nó là “chuột lớn”." Hãy dịch giống như trong 1SA 6:4.

những thành kiên cố

Đây là những thành phố với những bức tường lớn bao quanh để bảo vệ dân trong thành khỏi sự tấn công của kẻ thù.

Tảng đá lớn... vẫn là bằng chứng

Tảng đá được nói đến như thể nó là một con người có thể nhìn thấy được. Tham khảo cách dịch: “Tảng đá lớn... vẫn còn ở đó, và người ta vẫn nhớ những chuyện đã xảy ra trên đó”

Giô-suê người Bết Sê-mết

"Giô-suê đến từ Bết Sê-mết"

cho đến ngày nay

cho đến thời gian tác giả viết sách nầy.

1 Samuel 6:19

họ đã nhìn vào Hòm Giao Ước

Hòm Giao Ước rất thánh đến nỗi không ai được phép nhìn vào bên trong nó. Chỉ có những thầy tế lễ là được phép nhìn Hòm Giao Ước.

Ngài đã giết bảy mươi người

"Ngài đã giết 70 người”

Ai có thể đứng nổi trước mặt Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời thánh khiết nầy?

Ý nghĩa khả thi: 1) Đây là câu hỏi tu từ, “Không một ai có thể chống cự Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài rất thánh khiết” hoặc “Bởi vì Đức Giê-hô-va là thánh khiết nên không một người nào có thể đủ tốt lành để có thể đứng nổi trong sự hiện diện của Ngài” hoặc 2) đây là một câu hỏi bổ sung thông tin mà họ đang tìm câu trả lời, “Chúng ta cần phải tìm người nào đó phục vụ với tư cách là thầy tế lễ trước Đức Giê-hô-va, trong chúng ta ai là người đủ điều kiện?”

Ngài sẽ đi lên khỏi chúng ta với ai?

Đây là một câu hỏi mà chính dân sự đang tìm câu trả lời. Ý nghĩa khả thi: 1) “Đức Chúa Trời sẽ đi lên khỏi chúng ta với ai?” hoặc “ai sẽ cùng với Hòm Giao Ước đi lên khỏi chúng ta?”

1 Samuel 6:21

Ki-ri-át Giê-a-rim

Đây là một thành trong Y-sơ-ra-ên.

Translation Questions

1 Samuel 6:1

Hòm của Đức Giê-hô-va ở trong xứ dân Phi-li-tin bao lâu?

Chiếc hòm ở trong xứ dân Phi-li-tin bảy tháng.

1 Samuel 6:2

Dân Phi-li-tin tìm ai để được khuyên về cách trả chiếc hòm của Đức Giê-hô-va về xứ của nó?

Họ gọi các tư tế và thuật sĩ để hỏi cách trả chiếc hòm về chỗ cũ.

1 Samuel 6:3

Các tư tế và thuật sĩ bảo người Phi-li-tin gửi gì cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên để làm của lễ chuộc tội?

Họ bảo người Phi-li-tin gửi năm cái hình trĩ lậu bằng vàng, và năm con chuột bằng vàng.

1 Samuel 6:4

Các tư tế và thuật sĩ bảo người Phi-li-tin gửi gì cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên để làm của lễ chuộc tội?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ bảo người Phi-li-tin gửi năm cái hình trĩ lậu bằng vàng, và năm con chuột bằng vàng.
1 Samuel 6:6
Tại sao các tư tế và thuật sĩ nói rằng Đức Chúa Trời đã đãi ngộ cách nghiêm nghị trên dân Ai Cập và Pha-ra-ôn?
Đức Chúa Trời đã đãi ngộ cách nghiêm nghị trên dân Ai Cập và Pha-ra-ôn vì họ cứng lòng.
1 Samuel 6:7
Các tư tế và thuật sĩ bảo người Phi-li-tin cột con vật nào vào xe kéo chở hòm của Đức Giê-hô-va?
Họ bảo người Phi-li-tin thắng hai con bò cái còn cho bú vào xe.
1 Samuel 6:9
Làm sao người Phi-li-tin biết rằng chính Đức Giê-hô-va là Đấng đã giáng họa lớn trên họ?
Người Phi-li-tin sẽ biết điều đó nếu hai con bò kéo xe đi về phía Bết Sê-mết.
1 Samuel 6:10
Hai con bò cái kéo xe chở hòm và cái trắp có con chuột bằng vàng, và hình trĩ lậu đi đâu?
Hai con bò đi thẳng về hướng Bết Sê-mết.
1 Samuel 6:12
Hai con bò cái kéo xe chở hòm và cái trắp có con chuột bằng vàng, và hình trĩ lậu đi đâu?
Hai con bò đi thẳng về hướng Bết Sê-mết.
1 Samuel 6:13
Dân ở Bết Sê-mết đang làm gì khi họ nhướng mắt lên và thấy chiếc hòm?
Họ đang gặt lúa mì ở thung lũng.
1 Samuel 6:14
Dân Bết Sê-mết làm gì với hai con bò kéo xe?
Họ dâng hai con bò làm của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 6:15
Ai cất cái hòm hòm Đức Giê-hô-va và cái trắp đi cùng?
Người Lê-vi cất hòm của Đức Giê-hô-va xuống khỏi xe, luôn với cái trắp đi cùng.
1 Samuel 6:16
Năm quan trưởng của người Phi-li-tin làm gì khi họ thấy việc những người ở Bết Sê-mết đã làm?
Hôm đó họ trở về Éc-rôn.
1 Samuel 6:17
Tầm quan trọng về số hình trĩ lậu bằng vàng và năm con chuột vàng là gì?
Số hình trĩ lậu bằng vàng và con chuột bằng vàng tiêu biểu cho số các thành phố của dân Phi-li-tin thuộc năm quan trưởng.
1 Samuel 6:18
Tầm quan trọng về số hình trĩ lậu bằng vàng và năm con chuột vàng là gì?
Số hình trĩ lậu bằng vàng và con chuột bằng vàng tiêu biểu cho số các thành phố của dân Phi-li-tin thuộc năm quan trưởng.
1 Samuel 6:19
Tại sao Đức Giê-hô-va giết những người ở Bết Sê-mết?
Đức Giê-hô-va giết họ vì họ nhìn vào bên trong chiếc hòm của Ngài.
1 Samuel 6:21
Các sứ giả muốn dân Ki-ri-át Giê-a-rim làm gì về chiếc hòm mà dân Phi-li-tin đã đem về?
Các sứ giả bảo dân Ki-ri-át Giê-a-rim đi xuống và đem chiếc hòm về nơi họ.

Chapter 7
1 Samuel 7:1
Ki-ri-át Giê-a-rim
Đây là tên một địa danh.
A-bi-na-đáp ... Ê-lê-a-sa
Đây đều là tên của nam.
hai mươi năm
"20 năm"
1 Samuel 7:3
cả nhà Y-sơ-ra-ên
Từ “nhà” là hình ảnh hoán dụ chỉ những người sống trong nhà đó và con cháu của họ. Tham khảo cách dịch: “toàn thể con cháu của Y-sơ-ra-ên” hoặc “toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên”
hết lòng trở lại cùng Đức Giê-hô-va
Ở đây, “hết lòng” là một cách nói nghĩa là toàn tâm toàn ý với điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “hoàn toàn hết lòng để chỉ thờ phượng và vâng phục Đức Giê-hô-va”
1 Samuel 7:5
Toàn thể Y-sơ-ra-ên
"hết thảy dân Y-sơ-ra-ên” hoặc “toàn bộ Y-sơ-ra-ên”
múc nước và đổ ra trước Đức Giê-hô-va
Ý nghĩa khả thi: 1) việc dân sự không tắm rửa là một phần của sự kiêng ăn hoặc 2) họ múc nước từ giếng hoặc từ suối lên và đổ ra đất như một dấu hiệu thể hiện ra bên ngoài cho việc họ hối hận về tội lỗi của mình.
1 Samuel 7:7
các nhà lãnh đạo của Phi-li-tin tấn công Y-sơ-ra-ên
"các nhà lãnh đạo Phi-li-tin dẫn quân đội của mình tấn công Y-sơ-ra-ên”
cứu chúng ta khỏi tay dân Phi-li-tin
Cách nói nầy có nghĩa là “cứu chúng ta khỏi quân đội Phi-li-tin” hoặc “không để quân đội Phi-li-tin làm hại chúng ta”
1 Samuel 7:9
chiên con còn đang bú
chiên con vẫn còn đang bú mẹ
kêu khóc
xin giúp đỡ
Đức Giê-hô-va đã đáp lời người
Đức Giê-hô-va đã làm những điều Sa-mu-ên kêu cầu Ngài.
1 Samuel 7:10
Khi Sa-mu-ên... Bết-cạt
Từ nầy giải thích ý của tác giả khi viết “Đức Giê-hô-va đã đáp lời người” (1SA 7:9).
làm cho chúng rơi vào hỗn loạn
khiến Phi-li-tin không thể minh mẫn cũng như không biết phải làm gì.
chúng bị thất bại thảm hại trước Y-sơ-ra-ên
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. 1) “Đức Giê-hô-va khiến chúng thất bại thảm hại trước Y-sơ-ra-ên” hoặc 2) “Y-sơ-ra-ên đã đánh chúng tan tác”
thất bại thảm hại
Đánh tan tác dân chúng là đánh bại họ trước khi họ kịp gây hại.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bết-cạt
Đây là tên một địa danh.
1 Samuel 7:12
lấy một tảng đá và dựng nó
Dân Y-sơ-ra-ên và những dân khác trong xứ sẽ đặt một tảng đá lớn ở nơi các sự kiện quan trọng đã diễn ra như một sự nhắc nhở nhớ về sự trợ giúp của Đức Chúa Trời.
Mích-pa... Sen
Đây đều là tên các địa danh.
1 Samuel 7:13
Vậy dân Phi-li-tin bị khuất phục
Tác giả vừa thuật lại xong cách dân Phi-li-tin đã bị khuất phục ra sao. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để kết thúc phần diễn tả nầy thì bạn có thể sử dụng ở đây.
dân Phi-li-tin bị khuất phục
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã khuất phục dân Phi-li-tin” hoặc “Đức Giê-hô-va không để dân Phi-li-tin làm hại”
họ xâm lấn biên giới của Y-sơ-ra-ên
Dân Phi-li-tin không xâm lấn biên giới Y-sơ-ra-ên để tấn công họ.
Tay của Đức Giê-hô-va nghịch cùng Phi-li-tin
Từ “tay” là một hoán dụ chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va dùng qyueefn lực của Ngài nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên”
Các thành... từ Y-sơ-ra-ên đều được trả lại cho Y-sơ-ra-ên
Ý nghĩa khả thi: 1) “Đức Giê-hô-va trả lại cho Y-sơ-ra-ên những thành... từ Y-sơ-ra-ên” hoặc 2) “dân Y-sơ-ra-ên có thể đòi lại những thành... từ Y-sơ-ra-ên”
1 Samuel 7:15
đi một vòng
đi từ nơi nầy đến nơi khác theo một vòng tròn thô.
Ông phân xử các cuộc tranh chấp
Tranh chấp là một cuộc tranh luận hoặc bất đồng giữa hai hoặc nhiều hơn hai người.

Translation Questions

1 Samuel 7:1
Dân Ki-ri-át Giê-a-rim làm gì với Ê-lê-a-xa, con trai của A-bi-na-đáp, để ông có thể giữ hòm của Đức Giê-hô-va?
Họ biệt riêng ông ra thánh để giữ hòm của Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 7:2
Cả nhà Y-sơ-ra-ên làm gì trong hai mươi năm khi mà chiếc hòm vẫn ở Ki-ri-át Giê-a-rim?
Họ than khóc trong thời gian đó và ước trở lại với Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 7:3
Dân Y-sơ-ra-ên cần loại bỏ gì khỏi giữa họ để Đức Giê-hô-va cứu họ khỏi tay người Phi-li-tin?
Họ cần loại bỏ các thần ngoại bang và nữ thần Ách-ta-rốt khỏi giữa họ và chỉ thờ lạy Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 7:4
Dân Y-sơ-ra-ên cần loại bỏ gì khỏi giữa họ để Đức Giê-hô-va cứu họ khỏi tay người Phi-li-tin?
Họ cần loại bỏ các thần ngoại bang và nữ thần Ách-ta-rốt khỏi giữa họ và chỉ thờ lạy Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 7:5
Dân Y-sơ-ra-ên thừa nhận họ đã làm gì khi nhóm họp tại Mích-ba và đổ nước ra trước mặt Đức Giê-hô-va?
Họ thừa nhận rằng họ đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 7:6
Dân Y-sơ-ra-ên thừa nhận họ đã làm gì khi nhóm họp tại Mích-ba và đổ nước ra trước mặt Đức Giê-hô-va?
Họ thừa nhận rằng họ đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 7:7
Dân Y-sơ-ra-ên nghe gì về dân Phi-li-tin đến nỗi họ sợ hãi và nói Sa-mu-ên kêu cầu Đức Giê-hô-va cho họ?
Họ nghe rằng các quan trưởng của Phi-li-tin đã đánh Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 7:8
Dân Y-sơ-ra-ên nghe gì về dân Phi-li-tin đến nỗi họ sợ hãi và nói Sa-mu-ên kêu cầu Đức Giê-hô-va cho họ?
Họ nghe rằng các quan trưởng của Phi-li-tin đã đánh Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 7:9
Đức Giê-hô-va làm gì khi Sa-mu-ên lấy một con chiên còn bú, dâng nó làm của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va và kêu cầu Ngài?
Ngài nhậm lời Sa-mu-ên.
1 Samuel 7:10
Đức Giê-hô-va khiến dân Phi-li-tin hỗn loạn vì điều gì khi họ tiến đến gần đặng đánh Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va khiến sấm sét nổ vang trên dân Phi-li-tin trong ngày đó.
1 Samuel 7:12
Sa-mu-ên dựng gì giữa Mích-ba và Sen để tưởng nhớ rằng Đức Giê-hô-va đã giúp đỡ họ?
Sa-mu-ên lấy một hòn đá và dựng lên.
1 Samuel 7:14
Điều gì xảy ra với các thành mà dân Phi-li-tin đã chiếm của Y-sơ-ra-ên?
Chúng được trả lại cho Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 7:15
Sa-mu-ên làm gì khi ông đi tuần hành đến Bê-tên, Ghinh-ganh, Mích-ba và trở về Ra-man?
Sa-mu-ên xét xử tranh chấp cho Y-sơ-ra-ên ở những nơi này.
1 Samuel 7:17
Sa-mu-ên làm gì khi ông đi tuần hành đến Bê-tên, Ghinh-ganh, Mích-ba và trở về Ra-man?
Sa-mu-ên xét xử tranh chấp cho Y-sơ-ra-ên ở những nơi này.

Chapter 8

1 Samuel 8:1
theo đuổi của bất lương
Tác giả nói về số tiền mà dân sự sẽ đưa cho các con trai của Sa-mu-ên như thể nó là con người hoặc con vật đang chạy khỏi các con trai Sa-mu-ên, và ông nói về các con trai Sa-mu-ên như thể họ thực sự đang đuổi theo con người hoặc con thú đó. Tham khảo cách dịch: “họ nỗ lực để nhận tiền hối lộ”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

làm sai lệch công lý
"phân xử thiên vị cho những người làm ác"
1 Samuel 8:4
không theo đường lối của ông
"không làm những điều ông làm" hoặc "không làm theo cách ông làm"
Xin hãy lập cho chúng tôi một vua để cai trị chúng tôi như tất cả các nước khác
Ý nghĩa khả thi: 1) "Xin hãy chỉ định cho chúng tôi một vị vua giống như các vị vua của tất cả các nước khác để người có thể phân xử chúng tôi" hoặc "Xin hãy chỉ định cho chúng tôi một vị vua là người sẽ phân xử chúng tôi theo cách mà vua của các nước khác xét xử họ"
Xin hãy lập cho chúng tôi một vua để phân xử chúng tôi
Các nhà lãnh đạo nầy tin cách mù quáng rằng một vị vua, và các con trai của vua đó, sẽ cai trị họ cách công chính.
1 Samuel 8:6
Nhưng điều đó chẳng đẹp lòng Sa-mu-ên... Xin hãy cho chúng tôi một vị vua để xét xử chúng tôi
Sa-mu-ên không vui khi dân sự không chỉ muốn ông loại bỏ những đứa con trai ăn hối lộ của mình cũng như phải lập những quan xét công chính, nhưng họ còn muốn có một vị vua cai trị mình giống như những nước khác.
Hãy làm theo lời của dân chúng
Ở đây, "lời" là hình ảnh hoán dụ cho ý muốn hoặc ước vọng của dân sự. Tham khảo cách dịch: "Hãy làm những gì dân chúng yêu cầu"
mà họ đã gạt bỏ Ta
Đức Giê-hô-va biết rõ dân sự không chỉ muốn gạt bỏ những quan xét tham nhũng, nhưng họ đang chối bỏ Đức Giê-hô-va ở vị trí là vua của mình.
1 Samuel 8:8
Ta đã đem họ ra khỏi Ai Cập
Câu nầy chỉ về việc Đức Giê-hô-va giải phóng dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi ách nô lệ tại Ai Cập nhiều năm trước.
Vậy bây giờ hãy nghe tiếng của họ
"Bây giờ, hãy làm những điều họ yêu cầu con phải làm" (UDB)
nghiêm khắc cảnh cáo họ
"phải nghiêm khắc lúc con cảnh cảo họ"
1 Samuel 8:10
Đây sẽ là cách ... Vua sẽ bắt
Những việc mà vua ấy sẽ làm. Câu nầy mở đầu cho danh sách một loại việc mà vua đó sẽ làm.
Đây sẽ là cách mà vị vua mới cai trị các ngươi
Danh từ "cách" có thể được chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "Đây là cách vị vua mới cai trị các ngươi sẽ làm" hoặc "Đây là những việc vị vua mới cai trị trên các ngươi sẽ làm"
bắt họ làm người đánh xe ngựa cho mình
"bắt chúng đánh xe ngựa trên chiến trận"
làm kỵ binh của mình
Họ sẽ cưỡi ngựa vào chiến trường.
1 Samuel 8:13
Thông tin chung:
Sa-mu-ên tiếp tục nói về những điều mà vị vua mới sẽ làm.
làm người pha chế nước hoa
"để chế những thứ dầu có mùi thơm dễ chịu để xức lên người mình"
những vườn cây ô-liu
"những cánh đồng ô-liu"
một phần mười lúa thóc của anh em
Họ sẽ phải chia số thóc của mình thành mười phần bằng nhau và nộp một phần trong đó cho các quan chức và đầy tớ của vua.
một phần mười... vườn nho của anh em
Họ sẽ phải chia số rượu nho mà mình đã ép trong vườn nho của mình thành mười phần bằng nhau và nộp một phần trong số đó cho các sĩ quan và đầy tớ của vua.
sĩ quan
Đây là những người lãnh đạo đội quần của vua.
1 Samuel 8:16
Thông tin chung:
Sa-mu-ên tiếp tục kể ra những việc mà vị vua mới sẽ làm.
một phần mười những bầy gia súc của anh em
Họ sẽ phải chia bầy gia súc của mình thành mười phần bằng nhau và rồi nộp một phần trong số đó cho những sĩ quan và đầy tớ của vua. Xem cách bạn đã dịch cụm từ "phần mười" trong [1SA 8:15]
anh em sẽ làm nô lệ cho người
"anh em sẽ cảm thấy như thể mình là nô lệ của người"
anh em sẽ kêu khóc
Ý nghĩa khả thi: 1) dân sự sẽ cầu xin Đức Giê-hô-va giải cứu họ khỏi tay vua đó hoặc 2) dân sự sẽ cầu xin vua đó không ngược đãi mình nữa. (UDB).
1 Samuel 8:21
người lặp lại những lời đó vào tai Đức Giê-hô-va
Ở đây, phép ẩn dụ "tai của Đức Giê-hô-va" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Sa-mu-ên cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, thuật lại mọi điều mà dân sự đã nói. Tham khảo cách dịch: 'ông lặp lại mọi lời đó cho Đức Giê-hô-va"
Hãy nghe theo lời của họ
Ở đây, phép hoán dụ "lời của họ" chỉ về ý muốn của dân sự. Tham khảo cách dịch: "Hãy nghe theo họ"
lập ai đó làm của của họ
Hãy dùng một từ thường sử dụng trong ngôn ngữ của bạn cho việc lập ai đó lên làm vua. Tham khảo cách dịch: "lập ai đó làm vua cai trị họ"
hãy trở về thành của mình
"hãy về nhà"

Translation Questions

1 Samuel 8:1
Hai con trai của Sa-mu-ên, là các quan xét, chẳng noi theo gương cha của họ như thế nào?
Họ xiêu lòng tham của, nhậm lấy hối lộ, và trái lệch sự công bình.
1 Samuel 8:3
Hai con trai của Sa-mu-ên, là các quan xét, chẳng noi theo gương cha của họ như thế nào?
Họ xiêu lòng tham của, nhậm lấy hối lộ, và trái lệch sự công bình.
1 Samuel 8:4
Các trưởng lão Y-sơ-ra-ên yêu cầu Sa-mu-ên làm gì?
Họ yêu cầu Sa-mu-ên lập cho họ một vua đặng đoán xét họ như mọi nước khác, vì ông đã già và các con trai ông không

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

noi gương ông.
1 Samuel 8:5
Các trưởng lão Y-sơ-ra-ên yêu cầu Sa-mu-ên làm gì?
Họ yêu cầu Sa-mu-ên lập cho họ một vua đặng đoán xét họ như mọi nước khác, vì ông đã già và các con trai ông không noi gương ông.
1 Samuel 8:6
Sa-mu-ên làm gì khi ông không vui về lời yêu cầu của các trưởng lão Y-sơ-ra-ên muốn ông lập cho họ một vua?
Sa-mu-ên cầu nguyện với Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 8:7
Tại sao Đức Giê-hô-va bảo Sa-mu-ên nghe theo mọi lời dân sự nói cùng ông?
Đức Giê-hô-va bảo Sa-mu-ên nghe theo mọi lời dân sự vì họ không từ chối Sa-mu-ên, nhưng họ đã từ chối không muốn Đức Giê-hô-va làm vua trên họ.
1 Samuel 8:8
Đức Giê-hô-va bảo Sa-mu-ên cảnh cáo gì với dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va bảo Sa-mu-ên cảnh cáo nghiêm nghị dân Y-sơ-ra-ên về cách mà vua đó sẽ cai trị họ.
1 Samuel 8:9
Đức Giê-hô-va bảo Sa-mu-ên cảnh cáo gì với dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va bảo Sa-mu-ên cảnh cáo nghiêm nghị dân Y-sơ-ra-ên về cách mà vua đó sẽ cai trị họ.
1 Samuel 8:10
Sa-mu-ên cảnh cáo dân Y-sơ-ra-ên điều gì về cách mà vua ấy sẽ bắt con trai của họ?
Sa-mu-ên cảnh cáo dân sự rằng vua ấy sẽ bắt con trai của họ làm quân kỵ và binh lính, bắt họ cày ruộng và gặt mùa màng, và dùng những người khác để chế tạo binh khí và đồ đạc chiến tranh.
1 Samuel 8:12
Sa-mu-ên cảnh cáo dân Y-sơ-ra-ên điều gì về cách mà vua ấy sẽ bắt con trai của họ?
Sa-mu-ên cảnh cáo dân sự rằng vua ấy sẽ bắt con trai của họ làm quân kỵ và binh lính, bắt họ cày ruộng và gặt mùa màng, và dùng những người khác để chế tạo binh khí và đồ đạc chiến tranh.
1 Samuel 8:13
Sa-mu-ên cảnh cáo gì với dân Y-sơ-ra-ên về việc vua đó sẽ làm với con gái của họ?
Sa-mu-ên cảnh cáo họ rằng vua ấy sẽ bắt con gái của họ chế dầu thơm, làm đầu bếp, và thợ bánh mì.
1 Samuel 8:15
Sa-mu-ên cảnh cáo gì với dân Y-sơ-ra-ên về việc vua đó sẽ làm với con gái của họ?
Sa-mu-ên cảnh cáo họ rằng vua ấy sẽ bắt con gái của họ chế dầu thơm, làm đầu bếp, và thợ bánh mì.
1 Samuel 8:16
Sa-mu-ên cảnh cáo gì với dân Y-sơ-ra-ên về việc vua ấy sẽ làm với tôi tớ, trai tráng, và súc vật của họ?
Sa-mu-ên cảnh cáo họ rằng vua ấy sẽ bắt những tôi trai, tớ gái, trai tráng hạng của họ, đến đỗi bắt con lừa của họ, mà dùng vào công việc người, đánh thuế một phần mười bầy chiên, và họ sẽ làm tôi mọi của vua ấy.
1 Samuel 8:17
Sa-mu-ên cảnh cáo gì với dân Y-sơ-ra-ên về việc vua ấy sẽ làm với tôi tớ, trai tráng, và súc vật của họ?
Sa-mu-ên cảnh cáo họ rằng vua ấy sẽ bắt những tôi trai, tớ gái, trai tráng hạng của họ, đến đỗi bắt con lừa của họ, mà dùng vào công việc người, đánh thuế một phần mười bầy chiên, và họ sẽ làm tôi mọi của vua ấy.
1 Samuel 8:18
Sa-mu-ên cảnh báo dân Y-sơ-ra-ên điều gì sẽ xảy ra khi họ kêu cầu vì vua mà họ đã tự chọn?
Sa-mu-ên nói rằng khi họ kêu cầu Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ không trả lời họ.
1 Samuel 8:19
Dân Y-sơ-ra-ên đáp ứng thế nào về lời cảnh cáo của Sa-mu-ên?
Dân sự khăng khăng rằng họ vẫn muốn có một vua cai trị họ để họ có thể giống như các dân khác và có vua đoán xét họ và đánh giặc cùng họ.
1 Samuel 8:20
Dân Y-sơ-ra-ên đáp ứng thế nào về lời cảnh cáo của Sa-mu-ên?
Dân sự khăng khăng rằng họ vẫn muốn có một vua cai trị họ để họ có thể giống như các dân khác và có vua đoán xét họ và đánh giặc cùng họ.
1 Samuel 8:21
Đức Giê-hô-va nói gì khi Sa-mu-ên thưa lại với Ngài?
Đức Giê-hô-va vẫn bảo Sa-mu-ên nghe lời họ và lập cho họ một vua.
1 Samuel 8:22
Đức Giê-hô-va nói gì khi Sa-mu-ên thưa lại với Ngài?
Đức Giê-hô-va vẫn bảo Sa-mu-ên nghe lời họ và lập cho họ một vua.

Chapter 9
1 Samuel 9:1
Thông tin chung:
Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt nào để cho độc giả biết rằng trong những câu nàytác giả đang đưa ra những thông tin nền chung, thì bạn có thể sử dụng ở đây.
một người có thế lực
Một người mà những người khác phải tôn trọng ông và phải lắng nghe những gì ông nói.
Kích ... A-bi-ên ... Xê-rô ... Bê-cô-rát ... A-phi-ác
Đây là tên những người nam trong dòng tộc của Sau-lơ.
người Bên-gia-min
Một người Bên-gia-min là người thuộc về chi tộc Bên-gia-min.
đẹp trai
Người ngoại hình ưa nhìn.
Chàng cao hơn tất cả mọi người từ vai trở lên
Những người cao lớn khác trong Y-sơ-ra-ên thậm chí còn không đứng tới vai của người.
1 Samuel 9:3
Lúc ấy
Tác giả đã xong phần thông tin nền (1SA 9:1-2) và bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.
hãy chỗi dậy
"ngưng việc con đang làm lại"
vùng đồi núi của Ép-ra-im... đất Sa-li-sa... đất Sa-lim... đất Bên-gia-min
Đây đều là những vùng ở Y-sơ-ra-ên.
không tìm thấy chúng... chúng không có ở đó.... không tìm thấy chúng
Từ “chúng” ở đây chỉ về mấy con lừa cái.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 9:5

đất Xu-phơ

Đây là một vùng đất tại Y-sơ-ra-ên, ngay phía Bắc Giê-ru-sa-lem.

người của Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy thường chỉ về thiên sứ của Đức Giê-hô-va. “một người nghe và thuật lại những lời từ Đức Giê-hô-va”. Hãy dịch giống như trong 1SA 2:27.

chúng ta phía đi đường nào

"chúng ta phải đi đường nào để tìm những con lừa cái đó”

1 Samuel 9:7

chúng ta sẽ đem gì đến cho người?

Tặng lễ vật là một dấu hiệu thể hiện sự tôn trọng đối với người của Đức Chúa Trời.

người của Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy thường được dùng để chỉ về tiên tri của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Một người nghe và thuật lại mọi lời từ Đức Chúa Trời” Hãy dịch giống như trong 1SA 2:27.

một phần tư siếc-lơ

"1/4 siếc lơ”. Siếc-lơ là loại tiền được dùng trong thời Cựu Ước .

1 Samuel 9:9

Ngày xưa, tại Y-sơ-ra-ên… nhà tiên kiến

Đây là một thông tin về bối cảnh văn hóa mà tác giả người Hê-bơ-rơ đã thêm vào. Nếu như việc cung cấp phần thông tin nầy ở đây có vẻ như không tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, thì bạn có thể chuyển nó đến cuối câu 11.

Vì nhà tiên tri ngày nay thì ngày xưa được gọi là nhà tiên kiến

"Nhà tiên kiến là tên gọi xưa kia cho người mà ngày nay chúng ta gọi là nhà tiên tri”

1 Samuel 9:12

hôm nay dân chúng đang dâng tế lễ

Những tế lễ có vẻ như là một ngày lễ hội hoặc của dâng đầu mua, không phải sinh tế chuộc tội, là phải được dâng tại đền tạm.

1 Samuel 9:14

đi lên nơi cao

Đây là nơi dân sự đã chỉ định là nơi thánh để dâng sinh tế và lễ vật cho Đức Giê-hô-va. Tác giả viết như thể nơi nầy nằm ở bên ngoài bức tường bao quanh thành.

1 Samuel 9:15

Thông tin chung:

Tác giả ngừng việc kể câu chuyện mà chuyển sang cung cấp thông tin nền để người đọc có thể hiểu chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo.

con sẽ xức dầu cho người ấy làm lãnh tụ

Ở đây, từ lãnh dụ được dùng để chỉ thế cho vua. Đây là người mà Đức Chúa Trời đã chọn làm vua Y-sơ-ra-ên.

đất Bên-gia-min

"vùng đất nơi những người từ chi tộc Bên-gia-min sinh sống”

khỏi tay của dân Phi-li-tin

Ở đây, từ “tay” là hình ảnh hoán dụ chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “khỏi quyền lực của người Phi-li-tin” hoặc “để người Phi-li-tin không còn cai trị trên họ nữa”

Ta thương xót đoái xem dân Ta

"Dân Ta đang đang khốn khổ và Ta muốn cứu giúp chúng”

1 Samuel 9:17

Đức Giê-hô-va phán bảo ông

"Đức Giê-hô-va phán bảo Sa-mu-ên”

nhà tiên kiến

"tiên tri của Đức Giê-hô-va”

1 Samuel 9:20

Vả lại, tất cả những mong muốn của dân Y-sơ-ra-ên đang đặt trên ai? Chẳng phải trên anh và cả nhà cha anh sao?

Những câu hỏi nầy là cách thể hiện sự tin chắc rằng Sau-lơ chính là người mà Đức Giê-hô-va muốn trở nên vị vua mà dân Y-sơ-ra-ên đang mong đợi. Có thể dịch những câu hỏi nầy thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Anh phải biết rằng tất cả những ước muốn của dân Y-sơ-ra-ên đang đặt trên chính anh. Họ đặt trên anh và gia đình của cha anh”

Tôi chẳng phải là một người Bên-gia-min… trong Y-sơ-ra-ên? Không phải gia tộc của tôi…. Bên-gia-min? Vậy thì lại sao ông lại nói với như vậy?

Sau-lơ đang biểu lộ sự ngạc nhiên bởi vì những người Y-sơ-ra-ên khác xem chi tộc Bên-gia-min là gian ác, và gia tộc của Sau-lơ được xem là gia tộc hèn mọn trong chi tộc đó. Có thể dịch những câu hỏi nầy thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi thuộc chi tộc Bên-gia-min, tức là chi tộc hèn mọn nhất trong số những chi tộc khác. Và gia tộc của tôi lại là gia tộc hèn mọn nhất trong chi tộc. Tôi không hiểu tại sao ông lại nói rằng dân Y-sơ-ra-ên muốn tôi và gia đình tôi làm việc gì đó quan trọng.”

1 Samuel 9:22

đại sảnh

Tác giả cho rằng người đọc biết rằng chỗ nầy gần nơi mà họ dâng tế lễ, là một tòa nhà lớn nơi mọi người dùng bữa chung với nhau.

vị trí đầu

Đây là chỗ ngồi danh dự.

ba mươi

"30"

1 Samuel 9:23

phần thịt đùi đã được dâng lên trong của tế lễ

Thầy tế lễ đã dâng cái đùi làm tế lễ phải là người ăn phần thịt nầy. Việc Sa-mu-ên để cho Sau-lơ ăn phần đùi đó thể hiện rằng làm một vị vua là một nhiệm vụ thánh. Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “cái đùi của con bò đực mà thầy tế lễ đã giơ lên khi người dâng tễ lễ”

phần dính trên đùi

Ý nghĩa khả thi: 1) những loại thức ăn khác mà Sau-lơ ăn cùng với thịt đùi hoặc 2) những phần thịt khác của con bò đực.

Đoạn Sa-mu-ên nói

Một ý nghĩa khác “Rồi người đầu bếp nói”

Vì bây giờ anh có thể nói: “Tôi đã mời dân sự!”

Ý nghĩa khả thi: 1) Sau-lơ có thể nói rằng chính ông đã mời dân sự hoặc 2) Sa-mu-ên đã mời dân sự (UDB).

1 Samuel 9:25

trên mái nhà

Đây là một thông thường dành cho gia đình và khách ăn uống, trò chuyện và ngủ nghỉ. So với trong nhà thì vào buổi chiều và buổi tối, nơi nầysẽ lạnh hơn.

Sa-mu-ên gọi Sau-lơ trên mái nhà mà nói rằng

"trong khi Sau-lơ còn đang ngủ trên mái nhà thì Sa-mu-ên gọi người mà nói”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 9:27

đi trước chúng ta” – thì người đi trước- “còn anh thì phải nán lại

Nghĩa khác là “đi trước chúng ta, và khi người đã đi trước rồi thì anh phải nán lại”

để tôi có thể nói anh nghe thông điệp của Đức Chúa Trời

"để tôi có thể nói với anh thông điệp của Đức Chúa Trời dành cho anh”

Translation Questions

1 Samuel 9:1

Sau-lơ, con trai của Kích, có vẻ bề ngoài nổi bật thế nào?

Sau-lơ là một chàng thanh niên đẹp trai, cao hơn cả dân sự từ vai trở lên.

1 Samuel 9:2

Sau-lơ, con trai của Kích, có vẻ bề ngoài nổi bật thế nào?

Sau-lơ là một chàng thanh niên đẹp trai, cao hơn cả dân sự từ vai trở lên.

1 Samuel 9:3

Kết quả là gì khi Kích nhờ Sau-lơ đi và tìm những con lừa bị lạc?

Sau-lơ đem theo một tôi tớ và đi khắp nơi nhưng không tìm được những con lừa bị mất.

1 Samuel 9:4

Kết quả là gì khi Kích nhờ Sau-lơ đi và tìm những con lừa bị lạc?

Sau-lơ đem theo một tôi tớ và đi khắp nơi nhưng không tìm được những con lừa bị mất.

1 Samuel 9:5

Sau-lơ bảo tôi tớ ông nên làm gì khi họ đến xứ Xu-phơ?

Sau-lơ bảo tôi tớ ông rằng họ phải trở về kẻo cha ông lo lắng nhiều cho họ hơn là những con lừa.

1 Samuel 9:6

Tôi tớ nói với Sau-lơ ý khác nào?

Tôi tớ nói với Sau-lơ rằng họ nên tìm một người của Đức Chúa Trời trong thành, là người có thể cho họ biết họ nên đi tiếp đến nơi nào.

1 Samuel 9:7

Tôi tớ đem theo gì để trao cho người của Đức Chúa Trời đặng ông ấy chỉ đường cho họ?

Tôi tớ có đem theo một phần tư siếc-lơ bạc đặng trao cho người của Đức Chúa Trời.

1 Samuel 9:8

Tôi tớ đem theo gì để trao cho người của Đức Chúa Trời đặng ông ấy chỉ đường cho họ?

Tôi tớ có đem theo một phần tư siếc-lơ bạc đặng trao cho người của Đức Chúa Trời.

1 Samuel 9:9

Sau-lơ và tôi tớ ông hỏi thăm các cô gái trẻ về điều gì khi họ đi ra múc nước?

Sau-lơ và tôi tớ ông hỏi rằng trong thành có người tiên kiến không để họ có thể tìm biết ý muốn của Đức Chúa Trời.

1 Samuel 9:11

Sau-lơ và tôi tớ ông hỏi thăm các cô gái trẻ về điều gì khi họ đi ra múc nước?

Sau-lơ và tôi tớ ông hỏi rằng trong thành có người tiên kiến không để họ có thể tìm biết ý muốn của Đức Chúa Trời.

1 Samuel 9:12

Tại sao trong ngày hôm đó, người tiên kiến đến thành?

Hôm đó, người tiên kiến đến thành vì dân sự đang dâng tế lễ tại nơi cao và người tiên kiến sẽ chúc phước cho của lễ.

1 Samuel 9:13

Tại sao trong ngày hôm đó, người tiên kiến đến thành?

Hôm đó, người tiên kiến đến thành vì dân sự đang dâng tế lễ tại nơi cao và người tiên kiến sẽ chúc phước cho của lễ.

1 Samuel 9:15

Đức Giê-hô-va bày tỏ cho Sa-mu-ên biết gì về vai trò của Sau-lơ ở Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va bảo Sa-mu-ên rằng ông ấy sẽ là vương tử được xức dầu trên Y-sơ-ra-ên và ông ấy sẽ cứu dân sự của Đức Giê-hô-va khỏi tay dân Phi-li-tin.

1 Samuel 9:16

Đức Giê-hô-va bày tỏ cho Sa-mu-ên biết gì về vai trò của Sau-lơ ở Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va bảo Sa-mu-ên rằng ông ấy sẽ là vương tử được xức dầu trên Y-sơ-ra-ên và ông ấy sẽ cứu dân sự của Đức Giê-hô-va khỏi tay dân Phi-li-tin.

1 Samuel 9:17

Sa-mu-ên mời Sau-lơ làm gì sau khi ông cho biết rằng ông là người tiên kiến mà Sau-lơ đang tìm?

Sa-mu-ên mời Sau-lơ đi lên và ăn với ông ở tại nơi cao.

1 Samuel 9:19

Sa-mu-ên mời Sau-lơ làm gì sau khi ông cho biết rằng ông là người tiên kiến mà Sau-lơ đang tìm?

Sa-mu-ên mời Sau-lơ đi lên và ăn với ông ở tại nơi cao.

1 Samuel 9:20

Sa-mu-ên khiến Sau-lơ ngạc nhiên thế nào qua lời ông nói lại cho Sau-lơ?

Dù Sau-lơ đến từ một chi phái nhỏ hơn hết trong chi phái Ben-gia-min, nhưng toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đều có lời đề nghị ở ông và nhà cha ông.

1 Samuel 9:21

Sa-mu-ên khiến Sau-lơ ngạc nhiên thế nào qua lời ông nói lại cho Sau-lơ?

Dù Sau-lơ đến từ một chi phái nhỏ hơn hết trong chi phái Ben-gia-min, nhưng toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đều có lời đề nghị ở ông và nhà cha ông.

1 Samuel 9:23

Sa-mu-ên nói gì với Sau-lơ về bắp đùi đã được dâng trong việc tế lễ?

Ông nói với Sau-lơ rằng cái bắp đùi đã được để dành sẵn cho ông ấy.

1 Samuel 9:24

Sa-mu-ên nói gì với Sau-lơ về bắp đùi đã được dâng trong việc tế lễ?

Ông nói với Sau-lơ rằng cái bắp đùi đã được để dành sẵn cho ông ấy.

1 Samuel 9:25

Sa-mu-ên nói gì với Sau-lơ sau khi họ đã xuống khỏi nơi cao, vào trong thành?

Sa-mu-ên bảo Sau-lơ đứng dậy để ông đưa Sau-lơ đi.

1 Samuel 9:26

Sa-mu-ên nói gì với Sau-lơ sau khi họ đã xuống khỏi nơi cao, vào trong thành?

Sa-mu-ên bảo Sau-lơ đứng dậy để ông đưa Sau-lơ đi.

1 Samuel 9:27

Tại sao Sa-mu-ên bảo Sau-lơ phải đứng lại ở đầu thành trong chốc lát?

Sa-mu-ên bảo Sau-lơ phải đứng lại ở đầu thành trong chốc lát để Sa-mu-ên có thể thông báo sứ điệp của Đức Chúa Trời dành cho ông.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 10
1 Samuel 10:1
lấy một lọ dầu nhỏ, đổ nó trên đầu Sau-lơ
Trong văn hóa Y-sơ-ra-ên, khi một tiên tri đổ dầu trên đầu ai đó, người đó đã nhận được phước từ Đức Giê-hô-va.
lọ nhỏ
một bình chứa được làm từ đất sét nung
Chẳng phải Đức Giê-hô-va đã xức dầu cho anh để làm người lãnh đạo trên cơ nghiệp của Ngài sao?
Sa-mu-ên biết câu trả lời cho câu hỏi nầy. Ông nhắc Sau-lơ rằng Đức Giê-hô-va đã chọn ông trở thành vua của Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va chắc chắc đã xức dầu cho anh để trở thành người lãnh đạo trên cơ nghiệp của Ngài”
Xết-sa
Đây là tên một địa danh.
Tôi phải làm gì về con trai tôi đây?
Lúc nầy, cha của Sau-lơ đang lo lắng về Sau-lơ và muốn đi tìm ông.
1 Samuel 10:3
Tha-bô
Đây là tên một địa danh.
nhận từ tay họ
"nhận từ họ” hoặc “nhận”
1 Samuel 10:5
trống lắc tay
Đây là loại nhạc cụ, có mặt trên giống như trống để đánh và có những miếng lục lạc bao quanh để phát ra tiếng động khi lắc cái trống.
Thần của Đức Giê-hô-va sẽ giáng tên anh mạnh mẽ
Cụm từ “giáng trên” có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va sẽ tác động trên Sau-lơ. Trong trường hợp nầy nó có nghĩa là Ngài sẽ khiến Sau-lơ nói tiên tri và rồi hành xử như thể một người khác.
1 Samuel 10:7
hãy tùy cơ ứng biến
Ở đây, Sa-mu-ên nói về tay của Sau-lơ như thể nó là một con người thực thụ đang cố gắng tìm kiếm điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “Hãy làm điều nào con cho là đúng”
1 Samuel 10:9
Đức Giê-hô-va ban cho ông một tấm lòng mới
Đức Chúa Trời khiến Sa-mu-ên suy nghĩ khác đi so với trước.
Thần của Đức Chúa Trời giáng trên ông mạnh mẽ
Sa-mu-ên nói như thể Thần của Đức Giê-hô-va là một người đang chạy đến chỗ Sau-lơ và rồi hoàn toàn kiểm soát ông. Tham khảo cách dịch: "Thần của Đức Giê-hô-va hoàn toàn kiểm soát ông”. Hãy dịch giống như trong [1SA 10:6]
1 Samuel 10:11
Điều gì đã xảy ra cho con trai của Kích?
Ý nghĩa khả thi: 1) dân sự đang tìm thông tin hoặc 2) đây là một câu hỏi tu từ có nghĩa là Sau-lơ không quan trọng. Tham khảo cách dịch: “Kích không phải là một người quan trọng, nên con trai ông ta không thể nào trở thành một tiên tri!”
con trai của Kích
"Sau-lơ, con trai của Kích”
Còn cha của họ là ai?
Người nầy đang dùng một câu hỏi để nhắc dân sự nhớ rằng việc làm một nhà tiên tri thì không can hệ gì đến việc cha mẹ của người đó là ai. Tham khảo cách dịch: “Không cần biết cha mẹ của các nhà tiên tri khác là ai. Cho dù là gì đi nữa thì thật lạ lùng là Sau-lơ đang nói sứ điệp từ Đức Chúa Trời” (UDB)
Vì điều nầy mà có câu ngạn ngữ rằng: “Chẳng phải Sau-lơ cũng là một trong số các đấng tiên tri sao?”
"Và đó là lí do tại sao khi người ta không thể tin một lời tường thuật nào đó, họ sẽ nghĩ về những chuyện đã xảy ra với Sau-lơ mà nói rằng: “Có thật Sau-lơ là một trong số những tiên tri không?” (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)
Chẳng phải Sau-lơ cũng là một trong số các đấng tiên tri sao ?
Bởi vì Sau-lơ nằm trong số các đấng tiên tri nên người ta cho rằng kể cả những người không quan trọng cũng có thể làm tiên tri. Có thể chuyển câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Sau-lơ là một trong số các đấng tiên tri!”
1 Samuel 10:14
Sau đó, chú của Sau-lơ nói với ông
"Sau đó, em trai của ba Sau-lơ nói với Sau-lơ”
ông không kể cho chú mình về việc nước
"Sau-lơ không kể cho chú mình biết rằng Đức Chúa Trời đã lập ông lên làm vua của Y-sơ-ra-ên”
1 Samuel 10:17
Ta đã đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập
"Ta đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập”
ngày nay
"bây giờ"
tay của người Ai Cập... tay của tất cả các vương quốc
Từ “tay” là một hoán dụ chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “quyền lực của dân Ai Cập... quyền lực của tất cả các vương quốc”
Xin lập một vua cai trị chúng tôi
"Xin hãy ban một vua cai trị trên chúng tôi”
hãy trình diện trước Đức Giê-hô-va theo từng chi tộc và gia tộc của anh em
"hãy tập hợp lại theo chi tộc và gia tộc rồi đến trước Đức Giê-hô-va”
1 Samuel 10:20
chi tộc Bên-gia-min được chọn... gia tộc Mát-ri được chọn.... Sau-lơ con trai của Kích được chọn
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va chọn chi phái Bên-gia-min... Đức Giê-hô-va chọn gia tộc Mát-ri... Đức Giê-hô-va chọn Sau-lơ, con trai của Kích”. Tốt nhất là không nói rõ làm sao dân sự biết được người Đức Chúa Trời đã chọn.
1 Samuel 10:22
ông cao hơn những người khác từ vai trở lên
Những người cao lớn khác trong Y-sơ-ra-ên thậm chí không đứng tới vai của ông. Hãy dịch giống như trong 1SA 9:2.
1 Samuel 10:25
những luật pháp và luật lệ của một vị vua
Danh từ “một vị vua” có thể được dịch thành một cụm từ. Tham khảo cách dịch: “những điều vua bắt họ phải làm, và những điều chính vua phải làm”
1 Samuel 10:26
những người Đức Chúa Trời đụng chạm tấm lòng
Đức Chúa Trời đụng chạm tấm lòng của một người là cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nói có nghĩa là Đức Chúa Trời đặt điều gì đó vào trong tâm trí họ hoặc cảm động họ làm điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “những người muốn đi cùng Sau-lơ bởi vì Đức Chúa Trời đã thay đổi suy nghĩ của họ”

Sao người nầy giải cứu chúng ta được?

Đây là câu hỏi được dùng để bày tỏ sự chế nhạo, mỉa mai. Tham khảo cách dịch: “Người nầy chẳng có năng lực gì để giải cứu chúng ta!”

xem thường

"ghét bỏ"

Translation Questions

1 Samuel 10:1

Tại sao Sa-mu-ên đổ một ve đựng dầu lên đầu Sau-lơ và hôn ông?

Ông đổ dầu lên đầu Sau-lơ vì Đức Giê-hô-va đã xức dầu cho ông đặng ông làm vua của cơ nghiệp Ngài.

1 Samuel 10:2

Sa-mu-ên chia sẻ với Sau-lơ về sự kiện tương lai gì?

Sa-mu-ên nói với Sau-lơ rằng ông sẽ gặp hai người đứng gần mộ Ra-chên, họ sẽ nói với ông rằng những con lừa đã được tìm thấy.

1 Samuel 10:3

Sa-mu-ên nói với Sau-lơ điều gì sẽ xảy ra khi ông đến cây dẻ bộp Tha-bô?

Ông sẽ gặp ba người đang đem ba con dê đực, ba ổ bánh, và một bầu rượu, và họ sẽ cho ông hai ổ bánh mà ông sẽ nhận lấy.

1 Samuel 10:4

Sa-mu-ên nói với Sau-lơ điều gì sẽ xảy ra khi ông đến cây dẻ bộp Tha-bô?

Ông sẽ gặp ba người đang đem ba con dê đực, ba ổ bánh, và một bầu rượu, và họ sẽ cho ông hai ổ bánh mà ông sẽ nhận lấy.

1 Samuel 10:5

Sa-mu-ên nói với Sau-lơ điều gì sẽ xảy ra khi ông đến cái đồn của dân Phi-li-tin?

Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ngự lên ông để ông sẽ được thay đổi thành một người khác và nói tiên tri với một nhóm tiên tri đến từ trong thành.

1 Samuel 10:6

Sa-mu-ên nói với Sau-lơ điều gì sẽ xảy ra khi ông đến cái đồn của dân Phi-li-tin?

Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ngự lên ông để ông sẽ được thay đổi thành một người khác và nói tiên tri với một nhóm tiên tri đến từ trong thành.

1 Samuel 10:7

Sa-mu-ên hướng dẫn Sau-lơ điều gì?

Sa-mu-ên bảo Sau-lơ đi xuống Ghinh-ganh và Sa-mu-ên sẽ đi theo đặng dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân.

1 Samuel 10:8

Sa-mu-ên hướng dẫn Sau-lơ điều gì?

Sa-mu-ên bảo Sau-lơ đi xuống Ghinh-ganh và Sa-mu-ên sẽ đi theo đặng dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân.

1 Samuel 10:9

Điều gì xảy ra khi Sau-lơ vừa xây lưng lìa khỏi Sa-mu-ên?

Khi Sau-lơ vừa xây lưng rời đi, Đức Chúa Trời đổi lòng người ra khác.

1 Samuel 10:11

Tại sao dân sự tự hỏi rằng liệu Sau-lơ có phải là một trong các tiên tri?

Dân sự tự hỏi liệu ông bấy giờ có phải là một trong các tiên tri vì họ thấy ông nói tiên tri cùng một trong những tiên tri.

1 Samuel 10:13

Tại sao dân sự tự hỏi rằng liệu Sau-lơ có phải là một trong các tiên tri?

Dân sự tự hỏi liệu ông bấy giờ có phải là một trong các tiên tri vì họ thấy ông nói tiên tri cùng một trong những tiên tri.

1 Samuel 10:14

Sau-lơ nói gì với chú ông khi chú hỏi ông đã đi đâu?

Sau-lơ nói với chú ông rằng ông và tôi tớ không thể tìm được con lừa, họ đã đến gặp Sa-mu-ên.

1 Samuel 10:15

Sau-lơ không nói gì với chú ông viề lời Sa-mu-ên đã nói với ông?

Sau-lơ không nói cho chú ông biết về vấn đề của vương quốc.

1 Samuel 10:16

Sau-lơ không nói gì với chú ông viề lời Sa-mu-ên đã nói với ông?

Sau-lơ không nói cho chú ông biết về vấn đề của vương quốc.

1 Samuel 10:17

Tại sao Đức Giê-hô-va nói rằng Y-sơ-ra-ên đã từ bỏ Ngài?

Y-sơ-ra-ên đã từ bỏ Đức Giê-hô-va vì họ đòi Ngài lập một vua cai trị họ.

1 Samuel 10:19

Tại sao Đức Giê-hô-va nói rằng Y-sơ-ra-ên đã từ bỏ Ngài?

Y-sơ-ra-ên đã từ bỏ Đức Giê-hô-va vì họ đòi Ngài lập một vua cai trị họ.

1 Samuel 10:20

Điều gì xảy ra khi Sau-lơ được chọn làm vua?

Họ tìm Sau-lơ, nhưng không thể tìm được ông.

1 Samuel 10:21

Điều gì xảy ra khi Sau-lơ được chọn làm vua?

Họ tìm Sau-lơ, nhưng không thể tìm được ông.

1 Samuel 10:22

Tại sao họ không thể tìm được Sau-lơ khi ông được chọn làm vua?

Sau-lơ ẩn mình trong đống đồ đạc.

1 Samuel 10:24

Sa-mu-ên cảm thấy thế nào về người mà Đức Giê-hô-va đã chọn?

Sa-mu-ên nói rằng giữa dân sự chẳng có ai giống Sau-lơ.

1 Samuel 10:25

Các phong tục và quy luật làm vua được thiết lập và bảo tồn như thế nào?

Sa-mu-ên nói với dân sự về những phong tục và quy luật làm vua, viết xuống một quyển sách, và đặt trước mặt Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 10:27

Những kẻ vô dụng bày tỏ sự không thích Sau-lơ thế nào?

Một số kẻ vô dụng khinh bỉ Sau-lơ bằng cách không đem bất cứ quà gì đến tặng ông và hỏi sao ông có thể cứu họ.

Chapter 11

1 Samuel 11:1

Na-hách

Đây là người nam đến từ Am-môn, là dòng dõi của Lót, cháu Áp-ra-ham.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gia-be Ghi-lê-át
Đây là tên một địa danh.
Ta sẽ móc
"Ta sẽ khoét" hoặc "Ta sẽ lôi"
làm ô nhục
"sỉ nhục" hoặc "gây tiếng xấu đến"
1 Samuel 11:3
bảy ngày
"7 ngày"
1 Samuel 11:4
Ghi-bê-a
Đây là tên một địa danh.
1 Samuel 11:6
Thần của Đức Chúa Trời đến trên ông mạnh mẽ
Cụm từ "đến trên" có nghĩa là Thần Đức Giê-hô-va tác động đến Sau-lơ. Trong trường hợp nầy, Ngài cho Sau-lơ khiến dân sự kinh sợ mình như một vị vua rồi gia nhập vào quân đội của ông. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong 1SA 10:6.
không ra theo
Sau-lơ đang kêu gọi toàn bộ những người nam của Y-sơ-ra-ên đi ra chiến đấu với Na-hách và dân Am-môn.
Sự kinh hãi từ Đức Giê-hô-va giáng xuống dân sự
Đức Giê-hô-va khiến dân chúng khiếp sợ và tôn trọng Sau-lơ như vua của mình. Kết quả là những người nam Y-sơ-ra-ên đã tập hợp lại với Sau-lơ tại Bê-xéc.
Bê-xéc
Đây là tên của một thành gần Gia-be Ghi-lê-át.
tại đó có ba trăm nghìn người Y-sơ-ra-ên và ba mươi nghìn người Giu-đa
"có 300.000 người Y-sơ-ra-ên và 30.000 người Giu-đa"
1 Samuel 11:9
Họ nói với các sứ giả
"Họ" chỉ về Sa-mu-ên và Sau-lơ.
trước khi mặt trời nóng
"trước khoảng thời gian nóng nhất trong ngày" hoặc "trước trưa"
Gia-be Ghi-lê-át ... Gia-be
Đây đều là tên các địa danh. Xem cách bạn đã dịch những tên gọi nầy trong 1SA 11:01.
Na-hách
Đây là tên của một vị vua. Xem cách bạn đã dịch tên gọi nầy trong 1SA 11:01.
1 Samuel 11:11
rạng đông
Đây là lúc trước bình minh, khi hầu hết dân sự vẫn còn đang ngủ.
1 Samuel 11:14
lập Sau-lơ làm vua trước mặt Đức Giê-hô-va
"lập Sau-lơ làm vua trước sự chứng kiến của Đức Giê-hô-va"
Tại đó, họ dâng tế lễ bình an lên trước mặt Đức Giê-hô-va
Một phần công việc của Sa-mu-ên trước Đức Giê-hô-va là dâng tế lễ mặc dầu ông không thuộc dòng dõi A-rôn hay người Lê-vi.

Translation Questions

1 Samuel 11:1
Na-hách người Am-môn phản ứng gì với việc dân Gia-be đề nghị lập hòa ước?
Ông nói ông sẽ lập hòa ước với họ nếu ông có thể gieo sự sỉ nhục cho cả Y-sơ-ra-ên bằng cách khoét hết thảy mắt bên phải của họ.
1 Samuel 11:2
Na-hách người Am-môn phản ứng gì với việc dân Gia-be đề nghị lập hòa ước?
Ông nói ông sẽ lập hòa ước với họ nếu ông có thể gieo sự sỉ nhục cho cả Y-sơ-ra-ên bằng cách khoét hết thảy mắt bên phải của họ.
1 Samuel 11:3
Các trưởng lão Gia-be phản ứng thế nào với đề xuất của Na-hách?
Họ xin cho bảy ngày để xem có ai trong khắp lãnh thổ Y-sơ-ra-ên cứu họ không.
1 Samuel 11:4
Tại sao Sau-lơ tự hỏi điều gì đã xảy ra với dân sự trong thành Ghi-bê-a của ông?
Sau-lơ nghe họ khóc sau khi họ đã biết điều có thể xảy đến với thành Gia-be.
1 Samuel 11:5
Tại sao Sau-lơ tự hỏi điều gì đã xảy ra với dân sự trong thành Ghi-bê-a của ông?
Sau-lơ nghe họ khóc sau khi họ đã biết điều có thể xảy đến với thành Gia-be.
1 Samuel 11:6
Sau-lơ phản ứng thế nào với lời đe dọa nghịch lại Gia-be?
Ông rất giận và tập hợp tất cả người Y-sơ-ra-ên theo ông và đánh quân thù của người Gia-be.
1 Samuel 11:8
Sau-lơ phản ứng thế nào với lời đe dọa nghịch lại Gia-be?
Ông rất giận và tập hợp tất cả người Y-sơ-ra-ên theo ông và đánh quân thù của người Gia-be.
1 Samuel 11:9
Các sứ giả nói gì với người Gia-be?
Họ bảo người Gia-be rằng họ sẽ được cứu vào ngày hôm sau lúc trời đã nắng nóng.
1 Samuel 11:10
Dân Gia-be nói gì để lừa Na-hách?
Họ nói với Na-hách rằng họ sẽ đầu hàng ông ấy vào ngày hôm sau và ông có thể đãi họ theo ý ông ấy muốn.
1 Samuel 11:11
Kết quả của trận chiến giữa dân Y-sơ-ra-ên và Na-hách người Am-môn là gì?
Dân Y-sơ-ra-ên tấn công và đánh bại dân Am-môn và những người thoát khỏi đều bị tản lạc.
1 Samuel 11:12
Tại sao Sau-lơ nói rằng chẳng ai trong số đối thủ của ông sẽ bị giết?
Sau-lơ nói rằng chẳng ai sẽ bị giết vì Đức Giê-hô-va đã giải cứu Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 11:13
Tại sao Sau-lơ nói rằng chẳng ai trong số đối thủ của ông sẽ bị giết?
Sau-lơ nói rằng chẳng ai sẽ bị giết vì Đức Giê-hô-va đã giải cứu Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 11:14
Tại sao Sa-mu-ên, Sau-lơ và toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đi đến Ghinh-ganh?
Họ đến Ghinh-ganh đặng dâng của lễ thù ân và làm mới ilai5 nền quân chủ bằng cách lập Sau-lơ làm vua trước mặt Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 11:15

Tại sao Sa-mu-ên, Sau-lơ và toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đi đến Ghinh-ganh?

Họ đến Ghinh-ganh đặng dâng của lễ thù ân và làm mới ilai5 nền quân chủ bằng cách lập Sau-lơ làm vua trước mặt Đức Giê-hô-va.

Chapter 12

1 Samuel 12:1

vị vua đang sống trước mặt anh em... Tôi đã sống trước mặt anh em

Những cách diễn đạt nầy có nghĩa là dân sự thực sự có thể nhìn thấy đời sống của Sau-lơ và Sa-mu-ên ra sao. Tham khảo cách dịch: “Anh em đã thấy đời sống của vị vua nầy... Anh em đã thấy đời sống tôi”

1 Samuel 12:3

Tôi ở đây, hãy cáo tội tôi trước Đức Giê-hô-va và trước người được xức dầu của Ngài

Nói như vậy, Sa-mu-ên đang thách thức dân sự lên tiếng tố cáo nếu như ông có làm điều nào sai quấy với bất cứ ai. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ tôi đang đứng trước anh em. Tôi yêu cầu anh em hãy nói trước mặt Đức Giê-hô-va và vị vua được xức dầu của Ngài là tôi có làm phạm lỗi gì với anh em hay không”

Tôi có bắt bò của ai không? Tôi có bắt lừa của ai không?

Sa-mu-ên dùng những câu hỏi nầy để nhắc dân sự nhớ rằng ông chưa hề trộm lấy gia súc của họ. Tham khảo cách dịch: “Tôi chưa hề trộm con vật nào của ai”

Tôi có lừa dối ai không?

Sa-mu-ên dùng một câu hỏi khác để nhấm mạnh rằng ông luôn thành thật. Tham khảo cách dịch: “Tôi chưa từng lừa dối hay mua chuộc bất cứ người nào”

Hãy tố cáo tôi, thì tôi sẽ trả lại cho anh em

"Nếu tôi có phạm điều nào trong số những việc ác nầy thì bây giờ hãy nói ra, thì tôi sẽ trả lại những gì mình nợ. Tôi sẽ sửa sai.”

1 Samuel 12:4

từ tay ai... trong tay tôi

Những cụm từ nầy có nghĩa là những thứ mà người ta chiếm lấy hoặc những điều họ nộp cho người khác để được lợi từ người đó. Đây là cách nói tế nhị khẳng định rằng ông không hề lấy cắp cũng chẳng đưa hay nhận của hối lộ.

1 Samuel 12:6

mọi việc công chính của Đức Giê-hô-va

Sa-mu-ên đang hướng sự chú ý của họ vào cách Đức Giê-hô-va đối xử với dân Y-sơ-ra-ên từ xưa đến nay, đầy dẫy sự tốt lành và quả quyết.

1 Samuel 12:8

Gia-cốp ... Môi-se ... A-rôn... ... Si-sê-ra

Đây đều là tên của nam.

Ha-xơ

Đây là tên một địa danh.

Ngài bán họ

Đây là cách diễn đạt về việc Đức Chúa Trời phó họ cho kẻ thù để làm nô lệ cho chúng.

vào tay Si-sê-ra... người Phi-li-tin ... vua Mô-áp

"vào uy quyền của Si-sê-ra ... người Phi-li-tin ... vua Mô-áp"

1 Samuel 12:10

Họ kêu khóc cùng Đức Giê-hô-va

"Họ” chỉ dân Y-sơ-ra-ên.

đã phục vụ thần Ba-anh và Át-tạt-tê

Phục vụ ở đây chỉ về hành động thờ phượng các tà thần. Tham khảo cách dịch: “đã thờ phượng các tà thần và các nữ tà thần”

tay kẻ thù chúng con

Câu nầy dùng từ “tay” để chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “quyền lực hoặc ách thống trị của kẻ thù chúng con”

Giê-ru Ba-anh

Thỉnh thoảng, từ nầy được dịch là Giê-ru-ba-anh. Đây là tên danh tự và sức mạnh để chiến đấu với tà thần.

Đức Giê-hô-va đã sai... và ban chiến thắng cho anh em

Sa-mu-ên đang kể câu chuyện về những điều Đức Chúa Trời đã làm sau khi dân sự xưng tội mình và cầu xin Ngài cứu giúp.

Giê-ru Ba-anh, Bê-đan, Giép-thê, và Sa-mu-ên

Đây là một số tên của các quan xét mà Đức Chúa Trời đã dấy lên. Sa-mu-ên tính cả mình trong danh sách nầy.

1 Samuel 12:12

Không! Thay vào đó, phải có một vị vua cai trị trên chúng tôi

Câu nầy cho thấy cách phản ứng mạnh của dân Y-sơ-ra-ên chống đối Sa-mu-ên khi ông khuyên họ về việc tin cậy Đức Chúa Trời bởi vì Ngài đã giải cứu họ trước đây.

người mà anh em đã chọn, người anh em đã cầu xin

Cả hai cụm từ đều cùng nói về những ý nghĩa tương tự và nhấn mạnh rằng đây là vị vua mà dân sự muốn.

1 Samuel 12:14

kính sợ ... phục vụ ... vâng ... không nổi loạn

Những từ tương tự nhau được dùng để nhấn mạnh tầm quan trọng của điều nầy.

tay Đức Giê-hô-va sẽ nghịch cùng anh em, như đã nghịch cùng tổ tiên anh em

Ở đây, từ “tay” đại diện cho uy quyền và quyền lực của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt anh em, như Ngài đã từng trừng phạt tổ tiên anh em”

1 Samuel 12:16

trước mắt anh em

Từ “mắt” ở đây tượng trưng cho những người dân trong nước Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “ra ngoài nơi cả dân Y-sơ-ra-ên đều có thể nhìn thấy”

Hôm nay chẳng phải là mùa gặt lúa mì sao?

Sa-mu-ên biết rõ đây là thời điểm thu hoạch. Ông đang đặt một câu hỏi để nhấn mạnh rằng thường thì lúc nầysẽ không có mưa nên dân sự sẽ biết rằng trời mưa sẽ phá hủy mùa màng của họ chính là một hình phạt từ Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ đang là mùa thu hoạch, và thường thì sẽ không có mưa vào lúc nầy”

Ngài sẽ sai sấm sét và đổ mưa xuống

Sa-mu-ên đang cầu xin Đức Giê-hô-va trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên vì đã cầu xin một vua bằng cách Ngài sẽ đổ một trận mưa bão xuống trong mùa thu hoạch đặng phá hủy lúa mì.

1 Samuel 12:19

để chúng tôi khỏi chết

Hình phạt cao nhất cho tội lỗi là sự chết. Dân Y-sơ-ra-ên đã thấy Đức Giê-hô-va tiêu diệt những nước áp bực họ. Họ lo lắng rằng mình sẽ “bị phó vào sự hủy diệt” giống như những nước đó.

Đừng sợ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân sự đã làm điều ác và sợ Đức Chúa Trời tiêu diệt mình. Tham khảo cách dịch: “Đừng sợ rằng Đức Chúa Trời sẽ nổi giận và tiêu diệt anh em vì cớ tội lỗi nầy”

xoay bỏ để đi theo những thứ hư không

"theo đuổi việc thờ phượng tà thần”

1 Samuel 12:22

Vì cớ danh lớn lao của Ngài

Ở đây, “danh” chỉ về danh tiếng của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Để dân đó sẽ tiếp tục tôn kính và kính trọng Đức Giê-hô-va”

Tôi sẽ không phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va bằng cách ngừng cầu nguyện cho anh em

Dân sự đang đầy sợ hãi vì cớ mưa và sấm sét mà Đức Giê-hô-va đã đổ xuống lúc Sa-mu-ên cầu nguyện. Một số người tin rằng Sa-mu-ên sẽ dùng những lời cầu nguyện của mình để làm hại họ.

Translation Questions

1 Samuel 12:4

Sa-mu-ên có làm gì xấu xa chống lại dân Y-sơ-ra-ên không?

Dân Y-sơ-ra-ên nói Sa-mu-ên rằng ông ấy không lừa gạt, áp bức hoặc cướp lấy thứ gì của họ cả.

1 Samuel 12:5

Sa-mu-ên có làm gì xấu xa chống lại dân Y-sơ-ra-ên không?

Dân Y-sơ-ra-ên nói Sa-mu-ên rằng ông ấy không lừa gạt, áp bức hoặc cướp lấy thứ gì của họ cả.

1 Samuel 12:6

Tại sao Sa-mu-ên bảo dân Y-sơ-ra-ên ra mắt trước mặt Đức Giê-hô-va?

Ông bảo dân Y-sơ-ra-ên ra mắt để ông có thể nhắc họ nhớ lại những việc công bình mà Đức Giê-hô-va đã làm trong quá khứ.

1 Samuel 12:7

Tại sao Sa-mu-ên bảo dân Y-sơ-ra-ên ra mắt trước mặt Đức Giê-hô-va?

Ông bảo dân Y-sơ-ra-ên ra mắt để ông có thể nhắc họ nhớ lại những việc công bình mà Đức Giê-hô-va đã làm trong quá khứ.

1 Samuel 12:8

Đức Chúa Trời đã làm gì với các tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên sau khi họ quên Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ khi Ngài sai Môi-se và A-rôn đem họ ra khỏi Ai Cập?

Đức Giê-hô-va phó họ cho Si-sê-ra, tổng binh của Hát-so, cho dân Phi-li-tin, và cho dân Mô-áp.

1 Samuel 12:9

Đức Chúa Trời đã làm gì với các tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên sau khi họ quên Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ khi Ngài sai Môi-se và A-rôn đem họ ra khỏi Ai Cập?

Đức Giê-hô-va phó họ cho Si-sê-ra, tổng binh của Hát-so, cho dân Phi-li-tin, và cho dân Mô-áp.

1 Samuel 12:10

Đức Giê-hô-va làm gì sau khi tổ phụ Y-sơ-ra-ên kêu cầu Ngài và xin Ngài giải cứu họ khỏi tay kẻ thù nghịch?

Đức Giê-hô-va đã sai Giê-ru-ba-anh, Bê-đan, Giép-thê, và Sa-mu-ên giải cứu họ khỏi kẻ thù nghịch.

1 Samuel 12:11

Đức Giê-hô-va làm gì sau khi tổ phụ Y-sơ-ra-ên kêu cầu Ngài và xin Ngài giải cứu họ khỏi tay kẻ thù nghịch?

Đức Giê-hô-va đã sai Giê-ru-ba-anh, Bê-đan, Giép-thê, và Sa-mu-ên giải cứu họ khỏi kẻ thù nghịch.

1 Samuel 12:12

Sa-mu-ên muốn dân Y-sơ-ra-ên ghi nhớ sự thật nào?

Sa-mu-ên nhắc dân Y-sơ-ra-ên rằng họ đã muốn có một vua cai trị họ.

1 Samuel 12:13

Sa-mu-ên muốn dân Y-sơ-ra-ên ghi nhớ sự thật nào?

Sa-mu-ên nhắc dân Y-sơ-ra-ên rằng họ đã muốn có một vua cai trị họ.

1 Samuel 12:14

Sa-mu-ên đưa ra sự lựa chọn gì trước mặt dân Y-sơ-ra-ên?

Họ có thể vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va và theo Ngài, hoặc họ có thể bội nghịch mạng lệnh của Ngài và tay Ngài ắt sẽ giáng họa trên họ.

1 Samuel 12:15

Sa-mu-ên đưa ra sự lựa chọn gì trước mặt dân Y-sơ-ra-ên?

Họ có thể vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va và theo Ngài, hoặc họ có thể bội nghịch mạng lệnh của Ngài và tay Ngài ắt sẽ giáng họa trên họ.

1 Samuel 12:16

Sa-mu-ên thách thức dân Y-sơ-ra-ên làm gì?

Sa-mu-ên thách thức dân sự ra mắt trước mặt Đức Giê-hô-va và xem việc lớn mà Đức Giê-hô-va sẽ làm trước mắt họ.

1 Samuel 12:17

Sa-mu-ên xin Đức Giê-hô-va ban gì để dân Y-sơ-ra-ên biết mức độ gian ác của họ?

Ông xin Đức Giê-hô-va ban mưa và sấm sét.

1 Samuel 12:18

Sa-mu-ên xin Đức Giê-hô-va ban gì để dân Y-sơ-ra-ên biết mức độ gian ác của họ?

Ông xin Đức Giê-hô-va ban mưa và sấm sét.

1 Samuel 12:19

Sa-mu-ên đáp ứng thế nào khi dân Y-sơ-ra-ên nhận thấy tính chất nghiêm trọng của tội lỗi họ?

Sa-mu-ên bảo dân sự chớ sợ hãi nhưng phải hết lòng hầu việc Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 12:20

Sa-mu-ên đáp ứng thế nào khi dân Y-sơ-ra-ên nhận thấy tính chất nghiêm trọng của tội lỗi họ?

Sa-mu-ên bảo dân sự chớ sợ hãi nhưng phải hết lòng hầu việc Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 12:22

Sa-mu-ên an ủi dân Y-sơ-ra-ên về điều gì?

Sa-mu-ên an ủi dân Y-sơ-ra-ên bằng cách nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ không từ bỏ họ.

1 Samuel 12:23

Sa-mu-ên quyết định làm gì cho Y-sơ-ra-ên?

Ông quyết định dạy dỗ dân sự con đường lành và ngay thẳng, và không ngừng cầu thay cho họ.

1 Samuel 12:24

Sa-mu-ên thách thức dân Y-sơ-ra-ên làm gì?

Sa-mu-ên bảo họ xem xét những việc lớn mà Đức Giê-hô-va đã làm cho họ để họ kính sợ Ngài và hết lòng trung tín phục vụ Ngài.

Chapter 13

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 13:1

Thông tin chung:

Sa-mu-ên đã làm mới lại vương quốc của Sau-lơ ở Ghinh-ganh và Sa-mu-ên nhắc dân sự phải đi theo Đức Giê-hô-va.

Sau-lơ ba mươi tuổi... trên Y-sơ-ra-ên

Nguyên bản của đoạn nầy trong những bản sao cổ xưa dường như đã bị cắt bỏ bớt, vì vậy những phiên bản hiện đại có rất nhiều bản dịch khác nhau. Tất cả những bản dịch là tất cả những nỗ lực để có thể tương đồng với ý nghĩa có thể xảy ra nhất của văn bản gốc

Những người lính còn lại thì ông cho về nhà

"Ông cho những người lính còn lại về nhà"

chọn ba nghìn người

"chọn 3.000 người"

Hai nghìn người ở với ông tại Mích-ma

"2.000 ở với ông tại Mích-ma"

Ghi-bê-a thuộc Bên-gia-min

Ghi-bê-a là một thành. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 10:26

1 Samuel 13:3

đồn quân của người Phi-li-tin

"căn cứ quân sự của người Phi-li-tin" hoặc "trại quân của người Phi-li-tin"

Ghê-ba

Tên của thành mà đồn quân của người Phi-li-tin đang đóng tại đó.

Toàn thể Y-sơ-ra-ên đều nghe tin Sau-lơ đã đánh bại

Ý nghĩa khả thi: 1) Sau-lơ chịu trách nhiệm về những hành động của Giô-na-than hoặc 2) Sau-lơ đang tự nhận công trạng của Giô-na-than cho mình.

mùi khó chịu

Đây là phép ẩn dụ trong đó dân Y-sơ-ra-ên được so sánh với một "mùi khó chịu". Tham khảo cách dịch: "mùi khó chịu"

quân lính được triệu tập lại tại Ghinh-ganh để theo Sau-lơ

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Sau-lơ đã triệu tập quân lính lại với mình tại Ghinh-ganh"

1 Samuel 13:5

ba nghìn ... sáu nghìn

"3.000 ... 6.000"

quân lính đông như cát bãi biển

Một nhóm lính đông đến nỗi không tài nào đếm được.

Mích-ma

Đây là tên một địa danh.

Bết-a-ven

Đây là tên một địa danh.

1 Samuel 13:6

Thông tin chung:

Dân Phi-li-tin đã nhóm nhau lại để đánh lại Y-sơ-ra-ên.

dân chúng

cụm từ nầy chỉ về dân Y-sơ-ra-ên

dân chúng lo lắng

"dân chúng lo lắng lắm"

đất Gát và Ghi-lê-át

Ghi-bê-a là một thành. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 7:15.

đi theo ông đều run sợ

Dân chúng rất sợ hãi.

1 Samuel 13:8

thời gian mà Sa-mu-ên đã định

"theo thời gian mà Sa-mu-ên bảo với họ rằng ông sẽ đến"

dân chúng bỏ Sau-lơ mà chạy tản loạn

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "dân chúng bắt đầu rời bỏ Sau-lơ"

Rồi ông dâng tế lễ thiêu

Chỉ có dòng dõi của A-rôn mới được phép dâng tế lễ thiêu lên cho Đức Chúa Trời.

1 Samuel 13:11

Ngươi đã làm gì vậy?

Không phải Sa-mu-ên đang hỏi, nhưng là đang quở trách Sau-lơ. Sau-lơ cố tìm cách biện hộ cho những hành động của mình, mặc dầu những việc làm đó là sai.

Mích-ma

Mích-ma là tên của một địa điểm. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 13:02.

1 Samuel 13:13

Thông tin chung:

Sau-lơ cho Sa-mu-ên biết tại sao ông lại làm hành động sai trái như thể một thầy tế lễ và dâng của lễ thiêu.

Ngươi đã không vâng giữ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va

Đáng lẽ Sau-lơ phải đợi Sa-mu-ên đến để dâng tế lễ thiêu cho Đức Chúa Trời. Không được tự mình dâng tế lễ.

thiết lập quyền cai trị của ngươi

"lập quyền cai trị của ngươi" hoặc "cho phép ngươi cai trị" hoặc "định quyền cai trị của ngươi"

quyền cai trị của ngươi sẽ không bền lâu

Có thể chuyển cách nói giảm nói tránh nầythành dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: "quyền cai trị của ngươi sẽ sớm chấm dứt"

một người đẹp lòng Ngài

Cụm từ nầy có nghĩa là "sẽ vâng giữ mạng lệnh của Ngài". Từ "lòng" là ẩn dụ chỉ về những ước muốn hoặc ý muốn của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "một người như mong đợi của Đức Giê-hô-va"

1 Samuel 13:15

Sa-mu-ên đứng dậy và đi lên

Cách nói nầy có nghĩa là "Sa-mu-ên rời khỏi đó mà đi lên"

từ Ghinh-ganh đi lên

Ghinh-ganh là một thành. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 7:15.

Ghi-bê-a thuộc Bên-gia-min

Ghi-bê-a là một thành. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 10:26.

sáu trăm người

"600 người"

Ghê-ba thuộc Bên-gia-min

Ghê-ba là một thành. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 13:03.

dân Phi-li-tin đóng trại tại Mích-ma

Mích-ma là tên của một địa điểm. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 13:02.

1 Samuel 13:17

Những toán lính đột kích đến

Lính đột kích thường là những người lính tấn công các ngôi làng của kẻ thù để cướp lấy thức ăn và những nguồn cung khác.

Óp-ra, đi đến đất Su-anh ... Bết Hô-rôn... thung lũng Sê-bô-im

Đây đều là tên các địa danh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 13:19

Thông tin chung:

Người dẫn chuyện đổi sang phần thông tin nền liên quan đến những người thợ rèn trong Y-sơ-ra-ên.

Không một người thợ rèn nào được tìm thấy

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không ai có thể tìm được một người thợ rèn”

thợ rèn

Ở đây, “thợ rèn” chỉ về những người làm ra hoặc mài công cụ và vũ khí.

mài lưỡi cày của mình

Từ “lưỡi cày” chỉ mũi nhọn của một loại công cụ bằng kim loại dùng để xới đất lên nhằm chuẩn bị cho việc trồng trọt.

cuốc ... rìu ... liềm

Đây là những loại công cụ làm vườn phổ biến.

cuốc

“Cuốc” là loại hình lưỡi rìu có lưỡi rộng và ngang dùng để đào xới đất cứng.

liềm

Một lưỡi dao hình cung dùng để cắt cỏ và cắt lúa.

hai phần ba siếc-lơ

Một siếc-lơ chia làm 3 phần, trả mất hai phần trong số đó. “2/3 siếc-lơ”

sửa cây gậy đót lại cho ngay

"dập thẳng những chỗ cong để cây đót lại được ngay và có thể dùng được”

1 Samuel 13:22

Thông tin chung:

Người dẫn chuyện tiếp tục.

Không có gươm cũng chẳng có giáo

Câu nàygiải thích được phần nào lí do tại sao quân đội của Sa-mu-ên lại sợ hãi. Họ không có bất cứ loại vũ khí nào để chiến đấu.

Translation Questions

1 Samuel 13:2

Sau-lơ làm gì với những người lính mà ông không chọn đi cùng ông?

Sau-lơ cho nhóm lính còn lại về trại mình.

1 Samuel 13:3

Tại sao Y-sơ-ra-ên trở thành một mùi thối rữa đối với người Phi-li-tin?

Họ trở thành mùi thối rữa vì Sau-lơ đã đánh bại tiền đồn của người Phi-li-tin.

1 Samuel 13:4

Tại sao Y-sơ-ra-ên trở thành một mùi thối rữa đối với người Phi-li-tin?

Họ trở thành mùi thối rữa vì Sau-lơ đã đánh bại tiền đồn của người Phi-li-tin.

1 Samuel 13:5

Người Phi-li-tin phản ứng thế nào với sự thất bại từ dân Y-sơ-ra-ên?

Họ tập hợp vô số chiến mã và binh sĩ đặng đánh Y-sơ-ra-ên.

1 Samuel 13:6

Dân Y-sơ-ra-ên phản ứng thế nào với các lực lượng người Phi-li-tin?

Họ thấy bị nguy khốn nên họ trốn trong hang động, các bụi rậm, các hốc đá, các mộ địa, và các hầm hố, và một số khác đã vượt qua phía đông Sông Giô-đanh.

1 Samuel 13:7

Dân Y-sơ-ra-ên phản ứng thế nào với các lực lượng người Phi-li-tin?

Họ thấy bị nguy khốn nên họ trốn trong hang động, các bụi rậm, các hốc đá, các mộ địa, và các hầm hố, và một số khác đã vượt qua phía đông Sông Giô-đanh.

1 Samuel 13:8

Sau-lơ làm gì khi Sa-mu-ên không đến Ghinh-ganh sau bảy ngày?

Tự Sau-lơ dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân.

1 Samuel 13:10

Sau-lơ làm gì khi Sa-mu-ên không đến Ghinh-ganh sau bảy ngày?

Tự Sau-lơ dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân.

1 Samuel 13:11

Sau-lơ bào chữa gì với Sa-mu-ên về việc không đợi ông ấy đến dâng của lễ?

Ông nói ông thấy dân sự bắt đầu rời bỏ, vì vậy ông buộc phải dâng của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 13:12

Sau-lơ bào chữa gì với Sa-mu-ên về việc không đợi ông ấy đến dâng của lễ?

Ông nói ông thấy dân sự bắt đầu rời bỏ, vì vậy ông buộc phải dâng của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 13:13

Sa-mu-ên khiển trách Sau-lơ điều gì?

Sa-mu-ên nói Sau-lơ đã làm một điều thật điên rồ vì không tuân giữ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va.

Sa-mu-ên nói Sau-lơ sẽ gặp những hậu quả gì về hành động của ông?

Vì Sau-lơ không tuân giữ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va, nên vương quyền của ông trên Y-sơ-ra-ên sẽ không bền lâu, nhưng trái lại, Đức Giê-hô-va đã chọn lấy cho mình một người theo lòng Ngài đặng cai trị dân Ngài.

1 Samuel 13:14

Sa-mu-ên nói Sau-lơ sẽ gặp những hậu quả gì về hành động của ông?

Vì Sau-lơ không tuân giữ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va, nên vương quyền của ông trên Y-sơ-ra-ên sẽ không bền lâu, nhưng trái lại, Đức Giê-hô-va đã chọn lấy cho mình một người theo lòng Ngài đặng cai trị dân Ngài.

1 Samuel 13:17

Dân Phi-li-tin dùng chiến thuật gì để chống lại dân Y-sơ-ra-ên?

Dân Phi-li-tin sai một toán quân cướp từ trại mình đi ra đến ba khu vực khau nhau ở Y-sơ-ra-ên.

1 Samuel 13:19

Lính Y-sơ-ra-ên bị giới hạn gì khi đánh dân Phi-li-tin?

Dân Phi-li-tin không để cho dân Y-sơ-ra-ên rèn gươm hay giáo.

1 Samuel 13:22

Lính Y-sơ-ra-ên bị cản trở thế nào trong trận chiến chống lại dân Phi-li-tin?

Lính Y-sơ-r-ae6n không có gươm hoặc giáo trong tay mình.

Chapter 14

1 Samuel 14:1

Thông tin chung:

Giô-na-than bắt đầu đợt tập kích bất ngờ vào quân đội dân Phi-li-tin.

người thanh niên vác khi giới cho mình

Một người trai trẻ chịu trách nhiệm mang vũ khí chiến đấu cho chủ của mình.

đồn quân của người Phi-li-tin

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là những đồn quân do quân đội Phi-li-tin dựng.
1 Samuel 14:2
Ghi-bê-a
Đây là tên của một ngọn đồi ở phía Bắc Y-sơ-ra-ên.
dưới cây lựu
Một loại cây mà trái của nó có vỏ dày, hình tròn, màu đỏ và có rất nhiều hạt để ăn.
ở Mi-gơ-rôn
"Mi-gơ-rôn là một nơi ở phía Bắc Giê-ru-sa-lem
sáu trăm người đang ở với ông
"600 người đang ở với ông”
con trai A-hi-túp (anh của Y-ca-bốt)
"A-hi-túp" và "Y-ca-bốt" đều là tên của nam.
Phi-nê-a, con trai Ê-li
Phi-nê-a là một trong số các tế lễ. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 1:03.
1 Samuel 14:4
Một vách đá được gọi là Bô-sết
Đây là một đỉnh núi đá cao với dốc đứng. Vách đã nầy được nhiều người biết đến và được đặt tên là “Bô-sết”
vách đá kia được gọi là Sê-nê
Đây là tên của vách đã kia.
Mích-ma
"Mích-ma" là thành phía Bắc Y-sơ-ra-ên.
Ghê-ba
"Ghê-ba" là thành phía Bắc Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 14:6
người thanh niên vác binh khí của mình
Đây là một nam thanh niên chịu trách nhiệm mang vác vũ khí chiến đấu cho chủ mình. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 14:1.
những kẻ chẳng chịu cắt bì
một từ ngữ mang tính xúc phạm được dùng cho những người không phải là người Do Thái.
hành động thay cho chúng ta
"hỗ trợ chúng ta” hoặc “giúp đỡ chúng ta”
không gì có thể cản trở Đức Giê-hô-va giải cứu
Cách nói phủ định kép nầy có thể được chuyển sang dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va có thể cứu”
bằng nhiều người hay ít người
Hai thái cực đối lập nầy bao hàm cả con số ở giữa. Tham khảo cách dịch: “bằng bất cứ số lượng nào”
mọi điều trong lòng ông
Ở đây, “lòng” chỉ về những ước muốn của Giô-na-than. Tham khảo cách dịch: “mọi điều ông muốn làm”
1 Samuel 14:8
sẽ không đi qua đến chỗ chúng
"sẽ không đi qua phía kia thung lũng, chỗ người Phi-li-tin”
đã phó chúng vào tay chúng ta
Ở đây, từ “tay” chỉ về năng lực đánh bại chúng. Tham khảo cách dịch: “sẽ khiến chúng ta đánh bại chúng”
Đó sẽ là dấu hiện cho chúng ta
"Điều đó sẽ khẳng định rằng Chúa sẽ ở cùng chúng ta”
1 Samuel 14:11
xuất đầu lộ diện trước đồn của dân Phi-li-tin
"xuất hiện trước lính Phi-li-tin”
đồn
trại quân
chui ra khỏi những hang hốc mà chúng đã ẩn trốn
Dân Phi-li-tin đang ngụ ý rằng người Do Thái trốn trong những hang hốc dưới đất như thú vật.
Chúng ta sẽ cho chúng mấy thấy vài thứ
Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa "chúng tao sẽ dạy cho chúng mầy một bài học”
đã phó chúng vào tay dân Y-sơ-ra-ên
Ở đây, “tay” đại diện cho năng lực đánh bại dân Phi-li-tin. Tham khảo cách dịch: “sẽ khiến Y-sơ-ra-ên có thể đánh bại chúng”
1 Samuel 14:13
Giô-na-than leo lên bằng cả tay và chân
Ông làm như vậy bởi vì vách đá nầy rất dốc. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Vậy, Giô-na-than trèo lên, dùng cả chân và tay mình mà trèo vì cách đá nầy rất dốc”
Dân Phi-li-tin bị giết ngay trước Giô-na-than
Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Giô-na-than giết chết dân Phi-li-tin”
người vác binh khí theo sau ông cũng giết vài người
Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người vác binh khí của Giô-suê theo sau ông và cũng giết chết lính Phi-li-tin”
1 Samuel 14:15
Có sự hoang mang lo sợ
"Có nỗi khiếp sợ cực độ”
lính đột kích
những người Phi-li-tin đang bất ngờ tấn công các thành Y-sơ-ra-ên
Đất rúng động
Có thể sẽ dễ hiểu hơn nếu ghi rõ nguyên nhân. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời khiến mặt đất rúng động”
1 Samuel 14:16
Ghi-bê-a
Xem cách bạn đã dịch "Ghi-bê-a" trong 1SA 10:26.
hỗn loạn... chạy tan tác
Hai cụm từ nầy có ý nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh ý quân lính Phi-li-tin bỏ chạy tứ phía.
1 Samuel 14:18
Hãy đem Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đến đây
Có một số ít bản dịch ghi là “ê-phót” thay vì “Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời”
cảnh hỗn loạn
"cảnh ồn ào và náo loạn”
Hãy rút tay lại
Dường như cây là một cách nói có nghĩa là “Dừng ngay việc ông đang lại lại”. Sau-lơ không muốn A-hi-gia tiếp tục dùng Hòm Giao Ước để cầu xin Đức Chúa Trời hướng dân. Tham khảo cách dịch: “Đừng đem rương thánh ra lúc nầy”
1 Samuel 14:20
những người đang ở với ông
Những người còn lại trong quân đội Y-sơ-ra-ên còn ở lại với Sau-lơ
Gươm của người Phi-li-tin nghịch cùng nhau
Gươm ở đây được nói như thể nó là một người đang sống. Tham khảo cách dịch: “Người Phi-li-tin đang dùng gươm chém giết lẫn nhau”
1 Samuel 14:22
những người Y-sơ-ra-ên đã trốn trong các vách núi
Câu nầy không nói về một cuộc phục kích. Những người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lính nầy trốn bởi vì họ sợ dân Phi-li-tin. Có thể làm rõ điều nầy. Tham khảo cách dịch: “những quân lính Y-sơ-ra-ên là những người sợ hãi và lẩn trốn trên các vách núi”

Bết A-ven

Đây là một nơi trong Y-sơ-ra-ên. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong [1SA 13:05]

1 Samuel 14:24

Vì vậy, toàn quân không một ai ăn uống

Có thể hiểu là dưới lời thề của Sau-lơ, quân đội không được phép ăn uống.

dân sự vào một khu rừng

Lính Phi-li-tin chạy trốn qua cánh rừng đó và lính Y-sơ-ra-ên đã theo họ đến đó.

mật ong chảy tràn

Đây là cách nói quá để nhấn mạnh trong rừng có nhiều mật ong đến mức nào. Tham khảo cách dịch: “có nhiều mật ong ở khắp nơi”

không ai dám chấm tay cho vào miệng

Ở đây, “cho tay vào miệng” là phép ẩn dụ có nghĩa là ăn. Tham khảo cách dịch: “không ai dám ăn chút mật ong nào”

dân sự sợ lời thề

Dân sự không sợ lời thề đó, nhưng họ sợ hình phạt theo sau nếu vi phạm lời thề đó. Tham khảo cách dịch: “dân sự sợ những điều Sau-lơ sẽ làm với mình nếu họ phạm lời thề của ông”

1 Samuel 14:27

Thông tin chung:

Giô-na-than hay biết lời thề của cha mình.

buộc dân chúng với một lời thề

Ở đây, nghĩa vụ phải vâng giữ và lời thề được nói đến như thể dân sự bị trói bằng dây thừng. Tham khảo cách dịch: “lệnh cho dân chúng giữ lời thề của mình”

Ông cho tay vào miệng

Ở đây, “cho tay vào miệng” là hoán dụ cho việc ăn. Tham khảo cách dịch: “Ông đã ăn một ít mật”

mắt ông sáng ra

Cách nói nầy có nghĩa là ông lấy lại sức hơn. Tham khảo cách dịch: “ông lấy lại sức”

1 Samuel 14:29

xứ

Đây là phép hoán dụ đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “cho Y-sơ-ra-ên”

mắt tôi đã sáng

Cách nói nầy có nghĩa là ông đã lấy lại sức. Tham khảo cách dịch: “Tôi đã lấy lại sức”

Sẽ tốt hơn biết bao nếu dân sự.... mà họ đã tìm thấy?

Giô-na-than sử dụng câu hỏi nầy để khẳng định rằng dân sự nên được phép ăn uống. Có thể dịch câu nầy thành câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chiến thắng của chúng ta sẽ còn vang dội hơn nếu như hôm nay dân sự có thể được tự do ăn những chiến lợi phẩm mà họ đã chiếm lấy từ kẻ thù của mình”

chiến lợi phẩm

Từ nầy chỉ những thứ mà dân sự đã chiếm của kẻ thù mình từ trận chiến.

Bởi vì bây giờ cuộc tàn sát không hề vĩ đại

Vì cớ đoàn quân không được ăn trong suốt trận chiến, nên ngày qua ngày họ sẽ yếu dần đi. Với lì do đó, họ sẽ không thể nào giết được nhiều dân Phi-li-tin.

1 Samuel 14:31

Thông tin chung:

Những lời của khiến đội quân Y-sơ-ra-ên phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời trong hơn đói cồn cào của mình.

Mích-ma

Đây là tên của một thành. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 13:02.

A-gia-lôn

"A-gia-lôn” là một nơi ở Sa-bu-lôn tại Y-sơ-ra-ên.

Dân sự

Từ nầy chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

ăn thịt còn máu

Họ quá đối đến nỗi không để cho ráo hết máu trước khi ăn. Đây là việc làm vi phạm Luật pháp Môi-se cho dân Y-sơ-ra-ên. Có thể làm rõ điều nầy. Tham khảo cách dịch: “ăn thịt mà trước hết không để ráo máu theo như đã quy định trong luật pháp”

1 Samuel 14:33

khi ăn thịt còn máu

Đây là việc làm vi phạm Luật pháp Môi-se cho dân Y-sơ-ra-ên. Có thể làm rõ điều nầy. Tham khảo cách dịch: “ăn thịt mà trước hết không để ráo máu theo như đã quy định trong luật pháp” (Xem:

Các ngươi đã phản bội

Sau-lơ đang buộc tội cả đội quân của mình vì đã hành động không trung thành mặc dầu không phải tất cả mọi người đều như vậy.

Bây giờ, hãy lăn một tảng đá lớn đến đây cho ta

Hòn đá nầy để giữ thịt trên đó và khiến máu dễ dàng chảy khỏi số thịt đó.

giết chúng tại đây rồi ăn

Cách làm nầu sẽ cho phép Sau-lơ quan sát xem liệu máu có thực sự chảy hết khỏi số thịt đó hay không.

1 Samuel 14:35

Thông tin chung:

Sau-lơ đã truyền cho dân sự mang con vật của mình đến chỗ tảng đá lớn để giết chúng và ăn.

Sau-lơ dựng một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va

Không rõ là liệu Sau-lơ có dựng bàn thờ nầy trên tảng đá lớn mà dân sự đem đến cho ông trong 1SA 14:33.

1 Samuel 14:36

Thông tin chung:

Sau-lơ tìm cách tiếp tục trấn chiến với dân Phi-li-tin

chúng ta đừng để một ai trong chúng sống sót

Câu nầyđược nói ở dạng phủ định để nhấn mạnh cuộc tàn sát nầy. Có thể chuyển nó sang dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “chúng ta hãy giết tất cả bọn chúng”

Cứ làm mọi điều bệ hạ cho là phải

Sau-lơ có sự ủng hộ từ quân đội của mình để tiếp tục chiến đấu.

Tại đây, cúng ta hãy đến gần Đức Chúa Trời

Ở đây, “đến gần Đức Chúa Trời” liên quan đến việc xin lời chỉ dẫn của Ngài. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta hãy cầu hỏi Đức Chúa Trời xem phải làm gì”

phó chúng vào tay Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “tay” chỉ về năng lực để đánh bại họ. Tham khảo cách dịch: “khiến con có thể đánh bại chúng”

Nhưng ngày hôm ấy, Đức Chúa Trời không hề trả lời ông

Câu nầy ngụ ý là Đức Chúa Trời không bằng lòng giúp Sau-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lơ.
1 Samuel 14:38
tìm hiểu xem tội nầy đã diễn ra như thế nào
"tìm người đã phạm tội”
dân chúng
Chỉ về người Y-sơ-ra-ên.
dù nếu ấy là Giô-na-than, con trai ta thì nó chắc chắn sẽ phải chết
Sau-lơ tuyên bố một tình huống giả định bởi vì ông không tin rằng Giô-na-than đã phạm tội.
Nhưng không một ai trong dân chúng đáp lời vua
Dân sự giữ im lặng bởi vì đa số đều biết rằng Giô-na-than đã vi phạm lời thề của Sau-lơ. Có thể làm rõ điều nầy. Tham khảo cách dịch: “Quân lính của ông biết rõ ai phạm tội, nhưng không một ai nói gì với Sau-lơ”
1 Samuel 14:40
Rồi vua nói với toàn thể Y-sơ-ra-ên
Đây là cách nói quá bởi vì chỉ có những người lính Y-sơ-ra-ên đang có mặt ở đó. Tham khảo cách dịch: “Rồi vua nói với những quân lính Y-sơ-ra-ên đang ở đó”
Xin Ngài phơi bày Thum-min... trúng thăm... Hãy bắt thăm
Lúc bấy giờ, dân Y-sơ-ra-ên dùng những hòn đá đặc biệt gọi là U-rim và Thum-mim để nhận chỉ dẫn từ Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Xin Ngài hãy dùng Thum-mim để cho chúng tôi thấy... được chọn bởi lá thăm... Hãy dùng thăm để chọn”
1 Samuel 14:43
Thông tin chung:
Lá thăm vừa cho thấy rằng Giô-na-than đã phạm tội.
Hãy nói cho ta biết con đã làm gì
"Hãy nói cho ta biết con đã phạm tội ra sao” hoặc “Hãy nói cho ta biết những việc sai trái mà con đã làm” (UDB)
Con sẽ chết
Ý nghĩa khả thi: 1) “Con sẵn lòng chịu chết” hoặc 2) “Con có đáng bị xử từ vì đã làm việc đó không?”
Hỡi Giô-na-than, nếu con không chết, nguyện Đức Chúa Trời trừng phạt cha như vậy và còn nặng hơn thế nữa
Chưa tới một ngày mà Sau-lơ đã đưa ra lời thề nguyện dại dột thứ hai. Tham khảo cách dịch: “Hỡi Giô-na-than, nguyện Đức Chúa Trời sẽ giết cha nếu như cha không giết con”
1 Samuel 14:45
Thông tin chung:
Quân đội Y-sơ-ra-ên bào chữa và bảo vệ Giô-na-than khỏi Sau-lơ.
Giô-na-than là người đã làm cho Y-sơ-ra-ên chiến thắng vẻ vang như thế lại phải chết sao? Không thể được!
Dân sự đang trách mắng Sau-lơ. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: Tham khảo cách dịch: “Giô-na-than vừa mới đem chiến thắng vẻ vang nầy về cho Y-sơ-ra-ên. Chắc chắn người sẽ không chết.”
Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống
Dân sự đang bày tỏ sự chắc chắn rằng họ sẽ không để bất cứ chuyện gì xảy ra cho Giô-na-than.
dù một sợi tóc trên đầu người cũng sẽ không rụng xuống đất
Cách nói quá nầy cho thấy cách dân Y-sơ-ra-ên sẽ bảo vệ Giô-na-than và giữ người được an toàn. Cách nói giảm nầy có thể được chuyển sang dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “chúng tôi sẽ bảo vệ người khỏi mọi mối nguy hại”
1 Samuel 14:47
Thông tin chung:
Trong khoảng thời gian ngắn, Sau-lơ đã phục vụ với lòng can đảm rất lớn khi đánh bại nhiều kẻ thù của Y-sơ-ra-ên.
Y-sơ-ra-ên
Đây là phép hoán dụ đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “dân Y-sơ-ra-ên”
Mô-áp
Chỉ về người Mô-áp. Tham khảo cách dịch: “dân Mô-áp”
Ê-đôm
Chỉ về người Ê-đôm. Tham khảo cách dịch: “dân Ê-đôm”
Bất cứ nơi nào ông rẽ qua
"Bất cứ nơi nào ông sai quân đến”
khỏi tay của
Từ “tay” đại diện cho quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “khỏi quyền kiểm soát”
1 Samuel 14:49
Thông tin chung:
Đây là phần thông tin nền về gia đình Sau-lơ.
Ích-vi ... Manh-ki-sua
Đây đều là tên của nam.
Mê-ráp ... Mi-canh
Đây đều là tên của nữ.
A-hi-nô-am ... A-hi-mát
Đây đều là tên của nữ.
Áp-ne ... Nê-rơ ... Kích ... A-bi-ên
Đây đều là tên của nam.
1 Samuel 14:52
trọn đời Sau-lơ
"cả đời Sau-lơ”
ông chiêu mộ người đó cho mình
"ông buộc người đó tham gia và quân đội của mình”

Translation Questions

1 Samuel 14:1
Giô-na-than, con của Sau-lơ, giấu cha mình điều gì?
Giô-na-than và người vác binh khí của ông đi đến đồn của dân Phi-li-tin ở phía bên kia hẽm núi.
1 Samuel 14:2
Sáu trăm người ở cùng Sau-lơ không biết gì?
Họ không biết rằng Giô-na-than đã đi đến đồn của dân Phi-li-tin.
1 Samuel 14:3
Sáu trăm người ở cùng Sau-lơ không biết gì?
Họ không biết rằng Giô-na-than đã đi đến đồn của dân Phi-li-tin.
1 Samuel 14:6
Giô-na-than đề xuất gì với người vác binh khí của ông?
Giô-na-than nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ vì họ mà cứu nhiều người nếu họ băng qua đồn của dân Phi-li-tin.
1 Samuel 14:7
Người vác binh khí phản ứng gì với đề xuất này?
Người vác binh khí của Giô-na-than sẵn sàng tuân lệnh, vì vậy ông khuyến khích Giô-na-than làm mọi điều lòng muốn.
1 Samuel 14:8

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giô-na-than và người vác binh khí sẽ gặp dấu hiệu gì để biết rằng Đức Giê-hô-va đã phó dân Phi-li-tin vào tay họ?
Nếu dân Phi-li-tin nói rằng chúng sẽ đến cùng họ, thì đây sẽ là dấu hiệu cho thấy rằng Đức Giê-hô-va đã phó chúng vào tay họ.
1 Samuel 14:10
Giô-na-than và người vác binh khí sẽ gặp dấu hiệu gì để biết rằng Đức Giê-hô-va đã phó dân Phi-li-tin vào tay họ?
Nếu dân Phi-li-tin nói rằng chúng sẽ đến cùng họ, thì đây sẽ là dấu hiệu cho thấy rằng Đức Giê-hô-va đã phó chúng vào tay họ.
1 Samuel 14:11
Giô-na-than nói gì với người vác binh khí sau khi người ở đồn của dân Phi-li-tin nói, "Hãy đi đến chúng ta, chúng ta có chuyện tỏ cùng hai ngươi."
Ông bảo người vác binh khí đi theo ông vì Đức Giê-hô-va đã phó chúng vào tay Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 14:12
Giô-na-than nói gì với người vác binh khí sau khi người ở đồn của dân Phi-li-tin nói, "Hãy đi đến chúng ta, chúng ta có chuyện tỏ cùng hai ngươi."
Ông bảo người vác binh khí đi theo ông vì Đức Giê-hô-va đã phó chúng vào tay Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 14:13
Kết quả của cuộc tấn công mà Giô-na-than và người vác binh khi tiến hành ở đồn của dân Phi-li-tin?
Giô-na-than và người vác binh khí giết khoảng hai mươi tên.
1 Samuel 14:14
Kết quả của cuộc tấn công mà Giô-na-than và người vác binh khi tiến hành ở đồn của dân Phi-li-tin?
Giô-na-than và người vác binh khí giết khoảng hai mươi tên.
1 Samuel 14:16
Sau-lơ làm gì khi lính canh của ông ở tại Ghi-bê -a trong xứ Bên-gia-min, đều thấy quân chúng Phi-li-tin tản lạc và chạy trốn lộn xộn?
Sau-lơ cho người đi đếm kiểm xem ai đã bỏ hàng ngũ, và họ phát hiện rằng Giô-na-than và người vác binh khi đã bỏ hàng ngũ.
1 Samuel 14:17
Sau-lơ làm gì khi lính canh của ông ở tại Ghi-bê -a trong xứ Bên-gia-min, đều thấy quân chúng Phi-li-tin tản lạc và chạy trốn lộn xộn?
Sau-lơ cho người đi đếm kiểm xem ai đã bỏ hàng ngũ, và họ phát hiện rằng Giô-na-than và người vác binh khi đã bỏ hàng ngũ.
1 Samuel 14:18
Tại sao Sau-lơ ra lệnh thầy tế lễ A-hi-gia đem hòm của Đức Chúa Trời đến với ông?
Sau-lơ ra lệnh thầy tế lễ A-hi-gia đem hòm của Đức Chúa Trời đến với ông để họ có thể biết ý Chúa.
1 Samuel 14:19
Tại sao Sau-lơ ra lệnh thầy tế lễ A-hi-gia đem hòm của Đức Chúa Trời đến với ông?
Sau-lơ ra lệnh thầy tế lễ A-hi-gia đem hòm của Đức Chúa Trời đến với ông để họ có thể biết ý Chúa.
1 Samuel 14:21
Ai hiệp với người Y-sơ-ra-ên mà vẫn theo cùng Sau-lơ và Giô-na-than?
Những người Hê-bơ-rơ đã từ lâu phục dân Phi-li-tin và theo họ trong trại quân, nay trở lòng hiệp với Y-sơ-ra-ên vẫn theo cùng Sau-lơ và Giô-na-than.
1 Samuel 14:23
Trong ngày đó, ai cứu Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va cứu Y-sơ-ra-ên trong ngày đó.
1 Samuel 14:24
Điều gì khiến những người Y-sơ-ra-ên đang đói trở nên nản chí?
Sau-lơ đã thề cùng dân sự rằng hễ ai ăn trước khi chiều tối sẽ bị rủa sả.
1 Samuel 14:27
Giô-na-than đã làm gì vô tình phá vỡ lời thề?
Giô-na-than ăn mật ong trong rừng.
1 Samuel 14:29
Giô-na-than chỉ trích thế nào về lời thề mà cha ông đã lập?
Giô-na-than nói rằng nếu dân sự có thể tự do ăn mật ong và vật chiếm được của kẻ thù, thì quân Phi-li-tin ắt sẽ bị giết nhiều hơn nữa.
1 Samuel 14:30
Giô-na-than chỉ trích thế nào về lời thề mà cha ông đã lập?
Giô-na-than nói rằng nếu dân sự có thể tự do ăn mật ong và vật chiếm được của kẻ thù, thì quân Phi-li-tin ắt sẽ bị giết nhiều hơn nữa.
1 Samuel 14:33
Dân Y-sơ-ra-ên phạm tội nghịch Đức Giê-hô-va thế nào sau khi họ đánh dân Phi-li-tin?
Dân Y-sơ-ra-ên ăn huyết của những con vật họ đã giết từ của cướp.
1 Samuel 14:34
Dân Y-sơ-ra-ên phạm tội nghịch Đức Giê-hô-va thế nào sau khi họ đánh dân Phi-li-tin?
Dân Y-sơ-ra-ên ăn huyết của những con vật họ đã giết từ của cướp.
1 Samuel 14:37
Điều gì khiến Sau-lơ không đuổi theo dân Phi-li-tin dù ông háo hức muốn làm?
Hôm đó Đức Chúa Trời không trả lời ông.
1 Samuel 14:38
Sau-lơ nói ông sẽ giải quyết tội lỗi này trong Y-sơ-ra-ên thế nào?
Ông nói rằng người phạm tội này chắc chắn sẽ chết, ngay cả nếu đó là Giô-na-than, con trai ông.
1 Samuel 14:39
Sau-lơ nói ông sẽ giải quyết tội lỗi này trong Y-sơ-ra-ên thế nào?
Ông nói rằng người phạm tội này chắc chắn sẽ chết, ngay cả nếu đó là Giô-na-than, con trai ông.
1 Samuel 14:42
Làm sao xác định rằng Giô-na-than là người đã phạm tội?
Người ta xác định bằng cách bắt thăm.
1 Samuel 14:45
Gia-na-than được thoát chết thế nào?
Dân Y-sơ-ra-ên không để Giô-na-than chết vì ông đã hoàn thành một chiến thắng lớn.
1 Samuel 14:47
Sau-lơ làm vua dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên thế nào?
Sau-lơ can đảm và giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi tay những kẻ cướp bóc họ.
1 Samuel 14:48
Sau-lơ làm vua dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên thế nào?
Sau-lơ can đảm và giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi tay những kẻ cướp bóc họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 15

1 Samuel 15:1

lời phán của Đức Giê-hô-va

Cụm từ nầy chỉ về sứ điệp mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “sứ điệp từ Đức Giê-hô-va”

tận diệt mọi thứ chúng có… giết hết đàn ông lẫn đàn bà, trẻ con lẫn trẻ đang bú, cả bò và chiên, lạc đà và lừa

Cả hai cụm từ nầy đề cùng nói về một ý. Cụm thứ hai cung cấp thông tin chi tiết về những thứ họ sẽ phải tận diệt.

Không được tha chết cho chúng

Câu nói mang nghĩa phủ định nầy nhấn mạnh tính trọn vẹn của sự hủy diệt đó.

1 Samuel 15:4

dân sự

"quân đội"

điểm quân số

"tính họ”

thành Tê-la-im

một thành nằm ở phía Nam Giu-đa.

hai trăm nghìn bộ binh và mười nghìn người Giu-đa

200.000 bộ binh, 10.000 người Giu-đa.

1 Samuel 15:6

Người Kê-nít

Một nhóm dân du cư vốn luôn thân thiện với nước Y-sơ-ra-ên.

Ha-vi-la ... Su-rơ

Đây đều là tên các địa danh.

1 Samuel 15:8

Thông tin chung:

Sau-lơ phớt lờ lệnh cấm chiếm đoạt tại nơi Đức Chúa Trời đã định phải bị tận diệt.

ông bắt A-ga

"ông bắt giữ A-ga”

lưỡi gươm

Cụm từ, "lưỡi gươm," ở đây là phép cái dung đại diện cho quân đội của Y-sơ-ra-ên.

Sau-lơ… tha chết cho A-ga

Sau-lơ đã không vâng lời Đức Chúa Trời khi để cho A-ga sống.

cũng như những con chiên tốt nhất trong bầy

Sau-lơ đã không vâng lời Đức Chúa Trời khi giữ lại những con vật tốt nhất trong bầy.

họ không diệt

Câu khẳng định mang tính tiêu cực nầy nhấn mạnh việc họ đã chừa lại những vật tốt. Tham khảo cách dịch: “họ đã giữ cho mình”

1 Samuel 15:10

lời của Đức Giê-hô-va đến với

Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa Đức Giê-hô-va phán. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va phán lời Ngài”

lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây, từ “lời” tượng trưng cho sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “sứ điệp của Đức Giê-hô-va”

Điều đó khiến ta đau lòng

"Ta hối tiếc” (UBD)

người đã quay lưng không theo Ta

Việc Sau-lơ không vâng lời Đức Giê-hô-va được nói đến như thể Sau-lơ đã quay người không đi theo Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Người đã không theo Ta”

đã không thực hiện những mạng lệnh của Ta

"đã không làm theo những điều Ta đã lệnh cho người phải làm”. Sau-lơ phải tận diệt tất cả mọi thứ cùng với tất cả dân thành đó. Đức Chúa Trời rủa sả dân A-ma-léc. Nhưng Sau-lơ lại để cho một số gia súc được sống.

Sa-mu-ên nổi giận

Ý nghĩa khả thi: 1) Sa-mu-ên nổi giận cùng Sau-lơ bởi vì sự không vâng lời của người hoặc 2) Sa-mu-ên cảm thấy bối rối (UDB).

1 Samuel 15:12

Sa-mu-ên được tin

"Có người báo cho Sa-mu-ên”

Sau-lơ đã dựng cho mình một đài kỷ niệm

Sau-lơ đầy kiêu ngạo.

xuống Ghinh-ganh

Ghinh-ganh ở vị trí thấp hơn Cạt-mên.

Tôi đã làm trọn mạng lệnh của Đức Giê-hô-va

Không rõ là liệu Sau-lơ có hiểu rằng mình đã không làm trọn mạng lệnh của Đức Chúa Trời là tận diệt dân A-ma-léc hay không.

1 Samuel 15:14

Thông tin chung:

Sa-mu-ên đặt câu hỏi tại sao Sau-lơ lại không tận diệt dân A-ma-léc.

đến tai tôi… mà tôi nghe

Cả hai cụm từ nầy đề cùng nói về một ý. Ở đây, “đến tại tôi” chỉ về việc nghe thấy.

tiếng be be của chiên… tiếng rống của bò

Đây là âm thanh từ tiếng kêu của các con vật nầy. Có thể bạn có những từ khác để dịch cho những từ nầy.

Chúng đã đem… Dân chúng đã tha mạng

Từ “chúng” và cụm từ “dân chúng” ở đây đều cùng chỉ về quân đội của Sau-lơ. Sau-lơ đổ lỗi cho quân lính của mình thay vì nhận lỗi.

để dâng tế lễ lên cho Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ông

Sau-lơ đang cãi lẽ rằng số súc vật dùng làm sinh tế kia là một ngoại lệ cho mạng lệnh phải tận diệt mọi thứ của Đức Giê-hô-va.

Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông

Ở đây, Sau-lơ không mô tả Đức Chúa Trời của Sa-mu-ên như Đức Chúa Trời của mình.

1 Samuel 15:17

trong mắt mình

Ở đây, mắt chỉ về ý kiến của người dựa trên những điều ông đã thấy. Tham khảo cách dịch: “theo đánh giá của mình”

không phải vua đã được lập làm người đứng đầu các chi tộc của Y-sơ-ra-ên sao?

Sa-mu-ên dùng câu hỏi nầy để nhắc Sau-lơ nhớ lại Đức Chúa Trời đã ban cho nhiều dường nào. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã lập vua lên làm người cai trị các chi tộc của Y-sơ-ra-ên”

Vậy thì tại sao vua lại không vâng lời… làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va?

Sa-mu-ên đặt ra câu hỏi nầy để quở trách Sau-lơ vì đã không vâng lời Đức Giê-hô-va. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra vua nên vâng lời… không làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va!”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tiếng của Đức Giê-hô-va
Ở đây, “tiếng” chỉ về những mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán bảo. Tham khảo cách dịch: “những điều mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”
nhưng thay vào đó vua lại chiếm chiến lợi phẩm
Sa-mu-ên đang buộc tội Sau-lơ vì đang tội không vâng lời. Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Sau-lơ phải tận diệt mọi thứ thuộc về dân A-ma-léc, và không được mang bất cứ thứ gì về trại.
chiến lợi phẩm
"của cướp được” hoặc “của cải mà vua đã cướp được từ kẻ thù”
điều ác trước sự quan sát của Đức Giê-hô-va
Ở đây, “sự quan sát” có nghĩa là Đức Giê-hô-va dựa vào những việc Ngài đã nhìn thấy. Tham khảo cách dịch: “những điều Đức Giê-hô-va cho là gian ác”
1 Samuel 15:20
Tôi thật có vâng theo lời của Đức Giê-hô-va
Đây là lời khẳng định nhấn mạnh. Không rõ là liệu Sau-lơ có cho rằng việc làm của mình là đúng hay không, hay là ông chỉ đơn thuần là đang bào chữa cho tội lỗi của mình.
tiếng của Đức Giê-hô-va
Ở đây, “tiếng” chỉ về những mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “những việc mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”
A-ga
Đây là tên của vua dân A-ma-léc.
Nhưng dân chúng đã chiếm
Có vẻ như đây là lời thoái thác đổ lỗi cho dân sự
những vật đáng phải tận diệt
"những con thú mà Đức Giê-hô-va đã lệnh cho chúng phải tiêu diệt”
Ghinh-ganh
Đây là tên một địa danh.
1 Samuel 15:22
Liệu Đức Giê-hô-va có vui thích về tế lễ thiêu và sinh tế, bằng sự vâng theo tiếng phán của Ngài không?
Sa-mu-ên đặt câu hỏi nầy nhằm nhấn mạnh rằng sự vâng lời còn quan trọng hơn của lễ nhiều. Có thể chuyển câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va không hề vui thích tế lễ thiêu và sinh tế bằng sự vâng lời Ngài!”
tiếng của Đức Giê-hô-va
Ở đây, từ “tiếng” chỉ về những mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán bảo. Tham khảo cách dịch: “những điều mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”
Sự vâng lời tốt hơn sinh tế
Đức Chúa Trời muốn sự vâng lời trọn vẹn của Sau-lơ trong việc tiêu diệt dân A-ma-léc. Không gì trên đất xứng đáng với sinh tế.
tốt hơn mỡ chiên đực
"tốt hơn dâng tễ lễ thiêu là mỡ chiên đực”
sự chống nghịch giống như tội tà thuật
Có thể chuyển những danh từ nầy thành động từ. Tham khảo cách dịch: “chống nghịch mắc tội như thực hiện tà thuật”
tính ương ngạnh chẳng khác nào điều gian ác và tội lỗi
Có thể chuyển những danh từ nầy thành động từ. Tham khảo cách dịch: “ương ngạnh đáng tội như thờ lạy hình tượng”
chối bỏ lời của Đức Giê-hô-va
Ở đây, “lời” chỉ về mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “không chịu làm những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”
loại bỏ vua khỏi chức nhà vua
"quyết định rằng vua sẽ không được làm vua nữa”
1 Samuel 15:24
Tôi đã vi phạm mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va
Đây là cách nói có nghĩa là ông đã không làm theo mệnh lệnh. Tham khảo cách dịch: “Tôi đã không tuân theo những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”
bởi vì tôi sợ dân chúng
Đây là lí do Sau-lơ đưa ra cho việc không vâng phục Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “bởi vì tôi các binh sĩ”
làm theo lời họ
Ở đây “lời” chỉ về những việc mà các binh sĩ đã yêu cầu Sau-lơ phải làm. Tham khảo cách dịch: “làm những điều họ yêu cầu"
trở lại với tôi
Hình như Sau-lơ và Sa-mu-ên đang nói chuyện riêng với nhau ở một nơi kín đáo cách xa những người Y-sơ-ra-ên khác.
1 Samuel 15:26
vì vua đã chối bỏ lời của Đức Giê-hô-va
Sa-mu-ên nói rõ rằng Sau-lơ đã hiểu rằng lúc đó mình đang không vâng phục Đức Chúa Trời khi ông chừa những con vật tốt nhất lại cũng như không giết chết A-ga.
chối bỏ lời của Đức Giê-hô-va
Ở đây, “lời” chỉ về mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “không làm theo những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”
Sau-lơ nắm lấy vạt áo của ông
Sau-lơ làm như vậy để cố gắng giữ Sa-mu-ên không cho ông bỏ đi. Có thể làm rõ điều nầy. Tham khảo cách dịch: “Sau-lơ cố gắng ngăn người lại bằng cách nắm lấy vạt áo của ông”
vạt áo của ông
"viền áo của ông” hoặc “tua áo ông”
1 Samuel 15:28
Đức Giê-hô-va đã xé vương quốc Y-sơ-ra-ên
Câu nầy chỉ lại sự kiện khi Sau-lơ làm rách áo của Sa-mu-ên trong [1SA 15:27]
đã ban nó cho một người lân cận của vua, một người xứng đáng hơn vua
Đức Chúa Trời vốn đã quyết định ai sẽ làm vua sau Sau-lơ.
Sức Lực của Y-sơ-ra-ên
Cách nói nầy chỉ về Đức Giê-hô-va, là Đấng ban sức lực cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va, Ngài là sức lực của Y-sơ-ra-ên”
sẽ không nói dối cũng chẳng đổi ý Ngài
Câu nầy được nói ở dang tiêu cực để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời luôn nói sự thật. Có thể chuyển câu nầy sang thể khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: “luôn nói sự thật và làm điều Ngài đã phán”
ý định của Ngài
Chỉ về những suy nghĩ và quyết định của Ngài. Tham khảo cách dịch: “những điều Ngài đã quyết định sẽ làm”
Ngài không phải loài người để mà đổi ý
Câu nầy ở dạng khẳng định tiêu cực để nhấn mạnh rằng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Chúa Trời đáng tin cậy. Có thể chuyển câu nầy sang thể khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: “Ngài là Đức Chúa Trời sẽ làm mọi điều Ngài đã phán hứa sẽ làm”

1 Samuel 15:30

Nhưng xin hãy tôn trọng tôi trước các trưởng lão

Sau-lơ ưa muốn được dân sự tôn kính hơn là thực sự thờ phượng Đức Chúa Trời.

trước các trưởng lão của dân tôi và trước Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “trước dân Y-sơ-ra-ên và những trưởng lão đứng đầu họ”

Xin ông trở lại với tôi

"Xin ông hãy trở về với tôi” hoặc “Xin hãy trở về cùng tôi”

Vậy Sa-mu-ên theo Sau-lơ trở về

Câu nầy ngụ ý là Sa-mu-ên đã đổi ý, và cho thấy họ cùng nhau trở lại chỗ dân sự. Tham khảo cách dịch: “Vậy cuối cùng Sa-mu-ên đã đồng ý và họ cùng nhau trở lại chỗ dân sự” (UDB)

1 Samuel 15:32

A-ga đến với ông trong khi bị xiềng

"Họ dẫn A-ga đang bị xiếng đến chỗ ông”

Chắc chắn nỗi cay đắng của sự chết đã qua rồi

Dường như câu nầy có nghĩa là A-ga không còn cho rằng mình sẽ bị giết. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn là ta sẽ không còn bị nguy hiểm hoặc phải chết nữa”

Gươm của ngươi đã khiến người đàn bà mất con thể nào thì mẹ ngươi cũng sẽ mất con thể ấy

Cả hai cụm từ nầy đều có nghĩa tương tự nhau và ở thể văn thơ. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì ngươi đã giết người nên ngươi cũng sẽ bị giết”

khiến người đàn bà mất con thì mẹ ngươi cũng sẽ mất con thể ấy

Đây là một cách nói tế nhị về việc giết người. Tham khảo cách dịch: “đã giết con trai của những người đàn bà khác, vậy ta sẽ giết con trai của mẹ ngươi”.

Rồi Sa-mu-ên chặt A-ga thành nhiều mảnh

Sa-mu-ên là người hoàn thành nhiệm vụ mà Đức Giê-hô-va đã lệnh cho Sau-lơ phải làm. Tham khảo cách dịch: “Rồi Sa-mu-ên dùng gươm của mình chặt A-ga thành nhiều mảnh” (UDB)

1 Samuel 15:34

Ra-ma ... Ghi-bê-a

Đây đều là tên các địa danh. Xem:

đi lên nhà ông tại Ghi-bê-a

Ghi-bê-a ở vị trí cao hơn Ghinh-ganh là nơi Sau-lơ và Sa-mu-ên đã nói chuyện với nhau.

Từ đó cho đến ngày qua đời, Sa-mu-ên không hề gặp lại Sau-lơ nữa

Câu nầy rất nghiêm, cần phải dịch cẩn thận. Sa-mu-ên đã qua đời trước Sau-lơ và trong lúc còn sống, ông không hề gặp lại Sau-lơ. Tuy nhiên, Sa-mu-ên có xuất hiện trước trước Sau-lơ trong 1SA 28:11-19 sau khi Sa-mu-ên qua đời.

Translation Questions

1 Samuel 15:2

Tại sao Đức Giê-hô-va muốn Sau-lơ tấn công và hủy diệt hoàn toàn dân A-ma-léc?

A-ma-léc cản đường Y-sơ-ra-ên khi họ ra khỏi Ai Cập.

1 Samuel 15:3

Tại sao Đức Giê-hô-va muốn Sau-lơ tấn công và hủy diệt hoàn toàn dân A-ma-léc?

A-ma-léc cản đường Y-sơ-ra-ên khi họ ra khỏi Ai Cập.

1 Samuel 15:6

Tại sao Sau-lơ bảo dân Kê-nít rời khỏi dân A-ma-léc?

Dân Kê-nít đã lấy lòng tử tế đối xử với dân I-sơ-ra-ên khi họ ra khỏi Ai-cập.

1 Samuel 15:7

Tại sao Sau-lơ bảo dân Kê-nít rời khỏi dân A-ma-léc?

Dân Kê-nít đã lấy lòng tử tế đối xử với dân I-sơ-ra-ên khi họ ra khỏi Ai-cập.

1 Samuel 15:8

Sau-lơ bất tuân chỉ dẫn mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông thế nào?

Sau-lơ chừa mạng của A-ga lại, cùng với những con thú béo nhất của dân A-ma-léc.

1 Samuel 15:9

Sau-lơ bất tuân chỉ dẫn mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông thế nào?

Sau-lơ chừa mạng của A-ga lại, cùng với những con thú béo nhất của dân A-ma-léc.

1 Samuel 15:10

Tại sao Đức Giê-hô-va ân hận đã lập Sau-lơ làm vua?

Sau-lơ đã đã quay lưng lìa bỏ Ngài, và không làm theo những điều Ngài truyền.

1 Samuel 15:11

Tại sao Đức Giê-hô-va ân hận đã lập Sau-lơ làm vua?

Sau-lơ đã đã quay lưng lìa bỏ Ngài, và không làm theo những điều Ngài truyền.

1 Samuel 15:12

Sau-lơ nói dối gì với Sa-mu-ên?

Ông nói rằng ông đã làm trọn lịnh của Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 15:13

Sau-lơ nói dối gì với Sa-mu-ên?

Ông nói rằng ông đã làm trọn lịnh của Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 15:14

Sa-mu-ên trả lời thế nào về lời nói dối của Sau-lơ?

Sa-mu-ên hỏi về tiếng kêu của chiên và tiếng bò rống mà ông nghe.

1 Samuel 15:15

Sau-lơ biện hộ gì với Sa-mu-ên nhằm cố ý giải thích sự bất tuân của ông?

Ông nói ông đã tha những con tốt nhứt về chiên và bò, đặng dâng nó làm của lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời.

1 Samuel 15:17

Sa-mu-ên khiển trách Sau-lơ điều gì?

Ông nói với Sau-lơ rằng Đức Giê-hô-va đã xức dầu cho ông đặng lập ông làm vua Y-sơ-ra-ên và bảo ông phải hoàn toàn tiêu diệt dân A-ma-léc, nhưng trái lại ông đã xông vào của cướp, làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 15:19

Sa-mu-ên khiển trách Sau-lơ điều gì?

Ông nói với Sau-lơ rằng Đức Giê-hô-va đã xức dầu cho ông đặng lập ông làm vua Y-sơ-ra-ên và bảo ông phải hoàn toàn tiêu diệt dân A-ma-léc, nhưng trái lại ông đã xông vào của cướp, làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 15:20

Sau-lơ bào chữa tương tự gì với Sa-mu-ên?

Sau-lơ khăng khăng rằng dân sự có chọn trong của cướp, là vật tốt nhứt về của đáng tận diệt, đặng dâng cho Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 15:21
Sau-lơ bào chữa tương tự gì với Sa-mu-ên?
Sau-lơ khăng khăng rằng dân sự có chọn trong của cướp, là vật tốt nhứt về của đáng tận diệt, đặng dâng cho Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 15:22
Sa-mu-ên trả lời Sau-lơ thế nào?
Sự vâng lời Đức Giê-hô-va tốt hơn của tế lễ; sự bội nghịch và cố chấp là tội trước mặt Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 15:23
Sa-mu-ên trả lời Sau-lơ thế nào?
Sự vâng lời Đức Giê-hô-va tốt hơn của tế lễ; sự bội nghịch và cố chấp là tội trước mặt Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 15:24
Sau-lơ nói với Sa-mu-ên lý do ông phạm tội là gì?
Sau-lơ nói ông đã can phạm mạng lịnh Đức Giê-hô-va vì sợ dân sự.
1 Samuel 15:26
Đức Giê-hô-va cậy Sa-mu-ên tuyên bố gì với Sau-lơ?
Đức Giê-hô-va đã từ bỏ Sau-lơ để ông không làm vua Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 15:28
Đức Giê-hô-va sẽ ban vương quốc Y-sơ-ra-ên cho ai?
Sa-mu-ên bảo Sau-lơ rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban vương quốc của Y-sơ-ra-ên cho một trong những người lân cận ông, xứng đáng hơn ông.
1 Samuel 15:32
Sa-mu-ên làm gì để kết thúc nhiệm vụ mà Sau-lơ chưa làm?
Sa-mu-ên dùng gươm của ông giết A-ga trước mặt Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 15:33
Sa-mu-ên làm gì để kết thúc nhiệm vụ mà Sau-lơ chưa làm?
Sa-mu-ên dùng gươm của ông giết A-ga trước mặt Đức Giê-hô-va.

Chapter 16
1 Samuel 16:1
Con sẽ than khóc cho Sau-lơ đến bao giờ, bởi vì Ta đã loại bỏ nó khỏi ngôi vua cai trị trên Y-sơ-ra-ên?
Câu hỏi nầy là một lời quở trách từ Đức Chúa Trời và bạn có thể được dịch thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đừng than khóc về việc Ta đã loại bỏ Sau-lơ khỏi ngôi vua cai trị Y-sơ-ra-ên”
Hãy đổ dầu đầy sừng của con
Đôi lúc, từ “sừng” được dùng để chỉ về một cái “lọ” có hình dáng giống như sừng và được dùng để đựng nước và dầu. Lọ đựng dầu được dùng để xức dầu cho một vị vua, như Sa-mu-ên đã làm với Đa-vít.
1 Samuel 16:2
Làm sao con có thể đi được?
Sa-mu-ên dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông lo lắng về việc phải đi đến Bết-lê-hem. Tham khảo cách dịch: “Con không thể đi được!” hoặc “Con sợ phải đi!”
theo với mình và nói rằng
Bạn có thể nói rõ phần thông tin ngầm hiểu. Tham khảo cách dịch: “theo với mình đến Bết-lê-hem và nói với dân chúng tại đó”
và nói rằng: “Tôi đến để dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va”
Câu nầycó câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu trích dẫn trực tiếp thành câu trích dẫn gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “và nói với dân chúng tại đó rằng con đến để dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va”
1 Samuel 16:4
Các trưởng lão của thành đó run sợ khi họ đến đón ông
Dường như các trưởng lão trong thành đó đang run sợ bởi vì họ lo sợ rằng Sa-mu-ên đến để quở trách mình.
Bình an
Có thể dịch thành một câu hoàn chỉnh. Tham khảo cách dịch: “Đúng vậy, tôi đến trong bình an”
Hãy chuẩn bị để biệt riêng chính mình
Cụm từ “để biệt riêng” nghĩa là dân sự phải chuẩn bị mình sẵn sàng cho những mục đích của Đức Chúa Trời bằng cảnh rửa sạch mình theo nghi thức được quy định trong luật pháp Môi-se.
1 Samuel 16:6
Khi họ đến
Ở đây, “họ” chỉ về “Gie-sê” và các con trai của ông
ông nhìn Ê-li-áp
Ở đây, “ông” chỉ về Sa-mu-ên.
Ê-li-áp
Tên một trong số những người con trai lớn của Gie-sê.
đứng trước mặt Ngài
Ở đây, “Ngài” chỉ Đức Giê-hô-va.
Đức Giê-hô-va không nhìn xem con người theo cách loài người nhìn
Ở đây, “nhìn” có nghĩa là đánh giá một điều gì đó.
Vì Đức Giê-hô-va không nhìn… Đức Giê-hô-va nhìn
Đức Giê-hô-va đang nói về chính mình Ngài ở ngôi thứ ba. Tham khảo cách dịch: “Vì Ta, là Đức Giê-hô-va, không nhìn… Ta, Đức Giê-hô-va, nhìn”
trong lòng
Ở đây, “lòng” đại diện cho con người bên trong của một người.
1 Samuel 16:8
A-bi-na-đáp ... Sam-ma
Đây đều là tên các con trai của Gie-sê.
bảo người đi qua trước mặt Sa-mu-ên
"bảo người đến chỗ Sa-mu-ên”
Kế đó, Gie-sê bảo Sam-ma đi ngang qua trước
Người đọc ngầm hiểu là Sam-ma đã đi ngang qua trước mặt Sa-mu-ên. Tham khảo cách dịch: “Kế đó, Gie-sê bảo Sam-ma đi ngang qua trước mặt Sa-mu-ên” hoặc “Kế đó, Gie-sê bảo Sam-ma đi đến chỗ Sa-mu-ên”
1 Samuel 16:11
Còn đứa con út
"Vẫn còn đứa con út của tôi”
chúng ta sẽ không ngồi xuống
Người đọc ngầm hiểu là họ đợi để ngồi ăn. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sẽ không ngồi xuống ăn”
Bấy giờ… tướng mạo
Từ “Bấy giờ” được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, tác giả đang nói về một nhân vật mới trong câu chuyện.
Người con trai nầy có nước da hồng hào
Từ “hồng hào” có nghĩa là Đa-vít trông có vẻ khỏe mạnh.
1 Samuel 16:13
sừng dầu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đôi lúc, từ “sừng” được dùng để chỉ về một cái “lọ” có hình dáng giống như sừng và được dùng để đựng nước và dầu. Lọ đựng dầu được dùng để xức dầu cho một vị vua, như Sa-mu-ên đã làm với Đa-vít.

Sa-mu-ên đứng dậy và đi

Ngụ ý là ông đứng dậy đi sau khi đã ngồi xuống ăn.

Thần của Đức Giê-hô-va giáng trên Đa-vít

Cụm từ “giáng trên” có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va tác động đến Đa-vít. Trong trường hợp nầy, nó có nghĩa là Ngài khiến Đa-vít có thể hoàn thành bất cứ điều nào Đức Giê-hô-va muốn cậu làm. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong 1SA 10:6.

1 Samuel 16:14

Bấy giờ

Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong câu chuyện chính. Ở đây, tác giả đang bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

một thần gây hại đến từ Đức Giê-hô-va

Ở đây, “thần gây hại” có thể chỉ về “thần khiến bất an” hoặc “ác thần”.

Bây giờ, xin chúa chúng tôi hãy truyền lệnh

Những người đầy tớ nầy nói đến Sau-lơ như “chúa chúng tôi”. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi cầu xin vua, là chúa chúng tôi, hãy truyền lệnh”

truyền lệnh cho các tôi tớ chúa đang đứng trước mặt Chúa tìm

Những người đầy tớ nầy tự nhận mình là “các tôi tớ chúa”. Tham khảo cách dịch: “xin hãy truyền lệnh cho chúng tôi, là các tôi tớ chúa đang đứng hầu trước mặt chúa, đi tìm”

ở trên vua

"khiến vua bất an”

1 Samuel 16:17

một người mạnh mẽ và dũng cảm

Ý nghĩa khả thi: 1) “một chiến binh quả cảm” hoặc 2) “một người rất dũng cảm”

Chàng ăn nói cẩn trọng

"Chàng khôn ngoan trong lời nói” hoặc “Chàng ăn nói khôn ngoan”

Đức Giê-hô-va ở với chàng

Ở đây, “với chàng” có nghĩa là Đức Giê-hô-va giúp đỡ và chúc phước cho Đa-vít.

1 Samuel 16:20

Đa-vít đến với Sau-lơ

Ở đây, “đến” có thể được dịch thành “đi tới”

và bắt đầu công việc phục vụ của mình

Danh từ “công việc phục vụ” có thể được chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “và bắt đầu phục vụ người”

Chàng trở thành người vác binh khí của vua

"Đa-vít trở thành người vác binh khí của Sau-lơ”

1 Samuel 16:22

Hãy để Đa-vít đứng chầu trước mặt ta

Ở đây, “đứng chầu trước mặt ta” là một cách nói có nghĩa là tiếp tục công việc phục vụ Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “Hãy để Đa-vít phục vụ ta”

nó được ơn trước mặt ta

Ở đây, “trước mặt ta” tượng trưng cho cách Sau-lơ nhìn Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “nó làm ta hài lòng”

thần gây tổn hại đến từ Đức Chúa Trời

Ở đây, “thần gây tổn hại” có thể vừa nói đến “thần khiến bất an” hoặc “ác thần”. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 16:14.

giáng trên Sau-lơ

"khiến Sau-lơ bất an”

Sau-lơ được khuây khỏa và dễ chịu

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “tiếng đàn khiến Sau-lơ được khuây khỏa và dễ chịu”

Translation Questions

1 Samuel 16:1

Đức Giê-hô-va nói với Sa-mu-ên rằng Ngài đã từ bỏ Sau-lơ về điều gì?

Đức Giê-hô-va đã từ bỏ Sau-lơ, không cho ông làm vua Y-sơ-ra-ên.

1 Samuel 16:2

Sa-mu-ên sợ gì nếu Sau-lơ hay tin ông đến Bết-lê-hem?

Ông sợ rằng Sau-lơ sẽ giết ông.

1 Samuel 16:3

Đức Giê-hô-va nói rằng Sa-mu-ên sẽ biết người được xức dầu bằng cách nào?

Ngài nói với Sa-mu-ên rằng ông sẽ xức dầu người mà Ngài bảo.

1 Samuel 16:4

Các trưởng lão ở Bết-lê-hem hành động thế nào khi Sa-mu-ên đến thành của họ?

Họ run sợ khi họ đến gặp ông.

1 Samuel 16:6

Sa-mu-ên tự nhủ điều gì khi ông thấy Ê-li-áp?

Ông tự nhủ rằng người được xức dầu của Đức Giê-hô-va chắc chắn đang đứng trược mặt ông.

1 Samuel 16:7

Đức Giê-hô-va giải thích thế nào với Sa-mu-ên rằng Ngài không nhìn như con người nhìn?

Đức Giê-hô-va nói rằng loài người xem bề ngoài, nhưng Đức Giê-hô-va nhìn thấy trong lòng.

1 Samuel 16:10

Sa-mu-ên nói gì với Gie-sê sau khi ông ấy biểu bảy con trai mình đi qua trước mặt Sa-mu-ên?

Sa-mu-ên nói rằng Đức Giê-hô-va không chọn ai trong số họ.

1 Samuel 16:11

Đứa con út đang ở đâu trước khi Sa-mu-ên muốn gọi?

Đứa con út đang đi chăn chiên.

1 Samuel 16:13

Khi nào Thần của Đức Giê-hô-va cảm động Đa-vít?

Thần của Đức Giê-hô-va cảm động Đa-vít kể từ ngày đó.

1 Samuel 16:14

Thần nào khuấy khuất Sau-lơ thay vì Thần của Đức Giê-hô-va?

Một ác thần do Đức Giê-hô-va sai đến khuấy khuất Sau-lơ.

1 Samuel 16:16

Các tôi tớ của Sau-lơ nói gì khi mà một người khảy đờn hay có thể làm khi có ác thần quấy Sau-lơ?

Người khảy đờn sẽ khảy và Sau-lơ sẽ cảm thấy an ủi.

1 Samuel 16:19

Sau-lơ nói thế nào với một trong các con trai của Gie-sê mà ông muốn triệu tập?

Sau-lơ sai sứ giả đi tìm Gie-sê, nói gởi cho ông Đa-vít, là người chăn chiên và là con trai của Gie-sê.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 16:21

Sau-lơ giao việc gì cho Đa-vít kể từ khi ông yêu mến người?

Sau-lơ lập Đa-vít làm người vác binh khí.

1 Samuel 16:23

Cái gì sẽ lìa khỏi Sau-lơ để ông cảm thấ an ủi, lành mạnh, khi Đa-vít khảy đàn?

Ác thần sẽ lìa khỏi Sau-lơ.

Chapter 17

1 Samuel 17:2

thung lũng Ê-la

Xem:

1 Samuel 17:4

sáu cu-bít một gang

Cu-bít là đơn vị đo tương đương với 46cm. Gang tay là đơn vị đo lường tương đương với 23cm. Tham khảo cách dịch: “khoảng 3 mét”

hắn mặc áo giáp vảy cá

“áo giáp vảy cá” là một mảnh áo giáp linh hoạt che người được bọc bằng những miếng vảy hoặc những miếng kim loại nhỏ bảo hộ. Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “hắn mặc một bộ giáp vải cá để bảo vệ mình”

năm nghìn siếc-lơ

Siếc-lơ là đơn vị cân nặng, 1 siếc-lơ nặng khoảng 11 gram. Tham khảo cách dịch: “khoảng 55kg”

1 Samuel 17:6

một câu lao bằng đồng

Cây lao là loại giáo nhỏ, dùng để phóng.

cán giáo của hắn

"cán giáo của hắn”

cuộn dây thừng nhỏ

"dây thừng cuộn tròn”

Phần ngọn giáo của hắn

"Mũi giáo của hắn”

sáu trăm siếc-lơ sắt

Siếc-lơ là đơn vị cân nặng, 1 siếc-lơ nặng khoảng 11 gram. Tham khảo cách dịch: “khoảng 7 kg”

1 Samuel 17:8

Sao chúng bay ra dàn trận?

"Sao chúng bay lại ra trận đánh với bọn ta?”. Gô-li-át dùng câu hỏi nầy để chế nhạo dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi là lũ ngốc nếu cho rằng mình có thể ra trận đánh với bọn ta”

Không phải tao là người Phi-li-tin, còn chúng bay là đầy tớ của Sau-lơ sao?

Gô-li-át dùng câu hỏi nầy để chế nhạo Y-sơ-ra-ên. Khi hắn nói rằng mình là người Phi-li-tin, hắn ngầm khoe rằng mình mạnh. Tham khảo cách dịch: “Tao là một người Phi-li-tin mạnh mẽ, con các ngươi chỉ là những kẻ đầy tớ của Sau-lơ mà thôi”

1 Samuel 17:10

Tao thách hàng ngũ Y-sơ-ra-ên

"Tao thách quân đội Y-sơ-ra-ên”

Toàn thể Y-sơ-ra-ên

Cụm từ nầy chỉ về những người lính Y-sơ-ra-ên đang có mặt tại đó.

họ thoái chí và sợ hãi lắm

Từ “thoái chí” và “sợ hãi lắm” về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh tính mãnh liệt trong nỗi sợ hãi của họ.

1 Samuel 17:12

Ông có tám con trai

"Ông” chỉ về Gie-sê.

Gie-sơ đã cao tuổi... rất già giữa người ta

Về cơ bản, hai vế nầy cùng chỉ về một ý và được kết hợp để nhấn mạnh.

con thứ nhì là A-bi-na-đáp, và con thứ ba là Sam-ma

Vế nầy chỉ thứ tự được sinh ra. Tham khảo cách dịch: “A-bi-na-đáp con thứ nhì, và Sam-ma con thứ ba”

1 Samuel 17:14

Ba người anh lớn

Thông tin ngầm hiểu ở đây là đây là ba người con trai của Gie-sê. Tham khảo cách dịch: “Ba người con cả của Gie-sê”

Trong suốt bốn mươi ngày

"Trong suốt 40 ngày"

để tỏ mình trong cuộc chiến

"để cho thấy hắn đã sẵn sàng chiến đấu”

1 Samuel 17:17

ê-pha

Ê-pha là đơn vị đo lường tương đương với khoảng 22 lít.

viên chỉ huy trưởng nghìn quân của họ

"viên chỉ hủy một đội một nghìn quân của họ”. Quân đội được chia ra thành từng đội một nghìn người, mỗi đội có một viên chỉ huy trưởng.

Xem các anh con ra sao

"Hãy thử xem các anh con có khỏe không”

1 Samuel 17:19

tất cả người Y-sơ-ra-ên

"tất cả những người lính Y-sơ-ra-ên”

thung lũng Ê-la

Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 17:2.

1 Samuel 17:22

tên là Gô-li-át

"có tên là Gô-li-át”

ra từ hàng ngũ của Phi-li-tin

"bước ra từ hàng ngũ chiến đấu của dân Phi-li-tin”

1 Samuel 17:25

Anh em có thấy tên đó xông tới không?

Quân lính Y-sơ-ra-ên hô hào như vậy để tập trung sự chú ý của mọi người vào người đó. Tham khảo cách dịch: “Hãy nhìn tên đang xông tới đó!”

vua

Từ nầy chỉ về vua Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “vua chúng ta”

con gái vua

Chỉ con gái của vua

sẽ ban cho người... nhà cha người

Từ “người” chỉ về người giết Gô-li-át.

sẽ miễn thuế cho nhà cha người ấy trong Y-sơ-ra-ên

Từ “nhà” chỉ hộ gia đình. Tham khảo cách dịch: “sẽ không còn buộc gia đình người ấy nộp thuế nữa”

1 Samuel 17:26

cất bỏ sự sỉ nhục khỏi Y-sơ-ra-ên

Có thể dịch với động từ “sỉ nhục”. Tham khảo cách dịch: “và không để Y-sơ-ra-ên bị sỉ nhục nữa” hoặc “ngăn hắn không

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sỉ nhục Y-sơ-ra-ên nữa”

Tên Phi-li-tin không chịu cắt bì nầy là ai mà lại dám thách thức đạo quân của Đức Chúa Trời hằng sống?

Đa-vít nói như vậy để bộc lộ cơn giận của mình khi tên Phi-li-tin nầy lại đang thách thức đạo quân của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Tên Phi-li-tin không chịu cắt bì nầy chắc chắn không có quyền lực nào để thách thức đạo quân của Đức Chúa Trời hằng sống!”

tên Phi-li-tin không chịu phép cắt bì nầy

Vế nầy là một lời sỉ nhục và tỏ rằng Gô-li-át không thuộc về Đức Chúa Trời hằng sống.

1 Samuel 17:28

Cơn giận của Ê-li-áp nổi phừng lên nghịch cùng Đa-vít

Ở đây, cơn giận được nói đến như thể nó là một ngọn lửa có thể cháy bừng lên. Tham khảo cách dịch: “Ê-li-áp nổi giận cùng Đa-vít”

Sao mầy lại xuống đây?

Ê-li-áp dùng câu hỏi nầy để cho thấy ông nổi giận vì Đa-vít đã xuống đây. Ông ngụ ý rằng Đa-vít chẳng có lí do nào hợp lí để đến đây.

Mầy bỏ mấy con chiên trong hoang mạc lại cho ai?

Ê-li-áp dùng câu hỏi nầy để hạ nhục Đa-vít khi làm cho công việc của Đa-vít trở nên tầm thường, hèn mọn cũng như kết tội tôi không chịu chăm sóc cho đàn chiên của cha. Tham khảo cách dịch: “Mầy chỉ có nhiệm vụ sóc mấy con chiên trong hoang mạc. Mầy thậm chí còn không làm nổi nhiệm vụ đơn giản đó!”

tính kiêu ngạo của mầy, và sự ranh mãnh trong lòng mầy

Về cơ bản, hai vế nầy cùng chỉ về một ý và được kết hợp để nhấn mạnh.

Em có làm gì sao? Hỏi một câu cũng không được sao?

Đa-vít dùng những câu hỏi nầy để bày tỏ sự thất vọng của mình cũng như để bào chữa cho mình. Tham khảo cách dịch: “Em không làm gì sao hết. Em chỉ hỏi thôi mà!”

Chàng quay khỏi anh mình

“Anh” chỉ về Đa-vít và từ “anh mình” chỉ về Ê-li-áp.

1 Samuel 17:31

Khi những lời Đa-vít đã nói được nghe

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “khi những người lính nghe thấy lời Đa-vít đã nói”

Xin đừng ai ngã lòng

Ngã lòng tượng trưng cho việc bị hoảng loạn và mất tự tin. Tham khảo cách dịch: “Xin đừng để ai phải kinh sợ” hoặc “Xin đừng để ai mất tự tin”

tôi tớ vua sẽ đi

Đa-vít tự nhận mình là “tôi tớ vua” để thể hiện sự kính trọng đối với Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “Con, là tôi tớ vua, sẽ đi”

1 Samuel 17:34

Tôi tớ vua đã từng chăn chiên của cha mình

Đa-vít tự nhận mình là “tôi tớ vua” để thể hiện sự kính trọng đối với Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “Con, là tôi tớ vua, đã đừng giữ chiên của cha mình”

đã từng chăn giữ chiên của cha mình

"đã từng chăm sóc chiên của cha mình”

một con gấu

Gấu là một loài vật to lớn, lông dày rậm, móng vuốt dài và đi bằng bốn chân nhưng có thể đứng bằng hai chân như người.

đuổi theo nó và đánh nó

Ở đây, “nó” chỉ về con sư tử hoặc con gấu đó.

và giải cứu chiên khỏi miệng nó

Ở đây, “chiên” ở đây là con chiên bị bắt đi.

nó chống cự

Ở đây, “chống cự” có nghĩa là tấn công. Tham khảo cách dịch: “nó tấn công con”

nắm râu nó

Từ “râu” chỉ bờm của con sư tử hoặc lông trên mặt con gấu.

1 Samuel 17:36

Câu nối:

Đa-vít tiếp tục thưa chuyện cùng vua Sau-lơ.

Người Phi-li-tin không chịu cắt bì nầy

Câu nầy là một lời sỉ nhục và cho thấy Gô-li-át không thuộc về Đức Chúa Trời hằng sống. Xem cách bạn đã dịch trong 1SA 17:26.

sẽ giống như một trong số chúng

Đa-vít sẽ có thể giết tên Phi-li-tin kia như ông đã có thể giết con sư tử và con gấu kia.

1 Samuel 17:37

từ móng vuốt của sư tử và từ móng vuốt của gấu

Gấu và sư tử dùng móng vuốt khi chúng tấn công, nên từ “móng vuốt” tượng trưng cho sự tấn công. Tham khảo cách dịch: “khỏi sự tấn công của sư tử và khỏi sự tấn công của gấu” hoặc “khỏi sư tử và gấu”

tay của tên Phi-li-tin kia

Tay của tên Phi-li-tin kia đại diện cho năng lực chiến đấu của hắn. Tham khảo cách dịch: “khỏi sức mạnh của tên Phi-li-tin kia” hoặc “tên Phi-li-tin kia”

áo giáp vảy cá

một bộ áo giáp linh hoạt che người được phủ bằng những miếng vảy hoặc miếng kim loại nhỏ che chắn.

1 Samuel 17:39

gươm của người bên ngoài áo giáp

"gươm của Sau-lơ bên ngoài áo giáp”

cây gậy của mình trong tay

Ở đây “của mình” chỉ về Đa-vít.

Cầm cái ná trong ta

Cái ná là loại vũ khí dùng để ném đá.

1 Samuel 17:41

có người mang khiên ở trước hắn

"và người mang khiên đi trước hắn”

hắn khinh thường chàng

"hắn căm ghét chàng”

hồng hào

"khỏe mạnh"

Ta có phải là chó để ngươi cầm gậy đến với ta?

Ở đây, chó đại diện cho một con vật nhỏ mà con người có thể giết bỏ. Từ “gậy” chỉ về cây gậy của Đa-vít và đưa ra ý kiến của Gô-li-át rằng đó không phải là một vũ khí hiệu quả. Gô-li-át dùng câu hỏi nầy để cáo buộc Đa-vít đang nhục mạ hắn. Tham khảo cách dịch: “Ngươi đang nhục mạ ta khi chỉ cầm gậy đến đánh ta như thể ta chỉ bằng một con chó!”

1 Samuel 17:44

Ta sẽ đem thịt của ngươi cho các loài chim trời và thú đồng

Gô-li-át nói về việc giết Đa-vít và để xác của chàng trên đất cho các loài thú đó ăn như thể hắn sẽ đem xác Đa-vít đến cho các loài thú đó. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ giết người, rồi các loài chim trời và thú đồng sẽ ăn xác của ngươi”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chim trời
"chim”
thú đồng
"thú hoang”
trong danh Đức Giê-hô-va
Ở đây, “danh” đại diện cho thẩm quyền hoặc quyền lực của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “bằng quyền lực của Đức Giê-hô-va” hoặc “bằng thẩm quyền của Đức Giê-hô-va”
Đấng mà người đã thách thức
"Đấng mà ngươi đã khiêu khích” hoặc “Đấng mà người đã nhục mạ”
1 Samuel 17:46
Câu nối:
Đa-vít tiếp tục nói với Gô-li-át.
Ta sẽ đem xác các ngươi… cho chim… và cho các loài thú dữ trên đất
Đa-vít nói về việc dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên trong việc giết người Phi-li-tin và để xác chúng trên đất cho các loài thú ăn thịt như thể chàng sẽ bỏ xác chúng cho thú dữ. Tham khảo cách dịch: “Bọn ta, tức là dân Y-sơ-ra-ên sẽ giết quân Phi-li-tin, và chim trời cũng như thú đồng sẽ ăn thịt chúng”
khắp đất sẽ biết
Từ đất chỉ những người sống trên đất. Tham khảo cách dịch: “tất cả những người trên đất sẽ biết”
Đức Giê-hô-va không hề ban chiến thắng bằng gươm hoặc giáo
Gươm và giáo là những ví dụ cho vũ khí chiến đấu. Chúng tượng trưng cho những cách chiến đấu của con người. Tham khảo cách dịch: “Chiếc thắng mà Đức Giê-hô-va ban cho không hề dựa trên gươm và giáo” hoặc “khi Đức Giê-hô-va ban chiến thắng cho chúng ta, Ngài không hề lệ thuộc vào cách chúng ta chiến đấu”
chiến trận thuộc về Đức Giê-hô-va
Việc giành chiến thắng được nói đến như thể sở hữu trận chiến đó. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va luôn thắng hơn chiến trận” hoặc “chiến thắng thuộc về Đức Giê-hô-va”
Ngài sẽ ban các ngươi vào tay chúng ta
Việc nộp dân Phi-li-tin vào tay Y-sơ-ra-ên tượng trưng cho việc giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên đánh bại dân Phi-li-tin trong trận chiến. Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ giúp chúng ta chiến thắng các ngươi”
1 Samuel 17:50
Đa-vít đánh bại… Chàng ném … giết… Không có một thành gươm nào trong tay Đa-vít
Câu 50 là tóm tắt về chiến thắng lạ lùng của Đa-vít trên Gô-li-át. Những chi tiết về cách ông ném và giết Gô-li-át nằm ở 1SA 17:49 và 17:51. Một số ngôn ngữ không dùng những câu tóm tắt như vậy. Trong những tình huống nầy, dịch giả có thể tái cấu trúc lại những câu nầy như trong bản dịch UDB.
Đoạn Đa-vít chạy lại và đứng trên xác của tên Phi-li-tin
Đa-vít làm như vậy sau khi Gô-li-át đã ngã xuống đất trong 1SA 17:49.
lấy gươm của hắn
"lấy gươm của tên Phi-li-tin’. Ở đây, từ “của hắn” chỉ Gô-li-át.
1 Samuel 17:52
Và xác quân Phi-li-tin nằm la liệt trên đường đi đến Sa-a-ra-gim
Có thể nói rõ là dân Y-sơ-ra-ên giết dân Phi-li-tin khi họ đuổi theo chúng. Tham khảo cách dịch: “Và họ giết quân Phi-li-tin trên đường đuổi theo chúng, và xác quân Phi-li-tin nằm la liệt trên đường đến Sa-ra-ra-gim”
họ cướp phá trại quân của chúng
"dân Y-sơ-ra-ên cướp phá trại quân của dân Phi-li-tin”
chàng để vũ khí của hắn trong trại của hắn
"chàng để vũ khí của Gô-li-át trong trại của hắn”
1 Samuel 17:55
Khi Sau-lơ thấy Đa-vít
Đoạn hội thoại trong 17:55-56 đã xảy ra trước khi Đa-vít giết Gô-li-át. Tham khảo cách dịch: “Khi Sau-lơ đã thấy Đa-vít” hoặc “Trước đó khi Sau-lơ thấy Đa-vít”
đi ra đón đánh tên Phi-li-tin
"đi đánh tên Phi-li-tin”
chàng thanh niên đó là con của ai
"ai là cha của chàng thanh niên đó”
Thật như bệ hạ vẫn đang sống
Đây là cách thề rằng những điều ông sắp nói là sự thật.
chàng thanh niên đó là con của ai
"ai là cha của chàng thanh niên đó”
1 Samuel 17:57
trong tay chàng
Ở đây, “chàng” chỉ về Đa-vít.
Ngươi là con của ai
"Cha ngươi là ai”
Con là con cai của Gie-sê, người Bết-lê-ham, đầy tớ của bệ hạ
"Cha của con là Gie-se, người Bết-lê-hem, đầy tớ của bệ hạ.
Gie-sê, đầy tớ bệ hạ
Đa-vít gọi cha mình là “đầy tớ của bệ hạ” để bày tỏ rằng cha chàng trung thành với vua Sau-lơ.

Translation Questions

1 Samuel 17:2
Tại sao Sau-lơ và người Y-sơ-ra-ên đóng trại tại trũng Ê-la?
Họ đóng trại tại trũng Ê-la để dàn trận cùng dân Phi-li-tin.
1 Samuel 17:5
Trên đầu Gô-li-át có gì?
Ông đội mão đồng trên đầu.
1 Samuel 17:6
Gô-li-át mang gì giữa hai vai?
Ông đem một cây lao đồng giữa hai vai.
1 Samuel 17:8
Gô-li-át nói đội ngũ Y-sơ-ra-ên phục vụ ai?
Gô-li-át nói họ là tôi tớ của Sau-lơ.
1 Samuel 17:9
Gô-li-át nói điều gì sẽ xảy đến với đội ngũ của Y-sơ-ra-ên nếu người của họ giết ông ta?
Ông nói dân Phi-li-tin sẽ là tôi mọi của họ.
1 Samuel 17:11
Khi Sau-lơ và hết thảy dân Y-sơ-ra-ên nghe những gì người Phi-li-tin nói, họ cảm thấy thế nào?
Họ hoảng hồn và sợ hãi lắm.
1 Samuel 17:13
Ai trong số các con trai của Gie-sê đã theo Sau-lơ ra chiến trận?
Ba con trai cả của Gie-sê đã theo Sau-lơ ra chiến trận.
1 Samuel 17:16
Người Phi-li-tin cường mạnh đó thường bao lâu đi ra và đứng nơi chiến trận?
Người Phi-li-tin đi ra buổi mai và buổi chiều, tỏ mình ra như vậy trong bốn mươi ngày.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 17:20

Quân đội đang làm gì khi Đa-vít đến trại?

Quân đội đang đi ra đặng dàn trận và reo tiếng chiến tranh.

1 Samuel 17:23

Khi Đa-vít nói chuyện với các anh mình, ai ra khỏi hàng ngũ người Phi-li-tin?

Lực sĩ Gô-li-át ra khỏi hàng ngũ Phi-li-tin.

1 Samuel 17:25

Vua sẽ làm gì cho nhà cha của người nào giết Gô-li-át?

Vua sẽ ban thưởng nhiều của cải, gả con gái mình cho người đó, và miễn xâu thuế cho nhà cha người ấy trong Y-sơ-ra-ên.

1 Samuel 17:26

Đa-vít nói người nào giết được người Phi-li-tin sẽ cất điều gì khỏi Y-sơ-ra-ên?

Người giết được ngừi Phi-li-tin sẽ cất sự sỉ nhục khỏi Y-sơ-ra-ên.

1 Samuel 17:28

Ê-li-áp nói điều gì là việc ác trong lòng Đa-vít?

Ông nói rằng ông biết sự kiêu ngạo của Đa-vít, và rằng Đa-vít đến đặng xem sự tranh chiến.

1 Samuel 17:32

Đa-vít nói với Sau-lơ rằng ông sẽ làm gì để không ai ngã lòng vì cớ người Phi-li-tin?

Đa-vít nói với Sau-lơ rằng ông sẽ đi và đấu cùng người Phi-li-tin.

1 Samuel 17:35

Đa-vít làm gì với con sử tử hoặc con gấu đến tấn công ông?

Ông nắm râu nó, đánh, và giết đi.

1 Samuel 17:36

Tại sao Đa-vít nói tên Phi-li-tin chưa cắt bì này sẽ giống như con sư tử hoặc con gấu mà trước đó ông đã giết?

Người Phi-li-tin đã thách thức quân đội của Đức Chúa Trời hằng sống.

1 Samuel 17:39

Tại sao Đa-vít không thể mang theo áo giáp mà vua đã ban?

Ông không quen mang theo nó.

1 Samuel 17:42

Tại sao người Phi-li-tin khinh Đa-vít khi ông thấy Đa-vít?

Đa-vít chỉ là một cậu bé, nước da hồng, mặt đẹp đẽ.

1 Samuel 17:45

Khi người Phi-li-tin đến bằng gươm, giáo, và lao, Đa-vít nói ông đến bằng gì?

Đa-vít nói ông nhơn danh Đức Giê-hô-va vạn binh mà đến, tức là Đức Chúa Trời của đạo binh Y-sơ-ra-ên, mà người Phi-li-tin đã sỉ nhục.

1 Samuel 17:46

Đa-vít nói thế gian sẽ biết điều gì vì những thây của dân Phi-li-tin sẽ bị phó cho chim trời và thú đồng?

Khắp đất sẽ biết rằng có một Đức Chúa Trời ở Y-sơ-ra-ên.

1 Samuel 17:48

Đa-vít làm gì khi Gô-li-át đến gần đặng gặp ông?

Đa-vít nhanh chân chạy về phía kẻ thù để gặp ông ta.

1 Samuel 17:51

Dân Phi-li-tin làm gì khi họ thấy rằng lực sĩ của họ đã chết?

Dân Phi-li-tin chạy trốn.

1 Samuel 17:53

Dân Y-sơ-ra-ên làm gì khi họ trở về sau khi rượt đuổi người Phi-li-tin?

Dân Y-sơ-ra-ên cướp phá trại quân của người Phi-li-tin.

1 Samuel 17:57

Đa-vít cầm gì trong tay khi Áp-ne dẫn ông đến gặp Sau-lơ?

Đa-vít cầm cái đầu của người Phi-li-tin trên tay.

Chapter 18

1 Samuel 18:1

tâm hồn của Giô-na-than kết chặt với tâm hồn Đa-vít

Tình bạn khắng khít, gắn bó được nói đến như thể nó đang gắn tâm hồn của hai con người lại với nhau. Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Giô-na-than rất yêu mến Đa-vít”

Giô-na-than yêu mến chàng như chính linh hồn mình

Ở đây, “yêu mến” chỉ về tình cảm yêu thương giữa những người bạn với nhau, không phải tình cảm nam nữ. Từ “linh hồn” tượng trưng cho chính người đó hoặc mạng sống của người đó. Tham khảo cách dịch: “Giô-na-than yêu mến Đa-vít như yêu chính mình” hoặc “Giô-na-than yêu mến Đa-vít như chính mạng sống của mình”

1 Samuel 18:3

Giô-na-than yêu mến chàng như chính linh hồn mình

Ở đây, “yêu mến” chỉ về tình cảm yêu thương giữa những người bạn với nhau, không phải tình cảm nam nữ. Từ “linh hồn” tượng trưng cho chính người đó hoặc mạng sống của người đó. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong [1SA 18:1]

1 Samuel 18:5

và chàng đều thành công

"và chàng luôn thành công”

Trong mắt toàn dân và trong cách nhìn của các triều thần của Sau-lơ thì điều nầylàm vừa lòng họ

Cụm từ “trong mắt của” và “trong cách nhìn của” đều cùng nói về một ý. Ý kiến của những người đó được ví như điều gì đó mà họ có thể xem là tốt hay xấu. Tham khảo cách dịch: “Điều nầy làm vừa ý toàn dân và các triều thần của Sau-lơ” hoặc “Điều nầylàm vừa lòng toàn dân và các triều thần của Sau-lơ”

1 Samuel 18:6

từ khắp các thành Y-sơ-ra-ên

Đây là cách nói quá nhằm nhấn mạnh có số rất đông của những người phụ nữ đi đến đó. Tham khảo cách dịch: “từ nhiều thành trong khắp Y-sơ-ra-ên”

với trống lắc tay, niềm hân hoàn và các thứ nhạc cụ khác

“vui mừng đánh trống cơm và chơi những thứ nhạc cụ khác”

với trống lắc tay

"trống lắc tay" là một cái trống nhỏ cầm tay.

Còn Đa-vít thì hàng vạn

Có thể lấy động từ còn thiếu từ câu trước. Tham khảo cách dịch: “Còn Đa-vít thì giết hàng vạn”

1 Samuel 18:8

Họ gán cho

"Họ cho là"

Nó còn thiếu gì nữa, ngoài ngôi vua nầy nữa?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Thứ duy nhất nó chưa có chính là ngôi vua nầy!”

1 Samuel 18:10

ác thần từ Đức Chúa Trời giáng trên Sau-lơ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ “giáng trên” có nghĩa là ác thần đó tác động, gây ảnh hưởng đến Sau-lơ. Trong trường hợp nầy, nó có nghĩa là ác thần khiến Sau-lơ bất an lo lắng và hành động điên rồ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong 1SA 10:6.

ác thần từ Đức Chúa Trời

Ở đây, “thần gây tổn hại” có thể vừa nói đến “thần khiến bất an” hoặc “ác thần”. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 16:15.

Và ông nói lảm nhảm

"Và ông hành động điên rồ”

Đức Giê-hô-va ở cùng chàng

"Đức Giê-hô-va ở cùng Đa-vít”

1 Samuel 18:13

Do đó, Sau-lơ đã đẩy chàng khuất khỏi mặt mình

"Do đó, Sau-lơ đã đẩy Đa-vít khuất khỏi mặt mình”

một nghìn quân

Có thể viết lại bằng số. Tham khảo cách dịch: “1.000 quân”

Đa-vít vào ra trước dân sự

Ở đây, “dân sự” chỉ quân lính dưới quyền Đa-vít. Cụm từ “vào” và “ra” là cách nói chỉ về việc lãnh đạo dân sự tham chiến và rồi dẫn họ từ chiến trường về nhà. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít lãnh đạo binh sĩ của mình chiến đấu và rồi dẫn họ từ chiến trường trở về nhà”

1 Samuel 18:15

vua sợ ông

Ở đây, “đứng trong kinh sợ” là một cách nói nghĩa là sợ hãi. Tham khảo cách dịch: “ông sợ Đa-vít”

Toàn thể Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đều yêu mến Đa-vít

Ở đây “Y-sơ-ra-ên và Giu-đa” đại diện cho dân chúng từ hết thảy các chi tộc. Tham khảo cách dịch: “Hết thảy dân chúng trong Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đều yêu mến Đa-vít”

vào ra trước họ

Những từ “vào” và “ra” là cách nói chỉ về việc lãnh đạo dân sự đi tham chiến và rồi dẫn họ từ chiến trường về nhà. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 18:13. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít lãnh đạo binh sĩ của mình chiến đấu và rồi dẫn họ từ chiến trường trở về nhà”

1 Samuel 18:17

Ta đừng đụng tay trên nó, thà để tay của người Phi-li-tin đụng đến nó còn hơn

Việc hãm hại người khác được nói đến như thể là hành động đặt tay trên người khác. Ở đây, Sau-lơ đang nói đến việc giết Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không phải là người giết nó, nhưng để cho người Phi-li-tin giết nó còn hơn”

Tôi là ai, họ hàng của tôi là ai hay gia đình cha tôi trong Y-sơ-ra-ên.... của vua?

Đa-vít dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông không xứng đáng làm con rể của Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “Tôi chẳng là gì và dòng họ của tôi hay gia đình cha tội cũng không có quyền thế trong Y-sơ-ra-ên đủ để.... của vua”

con rể của vua

“chồng của con gái vua”

1 Samuel 18:19

khi Mê-ráp, con gái Sau-lơ, đáng lẽ phải được gả cho Đa-vít

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “khi mà Sau-lơ lẽ ra phải gả con gái Mê-ráp của mình cho Đa-vít”

nàng lại được gả cho Át-ri-ên

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Sau-lơ lại gả nàng cho Át-ri-ên”

1 Samuel 18:20

Mi-canh ... yêu mến Đa-vít

Ở đây” “yêu mến” có nghĩa là nàng yêu Đa-vít.

Người ta thuật lại cho Sau-lơ

Ở đây, “người ta” chỉ những người phát hiện ra tình cảm của Mi-canh, không phải chỉ đến Đa-vít hay Mi-canh.

để tay của người Phi-li-tin chống nghịch với nó

Việc hãm hại ai đó được nói đến như thể đó là việc đặt tay lên người đó. Ở đây, Sau-lơ đang nói đến việc giết hại Đa-vít. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [1SA 18:17]

Con sẽ làm phò mã của ta

“Con sẽ là chồng của con gái ta”

1 Samuel 18:22

tất cả các quần thần của vua đều yêu mến ông

"tất cả các quần thần của vua đều ngưỡng mộ ông”

Vậy thì bây giờ

"Vì những lí do đó, ông nên”

1 Samuel 18:23

Các ông tưởng làm phò mã của vua là việc nhỏ hay sao, trong khi tôi chỉ là một kẻ nghèo khó và hèn hạ?

Đa-vít đặt ra câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông không xứng đáng để làm phò mã của vua. Tham khảo cách dịch: “Làm phò mã của vua là một chuyện trọng đại, còn tôi so với điều đó thì quá nghèo hèn"

1 Samuel 18:25

Vua không đòi bất cứ sính lễ gì, chỉ một trăm dương bì

Động từ trong vế thứ hai có thể được lấy từ vế thứ nhất. Tham khảo cách dịch: “Vua không mong ước bất cứ sính lễ nào, vua chỉ mong ông đem về cho vua 100 dương bì”

sính lễ

"của hồi môn”. Trong văn hóa nơi đây, người nam buộc phải nộp một phần sính lễ cho cha của cô gái.

dương bì

Từ “dương bì” chỉ về phần da bao bọc quanh đầu bộ phận sinh dục của người nam, được cắt bỏ trong phép cắt bì.

để được trả thù những kẻ thù địch của vua

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để trả thù những kẻ thù địch của vua”

để khiến Đa-vít ngã dưới tay dân Phi-li-tin

Ở đây, “ngã” có nghĩa là chết. Từ “tay” tượng trưng cho chính dân Phi-li-tin. Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để khiến người Phi-li-tin giết Đa-vít”

1 Samuel 18:27

hai trăm Người Phi-li-tin

Có thể viết dưới dạng chữ số. Tham khảo cách dịch: “200 người Phi-li-tin"

họ nộp chúng cho vua đủ số lượng

"Đa-vít và người của ông đã nộp toàn bộ chúng cho vua”

Sau-lơ thấy thì biết

Ở đây, cụm “thấy và biết” có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh ý Sau-lơ biết chắc chắn. Tham khảo cách dịch: “Sau-lơ nhận ra”

Mi-canh, con gái Sau-lơ, yêu mến ông

Ở đây, “yêu mến” có nghĩa là nàng yêu Đa-vít.

1 Samuel 18:30

chính vì vậy mà danh tiếng của ông rất được tôn cao

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây, “danh tiếng” là hoán dụ chỉ về chính Đa-vít. Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch:

“chính vì vậy dân chúng rất tôn trọng Đa-vít”

Translation Questions

1 Samuel 18:1

Lòng của Giô-na-than gắn bó với lòng của Đa-vít mạnh mẽ thế nào?

Giô-na-than yêu thương Đa-vít như chính mình.

1 Samuel 18:4

Giô-na-than cởi gì ra và trao cho Đa-vít cùng khí giới của mình?

Giô-na-than cởi áo choàng đang mặc và trao cho Đa-vít.

1 Samuel 18:5

Sau-lơ đặt Đa-vít làm đầu trên ai?

Sau-lơ đặt Đa-vít làm đầu chiến sĩ.

1 Samuel 18:8

Bài hát của các ca sĩ quy gì cho Đa-vít, mà lại làm phật lòng Sau-lơ?

Họ đối đáp nhau rằng: Sau-lơ giết hàng ngàn, Còn Đa-vít giết hàng vạn!

1 Samuel 18:11

Sau-lơ nghĩ gì khi ông ném cây giáo gần Đa-vít?

Sau-lơ nghĩ rằng ông sẽ ghim Đa-vít vào tường.

1 Samuel 18:14

Tại sao Đa-vít thịnh vượng trong các công việc mình?

Đa-vít thịnh vượng vì Đức Giê-hô-va ở cùng ông.

1 Samuel 18:17

Tại sao Sau-lơ nghĩ ông sẽ không cần đưa tay ra hại Đa-vít?

Sau-lơ nghĩ tay của dân Phi-li-tin sẽ hại Đa-vít.

1 Samuel 18:20

Sau-lơ nghĩ con gái của Mi-canh của ông sẽ là gì đối với Đa-vít nếu ông gả cho Đa-vít?

Sau-lơ nghĩ nàng có thể là một cái bẫy cho Đa-vít.

1 Samuel 18:22

Sau-lơ ra lệnh các tôi tớ của ông nói với Đa-vít về việc làm phò mã ở đâu?

Ông truyền lệnh cho các tôi tớ nói với Đa-vít ở nơi kín giấu.

1 Samuel 18:23

Tại sao Đa-vít nghĩ ông ông đáng làm phò mã?

Ông là một người nghèo và hèn tiện.

1 Samuel 18:25

Vua đòi sính lễ duy nhất nào từ Đa-vít?

Vua chỉ đòi sính lễ duy nhất là 100 dương bì của người Phi-li-tin.

1 Samuel 18:27

Đa-vít và thủ hạ mình làm gì để đáp ứng trội yêu cầu sính lễ của vua?

Đa-vít giết 200 người Phi-li-tin và đem về dương bì của chúng.

1 Samuel 18:30

Đa-vít thành công lớn như thế nào, đến nỗi tên của ông được tôn trọng?

Đa-vít thành công hơn các tôi tớ của Sau-lơ.

Chapter 19

1 Samuel 19:1

và với toàn bộ bề tôi của mình

Ở đây, “mình” chỉ về Sau-lơ.

rất yêu mến Đa-vít

Giô-na-than rất vui khi ở cùng Đa-vít

1 Samuel 19:4

Đừng để vua phạm tội với tôi tớ mình

Giô-na-than nói chuyện như thể Sau-lơ là một người khác nữa, để cho Sau-lơ thấy rằng Giô-na-than tôn trọng Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “Đừng phạm tội tới tôi tớ của cha”

anh ấy đã liều mạng sống mình

Nguyên gốc “đặt cược mạng sống của mình trong tay mình” là cách nói chỉ về việc mạo hiểm mạng sống của mình. Tham khảo cách dịch: “anh ấy đã liều mạng”

Tại sao cha lại định phạm tội cùng huyết vô tội mà vô cớ giết Đa-vít?

Giô-na-than đặt ra câu hỏi nầy để trách Sau-lơ. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Cha không nên phạm tội cùng huyết vô tội mà vô cớ giết Đa-vít”

phạm tội cùng huyết vô tội

Ở đây “huyết” là hoán dụ chỉ về mạng sống của một người vô tội. Tham khảo cách dịch: “phạm tội giết người”

1 Samuel 19:6

nó sẽ không bị giết

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không giết nó” hoặc “Ta sẽ không khiến nó phải chết” hoặc “Ta nhất định sẽ để cho nó sống”

ông ở trước mặt vua

Đa-vít ở trước mặt Sau-lơ

1 Samuel 19:8

Ác thần từ Đức Giê-hô-va

Ở đây, “thần gây tổn hại” có thể vừa nói đến “thần khiến bất an” hoặc “ác thần”. Hãy dịch giống như trong 1SA 16:14.

1 Samuel 19:10

lấy giáo đâm ghim Đa-vít vào tường

phóng cây giáo để đâm thủng Đa-vít và ghim ông vào tường.

để vua có thể giết ông

"Sau-lơ có thể giết Đa-vít”

Mi-canh ... báo cho ông biết

Mi-canh báo cho Đa-vít

Nếu ông không cứu lấy mạng sống mình

Ở đây, “cứu lấy mạng sống mình” là một cách nói chỉ về sự chạy trốn. Tham khảo cách dịch: “Nếu anh không trốn”

chàng sẽ bị giết

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “có người sẽ giết anmh”

1 Samuel 19:12

Thông tin chung:

Mi-canh giúp Đa-vít trốn khỏi vua Sau-lơ. Bà lấy tượng thần để giả vờ như Đa-vít đang nằm ngủ trên giường.

bà đặt một cái gối bằng lông dê trên đầu pho tượng rồi lấy áo phủ lên

Ý nghĩa khả thi: 1) đầu của pho tượng được đặt trên chiếc gối làm bằng lồng dê và Mi-canh lấy quần áo của Đa-vít mặc cho pho tượng hoặc 2) Mi-canh lấy quần áo của Đa-vít làm thành bức mền phủ hết pho tượng và lấy một cái “gối” bằng lông chiên để giả vờ như tóc của Đa-vít lòi ra khỏi bức mền quần áo.

1 Samuel 19:14

Thông tin chung:

Sau-lơ thực hiện mong muốn giết được Đa-vít

bắt Đa-vít

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"bắt Đa-vít đến chỗ Sau-lơ”

bà bảo

Ở đây, “bà” là Mi-canh.

Cứ để hắn trên giường rồi khiêng hắn đến cho ta

"Nếu thực sự hắn ốm nặng đến nỗi không đến chỗ ta được, thì các ngươi cứ để hắn nằm trên giường rồi khiêng đến cho ta”

1 Samuel 19:16

gối làm bằng lông dê

Hãy dịch giống như trong 1SA 19:13.

Kìa

Từ “kìa” ở đây cho thấy những sứ giả kinh ngạc trước điều mình thấy.

Sao con lại lừa dối cha để cho kẻ thù của cha trốn thoát như thế?

Ý nghĩa khả thi: 1) Sau-lơ thực sự muốn biết tại sao Mi-canh lại làm như thế hoặc 2) Sau-lơ dùng câu hỏi nàyđể quở trách Mi-canh. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đáng lẽ ra con không được lừa dối cah mà để cho kẻ thù của cha đi, rồi hắn đã trốn thoát như thế”

Hãy để anh đi. Tại sao lại ép anh phải giết em?

Mặc dầu Đa-vít không hề nói như vậy, Mi-canh kể với Sau-lơ rằng Đa-vít đã dọa mình bằng câu hỏi nầy. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Anh sẽ giết em nếu như em không chịu giúp anh bỏ trốn”

1 Samuel 19:18

Thông tin chung:

Đa-vít chạy trốn khỏi đến Sa-mu-ên.

Bấy giờ

Ở đây, từ nầy được dùng để cho thấy tác đã bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

Sau-lơ được thuật lại

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người thuật lại cho Sau-lơ”

Xem kìa

"Nhìn kìa" hoặc “Nghe đây” hoặc “Hãy chú ý những gì tôi sắp thưa cùng vua”

đứng đầu họ

Ở đây, “đầu” chỉ về vị trí có thẩm quyền. Tham khảo cách dịch: “hành xử như lãnh đạo của họ”

1 Samuel 19:21

Khi Sau-lơ được báo lại như vậy

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Khi có người thuật điều nầy lại cho Sau-lơ”

Ra-ma ... Sê-cu... Na-i-ốt

Đây là tên của các địa danh

1 Samuel 19:23

người ta nói

Ở đây, “người ta” chỉ người nói chung. Câu hỏi nầy đã trở thành một câu tục ngữ.

Sau-lơ cũng thuộc trong số các thầy tế lễ sao?

Bởi vì Sau-lơ ở giữa các thầy tế lễ nên người ta có thể nghĩ rằng kể cả những người không hèn mọn cũng có thể là tiên tri. Có thể chuyển câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Kể cả Sau-lơ cũng thuộc trong số các thầy tế lễ!” Hãy dịch giống như trong [1SA 10:12]

Translation Questions

1 Samuel 19:2

Tại sao Giô-na-than bảo Đa-vít phải ở nơi khuất kín và ẩn mình?

Sau-lơ đang tìm giết Đa-vít.

1 Samuel 19:4

Giô-na-than nói với Sau-lơ rằng những việc của Đa-vít đem gì đến cho ông ta?

Giô-na-than nói với Sau-lơ rằng những việc của Đa-vít đem đến điều tốt lành cho Sau-lơ.

1 Samuel 19:6

Sau-lơ thề gì sau khi nghe Giô-na-than nói?

Sau-lơ thề rằng ông sẽ không giết Đa-vít.

1 Samuel 19:8

Điều gì xảy ra khi Đa-vít lại đi ra và tranh chiến lại dân Phi-li-tin?

Đa-vít đánh bại dân Phi-li-tin bằng một sự tàn sát lớn.

1 Samuel 19:11

Tại sao Sau-lơ sai sứ giả đến nhà Đa-vít đặng canh giữ ông?

Sau-lơ muốn giết ông ấy vào buổi sáng.

1 Samuel 19:12

Mi-canh giúp Đa-vít chạy trốn và thoát thế nào?

Mi-canh thòng Đa-vít xuống nơi cửa sổ

1 Samuel 19:15

Sau-lơ tính làm gì khi ông ra lệnh đem Đa-vít ở trên giường đến?

Sau-lơ tính giết Đa-vít.

1 Samuel 19:16

Mi-canh làm gì ở cái đầu của cái tượng trong nhà để trên giường đặng làm cho giống như Đa-vít?

Bà đặt một tấm nệm bằng lông dê bọc đầu cái tượng.

1 Samuel 19:18

Khi Đa-vít chạy trốn và thoát, ông đến gặp ai ở Ra-ma?

Đa-vít đến gặp Sa-mu-ên.

1 Samuel 19:20

Điều gì xảy ra với các sứ giả của Sau-lơ khiến họ nói tiên tri.

Thần của Đức Chúa Trời ngự trên họ.

1 Samuel 19:21

Sau khi sai các sứ giả đi lần thứ ba, Sau-lơ làm gì?

Sau-lơ cũng đến Ra-ma.

1 Samuel 19:22

Sau khi sai các sứ giả đi lần thứ ba, Sau-lơ làm gì?

Sau-lơ cũng đến Ra-ma.

1 Samuel 19:24

Sau-lơ ở trần nằm trước mặt Sa-mu-ên thế nào?

Ông ở trần suốt ngày đó và suốt đêm đó.

Chapter 20

1 Samuel 20:1

Tôi đã làm gì? Lỗi của tôi là gì? Tôi đã phạm tội gì trước cha anh, mà ngươi lại tìm cách lấy mạng tôi?

Ba câu hỏi nầy về cơ bản đều nói về cùng một ý. Đa-vít dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông chẳng làm gì sai với Sau-lơ cả. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi chẳng làm gì sai cả. Tôi không hề phạm tội với cha của anh. Ông ấy chẳng có lí do gì để lấy mạng tôi”

mà ngươi lại tìm cách lấy mạng tôi?

Ở đây, “lấy mạng của tôi” là một cách để nói về việc “giết tôi”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Không đời nào
Ở đây, “không đời nào” là một cách nói cho thấy điều đó không hề đúng. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn điều đó không đúng”
bất cứ điều gì dù lớn hay nhỏ
"không một điều nào”
Tại sao cha tôi lại giấu tôi điều nầy?
Giô-na-than dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng nếu Sau-lơ có ý định giết Đa-vít thì ông đã nói với Giô-na-than rồi. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Cha tôi chẳng có lí do gì để giấu tôi chuyện nầy hết” hoặc “Nếu điều nầylà thật thì cha tôi nhất định sẽ cho tôi biết”
Không có đâu!
“Không phải như vậy”
1 Samuel 20:3
tôi được ơn trước mặt anh
“tôi được đẹp lòng anh” hoặc “anh đãi tôi cách nhân từ”
nó sẽ đau buồn
Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “điều nầysẽ khiến nó đau buồn” hoặc “nó sẽ rất buồn”
giữa tôi và cái chết chỉ có một bước
Ở đây, “có một bước giữa tôi và cái chết” là cách nói chỉ về việc rất gần với cái chết. Tham khảo cách dịch: “tôi rất gần với cái chết”
1 Samuel 20:4
Thông tin chung:
Đa-vít đề nghị với Sau-lơ thử vua Sau-lơ.
Ngày mai là ngày lễ hội trăng mới
Vào ngày đầu tiên của tháng, dân sự sẽ tổ chức lễ hội và dâng tế lễ trên cho Đức Chúa Trời.
cho đến chiều tối của ngày thứ ba
"cho đến chiều tối của ngày mốt” (UDB)
1 Samuel 20:6
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục mô tả cách thử nghiệm mà ông đề nghị.
nài xin con cho nó đi
"cầu xin con cho phép nó đi”
người trả lời… người… đã đã định
Từ “người” chỉ về Sau-lơ
đầy tớ anh sẽ được bình an
Đa-vít tự nhận mình là một người ở một thân phận khác để bày tỏ rằng ông kính nể Giô-na-than. Tham khảo cách dịch: “tôi, đầy tớ anh, sẽ được bình anh”
1 Samuel 20:8
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục nói chuyện với Giô-na-than.
với đầy tớ anh ... đã đem đầy tớ anh
Đa-vít tự nhận mình là một người thứ ba như là một hình thức của sự khiêm nhường. Tham khảo cách dịch: “với tôi, đầy tớ anh” hoặc “với tôi… đã đem tôi”
anh đã nhân danh Đức Giê-hô-va mà kết ước với đầy tớ anh
"Đức Giê-hô-va đã nghe thấy anh khi anh lập lời kết ước với tôi để tôi và anh sẽ luôn là những người bạn tốt”
vì vậy thì tại sao anh lại đem tôi đến cho cha anh?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “vậy thì chẳng có lí do gì để anh đem tôi đến cho cha anh ca”
Anh đừng nghĩ vậy!
Đây là cách nói có nghĩa là chuyện đó sẽ chẳng bao giờ xảy đến cho anh. Tham khảo cách dịch: “Chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra với anh!”
tôi lại không kể cho anh sao?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “tôi nhất định sẽ kể cho anh”
1 Samuel 20:12
Kìa
"nhìn kia” hoặc “nghe đây” hoặc “hãy chú ý đến những điều tôi sắp kể với anh đây”
Nếu có ý tốt
"nếu cha tôi muốn làm điều ích lợi cho anh”
tôi sẽ sai người đến để báo cho anh biết
Giô-na-than dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông sẽ kể cho Đa-vít biết nếu như Sau-lơ có ý định hại ông. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “thì tôi nhất định sẽ sai người đến báo cho anh biết”
Nguyện Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Giô-na-than và thậm chí còn nặng nề hơn thế
Giô-na-than dùng lời thề nầy để nhấn mạnh và nói về chính mình như một người với thân phận khác. Tham khảo cách dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va sẽ đổ lại trên tôi những điều mà cha tôi định hại anh, và thậm chí còn nặng nề hơn thế”
1 Samuel 20:14
Thông tin chung:
Giô-na-than cầu xin Đa-vít không tận diệt con cháu dòng dõi của ông để dòng dõi của ông vẫn còn người trên đất.
nếu tôi còn sống, anh sẽ tỏ cùng tôi sự thành tín về giao ước của Đức Giê-hô-va chứ?
Giô-na-than đặt ra câu hỏi nầy để xác nhận rằng Đa-vít sẽ làm như vậy. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “nếu tôi còn sống, xin hãy tỏ cùng tôi sự thành tín về giao ước của Đức Giê-hô-va”
tỏ cùng tôi sự thành tín về giao ước của Đức Giê-hô-va
"tỏ sự nhân từ thành tín trong giao ước mà Đức Giê-hô-va đã bày tỏ”
nhà của Đa-vít
Từ “nhà” là phép hoán dụ chỉ những người sống trong nhà đó. Tham khảo cách dịch: “gia đình Đa-vít”
Nguyện Đức Giê-hô-va đòi sự báo trả nơi tay những kẻ thù của Đa-vít
Từ tay là phép tu từ chỉ về chính người đó. Ý nghĩa khả thi: 1) "Nguyện Đức Giê-hô-va dùng kẻ thù của Đa-vít để trừng phạt Đa-vít nếu như Đa-vít vi phạm lời thề” hoặc “Nguyện Đức Giê-hô-va tiêu diệt kẻ thù của Đa-vít”
1 Samuel 20:17
người yêu mến Đa-vít như người yêu chính linh hồn mình
Ở đây, “linh hồn mình” chỉ về chính Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Giô-na-than yêu mến Đa-vít như chính bản thân mình”
Anh sẽ vắng
Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Cha tôi sẽ thấy vắng anh”
ngày xảy ra việc đó
Nguyên mẫu “business was in hand” trong tiếng anh có nghĩa là khi mọi chuyện đã diễn ra. Tham khảo cách dịch: “khi mọi chuyện đã diễn ra’
tảng đá Ê-xe
"tảng đá mà người ta gọi là Ê-xe”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 20:20

Thông tin chung:

Giô-na-than tiếp tục bàn bạc với Đa-vít.

đến bên tảng đá đó

Ở đây, từ “nó” chỉ về tảng đá mà Đa-vít nấp.

người của tôi... người trai trẻ đó

Những từ nầy chỉ về cùng một người.

Kìa

"Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý những điều tôi sắp nói với anh”

vì hãy đến

"thì anh, tức là Đa-vít, hãy đến”

1 Samuel 20:22

Thông tin chung:

Giô-na-than tiếp tục bàn bạc với Đa-vít.

kìa

Từ “kìa” ở đây nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: “thật vậy”

Đức Giê-hô-va ở giữa anh và tôi

Ý nghĩa khả thi: 1) "Đức Giê-hô-va làm chứng giữa anh và tôi” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ theo dõi cách chúng ta đối xử với nhau” hoặc 2) “Nguyện Đức Giê-hô-va làm chứng giữa anh và tôi” hoặc “Nguyện Đức Giê-hô-va xem cách chúng ta đối xử với nhau”

1 Samuel 20:24

Giô-na-than đứng dậy

Một bố bản sao cổ xưa ghi rằng: “Giô-na-than ngồi đối diện ông”

1 Samuel 20:26

Nó không thanh sạch, chắc chắn là nó bị ô uế

Theo luật Môi-se, một người không thanh sạch theo nghi thức thì không được tham dự lễ cho đến khi thầy tế lễ tuyên bố tuyên bố rằng người đó thanh sạch. Sau-lơ lặp lại lời nầy như thể ông đang tự thuyết phục mình.

1 Samuel 20:28

hỏi xin phép con đi

"hỏi xin con cho phép người đi”

Nếu tôi được ơn trước mặt anh

“Nếu tôi được đẹp lòng anh” hoặc “Nếu anh định đãi tôi cách nhân từ”. Hãy dịch giống như trong [1SA 20:3]

bàn của cha

Giô-na-than nói về Sau-lơ như thể ông là một người khác để tỏ rằng ông tôn kính Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “bàn của vua”

1 Samuel 20:30

Cơn giận của Sau-lơ nổi phừng lên nghịch cùng Giô-na-than

Ở đây, “cơn giận nổi phừng” là một hoán dụ chỉ về việc nổi giận. Tham khảo cách dịch: “Sau-lơ nổi giận phừng phừng với Giô-na-than”

Ngươi thật là đứa con trai của người đàn bà mất nết, bất trị!

Sau-lơ dùng cụm từ nầy như là một lời quở trách hà khắc cho Giô-na-than cùng với sự quan tâm của Giô-na-than dành cho Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Ngươi thật là đứa con trai ngu ngốc của phường điếm đĩ” hoặc “Ngươi là kẻ phản bội ngu ngốc”

Tao lại không biết mầy đã chọn con trai của Gie-sê... người mẹ đã sinh mầy ra?

Sau-lơ dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông biết chuyện Giô-na-than và Đa-vít làm bạn với nhau. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tham khảo cách dịch: “Tao biết mầy đã chọn con trai của Gie-sê.... người mẹ đã sinh mầy ra”

làm hổ nhục cho người mẹ đã sinh mầy ra

Ở đây, nguyên mẫu “sự trần trụi của người mẹ” là một cách nói chỉ về người mẹ đã sinh ra mình. Tham khảo cách dịch: “làm hổ nhục mẹ mầy là người đã sinh mầy ra”

mầy và vương quốc của mầy sẽ không được vững chắc đâu

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mầy sẽ làm vua và sẽ không làm vững chắc vương quốc của mầy”

1 Samuel 20:32

Vì lí do gì mà anh ấy phải chết? Anh ấy đã làm gì?

Giô-na-than đang cố gắng khiến Sau-lơ suy nghĩ cẩn thận về việc mình đang làm. Có thể chuyển câu nầy thành một câu khẳng định, và cụm từ “mà phải chịu chết” có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Cha chẳng có lí do nào hợp lí để buộc anh ấy phải chết. Anh ấy chẳng làm gì sai cả.” hoặc “Cha chẳng có lí do nào hợp lí để giết anh ấy. Anh ấy chẳng làm gì sai cả”

ngày thứ hai trong tháng

Từ “thứ hai” là số chỉ thứ tự cho số 2. Tham khảo cách dịch: “ngày thứ hai trong lễ hội trăng mới”

người đau buồn về chuyện Đa-vít

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người đau buồn về chuyện Đa-vít”

đã sỉ nhục người

Ở đây, “người” chỉ Đa-vít

1 Samuel 20:35

một thiếu niên đi với ông

“ông” chỉ về Giô-na-than

ông bắn một mũi tên vượt qua nó

"Giô-na-than bắn một mũi tên vượt qua thiếu niên đó”

Mũi tên không phải ở đằng trước mầy sao?

Giô-na-than dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng mũi tên đã bay xa khỏi người thiếu niên kia. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Mầy phải biết là mũi tên đó đã bay vượt qua mầy” hoặc “Mũi tên đó ở xa tít đằng trước mầy”

1 Samuel 20:38

giục đứa trẻ: “Nhanh lên”

"gọi đứa trẻ, người đã chạy xa khỏi chỗ ông: “Chạy may lên”

1 Samuel 20:41

ụ đất

Có vẻ như Đa-vít đã nấp sau đống đất hoặc một đống đá (Xem bản dịch tiếng Anh UDB).

sấp mặt xuống đất ba lần

Đa-vít sấp mặt xuống trước Giô-na-than, là người vẫn còn đang là con trai của vua, người xứng đáng nhận được sự tôn trọng đó. Đây cũng là lần cuối Đa-vít gặp Giô-na-than.

Nguyện Đức Giê-hô-va ở giữa anh và tôi

Ý nghĩa khả thi: 1) "Nguyện Đức Giê-hô-va làm chứng giữa anh là tôi” hoặc “Nguyện Đức Giê-hô-va xem quan sát cách chúng ta đối xử với nhau”. Hãy dịch giống như trong trong 1SA 20:23.

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 20:2

Giô-na-than nói cha ông không làm gì gì mà không nói với ông?

Giô-na-than nói rằng cha ông không làm gì lớn hoặc nhỏ mà không bảo với ông ấy.

1 Samuel 20:3

Đa-vít nói ông gần chết tới cỡ nào?

Ông nói chỉ còn một bước cách ông và sự chết mà thôi.

1 Samuel 20:5

Đa-vít muốn làm gì cho đến chiều ngày thứ ba?

Đa-vít muốn trốn ngoài đồng đến chiều ngày thứ ba.

1 Samuel 20:6

Đa-vít nói Giô-na-than trình lý do gì với Sau-lơ nếu Sau-lơ không gặp ông?

Ông bảo nói với Sau-lơ rằng ông đến thành Bết-lê-hem của ông, vì cả nhà dâng của lễ hàng năm.

1 Samuel 20:8

Tại sao Đa-vít bảo Giô-na-than tỏ lòng nhân từ như tôi tớ của ông?

Giô-na-than đã đem Đa-vít, tôi tớ của ông, vào một giao ước với Đức Giê-hô-va và với ông.

1 Samuel 20:11

Giô-na-than nói sẽ đi đâu để tiếp tục thảo luận?

Ông bảo Đa-vít đi cùng ông ra ngoài đồng.

1 Samuel 20:13

Tại sao Giô-na-than muốn Đa-vít biết phản ứng của cha và cho ông ấy đi nơi khác?

Giô-na-than hứa sẽ nói cho Đa-vít biết đặng Đa-vít có thể ra đi bình an.

1 Samuel 20:17

Tại sao Giô-na-than bắt Đa-vít thề?

Ông bắt Đa-vít thề nữa vì cớ tình yêu thương ông dành cho Đa-vít.

1 Samuel 20:21

Giô-na-than nói sẽ sai ai đi tìm các mũi tên đã bắn?

Ông nói ông sẽ sai một người trẻ đi tìm các mũi tên.

1 Samuel 20:24

Khi đến kỳ trăng mới, vua ngồi xuống làm gì?

Vua ngồi xuống đặng ăn.

1 Samuel 20:26

Sau-lơ nghĩ điều gì đã có thể xảy ra với Đa-vít đặng khiến ông ấy vắng mặt trong buổi tiệc?

Sau-lơ nghĩ Đa-vít không tinh sạch.

1 Samuel 20:29

Tại sao Giô-na-than nói Đa-vít phải dự buổi dâng tế lễ của gia đình?

Ông nói anh của Đa-vít đã bảo họ đến đây.

1 Samuel 20:30

Sau-lơ mô tả mẹ của Giô-na-than trong cơn giận bừng bừng của ông thế nào?

Ông gọi đó là con trai của người nữ gian tà và phản loạn.

1 Samuel 20:34

Tại sao Giô-na-than buồn rầu về Đa-vít?

Giô-nathan buồn rầu về Đa-vít vì cha ông đã không tôn trọng ông.

1 Samuel 20:36

Giô-na-than bắn mũi tên đi đâu khi 2 người nữ phải chạy về nhà.

Giô-na-than bắn một mũi tên giữa hai người lính trẻ.

1 Samuel 20:42

Giô-na-than làm gì khi Đa-vít đứng lại và rời đi?

Giô-na-than trở về thành phố.

Chapter 21

1 Samuel 21:1

Nóp

tên địa danh

A-hi-mê-léc

tên một người nam

run rợ

run rẩy trong sợ hãi

đang trên đường thi hành nhiệm vụ

"làm việc cho vua”

Tôi lệnh cho các thanh niên đi đến một nơi kia

"Tôi đã lệnh cho các thanh niên kia đi đến một nơi khác, và tôi sẽ gặp họ ở đó sau” (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)

1 Samuel 21:3

Bấy giờ thì

Đa-vít đang bắt đầu một phần mới trong cuộc hội thoại nầy

Ông có sẵn thức ăn gì không?

Ở đây, trong bản tiếng anh là từ “trên tay” là hoán dụ có nghĩa là có sẵn. Tham khảo cách dịch: “Ông có thức ăn gì có thể cung cấp cho tôi không?”

Xin ông cho tôi năm cái bánh

Đây là lời đề nghị nhã nhặn.

bánh thường

bánh mà thầy tế lễ không dùng trong sự thờ phượng

bánh thánh

loại bánh mà các thầy tế lễ dùng trong sự thờ phượng

nếu các thuộc hạ của ông giữ mình khỏi đàn bà

Có thể dịch thành một câu hoàn chỉnh. Tham khảo cách dịch: “Các thuộc hạ của ông có thể ăn nếu mới đây họ không ăn nằm với đàn bà”

1 Samuel 21:5

những người nữ được giữ khỏi chúng tôi

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chúng tôi giữ mình khỏi những người nữ”

ba ngày

"3 ngày"

khi tôi khởi hành

"khi tôi bắt đầu chuyến hành trình”

Những thứ thuộc về lính chiến của tôi phải được tách riêng ra

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Lính chiến của tôi phải tách mọi thứ thuộc về mình riêng ra”

Thì hôm nay họ còn phải tách riêng những điều ấy ra nhiều thể nào?

Đây là một câu khẳng định, không phải là một câu hỏi. Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đặc biệt hôm nay đúng là họ sẽ phải tách riêng những điều mình có ra”

bánh đã được biệt riêng

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bánh mà thầy tế lễ đã biệt riêng”

đã bị lấy đi khỏi trước mặt Đức Giê-hô-va, để đặt

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà thầy tế lễ đã lấy khỏi trước mặt Đức Giê-hô-va để họ có thể đặt”

1 Samuel 21:7

Đô-e ... người chăn giữ gia súc

Có thể bạn cần phải nói rõ rằng Đô-e đã thấy những việc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đa-vít đã làm. Tham khảo cách dịch: “Đô-e ... người chăn giữ gia súc, và hắn đã thấy những việc mà A-hi-mê-léc đã làm”

Đô-e

tên một người nam

bị cầm giữ tại trước mặt Đức Giê-hô-va

Ý nghĩa khả thi: 1) "vì Đức Giê-hô-va đã giữ người ở lại đó”, có lẽ như thế để Đô-e có thể hoàn thành những việc mà hắn đã hứa với Đức Giê-hô-va là sẽ thực hiện

người chăn giữ gia súc

Người chăn giữ và bảo vệ bầy, đặc biệt là gia súc hoặc chiên

1 Samuel 21:8

Hiện giờ ông có sẵn một cây giáo hay một thanh gươm nào không?

Ở đây, từ “on hand”

vũ khí

Tên gọi chung cho những thứ như gươm, dao, cung tên và giáo.

thung lũng Ê-la

Đây là tên một địa danh trong Y-sơ-ra-ên.

1 Samuel 21:10

Đây chẳng phải là Đa-vít, vua của xứ ấy sao?

Họ đang nói quá khi khẳng định Đa-vít là vua của xứ đó. Họ dùng câu hỏi nầy ngụ ý rằng Đa-vít là một kẻ thù đáng gườm và A-kích không nên để người ở lại đó. Tham khảo cách dịch: “Vua phải biết đây là Đa-vít, một kẻ cũng nguy hiểm như vua của xứ đó”

Chẳng phải người ta đã hát mừng với nhau về người nầy trong lúc nhảy múa rằng: “Sau-lơ... hàng vạn sao?”

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Vua phải biết rằng khi dân xứ đó nhảy múa thì họ đã hát với nhau về hắn rằng: “Sau-lơ... hàng vạn”

1 Samuel 21:12

Đa-vít suy nghĩ về những lời đó

Ở đây, “giữ...trong lòng” trong bản tiếng anh có nghĩa là suy nghĩ nghiêm túc về những lời chúng nói. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít nghiêm túc suy nghĩ về những điều bọn đầy tớ đó nói”

trong tay chúng

"trước mặt chúng”

1 Samuel 21:14

Tại sao các ngươi còn dẫn hắn đến cho ta?

Ý nghĩa khả thi: 1) A-kích yêu cầu các đầy tớ của mình giải thích lí do tại sao họ lại dẫn Đa-vít đến cho ông hoặc 2) A-kích đang dùng một câu hỏi để quở trách họ Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các ngươi phải biết là không phải dẫn hắn đến cho ta”

Ta có thiếu người điên hay sao mà các ngươi lại dẫn tên điên nầy đến đây trước mặt ta?

Câu hỏi nầy là một lời quở trách. Tham khảo cách dịch: “Ở đây đã có đủ kẻ điên khùng lãng phí thời giờ của ta lắm rồi. Đáng lẽ các ngươi không nên dẫn tên điên nàyđến trước mặt ta”

Tên điên nầyvào cung của ta được sao?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Không được để tên điên nầyvào cung của ta”

Translation Questions

1 Samuel 21:2

Đa-vít nói vua bảo ông chớ cho ai biết điều gì?

Ông nói rằng vua bảo ông chớ cho ai biết về việc vua sai ông làm và lệnh truyền cho ông.

1 Samuel 21:4

Thầy tế lễ trả lời gì với Đa-vít về bánh trên tay?

Thầy tế lễ nói trong tay ông không có bánh thường, nhưng có bánh thánh.

1 Samuel 21:6

Bánh trần thiết đã được cất khỏi đâu?

Bánh trần thiết đã được cất khỏi trước mặt Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 21:7

Đô-e người Ê-đôm đã làm gì cho Sau-lơ?

Đô-e người Ê-đôm làm đầu các kẻ chăn chiên của Sau-lơ.

1 Samuel 21:8

Tại sao Đa-vít nói ông không đem theo vũ khí?

Ông nói rằng ông không đem theo vũ khí vì việc của vua là cấp bách.

1 Samuel 21:10

Đa-vít trốn khỏi ai khi ông đến A-kích?

Hôm đó ông đang chạy trốn khỏi Sau-lơ.

1 Samuel 21:13

Đa-vít giả bộ làm gì khi ông thay đổi hành vi trước mặt A-kích?

Ông giả vờ điên dại ở giữa họ.

1 Samuel 21:14

A-kích hỏi gì với các tôi tớ khi ông thấy Đa-vít điên dại?

Ông hỏi họ tại sao họ đem người điên này đến cho ông ta.

Chapter 22

1 Samuel 22:1

hang đá

một lỗ hổng dưới mặt đất, thường thì ở khoét sâu vào sườn đồi, đủ lớn để người ra đi vào.

nghe thấy điều đó

nghe tin Đa-vít đã trốn trong hang đá

Mọi người đều lo lắng... ai ai cũng bất mãn

Đây là cách nói quá. Tham khảo cách dịch: “Nhiều người lo lắng... nhiều người không vui”

thủ lĩnh

người đứng đầu quân đội lãnh đạo quân lính

bốn trăm

"400"

1 Samuel 22:3

Đoạn, Đa-vít từ đó đi

"Đa-vít từ hang đá tại A-đu-lam mà đi"

đi đến ở với các ông

Đa-vít muốn cha mẹ mình sống với vua Mô-áp để vua Sau-lơ không thể hãm hại họ được. Dịch giả có thể nói rõ ý định căn bản của ông bằng cách dùng ý “đến ở với các ông”, “ở với các ông” hoặc “sống ở đây với các ông” như trong bản dịch tiếng Anh UDB.

đi đến đất Giu-đa

"đi đến nhà của ngươi tại đất Giu-đa”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hê-rết
Đây là tên của một thành.
1 Samuel 22:6
Đa-vít đã bị phát hiện, cùng với đó là những người theo ông
Sau-lơ hứng thứ nhiều nhất là về Đa-vít, vậy nên tác giả đã đề cập những người khác riêng ra. Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “có người đã phá hiện ra nơi Đa-vít và tất cả những người ở với ông đang trốn”
cây liễu
Đây là một loại cây. Tham khảo cách dịch: “một cái cây có tán rộng”
tại Ra-ma
Ra-ma là tên của một địa điểm tại Ghi-bê-a. Tên nầy có nghĩa là “nơi cao”. Ý nghĩa khả thi: 1) từ nầy chỉ một nơi được gọi là Ra-ma hoặc 2) nó chỉ về một nơi cao bất kỳ. Tham khảo cách dịch: “trên một ngọn đồi” (UDB)
1 Samuel 22:7
Có phải con trai Gie-sê sẽ ban cho các ngươi những đồng ruộng và vườn nho chăng?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Con trai Gie-sê sẽ không cho các ngươi đồng ruộng hay vườn nho đâu”. Nghĩa là, Đa-vít từ chi tộc Giu-đa, không muốn làm điều nầy cho những người thuộc chi tộc Bên-gia-min.
Có phải con trai Gie-sê sẽ ban cho
"Khi con trai Gie-sê lên làm vua, có phải nó sẽ ban cho”
con trai Gie-sê
Đa-vít
Nó sẽ phong cho các ngươi làm chỉ huy.... ta?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Nó sẽ không phong cho các ngươi làm chỉ huy... chống lại ta.”. Ý người muốn nói là Đa-vít từ chi tộc Giu-đa không muốn làm điều nầy cho những người thuộc chi tộc Bên-gia-min.
Nó sẽ lập các ngươi làm chỉ huy... hàng trăm ngươi, để đổi lại các ngươi sẽ phải âm mưu chống lại ta sao?
Câu hỏi nầy có thể hiểu là một câu hỏi theo sau đó là một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Nó sẽ lập các ngươi làm chỉ huy... hàng trăm ngươi sao? Vì các ngươi lập mưu chống lại ta.”
Nó sẽ lập các ngươi làm chỉ huy
"Khi nó ln làm vua, nó sẽ lập các ngươi làm chỉ huy”
chỉ huy
những viên chỉ huy quân đội lãnh đạo binh lính
1 Samuel 22:9
Đô-e người Ê-đôm
tên một người nam. Hãy dịch giống như trong [1SA 21:7]
Nóp ... A-hi-mê-léc
tên địa danh và tên một người nam. Hãy dịch giống như trong [1SA 21:1]
A-hi-túp
tên một người nam
Người cầu xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ hắn và người cung cấp cho hắn
A-hi-mê-léc cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va để Đức Giê-hô-va giúp đỡ Đa-vít, và A-hi-mê-léc cung cấp lương thực cho Đa-vít.
1 Samuel 22:11
theo đó ngươi đã cung cấp
"khi cung cấp”
nổi lên
"nổi loạn” hoặc “đánh chiến”
1 Samuel 22:14
Trong cả triều thần của vua, ai là người trung thành như Đa-vít... nhà?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Không một triều thần nào của vua trung thành với vua như Đa-vít... nhà”
vệ sĩ
một người hoặc một nhóm người bảo vệ cho một người nào đó
được tôn trọng trong nhà vua
Từ “nhà” là hình ảnh hoán dụ để chỉ gia đình là hết thảy những người sống trong nhà đó. Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người mà gia đình vua tôn trọng”
Có phải hôm nay là lần đầu tôi cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ người đâu?
A-hi-mê-léc tự vấn bản thân trước khi Sau-lơ sau đặt ra câu hỏi nầy, rồi trả lời liền sau đó. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đây chẳng phải là lần đầu tiên tôi cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ Đa-vít”
Tôi không làm như vậy!
Cách nói nầy có nghĩa là “Không hề như vậy!”
Xin bệ hạ đừng quy tội gì cho đầy tớ ngài.... đầy tớ bệ hạ biết
A-hi-mê-léc xưng Sau-lơ và chính mình ở hai thân phận khác nhau để tỏ cho Sau-lơ biết rằng A-hi-mê-léc muốn tôn trọng Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “Xin đừng quy tội gì cho tôi... Tôi biết”
1 Samuel 22:16
nhà cha tôi
Từ “nhà” là hoán dụ chỉ gia đình sống trong nhà đó. Tham khảo cách dịch: “gia đình cha tôi” hoặc “con cháu của cha tôi”
các cận vệ đứng quanh mình
"lính gác đứng gần kề để bảo vệ vua”
Hãy xây qua và viết những thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va
Ý nghĩa khả thi: 1) "Hãy vây lấy những thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va và giết chúng đi” hoặc 2) “Hãy vây quanh và giết những thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va”
tay của chúng cũng ở với Đa-vít
Từ “tay” là hoán dụ chỉ những công việc làm bằng tay. Tham khảo cách dịch: “chúng cũng giúp đỡ Đa-vít”
không muốn tra tay mình giết
Từ “tay” là hoán dụ chỉ những công việc làm bằng tay, Tham khảo cách dịch: “không làm gì để giết” hoặc “không chịu giết”
1 Samuel 22:18
Hãy lại gần và giết các thầy tế lễ... xông lại và tấn công
Ý nghĩa khả thi: 1) "Hãy vây lấy các thầy tế lễ kia và giết chúng... vây lấy các thầy tế lễ và tấn công họ” hoặc 2) “Hãy vây quanh các thầy tế lễ rồi giết chúng... vây quanh và tấn công”. Hãy dịch giống như trong [1SA 22:17]
Đô-e người Ê-đôm xông đến và tấn công... hắn giết... hắn tấn công. Hắn giết
Từ Đô-e chỉ Đô-e và những người đi cùng với hắn. Tham khảo cách dịch: “Đô-e và người của hắn xông đến tấn công... chúng giết... chúng tấn công... Chúng giết”
tám mươi lăm người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"85 người” hoặc “85 thầy tế lễ”
bằng lưỡi gươm
"bằng gươm”
hắn tấn công Nóp
Ở đây, “tấn công” có nghĩa là giết. Tham khảo cách dịch:
“hắn giết nhiều người trong thành Nóp”
1 Samuel 22:20
A-bia-tha
tên một người nam.

Translation Questions

1 Samuel 22:2
Ngoài nhà của cha Đa-vít, ai cũng đến gặp ông tại hang A-đu-lam?
Phàm kẻ nào bị cùng khốn, kẻ nào mắc nợ, và những người có lòng bị sầu khổ cũng đều nhóm họp cùng người, và người làm đầu họ.
1 Samuel 22:4
Cha mẹ của Đa-vít ở với vua Mô-áp trong bao lâu?
Họ ở với vua trọn lúc Đa-vít ở trong đồn.
1 Samuel 22:6
Ai cùng với Đa-vít bị phát hiện?
Những người đi cùng Đa-vít cũng bị phát hiện.
1 Samuel 22:8
Sau-lơ buộc tội các tôi tớ ông không tiết lộ gì cho ông?
Sau-lơ nói rằng không ai trong số các tôi tớ của ông tiết lộ cho ông rằng con trai ông đã kích động Đa-vít nghịch lại ông.
1 Samuel 22:10
Đô-e người Ê-đôm nói với Sau-lơ rằng A-hi-mê-léc đã trao gì cho Đa-vít?
A-hi-mê-léc cấp cho Đa-vít lương thực và gươm của Gô-li-át người Phi-li-tin.
1 Samuel 22:13
Sau-lơ nói A-hi-mê-léc đã làm gì cho con trai của Gie-sê ngoài việc cấp bánh và gươm?
Sau-lơ nói A-hi-mê-léc đã cầu vấn Đức Chúa Trời đặng Ngài giúp đỡ hắn.
1 Samuel 22:17
Các tôi tớ của Sau-lơ không khứng tra tay làm gì?
Họ không muốn giết các thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 22:19
Đô-e dùng gươm giết ai ở Nốp, thành của các thầy tế lễ?
Đô-e giết người nam và người nữ, con trẻ và con đương bú, bò, lừa, và chiên.
1 Samuel 22:20
A-bia-tha đi đâu khi ông trốn cuộc tàn sát?
A-bia-tha trốn đến Đa-vít.
1 Samuel 22:22
Đa-vít nói với A-bia-tha rằng ông chịu trách nhiệm về điều gì?
Đa-vít nói rằng ông chịu trách nhiệm cho từng cái chết trong gia đình của cha ông.

Chapter 23

1 Samuel 23:1
đập lúa
tách phần hạt ra khỏi thân, thường thì áp dụng cho những loại cây ngũ cốc hoặc lúa mì bằng tác động cơ học.
1 Samuel 23:3
huống chi chúng ta đi đến Kê-i-la để đánh kẻ thù là dân Phi-li-tin?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chúng sẽ còn sợ hãi hơn nữa nếu như chúng ta đi đến Kê-i-la để đánh kẻ thù là người Phi-li-tin”
1 Samuel 23:5
đi… đánh… dẫn… đánh… giải cứu
Tác giả chú ý nhiều nhất vào Đa-vít, vậy nên những từ nầy đều ở dạng số ít, mặc dầu thuộc hạ của Đa-vít cũng có giúp đỡ ông làm tất cả những việc nầy.
1 Samuel 23:7
Sau-lơ được tin
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người báo tin cho Sau-lơ” hoặc "They told Saul"
triệu tập
"kêu gọi” hoặc "tập hợp"
1 Samuel 23:10
Đa-vít nói
"Đa-vít cầu hỏi” hoặc “Đa-vít cầu nguyện” (UDB)
đầy tớ của Chúa thật đã nghe… như đầy tớ Chúa đã nghe… nói cùng đầy tớ Chúa
Đa-vít nói như thể ông là một người ở một thân phận khác để tỏ lòng kính trọng của ông với Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Con thật đã nghe… như con đã nghe… cho con biết”
phá hủy
"đánh bại hoàn toàn”
1 Samuel 23:12
Đa-vít thưa rằng
"Đa-vít cầu hỏi” hoặc “Đa-vít cầu nguyện” (UDB)
dân Ki-ê-la có nộp con… vào tay Sau-lơ
kể cả việc bắt giữ và áp giải Đa-vít đến chỗ Sau-lơ hay làm gì đó để người của Sau-lơ có thể bắt giữ Đa-vít
1 Samuel 23:13
sáu trăm
600
Sau-lơ được bẩm báo
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người báo tin cho Sau-lơ” hoặc ‘Chúng báo cho Sau-lơ”
đã trốn thoát
"đã chạy trốn khỏi”
không phó ông vào tay Sau-lơ
Từ “tay” là một hoán dụ chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “không để Sau-lơ cầm quyền trên Đa-vít” hoặc “không để Sau-lơ đối xử với Đa-vít theo cách ông muốn” hoặc “không để Sau-lơ bắt giữ Đa-vít”
1 Samuel 23:15
săn đuổi mạng sống mình
"cố gắng giết mình”
làm vững vàng tay ông trong Đức Chúa Trời
động viên ông phải tin cậy nơi Đức Chúa Trời.
1 Samuel 23:17
Vì tay của cha tôi là Sau-lơ sẽ chẳng tìm thấy anh
Ở đây, “tay” là hoán dụ chỉ về Sau-lơ và quyền lực của ông. Tham khảo cách dịch: “Vì cha tôi là Sau-lơ sẽ không tìm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thấy anh” hoặc “Vì cha tôi là Sau-lơ sẽ không thể nào cai trị anh”

1 Samuel 23:19

Chẳng phải Đa-vít đang trốn giữa chúng ta trong... Giê-si-môn sao?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu cảm thán. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít đang trốn giữa chúng ta trong... Giê-si-môn!"

Giê-si-môn

Một nghĩa khác là “đồng vắng”.

nộp hắn vào tay vua

Từ “tay” là một hoán dụ chỉ về quyền lực. Người Xíp thưa với Sau-lơ như thể ông là một người ở địa vụ khác để tỏ lòng kính trọng đối với ông. Tham khảo cách dịch: “nộp Đa-vít cho vua để vua có thể xử hắn như vua muốn”

1 Samuel 23:21

Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho các ngươi

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta hi vọng rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho các ngươi”

vì các ngươi đã có lòng thương xót ta

"các ngươi đã báo việc nầy cho ta” (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)

Hãy đi điều tra và tìm ra

Cả hai cụm từ nầy đều cùng nói về một ý và có thể dịch thành một cụm. Tham khảo cách dịch: “Hãy đi tìm hiểu chắc chắn”

người đã nhìn thấy hắn

"người đã thấy hắn”

Ta được bẩm báo

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ta nói với ta” hoặc “ta nghe”

trong số hàng nghìn người trong chi tộc Giu-đa

"cho dù ta có phải bắt giữ từng người một trong Giu-đa” hoặc “trong số tất cả những gia tộc tại Giu-đa”

1 Samuel 23:24

chúng liền đi

Họ dừng ngày những việc mình đang làm. Không nên khiến người đọc hiểu rằng họ đang ngồi hay đang nằm.

chúng... đi

Người Xíp

Giê-si-môn

Một nghĩa khác là “đồng vắng”. Hãy dịch giống như trong 1SA 23:19.

Đa-vít được bẩm báo về chuyện nầy

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người báo cho Đa-vít biết rằng chúng đang đến” hoặc “Đa-vít biết rằng chúng đang đến”

núi đá

một đỉnh núi có nhiều tảng đá hay viên đá cuội bao phủ.

1 Samuel 23:26

Xin hãy về gấp

"Xin hãy đến mau”

1 Samuel 23:28

truy đuổi

"đuổi theo" hoặc “đuổi bắt”

Tảng Đá Thoát Thân

một dấu kỷ niệm về việc Đa-vít thoát khỏi Sau-lơ

Translation Questions

1 Samuel 23:1

Đa-vít tìm kiếm sự giúp đỡ của ai khi người Phi-li-tin hãm đánh Kê-i-la và cướp lấy các sân đạp lúa?

Đa-vít cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ.

1 Samuel 23:2

Đa-vít tìm kiếm sự giúp đỡ của ai khi người Phi-li-tin hãm đánh Kê-i-la và cướp lấy các sân đạp lúa?

Đa-vít cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ.

1 Samuel 23:3

Tại sao Đa-vít cầu vấn Đức Giê-hô-va về dân Phi-li-tin?

Những người theo Đa-vít nói rằng họ khiếp sợ ở Giu-đa và cũng sợ đánh dân Phi-li-tin.

1 Samuel 23:4

Tại sao Đa-vít cầu vấn Đức Giê-hô-va về dân Phi-li-tin?

Những người theo Đa-vít nói rằng họ khiếp sợ ở Giu-đa và cũng sợ đánh dân Phi-li-tin.

1 Samuel 23:5

Kết quả là gì khi Đa-vít và người của ông đánh dân Phi-li-tin như Đức Giê-hô-va đã bảo ông làm?

Đức Giê-hô-va làm cho họ chiến thắng dân Phi-li-tin, vậy Đa-vít cứu được dân Kê-i-la.

1 Samuel 23:7

Tại sao Sau-lơ nghĩ rằng ông có thể đánh Đa-vít và người của Đa-vít?

Đa-vít và người của Đa-vít đã đi giam mình trong thành có cửa có then.

1 Samuel 23:8

Tại sao Sau-lơ nghĩ rằng ông có thể đánh Đa-vít và người của Đa-vít?

Đa-vít và người của Đa-vít đã đi giam mình trong thành có cửa có then.

1 Samuel 23:9

Sau khi Đa-vít biết rằng Sau-lơ đang lập mưu hãm hại ông ấy, Đa-vít nói gì với thầy tế lễ A-bia-tha?

Đa-vít nói với thầy tế lễ A-bia-tha, "Hãy đem Ê-phót đến."

1 Samuel 23:10

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va điều gì về Sau-lơ và những người ở Kê-i-la?

Đa-vít muốn biết liệu Sau-lơ có đến Kê-i-la và liệu dân Kê-i-la sẽ phó ông vào tay Sau-lơ không.

1 Samuel 23:11

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va điều gì về Sau-lơ và những người ở Kê-i-la?

Đa-vít muốn biết liệu Sau-lơ có đến Kê-i-la và liệu dân Kê-i-la sẽ phó ông vào tay Sau-lơ không.

1 Samuel 23:12

Đức Giê-hô-va đáp gì với Đa-vít về dân Kê-i-la?

Đức Giê-hô-va bảo Đa-vít rằng dân Kê-i-la sẽ phó Đa-vít vào tay Sau-lơ.

1 Samuel 23:13

Tại sao Sau-lơ ngưng rượt đuổi Đa-vít tại Kê-i-la và truy tìm ông ở một nơi nào khác?

Sau-lơ được tin rằng Đa-vít đã trốn khỏi Kê-i-la.

1 Samuel 23:14

Tại sao Sau-lơ ngưng rượt đuổi Đa-vít tại Kê-i-la và truy tìm ông ở một nơi nào khác?

Sau-lơ được tin rằng Đa-vít đã trốn khỏi Kê-i-la.

1 Samuel 23:15

Giô-na-than, con trai Sau-lơ, giúp đỡ Đa-vít trong đồng vắng như thế nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ông đến gặp Đa-vít và làm cho người vững lòng tin cậy nơi Đức Chúa Trời.
1 Samuel 23:18
Trước khi Giô-na-than về nhà, ông và Đa-vít làm gì ở Hô-rết?
Họ lập giao ước trước mặt Đức Giê-hô-va.
1 Samuel 23:25
Tại sao Đa-vít không an toàn ở Hô-rết và ông đã làm gì?
Ông sẽ bị phản bội bởi người dân và bị phó cho Sau-lơ, vậy ông và người của ông đi đến một đồng vắng khác.
1 Samuel 23:26
Điều gì xảy ra khi Sau-lơ và người của ông bao vây Đa-vít và những người theo ông?
Một sứ giả đến gặp Sau-lơ và bảo rằng dân Phi-li-tin đã xâm phạm xứ.
1 Samuel 23:27
Điều gì xảy ra khi Sau-lơ và người của ông bao vây Đa-vít và những người theo ông?
Một sứ giả đến gặp Sau-lơ và bảo rằng dân Phi-li-tin đã xâm phạm xứ.
1 Samuel 23:28
Sau-lơ phản ứng gì với tin tức này?
Sau-lơ trở về đặng đánh dân Phi-li-tin.

Chapter 24
1 Samuel 24:1
ông được bẩm báo
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “có ngươi báo cho ông” hoặc “chúng báo với ông”
ba nghìn
3.000
những người được chọn
những người mà ông đã chọn vì tài đánh trận giỏi của họ
đồng vắng Ên-ghê-đi
Ên-ghê-đi là một nơi đất khô bao quanh một nguồn nước ngọt (ốc đảo), nằm ở Y-sơ-ra-ên, phía Tây của Biển Chết.
1 Samuel 24:3
những bãi giữ chiên
"những ràn chiên” hoặc “những khoảng đất giữ chiên”
đi đại tiện
Cách nói khác là “đi vệ sinh”
hang đá
thường là những hốc tự nhiên dưới mặt đất, thông thường là ở sườn núi hoặc sườn đồi
Đa-vít đứng dậy và nhẹ nhàng lẻn đến
"Đa-vít hành động, ông nhẹ nhàng lẻn đến”
lẻn
tiếp cận từ từ, cẩn thận trong yên lặng
1 Samuel 24:5
lòng Đa-vít đau buồn
"Đa-vít buồn vì mình đã làm điều sai trái”
người được xức dầu của Đức Giê-hô-va
"người mà Đức Giê-hô-va đã chọn để dẫn dắt dân sự của Ngài” hoặc “người mà Đức Giê-hô-va đã lập làm vua”
tra tay ám hại vua
"làm hại người bằng bất cứ hình thức nào”
1 Samuel 24:8
Tại sao bệ hạ lại nghe lời người ta nói rằng: “Đa-vít tìm cách hại vua?”
Một câu hỏi chứa đựng câu trả lời như mong đợi. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Bệ hạ không nên nghe lời người ta phao tin rằng: “Kìa, Đa-vít đang tìm cách hại vua”
1 Samuel 24:10
chính mắt bệ hạ đã thấy
"Mắt bệ hạ” đại diện cho chính vua Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ đã chính mắt nhìn thấy”
phó bệ hạ vào tay con
Từ “tay” là hoán dụ chỉ về quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “đặt bệ hạ vào nơi mà con có thể quyết định sẽ giết hay tha mạng cho bệ hạ”
người được xức dầu của Đức Giê-hô-va
"người mà Đức Giê-hô-va đã chọn để dẫn dắt dân sự” hoặc “người mà Đức Giê-hô-va đã lập làm vua”. Hãy dịch giống như trong 1SA 24:6.
cha của con
Sau-lơ không phải là cha ruột của Đa-vít. Đa-vít gọi Sau-lơ là “cha” để lòng kính trọng của mình đối với Sau-lơ.
không có điều ác hay sự phản nghịch nào nơi tay con
Đa-vít nói như thể điều ác và sự phản nghịch là một vật mà ông có thể nắm trong tay. Tính từ làm vị ngữ “điều ác” có thể được dịch thành một tính từ. Danh từ “sự phản nghịch” có thể dịch thành một cụm từ. Tham khảo cách dịch: “Con không hề làm việc gian ác nào nghịch cùng cha, cũng chẳng mong muốn chống nghịch cha, và vua của con”
1 Samuel 24:12
tay con sẽ không nghịch lại cùng cha
"Con sẽ không hãm hại cha dù là bất cứ cách nào”. Những từ tương tự xuất hiện trong [1SA 24:6]
người xưa
Tính từ làm chức năng danh từ nầy có thể dịch lại thành cụm danh từ. Tham khảo cách dịch: “những người sống rất lâu về trước”
1 Samuel 24:14
Vua Y-sơ-ra-ên kéo ra đánh đuổi ai? Cha đuổi theo ai?
Có thể dịch những câu hỏi nầy thành những câu khẳng định. Khi Đa-vít đặt ra những câu hỏi nầy, ông biết là ông sẽ phải tự trả lời những câu hỏi đó. Tham khảo cách dịch: “Hãy để con nói cho cha biết dân Y-sơ-ra-ên đã kéo ra đánh đuổi ai. Để con cho cha biết cha đang đuổi theo ai”
Một con chó chết
Cụm từ “chó chết” là ẩn dụ chỉ về một người không có quyền lực. Có thể viết lại câu nầy cho đầy đủ. Tham khảo cách dịch: “Cha đang truy đuổi một kẻ không quyền lực, một kẻ chẳng khác nào chó chết”
Một con bọ chét
Từ “bọ chét” là ẩn dụ chỉ một người mà bị người khác coi thường, không xem trọng. Có thể viết lại câu nầy cho hoàn chỉnh. Tham khảo cách dịch: “Cha đang truy đuổi một kẻ hèn mọn chẳng khác nào bọ chét”
xem xét điều đó, và biện hộ cho lý lẽ của con
Ý nghĩa khả thi: 1) "làm những điều phải lẽ và biện hộ cho lý lẽ của con” hoặc 2) “nhận định rằng lý lẽ của con là đúng và đấu tranh cho con” (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)
khỏi tay cha
Từ “tay” là một hoán dụ chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “để cha không áp đặt quyền lực trên con”
1 Samuel 24:16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

con trai ta Đa-vít

Sau-lơ nói như thể Đa-vít là con trai của mình để cho Đa-vít thấy rằng ông yêu mến Đa-vít.

cất tiếng lên khóc

Tác giả viết như thể tiếng là thứ gì đó mà một người có thể dùng tay nâng lên. Tham khảo cách dịch: “khóc lớn”

1 Samuel 24:17

cha đã làm điều công chính cho con

Sau-lơ nhận biết rằng Đa-vít thực sự cho thấy ông ủng hộ vua Đa-vít và trung thành với ông khi không giết ông.

vì con đã không giết ta khi Đức Giê-hô-va đã phó ta cho lòng thương xót của con

Sau-lơ nhận biết rằng Đa-vít đã quyết định bày tỏ lòng thường xót và chứng minh lòng trung thành của ông với vua Sau-lơ, là người được xức dầu của Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 24:19

Vì nếu một người gặp kẻ thù của mình, liệu người đó có thể cho nó đi bình an vô sao?

Một câu hỏi bao hàm luôn cả câu trả lời. Tham khảo cách dịch: “Nếu một người tìm được kẻ thù của mình, người đó sẽ không để cho nó đi bình an vô sự đâu”

Vì nếu một người gặp kẻ thù của mình, liệu người đó có thể cho nó đi bình an vô sao?

Cho dù Sau-lơ tin rằng Đa-vít là kẻ thù của mình, ông cũng biết rằng dù cho sau nầy Đa-vít có lên làm vua thì Đa-vít cũng sẽ không cướp ngôi từ Sau-lơ, nhưng chờ cho đến thời điểm Đức Giê-hô-va đã ấn định.

vương quốc Y-sơ-ra-ên sẽ vững chắc

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: Ý nghĩa khả thi: 1) "Đức Giê-hô-va sẽ làm vững chắc vương quốc Y-sơ-ra-ên” hoặc 2) “Con sẽ làm vừng chắc vương quốc Y-sơ-ra-ên” hoặc 3) “Vương quốc Y-sơ-ra-ên sẽ được cường thịnh”

trong tay con

Từ “tay” hoặc 1) chỉ về chính người đó hoặc 2) là hoán dụ chỉ về những việc làm bằng tay. Tham khảo cách dịch: “trong sự cai trị của con” hoặc “quan những công việc con làm”

1 Samuel 24:21

con sẽ không loại trừ dòng dõi của cha

"con sẽ không giết những con trai cha và gia đình của chúng”. Thường thì một vị vua mới lên nhưng không thuộc dòng dõi trong gia đình của vụ vua trước sẽ giết tất cả những con cháu của vị vua tiền nhiệm để tránh việc người nào trong số họ sẽ cướp ngôi của mình.

con sẽ không hủy danh cha

Đối với mỗi một gia đình trong Y-sơ-ra-ên, có một điều quan trọng là họ phải có con cháu từ đời nầy sang đời kia để mang lấy danh và đất đai cơ nghiệp của gia đình mình. Tham khảo cách dịch: “con sẽ không diệt gia đình của cha và con cháu của chúng” hoặc “con sẽ để cho gia đình cha được sống”

Đa-vít và thuộc hạ của ông

"Đa-vít và quân đội của ông"

Translation Questions

1 Samuel 24:1

Sau-lơ làm gì khi ông nghe rằng Đa-vít đang ở trong đồng vắng Ên-ghê-đi?

Ông dẫn ba ngàn người được chọn và đi tìm Đa-vít cùng những người theo ông ấy.

1 Samuel 24:2

Sau-lơ làm gì khi ông nghe rằng Đa-vít đang ở trong đồng vắng Ên-ghê-đi?

Ông dẫn ba ngàn người được chọn và đi tìm Đa-vít cùng những người theo ông ấy.

1 Samuel 24:4

Đa-vít làm gì với Sau-lơ trong hang thay vì giết ông ấy?

Đa-vít cắt trộm vạt áo tơi của Sau-lơ.

1 Samuel 24:5

Tại sao Đa-vít không cho phép người của ông đánh Sau-lơ, nhưng lại để cho vua rời hang cách an toàn?

Đa-vit khổ sở trong lòng và cảm thấy rằng Đức Giê-hô-va không muốn ông hãm hại người được xức dầu của Ngài.

1 Samuel 24:7

Tại sao Đa-vít không cho phép người của ông đánh Sau-lơ, nhưng lại để cho vua rời hang cách an toàn?

Đa-vit khổ sở trong lòng và cảm thấy rằng Đức Giê-hô-va không muốn ông hãm hại người được xức dầu của Ngài.

1 Samuel 24:8

Khi Đa-vít rời khỏi hang sau khi Sau-lơ đi, ông thể hiện sự tôn trọng với Sau-lơ thế nào?

Đa-vít gọi Sau-lơ là chủ, là vua, và cúi mặt xuống đất mà lạy.

1 Samuel 24:10

Đa-vít cho Sau-lơ biết rằng ông không muốn hãm hại Sau-lơ thế nào?

Đa-vít cho vua xem vạt áo tơi mà ông đã cắt.

1 Samuel 24:11

Đa-vít cho Sau-lơ biết rằng ông không muốn hãm hại Sau-lơ thế nào?

Đa-vít cho vua xem vạt áo tơi mà ông đã cắt.

1 Samuel 24:16

Sau-lơ phản ứng gì với Đa-vít?

Ông gọi Đa-vít là con trai của ông, rồi ông cất tiếng khóc.

1 Samuel 24:17

Tại sao Sau-lơ nói rằng Đa-vít còn công bình hơn cả bản thân ông ấy?

Đa-vít đã lấy điều thiện mà báo điều ác mà ông đã làm cho Đa-vít.

1 Samuel 24:18

Tại sao Sau-lơ nói rằng Đa-vít còn công bình hơn cả bản thân ông ấy?

Đa-vít đã lấy điều thiện mà báo điều ác mà ông đã làm cho Đa-vít.

1 Samuel 24:20

Lần này thì Sau-lơ biết gì về Đa-vít?

Sau-lơ biết rằng Đa-vít sẽ là vua và nước Y-sơ-ra-ên sẽ được bền lâu trong tay Đa-vít.

1 Samuel 24:21

Trước khi Sau-lơ về nhà, Sau-lơ yêu cầu Đa-vít thề gì?

Đa-vít hứa rằng ông sẽ không trừ diệt dòng dõi Sau-lơ, và chẳng hủy danh ta khỏi nhà tổ phụ của Sau-lơ.

1 Samuel 24:22

Trước khi Sau-lơ về nhà, Sau-lơ yêu cầu Đa-vít thề gì?

Đa-vít hứa rằng ông sẽ không trừ diệt dòng dõi Sau-lơ, và chẳng hủy danh ta khỏi nhà tổ phụ của Sau-lơ.

Chapter 25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 25:1
họp lại với nhau
"gặp nhau”
chôn người trong nhà người tại Ra-ma
Ý nghĩa khả thi: họ chôn Sa-mu-ên 1) trong thành quê nhà của ông ở tại Ra-ma hoặc 2) trong phần đất của gia đình ông tại Ra-ma, chứ không phải trong ngôi nhà của ông hoặc 2) trong nhà của ông tại Ra-ma.
Đa-vít đứng dậy và đi xuống
"Đa-vít và người của mình di chuyển; họ đi xuống” (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)
1 Samuel 25:2
Có một người ở Ma-ôn, còn sản nghiệp của người thì ở Cạt-mên. Người nầy rất giàu có. Người ấy có ba nghìn chiên và một nghìn dê. Ông đang hớt lông chiên tại Cạt-mên. Tên của ông là Na-banh, và có vợ là A-bi-ga-in. Người vợ thì thông minh và xinh đẹp. Nhưng người chồng thì tàn nhẫn và độc ác trong cách hành xử của mình. Ông là dòng dõi trong nhà Ca-lép.
Một số tác giả có thể sắp xếp trật tự những ý nầytheo một cách khác. Tham khảo cách dịch: “Có một người tên là Na-banh, vốn là dòng dõi của Ca-lép. Người nầy sống tại Ma-ôn, còn sản nghiệp thì ở tại Cạt-mên: người có ba nghìn chiên và một nghìn dê. Ông cư xử hà khắc và độc ác. Vợ ông lag A-bi-ga-in. Người nữ nầy thì thông minh và xinh đẹp. Lúc bấy giờ, Na-banh đang hớt lông chiên tại Cạt-mên.”
Ma-ôn
tên gọi của một thành
Cạt-mên
tên gọi của một thành. Nơi nầy khác với núi Cạt-mên.
ba nghìn
3.000
một nghìn
1.000
hớt lông chiên
"xén lông chiên”
1 Samuel 25:4
hớt lông chiên
"xén lông chiên”
nhân danh ta mà chào thăm ông ấy
"hãy chào thăm ông ấy như cách ta sẽ chào thăm người nếu ta có mặt tại đó”
Chúc ông được sống trong thịnh vượng
"Tôi cầu chúc ông sống trong thịnh vượng”. Danh từ “thịnh vượng” có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “Tôi cầu chúc hễ còn sống chừng nào thì được nhiều tài sản tốt
Nguyện ông được bình an, nguyện gia đình ông được bình yên và nguyện tất cả những gì ông có đều được bình yên
"Tôi cầu chúc bình yên đến với ông, gia đình ông và mọi tài sản của ông”
1 Samuel 25:7
ông có những người thợ hớt lông chiên
"những người thợ hớt lông chiên của ông đang làm việc” hoặc “những người thợ hớt lông chiên của ông có chiên để hớt lông”. Đa-vít muốn thuộc hạ của ông nói như vậy để Na-banh hiểu được rằng chiên của ông béo tốt là bởi vì thuộc hạ của Đa-vít đã phụ giúp bảo vệ chúng.
chúng tôi không hề làm tổn hại họ, và họ cũng không mất mát gì hết
Đa-vít đang chỉ ra cách ông và thuộc hạ của mình bảo vệ những đầy tớ và bầy chiên của Na-banh. Có thể chuyển câu nầy sang thể khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: “chúng tôi đã bảo vệ họ và toàn bộ tài sản của họ khỏi bị tổn hại”
nguyện những thanh niên của tôi được ơn trước mặt ông
"nguyện ông được hài lòng với những chàng trai trẻ của tôi” hoặc “nguyện ông đối đãi tử tế với các thanh niên của tôi”
cho các đầy tớ ông
Đa-vít đang thể hiện lòng kính trọng đối với Na-banh bằng cách tự nhận thuộc hạ của mình là đầy tớ của Na-banh.
con ông là Đa-vít
Đa-vít xưng mình là con trai của Na-banh để tỏ cho thấy ông kính trọng Na-banh, là người đã lớn tuổi.
1 Samuel 25:9
các thanh niên của Đa-vít
"binh sĩ của Đa-vít”
thay mặt cho Đa-vít lặp lại tất cả những lời ấy cho Na-banh
"chuyển toàn bộ lời nhắn của Đa-vít cho Na-banh”
Đa-vít là ai? Con trai của Gie-sê là ai?
Na-banh biết rõ Đa-vít là ai, nhưng ông không muốn giúp đỡ Đa-vít.
trốn thoát khỏi
"chạy trốn khỏi” hoặc “nổi loạn chống lại”
bánh của ta
Ở đây, “bánh” chỉ về bất kỳ loại thức ăn nào.
những kẻ ta chẳng biết từ đâu đến
"những kẻ mà ta không biết chúng từ đâu đến” hoặc “những kẻ ta không hề quen biết”
1 Samuel 25:12
đã nói
"mà Na-banh đã nói”
nói với thuộc hạ của mình
"nói với đội quân của mình”
đeo gươm của mình”. Mọi người đeo gươm của mình. Đa-vít cũng đeo gươm của mình.
Nếu ngôn ngữ của bạn không quen với từ gươm thì bạn có thể nói hoán dụ. Tham khảo cách dịch: “”chuẩn bị chiến đấu”. Rồi tất cả đều chuẩn bị chiến đấu. Đa-vít cũng chuẩn bị chiến đấu”
bốn trăm
400
hai trăm
200
giữ đồ đạt
Ở lại trại quân của họ để giữ không để cho những người khác tấn công bất ngờ cướp đi tài sản của họ.
1 Samuel 25:14
một trong số những người trẻ báo tin cho A-bi-ga-anh, vợ Na-banh
"Một trong số những đầy tớ của Na-banh biết những dự định của Đa-vít và thuộc hạ của ông, nên người đến báo cho vợ của Na-banh là A-bi-ga-in”
Chúng tôi không bị thiệt hại
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không ai làm hại chúng tôi” hoặc “Chúng tôi được an toàn”
miễn là chúng tôi đi cùng họ thì không bị mất mát gì cả
Thuộc hạ của Đa-vít ngăn chặn thú dữ và những người khác cướp bóc bầy chiên của Na-banh. Tham khảo cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch: “khi ở với họ thì chúng tôi không mất mát gì cả”
1 Samuel 25:16
Họ như bức tường
Những thuộc hạ của Đa-vít giống như bức tường thành bảo vệ dân thành khỏi kẻ thù của họ.
tai họa đã được mưu tính để nghịch cùng chủ chúng tôi
Người nói cẩn thận không nêu đích danh người mưu tính làm việc ác đó. Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “ai đó đang mưu tính là những điều ác với chủ chúng tôi”
chủ chúng tôi
Tác giả nói về Đa-vít như thể Đa-vít là một người khác để tỏ rằng ông tôn trọng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “ông”
1 Samuel 25:18
hai trăm
200
ổ
"ổ bánh”. Ổ bánh giống như cái bánh mì. (Xem: [[rc://vi/obe/other/bread]])
đã được chuẩn bị sẵn
"mà ngươi ta đã nấu sẵn” hoặc “chuẩn bị sẵn để nấu”
đơn vị đo lường
lúa rang
"lúa mà người ta đã nấu”
bó nho khô
"bánh nho khô” hoặc “đống nho khô”
1 Samuel 25:20
Đa-vít và thuộc hạ của ông
"Đa-vít và quân đội của ông"
bên bìa núi
Ý nghĩa khả thi: 1) vào lòng suối thấp và hẹp hoặc 2) đi đến nơi những người đó ẩn náu
1 Samuel 25:21
Thông tin chung:
Tác giả đưa ra phần thông tin nền trước khi ông tiếp tục câu chuyện.
Bấy giờ, Đa-vít đã lệnh: “Chắc chắn… về hắn”
Người đọc phải hiểu được rằng Đa-vít đã nói những điều nầy trước khi ông lệnh: “Mỗi người hãy đeo gươm của mình lên” trong 1SA 25:13.
Bấy giờ, Đa-vít
Từ “bấy giờ” cho thấy tác giả đã ngưng không viết về A-bi-ga-in và bắt đầu viết về Đa-vít.
hắn chẳng bị mất bất cứ thứ gì thuộc về mình
Có thể dịch sang thể chủ động và khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: “mọi thứ hắn có vẫn còn y nguyên”
Nguyện Đức Chúa Trời sẽ xử ta như vậy, là Đa-vít
Đoạn văn tiếng Hê-bơ-rơ ghi rằng: “Nguyện Đức Chúa Trời đánh kẻ thù của Đa-vít”, và một số bản dịch khác cũng đồng tính với quan điểm nầy. Tuy nhiên, bản dịch ULB thì ủng hộ bản dịch Cựu Ước truyền thống bằng tiếng Hi Lạp, như một số bản dịch hiện đại vẫn làm.
tất cả những người thuộc về
"tất cả những người thuộc về hắn” hoặc “những người trong gia đình hắn”
1 Samuel 25:23
Thông tin chung:
Tác giả đã xong phần đưa ra thông tin nền, nên ông tiếp tục câu chuyện.
sấp mình cúi mặt xuống đất trước mặt Đa-vít
A-bi-ga-in đang hạ mình và tỏ ro rằng bà sẽ vâng phục Đa-vít bởi vì ông là một người lãnh đạo đầy năng lực.
nghe theo
"nghe"
chúa tôi ... tôi tớ chúa ... lời của tôi tớ chúa
A-bi-ga-in xưng mình và Đa-vít ở hai địa vị khác nhau để tỏ rằng bà tôn trọng Đa-vít. “chúa… lời của tôi”
1 Samuel 25:25
Thông tin chung:
A-bi-ga-in tiếp tục khuyên Đa-vít không báo thù nữa.
Xin chúa tôi đừng để ý đến… tôi là tôi tớ chúa…. những người trai trẻ của chúa tôi… chúa tôi… chúa tôi
A-bi-ga-in xưng mình và Đa-vít ở hai địa vị khác nhau để tỏ rằng bà tôn trọng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Đừng để ý… tôi… những người trai trẻ của chúa… chúa tôi… chúa”
Nhưng tôi… không gặp… những người mà chúa sai đến
"Nhưng nếu tôi... đã gặp… những người mà chúa sai đến, tôi đã đưa thức ăn cho họ”
làm đổ máu
tội giết người
lấy chính tay mình mà báo thù
Tay là hình ảnh hoán dụ cho những điều một người làm bằng tay. A-bi-ga-in cho rằng Đa-vít nên để cho Đức Giê-hô-va trả thù thay cho ông. Tham khảo cách dịch: “tự mình trả thù thay vì để Đức Giê-hô-va làm điều đó”
hãy để kẻ thù của chúa…. giống như Na-banh
A-bi-ga-in nói như thể Đức Giê-hô-va đã trừng phạt Na-banh rồi. Tham khảo cách dịch: “Tôi mong rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt kẻ thù của chúa… như Ngài sẽ trừng phạt Na-banh”
1 Samuel 25:27
Thông tin chung:
A-bi-ga-in tiếp tục khuyên Đa-vít không nên nổi giận.
món quà nầy
Từ “món quà” thực ra alf nhiều thứ khác nhau. Tham khảo cách dịch: “những lễ vật nầy”
chúa tôi… chúa tôi… lỗi của tôi tớ chúa… chúa tôi… chúa tôi
A-bi-ga-in nói về mình và Đa-vít ở hai địa vị khác nhau để tỏ ra rằng bà tôn trọng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “tôi… ông… ông.. lỗi của tôi.. ông… ông”
xin được trao cho những người trai trẻ kia
A-bi-ga-in dùng thể bị động để tỏ rằng bà tôn kính Đa-vít. Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “xin hãy trao chúng cho những người trai trẻ kia” hoặc “xin chúa tôi hãy trao chúng cho những người trai trẻ kia”
Nhất định Đức Giê-hô-va sẽ lập cho chúa tôi một nhà bền vững
Ở đây, “nhà” là cách nói để chỉ về “dòng dõi”. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ bảo đảm rằng chúa tôi luôn có con cháu phục vụ với tư cách nhà vua”
đánh những trận chiến của Đức Giê-hô-va
"đánh nghịch cùng kẻ thù của Đức Giê-hô-va”
chẳng một điều ác nào được tìm thấy trong chúa
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chẳng một người nào thấy chúa làm bất cứ điều ác nào” hoặc “chúa sẽ không làm bất cứ điều gian ác nào”
1 Samuel 25:29
truy đuổi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"đuổi theo" hoặc “săn đuổi”

mạng sống của chúa tôi sẽ được Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúa, buộc trong hàng đống người sống

A-bi-ga-in ví mạng sống của Đa-vít như một vật mỏng và dài mà người ta có thể lấy sợi dây cột nó chung với những vật mỏng dài khác thành một chùm. Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúa, sẽ giữ chúa còn sống với những người sống khác”

mạng sống của chúa tôi

A-bi-ga-in xưng mình và Đa-vít ở hai địa vị khác nhau để tỏ rằng bà tôn trọng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “mạng sống của ông”

cái ná

một mảnh da thú, ở hai đầu có sợi dây dài, người ta có thể đặt một viên đá hoặc những vật nhỏ, cứng khác để bắn nó đi một quãng xa.

1 Samuel 25:30

Thông tin chung:

A-bi-ga-in tiếp tục thuyết phục Đa-vít

chúa tôi ... chúa tôi ... chúa tôi ... tôi tớ chúa

A-bi-ga-in xưng mình và Đa-vít ở hai địa vị khác nhau để tỏ rằng bà tôn trọng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “ông... ông... ông... ông... tôi”

chuyện nầy sẽ không là nỗi đau buồn cho chúa

A-bi-ga-in khẳng định rằng nếu Đa-vít quyết định không trả thù thì ông sẽ có lương tâm trong sạch khi Đức Giê-hô-va lập ông làm vua Y-sơ-ra-ên. Có thể chuyển câu nầy sang thể khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: “ông sẽ luôn vui vẻ vì mình đã làm như vậy”

những điều tốt lành mà Ngài đã hứa ban cho chúa

Ấy là, khi Đức Giê-hô-va thực sự lập ông lên làm vua sau khi sự trị vì của Sau-lơ chấm dứt.

nhớ đến tôi tới chúa

"nhớ lại tôi tớ chúa”

1 Samuel 25:32

Thông tin chung:

Đa-vít nghe theo lời khuyên của A-bi-ga-in và chấp nhận lễ vật của bà

Nguyện Đức Giê-hô-va ... được chúc tụng, Ngài là Đấng

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Ý nghĩa khả thi: 1) "Tôi ngợi khen Đức Giê-hô-va... Đấng”

và sự khôn ngoan của bà được phước thay, và bà cũng được phước, bởi vì

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Tôi tạ ơn Đức Giê-hô-va vì Ngài đã chúc phước trên bà đặng khiến bà được sáng suốt và bởi vì”

làm đổ máu

tội giết người. Từ tương tự trong 1SA 25:26.

dùng chính tay mình

Ở đây, từ “tay” là phép hoán dụ chỉ về hành động làm bằng tay. Tham khảo cách dịch: “bởi những việc làm của mình”

1 Samuel 25:34

Thông tin chung:

Đa-vít chấp nhận những lễ vật của A-bi-ga-in và đồng ý làm theo điều bà đã khuyên lơn mình.

chắc chắn Na-banh sẽ chẳng còn lại gì chỉ dù là một đứa bé trai

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ chẳng chừa lại gì cho Na-banh dù chỉ là một đứa bé trai”

nhận từ tay bà

Dịch làm sao để người đọc không hiểu nhầm rằng A-bi-ga-in phải một mình tự tay tháo dỡ tất cả số lễ vật đó xuống khỏi lưng lừa”. Tham khảo cách dịch: “nhận mọi lễ vật mà bà đem đến”

đã nghe lời bà

Từ “lời” là hoán dụ chỉ thông điệp mà một người nói và cũng là phép tu từ chỉ chính người đã khuyên đó. Tham khảo cách dịch: “đã nghe theo những điều bà đã khuyên tôi” hoặc “sẽ làm như bà đã khuyên tôi”

1 Samuel 25:36

sáng mai

trời sáng

Na-banh vui vẻ trong lòng

Na-banh rất vui

1 Samuel 25:37

Thông tin chung:

Sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va trên Na-banh.

Na-banh đã tỉnh rượu

Na-banh không còn say rượu nữa nên cũng không thấy vui vẻ nữa.

ông chết điếng người

Na-banh bất động bởi vì ông quá sợ hãi đến nỗi kiệt sức, rõ ràng là ông vừa trải qua một cú sốc.

1 Samuel 25:39

Thông tin chung:

Đa-vít đề nghị bảo vệ A-bi-ga-in bằng cách cưới bà làm vợ.

Nguyện Đức Giê-hô-va được chúc tụng

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Ý nghĩa khả thi: 1) "Tôi ngợi khen Đức Giê-hô-va”

đã bênh vực những lí lẽ của tôi về sự sỉ nhục tôi khỏi tay Na-banh

"đã bênh vực tôi sau khi Na-banh sỉ nhục tôi”

đã bênh vực những lí lẽ của tôi về sự sỉ nhục tôi

Danh từ “lí lẽ” và “sự sỉ nhục” có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: Ý nghĩa khả thi: 1) “đã tỏ ra rằng việc tôi trừng phạt Na-banh vì đã sỉ nhục tôi là phải lẽ” hoặc 2) “đã hành động như thể khi Na-banh sỉ nhục tôi tức là đã sỉ nhục Ngài”

giữ đầy tớ Ngài khỏi điều ác

Đa-vít xưng mình ở một thân phận khác để tỏ lòng tôn kính của mình đối với Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “đã giữ tôi khỏi làm điều ác”

đổ việc làm gian ác của Na-banh lại trên đầu hắn

Danh từ “việc làm” có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “đã làm cho Na-banh những chuyện hắn định làm với tôi”

trên đầu hắn

“trên hắn"

đến và nói với A-bi-ga-in, để cưới nàng làm vợ mình

"sai người đến nói với A-bi-ga-in rằng Đa-vít muốn cưới bà làm vợ”

1 Samuel 25:41

Bà đứng dậy và sấp mình xuống

A-bi-ga-in đáp lại bằng hành động sấp mình. Người đọc phải hiểu được rằng lúc những người của Đa-vít đến nói với bà thì bà đang đứng

Nầy, tớ gái của chúa sẽ là nữ tỳ để rửa chân cho các đầy tớ của chúa tôi

A-bi-ga-in nói về mình với một thân phận khác để tỏ ra

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

rằng bà đang hạ mình khiêm nhường. Bà cho thấy rằng bà mong muốn được trở thanh người vợ mới cả Đa-vít rằng cách đề nghị rửa chân cho các đầy tớ của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Nầy, tôi sẽ hầu hạ các anh, là những đầy tớ của chúa tôi, tôi sẽ rửa chân cho các anh”

vội vã đứng đậy và cưỡi

"mau chóng chuẩn bị cho chuyến đi và rồi bà cưỡi”

năm tớ gái đi theo bà

A-bi-ga-in đang cưỡi trên lừa, còn những người tớ gái nầy thì đi bộ

1 Samuel 25:43

Bấy giờ, Đa-vít cũng đã cưới A-hi-nô-am ... Sau-lơ đã gả Mi-canh

Những sự kiện nầy xảy ra trước khi Đa-vít cưới A-bi-ga-in.

A-hi-nô-am ... Phanh-ti… La-ít ... Laish

tên của nam

Mi-canh

tên của nữ

Ga-lim

một thàng phía Bắc Giê-ru-sa-lem

Translation Questions

1 Samuel 25:3

Na-banh là hạng người gì?

Ông ấy là người cứng cỏi và hung ác.

A-bi-ga-in, vợ của Na-banh, là người thế nào?

Bà thông minh và xinh đẹp.

1 Samuel 25:4

Đa-vít sai ai đi chào Na-banh trong khi ông ấy đang hớt lông chiên?

Đa-vít sai mười gã trai trẻ đi chào Na-banh.

1 Samuel 25:7

Tại sao Đa-vít nghĩ rằng Na-banh sẽ giúp ông và mười thanh niên của ông?

Nhóm của Đa-vít đã bảo vệ bầy chiên của Na-banh khi họ ở cùng nhóm của Đa-vít.

1 Samuel 25:8

Những thanh niên của Đa-vít muốn Na-banh đưa gì cho họ?

Họ xin Na-banh cho họ và Đa-vít bất cứ vật gì ông có trong ngày hội.

1 Samuel 25:9

Na-banh đáp gì với các thanh niên của Đa-vít?

Na-banh nói rằng ông không biết Đa-vít và ông cần mọi thứ mình có cho các thợ hớt lông chiên.

1 Samuel 25:11

Na-banh đáp gì với các thanh niên của Đa-vít?

Na-banh nói rằng ông không biết Đa-vít và ông cần mọi thứ mình có cho các thợ hớt lông chiên.

1 Samuel 25:13

Đa-vít bảo người của ông làm gì khi nghe câu trả lời của Na-banh?

Đa-vít sai người của ông đi bẫy bằng gươm.

1 Samuel 25:14

Khi một đầy tớ nói với A-bi-ga-in, ông ta nói rằng Đa-vít và người của ông ấy đã đối xử với họ như thế nào ngoài đồng?

Ông ta nói rằng họ đối xử tốt với những người chăn chiên của Na-banh khi ở ngoài đồng.

1 Samuel 25:15

Khi một đầy tớ nói với A-bi-ga-in, ông ta nói rằng Đa-vít và người của ông ấy đã đối xử với họ như thế nào ngoài đồng?

Ông ta nói rằng họ đối xử tốt với những người chăn chiên của Na-banh khi ở ngoài đồng.

1 Samuel 25:17

Tại sao đầy tớ đến gặp A-bi-ga-in thay vì Na-banh?

Na-banh là một người vô dụng và không ai có thể lý luận với ông ta được.

1 Samuel 25:18

A-bi-ga-in làm gì sau khi nghe câu trả lời của chồng bà?

A-bi-ga-in vội vàng gom lương thực và bảo tôi tớ của bà đi trước bà, nhưng bà không bảo Na-banh.

1 Samuel 25:19

A-bi-ga-in làm gì sau khi nghe câu trả lời của chồng bà?

A-bi-ga-in vội vàng gom lương thực và bảo tôi tớ của bà đi trước bà, nhưng bà không bảo Na-banh.

1 Samuel 25:20

Ai đến gặp A-bi-ga-in khi bà cưỡi lừa đem theo lương thực?

Đa-vít và người của ông đến gặp A-bi-ga-in và bà gặp họ.

1 Samuel 25:21

Đa-vít nói ông định làm gì sau khi bảo vệ tài sản của Na-banh cách vô ích?

Đa-vít định giết tất cả những kẻ thuộc về Na-banh.

1 Samuel 25:22

Đa-vít nói ông định làm gì sau khi bảo vệ tài sản của Na-banh cách vô ích?

Đa-vít định giết tất cả những kẻ thuộc về Na-banh.

1 Samuel 25:23

A-bi-ga-in làm gì khi bà gặp Đa-vít?

A-bi-ga-in liền lật đật xuống lừa mình, và sấp mình xuống đất tại trước mặt Đa-vít mà lạy và nói với Đa-vít như tôi tớ của ông.

1 Samuel 25:24

A-bi-ga-in làm gì khi bà gặp Đa-vít?

A-bi-ga-in liền lật đật xuống lừa mình, và sấp mình xuống đất tại trước mặt Đa-vít mà lạy và nói với Đa-vít như tôi tớ của ông.

1 Samuel 25:25

A-bi-ga-in hy vọng làm gì để ngăn chặn bằng việc nói chuyện với Đa-vít?

Bà hy vọng ngăn làm đổ huyết của những kẻ đi cùng Na-banh.

1 Samuel 25:26

A-bi-ga-in hy vọng làm gì để ngăn chặn bằng việc nói chuyện với Đa-vít?

Bà hy vọng ngăn làm đổ huyết của những kẻ đi cùng Na-banh.

1 Samuel 25:27

A-bi-ga-in hy vọng hoàn tất điều gì bằng cách trao lễ vật cho Đa-vít và người của ông?

A-bi-ga-in hy vọng là Đa-vít sẽ tha thứ tội của Na-banh.

1 Samuel 25:28

A-bi-ga-in hy vọng hoàn tất điều gì bằng cách trao lễ vật cho Đa-vít và người của ông?

A-bi-ga-in hy vọng là Đa-vít sẽ tha thứ tội của Na-banh.

A-bi-ga-in nói với Đa-vít rằng ai sẽ làm cho nhà của ông chắc chắn và không có sự ác?

A-bi-ga-in nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm cho nhà Đa-vít chắc chắn.

1 Samuel 25:29

Ai sẽ ném xa mạng sống của kẻ thù Đa-vít, như ném xa khỏi tràng ném đá?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ Đa-vít ngay cả dù những kẻ dấy lên đoạt mạng ông.
1 Samuel 25:32
Đa-vít nói ai đã sai A-bi-ga-in đến gặp ông?
Đa-vít nói rằng Đức Giê-hô-va đã sai A-bi-ga-in đến.
1 Samuel 25:33
Tại sao Đa-vít nói rằng A-bi-ga-in và sự khôn ngoan của bà được phước?
Vì cớ hành động mau chóng của A-bi-ga-in, Đa-vít không làm đổ huyết và tự mình báo thù.
1 Samuel 25:34
Ai đã ngăn Đa-vít giết tất cả người nam trong nhà Na-banh bằng cách nhanh chóng sai A-bi-ga-in đi?
Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã ngăn Đa-vít giết những người nam trong nhà Na-banh.
1 Samuel 25:36
Tại sao A-bi-ga-in không nói với Na-banh khi bà trở về sau khi gặp Đa-vít?
Na-banh đang ăn tiệc trong nhà mình và rất say.
1 Samuel 25:37
Điều gì xảy ra với Na-banh vào buổi sáng khi A-bi-ga-in nói với ông?
Lòng ông bèn kinh hoảng và trở nên cứng như đá, và mười ngày sau, Đức Giê-hô-va đánh Na-banh, và người chết.
1 Samuel 25:38
Điều gì xảy ra với Na-banh vào buổi sáng khi A-bi-ga-in nói với ông?
Lòng ông bèn kinh hoảng và trở nên cứng như đá, và mười ngày sau, Đức Giê-hô-va đánh Na-banh, và người chết.
1 Samuel 25:39
Đa-vít làm gì khi ông nghe rằng Na-banh đã chết?
Đa-vít sai tôi tớ đến hỏi A-bi-ga-in làm vợ mình.
1 Samuel 25:40
Đa-vít làm gì khi ông nghe rằng Na-banh đã chết?
Đa-vít sai tôi tớ đến hỏi A-bi-ga-in làm vợ mình.
1 Samuel 25:42
A-bi-ga-in làm gì khi bà nghe rằng Đa-vít muốn cưới bà?
A-bi-ga-in vụt đứng dậy, cỡi lừa mình, đi với các sứ giả của Đa-vít, đặng làm vợ người.
1 Samuel 25:44
Điều gì xảy ra với Mi-canh, vợ của Đa-vít?
Sau-lơ gả nàng làm vợ cho một người khác.

Chapter 26
1 Samuel 26:1
Chẳng phải Đa-vít đang trốn… Giê-si-môn sao?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu cảm thán. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít đang trốn… Giê-si-môn!”
đối diện Giê-si-môn
"có thể nhìn thấy Giê-xi-môn từ chỗ đó”
Giê-si-môn
Một nghĩa khác là “đồng vắng”. Hãy dịch giống như trong 1SA 23:19.
Sau-lơ liền chổi dậy và đi
"Sau-lơ liền hành động, ông đi”
ba nghìn
3.000
những người được chọn
những người mà ông đã chọn bởi vì khả năng đánh trận giỏi của họ.
1 Samuel 26:3
đối diện Giê-si-môn
"có thể nhìn thấy Giê-xi-môn từ chỗ đó”
Giê-si-môn
Một nghĩa khác là “đồng vắng”. Hãy dịch giống như trong 1SA 23:19.
1 Samuel 26:5
Đa-vít chổi dậy và đi
"Đa-vít liền hành động; ông đi”
Áp-ne ... Nê-rơ
tên của nam
1 Samuel 26:6
A-hi-mê-léc ... A-bi-sai
tên của nam
Xê-ru-gia
tên của nữ
đi xuống… đến
Có vẻ như Đa-vít và thuộc hạ của ông đang ở trên núi so với Sau-lơ.
Tôi! Tôi sẽ đi xuống
"Tôi muốn là người đi xuống”
Đức Chúa Trời đã phó kẻ thù của ông vào tay ông
A-bi-sai vì kẻ thù của Đa-vít như một vật nhỏ mà Đức Chúa Trời đã đặt vào tay Đa-vít. Từ “tay” là hoán dụ chỉ về khả năng cầm nắm, kiểm soát của bàn tay. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã ban cho ông chiến thắng kẻ thù của ông”
ghim ông ta xuống đất bằng một ngọn giáo
Đây là phép hoán dụ chỉ về việc “dùng cây giáo giết chết”
Tôi sẽ không phải đâm ông ta lại lần thứ hai
"Tôi sẽ giết ông ta như lần đầu tôi đâm ông ta” hoặc “Tôi sẽ không cần phải đâm ông ta lại lần thứ hai”
1 Samuel 26:9
ai có thể giơ tay ra nghịch với người đã được xức dầu của Đức Giê-hô-va mà không mang tội?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Không một ai có thể đâm chết người đã được xức dầu của Đức Giê-hô-va mà không mang tội” hoặc ở dang tích cực “Người nào đâm chết người đã được xức dầu của Đức Giê-hô-va sẽ mắc tội giết người”
Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống
"chắc chắn như việc Đức Giê-hô-va hằng sống” hoặc “nhất định như việc Đức Giê-hô-va hằng sống” (UDB)
ngày của vua sẽ mà vua sẽ chết
"vua sẽ chết tự nhiên”
1 Samuel 26:11
giơ tay ta ra nghịch với
"làm hại"
và chúng ta đi
Đa-vít tính luôn cả A-bi-sai, đây là từ bao gồm
Đức Giê-hô-va khiến họ ngủ say
Đức Giê-hô-va khiến họ ngủ say
1 Samuel 26:13
Áp-ne, ông không trả lời sao?
"Áp-ne, hãy trả lời tôi!”
hét lên
"nói to nhất có thể” để Sau-lơ và thuộc hạ của vua có thể nghe thấy ông.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 26:15

Ông không phải là bậc trượng phu sao?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít đang quở trách Áp-ne, “Ông đường đường là đấng nam nhi” hoặc 2) Đa-vít đang chế giễu Áp-ne: “Ông không hành động như một đấng nam nhi”

Trong Y-sơ-ra-ên có ai giống như ông?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít tiếp tục quở trách Áp-ne, “Ông đường đường là một người cao quý nhất trong Y-sơ-ra-ên” hoặc 2) Đa-vít tiếp tục chế giễu Áp-ne: “Ông muốn mọi người nghĩ rằng mình là người cao quý nhất trong Y-sơ-ra-ên, nhưng thực ra không phải vậy”

Vậy thì tại sao ông không canh giữ… vua?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Đa-vít đang quở trách Áp-ne. Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít muốn Áp-ne phải trả lời hoặc 2) 2) “Lẽ ra ông phải canh giữ… vua”

1 Samuel 26:17

con trai ta

Sau-lơ không phải là cha ruột của Đa-vít. Sau-lơ xưng mình là Đa-vít để cho Đa-vít thấy rằng ông muốn Đa-vít phải tin tưởng và tôn kính ông như tin tưởng và tôn kính cha mình vậy.

Tại sao chúa con lại truy đuổi đầy tớ chúa?

Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít thực tự muốn Sau-lơ trả lời câu hỏi nầy hoặc 2) Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định, "Chẳng có lí do gì để chúa con truy đuổi đầy tớ của chúa”

Con đã làm gì?

Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít thực sự muốn Sau-lơ trả lời câu hỏi đó hoặc 2) Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định, "Vua biết rằng tôi chẳng làm gì hại đến vua”

Trong tay con có điều gì gian ác?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: Ý nghĩa khả thi: 1) "Vua biết rằng con chẳng làm điều gì gian ác với vua” hoặc “2) “Vua có thể thấy rằng con chẳng hề lên kế hoạch làm điều gì gian ác với vua”

1 Samuel 26:19

Xin vua, là chúa con hãy nghe lời của đầy tớ chúa… vua Y-sơ-ra-ên

Đa-vít nói như thể ông và vua Sau-lơ là hai người có thân phận khác nhau để bày tỏ lòng kính trọng với Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “vua, là vua của tôi, xin hãy nghe lời của tôi… vua”

giục vua nghịch cùng con

"khiến vua nổi giận cùng con”

nguyện Ngài nhận tế lễ

"Con sẽ dâng một tế lễ lên cho Ngài để Ngài không khiến vua nổi giận cùng con nữa”

nguyện chúng bị nguyền rủa trước mặt Đức Giê-hô-va

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. AT: "Nguyện Đức Giê-hô-va quyết định trừng phạt chúng”

vì ngày nay chúng đã xua đuổi con, để khiến con không được ở trong cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va; họ nói với con rằng: “Hãy đi mà thờ các thần khác”

"vì ngày nay họ đã xua đuổi con. Như thể họ muốn con không được ở trong cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va nữa. Họ nói với con rằng: “Hãy đi thờ các thần khác”

để con không được ở trong cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va nữa

"để con sẽ không còn trông cậy rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban cho con những gì Ngài đã hứa với con”

xin đừng để máu con đổ ra trên đất

Đây là một cách nói tế nhị “xin đừng giết con”

một con bọ chét

Đa-vít dùng từ “bọ chét” làm ẩn dụ cho một người, hay chính mình ông, là người không hề gây hại gì lớn. Tham khảo cách dịch: “một con bọ chét nầy” hoặc “tôi, và tôi chẳng thể làm hại vua nhiều hơn thiệt hại mà một con bọ chét gây ra”

như khi một người săn gà gô trên núi

Sau-lơ đuổi theo Đa-vít như thể ông đang đi săn một loài chim hoang dã có giá trị.

1 Samuel 26:21

Hãy trở lại

Ý nghĩa khả thi: 1) "Hãy trở lại cung điện của ta để phục vụ ta trong” hoặc “Hãy trở về nhà con”

con trai ta

Sau-lơ không phải là cha ruột của Đa-vít. Sau-lơ xưng mình là Đa-vít để cho Đa-vít thấy rằng ông muốn Đa-vít phải tin tưởng và tôn kính ông như tin tưởng và tôn kính cha mình vậy.

trong mắt con tính mạng ta rất giá trị

Từ “mắt” là hoán dụ chỉ về suy nghĩ của một người. Tham khảo cách dịch: “con cho ta thấy rằng con muốn bảo vệ ta” hoặc “con cho ta thấy rằng con thực sự kính trọng ta”

đã cư xử như một kẻ dại dột

"đã rất dại dột”

1 Samuel 26:22

Ngày nay Đức Giê-hô-va đã phó bệ hạ vào tay con

Từ “tay” là hoán dụ chỉ về sức lực, khả năng của một người. “Ngày nay Đức Giê-hô-va đã cho con cơ hội để tấn công vua” hoặc “Đức Giê-hô-va đã đặt vua ở một nơi mà con đã có thể dễ dàng giết vua”

báo trả

"tôn trọng" hoặc “ban thưởng” (UDB)

người được xức dầu của Ngài

"người mà Ngài đã chọn làm vua”. Đa-vít nói như thể Sau-lơ là một người ở thân phận khác để tỏ ràng ông tôn trọng Sau-lơ bởi vì Sau-lơ là vua.

1 Samuel 26:24

trong mắt con tính mạng ta rất giá trị

Từ “mắt” là hoán dụ chỉ về suy nghĩ của một người. Tham khảo cách dịch: “con cho ta thấy rằng con muốn bảo vệ ta” hoặc “con cho ta thấy rằng con thực sự kính trọng ta”. Những từ tương tự xuất hiện trong [1SA 26:21]

nguyện tính mạng con cũng đáng giá trong mắt Đức Giê-hô-va

Từ “mắt của Đức Giê-hô-va” là hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va cũng coi trọng mạng sống con như con đã coi trọng mạng sống vua”

Nguyện con được phước

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nguyện Đức Giê-hô-va chúc phước cho con”

con trai ta

Sau-lơ không phải là cha ruột của Đa-vít. Sau-lơ xưng mình là Đa-vít để cho Đa-vít thấy rằng ông muốn Đa-vít phải tin tưởng và tôn kính ông như tin tưởng và tôn kính cha mình vậy.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

1 Samuel 26:2

Sau-lơ đem ai đi cùng ông đặng tìm Đa-vít trong đồng vắng Xíp?

Sau-lơ dẫn theo 3000 người Y-sơ-ra-ên được chọn.

1 Samuel 26:4

Làm sao Đa-vít biết rằng Sau-lơ đang đuổi theo ông vào trong đồng vắng?

Đa-vít đã sai thám tử đi và biết rằng Sau-lơ đang đến.

1 Samuel 26:5

Đa-vít đi đâu sau khi hay rằng Sau-lơ đã đến?

Đa-vít chổi dậy, đi đến tận nơi Sau-lơ hạ trại.

1 Samuel 26:6

Em của Giô-áp muốn làm gì khi ông và Đa-vít thấy Sau-lơ đang ngủ bên trong trại?

Em của Giô-áp muốn dùng giáo giết Sau-lơ.

1 Samuel 26:7

Em của Giô-áp muốn làm gì khi ông và Đa-vít thấy Sau-lơ đang ngủ bên trong trại?

Em của Giô-áp muốn dùng giáo giết Sau-lơ.

1 Samuel 26:9

Tại sao Đa-vít không muốn em của Giô-áp giết Sau-lơ?

Đa-vít nói không ai có thể giơ tay ra hại người được xức dầu của Đức Giê-hô-va mà không bị phạt.

1 Samuel 26:10

Đa-vít nói Sau-lơ phải chết như thế nào?

Đức Giê-hô-va sẽ giết Sau-lơ, hoặc ông sẽ tự chết, hoặc ông sẽ chết trong chiến trận.

1 Samuel 26:11

Đa-vít lấy gì từ Sau-lơ?

Đa-vít lấy cây giáo và cái bình nước nơi gần đầu Sau-lơ.

1 Samuel 26:12

Đa-vít lấy gì từ Sau-lơ?

Đa-vít lấy cây giáo và cái bình nước nơi gần đầu Sau-lơ.

1 Samuel 26:13

Đa-vít đi đâu sau khi rời khỏi trại của Sau-lơ?

Ông đi sang qua bên kia, dừng lại tại trên chót núi, xa trại quân. có một khoảng xa cách nhau.

1 Samuel 26:15

Tại sao Đa-vít nói Áp-ne, người phải bảo vệ Sau-lơ, đáng chết?

Ông ấy không canh chừng chủ mình là Sau-lơ khi có người đến đặng giết vua.

1 Samuel 26:16

Tại sao Đa-vít nói Áp-ne, người phải bảo vệ Sau-lơ, đáng chết?

Ông ấy không canh chừng chủ mình là Sau-lơ khi có người đến đặng giết vua.

1 Samuel 26:17

Đa-vít hỏi Sau-lơ điều gì?

Đa-vít hỏi tại sao Sau-lơ rượt đuổi Đa-vít và rằng Đa-vít đã làm điều ác gì.

1 Samuel 26:18

Đa-vít hỏi Sau-lơ điều gì?

Đa-vít hỏi tại sao Sau-lơ rượt đuổi Đa-vít và rằng Đa-vít đã làm điều ác gì.

1 Samuel 26:19

Đa-vít muốn loài người là những người xui Sau-lơ hại Đa-vít sẽ bị gì?

Đa-vít muốn họ bị rủa sả trước mặt Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 26:21

Sau-lơ nói gì với Đa-vít?

Sau-lơ nói rằng ông đã phạm tội và sẽ không làm hại Đa-vít nữa.

1 Samuel 26:22

Đa-vít bảo Sau-lơ làm gì với cây giáo của ông?

Ông bảo Sau-lơ cho một gã trai trẻ của ông ấy đến đặng lấy đi.

1 Samuel 26:24

Đa-vít cho thấy rằng mạng sống của Sau-lơ có giá trị thế nào?

Mạng sống của Sau-lơ là quí trọng trong mắt của Đa-vít.

Chapter 27

1 Samuel 27:1

Đa-vít nói trong lòng

Ở đây, “lòng” là hoán dụ chỉ về chính ông. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít nghĩ thầm”

thoát khỏi tay vua

Từ “tay” chỉ về chính vua. Tham khảo cách dịch: “thoát khỏi vua”

1 Samuel 27:2

Đa-vít đứng dậy và vượt qua

"Đa-vít hành động; ông vượt qua”

vượt qua

"vượt qua biên giới giữa Y-sơ-ra-ên và Phi-li-tin”

sáu trăm người

600

Sau-lơ được tin

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người báo tin cho Sau-lơ” hoặc “Sau-lơ nghe tin”

1 Samuel 27:5

Nếu tôi được ơn trước mặt vua

“Nếu tôi được đẹp lòng vua” hoặc “Nếu vua định đãi tôi cách nhân từ” Hãy dịch giống như trong [1SA 20:3]

xin hãy bảo họ ban cho tôi một nơi

Bởi vì A-kích là người sẽ “ban”. đây là cách nói hoán dụ cho việc “xin ban cho tôi một nơi”

một trong số các thành ở vùng quê

"một trong số các thành ở các vùng xa xôi” hoặc “một trong số các thành ngoại ô thành phố”

vì làm sao mà tôi tớ Ngài có thể ở trong hoàng thành với ngài được?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi không đòi hỏi phải sống với ngài trong hoàng thành”

tôi tớ Ngài

Đa-vít xưng mình ở một thân phận khác để bày tỏ rằng ông kính trọng A-kích.

1 Samuel 27:8

thực hiện những cuộc đánh chiến trên

nhiều lần tấn công và chiếm tài sản.

người Giệt-xít

Một nhóm dân sống đâu đó giữa Phi-li-tin và Ai Cập.

như các ngươi đi đến Su-rơ

Từ “các ngươi” chỉ đến bất kỳ ai. Tham khảo cách dịch: “trên con đường mà hầu hết mọi người đều đi để đến Su-rơ”

Su-rơ

vùng năm ở biên giới phía Bắc Ai Cập.

A-kích

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vua của Gát
1 Samuel 27:10
A-kích
Vua của Gát
Người Giê-ra-mê-lít
một gia tộc từ chi tộc Giu-đa.
Người Kê-nít
nhóm dân đã sống trong đất Mi-đi-an
1 Samuel 27:11
Gát
một trong năm thành lớn của người Phi-li-tin.
A-kích
Vua của Gát

Translation Questions

1 Samuel 27:1
Tại sao Đa-vít nghĩ rằng ông cần chạy trốn trong xứ Phi-li-tin?
Đa-vít cảm thấy đó là cách duy nhất ông có thể trốn khỏi Sau-lơ.
1 Samuel 27:4
Điều gì khiến Sau-lơ không còn tìm Đa-vít?
Sau-lơ nghe rằng Đa-vít cùng những người đi với ông ấy đã chạy trốn qua Gát.
1 Samuel 27:5
Đa-vít hỏi và nhận được gì từ A-kích, người Phi-li-tin?
Đa-vít xin một nơi trong các thành của xứ, và A-kích ban Xiếc-lác cho người.
1 Samuel 27:6
Đa-vít hỏi và nhận được gì từ A-kích, người Phi-li-tin?
Đa-vít xin một nơi trong các thành của xứ, và A-kích ban Xiếc-lác cho người.
1 Samuel 27:8
Đa-vít và người của ông làm gì với người nam và người nữ, thú và quần áo đã xâm đoạt?
Họ giết dân chúng rồi lấy thú và quần áo rồi trở về A-kích.
1 Samuel 27:9
Đa-vít và người của ông làm gì với người nam và người nữ, thú và quần áo đã xâm đoạt?
Họ giết dân chúng rồi lấy thú và quần áo rồi trở về A-kích.
1 Samuel 27:10
Đa-vít nói với A-kích rằng ông đã như thế nào khi ông trở về từ những cuộc đột kích?
Đa-vít nói rằng ông đã đột kích miền nam Giu-đa, vì vậy A-kích nghĩ là ông đã đánh Y-sơ-ra-ên.
1 Samuel 27:11
Tại sao Đa-vít không để cho ai sống và đem họ đến Gát?
Đa-vít giết mọi người để họ không thể thuật lại việc ông đã làm.
1 Samuel 27:12
Tại sao A-kích nghĩ rằng Đa-vít đã khiến cho dân Y-sơ-ra-ên gớm ghiếc Đa-vít?
A-kích tin lời nói dối của Đa-vít rằng ông ấy đã đột kích dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 28
1 Samuel 28:1
đạo quân
một đội quân lớn
Đa-vít nói với A-kích: “Vậy... làm”. A-kích nói với Đa-vít: “Vậy... vệ sĩ”
Từ “vậy” cho thấy người nói đồng ý với những điều mà người kia vừa nói. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít nói với A-kích: “Do vua đã nói thế... làm”. A-kích nói với Đa-vít: “Vì ngươi đã nói thế... vệ sĩ”. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt khác cho ý nầy, giống với từ tiếng anh “rất tốt” (Xem bản dịch tiếng Anh UDB).
ngài sẽ biết những việc tôi tớ ngài có thể làm
Có lẽ Đa-vít muốn A-kích nghĩ rằng Đa-vít sẽ giết nhiều người Y-sơ-ra-ên, nhưng “những điều tôi tớ Ngài có thể làm” cũng có nghĩa là thay vào đó Đa-vít đang lên kế hoạch để giết người Phi-li-tin. Hãy dịch sao cho người đọc có thể hiểu được cả hai nghĩa nầy.
tôi tớ ngài
Đa-vít xưng mình ở một thân phận khác để A-kích nghĩ rằng Đa-vít đang kính trọng mình. Tham khảo cách dịch: “Tôi”
đặt ngươi
Từ “ngươi” chỉ về Đa-vít nên nó ở dạng số ít.
vệ sĩ
Một người bảo vệ cho một người khác.
1 Samuel 28:3
Bấy giờ sa-... với các linh
Tác giả cung cấp phần thông tin nền để khiến người đọc có thể hiểu những sự kiện tiếp theo.
đã trục xuất khỏi xứ
chính thức bị đuổi khỏi xứ hoặc vùng đó, hoặc bị cấm không được trở lại. Tham khảo cách dịch: “bị trục xuất khỏi Y-sơ-ra-ên” (UDB)
những kẻ nói chuyện với người chết hoặc các thần linh
Cụm “những kẻ nói chuyện với người chết” là từ dịch ra của một từ trong ngôn ngữ gốc và cụm “những kẻ... nói chuyện với các thần linh” cũng được dịch từ một từ trong ngôn ngữ gốc. Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ để chỉ những kẻ nói chuyện với người chết và những người nói chuyện với các thần linh hoặc nếu ngôn ngữ của bạn chỉ có một từ để chỉ chúng cho những kẻ nói chuyện với người chết và các thần linh thì bạn nên dùng như từ đó ở đây.
Đoạn, người Phi-li-tin tập hợp lại
sau khi Đa-vít và A-kích đã nói xong. (1SA 28:02)
tập hợp toàn thể dân Y-sơ-ra-ên lại
"tập hợp toàn bộ quân đội của mình trong Y-sơ-ra-ên lại”
Su-nem... Ghinh-bô-a
đây là tên của các địa danh
1 Samuel 28:5
vua hoảng vợ và trong lòng vô cùng bối rối
Về cơ bản, hai vế nầy cùng chỉ về một ý và được kết hợp để nhấn mạnh mức độ sợ hãi của ông. Tham khảo cách dịch: “ông cảm thấy kinh hãi”
U-rim
Thầy tế lễ mang theo những cái thăm thánh gọi là U-rim và Thum-min trong bảng đeo ngực của mình, trong một cái túi nhỏ có đánh dấu, gần chỗ ngực trái.
người nói chuyện với người chết
Những từ nầy là từ dịch ra của một từ trong ngôn ngữ gốc.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ để chỉ người nói chuyện với người chết, thì bạn nên dùng ở đây. Những từ tương tự xuất hiện trong 1SA 28:3.

Ên-đô-rơ

tên một địa danh

1 Samuel 28:8

Sau-lơ cải trang… và đi… đến chỗ bà nầy lúc ban đêm

Sau-lơ cải trang trước bởi vì con đường từ Ghinh-bô-a (1SA 28:4) đến Ên-đô-rơ (1SA 28:7) phải đi ngang qua đất mà dân Phi-li-tin đang sống. Ông đi cả ngày và tới chỗ người đàn bà sau khi mặt trời đã lặn.

cải trang

thay đổi diện mạo thường ngày để không ai nhận ra ông là ai

Xin hãy bói cho tôi… với một thần linh

"Xin hãy nói chuyện với người chết cho tôi"

những người nói chuyện với người chết và các thần linh

Cụm "những kẻ nói chuyện với người chết" là từ dịch ra của một từ trong ngôn ngữ gốc và cụm "những kẻ… nói chuyện với các thần linh" cũng được dịch từ một từ trong ngôn ngữ gốc. Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ để chỉ những kẻ nói chuyện với người chết và những người nói chuyện với các thần linh hoặc nếu ngôn ngữ của bạn chỉ có một từ để chỉ chúng cho những kẻ nói chuyện với người chết và các thần linh thì bạn nên dùng như từ đó ở đây. Những từ tương tự xuất hiện trong 1SA 28:3.

mạng sống của tôi

Từ "mạng sống" là một hoán dụ chỉ về chính người đó. Tham khảo cách dịch: "tôi"

1 Samuel 28:13

một thần

Ý nghĩa khả thi: 1) "một người giống như Đức Chúa Trời" hoặc "một quan xét" (Xem 1SA 7:15).

1 Samuel 28:16

lấy vương quốc khỏi tay ngươi

Sa-mu-ên nói như thể vương quốc Y-sơ-ra-ên là một vật có thể cầm trong tay và bị người khác giật lấy. Tham khảo cách dịch: "sửa trị ngươi để ngươi không còn là vua nữa" hoặc "lập một người khác lên làm vua thế chỗ cho ngươi"

1 Samuel 28:18

Đức Giê-hô-va sẽ nộp Y-sơ-ra-ên và tay dân Y-sơ-ra-ên

Sa-mu-ên nói như thể dân Y-sơ-ra-ên là một vật nhỏ mà Đức Giê-hô-va sẽ giao cho người Phi-li-tin, là dân mà Ngài nói như thể họ là một người. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ cho phép người Phi-li-tin làm bất cứ điều gì họ muốn làm với ngươi và dân Y-sơ-ra-ên"

sẽ ở với ta

Đây là một cách nói tế nhị để cho biết rằng Sau-lơ sẽ chết. Tham khảo cách dịch: "sẽ chết"

Đức Giê-hô-va cũng sẽ nộp quân đội Y-sơ-ra-ên vào tay người Phi-li-tin

Sa-mu-ên nói như thể quân đội Y-sơ-ra-ên là một vật nhỏ mà Đức Giê-hô-va sẽ giao cho người Y-sơ-ra-ên, là dân mà ông nói đến họ như một người duy nhất. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ cho phép người Phi-li-tin làm mọi điều mình muốn với dân Y-sơ-ra-ên"

1 Samuel 28:20

vì cả ngày và cả đêm đó vua không ăn gì cả

Sau-lơ không ăn từ đêm trước khi ông lên đường đi từ Ghinh-bô-a (1SA 28:4) đến Ên-đô-rơ (1SA 28:7), cũng như trong suốt chuyến đi và cả đêm lúc ông đến chỗ người đàn bà đồng cốt kia.

Tôi đã liều mạng sống mình để nghe

"Tôi có thể mất mạng vì đã nghe lời" hoặc "Người ta sẽ giết tôi bởi vì tôi đã nghe theo"

1 Samuel 28:22

lời tớ gái ngài

Người đàn bà nầy nói ở một thân phận khác để tỏ rằng bà tôn kính Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: "lời tôi". Từ "lời" chỉ về chính người đó. Tham khảo cách dịch: "tớ gái của ngài" hoặc "tôi"

từ chối

"không chấp nhận" hoặc "không làm theo lời họ yêu cầu"

nài ép

"bắt buộc"

1 Samuel 28:24

con bế béo tốt

Con bê đã lớn và được vỗ béo để dành cho một bữa tiệc đặc biệt.

người đàn bà đó… nhào bột

Bà dùng tay trộn bột với dầu, nhào và lăn tròn nó lại một cách nhuần nhuyễn để làm ra một ổ bánh để nướng.

Translation Questions

1 Samuel 28:1

A-kích muốn Đa-vít làm gì khi người Phi-li-tin hiệp lại đặng đánh Y-sơ-ra-ên?

A-kích muốn Đa-vít làm thị vệ cho ông ấy luôn.

1 Samuel 28:2

A-kích muốn Đa-vít làm gì khi người Phi-li-tin hiệp lại đặng đánh Y-sơ-ra-ên?

A-kích muốn Đa-vít làm thị vệ cho ông ấy luôn.

1 Samuel 28:3

Sau-lơ trừ khỏi xứ những ai sau khi Sa-mu-ên qua đời?

Sau-lơ trừ khỏi xứ những đồng cốt và những thầy tà thuật.

1 Samuel 28:4

Ai quốc gia nào hiệp lại đặng đánh nhau?

Dân Phi-li-tin và Y-sơ-ra-ên cùng hiệp lại.

1 Samuel 28:5

Tại sao Sau-lơ tìm người phụ nữ cầu vong?

Sau-lơ sợ quân Phi-li-tin và không nghe theo Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 28:7

Tại sao Sau-lơ tìm người phụ nữ cầu vong?

Sau-lơ sợ quân Phi-li-tin và không nghe theo Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 28:8

Người đàn bà sợ gì khi Sau-lơ cải trang và hai người của ông đến nói với bà?

Bà sợ vì Sau-lơ đã giết những kẻ cầu vong sau khi Sa-mu-ên qua đời.

1 Samuel 28:9

Người đàn bà sợ gì khi Sau-lơ cải trang và hai người của ông đến nói với bà?

Bà sợ vì Sau-lơ đã giết những kẻ cầu vong sau khi Sa-mu-ên qua đời.

1 Samuel 28:10

Sau-lơ hứa gì với người đàn bà?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sau-lơ hứa rằng sẽ không trừng phạt bà nếu bà giúp ông.
1 Samuel 28:11
Làm sao người đàn bà biết rằng Sau-lơ là người nhờ bà cầu Sa-mu-ên?
Bà biết rằng bà bị gạt khi bà nhìn thấy Sa-mu-ên.
1 Samuel 28:12
Làm sao người đàn bà biết rằng Sau-lơ là người nhờ bà cầu Sa-mu-ên?
Bà biết rằng bà bị gạt khi bà nhìn thấy Sa-mu-ên.
1 Samuel 28:13
Người đàn bà nói Sa-mu-ên trông giống ai?
Người đàn bà thấy một thần từ dưới đất lên, một ông già mặc áo tơi.
1 Samuel 28:14
Người đàn bà nói Sa-mu-ên trông giống ai?
Người đàn bà thấy một thần từ dưới đất lên, một ông già mặc áo tơi.
1 Samuel 28:15
Tại sao Sau-lơ cầu vấn Sa-mu-ên?
Sau-lơ ngã lòng vì dân Phi-li-tin sẽ tranh chiến chống lại ông và Đức Chúa Trời đã lìa bỏ ông.
1 Samuel 28:16
Sa-mu-ên nói Đức Giê-hô-va đã làm gì với nước của Sau-lơ?
Đức Giê-hô-va đã đoạt lấy nước khỏi tay ngươi mà ban cho Đa-vít.
1 Samuel 28:17
Sa-mu-ên nói Đức Giê-hô-va đã làm gì với nước của Sau-lơ?
Đức Giê-hô-va đã đoạt lấy nước khỏi tay ngươi mà ban cho Đa-vít.
1 Samuel 28:19
Sau-lơ và các con trai ông sẽ chết cùng Sa-mu-ên bao lâu nữa?
Họ sẽ chết vào ngày hôm sau.
1 Samuel 28:22
Người đàn bà và các tôi tớ của Sau-lơ nài khuyên Sau-lơ làm gì?
Họ nài khuyên ông ăn và lấy lại sức.
1 Samuel 28:24
Người đàn bà đem gì đến cho Sau-lơ và các tôi tớ của ông để ăn?
Bà giết một con bò mập và lấy bột mì nhồi và làm bánh không men để họ ăn.
1 Samuel 28:25
Người đàn bà đem gì đến cho Sau-lơ và các tôi tớ của ông để ăn?
Bà giết một con bò mập và lấy bột mì nhồi và làm bánh không men để họ ăn.

Chapter 29
1 Samuel 29:1
suối nước
Một con suối nhỏ chảy trên đất.
dẫn đầu hàng trăm hàng nghìn
"đi cùng với những nhóm hàng trăm và hàng nghìn" (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)
hàng trăm.... hàng nghìn
hàng 100 ... hàng1.000
Đa-vít và người của ông theo bảo vệ phía sau A-kích
Những nhóm hàng trăm hàng nghìn người đi qua trước, và rồi đến A-kích, đoàn tùy tùng của ông và rồi đến Đa-vít cùng thuộc hạ của mình, và rồi tới những người lính Phi-li-tin khác theo bảo vệ A-kích.
1 Samuel 29:3
Những người Hê-bơ-rơ nầy đang làm gì ở đây?
Có những cách để dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định là : 1) “Lẽ ra ông không được cho phép những kẻ Hê-bơ-rơ nầy, tức là kẻ thù của chúng ta, ở đây với chúng ta” hoặc 2) “Cho chúng tôi biết những người Hê-bơ-rơ nầy là ai”
Chẳng phải Đa-vít... ba năm nay, và ta thấy.... ngày hôm nay?
Một cách dịch khác: “Chẳng phải Đa-vít nầy... ba năm nay sao? Ta nhận thấy... ngày nay”. Có thể dịch câu hỏi nầy thành câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi phải biết rằng đây là Đa-vít.... ba năm nay. Ta nhận thấy... ngày hôm nay”
Ta không thấy người có lỗi gì hết
Có thể chuyển câu nầy sang thể khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: “Ta không thấy việc nào mà người đã làm sai hết” hoặc “Ta rất hài lòng về người nầy”
1 Samuel 29:4
đừng cho hắn đi đánh giặc với chúng ta
"đừng cho binh lính của hắn vào hàng ngũ quân đội của chúng ta để đi đánh kẻ thù của chúng ta”
Vì làm sao mà kẻ nầy có thể làm hòa được với chủ mình? Chẳng phải dùng đầu của chúng ta sao?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Cách tốt nhất để Đa-vít làm hóa với chủ của hắn là giết binh sĩ của chúng ta!”
1 Samuel 29:5
Chẳng phải tên Đa-vít nấy là người mà người ta nhảy múa mà hát với nhau rằng: “Sau-lơ ... hàng vạn” sao?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ông không nên tin tưởng Đa-vít- hắn chính là kẻ mà người ta nhảy múa mà hát với nhau rằng: “Sau-lơ... hàng vạn!”
hàng ngàn ... hàng vạn
"hàng ngàn.... hàng vạn”
1 Samuel 29:6
Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống
"Thật chắc chắn như Đức Giê-hô-va hằng sống” hoặc “Lời khẳng định nầy là đúng”
ngươi vào ra chiến trận cùng ta với quân đội của ta thật đáng tin cậy
"Ta rất vui khi có ngươi vào ra chiến trận với ta và quân đội của ta” hoặc “Thật tốt khi người chinh khiến khắp mọi người vơi ta và quân đội ta”
1 Samuel 29:8
của vua, là chúa tôi
Đa-vít nói như thể A-kích là một người khác để A-kích sẽ nghĩ rằng Đa-vít tôn kính mình. Tham khảo cách dịch: “chính ngài, là vua và là chúa tôi”
tuy nhiên, những người chỉ huy
"mặc đầu sự thật là thế, nhưng quan trọng hơn là những người chỉ huy” hoặc “tuy nhiên, những người chỉ huy”
1 Samuel 29:10
của chủ ngươi
Người đọc phải hiểu được A-kích đang nói đến Sau-lơ.
trời sáng
"có thể thấy đường nhờ ánh mặt trời sáng sớm”

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Samuel 29:3
A-kích nói ông chẳng tìm thấy gì nơi Đa-vít?
A-kích nói ông chẳng tìm thấy lỗi gì nơi Đa-vít kể từ khi ông ấy đến gặp A-kích.
1 Samuel 29:4
Các quan trưởng Phi-li-tin sợ Đa-vít sẽ làm gì trong lúc đánh trận?
Họ sợ rằng Đa-vít sẽ trở thành kẻ thù của họ nơi chiến trận.
1 Samuel 29:6
A-kích bảo Đa-vít làm gì vì các quan trưởng Phi-li-tin không muốn Đa-vít ở đó?
Ông bảo Đa-vít hãy lui về và đi bình an.
1 Samuel 29:7
A-kích bảo Đa-vít làm gì vì các quan trưởng Phi-li-tin không muốn Đa-vít ở đó?
Ông bảo Đa-vít hãy lui về và đi bình an.
1 Samuel 29:9
A-kích đưa ra quyết định cuối cùng nào về Đa-vít?
Họ nói Đa-vít không phải đi lên đánh trận cùng họ.
1 Samuel 29:10
A-kích bảo Đa-vít làm gì vào buổi sáng?
Ông bảo Đa-vít dậy sớm, dẫn theo những người đi cùng ông, và rời khỏi đó.

Chapter 30
1 Samuel 30:1
Xiếc-lác
Xiếc-lác là một thành nằm ở phía nam Giu-đa. Đây là nơi Đa-vít và người của ông giấu gia đình của mình
Chúng
người A-ma-léc
từ nhỏ đến lớn
Ý nghĩa khả thi: 1) "cả người có quyền thế lẫn người hèn mọn" hoặc "cả những người cao lớn và thấp bé"
1 Samuel 30:3
vợ của họ... các con trai... các con gái
thuộc về Đa-vít và binh sĩ của ông
nó đã bị đốt cháy, và vợ của họ... các con gái của họ đều đã bị bắt làm tù binh
Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ thấy có người đã đốt cháy thành và bắt vợ của họ... làm tù binh"
những người theo ông
Chỉ yếu là những người thuộc quân đội của ông
1 Samuel 30:5
Thông tin chung:
Sau cuộc tấn công bất ngờ của người A-ma-léc, Đa-vít tìm sức lực nơi Đức Giê-hô-va
A-hi-nô-am người Giê-rê-ên
"A-hi-nô-am từ Giê-rê-ên"
Na-banh người Cạt-mên
"Na-banh người đến từ Cạt-mên"
A-hi-nô-am ... A-bi-ga-in
tên của nữ
đau đớn
đau khổ
mọi người đều cay đắng trong tâm hồn
Từ "cay đắng" là một ẩn dụ cho mong muốn nổi loạn. Từ "tâm hồn" chỉ về chính người đó. Tham khảo cách dịch: "hết thảy mọi người đều sẵn sàng để nổi loạn chống nghịch cùng Đa-vít" hoặc "hết thảy mọi người đều rất không vui"
Đa-vít lấy lại sức lực trong Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời mình
Ý nghĩa khả thi: 1) "Đa-vít lấy lại can đảm bởi vì ông nhận biết Đức Giê-hô-va sẽ giúp mình" hoặc 2) "Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Đa-vít khiến ông được mạnh mẽ"
1 Samuel 30:7
Thông tin chung:
Đa-vít tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va đối giải quyết cuộc tấn công bất ngờ trên người của ông.
Đa-vít cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va xin sự hướng dẫn từ Ngài
Danh từ "sự hướng dẫn" có thể dịch lại thành động từ.
Tham khảo cách dịch: "Đa-vít cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va cho ông biết mình phải làm gì"
đuổi theo
"truy đuổi" hoặc "theo"
1 Samuel 30:9
sáu trăm người
600 người
suối
dòng suối nhỏ
truy đuổi
"đuổi theo" hoặc "theo sau"
bốn trăm người
400 người
hai trăm
200 người
những đã quá yếu
Họ thấm mệt từ những trận tấn công của mình và giờ là trong cuộc truy đuổi người A-ma-léc. Họ không còn sức lực để đi tiếp.
1 Samuel 30:11
một người Ai Cập ngoài đồng
Người nầy bị bỏ mặc tại đó cho đến chết sau trận tập kích của dân A-ma-léc.
chùm nho khô
"chùm nho khô"
1 Samuel 30:13
Đa-vít nói với người
Đa-vít hỏi người nô lệ Ai Cập kia.
ba ngày trước
"ba ngày trước"
cuộc đột kích
cuộc tấn công vào thành để chiếm của cải.
1 Samuel 30:15
quân đột kích
một nhóm binh sĩ có trang bị vũ khí, những người thình lình tấn công người hoặc những nơi nào đó.
ông sẽ không... lừa tôi đặng nộp tôi vào tay chủ tôi
"ông sẽ không... làm mất lòng tin của tôi nơi ông khi để chủ tôi bắt tôi lại"
1 Samuel 30:16
chiến lợi phẩm
những thứ mà chúng đã cướp được trong cuộc đột kích.
lúc chạng vạng
thời điểm ngay trước lúc mặt trời lặn cho đến lúc bầu trời tối hẳn.
bốn trăm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

400

1 Samuel 30:18

giải cứu

"cứu" hoặc "giải thoát"

Không thiếu thứ gì

"Không một vật nào đã bị dân A-ma-léc cướp đi bị mất đi"

hoặc nhỏ hay lớn

Ý nghĩa khả thi: 1) "hoặc người quan trong hay hèn mọn" hoặc 2) "hoặc người cao lớn hay thấp bé". Những từ tương tự xuất hiện trong 1SA 30:2.

chiến lợi phẩm

những hàng hóa mà dân A-ma-léc đã cướp đi. Hãy dịch giống như trong 1SA 30:16.

1 Samuel 30:21

hai trăm

200

khe nước

con suối nhỏ hay lạch nước

Bê-sô

Đây là tên của một dòng suối nhỏ. Hãy dịch giống như trong [1SA 30:9]

chào thăm

"đón chào" hoặc "gửi một thông điệp về tình bạn"

chiến lợi phẩm

những thứ họ cướp được từ kẻ thù trong trận chiến. Hãy dịch giống như trong 1SA 30:16.

lấy lại

"chiếm lại" hoặc "giành lại"

1 Samuel 30:23

Ai sẽ nghe anh em trong việc này?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định: Tham khảo cách dịch: "Sẽ chẳng ai chịu nghe anh em trong việc nầy"

phần của người ra trận thế nào

Cụm từ "phần" có thể được dịch thành động từ. Tham khảo cách dịch: "những điều nào thuộc về người ra trận ra sao"

người ta trận

những binh lính chiến đấu với kẻ thù trong trận chiến.

phải chia bằng nhau

"sẽ phải đảm bảo rằng tất cả mọi người đều nhận những phần như nhau"

người giữ đồ đạc

những người hỗ trợ những binh lính ra trận bằng cách canh giữ nguồn đồ dự trữ của họ.

đồ đạc

những vật dụng các nhân mà những người lính để lại khi họ đi chiến đấu.

1 Samuel 30:26

Thông tin chung:

Tác giả bắt đầu danh sách những thành có các trưởng lão nhận được quà từ Đa-vít.

Xiếc-lác ... Bê-tên... Giạt-thia... A-rô-e... Síp-mốt... Ê-thê-mô-a

tên các thành

chiến lợi phẩm

những món đồ mà Đa-vít đã chiếm được từ dân A-ma-léc sau trận chiến. Hãy dịch giống như trong 1SA 30:16.

món quà

"lễ vật"

1 Samuel 30:29

Thông tin chung:

Tác giả kết thúc danh sách những thành có các trưởng lão nhận được quà mà Đa-vít gửi trong 1SA 30:27. Bạn có thể kết hợp những danh sách những món quà từ 1SA 30:27-31 thành một danh sách liệt kê duy nhất.

Ra-canh ... Họt-ma... Bọt-a-san... A-tát

Đây là tên của các thành.

Người Giê-ra-mê-lít ... Người Kê-nít

Đây là tên của các nhóm dân.

Translation Questions

1 Samuel 30:1

Đa-vít và người của ông thấy điều gì đã xảy ra tại Xiếc-lác khi họ rời khỏi?

Dân A-ma-léc đã loán đến miền nam cùng Xiếc-lác, xông vào Xiếc-lác và đã phóng hỏa nó.Chúng bắt lấy các người nữ và hết thảy kẻ lớn nhỏ ở tại đó.

1 Samuel 30:2

Đa-vít và người của ông thấy điều gì đã xảy ra tại Xiếc-lác khi họ rời khỏi?

Dân A-ma-léc đã loán đến miền nam cùng Xiếc-lác, xông vào Xiếc-lác và đã phóng hỏa nó.Chúng bắt lấy các người nữ và hết thảy kẻ lớn nhỏ ở tại đó.

1 Samuel 30:3

Đa-vít và người của ông phản ứng thế nào về điều họ thấy ở Xiếc-lác?

Họ cất tiếng khóc, khóc đến đổi không còn sức khóc nữa.

1 Samuel 30:4

Đa-vít và người của ông phản ứng thế nào về điều họ thấy ở Xiếc-lác?

Họ cất tiếng khóc, khóc đến đổi không còn sức khóc nữa.

1 Samuel 30:5

Tại sao Đa-vít đau buồn?

Hai người vợ của ông bị bắt làm phu tù, dân chúng đau buồn muốn ném đá ông.

1 Samuel 30:6

Tại sao Đa-vít đau buồn?

Hai người vợ của ông bị bắt làm phu tù, dân chúng đau buồn muốn ném đá ông.

1 Samuel 30:8

Đa-vít muốn biết gì khi ông cầu vấn Đức Giê-hô-va?

Đa-vít muốn biết liệu ông sẽ đuổi theo kịp dân A-ma-léc nếu ông truy đuổi họ không.

Đức Giê-hô-va đáp gì với Đa-vít?

Đức Giê-hô-va bảo ông hãy đuổi theo toán quân, ông sẽ thành công, và giải cứu những người bị bắt.

1 Samuel 30:10

Điều gì xảy ra với hai trăm người của Đa-vít tại khe Bê-sô?

Họ ở lại, vì họ đã quá đuối sức.

1 Samuel 30:12

Người Ai Cập mà Đa-vít và nhóm của ông tìm thấy khi đang đuổi theo dân A-ma-léc đang bị gì?

Ông ấy đã không ăn bánh hay uống nước trong ba ngày và ba đêm.

1 Samuel 30:13

Tại sao chủ của người Ai Cập rời bỏ ông ấy?

Ông nói rằng ba ngày trước ông đã bị bệnh.

1 Samuel 30:15

Người Ai cập muốn gì trước khi ông chỉ cho Đa-vít nơi đạo quân đột

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

kích đang ở?
Ông bảo Đa-vít thề rằng sẽ không giết ông hoặc nộp lại cho chủ của ông.
1 Samuel 30:16
Những kẻ đột kích đang làm gì khi Đa-vít đánh chúng?
Chúng đang ăn mừng vì cớ của cướp rất nhiều mà chúng nó đã đoạt lấy ở trong xứ Phi-li-tin và trong xứ Giu-đa.
1 Samuel 30:17
Những kẻ đột kích đang làm gì khi Đa-vít đánh chúng?
Chúng đang ăn mừng vì cớ của cướp rất nhiều mà chúng nó đã đoạt lấy ở trong xứ Phi-li-tin và trong xứ Giu-đa.
1 Samuel 30:18
Đa-vít thâu lại những gì sau khi tấn công những kẻ đột kích?
Ông thâu lại mọi thứ mà dân A-ma-léc và những kẻ đột kích đã lấy.
1 Samuel 30:22
Tại sao những kẻ gian ác không nghĩ rằng của cướp được thâu lại nên được chia sẻ với những người bị ở lại?
Họ nói rằng những người ở lại đã không đi và đánh trận cùng họ.
1 Samuel 30:23
Tại sao Đa-vít bảo những kẻ gian ác rằng họ nên chia sẻ như nhau?
Ông nói Đức Giê-hô-va đã gìn giữ họ và giúp họ chiến thắng những kẻ đột kích chống lại họ.
1 Samuel 30:24
Tại sao Đa-vít bảo những kẻ gian ác rằng họ nên chia sẻ như nhau?
Ông nói Đức Giê-hô-va đã gìn giữ họ và giúp họ chiến thắng những kẻ đột kích chống lại họ.
1 Samuel 30:26
Đa-vít làm gì với phần của cướp từ quân thù của Đức Giê-hô-va khi ông trở về Xiếc-lác?
Đa-vít chia sẻ của cướp với nhiều trưởng lão Giu-đa và ở những nơi khác mà ông và người của ông thường lui đến.

Chapter 31
1 Samuel 31:1
Bấy giờ, dân Phi-li-tin giao chiến cùng Y-sơ-ra-ên
Trận chiến nầy là hệ quả từ mâu thuẫn giữa Đa-vít và dân Phi-li-tin trong 1SA 29:11. Tác giả đã kể xong câu chuyện của Đa-vít trong 1SA 30:1-30, cũng như cách mà mà ông kể về trận chiến giữa người Y-sơ-ra-ên và người Phi-li-tin.
dân Phi-li-tin giao chiến với Y-sơ-ra-ên
"dân Y-sơ-ra-ên giao chiến cùng dân Y-sơ-ra-ên”
Núi Ghinh-bô-a
Đây là tên của một ngọn núi. .
đuổi theo sát Sau-lơ và các con trai của ông
"đuổi theo Sau-lơ và ba con trai của ông”
A-bi-na-đáp, và Manh-ki-sua
Đây đều là tên của nam. .
Trận chiến trở nên khốc liệt nghịch cùng Sau-lơ
"Quân đội của Sau-lơ bắt đầu thất thế”
1 Samuel 31:4
người vác binh khí
Người vác binh khí vác một cái khiêng lớn của người chỉ huy mình cùng những vũ khí khác. Người nấy bảo vệ người chỉ huy của mình trong suốt trận chiến.
những kẻ không cắt bì kia
"những kẻ không chịu phép cắt bì” hoặc “những kẻ không phải là dân Y-sơ-ra-ên”
không như vậy
"không làm theo lời Sau-lơ yêu cầu mình”
lấy gươm của mình và tự lao vào đó
"tự tử bằng chính gươm của mình”
cùng ngày
"trong ngày đó”
1 Samuel 31:7
sống trong đó
sống tại những thành mà người Y-sơ-ra-ên đã rời đi
trấn lột người chết
chiếm lấy những khí giới và vũ khí từ xác của những Y-sơ-ra-ên đã chết.
Núi Ghinh-bô-a
một dãy núi nhìn xuống thung lũng Giê-rê-ên, phía Bắc Y-sơ-ra-ên, phía Nam Na-xa-rét.
1 Samuel 31:9
khắp đất Phi-li-tin
"toàn bộ những vùng đất trong xứ của dân Phi-li-tin”
để báo tin
"để báo cho dân sự biết”
các đền thờ của thần tượng họ
những tòa nhà nơi họ thờ phượng các thần tượng của mình
Ách-tô-rét
nữ thần xưa, cũng được gọi là “A-sê-ra” hoặc “Át-tạt-tê”
buộc chặt
"đóng chặt" (có thể bằng một cây đinh hoặc một cái cọc”
Bết-san
tên của một thành
1 Samuel 31:11
Gia-be
tên của một thành. Hãy dịch giống như trong [1SA 11:1]
những việc dân Y-sơ-ra-ên đã làm với Sau-lơ
"dân Phi-li-tin đã sỉ nhục Sau-lơ ra sao”
cả đêm
"suốt đêm”
cây liễu
Đây là một loại cây. Tham khảo cách dịch: “một cái cây có tán rộng”. Hãy dịch giống như trong [1SA 22:6]

Translation Questions

1 Samuel 31:1
Điều gì xảy ra với những người Y-sơ-ra-ên khi họ đánh dân Phi-li-tin?
Dân Y-sơ-ra-ên chạy trốn khỏi người Phi-li-tin và bị giết.
1 Samuel 31:2
Điều gì xảy ra với các con trai của Sau-lơ?
Dân Phi-li-tin giết các con trai ông.
1 Samuel 31:3
Điều gì xảy ra với Sau-lơ nơi chiến trận?
Ông bị lính cầm cung bắn trúng và trọng thương.
1 Samuel 31:4
Sau-lơ yêu cầu người vác binh khí làm gì vì ông bị trọng thương và sợ quân thù sẽ đến và sỉ nhục ông?
Sau-lơ yêu cầu người đó rút gươm ra và giết ông.
Sau-lơ làm gì khi người vác binh khí sợ hãi và không giết ông?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sau-lơ bèn lấy gươm và sấn mình trên mũi nó.

1 Samuel 31:5

Người vác binh khí làm gì sau khi ông thấy Sau-lơ đã chết?

Ông cũng sấn mình trên mũi gươm mình mà chết.

1 Samuel 31:7

Tại sao người Y-sơ-ra-ên ở bên kia trũng và bên kia sông Giô-đanh bỏ các thành mình và chạy trốn?

Họ chạy trốn vì họ thấy những người Y-sơ-ra-ên khác đã chạy trốn và Sau-lơ cùng các con trai ông đã chết.

1 Samuel 31:9

Dân Phi-li-tin làm gì với thây của Sau-lơ mà họ tìm thấy khi họ đến đặng lục soát những người chết?

Dân Phi-li-tin cắt đầu Sau-lơ và đem thi thể của ông bêu nơi vách thành Bết San.

1 Samuel 31:11

Binh lính Gia-bê ở Ga-la-át làm gì sau khi dân thành biết chuyện đã xảy ra với Sau-lơ?

Họ đến Bết San, lấy thây của Sau-lơ và các con trai ông đem về Gia-bê và thiêu.

1 Samuel 31:12

Binh lính Gia-bê ở Ga-la-át làm gì sau khi dân thành biết chuyện đã xảy ra với Sau-lơ?

Họ đến Bết San, lấy thây của Sau-lơ và các con trai ông đem về Gia-bê và thiêu.

1 Samuel 31:13

Dân Gia-bê làm gì với hài cốt của Sau-lơ và các con trai ông?

Họ chôn cốt của những người này dưới cây liễu xủ tơ, ở gần Gia-be, và kiêng ăn trong bảy ngày.

Chapter 1

2 Samuel 1:1

Đến ngày thứ ba

"Sau ba ngày"

quần áo rách nát, đầu đầy bụi đất

Trong văn hóa nơi đây, việc xé quần áo và phủ bụi đất lên đầu là hành động thể hiện sự đau buồn thương tiếc.

anh ta sấp mình xuống đất

Đây là hành động thể hiện tinh thần thuận phục Đa-vít, là người hiện đang làm vua Y-sơ-ra-ên.

2 Samuel 1:3

Nhiều người ngã xuống và nhiều người đã chết

Ý nghĩa khả thi: 1) "Nhiều người bị thương và nhiều người bị giết" hoặc "Nhiều người bị thương và bị giết"

2 Samuel 1:6

Tình cờ tôi ở

Câu nầy nhấn mạnh ý là người nầy không hề dự tính sẽ được gặp Sau-lơ.

Sau-lơ đang tựa vào cây giáo của mình

Ý nghĩa khả thi: 1) Sau-lơ rất yếu và dùng cây giáo để chống đỡ mình hoặc 2) Sau-lơ đang cố gắng tự tử bằng cách tự ngã đâm mình vào trong ngọn giáo.

2 Samuel 1:8

Người hỏi tôi: "Ngươi là ai?" Tôi trả lời người rằng: "Tôi là người A-ma-léc"

Có thể dịch những câu tường thuật trực tiếp nầy thành những câu gián tiếp. Tham khảo cách dịch: "Người hỏi tôi là ai, và tôi trả lời người rằng tôi là người A-ma-léc"

Tôi là người A-ma-léc

Đây cũng như là dân mà Đa-vít vừa tấn công trong 2SA 1:01.

ta đang bị nỗi đau đớn kinh khiếp tóm giữ

Sự đau đớn của Sau-lơ được ví như điều gì đó khủng khiếp đã tóm giữ người. Tham khảo cách dịch: "Ta đang đau đớn lắm"

sự sống vẫn ở trong ta

Cách nói nầy có nghĩa là ông vẫn còn sống. Tham khảo cách dịch: "Ta vẫn còn sống"

người không thể sống sau khi đã ngã gục

"người chắc chắn sẽ chết"

2 Samuel 1:11

Đa-vít xé áo mình ... những người ở với ông cũng làm như vậy

Đa-vít và thuộc hạ của ông xé áo mình để thể hiện sự đau buồn thương tiếc về cái chết của vua Sau-lơ.

đã ngã gục

Ở đây cụm từ nầy có nghĩa là "đã bị giết"

bởi gươm

Từ gươm ở đây liên hệ với trận chiến. Tham khảo cách dịch: "trong trận chiến"

Ngươi từ đâu đến?

Trước đó, người nầy đã giới thiệu mình là người A-ma-léc trong 2SA 1:8. Đa-vít yêu cầu người nầy xác nhận thông tin nầy vì cớ những hình phạt nghiêm khắc mà Đa-vít sắp tuyên bố trên người đó.

2 Samuel 1:14

Sao ngươi không sợ mà dám giết vị vua được xức dầu của Đức Giê-hô-va... tay?

Câu hỏi nầy được dùng để quở trách người đó. Tham khảo cách dịch: "Lẽ ra ngươi phải sợ Đức Giê-hô-va mà không giết vị vua được xức dầu của Ngài... tay!" (

vị vua được xức dầu của Đức Giê-hô-va

Hoán dụ nầy đại diện cho Sau-lơ, là người được chọn theo nghi thức của Đức Chúa Trời

chính tay mình

Cụm từ nầy chỉ về việc tự mình làm điều gì đó. Tham khảo cách dịch: "tự mình" hoặc "đích thân"

đánh nó ngã chết

Cách nói nầy có nghĩa là "giết nó"

Máu ngươi ở trên đầu ngươi

Ở đây, "máu" ngụ ý chỉ "đổ máu" và có liên quan đến sự chết. Ở đây, "đầu ngươi" chỉ về người kia với ý nghĩa người đó phải có trách nhiệm. Tham khảo cách dịch: "Ngươi chịu trách nhiệm về cái chết của mình" hoặc "Chính ngươi đã gây ra cái chết của mình"

chính miệng ngươi đã tố cáo ngươi

Ở đây, "chính miệng ngươi" chỉ về chính người đó. Tham khảo cách dịch: "ngươi đã tự tố cáo chính mình"

2 Samuel 1:17

Thông tin chung:

Đa-vít hát một bài ca than khóc cho Sau-lơ và Giô-na-than.

Bài ca Cây cung

Đây là tựa đề bài hát.

Sách Gia-sa

Từ "Gia-sa" có nghĩa là "chính trực". Tham khảo cách dịch: "Sách của người Công chính"

đã được viết trong Sách Gia-sa

Đây là phần thông tin nền được thêm vào để cho độc giả biết được những chuyện đã xảy ra với bài ca nầy sau nầy.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hỡi Y-sơ-ra-ên, vinh quang của ngươi đã lụi tàn
"Vinh quang của ngươi" chỉ về Sau-lơ.
những người anh hùng
Cụm từ "những người anh hùng" chỉ về Sau-lơ và Giô-na-than. Những danh từ nầy ở dạng số nhiều, và có thể viết lại thành “những người anh hùng”.
đã ngã
Từ “đã ngã” có nghĩa là “đã chết”
Đừng loan tin nầy ở Gát... đừng rao truyền tin đó ở những đường phố Ách-ca-lôn
Cả hai cụm từ nầy đều cùng nói về một ý và được lặp lại như một phần thơ trong bài ca nầy.
Gát... Ách-ca-lôn
Gát và Ách-ca-lôn là hai thành chính ở Phi-li-tin. Dân Phi-li-tin đã giết Sau-lơ và Giô-na-than.
để các con gái Phi-li-tin không được vui vẻ... để các con gái của kẻ không chịu cắt bì không ca hát
Cả hai cụm từ nầy đều cùng nói về một ý và được lặp lại như một phần thơ văn trong bài hát.
con gái của kẻ không chịu cắt bì
Cụm từ nầy chỉ về những kẻ không theo Đức Giê-hô-va, chẳng hạn như dân Phi-li-tin.
2 Samuel 1:21
núi Ghinh-bô-a
Đa-vít nói trực tiếp với "núi Ghinh-bô-a" như thể chúng đang lắng nghe bài ca của ông.
nguyện chẳng có sương móc hay mưa trên các ngươi
Đa-vít rủa sả đất nơi vua Sau-lơ chết trong chiến trận. Đây là cách thể hiện lòng tôn kính đối với Sau-lơ, là vị vua được xức dầu của Đức Chúa Trời.
khiên của người anh hùng bị nhem nhuốc
Từ “người anh hùng” ở đây chỉ về Sau-lơ. Khiên bị nhem nhuốc bởi vì nó bị rơi trên đất, và bởi vì máu của vua Sau-lơ đã đổ ra trên nó.
Khiên của Sau-lơ sẽ không được xức dầu nữa
Khiên của Sau-lơ được bọc bằng da. Để bảo dưỡng loại khiên nầy thì phải dùng dầu để đánh bóng nó. Tham khảo cách dịch: “Sẽ không ai quan tâm đến khiên của Sau-lơ nữa”
Cung của Giô-na-than không quay về mà không dính máu của kẻ chết, và gươm của Sau-lơ cũng không trở lại mà không có máu của người dũng sĩ
Sau-lơ và Giô-na-than ở đây được mô tả là những chiến binh hung dữ và can đảm.
gươm của Sau-lơ không trở lại trống không
Gươm của Sau-lơ được ví như một vật sống có thể tự mình vô trở lại bao gươm. Thay vì trở lại bao sạch sẽ thì nó có dính theo máu của những kẻ thù đã bị giết của Sau-lơ.
2 Samuel 1:23
lúc chết họ cũng chẳng bị phân rẽ
Cụm từ “chẳng bị phân rẽ” được dùng để nhấn mạnh ý họ luôn quấn quít với nhau. Tham khảo cách dịch: “dù chết họ cũng chẳng rời”
Họ nhanh hơn chim ưng, họ mạnh hơn sư tử
Sau-lơ và Giô-na-than được ví như thể họ nhanh hơn chim ưng và mạnh hơn sư tử.
người đã mặc áo điều và đeo đồ trang sức quý cho các cô, và cài những đồ trang sức bằng vàng lên áo các cô
"người đã ban cho các cô quần áo và trang sức tốt”. Hai cụm từ nầy có ý nghĩa tương tự nhau, tập trung vào việc cung cấp trang phục đắt tiền và quyến rũ cho những người nữ đó.
2 Samuel 1:25
Sao những người dũng sĩ phải gục ngã
Cụm từ nầy được lặp lại trong câu 25 và 27 để nhấn mạnh rằng những chiến binh quả cảm nhất của Y-sơ-ra-ên đã chết. Tham khảo cách dịch: “Những người dũng sĩ đã chết trong chiến trận!”
những người dũng sĩ
Ở đây “những người dũng sĩ” ở số nhiều và có thể hoặc là chỉ riêng Sau-lơ và Giô-na-than, hoặc chỉ toàn bộ lính chiến của Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “những chiến binh quả cảm”
đã gục ngã
Đây là cách nói tế nhị cho việc: “đã chết trong chiến trận”
Giô-na-than bị giết
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Giô-na-than đã chết trên chiến trường” hoặc “Quân địch đã giết chết Giô-na-than”
trên những nơi cao của các ngươi
Đa-vít tiếp tục phần nầy trong bài hát về núi Ghinh-bô-a mà ông đã bắt đầu trong [2SA 1:21]
Giô-na-than anh tôi ơi
Ở đây, “anh” được dùng trong ý nghĩa về một tình bạn rất thân thiết.
Tình yêu của anh đối với tôi thật diệu kỳ, trội hơn cả tình yêu người nữ.
Ở đây, “tình yêu” được dùng trong ý nghĩa về tình bạn và lòng trung thành. Lòng trung thành của Giô-na-than với Đa-vít thậm chí còn vĩ đại hơn lòng chung thủy của một người phụ nữ dành cho chồng con của mình.
các vũ khí chiến tranh giờ đã tan tành
"vũ khí của họ đã bị phá hủy”

Translation Questions

2 Samuel 1:1
Đa-vít làm gì sau khi Sau-lơ chết?
Sau khi Sau-lơ chết, Đa-vít đã thắng dân A-ma-lét trở về rồi, thì ở Xiết-lác hai ngày.
2 Samuel 1:2
Vào ngày thứ ba, ai từ dinh của Sau-lơ đến gặp Đa-vít?
Ngày thứ ba, xảy có một người quần áo rách rưới, đầu đóng bụi, đến trước mặt Đa-vít.
2 Samuel 1:4
Gã trai trẻ nói gì về Sau-lơ và Giô-na-than?
Gã trai trẻ nói rằng Sau-lơ và con trai ông là Giô-na-than đã chết.
2 Samuel 1:6
Người trai trẻ nói ông tìm thấy Sau-lơ ở đâu?
Người trai trẻ nói ông đi qua Núi Ghinh-bô-a, và thấy Sau-lơ đang nằm xiên trên cây giáo.
2 Samuel 1:8
Người trai trẻ nói Sau-lơ muốn ông làm gì?
Người trai trẻ nói Sau-lơ muốn ông đứng gần và giết đi.
2 Samuel 1:9
Tại sao Sau-lơ đòi gã trai trẻ A-ma-léc giết ông?
Sau-lơ đòi gã trai trẻ A-ma-léc giết ông vì ông nói, "Hãy lại

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

gần giết ta đi, vì ta bị xây xẩm, nhưng hãy còn sống."
2 Samuel 1:10
Sau khi người trai trẻ giết Sau-lơ, ông ta lấy gì của Sau-lơ?
Người trai trẻ lấy mão triều thiên trên đầu Sau-lơ và vòng vàng trên cánh tay ông.
2 Samuel 1:11
Đa-vít và người của ông làm gì khi họ hay tin về cái chết của Sau-lơ và Giô-na-than?
Đa-vít và người của ông xé quần áo mình và để tang, khóc lóc, và nhịn đói cho đến chiều tối.
2 Samuel 1:12
Đa-vít và người của ông làm gì khi họ hay tin về cái chết của Sau-lơ và Giô-na-than?
Đa-vít và người của ông xé quần áo mình và để tang, khóc lóc, và nhịn đói cho đến chiều tối.
Đa-vít và những người đi theo ông để tang, khóc lóc, và nhịn đói vì ai nữa?
Đa-vít và những người đi theo ông để tang, khóc lóc, và nhịn đói vì dân sự của Đức Giê-hô-va và vì nhà Y-sơ-ra-ên, bởi họ đã bị gươm ngã chết.
2 Samuel 1:14
Tại sao Đa-vít cho giết người trai trẻ A-ma-léc?
Đa-vít cho giết người trai trẻ A-ma-léc vì ông ấy đã giết người chịu xức dầu của Đức Giê-hô-va.
2 Samuel 1:16
Tại sao Đa-vít cho giết người trai trẻ A-ma-léc?
Đa-vít cho giết người trai trẻ A-ma-léc vì ông ấy đã giết người chịu xức dầu của Đức Giê-hô-va.
2 Samuel 1:17
Bài ai ca mà Đa-vít làm về Sau-lơ và Giô-na-than được chép trong sách nào?
Bài ai ca mà Đa-vít làm về Sau-lơ và Giô-na-than được chép trong sách kẻ công bình.
2 Samuel 1:18
Bài ai ca mà Đa-vít làm về Sau-lơ và Giô-na-than được chép trong sách nào?
Bài ai ca mà Đa-vít làm về Sau-lơ và Giô-na-than được chép trong sách kẻ công bình.
2 Samuel 1:19
Cái gì đã chết, bị giết trên núi của Y-sơ-ra-ên?
Vinh quang của Y-sơ-ra-ên đã chết.
2 Samuel 1:20
Tại sao Đa-vít nói chớ đi tuyên cáo rằng sự vinh quang của Y-sơ-ra-ên đã chết ở Gát hoặc trên đường phố ở Ách-kê-lôn?
Đa-vít nói chớ đi tuyên cáo điều đó trong Gát hoặc trong các đường phố Ách-kê-lôn để các con gái Phi-li-tin không vui vẻ, và để các con gái của kẻ không chịu cắt bì không mừng rỡ.
2 Samuel 1:21
Cái khên của người anh hùng bị nhơ nhuốc ở đâu?
Cái khiên của người anh hùng bị nhơ nhuốc trên núi Ghinh-bô-a.
2 Samuel 1:24
Sau-lơ đã làm gì cho các con gái Y-sơ-ra-ên?
Sau-lơ đã mặc cho họ áo xống màu đỏ điều xa xí, trao giồi áo xống họ bằng đồ vàng.
2 Samuel 1:26
Tình yêu của Giô-na-than dành cho Đa-vít lớn thế nào?
Đa-vít nói tình yêu của Giô-na-than dành cho Đa-vít là một tình yêu tuyệt vời, quý hơn tình yêu của người nữ.

Chapter 2
2 Samuel 2:1
Sau việc ấy
Sau khi Đa-vít than khóc về cái chết của Sau-lơ và Giô-na-than trong chiến trận.
đi lên một thành nào trong các thành của Giu-đa
Xiếc-lác nằm ở vị trí thấp hơn so với Giu-đa. Tham khảo cách dịch: “đi đến một trong các thánh của Giu-đa”
Đa-vít lên đó cùng với hai người vợ của mình
Xiếc-lác nằm ở vị trí thấp hơn so với Hếp-rôn. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít đi lên Hếp-rôn cùng với hai người vợ của mình”
2 Samuel 2:4
xức dầu cho Đa-vít làm vua
Đây là một hành động mang tính biểu tượng, họ đổ dầu lên đầu Đa-vít để chỉ tỏ ông đã được lựa chọn làm vua.
nhà Giu-đa
Ở đây, “nhà” được dùng trong ý nghĩa là “chi tộc”. Tham khảo cách dịch: “chi tộc Giu-đa”
Gia-bết Ghi-lê-át
Đây là tên của một thành ở vùng Ghi-bê-át.
2 Samuel 2:6
Thông tin chung:
Đa-vít nói với dân ở tại Gia-bết Ghi-lê-át.
việc nầy
Họ đã chôn cất Sau-lơ
nguyện tay các ngươi được mạnh mẽ
Ở đây, “tay” chỉ về những người Gia-bết Ghi-lê-át. Tham khảo cách dịch: “được mạnh mẽ”
xức dầu cho ta làm vua
Đây là một hành động mang tính biểu tượng, họ đổ dầu lên đầu Đa-vít để chỉ tỏ ông đã được lựa chọn làm vua.
2 Samuel 2:8
Nê-rơ ... Ích-bô-sết
Đây đều là tên của nam.
Ma-ha-na-im ... Ghi-lê-át ... Giê-rê-ên
Đây là tên của các địa danh.
2 Samuel 2:10
nhà Giu-đa
Ở đây, “nhà” được dùng để chỉ về “chi tộc”
nhà Giu-đa đi theo Đa-vít
Việc vâng phục quyền cai trị của Đa-vít được ví như “đi theo” ông. Tham khảo cách dịch: “chi tộc Giu-đa vâng phục Đa-vít là vua của mình”
2 Samuel 2:12
Áp-ne ... Nê-rơ... Ích-bô-sết ... Sau-lơ ... Xê-ru-gia
Đây đều là tên của nam.
2 Samuel 2:16
tất cả bọn họ đều ngã chết
Đây là cách nói nhẹ nhàng về việc họ đã chết. Tham khảo cách dịch: “cả hai bọn họ đều đã chết”
Hên-ca Ha-xu-rim
Tên gọi nầy được đặt ra để nhắc dân sự nhớ về những chuyện đã xảy ra.
Trận chiến ngày hôm đó rất ác liệt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu văn sẽ dễ hiểu hơn nếu như nói rõ ra rằng đấy là một trận chiến lớn nổ ra sau cuộc chiến của những người thanh niên kia. Tham khảo cách dịch: “Sau đó những người khác cũng bắt đầu chiến đấu. Trận chiến ngày hôm đó rất ác liệt.”

2 Samuel 2:18

Xê-ru-gia ... Giô-áp ... A-bi-sai ... A-sa-ên ... Áp-ne

Đây đều là tên của nam.

A-sa-ên chạy nhanh như sơn dương

Ở đây, A-sa-ên được so sánh với sơn dương, một loài thú chạy rất nhanh. Tham khảo cách dịch: “A-sa-ên có thể chạy rất nhanh”

sơn dương

Đây là loài thú bốn chân, nhỏ, trên đầu có hai sừng dài, chạy rất nhanh.

đuổi theo ông Áp-ne mà không hề rẽ lệch qua bất cứ hướng nào

Ở đây "không hề rẽ lệch qua” được nói theo thể phủ định để nhấn mạnh ông đã đuổi theo Áp-ne suýt soát ra sao. Tham khảo cách dịch: “đuổi theo Áp-ne mọi nơi ông đi”

2 Samuel 2:20

A-sa-ên

Đây là tên của một người nam.

Rẽ sang... rẽ sang

"đừng đuổi theo ta... đừng đuổi theo Áp-ne”

bắt lấy một trong những người trai trẻ kia rồi tước lấy vũ khí của hắn

Áp-ne đang yêu cầu A-sa-ên giết và tước vũ khí của một người lính trẻ hơn, là một người không hề nguy hiểm như Áp-ne. Ông không muốn giết A-sa-ên. Tham khảo cách dịch: “hãy chiến đấu với một người lính khác và tước lấy vũ khí của hắn làm chiến lợi phẩm”

2 Samuel 2:22

Tại sao buộc ta phải đánh ngươi đến nằm sải trên đất?

Câu hỏi nầy được dùng để cảnh báo A-sa-ên về mối nguy hiểm mà ông đối mặt. “đánh đến nằm sải trên đất” là một cách nói nhẹ nhàng cho ý “giết”. Tham khảo cách dịch: “Ta không muốn giết ngươi”

Nếu thế thì sao ta có thể ngẩng mặt trước Giô-áp anh ngươi?

Câu hỏi nầy nhấn mạnh rằng Áp-ne không muốn đánh giết A-sa-ên bởi vì chuyện đó sẽ phá hủy mối liên hệ với Giô-áp. Ở đây, “ngẩng mặt trước Giô-áp” là một cách nói có nghĩa là ông sẽ xấu hổ đến nỗi không thể nhìn mặt Giô-áp. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ xấu hổ đến nỗi không dám nhìn mặt anh ngươi là Giô-áp”

xây sang

Từ nầy có nghĩa là “tạm ngừng” hoặc “ngừng truy đuổi”

mũi giáo cùn

Cụm từ nầy để chỉ cán giáo, là phần không sắc bén hay được dùng để chọc thủng bất cứ vật nào. Cụm từ nầy ngụ ý là Áp-ne chỉ đang cố gắng để cản A-sa-ên không đuổi theo mình nữa, chứ không hề có ý định giết chết người.

2 Samuel 2:24

A-bi-sai

Đây là tên của một người nam.

đồi A-ma ... Ghi-a

Đây là tên của các địa danh.

2 Samuel 2:26

gọi to

"hét” hoặc "la hét”

Gươm đao cứ tiếp tục chém giết mãi sao?

Câu hỏi nầy nhấn mạnh rằng trận chiến nầy đã kéo dài quá lâu. Từ “gươm” chỉ về việc việc đánh trận. Việc chém giết trong trận chiến được ví như một con thú hoang đang ăn nuốt các binh lính. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta không cần phải cứ dùng gươm chém giết lẫn nhau”

Ông không biết rằng đến cuối cùng sẽ chỉ là cay đắng thôi sao?

Câu hỏi nầy được dùng để ép Giô-áp phải hiểu ra rằng việc cứ tiếp tục chiến đấu thì kết cục sẽ chỉ gây ra nhiều đau đớn hơn. Ở đây, “cay đắng” cách nói trại chỉ về những đau đớn kinh khiếp có thể xảy ra. Tham khảo cách dịch: “Ông phải hiểu rõ rằng nếu cứ tiếp tục thì hậu quả sẽ tồi tệ!”

Chuyện nầy sẽ phải kéo dài trong bao lâu nữa thì ông mới truyền lệnh cho người của mình thôi đuổi theo anh em mình?

Câu hỏi nầy được đặt ra để thuyết phục Giô-áp ngừng trận chiến với những người Y-sơ-ra-ên anh em của mình. Ở đây, “anh em” được dùng để tượng trưng cho những người trong nước Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ hãy dừng ngay việc nầy lại để dân Y-sơ-ra-ên sẽ không phải chém giết lẫn nhay nữa!”

thật như Đức Chúa Trời hằng sống

Đây làm một lời thề rất cương quyết. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ làm chứng cho ta” hoặc “Đức Chúa Trời sẽ xác nhận rằng những lời ta nói là thật”

nếu như ông không nói thế.... truy đuổi anh em mình cho đến sáng mai

Câu khẳng định mang tính giả thuyết nầy cho biết những chuyện có thể xảy ra nếu như Áp-ne không đối đáp khôn khéo với Giô-áp.

2 Samuel 2:28

thổi kèn

Kèn được dùng để phát tín hiệu cho những đội quân đang ở rất xa.

đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên nữa

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ về những người lính đáng trận cho Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “tiếp tục đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên”

A-ra-ba ... Ma-ha-na-im

Đây là tên của các địa danh.

2 Samuel 2:30

A-sa-ên

Đây là tên của một người nam.

360 người Bên-gia-min theo Áp-ne

"360 người từ chi phái Bên-gia-min theo Áp-ne”. Áp-ne không chết

của Bên-gia-min

Cụm từ nầy có nghĩa là "từ chi tộc Bên-gia-min”

đưa A-sa-ên lên

"mang xác A-sa-ên theo”

lúc họ đến Hếp-rôn thì trời bắt đầu sáng

"họ đến Hếp-rôn vào sáng hôm sau”

Translation Questions

2 Samuel 2:1

Đức Giê-hô-va trả lời Đa-vít thế nào khi ông hỏi Ngài, "Tôi có nên đi lên trong một thành nào của xứ Giu-đa chăng?"

Đức Giê-hô-va đáp cùng Đa-vít, "Hãy đi lên," khi ông hỏi Ngài.

2 Samuel 2:2

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va bảo Đa-vít đến thành nào?
Đức Giê-hô-va bảo Đa-vít đến Hếp-rôn.
Ai cùng Đa-vít đi lên Hếp-rôn?
Đa-vít đi lên Hếp-rôn cùng hai vợ của ông, là A-hi-nô-am và A-bi-ga-in. Đa-vít cũng đem các người ở cùng mình đi lên, mỗi người với gia quyến mình.
2 Samuel 2:3
Ai cùng Đa-vít đi lên Hếp-rôn?
Đa-vít đi lên Hếp-rôn cùng hai vợ của ông, là A-hi-nô-am và A-bi-ga-in. Đa-vít cũng đem các người ở cùng mình đi lên, mỗi người với gia quyến mình.
2 Samuel 2:4
Những người Giu-đa làm gì khi họ đến gặp Đa-vít?
Những người Giu-đa đến và xức dầu cho Đa-vít làm vua cai trị nhà Giu-đa.
2 Samuel 2:8
Áp-ne là ai?
Áp-ne là con trai của Nê-rơ, quan tổng binh của Sau-lơ.
Áp-ne làm gì với Ích-bô-sết, con trai của Sau-lơ?
Áp-ne bắt Ích-bô-sết đưa qua Ma-ha-na-im; lập người làm vua Ga-la-át, A-sự-rít, Gít-rê-ên, Ép-ra-im, Bên-gia-min, và cả Y-sơ-ra-ên.
2 Samuel 2:9
Áp-ne làm gì với Ích-bô-sết, con trai của Sau-lơ?
Áp-ne bắt Ích-bô-sết đưa qua Ma-ha-na-im; lập người làm vua Ga-la-át, A-sự-rít, Gít-rê-ên, Ép-ra-im, Bên-gia-min, và cả Y-sơ-ra-ên.
2 Samuel 2:11
Đa-vít làm vua ở Hếp-rôn cai trị nhà Giu-đa được bao lâu?
Đa-vít ở Hếp-rôn, cai trị trên nhà Giu-đa được bảy năm sáu tháng.
2 Samuel 2:12
Giô-áp, con trai của Xê-ru-gia và các tôi tớ của Đa-vít gặp Áp-ne con của Nê-rơ, và các tôi tớ của Ích-bô-sết ở đâu?
Giô-áp, con trai của Xê-ru-gia và các tôi tớ của Đa-vít gặp Áp-ne con của Nê-rơ, và các tôi tớ của Ích-bô-sết ở lối hồ Ghi-bê-ôn.
2 Samuel 2:13
Giô-áp, con trai của Xê-ru-gia và các tôi tớ của Đa-vít gặp Áp-ne con của Nê-rơ, và các tôi tớ của Ích-bô-sết ở đâu?
Giô-áp, con trai của Xê-ru-gia và các tôi tớ của Đa-vít gặp Áp-ne con của Nê-rơ, và các tôi tớ của Ích-bô-sết ở lối hồ Ghi-bê-ôn.
2 Samuel 2:15
Bao nhiêu người trai trẻ đứng dậy đặng tranh đua trước mặt Giô-áp và Áp-ne?
Mười hai người Bên-gia-min vì Ích-bô-sết, con trai Sau-lơ, và mười hai người trong các tôi tớ của Đa-vít.
2 Samuel 2:17
Hôm đó ai thắng trận?
Áp-ne và những người Y-sơ-ra-ên đều bị các tôi tớ của Đa-vít đánh bại.
2 Samuel 2:19
Ai trong số các con trai của Xê-ru-gia rượt đuổi Áp-ne?
A-sa-ên đuổi theo Áp-ne.
2 Samuel 2:22
Áp-ne nói gì với A-sa-ên đặng khuyến khích A-sa-ên ngưng rượt đuổi ông?
Áp-ne nói với A-sa-ên, "Cớ sao buộc ta phải đánh giết ngươi nằm sải xuống đất? Ví bằng giết ngươi, ta dễ nào còn dám ngó mặt Giô-áp là anh ngươi?"
2 Samuel 2:23
Điều gì xảy ra với A-sa-ên khi ông từ chối xây lưng khỏi Áp-ne?
Khi A-sa-ên không xây lưng khỏi Áp-ne, Áp-ne bèn lấy cán giáo mình đâm người nơi bụng, thấu đến sau lưng. A-sa-ên té xuống và chết tại chỗ.
2 Samuel 2:24
Giô-áp và A-bi-sai đuổi theo Áp-ne đến đâu?
Giô-áp và A-bi-sai đuổi theo Áp-ne đến gò A-ma, đối ngang Ghi-a, về hướng đồng vắng Ga-ba-ôn.
2 Samuel 2:26
Áp-ne nói gì mà khiến Giô-áp và A-bi-sai ngưng rượt đuổi ông?
Áp-ne gọi Giô-áp và nói, "Vậy, lưỡi gươm chưa thôi hủy diệt sao? Ngươi há chẳng biết cuối cùng sẽ là khổ sao? Ngươi không truyền lịnh cho dân sự thôi đuổi theo anh em mình cho đến chừng nào?"
2 Samuel 2:27
Áp-ne nói gì mà khiến Giô-áp và A-bi-sai ngưng rượt đuổi ông?
Áp-ne gọi Giô-áp và nói, "Vậy, lưỡi gươm chưa thôi hủy diệt sao? Ngươi há chẳng biết cuối cùng sẽ là khổ sao? Ngươi không truyền lịnh cho dân sự thôi đuổi theo anh em mình cho đến chừng nào?"
2 Samuel 2:29
Áp-ne và người của ông đi đâu?
Áp-ne và người của ông đến Ma-ha-na-im.
2 Samuel 2:32
Giô-áp và người của ông đi đâu?
Giô-áp và người của ông đến Hếp-rôn.

Chapter 3
2 Samuel 3:1
Bấy giờ
Ở đây từ nầy được dùng để đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, Sa-mu-ên đang đưa ra thông tin về cuộc chiến giữa Đa-vít và những người ủng hộ Sau-lơ.
nhà
Ở đây, “nhà” được dùng với ý nghĩa chỉ về “những người ủng hộ”
ngày càng vững mạnh
Phép ẩn dụ nầy có nghĩa là số lượng người ủng hộ Đa-vít ngày càng gia tăng.
ngày càng suy yếu
Phép ẩn dụ nầy có nghĩa là số lượng người ủng hộ gia đình Sau-lơ ngày càng giảm.
2 Samuel 3:2
Nhiều con trai được sinh ra cho Đa-vít
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Những người vợ của Đa-vít sinh cho ông sáu người con trai”
con trưởng nam ... con trai thứ nhì... con thứ ba
Đây là thứ tự các con trai Đa-vít.
A-hi-nô-am... A-bi-ga-in... Ma-a-ca
Đây đều là tên của nữ. Họ là vợ của Đa-vít.
Chi-lê-áp... Na-banh... Thanh-mai
Đây đều là tên của nam.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Samuel 3:4

con trai thứ tư... con trai thứ năm... con thứ sáu

Đây là thứ tự các con trai Đa-vít.

Sê-pha-tia... Ít-rê-am

Đây đều là tên của các con trai Đa-vít.

Ha-ghít... A-bi-tanh... Éc-la

Đây đều là tên các vợ của Đa-vít.

2 Samuel 3:6

Chuyện xảy ra

Từ nầy giới thiệu một phần mở trong câu chuyện về cuộc chiến giữa những người ủng hộ Đa-vít và nhà Sau-lơ.

nhà Sau-lơ

Cụm từ nầy chỉ về gia đình và những người ủng hộ Sau-lơ, tức là những người nắm quyền kiểm soát đất đai của Sau-lơ sau khi ông qua đời.

nhà Đa-vít

Chỉ những người ủng hộ Đa-vít.

Áp-ne củng cố địa vị của mình trong nhà Sau-lơ

Việc Áp-ne đang gia tăng quyền lực của mình trên nhà Sau-lơ được nói như thể ông trở nên mạnh mẽ hơn về phần thân thể, sức lực. Tham khảo cách dịch: “Áp-ne giành được nhiều quyền lực hơn trên nhà Sau-lơ và những người ủng hộ Sau-lơ”

Rít-pa ... Ai-gia

Đây đều là tên của nữ.

Ích-bô-sết

Đây là tên của nam, một trong trai của Sau-lơ.

Tại sao ngươi lại ăn nằm với vợ lẽ của cha ta?

Ích-bô-sết đặt ra câu hỏi nầy để quở trách Áp-ne vì dám hành động như thể mình là vua. Tham khảo cách dịch: “Ngươi không có quyền ăn nằm với vợ lẽ của cha ta!”

ăn nằm

Đây là lối nói tránh về việc quan hệ tình dục.

2 Samuel 3:8

Tôi có làm đầu chó theo phe Giu-đa không?

Câu hỏi nầy được Áp-ne dùng như lời phủ nhận đầy tức giận trước lời cáo buộc của Ích-bô-sết. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi không phải kẻ phản bội làm việc cho Đa-vít”

Tôi có làm đầu chó theo phe Giu-đa không?

Áp-ne gọi mình là đầu của một con chó, là con vật mà dân Y-sơ-ra-ên nhận định là trung thành với người nuôi mình. Ở đây, “theo phe Giu-đa” ngụ ý chỉ về lòng trung thành của Áp-ne hướng về phía Giu-đa, là chi tộc mà Đa-vít thuộc về, không phải về nhà Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “Tôi không phải là kẻ phản bội làm việc cho Đa-vít!” hoặc “Tôi là kẻ phản bội cho nhà Giu-đa sao?”

vào tay Đa-vít

Ở đây, “tay” đại diện cho năng lực đánh bại. Tham khảo cách dịch: “bị đánh bại bởi Đa-vít”

Thế rồi hôm nay bệ hạ lại buộc tội tôi về người đàn bà nầy sao?

Áp-ne đặt câu hỏi nầy để quở trách Ích-bô-sết. Không rõ là liệu Áp-ne có ngủ với Rít-pa hay không. Ý nghĩa khả thi: 1) Áp-ne đã phạm tội. Tham khảo cách dịch: “Bệ hạ không nên buồn vì việc tôi đã ngủ với người đàn bà nầy!” hoặc 2) Áp-ne không hề phạm tội. Tham khảo cách dịch: “Bệ hạ không nên nghĩ rằng tôi đã ngủ với người đàn bà nầy!”

2 Samuel 3:9

Nguyện Đức Chúa Trời phạt tôi như vậy ... và còn nặng nề hơn, nếu tôi không

Đây là một hình thức thề nguyện trang trọng thời bấy giờ. Áp-ne đang cầu xin Đức Chúa Trời trừng phạt ông nặng nề nếu như ông không chịu giữ lời thề nguyện của mình. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt những lời thề nguyện. Tham khảo cách dịch: “Tôi cầu xin Đức Chúa Trời trừng phạt mình nếu tôi không”

nhà Sau-lơ

Ở đây, “nhà” chỉ về gia đình Sau-lơ và những người ủng hộ Sau-lơ vẫn còn sống sau cái chết của Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “gia đình và những người ủng hộ Sau-lơ”

ngôi Đa-vít

Cụm từ nầy chỉ về việc quyền lực của Đa-vít với tư cách là một vị vua.

2 Samuel 3:12

với Đa-vít

Một số bản dịch thêm cụm từ “khi người ở tại Hếp-rôn” còn một số bản dịch thì lược bỏ nó. Có thể bạn muốn thêm cụm từ nầy vào nếu trong bản dịch trong nước bạn có nó.

Đất nước nầy thuộc về ai?

Bản gốc của câu hỏi nầy không nói rõ. Ý nghĩa khả thi: 1) Áp-ne có thẩm quyền ban đất nước nầy cho Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Đất nước nầy là của ta!” hoặc 2) Đa-vít được Đức Chúa Trời chọn để cai trị đất nước nầy. Tham khảo cách dịch: “Đất nước nầy thuộc về bệ hạ!”

tay của tôi ở với ngài

Ở đây, “tay” đại diện cho sự tham gia của Áp-ne mà ông đang đề nghị sẽ tham gia với Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ phò giúp bệ hạ”

ngươi không thể gặp mặt ta trừ khi trước hết ngươi phải dẫn Mi-canh đến

Đa-vít đang đưa ra điều kiện, đáp ứng điều đó thì ông sẽ gặp Áp-ne. Ở đây, “mặt” chỉ về chính Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “ngươi sẽ không thể gặp mặt ta trừ khi ngươi dân Mi-canh đến gặp ta trước”

Mi-canh

Đây là tên con gái Sau-lơ. Bà là vợ của Đa-vít.

2 Samuel 3:14

một trăm dương bì của người Phi-li-tin

Số này tượng trưng cho số người nam mà Đa-vít đã giết để Sau-lơ cho phép ông cưới Mi-canh. “dương bì” là phần da có nếp gấp bao phủ lấy bộ phận sinh sản của nam giới.

bắt Mi-canh nơi chồng bà

Pha-ti-ên là người chồng thứ hai của Mi-canh. Sau-lơ ban bà cho Đa-vít say khi Đa-vít đã chạy trốn khỏi Sau-lơ.

Pha-ti-ên ... La-ít

Đây đều là tên của nam.

Ba-hu-rim

Đây là tên của một ngôi làng.

2 Samuel 3:17

Vậy, bây giờ hãy làm đi

"Vậy, bây giờ hãy lập Đa-vít làm vua của các ông”

Bởi tay của Đa-vít, tức là đầy tớ Ta

Ở đây, “tay” chỉ về năng lực của Đa-vít để đánh bại dân Phi-li-tin. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ trao quyền cho Đa-vít đầy tớ của Ta và”

tay của người Phi-li-tin

Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực lớn mạnh hơn dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “quyền lực của dân Phi-li-tin”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tay mọi kẻ thù của họ
Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực mạnh hơn Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “quyền lực của kẻ mọi kẻ thù của họ”
2 Samuel 3:19
hai mươi người của ông
Số người đi cùng Áp-ne.
người Bên-gia-min ... cả nhà Bên-gia-min
Cả hai vế nầy chỉ về dòng dõi của Bên-gia-min, là một trong những chi tộc của Y-sơ-ra-ên.
2 Samuel 3:21
hết thảy Y-sơ-ra-ên
Cụm từ nầy có nghĩa là "toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên”
Vì vậy, Đa-vít cho Áp-ne về
Họ chia tay như những người bạn. Đa-vít không hề giận Áp-ne.
2 Samuel 3:22
chiến lợi phẩm
Đây là những thứ cướp được từ kẻ thù.
Áp-ne không còn ở với Đa-vít tại Hếp-rôn
Áp-ne đã rời đi mà trở về nhà.
họ báo cho Giô-áp
"có người báo cho Giô-áp”
Nê-rơ
Đây là tên của một người nam. Ông là ông của Sau-lơ.
2 Samuel 3:24
Bệ hạ đã làm gì?
Giô-áp đặt câu hỏi nầy để quở trách Đa-vít vì đã để Áp-ne đi trong bình an. “Bệ hạ không nên làm điều nầy!”
Tại sao bệ hạ lại để cho ông ta đi mất, và hắn đã đi mất?
Giô-áp đặt câu hỏi nầy để quở trách Đa-vít vì đã để cho Áp-ne trốn thoát. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Áp-ne đã ở đây và rồi bệ hạ đã để ông ta đi mất!”
Bệ hạ không biết rằng... mọi điều mình đang làm sao?
Giô-áp đặt ra câu hỏi nầy để thuyết phục Đa-vít tin rằng Áp-ne đang âm mưu chống lại Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn bệ hạ biết... mọi điều mình đang làm.”
giếng Si-ra
"Sa-ra” là tên của địa điểm nơi có cái giếng nầy.
2 Samuel 3:27
giữa cổng thành
Cụm từ này chỉ một trong hai cánh cổng trong tường thành tại Hếp-rôn. Như trong bản dịch UDB có bao hàm ý nầy, cổng thành được xây dựng như một phần của tường thành. Bên trong hành lang của nó có những cánh của dẫn vào những phòng phụ khác để tiếp đón khách, bên cạnh đó các hoạt động kinh doanh hoặc kiện tụng có thể diễn ra ở đó. Rõ ràng, Giô-áp đã giết Áp-ne trong một trong những phòng nầy.
máu của A-sa-ên
Ở đây, “máu” liên hệ đến cái chết của A-sa-ên. Tham khảo cách dịch: “cái chết của A-sa-ên"
A-sa-ên
Đây là tên của một người nam.
2 Samuel 3:28
Nê-rơ... A-bi-sai ... A-sa-ên
Đây đều là tên của nam.
máu của Áp-ne
Ở đây, “máu” chỉ về cái chết của Áp-ne. Tham khảo cách dịch: “cái chết của Áp-ne” murder
đổ trên đầu Giô-áp
Cụm từ nầy có nghĩa là những hậu quả của tội lỗi sẽ giáng trên Giô-áp và gia đình của ông như thể một vật nặng đổ sập trên họ. Tham khảo cách dịch: “luôn gây đau đớn cho Giô-áp”
cả nhà cha hắn
Ở đây, “nhà” chỉ về con cháu. Cụm từ “cả nhà cha hắn” chỉ về toàn bộ con cháu của cha Giô-áp.
Nguyện sẽ chẳng bao giờ thiếu
Câu phủ định kép nầy nhấn mạnh rằng luôn có người bị phải những vấn đề đã được liệt kê nầy. Tham khảo cách dịch: “Nguyện luôn có”
bị giết bởi gươm
Ở đây, “gươm” chỉ về một cái chết thảm khốc. Tham khảo cách dịch: “chết một cách thảm khốc”
thiếu thức ăn
"đói khát”
2 Samuel 3:31
Hãy xé áo các ngươi, hãy mặc áo tang chế vào
Đây là những hành động mang tính biểu tượng để biểu lộ nỗi đau buồn thương tiếc của họ.
Vua than khóc lớn tiếng
Từ “than khóc” và “khóc lớn tiếng” về cơ bản nói về cùng một ý và nhấn mạnh Đa-vít đã than khóc Áp-ne thảm thiết ra sao.
2 Samuel 3:33
Áp-ne phải chết như một nghe ngu dại sao?
Câu hỏi nầy được dùng để nhấn mạnh ý cái chết của ông ấy là không công bằng. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra Áp-ne không phải chết một cách tủi nhục như thế!”
Tay ngươi không bị trói. Chân ngươi không bị xiềng
Cả hai câu nầy đều nói về cùng một ý. Có thể gộp chúng lại thành một câu. Tham khảo cách dịch: “Ngươi không phải là một tù nhân trong ngục” hoặc “Ngươi hoàn hoàn toàn vô tội trước những việc làm sai trái”
Tay ngươi không bị trói
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai trói tay ngươi”
Chân ngươi không bị xiềng
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai buộc chân ngươi vào xiềng xích”
con cái của sự bất chính
Cụm từ nầy chỉ về những kẻ bất chính hoặc gian ác. Tham khảo cách dịch: “những kẻ ác”
2 Samuel 3:35
Toàn dân đến
Cách nói quá có chủ ý nầy được dùng để cho thấy rằng dân Y-sơ-ra-ên muốn chăm sóc cho Đa-vít trong lúc ông đau buồn. Tham khảo cách dịch: “Nhiều người đến”
Nguyện Đức Chúa Trời phạt tôi như vậy, và còn nặng nề hơn, nếu
Đây là một hình thức thề nguyện trang trọng thời bấy giờ. Đa-vít đang cầu xin Đức Chúa Trời trừng phạt ông nặng nề nếu như ông có ăn bất kỳ thứ gì trước lúc mặt trời lặn. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt những lời thề nguyện. Tham khảo cách dịch: “Tôi đang cầu xin Đức Chúa Trời trừng phạt tôi nếu như”
2 Samuel 3:37
Các ngươi không biết rằng, hôm nay, một thủ lĩnh, một đại nhân trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Y-sơ-ra-ên đã ngã xuống hay sao?
Câu hỏi nầy được dùng để cho thấy Đa-vít tôn trọng Áp-ne nhiều ra sao. Ở đây, “ngã xuống” là cách nói trại để chỉ về “chết”. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Quả thật ngày hôm nay một thủ lĩnh vĩ đại trong Y-sơ-ra-ên đã chết”
một thủ lĩnh và một đại nhân
Cả hai cụm từ nầy đều chỉ về Áp-ne. Tham khảo cách dịch: “một thủ lĩnh vĩ đại”
Nê-rơ... Xê-ru-gia
Đây đều là tên của nam.
tàn bạo
"không hề thương xót”

Translation Questions

2 Samuel 3:1
Trong cuộc chiến lâu dài giữa nhà Sau-lơ và nhà Đa-vít, nhà nào càng mạnh hơn và nhà nào càng yếu hơn?
Nhà Đa-vít càng ngày mạnh hơn và nhà Sau-lơ ngày càng yếu hơn trong cuộc chiến lâu dài giữa hai nhà.
2 Samuel 3:2
Ba con trai đầu của Đa-vít được sinh ra tại Hếp-rôn là ai?
Am-nôn, Ki-lê-áp, và Áp-sa-lôm là ba con trai đầu của Đa-vít được sinh ra tại Hếp-rôn.
2 Samuel 3:3
Ba con trai đầu của Đa-vít được sinh ra tại Hếp-rôn là ai?
Am-nôn, Ki-lê-áp, và Áp-sa-lôm là ba con trai đầu của Đa-vít được sinh ra tại Hếp-rôn.
2 Samuel 3:7
Ích-bô-sết kết tội Áp-ne đã làm gì?
Ích-bô-sết buộc tội Áp-ne đã ngủ cùng vợ lẻ của cha ông (của Sau-lơ).
2 Samuel 3:10
Sau khi Ích-bô-sết buộc tội Áp-ne ngủ với vợ lẽ của cha ông, Áp-ne thề ông sẽ làm gì?
Áp-ne thề sẽ dời nước khỏi nhà Sau-lơ qua nhà Đa-vít, và lập ngôi Đa-vít trên Y-sơ-ra-ên và trên Giu-đa, từ Đan cho đến Bê-e-Sê-ba.
2 Samuel 3:13
Đa-vít nói Áp-ne phải làm gì trước khi Áp-ne có thể thăm Đa-vít và lập giao ước cùng ông?
Đa-vít nói với sứ giả của Áp-ne rằng Áp-ne không thể thăm Đa-vít nếu ông không đem Mi-canh, con gái của Sau-lơ, đi cùng ông khi ông đến gặp Đa-vít.
2 Samuel 3:14
Đa-vít đã trả giá gì để Mi-canh làm vợ ông?
Đa-vít đã trả giá bằng 100 dương bì của người Phi-li-tin để cưới Mi-canh.
2 Samuel 3:17
Tóm lại, Áp-ne nói gì với các trưởng lão Y-sơ-ra-ên?
Áp-ne nói với các trưởng lão Y-sơ-ra-ên rằng họ nên lập Đa-vít làm vua trên họ như họ đã muốn làm khi xưa.
2 Samuel 3:18
Tóm lại, Áp-ne nói gì với các trưởng lão Y-sơ-ra-ên?
Áp-ne nói với các trưởng lão Y-sơ-ra-ên rằng họ nên lập Đa-vít làm vua trên họ như họ đã muốn làm khi xưa.
2 Samuel 3:20
Đa-vít làm gì cho Áp-ne khi Áp-ne đi cùng hai mươi người đến Hếp-rôn?
Đa-vít bày một tiệc đãi Áp-ne cùng những kẻ đi theo người.
2 Samuel 3:21
Tóm lại, Áp-ne nói với Đa-vít rằng ông định làm gì?
Áp-ne nói với Đa-vít rằng ông sẽ hội hiệp lại cả Y-sơ-ra-ên đến cùng Đa-vít đặng lập giao ước với ông để ông làm vua cai trị cả Y-sơ-ra-ên.
2 Samuel 3:23
Đa-vít và Áp-ne rời nhau thế nào?
Đa-vít đã cho Áp-ne về, và người đi bình an.
2 Samuel 3:25
Khi Giô-áp đến gặp Đa-vít, Giô-áp buộc tội Áp-ne đã làm gì?
Giô-áp buộc tội Áp-ne cố tình lừa Đa-vít, rình các đường đi ra đi vào của vua, và đặng biết mọi điều vua làm.
2 Samuel 3:27
Giô-áp làm gì sau khi ông đem Áp-ne về từ Hếp-rôn?
Giô-áp bèn đâm vào bụng Áp-ne và giết đi.
Tại sao Giô-áp giết Áp-ne?
Giô-áp giết Áp-ne đặng báo thù cho huyết của A-sa-ên, em của ông.
2 Samuel 3:29
Khi Đa-vít biết rằng Giô-áp đã giết Áp-ne, ông nói gì về Giô-áp và gia đình của Giô-áp?
Đa-vít nói nguyện huyết ấy đổ lại trên đầu Giô-áp và trên cả nhà cha người!
2 Samuel 3:31
Đa-vít nói Giô-áp và cả dân sự theo ông phải làm gì?
Đa-vít nói cùng Giô-áp và cả dân sự theo ông phải xé áo mình, thắt bao nơi lưng, và than khóc Áp-ne.
2 Samuel 3:35
Khi dân sự đến gần xin Đa-vít ăn ít miếng bánh trước khi hết ngày, Đa-vít thề gì?
Đa-vít thề, "Nếu trước khi mặt trời lặn, ta ăn một miếng bánh hay là vật chi khác, nguyện Đức Giê-hô-va phạt ta cách nặng nề."
2 Samuel 3:37
Hết thảy dân sự và người Y-sơ-ra-ên hiểu gì sau khi họ để ý về sự đau buồn của Đa-vít đối với Áp-ne?
Cả dân sự và người Y-sơ-ra-ên hiểu rằng vua chẳng can gì đến tội giết Áp-ne.
2 Samuel 3:38
Vua nói gì với các tôi tớ mình về Áp-ne?
Vua nói với các tôi tớ, "Một quan trưởng, một đại nhơn trong Y-sơ-ra-ên đã thác ngày nay; các ngươi há chẳng biết sao"
2 Samuel 3:39
Đa-vít ước điều gì về các con trai của Xê-ru-gia?
Đa-vít mong ước Đức Giê-hô-va báo trả kẻ làm ác bằng cách trừng phạt nó vì sự gian ác, vì nó đáng bị như vậy.

Chapter 4

2 Samuel 4:1
Ích-bô-sết ... Ba-a-na ... Rê-cáp ... Rim-môn
Đây đều là tên của nam.
Bấy giờ con trai của Sau-lơ có hai ngươi... cho đến ngày nay

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu nầy giới thiệu Ba-a-na và Rê-cáp trong câu chuyện.

tay người trở nên yếu ớt

Trong cụm từ nầy, “tay người” tượng trưng cho chính Ích-bô-sết. Tham khảo cách dịch: “Ích-bô-sết yếu đi” hoặc “Ích-bô-sết mất hết sức”

vì thành Bê-ê-rốt cũng được xem là một phần của Bên-gia-min, và người Bê-ê-rốt đã trốn đến Ghi-tha-im và kiều ngụ ở đó cho đến ngày nay

Ở đây, tác giả cung cấp cho độc giả biết phần thông tin nền về Bê-ê-rết. Khu vực Bê-ê-rốt là phần đất thuộc về chi tộc Bên-gia-min.

Bê-ê-rốt ... Ghi-tha-im

Đây là tên của các địa danh.

2 Samuel 4:4

Thông tin chung:

Câu nầy dừng câu chuyện chính lại để cung cấp thông tin cơ bản về Mê-phi-bô-sết, một dòng dõi của Sau-lơ qua Giô-na-than thay vì qua Ích-bô-sết. Mê-phi-bô-sết sẽ trở thành một nhân vật quan trọng trong phần cuối của sách.

năm tuổi

Đây là số tuổi của con trai Giô-na-than vào thời điểm ngay cha ông qua đời.

chân bị què

Cụm từ nầy có nghĩa là "không đi đứng được”

tin tức về Sau-lơ và Giô-na-than

Cụm từ nầy chỉ về những tin tức về cái chết của họ

người vú nuôi

Đây là người đàn bà hoặc một thiếu nữ được thuê để chăm sóc cho trẻ nhỏ.

bị què

Điều nầy giải thích Mê-phi-bô-sết bị thương nặng ra sao đến nỗi ông không thể đi lại được.

Mê-phi-bô-sết

Đây là tên con trai của Giô-na-than, cháu nội Sau-lơ.

2 Samuel 4:5

Thông tin chung:

Câu chuyện trở lại với những hành động của Ba-a-na và Rê-cáp, là những người đã được giới thiệu trong 2SA 4:2.

lúc nắng nóng nhất

giữa ngày, lúc trời nóng nhất

sàng lúa mì

"làm sạch trấu khỏi lúa mì”

2 Samuel 4:8

tìm hại mạng sống của bệ hạ

Cách nói nầy có nghĩa là "cố gắng giết bệ hạ”

Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống

Đây là một trong những lời thề cương quyết nhất mà Đa-vít thốt ra, và Đức Giê-hô-va và người làm chứng. Tham khảo cách dịch: “Ta thề trên mạng sống của Đức Giê-hô-va”

Đấng đã giải cứu mạng sống ta

Ở đây, “mạng sống” chỉ về chính Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Đấng đã giải cứu ta”

2 Samuel 4:11

Huống chi... Vậy bây giờ, ta lại không đòi máu người từ tay các ngươi, và diệt các ngươi khỏi mặt đất sao?

Câu hỏi nầy được dùng để cho thấy những người này đã phạm một tội đặc biệt nghiêm trọng. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi còn phạm tội nghiêm trọng hơn nữa! Trách nhiệm của ta là đòi máu người từ tay các ngươi và diệt các ngươi khỏi mặt đất.”

đòi máu người từ tay các ngươi

Cụm từ “máu người” chỉ về mạng sống của Ích-bô-sết. Ở đây, “từ tay ngươi” đại diện cho Rê-cáp và Ba-a-na, các con trai của Rim-môn người Bê-ê-rốt từ [2 Samuel 4:5]

chặt tay chân chúng rồi treo chúng lên

Đây là những hành động mang tính biểu tượng thể hiện để tỏ sự khinh thường với hai người nầy.

họ lấy đầu Ích-bô-sết và chôn nó trong mộ

Đây là một hành động mang tính biểu tượng thể hiện sự tôn trọng đối với Ích-bô-sết. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “họ tôn trọng Ích-bô-sết khi chôn đầu của người trong mộ”

Translation Questions

2 Samuel 4:1

Điều gì khiến tay của Ích-bô-sết trở nên yếu đuối?

Khi Ích-bô-sết nghe rằng Áp-ne đã chết ở Hếp-rôn, tay ông trở nên yếu đuối.

2 Samuel 4:2

Hai sĩ quan của toán quân đột kích của Sau-lơ tên gì?

Hai sĩ quan của toán quân đột kích của Sau-lơ tên là Ba-a-na và Rê-cáp.

2 Samuel 4:4

Con trai của Sau-lơ, là người bị bại chân, tên gì?

Con trai của Sau-lơ là người bị bại chân tên là Mê-phi-bô-sết.

2 Samuel 4:6

Làm thế nào Rê-cáp và Ba-a-na vào nhà Ích-bô-sết?

Rê-cáp và Ba-a-na vào nhà bằng cách lặng lẽ đi và đi ngang qua người phụ nữ canh cửa đang ngủ.

2 Samuel 4:7

Rê-cáp và Ba-a-na làm gì một khi họ đã vào nhà Ích-bô-sết?

Khi Rê-cáp và Ba-a-na đã vào nhà Ích-bô-sết, họ giết ông khi ông đang nằm nghỉ trên giường ở phòng ngủ.

2 Samuel 4:8

Rê-cáp và Ba-a-na đi đâu sau khi họ giết Ích-bô-sết và cắt đầu ông ấy?

Rê-cáp và Ba-a-na đem đầu của Ích-bô-sết về cho Đa-vít tại Hếp-rôn.

2 Samuel 4:11

Đa-vít nói gì về Rê-cáp và Ba-a-na?

Đa-vít nói Rê-cáp và Ba-a-na là những kẻ hung ác đã giết một người lành nằm trên giường tại trong nhà mình.

2 Samuel 4:12

Theo lệnh Đa-vít, những người trai trẻ làm gì với Rê-cáp và Ba-a-na?

Những người trai trẻ giết Rê-cáp và Ba-a-na, chặt tay chân họ, và treo họ gần bên ao Hếp-rôn.

Đa-vít làm gì với cái đầu của Ích-bô-sết?

Đa-vít lấy đầu của Ích-bô-sết đem chôn trong mộ của Áp-ne tại Hếp-rôn.

Chapter 5

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Samuel 5:1

chúng tôi là cốt nhục của bệ hạ

Cụm từ nầy có nghĩa là "họ hàng". Tham khảo cách dịch: “chúng tôi có quan hệ họ hàng với bệ hạ” hoặc “chúng ta thuộc cùng một gia đình” -

Trước kia

Đây là thông tin mang tính lịch sử. Trước Đa-vít, Sau-lơ đã từng là vua của họ.

Ngươi sẽ chăn dắt dân Y-sơ-ra-ên ta, và ngươi sẽ trở thành vua cai trị trên Y-sơ-ra-ên

Về cơ bản, cả hai cụm từ nầy cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đã chọn Đa-vít lên làm vua.

Ngươi sẽ chăn dắt dân Y-sơ-ra-ên ta

Ở đây, việc ai trị dân sự được nói đến như thể chăn dắt họ. Tham khảo cách dịch: “Ngươi sẽ chăm sóc dân Y-sơ-ra-ên ta” hoặc “Ngươi sẽ cai trị dân Y-sơ-ra-ên ta”

2 Samuel 5:3

Họ xức dầu cho Đa-vít làm vua trên toàn cõi Y-sơ-ra-ên

“xức dầu” là một hành động mang tính biểu tượng cho thấy họ nhận biết Đức Chúa Trời đã chọn Đa-vít làm vua.

2 Samuel 5:6

Thông tin chung:

Đa-vít và quân đội Y-sơ-ra-ên tấn công Giê-ru-sa-lem.

Ông sẽ không đến đây được đâu mà chỉ bị những kẻ mù và những kẻ què đánh đuổi

Câu nầy có thể dịch lại ở dạng tích cực. Tham khảo cách dịch: “Nếu ông đến đây, thì cả kẻ mù và kẻ què cũng có thể đánh đuổi ngươi”

những kẻ què và những kẻ mù

những người không thể thấy hay bước đi được

2 Samuel 5:8

Đa-vít nói: “Những ai tấn công người Giê-bu-sít”

Đa-vít đang nói với quân lính của mình. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít nói với quân lính của mình: “Những ai muốn đánh đuổi người Giê-bu” (UDB)

“Những kẻ mù và những kẻ què”

Ý nghĩa khả thi: 1) cụm từ nầy chỉ những người thực sự bị què và bị mù hoặc 2) đây là hoán dụ chỉ về những người Giê-bu-sít ở trong thành Giê-ru-sa-lem như thể tất cả bọn họ đều yếu đuối và tật nguyền.

2 Samuel 5:11

Hi-ram

Đây là tên của người nam.

thợ mộc

những người làm việc với gỗ

thợ xây

những người làm việc với gạch và đá

2 Samuel 5:13

Sa-mua… Sô-báp… Na-than… Sa-lô-môn… Íp-ha… Ê-li-sua… Nê-phéc… Gia-phia… Ê-li-sa-ma… Ê-li-gia-đa… Ê-li-phê-lết

Đây đều là tên của các con trai Đa-vít.

nhiều con trai và con gái được sinh ra cho ông

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "ông có thêm nhiều con trai và con gái” hoặc “họ sinh thêm nhiều con trai và con gái cho ông”

những người người sinh ra cho ông

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà những người vợ của ông đã sinh cho ông” hoặc “ông có”

2 Samuel 5:17

Đa-vít đã được xức dầu làm vua cai trị trên Y-sơ-ra-ên

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Y-sơ-ra-ên đã xức dầu cho Đa-vít làm vua”

họ đều đi ra tìm ông

Cụm từ nầy chỉ về việc một số người Phi-li-tin tìm kiếm Đa-vít. Câu này dùng cách nói quá để cho thấy dân Phi-li-tin mong muốn tìm kiếm Đa-vít nhiều ra sao.

thung lũng Rê-pha-im

Đây là tên một địa điểm. (Xem:)

2 Samuel 5:19

Ba-anh Phê-rát-sim

Đây là tên một địa điểm.

Đức Giê-hô-va đã đánh tan các kẻ thù của ta trước mặt ta khác nào nước chảy

Ở đây, Đa-vít ví sánh chiến thắng mà Đức Giê-hô-va đem lại như một dòng nước chảy cuồn cuộn tràn bờ ngập cả xứ và gây ra sự tàn phá. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã áp đảo những kẻ thù của tôi như dòng nước lũ bao phủ khắp xứ”

2 Samuel 5:22

dân Phi-li-tin lại đi lên

Họ “đi lên” bởi vì dân Phi-li-tin sống ở nơi thấp hơn so với thành trì của Đa-vít.

thung lũng Rê-pha-im

Đây là tên một địa điểm.

rừng cây tùng

"cây tùng” là một loại cây, và từ “rừng” mô tả nhiều cây tùng mọc lại với nhau.

2 Samuel 5:24

Khi con nghe… Đức Giê-hô-va đã đi trước con để đánh bại quân Phi-li-tin

Đây là phần tiếp nối của lời chỉ dẫn mà Đức Giê-hô-va ban cho Đa-vít bắt đầu trong [2SA 5:23]

khi nào con nghe tiếng chân bước trong tiếng gió thổi lướt qua rừng cây tùng

"Khi gió thổi trên ngọn cây tùng nghe như tiếng người hành quân”

Ghê-ba… Ghê-xe

Đây là tên của các địa danh.

Translation Questions

2 Samuel 5:2

Tất cả các chi phái trong Y-sơ-ra-ên công nhận Đức Giê-hô-va đã nói gì với Đa-vít?

Tất cả các chi phái trong Y-sơ-ra-ên công nhận Đức Giê-hô-va đã nói với Đa-vít, "Ngươi sẽ chăn dân sự ta, và làm vua của Y-sơ-ra-ên."

2 Samuel 5:3

Ai đến Hếp-rôn, lập giao ước với Đa-vít, và xức dầu cho ông làm vua Y-sơ-ra-ên?

Hết thảy các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đến Hếp-rôn, lập giao ước với Đa-vít, và xức dầu cho Đa-vít làm vua của Y-sơ-ra-ên.

2 Samuel 5:5

Đa-vít trị vì ở Giê-ru-sa-lem trên cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa trong bao lâu?

Đa-vít cai trị được ba mươi ba năm ở Giê-ru-sa-lem trên cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Samuel 5:6
Giê-ru-sa-lem còn được gọi bằng những tên nào khác?
Giê-ru-sa-lem cũng được gọi là đồn Si-ôn và Thành Đa-vít.
2 Samuel 5:7
Giê-ru-sa-lem còn được gọi bằng những tên nào khác?
Giê-ru-sa-lem cũng được gọi là đồn Si-ôn và Thành Đa-vít.
Đa-vít chiếm đồn Si-ôn từ ai?
Đa-vít chiếm đồn Si-ôn từ dân Giê-bu-sít.
2 Samuel 5:10
Tại sao Đa-vít trở nên càng ngày cường thạnh?
Đa-vít càng ngày trở nên cường thạnh vì Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân, ở cùng ông.
2 Samuel 5:11
Hi-ram, vua Ty-rơ, gửi gì đến Đa-vít?
Hi-ram sai sứ đến Đa-vít, đem theo gỗ bá hương, thợ mộc, và thợ đá.
2 Samuel 5:14
Đa-vít có bao nhiêu người con được sinh tại Giê-ru-sa-lem?
Đa-vít có mười một người con được sinh ra tại Giê-ru-sa-lem.
2 Samuel 5:16
Đa-vít có bao nhiêu người con được sinh tại Giê-ru-sa-lem?
Đa-vít có mười một người con được sinh ra tại Giê-ru-sa-lem.
2 Samuel 5:17
Dân Phi-li-tin làm gì khi họ hay rằng Đa-vít đã được xức dầu làm vua Y-sơ-ra-ên?
Dân Phi-li-tin đi kiếm Đa-vít khi họ hay rằng ông đã được xức dầu làm vua Y-sơ-ra-ên.
2 Samuel 5:19
Đức Giê-hô-va nói gì với Đa-vít khi trả lời câu hỏi của Đa-vít, "Tôi phải lên đánh dân Phi-li-tin chăng? Ngài sẽ cho tôi chiến thắng chăng?"
Đức Giê-hô-va đáp cùng Đa-vít, "Hãy đi lên, vì hẳn ta sẽ phó dân Phi-li-tin vào tay ngươi."
2 Samuel 5:20
Đa-vít đánh dân Phi-li-tin ở đâu và kết quả là gì?
Đa-vít đánh chúng tại Ba-anh Phê-ra-xim, và tại đó ông đánh bại dân Phi-li-tin.
2 Samuel 5:23
Khi dân Phi-li-tin trở lại lần thứ nhì, Đức Giê-hô-va bảo Đa-vít đánh chúng thế nào?
Đức Giê-hô-va bảo Đa-vít chớ đi lên phía trước dân Phi-li-tin, nhưng phải đi vòng phía sau chúng và tới chỗ chúng về hướng cây dâu.
2 Samuel 5:24
Đức Giê-hô-va bảo Đa-vít lắng nghe âm thanh nào trước khi đánh dân Phi-li-tin?
Đức Giê-hô-va bảo Đa-vít đánh dân Phi-li-tin khi ông nghe trên ngọn các cây dâu có âm thanh như tiếng của đoàn quân xung trận.
2 Samuel 5:25
Đa-vít đáp trả lời thế nào đối với mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va?
Đa-vít làm y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông.
Kết quả của trận chiến chống dân Phi-li-tin là gì?
Kết quả của trận chiến này là Đa-vít giết dân Phi-li-tin từ Ghê-ba cho đến Ghê-xe.

Chapter 6
2 Samuel 6:1
Bấy giờ
Từ nầy đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.
tất cả những người được tuyển chọn của Y-sơ-ra-ên
Hoán dụ chỉ về quân đội của Y-sơ-ra-ên.
ba ngươi nghìn
"30.000"
từ Ba-a-la thuộc Giu-đa để rước Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời lên
Câu nầy ngụ ý rằng họ rước Hòm Giao Ước lên Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “từ Ba-a-la thuộc Giu-đa để rước Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời lên Giê-ru-sa-lem”
để rước Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời từ đó lên
Giê-ru-sa-lem nằm ở vị trí cao hơn hầu hết những nơi khác trong Y-sơ-ra-ên, chính vì vậy người Y-sơ-ra-ên thường nói là đi lên Giê-ru-sa-lem và đi từ Giê-ru-sa-lem xuống.
để rước... lên
Từ “rước” có thể được dịch thành “đem”
Ba-a-la
Đây là tên một địa điểm.
được gọi theo danh Đức Giê-hô-va vạn quân
Danh của Đức Giê-hô-va được viết ở trên hòm
Đấng vẫn ngự trên các chê-ru-bim
"Đấng ngự trên ngôi quyền năng của Ngài giữa các chê-ru-bim”
ngự
ngồi trên trai hoặc nơi quyền thế
2 Samuel 6:3
Thông tin chung:
Đa-vít và quân đội của Y-sơ-ra-ên di chuyển Hòm Giao Ước
A-bi-na-đáp ... U-xa ... A-hi-ô
Đây đều là tên của nam.
toàn thể nhà Y-sơ-ra-ên
Hoán dụ nầy chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “toàn thể những người Y-sơ-ra-ên ở với ông”
trống lắc tay
Trống lắc tay nầy là loại nhạc cụ giống như mặt trống với những miếng kim loại xung quanh sẽ phát ra âm thanh khi người ta đập hoặc lắc nhạc cụ đó.
lục lạc
loại nhạc cụ chứa nhiều hạt nhỏ, cứng bên trong một lớp vỏ ngoài cứng, khi bạn lắc nó thì sẽ tạo ra âm thanh nhịp nhàng.
chũm chọe
hai tấm kim loại tròn, đẹp khi va chạm vào nhau sẽ tạo ra âm thanh lớn.
2 Samuel 6:6
Na-côn
Đây là tên của một người nam.
cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên
Ở đây "cơn giận của Đức Giê-hô-va" được ví như một ngọn lửa.
vì tội lỗi của ông
Đây là tội lỗi của U-xơ bởi vì đã chạm đến Hòm Giao Ước bởi vì Đức Giê-hô-va đã ra lệnh không ai được chạm đến Hòm Giao Ước.
2 Samuel 6:8
Pê-rết U-xa
Đây là tên một địa điểm. Dịch giả có thể thêm phần ghi chú

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

với nội dung: “Tên gọi “Pê-rết U-xa” có nghĩa là “hình phạt của U-xa”"

cho đến ngày nay

Cụm từ nầy có nghĩa thời điểm khi sách này được viết ra, không phải thời điểm hiện tại trong thế kỷ hai mươi mốt.

Làm sao Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va đến được với ta?

Đa-vít dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông sợ phải rước Hòm Giao Ước đến Giê-ru-sa-lem. “Ta sợ hãi đến nỗi không dám đem Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va lên Giê-ru-sa-lem với ta”

2 Samuel 6:10

Ô-bết Ê-đôm người Ghít-ti

Đây là tên của một người nam.

ban phước cho người

Ở đây, “người” chỉ về Ô-bết Ê-đôm người Ghít-ti.

2 Samuel 6:12

Bấy giờ

Cụm từ nầy bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

Vua Đa-vít được tin

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ta báo tin cho Đa-vít”

nhà Ô-bết Ê-đôm

Ở đây, “nhà” tượng trưng cho “gia đình”. Tham khảo cách dịch: “Ô-bết Ê-đôm và gia đình người”

mang Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời lên

Giê-ru-sa-lem ở vị cao hơn hầu hết những nơi khác trong Y-sơ-ra-ên, chính vì vậy người Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “di chuyển Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời”

mang lên

Từ “mang” có thể được dịch thành “đem”

2 Samuel 6:14

Đa-vít nhảy múa hết sức mình trước Đức Giê-hô-va

Nhảy múa ở đây là một cách thờ phượng Đức Giê-hô-va đầy vui mừng.

vải lanh

loại vải được làm những sợi lanh

toàn thể nhà Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “nhà” tượng trưng cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “tất cả những người Y-sơ-ra-ên khác ở với người”

mang Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va lên

Giê-ru-sa-lem ở vị cao hơn hầu hết những nơi khác trong Y-sơ-ra-ên, chính vì vậy người Y-sơ-ra-ên thường nói là đi lên Giê-ru-sa-lem và đi từ Giê-ru-sa-lem xuống..

mang lên

Cụm từ “mang lên” có thể dịch thành “đem”

2 Samuel 6:16

Bấy giờ ... trong lòng bà

Cụm từ “Bấy giờ” đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến của chuyện. Ở đây, người kể chuyện đang cung cấp thông tin về Mi-canh.

Mi-canh

Mi-canh là con gái của vua Sau-lơ và cũng là người vợ đầu tiên của Đa-vít. Xem cách bạn đã dịch tên nầy trong 2SA 3:13.

trong lòng bà khinh bỉ vua

Ở đây, “lòng” tượng trưng cho những suy nghĩ hoặc cảm xúc. Tham khảo cách dịch: “bà nhìn vua đầy khinh bỉ” hoặc “bà khinh bỉ vua”

trước Đức Giê-hô-va

"cho Đức Giê-hô-va”

2 Samuel 6:18

vua nhân danh Đức Giê-hô-va vạn quân mà chúc phước cho dân chúng

Chúc phước” trong danh Đức Giê-hô-va vạn quân” có nghĩa là chúc phước với thẩm quyền và năng lực của Đức Giê-hô-va, hoặc với tư cách là người đại diện của Ngài.

bánh nho khô

ổ bánh bì ngọt làm với nho khô được nướng lên

2 Samuel 6:20

Mi-canh

Mi-canh là tên người vợ đầu tiên của Đa-vít

đến đón

Ở đây, “đến” có thể được dịch là “đi”

Hôm nay vua Y-sơ-ra-ên thật được tôn trọng làm sao

Đây là một câu mỉa mai. Ý của Mi-canh là ngược lại với những lời bà nói, và bà không cho rằng Đa-vít đang hành động một cách đáng được tôn trọng. Mi-canh nói chuyện với Đa-vít một cách vô lễ về việc ông nhảy múa và cả trang phục mà ông mặc để nhảy múa.

trước mắt các nữ tỳ nầy

Ở đây, “mắt của các nữ tỳ nầy” đại diện cho những người đầy tớ gái. Tham khảo cách dịch: “trước mặt những người đầy tớ gái nầy”

những kẻ thô lỗ

Đa-vít được ví như một kẻ thô bỉ và ngốc nghếch

2 Samuel 6:21

Đấng đã chọn ta thay cho cha của nàng

Ở đây, “của nàng” chỉ về Mi-canh.

trên dân sự của Đức Giê-hô-va, tức là trên Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “dân sự của Đức Giê-hô-va” và “Y-sơ-ra-ên” đều cùng nói về một ý.

Ta thậm chí sẽ còn không đứng đắn hơn thế

Đa-vít đang nói một cách châm biếm, và ngụ ý ngược lại với điều ông nói. Ông không cho rằng những việc mình đã làm là không đứng đắn hay những việc ông sẽ làm là không đứng đắn.

Ta sẽ tự làm mình bẽ mặt

Ở đây, “trong mắt mình” đại diện cho những nhận định hay suy nghĩ của một người về điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “ta sẽ tự cho mình là không đáng tôn trọng” hoặc “ta sẽ tự cho mình là kẻ dại dột”

Nhưng ta lại được các nữ tỳ mà nàng nói đó tôn kính

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nhưng các nữ tỳ mà nàng đã nói đó sẽ tôn kính ta”

không có con cho đến ngày qua đời của bà

"không thể có con cho đến ngày bà chết”

Translation Questions

2 Samuel 6:1

Tại sao Đa-vít lại nhóm hiệp hết thảy những người kén chọn của Y-sơ-ra-ên?

Đa-vít lại nhóm hiệp hết thảy những người kén chọn của Y-sơ-ra-ên để thỉnh hòm của Đức Chúa Trời lên.

2 Samuel 6:2

Tại sao Đa-vít lại nhóm hiệp hết thảy những người kén chọn của Y-sơ-ra-ên?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đa-vít lại nhóm hiệp hết thảy những người kén chọn của Y-sơ-ra-ên để thỉnh hòm của Đức Chúa Trời lên.
2 Samuel 6:3
Họ để hòm của Đức Chúa Trời ở đâu?
Họ để hòm của Đức Chúa Trời trên một cái xe mới.
Ai dẫn cái xe mới đó?
U-xa và A-hi-giô, con trai A-bi-na-đáp, dẫn cái xe mới đó.
2 Samuel 6:6
Điều gì xảy ra khi họ đến sân đạp lúa của Na-côn?
Khi đến sân đạp lúc của Na-côn, U-xa giơ tay lên nắm hòm của Đức Chúa Trời, bởi vì những con bò vấp ngã.
2 Samuel 6:7
Đức Giê-hô-va làm gì đối với hành động của U-xa?
Cơn thạnh nộ của Đức Giê-hô-va bèn nổi phừng cùng U-xa; Đức Chúa Trời hành hại người vì cớ lầm lỗi người, và người chết tại đó, gần bên hòm của Đức Chúa Trời.
2 Samuel 6:8
Đa-vít cảm thấy thế nào về việc Đức Giê-hô-va đã làm đối với U-xa?
Đa-vít cảm thấy bất mãn, vì Chúa đã giết chết U-xa, và hôm đó Đa-vít đâm ra sợ Chúa.
2 Samuel 6:9
Đa-vít cảm thấy thế nào về việc Đức Giê-hô-va đã làm đối với U-xa?
Đa-vít cảm thấy bất mãn, vì Chúa đã giết chết U-xa, và hôm đó Đa-vít đâm ra sợ Chúa.
2 Samuel 6:10
Đa-vít làm gì với hòm của Đức Chúa Trời sau khi U-xa chết?
Đa-vít để hòm của Đức Chúa Trời trong nhà Ô-bết-Ê-đôm, là người Gát.
2 Samuel 6:12
Tại sao Đa-vít đi thỉnh hòm của Đức Chúa Trời ở nhà Ô-bết-Ê-đôm đến trong thành Đa-vít?
Đa-vít đi thỉnh hòm của Đức Chúa Trời ở nhà Ô-bết-Ê-đôm đến trong thành Đa-vít vì Đa-vít được bảo rằng Đức Giê-hô-va đã ban phước cho nhà Ô-bết-Ê-đôm và mọi vật thuộc về người, vì cớ hòm của Đức Chúa Trời.
2 Samuel 6:14
Đa-vít làm gì khi hòm của Đức Chúa Trời được đem lên?
Khi hòm của Đức Chúa Trời được đem lên, Đa-vít mặc áo ê-phót vải gai, nhảy múa hết sức tại trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Samuel 6:16
Mi-canh phản ứng thế nào khi bà thấy Vua Đa-vít đang nhảy múa trước mặt Đức Giê-hô-va?
Khi Mi-canh thấy Vua Đa-vít đang nhảy múa trước mặt Đức Giê-hô-va, bà khinh bỉ Đa-vít trong lòng.
2 Samuel 6:17
Sau khi hòm của Đức Giê-hô-va được đặt tại chỗ, Đa-vít dâng gì cho Đức Giê-hô-va?
Đa-vít dâng của lễ thiêu và các của lễ thù ân cho Đức Giê-hô-va.
2 Samuel 6:19
Đa-vít phân phát gì giữa hết thảy dân sự, cho cả người nam và người nữ?
Đa-vít phát cho hết thảy dân chúng Y-sơ-ra-ên, bất luận nam hay nữ, mỗi người một ổ bánh, một miếng thịt, và một bánh nho.
2 Samuel 6:20
Mi-canh, con gái của Sau-lơ, nói gì với Đa-vít?
Mi-canh nói với Đa-vít, "Hôm nay vua Y-sơ-ra-ên được vinh hiển thay, mà ở trần trước mặt các con đòi của tôi tớ vua, làm như một kẻ không ra gì vậy!"
2 Samuel 6:21
Đa-vít phản ứng gì với lời quở của Mi-canh?
Đa-vít nói rằng ông nhảy múa trước mặt Đức Giê-hô-va và trước mặt Ngài ông sẽ vui mừng, ông sẽ hạ mình xuống trước mắt Ngài, nhưng ông sẽ được tôn trọng giữa các tỳ nữ.
2 Samuel 6:22
Đa-vít phản ứng gì với lời quở của Mi-canh?
Đa-vít nói rằng ông nhảy múa trước mặt Đức Giê-hô-va và trước mặt Ngài ông sẽ vui mừng, ông sẽ hạ mình xuống trước mắt Ngài, nhưng ông sẽ được tôn trọng giữa các tỳ nữ.

Chapter 7
2 Samuel 7:1
Chuyện đã xảy ra
Ở đây từ nầy được dùng để đánh dấu phần bắt đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt ý nầy, thì các bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.
đã ban cho ông được an nghỉ khỏi mọi kẻ thù vây quanh mình
"giữ ông được bình an khỏi mọi kẻ thù vây quanh mình". Ở đây, từ "an nghỉ" là danh từ. Tham khảo cách dịch: "khiến những dân thù nghịch không còn tấn công Y-sơ-ra-ên nữa"
ta đang ở trong cung điện bằng gỗ bá hương
Bá hương là một loại cây được biết đến nhờ sức bền bĩ của nó. Nếu trong văn hóa của ban cho một loại cây tương đồng thì bạn có thể sử dụng tên đó, nếu không thì bạn có thể viết chuyển nghĩa lại cụm từ đó. Tham khảo cách dịch: "Ta đang ở trong một cung điện vững chắc và kiên cố"
Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đang ở giữa lều
Lều là chỗ ở tạm thời. Nếu trong văn hóa của bạn không có lều, thì bạn có thể viết lại từ đó khác đi. Tham khảo cách dịch: "Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đang ở trong một chỗ tạm bợ"
2 Samuel 7:3
làm mọi điều ở trong lòng vua
Ở đây, "lòng" chỉ về ý định, Tham khảo cách dịch: "làm những điều vua cho là phải"
vì Đức Giê-hô-va ở với bệ hạ
Ở đây, "ở với bệ hạ' có nghĩa là Đức Chúa Trời đang giúp đỡ và chúc phước cho Đa-vít.
lời của Đức Giê-hô-va đến
Đây là một cách nói diễn đạt ý Đức Giê-hô-va phán. "Đức Giê-hô-va truyền phán sứ điệp của Ngài"
lời của Đức Giê-hô-va
Ở đây, từ "lời" tượng trưng cho thông điệp của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va"
mà phán rằng: "Hãy đi nói với Đa-vít, đầy tớ Ta rằng: "Đây là lời Đức Giê-hô-va phán: Con sẽ xây cho Ta một đền thờ để Ta ngự tại đó sao?"
Câu nầy có câu tường thuật lồng trong câu tường thuật. Có thể phải dịch chúng thành câu tường thuật gián tiếp. Tham khảo cách dịch: "mà phán rằng: "Hãy đi hỏi Đa-vít xem có phải nó cho rằng nó sẽ là người nghe xây dựng đền thờ cho ta ngự hay không"
Con sẽ xây cho Ta một đền thờ để Ta ngự tại đó sao?
Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Đa-vít

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không phải là người sẽ xây đền thờ cho Đức Giê-hô-va. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Con không phải là người sẽ xây đền thờ cho Ta”

xây cho ta một đền thờ

Ở đây, “nhà” có nghĩa là đền thờ. Trong 7:11, Đức Giê-hô-va sẽ phán rằng Ngài sẽ xây dựng một nhà cho Đa-vít, lúc nầy “nhà” có nghĩa là một dòng dõi. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ thích hợp để diễn đạt cả hai ý nầy thì bạn có thể dùng ở đây và trong 7:11.

2 Samuel 7:6

có bao giờ Ta phán lời nào với một lãnh đạo nào của Y-sơ-ra-ên, là những người Ta đã lập làm người chăn dắt dân Y-sơ-ra-ên Ta, mà rằng: “Tại sao các ngươi không cất cho Ta một đền thờ bằng gỗ bá hương?”

Đây là câu trích dẫn kép. Có thể dịch câu tường thuật trực tiếp thành câu tường thuật gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Ta chưa bao giờ đòi hỏi bất cứ một người lãnh đạo nào mà Ta đã lập nên phải xây cho Ta một đền thờ bằng gỗ gá hương”

có bao giờ Ta phán lời nào với một lãnh đạo nào của Y-sơ-ra-ên

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài chưa từng yêu cầu bất cứ một lãnh đạo nào của Y-sơ-ra-ên phải xây cho Ngài một đền thờ. Tham khảo cách dịch: “Ta chưa từng nói bất cứ điều gì với lãnh đạo nào của Y-sơ-ra-ên”

Tại sao các ngươi không cất cho Ta một đền thờ bằng gỗ bá hương?

Nếu trước đó Đức Giê-hô-va đã đặt câu hỏi nầy cho các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên, thì Ngài hẳn sẽ dùng một cây hỏi để quở trách họ vì không chịu xây cho Ngài một đền thờ bằng gỗ bá hương. Thế nhưng, Đức Giê-hô-va đã nói rõ trước đó rằng Ngài không hề hỏi họ câu nầy. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi không cần phải xây một đền thờ bằng gỗ bá hương cho Ta

là những người Ta đã lập làm người chăn dắt dân Y-sơ-ra-ên Ta

Những người làm lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên được ví như những người chăn chiên và dân sự là chiên.

2 Samuel 7:8

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va mô tả những lời hứa của Ngài với vua Đa-vít qua tiên tri Na-than.

Bấy giờ

Câu nầy không có nghĩa là “ngay lúc đó”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý của người đọc vào những ý quan trọng tiếp sau đó.

Vậy bây giờ, hãy nói với Đa-vít, đầy tớ Ta: ‘Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Ta đã đem con… cho con một danh lớn, giống như danh của những bậc vĩ nhân trên đất.

Đây là câu trích dẫn kép. Có thể cần phải dịch câu tường thuật trực tiếp thành câu tường thuật gián tiếp như trong bản dịch UDB. Tham khảo cách dịch: “nói với Đa-vít, đầy tớ Ta rằng Ta đã đem ngươi… cho người một danh lớn, giống như danh của một bậc vĩ nhân trên đất”

nói với Đa-vít, đầy tớ Ta

Đức Giê-hô-va đang dặn dò tiên tri Na-than những điều ông phải nói với Đa-vít.

Ta đã ở với con

Ở đây, “với con” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã giúp đỡ và ban phước cho Đa-vít.

đã cắt bỏ mọi kẻ thù của con

Đức Giê-hô-va tiêu diệt những kẻ thù của Đa-vít được ví như thể Ngài đã cắt bỏ chúng, như một người cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây.

ban cho con danh lớn

Ở đây, “danh” đại diện cho danh tiếng của một người.

giống như danh những bậc vĩ nhân trên đất

Cụm từ “những bậc vĩ nhân” có nghĩa là những người nổi tiếng.

2 Samuel 7:10

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va mô tả những lời hứa của Ngài với vua Đa-vít qua tiên tri Na-than.

Ta sẽ lập một chỗ

"Ta sẽ chọn một chỗ”

sẽ trồng họ tại đó

Việc Đức Giê-hô-va khiến dân sự sống lâu dài và an toàn được nói đến như thể Ngài sẽ trồng họ trong xứ đó.

và không bị quấy nhiễu nữa

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "và sẽ không ai quấy nhiễu họ nữa”

từ những ngày

Ở đây, “những ngày” đại diện cho một khoảng thời gian dài hơn. Tham khảo cách dịch: “từ khi”

Ta lệnh cho các quan xét

Sau khi dân Y-sơ-ra-ên vào xứ Ca-na-an và trước lúc họ đòi phải có một vua cai trị mình, Đức Chúa Trời đã lập những nhà lãnh đạo gọi là “các quan xét” để dẫn sắt họ trong những lúc khó khăn.

Và Ta sẽ cho ngươi được an nghỉ khỏi mọi kẻ thù… tuyên bố với ngươi rằng Ta sẽ xây cho ngươi một nhà

Nếu như trong 2SA 7:8-9 bạn dịch câu tường thuật trực tiếp thành câu tường thuật gián tiếp thì ở đây bạn phải dịch từ “ngươi” thành “người” hoặc “của người”. Tham khảo cách dịch: “Và Ta sẽ ban cho người được an nghỉ khỏi mọi kẻ thù của người… tuyên bố với người rằng Ta sẽ lập cho người một nhà”

Ta sẽ cho ngươi được an nghỉ khỏi mọi kẻ thù

"Ta sẽ giữ ngươi được an toàn khỏi mọi kẻ thù của ngươi”. Ở đây, “an nghỉ” là một danh từ. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến mọi kẻ thù của ngươi không tấn công ngươi nữa”

Ta sẽ xây cho ngươi một nhà

Ở đây, từ hoán dụ “nhà” chỉ về dòng dõi của Đa-vít sẽ cứ tiếp tục ở trên cương vị là lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên. Trong 2SA 7:4 Đức Giê-hô-va hỏi Đa-vít ông sẽ là người xây dựng một đền thờ cho Đức Giê-hô-va hay không. Ở đây, “nhà” đại diện của một ngôi đền. Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ nào dùng được cho cả hai ý nầy thì có thể dùng ở đây và dùng trong

2 Samuel 7:12

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va mô tả những lời hứa của Ngài với vua Đa-vít qua tiên tri Na-than.

Khi những ngày của con đã trọn và con nằm xuống với các tổ phụ mình

Cả hai cụm từ nầy có cùng ý nghĩa và được kết hợp để nhấn mạnh. Cả hai cụm từ nầy đều chỉ về cái chết và chết đi.

Ta sẽ dấy lên một dòng dõi sau con

Đức Giê-hô-va lập người nối dõi của Đa-vít lên được ví như thể Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên hoặc nhấc người ấy lên.

là dòng dõi do con sinh ra

Đây là một cách nói về người sẽ là người nối dõi của Đa-vít.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ta sẽ thiết lập vương quốc của nó
Ở đây, “vương quốc” tượng trưng cho chính quyền lực trị vì của người. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến nó trở nên một vị vua vô cùng quyền lực”
một đền thờ cho danh Ta
Ở đây, “danh” chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “một nơi ngự ở cố định cho Ta”
Ta sẽ lập ngai vàng của ngôi nước nó mãi bền vững
Ở đây, “ngai vàng” tượng trưng cho năng lực trị ví của một người với tư cách là vua. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến quyền cai trị của nó trên Y-sơ-ra-ên kéo dài mãi mãi”
Ta sẽ làm Cha nó, và nó sẽ làm con Ta
Lời tiên tri trong 7:12-14 chỉ về Sa-lô-môn, con trai Đa-vít. Nhưng, những khía cạnh khác của lời tiên trị nầy sẽ được Chúa Giê-xu làm ứng nghiệm. Vậy nên, ở đây, tốt nhất là dịch từ “cha” và “con” bằng từ ngữ thường dùng cho cha con theo nghĩa đen.
2 Samuel 7:15
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va kết thúc phần diễn tả những lời hứa của Ngài với vua Đa-vít thông qua tiên tri Na-than.
Nhưng sự thành tín về giao ước của Ta sẽ không lìa khỏi nó, như Ta đã cất nó khỏi Sau-lơ
Từ “sự thành tín” là một danh từ, có thể dịch thành tính từ “thành tín”. Câu khẳng nầy cũng có thể dịch ở dạng tích cực. Tham khảo cách dịch: “Nhưng Ta sẽ luôn thành tín với nó, không giống như với Sau-lơ”
trước mặt con… Nhà của con…. trước mặt con. Ngai vàng của con
Nếu như trong 2SA 7:8-9 bạn dịch câu tường thuật trực tiếp nầy thành câu tường thuật gián tiếp thì ở đây bạn cần phải dịch từ “con” là “Đa-vít” hoặc “người” hoặc “của người” trong bản dịch UDB. Tham khảo cách dịch: “trước mặt Đa-vít. Nhà của Đa-vít… trước mặt người. Ngôi nước của người”
Nhà và vương quốc của con sẽ được vững bền trước mặt con. Ngôi nước con sẽ được bền vững mãi mãi.
Hai câu nầy có ý nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng triều đại của Đa-vít sẽ còn đến đời đời.
Nhà và vương quốc của con sẽ được vững bền mãi mãi trước mặt con
Ở đây, từ “nhà” đại diện cho dòng dõi của Đa-vít, là những người sẽ là vua cai trị đất nước. Ở đây, “vương quốc” nói về cùng một ý với “dòng dõi”. Bạn có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con sẽ sống và chứng kiến Ta thiết lập dòng dõi của con và quyền cai trị của chúng trên dân Y-sơ-ra-ên đời đời”
Ngôi nước con sẽ được bền vững mãi mãi
Ở đây, “ngôi nước” đại diện cho quyền cai trị với tư cách là vua. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến dòng dõi của con cai trị Y-sơ-ra-ên đời đời”
tất cả những lời đó
Ở đây, “những lời” này chỉ về những điều Đức Giê-hô-va đã nói.
ông thuật lại cho Đa-vít toàn bộ những mặc khải nầy
"ông thuật lại cho Đa-vít nghe mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã bày tỏ cho mình”
2 Samuel 7:18
Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời, con là ai và gia đình con là gì mà Ngài đã đem con đến địa vị nầy?
Đa-vít đặt ra câu hỏi nầy để bày tỏ những cảm xúc sâu kín của mình khi nghe lời tuyên bố của Đức Giê-hô-va. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lạy Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời, dòng dõi của con và chính mình con không xứng đáng với sự tôn trọng nầy”
đây là một việc nhỏ trong mắt Ngài
Ở đây, “trong mắt Ngài” tượng trưng cho những nhận định của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “thậm chí, việc làm nầy đối với Ngài chỉ là một việc nhỏ”
dòng dõi của tôi tớ Chúa
Ở đây, Đa-vít tự nhận mình là “tôi tớ Chúa”. Có thể nói câu nầy ở ngôi thứ nhất. Tham khảo cách dịch: “dòng dõi con”
về một khoảng thời gian vĩ đại sắp tới
Cụm từ nầy ví thời gian như một điều gì đó có thể di chuyển và đi đến nơi nào đó. Tham khảo cách dịch: “và những điều sẽ xảy đến với chúng sau này”
Đa-vít còn biết thưa gì với Ngài nữa?
Đa-vít dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông chẳng có gì khác để thưa cùng Đức Giê-hô-va nữa. Tham khảo cách dịch: “Con chẳng còn gì để thưa với Ngài”
đầy tớ Ngài
Ở đây, Đa-vít tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”." Có thể viết câu nầy lại ở ngôi thứ nhất. Tham khảo cách dịch: “con”
2 Samuel 7:21
Vì lời của Ngài
Ở đây, “lời” đại diện cho những gì Đức Chúa Trời đã hứa sẽ làm. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì những điều Ngài đã hứa sẽ làm”
để làm trọn những ý định của Ngài
"để hoàn thành những điều Ngài định làm”
cho đầy tớ Ngài
Đa-vít tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”. Có thể viết câu nầy lại ở dạng ngôi thứ nhất. Tham khảo cách dịch: “cho con”
như chúng con đã tận tai nghe thấy
Cụm từ “tận tai” được dùng để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: “như chính chúng con vừa nghe thấy”
như chúng con đã nghe
Ở đây, “chúng con” chỉ về Đa-vít và nước Y-sơ-ra-ên.
Và trên khắp đất, có dân tộc nào giống như dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, là dân mà Đức Chúa Trời đã đến cứu chuộc để làm dân của Ngài?
Đa-vít dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng chẳng có một dân nào giống như Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Trên khắp đất, chẳng có dân tộc nào giống như dân tộc Y-sơ-ra-ên của Ngài, một dân mà Ngài, chính là Đức Chúa Trời, đã đến và cứu chuộc để làm dân của Ngài”
để tạo một danh cho Ngài
Ở đây, “danh” đại diện cho danh tiếng của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “để khiến toàn dân biết Ngài là ai”
cho xứ của Ngài
Ở đây, “xứ” tượng trưng cho dân sống trong xứ đó. Tham khảo cách dịch: “cho dân Ngài”
Ngài đã đuổi những dân tộc khác
Ở đây, “dân tộc” tượng trưng cho những nhóm người đang sống tại Ca-na-an.
2 Samuel 7:24
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục thưa chuyện với Đức Giê-hô-va.
Vậy bấy giờ
Ở đây, “bấy giờ” không có nghĩa là “ngay lúc đó”, nhưng nó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào những ý tiếp theo.

nguyện những lời hứa mà Ngài phán về tôi tớ Ngài và về nhà nó được vững lập đời đời

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nguyện Ngài sẽ làm những điều mà Ngài đã phán hứa với con và gia đình con, và nguyện những lời hứa đó chẳng bao giờ thay đổi"

tôi tớ Ngài và nhà nó

Đa-vít đang nói về chính mình ở ngôi thứ ba. Tham khảo cách dịch: “con và dòng dõi của con”

Nguyện danh Ngài luôn vĩ đại

Ở đây, “danh” đại diện cho danh tiếng của Đức Giê-hô-va.

nhà của con, là Đa-vít, tức là tôi tớ Ngài

Ở đây, “nhà” chỉ về dòng dõi. Tham khảo cách dịch: “dòng dõi của tôi”

được thiết lập trước mặt Ngài

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "được bền vững vì cớ Ngài” hoặc “được duy trì vì cớ Ngài”

2 Samuel 7:27

cho tôi tớ Ngài rằng Ngài sẽ xây dựng cho tôi tớ Ngài một dòng dõi

Đa-vít tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”. “cho con rằng Ngài sẽ xây dựng cho con một dòng dõi”

rằng Ngài sẽ xây dựng cho tôi tớ Ngài một dòng dõi

Ở đây, “dòng dõi” chỉ về con cháu của Đa-vít sẽ tiếp tục làm vua cai trị trên Y-sơ-ra-ên. Trong [2SA 7:4]

Bấy giờ

Ở đây, “bấy giờ” không có nghĩa là “ngay lúc đó”, nhưng nó được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào những ý tiếp theo.

lời Ngài là đáng tin cậy

Ở đây, “lời” đại diện cho những lời Đức Giê-hô-va phán. Tham khảo cách dịch: “Con tin nơi những lời Ngài phán”

và nhờ ơn phước của Ngài nhà của đầy tớ Ngài sẽ được hưởng phước mãi mãi

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "và Ngài sẽ tiếp tục ban phước trên nhà của con mãi mãi”

nhà của đầy tớ Ngài

Ở đây, Đa-vít tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”." Tham khảo cách dịch: “nhà con” hoặc “dòng dõi của con”

nhà

Ở đây, “nhà” tượng trưng cho dòng dõi của Đa-vít.

Translation Questions

2 Samuel 7:1

Đức Giê-hô-va ban gì cho Đa-vít?

Đức Giê-hô-va cho ông được an nghỉ, khỏi phải đối phó với mọi kẻ thù chung quanh.

2 Samuel 7:2

Vua nói gì với tiên tri Na-than?

Vua nói với tiên tri Na-than, "Hãy xem, ta ngự trong cái cung bằng bá hương, còn hòm của Đức Chúa Trời lại ở dưới màn trướng."

2 Samuel 7:3

Na-than nói gì với Đa-vít trước khi có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Na-than?

Na-than nói với Đa-vít, "Hễ trong lòng vua có ý làm gì, thì hãy làm, vì Đức Giê-hô-va ở cùng vua."

2 Samuel 7:4

Na-than nói gì với Đa-vít trước khi có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Na-than?

Na-than nói với Đa-vít, "Hễ trong lòng vua có ý làm gì, thì hãy làm, vì Đức Giê-hô-va ở cùng vua."

2 Samuel 7:7

Đức Giê-hô-va hỏi Đa-vít điều gì về bất kỳ quan trưởng nào trong Y-sơ-ra-ên cho đến thời điểm đó?

Đức Giê-hô-va hỏi Đa-vít liệu Ngài có từng nói, "Cớ sao các ngươi không dựng cho ta một đền thờ bằng gỗ bá hương?" với bất kỳ quan trưởng nào trong Y-sơ-ra-ên mà Ngài đã lập.

2 Samuel 7:8

Đức Giê-hô-va nói Ngài đã làm gì cho Đa-vít?

Đức Giê-hô-va nói Ngài đã lập Đa-vít cai trị dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, ở cùng ông trong mọi nơi, và tuyệt diệt các kẻ thù nghịch trước mặt ông.

2 Samuel 7:9

Đức Giê-hô-va nói Ngài đã làm gì cho Đa-vít?

Đức Giê-hô-va nói Ngài đã lập Đa-vít cai trị dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, ở cùng ông trong mọi nơi, và tuyệt diệt các kẻ thù nghịch trước mặt ông.

2 Samuel 7:10

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì cho Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ sắm sẵn một chỗ cho dân Y-sơ-ra-ên, làm cho họ châm rễ tại đó, và họ sẽ ở nơi mình, chẳng còn bị quấy rối nữa; các con loài ác sẽ chẳng hà hiếp họ nữa như ngày xưa.

2 Samuel 7:12

Đức Giê-hô-va nói ai sẽ xây cho Ngài một cái nhà?

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ dấy lên một hậu tự của Đa-vít, thuộc nhà Đa-vít, người đó sẽ xây một cái nhà cho danh Đức Giê-hô-va.

2 Samuel 7:13

Đức Giê-hô-va nói ai sẽ xây cho Ngài một cái nhà?

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ dấy lên một hậu tự của Đa-vít, thuộc nhà Đa-vít, người đó sẽ xây một cái nhà cho danh Đức Giê-hô-va.

2 Samuel 7:16

Đức Giê-hô-va nói gì về nhà và nước của Đa-vít?

Đức Giê-hô-va nói nhà và nước của Đa-vít sẽ được vững lập đến mãi mãi.

2 Samuel 7:18

Sau khi Na-than nói với Đa-vít mọi lời Đức Giê-hô-va đã phán và kể cho Đa-vít nghe về toàn bộ sự hiện thấy, Đa-vít làm gì?

Đa-vít bèn đi đến hầu trước mặt Đức Giê-hô-va và nói chuyện với Ngài.

2 Samuel 7:20

Sau khi Na-than nói với Đa-vít mọi lời Đức Giê-hô-va đã phán và kể cho Đa-vít nghe về toàn bộ sự hiện thấy, Đa-vít làm gì?

Đa-vít bèn đi đến hầu trước mặt Đức Giê-hô-va và nói chuyện với Ngài.

Sau khi nghe mọi lời tiên tri về Đa-vít và gia đình ông, Đa-vít nói Đức Giê-hô-va đã làm gì cho ông?

Đa-vít nói Đức Giê-hô-va đã làm cho ông được vinh dự.

2 Samuel 7:21

Đa-vít nói đâu là lý do mà Đức Giê-hô-va đã làm việc lớn này và bày tỏ điều đó cho ông?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đa-vít nói Đức Giê-hô-va đã làm việc này vì cớ lời của Ngài và để làm trọn mục đích của Ngài.
2 Samuel 7:23
Đa-vít nói lý do nào mà Đức Chúa Trời đi ra và giải cứu Y-sơ-ra-ên?
Đa-vít nói Đức Giê-hô-va giải cứu Y-sơ-ra-ên để họ sẽ là dân sự của Đức Chúa Trời, làm nên danh Ngài, và làm những việc lớn và đáng sợ cho xứ của Ngài.
2 Samuel 7:27
Đa-vít nói rằng ông dạn dĩ cầu vấn Đức Giê-hô-va vạn quân như thế nào?
Đa-vít nói ông dạn dĩ cầu vấn Đức Giê-hô-va vạn quân vì Ngài đã bày tỏ cho ông rằng Ngài sẽ dựng nhà cho ông.
2 Samuel 7:28
Đa-vít xem lời của Đức Giê-hô-va là gì?
Đa-vít xem lời của Đức Giê-hô-va là chân thật.
2 Samuel 7:29
Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va làm gì?
Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va làm những việc Ngài đã phán cùng ông và ban phước cho nhà của ông.

Chapter 8
2 Samuel 8:1
Đa-vít tấn công
Ở đây, Đa-vít đại diện cho quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít cà quân lính của mình tấn công”
2 Samuel 8:2
Sau đó, vua đã đánh bại
Ở đây, “vua” chỉ về Đa-vít, là người đại diện cho quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Họ đánh bại”
lấy dây đo người của chúng.... Ông đo được hai dây thì giết, rồi một dây để cho sống
Ở đây, “dây” là “dây thừng”. Đa-vít bắt những quân lính kia nằm xuống trên đất để đo và rồi phân thành ba nhóm. Những người trong hai nhóm đầu thì bị giết và nhóm thứ ba thì được để cho sống.
2 Samuel 8:3
Đa-vít đánh bại Ha-đa-đê-xe
Ở đây, “Đa-vít” và "Ha-đa-đê-xe" đại diện cho quân đội của họ. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít và quân đội của ông đánh bại đội quân của Ha-đa-đê-xe"
Ha-đa-đê-xe ... Rê-hốp
Đây đều là tên của nam.
Xô-ba
Đây là tên một vùng nằm ở A-ram.
để khôi phục quyền kiểm soát của mình
"để lấy lại quyền kiểm soát trên vùng nầy” hoặc “để tái chiếm vùng nầy”
hai mươi nghìn bộ binh
"20.000 bộ binh"
Đa-vít cắt gân chân
Đây là một thủ tục, người ta cắt phần gân ở phía sau chân bị cắt đi để ngựa không thể chạy được.
chừa lại đủ
"để riêng ra đủ” hoặc “để lại đủ”
một trăm xe ngựa
"100 cỗ xe ngựa"
2 Samuel 8:5
Đa-vít giết
Ở đây, Đa-vít đại diện cho quân lính của ông. Đa-vít và quân lính của ông giết
hai mươi hai nghìn người A-ram
"22.000 người A-ram"
lập đồn tại A-ram
"đặt những nhóm quân lớn của mình ở lại A-ram”
2 Samuel 8:7
Đa-vít lấy ... Vua Đa-vít lấy
Ở đây, Đa-vít đại diện cho quân lính của ông.
Bê-tách và Bê-rô-tôi
Đây là tên của các địa danh.
2 Samuel 8:9
Thôi ... Giô-ram
Đây đều là tên của nam.
Ha-mát
Đây là tên một địa điểm.
Đa-vít đã đánh bại
Ở đây, “Đa-vít” đại diện cho quân đội của người. Tham khảo cách dịch: "Đội quân của Đa-vít đã đánh bại"
2 Samuel 8:11
và A-ma-léc
"và dân A-ma-léc”
những chiến lợi phẩm thu được
Đây là những vật dụng có giá trị mà quân lính đã chiếm được từ những dân mà họ đã đánh bại.
Ha-đa-đê-xe con của Rê-hốp, vua xứ Xô-ba
Hãy dịch những tên gọi nầy như bạn đã làm trong 2SA 8:3.
2 Samuel 8:13
danh của Đa-vít rất nổi tiếng
Ở đây, “danh” chỉ về danh tiếng của Đa-vít. Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít rất nổi tiếng”
thung lũng Muối
Đây là tên một địa điểm. Cho tới bấy giờ vẫn không biết chính xác là nó ở đâu.
mười tám nghìn người
"18.000 người"
Vua lập đồn lũy trong khắp đất Ê-đôm
"Vua lập những nhóm lính cứ ở trong những vùng khắp xứ Ê-đôm”
2 Samuel 8:15
Giô-áp con trai Xê-ru-gia
Hãy dịch những tên gọi nầy như bạn đã làm trong 2SA 2:13.
A-hi-lút ... A-hi-túp ... A-hi-mê-léc ... Sê-ra-gia ... Giê-hô-gia-đa
Đây đều là tên của nam.
A-hi-lút làm quan ngự sử
Quan ngự sử là người nói chuyện với dân chúng và truyền lại cho họ những thông báo của vua. Tham khảo cách dịch: “A-hi-lút là sứ giả”
Người Kê-rê-thít.... người Phê-lê-thít
Đây là tên của các nhóm dân. Những người nầy là vệ sĩ của Đa-vít.

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Samuel 8:1

Đa-vít nhận được gì khi đánh dân Phi-li-tin và thắng chúng?

Đa-vít chiếm Gát và các làng mạc khỏi tầm kiểm soát của dân Phi-li-tin.

2 Samuel 8:2

Sau khi Đa-vít đánh bại Mô-áp, ông quyết định người Mô-áp nào sẽ sống và người nào sẽ chết?

Đa-vít quyết định bắt chúng nằm dài trên đất mà lấy dây đo: đo hai dây để giết, rồi đo một dây để sống.

Điều gì xảy ra với những người Mô-áp còn sống?

Dân Mô-áp phải phục Đa-vít và đóng thuế cho người.

2 Samuel 8:4

Đa-vít chiếm được gì từ Ha-đa-đê-xe, con trai của Rê-hốp, vua Xô-ba?

Đa-vít bắt của người một ngàn xe chiến mã, bảy trăm lính kị và hai mươi ngàn lính bộ.

2 Samuel 8:5

Đa-vít làm gì với người A-ram ở Đa-mách khi chúng đến giúp Ha-đa-đê-xe vua Xô-ba?

Đa-vít giết hai mươi hai ngàn người A-ram.

2 Samuel 8:6

Tại sao Đa-vít chiến thắng?

Đức Giê-hô-va ban chiến thắng cho Đa-vít ở bất kỳ nơi nào ông đến.

2 Samuel 8:10

Tô-u, vua Ha-mát, làm gì cho Đa-vít khi ông hay rằng Đa-vít đã đánh bại toàn bộ quân đội của Ha-đa-đê-xe?

Tô-u sai con trai mình, là Ha-đô-ram, đến vua Đa-vít đặng chào mừng, và tặng khen người đã đánh bại Ha-đa-đê-xe, và Ha-ram dâng những chậu bằng bạc, bằng vàng và bằng đồng.

2 Samuel 8:11

Đa-vít làm gì với những chậu bằng bạc và vàng của các nước mà ông đã chinh phục?

Đa-vít biệt các đồ bạc và vàng mà ông đã chinh phục từ các nước riêng ra thánh cho Đức Giê-hô-va.

2 Samuel 8:13

Đa-vít chinh phục dâm A-ram ở đâu?

Đa-vít chinh phục dân A-ram ở trũng Muối.

2 Samuel 8:15

Đa-vít cai trị toàn thể dân sự của ông thế nào?

Đa-vít làm vua trên cả Y-sơ-ra-ên, cai trị cả dân sự mình cách ngay thẳng và công bình.

2 Samuel 8:18

Who were king David's leading advisors?

King David's sons were the king's leading advisors.

Chapter 9

2 Samuel 9:1

vì Giô-na-than

"vì tính thương mến của ta với Giô-na-than”

lợi ích của Giô-na-than

Giô-na-than là con trai Sau-lơ và là bạn thân của Đa-vít

Xíp-ba

Đây là tên của một người nam.

Tôi là đầy tớ của bệ hạ

Xíp-ba xưng mình là “đầy tớ của bệ hạ” để bày tỏ lòng tôn kính đối với Đa-vít.

2 Samuel 9:3

Ta muốn bày tỏ lòng nhân từ của Đức Chúa Trời

Danh từ "lòng nhân từ” có thể viết lại thành “nhân từ”. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ nhân từ như ta đã hứa nguyện cùng Đức Chúa Trời”

người bị què

"chân người bị tàn phế”. Từ “chân” ở đây chỉ về khả năng đi lại. Tham khảo cách dịch: “người không thể đi lại được”

Ma-ki ... A-mi-ên

Đây đều là tên của nam.

Lô Đê-ba

Đây là tên một địa điểm.

2 Samuel 9:5

Vua Đa-vít sai

Ngầm hiểu là Đa-vít sai các sứ giả.

Mê-phi-bô-sết

Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã làm trong 2SA 4:4.

đến với Đa-vít

Từ “đến” có thể dịch thành “đi”

Tôi là đầy tớ của bệ hạ

Mê-phi-bô-sết tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”" để tỏ lòng tôn kính với Đa-vít.

2 Samuel 9:7

vì vớ Giô-na-than, cha của con

"bởi vì ta yêu mến Giô-na-than, cha của con”

con sẽ luôn dùng bữa tại bàn ăn của ta

Ở đây, “bàn ăn của ta” tượng trưng cho việc ở cùng với Đa-vít hoặc ở trước mặt ông. Dùng bữa với vua tại bàn ăn của vua chính là một vinh hạnh lớn. Tham khảo cách dịch: “con sẽ luôn dùng bữa cùng ta”

Đầy tớ bệ hạ là gì, mà bệ hạ lại đoái đến một một con chó chết như con đây?

Câu hỏi nầy dùng để cho thấy Mê-phi-bô-sết hiểu rằng ông không đáng tôn trọng để vua phải bận tâm lo lắng cho mình. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Con giống như một con chó chết. Con không xứng đáng để vua đối xử tử tế với con."

một con chó chết

Ở đây Mê-phi-bô-sết tượng trưng cho dòng dõi của Sau-lơ, và ông tự ví mình như “một con chó chết”. Chó là một loài vật hoang dã, không được quan tâm chăm sóc và cũng ít quan trọng. Một con chó chết thậm chí còn hèn mọn hơn nữa. Tham khảo cách dịch: “một người vô dụng chẳng khác nào một con chó chết như con”

2 Samuel 9:9

phải luôn dùng bữa tại bàn ăn của ta

Ở đây "bàn ăn của ta” tượng trưng cho việc ở cùng với Đa-vít hoặc ở trước mặt ông. Dùng bữa chung với vua là một vinh hạnh lớn. Tham khảo cách dịch: “phải luôn dùng bữa với ta”

Bấy giờ Xíp-ba ... đầy tớ

Ở đây, từ "Bấy giờ" đánh dấu sự đứt đoạn trong mạch chính của câu chuyện. Tác giả đang đưa ra thông tin nền về Xíp-ba.

mười lăm con trai và hai mươi đầy tớ

"15 con trai và 20 đầy tớ"

2 Samuel 9:11

Đầy tớ bệ hạ sẽ làm mọi điều mà bệ hạ là chúa tôi lệnh cho đầy tớ bệ hạ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Xíp-ba tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”" và xưng Đa-vít là “chúa tôi”. Tham khảo cách dịch: “Tôi, là đầy tớ bệ hạ sẽ làm mọi điều mà bệ hạ, là chúa tôi, lệnh cho tôi phải làm”

Mi-ca

Đây là tên con trai của Mê-phi-bô-sết.

tất cả những người ở trong nhà Xíp-ba

Ở đây "nhà" đại diện cho gia đình của Xíp-ba. Tham khảo cách dịch: “toàn bộ gia đình của Xsip-ba”

người luôn luôn dùng bữa tại bàn ăn của vua

Ở đây "bàn ăn” đại diện cho việc ở cùng với Đa-vít hoặc ở trước mặt ông. Dùng bữa với vua tại bàn ăn của vua là một vinh hạnh lớn. Tham khảo cách dịch: “người luôn luôn dùng bữa chung với vua tại bàn ăn của vua”

dù ông bị què cả hai chân

"mặc dầu cả hai chân của ông đều bị tàn phế”. Ở đây, “chân” tượng trưng cho khả năng đi lại được. Tham khảo cách dịch: “dù ông không thể đi lại được”

Translation Questions

2 Samuel 9:1

Tại sao Đa-vít muốn tỏ lòng nhân từ với bất cứ ai trong nhà Sau-lơ còn sống?

Đa-vít muốn tỏ lòng nhân từ với bất cứ ai trong nhà Sau-lơ còn sống vì cớ Giô-na-than.

2 Samuel 9:3

Xíp-ba trả lời vua thế nào khi ông được hỏi rằng liệu còn ai trong nhà Sau-lơ còn sống để vua có thể tỏ lòng nhân từ của Đức Chúa Trời?

Xíp-ba trả lời vua, "Còn một người con trai của Giô-na-than bị tật hai chơn."

2 Samuel 9:6

Ai còn sống trong nhà của Sau-lơ?

Mê-phi-bô-sết, con trai của Giô-na-than, cháu Sau-lơ, còn sống.

2 Samuel 9:7

Đa-vít tỏ lòng nhân từ gì với Mê-phi-bô-sết vì cớ Giô-na-than?

Đa-vít trả lại cho Mê-phi-bô-sết những đất của Sau-lơ, ông nội, và ông sẽ ăn chung bàn với Đa-vít luôn luôn.

2 Samuel 9:10

Đa-vít bảo Xíp-ba làm gì cho Mê-phi-bô-sết?

Đa-vít bảo Xíp-ba cùng các con trai và tôi tớ ông phải cày đất đó cho Mê-phi-bô-sết, rồi nộp hoa lợi đất sanh sản.

2 Samuel 9:13

Mê-phi-bô-sết sống ở đâu sau khi Đa-vít tỏ lòng nhân từ với ông?

Mê-phi-bô-sết sống ở Giê-ru-sa-lem.

Mê-phi-bô-sết bị tật gì?

Mê-phi-bô-sết bị què hai chân.

Chapter 10

2 Samuel 10:1

Ha-nun ... Na-hách

Đây đều là tên của nam.

Bệ hạ thật sự cho rằng... bệ hạ sao?

Những nhà lãnh đạo dùng một câu hỏi để đề nghị rằng vua không nên tin tưởng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Bệ hạ thật sự đã lầm khi cho rằng... bệ hạ!”

để do thám

bí mật thu thập thông tin về người khác

Chẳng phải Đa-vít... triệt hạ thành sao?

Các nhà lãnh đạo dùng một câu hỏi để đề nghị vua không nên tin tưởng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Vua cần phải biết rằng Đa-vít... triệt hạ thành”

để triệt hạ thành

Ở đây "thành" chỉ về thành và đại diện cho những người sống tại đó. Tham khảo cách dịch: “để chế ngự chúng ta”

thành

Ở đây "thành” chỉ về thành Ráp-ba, thành lớn của dân Am-môn

2 Samuel 10:4

cạo một nửa râu của họ

Hành động nầy được hiểu là một cách sỉ nhục để làm nhục, làm bẽ mặt những người đó.

rất tủi nhục

Ở đây "vô cùng” có nghĩa là “rất”

rồi hãy trở về

Ngầm hiểu là họ sẽ trở về Giê-ru-sa-lem.

2 Samuel 10:6

họ đã trở thành mùi hôi thối cho Đa-vít

Cụm từ “trở thành mùi hôi thối” là phép ẩn dụ cho việc “họ đã trở nên đáng ghét đối với Đa-vít”. Tham khảo cách dịch: “đối với Đa-vít họ đã trở nên đáng ghê tởm như một mùi hôi thối”

Bết Rê-hốp ... Xô-ba ... Ma-a-ca ... Tóp

Đây là tên của các địa danh.

hai mươi nghìn ... một nghìn ... mười hai nghìn

"20.000 ... 1.000 ... 12.000"

đến cổng thành của mình

Ở đây "thành” đây là thánh Ráp-ba, thủ phủ của dân Am-môn.

2 Samuel 10:9

Thông tin chung:

Trận chiến với người A-ram và người Am-môn tiếp tục

Số quân còn lại ông đặt dưới quyền chỉ huy của A-bi-sai em mình

"Ông đặt A-bi-sai em mình chịu trách nhiệm về số quân còn lại”

2 Samuel 10:11

Thông tin chung:

Giô-áp chuẩn bị quân đội sẵn sàng cho trận chiến

cho anh, thì em, A-bi-sai, phải đến giải cứu anh

Ở đây "anh” chỉ về Giô-áp là người đại diện cho quân đội của ông. Cũng vậy, A-bi-sai đại diện cho quân đội của mình. Tham khảo cách dịch: “cho bọn anh, thì A-bi-sai, em và quân đội của em phải đến giải cứu bọn anh”

2 Samuel 10:13

khỏi A-bi-sai

Ở đây A-bi-sai đại diện cho quân đội của ông. Tham khảo cách dịch: “khỏi A-bi-sai và đội quân của ông”

vào trong thành

Ở đây "thành” chỉ về Ráp-ba, thủ phủ của dân Am-môn.

và quay trở lại Giê-ru-sa-lem

"và trở lại Giê-ru-sa-lem”

2 Samuel 10:15

khi người A-ram thấy mình đã bị dân Y-sơ-ra-ên đánh bại

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "khi người A-ram nhận thấy dân Y-sơ-ra-ên đang dần đánh bại mình”

Ha-đa-đê-xe ... Sô-bác

Đây đều là tên của nam.

từ bên kia sông Ơ-phơ-rát

Cụm từ nầy có nghĩa là ở phía đông của sông Ơ-phơ-rát

Chúng đến Hê-lam

Ở đây "đến” có thể dịch thành “đi đến” hoặc “tập trung tại”

Hê-lam

Đây là tên một địa điểm.

làm đầu họ

Cụm từ nầy chỉ về vị trí nắm quyền. Tham khảo cách dịch: “lãnh đạo họ”

2 Samuel 10:17

Khi Đa-vít được báo tin nầy

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Khi Đa-vít nghe tin nầy”

tập hợp toàn thể Y-sơ-ra-ên lại

Ở đây "Y-sơ-ra-ên” đại diện cho quân đội Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “tập hợp toàn bộ quân đội Y-sơ-ra-ên lại”

Hê-lam

Hãy dịch những tên gọi nầy như bạn đã làm trong 2SA 10:16.

nghịch lại cùng Đa-vít và tấn công người

Ở đây, Đa-vít đại diện cho quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “chống nghịch và tiến đánh Đa-vít cùng quân đội của ông”

Đa-vít giết

Ở đây, Đa-vít đại diện cho quân lính của ông. Đa-vít và quân lính của ông giết

bảy trăm ... bốn mươi nghìn

"700 ... 40.000"

Sô-bác chỉ huy trưởng quân đội của chúng bị thương và chết tại đó

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Dân Y-sơ-ra-ên đánh bị thương Sô-bác, chỉ huy trưởng quân đội của dân A-ram, và người chết tại đó”

Sô-bác ... Ha-đa-đê-xe

Hãy dịch những tên gọi nầy như bạn đã làm trong 2SA 10:16.

thấy mình đã bị dân Y-sơ-ra-ên đánh bại

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nhận thấy rằng dân Y-sơ-ra-ên đã đánh bại mình”

Translation Questions

2 Samuel 10:1

Ai lên làm vua dân Am-môn sau khi vua trước băng hà?

Ha-nun, con của vua trước lên làm vua Am-môn.

2 Samuel 10:2

Đa-vít làm gì để làm ơn cho Ha-nun?

Đa-vít làm ơn cho Ha-nun bằng cách sai tôi tớ mình đi đến an ủi người về sự chết của cha người.

2 Samuel 10:3

Tóm lại, các quan trưởng của dân Am-môn nói gì về việc Đa-vít làm ơn cho Ha-nun?

Các quan trưởng của dân Am-môn nói với Ha-nun rằng Đa-vít sai tôi tớ đến đặng thăm dò thành phố nhằm chiếm nơi đó.

2 Samuel 10:4

Ha-nun làm gì với các tôi tớ mà Đa-vít đã sai đến gặp ông?

Ha-nun bắt các tôi tớ của Đa-vít, cạo phân nửa râu họ, cắt phân nửa quần áo cho đến nửa thân mình; đoạn cho họ đi về.

2 Samuel 10:6

Tại sao dân Am-môn đi chiêu mộ hai chục ngàn binh sĩ người A-ram, lại chiêu mộ vua Ma -a-ca với một ngàn người, và một vạn hai ngàn người ở xứ Tóp?

Dân Am-môn chiêu mộ tất cả binh sĩ này khi họ thấy mình bị Đa-vít gớm ghét.

Dân Am-môn và các binh sĩ được chiêu mộ dàn trận ở đâu?

Dân Am-môn kéo ra, dàn trận tại nơi cửa thành, còn dân Sy-ri ở Xô-ba và ở Rê-hóp, những người ở Tóp và ở Ma -a-ca đều đóng riêng ra trong đồng bằng.

2 Samuel 10:7

Đa-vít làm gì khi ông nghe rằng dân Am-môn đã chiêu mộ hàng ngàn binh sĩ?

Khi Đa-vít biết điều đó, ông liền sai Giô-áp với các dõng sĩ của đạo binh mình đi đánh chúng nó.

2 Samuel 10:8

Dân Am-môn và các binh sĩ được chiêu mộ dàn trận ở đâu?

Dân Am-môn kéo ra, dàn trận tại nơi cửa thành, còn dân Sy-ri ở Xô-ba và ở Rê-hóp, những người ở Tóp và ở Ma -a-ca đều đóng riêng ra trong đồng bằng.

2 Samuel 10:9

Giô-áp làm gì để chuẩn bị chiến trận?

Giô-áp chuẩn bị chiến trận bằng cách chọn người lính trong đạo tinh binh Y-sơ-ra-ên, và dàn binh đó ra cùng dân Sy-ri;còn binh còn lại, người trao cho A-bi-sai, em mình, đặng bày trận đối cùng dân Am-môn.

2 Samuel 10:10

Giô-áp làm gì để chuẩn bị chiến trận?

Giô-áp chuẩn bị chiến trận bằng cách chọn người lính trong đạo tinh binh Y-sơ-ra-ên, và dàn binh đó ra cùng dân Sy-ri;còn binh còn lại, người trao cho A-bi-sai, em mình, đặng bày trận đối cùng dân Am-môn.

2 Samuel 10:14

Quân Am-môn làm gì khi họ thấy dân A-ram chạy trốn khỏi Giô-áp và đạo quân của ông?

Khi quân Am-môn thấy dân A-ram chạy trốn, họ cũng chạy trốn khỏi A-bi-sai và trở về thành.

2 Samuel 10:15

Dân A-ram làm gì khi họ thấy bị đánh bại bởi Y-sơ-ra-ên?

Dân A-ram bèn nhóm hiệp lại và Ha-da-rê-xe sai chiêu dân Sy-ri ở bên kia sông Ơ-phơ-rát.

2 Samuel 10:16

Dân A-ram làm gì khi họ thấy bị đánh bại bởi Y-sơ-ra-ên?

Dân A-ram bèn nhóm hiệp lại và Ha-da-rê-xe sai chiêu dân Sy-ri ở bên kia sông Ơ-phơ-rát.

2 Samuel 10:17

Đa-vít làm gì khi ông hay rằng dân A-ram lại nhóm hiệp và có thêm các toán quân A-ram khác ở bên kia Sông Ơ-phơ-rát?

Khi Đa-vít hay tin đó, ông nhóm hiệp lại tất cả người Y-sơ-ra-ên, đi ngang qua Giô-đanh, kéo đến Hê-lam để đánh dân A-ram.

2 Samuel 10:19

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tất cả các vua là chư hầu của Ha-đa-rê-xe làm gì khi họ thấy mình bị Y-sơ-ra-ên đánh bại?	Các vua chư hầu của Ha-đa-rê-xe lập hòa ước với Y-sơ-ra-ên và phục dịch họ.

Chapter 11

2 Samuel 11:1

Chuyện xảy ra vào mùa xuân

"Chuyện xảy ra vào mùa xuân". Câu nầy giới thiệu sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

vào thời điểm

"vào thời gian nầy trong năm"

Đa-vít sai Giô-áp, các thuộc hạ của mình cùng toàn thể quân đội Y-sơ-ra-ên

Đa-vít sai họ ra trận. Có thể làm rõ ý nầy. Cũng vậy, từ "của mình" chỉ về Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít sai Giô-áp, các thuộc hạ của mình cùng toàn thể quân đội Y-sơ-ra-ên ra trận"

quân đội của Am-môn

"quân đội Am-môn"

Ráp-ba

Đây là tên gọi của một thành.

2 Samuel 11:2

Như vậy chuyện xảy ra

"Như vậy chuyện đã xảy ra" hoặc "Vậy, chuyện xảy đến". Tác giả dùng cụm từ nầy để giới thiệu sự kiện tiếp theo trong diễn tiến câu chuyện.

một người phụ nữ đang tắm

Người nữ nầy không phải đang ở trên mái nhà, có lẽ bà đang tắm ngoài trời, trong phần sân nhỏ của nhà mình. Tham khảo cách dịch: "một người phụ nữ đang tắm trong sân nhỏ nhà mình"

Nên Đa-vít sai

Ở đây, từ "sai" có nghĩa là Đa-vít sai một sứ giả đi. Tham khảo cách dịch: "Nên Đa-vít sai một sứ giả"

ông dò hỏi những người biết về người nữ đó

Đa-vít đang cố gắng để tìm ra người nữ đó là ai. Từ "người" chỉ về Đa-vít, và nó cùng là phép hoán dụ chỉ về người sứ giả mà Đa-vít sai đi. Người sứ giả nầy sẽ hỏi thông tin về người nữ đó từ những người biết về bà. Tham khảo cách dịch: "sứ giả hỏi những người biết về người nữ đó là ai"

Ấy chẳng phải là Bát-sê-ba... và chẳng phải người nữ đó là vợ của U-ri người Hê-tít sao

Chính câu hỏi nầy đang cung cấp thông tin về người nữ đó và có thể viết lại thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Đây chính là Bát-sê-ba... và nàng chính là vợ của U-ri, người Hê-tít"

2 Samuel 11:4

kỳ kinh nguyệt

kỳ kinh nguyệt hàng tháng của người nữ

và đón bà

"và ông đón bà". Cụm từ nầy cho biết Đa-vít đón người nữ đó, nhưng thực ra là sứ giả mà Đa-vít sai đến chỗ bà và đón nàng đến chỗ ông. Tham khảo cách dịch: "và họ đón bà đến chỗ ông"

bà đến chỗ ông, và ông ngủ với bà

Cụm từ, "bà đến chỗ ông" là một cách mô tả sinh động về việc Đa-vít quan hệ tình dục với người nữ đó. Cả hai cụm từ nầy đều nói về cùng một ý và được dùng chung với nhau để nhấn mạnh việc họ ăn nằm với nhau. Tham khảo cách dịch: "ông ăn nằm với bà" hoặc "ông quan hệ tình dục với bà"

nàng sai người đến báo cho Đa-vít mà rằng: "Tôi đã mang thai"

Ở đây, từ "sai" có nghĩa là bà sai một sứ giả đến. Bà sai người đến báo với Đa-vít rằng mình đã mang thai. Tham khảo cách dịch: "sai sứ giả đến báo với Đa-vít rằng bà đã mang thai"

2 Samuel 11:6

Vì thế, Đa-vít sai người

Ở đây từ "sai" có nghĩa là Đa-vít đã sai một sứ giả. Tham khảo cách dịch: "Vì thế Đa-vít sai một người sứ giả đến"

Giô-áp thế nào và quân lính có bình an không, và chiến sự thế nào

Đa-vít đang hỏi xem liệu Giô-áp và đội quân của ông có bình an không và tình hình chiến sự đang diễn ra thế nào. Tham khảo cách dịch: "Giô-áp và những người lính khác có khỏe không, tình hình chiến sự đang diễn ra thế nào" (UDB)

Hãy đi xuống nhà ngươi

Ý nghĩa khả thi của cụm từ "đi xuống" là 1) nhà của U-ri ở một vị trí thấp hơn so với cung điện của vua Đa-vít hoặc 2) nhà U-ri ít được tôn trọng hơn cung vua. Tham khảo cách dịch: "Hãy đi đến nhà ngươi"

rửa chân mình

Cụm từ nầy là một hoán dụ chỉ về việc trở về nhà vào buổi tối để nghỉ ngơi sau một ngày dài làm việc. Tham khảo cách dịch: "đêm nay ngươi hãy nghỉ ngơi"

nhà vua gửi tặng quà cho U-ri

Đa-vít sai một người nào đó đến để mang quà đó đến cho U-ri. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: "vua sai người mang quà đến cho U-ri"

2 Samuel 11:9

chúa của mình

Từ "của mình" chỉ về U-ri và từ "chúa" chỉ về Đa-vít.

Chẳng phải ngươi đi đường xa mới về sao? Tại sao ngươi lại không chịu đi xuống nhà mình?

Câu hỏi nầy được dùng để thể hiện sự ngạc hiện của Đa-vít khi U-ri không chịu về thăm vợ của mình. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Sau khi trở về từ một quãng đường xa như vậy, lẽ ra ngươi nên đi xuống nhà mình"

Y-sơ-ra-ên và Giu-đa

Cụm từ nầy chỉ về quân đội. Tham khảo cách dịch: "quân đội của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa"

Vậy thì tôi sao có thể về nhà mình... với vợ mình sao?

Câu hỏi nầy được dùng để nhấn mạnh vào lời từ chối của U-ri để về thăm vợ mình và có thể dịch thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Thật không phải khi tôi lại về nhà mình... với vợ mình trong khi những người lính khác trong đội quân của tôi lại đang gặp nguy hiểm"

Thật như bệ hạ vẫn đang sống, tôi sẽ không làm như vậy

U-ri dùng một lời hứa quả quyết để khẳng định rằng ông ấy sẽ không về nhà với vợ mình chừng nào những binh sĩ còn lại vẫn còn đang ở chiến trường. Ông đưa ra lời hứa bằng cách so sánh tính chân thật trong lời hứa của mình với sự chắc chắn của sự kiện hiện tại vua Đa-vít vẫn đang sống. Tham khảo cách dịch: "Tôi long trọng hứa rằng tôi sẽ không làm như vậy!"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Samuel 11:12

người ăn uống trước mặt vua

"U-ri cùng ăn uống với Đa-vít"

xuống nhà mình

Ý nghĩa khả thi của từ “xuống” là 1) nhà của U-ri nằm ở vị trí thấp hơn so với cung vua hoặc 2) nhà của U-xi thì kém quan trọng hơn so với cung vua. Hãy xem cách bạn dịch cụm từ tương tự “xuống nhà ngươi” trong [2SA 11:8]

2 Samuel 11:14

nhờ tay U-ri để gửi nó đi

Cụm từ “tay của U-ri” chỉ về chính U-ri. Tham khảo cách dịch: “sai chính U-ri chuyển nó đến cho người”`

ngay hàng đầu của trận chiến khốc liệt nhất

"ngày hàng đầu của đội quân nơi trận chiến diễn ra ác liệt nhất”

rút khỏi hắn

"ra lệnh cho quân lính rút lui xa khỏi hắn”

hắn có thể bị đánh và bị giết

"hắn có thể bị thương và bị giết”

2 Samuel 11:16

cuộc vây thành

Từ “cuộc vây” có thể diễn đạt bằn động từ “vây’ hoặc “tấn công”. Tham khảo cách dịch: “binh lính của hắn vây hãm và tấn công thành”

một vài người trong số những binh sĩ của Đa-vít gục ngã

Từ “gục ngã” là một cách nói tao nhã chỉ những người lính bị giết. Tham khảo cách dịch: “lính của Đa-vít bị giết” hoặc “chúng giết một vài người trong số những binh lính của Đa-vít”

và U-ri người Hê-tít cũng bị giết ở đó

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "kể cả U-ri người Hê-tít”

2 Samuel 11:18

Giô-áp gửi tin báo cho Đa-vít

Cụm từ “gửi tin báo” có nghĩa là ông sai sứ giả báo cáo cho Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Giô-áp sai sứ giả báo tin cho Đa-vít

Tại sao các ngươi lại đến quá gần… từ trên tường thành sao?

Giô-áp cho rằng Đa-vít sẽ dùng những câu hỏi nầy để quở trách ông. Có thể viết lại những câu hỏi nầy thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các ngươi không nên đến quá gần thành đó để đánh chiến như vậy. Lẽ ra các ngươi phải biết rằng họ sẽ bắn từ trên tường thành xuống”

từ trên tường thành bắn xuống

Cụm từ nầy chỉ về những người dân trong thành từ trên tường thành bắn cung tên xuống kẻ thù của mình. Tham khảo cách dịch: “từ trên tường thành bắn tên xuống các ngươi”

2 Samuel 11:21

Ai đã giết A-bi-mê-léc, con của Giê-rút-bê-sết?

Giô-áp cho rằng Đa-vít sẽ dùng những câu hỏi nầy để quở trách ông. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Hãy nhớ lại cách A-bi-mê-léc, con của Giê-rút-bê-sết đã bị giết ra sao!”

A-bi-mê-léc, con của Giê-rút-bê-sết

Đây là tên của một người nam. Cha người còn được biết đến với tên gọi là Ghi-đê-ôn.

Chẳng phải một phụ nữ từ trên tường thành ném một thớt cối đá xuống ông, và ông ta đã chết tại Tê-bết đó sao?

Giô-áp cho rằng Đa-vít sẽ dùng những câu hỏi nầy để quở trách ông. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Hãy nhớ rằng ông ta đã chết tại Tê-bết khi một phụ nữ từ trên tường thành ném một thớt cối đá xuống ông”

từ trên tường thành

"từ trên đỉnh tường thành”

thớt cối đá

một tảng đá nặng có thể lăn tròn được, được dùng để nghiền lúa mì thành bột làm bánh.

Tê-bết

Đây là tên gọi của một thành.

Tại sao các ngươi đến gần tường thành như vậy?

Giô-áp cho rằng Đa-vít sẽ dùng những câu hỏi nầy để quở trách ông. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các ngươi không nên đến gần tường thành như vậy!”

2 Samuel 11:22

cổng

"cổng thành”

2 Samuel 11:24

lính bắn cung đã bắn

"cung thủ của họ đã bắn cung”

một vài trong số những đầy tớ của vua đã bị giết

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ đã giết một vài người trong số những đầy tớ của vua”

đầy tớ vua là U-ri người Hê-tít cũng đã bị giết

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ đã giết đầy tớ của vua là U-ri người Hê-tít”

các tôi tớ của vua

Ở đây "tôi tớ” chỉ về những binh sĩ, không phải nô lệ bởi vì các binh sĩ là tôi tớ của nhà vua.

vì gươm đao khi giết kẻ nầy cũng như kẻ khác

Ở đây "gươm đao” chỉ về một người dùng gươm để viết kẻ khác. Cũng vậy, việc dùng gươm đao giết người được ví như thể gươm đao đang “ăn nuốt”những người đó. Tham khảo cách dịch: “vì một người cũng có thể bị giết bởi gươm đao như kẻ khác” hoặc “vì bất kỳ một người nào cũng có thể chết trong chiến trận”

Hãy mở cuộc tấn công mãnh liệt hơn

"Hãy chiến đấu mãnh liệt hơn nữa”

2 Samuel 11:26

nàng than khóc dữ dội

Ở đây tác giả nói về việc bàn than khóc rất nhiều như thể nó ở sâu trong người mình. Tham khảo cách dịch: “nàng than khóc người rất nhiều” hoặc “nàng khóc than người thảm thiết”

nỗi đau buồn

nỗi đau buồn sâu sắc do những đau đớn, thất vọng hoặc sự rủi ro bất hạnh nào đó gây ra.

Đa-vít sai người đi đón nàng về nhà

Ở đây, từ “sai” có nghĩa là sai một sứ giả đi đến đón bà đến chỗ của ông. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít sai một sứ giả đến đón nàng về nhà mình”

không hài lòng

"làm… buồn lòng” hoặc “khiến… tức giận”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

2 Samuel 11:1

Các vua thường đi ra tranh chiến vào lúc nào?

Các vua thường đi ra tranh chiến vào mùa xuân.

Vua Đa-vít ở đâu trong mùa xuân đặc biệt này?

Vua Đa-vít ở tại Giê-ru-sa-lem.

2 Samuel 11:2

Một chiều nọ, Đa-vít thấy ai khi ông ra khỏi giường mình và đi dạo chơi trên nóc đền vua?

Đa-vít thấy một người nữ đang tắm và tên nàng là Bát-sê-ba.

2 Samuel 11:3

Một chiều nọ, Đa-vít thấy ai khi ông ra khỏi giường mình và đi dạo chơi trên nóc đền vua?

Đa-vít thấy một người nữ đang tắm và tên nàng là Bát-sê-ba.

Ai là chồng của Bát-sê-ba?

Chồng của Bát-sê-ba là U-ri, người Hê-tít.

2 Samuel 11:4

Đa-vít làm gì với Bát-sê-ba?

Đa-vít ngủ với Bát-sê-ba và làm bà có thai.

2 Samuel 11:5

Đa-vít làm gì với Bát-sê-ba?

Đa-vít ngủ với Bát-sê-ba và làm bà có thai.

2 Samuel 11:6

Sau khi Đa-vít biết Bát-sê-ba có thai, ông làm gì?

Khi Đa-vít biết Bát-sê-ba có thai, ông bảo Giô-áp triệu tập U-ri người Hê-tít đến gặp ông.

2 Samuel 11:8

Khi U-ri đến gặp Đa-vít, Đa-vít cố để U-ri làm gì?

Đa-vít cố cho U-ri đi xuống nhà của U-ri và rửa chân.

2 Samuel 11:9

U-ri làm gì sau khi Đa-vít bảo ông đi xuống nhà mình?

U-ri không đi xuống nhà ông, nhưng trái lại ông ngủ tại cửa đền vua cùng các tôi tớ vua.

2 Samuel 11:11

U-ri trả lời Đa-vít thế nào khi Đa-vít hỏi ông, "Cớ sao không đi xuống nhà ngươi?"

U-ri nói ông sẽ không về nhà đặng ăn uống và ngủ với vợ mình trong khi chiếc hòm, Y-sơ-ra-ên, và Giu-đa đang ở dưới trại, Giô-áp và các tôi tớ của Giô-áp đang hạ trại nơi đồng trống.

2 Samuel 11:15

Đa-vít nhờ U-ri gửi một thư cho Giô-áp, thư đó nói gì?

Thư đó nói, "Hãy đặt U-ri tại hàng đầu, nơi hiểm nguy hơn hết của chiến trận, rồi hãy rút ra xa người, để người bị đánh và chết đi."

2 Samuel 11:19

Giô-áp nói với sứ giả của ông điều gì có thể xảy ra khi sứ giả về báo tin chiến trận cho Đa-vít?

Giô-áp nói với sứ giả rằng Đa-vít có thể trở nên giận dữ sau khi sứ giả về báo tin chiến trận cho Đa-vít.

2 Samuel 11:20

Giô-áp nói với sứ giả của ông điều gì có thể xảy ra khi sứ giả về báo tin chiến trận cho Đa-vít?

Giô-áp nói với sứ giả rằng Đa-vít có thể trở nên giận dữ sau khi sứ giả về báo tin chiến trận cho Đa-vít.

Giô-áp nghĩ tin nào sẽ làm Đa-vít cảm thấy tức giận về chiến trận?

Giô-áp nghĩ Đa-vít có thể tức giận về sự thật rằng quân đội đến quá gần tường thành đặng đánh nhau.

2 Samuel 11:21

Giô-áp bảo sứ giả nói với Đa-vít điều gì nếu Đa-vít nổi giận về tin chiến trận?

Giô-áp nói với sứ giả rằng nếu Đa-vít tức giận, hãy trả lời, "U-ri, kẻ tôi tớ vua, người Hê-tít, cũng chết nữa."

2 Samuel 11:25

Đa-vít bảo sứ giả nói Giô-áp làm gì?

Đa-vít bảo sứ giả nói Giô-áp làm cho trận chiến của ông mạnh hơn thành và lật đổ nó.

2 Samuel 11:26

Vợ của U-ri làm gì khi bà nghe rằng chồng bà đã chết?

Khi nghe rằng chồng bà đã chết, bà than khóc chồng bà.

2 Samuel 11:27

Điều gì xảy ra với Bát-sê-ba?

Sau khi đã nguôi ngoai cơn sầu khổ, Đa-vít sai vời bà vào cung, và bba2 làm vợ ông và sanh một con trai.

Ai không đẹp lòng điều Đa-vít đã làm?

Đức Giê-hô-va không đẹp lòng điều Đa-vít đã làm.

Chapter 12

2 Samuel 12:1

con chiên cái

con chiên cái

như con gái của ông ta vậy

Cụm từ nầy chỉ về sự gần gũi, thân thiết của người nầy với con chiên nhỏ của mình. Tham khảo cách dịch: “ông yêu mến nó như thể đó là một trong số những cô con gái của mình vậy”

2 Samuel 12:4

con chiên cái

con chiên cái nhỏ

Đa-vít nổi nóng tức giận cùng

Ở đây, tác giả mô tả Đa-vít giận dữ nhiều đến mức như thể cơ thể của ông nóng bừng lên vì cơn giận của mình. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít nổi giận cùng” hoặc “Đa-vít trở nên rất tức giận với”

cho người khách của mình

Việc nầy là cho người khách của ông ăn. Tham khảo cách dịch: “cho người khách của mình ăn”

ông nổi giận với Giô-na-than

Điều này có nghĩa là Đa-vít nói chuyện với Giô-na-than một cách giận dữ.

Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống

Câu nầy cho thấy Đa-vít đang lập một lời thề hoặc một lời hứa nghiêm túc. Tham khảo cách dịch: “Ta tuyên bố, chắc chắn thật như Đức Giê-hô-va hằng sống”

để bị xử tử

Câu nầy có nghĩa là sẽ bị giết. Cũng vậy, có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sẽ bị giết” hoặc “sẽ chết”

Hắn phải bồi thường bốn lần con chiên cái đó

Số tiền mà người giàu có kia bắt buộc phải trả cho người nghèo kia sẽ có giá gấp bốn lần giá của con chiên con kia. “Hắn phải bồi thường cho người nghèo kia gấp bốn lần giá

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của con chiên nhỏ kia”

lòng thương xót

cảm thấy buồn và yêu thương vì ai đó đang chịu đau đớn hoặc bị tổn thương hoặc không được yêu thương.

2 Samuel 12:7

khỏi tay Sau-lơ

Ở đây, từ “tay” chỉ về quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “khỏi quyền kiểm soát của Sau-lơ” hoặc “từ quyền lực của Sau-lơ”

những người vợ của chủ ngươi vào lòng ngươi

Ở đây, Đức Giê-hô-va đang mô tả việc Đa-vít cưới được những người vợ của chủ mình làm vợ của mình, qua cách nói rằng họ đang ở “trong lòng ngươi”. Tham khảo cách dịch: “những người vợ của chủ ngươi làm vợ ngươi”

Ta cũng đã cho ngươi cả nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa

Ở đây, Đức Giê-hô-va đang nói về cách Ngài ban quyền làm vua cho Đa-vít cai trị trên Y-sơ-ra-ên và Giu-đa như thể Ngài ban cho ông nhà của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa như một món quà. Cụm từ “nhà” có nghĩa là “dân sự của”. Tham khảo cách dịch: “Ta cũng đã ban cho ngươi thẩm quyền làm vua trên dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa”

nếu bấy nhiu còn quá ít

"nếu ta vẫn chưa ban cho ngươi đủ”

2 Samuel 12:9

Vậy tại sao ngươi đã xem thường… Đức Giê-hô-va mà làm điều ác trước mặt Ngài?

Câu hỏi nầy được dùng để quở trách Đa-vít. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra ngươi không nên xem thường… Đức Giê-hô-va và cũng không nên điều ác như vậy trước mặt Ngài!”

mà làm điều ác trước mặt Ngài

Trước mắt Đức Giê-hô-va chỉ về những nhận định của Đức Giê-hô-va. Ở đây, cụm từ nầy đang chỉ cụ thể về những điều nào Ngài cho là gian ác. Tham khảo cách dịch: “mà làm điều Ngài cho là gian ác”

Ngươi đã giết người bằng gươm

Có thể dịch câu nầy ở dạng chủ động. Cũng vậy, Đa-vít không hề tự tay giết chết U-ri, nhưng đúng hơn là ông đã dàn xếp để U-ri phải bị giết trên chiến trường. Cụm từ “dùng gươm” chỉ về cách U-ri chết trên chiến trường ra sao. Tham khảo cách dịch: “Ngươi đã dàn xếp để U-ri người Hê-tít phải chết trong chiến trận”

Ngươi đã dùng gươm của người Am-môn để giết người

Đa-vít không hề tự tay giết chết U-ri, nhưng đúng hơn là ông đã dàn xếp để U-ri phải bị giết trên chiến trường khi dân Y-sơ-ra-ên chiến đấu với dân Am-môn. Cụm từ “dùng gươm” chỉ về cách U-ri chết trên chiến trường ra sao. Tham khảo cách dịch: “Ngươi đã dàn xếp để người phải chết trong cuộc chiến với quân đội của dân Am-môn”

gươm sẽ không bao giờ lìa khỏi nhà ngươi

Ở đây, từ “gươm” chỉ về những người chết trong chiến tranh. Cũng vậy, “nhà” chỉ về dòng dõi của người. Tham khảo cách dịch: “một vài dòng dõi của ngươi sẽ luôn phải chết trên chiến trường” (UDB)

2 Samuel 12:11

khỏi nhà ngươi

Ở đây nhà của Đa-vít chỉ về dòng dõi của ông. Tham khảo cách dịch: “khỏi giữa dòng dõi ngươi”

Trước mắt ngươi

Ở đây Đa-vít được nói đến qua đôi mắt của mình để nhấn mạnh rằng ông sẽ chứng kiến điều đó. Tham khảo cách dịch: “Khi người đang nhìn”

trước hết thảy Y-sơ-ra-ên

Cụm từ nầy nói về việc dân Y-sơ-ra-ên biết những việc đã xảy ra với những người vợ của Đa-vít như thể họ thực sự đã chứng kiến việc đó xảy ra. Tham khảo cách dịch: “trước toàn dân Y-sơ-ra-ên” hoặc “và toàn dân Y-sơ-ra-ên sẽ biết việc đó”

giữa ban ngày

"giữa ban ngày”. Việc làm điều gì đó “một cách công khai” hoặc sao cho mọi người đều nhận thức rõ những chuyện đang xảy ra được nói đến như thể họ đã làm việc đó “giữa ban ngày”. Tham khảo cách dịch: “một cách công khai” hoặc “và mọi người đều sẽ thấy những chuyện đang xảy ra”

đã phạm tội của mình

"đã phạm tội”

bỏ qua

Đức Giê-hô-va đã tha tội cho Đa-vít. Ở đây, việc Đức Giê-hô-va đã bỏ qua tội lỗi của Đa-vít được ví như thể tội lỗi của ông là một vật gì đó mà Ngài bước ngang qua hoặc không để ý đến. Tham khảo cách dịch: “tha thứ”

Bệ hạ sẽ không bị giết

Có thể dịch câu nầy ở dạng chủ động. Lắm lúc con người phải chết vì cớ tội lỗi của mình, và ở đây ông sẽ chết vì cớ tội lỗi mà ông đã phạm với người phụ nữ kia. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Bệ hạ sẽ không chết” hoặc “Bệ hạ sẽ không chết vì cớ tội lỗi nầy đâu”

2 Samuel 12:14

khinh thường

ghét bỏ hoặc ghét một người hoặc một điều gì đó một cách dữ dội

Đức Giê-hô-va đánh đứa trẻ…. và nó bị bệnh nặng

Ở đây tác gải nói về việc Đức Giê-hô-va khiến đưa trẻ bị bệnh như thể Ngài đánh đứa trẻ đó. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va khiến đứa trẻ đau đớn… và nó bị bệnh nặng” hoặc “Đức Giê-hô-va khiến đứa trẻ…. bị bệnh nặng"

đứa trẻ được sinh ra cho bệ hạ

Cụm từ “được sinh ra cho bệ hạ” có nghĩa là đó chính là đứa con mới sinh của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “đứa con sẽ được sinh ra”

đứa con mà vợ của U-ri đã sinh cho Đa-vít

Cụm từ nầy có nghĩa là bà sinh một đứa con và Đa-vít là cha của nó. Tham khảo cách dịch: “con của Đa-vít, là đứa trẻ mà vợ U-ri đã sinh ra”

2 Samuel 12:16

khẩn nài

đề nghị thiết tha hoặc cầu xin một cách khẩn thiết

vào trong

Đa-vít đi vào phòng của mình khi ông ở một mình. Tham khảo cách dịch: “đi vào trong phòng của mình”

để đỡ người lên khỏi sàn nhà

"và cố gắng thuyết phục vua dậy khỏi sàn nhà”

Chuyện xảy ra

"Chuyện đã xảy ra"

vua không chịu nghe lời của họ

Người ta nhắc đến những thuộc hạ của vua qua lời nói của họ để nhấn mạnh rằng họ đang khuyên vua. Tham khảo cách dịch: “vua không chịu nghe theo họ”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ngày thứ bảy
"ngày thứ 7". Cụm từ nầy chỉ về ngày thứ bảy sau khi đứa trẻ được sinh ra. Tham khảo cách dịch: “ngày thứ bảy sau khi đứa trẻ được sinh ra”
Kìa
Đây là cách nói được dùng để thu hút sự chú ý của mọi người. Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe”
Nếu chúng ta báo cho người biết là đứa trẻ đã mất thì người có làm điều gì hại mình không?
Các đầy tớ đặt ra câu hỏi nầy để bày tỏ nỗi sợ hãi của mình. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sợ rằng vua có thể làm tổn hại chính mình nếu như chúng ta báo cho người biết rằng đứa trẻ đã mất!”
2 Samuel 12:19
thì thầm
"nói chuyện rất khẽ”
hiểu
"hiểu"
chỗi dậy
"đứng dậy"
2 Samuel 12:21
Thông tin chung:
Những câu nầy có những câu hỏi đế nhận mạnh rằng Đa-vít nhận ra rằng Đức Giê-hô-va đã cho phép chuyện này xảy ra.
Biết đâu Đức Giê-hô-va sẽ thương xót ta, và cho nó được sống?
Đa-vít đặt ra câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng không ai biết được liệu Đức Giê-hô-va sẽ để cho đứa trẻ đó sống hay không. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Không ai biết chắc liệu Đức Giê-hô-va có thương xót ta mà để cho đứa trẻ được sống hay không.”
Nhưng bây giờ nó đã chết thì tại sao ta phải kiêng ăn làm gì?
Đa-vít đặt ra câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông chẳng còn lí do gì để phải kiêng ăn. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ thì nó đã mất nên có kiêng ăn nữa cũng không ích gì”
Ta có thể mang nó trở lại được sao?
Đa-vít đặt ra câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng đứa trẻ không thể sống lại được. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. “Ta không thể khiến nó sống trở lại được”
Ta sẽ đi đến với nó
Đa-vít ngụ ý rằng ông sẽ đến chỗ đứa trẻ ở sau khi nó qua đời. Tham khảo cách dịch: “Khi ta qua đời ta sẽ đi đến chỗ của nó”
2 Samuel 12:24
đến với nàng và ngủ với nàng
Cụm từ “đến với nàng” là một cách mô tả sinh động về việc Đa-vít quan hệ tình dục với vợ của mình. Cả hai cụm từ nầy có nghĩa tương tự nhau và được dùng để nhấn mạnh rằng họ đã ăn nằm với nhau. Tham khảo cách dịch: “ăn nằm với nàng”
Ngài ban lời thông qua tiên tri Na-than
Ở đây "lời" chỉ về thông điệp mà Đức Giê-hô-va bảo Na-than đi nói với Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Ngài sai Na-than để nói với ông”
Giê-đi-đia
Đây là một tên gọi khác cho Sa-lô-môn, con trai Đa-vít, là tên mà Đức Giê-hô-va đã chọn cho ông.
2 Samuel 12:26
Giô-áp đánh… ông chiếm được
Ở đây, tác giả nói là “Giô-áp” nhưng ông đang chỉ về cả Giô-áp và binh lính của ông là những người đánh trận cho ông. Tham khảo cách dịch: “Giô-áp và binh lính của mình… họ chiếm được”
Ráp-ba
Đánh thành nầy, về nghĩa đen có nghĩa là đánh chiến với dân thành Ráp-ba. Hãy dịch tên gọi nầy như cách bạn đã dịch trong [2SA 11:1]
Vậy Giô-áp sai sứ giả đến cùng Đa-vít mà nói rằng
"Vậy Giô-áp sai các sứ giả đến với Đa-vít mà nói cùng vua”
chiếm được nguồn nước của thành
"chiếm” một nơi hoặc mốc ranh giới có nghĩa là giành được quyền kiểm soát nơi đó. Tham khảo cách dịch: “đã giành quyền kiểm soát nguồn nước của thành”
đóng trại quanh
Cụm từ nầy có nghĩa là bao vây và tấn công. Tham khảo cách dịch: “bao vây” hoặc “vây hãm”
Tôi đã đánh… tôi đã chiếm… kẻo tôi sẽ chiếm
Ở đây Giô-áp nói về mình như thể ông đang nói đến chình mình ông và cả quân lính của mình. Tham khảo cách dịch: “tôi và binh sĩ của tôi đã đánh… Tôi và binh sĩ của mình đã chiếm… kẻo tôi và binh sĩ của mình sẽ chiếm”
chiếm nó…. chiếm được thành
"chiếm” một nơi hoặc mốc ranh giới có nghĩa là giành được quyền kiểm soát nơi đó. Tham khảo cách dịch: “giành quyền kiểm soát nó… giành quyền kiểm soát thành đó”
nó sẽ được đặt tên
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ta sẽ đặt tên nó
2 Samuel 12:29
vua đánh
Ở đây tác giả nhắc đến Đa-vít như thể ông đang nói đến cả Đa-vít và quân lính của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít và quân lính của mình đánh”
một ta-lâng
Có thể viết lại cụm từ nầy theo những đơn vị đo hiện nay. Tham khảo cách dịch: “34 kg”
một viên đá quý
một loại đá quý hiếm, chẳng hạn như kim cương, đã ru-bi, đá xafia, ngọc lục bảo hoặc đá opan.
Vương miện ấy được đội trên đầu Đa-vít
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Họ đội vương miện đó trên đầu Đa-vít”
ông đã đem… ra
Ở đây, tác giả nhắc đến Đa-vít như thể đang nhắc đến binh lính của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “họ đã đem…ra”
chiến lợi phẩm
những vật có giá trị chiếm được từ những kẻ thù bại trận
lượng
"số lượng" hoặc “số”
2 Samuel 12:31
Ông bắt dân chúng thành đó ra
Đa-vít không tự mình bắt dân chúng thành đó đi ra, nhưng ông ra lệnh cho lính của mình bắt họ đi. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít lệnh cho quân lính của mình bắt dân thành đó ra”
cưa, bừa sắt và rìu sắt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là những dụng cụ dùng để cưa gỗ hoặc để cày xới đất.

lò gạch

những lò lớn để nung khô và làm rắn gạch.

tất cả các thành của dân Am-môn

Cụm từ nầy chỉ đến dân chúng của những thành nầy. Tham khảo cách dịch: “toàn bộ dân chúng ở các thành của Am-môn”

Translation Questions

2 Samuel 12:1

Tại sao Na-than đến gặp Đa-vít?

Na-than đến gặp Đa-vít vì Đức Giê-hô-va sai ông đến gặp Đa-vít.

2 Samuel 12:2

Na-than kể cho Đa-vít nghe một câu chuyện. Câu chuyện đó nói về gì?

Câu chuyện mà Na-than kể cho Đa-vít nghe là câu chuyện về một người giàu có nhiều đàn chiên và gia súc, và một người nghèo chỉ có một con chiên cái như một đứa con gái của ông.

2 Samuel 12:3

Na-than kể cho Đa-vít nghe một câu chuyện. Câu chuyện đó nói về gì?

Câu chuyện mà Na-than kể cho Đa-vít nghe là câu chuyện về một người giàu có nhiều đàn chiên và gia súc, và một người nghèo chỉ có một con chiên cái như một đứa con gái của ông.

2 Samuel 12:4

Người giàu làm gì với người nghèo và con chiên cái?

Khi có khách đến thăm người giàu, người giàu bèn bắt con chiên con của người nghèo và dọn cho kẻ khác đã đến thăm mình.

2 Samuel 12:5

Đa-vít có phản ứng gì khi nghe Na-than kể chuyện về người giàu và người nghèo?

Đa-vít nổi giận về người giàu và nói người giàu đáng chết.

2 Samuel 12:7

Na-than nói gì với Đa-vít sau khi Đa-vít phản ứng giận dữ về người giàu trong câu chuyện của Na-than?

Na-than nói với Đa-vít, "Vua là người đó!"

2 Samuel 12:9

Đức Giê-hô-va nói Đa-vít đã làm gì?

Đức Giê-hô-va nói Đa-vít đã giết U-ri người Hê-tít bởi gươm của dân Am-môn và cướp vợ của U-ri làm vợ mình.

2 Samuel 12:13

Na-than nói điều gì sẽ không xảy ra với Đa-vít sau khi ông nói, "Ta đã phạm tội cùng Đức Giê-hô-va"?

Na-than nói với Đa-vít, "Đức Giê-hô-va cũng đã xóa tội vua; vua không chết đâu."

2 Samuel 12:14

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì vì Đa-vít đã khinh để Đức Giê-hô-va và cướp vợ của U-ri người Hê-tít làm vợ mình?

Đức Giê-hô-va nói với Đa-vít rằng gươm giáo sẽ không bao giờ lìa nhà ông, Ngài sẽ dấy lên những tai họa từ nhà của ông, người lân cận vua sẽ ngủ với các vợ của Đa-vít nơi bạch nhật, và con cái được sinh cho Đa-vít chắc chắn sẽ chết.

2 Samuel 12:16

Đa-vít làm gì khi đứa bé mà vợ của U-ri sanh cho Đa-vít bị bệnh nặng?

Đa-vít vì con cầu khẩn Đức Chúa Trời và kiêng ăn; đoạn, người trở vào nhà, trọn đêm nằm dưới đất.

2 Samuel 12:17

Đa-vít làm gì khi đứa bé mà vợ của U-ri sanh cho Đa-vít bị bệnh nặng?

Đa-vít vì con cầu khẩn Đức Chúa Trời và kiêng ăn; đoạn, người trở vào nhà, trọn đêm nằm dưới đất.

2 Samuel 12:18

Đứa bé mà vợ của U-ri sanh cho Đa-vít chết khi nào?

Ngày thứ bảy đứa trẻ chết.

2 Samuel 12:20

Đa-vít làm gì sau khi ông biết đứa bé đã chết.

Sau khi Đa-vít biết đứa bé đã chết, ông chờ dậy khỏi đất, tắm mình, xức dầu thơm, và thay quần áo.

2 Samuel 12:23

Đa-vít nêu lý do gì về việc không kiêng ăn sau khi đứa bé đã chết?

Đa-vít lý luận rằng sau khi đứa bé chết, chẳng còn lý do gì để ăn vì ông không thể làm cho đứa bé sống lại.

2 Samuel 12:25

Tại sao Đức Giê-hô-va phán bảo tiên tri Na-than đặt tên đứa con kế tiếp của Bát-sê-ba và Đa-vít là Giê-đi-đia?

Đức Giê-hô-va bảo đặt tên là Giê-đi-đia vì Ngài yêu mến đứa bé.

2 Samuel 12:26

Lúc này, Giô-áp đang đánh lại ai?

Giô-áp đánh Ráp-ba, thành phố hoàng gia của dân Am-môn.

2 Samuel 12:28

Tại sao Giô-áp bảo Đa-vít đi tập hợp binh lính còn lại và hạ trại gần thành và chiếm lấy?

Giô-áp bảo Đa-vít đi lên và hạ trại ở thành phố và chiếm nó vì Giô-áp nói nếu ông chiếm được thành này, thì nó sẽ không được gọi tên anh.

2 Samuel 12:31

Sau khi thành Ráp-ba bị chiếm, Đa-vít khiến dân sự phải làm gì khi họ ở trong thành?

Đa-vít buộc dân Ráp-ba làm việc bằng cưa, bừa sắt, rìu sắt; ông cũng lập họ làm lò gạch.

Chapter 13

2 Samuel 13:1

Sau đó có chuyện xảy ra như vầy

"Chuyện đã xảy sau đó”. Đây là cụm từ được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

em gái cùng cha khác mẹ

Am-nôn và Ta-ma là anh em cùng cha khác mẹ.

em gái ruột

Áp-sa-lôn và Ta-ma là anh em ruột, cùng cha cùng mẹ.

Am-nôn cảm thấy nản lòng đến nỗi ốm tương tư vì Ta-ma, em gái mình

Am-nôn nản lòng bởi vì ông mong muốn được ăn nằm với Ta-ma, em gái mình. Tham khảo cách dịch: “Am-nôn nản lòng vì ham muốn Ta-ma, em gái mình đến nỗi cảm thấy ốm yếu”

2 Samuel 13:3

Giô-na-đáp, con của Sam-ma, là anh Đa-vít

Đây đều là tên của nam. Sam-ma là anh của Đa-vít.

xảo quyệt

xảo trá hoặc dối trá

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tiều tụy
ở trong tình trạng cảm xúc hoàn toàn khổ sở.
Anh không nói cho tôi biết được sao?
Có thể thêm những từ còn thiếu vào trong câu hỏi nầy. Cũng cậy, câu hỏi tu từ nầy là một lời đề nghị của Giô-na-đáp muốn Am-nôn cho ông biết lý do tại sao ông lại tiều tụy, buồn rầu như vậy. Có thể viết lại câu nầy thành câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Anh sẽ nói cho tôi biết tại sao anh lại phiền não chứ?” hoặc “Xin hãy cho nói cho tôi lí do tại sao anh lại phiền não vậy”
2 Samuel 13:5
Giô-na-đáp
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 13:03.
giả vờ bị bệnh
giả bộ sao cho bề ngoài có vẻ như đang bị bệnh
và tự tay em ấy sẽ dọn cho con ăn... Em ấy sẽ tự tay dọn cho con ăn
Đây là lời thỉnh cầu của Am-nôn để được dọn đồ ăn đến riêng cho ông. Tham khảo cách dịch: “và em ấy sẽ dọn đồ ăn cho con... em ấy sẽ dọn cho con ăn”
dành cho bệnh tình cho con trước mặt con
Thức ăn ở không dành cho bệnh tình của ông, nhưng đúng hơn là cho ông bởi vì ông đang bị bệnh. Cụm từ “trước mặt con” là một lời thỉnh cầu xin Ta-ma đến để dọn đồ ăn ra trước mặt ông. Tham khảo cách dịch: “trước mặt con bởi vì con đang bị bệnh”
2 Samuel 13:7
Đa-vít gửi lời
Cụm từ nầy có nghĩa là ông sai người đến nói với Ta-ma. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít sai một sứ giả”
bột nhào
một hỗn hợp đặc sệt gồm bột và chất lỏng trộn chung với nhau để nướng.
nhào
dùng tay để nhào bột
trước mắt anh
Cụm từ nầy có nghĩa là Ta-ma làm bánh trước mặt anh mình. Tham khảo cách dịch: “trước anh” hoặc “trong sự hiện diện của anh”
Vậy tất cả mọi người đều lui ra khỏi chỗ ông
“lui ra khỏi ai đó” có nghĩa là rời khỏi chỗ của họ. Tham khảo cách dịch: “Vậy tất cả mọi người đều rời khỏi ông”
2 Samuel 13:10
để anh có thể ăn bánh từ tay em
Đây là lời đề nghị Ta-ma tự mình dọn thức ăn cho ông. Tham khảo cách dịch: “và dọn dánh cho anh”
đừng bắt ép em
Có thể thêm những từ còn thiếu vào. Tham khảo cách dịch: “đừng bắt ép em phải ngủ với anh”
kinh khủng
đồi bại
2 Samuel 13:13
Thông tin chung:
Ta-ma tiếp tục nói với Am-nôn.
Em sẽ có thể đi đâu để trốn khỏi nỗi nhục trong đời mình đây?
Ta-ma đã đặt ra câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng mình sẽ nhục nhã đến mức nào nếu như nàng ăn nằm với ông. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Trong Y-sơ-ra-ên chẳng có nơi nào để em có thể trốn khỏi nỗi nhục này trong đời mình”
để trốn khỏi nỗi nhục trong đời mình
Ta-ma nói về việc thoái khỏi nỗi nhục nhã của mình như thể nó là kẻ thù hoặc một kẻ quấy rầy mà nàng phải trốn khỏi. Ở đây, Ta-ma được nhắc đến qua cụm từ “đời mình” để nhấn mạnh rằng nỗi nhục nhã mà bà phải chịu sẽ ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh trong cuộc đời bà. Tham khảo cách dịch: “để trốn khỏi nỗi nhục nhã mà tôi phải chịu do việc nầy”
2 Samuel 13:15
Bởi việc anh đuổi em đi, ấy là điều đại ác thậm chí còn tệ hại hơn cả
Danh từ "điều đại ác” có thể viết lại thành động từ. Tham khảo cách dịch: “Việc anh đuổi em đi là điều đại ác! Điều nầy thậm chỉ còn tệ hơn cả”
rồi cài then cửa lại
Cụm từ nầy có nghĩa là khóa cửa lại để nàng không thể trở vào lần nữa. Tham khảo cách dịch: “khóa của lại để nó không thể trở vào được”
2 Samuel 13:18
cài then cửa lại
Cụm từ nầy có nghĩa là khóa cửa lại để nàng không thể trở vào lần nữa. Tham khảo cách dịch: “khóa của lại để nó không thể trở vào được”
rắc tro trên đầu mình, xé áo choàng của mình. Nàng lấy hai tay ôm đầu
Đây là những hành động than khóc và đau buồn trong Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Ta-ma rắc tro lên đầu mình và xé áo choàng của mình để tỏ ra rằng mình đang rất sầu khổ. Rồi nàng lấy tay ôm đầu đau khổ”
2 Samuel 13:20
Có phải Am-nôn, anh của em, đã ở với em rồi không?
Đây là cách hỏi nhẹ nhàng về việc Am-nôn đã có quan hệ tình dục với nàng. Tham khảo cách dịch: “Có phải Am-nôn anh em đã ăn nằm với em không?”
hãy giữ yên lặng
Cụm từ nầy có nghĩa không nói điều gì với bất kỳ ai. Tham khảo cách dịch: “đừng nói với ai bất cứ điều gì về việc nầy”
Đừng để tâm đến chuyện nầy!
Cụm từ “để tâm” có nghĩa là “lo lắng về điều đó”. Tham khảo cách dịch: “Đừng quá lo lắng về những việc đã xảy ra”
Như vậy, Ta-ma cứ sống cô độc
Điều nầy có nghĩa là nàng không hề kết hôn.
không nói gì
"không nói”
2 Samuel 13:23
Hai năm sau, chuyện xảy ra như vầy
Cụm từ nầy giải thích rằng đã hai năm trôi qua và giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện. Cụm từ “năm trọn” có nghĩa là đó là những năm đầy đủ.
người hớt lông chiên
Đây là những người sẽ cắt lông chiên.
Ba-anh Hát-so
Đây là tên một địa điểm.
Kìa bấy giờ
Đây là một cụm từ được dùng để hướng sự chú ý của ai đó vào những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: “Nghe kìa”
đầy tớ của bệ hạ
Áp-sa-lôm tự nhận mình là "đầy tớ của bệ hạ" để bày tỏ lòng kính trọng.
đã hớt lông chiên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại Y-sơ-ra-ên, người ta thường tổ chức một bữa tiệc sau khi đã hớt lông chiên xong.

kính xin bệ hạ

Mặc dầu ông đang nói với vua cha của mình, ông gọi cha mình là “bệ hạ” thay vì “cha” để bày tỏ lòng kính trọng với cha của mình.

2 Samuel 13:25

xin cho phép Am-nôn, anh con, đi với bọn con

Trong văn hóa của người Y-sơ-ra-ên, người con trai cả thường sẽ đại diện cho cha của mình. Am-nôn là con cả của Đa-vít.

Tại sao nó phải đi với các con?

Đa-vít biết rằng Am-nôn không phải là bạn của Áp-sa-lôm.

2 Samuel 13:27

Áp-sa-lôm nài nỉ Đa-vít

Ở đây, tác giả nói về cách Áp-sa-lôm cố gắng thuyết phục Đa-vít để cho Am-nôn đi như thể chàng đang đè nặng trên cha mình. Tham khảo cách dịch: “Áp-sa-lôm nài nỉ Đa-vít để Am-nôn đến”

Đừng sợ

Cụm từ có nghĩa là họ không cần phải sợ những hậu quả vì đã giết Am-nôn. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Đừng lo sợ mình sẽ bị buộc tội giết con trai của vua”

Chẳng phải chính ta đã ra lệnh cho các ngươi sao?

Áp-sa-lôm đặt câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông sẽ bị buộc tội giết Am-nôn bởi vì chính ông đang ra lệnh cho họ. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ta đã ra lệnh cho các ngươi làm thế” hoặc “Ta sẽ là người chịu tội giết người bởi vì chính ta đã lệnh cho các ngươi làm thế”

chẳng phải đã ra lệnh cho các ngươi

Có thể nói rõ nội dung mạng lệnh của Áp-sa-lôm cho những người nầy trong câu hỏi. Tham khảo cách dịch: “chẳng phải đã ra lệnh cho các ngươi giết hắn”

tất cả các hoàng tử

Cụm từ nầy không tính Áp-sa-lôm và Am-nôn là người đã chết, mà chỉ về những hoàng tử còn lại là những người mà vua cho phép họ đi đến bữa tiệc. Tham khảo cách dịch: “những hoàng tử còn lại”

mọi người

Cụm từ nầy chỉ về các hoàng tử đã rời khỏi bữa tiệc.

2 Samuel 13:30

Vậy chuyện xảy ra như vầy

"Chuyện đã xảy ra như vầy”. Ở đây, cụm từ nầy được dùng để giới thiệu sự kiện tiếp theo trong diễn tiến câu chuyện.

trên đường

"đi trên đường”

thì tin báo đến tai Đa-vít rằng

Ở đây đang nói về việc tin tức về việc nầy đến, là khi thực sự có một người đến và báo cho Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “thì có người đến báo tin nầy cho Đa-vít mà rằng”

Thì vua liền chỗi dậy

"Thì vua đứng dậy”

xé quần áo mình, và nằm xuống đất

Ông làm những điều nầy thể hiện ông đau buồn khôn xiết. Tham khảo cách dịch: “xé quần áo mình, và nằm vật xuống đất than khóc thảm thiết”

áo thì bị xé rách

Họ làm như vậy để bộc lộ nỗi đau buồn và than khóc cùng với vua của mình. Tham khảo cách dịch: “và xé áo mình mà than khóc cùng với vua”

2 Samuel 13:32

Giô-na-đáp ... Sam-ma

Hãy dịch tên của những người nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 13:03.

Xin chúa tôi đừng tin

"Thưa chúa tôi, xin đừng tin”

chúa tôi

Giô-na-đáp gọi Đa-vít là “chúa tôi” để bày tỏ lòng kính trọng.

Am-nôn đã hãm hiếp em gái mình

Đây là một cách nói tế nhị để chỉ ra rằng Am-nôn đã hãm hiếp em gái mình.

xin bệ hạ là chúa tôi đừng

"Thưa chúa là vua tôi, xin đừng”

để tâm đến tin đồn nầy

Cụm từ “để tâm đến điều gì đó” có nghĩa là “lo lắng về điều đó”. Tham khảo cách dịch: “lo lắng về tin đồn đó”

2 Samuel 13:34

đang canh gác

Cụm từ nầy có nghĩa là người đầy tớ đó đang quan sát từ xa khi đang đứng canh gác trên tường thành. Tham khảo cách dịch: “người đang canh gác” hoặc “người đang canh gác trên tường thành”

nhướng mắt lên

Ở đây, việc người đầy tớ nầy đang nhìn lên một điều gì đó được nói đến như thể người đang nhướng mắt mình lên. Tham khảo cách dịch: “nhìn lên”

Lúc đó, có chuyện đã xảy ra như vầy

Cụm từ nầy được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

cất tiếng mình lên

Ở đây, việc các hoàng tử nầy kêu khóc được nói đến như thể tiếng khóc của họ là một vật gì đó mà họ đang nâng lên trời. Tham khảo cách dịch: “kêu khóc”

2 Samuel 13:37

Thanh-mai ... A-mi-hút

Đây đều là tên của nam.

cho con trai mình

"cho Am-nôn, con trai mình”

người ở tại đó trong ba năm

"người ở lại đó trong ba năm”

Tâm trí Đa-vít mong mỏi

Ở đây, Đa-vít được nhắc đến qua tâm trí của mình để nhấn mạnh đến những suy nghĩ của ông Tham khảo cách dịch: “Vua Đa-vít mong mỏi”

vì vua đã được khuây khoả về Am-nôn và cái chết của người

"bởi vì vua không còn đau lòng về việc Am-nôn đã chết” (UDB). Câu nầy chỉ về thời điểm ba năm sau khi Áp-sa-lôm chạy trốn đến Giê-ru-sơ.

Translation Questions

2 Samuel 13:1

Am-nôn, con của Đa-vít, bị hấp dẫn bởi ai?

Am-nôn bị thu hút bởi em gái cùng cha khác mẹ rất xinh đẹp là Ta-ma, nàng là em gái của Áp-sa-lôm, một con trai

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khác của Đa-vít.
2 Samuel 13:4
Am-nôn trả lời thế nào khi Giê-hô-na-đáp hỏi ông lý do ông mỗi ngày một xanh xao?
Am-nôn nói với Giê-hô-na-đáp là ông yêu Ta-ma, em gái của Áp-sa-lôm, anh của ông.
2 Samuel 13:6
Am-non làm gì để được thấy Ta-ma?
Am-nôn giả vờ bệnh và khi Đa-vít đến thăm Am-nôn, ông xin Đa-vít cho Ta-ma đem chút đồ ăn đến trước mặt ông để ông có thể ăn nơi tay nàng, và Đa-vít làm y như Am-nôn xin.
2 Samuel 13:11
Am-nôn làm gì khi Ta-ma đến dâng bánh cho ông ăn?
Khi Ta-ma đến đưa bánh cho Am-nôn, ông vớ lấy nàng mà rằng: "Em ơi, hãy đến ngủ cùng anh."
2 Samuel 13:14
Am-nôn làm gì khi Ta-ma bảo ông không được ép nàng và không làm điều kinh sợ đó?
Am-nôn không nghe Ta-ma, và ông gian hiếp nàng.
2 Samuel 13:15
Am-nôn cảm thấy thế nào về Ta-ma sau khi đã hiếp nàng?
Am-nôn lấy làm gớm ghét nàng quá, đến đỗi tình người ghen ghét nàng lại lớn hơn tình thương yêu nàng khi trước.
Am-nôn ra lệnh và buộc Ta-ma phải làm gì?
Am-nôn ra lệnh Ta-ma, "Hãy đứng dậy và đi đi," và ra lệnh cho tôi tớ đem Ta-ma đi chỗ khác và đóng cửa khóa lại.
2 Samuel 13:17
Am-nôn ra lệnh và buộc Ta-ma phải làm gì?
Am-nôn ra lệnh Ta-ma, "Hãy đứng dậy và đi đi," và ra lệnh cho tôi tớ đem Ta-ma đi chỗ khác và đóng cửa khóa lại.
2 Samuel 13:19
Ta-ma làm gì sau khi nàng bị đuổi ra khỏi phòng của Am-nôn?
Sau khi Ta-ma bị đuổi ra khỏi phòng của Am-nôn, nàng bèn bỏ tro trên đầu mình, xé áo dài, và bưng tay trên đầu, vừa đi vừa cất tiếng la.
2 Samuel 13:21
Vua Đa-vít phản ứng gì khi ông nghe tin về mọi điều này?
Vua Đa-vít hay được các điều đó, bèn giận lắm.
2 Samuel 13:22
Sau khi Áp-sa-lôm, anh trai Ta-ma, phát hiện là Am-nôn đã gian hiếp em gái mình, ông cảm thấy thế nào về Am-nôn?
Áp-sa-lôm ghét Am-nôn vì ông ta đã gian hiếp em gái là Ta-ma.
2 Samuel 13:23
Áp-sa-lôm mời ai đến thăm ông tại Ba-anh Ha-xơ?
Áp-sa-lôm mời vua và các tôi tớ vua cùng mọi vương tử đến thăm ông ở Ba-anh Ha-xơ.
2 Samuel 13:24
Áp-sa-lôm mời ai đến thăm ông tại Ba-anh Ha-xơ?
Áp-sa-lôm mời vua và các tôi tớ vua cùng mọi vương tử đến thăm ông ở Ba-anh Ha-xơ.
2 Samuel 13:25
What did the king say in response to Absalom's invitation to visit him at Baal Hazor?
Vua nói gì trước lời mời của Áp-sa-lôm đến thăm ông tại Ba-anh Ha-xơ?
The king said they should not all go because they would be a burden to Absalom.
Vua nói họ không nên đi vì họ sẽ là một gánh nặng cho Áp-sa-lôm.
2 Samuel 13:26
Đa-vít nói gì khi Áp-sa-lôm xin Đa-vít cho Am-nôn đi cùng họ?
Khi Áp-sa-lôm xin Đa-vít cho Am-nôn đi cùng họ, ông hỏi, "Tại sao nó phải đến với con?"
2 Samuel 13:27
Ai đi cùng Áp-sa-lôm?
Am-nôn và tất cả các vương tử đều đi với Ap-sa-lôm.
2 Samuel 13:28
Áp-sa-lôm sai các tôi tớ làm gì về Am-nôn?
Áp-sa-lôm truyền lệnh cho các tôi tớ rằng sau khi Am-nôn bắt đầu say bằng rượu và khi Áp-sa-lôm bảo họ, "Hãy đánh Am-nôn," thì họ phải giết Am-nôn.
2 Samuel 13:29
Các vương tử làm gì sau khi tôi tớ của Áp-sa-lôm giết Am-nôn?
Sau khi các tôi tớ của Áp-sa-lôm giết Am-nôn, tất cả các vua nổi lên, và mạnh ai nấy cỡi con la của mình mà chạy trốn.
2 Samuel 13:30
Tin tức đầu tiên mà Đa-vít nghe về sự kiện đó là gì?
Đang khi họ chạy trốn, có tin tức đến cùng Đa-vít và nói rằng Áp-sa-lôm đã giết mọi vương tử.
2 Samuel 13:32
Giê-hô-na-đáp nói điều gì đã xảy ra và tại sao?
Giê-hô-na-đáp nói với Đa-vít rằng chỉ một mình Am-nôn chết, và Áp-sa-lôm đã một mình trồng lại từ ngài Am-nôn gian hiếp em gái Ta-ma.
2 Samuel 13:37
Áp-sa-lôm đi đâu sau khi cho người giết Am-nôn?
Áp-sa-lôm bỏ trốn sang Tanh-mai, con của A-mi-hu, vua Ghê-sua.
2 Samuel 13:38
Áp-sa-lôm ở Ghẹt-sua bao lâu?
Áp-sa-lôm ở Ghẹt-sua trong 3 ngày.
2 Samuel 13:39
Đa-vít mong muốn làm gì?
Đa-vít mong muốn ra ngoài và xem Áp-sa-lôm.

Chapter 14
2 Samuel 14:1
Bấy giờ
Ở đây từ nầy được dùng để đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây the tác giả giới thiệu một nhân vật mới trong câu chuyện.
Xê-ru-gia
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong 2:13 X
2SA 2:13.
nhận thấy
Cụm từ nầy có nghĩa là Giô-áp đã nhận thức được hoặc hiểu được những suy nghĩ của Đa-vít.
gửi lời đến Thê-cô-a và mang về một người đàn bà thông minh
Cụm từ nầy có nghĩa là ông sai người đưa tin đến Thê-cô-a và dẫn một người phụ nữ về lại cho mình. Có thể viết lại câu nầy ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Vậy Giô-áp sai người đưa tin đến Thê-cô-a và lệnh cho người đó dẫn về một người đàn bà thông minh”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thê-cô-a
Đây là tên một địa điểm.
như một người đàn bà đang than khóc
Giô-áp đưa ra so sánh nầy để mô tả cho người đàn bà nầy biết ông muốn bà phải xuất hiện trong bộ dạng nào.
người chết
Cụm từ nầy chỉ về một người nào đó đã chết. chứ không phải là người chết nói chung. Tham khảo cách dịch: “một người đã chết nào đó”
2 Samuel 14:4
bà cúi mình sấp mặt xuống đất
Bà làm như vậy để bày tỏ sự tôn kính và thuận phục của mình đối với nhà vua. Tham khảo cách dịch: “bà bày tỏ lòng tôn kính vua bằng cách cúi mình sấp mặt xuống đất”
Đứa nầy đánh đứa kia
"Đứa con trai nầy của tôi dùng thứ gì đó đánh đứa còn lại”
2 Samuel 14:7
cả dòng họ tôi
"cả gia đình tôi”
đầy tớ của bệ hạ
Để bày tỏ lòng kính trọng đối với nhà vua, người phụ nữ nầy tự xưng mình là "đầy tớ của bệ hạ."
xử tử hắn
Cụm từ nầy có nghĩa là sẽ giết. Tham khảo cách dịch: “giết hắn”
họ cũng sẽ tiêu diệt luôn người thừa kế
Nếu xử tử luôn người anh thì sẽ không còn người con trai nào để thừa kế tài sản của gia đình. Tham khảo cách dịch: “Nếu họ làm như vậy, thì họ sẽ diệt luôn cả người thừa kế của gia đình chúng tôi”
Vì vậy, họ sẽ dập tắt luôn viên than hồng mà ta còn lại
Ở đây, người đàn bà nầy đang nói đến đứa con trai còn sống duy nhất của mình như thể nó là một viên than hồng. Bà nói về những người giết con trai của bà như thể đang dập tắt viên than hồng mà bà còn lại đó. Tham khảo cách dịch: “Như vậy, họ sẽ giết luôn đứa con trai duy nhất còn lại của ta”
họ sẽ chẳng để lại cho chồng ta dù là tên tuổi hay dòng dõi nào
Có thể viết lại câu nầy ở dạng khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: “Họ sẽ chẳng để lại cho chồng ta dù là tên tuổi hay dòng dõi nào”
không một tên tuổi cũng không một dòng dõi nào
Cụm từ nầy chỉ về một người con trai mang lấy danh của gia đình trong thế hệ tiếp theo. Tham khảo cách dịch: “không một người con trai nào để giữ gìn danh của gia đình chúng ta”
trên mặt đất
"trên đất”. Cụm từ mang tính chất mô tả nầy để nhấn mạnh rằng dòng dõi gia đình sẽ còn tiếp tục trên đất sau khi người chồng đã qua đời. “Trên đất” chỉ về mặt đất mà những người nầy đang bước lên trên.
2 Samuel 14:8
Ta sẽ ban lệnh phải làm gì đó cho ngươi
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ để tâm đến vấn đề nầy cho ngươi”
Thê-cô-a
Hãy dịch tên của nơi nầy như bạn đã dịch trong 2SA 14:2.
nguyện tội ổ lại trên tôi và trên nhà cha tôi
Cụm từ nầy có nghĩa là nếu người ta cho rằng giúp đỡ gia đình người đàn bà nầy là sai trái thì nhà vua chẳng có tội gì hết. Tham khảo cách dịch: “nếu có ai trách mắng bệ hạ vì đã giúp gia đình chúng tôi, thì nguyện gia đình chúng tôi sẽ bị coi là có tội thay cho bệ hạ”
bệ hạ và ngai vàng của bệ hạ
Ở đây, từ “ngai vàng” chỉ về bất kỳ người nào sẽ lên ngôi vua thế cho Đa-vít sau này. Tham khảo cách dịch: “Bệ hạ và dòng dõi của bệ hạ” hoặc “Bệ hạ và gia đình của bệ hạ”
thì vô can
"thì vô tội”. Ở đây, người đàn bà nầy nói về việc vua sẽ vô tội về việc đã giúp đỡ gia đình bà như thể người thực sự đã giúp đỡ họ rồi. Tham khảo cách dịch: “sẽ không mắc tội gì về việc nầy”
2 Samuel 14:10
nói bất cứ điều gì với ngươi
Ở đây, nói những điều đe dọa được nói đến như thể chỉ là nói chung chung. Tham khảo cách dịch: “đe dọa ngươi” hoặc “dùng lời đe dọa ngươi”
Nó sẽ không đụng đến ngươi nữa
Ở đây, Đa-vít đang nói đến một người sẽ không đe dọa hay gây hại gì cho bà bằng cách khẳng định rằng người đó sẽ không đụng đến bà. Câu nầy ngụ ý rằng Đa-vít sẽ không để cho người đó đe dọa bà hay làm phiền bà nữa. Tham khảo cách dịch: “Ta đảm bảo người đó sẽ không đe dọa ngươi nữa”
họ sẽ không tiêu diệt con trai tôi nữa
"họ sẽ không giết con trai tôi” hoặc “họ sẽ không xử tử con trai tôi”
Xin bệ hạ nhớ đến Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ
Ý nghĩa khả thi: 1)”nhớ” có nghĩa là cầu nguyện. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ” hoặc 2) Nghĩa muốn nói ở đây là nhớ lại, và ngụ ý rằng sau khi nhớ đến Đức Giê-hô-va thì ông sẽ hứa trong danh của Ngài. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy hứa trong danh Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ”
báo thù huyết
Cụm từ nầy chỉ về một người muốn báo thù cho các chết của người em đã khuất của mình. Tham khảo cách dịch: “người muốn trả thù cho cái chết của đứa em trai của con trai tôi”
không giết ai thêm nữa
"không khiến ai phải chết nữa”. Nghĩa là ngoài người em trai đã chết rồi.
không một sợi tóc nào của con trai ngươi sẽ rơi xuống đất
Có nghĩa là con trai của bà sẽ không bị làm hại, và đây là phép tu từ nói quá khi khẳng định rằng người con trai đó sẽ không mất dù chỉ là một sợi tóc. Tham khảo cách dịch: “con trai của ngươi hoàn toàn sẽ được an toàn”
Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống
Thường thì người ta sẽ hứa và so sánh độ chắc chắn về việc họ sẽ hoàn thành lời hứa đó với việc Đức Giê-hô-va hiện đương sống là chắc chắn thể nào. Tham khảo cách dịch: “Ta hứa với ngươi, chắc chắn thật như Đức Giê-hô-va hằng sống” hoặc “Trong danh Đức Giê-hô-va ta hứa”
2 Samuel 14:12
thưa thêm một lời với
"xin bệ hạ cho phép một điều khác nữa”. Người đàn bà nầy đang cầu xin được thưa với vua một chuyện khác nữa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đầy tớ của bệ hạ
Để bày tỏ lòng kính trọng đối với vua người đàn bà nầy tự nhận mình là "đầy tớ của bệ hạ."
Cứ nói đi
Nhà vua đang cho phép bà được tiếp tục nói. Tham khảo cách dịch: “Ngươi có thể nói với ta”
Vậy thì tại sao bệ hạ lại toan tính một chuyện có hại cho dân của Đức Chúa Trời như thế?
Người đàn bà nầy đang đặt ra một câu hỏi để quở trách vua Đa-vít về cách vua đã đối xử với Áp-sa-lôm. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Những lời bệ hạ vừa nói lại cho thấy bệ hạ đã làm sai”
bệ hạ giống như người có tội
Người nữ nầy đang so sánh vua với một người phạm tội để cho vua thấy tội của mình mà không phải trực tiếp nói ra tội đó. Tham khảo cách dịch: “vua đã tự kết tội mình”
đứa con bị đày của mình
Có thể viết lại câu nầy ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người con trai mà vua đã đày biệt xứ”
Vì tất cả chúng ta đều sẽ phải chết, giống như nước đổ xuống đất... lại được
Ở đây, người đàn bà nầy nói về một người đang chết dần chết mòn như thể họ là nước đã bị đổ xuống đất. Tham khảo cách dịch: “Tất cả chúng ta đều phải chết, và sau khi chúng ta chết rồi thì không thể sống trở lại được nữa”
Đức Chúa Trời... tìm cách để những người bị đày biệt xứ sẽ được trở lại
Người đàn bà nầy đang ngụ ý rằng Đa-vít lên đem con trai mình trở về cùng mình. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đem những kẻ Ngài đã đuổi trở lại, và vua cũng nên làm điều tương tự cho con trai của mình”
2 Samuel 14:15
vì người ta làm cho tôi sợ
Có thể thêm những từ còn thiếu vào trong cụm từ nầy. Tham khảo cách dịch: “bởi vì người ta làm cho tôi sợ không dám đến”
đầy tớ của bệ hạ
Để bày tỏ lòng kính trọng đối với vua người đàn bà nầy tự nhận mình là "đầy tớ của bệ hạ."
giải thoát đầy tớ của bệ hạ
Nghĩa là giải thoát khỏi quyền của ai đó. Tham khảo cách dịch: “để giải thoát đầy tớ của bệ hạ”
khỏi tay của những người
Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực của những người đó. Tham khảo cách dịch: “khỏi uy quyền của những người”
khỏi cơ nghiệp của Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy có nghĩa là họ sẽ không còn con cháu nào để sống trong vùng đất mà dòng dõi của họ, con cháu của họ sẽ được thừa hưởng. Tham khảo cách dịch: “khiến gia đình chúng tôi phải tuyệt biệt trên vùng đất mà chúng tôi nhận làm cơ nghiệp từ Đức Chúa Trời”
Lời của bệ hạ, là chúa tôi
Cụm danh từ “lời” có thể được viết lại thành động từ “nói”. Tham khảo cách dịch: “những lời mà bệ hạ, là chúa tôi nói ra”
vì chúa tôi, khác nào thiên sứ của Đức Chúa Trời... khỏi điều ác
Ở đây Đa-vít, là vua, được ví sánh như “thiên sứ của Đức Chúa Trời”. Tham khảo cách dịch: “vì bệ hạ giống như thiên sứ của Đức Chúa Trời vì họ đều phân biệt được điều thiện và điều ác”
2 Samuel 14:18
Đừng giấu ta chi hết về điều ta sắp hỏi ngươi
Hình thức khẳng định tiêu cực ở đây được dùng để nhấn mạnh và có thể được biết lại ở dạng tích cực. Tham khảo cách dịch: “Hãy nói cho ta biết sự thật về mọi điều mà ta sắp hỏi ngươi”
Có phải bàn tay của Giô-áp ở với ngươi trong mọi việc nầy
Ở đây, từ “tay” chỉ về tầm ảnh hưởng của Giô-áp. Tham khảo cách dịch: “Chẳng phải Giô-áp đã tác động đến ngươi trong mọi việc này” hoặc “Có phải Giô-áp đã sai ngươi đến đây để nói những lời nầy hay không”
Thật như bệ hạ vẫn đang sống
"Chắc chắn như bệ hạ vẫn đang sống”. Ở đây, người đàn bà nầy đang so sánh độ chắc chắn trong những lời Đa-vít đã nói với tính chắc chắn về việc ông vẫn đang sống, để nhấn mạnh những lời khẳng định của Đa-vít là chính xác đến mức nào.
không ai có thể trốn qua phải... vua đã nói
Ở đây, người đàn bà nầy đang mô tả những khó khăn trong việc nói chuyện với vua mà không để vua nhận ra sự thật là gì bằng cách so sánh nó với một người không thể chạy trốn theo bất kỳ hướng nào. Tham khảo cách dịch: “không ai có thể không nói với vua sự thật”
qua phải hoặc qua trái
Cách diễn đạt nầy đưa ra hai thái cực trái ngược nhau để nói rằng “bất cứ nơi nào”. Tham khảo cách dịch: “bất kỳ chỗ nào” hoặc “bất cứ nơi đâu"
Chúa tôi khôn ngoan
"Bệ hạ, là chúa tôi, khôn ngoan”
khôn ngoan, như sự khôn ngoan của thiên sứ Đức Chúa Trời
Người đàn bà nầy đang so sánh sự khôn ngoan của Đa-vít với sự khôn ngoan của thiên sứ để nhấn mạnh ông khôn ngoan nhiều ra sao. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ rất khôn ngoan, như thiên sứ của Đức Chúa Trời”
2 Samuel 14:21
Sau đó, vua nói với Giô-áp
Câu nầy ngụ ý rằng vua đã sai dẫn Giô-áp đến trước mặt mình để vua có thể nói chuyện với ông. Tham khảo cách dịch: “Sau đó, vua cho truyền Giô-áp và nói với ông”
Kìa, bấy giờ
Đây là cụm từ được dùng để hướng sự chú ý của ai đó đến những ý tiếp theo. Tham khảo: “Hãy nghe đây”
điều nầy
Cụm từ nầy chỉ về những việc mà Giô-áp muốn vua phải làm. Tham khảo cách dịch: “những điều ngươi muốn ta làm”
Giô-áp cúi mình sấp mặt xuống đất
Giô-áp làm như vậy để tôn kính vua cũng như bày tỏ lòng biết ơn của mình..
đầy tớ của bệ hạ
Để bày tỏ lòng kính trọng đối với vua Giô-áp tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”."
tôi đã được ơn trước mặt bệ hạ
Cụm từ “được ơn” có nghĩa là được ai đó tán thành, chấp thuận. Cụm từ “trước mặt bệ hạ” chỉ về những suy nghĩ của vua. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ vui lòng về tôi”
theo đó bệ hạ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"bởi vì bệ hạ”

bệ hạ đã làm điều hạ thần thỉnh cầu

"bệ hạ đã làm những việc hạ thần cầu xin bệ hạ làm”

2 Samuel 14:23

nhưng nó không được gặp mặt ta… mặt vua

Ở đây từ "mặt” chỉ về chính nhà vua. Tham khảo cách dịch: “nhưng nó sẽ không được gặp ta… vua”

2 Samuel 14:25

Bấy giờ

"Bấy giờ" đánh dấu phần cắt ngang trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, Sa-mu-ên kể một phần mới của câu chuyện.

Lúc ấy, không có người nào được khen là đẹp trai như Áp-sa-lôm

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "dân sự khen ngợi Áp-sa-lôn về độ tuấn tú của người hơn hẳn họ khen ngợi những người khác”

từ lòng bàn chân cho đến đỉnh đầu người không có tì vết gì cả

Cụm từ nầy có nghĩa là cả người ông không hề có bất cứ một khiếm khuyết nào. Tham khảo cách dịch: “Không hề có một khiếm khuyết nào ở bất kỳ bộ phận nào trên người ông”

hai trăm siếc-lơ

Có thể viết lại theo đơn vị đo hiện nay. Tham khảo cách dịch: “hai ký rưỡi”

cái cân theo tiêu chuẩn của nhà vua

Nhà vua có những cái cân quyết định cân nặng chuẩn của siếc-lơ và những cân nặng và đơn vị đo lường khác.

Có ba người con trai và một cô con gái được sinh ra cho Áp-sa-lôm

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Áp-sa-lôm có ba con trai và một con gái” (UDB)

2 Samuel 14:28

mặt vua

Cụm từ nầy chỉ về chính nhà vua. Tham khảo cách dịch: “vua”

Áp-sa-lôm gửi lời đến Giô-áp

Cụm từ nầy có nghĩa là ông sai sứ giả đi chuyển lời thỉnh cầu của mình đến Giô-áp. Tham khảo cách dịch: “Áp-sa-lôm sai người đến cầu xin Giô-áp”

nhờ ông đến cùng vua

Câu nầy ngụ ý rằng Áp-sa-lôm muốn Giô-áp đến gặp vua để giúp ông cầu xin vua đặng ông có thể được phép đến gặp vua. Tham khảo cách dịch: “đến gặp vua đặng giúp ông cầu xin vua cho phép ông được gặp vua”

Vậy Áp-sa-lôm nhắn lần hai

Cụm từ nầy có nghĩa là ông lại sai sứ giả đến chỗ Giô-áp với cùng một thỉnh cầu như lần đầu. Tham khảo cách dịch: “Vậy Áp-sa-lôm sai người đến gặp Giô-áp lần nữa với cùng một thỉnh cầu”

2 Samuel 14:30

Kìa

Ở đây từ nầy được dùng như một cách nhắc ai đó nhớ lại điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi biết là”

2 Samuel 14:32

Kìa

Ở đây từ nầy được dùng để nhấn mạnh, khẳng định ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe đây”

Tôi nhắn

Cụm từ nầy có nghĩa là ông sai một sứ giả đến. Tham khảo cách dịch: “Tôi đã sai người”

đến cùng vua mà tâu rằng

Ở đây, lời nhắn gửi đến vua được viết như thế chính Áp-sa-lôm là người nói. Áp-sa-lôm đang cầu xin Giô-áp thay mặt mình cầu xin điều đó. Tham khảo cách dịch: “để thay mặt tôi cầu xin vua” hoặc “để giúp tôi cầu xin vua”

mặt vua

Cụm từ nầy chỉ về chính nhà vua. Tham khảo cách dịch: “vua”

sấp mình xuống đất trước mặt vua

Áp-sa-lôm đang bày tỏ lòng kính trọng đối với vua. Tham khảo cách dịch: “sấp mình xuống đất để tôn kính vua’

Vua hôn Áp-sa-lôm

Cụm từ nầy ngụ ý rằng vua đã tha thứ và phục hồi lại cho Áp-sa-lôm.

Translation Questions

2 Samuel 14:1

Giô-áp làm gì sau khi ông thấy vua muốn gặp Áp-sa-lôm?

Sau khi Giô-áp thấy vua muốn gặp Áp-sa-lôm, ông sai người đến Tê-cô-a, mời một người đàn bà khéo nói đến.

2 Samuel 14:2

Giô-áp làm gì sau khi ông thấy vua muốn gặp Áp-sa-lôm?

Sau khi Giô-áp thấy vua muốn gặp Áp-sa-lôm, ông sai người đến Tê-cô-a, mời một người đàn bà khéo nói đến.

Tóm lại, Giô-áp muốn người đàn bà khéo nói làm gì?

Giô-áp muốn người đàn bà khéo nói giả vờ làm một người đang thọ tang và xin vào chầu vua để nói với vua những lời Giô-áp đã nói cùng bà.

2 Samuel 14:3

Tóm lại, Giô-áp muốn người đàn bà khéo nói làm gì?

Giô-áp muốn người đàn bà khéo nói giả vờ làm một người đang thọ tang và xin vào chầu vua để nói với vua những lời Giô-áp đã nói cùng bà.

2 Samuel 14:5

Khi người đàn bà khéo nói đến gặp vua, bà nói với vua rằng bà là ai?

Người đàn bà khéo nói nói với vua rằng bà là một góa phụ.

2 Samuel 14:6

Người đàn bà khôn ngoan nói với vua rằng hai con trai bà đã làm gì?

Người đàn bà khôn ngoan nói với vua rằng hai con trai bà đã đánh lộn với nhau ở ngoài đồng, và vì không ai can, nên đứa nầy đánh đứa kia chết.

2 Samuel 14:7

Người đàn bà khôn ngoan nói với vua rằng bà sợ điều gì sẽ xảy đến với đứa con trai còn lại?

Người đàn bà khôn ngoan nói với vua rằng bà sợ cả dòng họ đều dấy lên nghịch cùng đứa con còn lại, tiêu diệt người thừa kế và không để lại cho chồng bà hoặc danh hoặc dòng dõi nào cả.

2 Samuel 14:11

Tại sao người đàn bà khôn ngoan xin vua nhớ lại Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông?

Người đàn bà khôn ngoan xin vua làm vậy để kẻ báo thù huyết sẽ không hủy diệt thêm ai khác, để chúng sẽ không hủy diệt con trai bà.

Vua chỉ ai mà thề khi nói cùng người đàn bà rằng một sợi tóc sẽ chẳng rụng xuống khỏi đầu của con trai bà?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vua chỉ Đức Giê-hô-va hằng sống mà thề rằng, "Một sợi tóc sẽ chẳng rụng xuống khỏi đầu của con trai ngươi!"
2 Samuel 14:13
Tại sao người đàn bà nói vua giống như kẻ có tội?
Người đàn bà nói vua giống như kẻ có tội vì vua không đòi về đứa con trai mà vua đã đày đi.
2 Samuel 14:14
Người đàn bà nói Đức Chúa Trời đã làm gì thay vì cất đi mạng sống?
Người đàn bà nói thay vì cất đi mạng sống, Đức Chúa Trời biết tìm cách thế đặng không đẩy kẻ bị đày cách xa Ngài.
2 Samuel 14:15
Tại sao người đàn bà nói rằng bà đến và tâu với vua?
Người đàn bà nói bà đến và tâu với vua vì dân sự làm cho bà run sợ, và vì bà tin vua sẽ lắng nghe bà.
2 Samuel 14:16
Tại sao người đàn bà nói rằng bà đến và tâu với vua?
Người đàn bà nói bà đến và tâu với vua vì dân sự làm cho bà run sợ, và vì bà tin vua sẽ lắng nghe bà.
2 Samuel 14:17
Người đàn bà nói bà cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?
Người đàn bà nói bà cầu xin Đức Giê-hô-va đừng cho lời của vua chúa bà ban cho bà sự yên nghỉ.
2 Samuel 14:19
Vua hỏi người đàn bà điều gì sau khi ông bảo bà không giấu chi hết về điều ông sẽ hỏi bà?
Vua hỏi người đàn bà, "Có phải Giô-áp đã đặt tay vào mọi điều đó chăng?"
2 Samuel 14:20
Tại sao Giô-áp sai người đàn bà đến gặp vua và bảo bà nói với vua những gì mà bà nghe?
Giô-áp sai người đàn bà đi nói như vậy để thay đổi mọi việc sẽ xảy ra.
2 Samuel 14:22
Giô-áp làm gì khi vua bảo Giô-áp đi và đem Áp-sa-lôm về?
Giô-áp sấp mình xuống đất lạy, và chúc phước cho vua.
2 Samuel 14:24
Vua hướng dẫn Giô-áp làm gì về Áp-sa-lôm?
Vua nói rằng Áp-sa-lôm có thể trở về nhà mình nhưng không thể gặp mặt vua.
2 Samuel 14:25
Ngoại hình của Áp-sa-lôm có điểm đáng chú ý gì?
Áp-sa-lôm khôi ngô tuấn tú, không có khuyết điểm nào trên người và tóc, cứ cuối năm ông hớt tóc một lần, và người ta cân được hơn hai ký.
2 Samuel 14:26
Ngoại hình của Áp-sa-lôm có điểm đáng chú ý gì?
Áp-sa-lôm khôi ngô tuấn tú, không có khuyết điểm nào trên người và tóc, cứ cuối năm ông hớt tóc một lần, và người ta cân được hơn hai ký.
2 Samuel 14:28
Áp-sa-lôm sống ở Giê-ru-sa-lem bao lâu mà không gặp mặt vua?
Áp-sa-lôm sống ở Giê-ru-sa-lem hai năm mà không gặp mặt vua.
2 Samuel 14:30
Áp-sa-lôm nói gì với các tôi tớ sau khi ông sai người nói Giô-áp đến tận hai lần và Giô-áp không đến?
Áp-sa-lôm bảo các tôi tớ đốt đám ruộng của Giô-áp.
2 Samuel 14:32
Áp-sa-lôm muốn Giô-áp làm gì?
Áp-sa-lôm muốn Giô-áp đến gặp vua và nói với vua rằng Áp-sa-lôm muốn chầu vua.
2 Samuel 14:33
Vua làm gì khi Áp-sa-lôm sấp mặt xuống đất trước mặt vua?
Vua hôn Áp-sa-lôm.

Chapter 15
2 Samuel 15:1
Chuyện xảy ra
Cụm từ nầy được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.
và năm mươi quân chạy trước mặt ông
Những người nầy chạy trước xe ngựa để bày tỏ sự tôn trọng Áp-sa-lôm. Tham khảo cách dịch: “và năm mươi quân chạy trước ông để tôn kính ông”
Đầy tớ của bệ hạ
Khi một người trả lời câu hỏi của Áp-sa-lôm thì người đó sẽ tự nhận mình là "đầy tớ của bệ hạ" để bày tỏ sự kính trọng đối với Áp-sa-lôm.
2 Samuel 15:3
Vậy Áp-sa-lôm bảo người ấy
Cụm từ nầy chỉ về người đã kể cho Áp-sa-lôm nghe về việc thưa kiện của mình. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Áp-sa-lôm hỏi xem người kiện tụng điều gì, và người nầy đã giải thích với Áp-sa-lôm tại sao mình lại kêu cầu xét xử công bằng. Đoạn, Áp-sa-lôm bảo người ấy”
đúng và hợp lý
Về cơ bản, những từ nầy nói về cùng một ý và được dùng chung để nhấn mạnh rằng việc kiện tụng của người nầy là đúng.
để lắng việc tố tụng của ngươi
"lắng nghe” một việc tố tụng là lắng nghe và sẽ đưa ra phán xét về việc đó. Tham khảo cách dịch: “để xét xử việc kiện tụng của ngươi” hoặc “để coi sóc việc tố tụng của ngươi”
2 Samuel 15:5
đưa tay ra đỡ lấy người ấy và hôn
Hành động nầy là một cách chào hỏi thân thiện. Tham khảo cách dịch: “chào đón người đó như một người bạn khi ôm hôn họ”
xin xét xử
Cụm từ nầy có nghĩa là họ đến chỗ vua để quyết định những tranh chấp giữa họ. Tham khảo cách dịch: “để xét xử những tranh chấp của họ”
Như thế, Áp-sa-lôm đã chiếm được lòng người Y-sơ-ra-ên
Câu nầy có nghĩa là Áp-sa-lôm đã thuyết phục người dân phải trung thành với mình hơn là trung thành với Đa-vít cha mình. Ở đây, tác giả nói về cách làm sao dân chúng lại trung thành với Áp-sa-lôm bằng cách nói rằng ông đã chiếm được lòng họ. Tham khảo cách dịch: “Làm như vậy, Áp-sa-lôm đã thuyết phục dân Y-sơ-ra-ên trung thành với mình”
2 Samuel 15:7
Chuyện xảy ra
Cụm từ nầy được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.
sau bốn năm Áp-sa-lôm
Cụm từ nầy chỉ về bốn năm sau khi ông quay trở lại Giê-ru-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sa-lem. Tham khảo cách dịch: “bốn năm sau khi Áp-sa-lôm đã quay trở lại Giê-ru-sa-lem, ông”

và làm trọn lời hứa nguyện mà con đã khấn với Đức Giê-hô-va tại Hếp-rôn

"đến Hếp-rôn và tại đó làm trọn lời thề nguyện mà con đã lập với Đức Giê-hô-va”

Vì đầy tớ của bệ hạ

Ở đây Áp-sa-lôm tự nhận mình như vậy để tỏ lòng kính trọng vua.

2 Samuel 15:9

Vậy Áp-sa-lôm chỗi dậy

"Vậy Áp-sa-lôm rời đi”

khắp các chi tộc Y-sơ-ra-ên

Ở đây, những nơi nầy là nơi các chi tộc Y-sơ-ra-ên sinh sống và được dùng để chỉ chính các chi tộc đó. Tham khảo cách dịch: “khắp đất cả các chi tộc Y-sơ-ra-ên”

tiếng kèn

"kèn được thổi”

2 Samuel 15:11

những người được mời

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người ông đã mời”

đi mà không hay biết gì về chuyện đó

"đi mà không hay biết gì”

ông sai mời A-hi-tô-phe

Cụm từ nầy có nghĩa là ông sai sứ giả đến để mời A-hi-tô-phe và đem người đó đến chỗ mình”. Tham khảo cách dịch: “ông sai sứ giả đến mời A-hi-tô-phe, ông là”

A-hi-tô-phe

Đây là tên của một người nam.

Ghi-lô

Đây là tên một địa điểm.

2 Samuel 15:13

Lòng dân Y-sơ-ra-ên đã đi theo

Ở đây dân Y-sơ-ra-ên được nói đến qua “lòng” của mình để nhấn mạnh về lòng trung thành của họ với Áp-sa-lôm. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên trung thành với” hoặc “Dân Y-sơ-ra-ên đã đi theo”

trốn khỏi Áp-sa-lôm ... nó sẽ nhanh chóng... nó sẽ giáng

Ở đây Đa-vít nói về Áp-sa-lôm và những kẻ theo ông như thể chính là “Áp-sa-lôm” bởi vì dân sự đang đi theo thẩm quyền của Áp-sa-lôm. Tham khảo cách dịch: “trốn thoát khỏi Áp-sa-lôm và thuộc hạ của nó... nó và người của nó sẽ nhanh chóng.... và chúng sẽ giáng”

dùng lưỡi gươm tấn công thành

“Thành” chỉ về dân trong thành. “lưỡi gươm” chỉ về gươm của người Y-sơ-ra-ên và nhấn mạnh rằng họ đã giết những người dân thành đó trong trận chiến. Tham khảo cách dịch: “sẽ tấn công dân trong thành của chúng ta và dùng gươm giết họ”

giáng họa xuống

Cụm từ nầy có nghĩa là khiến tai họa xảy ra.

2 Samuel 15:16

để giữ cung điện

Ở đây, từ “giữ” có nghĩa là chăm lo cho. Tham khảo cách dịch: “để chăm lo cho cung điện”

ở tòa nhà cuối cùng

Cụm từ nầy chỉ về toà nhà cuối cùng mà họ sẽ đi đến khi rời khỏi thành. Tham khảo cách dịch: “ở tòa nhà cuối cùng đang khi họ rời khỏi thành”

Người Kê-rê-thít.... người Phê-lê-thít

Hãy dịch tên của những nhóm dân nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 8:18.

Ghi-tít

Hãy dịch tên của nhóm dân nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 6:10.

sáu trăm người

"600 người"

2 Samuel 15:19

Y-tai

Đây là tên của một người nam.

Người Ghi-tít

Hãy dịch tên của nhóm dân nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 6:10.

Tại sao ngươi cũng đi với chúng ta?

Câu hỏi nầy ngụ ý rằng trước đó vua không hề yêu cầu họ đi cùng với mình. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ngươi không cần phải đi với chúng ta.”

sao ta lại khiến cho ngươi đi lang thang đây đó với chúng ta chứ?

Câu hỏi nầy nhấn mạnh rằng Đa-vít không muốn Y-tai đến. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “ta không muốn khiến ngươi phải đi lang thang đây đó với chúng ta”

Bởi vì hôm qua ngươi mới rời đi

Đây là cách nói quá được dùng để nhấn mạnh. Y-tai người Ghít-ti đã sống ở đó trong vài năm. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì ngươi chỉ mới ở đây một thời gian ngắn”

Nguyện sự trung thành và thành tín ở với ngươi!

Đây là phước lành mà Đa-vít đang cầu chúc cho người. Tham khảo cách dịch: “Nguyện Đức Giê-hô-va luôn thành tín với ngươi”

2 Samuel 15:21

Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống và bệ hạ là chúa tôi đang sống

Ở đây người nói đang lập một lời thề trọng thể. Đa-vít đang so sánh tính chắc chắn về việc ông sẽ thực hiện lời hứa của mình với sự chắc chắn về việc Đức Giê-hô-va và chính nhà vua hiện đang còn sống. Tham khảo cách dịch: “Ta hứa một cách trọng thể thật chắc chắn như việc Đức Giê-hô-va và vua hiện đang sống”

đầy tớ của bệ hạ

Y-tai xưng mình như vậy để tỏ lòng tôn kính vua.

dù sống hay chết

"thậm chí nếu tôi có bị giết khi hỗ trợ vua”

Cả xứ đều khóc lớn tiếng

Nhiều người trong dân Y-sơ-ra-ên than khóc lớn tiếng khi họ thấy vua mình rời đi. Ở đây, người ta dùng cách nói quá khi cho rằng cả xứ đều than khóc. Tham khảo cách dịch: “Hết thảy những người dân dọc đường đi đều than khóc” hoặc “Nhiều người trong dân chúng than khóc”

với một giọng rất lớn

Ở đây, rất nhiều người đang than khóc nầy được ví như thể họ đang khóc chung một tiếng rất lớn. Tham khảo cách dịch: “lớn tiếng”

thung lũng Kít-rôn

Đây là tên một địa điểm gần Giê-ru-sa-lem.

2 Samuel 15:24

ta được ơn trong mắt Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây, “mắt Đức Giê-hô-va” chỉ về những suy nghĩ và ý kiến của Đức Giê-hô-va. Nếu bạn “được ơn” với ai đó, điều đó có nghĩa là họ hài lòng với bạn. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va vui lòng về tôi"

nơi Ngài ngự

"nơi Ngài hiện diện”. Hòm Giao Ước tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Cụm từ nầy chỉ về nơi để Hòm Giao Ước. Tham khảo cách dịch: “nơi đặt Hòm Giao Ước”

2 Samuel 15:27

A-hi-mát

Đây là tên của một người nam.

A-bia-tha

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong 8:17

X

2SA 8:17.

Ngươi không phải là một nhà tiên kiến sao?

Câu hỏi nầy được dùng để quở trách Xa-đốc và có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ngươi sẽ có thể biết chuyện gì đang diễn ra”

Nầy

Ở đây là một cách nói bảo người nghe phải tập trung vào những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe đây”

cho đến khi có tin từ các ngươi

Cụm từ nầy chỉ về việc ông sai người đi đến gặp vua. Tham khảo cách dịch: “cho đến khi các ngươi sai người đến báo tin cho ta”

để báo tin cho ta

Ở đây, nhà vua đang ngụ ý rằng mình sẽ nhận được tin báo về những chuyện đang diễn ra tại Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “để báo cho ta biết chuyện đang xảy ra tại Giê-ru-sa-lem”

2 Samuel 15:30

chân đất

không mang dép hay giày

trùm đầu lại

Đây là dấu hiệu của sự than khóc và hổ thẹn. Tham khảo cách dịch: “trùm đầu mình lại mà than khóc”

A-hi-tô-phe

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong 2SA15:11.

nhóm người âm mưu

những người nhóm lại với nhau để chống nghịch một người khác

Xin làm cho mưu của A-hi-tô-phe hóa ra ngu xuẩn

Đa-vít đang cầu khẩn Đức Giê-hô-va khiến những âm mưu của A-hi-tô-phe thành ra ngu xuẩn và vô ích. Tham khảo cách dịch: “xin làm cho những kế hoạch mà A-hi-tô-phe đưa ra thành ra ngu xuẩn và thất bại”

2 Samuel 15:32

Chuyện xảy ra

"Chuyện đã xảy ra”. Cụm từ nầy đánh dấu sự kiện tiếp theo trong diễn tiến câu chuyện.

đến đỉnh của con đường

Từ “đỉnh” được dùng ở đây bởi vì Đa-vít đi lên một nơi cao và ở tại đỉnh của một ngọn đồi. Tham khảo cách dịch: “đến đỉnh đồi”

nơi Đức Chúa Trời từng được thờ phượng tại đó

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nơi người ta đã từng thờ phượng Đức Chúa Trời”

Hu-sai

Đây là tên của một người nam.

Ạt-kít

Đây là tên gọi của một nhóm dân.

với áo xé rch và đầu đầy bụi đất

Đây là hành động thể hiện nỗi hổ thẹn hoặc ăn năn. Ở đây, từ “đất” có nghĩa là bụi đất. Tham khảo cách dịch: “Người sẽ áo mình và rắc bụi đất trên đầu để bày tỏ nỗi đau buồn khôn xiết của mình”

ngươi sẽ vì ta làm rối loạn kế hoạch của A-hi-tô-phe

Đa-vít đang đề nghị Hu-sai chống đối mọi kế hoạch mà A-hi-tô-phe lập nên. Tham khảo cách dịch: “ngươi có thể phục vụ ta bằng cách chống đối kế hoạch của A-hi-tô-phe”

2 Samuel 15:35

Và chẳng phải các thầy tế lễ Xa-đốc và A-bia-tha sẽ ở đó với ngươi sao?

Đa-vít đặt ra câu hỏi nầy để nói cho Hu-sai biết rằng ông sẽ không đơn độc. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các thầy tế lễ Xa-đốc và A-bia-tha sẽ ở đó để giúp ngươi”

Tất cả những gì ngươi nghe... mọi điều ngươi đã nghe được

Đây là cách nói quá; điều nầy không có nghĩa là từng lời từng chữ mà ông nghe thấy. Những chỉ về những ý quan trọng và sâu sắc mà ông nghe được.

A-hi-mát ... Giô-na-than

Đây đều là tên của nam.

bằng tay chúng

Cụm từ “tay chúng” chỉ về hai con trai của họ và có nghĩa là họ sẽ làm sứ giả đưa tin. Tham khảo cách dịch: “các con trai họ sẽ báo cho ta biết”

Translation Questions

2 Samuel 15:1

What did Absalom prepare for himself?

Absalom prepared a chariot and horses for himself.

Who ran before Absalom and his chariot?

Fifty men ran before Absalom and his chariot.

2 Samuel 15:2

Who would Absalom call to as he stood beside the road leading to the city gate?

If any man had a dispute for which he was coming to the king for judgment, Absalom would call to him.

2 Samuel 15:3

What would Absalom say concerning the cases of the men who had come to the king for judgment?

Absalom would tell these men that their cases were good and right, but that there was no one empowered by the king to hear their cases.

2 Samuel 15:4

What reason did Absalom give for saying he wished he were made judge in the land?

Absalom said he wished he were made judge in the land so every man who had a dispute or cause might come and receive justice from Absalom.

2 Samuel 15:5

What did Absalom do to any man that came to honor him?

Absalom would put out his hand and take hold of and kiss any man that came to honor him.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Samuel 15:6
What did Absalom steal from the men of Israel?
Absalom stole the hearts of the men of Israel.
2 Samuel 15:7
What reason did Absalom give to the king for having to go to Hebron?
Absalom said he had to go to Hebron to pay a vow he had made to Yahweh.
2 Samuel 15:10
What did the spies that Absalom sent throughout all the tribes of Israel say?
The spies said, "As soon as you hear the sound of the trumpet, then you must say, 'Absalom is king in Hebron.'"
2 Samuel 15:11
Did the two hundred men that went with Absalom to Hebron know of Absalom's plans?
No, the two hundred men went in their innocence, not knowing anything that Absalom had planned.
2 Samuel 15:14
Briefly, what did David tell his servants after a messenger told him, "The hearts of the men of Israel are following after Absalom"?
David told his servants who were at Jerusalem, "Arise and let us flee, or none of us will escape from Absalom."
2 Samuel 15:16
Who did the king leave behind in Jerusalem to keep the palace?
The king left behind ten women, who were concubines, to keep the palace.
2 Samuel 15:18
Who marched with the king as he left Jerusalem?
All the king's army marched with him as well as all the Cherethites, Pelethites, and Gittites – six hundred men who had followed him from Gath.
2 Samuel 15:21
What did Ittai the Gittite tell the king after the king told him to return and stay with King Absalom?
Ittai told the king he would go wherever the king went, whether it meant living or dying.
2 Samuel 15:23
Which way did David and all those with him go as they left Jerusalem?
David and all those with him passed over the Kidron Valley and traveled on the road toward the wilderness.
2 Samuel 15:25
What did the king tell Zadok the priest concerning the ark of the covenant of God?
The king told Zadok the priest to carry the ark of God back into the city.
2 Samuel 15:28
Why was David going to wait at the fords of Arabah?
David was going to wait at the fords of Arabah to hear word from Zadok the priest to inform David.
2 Samuel 15:31
What did David pray when someone told him that Ahithophel was among the conspirators with Absalom?
David prayed, "O Yahweh, please turn Ahithophel's advice into foolishness."
2 Samuel 15:32
Who came to meet David as he arrived at the top of the road, where God used to be worshiped?
Hushai the Archite came to meet David.
2 Samuel 15:34
What did David want Hushai the Archite to do for him?
David wanted Hushai the Archite to return to the city and tell Absalom he would be Absalom's servant so that Hushai would confuse Ahithophel's advice for David.
2 Samuel 15:35
Which people did David want Hushai to tell everything that he heard in the king's palace?
David wanted Hushai to tell Zadok and Abiathar the priests everything he heard in the king's palace.

Chapter 16
2 Samuel 16:1
Xíp-ba
Đây là tên của một người nam.
Mê-phi-bô-sết
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 4:4.
two hundred ổ ... một trăm chùm ... một trăm chùm
"200 ổ ... 100 chùm ... 100 chùm"
ổ bánh
"miếng bánh”
chùm nho khô... chùm trái vả
Những cụm từ nầy chỉ về nho khô hoặc trái vả ép chung với nhau
nho khô
"nho đã khô”
bầu rượu
"bầu da đầy rượu”
đuối sức
"mệt lả”
2 Samuel 16:3
cháu nội của chủ ngươi
"Mê-phi-bô-sết, cháu nội của chủ ngươi”
cháu nội
con trai của con trai hoặc của con gái của một người
Kìa
Ở đây từ nầy được dùng to hướng sự chú ý của ai đó đến những ý tiếp theo. Tham khảo: “Hãy nghe đây”
nhà Y-sơ-ra-ên
Cụm từ nầy chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "dân Y-sơ-ra-ên"
sẽ trả lại cho ta vương quốc của ông cha ta
Việc để cho dòng dõi của Sau-lơ cai trị được nói đến như thể vương quốc nầy đã được trả lại cho gia đình họ. Tham khảo cách dịch: “sẽ để ta cai trị vương quốc mà ông cha ta đã từng cai trị"
Mê-phi-bô-sết
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 4:4.
Tôi xin hạ mình cúi lạy bệ hạ
Khi nói như vậy không có nghĩa là lúc đó Xíp-ba cúi mình lạy trước nhà vua theo nghĩa đen. Ý của ông là ông sẽ phục vụ nhà vua trong sự hạ mình như khi ông hạ mình cúi lạy trước vua. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ hạ mình phục vụ bệ hạ” (UDB)
được ơn trước mặt bệ hạ
Cụm từ “được ơn” có nghĩa là được ai đó chấp thuận, bằng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lòng. Cụm từ “trước mặt bệ hạ” chỉ những suy nghĩ của vua. Tham khảo cách dịch: “Tôi muốn bệ hạ vui lòng về tôi” hoặc “Tôi ao ước bệ hạ sẽ vui lòng về tôi”
2 Samuel 16:5
Ba-hu-rim
Hãy dịch tên gọi của thành nầy như cách bạn đã dịch trong 2SA 3:16.
Si-mê-i ... Ghê-ra
Đây đều là tên của nam.
mặc dầu
"mặc dù ở đó có”
vệ sĩ
Những người lo bảo vệ cho một nhân vật quan trọng.
2 Samuel 16:7
kẻ gian ác
một người gian ác, một tên tội phạm hoặc một kẻ phạm luật
Tên vấy máu
Ở đây "máu” chỉ về hết thảy những người mà ông đã giết trên chiến trường. Tham khảo cách dịch: “Tên sát nhân”
Đức Giê-hô-va đã báo ứng
Đức Giê-hô-va đã báo ứng họ bằng cách trừng phạt họ. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã trừng phạt”
cho máu của dòng dõi Sau-lơ
Ở đây "máu” chỉ về những người đã bị giết thuộc dòng dõi của Sau-lơ. Vua phải chịu trách nhiệm trước cái chết của họ. Tham khảo cách dịch: “vì đã giết nhiều người trong dòng dõi Sau-lơ”
mà ngươi đã cai trị trong chỗ của người
Đa-vít đã làm vua cai trị trên những người mà trước đó Sau-lơ cũng đã từng cai trị họ. Tham khảo cách dịch: “ngươi đã làm vua cai trị trong chỗ của người”
vào tay Áp-sa-lôm
Ở đây, “tay” chỉ về quyền cai trị. Tham khảo cách dịch: “vào quyền cai trị của Áp-sa-lôm"
2 Samuel 16:9
A-bi-sai
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 2:18]
Xê-ru-gia
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 2:13]
Tại sao con chó chết kia dám nguyền rủa bệ hạ là chúa tôi?
A-bi-sai đặt ra câu hỏi nầy để bày tỏ cơn giận của mình với người kia. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Con chó chết nầy không được phép nói chuyện với vua như thế”
con chó chết kia
Ở đây, Si-mê-i được mô tả là một kẻ vô dụng được ví như một con chó chết. Tham khảo cách dịch: “tên vô dụng nầy”
Hỡi các con của Xê-ru-gia, ta phải làm gì với các ngươi?
Câu hỏi nầy được đặt ra để khiển trách các con trai của Xê-ru-gia. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ta không muốn biết các ngươi đang nghĩ gì!”
Có lẽ người rủa sả ta vì
"Có thể người rủa sả ta bởi vì”
Thì ai dám nói với người: ‘Sao ngươi dám rủa sả vua?
Câu nầy được nói như một câu hỏi để nhấn mạnh rằng câu trả lời sẽ là “không ai”. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: ‘Thì không ai dám hỏi người: “Sao ngươi dám rủa sả vua?”
2 Samuel 16:11
con ruột ta do chính ta sinh ra
Đa-vít đang dùng cách nầy để mô tả con trai mình để nhấn mạnh mối liên hệ ràng buộc thân thiết giữa cha và con trai. Tham khảo cách dịch: “con trai ta” hoặc “con trai yêu dấu của ta”
muốn lấy mạng ta
Đây là một cách nói nhẹ nhàng chỉ về việc giết ai đó. Tham khảo cách dịch: “muốn giết ta”
Thì huống chi người Bên-gia-min nầy muốn thấy cảnh ngã gục của ta là dường nào?
Đa-vít dùng câu hỏi nầy để cho thấy ông không hề ngạc nhiên khi người nầy muốn giết ông. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đương nhiên là người Bên-gia-min nầy muốn thấy cảnh ngã gục của ta!” hoặc “Ta chẳng ngạc nhiên khi người Bên-gia-min nầy cùng muốn ta ngã gục!”
muốn thấy ta gục ngã
Ở đây Đa-vít mô tả mong muốn được giết Đa-vít của người nầy như thể mạng sống của Đa-vít là thứ gì đó mà người nầy muốn phá hủy đi. Tham khảo cách dịch: “muốn ta bị giết” hoặc “muốn giết ta”
Hãy để mặc nó, hãy để nó nguyền rủa
Ở đây cụm từ “để mặc nó” có nghĩa là không có cản người làm việc người đang làm. Tham khảo cách dịch: “Đừng ngăn hắn rủa sả ta”
sẽ nhìn thấy
Ở đây "nhìn thấy” có nghĩa là “xem xét”. Tham khảo cách dịch: “sẽ xem xét”
sự khốn khổ thả ra trên ta
Ở đây Đa-vít nói về sự khốn khổ như thể một con thú dữ mà người Bên-gia-min kia đã thả ra trên ông.
2 Samuel 16:13
Si-mê-i đi theo sườn đồi đối diện với Đa-vít
Si-mê-i đang đi song song với Đa-vít và những thuộc hạ của ông, tuy nhiên Si-mê-i đứng ở sườn đồi cao hơn.
2 Samuel 16:15
A-hi-tô-phe
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 15:12]
Hu-sai
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 15:32]
Chuyện xảy ra
"Chuyện đã xảy ra that." Cụm từ nầy được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.
Ạt-kít
Hãy dịch tên của nhóm dân nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 15:32]
2 Samuel 16:17
lòng trung thành
một cảm xúc mạnh mẽ khi ủng hộ và yêu mến ai đó
Lòng trung thành của ông đối với bạn ông như thế sao? Tại sao ông không đi theo bạn ông?
Những câu hỏi nầy được đặt ra để chỉ trích Hu-sai. Có thể dịch thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“Ngươi đã từng là người bạn trung thành với Đa-vít, ngươi nên đi với người”

người mà Đức Giê-hô-va

Hu-sai đang nói đến Áp-sa-lôm.

người mà… đó là người… với người

Ở đây Hu-sai đang nói đến Áp-sa-lôm ở ngôi thứ ba để nhấn mạnh chỉ về chính Áp-sa-lôm và rồi liên hệ đến Đức Giê-hô-va và những người dân đã chọn Áp-sa-lôm. Có thể viết lại ở ngôi thứ hai. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ chính là người… bệ hạ là người… với bệ hạ”

2 Samuel 16:19

tôi nên phục vụ ai? Không phải tôi nên phục vụ trước mặt con của người ấy sao?

Hu-sai đặt ra những câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng mình muốn được phục vụ Áp-sa-lôm. Có thể viết những câu hỏi nầy thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi nên phục vụ mình con trai Đa-vít mà thôi, vậy tôi sẽ hầu việc trước mặt người” hoặc “Tôi nên phục vụ bệ hạ, vì bệ hạ là con trai của Đa-vít”

2 Samuel 16:20

A-hi-tô-phe

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 15:12]

để giữ cung điện

Cụm từ “để giữ” có nghĩa là chăm lo. Tham khảo cách dịch: “để chăm lo cho cung điện”

trở thành mùi hôi thối đối với cha mình

A-hi-tô-phe nói về việc Áp-sa-lôm xúc phạm đến cha mình như thể Áp-sa-lôm sẽ trở thành một thứ gì đó bốc mùi hôi thối. Tham khảo cách dịch: “bị vua cha ghét bỏ” hoặc “đã sỉ nhục cha mình”

Thì tay của tất cả những người ở với bệ hạ sẽ trở nên mạnh mẽ

Ở đây những người theo Áp-sa-lôm được nói đến qua tay của họ. Tin tức nầy khiến những người trung thành với Áp-sa-lôm càng thêm mạnh mẽ và thêm lòng can đảm cho họ. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Tin nầy sẽ làm vững lòng trung thành của những người theo bệ hạ”

2 Samuel 16:22

căng ra

"dựng lên"

trên nóc cung vua, rồi Áp-sa-lôm ăn nằm… các cung phi ca cha mình trước mặt cả Y-sơ-ra-ên

Cụm từ nầy có nghĩa là dân sự có thể thấy được căn lều đó, và thấy Áp-sa-lôm đi ra đi vào với những cung phi của Đa-vít. Cụm từ “cả Y-sơ-ra-ên” là một cách nói quá, chỉ những người ở gần cung điện mới có thể nhìn thấy. Tham khảo cách dịch: “trên nóc cung điện, nơi mọi người đều có thể nhìn thấy, rồi Áp-sa-lôm ăn nằm… các cung phi”

Trong thời ấy, lời bàn của A-hi-tô-phe… như thể người đã nghe được

Ở đây tác giả đang so sánh mức độ người ta tin tưởng vào những lời bàn của A-hi-tô-phe với cách họ tin vào lời bàn trực tiếp đến từ Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Trong thời ấy, dân sự tin những lời bàn của A-hi-tô-phe y như thể họ tin rằng những việc đó đã xảy ra”

một người nghe được những lời đó từ chính miệng Đức Chúa Trời

Ở đây, miệng của Đức Chúa Trời đại diện cho chính Ngài và nhấn mạnh đến những lời phán của Ngài. Tham khảo cách dịch: “như thể chính miệng Đức Chúa Trời đã phán ra” hoặc “một người nghe những lời đó được nói ra bởi chính Đức Chúa Trời”

xem xét

"hiểu” hoặc “chấp nhận”

Translation Questions

2 Samuel 16:1

Xíp-ba, tôi tớ của Mê-phi-bô-sết đem gì đến cho Đa-vít?

Xíp-ba đem hai con lừa mang bành chở hai trăm ổ bánh, một trăm cái bánh nhỏ bằng trái nho, một trăm cái bánh nhỏ bằng trái vả, và một bầu rượu nho đến cho Đa-vít.

2 Samuel 16:3

Theo Xíp-ba, vì sao Mê-phi-bô-sết ở lại Giê-ru-sa-lem?

Xíp-ba nói lý do Mê-phi-bô-sết ở lại Giê-ru-sa-lem là vì Mê-phi-bô-sết tin rằng hôm đó nhà Y-sơ-ra-ên sẽ trả lại cho ông nước của Sau-lơ, cha ông.

2 Samuel 16:4

Vua nói bây giờ cái gì thuộc về Xíp-ba?

Vua nói với Xíp-ba rằng mọi vật thuộc về Mê-phi-bô-sết giờ đây đều thuộc về Xíp-ba.

2 Samuel 16:5

Si-mê-i làm gì với Đa-vít và hết thảy các quan chức của vua?

Si-mê-i rủa sả Đa-vít và các quan chức của vua và cũng ném đá và bụi vào họ.

2 Samuel 16:6

Si-mê-i làm gì với Đa-vít và hết thảy các quan chức của vua?

Si-mê-i rủa sả Đa-vít và các quan chức của vua và cũng ném đá và bụi vào họ.

2 Samuel 16:7

Si-mê-i gọi Đa-vít là gì?

Si-mê-i gọi Đa-vít là người huyết.

2 Samuel 16:8

Si-mê-i gọi Đa-vít là gì?

Si-mê-i gọi Đa-vít là người huyết.

2 Samuel 16:12

Đa-vít hy vọng Đức Giê-hô-va sẽ làm gì vì cớ sự hoạn nạn trên Đa-vít và sự rủa sả trên ông vào ngày đó?

Đa-vít hy vọng là Đức Giê-hô-va sẽ lấy phước trả lại thế cho sự rủa sả mà ông bị ngày đó.

2 Samuel 16:16

Khi Áp-sa-lôm, A-hi-thô-phên, và toàn dân Y-sơ-ra-ên đến Giê-ru-sa-lem, Hu-sai nói gì với Áp-sa-lôm?

Hu-sai nói với Áp-sa-lôm, "Vua vạn tuế! Vua vạn tuế!”

2 Samuel 16:18

Hu-sai nói với Áp-sa-lôm rằng ông ấy, Hu-sai, sẽ thuộc về ai?

Hu-sai nói với Áp-sa-lôm rằng ông ấy, Hu-sai, sẽ thuộc về người mà Đức Giê-hô-va và dân sự này cùng dân Y-sơ-ra-ên đã chọn.

2 Samuel 16:21

A-hi-thô-phên khuyên gì với Áp-sa-lôm về điều Áp-sa-lôm nên làm?

A-hi-thô-phên khuyên Áp-sa-lôm đi ngủ với các cung phi của cha ông, là những người mà Đa-vít đã để lại để giữ cung điện.

2 Samuel 16:23

Đa-vít và Áp-sa-lôm xem lời khuyên của A-hi-thô-phên như thế nào?

Người ta coi lời bàn của A-hi-thô-phên có giá trị như lời phán của Đức Chúa Trời.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 17
2 Samuel 17:1
A-hi-tô-phe
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 15:12]
mười hai nghìn người
"12.000 người"
đứng dậy và
"bắt đầu”
đi tới
"đi đến”
mệt mỏi và chán nản
Về cơ bản, hai cụm từ nầy cùng chỉ về một ý và được kết hợp để nhấn mạnh Đa-vít đã yếu sức đến mức nào. Tham khảo cách dịch: “đuối sức”
sẽ làm cho ông ấy kinh khiếp
Ở đây, từ “sợ hãi” có thể được viết lại thành tính từ “sợ”. Tham khảo cách dịch: “khiến ông ấy bất ngờ và sợ hãi”
Tôi sẽ chỉ tấn công nhà vua thôi
Câu nầy ngụ ý rằng ông chỉ định giết nhà vua. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ chỉ viết một mình nhà vua mà thôi”
đưa toàn dân trở về
Cụm từ nầy nầy chỉ về hết thảy những người ở với Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “đưa hết thảy những người ở cùng ông ấy trở về”
như cô dâu về với chồng mình
Ở đây A-hi-tô-phe nói về sự hạnh phúc của dân sự khi so sánh nó với niềm hạnh phúc của một cô dâu. Tham khảo cách dịch: “và họ sẽ hạnh phúc mà trở về, như cô dâu hạnh phúc khi nàng trở về với chồng của mình” hoặc “và họ sẽ hạnh phúc mà trở về”
được yên ổn
Cụm từ nầy có nghĩa là sẽ có được yên ổn hoặc sẽ sống yên ổn. Tham khảo cách dịch: “sống yên ổn”
dưới bệ hạ
Cụm từ nầy chỉ về việc ở dưới thẩm quyền của nhà vua. Tham khảo cách dịch: “dưới quyền cai trị của bệ hạ”
2 Samuel 17:5
Hu-sai người Ạt-kít
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 15:32.
A-hi-tô-phe
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 15:12.
2 Samuel 17:8
họ như như gấu cái bị cướp con
Ở đây, cơn giận của quân lính được ví như cơn giận của một con gấu mẹ bị bắt mất con của mình. Tham khảo cách dịch: ‘họ giận dữ, như gấu mẹ có gấu con đã bị bắt khỏi mình” hoặc “họ đang rất giận dữ”
gấu
một loài vật lớn, nhiều lông, thường đi bằng bốn chân, có móng vuốt và răng sắc nhọn.
chiến sĩ đầy kinh nghiệm
Cụm từ nầy có nghĩa là ông đã từng tham gia nhiều trận chiến và hiểu rõ về cách chiến đấu. Tham khảo cách dịch: “một người đã từng tham chiến nhiều lần”
Kìa
Ở đây từ nầy được dùng to hướng sự chú ý của ai đó đến những ý tiếp theo. Tham khảo: “Hãy nghe đây”
hầm
một hố sâu dưới đất
hay trong một nơi nào đó
Đây là một nơi khác mà người có thể đang ẩn náu. Tham khảo cách dịch: “hoặc ẩn náu trong một nơi nào đó”
khi một số quân của bệ hạ bị giết
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "khi lính của người giết một số quân lính của bệ hạ”
Một cuộc tàn sát đã diễn ra trong vòng quân lính theo Áp-sa-lôm
Danh từ “cuộc tàn sát” có nghĩa là một sự kiện mà tại đó nhiều người đã bị giết một cách dã man. Có thể dịch danh từ đó thành động từ. Tham khảo cách dịch: “Nhiều lính chiến theo Áp-sa-lôm đã bị tàn sát thê thảm” hoặc “Quân lính của kẻ thù đã giết hại rất nhiều lính chiến theo Áp-sa-lôm”
những người có lòng dạ như sư tử
Ở đây, người ta nói đến những người lính nầy qua “lòng dạ” của họ. Cũng vậy, lòng can đảm của họ được ví như sự dũng mãnh, dũng cảm của sư tử. Tham khảo cách dịch: “những người bạo gan như sư tử” hoặc “những người rất can đảm”
2 Samuel 17:11
rằng hết thảy dân Y-sơ-ra-ên phải được tập trung về với bệ hạ
Có thể dịch câu nầy ở dạng chủ động. Cũng vậy, hết thảy lính chiến trong Y-sơ-ra-ên được nói đến như “hết thảy dân Y-sơ-ra-ên”. Tham khảo cách dịch: “rằng bệ hạ phải tập hợp hết thảy lính chiến của Y-sơ-ra-ên lại”
từ Đan cho đến Bê-e Sê-ba
Cụm từ nầy có nghĩa là từ biên giới phía Bắc cho đến biên giới phía nam Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “từ mọi vùng của Y-sơ-ra-ên”
đông như cát biển
Đây là cách nói quá dùng toàn bộ cát biển để so sánh với số lượng quân của Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “nhiều vô số kể’
rồi bệ hạ sẽ đích thân ra trận
Cụm từ “đích thân” có nghĩa là tự mình đi chứ không sai ai đi thay. Tham khảo cách dịch: “rồi chính bệ hạ sẽ dẫn quân ra trận”
tiến đến gần người
Cụm từ nầy có nghĩa là chủ ý tiến đến chỗ của ông có mục đích và rồi tấn công ông.
chúng ta sẽ bủa vây người như sương rơi trên đất
Quân đội của Áp-sa-lôm được mô tả lúc đang bao vậy quân của Đa-vít như sương mù bao phủ trên đất. Tham khảo cách dịch: “chúng ta sẽ áp đảo và hoàn toàn đánh bại quân của Đa-vít"
sương
những đám mây đầy sương mù rơi trên đất trong đêm, bao phủ toàn bộ mặt đất và khiến đất bị ẩm ướt vào sáng hôm sau.
Chúng ta sẽ không chừa lại dù chỉ một người trong số những thuộc hạ....
sống sót
Câu khẳng định tiêu cực nầy được dùng để nhấn mạnh và có thể chuyện sang thể tích cực. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sẽ giết tất cả thuộc hạ của người”
chính người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cả hai từ nầy đều chỉ về Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “chính Đa-vít”

2 Samuel 17:13

thì hết thảy Y-sơ-ra-ên

Cụm từ nầy chỉ về toàn thể quân lính Y-sơ-ra-ên, không phải chỉ về toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “thì hết thảy quân lính của chúng ta”

sẽ đem dây thừng đến thành đó, và chúng ta sẽ kéo đổ nó xuống sông

Cụm từ nầy có nghĩa là quân lính sẽ kéo đổ tường thành và kéo từng phần vứt xuống sông. Tham khảo cách dịch: “sẽ phá hủy thành đó và dùng dây thừng kéo bỏ những tảng đá của nó xuống sông’

cho đến khi người ta chẳng tìm thấy dù chỉ một viên sỏi nào tại đó

Đây là cách nói quá để mô tả họ sẽ hoàn toàn phá hủy thành đó ra sao. Họ sẽ không kéo từng viên đá nhỏ, từng viên sỏi ra khỏi thành đó. Tham khảo cách dịch: “cho đến khi thành đó bị phá hủy hoàn toàn”

Hu-sai người Ạt-kít

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 15:32. Ạt-kít là tên của một nhóm dân.

A-hi-tô-phe

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 15:12.

sự loại bỏ những lời bàn khôn ngoan của A-hi-tô-phe

Từ “sự loại bỏ” có thể chuyển sang động từ “loại bỏ”. Tham khảo cách dịch: “vì quân lính Y-sơ-ra-ên sẽ bác bỏ những lời bàn khôn ngoan của A-hi-tô-phe”

giáng sự phá hủy trên Áp-sa-lôm

“giáng” điều gì đó trên ai đó có nghĩa là khiến việc đó xảy đến cho họ. Tham khảo cách dịch: ‘khiến tai họa xảy đến cho Áp-sa-lôm”

2 Samuel 17:15

Xa-đốc ... A-bia-tha

Hãy dịch tên của những người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 15:24-25]

như thế kia thế kia

Cụm từ nầy, có nghĩa là “như thế nầy”, chỉ về những lời mà A-hi-tô-phe trước đó đã khuyện Áp-sa-lôm trong [2SA 17:1-3]

khúc sông cạn của A-ra-ba

Khúc sông cạn là nơi nước nông trên sông, nơi người ta có thể lội qua. A-ra-ba là một vùng đất dọc theo hai bên bờ sông Giô-đanh.

bằng mọi cách

Cụm từ nầy có nghĩa là phải đảm bảo rằng bạn sẽ phải hành động. Tham khảo cách dịch: “đảm phải phải” hoặc “đảm bảo rằng vua”

bệ hạ sẽ bị nuốt chửng

Ở đây, việc nhà vua và thuộc hạ của vua bị giết được mô tả như thể họ bị kẻ thù của mình “nuốt chửng”. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ sẽ bị giết”

2 Samuel 17:17

Giô-na-than ... A-hi-mát

Hãy dịch tên của những nhóm người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 15:27]

Khi tin báo đến

Ở đây, “tin báo” được nói đến như thể nó đi đến với họ, thực sự đó là người nữ đến để báo tin đó. Tham khảo cách dịch: “Khi bà đến báo tin cho họ”

lúc ấy

"ngay khi”

Vậy Giô-na-than và A-hi-mát đi khỏi

Câu nầy ngụ ý rằng họ biết người trai trẻ kia nầy đã báo tin cho Áp-sa-lôm biết họ đang ở đây. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Giô-na-than và A-hi-mát biết những việc người trai trẻ kia đã làm nên họ rời đi”

suối Ên Rô-ghên ... Ba-hu-rim

Đây là tên của các địa danh, cả hai đều gần Giê-ru-sa-lem. Ba-hu-rim là một thành nhỏ.

họ đi xuống

"họ dòng mình xuống dưới và nấp”

2 Samuel 17:19

vợ của chủ nhà

"vợ của người nầy”

A-hi-mát ... Giô-na-than

Hãy dịch tên của những nhóm người nầy như cách bạn đã làm trong [15:27]

2 Samuel 17:21

Chuyện xảy ra

"Chuyện đã xảy ra." Cụm từ nầy đánh dấu sự kiện tiếp theo trong diễn tiến câu chuyện.

nhanh chóng qua sông

Ở đây "vùng nước nầy”

đã bàn mưu như thế nầy, thế nầy

Cụm từ “thế nầy, thế nầy” được dùng thế chỗ của những thông tin mà người đọc đã biết. Ở đây, nó chỉ về những mưu mô mà A-hi-tô-phe đã bày cho Áp-sa-lôm trong [2SA 17:1-3]

Trước khi trời sáng, không còn một ai trong số họ chưa qua sông Giô-đanh

Câu phủ định nầy được dùng để nhấn mạnh rằng tất cả bọn họ đều đã qua sống. Có thể chuyển sang dạng câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Trước khi trời sáng, từng người một trong số họ đã vượt qua sông Giô-đanh”

2 Samuel 17:23

thấy

"biết” hoặc “nhận ra”

kế của mình không được nghe theo

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Áp-sa-lôm không nghe theo kế của mình”

thắng yên

đặt một tấm chăn hoặc một miếng da nhỏ để ngồi lên trên lưng ngựa hoặc lừa để người cưỡi có thể ngồi lên trên nó.

sắp xếp xong xuôi mọi công việc của mình

Ông chuẩn bị cho cái chết của mình bằng cách dặn dò gia đình mình những chuyện phải làm sau khi ông chết. Tham khảo cách dịch: “ông chuẩn bị cho cái chết của mình”

bằng cách nầy

"Và đây là cách”

được chôn

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ đã chôn ông”

2 Samuel 17:24

Ma-ha-na-im ... Ghi-lê-át

Hãy dịch tên của những nơi nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 2:8-9]

A-ma-sa ... Giô-áp ... Giê-the ... Na-hách

Đây đều là tên của nam. Xem cách bạn đã dịch Giô-áp và

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Xê-ru-gia

người Ích-ma-ên

Từ nầy có nghĩa là người đó là con cháu của Ích-ma-ên. Một số bản dịch thì ghi là “người Y-sơ-ra-ên”. Xem phần ghi chú. Bạn có thể chọn một từ mà ở nơi của bạn người ta thường sử dụng nhiều Kinh Thánh.

A-bi-ga-in ... Xê-ru-gia

Đây đều là tên của nữ.

2 Samuel 17:27

Chuyện xảy ra

Cụm từ nầy được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

Ma-ha-na-im ... Ráp-ba ... Lô Đê-ba ... Rô-ghê-lim

Đây là tên của các thành hoặc các địa danh.

Sô-bi ... Na-hách ... Ma-ki ... A-mi-ên ... Bát-xi-lai

Đây đều là tên của nam.

người Am-môn ... người Ghi-lê-át

Đây là tên của các nhóm dân.

chiếu và mền

Chiếu là thứ gì đó mềm để ngủ ở trên, và mền là tấm vải đắp lên để để giữ ấm.

bột mì

Bột mì là lúa mì được nghiền mịn và được dùng để làm bánh.

rang

"đã được chế biến”

hạt

hạt đã được rang và ăn được

đậu lăng

một loại hạt đã được rang chín và có thể ăn được

sữa đông

loại sữa đã được lên men và trở nên đông đặc

khát

cần nước hoặc thứ gì đó để uống

Translation Questions

2 Samuel 17:1

A-hi-thô-phên khuyên Áp-sa-lôm và tất cả trưởng lão Y-sơ-ra-ên điều gì về cách ông nên đánh Đa-vít?

A-hi-thô-phên xin được cho một quân đội lớn để tấn công bất ngờ Đa-vít vào ban đêm khi ông ấy đang mệt mỏi và đuối sức, và đem toàn dân về để họ cai trị.

2 Samuel 17:4

A-hi-thô-phên khuyên Áp-sa-lôm và tất cả trưởng lão Y-sơ-ra-ên điều gì về cách ông nên đánh Đa-vít?

A-hi-thô-phên xin được cho một quân đội lớn để tấn công bất ngờ Đa-vít vào ban đêm khi ông ấy đang mệt mỏi và đuối sức, và đem toàn dân về để họ cai trị.

2 Samuel 17:5

Áp-sa-lôm xin Hu-sai cho lời khuyên về kế hoạch của A-hi-thô-phên. Hu-sai khuyên gì?

Hu-sai nói kế hoạch này không tốt.

2 Samuel 17:7

Áp-sa-lôm xin Hu-sai cho lời khuyên về kế hoạch của A-hi-thô-phên. Hu-sai khuyên gì?

Hu-sai nói kế hoạch này không tốt.

2 Samuel 17:9

Tại sao Hu-san nói là kế hoạch đó không tốt?

Vì ngay trong lần đánh đầu tiên và giết người của Áp-sa-lôm, ngay cả những lính gan dạ nhất cũng sẽ sợ hãi khi người ta sẽ đồn với nhau rằng đó là một sự tàn sát lính của Áp-sa-lôm.

2 Samuel 17:10

Tại sao Hu-san nói là kế hoạch đó không tốt?

Vì ngay trong lần đánh đầu tiên và giết người của Áp-sa-lôm, ngay cả những lính gan dạ nhất cũng sẽ sợ hãi khi người ta sẽ đồn với nhau rằng đó là một sự tàn sát lính của Áp-sa-lôm.

2 Samuel 17:11

Hu-sai khuyên Áp-sa-lôm làm gì?

Hu-sai khuyên Áp-sa-lôm triệu tập toàn dân I-sơ-ra-ên và chính ông sẽ đích thân dẫn quân ra trận để họ có thể tìm Đa-vít và giết ông ấy cũng những người đi cùng.

2 Samuel 17:12

Hu-sai khuyên Áp-sa-lôm làm gì?

Hu-sai khuyên Áp-sa-lôm triệu tập toàn dân I-sơ-ra-ên và chính ông sẽ đích thân dẫn quân ra trận để họ có thể tìm Đa-vít và giết ông ấy cũng những người đi cùng.

2 Samuel 17:14

Áp-sa-lôm và người Y-sơ-ra-ên đáp ứng thế nào về lời khuyên của Hu-sai?

Họ nói Lời bàn của Hu-sai hay hơn lời bàn của A-hi-thô-phên.

2 Samuel 17:16

Hu-sai muốn các thầy tế lễ đi và báo cáo cho Đa-vít về điều gì?

Thông điệp đó là Đa-vít không được qua đêm trong cánh đồng nơi khúc sông cạn trước khi vào đồng hoang, nhưng bằng mọi cách phải qua sông, kẻo vua và những người theo vua sẽ bị nuốt mất.

2 Samuel 17:17

Thông điệp được truyền cho Vua Đa-vít về kế hoạch Áp-sa-lôm tấn công ông ấy như thế nào?

Một nữ tỳ đến báo tin cho họ, rồi họ đi báo tin cho Vua Đa-vít về kế hoạch của Áp-sa-lôm.

2 Samuel 17:18

Hai người làm gì khi ba điều này được giữ và Áp-sa-lôm được báo cáo?

Hai người ra đi và đi xuống một cái giếng ở trong sân một người dân.

2 Samuel 17:19

Hai người được giúp thế nào?

Vợ của người dân lấy một tấm trải phủ ngang trên miệng giếng để giấu hai người và khi người của Áp-sa-lôm đi tìm họ, bà nói với các binh lính rằng hai người đã vượt sông.

2 Samuel 17:20

Hai người được giúp thế nào?

Vợ của người dân lấy một tấm trải phủ ngang trên miệng giếng để giấu hai người và khi người của Áp-sa-lôm đi tìm họ, bà nói với các binh lính rằng hai người đã vượt sông.

2 Samuel 17:21

Sau khi người của Áp-sa-lôm rời đi, hai người làm gì?

Hai ông lên khỏi giếng và đi báo tin cho Vua Đa-vít, bảo vua vượt sông Giô-đanh để vua và cả dân sự sẽ được an toàn.

2 Samuel 17:22

Sau khi người của Áp-sa-lôm rời đi, hai người làm gì?

Hai ông lên khỏi giếng và đi báo tin cho Vua Đa-vít, bảo vua vượt sông Giô-đanh để vua và cả dân sự sẽ được an toàn.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Samuel 17:23
A-hi-thô-phên làm gì khi ông biết là lời khuyên của ông không được dùng để đánh Đa-vít?
A-hi-thô-phên về thành mình, sắp đặt mọi việc nhà, và treo cổ tự tử.
2 Samuel 17:27
Đa-vít và người của ông được chăm sóc thế nào trong đồng vắng?
Ba người đem vật dụng và lương thực đến cho Đa-vít và người của ông để họ ngủ, nấu nướng, và ăn uống.
2 Samuel 17:29
Đa-vít và người của ông được chăm sóc thế nào trong đồng vắng?
Ba người đem vật dụng và lương thực đến cho Đa-vít và người của ông để họ ngủ, nấu nướng, và ăn uống.

Chapter 18
2 Samuel 18:1
Đa-vít điểm quân số của mình, rồi chỉ định
Đa-vít không tự mình đếm hết thảy những người theo mình, đúng hơn là có những người khác đếm. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít ra lệnh phải đếm hết thảy những người theo mình và rồi ông chỉ định” hoặc “Đa-vít đã chỉnh đốn hàng ngũ quân lính của mình và rồi chỉ định”
những chỉ huy trưởng
Chỉ huy trưởng là một người có quyền trên một nhóm lính.
một phần ba… một phần ba còn lại
"một phần ba quân số… một phần ba quân số còn lại”. “một phần ba” là một phần trong số ba phần bằng nhau.
A-bi-sai ... Xê-ru-gia
Hãy dịch tên của những người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 2:18]
Y-tai
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 15:19]
Người Ghi-tít
Cụm từ nầy chỉ về một người đến từ Gát, vốn là một thành của dân Phi-li-tin.
Chắc chắn ta cũng sẽ đích thân ra trận với các ngươi
Cụm từ nầy có nghĩa là ông sẽ ra trận với họ. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Đích thân ta sẽ ra trận với các ngươi”
2 Samuel 18:3
phân nửa chúng tôi
Từ “phân nửa” chỉ về một trong số hai phần bằng nhau.
bệ hạ đáng giá bằng mười nghìn người chúng tôi
Cụm từ nầy có nghĩa là quân đội của kẻ thù xem xét việc giết Đa-vít có giá trị gấp mười lần hơn việc giết những người khác. Con số 10.000 ở đây là con số nói quá được dùng để nhấn mạnh một con số người rất lớn. Tham khảo cách dịch: “họ sẽ thà giết được bệ hạ hơn là giết 10.000 người chúng tôi” hoặc “việc giết được bệ hạ đáng giá hơn nhiều việc giết rất nhiều người chúng tôi”
mười nghìn
"10.000"
khi bệ hạ sẵn sàng ứng cứu chúng tôi từ trong thành
Đa-vít có thể ứng cứu cho họ từ trong thành bằng cách bày mưu và sai tiếp viện đến cho họ. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “khi bệ hạ ở trong thành và gửi tiếp viện đến cho chúng ta”
2 Samuel 18:5
A-bi-sai
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 2:18]
Y-tai
Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 15:19]
Hãy vì ta mà nhẹ tay
"hãy vì ta, đừng làm hại”. Cụm từ, “nhẹ tay” có nghĩa là đối xử tử tế với ai đó và không làm hại họ.
vì ta
"vì ích lợi của ta” hoặc "lợi ích của ta”
chàng trai trẻ tuổi, tức là với Áp-sa-lôm
"chàng trai trẻ tuổi Áp-sa-lôm”
2 Samuel 18:6
kéo ra vùng quê nghênh chiến với Y-sơ-ra-ên
Cụm từ nầy có nghĩa là họ đi ra chiến trường và đánh chiến với họ. Tham khảo cách dịch: “đi ra vùng quê và đánh chiến với Y-sơ-ra-ên”
nghịch lại với Y-sơ-ra-ên
Ở đây "Y-sơ-ra-ên” chỉ về quân đội của họ, chứ không phải là toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “quân lính Y-sơ-ra-ên”
quân Y-sơ-ra-ên đã bị đánh bại trước các quân lính của Đa-vít
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Tại đó, quân lính của Đa-vít đã đánh bại quân đội Y-sơ-ra-ên”
Một cuộc tàn sát kinh hoàng
một sự kiện mà tại đó có rất nhiều người bị giết hại dã man.
hai mươi nghìn người
"20.000 người"
số người chết trong rừng sâu nhiều hơn là chết vì gươm
Ở đây "rừng sâu” được mô tả như thể nó đang sống động và có thể hoạt động. “Gươm” chỉ về những quân lính của Đa-vít, là những người dùng gươm để chiến đấu, Tham khảo cách dịch: “những thứ nguy hiểm trong rừng đã giết chết nhiều người hơn cả số người mà quân lính của Đa-vít đã dùng gươm để giết”
2 Samuel 18:9
Tình cờ, Áp-sa-lôm gặp một vài người lính của Đa-vít
Đây là một sự kiện đã xảy ra trong trận chiến. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Trong trận chiến, Áp-sa-lôm đã tình cờ gặp một vài người lính của Đa-vít”
Đầu của ông bị vướng vào các cành cây
Áp-sa-lôm có một đầu tóc dài bị vướng vào các cành cây. Tham khảo cách dịch: “tóc của ông bị vướng vào các cành cây”
Kìa
Ở đây từ nầy được dùng để hướng sự chú ý của một người vào ý tiếp theo. Tham khảo: “Hãy nghe đây”
lơ lửng
bị treo hoặc bị mắc lủng lẳng
giữa khoảng trời đất
"trong không trung” (UDB)
sao ngươi không đánh hạ hắn xuống đất đi?
Câu hỏi nầy có nghĩa là lẽ ra người đó phải giết Áp-sa-lôm đi. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Cụm từ “đánh hạ” có nghĩa là giết. Tham khảo cách dịch:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“Lẽ ra ngươi đến đánh hạ hắn xuống đất đi!” hoặc “Lẽ ra ngươi nên giết hắn ngay lập tức!”

mười siếc-lơ bạc

Có thể viết lại theo đơn vị đo hiện nay. Tham khảo cách dịch: “mười đồng bạc” hoặc “110 gr bạc”

thắt lưng

Đây là một loại thắt lưng đặc biệt để cho mọi người biết rằng người đeo nó là một lính chiến vĩ đại và phải được tôn trọng.

2 Samuel 18:12

một nghìn siếc-lơ bạc

"1.000 siếc-lơ bạc." Có thể viết lại theo đơn vị hiện nay. Tham khảo cách dịch: “1.000 đồng bạc” hoặc “11 kg bạc”

cũng sẽ không ra tay hại hoàng tử

Cụm từ “ra tay” có nghĩa là tấn công. Tham khảo cách dịch: “cũng sẽ không tấn công hoàng tử”

Không ai được đụng đến

Ở đây "đụng đến” có nghĩa là “làm hại”. Tham khảo cách dịch: “Không ai được làm hại” hoặc “Không được làm hại”

điều sai trái

Từ “điều sai trái” có thể được viết lại thành một cụm động từ. Từ nầy cũng chỉ về hành động không vâng theo mạng lệnh của vua. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “làm điều gì đó sai trái” hoặc “khi không vâng lệnh vua”

không có điều nào giấu được vua

Ở đây, người nầy đang nói về việc nhà vua biết về hầu hết mọi việc đang diễn ra như thể mọi việc đó là một mà không biết vị trí của nó là ở đâu. Tham khảo cách dịch: “chẳng có việc gì mà vua không biết” hoặc “vua nghe biết về mọi điều đang diễn ra”

2 Samuel 18:14

Ta sẽ không đợi ngươi

Giô-áp có ý muốn nói là ông không nên nói chuyện tiếp với người nầy nữa. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không phí thời gian nói chuyện với ngươi thêm nữa”

tim của Áp-sa-lôm

Ở đây tim của Áp-sa-lôm chỉ về ngực hoặc thân trên của ông. Tham khảo cách dịch: “ngực”

khí giới

Cụm từ nầy chỉ cả áo giáp mà ông mặc trên người để bảo vệ mình và cả vũ khí của ông nữa. Tham khảo cách dịch: “áo giáp và vũ khí”

2 Samuel 18:16

quay về không đuổi theo Y-sơ-ra-ên

Ở đây "Y-sơ-ra-ên” chỉ về quân đội Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “quay trở lại, không đuổi theo quân đội Y-sơ-ra-ên”

Sau đó, Giô-áp thổi kèn và quân lính quay trở về, không đuổi theo quân Y-sơ-ra-ên nữa, vì Giô-áp đã giữ quân lại

Câu nầy mô tả những điều Giô-áp đã ra lệnh khi thổi kèn. Tham khảo cách dịch: “Kế đó, Giô-áp thổi kèn để triệu tập quân đội quay trở lại, và quân đội đã quay trở về mà không đuổi theo Y-sơ-ra-ên nữa”

Người ta lấy Áp-sa-lôm rồi ném người

"Người ta lấy xác Áp-sa-lôm rồi ném nó”

họ chôn xác của người dưới một đống đá rất lớn

Sau khi đã ném xác Áp-sa-lôm xuống một cái hố, thì người ta mới chất đá thành đống phủ bên trên. Có thể nói rõ ý nầy hơn. Tham khảo cách dịch: “và chất một đống đá lớn phủ lên trên” (UDB)

trong lúc đó, hết thảy Y-sơ-ra-ên đều chạy trốn

Ở đây "hết thảy Y-sơ-ra-ên" chỉ về quân lính Y-sơ-ra-ên. Từ “chạy trốn” có nghĩa “bỏ chạy”. Tham khảo cách dịch: “trong lúc đó, toàn bộ binh lính Y-sơ-ra-ên bỏ chạy”

2 Samuel 18:18

thung lũng Nhà Vua

Đây là tên một địa điểm.

để lưu danh của ta

Áp-sa-lôm dùng cụm từ “danh của ta” chỉ về chính ông và dòng dõi gia đình của ông. Tham khảo cách dịch: “để mang danh gia đình ta, nhờ đó mà người ta sẽ nhớ đến ta”

vì thế nó vẫn còn gọi là đài kỷ niệm Áp-sa-lôm cho đến ngày nay

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "vì thế từ ngày đó tới giờ người ta gọi nó là đài kỷ niệm Áp-sa-lôm”

cho đến ngày nay

Cụm từ nầy chỉ về thời điểm hiện tại khi sách Kinh Thánh nầy được viết.

2 Samuel 18:19

Xa-đốc

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 08:17]

A-hi-mát

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 15:27]

chạy báo tin mừng cho vua

Ở đây A-hi-mát nói về việc chạy đến và báo với vua tin mừng nầy như thể tin toosdods là một vật mà người có thể mang theo. Tham khảo cách dịch: “chạy đến báo tin mừng cho vua”

tay những kẻ thù của mình

Ở đây, “tay” chỉ về quyền cai trị. AT: "quyền cai trị của những kẻ thù của mình”

người đưa tin

"người báo tin mừng”

con sẽ không đưa bất cứ tin nào

Cụm từ nầy chỉ về việc không đem tin mừng đến cho vua. Tham khảo cách dịch: “con sẽ không báo bất cứ tin mừng nào cho vua”

2 Samuel 18:21

thuật cho vua điều ngươi đã thấy

Giô-áp sẽ bảo người đi và thuật lại những tin từ chiến trường cho vua.

2 Samuel 18:24

Bấy giờ

Ở đây từ nầy được dùng để đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện và phần mở đầu cho một phần mới của câu chuyện.

và ngước mắt lên

Ở đây việc người lính canh thấy điều gì đó được nói đến như thể người nhướng mắt lên. Tham khảo cách dịch: “và nhìn ra ngoài thành”

có tin báo trong miệng người

Ở đây, vua nói về người có tin báo như thể tin đó là một vật đang nằm trong miệng người đó. Tham khảo cách dịch: “người đó có tin để báo cho chúng ta”

2 Samuel 18:26

Tôi nghĩ người chạy trước có cách chạy giống như A-hi-mát, con của Xa-đốc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người lính canh nầy so sánh cách chạy của người nầy với cách chạy của A-hi-mát để cho rằng người đó chính là A-hi-mát. Tham khảo cách dịch: “Tôi nghĩ rằng người chạy đằng trước chính là A-hi-mát con trai Xa-đốc, bởi vì người chạy trông giống như A-hi-mát”

A-hi-mát ... Xa-đốc

Hãy dịch tên của những người nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 18:19.

2 Samuel 18:28

người cúi mình sấp mặt xuống đất trước mặt vua

Ông làm như vậy để tôn kính vua. Tham khảo cách dịch: “người cúi mình xuống trước mặt vua, sấp mặt mình xuống đất để tỏ lòng tôn kính vua”

Phước thay là Giê-hô-va

"Đáng ngợi khen Giê-hô-va”. Ở đây, “phước” có nghĩa là ngợi khen.

những kẻ đã đưa tay chống lại bệ hạ là chúa tôi

Ở đây A-hi-mát nói về những người chống đối vua như thể họ đang đưa tay mình lên trước mặt vua. Tham khảo cách dịch: “những kẻ đã chống nghịch và đánh chiến cùng bệ hạ là chúa tôi”

sự huyên náo dữ dội

Cụm từ nầy có nghĩa là dân chúng hành động như thể mọi chuyện không đúng, không hợp lí

Hãy tránh sang một bên

"Hãy tránh đướng” hoặc “Hãy đứng sang một bên” (UDB)

2 Samuel 18:31

nổi lên chống lại

Cụm từ nầy có nghĩa là chống nghịch. Tham khảo cách dịch: “chống nghịch”

các kẻ thù của bệ hạ là chúa tôi... sẽ bị như chàng trai trẻ tuổi ấy

Người Cút nầy dùng một phép so sánh làm một cách nói nhẹ nhàng để thưa với vua rằng Áp-sa-lôm đã chết. Có thể dịch câu nầy trực tiếp hơn. Tham khảo cách dịch: “Tôi cầu mong mọi kẻ thù của bệ hạ... sẽ chết như cách chàng trai trẻ tuổi ấy đã chết”

mất bình tĩnh

"bối rối"

Translation Questions

2 Samuel 18:2

Vua Đa-vít nói gì với quân đội?

Vua Đa-vít nói với quân đội rằng chắc chắn ông sẽ ra trận cùng họ.

2 Samuel 18:3

Quân sĩ phản ứng thế nào về thông điệp từ Vua Đa-vít?

Quân sĩ nói với Vua Đa-vít rằng ông có hàng chục ngàn quân, vì vậy ông nên ở lại trong thành thay vì ra trận.

2 Samuel 18:4

Quân sĩ phản ứng thế nào về thông điệp từ Vua Đa-vít?

Quân sĩ nói với Vua Đa-vít rằng ông có hàng chục ngàn quân, vì vậy ông nên ở lại trong thành thay vì ra trận.

2 Samuel 18:5

Vua truyền lệnh gì cho các sĩ quan về Áp-sa-lôm?

Vua bảo các sĩ quan phải "nể mặt ta mà nhẹ tay với chàng trai trẻ Áp-sa-lôm."

2 Samuel 18:6

Kết quả của trận đánh trong rừng Ép-ra-im là gì?

Quân Y-sơ-ra-ên bị đánh bại trước mặt các binh sĩ của Đa-vít.

2 Samuel 18:8

Kết quả của trận đánh trong rừng Ép-ra-im là gì?

Quân Y-sơ-ra-ên bị đánh bại trước mặt các binh sĩ của Đa-vít.

2 Samuel 18:9

Điều gì xảy ra với Áp-sa-lôm khi con la ông đang cưỡi lủi vào một nhánh rậm của một cây sồi lớn?

Áp-sa-lôm bị treo lơ lửng trên các cành cây.

2 Samuel 18:10

Tại sao Giô-áp khó chịu khi ông nghe kể về Áp-sa-lôm?

Giô-áp khó chịu vì người lính báo tin về Áp-sa-lôm đã không đánh hắn chết cho hắn rơi xuống đất.

2 Samuel 18:11

Tại sao Giô-áp khó chịu khi ông nghe kể về Áp-sa-lôm?

Giô-áp khó chịu vì người lính báo tin về Áp-sa-lôm đã không đánh hắn chết cho hắn rơi xuống đất.

2 Samuel 18:12

Tại sao người đó không giết Áp-sa-lôm?

Ông không giết Áp-sa-lôm dù có được thưởng tiền, vì ông có nghe vua nói rằng không ai được phép đụng vào chàng trai trẻ Áp-sa-lôm.

2 Samuel 18:13

Tại sao người đó không giết Áp-sa-lôm?

Ông không giết Áp-sa-lôm dù có được thưởng tiền, vì ông có nghe vua nói rằng không ai được phép đụng vào chàng trai trẻ Áp-sa-lôm.

2 Samuel 18:14

Giô-áp làm gì với Áp-sa-lôm?

Giô-áp lấy ba cây giáo đang cầm trong tay đâm xuyên qua tim của Áp-sa-lôm, trong khi ông ấy vẫn còn sống và bị treo lơ lửng dưới nhánh cây sồi.

2 Samuel 18:17

Thi thể của Áp-sa-lôm được xử lý ra sao?

Người ta lấy xác của Áp-sa-lôm ném vào một hố lớn trong rừng, rồi lấy đá chất lên trên thành một đống to.

2 Samuel 18:18

Tại sao Áp-sa-lôm dựng cho mình một bia đá cao lớn khi còn sống?

Áp-sa-lôm dựng một bia đá cao lớn, gọi là Đài Tưởng Niệm Áp-sa-lôm, để lưu danh vì ông không có con trai.

2 Samuel 18:19

Tại sao A-hi-ma-a không được chạy đến gặp vua báo tin mừng là Đức Giê-hô-va đã cứu vua khỏi kẻ thù?

A-hi-ma-a thận trọng không đi báo tin mừng cho vua trong ngày đó vì con trai của vua đã chết.

2 Samuel 18:20

Tại sao A-hi-ma-a không được chạy đến gặp vua báo tin mừng là Đức Giê-hô-va đã cứu vua khỏi kẻ thù?

A-hi-ma-a thận trọng không đi báo tin mừng cho vua trong ngày đó vì con trai của vua đã chết.

2 Samuel 18:21

Tại sao A-hi-ma-a vẫn muốn chạy đi báo tin mừng cho Đa-vít?

A-hi-ma-a biết rằng Giô-áp đã truyền thông điệp cho một người Cút, nhưng A-hi-ma-a muốn là người đầu tiên đi báo tin mừng cho Đa-vít.

2 Samuel 18:23

Tại sao A-hi-ma-a vẫn muốn chạy đi báo tin mừng cho Đa-vít?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

A-hi-ma-a biết rằng Giô-áp đã truyền thông điệp cho một người Cút, nhưng A-hi-ma-a muốn là người đầu tiên đi báo tin mừng cho Đa-vít.

2 Samuel 18:24

Vua nghĩ gì khi ông biết rằng có một người đang chạy một mình về phía thành?

Vua nghĩ rằng người chạy đó sẽ báo tin nếu người đó đi một mình.

2 Samuel 18:25

Vua nghĩ gì khi ông biết rằng có một người đang chạy một mình về phía thành?

Vua nghĩ rằng người chạy đó sẽ báo tin nếu người đó đi một mình.

2 Samuel 18:26

Vua nghĩ gì khi ông biết là một người khác cũng đang chạy một mình?

Vua nghĩ rằng người đó cũng đem tin vui đến.

2 Samuel 18:27

Vua nghĩ gì không biết rằng người chạy đó đang đi trước mặt A-hi-ma-a?

Vua nói rằng A-hi-ma-a đang đem tin vui đến vì ông ấy là người tốt.

2 Samuel 18:28

A-mi-ha-a báo tin gì cho vua?

A-mi-ma-a nói với vua rằng Đức Giê-hô-va đã phó họ vào tay những kẻ nghịch lại vua.

2 Samuel 18:29

A-hi-ma-a trả lời vua thế nào khi ông được hỏi về tình hình của Áp-sa-lôm?

A-hi-ma-a nói rằng ông thấy một sự náo động lớn, nhưng không biết đó là gì.

2 Samuel 18:32

Người Cút trả lời gì khi vua hỏi ông về tình hình của Áp-sa-lôm?

Người Cút nói với vua rằng những kẻ thù của vua cũng chung số phận với chàng trai trẻ ấy.

2 Samuel 18:33

Vua phản ứng thế nào khi ông nghe tin về cái chết của con trai ông?

Vua rất đau buồn khi hay tin và ước mình có thể chết thế cho con.

Chapter 19

2 Samuel 19:1

Giô-áp được tin

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Có người báo tin cho Giô-áp"

Kìa

Ở đây từ nầy được dùng to hướng sự chú ý của ai đó đến những ý tiếp theo. Tham khảo: “Hãy nghe đây”

Thế là hôm đó, ngày chiến thắng trở thành ngày than khóc của toàn quân

Cụm từ nầy có nghĩa là toàn quân đã than khóc thay vì ăn mừng. Tham khảo cách dịch: “Vậy nên ngày hôm đó thay vì ăn mừng chiến thắng, toàn quân lại than khóc”

2 Samuel 19:3

như những binh sĩ lén lút trốn chạy khỏi chiến trường trong xấu hổ

Tác giả so sánh cách các binh lính chạy trốn về thành của mình với cách mà các binh lính lén lút bỏ trốn khi họ bỏ chạy khỏi chiến trường. Câu nầy nhấn mạnh rằng họ cảm thấy xấu hổ. Tham khảo cách dịch: “như cách mà các binh lính bỏ chạy khỏi chiến trường sẽ phải lén lút lẻn vào thành bởi vì họ cảm thấy xấu hổ”

lén lút

di chuyển không để người khác nhìn thấy

Vua che mặt mình lại

Đây là cách thể hiện nỗi đau buồn và than khóc. Tham khảo cách dịch: “Vua bày tỏ niềm đau buồn của mình bằng cách che mặt lại"

2 Samuel 19:5

Hôm nay bệ hạ đã làm bẽ mặt toàn thể binh lính của mình

Ở đây, các binh lính được nói đến qua mặt của mình để nhấn mạnh rằng họ đã phải giấu mặt vì xấu hổ ra sao. Tham khảo cách dịch: “Hôm nay, bệ hạ đã khiến toàn thể binh lính của mình phải giấu mặt trong xấu hổ” hoặc “Hôm nay, bệ hạ đã khiến toàn thể binh lính của mình phải chịu xấu hổ

không là gì cả đối với bệ hạ

Cụm từ nầy là một cách nói quá, nhưng nó lại thể hiện được việc Đa-vít rất không coi trọng quân sĩ của mình. Tham khảo cách dịch: “chẳng có giá trị gì nhiều đối với bệ hạ”

nếu hôm nay Áp-sa-lôm còn sống, và tất cả chúng tôi đều chết thì chắc bệ hạ hài lòng lắm

Người nói đang đưa ra một tình huống giả định.

2 Samuel 19:7

Vì tôi chỉ Đức Giê-hô-va mà thề

Giô-áp đang đưa một lời thề rất quả quyết. Tham khảo cách dịch: “Tôi xin thề, thật như Đức Giê-hô-va hằng sống”

Nếu bệ hạ không đi ra thì sẽ không một người nào ở lại

Cụm từ nầy có nghĩa là chỉ khi nào Đa-vít đi ra thì binh lính của ông mới ở lại với ông. Tham khảo cách dịch: “chỉ khi nào bệ hạ đi ra thì bất kỳ người nào cũng sẽ ở lại với bệ hạ”

sẽ không một người nào ở lại

Cụm từ nầy chỉ về việc những người người nầy sẽ cứ trung thành với vua. Tham khảo cách dịch: “sẽ không một ai còn trung thành với bệ hạ”

tin nầy được báo cho toàn dân

Có thể dịch câu nầy ở dạng chủ động. Đây là cách nói quá, cụm từ nầy có nghĩa là đa số dân. Tham khảo cách dịch: “nhiều người trong toàn dân nghe người ta nói”

Kìa

Ở đây từ nầy được dùng to hướng sự chú ý của ai đó đến những ý tiếp theo. Tham khảo: “Hãy nghe đây”

toàn dân

Ở đây "dân” chỉ về những người đi theo Đa-vít. Đây là cách nói quá, nó có nghĩa là một số lượng lớn đã đến và tập hợp xung quanh ông. Tham khảo cách dịch: “nhiều người trong dân chúng”

Lúc bấy giờ, người Y-sơ-ra-ên đã chạy trốn, ai về nhà nấy

Ở đây "Y-sơ-ra-ên” chỉ về quân lính Y-sơ-ra-ên, những người theo Áp-sa-lôm. Tham khảo cách dịch: “Và tất cả quân lính Y-sơ-ra-ên đều chạy trốn về nhà mình” hoặc “Và toàn bộ binh lính Y-sơ-ra-ên đều chạy trốn về nhà mình”

2 Samuel 19:9

khỏi tay kẻ thù của chúng ta

Ở đây "tay” có nghĩa là quyền lực. Tham khảo cách dịch: “khỏi việc ở dưới quyền cai trị của kẻ thù chúng ta” hoặc “ra khỏi quyền cai trị của kẻ thù chúng ta"

khỏi tay của người Phi-li-tin

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây "tay" có nghĩa là quyền lực. Tham khảo cách dịch: “khỏi việc ở ở dưới quyền cai trị của người Phi-li-tin” hoặc “khỏi quyền cai trị của người Phi-li-tin”

khỏi xử trốn khỏi Áp-sa-lôm

Cụm từ nầy có nghĩa là ông đã rời khỏi xứ để chạy trốn khỏi Áp-sa-lôm. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “khỏi xứ để trốn chạy khỏi Áp-sa-lôm”

bị chết trong chiến trận

"đã chết trong chiến trận”

Vậy bây giờ tại sao các người không nói gì về việc rước vua trở về?

Cụm từ nầy có nghĩa là họ nên xem xét việc rước Đa-vít trở về bởi vì Áp-sa-lôm đã chết. Có thể viết câu nầy lại thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “chúng ta nên bàn bạc về việc rước vua trở về”

vua

Từ nầy chỉ về Đa-vít

2 Samuel 19:11

sai đến với Xa-đốc và to A-bia-tha

Cụm từ nầy có nghĩa là Đa-vít sai sứ giả đến với Xa-đốc và A-bia-tha. Tham khảo cách dịch: “sai người đến với Xa-đốc và A-bia-tha"

Tại sao các ngươi lại là những người sau cùng đưa vua trở về… để đưa vua trở về cung của mình?

Câu hỏi nầy được đặt ra để quở trách những trưởng lão tại Giu-đa. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các ngươi phải là những người đầu tiên ủng hộ vua và rước người trở về cung, chứ không phải là những người đó trong dân Y-sơ-ra-ên”

vì những lời ủng hộ vua của toàn dân Y-sơ-ra-ên để rước

Từ “lời” là một danh từ có thể được viết lại thành động từ “bàn” hoặc “nói”. Tham khảo cách dịch: “bởi vì hết thảy Y-sơ-ra-ên đều nói những lời ủng hộ vua và muốn rước” hoặc “bởi vì những lời mà dân Y-sơ-ra-ên đang bàn tán ấy là vì ích lợi cho vua, để rước”

để rước vua trở về cung của mình

Ở đây, việc phục hồi quyền cai trị của vua được nói đến như thể rước vua trở về cung của mình. Tham khảo cách dịch: “để phục hồi quyền cai trị của vua”

Các ngươi là anh em ta, là cốt nhục ta

Ở đây, vua đang mô tả về mối liên hệ của họ ra sao khi nói rằng họ có cùng xương cùng thịt. Có thể thêm từ ngầm hiểu “các ngươi” vào vế thứ hai. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi là anh em ta, là bà con của ta” hoặc “Các ngươi là anh em ta, các ngươi là cốt nhục của ta”

Vậy thì tại sao các ngươi lại là những người sau cùng đưa vua về?

Đây là câu hỏi thứ hai, được dùng để quở trách những trưởng lão của Giu-đa. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các ngươi phải là những người đầu tiên, chứ không phải là những người cuối cùng, rước vua trở về”

2 Samuel 19:13

A-ma-sa

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 17:25]

Các ngươi không phải là cốt nhục ta sao?

Đa-vít dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng họ có quan hệ bà con với nhau. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi là cốt nhục của ta”

cốt nhục

Ở đây Đa-vít nói về việc họ có quan hệ bà con với nhau bằng cách cho rằng hoốc chung xương thịt. Cũng vậy, hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [2SA 19:12]

Đức Chúa Trời sẽ phạt ta như vậy

Đây là một cách nói diễn đạt cho ý Đức Chúa Trời sẽ giết ông. Tham khảo cách dịch: “Nguyện Đức Chúa Trời sẽ giết ta”

ông chiếm được lòng người dân

Ở đây, lòng trung thành của người dân được nói đến qua “lòng” của họ. Tham khảo cách dịch: “ông chiếm được lòng trung thành của người dân”

như một người

Cụm từ nầy nói về việc dân sự đoàn kết trong lòng trung thành của mình với vua như thể họ là một người với cùng một tâm trí. Tham khảo cách dịch: “và họ đoàn kết lại với nhau” hoặc “họ đồng lòng trung thành với vua”

họ sai đến vua

Cụm từ nầy có nghĩa là họ sai sứ giả đến gặp vua. Tham khảo cách dịch: “họ sai sứ giả đến gặp vua”

2 Samuel 19:16

Ghê-ra ... Xíp-ba

Đây đều là tên của nam. Hãy dịch tên của "Xíp-ba" như bạn đã làm trong [2SA 9:2]

Ba-hu-rim

Hãy dịch tên của nơi nầy như bạn đã dịch trong [2SA 3:16]

một nghìn người ... mười lăm con trai… hai mươi đầy tớ

"1.000 người ... 15 con trai ... 20 đầy tớ”

trước mặt vua

Cụm từ nầy có nghĩa là vua sẽ ở đó và biết được những chuyện đang xảy ra. Tham khảo cách dịch: “chỗ của vua”

2 Samuel 19:19

nghĩ lại

Cụm từ nầy có nghĩa là "nhớ”. Tham khảo cách dịch: “nhớ”

đầy tớ của bệ hạ

Ở đây Si-mê-i xưng mình như vậy để tỏ lòng tôn kính vua.

đừng để tâm đến nó

"để tâm đến chuyện gì đó” có nghĩa là nghiêm túc suy nghĩ về nó hoặc buồn bực về điều đó. Tham khảo cách dịch: “đừng buồn bực về nó” hoặc “hãy quên chúng đi"

2 Samuel 19:21

A-bi-sai

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 2:18]

Xê-ru-gia

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 2:13]

Chẳng lẽ Si-mê-i không bị xử tử vì tội đã nguyền rủa người được xức dầu của Đức Giê-hô-va sao?

Xê-ru-gia nổi giận với Si-mê-i vì đã nguyền rủa Đa-vít và đề nghị phải xử tử Si-mê-i. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Si-mê-I phải bị xử tử vì hắn đã nguyền rủa người được xức dầu của Đức Giê-hô-va!”

người được xức dầu của Đức Giê-hô-va

Cụm từ nầy chỉ về Đa-vít. Nó có nghĩa là Đa-vít chính là người mà Đức Giê-hô-va đã xức dầu làm vua. Tham khảo cách dịch: “người mà Đức Giê-hô-va đã xức dầu làm vua”

Ta có can hệ gì đến ngươi…. mà ngày nay các ngươi phải trở thành kẻ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thù địch với ta?

Đa-vít dùng câu hỏi nầy để quở trách A-bi-sai. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Hỡi các con trai Xê-ru-gia, chúng ta chẳng có liên hệ gì với các ngươi! Ngày nay các ngươi chẳng có lí do nào hợp lý để trở thành kẻ thù địch với ta cả!”

Ngày hôm nay sẽ có người nào trong Y-sơ-ra-ên bị xử tử sao? Vì ta không biết hôm nay ta là vua của Y-sơ-ra-ên sao?

Đa-vít dùng những câu hỏi nầy để tiếp tục quở trách A-bi-sai. Có thể viết những câu hỏi nầy lại thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: Tham khảo cách dịch: “Ngày hôm nay không một ai sẽ bị xử tử trong Y-sơ-ra-ên, bởi vì hôm nay ta chính là vua cai trị trên khắp Y-sơ-ra-ên”

Có người nào sẽ bị xử tử

Cụm từ "bị xử tử” có nghĩa là bị giết hoặc bị xử tử. Tham khảo cách dịch: “Có người nào sẽ bị giết” hoặc “Ta sẽ lệnh cho người nào phải chết”

Vì ta không biết hôm nay ta là vua của Y-sơ-ra-ên sao?

Có thể hiểu câu hỏi nầy: 1) “Ta biết rằng ta vẫn là vua của Y-sơ-ra-ên” (UDB) hoặc 2) “Hôm nay, ta là vua của Y-sơ-ra-ên”

2 Samuel 19:24

Mê-phi-bô-sết

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 4:4]

Ông đã không chăm sóc chân mình

"Ông đã không quan tâm đến chân mình”. Chân của Mê-phi-bô-sết bị què. Cụm từ nầy có nghĩa là ông đã không chăm sóc phù hợp cho chân mình.

Tại sao ngươi không đi với ta, Mê-phi-bô-sết?

Đa-vít đang hỏi ông tại sao ông không đi cùng với vua trong khi vua và toàn bộ những người theo mình đã rời khỏi Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “Hỡi Mê-phi-bô-sết, tại sao người không đi cùng với ta khi ta rời khỏi Giê-ru-sa-lem?”

2 Samuel 19:26

Xíp-ba

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 9:2]

bệ hạ là chúa tôi như một thiên sứ của Đức Chúa Trời

Ở đây, sự khôn ngoan của Đa-vít được so sánh với sự khôn ngoan của một thiên sứ. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ là chúa tôi khôn ngoan như một thiên sứ của Đức Chúa Trời”

làm điều nào là phải theo mắt bệ hạ

Cụm từ nầy có nghĩa là làm những điều bệ hạ cho là phải lẽ. Tham khảo cách dịch: “làm điều nào bệ hạ tin rằng đó là việc phải lẽ”

tất cả nhà cha ông tôi chỉ là những kẻ đáng chết trước mặt bệ hạ là chúa tôi

Mê-phi-bô-sết đang nói đến việc những người bà con của ông đáng bị xử tử ra sao như thể họ đã bị xử tử và đã chết rồi. Tham khảo cách dịch: “cả nhà cha tôi đáng bị bệ hạ là chúa tôi ra lệnh phải bị xử tử”

nhà cha tôi

Cụm từ nầy chỉ về những người họ hàng, bà con trong nhà cha ông. Tham khảo cách dịch: “họ hàng của cha tôi”

Vậy thì lúc nầy đây tôi còn có quyền gì để tiếp tục kêu khóc thêm với bệ hạ nữa?

Mê-phi-bô-sết dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông chẳng có quyền gì để đòi hỏi bất cứ điều gì từ vua. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chính vì vậy, tôi chẳng có quyền gì để đòi hỏi vua phải làm điều gì khác nữa cho mình”

2 Samuel 19:29

Tại sao ngươi còn giải thích thêm làm gì?

Đa-vít dùng câu hỏi nầy để cho ông biết rằng ông không cần tiếp tục nói với vua về mối hiềm khích của ông với Xíp-ba. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ngươi không cần phải giải thích gì thêm về chuyện nầy nữa” hoặc “Dĩ nhiên người không cần phải nói gì thêm nữa”

2 Samuel 19:31

Bát-xi-lai

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 17:27]

Rô-ghê-lim ... Ma-ha-na-im

Hãy dịch tên của những nơi nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 17:27]

người Ghi-lê-át

Hãy dịch tên của nhóm dân nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 17:27]

Giô-đanh

sông Giô-đanh

tám mươi tuổi

"80 tuổi"

cung cấp

"chu cấp”

2 Samuel 19:34

Tôi còn sống được bao nhiêu năm nữa mà lại cùng vua đi lên Giê-ru-sa-lem?

Ở đây Bát-xi-lai có ý nói rằng ông đã già rồi và chẳng có lí do nào để ông cùng đi với Đa-vít. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi chắc sẽ không sống được thêm nhiều năm nữa. Chẳng có lí do nào chính đáng để tôi phải đi lên Giê-ru-sa-lem với vua cả!”

tám mươi tuổi

"80 tuổi"

Vậy, tại sao đầy tớ của bệ hạ lại trở thành gánh nặng cho bệ hạ là chúa tôi làm gì?

Ở đây Bát-xi-lai có ý muốn nói rằng ông không muốn trở thành gánh nặng cho vua. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chắc bệ hạ sẽ phải chật vật để chăm sóc cho tôi, còn tôi thì chẳng thể nào làm điều gì có ích cho bệ hạ. Điều đó thật không phải”

Tôi có thể nào còn phân biệt được cái hay cái dở nữa không? Can I distinguish between good và bad?

Bát-xi-lai dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh lí do tại sao ông không muốn đi đến Giê-ru-sa-lem. Ở đây "hay” và “dở” chỉ về những điều đáng ao ước và những điều không đáng. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi không thể phân biệt được điều gì là đáng ao ước và điều nào không đáng”

Liệu đầy tớ của bệ hạ có còn thưởng thức được thức ăn và thức uống hay không?

Bát-xi-lai dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh lí do tại sao ông không muốn đi đến Giê-ru-sa-lem. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi không thể thưởng thức được mùi vị của những đồ mình ăn mình uống”

Liệu tôi có thể thưởng thức được giọng hát của những nam nữ ca sĩ nữa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hay không?

Bát-xi-lai dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh lí do tại sao ông không muốn đi đến Giê-ru-sa-lem. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi không thể nghe rõ giọng hát của những nam nữ ca sĩ nữa”

Vậy, tại sao đầy tớ của bệ hạ lại trở thành gánh nặng cho bệ hạ là chúa tôi làm gì?

Bát-xi-lai dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông không nghĩ rằng mình nên đi với vua lên Giê-ru-sa-lem. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đầy tớ bệ hạ không nên đi cùng bệ hạ để rồi trở thành gánh nặng cho bệ hạ.”

Nhưng tại sao bệ hạ lại muốn ban cho tôi một phần thưởng như thế?

Bát-xi-lai dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông không biết khi nào vua sẽ thưởng cho mình như thế. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi không biết tại sao bệ hạ lại ban cho tôi một phần thưởng lớn như thế”

2 Samuel 19:37

Thông tin chung:

Bát-xi-lai cầu xin Đa-vít cho Kim-ham được phép thay thế mình

Kim-ham

Đây là tên của một người nam.

gần bên mộ của cha mẹ tôi

Câu nầy không có nghĩa là ông muốn chết ngay bên cạnh mộ của cha mẹ mình, nhưng đúng hơn là ông muốn chết trong thành nơi họ được chôn cất ở đó. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “nơi đặt mộ của cha mẹ tôi” hoặc “nơi cha mẹ tôi được chôn cất”

Xin hãy để nó băng qua

Cụm từ nầy chỉ về việc vượt qua sông Giô-đanh. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy để nó băng qua sông Giô-đanh”

2 Samuel 19:38

Kim-ham sẽ đi với ta

Cụm từ nầy chỉ về việc vượt qua sông Giô-đanh. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “Kim-ham sẽ vượt qua sông với ta”

2 Samuel 19:40

qua đến Ghinh-ganh

Họ đã vượt qua sông Giô-đanh. Có thể thêm những từ còn thiếu vào. Tham khảo cách dịch: “vượt qua sông Giô-đanh để đến Ghinh-ganh”

Kim-ham

Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã làm trong 2SA 19:37.

đưa vua đi qua

"hộ tống vua đi qua”. Họ đã vượt qua sông Giô-đanh. Tham khảo cách dịch: “hộ tống vua vượt qua sông”

Toàn quân Giu-đa và phân nửa đội quân Y-sơ-ra-ên cùng đưa vua vượt qua

"Toàn quân Giu-đa và phân nửa quân Y-sơ-ra-ên đưa vua vượt qua”

Tại sao anh em chúng tôi là những người Giu-đa... và tất cả những người theo bệ hạ?

Dân Y-sơ-ra-ên dùng câu hỏi nầy để thể hiện rằng họ cảm thấy bị người người Giu-đa phản bội. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Thật bất công khi anh em chúng tôi là những người Giu-đa, vốn là những người đã không ủng hộ bệ hạ làm vua, lại có được đặc ân đưa bệ cùng gia đình bệ hạ vượt qua sông Giô-đanh trở về”

lén lút đón bệ hạ

Dân Y-sơ-ra-ên nói về cách người Giu-đa hộ tống vua vượt qua sông như thể vua là thứ gì đó mà dân Giu-đa đã cướp đi, thứ đó vốn không thuộc về dân Giu-đa. Tham khảo cách dịch: “cướp bệ hạ khỏi chúng tôi”

Giô-đanh

sông Giô-đanh

2 Samuel 19:42

Vậy thì tại sao anh em lại nổi giận về việc nầy?

Dân Giu-đa đặt ra câu hỏi nầy để trách dân Y-sơ-ra-ên. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Và anh em chẳng có lí do gì để khó chịu về việc nầy cả”

Chúng tôi có ăn thứ gì mà vua phải trả cho không? Vua có ban quà cáp gì cho chúng tôi không?

Người Giu-đa đặt câu hỏi nầy để khẳng định họ không hề nhận bất cứ điều gì từ vua. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Vua chưa từng chi trả cho đồ ăn của chúng tôi, và vua cũng không hề ban tặng quà cáp gì cho chúng tôi”

chúng tôi thậm chí có quyền đối với Đa-vít nhiều hơn anh em

"chúng tôi có quyền với Đa-vít nhiều hơn anh em”. Có thể sẽ dễ hiểu hơn nếu nói làm rõ có “nhiều quyền hơn’ có nghĩa là gì. Tham khảo cách dịch: “Quyền được phục vụ vua của chúng tôi nhiều hơn anh em”

Vậy thì tại sao anh em lại khinh thường chúng tôi?

Dân Y-sơ-ra-ên đặt ra câu hỏi nầy để bộc lộ nỗi tức giận của mình. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các anh em không nên khinh thường chúng tôi như vậy!”

Chẳng phải chúng tôi là những người đầu tiên đề nghị đón vua về đó sao?

Người Y-sơ-ra-ên đặt ra câu hỏi nầy để nhắc lại cũng như trách dân Giu-đa. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi là những người đầu tiên đề nghị đưa vua trở về!”

Những lời của người Giu-đa đáp lại còn gay gắt hơn lời lẽ của người Y-sơ-ra-ên

Ở đây, từ “lời” chỉ về cách nói, lời nói của dân Giu-đa. Tham khảo cách dịch: “người Giu-đa nói còn gay gắt hơn cả người Y-sơ-ra-ên’

Translation Questions

2 Samuel 19:2

Tại sao chiến thắng trong ngày hôm đó lại trở thành một sự buồn rầu với toàn thể quân đội?

Chiến thắng trong ngày hôm đó lại trở thành một sự buồn rầu với toàn thể quân đội vì quân đội nghe rằng vua than khóc về con trai mình.

2 Samuel 19:4

Vua kêu lớn tiếng về điều gì?

Vua khóc, "Ôi, Áp-sa-lôm con ơi! Ôi, Áp-sa-lôm con ơi, con ơi!”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Samuel 19:6
Giô-áp nói ông tin điều gì sẽ làm vua vui lòng?
Giô-áp nói ông tin vua sẽ hài lòng nếu Áp-sa-lôm sống và họ, quân của vua, hẳn sẽ chết.
2 Samuel 19:7
Giô-áp nói với vua điều gì sẽ xảy ra nếu vua không chổi dậy, đi ra nói những lời giục lòng các tôi tớ vua?
Giô-áp nói nếu vua không đi ra, đêm đó sẽ không còn một người nào ở bên vua.
2 Samuel 19:8
Khi nào tất cả dân sự đến trước mặt vua?
Tất cả dân sự đến trước mặt vua sau khi họ được báo rằng vua đang ngồi tại cửa thành.
2 Samuel 19:10
Tất cả dân sự của mọi chi phái trong Y-sơ-ra-ên tranh luận gì với nhau?
Tất cả dân sự của mọi chi phái trong Y-sơ-ra-ên đang tranh luận về việc có nên rước vua về không.
2 Samuel 19:11
Vua Đa-vít sai ai đi nói với các trưởng lão Giu-đa về việc rước vua về?
Đa-vít sai người đi nói cùng thầy tế lễ Xa-đốc và A-bia-tha phải nói chuyện với các trưởng lão Giu-đa.
2 Samuel 19:13
Đa-vít nói ai sẽ là chỉ huy quân đội của ông thay cho Giô-áp?
Đa-vít nói A-ma-sa sẽ là chỉ huy quân đội thay cho Giô-áp.
2 Samuel 19:15
Tại sao người Giu-đa đến Ghinh-ganh?
Người Giu-đa đến Ghinh-ganh để gặp vua và hộ tống vua qua sông Giô-đanh.
2 Samuel 19:16
Ai băng qua sông Giô-đanh trước sự hiện diện của vua?
Si-mê-i, một ngàn người từ Ben-gia-min đi cùng ông, và Xíp-ba, tôi tớ của Sau-lơ, và mười lăm con trai cùng 20 con gái với ông, vượt sông Giô-đanh trước mặt vua.
2 Samuel 19:17
Ai băng qua sông Giô-đanh trước sự hiện diện của vua?
Si-mê-i, một ngàn người từ Ben-gia-min đi cùng ông, và Xíp-ba, tôi tớ của Sau-lơ, và mười lăm con trai cùng 20 con gái với ông, vượt sông Giô-đanh trước mặt vua.
2 Samuel 19:20
Tại sao Si-mê-i là người đầu tiên trong cả gia đình Giô-sép muốn gặp vua?
Si-mê-i đi xuống gặp vua vì Si-mê-i biết rằng ông đã phạm tội nghịch lại vua.
2 Samuel 19:23
Vua nói gì với Si-mê-i sau khi A-bi-sah nói Si-mê-i đáng chết?
Vua nói với Si-mê-i rằng ông ấy sẽ không chết và ông thề cùng ông ấy.
2 Samuel 19:24
Mê-phi-bô-sết trông như thế nào khi ông xuống gặp vua?
Mê-phi-bô-sết không rửa chân, hoặc cạo râu, hoặc giặt quần áo kể từ ngày vua rời khỏi.
2 Samuel 19:26
Mê-phi-bô-sết nói lý do gì với vua khi vua hỏi, "Mê-phi-bô-sết, sao ngươi không đến cùng ta?"
Mê-phi-bô-sết tâu cùng vua rằng tôi tớ của ông, là Xip-ba, đã lừa ông.
2 Samuel 19:27
Mê-phi-bô-sết nói Xíp-ba đã làm gì nữa cho ông?
Mê-phi-bô-sết nói Xíp-ba đã vu cáo Mê-phi-bô-sết lên làm vua.
2 Samuel 19:30
Mê-phi-bô-sết trả lời thế nào với vua khi vua nói rằng ông đã quyết định là Xíp-ba và Mê-phi-bô-sết phải chia đất?
Mê-phi-bô-sết xin vua để Xíp-ba lấy hết vì vua đã trở về bình an.
2 Samuel 19:32
Bát-xi-lai đã làm gì cho vua?
Bát-xi-lai đã cung cấp lương thực cho vua trọn lúc vua ở tại Ma-ha-na-im.
2 Samuel 19:34
Tóm lại, tại sao Bát-xi-lai nói rằng ông không đến Giê-ru-sa-lem cùng vua?
Bát-xi-lai nói ông không đi cùng vua vì ông quá già và không còn sống lâu nữa, ông không thể nếm món ông ăn hoặc uống, ông không thể ngửi mùi, và ông không muốn là một gánh nặng cho vua.
2 Samuel 19:35
Tóm lại, tại sao Bát-xi-lai nói rằng ông không đến Giê-ru-sa-lem cùng vua?
Bát-xi-lai nói ông không đi cùng vua vì ông quá già và không còn sống lâu nữa, ông không thể nếm món ông ăn hoặc uống, ông không thể ngửi mùi, và ông không muốn là một gánh nặng cho vua.
2 Samuel 19:37
Bát-xi-lai xin vua điều gì?
Bát-xi-lai xin vua cho ông trở về nhà để ông có thể chết trong thành mình, và để Kim-ham vượt sông Giô-đanh cùng vua vva2 làm cho Kim-ham mọi điều vua thấy tốt đẹp.
2 Samuel 19:40
Ai vượt sông qua Ghinh-ganh cùng vua?
Kim-ham, tất cả quân của Giu-đa và một nửa quân Y-sơ-ra-ên vượt sông Ghinh-ganh cùng vua.
2 Samuel 19:43
Tại sao người Y-sơ-ra-ên nói rằng họ có nhiều quyền với Đa-vít hơn người Giu-đa?
Người Y-sơ-ra-ên nói họ có nhiều quyền với Đa-vít hơn vì họ có mười chi phái liên quan đến vua.
Lời nói của ai có trọng lượng hơn, người Giu-đa hay người Y-sơ-ra-ên?
Lý lẽ của người Giu-đa sắc bén hơn lý lẽ của người I-sơ-ra-ên.

Chapter 20
2 Samuel 20:1
ngay tại đó
Cụm từ nầy chỉ về thành Ghinh-ganh
Sê-ba ... Bích-ri
Đây đều là tên của nam.
Chúng ta không có phần gì nơi Đa-vít, chúng ta cũng chẳng hưởng được sản nghiệp nào nơi con của Gie-sê
Cả hai vế nầy đều cùng nói về một ý. Sê-ba đang nhấn mạnh rằng ông và các chi tộc của Y-sơ-ra-ên không hề có mối quan hệ nào với Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Sản nghiệp của Đa-vít và nhà cha người không thuốc về chúng ta” hoặc “Chúng ta không phải là một phần của Đa-vít và gia đình ông!”)
2 Samuel 20:3

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

để giữ cung điện
Ở đây cụm từ "để giữ" có nghĩa là chăm sóc cho. Tham khảo cách dịch: “để chăm lo cho cung điện”
trong một căn nhà được canh giữ
Nếu một ngôi nhà “được canh giữ” có nghĩa là một lính canh được bố trí trong nhà. Tham khảo cách dịch: “trong một căn nhà và bố trí một lính canh tại đó”
họ bị giam
Cụm từ nầy có nghĩa là họ không được phép rời khỏi nhà. Tham khảo cách dịch: “họ bị giam trong nhà”
những góa phụ
Đây là những người đàn bà có chồng đã qua đời.
2 Samuel 20:4
A-ma-sa
Đây chính là viên chỉ huy trưởng trong đội quân của Đa-vít. Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 17:25]
2 Samuel 20:6
A-bi-sai
Đây là một viên chỉ huy trưởng khác trong đội quân của Đa-vít. Xem cách bạn đã dịch tên của ông trong [2SA 2:18]
còn nguy hại cho chúng ta hơn
"làm hại chúng ta hơn”
các đầy tớ của chúa ngươi, tức là binh lính của ta
Cụm từ "binh lính của ta” làm sáng tỏ ý những “đầy tớ” như một cách nói trang trọng để chỉ những người có ít thẩm quyền hơn.
đuổi theo sau
"truy đuổi theo sau”
khỏi tầm mắt của chúng ta
Ở đây Đa-vít đang nói đến quân đội của mình khi nhắc đến tầm mắt của mình nhằm nhấn mạnh rằng Sê-ba và quân đội của hắn sẽ bị khuất và họ sẽ chẳng thể nào bắt được chúng. Tham khảo cách dịch: “khỏi chúng ta”
nó tìm được những thành kiên cố
Cụm từ nầy có nghĩa là Sê-ba và thuộc hạ của ông sẽ đi vào những thành đó để trốn khỏi quân đội của Đa-vít. Từ “nó” đại diện cho Sê-ba nhưng thực ra nó đại diện cho cả Sê-ba và thuộc hạ của ông. Tham khảo cách dịch: “nó và thuộc hạ của nó sẽ trốn vào trong những thành kiên cố” hoặc “nó và thuộc hạ của nó sẽ tìm được nơi ẩn náu trong các thành kiên cố”
Người Kê-rê-thít.... người Phê-lê-thít
Đây là tên của các nhóm dân đã giúp đỡ trong việc bảo vệ vua Đa-vít. Hãy dịch những cụm từ nầy như bạn đã làm trong [2SA 8:18]
2 Samuel 20:8
Khi họ ở
"Khi Giô-áp và người Giu-đa ở”
thắt lưng
một mảnh da hoặc bằng vật liệu khác được dùng để buộc giữ chặt quần áo hoặc vũ khí đúng nơi của nó.
thanh gươm để trong bao
Cụm từ nầy có nghĩa là thanh gươm ở trong vỏ bọc bảo vệ của nó.
thanh gươm rơi
Giô-áp để thanh gươm tuột khỏi vỏ để đánh lừa A-ma-sa cho rằng Giô-áp không có trang bị vũ khí, để A-ma-sa sẽ để cho ông đến gần mình hơn. Tham khảo cách dịch: “ông để thanh gươm rơi tuột xuống đất đặng khiến A-ma-sa nghĩ rằng ông không có trang bị vũ khí”
2 Samuel 20:9
anh
A-ma-sa là con trai của chị của mẹ Giô-áp.
một cách âu yếm
"một cách ân cần"
đưa tay phải nắm lấy râu A-ma-sa để hôn
Đây là cách chào hỏi thông thường.
dao găm
một thanh gươm ngắn có thể dễ dàng giấu đi và thường được dùng để đánh cận chiến và trong cuộc ám sát.
ruột đổ
"ruột đổ ra”
2 Samuel 20:11
người đứng về phía Đa-vít
“đứng về phía” có nghĩa là ủng hộ họ. Tham khảo cách dịch: “người ủng hộ Đa-vít” hoặc “người trung thành với Đa-vít”
A-ma-sa nằm trong vũng máu của mình
"A-ma-sa nằm vặn vẹo trong vũng máu của mình”. Có thể A-ma-sa vẫn còn sống và đang nằm lăn mình trong vũng máu của mình, nhưng rõ ràng ông đã chết trước lúc nầy. Cụm từ nầy được mô tả như thế để cho thấy xác của ông trông gớm ghiếc ra sao. Tham khảo cách dịch: “A-ma-sa nằm chết trong vũng máu của mình”
mọi người đều đứng im... đến đứng bên cạnh xác của ông
Cụm từ nầy có nghĩa là họ dừng lại và nhìn chằm chằm vào xác của A-ma-sa. Tham khảo cách dịch: “mọi người đều đứng lại nhìn chằm chằm vào xác ông... đến đứng bên cạnh nhìn chằm chằm vào xác của ông”
ông kéo A-ma-sa
"ông kéo xác A-ma-sa”
Sau khi A-ma-sa đã được kéo khỏi đường
Có thể dịch cụm từ nầy ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Sau khi người nầy kéo xác A-ma-sa ra khỏi đường”
trong cuộc truy đuổi
Danh từ nầy có thể được viết lại thành động từ. Tham khảo cách dịch: “truy đuổi”
2 Samuel 20:14
Sê-ba đã đi khắp
Ở đây từ "Sê-ba" chỉ về chính Sê-ba và quân đội của ông. Tham khảo cách dịch: “Sê-ba và quân đội của ông” hoặc “Sê-ba và thuộc hạ của ông”
A-bên Bết-ma-ca
"A-bên Bết Bết-ma-ca”. Cả hai tên gọi nầy đều chỉ về cùng một nơi và có thể được kết hợp lại. Đây là thành ở gần chi tộc Đan.
của người Bê-ri
Đây là tên gọi của một nhóm dân.
và cũng truy đuổi Sê-ba
"và cũng theo sau Sê-ba”
đập
"đập ngã”. Cụm từ nầy có nghĩa là họ dùng một cái búa đập để phá đổ tường thành. Một cái búa đập là một khúc gỗ lớn hoặc một thân cây lớn với một đầu sắc hoặc một đầu bọc kim loại. Sẽ có một vài người giữ một đầu của cây gỗ để nện đầu kia vào tường”. Tham khảo cách dịch: “dùng búa đập để đánh hạ tường thành”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ đuổi kịp ông
"Giô-áp và thuộc hạ của mình đuổi kịp ông”
áp sát thành đối diện tường thành
"áp sát tường thành”
Hãy nghe đây, xin hãy nghe đây
Cách lặp lại từ “nghe” để nhấn mạnh thêm lời cầu xin của người phụ nữ nầy.
2 Samuel 20:17
Xin hãy nghe lời của đầy tớ bệ hạ
Người đàn bà nầy tự nhận mình là "đầy tớ của bệ hạ." Đây là một cách nói nhẹ nhàng để nói với ai đó có thẩm quyền cao hơn.
và lời khuyên đó sẽ kết thúc vấn đề nầy
"và lời khuyên đó sẽ giải quyết vấn đề nầy”
thành hòa hiếu và trung hậu nhất trong Y-sơ-ra-ên
Có thể thêm những từ còn thiếu vào. Tham khảo cách dịch: “trong những thành hòa hiếu và trung hậu nhất trong Y-sơ-ra-ên”
một thành mẹ tại Giê-ru-sa-lem
Cụm từ nầy nói về tầm quan trọng của thành nầy trong vòng dân Y-sơ-ra-ên như thể nó là một người mẹ rất được tôn trọng. Tham khảo cách dịch: “thành mà mọi người trong Y-sơ-ra-ên đều kính trọng như đối với mẹ mình vậy” hoặc “một thành rất quan trọng mà dân Y-sơ-ra-ên tôn trọng”
Tại sao ông muốn nuốt trọn cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va?
Ở đây, người phụ nữ nầy dùng một câu hỏi để đề nghị với Giô-áp những việc họ không nên làm. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các ông không nền hủy diệt thành vốn là cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va!"
nuốt trọn
Ở đây người phụ nữ nầy nói về đội quân đang tàn phá thành nầy như thể thành nầy là đồ ăn sẽ bị nuốt chửng. Tham khảo cách dịch: “phá hủy”
cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va
Ở đây, thành nầy được nói đến như cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va nhằm nhấn mạnh rằng thành nầy thuộc về Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “thành thuộc về Đức Giê-hô-va”
2 Samuel 20:20
Không phải thế! Tôi không bao giờ làm như vậy
Ông lặp lại cụm từ nầy để nhấn mạnh rằng đó là điều mà ông sẽ không bao giờ làm. Tham khảo cách dịch: “Ta thật sự, thật sự không bao giờ”
ta muốn nuốt chửng hay phá hủy
Cụm từ nầy chỉ về việc phá hủy thành. Có thể thêm ý nầy vào. “ta muốn nuốt chửng hay phá hủy thành của ngươi”
nuốt chửng hay phá hủy
Cả hai cụm từ nầy đều chỉ về việc phá hủy. Trong cụm từ đầu tiên, cụm từ “phá hủy” được nói đến như thể họ đang “nuốt”. Hai cụm từ nầy có thể được kết hợp lại với nhau. Tham khảo cách dịch: “tiêu diệt hay phá hủy” hoặc “phá hủy”
đã đưa tay lên chống lại
Cụm từ nầy có nghĩa là chống nghịch và đánh chiến với ai đó. Tham khảo cách dịch: “đã chống đối” hoặc “đang nổi loạn chống nghịch lại” (UDB)
Giao nộp một mình hắn mà thôi
Giô-áp đang đòi hỏi dân thành đó phải giao nộp Sê-ba cho mình. Tham khảo cách dịch: “Giao nộp người nầy cho chúng tôi” hoặc “Hãy giao người đó cho chúng tôi”
tôi sẽ rút khỏi thành
Ở đây, từ “tôi” bao gồm cả Giô-áp và quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi sẽ rút khỏi thành”
đầu của hắn sẽ được ném
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi sẽ ném đầu hắn”
Người đàn bà liền khôn khéo đi nói chuyện với mọi người dân trong thành
Cụm từ nầy có nghĩa là người phụ nữ nầy đã hành động cách khôn ngoan và đi nói với dân của mình về những việc họ phải làm. Tham khảo cách dịch: “Đoạn, người đàn bà đi nói với toàn bộ dân trong thành”
ai về nhà nấy
"mỗi người về nhà mình”
2 Samuel 20:23
Bấy giờ
"Bấy giờ" đánh dấu phần cắt ngang trong diễn tiến chính của câu chuyện. Phần mới nầy sẽ cung cấp thông tin nền về những người đang phục vụ vua Đa-vít.
Giô-áp chỉ huy.... Bê-na-gia, con của Giê-hô-gia-đa chỉ huy... A-đô-ram chỉ huy
Cụm từ "chỉ huy” chỉ về việc họ có quyền trên một nhóm quân. Tham khảo cách dịch: “Giô-áp nắm quyền trên... Bê-na-gia, con trai của Giê-hô-gia-đa nắm quyền trên.. A-đô-ram nắm quyền trên”
Giê-hô-gia-đa ... Giê-hô-sa-phát ... A-hi-lút
Hãy dịch tên của những người nầy như bạn đã làm trong [2SA 8:16-18]
Người Kê-rê-thít.... người Phê-lê-thít
Hãy dịch tên của những nhóm người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 8:16-18]
những người làm lao dịch
"lực lượng lao dịch”
A-đô-ram ... Sê-va ... Y-ra
Đây đều là tên của nam.
người Giai-rơ
Đây là tên gọi của một nhóm dân.

Translation Questions

2 Samuel 20:1
Tại sao Sê-ba bị xem là một người gây rắc rối?
Sê-ba bị xem là người gây rắc rối vì ông xúi dân Y-sơ-ra-ên tin rằng họ không có phần gì với Đa-vít.
2 Samuel 20:2
Câu trả lời của người Giu-đa đối với Sê-ba khác với câu trả lời của người Y-sơ-ra-ên thế nào?
Người Giu-đa vẫn trung tín cùng vua của họ, nhưng người Y-sơ-ra-ên phân rẽ Đa-vít và theo Sê-ba.
2 Samuel 20:3
Mối quan hệ của Đa-vít với mười cung phi thay đổi thế nào khi ông để họ trong một nhà riêng bị giam cầm?
Đa-vít chu cấp cho nhu cầu của họ, nhưng ông không ngủ với họ nữa, như vậy họ ở góa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Samuel 20:4
Vua bảo A-ma-sa làm gì?
Vua bảo A-ma-sa gọi người Giu-đa hiệp lại trong ba ngày và chính ông ấy cũng phải có mặt.
2 Samuel 20:5
Vua bảo A-ma-sa làm gì?
Vua bảo A-ma-sa gọi người Giu-đa hiệp lại trong ba ngày và chính ông ấy cũng phải có mặt.
2 Samuel 20:6
Đa-vít đáp ứng thế nào với lời báo cáo rằng người Y-sơ-ra-ên đã phân rẽ ông đặng theo Sê-ba?
Đa-vít đáp ứng bằng cách hướng dẫn A-bi-sai đem binh lính của Đa-vít đuổi theo Sê-ba trước khi ông ấy có thể tìm được những thành kiên cố.
2 Samuel 20:7
Đa-vít đáp ứng thế nào với lời báo cáo rằng người Y-sơ-ra-ên đã phân rẽ ông đặng theo Sê-ba?
Đa-vít đáp ứng bằng cách hướng dẫn A-bi-sai đem binh lính của Đa-vít đuổi theo Sê-ba trước khi ông ấy có thể tìm được những thành kiên cố.
2 Samuel 20:9
Giô-áp làm gì với A-ma-sa khi Giô-áp lấy bàn tay hữu nắm râu A-ma-sa đặng hôn người?
Giô-áp đâm A-ma-sa bằng một dao găm trong tay trái của ông.
2 Samuel 20:10
Giô-áp làm gì với A-ma-sa khi Giô-áp lấy bàn tay hữu nắm râu A-ma-sa đặng hôn người?
Giô-áp đâm A-ma-sa bằng một dao găm trong tay trái của ông.
2 Samuel 20:11
Một trong những người của Giô-áp phản ứng thế nào với việc đâm A-ma-sa?
Một trong những người của Giô-áp đem thây A-ma-sa ra khỏi đường, đem đi trong một cánh đồng, đắp một cái áo choàng trên nó và rồi thách thức người nào thích Giô-áp và Đa-vít hãy theo Giô-áp.
2 Samuel 20:13
Một trong những người của Giô-áp phản ứng thế nào với việc đâm A-ma-sa?
Một trong những người của Giô-áp đem thây A-ma-sa ra khỏi đường, đem đi trong một cánh đồng, đắp một cái áo choàng trên nó và rồi thách thức người nào thích Giô-áp và Đa-vít hãy theo Giô-áp.
2 Samuel 20:14
Giô-áp và người Giu-đa làm gì khi họ bắt kịp Sê-ba và người Y-sơ-ra-ên ở A-bên Bết Ma-a-ca?
Giô-áp và người Giu-đa đắp lên một cái lũy cao hơn đồn thành, và cả đạo quân Giô-áp đào tường thành đặng làm cho nó ngã xuống.
2 Samuel 20:15
Giô-áp và người Giu-đa làm gì khi họ bắt kịp Sê-ba và người Y-sơ-ra-ên ở A-bên Bết Ma-a-ca?
Giô-áp và người Giu-đa đắp lên một cái lũy cao hơn đồn thành, và cả đạo quân Giô-áp đào tường thành đặng làm cho nó ngã xuống.
2 Samuel 20:18
Người đàn bà mô tả thành A-bên của bà cho Giô-áp thế nào?
Người đàn bà mô tả A-bên là một thành hòa bình và trung hậu hơn hết ở Y-sơ-ra-ên và cũng là một chánh đô ở Y-sơ-ra-ên.
2 Samuel 20:19
Người đàn bà mô tả thành A-bên của bà cho Giô-áp thế nào?
Người đàn bà mô tả A-bên là một thành hòa bình và trung hậu hơn hết ở Y-sơ-ra-ên và cũng là một chánh đô ở Y-sơ-ra-ên.
Tóm lại, người đàn bà hỏi Giô-áp điều gì?
Người đàn bà hỏi Giô-áp tại sao ông cố hủy diệt thành A-bên.
2 Samuel 20:20
Giô-áp đưa ra điều kiện gì cho người đàn bà bởi đó ông và người Giu-đa sẽ rút khỏi thành?
Điều kiện mà Giô-áp đưa ra cho người đàn bà là nếu thành ấy giao nộp Sê-ba cho họ, họ sẽ rút khỏi thành.
2 Samuel 20:21
Giô-áp đưa ra điều kiện gì cho người đàn bà bởi đó ông và người Giu-đa sẽ rút khỏi thành?
Điều kiện mà Giô-áp đưa ra cho người đàn bà là nếu thành ấy giao nộp Sê-ba cho họ, họ sẽ rút khỏi thành.
Dân thành và người đàn bà đáp ứng thế nào với điều kiện của Giô-áp?
Dân thành cắt đầu Sê-ba và ném qua tường thành cho Giô-áp như người đàn bà đã tuyên bố sẽ làm.
2 Samuel 20:22
Dân thành và người đàn bà đáp ứng thế nào với điều kiện của Giô-áp?
Dân thành cắt đầu Sê-ba và ném qua tường thành cho Giô-áp như người đàn bà đã tuyên bố sẽ làm.
2 Samuel 20:24
A-đô-ram có trách nhiệm gì?
A-đô-ram có trách nhiệm chỉ huy việc lao dịch.

Chapter 21
2 Samuel 21:1
tìm kiếm mặt Đức Giê-hô-va
Ở đây "mặt" là hình ảnh hoán dụ chỉ về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Cụm từ nầy có nghĩa là Đa-vít cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va xin Ngài đáp lời về nạn đói đang diễn ra.
vì Sau-lơ và nhà tàn sát của nó
Sau-lơ đã giết nhiều người Ghi-bê-ôn, và cả con cháu Sau-lơ cũng mang tội vì cớ tội lỗi nầy.
2 Samuel 21:2
Bấy giờ
Ở đây "Bấy giờ" đánh dấu phần cắt ngang trong diễn tiến chính của câu chuyện. Câu nầy đưa ra phần thông tin nền về người Ghi-bê-ôn.
Ta phải làm gì cho các ngươi? Ta phải chuộc lỗi như thế nào... lời hứa?
Cả hai câu nầy đều có ý nghĩa tương tự nhau. Tham khảo cách dịch: “Ta có thể làm gì mới có thể loại bỏ tội lỗi nầy để các ngươi sẽ chúc phước cho dân sự của Đức Giê-hô-va, là những người sẽ thừa hưởng phước hạnh và những lời hứa của Ngài?”
2 Samuel 21:4
Đây không phải là vấn đề bạc hay vàng
"Tiền bạc sẽ không giải quyết được vấn đề nầy”
2 Samuel 21:5

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những kẻ lập mưu nghịch cùng chúng tôi
"những kẻ lên kế hoạch chống lại chúng tôi”
thì xin hãy giao nộp cho chúng tôi bảy người trong những con trai của người ấy
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "xin hãy để người của ông giao nộp bảy người trong số con cháu của người đó cho chúng tôi”
chúng tôi sẽ treo chúng
"chúng tôi sẽ xử tử chúng bằng cách treo cố chúng”
ở thành Ghi-bê-a của Sau-lơ
Sau-lơ đến từ thành Ghi-bê-a
người được chọn bởi Đức Giê-hô-va
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà Đức Giê-hô-va chọn”
2 Samuel 21:7
Mê-phi-bô-sết
Mê-phi-bô-sết là con trai của Giô-na-than. Xem cách bạn đã dịch tên của ông trong 2SA 4:4.
Rít-pa ... Ai-gia
Rít-pa là một người nữ và cha của bà là Ai-gia. Xem cách bạn đã dịch những tên gọi nầy trong 2SA 3:7.
Át-mô-ni và Mê-phi-bô-sết ... Át-ri-ên ... Bát-xi-lai
Đây đều là tên của nam. Mê-phi-bô-sết ở đây không phải con trai của Giô-na-than.
Mi-canh
Đây là tên của nữ. Xem cách bạn đã dịch tên gọi nầy trong 2SA 3:13.
người Mê-hô-la
Đây là tên gọi của một nhóm dân.
Vua giao họ vào tay người Ghi-bê-ôn
Ở đây "tay của người Ghi-bê-ôn” là một phép hoán dụ chỉ về chính người Ghi-bê-ôn. Tham khảo cách dịch: “Vua giao họ cho người Ghi-bê-ôn”
Họ bị xử tử
Có thể dịch cụm từ nầy ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người Ghi-bê-ôn xử tử họ”
2 Samuel 21:10
Rít-pa ... Ai-gia
Rít-pa là nữ và cha của bà là Ai-gia. Xem cách bạn đã dịch những tên gọi nầy trong 2SA 3:7.
Đa-vít được báo tin
Có thể dịch cụm từ nầy ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người báo tin cho Đa-vít”
2 Samuel 21:12
Gia-bết Ghi-lê-át
Gia-bết là một thành thuộc vùng Ghi-bê-a. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong 2SA 2:4.
quảng trường
Đây là khu vực gần cổng thành nơi người ta buôn bán ở nhiều loại hình khác nhau.
Bết San
Đây là tên một địa điểm.
Ghinh-bô-a
Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong 2SA 1:6.
những người đã bị treo
Có thể dịch cụm từ nầy ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người mà dân Ghi-bê-ôn đã xử tử bằng cách treo cổ”
2 Samuel 21:14
Xê-la
Đây là tên của một thành ở Bên-gia-min.
Kích
Đây là tên của một người nam.
cha của người
"cha của Sau-lơ”
2 Samuel 21:15
Ích-bi-bê-nốp
Đây là tên của một người nam.
ba trăm siếc-lơ
"300 siếc-lơ." Con số nầy vào khoảng 3.4 kg.
A-bi-sai con trai Xê-ru-gia
A-bi-sai và Xê-ru-gia đều là tên của nam. Xem cách bạn đã dịch những tên gọi nầy trong 2SA 2:18.
bệ hạ không dập tắt ngọn đèn của dân Y-sơ-ra-ên
Cụm từ “ngọn đèn của Y-sơ-ra-ên” là hình ảnh ẩn dụ chỉ về sự lãnh đạo của Đa-vít và nếu như Đa-vít chết thì dân Y-sơ-ra-ên sẽ không nhận được những chỉ thị rõ ràng. c
2 Samuel 21:18
Chuyện xảy ra sau việc nầy ấy là
Cụm từ nầy đánh dấu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt ý nầy thì bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.
Góp
Đây là tên của một thành.
Si-bê-cai... Sáp... Ên-cha-nan con của Gia-ri... Gô-li-át
Đây đều là tên của nam.
người Hu-sa ... Rê-pha-im ... người Bết-lê-hem... người Ghi-tít
Đây là tên của các nhóm dân.
Rê-pha-im
Nhóm dân nầy nổi tiếng với những dũng sĩ có vóc dáng rất cao lớn.
cán giáo của hắn như trục cửi của thợ dệt
Khi một người thợ dệt một mảnh vải, người đó sẽ phải luồn chỉ qua lại bằng một con thoi được gắn với một trục lớn được gọi là “trục cửi”. Cụm từ nầy có nghĩa là giáo của Gô-li-át lớn hơn những ngọn giáo bình thường.
2 Samuel 21:20
tổng cộng là hai mươi bốn
"tổng cộng là 24 ngón tay và ngón chân”
Rê-pha-im
Nhóm dân nầy nổi tiếng với những dũng sĩ có vóc dáng rất cao lớn.
Giô-na-than con của Sam-ma
Đây đều là tên của nam. Sam-ma là anh trai Đa-vít.
và họ đều bị giết bởi tay Đa-vít và bởi tay các binh lính của người
Ở đây "bởi tay của” có nghĩa là “bởi” hoặc “do”. Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít và quân lính của ông đã giết họ”

Translation Questions

2 Samuel 21:1
Tại sao có một cơn đói kém trong thời của Đa-vít suốt 3 năm liên tiếp?
Có một cơn đói kém trong ba năm liên tiếp vì Sau-lơ và gia đình ông đã làm đổ huyết người Ga-ba-ôn.
2 Samuel 21:2
Tại sao Vua Đa-vít muốn chuộc tội cho người Ga-ba-ông?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vua Đa-vít muốn chuộc tội cho người Ga-ba-ôn, vì dân sự của Chúa đã thề sẽ không giết họ, nhưng Sau-lơ lại giết họ vì lòng sốt sắng dành cho dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.
2 Samuel 21:3
Tại sao Vua Đa-vít muốn chuộc tội cho người Ga-ba-ông?
Vua Đa-vít muốn chuộc tội cho người Ga-ba-ôn, vì dân sự của Chúa đã thề sẽ không giết họ, nhưng Sau-lơ lại giết họ vì lòng sốt sắng dành cho dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.
2 Samuel 21:4
Đa-vít đồng ý làm gì để chuộc lỗi cho sự bất chính đã gây ra trên dân Ga-ba-ôn?
Đa-vít chấp nhận làm bất cứ điều gì dân Ga-ba-ôn hỏi ông.
2 Samuel 21:5
Dân Ga-ba-ôn xin Đa-vít làm gì đặng chuộc lỗi cho hành động của Sau-lơ?
Dân Ga-ba-ôn yêu cầu rằng 7 người là con cháu Sau-lơ sẽ bị giao nộp cho họ và bị treo cổ trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Samuel 21:6
Dân Ga-ba-ôn xin Đa-vít làm gì đặng chuộc lỗi cho hành động của Sau-lơ?
Dân Ga-ba-ôn yêu cầu rằng 7 người là con cháu Sau-lơ sẽ bị giao nộp cho họ và bị treo cổ trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Samuel 21:7
Đa-vít đáp ứng thế nào về lời mời gọi của người Ga-ba-ôn?
Đa-vít đáp ứng yêu cầu của người Ga-ba-ôn bằng cách dong thứ Mê-phi-bô-sết trong khi đó giao hai con trai của Rích-ba và năm con trai của Mi-canh là người đã bị dân Ga-ba-ôn treo cổ trên núi trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Samuel 21:9
Đa-vít đáp ứng thế nào về lời mời gọi của người Ga-ba-ôn?
Đa-vít đáp ứng yêu cầu của người Ga-ba-ôn bằng cách dong thứ Mê-phi-bô-sết trong khi đó giao hai con trai của Rích-ba và năm con trai của Mi-canh là người đã bị dân Ga-ba-ôn treo cổ trên núi trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Samuel 21:10
Rích-ba làm gì để bày tỏ lòng đau buồn của bà về cái chết của hai con trai bà?
Rích-ba bèn lấy một cái bao trải trên hòn đá dùng làm giường mình. Rồi từ đầu mùa gặt cho đến khi có mưa từ trên trời sa xuống trên thây chúng nó, ban ngày nàng cản không cho chim trời đậu ở trên thây, và ban đêm cản không cho thú đồng đến gần.
2 Samuel 21:11
Rích-ba làm gì để bày tỏ lòng đau buồn của bà về cái chết của hai con trai bà?
Rích-ba bèn lấy một cái bao trải trên hòn đá dùng làm giường mình. Rồi từ đầu mùa gặt cho đến khi có mưa từ trên trời sa xuống trên thây chúng nó, ban ngày nàng cản không cho chim trời đậu ở trên thây, và ban đêm cản không cho thú đồng đến gần.
2 Samuel 21:12
Đa-vít lấy hài cốt của Sau-lơ và Giô-na-than từ ai?
Đa-vít nhận hài cốt của Sau-lơ và Ba-na-ba từ những người ở Gia-bê Ghi-lê-át.
2 Samuel 21:15
A-bi-sai giải cứu Đa-vít như thế nào khi ông đã vượt qua một sự mệt mỏi trong lúc ngủ?
Khi Đa-vít đã vượt qua sự mệt mỏi khi chiến trận, A-bi-sai cứu ông bằn gca1ch giết Ích-bi-bê-nốp là người Phi-li-tin có ý định giết Đa-vít.
2 Samuel 21:17
A-bi-sai giải cứu Đa-vít như thế nào khi ông đã vượt qua một sự mệt mỏi trong lúc ngủ?
Khi Đa-vít đã vượt qua sự mệt mỏi khi chiến trận, A-bi-sai cứu ông bằn gca1ch giết Ích-bi-bê-nốp là người Phi-li-tin có ý định giết Đa-vít.
Tại sao người của Đa-vít nhấn mạnh rằng họ không được đi đánh trận với kẻ thù vì trời tối nữa?
Người của Đa-vít nhấn mạnh rằng Đa-vít không được đi đánh trận cùng họ nữa vì họ sợ rằng đèn của Y-sơ-ra-ên có thể bị tắt.
2 Samuel 21:20
Một số người mà Đa-vít và binh sĩ của ông đã giết tại Gát là bao nhiêu?
Đa-vít và lính của ông giết vài con cháu của Rê-pha-im Gát.
2 Samuel 21:22
Một số người mà Đa-vít và binh sĩ của ông đã giết tại Gát là bao nhiêu?
Đa-vít và lính của ông giết vài con cháu của Rê-pha-im Gát.

Chapter 22
2 Samuel 22:1
Thông tin chung:
Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va bắt đầu. Ông dùng biện pháp so sánh tương đương để nhấn mạnh những điều mình đang nói.
khỏi tay kẻ thù mọi kẻ thù, và khỏi tay Sau-lơ
Đây là một phép tịnh tiến từ những kẻ thù nói chung dẫn đến một kẻ thù rõ ràng của Đa-vít, chính là vua Sau-lơ.
khỏi tay của
Phép hoán dụ nầy có nghĩa là “khỏi quyền lực của”
Đức Giê-hô-va là tảng đá, là pháo đài của tôi
Phép ẩn dụ nầy cho thấy một tiến trình từ một bộ phận “một tảng đá” cho đến một tổng thể “đồn lũy". Một pháo đài được xây dựng từ nhiều tảng đá lớn. Cụm từ nầy có nghĩa là Đức Giê-hô-va có sức mạnh để bảo vệ dân sự của mình khỏi mọi mối nguy hại.
2 Samuel 22:3
Thông tin chung:
Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.
Đức Chúa Trời là vầng đá tôi… Ngài là cái khiên, sừng cứu rỗi, là pháo đài của tôi
Tất cả những biện pháp ẩn dụ nầy đều là những hình ảnh tượng trưng cho sức mạnh và năng quyền của Đức Chúa Trời để bảo vệ và giải cứu dân sự của Ngài.
Đấng đáng được ngợi khen
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đấng đáng nhận được sự ngợi khen”
tôi sẽ được giải cứu khỏi các kẻ thù tôi
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ngài sẽ giải cứu tôi khỏi các kẻ thù của tôi”
2 Samuel 22:5
Thông tin chung:
Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

điều mình đang nói.

Vì các lượn sóng của tử thần vây quanh tôi, những dòng nước lũ diệt vong chôn vùi tôi

Đa-vít so sánh những người gian ác muốn giết chết ông với những dòng nước lũ sắp nhấn chìm ông. Những câu nầy có ý nghĩa tương tự nhau và được dùng để nhấn mạnh.

những dòng nước lũ diệt vong

Đây là hình ảnh những dòng nước lũ cuồn cuộn chảy sẽ cuốn phăng và hủy diệt mọi thứ trên đường đi của nó.

Những dây của âm phủ quấn quanh tôi, bẫy tử thần đã bắt lấy tôi

Đa-vít nói về sự chết và âm phủ như thể chúng là những người đang cố gắng bẫy ông như một người thợ săn bẫy thú. Những cụm từ nầy có nghĩa tương tự nhau và được dùng để nhấn mạnh. (Xem: và)

2 Samuel 22:7

Thông tin chung:

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Trong cảnh khốn cùng của mình

"Trong cơn hoạn nạn kinh khiếp của mình”

từ Đền Thánh Ngài, Ngài nghe tiếng tôi

Đa-vít đang nói đến đền thánh trên trời nơi Đức Giê-hô-va ngự. Đền thờ trên đất vẫn chưa được xây.

Tiếng kêu cầu của tôi thấu đến tai Ngài

Ở đây hình ảnh hoán dụ “tai Ngài” chỉ về Đức Giê-hô-va và việc Ngài nghe tiếng kêu cầu của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Ngài nghe lời kêu cầu của tôi”

tai Ngài

Đa-vít đang nói đến Đức Giê-hô-va như thể Ngài thực sự có tai.

2 Samuel 22:8

Thông tin chung:

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

thì đất rúng động… bị đốt cháy hực bởi đó

Đây là sự đáp ứng của Đức Giê-hô-va với lời kêu khóc xin cứu giúp của Đa-vít khỏi kẻ thù của ông. Đa-vít dùng hình ảnh đất rúng động và lửa đến từ Đức Giê-hô-va để nhấn mạnh cơn giận kinh khiếp của Đức Giê-hô-va.

đất rúng động… các từng trời rung chuyển

Đa-vít nói về hai thái cực nầy để bao hàm vạn vật.

và bị rúng động, bởi vì Đức Chúa Trời nổi giận

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bởi vì cơn giận của Đức Chúa Trời làm chúng rúng động”

lỗ mũi Ngài.. miệng Ngài

Đa-vít nói về Đức Giê-hô-va như thể Ngài có những bộ phận của con người.

Bởi đó mà than hồng cháy rực

Ở đây, cơn giận của Đức Giê-hô-va được ví sánh như lửa, là điều khiến than hồng bắt lửa và bốc cháy. Tham khảo cách dịch: “Lửa từ miệng Ngài khiến than hồng bốc cháy” hoặc “Từ miệng Ngài cũng ra than hồng bốc cháy”

2 Samuel 22:10

Thông tin chung:

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Ngài đã mở các từng trời… những đám mây đen dày đặc trong bầu trời

Đa-vít mô tả cách thức Đức Giê-hô-va đáp lời Đa-vít khỏi những kẻ thù của ông như một đám mây bão giăng kín một vùng. Cụm từ nầy nhấn mạnh năng quyền của Đức Giê-hô-va cũng như cơn giận của Ngài.

dưới chân Ngài

Đa-vít nói về Đức Chúa Trời như thể Ngài có chân của con người.

Ngài được trông thấy trên cánh gió

Có thể dịch cụm từ nầy ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài hiện ra trên cánh gió”

cánh gió

Cách diễn đạt nầy ví sánh gió như một con chim.

Ngài khiến bóng tối như một cái lều bao quanh mình

Ở đây, bóng tối mà Đức Giê-hô-va tạo ra được ví như một cái lều hoàn toàn che khuất Ngài ở trong. Tham khảo cách dịch: “Ngài ẩn mình trong màn tối”

2 Samuel 22:13

Thông tin chung:

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Từ chớp loé đi trước mặt Chúa… những tia chớp khiến chúng tan tành

Đa-vít tiếp tục mô tả Đức Giê-hô-va, là Đấng mà ông so sánh với một cơn bão ập đến để giải cứu ông khỏi kẻ thù của mình. Cụm từ nầy nhấn mạnh năng quyền của Đức Chúa Trời cũng như cơn giận của Ngài đối với những kẻ thù của Đa-vít.

Từ chớp loé trước mặt Chúa, than hồng cháy bừng lên

Ý nghĩa khả thi: 1) "Từ ánh sáng rực rỡ của mình, Ngài giáng than hồng cháy rực” hoặc 2) “Từ ánh sáng rực rỡ của mình, Ngài sai tia chớp đến”

Đấng Chí Cao lớn tiếng. Ngài bắn tên ra

Đa-vít mô tả Đức Giê-hô-va làm những việc nầy như một người bình thường làm.

Ngài bắn tên ra… chớp nhoáng

Đa-vít so sánh chớp nhoáng từ cơn bão của Đức Giê-hô-va với những mũi tên mà một người lính sử dụng.

2 Samuel 22:16

Thông tin chung:

Phần nầy tiếp tục bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Kế đến lòng đại dương xuất hiện … hơi thở ra từ lỗ mũi Ngài

Khi Đức Giê-hô-va hét lớn khi tấn công những kẻ thù của Đa-vít, điều đó được so sánh với năng quyền của Ngài tạo nên những biến động đột ngột trong nơi sâu thẳm nhất của đại dương và trái đất. Cụm từ nầy cho thấy năng quyền rất lớn của Ngài cũng như cho thấy cơn giận kinh khiếp của Ngài.

Thềm lục địa… bị lộ ra

Đa-vít so sánh cơn giận của Đức Giê-hô-va với những chuyển động hỗn loạn của mặt đất. Có thể dịch câu nầy ở dạng chủ động: "Trận đánh của Đức Giê-hô-va đã phơi bày thềm lục địa”

2 Samuel 22:17

Thông tin chung:

Phần nầy tiếp tục bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những điều mình đang nói.
ra khỏi những dòng nước dậy sóng
Đa-vít so sánh những kẻ thù của mình với dòng nước lũ đang đe dọa sẽ nhấn chìm ông.
Ngài giải cứu tôi khỏi kẻ thù cường bạo
Những kẻ thù của Đa-vít đang bị nhấn chìm. Ông ngợi khen Đức Chúa Trời vì đã giải cứu ông khỏi mọi kẻ thù của mình.
2 Samuel 22:19
Thông tin chung:
Phần này tiếp tục bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.
Chúng tấn công tôi trong những ngày khốn cùng của tôi
"Kẻ thù tấn công tôi khi tôi đang lâm nạn"
những ngày khốn cùng của tôi
Từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian khi Đa-vít lâm vào tình cảnh khốn cùng.
Nhưng Đức Giê-hô-va là Đấng nâng đỡ tôi
"nhưng Đức Giê-hô-va đã nâng đỡ tôi" hoặc "nhưng Đức Giê-hô-va đã cứu giúp tôi"
một nơi trống trải rộng rãi
Cụm từ này chỉ về một nơi an toàn, không có mối nguy hiểm vào và kẻ thù cũng không thể bẫy được ông.
theo sự trong sạch của tay tôi
Ở đây "sự trong sạch của tay tôi" có nghĩa là "sự công chính". Tham khảo cách dịch: "bởi vì tôi đã vâng giữ các mạng lệnh của Ngài"
2 Samuel 22:22
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.
tôi đã giữ các đường lối của Đức Giê-hô-va
Ở đây "các đường lối của Đức Giê-hô-va" chỉ về cách Đức Giê-hô-va muốn dân Ngài sống. Cụm từ này có nghĩa là Đa-vít đã làm những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh.
đều ở trước mặt tôi
Cụm từ này có nghĩa là Đa-vít luôn luôn đọc và suy nghĩ về những mạng lệnh của Đức Chúa Trời.
2 Samuel 22:24
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.
Tôi giữ mình khỏi tội lỗi
Cụm từ này nói về quyết định không phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va.
theo sự trong sạch của tôi trước mặt Ngài
Ở đây "sự trong sạch của tôi" có nghĩa như "sự công chính của tôi". Tham khảo cách dịch: "bởi vì Ngài biết tôi đã làm những điều Ngài ra lệnh"
2 Samuel 22:26
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.
Chúa sẽ dùng mưu mẹo với những kẻ gian manh
Ở đây "dùng mưu mẹo" có nghĩa là khéo léo và "gian mạnh" có nghĩa xoay bỏ những điều nào là tốt và ngay lành. Cụm từ này có nghĩa là Đức Chúa Trời khôn ngoan trong cách xử trí những kẻ gian ác.
2 Samuel 22:28
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.
mắt Ngài nghịch cùng những kẻ kiêu ngạo
Ở đây hình ảnh hoán dụ "mắt Ngài" chỉ về những gì Đức Giê-hô-va nhìn thấy. Cụm từ này có nghĩa là Đức Giê-hô-va dõi theo những kẻ kiêu ngạo.
và Ngài hạ chúng xuống
"và Ngài đập tan lòng kiêu ngạo của chúng"
Ngài là ngọn đèn của con, Đức Giê-hô-va sẽ chiếu sáng sự tăm tối của con
Hình ảnh ẩn dụ này so sánh Đức Giê-hô-va với ngọn đèn, điều này có nghĩa là Ngài ban ánh sáng cho Đa-vít để giúp ông thấy đường khi mọi chuyện dường như là vô vọng.
2 Samuel 22:30
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.
Con sẽ vượt qua chướng ngại vật
Ở đây "chướng ngại vật" chỉ về một toán lính hoặc một tường thành đá. Dù có nghĩa gì đó nữa thì câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời khiến Đa-vít đánh bại kẻ thù của ông.
con có thể vượt qua lũy thành
Đa-vít đang nói quá lên để nhấn mạnh sự trợ giúp từ Đức Giê-hô-va.
Lời của Đức Giê-hô-va thật trong sạch
"Mọi điều Đức Giê-hô-va nói đều trong sạch"
Ngài là cái khiên
Hình ảnh ẩn dụ "cái khiên" nhấn mạnh năng quyền năng của Đức Chúa Trời để bảo vệ dân Ngài.
2 Samuel 22:32
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.
Vì ngoài Đức Giê-hô-va ra, ai là Đức Chúa Trời? Ai là tảng đá lớn, nếu không phải là Đức Chúa Trời chúng tôi?
Đa-vít dùng những câu hỏi để nhấn mạnh chẳng có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va. Có thể dịch những câu hỏi này lại thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Chỉ một mình Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời. Chỉ một mình Đức Chúa Trời chúng tôi mới là tảng đá lớn"
ai là tảng đá lớn
Đa-vít so sánh Đức Giê-hô-va như một tảng đá lớn để nhấn mạnh sức mạnh và năng lực của Ngài để bảo vệ dân sự Ngài.
Ngài dẫn đưa người trọn vẹn vào đường lối Ngài
Đức Giê-hô-va giữ những người trọn vẹn được an toàn và loại bỏ mọi điều có thể gây hại cho người đó.
2 Samuel 22:34
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.
Ngài làm cho chân tôi lanh lẹ như nai và đặt tôi trên các núi cao
Ở đây chân Đa-vít được so sánh với chân nai là một cách nói quá. Đức Giê-hô-va ban cho Đa-vít sức mạnh để có thể di chuyển lẹ làng và ban cho ông những nơi an toàn để bảo vệ ông cũng như cho ông nghỉ ngơi.
tay tôi... cánh tay tôi
Cả hai cụm từ này đều chỉ về Đa-vít.
giương nổi cung đồng
Chỉ người rất mạnh sức mới có thể sử dụng cung tên kim loại.
2 Samuel 22:36
Thông tin chung:
Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.
tấm khiên cứu rỗi của Ngài

Đa-vít ví sánh năng quyền của Đức Giê-hô-va để cứu ông với tấm khiên bảo vệ người lính khỏi kẻ thù của mình.

đặc ân của Ngài

Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu xin của Đức Chúa Trời và ban phước cho ông cũng như ban cho ông chiến thắng những kẻ thù của mình.

Chúa mở rộng đường dưới bước chân con

Đức Giê-hô-va đã đặt Đa-vít trong một nơi an toàn mà kẻ thù của ông không thể nào bẫy được ông. “chân” ở đây chỉ về năng lực đứng vững vàng của Đa-vít.

2 Samuel 22:38

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

đuổi theo kẻ thù nghịch con

"truy đuổi kẻ thù nghịch con”

ăn nuốt và đánh chúng tan tành

Ở đây Đa-vít xem mình như một loài thú hoang dã. Tham khảo cách dịch: “Tôi hủy diệt chúng nó như loài thú dữ ăn nuốt con mồi của mình”

dưới chân con

Ở đây "chân” chỉ về năng lực và quyền cai trị trên những kẻ thù của ông.

2 Samuel 22:40

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

Vì Chúa đã thắt lưng con bằng sức mạnh để chiến đấu

Ở đây sức mạnh mà Đức Giê-hô-va ban cho được ví sánh như thắt lừng dùng trong chiến đấu sẽ cho phép Đa-vít chiến đấu mạnh mẽ.

Ngài đặt những kẻ nổi dậy chống con dưới chân con

"Ngài giúp con đánh bại những kẻ chống nghịch con”

gáy những kẻ thù của con

Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít thấy gáy của kẻ thù khi họ bỏ chạy hoặc 2) Đa-vít dùng chân đạp trên gáy của kẻ thù của ông sau khi ông đánh bại chúng.

Tôi đã tiêu diệt

"Tôi đã tận diệt”

2 Samuel 22:42

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

Chúng kêu khóc

"Kẻ thù tôi kêu khóc”

Chúng kêu cầu Đức Giê-hô-va, nhưng Ngài không đáp lời

Thời điểm Đức Giê-hô-va trừng phạt đã đến trên họ.

như bụi đất... như bùn ngoài đường

Cụm từ nầy có nghĩa là Đa-vít tiêu diệt hoàn toàn những kẻ thù của mình. Cả hai cụm từ “như bụi đất” và “như bùn ngoài đường” có nghĩa tương tự nhau và được dùng để nhấn mạnh.

2 Samuel 22:44

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

khỏi sự tranh chấp của dân tộc con

Cụm từ nầy nói về những người trong vòng dân Y-sơ-ra-ên nổi loạn chống nghịch cùng vua Đa-vít.

Ngài giữ con đứng đầu các nước

"Ngài đặt con làm người lãnh đạo các nước”. Ở đây, “các nước” chỉ về những nước khác ngoài Y-sơ-ra-ên.

Dân mà con không quen biết

"Dân ngoại bang”

Người nước ngoài sẽ bị buộc phải cúi mình trước mặt con

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người nước ngoài phải cúi mình xuống trước tôi”

2 Samuel 22:47

Nguyện tảng đá của con được tôn vinh! Nguyện Đức Chúa Trời được ca tụng

Những câu nầy có ý nghĩa như nhau và được dùng chung để nhấn mạnh. Có thể viết lại những câu này ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: ‘Nguyện mọi người ngợi khen vầng đá con. Nguyện mọi người tụng ngợi Đức Chúa Trời”

vầng đá con... vầng đá

Đa-vít ví sánh Đức Giê-hô-va với vầng đá để nhấn mạnh năng quyền của Ngài để bảo vệ dân Ngài.

Đấng đặt mọi dân dưới con

"Đấng đặt mọi dân dưới quyền cai trị của tôi”

Ngài đã nâng con lên trên những kẻ nổi lên chống lại con

"Ngài đã cứu con khỏi kẻ thù con và ban cho con sự tôn trọng”

khỏi kẻ hung bạo

"khỏi những kẻ muốn hại con”

2 Samuel 22:50

Thông tin chung:

Đa-vít kết thúc bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

cho danh của Ngài

Ở đây phép hoán dụ "danh” chỉ về danh tiếng của của Đức Giê-hô-va.

Và Ngài bày tỏ sự nhân từ về giao ước Ngài cho người được xức dầu của Ngài

Ở đây có thể Đa-vít đang chỉ về những lời hứa mà Đức Giê-hô-va đã lập trong 2SA 7:8

Translation Questions

2 Samuel 22:1

Khi nào Đa-vít hát bài hát rằng Đức Giê-hô-va là hòn đá giải cứu ông?

Đa-vít hát bài hát rằng Đức Giê-hô-va là hòn đá của ông trong ngày Ngài giải cứu ông khỏi tay Sau-lơ và kẻ thù của ông.

2 Samuel 22:2

Khi nào Đa-vít hát bài hát rằng Đức Giê-hô-va là hòn đá giải cứu ông?

Đa-vít hát bài hát rằng Đức Giê-hô-va là hòn đá của ông trong ngày Ngài giải cứu ông khỏi tay Sau-lơ và kẻ thù của ông.

2 Samuel 22:3

Đa-vít nói lý do gì mà ông kêu cầu Đức Giê-hô-va là hòn đá của ông?

Đa-vít nói rằng lý do ông gọi Đức Giê-hô-va là hòn đá của ông vì Ngài đáng được ngợi khen.

2 Samuel 22:4

Đa-vít nói lý do gì mà ông kêu cầu Đức Giê-hô-va là hòn đá của ông?

Đa-vít nói rằng lý do ông gọi Đức Giê-hô-va là hòn đá của ông vì Ngài đáng được ngợi khen.

2 Samuel 22:5

Đa-vít cảm thấy thế nào khi ông ở trong tay của kẻ thù?

Đa-vít cảm thấy ông bị các lượn sóng tử vong và dây địa ngục bao phủ ông.

2 Samuel 22:6

Đa-vít cảm thấy thế nào khi ông ở trong tay của kẻ thù?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đa-vít cảm thấy ông bị các lượn sóng tử vong và dây địa ngục bao phủ ông.
2 Samuel 22:7
Đa-vít đáp ứng thế nào khi gặp cơn hoạn nạn?
Trong cơn hoạn nạn, Đa-vít cầu khẩn Đức Giê-hô-va là Đấng nghe tiếng kêu cầu từ đền Ngài.
2 Samuel 22:8
Điều gì xảy ra vì Chúa nổi giận?
Đất động và rung, Nền các từng trời cũng lay chuyển, nó rúng động, vì Ngài nổi giận. Khói bay ra từ lỗ mũi Ngài, Và từ miệng Ngài phát ra ngọn lửa hực.
2 Samuel 22:9
Điều gì xảy ra vì Chúa nổi giận?
Đất động và rung, Nền các từng trời cũng lay chuyển, nó rúng động, vì Ngài nổi giận. Khói bay ra từ lỗ mũi Ngài, Và từ miệng Ngài phát ra ngọn lửa hực.
2 Samuel 22:10
Đức Giê-hô-va ngự xuống từ trời như thế nào?
Đức Giê-hô-va cỡi một chê-ru-bin và bay; Ngài hiện ra trên cánh của gió.
2 Samuel 22:12
Đức Giê-hô-va ngự xuống từ trời như thế nào?
Đức Giê-hô-va cỡi một chê-ru-bin và bay; Ngài hiện ra trên cánh của gió.
2 Samuel 22:13
Đức Giê-hô-va làm cho quân thù tản lạc thế nào?
Đức Giê-hô-va làm cho quân thù Ngài tản lạc bằng cách bắn tên và phát chớp.
2 Samuel 22:15
Đức Giê-hô-va làm cho quân thù tản lạc thế nào?
Đức Giê-hô-va làm cho quân thù Ngài tản lạc bằng cách bắn tên và phát chớp.
2 Samuel 22:16
Nền thế gian bị bày tỏ thế nào?
Nền thế gian bị bày tỏ bởi lời hăm he của Đức Giê-hô-va, bởi gió xịt ra khỏi lỗ mũi Ngài.
2 Samuel 22:17
Đức Giê-hô-va giải cứu Đa-vít khỏi những kẻ ghét ông thế nào?
Từ trên cao, Ngài giơ tay nắm ông, rút ông ra khỏi nước sâu.
2 Samuel 22:18
Đức Giê-hô-va giải cứu Đa-vít khỏi những kẻ ghét ông thế nào?
Từ trên cao, Ngài giơ tay nắm ông, rút ông ra khỏi nước sâu.
2 Samuel 22:19
Tại sao Đức Giê-hô-va cứu Đa-vít?
Đức Giê-hô-va cứu Đa-vít vì Ngài ưa thích ông.
2 Samuel 22:21
Tại sao Đức Giê-hô-va cứu Đa-vít?
Đức Giê-hô-va cứu Đa-vít vì Ngài ưa thích ông.
2 Samuel 22:22
Đa-vít giữ đường lối của Đức Giê-hô-va thế nào?
Đa-vít giữ đường lối của Đức Giê-hô-va bằng cách tuân giữ các luật của Ngài, không hành động gian ác và từ bỏ Đức Chúa Trời.
2 Samuel 22:23
Đa-vít giữ đường lối của Đức Giê-hô-va thế nào?
Đa-vít giữ đường lối của Đức Giê-hô-va bằng cách tuân giữ các luật của Ngài, không hành động gian ác và từ bỏ Đức Chúa Trời.
2 Samuel 22:24
Điều gì xảy ra vì Đa-vít giữ mình khỏi tội lỗi?
Đức Giê-hô-va báo Đa-vít tùy theo sự công bình của ông vì ông giữ mình khỏi tội lỗi.
2 Samuel 22:25
Điều gì xảy ra vì Đa-vít giữ mình khỏi tội lỗi?
Đức Giê-hô-va báo Đa-vít tùy theo sự công bình của ông vì ông giữ mình khỏi tội lỗi.
2 Samuel 22:28
Đức Giê-hô-va làm gì đối với kẻ kiêu ngạo?
Đức Giê-hô-va đánh hạ kẻ kiêu ngạo.
2 Samuel 22:29
Đức Giê-hô-va làm gì đối với kẻ kiêu ngạo?
Đức Giê-hô-va đánh hạ kẻ kiêu ngạo.
2 Samuel 22:30
Đức Giê-hô-va là gì đối với những ai nương náu nơi Ngài?
Đức Giê-hô-va là cái thuẫn cho mọi người nương náu mình nơi Ngài.
2 Samuel 22:31
Đức Giê-hô-va là gì đối với những ai nương náu nơi Ngài?
Đức Giê-hô-va là cái thuẫn cho mọi người nương náu mình nơi Ngài.
2 Samuel 22:32
Tại sao Đa-vít xem Đức Giê-hô-va là nơi nương náu của ông?
Đa-vít xem Đức Giê-hô-va là nơi nương náu của ông vì Ngài là hòn đá của ông và dắt người trọn vẹn vào đường chánh đáng.
2 Samuel 22:33
Tại sao Đa-vít xem Đức Giê-hô-va là nơi nương náu của ông?
Đa-vít xem Đức Giê-hô-va là nơi nương náu của ông vì Ngài là hòn đá của ông và dắt người trọn vẹn vào đường chánh đáng.
2 Samuel 22:36
Tại sao chân của Đa-vít không xiêu tó?
Chân của Đa-vít không xiêu tó vì Đức Giê-hô-va là cái khiên cứu rỗi của ông và Ngài đã mở rộng đường dưới bước ông.
2 Samuel 22:37
Tại sao chân của Đa-vít không xiêu tó?
Chân của Đa-vít không xiêu tó vì Đức Giê-hô-va là cái khiên cứu rỗi của ông và Ngài đã mở rộng đường dưới bước ông.
2 Samuel 22:42
Đa-vít làm gì đối với kẻ thù ông khi chúng kêu cầu Đức Giê-hô-va giúp đỡ?
Sau khi kẻ thù của Đa-vít kêu cầu Đức Giê-hô-va giúp đỡ, ông đập giập chúng nó khác nào bụi dưới đất; chà nát, giày đạp chúng nó giống như bùn ngoài đường.
2 Samuel 22:43
Đa-vít làm gì đối với kẻ thù ông khi chúng kêu cầu Đức Giê-hô-va giúp đỡ?
Sau khi kẻ thù của Đa-vít kêu cầu Đức Giê-hô-va giúp đỡ, ông đập giập chúng nó khác nào bụi dưới đất; chà nát, giày đạp chúng nó giống như bùn ngoài đường.
2 Samuel 22:44
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Đa-vít?
Đức Giê-hô-va giải cứu Đa-vít khỏi sự tranh giành của dân sự ông và gìn giữ ông để làm đầu các nước
2 Samuel 22:46
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Đa-vít?
Đức Giê-hô-va giải cứu Đa-vít khỏi sự tranh giành của dân sự ông và gìn giữ ông để làm đầu các nước

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Samuel 22:47
Đức Giê-hô-va thay mặt Đa-vít làm gì?
Đức Giê-hô-va báo thù cho Đa-vít và giải cứu ông khỏi kẻ thù nghịch.
2 Samuel 22:49
Đức Giê-hô-va thay mặt Đa-vít làm gì?
Đức Giê-hô-va báo thù cho Đa-vít và giải cứu ông khỏi kẻ thù nghịch.
2 Samuel 22:50
Tại sao Đa-vít ngợi khen danh Đức Giê-hô-va?
Đa-vít ngợi khen danh Đức Giê-hô-va vì Ngài cho ông sự chiến thắng lớn lao và bày tỏ lòng trung thành của ông đối với Ngài.
2 Samuel 22:51
Tại sao Đa-vít ngợi khen danh Đức Giê-hô-va?
Đa-vít ngợi khen danh Đức Giê-hô-va vì Ngài cho ông sự chiến thắng lớn lao và bày tỏ lòng trung thành của ông đối với Ngài.

Chapter 23
2 Samuel 23:1
Bấy giờ
Cụm từ nầy đánh dấu mở đầu một phần mới trong sách.
Đây là những lời cuối cùng
Cụm từ nầy nói về những gì Đa-vít sẽ nói trong 2SA 23:2-7.
người được tôn cao, người được Đức Chúa Trời của Gia-cốp xức dầu
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà Đức Chúa Trời của Gia-cốp đã tôn cao và xức dầu cho"
được Đức Chúa Trời của Gia-cốp xức dầu
Xức dầu nghĩa là đổ dầu lên đầu một người để chọn người đó làm vua hoặc thầy tế lễ phục vụ Đức Chúa Trời.
người soạn thánh thi
Đây là người viết thánh thi hoặc bài hát
qua tôi
qua Đa-vít
và lời của Ngài ở nơi lưỡi ta
Ở đây "ở nơi lưỡi ta" là phép hoán dụ chỉ về việc Đa-vít nói. Tham khảo cách dịch: “Ngài ban cho tôi sứ điệp để nói”
2 Samuel 23:3
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục những lời cuối cùng của Đa-vít.
Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã phán, Tảng Đá lớn của Y-sơ-ra-ên... tôi
Ở đây “Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên” cùng giống với “Tảng Đá lớn của Y-sơ-ra-ên”. Cả hai cụm từ nầy về cơ bản đều nói về cùng một điều. Đa-vít đang so sánh Đức Chúa Trời như một tảng đá để nhấn mạnh năng quyền của Ngài để bảo vệ dân sự của Ngài.
Người nào cai trị con người cách công chính, cai trị trong sự kính sợ Đức Chúa Trời
Cả hai cầu nầy để nói rằng vị vua nầy sẽ kính sợ Đức Chúa Trời và làm những điều Đức Chúa Trời muốn người phải làm.
trong sự kính sợ Đức Chúa Trời
"tôn kính Đức Chúa Trời”
Người sẽ như ánh sáng ban mai... ánh nắng sau cơn mưa
Ở đây Đức Chúa Trời đang so sánh vị vua nầy với ánh sáng ban mai và ánh nắng sau cơn mưa. Đây toàn bộ là những cách nói rằng vị vua nầy sẽ là niềm vui đối với Đức Chúa Trời và là phước hạnh cho dân tộc. Cả hai cụm từ nầy đều có nghĩa tương tự nhau và được dùng chung để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: “Người sẽ là niềm vui thích cho mọi người”
2 Samuel 23:5
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục những lời cuối cùng của Đa-vít.
Thật sự, nhà ta chẳng như thế trước mặt Đức Chúa Trời sao?
Ở đây, Đa-vít đang nói rằng ông đồng thuận với Đức Chúa Trời. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Quả thật, nhà ta trước mặt Đức Chúa Trời cũng như vậy!”
Chẳng phải Ngài đã lập... đường sao?
Đa-vít nhận biết rằng Đức Chúa Trời đã lập giao ước với mình. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Quả thật Ngài đã lập... đường”
được sắp xếp và chắc chắn
Cụm từ nầy có nghĩa là giao ước của Đức Chúa Trời đã được sắp xếp cũng như sẽ không thay đổi, để dòng dõi của Đa-vít có thể tin cậy.
Ngài sẽ chẳng gia tăng sự cứu rỗi của ta... ước ao sao?
Đa-vít tin rằng Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ ông và khiến ông được thịnh vượng. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ngài gia tăng sự cứu rỗi tôi và ban cho tôi mọi điều tôi ao ước”
2 Samuel 23:6
Thông tin chung:
Phần nầy kết thúc những lời cuối cùng của Đa-vít.
Nhưng những kẻ không xứng đáng thì giống như gai gốc bị người ta vứt bỏ
Ở đây, kẻ gian ác được ví như gai gốc không có giá trị. Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nhưng kẻ gian ác thì vô dụng và nguy hiểm như gai gốc bị người ta vứt bỏ”
vì người ta không thể dùng tay gom lại được
"bởi vì không ai có thể dùng tay để nhặt những gai gốc đó lên mà không bị thương”
Rồi chúng phải bị đốt cháy rụi ngay tại chỗ
"Người ta tìm thấy những gai gốc đó ở đâu thì đốt chạy rụi chúng tại đó”. Cụm từ nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt những kẻ gian ác
2 Samuel 23:8
Giép-ba-anh
Đây là tên của một người nam. Những bản dịch khác thì đọc là Giô-sép Ba-sê-bết, Gia-sô-bim, Ích-ba-anh hoặc Ích-bô-sết bởi vì nhiều bản sao cổ xưa khác nhau thì có nhiều điểm khác nhau. Dịch giả có thể quyết định dịch cách nầy kèm theo một ghi chú trong bản dịch của mình.
người Hách-môn
Đây là tên gọi của một nhóm dân. Tham khảo cách dịch: “người Tách-kê-môn” hoặc “dòng dõi của Hách-môn”
tám trăm
"800"
2 Samuel 23:9
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục bảng danh sách liệt kê những người lính chiến anh dũng nhất của Đa-vít.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Quân lính trở lại theo sau Ê-lê-a-sa
Cụm từ nầy có nghĩa là quân lính trở lại sau khi Ê-lê-a-sa từ chiến trường trở về. Tham khảo cách dịch: “Quân đội Y-sơ-ra-ên trở lại chiến trường sau khi Ê-lê-a-sa đã đánh thắng trận”
chỉ là để lột các xác chết
"chỉ để chiếm những thứ mình muốn từ xác của kẻ thù”
2 Samuel 23:11
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục bảng danh sách liệt kê những người lính chiến anh dũng nhất của Đa-vít.
một cách đồng đậu lăng
"một cánh đồng mà ai đó đã trồng đậu lăng”
đậu lăng
một loại hạt dẹp, ăn giống như đậu.
quân lính đã chạy trốn
"quân Y-sơ-ra-ên đã chạy trốn”
2 Samuel 23:13
Ba người trong số ba mươi
Cụm từ nầy không nói về ba người lính đã được nhắc đến trong 2SA 23:8-12.
ba mươi người
"30" hoặc “ba mươi lính chiến can đảm nhất trong Y-sơ-ra-ên”
hang đá A-đu-lam
"hang đá gần thành A-đu-lam”. A-đu-lam ở gần Bết-lê-hem.
thung lũng Rê-pha-im
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong 2SA 5:18.
trong đồn lũy mình
“trong nơi đã được bảo vệ của mình”
người Phi-li-tin thì đóng ở Bết-lê-hem
"một số quân Phi-li-tin đang chiếm đóng tại làng Bết-lê-hem”
2 Samuel 23:15
băng qua quân đội
"tìm được băng qua quân đội kẻ thù”
Con có thể uống máu những người đã liều mạng sống của mình sao?
Đa-vít ví sánh nước với máu bởi vì những người kia đã liều mạng sống của mình để đem nước về cho ông. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Uống nước nầy chẳng khác nào uống máu của những người đã liều mạng sống mình đem nước nầy về cho con.”
2 Samuel 23:18
A-bi-sai ... Xê-ru-gia
Xem cách bạn đã dịch những tên gọi nầy trong 2SA 2:18.
người chỉ huy ba người dũng sĩ kia
Cụm từ nầy có nghĩa là A-bi-sai là người đứng đầu nhóm ba người đi và lấy nước về cho Đa-vít.
ba trăm người
"300 người"
Ông thường được nhắc đến cùng với nhóm ba dũng tướng đó
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người ta thường nhắc đến ông khi họ nói về nhóm ba dũng tướng can đảm nhất kia”
Chẳng phải A-bi-sai còn nổi danh hơn trong nhóm ba dũng tướng sao?
Câu hỏi nầy được dùng để nhấm mạnh độ nổi tiếng của ông. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Người thậm chí còn nổi danh hơn cả ba người dũng tướng kia”
ba người dũng sĩ nổi danh bậc nhất kia
Cụm từ nầy nói về Giô-sép Ba-sê-bết, Ê-lê-a-sa, và Sam-ma. A-bi-sai không nổi tiếng bằng ba người lính nầy.
2 Samuel 23:20
Cáp-sê-ên
Đây là tên gọi của một thành.
Giê-hô-gia-đa
Đây là tên của một người nam. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong 2SA 8:18.
A-ri-ên
Đây là tên của một người nam.
2 Samuel 23:22
đạt được nhiều chiến công
"lập nhiều chiến công nầy”
ông được sánh ngang hàng với ba người dũng sĩ kia
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ta ca ngợi ông như họ ca ngợi ba người dũng sĩ kia”
nhìn chung ông được đánh giá cao hơn so với nhóm ba mươi người lính, nhưng không bằng ba chiến binh ưu tú kia
"Ông nổi tiếng hơn so 30 người lính kia không tính đến ba người lính ưu tú nhất kia”
ba chiến binh ưu tú kia
Cụm từ nầy nói về Giô-sép Ba-sê-bết, Ê-lê-a-sa, và Sam-ma.
các cận vệ của vua
một nhóm lính phụ trách việc bảo vệ vua.
2 Samuel 23:24
Thông tin chung:
Đây là danh sách những người lính giỏi nhất của Đa-vít.
Nhóm ba mươi
"Nhóm 30 dũng tướng”
2 Samuel 23:29
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục bảng danh sách liệt kê những người lính chiến anh dũng nhất của Đa-vít.
2 Samuel 23:33
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục bảng danh sách liệt kê những người lính chiến anh dũng nhất của Đa-vít.
2 Samuel 23:37
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục bảng danh sách liệt kê những người lính chiến anh dũng nhất của Đa-vít.
tất cả là ba mươi bảy
“tổng cộng là 37”

Translation Questions

2 Samuel 23:1
Đa-vít được gọi là gì?
Đa-vít là người được cất nhắc lên cao và được Đức Chúa Trời của Gia-cốp xức dầu.
2 Samuel 23:2
Đa-vít được gọi là gì?
Đa-vít là người được cất nhắc lên cao và được Đức Chúa Trời của Gia-cốp xức dầu.
2 Samuel 23:3
Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nói gì với Đa-vít?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nói rằng người nào cai trị loài người cách công bình, cách kính sợ Đức Chúa Trời, thì sẽ giống như sự chói lòa buổi sáng.
2 Samuel 23:4
Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nói gì với Đa-vít?
Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nói rằng người nào cai trị loài người cách công bình, cách kính sợ Đức Chúa Trời, thì sẽ giống như sự chói lòa buổi sáng.
2 Samuel 23:6
Tại sao những kẻ hung ác sẽ giống như gai chông bị ném đi mất?
Những kẻ hung ác sẽ giống như gai chông bịn ém đi vì chúng không thể được gom bằng tay.
2 Samuel 23:7
Tại sao những kẻ hung ác sẽ giống như gai chông bị ném đi mất?
Những kẻ hung ác sẽ giống như gai chông bịn ém đi vì chúng không thể được gom bằng tay.
2 Samuel 23:9
Ê-lê-a-sa thách đố dân Phi-li-tin thế nào khi chúng hiệp lại đặng tranh chiến?
Ê-lê-a-sa đánh dân Phi-li-tin cho đến khi cánh tay ông đuối sức, và bàn tay ông dính chặt vào cán gươm.
2 Samuel 23:10
Ê-lê-a-sa thách đố dân Phi-li-tin thế nào khi chúng hiệp lại đặng tranh chiến?
Ê-lê-a-sa đánh dân Phi-li-tin cho đến khi cánh tay ông đuối sức, và bàn tay ông dính chặt vào cán gươm.
2 Samuel 23:11
Sam-ma chống cự dân Phi-li-tin ở đâu?
Sam-ma đứng trụ ngay giữa cánh đồng đậu lăng mà chống cự và đánh giết quân Phi-li-tin.
2 Samuel 23:12
Sam-ma chống cự dân Phi-li-tin ở đâu?
Sam-ma đứng trụ ngay giữa cánh đồng đậu lăng mà chống cự và đánh giết quân Phi-li-tin.
2 Samuel 23:15
Ba mươi dũng sĩ làm gì khi họ hay rằng Đa-vít ước được uống nước giếng ở Bết-lê-hem?
Ba mươi dũng sĩ bèn xông qua trại của quân Phi-li-tin, đến giếng nơi cổng thành Bết-lê-hem, lấy nước, và đem về cho Đa-vít.
2 Samuel 23:16
Ba mươi dũng sĩ làm gì khi họ hay rằng Đa-vít ước được uống nước giếng ở Bết-lê-hem?
Ba mươi dũng sĩ bèn xông qua trại của quân Phi-li-tin, đến giếng nơi cổng thành Bết-lê-hem, lấy nước, và đem về cho Đa-vít.
Tại sao Đa-vít từ chối uống nước lấy từ giếng ở Bết-lê-hem?
Đa-vít từ chối uống nước lấy từ giếng ở Bết-lê-hem vì cớ những người đó đã liều mạng đi lấy cho ông, như vậy thay vào đó, ông đổ nó ra dâng lên cho Đức Giê-hô-va.
2 Samuel 23:17
Tại sao Đa-vít từ chối uống nước lấy từ giếng ở Bết-lê-hem?
Đa-vít từ chối uống nước lấy từ giếng ở Bết-lê-hem vì cớ những người đó đã liều mạng đi lấy cho ông, như vậy thay vào đó, ông đổ nó ra dâng lên cho Đức Giê-hô-va.
2 Samuel 23:18
A-bi-sai có danh về điều gì?
A-bi-sai được lập làm tướng của ba dũng sĩ và có lần đã giết ba trăm người bằng giáo của ông.
2 Samuel 23:19
A-bi-sai có danh về điều gì?
A-bi-sai được lập làm tướng của ba dũng sĩ và có lần đã giết ba trăm người bằng giáo của ông.
2 Samuel 23:21
Bê-na-gia giết một người Ai Cập rất cao to như thế nào?
Bê-na-gia, một người chỉ có một cây gậy, đã chiến đấu chống lại người Ai Cập rất cao to khi hắn cầm cây giáo trong tay. Bê-na-gia rứt cây giáo khỏi tay người Ê-díp-tô, rồi dùng một cây giáo ấy mà giết hắn đi.

Chapter 24
2 Samuel 24:1
cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi phừng lên cùng dân Y-sơ-ra-ên
Từ “phừng lên” có nghĩa là bắt đầu cháy. Ở đây, cơn giận của Đức Giê-hô-va được so sánh với ngọn lửa. Tham khảo cách dịch: “cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va phừng lên như một ngọn lửa”
Ngài giục Đa-vít nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên
"Ngài khiến Đa-vít chống nghịch họ”
Hãy đi, kiểm tra dân số Y-sơ-ra-ên và Giu-đa
Theo luật Môi-se, Đức Chúa Trời cấm các vua của Y-sơ-ra-ên điều tra dân số những người có thể chiến đấu.
từ Đan cho đến Bê-e Sê-ba
Cụm từ nầy dùng hai tên gọi của hai địa danh, Đan thuộc miền Bắc và Bê-e Sê-ba thuộc miền Nam để đại diện cho cả nước.
kiểm tra toàn bộ dân số... có thể ra trận
Cụm từ nầy có nghĩa là phải kiểm kê toàn bộ dân số, ngoại trừ những người quá trẻ hoặc quá già hoặc tình trạng thể chất không thể đi đánh trận.
2 Samuel 24:3
gia tăng ... trăm lần
Cụm từ nầy có nghĩa là "từ một người hiện tại làm cho làm ra thêm 100 người nữa”
lời của vua cuối cùng lại trái ngược với Giô-áp
Giô-áp và những vị tướng khác trong quân đội của Đa-vít không thể thuyết phục được Đa-vít bãi bỏ cuộc điều tra dân số.
lời của vua
Cụm từ nầy tượng trưng cho mạng lệnh của vua cho họ.
2 Samuel 24:5
Họ vượt qua
"Giô-áp và các vị tướng khác vượt qua
A-rô-e
Đây là một thành nằm ở bờ phía Bắc của sông Ạt-nôn.
Gia-xe
Đây là một thành ở tại Gát.
Ta-tim Hốt-si
Cụm từ nầy chỉ về thành ở tại Ca-đe trong đất của người Hê-tít.
2 Samuel 24:8
họ đã đi
"Giô-áp và các vị tướng khác đã đi”
chín tháng hai mươi ngày
"9 tháng và 20 ngày”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sau đó Giô-áp trình lên vua tổng số người có thể ra trận
"Đoạn, Giô-áp trình lên vua tổng số người sẵn sàng ra trận”
trong Y-sơ-ra-ên
Cụm từ nầy nói về các chi tộc phía Bắc Y-sơ-ra-ên
800.000 ... 500.000
"tám trăm nghìn... năm trăm nghìn”
những người biết rút gươm
Cụm từ nầy hoán dụ cho những người sẵn sàng đi lính chiến đấu.
trong Giu-đa
Cụm từ nầy nói về chi tộc Giu-đa ở phía Nam
2 Samuel 24:10
lòng Đa-vít cảm thấy cắn rứt
Từ “lòng” ở đây là phép hoán dụ chỉ về những cảm xúc và lương tâm của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít cảm thấy có tội”
Bây giờ, Đức Giê-hô-va ôi! Xin cất đi tội lỗi của đầy tớ Ngài
Đa-vít tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”." Đây là một cách nói lịch sự để nói với ai đó có thẩm quyền cao hơn.
2 Samuel 24:11
lời của Đức Giê-hô-va đến
Đây là một cách nói chỉ về việc Đức Giê-hô-va truyền phán. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va phán”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [2SA 7:3]
lời của Đức Giê-hô-va
Ở đây, từ “lời” tượng trưng cho thông điệp của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “sứ điệp của Đức Giê-hô-va”
nhà tiên kiến của Đa-vít
Cụm từ nầy có nghĩa là Gát là nhà tiên tri chính thức trong cung điện hoàng gia
2 Samuel 24:13
Ta lâm vào tình cảnh rất ngặt nghèo
"Ta lâm vào cảnh rất bi đát”
thà chúng ta rơi vào tay Chúa còn hơn vào tay người ta
Ở đây "tay” chỉ về năng quyền và quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “Nguyện chính Đức Giê-hô-va trừng phạt chúng ta chớ chẳng phải loài người”
2 Samuel 24:15
giờ đã định
Đây là giờ mà Đức Chúa Trời đã định sẽ dừng tai vạ đó lại.
bảy mươi nghìn
"70.000"
từ Đan đến Bê-e Sê-ba
Ở đây, việc nhắc đến thành Đan ở cực Bắc và thành Bê-e Sê-ba ở cực Nam để ngụ ý chỉ về toàn bộ nước Y-sơ-ra-ên.
thiên sứ đưa tay về phía Y-sơ-ra-ên để hủy diệt nó
Ở đây phép hoán dụ "tay” chỉ về năng quyền của thiên sứ đó. Tham khảo cách dịch: “thiên sứ sắp sửa hủy diệt những người tại Giê-ru-sa-lem”
Đức Giê-hô-va đổi ý về tai họa ấy
Cụm từ nầy có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã ngừng tai vạ mà Ngài đang cho phép thiên sứ giáng xuống. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va cảm thấy đau buồn về tai họa ấy”
Bây giờ hãy rút tay ngươi lại
Phép hoán dụ “tay” chỉ về năng quyền của vị thiên sứ đó. Tham khảo cách dịch: “Đừng làm hại chúng nữa”
A-rau-na
Đây là tên của một người nam.
sân đập lúa
Sân đập lúa là một nơi bằng phẳng và nền đất cứng để tác phần cơm của hạt lúa mì khỏi vỏ trấu.
2 Samuel 24:17
Chính con đã phạm tội, chính con đã hành động bướng bỉnh
Những cụm từ nầy có nghĩa tương tự nhau và được dùng chung để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: “Con đã phạm tội trọng”
Còn các con chiên nầy có làm gì đâu?
Đa-vít dùng một câu hỏi trong đó ví sánh dân sự với chiên để nhấn mạnh rằng họ chẳng hề làm điều gì sai cả. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Những người dân thường nầy chẳng làm gì sai cả”
Xin tay Chúa trừng phạt chính con
Ở đây phép hoán dụ "tay” chỉ về năng quyền. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy trừng phạt con”
2 Samuel 24:18
sấp mình cúi mặt xuống đất trước mặt vua
Ông đang thể hiện lòng tôn kính hết mực của mình với vua.
2 Samuel 24:21
để tai họa nầy có thể được loại bỏ khỏi dân sự
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "để Đức Giê-hô-va loại bỏ tai họa nầy khỏi dân sự”
Xin hãy làm điều gì tốt theo mắt bệ hạ
Cụm từ "theo mắt bệ hạ” chỉ về ý kiến của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy làm điều gì bệ hạ cho là tốt”
những cái bàn đạp lúa
đây là những tấm ván nặng dùng để tách phần lúa mì khỏi những bộ phận còn lại.
2 Samuel 24:24
Ta sẽ không dân... bất cứ điều gì mà ta không mất tiền mua
Câu nầy có thể dịch lại ở dạng tích cực. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ chỉ dâng... những vật nào mà ta bỏ tiền ra mua”
năm mươi siếc-lơ
"50 siếc-lơ." Một siếc-lơ bằng khoảng 11 gr.
đại diện cho cả xứ
Ở đây phép hoán dụ "xứ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên”

Translation Questions

2 Samuel 24:1
Đa-vít bảo Giô-áp làm gì?
Đa-vít bảo Giô-áp đi tu bộ dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa.
2 Samuel 24:2
Đa-vít bảo Giô-áp làm gì?
Đa-vít bảo Giô-áp đi tu bộ dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa.
2 Samuel 24:3
Tại sao Giô-áp lưỡng lự làm theo lời Đa-vít yêu cầu?
Giô-áp lưỡng lự tuân lệnh Đa-vít vì ông không hiểu lý do tại sao chủ mình muốn làm việc này.
2 Samuel 24:4
Tại sao Giô-áp lưỡng lự làm theo lời Đa-vít yêu cầu?
Giô-áp lưỡng lự tuân lệnh Đa-vít vì ông không hiểu lý do tại sao chủ mình muốn làm việc này.
2 Samuel 24:8
Giô-áp mất bao lâu để đi khắp xứ và trở về Giê-ru-sa-lem?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giô-áp mất chín tháng hai mươi ngày đi khắp xứ và trở về Giê-ru-sa-lem.
2 Samuel 24:9
Có bao nhiêu chiến sĩ được Giô-áp đếm?
Giô-áp đếm được tám trăm ngàn lính chiến gan dạ ở Y-sơ-ra-ên và năm trăm ngàn người trong Giu-đa.
2 Samuel 24:10
Tại sao lòng Đa-vít buồn phiền sau khi ông đã bảo Giô-áp đi thống kê?
Đa-vít buồn phiền trong lòng vì ông nhận thấy mình đã hành động thật dại dột và phạm tội lớn.
2 Samuel 24:11
Đức Giê-hô-va phán gì với Đa-vít qua tiên tri của Ngài?
Đức Giê-hô-va nói Đa-vít phải chọn một trong ba lựa chọn.
2 Samuel 24:12
Đức Giê-hô-va phán gì với Đa-vít qua tiên tri của Ngài?
Đức Giê-hô-va nói Đa-vít phải chọn một trong ba lựa chọn.
2 Samuel 24:13
Đức Giê-hô-va cậy tiên tri Gát đưa cho Đa-vít ba lựa chọn nào?
Đức Giê-hô-va hỏi Đa-vít liệu ông có muốn ba năm đói kém, hoặc ba tháng chạy trốn kẻ thù, hoặc ba ngày bệnh dịch trong xứ không.
2 Samuel 24:15
Tại sao hơn bảy mươi ngàn người không chết vì bệnh dịch?
Chỉ có bảy mươi ngàn người chết vì bệnh dịch bởi Đức Giê-hô-va đã đổi ý và rút tay Ngài lại.
2 Samuel 24:16
Tại sao hơn bảy mươi ngàn người không chết vì bệnh dịch?
Chỉ có bảy mươi ngàn người chết vì bệnh dịch bởi Đức Giê-hô-va đã đổi ý và rút tay Ngài lại.
2 Samuel 24:17
Đa-vít xin Đức Giê-hô-va điều gì khi ông nhận thấy tội lỗi lớ ncua3 mình?
Đa-vít xin Đức Giê-hô-va phạt ông và nhà cha ông thay vì phạt dân Y-sơ-ra-ên vì tội lớn đó.
2 Samuel 24:18
Tiên tri Gát bảo Đa-vít làm gì?
Gát bảo Đa-vít đi lên và xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va trong sân đạp lúa của A-rau-na.
2 Samuel 24:20
Tiên tri Gát bảo Đa-vít làm gì?
Gát bảo Đa-vít đi lên và xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va trong sân đạp lúa của A-rau-na.
2 Samuel 24:21
Mục đích Đa-vít đến gặp A-rau-na là gì?
Đa-vít muốn mua sân đạp lúa của A-rau-na để ông có thể xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va loại bỏ bệnh dịch khỏi dân sự.
2 Samuel 24:24
Tại sao Đa-vít khăng khăng đòi mua sân đạp lúa của A-rau-na với một giá?
Đa-vít nói với A-rau-na rằng ông khăng khăng muốn mua bằng một mức giá vì ông sẽ không dâng bất cứ thứ gì làm của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va mà không đáng giá chi.
2 Samuel 24:25
Đa-vít ngăn cơn bệnh dịch trong Y-sơ-ra-ên thế nào?
Đa-vít ngăn cơn bệnh dịch trong Y-sơ-ra-ên bằng cách xây một bàn thờ cho Đức Chúa Trời và dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân.

Chapter 1
1 Kings 1:1
đắp nhiều mền
Người ta đắp nhiều mền cho Vua Đa-vít để cố gắng giữ ấm cho ông.
1 Kings 1:3
Vậy họ đi tìm
"Vi vậy những tôi tớ của vua đi tìm"
trong khắp lãnh thổ Y-sơ-ra-ên
"trên khắp vùng đất Y-sơ-ra-ên"
A-bi-sác,người Su-nem
"A-bi-sác đến từ Su-nem"
Người Su-nem
một người đến từ thành phố Su-nem
vua
"Vua Đa-vít"
1 Kings 1:5
A-đô-ni-gia, con của bà Ha-ghít
Ha-ghít là một trong những người vợ của Đa-vít.
tự tôn
"bắt đầu trở nên kiêu căng"
ngựa chiến
Đây là những người lái các chiếc xe được kéo bởi ngựa.
năm mươi người chạy trước mặt mình
Những người này đi trước những ngựa chiến để dọn đường và bảo vệ cho chúng.
chẳng bao giờ làm ông phiền lòng mà hỏi rằng
"chưa bao giờ làm phiền ông. Vua thậm chí chẳng bao giờ hỏi ông" hoặc là "chưa bao giờ muốn làm ông tức giận, vì thế vua cha chẳng bao giờ hỏi ông"
Tại sao con làm như thế?
Đây là một câu hỏi tu từ mà một người cha hỏi để dạy dỗ con trai mình. Tương tự câu: “Con nên biết điều con đã làm là sai.”
được sinh ra kế sau Áp-sa-lôm
Đa-vít là cha của cả Áp-sa-lôm và A-đô-ni-gia, nhưng họ lại không cùng mẹ. Áp-sa-lôm sinh ra, rồi mới đến A-đô-ni-gia.
1 Kings 1:7
A-đô-ni-gia bàn mưu với Giô-áp
"A-đô-ni-gia bàn luận kế hoạch mình với Giô-áp"
Giô-áp ... Xê-ru-gia ... A-bia-tha ... A-đô-ni-gia ... Xa-đốc ... Bê-na-gia ... Giê-hô-gia-đa ... Na-than ... Si-mê-i ... Rê-i
tên của những người nam
theo giúp ông
"ủng hộ và giúp đỡ A-đô-ni-gia" hoặc là "hứa rằng sẽ ủng hộ và giúp đỡ A-đô-ni-gia"
1 Kings 1:9
thú béo
"những con thú được cho ăn nhiều để chúng béo lên” hoặc là "những con bò con được chuẩn bị đặc biệt làm của tế lễ"
tảng đá Xô-hê-lết
Đây là khu vực có nhiều đá gần Giê-ru-sa-lem.
Ên Rô-ghên
Đây là tên của một dòng suối mà người ta thường lấy nước.
tất cả các em mình, là các hoàng tử
Hai cụm từ này đều nói đến các người đó.
những người Giu-đa, là quan chức trong triều

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hai cụm từ này đều nói đến các người đó.
1 Kings 1:11
Bà không nghe rằng ... gì sao?
Mục đích của câu hỏi này là để giới thiệu một thông tin quan trọng mà Na-than muốn nói với Bát Sê-ba. Tương tự câu: “Bà dường như chưa nghe ...gì sao.” hoặc là “Bà không nghe ..gì sao?”
rằng A-đô-ni-gia, con của bà Ha-ghít, đã làm vua
"rằng con trai của bà Ha-ghít, là A-đô-ni-gia đang cố để trở thành vua”
Ha-ghít
Mẹ của A-đô-ni-gia cũng là vợ của Đa-vít.
1 Kings 1:13
Thông Tin Chung:
Tiên tri Na-than tiếp tục nói với Bát Sê-ba.
chẳng phải bệ hạ đã thề với tớ gái bệ hạ ... ngai trẫm, đó sao?
Mục đích của câu hỏi này là để nhắc Đa-vít nhớ về điều mà ông đã hứa với Bát Sê-ba. Tương tự câu: “bệ hạ đã thề hứa với tớ gái bệ hạ rằng .. ngai trẫm.”
với tớ gái bệ hạ
Bát Sê-ba nói với Đa-vít như thể bày tỏ lòng kính trọng đối với Đa-vít. Tương tự câu: “với thiếp, đứa tớ gái của bệ hạ”
nó sẽ ngồi trên ngai trẫm
Ngồi trên ngai là phép hoán dụ về việc làm vua. Tương tự câu: “nó sẽ làm vua như trẫm”
Vậy,tại sao A-đô-ni-gia lại làm vua?
"Vậy thì, A-đô-ni-gia không nên làm vua."
xác nhận lời của bà
"nói với vua rằng điều bà đã nói là sự thật"
1 Kings 1:15
gặp vua trong phòng
"phòng mà vua đã ngủ ở đó
A-bi-sác, người Su-nem
Đây là người thiếu nữ đồng trinh mà các triều thần của Vua Đa-vít mang đến để chăm sóc cho ông. Đã được dịch ở 1KI 1:3.
sấp mình phủ phục trước mặt vua
"sấp mình sát dưới đất trước mặt vua"
Ái khanh cần điều gì?
"Trẫm có thể làm gì cho nàng?"
chính bệ hạ đã nhân danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ mà thề với
Chữ “bệ hạ” ở đây được nhấn giọng. "chính bệ hạ đã thề hứa với"
tớ gái bệ hạ
Bát Sê-ba nói như thể nàng là một người khác để bày tỏ cho Đa-vít thấy rằng nàng rất kính trọng ông. Tương tự câu: “thiếp, đứa tớ gái của bệ hạ” Đã được dịch ở 1KI 1:13.
nó sẽ ngồi trên ngai trẫm
Ngồi troeen ngai là phép hoán dụ của việc làm vua. Tương tự câu: “nó sẽ làm vua như trẫm” Đã được dịch ở [1KI 1:13]
1 Kings 1:18
Thông Tin Chung:
Bát Sê-ba tiếp tục nói với Vua Đa-vít.
nhưng bây giờ
"hãy chú ý điều mà thiếp sắp nói với bệ hạ"
bò đực, thú béo, và rất nhiều chiên
"nhiều bò đực, thú béo và chiên"
1 Kings 1:20
Thông Tin Chung:
Bát Sê-ba tiếp tục nói với Vua Đa-vít.
toàn dân Y-sơ-ra-ên đều hướng mắt về bệ hạ
“Mắt” ở đây nói đến dân chúng. Tương tự câu: “tất cả mọi người dân Y-sơ-ra-ên đều để ý xem bệ hạ”
sẽ ngồi trên ngai kế vị bệ hạ
Ngồi trên ngai là phép hoán dụ về việc làm vua. Tương tự câu: “sẽ làm vua” Những chữ tương tự xuất hiện ở 1KI 1:13.
khi bệ hạ an giấc với các tổ phụ
Bát Sê-ba nói với Vua Đa-vít như thể nàng đang nói về ông để chỉ cho vua thấy rằng nàng kính trọng ông. Tương tự câu: “khi bệ hạ an giấc với các tổ phụ mình”
an giấc với các tổ phụ
Đây là cách nói tế nhị nhằm chỉ đến “sự chết.”
Thiếp và con trai của thiếp là Sa-lô-môn sẽ bị xử như kẻ có tội
Ở đây có thể được dịch ở thể chủ động. Tương tự câu: “vị vua mới sẽ xem con trai của thiếp là Sa-lô-môn cùng thiếp là những kẻ có tội”
1 Kings 1:22
Thông Tin Chung:
Tiên tri Na-than nói với Vua Đa-vít.
sấp mình phủ phục
"cúi mình xuống rất thấp"
1 Kings 1:24
Thông Tin Chung:
Tiên tri Na-than tiếp tục nói với Vua Đa-vít.
nó sẽ ngồi trên ngai trẫm
Ngồi trên ngai là phép hoán dụ về việc làm vua. Tương tự câu: “nó se làm vua như trẫm” Được dịch ở 1KI 1:13.
ăn uống trước mặt A-đô-ni-gia
A-đô-ni-gia có lẽ đã ngồi tại bàn nơi mà ông có thể xem thấy những khách mời của mình ăn và uống. Ý chính ở đây là những người mà Na-than kể đến đã ở cùng A-đô-ni gia và họ đang chúc tôn nhau. Tương tự câu: “ăn và uống với A-đô-ni-gia” hoặc là “ăn và uống tại nơi mà A-đô-ni-gia có thể thấy chúng”
1 Kings 1:26
Thông Tin Chung:
Tiên tri Na-than tiếp tục nói với Vua Đa-vít.
tôi là đầy tớ bệ hạ
Na-than nói với Đa-vít như thể Vua Đa-vít là một người khác để bày tỏ lòng kính trọng của mình với Vua Đa-vít.
ngồi trên ngai
Ngồi trên ngai là phép hoán dụ về việc làm vua. Tương tự câu: “nó sẽ làm vua như trẫm” Những chữ tương tự xuất hiện ở [1KI 1:13]
1 Kings 1:28
Thông Tin Chung:
Vua Đa-vít hứa với Bát Sê-ba.
kế vị trẫm
"trở nên vua" hoặc là "trờ lại làm vua"
thề
"thề hứa rất nghiêm nghị"
nó sẽ ngồi trên ngai thay thế trẫm
Ngồi trên ngai là một phép hoán dụ về việc làm vua. Tương tự câu: “nó sẽ thay thế trẫm và trở thành vua như trẫm” Những chữ tương tự xuất hiện ở [1KI 1:13]
Nguyện vua Đa-vít, chúa của thiếp, vạn tuế!
Bát Sê-ba biết rằng Đa-vít sẽ không thể sống mãi, đây là

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cách nói rằng ông là vị vua tốt lành.
1 Kings 1:32
Thông Tin Chung:
Vua Đa-vít xức dầu cho Vua Sa-lô-môn.
các đầy tớ của chúa các ngươi
Đa-vít nói về ông như thể ông đang nói về một người khác hầu cho Xa-đốc, Na-than, và Bê-na-gia nhớ rằng Đa-vít vẫn còn là vua. Tương tự câu: “các đầy tớ của ta”
Ghi-hôn
Đây là tên của một suối nước.
1 Kings 1:35
Thông Tin Chung:
Vua Đa-vít tiếp tục nói thay cho Sa-lô-môn như là một người sẽ trở thành vua.
vua sẽ ngồi trên ngai trẫm
Những chữ “ngồi trên ngai” được dùng như là một phép hoán dụ về việc làm vua ở 1KI 1:13, 1KI 1:17, và 1KI 1:30. Ở đây Đa-vít nói về Sa-lô-môn theo đúng nghĩa đen là ngồi trên ngai thật sự.
A-men!
Họ tán thành và sẽ làm theo điều mà Vua Đa-vít đã nói.
Nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ là chúa tôi cũng chuẩn y việc nầy
Bê-na-gia nói với Vua Đa-vít như thể ông đang nói với một người khác để thể hiện lòng kính trọng của mình đối với Vua Đa-vít. Tương tự câu: “Chúa là bệ hạ tôi ôi, nguyện Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của vua cũng chuẩn y việc này”
đã ở với bệ hạ thể nào
Bê-na-gia nói với Vua Đa-vít như thể ông đang nói với một người khác để bày tỏ lòng kính trọng của mình đối với Vua Đa-vít. Tương tự câu: “đã ở với bệ hạ, chúa là vua tôi thể nào”
và khiến ngai vua còn cao trọng hơn ngai của vua Đa-vít
Chữ “ngai” là phép hoán dụ cho cả hai 1) người ngồi trên ngai, Tương tự câu: “khiến người ngồi trên ngai còn cao trọng hơn chúa tôi là Vua Đa-vít” hoặc là 2) vương quốc mà người đó cai trị. Tương tự câu: “khiến vương quốc của người còn cao trọng hơn vương quốc của chúa tôi là Vua Đa-vít”
ngai của vua Đa-vít, là chúa tôi!
Bê-na-gia nói với Vua Đa-vít như thể ông đang nói với một người khác để bày tỏ lòng kính trọng của mình đối với Vua Đa-vít. Tương tự câu: “ngai của ngài, chúa tôi là Vua Đa-vít”
1 Kings 1:38
Thông Tin Chung:
Dân Y-sơ-ra-ên xức dầu cho Sa-lô-môn hầu làm vua trên Y-sơ-ra-ên.
Kê-rê-thít ... Phê-lê-thít
tên của những nhóm người
Ghi-hôn
tên của một suối, nơi mà nước chảy ra từ đất
lấy sừng đựng dầu từ Lều Tạm
Lấy một sừng thú đặc biệt được dùng để đựng dầu ô-liu mà các thầy tế lễ cất giữ trong Đền Tạm của Đức Giê-hô-va
sừng đựng dầu
Những nghĩa có thể là 1) sừng của một loài thú được dùng để đựng dầu ô-liu hoặc là 2) một bình chứa đã được dùng để thay thế cái sừng, nhưng người ta vẫn gọi nó là một cái sừng, “bình chứa dầu.”
1 Kings 1:41
Thông Tin Chung:
A-đô-ni-gia nghe tiếng ồn ào và chờ đợi thông tin.
1 Kings 1:43
Thông Tin Chung:
A-đô-ni-gia biết rằng Sa-lô-môn là vị vua mới.
Kê-rê-thít ... Phê-lê-thít
tên của những nhóm người
1 Kings 1:46
Thông Tin Chung:
Giô-na-than tiếp tục nói với A-đô-ni-gia về Sa-lô-môn.
đã ngự trên ngai vua
Những nghĩa có thể của những chữ này là phép hoán dụ của việc làm vua. Tương tự câu: “đã làm vua” Nó cũng có nghĩa là Sa-lô-môn đã thật sự ngồi trên ngai trị vì. Những chữ tương tự xuất hiện trong [1KI 1:35]
hôm nay đã ban một người ngồi trên ngai của con
Những nghĩa có thể của những chữ này là phép hoán dụ của việc làm vua. Tương tự câu: “một người làm vua ngày hôm nay như con đã làm” Nó cũng có thể nói đến Sa-lô-môn đã thật sự ngồi trên ngai. Các chữ tương tự xuất hiện trong [1KI 1:35]
1 Kings 1:49
Thông Tin Chung:
A-đô-ni-gia trở nên khiếp sợ Vua Sa-lô-môn.
Họ đứng dậy
Nghĩa khác có thể là “Họ bắt đầu hành động cách nhanh chóng”
A-đô-ni-gia ... đứng dậy và
"Nghĩa khác có thể là “A-đô-ni-gia .. cách nhanh chóng” "
A-đô-ni-gia ... nắm các sừng bàn thờ
“Sừng của bàn thờ” tượng trưng cho sức mạnh và sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va, nhưng A-đô-ni-gia đã chạy vào khu vực của đền tạm để nắm chặt lấy sừng của bàn thờ theo đúng nghĩa đen, bạn nên dịch nó theo nghĩa đen.
sợ vua Sa-lô-môn
Các người đầy tớ nói với Vua Sa-lô-môn như thể họ đang nói với một người nào khác để thể hiện lòng kính trọng của mình với Vua Sa-lô-môn. Tương tự câu: “sợ ngài, Vua Sa-lô-môn”
vua sẽ không giết đầy tớ vua
A-đô-ni-gia nói với chính mình như thể ông đang nói với một người khác để mọi người nghĩ ràng ông tôn kính Vua Sa-lô-môn. Tương tự câu: “vua sẽ không giết tôi”
1 Kings 1:52
Thông Tin Chung:
Sa-lô-môn tha mạng cho A-đô-ni-gia.
không một sợi tóc nào của ông ấy sẽ rơi xuống đất
"không một sợ tóc nào trên đầu ông ấy sẽ rơi xuống đất” hoặc là câu tương tự: “Ta sẽ bảo toàn mạng sống cho ông ấy”
có điều gian ác nào nơi ông ấy
"ông ấy làm điều gì gian ác"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Kings 1:1
Khi về già, vua Đa-vít đã gặp phải vấn đề gì?
Mặc dù người ta mặc cho nhiều áo, vua vẫn không thấy ấm.
1 Kings 1:4
Mặc dầu A-bi-sác rất xinh đẹp, nàng săn sóc và hầu hạ vua, nhưng Đa-vít không làm điều nầy với nàng?
Vua không hề có mối liên hệ tình dục với
A-bi-sác.
1 Kings 1:5
A-đô-ni-gia con trai Ha-ghít đã tôn mình lên ra sao?
A-đô-ni-gia muốn làm vua, nên người đã chuẩn bị cho mình những xe chiến mã, những người đánh xe và năm mươi người chạy trước mặt mình.
1 Kings 1:6
Vua Đa-vít có trách phạt hay sửa trị những việc làm của A-đô-ni-gia con trai mình không?
Không, vua Đa-vít chẳng bao giờ bận tâm về A-đô-ni-gia mà hỏi rằng: "Tại sao con làm như thế?"
1 Kings 1:7
Hai mười đi theo và giúp sức cho A-đô-ni-gia là ai?
Giô-áp và A-bia-tha đã giúp đỡ A-đô-ni-gia trong âm mưu trở thành vua của người.
1 Kings 1:9
A-đô-ni-gia đã không mời ai đến tham dự buổi dâng tế lễ của mình?
A-đô-ni-gia đã không mời Na-than, là đấng tiên tri, Bê-na-gia, các dõng sĩ, cùng Sa-lô-môn, em mình.
1 Kings 1:10
A-đô-ni-gia đã không mời ai đến tham dự buổi dâng tế lễ của mình?
A-đô-ni-gia đã không mời Na-than, là đấng tiên tri, Bê-na-gia, các dõng sĩ, cùng Sa-lô-môn, em mình.
1 Kings 1:11
Ai đã cảnh báo Bát-sê-ba, mẹ của Sa-lô-môn rằng A-đô-ni-gia đã làm vua và rằng mạng sống bà đang bị nguy hiểm?
Tiên tri Na-than đã cảnh báo Bát-sê-ba rằng mạng sống của bà và mạng sống của Sa-lô-môn con bà đang gặp nguy hiểm.
1 Kings 1:12
Ai đã cảnh báo Bát-sê-ba, mẹ của Sa-lô-môn rằng A-đô-ni-gia đã làm vua và rằng mạng sống bà đang bị nguy hiểm?
Tiên tri Na-than đã cảnh báo Bát-sê-ba rằng mạng sống của bà và mạng sống của Sa-lô-môn con bà đang gặp nguy hiểm.
1 Kings 1:13
Na-than đã bảo Bát-sê-ba đi hỏi vua Đa-vít những câu hỏi nào?
Tiên tri Na-than đã khuyên Bát-sê-ba đi hỏi Đa-vít xem có phải vua đã hứa rằng Sa-lô-môn sẽ làm vua hay không, và tại sao lúc nầy A-đô-ni-gia lại đang trị vì.
1 Kings 1:17
Lời hứa nào mà vua Đa-vít đã thề với Bát-sê-ba?
Đa-vít đã thề với Bát-sê-ba rằng sau khi ông chết thì Sa-lô-môn sẽ lên làm vua.
1 Kings 1:18
Bát-sê-ba thuật lại cho Đa-vít biết A-đô-ni-gia đã làm những gì?
Bát-sê-ba đã kể với Đa-vít rằng A-đô-ni-gia đã trở thành vua mà Đa-vít không hề hay biết, và rằng người đã dâng rất nhiều con sinh tế.
1 Kings 1:19
#Bát-sê-ba thuật lại cho Đa-vít biết A-đô-ni-gia đã làm những gì?
Bát-sê-ba đã kể với Đa-vít rằng A-đô-ni-gia đã trở thành vua mà Đa-vít không hề hay biết, và rằng người đã dâng rất nhiều con sinh tế.
1 Kings 1:21
Bát-sê-ba lo sợ điều gì sẽ xảy ra khi Đa-vít qua đời?
Bà lo sợ rằng bà và Sa-lô-môn con trai bà sẽ bị xử như những kẻ có tội.
1 Kings 1:24
Tại sao tiên tri Na-than đến thăm vua Đa-vít?
Tiên tri Na-than muốn báo cho Đa-vít biết rằng A-đô-ni-gia đang tự lập mình lên làm vua mà không có sự cho phép của Đa-vít.
Tiên tri Na-than đã hỏi vua Đa-vít câu hỏi nào?
Na-than đã hỏi vua có phải vua đã nói rằng A-đô-ni-gia sẽ kế vị và ngồi trên ngai như một vị vua hay không.
1 Kings 1:25
Tại sao tiên tri Na-than đến thăm vua Đa-vít?
Tiên tri Na-than muốn báo cho Đa-vít biết rằng A-đô-ni-gia đang tự lập mình lên làm vua mà không có sự cho phép của Đa-vít.
1 Kings 1:29
Vua Đa-vít đã lập lời thề nào với Bát-sê-ba?
Đa-vít đã lập lời thề rằng Sa-lô-môn, con trai Bát-sê-ba sẽ kế vị ông cai trị và ngôi trên ngai mình trong chỗ của Đa-vít.
1 Kings 1:30
Vua Đa-vít đã lập lời thề nào với Bát-sê-ba?
Đa-vít đã lập lời thề rằng Sa-lô-môn, con trai Bát-sê-ba sẽ kế vị ông cai trị và ngôi trên ngai mình trong chỗ của Đa-vít.
1 Kings 1:32
Vua Đa-vít đã bảo Xa-đốc, Na-than, và Bê-na-gia phải làm gì cho Sa-lô-môn con trai mình?
Vua Đa-vít đã truyền dặn ba cận thần của mình phải dùng lừa của mình để đưa Sa-lô-môn đi đến Ghi-hôn để xức dầu cho người làm vua trên Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 1:33
Vua Đa-vít đã bảo Xa-đốc, Na-than, và Bê-na-gia phải làm gì cho Sa-lô-môn con trai mình?
Vua Đa-vít đã truyền dặn ba cận thần của mình phải dùng lừa của mình để đưa Sa-lô-môn đi đến Ghi-hôn để xức dầu cho người làm vua trên Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 1:39
Dân sự phản ứng như thế nào khi Xa-đốc đã xức dầu Sa-lô-môn làm vua?
Cả dân sự đều hô lên rằng: "Vua Sa-lô-môn vạn tuế! và vui mừng khôn xiết.
1 Kings 1:40
Dân sự phản ứng như thế nào khi Xa-đốc đã xức dầu Sa-lô-môn làm vua?
Cả dân sự đều hô lên rằng: "Vua Sa-lô-môn vạn tuế! và vui mừng khôn xiết.
1 Kings 1:51
A-đô-ni-gia đã làm gì khi người nghe tin Đa-vít đã lập Sa-lô-môn làm vua Y-sơ-ra-ên?
A-đô-ni-gia sợ vua Sa-lô-môn; và ông đi vào đền thờ của Đức Chúa Trời rồi nắm các sừng bàn thờ.
1 Kings 1:53
Khi người ta đem A-đô-ni-gia đến trước vua Sa-lô-môn thì Sa-lô-môn đã nói gì với A-đô-ni-gia?
Vua Sa-lô-môn đã bảo A-đô-ni-gia trở về nhà mình.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 2

1 Kings 2:1

Cha sắp đi con đường mà mọi người trên thế gian phải đi

Đây là cách nói tế nhị về việc “Ta sắp phải qua đời.”

chứng tỏ mình là một bậc trượng phu

"cho mọi người thấy rằng mình là một bậc trượng phu” hoặc là "sống để mọi người có thể thấy con là một người đàn ông tốt"

bước đi trong đường lối Ngài

"sống theo cách Ngài hướng dẫn”

thành công

"thành đạt" hay "làm tốt mọi việc"

sẽ làm ứng nghiệm lời Ngài

"làm thành những điều Ngài đã hứa sẽ làm"

nếu con cháu của con ... con sẽ không hề thiếu

Đức Giê-hô-va đang nói với Đa-vít, vì thế những chữ “con” và “của con” là nói đến Đa-vít.

bước đi một cách trung thành trước mặt Ta

Đức Giê-hô-va đang nói với Đa-vít, vì thế chữ “Ta” tức là Đức Giê-hô-va.

hết lòng, hết linh hồn

con sẽ không hề thiếu người ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên

Chữ “ngai” là phép hoán dụ cho vị vua ngồi trên ngai. Tương tự câu: “dòng dõi con sẽ không bao giờ thiếu người làm vua Y-sơ-ra-ên”. Cách nói giảm “sẽ không hề thiếu” có thể được trình bày theo thể khẳng định. Tương tự câu: “những người thuộc dòng dõi con sẽ luôn được làm vua Y-sơ-ra-ên.”

1 Kings 2:5

Thông Tin Chung:

Vua Đa-vít tiếp tục nói với Sa-lô-môn về việc làm thế nào để lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên.

những việc Giô-áp ... đã làm cho cha, việc hắn đã làm

Đa-vít nói đến cùng một sự việc đến hai lần. Tương tự câu: “những việc Giô-áp .. đã làm cho ta – đó chính là, điều mà hắn đã làm”

làm đổ máu trong thời bình như trong thời chiến

Những nghĩa có thể là 1) “đã giết người suốt thời bình như hắn đã làm trong thời chiến” hoặc là 2) "báo thù mọi người trong suốt thời bình bởi vì họ đã giết người trong thời chiến”

khiến máu ấy dính nơi đai thắt lưng của hắn và giày hắn mang nơi chân

Những nghĩa có thể là 1) Giô-áp áp gần những người đó đủ để khi hắn giết họ thì máu của họ bắn lên thắt lưng và giày của hắn hoặc 2) chữ “máu” là phép hoán dụ của tội ác giết người, và thắt lưng và giày là phép hoán dụ cho quyền lực của Giô-áp khi làm lãnh đạo, vì thế Đa-vít nói rằng bởi vì Giô-áp phạm tội ác giết người, hắn không nên làm chỉ huy của quân đội. Dù sao, đó là cách tốt nhất để dịch nó theo nghĩa đen.

giày

Nếu ngôn ngữ của bạn không có chữ diễn đạt cho từ giày xăng-đan, hãy sử dụng thuật ngữ chung để nói đến cái mà người ta mang trong chân họ.

đừng để đầu bạc của hắn xuống âm phủ một cách bình an

"hãy chắc rằng Giô-áp chết cách dã man trước khi ông trở về già.”

1 Kings 2:7

Thông Tin Chung:

Vua Đa-vít tiếp tục nói với Sa-lô-môn về việc làm thế nào để lãnh đạo Y-sơ-ra-ên.

Bát-xi-lai

tên một người nam

hãy cho họ ăn đồng bàn với con

"đón tiếp họ ăn ở tại nhà con"

1 Kings 2:8

Thông Tin Chung:

Vua Đa-vít tiếp tục nói với Sa-lô-môn về việc làm thế nào để lãnh đạo Y-sơ-ra-ên.

Si-mê-i ... Ghê-ra

tên của những người nam

Người Bên-gia-min

dòng dõi của Bên-gia-min

Ba-hu-rim ... Ma-ha-na-im

tên các địa danh

đừng để hắn khỏi bị trừng phạt

Ở đây có thể được trình bày theo thể khẳng định. Tương tự câu: “hãy chắc rằng sẽ trừng phạt hắn”

hãy làm cho đầu bạc của hắn vấy máu mà xuống âm phủ

Máu là phép hoán dụ cho cái chết kinh khiếp, và đầu là phép hoán dụ cho cả thân thể. Tương tự câu: “hãy chắc rằng hắn sẽ chết cách kinh khiếp”

1 Kings 2:10

Thông Tin Chung:

Đa-vít chết và Sa-lô-môn thế chỗ ông trở thành vị vua mới của Y-sơ-ra-ên.

an giấc cùng các tổ phụ mình

"chết"

Đa-vít ... và được an táng

Ở đây có thể được dịch theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đa-vít ... và họ mai táng ông”

Thời gian Đa-vít trị vì trên Y-sơ-ra-ên là

"Thời gian mà Đa-vít trị vì trên Y-sơ-ra-ên là” hoặc là “ Đa-vít trị vì trên Y-sơ-ra-ên trong khoảng thời gian là”

ngự trên ngai của cha mình là Đa-vít

Ngai tượng trưng cho quyền làm vua. Tương tự câu: “trở thành vua, như cha mình là Đa-vít”

vương quốc của Sa-lô-môn thật vững chắc

Ở đây có thể được dịch theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã lập vương quốc của Sa-lô-môn được vững chắc” hoặc là “không một ai dám dành quyền làm vua”

1 Kings 2:13

Thông Tin Chung:

A-đô-ni-gia đến nói với Bát Sê-ba.

Đã trở nên

“điều chúng tôi mong đợi đã không diễn ra”

Vương quyền ấy đã thuộc về em tôi

Câu này có thể được dịch theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã ban vương quyền cho em tôi” hay là “em tôi trở thành vua”

1 Kings 2:16

Thông Tin Chung

A-đô-ni-gia đã nói lời thỉnh cầu của mình với Bát Sê-ba.

Mong bà không từ chối ... vì vua chẳng từ chối bà điều gì với bà

Câu này có thể được diễn đạt một cách quả quyết. “Xin hãy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

làm theo điều tôi nói ... Vua chắc chắn sẽ làm theo lời bà nói."

A-bi-sác, người Su-nem

(Xem: 1KI 1:3)

1 Kings 2:19

Thông Tin Chung:

Bát Sê-ba đến gặp vua Sa-lô-môn cùng với lời thỉnh cầu của A-đô-ni-gia.

truyền đặt một ngai nữa

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Nói ai đó đem đến một ngai nữa"

Con sẽ không từ chối mẹ đâu

Câu này có thể được diễn đạt một cách quả quyết. Tương tự câu "Con sẽ làm theo điều mẹ cầu xin" hay là "Con sẽ làm điều mẹ yêu cầu."

1 Kings 2:22

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn trả lời lời thỉnh cầu của A-đô-ni-gia.

Sao mẹ lại xin ... cho A-đô-ni-gia? Hãy xin vương quyền cho anh ấy luôn đi ... Xê-ru-gia nữa"

Vua Sa-lô-môn giận dữ với yêu cầu của mẹ mình. Tương tự câu: "Mẹ đã sai khi xin ... cho A-đô-ni-gia! Điều này giống như là xin vương quyền cho anh ấy ... Xê-ru-gia nữa!" hoặc là "Con cho là con nên trao cả vương quyền cho anh ấy nữa!"

Nguyện Đức Chúa Trời xử tôi một cách nặng nề nếu A-đô-ni-gia không mất mạng vì lời yêu cầu này

Tương tự câu: "Nguyện Đức Chúa Trời có mọi quyền xử tử tôi- và làm những việc còn tệ hơn nữa- nếu như tôi không giết A-đô-ni-gia vì yêu cầu này. "

1 Kings 2:24

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn giết chết A-đô-ni-gia

Khiến tôi ngồi trên ngai

Chữ "ngai" nói đến quyền cai trị của Sa-lô-môn được ban cho bởi Đức Giê-hô-va.

lập cho tôi một triều đại

Chữ "triều đại" ở đây nói đến các dòng dõi mà Đức Giê-hô-va ban cho vua Sa-lô-môn sẽ tiếp tục trị vì sau ông.

1 Kings 2:26

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn đuổi A-bi-a-tha không cho làm thầy tế lễ nữa.

đã chia sẻ mọi nỗi gian lao với cha trẫm.

A-bi-a-tha đã chia sẻ những khó khăn bên Vua Đa-vít trước khi Đa-vít làm vua.

Sa-lô-môn ... được ứng nghiệm

"Sa-lô-môn" ở đây tức là vua Sa-lô-môn.

lời của Đức Giê-hô-va đã phán

"Đức Giê-hô-va" là Đức Giê-hô-va.

1 Kings 2:28

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn sai Bê-na-gia giết chết Giô-áp.

Khi nghe tin nầy, Giô-áp

Tương tự câu: "Giô-áp nghe những điều mà Sa-lô-môn đã làm sau khi lên làm vua."

các sừng bàn thờ

Các sừng bàn thờ tượng trưng cho sự bảo vệ và năng quyền của Đức Giê-hô-va

1 Kings 2:30

Thông Tin Chung:

Bê-na-gia đi giết Giô-áp.

Cất khỏi trẫm và khỏi nhà cha trẫm huyết vô tội mà Giô-áp đã đổ ra vô cớ

Ở đây chữ "nhà" tượng trưng cho dòng dõi của vua Đa-vít trong khi đó chữ "huyết" tượng trưng tội lỗi. Tương tự câu: "Rửa sạch tội giết người của Giô-áp khỏi liên lụy đến ta và nhà ta."

1 Kings 2:32

Thông Tin Chng:

Vua Sa-lô-môn giải thích tại sao Giô-áp phải chết.

Đức Giê-hô-va sẽ khiến máu hắn đổ lại trên đầu hắn

Chữ "hắn" ở đây tức là Giô-áp. "Máu" ở đây nói đến tội lỗi.

công chính và tốt hơn

Những từ này cơ bản nói đến điều tương tự nhau và nhấn mạnh rằng Áp-ne và A-ma-sa là những người tốt hơn Giô-áp nhiều.

trên đầu của Giô-áp và trên đầu của dòng dõi hắn

Ở đây sử dụng chữ "đầu" để miêu tả toàn bộ con người.

triều đại và ngôi báu người

Ở đây chữ "triều đại" và "ngôi báu" tượng trưng cho "dòng dõi" của Đa-vít và "vương quyền" của Đa-vít. Xem:

1 Kings 2:34

Thông Tin Chung:

Bê-na-gia giết Giô-áp và trở thành chỉ huy của quân đội Sa-lô-môn.

Giô-áp được chôn tại đất nhà

"Giô-áp được chôn tại chính nhà của mình."

1 Kings 2:36

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn nói với Si-mê-i phải ở tại Giê-ru-sa-lem hoặc Si-mê-i sẽ chết.

Máu ngươi sẽ đổ lại trên đầu ngươi

Ở đây chữ "máu" thay thế cho việc ác.

1 Kings 2:39

Thông Tin Chung:

Si-mê-i rời khỏi Giê-ru-sa-lem.

A-kích ... Ma-a-ca ... Gát

A-kích và Ma-a-ca là tên của những người nam; Gát là tên của một thành của người Phi-li-tin.

1 Kings 2:41

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn trừng phạt Si-mê-i vì rời khỏi Giê-ru-sa-lem.

Chẳng phải trẫm đã bắt ngươi chỉ Đức Giê-hô-va mà thề và bảo trước với ngươi, ' Hãy biết rằng ... sẽ chết sao'?

"Ngươi biết rất rõ rằng Ta đã bắt ngươi thề ... và bảo trước với ngươi, 'Hãy biết rằng ... sẽ chết sao'!"

1 Kings 2:43

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn tuyên bố trừng phạt Si-mê-i vì rời khỏi Giê-ru-sa-lem.

Tại sao ngươi không giữ lời ngươi đã chỉ Đức Giê-hô-va mà thề ...ngươi?

Các nghĩa có thể là 1) Sa-lô-môn đang hỏi một câu hỏi hay là 2) Tương tự câu: "Ngươi đã sai khi phá vỡ lời thề... ngươi."

trên đầu ngươi

Ở đây chữ "đầu" thay thế cho cả con người. Tương tự câu: "đổ trên ngươi"

1 Kings 2:45

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn ra lệnh Si-mê-i phải bị tử hình.

ngai của Đa-vít sẽ được lập vững bền trước mặt Đức Giê-hô-va đến đời đời

Ở đây “ngai của Đa-vít” tượng trưng cho quyền lực và sự trị vì của Đa-vít cùng tất cả các dòng dõi ông cho đến đời đời.

trong tay Sa-lô-môn

Ở đây sử dụng chữ “tay” tượng trưng cho quyền lực và sức mạnh của vua Sa-lô-môn.

Translation Questions

1 Kings 2:3

Vua Đa-vít đã nói gì với Sa-lô-môn con trai mình?

Đa-vít đã căn dặn con trai mình phải luôn kính sợ và vâng phục Đức Chúa Trời.

1 Kings 2:4

Lời hứa của Đức Giê-hô-va với Đa-vít là gì?

Đức Giê-hô-va đã hứa rằng Đa-vít sẽ sẽ chẳng hề thiếu người ngồi trên ngôi Y-sơ-ra-ên.

1 Kings 2:6

Vua Đa-vít đã căn dặn Sa-lô-môn điều gì về Giô-áp, con trai Xê-ru-gia?

Vua Đa-vít đã căn dặn Sa-lô-môn không được để người đi xuống mộ một cách bình yên.

1 Kings 2:7

Các con trai Bát-xi-lai đã làm gì cho vua vua Đa-vít?

Các con trai của Bát-xi-lai đã đến cùng Đa-vít khi ông chạy trốn khỏi Áp-sa-lôm.

1 Kings 2:8

Si-mê-i đã làm gì với vua Đa-vít?

Si-mê-i đã nguyền rủa vua Đa-vít cách nặng nề.

1 Kings 2:9

Đa-vít bảo Sa-lô-môn làm gì với Si-mê-i?

Đa-vít bảo Sa-lô-môn không được để Si-mê-i khỏi bị phạt, nhưng phải cho người dính máu mà xuống mồ.

1 Kings 2:11

Vua Đa-vít đã cai trị trên Y-sơ-ra-ên trong bao lâu?

DĐa-vít đã cai trị trong bốn mươi năm.

1 Kings 2:15

A-đô-ni-gia đã nói gì với Bát-sê-ba khi ông đến cùng bà?

A-đô-ni-gia đã nói rằng hết thảy Y-sơ-ra-ên đều hi vọng ông trở thành vua.

1 Kings 2:16

A-đô-ni-gia đã yêu cầu Bát-sê-ba điều gì?

A-đô-ni-gia đã yêu cầu bà hỏi xin Sa-lô-môn cho A-bi-sác người Su-nem cho ông làm vợ.

1 Kings 2:21

Tại sao Bát-sê-ba lại đi đến cùng Sa-lô-môn?

Bát-sê-ba đi đến cùng Sa-lô-môn để hỏi xin A-ba-sa được cho A-đô-ni-gia làm vợ.

1 Kings 2:23

Vua Sa-lô-môn đã trả lời Bát-sê-ba ra sao?

Sa-lô-môn nói rằng A-đô-ni-gia đã đưa ra yêu cầu nầy phải trả giá bằng chính mạng sống của mình.

1 Kings 2:25

Vua Sa-lô-môn đã sai ai đi xử tử A-đô-ni-gia?

Sa-lô-môn đã sai Bê-na-gia con trai Giê-hô-gia-đa đi xử tử người.

1 Kings 2:27

Vua Sa-lô-môn đã bảo thầy tế lễ A-bia-tha phải làm gì?

Sa-lô-môn đã đuổi A-bia-tha về lại những cánh đồng của ông và không cho ông làm chức tế lễ nữa.

1 Kings 2:28

Giô-áp đã chạy đến đâu để trốn khỏi Sa-lô-môn?

Giô-áp đã chạy đến Đền tạm của Đức Giê-hô-va và nắm lấy sừng của bàn thờ.

1 Kings 2:29

Vua Sa-lô-môn đã sai Bê-na-gia, con trai Giê-hô-gia-đa làm gì?

Sa-lô-môn đã bảo người đi giết Giô-áp.

1 Kings 2:30

Giô-áp đã nói gì với Bê-na-gia con trai Giê-hô-gia-đa?

Giô-áp đã nói với Bê-na-gia rằng ông sẽ không ra khỏi đền thờ và sẽ chết tại bàn thờ.

1 Kings 2:31

Vua Sa-lô-môn đã bảo Bê-na-gia làm gì với Giô-áp?

Sa-lô-môn đã bảo Bê-na-gia cứ làm như Giô-áp yêu cầu.

1 Kings 2:33

Tại sao vua Sa-lô-mô lại giết Giô-áp?

Sa-lô-môn đã giết Giô-áp bởi vì Giô-áp đã tấn công và giết Áp-ne con trai Nê-rơ bà A-ma-sa con trai Giê-the, mà không có sự cho phép của vua Đa-vít.

1 Kings 2:35

Vua Sa-lô-môn đã làm gì để ban thưởng cho Bê-na-gia con trai Giê-hô-gia-đa?

Sa-lô-môn đã lập người làm quan tổng binh.

1 Kings 2:36

Vua Sa-lô-môn cho phép Si-mê-i sống ở đâu?

Sa-lô-môn cho phép Si-mê-i sống ở Giê-ru-sa-lem.

1 Kings 2:37

Sa-lô-môn đã đưa ra lời cảnh cáo nào cho Si-mê-i khi vua cho phép ông sống ở Giê-ru-sa-lem?

Sa-lô-môn bảo với Si-mê-i rằng nếu ông rời khỏi Giê-ru-sa-lem mà đi đến bất kỳ nơi nào khác thì ông sẽ bị giết.

1 Kings 2:40

Tại sao Si-mê-i lại thắng yên lừa mình mà rời khỏi Giê-ru-sa-lem để đi đến Gát?

Si-mê-i đã đi đến Gát để đem hai đầy tớ đã bỏ trốn khỏi mình về.

1 Kings 2:44

Vua Sa-lô-môn đã bảo rằng Si-mê-i đã làm gì cho Đức Giê-hô-va?

Sa-lô-môn khẳng định Si-mê-i đã không giữ lời thề của mình với Đức Giê-hô-va, và rằng Đức Giê-hô-va sẽ báo trả sự gian ác của người lại trên đầu người.

1 Kings 2:46

Vua Sa-lô-môn đã làm gì khi ông được báo rằng Si-mê-i đã rời khỏi Giê-ru-sa-lem?

Sa-lô-môn đã bảo Bê-na-gia con trai Giê-hô-gia-đa đi giết Si-mê-i.

Chapter 3

1 Kings 3:1

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn cưới một người Ai Cập

Vua Sa-lô-môn kết thân với Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, và cưới con gái của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Pha-ra-ôn
“Vua Sa-lô-môn thiết lập mối quan hệ với vua Pha-ra-ôn ở Ai Cập.”
đền thờ của Đức Giê-hô-va
“đền thờ”
các nơi cao
“Những nơi mà con người thờ phượng và dâng sinh tế cho một vị thần.”
1 Kings 3:4
Thông Tin Chung:
Đức Chúa Trời hỏi Sa-lô-môn rằng Ngài có thể làm gì cho Sa-lô-môn.
nơi cao quan trọng nhất
Tương tự câu: “Nơi nổi tiếng nhất để dâng những con sinh tế” hay là “bàn thờ quan trọng nhất”
Hãy xin điều gì con muốn ta ban cho con
Tương tự câu: “Hãy xin ta bất cứ điều gì con muốn và Ta sẽ ban cho con điều đó” hay là “Con muốn gì? Hãy xin và ta sẽ ban nó cho con.”
1 Kings 3:6
Thông Tin Chung :
Sa-lô-môn đáp lại câu hỏi của Đức Chúa Trời.
Chúa đã bày tỏ lòng nhân từ lớn lao
Tương tự câu: “Chúa đã rất thành tín với giao ước của Ngài”
như người đã bước đi trước mặt Ngài trong sự trung tín, công chính, và tấm lòng ngay thẳng
Tương tự câu: “bởi vì người đã trung tín, công chính và chân thật”
ngồi trên ngai của người
Tương tự câu: “trị vì tại nơi của người”
1 Kings 3:7
Thông Tin Chung:
Sa-lô-môn cầu xin sự khôn ngoan.
Con chỉ là một đứa trẻ
Sa-lô-môn đang nói rằng ông chỉ giống như một đứa trẻ chưa biết nhiều như cha mình.
chẳng biết phải điều hành việc nước như thế nào
Tương tự câu: “Con không biết cách để làm việc” hay là “Con không biết phải làm vua thế nào.”
Vì ai có thể xét xử đoàn dân đông đảo nầy của Chúa?
Sa-lô-môn đang hỏi một câu hỏi mà câu trả lời đã rất rõ ràng. Câu trả lời là “chẳng có ai.” Tương tự câu: “Chẳng ai có thể xét xử đoàn dân đông đảo này của Chúa.”
1 Kings 3:10
Thông Tin Chung:
Đức Chúa Trời ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan và nhiều hơn thế.
Mạng sống của những kẻ thù con
Sa-lô-môn đã không cầu xin Đức Chúa Trời ban cho ông sức mạnh để chiếm giữ mạng sống của các kẻ thù mình. Tương tự câu: “kẻ thù của con sẽ bị diệt” hay là “sức mạnh để giết các kẻ thù con.”
Nên Ta làm theo điều con xin
Tương tự câu: “Ta sẽ làm theo mọi điều con cầu xin khi con nói với Ta”
1 Kings 3:13
Nếu con bước đi trong đường lối Ta, tuân giữ
“Hãy sống theo ý muốn Ta và vâng lời”
cho con được sống lâu ngày thêm
“ngày” tượng trưng cho cuộc đời của Sa-lô-môn. Tương tự câu: “khiến con được sống lâu.”
1 Kings 3:16
Thông Tin Chung:
Hai cô gái mại dâm yêu cầu Sa-lô-môn đưa ra quyết định.
1 Kings 3:18
Thông Tin Chung:
Hai cô gái mại dâm kể cho Sa-lô-môn nghe về câu chuyện của họ.
nằm đè lên nó
Tương tự câu: “tình cờ nằm đè lên con cô ta và làm nó ngạt thở ”
1 Kings 3:21
Thông Tin Chung:
Hai cô gái mại dâm tiếp tục kể câu chuyện của họ cho Sa-lô-môn nghe.
cho con bú
Câu này có nghĩa là cho đứa bé bú sữa từ bầu vú của bà.
trước mặt vua
“trước mặt vua Sa-lô-môn”
1 Kings 3:23
Thông Tin Chung:
Sa-lô-môn đưa ra quyết định cho hai người đàn bà.
1 Kings 3:26
Thông Tin Chung:
Người mẹ thật sự của đứa bé cầu xin vua tha mạng cho đứa trẻ.
rất xúc động vì thương con mình
Tương tự câu: “Bà ấy rất yêu thương con mình.”

Translation Questions

1 Kings 3:1
Vua Sa-lô-môn đã kết thân với Pha-ra-ôn, vua Ai Cập như thế nào?
Sa-lô-môn đã kết thân với Pha-ra-ôn bằng cách cưới con gái của vua đó.
1 Kings 3:3
Sa-lô-môn đã làm điều nào không phải là luật lệ của Đức Giê-hô-va?
Sa-lô-môn đã dâng của lễ và xông hương tại các miếu thờ tà thần.
1 Kings 3:4
Đền thờ tà thần lớn nằm ở đâu?
Đền thờ tà thần cao trọng nằm ở Ghi-bê-ôn.
1 Kings 3:5
Đức Giê-hô-va đã hiện đến cùng vua Sa-lô-môn như thế nào?
Đức Giê-hô-va đã hiện đến cùng Sa-lô-môn trong một giấc chiêm bao lúc ban đêm.
1 Kings 3:9
Vua Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?
Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho mình tấm lòng khôn sáng để đoán xét dân sự mình.
1 Kings 3:10
:ời cầu xin của vua Sa-lô-môn có đẹp lòng Chúa hay không?
Có, Yes, Solomon's request pleased the Lord.
1 Kings 3:12
Đức Chúa Trời đã ban điều gì cho vua Sa-lô-môn?
Đức Chúa Trời đã ban cho Sa-lô-môn tấm lòng khôn ngoan thông sáng để không một ai khác được giống như ông.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Kings 3:13
Đức Chúa Trời có ban cho vua Sa-lô-môn điều gì mà ông không hề cầu xin không?
Có, Đức Chúa Trời đã ban cho Sa-lô-mon cả sự giàu có và sự vinh hiển.
1 Kings 3:14
Sa-lô-môn cần phải làm gì để Đức Chúa Trời có thể kéo dài các ngày của ông?
Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ kéo dài các ngày của Sa-lô-môn nếu Sa-lô-môn bước đi theo các luật lệ và mạng lệnh của Đức Chúa Trời như vua Đa-vít đã làm.
1 Kings 3:15
Vua Sa-lô-môn đã làm gì sau khi thức dậy?
Sa-lô-môn đi đến Giê-ru-sa-lem và dâng các của lễ thiêu cùng của lễ thù ân, và đãi tiệc cho hết thảy tôi tớ mình.
1 Kings 3:16
Ai đã đến đừng trước mặt Sa-lô-môn?
Bấy giờ, có người phụ nữ là gái mại dâm đến đứng chầu trước mặt vua.
1 Kings 3:20
Một người đã thưa gì với vua Sa-lô-môn?
Một người đã thưa rằng trong lúc bà đang ngủ thì người phụ nữ kia đã lấy đứa con trai còn sống của mình và đặt đứa con trai đã chết của bà ấy nằm trong lòng mình.
1 Kings 3:25
Vua Sa-lô-môn đã ra lệnh gì cho các đầy tớ của mình?
Sa-lô-môn truyền đem đến một thanh gươm và chia đứa trẻ còn sống ra làm hai rồi chia cho hai người đàn bà mỗi người một phần.
1 Kings 3:26
Người phụ nữ đâu tiên đã thưa gì với vua Sa-lô-môn?
Người phụ nữ đầu tiên đã xin ban đứa trẻ còn sống cho người phụ nữ thứ hai và đừng giết đứa trẻ đó.
1 Kings 3:27
Vua Sa-lô-môn đã truyền phải làm gì với đứa trẻ còn sống?
Sa-lô-môn đã truyền ban đứa trẻ còn sống cho người phụ nữ đầu tiên và không được giết nó.
1 Kings 3:28
Hết thảy dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì khi họ nghe về sự đoán xét mà vua đã ban ra?
Hết thảy dân Y-sơ-ra-ên đều kính sợ vua bởi vì họ đã thấy sự khôn ngoan mà Đức Chúa Trời đã ban cho vua để xét xử công bình.

Chapter 4
1 Kings 4:1
Thông Tin Chung:
Các triều thần của Sa-lô-môn:
A-xa-ria … Xa-đốc … Ê-li-ô-rếp … A-hi-gia … Si-sa … Giê-hô-sa-phát … A-hi-lút … Bê-na-gia … Giê-hô-gia-đa … A-bia-tha
Đây là tên của những người nam.
1 Kings 4:5
Thông Tin Chung:
Thêm nhiều triều thần của Sa-lô-môn:
A-xa-ria … Na-than … Xa-bút … A-hi-sa … A-đô-ni-ram … Áp-đa
Đây là tên của những người nam.
1 Kings 4:7
Thông Tin Chung:
Tiếp tục danh sách các triều thần của Sa-lô-môn:
Bên Hu-rơ … Bên Đê-ke … Bên Hê-sết
Đây là tên của những người nam. Lưu ý rằng “Bên” ở trước một cái tên có nghĩa là “con trai của” vậy nên “Bên Hu-rơ” có nghĩa là “con trai của Hu-rơ.”
Ép-ra-im … Ma-kát … Sa-an-bim … Bết-Sê-mết … Ê-lôn Bết Ha-nan … A-ru-bốt … Sô-cô … Hê-phe
Đây là tên các địa danh.
1 Kings 4:11
Câu Kết Nối:
Tiếp tục danh sách các triều thần của Sa-lô-môn
Bên A-bi-na-đáp … Bên Ghê-be … Giai-rơ … Ma-na-se … A-hi-na-đáp … Y-đô
Đây là tên của những người nam.
Ta-phát
Đây là tên của một người nữ.
Đô-rơ … Bết Sê-an … Xạt-han … Gít-rê-ên … Bết Sê-an cho đến A-bên Mê-hô-la … Giốc-mê-am … Ra-mốt Ga-la-át … Ạt-gốp … Ba-san …Ma-ha-na-im
Đây là những địa danh.
1 Kings 4:15
Thông Tin Chung:
Ở đây tiếp tục liệt kê danh sách các triều thần của Sa-lô-môn.
A-hi-mát
Ông thuộc bộ tộc của Nép-ta-li và đã cưới Bách-mát làm vợ.
Ba-a-na
Cha của ông là Hu-sai, thuộc bộ tộc A-se và đã cưới Bê-a-lốt làm vợ.
Giê-hô-sa-phát
Cha của ông là Pha-ru-ác thuộc bộ tộc Y-sa-ca.
1 Kings 4:18
Thông Tin Chung:
Tiếp tục danh sách các triều thần của Sa-lô-môn.
cả vùng nầy
Ở đây “vùng này” nói đến phần đất của dân Giu-đa; các quan cai trị lúc trước ở các vùng khác nhau của Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 4:20
Đông như cát trên bờ biển
sông
“sông Ơ-phơ-rát” (UDB)
đất của người Phi-li-tin
(Xem: [[rc://vi/obe/other/philistia]])
ba mươi cô-rơ
Một “cô-rơ” hay là “kô-rơ” là một đơn vị đo của bột thô.
Nai đực, hoàng dương, hươu
“Ba loại hươu nai.”
1 Kings 4:24
Típ-sắc
Nơi này ngày nay thuộc vùng đông bắc Sy-ri.
Giu-đa và Y-sơ-ra-ên
Những cái tên như Giu-đa và Y-sơ-ra-ên thường được dùng để nói đến dân tộc Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.
Mỗi người ở dưới cây nho và cây vả của mình
Tương tự câu: “Mỗi gia đình có vườn riêng trồng cây nho và cây vả.” Ở đây cho thấy rằng dân chúng đang sống trong bình yên và ổn định vì họ không có chiến tranh và có thời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

gian để phát triển khu vườn của họ.
Từ Đan cho đến Bê-e Sê-ba
Ở đây nói đến toàn bộ vùng đất của Y-sơ-ra-ên từ Đan ở phía Bắc cho tới Bê-e Sê-ba ở phía nam.
1 Kings 4:26
chuồng ngựa
Chuồng ngựa là nơi mà loài động vật là ngựa được nuôi giữ và chăm sóc.
Họ không để thiếu gì cả
Câu này có thể được trình bày theo nghĩa khẳng định. Tương tự câu: “Họ cung cấp mọi thứ mà Sa-lô-môn cần.”
1 Kings 4:29
sự hiểu biết sâu rộng như cát trên bãi biển
Sự hiểu biết sâu rộng của Sa-lô-môn được so sánh với những hạt cát trên bãi biển, mà không thể nào đếm được.
mọi người ở phương Đông
Câu này nói đến mọi người ở các đất nước phía Đông của Y-sơ-ra-ên như là Ả-rập và vùng Lưỡng Hà.
Ê-than ... Hê-man ... Canh-côn ... Đạt-đa ... Ma-hôn
1 Kings 4:32
cây bá hương ... cây bài hương

Translation Questions

1 Kings 4:1
Sa-lô-môn có phải là vua cai trị trên toàn Y-sơ-ra-ên hay không?
Phải, Sa-lô-môn là vua cai trị trên toàn thể Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 4:5
Vua Sa-lô-môn có các quan lại và tể tướng không?
Vua Sa-lô-môn có nhiều quan lại và tể tướng.
1 Kings 4:7
Mỗi một quan lại của Sa-lô-môn phải chu cấp lương thực cho nhà của vua trong bao lâu?
Mỗi quan lại phải chu cấp lương thực trong một tháng trong năm.
1 Kings 4:20
Giu-đa và Y-sơ-ra-ên đông như thế nào?
Giu-đa và Y-sơ-ra-ên đông như cát bãi biển.
1 Kings 4:21
Sa-lô-môn đã cai trị trong bao lâu?
Sa-lô-môn đã cai trị trên các nước từ sông cái cho đến đất Phi-li-tin cho đến biên giới Ai Cập.
1 Kings 4:22
Lương thực của nhà Sa-lô-môn cần dùng trong một ngày là gì?
Lương thực cần dùng của Sa-lô-môn trong một ngày bao gồm: bộc mì mịn, bột thô, bò, chiên, nai đực, linh dương, con hoẵng đực và gà nuôi mập.
1 Kings 4:23
Lương thực của nhà Sa-lô-môn cần dùng trong một ngày là gì?
Lương thực cần dùng của Sa-lô-môn trong một ngày bao gồm: bộc mì mịn, bột thô, bò, chiên, nai đực, linh dương, con hoẵng đực và gà nuôi mập.
1 Kings 4:25
Trong thời của vua Sa-lô-môn, dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên đã sống ra sao?
Trong trọn đời Sa-lô-môn trị vì, dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên ăn ở yên ổn bình an vô sự, ai nấy đều ở dưới cây nho và cây vả mình.
1 Kings 4:26
Sa-lô-môn có bao nhiêu chuồng trại cho các xe ngựa của mình?
Sa-lô-môn có bốn mươi ngàn chuồng ngựa cho các xe ngựa của mình?
1 Kings 4:28
Người ta đã đem gì đến cho ngựa của Sa-lô-môn?
BNgười ta đem lúa mạch và rơm cho ngựa dùng để kéo và để cỡi.
1 Kings 4:29
Đức Chúa Trời đã ban gì cho Sa-lô-môn?
Đức Chúa Trời đã ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan, sự thông sáng rất cao như cát trên bờ biển.
1 Kings 4:31
Danh tiếng của Sa-lô-môn đã truyền xa trên đâu?
Danh tiếng của Sa-lô-môn đồn ra trong các dân tộc chung quanh.
1 Kings 4:32
Sa-lô-môn có bao nhiêu câu châm ngôn và bài thơ?
Sa-lô-môn đã nói ba ngàn bài hát và các câu châm ngôn của ông là một ngàn năm trăm.
1 Kings 4:34
Từ bao xa, người ta đến để nghe sự khôn ngoan của Sa-lô-môn?
Các dân từ khắp các nước đến để nghe sự khôn ngoan của Sa-lô-môn.

Chapter 5

1 Kings 5:1
Thông Tin Chung:
Sa-lô-môn nói với vua Hi-ram về việc xây cất đền thánh.
Vì Hi-ram vẫn luôn quý mến Đa-vít
“Vì Hi-ram luôn là người bạn thân thiết của vua Đa-vít” (UDB)
Đức Giê-hô-va khiến các kẻ thù phục dưới chân người
Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va giúp đỡ Đa-vít đánh bại các kẻ thù của ông.” Hay là “Đa-vít luôn bận rộn vì Đức Giê-hô-va khiến ông chiến thắng các kẻ thù mình.”
Xây cất một đền thờ cho danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi
“Xây một đền thờ để chúng ta có thể thờ phượng Đức Giê-hô-va”
1 Kings 5:4
Thông Tin Chung:
Sa-lô-môn tiếp tục nói chuyện với vua Hi-ram về việc xây cất đền thánh.
Đã ban cho tôi được bốn bề yên ổn
Khi trước vua Đa-vít và người Y-sơ-ra-ên đang trong tình trạng chiến tranh, nhưng bây giờ vua Sa-lô-môn và dân chúng đã được nghỉ ngơi trong khoảng thời gian hòa bình.
đặt ngồi trên ngai kế vị con
Tương tự câu: “làm cho trở thành vua kế vị con.”
1 Kings 5:6
Thông Tin Chung:
Sa-lô-môn tiếp tục nói chuyện với vua Hi-ram về việc xây cất đền thánh.
Li-ban
Vua Hi-ram là vua của thành Ty-rơ, thành này nằm ở khu vực ngày nay là Li-băng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Không ai trong chúng tôi thạo việc đốn gỗ như người Si-đôn
“Người của ông biết cách đốn gỗ giỏi hơn người của chúng tôi.”
người Si-đôn
“dân Si-đôn”
1 Kings 5:7
Thông Tin Chung:
Vua Hi-ram trả lời Sa-lô-môn.
những lời của Sa-lô-môn
Tương tự câu: “Điều Sa-lô-môn đã nói.”
Hôm nay đáng chúc tụng Đức Giê-hô-va
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Hôm nay tôi ngợi khen Đức Giê-hô-va.”
gỗ tùng
Gỗ tùng là một loại gỗ khác được sử dụng để xây cất đền thờ.
1 Kings 5:9
Thông Tin Chung:
Vua Hi-ram tiếp tục trả lời Sa-lô-môn.
đóng bè
Tương tự câu: “Buộc chúng lại với nhau để chúng trôi theo từng nhóm.”
rã bè
Tương tự câu: “Đống cây đó sẽ được tháo riêng ra từng cây.”
Còn ngài, xin cũng làm theo điều tôi yêu cầu
Tương tự câu: “ Vua có thể làm điều mà tôi muốn” hoặc là “Vua có thể đáp lại tôi”
1 Kings 5:10
gỗ
Chữ “gỗ” nói đến nhiều loại cây bao gồm cả những cây tùng.
cung cấp cho lúa mì
Đây là phương pháp đo lường cho những nguyên liệu khô trong khi dầu là chất lỏng. Ở đây không rõ là phương pháp nào được dùng. UDB suy đoán dựa trên kiến thức đã biết.
mỗi năm
"hằng năm"
1 Kings 5:13
Thông Tin Chung:
Sa-lô-môn truyền cho mọi người xây dựng Đền Thờ.
huy động lực lượng lao dịch trong toàn thể Y-sơ-ra-ên
"truyền lệnh mọi người trong cả Y-sơ-ra-ên phải làm việc”
thay phiên nhau
Tấc cả những người thợ không làm một lần; các nhóm đi một lần sau đó đến nhóm khác đến thay thế.
Họ ở Li-ban một tháng rồi ở nhà hai tháng
Cứ mỗi nhóm trong ba nhóm làm việc trong một tháng ở Li-ban và sau đó hai tháng ở nhà tại Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 5:15
Thông Tin Chung:
Sa-lô-môn tiếp tục truyền lệnh cho mọi người xây dựng Đền Thờ.
Khuân vác
"những vật nặng"
người đẽo đá
"những người đào đá ra khỏi đất và cắt gọt chúng”
1 Kings 5:17
Thông Tin Chung:
Sa-lô-môn tiếp tục truyền lệnh cho mọi người xây dựng Đền Thờ.
lấy những tảng đá lớn và quý
Tương tự câu: “đẽo những đã lớn và quý khỏi núi và cắt gọt chúng theo hình”
Người Ghi-bê-lít
"những người từ thành Ghê-banh” (UDB). Ghê-banh là một thành phố ở trên đồi gần Ty-rơ ở Li-ban.

Translation Questions

1 Kings 5:1
Ai đã sai đầy tớ đến cùng Sa-lô-môn?
Hi-ram, vua Ty-rơ đã sai đầy tớ đến cùng Sa-lô-môn.
1 Kings 5:3
Tại sao Đa-vít không thể xây dựng một cái đền cho danh Đức Giê-hô-va?
Đa-vít không thể xây dựng một cái đền cho danh Đức Giê-hô-va vì cớ chiến tranh.
1 Kings 5:5
Đức Giê-hô-va đã phán gì với Đa-vít?
Đức Giê-hô-va bảo với Đa-vít rằng: "con trai ngươi, là người ta sẽ đặt trên ngai vua sẽ xây dựng một cái đền cho danh ta".
1 Kings 5:6
Sa-lô-môn đã xin vua Hy-ram làm gì?
Sa-lô-môn đã xin vua Hy-ram ra lệnh cho các đầy tớ của mình đốn cho ông các cây gỗ bá hương trên núi Li-ban.
1 Kings 5:7
Hy-ram đã làm gì khi ông nghe những lời đó của Sa-lô-môn?
Hy-ram đã rất vui mừng và nói rằng: "Ngày nay đáng khen ngợi thay Đức Giê-hô-va".
1 Kings 5:8
Hy-ram có làm những gì Sa-lô-môn cầu xin mình không?
Có, Hy-ram đã gửi lời đáp rằng: "Tôi sẽ làm cho vua mọi điều vua ước ao về gỗ bá hương và gỗ tòng."
1 Kings 5:9
Các đầy tớ của Hy-ram đã làm gì với số gỗ đó?
Các đầy của Hy-ram kéo gỗ ấy từ Li-ban xuống đến biển rồi đóng thành bè.
Ước ao của Hy-ram là gì?
Hy-ram ước ao Sa-lô-môn sẽ cấp lương thực cho nhà ông.
1 Kings 5:11
Sa-lô-môn đã cung cấp lương thực gì cho Hy-ram?
Sa-lô-môn đã gửi cho Hy-ram hai mươi nghìn bao lúa mì và hai mươi nhìn thùng dầu nguyên chất mỗi năm.
1 Kings 5:12
Có hòa ước nào giữa Hy-ram và Sa-lô-môn hay không?
Có, có hoàn bình giữa Hy-ram và Sa-lô-môn, và hai người bọn họ đã lập một hòa ước.
1 Kings 5:13
Sa-lô-môn đã sai bao nhiêu công nhân ra khỏi Y-sơ-ra-ên?
Sa-lô-môn có ba mươi nghìn công nhân ngoài Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 5:14
Sa-lô-môn đã đặt ai cai quản toàn bộ số công nhân kia?
Sa-lô-môn đã cắt đặt A-đô-ni-ram cai quản toàn bộ số nhân công đó.
1 Kings 5:16
Sa-lô-môn có các đốc công trông coi các công nhân làm việc hay không?
Có, Sa-lô-môn có 3.000 đốc công trông coi các công nhận

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

làm việc.
1 Kings 5:17
Những người công nhân đã khai thác gì để làm nền cho đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Các công nhân đã khai thác các tảng đá lớn để làm nền cho đền thờ của Đức Giê-hô-va.

Chapter 6
1 Kings 6:1
Thông Tin Chung:
Kinh Thánh liệt kê những kích thước của Đền Thờ.
người cất đền
Sa-lô-môn đã không tự mình xây cất; các tôi tớ của công đã làm.
năm bốn trăm tám mươi ... năm thứ tư
nhằm tháng Xíp, nghĩa là tháng thứ hai
"Xíp" là tên của tháng thứ hai trong lịch người Hê-bơ-rơ. Nó nằm ở khoảng phần cuối của tháng 4 và những ngày đầu của tháng 5 trong lịch của người phương Tây.
thước
Một thước khoảng 46 cm.
1 Kings 6:3
Thông Tin Chung:
Kinh thánh tiếp tục liệt kê các kích thước của Đền Thờ.
cái hiên cửa
Một khu vực của công trình được làm bởi các cột trụ và một mái che hướng đến và nối với các cửa vào của tòa nhà.
1 Kings 6:5
Thông Tin Chung:
Kinh Thánh tiếp tục liệt kê các kích thước của Đền Thờ.
Từng dưới ... từng giữa ... từng thứ ba
Ở đây nói đến các phòng trong mỗi từng của tòa nhà.
vua cất sụt lui các vách vòng ngoài nhà
Họ làm những rìa quanh tòa nhà chính để chống đỡ những cây xà của các phòng nhỏ.
những cây xà
Một cây xà là một thanh gỗ dài và nặng dùng để chống đỡ tòa nhà.
1 Kings 6:7
đền
“đền”ở đây tượng trưng cho nhà của Đức Chúa Trời, là đền thờ.
đá đã đẽo sẵn nơi hầm
Hầm là nơi các tảng đá lớn được cắt đẽo từ núi và được thành hình bởi các công cụ để được bằng phẳng hơn. Những tảng đá đã được đẽo sẵn ở hầm và mang vào đền thờ.
1 Kings 6:9
Khi Sa-lô-môn cất đền xong
Sa-lô-môn đã không tự mình xây đền; các tôi tớ của ông đã làm công việc này.
Cũng cất những từng lầu dựa vào tứ phía đền
Đây là những phòng giống nhau mà đã được nói đến trong 1KI06:05.
đòn tay và ván gỗ bá hương
Một đòn tay là một thanh gỗ dài và nặng được dùng để chống đỡ tòa nhà. Một tấm ván là một tấm gỗ phẳng cũng được sử dụng cho tòa nhà.
vách phía trong đền
"những tường ở bên ngoài"
gỗ bá hương
Chữ “gỗ” là thuật ngữ chung nói về gỗ để sử dụng cho tòa nhà, như là những cây xà và tấm ván.
1 Kings 6:11
Lời của Đức Giê-hô-va phán
Cách diễn đạt này có nghĩ là Đức Chúa Trời phán. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã phán sứ điệp của Ngài”
Lời của Đức Giê-hô-va
Chữ “lời” ở đây nói đến sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “sứ điệp của Đức Giê-hô-va”
vâng theo các luật lệ ta
Chữ “vâng theo” ở đây được sử dụng có ý nghĩa là “sống” hay “vâng phục.”. Tương tự câu: “tiếp tục vâng theo các điều răn của ta” (UDB)
noi theo các mạng lịnh ta
Ở đây nói đến sự vâng phục và làm theo các phép tắc và luật lệ của Đức Chúa Trời.
giữ và đi trong hết thảy các điều răn của ta
Hai cụm từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và đều nhấn mạnh tầm quan trọng của sự vâng phục các mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: “cẩn thận vâng theo mọi điều Ta đã truyền phán cùng con”
làm hoàn thành lời ta đã hứa
Đức Chúa Trời xác nhận lại lời hứa của Ngài rằng Ngài sẽ làm điều Ngài đã hứa, và hoàn thành lời hứa đó của Ngài.
Ta sẽ ngự
Tương tự câu: “Thần Ta sẽ ngự trong đền thờ”
1 Kings 6:14
Sa-lô-môn
"Những tôi tớ của Sa-lô-môn”
phía trong
"ở bên trong"
cây tùng
Cây tùng là một loại gỗ được sử dụng cho công trình xây dựng đền thờ.
1 Kings 6:16
thước
tiền đường của đền thờ
"phòng chính"
trái bầu
một loại thực vật cứng, tròn mọc từ cây leo ở trên đất
hoa nở
"hoa đang nở" hay "hoa đã nở”
1 Kings 6:19
bàn thờ bằng gỗ bá hương
Bàn thờ này sẽ được dùng để dâng hương.
1 Kings 6:21
bọc
"bao phủ" (UDB)
mặt bàn thờ tại Nơi Chí Thánh
"bàn thờ dâng hương ở tại lối vào Nơi Chí Thánh”
1 Kings 6:23
gỗ ô-liu
"gỗ từ cây ô-liu"
giương ra
khoảng cách từ đầu cánh này đến đầu của cánh kia.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

kích thước
"kích cỡ"
1 Kings 6:27
Sa-lô-môn đặt ... vua cũng bọc
“Sa-lô-môn” ở đây nói đến những tôi tớ của Sa-lô-môn.
ở phần trong cùng của đền thờ
Tên khác của Nơi Chí Thánh
bọc
"bao phủ" (UDB)
1 Kings 6:29
những hình
hình thù
1 Kings 6:31
Sa-lô-môn làm
"Những tôi tớ của vua Sa-lô-môn làm"
đà cửa
thanh ngang ở trên để chống đỡ khung cửa
các phần chạm trổ
Các vết khắc được khắc trên mỗi năm phần.
bọc
"bao phủ" (UDB)
1 Kings 6:33
Tại lối vào đền thờ, vua cũng làm trụ cửa
"Sa-lô-môn cũng làm trụ cửa tại lối vào đền thờ"
Các phần chạm trổ
vết khắc
Hai cánh cửa
Ở đây có nghĩa là mỗi cửa có hai cánh được gắn lại với nhau có bản lề.
1 Kings 6:36
Vua cũng xây cất sân trong
Tương tự câu: “Sa-lô-môn xây dựng tường thành cho sân trong” hoặc là “Những tôi tớ của Sa-lô-môn xây dựng tường thành của sân trong”
xà ngang bằng gỗ bá hương
cấu trúc gỗ lớn để chống đỡ được làm từ gỗ cây bá hương
1 Kings 6:37
năm thứ tư ... năm thứ mười một
Ở đây nói đến những năm kể từ khi Sa-lô-môn lên làm vua.
đền thờ của Đức Giê-hô-va
Câu tương tự: “đền thờ” (UDB)
tháng Xíp
Hãy xem cách bạn dịch nó trong 1KI 6:1.
nhằm tháng Bu-lơ, nghĩa là tháng tám
"Bu-lơ" là tháng thứ tám theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Nó ở khoảng cuối tháng mười và đầu tháng mười một của lịch phương Tây.

Translation Questions

1 Kings 6:1
Sa-lô-môn đã bắt đầu xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va khi nào?
Sa-lô-môn đã bắt đầu xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va vào năm thứ 480 sau khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập.
1 Kings 6:2
Đền thờ mà Sa-lô-môn đã xây cho Đức Giê-hô-va có kích thước ra sao?
Đền thờ mà Sa-lô-môn đã xây dựng dài ba mươi mét, rộng mười mét và cao mười lăm mét.
1 Kings 6:4
Sa-lô-môn có làm cửa sổ cho đền thờ của Đức Giê-hô-va không?
Có, Sa-lô-môn làm những cửa sổ có khung cho đền thờ của Đức Giê-hô-va.
1 Kings 6:7
Đá dùng để xây đền thờ được chuẩn bị tại đâu?
Đá dùng để xây đền thờ được chuẩn bị tại các mỏ đá.
1 Kings 6:9
Sa-lô-môn đã dùng gì để lợp đền thờ?
Sa-lô-môn đã lợp đền thờ bằng những cây xà và ván từ gỗ bách hương.
1 Kings 6:10
Các phòng bên được nối với đền thờ bằng cách nào?
Các phòng bên được nối với đền thờ bằng những cây đà bách hương.
1 Kings 6:13
Đức Giê-hô-va có phán hứa sẽ ở giữa dân Y-sơ-ra-ên hay không?
Có, Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ ở giữa dân Y-sơ-ra-ên và sẽ không bỏ họ.
1 Kings 6:15
Sa-lô-môn dùng gì để xây dựng những bức tường phía trong của đền thờ?
Sa-lô-môn đã dùng các tấm ván bằng gỗ bá hương để xây dựng những bức tường trong của đền thờ.
1 Kings 6:17
Chiều dài của sảnh chính của đền thờ là bao nhiêu?
Sảnh chính của đền thờ dài hai mươi mét.
1 Kings 6:19
Tại sao Sa-lô-môn lại chuẩn bị nơi chí thánh bên trong đền thờ?
Sa-lô-môn đã chuẩn bị nơi chí thánh bên trong đền thờ để làm nơi đặt Hòm giao ước của Đức Giê-hô-va tại đó.
1 Kings 6:22
Sa-lô-môn đã dùng gì để bọc mặt trong của đền thờ và bàn thờ của nơi chí thánh?
Sa-lô-môn đã dùng vàng để bọc mặt trong của đền thờ và bàn thờ của nơi chí thánh.
1 Kings 6:23
Chiều cao của chê-ru-bim mà Sa-lô-môn đã làm ra cho nơi chí thánh là bao nhiêu?
Sa-lô-môn đã làm ra hai chê-ru-bim cho nơi chí thánh, cao năm mét.
1 Kings 6:27
Sa-lô-môn đã đặt các chê-ru-bim mà mình đã làm ra ở đây?
Sa-lô-môn đặt các chê-ru-bim ở trong nơi Chí Thánh.
1 Kings 6:29
Sa-lô-môn đã chạm trổ hình gì trên tường đền thờ?
Sa-lô-môn đã chạm hình chê-ru-bim, cây chà là và hoa nở trên tường của đền thờ.
1 Kings 6:31
Sa-lô-môn có làm cửa ra vào nơi thánh không?
Có, Sa-lô-môn đã làm cửa bằng gỗ ô-liu làm nơi ra vào nơi Chí Thánh.
1 Kings 6:38
Sa-lô-môn đã xấy dựng đền thờ trong bao lâu?
Sa-lô-môn đã mất bảy năm để xây dựng đền thờ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 7

1 Kings 7:1

Thông Tin Chung:

Người viết viết về cung điện của Sa-lô-môn.

Sa-lô-môn cũng xây cất cung điện cho mình, và hoàn thành toàn bộ công trình trong mười ba năm

Bởi vì Sa-lô-môn là vua, nên những người khác đã xây dựng cho ông.

cung điện cho mình

Nếu ngôn ngữ của bạn không có từ “cung điện,” bạn có thể dịch nó như là “nhà” hoặc là “ngôi nhà lớn.”

cung Rừng Li-ban

Tương tự câu: “Ngôi nhà của Rừng Li-ban” hoặc là “ngôi nhà được gọi là Nhà của Rừng Li-ban.”

thước

khoảng 46 cm

những xà ngang

Một xà ngang là một thanh gỗ dài và chắc chắn được sử dụng để chống đỡ mái nhà.

1 Kings 7:3

Thông Tin Chung:

Một số chi tiết được đưa ra về cấu trúc của Cung Rừng Li-ban.

Trần nhà làm bằng gỗ bá hương

Tương tự câu: “Có những xà ngang bằng gỗ bá hương để chống đỡ mái nhà” (UDB)

các xà ngang

Một xà ngang là một thanh gỗ dài và chắc chắn đượng sử dụng để chống đỡ mái nhà.

tất cả các cửa và khung đều có hình vuông

"có các khung vuông góc” (UDB)

1 Kings 7:6

Thông Tin Chung:

Người viết viết về cấu trúc của hành lang có nhiều cột.

vòm mặt tiền

một khu vực của tòa nhà được làm bởi các cột và một mái hiên hướng vào và nối với cổng vào của tòa nhà. (Hãy xem cách bạn đã dịch chữ “vòm mặt tiền” ở 1KI06:03)

1 Kings 7:7

Thông Tin Chung:

Tác giả viết về Đại Sảnh đặt Ngai vua ngồi.

Sa-lô-môn còn làm một đại sảnh đặt ngai

Tương tự câu: “Sa-lô-môn xây một nơi được gọi là Nhà để Ngai Vua”

Được làm bằng ván gỗ bá hương

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những người thợ lát nền bằng gỗ bá hương.”

Từ nền đến trần

Đó là toàn bộ nền và trần. Tương tự câu: “Toàn bộ nền và trần được lát bằng gỗ bá hương, từ bức tường này tới các bức tường khác.”

1 Kings 7:8

Thông Tin Chung:

Người viết tiếp tục viết về khu vực xây cung điện.

1 Kings 7:9

Thông Tin Chung:

Người viết đang viết về những loại đá được sử dụng xây cất các công trình.

Toàn bộ các công trình nầy đều xây bằng đá quý được đẽo gọt, cắt xén

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những người thợ trang trí các công trình này bằng những loại đã quý được đẽo gọt, cắt xén.”

Đá quý được đẽo gọt, cắt xén theo kích thước định sẵn

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những người thợ đã đo đạc và đẽo gọt cắt xén những hòn đá theo đúng kích thước, và mài nhẵn chúng.”

Những hòn đá nầy được dùng

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những người thợ đã dùng những hòn đá này.”

từ nền đến đầu tường, và từ bên ngoài cho đến sân lớn

Tác giả đang nhấn mạnh rằng những người thợ đã sử dụng những loại đá đắt tiền cho cả nền và toàn bộ các công trình.

Nền làm bằng

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những người thợ đã xây dựng phần nền.”

thước

1 Kings 7:11

xà ngang bằng gỗ bá hương

Một cây xà là một thanh gỗ dài được dùng để chống đỡ cấu trúc xây dựng.

Ba dãy đá đẽo và một dãy xà ngang bằng gỗ bá hương

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 6:36.

1 Kings 7:13

mời Hi-ram từ Ty-rơ đến

Hi-ram nhận lời mời của vua Sa-lô-môn đến Giê-ru-sa-lem.

con của một bà góa … cha là người Ty-rơ

Bà góa là một phụ nữ có chồng đã chết, vậy nên chúng ta biết rằng người cha đã chết.

Hi-ram đầy kinh nghiệm, thông thạo và rất khéo tay

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Những từ “đầy kinh nghiệm và thoog thạo” về cơ bản mang nghĩa tương tự được dùng để nhấn mạnh. Tương tự câu: “Đức Chúa Trời ban cho Hi-ram đầy sự kinh nghiệm, thông thạo và khéo tay.”

1 Kings 7:15

cao mười tám thước

Một thước khoảng 46 cm.

mười hai thước đo bề tròn

“đo bề tròn” là khoảng cách hoặc đơn vị đo xung quanh một vật thể hoặc một khu vực hình tròn .

Ông đúc hai đầu trụ

Ở đây “đầu trụ” nói đến sự trang trí trên đầu các trụ

bằng đồng

Đồng được đánh bóng để có thể phản chiếu ánh nắng. Tương tự câu: “bằng đồng sáng bóng” (UDB)

Dùng lưới mắt cáo đan bằng các dây chuyền kết lại thành vòng hoa

“Những lưới kim loại đan vào nhau cùng các sợi dây chuyền được kết lại”

1 Kings 7:18

Hai đường viền hình trái lựu

“Quả lựu” là một loại trái cây có nhiều hạt cứng, màng đỏ, mọng nước bên trong. Hi-ram không sử dụng các quả lựu thật để trang trí các cây cột. Ông làm các quả lựu bằng đồng.

Trên đỉnh các trụ đều có hình hoa huệ, bốn thước bề cao

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Các bông

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hoa huệ là hình hoa huệ. Tương tự câu: “Hi-ram trang trí các đầu trụ ... với các bông hoa huệ bằng đồng, bốn thước chiều cao”

các đầu trụ trên mỗi trụ nơi tiền sảnh

Hãy xem cách bạn dịch từ “tiền sảnh” như thế nào trong 1KI 7:6.

1 Kings 7:20

hai trăm trái lựu

“200 trái lựu”

Ông dựng hai trụ

Ở đây từ “Ông” nói đến những người thợ của Hi-ram. Tương tự câu: “Những người thợ của Hi-ram dựng hai trụ lên.”

Ông dựng trụ bên phải và đặt tên là Gia-kin

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Tên của trụ bên phải là Gia-kin”

dựng trụ bên trái và đặt tên là Bô-ách

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Tên của trụ bên trái là Bô-ách”

Công việc làm hai trụ đồng đã hoàn tất

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Hi-ram đã làm xong hai trụ đồng.”

1 Kings 7:23

bể chứa nước hình tròn

Câu này nói đến một bể chứa hoặc là một cái chậu bằng đồng dùng để chứa nước.

Đúc kim loại

Hi-ram đun nóng chảy đồng và tạo hình trong một cái khuôn.

từ mép nầy đến mép kia có mười thước

Một thước khoảng 46 cm. Tương tự câu: “10 cu-bít từ bờ bên này sang bờ bên kia.”

một sợi dây ba mươi thước đo vòng tròn của nó

“Đo vòng tròn của nó” là khoảng cách hay là số đo quanh một vật thể hay khu vực hình tròn.

Quanh miệng bể có hai hàng hình trái bầu

Trái bầu là một loại thực vật cứng và có hình tròn mọc trên cây leo trên mặt đất.

Khi bể chứa được đúc

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Khi Hi-ram đúc bể chứa.”

1 Kings 7:25

Bể chứa

Ở đây nói đến một bể hoặc chậu bằng đồng dùng để chứa nước.

được đặt trên

“ở trên”

Bể nước được đặt trên lưng các con bò ấy

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những người thợ của Hi-ram đã đặt bể chứa lên lưng các con bò đực bằng đồng.”

đuôi

Đây là phần phía sau của một động vật bốn chân.

miệng bể giống miệng chén hình hoa huệ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Hi-ram đúc miệng bể giống miệng chén và uốn cong như một bông hoa huệ.”

Hai ngàn bát

Bát là đơn vị đo dung tích tương đương với 22 lít.

1 Kings 7:27

bốn thước chiều dài

Một thước ít hơn nửa mét.

Đây là cách làm các đế này

Ở đoạn này ý người viết miêu tả cách làm những cái đế này.

Trên các tấm đồng gắn vào khung này có chạm hình các sư tử, bò đực, và chê-ru-bim

Có các mảng trang trí theo hình của sư tử, bò đực và chê-ru-bim gắn chặt vào các phía của những cái đế.

chạm những vòng hoa

Ở đây từ “vòng hoa” nói đến các hình xoắn ốc bằng đồng.

1 Kings 7:30

bốn bánh xe đều ở dưới những tấm đồng của khung và các trục bánh xe

Chỉ có một trục cho mỗi cặp bánh xe. Tương tự câu: “Bốn bánh xe và hai trục bằng đồng.”

ở bốn góc của mỗi đế

“bốn góc của mỗi cái đế”

Những cái giá đỡ cũng được chạm những vòng bọc quanh

Mỗi cái giá đỡ được chạm một vòng hoa. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Hi-ram đúc những giá đỡ với những vòng hoa hình xoắn ốc”

Một miệng tròn nhô lên

Ở đây từ “miệng tròn” nói đến miệng tròn ở trên đỉnh của đế đang để giữ chậu nước.

Các tấm đồng thì vuông

“các tấm đồng của đế.” Cụm từ này miêu tả lại những tấm đồng đã được tả trong 1KI 7:28-29.

1 Kings 7:32

đế của chúng

Ở đây từ “chúng” nói đến các cái trục. Từ “đế” nói đến vỏ bọc bao quanh để đưa cái trục vào trong.

Các bánh xe được làm giống như bánh xe ngựa

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Hi-ram chế tạo các bánh xe giống như những bánh xe ngựa nhỏ”

Tất cả trục, vành, căm, và đùm của chúng

Ở đây từ “của chúng” nói đến các bánh xe.

1 Kings 7:34

Ở bốn góc của mỗi đế, có bốn cái giá được đúc liền với đế

“Có một cái giá ở mỗi góc của đế.”

Cao nửa thước

“cao khoảng 23 cm” Một thước ngắn hơn một nửa mét.

Mặt trên của đế có viền và những tấm trám đồng

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Hi-ram gắn liền các viền và các tấm trám đồng ở đầu mỗi đế.”

1 Kings 7:36

chúng được chạm xung quanh

Ở đây từ “chúng” nói đến các chê-ru-bim, sư tử, và cây chà là.

chạm những vòng hoa bọc quanh

Ở đây từ “những vòng hoa” nói đến các miếng đồng hình tròn xoắn ốc.

Tất cả các đế được đúc cùng một khuôn

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Hi-ram đúc tất cả các đế theo cùng một khuôn.”

chúng có cùng một kích thước, và kiểu dáng như nhau

“Tất cả các đế đều có cùng kích thướng và hình dáng.”

1 Kings 7:38

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bốn mươi bát
Bát là một đơn vị đo thể tích tương đương khoảng 22 lít.
Đặt ở góc phía đông hướng về phía nam đền thờ
“ở góc đông nam của đền thờ.”
1 Kings 7:40
đầu trụ tròn
Giống như đầu trụ
hai lưới mắt cáo bao hai đầu trụ
“Các sợi kim loại đan vào nhau”
1 Kings 7:42
bốn trăm trái lựu
“400 trái lựu”
1 Kings 7:44
Ông đã làm
Ở đây từ “Ông” nói đến Hi-ram và những người giúp việc cho ông.
tất cả các vật dụng
“Tất cả các đồ dùng khác”
đồng đánh bóng
Đồng được đánh bóng để có thể phản chiếu ánh sáng.
1 Kings 7:46
Vua cho đúc các vật đó
Tương tự câu: “Vua Sa-lô-môn nhờ Hi-ram và những người thợ của ông đúc ra chúng.”
đồng bằng Giô-đanh
Ở đây nói đến vùng đất bằng phẳng gần sông Giô-đanh.
giữa Xu-cốt và Xát-than
Ở đây “từ Xu-cốt” nói đến thành nằm trên bờ phía đông sông Giô-đanh.
Sa-lô-môn không cân một món nào trong các vật dụng ấy
Tương tự câu: “Vua Sa-lô-môn không bảo Hi-ram và những người thợ của ông cân tất cả các vật dụng.”
Số lượng đồng cũng không xác định được
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Không ai có thể đo được số lượng đồng.”
1 Kings 7:48
Sa-lô-môn làm
Tương tự câu: “Những người thợ của vua Sa-lô-môn đã làm”
bàn để bánh cung hiến
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Các thầy tế lễ để bánh cung hiến trên bàn đó.”
hoa đèn, thếp đèn
Các từ “hoa đèn” và “thếp đèn” là một phần của chân đèn.
1 Kings 7:50
Những chậu … đều làm bằng vàng
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những người thợ đã tạo ra những chậu … bằng vàng ròng.”
Các bản lề cửa … cũng được làm bằng vàng
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Họ cũng làm những bản lề … bằng vàng.”
các bản lề cửa
Ở đây “bản lề” có thể nói đến 1) những hốc mà ở đó các móc cửa xoay được hoặc là 2) Những cái bản lề mà các cánh cửa được giữ lại.
1 Kings 7:51
Các công trình mà Vua Sa-lô-môn thực hiện cho đền thờ Đức Giê-hô-va đều được hoàn tất
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những người thợ đã hoàn thành công việc mà Vua Sa-lô-môn sai họ làm cho đền thờ của Đức Giê-hô-va”

Translation Questions

1 Kings 7:1
Sa-lô-môn đã xây dựng cung điện của mình trong bao lâu?
Sa-lô-môn đã mất mười ba năm để xây dựng cung điện của mình.
1 Kings 7:2
Sa-lô-môn đã dùng khu rừng nào để xây dựng cung điện của mình?
Sa-lô-môn đã xây dựng cung điện của mình từ rừng của Li-ban.
1 Kings 7:6
Các cột trụ trong cung điện của Sa-lô-môn lớn cỡ nào?
Các cột trụ trong cung điện của Sa-lô-môn dài hai mươi lăm mét và rộng mười lăm mét.
1 Kings 7:7
Phòng xử án của Sa-lô-môn được bọc bằng gì?
Phòng xử án của Sa-lô-môn được lót ván bách hương từ nền đến trần.
1 Kings 7:8
Sa-lô-môn đã xây dựng gì cho vợ và con gái của mình?
Sa-lô-môn đã xây dựng cho con gái và vợ của mình một cung điện giống như cung điện của mình.
1 Kings 7:10
Các tảng đá nền của cung điện lớn đến mức nào?
Các tảng đá nền được dùng để xây dựng các cung điện dài bốn hoặc năm mét.
1 Kings 7:12
Sân lớn bao quanh cung điện có bao nhiêu hàng đá chạm?
Sân lớn bao quanh cung điện có ba hàng đá chạm.
1 Kings 7:14
Ai là người thợ đồng cho vua Sa-lô-môn?
Hi-ram, người đến từ Ty-rơ, là thợ đồng cho vua Sa-lô-môn.
1 Kings 7:15
Hi-ram đã làm bao ra bao nhiêu trụ đồng?
Hi-ram đã ra hai trụ đồng.
1 Kings 7:20
Ở trên đầu các trụ đồng có gì?
Có hai trăm trái lựu xếp thành hai dãy bên trên phần đầu trụ.
1 Kings 7:25
Hồ được đặt trên bao nhiêu con bò?
Hồ được đặt trên mười hai con bò, trong đó ba con quay về hướng bắc, ba con hướng tây, ba con hướng nam và ba con hướng
đông.
1 Kings 7:27
Chiều cao của mười cái bục đồng mà Hi-ram đã đúc là bao nhiêu?
Chiều cao của mỗi một bục đồng trong số mười bục là hai mét.
1 Kings 7:33
Các bánh xe phía dưới các tấm đồng của khung được làm từ gì?
Các bánh xe phía dưới các tấm đồng của khung được làm từ kim loại đúc.
1 Kings 7:38

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những thùng bằng đồng của Hi-ram có thể đựng được bao nhiêu nước?
Các thùng bằng đồng của Hi-ram có thể chứa được chừng một ngàn năm trăm lít.
1 Kings 7:40
Hi-ram có hoàn tất mọi công việc của mình tại đền thờ của Đức Giê-hô-va không?
Có, Hi-ram đã hoàn thành mọi việc tại đền thờ của Đức Giê-hô-va mà Sa-lô-môn giao cho mình.
1 Kings 7:42
Hi-ram đã làm ra bao nhiêu trái lựu để trang trí cho mặt võng bao quanh đầu trụ?
Hi-ram đã làm bốn trăm trái lựu để trang trí cho mặt võng bao quanh đầu trụ?
1 Kings 7:48
Sa-lô-môn đã làm các vật dung cho đền thờ Đức Chúa Trời từ vật liệu gì?
Sa-lô-môn đã dùng vàng để làm ra mọi vật dụng trong đền thờ Đức Giê-hô-va.
1 Kings 7:51
Sa-lô-môn để những gì trong kho của đền thờ Đức Giê-hô-va?
Sa-lô-môn đã đem vào kho mọi vật bằng bạc, vàng và các vật dụng mà Đa-vít cha người đã biệt riêng ra thánh.

Chapter 8
1 Kings 8:1
Triệu tập các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên
“triệu tập các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên”
Mọi người nam của Y-sơ-ra-ên
Câu này có thể nói đến 1) những người mà vua Sa-lô-môn gọi đến Giê-ru-sa-lem và những người có trong danh sách ở đoạn 8:1 hoặc là 2) Những ai đến Giê-ru-sa-lem để dự tiệc, không nhất thiết phải là mọi người nam sống ở Y-sơ-ra-ên
để dự lễ
Ở đây nói đến lễ Succoth còn được biết đến là lễ đền tạm hay là lễ lều tạm (UDB).
vào tháng Ê-tha-nim, là tháng bảy
“Tháng Ê-tha-nim” là tháng thứ bảy theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Tương ứng với khoảng cuối tháng 9 và đầu tháng 10 của dương lịch.
1 Kings 8:3
đến nỗi không thể đếm được
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “đến nỗi không ai có thể đếm được.”
1 Kings 8:6
đặt vào vị trí bên trong cùng của đền thờ, tức là Nơi Chí Thánh
Cụm từ thứ hai được dùng để làm rõ cụm từ thứ nhất.
các đòn khiêng
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “các đòn khiêng mà thầy tế lễ dùng để khiêng nó”
không thấy được
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Không ai có thể nhìn thấy chúng”
1 Kings 8:9
Xảy khi
Cụm từ này được sử dụng ở đây để báo hiệu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một cách để thay thế thì bạn có thể xem xét để sử dụng nó ở đây.
1 Kings 8:12
đền thờ nguy nga
“đền thờ tuyệt đẹp”
1 Kings 8:14
Ca ngợi Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Ngợi khen Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên” .
dùng chính tay Ngài
Tương tự câu: “bởi chính quyền năng Ngài”
1 Kings 8:17
Đa-vít, cha trẫm, có ý định
Tương tự câu: “Đó là ước muốn của Đa-vít”
con của con, do con sinh ra
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “một người từ dòng dõi của chính con” hoặc là “người mà chính con sẽ là cha nó”
1 Kings 8:20
Trẫm đã ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “Trẫm đã trị vì toàn Y-sơ-ra-ên”
1 Kings 8:22
hết lòng bước đi trước mặt Ngài
Tương tự câu: “hết lòng sống theo đường lối Ngài”
tay Chúa đã thực hiện
Tương tự câu: “Ngài đã thực hiện điều Ngài phán bằng quyền năng Ngài”
1 Kings 8:25
ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “cai trị Y-sơ-ra-ên”
bước đi trước mặt ta
Tương tự câu: “Sống vâng theo mạng lệnh của ta”
1 Kings 8:27
Nhưng thật ra Đức Chúa Trời có ngự trên đất này chăng?
Tương tự câu: “Nhưng chắc rằng, Đức Chúa Trời thật sự không thể nào ngự trên đất này!”
Lời cầu nguyện và nài xin của đầy tớ Ngài
Những từ “cầu nguyện” và “nài xin” về cơ bản mang nghĩa tương tự và nhấn mạnh sự thành khẩn trong lời cầu nguyện của vua.
Xin đoái đến lời cầu nguyện và nài xin này của đầy tớ Ngài ... xin đoái nghe tiếng kêu cầu và khẩn nguyện mà hôm nay đầy tớ Ngài đang dâng lên trước mặt Ngài.
Phần đầu và phần cuối của câu này mang ý tương tự. Cả hai phần đều nhấn mạnh sự nài xin của Sa-lô-môn.
1 Kings 8:29
Nguyện mắt của Chúa ngày và đêm đoái xem
Tương tự câu: “Nguyện Ngài đoái xem”
ngày và đêm
Tương tự câu: “mọi lúc” hay “liên tục”
Danh Ta sẽ ngự tại đó
Những chữ này cùng kết hợp với nhau nhằm nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ ngự tại đền thờ.
1 Kings 8:31
bị buộc phải thề
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Ai đó buộc anh ấy phải thề.”
đổ lại trên đầu nó
Ở đây chữ “đầu” tượng trưng cho cả thân thể một người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tương tự câu “trên người đó.”

ban thưởng theo sự công chính của người ấy

“điều người đó đáng được nhận bởi sự vô tội của mình”

1 Kings 8:33

Khi Y-sơ-ra-ên, con dân của Ngài, bị kẻ thù đánh bại

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Khi kẻ thù đánh bại con dân Ngài là Y-sơ-ra-ên”

1 Kings 8:35

Khi các tầng trời bị đóng chặt, không có mưa

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và cùng được kết hợp với nhau để nhấn mạnh

con đường chính đáng mà họ phải đi

Tương tự câu: “chỉ cho họ cách mà họ phải sống.”

1 Kings 8:37

Hoặc hạn hán, nấm mốc

Đây là những thuật ngữ trong nông nghiệp nói đến sự thất bại của vụ mùa vì có quá ít hoặc quá nhiều mưa tương ứng với từng loại.

Cào cào, châu chấu

Cào cào là một loại châu chấu phá hoại bằng cách ăn hoa màu. Từ châu chấu nói đến một giai đoạn mới phát triển của cào cào.

một người hoặc toàn dân Y-sơ-ra-ên của Chúa hết lòng nhận biết nỗi đau đớn của mình, và giơ tay ra hướng về đền thờ nầy mà cầu nguyện, khẩn xin bất luận điều gì

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “một người hay là toàn dân Y-sơ-ra-ên, cầu nguyện và nài xin”

biết trong lòng họ

Các nghĩa có thể là 1) “biết về tội lỗi trong lòng họ.” hay là 2) “biết trong lòng họ đau đớn là kết quả của tội lỗi họ.”

1 Kings 8:41

tay quyền năng, và cánh tay giơ thẳng ra của Ngài

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời.

danh Chúa được kêu cầu nơi đền thờ mà con đã xây cất

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Cụm từ “Danh Ngài được kêu cầu” nói đến sự sở hữu và quyền làm chủ. Tương tự câu: “Ngài làm chủ đền thờ mà con đã xây.”

1 Kings 8:44

các lời cầu nguyện và nài xin của họ

Hai từ “cầu nguyện” và “nài xin” mang nghĩa cơ bản giống nhau. Chúng kết hợp với nhau nhằm nhấn mạnh sự thành khẩn của những ai cầu xin Đức Giê-hô-va làm thành.

1 Kings 8:46

nơi họ bị lưu đày

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Nơi kẻ thù đã lưu đày họ”

Nếu trong xứ của kẻ thù

Chữ “kẻ thù” nói đến những người cầm giữ người khác làm tù nhân.

Chúng con đã phạm tội, hành động một cách bướng bỉnh và gian ác

Hai câu này mang nghĩa tương đồng. Chúng kết hợp với nhau để nhấn mạnh sự tồi tệ mà mọi người đã làm.

đã phạm tội, hành động một cách bướng bỉnh

Những từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh sự tồi tệ mà con người đã phạm.

1 Kings 8:48

Hết lòng hết ý

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 2:4.

Hướng về xứ mà Chúa đã ban cho tổ phụ họ

Ở đây “xứ mà Chúa đã ban cho tổ phụ họ” nói đến vùng đất của những người đang cầu nguyện, đó chính là vùng đất Y-sơ-ra-ên.

1 Kings 8:49

Lời cầu nguyện nài xin của họ

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 1KI 8:45.

Xin Chúa tha thứ cho dân Ngài là dân đã phạm tội với Ngài, và tha thứ tất cả những sự vi phạm mà họ đã phạm với Ngài

Vua Sa-lô-môn hai lần nài xin Đức Giê-hô-va tha thứ cho dân sự. Điều này nhấn mạnh sự thành khẩn trong lời nài xin của ông.

1 Kings 8:51

lò luyện sắt

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Một cái lò nơi mọi người luyện sắt”

nguyện mắt Chúa đoái xem

Tương tự câu: “Nguyện xin Ngài chú ý”

1 Kings 8:54

Nguyện Đức Giê-hô-va được ngợi khen

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Ca ngợi Đức Giê-hô-va”

1 Kings 8:57

đừng lìa, đừng bỏ chúng ta

Hai cụm từ mang nghĩa về cơ bản giống nhau và để nhấn mạnh ước muốn Đức Giê-hô-va sẽ ở với dân sự.

giục lòng chúng ta hướng về Ngài

Tương tự câu: “Khiến chúng ta hướng lòng về Ngài.”

đi trong tất cả đường lối Ngài

Tương tự câu: “sống theo điều Ngài muốn chúng ta sống.”

1 Kings 8:59

ngày và đêm

Tương tự câu: “mọi lúc” hoặc là “liên tục”

hãy hết lòng trung thành

Tương tự câu: “hãy hết lòng với Ngài”

1 Kings 8:62

toàn dân Y-sơ-ra-ên ở bên vua

Câu này có thể nói đến 1) những người mà vua Sa-lô-môn gọi đến Giê-ru-sa-lem và những người có tên trong danh sách [1KI 8:1]

1 Kings 8:64

bàn thờ bằng đồng để trước mặt Đức Giê-hô-va

Vì đền thờ là nơi Đức Giê-hô-va ngự giữa dân sự Ngài, nên bàn thờ được miêu tả như thể ở trước mặt Ngài. Tương tự câu: “Bàn thờ bằng đồng ở trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

1 Kings 8:65

toàn dân Y-sơ-ra-ên ở bên vua

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 8:62.

bảy ngày … bảy ngày … mười bốn ngày

Tương tự câu: “7 ngày … 7 ngày … 14 ngày”

lòng vui mừng phấn khởi

Hai từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và kết hợp lại để nhấn mạnh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

1 Kings 8:1

Tại sao Sa-lô-môn lại tập hợp các nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên trước mặt mình?

Sa-lô-môn đã tập hợp các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên lại để đem hòm giao ước của Đức Giê-hô-va từ thành của Đa-vít.

1 Kings 8:2

Ai đã nhóm hợp lại trước mặt vua Sa-lô-môn tại bữa tiệc?

Hết thảy người nam của Y-sơ-ra-ên đã tập hợp trước mặt vua Sa-lô-môn tại bữa tiệc.

1 Kings 8:3

Ai đi lấy hòm giao ước?

Các thầy tế lễ đi lấy hòm giao ước của Đức Giê-hô-va.

1 Kings 8:5

Người ta dâng của lễ gì trước hòm giao ước của Đức Giê-hô-va?

Vua Sa-lô-môn đã dâng rất nhiều của lễ là chiên và bò, nhiều đến nỗi không đếm được.

1 Kings 8:6

Các thầy tế lễ đã mang hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đến đâu?

Các thầy tế lễ đã mang hòm giao ước của Đức Giê-hô-va vào trong nơi chí thánh.

1 Kings 8:11

Nhà Đức Giê-hô-va đầy dẫy điều gì?

Vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy dẫy đền thờ của nhà.

1 Kings 8:14

Vua đã làm gì cho hội chúng Y-sơ-ra-ên?

Vua Sa-lô-môn đã chúc phước cho hội chúng Y-sơ-ra-ên đang đứng đó.

1 Kings 8:19

Đức Giê-hô-va đã phán gì với Đa-vít?

Đức Giê-hô-va đã phán với Đa-vít rằng con trai của ông sẽ xây dựng đền thờ cho danh Ngài.

1 Kings 8:22

Sa-lô-môn đã làm gì trước bàn thờ của Đức Giê-hô-va?

Sa-lô-môn đã đứng trước bàn thờ của Đức Giê-hô-va và giơ tay mình lên.

1 Kings 8:26

Sa-lô-môn đã cầu nguyện và cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?

Sa-lô-môn đã cầu nguyện xin lời hứa mà Đức Giê-hô-va đã lập với Đa-vít sẽ thành hiện thực.

1 Kings 8:29

Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?

Sa-lô-môn đã cầu nguyện xin mắt Đức Giê-hô-va đoái xem đền thờ của Ngài ngày và đêm.

1 Kings 8:30

Đức Giê-hô-va sẽ ở đâu để lắng nghe dân Y-sơ-ra-ên cầu nguện cùng Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ từ các từng trời, tức là nơi Ngài ngự, lắng nghe.

1 Kings 8:32

Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì cho người công bình?

Sa-lô-môn đã cầu xin rằng những người công bình sẽ được xưng là vô tội và được thưởng tùy theo sự công bình của mình.

1 Kings 8:33

Khi nào dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị kẻ thù đánh bại?

Y-sơ-ra-ên sẽ bị một kẻ thù đánh bại khi họ phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va.

1 Kings 8:35

Tại sao các từng trời bị đóng chặt và không có mưa rơi?

Các từng trời sẽ bị đóng chặt và mưa không có rơi bởi vì dân sự đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va.

1 Kings 8:40

Tại sao Sa-lô-môn lại cầu xin Đức Giê-hô-va từ trời lắng nghe lời cầu nguyện và tha thứ cho tội lỗi của dân sự?

Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va tha thứ cho dân sự để họ sẽ kính sợ Ngài trọn những ngày họ sống trên đất.

1 Kings 8:41

Một người khách lạ từ một nước xa xôi đến để làm gì?

Một người khách lạ sẽ từ một nước xa xôi đến vì cớ danh Đức Giê-hô-va.

1 Kings 8:43

Tại sao Sa-lô-môn lại cầu xin ĐỨc Giê-hô-va làm theo mọi điều người lạ đó cầu xin Ngài?

Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va làm mọi điều mà người khách lạ đó cầu xin Ngài để mọi nhóm dân sẽ biết đến danh Ngài và kính sợ Ngài.

1 Kings 8:46

Tại sao kẻ thù lại bắt dân Y-sơ-ra-ên đi làm phu tù ở xứ của họ?

Kẻ thù sẽ bắt dân Y-sơ-ra-ên đi làm phu tù bởi vì Đức Giê-hô-va nổi giận cùng dân Y-sơ-ra-ên và nộp họ cho kẻ thù của họ.

1 Kings 8:47

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ nói gì trong xứ của kẻ thù mình?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ nói rằng: "Chúng tôi có phạm tội, làm điều gian ác, và cư xử cách dữ tợn".

1 Kings 8:48

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì trong xứ kẻ thù mình?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ quay trở lại cùng Đức Giê-hô-va với trọn tấm lòng và cả linh hồn mình và cầu nguyện hướng về Ngài.

1 Kings 8:50

Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì khi dân sự Ngài cầu nguyện cùng Ngài?

Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va tha thứ cho dân sự Ngài và thương xót trên họ.

1 Kings 8:51

Đức Giê-hô-va đã giải cứu dân Ngài khỏi đâu?

Đức Giê-hô-va đã giải cứu dân Ngài ra khỏi Ai Cập như ra khỏi lò sắt.

1 Kings 8:52

Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì khi dân sự Ngài kêu khóc cùng Ngài?

Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va đoái xem những lời cầu xin của dân sự và lắng nghe họ.

1 Kings 8:53

Tại sao Đức Giê-hô-va lại phân cách dân tộc của Ngài khỏi tất cả những dân trên đất?

Đức Giê-hô-va đã phân cách dân Ngài khỏi các dân trên đất để thuộc về Ngài và nhận được các lời hứa của Ngài.

1 Kings 8:55

Sa-lô-môn đã làm gì sau khi ông đã xong những lời khẩn nguyện nài xin nầy với Đức Giê-hô-va?

Sau khi ông đã hoàn thành lời cầu nguyện của mình rồi, Sa-lô-môn đứng dậy và lớn tiếng chúc phước cho toàn bộ hội chúng Y-sơ-ra-ên.

1 Kings 8:60

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sa-lô-môn muốn mọi dân trên đất phải biết điều gì?
Sa-lô-môn muốn mọi dân trên đất phải biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời và chẳng có một Đức Chúa Trời nào khác.
1 Kings 8:61
Sa-lô-môn đã truyền cho dân sự của Đức Giê-hô-va phải làm gì?
Sa-lô-môn bảo họ phải giữ lòng mình ngay thật cùng Đức Giê-hô-va và phải bước đi trong các luật lệ và mạng lệnh của Ngài.
1 Kings 8:62
Ai đã dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va?
Vua và toàn thể dân Y-sơ-ra-ên ở cùng ông đã dâng của lễ lên cho Đức Giê-hô-va.
1 Kings 8:63
Sa-lô-môn đã dâng bao nhiêu bò và chiên?
Sa-lô-môn đã dâng 22.000 bò đực và 120.000 chiên lên cho Đức Giê-hô-va.
1 Kings 8:64
Tại sao vua lại biệt riêng phần sân trong ở trước đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Vua đã biệt riêng sân trong bởi vì bàn thờ bằng đồng trước mặt Đức Giê-hô-va quá nhỏ để bày toàn bộ của lễ lên.
1 Kings 8:66
Khi nào vua cho dân sự trở về nhà mình?
Vào ngày thứ tám, vua cho dân sự trở về nhà mình.

Chapter 9
1 Kings 9:3
đặt danh Ta tại đó đời đời
Tương tự câu: “ngự ở đây và chiếm hữu nó đời đời.”
Mắt và lòng Ta sẽ ở đó mãi mãi
Tương tự câu: “Ta sẽ bảo vệ và chăm sóc nó.”
1 Kings 9:4
Nếu con bước đi trước mặt ta như Đa-vít, cha của con, đã bước đi
Tương tự câu: “nếu con đi theo con đường mà Ta muốn con đi như Đa-vít là cha con đã từng đi.”
lấy lòng trọn lành và ngay thẳng
Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh sự công chính mà vua Đa-vít đã giữ.
ngôi nước con
Tương tự câu: “vương triều của con” hoặc “sự trị vì của con”
sẽ chẳng hề thiếu người kế vị trên ngai Y-sơ-ra-ên
Câu này có thể được bày tỏ cách quả quyết. Tương tự câu: “sẽ luôn luôn cai trị Y-sơ-ra-ên” Xem: và
1 Kings 9:6
các điều răn và luật lệ Ta
Ở đây những từ như “điều răn” và “luật lệ” về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh tất cả những gì mà Đức Giê-hô-va đã truyền phán.
đi phục vụ các thần khác và thờ lạy chúng
Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và kết hợp lại để nhấn mạnh.
biệt riêng ra thánh cho danh Ta
Tương tự câu: “biệt riêng ra thánh cho chính Ta”
Ta cũng sẽ loại bỏ khỏi mặt Ta
Tương tự câu: “Ta sẽ chối bỏ nó”
1 Kings 9:8
mặc dù hiện nay đền thờ nầy nguy nga
“mặc dù đền thờ này rất lớn và đẹp đẽ”
Sẽ kinh ngạc, chế nhạo
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “sẽ tỏ vẻ ngạc nhiên và khinh thường”
thờ lạy các thần ấy và phục vụ chúng
Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự nhau. Cụm từ “thờ lạy các thần ấy” được miêu tả với tư thế mà mọi người dùng để thờ phượng.
1 Kings 9:10
Xảy ra
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu mở ra phần mới của câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách khác để mở đầu thì bạn có thể xem xét để sử dụng nó ở đây.
Sau hai mươi năm
Tương tự câu: “sau 20 năm”
Vua Sa-lô-môn đã xây dựng xong các công trình
Tương tự câu: “Những người thợ của vua Sa-lô-môn đã hoàn thành các công trình.”
1 Kings 9:12
Thưa Ngài, Ngài cho tôi những thành như thế này sao?
Tương tự câu: “Những thành mà Ngài cho tôi chẳng có giá trị gì cả.”
người ta vẫn còn gọi như vậy đến ngày nay
Những câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “và mọi người vẫn gọi chúng như thế cho tới ngày nay.”
120 ta-lâng vàng
Ta-lâng là một đơn vị đo trọng lượng tương đương với 34 ki-lô-gam. Tương tự câu “khoảng 4000 ki-lô-gam vàng.”
1 Kings 9:15
nầy là cớ sao Sa-lô-môn đã bắt xâu đặng xây cất
“vì cớ sao mà vua Sa-lô-môn bắt những người nam lao động cực nhọc”
công trình Mi-lô
Các nghĩa có thể là 1) “xây dựng hệ thống đồn lũy” hay là 2) “xây bãi chôn lấp” (UDB).
Pha-ra-ôn, vua Ai-cập đánh chiếm, thiêu hủy
Tương tự câu: “Quân đội của Pha-ra-ôn, vua Ai-cập đã đánh chiếm và phá hủy.”
1 Kings 9:17
Sa-lô-môn xây thành Ghê-xe
Tương tự câu: “Vậy nên những người thợ của vua Sa-lô-môn đã xây lại thành Ghê-xe”
1 Kings 9:22
Sa-lô-môn không bắt dân Y-sơ-ra-ên làm nô dịch
“Sa-lô-môn không bắt dân Y-sơ-ra-ên phải lao động nặng nhọc.”
1 Kings 9:23
550 quan chức
Tương tự câu: “Năm trăm năm mươi quan chức.”
1 Kings 9:24
xây dựng công trình Mi-lô
Hãy xem cách bạn đã dịch từ “Mi-lô” trong 1KI 9:15.
1 Kings 9:25
bàn thờ đã đặt trước mặt Đức Giê-hô-va
Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 8:64.
Như vậy, vua hoàn thành công trình xây cất đền thờ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tương tự câu: “Vậy nên những người thợ của vua đã xây cất xong đền thờ.”

1 Kings 9:26

Vua Sa-lô-môn đã xây

Tương tự câu: “Những người thợ của vua Sa-lô-môn đã xây cất”

một đoàn tàu

“Một nhóm thuyền lớn”

420 ta-lâng vàng

Ta-lâng là một đơn vị đo trọng lượng tương đương với khoảng 34 ki-lô-gam. Tương tự câu: “khoảng 14,000 ki-lô-gam vàng.”

Translation Questions

1 Kings 9:2

Sau khi Sa-lô-môn đã xây xong đền thờ của Đức Giê-hô-va thì Đức Giê-hô-va đã làm gì?

Khi Sa-lô-môn xây dựng xong đền thờ của Đức Giê-hô-va, Ngài đã hiện ra cùng Sa-lô-môn lần thứ hai.

1 Kings 9:3

Đức Giê-hô-va đã phán gì cùng với Sa-lô-môn?

Đức Giê-hô-va đã phán cùng Sa-lô-môn: "Ta đã nhậm lời cầu nguyện nài xin của ngươi thưa trước mặt ta"

1 Kings 9:4

Đức Giê-hô-va đã truyền cho Sa-lô-môn phải vâng phục điều gì?

Đức Giê-hô-va muốn Sa-lô-môn phải vâng phục mọi mạng lệnh và luật lệ mà Ngài đã ra lệnh cho ông.

1 Kings 9:5

Đức Giê-hô-va đã phán hứa gì với Đa-vít, cha của Sa-lô-môn?

Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ thiết lập ngôi nước Đa-vít trên Y-sơ-ra-ên đến đời đời.

1 Kings 9:7

Đức Giê-hô-va truyền Sa-lô-môn phải làm gì nếu như Sa-lô-môn không vâng giữ các mạng lệnh của Ngài?

Đức Giê-hô-va đã phán cùng Sa-lô-môn rằng Ngài sẽ truất Y-sơ-ra-ên ra khỏi đất mà Ngài đã ban cho họ.

1 Kings 9:8

DNgười ta hỏi gì khi họ đi ngang qua đền thờ của Đức Giê-hô-va?

Người ta sẽ hỏi: "Tại sao Đức Giê-hô-va lại làm điều nầy cho xứ nầy và cho nhà nầy?"

1 Kings 9:9

Tại sao Đức Giê-hô-va lại giáng tai họa nầy trên họ?

Đức Giê-hô-va sẽ giáng tai họa trên họ bởi vì họ đã nổi loạn chống nghịch Đức Chúa Trời mình và thờ phượng các thần khác.

1 Kings 9:10

Chuyện gì đã xảy ra vào cuối hai mươi năm sau?

Vừa cuối hai mươi năm, Sa-lô-môn đã xây dựng xong đền thờ của Đức Giê-hô-va và cung điện của vua.

1 Kings 9:11

Hi-ram, vua Ty-rơ đã cung cấp gì cho Sa-lô-môn?

Hi-ram vua Ty-rơ đã cung gỗ bá hương, gỗ tùng, và vàng cho vua Sa-lô-môn.

1 Kings 9:12

Hi-ram từ Ty-rơ đến để xem điều gì?

Hi-ram từ Ty-rơ đến để nhìn ngắm những thành mà Sa-lô-môn đã ban cho mình.

1 Kings 9:13

Hi-ram đã gọi các thành mà Sa-lô-môn ban cho mình là gì?

Hi-ram gọi các thành đó là xứ Ca-bun, nghĩa là chẳng ra gì.

1 Kings 9:14

Hi-ram đã gửi cho vua Sa-lô-môn bao nhiêu vàng?

Hi-ram đã gửi cho vua Sa-lô-môn ba nghìn sáu trăm ký.

1 Kings 9:15

Sa-lô-môn đã xây gì tại Hát-so, Mê-ghi-đô và Ghê-xe?

Sa-lô-môn đã xây các vách thành tại Hát-so, Mê-ghi-đô và Ghê-xe.

1 Kings 9:16

Pha-ra-ôn, vua Ai Cập đã làm ghi lại Ghê-xe?

Pha-ra-ôn, vua Ai Cập đã chiếm lấy Ghê-xe và thiêu rụi nó, và cũng giết những người Ca-na-an trong thành.

1 Kings 9:17

Sa-lô-môn đã làm gì tại Ghê-xe và Bết-hô-rô?

Sa-lô-môn đã xây dựng lại GHê-xe và Bết-hô-rôn.

1 Kings 9:21

Sa-lô-môn đã làm gì với những người dân không thuộc Y-sơ-ra-ên sống trong xứ đó?

Những dân sự không thuộc Y-sơ-ra-ên ở trong xứ, Sa-lô-môn đã bắt làm phu dịch.

1 Kings 9:22

Sa-lô-môn đã làm gì với dân Y-sơ-ra-ên?

Sa-lô-môn đã bắt dân Y-sơ-ra-ên làm binh tính, tôi tớ, quan trưởng, quan tướng và các sĩ quan.

1 Kings 9:23

Sa-lô-môn có bao nhiêu quan trưởng?

Sa-lô-môn có 550 quan trưởng, đặt làm các cai.

1 Kings 9:25

Cứ ba lần trong năm, Sa-lô-môn đã dâng gì?

Sa-lô-môn đã dâng các lễ thiêu thiêu và các của lễ thù ân trên bàn thờ của Đức Giê-hô-va ba lần trong năm.

1 Kings 9:26

Sa-lô-môn đã làm gì tại Ê-xi-ôn-ghê-be?

Sa-lô-môn đã sắm sửa một đoàn tàu tại Ê-xi-ôn-ghê-be.

1 Kings 9:28

Tại sao Sa-lô-môn lại sai các đầy tớ đến Ô-phia?

Sa-lô-môn đã sai các đầy tớ đến Ô-phia để mang vàng trở về.

Chapter 10

1 Kings 10:1

Sa-lô-môn nhờ Danh của Đức Giê-hô-va mà nổi tiếng

Các nghĩa có thể là 1) “Danh tiếng của Sa-lô-môn đã vinh danh Đức Giê-hô-va” hay là 2) “Danh tiếng của vua Sa-lô-môn là do Đức Giê-hô-va ban cho.”

tất cả những gì bà suy nghĩ trong lòng

Tương tự câu: “mọi điều bà muốn biết”

1 Kings 10:3

chỗ ngồi của các quần thần

Các nghĩa có thể của câu này là 1) “các quần thần ngồi quanh bàn ra sao” hoặc là 2) “nơi các quần thần của vua sống.”

bà mất vía

Tương tự câu: “bà dường như nín thở”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Kings 10:6

những lời nói cùng sự khôn ngoan của ngài

Ở đây từ "sự khôn ngoan" có thể bổ nghĩa cho từ "những lời nói." Tương tự câu: "Những lời nói khôn ngoan của ngài." .

thấy tận mắt những điều nầy

Tương tự câu: "Tôi đã chứng kiến"

Thực ra người ta nói chưa đến được một nửa

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.Câu này cũng có thể bộc lộ sự quả quyết. Tương tự câu: "Mọi người nói với tôi chưa đủ"

1 Kings 10:8

những người luôn đứng chầu trước mặt ngài

Tương tự câu: "Những người luôn luôn đứng trước mặt Ngài để chờ phục vụ Ngài."

Chúc tụng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ngài

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Nguyện dân sự Ngài chúc tụng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của Ngài."

Đấng đã đặt Ngài trên ngai Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: "Đấng đã đưa Ngài lên làm vua của Y-sơ-ra-ên."

1 Kings 10:10

ta-lâng

Ta-lâng là một đơn vị đo trọng lượng tương đương với khoảng 34 ki-lô-gam. Tương tự câu: "khoảng 4,000 ki-lô-gam vàng"

Chưa từng có người nào đem tặng số hương liệu nhiều ... đã tặng vua Sa-lô-môn

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chưa từng có ai tặng cho vua Sa-lô-môn nhiều hương liệu hơn là nữ vương Sê-ba đã tặng."

1 Kings 10:11

Vua dùng gỗ bạch đàn nầy làm bao lơn

Tương tự câu: "Những người thợ của vua đã tạo ra những bao lơn bằng gỗ bạch đàn"

chẳng có ai thấy

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "chưa từng có ai nhìn thấy số lượng nhiều đến như vậy"

1 Kings 10:13

tất cả những gì bà thích và xin

Ở đây hai cụm từ này mang nghĩa cơ bản tương tự nhau và kết hợp lại để nhấn mạnh.

theo lòng hào phóng của vua

"theo sự hào phóng của nhà vua"

1 Kings 10:14

hàng năm

Từ này nói đến mỗi năm mà vua Sa-lô-môn trị vì, và không chỉ một lần. Tương tự câu: "hằng năm" (UDB)

666 ta-lâng vàng

Ta-lâng là đơn vị đo trọng lượng tương đương với khoảng 34 ki-lô-gam. Tương tự câu: "gần 23,000 ki-lô-gam vàng."

1 Kings 10:16

Vua Sa-lô-môn làm

Tương tự câu: "Những người thợ của vua Sa-lô-môn đã làm."

hai trăm cái khiên lớn

Tương tự câu: "200 cái khiên lớn"

sáu trăm siếc-lơ vàng

Siếc-lơ là đơn vị đo trọng lượng tương đương với 11 gam. Tương tự câu "Khoảng 6,6 ki-lô-gam vàng."

Sáu trăm siếc-lơ

Bởi vì từ "Siếc-lơ" không xuất hiện ở đoạn này trong Kinh Thánh Hê-bơ-rơ, một vài phiên bản hiện đại có thể phỏng đoán thay vì dùng đơn vị bekah, tương đương với một nửa Siếc-lơ. Bất kỳ phiên bản nào sử dụng sự ước đoán này sẽ ra một tham số tương đương với khoảng 3 ki-lô-gam.

Ba trăm cái khiên nhỏ

Tương tự câu: "300 cái khiên"

Ba min vàng

Min là một đơn vị đo trọng lượng tương đương với khoảng 600 gam. Tương tự câu: "Khoảng 1.8 ki-lô-gam vàng."

Cung Rừng Li-ban

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 7:2.

1 Kings 10:18

vua lại làm

Tương tự câu: "Những người thợ của vua đã làm."

cái ngai lớn bằng ngà

Ngà voi là nói đến phần răng cứng và trắng của con voi.

1 Kings 10:21

Cung Rừng Li-ban

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 7:2.

1 Kings 10:23

Cả thiên hạ

Tương tự câu: "Mọi người ở khắp nơi"

mong được gặp Sa-lô-môn

Tương tự câu: "mong được diện kiến Sa-lô-môn" hay là "muốn đến thăm Sa-lô-môn."

mà Đức Chúa Trời đã đặt để trong lòng vua

Tương tự câu: "mà Đức Chúa Trời đã đặt để trong trí vua." hoặc là "mà Đức Chúa Trời đã ban cho vua."

1 Kings 10:26

một nghìn bốn trăm cỗ xe và mười hai nghìn kỵ binh

Tương tự câu: "1,400 cỗ xe và 12,000 kỵ binh"

1 Kings 10:28

mua từ Ai-cập

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Những tay buôn của vua đã mua từ Ai-cập về."

Mỗi cỗ xe được mua

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Những tay buôn của vua đã mua những cỗ xe."

sáu trăm siếc-lơ bạc ... một trăm năm mươi siếc-lơ

Một siếc-lơ là đơn vị đo trọng lượng tương đương với khoảng 11 gam. Tương tự câu: "khoảng 6,6 ki-lô-gam bạc ... khoảng 1,7 ki-lô-gam"

rất nhiều trong số đó được bán lại

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Những tay buôn của vua sau đó đã bán chúng rất nhiều."

Translation Questions

1 Kings 10:1

Tại sao nữ hoàng nước Sê-ba lại đến cùng Sa-lô-môn?

Nữ hoàng Sê-ba đến gặp Sa-lô-môn để thử ông bằng những câu hỏi khó.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Kings 10:2
Nữ hoàng Sê-ba mang gì đến Giê-ru-sa-lem?
Nữ hoàng Sê-ba đem theo mình thuốc thơm,nhiều vàng và ngọc đến Giê-ru-sa-lem.
1 Kings 10:3
Sa-lô-môn đã trả lời bao nhiêu câu hỏi của nữ hoàng nước Sa-bê?
Sa-lô-môn đã trả lời toàn bộ các câu hỏi của nữ hoàng nước Sê-ba.
1 Kings 10:5
Nữ hoàng nước Sê-ba đã phản ứng ra sao khi bà đã thấy mọi sự khôn ngoan của Sa-lô-môn?
Khi nữ hoàng Sê-ba thấy mọi sự khôn ngoan của Sa-lô-môn thì bà hoảng hồn mất vía.
1 Kings 10:7
Nữ hoàng Sê-ba đã nói gì với Sa-lô-môn?
Nữ hoàng Sê-ba đã thưa cùng Sa-lô-môn rằng: "Sự khôn ngoan và giàu có của vua vượt trội hơn những gì tôi đã nghe về vua."
1 Kings 10:8
Tại sao nữ hoàng Sê-ba lại cho rằng các đầy tớ của Sa-lô-môn thật được phước?
Nữ hoàng Sê-ba cho rằng các đầy tớ của Sa-lô-môn được phước bởi vì họ được nghe sự khôn ngoan của vua.
1 Kings 10:9
Đức Giê-hô-va đã tỏ tình yêu thương cùng Y-sơ-ra-ên như thế nào?
Đức Giê-hô-va đã bày tỏ tình yêu của Ngài dành cho Y-sơ-ra-ên bằng cách lập Sa-lô-môn lên làm vua.
1 Kings 10:10
Nữ hoàng Sê-ba đã tặng cho vua Sa-lô-môn những gì?
Nữ hoàng Sê-ba đã tặng cho Sa-lô-môn ba nghìn sáu trăm ký vàng, và rất nhiều hương liệu cùng đá quý.
1 Kings 10:11
Đoàn tàu của Hi-ram đem gì từ Ô-phia về?
Đoàn tàu của Hi-ram đem vàng từ Ô-phia kìa.
1 Kings 10:12
Vua đã làm gì cho đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Vua đã dùng gỗ đàn hương làm nên các cột trụ cho đền thờ của Đức Giê-hô-va.
1 Kings 10:13
Vua Sa-lô-môn đã ban gì cho nữ hoàng Sê-ba?
Vua Sa-lô-môn đã ban cho nữ hoàng Sê-ba mọi điều bà cầu xin.
1 Kings 10:14
Số vàng mà vua Sa-lô-môn thâu nhận trong một năm cân nặng bao nhiêu?
Số vàng Vua Sa-lô-môn thâu nhận trong một năm cân nặng trên hai tấn rưỡi.
1 Kings 10:15
Ai đã đem vàng và bạc đến cho Sa-lô-môn?
Các vua Ả-rập và các quan cai trị các tỉnh đem vàng và bạc đến nộp cho Sa-lo-môn.
1 Kings 10:16
Vua Sa-lô-môn đã làm ra bao nhiêu chiếc thuẫn lớn bọc vàng dát?
Vua Sa-lô-môn đã làm ra hai trăm chiếc thuẫn lớn bọc vàng dát.
1 Kings 10:17
Vua Sa-lô-môn đã đặt ba trăm chiếc thuẫn dát vàng ở đâu?
Vua Sa-lô-môn đã đặt ba trăm chiếc thuẫn dát vàng trong Cung điện Rừng Li-ban.
1 Kings 10:18
Vua đã dùng ngà voi và vàng ròng để làm ra gì?
Vua đã làm một chiếc ngai lớn bằng ngà và vàng ròng.
1 Kings 10:19
Vua đã làm ra gì ở bên cạnh hai chỗ gác tay?
Có tượng hai con sư tử bên cạnh hai chỗ gác tay của ngai mà vua đã làm.
1 Kings 10:20
Bên cạnh sáu bậc cấp của ngai vàng có gì?
Có tượng mười hai con sư tử khác, mỗi con đứng ở mỗi đầu của sáu bậc cấp của ngai vàng.
1 Kings 10:21
Những ly chén trong Cung Điện Rừng Li-ban được làm từ nguyên liệu gì?
Các ly chén trong Cung Điện Rừng Li-ban được làm từ vàng ròng.
1 Kings 10:22
Cứ ba năm thì các tàu của vua đem về những gì?
Cứ mỗi ba năm, các tàu của vua mang về vàng, bạc, ngà, khỉ và công.
1 Kings 10:24
Tại sao toàn thiên hạ đều muốn được diện kiến vua?
Toàn thiên hệ đều muốn diện kiến Sa-lô-môn để nghe được sự khôn ngoan mà Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng vua.
1 Kings 10:25
Lễ vật mà các khách viếng thăm Sa-lô-môn mang đến cho vua là?
Những khách viếng thăm đã mang đến những lễ vật như vàng, bạc, quần áo, vũ khí và các hương liệu.
1 Kings 10:26
Sa-lô-môn đặt để các xe chiến mã và người cưỡi ngựa của mình ở đâu?
Sa-lô-môn đã đặt để các xe chiến mã và người cưới ngựa của mình trong các thành của các đơn vị sử dụng các xe chiến mã tại Giê-ru-sa-lem.
1 Kings 10:27
Vua đã làm gì với gỗ bá hương?
Vua đã làm cho gỗ bá hương nhiều như gỗ cây sung mọc ở các chân đồi.
1 Kings 10:28
Ngựa của Sa-lô-môn được đem về từ đâu?
Ngựa của Sa-lô-môn được đem về từ Ai Cập và Cilicia.
1 Kings 10:29
Giá mua một xe chiến mã của Sa-lô-môn là bao nhiêu?
Các sẽ chiến mã được mua với giá gần bảy ký bạc.

Chapter 11
1 Kings 11:1
Mô-áp, Am-môn, Ê-đôm, Si-đôn, và Hê-tít
Đây là tên của những nhóm dân.
Bấy giờ Vua Sa-lô-môn còn
Từ “Bấy giờ” ở đây được dùng để đánh dấu một bước ngoặt trong cốt truyện chính ở đây là nơi mà người kể chuyện bắt đầu kể một phần mới của câu chuyện.
quyến rũ các con theo các thần của chúng
“quyến rũ các con” nói đến sự thuyết phục dân sự thay đổi lòng kính mến của họ.Tương tự câu: “Thuyết phuc các con thờ phượng các thần mà họ thờ phượng”
1 Kings 11:3

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bảy trăm bà vợ và ba trăm cung phi
“700 bà vợ và 300 cung phi”
làm cho lòng vua lầm lạc
“quyến rũ các con” nói đến sự thuyết phục dân sự thay đổi lòng kính mến của họ. Tương tự câu: “làm cho lòng vua lầm lạc khỏi Đức Giê-hô-va” hay là “thuyết phục vua không còn thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa”
lòng vua không còn trung thành
Chữ “trung thành” nói đến sự hết lòng trung thành và kính mến. Tương tự câu: “Vua không còn toàn tâm”
1 Kings 11:5
Át-tạt-tê, Minh-côm
Đây là danh xưng của các tà thần.
Si-đôn
Đây là tên của một nhóm dân.
đã làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Cụm từ “dưới mắt” nói đến quan điểm của ai đó. Tương tự câu: “Điều mà Đức Giê-hô-va xem là tội lỗi.”
Sa-lô-môn đã đi theo thần Minh-côm
“Minh-côm” có lẽ là một cái tên khác của tà thần “Mo-lóc.”
1 Kings 11:7
Dâng sinh tế cho các thần của mình tại nơi đó
Ở đây từ “tại nơi đó” nói đến những nơi cao mà vua Sa-lô-môn đã xây.
1 Kings 11:9
lòng vua lìa bỏ
Chính là “Lòng vua Sa-lô-môn đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va.” Tương tự câu: “Vua Sa-lô-môn không còn thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa.”
Đấng đã hai lần hiện ra với vua
“Đức Giê-hô-va đã hai lần xuất hiện trước vua Sa-lô-môn.”
1 Kings 11:11
Xé vương quốc của con ra
Đức Chúa Trời sẽ dời bỏ phần lớn đất nước khỏi dòng dõi của vua Sa-lô-môn như là người ta xé một mảnh vải.
tay con trai con
Tương tự câu: “quyền lực của con trai con.”
1 Kings 11:14
Vào thời Đa-vít chinh phục Ê-đôm ... lúc ấy,Ha-đát còn là một thiếu niên
Đây là những thông tin về bối cảnh đã xảy ra trước đây rất lâu.
Giô-áp cùng toàn thể Y-sơ-ra-ên
“Giô-áp cùng tất cả quân đội Y-sơ-ra-ên.”
Ha-đát đã cùng với mấy người Ê-đôm, là các đầy tớ của cha mình
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. “Các đầy tớ của cha Ha-đát đã đưa ông đi cùng với những người Ê-đôm khác.”
1 Kings 11:18
Thông Tin Chung:
Đoạn này tiếp tục các thông tin về bối cảnh bắt đầu trong 1KI 11:15.
Họ đi từ Ma-đi-an
Ở đây từ “họ” nói đến Ha-đát và những người Ê-đôm khác đã được đề cập trong 1KI 11:17.
1 Kings 11:20
Đa-vít đã an giấc cùng các tổ phụ mình
Đây là một cách nói tế nhị rằng vua Đa-vít đã qua đời. Tương tự câu: “Đa-vít đã băng hà.”
1 Kings 11:23
Khi Đa-vít đánh giết
Tương tự câu: “Khi quân đội của Đa-vít đánh giết.”
Rê-xôn càng thù địch với Y-sơ-ra-ên hơn
“Rê-xôn rất ghét dân Y-sơ-ra-ên.”
1 Kings 11:26
nổi lên chống lại vua
Tương tự câu: “Phản nghịch lại vua”
Sa-lô-môn xây công trình Mi-lô
Hãy xem bạn đã dịch từ “Mi-lô” như thế nào trong 1KI 9:15.
1 Kings 11:28
Một người mạnh khỏe và có khả năng
Các nghĩa có thể là 1) “Một chiến binh giỏi” 2) “Một người nam rất có năng lực” (UDB) hoặc 3) “Một người đàn ông giàu có và có thế lực.”
Sa-lô-môn đặt người phụ trách
“Vua đặt ông làm chỉ huy”
1 Kings 11:31
Ông nói
Ở đây từ “Ông” nói đến A-hi-gia.
xé vương quốc
Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 11:11.
tay Sa-lô-môn
Tương tự câu: “quyền lực của Sa-lô-môn.”
Cho Sa-lô-môn
Tương tự câu: “Con của vua Sa-lô-môn sẽ chỉ còn” hay là “Các hậu tự của vua Sa-lô-môn sẽ chỉ còn”
điều ngay thẳng dưới mắt ta
Tương tự câu: “Điều mà ta xem là ngay thẳng”
1 Kings 11:34
Thông Tin Chung:
A-hi-gia tiếp tục nói với Giê-rô-bô-am về điều mà Đức Giê-hô-va đã phán.
Ta sẽ không truất
Ở đây từ “Ta” nói đến Đức Giê-hô-va
khỏi tay Sa-lô-môn
Tương tự câu: “khỏi quyền lực của Sa-lô-môn”
Mà trao cho ngươi
Ở đây từ “ngươi” nói đến Giê-rô-bô-am.
có người nối ngôi mãi mãi trước mặt Ta
Tương tự câu: “Sẽ luôn có một hậu tự để nối ngôi như một cách nhắc đến giao ước của Ta với nhà Đa-vít.”
1 Kings 11:37
Thông Tin Chung:
A-hi-gia tiếp tục nói với Giê-rô-bô-am về điều mà Đức Giê-hô-va đã phán.
Ta sẽ chọn và lập ngươi
Ở đây từ “Ta” nói đến Đức Giê-hô-va và từ “ngươi” nói đến Giê-rô-bô-am.
làm điều ngay thẳng dưới mắt Ta
Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 11:33.
lập cho ngươi một triều đại vững chắc
Tương tự câu: “lập cho ngươi một vương quốc bền vững”
1 Kings 11:41
há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Sa-lô-môn sao?
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Ngươi có thể tìm chúng trong sách Sử Ký của Sa-lô-môn”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sách Sử Ký của Sa-lô-môn
Câu này nói đến một quyển sách đã không còn nữa.
Sa-lô-môn an giấc cùng các tổ phụ
Tương tự câu: “Ông đã qua đời”
được an táng
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “người ta an táng ông.”

Translation Questions

1 Kings 11:1
Vua Sa-lô-môn đã yêu ai?
Vua Sa-lô-môn đã yêu rất nhiều người nữ ngoại bang.
1 Kings 11:2
Đức Giê-hô-va đã ra lệnh gì về việc cưới những người nữ từ các nước ngoại bang?
Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên không được cứu những người nữ từ các nước ngoại bang.
1 Kings 11:3
Các vợ của Sa-lô-môn đã khiến lòng ông ra sao?
Các vợ của Sa-lô-môn đã làm cho ông lòng ông chệch hướng.
1 Kings 11:4
Lòng của Đa-vít hướng về Đức Giê-hô-va ra sao?
Lòng Đa-vít hoàn toàn đầu phục Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông.
1 Kings 11:5
Sa-lô-môn đã đi theo điều gì?
Sa-lô-môn đã đi theo Ách-tô-rét nữ thần của dân Si-đôn và Minh-côm thần gớm ghiếc của dân Am-môn.
1 Kings 11:6
Sa-lô-môn đã làm gì trước mặt Đức Giê-hô-va?
Sa-lô-môn đã làm những việc tội lỗi trước mặt Đức Giê-hô-va.
1 Kings 11:7
Sa-lô-môn đã xây gì cho Kê-mốt?
Sa-lô-môn đã xây một miếu thờ cho Kê-mốt, thần của dân Mô-áp.
1 Kings 11:8
Sa-lô-môn đã làm gì tại các miếu thờ của các vợ ngoại bang của mình?
Sa-lô-môn đã dâng hương và dâng các con vật hiến tế cho các tà thần của họ tại các miếu thờ.
1 Kings 11:9
Đức Giê-hô-va đã hiện ra cùng Sa-lô-môn bao nhiêu lần?
Đức Giê-hô-va đã xuất hiện hai lần cùng Sa-lô-môn.
1 Kings 11:10
Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho với Sa-lô-môn?
Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Sa-lô-môn không được đi theo các thần ngoại bang.
1 Kings 11:11
Vì cớ các tà thần, Đức Giê-hô-va phán với Sa-lô-môn rằng Ngài sẽ làm gì?
Đức Giê-hô-va đã phán bảo Sa-lô-môn rằng Ngài sẽ phân chia vương quốc của người và ban nó cho tôi tớ của người.
1 Kings 11:13
Đức Giê-hô-va đã ban cho con trai của Sa-lô-môn bao nhiêu chi phái?
Đức Giê-hô-va đã hứa ban một chi phái cho con trai của Sa-lô-môn.
1 Kings 11:14
Đức Giê-hô-va đã dấy lên một kẻ thù chống nghịch Sa-lô-môn là ai?
Đức Giê-hô-va đã dấy lên một người chống lại Sa-lô-môn: Ha-đát người Ê-đôm.
1 Kings 11:15
Ai đã đi lên để chôn cất những người đã tử trận tại Ê-đôm?
Quan tổng binh Giô-áp đã đi lên để chôn cất những người đã bị giết tại Ê-đôm.
1 Kings 11:16
Giô-áp và Y-sơ-ra-ên đã ở lại Ê-đôm trong bao lâu?
Giô-áp và Y-sơ-ra-ên đã ở lại Ê-đôm trong sáu tháng.
1 Kings 11:17
Ha-đát đã bị dẫn đi đến đâu?
Ha-đát đã bị dẫn đến Ai Cập.
1 Kings 11:19
Pha-ra-ôn đã ban ai làm vợ Ha-đát?
Pha-ra-ôn đã gả em vợ của mình, tức là em gái của hoàng hậu Ta-pê-nê cho Ha-đát.
1 Kings 11:20
Tên con trai của Ha-đát là gì?
Con trai Ha-đát được đặt tên là Ghê-bu-nát.
1 Kings 11:21
Ha-đát đã cầu xin Pha-ra-ôn điều gì?
Ha-đát đã hỏi Pha-ra-ôn liệu ông có thể trở về quê hương của mình được hay không.
1 Kings 11:23
Tên của một người chống đối Sa-lô-môn mà Đức Giê-hô-va đã dấy lên nữa?
Đức Chúa Trời đã dấy lên một người khác chống nghịch Sa-lô-môn tên là Rê-xôn con của Ê-li-a-đa.
1 Kings 11:24
Thuộc hạ của Rê-xôn đã đi đến đâu?
Thuộc hạ của Rê-xôn đã đi đến Đa-mách và sống tại đó.
1 Kings 11:25
Y-sơ-ra-ên là kẻ thù của Y-sơ-ra-ên trong bao lâu?
Rê-xôn là kẻ thù của Y-sơ-ra-ên trong trọn đời của Sa-lô-môn.
1 Kings 11:26
Ai đã giơ tay mình lên chống nghịch lại vua?
Giê-rô-bô-am là con trai Nê-bát đã giơ tay mình lên chống nghịch vua.
1 Kings 11:27
Tại sao Giê-rô-bô-am lại giơ tay mình lên chống nghịch lại vua?
Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát đã giơ tay mình lên chống nghịch vua bởi vì Sa-lô-môn đã xây sửa thành Mi-lô và sửa chửa lại tường thành Đa-vít.
1 Kings 11:28
Sa-lô-môn đã cho Giê-rô-bô-am cầm quyền trên điều gì?
Sa-lô-môn đã lập Giê-rô-bô-am chỉ huy nhân công nhà Giô-sép.
1 Kings 11:29
Ai đã gặp được Giê-rô-bô-am khi ông đi ra khỏi Giê-ru-sa-lem?
Tiên tri A-hi-gia đã gặp được Giê-rô-bô-am trên đường khi ông đi ra khỏi Giê-ru-sa-lem.
1 Kings 11:30
Tiên tri A-hi-gia đã làm gì với với chiếc áo choàng mới của Giê-rô-bô-am?
A-hi-gia nắm lấy chiếc áo choàng mới của Giê-rô-bô-am và

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

xé nó thành mười hai mảnh.
1 Kings 11:31
Đức Giê-hô-va phán gì về vương quốc của Sa-lô-môn?
Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ xé vương quốc Y-sơ-ra-ên ra khỏi tay Sa-lô-môn.
1 Kings 11:32
Sa-lô-môn sẽ chiếp giữ bao nhiêu chi phái?
Sa-lô-môn sẽ năm giữ một chi phái vì cớ Đa-vít.
1 Kings 11:34
Đức Giê-hô-va đã lập Sa-lô-môn làm vua trong bao lâu?
Đức Giê-hô-va đã lập Sa-lô-môn cai trị trong trọn cả đời của người.
1 Kings 11:36
Đức Giê-hô-va đã chọn thành nào để đặt danh Ngài?
Đức Giê-hô-va chọn đặt danh Ngài tại thành Giê-ru-sa-lem.
1 Kings 11:38
Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ làm gì cho Giê-rô-bô-am nếu ông bước đi theo đường lối của Ngài?
Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ khiến nhà Giê-rô-bô-am được vững bền nếu như ông chịu bước đi theo đường lối của Ngài.
1 Kings 11:40
Sa-lô-môn đã cố gắng làm gì Giê-rô-bô-am?
Sa-lô-môn tìm cách giết Giê-rô-bô-am.
1 Kings 11:42
Sa-lô-môn đã cai trị Y-sơ-ra-ên trong bao lâu?
Sa-lô-môn đã cai trị Giê-ru-sa-lem trong bốn mươi năm.
1 Kings 11:43
Ai đã trở thành vua kế vị Sa-lô-môn?
Rê-hô-bô-am lên ngôi kế vị vua Sa-lô-môn.

Chapter 12
1 Kings 12:1
toàn dân Y-sơ-ra-ên đã đến đó
Tương tự câu: “Toàn thể dân Y-sơ-ra-ên”
Lúc ấy
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một hoạt động bắt đầu. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để thay thế thì bạn có thể sử dụng ở đây.
1 Kings 12:3
sai mời ông về
Ở đây từ “ông” nói đến Giê-rô-bô-am.
đã đặt lên chúng tôi một cái ách quá nặng
Tương tự câu: “Đối xử với chúng tôi một cách tàn nhẫn” hay là “bắt chúng tôi làm việc rất nặng nhọc”
1 Kings 12:6
các trưởng lão đã từng hầu cận Sa-lô-môn
Tương tự câu: “Những trưởng lão đã từng cố vấn cho Sa-lô-môn” hoặc là “Những trưởng lão đã từng phục vụ Sa-lô-môn”
1 Kings 12:8
đã từng hầu cận Sa-lô-môn
Tương tự câu: “cố vấn cho vua” hay là “từng phục vụ vua”
Hãy giảm nhẹ cái ách mà thân phụ của bệ hạ đã đặt lên chúng tôi
Tương tự câu: “Đừng đối xử với chúng tôi tàn nhẫn như thân phụ bệ hạ đã làm” hay là “Đừng buộc chúng tôi phải làm việc nặng nhọc như thân phụ bệ hạ đã làm”
1 Kings 12:10
Ngón tay út của ta còn mập hơn vòng bụng của cha ta
Câu này có nghĩa là Rô-bô-am là một người độc ác và đáng sợ hơn cha của ông nhiều.
Cha ta đã trừng phạt các ngươi bằng roi da, ta sẽ trừng phạt các ngươi bằng roi bò cạp
Câu này có nghĩa là sự trừng phạt mà Giê-rô-bô-am định làm sẽ còn nặng nề hơn cả cha ông.
trừng phạt các ngươi bằng roi bò cạp
Từ “bò cạp” ở đây có thể nói đến 1) Một cái roi có gai sắc nhọn bằng kim loại ở đầu, hoặc là 2) một sinh vật thuộc họ nhện có đuôi chứa nọc độc.
1 Kings 12:12
Cha ta đã đặt một cái ách nặng cho các ngươi ... trừng phạt các ngươi bằng roi bò cạp
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 1KI 12:11.
1 Kings 12:15
vì các biến cố đó do Đức Giê-hô-va cho phép xảy ra
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã khiến những điều đó xảy ra như vậy”
1 Kings 12:16
Thì toàn dân Y-sơ-ra-ên
“Khi tất cả người dân Y-sơ-ra-ên là những người đang có mặt.”
Chúng ta có phần gì cùng Đa-vít?
Tương tự câu: “Chúng ta sẽ chẳng có phần trong nhà Đa-vít.”
Chúng ta chẳng có sản nghiệp gì với con của Gie-sê
Đa-vít là con trai của Gie-sê. Tương tự câu: “Chúng ta chẳng có được gì cùng với những hậu tự của Gie-sê.”
Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy trở về trại mình đi
Tương tự câu: “Hãy trở về nhà mình đi, hỡi người Y-sơ-ra-ên.”
Hỡi Đa-vít! Từ nay hãy coi chừng nhà của ngươi
Tương tự câu: “Từ nay hãy coi chừng vương quốc của ngươi, hỡi các dòng dõi của Đa-vít.”
1 Kings 12:18
Toàn thể Y-sơ-ra-ên ném đá ông chết
Tương tự câu: “Tất cả những người dân Y-sơ-ra-ên có mặt ở đó.”
nhà Đa-vít
Tương tự câu: “các vua nối ngôi Đa-vít.”
1 Kings 12:20
Khi
Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu như ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt thì hãy xem xét sử dụng nó ở đây.
Khi dân Y-sơ-ra-ên nghe tin
Tương tự câu: “Khi các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên nghe được”
làm vua trên toàn thể Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “làm vua trên 10 bộ tộc của Y-sơ-ra-ên.”
nhà Đa-vít
Tương tự câu: “dòng dõi của Đa-vít”
bộ tộc Giu-đa
Tương tự câu: “Người của bộ tộc Giu-đa.” (UDB)
1 Kings 12:21
nhà Giu-đa
Ở đây nói đến những người của bộ tộc Giu-đa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một trăm tám mươi nghìn quân tinh nhuệ
Tương tự câu: “180,000 quân tinh nhuệ” hay là “180,000 quân thiện chiến nhất.”
nhà Y-sơ-ra-ên
Cụm từ này nói đến những người thuộc 10 bộ tộc phương bắc.
1 Kings 12:22
Có lời Đức Chúa Trời đến với
“Đức Chúa Trời phán lời của Ngài.”
người của Đức Chúa Trời
Đây là tên gọi khác của một tiên tri. Tương tự câu: “Nhà tiên tri”
toàn thể nhà Giu-đa, Bên-gia-min
Tương tự câu: “Tất cả mọi người của bộ tộc Giu-đa và Bên-gia-min.”
anh em mình, là dân Y-sơ-ra-ên
Các từ như “anh em” và “dân Y-sơ-ra-ên” đều cùng nói đến những người thuộc 10 bộ tộc phương bắc và nhấn mạnh đến mối quan hệ gia tộc giữa họ và Rô-bô-am. Xem:
vì điều nầy do Ta cho phép xảy đến
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Bởi vì Ta cho phép điều này xảy ra”
1 Kings 12:25
Giê-rô-bô-am xây thành Si-chem
“Những người thợ của Giê-rô-bô-am xây thành Si-chem.”
tự nhủ
“Tự suy nghĩ”
nhà Đa-vít
“Các vị vua kế vị Đa-vít.”
Nếu dân này cứ đi lên
Những từ như “dân này” là nói đến 10 bộ tộc của Y-sơ-ra-ên ở phương bắc.
chắc sẽ quay về với chủ mình là Rô-bô-am, vua Giu-đa ... quay về với Rô-bô-am, vua Giu-đa
Những cụm từ này mang nghĩa tương tự và kết hợp lại để nhấn mạnh.
1 Kings 12:28
đã đem các ngươi ra khỏi
Tương tự câu: “đã đem các tổ phụ ngươi ra khỏi.”
1 Kings 12:31
Giê-rô-bô-am còn xây cất đền miếu trên các nơi cao
Tương tự câu: “Những thợ của Giê-rô-bô-am xây cất đền miếu trên các nơi cao.”
lập họ làm thầy tế lễ
Tương tự câu: “chọn người làm thầy tế lễ.”
Dân Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “Tất cả mọi người của mười bộ tộc phương bắc.”
vào ngày rằm tháng tám
Đây là tháng thứ tám theo lịch của Hê-bơ-rơ. Ngày thứ mười lăm gần với đầu tháng 11 theo dương lịch. Tương tự câu: “vào ngày thứ mười lăm của tháng thứ tám.”
Đi đến bàn thờ
Tương tự câu: “Dâng sinh tế trên bàn thờ.”
1 Kings 12:33
Đi đến bàn thờ
Tương tự câu: “Dâng sinh tế trên bàn thờ.”
là tháng mà vua đã tự ý chỉ định
Tương tự câu: “Vào tháng mà vua đã quyết định.”

Translation Questions

1 Kings 12:1
Tại sao Rê-hô-bô-am lại đi đến Si-chem?
Rehoboam went to Shechem because all Israel was coming there to make him king.
1 Kings 12:3
Who came with the assembly of Israel to speak to Rehoboam?
Jeroboam the son of Nebat came with the assembly of Israel to speak to Rehoboam.
1 Kings 12:4
What did Israel ask of Rehoboam?
All Israel asked that Rehoboam would lighten the heavy yoke his father had put on them.
1 Kings 12:5
For how many days did Rehoboam send the people away?
Rehoboam sent the people away for three days.
1 Kings 12:6
With whom did Rehoboam consult?
Rehoboam consulted with the older men who stood before Solomon his father.
1 Kings 12:7
What did the older men say to Rehoboam?
The older men said that Rehoboam should say good words to the people of Israel.
1 Kings 12:8
Rê-hô-bô-am làm gì với lời khuyên của các trưởng lão đưa cho mình?
Rê-hô-bô-am đã phớt lờ những lời khuyên của các trưởng lão.
1 Kings 12:10
Những người trẻ đã khuyên Rê-hô-bô-am nói gì với dân sự?
Những người trẻ đã khuyên Rê-hô-bô-am nói rằng: "Ngón tay út của ta còn lớn hơn cái lưng của cha ta"
1 Kings 12:11
Rê-hô-bô-am đã nói ông sẽ dùng gì để trừng phạt dân sự?
Rê-hô-bô-ôm đã nói rằng ông sẽ dùng roi có dằm sắt để trừng phạt dân sự.
1 Kings 12:12
Nhà vua đã chỉ thị cho dân sự làm gì?
Nhà vua đã chỉ thị cho dân sự trở lại vào ngày thứ ba.
1 Kings 12:13
Nhà vua đã trả lời dân sự ra sao?
Nhà vua đã trả lời dân sự một cách xẳng xớm.
1 Kings 12:14
Nhà vua đã nói vua sẽ làm gì với cái ách đã có trên dân sự?
Vua khẳng định sẽ chất thêm cho ách dân sự càng nặng hơn.
1 Kings 12:15
Ai đã khiến những việc đó xảy ra?
Những việc đó do chính Đức Giê-hô-va làm cho xảy ra.
1 Kings 12:16
Toàn thể Y-sơ-ra-ên đã nói gì khi họ thấy vua không chịu lắng nghe mình?
Toàn thể Y-sơ-ra-ên nói rằng: "Chúng ta chẳng hưởng được cơ nghiệp gì với con cháu của Giê-se cả, ai nấy hãy trở về trại mình."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Kings 12:17
Rê-hô-bô-am đã trở thành vua cai trị trên dân nào?
Rê-hô-bô-am đã trở thành vua cai trị trên dân Y-sơ-ra-ên sống tại các thành Giu-đa.
1 Kings 12:18
Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì với A-đô-ram?
Toàn bộ Y-sơ-ra-ên đã ném đá A-đô-ram cho đến chết.
1 Kings 12:20
Ai đã đi theo nhà Đa-vít?
Chỉ duy nhất chi phái Giu-đa đi theo nhà Đa-vít.
1 Kings 12:21
Tại sao Rê-hô-bô-am lại tập hợp nhà Giu-đa tại Giê-ru-sa-lem?
Rê-hô-bô-am đã tập hợp nhà Giu-đa để đánh nhà Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 12:22
Lời của Đức Chúa Trời đến cùng ai?
To whom did the word of God come?
Lời của Đức Chúa Trời đến với Sê-ma-gia, người của Đức Chúa Trời.
1 Kings 12:24
Đức Giê-hô-va đã phán gì?
Đức Giê-hô-va phán rằng: "Các ngươi không được đi lên đánh anh em các ngươi, người I-sơ-ra-ên".
1 Kings 12:25
Giê-rô-bô-am đã xây dựng thành Si-chem ở đâu?
Giê-rô-bô-am đã xây dựng Si-chem tại vùng núi Ép-ra-im.
1 Kings 12:26
Giê-rô-bô-am đã suy nghĩ gì trong lòng?
Giê-rô-bô-am đã suy nghĩ trong lòng rằng:"Không khéo nước lại rơi về tay nhà Đa-vít mất".
1 Kings 12:27
Giê-rô-bô-am đã nói gì về những người dâng của tế lễ trong đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Giê-rô-bô-am nói rằng: "Nếu những người đó còn dâng của lễ trong Đền Thờ của Đức Giê-hô-va thì họ sẽ giết ta và quay trở lại cùng Rô-bô-am vua Giu-đa."
1 Kings 12:28
Vua Giê-rô-bô-am đã làm ra thứ gì?
Vua Giê-rô-bô-am đúc hai con bò bằng vàng.
1 Kings 12:29
Giê-rô-bô-am đã đặt hai con bò đó lên ở đâu?
Vua đặt một tượng ở Bê-tên, một ở Đan.
1 Kings 12:31
Giê-rô-bô-am đã lập những người nào làm thầy tế lễ?
Giê-rô-bô-am đã lập những thầy tế lễ trong hàng thường dân chứ không phải những người Lê-vi.
1 Kings 12:32
Giê-rô-bô-am đã làm gì tại Bê-tên?
Giê-rô-bô-am đã ra lệnh mở tiệc tại Bê-tên.
1 Kings 12:33
Giê-rô-bô-am đã làm gì tại đền thờ ở Bê-tên?
Giê-rô-bô-am đã đi lên đền thờ đó để dâng hương.

Chapter 13
1 Kings 13:1
Một người của Đức Chúa Trời
Đây là cách gọi khác của một tiên tri. Tương tự câu: “Một nhà tiên tri.”
quở trách bàn thờ
Tương tự câu: “Nói tiên tri lớn tiếng chống nghịch lại bàn thờ”
Hỡi bàn thờ, bàn thờ
Tiên tri nói với bàn thờ như thể nó là một con người có thể nghe thấy được. Ông nói từ này hai lần để nhấn mạnh.
một con trai sẽ được sinh ra cho nhà Đa-vít, tên nó là Giô-si-a
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Một hậu tự của nhà Đa-vít sẽ sinh một con trai đặt tên là Giô-si-a.”
người ta sẽ thiêu
Ở đây từ “người ta” nói đến Giô-si-a và những người của ông
bàn thờ sẽ nứt ra và tro trên bàn thờ sẽ đổ xuống
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va sẽ làm nứt bàn thờ và trút tro bụi trên bàn thờ xuống.”
1 Kings 13:4
Bàn thờ cũng nứt ra và tro trên bàn thờ đổ xuống
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va cũng đã làm nứt bàn thờ và trút tro bụi trên bàn thờ xuống.”
đúng như dấu lạ mà người của Đức Chúa Trời đã vâng lệnh Đức Giê-hô-va tỏ ra
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đúng như dấu lạ mà người của Đức Chúa Trời đã tỏ ra vâng theo lệnh Đức Giê-hô-va.” "
1 Kings 13:6
tay tôi có thể co lại được như cũ
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va có thể làm cho tay tôi co lại như cũ.”
tay vua co vào được như trước
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã làm cho tay vua co lại như cũ.”
1 Kings 13:8
Dù vua có cho phân nửa tài sản, tôi cũng không thể về với vua
“Vua có thể nghĩ rằng nếu vua cho tôi một nửa tài sản của vua thì tôi sẽ về với vua. Nhưng cho dù vua làm vậy, thì tôi cũng sẽ không thể về với vua.”
1 Kings 13:11
các con trai của ông chỉ con đường
Tương tự câu: “Các con trai của ông đã chỉ đường.”
1 Kings 13:14
Vị tiên tri già
Câu này nói đến vị tiên tri ở Bê-tên.
ông hỏi
“Vị tiên tri già nói với người của Đức Chúa Trời”
Người ấy đáp
“Người của Đức Chúa Trời đáp.”
nơi nầy
“ở Bê-tên”
1 Kings 13:18
một thiên sứ đã vâng lệnh Đức Giê-hô-va phán với tôi rằng
Tương tự câu: “Một thiên sứ nói với tôi điều mà Đức Giê-hô-va đã phán.” Hay là “một thiên sứ đã đem một sứ điệp của Đức Giê-hô-va đến với tôi.”
1 Kings 13:20
Khi hai người đang ngồi ăn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tương tự câu: “Khi họ ngồi tại bàn đang ăn.”

Có lời của Đức Giê-hô-va phán với

“Đức Giê-hô-va phán những lời này.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]

đã đem người kia trở lại

Ở đây từ “người kia” nói đến người của Đức Chúa Trời.

1 Kings 13:23

xác người ấy nằm sải trên đường

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “và bỏ xác ông lại trên đường.”

Có người đi ngang qua đó và thuật lại điều mình đã thấy

“Có người đi ngang qua và thuật lại với mọi người về xác chết”

1 Kings 13:29

Họ than khóc

Ở đây từ “Họ” nói đến vị tiên tri và các con trai của ông.

Ôi! Người anh em của tôi ôi!

Từ “Ôi” là một thán từ biểu lộ nỗi đau buồn vô cùng.

1 Kings 13:31

Ông chôn xác người ấy

Ở đây từ “Ông” nói đến vị tiên tri già và “người ấy” nói đến người của Đức Chúa Trời.

1 Kings 13:33

Điều này đã trở thành một trọng tội của nhà Giê-rô-bô-am

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Nhà Giê-rô-bô-am đã phạm tội vì làm việc này.”

Điều này

Cụm từ này nói đến việc vua Giê-rô-bô-am tự ý chỉ định các thầy tế lễ và xây cất đền miếu trên các nơi cao.

đến nỗi triều đại của vua bị sụp đổ và bị tiêu diệt khỏi mặt đất

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Chúa Trời đã tiêu diệt và làm sụp đổ triều đại của nhà Giê-rô-bô-am.”

Translation Questions

1 Kings 13:1

Ai đã ra khỏi Giu-đa bởi lời phán của Đức Giê-hô-va?

Một người của Đức Chúa Trời đã ra khỏi Giu-đa bởi lời phán của Đức Giê-hô-va.

1 Kings 13:2

Người của Đức Chúa Trời đã kêu khóc gì trước bàn thờ tại Bê-tên?

Người của Đức Chúa Trời đã kêu khóc trước bàn thờ: "Người ta sẽ đốt trên mày hài cốt của người chết."

1 Kings 13:3

Người của Đức Chúa Trời đã đưa ra dấu hiệu nào về bàn thờ?

Người của Đức Chúa Trời đã đưa ra một dấu hiệu có nghĩa là: "Bàn thờ sẽ bể ra, tro trên bàn thờ sẽ đổ xuống."

1 Kings 13:4

Chuyện gì đã xảy ra cho tay của Giê-rô-bô-am khi ông đưa tay ra từ phía bàn thờ?

Khi Giê-rô-bô-am đưa tay ra từ phía bàn thờ, tay ông khô cứng, không co lại được.

1 Kings 13:5

Chuyện gì đã xảy ra với bàn thờ đó?

Bàn thờ bị nứt ra làm đôi và tro đổ ra y như lời người Đức Chúa Trời đã mô tả.

1 Kings 13:6

Chuyện gì đã xảy ra khi người của Đức Chúa Trời cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va về tay của Giê-rô-bô-am?

Khi người của Đức Chúa Trời đã cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, tay của vua ấy trở lại như cũ.

1 Kings 13:7

Vua đã nói gì với người của Đức Chúa Trời?

Vua đã nói với người của Đức Chúa Trời: "Ngươi hãy về cung với ta và ta sẽ dâng cho ngươi một lễ vật."

1 Kings 13:8

Người của Đức Chúa Trời đã thưa gì với vua?

Người của Đức Chúa Trời đã nói cùng vua: "Ta sẽ không đi cùng vua"

1 Kings 13:10

Người của Đức Chúa Trời đã làm gì sau khi nói chuyện với vua?

Sau khi nói chuyện với vua, người của Đức Chúa Trời đã đi đường khác, chẳng trở lại đường người đã đi đến Bê-tên đi đường khác trở về nhà mình.

1 Kings 13:11

Vị tiên tri già đã sống ở đâu?

Vị tiên tri già đã sống tại Bê-tên.

1 Kings 13:12

Ai đã nhìn thấy đường mà người của Đức Chúa Trời đã đi từ Bê-tên?

Con trai vị tiên tri già đã thấy đường mà người của Đức Chúa Trời đã đi đến Bê-tên.

1 Kings 13:13

Vị tiên tri già đã tìm thấy người của Đức Chúa Trời ở đâu?

Vị tiên tri già đã tìm thấy người của Đức Chúa Trời đang ngồi dưới gốc cây thông.

1 Kings 13:15

Vị tiên tri già đã nói gì với người của ĐỨC Chúa Trời?

Vị tiên tri già đã nói với người của Đức Chúa Trời: "Hãy đến nhà tôi đặng dùng bữa với tôi."

1 Kings 13:16

Câu trả lời từ người của Đức Chúa Trời với vị tiên tri già kia là gì?

Người của Đức Chúa Trời đã trả lời: "Tôi chẳng thể trở về với ông, cũng chẳng thể vào nhà ông"

1 Kings 13:17

Vị tiên tri già đã trả lời người của ĐỨC Chúa Trời như thế nào?

Vị tiên tri già đã nói dối người của Đức Chúa Trời mà rằng: "Một thiên sứ vâng lịnh Đức Giê-hô-va có phán với ta rằng: Hãy dẫn nó vào nhà với ngươi"

1 Kings 13:19

Người của Đức Chúa Trời đi theo vị tiên tri già đã nói dối người đến đâu?

Người của Đức Chúa Trời bèn trở lại với người, ăn và uống tại nhà người.

1 Kings 13:20

Khi họ đang ngồi tại bàn thì điều gì xảy đến cho vị tiên tri già?

Có lời của Đức Giê-hô-va đến cùng vị tiên tri già khi họ đang ngồi tại bàn ăn.

1 Kings 13:22

Lời của Đức Giê-hô-va phán gì với người của Đức Chúa Trời?

Lời của Đức Giê-hô-va phán: "Bởi vì ngươi đã quay trở lại và ăn bánh uống nước, thân xác ngươi sẽ không được chôn trong mộ của các tổ phụ mình."

1 Kings 13:23

Vị tiên tri già đã làm khi sau khi họ đã dùng bữa xong?

Sau khi họ đã dùng bữa xong, vị tiên tri già đã thắng yên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lừa cho người của Đức Chúa Trời.
1 Kings 13:24
Chuyện gì đã xảy ra sau khi người của Đức Chúa Trời đã đi khỏi?
Sau khi người của Đức Chúa Trời đã đi, một con sư tử gặp người trên đường và đã giết chết người.
1 Kings 13:25
Người ta làm gì khi họ thấy xác người của Đức Chúa Trời nằm bên đường?
Khi người ta thấy xác người của Đức Chúa Trời nằm trên đường, họ trở về và thuật lại điều đó trong thành của vị tiên tri già kia.
1 Kings 13:26
Vị tiên tri già đã trả lời những người kia ra sao?
Vì tiên tri già trả lời rằng: "Ấy là người của Đức Chúa Trời đã phản nghịch lời của Đức Giê-hô-va".
1 Kings 13:28
Vị tiên tri già đã làm gì sau khi nghe lời kể của những người kia?
Vị tiên tri già bảo các con trai mình thắng lừa và ông đi ra tìm xác người của Đức Chúa Trời bị bỏ lại trên đường.
1 Kings 13:30
Vị tiên tri già đã làm gì với xác người của Đức Chúa Trời?
Vị tiên tri già đã khiêng xác của người Đức Chúa Trời lên và chôn người trong phần mộ của mình.
1 Kings 13:31
Vị tiên tri già đã nói gì với các con trai của mình về việc chôn cất chính mình?
Vì tiên tri già nói với các con trai: "Khi ta chết, các con hãy chôn ta vào phần mộ đã chôn người của Đức Chúa Trời".
1 Kings 13:34
Điều gì đã trở thành tội lỗi đối với gia đình Giê-rô-bô-am và khiến nhà đó bị diệt khỏi mặt đất?
Giê-rô-bô-am đã không xoay khỏi tội ác nhưng người lại lập những thầy tế lễ mà mình chọn; điều nầy trở thành tội đối với nhà Giê-rô-bô-am.

Chapter 14
1 Kings 14:1
Bà sẽ không bị ai nhận ra
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “không ai có thể nhận ra bà.”
1 Kings 14:4
Kìa, vợ của Giê-rô-bô-am
Ở đây từ “Kìa” nghĩa là “hãy chú ý.”
Con sẽ trả lời thế nầy, thế nầy
Những từ như “thế nầy, thế nầy” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã nói với A-hi-gia điều cần phải nói. Tương tự câu: “Hãy nói như thế này với bà”
1 Kings 14:6
Tại sao bà lại giả làm người khác?
Tương tự câu: “Đừng giả vờ là người khác nữa, tôi biết bà là ai.”
Tôi được lệnh báo cho bà một tin dữ
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã bảo tôi báo cho bà một tin dữ.”
Ta đã tước đoạt vương quốc
Đức Chúa Trời đã xé bỏ vương quốc như một người xé một miếng vải ra.
1 Kings 14:9
chối bỏ Ta
Giê-rô-bô-am đã bất kính với Đức Giê-hô-va giống như một người vứt bỏ những vật vô giá trị đi.
1 Kings 14:11
Người nào thuộc về ... sẽ bị chó ăn thịt
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. “Những con chó sẽ ăn thịt bất kỳ ai thuộc về nhà Giê-rô-bô-am và chết trong thành.”
Còn người nào chết ... sẽ bị chim trời ăn
“Chim trời sẽ ăn thịt bất kỳ ai chết ngoài đồng.”
Còn có một chút gì đẹp lòng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã thấy có chút gì tốt đẹp”
1 Kings 14:14
Như một cây sậy bị lắc lư trong nước
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giống như một dòng nước làm lắc lư cây sậy.”
truất Y-sơ-ra-ên khỏi xứ tốt đẹp
Đức Giê-hô-va so sánh Y-sơ-ra-ên với một cái cây mà Ngài sẽ nhổ rễ của nó ra khỏi đất.
1 Kings 14:17
Toàn thể dân Y-sơ-ra-ên chôn nó
Tương tự câu: “Một số đông người dân của Y-sơ-ra-ên có mặt khi mọi người chôn nó.”
đúng như lời của Đức Giê-hô-va đã phán
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “đúng như Đức Giê-hô-va đã phán với họ.”
1 Kings 14:19
đều được chép trong
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Người ta đã chép mọi việc lại trong”
rồi an giấc cùng các tổ phụ mình
Tương tự câu: “Sau đó ông qua đời”
1 Kings 14:21
Bốn mươi mốt tuổi ... mười bảy năm
Một tuổi ... mười bảy năm
để đặt danh Ngài tại đó
“để Ngài ngự và tuyên bố sở hữu nơi đó.” Hãy xem bạn đã dịch câu này trong [1KI 9:3]
Mẹ vua tên là
Ở đây từ “vua” nói đến vua Rô-bô-am
1 Kings 14:23
trên các đồi cao và dưới những tàn cây rậm rạp
Tương tự câu: “Trên những ngọn đồi cao và dưới những tàn cây xanh rậm rạp.”
làm theo những điều ghê tởm của các dân mà
Tương tự câu: “làm theo những điều ghê tởm mà những dân tộc khác đã làm”
1 Kings 14:25
tiến đánh
Cho quân đội của mình tấn công
mà Sa-lô-môn đã làm
Tương tự câu: “mà Sa-lô-môn đã truyền những người thợ của mình làm.”
1 Kings 14:27
Vua Rô-bô-am truyền làm những khiên
Tương tự câu: “Những người thợ của vua Rô-bô-am đã làm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những cái khiên.”
để thay thế các khiên ấy
Tương tự câu: “thay thế các khiên bằng vàng.”AT:
Giao cho các quan chỉ huy vệ binh
Tương tự câu: “Giao chúng cho các quan chỉ huy vệ binh chịu trách nhiệm.”
1 Kings 14:29
há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Giu-đa sao?
Tương tự câu: “chúng được chép trong sách Sử Ký Các Vua Giu-đa.”
Rô-bô-am an giấc cùng tổ phụ mình và được an táng với họ
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Rô-bô-am đã qua đời và người ta đã chôn cất ông.”

Translation Questions

1 Kings 14:1
Chuyện gì đã xảy ra với A-bi-gia con trai Giê-rô-bô-am?
A-bi-gia con trai Giê-rô-bô-am bị ốm.
1 Kings 14:2
Giê-rô-bô-am đã bảo vợ làm gì?
Giê-rô-bô-am đã bảo vợ mình cải trang rồi đi đến chỗ tiên tri A-hi-gia tại Si-lô.
1 Kings 14:3
Tại sao Giê-rô-bô-am lại bảo vợ mình đến chỗ tiên tri A-hi-gia?
Giê-rô-bô-am đã bảo vợ mình đi đến chỗ tiên tri A-hi-gia để tìm hiểu xem chuyện gì sẽ xảy ra cho con trai đang đau ốm của mình.
1 Kings 14:4
Mắt của A-hi-gia có vấn đề gì?
Bởi vì A-hi-gia đã già nên ông bị mù, mắt ông không thể nhìn thấy.
1 Kings 14:5
Ai đã bảo A-hi-gia: "Vợ của Giê-rô-bô-am sẽ đến gặp ngươi"?"
Đức Giê-hô-va đã phán cùng A-hi-gia rằng: "Vợ của Giê-rô-bô-am sẽ đến gặp ngươi để tìm lời khuyên về con trai của bà ấy?"
1 Kings 14:6
A-hi-gia đã nói gì với vợ của Giê-rô-bô-am?
Khi A-hi-gia đã nghe bà đến trước cửa thì nói với bà: "Tại sao ngươi lại giả làm người khác?"
1 Kings 14:8
Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán gì về Giê-rô-bô-am?
Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã phán cùng Giê-rô-bô-am: "Ngươi không như Đa-vít, kẻ tôi tớ ta, là người gìn giữ các điều răn ta."
1 Kings 14:9
Giê-rô-bô-am đã làm gì chọc giận Đức Giê-hô-va?
Giê-rô-bô-am đã đúc các thần tượng để chọn giận Đức Giê-hô-va.
1 Kings 14:10
Đức Giê-hô-va đã giáng tai họa nào trên Giê-rô-bô-am?
Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ diệt hết mọi con trai trong Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 14:11
Chuyện gì xảy ra với những người trong nhà Giê-rô-bô-am chết tại trong thành?
Những người nhà Giê-rô-bô-am chết trong thành sẽ bị chó ăn thịt.
1 Kings 14:13
Toàn thể Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì với con của Giê-rô-bô-am?
Toàn thể Y-sơ-ra-ên sẽ than khóc và chôn cất con của Giê-rô-bô-am.
1 Kings 14:15
Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ làm tản lạc Y-sơ-ra-ên đến bao xa?
Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ làm tản lạc Y-sơ-ra-ên phía bên kia sông Ơ-phơ-rát.
1 Kings 14:16
Đức Giê-hô-va đã phán Giê-rô-bô-am đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên làm những gì?
Đức Giê-hô-va phán rằng Giê-rô-bô-am đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên phạm tội.
1 Kings 14:17
Chuyện gì đã xảy ra khi sợ Giê-rô-bô-am đến ngạch cửa nhà?
Khi vợ của Giê-rô-bô-am đến ngạch cửa thì đứa trẻ đã chết.
1 Kings 14:18
Toàn Y-sơ-ra-ên đã làm gì sau khi đứa trẻ chết?
Toàn Y-sơ-ra-ên đã than khóc và chôn cất nó.
1 Kings 14:19
Những sự việc khác liên quan đến Giê-rô-bô-am được gih chép ở dâu?
Những sự việc khác liên quan đến Giê-rô-bô-am được ghi chép trong Sách sử ký của các vua Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 14:20
Giê-rô-bô-am đã cai trị trong bao lâu trước khi yên nghỉ cùng tổ phụ mình?
Giê-rô-bô-am đã cai trị trong hai mươi hai năm rồi yên nghỉ cùng tổ phụ mình.
1 Kings 14:21
Ai đã cai trị Giu-đa?
Rô-hô-bô-am con trai Sa-lô-môn cai trị Giu-đa.
1 Kings 14:22
Giu-đa đã chọc giận lòng ghen tị của Đức Giê-hô-va ra sao?
Giu-đa đã chọc giận lòng ghen tị của Đức Giê-hô-va bằng những tội lỗi mà mình đã phạm.
1 Kings 14:23
Giu-đa đã xây dựng gì trên mọi nơi cao và dưới các tán cây xanh?
Giu-đa đã xây dựng các miếu thờ và các trụ thờ Át-tạt-tê trên mọi nơi cao và dưới mọi tán cây xanh.
1 Kings 14:24
Những điều đáng khinh mà các nước đã làm là gì?
Trong xứ còn có cả nạn tình dục đồng giới.
1 Kings 14:25
Si-sắc đã lên tấn công Giê-ru-sa-lem vào năm nào?
Vào năm thứ mười lăm đời vua Rô-bô-am, Si-sắc đã đi lên đánh Giê-ru-sa-lem.
1 Kings 14:26
Si-sắc đã đem ra khỏi Giê-ru-sa-lem những khiên nào?
Si-sắc đã đem những khiên bằng vàng mà Sa-lô-môn đã làm ra.
1 Kings 14:27
Vua Rô-bô-am làm gì với những cái khiên đồng mà mình đã làm?
Vua Rô-bô-am đã giao chúng vào tay của viên chỉ huy đội quân thị vệ.
1 Kings 14:28
Khi nào thì những lính thị vệ mang những khiên bằng đồng?
Bất cứ khi nào vua vào đền thờ của Đức Giê-hô-va thì các

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lính thị vệ sẽ mang những khiên đó.
1 Kings 14:29
Những sự việc khác về vua Rô-bô-am được viết ở đâu?
Những sự việc khác về vua Rô-bô-am được viết trong sách Sử ký của các vua Giu-đa.
1 Kings 14:31
Ai đã trở thành vua thế chỗ cho Rô-bô-am?
A-bi-giam, con trai Rô-bô-am kế vị người.

Chapter 15
1 Kings 15:1
Vào năm thứ mười tám
Tương tự câu: “Vào năm thứ 18”
ba năm
Tương tự câu: “3 năm.”
Vua đi theo con đường tội lỗi
Tương tự câu: “Ông tiếp tục làm theo mọi điều tội lỗi.”
lòng vua không trọn thành
Tương tự câu: “Vua không trọn thành.”
1 Kings 15:4
dành cho vua một người nối ngôi tại Giê-ru-sa-lem … khiến cho Giê-ru-sa-lem tồn tại
Tương tự câu: “Ban cho nhà Đa-vít một hậu tự để trị vì Giê-ru-sa-lem như một lời nhắc nhở về giao ước của Ngài với nhà Đa-vít”
điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Những điều mà Đức Giê-hô-va xem là ngay thẳng.”
giữa Rô-bô-am và Giê-rô-bô-am
Tương tự câu: “Giữa quân đội của Rô-bô-am và Giê-rô-bô-am.”
1 Kings 15:7
Mọi việc vua làm, chẳng phải đều được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa sao?
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:29]
A-bi-giam an giấc cùng tổ phụ mình
Tương tự câu: “A-bi-giam đã qua đời”
1 Kings 15:9
Vào năm thứ hai mươi
Tương tự câu: “Vào năm thứ 20”
bốn mươi mốt năm
Một năm
điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Điều mà Đức Giê-hô-va xem là ngay thẳng.”
1 Kings 15:12
A-sa triệt hạ hình tượng đó
Tương tự câu: “Những người thợ của A-sa đã dẹp bỏ tất cả những hình tượng ghê tởm.”
1 Kings 15:14
Mặc dù miếu thờ trên các đồi cao không bị phá dỡ
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Nhưng A-sa không yêu cầu dân chúng phá bỏ các nơi cao.”
Lòng A-sa vẫn trọn thành với Đức Giê-hô-va suốt đời
Tương tự câu: “A-sa hoàn toàn trọn thành với Đức Giê-hô-va”
1 Kings 15:16
lên đánh Giu-đa
“tấn công Giu-đa”
xây đồn lũy Ra-ma
Câu này ngụ ý rằng quân của Ba-ê-sa đã chiếm được Ra-ma.
Tương tự câu: “chiếm đánh và xây cất đồn lũy Ra-ma”
1 Kings 15:18
Giao cho đầy tớ mình
Tương tự câu: “Vua giao cho các đầy tớ mình.”
Mà nói rằng
Tương tự câu: “Ông bảo các đầy tớ mình mà nói rằng”
Kìa
Ở đây từ “Kìa” thêm sự nhấn mạnh những điều sau đó và để xác nhận điều vừa nói. Tương tự câu: “Như một bằng cớ rằng tôi muốn thương lượng với ngài.”
Hủy bỏ hiệp ước của Ngài với Ba-ê-sa
Tương tự câu: “Hủy bỏ hiệp ước của Ngài với Ba-ê-sa và tấn công Y-sơ-ra-ên.”
1 Kings 15:20
Khi
Cụm từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu như ngôn ngữ của bạn có cách khác để thay thế điều này thì hãy xem xét việc sử dụng nó ở đây.
liền ngưng xây đồn Ra-ma
Tương tự câu: “Vua ra lệnh cho những người thợ ngừng xây đồn.”
1 Kings 15:23
Chẳng phải đều được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa sao?
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:29]
An giấc cùng tổ phụ mình và được an táng với họ
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:31]
Đa-vít, tổ tiên người
Tương tự câu: “Đa-vít, tổ phụ người”
1 Kings 15:25
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Điều mà Đức Giê-hô-va coi là tội lỗi”
đi theo đường lối của tổ phụ mình
Tương tự câu: “làm những điều tương tự ông cha mình đã làm.”
1 Kings 15:27
Mưu phản Na-đáp
“âm mưu bí mật giết Na-đáp”
Na-đáp và cả Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “Na-đáp và quân đội Y-sơ-ra-ên.”
1 Kings 15:29
Ba-ê-sa giết hết mọi người thuộc về Giê-rô-bô-am, không để một ai sống sót.
Hai câu này mang nghĩa tương tự nhau và được kết hợp lại với nhau để nhấn mạnh.
mọi người trong gia đình vua
Ở đây từ “vua” nói đến Giê-rô-bô-am.
A-hi-gia, đầy tớ Ngài ở Si-lô
A-hi-gia đến từ Si-lô.
1 Kings 15:31
há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?
Tương tự câu: “Chúng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên.”
1 Kings 15:33
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tương tự câu: “Điều mà Đức Giê-hô-va coi là tội lỗi”

đi theo đường lối của Giê-rô-bô-am

Tương tự câu: “Sống theo cách mà Giê-rô-bô-am sống” hay là “làm điều tương tự như Giê-rô-bô-am đã làm.”

trong tội lỗi ông ấy

Ở đây từ “ông ấy” nói đến Ba-ê-sa.

Translation Questions

1 Kings 15:1

Khi nào thì A-bi-giam bắt đầu cai trị Giu-đa?

A-bi-giam đã bắt đầu cai trị trên Giu-đa vào năm thứ mười lăm đời vua Giê-rô-bô-am.

1 Kings 15:2

A-bi-giam đã cai trị ở Giê-ru-sa-lem trong bao lâu?

A-bi-giam đã cai trị trong Giê-ru-sa-lem trong ba năm.

1 Kings 15:3

Lòng A-bi-giam có tận hiến với Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình?

Lòng A-bi-giam không hết lòng với Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.

1 Kings 15:4

Tại sao Đức Giê-hô-va lại dấy lên một người con trai cho A-bi-giam tại Giê-ru-sa-lem?

Đức Giê-hô-va đã dấy lên một con trai cho A-bi-giam để làm vững mạnh Giê-ru-sa-lem.

1 Kings 15:5

Đa-vít đã xoay bỏ Đức Giê-hô-va trong vấn đề nào?

Đa-vít chỉ xoay bỏ Đức Giê-hô-va trong việc U-ri, người Hê-tít.

1 Kings 15:6

Chuyện gì đã xảy ra trong trọn đời của A-bi-giam?

Có chiến tranh xảy ra giữa Rô-bô-am và Giê-rô-bô-am trong trọn đời của A-bi-giam.

1 Kings 15:8

Khi A-bi-giam đã yên nghỉ cùng các tổ phụ mình, ai đã lên làm vua kế vị người?

Khi A-bi-giam đã yên giấc cùng các tổ phụ của mình thì A-sa con trai người, kế vị người.

1 Kings 15:9

A-sa đã bắt đầu cai trị trên Giu-đa khi nào?

A-sa đã bắt đầu cai trị trên Giu-đa vào năm thứ hai mươi đời vua Giê-rô-bô-am, vua Giê-ru-sa-lem.

1 Kings 15:10

A-sa cai trị tại Giê-ru-sa-lem trong bao nhiêu năm?

A-sa cai trị bốn mươi mốt năm tại Giê-ru-sa-lem.

1 Kings 15:11

A-sa đã làm điều gì trong mặt Đức Giê-hô-va?

A-sa đã làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, y như Đa-vít, tổ phụ người, đã làm.

1 Kings 15:12

A-sa đã làm điều gì trong xứ?

A-sa đã đuổi bọn nam mãi dâm nam ra khỏi xứ và phá bỏ các thần tượng do tổ tiên của mình đã làm ra trong xứ.

1 Kings 15:13

A-sa đã cách chức thái hậu của ai?

A-sa đã cách chức thái hậu Ma-a-ca, bà của mình.

1 Kings 15:14

Lòng A-sa hướng về Đức Giê-hô-va như thế nào?

Trọn đời A-sa vẫn một lòng trung thành với Chúa.

1 Kings 15:15

A-sa đem vào Đền Thờ Chúa những gì?

A-sa đã đem những vật dụng đã được biệt riêng ra vào đền thờ của Đức Giê-hô-va.

1 Kings 15:16

A-sa chinh chiến với ai?

A-sa- chinh chiến với Ba-ê-sa, vua Y-sơ-ra-ên trọn đời mình.

1 Kings 15:17

Tại sao Ba-a-sa lại xây thành Ra-ma?

Ba-a-sa đã xây thành Ra-ma để không ai có thể vào ra lãnh thổ của A-sa.

1 Kings 15:18

A-sa đã làm gì vói toàn bộ số vàng bạc trong kho của đền thờ Đức Giê-hô-va?

A-sa đã gửi những bạc và vàng đó cho Bên Ha-đát sống tại Đa-mách.

1 Kings 15:19

A-sa đã nói gì với Bên Ha-đát?

A-sa đã nói với Bên-ha-đát: "Tôi với anh hãy lập một hiệp ước với nhau, như cha của ngài và cha tôi đã làm"

1 Kings 15:20

Bên-ha-đát đã làm gì sau khi ông nghe A-sa?

Sau khi nghe A-sa nói, Bên-ha-đát đã sai quân tấn công các thành của Y-sơ-ra-ên.

1 Kings 15:21

Ba-ê-sa đã làm gì khi ông nghe về điều nầy?

Khi Ba-ê-sa nghe về các cuộc tấn công thì ngừng việc xây dựng thành Ra-ma lại.

1 Kings 15:22

A-sa đã xử lí những vật liệu được dùng để xây dựng Ra-ma ra sao?

A-sa bèn lấy các vật liệu được dùng để xây thành Ra-ma và dùng chúng để xây dựng Ghê-ba và Mích-ba.

1 Kings 15:23

Tất cả những sự về A-sa được ghi chép ở đâu?

Toàn bộ những sự việc về A-sa được ghi chép trong sách Sử ký của các vua Giu-đa.

1 Kings 15:24

Sau khi A-sa đã yên nghỉ cùng các tổ phụ mình, thì ai trở thành vua kế vị người?

Sau khi A-sa đã yên nghỉ cùng tổ phụ mình, thì Giô-sa-phát, con trai người, kế vị người.

1 Kings 15:25

Ai bắt đầu cai trị trên Y-sơ-ra-ên vào năm thứ hai đời vua A-sa?

Năm thứ hai đời A-sa, Na-đáp, con trai Giê-rô-bô-am bắt đầu cai trị trong Y-sơ-ra-ên.

1 Kings 15:26

Trước mặt Đức Giê-hô-va, Na-đáp đã sống như thế nào?

Na-đáp làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, đi theo đường của tổ phụ mình.

1 Kings 15:27

Ba-ê-sa, con trai A-hi-gia đã làm gì tại Ghi-bê-thôn?

Ba-ê-sa, con trai A-hi-gia đã giết Na-đáp tại Ghi-bê-thôn.

1 Kings 15:29

Vừa khi lên ngôi làm vua thì Ba-ê-sa đã làm gì?

Vừa khi người lên ngôi làm vua, thì giết hết thảy người thuộc về nhà Giê-rô-bô-am.

1 Kings 15:31

A-sa và Ba-ê-sa đã chinh chiến với nhau trong bao lâu?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

A-sa và Ba-ê-sa chinh chiến với nhau trọn đời mình.
1 Kings 15:33
Ba-ê-sa đã cai trị ở Tiệt-sa trong bao lâu?
Ba-ê-sa đã cai trị trong Tiệt-sa trong hai mươi bốn năm.
1 Kings 15:34
Ba-ê-sa đã sống như thế nào?
Ba-ê-sa đã làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va và sống theo đường lối của Giê-rô-bô-am.

Chapter 16
1 Kings 16:1
Lời của Đức Giê-hô-va quở trách
“Đức Giê-hô-va đã phán lời Ngài.” Hãy xem bạn đã dịch như thế nào trong [1KI 6:11]
lên khỏi bụi đất
“đưa lên từ một vị trí thấp hèn và tầm thường.”
đã đi theo đường lối của Giê-rô-bô-am
Tương tự câu: “đã làm những điều như Giê-rô-bô-am đã làm.”
1 Kings 16:3
Ta sẽ làm cho nhà nó
Ở đây từ “nó” nói đến Ba-ê-sa.
1 Kings 16:5
há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 15:31]
an giấc cùng các tổ phụ của mình và được an táng
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:31]
1 Kings 16:7
Đức Giê-hô-va quở trách
“Đức Giê-hô-va truyền phán lời Ngài.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]
các tội ác của vua đã làm trước mặt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Những điều mà vua đã làm bị Đức Giê-hô-va coi là điều ác.”
công việc của tay mình
Tương tự câu: “Những điều mà vua đã làm.”
1 Kings 16:8
Xim-ri, cận thần của người
Từ “người” nói đến Ê-la.
1 Kings 16:11
Đúng như lời Đức Giê-hô-va
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “như Đức Giê-hô-va đã phán với họ”
Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Ở đây từ “Y-sơ-ra-ên” nói đến cả 12 bộ tộc là dòng dõi của Gia-cốp.
1 Kings 16:14
mọi việc vua làm, há chẳng được chép trong … Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 15:31]
1 Kings 16:15
Khi quân lính hay tin rằng
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Khi những người lính đang đóng trại ở đó nghe tin người ta nói rằng”
Toàn thể Y-sơ-ra-ên lập
Tương tự câu: “Toàn thể những người nam trong quân đội của Y-sơ-ra-ên lập”
1 Kings 16:18
làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “điều mà Đức Giê-hô-va xem là tội lỗi”
đi theo đường lối của Giê-rô-bô-am
Tương tự câu: “Làm những điều tương tự như Giê-rô-bô-am đã làm.”
há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 15:31]
1 Kings 16:21
theo Típ-ni … theo Ôm-ri
“Ủng hộ Típ-ni … ủng hộ Ôm-ri”
thắng thế hơn phe theo Típ-ni
“thắng thế hơn những người theo phe Típ-ni”
1 Kings 16:23
hai ta-lâng bạc
Một ta-lâng là đơn vị đo khối lượng tương đương với khoảng 34 ki-lô-gam. Tương tự câu: “khoảng 68 ki-lô-gam bạc.”
Vua xây một thành
Từ “Vua” ở đây nói đến Ôm-ri. Tương tự câu: “Những người thợ của Ôm-ri đã xây một thành”
1 Kings 16:25
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
“những điều mà Đức Giê-hô-va xem là tội lỗi”
trong mọi sự, vua đi theo đường lối của Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát
“Đã làm mọi điều tương tự như Giê-rô-bô-am con trai của Nê-bát đã làm.”
lấy sự thờ lạy hình tượng hư không mà chọc giận Giê-hô-va
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong. 1KI 16:13.
1 Kings 16:27
há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 15:31]
An giấc cùng tổ phụ mình và được an táng
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:31]
1 Kings 16:29
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “những điều mà Đức Giê-hô-va xem là tội lỗi”
1 Kings 16:31
A-háp cho việc bắt chước theo tội lỗi của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, là việc nhỏ
Tương tự câu: “Như thể là việc phạm những tội lỗi giống với tội của Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát đã phạm chưa đủ xấu xa với A-háp.”
việc nhỏ
“một việc không quan trọng.”
phục vụ và thờ lạy Ba-anh
Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự nhau. Cụm từ “thờ lạy Ba-anh” miêu tả tư thế mà mọi người dùng trong sự thờ phượng.
1 Kings 16:34
Trong đời của ông
Ở đây từ “của ông” nói đến A-háp.

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Kings 16:2
Đức Giê-hô-va đã cất Ba-ê-sa lên khỏi đâu?
Đức Giê-hô-va đã cất người lên khỏi bụi đất.
1 Kings 16:4
Thứ gì sẽ ăn hết thảy kẻ nào thuộc về Ba-ê-sa chết tại trong thành?
Chó sẽ ăn hết thảy kẻ nào thuộc về Ba-ê-sa chết tại trong thành.
1 Kings 16:7
Tại sao lời của Đức Giê-hô-va lại phán nghịch cùng Ba-ê-sa và nhà người?
Lời của Đức Giê-hô-va phán nghịch cùng Ba-ê-sa và nhà người là bởi vì các tội ác của người đã làm trước mặt Đức Giê-hô-va và cả vì người đã giết chết toàn bộ nhà Giê-rô-bô-am.
1 Kings 16:9
Ê-la đang làm gì lúc Xim-ri giết người?
Ê-la đang uống say sưa trong nhà Ạt-sa thì Xim-ri giết người.
1 Kings 16:10
Ê-la đang làm gì lúc Xim-ri giết người?
Ê-la đang uống say sưa trong nhà Ạt-sa thì Xim-ri giết người.
1 Kings 16:11
Xim-ri đã giết hết thảy nhà Ba-ê-sa khi nào?
Khi Xim-ri vừa lên ngôi làm vua, bắt đầu cai trị, thì người giết hết thảy nhà Ba-ê-sa.
1 Kings 16:15
Thành Ghi-bê-thôn thuộc về ai?
Thành Ghi-bê-thôn thuộc về dân Phi-li-tin.
1 Kings 16:18
Xim-ri tự tử ở đâu?
Xim-ri tự kết liễu đời mình trong cuộc tấn công vào cung vua.
1 Kings 16:21
Bởi hai người lãnh đạo nào mà dân Y-sơ-ra-ên chia làm hai phe?
Dân Y-sơ-ra-ên chia làm hai phe bởi Típ-ni, con trai Ghi-nát và Ôm-ri.
1 Kings 16:24
Tại sao Ôm-ri lại đặt tên thành là Sa-ma-ri?
Ôm-ri đặt tên thành là Sa-ma-ri theo tên của Sa-ma-ri, là nên vị chủ trước kia của ngọn núi đó.
1 Kings 16:28
Ai trở thành vua kế vị Ôm-ri?
A-háp, con trai người, kế vị người.
1 Kings 16:32
Ai đã xây miếu thờ Ba-anh tại Sa-ma-ri?
A-háp đã xây miếu thờ Ba-anh tại Sa-ma-ri.
1 Kings 16:34
Điều gì khiến A-bi-am, con trai Hi-ên qua đời?
Hi-ên đã xây lại thành Giê-ri-cô, điều đó khiến A-bi-ram qua đời.

Chapter 17
1 Kings 17:1
người Thi-sê-be
Đây là tên của một nhóm dân ở vùng Thi-sê-be.
Thi-sê-be
Đây là tên một thành ở vùng Ga-la-át.
Giê-hô-va Đức Chúa Trời hằng sống của Y-sơ-ra-ên
Cụm từ này là một lời thề để nhấn mạnh điều mà ông nói là sự thực.
Ta đứng trước mặt
Đây là một thành ngữ mang nghĩa là “thờ phượng.” Tương tự câu: “Đấng ta thờ phượng.”
sương
Những giọt nước được hình thành trên lá của các cây cối trong đêm.
1 Kings 17:2
Có lời của Đức Giê-hô-va phán
Thành ngữ này có nghĩa là Đức Chúa Trời đã phán. Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]
Lời của Đức Giê-hô-va
Ở đây từ “lời” tượng trưng cho sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “thông điệp của Đức Giê-hô-va”
Khe Kê-rít
Đây là tên của một dòng suối rất nhỏ.
Nhưng sau đó
Cụm từ này được dùng để mở đầu rằng Đức Giê-hô-va sẽ chăm lo cho Ê-li trong sự khô hạn. Tương tự câu: “Khi đó”
chim quạ
Những con chim lớn màu đen.
1 Kings 17:5
theo lời Đức Giê-hô-va
Ở đây “lời” thay thế cho chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “như Đức Giê-hô-va đã truyền phán”
khe Kê-rít
Đây là tên của một dòng suối rất nhỏ. Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong [1KI 17:2]
trong xứ
“ở khu vực đó” hay là “ở vùng đó”
1 Kings 17:8
Có lời của Đức Giê-hô-va phán
Thành ngữ này có nghĩa là Đức Chúa Trời đã truyền phán. Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]
Lời của Đức Giê-hô-va
Ở đây từ “lời” thay thế cho thông điệp của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “thông điệp của Đức Giê-hô-va.”
phán với ông
Ở đây từ “ông” nói đến Ê-li.
Sa-rép-ta
Đây là một thành.
Kìa
Từ “Kìa” ở đây được thêm để nhấn mạnh những điều sau đó.
1 Kings 17:11
Giê-hô-va Đức Chúa Trời hằng sống của ông
Cụm từ này là một lời thề để nhấn mạnh rằng điều mà bà nói là sự thật.
chỉ còn một nắm bột
“chỉ còn một chút bột”
bột
“bột.” Đây là nguyên liệu dùng để làm bánh.
Nầy
Từ “Nầy” ở đây nhấn mạnh những điều sau đó.
hai khúc củi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ này nói đến hai khúc củi hoặc là chỉ một ít củi.

khi ăn xong chúng tôi sẽ chết

Câu này muốn nói rằng họ sẽ chết bởi vì họ không còn chút thức ăn nào cả. Tương tự câu: “chúng tôi sẽ ăn nó. Sau đó chúng tôi sẽ chết đói”

Sau đó, hãy làm cho bà và con trai bà

Câu này có ẩn ý rằng sẽ có đủ bột và dầu để làm thêm bánh nữa.

1 Kings 17:14

Đức Giê-hô-va ban mưa xuống đất

Thành ngữ này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho mưa xuống. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va làm cho mưa xuống.”

Đúng như lời Đức Giê-hô-va đã phán

Ở đây từ “lời” thay cho chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “như Đức Giê-hô-va đã phán.”

1 Kings 17:17

con trai của người đàn bà, tức là chủ nhà

“con của người đàn bà là chủ nhà”

Nó tắt thở

Đây là một cách tế nhị để nói rằng cậu con trai đã chết. Tương tự câu: “Cậu ấy ngừng thở” hay là “cậu ấy đã chết.”

người của Đức Chúa Trời

Cụm từ “người của Đức Chúa Trời” là một tên gọi khác của vị tiên tri.

những tội lỗi tôi

Câu này nghĩa là tội lỗi nói chung chứ không phải là một tội lỗi cụ thể. Tương tự câu: “những tội lỗi của tôi”

1 Kings 17:19

chỗ ông ở

Ở đây từ “ông” nói đến Ê-li.

trên giường mình

Ở đây từ “mình” nói đến Ê-li.

Sao Ngài giáng tai họa trên người đàn bà góa nầy là chủ nhà nơi con trú ngụ, để cho con trai bà ấy phải chết?

Các nghĩa có thể là 1) Ê-li thực sự đang hỏi một câu hỏi. Tương tự câu: “Tại sao Ngài lại khiến cho người góa phụ mà con đang trú ngụ ở nhà bà phải chịu thêm nhiều đau đớn bằng cách để con trai bà ấy phải chết?” hay 2) Ê-li sử dụng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông buồn đến thế nào. Tương tự câu: “Chắc rằng Ngài không khiến người góa phụ mà con đang trú ngụ trong nhà bà phải chịu thêm đau đớn khi để con trai bà phải chết.”

Sao Ngài giáng tai họa trên người đàn bà góa nầy

Khiến cho người đàn bà góa phải chịu đau đớn được nói đến như đó là “tai họa” được đặt lên trên người góa phụ nầy.

cũng giáng tai họa

Ở đây từ “cũng” có nghĩa là thêm vào tai họa là trận hạn hán đã xảy ra.

Ông nằm ấp trên mình đứa trẻ

Đây là một thành ngữ. Tương tự câu: “Nằm lên trên đứa trẻ.”

1 Kings 17:22

Đức Giê-hô-va nhậm lời của Ê-li

Ở đây từ “lời” tức là những điều mà Ê-li đã cầu nguyện. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã đáp lời cầu nguyện của Ê-li.”

Sinh khí của đứa trẻ trở về với nó và nó sống lại

Hai cụm từ này mang nghĩa cơ bản giống nhau. Tương tự câu: “đứa trẻ trở lại với cuộc sống.” hoặc là “đứa trẻ sống lại.”

Phòng ông

Ở đây từ “ông” nói đến Ê-li.

Hãy xem, con bà đã sống

Từ “hãy xem” ở đây báo hiệu để chúng ta lưu ý đến nhưng thông tin đáng ngạc nhiên sau đó.

Lời phán của Đức Giê-hô-va qua miệng ông là chân thật

Ở đây từ “lời” thay thế cho một sứ điệp. Cũng như từ “miệng” thay thế cho điều mà Ê-li đã nói. Tương tự câu: “Sứ điệp mà ông truyền đạt từ Đức Giê-hô-va là chân thật.”

Translation Questions

1 Kings 17:1

Ê-li đã đem tin xấu nào đến cho A-háp?

Ê-li đã bảo cùng A-háp rằng thật như Đức Giê-hô-va hằng sống, nếu như người chẳng nói thì sẽ không có sương, cũng không có mưa.

1 Kings 17:4

Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh cho ai đến nuôi Ê-li trong khi lúc Ê-li ở tại khe Kê-rít?

Đức Giê-hô-va đã truyền cho chim quạ nuôi Ê-li tại khe Kê-rít.

1 Kings 17:7

Chuyện gì đã xảy ra khi trong xứ không có mưa?

Khi trong xứ không có mưa thì khe nước bị khô cạn.

1 Kings 17:8

Sau khi khe nước đã khô cạn thì Ê-li đã đi đến đâu?

Đức Giê-hô-va sai Ê-li đi đến chỗ một người đàn bà góa tại Sa-rép-ta.

1 Kings 17:10

Sau khi khe nước đã khô cạn thì Ê-li đã đi đến đâu?

Đức Giê-hô-va sai Ê-li đi đến chỗ một người đàn bà góa tại Sa-rép-ta.

1 Kings 17:12

Tại sao người đàn bà góa chỉ lượm hai khúc củi?

Người đàn bà góa chỉ lượm hai khúc củi để bà có thể vào trong nấu bữa ăn cho mình và con trai, để họ ăn rồi chết.

1 Kings 17:14

Bột trong vò, và dầu trong bình của người đàn bà góa sẽ cứ đầy tràn cho đến khi nào?

Chúng sẽ được đầy tràn cho đến ngày Đức Giê-hô-va giáng mưa xuống đất.

1 Kings 17:17

Con trai của người đàn bà đau bịnh ra sao?

Bệnh tình của người con trai ấy rất nặng đến nỗi trong mình nó chẳng còn hơi thở.

1 Kings 17:21

Ê-li đã làm gì để cứu đứa trẻ?

Ê-li đã nằm ấp trên mình con trẻ ba lần, lại kêu cầu cùng Đức Giê-hô-va nữa mà
rằng: "Ôi Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi! Xin Chúa khiến linh hồn của đứa trẻ nầy
trở lại trong mình nó."

1 Kings 17:22

Làm sao người đàn bà kia lại nhìn biết ông là một người của Đức Chúa Trời?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người đàn bà kia nhìn biết Ê-li là một người của Đức Chúa Trời khi con trai của bà đã sống lại và Ê-li đã bồng đứa trẻ ra khỏi phòng mình mà đi xuống lầu.
1 Kings 17:23
Làm sao người đàn bà kia lại nhìn biết ông là một người của Đức Chúa Trời?
Người đàn bà kia nhìn biết Ê-li là một người của Đức Chúa Trời khi con trai của bà đã sống lại và Ê-li đã bồng đứa trẻ ra khỏi phòng mình mà đi xuống lầu.

Chapter 18
1 Kings 18:1
Có lời Đức Giê-hô-va phán với
“Đức Giê-hô-va đã truyền phán lời Ngài.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]
sẽ khiến mưa sa xuống đất
Tương tự câu: “làm cho mưa rơi xuống đất.”
bấy giờ, tại Sa-ma-ri có nạn đói trầm trọng
Từ “bấy giờ” được sử dụng ở đây để đánh dấu một bước ngoặt trong cốt truyện chính. Ở đây người viết kể lại thông tin bối cảnh về nạn đói đã ảnh hưởng đến Sa-ma-ri như thế nào.
1 Kings 18:3
Lúc ấy Áp-đia rất kính sợ Đức Giê-hô-va
Từ “lúc ấy” được sử dụng ở đây để đánh dấu một bước ngoặt trong cốt truyện chính. Ở đây tác giả kể về một nhân vật mới trong câu chuyện.
một trăm nhà tiên tri giấu trong hai hang đá, mỗi hang năm mươi người
Tương tự câu: “100 vị tiên tri và giấu họ theo nhóm 50 người.”
1 Kings 18:5
cứu sống ngựa và la; nếu không, các súc vật của ta sẽ chết hết
Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và được kết hợp lại để nhấn mạnh. Tương tự câu: “Ngăn cho ngựa và la khỏi chết.”
A-háp đích thân đi hướng nầy, còn Áp-đia thì đi hướng kia
Cụm từ “đích thân” nhấn mạnh rằng A-háp và Áp-đia đã đi theo những hướng khác nhau, không nhất thiết là không có ai đi cùng với A-háp. Tương tự câu: “A-háp dẫn một đội đi theo hướng này còn Áp-đia dẫn một đội đi theo hướng khác.”
1 Kings 18:7
Thưa có phải ông đây là Ê-li, chúa tôi, không?
Tương tự câu: “Chúa tôi là Ê-li, người đã đến!”
Ê-li, chúa tôi
Ở đây từ “chúa” được đùng như một cách thể hiện sự tôn kính.
Hãy đi nói với chủ ngươi rằng: “Kìa, Ê-li đang ở đây.”
Ở đây từ “chủ” là nói đến A-háp.
Kìa
Từ “Kìa” ở đây được thêm vào để nhấn mạnh những điều sau đó.
1 Kings 18:9
Tôi phạm tội gì … để ông ấy giết tôi?
“Tôi không phạm tội gì với ông … để ông ấy giết tôi.”
phó đầy tớ ông vào tay A-háp
“Giao đầy tớ của ông cho A-háp.”
đầy tớ
Áp-đia muốn nói rằng chính ông là đầy tớ của Ê-li để thể hiện sự tôn kính Ê-li.
Giê-hô-va Đức Chúa Trời hằng sống
Đây là một lời thề được dùng để nhấn mạnh điều mà ông nói là sự thật.
Chẳng dân nào nước nào mà chủ tôi không sai đến tìm ông
Câu này có thể dùng để trình bày theo thể khẳng định. Tương tự câu: “Chủ tôi đã sai người đi khắp nơi.”
Thế mà bây giờ
Cụm từ này được sử dụng để nhấn mạnh sự nguy hiểm của điều mà Ê-li nói Áp-đia phải làm.
1 Kings 18:12
Người ta há không nói cho chúa tôi biết rằng … cung cấp bánh với nước để nuôi họ sao?
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. “Chắc chắn là ông đã được kể cho nghe về điều mà tôi đã làm … với bánh và nước!”
chúa tôi
Ở đây từ “chúa” là một thuật ngữ thể hiện sự tôn trọng được dùng để nói đến Ê-li.
một trăm nhà tiên tri của Đức Giê-hô-va trong hai hang đá, mỗi hang 50 người
“100 nhà tiên tri của Đức Giê-hô-va được chia thành hai nhóm mỗi nhóm 50 người.”
1 Kings 18:14
Hãy đi, nói với chủ của ông rằng Ê-li đang ở đây
Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 18:11.
chủ của ông
Ở đây từ “chủ” nói đến Vua A-háp.
Chỉ Đức Giê-hô-va vạn quân hằng sống
Đây là một lời thề để nhấn mạnh điều mà ông sẽ nói là sự thật.
là Đấng ta phụng sự
Tương tự câu: “Đấng mà ta phục vụ.”
1 Kings 18:16
báo cho vua biết
Tương tự câu: “Áp-đia nói với A-háp điều mà Ê-li đã bảo ông phải nói.”
Có phải ông là kẻ làm rối loạn Y-sơ-ra-ên chăng?
Tương tự câu: “Vậy chính là ông. Kẻ làm rối loạn Y-sơ-ra-ên!”
1 Kings 18:18
toàn dân Y-sơ-ra-ên
Câu này nói đến các lãnh đạo và những người đại diện cho mười bộ tộc của vương quốc phía bắc.
450 tiên tri
“bốn trăm năm mươi tiên tri”
bốn trăm tiên tri
“400 tiên tri”
1 Kings 18:20
sai người đi triệu tập
“ban lệnh”
Các ngươi đi giẹo hai bên cho đến bao giờ?
Ê-li sử dụng câu hỏi này để thúc giục dân chúng quyết định. Tương tự câu: “Các ngươi đã do dự đủ lâu rồi.”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Không đáp một lời
“không nói bất cứ điều gì” hay là “giữ yên lặng”
1 Kings 18:22
Chỉ còn lại ta, một mình ta
Từ “Ta” được lặp lại để nhấn mạnh.
hãy kêu cầu danh của thần các ngươi đi ... kêu cầu danh Đức Giê-hô-va
“hãy kêu cầu thần của các ngươi ... kêu cầu Đức Giê-hô-va.”
toàn dân đều nói: “Lời ấy là rất phải.”
Tương tự câu: mọi người đều nói: “Đây là điều tốt cần làm.”
1 Kings 18:25
làm thịt nó
“chuẩn bị sẵn để dâng sinh tế”
các ngươi đông
Ở đây từ “ các ngươi” ở số nhiều.
Chúng bắt con bò
“Các tiên tri của Ba-anh bắt con bò”
con bò mà người ta đã đưa cho
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Con bò mà người ta đã đưa cho họ.”
Nhưng chẳng có tiếng gì, cũng chẳng ai đáp lời
Hai cụm từ này đều có chung ý nghĩa và nhấn mạnh rằng chẳng có ai đáp lại những lời cầu nguyện của các tiên tri giả. Tương tự câu: “Nhưng thần Ba-anh đã chẳng nói cũng chẳng làm bất kỳ điều gì”
1 Kings 18:27
Có lẽ
“Có thể” hay “Có lẽ là”
Bận đi ngoài
Tương tự câu: “trong phòng vệ sinh.”
cần phải đánh thức
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “các ngươi phải đánh thức người” hay là “các ngươi phải đánh thức người dậy”
chúng vẫn cứ nói lảm nhảm như thế
“họ tiếp tục theo cách cư xử hoang dại của họ.” Các tiên tri thường muốn hành động theo những cách khác thường và thậm chí là điên dại. Trong hoàn cảnh này họ đang kêu cầu Ba-anh trong khi nhảy múa, la hét, và rạch mình chảy máu bằng gươm giáo.
giờ dâng tế lễ chay buổi chiều
Tương tự câu: “để dâng tế lễ chay buổi chiều”
buổi chiều
Khi ngày bắt đầu chuyển sang tối khi mặt trời lặn
nhưng vẫn không có tiếng nói, không một ai đáp lời, cũng không có thần nào quan tâm đến
Những cụm từ này đều mang những ý nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng không ai đáp lại lời cầu nguyện của những tiên tri giả. Tương tự câu: “Nhưng thần Ba-anh chẳng nói hay cũng chẳng làm bất kỳ điều gì hoặc thậm chí là không quan tâm đến”
Không có tiếng nói, không một ai đáp lời
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 1KI 18:26.
1 Kings 18:30
mười hai hòn đá
Tương tự câu: “12 hòn đá”
nhân danh Đức Giê-hô-va
Các nghĩa có thể là 1) “tôn kính Đức Giê-hô-va” hay là 2) “với uy quyền của Đức Giê-hô-va.”
cái mương
một mương dẫn nước nhỏ để chứa nước
hai đấu hột giống
Một đấu
1 Kings 18:33
ông chất củi
Tương tự câu: “ông sắp củi để đốt lửa trên bàn thờ.”
bốn bình nước
Tương tự câu: “4 cái bình”
bình nước
Bình nước là một vật để chứa nước.
mương
Hãy xem bạn đã dịch như thế nào trong 1KI18:30.
1 Kings 18:36
Đến giờ
Cụm từ này được dùng ở đây đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để thể hiện việc này, bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.
buổi chiều
Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong 1KI18:27.
Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Y-sơ-ra-ên
Ở đây từ “Y-sơ-ra-ên” nói đến Gia-cốp. Đức Chúa Trời đã đổi tên Gia-cốp thành Y-sơ-ra-ên (Sáng Thế Ký 32:28), và Đức Chúa Trời đặt tên cho dân tộc thuộc dòng dõi Gia-cốp là “Y-sơ-ra-ên.”
Hôm nay xin cho mọi người biết rằng
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “ngày nay xin khiến cho mọi người biết đến”
Xin nhậm lời con ... xin đáp lời con
Cụm từ này lặp lại để nhấn mạnh.
Ngài khiến cho lòng họ quay trở lại
“khiến cho họ thờ phượng Ngài trở lại.”
1 Kings 18:38
lửa của Đức Giê-hô-va giáng xuống
“Lửa của Đức Giê-hô-va giáng xuống”
thiêu đốt
Ngọn lửa được so sánh với một người đang khát tìm đến uống nước.
Giê-hô-va là Đức Chúa Trời! Giê-hô-va là Đức Chúa Trời!
Cụm từ này được lặp lại để nhấn mạnh.
khe Ki-sôn
Một “khe suối” là một lòng sông hay một dòng suối nhỏ.
1 Kings 18:41
Có nghe tiếng mưa lớn
Tương tự câu: “Nghe có vẻ như trời sẽ mưa lớn”
Cúi xuống đất và úp mặt mình giữa hai đầu gối
Câu này miêu tả một tư thế được dùng để cầu nguyện.
1 Kings 18:43
bảy lần
Tương tự câu: “7 lần”
nhỏ bằng bàn tay
Từ đằng xa, cụm mây trông có vẻ như bị che lại bởi bàn tay của một người.
1 Kings 18:45
Trong chốc lát
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự việc bắt đầu. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để thay thế, bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.
tay Đức Giê-hô-va đặt trên Ê-li
Ở đây từ “tay” tượng trưng cho sức mạnh. Tương tự câu:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“Đức Giê-hô-va ban sức mạnh cho Ê-li”

ông thắt lưng

Ê-li quấn áo khoác dài quanh thắt lưng để chân ông có thể chạy thoải mái.

Translation Questions

1 Kings 18:1

Đức Giê-hô-va phán bảo Ê-li đem sứ điệp gì đến cho A-háp đương cơn đói kém nghiêm trọng?

Đức Giê-hô-va phán bảo Ê-li đến báp cho A-háp biết rằng Ngài sẽ giáng mưa xuống trong xứ.

1 Kings 18:2

Đức Giê-hô-va phán bảo Ê-li đem sứ điệp gì đến cho A-háp đương cơn đói kém nghiêm trọng?

Đức Giê-hô-va phán bảo Ê-li đến báp cho A-háp biết rằng Ngài sẽ giáng mưa xuống trong xứ.

1 Kings 18:3

Áp-đia kính sợ Đức Giê-hô-va ra sao khi Giê-sa-bên diệt hết các đấng tiên tri của Đức Giê-hô-va?

Áp-đia kính sợ Đức Giê-hô-va khi giấu một trăm đấng tiên tri trong hai hang đá, mỗi hang năm mươi người, dùng bánh và nước mà nuôi họ.

1 Kings 18:4

Áp-đia kính sợ Đức Giê-hô-va ra sao khi Giê-sa-bên diệt hết các đấng tiên tri của Đức Giê-hô-va?

Áp-đia kính sợ Đức Giê-hô-va khi giấu một trăm đấng tiên tri trong hai hang đá, mỗi hang năm mươi người, dùng bánh và nước mà nuôi họ.

1 Kings 18:5

Tại sao A-háp và Áp-đia lại đi khắp xứ đến hết thảy các suối và khe nước?

A-háp và Áp-đia đi tìm nước và cỏ để có thể cứu ngựa và la còn sống.

1 Kings 18:6

Tại sao A-háp và Áp-đia lại đi khắp xứ đến hết thảy các suối và khe nước?

A-háp và Áp-đia đi tìm nước và cỏ để có thể cứu ngựa và la còn sống.

1 Kings 18:7

Ê-li đã xin Áp-đia đi báo cho A-háp biết tin nhắn khẩn cấp nào?

Ê-li đã xin Áp-đia đi báo cho A-háp biết rằng: "Ê-li đang ở đây."

1 Kings 18:8

Ê-li đã xin Áp-đia đi báo cho A-háp biết tin nhắn khẩn cấp nào?

Ê-li đã xin Áp-đia đi báo cho A-háp biết rằng: "Ê-li đang ở đây."

1 Kings 18:9

Tại sao Áp-đia lại miễn cưỡng đi báo cho A-háp biết rằng: "Ê-li đang ở đây."?

Áp-đia miễn cưỡng đi báo cho A-háp biết rằng: "Ê-li đang ở đây." bởi vì hết thảy các nước lân cận đã thể rằng Ê-li không có ở đó.

1 Kings 18:11

Tại sao Áp-đia lại miễn cưỡng đi báo cho A-háp biết rằng: "Ê-li đang ở đây."?

Áp-đia miễn cưỡng đi báo cho A-háp biết rằng: "Ê-li đang ở đây." bởi vì hết thảy các nước lân cận đã thể rằng Ê-li không có ở đó.

1 Kings 18:12

Áp-đia cho rằng chuyện gì sẽ xảy ra cho ông ngay khi ông lìa Ê-li?

Áp-đia sợ rằng thần của Đức Giê-hô-va sẽ đem Ê-li đi nơi nào mà Áp-đia chẳng biết.

1 Kings 18:14

Ê-li đã nói gì điều gì với Áp-đia để trấn an ông?

Ê-li nói với Áp-đia rằng thật như Đức Giê-hô-va hằng sống, ngày hôm đó ông chắc chắn sẽ đi diện kiến A-háp.

1 Kings 18:15

Ê-li đã nói gì điều gì với Áp-đia để trấn an ông?

Ê-li nói với Áp-đia rằng thật như Đức Giê-hô-va hằng sống, ngày hôm đó ông chắc chắn sẽ đi diện kiến A-háp.

1 Kings 18:16

Khi A-háp gặp Ê-li thì vua đã gọi Ê-li là gì?

A-háp gọi Ê-li là "kẻ gây rối" khi gặp Ê-li.

1 Kings 18:17

Khi A-háp gặp Ê-li thì vua đã gọi Ê-li là gì?

A-háp gọi Ê-li là "kẻ gây rối" khi gặp Ê-li.

1 Kings 18:18

Khi A-háp gọi Ê-li là "kẻ gây rối" thì Ê-li đã phản ứng ra sao?

Ê-li nói cùng A-háp rằng chính vua và nhà cha vua mới chính là những kẻ gây rối, bởi vì họ đã bỏ điều răn của Đức Giê-hô-va, và đã tin theo thần Ba-anh.

1 Kings 18:19

Ê-li đã bảo gom những ai lại trên núi Cạt-mên?

Ê-li bảo phải gom hết thảy dân Y-sơ-ra-ên lại, với bốn trăm năm mươi tiên tri của Ba-anh, và bốn trăm tiên tri của Át-tạt-tê,là những kẻ đã ăn tại bàn Giê-sa-bên.

1 Kings 18:21

Ê-li khuyên dân sự phải theo ai?

Ê-li khuyên dân sự phải theo Đức Giê-hô-va nếu như Ngài là Đức Chúa Trời, và hãy theo Ba-anh nếu Ba-anh là Đức Chúa Trời.

1 Kings 18:22

Ê-li đưa ra đề nghị gì trước dân sự?

Ê-li đề nghị rằng các tiên tri Ba-anh cũng như chính mình ông, mỗi người hãy kêu cầu thần của mình dùng lửa thiêu hủy những của tế lễ là bò đực để chứng mình xem ai mới là Đức Chúa Trời.

1 Kings 18:24

Ê-li đưa ra đề nghị gì trước dân sự?

Ê-li đề nghị rằng các tiên tri Ba-anh cũng như chính mình ông, mỗi người hãy kêu cầu thần của mình dùng lửa thiêu hủy những của tế lễ là bò đực để chứng mình xem ai mới là Đức Chúa Trời.

1 Kings 18:26

Các tiên tri của Ba-anh đã kêu cầu Ba-anh trong bao lâu?

Các tiên tri của Ba-anh đã kêu cầu Ba-anh từ sáng cho đến trưa.

1 Kings 18:28

Sau khi Ê-li chế nhạo các tiên tri của Ba-anh lúc ban trưa thì các tiên tri của Ba-anh đã làm gì?

Các tiên tri của Ba-anh đã kêu khóc lớn tiếng và dùng gươm giáo cắt vào da thịt mình.

1 Kings 18:29

Các tiên tri Ba-anh cứ liên tục nói say sưa trong bao lâu?

Các tiên tri Ba-anh cứ tiếp tục nói say sưa cho đến quá trưa, giờ dâng tế lễ buổi chiều.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Kings 18:30
Ê-li đã làm gì với bàn thờ đã bị phá hủy của Đức Giê-hô-va?
Ê-li đã sửa lại bàn thờ của Đức Giê-hô-va bằng mười hai viên đá.
1 Kings 18:32
Ê-li đã làm gì với bàn thờ đã bị phá hủy của Đức Giê-hô-va?
Ê-li đã sửa lại bàn thờ của Đức Giê-hô-va bằng mười hai viên đá.
Ê-li đã làm gì xung quang bàn thờ của Đức Giê-hô-va?
Ê-li đã đào một cái mương quanh bàn thờ của Đức Giê-hô-va.
1 Kings 18:33
Ê-li đã bảo dân sự làm gì với số củi và con bò đực dùng làm của lễ thiêu kia?
Ê-li đã bảo dân sự múc đầy bốn bình nước, và đem đổ trên của lễ thiêu và củi, ba lần như vậy.
1 Kings 18:34
Ê-li đã bảo dân sự làm gì với số củi và con bò đực dùng làm của lễ thiêu kia?
Ê-li đã bảo dân sự múc đầy bốn bình nước, và đem đổ trên của lễ thiêu và củi, ba lần như vậy.
1 Kings 18:38
Dân Y-sơ-ra-ên đã phản ứng ra sao khi lửa của Đức Giê-hô-va giáng xuống thiêu hủy của lễ thiêu và mọi thứ quanh nó?
Dân Y-sơ-ra-ên đã sấp mình xuống đất, và la rằng: "Giê-hô-va là Đức Chúa Trời! Giê-hô-va là Đức Chúa Trời!"
1 Kings 18:39
Dân Y-sơ-ra-ên đã phản ứng ra sao khi lửa của Đức Giê-hô-va giáng xuống thiêu hủy của lễ thiêu và mọi thứ quanh nó?
Dân Y-sơ-ra-ên đã sấp mình xuống đất, và la rằng: "Giê-hô-va là Đức Chúa Trời! Giê-hô-va là Đức Chúa Trời!"
1 Kings 18:40
Ê-li đã làm gì với các tiên tri Ba-anh?
Ê-li Ê-li đem các tiên tri Ba-anh xuống dưới khe Ki-sôn, và giết họ tại đó.
1 Kings 18:43
Người đầy tớ của Ê-li đã thấy gì sau khi đã nhìn về phía biển biển bảy lần?
Sau lần thứ bảy, người đầy tớ ấy đã nhìn thấy một cụm mây nhỏ bằng bàn tay.
1 Kings 18:44
Người đầy tớ của Ê-li đã thấy gì sau khi đã nhìn về phía biển biển bảy lần?
Sau lần thứ bảy, người đầy tớ ấy đã nhìn thấy một cụm mây nhỏ bằng bàn tay.
Ê-li đã bảo đầy tớ của mình thưa gì với vua A-háp?
Ê-li đã bảo đầy tớ của mình đi bẩm báo với A-háp phải chuẩn bị xe ngựa mình sẵn sàng và đi xuống trước khi mưa ngăn vua lại.
1 Kings 18:46
Ê-li đã làm gì khi A-háp đánh xe đi xuống thành Gít-rê-ên?
Ê-li đã cho áo vào quần và chạy trước A-háp đến cổng thành Gist-rê-ên.

Chapter 19
1 Kings 19:1
nguyện các thần phạt ta cách nặng nề
Đây là một lời thề được dùng để nhấn mạnh. Tương tự câu: “Nguyện các thần giết chết ta và làm những điều tồi tệ hơn thế nữa”
Nếu ta không xử mạng sống ngươi như mạng sống của một trong những tiên tri mà ngươi đã giết
Tương tự câu: “Nếu ta không giết ngươi như ngươi đã giết các tiên tri kia”
ông đứng dậy
“ông đứng dậy”
1 Kings 19:4
còn ông thì đi một ngày đường nữa
Từ “ông” được dùng ở đây để nhấn mạnh rằng ông đi một mình. Tương tự câu: “một mình ông đi bộ một ngày.”
cây giếng giêng
Cây “giếng giêng” là một loại thực vật sống ở sa mạc.
Cầu xin được chết
“Ông cầu nguyện để xin được chết”
Ôi, Đức Giê-hô-va! Đã đủ rồi
Tương tự câu: “Những nan đề này quá nặng với tôi, Đức Giê-hô-va ôi” hoặc là “Tôi giờ đang rất lo lắng, Đức Giê-hô-va ôi”
Hãy dậy
“thức dậy” hoặc “ngồi dậy”
một cái bánh nhỏ nướng trên than
Câu này được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “bánh đã được ai đó nướng trên than”
bình nước
“một cái bình chứa nước”
1 Kings 19:7
còn xa lắm cho con
“sẽ còn rất khó cho con.”
ông có sức để đi bốn mươi ngày và bốn mươi đêm
Tương tự câu: “Thức ăn đó cho ông sức lực để đi 40 ngày và 40 đêm”
1 Kings 19:9
vào trong hang đá và ngủ đêm ở đó
Ở đây từ “ở đó” nói đến Núi Hô-rếp. Một cái hang đá là một lỗ hổng ở sườn núi tạo nên một cái phòng tự nhiên hoặc những chỗ trống dưới lòng đất.
Có lời của Đức Giê-hô-va phán với ông
“Đức Giê-hô-va truyền phán lời của Ngài và nói với ông.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong" [1KI 6:11]
Hỡi Ê-li, con đang làm gì ở đây?
Đức Giê-hô-va hỏi câu này để quở trách Ê-li và nhắc nhở ông về trách nhiệm của mình. Tương tự câu: “Đây không phải là nơi mà con nên ở đâu, Ê-li.”
Chỉ còn con, một mình con còn lại
Ở đây từ “con” được nhắc lại để nhấn mạnh.
1 Kings 19:11
đứng trên núi trước mặt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Trên ngọn núi trước sự hiện diện của Ta”
xé núi ra
“đập vào các ngọn núi”
1 Kings 19:13
Ê-li lấy áo choàng phủ kín mặt mình
“Ông che kín mặt mình bằng áo choàng” hay là “Ông giấu mắt mình để không phải nhìn thấy Đức Chúa Trời” Một cái áo choàng là một cái áo dài, một mảnh vải phủ toàn bộ cơ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thể.

miệng hang

cửa hang nơi mà người ta đi vào trong hang hoặc trong động

Bấy giờ có tiếng hỏi ông

“Sau đó ông nghe thấy một tiếng nói”

Hỡi Ê-li, con đang làm gì ở đây ... và họ cũng đang truy tìm để lấy mạng sống con

Hãy xem bạn đã dịch câu Kinh Thánh này như thế nào trong 1KI 19:9-10.

1 Kings 19:15

nhà tiên tri thế cho con

“tiên tri thay cho con”

1 Kings 19:17

Từ đó

Cụm từ này được dùng để mở đầu cho việc sẽ xảy ra khi Ê-li làm theo điều mà Đức Giê-hô-va phán bảo ông phải làm.

Tương tự câu: “Điều sắp xảy ra là”

ai thoát khỏi gươm của Ha-xa-ên

Tương tự câu: “Những ai không bị Ha-xa-ên giết bằng gươm”

Ta đã để dành cho Ta

Ở đây những từ “Ta” và ”cho Ta” nói đến Đức Giê-hô-va.

Tương tự câu: “Ta sẽ cứu chúng khỏi chết”

bảy nghìn người

Tương tự câu: “7,000 người”

những người chẳng hề quỳ gối trước thần Ba-anh và môi họ chưa hôn nó

Câu này nói đến những điều mà mọi người đã làm để thờ phượng các tà thần. Chúng kết hợp lại để nhấn mạnh.

Tương tự câu: “Những người không quỳ gối và hôn thần Ba-anh” hoặc là “những người chưa từng thờ phượng Ba-anh”

1 Kings 19:19

đang cày ruộng

Cày ruộng là tách đôi đất ra bằng một cái lưỡi lớn được kéo bởi động vật để có thể gieo hạt.

mười hai đôi bò

Tương tự câu: “12 đôi bò”

chính ông cầm đôi thứ mười hai

Từ “chính ông” ý nói rằng Ê-li-sê đang kéo cày bằng đôi bò cuối cùng, trong khi những người khác kéo cày bằng mười một đôi bò kia.

Ông nói: “Xin cho phép

Từ “ông” nói đến Ê-li-sê.

1 Kings 19:21

Ê-li-sê đãi mọi người

Ê-li-sê đã nấu thịt để đãi mọi người trong thành.

Translation Questions

1 Kings 19:1

Giê-sa-bên đã đe dọa gì Ê-li?

Giê-sa-bên đã bảo Ê-li rằng trước ngày mai, bà sẽ khiến ông trở thành một trong số những tiên tri đã chết.

1 Kings 19:2

Giê-sa-bên đã đe dọa gì Ê-li?

Giê-sa-bên đã bảo Ê-li rằng trước ngày mai, bà sẽ khiến ông trở thành một trong số những tiên tri đã chết.

1 Kings 19:3

Ê-li đã phản ứng ra sao trước lời đe dọa từ Giê-sa-bên?

Ê-li đã chạy trốn để cứu mạng sống mình.

1 Kings 19:4

Tại sao lại cầu xin được chết?

Ê-li đã cầu xin được chết bởi vì ông cảm thấy ông không hơn gì các tổ phụ đã khuất của mình.

1 Kings 19:5

Chuyện gì đã xảy ra khi Ê-li ngủ dưới cây giếng giêng?

Có một thiên sứ đụng đến người và nói rằng: "Hãy chỗi dậy và ăn".

1 Kings 19:6

Sau khi thiên sứ đụng đến ông, Ê-li đã thấy gì và làm những gì?

Ê-li thấy có nơi đầu mình một cái bánh nhỏ nướng trên than, và một bình nước. Người ăn uống, rồi lại nằm.

1 Kings 19:8

Ê-li mất bao lâu mới đi đến Hô-rếp, là núi của Đức Chúa Trời?

Ê-li đã đi bốn mươi ngày bốn mươi đêm để đến được núi Hô-rếp.

1 Kings 19:9

Ê-li đã phản ứng ra sao khi Đức Giê-hô-va hỏi ông đang làm gì trong hang động đó?

Ê-li thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng ông đã rất nóng nảy sốt sắng vì Ngài, nhưng dân Y-sơ-ra-ên đã bội giao ước Ngài, phá hủy các bàn thờ Ngài, dùng gươm giết những tiên tri Ngài; và ông là người duy nhất còn lại.

1 Kings 19:10

Ê-li đã phản ứng ra sao khi Đức Giê-hô-va hỏi ông đang làm gì trong hang động đó?

Ê-li thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng ông đã rất nóng nảy sốt sắng vì Ngài, nhưng dân Y-sơ-ra-ên đã bội giao ước Ngài, phá hủy các bàn thờ Ngài, dùng gươm giết những tiên tri Ngài; và ông là người duy nhất còn lại.

1 Kings 19:15

Đức Giê-hô-va đã bảo Ê-li làm gì?

Đức Giê-hô-va đã phán bảo Ê-li trở lại đồng vắng để xức dầu cho Ha-xa-ên làm vua A-ram; xức dầu cho Giê-hu làm vua Y-sơ-ra-ên và xức dầu cho Ê-li-sê làm tiên tri thế cho ông.

1 Kings 19:16

Đức Giê-hô-va đã bảo Ê-li làm gì?

Đức Giê-hô-va đã phán bảo Ê-li trở lại đồng vắng để xức dầu cho Ha-xa-ên làm vua A-ram; xức dầu cho Giê-hu làm vua Y-sơ-ra-ên và xức dầu cho Ê-li-sê làm tiên tri thế cho ông.

1 Kings 19:18

Đức Giê-hô-va đã phản ứng ra sao trước lời tuyên bố của Ê-li rằng ông là một vị tiên tri duy nhất còn lại trong xứ?

Đức Giê-hô-va phán bảo cùng Ê-li rằng còn có bảy nghìn người Y-sơ-ra-ên trung tín với Ngài.

1 Kings 19:19

Ê-li-sa đã xin Ê-li điều gì sau khi Ê-li ném áo choàng mình trên người?

Ê-li-sê xin Ê-li cho phép ông hôn cha mẹ mình trước khi ông theo người.

1 Kings 19:20

Ê-li-sa đã xin Ê-li điều gì sau khi Ê-li ném áo choàng mình trên người?

Ê-li-sê xin Ê-li cho phép ông hôn cha mẹ mình trước khi ông theo người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 20
1 Kings 20:1
Bên Ha-đát
Đây là tên một người nam.
ba mươi hai vua khác
Hai vua khác
vua khác
Tương tự: “là các vua đang cai trị số ít người hơn”
1 Kings 20:4
Cứ như lời ngài nói
Tương tự câu: “Tôi đồng ý với ngài.”
ngày mai vào giờ này
“Ngày mai vào chính lúc này trong ngày”
bất cứ món gì ngươi coi là quý
Tương tự câu: “Bất cứ điều gì vừa mắt họ.”
1 Kings 20:7
trong nước
Tương tự câu: “người dân Y-sơ-ra-ên”
hãy biết và thấy rõ rằng
Tương tự câu: “Hãy chú ý thật cẩn thận”
Trẫm đã không từ chối gì hết
Câu này có thể viết theo thể khẳng định. Tương tự câu: “Ta đã đồng ý các đòi hỏi của ông ấy”
tất cả dân chúng
Tương tự câu: “Tất cả mọi người đang có mặt”
1 Kings 20:9
lần nầy
Tương tự câu: “điều mà ngài đã đòi hỏi lần thứ hai”
Nguyện các thần giáng tai họa cho ta cách nặng nề
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 1KI 19:2.
Nếu bụi đất ở Sa-ma-ri đủ cho các chiến sĩ ta mỗi người một nắm
Bên Ha-đát nói rằng quân đội của ông sẽ phá hủy hoàn toàn mọi thứ ở Sa-ma-ri. Xem:
1 Kings 20:11
Hãy nói với vua rằng: “Người mặc áo giáp … như người cởi nó ra.”
“Hãy nói với Bên Ha-đát rằng: Đừng tự khoe khoang như thể ngươi đã thắng trận mà ngươi chưa hề đánh.”
1 Kings 20:13
Lúc ấy
Từ “lúc ấy” báo hiệu cho chúng ta sự xuất hiện đột ngột của một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn tả điều này.
Con thấy đoàn quân rất đông này chăng?
Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi này để nhấn mạnh sức mạnh và số lượng của quân đội Bên Ha-đát. Tương tự câu: “Hãy xem đội quân rất đông và lớn này.”
Kìa, ngày nay Ta sẽ phó chúng vào tay con
Từ “Kìa” ở đây để cảnh báo chúng ta chú ý về thông tin đáng ngạc nhiên tiếp theo.
phó chúng vào tay con
Ở đây từ “tay” nói đến quyền lực. Tương tự câu: “ban cho con chiến thắng đội quân ấy.”
Ai sẽ ra trận?
Tương tự câu: “Ai sẽ làm điều này?”
A-háp duyệt lại số viên chức
“A-háp tập hợp những viên chức trẻ”
232
Tương tự câu: “Hai trăm ba mươi hai”
toàn quân Y-sơ-ra-ên
Hai cụm từ này mang nghĩa cơ bản giống nhau và được kết hợp lại để nhấn mạnh.
bảy nghìn
Tương tự như: “7,000”
1 Kings 20:16
Họ kéo quân ra
Ở đây từ “Họ” nói đến quân đội của Y-sơ-ra-ên.
ba mươi hai vua đồng minh
Hai vua khác
Bên Ha-đát sai người quan sát. Họ báo lại cho vua
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Các thám tử mà Bên Ha-đát sai đi đã báo lại cho ông.”
người quan sát
“người quan sát” là một người lính được sai đi thu thập thông tin về kẻ thù.
1 Kings 20:20
Quân Y-sơ-ra-ên truy đuổi
Tương tự câu: “Những quân lính Y-sơ-ra-ên đuổi theo họ”
vua Y-sơ-ra-ên kéo ra tấn công
Tương tự câu: “Vua Y-sơ-ra-ên và lính của ông kéo ra và tấn công”
1 Kings 20:22
củng cố lực lượng
Tương tự câu: “Hãy củng cố lực lượng của mình”
Xem xét kỹ và lên kế hoạch điều mình phải làm
Hai từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và kết hợp lại để nhấn mạnh. Tương tự như “quyết định”
năm tới
Các nghĩa có thể là 1) “Vào khoảng mùa xuân năm sau” (UDB) hay 2) “vào thời điểm này năm sau”.
Nếu giao chiến … chúng ta sẽ chiến thắng chúng nó
Từ “chúng ta” nói đến các quần thần, vua và quân đội.
1 Kings 20:24
Thay các vua
Tương tự câu: “Bệ hạ phải thay ba mươi hai vị vua đang chỉ huy quân đội”
1 Kings 20:26
A-phéc
Đây là tên một thành.
để giao chiến với Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “Để chiến đấu với quân Y-sơ-ra-ên”
Người Y-sơ-ra-ên cũng điểm quân, chuẩn bị lương thực
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Quân Y-sơ-ra-ên cũng tập hợp lại, và họ được giao cho những thứ cần dùng trong cuộc chiến” Xem:
giống như hai bầy dê nhỏ
Quân Y-sơ-ra-ên nhìn bề ngoài ít và yếu như những con dê non.
1 Kings 20:28
người của Đức Chúa Trời
Đây là một cách gọi khác của một vị tiên tri. Tương tự như: “một tiên tri” (UDB)
phó đoàn quân rất đông đảo này vào tay con
Ở đây từ “tay” nói đến quyền lực. Tương tự câu: “ban cho con chiến thắng đội quân đông đảo này”
1 Kings 20:29
bảy ngày
Tương tự như: “7 ngày”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

100,000
Tương tự như: “Một trăm ngàn”
bộ binh
Bộ binh là người lính hành quân bằng cách đi bộ.
Tàn quân chạy trốn trong thành A-phéc
Tương tự như: “Số quân lính A-ram còn sống sót”
hai mươi bảy ngàn
Bảy ngàn
1 Kings 20:31
Vì vậy
Những từ này nhấn mạnh điều họ sẽ nói. Tương tự như: “Hãy nghe” hay là “Hãy chú ý điều chúng tôi sẽ nói với ngài”
lấy vải bố thắt lưng và quấn dây trên đầu
Đây là dấu hiệu của sự đầu hàng.
Vua ấy còn sống chăng?
A-háp hỏi câu hỏi này bày tỏ sự ngạc nhiên. Tương tự câu: “Tôi ngạc nhiên vì ông ấy vẫn còn sống!”
Người vốn là anh em ta
Tương tự câu: “Người ấy giống như là anh em của ta”
1 Kings 20:33
Bấy giờ, những người đó
Từ “bấy giờ” không có nghĩa là “ngay lúc ấy” mà được dùng để thu hút sự chú ý vào điểm quan trọng tiếp theo.
thấy có điềm lành
Tương tự câu: “những hành động từ A-háp tỏ cho họ thấy rằng A-háp muốn đối xử nhân từ”
1 Kings 20:35
có một người trong số các nhà tiên tri
Tương tự như: “Một người trong nhóm những nhà tiên tri”
Lời Đức Giê-hô-va
Tương tự như: “Đức Giê-hô-va đã bảo anh phải làm”
vì anh không vâng lời Đức Giê-hô-va
Tương tự như: “Anh không tuân lệnh Đức Giê-hô-va”
1 Kings 20:39
Đầy tớ của bệ hạ đang ở giữa chiến trận
Nhà tiên tri nói đến chính ông với vai trò là người thứ ba như đó là một dấu hiệu thể hiện sự tôn trọng nhà vua.
đang ở giữa chiến trận
“đang ở nơi trận chiến diễn ra khốc liệt nhất”
Thì mạng anh phải đền mạng nó
Tương tự như: “Thì mạng anh sẽ phải thế mạng nó”
một ta-lâng bạc
Ta-lâng là một đơn vị đo trọng lượng tương đương với 34 ki-lô-gam. Tương tự như: “34 ki-lô-gam bạc”
đang bận việc nầy việc nọ
Tương tự như: “Đang làm các việc khác” (UDB) hay là “đang làm việc này việc nọ”
1 Kings 20:41
thoát khỏi tay mình
Ở đây từ “tay” nói đến quyền lực. Tương tự như: “thả” hay là “tha mạng của”
mạng con phải đền mạng của nó và dân con thế cho dân nó
Tương tự như: “Ngươi sẽ chết thay cho nó, và dân ngươi sẽ chết thay cho dân nó”
buồn rầu và tức giận
Những từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và nhấn mạnh cảm xúc mãnh liệt của vua.

Translation Questions

1 Kings 20:1
Thông điệp mà A-háp đã nhận được từ Bên Ha-đát khi thành Sa-ma-ri đang bị bao vây là gì?
Bên Ha-đát bảo A-háp rằng bạc, vàng cũng như những vợ con của A-háp hiện nay đều là tài sản của Ha-đát.
1 Kings 20:2
Thông điệp mà A-háp đã nhận được từ Bên Ha-đát khi thành Sa-ma-ri đang bị bao vây là gì?
Bên Ha-đát bảo A-háp rằng bạc, vàng cũng như những vợ con của A-háp hiện nay đều là tài sản của Ha-đát.
1 Kings 20:4
Bên Ha-đát đã phản ứng như thế nào trước sự sẵn lòng của A-háp giao nộp các vàng, bạc, vợ và con cái người cho mình?
Bên Ha-đát đã thông báo với A-háp rằng ngày mai ông sẽ sai các đầy tớ của mình đến và họ sẽ lấy đi hết những thứ gì đẹp mắt mình.
1 Kings 20:6
Bên Ha-đát đã phản ứng như thế nào trước sự sẵn lòng của A-háp giao nộp các vàng, bạc, vợ và con cái người cho mình?
Bên Ha-đát đã thông báo với A-háp rằng ngày mai ông sẽ sai các đầy tớ của mình đến và họ sẽ lấy đi hết những thứ gì đẹp mắt mình.
1 Kings 20:7
Lời khuyên mà vua Y-sơ-ra-ên nhận được từ hết thảy các trưởng lão trong xứ và toàn thể dân chúng là gì?
Các trưởng lão trong xứ và tất cả dân chúng đều khuyên vua đừng nghe, cũng
đừng chấp nhận những yêu cầu của Bên Ha-đát bởi vì người chỉ đang tìm kiếm rắc rối mà thôi.
1 Kings 20:8
Lời khuyên mà vua Y-sơ-ra-ên nhận được từ hết thảy các trưởng lão trong xứ và toàn thể dân chúng là gì?
Các trưởng lão trong xứ và tất cả dân chúng đều khuyên vua đừng nghe, cũng
đừng chấp nhận những yêu cầu của Bên Ha-đát bởi vì người chỉ đang tìm kiếm rắc rối mà thôi.
1 Kings 20:9
A-háp đã đáp lại với Bên Ha-đát điều gì?
A-háp bảo Bên Ha-đát rằng ông chấp thuận lời đề nghị đầu tiên của Ha-đát, nhưng ông không thể chấp thuận lời đề nghị thứ hai của người.
1 Kings 20:10
Phản ứng của Bên Ha-đát với lời nhắn của A-háp?
Bên Ha-đát đã lập lời thề rằng rằng ông sẽ nghiền Sa-ma-ri thành tro bụi.
1 Kings 20:11
Bên Ha-đát đã nói gì khi vua Y-sơ-ra-ên khuyên ông không nên khoác lác như thể trận chiến đã xong?
Bên Ha-đát đã bảo lính của mình dàn trận để chuẩn bị chiến đấu.
1 Kings 20:12
Bên Ha-đát đã nói gì khi vua Y-sơ-ra-ên khuyên ông không nên khoác lác như thể trận chiến đã xong?
Bên Ha-đát đã bảo lính của mình dàn trận để chuẩn bị chiến đấu.
1 Kings 20:13

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va đã phán ai sẽ thắng trận chiến cho Y-sơ-ra-ên đánh chiến cùng đội quân A-ram hùng mạnh?
Đức Giê-hô-va phán cùng A-háp rằng những viên chỉ huy trẻ tuổi của các tỉnh sẽ thắng trận chiến đó cho Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 20:15
Đức Giê-hô-va đã phán ai sẽ thắng trận chiến cho Y-sơ-ra-ên đánh chiến cùng đội quân A-ram hùng mạnh?
Đức Giê-hô-va phán cùng A-háp rằng những viên chỉ huy trẻ tuổi của các tỉnh sẽ thắng trận chiến đó cho Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 20:16
Khi các viên chỉ huy trẻ tuổi, tức là những người phục vụ các quan tổng đốc các tỉnh sẽ đi ra trước, thì lúc ấy Bên Ha-đát cùng ba mươi hai vua đồng minh của ông đang làm gì?
Bên Ha-đát cùng ba mươi hai vua đồng minh của mình đang uống rượu say.
1 Kings 20:17
Khi các viên chỉ huy trẻ tuổi, tức là những người phục vụ các quan tổng đốc các tỉnh sẽ đi ra trước, thì lúc ấy Bên Ha-đát cùng ba mươi hai vua đồng minh của ông đang làm gì?
Bên Ha-đát cùng ba mươi hai vua đồng minh của mình đang uống rượu say.
1 Kings 20:20
Chuyện gì đã xảy ra với Bên Ha-đát và quân A-ram?
Bên Ha-đát đã lên ngựa chạy thoát với một vài kỵ binh, quân A-ram thì bị giết hại tổn thất nặng nề.
1 Kings 20:21
Chuyện gì đã xảy ra với Bên Ha-đát và quân A-ram?
Bên Ha-đát đã lên ngựa chạy thoát với một vài kỵ binh, quân A-ram thì bị giết hại tổn thất nặng nề.
1 Kings 20:22
Nhà tiên tri đến gặp vua Y-sơ-ra-ên với thông điệp gì?
Nhà tiên tri đến gặp vua Y-sơ-ra-ên mà bảo rằng vua A-ram sẽ trở lại đánh họ, nên Y-sơ-ra-ên phải đi củng cố lực lượng, và lên kế hoạch mình phải làm gì.
1 Kings 20:23
Các đầy tớ của vua A-ram đã đưa ra điều gì làm lí do về việc Y-sơ-ra-ên mạnh hơn người A-ram trong trận chiến nầy?
Các đầy tớ của vua A-ram nói với người rằng trong trận chiến nầy, người Y-sơ-ra-ên mạnh hơn người A-ram, bởi vì thần của người Y-sơ-ra-ên là thần núi.
1 Kings 20:26
Sau khi bắt đầu năm mới, Bên Ha-đát đã làm gì?
Bên Ha-đát điểm quân A-ram và kéo đến A-phéc để giao chiến với Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 20:28
Người của Đức Chúa Trời đến gần vua Y-sơ-ra-ên mà nói điều gì liên quan đến người A-ram?
Người của Đức Chúa Trời đã phán rằng vì người A-ram nói rằng Đức Giê-hô-va là thần núi chứ không phải thần thung lũng nên Đức Chúa Trời sẽ phó đoàn quân A-ram vào tay vua Y-sơ-ra-ên.
1 Kings 20:29
Kết quả của trận chiến giữa các đội quân là gì?
Trong một ngày, dân Y-sơ-ra-ên đánh giết một trăm nghìn bộ binh A-ram. Số còn lại chạy trốn vào thành A-phéc, nhưng các vách thành lại đổ, đè chết hai mươi bảy ngàn quân còn lại. Bên Ha-đát cũng bỏ chạy vào thành và trốn trong một phòng kín.
1 Kings 20:30
Kết quả của trận chiến giữa các đội quân là gì?
Trong một ngày, dân Y-sơ-ra-ên đánh giết một trăm nghìn bộ binh A-ram. Số còn lại chạy trốn vào thành A-phéc, nhưng các vách thành lại đổ, đè chết hai mươi bảy ngàn quân còn lại. Bên Ha-đát cũng bỏ chạy vào thành và trốn trong một phòng kín.
1 Kings 20:31
Các đầy tớ Bên Ha-đát đã làm gì cho Bên Ha-đát?
Các đầy tớ Bên Ha-đát lấy vải bố thắt lưng và quấn dây trên đầu, rồi ra hàng vua Y-sơ-ra-ên để xin vua Y-sơ-ra-ên để cho Bên Ha-đát sống.
1 Kings 20:32
Các đầy tớ Bên Ha-đát đã làm gì cho Bên Ha-đát?
Các đầy tớ Bên Ha-đát lấy vải bố thắt lưng và quấn dây trên đầu, rồi ra hàng vua Y-sơ-ra-ên để xin vua Y-sơ-ra-ên để cho Bên Ha-đát sống.
1 Kings 20:33
Bên Ha-đát đã đưa ra đề nghị nào với vua A-háp khi ông được mời đến để gặp vua trong xe ngựa của vua?
Bên Ha-đát đã nói cùng A-háp rằng ông sẽ trả lại các thành đã bị chiếm khỏi Y-sơ-ra-ên nếu như A-háp chịu thả người đi.
1 Kings 20:34
Bên Ha-đát đã đưa ra đề nghị nào với vua A-háp khi ông được mời đến để gặp vua trong xe ngựa của vua?
Bên Ha-đát đã nói cùng A-háp rằng ông sẽ trả lại các thành đã bị chiếm khỏi Y-sơ-ra-ên nếu như A-háp chịu thả người đi.
1 Kings 20:35
Tại sao một trong số các tiên tri lại bị sư tử giết chết?
Một trong số các tiên tri đã bị sư tử giết chết bởi vì người không chịu vâng lời Đức Giê-hô-va truyền đánh một tiên tri khác bạn mình.
1 Kings 20:36
Tại sao một trong số các tiên tri lại bị sư tử giết chết?
Một trong số các tiên tri đã bị sư tử giết chết bởi vì người không chịu vâng lời Đức Giê-hô-va truyền đánh một tiên tri khác bạn mình.
1 Kings 20:37
Vị tiên tri kia đã cải trang thế nào để qua mắt vua sau khi ông đã bị đánh và bị làm cho bị thương?
Vị tiên tri kia đã cải trang để qua mắt vua bằng một miếng khăn băng mắt mình.
1 Kings 20:38
Vị tiên tri kia đã cải trang thế nào để qua mắt vua sau khi ông đã bị đánh và bị làm cho bị thương?
Vị tiên tri kia đã cải trang để qua mắt vua bằng một miếng khăn băng mắt mình.
1 Kings 20:39
Tại sao vị tiên tri nầy lại đi kể cho vua Y-sơ-ra-ên một câu chuyện?
Vị tiên tri nầy đã kể cho vua Y-sơ-ra-ên câu chuyện nầy để đánh lừa vua, như vậy vua sẽ đưa ra một quyết định dẫn đến đến việc mất mạng của chính mình.
1 Kings 20:40
Tại sao vị tiên tri nầy lại đi kể cho vua Y-sơ-ra-ên một câu chuyện?
Vị tiên tri nầy đã kể cho vua Y-sơ-ra-ên câu chuyện nầy để đánh lừa vua, như vậy vua sẽ đưa ra một quyết định dẫn đến đến việc mất mạng của chính mình.
1 Kings 20:41

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vị tiên tri nầy đã đưa ra một lời tuyên bố kiên quyết nào với vua Y-sơ-ra-ên?

Vị tiên tri nầy đã bảo cùng vua rằng vua sẽ mất mạng bởi vì vua đã tha mạng cho kẻ mà Đức Giê-hô-va đã định tội phải chết.

1 Kings 20:43

Vị tiên tri nầy đã đưa ra một lời tuyên bố kiên quyết nào với vua Y-sơ-ra-ên?

Vị tiên tri nầy đã bảo cùng vua rằng vua sẽ mất mạng bởi vì vua đã tha mạng cho kẻ mà Đức Giê-hô-va đã định tội phải chết.

Chapter 21

1 Kings 21:1

Sau các việc ấy

Cụm từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu sự mở đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt thì bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.

Na-bốt, người Gít-rê-ên

Đây là tên của một người nam ở Gít-rê-ên.

vua Sa-ma-ri

A-háp cai trị Y-sơ-ra-ên từ thành Sa-ma-ri. Tương tự như: "Vua Y-sơ-ra-ên"

1 Kings 21:3

Đức Giê-hô-va không cho phép tôi

Tương tự như: "bởi đức tin, tôi mong là Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ tôi khỏi sự xâm phạm"

buồn rầu và tức giận

Những từ "buồn rầu" và "tức giận" về cơ bản mang nghĩa tương tự. Hãy xem bạn đã dịch như thế nào trong [1KI 20:43]

1 Kings 21:5

Sao lòng bệ hạ buồn rầu

Ở đây từ "lòng" nói đến cảm xúc. Tương tự như: "Sao bệ hạ buồn vậy"

Chẳng phải bệ hạ đang cầm quyền trên Y-sơ-ra-ên sao?

Giê-sa-bên đang nói một câu phủ định dưới hình thức một câu hỏi để quở trách A-háp. Tương tự như: "Bệ hạ vẫn là người cầm quyền đất nước Y-sơ-ra-ên."

vui lên

Tương tự như: "hãy vui vẻ lên"

1 Kings 21:8

nhân danh A-háp

Tương tự như: "và bà ký tên A-háp trên bức thư" (UDB)

các trưởng lão và quý tộc ở đó

"những người giàu có ngồi cùng với Na-bốt"

ở hàng đầu dân chúng

Tương tự như: "một vị trí vinh dự giữa dân chúng"

để chúng tố cáo nó

Tương tự như: "Hãy bảo những người đó cáo gian Na-bốt vì nói những lời phạm thượng Đức Chúa Trời và nhà vua"

1 Kings 21:11

Các trưởng lão và quý tộc đang cư ngụ

"những người nam giàu có sống trong"

đều làm theo lời Giê-sa-bên, như đã truyền dặn trong thư đã gửi cho họ

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và kết hợp lại để nhấn mạnh.

truyền dặn trong thư

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Như bà đã viết trong thư"

ở hàng đầu dân chúng

Tương tự như: "một vị trí vinh dự trước dân chúng"

họ dẫn ông ra ngoài thành

Chữ "họ" ở đây nói đến những người dân trong thành.

Na-bốt bị ném đá tới chết

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: "Chúng tôi đã ném đá Na-bốt và ông ta đã chết"

1 Kings 21:15

rằng: "Na-bốt đã bị ném đá và chết rồi."

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: "Dân chúng đã ném đá Na-bốt và ông đã chết rồi"

Na-bốt không còn sống nữa, nó đã chết rồi

Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự và nhấn mạnh rằng Na-bốt đã chết rồi.

1 Kings 21:17

có lời của Đức Giê-hô-va phán

"Đức Giê-hô-va đã truyền phán lời Ngài." Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]

1 Kings 21:19

Chẳng phải ngươi đã giết người, rồi bây giờ lại chiếm đoạt sản nghiệp của nó sao?

Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi này để quở trách A-háp. Tương tự như: "Ngươi đã giết Na-bốt và ăn trộm vườn nho của ông ấy!"

máu của ngươi, chính ngươi

Câu này được lặp lại để nhấn mạnh.

Hỡi kẻ thù của ta, ngươi đã tìm được ta sao?

A-háp sử dụng câu hỏi này để bày tỏ sự tức giận với Ê-li. Tương tự như: "Ngươi đã tìm thấy ta sao kẻ thù của ta!" hay là "Hỡi kẻ thù ta, ngươi đã biết điều ta làm!"

đã tự bán mình để làm điều ác

Tương tự như: "tự hiến mình để làm điều ác"

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự như: "điều mà Đức Giê-hô-va xem là gian ác"

1 Kings 21:21

Vì vậy

"Hãy nghe đây" hay là "Hãy chú ý điều ta sắp nói với ngươi"

quét sạch hậu duệ ngươi, tiêu diệt các người nam của nhà A-háp

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh sự hủy diệt hoàn toàn nhà A-háp.

Ta sẽ làm cho nhà của ngươi giống như nhà Giê-rô-bô-am ... và giống như nhà Ba-ê-sa

Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt nhà A-háp giống như Ngài đã hủy diệt nhà Giê-rô-bô-am và Ba-ê-sa.

1 Kings 21:23

bất cứ ai thuộc về A-háp

Tương tự như: "Bất kỳ ai thuộc về nhà A-háp"

1 Kings 21:25

Đã tự bán mình làm điều ác

Tương tự như: "Đã tự hiến mình để làm điều ác"

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự như: "Điều mà Đức Giê-hô-va xem là gian ác"

người bị hoàng hậu Giê-sa-bên xúi giục

Ở đây từ "người" nói đến A-háp.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đã đuổi khỏi trước mắt dân Y-sơ-ra-ên
Ở đây từ “dân Y-sơ-ra-ên” nói đến cả mười hai bộ tộc của Y-sơ-ra-ên và không chỉ vương quốc phía bắc. Tương tự như: “đã đuổi khỏi trước sự hiện diện của dân Y-sơ-ra-ên” hay bị “đuổi ra khỏi vùng đất trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.”
1 Kings 21:27
Con có thấy A-háp đã hạ mình trước mặt ta như thế nào không?
Đức Chúa Trời đã dùng câu hỏi này để chỉ cho Ê-li thấy rằng sự đau khổ của A-háp là chân thật. Tương tự như: “Ta đã thấy A-háp hạ mình như thế nào trước mặt ta.” hoặc là “Hãy xem A-háp hạ mình như thế nào trước mặt ta.”
có lời của Đức Giê-hô-va phán
“Đức Giê-hô-va phán những lời này.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]
trong đời nó ... đến đời con nó
Tương tự như: “trong suốt đời nó ... trong đời con nó”

Translation Questions

1 Kings 21:1
A-háp, vua Sa-ma-ri đã muốn gì từ Na-bốt người Gít-rê-ên?
A-háp, vua Sa-ma-ri muốn có vườn nho của Na-bốt, vườn nho gần cung điện của vua.
1 Kings 21:2
A-háp, vua Sa-ma-ri đã muốn gì từ Na-bốt người Gít-rê-ên?
A-háp, vua Sa-ma-ri muốn có vườn nho của Na-bốt gần cung điện của mình.
A-háp đã đưa ra đề nghị gì với Na-bốt để lấy vườn nho của người?
A-háp đã đề nghị với Na-bốt sẽ đổi cho người một vườn nho tốt hơn hoặc sẽ trả tiền cho người.
1 Kings 21:3
Tại sao Na-bốt lại từ chối không chịu nhường vườn nho của mình cho A-háp?
Na-bốt đã từ chối không chịu nhường vườn nho của mình cho A-háp bởi vì đó là cơ nghiệp của tổ phụ ông.
1 Kings 21:4
A-háp đã làm gì khi A-háp không chịu nhường vườn nho của người cho mình?
A-háp nằm trên giường, buồn rầu và tức giận, không chịu ăn uống gì.
1 Kings 21:7
Ai đã bảo A-háp hãy dậy, ăn uống và vui lên?
Giê-sa-bên, tức là vợ của A-háp đã bảo A-háp hãy dậy, ăn uống và vui lên.
1 Kings 21:10
Giê-sa-bên đã làm gì để đảm bảo rằng A-háp sẽ có được vườn nho của Na-bốt?
Giê-sa-bên đã cho hai kẻ bất lương vu cáo Na-bốt tội rủa sả Đức Chúa Trời và vua tại một lễ kiêng ăn công khai.
Hình phạt dành cho tội phạm thượng của Na-bốt là gì?
Na-bốt sẽ bị đem ra ngoài và bị ném đá cho đến chết.
1 Kings 21:17
Đức Giê-hô-va đã sai ai đến vườn nho của Na-bốt để gặp A-háp?
Đức Giê-hô-va đã sai Ê-li đến vườn nho của Na-bốt để gặp A-háp.
1 Kings 21:18
A-háp đã làm gì khi Giê-sa-bên báo với vua rằng Na-bốt đã chết?
Vừa khi A-háp nghe tin Na-bốt đã chết, A-háp đi xuống vườn nho của Na-bốt và chiếm đoạt nó cho mình.
1 Kings 21:19
Ê-li đã bảo với A-háp rằng vì cớ tội lỗi của ông thì chuyện gì sẽ xảy đến cho ông?
Ê-li đã bảo với A-háp rằng tại chỗ chó đã liếm máu Na-bốt, chó cũng sẽ liếm máu của vua.
1 Kings 21:22
Ê-li đã báo với A-háp thông điệp nào từ Đức Giê-hô-va?
Ê-li đã báo với A-háp như vầy Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ loại trừ khỏi nhà A-háp mọi người nam trong I-sơ-ra-ên, bất kể nô lệ hay tự do bởi vì người đã gây cho Y-sơ-ra-ên phạm tội.
1 Kings 21:23
Chuyện gì sẽ xảy đến cho Giê-sa-bên?
Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên tại thành lũy Gít-rê-ên.
1 Kings 21:27
Khi A-háp nghe những lời đó thì ông đã làm gì?
A-háp xé quần áo mình; lấy bao mặc cho mình và kiêng ăn.
1 Kings 21:29
Đức Giê-hô-va đã làm gì khi A-háp hạ mình xuống trước mặt Ngài?
Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ giáng tai họa trong đời vua, nhưng sẽ giáng tai họa xuống trong đời con vua.

Chapter 22

1 Kings 22:1
Suốt ba năm
Tương tự như: “3 năm”
nhưng vào
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu sự mở đầu của một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt điều này, bạn có thể xem xét để sử dụng ở đây.
1 Kings 22:3
Các khanh chẳng biết rằng Ra-mốt Ga-la-át thuộc về chúng ta sao? Thế mà chúng ta lại để yên, không lấy lại khỏi tay vua A-ram!
A-háp hỏi câu này để nhấn mạnh rằng họ nên đánh chiếm lại Ra-mốt Ga-la-át. Tương tự như: “Ra-mốt Ga-la-át là của chúng ta, nhưng chúng ta chẳng làm gì để lấy lại từ tay vua A-ram cả.”
lấy lại khỏi tay vua A-ram
Ở đây từ “tay” nói đến quyền lực. Tương tự như: “Lấy nó lại khỏi sự kiểm soát của vua A-ram”
Tôi cũng như ngài, dân tôi cũng như dân của ngài, và ngựa chiến của tôi cũng như ngựa chiến của ngài
Tương tự như: “Tôi dâng chính mình tôi, lính và ngựa chiến của tôi cho ngài để ngài sử dụng theo cách ngài muốn”
1 Kings 22:5
bốn trăm người
Tương tự như: “400 người”
vì Chúa sẽ phó nó vào tay bệ hạ
Ở đây từ “tay” nói đến quyền lực. Tương tự như: “Chúa sẽ cho vua chiếm được nó”
1 Kings 22:10
làm một cặp sừng
“tự làm một cặp sừng cho mình”
Với các sừng này, con sẽ đánh dân A-ram cho đến khi chúng bị tiêu diệt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tiên tri nói rằng quân A-háp sẽ chiến thắng với sức mạnh hùng hậu, như một con bò tấn công loài thú khác. Từ "tiêu diệt" ở đây là phép ẩn dụ thay cho từ "phá hủy."

cho đến khi chúng bị tiêu diệt

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: "cho tới khi con tiêu diệt chúng"

phó thành ấy vào tay bệ hạ

Tương tự như: "cho phép vua đánh chiếm nó"

1 Kings 22:13

Kìa

Tương tự như: "Hãy nghe" hoặc là "Hãy chú ý điều ta sắp nói với ngươi"

Các nhà tiên tri đều đồng thanh báo điều lành cho vua

Cụm từ "đều đồng thanh" có nghĩa rằng tất cả bọn họ đều nói điều tương tự. Tương tự như: "tất cả các tiên tri đều tuyên bố cùng một điều lành cho vua."

xin ông cũng nói như họ

Ở đây từ "họ" nói đến những "lời của các tiên tri." Tương tự như: "Hãy để những điều ông nói cũng giống như với những điều họ đã nói"

chúng ta nên tiến đánh

Từ "chúng ta" là nói về A-háp, Giô-sa-phát, và quân đội của họ nhưng không phải nói về Mi-chê.

sẽ phó thành ấy vào tay vua

Hãy xem bạn đã dịch câu này thế nào trong 1KI 22:6.

1 Kings 22:16

Đã bao lần trẫm lấy lời thề buộc ngươi ... nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói thật với trẫm?

A-háp hỏi câu này với sự thất vọng để quở trách Mi-chê. Tương tự như: "Đã nhiều lần ta đã buộc ngươi ... nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói thật với trẫm."

nhân danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" nói đến đến thẩm quyền. Tương tự như: "đại diện cho Đức Giê-hô-va"

Tôi thấy toàn dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây "toàn dân Y-sơ-ra-ên" nói đến quân đội Y-sơ-ra-ên. Tương tự như: "Tôi đã thấy toàn quân đội Y-sơ-ra-ên"

như bầy chiên không có người chăn

Những người lính được so sánh như bầy chiên không có ai lãnh đạo bởi vì người chăn, tức là vua, đã chết.

1 Kings 22:18

Chẳng phải tôi đã nói với ngài rằng ... mà chỉ toàn nói điều dữ đó sao?

A-háp hỏi câu này nhấn mạnh rằng ông đã kể sự thật về Mi-chê. Tương tự như: "Ta đã bảo với ông rồi ...chỉ có điều dữ thôi."

ngã chết tại Ra-mốt Ga-la-át

Tương tự như: "Chết tại Ra-mốt Ga-la-át"

Người trả lời ... kẻ trả lời cách khác

Những câu này nói đến các thành viên trong "toàn thể thiên binh."

1 Kings 22:21

Bấy giờ thấy

Từ "thấy" ở đây nhấn mạnh điều sau đó. Tương tự như: "Quả thật"

làm một thần nói dối trong miệng những nhà tiên tri của ông ấy

Ở đây từ "thần" nói đến quan điểm của các nhà tiên tri, còn từ "miệng" nói đến điều họ sẽ nói. Tương tự như: "khiến tất cả các tiên tri của vua nói dối"

đặt một thần nói dối trong miệng các nhà tiên tri của vua

Tương tự như: "Khiến cho tất cả các tiên tri của nhà vua nói dối"

1 Kings 22:24

Bằng cách nào Thần của Đức Giê-hô-va đã lìa khỏi tôi để đến nói với ông?

Sê-đê-kia hỏi câu hỏi mỉa mai châm biếm để quở trách Mi-chê. Tương tự như: "Ông không nên nghĩ rằng Thần của Đức Giê-hô-va đã lìa khỏi tôi để đến nói với ông!"

Kìa

Tương tự như: "Hãy nghe" hay là "Hãy chú ý điều ta sắp nói"

ông sẽ biết điều đó

Tương tự như: "Ông sẽ biết ai là người nói tiên tri sự thật"

1 Kings 22:26

Nếu vua trở về bình an

Câu này miêu tả điều gì đó sẽ không xảy ra. Đức Giê-hô-va đã phán với Mi-chê rằng vua sẽ không trở về bình an.

1 Kings 22:31

ba mươi hai quan chỉ huy

hai quan chỉ huy

Đừng đánh ai, dù lớn hay nhỏ

Tương tự như: "Đừng tấn công bất kì người lính nào"

Khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt thì bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.

1 Kings 22:35

Vua được đỡ lên đứng trong xe mình

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: "Có người đỡ vua đứng trong xe của mình"

có lời loan báo

Tương tự như: "những người lính bắt đầu loan báo"

Ai nấy hãy trở về thành và xứ mình

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự và kết hợp lại để nhấn mạnh.

1 Kings 22:37

được đem về Sa-ma-ri

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: "Những người lính đã đem xác vua về Sa-ma-ri"

họ chôn cất ông

"người ta chôn cất ông"

đúng như lời Đức Giê-hô-va đã phán

Tương tự như: "Giống như những gì Đức Giê-hô-va đã phán"

1 Kings 22:39

"há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 15:31]

an giấc cùng tổ phụ mình

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:31]

1 Kings 22:41

ba mươi lăm tuổi

Lăm tuổi

hai mươi lăm năm

Lăm năm

1 Kings 22:43

đi theo đường lối của vua cha là A-sa

Tương tự như: "Làm những điều tương tự như A-sa, là cha vua, đã làm"

điều thiện dưới mắt Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tương tự như: “điều mà Đức Giê-hô-va xem là tốt lành”

những nơi cao không bị phá bỏ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: “Vua không phá bỏ các nơi cao”

1 Kings 22:45

há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Giu-đa sao?

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:29]

1 Kings 22:48

tàu bị vỡ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: “đoàn tàu bị đắm”

an giấc cùng các tổ phụ và được chôn với họ

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:31]

1 Kings 22:51

cai trị hai năm

Tương tự như: “Ông đã cai trị 2 năm”

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “Điều mà Đức Giê-hô-va xem là tội lỗi”

đi theo đường lối của cha mẹ mình, và theo đường lối của Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát

Tương tự như: “Đã làm những điều tương tự như cha, mẹ và Giê-rô-bô-am con trai của Nê-bát đã làm”

Khiến cho Y-sơ-ra-ên phạm tội

Ở đây từ “Y-sơ-ra-ên” nói đến mười bộ tộc ở phía bắc tạo nên đất nước Y-sơ-ra-ên.

Vua phục vụ và thờ lạy Ba-anh

Những từ “phục vụ” và “thờ lạy” về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau.

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Ở đây từ “Y-sơ-ra-ên” nói đến tất cả mười hai bộ tộc là đòng dõi của Gia-cốp.

Translation Questions

1 Kings 22:1

Giữa A-ram và I-sơ-ra-ên không có chiến tranh trong bao lâu?

Suốt ba năm, giữa A-ram và I-sơ-ra-ên không có chiến tranh.

1 Kings 22:2

Ai là vua Giu-đa?

Giê-hô-sa-phát là vua Giu-đa.

1 Kings 22:4

Vua Y-sơ-ra-ên đã đề nghị Giê-hô-sa-phát làm gì với mình?

Vua Y-sơ-ra-ên đã đề nghị Giê-hô-sa-phát đi đến Ra-mốt trong Ga-la-át và gây chiến với vua A-ram.

1 Kings 22:6

Vua Y-sơ-ra ên đã nhóm những ai lại để cầu hỏi ý muốn của Đức Giê-hô-va trong việc nầy?

Vua Y-sơ-ra ên đã nhóm các tiên tri lại, số là bốn trăm người, và hỏi họ về việc gây chiến cùng vua A-ram.

1 Kings 22:9

Vua Y-sơ-ra-ên còn tìm kiếm lời khuyên từ vị tiên tri nào khác?

Vua Y-sơ-ra-ên còn tìm kiếm lời khuyên từ Mi-chê, con trai của Giêm-la.

1 Kings 22:12

Khi vua A-háp và Giô-sa-phát ngồi trên ngai của mình trước mặt các đấng tiên tri, họ đã nghe thấy lời tiên tri nào?

Khi vua A-háp và Giô-sa-phát ngồi trên ngai của mình, tất cả các tiên tri đều nói với họ rằng họ nên đi tấn công Ra-mốt trong Ga-la-át và sẽ thắng.

1 Kings 22:15

Mi-chê có đồng tình với các tiên tri khác không?

Có, Mi-chê đồng tình với các đấng tiên tri khác.

1 Kings 22:17

Mi-chê báo cho vua Y-sơ-ra-ên tin xấu nào?

Mi-chê báo cho vua Y-sơ-ra-ên rằng họ sẽ không có người chăn và sẽ bị tản lạc.

1 Kings 22:21

Mi-chê nói cùng vua Y-sơ-ra-ên rằng vua sẽ bị dụ dỗ đi đến Ra-Mốt trong Ga-la-át ra sao?

Mi-chê nói cùng vua Y-sơ-ra-ên rằng vua sẽ bị dụ dỗ đi đến Ra-Mốt trong Ga-la-át bởi những lời dối trá mà các tiên tri kia của vua đã tâu với vua.

1 Kings 22:23

Mi-chê nói cùng vua Y-sơ-ra-ên rằng vua sẽ bị dụ dỗ đi đến Ra-Mốt trong Ga-la-át ra sao?

Mi-chê nói cùng vua Y-sơ-ra-ên rằng vua sẽ bị dụ dỗ đi đến Ra-Mốt trong Ga-la-át bởi những lời dối trá mà các tiên tri kia của vua đã tâu với vua.

1 Kings 22:26

Vua Y-sơ-ra-ên ra lệnh phải làm gì với Mi-chê?

Vua Y-sơ-ra-ên đã ra lệnh bắt Mi-chê, bỏ tù người và lấy ít bánh và nước mà nuôi người cho đến khi vua trở về bình an.

1 Kings 22:27

Vua Y-sơ-ra-ên ra lệnh phải làm gì với Mi-chê?

Vua Y-sơ-ra-ên đã ra lệnh bắt Mi-chê, bỏ tù người và lấy ít bánh và nước mà nuôi người cho đến khi vua trở về bình an.

1 Kings 22:30

Vua Y-sơ-ra-ên đã làm gì để tránh bị bắt trong trận chiến tại Ra-mốt trong Ga-la-át?

Vua Y-sơ-ra-ên đã cải trang để tránh bị bắt tại Ra-mốt trong Ga-la-át.

1 Kings 22:34

A-háp đã bị thương nghiêm trọng tại trận chiến ở Ra-mốt trong Ga-la-át ra sao?

Một người lính đã giương cung bắn càn, mũi tên lại trúng ngay vào giữa khớp áo giáp của vua Y-sơ-ra-ên.

1 Kings 22:37

A-háp được chôn tại đâu?

A-háp được chôn tại Sa-ma-ri.

1 Kings 22:40

Ai đã trở thành vua sau cái chết của vua A-háp?

A-ha-xi-a con trai ông trở thành vua Y-sơ-ra-ên.

1 Kings 22:42

Giê-hô-sa-phát đã cai trị Y-sơ-ra-ên trong bao lâu?

Giê-hô-sa-phát đã cai trị Y-sơ-ra-ên trong hai mươi lăm năm.

1 Kings 22:43

Kinh Thánh nói gì về sự trị vì của Giê-hô-sa-phát?

Kinh Thánh ghi lại rằng Giê-hô-sa-phát đã làm điều ngay lành trước mặt Đức Giê-hô-va.

1 Kings 22:52

Kinh Thánh nói gì về sự trị vì của A-háp?

Kinh Thánh ghi lại rằng A-háp đã làm điều ác trước mặt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va.

Chapter 1

2 Kings 1:1

Người Mô-áp

"Dân Mô-áp"

lan can trên lầu của mình

Lầu trên được xây trên mái nhà của cung vua. Lan can được hình thành bởi những tấm ván mỏng được trang trí trải dài để tạo nên một ban công hay khu vực bên ngoài cửa sổ. Tương tự như: “Những tấm ván gỗ bao quanh mái nhà phẳng trên cung vua”

Ba-anh Xê-bụt

2 Kings 1:3

Người Thi-sê-be

Ở đây đề cập đến một người từ thành Thi-sê-be.

Trong Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời hay sao mà các ngươi đi cầu vấn Ba-anh Xê-bụt, thần của Éc-rôn?

Câu hỏi tu từ này được hỏi để quở trách về việc đi cầu vấn Ba-anh Xê-bụt. Câu này có thể được viết như một lời tuyên bố. Đây là một sự mỉa mai bởi vì họ chắc chắn nhận biết Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Tương tự như: “Các ngươi thật là khờ dại! Các ngươi biết có một Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên, nhưng các ngươi lại hành động như thể là không biết khi các ngươi sai người đi cầu vấn Ba-anh Xê-bụt, thần của Éc-rôn!”

cầu vấn Ba-anh Xê-bụt

Từ “cầu vấn” có nghĩa là xin ý kiến của ai đó về một vấn đề nào đó.

Vì vậy, Đức Giê-hô-va phán thế nầy

Đây là sứ điệp của Đức Giê-hô-va đến với Vua A-cha-xia. Tương tự câu: “Vì vậy, Đức Giê-hô-va phán với Vua A-cha-xia”

Ngươi sẽ không xuống khỏi giường mà ngươi đã nằm

Khi Vua A-cha-xia bị thương, ông được đặt trên giường. Đức Giê-hô-va phán rằng ông sẽ không bao giờ khỏe mạnh trở lại và có thể rời khỏi giường. Tương tự câu: “Ngươi sẽ không bình phục lại và ngươi sẽ không ngồi dậy khỏi giường nơi mà ngươi nằm"

2 Kings 1:5

Khi các sứ giả trở về với A-cha-xia

Sau khi gặp Ê-li, các sứ giả đã trở về với vua thay vì đi đến Éc-rôn.

Trong Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời hay sao mà ngươi sai sứ giả đi cầu vấn Ba-anh Xê-bụt, thần của Éc-rôn?

Câu hỏi tu từ này được hỏi như một lời quở trách cho việc đi cầu vấn Ba-anh Xê-bụt. Ở đây được viết như một lời tuyên bố. Đây là một sự mỉa mai bởi vì họ chắc chắn nhận biết được Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Hãy xem cách bạn đã dịch câu hỏi tương tự này trong [2KI 3:3]

ngươi sẽ không xuống khỏi giường mà ngươi đã nằm

Khi Vua A-cha-xia bị thương, ông được đặt trên giường. Đức Giê-hô-va đã phán rằng vua sẽ không bao giờ khỏe mạnh trở lại và có thể bước ra khỏi giường. Hãy dịch câu này như bạn đã làm trong 2KI 3:4. Tương tự câu: “ngươi sẽ không bình phục trở lại và ngươi sẽ không ngồi dậy khỏi giường nơi mà ngươi đã nằm”

2 Kings 1:7

Người ấy mặc áo lông

Những nghĩa có thể là 1) đây là phép ẩn dụ nói rằng ông có rất nhiều lông nhìn giống như là một cái áo ngoài. Tương tự câu: “Ông có rất nhiều lông” hoặc là 2) “Quần áo của ông được làm bởi lông thú.”

2 Kings 1:9

Vua sai một viên quan chỉ huy năm mươi quân đem năm mươi quân của mình đi lên gặp Ê-li

Vua sai vị chỉ huy lãnh đạo quân đội với năm mươi quân đến để mang Ê-li về gặp vua. Tương tự câu: “Lúc ấy, vua sai một viên quan chỉ huy với năm mươi quân để bắt lấy Ê-li”

năm mươi quân

"50 quân"

Nếu ta là người của Đức Chúa Trời, nguyện lửa từ trời giáng xuống

Viên quan chỉ huy đã gọi Ê-li là người của Đức Chúa Trời, nhưng ông và vua đã không bày tỏ sự tôn trọng đáng phải có đối với Ê-li. Ê-li đã nói điều này hầu cho lửa giáng xuống từ trời, và điều này sẽ chứng tỏ rằng Ê-li thật sự là người của Đức Chúa Trời và ông đáng nhận được sự tôn trọng của họ. Tương tự câu: “Bởi vì ta là người của Đức Chúa Trời, nên lửa từ trời sẽ giáng xuống” hay “Nếu ta là người của Đức Chúa Trời như các ông nói, nguyện lửa từ trời giáng xuống”

trời

"bầu trời" (UDB)

2 Kings 1:11

năm mươi quân

"50 quân"

Nếu ta là người của Đức Chúa Trời, nguyện lửa từ trời giáng xuống

Viên quan chỉ huy đã gọi Ê-li là người của Đức Chúa Trời, nhưng ông và vua đã không tỏ ra tôn trọng Ê-li như đáng phải có. Ê-li đã nói điều này để lửa từ trời giáng xuống, và điều này đã chứng tỏ rằng Ê-li thật sự là người của Đức Chúa Trời và ông xứng đáng nhận được sự tôn trọng của họ. Hãy dịch câu này như bạn đã làm trong 2KI 1:10. Tương tự câu : “Bởi vì ta là người của Đức Chúa Trời, nên lửa từ trời sẽ giáng xuống” hay “ Nếu ta là người của Đức Chúa Trời như ngươi nói, nguyện lửa từ trời giáng xuống”

lửa của Đức Chúa Trời

Ở đây có nghĩa rằng lửa đến từ Đức Chúa Trời. Tương tự câu: “lửa từ Đức Chúa Trời”

2 Kings 1:13

năm mươi quân

"50 quân" hay "50 chiến sĩ"

khẩn khoản

"nài xin ông"

năm mươi người nầy, là những đầy tớ của ông

Viên quan chỉ huy nói rằng những đầy tớ của ông cũng chính là đầy tớ của Ê-li để bày tỏ sự tôn trọng đối với Ê-li. Tương tự câu “năm mươi quân của tôi”

xin xem mạng sống tôi là quí trọng trước mặt ông

Cụm từ “trước mặt ông” ngụ ý đến điều mà Ê-li suy nghĩ. Viên quan chỉ huy nài xin Ê-li để cho họ được sống. Tương tự câu: “xin hãy xem mạng sống tôi … như là quý giá đối với ông” hay “ hãy xem mạng sống tôi … là đáng giá đối với ông và xin đừng giết hại chúng tôi”

xin xem mạng sống tôi là quí trọng trước mặt ông

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây viên quan chỉ huy đang lặp lại lời cầu xin của mình hầu cho Ê-li bày tỏ lòng nhân hậu mà để cho ông được sống. Tương tự câu: “xin hãy nhân từ với tôi!”

2 Kings 1:15

Có phải trong Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời để cầu vấn hay sao?

Câu hỏi tu từ này được hỏi như một lời quở trách cho việc cầu vấn Ba-anh Xê-bụt. Ở đây có thể được viết như một lời tuyên bố. Đây là một sự mỉa mai bởi vì vua chắc chắn nhận biết được Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: “Ngươi đã phải nghĩ rằng không có Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên để cầu vấn!” hay “Ngươi thật rồ dại! Ngươi biết rằng có một Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên để cầu vấn, nhưng ngươi lại hành động như thể là không biết.”

ngươi sẽ không xuống khỏi giường mà ngươi đã nằm

Khi Vua A-cha-xia bị thương, ông đã được đặt trên giường. Đức Giê-hô-va đã phán rằng vua sẽ không bao giờ khỏe mạnh trở lại và có thể bước ra khỏi giường. Hãy dịch câu này tương tự như bạn đã làm trong [2KI 3:4]

2 Kings 1:17

lời Đức Giê-hô-va đã dùng Ê-li tuyên phán

"những điều Đức Giê-hô-va đã phán với Ê-li và được Ê-li nói ra”

năm thứ nhì

"năm thứ 2"

vào năm thứ nhì của Giô-ram, con Giô-sa-phát, vua Giu-đa

Ở đây nói đến thời điểm mà Giô-ram bắt đầu lên ngôi vua bằng việc nói rõ vua hiện tại của Giu-đa đã trị vì được bao lâu. Tương tự câu: “trong năm thứ nhì mà Giô-ram, con trai Giô-sa-phát, đã làm vua Giu-đa”

há không được chép ... Y-sơ-ra-ên sao?

Câu hỏi tu từ này có thể được viết lại như một lời tuyên bố khẳng định. Tương tự câu: “chúng được chép .. Y-sơ-ra-ên.”

Translation Questions

2 Kings 1:2

Vua A-cha-xi đã bị thương ra sao?

Vua A-cha-xia đã từ lan can trên lầu của mình tại Sa-ma-ri té xuống và bị thương.

2 Kings 1:4

Tại sao A-cha-xia chắc chắn sẽ chết?

A-cha-xia chắc chắn sẽ đi cầu vấn Ba-anh Xê-bụt, thần của Éc-rôn; bởi vậy, ông chắc chắn sẽ chết.

2 Kings 1:8

Ê-li đã mặc gì?

Ê-li đã mặc áo lông và thắt lưng bằng dây da.

2 Kings 1:10

Điều gì đã thiêu hủy viên quan chỉ huy cùng với năm mươi quân của người?

Một ngọn lửa từ trời giáng xuống thiêu hủy viên quan chỉ huy cùng với năm mươi quân của người.

2 Kings 1:13

Viên quan chỉ hủy thứ ba đến chỗ Ê-li ra sao?

Viên quan chỉ hủy thứ ba đi lên, quỳ xuống trước mặt Ê-li và cầu xin ông.

2 Kings 1:17

Tại sao Giô-ram lại bắt đầu cai trị thế chỗ của A-cha-xia?

Giô-ram bắt đầu cai trị thế chỗ của A-cha-xia bởi vì A-cha-xia không có con trai.

Chapter 2

2 Kings 2:1

Đã đến lúc

"Đang khi." Cụm từ này được sử dụng để giới thiệu sự kiện tiếp theo trong cốt truyện.

một cơn gió lốc

một cơn gió mạnh xoáy thành vòng tròn

Con chỉ Đức Giê-hô-va hằng sống và chỉ mạng sống thầy mà thề

"Như Đức Giê-hô-va hằng sống và như thầy đang sống thể nào.” Ở đây Ê-li-sê so sánh sự chắc chắn rằng Đức Giê-hô-va và Ê-li đang sống với sự nhất định của việc ông đang nói. Đây là lối thể hiện lời thề cách trang nghiêm. Tương tự câu: “Con thề hứa với thầy cách nghiêm túc rằng”

2 Kings 2:3

Môn đồ của các nhà tiên tri

Ở đây không có nghĩa rằng họ là con trai

Con chỉ Đức Giê-hô-va hằng sống và chỉ mạng sống thầy mà thề, con không rời khỏi thầy đâu

"Chắc chắn như Đức Giê-hô-va hằng sống và như thầy đang sống, con sẽ không rời khỏi thầy đâu." Ở đây Ê-li-sê so sánh sự chắc chắn rằng Đức Giê-hô-va và Ê-li-sê đang sống với sự chắc chắn về điều mà ông đang nói. Đây là lời hứa cách nghiêm túc. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2KI 2:2]

2 Kings 2:5

Môn đồ của các nhà tiên tri ở Giê-ri-cô đến gần Ê-li-sê, và hỏi

"Khi Ê-li và Ê-li-sê đến gần Giê-ri-cô, môn đồ của các nhà tiên tri ở đó đã nói với Ê-li-sê"

Môn đồ của các nhà tiên tri

Ở đây không có nghĩa họ là môn đồ của các nhà tiên tri, nhưng đúng hơn, họ là một nhóm các nhà tiên tri. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2KI 2:3]

Con chỉ Đức Giê-hô-va hằng sống và chỉ mạng sống thầy mà thề, con không rời khỏi thầy đâu

"Chắc chắn như Đức Giê-hô-va đang sống và như thầy đang sống, con sẽ không rời khỏi thầy đâu." Ở đây Ê-li-sê so sánh sự chắc chắn rằng Đức Giê-hô-va và Ê-li đang sống với sự chắc chắn về điều mà ông đang nói. Đây là cách thể hiện lời hứa rất nghiêm túc. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2KI 2:2]

2 Kings 2:7

có năm mươi người trong số môn đồ của các nhà tiên tri

"50 môn đồ"

môn đồ của các nhà tiên tri

Ờ đây không có nghĩa họ là môn đồ của các nhà tiên tri, nhưng đúng hơn, đó là một nhóm các tiên tri. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2KI 2:3]

đối diện nơi Ê-li và Ê-li-sê đang đứng

Ở đây có nghĩa là họ đang đứng, đối mặt với Ê-li và Ê-li-sê. Tương tự câu: “đối mặt với họ” hay “đứng xem họ”

áo choàng

Lớp vải áo dùng để phủ bên ngoài

Nước sông rẽ ra hai bên, và hai người đi ngang qua trên đất khô

"Nước Sông Giô-đanh rẽ ra thành một con đường nhỏ khô để Ê-li và Ê-li-sê băng qua bờ bên kia."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hai bên
"bên phải và bên trái." Ở đây nói đến bên phải và bên trái nơi mà Ê-li đập xuống nước.
2 Kings 2:9
Xảy ra
"Xảy đến"
đi ngang qua
Ở đây nói đến việc bang qua Sông Giô-đanh. Tương tự câu: “băng qua Sông Giô-đanh”
trước khi ta được đem lên khỏi con
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “trước khi Đức Giê-hô-va đem ta lên khỏi con”
xin thần của thầy giáng trên con gấp đôi
Thần của Ê-li ở đây nói đến năng quyền thánh linh của ông. Tương tự câu: “nhiều hơn gấp đôi nắng quyền thánh linh của thầy”
2 Kings 2:11
tuy nhiên
Từ ‘tuy nhiên” ở đây báo cho chúng ta lưu ý đến một thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.
một chiếc xe bằng lửa và các ngựa lửa
Cụm từ “bằng lửa” ở đây có nghĩ là chúng được bao phủ chung quanh bằng lửa. Tương tự câu: “một chiếc xe có phủ lửa được kéo bởi các con ngựa cũng có lửa bao phủ chung quanh”
lên trời trong một cơn gió lốc
"được đem lên trời bởi một cơn gió lốc." Hãy dịch từ “cơn gió lốc” tương tự như bạn đã làm trong 2KI 2:1.
Cha của con ơi! Cha của con ơi!
Ê-li-sê đang gọi Ê-li, người thầy đáng kính của mình.
xé ra làm hai mảnh
Người ta thường xé áo như là biểu hiện của sự đau buồn hay nỗi thương tiếc cùng cực. Tương tự câu: “xé toạc chúng thành hai mảnh để bày tỏ sự đau buồn vô cùng của mình”
2 Kings 2:13
chiếc áo choàng
Chiếc áo choàng là áo khoác bên ngoài của một nhà tiên tri. Nó là dấu hiệu cho chức vụ của ông. Khi Ê-li-sê lấy áo choàng của Ê-li ông ấy đang nói rằng mình sẽ là tiên tri thế cho Ê-li.
Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Ê-li ở đâu?
Ê-li-sê đang hỏi liệu rằng Đức Giê-hô-va có ở cùng ông như đã ở với Ê-li hay không. Tương tự câu: “Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Ê-li, Ngài có đang ở đây với con không?”
nước liền rẽ ra hai bên, và ông đi ngang qua
Nước sông đã rẽ ra và Ê-li-sê đi qua bờ bên kia trên đất khô, cũng như cách trước đó ông đã làm khi ông đi cùng với Ê-li.
hai bên
"bên phải và bên trái." Ở đây nói đến bên phải và bên trái nơi mà Ê-li đã đập xuống nước.
2 Kings 2:15
Môn đồ của các nhà tiên tri
Ở đây không có nghĩa họ là môn đồ của các nhà tiên tri, nhưng đúng hơn, họ là một nhóm các nhà tiên tri. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2KI 2:3]
sấp mình xuống đất trước mặt ông
Họ đang bày tỏ lòng kính trọng sâu sắc và nhận biết ông như một người thầy mới.
Thần của Ê-li ngự trên Ê-li-sê
“Thần” của Ê-li ở đây tượng trưng cho năng quyền thánh linh của ông. Ở đây nói rằng Ê-li-sê đang nhận lấy năng quyền thánh linh này như thể nó là cái gì đó hiện hữu ngự trên ông. Tương tự câu: “Ê-li-sê đã nhận lấy cùng một năng quyền thánh linh như Ê-li đã nhận” hay “Năng quyền thánh linh của Ê-li hiện giờ đang ở cùng Ê-li-sê”
Nầy, trong số các đầy tớ của ông có năm mươi người lực lưỡng. Xin cho họ đi
Những người này đang nói đến chính mình khi họ nói “năm mươi người lực lưỡng.” Tương tự câu: “Hãy xem nầy, chúng tôi có năm mươi người lực lưỡng và chúng tôi hiện là đầy tớ ông. Xin cho chúng tôi đi”
năm mươi người lực lưỡng
"50 người lực lưỡng"
2 Kings 2:17
Họ cố nài nỉ mãi đến nỗi ông miễn cưỡng
Môn đồ của các nhà tiên tri cứ tiếp tục nài nỉ Ê-li-sê đến nỗi ông cảm thấy xấu hổ khi nói “không.” Tương tự câu: “Họ cứ tiếp tục nài nỉ Ê-li-sê đến nỗi ông cảm thấy xấu hổ vì từ chối lời yêu cầu của họ”
Chẳng phải tôi đã bảo các anh đừng đi đó sao?
Ê-li-sê sử dụng câu hỏi tu từ để nhấn mạnh rằng ông đã nói trước về điều sẽ xảy ra. Ở đây có thể được viết như một lời tuyên bố. Tương tự câu: “Tôi đã nói với các anh rằng không nên đi, bởi vì các anh sẽ không thể tìm được thầy!”
2 Kings 2:19
Dân trong thành
"Những người lãnh đạo trong thành"
địa thế của thành thì tốt
Ở đây có nghĩa là thành ở một trí rất tốt. Tương tự câu: “thành này ở vị trí rất tốt” hay “thành này có địa thế rất tốt”
như chúa đã thấy
Người ta nói đến Ê-li-sê ở đây như “chúa tôi” để tỏ lòng kính trọng đối với ông.
sinh hoa màu
"ra những mùa vụ tốt"
2 Kings 2:21
đã chữa lành nguồn nước nầy
Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va đã khiến nguồn nước xấu này trở nên trong lành vì Ngài đã chữa lành cho nó. Tương tự câu: “đã khiến nước trở nên trong lành”
nó sẽ không còn gây chết chóc hoặc làm cho đất không sinh hoa màu nữa
Ở đây nói đến những điều mà nguồn nước xấu đã gây ra. Ở đây cũng có thể được viết theo hình thức khẳng định. Tương tự câu: “nó sẽ không còn chết chóc hay những vấn đề về mùa vụ do nguồn nước này gây ra nữa” hay “kể từ nay nguồn nước này sẽ mang đến sự sống và giúp đất sinh hoa màu”
nước ấy hóa lành
Ở đây có thể được trình bày ở dạng câu chủ động. Tương tự câu: “nước được trong lành”
cho đến ngày nay, ... đã nói
Ở đây có nghĩa là một thứ gì đó được giữ y nguyên cho đến thời điểm hiện tại. Tương tự câu: “ ... đã nói, và vì vậy luôn giữ được sự trong lành”
2 Kings 2:23
từ đó, Ê-li-sê đi lên Bê-tên
Cụm từ “đi lên” được sử dụng ở đây bởi vì Bê-tên ở nơi cao

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hơn so với Giê-ri-cô.

Hãy lên

Bọn trẻ con đã muốn Ê-li-sê đi khỏi họ và biểu lộ điều đó bằng cách nói “hãy lên.” Tương tự câu: “Hãy đi đi”

hói đầu

Một người hói đầu là người không có tóc. Bọn trẻ con đã chế nhạo Ê-li-sê vì ông bị hói đầu.

bốn mươi hai đứa trong bọn chúng

hai trong bọn chúng

Translation Questions

2 Kings 2:1

Ê-li và Ê-li-sê rời Ghinh-ganh khi nào?

Khi Đức Giê-hô-va sắp đem Ê-li lên trời trong một cơn gió lốc, Ê-li và Ê-li-sê
rời Ghinh-ganh.

2 Kings 2:3

Ê-li-sê đã trả lời ra sao khi các con trai của các đấng tiên tri bảo ông rằng Đức Giê-hô-va sẽ cất thầy ông khỏi ông?

Ê-li-sê đã trả lời: "Phải, ta biết; các ngươi hãy làm thinh đi!"

2 Kings 2:8

Tại sao dòng sông nước bèn rẽ ra hai bên?

Bởi vì Ê-li đã lấy áo choàng của mình, cuốn lại, đập trên nước; nước bèn rẽ ra hai bên.

2 Kings 2:9

Ê-li-sê đã cầu xin điều gì?

Ê-li-sê đã cầu xin phần gấp đôi phần thần linh của Ê-li giáng trên ông.

2 Kings 2:11

Ê-li đã đi lên trời bằng cách nào?

Ê-li lên trời trong một cơn gió lốc.

2 Kings 2:14

Điều gì đã xảy ra khi Ê-li-sê lấy chiếc áo choàng của Ê-li đập xuống nước?

Khi Ê-li-sê lấy chiếc áo choàng của Ê-li đập xuống nước, thì nước liền rẽ ra hai bên, và Ê-li-sê đi ngang qua.

2 Kings 2:16

Các con trai của các đấng tiên tri muốn năm mươi người lực lưỡng phải làm gì?

Họ muốn năm mươi người lực lưỡng phải đi tìm thầy của Ê-li-sê, đề phòng trường hợp Thần của Đức Giê-hô-va đem người lên rồi ném người trên một ngọn núi hoặc trong một thung lũng nào đó.

2 Kings 2:17

Năm mươi người lực lưỡng ấy đã tìm kiếm Ê-li-sa trong bao lâu?

Năm mươi người lực lưỡng ấy đã tìm kiếm trong ba ngày.

2 Kings 2:19

Có vấn đề gì tại Giê-ri-cô?

Nguồn nước không tốt và đất trong xứ không trồng trọt gì được.

2 Kings 2:21

Nước đã được chữa lành ra sao?

Ê-li-sê đã đi đến chỗ nguồn nước, đổ bát muối xuống nước.

2 Kings 2:22

Nước đã được chữa lành ra sao?

Ê-li-sê đã đi đến chỗ nguồn nước, đổ bát muối xuống nước.

2 Kings 2:23

Khi một đám thiếu niên chọc ghẹo và chế nhạo Ê-li-sê thì chúng bị rủa sả gì?

Khi một đám thiếu niên chọc ghẹo và chế nhạo Ê-li-sê, thì có hai con gấu cái từ trong rừng đi ra và cấu xé bốn mươi hai đứa trong bọn ấy.

2 Kings 2:24

Khi một đám thiếu niên chọc ghẹo và chế nhạo Ê-li-sê thì chúng bị rủa sả gì?

Khi một đám thiếu niên chọc ghẹo và chế nhạo Ê-li-sê, thì có hai con gấu cái từ trong rừng đi ra và cấu xé bốn mươi hai đứa trong bọn ấy.

Chapter 3

2 Kings 3:1

năm thứ mười tám

"năm thứ 18"

Vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Chữ “mắt” của Đức Giê-hô-va ở đây tượng trưng cho điều mà Ngài suy nghĩ. Tương tự câu: “Vua đã làm những điều mà Đức Giê-hô-va phán đó là tội lỗi”

vua vẫn bám lấy tội

Tương tự câu: “vua vẫn tiếp tục phạm tội”

vua không chịu từ bỏ tội ấy

Tương tự câu: “vua đã không ngừng làm những điều ấy”

2 Kings 3:4

Vua phải cống nộp cho vua Y-sơ-ra-ên

"Hàng năm vua bị buộc phải cống nộp ... cho vua của Y-sơ-ra-ên”

huy động toàn thể Y-sơ-ra-ên

"dân Y-sơ-ra-ên chuẩn bị chiến tranh” hay “huy động dân Y-sơ-ra-ên chuẩn bị cho chiến tranh”

2 Kings 3:7

Thông Tin Chung:

Vua Giô-ram tiếp tục nói với Vua Giô-sa-phát.

Ngài có muốn cùng tôi đi đánh Mô-áp không?

“Mô-áp” ở đây tượng trưng cho “một đội quân.” Tương tự câu: “Vua sẽ cùng tôi đi đánh quân đội Mô-áp chứ?”

Tôi sẽ đi lên

Giô-sa-phát đang nói rằng ông và toàn bộ quân đội của ông sẽ cùng với Vua Giô-ram chống lại Mô-áp.

Tôi như ngài, dân của tôi như dân của ngài, ngựa chiến của tôi như ngựa chiến của ngài

Giô-sa-phát để cho Giô-ram sử dụng tất cả dân và ngựa của ông như thể đó là của vua Giô-ram.

Theo con đường của hoang mạc Ê-đôm

Để đến Mô-áp từ nơi của họ, họ phải đi qua Giê-ru-sa-lêm và vòng quanh phía nam cho đến cuối cùng Biển Chết và vào đến Ê-đôm.

2 Kings 3:9

đi vòng

Ở đây miêu tả cách gián tiếp rằng họ đã đi như được nói đến trong 2KI 3:08.

Than ôi! Chẳng lẽ Đức Giê-hô-va đã gọi chúng ta, cả ba vua, ra đây để nộp chúng ta vào tay dân Mô-áp sao?

Các vua gây chú ý ở đây bằng việc sử dụng một câu hỏi để

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhấn mạnh. Tương tự câu: “Có vẻ như là Đức Giê-hô-va sẽ cho cả ba chúng ta bị bắt giữ bởi tay Mô-áp!”

để nộp họ vào tay người Mô-áp

Tương tự câu: “để quân đội Mô-áp sẽ đánh bại chúng ta”

2 Kings 3:11

Ở đây không có nhà tiên tri nào của Đức Giê-hô-va để nhờ người mà chúng ta cầu hỏi Đức Giê-hô-va sao?

"Ta chắc rằng ở đây phải có một tiên tri của Đức Giê-hô-va! Hãy cho ta biết người ấy ở đâu, hầu chúng ta có thể cầu vấn Đức Giê-hô-va qua người ấy.”

là người đã phục vụ Ê-li

Tương tự câu: “là người đã giúp đỡ Ê-li.”

đi xuống gặp Ê-li-sê

Tương tự câu: “đã đi đến gặp Ê-li-sê để hỏi ông điều họ nên làm”

2 Kings 3:13

Tôi với vua có can hệ gì chăng?

Tương tự câu: “Tôi chẳng liên hệ gì với vua.”

Trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân hằng sống

"Như tôi đã biết Đức Giê-hô-va hằng sống"

là Đấng tôi phụng sự

Tương tự câu: “và tôi sẵn sàng hầu việc Ngài”

nếu không kính nể Giô-sa-phát ... thì tôi chẳng xem vua ra gì

Tương tự câu: “Tôi lưu ý đến vua .. chỉ bởi vì tôi kính nể Giô-sa-phát.”

Tôi kính nể Giô-sa-phát

Ê-li-sê tôn trọng Vua Giô-sa-phát, không chỉ bởi vì sự hiện diện của vua.

Tôi chẳng xem vua ra gì và cũng không nhìn mặt vua nữa

Tương tự câu: “Tôi sẽ chẳng can hệ gì đến vua”

2 Kings 3:15

người gảy đàn

Một người gảy đàn là người có thể chơi đàn.

tay của Đức Giê-hô-va

Từ “tay” ở đây được dùng để nói đến quyền năng.

thật nhiều hầm hố

Một cái hầm là một cái rãnh dài mà những người thợ đào ở dưới đất, nơi có thể chứa nước.

2 Kings 3:18

Đây chỉ là việc nhỏ

Ở đây nhắc cho dân sự biết rằng nếu việc làm cho nước xuất hiện chỉ là việc nhỏ đối với Đức Giê-hô-va, thì Ngài cũng sẽ giúp đỡ họ đánh bại dân Mô-áp.

dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “đối với Đức Giê-hô-va”

thành kiên cố

Một thành kiên cố được kẻ thù địch bảo vệ cách chắc chắn, bằng việc sử dụng những tường cao hay địa thế tốt.

2 Kings 3:20

toàn xứ

"đất" hay "mặt đất"

2 Kings 3:21

tất cả những người đến tuổi có thể mang vũ khí trở lên

Tương tự câu: “tất cả những người có thể chiến đấu”; Từ “vũ khí” tượng trưng cho khả năng chiến đấu.

Ba vua

Tương tự câu: “các vua và quân đội của họ”; Từ “ba vua” ở đây tượng trưng cho quân đội của họ.

họ thấy nước trước mặt mình đỏ như máu

Tương tự câu: “nước đỏ như máu”;

cướp chiến lợi phẩm

"cướp lấy những thứ thuộc về họ"; Sau khi kẻ thù nghịch đánh bại một quân đội, họ thường cướp lấy các thành bằng cách lấy bất cứ thứ gì có giá trị còn lại.

2 Kings 3:24

trại quân Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “nơi mà quân Y-sơ-ra-ên đóng trại”

bỏ chạy trước mặt họ

"bỏ chạy khỏi họ"

Quân Y-sơ-ra-ên tiến vào xứ, đánh giết quân Mô-áp

Quân Mô-áp đã bỏ chạy khỏi quân Y-sơ-ra-ên, và quân đội Y-sơ-ra-ên đã đuổi theo họ.

Kiệt Ha-rê-sết

Đây là thủ phủ của Mô-áp. Tên nó có thể mang nghĩa là “thành phố của mặt trời” hay “thành phố mới.”

chỉ còn lại những đống gạch vụn

Tường và các tòa nhà của thành phố được xây dựng bởi đá.

2 Kings 3:26

người cầm gươm

"những chiến sĩ dùng gươm chiến đấu"; Một thanh gươm là một loại vũ khí bằng kim loại được mài phẳng dùng để cắt hay đâm.

tiến đánh

Vua Mê-sa đã muốn vượt qua đội quân Y-sơ-ra-ên cùng với quân mình để xông đến Vua Ê-đôm và quân của ông hầu tìm sự giúp đỡ trong trận chiến.

bắt con trai đầu lòng, là người sẽ lên ngai kế vị mình, dâng làm tế lễ thiêu

Vua Mê-sa đã thiêu con trai mình trên lửa cho đến chết. Vua đã làm điều này như một của lễ dâng lên tà thần của Mô-áp, là Kê-mốt.

Translation Questions

2 Kings 3:2

Sự gian ác của Giô-ram khác với sự gian ác của cha mẹ ông như thế nào?

Sự gian ác của Giô-ram không với sự gian ác của cha mẹ ông, bởi vì ông đã dẹp bỏ tượng thần Ba-anh mà cha người đã dựng lên.

2 Kings 3:6

Tại sao Giô-ram lại rời khỏi Sa-ma-ri?

Vua Giô-ram đã rời khỏi Sa-ma-ri để ra lịnh tổng động viên trong toàn cõi Y-sơ-ra-ên.

2 Kings 3:9

Ba đội quân nào đã đi lòng vòng trong bảy ngày?

Y-sơ-ra-ên, Giu-đa và Ê-đôm đã đi lòng vòng trong bảy ngày.

2 Kings 3:11

Ê-li-sê đã làm gì cho Ê-li?

Ê-li-sê thường xối nước (một người giúp đỡ) cho Ê-li rửa tay.

2 Kings 3:14

Tại sao Ê-li-sê lại chú ý đến vua của Y-sơ-ra-ên?

Ê-li-sê chú ý đến vua của Y-sơ-ra-ên bởi vì Ê-li-sê kính trọng sự hiện diện của Giê-hô-sa-phát vua Giu-đa.

2 Kings 3:15

Tay của Đức Giê-hô-va đã giáng trên Ê-li-sê khi nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khi người chơi đàn hạc chơi đàn thì tay Đức Giê-hô-va giáng trên Ê-li-sê.
2 Kings 3:20
Khi nào thì cả miền tràn đầy nước?
Ngày hôm sau vào lúc dâng của lễ buổi sáng,có nước từ hướng Ê-đôm đổ xuống cho đến khi cả miền tràn đầy nước.
2 Kings 3:21
Những người Mô-áp nào tập hợp lại để chiến đấu?
Tất cả những người có thể trang bị vũ khí đều tập hợp lại.
2 Kings 3:22
Người Mô-áp nghĩ gì khi họ thấy nguồn nước kia?
Khi dân Mô-áp thấy nguồn nước kia, họ tưởng rằng ba vị vua kia đã đánh nhau và giết chết nhau.
2 Kings 3:23
Người Mô-áp nghĩ gì khi họ thấy nguồn nước kia?
Khi dân Mô-áp thấy nguồn nước kia, họ tưởng rằng ba vị vua kia đã đánh nhau và giết chết nhau.
2 Kings 3:27
Vua Mô-áp đã làm gì với người con trai cả của mình?
Ông bắt người con trai cả của mình và dâng nó làm của lễ thiêu trên tường thành.

Chapter 4
2 Kings 4:1
vợ của một trong số môn đồ của các nhà tiên tri
"một người nữ đã cưới với một trong các nhà tiên tri”
Chồng tôi là đầy tớ ông
"Chồng tôi, người giúp việc cho ông”
chủ nợ
Chủ nở là người cho người khác mượn tiền.
Tớ gái ông chẳng còn gì trong nhà
Người phụ nữ xem mình như là đầy tớ của Ê-li-sê. Tương tự câu: “Tôi chẳng còn gì”
trừ một bình dầu nhỏ
Thứ giá trị duy nhất mà bà có được đó là một bình dầu nhỏ.
2 Kings 4:5
Bà từ giã nhà tiên tri. Sau đó, bà và các con mình vào nhà,đóng cửa lại
Ở đây ngụ ý rằng bà đã làm theo điều Ê-li-sê đã bảo bà làm.
2 Kings 4:7
người của Đức Chúa Trời
"Ê-li-sê"
bà và các con sẽ sinh sống với số dầu còn lại
Tương tự câu: “hãy dùng số tiền còn lại để dùng vào các nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của bà và các con.”
2 Kings 4:8
bà ấy cố mời ông ở lại dùng bữa
Tương tự câu: “bà nài xin ông đến nhà bà để dùng bữa”
đi ngang qua
"đi qua Su-nem"
Nầy ông, tôi biết
"Bây giờ tôi nhận biết"
người vẫn thường ghé lại
"người thường ghé qua"
2 Kings 4:10
Thông Tin Chung:
Người nữ quan trọng này tiếp tục nói với chồng bà về Ê-li-sê.
Chúng ta hãy
“Chúng ta” ở đây nói đến người nữ quan trọng này và chồng của bà.
2 Kings 4:12
Ghê-ha-xi
Hãy gọi người phụ nữ Su-nem đến đây
Người phụ nữ Su-nem tức là người nữ đến từ Su-nem mà Ê-li-sê đang ở cùng.
Bà đã cực nhọc lo liệu cho chúng tôi mọi điều nầy. Vậy, chúng tôi phải làm gì cho bà đây?
Tương tự câu: “Bà đã rất ân cần và quan tâm đến chúng tôi. Vậy chúng tôi có thể làm được gì cho bà?”
Tôi vẫn sống bình thường giữa đồng bào tôi
Tương tự câu: “Tôi vẫn sống với gia đình mình, và bởi vì họ chăm sóc cho tôi, tôi không còn cần gì nữa.”
2 Kings 4:14
Hãy đi gọi bà ấy
Tương tự câu: “Hãy gọi bà ấy đến gặp ta.”
Ghê-ha-xi đi gọi bà
"khi Ghê-ha-xi đi gọi bà,"
bà sẽ ẵm một đứa con trai
"Bà sẽ có một đứa con trai."
2 Kings 4:17
năm tới, vào lúc nầy
"vào mùa này năm tới"
Đứa trẻ lớn lên
"Khi đứa trẻ lớn lên"
đứa trẻ ngồi trên đầu gối của mẹ cho đến trưa thì chết."
Tương tự câu: “bà ôm đứa trẻ vào lòng cho đến trưa thì nó chết”
2 Kings 4:21
trên giường của người Đức Chúa Trời
Đây là giường trong phòng mà bà đã chuẩn bị cho Ê-li-sê mỗi khi ông ghé ngang qua Su-nem.
người Đức Chúa Trời
"Ê-li-sê"
để tôi chạy đến người của Đức Chúa Trời, rồi tôi sẽ trở về
Người nữ nói với chồng bà rằng bà đi đến gặp Ê-li-sê nhưng bà đã không nói rằng bà đi bởi vì con trai bà đã chết.
2 Kings 4:23
Vậy, tại sao hôm nay bà lại đi gặp người ấy?
Người chồng không biết lý do tại sao bà lại muốn đi đến gặp Ê-li-sê vào ngày hôm đó.
Hôm nay không phải là ngày mồng một, cũng không phải là ngày sa-bát
Tương tự câu: “Hôm nay không phải là ngày đặc biệt để bà phải đến gặp tiên trị Ê-li-sê.”
Ông cứ yên tâm
Tương tự câu: “Mọi việc sẽ ổn nếu ông làm theo điều tôi cầu xin.”
2 Kings 4:25
Vậy, bà lên đường đến với người của Đức Chúa Trời trên núi Cạt-mên
"Vậy bà đã đến trên Núi Cạt-mên nơi mà Ê-li-sê, người của Đức Chúa Trời ở đó”
Người của Đức Chúa Trời thấy bà từ xa thì nói với Ghê-ha-xi
Tương tự câu: “Khi bà còn từ xa đến, Ê-li-sê đã thấy bà, ông nói với Ghê-ha-xi”
Người đàn bà Su-nem
người nữ từ Su-nem

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bình an
"Bình an" hay "Vâng, mọi việc đều tốt" (UDB). Người nữ đã không nói rằng con trai bà đã chết.
2 Kings 4:27
Khi bà đến gặp người của Đức Chúa Trời trên núi
Tương tự câu: “Khi người nữ từ Su-nem đến Núi Cạt-mên nơi Ê-li-se đang ở”
thì ôm lấy chân ông
Tương tự câu: “bà quỳ xuống đất trước mặt ông và lấy tay mình ôm lấy chân ông.”
Đức Giê-hô-va đã giấu ta điều đó, và không cho ta biết
Ê-li-sê có thể thấy rằng người nữ này đang bối rối nhưng Đức Giê-hô-va đã không bày tỏ cho ông biết lý do về nan đề của bà.
2 Kings 4:28
Tôi có cầu xin một đứa con trai đâu?
Tương tự câu: “Tôi đã không cầu xin ông cho tôi một đứa con trai.”
Chẳng phải tôi đã nói: ‘Xin đừng nói dối tôi’ đó sao?
Tương tự câu: “Tôi đã nói, 'Xin đừng nói dối tôi'” hay “Tôi đã nói với ông hãy nói cho tôi sự thật”
Hãy thắt lưng, cầm gậy của ta trong tay
Tương tự câu: “Hãy chuẩn bị và cầm gậy của ta theo với ngươi.”
Dọc đường nếu con gặp ai thì đừng chào; nếu có ai chào con thì đừng đáp lại
Ê-li-sê muốn Ghê-ha-xi đi cách nhanh nhất có thể, thậm chí là không ngừng lại để chào hỏi bất kỳ ai.
Con sẽ đặt cây gậy của ta trên mặt đứa trẻ
Ê-li-sê nói với Ghê-ha-xi làm như vậy bởi vì Ê-li-sê hy vọng Đức Giê-hô-va sẽ dùng mọi điều đó để khiến đứa trẻ sống trở lại.
2 Kings 4:30
nhưng không nghe tiếng, cũng không thấy động đậy gì
Tương tự câu: “nhưng đứa trẻ đã không có bất cứ dấu hiệu nào của sự sống”
không tỉnh lại
Tương tự câu: “vẫn còn chết”;
2 Kings 4:32
Ê-li-sê vào trong phòng, đóng cửa lại, chỉ có ông và đứa trẻ ở trong, rồi ông cầu nguyện với Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Chỉ có mình Ê-li-sê vào trong phòng nơi đứa trẻ nằm. Ông đóng cửa lại và cầu nguyện với Đức Giê-hô-va.”
Ông lên giường nằm sấp trên đứa trẻ
"Ê-li-sê lên giường và đặt thân thể mình nằm sấp trên đứa trẻ;"
2 Kings 4:35
Rồi lại lên giường
"Rồi sau đó Ê-li-sê lại lên giường"
người đàn bà Su-nem
Ở đây nói đến người nữ từ Su-nem mà là mẹ của cậu bé.
Bà đến, sấp mình xuống dưới chân ông và lạy
Tương tự câu: “Rồi bà cúi sấp mặt xuống đất trước mặt Ê-li-sê và lạy.” Người nữ đã quỳ xuống trước Ê-li-sê như một sự kính trọng sâu sắc.
2 Kings 4:38
môn đồ của các nhà tiên tri
Tương tự câu: “Một nhóm các nhà tiên tri”
nấu canh
Đây là một món ăn thường được nấu bằng thịt và rau củ trong một cái nồi với nước.
những dưa dại
Những loại rau quả này mọc trên các dây rừng leo.
bọc đầy vạt áo mình
Ông nâng đáy của vạt áo mình lên đến chỗ thắt lưng để tạo nên một khoảng trống nhằm chứa những quả dưa này được nhiều hơn là ông chỉ dùng hai tay mình.
mà chẳng hề biết đó là trái gì
Tương tự câu: “nhưng không hề biết chúng có ăn được hay không”
2 Kings 4:40
nồi canh nầy có chất độc chết người
Ở đây có nghĩa là có chất gì đó trong nồi có thể giết chết họ, chứ không phải là có thứ gì đó chết trong nồi.
Ông bỏ bột vào nồi canh
"Ông bỏ thêm bột vào nồi canh"
Hãy múc ra cho mọi người ăn
"Hãy lấy nó cho mọi người ăn,"
vậy, nồi canh không còn độc nữa.
Tương tự câu: “ăn thức ăn trong nồi không làm họ khó chịu nữa.”
2 Kings 4:42
Ba-anh Sa-li-sa
lúa mạch
Đây là một loại hạt.
lúa còn gié
Đây là hạt được thu hoạch từ đầu mùa gặt.
Chỉ có chừng ấy thì làm sao con có thể phát cho một trăm người ăn?
Tương tự câu: “Nó không đủ để cho một trăm người ăn!”

Translation Questions

2 Kings 4:1
Chuyện gì sẽ xảy ra với con con của vợ của một trong số các con trai của các đấng tiên tri?
Người chủ nợ sẽ đến bắt lấy hai đứa con của bà để làm nô lệ.
2 Kings 4:3
Người đàn bà nầy phải mượn bình dầu từ đâu?
Người đàn bà nầy phải đi mượn bình dầu từ những người hàng xóm của mình.
2 Kings 4:6
Khi nào thì dầu ngừng chảy?
Sau khi con trai bà bảo rằng không còn bình để đựng nữa, thì dầu ngưng chảy.
2 Kings 4:10
Người đàn bà Su-nem và chồng bà đã làm gì cho Ê-li-sê?
Họ xây một căn phòng trên sân thượng cho Ê-li-sê, có một cái giường, một cái bàn, một cái ghế, và một cái đèn.
2 Kings 4:16
Người đàn bà nầy sẽ bồng gì vào thời điểm nầy năm tới?
Vào mùa nầy năm tới, bà sẽ bồng một đứa con trai.
2 Kings 4:18
Đứa trẻ đau đầu khi nào?
Một ngày kia, đứa trẻ theo cha nó ra đồng thăm những người gặt lúa thì nó bị đau đầu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Kings 4:19
Đứa trẻ đau đầu khi nào?
Một ngày kia, đứa trẻ theo cha nó ra đồng thăm những người gặt lúa thì nó bị đau đầu.
2 Kings 4:20
Đứa trẻ ngồi ở đâu cho đến khi nó qua đời?
Đứa trẻ ngồi trên đùi của mẹ nó cho đến khi nó chết.
2 Kings 4:25
Người của Đức Chúa Trời ở đâu?
Người của Đức Chúa Trời ở tại núi Cạt-mên.
2 Kings 4:26
Khi Ghê-ha-xi hỏi người đàn bà xem mọi chuyện có ổn thỏa hay không thì bà đã trả lời ra sao?
Khi Ghê-ha-xi hỏi người đàn bà ấy xem liệu mọi chuyện có ổn hay không thì bà trả lời rằng: "Mọi chuyện đều ổn".
2 Kings 4:27
Người đàn bà đã làm gì khi họ đến gặp người của Đức Chúa Trời tại núi Cạt-mên?
Khi bà đến gặp người của Đức Chúa Trời tại núi Cạt-mên thì bà ôm lấy chân ông.
2 Kings 4:29
Nếu Ghê-ha-xi có gặp ai hoặc có ai chào hỏi ông thì ông phải làm gì?
Nếu Ghê-ha-xi có gặp ai hoặc có ai chào hỏi ông thì ông không được trả lời người đó.
2 Kings 4:31
Ghê-ha-xi đã để vật gì trên mặt đứa trẻ?
Ông đã đặt cây gậy trên mặt đứa trẻ.
2 Kings 4:34
Thân thể đứa trẻ từ từ ấm lại bằng cách nào?
Ê-li-sê đã nằm sấp ủ người trên đưa trẻ thì thân thể của nó từ từ ấm lại.
2 Kings 4:35
Đứa trẻ đã làm gì trước khi nó mở mắt?
Đứa trẻ nhảy mũi bảy lần và mở mắt ra.
2 Kings 4:38
Ai là người đi hái những trái dưa dại?
Một người trong số các con trai của các đấng tiên tri đã đi hái những trái dưa dại.
2 Kings 4:39
Ai là người đi hái những trái dưa dại?
Một người trong số các con trai của các đấng tiên tri đã đi hái những trái dưa dại.
2 Kings 4:40
Ê-li-sê đã loại bỏ chất độc trong nồi canh bằng cách nào?
Ê-li-sê đã bỏ một ít bột mì vào trong nồi canh.
2 Kings 4:41
Ê-li-sê đã loại bỏ chất độc trong nồi canh bằng cách nào?
Ê-li-sê đã bỏ một ít bột mì vào trong nồi canh.
2 Kings 4:42
Có bao nhiêu người ăn hai mươi ổ bánh lúa mạch?
Có một trăm người ăn hai mươi ổ bánh lúa mạch.
2 Kings 4:43
Có bao nhiêu người ăn hai mươi ổ bánh lúa mạch?
Có một trăm người ăn hai mươi ổ bánh lúa mạch.

Chapter 5
2 Kings 5:1
trước mặt chủ mình
"trong cách nhìn của vua"
vì qua ông, Đức Giê-hô-va ban chiến thắng cho dân A-ram
"bởi vì qua Na-a-man, Đức Giê-hô-va đã ban chiến thắng cho quân đội A-ram"
Các toán quân đột kích của A-ram đi ra và bắt một thiếu nữ từ đất Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “Nhóm quân A-ram đã tấn công Y-sơ-ra-ên và bắt một thiếu nữ ở đó.”
2 Kings 5:3
Nó nói với bà chủ
Đứa gái từ Y-sơ-ra-ên (người đã bị bắt bởi quân lính A-ram) đã nói với vợ của Na-a-man.
ông chủ con
“ông chủ con” ở đây nói đến Na-a-man.
2 Kings 5:5
ta-lâng
đem theo mình mười ... bộ áo
Tương tự câu: “đem theo mình mười ... bộ áo, để làm quà cho vua Y-sơ-ra-ên”
sáu nghìn
"6,000"
2 Kings 5:7
liền xé áo mình
Tương tự câu: “vua đã xé áo để bày tỏ nỗi đau buồn của mình”
Ông ấy sai người đến với ta để ta chữa cho khỏi bệnh phong hủi. Ta đâu phải là Đức Chúa Trời, có quyền làm sống làm chết?
Tương tự câu: “vua A-ram phải nghĩ rằng chắc ta là Đức Chúa Trời, có quyền trên sự chết và sự sống! Ông ấy muốn ta chữa lành bệnh phung cho người đàn ông này, nhưng ta không thể làm điều đó.”
Các ngươi phải biết và thấy rằng ông ấy kiếm cớ gây hấn với ta
Vua Y-sơ-ra-ên đã không tin rằng lời thỉnh cầu chữa lành cho Na-a-man là lý do thật của bức thư. Ông nghĩ rằng lý do chính đó là khiêu chiến. “Ông ấy đang tìm một lý do để gây hấn với ta.”
2 Kings 5:8
Thông Tin Chung:
Ê-li-sê nói với Vua Y-sơ-ra-ên về Na-a-man.
Tại sao vua phải xé áo?
Tương tự câu: “Vua khong cần thiết phải xé áo mình.”
2 Kings 5:11
đưa tay qua lại trên chỗ bệnh
"đưa tay của ông qua lại trên chỗ da bị bệnh”
Hai sông ở Đa-mách là A-ba-na và Bạt-ba chẳng tốt hơn nước sông ở Y-sơ-ra-ên sao?
Tương tự câu: “Hai sông A-ba-na và Bạt-ba, ở nơi quê nhà ta là Đa-mách, tốt hơn bất cứ sông nào của Y-sơ-ra-ên!
A-ba-na và Bạt-ba
Ta không thể tắm ở đó để được sạch sao?
Tương tự câu: “Ta nên tắm ở đó và được lành!” hoặc là “Ta có thể dễ dàng tắm ở đó và được chữa lành!”
quay lưng lại và giận dữ bỏ đi
"đã rất tức giận khi ông bỏ đi.”
2 Kings 5:13
Cha ơi
Các đầy tớ đã bày tỏ lòng tôn trọng với Na-a-man khi xưng ông là “cha” hay “ông.”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cha chẳng làm sao?
Tương tự câu: “cha chắc chắn phải làm”
Huống chi nay ông ấy chỉ bảo cha
Tương tự câu: “Cha còn phải sẵn sàng làm theo càng hơn, khi ông ấy chỉ bảo cha làm một điều dễ dàng dường ấy”
2 Kings 5:15
Bây giờ, tôi nhận biết rằng
Từ “Bây giờ” được dùng ở đây để lôi kéo sự chú ý về điều mà Na-a-man sắp nói.
trên khắp mặt đất, không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là thần chân thật duy nhất!”
Tôi không nhận gì cả
Tương tự câu: “Tôi sẽ không nhận bất cứ quà nào.”
Na-a-man nài nỉ Ê-li-sê nhận,nhưng ông vẫn từ chối
Na-a-man tiếp tục nài nỉ Ê-li-sê nhận quà, nhưng Ê-li-sê tiếp tục từ chối.
2 Kings 5:17
Nếu ông từ chối
"Nếu ông không nhận quà tôi mang đến cho ông”
thì xin cho phép đầy tớ ông mang về
"cho tôi được";
số đất vừa sức chở của hai con la
"nhiều đất từ Y-sơ-ra-ên vừa với sức chở của hai con la, để tôi có thể xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va.”
chủ tôi
Ở đây nói đến vua A-ram, vị vua mà Na-a-man đang phục vụ.
Hãy đi bình an
Tương tự câu: “Hãy rời khỏi đây và đừng lo lắng”
2 Kings 5:20
Đi được một quãng đường
"Na-a-man đã đi được một quãng đường"
Ghê-ha-xi
Kìa
Từ “Kìa” được dùng ở đây để lôi kéo sự chú ý vào điều mà ông ấy sắp nói.
thầy ta đã dè dặt không chịu nhận món gì của Na-a-man, người A-ram
Tương tự câu: “Ê-li-sê đã để Na-a-man, người A-ram trở về cách dễ dàng”
không chịu nhận
"không nhận bất cứ thứ gì"
tự tay đem đến
Tương tự câu: “từ ông ấy”;
hai thanh niên, là môn đồ của các nhà tiên tri
Tương tự câu: “hai thanh niên là tiên tri”
2 Kings 5:23
Na-a-man đáp
Na-a-man trả lời yêu cầu của Ghê-ha-xi.
Na-a-man nài nỉ
Tương tự câu: “Na-a-man nài nỉ Ghê-ha-xi nhận lấy quà”
2 Kings 5:26
Khi người ấy xuống khỏi xe để đón con, lòng ta chẳng ở với con sao?
Con phải nên nhận biết rằng lòng ta có thể thấy được con khi Na-a-man dừng xe lại và nói chuyện với con sao?
Bây giờ có phải là lúc để nhận tiền bạc, quần áo,vườn ô-liu, vườn nho, chiên và bò, tôi trai và tớ gái sao?
"Bây giờ không phải là lúc để nhận ... và các tớ gái."
bệnh phong hủi của Na-a-man sẽ dính vào con và dòng dõi con đời đời
"bệnh mà Na-a-man đã mang, con và những thành viên trong gia đình tương lai của con cũng sẽ mang lấy.”
trắng như tuyết
Bệnh phong hủy khiến cho da trở nên trắng, nhu màu của tuyết.

Translation Questions

2 Kings 5:1
Đức Giê-hô-va đã ban gì cho A-ram qua Na-a-man?
Đức Giê-hô-va đã ban cho A-ram chiến thắng.
2 Kings 5:3
Đứa gái nhỏ đã bảo ai sẽ chữa lành cho chủ của mình?
Đứa gái nhỏ đã nói rằng vị tiên tri ở tại Sa-ma-ri sẽ chữa lành cho chủ của mình.
2 Kings 5:6
Na-a-man đem lá thư từ vua A-ram đến cho ai?
Na-a-man đem lá thư nầy đến cho vua Y-sơ-ra-ên.
2 Kings 5:7
Vua Y-sơ-ra-ên nghĩ đâu là lí do khiến Na-a-man đến cùng ông để tìm một sự chữa trị?
Vua Y-sơ-ra-ên cho rằng Na-a-man đang muốn khơi mào tranh cãi với ông.
2 Kings 5:10
Na-a-man được bảo phải làm gì để được sạch?
Na-a-man được bảo phải đi và dầm mình xuống dưới sông Giô-đanh bảy lần để được sạch.
2 Kings 5:11
Na-a-man cho rằng Ê-li-sê sẽ chữa lành cho mình bằng cách nào?
Na-a-man cho rằng Ê-li-sê sẽ đi ra đón mình, đứng gần đó mà cầu khẩn danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người rồi lấy tay đưa qua đưa lại trên chỗ bịnh và chữa lành kẻ phung.
2 Kings 5:14
Da thịt của Na-a-man bình phục trở lại giống như gì?
Da thịt của Na-a-man bình phục trở lại giống như da thịt của một đứa con nít nhỏ.
2 Kings 5:15
Sau khi Na-a-man được chữa lành, thì ông biết điều gì?
Sau khi Na-a-man được chữa lành thì ông biết rằng trên khắp thế gian chẳng có chúa nào khác hơn Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên.
2 Kings 5:18
Na-a-man cầu xin Đức Giê-hô-va tha thứ cho ông điều gì?
Na-a-man cầu xin Đức Giê-hô-va tha thứ cho ông khi ông quì lạy trong đền thờ Rim-môn.
2 Kings 5:22
Theo Ghê-ha-xi thì ai đã từ núi Ép-ra-im đến?
Theo Ghê-ha-xi thì có hai người trai trẻ, là con cái của những tiên tri, đã từ núi Ép-ra-im đến.
2 Kings 5:24
Ghê-ha-xi đã giấu gì ở trong nhà mình?
Ông đã giấu những túi bạc trong nhà mình.
2 Kings 5:26
Vì Ghê-ha-xi đã nói dối nên có chuyện gì đã xảy ra?
Vì Ghê-ha-xi đã nói dối nên ông bị phung.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Kings 5:27

Vì Ghê-ha-xi đã nói dối nên có chuyện gì đã xảy ra?

Vì Ghê-ha-xi đã nói dối nên ông bị phung.

Chapter 6

2 Kings 6:1

môn đồ của các nhà tiên tri

Ở đây đề cập đến một nhóm các tiên tri cùng làm việc với Ê-li-sê.

2 Kings 6:4

Thông Tin Chung:

Ê-li-sê đi với các tiên tri để đốn cây.

Thôi rồi

Người này nói ở đây ở tỏ rằng ông đang bối rối và thất vọng. Nếu bạn có cách diễn đạt cảm xúc này trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể sử dụng ở đây.

2 Kings 6:6

Người của Đức Chúa Trời hỏi

"Vì thế Ê-li-sê đã hỏi,"

Ê-li-sê chặt một khúc cây ném xuống chỗ đó, làm cho lưỡi rìu nổi lên

Đức Chúa Trời dùng Ê-li-sê để thi hành phép lạ. Cái lưỡi rìu đã nổi lên mặt nước và nó ở ngay chỗ mà vị tiên tri có thể lấy được.

2 Kings 6:8

Lúc bấy giờ, vua A-ram giao chiến với Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “Khi vua A-ram giao chiến với Y-sơ-ra-ên,”

Ta sẽ đóng quân tại chỗ nầy, chỗ nọ

Vua A-ram đang nói với các quan tướng của mình về nơi có thể đóng trại.

Người của Đức Chúa Trời

Tương tự câu: “Vì thê Ê-li-sê “

Hãy thận trọng, đừng đi ngang qua chỗ ấy, vì quân A-ram đang đi xuống đó

Ê-li-sê biết rõ nơi mà quân A-ram đang đóng trại và đã khuyên vua Y-sơ-ra-ên tránh đến khu vực đó.

2 Kings 6:10

đến chỗ mà người Đức Chúa Trời đã báo cho mình

Ê-li-sê đã biết những nơi nào là nguy hiểm cho người Y-sơ-ra-ên (bởi cớ quân A-ram) và đã cảnh báo cho vua Y-sơ-ra-ên về điều đó.

Tiên tri Ê-li-sê đã cứu mạng vua Y-sơ-ra-ên nhiều lần như thế

Tương tự câu: “Bởi vì Ê-li-sê đã cảnh báo quân Y-sơ-ra-ên, họ mới có thể được an toàn khỏi kẻ thù địch hơn một hay hai lần như thế.”

Lòng vua A-ram

"Vua A-ram đã rất tức giận"

Chẳng lẽ các ngươi không báo cho ta biết ai trong chúng ta đã theo phe vua Y-sơ-ra-ên sao?

Tương tự câu: “Hãy nói cho ta biết ai trong các ngươi là gián điệp cho vua Y-sơ-ra-ên!” hay “Ai trong các ngươi đã nói với vua Y-sơ-ra ên biết kế hoạch của ta?”

2 Kings 6:12

Chẳng ai trong chúng tôi cả

"Không ai trong chúng tôi cả"

tâu bệ hạ là chúa tôi

Ở đây nói đến vua A-ram.

những điều bệ hạ nói trong phòng ngủ của mình

Tương tự câu: “những điều mà bệ hạ nói cách riêng tư nơi phòng ngủ mình”

Ông ấy ở Đô-than

Tương tự câu: “Ê-li-sê ở thành Đô-than.”

Đô-than

(

2 Kings 6:14

Vậy vua

Ở đây nói đến vua A-ram.

Khi đầy tớ của người Đức Chúa Trời

Tương tự câu: “Khi đầy tớ của Ê-li-sê”

dậy sớm và đi ra ngoài thì thấy

"thức dậy sớm vào buổi sáng và đi ra ngoài, thì ông thấy"

Anh ta nói với Ê-li-sê

"Người đầy tớ trở vào và nói với Ê-li-sê,"

vì những người ở với chúng ta đông hơn những người ở với chúng nó

"những người ở cùng chúng ta trong trận chiến đông hơn những người bên chúng nó.”

2 Kings 6:17

xin mở mắt cho đầy tớ của con để nó thấy được

Tương tự câu: “xin hãy khiến cho nó có thể thấy.” Ê-li-sê đang cầu xin cho người đầy tớ của mình có thể thấy điều mà người khác không thể thấy, đó chính là ngựa và chiến xa bằng lửa đang bao quanh họ.

và anh ta thấy

"và anh ta có thể thấy. Điều anh ta đã thấy đó là"

bao quanh Ê-li-sê

"quanh thành mà Ê-li-sê đang ở"

quân ấy

Ở đây nói đến quân lính A-ram.

Đây không phải là đường, đây cũng chẳng phải là thành

Tương tự câu: “Các anh đang đi không đúng đường, và đây cũng không phải là thành mà các anh muốn.”

2 Kings 6:20

xin mở mắt cho những người nầy để chúng thấy được

và chúng thấy

"và họ có thấy trở lại, và điều họ thấy đó là"

khi thấy chúng

"khi ông thấy quấn lính A-ram"

Thưa cha

Nhà vua đang nói với tiên tri Ê-li-sê và gọi ông là “cha” để bày tỏ lòng kính trọng.

tôi phải giết chúng không?

Tương tự câu: “Tôi có nên ra lệnh cho quân đội mình giết những quân lính của kẻ thù nghịch này chăng?”

2 Kings 6:22

Ê-li-sê trả lời

Ê-li-sê trả lời câu hỏi của vua Y-sơ-ra-ên.

Vua có giết những người mà vua dùng gươm và cung bắt làm tù binh không?

Tương tự câu: “Vua sẽ không giết những người bị bắt làm tù binh trong cuộc chiến.”

Hãy dọn bánh và nước cho chúng ăn uống

Tương tự câu: “Hãy cho họ thức ăn để ăn và nước để uống,”

trở về với chủ mình

"trở về với vua A-ram"

Vậy vua dọn tiệc lớn đãi chúng

"Rồi vua ra lệnh cho các đầy tớ chuẩn bị tiệc lớn đãi chúng,”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vua thả chúng trở về
Vua Y-sơ-ra-ên thả cho quân lính A-ram trở về nhà.
chúng trở về với chủ mình
Họ trở về với vua A-ram.
không còn đột kích lãnh thổ Y-sơ-ra-ên nữa
"không còn tấn công vùng đất Y-sơ-ra-ên trong một thời gian dài."
2 Kings 6:24
Bên Ha-đát
Tên của vị vua A-ram. Tên ông có nghĩa là “con trai của Ha-đát."
miếng bạc
ô
bao vây thành
Tương tự câu: “không để cho một ai hay bất cứ thứ gì vào hay ra khỏi thành.” hoặc “phong tỏa thành.”
Nên ở Sa-ma-ri xảy ra nạn đói trầm trọng
Tương tự câu: “Bởi vì bị bao vây hay bị phong tỏa, nên chỉ còn rất ít thức ăn ở tại Sa-ma-ri.”
Vì thành bị bao vây lâu ngày nên ở Sa-ma-ri xảy ra nạn đói trầm trọng
đến nỗi một đầu lừa bán tám mươi miếng bạc
Quân đội A-ram đã bao vây thành trong một thời gian dài, đến lúc mà mọi thứ bình thường người ta không xem là thực phẩm tốt (như một cái đầu lừa hay phân bồ câu) lại là thức ăn duy nhất còn lại và đáng giá cao.
2 Kings 6:27
Vua trả lời
"Vua Y-sơ-ra-ên đã trả lời người phụ nữ,"
Nếu Đức Giê-hô-va không cứu giúp ngươi thì ta lấy gì để giúp ngươi?
Tương tự câu: “Nếu Đức Giê-hô-va không giúp đỡ bà, thì ta không thể giúp bà được.”
Đâu còn gì ở sân đập lúa hay tại bàn ép rượu nho?
Tương tự câu: “Không còn gì để thu hoạch hay trái nho nào để làm rượu cả."
Rồi vua hỏi bà ấy
Tương tự câu: “Họ tiếp tục nói chuyện, vị vua đã hỏi bà,”
2 Kings 6:30
khi nghe những lời của phụ nữ nầy nói xong
"nghe người phụ nữ nầy kể về điều mà bà và những người nữ khác đã làm"
vua liền xé áo mình
Vua xé toạc áo khoác ngoài của mình để bày tỏ nỗi đau đớn.
lúc ấy, vua đang đi lại trên tường thành
Vua đang đi dạo trên tường thành khi người nữ gọi to ông trong 2KI06:24. Lúc bấy giờ vua vẫn tiếp tục đi dọc theo tường thành.
dân chúng có thể thấy vua đang mặc áo sô
Bằng việc mặc chiếc áo bằng vải bao thay cho đồ trong của mình, vua đã tỏ rằng ông đã rất buồn và bối rối. Tương tự câu: “Người ta có thể thấy rằng vua đang mặc áo sô ở bên trong, bởi vì vua đã xé áo ngoài của mình.”
Nguyện Đức Chúa Trời phạt ta cách nặng nề,nếu hôm nay đầu của Ê-li-sê, con Sa-phát, còn ở trên vai nó
Vua nói rằng ông mong là Đức Chúa Trời sẽ phạt ông hay thậm chí giết ông nếu tiên tri Ê-li-sê không chết bởi vì mọi điều đang diễn ra trong thành Sa-ma-ri. Tương tự câu: “Nguyện Đức Chúa Trời phạt ta hoặc thậm chí giết chết ta, nếu Ê-li-sê, con trai Sa-phát, không chết ngày hôm nay.”
2 Kings 6:32
Vua sai một người trong đám quần thần đi tìm ông
Tương tự câu: “Vua Y-sơ-ra-ên sai một người trong đám quần thần của vua,”
khi sứ giả đến,Ê-li-sê nói với các trưởng lão
"khi sứ giả được vua sai đi đến với Ê-li-sê, Ê-li-sê đã nói với các trưởng lão,"
kẻ sát nhân
Ở đây có nghĩa là vua (vua Y-sơ-ra-ên) có tính cách của một kẻ sát nhân.
đến chém đầu tôi không
Tương tự câu: “để chém đầu tôi không?”
Chẳng phải tiếng bước chân của chủ hắn theo sau hắn đấy sao?
Tương tự câu: “Vua sẽ đi theo ngay sau hắn.”
Trong khi Ê-li-sê còn đang nói với họ
"Trong khi Ê-li-sê vẫn còn đang nói với các trưởng lão,"
sứ giả đến và nói với ông
Vị sứ giả đến, và tiếp theo sau đó là vua, như Ê-li-sê đã nói.
tai họa nầy
“Tai họa” ở đây tức là nạn đói ở Sa-ma-ri và những đau khổ mà nó gây ra.
Vậy tại sao ta còn trông đợi Đức Giê-hô-va làm gì nữa?
Tương tự câu: “Ta sẽ không trông đợi sự giúp đỡ từ Đức Giê-hô-va nữa!” hay “Tại sao ta lại tiếp tục trông đợi Đức Giê-hô-va giúp đỡ chúng ta?”

Translation Questions

2 Kings 6:1
Tại sao các môn đệ của tiên tri lại muốn xây một nơi để ở?
Nơi mà họ đang ở cùng với Ê-li-sê quá chật hẹp, nên họ muốn xây một nơi để ở.
2 Kings 6:2
Tại sao các môn đệ của tiên tri lại muốn xây một nơi để ở?
Nơi mà họ đang ở cùng với Ê-li-sê quá chật hẹp, nên họ muốn xây một nơi để ở.
2 Kings 6:5
Tại sao người mất lưỡi rìu lại lo lắng?
Người ấy lo lắng bởi vì lưỡi rìu ấy là đồ mượn.
2 Kings 6:6
Ê-li-sê đã khiến lưỡi rìu sắt đó nổi lên bằng cách nào?
Ê-li-sê chặt một khúc gỗ, ném xuống chỗ nước ấy, lưỡi rìu nổi lên.
2 Kings 6:12
Ai đã thuật lại cho vua Y-sơ-ra-ên những lời của vua A-ram?
Ê-li-sê đã thuật lại cho vua Y-sơ-ra-ên những lời của vua A-ram.
2 Kings 6:15
Tại sao người đầy tớ của Ê-li-sê lại lo lắng?
Người nầy lo lắng bởi vì ông đã nhìn thấy một đội quân hùng mạnh cùng ngựa và xe chiến mã vây chặt quanh thành.
2 Kings 6:18
Ê-li-sê đã dẫn quân A-ram đến Sa-ma-ri bằng cách nào?
Ê-li-sê đã cầu xin Đức Giê-hô-va làm cho quân đó bị mù, kế đến Ê-li-sê đã bảo họ đi theo ông.
2 Kings 6:19
Ê-li-sê đã dẫn quân A-ram đến Sa-ma-ri bằng cách nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ê-li-sê đã cầu xin Đức Giê-hô-va làm cho quân đó bị mù, kế đến Ê-li-sê đã bảo họ đi theo ông.
2 Kings 6:20
Lúc Đức Giê-hô-va mở mắt họ thì quân A-ram đã ở đâu?
Lúc Đức Giê-hô-va mở mắt họ thì quân A-ram đã ở giữa thành Sa-ma-ri.
2 Kings 6:22
Vua Y-sơ-ra-ên đã làm gì với quân A-ram đó?
Vua đã dọn bánh cho họ ăn, nước cho họ uống, rồi tha họ về.
2 Kings 6:23
Vua Y-sơ-ra-ên đã làm gì với quân A-ram đó?
Vua đã dọn bánh cho họ ăn, nước cho họ uống, rồi tha họ về.
2 Kings 6:25
Tại sao một cái đầu lừa cũng bán được tám mươi miếng bạc?
Sa-ma-ri bị nạn đói trầm trọng, nên một cái đầu lừa cũng bán được tám mươi miếng bạc.
2 Kings 6:28
Người đàn bà thưa cùng vua điều gì đang khiến bà khổ sở?
Nàng thưa rằng: Người đàn bà nầy nói với tôi rằng: Hãy đưa con trai chị cho chúng tôi để hôm nay chúng ta ăn thịt nó; ngày mai chúng ta sẽ ăn thịt con trai tôi. Vậy, chúng tôi có nấu thịt con trai tôi và ăn. Ngày mai tôi có nói với người rằng: Hãy cho con trai chị, hầu chúng ta ăn nó. Nhưng người đã giấu con trai mình."
2 Kings 6:29
Người đàn bà thưa cùng vua điều gì đang khiến bà khổ sở?
Nàng thưa rằng: Người đàn bà nầy nói với tôi rằng: Hãy đưa con trai chị cho chúng tôi để hôm nay chúng ta ăn thịt nó; ngày mai chúng ta sẽ ăn thịt con trai tôi. Vậy, chúng tôi có nấu thịt con trai tôi và ăn. Ngày mai tôi có nói với người rằng: Hãy cho con trai chị, hầu chúng ta ăn nó. Nhưng người đã giấu con trai mình."
2 Kings 6:31
Vua đã đổ lỗi cho ai về nạn đói nầy?
Vua đã đổ lỗi cho Ê-li-sê.
2 Kings 6:32
Khi sứ giả của vua đến cùng Ê-li-sê thì ông bảo các trưởng lão làm gì?
Khi sứ giả đến gặp Ê-li-sê, ông đã bảo các trưởng lão đóng cửa lại và giữ chặt cửa, không cho hắn vào.

Chapter 7
2 Kings 7:1
đấu
siếc-lơ
một đấu bột lọc sẽ bán một siếc-lơ, và hai đấu lúa mạch sẽ bán một siếc-lơ
Giá thực phẩm sẽ hạ thấp xuống rất nhiều lần. Hãy so sánh 2KI06:24 khi thực phẩm xấu được bán với giá rất cao.
quan hầu cận mà vua tựa vào tay
Tương tự câu: “quan hầu cận của vua” hay “một vị quan hầu của vua”
các cửa sổ trên trời
Tương tự câu: “những lỗ hổng trên trời mà chính Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho thóc sa xuống”
liệu điều đó có xảy ra không?
Tương tự câu: “Tôi không tin nó có thể xảy ra!”
chính ông sẽ thấy tận mắt điều ấy, nhưng ông sẽ không được ăn
Bởi vì quan đã không tin Đức Giê-hô-va có thể cung ứng thóc lúa, nên ông sẽ thấy nó xảy ra nhưng không được ăn nó.
2 Kings 7:3
Lúc ấy
Tương tự câu: “Vào cùng thời điểm ấy” (khi Ê-li-sê đang nói với vua và cận thần của vua thì đã có thức ăn dư dật tại Sa-ma-ri)
tại lối vào cổng thành
Tương tự câu: “ở tại lối vào của thành.”
Tại sao chúng ta cứ ngồi đây chờ chết?
Tương tự câu: “Chắc chắn rằng chúng ta không nên ngồi mãi đây cho đến chết”
chúng ta hãy qua trại quân A-ram
Tương tự câu: “chúng ta hãy đến nơi mà quân đội A-ram đóng trại.”
Nếu chúng để chúng ta sống thì chúng ta sẽ sống, còn nếu chúng giết đi thì đàng nào chúng ta cũng chết đó thôi
Bốn người phong hủi đang nói đến việc đi đến trại người A-ram là sự lựa chọn duy nhất của họ để được sống. Tương tự câu: “Nếu người A-ram cho chúng ta thức ăn, chúng ta sẽ sống, vì chúng ta đang sắp chết nếu chúng ta ở đây, còn nếu họ giết chúng ta, điều đó cũng chẳng tệ hơn cho chúng ta”
2 Kings 7:5
Vào lúc chạng vạng,các người phong hủi lên đường đến
Tương tự câu: “Vì thế vào lúc cuối ngày, bốn người phong hủi đứng dậy và đi đến”
đầu trại quân
"phía bờ rìa"
Vì Chúa đã khiến quân A-ram
Tương tự câu: “Lý do của việc này là bởi vì Chúa đã khiến cho quân A-ram”
quân A-ram nghe tiếng xe, tiếng ngựa chiến và tiếng một đạo quân rất lớn
Quân lính A-ram đã nghe tiếng ồn giống như tiếng một đạo quân rất lớn đang đến để chiến đấu với họ. Đây không phải là một đạo binh thật, nhưng Chú đã khiến họ nghe thấy những âm thanh này.
Vua Y-sơ-ra-ên đã thuê các vua Hê-tít và Ai Cập
Các vua ở đây được nói đến để tượng trưng cho quân đội của họ. Tương tự câu: “Vua Y-sơ-ra-ên đã thuê các quân đội của Hê-tít và Ai Cập”
đến đánh chúng ta.
Tương tự câu: “tiến đánh chúng ta.” hay “tấn công chúng ta.”
2 Kings 7:7
Thông Tin Chung:
Đây là điều đã xảy ra sau khi Chúa khiến quân lính A-ram nghĩ rằng họ đã nghe tiếng một đạo quân thù nghịch rất lớn đang tiến đến trại của họ.
chạy trốn lúc chạng vạng
Tương tự câu: “đã chạy đi lúc mặt trời đang lặn xuống”
để nguyên doanh trại
Tương tự câu: “để nguyên lại mọi thứ trong trại”
lấy những của cải ở đó đem đi giấu
Những thứ này là những hàng hóa bị lấy cắp hay những

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thứ bị lấy đi một cách bất hợp pháp, đặc biệt là vào thời chiến.
2 Kings 7:9
Nếu chúng ta đợi đến rạng đông
"Nếu chúng ta đợi đến sáng ngày mai,"
hình phạt chắc sẽ đổ trên chúng ta
Tương tự câu: “điều tồi tệ sẽ xảy ra cho chúng ta.”
hãy đi báo tin nầy cho hoàng gia
Tương tự câu: “hãy nói cho vua và người của vua” (Xem:
vẫn y nguyên
Tương tự câu: “vẫn như khi quân lính đang ở đó”
2 Kings 7:12
Ban đêm vua thức dậy
Tương tự câu: “Vào ban đêm khi vua nghe tin về trại quân A-ram bỏ trống, thì vua thức dậy khỏi giường mình”
định làm để hại chúng ta
Tương tự câu: “đang dự định làm với chúng ta”
chúng ta sẽ bắt sống chúng, rồi vào chiếm thành
Tương tự câu: “chúng ta sẽ bắt người Y-sơ-ra-ên và chiếm thành của họ.”
những con ngựa còn lại
Nhiều con ngựa của người Y-sơ-ra-ên đã chết trong nạn đói.
Tương tự câu: “những con người vẫn còn sống trong thành.”
Chúng cũng sẽ cùng chung số phận với đoàn dân Y-sơ-ra-ên còn lại
Những người đi đến trại quân A-ram sẽ có thể bị chết.
xin bệ hạ truyền cho vài người bắt năm trong số những con ngựa còn lại đi do thám để xem thực hư ra sao
Tương tự câu: “Chúng ta hãy truyền một vài người và ngựa đến xem điều gì đang diễn ra ở trại quân.”
2 Kings 7:14
Đi do thám để xem
Tương tự câu: “Đi và xem điều gì đã xảy ra với đội quân A-ram”
Họ đuổi theo chúng cho đến sông Giô-đanh
Tương tự câu: “Họ theo con đường mà quân A-ram đi mãi cho đến Sông Giô-đanh,”
suốt quãng đường ấy, họ thấy đầy những quần áo và đồ đạc
Tương tự câu: “dọc đường, có rất nhiều quần áo và đồ đạc bị bỏ lại”
mà quân A-ram đã ném xuống trong lúc hốt hoảng chạy trốn
"mà người A-ram đã ném xuống khi họ vội vàng bỏ chạy thoát thân.”
2 Kings 7:16
cướp đoạt
Từ “cướp đoạt” có nghĩ là lấy cắp hay lấy đi một cách bất hợp pháp, luôn xảy ra khi chiến tranh.
đấu
siếc-lơ
đúng như lời Đức Giê-hô-va đã phán
"đúng như Đức Giê-hô-va đã phán qua tiên tri Ê-li-sê."
quan hầu cận mà vua tựa vào tay
Tương tự câu: “quan hầu của vua” Đây là cùng một người trong 2KI07:01.
đã giẫm chết ông ấy
"giẫm đạp trên ông ấy" Đám đông đã vội vã để đi lấy thức ăn trong trại đến nỗi đã chạy qua người ông và giẫm chết ông.
2 Kings 7:18
Đúng như người của Đức Chúa Trời đã nói khi vua đến gặp người
Hãy xem 2KI07:01 nơi mà Ê-li-sê đã nói những việc này cho vua trước đó.
Ngày mai, vào giờ nầy
"Vào giờ này ngày mai"
tại cổng thành Sa-ma-ri
"tại nơi họp chợ của Sa-ma-ri" hay "tại thành Sa-ma-ri"
sẽ bán
"sẽ bán"
Này
Ở đây mang đến sự chú ý vào điều mà người nói đang nói (cả vị quan hầu cận và Ê-li-sê).
liệu điều đó có xảy ra không?
Tương tự câu: “Tôi không tin điều này có thể xảy ra!”
chính ông sẽ thấy điều ấy tận mắt
Tương tự câu: “ông sẽ ở đó khi nó xảy ra,”

Translation Questions

2 Kings 7:2
Ê-li-sê báo trước chuyện gì sẽ xảy ra với viên quan không tin ông?
Ê-li-sê khẳng định viên quan nầy sẽ không được ăn một chút lúa mì hay lúa mạch nào.
2 Kings 7:3
Tại sao mốn người phung lại đi đến chỗ quân đội của người A-ram?
Họ đã đi đến chỗ quân đội của người A-ram bởi vì họ cho rằng họ có thể sẽ chết nếu như họ đi vào thành, ngồi lì ở đây hoặc hoặc đi đến chỗ quân đội A-ram.
2 Kings 7:6
Tại sao quân đội A-ram lại cho rằng vua Y-sơ-ra-ên đã mướn vua dân Hê-tít và vua Ê-díp-tô đến đánh người A-ram?
Quân đội A-ram cho rằng vua Y-sơ-ra-ên đã mướn vua dân Hê-tít và vua Ê-díp-tô đến đánh người A-ram bởi vì họ đã nghe thấy tiếng xe, tiếng ngựa hí vang và tiếng đạo binh lớn.
2 Kings 7:11
Những người gác cổng đã làm gì sau khi họ được bảo rằng người A-ram đã bỏ lều trại của mình lại mà chạy trốn?
Những người gác cổng đã loan báo tin tức rằng người A-ram đã bỏ lều trại của mình lại mà chạy trốn.
2 Kings 7:12
Vua đã cho rằng lí do quân A-ram đã rời bỏ lều trại của mình là gì?
Vua cho rằng họ đã ra khỏi trại quân mình đặng phục trong đồng. Sau đó, khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi thành, quân A-ram sẽ bắt sống chúng nó, rồi vào trong thành.
2 Kings 7:15
Khắp dọc đường đầy những gì?
Khắp dọc đường đầy những quần áo và đồ đạc mà quân Sy-ri đã quăng trong lúc chạy trốn hối hả.
2 Kings 7:18
Viên quan chỉ huy đã nói gì khi Ê-li-sê bảo người rằng: "Ngày mai, tại giờ nầy, nơi cửa thành Sa-ma-ri, hai đấu lúa mạch sẽ bán một siếc-lơ, và một đấu bột lọc cũng bán một siếc-lơ"?
Viên quan nầy nói cùng Ê-li-sê rằng: "Kìa, cho dù Đức Giê-hô-va có mở các cửa sổ trên trời thì liệu điều đó có xảy ra không?”
2 Kings 7:19

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Viên quan chỉ huy đã nói gì khi Ê-li-sê bảo người rằng: "Ngày mai, tại giờ nầy, nơi cửa thành Sa-ma-ri, hai đấu lúa mạch sẽ bán một siếc-lơ, và một đấu bột lọc cũng bán một siếc-lơ"?

Viên quan nầy nói cùng Ê-li-sê rằng: "Kìa, cho dù Đức Giê-hô-va có mở các cửa sổ trên trời thì liệu điều đó có xảy ra không?"

Chapter 8

2 Kings 8:1

người phụ nữ có đứa con trai mà ông đã khiến sống lại

Câu chuyện về người nữ này và con trai của bà được chép trong 2KI04:08.

Hãy chỗi dậy

Tương tự câu: “hãy chỗi dậy khỏi nơi bà đang ở,”

đến ở tạm nơi nào sống được

Ê-li-sê đang nói người nữ này đến một nơi khác để trốn khỏi nạn đói sắp đến.

2 Kings 8:3

kêu nài với vua về việc nhà cửa và đồng ruộng của mình

Tương tự câu: “cầu xin ông tha thiết để được trả lại tài sản cho mình.”

2 Kings 8:5

Lúc ấy, vua đang nói chuyện

Vào cùng lúc mà Ghê-ha-xi đã đang nói với vua về người nữ và con trai bà, thì bà cũng đến gặp vua.

bà kể hết mọi việc cho vua nghe

Người nữ cũng kể với vua về câu chuyện con trai bà được cứu khỏi chết.

tất cả tài sản của bà, kể cả hoa màu của đồng ruộng

Tương tự câu: “mọi thứ thuộc quyền sở hữu của bà trước khi bà rời khỏi cũng như mọi thứ thu hoạch được từ các mùa vụ trong đồng ruộng bà.”

2 Kings 8:7

Bên Ha-đát

Đây là tên của vị vua A-ram. Tên ông có nghĩa là "con trai của Ha-đát."

Bên Ha-đát ... Ha-xa-ên

Hãy đem theo một lễ vật

Tương tự câu: “hãy đem những lễ vậy theo với ngươi”

nhờ người cầu hỏi Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “nài xin Ê-li-sê cầu hỏi Đức Giê-hô-va,”

Con trai ông là Bên Ha-đát, vua A-ram

Bên Ha-đát không phải là con trai của Ê-li-sê, nhưng Ha-xa-ên gọi ông như vậy để bày tỏ mối quan hệ gần gũi giữ họ với nhau, Tương tự câu: “Bên Ha-đát, vua A-ram, con trai ông,”

2 Kings 8:10

Hãy đi nói với vua: ‘Bệ hạ chắc chắn sẽ được lành bệnh.’ Nhưng Đức Giê-hô-va đã cho ta biết vua chắc chắn sẽ chết

Tương tự câu: “Hãy trở về Bên Ha-đát và nói với vua rằng, ‘Vua sẽ được lành bệnh’ nhưng Đức Giê-hô-va đã cho ta biết rằng, quả thật, vua sẽ chết.”

Ê-li-sê nghiêm nét mặt, nhìn chằm chằm Ha-xa-ên đến nỗi ông phải ngượng

"Rồi Ê-li-sê nhìn chăm chú Ha-xa-ên đến nỗi ông cảm thấy khó chịu,"

người của Đức Chúa Trời cất tiếng lên khóc

"Ê-li-sê khóc."

Tại sao chúa tôi khóc?

"Tại sao ông khóc, Ê-li-sê?"

Vì ta biết

Đức Chúa Trời đã cho Ê-li-sê biết điều gì sẽ xảy ra trong tương lai.

Ngươi sẽ

"Quân đội của ngươi sẽ" hay "Ngươi sẽ ra lệnh cho quân lính của ngươi"

dùng gươm giết các thanh niên

Tương tự câu: “giết các thanh niên trong chiến trận”

2 Kings 8:13

Đầy tớ ông là ai, mà có thể làm được việc lớn lao đến thế?

Ha-xa-ên đang nói về chính mình. Tương tự câu: “Tôi là ai, mà có quyền làm những việc như vậy?” hay “ Tôi không thể nào làm được những việc như vậy!”

Chẳng qua là một con chó thôi

Ha-xa-ên đang nói về chính mình. Tương tự câu: “Tôi chỉ như là một con vật thấp hèn.”

trở về với chủ mình

Tương tự câu: “trở về với Bên Ha-đát.”

Ha-xa-ên tâu: “Ê-li-sê nói với hạ thần rằng bệ hạ chắc chắn sẽ lành bệnh.”

Tương tự câu: “Ha-xa-ên trả lời, ‘Ê-li-sê đã nói với hạ thần rằng vua sẽ không chết bởi bệnh này’.”

mặt Bên Ha-đát cho đến khi vua chết

Tương tự câu: “mặt Bên Ha-đát để không thể nào thể được, và vì vậy vua chết”

Rồi Ha-xa-ên lên ngai kế vị

Như Ê-li-sê đã tiên đoán, Ha-xa ên trở thành vua A-ram sau khi Bên Ha-đát chết.

2 Kings 8:16

Thông Tin Chung:

Giô-ram trở nên vua Giu-đa.

Vào năm thứ năm đời trị vì của Giô-ram, con A-háp, vua Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu; “Vào năm thứ 5 đời trị vì của Vua Giô-ram con trai A-háp, trên Y-sơ-ra-ên,”

Giô-ram, con Giô-sa-phát, bắt đầu trị vì

Giô-ram, con trai Giô-sa-phát, trở nên vua Giu-đa.

Giô-ram lên ngai vua lúc được ba mươi hai tuổi

hai tuổi

trị vì tám năm

"ông trị vì 8 năm."

2 Kings 8:18

Vua đi theo đường lối của các vua Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “Giô-ram là một vị vua ác, giống như các vị vua khác của Y-sơ-ra-ên đã từng cai trị trước đó,”

như nhà A-háp đã làm

Tương tự câu: “giống như những người trong gia đình của ba vợ ông, là vua A-háp đã làm;”

vì vua đã cưới con gái của A-háp làm vợ

Giô-ram đã cưới con gái của A-háp.

vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Cụm từ “dưới mắt Đức Giê-hô-va” tức là chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “Giô-ram đã làm những điều mà Đức Giê-hô-va xem đó là sai trái.”

hủy diệt Giu-đa

Đây là tên của đất nước “Giu-đa” tượng trưng cho những con người thuộc đất nước này. Tương tự câu: “tận diệt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người Giu-đa,”
như lời Ngài đã phán hứa với Đa-vít là để dành cho người một ngọn đèn trước mặt người mãi mãi
"bởi vì Đức Giê-hô-va đã hứa với Đa-vít rằng Ngài sẽ luôn cho dòng dõi Đa-vít còn mãi."
2 Kings 8:20
Người Ê-đôm nổi dậy chống lại sự thống trị của Giu-đa
Tương tự câu: “Người Ê-đôm dấy loạn chống lại sự thống trị của vua Giu-đa.”
lập lên một vua cho mình
"dân Ê-đôm đã chọn một vị vua để cai trị họ"
Bấy giờ, Giô-ram kéo quân sang Xai-rơ, đem theo tất cả chiến xa của mình
Việc “kéo quân sang” có thể được trình bày cách rõ ràng.
Tương tự câu: “Bấy giờ Giô-ram kéo đoàn quân cùng với quân đội của mình và các chiến xa.”
Ban đêm, vua trỗi dậy, đánh quân Ê-đôm đang bao vây vua và các quan chỉ huy chiến xa
Tương tự câu: “Vào ban đêm, quân đội Giô-ram đã tấn công quân Ê-đôm đang bao vây họ.”
2 Kings 8:22
Thông Tin Chung:
Vua Giô-ram của Giu-đa chết và con trai người, A-cha-xia lên làm vua.
Như thế, người Ê-đôm đã nổi dậy và không còn thần phục Giu-đa cho đến ngày nay
Tương tự câu: “Vì thế người Ê-đôm đã dành được độc lập khỏi sự thống trị của Giu-đa từ đó đến nay” hay “Người Ê-đôm đã trở thành một quốc gia độc lập khỏi Giu-đa từ đó trở đi”
Líp-na
Đây là một thành phố khác mà đã từng là một phần của Giu-đa.
Các việc khác của Giô-ram, và tất cả những việc vua làm
Tương tự câu: “Hãy đọc thêm về lịch sử của Giô-ram và mọi điều vua làm,”
chẳng phải chúng đều đã được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa sao?
Tương tự câu: “Những việc này đều được chép trong sách lịch sử của các vua Giu-đa.”
Giô-ram an giấc cùng tổ phụ
Tương tự câu: “Giô-ram đã chết và được chôn cùng các tổ phụ mình”
A-cha-xia, con trai vua, lên ngai kế vị
"Rồi A-cha-xia, con trai Giô-ram, lên làm vua sau khi Giô-ram chết."
2 Kings 8:25
Thông Tin Chung:
A-cha-xia trở thành vua Giu-đa.
Vào năm thứ mười hai, đời trị vì của Giô-ram
"Vào năm thứ 12 đời trị vì của Giô-ram, vua Y-sơ-ra-ên"
hai mươi hai tuổi ... một năm
hai tuổi ... một năm
A-tha-li ... Ôm-ri
A-cha-xia đi theo đường lối của
"A-cha-xia đã sống như cách của"
nhà A-háp
"người nhà của A-háp;"
làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
"vua đã làm điều mà Đức Giê-hô-va xem đó là tội"
2 Kings 8:28
A-cha-xia cùng với
Tương tự câu: “A-cha-xia và quân đội mình đi cùng với”
Giô-ram, con A-háp
Tương tự câu: “Giô-ram, con trai A-háp, và quân đội ông”
tiến đánh Ha-xa-ên, vua A-ram
Tương tự câu: “tiến đánh chống lại quân đội của Ha-xa-ên, vua A-ram.”
bị quân A-ram đánh tại Ra-mốt
"ông đã có suốt cuộc chiến với quân lính A-ram tại Ra-mốt,"

Translation Questions

2 Kings 8:1
Tại sao người đàn bà có con trai mà Ê-li-sê đã khiến sống lại lại sống trong xứ của người Phi-li-tin trong bảy năm?
Người đàn bà có con trai mà Ê-li-sê đã khiến sống lại lại sống trong xứ của người Phi-li-tin trong bảy năm bởi vì Ê-li-sê đã bảo rằng Đức Giê-hô-va đã định một nạn đói.
2 Kings 8:2
Tại sao người đàn bà có con trai mà Ê-li-sê đã khiến sống lại lại sống trong xứ của người Phi-li-tin trong bảy năm?
Người đàn bà có con trai mà Ê-li-sê đã khiến sống lại lại sống trong xứ của người Phi-li-tin trong bảy năm bởi vì Ê-li-sê đã bảo rằng Đức Giê-hô-va đã định một nạn đói.
2 Kings 8:3
Tại sao người đàn bà nầy lại đi đến gặp nhà vua?
Người đàn bà nầy đã đi đến gặp nhà vua để cầu xin vua về nhà và đất đai của mình.
2 Kings 8:5
Ghê-ha-xi đã thưa gì với vua khi người đàn bà là mẹ của đứa con trai mà Ê-li-sê đã khiến cho sống lại đến?
Ghê-ha-xi đã thuật lại cho vua nghe Ê-li-sê đã khiến cho đứa trẻ con bà sống lại ra sao.
2 Kings 8:9
Ha-xa-ên đem theo gì để dâng cho Ê-li-sê?
Ha-xa-ên đã đem theo lễ vật là mọi món tốt nhứt có tại Đa-mách do bốn mươi con lạc đà chở.
2 Kings 8:11
Tại sao người của Đức Chúa Trời lại than khóc?
Người của Đức Chúa Trời than khóc bởi vì ông biết những việc gian ác mà Ha-xa-ên sẽ làm với dân Y-sơ-ra-ên.
2 Kings 8:12
Tại sao người của Đức Chúa Trời lại than khóc?
Người của Đức Chúa Trời than khóc bởi vì ông biết những việc gian ác mà Ha-xa-ên sẽ làm với dân Y-sơ-ra-ên.
2 Kings 8:14
Sau khi Ha-xa-ên đã thưa cùng vua A-ram rằng vua sẽ được khỏe mạnh trở lại, thì ông đã làm gì với vua Bên Ha-đát?
Sau khi Ha-xa-ên đã thưa cùng vua A-ram rằng vua sẽ được khỏe mạnh trở lại, thì ông lấy một cái mền nhúng nước và đem phủ trên mặt Bên Ha-đát cho đến khi vua chết.
2 Kings 8:15
Sau khi Ha-xa-ên đã thưa cùng vua A-ram rằng vua sẽ được khỏe mạnh trở lại, thì ông đã làm gì với vua Bên Ha-đát?
Sau khi Ha-xa-ên đã thưa cùng vua A-ram rằng vua sẽ được khỏe mạnh trở lại, thì ông lấy một cái mền nhúng nước và

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đem phủ trên mặt Bên Ha-đát cho đến khi vua chết.
2 Kings 8:18
Ai là vợ của Giô-ram?
Vợ của Giô-ram là con gái A-háp.
2 Kings 8:19
Tại sao Đức Giê-hô-va lại không muốn hủy diệt Giu-đa?
Đức Giê-hô-va không muốn hủy diệt Giu-đa bởi vì Ngài đã phán hứa với Đa-vít tôi tớ mình rằng Ngài sẽ luôn ban cho ông có hậu tự về sau.
2 Kings 8:20
Người Ê-đôm đã nổi dậy thoát khỏi tay người Giu-đa khi nào?
Người Ê-đôm đã nổi dậy thoát khỏi tay người Giu-đa trong đời Giô-ram.
2 Kings 8:27
Tại sao A-cha-xia lại làm điều gian ác trước mặt Đức Giê-hô-va?
A-cha-xia làm điều gian ác trước mặt Đức Giê-hô-va, vì A-cha-xia là con rể của nhà A-háp.
2 Kings 8:29
Vua Giô-ram trở về đâu để chữa trị những vết thương bị quân A-ram đánh tại Ra-mốt?
Vua Giô-ram trở về Gít-rê-ên để chữa trị những vết thương.

Chapter 9
2 Kings 9:1
một người trong số môn đồ của các nhà tiên tri
Tương tự câu: “một trong số các người trong nhóm những môn đồ”
cầm theo
Tương tự câu: “đem theo ngươi”
Ra-mốt Ga-la-át
Đây là tên của một thành, nó có nghĩa là “đỉnh cao của Ga-la-át.” (Xem:
anh em
Đây là những người đang ngồi cùng Giê-hu.
dẫn người vào
"đi theo người vào" hay "dẫn người theo vào"
một phòng kín đáo
"một phòng riêng."
2 Kings 9:4
bấy giờ
Người viết sử dụng từ “bấy giờ” để đem đến sự chú ý cách rõ ràng về những việc tiếp theo. Nếu bạn có cách diễn đạt nào trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể sử dụng nó ở đây.
các quan tướng quân đội đang họp
Tương tự câu: “Giê-hu và các quan tướng khác của quân đội đang ngồi cùng nhau.”
2 Kings 9:7
Thông Tin Chung:
Vị tiên tri trẻ tiếp tục nói với Giê-hu, người mà ông vừa mới xức dầu làm vua Y-sơ-ra-ên.
bởi tay của Giê-sa-bên
Tương tự câu: “bởi lệnh của Giê-sa-bên”
Cả nhà A-háp phải bị diệt sạch. Ta sẽ diệt trừ mọi người nam của nhà A-háp
Tương tự câu: “Tất cả thành viên trong nhà A-háp sẽ chết, bao gồm cả mọi người nam”
2 Kings 9:9
Thông Tin Chung:
Vị tiên trị trẻ tiếp tục nói với Giê-hu, người mà ông mới vừa xức dầu làm vua Y-sơ-ra-ên.
Ta sẽ làm cho nhà A-háp giống như nhà Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, và giống như nhà Ba-ê-sa, con trai A-hi-gia
Vị tiên tri nói rằng Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt A-háp và nhà ông như Ngài đã hủy diệt Giê-rô-bô-am và nhà họ.
Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên
Tương tự câu: “Chó sẽ ăn xác chết của Giê-sa-bên”
2 Kings 9:11
các quan tướng của chủ mình
Ở đây nói đến các quan trưởng hầu việc Vua A-háp.
tên khùng ấy
"người điên"
Các ông biết người và cũng biết những điều người ấy nói rồi
Tương tự câu:”Các ông biết hạng người này và những điều mà những người như ông ấy nói rồi.”
Người ấy nói với tôi đại ý như thế nầy
Tương tự câu: “Ông ấy đã nói những điều này,”
lấy áo choàng mình trải xuống dưới chân ông
Trong nền văn hóa ở đây, việc trải áo trên đất là cách để vinh danh một vị vua, để chân của ông không phải đặt lên đất dơ. Tương tự câu: “cởi áo ngoài và trải chúng trước mặt Giê-hu để ông đi lên”
2 Kings 9:14
Lúc ấy, Giô-ram
"Lúc ấy Giô-ram và quân đội của ông"
những vết thương mà quân A-ram đã gây ra
Tương tự câu: “những vết thương mà Giô-ram có khi chiến trận với quân đội A-ram,”
Giê-hu nói cùng các quan hầu của Giô-ram
Ở đây nói đến các quan trưởng ở cùng Giô-ram tại Ra-mốt Ga-la-át.
Nếu các ông đồng ý
Tương tự câu: “Nếu các ông thật sự muốn ta là vua các ông,”
thì đừng để một ai thoát khỏi thành đi báo tin cho Gít-rê-ên
Tương tự câu: “thì đừng để một ai rời khỏi thành này với mục đích đi báo tin cho vua Giô-ram và quân đội của ông tại Gít-rê-ên.” Ai là người ở Gít-rê-ên có thể được nói đến rất rõ ràng.
Và A-cha-xia, vua Giu-đa, cũng đi xuống đó thăm Giô-ram
Vua A-cha-xia cũng ở tại Gít-rê-ên vào lúc này, để thăm Giô-ram khi ông bị thương trong trận chiến.
2 Kings 9:17
người lính canh
Người này là lính gác (UDB) người canh phòng.
đoàn quân của Giê-hu đang tiến đến
Tương tự câu: “Giê-hu và người của ông đang ở phía xa;”
Bình an hay không thì có can hệ gì đến ngươi?
Giê-hu để cho sứ giả biết rằng ông không đến cách bình an.
Tương tự câu: “Có liên hệ gì với người nếu ta đến cách bình an!”
Sứ giả đã đến gặp họ rồi, nhưng không trở về
Người lính canh đã nói với Vua Giô-ram rằng người được vua sai đi đã không trở về để trả lời câu hỏi của vua.
2 Kings 9:19
Vua lại sai một kỵ binh thứ hai đến với họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Rồi vua Giô-ram sai một sứ giả thứ hai cỡi ngựa, đi đến gặp Giê-hu và quân đội của ông."

Bình an hay không thì có can hệ gì đến ngươi?

Giê-hu nói với sứ giả thứ hai cùng một câu như ông đã nói với sứ giả đầu tiên trong [2KI09:17]

2 Kings 9:21

Gặp ông ấy trong

"Khi họ đến nơi của Giê-hu, ông đang ở "

Bình an sao được khi mà sự dâm đãng và tà thuật của Giê-sa-bên, mẹ vua, vẫn còn nhan nhản?

Tương tự câu: “Không thể có sự bình an khi mà mẹ vua, Giê-sa-bên vẫn còn làm và ngày càng nhiều hơn nữa sự thờ cúng thần tượng với sự dâm đãng và tà thuật.”

2 Kings 9:23

quay xe chạy trốn

"quay xe ngựa trở lại và cố gắng thoát thân"

mưu phản

Mưu phản có nghĩa là sự gian trá hay lừa đảo.

lấy hết sức lực

"với hết sức mình" hay "với cả sức mạnh của mình"

vua gục ngã trong xe

"Giô-ram gục ngã chết trên xe mình."

2 Kings 9:25

Bích-ca

Đem xác hắn

"Đêm xác chết của ông" hay "Lấy thi hài của ông" (UDB)

Hãy nhớ lại

"Nhớ"

theo sau A-háp, cha hắn

"sau xe của A-háp, cha hắn,"

Đức Giê-hôva đã đưa ra lời tiên tri nầy nghịch lại người:

"Đức Giê-hô-va đã phán lời tiên tri này nghịch lại Giô-ram"

máu của Na-bốt và máu của các con trai người đổ ra

Điều này có nghĩ là kẻ giết Na-bốt và con trai người.

Ta sẽ bắt ngươi phải trả nợ

"Ta sẽ bắt ngươi phải gánh điều mà ngươi đáng nhận vì cớ tội lỗi người đã làm"

hãy đem xác hắn ném vào cánh đồng ấy

"hãy đem xác chết của Giô-ram ném vào đồng ruộng ấy, là đồng ruộng của Na-bốt"

hãy đem xác hắn ném vào cánh đồng ấy, đúng như lời của Đức Giê-hô-va đã phán

"hãy làm thành lời tiên tri đã phán cùng chúng ta"

2 Kings 9:27

Thông Tin Chung:

Đây là sự tường thuật về những điều đã xảy ra cho A-cha-xia, vua Giu-đa, sau khi Giê-hu giết Giô-ram.

thấy việc ấy

Tương tự câu: “đã thấy điều xảy ra cho Giô-ram”

Bết Ha-gan ... Gu-rơ ... Gíp-lê-am ... Mê-ghi-đô

Đây là tên của các địa danh.

ở dốc Gu-rơ, gần Gíp-lê-am

Tương tự câu: “trên đường lên đến nơi gọi là Gu-rơ, gần Gíp-lê-am.”

2 Kings 9:29

A-cha-xia lên ngai vua Giu-đa vào năm thứ mười một đời trị vì của Giô-ram, con vua A-háp

Tương tự câu: “Lúc bấy giờ A-cha-xia làm vua Giu-đa vào năm thứ 11 đời trị vì của Giô-ram trên Y-sơ-ra-ên.”

2 Kings 9:30

vẽ mắt, trang điểm mái tóc

Tương tự câu: “trang điểm và làm tóc cho đẹp,”

Bình an chứ?

Thế nào Giê-hu được xem như là Xim-ri có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: “Ngươi chắc chắn không đến để đem bình an!”

hỡi Xim-ri, kẻ giết chủ mình

Xim-ri là vị chỉ huy của quân đội Y-sơ-ra-ên mà đã giết vua Y-sơ-ra-ên bởi vì ông muốn trở thành vua. Tương tự câu: “Ngươi đã giết chủ người, cũng như Xim-ri đã giết chủ của hắn!”

Trên kia có ai theo ta không?

Tương tự câu: “Ai sẽ hầu việc ta?”

2 Kings 9:33

Hãy ném nó xuống

Giê-hu bảo các quan hoạn ném Giê-sa-bên ra ngoài cửa sổ.

Họ ném bà xuống đất

Các quan hoạn đã ném Giê-sa-bên ra ngoài cửa sổ cao tầng và bà đã chết khi bị đập xuống đất.

Giê-hu đạp chân lên bà

Tương tự câu: “và ngựa của Giê-hu kéo xe ông đến giẫm lên xác bà dưới chân.”

Bây giờ hãy đi xem người đàn bà đáng bị nguyền rủa ấy

Tương tự câu: “Bây giờ hãy đi và chôn cất thi hài của Giê-sa-bên,”

vì dù sao nó cũng là con gái của vua

Điều quan trọng rằng Giê-sa-bên chính là con gái vua có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: “bởi vì, dù sao đi nữa, chúng ta cũng phải chôn cất con gái của vua với sự tôn trọng.”

2 Kings 9:35

Hai lòng bàn tay

Lòng bàn tay là phần trong của tay.

đến nỗi người ta không thể nói: “Đây là Giê-sa-bên.”

Tương tự câu: “đến nỗi không ai có thể nhận ra thân thể của bà.” hay “đến nỗi không ai có thể nói rằng đây là Giê-sa-bên.”

Translation Questions

2 Kings 9:1

Tại sao một người trong số các môn đồ của các nhà tiên tri lại cầm theo lọ dầu nhỏ mà đi đến Ra-mốt Ga-la-át?

Người cầm theo lọ dầu nhỏ mà đi đến Ra-mốt Ga-la-át để xức dầu cho Giê-hu.

2 Kings 9:3

Tại sao một người trong số các môn đồ của các nhà tiên tri lại cầm theo lọ dầu nhỏ mà đi đến Ra-mốt Ga-la-át?

Người cầm theo lọ dầu nhỏ mà đi đến Ra-mốt Ga-la-át để xức dầu cho Giê-hu.

2 Kings 9:6

Ai đã đổ dầu trên đầu Giê-hu?

Nhà tiên tri đổ dầu trên đầu Giê-hu.

2 Kings 9:7

Đức Giê-hô-va báo trả máu của các đầy tớ Ngài ra sao?

Nếu Giê-hu đánh giết nhà A-háp thì như vậy Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

có thể báo trả về máu
của các đầy tớ Ngài.
2 Kings 9:10
Chuyện gì sẽ xảy ra cho Giê-sa-bên?
Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên trong cánh đồng Gít-rê-ên và sẽ không ai chôn cất bà.
2 Kings 9:12
Các đầy tớ của chủ Giê-hu đã làm gì sau khi Giê-hu tuyên bố ông đã được xức đầu làm vua?
Sau khi Giê-hu tuyên bố ông đã được xức đầu làm vua, thì họ ai nấy liền vội vàng lấy áo choàng mình trải xuống dưới chân ông, trên các bậc thang. Rồi họ thổi kèn và hô lên rằng: “Giê-hu làm vua!”
2 Kings 9:13
Các đầy tớ của chủ Giê-hu đã làm gì sau khi Giê-hu tuyên bố ông đã được xức đầu làm vua?
Sau khi Giê-hu tuyên bố ông đã được xức đầu làm vua, thì họ ai nấy liền vội vàng lấy áo choàng mình trải xuống dưới chân ông, trên các bậc thang. Rồi họ thổi kèn và hô lên rằng: “Giê-hu làm vua!”
2 Kings 9:15
Tại sao vua Giô-ram trở về Gít-rê-ên?
Vua Giô-ram đã trở về Gít-rê-ên để chữa trị những vết thương mà quân A-ram đã
gây ra cho mình.
2 Kings 9:17
Người lính canh đã thấy các sứ giả làm gì?
Người lính canh đã thấy các sứ giả cưỡi ngựa cùng với Giê-hu.
2 Kings 9:18
Người lính canh đã thấy các sứ giả làm gì?
Người lính canh đã thấy các sứ giả cưỡi ngựa cùng với Giê-hu.
2 Kings 9:20
Làm sao lính canh lại biết rằng Giê-hu đang đánh xe ngựa chiến đó?
Người lính canh lại biết rằng Giê-hu đang đánh xe ngựa chiến đó, vì người dẫn xe cách hung hăng.
2 Kings 9:21
Giô-ram, vua Y-sơ-ra-ên đã đánh xe ra gặp Giê-hu ra sao?
Giô-ram, vua Y-sơ-ra-ên và A-cha-xia, vua Giu-đa, mỗi người đều lên xe mình, kéo
ra đón Giê-hu.
2 Kings 9:24
Chuyện gì xảy ra sau khi Giê-hu đã bắn Giô-ram trúng ngay giữa hai vai người?
Sau khi Giê-hu đã bắn Giô-ram trúng ngay giữa hai vai người thì mũi tên thấu ngang trái tim và người ngã xuống trong xe mình.
2 Kings 9:26
Điều gì khiến những việc mà Đức Giê-hô-va đã phán bảo trước thực sự xảy ra?
Việc người ta đem Giô-ram và liệng hắn vào cánh đồng khiến những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán bảo trước thực sự xảy ra.
2 Kings 9:28
Ai đã được chôn trong mộ của mình cùng với các tổ phụ người tại thành Đa-vít?
A-cha-xia đã được chôn trong mộ của mình cùng với các tổ phụ người tại thành Đa-vít.
2 Kings 9:30
Chuyện gì đã xảy ra khi Giê-hu đến gặp Giê-sa-bên?
Khi Giê-hu đến gặp Giê-sa-bên, Giê-sa-bên hay tin ấy thì vẽ mắt, trang điểm mái tóc, rồi từ cửa sổ nhìn xuống.
2 Kings 9:33
Ai đã ném Giê-sa-bên xuống?
Một vài hoạn quan đã ném Giê-sa-bên xuống.
2 Kings 9:35
Tại sao không ai có thể chôn cất Giê-sa-bên?
Khi họ đi lo chôn cất bà ấy thì họ chẳng còn thấy gì ngoài cái sọ, hai chân và hai
bàn tay của bà.

Chapter 10
2 Kings 10:1
Giê-hu viết thư gửi đến Sa-ma-ri cho các thủ lĩnh là các trưởng lão của Gít-rê-ên, và các giám hộ do A-háp bổ nhiệm
Tương tự câu: “Giê-hu đã viết và gửi thư cho các thủ lĩnh Gít-rê-ên tại Sa-ma-ri. Những thủ lĩnh này bào gồm các trưởng lão và các giám hộ cho các con cháu A-háp”
lập người ấy lên ngai kế vị vua cha
Tương tự câu: “giao cho người ấy vương quốc của vua cha,” hay “lập người ấy làm vua thể cho vua cha,”
nhà của chủ mình
"dòng dõi của A-háp "
2 Kings 10:4
Họ vô cùng khiếp sợ
"Họ đã rất sợ"
hai vua
"hai vua, Giô-ram và A-cha-xia"
còn không chống nổi Giê-hu
"không thể chống lại ông ấy" (UDB)
Thì làm sao chúng ta có thể chống lại được?
"làm sao chúng ta có thể chống lại được ông ấy?"
Các quan chức quản lý thành và cung điện, cùng các trưởng lão và các giám hộ của những con trai A-háp
Tương tự câu: “Rồi các thủ lĩnh của Gít-rê-ên, các trưởng lão và những người giám hộ các con của A-háp" (Xem: 2KI10:01)
điều gì ông cho là phải
"Xin ông cứ làm điều gì ông nghĩ là tốt nhất"
2 Kings 10:6
nếu các ông đứng về phía tôi và sẵn sàng tuân lệnh tôi
Tương tự câu: “nếu các ông sẵn sàng lắng nghe điều ta nói và vâng theo”
hãy chém đầu các con trai của chủ mình
"hãy giết những con trai của Vua A-háp và chém đầu"
2 Kings 10:8
người con của vua
"các con của A-háp" (UDB)
Giê-hu đi ra, đứng
Tương tự câu: “Giê-hu đã ra ngoài cổng thành và đứng trước dân chúng”
Anh em đều vô can!
Điều ông ấy vô tội có thể được trình bày cách rõ ràng.
Tương tự câu: “Anh em đã không giết vua Giô-ram”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Kìa, chính tôi đã mưu phản và giết chủ tôi
"Kìa" dùng để gây ra sự chú ý về điều mà Giê-hu sắp nói. Tương tự câu: “Đây là lời tôi nói, tôi là người đã lên kết hoạch làm hại đến vua Giô-ram và đã giết ông ấy,”
nhưng ai đã giết tất cả những người nầy chứ?
Tương tự câu: “nhưng đó chính là bởi Đức Giê-hô-va đã đem đến cái chết cho các con trai A-háp.”
2 Kings 10:10
hãy biết rằng
"hãy hiểu" hay "hãy nhận ra sự thật rằng"
các lời Đức Giê-hô-va đã phán về nhà A-háp, sẽ không có lời nào rơi xuống đất
Tương tự câu: “Không một lời nào mà Đức Giê-hô-va phán về nhà A-háp sẽ không thành,” hay “Từng lời mà Đức Giê-hô-va phán ra về nhà A-háp sẽ xảy ra,”
không để một ai sống sót
Tương tự câu: “cho đến khi ông giết tất cả bọn họ.”
2 Kings 10:12
Bết Ê-két Ha-rô-im
Đây là tên một địa danh mà ở đây những con chiên được hớt lông.
xuống thăm
"đến để thăm"
Hãy bắt sống chúng
"Hãy bắt lấy chúng!" (UDB) Tương tự câu: “Hãy bắt chúng để chúng ta giết chúng.”
Người ta bắt sống
"Vì thế người ta bắt lấy chúng"
không để sót một ai
Tương tự câu: “Ông giết hết tất cả bọn họ.”
2 Kings 10:15
Giô-na-đáp, con của Rê-cáp
Ông có một lòng một dạ với tôi,như tôi đã thực lòng với ông không?
Tương tự câu: “Liệu ông có trung thành với tôi, như tôi sẽ trung với ông không?” hay “Liệu ông có một lòng một dạ với tôi như tôi với ông không?”
Có
Nếu sử dụng cả hai cách dịch xen kẽ nhau cho câu hỏi trước đó, thì câu trả lời sẽ là Tương tự như: “Tôi sẽ.”
Nếu thế thì hãy đưa tay ông ra
Tương tự câu: “Nếu vậy, hãy đặt tay ông vào tay tôi” hay “Nếu vậy, chúng ta hãy bắt tay nhau.” Trong nhiều nền văn hóa, khi hai người bắt tay nhau, nó xác nhận sự giao kèo của họ.
Giê-hu đỡ ông ấy lên xe với mình
"Giê-hu đỡ Giô-na-đáp lên xe với ông."
và chứng kiến lòng nhiệt thành của tôi đối với Đức Giê-hô-va
"và anh sẽ thấy lòng nhiệt thành của tôi thế nào đối với Đức Giê-hô-va."
Vậy họ đi với nhau trên chiến xa của Giê-hu
"Vì vậy Giê-hu đưa Giô-na-đáp theo mình trên chiến xa của Giê-hu."
đúng như lời của Đức Giê-hô-va đã phán với Ê-li
Tương tự câu: “để làm thành lời tiên tri mà Ê-li đã nói, bởi Đức Giê-hô-va đã phán với ông.”
2 Kings 10:18
tập hợp
"được gọi lại"
toàn dân
"tất cả mọi người ở Sa-ma-ri"
phụng sự nhiều hơn
"phụng sự nhiều hơn là A-háp."
Vậy bây giờ, hãy triệu tập cho ta tất cả các tiên tri của Ba-anh, tất cả những kẻ phụng thờ và tất cả thầy tư tế của Ba-anh
Tương tự câu: “Vậy vây giờ hãy tập hợp tất cả các nhà tiên tri, những người thờ phượng và các thầy tế lễ của Ba-anh.”
Không một ai được vắng mặt
Tương tự câu: “Không thiết một ai hết,”
Tất cả những ai vắng mặt sẽ không được sống
"Chúng ta sẽ tử hình những ai không đến."
2 Kings 10:21
vì vậy, tất cả những kẻ phụng thờ Ba-anh đều đến, chẳng thiếu một ai
Tương tự câu: “vì vậy tất cả những người thờ phượng Ba-anh đều ở đó.” hay “vì vậy mọi người đều đến”
Họ vào đền thờ Ba-anh
"Họ vào đền thờ của Ba-anh"
2 Kings 10:23
Sau đó, Giê-hu và Giô-na-đáp, con trai Rê-cáp, vào trong đền thờ Ba-anh
Tương tự câu: “Giê-hu và Giô-na-đáp, con trai Rê-cáp, đã cùng nhau vào đền thờ Ba-anh,”
ông nói với những kẻ phụng thờ Ba-anh
"và Giê-hu nói với những người ở trong đền để thờ phượng Ba-anh,"
Hãy lục soát cho kỹ,xem có người nào phụng sự Đức Giê-hô-va ở đây với các ngươi không; chỉ nên có những kẻ phụng thờ Ba-anh mà thôi
Tương tự câu: “Hãy tìm cho kỹ rằng không có ai hầu việc Đức Giê-hô-va ở đây, mà chỉ có những người thờ phượng Ba-anh mà thôi.”
Nếu có ai trong những người mà ta trao vào tay các ngươi trốn thoát
Tương tự câu: “Nếu có bất kỳ ai trong những người mà ta trao vào tay các người trốn thoát,” hay “Nếu bất cứ ai trong những người ở bên trong này chạy thoát,”
nếu có ai trong những người mà ta trao vào tay các ngươi trốn thoát thì phải lấy mạng thế mạng
Tương tực câu: “chúng ta sẽ giết người nào để ai chạy thoát.”
2 Kings 10:25
Giê-hu ra lệnh cho quân hộ vệ và các quan tướng
Bạn cần nói rõ rằng Giê-hu đã đi ra ngoài đền thờ trước khi ông nói với các quân hộ vệ. “ông trở ra ngoài đền thờ Ba-anh và nói với các quân hộ vệ cùng các quan tướng”
Đừng để một ai trốn thoát
Tương tự câu: “Đừng để một ai thoát khỏi.”
dùng gươm
"với gươm của họ,"
ném xác ra ngoài
"ném xác của chúng ra ngoài đền thờ"
biến thành một nhà xí
Một nhà xí là một phòng tắm, hay một nhà vệ sinh, thường dùng cho trại quân hay những tòa nhà cho các chiến binh.
Tương tự câu: “biến nó thành một nhà vệ sinh công cộng.”
2 Kings 10:29
đã làm tốt
"thực hiện" hay "hoàn thành"
điều công chính trước mặt Ta
"điều Ta xem là công chính"
những gì Ta muốn
"mọi điều mà Ta muốn ngươi làm,"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ngồi trên ngai
"làm vua"
cho đến đời thứ tư
Con trai, và cháu trai, cùng các cháu, chắt (UDB)
Giê-hu không hết lòng cẩn thận tuân theo luật pháp của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “Nhưng Giê-hu đã không cẩn thận làm theo Luật Pháp của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, trong mọi điều ông làm.”
Ông chẳng từ bỏ tội của Giê-rô-bô-am,là tội đã gây cho Y-sơ-ra-ên phạm tội.
Tương tự câu: “Giê-hu đã không từ bỏ tội lỗi giống như Giê-rô-bô-am, là tội đã khiến cho dân Y-sơ-ra-ên phạm tội.”
2 Kings 10:32
bờ cõi
"phần đất"
Y-sơ-ra-ên
"thuộc quyền của Y-sơ-ra-ên,"
Ha-xa-ên
Tương tự câu: “Quân đội A-ram của Vua Ha-xa-ên”
A-rô-e ... Ạt-nôn ... Ga-la-át ... Ba-san
Đây là tên các địa danh.
2 Kings 10:34
chẳng phải chúng đều được chép trong lịch sử các vua Y-sơ-ra-ên sao?
"Chúng đều được chép trong Sách Lịch Sử Các Vua Y-sơ-ra-ên."
Giê-hu an giấc cùng các tổ phụ mình, và được an táng tại Sa-ma-ri
Tương tự câu: “Giê-hu qua đời và họ chôn ông tại Sa-ma-ri, nơi mà họ đã chôn các tổ phụ ông.”
Giô-a-cha

Translation Questions

2 Kings 10:3
Lá thư của Giê-hu bảo các trưởng lão và các quan đỡ đầu của các con trai A-háp phải làm gì?
Nó bảo các trưởng lão và các quan đỡ đầu của các con trai A-háp phải chọn trong vòng các con trai của chủ các ngươi một người tài giỏi nhất, tôn hắn lên làm vua.
2 Kings 10:4
Tại sao các trưởng lão và những quan đỡ đầu của các con trai A-háp lại không lập bất cứ ai lên làm vua?
Họ không lập bứ ai lên làm vua bởi vì họ nhận ra rằng cả hai vua mà còn không cự nổi Giê-hu.
2 Kings 10:5
Tại sao các trưởng lão và những quan đỡ đầu của các con trai A-háp lại không lập bất cứ ai lên làm vua?
Họ không lập bứ ai lên làm vua bởi vì họ nhận ra rằng cả hai vua mà còn không cự nổi Giê-hu.
2 Kings 10:7
Các trưởng lão và những quan đỡ đầu của các con trai A-háp đã làm gì với các con trai của vua?
Họ bắt các hoàng tử và giết hết, tất cả bảy mươi người, rồi để đầu các hoàng tử ấy
trong các giỏ và gởi đến Giê-rê-ên cho Giê-hu.
2 Kings 10:10
Tại sao Giê-hu lại nói rằng không một lời nào trong tất cả những lời của Chúa mà Chúa đã phán về nhà A-háp sẽ rơi xuống đất?
Giê-hu nói rằng không một lời nào trong tất cả những lời của Chúa mà Chúa đã phán về nhà A-háp sẽ rơi xuống đất bởi vì
Đức Giê-hô-va đã làm trọn những điều mà Ngài đã phán qua tôi tớ của Ngài là Ê-li.
2 Kings 10:13
Giê-hu đã gặp và giết bao nhiêu anh em của A-cha-xia?
Ông đã gặp và giết bốn mươi hai người.
2 Kings 10:14
Giê-hu đã gặp và giết bao nhiêu anh em của A-cha-xia?
Ông đã gặp và giết bốn mươi hai người.
2 Kings 10:15
Tại sao Giê-hu lại dẫn Giô-na-đáp lên xe của mình?
Giê-hu dẫn Giô-na-đáp lên xe của mình bởi vì Giô-na-đáp đã nói rằng lòng ông chân thành cùng Giê-hu và ông giơ tay mình ra cho Giê-hu.
2 Kings 10:19
Tại sao Giê-hu lại tập hợp mọi tiên tri của Ba-anh, toàn bộ những người thờ phượng thần ấy và toàn bộ các thầy tế lễ của thần nầy?
Ông đã gạt họ để tập hợp họ lại với ý định giết những người thờ phượng của Ba-anh.
2 Kings 10:21
Những người thờ phượng Ba-anh đã đi đến đâu?
Họ đi vào đền thờ Ba-anh.
2 Kings 10:24
Chiều gì sẽ xảy ra nếu có kẻ nào trong số những kẻ thờ phượng Ba-anh trốn thoát được?
Nếu có kẻ nào trong số những kẻ thờ phượng Ba-anh trốn thoát được thì người nào để cho kẻ ấy trốn thoát mạng sống của kẻ để cho nó thoát khỏi sẽ thế cho mạng sống kẻ đã thoát đó.
2 Kings 10:27
Các vệ sĩ và các sĩ quan đã biến đền thờ Ba-anh thành thứ gì?
Họ đã biến nhà Ba-anh thành ra một nhà xí.
2 Kings 10:29
Giê-hu đã không trừ bỏ các tội của Giê-rô-bô-am ra sao?
Giê-hu không trừ bỏ các tội của Giê-rô-bô-am vì ông đã thờ phượng các con bò vàng ở Bê-tên và Đan.
2 Kings 10:30
Tại sao con cháu của Giê-hu sẽ ngồi trên ngôi I-sơ-ra-ên cho đến đời thứ tư?
Bởi vì Giê-hu đã làm tốt điều công chính trước mặt Đức Giê-hô-va, đúng như những gì Ta muốn ngươi làm đối với nhà A-háp, nên con cháu người sẽ ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên cho đến đời thứ tư.
2 Kings 10:34
Các việc khác của Giê-hu đã được chép ở đâu?
Các việc khác của Giê-hu, mọi việc vua đã làm, và thế lực của vua, đều được chép
trong lịch sử các vua Y-sơ-ra-ên.

Chapter 11

2 Kings 11:1
A-tha-li ... Giô-sê-ba ... Giô-ách
thấy con mình đã chết
Tương tự câu: “nhận ra rằng con bà đã chết,”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đứng lên tiêu diệt toàn bộ hoàng tộc
"bà ra lệnh rằng tất cả mọi người trong nhà A-cha-xia mà có khả năng trở thành vua đều phải bị xử tử"
bắt trộm Giô-ách, con của A-cha-xia, khỏi số các hoàng tử sắp bị giết, rồi giấu cậu trong phòng ngủ cùng với người vú nuôi. Như thế, người ta đã giấu Giô-ách khuất mắt A-tha-li, và cậu không bị giết.
"bắt trộm Giô-ách, con trai rất nhỏ của A-cha-xia và giấu cậu cùng người vú nuôi trong phòng ngủ ở trong đền thờ. Vì thế cậu đã không bị giết." (UDB)
Giô-ách ẩn trốn với Giô-sê-ba trong đền thờ Đức Giê-hô-va sáu năm, trong khi A-tha-li cai trị xứ sở
Tương tự câu: “Giô-ách và Giô-sê-ba đã trốn sáu năm trong nhà Đức Giê-hô-va khi A-tha-li cai trị xứ sở.”
xứ sở
"vương quốc"
2 Kings 11:4
Câu Kết Nối:
Ở đây tiếp tục câu chuyện về điều xảy ra sau khi Giô-ách, con trai Vua A-cha-xia, đã trốn trong đền thờ lúc những người thuộc dòng dõi Vua A-cha-xia đã bị giết.
Vào năm thứ bảy
“Vào năm thứ bảy dưới sự trị vì của A-tha-li” hay là “năm thứ bảy của triều đại A-tha-li”
Giê-hô-gia-đa
thầy tế lễ cả
Ca-rít
Đây là tên của một nhóm vệ binh hoàng gia đặc biệt.
đến gặp ông
Giê-hô-gia-đa, thầy tế lễ cả ra lệnh cho những quan chỉ huy này gặp ông trong đền thờ.
Giới thiệu hoàng tử cho họ
Giê-hô-gia-đa nói cho họ biết rằng Giô-ách, con của vua A-xa-chia vẫn còn sống.
2 Kings 11:7
Thông Tin Chung:
Giê-hô-gia-đa tiếp tục đưa ra những mệnh lệnh cho những người lính bảo vệ vua Giô-ách.
sẽ ở gần vua
Tương tự câu: “để bảo vệ vua Giô-ách.”
Ai muốn xâm nhập hàng ngũ các ông
Hàng ngũ là nói đến một hàng chiến binh. Tương tự câu: “Bất kỳ ai đến gần khi các ông đang bảo vệ vua Giô-ách,”
Khi vua đi ra đi vào thì các ông phải ở bên cạnh vua
Tương tự câu: “Các ông phải ở bên cạnh vua mọi lúc.”
2 Kings 11:9
Các quan chỉ huy một trăm quân
Tương tự câu: “các quan trưởng”
Mỗi người
“Mỗi quan trưởng”
2 Kings 11:11
đưa hoàng tử ra
Giê-hô-gia-đa, thầy tế lễ cả đưa hoàng tử của A-xa-chia là Giô-ách ra khỏi phòng trong đền thờ là nơi mà cậu đã được giấu để nuôi lớn.
trao cuộn Chứng Ước cho người
“giao cho cậu quyển sách luật pháp”
vỗ tay
Vỗ tay là một dấu hiệu bày tỏ sự vui mừng của người dân khi xức dầu cho vị vua mới.
2 Kings 11:13
Bà A-tha-li đến gặp dân chúng tại đền thờ của Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “bà đến nơi mọi người đang tụ tập tại đền thờ.”
Bà thấy vua đang đứng
“Khi đến nơi, bà thấy vua Giô-ách đang đứng”
như nghi lễ thường lệ
Tương tự câu: “Nơi vị vua thường đứng”
2 Kings 11:15
Hãy lôi bà ấy ra khỏi hàng quân
“Hãy lôi bà ra khỏi hai hàng lính” (UDB) Hàng ngũ là những hàng lính.
Ai theo bà ấy
Tương tự câu: “Bất kỳ ai theo và cố gắng cứu bà,”
Nên họ túm lấy bà dẫn đến
“Vậy những người lính túm lấy bà và dẫn đi”
Dẫn đến cung vua theo lối đi của ngựa
“dẫn đến nơi mà ngựa đi vào cung điện”
2 Kings 11:17
với vua và dân chúng
“và cũng lập một giao ước giữa vua với dân chúng.”
đền thờ Ba-anh
“đền thờ của Ba-anh”
Ma-than
Sau đó, thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa đặt người canh giữ đền thờ của Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Sau đó thầy tế lễ Giê-hô-gia đa cho lính gác để bảo vệ đền thờ của Đức Giê-hô-va.”
2 Kings 11:19
Thông Tin Chung:
Vị vua mới là Giô-ách được đưa từ đền thờ đến cung điện.
Ca-rít
Đây là tên của một nhóm vệ binh hoàng gia đặc biệt.
kinh thành được yên tĩnh
“yên bình” hay là “hòa bình”
2 Kings 11:21
Giô-ách mới bảy tuổi
“Giô-ách mới được 7 tuổi”

Translation Questions

2 Kings 11:1
A-tha-li đã không giết ai?
A-tha-li đã không giết Giô-ách.
2 Kings 11:2
A-tha-li đã không giết ai?
A-tha-li đã không giết Giô-ách.
2 Kings 11:4
Các quan chỉ huy trăm quân của Ca-rít và những viên quan cảnh vệ phải làm gì trước khi họ thấy hoàng tử?
Các quan chỉ huy trăm quân của Ca-rít và những viên quan cảnh vệ phải lập giao ước với Giê-hô-gia-đa và thề trong nhà của Đức Giê-hô-va. Kế đến ông giới thiệu hoàng tử cho họ.
2 Kings 11:7
Hai nhóm không phục vụ trong ngày Sa-bát phải làm gì?
Hai nhóm không phục vụ trong ngày Sa-bát phải canh giữ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đền thờ của Đức Giê-hô-va cho vua.
2 Kings 11:10
Giê-hô-gia-đa đã phát những gì cho các quan cai?
Giê-hô-gia-đa đã phát những giáo và khiên thuộc về vua Đa-vít, đang được để tại đền thờ của Đức Giê-hô-va.
2 Kings 11:14
Tại sao A-tha-li lại xé áo mình và la lên?
A-tha-li đã xé áo mình và la lớn lên bởi vì bà đã nhìn thấy vua Giô-ách đứng bên cạnh cột trụ.
2 Kings 11:15
Tại sao A-tha-li lại bị giết trong hoàng cung của vua?
A-tha-li đã bị giết trong hoàng cung của vua, vì tiên tri Giê-hô-gia-đa đã nói: "Đừng để bà ta bị giết trong đền thờ của Đức Giê-hô-va."
2 Kings 11:16
Tại sao A-tha-li lại bị giết trong hoàng cung của vua?
A-tha-li đã bị giết trong hoàng cung của vua, vì tiên tri Giê-hô-gia-đa đã nói: "Đừng để bà ta bị giết trong đền thờ của Đức Giê-hô-va."
2 Kings 11:17
Sau khi Giê-hô-gia-đa đã lập giao ước xong thì dân sự đã làm gì?
Sau khi Giê-hô-gia-đa đã lập giao ước xong thì dân sự đã phá đổ đền thờ Ba-anh, đập nát các bàn thờ và tượng thần Ba-anh ra từng mảnh và giết Ma-than, thầy tế lễ của Ba-anh.
2 Kings 11:18
Sau khi Giê-hô-gia-đa đã lập giao ước xong thì dân sự đã làm gì?
Sau khi Giê-hô-gia-đa đã lập giao ước xong thì dân sự đã phá đổ đền thờ Ba-anh, đập nát các bàn thờ và tượng thần Ba-anh ra từng mảnh và giết Ma-than, thầy tế lễ của Ba-anh.
2 Kings 11:19
Khi Giô-ách đã ngồi trên ngai vua thì dân sự đã phản ứng ra sao?
Khi Giô-ách đã ngồi trên ngai vua thì toàn dân trong xứ đều vui mừng.
2 Kings 11:20
Khi Giô-ách đã ngồi trên ngai vua thì dân sự đã phản ứng ra sao?
Khi Giô-ách đã ngồi trên ngai vua thì toàn dân trong xứ đều vui mừng.

Chapter 12
2 Kings 12:1
Vào năm thứ bảy đời trị vì của vua Giê-hu
Tương tự câu: “Vào năm thứ 7 đời trị vì của Giê-hu trên Y-sơ-ra-ên,”
Giô-ách lên làm vua
Tương tự câu: “Giô-ách bắt đầu trị vì Giu-đa.”
Xi-bia
điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
Cụm từ “mắt Đức Giê-hô-va” tức là chính Đức Giê-hô-va.
Tương tự câu: “điều làm hài lòng Đức Giê-hô-va”
dạy dỗ
"dạy bảo vua."
Tuy nhiên, các nơi cao vẫn chưa bị tháo dỡ; dân chúng vẫn tiếp tục dâng sinh tế và đốt hương trên các nơi cao ấy
Tương tự câu: “Nhưng dân chúng vẫn tiếp tục đi đến những nơi cao là nơi mà Đức Giê-hô-va không thể chấp nhận được, để dâng tế lễ và đốt hương”
2 Kings 12:4
tế lễ thánh trong đền thờ Đức Giê-hô-va
Những vật dụng và đồ dùng được dùng trong đền thờ.
để sửa chữa những chỗ hư hại trong đền thờ
Các thầy tế lễ sửa chữa đền thờ với số tiền chuộc mạng khi kiểm tra dân số và tiền dâng hiến mà người ta dâng để sửa chữa đền thờ.
2 Kings 12:6
Sao các ông không sửa chữa những chỗ hư hại của đền thờ?
Tương tự câu: “Các ông nên sửa chữa lại đền thờ!”
hãy giao lại số bạc thu được cho người có trách nhiệm sửa chữa đền thờ.
Tương tự câu: “hãy trả cho những người thợ sửa chữa.”
2 Kings 12:9
Thay vì
"Thay vì các thầy tế lễ nhận tiền,"
lối vào đền thờ Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “lối vào đền thờ.”
bỏ vào
"bảo vào rương" hay "bỏ vào hộp" (UDB)
số bạc
Tương tự câu: “số tiền được bỏ vào trong rương”
2 Kings 12:11
đã kiểm
Tương tự câu: “đã được đếm” hay “được công bố”
vào tay những đốc công
"cho những người đốc công"
trông coi việc
Tương tự câu: “những người làm công việc sửa chữa”
thợ mộc
Đây là những người xây dựng và sửa chữa những thứ được làm bằng gỗ.
thợ nề
Đây là những người thợ xây dựng từ những vật liệu là đá.
mua gỗ và đá chẻ
"dùng để mua gỗ và đá chẻ"
2 Kings 12:13
chậu bằng bạc, kéo cắt tim đèn, bát, kèn, hay bất cứ dụng cụ nào bằng vàng, bằng bạc
Đây là những vật dụng được các thầy tế lễ dùng cho những công việc khác nhau trong đền thờ, như là tế lễ hoặc các lễ hội.
2 Kings 12:15
phải khai trình sổ sách
giữ hay báo cáo bao nhiêu tiền đã được sử dụng
không được đem vào đền thờ Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “đã không được chi trả cho việc sửa chữa đền thờ của Đức Giê-hô-va,”
2 Kings 12:17
Ha-xa-ên
Đây là tên của một người.
chiếm được thành nầy
Tương tự câu: “đánh bại và dành quyền cai trị nó.”
các tiên đế
Đây là những vua trước đó của Giu-đa.
Vì thế, Ha-xa-ên rút lui khỏi Giê-ru-sa-lem
Những vật mà Giô-ách đem nộp cho Ha-xa-ên đã thuyết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phục ông không tấn công Giê-ru-sa-lem nữa.
2 Kings 12:19
chẳng phải tất cả đều đã được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa sao?
Tương tự câu: “Chúng đều được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa.”

Si-la
Địa điểm của nơi này không được biết đến.
Giô-sa-bát ... Si-mê-át ... Giê-hô-sa-bát ... Sô-mê ... A-ma-xia
lên ngai kế vị
"trở thành vị vua kế tiếp của Giu-đa."

Translation Questions

2 Kings 12:2
Tại sao Giô-ách lại làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va trọn đời mình?
Giô-ách đã làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va trọn đời mình bởi vì thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa đã hướng dẫn người.
2 Kings 12:4
Điều gì đã thôi thúc lòng dân sự dâng tiền cho đền thờ?
Chính Đức Giê-hô-va đã thôi thúc lòng để dâng hiến.
2 Kings 12:6
Tại sao Giô-ách lại bảo các thầy tế lễ không nhận bạc từ những người đóng thuế nữa?
Giô-ách bảo các thầy tế lễ như thế bởi vì họ đã không sửa chữa bất cứ thứ gì trong đền thờ.
2 Kings 12:7
Tại sao Giô-ách lại bảo các thầy tế lễ không nhận bạc từ những người đóng thuế nữa?
Giô-ách bảo các thầy tế lễ như thế bởi vì họ đã không sửa chữa bất cứ thứ gì trong đền thờ.
2 Kings 12:9
Ai đã bỏ tiền vào trong cái rương đó?
Các thầy tế lễ canh cửa đền thờ đã bỏ vào trong rương ấy tất cả số bạc mà người ta đem đến đền thờ Đức Giê-hô-va.
2 Kings 12:12
Những người thợ đã dùng tiền đó cho việc gì?
Những người thợ đã dùng tiền đó để mua gỗ và đá đẽo để sửa chữa đền thờ Đức Giê-hô-va, và dùng vào các chi phí khác trong việc sửa chữa đền thờ.
2 Kings 12:16
Tại sao tiền bạc về của lễ chuộc sự mắc lỗi, và tiền bạc về của lễ chuộc tội lại không được đem vào đền thờ Đức Giê-hô-va?
Tiền bạc về của lễ chuộc sự mắc lỗi, và tiền bạc về của lễ chuộc tội không được đem vào đền thờ Đức Giê-hô-va, bởi vì nó thuộc về các thầy tế lễ.
2 Kings 12:18
Vua Giô-ách đã ngăn không cho vua Ha-xa-ên tấn công Giê-ru-sa-lem bằng cách nào?
Giô-ách đã lấy hết thảy những vật thánh mà Giô-sa-phát, Giô-ram và A-cha-xia,các tổ phụ người, là vua Giu-đa, đã biệt riêng ra thánh cho Đức Giê-hô-va, và hết thảy vàng ở trong kho tàng của đền thờ Đức Giê-hô-va và ở cung vua, mà gởi dâng cho Ha-xa-ên, vua A-ram. Vì cớ ấy, Ha-xa-ên đi khỏi Giê-ru-sa-lem.
2 Kings 12:21
Ai đã tấn công Giô-ách?
Giô-xa-ca, con trai Si-mê-át, và Giô-sa-bát, con trai Sô-mê, các tôi tớ người đã tấn công Giô-ách.

Chapter 13

2 Kings 13:1
Vào năm thứ hai mươi ba đời trị vì của Giô-ách, con A-cha-xia, vua Giu-đa
ba năm của Giô-ách, con trai A-cha-xia, vua Giu-đa
lên làm vua Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri
"cai trị vương quốc Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri"
trị vì mười bảy năm
"Giô-a-cha cai trị trong 17 năm"
Vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
"Vua đã làm những điều mà theo Đức Giê-hô-va đó là tội lỗi"
đi theo các tội lỗi của Giê-rô-bô-am
"và đã làm những tội lỗi tương tự như Giê-rô-bô-am"
Vua không từ bỏ tội ấy
Tương tự câu: “Giô-a-cha đã không từ bỏ tội lỗi của Giê-rô-bô-am.”
2 Kings 13:3
Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng dân Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “Vì vậy Đức Giê-hô-va đã nổi cơn thạnh nộ cùng dân Y-sơ-ra-ên”
X
phó họ vào tay Ha-xa-ên, vua A-ram, và vào tay Bên Ha-đát, con trai Ha-xa-ên
khẩn xin ân huệ của Đức Giê-hô-va
“cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va”
2 Kings 13:6
họ vẫn không từ bỏ tội lỗi của nhà Giê-rô-bô-am
Tương tự câu: “Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục phạm những tội lỗi mà nhà Giê-rô-bô-am đã từng phạm phải”
đã tiêu diệt
Tương tự như: “Vua A-ram đã đánh bại quân đội của Giô-a-cha”
nghiền nát quân Y-sơ-ra-ên như bụi trong sân đập lúa
Sự phá hủy đối với họ vô cùng lớn, những gì còn lại của quân Giô-a-cha là rất nhỏ và không đáng kể khi so sánh với bột lúa mì vô giá trị và dễ dàng bị thổi bay xa.
2 Kings 13:8
Chẳng phải các việc khác của Giô-a-cha, tất cả những gì vua đã làm, và thế lực của vua
Tương tự câu: “Những việc làm sau đó của Giô-a-cha, và mọi điều ông đã làm khi là vua.”
an giấc cùng các tổ phụ mình
“đã chết”
chẳng phải đều được chép ... Y-sơ-ra-ên sao?
“Những điều đó đều được chép trong ... của Y-sơ-ra-ên.”
2 Kings 13:10
Giô-ách
Đây là vua Y-sơ-ra-ên, là con trai của Giô-a-cha
Vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Ông đã làm những điều mà Đức Giê-hô-va xem là điều ác.”
không từ bỏ tội lỗi của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tương tự câu: “Giô-ách tiếp tục làm điều ác như Giê-rô-bô-am con của Nê-bát đã làm.”
Là tội đã gây cho dân Y-sơ-ra-ên phạm tội
“bởi những tội đó Giê-rô-bô-am đã khiến dân Y-sơ-ra-ên phạm tội”
vua cứ đi theo con đường tội lỗi ấy
“Nhưng Giô-ách tiếp tục phạm những tội lỗi này.”
2 Kings 13:12
chiến công của vua trong cuộc chiến với A-ma-xia, vua Giu-đa
“và sức mạnh mà quân đội Giô-ách đã thể hiện khi họ chiến đấu chống lại quân của A-ma-xia, vua Giu-đa”
chẳng phải đều được chép trong ... Y-sơ-ra-ên sao?
“Những điều đó đều được chép trong ... Y-sơ-ra-ên.”
Giô-ách an giấc cùng các tổ phụ mình
“Giô-ách chết”
rồi Giê-rô-bô-am lên ngai kế vị
Tương tự câu: “Và Giê-rô-bô-am trở thành vua.” hay là “và Giê-rô-bô-am bắt đầu trị vì.”
2 Kings 13:14
Cha tôi ơi! Cha tôi ơi!
Ê-li-sê chẳng phải là cha đẻ của vua. Vua Giô-ách đã sử dụng cụm từ này để bày tỏ sự kính trọng của ông với Ê-li-sê.
và kỵ binh
Tương tự câu: “và những người lái chiến xa”
2 Kings 13:17
Thông Tin Chung:
Ê-li-sê tiếp tục nói với Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên.
Giô-ách mở cửa ra
“và một người đầy tớ đã mở cửa ra.” (UDB)
vua liền bắn
“Và Giô-ách bắn mũi tên.”
Ấy là mũi tên chiến thắng của Đức Giê-hô-va, tức là mũi tên chiến thắng quân A-ram
Tương tự câu: “Mũi tên này là dấu hiệu của Đức Giê-hô-va sẽ ban cho vua chiến thắng quân A-ram,” hoặc là “Mũi tên này tượng trưng cho sự chiến thắng mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho vua trước quân A-ram,”
A-phéc
Đây là một thành trong vùng đất của Y-sơ-ra-ên.
Người của Đức Chúa Trời nổi giận với vua
“Nhưng Ê-li-sê tức giận với vua Giô-ách”
tận diệt chúng
“hoàn toàn tiêu diệt chúng” hay “cho tới khi chúng hoàn toàn bị quét sạch” (UDB)
2 Kings 13:20
Nhưng bây giờ
“Vào lúc đó”
vào dịp đầu năm
“Vào mùa xuân mỗi năm.” (UDB)
Người ta đang đem một người chết đi chôn
“Khi những người dân Y-sơ-ra-ên đang chôn xác một người.”
thấy một toán quân Mô-áp đến cướp phá
Tương tự câu: “Họ nhìn thấy một toán cướp người Mô-áp đang tiến đến và họ sợ hãi,”
Vừa khi chạm đến hài cốt của Ê-li-sê
“Ngay khi xác chết chạm vào xương của Ê-li-sê,”
người chết sống lại và đứng trên chân mình
Tương tự câu: “Người chết sống lại và đứng lên.”
2 Kings 13:22
Nhưng Đức Giê-hô-va vẫn làm ơn cho họ. Ngài thương xót và đoái xem họ
Tương tự câu: “Nhưng Đức Giê-hô-va rất nhân từ với người Y-sơ-ra-ên. Ngài đã giúp đỡ họ.” (UBD)
Ngài không muốn tiêu diệt họ
Tương tự câu: “Đây là lý do mà Đức Giê-hô-va đã không tiêu diệt họ,”

Translation Questions

2 Kings 13:4
Tại sao Đức Giê-hô-va lại ban cho Y-sơ-ra-ên một người giải cứu?
Giô-a-cha đã cầu khẩn Đức Giê-hô-va, vậy nên Đức Giê-hô-va đã ban cho Y-sơ-ra-ên một người giải cứu.
2 Kings 13:5
Tại sao Đức Giê-hô-va lại ban cho Y-sơ-ra-ên một người giải cứu?
Giô-a-cha đã cầu khẩn Đức Giê-hô-va, vậy nên Đức Giê-hô-va đã ban cho Y-sơ-ra-ên một người giải cứu.
2 Kings 13:7
Vua A-ram đã hủy diệt đội quân Y-sơ-ra-ên và khiến họ trở nên như điều gì?
Vua A-ram đã hủy diệt đội quân Y-sơ-ra-ên và khiến họ trở nên như bụi trong sân đạp lúa.
2 Kings 13:15
Khi Ê-li-sê bị bệnh, ông đã bảo Giô-ách cầm thứ gì lên?
Ông đã bảo Giô-ách cầm cung và một ít mũi tên lên.
2 Kings 13:18
Vì Giô-ách đã đập xuống đất chỉ ba lần nên chuyện gì đã xảy ra?
Vì Giô-ách đã đập xuống đất chỉ ba lần nên vua sẽ đánh dân Sy-ri ba lần mà thôi.
2 Kings 13:19
Vì Giô-ách đã đập xuống đất chỉ ba lần nên chuyện gì đã xảy ra?
Vì Giô-ách đã đập xuống đất chỉ ba lần nên vua sẽ đánh dân Sy-ri ba lần mà thôi.
2 Kings 13:21
Chuyện gì đã xảy ra với người đã bị chôn trong mộ của Ê-li-sê?
Người bị chôn trong mộ của Ê-li-sê đã sống lại và đứng dậy ngay khi người vừa đụng hài cốt Ê-li-sê.
2 Kings 13:23
Tại sao Đức Giê-hô-va lại không đuổi Y-sơ-ra-ên ra khỏi trước mặt Ngài?
Đức Giê-hô-va nhân từ với Y-sơ-ra-ên, có lòng thương xót trên họ và đoái xem họ vì cớ lời giao ước của Ngài đã lập với Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Ngài không muốn diệt họ, không từ bỏ họ khỏi trước mặt Ngài.

Chapter 14

2 Kings 14:1
A-ma-xia, con Giô-ách, vua Giu-đa, lên ngai vua
Tương tự câu: “A-ma-xia, con trai Giô-ách trở thành vua của Giu-đa.”
Khi bắt đầu trị vì, vua được hai mươi lăm tuổi
năm tuổi ông bắt đầu trị vì
cai trị hai mươi chín năm tại Giê-ru-sa-lem
chín năm ở Giê-ru-sa-lem

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-hoa-đan
Vua làm điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va, nhưng không được như tổ tiên vua là Đa-vít
“A-ma-xia đã làm nhiều điều khiến Đức Giê-hô-va vui lòng nhưng ông không làm được nhiều điều khiến Ngài vui lòng như vua Đa-vít đã làm.” (UDB)
điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
“Điều ngay thẳng theo Đức Giê-hô-va” hoặc là “điều ngay thẳng trước mặt Đức Giê-hô-va”
Vua chỉ làm theo mọi điều cha mình là Giô-ách đã làm
“Ông làm những điều tốt tương tự như cha mình là vua Giô-ách đã làm.”
2 Kings 14:4
Thông Tin Chung:
Kinh Thánh tiếp tục miêu tả sự trị vì của A-ma-xia, vua Giu-đa.
Các nơi cao vẫn chưa bị phá hủy
Tương tự câu: “Nhưng vua không phá hủy các nơi cao của những người thờ tà thần đã được xây trên những ngọn đồi.”
Vừa khi nắm vững vương quốc trong tay
Tương tự câu: “Ngay khi A-ma-xia thiết lập quyền cai trị và vương quyền của mình vững chắc.”
2 Kings 14:6
Thông Tin Chung:
Kinh Thánh nói về điều vua A-ma-xia đã làm sau khi cha ông là vua Giô-ách bị giết.
Nhưng vua không xử tử con cái của những kẻ sát nhân ấy
Vua A-ma-xia không ra lệnh cho các đầy tớ của mình giết những đứa trẻ là con của những người đã giết cha vua.
Người ta sẽ không giết cha vì tội của con, cũng sẽ chẳng giết con vì tội của cha
“Mọi người không được giết những người cha vì tội của con cái họ, và họ cũng không được giết những người con vì tội của cha mẹ chúng.”
Chính A-ma-xia đã giết
“Quân của A-ma-xia đã giết” hay “Những người lính của A-ma-xia đã giết” (UDB)
thung lũng Muối
Đây là tên một địa danh nằm ở phía nam của Biển Chết.
và chiếm thành Sê-la trong trận nầy
Tương tự câu: “Quân đội của vua A-ma-xia đã chiếm lấy thành Sê-la”
Sê-la … Giốc-then
Họ đổi tên thành Sê-la. Tên mới là Giốc-then.
2 Kings 14:8
Sau đó, A-ma-xia sai sứ giả đến gặp Giô-ách, con Giô-a-cha, cháu Giê-hu, vua Y-sơ-ra-ên, với lời thách thức: “Hãy đến, để chúng ta đối mặt đọ sức nhau.”
“Sau đó A-ma-xia sai sứ giả đến gặp Vua Giô-ách của Y-sơ-ra-ên với lời thách thức “Hãy đến đây, để chúng ta cùng quân đội chúng ta đối mặt đọ sức với nhau trong chiến trận”
Cây gai ở Li-băng … giẫm nát cây gai
Đây là một bức tranh được diễn đạt bằng lời và khá khó hiểu. Nghĩa có thể là: Một cây bá hương là to lớn và một cây gai thì thật là nhỏ và vô dụng. Giô-ách so sánh A-ma-xia với cây gai và cảnh báo ông đừng tấn công. Nếu bạn có cách so sánh phù hợp trong ngôn ngữ của mình, bạn có thể sử dụng.
cây gai
“Một bụi cây có nhiều gai”
Ông thật đã đánh bại dân Ê-đôm
Đây là phần cảnh báo trong thông điệp của Giô-ách gửi đến vua A-ma-xia. “A-ma-xia, ông quả thực đã đánh bại Ê-đôm”
sinh lòng kiêu căng
“ông đang rất tự hào về điều mình đã làm được.”
hưởng vinh quang của chiến công ấy
“Hãy bằng lòng với chiến thắng của mình”
tại sao ông lại muốn gây họa cho mình, "khiến cho ông và cả Giu-đa bị gục ngã?
“vì ông không nên gây họa cho chính mình và để bị đánh bại”
2 Kings 14:11
Nhưng A-ma-xia không chịu nghe
Tương tự câu: “Tuy nhiên, A-ma-xia đã không chịu nghe theo lời cảnh báo của Giô-ách.”
Vậy, vua Y-sơ-ra-ên là Giô-ách tiến lên đọ sức mặt đối mặt
“Vậy nên Giô-ách và quân đội mình đã tiến lên tấn công A-ma-xia và quân đội ông"
Bết Sê-mết
ai về nhà nấy
“và mọi người trong đội quân bại trận đã chạy về nhà.”
2 Kings 14:13
Thông Tin Chung:
Đây là điều đã xảy ra sau khi quân đội của Y-sơ-ra-ên đã đánh bại quân Giu-đa tại Bết Sê-mết.
Rồi Giô-ách tiến đến
“Giô-ách và quân đội của ông đã tiến đến ”
Cổng Ép-ra-im … Cổng Góc
Các địa danh
Bốn trăm thước
“khoảng 180 m chiều dài”
thước
Vua lấy
“Quân lính của Giô-ách đã lấy”
cũng bắt nhiều con tin, rồi trở về Sa-ma-ri
Ở đây ngụ ý rằng Giô-ách cần phải bắt các con tin này để ngăn cản A-ma-xia tấn công lại lần nữa. Tương tự câu: “Họ cũng bắt về Sa-ma-ri những tù nhân để đảm bảo rằng A-ma-xia sẽ không gây ra phiền phức cho họ nữa.”
2 Kings 14:15
chẳng phải chúng đều được chép … Y-sơ-ra-ên sao?
“chúng đều được chép … Y-sơ-ra-ên.”
Giô-ách an giấc cùng các tổ phụ
Tương tự câu: “Sau đó Giô-ách chết”
2 Kings 14:17
Chẳng phải chúng đều được chép trong … Giu-đa sao?
“chúng được chép trong … Giu-đa.”
Tại Giê-ru-sa-lem người ta âm mưu chống lại vua A-ma-xia
Âm mưu là một kế hoạch bí mật của một nhóm người để hãm hại một ai đó hay việc gì đó. Tương tự câu: “Một số người ở Y-sơ-ra-ên lên kế hoạch chống lại A-ma-xia,”
La-ki
Đây là một thành ở phía nam của Giu-đa.
Nhưng họ sai người đuổi theo vua đến La-ki
Những người đã âm mưu với nhau sai người khác đuổi theo vua A-ma-xia đến La-ki.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Kings 14:20
Thông Tin Chung:
Đây là những điều xảy ra sau khi vua A-ma-xia chết.
Họ đặt xác vua trên ngựa
Tương tự câu: “Họ mang xác của vua A-ma-xia trở về trên ngựa,”
Toàn dân Giu-đa lập A-xa-ria, được mười sáu tuổi, lên làm vua kế vị vua cha là A-ma-xia
Tương tự câu: “Toàn dân Giu-đa đã lập A-xa-ria, được mười sáu tuổi lên làm vua kế vị sau cha của ông là A-ma-xia.”
A-xa-ria
Vị vua này được biết đến ngày nay bằng cái tên “Ô-xia.”
Ê-lát
khôi phục chủ quyền thành ấy về cho Giu-đa
Tương tự câu: “trả thành ấy về cho Giu-đa.”
2 Kings 14:23
Thông Tin Chung:
Đoạn này miêu tả những điều vua Ô-xia đã làm sau khi ông trở thành vua.
Vào năm thứ mười lăm đời trị vì của A-ma-xia
“Vào năm thứ mười lăm đời vua A-ma-xia”
bốn mươi mốt năm
mốt năm
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
“điều ác theo cách nhìn của Đức Giê-hô-va.” hay là “điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va.”
Lê-bô-Ha-mát
Thành này cũng được gọi là thành Ha-mát.
biển A-ra-ba
“biển Chết” (UDB)
2 Kings 14:26
Đức Giê-hô-va đã không phán rằng Ngài sẽ xóa tên Y-sơ-ra-ên dưới bầu trời
Ở đây “tên Y-sơ-ra-ên” tượng trưng cho tất cả dân Y-sơ-ra-ên và những người cư trú ở đó. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ không hủy diệt nhà Y-sơ-ra-ên hoàn toàn.”
Ngài đã dùng Giê-rô-bô-am, con Giô-ách, mà giải cứu họ
“Ngài khiến vua Giê-rô-bô-am giải cứu họ” (UDB)
2 Kings 14:28
chẳng phải chúng đều được chép ... Y-sơ-ra-ên sao?
“chúng đều được chép ... Y-sơ-ra-ên.”
Giê-rô-bô-am an giấc cùng tổ phụ mình là các vua Y-sơ-ra-ên
“Giê-rô-bô-am chết và được chôn ở nơi mà các vua của Y-sơ-ra-ên đã được chôn.”

Translation Questions

2 Kings 14:5
Ngay khi đã thiết lập quyền cai trị của mình thì A-ma-xia đã làm gì?
Ngay khi đã thiết lập quyền cai trị của mình thì A-ma-xia đã giết những tôi tớ đã giết vua cha mình.
2 Kings 14:6
Tại sao A-ma-xia lại không xử tử con cái của kẻ sát nhân ấy?
A-ma-xia đã không xử tử con cái của kẻ sát nhân ấy bởi vì Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho người rằng: Không được giết cha thế cho con, cũng không được giết con thế cho cha. Thay vào đó, mỗi người sẽ chết vì tội lỗi riêng mình."
2 Kings 14:9
Điều gì đã giày đạp cây gai dưới chân?
Một con thú rừng của Li-ban sẽ giày đạp cây gai nầy dưới chân.
2 Kings 14:14
Giô-ách đã chiếm lấy những gì khỏi Giê-ru-sa-lem?
Vua lấy tất cả vàng bạc và mọi vật dụng tìm thấy trong đền thờ Đức Giê-hô-va, và những thứ có giá trị trong cung vua cùng nhiều con tin.
2 Kings 14:19
A-ma-xia đã chết như thế nào?
Tại Giê-ru-sa-lem, người ta âm mưu chống lại vua nên vua chạy trốn đến La-ki. Nhưng họ sai người đuổi theo vua đến La-ki và giết vua tại đó.
2 Kings 14:22
A-xa-ria đã làm gì với Ê-lát?
Người lại xây Ê-lát, vua khôi phục thành ấy về dưới quyền Giu-đa.
2 Kings 14:25
Giê-rô-bô-am đã nghe được rằng ông phải khôi phục bờ cõi Y-sơ-ra-ên từ Lê-bô Ha-mát cho đến biển A-ra-ba từ ai?
Giê-rô-bô-am đã nghe từ Giô-na, con trai A-mi-tai rằng vua phải khôi phục bờ cõi Y-sơ-ra-ên từ Lê-bô Ha-mát cho đến biển A-ra-ba.
2 Kings 14:26
Bởi vì Đức Giê-hô-va nhận thấy không có người giải cứu nào cho Y-sơ-ra-ên nên Ngài đã giải cứu họ như thế nào?
Bởi vì Đức Giê-hô-va nhận thấy không có người giải cứu nào cho Y-sơ-ra-ên nên Ngài đã giải cứu họ qua tay của Giê-rô-bô-am, con trai Giô-ách.
2 Kings 14:27
Bởi vì Đức Giê-hô-va nhận thấy không có người giải cứu nào cho Y-sơ-ra-ên nên Ngài đã giải cứu họ như thế nào?
Bởi vì Đức Giê-hô-va nhận thấy không có người giải cứu nào cho Y-sơ-ra-ên nên Ngài đã giải cứu họ qua tay của Giê-rô-bô-am, con trai Giô-ách.

Chapter 15
2 Kings 15:1
Năm thứ hai mươi bảy đời trị vì của Giê-rô-bô-am
năm thứ hai mươi bảy đời vua Giê-rô-bô-am
A-xa-ria
Vị vua mà ngày nay thường biết đến với cai tên “Ô-xia.”
Giê-cô-lia
điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
“điều ngay thẳng theo quan điểm của Đức Giê-hô-va” hoặc là “làm điều ngay thẳng trước mặt Đức Giê-hô-va” hoặc là “Đức Giê-hô-va hài lòng với những điều mà vua đã làm”
2 Kings 15:4
Các nơi cao vẫn chưa bị phá hủy
“Vua Ô-xia không ra lệnh phá hủy các nơi cao”
Giô-tham, con vua, đảm trách việc triều chính
Bởi vì Ô-xia bị bệnh phung, ông phải sống trong một căn nhà riêng, vậy nên con trai ông, là Giô-tham đã đảm trách việc triều chính.
2 Kings 15:6

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chẳng phải chúng đều được chép ... Giu-đa sao?
“chúng đều được chép ... Giu-đa.”
A-xa-ria an giấc cùng các tổ phụ và được an táng bên cạnh họ
“A-xa-ria chết. Mọi người trong gia đình ông đã chôn ông gần nơi mà các tổ phụ của ông đã được chôn.”
2 Kings 15:8
Xa-cha-ri, con trai Giê-rô-bô-am, lên làm vua Y-sơ-ra-ên và cai trị sáu tháng tại Sa-ma-ri
Tương tự câu: “Xa-cha-ri, con trai của Giê-rô-bô-am đã làm vua Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri trong sáu tháng.”
Vua làm điều ác
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2.
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
“điều ác theo quan điểm của Đức Giê-hô-va” hay “điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va” hay “Đức Giê-hô-va lên án những điều ông làm và cho rằng nó là điều ác.”
Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát
Giê-rô-bô-am ở đây tức là Giê-rô-bô-am I, người đã trị vì vào khoảng năm 922-901 trước Chúa
đã gây cho Y-sơ-ra-ên phạm tội
“Giê-rô-bô-am đã làm nhiều điều ác và khiến cho người dân Y-sơ-ra-ên phạm tội cùng ông.”
2 Kings 15:10
rồi giết chết vua
Trong một vài bản Hy Lạp rất cổ đã thêm vào tên địa danh, “tại Gíp-lê-am” – một vài bản dịch đã đưa thông tin đó vào trong đoạn
và chiếm ngai
“Sau đó Sa-lum trở thành vua thay cho Xa-cha-ri.”
Như thế, lời của Đức Giê-hô-va đã phán hứa với Giê-hu rằng: “Con cháu ngươi sẽ ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên cho đến đời thứ tư.”
Tương tự câu: “Đây là điều mà Đức Giê-hô-va đã phán cùng Giê-hu: “Hậu tự của ngươi sẽ là vua của Y-sơ-ra-ên trong bốn đời.”
2 Kings 15:13
Sa-lum ... Gia-be ... Mê-na-hem ... Ga-đi
cai trị một tháng tại Sa-ma-ri
“Sa-lum cai trị chỉ một tháng tại Sa-ma-ri”
Đánh Sa-lum
Tương tự câu: “Từ Tiệt-sa, Mê-na-hem đi lên đánh Sa-lum,”
2 Kings 15:15
âm mưu do vua chủ xướng
Tương tự câu: “Vai trò của vua trong kế hoạch và chỉ huy việc ám sát vua Xa-cha-ri”
Típ-sắc ... Tiệt-sa
2 Kings 15:17
Năm thứ ba mươi chín
Năm thứ ba mươi chín
Vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Vua làm nhiều điều mà Đức Giê-hô-va xem là điều ác” hoặc là “Đức Giê-hô-va đã xem thấy tất cả mọi điều ông làm và Ngài nói rằng mọi điều mà ông đã làm là điều ác”
tội đã gây cho Y-sơ-ra-ên phạm tội.
“Tội lỗi xấu xa của Giê-rô-bô-am,con trai Nê-bát là nguyên nhân khiến cho dân Y-sơ-ra-ên phạm những tội như ông đã làm.”
2 Kings 15:19
Vua A-si-ri là Phun
“Vua Tiếc-la Phi-lê-se của A-si-ri”
đến xâm lấn xứ sở
Tương tự câu: “đến cùng quân đội mình để tấn công đất nước Y-sơ-ra-ên”
một ngàn
ta-lâng ... siếc-lơ
giữ vững vương quốc trong tay mình
Tương tự câu: “để giữ vững sự cai trị của vua trên đất nước Y-sơ-ra-ên”
thu
“đòi hỏi” hay là “thu được” (UDB)
2 Kings 15:21
chẳng phải chúng đều được chép ... Y-sơ-ra-ên sao?
“chúng đều được chép ... Y-sơ-ra-ên.”
an giấc cùng với các tổ phụ mình
“đã chết và họ chôn vua,”
Phê-ca-hia
2 Kings 15:23
Năm thứ năm mươi
“Vào năm thứ 50”
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
“làm điều ác theo quan điểm của Đức Giê-hô-va” hay là “Đức Giê-hô-va đã thấy những điều vua làm và Ngài cho quả quyết rằng đó là những điều ác”
2 Kings 15:25
Phê-ca ... Rê-ma-lia ... Ạt-gốp ... A-ri-ê
Một vài bản khác nói Ạt-gốp và A-ri-ê là những người bị giết cùng với vua.
âm mưu
âm mưu là lên một kế hoạch bí mật để hãm hại ai đó hay việc gì đó, trong trường hợp này là hãm hại vua Phê-ca-hia.
năm mươi người
“50 người”
pháo đài của hoàng cung
“một nơi được gia cố trong hoàng cung” (UDB)
2 Kings 15:27
Năm thứ năm mươi hai
Năm thứ năm mươi hai
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
“điều ác theo quan điểm của Đức Giê-hô-va” hoặc là “điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va” hay “Đức Giê-hô-va xem thấy những việc ông làm và Ngài quả quyết rằng những điều ông làm là tội lỗi.”
2 Kings 15:29
Y-giôn ... A-bên Bết-Ma-ca ... Gia-nô-ác ... Kê-đe ... Hát-so ... Ga-la-át ... Ga-li-lê ... Nép-ta-li
Đây là tên của các thành hoặc các vùng
Vua bắt dân các nơi ấy đày sang A-si-ri
Ở đây từ “Vua” nói đến Tiếc-la Phi-lê-se, vua A-si-ri. Quân đội của vua buộc dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi xứ sở của họ và đến sống ở A-si-ri.
âm mưu
âm mưu là lên một kế hoạch bí mật bởi một nhóm người để hãm hại ai đó hay việc gì đó.
Chống lại vua Phê-ca,con Rê-ma-lia, và đánh giết vua
Ô-sê đã tấn công Phê-ca và giết chết vua.
nhằm năm thứ hai mươi đời trị vì của vua Giô-tham
“vào năm thứ 20 đời vua Giô-tham”
2 Kings 15:32

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giô-tham, con Ô-xia, vua Giu-đa, lên ngai làm vua
“Giô-tham con trai của Ô-xia, vua Giu-đa, đã trở thành vua cai trị vương quốc Giu-đa.”
Giô-tham được hai mươi lăm tuổi ... mười sáu năm
hai mươi lăm tuổi ... mười sáu năm
2 Kings 15:34

dưới mắt Đức Giê-hô-va
“theo quan điểm của Đức Giê-hô-va”
các nơi cao vẫn chưa bị phá hủy
Tương tự câu: “Vua đã không phá hủy những nơi cao”
chẳng phải chúng đều được chép ... Giu-đa sao?
“chúng đều được chép trong ... Giu-đa.”

Translation Questions

2 Kings 15:5
Đức Giê-hô-va đã khiến vua A-xa-ria đau đớn ra sao?
Đức Giê-hô-va đã khiến vua A-xa-ria đau đớn khiến người khiến bị bịnh phung cho đến ngày người chết; người phải rút ở trong nhà riêng.
2 Kings 15:7
Ai đã trở thành vua thay cho vua A-xa-ria?
Giô-tham, con trai người, trở thành vua kế vị người.
2 Kings 15:10
Sa-lum đã giết chết Xa-cha-ri tại đâu?
Sa-lum đã giết chết Xa-cha-ri trước mặt dân sự.
2 Kings 15:12
Dòng dõi của Giê-hu đã ngồi trên ngai của Y-sơ-ra-ên trong bao lâu?
Dòng dõi của Giê-hu đã ngồi trên ngai của Y-sơ-ra-ên đến đời thứ tư.
2 Kings 15:13
Tại sao Sa-lum chỉ cai trị một tháng tại Sa-ma-ri?
Sa-lum chỉ cai trị một tháng tại Sa-ma-ri bởi vì Mê-na-hem, con trai Ga-đi đã giết chết người.
2 Kings 15:14
Tại sao Sa-lum chỉ cai trị một tháng tại Sa-ma-ri?
Sa-lum chỉ cai trị một tháng tại Sa-ma-ri bởi vì Mê-na-hem, con trai Ga-đi đã giết chết người.
2 Kings 15:16
Tại sao Mê-na-hem lại tấn công Típ-sắc và toàn bộ dân tại đó?
Mê-na-hem đã tấn công Típ-sắc và toàn bộ dân tại đó bởi vì họ không chịu mở cửa thành cho ông.
2 Kings 15:19
Làm thế nào Mê-na-hem thu được một nghìn ta-lâng bạc để giao nộp cho Phun?
Mê-na-hem đã thu được một nghìn ta-lâng bạc bằng cách bắt buộc mỗi một người trong số những người giàu có phải nộp năm mươi siếc-lơ bạc cho mình.
2 Kings 15:20
Làm thế nào Mê-na-hem thu được một nghìn ta-lâng bạc để giao nộp cho Phun?
Mê-na-hem đã thu được một nghìn ta-lâng bạc bằng cách bắt buộc mỗi một người trong số những người giàu có phải nộp năm mươi siếc-lơ bạc cho mình.
2 Kings 15:25
Ai đã giết Phê-ca-hia?
Phê-ca đã giết Phê-ca-hia.
2 Kings 15:29
Tại sao Ô-sê, con trai Ê-la, lại mưu phản Phê-ca?
Ô-sê đã lên âm mưu phản nghịch Phê-ca bởi vì Tiếc-la-Phi-lê-se, vua A-si-ri đã đến và chiếm nhiều thành.
2 Kings 15:30
Tại sao Ô-sê, con trai Ê-la, lại mưu phản Phê-ca?
Ô-sê đã lên âm mưu phản nghịch Phê-ca bởi vì Tiếc-la-Phi-lê-se, vua A-si-ri đã đến và chiếm nhiều thành.
2 Kings 15:34
Giô-tham đã theo gương của ai?
Giô-tham đã theo gương của Ô-xia, cha mình.

Chapter 16

2 Kings 16:1
Năm thứ mười bảy đời trị vì của vua Phê-ca
“Vào năm thứ 17 đời vua Phê-ca”
dưới mắt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình
“theo quan điểm của Đức Giê-hô-va”
2 Kings 16:3
vua đi theo đường lối của các vua Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “Vua A-cha đã làm theo đường lối mà các vua Y-sơ-ra-ên đã làm,”
thói tục ghê tởm
Tương tự cụm từ: “những điều kinh tởm” (UDB) hay là “những tội lỗi kinh khủng và tàn ác”
dưới tất cả cây xanh
Tương tự câu: “Các cây có tán lá rộng”
2 Kings 16:5
bao vây A-cha
“bao vây quanh thành,”
2 Kings 16:7
Tôi là đầy tớ và là con của ngài
Tương tự câu: “Tôi sẽ tuân lệnh ngài như thể tôi là đầy tớ và là con của ngài.”
khỏi tay vua A-ram và vua Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: “khỏi quân đội của A-ram và Y-sơ-ra-ên”
Ki-rơ
Tương tự câu: “thủ đô của A-si-ri.”
2 Kings 16:10
kiểu mẫu và mô hình bàn thờ ấy, với tất cả chi tiết chỉ dẫn cách làm bàn thờ
Tương tự câu: “tất cả các chỉ dẫn cần thiết cho các thợ khéo tay để xây dựng bàn thờ” hay là tương tự câu “tất cả các kỹ xảo cần thiết để làm bàn thờ.”
2 Kings 16:13
Thông Tin Chung:
Đây là điều mà vua A-cha đã làm sau khi ông trở về từ thành Đa-mách và thăm bàn thờ mới mà ông ra lệnh xây lên.
Vua dâng
“Vua A-cha dâng”
Bàn thờ bằng đồng
Đây là bàn thờ mà dân Y-sơ-ra-ên đã làm theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời.
2 Kings 16:17
vua cho hạ bể nước
Từ “bể nước” ở đây là một cái bồn hoặc chậu nước rất lớn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

được làm bằng đồng. Tương tự câu: “Vua cũng dẹp bỏ những bồn nước lớn.”
để được lòng vua A-si-ri
“để làm vui lòng vua A-si-ri.”
2 Kings 16:19
chẳng phải chúng đều được chép ... Giu-đa sao?
Tương tự câu: “chúng đều được chép ... Giu-đa.”
A-cha an giấc cùng các tổ phụ
Tương tự câu: “A-cha chết”

Translation Questions

2 Kings 16:3
A-cha đã làm gì với con trai mình?
A-cha đã đặt con trai mình trên lửa như một của lễ thiêu, đi theo những việc làm đáng ghê tởm của các nước.
2 Kings 16:5
Rê-xin thể thể làm gì khi ông tấn công Y-sơ-ra-ên?
Khi Rê-xin tấn công Giê-ru-sa-lem, ông đã không thể thắng được A-cha.
2 Kings 16:8
A-cha đã tặng lễ vật nào cho vua A-si-ri?
A-cha đã lấy bạc và vàng có ở trong đền thờ Đức Giê-hô-va và giữa các kho báu trong cung điện của vua, và gởi đem làm của lễ cho vua A-si-ri.
2 Kings 16:10
A-cha muốn U-ri xây một bản sao của bàn thờ nào?
A-cha muốn U-ri xây một bản sao của bàn thờ tại Đa-mách.
2 Kings 16:11
A-cha muốn U-ri xây một bản sao của bàn thờ nào?
A-cha muốn U-ri xây một bản sao của bàn thờ tại Đa-mách.
2 Kings 16:13
Ai đã dâng của lễ thiêu và của lễ chay của vua?
Chính vua đã dâng của lễ thiêu và của lễ chay của mình.
2 Kings 16:15
Mục đích của bàn thờ bằng đồng là gì?
Bàn thờ bằng đồng là để dành cho A-cha cầu hỏi sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời.
2 Kings 16:18
Tại sao A-cha đã dỡ bỏ phần lối đi có mái che dùng về ngày Sa-bát mà người ta đã xây trong đền thờ cùng với lối ra vào dành cho vua ở bên ngoài đền thờ của Đức Giê-hô-va?
A-cha đã dỡ bỏ phần lối đi có mái che dùng về ngày Sa-bát mà người ta đã xây trong đền thờ cùng với lối ra vào dành cho vua ở bên ngoài đền thờ của Đức Giê-hô-va vì cớ vua A-si-ri.

Chapter 17
2 Kings 17:1
Ô-sê, con Ê-la
Ô-sê trở thành vua của vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên.
Cai trị chín năm tại Sa-ma-ri
Sa-ma-ri là thủ đô của Y-sơ-ra-ên.
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Vua không tuân theo luật pháp mà Đức Giê-hô-va đã truyền dạy cho Môi-se. Tương tự câu: “điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
Vua phải thần phục và triều cống
Ô-sê đã làm như vua A-si-ri đã ra lệnh và đem tiền đến cho vua A-si-ri để vua A-si-ri không tiêu diệt Y-sơ-ra-ên.
2 Kings 17:4
Sô ... Cha-la ... Cha-bo ... Gô-xan ... Mê-đi
hằng năm
“mỗi năm” (UDB)
"bắt Ô-sê xiềng lại và bỏ tù
“Nhốt vua Ô-sê vào tù” (UDB)
bao vây Sa-ma-ri
cho lính vây quanh thành để buộc phải đầu hàng
đày dân Y-sơ-ra-ên sang A-si-ri
“bắt dân Y-sơ-ra-ên sang A-si-ri” (UDB)
2 Kings 17:7
Thông Tin Chung:
Câu chuyện tạm dừng để tóm tắt lại sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va lên dân Y-sơ-ra-ên.
Việc này
Ở đây ngụ ý đến việc giam cầm dân Y-sơ-ra-ên của người A-si-ri.
tay của
“quyền kiểm soát của”
2 Kings 17:9
Thông Tin Chung:
Câu chuyện tiếp tục tóm tắt sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên.
2 Kings 17:11
Thông Tin Chung:
Câu chuyện tiếp tục tóm tắt sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên.
làm những việc gian ác để chọc giận Đức Giê-hô-va
“đã làm nhiều việc gian ác khiến cho Đức Giê-hô-va tức giận” (UDB) hoặc là tương tự câu: “đã làm nhiều việc gian ác khiến Đức Giê-hô-va tức giận.”
mà Đức Giê-hô-va đã phán với họ
Tương tự câu: “về điều mà Đức Giê-hô-va đã cảnh báo họ.”
2 Kings 17:13
Thông Tin Chung:
Câu chuyện tiếp tục tóm tắt sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên.
Đức Giê-hô-va đã dùng các nhà tiên tri, các nhà tiên kiến cảnh cáo
Đức Giê-hô-va đã phán qua các nhà tiên tri.
Hãy quay khỏi đường lối gian ác của các ngươi
“Hãy ngưng làm những điều gian ác”
Ta đã dùng các đầy tớ ta là các nhà tiên tri phán bảo các ngươi
Các nhà tiên tri được Đức Giê-hô-va sai đi để nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về Luật Pháp của Đức Chúa Trời và tuân theo các điều luật đó.
2 Kings 17:14
Thông Tin Chung:
Lời tóm tắt về sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên được tiếp tục.
họ không chịu nghe và cứng cổ
Không muốn làm theo luật pháp của Đức Chúa Trời và tin cậy Đức Giê-hô-va như là Đức Chúa Trời của họ.
đã xem thường các luật lệ của Ngài
Họ đã khước từ Luật pháp của Đức Chúa Trời.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ đi theo các thần hư không
Họ đã làm theo các tục lệ tôn giáo của các dân tộc quanh họ.
không được làm theo
“không được bắt chước”
2 Kings 17:16
Thông Tin Chung:
Tóm tắt về sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên được tiếp tục.
đúc cho mình
Đúc các hình tượng là các vật thể được tạo ra bằng cách đổ kim loại đã nóng chảy vào một cái khuôn để tạo hình.
tin bói khoa
“ma thuật” (UDB)
tự bán mình để làm điều dữ dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Chọn làm những điều mà Đức Giê-hô-va xem là điều ác”
loại bỏ họ khỏi mặt Ngài
“loại họ khỏi mắt Ngài”
2 Kings 17:19
Thông Tin Chung:
Tổng kết về sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên và bao gồm cả việc dân Giu-đa thờ thần tượng.
bộ tộc Giu-đa
“người dân Giu-đa”
Ngài làm cho họ bị sỉ nhục
“Đức Giê-hô-va trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên”
phó họ vào tay kẻ cướp
Tương tự câu: “giao họ cho những kẻ cướp”
cho đến khi Ngài ném họ xa khỏi Ngài
Tương tự câu: “Ngài đuổi tất cả bọn họ” (UDB) hoặc là “cho tới khi họ không còn ở trước mặt Ngài nữa”
2 Kings 17:21
Thông Tin Chung:
Tổng kết về sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va với dân Y-sơ-ra-ên được tiếp tục.
Ngài xé Y-sơ-ra-ên ra
Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va loại bỏ dân Y-sơ-ra-ên”
khỏi nhà Đa-vít
“ra khỏi sự trị vì của các hậu tự nhà Đa-vít” (UDB)
dụ dỗ Y-sơ-ra-ên rời bỏ Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “dụ dỗ dân Y-sơ-ra-ên không đi theo Đức Giê-hô-va nữa”
Họ chẳng từ bỏ một tội nào
Tương tự câu: “Dân Y-sơ-ra-ên đã không ngừng việc phạm những tội lỗi này” hay là “Họ không từ bỏ những tội lỗi đó” (UDB)
cho đến khi Đức Giê-hô-va đuổi họ khỏi Ngài
Tương tự câu: “Vậy nên Đức Giê-hô-va đã đuổi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi sự hiện diện của Ngài.”
2 Kings 17:24
Thông Tin Chung:
Sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va tiếp tục giáng lên những người mới định cư tại A-si-ri là những người theo tà thần.
Cu-tha … A-va … Ha-mát … Sê-phạt-va-im
Đây là những địa danh trong đế quốc A-si-ri.
Khi mới bắt đầu định cư tại đó
“Khi những người ấy mới sống tại đó”
chúng không kính sợ Đức Giê-hô-va
Những người dân mới định cư đã không tôn thờ hay tìm cầu Chúa để tôn vinh Đức Giê-hô-va.
Các dân mà bệ hạ đã đày sang định cư trong các thành của Sa-ma-ri
“Các dân mà vua đã đày sang từ vùng đất khác đến trong các thành của Sa-ma-ri”
không biết cách tôn thờ thần bản xứ
“không biết làm thế nào để thờ phượng Đức Chúa Trời mà dân Y-sơ-ra-ên đã thờ phượng ở vùng đất này” (UDB)
2 Kings 17:27
Trong số những thầy tế lễ mà các ngươi đã bắt từ đó đem qua đây,hãy đưa một người trở về xứ đó
Tương tự câu: “Hãy đem một thầy tế lễ từ Sa-ma-ri trở về nơi đó,”
để dạy họ
Tương tự câu: “Và để thầy tế lễ ở Sa-ma-ri dạy dân sự là những người đang sống ở đó lúc bấy giờ”
2 Kings 17:29
Su-cốt Bê-nốt … Cút … Nẹt-ganh … A-si-ma … A-vim … Níp-ca … Tạt-tác … Sê-phạt-va-im … A-tra-mê-léc … A-na-mê-léc
thiêu các con trai của chúng
“thiêu chính các con mình làm của tế lễ ” (UDB) hay tương tự câu: “hỏa thiêu con của họ để làm tế lễ”
2 Kings 17:32
Chúng
Ở đây nói đến những người thờ tà thần mà vua A-si-ri đã chuyển đến định cư trong các thành của Sa-ma-ri.
2 Kings 17:34
chúng vẫn còn làm theo thói tục trước kia của mình
“chúng tiếp tục theo những tục lệ như trước kia.”
Chúng không kính sợ Đức Giê-hô-va
Các dân tộc này chỉ muốn làm vừa lòng Đức Giê-hô-va chứ họ không thích hoặc không nhận ra rằng Đức Giê-hô-va muốn có một mối tương giao với họ.
2 Kings 17:36
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật. Hãy thờ phượng, vâng phục Ngài và chớ theo các thần nào khác.
dùng quyền năng lớn lao và cánh tay giơ thẳng ra
Ở đây từ “cánh tay giơ thẳng ra” ngụ ý đến sự biểu lộ sức mạnh và về cơ bản mang nghĩa giống như “quyền năng lớn lao.” Tương tự câu: “với quyền năng rất lớn.” "
phải tuân giữ
“tuân theo chúng”
2 Kings 17:39
tay mọi kẻ thù của các con
“khỏi mọi kẻ thù” hoặc là “khỏi quyền lực của mọi kẻ thù.”
Các dân tộc ấy không nghe theo
“Các dân tộc ấy đã chẳng tuân theo”
các dân tộc ấy vừa kính sợ Đức Giê-hô-va
Các dân tộc ấy kính sợ Đức Giê-hô-va chỉ để làm Ngài vui lòng tương tự như cách họ đối đãi với các thần khác của họ.

Translation Questions

2 Kings 17:3
Ô-sê đã làm gì khi ông trở thành bầy tôi trung thành của Sanh-ma-na-sa?
Ô-sê đã trở thành đầy tớ trung thành của vua A-ri-si và nộp

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cống vật cho vua đó.
2 Kings 17:4
Ô-sê đã lên âm mưu chống lại Sanh-ma-na-sa như thế nào?
Ô-sê đã lên âm mưu chống lại Sanh-ma-na-sa vì Ô-sê đã sai sứ giả đến Sô, vua Ai Cập.
2 Kings 17:7
Vì sao dân Y-sơ-ra-ên bị bắt làm phu tù?
Dân Y-sơ-ra-ên bị bắt làm phu tù dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội nghịch cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.
2 Kings 17:12
Đức Giê-hô-va đã phán dân Y-sơ-ra-ên không được phép làm gì?
Đức Giê-hô-va đã phán rằng họ không được phép thờ hình tượng.
2 Kings 17:13
Đức Giê-hô-va đã khuyên Y-sơ-ra-ên và Giu-đa qua ai?
Song Đức Giê-hô-va cậy miệng các đấng tiên tri và những kẻ tiên kiến mà khuyên
Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.
2 Kings 17:14
Dân Y-sơ-ra-ên đã cứng lòng cứng cổ giống như ai?
Dân Y-sơ-ra-ên đã cứng lòng cứng cổ giống như các tổ phụ của họ không tin nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ.
2 Kings 17:17
Dân Y-sơ-ra-ên đã tự bán mình đi như thế nào?
Dân Y-sơ-ra-ên đã tự bán mình đi để làm những việc gian ác trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Kings 17:22
Tại sao Đức Giê-hô-va lại loại bỏ dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi mặt Ngài?
Dân Y-sơ-ra-ên đều đi theo hết thảy tội lỗi của Giê-rô-bô-am đã phạm và họ chẳng hề từ bỏ chúng, nên Đức Giê-hô-va đã loại bỏ dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi trước mặt Ngài.
2 Kings 17:23
Tại sao Đức Giê-hô-va lại loại bỏ dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi mặt Ngài?
Dân Y-sơ-ra-ên đều đi theo hết thảy tội lỗi của Giê-rô-bô-am đã phạm và họ chẳng hề từ bỏ chúng, nên Đức Giê-hô-va đã loại bỏ dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi trước mặt Ngài.
2 Kings 17:25
Tại sao Đức Giê-hô-va lại sai sư tử đến giữa những dân khác tại Sa-ma-ri?'
Những dân tại Sa-ma-ri không tôn kính Đức Giê-hô-va, nên Ngài đã sai sư tử đến giữa họ.
2 Kings 17:28
Thầy tế lễ ấy đã dạy những dân khác tại Bê-tên những gì?
Thầy tế lễ ấy đã dạy họ cách họ phải tôn kính Đức Giê-hô-va ra sao.
2 Kings 17:29
Các dân tộc đó đặt thần mà họ làm ra ở đâu?
Mỗi dân tộc đều tạo thần riêng cho mình, đặt nó trong những chùa miễu tại trên các nơi cao mà dân Sa-ma-ri đã dựng lên.
2 Kings 17:32
Bên cạnh các thần của riêng mình, những dân tộc đó tại Y-sơ-ra-ên còn tôn thờ ai?
Các dân tộc đó còn tôn thờ Đức Giê-hô-va.
2 Kings 17:34
Các dân đó tại Y-sơ-ra-ên đã không tôn kính Đức Giê-hô-va ra sao?
Các dân đó tại Y-sơ-ra-ên đã không tôn kính Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài đã ra lệnh rằng họ không được kính sợ các thần khác.
2 Kings 17:35
Các dân đó tại Y-sơ-ra-ên đã không tôn kính Đức Giê-hô-va ra sao?
Các dân đó tại Y-sơ-ra-ên đã không tôn kính Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài đã ra lệnh rằng họ không được kính sợ các thần khác.
2 Kings 17:40
Các dân tại Y-sơ-ra-ên đã không nghe ra sao?
Họ không nghe bởi vì họ cứ tiếp tục làm những việc mà trước đây mình đã làm.

Chapter 18
2 Kings 18:1
Thông Tin Chung:
Ê-xê-chia trở thành vua Giu-đa nối ngôi cha người là vua A-cha.
Vua làm điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Vua Ê-xê-chia đã làm điều ngay thẳng trước mặt Đức Giê-hô-va” hoặc là “Ê-xê-chia đã làm những điều mà Đức Giê-hô-va xem là ngay thẳng,”
2 Kings 18:4
Thông Tin Chung:
Câu chuyện về sự trị vì của vua Ê-xê-chia được tiếp tục.
Vua phá hủy các nơi cao, đập vỡ những trụ thờ, triệt hạ các tượng A-sê-ra
Tương tự câu: “Vua Ê-xê-chia phá hủy các nơi cao dùng để thờ các thần khác, đập vỡ những hòn đá làm trụ thờ, triệt hạ các tượng gỗ của A-sê-ra”
Nê-hu-tan
“Tượng rắn bằng đồng”
2 Kings 18:6
Thông Tin Chung:
Câu chuyện về sự trị vì của Vua Ê-xê-chia được tiếp tục.
Vua bám chặt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Vua Ê-xê-chia giữ lòng tín trung với Đức Giê-hô-va.” hay là “Vua Ê-xê-chia giữ lòng trung thành với Đức Giê-hô-va.”
bất cứ điều gì vua làm đều được thành công
Tương tự câu: “và bất cứ nơi nào Ê-xê-chia đi đều được thịnh vượng.”
Thành trì kiên cố
thành có tường bao quanh
2 Kings 18:9
Sanh-ma-na-sa
Tên một người nam
2 Kings 18:11
Cha-la ... Gô-xan
tên các địa danh
Vua A-si-ri đem dân Y-sơ-ra-ên đày qua A-si-ri
“Vậy nên vua A-si-ri ra lệnh cho quân đội mình đem dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi quê hương, và bắt họ phải sống tại A-si-ri”
2 Kings 18:13
San-chê-ríp
Tên một người nam
La-ki
tên một địa danh
các thành kiên cố
Hãy xem bạn đã dịch “thành trì kiên cố” như thế nào trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2KI 18:8.

Xin ngài lui binh khỏi nước tôi

Tương tự câu: “Xin hãy đem quân đội của ngài rời khỏi nước tôi”

Ngài đòi điều gì, tôi xin chịu cả

Tương tự câu: “Tôi sẽ đáp ứng bất cứ điều gì ngài yêu cầu ở tôi”

ta-lâng

các kho tàng

Đây là nơi trong cung điện chứa tiền vàng và những vật có giá trị.

2 Kings 18:16

Nhưng vua A-si-ri sai Tạt-tan, Ráp-sa-ri, và Ráp-sa-kê, đem theo một đạo quân hùng hậu

Vua San-chê-ríp sai một đội quân lớn đến Giê-ru-sa-lem để gặp vua Ê-xê-chia, bao gồm các sĩ quan tên là Tạt-tan và Ráp-sa-ri.

Tạt-tan ... Ráp-sa-ri ... Ê-li-a-kim ...Hinh-kia ... Sép-na ... Giô-a ... A-sáp

tên của những người nam

Tạt-tan ... Ráp-sa-ri

Một vài người hiểu rằng đây là các cấp bậc: “Tạt-tan ...Ráp-sa-ri” hoặc là “chỉ huy binh lính ..., sĩ quan quan trọng khác”

La-ki

tên địa danh

cống dẫn nước ao trên

nơi nước được chứa trong “ao trên” chảy vào thành Giê-ru-sa-lem

đến đứng tại

Tương tự câu: “và chờ vua Ê-xê-chia đến gặp chúng”

2 Kings 18:19

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục nói thông điệp của vua A-si-ri gửi cho người của vua Ê-xê-chia.

Vậy bây giờ, ngươi dựa vào ai mà nổi lên chống lại ta?

Vua A-si-ri

Ai Cập chỉ như một cây sậy dập nát

Vua A-si-ri so sánh Ai Cập với một cây gậy để đi đường yếu ớt; ngươi mong là nó sẽ giúp ngươi khi ngươi dựa vào nó sao, nó sẽ bị dập gãy và đâm vào ngươi.

2 Kings 18:22

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục nói về thông điệp mà vua A-si-ri gửi đến người của vua Ê-xê-chia.

nhưng há chẳng phải các nơi cao và bàn thờ của Ngài ... Giê-ru-sa-lem sao?

“Ngươi phải nhớ rằng ngài là Đấng mà các nơi cao ... Giê-ru-sa-lem!”

2 Kings 18:24

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục thông báo thông điệp của vua A-si-ri cho người của vua Ê-xê-chia.

Liệu ngươi có thể đẩy lui được một tướng nhỏ nhất trong số các quan tướng của chủ ta không?

Các nghĩa có thể là 1) “Ngươi không thể đánh bại thậm chí là một tướng nhỏ nhất trong quân đội của vua ta.” hay là 2) “Ngươi không thể đánh bại một đám lính của vua ta được chỉ huy bởi một quan tướng ít nhỏ nhất.”

Chẳng phải là theo ý muốn của Đức Giê-hô-va mà ta tiến đánh để hủy diệt nơi nầy sao?

Tương tự câu: “Chính Đức Giê-hô-va đã phán chúng ta đến đây hủy diệt vùng đất này!”

2 Kings 18:26

Hinh-kia

Hãy xem bạn đã dịch từ này trong 2KI 18:18.

Dân ở trên tường thành nghe được

Tương tự câu: “Bởi vì dân đang đứng trên tường thành sẽ nghe thấy và sợ hãi”

Có phải chủ ta sai ta đến để chỉ nói các lời nầy với chủ ngươi và các ngươi thôi sao? Chẳng phải là để nói với những người đang ở trên vách thành kia, là những người cùng chung số phận với các ngươi, sẽ phải ăn phân và uống nước tiểu mình sao?

Tương tự câu: “Chủ ta sai ta đến không chỉ nói với ngươi và chủ ngươi, nhưng cũng để nói với dân chúng trong thành , là những người sẽ chung số phận với ngươi khi phải ăn phân và uống nước tiểu của mình để sống.”

2 Kings 18:28

khỏi tay ta

Tương tự câu: “khỏi ta” hoặc là “khỏi sức mạnh của quân ta”

không để cho thành này rơi vào tay của vua A-si-ri đâu

Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va sẽ không bao giờ cho phép quân đội của vua A-si-ri chiếm thành này đâu”

2 Kings 18:31

Hãy làm hòa với ta và ra đầu hàng ta

“Hãy ra ngoài thành và đầu hàng ta” (UDB) hay tương tự câu: “Hãy thỏa thuận với ta để đầu hàng, và ra ngoài thành với ta”

2 Kings 18:33

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục thông báo thông điệp của vua A-si-ri tới người của vua Ê-xê-chia.

Thần của ... Ạt-bát ở đâu?

“Ta đã phá hủy các thần của ... Ạt-bát!”

Ha-mát ... Ạt-bát ... Sê-phạt-va-im, Hê-na ... Y-va

tên các địa danh

khỏi tay ta

“ra khỏi quyền quản lý của ta”

khỏi tay ta

“khỏi ta”

Vậy, liệu Đức Giê-hô-va có giải cứu Giê-ru-sa-lem khỏi tay ta được chăng?

Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va chẳng còn cách nào để có thể cứu Giê-ru-sa-lem khỏi tay ta đâu!”

2 Kings 18:36

Ê-li-a-kim ... Sép-na ... Giô-a ... A-sáp

quan quản lý cung điện

“quan quản lý cung điện của vua”

quan thái sử

“quan ghi chép lại các sự kiện lịch sử”

viên tư lệnh tác chiến

là bản dịch tiếng Hê-bơ-rơ; một số xem từ này như là tên riêng một người, “Ráp-sa-kê”

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Kings 18:4
Những dân tại Y-sơ-ra-ên làm gì với con rắn bằng đồng mà Môi-se đã làm ra trước đây?
Dân Y-sơ-ra-ên đã dâng hương lên cho con rắn bằng đồng mà Môi-se đã làm ra trước kia.
2 Kings 18:9
Sanh-ma-na-sa, vua A-si-ri, đi lên đánh Sa-ma-ri trong bao lâu?
Sanh-ma-na-sa, vua A-si-ri, đi lên đánh Sa-ma-ri trong ba năm.
2 Kings 18:10
Sanh-ma-na-sa, vua A-si-ri, đi lên đánh Sa-ma-ri trong bao lâu?
Sanh-ma-na-sa, vua A-si-ri, đi lên đánh Sa-ma-ri trong ba năm.
2 Kings 18:11
Tại sao vua A-si-ri lại bắt dân Y-sơ-ra-ên qua A-si-ri?
Vua A-si-ri đã bắt dân Y-sơ-ra-ên qua A-si-ri bởi vì họ đã không vâng lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.
2 Kings 18:12
Tại sao vua A-si-ri lại bắt dân Y-sơ-ra-ên qua A-si-ri?
Vua A-si-ri đã bắt dân Y-sơ-ra-ên qua A-si-ri bởi vì họ đã không vâng lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.
2 Kings 18:15
Ê-xê-chia đã lấy bạc ở đâu để nộp cho vua A-si-ri?
Ê-xê-chia đã lấy bạc có trong đền Đức Giê-hô-va và trong kho tàng của
cung vua.
2 Kings 18:17
Tạt-tan và Ráp-sa-ri cùng các quan trưởng đã gọi vua Ê-xê-chia từ đâu?
Họ đã gọi vua Ê-xê-chia từ đường dẫn nước của ao trên, nằm trên con đường chính ở cánh đồng thợ giặt.
2 Kings 18:18
Tạt-tan và Ráp-sa-ri cùng các quan trưởng đã gọi vua Ê-xê-chia từ đâu?
Họ đã gọi vua Ê-xê-chia từ đường dẫn nước của ao trên, nằm trên con đường chính ở cánh đồng thợ giặt.
2 Kings 18:21
Chuyện gì sẽ xảy ra nếu một người nhờ cậy vào Ai Cập?
Nếu một người nhờ cậy vào Ai Cập thì nó sẽ dính vào tay người đó và đâm thủng bàn tay ấy.
2 Kings 18:23
Vua vua A-si-ri đã đưa ra lời đề nghị nào?
Vua A-si-ri đã đề nghị cho người hai nghìn con ngựa nếu như Ê-xê-chia có thể tìm đủ kỵ binh để cưỡi số ngựa đó.
2 Kings 18:25
Đức Giê-hô-va đã bảo vua A-si-ra làm gì?
Đức Giê-hô-va đã bảo vua A-si-ra tấn công Giu-đa và hủy diệt nó.
2 Kings 18:26
Ê-li-a-kim cùng với Sép-na và Giô-a đã đề nghị với viên quan trưởng nói bằng ngôn ngữ nào?
Ê-li-a-kim cùng với Sép-na và Giô-a đã đề nghị với viên quan trưởng nói bằng tiếng A-ram.
2 Kings 18:28
Viên quan trưởng đã nói lớn tiếng bằng ngôn ngữ nào?
Viên quan trưởng đã nói lớn tiếng bằng tiếng của người Giu-đa.
2 Kings 18:31
Vua A-si-ri sẽ để cho những người đã làm hòa với mình làm những việc gì?
Vua sẽ cho họ ăn hoa quả trong vườn nho, vườn vả của mình, và uống nước trong chính bể nước của mình.
2 Kings 18:36
Vua Ê-xê-chia đã ra lệnh phải làm gì?
Vua đã ra lệnh cho dân sự không được trả lời viên quan chỉ huy đó.

Chapter 19
2 Kings 19:1
Vua sai quan quản lý cung điện là Ê-li-a-kim
“Vua Ê-xê-chia sai Ê-li-a-kim”
mặc áo xô
Tương tự câu: “tất cả đều mặc áo xô”
2 Kings 19:3
Chắc Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông đã nghe tất cả những lời của Ráp-sa-kê
“Có lẽ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông đã nghe tất cả những lời của viên tư lệnh tác chiến nói”
mà chủ hắn là vua A-si-ri đã sai đến để phỉ báng Đức Chúa Trời hằng sống
Câu này có thể là một câu độc lập: Chủ hắn, là vua A-si-ri đã sai hắn đến để phỉ báng Đức Chúa Trời hằng sống.”
Và Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông sẽ trừng phạt chúng về những lời Ngài đã nghe
“và có lẽ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông sẽ trừng phạt viên tư lệnh tác chiến đó về điều mà hắn đã nói”
2 Kings 19:5
Nầy, Ta sẽ đặt một thần linh trong nó, khiến nó nghe tin đồn mà rút quân về nước
“Ta sẽ điều khiển những việc mà vua A-si-ri làm, vậy nên khi nó nghe thấy tin đồn, nó sẽ muốn trở về nước mình”
Ta sẽ đặt một thần linh trong nó
Từ “thần linh” ở đây có thể nói đến những suy nghĩ, hơn là một thần linh. Tương tự câu: “Ta sẽ tác động lên suy nghĩ của nó” hay là “Ta sẽ khiến nó nghĩ khác đi”
Ta sẽ làm cho nó ngã chết dưới lưỡi gươm
“Ta sẽ khiến nó chết bởi gươm” hoặc là “Ta sẽ sai một vài người giết nó bằng gươm”
2 Kings 19:8
viên tư lệnh tác chiến
“quan tướng đến từ nước A-si-ri”
Gặp vua A-si-ri đang đánh
“nghe tin rằng quân đội A-si-ri đang chiến đấu”
Líp-na ... La-ki
Tên các thành trong vương quốc Giu-đa.
đang kéo quân ra giao chiến với
“đã chuẩn bị quân đội để chiến đấu với quân A-si-ri”
nghe thế, vua A-si-ri lại sai
“vậy vua San-chê-ríp lại sai”
một thông điệp
Thông điệp này được viết trong một bức thư.
2 Kings 19:10
Thông Tin Chung:
Đây là thông điệp mà Vua San-chê-ríp của A-si-ri gửi cho vua Ê-xê-chia.
Đừng để Đức Chúa Trời, là Đấng mà ngươi tin cậy, lừa dối ngươi rằng
Tương tự câu: “Đừng tin vào Đức Chúa Trời mà ngươi đang tin nữa. Ngài đang lừa dối khi nói rằng”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tay vua A-si-ri

Tương tự câu: “quyền kiểm soát của A-si-ri”

Nầy, hẳn ngươi có nghe

Tương tự câu: “Này, hẳn ngươi đã nghe rằng” hay là “Chắc ngươi đã nghe” (UDB). Ở đây từ “này” được dùng để gây sự chú ý vào điều mà ông sắp nói.

Còn ngươi, ngươi sẽ thoát được sao?

San-chê-ríp sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ không thể cứu họ được. Tương tự câu: “Đức Chúa Trời ngươi sẽ chẳng cứu ngươi đâu” hoặc là “Ngươi sẽ chẳng thể trốn thoát đâu”

2 Kings 19:12

Thông Tin Chung:

Thông điệp của vua Sen-chê-ríp gửi đến Vua Ê-xê-chia được tiếp tục.

Thần của các nước mà cha ông ta đã tiêu diệt, tức là các thần của Gô-xan, Ha-ran, Rết-sép, và người Ê-đen ở tại Tê-la-sa, có giải cứu họ được chăng

Tương tự câu: “Thần của các quốc gia đã chẳng cứu họ được”

cha ông ta

Tương tự cụm từ: “các vị vua trước của A-si-ri” hay là “các đội quân của những vị vua trước của A-si-ri” (UDB)

Gô-xan … Ha-ran … Rết-sép … Tê-la-sa … Ha-mát … Ạt-bát … Sê-phạt-va-im … Hê-na … Y-va

Đây đều là tên các địa danh.

2 Kings 19:14

bức thư

Ở đây nói đến bức thư mà Vua San-chê-ríp của A-si-ri gửi cho vua Ê-xê-chia. (Xem: 2KI19:08)

chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời

Ê-xê-chia đã thay đổi cách nhìn từ Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của Ê-sai thành Giê-hô-va là Đức Chúa Trời có một và duy nhất.

2 Kings 19:16

Thông Tin Chung:

Vua Ê-xê-chia tiếp tục cầu nguyện với Đức Giê-hô-va sau khi nhận lá thư từ Vua San-chê-ríp của A-si-ri.

Lạy Đức Giê-hô-va, xin nghiêng tai và nghe! Lạy Đức Giê-hô-va, xin mở mắt và xem!

Cả hai câu này đều thúc giục Đức Giê-hô-va chú ý đến những điều mà vua San-chê-ríp đang nói.

Lạy Đức Giê-hô-va, xin nghiêng tai và nghe

Cụm từ “nghiêng tai” và “nghe” mang nghĩa giống nhau và để nhấn mạnh lời cầu xin. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va ơi, xin hãy lắng nghe những gì hắn nói.”

Lạy Đức Giê-hô-va, xin mở mắt và xem

Cụm từ “Mở mắt” và “xem” mang nghĩa tương tự nhau và để nhấn mạnh lời cầu xin. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va ơi xin hãy chú ý những gì đang diễn ra.”

ném các thần của họ vào lửa

Các vua A-si-ri đã đốt các thần của các nước khác.

chúng đã bị hủy diệt

Người A-si-ri đã phá hủy các quốc gia và các thần của các nước ấy.

2 Kings 19:19

Thông Tin Chung:

Vua Ê-xê-chia tiếp tục cầu nguyện với Đức Giê-hô-va sau khi ông nhận được lá thư từ vua San-chê-ríp của A-si-ri.

Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng con

Ê-xê-chia nhận biết rằng Đức Giê-hô-va chính là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và là Đức Chúa Trời của chính ông.

Xin

Tương tự câu: “Con xin Ngài,”

khỏi tay San-chê-ríp

“khỏi quyền lực của Vua A-si-ri” (UDB) hay tương tự câu: “khỏi quân đội của Vua A-si-ri.”

2 Kings 19:20

Trinh nữ Si-ôn

Tương tự câu: “Dân Y-sơ-ra-ên” Cụm từ “trinh nữ” được dùng để mô tả đặc trưng riêng của các thành trì bởi những người biên soạn Kinh Thánh.

Trinh nữ Si-ôn khinh miệt ngươi, chế nhạo ngươi; Con gái Giê-ru-sa-lem lắc đầu sau lưng ngươi.

Các câu này đều mang nghĩa giống nhau.

Con gái Giê-ru-sa-lem

Tương tự câu: “Dân thành Giê-ru-sa-lem”

ngước mắt tự cao

“nhìn bằng con mắt tự cao”

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Một cách diễn đạt về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đức Giê-hô-va.

2 Kings 19:23

Thông Tin Chung:

Ở đây nói tiếp về sứ điệp của Đức Giê-hô-va do tiên tri Ê-sai nói với vua Ê-xê-chia về vua San-chê-ríp.

Ngươi đã dùng sứ giả mà phỉ báng Chúa

“phỉ báng” có nghĩa là lăng mạ hay là chế giễu.

Ta lên … Ta sẽ đốn … Ta sẽ đến

Những lời khoe khoang này của vua San-chê-ríp chỉ có thể được làm thành bởi quân đội của ông.

Ta đã làm cạn khô mọi sông suối Ai Cập với đôi bàn chân của ta.

“Và bằng việc hành quân qua các suối của Ai Cập, chúng ta sẽ khiến chúng cạn khô!”

2 Kings 19:25

Thông Tin Chung:

Câu này tiếp tục sứ điệp của Đức Giê-hô-va, được truyền bởi tiên tri Ê-sai, với vua Ê-xê-chia về Vua San-chê-ríp.

Có phải ngươi không hề nghe rằng … từ lâu?

“Chắc ngươi biết … từ lâu.”

các thành kiên cố

Tương tự câu: “các thành không thể đánh chiếm được” hoặc là “các thành được bao quanh bằng những tường cao” (UDB)

cây cỏ ngoài đồng, giống như đám cỏ xanh

“yếu đuối như cây cỏ ngoài đồng”

cỏ non mọc trên mái nhà, khác nào lúa mì đã héo trước khi vươn lên

Tương tự câu: “giống như cỏ non chưa lớn.” hay là “giống như cỏ chưa kịp vươn cao.”

2 Kings 19:27

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục thông điệp của Đức Giê-hô-va, được truyền bởi tiên tri Ê-sai, với vua Ê-xê-chia về Vua San-chê-ríp.

điên cuồng chống lại Ta

Tương tự câu: “trong cơn tức giận ngươi chống lại Ta,”

Và lời ngạo mạn của ngươi đã thấu đến tai Ta

“Bởi vì Ta đã nghe những lời ngạo mạn của ngươi”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nên Ta móc khoen vào mũi ngươi, tra hàm thiếc vào miệng ngươi
Tương tự câu: “Ta sẽ dắt ngươi như một con vật.”
Ta sẽ khiến ngươi phải trở về theo con đường mà ngươi đã đến
Việc San-chê-ríp sẽ phải trở về nhà trước khi ông có thể chinh phục Giê-ru-sa-lem được tuyên bố rõ ràng. Tương tự câu: “Ta sẽ khiến ngươi phải trở về xứ sở mình theo con đường mà ngươi đã đến, mà không thể chinh phục được Giê-ru-sa-lem.”
2 Kings 19:29
Thông Tin Chung:
Ở đây Ê-sai đang nói với vua Ê-xê-chia.
tự mọc
Tương tự câu: “mọc lên mà không cần phải trồng,”
Những người trốn thoát của nhà Giu-đa còn sống sót sẽ tiếp tục đâm rễ ở dưới và ra trái ở trên
Tương tự câu: “Dân Giu-đa còn sống sót sẽ như cây được trồng và sanh bông trái.” hay là “Những người còn lại của Giu-đa sẽ thịnh vượng và sanh nhiều con cháu.”
Lòng sốt sắng của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ thực hiện điều đó
Tương tự câu: “Hành động mạnh mẽ của Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho điều đó xảy ra.”
2 Kings 19:32
Thông Tin Chung:
Đến đây là kết thúc thông điệp của Đức Giê-hô-va nói với Vua Ê-xê-chia thông qua tiên tri Ê-sai.
hay đắp lũy mà tấn công thành
“và chúng thậm chí sẽ chẳng đắp được những ụ đất cao để dựa vào tường thành hầu tấn công thành.”
Đức Giê-hô-va phán vậy
Vì Giê-hô-va đã “phán vậy” tức là Đức Giê-hô-va đã hứa hay cam kết điều Ngài phán thì Ngài sẽ làm trọn.
Vì Ta và vì Đa-vít, đầy tớ Ta
Tương tự câu: “vì chính danh Ta và bởi vì điều ta đã hứa cùng Vua Đa-vít, là người đã phục vụ ta cách tốt lành.” (UDB)
2 Kings 19:35
Ngay đêm ấy
"Xảy ra"
người ta dậy sớm
“khi những người còn sống sót thức dậy”
Nít-róc ... A-tra-mê-léc ... Sa-rết-se ... Ê-sạt Ha-đôn

Translation Questions

2 Kings 19:1
Vua Ê-xê-chia đã làm gì khi ông nghe tin báo nầy?
Khi vua Ê-xê-chia nghe tin báo nầy, vua liền xé áo mình, mặc áo sô và đi vào đền thờ Đức Giê-hô-va.
2 Kings 19:4
Vua Ê-xê-chia đã nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?
Ê-xê-chia đã nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ nghe tất cả những lời của Ráp-sa-kê và quở trách những lời mà Đức Giê-hô-va đã nghe.
2 Kings 19:7
Đức Giê-hô-va đã làm gì để ngăn vua A-si-ri lại?
Đức Giê-hô-va đã đặt một thần linh trong người, khiến người nghe tin đồn mà rút quân về nước mình.
2 Kings 19:10
Theo San-chê-ríp, Đức Chúa Trời đã lừa dối Ê-xê-chia theo cách nào?
Theo San-chê-ríp, Đức Chúa Trời đã lừa dối Ê-xê-chia rằng Giê-ru-sa-lem sẽ không rơi vào tay vua A-si-ri đâu.
2 Kings 19:14
Ê-xê-chia đã trải thư mà các sứ giả đem đến ở đâu?
Ê-xê-chia đã trải thư mà các sứ giả đem đến ở trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.
2 Kings 19:19
Tại sao Đức Giê-hô-va lại cứu dân Giu-đa?
Đức Giê-hô-va cứu dân Giu-đa để tất cả các vương quốc trên đất đều biết rằng chỉ một mình Giê-hô-va là Đức Chúa Trời.
2 Kings 19:22
Vua A-si-ri đã đã lên giọng chống lại ai?
Vua A-si-ri đã đã lên giọng chống lại Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.
2 Kings 19:24
Ai đã khẳng định mình đã làm cạn khô mọi sông suối Ai Cập dưới đôi bàn chân của mình?
San-chê-ríp đã khẳng định mình đã làm cạn khô mọi sông suối Ai Cập dưới đôi bàn chân của mình.
2 Kings 19:25
Ai đã định từ lâu rằng cách thành kiên cố sẽ thành ra những đống đổ nát hoang tàn?
Đức Giê-hô-va đã định từ lâu rằng cách thành kiên cố sẽ thành ra những đống đổ nát hoang tàn.
2 Kings 19:28
Đức Giê-hô-va đã đeo thứ gì vào mũi của San-chê-ríp?
Đức Giê-hô-va đã đeo cái khoen vào mũi của San-chê-ríp.
2 Kings 19:29
Dấu hiệu dành cho Ê-xê-chia là gì?
Dấu hiệu dành cho Ê-xê-chia là dân sự sẽ ăn sản vật tự mọc; và năm thứ nhì ăn sản vật mọc lên do hạt giống tự rơi.
2 Kings 19:34
Tại sao Đức Giê-hô-va lại bảo vệ Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va bảo vệ Giê-ru-sa-lem vì chính Ngài và vì Đa-vít, đầy tớ của Ngài.
2 Kings 19:35
Đức Giê-hô-va đã bao vệ Giê-ru-sa-lem bằng cách nào?
Đức Giê-hô-va đã đi ra tấn công trại quân A-si-ri và giết một trăm tám mươi lăm nghìn lính.

Chapter 20

2 Kings 20:1
Hãy sắp đặt việc nhà của con
“Hãy dặn dò những lời cuối cùng cho nhà con”
xin nhớ lại rằng
“xin hãy nhớ”
vẫn bước đi
“sống đời sống con”
điều thiện dưới mắt Ngài
“làm đẹp lòng Ngài”
2 Kings 20:4
Có lời của Đức Giê-hô-va phán
“Đức Giê-hô-va đã phán”
đến ngày thứ ba
“hai ngày nữa kể từ hôm nay” (UDB) Ngày mà tiên tri Ê-sai

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nói là ngày đầu tiên, vậy nên “ngày thứ ba” có nghĩ là “hai ngày nữa kể từ hôm nay.”
2 Kings 20:6
Thông Tin Chung:
Thông điệp mà Đức Giê-hô-va chuyển đến cho Vua Ê-xê-chia qua tiên tri Ê-sai được tiếp tục.
mười lăm năm
15 năm
khỏi tay vua A-si-ri
“khỏi vua A-si-ri”
bánh trái vả
“bột làm từ trái vả đã luộc” (UDB)
đem đắp lên chỗ ung độc
Tương tự câu: “Đầy tớ của vua Ê-xê-chia đã làm điều này và đặt lên chỗ ung độc của vua Ê-xê-chia”
2 Kings 20:8
Vua muốn bóng mặt trời đi tới mười bậc hay lui lại mười bậc?
Nguồn gốc của từ “bóng” có thể được trình bày rõ ràng.
Tương tự câu: “Vua muốn Đức Giê-hô-va khiến cho bóng mặt trời trên đồng hồ mặt trời đi lên mười bậc hay lui lại mười bậc?” .
mười bậc
Ở đây nói đến “đồng hồ mặt trời của A-cha” trong 2KI 20:11. Đây có thể là một loại cầu thang đặc biệt được xây cho vua A-cha theo kiểu các bậc thang đánh dấu những giờ trong ngày khi mặt trời chiếu trên đó. Bằng cách này, các bậc thang sẽ cho biết thời gian trong ngày.
2 Kings 20:10
Bóng đi tới mười bậc thì đâu có gì lạ.
Tại sao cụm từ “thì đâu có gì lạ” có thể được trình bày rõ ràng. “Thật dễ để khiến cho bóng mặt trời đi tới mười bậc, bởi vì đó là một điều bình thường như vậy”
đồng hồ mặt trời của A-cha
Hãy xem phần chú giải trong 2KI 8-9. Tương tự câu: “Đồng hồ mặt trời được xây cho vua A-cha”
2 Kings 20:12
Bê-rô-đát Ba-la-đan ... Ba-la-đan
Đây là tên của các vua Ba-by-lôn và con trai ông.
sau khi nghe các sứ thần tâu xong
Tương tự câu: “đã xem xét những lá thư này cách cẩn thận” hoặc là tương tự câu: “nghe những thông điệp từ vua Ba-by-lôn”
Chẳng có vật gì ... mà vua Ê-xê-chia không cho họ xem
“Vua Ê-xê-chia cho họ xem toàn bộ mọi thứ trong cung vua và trong cả vương quốc của ông.”
2 Kings 20:14
những người ấy
Ở đây nói đến những người được sai đến gặp vua Ê-xê-chia với thông điệp và những quà tặng từ Bê-rô-đát Ba-la-đan.
Họ đã xem tất cả những gì có trong cung điện của ta. Chẳng vật gì trong các kho tàng mà ta không cho họ xem
Ê-xê-chia nhắc lại cùng một ý theo hai cách để nhấn mạnh điều ông muốn nói.
Chẳng vật gì trong các kho tàng mà ta không cho họ xem
“Ta đã cho họ xem toàn bộ mọi thứ có giá trị của ta”
2 Kings 20:16
Bấy giờ, Ê-sai nói với Ê-xê-chia
Tại sao điều Ê-sai nói có thể được tuyên bố cách rõ ràng.
Tương tự câu: “Bởi vì Ê-sai biết Ê-xê-chia đã khờ dại đem khoe cho những người đó tất cả các vật có giá trị của vua, nên Ê-sai đã nói với vua”
Nầy,trong những ngày đến
Tương tự câu: “Hãy lắng nghe lời ta, trong những ngày sắp đến”; Từ “Nầy” được dùng để thu hút sự chú ý về điều mà Ê-sai sắp nói với vua Ê-xê-chia.
những ngày
Cụm từ này nói đến một khoảng thời gian không xác định.
2 Kings 20:19
Vì vua thầm nghĩ
“Bởi vì Ê-xê-chia nghĩ rằng”
Chẳng phải trong đời ta sẽ được hòa bình và ổn định đó sao?
“Ta có thể chắc rằng trong đời ta sẽ được hòa bình và ổn đinh.”
hồ chứa nước
Một khu vực nhỏ chứa nước
hệ thống dẫn nước
Một đường hầm để dẫn nước
chẳng phải đều được chép ... Giu-đa sao?
“chúng đều được chép ... Giu-đa.”

Translation Questions

2 Kings 20:1
Bởi vì Ê-xê-chia sẽ chết, nên Đức Giê-hô-va đã bảo ông làm gì?
Đức Giê-hô-va đã bảo Ê-xê-chia hãy sắp đặt việc nhà của ông vì ông sẽ chết.
2 Kings 20:5
Tại sao Đức Giê-hô-va lại định chữa lành cho Ê-xê-chia?
Bởi vì Đức Giê-hô-va đã nghe lời cầu nguyện của Ê-xê-chia và thấy nước mắt của ông nên Ngài sẽ chữa lành cho ông.
2 Kings 20:7
Ê-xê-chia đã hồi phục như thế nào?
Một miếng vả đã được đem đắp lên chỗ ung độc của vua, và vua đã hồi phục.
2 Kings 20:10
Đức Giê-hô-va đã thay đổi bóng như thế nào?
Đức Giê-hô-va đã khiến bóng lui lại mười nấc mà nó đã đi quá trên bậc thang mà
A-cha đã xây.
2 Kings 20:11
Đức Giê-hô-va đã thay đổi bóng như thế nào?
Đức Giê-hô-va đã khiến bóng lui lại mười nấc mà nó đã đi quá trên bậc thang mà
A-cha đã xây.
2 Kings 20:13
Ê-xê-chia đã cho các sứ giả từ vua Ba-by-lôn thấy điều gì?
Ê-xê-chia đã cho họ thấy mọi thứ trong cung và trong nước mình.
2 Kings 20:18
Điều gì sẽ xảy đến cho những con trai của Ê-xê-chia?
Dân Ba-by-lôn sẽ bắt những đứa con trai của vua dẫn đi làm hoạn quan trong đền vua Ba-by-lôn.
2 Kings 20:19
Tại sao Ê-xê-chia lại cho rằng lời của Đức Giê-hô-va là tốt lành?
Ê-xê-chia cho rằng lời của Đức Giê-hô-va là tốt lành bởi vì sẽ có sự bình an và vững bền trong đời của ông.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 21

2 Kings 21:1

Hép-si-ba

Mẹ của vua Ma-na-se

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2

theo các thói tục gớm ghiếc

“gồm những điều gớm ghiếc”

vua cho xây lại

“Ma-na-se cho xây lại”

2 Kings 21:4

Thông Tin Chung:

Câu chuyện về sự cai trị của vua Ma-na-se được tiếp tục.

Chính tại Giê-ru-sa-lem, Ta sẽ đặt danh Ta tại đó.

Tương tự câu: “Giê-ru-sa-lem là nơi Ta sẽ mãi mãi khiến cho danh Ta được biết đến.”

các thiên thể

Tương tự câu: “để mọi người thờ phượng tất cả các thiên thể trên trời”

Vua đưa con mình qua lửa

Tương tự câu: “Vua thiêu con trai mình tới chết như một của lễ tế các thần của vua.”

cầu hỏi

“cầu hỏi những thông tin từ ”

điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2

2 Kings 21:7

Thông Tin Chung:

Câu chuyện về sự cai trị của vua Ma-na-se được tiếp tục.

Vua làm

“Những điều mà vua Ma-na-se đã ra lệnh làm,”

Ta sẽ đặt danh Ta ngự đời đời

“Là nơi Ta muốn con dân ta thờ phượng ta đến đời đời.”

dân Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “dân Y-sơ-ra-ên”

đã tuyệt diệt khỏi dân Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “đã tuyệt diệt, những dân đã sống ở vùng đất mà trước khi dân Y-sơ-ra-ên tới.”

2 Kings 21:10

bất cứ ai nghe đến cũng phải lùng bùng cả hai tai

Tương tự câu: “những ai nghe thấy điều mà Đức Giê-hô-va làm, sẽ phải giật mình.”

2 Kings 21:13

căng trên Giê-ru-sa-lem dây đo Sa-ma-ri

Tương tự câu: “đoán phạt Giê-ru-sa-lem giống như ta đã từng đoán phạt Sa-ma-ri”

dây dọi

Một công cụ được làm bằng một vật nặng và một sợi dây mỏng dùng để đo xem liệu một bức tường đã thẳng hay chưa

Ta sẽ quét sạch

Tương tự câu: “Ta sẽ vứt bỏ” (UDB) hay là “Ta sẽ chối bỏ”

phó chúng vào tay kẻ thù

“để cho kẻ thù đánh bại chúng nó và chiếm lấy vùng đất nó”

2 Kings 21:16

Ngoài

“Ngoài những điều dữ đó”

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2

chẳng phải đều được chép ... Giu-đa sao?

Tương tự câu: “bạn có thể chắc chắn rằng chúng đều được chép ... Giu-đa.”

vườn U-xa

Các nghĩa có thể là 1) “khu vườn đó từng thuộc về một người tên là U-xa” hay là 2) “Vườn U-xa.” Xem:

A-môn

tên một người nam

2 Kings 21:19

A-môn ... Mê-su-lê-mết ... Ha-rút ... Giô-ba

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2

2 Kings 21:21

vua đi theo đường lối của cha đã đi

Tương tự câu: “sống theo cách mà cha vua đã sống”

Vua đã từ bỏ

“A-môn đã rời xa Đức Giê-hô-va” hay là “Vua không còn lưu tâm đến Đức Giê-hô-va nữa”

mưu phản

“lên kế hoạch hãm hại vua”

2 Kings 21:24

mưu phản

“lên kế hoạch để hãm hại”

chẳng phải đều được chép ... Giu-đa sao?

Tương tự câu: “bạn có thể chắc rằng chúng đều được chép ... Giu-đa.”

vườn U-xa

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 21:18.

Translation Questions

2 Kings 21:3

Ma-na-se đã xây dựng lại những gì?

Ma-na-se đã xây dựng lại các nơi cao mà Ê-xê-chia, cha người, đã phá hủy.

2 Kings 21:6

Ma-na-se đã bàn bạc với ai?

Ma-na-se đã bàn bạc với những người nói chuyện với người chết và những người nói chuyện với các linh.

2 Kings 21:7

Ma-na-se đã đặt những gì trong đền thờ của Đức Giê-hô-va?

Ma-na-se đã đặt tượng A-sê-ra do mình làm ra trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.

2 Kings 21:11

Ma-na-se đã hành động gian ác hơn ai?

Ma-na-se đã hành động gian ác hơn dân A-mô-rít trước đó.

2 Kings 21:14

Tại sao những người còn sót lại trở thành nạn nhân và chiến lợi phẩm cho toàn bộ kẻ thù của họ?

Những người còn sót lại trở thành nạn nhân và chiến lợi phẩm cho toàn bộ kẻ thù của họ bởi vì họ đã làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va và chọc giận Ngài.

2 Kings 21:15

Tại sao những người còn sót lại trở thành nạn nhân và chiến lợi phẩm cho toàn bộ kẻ thù của họ?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những người còn sót lại trở thành nạn nhân và chiến lợi phẩm cho toàn bộ kẻ thù của họ bởi vì họ đã làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va và chọc giận Ngài.
2 Kings 21:16
Ma-na-se đã làm đổ bao nhiêu máu vô tội?
Ma-na-se đã làm đổ máu vô tội nhiều đến nỗi máu ấy tràn ngập Giê-ru-sa-lem từ đầu nầy đến đầu kia.
2 Kings 21:23
A-môn đã chết như thế nào?
Các tôi tớ của A-môn đã mưu phản người, và giết người tại trong nhà người.
2 Kings 21:26
A-môn được chôn tại đâu?
Dân sự đã chôn A-môn trong mộ của người tại vườn U-xa.

Chapter 22
2 Kings 22:1
điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
“Điều mà Đức Giê-hô-va cho là tốt lành”
Đi theo trọn con đường của Đa-vít, tổ phụ mình
Tương tự câu: “Vua sống theo cách mà Đa-vít là tổ phụ vua đã sống” hay là “Vua đã theo gương của Đa-vít, tổ phụ vua”
không tẽ tách bên phải hoặc bên trái
Tương tự câu: “Vua chẳng làm bất kỳ điều gì khiến Đức Giê-hô-va không vui lòng” hay là “vua hoàn toàn tuân giữ trọn luật pháp của Đức Giê-hô-va.”
2 Kings 22:3
Vào
Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để đánh dấu sự mở đầu một phần mới của câu chuyện, thì hãy xem xét sử dụng nó ở đây.
Sa-phan ... A-xa-lia ... Mê-su-lam
Đây là tên của những người nam.
Hinh-kia
Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong 2KI 18:18
2 Kings 22:6
Thông Tin Chung:
Thông điệp gửi từ Vua Giô-si-a tới thầy tế lễ thượng phẩm Hinh-kia được tiếp tục.
thợ mộc
những người thợ dùng gỗ để xây
thợ hồ
những người thợ dùng đá để xây
đừng buộc họ tính sổ về số bạc giao vào tay họ
“những người thợ này không cần phải báo cáo về việc họ sử dụng tiền mà những người lo việc sửa chữa đền thờ giao cho họ như thế nào ”
vì họ làm việc rất trung thực
Tương tự câu: “bởi vì họ sử dụng tiền bạc rất trung thực”
2 Kings 22:8
Hinh-kia
Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong 2KI 18:18
2 Kings 22:11
Vừa nghe
Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để đánh dấu sự mở đầu một phần mới của câu chuyện, thì hãy xem xét việc sử dụng nó ở đây.
A-hi-cam ... Ạc-bồ ... Mi-ca-gia ... A-sa-gia
tên những người nam
hãy đi cầu hỏi Đức Giê-hô-va
“cầu hỏi Đức Giê-hô-va điều mà chúng ta nên làm”
mới tìm được
“Hinh-kia mới tìm được”
Đức Giê-hô-va nổi giận phừng phừng cùng chúng ta
“Vì cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi lên phừng phừng chống lại chúng ta”
2 Kings 22:14
Hun-đa
tên của một người nữ
Sa-lum ... Tiếc-va ... Hạt-ha
tên của những người nam
người sai các ngươi đến gặp ta
Vua Giô-si-a
2 Kings 22:17
Thông Tin Chung:
Thông điệp mà Đức Giê-hô-va gửi cho Vua Giô-si-a qua nữ tiên tri Hun-đa được tiếp tục.
cơn giận của Ta nổi bừng lên cùng chỗ nầy, không hề nguôi
Tương tự câu: “cơn giận của Ta nổi lên tại nơi này giống như ngọn lửa không thể dập tắt được”
rằng chỗ này sẽ trở nên hoang vu
“rằng nơi này sẽ trở nên hoang vắng”
2 Kings 22:20
Thông Tin Chung:
Đây là phần kết của thông điệp mà Đức Giê-hô-va gửi tới Vua Giô-si-a qua nữ tiên tri Hun-đa.
Nầy, Ta sẽ cho con sum họp với các tổ phụ
Tương tự câu: “Này, con rồi sẽ chết”
Mắt con sẽ chẳng thấy những điều tai họa
Tương tự câu: “và con sẽ chẳng trải qua bất kỳ tai họa nào.”

Translation Questions
2 Kings 22:2
Giô-si-a đã sống ra sao?
Giô-si-a đã đi theo trọn con đường của Đa-vít, tổ phụ mình, không tẽ tách
hoặc về bên hữu, hoặc về bên tả.
2 Kings 22:3
Giô-si-a muốn Hinh-kia đưa gì cho những người thợ làm việc trong đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Giô-si-a muốn Hinh-kia giao số bạc đã được đem vào trong đền thờ của Đức Giê-hô-va giao cho những người thợ làm việc trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.
2 Kings 22:5
Giô-si-a muốn Hinh-kia đưa gì cho những người thợ làm việc trong đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Giô-si-a muốn Hinh-kia giao số bạc đã được đem vào trong đền thờ của Đức Giê-hô-va giao cho những người thợ làm việc trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.
2 Kings 22:7
Tại sao lại không tính sổ số bạc giao nơi tay các người thợ đó?
Không tính sổ bạc giao nơi tay các người thợ đó, vì họ vốn làm thành thực.
2 Kings 22:8

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hinh-kia đã tìm thấy gì trong đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Hinh-kia đã tìm thấy quyển sách luật pháp trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.
2 Kings 22:11
Khi vua nghe được những lời của sách luật pháp thì vua đã làm gì?
Khi vua nghe được những lời của sách luật pháp thì vua đã xé áo mình.
2 Kings 22:14
Nữ tiên tri Hun-đa đã sống ở đâu?
Hun-đa đã sống tại Giê-ru-sa-lem trong quận thứ nhì.
2 Kings 22:19
Tại sao Đức giê-hô-va lại lắng nghe vua Giu-đa?
Đức Ghê-hô-va lắng nghe vua Giu-đa bởi vì lòng vua đã mềm mại và vì vua hạ mình xuống trước mặt Đức Giê-hô-va, vì vua đã xé quần áo mình và khóc lóc trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Kings 22:20
Mắt vua Giu-đa sẽ chẳng thấy những điều gì?
Mắt vua sẽ chẳng thấy những điều tai họa mà Đức Giê-hô-va sẽ giáng xuống trên chỗ nầy cùng dân cư của nó.

Chapter 23
2 Kings 23:1
tất cả các trưởng lão của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem
Tương tự câu: “nhiều người khác nữa”
từ nhỏ đến lớn
“từ người tầm thường nhất cho đến người quan trọng nhất”
Vua đọc cho họ nghe
Tương tự câu: “Sau đó vua đọc lớn tiếng để họ có thể nghe được”
2 Kings 23:3
những điều răn, mệnh lệnh, và luật lệ của Ngài
Tất cả những từ này đều có nghĩa tương tự nhau. Chúng kết hợp cùng nhau nhấn mạnh mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã phán truyền trong sách luật pháp.
hết lòng hết linh hồn
Tương tự câu: “với cả con người”
2 Kings 23:4
các người canh cửa đền thờ
những người đứng canh gác các cổng của đền thờ
Cánh đồng Xết-rôn ... Bê-tên
tên các địa danh
2 Kings 23:6
Thông Tin Chung:
Ở đây tiếp tục kể những gì mà Vua Giô-si-a đã làm để đáp ứng lại với thông điệp từ Đức Giê-hô-va.
dệt trại
“dệt quần áo”
2 Kings 23:8
Ghê-ba ... Bê-e Sê-ba
tên các địa danh
Giô-suê (quan thị trưởng)
“Quan cai trị thành này tên là Giô-suê” hoặc là “lãnh đạo của thành này tên là Giô-suê.” Đây là một Giô-suê khác với Giô-suê trong sách Giô-suê của Cựu Ước.
anh em mình
Ở đây từ “anh em” nói đến “những thầy tế lễ”. Tương tự câu: “Những thầy tế lễ phục vụ tại đền thờ”
2 Kings 23:10
Tô-phết ... Bên Hi-nôm
tên các địa danh
đưa con trai hay con gái mình vào lửa để tế thần Mo-lóc nữa
“hỏa thiêu con trai con gái của họ trong lửa và đốt chúng như một vật tế cho Mo-lóc”
Vua dẹp bỏ
“Vua Giô-si-a cho những quan tướng của mình dẹp bỏ”
những tượng ngựa
Các nghĩa có thể là 1) những con ngựa thật sự hay là 2) các tượng hình con ngựa.
Nê-than Mê-léc
tên một người nam
2 Kings 23:12
Khe Xết-rôn
tên một địa danh
chất đầy hài cốt tại các chỗ đó
Tương tự câu: “phủ đầy mặt đất bằng xương người để mọi người không thể dùng chỗ đó làm nơi thờ phượng nữa”
2 Kings 23:15
đã nói trước những điều này
Tương tự câu: “đã nói những điều này sẽ xảy ra”
2 Kings 23:17
bia
bảng hoặc tượng để vinh danh một người. Một ngôi mộ (UDB) cũng là một loại bia.
2 Kings 23:19
dỡ bỏ
“ra lệnh cho những người thợ phá nát chúng” hoặc là “ra lệnh cho những người thợ phá hủy chúng”
như đã làm
“điều vua đã làm”
thiêu hài cốt họ trên đó
“vua thiêu hài cốt người trên đó để không ai có thể sử dụng chúng lại”
2 Kings 23:21
Hãy giữ lễ Vượt Qua
“Các ngươi phải tổ chức lễ Vượt Qua”
lãnh đạo Y-sơ-ra-ên
“lãnh đạo tất cả các thế hệ của Y-sơ-ra-ên”
Thời các vua Y-sơ-ra-ên và Giu-đa
“thời kỳ khi Y-sơ-ra-ên và Giu-đa có vua riêng của họ”
người ta chưa hề giữ lễ Vượt Qua nào giống như vậy
“Các hậu tự của Y-sơ-ra-ên đã chưa từng giữ lễ Vượt Qua nào như vậy”
2 Kings 23:24
trừ khử ... thầy bói
"buộc những ... thầy bói phải rời đi"
những đồng cốt và thầy bói
Hãy xem bạn đã dịch cụm từ “những đồng cốt và thầy bói” trong 2KI 21:6
những tượng thần
Những thứ mà người ta tin một cách sai lầm là có quyền năng đặc biệt.
quay về với Đức Giê-hô-va
“người hết lòng với Đức Giê-hô-va”
Và sau Giô-si-a cũng chẳng có vua nào được như vậy
“Và kể từ đó về sau chẳng có vua nào làm được giống như

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giô-si-a”
2 Kings 23:26
Đức Giê-hô-va không nguôi cơn giận của Ngài, là cơn thịnh nộ nổi phừng lên chống lại
“Đức Giê-hô-va chẳng nguôi cơn giận phừng phừng với”
trêu chọc Ngài
“đã khiến Ngài tức giận”
khỏi mặt Ta
“khỏi nơi Ta ngự” hoặc là “xa ra khỏi ta”
Danh Ta sẽ ngự tại đó
“Mọi người sẽ thờ phượng ta tại đó”
2 Kings 23:28
chẳng phải đều được chép ... Giu-đa sao?
Tương tự câu: “bạn có thể chắc rằng chúng được chép ... Giu-đa.”
Vào thời vua Giô-si-a, Pha-ra-ôn Nê-cô, vua Ai Cập
Trong lúc đó vua Ai Cập là Pha-ra-ôn Nê-cô
Nê-cô ... Mê-ghi-đô
Nê-cô là tên của một người nam. Mê-ghi-đô là tên của một thành.
2 Kings 23:31
hai mươi ba tuổi
hai mươi ba tuổi
Ha-mu-ta
Đây là tên của một người nữ.
Líp-na ... Líp-la ... Ha-mát
Đây là các địa danh.
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2
xiềng Giô-a-cha
“bỏ tù Giô-a-cha”
bắt xứ Giu-đa phải nạp cống
“buộc người dân Giu-đa phải cống nộp cho ông” (UDB)
ta-lâng
2 Kings 23:34
Vua phải đánh thuế trong xứ
“Vua đã thu thế từ những người có đất ruộng”
mỗi người dân
“người dân xứ Giu-đa”
2 Kings 23:36
Xê-bụt-đa
tên một người nữ
Phê-đa-gia
tên của người nam
Ru-ma
tên một địa danh
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2

Translation Questions

2 Kings 23:2
Vua đã đọc cho ai nghe mọi lời của sách giao ước?
Vua đã đọc mọi lời của sách giao ước cho hết thảy người Giu-đa, cả dân cư Giê-ru-sa-lem, những thầy tế lễ, đấng tiên tri, cùng cả dân sự, bất luận nhỏ lớn.
2 Kings 23:3
Toàn dân sự đều đồng ý làm gì?
Toàn dân sự đều đồng ý thực hiện giao ước đó.
2 Kings 23:4
Vua đã thiêu những thứ gì bên ngoài Giê-ru-sa-lem trong đồng ruộng Xết-rôn?
Vua đã thiêu toàn bộ những lư được làm ra cho Ba-anh và Át-tạt-tê cùng toàn bộ những ngôi sao trên trời bên ngoài Giê-ru-sa-lem trong đồng ruộng Xết-rôn.
2 Kings 23:7
Vua đã phó bỏ những phòng nào?
Vua đã phó bỏ những phòng của bọn nam mại dâm trong đền thờ Đức Giê-hô-va.
2 Kings 23:9
Các thầy tế lễ của các miếu thờ đó, nơi họ dâng hương, được phép ăn bánh không men ở đâu?
Các thầy tế lễ của các miếu thờ đó, nơi họ dâng hương, được phép ăn bánh không men trong Giê-ru-sa-lem.
2 Kings 23:11
Số ngựa mà các vua Giu-đa đã dâng lên cho mặt trời ở đâu?
Số ngựa mà các vua Giu-đa đã dâng lên cho mặt trời nơi cửa vào đền thờ Đức Giê-hô-va, gần phòng hoạn quan Nê-than Mê-léc.
2 Kings 23:13
Ai đã cất lên Núi Hủy Diệt?
Chính Sa-lô-môn vua Y-sơ-ra-ên đã cất lên Núi Hủy Diệt.
2 Kings 23:16
Tại sao Giô-si-a lại thiêu xương cốt trên bàn thờ tại Bê-tên?
Giô-si-a đã thiêu xương cốt trên bàn thờ tại Bê-tên để làm ô uế nó.
2 Kings 23:17
Giô-si-a không di dời hài cốt của ai?
Giô-si-a không di dời hài cốt của người của Đức Chúa Trời, là người đến từ Giu-đa và hài cốt của vị tiên tri đến từ Sa-ma-ri.
2 Kings 23:18
Giô-si-a không di dời hài cốt của ai?
Giô-si-a không di dời hài cốt của người của Đức Chúa Trời, là người đến từ Giu-đa và hài cốt của vị tiên tri đến từ Sa-ma-ri.
2 Kings 23:22
Một Lễ Vượt Qua như thế đã không được tổ chức trong bao lâu?
Lễ Vượt Qua như thế đã không được tổ chức từ thời của các quan xét, là những người xét đoán Y-sơ-ra-ên, hoặc trong đời các vua Y-sơ-ra-ên và vua Giu-đa cũng không hề có.
2 Kings 23:25
Giô-si-a đã xoay lại cùng Đức Giê-hô-va ra sao?
Giô-si-a đã hết lòng, hết ý, hết sức mình,mà quay trở lại cùng Đức Giê-hô-va.
2 Kings 23:26
Đức Giê-hô-va đã không xoay bỏ điều gì?
Đức Giê-hô-va đã không xoay khỏi cơn nóng giận trong cơn thịnh nộ kinh khiếp của Ngài.
2 Kings 23:29
Ai đã đi tiến đánh vua A-si-ri tại sông Ơ-phơ-rát?
Pha-ra-ôn Nê-cô, vua Ê-díp-tô, đi lên sông Ơ-phơ-rát, hãm đánh vua A-si-ri.
2 Kings 23:33
Tại sao Pha-ra-ôn Nê-cô, vua Ê-díp-tô lại bắt giam Giô-a-cha tại Líp-la, trong xứ Ha-mát?
Pha-ra-ôn Nê-cô, vua Ê-díp-tô lại bắt giam Giô-a-cha tại Líp-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

la, trong xứ Ha-mát để vua ấy không thể cai trị tại Giê-ru-sa-lem.
2 Kings 23:35
Giê-hô-gia-kim lấy tiền đâu để nộp cho Pha-ra-ôn?
Giê-hô-gia-kim đã đánh thuế xứ phải nộp tiền, để nộp cho Pha-ra-ôn.

Chapter 24
2 Kings 24:1
Trong đời vua Giê-hô-gia-kim trị vì
Tương tự câu: “Trong suốt thời gian Giê-hô-gia-kim trị vì Giu-đa”
tiến đánh nướcGiu-đa
Tương tự câu: “đã tấn công và đánh bại Giu-đa”
theo như lời Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Điều này đã đúng theo lời Đức Giê-hô-va”
2 Kings 24:3
Tai họa nầy hẳn phải xảy đến cho Giu-đa do lệnh của Đức Giê-hô-va
Một vài bản viết, “Tai họa này đến là bởi cơn giận của Đức Giê-hô-va,” điều đó cũng đúng theo đoạn Kinh Thánh gốc. Nếu như những dịch giả xem xét các bản với ngôn ngữ chính của nước họ, họ có thể có sự chọn lựa của mình.
do lệnh của Đức Giê-hô-va
Ở đây từ “lệnh” tượng trưng cho mạng lệnh của Đức Giê-hô-va.
đuổi nước Giu-đa khỏi mặt Ngài
Tương tự câu: “loại bỏ nước Giu-đa” hay “hủy diệt nước Giu-đa”
máu vô tội mà vua nầy đã làm đổ ra
“những người vô tội đã bị giết”
khiến cho Giê-ru-sa-lem ngập tràn máu vô tội
Tương tự câu: “quá nhiều người vô tội đã bị giết ở Giê-ru-sa-lem”
2 Kings 24:5
chẳng phải đều được chép ... Giu-đa sao?
Tương tự câu: “chúng thật được chép ... Giu-đa.”
an giấc cùng các tổ phụ mình
Tương tự câu: “chết và được chôn cùng các tổ phụ mình”
2 Kings 24:7
Vua Ai Cập không còn ra khỏi xứ mình nữa
Tương tự câu: “Vua Ai Cập không còn ra khỏi xứ của vua để tiến công nữa.”
2 Kings 24:8
Nê-hu-ta ... Ên-na-than
Nê-hu-ta là tên của một người nữ. Ên-na-than là tên của một người nam.
Giê-hô-gia-kin làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
“Giê-hô-gia-kin đã làm điều mà Đức Giê-hô-va cho là điều ác”
giống như tất cả những gì vua cha đã làm
“giống như cha vua đã làm”
2 Kings 24:10
Giê-hô-gia-kin, vua Giu-đa, cùng với mẹ mình, các thuộc hạ, các quan tướng, và các hoạn quan, ra đầu hàng vua Ba-by-lôn
“Giê-hô-gia-kin, cùng với mẹ mình, các thuộc hạ, các hoàng tử, và các quan tướng, tất cả đều ra đến nơi vua Ba-by-lôn, để đầu hàng”
Giê-hô-gia-kin bị bắt vào năm thứ tám triều vua Ba-by-lôn
“Vua Ba-by-lôn đã làm vua được tám năm cho đến khi vua bắt Giê-hô-gia-kin”
2 Kings 24:13
Vua bắt những người ở Giê-ru-sa-lem đi đày
“Vua Nê-bu-cát-nết-sa bắt tất cả những người quan trọng rời khỏi Giê-ru-sa-lem”
thợ mộc và thợ rèn
“những người biết cách làm thế nào để chế tạo và sửa chữa các vật dụng được làm từ kim loại”
không chừa một ai, ngoại trừ những người nghèo khổ nhất trong xứ
Tương tự câu: “Chỉ còn những người nghèo khổ nhất trong xứ là vẫn còn sống ở đó”
2 Kings 24:15
bảy nghìn ... một nghìn
Ma-tha-nia ... Sê-đê-kia
Đây là tên của những người nam.
2 Kings 24:18
hai mươi mốt ... mười một
hai mươi mốt ... mười một
Ha-mu-ta
Đây là tên của một người nữ. (Xem:
Giê-rê-mi
Đây là tên một người nam.
Líp-na
Đây là tên một địa danh.
điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
“điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va”

Translation Questions

2 Kings 24:2
Đức Giê-hô-va đã phán gì qua các đấng tiên tri là các tôi tớ của Ngài?
Đức Giê-hô-va đã phán qua các đấng tiên tri là các tôi tớ của Ngài rằng quân Canh-đê, quân A-ram, quân Mô-áp, và quân của dân Am-môn sẽ hủy diệt Giu-đa.
2 Kings 24:4
Đức Giê-hô-va không khứng tha thứ cho điều gì?
Đức Giê-hô-va không khứng tha thứ cho việc Ma-na-se đã làm cho Giê-ru-sa-lem đầy huyết vô tội.
2 Kings 24:7
Tại sao vua Ê-díp-tô không dám ra khỏi xứ mình nữa?
Vua Ê-díp-tô không dám ra khỏi xứ mình nữa bởi vì vua Ba-by-lôn đã chiếm lấy toàn bộ những xứ mà vua Ê-díp-tô cai trị.
2 Kings 24:12
Nê-bu-cát-nết-sa bắt giữ Giê-hô-gia-kin khi nào?
Nê-bu-cát-nết-sa đã bắt giữ Giê-hô-gia-kin nhằm năm thứ tám triều mình.
2 Kings 24:14
Những ai đã bị bỏ lại trong xứ?
Chỉ những người nghèo khó nhất mới bị bỏ lại trong xứ.
2 Kings 24:17
Vua Ba-by-lôn đã đổi tên cho Ma-tha-nia, thành tên gì?
Vua Ba-by-lôn đã đổi tên cho Ma-tha-nia thành Sê-đê-kia.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 25

2 Kings 25:1

năm thứ chín

ngày mồng mười tháng mười

Đây là tháng thứ mười theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày mồng mười là gần vào cuối tháng Mười hai của Dương lịch. Đây là mùa lạnh khi đó có thể có mưa và tuyết.

cùng toàn quân đến hãm đánh Giê-ru-sa-lem

Tương tự câu: “đến cùng với toàn quân đội của vua để chiến đấu chống lại dân Y-sơ-ra-ên.” hoặc là “đã đến cùng với toàn quân đội để chinh phục Giê-ru-sa-lem.”

ngày mồng chín tháng tư

Đây là tháng thứ tư theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ chín gần cuối tháng sáu của Dương lịch. Đây là vào mùa khô khi đó có thể ít mưa hoặc không mưa.

dân chúng

Đây là những cư dân ở Giê-ru-sa-lem, bao gồm cả những người lánh nạn từ các làng xung quanh chạy đến Giê-ru-sa-lem khi chiến tranh bắt đầu.

2 Kings 25:4

Bấy giờ, tường thành bị chọc thủng

Tương tự câu: “Bấy giờ quân đội Ba-by-lôn đã phá thủng tường thành”

tất cả quân lính

Tương tự câu: “tất cả các chiến binh”

ra cửa

Tương tự câu: “bằng cách đi qua cổng”

quân Canh-đê

Một số bản dịch sử dụng từ “quân Canh-đê” và một số khác sử dụng từ “quân Ba-by-lôn”. Cả hai từ trên đều mang nghĩa nói về cùng một nhóm người.

Vua Giu-đa chạy trốn theo hướng

Tương tự câu: “Vua Sê-đê-kia cũng chạy trốn và theo hướng”

Tất cả binh lính của vua đều bỏ vua chạy tán loạn

Tương tự câu: “Toàn bộ quân đội của vua đều bỏ vua mà chạy.” hay là “Người Canh-đê đã đuổi theo toàn bộ binh lính của vua.”

2 Kings 25:6

Ríp-la

Đây là tên một địa danh.

chúng kết tội Sê-đê-kia

Tương tự câu: “tuyên bố án phạt cho vua.” hay là “kết án.”

chúng giết các con trai Sê-đê-kia trước mắt người

Tương tự câu: “chúng giết chết họ trước mặt vua.” hay là “chúng giết họ và buộc vua Sê-đê-kia phải xem thấy.”

chúng móc mắt Sê-đê-kia

Từ “chúng” ở đây nói đến vua Nê-bu-cát-nết-sa, nhưng có lẽ vua không tự ra tay. Tương tự câu: “Rồi những người lính Ba-by-lôn móc mắt vua Sê-đê-kia.”

2 Kings 25:8

Ngày mồng bảy tháng năm

Đây là tháng thứ năm theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ bảy là gần cuối tháng Bảy theo Dương lịch.

năm thứ mười chín

Nê-bu-xa-ra-đan

Đây là tên một người nam.

thuộc hạ của

Tương tự câu: “người làm theo lệnh của”

Vách thành

Tương tự câu: “toàn bộ tường thành”

2 Kings 25:11

đào ngũ

“đã đầu hàng” (UDB) Tương tự câu: “đã hàng phục”

dân cư còn sót lại

“những người còn sót lại trong thành nhưng không có nhà”

2 Kings 25:13

đế bằng đồng

Ở đây nói đến các đế lớn bằng đồng, có thể di chuyển được bằng những bánh xe và trục đồng. Tương tự câu: “các đế bằng đồng có thể di chuyển” hay là “các đế bằng đồng có bánh xe” (UDB)

đập bể

Tương tự câu: “đập ra thành từng mảnh” hay là “bổ ra thành từng mảnh nhỏ”

vá

Đây là một công cụ được dùng để dọn dẹp bàn thờ, chủ yếu là được dùng để xúc đất, cát hoặc là bụi.

dùng vào việc thờ phượng

Tương tự câu: “Những thứ mà các thầy tế lễ dùng để phục vụ việc thờ phượng trong đền thờ”

Những lư hương

Tương tự câu: “Những cái bình dùng để đựng tro từ bàn thờ”

2 Kings 25:16

cái bể nước bằng đồng

Tương tự câu: “cái chậu nước lớn bằng đồng,” Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong 2KI 25:13.

các đế bằng đồng

Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong 2KI25:13.

thước

Một thước là đơn vị đo chiều dài hay khoảng cách.

đầu trụ bằng đồng

Tương tự câu: “một kiểu trang trí nghệ thuật, bằng đồng ” hoặc là “một miếng đồng được trang trí”

lưới

Đây là một kiểu trang trí được làm từ những sợi kim loại bắt chéo nhau trông giống như một cái lưới.

cũng bằng đồng

Tương tự câu: “toàn bộ được làm bằng đồng.”

2 Kings 25:18

Quan chỉ huy vệ binh

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 2KI 25:8.

bắt

Tương tự từ : “bắt giữ”

Sê-ra-gia

Đây là tên một người nam.

thầy phó tế

Tương tự từ: “người thay thế,” hoặc là “thầy tế lễ quan trọng thứ hai,” hoặc là “thầy phó tế,”

người canh giữ cửa đền thờ

Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong 2KI 7:10.

Một hoạn quan chỉ huy các chiến sĩ

Các bản dịch khác có thể gọi là “Một hoạn quan chỉ huy các binh lính” Một hoạn quan là một người đàn ông bị cắt bỏ bộ phận sinh dục.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lo việc tuyển quân
Tương tự câu: “người chịu trách nhiệm tuyển quân,” hay là “người tuyển quân,”
2 Kings 25:20
Nê-bu-xa-ra-đan
Hãy xem bạn đã dịch tên này như thế nào trong 2KI 25:8.
Ríp-la
Hãy xem bạn đã dịch tên này như thế nào trong 2KI 25:6.
cho giết họ
Tương tự câu: “sai người giết họ” hoặc là “đã giết họ”
Như vậy, dân Giu-đa bị bắt đày đi khỏi xứ mình
Tương tự câu: “Như vậy dân Giu-đa đã bị lưu đày ra khỏi xứ của họ”
Dân Giu-đa bị bắt đày đi khỏi xứ mình
Tương tự câu: “Dân Giu-đa phải đi khỏi xứ mình” hay là “tất cả những người quan trọng của Giu-đa phải bị đi đày ra khỏi xứ họ”
2 Kings 25:22
Nê-bu-cát-nết-sa ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam ... Sa-phan ... Ích-ma-ên ... Nê-tha-nia ... Giô-ha-nan ... Ca-rê-át ... Sê-ra-gia ... Tan-hu-mết ... Gia-a-xa-nia
Đây là tên của những người nam.
Nê-tô-pha
Tên này này có nghĩa là Tan-hu-mết là người của nhà hay bộ tộc Nê-tô-pha.
Ma-ca-thít
Tên này nghĩa là cha của Gia-a-xa-nia đến từ một nơi gọi là Ma-ca.
2 Kings 25:25
tháng thứ bảy
Đây là tháng thứ bảy theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó là khoảng cuối tháng Chín và đầu tháng Mười theo Dương lịch.
Ê-li-sa-ma
Đây là tên của một người nam.
toàn dân
Tương tự câu: “rất nhiều người dân”
từ nhỏ đến lớn
Tương tự câu: “từ người ít quan trọng cho đến người quan trọng nhất” hay là “mọi người”
2 Kings 25:27
năm thứ ba mươi bảy
ba mươi bảy
Vào ngày hai mươi bảy tháng mười hai
ngày thứ hai mươi bảy của tháng
Ê-vinh Mê-rô-đác
Đây là tên của một người nam, không phải là miêu tả về người đó.
2 Kings 25:28
ngai người cao hơn ngai các vua
Tương tự câu: “cao trọng hơn các vua khác”
cho thay áo tù của Giê-hô-gia-kin
Tương tự câu: “Thay quần áo tù của Giê-hô-gia-kin bằng quần áo mới” hoặc là “ban cho Giê-hô-gia-kin quần áo mới”
đồng bàn với mình
Tương tự câu: “ăn cùng với vua và các sĩ quan”
cấp dưỡng
Tương tự câu: “cho tiền để mua thức ăn”

Translation Questions

2 Kings 25:3
Tại sao không có thức ăn cho những người trong xứ?
Nạn đói trong thành rất nghiêm trọng đến nỗi chẳng còn thức ăn cho những người trong xứ.
2 Kings 25:4
Hết thảy quân lính chiến đấu đều chạy trốn đến đâu?
Hết thảy quân lính đương ban đêm đều chạy trốn bởi cửa ở giữa hai vách thành gần
vườn vua.
2 Kings 25:7
Chuyện gì đã xảy ra với Sê-đê-kia sau khi các con trai của ông bị giết?
Sau khi các con trai của ông bị giết, người Canh-đê đã móc mắt Sê-đê-kia, xiềng người bằng xích đồng, rồi dẫn người đến Ba-by-lôn.
2 Kings 25:10
Who destroyed all the walls around Jerusalem?
All the army of the Babylonians who were under the commander of the bodyguard destroyed all the walls around Jerusalem.
2 Kings 25:12
Tại sao quan chỉ huy vệ binh chỉ chừa lại trong xứ những người nghèo khổ nhất?
Quan chỉ huy vệ binh chỉ chừa lại trong xứ những người nghèo khổ nhất để làm việc trong các vườn nho và đồng ruộng.
2 Kings 25:16
How much bronze did the two pillars contain?
The two pillars contained more bronze than could be weighed.
2 Kings 25:21
What did the king of Babylon do to the people taken prisoner by the commander of the bodyguard?
The king of Babylon put them to death.
2 Kings 25:22
Whom did Nebuchadnezzar put in charge of the people who remained in the land of Judah?
Nebuchadnezzar put Gedaliah in charge of them.
2 Kings 25:26
Tại sao toàn dân từ nhỏ đến lớn, và những quan tướng đều lên đường đến Ai Cập?
Toàn dân từ nhỏ đến lớn, và những quan tướng đều lên đường đến Ai Cập vì họ sợ người Ba-by-lôn.
2 Kings 25:27
When was Jehoiachin released from prison?
Jehoiachin was released from prison in the thirty-seventh year of the exile of Jehoiachin, in the year that Evil Merodach began to reign.
2 Kings 25:29
Giê-hô-gia-kin đã ăn gì?
Hàng ngày, Giê-hô-gia-kin được ăn tài bạn của vua trọn đời mình. Và trọn đời người, vua hằng ngày lo phù cấp lương thực cho
người.
2 Kings 25:30
Giê-hô-gia-kin đã ăn gì?
Hàng ngày, Giê-hô-gia-kin được ăn tại bạn của vua trọn đời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mình. Và trọn đời người, vua hằng ngày lo phù cấp lương thực cho người.

Chapter 1

1 Chronicles 1:1

Con trai của Nô-ê là Sem, Cham, và Gia-phết

Một số bản dịch, bao gồm ULB và UDB, có “Con trai của” để mà làm rõ rằng Sem, Cham, và Gia-phết là anh em với nhau và là con trai của Nô-ê. Nếu không, người đọc sẽ giả định rằng mỗi người đại diện cho một thế hệ cách xa Nô-ê, tổ phụ của họ.

Ê-nót, Kê-nan, Ma-ha-la-le…Mê-tu-se-la

Những tên này thuộc bản kê khai của các tổ phụ. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách cụ thể để đánh dấu bản kê khai này, bạn có thể sử dụng nó ở đây.

1 Chronicles 1:5

Gô-me…Đô-đa-nim

Dịch những tên những người này theo cách bạn dịch danh xưng trong ngôn ngữ của bạn. Có mọi tên của người nam.

Đô-da-nim

Tên này thường được viết thành “Rô-đa-nim” như trong UDB.

1 Chronicles 1:8

Mích-ra-im…Nim-rốt

Đây là tên của con người.

1 Chronicles 1:11

Từ người Phi-li-tin mà ra

AT: "tổ phụ của người Phi-li-tin,"

1 Chronicles 1:13

Hếch

Đây là tên người.

A-rê-kít ... Ha-ma-tít

Đây là tên của nhóm dân.

1 Chronicles 1:17

A-bác-sát ... Giốc-tan

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:20

Giốc-tan ... Giô-báp

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:28

Nê-ba-giốt ... Kê-đê-ma

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:32

Kê-tu-ra ... Ên-đa

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:34

Ê-li-pha ... Mích-xa

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:38

Lô-than ... A-na

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:41

A-na ... A-ran

Đây là tên của người.

1 Chronicles 1:43

Bê-la ... Bê-ô ... Giô-báp ... Xê-rách ... Hu-sam

Đây là tên của con người.

Đin-ha-a ... Bốt-ra

Đây là tên của những địa điểm.

Hu-sam của xứ

"Hu-sam, từ vùng mà nơi dòng dõi Thê-man sống, thời đại sau ông."

Người Thê-man

Đây là tên của một nhóm dân.

1 Chronicles 1:46

Hu-sam…Ha-đát…Bê-đát…Sam-la…Sau-lơ

Đây là tên của người.

A-vít…Ma-rê-ca…Rê-hô-bốt

Đây là tên của các địa điểm.

1 Chronicles 1:49

Sau-lơ…Ba-anh-Ha-nan…Ạc-bồ…Ha-đát…Mê-hê-ta-bê-ên…Mát-rết…Mê-xa-háp

Đây là tên người.

Pha-i

Đây là tên của một nơi.

1 Chronicles 1:51

Thim-na…Y-ram

Đây là tên người.

Translation Questions

1 Chronicles 1:10

Ai là người đi chinh phục đầu tiên trên đất?

Nim-rốt, con trai Cút là người đi chinh phục đầu tiên.

1 Chronicles 1:19

Tại sao một trong số các con trai của Hê-be lại có tên là Bê-lét?

Trong đời người đó, đất đã chia ra.

1 Chronicles 1:43

Xứ nào đã có vua cai trị trước khi có các vua cai trị trên Y-sơ-ra-ên?

Xứ Ê-đôm đã có vua trước khi Y-sơ-ra-ên có các vua cai trị.

Chapter 2

1 Chronicles 2:1

Ru-bên…A-xe

Đây là toàn bộ tên người.

1 Chronicles 2:3

Thông tin Tổng quát:

See:

Sinh cho người Phê-rết và Xê-rách

"sinh con trai cho người là Phê-rết và Xê-rách"

Năm con

“5 người con"

Trước mặt Đức Giê-hô-vas

AT: "theo như Đức Giê-hô-va"

Đức Giê-hô-va giết ông

Điều này có nghĩa rằng Đức Giê-hô-va cho phép Ê-rơ bị giết.

Con dâu

Con dâu

1 Chronicles 2:5

Thông tin Tổng quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Chronicles 2:9
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 2:13
Thông tin Tổng quát:
See:
Thứ hai...thứ ba
"người con thứ hai...người con thứ ba"
1 Chronicles 2:16
Thông tin Tổng quát:
See: và
Giê-the người Ít-ma-ên
Điều này có nghĩa rằng Giê-the là dòng dõi của Ít-ma-ên.
1 Chronicles 2:18
Thông tin Tổng quát:
See:
Sinh người
AT: "sanh ra"
1 Chronicles 2:21
Thông tin Tổng quát:
See: và
Sinh người
"sanh ra"
1 Chronicles 2:23
Thông tin Tổng quát:
See: và
Sinh người
"sinh ra"
1 Chronicles 2:25
Thông tin Tổng quát:
See:
A-ta-ra
Đây là tên của người nữ.
1 Chronicles 2:29
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 2:34
Thông tin Tổng quát:
See:
Sinh người
"sanh ra"
1 Chronicles 2:36
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 2:39
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 2:42
Thông tin Tổng quát:
See:
Con trai của Ca-lép...Ma-rê-sa
Các bản dịch khác hiểu rằng mối quan hệ giữa những người này theo cách khác nhau. Một số dịch giả cho rằng “Cha của Hếp-rôn...cha của Ra-ham, cha của Ra-ham, cha của Giô-kê-am...cha của Sa-mai" nghĩa là "người tạo ra chi phái Hê-rôn," etc. Một số bản dịch dùng cách giải thích này.
1 Chronicles 2:45
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 2:48
Thông tin Tổng quát:
See:
sinh
"sanh ra"
1 Chronicles 2:52
Thông tin Tổng quát:
See:
Mê-nu-hốt...Dít-rít, Phu-tít, Su-ma-tít, và Mích-ra-ít. Dân Xô-ra-tít và dân Ếch-tao-lít
Đây là tên của các chi phái.
1 Chronicles 2:54
Người Nê-tô-pha-tít, Ạt-rốt Bết Giô-áp...Ma-na-ha-tít...người Xô-rít...người Xô-tít, người Si-ma-tít, và người Su-ca-tít...người Kê-nít...người Rê-cáp
Đây là tên của các thị tộc.

Translation Questions

1 Chronicles 2:3
Chuyện gì đã xảy ra với Ê-rơ, con trai cả của Giu-đa?
Ông là người gian ác trước mắt Đức Giê-hô-va, nên Đức Giê-hô-va đã giết chết ông.
1 Chronicles 2:7
A-ca đã đem đến điều rối loạn nào trên Y-sơ-ra-ên?
Ông đã đánh cắp vật biệt riêng cho Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 2:13
Ai là người con trai thứ bảy Gie-sê?
Đa-vít là người con trai thứ bảy của Gie-sê.
1 Chronicles 2:14
Ai là người con trai thứ bảy Gie-sê?
Đa-vít là người con trai thứ bảy của Gie-sê.

Chapter 3

1 Chronicles 3:1
Đa-vít
Đa-vít là con trai của Gie-sê, người thuộc dòng dõi Giu-đa. (See: 1CH 2:15)
A-hi-nô-am...A-bi-gia...Ma-a-ca...Ha-ghít...A-bi-ta...Éc-la
Đây là tên của người nữ.
Thanh-mai...Sê-pha-tia...Dít-rê-am
Đây là tên của người nam.
Đa-ni-ên
Người này có cùng tên với tiên tri người Y-sơ-ra-ên nhưng là một người khác.
Éc-la vợ người
"Éc-la, vợ của Đa-vít.” Đa-vít có nhiều hơn một vợ. AT: “Vợ của Đa-vít là Éc-la"
1 Chronicles 3:4
Nơi mà người trị vì bảy năm sáu tháng
Điều này cũng có thể dịch thành một câu rời: “Đa-vít trị vì ở đó bảy năm sáu tháng."
Ba mươi ba năm
Ba năm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

A-mi-ên…Si-mê-a…Sô-áp…Na-than
Đây là tên của người nam.
1 Chronicles 3:6
Gi-ba…Ê-li-sa-ma…Ê-li-phê-lết…Nô-ga…Nê-phết…Gia-phia…Ê-li-gia-đa
Đây là tên của người nam.
Ê-li-sa-ma…Ê-li-phê-lết
Đây cùng là têb được dùng cho hai con trai.
1 Chronicles 3:10
Thông tin Tổng quát:
Đây là sự bắt đầu trong bản kê khai của dòng dõi Đa-vít, những người làm vua.
Con trai của Sa-lô-môn là Rô-bô-am. Con trai của Rô-bô-am là A-bi-gia
Sa-lô-môn có nhiều hơn một con trai. Điều này cũng đúng với những người nam khác trong bản kê khai. AT: "Sa-lô-môn là cha của Rô-bô-am. Rô-bô-am là cha của A-bi-gia"
A-xa-ria
Đây là tên khác cho U-xia, danh xưng được biết nhiều hơn với vị vua này. Người dịch sẽ quyết định sử dụng “U-xia” ở mọi chỗ cho vị vua này.
1 Chronicles 3:13
Thông tin Tổng quát:
Điều này nối tiếp bản kê khai của dòng dõi của Đa-vít những người làm vua. Sắp xếp những mẫu câu này như bạn bắt đầu trong 1CH 3:10.
A-môn
Đây là tên của người nam.
1 Chronicles 3:15
Thông tin Tổng quát:
Điều này nối tiếp bản kê khai của dòng dõi của Đa-vít những người làm vua. Sắp xếp những mẫu câu này như bạn bắt đầu trong 1CH 3:10.
Giô-ha-nan…Sa-lum…Giê-chô-nia
Đâu là tên của người nam.
1 Chronicles 3:17
Giê-chô-nia
Một vài bản dịch có “Giê-cô-nia,” Cách gọi khác của “Giê-chô-chia."
Sự bắt giữ
Đây là danh hiệu được trao cho Giê-chô-nia bởi vì ông bị bắt giữ. Tuy nhiên, một số bản dịch chú ý đến từ “Ạc-sơ,” tên một người con của ông.
Giê-hô-gia-kim…Sa-la-thi-ên, Manh-ki-ram, Phê-đa-gia, Sê-na-xa, Giê-ca-mia, Hô-sa-ma, và Nê-đa-bia
Đây là tên của những người nam.
1 Chronicles 3:19
Phê-đa-gia…Xê-mê-i…Mê-su-lam…Ha-na-nia…Ha-su-ba…Ô-hên…Bê-rê-kia…Ha-sa-đia…Du-sáp Hê-sết…Phê-la-tia…Ê-sai…Rê-pha-gia…Ạc-nan…
Sê-ca-nia
Đây là tên của người nam.
Sê-lô-mít
Đây là tên của người nữ.
Ô-ba-đia
Đây là người có cùng tên với tiên tri Ô-ba-đia nhưng là một người khác.
Dòng dõi khác là Ạc-nan, Ô-ba-đia, và Sê-ca-nia
Các bản dịch khác đặt những người này trong họ hàng khác với nhau, bởi vì người Hê-bơ-rơ không biết rõ về họ.
1 Chronicles 3:22
Sê-ma-gia…Hát-túc…Di-ganh…Ba-ria…Nê-a-ria…Sa-phát…Ê-li-ô-ê-nai…Ê-xê-chia…A-ri-kam…Hô-đa-via…Ê-li-a-síp…Phê-la-gia…A-cúp…Giô-ha-na…Đê-la-gia … A-na-ni
Đây là tên ủa những người nam.

Translation Questions

1 Chronicles 3:4
Đa-vít đã làm vua cai trị Giê-ru-sa-lem trong bao nhiêu năm?
Đa-vít đã làm vua cai trị Giê-ru-sa-lem trong ba mươi ba năm.
1 Chronicles 3:16
Ai là vị vua cuối cùng của Y-sơ-ra-ên?
Sê-đê-kia là vị vua của Y-sơ-ra-ên.

Chapter 4

1 Chronicles 4:1
Giu-đa…Phê-rết…Hết-rôn…Cạt-mi…Hu-rơ …Sô-banh…Rê-a-gia…A-hu-mai…La-hát
Đây là tên của người nam.
Xô-ra-tít
Nhóm dân này được đặt theo thành phố Xô-ra nơi họ sống .
1 Chronicles 4:3
Họ là tổ phụ
Điều này nhắc đến bản kê khai trong câu trước. Tuy nhiên, một vài bản dịch xem những tên này có mối quan hệ cha-con. Cũng vậy, một số bản dịch xem Phê-nu-ên là tổ phụ của Ghê-đô, thay vì như một vị lãnh đạo thị tộc của Ghê-đô.
Ê-tam…Ghê-đô…Hu-sa
Đây là tên của các thành phố.
Dít-ma…Di-ma…Phê-nu-ên…Ê-xơ…Ép-ra-ta
Đây là tên của người nam.
Ha-sê-lê-bô-ni
Đây là tên của người nữ.
Đây là dòng dõi của Hu-rơ
"Phê-nu-ên và Ê-xe là dòng dõi của Hu-rơ." Điều này hướng tới bản kê khai tiếp theo.
1 Chronicles 4:5
A-su-rơ…Thê-cô-a…A-hu-xam…Hê-phe…Xê-rết…Xô-ha…Ết-nan… Ha-cốt…A-núp…Hát-xô-bê-ba…A-ha-hên…Ha-rum
Đây là tên của người nam.
Thê-mê-ni…A-hách-ta-ri
Ở đây được hiểu như tên của người nam. Tuy nhiên, một số bản dịch hiểu họ như tên của thị tộc được bắt đầu bởi con trai của A-su-rơ.
Hê-lê-a…Na-a-ra
Đây là tên của người nữ.
Sinh người
AT: "sanh ra cho người con trai"
Và thị tộc có nguồn gốc từ A-ha-hên con trai của Ha-rum
Một câu mới có thể bắt đầu ở đây. AT: “Ha-cốt cũng trở thành tổ phụ của Ha-rum và thị tộc đó có nguồn gốc từ con trai của Ha-rum A-ha-hên"
1 Chronicles 4:9
Gia-bê
Đây là tên của người nam.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mở rộng lãnh thổ của tôi
AT: "ban cho tôi nhiều đất"
Tay của Ngài sẽ giúp tôi
“Bàn tay của Chúa” có thể mang những nghĩa tương ứng 1) sự hướng dẫn của Ngài, 2) quyền năng của Ngài, hoặc 3) Sự bảo vệ của Ngài. AT: "hướng dẫn tôi” hoặc “làm tôi thịnh vượng.” Nó cũng có thể dịch nhiều hơn "ở cùng tôi."
Ban cho ông điều ông cầu nguyện
"làm theo như sự cầu nguyện của ông"
1 Chronicles 4:11
Kê-lúp…Su-ha…Mê-hia…Ê-tôn…Bết-ra-pha…Pha-sê-a…Tê-hi-na
Đây là tên của người nam.
Tê-hi-na, người đầu của thành Na-hách
"Tê-hi-na, người lập ra thành của Na-hách"
Na-hách
Đây là tên của thành phố.
Rê-ca
Đây là tên của một địa điểm.
1 Chronicles 4:13
Thông tin Tổng quát:
Nó sẽ giúp tạo ra đoạn nối và đặt câu 15 và đoạn 13 với nhau khi Kê-na là một dòng dõi của Giê-hu-nê và Ca-lép.
Kê-na…Ốt-ni-ên…Sê-ra-gia…Ha-thát…Mê-ô-nô-thai…Óp-ra…Giô-áp…Giê-phu-nê…Y-ru…Ê-la…Na-am…Giê-ha-lê-le…Xíp…Xi-pha…Thi-ria…A-sa-rên
Đây là tên của người nam.
Trũng thợ mộc, người ở đây đều là thợ
Trũng thợ mộc nghĩa là “Thung lũng của Thợ.” Nghĩa của tên này có thể dịch hoặc làm rõ với cách giải thích: “Trũng thợ mộc, nghĩa là ‘Thung lũng của thợ.' Nó được gọi như vậy bởi vì mọi người ở đó đều là thợ."
Thợ
Người có kĩ năng làm hoặc xây dựng những đồ vật
1 Chronicles 4:17
Thông tin Tổng quát:
Thông tin trong [1CH 4:17-18]
E-xơ-ra…Giê-the…Mê-rết…E-phe…Gia-lôn…Mi-ri-am…Sa-mai…Dít-bác…Ếch-tê-mô-a…Giê-rệt…Ghê-đô…Hê-be…Sô-ca…Giê-cu-ti-ên…Xa-nô-a
Đây là tên của người nam.
Đây là con cháu của Bi-thia
Từ “đây” nói đến Mi-ri-am, Sa-mai, và Dít-bác. Đây là con trai của Bi-thia sinh cho chồng của bà là Mê-rết.
Bi-thia
Đây là tên của người nữ.
Người vợ Do Thái của Mê-rết
Nguyên văn của người Hê-bơ-rơ chép, “Người vợ Do Thái của ông,” nhưng bản dịch dễ hiểu “của ông” đề cập đến Mê-rết. Điều này nói đến một người vợ khác của Mê-rết, ngoài Bi-thia.
1 Chronicles 4:19
Hô-đia…Na-ham…Kê-hi-la…Ếch-tê-mô-a…Si-môn…Am-nôn…Ri-na…Bên-Ha-nan…Ti-lôn…Di-si…Xô-hết…Bên Xô-hết
Đây là tên của người nam.
Gạc-mít
Một người từ dân Gạc
Ma-ca-thít
Một người từ vùng Ma-ca, nơi cũng được gọi là Ma-cát
1 Chronicles 4:21
Sê-la…Ê-rơ…Lê-ca…La-ê-đa…Ma-rê-sa…Giô-kim…Giô-ách…Sa-ráp
Đây là tên của người nam.
Vải gai mịn
Một loại vải
Thợ gốm
Người làm các vật chứa bằng đất sét
Bết Ách-bê-a…Cô-xê-ba…Nê-ta-im…Ghê-đê-ra
Đây là tên của các thành.
1 Chronicles 4:24
Nê-mu-ên…Gia-min…Gia-ríp…Xê-ra…Sau-lơ…Sa-lum…Míp-sam…Mích-ma…Ham-mu-ên…Xa-cu…Si-mê-i
Đây là tên của người nam.
Cháu trai
Con trai của một người con.
Cháu chắt
Chắt
1 Chronicles 4:27
Mười sáu con trai và sáu con gái
"16 con trai và 6 con gái"
Mo-la-đa…Ha-xa-Sua
Đây là tên của các thành.
1 Chronicles 4:29
Thông tin Tổng quát:
Danh sách các thành phố nơi con cháu Si-mê-ôn tiếp tục sống.
Bi-li-a…Ê-xem…Tô-lát…Bê-tu-ên…Họt-ma…Xiếc-lác…Bết Ma-ca-bốt…Hát-sa-su-sim … Bết Bi-rê …Sa-a-ra-im
Đây là tên các thành phố.
1 Chronicles 4:32
Thông tin Tổng quát:
Danh sách những nơi con cháu Si-mê-ôn tiếp tục sống.
Ê-tam…A-in…Rim-môn…Tô-ken…A-san
Đây là tên của các ngôi làng.
Vùng xa xôi
Nơi xa khỏi vùng dân chính
Ba-anh
Đây là tên của một thành. Còn được gọi là Ba-a-lát.
1 Chronicles 4:34
Mê-sô-báp…Giam-léc…Giô-sa…A-ma-xia…Giô-ên…Giô-xơ-bia…Sê-ra-gia…A-si-ên… Ê-li-ô-ê-nai…Gia-cô-ba…Giê-sô-hai-gia…A-sa-gia…A-đi-ên…Giê-si-mi-ên…Bê-na-gia …Xi-xa…Si-phi…A-lôn…Giê-đa-gia…Sim-ri…Sê-ma-gia
Đây là tên của người nam.
Những người được đề cập đến là trưởng lão
"những người đàn ông này là trưởng lão"
Thị tộc của họ thêm lên nhiều
"số người trong tộc của họ thêm nhiều lên"
1 Chronicles 4:39
Ghê-đô
Đây là tên của một thị trấn.
Đồng cỏ
Một vùng đất nơi mà các con vật ăn cỏ
Phì nhiêu
Số lượng lớn
Người Cham
Dòng dõi của Cham
Người Ma-ô-nít
Đây là tên của một nhóm dân. AT: “dòng dõi của Ma-ô"
1 Chronicles 4:42
Năm trăm người
"500 người"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Phê-la-tia…Nê-a-ria…Rê-pha-gia…U-xi-ên…Di-si
Đây là tên của người.
Còn lại người A-ma-léc lánh nạn
"còn lại người A-ma-léc tị nạn "
Tị nạn
Người bị ép rời khỏi quê hương của họ
Ngày nay
"đến ngày nay"

Translation Questions

1 Chronicles 4:9
Gia-bê đã cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên điều gì?
Ông đã cầu nguyện xin Đức Chúa Trời chúc phước cho mình, mở rộng bờ cõi của ông, giữ ông khỏi tổn hại để ông khỏi chịu đau đớn.
1 Chronicles 4:10
Gia-bê đã cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên điều gì?
Ông đã cầu nguyện xin Đức Chúa Trời chúc phước cho mình, mở rộng bờ cõi của ông, giữ ông khỏi tổn hại để ông khỏi chịu đau đớn.
Lời cầu nguyện của Gia-bê có được đáp lời không?
Có, Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu nguyện của ông.
1 Chronicles 4:27
Tại sao gia tộc của Si-mê-i và anh em người lại không tăng nhanh về số lượng, trong khi gia tộc của Giu-đa thì lại tăng nhanh?
Anh em người không có nhiều con.
1 Chronicles 4:39
Tại sao một vài con trai của Si-mê-i lại đi qua Ghê-đô phía đông của trũng?
Họ đang đi kiếm đồng cỏ cho súc vật mình, và họ đã tìm được đồng cỏ tươi tốt tại đó.
1 Chronicles 4:40
Tại sao một vài con trai của Si-mê-i lại đi qua Ghê-đô phía đông của trũng?
Họ đang đi kiếm đồng cỏ cho súc vật mình, và họ đã tìm được đồng cỏ tươi tốt tại đó.

Chapter 5

1 Chronicles 5:1
Ru-bên bấy giờ
Từ “bấy giờ” được sử dụng để đánh dấu để đổi từ bản kê khai của dòng dõi thành bối cảnh thông tin về Ru-bên.
Nhưng quyền con trưởng được cho con trai của Giô-sép, là con trai của Y-sơ-ra-ên
"nhưng Y-sơ-ra-ên ban quyền con trưởng cho con trai của Giô-sép, một người con trai khác của Y-sơ-ra-ên"
Ru-bên đã làm ô uế giường cha của mình
Đây là cách tế nhị nói về việc Ru-bên ngủ với vợ thứ của cha. Giường là nơi mà người nam và vợ ngủ với nhau.
Vì vậy ông không được ghi nhận là người lớn nhất
"Vì lịch sử dòng dõi không kể Ru-bên như người con trai lớn nhất"
Hê-nóc…Pha-lu…Hết-rôn…Cạt-mi
Đây là tên của người nam.
1 Chronicles 5:4
Giô-ên…Sê-mai-gia…Gót…Si-mê-i…Mi-ca…Rê-a-gia…Ba-anh…Bê-a-ra…
Tiết-la Phi-lê-se…Bê-ê-ra
Đây là tên của người nam.
Tiết-la Phi-lê-se
Tên này cũng được viết thành Tiết-la Phi-lê-se trong những phần khác của Kinh Thánh.
1 Chronicles 5:7
Liệt kê vào ghi chép gia phả
Điều này có thể bắt đầu một câu mới: “Ghi chép gia phả của họ liệt kê họ vào"
Ghi chép gia phả
Ghi chép để diễn tả mọi người trong gia đình có quan hệ với nhau như thế nào
Giê-i-ên…Xa-cha-ri…Bê-la…A-xa…Sê-ma
Đây là tên của người nam.
A-rô-be…Nê-bô…Ba-anh Mê-ôn
Đây là tên của thành phố.
1 Chronicles 5:10
Dân Ha-ga-rít
Đây là tên của một nhóm dân.
1 Chronicles 5:11
Sanh-ca
Đây là tên của một thành phố.
Giô-ên…Sa-pham…Gia-nai…Sa-phát…Mi-ca-ên…Mê-su-lam…Sê-ba…Giô-rai…Gia-can…Xia…Ê-be
Đây là tên của người nam.
1 Chronicles 5:14
A-bi-hai…Hu-ri…Gia-rô-a…Ga-la-át…Mi-ca-ên…Giê-si-sai…Giac-đô…Bu-xơ…A-hi…Áp-đi-ên…Gu-ni
Đây là tên của người nam.
1 Chronicles 5:16
Họ sống
AT: "chi phái của Gát sống"
Đồng cỏ
Khu vực là nơi con vật ăn cỏ
Những người này được liệt kê vào bản ghi chép gia phả
AT: "bản ghi chép gia phả liệt kê họ vào" hoặc "Bản ghi chép tổ tiên của gia đình họ liệt kê họ"
Những người
Nó không rõ có bao nhiêu người đề cập trước đó.
1 Chronicles 5:18
Dân Ru-bên
Điều này nói đến dân từ chi phái của Ru-bên.
Dân Gát
Điều này nói đến dân từ chi phái Gát.
Bốn mươi bốn nghìn quân lính
Bốn nghìn quân lính
Người cầm khiên và gươm, người giương cung
Người lính được mô tả như có kĩ năng trong chiến đấu với vũ khí mà họ mang theo. AT: "họ được huấn luyện tốt trong chiến đấu." (See:)
Dân Ha-ga-rít…dân Giê-tua…dân Ne-phi…dân Nô-đáp
Đây là tên của những nhóm dân.
1 Chronicles 5:20
Dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu với Chúa
AT: "dân Y-sơ-ra-ên cầu nguyện sốt sắng để xin Chúa giúp đỡ"
Họ bắt được
AT: "dân Y-sơ-ra-ên bắt được dân Ha-ga-rít"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Năm mươi nghìn con lạc đà
"50,000 con lạc đà"
Hai nghìn con lừa
"2,000 con lừa"
Vì Chúa chiến đấu cho họ
Sự giúp đỡ của Chúa trong trận chiến giống như một người lính chiến đấu trong trận chiến. AT: "vì Chúa giúp đỡ họ" (See)
1 Chronicles 5:23
Ba-anh Hẹt-môn...Sê-nia
Đây là tên của những ngọn núi.
Ê-phe...Di-si... Ê-li-ên...Ách-ri-ên... Giê-rê-mi...Hô-đa-via...Giắc-đi-ên
Đây là tên của người nam.
1 Chronicles 5:25
Phun ... Tiếc-la Phi-lê-se
Đây là tên của người nam.
Dân Ru-bên...dân Gát
Đây là tên của nhóm dân.
Ha-la...Cha-bo...Ha-ra
Đây là tên của các thành phố.
Gô-xan
Đây là tên của một con sông.

Translation Questions

1 Chronicles 5:1
Tại sao quyền trưởng nam của Ru-bên lại được trao cho Giô-sép em người?
Quyền trưởng nam của ông được trao cho Giô-sép, con trai của Y-sơ-ra-ên, bởi vì Ru-bên đã làm nhục giường của cha mình.
1 Chronicles 5:2
Từ người con trai nào của Y-sơ-ra-ên sẽ ra một người lãnh đạo?
Một người lãnh đạo sẽ ra từ Giu-đa, con trai Y-sơ-ra-ên.
1 Chronicles 5:6
Chuyện gì đã xảy ra với Bê-ê-ra, con trai của Ba-anh?
Vua nước A-si-ri bắt người đi lưu đày.
1 Chronicles 5:18
Con cháu Ru-bên, người Gát và phân nửa chi phát Ma-na-se có bao nhiêu lính đã được huấn luyện?
Họ có bốn mươi bốn nghìn lính đã được huấn luyện để chiến đấu, là những người cầm khiên, cầm gươm, giương cung.
1 Chronicles 5:20
Tại sao người Ha-ga-rít lại bị đánh bại?
Họ bị đánh bại bởi vì người Y-sơ-ra-ên đã kêu cầu cùng Đức Chúa Trời và có lòng tin cậy Ngài, và Đức Chúa Trời đã đáp lời họ.
1 Chronicles 5:22
Người Y-sơ-ra-ên đã sống tại xứ mà họ đã chiếm của người Ha-ga-rít trong bao lâu?
Họ đã sống tại đó cho They lived there until their captivity.
1 Chronicles 5:23
Một nửa chi phái Ma-na-se cùng với gia đình của họ đã sống ở đâu?
Họ đã sống trong xứ Ba-san.
1 Chronicles 5:24
Một nửa chi phái Ma-na-se cùng với gia đình của họ đã sống ở đâu?
Họ đã sống trong xứ Ba-san.
1 Chronicles 5:25
Vì cớ người Ru-bên, người Gát, và nửa chi phái Ma-na-se đã bất trung với Đức Chúa Trời, nên Ngài đã làm gì với họ?
Đức Chúa Trời đã khiến vua A-si-ri nổi lên và bắt những chi tộc nầy đi lưu đày.
1 Chronicles 5:26
Vì cớ người Ru-bên, người Gát, và nửa chi phái Ma-na-se đã bất trung với Đức Chúa Trời, nên Ngài đã làm gì với họ?
Đức Chúa Trời đã khiến vua A-si-ri nổi lên và bắt những chi tộc nầy đi lưu đày.

Chapter 6

1 Chronicles 6:1
Ghẹt-sôn...Kê-hát...Mê-ra-ri...Am-ram...Dít-sê-ha....Hếp-rôn..U-xi-ên...Na-đáp...A-bi-hu... Ê-lê-a-sa... Y-tha-ma
Đây là tên của những người nam.
1 Chronicles 6:4
Ê-lê-a-sa...A-bi-sua...Bu-ki...U-xi...Xê-ra-hi-gia...Mê-ra-giốt
Đây là tên của những người người nam.
1 Chronicles 6:7
Mê-ra-giốt...A-mia-ria....A-hi-túp...Xa-đốc...A-hi-ma-ách...Giô-na-than
Đây là tên của các người nam.
1 Chronicles 6:10
A-ma-ria...A-xa-ria...Xa-đốc...Sa-lum
Đây là tên của các người nam.
1 Chronicles 6:13
Hinh-kia...Sê-ta-gia...Giê-hô-xa-đác
Đây là tên của các người nam.
Lưu đày Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trong tay của Nê-bu-cát-nết-sa
Sức mạnh của Nê-bu-cát-nết-sa thông qua đội quân của ông được mô tả như một phần của thân thể ông
1 Chronicles 6:16
Ghẹt-sôn...Kê-hát... Mê-ra-ri
Xem bản dịch những tên gọi này trong 1CH 6:1.
Líp-ni...Si-mê-i
Đây là tên của người nam.
Am-ram... Dít-sê-ha...Hếp-rôn... U-xi-ên
Xem bản dịch những tên này trong 1CH 6:2.
1 Chronicles 6:19
Mê-ra-ri...Mách-li...Mu-si... Gia-hát...Xim-ma...Giô-a...Y-đô...Xê-ra...Giê-a-trai
Đây là tên của các người nam.
1 Chronicles 6:22
A-mi-na-đáp...Cô-rê...Át-si...Ên-ca-na...Ê-bi-a-sáp...Ta-hát...U-ri-ên...U-xi-gia
Đây là tên của những người nam.
1 Chronicles 6:25
Ên-ca-na...A-ma-sai....A-hi-mốt...Xô-phai...Na-hát...Ê-li-áp...Giê-rô-ham
Đây là tên của người nam.
1 Chronicles 6:28
Giô-ên...Mê-ra-ri...Mách-li...Líp-ni...Si-mê-i...U-xa...Si-mê-a...Ha-ghi-gia...A-sai-gia
Đây là tên của người nam.
Con thứ
"đứa con được sinh kế tiếp"
1 Chronicles 6:31

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hòm giao ước để yên tại đó
"dân Y-sơ-ra-ên đặt hòm giao ước tại đó"
Đền tạm, Lều hội kiến
Có thể mang những nghĩa 1) “Lều hội kiến” ghi rõ tên khác cho “đền tạm”
Họ thực hiện nghĩa vụ của mình theo như hướng dẫn ban cho họ
AT: "Những ca sĩ vâng theo sự hướng dẫn của Đa-vít"
1 Chronicles 6:33
Có những kẻ
"có những người soạn nhạc"
Dân Kê-hát
Đây là tên của một nhóm dân.
Quay lại lúc trước
Điều này có nghĩa là danh sách đang theo thứ tự từ mới nhất đến cũ nhất.
Hê-man...Giê-rô-ham...Ê-li-ên...
Đây là tên của người nam.
Ê-ca-na...A-ma-sai
Xem bản dịch các tên của người nam này trong 1CH 6:25.
1 Chronicles 6:36
Ta-hát...Át-si...Ê-bi-a-sáp...Dít-sê-ha...Kê-hát
Đây là tên người.
1 Chronicles 6:39
Bê-ri-kia...Si-mê-a...Mi-ca-ên...Ba-sê-gia...Manh-ki-gia...Ét-ni...Xê-ra... A-đa-gia...Ê-than...Xim-ma... Si-mê-i...Ghẹt-sôn
Đây là tên của người nam.
Người đồng sự
"người cùng làm việc"
Những người đứng bên tay phải
Quyền lực của một người được mô tả bởi vị trí nơi họ đứng. Phía bên phải của một người là vị trí nơi người đó có quyền nhất tại chỗ họ đứng.
1 Chronicles 6:44
Thông tin Tổng quát:
Xem:
Ở bên trái của Hê-man
AT: "đứng bên phải của Hê-man"
Người đồng sự
"người cùng làm việc"
1 Chronicles 6:48
Những người phụ của họ, người Lê-vi, được phân việc để làm
AT: "Đó là trách nhiệm của người đồng sự, người Lê-vi, cùng làm"
1 Chronicles 6:49
Của lễ này chuộc tội cho Y-sơ-ra-ên
AT: "Của lễ này được chuộc cho tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên"
1 Chronicles 6:50
Thông tin Tổng quát:
See:
Dòng dõi của A-rôn được tính vào người nối dõi
AT: "đây là dòng dõi của A-rôn"
1 Chronicles 6:54
Thông tin Tổng quát:
See:
Những vị trí này ở nơi dòng dõi của A-rôn được định để sống, đó là, để dòng dõi của A-rôn từ chi phái Kê-hát (lá thăm đầu tiên của họ)
AT: "Đây là nơi dòng dõi của A-rôn, chi phái của Kê-hát, sống (lá thăm được bóc để xác định nơi mà họ sẽ sống)"
Dân Kê-hát
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 6:33.
Họ được ban cho Hếp-rôn
AT: "họ ban cho Hếp-rôn"
Nhưng các ruộng đất của thành và làng của nó được ban cho Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê
AT: "Ca-lép và gia đình của ông đến sống trong các ruộng của Hếp-rôn và các làng xung quanh"
Đồng cỏ
Đây là vùng cỏ nơi con vật ăn.
1 Chronicles 6:57
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 6:59
Thông tin Tổng quát:
See:
Thành của họ lên tới mười ba
AT: "Họ có tổng cộng 13 thành phố"
1 Chronicles 6:61
Dòng dõi của Ghẹt-sôn tùy theo chi phái được trao cho mười ba thành
"Chi phái của dòng dõi Ghẹt-sôn có được 13 thành" (See:
Kê-hát...Ghẹt-sôn
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 6:1.
1 Chronicles 6:63
Mê-ma-ri
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 6:1.
Những thành được đề cập từ trước
AT: "những thành từ"
1 Chronicles 6:66
Thông tin Tổng quát:
See:
Dân Kê-hát
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 6:33.
1 Chronicles 6:70
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 6:71
Thông tin Tổng quát:
See:
Ghẹt-sôn
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 6:1.
1 Chronicles 6:74
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 6:77
Thông tin Tổng quát:
See:
Mê-ra-ri
Xem bản dịch này trong 1CH 6:1.
Mê-ra-ri...đồng cỏ
"Chi phái Sa-bu-lôn trao cho dòng dõi của Mê-ra-ri Ri-mô-nô cùng đồng cỏ của nó và Tha-bô với đồng cỏ của nó"
Chúng cũng được cho...chi phái của Ru-bên
Thông tin trong [1CH 6:78-79]
Họ cũng được cho
"Họ cũng được"
1 Chronicles 6:80
Thông tin Tổng quát:
See:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

1 Chronicles 6:15

Đức Giê-hô-va đã dùng tay ai để lưu đày Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?

Đức Giê-hô-va đã dùng tay Nê-bu-cát-nết-sa mà bắt dẫn Giu-đa và Giê-ru-sa-lem đi.

1 Chronicles 6:31

Nhiệm vụ của những người Đa-vít đặt lo về phần âm nhạc là gì?

Họ sẽ lo việc ca hát thờ phượng trước hòm giao ước.

1 Chronicles 6:32

Ai đã xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem?

Sa-lô-môn đã xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 6:48

Chi tộc nào của Y-sơ-ra-ên được chỉ định làm mọi việc trong Đền Tạm của Đức Chúa Trời?

Người Lê-vi được chỉ định làm công việc nầy.

1 Chronicles 6:49

A-rôn và các con trai ông chịu trách nhiệm về các của lễ chuộc tội nào?

Họ chịu trách nhiệm về các của lễ dâng trên bàn thờ về các của lễ thiêu và trên bàn thờ xông hương.

Những của lễ nầy là vì mục đích gì?

Những của lễ được dâng lên để chuộc tội cho tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên.

1 Chronicles 6:64

Người Lê-vi đã sống ở đâu bởi vì họ không được nhận những phần đất riêng biệt giống như những chi phái khác?

Người Lê-vi được cấp cho nhiều thành và các đồng cỏ thuộc các thành đó từ các chi phái Giu-đa, Si-mê-ôn và Bên-gia-min.

1 Chronicles 6:65

Người Lê-vi đã sống ở đâu bởi vì họ không được nhận những phần đất riêng biệt giống như những chi phái khác?

Người Lê-vi được cấp cho nhiều thành và các đồng cỏ thuộc các thành đó từ các chi phái Giu-đa, Si-mê-ôn và Bên-gia-min.

Chapter 7

1 Chronicles 7:1

Thông tin Tổng quát:

See: and

Họ lên tới 22,600

"Có hai mươi hai nghìn sáu trăm người"

Trong những ngày của Đa-vít

AT: "trong suốt cuộc đời của Đa-vít"

1 Chronicles 7:4

Cùng với

AT: "trong số bọn họ"

Ba mươi sáu nghìn quân để chiến đấu

Ba nghìn quân để chiến đấu

1 Chronicles 7:6

Thông tin Tổng quát:

See: and

Người khởi thủy

"ông cha" hoặc "tổ phụ"

1 Chronicles 7:8

Thông tin Tổng quát:

See: and

1 Chronicles 7:11

Giê-đi-a-ên…Y-rơ…A-hem

Đây là tên của người nam.

Liệt kê trong danh sách chi phái của họ là 17,200

"Danh sách chi phái bao gồm mười bảy nghìn hai trăm"

Súp-bim…Hốp-bim…Hu-sim

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 7:13

Gia-si-ên, Gu-ni, Giê-xe, và Sa-lum

Đây là tên của người nam.

Con cháu của Bi-la

AT: "cháu của con Bi-la"

1 Chronicles 7:14

Thông tin Tổng quát:

See:

Dân A-ram

Điều này nói đến người A-ram, vùng ở Sy-ri-a.

Người hầu A-ram sinh

AT: "người hầu A-ram sanh cho"

1 Chronicles 7:17

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 7:20

Thông tin Tổng quát:

See:

Ê-xe và Ê-lê-a-đa bị giết bởi những người đàn ông Gát, người dân trong xứ

AT: "người đàn ông Gát, người trong xứ, giết Ê-xe và Ê-lê-a-đa"

Họ đến cướp súc vật

AT: "người anh em đến cướp súc vật từ dân Gát"

1 Chronicles 7:23

Bà ta mang thai và sinh ra con trai

"bà ta trở nên thai nghén và sanh ra con trai"

Gọi nó

"đặt tên cho nó"

Bê-ri-a…Sê-ê-ra

Đây là tên người.

Bết Hô-rôn trên cùng và U-xên Sê-ê-ra

Đây là tên những địa điểm.

1 Chronicles 7:25

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 7:28

Thông tin Tổng quát:

See:

Cư trú ở

AT: "nhà ở"

Trong các thành mà dòng dõi của Giô-sép, con của Y-sơ-ra-ên sống

AT: "Dòng dõi của Giô-sép, con của Y-sơ-ra-ên, sống trong các thành này"

1 Chronicles 7:30

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 7:33

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 7:36

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 7:39

Thông tin Tổng quát:

See:

Chọn những người nam

"người nam quan trọng"

Có hai mươi sáu nghìn người nam được liệt kê, là người thích hợp để phục vụ quân đội, theo như số lượng thống kê

Sáu nghìn người nam được liệt kê, là người thích hợp để phục vụ quân đội, theo như số lượng được thống kê

Translation Questions

1 Chronicles 7:2

Các con của Thô-la là những người ra sao?

Họ là những người mạnh mẽ và dũng cảm.

1 Chronicles 7:5

Số người lính có thể chiến đấu từ chi phái Y-sa-ca là bao nhiêu?

Chi phái Y-sa-ca có 87.000 lính chiến.

1 Chronicles 7:6

Các con trai của Bê-la được biết đến là những ai?

Các con trai Bê-la được biết đến như những người lính chiến và những người lập ra các gia tộc.

1 Chronicles 7:7

Các con trai của Bê-la được biết đến là những ai?

Các con trai Bê-la được biết đến như những người lính chiến và những người lập ra các gia tộc.

1 Chronicles 7:14

Ai đã sinh con trai đặt tên là Ách-ri-ên?

Vợ lẽ người A-ram của Ma-na-se đã sinh cho ông một đứa con trai đặt tên là Ách-ri-ên.

1 Chronicles 7:21

Tại sao Ép-ra-im lại cần đến sự an ủi từ các anh em mình khi ông than khóc nhiều ngày?

Ép-ra-im cần đến sự an ủi từ các anh em mình bởi vì các con trai của ông là Ê-xe,và Ê-lê-át đều đã bị người Gát giết chết khi hai người họ đã đi cướp gia súc của họ.

1 Chronicles 7:22

Tại sao Ép-ra-im lại cần đến sự an ủi từ các anh em mình khi ông than khóc nhiều ngày?

Ép-ra-im cần đến sự an ủi từ các anh em mình bởi vì các con trai của ông là Ê-xe,và Ê-lê-át đều đã bị người Gát giết chết khi hai người họ đã đi cướp gia súc của họ.

1 Chronicles 7:23

Tại sao Ép-ra-im lại đặt tên con trai mình là Bê-ri-a?

Ép-ra-im đã đặt tên con trai mình là Bê-ri-a bởi vì bi kịch đã xảy đến cho gia đình ông.

1 Chronicles 7:27

Ai là con trai của Nun?

Giô-suê là con trai của Nun.

1 Chronicles 7:28

Các sản nghiệp và nơi ở của Giô-suê và gia đình ông là ở đâu?

Các sản nghiệp và nơi ở của họ là ở tại Bê-tên và các ngôi làng phụ cận.

1 Chronicles 7:40

Những đặc điểm của con cháu A-sê là gì?

Con cháu của A-se đều làm trưởng các gia tộc, những người đứng đầu gia đình mình, những người xuất sắc, những lính chiến tinh nhuệ và là những người đứng đầu các quan tướng.

Chapter 8

1 Chronicles 8:1

Thông tin Tổng quát:

See: and

1 Chronicles 8:6

Thông tin Tổng quát:

See:

Buộc phải đi

"cần đi" hoặc "phải đi"

1 Chronicles 8:8

Sa-ha-ra-im…Giô-áp…Xi-bia…Mê-sa…Manh-cam…Giê-út…Sô-kia...Mịt-ma ... A-bi-túp ... Ên-ba-anh

Đây là tên của người nam.

Hu-sim…Ba-ra…Hô-đe

Đây là tên của người nữ.

Bởi vợ của Hô-đe, Sa-ha-ra-im trở thành cha của

AT: "Sa-ha-ra-im và vợ của ông Hô-đe đã có con nối dõi"

1 Chronicles 8:12

Ên-ba-anh…Ê-be…Mi-sê-am…Sê-mết…Bê-ri-a... Sê-ma

Đây là tên của người nam.

Ô-nô…Lót…A-gia-lôn

Đây là tên của địa điểm.

1 Chronicles 8:14

Thông tin Tổng quát:

See:

Ên-ba-anh…Giô-áp

Thông tin trong [1CH 8:17-18]

1 Chronicles 8:19

Thông tin Tổng quát:

Thông tin trong [1CH 8:19-21]

1 Chronicles 8:22

Thông tin Tổng quát:

Thông tin trong [1CH 8:22-25]

1 Chronicles 8:26

Thông tin Tổng quát:

See:

Đây là những người đứng đầu chi phái và các lãnh đạo

Những từ “người đứng đầu” và “chi phái” nghĩa giống nhau.

1 Chronicles 8:29

Thông tin Tổng quát:

See:

Cha của Ga-ba-ôn, Giê-i-ên, vợ của người tên là Ma-a-ca, sống tại Ghi-bê-ôn

Ở đây “cha của” nói đến vị trí của Giê-i-ên, người đứng đầu trong thành Ghi-bê-ôn. Vợ của người là Ma-a-ca"

Con đầu lòng của ông

"con đầu lòng của Giê-i-ên"

1 Chronicles 8:32

Thông tin Tổng quát:

See:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Chronicles 8:35
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 8:38
Thông tin Tổng quát:
See: and
Giê-úc thứ hai, và Ê-li-phê-lết thứ ba
AT: "Giê-úc là con thứ hai, và Ê-li-phê-lết thứ ba"
Họ có nhiều con và cháu, tổng cộng là 150
AT: "Họ có tổng cộng một trăm năm mươi con và cháu"

Translation Questions

1 Chronicles 8:6
Các con cháu của Ê-hút đã bị bắt buộc phải làm gì?
Các con cháu của Ê-hút bị buộc phải dời đến đất Ma-na-hát.
1 Chronicles 8:13
Các con trai Ên-ba-anh đã đuổi ai đi?
Các con trai của ông đã đuổi những dân cư sinh sống tại Gát đi.
1 Chronicles 8:28
Các con trai của Giê-rô-ham đã sống tại đâu?
Họ đã sống tại Giê-ru-sa-lem.
1 Chronicles 8:32
Mích-lô và gia đình ông đã sống tại đâu?
Mích-lô và gia đình ông đã sống gần họ hàng của mình tại Giê-ru-sa-lem.
1 Chronicles 8:33
Ai là cha của Sau-lơ?
Kích là cha của Sau-lơ.
1 Chronicles 8:39
Các con trai của U-lam, tức là con cháu của Bên-gia-min, được biết đến ra sao?
Các con trai của U-lam là những lính chiến và lính bắn cung.
1 Chronicles 8:40
Các con trai của U-lam, tức là con cháu của Bên-gia-min, được biết đến ra sao?
Các con trai của U-lam là những lính chiến và lính bắn cung.

Chapter 9

1 Chronicles 9:1
Vì cả dân Y-sơ-ra-ên được ghi chép trong gia phả
Gia phả nói đến bản ghi chép của dòng dõi gia đình hoặc tổ phụ của một người.
Sách các vua của Y-sơ-ra-ên
Điều này nói đến quyển sách không còn tồn tại nữa.
1 Chronicles 9:4
Thông tin Tổng quát:
See: and
Dân Si-lô-ni
Đây là tên của nhóm dân có nguồn gốc từ Sê-la. Đây là cách thay đổi chính tả cho dân Sê-la.
1 Chronicles 9:7
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 9:10
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 9:12
Thông tin Tổng quát:
See: and
Họ là những người nam có năng lực trong công việc trong nhà của Chúa
AT: "những người có khả năng làm trong nhà Chúa"
1 Chronicles 9:14
Sê-ma-gia...Ên-ca-na
Đây là tên của người nam.
Giữa các dòng dõi
"một trong các dòng dõi"
Dân Nê-tô-pha-tít
Đây là tên của một nhóm dân.
1 Chronicles 9:17
Thông tin Tổng quát:
See:
Lính gác cổng
"lính bảo vệ" hoặc "lính giữ cổng"
Họ đứng canh cổng cho vua ở phía đông, cho trại quân của dòng dõi Lê-vi
"dòng dõi của Lê-vi bảo vệ cổng của vua ở phía đông trại quân của họ"
Cửa lều trại...cửa vào
Cụm từ này đều nói đến cửa ra vào của lều, hoặc đền tạm.
1 Chronicles 9:20
Trong sự coi sóc của họ
AT: "trong sự coi sóc của lính gác"
1 Chronicles 9:22
Thông tin Tổng quát:
See:
Tên của họ được ghi chép trong gia phả của làng họ
AT: "Gia phả trong làng của họ gồm có tên những người đàn ông này"
Con của họ
"dòng dõi của họ"
Lính gác được bố trí
AT: "người đàn ông giữ cổng ra vào"
ở cả bốn hướng, về phía đông, tây, bắc, và nam
AT: "khắp mọi nơi"
1 Chronicles 9:25
Anh em của họ
"anh em của người gác"
Đến luân phiên bảy ngày, theo luân phiên
Ngày luân phiên, đổi
Được định để giữ các phòng
AT: "giữ các phòng"
1 Chronicles 9:28
Trong bọn họ
"trong những người canh gác"
Họ đếm các đồ vật khi họ mang vào và khi họ mang ra
AT: "Họ tính các vật mà người ta mang ra để sử dụng, và họ tính các vật khi họ mang chúng trở lại"
Được định để chăm sóc
AT: "chăm sóc" hoặc "gìn giữ"
1 Chronicles 9:30

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ma-ti-thia...Sa-lum
Đây là tên của người nam.
Kê-hát...dân Kê-hát
Đây là tên của nhóm dân.
Bánh hiện diện
Xem thuật ngữ quan trọng “bánh” trong định nghĩa cụ thể của “bánh của sự hiện diện."
1 Chronicles 9:33
Họ được miễn các việc khác
AT: "họ không làm các công việc khác"
Phải thực hiện các nhiệm vụ được giao
AT: "phải hoàn tất các nhiệm vụ được giao"
Ngày và đêm
Điều này có nghĩa là “mọi lúc” và có thể dịch bằng cách sử dụng cụm từ hoặc từ ngữ trong ngôn ngữ của bạn để có cùng nghĩa.
Đây là gia đình trưởng tộc giữa người Lê-vi, được liệt kê trong ghi chép gia phả của họ
AT: "Bản kê khai lịch sử gia đình gồm có tên của trưởng tộc gia đình người Lê-vi"
1 Chronicles 9:35
Thông tin Tổng quát:
See:
Ghi-bê-ôn
Bản tham khảo đầu tiên của Ghi-bê-ôn là con người nhưng bản tham khảo thứ hai về Ghi-bê-ôn là thành phố.
1 Chronicles 9:38
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 9:41
Thông tin Tổng quát:
See: and

Translation Questions

1 Chronicles 9:1
Các gia phổ của toàn Y-sơ-ra-ên được ghi chép ở đâu?
Các gia phổ được ghi chép trong Sách của Các vua Y-sơ-ra-ên.
Tại sao Giu-đa lại bị bắt đi lưu đày sang Ba-by-lôn?
Giu-đa bị bắt đi lưu đày sang Ba-by-lôn vì cớ tội lỗi của họ.
1 Chronicles 9:2
Ai là những người đầu tiên trở về tái định cư trong các thành của mình?
Những người đầu tiên trở về tái định cư trong các thành của mình là một số người Y-sơ-ra-ên, các thầy tế lễ, người Lê-vi, và những phục vụ trong đền thờ.
1 Chronicles 9:11
A-xa-ria được biết đến về điều gì?
A-xa-ria là thầy tế lễ, những người chịu trách nhiệm trong đền thờ Đức Chúa Trời.
1 Chronicles 9:13
Họ hàng của A-đa-gia và Ma-ê-sai được biết đến về điều gì?
Họ là những rất có năng lực trong công việc trong đền thờ của Đức Chúa Trời.
1 Chronicles 9:17
Trách nhiệm trước kia mà những gác cửa nầy đã từng thực hiện là gì?
Những người gác cửa đông của vua trước kia từng gác cửa trại của người Lê-vi.
1 Chronicles 9:18
Trách nhiệm trước kia mà những gác cửa nầy đã từng thực hiện là gì?
Những người gác cửa đông của vua trước kia từng gác cửa trại của người Lê-vi.
1 Chronicles 9:19
Trách nhiệm của người Cô-ra là gì?
Người Cô-ra là những người trông coi các công việc của đền thờ và canh giữ cửa trại nơi Đức Giê-hô-va ngự.
1 Chronicles 9:21
Trách nhiệm của Xa-cha-ri, con trai Mê-sê-lê-mia?
Xa-cha-ri là người giữ cửa ra vào đền thờ, tức là giữ cửa Lều Hội Kiến.
1 Chronicles 9:22
Những người gác cổng và con cái họ, tức là những người mà Đa-vít và Sa-mu-ên đã đặt để vào trong những vị trí tín nhiệm hiện tại của họ, đã làm gì trong Y-sơ-ra-ên?
Những người gác cổng nầy và con cái họ đã canh gác cổng đền thờ của Đức Giê-hô-va, tức là lều tạm.
1 Chronicles 9:24
Những người gác cổng và con cái họ, tức là những người mà Đa-vít và Sa-mu-ên đã đặt để vào trong những vị trí tín nhiệm hiện tại của họ, đã làm gì trong Y-sơ-ra-ên?
Những người gác cổng nầy và con cái họ đã canh gác cổng đền thờ của Đức Giê-hô-va, tức là lều tạm.
1 Chronicles 9:26
Bốn người đứng đầu những người canh cửa đã thực hiện những công việc được chỉ định của mình là trông coi các phòng và kho tàng trong nhà của Đức Chúa Trời ra sao?
Bốn người đứng đầu những người canh cửa sẽ thức suốt đêm trong những đồn canh của mình quanh đền thờ của Đức Chúa Trời và mỗi sáng sớm thì mở các cửa ra.
1 Chronicles 9:27
Bốn người đứng đầu những người canh cửa đã thực hiện những công việc được chỉ định của mình là trông coi các phòng và kho tàng trong nhà của Đức Chúa Trời ra sao?
Bốn người đứng đầu những người canh cửa sẽ thức suốt đêm trong những đồn canh của mình quanh đền thờ của Đức Chúa Trời và mỗi sáng sớm thì mở các cửa ra.
1 Chronicles 9:28
Những công việc cụ thể mà người Lê-vi được giao cho để làm là gì?
Một số người Lê-vi chịu trách nhiệm về các vật dụng trong đền thờ, và một số người thì được giao cho nhiệm vụ coi sóc những đồ dùng, vật dụng trong nơi thánh, và những đồ dự trữ như bột, rượu, dầu, trầm hương và hương liệu.
1 Chronicles 9:29
Những công việc cụ thể mà người Lê-vi được giao cho để làm là gì?
Một số người Lê-vi chịu trách nhiệm về các vật dụng trong đền thờ, và một số người thì được giao cho nhiệm vụ coi sóc những đồ dùng, vật dụng trong nơi thánh, và những đồ dự trữ như bột, rượu, dầu, trầm hương và hương liệu.
1 Chronicles 9:32
Trách nhiệm của người Kê-hát là gì?
Người Kê-hát chịu trách nhiệm chuẩn bị tránh trần thiết cho mỗi ngày Sa-bát.
1 Chronicles 9:33
Tại sao những người có nhiệm vụ ca hát và trưởng gia tộc người Lê-vi vẫn ở trong các phòng của đền thờ và được miễn các công việc khác?
Các ca sĩ và trưởng gia tộc người Lê-vi đã sống trong nơi tháng bởi vì họ đã phải thực hiện những công việc đã được

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chỉ định của mình cả ngày lẫn đêm.

Chapter 10

1 Chronicles 10:1

Thông tin Tổng quát:

See:

Mỗi người của Y-sơ-ra-ên chạy khỏi trước

AT: "Quân đội của Y-sơ-ra-ên chạy trốn khỏi"

Ngã xuống chết

AT: "chết"

1 Chronicles 10:4

Đâm qua ta bằng nó

AT: "giết ta bằng nó"

Nếu không thì, những kẻ không cắt bì sẽ đến

Nhắc đến “không cắt bì” ở đây là sự sỉ nhục, ý nói rằng những người này là ngoài ngoại và không có mối quan hệ với Chúa.

Ngã lên nó

AT: "tự sát bằng nó"

1 Chronicles 10:5

Và ba con trai của ông

AT: "và ba con trai của ông chết"

1 Chronicles 10:7

Khi mỗi người Y-sơ-ra-ên

AT: "khi mỗi người đàn ông Y-sơ-ra-ên"

Số với họ

"sống trong thành phố Y-sơ-ra-ên"

Xảy ra

Cụm từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách dịch này, bạn có thể sữ dụng ở đây.

Cởi trần người chết

AT: "lấy đi mọi thứ quý giá của xác chết"

Sau-lơ và con trai của ông ngã

"Sau-lơ và con trai của ông chết"

1 Chronicles 10:9

Họ cởi trần ông

AT: "dân Phi-li-tin lột mọi thứ khỏi xác của Sau-lơ"

Họ lấy áo giáp của ông

"dân Phi-la-tin lấy áo giáp của Sau-lơ"

Đa-gôn

Đây là tên của một thần giả.

1 Chronicles 10:11

Thông tin Tổng quát:

See: and

Khi khắp Gia-be Ga-la-át nghe mọi điều về dân Phi-li-tin

AT: "Khi dân Gia-be Ga-la-át nghe những gì về lính của quân đội Phi-li-tin" (See:)

Xương của họ

AT: "xác của họ" hoặc "thi hài của họ"

1 Chronicles 10:13

Lời khuyên

Đây là ý kiến hoặc đề nghị về những gì một người phải làm.

Nói với người chết

AT: "thỉnh cầu để nói chuyện với những người đã chết"

Sự hướng dẫn

Đây là sự giúp đỡ hoặc khuyên bảo những gì một người phải làm.

Cai trị khắp vương quốc

AT: "cho quyền điều khiển khắp dân Y-sơ-ra-ên"

Translation Questions

1 Chronicles 10:1

c

1 Chronicles 10:2

Chuyện gì đã xảy ra với các con trai của Sau-lơ trên núi Ghinh-bô-a?

Người Phi-li-tin đã đuổi theo các con trai của Sau-lơ và giết họ.

1 Chronicles 10:4

Tại sao Sau-lơ muốn kẻ vác binh khí của mình dùng gươm để đâm chết mình?

Sau-lơ muốn kẻ vác binh khí dùng gươm để đâm chết mình đặng những kẻ không chịu phép cắt bì không thể nào sỉ nhục vua.

Sau-lơ đã làm gì khi kẻ vác binh khí của ông không chịu đâm ông?

Sau-lơ lấy gươm mình ra và tự sấn người trên nó.

1 Chronicles 10:5

Kẻ vác binh khí của Sau-lơ đã phản ứng ra sao trước cái chết của Sau-lơ?

Khi kẻ vác binh khí của Sau-lơ thấy rằng Sau-lơ đã chết, thì ông cũng tự sấn mình trên gươm và chết.

1 Chronicles 10:7

Những người Y-sơ-ra-ên khác đã làm gì khi thấy quân Y-sơ-ra-ên bỏ chạy còn Sau-lơ và các con trai ông thì đã chết?

Họ đã bỏ các thành của mình mà chạy trốn và để cho cho người Phi-li-tin đến và sống trong đó.

1 Chronicles 10:9

Người Phi-li-tin đã làm gì với xác Sau-lơ?

Người Phi-li-tin lột trần ông rồi để các vũ khí của ông trong đền thờ các thần của chúng và treo đầu ông trong đền thờ của thần Đa-gôn.

1 Chronicles 10:10

Người Phi-li-tin đã làm gì với xác Sau-lơ?

Người Phi-li-tin lột trần ông rồi để các vũ khí của ông trong đền thờ các thần của chúng và treo đầu ông trong đền thờ của thần Đa-gôn.

1 Chronicles 10:11

Lính chiến của Gia-bét Ghi-lê-át đã làm gì với xác của Sau-lơ và các con trai của ông?

Họ lấy thi thể của Sau-lơ và thi thể của các con trai ông mang về Gia-bét và chôn cất các hài cốt của họ nơi gốc một cây sồi.

1 Chronicles 10:12

Lính chiến của Gia-bét Ghi-lê-át đã làm gì với xác của Sau-lơ và các con trai của ông?

Họ lấy thi thể của Sau-lơ và thi thể của các con trai ông mang về Gia-bét và chôn cất các hài cốt của họ nơi gốc một cây sồi.

1 Chronicles 10:13

Tại sao Sau-lơ chết?

Sau-lơ đã chết vì tội bất trung và không tìm cầu sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va, nhưng lại tìm cầu sự hướng dẫn từ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những kẻ đồng bóng.
1 Chronicles 10:14
Tại sao Sau-lơ chết?
Sau-lơ đã chết vì tội bất trung và không tìm cầu sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va, nhưng lại tìm cầu sự hướng dẫn từ những kẻ đồng bóng.
Đức Giê-hô-va đã trao vương quốc Y-sơ-ra-ên cho ai?
Đức Giê-hô-va đã trao vương quốc Y-sơ-ra-ên cho Đa-vít, con trai của Gie-sê.

Chapter 11
1 Chronicles 11:1
Chúng ta là máu và xương của ông
AT: "chúng ta là họ hàng của ông" hoặc "chúng ta có cùng tổ phụ với ông"
Lời của Đức Giê-hô-va
"sứ điệp của Đức Giê-hô-va"
1 Chronicles 11:4
Thông tin Tổng quát:
See:
Giê-bu
Đây là tên tạm thời cho Giê-ru-sa-lem sau khi dân Giê-bu chiếm thành phố, trước dân Y-sơ-ra-ên chiếm nó.
Nhưng Đa-vít chiếm
AT: "nhưng đội quân của Đa-vít đánh bại"
Đó là, thành phố của Đa-vít
AT: "và họ gọi nó là thành phố của Đa-vít"
Vậy ông được lập làm người chỉ huy
AT: "vì Đa-vít lập Giô-áp là người chỉ huy"
1 Chronicles 11:7
Ông củng cố thành phố xung quanh
AT: "dân Y-sơ-ra-ên làm tường xung quanh thành phố vững chắc hơn"
Mi-lô
Điều này nói đến pháo đài ở Giê-ru-sa-lem, có thể xây dựng bởi dân Giê-bu.
Cùng với ông
AT: "giúp đỡ ông"
1 Chronicles 11:10
Thông tin Tổng quát:
See: and
Các tướng của Đa-vít
AT: "các tướng dưới Đa-vít"
Những người giúp vương quốc mạnh hơn
AT: "người giúp vương quốc của Đa-vít vẫn vững mạnh"
Ba mươi
AT: "30 người nam mạnh khỏe"
Vào một dịp
AT: "vào một lúc"
1 Chronicles 11:12
Thông tin Tổng quát:
Giảm bớt người Phi-li-tin.
"và giết nhiều người Phi-li-tin." -
1 Chronicles 11:15
Thông tin Tổng quát:
See:
Ba trong ba mươi
"3 của 30"
Lúc ấy Đa-vít ở trong đồn, một cái hang, khi dân Phi-li-tin đã dựng trại ở Bết-le-hem
AT: "Đa-vít ở nơi an toàn trong một cái hang khi quân lính Phi-li-tin đang canh giữ Bết-le-hem"
Người Phi-li-tin đã dựng trai ở Bết-le-hem
"dân Phi-li-tin đã đóng quân ở Bết-le-hem"
1 Chronicles 11:18
Ba người đàn ông khỏe mạnh
"3 người đàn ông khỏe mạnh"
Nước giếng của Bết-le-hem, nước ở cửa thành
Hai cụm từ này cùng nói đến giếng nước. Cụm thứ hai chú thích giếng nước ở Bết-lê-hem.
Để nó xa khỏi tôi, Đức Giê-hô-va, để tôi phải uống nước này.
AT: "Chúa tôi, xin đừng cho tôi uống nước hi sinh bởi sự trả giá của những người này!"
Làm sao tôi uống máu của người liều mạng sống của họ?
Đa-vít đang nói cùng câu hỏi này để thấy nước quý giá bởi sự hi sinh của những người kiếm được nó. AT: "Tôi sẽ không uống máu của những người sẵn lòng chết vì tôi" hoặc "Tôi sẽ không uống nước mà những người đã liều mạng sống của họ để lấy"
1 Chronicles 11:20
Thông tin Tổng quát:
See:
Ba
"ba người chiến binh mạnh mẽ"
Chỉ huy trên cả ba
AT: "A-bi-sai là trưởng nhóm trong ba chiến binh mạnh mẽ"
Người được tôn trọng hơn cả và trở thành chỉ huy của họ
AT: "những người lính đã hết sức tôn trọng A-bi-sai và lập ông làm trưởng nhóm của họ, dù họ không kể ông là một trong ba chiến binh"
1 Chronicles 11:22
Thông tin Tổng quát:
See:
Chiến công
Có những hành động diễn tả sự dũng cảm, sức mạnh, hoặc kĩ năng.
Khi có tuyết rơi
AT: "trong suốt cơn bão tuyết"
Năm cu-bít
Người đi xuống
AT: "Bê-na-gia đi đón người Ê-díp-tô "
Cây giáo bằng trục máy dệt
AT: "là cây giáo rất lớn"
1 Chronicles 11:24
Thông tin Tổng quát:
See:
Ông nổi danh trong ba người
"ông nổi tiếng như ba người người"
Ông được đánh giá cao hơn so với ba mươi người lính, nhưng ông không được đánh giá như ba người lính tinh nhuệ trước
AT: "mọi người tôn trọng ông hơn ba mươi người lính, nhưng không bằng ba người lính trước"
Cận vệ
Đây là người hoặc nhóm người có trách nhiệm bảo vệ một người quan trọng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Chronicles 11:26
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 11:30
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 11:34
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 11:38
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 11:42
Thông tin Tổng quát:
See:
Ba mươi người cùng với ông
"30 người đàn ông cùng với ông"
1 Chronicles 11:45
Thông tin Tổng quát:
See:

Translation Questions

1 Chronicles 11:1
Tại sao toàn dân Y-sơ-ra-ên lại sẵn lòng xức dầu cho Đa-vít làm vua cai trị Y-sơ-ra-ên?
Đa-vít là cốt nhục của họ, trước kia đã từng chỉ huy quân đội Y-sơ-ra-ên, và qua Sa-mu-ên thì Đức Giê-hô-va đã công bố rằng Đa-vít sẽ cai trị trên Y-sơ-ra-ên.
1 Chronicles 11:3
Tại sao toàn dân Y-sơ-ra-ên lại sẵn lòng xức dầu cho Đa-vít làm vua cai trị Y-sơ-ra-ên?
Đa-vít là cốt nhục của họ, trước kia đã từng chỉ huy quân đội Y-sơ-ra-ên, và qua Sa-mu-ên thì Đức Giê-hô-va đã công bố rằng Đa-vít sẽ cai trị trên Y-sơ-ra-ên.
1 Chronicles 11:4
Làm thế nào mà Giô-áp lại trở thành chỉ huy trưởng trong quân đội Y-sơ-ra-ên?
Đa-vít đã nói rằng người nào tấn công dân Giê-bu-sít đầu tiên sẽ trở thành chỉ huy trưởng, và Giô-áp là người đầu tiên tấn công họ.
1 Chronicles 11:6
Làm thế nào mà Giô-áp lại trở thành chỉ huy trưởng trong quân đội Y-sơ-ra-ên?
Đa-vít đã nói rằng người nào tấn công dân Giê-bu-sít đầu tiên sẽ trở thành chỉ huy trưởng, và Giô-áp là người đầu tiên tấn công họ.
1 Chronicles 11:7
Tại sao Đa-vít ngày càng lớn mạnh sau khi ông bắt đầu đóng tại thành Đa-vít?
Đa-vít ngày càng lớn mạnh bởi vì Đức Giê-hô-va vạn quân ở cùng ông.
1 Chronicles 11:9
Tại sao Đa-vít ngày càng lớn mạnh sau khi ông bắt đầu đóng tại thành Đa-vít?
Đa-vít ngày càng lớn mạnh bởi vì Đức Giê-hô-va vạn quân ở cùng ông.
1 Chronicles 11:11
Gia-sô-bê-am được biết đến là gì?
Gia-sô-bê-am đã dùng giáo giết ba trăm người một lúc.
1 Chronicles 11:12
Danh tiếng của Ê-lê-a-sa người A-hô-hi là gì?
Sau khi quân đội Y-sơ-ra-ên bỏ chạy, Ê-lê-a-sa người A-hô-hi đã đứng giữa cánh đồng lúa mạch chống cự và đánh giết quân Phi-li-tin.
1 Chronicles 11:14
Danh tiếng của Ê-lê-a-sa người A-hô-hi là gì?
Sau khi quân đội Y-sơ-ra-ên bỏ chạy, Ê-lê-a-sa người A-hô-hi đã đứng giữa cánh đồng lúa mạch chống cự và đánh giết quân Phi-li-tin.
1 Chronicles 11:17
Đa-vít đã đưa ra yêu cầu gì?
Đa-vít muốn uống nước giếng bên cổng thành Bết-lê-hem.
1 Chronicles 11:18
Ba người dũng sĩ của Đa-vít đã làm gì để biến nhu cầu ông thành hiện thực?
Ba người dũng sĩ của Đa-vít đã xông ngang qua trại Phi-li-tin múc nước trong giếng bên cửa thành Bết-lê-hem, đem về cho Đa-vít uống.
1 Chronicles 11:19
Tại sao Đa-vít lại không uống nước từ giếng tại Bết-lê-hem khi những người dũng sĩ của ông đã mạo hiểm mạng sống mình để đi lấy chúng?
Đa-vít đã không chịu uống nước ấy bởi vì ông không thể nghĩ đến chuyện uống nó khi những người dũng sĩ của ông đã phải mạo hiểm mạng sống mình để đi lấy chúng.
1 Chronicles 11:20
Danh tiếng của A-bi-sai, em của Giô-áp là gì?
A-bi-sai là thủ lĩnh của ba mươi dũng sĩ và đã vung giáo giết chết ba trăm người một lần.
1 Chronicles 11:21
Danh tiếng của A-bi-sai, em của Giô-áp là gì?
A-bi-sai là thủ lĩnh của ba mươi dũng sĩ và đã vung giáo giết chết ba trăm người một lần.
1 Chronicles 11:22
Danh tiếng của Bê-na-gia, con trai Giê-hô-gia-đa?
Bê-na-gia là một người mạnh sức đã đánh chết một con sư tử ở dưới hố vào một ngày có tuyết rơi, và đã đánh giết một người Ai Cập cao lớn khi giật cây giáo ra khỏi người đó.
1 Chronicles 11:23
Danh tiếng của Bê-na-gia, con trai Giê-hô-gia-đa?
Bê-na-gia là một người mạnh sức đã đánh chết một con sư tử ở dưới hố vào một ngày có tuyết rơi, và đã đánh giết một người Ai Cập cao lớn khi giật cây giáo ra khỏi người đó.
1 Chronicles 11:24
Đa-vít đã giao cho Bê-na-gia trách nhiệm gì?
Bê-na-gia được Đa-vít tín nhiệm nên vua đã giao cho người nhiệm vụ chỉ huy các cận vệ của mình.
1 Chronicles 11:25
Đa-vít đã giao cho Bê-na-gia trách nhiệm gì?
Bê-na-gia được Đa-vít tín nhiệm nên vua đã giao cho người nhiệm vụ chỉ huy các cận vệ của mình.
1 Chronicles 11:26
Trong số những người dũng sĩ đó, ai là em của Giô-áp?
A-sa-ên là một người dũng sĩ, và là em của Giô-áp.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 12

1 Chronicles 12:1

Thông tin Tổng quát:

See:

Khi ông vẫn bị xua đuổi khỏi mặt của

AT: "trong suốt thời gian ông không hiện diện"

Họ được trang bị cung và có thể sử dụng tay phải và tay trái

AT: "Vũ khí của họ bao gồm cung, và họ có thể sử dụng bằng tay phải hoặc tay trái"

Ná ném đá

Ná là mảnh da cho phép một người ném đá ở khoảng cách rộng. Viên đá được đặt ở giữa khi người đó giữ một đầu và quay nó thành vòng tròn. Khi một đầu được thả re, viên đá bay đến mục tiêu.

1 Chronicles 12:3

Thông tin Tổng quát:

See:

Ba mươi

AT: "30 người lính"

1 Chronicles 12:5

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 12:8

Thông tin Tổng quát:

See:

Những người có gương mặt dữ tợn như sư tử

AT: "những người rất dữ tợn"

Chúng nhanh nhẹn như loài linh dương

AT: "chúng rất nhanh"

Linh dương

Đây là loài động vật nhỏ trông rất duyên dáng và nhanh, tương tự con nai.

1 Chronicles 12:9

Thông tin Tổng quát:

See:

Thứ hai...thứ mười một

Danh sách liệt kê những người đàn ông này theo trình tự lãnh đạo."thứ 2 ... thứ 3 ... thứ 4 ... thứ 5 ... thứ 6 ...thứ 7 ...thứ 8 ...thứ 9 ... thứ 10 ...thứ 11"

1 Chronicles 12:14

Người nhỏ nhất lãnh đạo một trăm

Điều này có nghĩa là nhóm nhỏ nhất của đội quân được người lãnh đạo 100.

Người lớn nhất lãnh đạo một nghìn

Điều này có nghĩa nhóm lớn nhất của đội quân được người lãnh đạo 1000.

Tháng đầu

Đây là tháng đầu của lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra vào phần cuối tháng Ba và tháng đầu tiên của tháng Tư theo lịch phương Tây. Nó bắt đầu vào mùa xuân khi cơn mưa muộn đến.

1 Chronicles 12:16

Những người đàn ông của Bên-gia-min và Giu-đa

AT: "những người đàn ông từ chi phái Bên-gia-min và Giu-đa"

1 Chronicles 12:18

Thông tin Tổng quát:

See:

Thánh linh cảm động

AT: "Thánh linh ban cho ông sức mạnh"

Ba mươi

AT: "30 người lính"

Chúng tôi thuộc về người, Đa-vít. Chúng tôi đứng về phía người, con trai của Giê-se

Cụm từ này có cùng nghĩa và nhấn mạnh cam kết của họ đi theo Đa-vít.

1 Chronicles 12:19

Thông tin Tổng quát:

See:

Bỏ đi

AT: "rời bỏ lãnh đạo của họ để gia nhập"

Trên một nghìn

"hơn 1,000 người đàn ông"

1 Chronicles 12:21

Quân cướp bóc

AT: "nhóm người đàn ông cướp của dân mà họ đi qua"

Ngày qua ngày

AT: "mỗi ngày"

Như đạo quân của Chúa

Điều này so sánh quy mô đội quân của Đa-vít với đội quân thiên sứ của Chúa.

1 Chronicles 12:23

Thông tin Tổng quát:

See:

Làm cho vương quốc của Sau-lơ thuộc về người

AT: "ban quyền làm chủ vương quốc của Sau-lơ cho Đa-vít"

Thực hiện những lời của Đức Giê-hô-va

AT: "làm những lời của Đức Giê-hô-va thành sự thật" hoặc "làm trọn những lời của Đức Giê-hô-va"

Từ Giu-đa

AT: "từ các chi phái của Giu-đa"

1 Chronicles 12:26

Thông tin Tổng quát:

See: and

1 Chronicles 12:29

Thông tin Tổng quát:

See: and See:

Từ Bên-gia-min, chi phái Sau-lơ

AT: "Từ chi phái của Sau-lơ, chi phái của Bên-gia-min"

Nửa chi phái

Xem bản dịch này trong 1CH05:18

1 Chronicles 12:32

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 12:34

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 12:36

Thông tin Tổng quát:

See: and

Trang bị các loại vũ khí

AT: "đem theo các loại vũ khí"

1 Chronicles 12:38

Những ý định vững chắc

AT: "các kế hoạch"

Trang bị để chiến đấu

AT: "cho họ vũ khí để chiến đấu"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ba ngày
"3 ngày"
Nho khô
Đây là những quả nho phơi khô, một loại quả nhỏ trên cây nho

Translation Questions

1 Chronicles 12:1
Tài năng đặc biệt của những người dũng sĩ đã đến với Đa-vít trong lúc ông còn phải tránh mặt Sau-lơ?
Những người dũng sĩ nầy là người Bên-gia-min, họ có tài bắn tên hay dùng ná ném đá bằng tay trái cũng giỏi như tay phải.
1 Chronicles 12:2
Tài năng đặc biệt của những người dũng sĩ đã đến với Đa-vít trong lúc ông còn phải tránh mặt Sau-lơ?
Những người dũng sĩ nầy là người Bên-gia-min, họ có tài bắn tên hay dùng ná ném đá bằng tay trái cũng giỏi như tay phải.
1 Chronicles 12:8
Điểm đặc điểm của dân Gát, là những người đã gia nhập cùng với Đa-vít tại đồn lũy trong hoang mạc là gì?
Dân Gát là những người lính thiện chiến, sử dụng thành thạo khiên và giáo; mặt họ trông dữ tợn như mặt các sư tử và họ nhanh nhẹn như các linh dương trên núi.
1 Chronicles 12:14
Các con trai của Gát đã làm gì trong xứ đã được trao cho Y-sơ-ra-ên?
Các con trai của Gát không chỉ vượt qua sông Giô-đanh khi nước sông tràn qua hai bên bờ, nhưng còn đuổi các dân sự ở tại trũng đi.
1 Chronicles 12:15
Các con trai của Gát đã làm gì trong xứ đã được trao cho Y-sơ-ra-ên?
Các con trai của Gát không chỉ vượt qua sông Giô-đanh khi nước sông tràn qua hai bên bờ, nhưng còn đuổi các dân sự ở tại trũng đi.
1 Chronicles 12:16
Đa-vít đã đưa ra lời cảnh cáo nào cho người Bên-gia-min và Giu-đa khi họ đến đồn lũy của ông?
Đa-vít bảo họ rằng họ nếu họ đến cùng trong hòa bình thì họ có thể tham gia với ông, còn nếu họ đến để phản bội ông cho kẻ thù nghịch, thì ông sẽ xin Đức Chúa Trời quở trách họ vì ông không hề làm gì sai trái.
1 Chronicles 12:17
Đa-vít đã đưa ra lời cảnh cáo nào cho người Bên-gia-min và Giu-đa khi họ đến đồn lũy của ông?
Đa-vít bảo họ rằng họ nếu họ đến cùng trong hòa bình thì họ có thể tham gia với ông, còn nếu họ đến để phản bội ông cho kẻ thù nghịch, thì ông sẽ xin Đức Chúa Trời quở trách họ vì ông không hề làm gì sai trái.
1 Chronicles 12:18
Phản ứng A-ma-sai ra sao trước lời cảnh báo của Đa-vít?
A-ma-sai nói cùng Đa-vít rằng chúng tôi đều đứng về phía ông chỉ muốn những người giúp Đa-vít cũng được bình an bởi vì Đức Chúa Trời của Đa-vít đang giúp ông.
1 Chronicles 12:19
Tại sao người Phi-li-tin lại đuổi Đa-vít đi khi Đa-vít đến cùng người Phi-li-tin để đánh trận chống lại Sau-lơ?
Người Phi-li-tin sợ rằng ông sẽ bỏ họ lại họ chiến đấu với Sau-lơ và họ sẽ bị nguy hiểm đến tính mạng.
1 Chronicles 12:21
Người Ma-na-se, là những người sau nầy trở thành những chỉ huy quân đội của Đa-vít, đã giúp đỡ Đa-vít ra sao?
Người Ma-na-se là những lính chiến đã giúp đỡ Đa-vít bằng cách đánh chiến cùng quân cướp bóc.
1 Chronicles 12:23
Tại sao toàn bộ quân lính được trang bị vũ khí để chiến đấu lại đi đến cùng Đa-vít tại Hếp-rôn?
Họ đi đến cùng Đa-vít tại Hếp-rôn để giúp đỡ ông chiếm lấy vương quốc của Sau-lơ, đây là sự ứng nghiệm lời Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 12:28
Xa-đốc được biết đến là gì?
Xa-đốc là một người dũng sĩ trẻ và can đảm.
1 Chronicles 12:32
Hai trăm nhà lãnh đạo Y-sa-ca được biết đến về điều gì?
Họ am hiểu thời cơ và biết điều gì dân Y-sơ-ra-ên phải làm.
1 Chronicles 12:38
Tại sao hết thảy lính chiến Y-sơ-ra-ên lại đến Hếp-rôn?
Họ đến Hếp-rôn với ý định chắc chắn là để lập Đa-vít lên làm vua cai trị toàn thể Y-sơ-ra-ên.
1 Chronicles 12:39
Where did lính chiến Y-sơ-ra-ên đã lấy đủ đồ ăn thức uống để dùng trong ba ngày để ăn mừng việc Đa-vít trở thành vua Y-sơ-ra-ên?
Họ hàng của lính chiến Y-sơ-ra-ên đó đã gửi những phần đó cho họ đem theo.

Chapter 13

1 Chronicles 13:1
Một nghìn và của một trăm
Quân đội có người điều khiển, dẫn dắt quân lính với quy mô lớn. AT: “nhiều hơn 1,000 người đàn ông và nhiều hơn 100 người đàn ông"
Chúng dường như ngay thẳng trước mắt mọi người
Ở đây “mắt” nói đến những suy nghĩ và ý kiến của mọi người. AT: “mọi dân sự suy nghĩ điều đó là đúng để làm"
1 Chronicles 13:5
Thông tin Tổng quát:
See:
Ba-a-la
Đây là tên khác cho Ki-ri-át Giê-a-rim.
Người ngự trên Chê-ru-bin
AT: "người cai quản từ giữa các tượng sinh vật có cánh trên hòm giao ước"
1 Chronicles 13:7
Thông tin Tổng quát:
See:
Cỗ xe mới
Đây là loại phương tiện có bánh xe được kéo bằng con vật mà trước đó chưa được sử dụng.
Trống nhỏ
Nhạc cụ có phần đầu giống cái trống và có thể đánh, và những phần kim loại rời xung quanh mặt bên nhạc cụ sẽ kêu khi nhạc cụ được lắc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chập choả

Hai dĩa kim loại mỏng, tròn được đánh vào nhau để tạo âm thanh lớn

1 Chronicles 13:9

Thông tin Tổng quát:

See:

Cơn giận dữ của Đức Giê-hô-va chống lại U-xa

AT: "Đức Giê-hô-va giận dữ cùng U-xa"

Trước Chúa

AT: "trước mặt Chúa"

Đa-vít giận dữ

Đa-vít giận Đức Giê-hô-va.

Đến ngày nay

Xem bán dịch này trong 1CH 4:43

1 Chronicles 13:12

Thông tin Tổng quát:

See:

Làm thế nào tôi mang hòm của Chúa vào nhà tôi?

Đa-vít đang biểu lộ cơn giận dữ của ông về cái chết của U-xa khi ông có gắng mang hòm giao ước trở lại thành phố. AT: "tôi không thể mang hòm của Chúa trở lại thành phố của tôi" hoặc "nói với tôi làm thế nào di chuyển hòm trong Luật pháp, tôi không biết sao"

Ba tháng

"3 tháng"

Translation Questions

1 Chronicles 13:1

Đa-vít đã bàn bạc với ai trước khi nói với toàn thể hội chúng Y-sơ-ra-ên?

Ông đã bàn bạc với quan chỉ huy cùng tất cả những người lãnh đạo trong Y-sơ-ra-ên.

1 Chronicles 13:2

Đa-vít đã bàn bạc với ai trước khi nói với toàn thể hội chúng Y-sơ-ra-ên?

Ông đã bàn bạc với quan chỉ huy cùng tất cả những người lãnh đạo trong Y-sơ-ra-ên.

Tại sao hội chúng lại đồng ý lắng nghe Đa-vít, sai sứ giả đi khắp mọi nơi trong Y-sơ-ra-ên và tham gia cùng Đa-vít để đem hòm giao ước của Đức Chúa Trời trở lại Y-sơ-ra-ên?

Hội chúng đã đồng ý làm những điều nầy bởi vì trong mắt của hết thảy dân chúng những điều nầy dường như đúng đắn.

1 Chronicles 13:4

Tại sao hội chúng lại đồng ý lắng nghe Đa-vít, sai sứ giả đi khắp mọi nơi trong Y-sơ-ra-ên và tham gia cùng Đa-vít để đem hòm giao ước của Đức Chúa Trời trở lại Y-sơ-ra-ên?

Hội chúng đã đồng ý làm những điều nầy bởi vì trong mắt của hết thảy dân chúng những điều nầy dường như đúng đắn.

1 Chronicles 13:7

Đa-vít và toàn thể Y-sơ-ra-ên đã làm khi họ đem hòm giao ước ra khỏi nhà A-bi-na-đáp?

Đa-vít và cả Y-sơ-ra-ên đều hết sức vui chơi trước mặt Đức Chúa Trời.

1 Chronicles 13:8

Đa-vít và toàn thể Y-sơ-ra-ên đã làm khi họ đem hòm giao ước ra khỏi nhà A-bi-na-đáp?

Đa-vít và cả Y-sơ-ra-ên đều hết sức vui chơi trước mặt Đức Chúa Trời.

1 Chronicles 13:9

Đức Giê-hô-va đã làm gì khi U-xa giơ tay ra nắm lấy hòm khi bò trợt bước?

Cơn thạnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng U-xa và Đức Giê-hô-va đã giết ông.

1 Chronicles 13:11

Tại sao Đa-vít lại giận Đức Giê-hô-va?

Đa-vít giận bởi vì Đức Giê-hô-va đã hành hạ U-xa.

1 Chronicles 13:12

Đa-vít đã đặt hòm giao ước của Đức Chúa Trời ở đâu khi ông lấy làm sợ hãi Đức Chúa Trời?

Đa-vít đã đem hòm giao ước của Đức Chúa Trời để vào nhà Ô-bết-Ê-đôm, là người Gát.

1 Chronicles 13:13

Đa-vít đã đặt hòm giao ước của Đức Chúa Trời ở đâu khi ông lấy làm sợ hãi Đức Chúa Trời?

Đa-vít đã đem hòm giao ước của Đức Chúa Trời để vào nhà Ô-bết-Ê-đôm, là người Gát.

1 Chronicles 13:14

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho nhà Ô-bết-Ê-đôm?

Đức Giê-hô-va đã ban phước cho nhà Ô-bết-Ê-đôm và mọi vật thuộc về người.

Chapter 14

1 Chronicles 14:1

Hi-ram

Đây là tên của vị vua.

Thợ mộc

Đây là tên những người mà công việc của họ làm ra đồ vật bằng gỗ.

Thợ nề

Đây là những người mà công việc của họ là tạo ra những vật bằng đá hoặc gạch.

Lập người thành

AT: "tôn người lên"

Vương quốc của người được nâng lên cao vì lợi ích của dân Y-sơ-ra-ên

AT: "Đức Giê-hô-va ban vinh hiển cho vương quốc của Đa-vít để giúp dân Y-sơ-ra-ên"

1 Chronicles 14:3

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 14:8

Đa-vít được xức dầu làm vua trên khắp Y-sơ-ra-ên

AT: "dân Y-sơ-ra-ên đã xức dầu cho Đa-vít làm vua của họ"

Thung lũng Rê-pha-im

Đây là tên của một địa điểm.

1 Chronicles 14:10

Ban chúng cho ngươi

AT: "ban cho ngươi chiến thắng trên chúng"

Ba-anh Phê-rát-sim

Đây là tên của một nơi.

Bởi tay người

Điều này nói đến nguồn lực của Đa-vít. AT: “dùng quân đội của ta"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Như một cơn lũ nước
Quyền lực và chiến thắng của quân đội Đa-vít được so sánh như cơn nước lũ. AT: "dễ dàng"
Mà chúng bị đốt
AT: "đốt các thần giả"
1 Chronicles 14:13
Thung lũng
"thung lũng Rê-pha-im"
Đánh chúng ở phía trước
AT: "tấn công từ phía trước"
Vòng qua phía sau chúng và đánh chúng qua rừng nhựa thơm
AT: "đi qua rừng nhựa thơm và tấn công chúng từ phía sau"
Cây nhựa thơm
Đây là một loại cây.
1 Chronicles 14:15
Thông tin Tổng quát:
Chúa đang trả lời câu hỏi của Đa-vít.
Đi ra trước ngươi
AT: "đi ra trước ngươi để chiến đấu vì ngươi"
Ghê-xe
Đây là tên của thị trấn.
Tiếng tăm của Đa-vít
AT: "Dân ở xa nghe về chiến thắng của Đa-vít trên dân Phi-li-tin"

Translation Questions

1 Chronicles 14:1
Đa-vít đã biết chắc điều gì khi Hi-ram, vua Ty-rơ sai sứ giả đến Đa-vít, cùng gởi gỗ bá hương, thợ hồ, thợ mộc, đặng cất cho người một cái cung?
Đa-vít đã biết chắc rằng Đức Giê-hô-va đã vững lập mình làm vua trên Y-sơ-ra-ên.
1 Chronicles 14:2
Đa-vít đã biết chắc điều gì khi Hi-ram, vua Ty-rơ sai sứ giả đến Đa-vít, cùng gởi gỗ bá hương, thợ hồ, thợ mộc, đặng cất cho người một cái cung?
Đa-vít đã biết chắc rằng Đức Giê-hô-va đã vững lập mình làm vua trên Y-sơ-ra-ên.
1 Chronicles 14:3
Khi Đa-vít lấy thêm nhiều vợ khác tại Giê-ru-sa-lem thì kết quả là gì?
Đa-vít đã trở thành cha của nhiều con trai và con gái hơn.
1 Chronicles 14:8
Đa-vít đã làm gì khi ông nghe rằng người Phi-li-tin đều đi ra tìm ông?
Ông đã đi ra nghênh chiến người Phi-li-tin.
1 Chronicles 14:10
Đức Giê-hô-va đã trả lời Đa-vít ra sao khi Đa-vít hỏi liệu rằng ông có nên tấn công người Phi-li-tin hay không?
Đức Giê-hô-va đã bảo Đa-vít đi tấn công họ vì Ngài chắc chắn sẽ phó họ cho Đa-vít.
1 Chronicles 14:12
Đa-vít đã ra lệnh phải làm gì với các tượng thần mà người Phi-li-tin đã bỏ lại?
Đa-vít ra lệnh rằng phải thiêu đốt hết các tượng thần của người Phi-li-tin.
1 Chronicles 14:13
Đức Chúa Trời đã bảo Đa-vít phải tấn công người Phi-li-tin từ đâu khi họ lại tấn công thung lũng một lần nữa?
Đức Chúa Trời bảo Đa-vít đi vòng ra đằng sau họ và rồi băng qua khu rừng để tấn công chúng.
1 Chronicles 14:14
Đức Chúa Trời đã bảo Đa-vít phải tấn công người Phi-li-tin từ đâu khi họ lại tấn công thung lũng một lần nữa?
Đức Chúa Trời bảo Đa-vít đi vòng ra đằng sau họ và rồi băng qua khu rừng để tấn công chúng.
1 Chronicles 14:15
Trước khi Đa-vít dùng vũ lực tấn công người Phi-li-tin thì ông nghe thấy điều gì?
Đa-vít nghe thấy trong gió có tiếng bước chân hành quân trên ngọn cây.
1 Chronicles 14:17
Đức Giê-hô-va đã khiến mọi nước làm gì khi danh tiếng của Đa-vít vang ra khắp đất?
Đức Giê-hô-va khiến mọi nước khiếp sợ Đa-vít.

Chapter 15

1 Chronicles 15:1
Đa-vít xây nhà cho chính mình
AT: "dân sự xây nhà cho Đa-vít"
Chuẩn bị một nơi
AT: "ra lệnh làm một nơi đặc biệt"
Tập hợp mọi dân Y-sơ-ra-ên
AT: "truyền cho mọi dân Y-sơ-ra-ên đến cùng nhau"
Mang hòm
AT: "như lễ kỷ niệm khi người Lê-vi mang hòm"
1 Chronicles 15:4
Thông tin Tổng quát:
See: and
Họ hàng
Những người cùng thuộc một gia đình hoặc chi phái
1 Chronicles 15:7
Thông tin Tổng quát:
See: and
1 Chronicles 15:11
Thông tin Tổng quát:
See:
Ta đã chuẩn bị
AT: "ta đã truyền cho người Lê-vi chuẩn bị"
1 Chronicles 15:13
Ngươi không mang nó lúc đầu
"ngươi không mang hòm trước đó"
Chúng ta không tìm kiếm Ngài
AT: "chúng ta đã không thỉnh cầu Ngài để xin hướng dẫn"
Nổi giận cùng chúng ta
AT: "trừng phạt chúng tôi"
Người Lê-vi thanh tẩy chính họ để họ mang
AT: "người Lê-vi làm họ tinh sạch để thực hiện"
1 Chronicles 15:16
Thông tin Tổng quát:
See:
Chập chỏa
Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.
Cất giọng của họ
AT: "hát"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hàng thứ hai
AT: "vị trí thấp hơn về quyền lực" hoặc "hàng thứ 2"
Người giữ cửa
Những người bảo vệ cánh cổng
1 Chronicles 15:19
Thông tin Tổng quát:
See:
Chập chỏa
Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.
A-la-mốt...Sê-mi-ra-mốt
Nghĩa của những từ này không rõ nhưng đề cập đến kiểu âm nhạc.
Làm theo cách
"làm theo những nhạc sĩ" hoặc "dẫn đám rước "
1 Chronicles 15:22
Thông tin Tổng quát:
See:
1 Chronicles 15:25
Hơn một nghìn
AT: "hơn một nghìn người đàn ông"
Ô-bết Ê-đơm
Đây là tên của một người.
1 Chronicles 15:27
Đa-vít cũng mặc áo choàng bằng vải gai, như người Lê-vi mang hòm, những ca sĩ, và Kê-na-nia, người dẫn đầu các ca sĩ
AT: "Đa-vít, người Lê-vi, và các ca sĩ đều mặc áo choàng vải gai"
Vải lanh
Đây là một loại vải mịn và chắc.
Kê-na-nia
Đây là tên của một người.
Cả dân Y-sơ-ra-ên đều thỉnh hòm giao ước của Đức Giê-hô-va
AT: "vì vậy cả đám đông Y-sơ-ra-ên mang hòm giao ước của Đức Giê-hô-va từ nhà của Ô-bết Ê-đôm đến Giê-ru-sa-len"
Chập chỏa
Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.
1 Chronicles 15:29
Hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đến thành phố Đa-vít
AT: "dân sự mang hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đến thành phố của Đa-vít"
Mi-canh
Đây là tên của vợ Đa-vít.
Khinh thường ông trong lòng bà
AT: "vô cùng coi thường ông trong suy nghĩ của bà"

Translation Questions

1 Chronicles 15:2
Đa-vít đã nói rằng duy nhất những người nào Đức Giê-hô-va chọn để khiêng hòm giao ước?
Người Lê-vi là nhóm người duy nhất mà Đức Giê-hô-va đã chọn để khiêng hòm giao ước.
1 Chronicles 15:3
Đa-vít đã nhóm toàn dân Y-sơ-ra-ên tại Giê-ru-sa-lem lại vì mục đích gì?
Đa-vít đã nhóm họp họ lại để khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va lên đến chỗ ông đã chuẩn bị cho nó.
1 Chronicles 15:4
Đa-vít đã tập hợp ai lại để khiêng hòm giao ước?
Đa-vít đã tập hợp con cháu A-rôn và người Lê-vi lại.
1 Chronicles 15:12
Trưởng các gia tộc Lê-vi và anh em họ đã làm gì để họ có thể khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đến nơi Đa-vít đã chuẩn bị cho nó?
Họ biệt riêng mình để rồi có thể khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 15:14
Tại sao các thầy tế lễ và người Lê-vi phải thanh tẩy mình?
Họ đã thanh tẩy mình để họ có thể khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.
1 Chronicles 15:15
Môi-se nhận được những luật lệ về việc dùng đòn khiêng Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời trên vai người Lê-vi từ ai?
Những luật lệ về việc khiêng Hòm Giao Ước được ban cho qua chính lời của Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 15:16
Đa-vít đã giao trách nhiệm chỉ định những người ca hát cho ai?
Đa-vít đã giao trách nhiệm chỉ định những người ca hát cho những nhà lãnh đạo người Lê-vi.
1 Chronicles 15:26
Ai đã giúp người Lê-vi là những người khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va?
Đức Chúa Trời đã giúp đỡ người Lê-vi là những người đã khiêng hòm giao ước.
1 Chronicles 15:27
Đa-vít đã mặc những gì và mặc thêm gì?
With what was Đa-vít clothed và what was he wearing in addition?
Đa-vít đã mặc một áo choàng bằng vải gai mịn và ngoài ra Đa-vít còn mặc thêm một ê-phót bằng vải gai mịn.
1 Chronicles 15:28
Ai đã rước hòm Giao Ước cùng với tiếng hò reo vui vẻ hòa lẫn với tiếng tù và, tiếng chập chõa và tiếng đàn dây và đàn hạc?
Toàn dân Y-sơ-ra-ên đã rước hòm giao ước.
1 Chronicles 15:29
Mi-canh đã thấy Đa-vít làm gì khiến bà trong lòng khinh bỉ người?
Mi-canh thấy Đa-vít nhảy nhót và vui chơi.

Chapter 16

1 Chronicles 16:1
Họ mang hòm
AT: "dân Y-sơ-ra-ên mang hòm"
ổ bánh
Một phần của ổ bánh, bánh có men
Nho khô
Đây là loại nho phơi khô, một trái nhỏ được trồng từ cây rượu.
1 Chronicles 16:4
Thông tin Tổng quát:
See:
Chập chỏa
Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.
1 Chronicles 16:7
Trong ngày đó
Điều này nói đến ngày mà hòm giao ước được di chuyển khỏi nhà Ô-bết Ê-đôm tới Giê-ru-sa-lem.
Bài hát cảm tạ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

AT: "bài hát để cảm tạ"
Kêu cầu danh Ngài
AT: "cầu nguyện với Đức Giê-hô-va"
1 Chronicles 16:10
Bằng danh thánh của Ngài
AT: "trong danh Chúa"
Để lòng của những kẻ tìm kiếm Đức Giê-hô-va
AT: "để những ai muốn biết hơn về Đức Giê-hô-va"
Tìm kiếm Đức Giê-hô-va và sức mạnh của Ngài; không ngừng tìm kiếm mặt Ngài
Những cụm từ này có nghĩa tương tự nhau và được sử dụng để nhấn mạnh. AT: “Tìm kiếm dghv và quyền năng Ngài; luôn luôn ở gần Ngài"
1 Chronicles 16:12
Nhớ lại những phép màu
AT: "nhớ lại những điều kì diệu"
Từ miệng Ngài
AT: "điều Ngài nói"
Dòng dõi của Y-sơ-ra-ên kẻ hầu việc của Ngài, dân của Gia-cốp, kẻ Ngài chọn
Những cụm từ này đều có cùng nghĩa và được sử dụng để nhấn mạnh.
Sự xét đoán trên khắp trái đất
AT: "luật pháp của Ngài cho các dân trên khắp đất"
1 Chronicles 16:15
Giữ giao ước Ngài trong tâm trí
AT: "Ghi nhớ giao ước của Đức Giê-hô-va"
Một nghìn đời
"1,000 đời"
Ngài gợi nhớ
AT: "Đức Giê-hô-va nhớ"
Như truyền dạy của Ngài
"như lời của Ngài"
1 Chronicles 16:19
Ta nói điều này khi các ngươi chỉ là một số ít người, rất ít
AT: "Đức Giê-hô-va nói điều này khi dân Y-sơ-ra-ên là một nhóm dân rất nhỏ"
Người lạ trong đất
"người ngoại ở trong xứ"
Từ dân này đến dân khác, từ nước này đến nước khác
Cụm từ này có cùng nghĩa với nhau và nhấn mạnh khoảng cách bao xa mà dân Y-sơ-ra-ên đã đi lang thang.
Ngài không cho phép
"Đức Giê-hô-va không cho phép"
Vì lợi ích của họ
"cho họ"
1 Chronicles 16:23
Thông tin Tổng quát:
See:
Trên khắp đất
Mọi nơi trên trái đất mang vinh hiển cho Chúa.
Ngày qua ngày
AT: "mỗi ngày"
1 Chronicles 16:25
Sự huy hoàng và oai nghiêm đều ở trước mặt của Ngài
AT: "sự huy hoàng và oai nghiêm đều ở quanh Ngài."
Sức mạnh và niềm vui trong xứ của Ngài.
AT: "Đức Giê-hô-va bày tỏ rõ sức mạnh và niềm vui của Ngài."
1 Chronicles 16:28
Tôn Đức Giê-hô-va
"dâng lời chúc tôn Đức Giê-hô-va"
Xứng đáng danh Ngài
"Ngài xứng đáng hoặc Ngài đáng để nhận"
1 Chronicles 16:30
Run sợ trước Ngài
AT: "bày tỏ sự kính sợ về những ý tưởng về Ngài"
Các từng trời hãy vui mừng, và cả trái đất hãy hân hoan
AT: "Mọi người ở mọi nơi đều vui mừng."
1 Chronicles 16:32
Cả biển hãy gầm rống lên
AT: "Cả biển sẽ hét lớn tiếng."
Mọi thứ mà nó chứa
AT: "mọi sinh vật biển"
Cả những cây trong rừng hãy reo vui
Điều này nói về cây cối như thể chúng là con người có thể cất tiếng reo vui.
1 Chronicles 16:36
Còn đến đời đời
AT: "mãi mãi"
Mọi dân
AT: "Mọi dân" hoặc "Mọi người ở đó"
1 Chronicles 16:37
Thông tin Tổng quát:
See: and
Làm việc được yêu cầu mỗi ngày
AT: "được thỉnh cầu mỗi ngày trong luật Môi-se"
Phục sự trước đền tạm
AT: "hầu việc trong hoặc gần đền tạm"
1 Chronicles 16:40
Thông tin Tổng quát:
See:
Họ
"các thầy tế lễ"
1 Chronicles 16:42
Thông tin Tổng quát:
See:
Chập chỏa
Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.

Translation Questions

1 Chronicles 16:1
Người Y-sơ-ra-ên đã dâng gì trước mặt Đức Chúa Trời sau khi hòm giao ước đã được đặt ở giữa trại của Đa-vít đã dựng lên cho nó?
Họ đã dâng những của lễ thiêu và của lễ bình an.
1 Chronicles 16:2
Đa-vít đã phân phát gì cho từng người Y-sơ-ra-ên khi ông đã nhân danh Đức Giê-hô-va chúc phước cho dân sự xong?
Đa-vít đã phân phát cho mỗi người trong bột họ một ổ bánh, một miếng thịt, và một cái bánh nho khô.
1 Chronicles 16:3
Đa-vít đã phân phát gì cho từng người Y-sơ-ra-ên khi ông đã nhân danh Đức Giê-hô-va chúc phước cho dân sự xong?
Đa-vít đã phân phát cho mỗi người trong bột họ một ổ bánh, một miếng thịt, và một cái bánh nho khô.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Chronicles 16:4

Người Lê-vi đã được chỉ định làm gì khi họ phục vụ trước hòm giao ước?

Người Lê-vi sẽ ngợi khen, cảm tạ, và ca tụng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên khi họ phục vụ trước hòm giao ước của Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 16:7

A-sáp và anh em người được chỉ định làm gì?

Họ được chỉ định làm công việc hát bài hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 16:9

Dân sự hát về điều gì trong bài hát mà A-sáp và anh em người đã hát?

Họ hát về tất cả những công việc tuyệt diệu của Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 16:10

Dân sự khoe về ai và tìm kiếm ai?

Dân sự khoe và tìm kiếm Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 16:11

Dân sự khoe về ai và tìm kiếm ai?

Dân sự khoe và tìm kiếm Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 16:12

Con cháu Y-sơ-ra-ên, là những người được chọn của Đức Giê-hô-va, được cho là nhớ lại những điều gì về Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ?

Họ nhớ lại những việc kỳ diệu mà Ngài đã làm, những phép lạ và những mạng lệnh ra từ miệng Ngài.

1 Chronicles 16:14

Con cháu Y-sơ-ra-ên, là những người được chọn của Đức Giê-hô-va, được cho là nhớ lại những điều gì về Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ?

Họ nhớ lại những việc kỳ diệu mà Ngài đã làm, những phép lạ và những mạng lệnh ra từ miệng Ngài.

1 Chronicles 16:15

Người Y-sơ-ra-ên sẽ đời đời ghi nhớ Đức Giê-hô-va đã lập điều gì với Áp-ra-ham?

Ngài đã lập giao ước cùng Áp-ra-ham, và người Y-sơ-ra-ên sẽ ghi nhớ giao ước của Đức Giê-hô-va đời đời.

1 Chronicles 16:16

Người Y-sơ-ra-ên sẽ đời đời ghi nhớ Đức Giê-hô-va đã lập điều gì với Áp-ra-ham?

Ngài đã lập giao ước cùng Áp-ra-ham, và người Y-sơ-ra-ên sẽ ghi nhớ giao ước của Đức Giê-hô-va đời đời.

1 Chronicles 16:18

Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ ban cho dân sự Ngài điều gì làm phần cơ nghiệp của họ?

Đức Giê-hô-va đã hứa ban cho họ xứ Ca-na-an.

1 Chronicles 16:19

Đức Giê-hô-va đã bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên ra sao khi họ chỉ còn có một số ít người và khi họ đi từ vương quốc nầy đến một vương quốc khác?

Ngài không cho phép ai hà hiếp chúng.

1 Chronicles 16:21

Đức Giê-hô-va đã bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên ra sao khi họ chỉ còn có một số ít người và khi họ đi từ vương quốc nầy đến một vương quốc khác?

Ngài không cho phép ai hà hiếp chúng.

1 Chronicles 16:23

Khi dân sự hát ngợi khen Đức Giê-hô-va và ngày ngày công bố ra sự cứu chuộc của Ngài thì họ loan báo điều gì giữa các nước?

Họ sẽ công bố ra sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va cùng những công việc kỳ diệu của Ngài giữa các nước.

1 Chronicles 16:24

Khi dân sự hát ngợi khen Đức Giê-hô-va và ngày ngày công bố ra sự cứu chuộc của Ngài thì họ loan báo điều gì giữa các nước?

Họ sẽ công bố ra sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va cùng những công việc kỳ diệu của Ngài giữa các nước.

1 Chronicles 16:25

Ai đã dựng nên các từng trời và sẽ được ngợi khen và được kính sợ hơn hết tất cả các thần khác?

Ấy chính là Đức Giê-hô-va, là Đấng đã dựng nên các từng trời và sẽ được ngợi khen và được kính sợ hơn hết tất cả các thần khác.

1 Chronicles 16:26

Ai đã dựng nên các từng trời và sẽ được ngợi khen và được kính sợ hơn hết tất cả các thần khác?

Ấy chính là Đức Giê-hô-va, là Đấng đã dựng nên các từng trời và sẽ được ngợi khen và được kính sợ hơn hết tất cả các thần khác.

1 Chronicles 16:28

Điều gì được quy cho Đức Giê-hô-va?

Vinh hiển và quyền năng thuộc về Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 16:31

Các nước sẽ nói gì về Đức Giê-hô-va?

Các nước sẽ nói: "Đức Giê-hô-va quản trị!"

1 Chronicles 16:33

Các cây cối trong rừng sẽ làm gì trước mặt Đức Giê-hô-va?

Các cây cối trong rừng sẽ hát mừng rỡ trước mặt Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 16:35

Tại sao Đức Giê-hô-va phải nhóm dân sự của Ngài lại và giải cứu họ khỏi các nước khác?

Ngài phải nhóm dân sự của Ngài lại và giải cứu họ để họ có thể dâng lời cảm tạ danh thánh của Ngài và tự hào trong sự tôn vinh ca ngợi Ngài.

1 Chronicles 16:36

Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên sẽ được ca ngợi trong bao lâu?

Ngài sẽ được ca ngợi từ trước vô cùng cho đến đời đời.

1 Chronicles 16:40

Ai đã ban các mạng lệnh và luật pháp cho Y-sơ-ra-ên về cách dâng những của lễ thiêu?

Đức Giê-hô-va đã ban các mạng lệnh và luật pháp cho Y-sơ-ra-ên.

1 Chronicles 16:43

Dân sự và Đa-vít đã trở lại nơi nào sau buổi lễ đặt hòm giao ước?

Dân sự trở về nhà mình, và Đa-vít trở về để chúc phước cho nhà mình.

Chapter 17

1 Chronicles 17:1

Ổn định

Trở nên thoải mái và vui sướng, không mong muốn di chuyển hoặc thay đổi.

Nhà bằng cây tùng

Loại gỗ từ cây tùng được cho rằng loại gỗ tốt nhất trong xây dựng.

Làm những gì trong lòng của ngươi

Đa-vít được kể đến như cơ thể kết nối với cảm xúc. AT: "làm những gì ngươi muốn làm"

Chúa ở cùng ngươi

Ở trong sự đồng thuận cùng Chúa giống như làm việc cùng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài bởi vì Chúa sẽ giúp ông thành công. AT: “Chúa đồng ý cùng những gì ngươi muốn làm"
1 Chronicles 17:3
Lời của Chúa đến
"Chúa phán lời của Ngài"
Khi ta mang dân Y-sơ-ra-ên
AT: "khi ta mang dân Y-sơ-ra-ên đến đất hứa, ra khỏi xứ Ê-díp-tô"
Lều, đền tạm
Cả hai từ “lều” và “đền tạm” cùng mô tả một thứ và nhấn mạnh rằng ông sống trong nơi không phải là tòa nhà cố định.
Tại sao ngươi hông xây cho ta tòa nhà bằng gỗ tùng?
AT: "ngươi phải xây cho ta ngôi nhà bằng gỗ đắt giá."
1 Chronicles 17:7
Ta đã mang ngươi ra khỏi đồng cỏ
Công việc của Đa-vít như người chăn cừu, ở nơi ông quan sát cừu của ông. AT: "Ta mang ngươi ra khỏi công việc chăn cừu của ngươi"
Đồng cỏ
Xem bản dịch từ này trong 1CH 4:40.
1 Chronicles 17:9
Thông tin Tổng quát:
Chúa đang phán sứ điệp mà Na-than đang gửi đến Đa-vít.
Sẽ trồng chúng ở đó
Chúa đang nhắc lại việc đưa Y-sơ-ra-ên vào đất hứa như cây mà Ngài trồng trên đất. AT: "Ta sẽ định cư tại đó"
Từ những ngày mà ta truyền
Thời đại của nhiều thế hệ được nói đến bằng những ngày. AT: "khi ta truyền" hoặc "từ nhiều thế hệ mà ta truyền"
Trên dân Y-sơ-ra-ên của ta
Ở trong uy quyền được kể đến như đang trên một người. AT: “truyền cho dân Y-sơ-ra-ên của ta"
Khắp kẻ thù của ta...ta bảo ngươi
Những từ “của ngươi” và “ngươi” nói đến Đa-vít.
Khuất phục
Làm cho một người hoặc con vật không còn khả năng tấn công.
Sẽ xây cho ngươi một ngôi nhà
Đức Giê-hô-va kể đến việc ban cho Đa-vít nhiều dòng dõi để cai quản dân Y-sơ-ra-ên như xây cho ông ngôi nhà.
1 Chronicles 17:11
Khi những ngày của ngươi được trọn
Cuộc đời được kể đến như những ngày chắc chắn. AT: "khi ngươi chết" (See: [[
Thông tin Tổng quát:
Về cùng tổ phụ ngươi
Cụm từ này nói đến nơi an nghỉ của tổ phụ của Đa-vít bởi vì họ đã chết.
Ta sẽ nuôi dưỡng con cháu của ngươi
Đặt một người trong sự lãnh đạo đươc kể như nuôi nấng họ lớn lên.
Ta sẽ lập ngươi lên ngôi
Quyền cai trị như vua được mô tả bởi vị trí nơi vua ngồi.
1 Chronicles 17:13
Và ngôi của người
Quyền cai trị của vua được kể như vị trí nơi vua ngồi. AT: "và vua cai trị"
Thuật lại cùng người
"nói với người"
1 Chronicles 17:16
Ông nói
"Đa-vít nói"
Tôi là ai, Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và nhà tôi là gì, mà Ngài mang tôi đến nơi này?
Đa-vít hỏi câu hỏi này để bày tỏ thái độ của ông mà Chúa đã chọn chúc phước ông mặc dù ông không xứng đáng với nó.
Và điều này là điều nhỏ nhoi
Một điều không quan trọng được mô tả là nhỏ.
Trước mặt của người
Trước mặt của Đức Giê-hô-va được dùng để chỉ sự hiểu biết của Ngài. AT: “của Ngài”
Tôi có thể nói gì hơn, Đa-vít, nói với Ngài?
Đa-vít sử dụng câu hỏi này để diễn tả rằng ông không thể hoàn toàn bày tỏ sự biết ơn của ông đến Chúa. AT: "Nếu tôi có thể nói nhiều hơn để bày tỏ lòng biết ơn của tôi thì tôi nói, nhưng tôi lại không biết nói gì khác. "
Đầy tớ của Ngài
Đa-vít nói đến chính bản thân ông như kẻ hầu việc của Đức Giê-hô-va.
Ngài đã làm rạng danh đầy tớ của Ngài. Ngài ban cho đầy tớ của Ngài sự nhận biết riêng biệt
Những cụm từ này có cùng nghĩa với nhau. Nếu ngôn ngữ của bạn có một cách để diễn tả từ “rạng danh” và “nhận biết” thì có thể dịch thành một cụm từ.
1 Chronicles 17:19
Lợi ích của đầy tớ Ngài
AT: "lợi ích của tôi"
Ngài giải cứu khỏi Ê-díp-tô
AT: "giải cứu khỏi cảnh nô lệ ở Ê-díp-tô”.
Các việc lớn lao và vĩ đại
Các từ “vĩ đại” và “lớn lao” có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh mức độ mạnh mẽ của sự vĩ đại. AT: "những việc làm lớn lao."
1 Chronicles 17:22
Lập mãi mãi
AT: "giữ mãi mãi"
1 Chronicles 17:25
Sẽ xây cho Ngài ngôi nhà
Để có con và mở rộng gia đình được mô tả như xây dựng ngôi nhà.
Đã thấy can đảm
AT: "trở nên đủ can đảm"
Ban phước nó, và ban phước nó đến đời đời
Có nghĩa giống nhau, được lập lại để nhấn mạnh.

Translation Questions

1 Chronicles 17:1
Điều gì về nơi hòm giao ước của Đức Giê-hô-va ngự đã khiến vua Đa-vít lo nghĩ?
Đa-vít lo nghĩ, buồn rầu về việc hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đang ở ngoài lều trại trong khi Đa-vít thì sống trong cung điện bằng gỗ bá hương.
1 Chronicles 17:3
Đức Giê-hô-va đã phán bảo Na-than nói với Đa-vít điều gì về việc xây

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dựng đền thờ cho Đức Giê-hô-va?
Đức Chúa Trời đã phán rằng Đa-vít sẽ không xây đền thờ cho Đức Giê-hô-va ngự.
1 Chronicles 17:7
Tại sao Đức Giê-hô-va lại đem Đa-vít ra khỏi đồng cỏ và khỏi việc chăn bầy chiên?
Ngài đem Đa-vít ra khỏi đồng cỏ và khỏi việc chăn bầy chiên để ông có thể trở thành người lãnh đạo cai trị trên dân sự của Đức Giê-hô-va, dân Ngài.
1 Chronicles 17:8
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì cho danh Đa-vít?
Ngài phán rằng Ngài sẽ làm cho Đa-vít được danh lớn, như danh của kẻ cao trọng ở trên đất.
1 Chronicles 17:9
Ai sẽ không còn áp bức dân Y-sơ-ra-ên sau khi Đức Giê-hô-va ban cho họ một nơi mà họ có thể sống và không bị quấy rối nữa?
Những kẻ gian ác sẽ không còn áp bực dân Y-sơ-ra-ên như họ vẫn làm trước đây nữa.
1 Chronicles 17:11
Đức Giê-hô-va đã phán rằng dòng dõi của Đa-vít sẽ làm gì sau khi các ngày của Đa-vít đã được trọn?
Dòng dõi của Đa-vít sẽ xây dựng một đền thờ cho Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 17:12
Đức Giê-hô-va đã phán rằng dòng dõi của Đa-vít sẽ làm gì sau khi các ngày của Đa-vít đã được trọn?
Dòng dõi của Đa-vít sẽ xây dựng một đền thờ cho Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 17:14
Đức Giê-hô-va đã phán rằng ngôi nước của Đa-vít sẽ được thiết lập trong bao lâu?
Ngôi nước của dòng dõi của Đa-vít sẽ được vững lập đời đời.
1 Chronicles 17:17
Đa-vít đã nói rằng Đức Giê-hô-va đã làm gì cho ông vì cớ những điều Đức Giê-hô-va đã tỏ cho ông về các thế hệ tương lai?
Ông nói rằng Đức Giê-hô-va đã tôn trọng ông và ban cho ông sự công nhận đặc biệt.
1 Chronicles 17:18
Đa-vít đã nói rằng Đức Giê-hô-va đã làm gì cho ông vì cớ những điều Đức Giê-hô-va đã tỏ cho ông về các thế hệ tương lai?
Ông nói rằng Đức Giê-hô-va đã tôn trọng ông và ban cho ông sự công nhận đặc biệt.
1 Chronicles 17:21
Đa-vít cho rằng đâu là lí do Đức Giê-hô-va giải cứu dân sự Ngài ra khỏi Ai Cập và rồi lập họ thành dân của Ngài?
Đức Giê-hô-va đã giải cứu họ ra khỏi Ai Cập để lập một danh cho Ngài qua những công việc vĩ đại và đáng kinh sợ của Ngài.
1 Chronicles 17:23
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì với lời hứa mà Ngài đã lập với Đa-vít liên quan đến việc nhà của ông sẽ được vững lập đời đời?
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va thực hiện như Đức Giê-hô-va đã phán.
1 Chronicles 17:26
Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ làm gì cho nhà Đa-vít, tôi tớ Ngài?
Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ chúc phước cho nhà Đa-vít tôi tớ Ngài và nhà ông sẽ được chúc phước đến đời đời.
1 Chronicles 17:27
Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ làm gì cho nhà Đa-vít, tôi tớ Ngài?
Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ chúc phước cho nhà Đa-vít tôi tớ Ngài và nhà ông sẽ được chúc phước đến đời đời.

Chapter 18
1 Chronicles 18:1
Sau việc này
"Sau lời hứa của Chúa chúc phước Đa-vít"
1 Chronicles 18:3
Ha-đa-rê-xe
Đây là tên của một người.
Xô-ba
Đây là tên của một quốc gia.
Một nghìn xe ngựa
"1,000 xe ngựa"
Bảy nghìn người cưỡi ngựa
Đây là người lính cưỡi trên ngựa. "7,000 người cưỡi ngựa"
Hai mươi nghìn lính bộ
Đây là người lính đi bộ. "20,000 lính bộ"
Gân chân
Để làm tàn tật một người hoặc con vật bằng cách cắt bắp thịt ở phía sau của bắp đùi
Dự trữ
Giữ để sử dụng đặc biệt
Một trăm xe ngựa
"100 cỗ xe"
1 Chronicles 18:5
Giết hai mươi hai nghìn
Hai nghìn
Đóng quân
Những nhóm quân lính được ấn định ở khu vực riêng biệt.
1 Chronicles 18:7
Ha-đa-rê-xe
Xem bản dịch tên của ông trong 1CH 18:1.
Ti-bát... Cun
Đây là tên của những thành phố.
Biển đồng
Đây là một cái bát bằng đồng, khoảng 5 mét chiều ngang, nó được giữ trong đền thờ cho nghi thức rửa.
1 Chronicles 18:9
Tô-hu...Ha-đô-ram
Đây là tên của người nam.
Đánh lại
"ở trong chiến tranh với"
1 Chronicles 18:12
A-bi-sai...Xê-ru-gia
Đây là tên của người nam. (See:
Mười tám nghìn người Ê-đôm
"18,000 người Ê-đôm"
Thung lũng Muối
Đây là tên của một thung lũng giữa Ê-đôm và Giu-đa được sử dụng làm nơi chiến đấu.
Đóng quân
Những nhóm người lính được định ở khu vực riêng biệt.
Mọi người Ê-đôm trở thành người hầu việc của Đa-vít
"người của Ê-đôm bị ép để chấp nhận Đa-vít thành vua của họ, và đóng thuế cho chính quyền của Đa-vít mỗi năm"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Chronicles 18:14

Xê-ru-gia…A-hi-lút…A-hi-túp…A-bia-tha…Sa-vê-sa… Bê-na-gia…Giê-hô-gia-đa

Đây là tên của người nam.

Người ghi chép

Người ghi chép lại chi tiết của sự kiện đặc biệt.

A-bi-mê-léc

Cách viết này tương ứng với cách sửa từ “A-bi-mê-léc,” đây là một vài bản dịch kèm theo. Bản dịch hiệu đính làm câu thơ thích hợp với 2 Sam. 8:17.

Xa-đốc con trai của A-hi-tút và A-hi-mê-lếc con trai của A-bia-tha là thầy tế lễ

Một số bản dịch hiệu đính nói rằng A-hi-tút và A-hi-mê-lếc là các thầy tế lễ thượng phẩm.

Kê-rê-thít…Phê-lê-thít

Đây là tên của những nhóm dân.

Translation Questions

1 Chronicles 18:1

Đa-vít đã tấn công và đánh bại hai nhóm dân nào?

Ông đã tấn công và đánh bại dân Phi-li-tin và dân Mô-áp.

1 Chronicles 18:2

Đa-vít đã tấn công và đánh bại hai nhóm dân nào?

Ông đã tấn công và đánh bại dân Phi-li-tin và dân Mô-áp.

1 Chronicles 18:3

Đa-vít đã làm gì với một trăm ngựa kéo xe chiến mã còn lại sau khi ông đã cắt đứt gân số ngựa mà ông đã bắt được từ Ha-đa-rê-xe?

Ông đã để lại đủ số ngựa kéo xe chiến mã cho một trăm cỗ xe chiến mã.

1 Chronicles 18:4

Đa-vít đã làm gì với một trăm ngựa kéo xe chiến mã còn lại sau khi ông đã cắt đứt gân số ngựa mà ông đã bắt được từ Ha-đa-rê-xe?

Ông đã để lại đủ số ngựa kéo xe chiến mã cho một trăm cỗ xe chiến mã.

1 Chronicles 18:5

Đa-vít đã đặt gì tại A-ram của Đa-mách sau khi ông đã giết hai mươi hai nghìn người A-ram?

Đa-vít đã đặt đồn ở A-ram tại Đa-mách.

1 Chronicles 18:6

What did Đa-vít put in Aram of Damascus Sau khi he had đã giết twenty-two thousvà Arameans?

Đa-vít put garrisons in Aram of Damascus.

1 Chronicles 18:8

Đa-vít đã chiếm lấy gì từ Ha-đa-rê-xe mà sau đó Sa-lô-môn đã dùng làm những vật dụng cho đền thờ của Đức Giê-hô-va?

Đa-vít đã lấy rất nhiều đồng từ Ha-đa-rê-xe.

1 Chronicles 18:9

Vua Đa-vít đã làm gì với những vật dụng bằng bạc, vàng và đồng được đem lên cho ông từ Tô-hu, vua Ha-mát và số bạc và số vàng mà ông đã chiếm được từ các nước?

Đa-vít đã biệt riêng những vật dụng nầy cho Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 18:11

Vua Đa-vít đã làm gì với những vật dụng bằng bạc, vàng và đồng được đem lên cho ông từ Tô-hu, vua Ha-mát và số bạc và số vàng mà ông đã chiếm được từ các nước?

Đa-vít đã biệt riêng những vật dụng nầy cho Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 18:12

Chuyện gì đã xảy ra với toàn bộ người Ê-đôm sau trận chiếm mà trong đó A-bi-sai đã giết 18.000 người Ê-đôm?

Hết thảy người Ê-đôm đều trở thành đầy tớ của Đa-vít.

1 Chronicles 18:13

Chuyện gì đã xảy ra với toàn bộ người Ê-đôm sau trận chiếm mà trong đó A-bi-sai đã giết 18.000 người Ê-đôm?

Hết thảy người Ê-đôm đều trở thành đầy tớ của Đa-vít.

1 Chronicles 18:17

Ai là những người cố vấn lãnh đạo cho vua Đa-vít khi ông cai trị trên toàn thể Y-sơ-ra-ên và cai trị sự công bình và công chính cho toàn dân sự của mình?

Các con trai Đa-vít sẽ là những cố vấn lãnh đạo của nhà vua.

Chapter 19

1 Chronicles 19:1

Na-hách…Ha-nun

Đây là tên của người nam.

Ta sẽ bày tỏ lòng tốt…bày tỏ lòng tốt

AT: "ta sẽ tử tế…tử tế"

An ủi

"giải khuây"

Ngươi biết rằng Đa-vít đang tôn kính cha ngươi vì ông đã sai người đến an ủi ngươi?

AT: "ngươi không nghĩ rằng Đa-vít đang tôn kính cha ngươi vì ông đã sai người đến an ủi ngươi."

Không lẽ các đầy tớ của người đến thăm dò và khám xét để mà phá đổ nó?

AT: "chắc chắn các đầy tớ người đến thăm dò để lật đổ nó."

1 Chronicles 19:4

Y phục

"quần áo"

Người đã đi đón họ

"ông đã gửi một số sứ giả để khuyến khích họ"

Xấu hổ lắm

Xấu hổ được mô tả sâu sắc để diễn tả rằng nó ảnh hưởng lớn đến họ. AT: "rất xấu hổ"

1 Chronicles 19:6

Trở nên hôi thối với Đa-vít

Từ “hôi thối” nói đến mùi ươn. Điều này mô tả dân Am-môn như một điều gì đó khó chịu và không mong muốn.

Một nghìn ta-lâng

"1,000 ta-lâng"

Ta-lâng

Na-ha-ram…Ma-a-ca…Xô-ba…Mê-đê-ba

Đây là tên của các thành phố.

1 Chronicles 19:8

Nghe về nó

"nghe về dân Am-môn đang ra khỏi chiến tranh"

Gặp họ

"chiến đấu với họ"

1 Chronicles 19:10

A-bi-sai

Đây là tên của anh trai Giô-áp.

1 Chronicles 19:12

Hãy mạnh mẽ

"hãy dũng cảm"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hãy giữ cho chúng ta mạnh mẽ
AT: "hãy cư xử cách bạo dạn".
1 Chronicles 19:14
Tiến vào trận đấu
AT: "di chuyển vào trận chiến " or "approached the enemy soldiers in the battle"
1 Chronicles 19:16
Dân A-ran thấy
"dân A-ran hiểu"
Tiếp viện
"nhiều quân lính"
Sô-phác...Ha-đa-rê-xe
Đây là tên của người nam.
Khi Đa-vít nói điều này
AT: khi sứ giả nói với Đa-vít điều này
Sắp xếp
"tổ chức"
Chúng tấn công ông
"dân A-ram tấn công Đa-vít và quân lính của ông"
1 Chronicles 19:18
Giết bảy nghìn
"giết 7,000"
Bốn mươi nghìn lính bộ
"40,000 lính bộ"
Sô-phác...Ha-đa-rê-xe
Đây là tên của người nam.

Translation Questions

1 Chronicles 19:1
Tại sao Đa-vít lại muốn tỏ lòng tử tế với Ha-nun con trai Na-hách, vua của người Am-môn sau khi cha người đã qua đời?
Cha của Ha-nun đã từng tử tế đối với Đa-vít.
1 Chronicles 19:2
Tại sao Đa-vít lại muốn tỏ lòng tử tế với Ha-nun con trai Na-hách, vua của người Am-môn sau khi cha người đã qua đời?
Cha của Ha-nun đã từng tử tế đối với Đa-vít.
1 Chronicles 19:3
Những nhà lãnh đạo của Am-môn có tin rằng Đa-vít đang cố gắng an ủi Ha-nun trong khi các đầy tớ của Đa-vít đã vào trong xứ của họ hay không?
Những nhà lãnh đạo này cho rằng các đầy tớ của Đa-vít để xem xét và do thám xứ của họ để rồi Đa-vít có thể đến lật đổ đất nước của họ.
1 Chronicles 19:4
Ha-nun đã làm gì với các đầy tớ của Đa-vít khiến họ cảm thấy rất xấu hổ?
Ha-nun đã cạo râu họ và cắt áo choàng của họ cho đến ngang hông.
1 Chronicles 19:5
Ha-nun đã làm gì với các đầy tớ của Đa-vít khiến họ cảm thấy rất xấu hổ?
Ha-nun đã cạo râu họ và cắt áo choàng của họ cho đến ngang hông.
1 Chronicles 19:6
Tại sao dân Am-môn lại thuê các xe chiến mã và người đánh xe ngựa?
Họ thuê các xe chiến mã và người đánh xe ngựa để chuẩn bị cho chiến tranh bởi vì họ đã trở thành một mùi hôi thối đối với Đa-vít.
1 Chronicles 19:7
Tại sao dân Am-môn lại thuê các xe chiến mã và người đánh xe ngựa?
Họ thuê các xe chiến mã và người đánh xe ngựa để chuẩn bị cho chiến tranh bởi vì họ đã trở thành một mùi hôi thối đối với Đa-vít.
1 Chronicles 19:8
Đa-vít đã sai ai đi khi ông nghe về việc dân Am-môn đang chuẩn bị cho chiến tranh?
Đa-vít đã sai Giô-áp và cả đội quân của mình.
1 Chronicles 19:10
Khi Giô-áp thấy quân thù đã dàn trận thì ông dàn quân như thể nào để đánh chiến với quân Am-môn?
Giô-áp chọn một số dũng sĩ tinh nhuệ trong đạo quân Y-sơ-ra-ên để đánh với quân A-ram và ra lệnh cho anh em mình chiến đấu với dân Am-môn bằng số quân lính còn lại.
1 Chronicles 19:11
Khi Giô-áp thấy quân thù đã dàn trận thì ông dàn quân như thể nào để đánh chiến với quân Am-môn?
Giô-áp chọn một số dũng sĩ tinh nhuệ trong đạo quân Y-sơ-ra-ên để đánh với quân A-ram và ra lệnh cho anh em mình chiến đấu với dân Am-môn bằng số quân lính còn lại.
1 Chronicles 19:12
Giô-áp đã nói gì với các anh em mình?
Giô-áp bảo với các anh em mình rằng họ nên giúp đỡ lẫn nhau khi cần, và rằng họ phải mạnh mẽ bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ làm những điều tốt lành cho dân sự Ngài.
1 Chronicles 19:13
Giô-áp đã nói gì với các anh em mình?
Giô-áp bảo với các anh em mình rằng họ nên giúp đỡ lẫn nhau khi cần, và rằng họ phải mạnh mẽ bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ làm những điều tốt lành cho dân sự Ngài.
1 Chronicles 19:14
Tại sao quân đội Am-môn lại bỏ chạy về thành của mình?
Quân đội Am-môn thấy dân A-ram bỏ chạy trước quân đội Y-sơ-ra-ên, vì thế mà họ đã bỏ chạy về thành của mình.
1 Chronicles 19:15
Tại sao quân đội Am-môn lại bỏ chạy về thành của mình?
Quân đội Am-môn thấy dân A-ram bỏ chạy trước quân đội Y-sơ-ra-ên, vì thế mà họ đã bỏ chạy về thành của mình.
1 Chronicles 19:16
Tại sao Đa-vít lại tập hợp toàn dân Y-sơ-ra-ên lại và dàn quân đánh trận cùng quân A-ram?
Đa-vít đã nghe rằng quân A-ram đã tăng cường tiếp viện.
1 Chronicles 19:17
Tại sao Đa-vít lại tập hợp toàn dân Y-sơ-ra-ên lại và dàn quân đánh trận cùng quân A-ram?
Đa-vít đã nghe rằng quân A-ram đã tăng cường tiếp viện.
1 Chronicles 19:18
Tại sao dân A-ram không còn sẵn lòng giúp dân Am-môn nữa?
Họ không còn giúp dân Am-môn nữa khi Đa-vít đã giết 47 nghìn quân của họ luôn với viên chỉ huy quân đội của họ nữa.
1 Chronicles 19:19
Tại sao dân A-ram không còn sẵn lòng giúp dân Am-môn nữa?
Họ không còn giúp dân Am-môn nữa khi Đa-vít đã giết 47 nghìn quân của họ luôn với viên chỉ huy quân đội của họ nữa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 20

1 Chronicles 20:1

Tàn phá xứ

"hủy diệt xứ" Điều này kể đến quân đội tàn phá vùng đất là nơi quân thù của họ trồng trọt.

1 Chronicles 20:2

Ta-lâng

Vương miệng được đặt trên đầu của Đa-vít

AT: "người của Đa-vít đặt vương miệng trên đầu của người"

Tàn phá

Nhiều vật quý giá bị lấy đi trong chiến tranh.

Đa-vít yêu cầu mọi thành phố của mọi dân

Dân sự được nói đến trong thành của họ. AT: “Đa-vít yêu cầu mọi dân của thành phố"

1 Chronicles 20:4

Ghê-xe…Góp

Đây là tên của thành phố. (See:

Si-bê-cai…Síp-bai…Ên-ha-nan…Giai-rơ...Lác-mi

Đây là tên của người nam. (See:

Hu-sa-tít…Rê-pha-im…Bết-le-hem…Gítc

Đây là tên của nhóm dân.

Chinh phục

Điều khiển một người hoặc một điều bằng cách thúc ép.

Cái gậy

Một cây gậy dài và mỏng.

Trục của thợ dệt

Một khúc gỗ được dùng để kéo căng vải giống như các sợi chỉ của tấm chăn được kết lại xung quanh nó.

1 Chronicles 20:6

Rê-pha-im

Đây là tên được ban cho một chủng tộc, là người rất cao và mạnh.

Giê-hô-na-đáp…Si-mê-a

Đây là tên của người nam.

Họ bị giết bởi tay của Đa-vít và bởi tay quân lính của người

Đa-vít và quân lính của người được kể đến như một phần của thân thể họ được dùng để cầm thanh gươm. AT: "Đa-vít và quân lính của ông giết dòng dõi của Rê-pha-im"

Translation Questions

1 Chronicles 20:1

Giô-áp đã làm gì khi Đa-vít ở lại Giê-ru-sa-lem?

Giô-áp đã dân quân ra trận, tàn phá đất Am-môn, cũng tấn công và đánh bại Ráp-ba.

1 Chronicles 20:2

Sau khi đã lấy vương miện trên đầu vua dân Am-môn xuống và đội nó lên đầu mình, Đa-vít đã bắt dân sự phải làm gì?

Ông bắt họ phải làm công việc khổ sai, nặng nhọc.

1 Chronicles 20:3

Sau khi đã lấy vương miện trên đầu vua dân Am-môn xuống và đội nó lên đầu mình, Đa-vít đã bắt dân sự phải làm gì?

Ông bắt họ phải làm công việc khổ sai, nặng nhọc.

1 Chronicles 20:6

Khi con cháu của Rê-pha-im sỉ nhục quân đội Y-sơ-ra-ên, chuyện gì đã xảy ra?

Đa-vít và quân lính của người đã giết chết họ.

1 Chronicles 20:8

Khi con cháu của Rê-pha-im sỉ nhục quân đội Y-sơ-ra-ên, chuyện gì đã xảy ra?

Đa-vít và quân lính của người đã giết chết họ.

Chapter 21

1 Chronicles 21:1

Kẻ thù nổi dậy chống lại Y-sơ-ra-ên

Trở nên trỗi dậy được mô tả như có nhiều sức mạnh hơn.

AT: "Kẻ thù của Y-sơ-ra-ên trở nên có nhiều sức mạnh hơn"

Xúi giục

Khiến một người khác làm.

Từ Bết-sa-đa đến Đan

Dân Y-sơ-ra-ên tin rằng đây là hai thành phố lớn nhất phía bắc và phía nam của họ. Đa-vít đã sử dụng hai thành này để đề cập đến khắp Y-sơ-ra-ên.

Nhiều hơn gấp trăm lần

Giô-áp bày tỏ ước muốn có đội quân có quy mô 100 đội quân cũng như đội quân sẽ có nhiều lính và mạnh hơn.

Thưa đức vua là chủ tôi, không phải họ đều phục sự chủ tôi sao? Tại sao chủ tôi muốn vậy? Tại sao mang tội lỗi đến Y-sơ-ra-ên?

AT: Thưa đức vua là chủ tôi, tất cả bọn họ đều phục sự. Chủ tôi đừng yêu cầu điều này. Người sẽ mang tội lỗi trên dân sự Y-sơ-ra-ên bằng ước mong của người để quân đội hùng mạnh."

Tại sao chủ của tôi muốn điều này?

Từ “này” nói đến kế hoạch của Đa-vít để tính toàn bộ người nam của Y-sơ-ra-ên.

1 Chronicles 21:4

Những lời của vua là dứt khoát

Cụm từ này nói đến mệnh lệnh của Đa-vít là dứt khoát bởi vì ông không muốn thay đổi mệnh lệnh của ông sau khi nó được ban ra. AT: “mệnh lệnh của vua sẽ không thay đổi"

Những người cầm gươm

Những người lính ở Y-sơ-ra-ên được mô tả bằng hành động kéo gươm ra để chiến đấu.

1 Chronicles 21:6

Nhưng Lê-vi và Bên-gia-min không được kể trong họ

AT: "Nhưng Giô-áp không tính những người nam từ chi phái của Lê-vi và Bên-gia-min"

Bởi điều này

"điều này" nói đến kế hoạch của Đa-vít đếm toàn bộ người nam của Y-sơ-ra-ên là người có khả năng chiến đấu.

Cất lấy tội lỗi của đầy tớ Ngài

Sự tha thứ được mô tả như tội lỗi bị lấy đi. AT: "tha thứ cho tôi"

Tội lỗi của đầy tớ người

Đa-vít nói đến chính Ngài như đầy tớ của Chúa. AT: "tội lỗi của tôi"

1 Chronicles 21:11

Bị bắt bởi gươm của họ

Cụm từ này là cách nhẹ nhàng khi mô tả việc bị kẻ thù giết.

Gươm của Đức Giê-hô-va

Cụm từ này mô tả cách thức của Đức Giê-hô-va khi tiêu diệt bằng công cụ người lính sẽ dùng để giết.

Hủy diệt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

AT: "tiêu diệt"

1 Chronicles 21:13

Ta gặp rắc rối lớn

AT: "ta đang gặp rắc rối lớn"

Để tôi rơi vào tay của Đức Giê-hô-va hơn là vào tay của con người, vì ơn điển của Ngài là lớn lao

AT: "Để tôi ở dưới quyền của Đức Giê-hô-va, hơn là dưới quyền của loài người, vì Đức Giê-hô-va rất thương xót."

Có bảy mươi nghìn người chết

"có 70,000 người chết"

Đổi ý

Thay đổi quyết định.

Rút tay người lại

Đức Giê-hô-va nói thiên sứ đang hủy diệt ngừng việc giết dân sự.

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đang đứng

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va được mô tả một vật đứng giống như con người đứng.

Ọt-nan

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 21:16

Tay người đang cầm gươm

AT: "chuẩn bị tấn công"

Không phải tôi truyền để lấy số dân sao?

AT: "tôi là người truyền để lấy số dân."

Còn những con chiên

Đa-vít mô tả dân Y-sơ-ra-ên như một loài động vật đáng tin và đi theo người lãnh đạo.

Họ đã làm gì?

AT: "Họ chắc rằng đã không làm gì để đáng bị phạt."

1 Chronicles 21:18

Ọt-nan

Xem bản dịch của tên này trong 1CH 21:15.

Gát hướng dẫn ông làm trong danh của Đức Giê-hô-va

AT: "Gát, nói bằng uy quyền của Đức Giê-hô-va, bảo Đa-vít làm."

1 Chronicles 21:21

Sắp mặt người trên đất

Cụm từ này mô tả rằng Ọt-nan cúi người về phía trước. Cúi trước một người là cách bày tỏ sự khiêm tốn và tôn trọng. Cúi sâu người bày tỏ sự khiêm tốn và tôn trọng.

Giá đầy đủ

AT: "ta sẽ trả đầy đủ cho sân đập lúa này cách xứng đáng"

1 Chronicles 21:23

Lấy nó như của người

AT: "lấy nó như món quà"

Những gì tốt trước mặt người

Sự hiểu biết của Đa-vít được mô tả trước mặt người. AT: "Những gì dường như tốt lành với người"

Bàn đạp lúa

Bàn đạp lúa bằng đá hoặc kim loại đặt bên dưới, dùng để tách lúa khỏi vỏ bằng cách tuốt hạt lúa ra khỏi khi đặt trên mặt bàn đạp.

1 Chronicles 21:25

Sáu trăm siếc-lơ vàng

"600 siếc-lơ vàng"

Siếc-lơ

Ông cầu khẩn Đức Giê-hô-va

"ông cầu nguyện với Đức Giê-hô-va cứu giúp"

Thiên sứ thu gươm vào bao

AT: thiên sứ dừng việc giết dân sự."

Vỏ

Bao phủ thanh gươm hoặc dao.

1 Chronicles 21:28

Ọt-nan

Xem bản dịch tên của ông trong 1CH 21:15.

Sự chỉ dẫn của Chúa

AT: “Chúa bảo ông những gì ông nên làm"

Sợ thanh gươm của thiên sứ của Đức Giê-hô-va

AT: "sợ rằng ông sẽ bị giết bởi gươm của thiên sứ của Đức Giê-hô-va"

Translation Questions

1 Chronicles 21:1

Tại sao Đa-vít lại quyết định kiểm kê số dân Y-sơ-ra-ên?

Nếu kẻ thù tấn công Y-sơ-ra-ên, và Đa-vít muốn biết có bao nhiêu người trong quân đội của mình.

1 Chronicles 21:2

Tại sao Đa-vít lại quyết định kiểm kê số dân Y-sơ-ra-ên?

Nếu kẻ thù tấn công Y-sơ-ra-ên, và Đa-vít muốn biết có bao nhiêu người trong quân đội của mình.

1 Chronicles 21:3

Giô-áp đã phản ứng ra sao trước yêu cầu kiểm kê dân số của Đa-vít?

Ông cho rằng điều đó sẽ gây tội lỗi trên Y-sơ-ra-ên.

1 Chronicles 21:4

Giô-áp đã làm gì khi vua ra lệnh cho ông đi và kiểm kê dân số?

Ông đã đi và thuật lại tổng số người có thể chiến đấu.

1 Chronicles 21:5

Giô-áp đã làm gì khi vua ra lệnh cho ông đi và kiểm kê dân số?

Ông đã đi và thuật lại tổng số người có thể chiến đấu.

1 Chronicles 21:7

Đức Chúa Trời đã phản ứng ra sao khi Đa-vít đếm số người có thể chiến đấu trong Y-sơ-ra-ên?

Đức Chúa Trời đã nổi giận và đánh dân Y-sơ-ra-ên.

1 Chronicles 21:8

Đa-vít cảm nhận ra sao khi Đức Chúa Trời đánh dân Y-sơ-ra-ên?

Ông cảm thấy tội lỗi vì đã sai Giô-áp đi kiểm kê số quân lính.

1 Chronicles 21:9

Đáp lại lời xưng tội của Đa-vít, Đức Giê-hô-va đã đề nghị gì với ông?

Đức Giê-hô-va đã đưa ra cho ông ba lựa chọn.

1 Chronicles 21:10

Đáp lại lời xưng tội của Đa-vít, Đức Giê-hô-va đã đề nghị gì với ông?

Đức Giê-hô-va đã đưa ra cho ông ba lựa chọn.

1 Chronicles 21:11

Ba lựa chọn mà Đức Giê-hô-va đưa ra cho Đa-vít là gì?

Đa-vít có thể chọn ba năm đói kém, ba tháng bị kẻ thù của ông truy đuổi hoặc ba ngày chịu gươm của Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 21:12

Ba lựa chọn mà Đức Giê-hô-va đưa ra cho Đa-vít là gì?

Đa-vít có thể chọn ba năm đói kém, ba tháng bị kẻ thù của ông truy đuổi hoặc ba ngày chịu gươm của Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 21:13

Đa-vít đã chọn điều nào trong số ba hình phạt đó?

Ông chọn ba ngày chịu dưới gươm của Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Chronicles 21:14
Hậu quả sau lựa chọn của Đa-vít là gì?
Đức Giê-hô-va đã bệnh dịch xuống và nhiều người đã chết. Đức Giê-hô-va đã sai một thiên sứ đến để hủy diệt Giê-ru-sa-lem, nhưng Ngài đã đổi ý.
1 Chronicles 21:15
Hậu quả sau lựa chọn của Đa-vít là gì?
Đức Giê-hô-va đã bệnh dịch xuống và nhiều người đã chết. Đức Giê-hô-va đã sai một thiên sứ đến để hủy diệt Giê-ru-sa-lem, nhưng Ngài đã đổi ý.
1 Chronicles 21:16
Khi Đa-vít thấy thiên sứ cầm gươm thì ông đã phản ứng thế nào?
Ông đã xưng nhận tội và xin Đức Chúa Trời hãy trừng phạt ông và gia đình ông, nhưng đừng trừng phạt dân sự của Đức Chúa Trời.
1 Chronicles 21:17
Khi Đa-vít thấy thiên sứ cầm gươm thì ông đã phản ứng thế nào?
Ông đã xưng nhận tội và xin Đức Chúa Trời hãy trừng phạt ông và gia đình ông, nhưng đừng trừng phạt dân sự của Đức Chúa Trời.
1 Chronicles 21:18
Đa-vít đã ra lệnh phải làm gì tại sân đập lúa của Ọt-nan?
Ông sẽ xây dựng một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 21:19
Đa-vít đã ra lệnh phải làm gì tại sân đập lúa của Ọt-nan?
Ông sẽ xây dựng một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 21:20
Ọt-nan đã phản ứng ra khi nhìn thấy thiên sứ?
Ông và bốn con trai của mình đều ẩn mình đi khỏi thiên sứ.
1 Chronicles 21:21
Khi Ọt-nan gặp Đa-vít, Đa-vít đã yêu cầu ông làm gì?
Ông yêu cầu Ọt-nan bán lại sân đạp lúa cho mình.
1 Chronicles 21:22
Khi Ọt-nan gặp Đa-vít, Đa-vít đã yêu cầu ông làm gì?
Ông yêu cầu Ọt-nan bán lại sân đạp lúa cho mình.
1 Chronicles 21:23
Ọt-nan đã đưa ra đề nghị gì mà Đa-vít lại từ chối?
Ông đề nghị dâng cho vua sân đạp lúa của mình, cùng với bò và lúa mì.
1 Chronicles 21:24
Ọt-nan đã đưa ra đề nghị gì mà Đa-vít lại từ chối?
Ông đề nghị dâng cho vua sân đạp lúa của mình, cùng với bò và lúa mì.
1 Chronicles 21:25
Sau khi Đa-vít đã mua lại sân đạp lúa và xây dựng một bàn thờ ,thì Đức Giê-hô-va đã đáp lời cầu nguyện của ông bằng cách nào?
Đức Giê-hô-va đã đáp lời người bằng lửa từ trời giáng xuống trên bàn thờ về truyền thiên sứ tra gươm mình vào.
1 Chronicles 21:27
Sau khi Đa-vít đã mua lại sân đạp lúa và xây dựng một bàn thờ ,thì Đức Giê-hô-va đã đáp lời cầu nguyện của ông bằng cách nào?
Đức Giê-hô-va đã đáp lời người bằng lửa từ trời giáng xuống trên bàn thờ về truyền thiên sứ tra gươm mình vào.
1 Chronicles 21:29
Tại sao Đa-vít không đi đến miếu thờ của Ghi-bê-ôn?
Đa-vít sợ gươm của thiên sứ của Đức Chúa Trời.
1 Chronicles 21:30
Tại sao Đa-vít không đi đến miếu thờ của Ghi-bê-ôn?
Đa-vít sợ gươm của thiên sứ của Đức Chúa Trời.

Chapter 22
1 Chronicles 22:1
Thợ đục đá
Đây là những người thu nhặt đá và cắt chúng thành kích thước phù hợp, để các thợ xây dựng có thể dùng đá xây tường và công trình.
1 Chronicles 22:3
móc
"cái kẹp" hoặc "bản lề." Đây là các vật nối hai vật lại với nhau.
Có thể cân được
AT: "không ai cân được"
Không thể đếm
AT: "không ai có thể đếm"
Ngôi nhà được xây cho Đức Giê-hô-va
AT: "nhà của Đức Giê-hô-va" hoặc "ngôi nhà mà ông sẽ xây dựng cho Đức Giê-hô-va"
1 Chronicles 22:6
Ông gọi
"Đa-vít gọi"
Truyền cho ông xây dựng ... ý định của ta để xây
"truyền cho các thợ để xây ... kế hoạch của ta thuê nhân công xây dựng"
Cho Đức Giê-hô-va Chúa của tôi
"để vinh hiển Đức Giê-hô-va Chúa của tôi"
Ngươi đã đổ ra nhiều huyết
"ngươi đã giết nhiều người"
Ngươi không cất nhà cho danh ta
"ngươi không cất đền thờ để vinh hiển ta"
Vì ngươi đổ ra nhiều huyết trên đất trước mặt ta
"vì ta biết ngươi đã giết nhiều người"
1 Chronicles 22:9
Thông tin Tổng quát:
Đa-vít đang nói với Sa-lô-môn những gì Đức Giê-hô-va bảo với người.
ở quanh nó
Điều này có nghĩa là trong mỗi nơi quanh Y-sơ-ra-ên.
Trong những ngày của ông
"khi ông cai trị Y-sơ-ra-ên"
Ngôi nhà cho danh ta
AT: "ngôi đền thờ để vinh hiển ta"
Nó sẽ làm con trai của ta, và ta sẽ là cha nó
Chúa sẽ đối xử với Sa-lô-môn như thể Ngài là Chúa của con trai mình.
Ta sẽ lập ngai của vương quốc con trên Y-sơ-ra-ên mãi mãi
Ở đây “ngai” nói đến quyền trị như vị vua. AT: "Ta sẽ khiến dòng dõi của con cai trị trên Y-sơ-ra-ên mãi mãi"
1 Chronicles 22:11
Thông tin Tổng quát:
Đa-vít đang nói với Sa-lô-môn.
Bấy giờ
Đa-vít dùng từ này để giới thiệu một điều quan trọng ông sắp nói.
Con sẽ xây
AT: "con sẽ hướng đến việc xây dựng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khi Ngài đặt ông cai trị trên Y-sơ-ra-ên
"khi Ngài lập ông làm vua trên Y-sơ-ra-ên"
1 Chronicles 22:14
Thông tin Tổng quát:
Đa-vít đang nói với Sa-lô-môn.
Bấy giờ
Điều này giới thiệu một điều quan trọng mà Đa-vít muốn nói đến.
Ta-lâng
Một ta-lâng là đơn vị về cân nặng. Nó bằng 33 kí-lô-gram.
Một triệu
"1,000,000"
1 Chronicles 22:15
Thông tin Tổng quát:
Đa-vít đang nói với Sa-lô-môn.
Thợ đục đá, thợ nề
Cả hai người thợ này đều cắt đá và chuẩn bị nó cho người thợ để dùng cho tường và công trình.
Thợ mộc
Đây là tên của người làm việc với gỗ.
1 Chronicles 22:17
Của ngươi...ngươi
Những danh từ số nhiều trong 22:18-19.
Đã ban cho ngươi an bình ở mọi nơi
"đã ban cho ngươi sự bình an khỏi chiến tranh trong mỗi nơi quanh Y-sơ-ra-ên”
Ngài đã phó dân vùng này cho tôi
"Ngài đã ban cho tôi quyền lực trên dân sống quanh chúng tôi"
Vùng bị chinh phục trước Đức Giê-hô-va và dân của Ngài
"Đức Giê-hô-va và dân Ngài điều khiển xứ của Ngài"
Bấy giờ
Từ này giới thiệu một điều quan trọng mà Đa-vit muốn nói đến.
Tìm kiếm Đức Giê-hô-va Chúa ngươi
AT: "cố gắng để Đức Giê-hô-va Chúa ngươi chú ý đến ngươi"
Hết lòng và hết tâm hồn ngươi
"thành khẩn" hoặc "hết lòng"
Trỗi dậy và xây dựng nơi thánh
AT: "đứng dậy và hướng dẫn các thợ xây dựng nơi thánh"
Ngôi nhà được xây cho danh của Đức Giê-hô-va
"đền thờ ngươi xây để vinh hiển Đức Giê-hô-va"

Translation Questions

1 Chronicles 22:1
Sau khi Đa-vít công bố nơi sẽ xây dựng bàn thờ của Đức Giê-hô-va thì ông đã ra lệnh cho các đầy tớ của mình làm gì?
Ông đã ra lệnh cho họ tìm những người ngoại bang sống trong xứ và trong Y-sơ-ra-ên rồi giao cho họ những công việc của những thợ đục đá để xây dựng đền thờ của Đức Chúa Trời.
1 Chronicles 22:2
Sau khi Đa-vít công bố nơi sẽ xây dựng bàn thờ của Đức Giê-hô-va thì ông đã ra lệnh cho các đầy tớ của mình làm gì?
Ông đã ra lệnh cho họ tìm những người ngoại bang sống trong xứ và trong Y-sơ-ra-ên rồi giao cho họ những công việc của những thợ đục đá để xây dựng đền thờ của Đức Chúa Trời.
1 Chronicles 22:3
Trước khi ông chết, Đa-vít đã chuẩn bị gì cho việc xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Ông đã chu cấp một số lượng lớn sắt, đồng và gỗ bá hương.
1 Chronicles 22:5
Trước khi ông chết, Đa-vít đã chuẩn bị gì cho việc xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Ông đã chu cấp một số lượng lớn sắt, đồng và gỗ bá hương.
1 Chronicles 22:6
Tại sao Đa-vít lại bảo với Sa-lô-môn rằng ông ra lệnh cho người xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va đã phán với Đa-vít rằng ông sẽ không phải là người sẽ xây dựng đền thờ vì cớ máu mà ông đã làm đổ ra.
1 Chronicles 22:8
Tại sao Đa-vít lại bảo với Sa-lô-môn rằng ông ra lệnh cho người xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va đã phán với Đa-vít rằng ông sẽ không phải là người sẽ xây dựng đền thờ vì cớ máu mà ông đã làm đổ ra.
1 Chronicles 22:9
Đức Giê-hô-va đã phán bảo Đa-vít rằng Ngài sẽ làm gì cho con trai của ông?
Ngài sẽ ban bình an cho người được an ổn khỏi thù nghịch ở bốn phía, và sẽ thiết lập vương quốc của Sa-lô-môn trên Y-sơ-ra-ên đời đời.
1 Chronicles 22:10
Đức Giê-hô-va đã phán bảo Đa-vít rằng Ngài sẽ làm gì cho con trai của ông?
Ngài sẽ ban bình an cho người được an ổn khỏi thù nghịch ở bốn phía, và sẽ thiết lập vương quốc của Sa-lô-môn trên Y-sơ-ra-ên đời đời.
1 Chronicles 22:13
Đa-vít đã căn dặn phải cẩn thận vâng giữ những điều gì?
Ông đã căn dặn Sa-lô-môn phải cẩn thận vâng giữ các luật lệ và mạng lịnh mà Đức Giê-hô-va đã ban cho Môi-se liên quan đến Y-sơ-ra-ên.
1 Chronicles 22:14
Đa-vít đã căn dặn Sa-lô-môn làm gì với những vật liệu mà Đa-vít đã chuẩn bị cho đền thờ của đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Ông căn dặn Sa-lô-môn kiếm thêm các vật liệu khác nữa.
1 Chronicles 22:19
Đa-vít bảo Sa-lô-môn đứng dậy và làm gì?
Ông bảo Sa-lô-môn đứng dậy và xây dựng một đền thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời.

Chapter 23

1 Chronicles 23:1
Thông tin Tổng quát:
Đa-vít lập Sa-lô-môn thành người nối dõi của người và thiết lập thầy tế lễ Lê-vi và bộ phận hầu việc đền thờ.
Người Lê-vi là người ba mươi tuổi hoặc lớn hơn được đếm
AT: "Một số người của Đa-vít đếm số người Lê-vi từ 30 tuổi hoặc lớn hơn"
Họ tính được ba mươi tám nghìn
Tám nghìn
1 Chronicles 23:4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong số đó, hai mươi bốn nghìn
Bốn nghìn
Sáu nghìn
"6,000 người Lê-vi"
Quan chức và thẩm phán
Có người Lê-vi vâng theo các luận cứ pháp lý và thi hành công lý theo Luật của Môi-se.
Bốn nghìn
"4,000 người Lê-vi"
Người giữ cổng
Đây là người Lê-vi canh gác cổng đền thờ để những ai không tinh sạch vào trong.
Phù hợp với
"dựa trên" hoặc "theo các dòng dõi của"
Ghẹt-sôn, Kê-hát, Mê-ra-ri
Đây là tên con trai của Lê-vi.
1 Chronicles 23:7
Thông tin Tổng quát:
Đây là danh sách người Lê-vi theo chi phái của họ.
1 Chronicles 23:10
Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp tục danh sách người Lê-vi theo như thị tộc của họ.
Vì họ được cho rằng họ là một chi phái
AT: "vì Đa-vít cho rằng họ là một chi phái"
1 Chronicles 23:12
Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp tục danh sách của người Lê-vi theo như chi phái của họ.
Đây là bốn con trai của Kê-hát
AT: "Kê-hát có 4 con trai"
A-rôn được chọn biệt riêng các vật chi thánh
AT: "Đức Giê-hô-va chọn A-rôn dành riêng như vật chí thánh"
Để ban phước trong sự chúc phước của Ngài mãi mãi
AT: "chúc phước cho dân sự như người đại diện của Chúa mãi mãi"
Con trai của người được cho rằng là người Lê-vi
AT: "con trai của người thuộc người thuộc chi phái Lê-vi." Con trai của Môi-se là người Lê-vi.
1 Chronicles 23:15
Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp nối danh sách người Lê-vi theo như chi phái của họ.
1 Chronicles 23:19
Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp nối danh sách của người Lê-vi theo chi phái của họ.
1 Chronicles 23:21
Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp nối danh sách người Lê-vi theo chi phái của họ.
1 Chronicles 23:24
Đây là dòng dõi Lê-vi theo như chi phái của họ. Họ là những lãnh đạo, được đếm và liệt kê bởi tên, theo chi phái
AT: "Đây là tên của dòng dõi Lê-vi và gia đình của họ, những người nam của Đa-vít được đếm và được liệt kê. Họ là những lãnh đạo của chi phái"
Từ hai mươi tuổi trở lên
AT: "từ 20 tuổi hoặc lớn hơn"
Mọi dụng cụ dùng để hầu việc
AT: "mọi dụng cụ họ dùng để phục vụ"
1 Chronicles 23:27
Vì các lời trối của Đa-vít cho người Lê-vi được tính
AT: "Để các mệnh lệnh cuối cùng của Đa-vít cho dân của người để tính dân Lê-vi"
Từ hai mươi tuổi trở lên
AT: "những ai 20 tuổi hoặc lớn hơn"
Bánh của sự hiện diện
Xem bản dịch này trong 1CH 9:32.
Bột mì
Bột được người ta làm bằng cách nghiền hạt lúa
Của lễ được trộn với dầu
AT: "của lễ được người ta trộn với dầu"
1 Chronicles 23:30
Họ cũng đứng
"người Lê-vi cũng đứng"
Khi của lễ thiêu được dâng cho Đức Giê-hô-va
AT: "Khi các thầy tế lễ dâng của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va"
Ngày lễ trăng mới
Đây là những ngày lễ đánh dấu sự khởi đầu của tháng mới.
Số người cố định, được chỉ định bởi sắc lệnh, luôn hiện diện trước Đức Giê-hô-va
AT: "Nó là nghĩa vụ của một số người Lê-vi nhất định, phải luôn hiện diện để dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va"

Translation Questions

1 Chronicles 23:1
Những việc cuối cùng mà Đa-vít đã làm với tư cách là vua Y-sơ-ra-ên là gì?
Đa-vít đã lập Sa-lô-môn lên làm vua kế vị mình, và ông đã đếm những người Lê-vi từ ba mươi tuổi trở lên.
1 Chronicles 23:3
Những việc cuối cùng mà Đa-vít đã làm với tư cách là vua Y-sơ-ra-ên là gì?
Đa-vít đã lập Sa-lô-môn lên làm vua kế vị mình, và ông đã đếm những người Lê-vi từ ba mươi tuổi trở lên.
1 Chronicles 23:4
Đa-vít giao cho người Lê-vi những công việc gì?
Ông đã chia họ thành bốn nhóm người giám sát những công việc của đền thờ của Đức Giê-hô-va, các quan chức, các thẩm phán, những người gác cửa và những người khác thì dùng các nhạc khí để ngợi khen Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 23:6
Đa-vít giao cho người Lê-vi những công việc gì?
Ông đã chia họ thành bốn nhóm người giám sát những công việc của đền thờ của Đức Giê-hô-va, các quan chức, các thẩm phán, những người gác cửa và những người khác thì dùng các nhạc khí để ngợi khen Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 23:13
A-rôn và con cháu ông đã được chọn để làm việc gì đời đời?
A-rôn và con cháu ông sẽ dâng các vật chí thánh thánh, dâng hương lên cho Đức Giê-hô-va, phục vụ Ngài và nhân danh Ngài mà chúc phước cho dân chúng đến đời đời.
1 Chronicles 23:25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao người Lê-vi sẽ không còn phải khiêng đền tạm nữa?
Đức Giê-hô-va đã ban cho họ một nơi nghỉ ngơi đời đời tại Giê-ru-sa-lem.
1 Chronicles 23:26
Tại sao người Lê-vi sẽ không còn phải khiêng đền tạm nữa?
Đức Giê-hô-va đã ban cho họ một nơi nghỉ ngơi đời đời tại Giê-ru-sa-lem.
1 Chronicles 23:30
Người Lê-vi dành thời gian để cảm tạ và ngợi khen Đức Giê-hô-va khi nào?
Họ đã ngợi khen Ngài mỗi sáng và mỗi tối, khi họ dâng các của lễ thiêu, vào ngày sa-bát, trong các lễ hội và những ngày kiêng ăn.
1 Chronicles 23:31
Người Lê-vi dành thời gian để cảm tạ và ngợi khen Đức Giê-hô-va khi nào?
Họ đã ngợi khen Ngài mỗi sáng và mỗi tối, khi họ dâng các của lễ thiêu, vào ngày sa-bát, trong các lễ hội và những ngày kiêng ăn.

Chapter 24

1 Chronicles 24:1
Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma
Xem bản dịch của những tên này trong 1CH 6:3.
A-hi-mê-léc
Đây là tên của người nam.
Chia họ thành từng nhóm
"chia dòng dõi của Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma thành từng nhóm"
1 Chronicles 24:4
Họ chia
"Đa-vít, Xa-đốc, và A-hi-mê-léc được chia"
Mười sáu nhóm
"16 nhóm"
Phân chia thành 8, theo như chi phái của họ
"Có 8 sự phân chia trong chi phái của dòng dõi Y-ma-tha"
1 Chronicles 24:6
Si-mê-i
Đây là tên của người nam.
Na-tha-nê-ên
Xem bản dịch này trong 1CH 15:24.
A-hi-mê-léc
Xem bản dịch này trong 1CH 18:16.
Một chi phái bị kéo ra từ dòng dõi của Ê-lê-a-sa bằng cách rút thăm, và chi phái kế đến sẽ bị kéo khỏi dòng dõi Y-ma-tha
AT: "Họ chọn một chi phái của dòng dõi Ê-lê-a-sa bằng cách rút thăm, rồi họ sẽ chọn một chi phái khỏi dòng dõi Y-tha-ma"
1 Chronicles 24:7
Thông tin Tổng quát:
Đây là trật tự phục vụ mà Đa-vít, Xa-đốc, và A-hi-mê-léc chọn cho dòng dõi của Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma bằng cách bóc thăm.
1 Chronicles 24:11
Thông tin Tổng quát:
Đây là trật tự phục vụ mà Đa-vít, Xa-đốc, và A-hi-mê-léc chọn cho dòng dõi của Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma bằng cách bóc thăm.
1 Chronicles 24:15
Thông tin Tổng quát:
Đây là trật tự phục vụ mà Đa-vít, Xa-đốc, và A-hi-mê-léc chọn cho dòng dõi của Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma bằng cách bóc thăm.
1 Chronicles 24:19
Theo thủ tục được ban cho họ, bởi tổ tiên của A-rôn
AT: "theo các quy tắc mà A-rôn tổ phụ của họ ban cho họ"
1 Chronicles 24:20
Thông tin Tổng quát:
Điều này bắt đầu bản kê khai con trai khác của Lê-vi. Bản kê khai kết thúc trong [1CH 24:30]
Am-ram
Xem bản dịch này trong 1CH 6:3.
Su-ba-ên
Xem cách dịch này trong 1CH 23:16.
1 Chronicles 24:23
Hếp-rôn…Giê-ri-gia…A-ma-ria…Gia-ha-xi-ên…Giê-ca-mê-am
Xem cách dịch tên những người nam này trong 1CH 23:19.
U-xi-ên…Mi-ca…Dít-hi-sa
Xem bản dịch những tên này trong 1CH 23:20.
Sa-mia…Xa-cha-ri
Đây là tên của người nam.
1 Chronicles 24:26
Mê-ra-ri…Mác-li…Mu-si…Ê-la-a-sa
Xem bản dịch tên những người nam này trong 1CH 23:21.
Gia-a-xi-gia…Bê-nô…Sô-ham…Xác-cua…Y-bê-ri
Đây là tên của người nam.
1 Chronicles 24:29
Kích…Mu-si
Xem bản dịch tên những người nam này trong 1CH 23:21.
Giê-rác-mê-ên…Mác-li…Ê-đe…Giê-ri-mốt
Đây là tên của những người nam.
A-hi-ma-léc
Xem bản dịch tên của ông trong 1CH 18:16.

Translation Questions

1 Chronicles 24:5
Họ đã sử dụng phương pháp nào để phân chia các thầy tế lễ phục vụ trong đền thánh?
Họ đã bắt thăm để phân chia một cách công bằng.
1 Chronicles 24:19
Thủ tục nào dành cho con cháu A-rôn để có thể vào đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Họ đã được Đức Giê-hô-va hướng dẫn để vào trong đền thờ của Ngài theo một lệnh đặc biệt.
1 Chronicles 24:31
Các con cháu của A-rôn đã tham dự truyền thống nào?
Họ bắt thăm trước mặt vua.

Chapter 25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Chronicles 25:1

Chập chỏa

Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.

Hê-man ... Giê-đu-thun

Xem bản dịch những tên này trong 1 Chronicles 16:41.

Xác-cua...Ma-ti-thia

Đây là tên của người nam.

Sáu trong tất cả

"6 trong tất cả"

1 Chronicles 25:4

Thông tin Tổng quát:

Điều này nối tiếp danh sách các lãnh đạo của công trình đền thánh 1 Chronicles 25:2.

Búc-ki-gia...Ma-thia-nia

Đây là tên của người nam.

Hê-man

Xem cách dịch này ở trong 1 Chronicles 16:41.

Mười bốn con trai và ba con gái

"14 con trai và 3 con gái"

1 Chronicles 25:6

Chập chỏa

Xem bản dịch này ở trong 1CH 13:8.

Giê-đu-thun...Hê-man

Xem bản dịch những tên này trong 1CH 16:41.

Số 288

"có hai trăm tám mươi tám người nam"

Cũng giống như nhau, người trẻ cũng như người trẻ, thầy cũng như trò

Điều này được mô tả ở các thái cực. AT: “Tất cả bọn họ"

1 Chronicles 25:9

Thông tin Tổng quát:

Điều này bắt đầu ở danh sách 24 để chọn thứ tự những dòng dõih hầu việc. Danh sách này kết thúc trong 1 Chronicles 25:31.

Đầu tiên...thứ mười lăm

Điều này cho thấy thứ tự những dòng dõi được chọn. AT: "số 1 ... số 2 ... số 3...số 4...số 5" hoặc dùng "ban đầu" cho "đầu tiên" và "kế tiếp" cho toàn bộ số tiếp theo.

Cái thăm đầu tiên rơi vào gia đình của Giô-sép

Đối với toàn bộ người khác trong danh sách, đoạn văn ghi rõ rằng có “mười hai người trong số đó.” Vì đây là sự ngụ ý, ngươi sẽ thêm sự bày tỏ này với Giô-sép, như bản UDB làm. AT: "là thăm đầu tiên rơi vào gia đình của Giô-sép, mười hai người trong số đó"

Giô-sép...Xác-cua...Nê-tha-nia

Xem bản dịch các tên này trong 1 Chronicles 25:2.

Ghê-đa-lia

Xem bản dịch các tên này trong 1 Chronicles 25:3.

Mười hai người

"12 người"

Dít-sê-ri

Tên này được viết thành Sê-ri trong 1 Chronicles 25:3.

1 Chronicles 25:13

Thông tin Tổng quát:

Điều này nối tiếp danh sách bắt đầu trong 1 Chronicles 25:9.

Thứ sáu...thứ chín

Điều này cho thấy thứ tự những dòng dõi được chọn. AT: "thứ 6...thứ 7...thứ 8...thứ 9”

Búc-ki-gia

Xem cách dịch này trong 1 Chronicles 25:4.

Mười hai người

"12 người"

Giê-sa-rê-la

Đây là cách viết khác cho “A-sa-rê-la” 1 Chronicles 25:2.

Ê-sai

Xem bản dịch từ này trong 1 Chronicles 25:3.

Mát-tha-nia

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.

1 Chronicles 25:17

Thông tin Tổng quát:

Điều này nối tiếp danh sách trong 1 Chronicles 25:9.

Thứ mười...thứ mười chín

Điều này cho thấy thứ tự những dòng dõi được chọn. AT: “thứ mười ... thứ mười môt...thứ mười hai...thứ 13"

Si-mê-i

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:3.

Mười hai người

"12 người"

A-xa-rên

Đây là cách viết khác của “U-xi-ên” 1 Chronicles 25:4.

Ha-sa-bia

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:3.

Su-ba-ên

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.

1 Chronicles 25:21

Thông tin Tổng quát:

Điều này tiếp nối danh sách được bắt đầu trong 1 Chronicles 25:9.

Thứ mười bốn...thứ mười bảy

Điều này cho thấy thứ tự những dòng dõi được chọn. AT: "số 14...số 15...số 16...số 17"

Ma-ti-thia

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:3.

Mười hai người

"12 người"

Giê-rê-mốt

Đây là cách viết khác cho “U-xi-ên” 1 Chronicles 25:4.

Ha-na-nia

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.

Giốt-bê-ca-sa

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.

1 Chronicles 25:25

Thông tin Tổng quát:

Điều này nối tiếp danh sách được bắt đầu trong 1 Chronicles 25:9.

Thứ mười tám...thứ hai mươi mốt

Đầu tiên

Ha-na-ni

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.

Mười hai người

"12 người"

Ma-lô-thi

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.

Ê-li-a-tha

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.

Hô-thia

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.

1 Chronicles 25:29

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin Tổng quát:
Điều này bao gồm danh sách được bắt đầu trong 1 Chronicles 25:9.
Hai mươi hai...hai mươi bốn
Thứ hai ... hai mươi bốn
Ghi-đanh-thi
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.
Mười hai người
"12 người"
Ma-ha-xi-ốt
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.
Rô-mam-ti Ê-xe
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 25:4.

Translation Questions

1 Chronicles 25:1
Các con trai của A-sáp, Hê-man, và Giê-đu-thun đã làm gì theo tiếng đàn hạc, các nhạc khí bằng dây và chập chõa?
Những người nầy đã nói tiên tri theo tiếng đàn hạc, các nhạc khí bằng dây và chập chõa.
1 Chronicles 25:3
Các con trai của Giê-đu-thun chơi đàn hạc vì mục đích gì?
Họ đã chơi đàn hạc để dâng lời cảm tạ và ngợi khen Đức Giê-hô-va.
Đức Chúa Trời đã ban gì cho Hê-man để tôn trọng ông?
Đức Chúa Trời đã ban cho ông mười bốn con trai và ba con gái.
1 Chronicles 25:8
Khi họ bắt thăm để nhận phần trách nhiệm của mình thì có những nhạc công nào tham gia?
Họ đều bắt thăm như nhau để nhận trách nhiệm của mình, người trẻ cũng như người già, thầy cũng như học trò.

Chapter 26

1 Chronicles 26:1
Thông tin Tổng quát:
Điều này bắt đầu danh sách những người giữ cổng.
Người Cô-rê
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 9:19.
Mê-sê-lê-mia
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 9:21.
Cô-rê
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 9:19.
A-sáp
Đây là cách viết khác cho "Ê-bia-sáp" 1 Chronicles 9:19.
Xa-cha-ri
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 9:21.
Giê-đi-a-ên...Xê-ba-đia...Giát-ni-ên...Ê-lam...Giô-ha-nan...Ê-li-ô-ê-nai
Đây là tên của người nam.
Thứ hai...thứ ba...thứ tư...thứ bảy
Điều này cho thấy thứ tự các con trai được sinh ra. AT: "thứ 2...thứ 3...thứ 4...thứ 7" hoặc "kế đến" cho một số.
1 Chronicles 26:4
Thông tin Tổng quát:
Điều này nối tiếp danh sách những người giữ cổng 1CH26:01.
Ô-bết Ê-đôm
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 16:38.
Sê-ma-gia ... Giê-hô-xa-bát...Giô-áp...Sa-ca...Nê-ta-mên...A-mi-ên...Y-sa-ca...Phê-u-lê-tai
Đây là tên của người nam.
Thứ hai...thứ tám
Điều này cho thấy thứ tự những đứa con trai được sanh ra. AT: "thứ 2...thứ 3...thứ 4...thứ ....thứ 6...thứ 7...thứ 8" hoặc "kế đến" cho mỗi số.
1 Chronicles 26:7
Thông tin Tổng quát:
Điều này nói đến danh sách những người giữ cổng 1CH26:01.
Sê-mai-gia...Ô-bết Ê-đôm
Xem cách dịch từ này trong 1 Chronicles 26:4-6.
Họ hàng của ông
"dòng họ của Sê-mai-gia" hoặc "thành viên gia đình của Sê-mai-gia"
Ốt-ni...Rê-pha-ên...Ô-bết...Ên-xa-bát..Ê-li-hu...Sê-ma-kia...Mê-sê-lê-mia
Đây là tên của người nam.
Sáu mươi hai trong họ
Hai trong họ
Mười tám trong số họ
"18 tổng cộng"
1 Chronicles 26:10
Thông tin Tổng quát:
Điều này nối tiếp danh sách những người giữ cổng 1CH26:01.
Hô-sa...Mê-ra-ri...Sim-ri...Hinh-kia...Tê-ba-lia...Xa-cha-ri
Đây là tên của người nam.
Thứ hai...thứ ba...thứ tư
Điều này cho thứ tự của những người con trai được sanh ra. AT: “Thứ 2...thứ 3...thứ 4" hoặc "kế đến" cho mỗi số.
Hết thảy con trai của Hô-sa và anh em trai của ông được mười ba người
AT: "có mười ba con trai và anh em trai của Hô-sa."
1 Chronicles 26:12
Cả già lẫn trẻ
AT: "mỗi người" hoặc "người ở mọi lứa tuổi"
Sê-lê-mia
Đây là cách viết khác cho “Mê-sê-lê-mia" trong 1 Chronicles 26:2.
Xa-cha-ri
Xem cách dịch này trong 1 Chronicles 26:2.
Khi các thăm bị bỏ
AT: "khi người ta bỏ thăm"
Một người cố vấn khôn ngoan
Đây là người bày tỏ sự phán xử khôn ngoan trong những quyết định.
1 Chronicles 26:15
Đến Ô-bết Ê-đôm được ấn định ở cổng phía nam, và con trai của người được định giữ kho
"Ô-bết Ê-đôm có trách nhiệm canh giữ cổng phía nam, và con trai của người canh giữ kho."
Ô-bết Ê-đôm
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 26:4.
Súp-bim

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là tên của người nam.
Hô-sê
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 26:10.
Sê-lê-kết
Đây là tên của cánh cửa.
Việc trông coi được ấn định cho mỗi nhà.
AT: "Mỗi nhà có trách nhiệm giữ để canh giữ một thứ."
1 Chronicles 26:17
Sáu người Lê-vi
"6 người Lê-vi"
Bốn mỗi ngày
"4 người một ngày"
Hai cặp
"2 cặp" hoặc "2 người mỗi lúc"
Ở mỗi sân phía tây có bốn người canh gác
AT: "4 người canh gác ở sân phía tây"
Bốn người trên đường, và hai người ở sân
"4 người canh gác trên đường, và hai người canh gác trên sân"
Họ giữ
AT: "Họ là"
Mê-ra-ri
Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 26:10.
1 Chronicles 26:20
Dòng dõi của La-ê-đan, thuộc dòng dõi của Ghẹt-sôn và lãnh đạo trong tộc La-ê-đan Ghẹt-sôn, là Giê-hi-ê-li và con của người
"Giê-hi-ê-li và con của người là dòng dõi của La-ê-đan, người có nguồn gốc từ Ghẹt-sôn thuộc về La-ê-đan. Giê-hi-ê-li và con của người là lãnh đạo của gia tộc La-ê-đan Ghẹt-sôn "
La-ê…Ghẹt-sôn
Xem bản dịch những tên này trong 1 Chronicles 23:7.
Dân Ghẹt-sôn
Dòng dõi của Ghẹt-sôn.
Giê-ê-hê-li…Xê-tham…Giô-ên
Xem cách dịch những tên này trong 1 Chronicles 23:8.
Các quan xét
"người giám sát"
1 Chronicles 26:23
Cũng có những người canh gác được lấy từ các chi phái
"các lãnh đạo cũng được chọn canh gác từ các chi phái"
Am-ram, Dít-sê-ha, Hếp-rôn…U-xi-ên
Xem bản dịch những tên này trong 1CH 23:12.
Sê-bu-ên…Ghẹt-sôn…Ê-li-ê-xe…Rê-ha-bia
Xem bản dịch những tên này trong 1CH 23:15-17.
Giê-sai-gia…Giô-ram…Xiếc-ri…Sê-lô-mít
Đây là tên của người nam.
1 Chronicles 26:26
Một ngàn và một trăm
"hơn 1,000 người và hơn 100 người"
Đoạt lấy
Những thứ mà đội quân lấy từ kẻ thù sau thắng lợi
Kích…Nê-rơ…Xê-ru-gia
Đây là tên của người nam.
Mọi thứ được biệt riêng
"mọi thứ mà các lãnh đạo biệt riêng"
1 Chronicles 26:29
Dít-sê-ha…Hếp-rôn
Xem cách dịch này trong 1 Chronicles 23:12.
Công việc của dân Y-sơ-ra-ên
Điều này nói đến công việc thông thường của dân thành Y-sơ-ra-ên, không liên quan đến quân đội hoặc đền thờ. AT: "công việc hằng ngày của dân Y-sơ-ra-ên."
Kê-na-nia…Ha-sa-bia
Đây là tên của người nam.
1,700 người có tài năng
"một ngàn bảy trăm nghìn người có khả năng"
Công việc của Đức Giê-hô-va và công việc của vua
AT: "công việc thực hiện bởi Đức Giê-hô-va và vua."
1 Chronicles 26:31
Hếp-rôn
Xem cách dịch này trong 1CH 23:12.
Giê-ri-gia
Đây là cách viết khác của “Giê-ri-a." Xem cách dịch này trong 1CH 23:19.
Được tính từ bản danh sách
AT: "tên của họ ở trên danh sách"
Trong bốn mươi năm ở triều đại của Đa-vít
"Khi Đa-vít đã làm vua trong 40 năm"
Gia-ê-xe
Đây là tên của người nam.
2,700 người
"hai nghìn bảy trăm thành viên gia đình"

Translation Questions

1 Chronicles 26:8
Các con trai và họ hàng của Ô-bết Ê-đôm có khả năng để làm việc gì?
Họ là những người có khả năng thực hiện những công việc của mình trong lều tạm.
1 Chronicles 26:10
Mặc dầu không phải là con trai đầu lòng nhưng làm thế nào Sim-ri lại trở trở thành thủ lĩnh?
Mặc dầu ông không phải là con trai đầu lòng nhưng cha ông đã lập ông lên làm thủ lĩnh.
1 Chronicles 26:12
Những người gác cổng chịu trách nhiệm phục vụ ở đâu?
Họ có trách nhiệm phục vụ trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 26:15
Ngoài cổng phía bác, các con trai của Ô-bết Ê-đôm còn được giao cho điều gì?
Các con trai của ông được giao cho các kho của đền thờ.
1 Chronicles 26:20
A-hi-gia chịu trách nhiệm về những điều gì trong đền thờ của Đức Chúa Trời?
Ông được giao cho trách nhiệm phụ trách các vật báu của đền thờ Đức Chúa Trời và kho tàng các vật đã được biệt riêng.
1 Chronicles 26:27
Đa-vít và các viên chỉ huy đã biệt riêng ra thánh những chiến lợi phẩm đã đoạt được trong chiến trận vào mục đích gì?
Họ đã biết riêng những chiến lợi phẩm đã đoạt được trong chiến trận vèo việc sửa chữa đền thờ của Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 26:29
Với tư cách là các viên chỉ huy và các thẩm phán, Kê-na-nia và các con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trai của ông đang chịu trách nhiệm về các việc gì?
Họ chịu trách nhiệm về các vấn đề dân sự của Y-sơ-ra-ên với tư cách là các viên chỉ huy và các thẩm phán.

Chapter 27

1 Chronicles 27:1

Đây là danh sách
AT: "đây là các tên"
Theo những cách khác
"theo những cách khác" hoặc "theo nhiều cách"
Mỗi đoàn quân
"mỗi nhóm"
Hai mươi bốn nghìn người
Bốn nghìn người
Quanh năm
AT: "suốt những năm dài."
Tháng đầu
Đây là tháng đầu tiên theo lịch Hê-bơ-rơ. Suốt những ngày cuối tháng Ba và ngày đầu tháng tư theo lịch Phương Tây.
Gia-sô-bê-am con trai của Xáp-đi-ên
Đây là tên của người nam.
Ban trưởng
"người lãnh đạo"

1 Chronicles 27:4

Tháng thứ hai
Đây là tháng thứ hai theo lịch Hê-bơ-rơ. Suốt những ngày cuối tháng Tư và đầu tháng Năm theo lịch phương Tây.
Đô-đai...Am-mi-xa-đáp
Đây là tên của người nam.
Trong ban của người
"trong nhóm quân của người" hoặc "trong đoàn quân của người"
Hai mươi bốn nghìn người
Bốn nghìn người
Tháng thứ ba
Đây là tháng thứ ba của lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Năm và đầu tháng Sáu theo lịch phương Tây.
Ba mươi
Xem cách dịch này trong 1CH 11:11.

1 Chronicles 27:7

Người chỉ huy tháng Tư là A-sa-ên, anh em của Giô-áp
"A-sa-ên, anh em của Giô-áp, là người chỉ huy tháng tư."
Tháng Tư
Đây là tháng thứ tư theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Sáu và đầu tháng Bảy theo lịch phương Tây.
A-sa-ên...Y-ke
Đây là tên của người nam.
Ban của người
"đoàn quân của người"
Hai mươi bốn nghìn người
Bốn nghìn người
Tháng thứ năm
Đây là tháng thứ năm theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra cuối tháng bảy và đầu tháng tám theo lịch phương Tây.
Tháng thứ sáu
Đây là tháng thứ theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng tám và đầu tháng chín theo lịch phương Tây.
Thê-cô-a
Đây là tên của một nơi.

1 Chronicles 27:10

Chỉ huy trưởng cho tháng mười một là Hê-lết người Pha-lôn, từ dân Ép-ra-im
"Hê-lép, người Pha-lôn, từ dân Ép-ra-im, là chỉ huy trưởng cho tháng mười một."
Tháng mười một
Đây là tháng mười một theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng chín và đầu tháng mười theo lịch phương Tây.
Hê-lép...Si-bê-cai...Xê-rách...A-bi Ê-xe
Đây là tên của người nam.
Dân Phê-lôn...dân Hu-sa...dân A-na-tốt
Đây là tên của các chi phái hoặc thị tộc.
Hai mươi bốn nghìn người
Bốn nghìn người
Tháng tám
Đây là tháng thứ tám theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Mười và đầu tháng mười Một theo lịch phương Tây.
Tháng chín
Đây là tháng chín theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn suốt cuối tháng mười Một đến đầu tháng mười Hai theo lịch phương Tây.

1 Chronicles 27:13

Tháng mười
Đây là tháng mười theo lịch Hê-bơ-rơ.
Ma-hai-rai
Đây là tên của người nam.
Nê-tô-pha...Pha-ri-thôn
Đây là tên của một nơi. Nó diễn ra cuối tháng mười Hai và đầu tháng Một theo lịch phương Tây.
Hai mươi bốn nghìn người
Bốn nghìn người
Tháng mười một
Đây là tháng mười Một theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng mười Một và đầu tháng Hai theo lịch phương Tây.
Tháng mười Hai
Đây là tháng mười hai và cuối tháng theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Hai và đầu tháng Ba theo lịch phương Tây.

1 Chronicles 27:16

Ê-li-ê-xe...Mi-ca-ên
Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 27:19

Dít-ma-hia...Giê-rô-am
Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 27:23

Khoảng hai mươi tuổi trở xuống
"người 20 tuổi hoặc nhỏ hơn,"
Tăng lên Y-sơ-ra-ên
"tăng số dân của Y-sơ-ra-ên"
Như sao trên trời
Số dân Y-sơ-ra-ên được so sánh như sao trên trời cho thấy có rất nhiều.
Cơn thịnh nộ giáng trên Y-sơ-ra-ên
AT: "Chúa phạt dân Y-sơ-ra-ên"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Số này không được ghi lại
AT: "không ai viết lại số đó"
1 Chronicles 27:25
Ách-ma-ết...Xáp-đi
Đây là tên của người nam.
Có nhiệm vụ
"bổn phận canh gác"
Củng cố các tháp canh
"làm mạnh thêm các tháp."
Cày đất
Điều này nghĩa là sự đào xới hoặc cuốc bùn đất trước khi trồng.
Sê-pham
Đây là tên của một địa điểm.
Kho rượu
Đây là một phần trong xây dựng ở bên dưới đất và sử dụng làm kho rượu.
1 Chronicles 27:28
Cây sung
Đây là một loại cây.
Ba-anh Ha-nan...Sít-trai
Đây là tên của người nam.
Ghê-đe...Sa-phát
Đây là tên của một nơi.
Ăn cỏ
"ăn cỏ trên cánh đồng"
1 Chronicles 27:30
Ô-binh...Giê-đia...Gia-xít
Đây là tên của người nam.
Ích-ma-ên...Ha-ga-rít
Đây là tên của chia phái hoặc thị tộc.
Mê-rô-nốt
Đây là tên của một nơi.
Các người đó
"những người nam đó"
1 Chronicles 27:32
Giô-na-than...Giê-hô-gia-đa
Đây là tên của người nam.
Ạt-kít
Đây là tên của một chi phái hoặc thị tộc.

Translation Questions

1 Chronicles 27:1
Mỗi quân đoàn của quân đội phục vụ vào thời gian nào?
Họ đã luân phiên phục vụ mỗi năm một tháng.
Có bao nhiêu người trong mỗi quân đoàn như vậy?
Mỗi quân đoàn có 24.000 người.
1 Chronicles 27:23
Tại sao Đa-vít lại không đếm những người từ hai mươi tuổi trở xuống?
Ông đã không đếm họ bởi vì Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ tăng gia dân số Y-sơ-ra-ên đông như sao trên trời.
1 Chronicles 27:25
Giô-na-than, con trai của U-xi-gia phải chịu trách nhiệm về việc gì?
Ông chịu trách nhiệm trên các kho tàng ở đồng ruộng, ở trong các thành phố và trong các ngôi làng.
1 Chronicles 27:28
Ở các xứ đồng bằng có những loại cây nào?
Các cây ô-li-ve và cây sung mọc trong xứ đồng bằng.
1 Chronicles 27:32
Tại sao Giô-na-than, cậu của Đa-vít lại là một người cố vấn?
Ông là một người cổ vấn bởi vì ông là một người khôn ngoan và một nhà luật học.

Chapter 28

1 Chronicles 28:1
Các quan trưởng
Xem bản dịch này trong 1CH 24:5.
Lịch làm việc
Làm việc cần sự lập lại, ví dụ: mỗi ngày hoặc mỗi tháng.
Hàng nghìn và hàng trăm
"1,000 và 100"
Sản nghiệp và tài sản
Cả hai từ này có cùng nghĩa và nói đến các vật và đất đai mà vua sở hữu.
1 Chronicles 28:2
Đứng dậy
AT: "đứng lên"
Anh em và dân sự của ta
Cả hai từ này có nghĩa giống nhau và nhấn mạnh rằng Đa-vít và mọi dân Y-sơ-ra-ên cùng dòng dõi.
Hòm giao ước của Đức Giê-hô-va; cái bệ chân của Chúa
Cụm từ thứ hai làm rõ cho cụm từ đâu. Đức Giê-hô-va thường nói đến “hòm giao ước" như “bệ để chân” của Ngài."
Đền cho danh của ta
AT: "ngôi đền cho ta"
Người là một chiến sĩ và đổ máu ra
Cả hai sự diễn tả nhấn mạnh một thứ, đó là Đa-vít đã giết nhiều người.
Đã đổ máu ra
AT: "đã giết người"
1 Chronicles 28:4
Thông tin Tổng quát:
Đa-vít đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Vua trên khắp Y-sơ-ra-ên mãi mãi
Có thể mang những nghĩa 1) Đa-vít và dòng dõi của Ngài sẽ thống trị Y-sơ-ra-ên mãi mãi hoặc 2) Đa-vít sẽ tiếp tục làm vua của Y-sơ-ra-ên sau khi ông được sống lại từ cái chết.
Khắp Y-sơ-ra-ên
AT: "toàn xứ Y-sơ-ra-ên" hoặc "khắp Y-sơ-ra-ên"
Ngồi trên ngôi
AT: "thống trị" hoặc "trở thành vua của"
Vua của Đức Giê-hô-va, khắp Y-sơ-ra-ên
AT: "Y-sơ-ra-ên, thật sự là vương quốc của Đức Giê-hô-va"
1 Chronicles 28:6
Thông tin Tổng quát:
Đa-vít đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.
Ngài phán với tôi
AT: "Chúa phán với tôi"
Nhà của tôi
Từ “nhà” nói đến ngôi đền cho Đức Giê-hô-va.
Ta đã chọn người làm con trai của ta, và ta sẽ là cha của ngươi
Điều này không có nghĩa rằng Sa-lô-môn trở nên con thật của Chúa, nhưng nó được mô tả mối quan hệ cá nhân mà ông và Chúa sẽ có. AT: “Ta đã chọn cách đối đãi với người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

như con, và ta sẽ như cha của ngươi"

Các điều răn và luật lệ của ta

Cả hai từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và nói đến mọi thứ mà Đức Giê-hô-va đã truyền.

Như người ngày nay

Từ “người” ở đây nói đến Đa-vít. AT: "cũng như ngươi được giao phó ngày nay"

1 Chronicles 28:8

Thông tin Tổng quát:

Đa-vít đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Bây giờ

Điều này cho thấy Đa-vít bắt đầu phần mới trong bài nói của ông.

Giữ và cố gắng thực hiện

Cụm từ “thực hiện” nghĩa là cùng nghĩa cơ bản với “giữ.” Cùng những từ nhấn mạnh sự quan trọng của những gì Chúa truyền dạy.

Con cháu của ngươi

AT: "con cháu ngươi sẽ nhận lấy chỗ của ngươi sau khi ngươi chết"

1 Chronicles 28:9

Chúa của cha ngươi

Đa-vít gọi chính người “cha của người” bởi vì đây là dịp thông thường. AT: "Chúa của tôi"

Trọn cả tấm lòng ngươi

AT: "hoàn toàn"

Hết lòng

AT: "vui lòng"

Xét tấm lòng và hiểu mỗi động cơ của mỗi ý định của mỗi người

Cả hai cụm từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va hiểu được ý tưởng và động cơ của mỗi người.

Nếu con tìm kiếm Ngài, Ngài sẽ cho con gặp

AT: "Nếu con để Đức Giê-hô-va chú ý đến con, Ngài sẽ làm vậy"

Thấy rõ

"trông thấy" AT: "nhớ lại" hoặc "nhận thấy"

Hãy mạnh mẽ và làm nó

Từ “mạnh” ở đây nói đến ý chí và sức mạnh của nhân vật.

1 Chronicles 28:11

Cổng đền thờ

"cổng đền thờ" hoặc "cửa ra vào đền thờ." Điều này nói đến cây cột chống mái vòm chỗ ra vào đền thờ.

Kho tàng

Kho để các vật quý giá

1 Chronicles 28:13

Các điều lệ

Đây là nguyên tắc cụ thể về cách thầy tế lễ và người Lê-vi làm việc trong đền thờ.

Các sư đoàn

Điều này nói đến các nhóm người gồm thầy tế lễ và những người làm việc đền thờ được tổ chức để làm trọn nghĩa vụ của họ. Xem bản dịch này trong 1CH 24:1.

1 Chronicles 28:18

Vàng tinh luyện

AT: "vàng tinh luyện" hoặc "vàng quý giá"

Ta đã viết những lời này

AT: "ta đã viết xuống mọi điều này"

Ban cho tôi sự hiểu biết

AT: "giúp tôi hiểu cặn kẽ mọi thứ"

1 Chronicles 28:20

Mạnh mẽ và dũng cảm

Cả hai từ này đều có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng Sô-lô-môn phải dũng cảm.

Đừng sợ hãi hay lo âu

Cả hai từ này có nghĩa cơ bản như nhau và cùng nhấn mạnh rằng Sa-lô-môn đừng bao giờ từ bỏ. AT: "Đừng sợ hãi" hoặc "Hãy tự tin."

Ở cùng ngươi

AT: "sẽ giúp ngươi"

Ngài sẽ không từ bỏ ngươi hoặc bỏ rơi ngươi

Cả hai từ này có cùng nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ luôn ở cùng Sa-lô-môn. AT: "Ngài sẽ ở cùng ngươi"

Các sư đoàn của thầy tế lễ và người Lê-vi

Xem bản dịch này trong 1CH 28:13.

Translation Questions

1 Chronicles 28:3

Tại sao Đức Chúa Trời lại bảo Đa-vít không thể xây dựng một ngôi đền cho danh của Ngài?

Đức Chúa Trời đã phán rằng ông không thể xây dựng đền đó chởi vì ông là người của chiến tranh, và ông đã làm đổ máu.

1 Chronicles 28:5

Đức Giê-hô-va đã chọn Sa-lô-môn, con trai Đa-vít làm gì trên dân Y-sơ-ra-ên?

Ngài đã chọn Sa-lô-môn ngồi trên ngai nước của vương quốc của Đức Giê-hô-va, cai trị trên Y-sơ-ra-ên.

1 Chronicles 28:7

Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ làm gì cho Sa-lô-môn nếu như ông cứ luôn vâng giữ các điều răn và các mạng lịnh của Ngài?

Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ làm cho vương quốc người được vững lập đời đời.

1 Chronicles 28:8

Nếu toàn thể dân sự đều vâng giữ các mạng lệnh của Đức Giê-hô-va, thì chuyện gì sẽ xảy ra với vùng đất tốt lành mà họ đã sở hữu?

Họ sẽ có thể sở hữu vùng đất tốt đẹp nầy, và để nó lại làm sản nghiệp cho con cháu mình sau nầy mãi mãi.

1 Chronicles 28:9

Đức Giê-hô-va hiểu ý tưởng của mọi người thế nào?

Ngài hiểu thấu mọi ý định trong tư tưởng của mọi người.

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Sa-lô-môn lìa bỏ Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va sẽ loại bỏ ông mãi mãi.

1 Chronicles 28:12

Các nhà kho trong đền của Đức Chúa Trời và các nhà kho để cất giữ các vật báu chứa gì trong đó?

Các nhà kho trong đền Đức Chúa Trời, các nhà kho để cất giữ các vật báu là dành để chứa các vật thánh của đền thờ.

1 Chronicles 28:13

Các thầy tế lễ và người Lê-vi được chỉ định để phục vụ ở đâu?

Các trách nhiệm được chỉ định của họ là các công việc phục vụ trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 28:19

Đa-vít đã được hướng dẫn trong mọi việc mà ông viết bằng cách nào?

Đức Giê-hô-va đã hướng dẫn ông và ban cho ông sự hiểu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

biết về dự định đó.
1 Chronicles 28:20
Đa-vít đã hứa gì với Sa-lô-môn về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va cho đến khi mọi việc đã được hoàn thành?
Đức Giê-hô-va sẽ không lìa bỏ ông cho đến khi con làm xong mọi sự cho việc phục vụ trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 28:21
Các nhà lãnh đạo và toàn dân sự đều sẵn sàng làm gì?
Họ sẵn sàng theo các mạng lệnh của Sa-lô-môn.

Chapter 29
1 Chronicles 29:1
Đá mã não
Đây là đá màu đen hoặc trắng được dùng để làm trang sức.
Tra vào
Điều này nói đến cái đẹp và cách trang trí được sắp xếp từ đá.
1 Chronicles 29:3
Thông tin Tổng quát:
Đa-vít đang nói với dân sự về các ban trưởng của người để xây dựng đền thờ.
Ba nghìn ta-lâng
"3,000 ta-lâng" -
Vàng Ô-phia
Chất lượng và giá trị nhất của vàng
1 Chronicles 29:6
Thông tin Tổng quát:
See:
Đa-riếc...ta-lâng
1 Chronicles 29:8
Kho
Đây là nơi giữ tiền và các vật quý giá.
Giê-bi-ên
Đây là tên của một người nam.
Ghẹt-sôn
Đây là con đầu lòng của người Lê-vi. (See how you translated this in 1CH23:07)
Hết lòng
Vui lòng và không nghi ngờ hay do dự
1 Chronicles 29:10
Người sẽ ngợi khen, Đức Giê-hô-va, Chúa của Đức Giê-hô-va tổ phụ chúng tôi, đời đời và vô cùng.
AT: "Người sẽ ngợi khen, Đức Giê-hô-va cha chúng tôi, Chúa của Y-sơ-ra-ên, đời đời và vô cùng."
1 Chronicles 29:12
Thông tin Tổng quát:
Đa-vít đang cầu nguyện bằng sự ngợi khen với Đức Giê-hô-va.
Trong bàn tay quyền năng và cao cả của Ngài
Từ “quyền năng” và “cao cả” có nghĩa giống nhau và nhấn mạnh sự to lớn của sức mạnh.
1 Chronicles 29:14
Thông tin Tổng quát:
Đa-vít đang cầu nguyện bằng sự cầu nguyện với Đức Giê-hô-va.
Nhưng tôi là ai, và dân sự của tôi là ai, mà chúng tôi phải dâng sự vui lòng?
Ý của Đa-vít là ông và dân của Ngài không xứng đáng ngợi khen vì mọi điều Chúa ban cho.
Chúng tôi là người lạ và lang thang trước mặt người
AT: "người biết chúng tôi chỉ là người tầm thường"
Những ngày của chúng tôi trên đất giống như cái bóng
Cái bóng xuất hiện và biến mất cách nhanh chóng.
1 Chronicles 29:16
Về sự ngay thẳng trong lòng tôi
"vì tôi muốn trung thực và ngay thẳng trong mọi điều tọi làm vì người"
1 Chronicles 29:18
keep this forever in the thoughts of the minds of your people
AT: "giữ điều này trong ý tưởng và tâm trí của dân người mãi mãi"
1 Chronicles 29:20
Thông tin Tổng quát:
See:
Sấp mình xuống
Sấp mặt xuống đất như các bày tỏ sự tôn trọng tuyệt đối
1 Chronicles 29:22
Trước Đức Giê-hô-va
Để vinh hiển Đức Giê-hô-va.
Lần thứ hai
Lần đầu được mô tả trong 1CH 23:1.
Xức dầu cho ông bằng quyền của Đức Giê-hô-va để cai trị
AT: "xức dầu cho ông để cai trị Y-sơ-ra-ên để nhân danh Đức Giê-hô-va"
1 Chronicles 29:24
Lòng trung thành
AT: "lòng trung thành của người"
Đức Giê-hô-va ban vinh hiển cho Sa-lô-môn trước khắp Y-sơ-ra-ên và ban cho ông quyền năng vĩ đại
Hai cụm từ này nhấn mạnh rằng Sa-lô-môn nhận lãnh ơn đặc biệt từ Đức Giê-hô-va, điều làm cho vua Y-sơ-ra-ên vĩ đại và quyền lực nhất.
1 Chronicles 29:29
Được viết lại trong lịch sử của tiên tri Sa-mu-ên, trong lịch sử của tiên tri Na-than, và trong lịch sử của tiên tri Gát
Những công việc này không còn tồn tại.
Ghi lại các công việc
AT: "một người viết lại những công việc"
Công việc trong các luật lệ
"các điều xảy ra khi Đa-vít làm vua"
Các sự kiện xảy ra với người
AT: "các sự kiện ở các quốc gia khác xảy ra với Y-sơ-ra-ên"

Translation Questions

1 Chronicles 29:1
Tại sao Đa-vít lại cho rằng nhiệm vị xây dựng đền thờ nầy rất lớn lao?
Nhiệm vụ nầy rất lớn lao, vì đền thờ nầy không dành cho con người, nhưng dành cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời.
1 Chronicles 29:3
Tại sao Đa-vít dâng tặng những báu vật của riêng mình cho đền thờ của Đức Chúa Trời?
Ông yêu mến nhà của Đức Chúa Trời mình.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Chronicles 29:6
Các thủ lĩnh của của các thị tộc thuộc các tổ tiên dâng lên các lễ vật nào?
Họ dâng các của dâng tự nguyện.
1 Chronicles 29:9
Tại sao dân sự lại vui mừng vì các của lễ dâng cách tự nguyện đó?
Họ vui mừng bởi vì họ đã dâng hiến hết lòng cho Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 29:11
Đa-vít cho rằng điều gì thuộc về Đức Giê-hô-va?
Mọi vật trên trời dưới đất đều thuộc về Đức Giê-hô-va, nước của ông cũng thuộc về Ngài.
1 Chronicles 29:12
Đức Giê-hô-va có thể khiến người ta nên lớn mạnh và ban cho họ sức mạnh ra sao?
Ngài có sức mạnh và quyền năng và có thể ban sức mạnh cho bất kỳ ai.
1 Chronicles 29:14
Đa-vít đã nói gì về những điều dân sự danga lên cho Đức Giê-hô-va?
Mọi vật đều đến từ Đức Giê-hô-va, và họ đơn giản chỉ là dâng cho Ngài những điều vốn thuộc về Ngài.
1 Chronicles 29:17
Khi Chúa dò xét lòng người, thì Ngài vui lòng về điều gì?
Đức Giê-hô-va dò xét lòng người và vui về điều ngay thẳng.
Điều gì đã khiến Đa-vít vui lòng nhìn dân sự của Đức Chúa Trời là những người có mặt tại đó?
Ông vui lòng nhìn khi họ sẵn lòng dâng của lễ lên cho Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 29:20
Toàn hội chúng đã chúc tụng và thờ phượng Đức Giê-hô-va ra sao?
Toàn hội chúng đã chúc tụng Đức Giê-hô-va, cúi đầu thờ lạy Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 29:22
Họ đã xức dầu cho Sa-lô-môn lên làm vua bằng thẩm quyền của ai?
Họ đã xức dầu cho ông với thẩm quyền của Đức Giê-hô-va.
1 Chronicles 29:25
Đức Giê-hô-va đã làm cho Sa-lô-môn rất được tôn trọng trước mặt toàn thể Y-sơ-ra-ên ra sao?
Ngài đã ban cho ông thẩm quyền lớn hơn trước kia đến nỗi trong Y-sơ-ra-ên chẳng có một vua nào trước người được như vậy.
1 Chronicles 29:28
Hai điều mà Đa-vít đã vui hưởng trong suốt đời mình là gì?
Ông vui hưởng sự giàu có và tôn trọng.
1 Chronicles 29:30
Ngoài Y-sơ-ra-ên ra, còn có những vương quốc nào chịu ảnh hưởng bởi những thành tựu của Đa-vít?
Các đấng tiên tri đã ghi chép lại các thành tựu của ông và các sự kiện đó đã ảnh hướng đến toàn bộ các vương quốc của các xứ khác.

Chapter 1
2 Chronicles 1:1
Làm vững mạnh quyền của người
AT: "Sô-lô-môn thể hiện uy quyền trên khắp Y-sơ-ra-ên"
Chúa ở cùng ông
AT: "Chúa hỗ trợ ông" hoặc "Chúa giúp đỡ ông"
2 Chronicles 1:2
Ki-ri-át Giê-a-im
Một thị trấn nhỏ khoảng 9 dặm về phía đông Giê-ru-sa-lem.
Dựng lều
AT: "dựng lều trại"
Bết-sa-lê-ên con trai của U-ri, cháu Hu-rơ
2 Chronicles 1:6
Lên chỗ bàn thờ bằng đồng
Sô-lô-môn đi đến Gi-bê-ôn, nơi bàn thờ ở đặt ở lều trại.
2 Chronicles 1:8
Thực hiện
AT: "làm" hoặc "hoàn thành"
Dân đông như bụi trên đất
AT: "dân không đếm xuể"
Ai có thể phán xét dân của người, dân rất đông?
AT: "không ai có thể phán xét dân sự đông đúc của Ngài"
2 Chronicles 1:12
Ở trước lều
AT: "ở trước đền tạm".
2 Chronicles 1:14
Trong các thành chứa xe
Đây là các thành nơi chứa các xe của người.
Bạc và vàng thông thường như đá
AT: "kim loại hiếm và quý báu trở nên dư dật"
Cây tùng thông thường như cây sung ngoài đồng bằng
AT: "loại gỗ nhập hiếm và quý giá trở nên dư dật"

Translation Questions

2 Chronicles 1:1
Tại sao Sa-lô-môn, con trai Đa-vít, lại được vững mạnh trong sự cai trị của mình?
Sa-lô-môn được vững mạnh trong sự cai trị của mình bởi vì Đức Giê-hô-va ở cùng vua và khiến vua trở nên rất hùng mạnh.
2 Chronicles 1:2
Khi Sa-lô-môn đi lên các miếu thờ ở Ga-ba-ôn, thì những vật dụng nào được bày ra cho sự thờ phượng?
Có lều hội kiến hay còn gọi lại đền tạm là nơi Môi-se đã dựng nên trong đồng vắng,và bàn thờ bằng đồng mà Bết-sa-lê-ên đã lập, nhưng hòm giáo ước của Đức Chúa Trờithì đã được đem Ki-ri-át-Giê-a-rim đến một cái trại tại Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 1:5
Khi Sa-lô-môn đi lên các miếu thờ ở Ga-ba-ôn, thì những vật dụng nào được bày ra cho sự thờ phượng?
Có lều hội kiến hay còn gọi lại đền tạm là nơi Môi-se đã dựng nên trong đồng vắng,và bàn thờ bằng đồng mà Bết-sa-lê-ên đã lập, nhưng hòm giáo ước của Đức Chúa Trờithì đã được đem Ki-ri-át-Giê-a-rim đến một cái trại tại Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 1:6
Sa-lô-môn đã làm gì trước khi Đức Giê-hô-va hiện đến cùng ông với một câ hỏi: "Ta nên ban cho người điều gì?"
Sa-lô-môn đã thờ phượng Đức Giê-hô-va bằng cách dâng một ngàn của lễ thiêu trên bàn thờ bằng đồng.
2 Chronicles 1:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sa-lô-môn đã làm gì trước khi Đức Giê-hô-va hiện đến cùng ông với một câ hỏi: "Ta nên ban cho người điều gì?"

Sa-lô-môn đã thờ phượng Đức Giê-hô-va bằng cách dâng một ngàn của lễ thiêu trên bàn thờ bằng đồng.

2 Chronicles 1:8

Tại sao Sa-lô-môn cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho ông sự khôn ngoan và tri thức?

Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho ông sự khôn ngoan và tri thức để ông có thể dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên đông đúc nầy.

2 Chronicles 1:10

Tại sao Sa-lô-môn cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho ông sự khôn ngoan và tri thức?

Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho ông sự khôn ngoan và tri thức để ông có thể dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên đông đúc nầy.

2 Chronicles 1:11

Tại sao Đức Chúa Trời lại ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan và tri thức?

Đức Chúa Trời đã ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan và tri thức bởi vì ông không hề cầu xin sự giàu có, của cải, tôn vinh, hay là mạng sống của những kẻ ghen ghét ông, và cũng chẳng có xin sự sống lâu mà cầu xin sự giúp sức của Đức Chúa Trời trong việc cai trị trên dân sự của Ngài.

2 Chronicles 1:12

Cùng với sự khôn ngoan và tri thức, Đức Chúa Trời còn ban cho Sa-lô-môn điều gì?

Đức Chúa Trời đã ban cho Sa-lô-môn những điều ông không hề cầu xin: sự giàu có, của cải, tôn vinh, đến đỗi các vua trước ông không hề có như vậy.

2 Chronicles 1:14

Người ta nhìn thấy sự giàu có của Sa-lô-môn theo những cách thức nào?

Sa-lô-môn có 1.400 xe ngựa và mười hai nghìn kỵ binh, bạc và vàng ra thường như đá sỏi, và cây bá hương nhiều như cây sung nơi đồng bằng.

2 Chronicles 1:15

Người ta nhìn thấy sự giàu có của Sa-lô-môn theo những cách thức nào?

Sa-lô-môn có 1.400 xe ngựa và mười hai nghìn kỵ binh, bạc và vàng ra thường như đá sỏi, và cây bá hương nhiều như cây sung nơi đồng bằng.

Chapter 2

2 Chronicles 2:1

Hi-ram

2 Chronicles 2:4

Bánh hiện diện

Điều này nói đến 12 ổ bánh được đặt trước bàn thờ.

Trăng mới

Đây là thời điểm của một lễ hội trùng với sự chuyển động của mặt trăng.

Chúa vĩ đại

Điều này kể đến Chúa trở nên quyền thế hơn các thần khác.

2 Chronicles 2:6

Ai sẽ xây cho Chúa một ngôi nhà, khi toàn vũ trụ và cả trời không thể chứa Ngài? Tôi là ai mà xây cho Ngài một ngôi nhà, để mà dâng tế lễ trước Ngài?

AT: "Không ai có khả năng xây một ngôi nhà cho Chúa bởi vì không gì có thể chứa Ngài. Tôi không là ai! Chỉ là một người có thể dâng tế lễ cho Ngài.

2 Chronicles 2:8

Cây bạch đàn hương

Đây là loại cây có thể được dùng để làm nhạc cụ hoặc điêu khắc.

Cô-rơ

Lúa mạch xay

Đó là bột lúa mạch.

Bồn

2 Chronicles 2:11

Món quà khôn ngoan

AT: "ban cho món quà của sự khôn ngoan"

Nhà cho vương quốc của Ngài

AT: "một lâu đài cho chính Ngài."

2 Chronicles 2:13

Hu-ram

Translation Questions

2 Chronicles 2:1

Tại sao Sa-lô-môn xin Hi-ram gửi cho mình gỗ bá hương như vua ấy đã từng làm cho Đa-vít, cha người?

Sa-lô-môn xin Hi-ram gửi cho mình gỗ bá hương để ông có thể xây một cái đền cho danh Đức Giê-hô-va, và một cái cung cho nước mình.

2 Chronicles 2:3

Tại sao Sa-lô-môn xin Hi-ram gửi cho mình gỗ bá hương như vua ấy đã từng làm cho Đa-vít, cha người?

Sa-lô-môn xin Hi-ram gửi cho mình gỗ bá hương để ông có thể xây một cái đền cho danh Đức Giê-hô-va, và một cái cung cho nước mình.

2 Chronicles 2:4

Tại sao Sa-lô-môn lại lên kế hoạch xây dựng một cái đền rất rộng lớn cho danh Đức Giê-hô-va?

Sa-lô-môn đã lên kế hoạch xây dựng một cái đền rất rộng lớn cho danh Đức Giê-hô-va bởi vì Đức Chúa Trời của ông lớn hơn hết các thần khác.

2 Chronicles 2:5

Tại sao Sa-lô-môn lại lên kế hoạch xây dựng một cái đền rất rộng lớn cho danh Đức Giê-hô-va?

Sa-lô-môn đã lên kế hoạch xây dựng một cái đền rất rộng lớn cho danh Đức Giê-hô-va bởi vì Đức Chúa Trời của ông lớn hơn hết các thần khác.

2 Chronicles 2:7

Nếu như Sa-lô-môn xây dựng một cái đền cho danh Đức Giê-hô-va, một cái đền thể hiện được sự vĩ đại của Ngài, thì Sa-lô-môn sẽ cần đến ai?

Sa-lô-môn cần một người giỏi về nghề chế đồ vàng, bạc, đồng, sắt, thạo dệt bằng chỉ tím, đỏ và xanh, cùng biết chạm trổ gỗ đủ loại.

2 Chronicles 2:8

Tại sao Sa-lô-môn muốn Hi-ram gửi cho mình gỗ bá hương, gỗ tùng và gỗ bạch đàn hương đốn ở Li-ban?

Sa-lô-môn muốn Hi-ram gửi cho mình những loại gỗ đó để đền thờ mà ông sẽ xây lên cho danh Đức Giê-hô-va sẽ vô cùng nguy nga tráng lệ.

2 Chronicles 2:9

Tại sao Sa-lô-môn muốn Hi-ram gửi cho mình gỗ bá hương, gỗ tùng và

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

gỗ bạch đàn hương đốn ở Li-ban?
Sa-lô-môn muốn Hi-ram gửi cho mình những loại gỗ đó để đền thờ mà ông sẽ xây lên cho danh Đức Giê-hô-va sẽ vô cùng nguy nga tráng lệ.
2 Chronicles 2:11
Theo Hi-ram, tại sao Đức Giê-hô-va lại lập Sa-lô-môn lên làm vua cai trị dân Y-sơ-ra-ên?
Theo Hi-ram, Đức Giê-hô-va đã lập Sa-lô-môn làm vua Y-sơ-ra-ên bởi vì Đức Giê-hô-va yêu thương dân Ngài và Sa-lô-môn thì đã được ban cho sự khôn ngoan và hiểu biết.
2 Chronicles 2:12
Theo Hi-ram, tại sao Đức Giê-hô-va lại lập Sa-lô-môn lên làm vua cai trị dân Y-sơ-ra-ên?
Theo Hi-ram, Đức Giê-hô-va đã lập Sa-lô-môn làm vua Y-sơ-ra-ên bởi vì Đức Giê-hô-va yêu thương dân Ngài và Sa-lô-môn thì đã được ban cho sự khôn ngoan và hiểu biết.
2 Chronicles 2:13
Tại sao Hi-ram lại sai Hu-ram A-bi đến chỗ Sa-lô-môn?
Hi-ram đã sai Hu-ram A-bi đi bởi vì người nầy giỏi về nghề chế đồ vàng, bạc, đồng, sắt, đá, và gỗ, thạo dệt chỉ tím, xanh, và
đỏ sậm, cùng chỉ gai trắng mịn, cũng biết làm các thứ chạm trổ trên gỗ.
2 Chronicles 2:14
Tại sao Hi-ram lại sai Hu-ram A-bi đến chỗ Sa-lô-môn?
Hi-ram đã sai Hu-ram A-bi đi bởi vì người nầy giỏi về nghề chế đồ vàng, bạc, đồng, sắt, đá, và gỗ, thạo dệt chỉ tím, xanh, và
đỏ sậm, cùng chỉ gai trắng mịn, cũng biết làm các thứ chạm trổ trên gỗ.
2 Chronicles 2:16
Làm thế nào mà gỗ ở Li-ban được đưa đến Y-sơ-ra-ên?
Gỗ từ Li-ban được đưa đến Y-sơ-ra-ên bằng cách kết thành bè đưa đến Gia-phô theo đường biển; rồi được chở lên Giê-ru-sa-lem.

Chapter 3

2 Chronicles 3:1
Núi Mô-ri-a
Đây là nơi Áp-ra-ham dâng con của người là Y-sác cho Đức Chúa Trời.
Ọt-nan người Giê-bu-sít
Ngày thứ hai của tháng thứ hai
Đây là tháng thứ hai theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ hai gần giữa tháng tư theo lịch phương Tây.
Trong bốn năm
Sáu mươi...hai mươi
"60 ... 20"
Cu-bít
Một cu-bít bằng 46 cen-ti-mét.
2 Chronicles 3:4
Cổng
AT: "cánh cổng"
Cu-bít
Người tạo
AT: "người làm"
Sảnh chính
Điều này nói đến căn phòng lớn, không phải hành lang.
2 Chronicles 3:6
Đá quý giá
Những viên đá đẹp, có giá trị lớn, và sử dụng để trang trí.
Phạt-va-im
Một thuật ngữ chung cho hướng đông.
2 Chronicles 3:8
Cu-bít
Ta-lâng
Siếc-lơ
2 Chronicles 3:10
Hai hình chê-bu-rim
Một số văn bản giải thích ý nghĩa biểu tượng chê-bu-rim được làm bằng kim loại.
2 Chronicles 3:13
Chỉ lanh
AT: "loại vải chất lượng cao" hoặc "vải tốt"

Translation Questions

2 Chronicles 3:1
Tại sao Sa-lô-môn bắt đầu xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va tại sân đập lúa của Ọt-nan, người Giê-bu-sít ở trên núi Mô-ri-a?
Sa-lô-môn bắt đầu xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va tại đó bởi vì đó là nơi Đức Giê-hô-va đã hiện ra với Đa-vít, thân phụ vua.
2 Chronicles 3:2
Tại sao Sa-lô-môn bắt đầu xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va tại sân đập lúa của Ọt-nan, người Giê-bu-sít ở trên núi Mô-ri-a?
Sa-lô-môn bắt đầu xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va tại đó bởi vì đó là nơi Đức Giê-hô-va đã hiện ra với Đa-vít, thân phụ vua.
2 Chronicles 3:3
Kích thước của cái nền mà Sa-lô-môn cất đền thờ của Đức Chúa Trời trên đó là bao nhiêu?
Kích thước của cái nền đền thờ của Đức Chúa Trời là chiều dài sáu mươi cu-bít, chiều rộng hai mươi cu-bít, theo đơn vị cu-bít thời xưa.
2 Chronicles 3:4
Cổng trước đền thờ cao bao nhiêu?
Cổng trước cao hai mươi cu-bít.
2 Chronicles 3:8
Nơi chí thánh được bọc bằng gì?
Nơi chí thánh được bọc bằng vàng ròng.
2 Chronicles 3:9
Nơi chí thánh được bọc bằng gì?
Nơi chí thánh được bọc bằng vàng ròng.
2 Chronicles 3:15
Sa-lô-môn đã để gì trên chót trọ phía trước đền thờ của Đức Chúa Trời?
Sa-lô-môn gắn một trăm trái lựu vào những dây xích đặt trên đầu trụ.
2 Chronicles 3:17
Sa-lô-môn đã để gì trên chót trọ phía trước đền thờ của Đức Chúa Trời?
Sa-lô-môn gắn một trăm trái lựu vào những dây xích đặt trên đầu trụ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 4

2 Chronicles 4:1

Cu-bít

Một bể hình tròn bằng kim loại

Đây là một cái bể kim loại rất lớn.

mép

Đây là phần gờ trên đỉnh của vật chứa.

Chu vi

Đây là khoảng cách xung quanh ở ngoài đường tròn.

Mười cho mỗi cu-bít

AT: "mười cho mỗi cu-bít"

2 Chronicles 4:4

Thân sau

Một phần tư lưng của mỗi con vật cùng bốn chân. Xem những từ tương tự được dùng (chỉ kể đến những phần khác trong Cựu Ước See: 1 Kings 7:25)

tay

Mỗi mép được rèn như mép của một cái chén, như hoa huệ nở

AT: phần mép mềm, và cong"

Các bồn

2 Chronicles 4:7

Cái chậu

Đây là cái bát trũng được dùng để rửa.

2 Chronicles 4:11

Hu-ram

Những bát tro

Những bát được sử dụng trong nhà Chúa để đựng tro bàn thờ

Bầu cột trụ

Cột trụ

Lưới trang trí

Điều này kể đến việc khắc trang trí hoặc đánh dấu phần trên của cây cột.

2 Chronicles 4:14

Các chậu

AT: "các chậu"

Một cái biển

Đây là một thùng trang trí lớn để rửa .

Các đồ khác

Những dụng cụ hoặc đồ khác dùng cho bàn thờ.

Đồng bóng loáng

Đồng được các thợ đánh bóng để phản chiếu ánh sáng.

2 Chronicles 4:17

Xê-rê-đa

Sô-lô-môn làm tất cả các dụng cụ

Sô-lô-môn không đích thân làm các dụng cụ, nhưng ông ra lệnh cho người khác làm.

Số cân của đồng không thể biết

AT: "giá trị thực của đồng là rất lớn"

2 Chronicles 4:19

Sô-lô-môn làm

Các thợ của Sô-lô-môn làm những thứ người ra lệnh.

Mọi đồ đạc

Mọi bát và các dụng cụ được dùng trong nhà của Chúa.

Bánh hiện diện

Xem bản dịch này trong 2CH 2:4.

Translation Questions

2 Chronicles 4:1

Kích thước của bàn thờ bằng đồng là bao nhiêu?

Bàn thờ bằng đồng dài mười mét, rộng mười mét và cao năm mét.

2 Chronicles 4:2

Các bể đúc hình tròn lớn cỡ nào?

Đường kính của bể đúc đó là năm mét, cao hai mét rưỡi, và chu vi mười lăm mét.

2 Chronicles 4:6

Mục đích của bể đúc mà Sa-lô-môn xây ra cho đền thờ là gì?

Bể đúc để các thầy tế lễ để tắm rửa trong đó.

2 Chronicles 4:7

Làm sao Sa-lô-môn biết cách để làm chân đèn bằng vàng?

Sa-lô-môn đã làm mười chân đèn bằng vàng theo những chỉ dẫn đã nhận được về thiết kế của chúng.

2 Chronicles 4:12

Công việc mà Hu-ram đã hoàn thành cho vua Sa-lô-môn trong đền thờ của Đức Chúa Trời là gì?

Hu-ram đã làm xong tất cả công việc mà ông đã nhận làm cho Sa-lô-môn trong đền thờ
của Đức Chúa Trời gồm hai cây trụ và bầu trụ, tấm lưới trang trí và bốn trăm trái lựu.

2 Chronicles 4:13

Công việc mà Hu-ram đã hoàn thành cho vua Sa-lô-môn trong đền thờ của Đức Chúa Trời là gì?

Hu-ram đã làm xong tất cả công việc mà ông đã nhận làm cho Sa-lô-môn trong đền thờ
của Đức Chúa Trời gồm hai cây trụ và bầu trụ, tấm lưới trang trí và bốn trăm trái lựu.

2 Chronicles 4:14

Hu-ram A-bi đã dùng đồng bóng loáng để làm ra những gì cho vua Sa-lô-môn về đền thờ của Đức Giê-hô-va?

Hu-ram A-bi đã làm những cái bệ và thùng ở trên bệ, một cái bể đúc có mười hai con bò đỡ phía dưới và nhiều dụng cụ khác.

2 Chronicles 4:16

Hu-ram A-bi đã dùng đồng bóng loáng để làm ra những gì cho vua Sa-lô-môn về đền thờ của Đức Giê-hô-va?

Hu-ram A-bi đã làm những cái bệ và thùng ở trên bệ, một cái bể đúc có mười hai con bò đỡ phía dưới và nhiều dụng cụ khác.

2 Chronicles 4:18

Số lượng đồng mà Sa-lô-môn dùng để làm ra hết thảy những vật chứa có cân nặng là bao nhiêu?

Số lượng đồng mà Sa-lô-môn dùng để làm ra hết thảy những vật chứa có cân nặng rất lớn không thể tính được.

2 Chronicles 4:20

Các chân dèn và đèn để thắp trước nội điện được làm bằng gì?

Các chân dèn và đèn đó được làm từ vàng nguyên chất.

Chapter 5

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Chronicles 5:1
Các kho
Đây là khu vực để giữ hoặc dự trữ.
2 Chronicles 5:2
ở bữa tiệc, vào tháng thứ bảy
Đây là lễ lều trại, vào ngày mười lăm của tháng thứ bảy theo lịch Hê-bơ-rơ. Gần đầu tháng Mười theo lịch Hê-bơ-rơ.
2 Chronicles 5:4
Đồ đạc
Xem cách dịch này trong 2CH 4:19
Cừu và bò không thể đếm
AT: "có nhiều cừu và bò"
2 Chronicles 5:7
Vào nơi
AT: "nơi được chỉ định"
2 Chronicles 5:9
Vào ngày này
Điều này nói đến thời gian mà sách Sử kí 2 được ghi.
2 Chronicles 5:11
A-sáp, Hê-man, Giê-đu-thun
Cả ba cùng hướng dẫn thờ phượng khi Đa-vít chuyển hòm đến Giê-ru-sa-lem. Đa-vít sau đó chỉ định họ làm ca sĩ trong đền thờ.
Con trai và các anh em
AT: "họ hàng của họ" hoặc "dòng dõi của họ"
Chập chỏa
Hai đĩa kim loại mảnh, và tròn được đánh lại với nhau để tạo âm thanh lớn

Translation Questions

2 Chronicles 5:1
Sa-lô-môn đã đặt những vật mà vua cha là Đa-vít đã biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời ở đâu?
Sa-lô-môn đã đặt tất cả những vật đó, tức là bạc vàng và các vật dụng vào kho tàng của đền thờ Đức Chúa Trời.
2 Chronicles 5:2
Sa-lô-môn đã quyết định làm gì tiếp theo?
Sa-lô-môn đã triệu tập các nhà lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên để đưa Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va từ thành Đa-vít lên.
2 Chronicles 5:3
Sa-lô-môn đã quyết định làm gì tiếp theo?
Sa-lô-môn đã triệu tập các nhà lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên để đưa Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va từ thành Đa-vít lên.
2 Chronicles 5:4
Vua Sa-lô-môn và hết thảy hội chúng Y-sơ-ra-ên đã làm gì khi người Lê-vi khiêng Hòm Giao Ước lên?
Vua Sa-lô-môn và hết thảy hội chúng Y-sơ-ra-ên đã tập hợp lại để dâng nhiều chiên và bò.
2 Chronicles 5:6
Vua Sa-lô-môn và hết thảy hội chúng Y-sơ-ra-ên đã làm gì khi người Lê-vi khiêng Hòm Giao Ước lên?
Vua Sa-lô-môn và hết thảy hội chúng Y-sơ-ra-ên đã tập hợp lại để dâng nhiều chiên và bò.
2 Chronicles 5:7
Các thầy tế lễ đã đặt Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va ở đâu?
các thầy tế lễ đã đặt Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va trong nơi chí thánh dưới cánh các chê-ru-bim.
2 Chronicles 5:8
Các thầy tế lễ đã đặt Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va ở đâu?
các thầy tế lễ đã đặt Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va trong nơi chí thánh dưới cánh các chê-ru-bim.
2 Chronicles 5:9
Trong Hòm Giao Ước có những vật gì?
Chẳng có gì trong Hòm Giao Ước ngoài hai bảng luật pháp mà Môi-se đã đặt vào đó
tại Hô-rếp
2 Chronicles 5:10
Trong Hòm Giao Ước có những vật gì?
Chẳng có gì trong Hòm Giao Ước ngoài hai bảng luật pháp mà Môi-se đã đặt vào đó
tại Hô-rếp
2 Chronicles 5:11
Hết thảy người Lê-vi đã làm gì sau khi các thầy tế lễ ra khỏi nơi thánh?
Người Lê-vi mặc lễ phục bằng vải gai mịn, đứng ở phía đông bàn thờ cầm chập chõa, đàn hạc và đàn lia để đàn.
2 Chronicles 5:12
Hết thảy người Lê-vi đã làm gì sau khi các thầy tế lễ ra khỏi nơi thánh?
Người Lê-vi mặc lễ phục bằng vải gai mịn, đứng ở phía đông bàn thờ cầm chập chõa, đàn hạc và đàn lia để đàn.
2 Chronicles 5:13
Những người thổi kèn và ca hát đã ngợi khen Đức Giê-hô-va ra sao?
Những người thổi kèn và ca hát đồng thanh hòa điệu cùng nhau, mà hát rằng: "Vì Chúa là thiện, lòng thành tín về giao ước Ngài còn đến đời đời!"
2 Chronicles 5:14
Tại sao các thầy tế lễ không thể đứng mà phục vụ?
Các thầy tế lễ không thể đứng nổi bởi vì mây tỏa, ấy chính là vinh hiển của Đức Giê-hô-va, dẫy dẫy trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.

Chapter 6

2 Chronicles 6:1
Ngụ ở nơi cao
AT: "lên nơi cao để sống"
Cả hội chúng của Y-sơ-ra-ên đều đứng
AT: "khi mọi người đứng"
2 Chronicles 6:4
Đã thỏa lòng bằng chính tay Ngài
Đã khiến nó xảy ra hoặc được bảo đảm lời hứa của Ngài được làm trọn
Để đặt danh ta ở đó
AT: "để làm chính ta được biết ở đó."
2 Chronicles 6:7
Trong lòng của Đa-vít
AT: "ước mong của Đa-vít.
Cho danh của Đức Giê-hô-va
Danh của Đức Giê-hô-va tượng trưng cho sự hiện diện của Ngài" .
2 Chronicles 6:10
Giao ước của Đức Giê-hô-va
AT: "ở nơi các phiến đá bày tỏ giao ước mà Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

làm cho dân Y-sơ-ra-ên chúng tôi." (UDB)
2 Chronicles 6:12
Trong sự hiện diện của hội đồng của Y-sơ-ra-ên
AT: "trước dân Y-sơ-ra-ên những người đã tụ họp ở đó."
Cu-bít
Người giơ tay của mình về hướng bầu trời
Sô-lô-môn giơ tay của mình ra và nâng cao khi ông quỳ xuống bục để cầu nguyện.
2 Chronicles 6:14
Những người hầu việc hết lòng đi trước người
AT: "những người thành tâm làm những gì người muốn họ làm.
Ngài phán bằng miệng mình và dã làm trọn nó bằng tay của Ngài
Điều này nói đến lời hứa mà Chúa đã làm với Đa-vít mà con của người sẽ dựng đền thờ. AT: "Ngài đã làm trọn lời hứa của Ngài."
2 Chronicles 6:16
Thực hiện
Đây là một yêu cầu. AT: "muốn làm"
Ngài sẽ không quên người ở trước mặt Ngài, ngồi trên ngai của Y-sơ-ra-ên
AT: "Ngài sẽ luôn lấy một người trong dòng dõi Đa-vít làm vua"
Khi Ngài đi trước tôi
AT: "trong con đường mà Đa-vít làm"
2 Chronicles 6:18
Có thật Chúa sống cùng loài người trên đất?
AT: "Nhưng Chúa, chắc chắn Ngài thực sự sống với loài người trên đất."
Trên toàn bộ vũ trụ và trời
Xem bản dịch này trong 2CH 2:6.
Nghe tiếng khóc và lời cầu nguyện
Các từ “khóc” và “cầu nguyện” có cùng nghĩa. Cùng nhấn mạnh sự sốt sắng của lời cầu nguyện của người. AT: "xin hãy đáp lại lời thỉnh cầu tha thiết của tôi."
Mắt tôi sẽ mở để hướng về đền thờ này ngày và đêm
"Xin giúp những kẻ đến với người trong đền thờ, vào mọi lúc—ngày hoặc đêm "
Nơi Ngài hứa sẽ đặt danh của Ngài
AT: "nơi mà Ngài sẽ làm mọi dân biết đến Ngài"
Đầy tớ Ngài cầu nguyện hướng về nơi này
Người viết cầu nguyện hướng về đền thờ.
2 Chronicles 6:21
Khi người lắng nghe, tha thứ
AT: "khi Ngài nghe các lời cầu nguyện, vui lòng tha thứ tội lỗi của họ"
2 Chronicles 6:22
Mang đường lối hắn đổ trên đầu hắn
AT: "trừng phạt khi hắn đáng bị phạt"
2 Chronicles 6:24
Xin lắng nghe từ trời và
AT: "Xin vinh hiển lời cầu nguyện của họ"
Ngài ban cho họ
AT: "Ngài hứa với họ"
2 Chronicles 6:26
Khi bầu trời đóng lại và không có mưa
Cụm từ “bầu trời đóng lại” nghĩa là không có mưa rơi từ trời. AT: "Khi Ngài không cho phép mưa rơi xuống."
Nhận biết danh Ngài
Bằng lời của họ và bởi việc họ làm, họ vinh hiển danh Chúa và uy quyền của Ngài.
Từ bỏ tội lỗi của họ
AT: từ bỏ con đường ác của họ"
Chỉ dạy họ con đường lành mà họ phải đi
AT: "dạy họ cuộc sống ngay thẳng thế nào"
2 Chronicles 6:28
Biết tai họa hay nỗi đau trong lòng mỗi người
Có thể hiểu là: “biết tội lỗi trong lòng mỗi người” hoặc “biết trong lòng một người về những tai họa hay nỗi đau vì tội lỗi của họ.”
Ngài giơ tay của Ngài ra
Xem bản dịch này trong 2CH 6:12
Mọi đường của Ngài
AT: "những gì Ngài đã làm"
2 Chronicles 6:32
Danh lớn của Ngài, bàn tay quyền năng, và cánh tay Ngài giơ ra
AT: "Ngài rất vĩ đại và oai quyền"
Gọi bởi danh Ngài
AT: "biết đến nhà của Đức Giê-hô-va, tài sản của Ngài."
2 Chronicles 6:34
Tôi đã xây
AT: "Mọi người đã xây dưới sự lãnh đạo của tôi"
2 Chronicles 6:36
Thông tin Tổng quát:
See:
Kẻ thù đem đi và mang về làm tù binh xứ họ
Kẻ thù mang họ làm tù binh và đem họ đến xứ của kẻ thù"
Cầu nguyện hướng về xứ của họ
Điều này kể đến dân Y-sơ-ra-ên. AT: “cầu nguyện hướng mặt về xứ này mà ta đã ban cho tổ phụ của các ngươi,"

Translation Questions

2 Chronicles 6:1
Sa-lô-môn đã cải thiện nơi Đức Giê-hô-va ngự ra sao?
Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ ngự trong nơi tối mù mịt, nhưng Sa-lô-môn đã xây cho Ngài một nơi nguy nga cho Chúa ở đời đời.
2 Chronicles 6:2
Sa-lô-môn đã cải thiện nơi Đức Giê-hô-va ngự ra sao?
Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ ngự trong nơi tối mù mịt, nhưng Sa-lô-môn đã xây cho Ngài một nơi nguy nga cho Chúa ở đời đời.
2 Chronicles 6:4
Cuối cùng Đức Giê-hô-va đã quyết định sẽ ngự ở đâu và Ngài đã chọn ai cai trị trên Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va không chọn một thành nào để xây dựng đền Ngài ở đó cũng chẳng chọn một người nào làm vua chúa trên Y-sơ-ra-ên, nhưng sau đó Ngài đã chọn Giê-ru-sa-lem là thành để xây đền của Ngài và chọn Đa-vít đặng cai trị dân Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 6:6
Cuối cùng Đức Giê-hô-va đã quyết định sẽ ngự ở đâu và Ngài đã chọn ai cai trị trên Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va không chọn một thành nào để xây dựng đền Ngài ở đó cũng chẳng chọn một người nào làm vua chúa trên Y-sơ-ra-ên, nhưng sau đó Ngài đã chọn Giê-ru-sa-lem là

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thành để xây đền của Ngài và chọn Đa-vít đặng cai trị dân Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 6:7
Đức Giê-hô-va đã phán gì với Đa-vít để ngăn không cho ông thực hiện tâm nguyện của lòng ông?
Đức Giê-hô-va đã phán cùng Đa-vít: "Con có lòng muốn xây cất một đền thờ cho danh Ta, nhưng con trai con mới là người xây dựng đền ấy".
2 Chronicles 6:9
Đức Giê-hô-va đã phán gì với Đa-vít để ngăn không cho ông thực hiện tâm nguyện của lòng ông?
Đức Giê-hô-va đã phán cùng Đa-vít: "Con có lòng muốn xây cất một đền thờ cho danh Ta, nhưng con trai con mới là người xây dựng đền ấy".
2 Chronicles 6:10
Đức Giê-hô-va đã thực hiện những lời Ngài đã phán ra sao?
Đức Giê-hô-va đã thực hiện những lời Ngài đã phán ra bằng cách khiến Sa-lô-môn ngồi trên ngai Đa-vít, xây dựng một đền thờ cho danh Đức Giê-hô-va, và tại đó có đặt Hòm Giao Ước.
2 Chronicles 6:11
Đức Giê-hô-va đã thực hiện những lời Ngài đã phán ra sao?
Đức Giê-hô-va đã thực hiện những lời Ngài đã phán ra bằng cách khiến Sa-lô-môn ngồi trên ngai Đa-vít, xây dựng một đền thờ cho danh Đức Giê-hô-va, và tại đó có đặt Hòm Giao Ước.
2 Chronicles 6:12
Sa-lô-môn đã đừng trước bàn thờ của Đưucs Giê-hô-va ra sao?
Sa-lô-môn đứng trước bàn thờ của Đức Giê-hô-va, đối mặt cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, giơ tay mình lên trời.
2 Chronicles 6:13
Sa-lô-môn đã đừng trước bàn thờ của Đưucs Giê-hô-va ra sao?
Sa-lô-môn đứng trước bàn thờ của Đức Giê-hô-va, đối mặt cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, giơ tay mình lên trời.
2 Chronicles 6:14
Đức Giê-hô-va làm gì cho những đầy tớ của Ngài, những người hết lòng bước đi trước mặt Chúa?
Đức Giê-hô-va gìn giữ lời giao ước và sự thành tín về giao ước Ngài với kẻ tôi tớ Chúa, là kẻ hết lòng đi trước mặt Chúa.
2 Chronicles 6:15
Đức Giê-hô-va làm gì cho những đầy tớ của Ngài, những người hết lòng bước đi trước mặt Chúa?
Đức Giê-hô-va gìn giữ lời giao ước và sự thành tín về giao ước Ngài với kẻ tôi tớ Chúa, là kẻ hết lòng đi trước mặt Chúa.
2 Chronicles 6:16
Lời hứa mà Đức Giê-hô-va đã lập cùng với Đa-vít tôi tớ Ngài là gì?
Đức Giê-hô-va đã phán cùng Đa-vít rằng nếu con cháu người cẩn thận bước đi theo luật pháp của Đức Giê-hô-va thì người sẽ chẳng hề thiếu một người từ gia tộc của người ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 6:17
Lời hứa mà Đức Giê-hô-va đã lập cùng với Đa-vít tôi tớ Ngài là gì?
Đức Giê-hô-va đã phán cùng Đa-vít rằng nếu con cháu người cẩn thận bước đi theo luật pháp của Đức Giê-hô-va thì người sẽ chẳng hề thiếu một người từ gia tộc của người ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 6:19
Lời khẩn cầu cơ bản mà Sa-lô-môn thưa cùng Đức Giê-hô-va là gì?
Sa-lô-môn cầu xin Đức Giê-hô-va nghe lời kêu khóc và lời cầu nguyện của ông để mắt Chúa ngày và đêm đoái xem đền thờ của Ngài.
2 Chronicles 6:20
Lời khẩn cầu cơ bản mà Sa-lô-môn thưa cùng Đức Giê-hô-va là gì?
Sa-lô-môn cầu xin Đức Giê-hô-va nghe lời kêu khóc và lời cầu nguyện của ông để mắt Chúa ngày và đêm đoái xem đền thờ của Ngài.
2 Chronicles 6:21
Sa-lô-môn muốn Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, làm gì sau khi Đức Giê-hô-va lắng nghe những lời cầu xin của Sa-lô-môn và dân Y-sơ-ra-ên?
Sa-lô-môn muốn Đức Giê-hô-va tha thứ cho.
2 Chronicles 6:22
Nếu một người công bình bị cáo buộc phạm tội cùng kẻ lân cận mình, thì làm sao người ấy được tuyên bố là vô tội?
Người công chính ấy có thể được tuyên bố là vô tội bằng cách thề trước bàn thờ trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 6:23
Nếu một người công bình bị cáo buộc phạm tội cùng kẻ lân cận mình, thì làm sao người ấy được tuyên bố là vô tội?
Người công chính ấy có thể được tuyên bố là vô tội bằng cách thề trước bàn thờ trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 6:24
Dân Y-sơ-ra-ên cần phải làm gì khi họ đã bị kẻ thù đánh bại vì cớ họ đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va?
Dân Y-sơ-ra-ên cần phải quay trở lại cùng Đức Giê-hô-va khi xưng danh Ngài ra, cầu nguyện và cầu xin sự tha thứ trước mặt Ngài trong đền thờ của Ngài.
2 Chronicles 6:25
Dân Y-sơ-ra-ên cần phải làm gì khi họ đã bị kẻ thù đánh bại vì cớ họ đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va?
Dân Y-sơ-ra-ên cần phải quay trở lại cùng Đức Giê-hô-va khi xưng danh Ngài ra, cầu nguyện và cầu xin sự tha thứ trước mặt Ngài trong đền thờ của Ngài.
2 Chronicles 6:26
Dân Y-sơ-ra-ên phải phản ứng ra sao khi các từng trời đóng chặt, không có mưa, bởi vì dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va?
Dân Y-sơ-ra-ên phải cầu nguyện hướng về đền thờ, xưng danh Đức Giê-hô-va ra, và xoay bỏ tội lỗi của mình, như vậy mưa sẽ đổ xuống trên xứ của họ.
2 Chronicles 6:27
Dân Y-sơ-ra-ên phải phản ứng ra sao khi các từng trời đóng chặt, không có mưa, bởi vì dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va?
Dân Y-sơ-ra-ên phải cầu nguyện hướng về đền thờ, xưng danh Đức Giê-hô-va ra, và xoay bỏ tội lỗi của mình, như vậy mưa sẽ đổ xuống trên xứ của họ.
2 Chronicles 6:28
Một vài trong số những điều kiện mà khi đó những người tại Y-sơ-ra-ên cần Đức Giê-hô-va lắng nghe những lời cầu nguyện của họ và tha thứ cho những tội lỗi của họ là gì?
Dân sự tại Y-sơ-ra-ên cần Đức Giê-hô-va lắng nghe những lời cầu nguyện của họ khi có cơn đói kém, ôn dịch, đại hạn, ten sét, cào cào, hay là châu chấu; hoặc kẻ thù nghịch vây hãm các thành; hoặc có bất kỳ có tai vạ gì, tật bịnh gì xảy ra trong xứ.
2 Chronicles 6:31
Một vài trong số những điều kiện mà khi đó những người tại Y-sơ-ra-ên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cần Đức Giê-hô-va lắng nghe những lời cầu nguyện của họ và tha thứ cho những tội lỗi của họ là gì?
Dân sự tại Y-sơ-ra-ên cần Đức Giê-hô-va lắng nghe những lời cầu nguyện của họ khi có cơn đói kém, ôn dịch, đại hạn, ten sét, cào cào, hay là châu chấu; hoặc kẻ thù nghịch vây hãm các thành; hoặc có bất kỳ có tai vạ gì, tật bịnh gì xảy ra trong xứ.
2 Chronicles 6:32
Tại sao Đức Giê-hô-va phải thực hiện những điều mà dân ngoại cầu xin Ngài khi họ đến và hướng về đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va phải làm những gì dân ngoại đó cầu xin Ngài để cho muôn dân trên đất nhận biết danh Đức Giê-hô-va, kính sợ Ngài, và biết rằng đền thờ nầy được gọi bằng danh Chúa.
2 Chronicles 6:33
Tại sao Đức Giê-hô-va phải thực hiện những điều mà dân ngoại cầu xin Ngài khi họ đến và hướng về đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va phải làm những gì dân ngoại đó cầu xin Ngài để cho muôn dân trên đất nhận biết danh Đức Giê-hô-va, kính sợ Ngài, và biết rằng đền thờ nầy được gọi bằng danh Chúa.
2 Chronicles 6:36
Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?
Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va sẽ lắng nghe lời tuyên xưng của dân Y-sơ-ra-ên và tha thứ những tội lỗi của họ sau khi họ đã phạm tội, bị bắt đi lưu đày ở xứ của kẻ thù họ, và rồi đã ăn năn tội lỗi của mình.
2 Chronicles 6:39
Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?
Sa-lô-môn đã cầu xin Đức Giê-hô-va sẽ lắng nghe lời tuyên xưng của dân Y-sơ-ra-ên và tha thứ những tội lỗi của họ sau khi họ đã phạm tội, bị bắt đi lưu đày ở xứ của kẻ thù họ, và rồi đã ăn năn tội lỗi của mình.
2 Chronicles 6:40
Sa-lô-môn muốn Đức Giê-hô-va phải làm gì?
Sa-lô-môn muốn Đức Giê-hô-va để tâm đến những lời cầu nguyện của dân sự, mặc sự cứu rỗi cho các thầy tế lễ của Ngài, và để cho các thánh đồ Chúa được mừng rỡ trong sự nhân từ Ngài.
2 Chronicles 6:42
Sa-lô-môn muốn Đức Giê-hô-va phải làm gì?
Sa-lô-môn muốn Đức Giê-hô-va để tâm đến những lời cầu nguyện của dân sự, mặc sự cứu rỗi cho các thầy tế lễ của Ngài, và để cho các thánh đồ Chúa được mừng rỡ trong sự nhân từ Ngài.

Chapter 7
2 Chronicles 7:1
Sấp mặt xuống đất
Đây là tư thế cầu nguyện. AT: “Họ nằm úp xuống và mặt của họ đụng vào mặt sàn đá."
Giao ước thành tính của Ngài
AT: "Giao ước chung thủy của Chúa" hoặc "Chúa đã hứa yêu dân Y-sơ-ra-ên mãi mãi"
2 Chronicles 7:4
Mỗi nơi họ đứng hầu việc
AT: "ở mỗi chỗ đứng được chỉ định"
2 Chronicles 7:7
Không được phép giữ của lễ thiêu
AT: "không được phép giữ nhiều của lễ thiêu"
2 Chronicles 7:8
Và mọi dân Y-sơ-ra-ên ở với Ngài
Muôn dân trên khắp Y-sơ-ra-ên đến.
Lê-bô Ha-mát
Cuộc họp trang trọng
Đây là cuộc họp tôn giáo đặc biệt.
Ngày hai mươi ba tháng thứ bảy
Ngày hai mươi ba tháng bảy
Với lòng vui mừng và hân hoan
Từ “vui” và “hân hoan” có nghĩa cơ bản như nhau. Cùng nhấn mạnh mức độ của niềm vui. AT: "bằng cả lòng vui mừng."
2 Chronicles 7:11
Thực hiện
"hoàn thành"
Ta đã nghe lời cầu nguyện
AT: "ta đã lắng nghe lời cầu nguyện của ngươi"
2 Chronicles 7:13
Đóng bầu trời lại để không có mưa
AT: "ngừng mưa"
Phá hủy đất
Từ “đất” được sử dụng như nghĩa “mọi vụ mùa và cây trồng đang sống."
Tìm kiếm mặt ta
AT: "tìm kiếm Chúa" hoặc "cố gắng để Chúa chú ý đến ngươi"
Mắt ta sẽ mở...tai ta sẽ chăm chú
Những từ “mắt” và “tai” kể đến Chúa, người chọn cách nhìn và nghe lời cầu nguyện của họ. AT: “Ta sẽ thấy họ và ta sẽ lắng nghe"
2 Chronicles 7:16
Mắt ta và lòng của ta
"tình yêu thương của ta, chăm xem, và bảo vệ"
Nếu ngươi bước đi trước mặt ta như Đa-vít cha ngươi đã bước
AT: "Nếu ngươi vâng lời ta như Đa-vít, cha ngươi đã làm."
Lập ngai
AT: "Ta chắc sẽ luôn để dòng dõi ngươi làm vua," (UDB)
2 Chronicles 7:19
Ta sẽ nhổ chúng khỏi đất mà ta đã ban cho chúng
AT: "Ta sẽ cất chúng khỏi xứ của ta." So sánh việc kéo rễ của cây ra khỏi đất cùng với dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ của Chúa. Kết quả sẽ là sự hủy diệt của các nước và nỗi buồn của mọi dân.

Translation Questions

2 Chronicles 7:1
Chuyện gì đã xảy ra khi Sa-lô-môn đã xong lời cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va?
Khi Sa-lô-môn đã cầu nguyện xong, lửa từ trời giáng xuống thiêu đốt của lễ thiêu và các của lễ hi sinh, sự vinh quang của Đức Giê-hô-va đầy dẫy trong đền.
2 Chronicles 7:3

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Phản ứng của dân Y-sơ-ra-ên là gì khi lửa từ trời giáng xuống và sự vinh quang của Đức Giê-hô-va đầy dẫy trong đền thờ?

Dân Y-sơ-ra-ên sấp mặt xuống đất, thờ lạy Đức Giê-hô-va và cảm tạ Ngài.

2 Chronicles 7:4

Tại sao vua Sa-lô-môn và cả dân chúng dâng của lễ lên cho Đức Giê-hô-va?

Vua Sa-lô-môn và dân sự dâng của lễ lên cho Đức Giê-hô-va để biệt riêng đền thờ của Đức Chúa Trời

2 Chronicles 7:5

Tại sao vua Sa-lô-môn và cả dân chúng dâng của lễ lên cho Đức Giê-hô-va?

Vua Sa-lô-môn và dân sự dâng của lễ lên cho Đức Giê-hô-va để biệt riêng đền thờ của Đức Chúa Trời

2 Chronicles 7:7

Tại sao Sa-lô-môn dâng những của lễ thiêu và mỡ của của lễ thù ân ở giữa sân trong?

Những của lễ thiêu và mỡ về của lễ thù ân được Sa-lô-môn dâng ở giữa sân trong bởi vì bàn thờ đồng mà Sa-lô-môn đã làm, không đựng hết của lễ thiêu, của lễ chay, và mỡ được.

2 Chronicles 7:8

Tại sao Sa-lô-môn có thể khiến cho dân Y-sơ-ra-ên vui vẻ và mừng rỡ đi xa khỏi nhà mình sau kỳ lễ?

Dân sự mà Sa-lô-môn đã sai đi có lòng vui vẻ và mừng rỡ bởi vì sự nhân từ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho Đa-vít, cho Sa-lô-môn,
và cho Y-sơ-ra-ên, là dân sự của Ngài.

2 Chronicles 7:10

Tại sao Sa-lô-môn có thể khiến cho dân Y-sơ-ra-ên vui vẻ và mừng rỡ đi xa khỏi nhà mình sau kỳ lễ?

Dân sự mà Sa-lô-môn đã sai đi có lòng vui vẻ và mừng rỡ bởi vì sự nhân từ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho Đa-vít, cho Sa-lô-môn,
và cho Y-sơ-ra-ên, là dân sự của Ngài.

2 Chronicles 7:11

Sa-lô-môn đã làm xong những việc gì trong đền Đức Giê-hô-va và cung vua?

Tất cả những việc đã được thực hiện đều đến từ tấm lòng của Sa-lô-môn để làm trong đền thờ của Đức Giê-hô-va và trong cung điện của mình.

2 Chronicles 7:14

Dân Y-sơ-ra-ên cần phải làm gì để Đức Giê-hô-va lắng nghe lời cầu nguyện của họ, tha thứ tội của họ, và chữa lành xứ của họ?

Dân sự là những người đã được gọi bằng danh Đức Giê-hô-va cần phải hạ mình, cầu nguyện, tìm kiếm mặt Đức Giê-hô-va và xoay bỏ những đường lối gian ác của mình.

2 Chronicles 7:16

Tại sao Đức Giê-hô-va lại chọn và khiến đền của Ngài nên thánh?

Đức Giê-hô-va chọn và khiến đền của Ngài nên thánh để danh Ngài ngự ở đó đến đời đời.

2 Chronicles 7:17

Đức Giê-hô-vađã đưa ra những điều kiện nào với dân Y-sơ-ra-ên rồi để rồi sẽ luôn có một con cháu của Đa-vít ngồi trên ngai nước của vương quốc Ngài?

Đức Giê-hô-va đã nói rằng dân Y-sơ-ra-ên phải làm theo tất cả những điều Ngài truyền bảo, giữ gìn các luật lệ và điều luật của Ngài.

2 Chronicles 7:18

Đức Giê-hô-vađã đưa ra những điều kiện nào với dân Y-sơ-ra-ên rồi để rồi sẽ luôn có một con cháu của Đa-vít ngồi trên ngai nước của vương quốc Ngài?

Đức Giê-hô-va đã nói rằng dân Y-sơ-ra-ên phải làm theo tất cả những điều Ngài truyền bảo, giữ gìn các luật lệ và điều luật của Ngài.

2 Chronicles 7:19

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu dân Y-sơ-ra-ên không vâng giữ các luật lệ và các mạng lệnh của Đức Giê-hô-va và thờ phượng các thần khác?

Nếu dân Y-sơ-ra-ên không vâng giữ các luật lệ và các mạng lệnh của Đức Giê-hô-va và thờ phượng các thần khác, thì Ngài sẽ rứt nhổ họ khỏi đất mà Ngài đã ban cho họ và đền thờ mà Ngài đã biệt riêng ra thánh và khiến họ trở nên một trò cười giữa các dân tộc.

2 Chronicles 7:20

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu dân Y-sơ-ra-ên không vâng giữ các luật lệ và các mạng lệnh của Đức Giê-hô-va và thờ phượng các thần khác?

Nếu dân Y-sơ-ra-ên không vâng giữ các luật lệ và các mạng lệnh của Đức Giê-hô-va và thờ phượng các thần khác, thì Ngài sẽ rứt nhổ họ khỏi đất mà Ngài đã ban cho họ và đền thờ mà Ngài đã biệt riêng ra thánh và khiến họ trở nên một trò cười giữa các dân tộc.

2 Chronicles 7:21

Phản ứng của những người đi ngang qua đền thờ của Chúa và kinh ngạc trước những gì Đức Giê-hô-va đã làm cho xứ nầy và cho nhà Ngài là gì?

Phản ứng của những người đó sẽ là Đức Giê-hô-va đã giáng các tai vạ nầy trên xứ và trên nhà của Ngài bởi vì dân Ngài đã không vâng phục Ngài và đã đeo đuổi các thần khác, sấp mình xuống mà thờ lạy những thần đó.

2 Chronicles 7:22

Phản ứng của những người đi ngang qua đền thờ của Chúa và kinh ngạc trước những gì Đức Giê-hô-va đã làm cho xứ nầy và cho nhà Ngài là gì?

Phản ứng của những người đó sẽ là Đức Giê-hô-va đã giáng các tai vạ nầy trên xứ và trên nhà của Ngài bởi vì dân Ngài đã không vâng phục Ngài và đã đeo đuổi các thần khác, sấp mình xuống mà thờ lạy những thần đó.

Chapter 8

2 Chronicles 8:1

Nó xảy ra vào cuối những năm mươi

AT: Sau 20 năm,"

Hi-ram

2 Chronicles 8:3

Sô-lô-môn tấn công Ha-mát Xô-ba

Sô-lô-môn tượng trưng cho toàn đội quân chinh chiến của ông. AT: "Đội quân của Sô-lô-môn tấn công các thành của Ha-mát Xô-ba"

Tát-mốt...Ha-mát

Các thành của Sy-ri-a.

2 Chronicles 8:5

Thông tin Tổng quát:

See:

2 Chronicles 8:7

Những ai còn bỏ lại trong xứ

AT: "những ai còn lại trong xứ"

Người bị ép lao động

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

AT: "những nô lệ"
Vào ngày này
Xem bản dịch này trong 2CH 5:9
2 Chronicles 8:9
250
See:
2 Chronicles 8:12
Cổng
Đây là cổng có mái che hoặc cổng đi bộ để chống bằng các cột, được gắn khi xây dựng.
Thời gian biểu mỗi ngày yêu cầu
AT: "theo yêu cầu hằng ngày của luật Môi-se"
2 Chronicles 8:14
Mọi người không được làm sai lệnh
AT: "mọi người phải theo mệnh lệnh"

Translation Questions

2 Chronicles 8:1
Sa-lô-môn đã làm gì khi ông đang xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va và cung điện của vua?
Trong thời gian Sa-lô-môn xây đền thờ của Đức Giê-hô-va và cung điện của vua, ông cũng sửa xây lại các thành mà vua Hu-ram đã nhường cho người, và khiến cho dân Y-sơ-ra-ên ở đó.
2 Chronicles 8:2
Sa-lô-môn đã làm gì khi ông đang xây dựng đền thờ của Đức Giê-hô-va và cung điện của vua?
Trong thời gian Sa-lô-môn xây đền thờ của Đức Giê-hô-va và cung điện của vua, ông cũng sửa xây lại các thành mà vua Hu-ram đã nhường cho người, và khiến cho dân Y-sơ-ra-ên ở đó.
2 Chronicles 8:6
Nhìn chung, Sa-lô-môn đã xây dựng ở những đâu và cho mục đích gì?
Sa-lô-môn xây dựng theo ý thích riêng của mình tại Giê-ru-sa-lem, trên Li-ban, và trong khắp xứ phục dưới quyền cai trị của người.
2 Chronicles 8:7
Chuyện gì đã xảy ra với dân của xứ là những người không thuộc về Y-sơ-ra-ên?
Sa-lô-môn khiến những dân sự không thuộc về Y-sơ-ra-ên trở nên những người lao động khổ sai.
2 Chronicles 8:8
Chuyện gì đã xảy ra với dân của xứ là những người không thuộc về Y-sơ-ra-ên?
Sa-lô-môn khiến những dân sự không thuộc về Y-sơ-ra-ên trở nên những người lao động khổ sai.
2 Chronicles 8:9
Sa-lô-môn giao cho dân Y-sơ-ra-ên những công việc gì?
Sa-lô-môn cho dân Y-sơ-ra-ên làm quân lính, quan tướng, quan cai xe, và lính kỵ của mình.
2 Chronicles 8:10
Sa-lô-môn giao cho dân Y-sơ-ra-ên những công việc gì?
Sa-lô-môn cho dân Y-sơ-ra-ên làm quân lính, quan tướng, quan cai xe, và lính kỵ của mình.
2 Chronicles 8:11
Tại sao Sa-lô-môn rước con gái của Pha-ra-ôn ở thành Đa-vít lên cung mà người đã cất cho nàng?
Sa-lô-môn rước con gái của Pha-ra-ôn ở thành Đa-vít lên một cái cung điển, bởi vì Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va đã từng ở trong thành ấy nên thành ấy là một nơi thánh.
2 Chronicles 8:12
Sa-lô-môn đã dâng những của lễ thiêu lên cho Đức Giê-hô-va ra sao trên bàn thờ mà ông đã xây dựng trước hiên cửa?
Sa-lô-môn đã dâng của lễ thiêu lên cho Đức Giê-hô-va theo thời gian biểu hằng ngày, y như những chỉ dẫn trong luật Môi-se.
2 Chronicles 8:13
Sa-lô-môn đã dâng những của lễ thiêu lên cho Đức Giê-hô-va ra sao trên bàn thờ mà ông đã xây dựng trước hiên cửa?
Sa-lô-môn đã dâng của lễ thiêu lên cho Đức Giê-hô-va theo thời gian biểu hằng ngày, y như những chỉ dẫn trong luật Môi-se.
2 Chronicles 8:14
Những trách nhiệm của các thầy tế lễ và người Lê-vi là gì?
Các thầy tế lễ và người Lê-vi được Sa-lô-môn chỉ định vào những vị trí của họ để có thể ngợi khen Đức Chúa Trời và phục vụ trước các thầy tế lễ y như thời gian biểu hằng ngày đã được quy định sẵn.
Những người giữ cửa đã trung tín thực hiện những trách nhiệm của mình ra sao?
Những người giữ của đã vâng giữ các mạng lệnh của vua đối với các thầy tế lễ và người Lê-vi về mọi vấn đề.
2 Chronicles 8:15
Những người giữ cửa đã trung tín thực hiện những trách nhiệm của mình ra sao?
Những người giữ của đã vâng giữ các mạng lệnh của vua đối với các thầy tế lễ và người Lê-vi về mọi vấn đề.
2 Chronicles 8:16
Dấu hiệu cho thấy toàn bộ công việc của Sa-lô-môn trên đền thờ của Đức Giê-hô-va đã được hoàn thành xong xuôi?
Đền thờ của Đức Giê-hô-va hoàn toàn được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Chapter 9

2 Chronicles 9:3
Lâu đài mà ta đã xây, thức ăn trên bàn người, chỗ của các quan, công việc của đầy tớ người và trang phục của họ, cũng như quan dâng rượu và đồ mặc của họ
Sê-ba thấy mọi thứ của Sô-lô-môn
Quan dâng rượu
Đây là những người hầu việc nếm rượu cho Vua để thử độc.
Bà ta sợ mất vía
AT: "bà ta không còn đủ tự cao nữa"
2 Chronicles 9:5
Giờ mắt tôi đã thấy nó
AT: "giờ thì tận mắt tôi đã thấy nó"
Tôi đã nghe phân nửa về sự khôn ngoan và giàu có của người
AT: "Người cực kì khôn ngoan và giàu có"
2 Chronicles 9:7
Người luôn đứng trước mặt người
AT: "luôn trước mặt và đợi lệnh của người"
Ngài đã hài lòng về người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

AT: "Ngài hài lòng với vua"
2 Chronicles 9:9
Các ta-lâng
2 Chronicles 9:10
Hi-ram
Vua của Ty-rơ.
Ô-phia
Những nơi không biết hiểu nó là vàng.
Gỗ bạch đàn hương
Đây là một loại gỗ.
2 Chronicles 9:13
666
See:
2 Chronicles 9:15
Sáu trăm siếc-lơ vàng cho một cái.
"Chúng được làm bằng sáu trăm siếc-lơ vàng."
Siếc-lơ...
Cung Rừng Li-ban
Đây giống như cái kho gần cung điện được làm bằng nhiều khúc gỗ từ Li-ban. Nơi này còn được xem như kho vũ khí
2 Chronicles 9:17
Ngà
Đây là tên khác của nanh hoặc sừng của động vật, như voi hoặc tê giác.
Đỉnh ngai được làm tròn phía sau
AT: "phần đỉnh của ngai được làm tròn ở phía sau nơi vua ngồi"
2 Chronicles 9:19
Bạc không được cho là có giá trị trong những ngày của Sô-lô-môn
Bạc được cho là thông thường trong những ngày của Sô-lô-môn vì giá trị của nó rất nhỏ.
Bầy khỉ và đười ươi
Những con vật ở rất xa, như Châu Phi.
2 Chronicles 9:22
Điều mà Chúa đặt trong lòng người
AT: "điều mà Chúa ban cho ông"
Năm qua năm
AT: "mỗi năm"
2 Chronicles 9:25
Thông tin Tổng quát:
See:
Chuồng
Đây là nơi nhỏ có rào quanh để giữ ngựa.
2 Chronicles 9:27
Nhiều như đá trên đất
AT: "rất nhiều bạc"
Ngài làm cây tùng dư dật như cây sung ở nơi đồng bằng
AT: "rất nhiều"
Từ khắp đất
AT: "từ mọi nơi xung quanh" hoặc "trên khắp"

Translation Questions

2 Chronicles 9:1
Tại sao nữ hoàng Sê-ba đến Giê-ru-sa-lem?
Nữ hoàng Sê-ba đến Giê-ru-sa-lem bởi vì bà có nghe đến danh tiếng của Sa-lô-môn và muốn dùng như câu hỏi khó để thử ông.
Sa-lô-môn đã phản ứng ra sao khi nữ hoàng Sê-ba đặt cho ông mọi câu hỏi có trong lòng mình?
Sa-lô-môn đã trả lời mọi câu hỏi mà nữ hoàng Sê-ba đã đặt ra cho ông.
2 Chronicles 9:2
Sa-lô-môn đã phản ứng ra sao khi nữ hoàng Sê-ba đặt cho ông mọi câu hỏi có trong lòng mình?
Sa-lô-môn đã trả lời mọi câu hỏi mà nữ hoàng Sê-ba đã đặt ra cho ông.
2 Chronicles 9:3
Phản ứng của nữ hoàng Sê-ba thế nào khi bà thấy sự khôn ngoan của Sa-lô-môn cùng mọi công trình, đồ ăn thức uống, quần áo và các đầy tớ mà vua sở hữu?
Khi nữ hoàng Sê-ba thấy mọi tài sản mà Sa-lô-môn có thì mất vía.
2 Chronicles 9:4
Phản ứng của nữ hoàng Sê-ba thế nào khi bà thấy sự khôn ngoan của Sa-lô-môn cùng mọi công trình, đồ ăn thức uống, quần áo và các đầy tớ mà vua sở hữu?
Khi nữ hoàng Sê-ba thấy mọi tài sản mà Sa-lô-môn có thì mất vía.
2 Chronicles 9:6
Nữ hoàng Sê-ba đánh giá vua Sa-lô-môn ra sao?
Nữ hoàng Sê-ba nói cùng vua Sa-lô-môn rằng sự khôn ngoan và giàu có của vua vượt quá mọi điều mà bà đã nghe về vua.
2 Chronicles 9:8
Nữ hoàng Sê-ba đã nói gì để nhắc Sa-lô-môn nhớ lại ông đã được ngồi trên ngai của Y-sơ-ra-ên với tư cách là vua của họ ra sao?
Nữ hoàng Sê-ba đã nhắc Sa-lô-môn nhớ lại rằng Đức Giê-hô-va đã lập ông lên làm vua cai trị trên Y-sơ-ra-ên và đã đặt ông ngồi trên ngôi vua bởi vì Đức Giê-hô-va yêu thương dân Y-sơ-ra-ên và muốn thiết lập họ vững bền đời đời.
2 Chronicles 9:12
Kết quả của chuyến đi viếng thăm vua Sa-lô-môn của nữ hoàng Sê-ba ;à gì?
Vua Sa-lô-môn đã tặng cho nữ vương nước Sê-ba mọi thứ bà ước ao ngoài những thứ mà bà đã đem dâng cho vua, rồi bà rời khỏi và trở về xứ của mình.
2 Chronicles 9:13
Trong một năm, Sa-lô-môn thu được bao nhiêu vàng?
Số lượng vàng mà Sa-lô-môn thu được trong một năm là 666 ta-lâng.
2 Chronicles 9:14
Những người nào đã đem vàng đến nộp cho Sa-lô-môn?
Các nhà buôn, các thương gia, mọi vua A-ra-bi và các quan tổng trấn của xứ đem nộp cho Sa-lô-môn.
2 Chronicles 9:16
Sa-lô-môn đã làm ra bao nhiêu cái khiên bằng vàng?
Vua Sa-lô-môn đã làm ra năm trăm cái khiên bằng vàng đánh dát.
2 Chronicles 9:17
Ngai vàng của vua Sa-lô-môn được làm bằng gì?
Ngai vàng của vua Sa-lô-môn được làm bằng bằng ngà, và bọc vàng ròng.
2 Chronicles 9:20
Tại sao không một ly chén để uống nào của vua Sa-lô-môn được làm bằng bạc?
Không một ly chén để uống nào của vua Sa-lô-môn được

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

làm bằng bạc bởi vì trong thời của Sa-lô-môn, bạc được không được xem là có giá trị.
2 Chronicles 9:22
Tại sao cả đất tìm kiếm sự hiện diện của Sa-lô-môn?
Cả đất tìm kiếm sự hiện diện của Sa-lô-môn bởi vì sự giàu có của ông, và để nghe được sự khôn ngoan mà Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng ông.
2 Chronicles 9:23
Tại sao cả đất tìm kiếm sự hiện diện của Sa-lô-môn?
Cả đất tìm kiếm sự hiện diện của Sa-lô-môn bởi vì sự giàu có của ông, và để nghe được sự khôn ngoan mà Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng ông.
2 Chronicles 9:26
Sa-lô-môn cai trị trên những vua nào?
Vua Sa-lô-môn cai trị trên hết thảy các vua, từ sông Ơ-phơ-rát cho đến xứ Phi-li-tin, và cho đến bờ cõi Ê-díp-tô.
2 Chronicles 9:29
Sa-lô-môn làm vua cai trị trên toàn Y-sơ-ra-ên trong bao lâu?
Sa-lô-môn làm vua cai trị trên toàn Y-sơ-ra-ên trong bốn mươi năm.
2 Chronicles 9:30
Sa-lô-môn làm vua cai trị trên toàn Y-sơ-ra-ên trong bao lâu?
Sa-lô-môn làm vua cai trị trên toàn Y-sơ-ra-ên trong bốn mươi năm.

Chapter 10
2 Chronicles 10:1
Mọi dân Y-sơ-ra-ên
"mọi dân của nước Y-sơ-ra-ên".
Con trai của Nê-bát
2 Chronicles 10:8
Rê-bô-am từ chối lời khuyên
AT: "Rê-bô-am không làm theo lời khuyên"
Những người trẻ
“Người trẻ” kẻ đến những người thiếu sự khôn ngoan và kinh nghiệm được so sánh với những người già đã khuyên Sô-lô-môn.
Kẻ đã lớn cùng người, đứng trước mặt người
Những kẻ làm bạn với người trong thời gian dài, khuyên bảo người"
2 Chronicles 10:10
Ngón út của ta dày hơn lưng của cha ta
Ý của Rê-bô-am là ông sẽ khắt khe và nhiều đòi hỏi hơn cha của ông.
Ta sẽ phạt các ngươi bằng roi
AT: "nhưng ta sẽ quất ngươi bằng roi có mảnh kim loại trên đó."
2 Chronicles 10:12
Mọi dân
AT: "mọi lãnh đạo"
Ngày thứ ba
2 Chronicles 10:15
A-hi-gia người Shi-lô...Giê-rô-bô-am con trai của Nê-bát
2 Chronicles 10:16
Chúng ta có phần gì với Đa-vít
"Chúng tôi không muốn làm điều gì với dòng dõi của Vua Đa-vít!"

Translation Questions

2 Chronicles 10:1
Tại sao toàn Y-sơ-ra-ên lại đi đến Si-chem?
Toàn Y-sơ-ra-ên đi đến Si-chem để lập Rô-bô-am làm vua của mình.
2 Chronicles 10:2
Điều gì đã ngăn chặn việc Rô-bô-am trở thành vua trên toàn Y-sơ-ra-ên?
Việc Giê-rô-bô-am trở về từ cuộc lưu đày tại Ai Cập đã ngăn chặn Rô-bô-am trở thành vua cai trị trên toàn Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 10:3
Giê-rô-bô-am và toàn Y-sơ-ra-ên đã đưa ra đề nghị gì với Rô-bô-am?
Giê-rô-bô-am và toàn Y-sơ-ra-ên đã cầu xin Rô-bô-am giảm nhẹ cái ách nặng nề mà vua Sa-lô-môn đã đặt trên họ.
2 Chronicles 10:4
Giê-rô-bô-am và toàn Y-sơ-ra-ên đã đưa ra đề nghị gì với Rô-bô-am?
Giê-rô-bô-am và toàn Y-sơ-ra-ên đã cầu xin Rô-bô-am giảm nhẹ cái ách nặng nề mà vua Sa-lô-môn đã đặt trên họ.
2 Chronicles 10:6
Các trưởng lão, là những người từng đứng hầu trước Sa-lô-môn khi vua còn sống, đã khuyên vua Rô-bô-am làm gì?
Các trưởng lão khuyên vua Rô-bô-am đối đãi dân sự tử tế, dùng những lời tốt lành làm vui lòng họ, thì họ sẽ luôn luôn là đầy tớ của vua.
2 Chronicles 10:7
Các trưởng lão, là những người từng đứng hầu trước Sa-lô-môn khi vua còn sống, đã khuyên vua Rô-bô-am làm gì?
Các trưởng lão khuyên vua Rô-bô-am đối đãi dân sự tử tế, dùng những lời tốt lành làm vui lòng họ, thì họ sẽ luôn luôn là đầy tớ của vua.
2 Chronicles 10:8
Rô-bô-am đã làm gì sau khi ông phớt lờ những lời khuyên mà các trưởng lão đã đưa ra cho ông?
Rô-bô-am đi hỏi ý kiến các người trẻ đã lớn lên cùng vua, và hỏi họ xem liệu ông nên đáp lại lời yêu cầu giảm nhẹ gánh nặng của dân sự ra sao.
2 Chronicles 10:9
Rô-bô-am đã làm gì sau khi ông phớt lờ những lời khuyên mà các trưởng lão đã đưa ra cho ông?
Rô-bô-am đi hỏi ý kiến các người trẻ đã lớn lên cùng vua, và hỏi họ xem liệu ông nên đáp lại lời yêu cầu giảm nhẹ gánh nặng của dân sự ra sao.
2 Chronicles 10:10
Rô-bô-am đã làm gì sau khi ông phớt lờ những lời khuyên mà các trưởng lão đã đưa ra cho ông?
Rô-bô-am đi hỏi ý kiến các người trẻ đã lớn lên cùng vua, và hỏi họ xem liệu ông nên đáp lại lời yêu cầu giảm nhẹ gánh nặng của dân sự ra sao.
2 Chronicles 10:11
Rô-bô-am đã làm gì sau khi ông phớt lờ những lời khuyên mà các trưởng lão đã đưa ra cho ông?
Rô-bô-am đi hỏi ý kiến các người trẻ đã lớn lên cùng vua, và hỏi họ xem liệu ông nên đáp lại lời yêu cầu giảm nhẹ gánh nặng của dân sự ra sao.
2 Chronicles 10:12
Chuyện gì đã xảy ra khi Giê-rô-bô-am và toàn dân Y-sơ-ra-ên đến cùng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Rô-bô-am trong ngày thứ ba?
Vua Rô-bô-am đã phớt lờ lời khuyên của các trưởng lão mà trả lời dân sự một cách thô lỗ khi nghe theo những lời khuyên của bọn trai trẻ.
2 Chronicles 10:14
Chuyện gì đã xảy ra khi Giê-rô-bô-am và toàn dân Y-sơ-ra-ên đến cùng Rô-bô-am trong ngày thứ ba?
Vua Rô-bô-am đã phớt lờ lời khuyên của các trưởng lão mà trả lời dân sự một cách thô lỗ khi nghe theo những lời khuyên của bọn trai trẻ.
2 Chronicles 10:15
Tại sao vua Rô-bô-am không chịu lắng nghe dân Y-sơ-ra-ên?
Quyết định không nghe theo dân Y-sơ-ra-ên của vua là một biến cố mà Đức Giê-hô-va khiến nó xảy ra để là ứng nghiệm những lời mà Ngài đã phán cùng Giê-rô-bô-am qua A-hi-gia.
2 Chronicles 10:16
Dân Y-sơ-ra-ên đã phản ứng ra sao trước lời tuyên bố của vua Rô-bô-am rằng ông sẽ khiến cho ách của họ thêm nặng nề hơn?
Khi Y-sơ-ra-ên nghe vua Rô-bô-am tuyên bố như vậy, dân Y-sơ-ra-ên nhận định rằng họ chẳng hề có bất cứ phần gì trong Đa-vít, bảo dân Y-sơ-ra-ên trở về lều trại của mình, và bảo với Rô-bô-am hãy coi chừng cung điện của mình.
2 Chronicles 10:18
Dân Y-sơ-ra-ên đã phản ứng ra sao khi vua Rô-bô-am sai A-đô-ni-ram, người cai quản trên những người lao động khổ sai, đến với họ?
Dân Y-sơ-ra-ên đã ném đã A-đô-ni-ram cho đến chết còn vua Rô-bô-am thì chạy trốn đến Giê-ru-sa-lem bằng xe ngựa của mình.

Chapter 11
2 Chronicles 11:1
Chọn những người nam làm lính
AT: "những người lính tốt nhất của ông "
2 Chronicles 11:2
Những lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va phán những lời của Ngài"
Sê-ma-gia
2 Chronicles 11:5
Thông tin Tổng quát:
See:
2 Chronicles 11:11
Giu-đa và Bên-gia-min thuộc về người
Rê-hô-bô-am được cai trị các lãnh thổ của Giu-đa và Bên-gia-min.
2 Chronicles 11:13
Các thầy tế lễ và người Lê-vi trong khắp xứ Y-sơ-ra-ên đến với người
AT: "Các thầy tế lễ và người Lê-vi lẫn trốn qua Y-sơ-ra-ên, vương quốc phía bắc đi đến Giu-đa."
Các đồng cỏ
Đất được dùng cho các con vật.
2 Chronicles 11:16
Người từ các chi phái của Y-sơ-ra-ên đến sau họ
Các dân từ các chi phái thuộc về vương quốc phía bắc là người thờ phượng Chúa lẫn trốn qua Giu-đa.
Để lòng họ tìm kiếm Đức Giê-hô-va
AT: "những ai khát khao thờ phượng Đức Giê-hô-va"
Họ đi trong ba năm trong đường của Đa-vít và Sô-lô-môn
AT: "họ noi gương theo Đa-vít và Sô-lô-môn trong ba năm"
2 Chronicles 11:18
Thông tin Tổng quát:
See:
2 Chronicles 11:20
Thông tin Tổng quát:
See:
2 Chronicles 11:22
Thông tin Tổng quát:
See:

Translation Questions

2 Chronicles 11:1
Tại sao Rô-bô-am lại tập hợp nhà Giu-đa và Bên-gia-min để đánh trận cùng Y-sơ-ra-ên khi ông đã đến Giê-ru-sa-lem?
Rô-bô-am tập hợp nhà Giu-đa và Bên-gia-min lại để phục hồi vương quốc cho chính mình.
2 Chronicles 11:2
Sê-ma-gia đã gửi đến Rô-bô-am và toàn Y-sơ-ra-ên thông điệp nào từ Đức Chúa Trời?
Thông điệp từ Đức Giê-hô-va ấy là họ không được tấn công cũng không được đánh chiến cùng anh em của mình.
2 Chronicles 11:4
Sê-ma-gia đã gửi đến Rô-bô-am và toàn Y-sơ-ra-ên thông điệp nào từ Đức Chúa Trời?
Thông điệp từ Đức Giê-hô-va ấy là họ không được tấn công cũng không được đánh chiến cùng anh em của mình.
2 Chronicles 11:5
Tại sao Rô-bô-am lại xây thành ở Giu-đa?
Rô-bô-am xây dựng thành ở Giu-đa để phòng thủ.
2 Chronicles 11:10
Tại sao Rô-bô-am lại xây thành ở Giu-đa?
Rô-bô-am xây dựng thành ở Giu-đa để phòng thủ.
2 Chronicles 11:11
Một vài trong số những việc Rô-bô-am đã làm được là gì?
Rô-bô-am làm cho các đồn lũy ấy vững chắc, đặt những quan tướng ở đó, sắm khiên và giáo cho từng thành.
2 Chronicles 11:12
Một vài trong số những việc Rô-bô-am đã làm được là gì?
Rô-bô-am làm cho các đồn lũy ấy vững chắc, đặt những quan tướng ở đó, sắm khiên và giáo cho từng thành.
2 Chronicles 11:13
Tại sao người Lê-vi lìa bỏ đồng cỏ và sản nghiệp của họ mà đến đất Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem?
Người Lê-vi lìa bỏ đồng cỏ và sản nghiệp của họ bởi vì Giê-rô-bô-am và các con trai ông đã đuổi họ đi, không cho làm chức tế lễ của Đức Giê-hô-va nữa.
2 Chronicles 11:14
Tại sao người Lê-vi lìa bỏ đồng cỏ và sản nghiệp của họ mà đến đất Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem?
Người Lê-vi lìa bỏ đồng cỏ và sản nghiệp của họ bởi vì Giê-rô-bô-am và các con trai ông đã đuổi họ đi, không cho làm chức tế lễ của Đức Giê-hô-va nữa.
Giê-rô-bô-am đã thay thế các thầy tế lễ và người Lê-vi đã đi đến Giu-đa bằng cách nào?
Giê-rô-bô-am đã tự mình lập những thầy tế lễ phục vụ các

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nơi cao, các hình tượng dê đực và bò con mà vua đã làm.
2 Chronicles 11:15
Giê-rô-bô-am đã thay thế các thầy tế lễ và người Lê-vi đã đi đến Giu-đa bằng cách nào?
Giê-rô-bô-am đã tự mình lập những thầy tế lễ phục vụ các nơi cao, các hình tượng dê đực và bò con mà vua đã làm.
2 Chronicles 11:16
Những người dân thuộc các chi tộc của Y-sơ-ra-ên đã làm gì để khiến Rô-bô-am và vương quốc Giu-đa được cường thịnh?
Trong các bộ tộc Y-sơ-ra-ên, những ai hết lòng tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã dâng tế lễ cho Giê-hô-va.
2 Chronicles 11:17
Những người dân thuộc các chi tộc của Y-sơ-ra-ên đã làm gì để khiến Rô-bô-am và vương quốc Giu-đa được cường thịnh?
Trong các bộ tộc Y-sơ-ra-ên, những ai hết lòng tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên dâng tế lễ cho Giê-hô-va.
2 Chronicles 11:22
Một cách mà Rô-bô-am đã cai trị khôn khéo là gì?
Rô-bô-am đã cai trị khôn khéo khi phân tán các con trai mình đi khắp các thành vững chắc trong toàn cõi Giu-đa và Bên-gia-min.
2 Chronicles 11:23
Một cách mà Rô-bô-am đã cai trị khôn khéo là gì?
Rô-bô-am đã cai trị khôn khéo khi phân tán các con trai mình đi khắp các thành vững chắc trong toàn cõi Giu-đa và Bên-gia-min.

Chapter 12

2 Chronicles 12:1
Nó xảy ra, khi
"Nó xảy ra" đánh dấu một thời điểm đặc trong câu chuyện.
AT: "Ở vào lúc mà"
Và khắp dân Y-sơ-ra-ên ở cùng người
AT: "và cả dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa theo người trong tội lỗi của người." Y-sơ-ra-ên cũng bao gồm Giu-đa ở đây. (See:)
2 Chronicles 12:2
Thông tin Tổng quát:
See:
Vây đánh
AT: "đến tấn công"
Vô số quân lính
AT: "nhiều lính"
2 Chronicles 12:5
Thông tin Tổng quát:
See:
Vì ta cũng để các ngươi vào tay của Si-sắc
AT: "vì ta đã để các ngươi vào tay Si-sắc làm tù binh" (See:)
2 Chronicles 12:7
Họ đã hạ mình
AT: "vua và các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên đã hạ mình," – Vua và các lãnh đạo được tượng trưng cho toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên.
Lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va phán lời của Ngài." Xem bản dịch này trong [2CH 11:2]
Ta sẽ giải cứu chúng một chút
AT: "ta sẽ cứu chúng khỏi sự hủy diệt hoàn toàn"
Cơn giận của ta sẽ không đổ ra trên Giê-ru-sa-lem
AT: "ta sẽ không hoàn toàn nổi cơn giận của ta lên Giê-ru-sa-lem"
2 Chronicles 12:9
Phó chúng vào tay của các chỉ huy
AT: "đưa chúng vào tay của các chỉ huy"
2 Chronicles 12:11
Nó xảy ra bất cứ khi nào
Đánh dấu thời điểm đặc biệt trong câu chuyện. Nhiều ngôn ngữ có cách đánh dấu nhóm thời gian này.
Cơn giận của Đức Giê-hô-va tránh khỏi người, để không hoàn toàn hủy diệt người
AT: "Đức Giê-hô-va không còn giận người nữa, không hoàn toàn hủy diệt người"
Bên cạnh đó
"hơn nữa"
2 Chronicles 12:13
Để danh Ngài đặt tại đó
AT: "để Ngài sẽ luôn vinh hiển tại đó."
Ông không sửa đổi lòng mình để tìm kiếm Đức Giê-hô-va
AT: "ông đã không ước mong và tin cậy để vâng phục Chúa"

Translation Questions

2 Chronicles 12:1
Khi sự cai trị của Rô-bô-am được thiết lập thì vua đã làm một việc sai lầm là gì?
Rô-bô-am và toàn Y-sơ-ra-ên đều từ bỏ luật pháp của Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 12:2
Tại sao Si-sắc, vua Ai Cập, đi lên đánh Giê-ru-sa-lem?
Si-sắc đi lên đánh Giê-ru-sa-lem bởi vì dân sự đã bất trung với Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 12:5
Phản ứng của Rô-bô-am và những nhà lãnh đạo Giu-đa ra sao khi tiên tri Sê-ma-gia nói với họ rằng họ đã bị nộp vào tay Si-sắc bởi vì họ đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va?
Rô-bô-am và những nhà lãnh đạo Giu-đa đều hạ mình xuống mà nói rằng: “Đức Giê-hô-va là công chính.”.
2 Chronicles 12:6
Phản ứng của Rô-bô-am và những nhà lãnh đạo Giu-đa ra sao khi tiên tri Sê-ma-gia nói với họ rằng họ đã bị nộp vào tay Si-sắc bởi vì họ đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va?
Rô-bô-am và những nhà lãnh đạo Giu-đa đều hạ mình xuống mà nói rằng: “Đức Giê-hô-va là công chính.”.
2 Chronicles 12:7
Đức Giê-hô-va đã phản ứng ra sao khi Ngài thấy rằng Rô-bô-am và những nhà lãnh đạo Giu-đa đã hạ mình?
Đức Giê-hô-va đã giải cứu họ một phần, nhưng vẫn để họ trở thành đầy tớ dưới quyền Si-sắc.
2 Chronicles 12:8
Tại sao Đức Giê-hô-va để cho những nhà lãnh đạo Giu-đa trở thành những đầy tớ của Si-sắc?
Đức Giê-hô-va đã để họ trở thành đầy tớ của Si-sắc đặng họ có thể hiểu được thế nào là phục vụ Ngài và thế nào là phục dịch vua chúa của các nước khác.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Chronicles 12:9

Si-sắc đã lấy những gì từ Giê-ru-sa-lem?

Si-sắc chiếm đoạt các báu vật trong đền thờ Đức Giê-hô-va và trong cung vua took away the treasures trong đền thờ của Đức Giê-hô-va, kể cả những khiên bằng vàng mà Sa-lô-môn đã làm.

2 Chronicles 12:12

Tại sao cơn giận của Đức Giê-hô-va quay khỏi vua Rô-bô-am?

Cơn giận của Đức Giê-hô-va đã quay khỏi vua bởi vì Rô-bô-am hạ mình và Giu-đa cũng còn có những điều tốt lành.

2 Chronicles 12:13

Tại sao Kinh Thánh ghi lại rằng: "Vua Rô-bô-am đã làm điều ác"?

Kinh Thánh ghi lại rằng vua Rô-bô-am đã làm điều ác bởi vì vua không sửa lòng mình đặng tìm kiếm Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 12:14

Tại sao Kinh Thánh ghi lại rằng: "Vua Rô-bô-am đã làm điều ác"?

Kinh Thánh ghi lại rằng vua Rô-bô-am đã làm điều ác bởi vì vua không sửa lòng mình đặng tìm kiếm Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 12:16

Chuyện gì đã xảy ra sau khi Rô-bô-am chết và được chôn cất tại Giê-ru-sa-lem?

A-bi-gia, con trai người, lên làm vua thế cho người.

Chapter 13

2 Chronicles 13:1

Ma-a-ca, con gái của U-ri-ê người Ghi-bê-a

2 Chronicles 13:4

Núi Xê-ma-ra-im

Ngươi không biết...giao ước?

AT: "Ngươi biết rõ...giao ước."

2 Chronicles 13:6

Con trai của Nê-bát

Những người hèn hạ

AT: "những người đồi bại, xấu xa"

Cùng với người

AT: "đi cùng với Giê-rô-bô-am"

2 Chronicles 13:8

Con bò vàng mà Giê-rô-bô-am làm bằng vàng

Điều này nói đến các thần tượng.

Ngươi đã không đuổi...người Lê-vi?

AT: "người đã đuổi...người Lê-vi."

Ngươi đã không làm...xứ?

AT: "ngươi đã làm...xứ."

Bất kì ai đến dâng con bò đực tơ và bảy con chiên đực sẽ trở thành thầy tế lễ của những thứ không phải là thần

AT: "bất kì ai dâng một con bò đực tơ và bảy con chiên sẽ trở thành thầy tế lễ của những con bò đực tơ, chứ không phải thần."

2 Chronicles 13:10

Những ai ở phần việc của họ

AT: "ai đang làm việc"

Bánh của sự hiện diện

“Bánh của sự hiện diện” là một loại bánh đặc biệt được làm ra để tượng trưng cho sự có mặt của Chúa và sự giao hảo của Ngài với dân Ngài.

Họ cũng gìn giữ chân đèn

AT: "họ cũng chăm sóc chân đèn"

2 Chronicles 13:12

Không chống lại Đức Giê-hô-va

AT: "không nổi loạn cùng Đức Giê-hô-va"

2 Chronicles 13:13

Phục kích phía sau họ

AT: "bất ngờ tấn công phía sau đội quân Giu-đa"

Phục kích ở sau họ

AT: "bất ngờ tấn công đội quân của Giu-đa"

Khóc than cùng Đức Giê-hô-va

AT: "kêu cầu lớn tiếng cùng Đức Giê-hô-va"

Xảy ra khi Chúa đánh

AT: "Chúa đánh"

2 Chronicles 13:16

500,000

See:

Translation Questions

2 Chronicles 13:2

A-bi-gia đánh chiến với ai?

A-bi-gia đánh chiến với Giê-rô-bô-am.

2 Chronicles 13:4

Núi Xê-ma-ra-im nằm ở đâu?

Núi Xê-ma-ra-im nằm ở trong miền núi Ép-ra-im.

2 Chronicles 13:7

Ai hiệp lại cùng Giê-rô-bô-am?

Những kẻ du đãng, côn đồ đều hiệp lại cùng Giê-rô-bô-am.

2 Chronicles 13:8

Theo A-bi-gia, ai đã tuyên bố rằng mình có thể chống lại quyền cai trị mạnh mẽ của Đức Giê-hô-va?

Theo A-bi-gia, Giê-rô-bô-am tuyên bố rằng mình có thể chống lại quyền cai trị mạnh mẽ của Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 13:10

Ai đã không lìa bỏ Đức Giê-hô-va?

Nước của A-bi-gia, tức là nước Giu-đa, không hề lìa bỏ Ngài.

2 Chronicles 13:12

Những người nào sẽ thất bại nếu nọ đánh chiến cùng Đức Giê-hô-va?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ thất bại nếu nọ đánh chiến cùng Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 13:13

Kế hoạch của Giê-rô-bô-am cho cuộc chiến nầy là gì?

Giê-rô-bô-am đã bố trí quân mai phục phía sau họ, quân đội của ông ở trước Giu-đa, và quân mai phục ở phía sau họ.

2 Chronicles 13:18

Tại sao dân Giu-đa lại thắng?

Dân Giu-đa đã thắng bởi vì họ tin cậy nơi Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 13:20

Giê-rô-bô-am đã chết thể nào?

Đức Giê-hô-va đánh người và người chết.

Chapter 14

2 Chronicles 14:1

A-bi-gia yên nghỉ cùng tổ phụ của ông

AT: "A-bi-gia chết"

Trong những ngày của ông

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

AT: "trong suốt triều đại của ông"
Xứ yên ổn mười năm
AT: "có sự yên bình trong xứ trong mười năm"
Trong mắt của Đức Giê-hô-va Chúa người
AT: "theo như Đức Giê-hô-va"
2 Chronicles 14:5
Ngài cũng cất dọn những nơi cao và bàn thờ dâng hương khỏi các thành của Giu-đa
AT: "Hết thảy các đền và bàn thờ được dùng thờ phượng các thần giả ở Giu-đa bị hủy diệt"
2 Chronicles 14:7
Thông tin Tổng quát:
See:
A-sa nói với Giu-đa
AT: "A-sa nói với dân của Giu-đa" (See:)
Chúng tôi đã tìm kiếm Đức Giê-hô-va Chúa của chúng tôi
AT: "chúng tôi đã kêu cầu Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi đặng giúp chúng tôi"
2 Chronicles 14:9
Thông tin Tổng quát:
See: and
Ma-rê-sa
Đây là thành của Giu-đa.
Không để người nào đánh bại ngươi
AT: "không để một người khác đánh bại dân của ngươi"
2 Chronicles 14:12
Những người Ê-thi-ô-bi ngã
AT: "những người Ê-thi-ô-bi chết"

Translation Questions

2 Chronicles 14:2
Những việc làm nào của A-sa là bằng chứng cho thấy ông làm điều thiện và ngay thẳng dưới mắt Giê-hô-va?
A-sa đã dẹp bỏ các bàn thờ của thần ngoại bang và những miếu thờ, đập bể các trụ thờ và phá hủy các tượng A-sê-ra.
2 Chronicles 14:3
Những việc làm nào của A-sa là bằng chứng cho thấy ông làm điều thiện và ngay thẳng dưới mắt Giê-hô-va?
A-sa đã dẹp bỏ các bàn thờ của thần ngoại bang và những miếu thờ, đập bể các trụ thờ và phá hủy các tượng A-sê-ra.
2 Chronicles 14:5
Tại sao trong thời trị vì của A-sa thì cả xứ được hòa bình và không hề có chiến tranh?
Trong thời trị vì của A-sa thì cả xứ được hòa bình và không hề có chiến tranh bởi vì Đức Giê-hô-va đã ban hòa bình cho người.
2 Chronicles 14:6
Tại sao trong thời trị vì của A-sa thì cả xứ được hòa bình và không hề có chiến tranh?
Trong thời trị vì của A-sa thì cả xứ được hòa bình và không hề có chiến tranh bởi vì Đức Giê-hô-va đã ban hòa bình cho người.
2 Chronicles 14:7
Tại sao A-sa lại lên kế hoạch xây dựng những thành có tường thành?
A-sa lên kế hoạch xây dựng những thành có tường thành bởi vì Đức Giê-hô-va đã ban cho họ xứ đó và bình an mọi bề.
2 Chronicles 14:9
Phản ứng của A-sa ra sao khi đội quân hùng mạnh của Xê-rách, người Cút đến đánh dân Y-sơ-ra-ên?
A-sa kêu cầu xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ khi nhận biết rằng ông và đội quân của ông sẽ nhân danh Đức Giê-hô-va mà đánh trận với đội quân hùng mạnh của Xê-rách.
2 Chronicles 14:11
Phản ứng của A-sa ra sao khi đội quân hùng mạnh của Xê-rách, người Cút đến đánh dân Y-sơ-ra-ên?
A-sa kêu cầu xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ khi nhận biết rằng ông và đội quân của ông sẽ nhân danh Đức Giê-hô-va mà đánh trận với đội quân hùng mạnh của Xê-rách.
2 Chronicles 14:12
Ai đã đánh người Ê-thi-ô-pi trước A-sa và Giu-đa?
Đức Giê-hô-va đã đánh người Ê-thi-ô-pi trước A-sa và Giu-đa.
2 Chronicles 14:14
Đội quân nầy đã làm gì đối với những làng mạc quanh Ghê-ra?
Đội quân đó đã phá hủy và cướp bóc những làng mạc quanh Ghê-ra.

Chapter 15

2 Chronicles 15:1
Thần của Chúa đến cùng A-xa-ria
AT: "Thần của Chúa ban cho A-xa-ria khả năng nói tiên tri"
Ô-đết
2 Chronicles 15:3
Y-sơ-ra-ên không có Chúa thật
Y-sơ-ra-ên đã không còn vâng lời Chúa.
Không có sự dạy dỗ của thầy tế lễ
AT: "không thầy tế lễ nào có khả năng dạy dỗ họ"
Thì họ thấy được Ngài
AT: "Chúa đáp lại sự tìm kiếm của dân Y-sơ-ra-ên dành cho Ngài."
2 Chronicles 15:6
Chúng vỡ thành từng mảnh, nước này chống nước kia, thành này chống lại thành kia
AT: "Họ bị đánh bại bởi dân và các thành khác"
2 Chronicles 15:8
Lời tiên tri của tiên tri Ô-đết
Trong nhiều bản dịch, bao gồm bản UDB, đã chuyển thành văn nói, “tiên tri của A-xa-ria, con trai của tiên Ô-đết." Họ làm vậy để cùng nghĩa với 2CH 15:1. Các dịch thuật có thể làm cách tương với bản dịch của họ.
Xua đuổi những điều gớm ghiếc
AT: "dọn dẹp những thần tượng"
Đức Giê-hô-va Chúa ở cùng người
AT: "Đức Giê-hô-va đang giúp người"
2 Chronicles 15:10
Vậy họ nhóm lại cùng nhau
"Họ" ở đây kể đến các chi phái của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên ở cùng A-sa.
Tháng thứ ba
Đâu là tháng thứ ba theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Năm và đầu tháng Sáu theo lịch phương Tây.
Thứ ba...thứ mười lăm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

See:
Xem cách dịch này trong Sử kí II 15:4
Bảy trăm…bảy nghìn
"700 ... 7,000"
2 Chronicles 15:12
Hết cả lòng người và hết tâm hồn người
AT: "hoàn toàn và thành tâm"
Xử chết
AT: "bị giết"
2 Chronicles 15:14
Họ tìm thấy Ngài
Mọi người Giu-đa vui mừng
AT: "Nhiều người sống ở Giu-đa vui mừng"
2 Chronicles 15:16
Thông tin Tổng quát:
See:
Hình tượng gớm ghiếc
AT: "thần tượng"
Lòng của A-sa dâng trọn trong suốt những ngày của ông
AT: "A-sa vâng lời và theo Đức Giê-hô-va trọn cuộc đời ông"

Translation Questions

2 Chronicles 15:1
A-xa-ria đã chuyển cho vua A-sa thông điệp nào từ Đức Chúa Trời?
Thông điệp nầy ấy là nếu A-sa theo Đức Giê-hô-va thì Đức Giê-hô-va ở cùng A-sa,nhưng nếu A-sa lìa bỏ Đức Chúa Trời thì Đức Giê-hô-va sẽ lìa bỏ A-sa.
2 Chronicles 15:2
A-xa-ria đã chuyển cho vua A-sa thông điệp nào từ Đức Chúa Trời?
Thông điệp nầy ấy là nếu A-sa theo Đức Giê-hô-va thì Đức Giê-hô-va ở cùng A-sa,nhưng nếu A-sa lìa bỏ Đức Chúa Trời thì Đức Giê-hô-va sẽ lìa bỏ A-sa.
2 Chronicles 15:3
Y-sơ-ra-ên đã không có điều gì trong một thời gian dài?
Đã lâu nay, Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời thật, không có thầy tế lễ dạy dỗ,
cũng chẳng có luật pháp.
2 Chronicles 15:5
Trong những lúc nầy, có điều gì xảy đến trên hết thảy dân cư của những xứ nầy?
Trong những lúc nầy, cả cư dân các nước đều rối loạn.
2 Chronicles 15:6
Đức Chúa Trời khuấy rối dân xứ đó ra sao?
Đức Chúa Trời Đức Chúa Trời khuấy rối dân xứ đó bằng đủ mọi thứ khổ nạn.
2 Chronicles 15:8
A-sa đã xây sửa lại gì khi ông nghe thấy thông điệp nầy từ vị tiên tri?
A-sa sửa lại bàn thờ của Đức Giê-hô-va khi ông nghe thấy xứ điệp của nhà tiên tri.
2 Chronicles 15:9
Tại sao có nhiều người từ Ép-ra-im, Ma-na-se và Si-mê-ôn đến theo vua A-sa?
Họ đến bởi vì họ nhận thấy rằng Đức Giê-hô-va ở cùng vua A-sa.
2 Chronicles 15:12
Dân sự đã lập một giao ước sẽ làm gì?
Dân sự đã lập một giao ước sẽ hết lòng, hết linh hồn mà tìm kiếm Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 15:13
Chuyện gì sẽ xảy ra cho những người không chịu tìm kiếm Đức Giê-hô-va?
Những người không chịu tìm kiếm Đức Giê-hô-va sẽ bị xử tử.
2 Chronicles 15:15
Đức Giê-hô-va đã ban cho dân sự điều gì sau khi sau khi họ hết lòng thề nguyện cùng Ngài?
Đức Giê-hô-va ban cho dân sự được yên ổn mọi bề.
2 Chronicles 15:17
Tấm lòng của vua A-sa ra sao?
Trọn đời mình, A-sa hết lòng với Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 15:19
Điều gì đã không xảy ra cho đến năm trị vì thứ ba mươi lăm của A-sa?
Sẽ không có chiến tranh cho đến năm trị vì thứ ba mươi lăm của A-sa.

Chapter 16

2 Chronicles 16:1
Xây dựng Ra-ma
Ở đây “xây dựng” nghĩa là xây tường quanh thành phố để phòng thủ khỏi những kẻ tấn công.
2 Chronicles 16:2
Bên Ha-đát
Để tôi yên
AT: "đừng tấn công tôi" (See:)
2 Chronicles 16:4
Gửi những chỉ huy người chống lại các thành
"gửi những đội quân của người tấn công các thành"
Y-giôn, Đan, A-bên Ma-im…các kho thành Nép-ta-li
Đây là các thành ở Y-sơ-ra-ên.
Để công việc của người ngưng
"ông lệnh cho quân của mình ngừng củng cố Ra-ma và làm công việc khác ở đây. "
Gỗ xây cất
Gỗ xây cất thường là các khúc gỗ lớn được dùng xây nhà hoặc tường.
2 Chronicles 16:7
Ha-na-ni
Dân Ê-thi-ô-bi và dân Li-ban không phải là đội quân lớn sao, có rất nhiều xe và kỵ binh?
AT: "dân Ê-thi-ô-bi và Li-ban là đội quân lớn, cùng nhiều xe và kỵ binh."
2 Chronicles 16:9
Mắt của Đức Giê-hô-va
AT: "Đức Giê-hô-va thấy mọi việc đang diễn ra trên toàn trái đất."
Vì Chúa bày tỏ chính Ngài cho ai nhân danh
AT: "Đức Giê-hô-va bảo vệ bằng sức mạnh của Ngài"
Lòng những ai hoàn toàn hướng về Ngài
AT: "những ai hoàn toàn đi theo Ngài"
2 Chronicles 16:11
Từ đầu đến cuối
AT: "mọi điều người đã làm"
Sách các Vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên
Đây là sách không còn tồn tại.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

A-sa bị bệnh ở chân người
AT: "A-sa đã bị bệnh ở chân người"
2 Chronicles 16:13
A-sa yên nghỉ với tổ phụ của người
AT: "A-sa chết."
Kiệu khiêng
Kiệu khiêng là một cái bàn để đặt xác người chết được đặt ở quan tài.
Mùi thơm cùng nhiều hương liệu được chuẩn bị bởi các thợ điều chế
Đặt những cây cỏ có mùi thơm trên xác người chết là một trong những tục lệ mai táng của người Y-sơ-ra-ên. AT: “cây cỏ có mùi thơm được chuẩn bị bởi các thợ trong phong tục này"

Translation Questions

2 Chronicles 16:1
Tại sao Ba-ê-sa, vua Y-sơ-ra-ên, lại xông xáo chống nghịch với Giu-đa bằng cách xây dựng đồn lũy Ra-ma?
Ba-ê-sa xông xáo như vậy để ông không để cho bất cứ người nào ra vào xứ của A-sa.
2 Chronicles 16:2
Tại sao A-sa lại đem bạc và vàng ra khỏi kho và gửi nó đến Bên-Ha-đát, vua Sy-ri?
A-sa gửi số bạc và vàng đó đến cho Bên Ha-đát để khích lệ người đi hủy ước của ông với Ba-ê-sa, vua Y-sơ-ra-ên và thiết lập một hiệp ước với A-sa.
2 Chronicles 16:3
Tại sao A-sa lại đem bạc và vàng ra khỏi kho và gửi nó đến Bên-Ha-đát, vua Sy-ri?
A-sa gửi số bạc và vàng đó đến cho Bên Ha-đát để khích lệ người đi hủy ước của ông với Ba-ê-sa, vua Y-sơ-ra-ên và thiết lập một hiệp ước với A-sa.
Tại sao A-sa muốn Bên Ha-đát hủy ước của ông với Ba-ê-sa?
A-sa muốn Bên Ha-đát hủy ước của ông với Ba-ê-sa để Ba-ê-sa sẽ để yên cho A-sa.
2 Chronicles 16:4
Chuyện gì đã xảy ra khi Ba-ê-sa thôi xây đồn Ra-ma vì những cuộc tấn công của Bên Ha-đát?
A-sa và toàn Giu-đa lấy đem đi đá và gỗ mà Ba-ê-sa đã dùng xây cất Ra-ma rồi A-sa dùng đồ ấy xây cất Ghê-ba và Mích-ba.
2 Chronicles 16:6
Chuyện gì đã xảy ra khi Ba-ê-sa thôi xây đồn Ra-ma vì những cuộc tấn công của Bên Ha-đát?
A-sa và toàn Giu-đa lấy đem đi đá và gỗ mà Ba-ê-sa đã dùng xây cất Ra-ma rồi A-sa dùng đồ ấy xây cất Ghê-ba và Mích-ba.
2 Chronicles 16:7
Tại sao đấng tiên kiến Ha-na-ni lại quở trách A-sa?
Ha-na-ni quở tráchd A-sa bởi vì ông đã nương cậy nơi hiệp ước với vua A-ram thay vì nương cậy nơi Giê-hô-va khi ông đánh người Ê-thi-ô-pi.
2 Chronicles 16:8
Tại sao đấng tiên kiến Ha-na-ni lại quở trách A-sa?
Ha-na-ni quở tráchd A-sa bởi vì ông đã nương cậy nơi hiệp ước với vua A-ram thay vì nương cậy nơi Giê-hô-va khi ông đánh người Ê-thi-ô-pi.
2 Chronicles 16:9
Tại sao mắt Đức Giê-hô-va soi xét khắp thế gian?
Con mắt Đức Giê-hô-va soi xét khắp mọi nơi để bày tỏ quyền lực vô song của Ngài thay cho những người có lòng trọn thành đối với Ngài.
2 Chronicles 16:10
Phản ứng của A-sa ra sao trước lời quở trách của Ha-na-ni?
A-sa nổi giận cùng Ha-na-ni và tống người vào tù.
2 Chronicles 16:12
A-sa đã phản ứng ra sao trước bệnh tình trầm trọng ở chân của mình?
A-sa không tìm kiếm Chúa, nhưng chỉ nhờ các y sĩ cứu chữa.
2 Chronicles 16:14
Sau sự chết của mình, A-sa đã được tôn trọng ra sao?
Dân sự đặt thi hài ông trên một cái giường đầy hương liệu và xông hương cho người rất nhiều để tôn trọng người.

Chapter 17

2 Chronicles 17:1
Sức mạnh của chính người chống lại Y-sơ-ra-ên
Khái niệm “chính người” được hiểu là đội quân của vua. AT: “chuẩn bị cho đội quân có khả năng đánh bại Y-sơ-ra-ên"
Đồn
Các chỗ đóng trại quân sự để bảo vệ.
2 Chronicles 17:3
Người đi theo đường lối đầu tiên của cha người
Cách cư xử được kể đến như thể nó đang bước đi. AT: “sống trong đường lối ngay thẳng của tổ phụ ngươi"
Không thỉnh cầu Ba-anh
Không thờ phượng các thần Ba-anh để thỉnh cầu giúp đỡ từ chúng.
2 Chronicles 17:5
Các cột của A-sê-ra
Xem bản dịch này trong 2CH 14:3
2 Chronicles 17:7
Trong năm thứ ba
Bên-Hai, Ô-ba-đia, Xa-cha-ri, Na-tha-na-ên, và Mi-ca-gia…Sê-ma-gia, Nê-tha-nia, Xê-ba-đia, A-sa-ên, Sê-mi-ra-mốt, Giô-na-than, A-đôn-ni-gia, Tô-bi-gia, và Tô-ba-đô-ni-gia…Ê-li-sa-ma và Giê-hô-ram
Đây là tên của người nam.
2 Chronicles 17:10
Sự kinh hãi của Đức Giê-hô-va giáng trên các vương quốc trên xứ
AT: "Các dân trong xứ xung quanh Giu-đa trở nên sợ hãi những gì Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ"
2 Chronicles 17:14
Át-na…Giê-hô-ha-nan…A-ma-sia con trai của Xiếc-ri
300,000 ... 280,000 ... 200,000

Translation Questions

2 Chronicles 17:2
Giô-sa-phát đã bố trí các lực lượng quân đội ở đâu?
Giô-sa-phát bố trí nhiều lực lượng phòng thủ tại tất cả các thành kiên cố

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trong đất nước Giu-đa.
2 Chronicles 17:3
Tại sao Đức Giê-hô-va ở cùng Giô-sa-phát?
Đức Giê-hô-va ở cùng Giô-sa-phát bởi vì vua theo đúng đường lối đầu tiên của Đa-vít, tổ phụ mình.
2 Chronicles 17:4
Giô-sa-phát đã không bước đi theo đường lối của ai, vì ông vâng giữ các mạng lệnh của Đức Chúa Trời?
Ông đã vâng giữ các mạng lệnh của Đức Chúa Trời, không bước đi theo cách sống của Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 17:6
Lòng Giô-sa-phát đã định trí ở đâu?
Lòng Giô-sa-phát kiên định trên đường lỗi của Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 17:9
Cac viên quan và người Lê-vi và các thầy tế lễ đã dùng sách nào khi họ dạy dỗ tại Giu-đa?
Họ dùng sách luật pháp của Đức Giê-hô-va để dạy dỗ tại Giu-đa.
2 Chronicles 17:10
Những nước lân bang Giu-đa đã không làm gì bởi vì nỗi khiếp sợ Đức Giê-hô-va giáng trên họ?
Nỗi khiếp sợ Đức Giê-hô-va giáng trên các nước lân bang của Giu-đa đến nỗi họ không gây chiến nghịch cùng Giô-sa-phát.
2 Chronicles 17:12
Hai công trình mà Giô-sa-phát đã xây dựng tại Giu-đa là gì?
Giô-sa-phát đã xây dựng các chiến lũy và các thành phố dùng làm kho tàng trong đất nước Giu-đa.
2 Chronicles 17:16
A-ma-sia, con trai Xiếc-ri, đã sẵn lòng dâng điều gì?
A-ma-sia đã sẵn lòng dâng mình hầu việc Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 17:17
Ê-li-a-đa đến từ Bên-gia-min là loại người như thế nào?
Ê-li-a-đa là một mạnh dạn.

Chapter 18
2 Chronicles 18:1
Ông kết thông gia với A-háp
AT: "ông làm sui gia với A-háp" hoặc "ông kết bạn với A-háp"
Tôi giống người, và dân của tôi cũng sẽ giống người
Giô-sa-phát đang thể hiện lòng trung thành với A-háp. AT: “Tôi để chính tôi và quân của tôi cho người sử dụng tùy ý."
2 Chronicles 18:6
Ở đây không có…khuyên sao?
"Tôi chắc ở đây có ở đây…khuyên bảo."
Mi-cai-a con trai của Im-la
Ông là tiên tri của Chúa.
2 Chronicles 18:9
Con trai của Kê-na-na
Các sừng bằng sắt
Điều này nói đến sừng của con bò nhưng chúng được làm bằng sắt
Ngươi sẽ đuổi theo dân A-ram đến khi chúng bị tiêu diệt
AT: "ngươi sẽ đánh bại chúng"
Đức Giê-hô-va đã ban nó vào tay vua
AT: "Đức Giê-hô-va sẽ ban cho người chiến thắng"
2 Chronicles 18:12
Mi-cai-a
Xem bãn dịch này trong 2CH 17:7
Để những lời của ngươi
Điều này nói đến toàn bộ sứ điệp của tiên tri.
Cùng một miệng
AT: "cùng một ý kiến" hoặc "họ cùng đồng ý"
Đức Giê-hô-va hằng sống
AT: "tôi bảo đảm với người"
Hoặc không
"hoặc chúng ta không đi"
2 Chronicles 18:15
Bao nhiêu lần ta bắt ngươi phải nhân danh không nói điều chi khác ngoài sự thật?
AT: "ta bắt ngươi chỉ nói sự thật trong danh Đức Giê-hô-va"
Như cừu không người chăn
AT: "không có người lãnh đạo"
2 Chronicles 18:17
Tôi đã không nói với người rằng ông ta không tiên tri điều gì tốt về tôi, toàn điều dữ sao?
AT: "Tôi đã nói với người rằng ông ta sẽ tiên đoán tai họa sẽ xảy ra với tôi"
2 Chronicles 18:19
Dụ dỗ
Điều này có nghĩa là lôi cuốn bằng đề nghị một điều gì hấp dẫn.
té
AT: "bị trọng thương" hoặc "chết"
Kẻ nói thế này, người nói thế khác
Điều này kể đến có nhiều hơn một ý kiến.
2 Chronicles 18:20
Thần dối từ trong miệng của các tiên tri của người
AT: "một thần làm các tiên tri nói dối"
2 Chronicles 18:22
Định tai họa cho ngươi
AT: "định những điều kinh khủng sẽ xảy ra với ngươi"
2 Chronicles 18:23
Sê-đê-kia con trai của Kê-na-na
Đây không phải cùng một Sê-đê-kia được đề cập ở trên, nhưng là một tiên tri trung thành với A-háp
Thần của Đức Giê-hô-va đã đi đường khỏi tôi để nói với người?
AT: Thần của Chúa đã không rời tôi mà nói với người"
Lúc mà ngươi sẽ chạy trong các phòng để trốn
AT: "lúc ngươi chạy, trong sợ hãi, để trốn"
2 Chronicles 18:25
Vua của Y-sơ-ra-ên
Điều này nhắc đến A-háp.
A-môn
Nếu ngươi trở lại an toàn, thì Đức Giê-hô-va đã không phán bởi tôi
Mi-cai-a biết Đức Giê-hô-va đã phán qua ông.
2 Chronicles 18:28
Tiến đánh
AT: "chống lại"
Ra-mốt Ga-la-át
Xem bản dịch này trong 2CH 18:2
Cải trang
Điều này có nghĩa là thay đổi vẻ bề ngoài thông thường để

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không nhận ra.
Đừng tấn công người lính nào dù quan trọng hay không
AT: "đừng tấn công bất kì người lính nào"
2 Chronicles 18:31
Đó là vua của Y-sơ-ra-ên
Giô-sa-phát bị nhận nhầm là vua Y-sơ-ra-ên bởi vì A-háp đã nhất định đòi mặc áo vua.
Chúa đã đi khiến họ rời khỏi ông
AT: "Chúa khiến họ ngừng đuổi theo ông."
2 Chronicles 18:33
Giữa mối nối của áo giáp của người
Đây là nơi giữa hai mảnh áo giáp gặp nhau và dễ bị thương bởi mũi tên và kiếm.

Translation Questions

2 Chronicles 18:1
Giô-sa-phát đã kết thông gia với A-háp bằng cách nào?
Giô-sa-phát đã kết thông gia với A-háp bằng cách cho một người trong gia đình người cưới con gái mình.
2 Chronicles 18:4
Giô-sa-phát đã bảo vua Y-sơ-ra-ên làm gì để tìm ra câu trả lời?
Giô-sa-phát đã bảo vua Y-sơ-ra-ên: "Xin vua hãy cầu vấn Đức Giê-hô-va trước đã để co câu trả lời".
2 Chronicles 18:7
Tại sao vua Y-sơ-ra-ên ghét Mi-chê con trai Giêm-la?
Vua Y-sơ-ra-ên ghét Mi-chê bởi vì vì người không hề nói tiên tri tốt lành về vua, những chỉ nói những điều dữ.
2 Chronicles 18:11
Các tiên tri ấy nói rằng ai sẽ phó Ra-mốt tại Ga-la-át vào tay vua?
Họ đều nói tiên tri rằng Đức Giê-hô-va đã phó Ra-mốt tại Ga-la-át vào tay vua.
2 Chronicles 18:12
Sứ giả đã báo cho Mi-chê điều gì về những lời tiên đoán mà các tiên tri ấy đã tuyên bố về vua?
Sứ giả đã báo cho Mi-chê rằng những nhà tiên tri ấy đều đồng thanh tuyên bố những điều tốt lành cho vua.
2 Chronicles 18:16
Mi-chê đã so sánh Y-sơ-ra-ên với điều gì khi ông thấy họ bị tản lạc trên các núi?
Mi-chê nói rằng ông thấy toàn Y-sơ-ra-ên bị tản lạc trên các núi như bầy chiên không có người chăn.
2 Chronicles 18:18
Khi Mi-chê thấy Đức Giê-hô-va ngự trên ngôi Ngài thì các đạo binh trên trời thì ở đâu?
Mi-chê thấy Đức Giê-hô-va ngự trên ngôi Ngài còn các đạo binh trên trời thì đứng chầu bên phải và bên trái Ngài.
2 Chronicles 18:19
Đức Giê-hô-va đòi hỏi điều gì sẽ xảy ra khi A-háp đi lên đến Ra-mốt tại Ga-la-át?
Đức Giê-hô-va đòi phải có một người đi dụ A-háp, vua Y-sơ-ra-ên, để người đi lên Ra-mốt Ga-la-át để ngã chết tại đó.
2 Chronicles 18:21
Thần sẽ đi ra làm thần nói dối cho ai?
Thần nói rằng người sẽ đi ra làm thần nói dối trong miệng các nhà tiên tri của A-háp.
2 Chronicles 18:22
Mi-chê nói rằng Đức Giê-hô-va đã ra lệnh làm gì cho vua Y-sơ-ra-ên?
Mi-chê nói rằng Đức Giê-hô-va đã ra lệnh giáng họa trên vua.
2 Chronicles 18:26
Mi-chê đã ở đâu cho đến khi vua Y-sơ-ra-ên trở về an toàn?
Vua truyền bỏ tù người cho đến khi vua Y-sơ-ra-ên trở về an toàn.
2 Chronicles 18:27
nếu vua trở về an toàn, thì điều đó có ý nghĩa gì về những lời của Mi-chê?
Mi-chê nói rằng nếu vua trở về an toàn, thì hẳn Đức Giê-hô-va đã không dùng ông mà phán.
2 Chronicles 18:30
Vua A-ram ra lệnh cho các viên quan chỉ huy phải tấn công ai?
Vua A-ram ra lệnh cho các viên quan chỉ huy chiến xa không được tấn công quân lính, nhưng thay vào đó chỉ tấn công mình vua Y-sơ-ra-ên mà thôi.
2 Chronicles 18:32
Các quan chỉ huy đã làm gì khi họ nhận ra Giô-sa-phát không phải là vua Y-sơ-ra-ên?
Khi các quan chỉ huy thấy người không phải là vua Y-sơ-ra-ên thì quay lại, không đuổi theo nữa.
2 Chronicles 18:34
A-háp đã chết vào thời gian nào trong ngày?
Khoảng vào lúc mặt trời lặn thì vua A-háp chết.

Chapter 19

2 Chronicles 19:1
Con trai của Ha-na-ni
Người chắc sẽ giúp kẻ ác sao? Người sẽ yêu những ai ghét Đức Giê-hô-va sao?
AT: "Người sẽ không giúp kẻ xấu! Người sẽ không yêu những ai ghét Đức Giê-hô-va!"
Các đền của A-sê-ra
Xem cách dịch này trong 2CH 14:3
Định lòng của người
AT: "kiên quyết"
2 Chronicles 19:4
Mang họ với Đức Giê-hô-va
AT: "gây dựng niềm tin của họ ở Đức Giê-hô-va"
2 Chronicles 19:6
Để sự sợ hãi của Đức Giê-hô-va trên ngươi
AT: "ngươi hãy nhớ đến sự sợ hãi Đức Giê-hô-va khi ngươi phán xét"
2 Chronicles 19:8
Nhà tổ phụ của Y-sơ-ra-ên
AT: "dòng dõi xưa của Y-sơ-ra-ên"
Giải quyết vụ kiện
AT: "giúp họ giải quyết các tranh cãi"
Hết cả lòng ngươi
2 Chronicles 19:10
Cơn giận sẽ xảy ra với ngươi và anh em ngươi
AT: "Chúa sẽ giận dữ với ngươi trước anh em ngươi"
2 Chronicles 19:11
A-ma-ria
Xê-ba-đia con trai của Ích-ma-ên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

2 Chronicles 19:3

Có điều gì tốt lành được tìm thấy trong lòng Giô-sa-phát?

Có một vài điều lành được tìm thấy ở Giô-sa-phát, rằng lòng vua tìm kiếm Đức Chúa Trời.

2 Chronicles 19:5

Giô-sa-phát đã đặt các quan xét ở đâu?

Giô-sa-phát đã đặt các quan xét trong xứ và trong tất cả các thành kiên cố của Giu-đa, từ thành nầy đến thành kia.

2 Chronicles 19:6

Giô-sa-phát nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ ở đâu khi các quan xét xét xử?

Ông đã nói với các quan xét rằng hat Đức Giê-hô-va ở cùng họ trong việc xét xử.

2 Chronicles 19:9

Giô-sa-phát nói rằng các quan xét ở Giê-ru-sa-lem phải có tấm lòng như thế nào trong sự kính sợ Đức Giê-hô-va?

Giô-sa-phát hướng dẫn họ rằng trong sự kính sợ Đức Giê-hô-va, phải xét xử công bằng, với một tấm lòng trọn vẹn.

2 Chronicles 19:10

Nếu dân sự không phạm tội nghịch cùngĐức Giê-hô-va thì điều gì sẽ không giáng xuống trên họ?

Dân sự được truyền dặn không được phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va, để cơn giận của Ngài không giáng trên họ.

2 Chronicles 19:11

Giô-sa-phát đã cầu nguyện rằng Đức Giê-hô-va ở cùng với ai?

Giô-sa-phát cầu nguyện để Đức Giê-hô-va sẽ ở cùng những người ngay lành.

Chapter 20

2 Chronicles 20:1

Người Mao-nít

Đây là nhóm dân có thể sống gần Ê-đôm, phía đông sông Giô-đanh.

Hát-sát-son Tha-ma

Đây cũng là tên gọi khác của Ên-Ghê-đi.

2 Chronicles 20:3

Để chính người

AT: "quyết định"

Tìm kiếm Đức Giê-hô-va

AT: "cố gắng để Chúa chú ý đến họ"

2 Chronicles 20:5

Ngài không phải là Chúa ở trên trời sao? Ngài không phải cai trị mọi nước của các dân sao?

AT: "Ngài thật là Chúa trên trời và cai trị mọi vua trên đất."

Sức mạnh và quyền năng trong tay Ngài

Các từ “sức mạnh” và “quyền năng” có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh sự vĩ đại của sức mạnh của Đức Giê-hô-va. Từ “tay” nói đến sự sở hữu. AT: “Ngài có quyền năng vĩ đại."

Ngài đã không đuổi dân ở xứ này trước dân Y-sơ-ra-ên, và vĩnh viễn ban nó cho dòng dõi của Áp-ra-ham?

AT: "Ngài đã đuổi những kẻ sống trong xứ này để dân sự Y-sơ-ra-ên của Ngài và những ai thuộc dòng dõi Áp-ra-ham được ban cho mãi mãi."

2 Chronicles 20:8

Danh Ngài ở trong nhà này

AT: "sự hiện diện của Ngài ở đây trong nhà này"

2 Chronicles 20:10

Núi Sê-i-rơ

Đây là nơi mà dân Ê-đôm sống.

Xem cách họ báo oán chúng tôi, họ đến và đuổi chúng tôi ra khỏi xứ của Ngài

AT: "Đây là cách họ “hoàn trả” chúng tôi bởi ơn mà tôi đã tỏ ra cho họ; họ đuổi chúng tôi ra khỏi xứ của người" See:

2 Chronicles 20:12

Người sẽ không xử họ sao?

AT: "xin hãy phân xử họ."

Mắt chúng tôi trong mong Ngài

AT: "Chúng tôi đợi Ngài giúp"

2 Chronicles 20:14

Thần của Đức Giê-hô-va đến

Xem bản dịch này trong 2CH 15:1

Gia-ha-xi-ên…Xa-cha-ri…Bê-na-gia…Giê-i-ên…Ma-tha-nia…A-sáp

Tên của những người nam

2 Chronicles 20:16

Tiến lên tấn công

AT: "đi đến" hoặc "đi đánh "

Vượt qua dốc Xít

Đây là thung lũng hẹp nằm giữa hai vùng núi ở phía đông nam của Giê-ru-sa-lem.

Sự giải cứu của Đức Giê-hô-va

Chúa sẽ đánh trận chiến và giải cứu dân

2 Chronicles 20:18

Toàn bộ Giu-đa

AT: "hết thảy người Giu-đa"

Người Kê-hát và người Cô-rê

2 Chronicles 20:20

Thê-cô-a

Đây là một thị trấn nhỏ ở phía nam Giê-ru-sa-lem

Ngài sẽ ủng hộ

AT: "Đức Giê-hô-va sẽ giúp ngươi"

Tin vào tiên tri của Ngài, thì ngươi sẽ thành công

AT: "Nếu ngươi tin vào tiên tri của Đức Giê-hô-va, thì ngươi sẽ thành công"

2 Chronicles 20:22

Núi Sê-i-rơ

Xem bản dịch này trong 2CH 20:10

Đặt họ vào mai phục

AT: "tấn công cách bất ngờ"

Để giết và hủy diệt toàn bộ chúng

Hai cụm từ này có nghĩa cơ bản giống nhau. Cụm từ thứ hai làm nổi bật cụm đầu. AT: “để hoàn toàn tiêu diệt chúng"

2 Chronicles 20:24

Bấy giờ, chúng đã chết

Đây là một điều bất ngờ. Toàn bộ kẻ thù đã bị tiêu diệt cùng nhau.

Chúng đã chết, ngã xuống

Cụm từ “ngã xuống” thuộc thành ngữ để nói đến “chúng đã chết." AT: "toàn bộ bọn chúng đều chết trên đất."

2 Chronicles 20:25

Đến ngày nay

Xem bản dịch này trong 2CH 5:9

2 Chronicles 20:27

Mỗi người nam ở Giu-đa và Giê-ru-sa-lem

Điều này nói đến mỗi người chiến đấu (See:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-hô-sa-phát làm lãnh đạo của họ
Vua Giê-hô-sa-phát đứng trước toàn bộ đội quân khi họ trở lại Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 20:29
Sự kinh hãi của Chúa giáng xuống các vương quốc của các dân
"Các vua trên các nước kinh khiếp Chúa"
Các vương quốc
Điều này nói đến bộ chính trị bởi một người cai trị.
2 Chronicles 20:31
A-xu-ba, con gái của Si-li
Bước đi trong các đường
AT: "theo gương của cha người"
Ông làm điều thiện trước mắt
Xem bản dịch này trong 2CH 14:2
2 Chronicles 20:34
Con trai của Ha-na-ni
Sách các Vua của Y-sơ-ra-ên
Xem bản dịch này trong 2CH 16:11
2 Chronicles 20:35
Các tàu
Những tàu này có thể di chuyển trên vùng nước rộng.
Ê-xi-ôn Ghê-be
Xem bản dịch này trong 2CH 8:17.
Ma-rê-sa
Xem bản dịch này trong 2CH 11:08.
Ê-li-ê-xe
Xem bản dịch cùng tên của những người nam khác 2CH 7:08.
Đô-đa-va
Tên của người nam

Translation Questions

2 Chronicles 20:1
Vì lí do gì mà dân Mô-áp, Am-môn, và người Mao-nít đến nghịch cùng Giô-sa-phát?
Họ đến nghịch cùng Giô-sa-phát để đánh chiến.
2 Chronicles 20:4
Dân Giu-đa từ đâu đến để tìm kiếm Đức Giê-hô-va?
Dân sự đến từ mọi thành thành của Giu-đa để tìm kiếm Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 20:5
Giô-sa-phát đứng ở đâu giữa hội chúng dân sự?
Giô-sa-phát đứng tại đền thờ của Đức Giê-hô-va, trước sân trong mới.
2 Chronicles 20:9
Giô-sa-phát lặp lại lời hứa nào của Đức Giê-hô-va did Giô-sa-phát khi dân sự kêu khóc cùng Ngài trong nỗi thống khổ của mình?
Giô-sa-phát nói rằng khi dân sự kêu khóc cùng Đức Giê-hô-va trong cơn thống khổ của mình, Ngài sẽ nghe nghe và giải cứu họ.
2 Chronicles 20:10
Khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, Đức Giê-hô-va cấm họ không được làm gì với dân Am-môn, dân Mô-áp, và người ở núi Sê-i-rơ ?
Đức Giê-hô-va không để dân Y-sơ-ra-ên xâm lấn đuổi họ khỏi đất Ai Cập.
2 Chronicles 20:13
Những người nào trong dân Giu-đa đứng trước Đức Giê-hô-va?
Toàn Giu-đa đều đứng tại trước mặt Đức Giê-hô-va với các đứa nhỏ, vợ và con cái mình.
2 Chronicles 20:15
Tại sao Đức Giê-hô-va lại phản bảo họ hớ sợ, chớ kinh hãi trước đám quân đông đảo này?
Đức Giê-hô-va phản bảo họ hớ sợ, chớ kinh hãi trước đám quân đông đảo này vì trận chiến nầy chẳng phải của họ đâu nhưng là của Đức Chúa Trời.
2 Chronicles 20:17
Đức Giê-hô-va say phản rằng dân sự sẽ thấy được điều gì khi họ giữ vững vị trí của mình?
Đức Giê-hô-va phán bảo họ phải giữ vững vị trí của mình, và xem sự giải cứu của Đức Giê-hô-va, Đấng ở với họ.
2 Chronicles 20:18
Người Giu-đa và dân cư thành Giê-ru-sa-lem đã làm khi trong sự thờ phượng trước Đức Giê-hô-va?
Toàn Giu-đa và dân cư thành Giê-ru-sa-lem sấp mình xuống trước mặt Đức Giê-hô-va,thờ phượng Ngài.
2 Chronicles 20:21
Khi đội quân đi ra, tại sao Giô-sa-phát lại dâng lời cảm tạ Đức Giê-hô-va?
Khi họ đi ra trước quân đội, Giô-sa-phát dặn họ phải ca ngợi rằng: "Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va, vì sự thành tín về giao ước của Ngài còn đến đời đời"
2 Chronicles 20:22
Đức Giê-hô-va đã làm gì khi dân Giu-đa bắt đầu hát vang và ngợi khen?
Khi họ bắt đầu hát vang và ngợi khen, Đức Giê-hô-va đã bố trí quân mai phục kẻ thù của mình.
2 Chronicles 20:24
Dân Giu-đa đã thấy gì khi họ nhìn đám quân đông đảo?
Khi họ nhìn đám quân đông đảo, họ ngã chết xuống đất.
2 Chronicles 20:25
Dân sự mất bao lâu để cướp lấy hết chiến lợi phẩm của quân thù?
Dân sự mất ba ngày để cướp lấy hết số chiến lợi phẩm đó, bởi vì có rất nhiều.
2 Chronicles 20:27
Tại sao Giô-sa-phát và dân sự của mình vui mừng trở về Giê-ru-sa-lem?
Họ đã vui mừng trở về Giê-ru-sa-lem vì Đức Giê-hô-va đã làm cho họ được vui mừng thắng hơn kẻ thù của mình.
2 Chronicles 20:30
Đức Chúa Trời đã ban gì cho Giô-sa-phát để khiến vương quốc của ông được yên ổn?
Vương quốc của Giô-sa-phát được yên ổn, vì Đức Chúa Trời của ông đã ban cho ông sự bình an mọi bề.
2 Chronicles 20:32
Giô-sa-phát đã làm gì trước mặt Đức Giê-hô-va?
Giô-sa-phát đã làm điều ngay lành trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 20:37
Lời tiên tri nào nghịch cùng Giô-sa-phát, bởi vì vua đã liên kết với A-cha-xia?
Bởi vì Giô-sa-phát đã liên kết với A-cha-xia nên Đức Giê-hô-va đã phá hỏng các kế hoạch của ông.

Chapter 21

2 Chronicles 21:1
Yên nghỉ với tổ phụ người
AT: "chết"
Thành của Đa-vít

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là thành phố của Giê-ru-sa-lem

A-xa-ria, Giê-hi-ên, Xa-cha-ri, A-xa-ria-u, Mi-ca-ên, và Si-pha-tia

Giô-sa-phát, vua của Y-sơ-ra-ên

Vương quốc phía Nam thường được gọi là “Giu-đa,” nhưng người viết sách này muốn hướng đến vương quốc phía Nam, trong sự vâng phục Chúa, Y-sơ-ra-ên thật sự.

Ban ngôi báu

Giô-sa-phát quyết định rằng Giô-ram sẽ làm vua sau khi ông mất

2 Chronicles 21:4

Cai trị khắp vương quốc của cha người

AT: "chiếm trọn quyền điều khiển vương quốc cha của người"

2 Chronicles 21:6

Bước đi trong các đường lối

Xem bản dịch này trong 2CH 20:32

Trước Đức Giê-hô-va

AT: "theo như Đức Giê-hô-va"

Ngài đã hứa rằng Ngài sẽ luôn ban sự sống cho ông và dòng dõi của ông

AT: "Ngài đã hứa với dòng dõi của Đa-vít rằng sẽ luôn có một người cai trị Giu-đa."

2 Chronicles 21:8

Trong những ngày của Giô-ram

AT: "khi Giô-ram làm vua"

Khỏi sự cai trị của Giu-đa

"chống lại sự cai trị của Giu-đa"

Vượt qua

AT: "vượt biên giới vào Ê-đôm"

Đến ngày nay

Xem bản dịch này trong 2CH 5:9

Líp-na

Đây là thị trấn ở Giu-đa.

2 Chronicles 21:12

Đến khi ruột của ngươi bất trị vì bệnh tật

AT: "đến khi bệnh này khiến ngươi chết"

2 Chronicles 21:16

Thúc giục lòng của dân Phi-li-tin và A-rập chống lại Giô-ram

AT: "khiến dân Phi-li-tin và A-rập trở nên giận dữ với Giu-đa"

2 Chronicles 21:18

Làm cho ruột của ngươi trở nên bất trị

AT: "gây bệnh bất trị trong ruột của ngươi"

Trong suốt thời gian

AT: "trong thời gian thích hợp” hoặc “đến đúng thời điểm”

Không đốt lửa để vinh danh

AT: "không vinh danh người bằng lửa mừng"

Không luyến tiếc

AT: "không đau buồn"

Translation Questions

2 Chronicles 21:3

Tại sao Giô-sa-phát lại ban ngôi nước cho Giô-ram?

Giô-sa-phát ban ngôi nước cho Giô-ram bởi vì Giô-ram là con trai đầu lòng của người.

2 Chronicles 21:4

Giô-ram đã làm gì với các anh em của mình sau khi ông đã được lập làm vua?

Khi Giô-ram đã vững lập mình làm vua, thì ông đã dùng gươm giết tất cả anh em của mình.

2 Chronicles 21:7

Tại sao Đức Giê-hô-va không muốn hủy diệt nhà Đa-vít?

Đức Giê-hô-va không muốn hủy diệt nhà Đa-vít bởi vì cớ giao ước mà Ngài đã lập với Đa-vít.

2 Chronicles 21:10

Tại sao Líp-na nổi dậy chống lại quyền lực của của Giu-đa?

Họ đã nổi dậy chống lại quyền lực của Giu-đa bởi vì Giô-ram đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 21:11

Giô-ram đã xây dựng các núi của Giu-đa?

Giô-ram cũng xây dựng các miếu thờ trên các núi của Giu-đa.

2 Chronicles 21:15

Ê-li đã nói chuyện gì sẽ xảy đến cho gan ruột của Giô-ram trong bệnh tật của người?

Giô-ram sẽ bị bệnh nặng đến nỗi ruột gan của người đổ ra vì cớ bệnh tình của người.

2 Chronicles 21:17

Người Phi-li-tin và người Ả-rập đã đem gì ra khỏi cung vua?

Họ đã đem tất cả tài sản tìm thấy trong cung vua đi khỏi.

2 Chronicles 21:19

Dân sự của Giô-ram đã không làm gì cho Giô-ram những việc như dã làm cho các tổ phụ của vua?

Dân sự người không đốt ngọn lửa tôn trọn vua như đã làm cho các tổ phụ vua.

Chapter 22

2 Chronicles 22:1

A-tha-li

Ông cũng bước trong các đường lối

Xem bản dịch này trong 2CH 20:32

2 Chronicles 22:4

Trước mặt Đức Giê-hô-va

AT: "trong sự đánh giá của Đức Giê-hô-va"

Ha-xa-ên

2 Chronicles 22:7

Nim-si

2 Chronicles 22:10

Giô-sa-bát...Giê-hô-gia-đa

Các tên của người nam

Translation Questions

2 Chronicles 22:3

A-cha-xia đã sống ra sao vì cớ lời khuyên của mẹ mình?

A-cha-xia đã bước đi theo đường lối của nhà A-háp, vì mẹ người là người khuyên người làm những điều gian ác.

2 Chronicles 22:4

A-cha-xia đã hành xử ra sao trước mặt Đức Giê-hô-va, như nhà A-háp đã làm?

A-cha-xia làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, như nhà A-háp đã làm.

2 Chronicles 22:6

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao A-cha-xia đi thăm Giô-ram, con trai A-háp?
A-cha-xia đi xuống Gít-rê-ên để gặp người bởi Giô-ram đã bị thương.
2 Chronicles 22:7
Đức Chúa Trời đã khiến việc gì xảy ra qua chuyến thăm Giô-ram của A-cha-xia?
Đức Chúa Trời đã đem đến sự hủy diệt cho A-cha-xia qua chuyến đi thăm Giô-ram của người.
2 Chronicles 22:9
Giê-hu đã nhắn lại điều gì về cha của A-cha-xia?
Giê-hu nói rằng A-cha-xia là con trai Giô-sa-phát, tức là người hết lòng tìm cầu Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 22:10
Mẹ của A-cha-xia đã làm gì khi thấy con mình đã chết?
Khi bà thấy con trai mình đã chết thì đứng dậy và giết hết thảy con cháu hoàng tộc trong nhà Giu-đa.
2 Chronicles 22:12
Giô-ách đã được giấu trong đền thờ của Đức Chúa Trời trong bao lâu khi A-tha-li cai trị?
Giô-ách đã được giấu trong đền thờ của Đức Chúa Trời trong sáu năm, trong khi A-tha-li đã cai trị trên xứ.

Chapter 23
2 Chronicles 23:1
Giê-hô-gia-đa
Thầy tế lễ trưởng là người hầu việc ở đền thờ và trung thành với Chúa. Ông là người khuyên bảo Giô-ách.
Ô-bết…Ma-a-xê-gia…A-đa-gia…Ê-li-sa-phát…Xiếc-ri
2 Chronicles 23:4
Mọi người
AT: "nhiều người"
2 Chronicles 23:6
Khi ngươi đi vào và khi ngươi đi ra
Có thể mang những nghĩa 1) “ở mọi lúc” hoặc 2) “bất kì nơi nào ông đi."
2 Chronicles 23:8
Cả Giu-đa hầu việc mỗi ngày theo cách mà thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa truyền
AT: "nhiều người vâng theo lệnh của thầy tế lễ thượng phẩm"
Được phép miễn việc vào ngày Sa-bát
AT: "hoàn thành công việc của họ vào ngày Sa-bát"
2 Chronicles 23:10
Ban cho người luật pháp
AT: "đọc lại những điều khoản của giao ước"
2 Chronicles 23:12
Hết mọi dân trong xứ
AT: "Gần như hết mọi dân"
2 Chronicles 23:14
Giê-hô-gia-đa
Ai ở trên đội quân
AT: "ai lãnh đạo đội quân"
Giữa những hàng
AT: "ở giữa những quân lính"
2 Chronicles 23:16
Mọi người đến nhà của Ba-anh
AT: "hầu hết mọi người đến đền thờ Ba-anh"
Ma-than
2 Chronicles 23:18
Dưới tay của các thầy tế lễ
AT: "dưới sự chỉ dẫn của các thầy tế lễ"
Không ai không tinh sạch ở cửa ra vào
AT: "không ai không tinh sạch được phép ra vào vì lí do nào"
2 Chronicles 23:20
Người rước vua xuống nhà của Đức Giê-hô-va
Đền thờ được xây ở đồi cao trong Giê-ru-sa-lem. AT: “Người rước vua xuống đền thờ từ nơi cao đến cung điện"

Translation Questions

2 Chronicles 23:3
Điều gi khiến Giê-hô-gia-đa mạnh dạn nói với các nhà lãnh đạo rằng con trai của vua sẽ cai trị?
Giê-hô-gia-đa nói rằng con trai của vua sẽ cai trị theo lời Đức Giê-hô-va đã phán về con cháu Đa-vít.
2 Chronicles 23:4
Công việc nào được giao cho các thầy tế lễ và người Lê-vi để phục vụ trong ngày Sa-bát?
Những người phục vụ trong ngày Sa-bát sẽ là những người canh cửa.
2 Chronicles 23:7
Khi nào thì người Lê-vi được truyền phải ở hầu bên cạnh vua?
Họ được dặn phải ở hầu bên cạnh vua khi người đi ra đi vào.
2 Chronicles 23:8
Người Lê-vi và toàn Giu-đa đã vâng theo đúng mạng lệnh của Giê-hô-gia-đa ra sao?
Họ đã phục vụ theo y như cách mà thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa đã dặn bảo.
2 Chronicles 23:11
Họ đã trao vật gì cho hoàng tử lúc họ đội vương miệng lên cho người?
Họ đem hoàng tử ra, đội mão triều thiên trên đầu người, và trao cho luật pháp về giao ước cho người.
2 Chronicles 23:12
Những tiếng náo động nào khiến A-tha-li chay đến cùng dân sự trong đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Khi bà nghe tiếng dân sự chạy và chúc tụng vua, thì đi đến cùng dân sự tại trong đền Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 23:13
A-tha-lo đã làm gì la lên rằng: "Phản tặc!?
Bà xé áo mình và la lên rằng: "Phản tặc!"
2 Chronicles 23:14
Giê-hô-gia-đa đã ra lệnh phải làm gì với những người theo A-tha-li?
Giê-hô-gia-đa đã ra lệnh phải dùng gươm để giết những kẻ theo bà.
2 Chronicles 23:16
Giê-hô-gia-đa đã lập giao ước nào giữa ông, toàn dân sự và vua?
Giê-hô-gia-đa đã lập một giao ước giữa ông, toàn dân sự và vua rằng họ sẽ làm dân của Chúa.
2 Chronicles 23:19
Giê-hô-gia-đa không cho những ai vào đền thờ của Đức Giê-hô-va bằng cách bố trí những lính gác ở cửa?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-hô-gia-đa bố trí những lính gác ở cửa đền thờ của Đức Giê-hô-va, để không một người ô uế nào có thể vào trong đền thờ.
2 Chronicles 23:20
Giê-hô-gia-đa và dân sự đã đặt vua ở đâu sau khi đi qua Cổng Trên?
Dân sự đi qua Cổng Trên vào cung vua và đặt vua ngồi trên ngai vàng.

Chapter 24
2 Chronicles 24:1
Xi-bia
Làm những điều thiện trước mắt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:1
Suốt những ngày của Giê-hô-gia-đa, thầy tế lễ
AT: "miễn là Giê-hô-gia-đa còn sống"
2 Chronicles 24:4
Ngay lúc đó
AT: "ngay lập tức"
2 Chronicles 24:6
Tại sao người không buộc những người Lê-vi...giao ước?
"Ngươi đã đối đãi cách tội lỗi, tôi đã nói người buộc những người Lê-vi... giao ước, nhưng người đã không làm nó."
Cho Lều Chứng Ước
Mặc dù nó kể đến đền thờ mà Sô-lô-môn xây, nó là vật nhắc nhở “Lều Gặp Mặt " là lều thánh đầu tiên cho dân của Chúa.
Những vật thánh
Đây là những vật được dùng trong đền thờ.
2 Chronicles 24:11
Thợ đẽo đá và thợ mộc
AT: "những người xây cất bằng đá và những người xây cất bằng gỗ"
Làm bằng sắt và đồng
AT: "những ai làm việc bằng kim loại"
2 Chronicles 24:13
Hoàn thành nhờ tay của họ
AT: "họ làm bằng tay của mình"
Liên tục trong những ngày của Giê-hô-gia-đa
AT: "mỗi ngày trong suốt cuộc đời của Giê-hô-gia-đa"
2 Chronicles 24:17
Đã vinh hiển vua
AT: "ban vinh hiển cho vua"
Những việc sai trái này của họ
AT: "tội lỗi của họ"
2 Chronicles 24:20
Phớt lờ sự nhân từ mà Giê-hô-gia-đa, cha của Xa-cha-ri, đã làm với người.
Giô-ách đã không chú ý hoặc nhớ đến lòng cao cả của Giê-hô-gia-đa, cha của Xa-cha-ri.
Những việc của người
AT: "ngươi sẽ trả giá cho những điều sai mà ngươi đã làm"
2 Chronicles 24:25
Xát-ba con trai của Si-mê-át, dân Am-môn; và Giê-hô-sa-bát con trai của Sim-rít, dân Mô-áp
2 Chronicles 24:27
Phần chú thích của Sách Các Vua
Đây là sách không còn tồn tại nữa.

Translation Questions

2 Chronicles 24:2
Giô-ách đã làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va trong bao lâu?
Giô-ách làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va trong trọn đời trị vì của thầy tế lễ thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa.
2 Chronicles 24:5
Giô-ách sai các thầy tế lễ và người Lê-vi đi ra thu gom tiền bạc trong toàn dân Y-sơ-ra-ên để làm gì?
Giô-ách sai họ đi thu gom tiền bạc trong toàn dân Y-sơ-ra-ên để sửa chữa đền thờ của Đức Chúa Trời họ.
2 Chronicles 24:7
Các con trai của A-tha-li đã lấy những vật gì từ đền thờ của Đức Giê-hô-va và dâng cho thần Ba-anh?
Họ đã lấy các vật thánh của đền thờ Đức Giê-hô-va cho thần Ba-anh.
2 Chronicles 24:8
Các rương mà vua ra lệnh làm ra được đặt ở đâu?
Vua truyền người ta đóng một cái rương đặt phía ngoài cửa đền thờ Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 24:10
Những người nào trong dân sự vui mừng đem tiền thuế đến bỏ vào trong rương?
Tất cả những người lãnh đạo và toàn dân đều vui mừng đem tiền thuế đến bỏ vào
trong rương.
2 Chronicles 24:11
Khi các viên quan trút rương ra sau một ngày, thì họ thu được những gì?
Sau một ngày, họ trút rương ra sau và thu được rất nhiều tiền.
2 Chronicles 24:13
Những người thợ đã đã bố trí đền thờ của Đức Chúa Trời ra sao khi họ sửa chữa đền ấy?
Những người thợ sửa lại đền thờ Đức Chúa Trời như cũ và làm cho vững chắc.
2 Chronicles 24:16
Tại sao Giê-hô-gia-đa lại được chôn trong thành Đa-vít chung với các vua?
Họ đã chôn ông trong thành Đa-vít giữa các vua bởi vì ông đã làm những điều tốt lành trong Y-sơ-ra-ên, với Đức Chúa Trời, và với đền thờ của Đức Chúa Trời.
2 Chronicles 24:19
Dân sự đã làm gì khi Đức Giê-hô-va sai các nhà tiên tri đến nói ngịch cùng họ?
Đức Giê-hô-va sai các nhà tiên tri đến nói ngịch cùng họ, nhưng họ không chịu nghe.
2 Chronicles 24:20
Tại sao Xa-cha-ri lại bảo với dân sự rằng Đức Giê-hô-va đã lìa bỏ họ?
Xa-cha-ri bảo với dân sự như vậy bởi vì họ đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va, và Đức Giê-hô-va cũng đã lìa bỏ họ.
2 Chronicles 24:22
Vua Giô-ách đã phớt lờ lòng tử tế mà cha của Xa-cha-ri đã làm cho mình ra sao?
Theo đó, vua Giô-ách đã phớt lờ lòng tử tế mà Giê-hô-gia-đa, cha của Xa-cha-ri, đã

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

làm cho mình. Thay vào đó, ông đã giết con trai của Giê-hô-gia-đa.

2 Chronicles 24:24

Đức Giê-hô-va đã ban gì cho đội quân ít ỏi của A-ram bởi Giu-đa đã lìa bỏ Ngài?

Người A-ram đã kéo đến với một đội quân ít người, nhưng Đức Giê-hô-va đã cho họ chiến thắng đội quân đông đảo, bởi vì Giu-đa đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 24:25

Tại sao các thuộc hạ của Giô-ách lại âm mưu chống lại vua?

Các thuộc hạ của Giô-ách âm mưu chống lại vua vì việc vua đã giết các con trai của thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa.

Chapter 25

2 Chronicles 25:1

Giô-a-đan

Đây là tên của người nữ.

Những điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va

Xem bản dịch này trong 2CH 14:02

2 Chronicles 25:3

Sách của Môi-se

Điều này kể đến những sách Sáng Thế Kí, Xuất Ê-díp-tô kí, Lê-vi kí, Phục truyền luật lệ kí.

2 Chronicles 25:5

Kê khai

Ông đã viết tên của họ vào danh sách chinh thức.

300,000 ... 100,000

See:

Ta-lâng

2 Chronicles 25:9

Vì thế cơn giận của họ bừng lên

AT: "vì thế họ bắt đầu nổi giận

Trong cơn giận dữ

AT: "rất dữ"

2 Chronicles 25:11

Thung lũng Muối

Đây là khu vực gần Biển Chết.

Để chúng tan nát thành từng mảnh

AT: "để chúng chết hết."

2 Chronicles 25:13

Bết Hô-rôn

Đây là thung lũng gần Giê-ru-sa-lem ở Ép-ra-im.

Đánh hạ

AT: "giết"

2 Chronicles 25:14

Lập chúng trở thành thần của người

AT: "thờ phượng những thần giả"

Tại sao ngươi lại tìm kiếm những thần ngay cả khi chúng không cứu được dân của chúng khỏi tay ngươi?

AT: "Người đã thờ phượng những thần mà chúng không cứu được dân nó khỏi người, vua A-ma-xia."

2 Chronicles 25:16

Chúng ta đâu có đặt ngươi làm cố vấn cho vua? Hãy im đi. Ngươi muốn chết sao?

AT: "Ta chắc chắn đã không lập ngươi làm cố vấn. Hãy im đi! Nếu ngươi nói thêm gì nữa, ta sẽ sai lính giết ngươi!"

2 Chronicles 25:17

Giô-ách...Giô-a-cha

2 Chronicles 25:18

Thông tin Tổng quát:

Câu chuyện này là một.

Bụi gai

Đây là một bụi cây nhỏ.

Cây tùng

Một loại cây rất lớn. Ở đây nói đến những người lính của Y-sơ-ra-ên.

Sao ngươi khiến chính ngươi gặp rắc rối và sụp đổ, để cả ngươi và Giu-đa chịu cùng ngươi?

AT: "ngươi không nên khiến chính ngươi gặp rắc rối và sụp đổ, để ngươi và Giu-đa chịu cùng ngươi."

2 Chronicles 25:20

Bại trận trước

AT: "đánh bại bởi"

2 Chronicles 25:23

Cu-bít

Ô-bết Ê-đôm

2 Chronicles 25:25

Đầu và cuối

AT: "tất cả"

Không phải chúng được viết...Y-sơ-ra-ên?

AT: "chúng được viết...Y-sơ-ra-ên."

2 Chronicles 25:27

La-ki

Một thành ở Giu-đa.

Thành của Giu-đa

Tên gọi khác của thành Đa-vít, hoặc Giê-ru-sa-lem

Translation Questions

2 Chronicles 25:1

A-ma-xia bao nhiêu tuổi khi ông lên ngôi cai trị và ông đã cai trị trong bao lâu?

Khi lên ngôi vua, A-ma-xia được hai mươi lăm tuổi và cai trị hai mươi chín năm.

2 Chronicles 25:2

Lòng của A-ma-xia như thế nào??

A-ma-xia không hề hết lòng với Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 25:3

Tại sao A-ma-xia không giết các con của các thuộc hạ, là những kẻ đã giết vua cha mình?

A-ma-xia không giết các con của các thuộc hạ đã giết hại vua cha mình bởi vì luật pháp Môi-se quy định rằng con cái không phải chết vì cớ tội của cha mẹ mình, nhưng mỗi người sẽ phải chết vì tội của mình.

2 Chronicles 25:4

Tại sao A-ma-xia không giết các con của các thuộc hạ, là những kẻ đã giết vua cha mình?

A-ma-xia không giết các con của các thuộc hạ đã giết hại vua cha mình bởi vì luật pháp Môi-se quy định rằng con cái không phải chết vì cớ tội của cha mẹ mình, nhưng mỗi người sẽ phải chết vì tội của mình.

2 Chronicles 25:5

Làm sao mà A-ma-xia thêm vào số 300.000 người được tuyển chọn từ Giu-đa và Bên-gia-min đăng ký bởi nhà của các tổ phụ mình?

A-ma-xia đã thuê 100.000 lính chiến từ Y-sơ-ra-ên để thêm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vào số 300.000 người tuyển chọn từ Giu-đa.
2 Chronicles 25:6
Làm sao mà A-ma-xia thêm vào số 300.000 người được tuyển chọn từ Giu-đa và Bên-gia-min đăng ký bởi nhà của các tổ phụ mình?
A-ma-xia đã thuê 100.000 lính chiến từ Y-sơ-ra-ên để thêm vào số 300.000 người tuyển chọn từ Giu-đa.
2 Chronicles 25:7
Tại sao người của Đức Chúa Trời lại ngăn vua không nên để quân đội Y-sơ-ra-ên đi với người?
Người của Đức Chúa Trời đã dặn quân đội Y-sơ-ra-ên không được đi lên với người bởi vì Đức Giê-hô-va không ở cùng Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 25:8
Người của Đức Chúa Trời nói rằng chuyện gì sẽ xảy ra kể cả khi A-ma-xia có dũng cảm và mạnh mẽ trong chiến trận?
Người của Đức Chúa Trời nói rằng Đức Chúa Trời sẽ ném vua ngã trước mặt quân thù.
2 Chronicles 25:9
Người của Đức Chúa Trời đã trả lời câu hỏi của A-ma-xia ra sao về việc phải làm gì với một trăm ta-lâng bạc mà vua đã phát cho đạo binh Y-sơ-ra-ên?
Người của Đức Chúa Trời bảo với A-ma-xia rằng Đức Giê-hô-va có thể ban cho vua nhiều hơn số ấy.
2 Chronicles 25:10
Tại sao đội quân từ Ép-ra-im lại nổi giận cùng người Giu-đa?
Họ giận Giu-đa lắm bởi vì A-ma-xia đã phân rẽ đội quân của họ và cho chúng trở về nhà.
2 Chronicles 25:11
Chuyện gì đã xảy ra với mười nghìn người của dân Sê-i-rơ khi A-ma-xia kéo dân sự mình đến trũng Muối?
A-ma-xia kéo dân sự mình đến trũng Muối và đánh bại mười nghìn người của dân Si-ê-rơ.
2 Chronicles 25:12
Quân đội Giu-đa đã làm gì với mười nghìn người Sê-i-rơ mà họ đã bắt sống đem đi?
Quân đội Giu-đa ném những người Sê-i-rơ đó từ trên đỉnh vách đá xuống.
2 Chronicles 25:13
Quân đội Y-sơ-ra-ên đã làm gì với các thành Giu-đa, từ Sa-ma-ri cho đến Bết-Hô-rôn?
Quân đội Y-sơ-ra-ên đã tấn công các thành đó, đánh giết ba ngàn người tại đó, và cướp lấy nhiều của cải.
2 Chronicles 25:14
A-ma-xia đã làm gì với các thần của mà ông đã đem về từ dân Sê-i-rơ?
A-ma-xia đã dựng các thần đó lên làm thần của mình, sấp mặt xuống trước mặt các thần đó và dâng hương cho chúng.
2 Chronicles 25:15
Đấng tiên tri mà Đức Giê-hô-va sai tới đã hỏi A-ma-xia điều gì về dân Sê-i-rê?
Đấng tiên tri nầy đã hỏi A-ma-xia tại sao ông lại tìm cầu các thần không giải cứu được dân tộc thờ lạy chúng nó khỏi tay A-ma-xia.
2 Chronicles 25:16
Đấng tiên tri ấy đã nói đây là lí do khiến Đức Chúa sẽ hủy diệt vua A-ma-xia?
Lí do khiến Đức Chúa Trời quyết định hủy diệt A-ma-xia ấy là A-ma-xia làm điều ấy, và không nghe lời khuyên của đấng tiên tri nầy.
2 Chronicles 25:17
A-ma-xia đã gửi lời nhắn nào đến với Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên?
A-ma-xia gửi một lời nhắn yêu cầu Giô-ách đến và đối mặt mặt trực tiếp với A-ma-xia trên chiến trường.
2 Chronicles 25:18
Tại sao các sứ giả của Giô-ách bảo A-ma-xia rằng ông nên ở nhà?
Các sứ giả của Giô-ách bảo với A-ma-xia phải ở nhà bởi vì cả A-ma-xia và Giu-đa đều sẽ sa ngã.
2 Chronicles 25:19
Tại sao các sứ giả của Giô-ách bảo A-ma-xia rằng ông nên ở nhà?
Các sứ giả của Giô-ách bảo với A-ma-xia phải ở nhà bởi vì cả A-ma-xia và Giu-đa đều sẽ sa ngã.
2 Chronicles 25:20
Tại sao Đức Chúa Trời lại nộp dân Giu-đa vào tay kẻ thù của họ?
Đức Chúa Trời sẽ nộp họ cho kẻ thù của họ bởi vì họ đã tìm kiếm lời khuyên từ các thần của Ê-đôm.
2 Chronicles 25:21
Kết quả khi Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên, và A-ma-xia, vua Giu-đa, gặp nhau mặt đối mặt tại Bết-Sê-mết?
Kết quả ấy là Giu-đa bị đánh hạ ngay trước mặt Y-sơ-ra-ên và mỗi người đều chạy trốn về nhà mình.
2 Chronicles 25:22
Kết quả khi Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên, và A-ma-xia, vua Giu-đa, gặp nhau mặt đối mặt tại Bết-Sê-mết?
Kết quả ấy là Giu-đa bị đánh hạ ngay trước mặt Y-sơ-ra-ên và mỗi người đều chạy trốn về nhà mình.
2 Chronicles 25:23
Giô-ách trở về đâu sau khi người đã kéo đổ vách thành Giê-ru-sa-lem và lấy đi nhiều vật có giá trị từ đền thờ và cung điện, cùng với những con tin?
Giô-ách trở về Sa-ma-ri sau khi người đã kéo đổ các vách thành Giê-ru-sa-lem và lấy đi hết những vật có giá trị và bắt các con tin.
2 Chronicles 25:24
Giô-ách trở về đâu sau khi người đã kéo đổ vách thành Giê-ru-sa-lem và lấy đi nhiều vật có giá trị từ đền thờ và cung điện, cùng với những con tin?
Giô-ách trở về Sa-ma-ri sau khi người đã kéo đổ các vách thành Giê-ru-sa-lem và lấy đi hết những vật có giá trị và bắt các con tin.
2 Chronicles 25:25
A-ma-xia, vua Giu-đa, sống được bao nhiêu năm sau cái chết của Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên?
A-ma-xia đã sống được mười lăm năm nữa,sau khi Giô-ách đã băng hà,
2 Chronicles 25:26
Các công việc khác của A-ma-xia được chép ở đâu?
Các công việc khác của A-ma-xia được chép ở sách các vua Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 25:27
Điều gì đã được bắt đầu để chống lại A-ma-xia sau khi người xây bỏ Đức Giê-hô-va, không theo Ngài?
Sau khi A-ma-xia xây bỏ Đức Giê-hô-va, không theo Ngài thì có một âm mưu phản nghịch bắt đầu chống lại người.
A-ma-xia đã được chôn ở đâu sau khi người bị giết tại La-kí?
A-ma-xia được chôn tại trong thành Giu-đa, chung cùng các tổ phụ người.
2 Chronicles 25:28
A-ma-xia đã được chôn ở đâu sau khi người bị giết tại La-ki?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

A-ma-xia được chôn tại trong thành Giu-đa, chung cùng các tổ phụ người.

Chapter 26

2 Chronicles 26:1

Mười sáu...năm mươi hai

hai

Ê-lốt

Đây là một thành phố ở Gúp của A-qua-ba.

Vua an nghỉ cùng tổ phụ của mình

AT: "vua chết"

2 Chronicles 26:4

Ngài đã làm điều thiện trước mắt của Đức Giê-hô-va

Xem bản dịch này trong 2CH 14:2

Trong mọi điều

AT: "cùng cách như vậy"

Người đã để lòng tìm kiếm

AT: "Người đã định lòng mình"

2 Chronicles 26:6

Giáp-nê

Đây là một thị trấn ở bắc Giu-đa.

Gu-rơ Ba-anh

Đây là thị trấn ở A-ráp-bia.

Dân Ma-ôn

Đây có thể là vương quốc của người Ma-ôn gần núi Si-ơ-rơ.

Bờ cõi Ai Cập

AT: "biên giới của Ai Cập"

2 Chronicles 26:9

Bể chứa nước

Đây là một bể nước lớn nằm dưới phòng được dùng để dự trữ nước mưa.

2 Chronicles 26:11

Giê-hi-ên, thư ký, và Ma-a-xê-gia, quan tướng, dưới uy quyền của Ha-na-nia, một trong những chỉ huy của vua

2,600 ... 307,500

2 Chronicles 26:14

Mũ sắt

Mũ sắt là mũ trùm để bảo vệ đầu.

Áo giáp

Đây là một cái áo bao phủ cơ thể được làm bằng các mối nối kim loại hoặc các sợi xích.

2 Chronicles 26:16

Lòng ông trỗi lên

AT: "ông trở nên tự mãn"

Các con trai của A-rôn

AT: "dòng dõi của A-rôn"

2 Chronicles 26:19

Lư hương

Đây là một cái đĩa đặc biệt hoặc một cái bát dùng để đốt hương.

Họ nhanh chóng đuổi ông ra khỏi đó

AT: "họ nhanh chóng khiến ông đi"

Đức Giê-hô-va đã đánh ông

AT: "Đức Giê-hô-va khiến ông bệnh"

2 Chronicles 26:21

Sống trong nhà riêng

Điều này nói đến ông sống riêng ngoài nhả khác và người khác.

2 Chronicles 26:22

Đầu và cuối

AT: "tất cả"

Con trai của A-mốt

Vậy Ô-xia đã yên nghĩ cùn tổ phụ người

AT: "Ô-xia chết"

Translation Questions

2 Chronicles 26:1

Ai đã lập Ô-xia lên làm vua sau khi A-ma-xia, cha người băng hà?

Dân Giu-đa đã lập Ô-xia làm vua thế chỗ cho A-ma-xia, cha người.

2 Chronicles 26:2

Ô-xia đã làm gì với thành Ê-lốt sau khi ông trở thành vua?

Ô-xia xây sửa lại Ê-lốt và khôi phục nó cho Giu-đa.

2 Chronicles 26:4

Ô-xia đã đi theo gương mẫu của cha mình trong mối liên hệ với Đức Giê-hô-va ra sao?

Ô-xia làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va và rắp lòng tìm kiếm Đức Chúa Trời.

2 Chronicles 26:5

Ô-xia đã đi theo gương mẫu của cha mình trong mối liên hệ với Đức Giê-hô-va ra sao?

Ô-xia làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va và rắp lòng tìm kiếm Đức Chúa Trời.

Chuyện gì xảy đến với Ô-xia chừng nào ông còn tìm kiếm Đức Giê-hô-va?

Chừng nào Ô-xia còn tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời thì Ngài khiến người được thịnh vượng.

2 Chronicles 26:6

Kết quả của việc Đức Chúa Trời giúp đỡ Ô-xia khi ông đánh chiến cùng các kẻ thù của mình là gì?

Đức Chúa Trời đã giúp Ô-xia đánh chiến các kẻ thù của mình, và danh tiếng người đồn ra các sứ khác, và người trở nên rất hùng mạnh.

2 Chronicles 26:8

Kết quả của việc Đức Chúa Trời giúp đỡ Ô-xia khi ông đánh chiến cùng các kẻ thù của mình là gì?

Đức Chúa Trời đã giúp Ô-xia đánh chiến các kẻ thù của mình, và danh tiếng người đồn ra các sứ khác, và người trở nên rất hùng mạnh.

2 Chronicles 26:9

Ô-xia đã xây dựng gì ở các cổng của Giê-ru-sa-lem và trong đồng vắng?

Ô-xia xây dựng những tòa tháp tại các góc cửa của Giê-ru-sa-lem và tại các góc tường. Người cũng cho xây dựng những tháp canh ở trong đồng vắng.

2 Chronicles 26:10

Ô-xia đã xây dựng gì ở các cổng của Giê-ru-sa-lem và trong đồng vắng?

Ô-xia xây dựng những tòa tháp tại các góc cửa của Giê-ru-sa-lem và tại các góc tường. Người cũng cho xây dựng những tháp canh ở trong đồng vắng.

Tại sao Ô-xia lại xây dựng các tháp canh, và tại sao ông lại đào các hồ chứa nước ở trong đồng vắng?

Ô-xia xây dựng các tháp canh và cho đào các hồ chứa nước

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ở trong đồng vắng bởi vì người có nhiều súc vật và những người dân làm ruộng, và người thích việc canh nông.
2 Chronicles 26:11
Quân đội của Quân đội của Ô-xia đã đi chinh chiến như thế nào?
Quân đội của Ô-xia đã đi chinh chiến với sức mạnh rất lớn để giúp vua chống lại kẻ thù.
2 Chronicles 26:13
Quân đội của Quân đội của Ô-xia đã đi chinh chiến như thế nào?
Quân đội của Ô-xia đã đi chinh chiến với sức mạnh rất lớn để giúp vua chống lại kẻ thù.
2 Chronicles 26:14
Những người thợ lành nghề tại Giê-ru-sa-lem đã chế tạo ra những gì khi Giô-suê trang bị vũ khí cho quân đội của mình?
Tại Giê-ru-sa-lem, Ô-xia xây dựng dụng cụ máy móc dùng cho chiến tranh do những người thợ lành nghề chế tạo ra.
2 Chronicles 26:15
Những người thợ lành nghề tại Giê-ru-sa-lem đã chế tạo ra những gì khi Giô-suê trang bị vũ khí cho quân đội của mình?
Tại Giê-ru-sa-lem, Ô-xia xây dựng dụng cụ máy móc dùng cho chiến tranh do những người thợ lành nghề chế tạo ra.
Danh tiếng của Ô-xia đã lan truyền ra sao khi ông được Đức Giê-hô-va giúp đỡ rất nhiều, cho đến khi ông trở nên rất hùng mạnh?
Danh tiếng của Ô-xia truyền đến những xứ ở phương xa.
2 Chronicles 26:16
Khi đã trở nên hùng mạnh, Ô-xia đã phạm tội chống ngịch Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời mình, ra sao?
Ô-xia đã phạm tội chống ngịch Đức Giê-hô-va khi ông đi vào trong đền thờ của Đức Giê-hô-va để dâng hương trên bàn thờ xông hương.
2 Chronicles 26:17
Tại sao A-xa-ria và tám mươi thầy tế lễ đi vào theo sau khi Ô-xia, và tại sao A-xa-ria lại nói rằng Ô-xia đã phạm tội khi vua xông hương trong đền thánh?
Các thầy tế lễ đã nói thưa cùng Ô-xia rằng chỉ có các thầy tế lễ, các con trai của A-rôn, là những người được biệt riêng ra thánh đặng xông hương trong đền thánh, vậy nên Ô-xia đã phạm tội khi ông dâng hương cho Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 26:18
Tại sao A-xa-ria và tám mươi thầy tế lễ đi vào theo sau khi Ô-xia, và tại sao A-xa-ria lại nói rằng Ô-xia đã phạm tội khi vua xông hương trong đền thánh?
Các thầy tế lễ đã nói thưa cùng Ô-xia rằng chỉ có các thầy tế lễ, các con trai của A-rôn, là những người được biệt riêng ra thánh đặng xông hương trong đền thánh, vậy nên Ô-xia đã phạm tội khi ông dâng hương cho Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 26:19
Chuyện gì đã xảy ra cho Ô-xia khi vua cầm một cái bình hương trong tay định xông hương, và khi vua nổi giận cùng các thầy tế lễ?
Khi Ô-xia cầm lấy bình hương, và khi vua tức giận cùng các thầy tế lễ, thì phung nổi lên nơi trán người.
2 Chronicles 26:20
Tại sao phung lại nổi lên trên trán Ô-xia?
Phung nổi lên trên trán Ô-xia là bởi vì Đức Giê-hô-va đã đánh người.
2 Chronicles 26:21
Tại sao Ô-xia phải sống riêng trong một nhà khác cho đến ngày băng hà?
Ô-xia phải sống trong một nhà riêng biệt bởi vì ông bị bịnh phung và bị đuổi ra khỏi đền thờ của Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 26:23
Ai đã trở thành vua sau khi Ô-xia băng hà và được chôn cùng với các tổ phụ của mình?
Giô-tham, con trai Ô-xia, trở thành vua thế chỗ cho người.

Chapter 27
2 Chronicles 27:1
Giê-ru-sa
Người đã làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:2
Trong mọi điều
AT: "trong cùng một cách"
2 Chronicles 27:3
Đồi Ô-phên
Đây là một đồi nằm ở Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 27:5
Ta-lâng
Những đường lối
Trong năm thứ hai và năm thứ ba
AT: "năm thứ hai và năm thứ ba sau khi người đánh bại chúng"
2 Chronicles 27:6
Người vững bước trước Đức Giê-hô-va Chúa người
AT: "Người vâng theo Đức Giê-hô-va mà không lạc lối" hoặc "người hoàn toàn sống tận hiến cho Đức Giê-hô-va"
Sách các Vua của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa
Đây là sách không còn tồn tại.
2 Chronicles 27:8
Giô-tham yên nghỉ cùng tổ phụ của người
AT: "Giô-tham chết,"

Translation Questions

2 Chronicles 27:1
Giô-tham bao nhiêu tuổi khi ông trở thành vua Giu-đa và vua đã trị vì trong bao lâu?
Giô-tham được hai mươi lăm tuổi khi trở thành vua và vua đã cai trị trong mười sáu năm tại Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 27:2
Mặc dầu Giô-tham làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va nhưng còn dân sự thì sống như thế nào?
Dân Giu-đa vẫn sống trong đường lối gian ác, mặc dầu Giô-tham làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 27:3
Giô-tham đã cho xây dựng những gì tại Giê-ru-sa-lem?
Giô-tham cho xây dựng các cổng trên cho đền thờ của Đức Giê-hô-va, và vua còn xây dựng nhiều trên núi Ô-phên.
2 Chronicles 27:4
Giô-tham đã cho xây dựng những gì tại miền núi và các rừng của Giu-đa?
Giô-tham xây dựng những thành trong miền núi Giu-đa, và đền đài cùng những tháp ở
trên rừng.
2 Chronicles 27:5
Tại sao dân Am-môn lại dâng bạc, lúa mí, lúa mạch lên cho Giô-tham?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân Am-môn đã dâng bạc, lúa mì, lúa mạch lên cho Giô-tham bởi vì người đã đánh giặc với họ và đã đánh bại họ.
2 Chronicles 27:6
Tại sao Giô-tham trở nên hùng mạnh?
Giô-tham trở nên hùng mạnh bởi vì người bước đi đường đường chính chính trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.
2 Chronicles 27:9
Giô-tham khi chết được chôn cất ở đâu?
Giô-tham được chôn trong thành Đa-vít.
Ai trở thành vua Giu-đa sau khi Giô-tham băng hà?
A-cha, con trai Giô-tham, trở thành vua thế chỗ cho người.

Chapter 28
2 Chronicles 28:1
Ông đã không làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:2
Ông bước trong các đường lối của vua Y-sơ-ra-ên
AT: "ông cũng phạm tội như các vua của Y-sơ-ra-ên trước ông"
2 Chronicles 28:3
Thung lũng Bên Hi-nôm
Đây là thung lũng ở Giê-ru-sa-lem.
Dưới các cây xanh
AT: "mọi nơi"
2 Chronicles 28:5
Phê-ka con trai của Rê-ma-lia
2 Chronicles 28:7
Xiếc-ri…Ma-a-xê-gia…A-ri-kham…Ên-ca-na
2 Chronicles 28:9
Ô-đết
Ngài ban chúng vào trong tay ngươi
AT: "Ngài giúp ngươi đánh bại chúng"
Nhưng các ngươi không phạm tội…chống lại Đức Giê-hô-va Chúa ngươi sao?
AT: "Nhưng nhớ lấy, các ngươi phạm tội…chống lại Đức Giê-hô-va Chúa ngươi."
2 Chronicles 28:12
A-xa-ria con trai của Giô-ha-nan, Bê-rê-kia con trai của Mê-si-lê-mốt, Ê-xê-chia con trai của Sa-lum, và A-ma-sa con trai của Hát-lai
2 Chronicles 28:14
Giày dép
Đây là một loại giày.
Trị thương cho họ
AT: "Lấy thuốc săn sóc cho họ"
Đặt kẻ yếu lên lừa
AT: "đặt lên lừa những ai không thể đi"
2 Chronicles 28:16
Bết Sê-mết, A-gia-lôn, Ghê-đê lốt, Sô-cô cùng những làng của nó, Thim-na cùng những làng của nó, cũng như Ghim-xô
2 Chronicles 28:19
Đức Giê-hô-va đem Giu-đa xuống thấp vì A-cha
AT: "Đức Giê-hô-va khinh dễ A-cha")
Tiếc-la Phi-lê-se
Đây là Tiếc-la Phi-lê-se III, cũng được biết là Phun.
2 Chronicles 28:22
Trong lúc khốn khổ của ông
AT: "khi ông đang chịu đựng"
Ta sẽ cúng bái họ
AT: "ta sẽ dâng lễ cho họ"
2 Chronicles 28:24
Các vật dụng
"các dụng cụ và các đồ khác"
Trong mỗi góc của Giê-ru-sa-lem
AT: "trong khắp Giê-ru-sa-lem"
2 Chronicles 28:26
Mọi đường của người, từ đầu đến cuối
AT: "mọi thứ ông đã làm"
Sách các Vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên
Đây là sách không còn nữa.
A-cha đã yên nghỉ cùng tổ phụ người
"A-cha chết"

Translation Questions

2 Chronicles 28:1
A-cha đã không làm gì theo như Đa-vít tổ phụ mình đã làm?
A-cha không làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, như Đa-vít tổ phụ người đã làm.
2 Chronicles 28:2
A-cha đã làm ra những gì khi ông bước đi theo đường lối của các vua Y-sơ-ra-ên?
A-cha đã làm những hình tượng đúc cho thần Ba-anh.
2 Chronicles 28:3
Ngoài việc đúc các tượng thần Ba-anh, dâng hương cũng như đi theo sự gian ác của các dân mà Đức Giê-hô-va đã đuổi ra khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, A-cha còn làm gì với các con cái của mình nữa?
A-cha đã thiêu các con mình trên lửa làm những của lễ thiêu.
2 Chronicles 28:5
Đâu là nguyên nhân khiến A-cha bại trận trong tay của người A-ram và trong tay vua Y-sơ-ra-ên?
A-cha bị quân A-ram và vua Y-sơ-ra-ên đánh bại bởi vì vua cùng dân sự của vua đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ mình.
2 Chronicles 28:6
Đâu là nguyên nhân khiến A-cha bại trận trong tay của người A-ram và trong tay vua Y-sơ-ra-ên?
A-cha bị quân A-ram và vua Y-sơ-ra-ên đánh bại bởi vì vua cùng dân sự của vua đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ mình.
2 Chronicles 28:8
Quân đội Y-sơ-ra-ên đã cướp lấy những gì đem về Sa-ma-ri?
Quân đội Y-sơ-ra-ên đã bắt lấy trong vòng bà con mình như phu tù, và họ cũng cướp lấy nhiều chiến lợi phẩm đem về Sa-ma-ri.
2 Chronicles 28:9
Ai đã đi ra đón đạo binh đang trở về Sa-ma-ri?
Một đấng tiên tri của Đức Giê-hô-va, tên là Ô-đết, đi ra đón đạo binh.
Ô-bết đã đưa ra lời buộc tội nào với đội quân?
Ô-bết buộc tội quân đội Y-sơ-ra-ên về tội giết người Giu-đa trong cơn căm giận dữ quá đến nỗi thấu đến trời.
2 Chronicles 28:10
Ô-bết đã bảo quân đội Y-sơ-ra-ên phải làm gì với những tù nhân mà họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đã bắt lấy ở Giê-ru-sa-lem đặng làm nô lệ?
Ô-bết bảo quân đội thả những tù nhân đó trở về, bởi vì cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi phừng phừng trên họ.
2 Chronicles 28:11
Ô-bết đã bảo quân đội Y-sơ-ra-ên phải làm gì với những tù nhân mà họ đã bắt lấy đem về Giê-ru-sa-lem đặng làm nô lệ?
Ô-bết bảo quân đội thả những tù nhân đó trở về, bởi vì cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi phừng phừng trên họ.
2 Chronicles 28:13
Những nhà lãnh đạo dân Ép-ra-im cho rằng đâu là lí do khiến họ không thể đem những tù nhân đó đến Sa-ma-ri?
Những nhà lãnh đạo nầy cho rằng việc làm đó sẽ khiến họ thêm phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va và sẽ đem cơn thịnh nộ rất lớn của Ngài đến trên Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 28:14
Những nhà lãnh đạo nầy đã làm gì với những tù nhân nầy khi quân lính thả những tù nhân đó ra trước mặt họ?
Những nhà lãnh đạo nầy đã mặc quần áo và mang giày cho họ, cho họ ăn, uống và điều trị vết thương cho họ cùng để những
người yếu đuối cỡi lừa, rồi đưa họ về nhà mình ở Giê-ri-cô.
2 Chronicles 28:15
Những nhà lãnh đạo nầy đã làm gì với những tù nhân nầy khi quân lính thả những tù nhân đó ra trước mặt họ?
Những nhà lãnh đạo nầy đã mặc quần áo và mang giày cho họ, cho họ ăn, uống và điều trị vết thương cho họ cùng để những
người yếu đuối cỡi lừa, rồi đưa họ về nhà mình ở Giê-ri-cô.
2 Chronicles 28:16
Tại sao vua A-cha cần phải sai các sứ giả đi đến các vua A-si-ri để cầu cứu?
A-cha cần phải đi cầu xin các vua A-si-ri tiếp cứu mình bởi vì dân Ê-đôm đã tấn công Giu-đa và người Phi-li-tin xâm chiếm các thành tại xứ đồng bằng và miền Nê-ghép thuộc xứ Giu-đa.
2 Chronicles 28:18
Tại sao vua A-cha cần phải sai các sứ giả đi đến các vua A-si-ri để cầu cứu?
A-cha cần phải đi cầu xin các vua A-si-ri tiếp cứu mình bởi vì dân Ê-đôm đã tấn công Giu-đa và người Phi-li-tin xâm chiếm các thành tại xứ đồng bằng và miền Nê-ghép thuộc xứ Giu-đa.
2 Chronicles 28:19
A-cha đã làm gì khiến Đức Giê-hô-va hại Giu-đa xuống?
Giu-đa bị hạ xuống bởi vì A-cha đã sống gian ác và đã phạm tội rất lớn nghịch cùng Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 28:21
Tại sao A-cha chiếm lấy những vật dụng có giá trị trong đền thờ của Đức Giê-hô-va và trong cung vua cũng như trong nhà của những nhà lãnh đạo nầy?
A-cha đã chiếm lấy những vật dụng có giá trị trong đền thờ của Đức Giê-hô-va và trong cung vua cũng như trong nhà của những nhà lãnh đạo nầy để dâng những vật đó lên cho các vua A-si-ri.
2 Chronicles 28:22
Điều gì đã khiến A-cha và toàn Y-sơ-ra-ên phải suy vong?
A-cha phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va và dâng sinh tế cho các thần của Đa-mách.
2 Chronicles 28:23
Điều gì đã khiến A-cha và toàn Y-sơ-ra-ên phải suy vong?
A-cha phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va và dâng sinh tế cho các thần của Đa-mách.
2 Chronicles 28:24
A-cha đã làm gì với những vật dụng trong đền thờ của Đức Chúa Trời?
A-cha đã đập vỡ hết các vật dụng ấy, rồi đóng các cửa của đền thờ Đức Giê-hô-va.
Hậu quả của việc A-cha lập cho mình những bàn thờ trong mọi ngõ ngách của thành Giê-ru-sa-lem, dựng lên những nơi cao để xông hương cho các thần khác trong toàn thành Giu-đa?
Hậu quả của những việc làm của A-cha ấy là ông đã chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ mình.
2 Chronicles 28:25
Hậu quả của việc A-cha lập cho mình những bàn thờ trong mọi ngõ ngách của thành Giê-ru-sa-lem, dựng lên những nơi cao để xông hương cho các thần khác trong toàn thành Giu-đa?
Hậu quả của những việc làm của A-cha ấy là ông đã chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ mình.
2 Chronicles 28:26
Những việc làm khác của A-cha được ghi chép lại ở đâu
Những việc làm khác của A-cha được ghi chép lại trong sách Các Vua Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 28:27
Ai đã trở thành vua sau khi A-cha chết và được chôn tại Giê-ru-sa-lem?
Ê-xê-chia, con trai A-cha trở thành vua thế chỗ cho người.

Chapter 29
2 Chronicles 29:1
A-bi-gia
Đây là tên của người nữ.
Ông đã làm những điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:1.
2 Chronicles 29:3
ở tháng đầu tiên
Đây là tháng đầu theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Ba và đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.
Đem đi những đồ ô uế
AT: "dọn dẹp những vật không tinh sạch" hoặc "dọn dẹp những thứ dơ bẩn"
2 Chronicles 29:6
Làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 21:6
Nơi Đức Giê-hô-va sống
Xem bản dịch này trong 2CH 18:13
2 Chronicles 29:8
Sợ hãi, kinh khiếp, và những điều khinh rẻ
Giống như các ngươi tận mắt thấy
AT: "như các ngươi thấy cho chính các ngươi"
Ấy là tại sao tổ phụ chúng tôi đã ngã xuống bởi gươm
AT: "ấy là tại sao tổ phụ chúng tôi đã chết trong trận chiến."
2 Chronicles 29:10
Cơn thịnh nộ của Ngài sẽ quay khỏi chúng tôi
AT: "Ngài sẽ không thực hiện cơn giận của Ngài với chúng tôi"
2 Chronicles 29:12
Thông tin Tổng quát:
See:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Chronicles 29:15
Khe suối Xết-rôn
Một dòng nước nhỏ chảy ở phía đông của Giê-ru-sa-lem. Lúc này nó được sử dụng như một bãi rác.
Ngày đầu của tháng đầu tiên
Đây là tháng đầu theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày đầu đánh dấu lúc Đức Giê-hô-va mang dân sự ra khỏi Ê-díp-tô. Đây là gần giữa tháng Ba theo lịch phương Tây.
Qua ngày tám của tháng
Đây là gần cuối tháng Ba theo lịch phương Tây.
Mười sáu ngày của tháng đầu
Đây là gần đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.
2 Chronicles 29:18
Trong suốt triều đại của người
AT: "trong suốt thời gian khi người trị vì"
2 Chronicles 29:25
Chập chỏa
Xem bản dịch này trong 2CH 5:12.
2 Chronicles 29:31
Lễ cảm tạ
Đây là của lễ để tạ ơn.
Những ai sẵn lòng
AT: "ai mong muốn"
2 Chronicles 29:32
Thông tin Tổng quát:
See:
2 Chronicles 29:34
Khá cẩn thận dọn lòng mình
AT: "khá cẩn thận theo luật pháp để thanh tẩy chính họ"
2 Chronicles 29:35
Họ tiến hành lễ bằng mỡ trong lễ thân hữu
AT: "các thầy tế lễ đốt mỡ cùng với con vật được dâng lên để giữ mối quan hệ tốt với Đức Giê-hô-va; " (UDB)
Lập để
AT: "tái thiết lập bởi các thầy tế lễ bởi các luật"

Translation Questions

2 Chronicles 29:1
Khi bắt Ê-xê-chia bắt đầu cai trị ở tuổi hai mươi lăm thì vua the gương mẫu của ai?
Ê-xê-chia theo gương mẫu của Đa-vít tổ phụ mình và làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 29:2
Khi bắt Ê-xê-chia bắt đầu cai trị ở tuổi hai mươi lăm thì vua the gương mẫu của ai?
Ê-xê-chia theo gương mẫu của Đa-vít tổ phụ mình và làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 29:3
Ê-xê-chia đã bảo người Lê-vi làm gì sau khi vua mở các cửa đền thờ Đức Giê-hô-va và sửa chữa lại?
Ê-xê-chia bảo người Lê-vi hãy thánh hóa chính mình, thánh hóa đền thờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời và loại những điều ô uế ra khỏi đền thánh.
2 Chronicles 29:5
Ê-xê-chia đã bảo người Lê-vi làm gì sau khi vua mở các cửa đền thờ Đức Giê-hô-va và sửa chữa lại?
Ê-xê-chia bảo người Lê-vi hãy thánh hóa chính mình, thánh hóa đền thờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời và loại những điều ô uế ra khỏi đền thánh.
2 Chronicles 29:6
Ê-xê-chia đã nói rằng tổ phụ họ đã làm điều gì trước mặt Đức Giê-hô-va?
Ê-xê-chia nói rằng tổ phụ họ đã phạm tội và làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ.
Tổ phụ họ đã không làm gì trong nơi Đức Giê-hô-va ngự?
Tổ phụ họ không xông hương và không dâng tế lễ thiêu tại Nơi Thánh cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 29:7
Tổ phụ họ đã không làm gì trong nơi Đức Giê-hô-va ngự?
Tổ phụ họ không xông hương và không dâng tế lễ thiêu tại Nơi Thánh cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 29:8
Hậu quả của cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va trút xuống trên Giu-đa và Giê-ru-sa-lem là gì?
Đức Giê-hô-va đã phó Giu-đa và Giê-ru-sa-lem vào sự sợ hãi, kinh hoàng và mỉa mai.
2 Chronicles 29:9
Chuyện gì đã xảy ra tổ phụ của họ, với các con trai con gái và vợ của họ vì cớ cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va?
Tổ phụ họ bị ngã chết vì gươm, còn con trai, con gái và vợ của họ thì bị bắt
làm phu tù vì cớ cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 29:10
Ê-xê-chia đã đề nghị làm gì để cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va có thể rời khỏi họ?
Ê-xê-chia đề nghị rằng họ lập một giao ước với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 29:15
Người Lê-vi đã làm gì sau khi họ đã tập hợp các anh em của mình lại?
Người Lê-vi và các anh em của họ dâng mình cho Đức Giê-hô-va, và đi đến thanh tẩy đền thờ Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 29:16
Các thầy tế lễ đã làm gì với những đồ ô uế mà họ tìm thấy trong đền thờ của Đức Giê-hô-va khi họ thanh tẩy đền thờ?
Các thầy tế lễ đã đem mọi thứ ô uế đó đem ném ra ngoài thung lũng Xết-rôn.
2 Chronicles 29:17
Các thầy tế lễ mất bao lâu để thanh tẩy đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Các thầy tế lễ đã bắt đầu vào ngày mồng một tháng giêng và đến ngày mười sáu tháng giêng thì công việc hoàn tất.
2 Chronicles 29:18
Ngoài việc thanh tẩy toàn bộ đền thờ Đức Giê-hô-va, các thầy tế lễ còn bẩm báo với Ê-xê-chia rằng họ đã chuẩn bị và thanh tẩy những gì nữa?
Ngoài việc thanh tẩy toàn bộ đền thờ Đức Giê-hô-va, các thầy tế lễ đã chuẩn bị và thanh tẩy tất cả các vật dụng mà vua A-cha đã ném bỏ khi ông phạm tội trong lúc trị vì.
2 Chronicles 29:19
Ngoài việc thanh tẩy toàn bộ đền thờ Đức Giê-hô-va, các thầy tế lễ còn bẩm báo với Ê-xê-chia rằng họ đã chuẩn bị và thanh tẩy những gì nữa?
Ngoài việc thanh tẩy toàn bộ đền thờ Đức Giê-hô-va, các thầy tế lễ đã chuẩn bị và thanh tẩy tất cả các vật dụng mà vua A-cha đã ném bỏ khi ông phạm tội trong lúc trị vì.
2 Chronicles 29:20
Ê-xê-chia đã ra lệnh cho các thầy tế lễ làm gì với những con sinh tế mà họ đem đến làm của lễ chuộc tội cho dân Giu-đa?
Ê-xê-chia bảo các thầy tế lễ phải dâng những con sinh tế đó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trên bàn thờ của Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 29:21
Ê-xê-chia đã ra lệnh cho các thầy tế lễ làm gì với những con sinh tế mà họ đem đến làm của lễ chuộc tội cho dân Giu-đa?
Ê-xê-chia bảo các thầy tế lễ phải dâng những con sinh tế đó trên bàn thờ của Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 29:22
Tại sao các thầy tế lễ giết các con sinh tế đó và rảy máu chúng trên bàn thờ?
các thầy tế lễ đã giết các con sinh tế đó và rảy máu chúng trên bàn thờ để làm tế lễ chuộc cho toàn Y-sơ-ra-ên. Một của lễ thiêu và một của lễ chuộc tội phải được dâng lên cho toàn Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 29:24
Tại sao các thầy tế lễ giết các con sinh tế đó và rảy máu chúng trên bàn thờ?
các thầy tế lễ đã giết các con sinh tế đó và rảy máu chúng trên bàn thờ để làm tế lễ chuộc cho toàn Y-sơ-ra-ên. Một của lễ thiêu và một của lễ chuộc tội phải được dâng lên cho toàn Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 29:25
Ai đã ra lệnh cho việc sắp xếp người Lê-vi và các nhạc khi của họ trong đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Mệnh lệnh ấy đến từ Đức Giê-hô-va bởi các thầy tế lễ.
2 Chronicles 29:27
Người ca hát và chơi nhạc khí cứ tiếp tục trong bao lâu trong khi toàn thể hội chúng thờ phượng và việc dâng của lễ thiêu bắt đầu?
Người ca hát và âm nhạc cứ tiếp tục cho đến đã dâng xong của lễ thiêu.
2 Chronicles 29:28
Người ca hát và chơi nhạc khí cứ tiếp tục trong bao lâu trong khi toàn thể hội chúng thờ phượng và việc dâng của lễ thiêu bắt đầu?
Người ca hát và âm nhạc cứ tiếp tục cho đến đã dâng xong của lễ thiêu.
2 Chronicles 29:30
Thái độ của người Lê-vi ra sao khi họ hát ngợi khen Đức Giê-hô-va bằng lời của Đa-vít và của A-sáp?
Người Lê-vi vui mừng hát ngợi khen và sấp mình xuống mà thờ lạy.
2 Chronicles 29:31
Hội chúng đem vào đền thờ của Đức Giê-hô-va những gì?
Hội chúng đã đem những hi sinh và của lễ cảm tạ, còn kẻ nào vui lòng thì đem dâng những của lễ thiêu.
2 Chronicles 29:32
Hội chúng đem vào những loại sinh tế nào để dùng của lễ thiêu?
Hội chúng đem bò đực, chiên đực, cừu, bò và chiên đến để dùng làm những của lễ thiêu.
2 Chronicles 29:33
Hội chúng đem vào những loại sinh tế nào để dùng của lễ thiêu?
Hội chúng đem bò đực, chiên đực, cừu, bò và chiên đến để dùng làm những của lễ thiêu.
2 Chronicles 29:34
Tại sao các thầy tế lễ phải hỏi người Lê-vi giúp lột da các con sinh tế?
Các thầy tế lễ phải hỏi người Lê-vi giúp họ lột da những con sinh tế bởi vì các thầy tế lễ quá ít để tự làm công việc đó.
2 Chronicles 29:35
Ê-xê-chia và cả dân chúng đã làm gì khi việc thờ phượng trong đền thờ Đức Giê-hô-va đã được thiết lập?
Ê-xê-chia và cả dân chúng đều vui mừng.
2 Chronicles 29:36
Ê-xê-chia và cả dân chúng đã làm gì khi việc thờ phượng trong đền thờ Đức Giê-hô-va đã được thiết lập?
Ê-xê-chia và cả dân chúng đều vui mừng.

Chapter 30
2 Chronicles 30:1
Quyết định tổ chức lễ Vượt qua trong tháng thứ hai
Người Y-sơ-ra-ên thường tổ chức lễ Vượt qua trong suốt tháng đầu theo lịch Hê-bơ-rơ. Tháng đầu diễn ra trong suốt cuối tháng Ba và đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.
Tháng thứ hai
Đây là tháng thứ hai theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Tư và đầu tháng năm theo lịch phương Tây.
2 Chronicles 30:4
Trong mắt của
Xem bản dịch này trong 2CH 14:2
Bê-e-sê-ba đến Đan
AT: "hết thảy dân Y-sơ-ra-ên"
2 Chronicles 30:6
Người đưa thư
Đây là người mang những bức thư.
2 Chronicles 30:7
Ngài để chúng vào sự hủy diệt
AT: "Ngài khiến chúng bị hủy diệt"
Đem chính ngươi cho Đức Giê-hô-va
AT: "vâng theo Đức Giê-hô-va" hoặc "dâng chính ngươi cho Đức Giê-hô-va"
2 Chronicles 30:13
Tháng thứ hai
Đây là tháng thứ hai theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Tư và đầu tháng năm theo lịch phương Tây.
Khe suối Xết-rôn
Đây là dòng suối nhỏ ở thung lũng Xết-rôn.
Ngày mười bốn tháng hai
Lúc này gần đầu tháng Năm theo lịch phương Tây.
2 Chronicles 30:16
Họ đứng ở chỗ họ theo sự phân chia
AT: "họ đứng ở nơi họ được chỉ định"
Giết chiên con Lễ vượt qua
AT: "nghi lễ giết nhiều con chiên cho Lễ vượt qua"
2 Chronicles 30:21
Nhạc khí
Điều này kể đến những nhạc cụ âm nhạc.

Translation Questions

2 Chronicles 30:1
Ê-xê-chia đã sai các sứ giả đi đến những đâu và ông đã viết thư cho ai?
Ê-xê-chia đã sai các sứ giả đi đến toàn Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, và đã viết thư cho Ép-ra-im và Ma-na-se.
Ê-xê-chia đã gửi cho họ thông điệp gì?
Lời nhắn họ nên đến Giê-ru-sa-lem đến đền thờ của Đức Giê-hô-va để tổ chức Lễ Vượt Qua.
2 Chronicles 30:2

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ai đã bàn luận với nhau để tổ chức Lễ Vượt Qua vào tháng thứ hai?
Họ bao gồm vua, các triều thần và toàn thể hội chúng tại Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 30:3
Tại sao họ không thể tổ chức Lễ Vượt Qua ngay tức thì?
Họ không thể tổ chức Lễ Vượt Qua ngay tức thì, bởi vì số thầy tế lễ thánh hóa chính mình chưa đủ, và dân chúng chưa tập trung tại Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 30:4
Đối với vua và toàn thể hội chúng thì kế hoạch nầy ra sao?
Vua và toàn thể hội chúng đều thấy kế hoạch nầy là chính đáng.
2 Chronicles 30:5
Vua và toàn thể hội chúng đã thiết lập và lập ra những gì?
Họ đã ra luật lệ và ra thông báo công khai, chính thức.
Thông báo ấy lan truyền đi đến đâu?
Thông báo nầy trải khắp xứ Y-sơ-ra-ên, từ Bê-e Sê-ba cho đến Đan.
Nội dung thông báo nầy là gì?
Thông báo công bố rằng dân sự phải đến tổ chức Lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 30:6
Thông báo nầy được truyền đi bằng phương tiện gì?
Thông báo nầy được những người đưa thư đem thư của vua và các nhà lãnh đạo đi khắp Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.
2 Chronicles 30:9
Thông báo ghi rõ nếu dân sự trở về cùng Đức Giê-hô-va thì chuyện gì sẽ xảy ra?
Anh em và con cái của họ sẽ được ơn trước mặt những kẻ bắt họ lưu đày, và
họ sẽ được trở về trong xứ Y-sơ-ra-ên.
2 Chronicles 30:10
Những người đưa thư đi đến những đâu và dân sự phản ứng thế nào?
Những người đưa thư đi từ thành nầy qua thành kia trong khắp xứ Ép-ra-im, Ma-na-se, cho đến tận đất Sa-bu-lôn, nhưng người ta cười nhạo và chế giễu họ.
2 Chronicles 30:11
Những ai đã hạ mình và họ đã làm gì?
Có một số người trong các bộ tộc A-se, Ma-na-se và Sa-bu-lôn chịu hạ mình xuống
và đến Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 30:12
Tay của Đức Chúa Trời đã làm gì và chuyện gì đã xảy ra?
Tay của Đức Chúa Trời đến trên người Giu-đa và đồng lòng vâng theo lệnh của vua và các quan chức đã truyền ra.
2 Chronicles 30:13
Có bao nhiêu người đã tập hợp lại tại Giê-ru-sa-lem để tổ chức lễ Bánh Không Men vào tháng thứ hai?
Có đông đảo nhiều người nhóm lại tại Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 30:14
Những người nhóm lại tại Giê-ru-sa-lem đã làm gì?
Họ dẹp bỏ các bàn thờ và tất cả những bàn thờ xông hương, rồi ném chúng xuống thung lũng Kít-rôn. Ngày mười bốn tháng hai, người ta giết những con chiên của lễ Vượt Qua.
2 Chronicles 30:15
Những người nhóm lại tại Giê-ru-sa-lem đã làm gì?
Họ dẹp bỏ các bàn thờ và tất cả những bàn thờ xông hương, rồi ném chúng xuống thung lũng Kít-rôn. Ngày mười bốn tháng hai, người ta giết những con chiên của lễ Vượt Qua.
Các thầy tế lễ và người Lê-vi cảm thấy hổ thẹn thì làm gì?
Họ đã thánh hóa chính mình và đem các tế lễ thiêu vào trong đền thờ Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 30:16
Họ đứng như thế nào và các thầy tế lễ đã làm gì?
Họ đứng vào vị trí của mình theo như đã quy định trong luật pháp của Môi-se, và các thầy tế lễ thì vẩy máu.
2 Chronicles 30:17
Tại sao các thầy tế lễ lại rảy máu của các con sinh tế mà họ đã nhận từ người Lê-vi?
Bởi vì có nhiều người chưa thánh hóa chính mình, nên người Lê-vi có nhiệm vụ giết những con chiên của lễ Vượt Qua, và các thầy tế lễ nhận lấy máu từ người Lê-vi mà rảy ra.
2 Chronicles 30:18
Tại sao Ê-xê-chia cầu nguyện cho dân Ép-ra-im, Ma-na-se, Y-sa-ca, và Sa-bu-lôn, và vua cầu nguyện về những điều gì?
Có nhiều người không dọn mình thanh sạch, lại ăn lễ Vượt qua, không theo luật định đã được ghi chép. Vậy nên Ê-xê-chia đã cầu nguyện đặng Đức Giê-hô-va tha tội cho những người đã hết lòng tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời, mặc dù họ không dọn mình thanh sạch theo tiêu chuẩn của đền thánh.
2 Chronicles 30:19
Tại sao Ê-xê-chia cầu nguyện cho dân Ép-ra-im, Ma-na-se, Y-sa-ca, và Sa-bu-lôn, và vua cầu nguyện về những điều gì?
Có nhiều người không dọn mình thanh sạch, lại ăn lễ Vượt qua, không theo luật định đã được ghi chép. Vậy nên Ê-xê-chia đã cầu nguyện đặng Đức Giê-hô-va tha tội cho những người đã hết lòng tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời, mặc dù họ không dọn mình thanh sạch theo tiêu chuẩn của đền thánh.
2 Chronicles 30:20
Đức Giê-hô-va đã làm gì đáp lại lời cầu nguyện đó?
Đức Giê-hô-va đã lắng nghe Ê-xê-chia và chữa lành cho dân sự.
2 Chronicles 30:21
Dân Y-sơ-ra-ên, người Lê-vi, và các thầy tế lễ đã làm gì?
Dân Y-sơ-ra-ên giữ lễ Bánh Không Men
suốt bảy ngày cách hân hoan. Người Lê-vi và các thầy tế lễ ca hát ngợi khen Đức Giê-hô-va cùng với những tiếng nhạc khí vang tiếng.
2 Chronicles 30:22
Ê-xê-chia đã nói với người Lê-vi là những người thông thạo các lễ nghi thờ phượng Đức Giê-hô-va ra sao, và họ đã làm gì?
Ê-xê-chia khích lệ và khen ngợi họ, Họ ăn lễ suốt bảy ngày, dâng các tế lễ bình an, và xưng tội cùng Đức Giê-hô-va.
2 Chronicles 30:23
Cả hội chúng đã quyết định làm gì khi Ê-xê-chia ban cho hội chúng một nghìn bò đực và bảy nghìn chiên, và các nhà lãnh đạo cũng tặng thêm một nghìn bò đực và mười nghìn chiên và dê?
Cả hội chúng cử hành lễ thêm bảy ngày nữa, và họ đều hân hoan giữ lễ.
2 Chronicles 30:24
Cả hội chúng đã quyết định làm gì khi Ê-xê-chia ban cho hội chúng một nghìn bò đực và bảy nghìn chiên, và các nhà lãnh đạo cũng tặng thêm một nghìn bò đực và mười nghìn chiên và dê?
Cả hội chúng cử hành lễ thêm bảy ngày nữa, và họ đều hân hoan giữ lễ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Chronicles 30:25

Trong những ngày lễ nầy, những ai vui mừng?

Toàn thể hội chúng Giu-đa, các thầy tế lễ, người Lê-vi, và hết thảy dân chúng từ Y-sơ-ra-ên đến tập hợp lại, cùng những người ngoại bang đến từ Y-sơ-ra-ên và những người đã sống tại Giu-đa đều vui mừng.

2 Chronicles 30:26

Kỳ lễ nầy được mô tả ra sao?

Ở Giê-ru-sa-lem có sự vui mừng rất lớn; vì từ đời Sa-lô-môn tại thành Giê-ru-sa-lem chẳng có sự gì như vậy.

2 Chronicles 30:27

Các thầy tế lễ và người Lê-vi làm gì tiếp theo trong kỳ lễ nầy?

Họ chúc phước cho dân chúng. Lời chúc phước của họ được nhậm, và lời cầu nguyện thấu đến tận trời.

Chapter 31

2 Chronicles 31:1

Hết thảy dân Y-sơ-ra-ên trở lại

Nó có thể mang nghĩa này. AT: "khắp mọi Y-sơ-ra-ên""

2 Chronicles 31:2

Ấn định theo sự phân chia của vua cho của lễ thiêu từ tài sản của người

Ê-xê-chia lấy thịt và gạo dùng cho của lễ thiêu ngoài tài sản của người.

Trăng mới

Đây là lễ hội xảy ra đồng thời cùng với sự chuyển động của mặt trăng.

Các ngày lễ đã quy định

Điều này nói đến lễ hội mà xảy ra vào những ngày đặc biệt.

2 Chronicles 31:4

Một phần mười của mọi thứ

"một phần mười của mọi vụ mùa"

2 Chronicles 31:6

Tháng thứ ba

Đây là tháng thứ ba theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó ở cuối vụ thu hoạch và bắt đầu vào mùa khô. Nó diễn ra suốt cuối tháng Năm và đầu tháng Sáu theo lịch phương Tây.

Tháng bảy

Đây là tháng bảy của lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra vào chớm mùa mưa, khi mà đất mềm để gieo trồng. Nó diễn ra vào cuối tháng Chín và đầu tháng Mười theo lịch phương Tây.

2 Chronicles 31:9

Những gì còn dư lại thì rất nhiều

Các thầy tế lễ trưởng đã được chỉ định một đống lớn.

2 Chronicles 31:14

Cô-rê con của Dim-na…Ê-đen, Min-gia-min, Giê-sua, Sê-ma-gia, A-ma-ria, và Sê-ca-nia

Dưới người

"dưới quyền của người"

Dù quan trọng hay không quan trọng

"mọi người"

2 Chronicles 31:16

Ba tuổi trở lên

AT: "ba tuổi và lớn hơn"

Theo như lịch hằng ngày

AT: "như yêu cầu mỗi ngày"

Translation Questions

2 Chronicles 31:1

Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì sau khi tổ chức lễ Bánh Không Men?

Dân Y-sơ-ra-ên đi ra các thành của Giu-đa đập vỡ những trụ thờ, triệt hạ các tượng thần A-sê-ra, phá hủy những nơi cao và các bàn thờ trong toàn cõi Giu-đa, Bên-gia-min, Ép-ra-im và Ma-na-se, cho đến khi họ đã phá hủy chúng hoàn toàn.

Sau khi làm những việc ấy thì dân Y-sơ-ra-ên đã đi đâu?

Họ trở nề xứ và thành của mình.

2 Chronicles 31:2

Sau khi đã tổ chức họ thành các phân ban thì Ê-xê-chia đã chỉ định các thầy tế lễ và người Lê-vi làm gì?

Ê-xê-chia chỉ định họ dâng tế lễ thiêu, tế lễ bình an, và phụng sự, cảm tạ, ca ngợi Chúa nơi các cổng đền của Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 31:3

Ê-xê-chia đã ấn định phần nào và nó được dâng lên khi nào?

Phần ấy là sẽ là phần của vua từ tài sản của vua để làm những của lễ thiêu về buổi sớm mai và buổi chiều, ngày sa-bát, ngày trăng mới và các ngày lễ đã quy định.

2 Chronicles 31:4

Ê-xê-chia đã ban lệnh cho dân Giê-ru-sa-lem phải làm gì để các thầy tế lễ và người Lê-vi có thể chuyên tâm lo gìn giữ luật pháp của Đức Giê-hô-va?

Dân sự phải cung cấp phần của những thầy tế lễ và người Lê-vi.

2 Chronicles 31:5

Chuyện gì đã xảy ra khi mệnh lệnh của vua truyền đến dân sự?

Dân Y-sơ-ra-ên đã đem đến dâng rất nhiều sản vật đầu mùa về lúa, rượu mới, dầu, mật ong, và những thổ sản khác. Họ cũng đem đến một phần mười của mọi vật.

2 Chronicles 31:6

Dân sự trong các thành Giu-đa đã làm gì với mạng lệnh đó?

Dân sự trong các thành Giu-đa cũng đều đem đến nộp một phần mười về bò và chiên, cùng một phần mười về các vật đã biệt riêng ra thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng, rồi để ra từng đống.

2 Chronicles 31:7

Dân sự chất những đống đó vào những tháng nào?

Tháng thứ ba, dân sự bắt đầu gom lại từng đống, và qua đến tháng bảy mới xong.

2 Chronicles 31:8

Ai đã ngợi khen Đức Giê-hô-va và chúc phước cho dân sự khi họ thấy những đống đó?

Ê-xê-chia và những nhà lãnh đạo đã ngợi khen Đức Giê-hô-va và chúc phước cho dân sự.

2 Chronicles 31:9

A-xa-ria, thầy tế lễ cả, đã trả lời Ê-xê-chia ra sao khi vua hỏi thăm các thầy tế lễ và người Lê-vi về những đống ấy?

A-xa-ria đã trả lời rằng dân sự đã đem đến những phần mười ấy và chất chúng thành những đống lớn như vậy, Ông thưa với Ê-xê-chia rằng họ đã có ăn được dủ, và còn dư lại những đống nầy bởi vì Đức Giê-hô-va đã chúc phước cho dân sự.

2 Chronicles 31:10

A-xa-ria, thầy tế lễ cả, đã trả lời Ê-xê-chia ra sao khi vua hỏi thăm các thầy tế lễ và người Lê-vi về những đống ấy?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

A-xa-ria đã trả lời rằng dân sự đã đem đến những phần mười ấy và chất chúng thành những đống lớn như vậy, Ông thưa với Ê-xê-chia rằng họ đã có ăn được dủ, và còn dư lại những đống nầy bởi vì Đức Giê-hô-va đã chúc phước cho dân sự.
2 Chronicles 31:11
Ê-xê-chia đã ra lệnh phải chuẩn bị gì và dân sự đã làm gì?
Ê-xê-chia đã truyền dọn dẹp các phòng chứa đồ trong đền Đức Giê-hô-va. Thì dân sự bèn đem vào đó các lễ vật dâng hiến, thuế một phần mười và các vật thánh khác.
2 Chronicles 31:12
Ê-xê-chia đã ra lệnh phải chuẩn bị gì và dân sự đã làm gì?
Ê-xê-chia đã truyền dọn dẹp các phòng chứa đồ trong đền Đức Giê-hô-va. Thì dân sự bèn đem vào đó các lễ vật dâng hiến, thuế một phần mười và các vật thánh khác.
Ê-xê-chia và A-xa-ria đã chỉ định ai làm ngươi cai quản các kho chứa đó?
Ê-xê-chia và A-xa-ria đã chỉ định Cô-na-nia làm người cai quản cùng với các anh em của Cô-na-nia cũng làm người coi sóc dưới quyền của Cô-na-nia.
2 Chronicles 31:16
Cô-rê và những người theo ông đã phân phân phát những của lễ đó cho ai?
Họ đã phân phát cho những ngườinam từ ba tuổi trở lên, theo ban thứ, tức là những người đã được biên tên vào gia phổ để vào đền Đức Giê-hô-va đặng phục sự trong chức vụ mình.
2 Chronicles 31:17
Tiếp đến ai được kể sẽ nhận được các lễ dâng đó?
Họ phân phát người Lê-vi từ hai mươi tuổi trở lên theo chức vụ và ban thứ.
2 Chronicles 31:18
Dân sự đã làm gì trước khi nhận những lễ vật đó từ Cô-rê và những người ở với ông?
Dân sự đã biệt mình riêng ra đặng nên thánh trước phần phân phát cho hết thảy con nhỏ của họ, vợ họ, con trai và con gái họ, tức cả hội chúng đã ghi tên vào gia phổ.
2 Chronicles 31:19
Người ta đã làm gì cho các thầy tế lễ đã ghi tên vào gia phổ trong vòng người Lê-vi?
Có những người được chỉ định để phân phát phần cho những người thầy tế lễ ở trong các cánh đồng trong các làng thuộc về các thành hoặc trong mọi thành của họ.
2 Chronicles 31:20
Ê-xê-chia đã thực hiện điều nầy ở đâu và nó đã được hoàn thành ra sao?
Ê-xê-chia đã làm như thế trong toàn cõi Giu-đa một cách tốt lành, ngay thẳng và trung tín trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời.
2 Chronicles 31:21
Ê-xê-chia đã thực hiện những dự án nầy ra sao, và kết quả là gì?
Ê-xê-chia đã hết lòng thực hiện những dự án nầy và ông đã thành công.

Chapter 32
2 Chronicles 32:1
Những việc thành tín này
Những việc được làm bởi Ê-xê-chia.
2 Chronicles 32:2
Ngăn chặn các dòng nước ở ngoài thành phố
Họ ngăn các dòng nước bên ngoài thành phố để mọi người không bị ngập nước.
Tại sao các vua A-si-ri đến và tìm nhiều nước?
Các vua A-si-ri không được đến và tìm nhiều nước. Người dịch sẽ muốn dịch thành “vua của A-si-ri, “nhưng họ nên dịch thành “các vua của A-si-ri,” bởi vì nương theo nguyên văn đọc “các vua."
2 Chronicles 32:5
Hãy mạnh mẽ
Xem bản dịch này trong 2CH 15:8
Ê-xê-chia can đảm và dựng lên
AT: - "Ê-xê-chia tự can đảm và mọi người xây nó"
Mi-lô
Đây là phần tường giữ độ vững chắc cho nó.
2 Chronicles 32:6
Đấng ở cùng chúng ta mạnh hơn chúng
AT: "Chúa của chúng ta ở cùng chúng ta và mạnh hơn chúng nhiều"
Cánh tay xác thịt
AT: "sức mạnh con người"
2 Chronicles 32:9
La-ki
Đây là thành phố ở Giu-đa.
Các ngươi đang dựa vào gì để chịu đựng vây hãm trong Giê-ru-sa-lem
AT: "Các ngươi không có khả năng chịu đựng vây hãm trong Giê-ru-sa-lem."
2 Chronicles 32:11
Không phải Ê-xê-chi lừa dối các ngươi…Khi hắn bảo các ngươi, ‘Đức Giê-hô-va…A-sa-ri'?
AT: "Ê-xê-chi đang lừa dối các ngươi…khi hắn nói với các ngươi, 'Đức Giê-hô-va ... A-sa-ri.'"
Không phải Ê-xê-chia cũng đã dẹp
AT: "Ê-xê-chia cũng đã dẹp nó"
2 Chronicles 32:13
Ngươi không biết gì…xứ sao?
"ngươi biết rất rõ những gì…xứ!"
Các thần của các dân trên đất có thể…quyền sao?
"các thần của các dân trên đất không có khả năng…quyền!"
Giữa các thần…có thần nào…tay?
"Không có thần nào trong số các thần…thần…tay!"
Thần của ngươi có thể…quyền năng sao?
"Không có chuyện Thần của ngươi có thể…quyền năng!" (See
2 Chronicles 32:18
Làm hoảng sợ và đe dọa chúng
Hai cụm từ này có nghĩa cơ bản như nhau và cùng nhấn mạnh mức độ của sự sợ hãi. AT: “khiến chúng rất kinh khiếp."
Họ nói về Chúa của Giê-ru-sa-lem như họ đang nói về các thần của mọi dân khác trên đất
AT: "Họ nhạo báng Chúa của Giê-ru-sa-lem như họ nhạo báng các thần của các dân trên đất" (See:)
2 Chronicles 32:20
Kêu khóc thấu trời
AT: "nài xin với Chúa"
Nhục mặt
Mặt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nhà của thần mình
AT: "đề của thần mình"
2 Chronicles 32:22
Ban cho họ sự bình an mọi bề
Ở đây “sự bình an” nghĩa là “hòa bình. AT: “ban cho họ hòa bình cùng mọi nước láng giềng" (See:)
Trong mắt của mọi dân
AT: "để mọi dân xung quanh biết đến"
2 Chronicles 32:24
Lòng của ông trỗi dậy
AT: "ông trở nên tự mãn" (See:)
2 Chronicles 32:27
Các chuồng
Xem bản dịch này trong 2CH 9:25
Các chuồng
Các kho trống để nhốt các con vật.
2 Chronicles 32:30
Nước Ghi-hôn
2 Chronicles 32:32
Các giấc mơ của tiên tri Ê-sai, con trai của A-mốt...Sách các Vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên
Những cuốn sách này không còn nữa.
Yên nghỉ cùng tổ phụ ông
Xem bản dịch này trong 2CH 9:31

Translation Questions

2 Chronicles 32:1
San-chê-ríp, vua A-si-ri, đã làm gì với Giu-đa?
Ông đã tiến vào Giu-đa và tấn công các thành của nó.
2 Chronicles 32:2
Ê-xê-chia yêu cầu các quan trưởng của mình trợ giúp việc gì?
Vua đã yêu cầu họ ngăn các suối nước và các khe suối để vua A-si-ri không tìm được nước uống.
2 Chronicles 32:4
Ê-xê-chia yêu cầu các quan trưởng của mình trợ giúp việc gì?
Vua đã yêu cầu họ ngăn các suối nước và các khe suối để vua A-si-ri không tìm được nước uống.
2 Chronicles 32:5
Ê-xê-chia đã làm gì đề phòng kẻ thù tấn công?
He xây dựng các tường thành và chế tạo nhiều vũ khí.
2 Chronicles 32:6
Ê-xê-chia đã nói những lời khích lệ nào với dân sự của mình?
Ông bảo họ phải mạnh mẽ và can đảm lên, và không được sợ hãi bởi vì Đức Giê-hô-va, là Đấng lớn lớn hơn kẻ thù của họ, sẽ giúp họ chiến đấu.
2 Chronicles 32:8
Ê-xê-chia đã nói những lời khích lệ nào với dân sự của mình?
Ông bảo họ phải mạnh mẽ và can đảm lên, và không được sợ hãi bởi vì Đức Giê-hô-va, là Đấng lớn lớn hơn kẻ thù của họ, sẽ giúp họ chiến đấu.
2 Chronicles 32:9
Tại sao San-chê-ríp lại sai các thuộc hạ của mình đến Giê-ru-sa-lem?
Ông muốn biết Ê-xê-chia đang nương cậy điều gì để chiến thắng.
2 Chronicles 32:10
Tại sao San-chê-ríp lại sai các thuộc hạ của mình đến Giê-ru-sa-lem?
Ông muốn biết Ê-xê-chia đang nương cậy điều gì để chiến thắng.
2 Chronicles 32:11
San-chê-ríp đã cố gắng như thể nào để thuyết phục dân sự tin rằng Ê-xê-chia đang lừa dối họ?
Ông bảo rằng họ sẽ chết vì đói và khát và tự hỏi liệu Đức Giê-hô-va có giải cứu họ hay không.
2 Chronicles 32:13
San-chê-ríp và các tổ phụ của ông đã làm gì với các dân khác cùng xứ của họ?
Bởi vì thần của các dân đó không thể giúp được họ nên họ hoàn toàn bị tiêu diệt.
2 Chronicles 32:14
San-chê-ríp và các tổ phụ của ông đã làm gì với các dân khác cùng xứ của họ?
Bởi vì thần của các dân đó không thể giúp được họ nên họ hoàn toàn bị tiêu diệt.
Tại sao San-chê-ríp lại bảo dân Y-sơ-ra-ên không nên tin Ê-xê-chia?
San-chê-ríp muốn lừa dân sự tin rằng Đức Chúa Trời sẽ không giải cứu họ ra khỏi tay quyền lực của ông.
2 Chronicles 32:15
Tại sao San-chê-ríp lại bảo dân Y-sơ-ra-ên không nên tin Ê-xê-chia?
San-chê-ríp muốn lừa dân sự tin rằng Đức Chúa Trời sẽ không giải cứu họ ra khỏi tay quyền lực của ông.
2 Chronicles 32:16
San-chê-ríp đã làm để chế nhạo Đức Giê-hô-va?
Ông đã viết những bức thư nói ngịch cùng Đức Giê-hô-va, nhằm nhắc dân Giê-ru-sa-lem nhớ lại quá khứ, và nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời của Ê-xê-chia sẽ không giải cứu họ.
2 Chronicles 32:17
San-chê-ríp đã làm để chế nhạo Đức Giê-hô-va?
Ông đã viết những bức thư nói ngịch cùng Đức Giê-hô-va, nhằm nhắc dân Giê-ru-sa-lem nhớ lại quá khứ, và nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời của Ê-xê-chia sẽ không giải cứu họ.
2 Chronicles 32:18
Tại sao các thuộc hạ của San-chê-ríp lại kêu khóc bằng tiếng Do Thái với dân Giê-ru-sa-lem?
Các thuộc hạ nầy muốn khiến dân sự hoang mang lo sợ để rồi họ có thể chiếm giữ thành.
2 Chronicles 32:20
Đức Giê-hô-va đã phản ứng ra sao khi Ê-xê-chia và Ê-sai hướng lên trời cầu nguyện và kêu khóc?
Ngài sai một thiên sứ của Ngài đến giết tất cả các lính chiến và quan chỉ huy của chúng.
2 Chronicles 32:21
Đức Giê-hô-va đã phản ứng ra sao khi Ê-xê-chia và Ê-sai hướng lên trời cầu nguyện và kêu khóc?
Ngài sai một thiên sứ của Ngài đến giết tất cả các lính chiến và quan chỉ huy của chúng.
Chuyện gì đã xảy ra với San-chê-ríp sau khi thiên sứ đã giết quân đội của mình?
San-chê-ríp đã trở về nước của hắn trong nhục nhã, nơi các con của hắn đã giết chết hắn.
2 Chronicles 32:22
Ê-xê-chia đã được đề cao ra sao?
Đức Giê-hô-va đã cứu Ê-xê-chia từ San-chê-ríp và những người khác. Có nhiều người đem những lễ vật đến dâng cho Đức Giê-hô-va và Ê-xê-chia.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Chronicles 32:23
Ê-xê-chia đã được đề cao ra sao?
Đức Giê-hô-va đã cứu Ê-xê-chia từ San-chê-ríp và những người khác. Có nhiều người đem những lễ vật đến dâng cho Đức Giê-hô-va và Ê-xê-chia.
2 Chronicles 32:24
Chuyện gì đã xảy ra Ê-xê-chia khi ông không cảm tạ Đức Giê-hô-va khi mình bị bịnh gần chết?
Cơn giận của Đức Chúa Trời trút trên người, và Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Sau khi ông và dân Giê-ru-sa-lem đã hạ mình, cơn giận của Đức Giê-hô-va không giáng trên họ trong trong phần đời còn lại của Ê-xê-chia.
2 Chronicles 32:26
Chuyện gì đã xảy ra Ê-xê-chia khi ông không cảm tạ Đức Giê-hô-va khi mình bị bịnh gần chết?
Cơn giận của Đức Chúa Trời trút trên người, và Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Sau khi ông và dân Giê-ru-sa-lem đã hạ mình, cơn giận của Đức Giê-hô-va không giáng trên họ trong trong phần đời còn lại của Ê-xê-chia.
2 Chronicles 32:27
Sau khi Ê-xê-chia hạ mình Đức Chúa Trời đã ban gì cho ông?
Đức Chúa Trời đã chúc phước nhiều cho ông bằng các đá quý, nhiều sản vật, nhieuf gia súc và thành trì.
2 Chronicles 32:29
Sau khi Ê-xê-chia hạ mình Đức Chúa Trời đã ban gì cho ông?
Đức Chúa Trời đã chúc phước nhiều cho ông bằng các đá quý, nhiều sản vật, nhieuf gia súc và thành trì.
2 Chronicles 32:30
Tại sao Đức Chúa Trời lìa bỏ Ê-xê-chia sau khi Ê-xê-chia đã thành công trong mọi việc của mình?
Đức Chúa Trời muốn thử ông cho biết mọi điều ở trong lòng ông.
2 Chronicles 32:31
Tại sao Đức Chúa Trời lìa bỏ Ê-xê-chia sau khi Ê-xê-chia đã thành công trong mọi việc của mình?
Đức Chúa Trời muốn thử ông cho biết mọi điều ở trong lòng ông.
2 Chronicles 32:32
Những việc thiện của Ê-xê-chia được ghi chép ở đâu?
Những việc ấy được ghi chép trong Khải Tượng của Tiên Tri Ê-sai và trong sách Các Vua Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Chapter 33
2 Chronicles 33:1
Ông đã làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:2
Như các thứ gớm ghiếc của các dân mà Đức Giê-hô-va đã đuổi trước dân Y-sơ-ra-ên
AT: "như các dân đã làm, là dân Đức Giê-hô-va khiến bị đánh bại bởi dân Y-sơ-ra-ên."
2 Chronicles 33:4
Danh ta sẽ được đặt
AT: "ta sẽ khiến chính ta được nhiều người biết"
Ông đưa con mình vào lửa
Điều này kể đến việc hi sinh để thiêu những đứa trẻ còn sống để tế các thần.
Thung lũng Bên Hi-nôm
Một nơi gần Giê-ru-sa-lem cũng được biết đến như Gê-hê-na.
2 Chronicles 33:7
Giu-đa và mọi cư dân ở Giê-ru-sa-lem
AT: "mọi dân ở Giu-đa và Giê-ru-sa-lem"
2 Chronicles 33:10
Đem đến cho chúng
AT: "khiến chúng bị tấn công bởi"
Bắt trói Ma-na-se, xiềng người bằng gông, rồi giải về Ba-by-lôn.
AT: "bắt Ma-na-se và coi như tù nhân, đem về Ba-by-lôn."
2 Chronicles 33:12
Ông cầu nguyện và nài xin Chúa
Cụm từ thứ hai bổ trợ cho cụm trước nó và nhấn mạnh sự sốt sắng trong lời cầu nguyện của Ma-na-se. AT: "Ông cầu nguyện và nài xin Chúa."
Trong vương quyền của người
Điều này có nghĩa là “tái cai trị trên nước."
2 Chronicles 33:14
Thông tin Tổng quát:
See:
Những thần ngoại
AT: "các thần giả từ các nước khác"
2 Chronicles 33:16
Ông truyền cho Giu-đa
AT: "ông truyền cho dân ở Giu-đa"
2 Chronicles 33:18
Ghi chép trong sổ thư các Vua của Y-sơ-ra-ên
Đây là bản ghi chép lịch sử Y-sơ-ra-ên không còn nữa.
Sách Sử Ký
Đây là sách không còn tồn tại nữa.
Ma-na-se yên nghỉ cùng tổ phụ ông, và họ thiêu ông
AT: "Ma-na-se chết, và gia đình ông thiêu ông"
A-môn
2 Chronicles 33:21
Ông đã làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:2
Cũng giống vậy, A-môn ngày càng phạm tội thêm lên
AT: "A-môn phạm tội nhiều hơn"
2 Chronicles 33:24
Mưu phản
AT: "bí mật lập kế hoạch"

Translation Questions

2 Chronicles 33:1
Trong năm mươi năm, vua Ma-na-se là một vị vua ra sao?
Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, xây sửa lại các tượng thần mà Ê-xê-chia đã đánh sập, cùng thờ phượng các ngôi sao trên trời.
2 Chronicles 33:3
Trong năm mươi năm, vua Ma-na-se là một vị vua ra sao?
Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, xây sửa lại các tượng thần mà Ê-xê-chia đã đánh sập, cùng thờ phượng các ngôi sao trên trời.
2 Chronicles 33:6
Người đã làm gì mà chọc giận chọc giận Đức Chúa Trời?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ma-na-se dâng con cái mình làm tế lễ thiêu, làm các phù phép và performed sorcery, và bàn luận với những thầy đồng cốt.

2 Chronicles 33:7

Ma-na-se đã làm gì khiến dẫn dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem làm điều ác?

Ông đã vi phạm các mạng lệnh khi đặt các tượng chạm trong đền thờ của Đức Chúa Trời.

2 Chronicles 33:10

Chuyện gì đã xảy ra cho Ma-na-se khi Đức Giê-hô-va phán cùng ông và dân sự?

Bởi vì họ không hề quan tâm, Đức Giê-hô-va đã khiến quân đội của vua A-si-ri bắt Ma-na-se rồi lấy dịch trói lại mà giải về Ba-by-lôn.

2 Chronicles 33:11

Chuyện gì đã xảy ra cho Ma-na-se khi Đức Giê-hô-va phán cùng ông và dân sự?

Bởi vì họ không hề quan tâm, Đức Giê-hô-va đã khiến quân đội của vua A-si-ri bắt Ma-na-se rồi lấy dịch trói lại mà giải về Ba-by-lôn.

2 Chronicles 33:12

Ma-na-se đã làm gì để Đức Chúa Trời đem ông trở về Giê-ru-sa-lem?

Ông đã hạ mình, cầu nguyện và nài xin Đức Chúa Trời.

2 Chronicles 33:13

Ma-na-se đã làm gì để Đức Chúa Trời đem ông trở về Giê-ru-sa-lem?

Ông đã hạ mình, cầu nguyện và nài xin Đức Chúa Trời.

2 Chronicles 33:14

Sau khi Ma-na-se cầu nguyện, ông đã làm gì để tỏ cho thấy lòng ăn năn thống hối của mình?

Ông đã xây dựng một bức tường cao bên ngoài thành Đa-vít và đem bỏ các thần ngoại bang, các tượng thần mà ông đã đặt đền thờ của Đức Chúa Trời, và hết thảy những bàn thờ mà ông đã xây dựng.

2 Chronicles 33:15

Sau khi Ma-na-se cầu nguyện, ông đã làm gì để tỏ cho thấy lòng ăn năn thống hối của mình?

Ông đã xây dựng một bức tường cao bên ngoài thành Đa-vít và đem bỏ các thần ngoại bang, các tượng thần mà ông đã đặt đền thờ của Đức Chúa Trời, và hết thảy những bàn thờ mà ông đã xây dựng.

2 Chronicles 33:17

Dân sự dâng tế lễ tại các miếu thờ cho ai?

Họ chỉ dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của mình tại các miếu thờ đó.

2 Chronicles 33:18

Những lời cầu nguyện và những việc quan trọng của Ma-na-se được lưu giữ ra sao?

Những việc quan trọng, những lời cầu nguyện của Ma-na-se cùng lời của các nhà tiên kiến được ghi chép lại cùng với các công việc khác của các vua Y-sơ-ra-ên.

2 Chronicles 33:21

A-môn là vị vua như thế nào trong suốt hai năm trị vì của mình?

Ông gian ác hơn cha của mình, ông thờ phượng các tượng chạm, và không hề hạ mình xuống trước mặt Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 33:23

A-môn là vị vua như thế nào trong suốt hai năm trị vì của mình?

Ông gian ác hơn cha của mình, ông thờ phượng các tượng chạm, và không hề hạ mình xuống trước mặt Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 33:24

sau khi các thuộc hạ của vua A-môn đã giết chết vua, thì dân chúng trong xứ đã làm gì với những kẻ đã giết vua?

Dân chúng trong xứ đã giết hết thảy những kẻ thuộc hạ đã giết A-môn.

Chapter 34

2 Chronicles 34:1

Ông đã làm những điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va

Xem bản dịch này trong 2CH 14:2

Không xoay về bên phải hoặc bên trái

AT: "không do dự vâng theo Chúa dù đường nào," hoặc "ông vâng theo mọi mạng lệnh của Chúa"

2 Chronicles 34:4

Đến khi chúng thành bụi

AT: "đến khi chúng thành những mảnh nhỏ để bị gió thổi đi"

2 Chronicles 34:6

Thành bụi

AT: "hoàn toàn bị hủy diệt" (See:)

2 Chronicles 34:8

Thông tin Tổng quát:

See:

Giao phó cho Ngài

"giao cho Ngài những trách nhiệm của việc sử dụng tiền"

2 Chronicles 34:10

Đã đổ nát

AT: "để cho hư hỏng"

2 Chronicles 34:12

Thông tin Tổng quát:

See:

Những người Lê-vi này coi sóc những kẻ mang vật liệu xây dựng và những người làm đủ mọi việc

AT: "Những người Lê-vi trông coi những người làm những công việc khác nhau của xây dựng."

2 Chronicles 34:14

Thông tin Tổng quát:

See:

Khi họ đem tiền vào nhà của Đức Giê-hô-va

AT: "khi các người giám sát đang đem tiền vào đền thờ,"

Mọi thứ đã được giao phó cho họ

AT: "mọi thứ mà ngươi đem cho họ có trách nhiệm để làm."

2 Chronicles 34:17

Chúng trống không

AT: "họ đã lấy"

Xảy ra vào lúc

Đây là cụm từ để đánh dấu; nó bổ trợ cho những gì theo sau nó, đặc biệt là các sự kiện quan trọng trong câu chuyện này.

AT: "Bấy giờ, chú ý những gì xảy ra kế tiếp:"

2 Chronicles 34:20

Thông tin Tổng quát:

See:

Thỉnh cầu những ý định của Đức Giê-hô-va với ta

AT: "thỉnh cầu những gì Đức Giê-hô-va muốn làm với ta"

Vì những lời trong sách

AT: "theo như những gì được viết trong sách"

Cơn giận của Đức Giê-hô-va đã đổ trên chúng ta thật lớn.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những cảm xúc giận dữ được kể trong Kinh Thánh như thể chúng là nước. AT: “Vì cơn giận của Đức Giê-hô-va đến với chúng thật lớn, như nước sẽ hoàn toàn cuốn trôi chúng ta đi."
2 Chronicles 34:22
Thông tin Tổng quát:
See:
Những người giữ lễ phục
AT: "những người giữ gìn áo choàng của thầy tế lễ"
Họ nói với bà theo cách này
AT: "họ đã theo trò chuyện với bà"
2 Chronicles 34:23
Vì thế chúng đã chọc ta nổi nóng bởi các việc mà chúng đã được giao
"chúng đã làm khiến ta vô cùng giận dữ bởi những gì chúng đã làm"
Chọc ta nổi nóng
"khiến ta giận dữ"
Vì thế cơn giận của ta sẽ đổ trên nơi này, và nó sẽ phá hủy
Những cảm xúc giận dữ được kể đến trong Kinh Thánh như thể chúng là nước. AT: “vì nó sẽ như lửa mà ta đổ xuống chúng, và sẽ không ngừng lửa này"
2 Chronicles 34:26
Đức Giê-hô-va, Chúa của Y-sơ-ra-ên phán như thế này: Mọi lời mà ngươi nghe, vì lòng ngươi mềm mại
AT: "Đức Giê-hô-va, Chúa của Y-sơ-ra-ên nói những lời này mà ngươi đã nghe, vì lòng ngươi mềm mại- lòng đã thay đổi" (See:)
Đã xé áo ngươi
Đây là dấu hiệu của nỗi buồn và sự ăn ăn.
Ta sẽ đem ngươi về với tổ phụ ngươi. Ngươi sẽ đoàn tụ cùng mồ mả ngươi
AT: "ngươi sẽ chết"
Mắt ngươi sẽ không thấy
AT: "ngươi sẽ không trải qua"
2 Chronicles 34:29
Mọi người, từ lớn đến nhỏ
AT: "mọi người"
Trình lại những gì họ nghe
AT: "đọc lại cho họ"
2 Chronicles 34:31
Đứng ở chỗ của ông
AT: "đứng ở nơi mà ông phải đứng ở cửa ra vào đền thờ"
Hết cả lòng người và cả tâm hồn ngươi
Đồng thời, cả hai cụm từ đều có cách diễn đạt nói đến khát vọng của một người. AT: "cả tâm hồn ngươi” hoặc “trọn tấm lòng."
Mọi người được thấy ở Giê-ru-sa-lem và Bên-gia-min
AT: "mọi người sống ở Giê-ru-sa-lem và Bên-gia-min"
Thực hiện giao ước
AT: "vâng theo giao ước"
2 Chronicles 34:33
Những thứ gớm ghiếc
Đây là các thần đáng ghê tởm với Chúa.

Translation Questions

2 Chronicles 34:1
Mặc dầu vua Giô-si-a trở thành vua khi chỉ mới tám tuổi, những trong suốt thời gian trị vì của mình, vua đã làm gì làm vui lòng Đức Giê-hô-va?
Vua tìm kiếm Đức Chúa Trời, vua bắt đầu dọn sạch Giu-đa và Giê-ru-sa-lem khỏi những miếu thờ, những tượng thần và những tượng chạm.
2 Chronicles 34:3
Mặc dầu vua Giô-si-a trở thành vua khi chỉ mới tám tuổi, những trong suốt thời gian trị vì của mình, vua đã làm gì làm vui lòng Đức Giê-hô-va?
Vua tìm kiếm Đức Chúa Trời, vua bắt đầu dọn sạch Giu-đa và Giê-ru-sa-lem khỏi những miếu thờ, những tượng thần và những tượng chạm.
2 Chronicles 34:4
Giô-si-a đã dọn sạch Giu-đa và Giê-ru-sa-lem ra sao?
Vua đã phá hủy các bàn thờ, đánh đổ các trụ thờ thần A-sê-ra, nấu chảy các tượng đúc và rải bụi nghiền nát của chúng trên các mồ mả. Hài cốt của các thầy tế lễ của chúng thì ông thiêu trên bàn thờ của chúng.
2 Chronicles 34:5
Giô-si-a đã dọn sạch Giu-đa và Giê-ru-sa-lem ra sao?
Vua đã phá hủy các bàn thờ, đánh đổ các trụ thờ thần A-sê-ra, nấu chảy các tượng đúc và rải bụi nghiền nát của chúng trên các mồ mả. Hài cốt của các thầy tế lễ của chúng thì ông thiêu trên bàn thờ của chúng.
2 Chronicles 34:6
Giô-si-a đã làm gì trong xứ Y-sơ-ra-ên trước khi ông quay trở về Giê-ru-sa-lem?
Vua đã lặp lại việc dọn sạch mà vua đã làm trong Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 34:7
Giô-si-a đã làm gì trong xứ Y-sơ-ra-ên trước khi ông quay trở về Giê-ru-sa-lem?
Vua đã lặp lại việc dọn sạch mà vua đã làm trong Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.
2 Chronicles 34:8
Số tiền dùng để sửa chữa đền thờ của Đức Giê-hô-va từ đâu mà có?
Số tiền ấy được thu gom từ dân Giê-ru-sa-lem và được giao phó cho thầy tế lễ thượng phẩm.
2 Chronicles 34:9
Số tiền dùng để sửa chữa đền thờ của Đức Giê-hô-va từ đâu mà có?
Số tiền ấy được thu gom từ dân Giê-ru-sa-lem và được giao phó cho thầy tế lễ thượng phẩm.
2 Chronicles 34:10
Số tiền ấy được phân phát cho những ai và nó được dùng để làm gì?
Các thợ mộc và thợ hồ đã mua đá và gỗ đặng sửa chữa đền thờ.
2 Chronicles 34:11
Số tiền ấy được phân phát cho những ai và nó được dùng để làm gì?
Các thợ mộc và thợ hồ đã mua đá và gỗ đặng sửa chữa đền thờ.
2 Chronicles 34:12
Vai trò của người Lê-vi trong việc sửa chữa đền thờ là gì?
Có người làm người giám sát, thư ký, quản lý, người gác cổng; có những người khác thì là những nhạc công giỏi và là những người thợ làm việc rất tận tâm, trung tín.
2 Chronicles 34:13
Vai trò của người Lê-vi trong việc sửa chữa đền thờ là gì?
Có người làm người giám sát, thư ký, quản lý, người gác

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cổng; có những người khác thì là những nhạc công giỏi và là những người thợ làm việc rất tận tâm, trung tín.
2 Chronicles 34:14
Thầy tế lễ thượng phẩm nầy đã tìm được gì khi ông đi lấy ra số tiền đã được đem vào đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Thầy tế lễ thượng phẩm nầy đã tìm được cuốn sách luật pháp của Đức Giê-hô-va đã được ban cho dân sự qua Môi-se.
2 Chronicles 34:19
Vua đã làm gì sau khi nghe được những lời trong sách luật pháp đó?
Vua Giô-si-a xé áo mình.
2 Chronicles 34:25
Tại sao cơn giận của Đức Chúa Trời sẽ đổ ra trên dân sự không ngớt?
Họ đã lìa bỏ Ngài khi đi thờ phượng các thần khác như tổ phụ họ đã làm.
2 Chronicles 34:26
Bởi vì Giô-si-a có lòng mềm mại nên khi ông hạ mình xuống sau khi lắng nghe lời của Đức Chúa Trời thì việc gì đã xảy ra?
Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ ban cho ông có sự bình an, và ông sẽ không nhìn thất bất kỳ tai họa nào mà Đức Chúa Trời sẽ giáng trên dân sự và xứ nầy.
2 Chronicles 34:28
Bởi vì Giô-si-a có lòng mềm mại nên khi ông hạ mình xuống sau khi lắng nghe lời của Đức Chúa Trời thì việc gì đã xảy ra?
Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ ban cho ông có sự bình an, và ông sẽ không nhìn thất bất kỳ tai họa nào mà Đức Chúa Trời sẽ giáng trên dân sự và xứ nầy.
2 Chronicles 34:29
Tại sao Giô-si-a tập hợp cả dân chúng từ nhỏ đến lớn lại?
Giô-si-a đọc cho họ nghe những lời trong sách giao ước đó.
2 Chronicles 34:30
Tại sao Giô-si-a tập hợp cả dân chúng từ nhỏ đến lớn lại?
Giô-si-a đọc cho họ nghe những lời trong sách giao ước đó.
2 Chronicles 34:31
Giô-si-a đã lập giao ước gì với Đức Giê-hô-va?
Ông đã lập một giao ước trước mặt Đức Giê-hô-va rằng ông sẽ giữ các mạng lệnh của Ngài.
2 Chronicles 34:32
Giô-si-a đã lập giao ước gì với Đức Giê-hô-va?
Ông đã lập một giao ước trước mặt Đức Giê-hô-va rằng ông sẽ giữ các mạng lệnh của Ngài.
2 Chronicles 34:33
Dân Y-sơ-ra-ên đã vâng phục Giô-si-a mà làm gì?
Họ thờ phượng Đức Giê-hô-va và không xây bỏ Ngài.

Chapter 35
2 Chronicles 35:1
Ngày mười bốn trong tháng đầu
Đây là tháng đầu theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mười bốn gần bắt đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.
Ông đặt các thầy tế lễ ở vị trí của họ
AT: "ông chỉ cho các thầy tế lễ những việc phải làm"
2 Chronicles 35:3
Sô-lô-môn con trai của Đa-vít, vua của Y-sơ-ra-ên đã xây
AT: "dân sự đã xây dưới sự lãnh đạo của vua Sô-lô-môn"
Tùy theo gia tộc và sự phân ban
AT: "chi phái và dòng dõi"
2 Chronicles 35:5
Đứng ở nơi thánh
Ở đây “nơi thánh” dường như kể đến khu vực đền thờ nói chung. AT: “nhận lấy vị trí trong khu vực đền thờ."
Sự phân ban
Điều này nói đến nhóm công việc được định cho mỗi người Lê-vi.
Gia tộc
Điều này kể đến những chi phái khác nhau giữa người Lê-vi. Dường như người Lê-vi được chỉ định theo những nhóm việc khác nhau, dựa trên các loại công việc đã được chỉ định cho mỗi chi phái hoặc gia tộc.
2 Chronicles 35:7
Thông tin Tổng quát:
See: and
Con nhỏ
Ấy là con dê con.
2 Chronicles 35:10
Công việc đã được chuẩn bị
"họ chuẩn bị mọi thứ để cử hành lễ Vượt qua."
Huyết mà họ nhận từ tay của người Lê-vi
"huyết mà người Lê-vi ban cho họ"
2 Chronicles 35:13
Họ quay
AT: "họ nấu"
Họ nấu sôi chúng trong nồi, cái vạc, và cái chảo
AT: "họ nấu chúng trong nước bằng nhiều loại nồi"
Cho họ
2 Chronicles 35:15
Thông tin Tổng quát:
See:
ở chỗ của họ
See how you translated this in 2CH 30:16
2 Chronicles 35:16
Toàn bộ sự hầu việc
Mọi thứ được kết hợp với sự chuẩn bị, cúng tế và thờ phượng Đức Giê-hô-va trong suốt lễ Vượt qua, có thể được kể đến như thờ phượng “hầu việc".
2 Chronicles 35:18
Y-sơ-ra-ên
Cái đầu dùng Y-sơ-ra-ên nói đến toàn bộ Y-sơ-ra-ên, nhưng cái thứ hai dùng Y-sơ-ra-ên để kể đến nét đặc trưng của chi phái phía bắc của vương quốc Y-sơ-ra-ên
2 Chronicles 35:20
Thông tin Tổng quát:
See:
Tái lập đền thờ
AT: "phục hồi lại thờ phượng đền thờ "
Ta đã làm gì với ngươi, vua Giu-đa?
AT: "ngươi không có lý do gì để tấn công ta, vua Giu-đa."
Ta không đến chống lại ngươi
AT: “ta không đến chiến đấu với nước ngươi."
Chống lại nhà mà ta sắp đánh
AT: "chống lại Ba-by-lôn, chống lại người mà ta sắp đánh"
2 Chronicles 35:22
Đấu cùng ngươi
"đấu cùng đội quân Ba-by-lôn"
Đã đến từ miệng của Chúa
"từ Chúa" hoặc "mà Chúa đã nói với ông"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Chronicles 35:25

Đến ngày nay

Xem bản dịch này trong 2CH 5:9

Translation Questions

2 Chronicles 35:1

Giô-si-a đã giữ Lễ Vượt Qua tại Giê-ru-sa-lem như thế nào?

Vua đã giết các chiên con của Lễ Vượt Qua và phân công vị trí cho các thầy tế lễ trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 35:2

Giô-si-a đã giữ Lễ Vượt Qua tại Giê-ru-sa-lem như thế nào?

Vua đã giết các chiên con của Lễ Vượt Qua và phân công vị trí cho các thầy tế lễ trong đền thờ của Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 35:3

Giô-si-a đã bảo dân sự đặt hòm giao ước ở đâu thay vì khiêng hòm ấy trên vai mình?

Vua truyền bảo họ đặt Hòm Giao Ước Thánh và trong đền thờ mà Sa-lô-môn đã xây dựng.

2 Chronicles 35:6

Dân sự chuẩn bị sẵn sàng cho Lễ Vượt Qua ra sao?

Dân sự sẽ giết chiên con của Lễ Vượt Qua và biệt mình ra thánh y theo lời của Đức Chúa Trời đã truyền.

2 Chronicles 35:11

Dân Y-sơ-ra-ên đã dâng tế lễ lên cho Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ đã giết chiên con của Lễ Vượt Qua, rảy máu của nó, lột da con chiên đó và dâng những của lễ thiêu lên cho Đức Giê-hô-va, y như lời đã được chép trong sách Môi-se.

2 Chronicles 35:12

Dân Y-sơ-ra-ên đã dâng tế lễ lên cho Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ đã giết chiên con của Lễ Vượt Qua, rảy máu của nó, lột da con chiên đó và dâng những của lễ thiêu lên cho Đức Giê-hô-va, y như lời đã được chép trong sách Môi-se.

2 Chronicles 35:16

Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì sau khi kỳ Lễ Vượt Qua?

Họ tổ chức lễ Bánh Không Men trong vòng bảy ngày.

2 Chronicles 35:17

Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì sau khi kỳ Lễ Vượt Qua?

Họ tổ chức lễ Bánh Không Men trong vòng bảy ngày.

2 Chronicles 35:18

Tại sao kỳ lễ Lễ Vượt Qua nầy rất đặc biệt?

Kỳ lễ nầy đặc biệt bởi vì kể từ thời tiên tri Sa-mu-ên thì đây là lần đầu tiên nó được tổ chức tại Y-sơ-ra-ên.

2 Chronicles 35:20

Vua Ai Cập gửi lời nhắn nào đến với Giô-si-a?

Ông nói rằng Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho ông đánh Cạt-kê-mít và rằng Giô-si-a không nên can thiệp vào.

2 Chronicles 35:21

Vua Ai Cập gửi lời nhắn nào đến với Giô-si-a?

Ông nói rằng Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho ông đánh Cạt-kê-mít và rằng Giô-si-a không nên can thiệp vào.

2 Chronicles 35:22

Phản ứng của Giô-si-a ra sao trước lời nhắn từ vua Ai Cập?

Ông không hề nghe những lời của vua ấy, nhưng thay vào đó, Giô-si-a đã cải trang để đến đánh giặc.

2 Chronicles 35:23

Chuyện gì đã xảy ra với Giô-si-a trên chiến trường?

Vua đã bị các xạ thủ bắn trúng và các thuộc hạ của vua đã đem vua về Giê-ru-sa-lem, tại đó, vua qua đời.

2 Chronicles 35:24

Chuyện gì đã xảy ra với Giô-si-a trên chiến trường?

Vua đã bị các xạ thủ bắn trúng và các thuộc hạ của vua đã đem vua về Giê-ru-sa-lem, tại đó, vua qua đời.

2 Chronicles 35:25

Bài ca thương nào đã trở thành một thông lệ trong Y-sơ-ra-ên?

Đó là những bài hát thương Giô-si-a và vẫn còn được hát cho đến ngày nay.

2 Chronicles 35:26

Những việc khác của Giô-si-a và những việc lành của vua đã được ghi chép lại ở đâu?

Chúng được ghi chép lại trong sách các vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

2 Chronicles 35:27

Những việc khác của Giô-si-a và những việc lành của vua đã được ghi chép lại ở đâu?

Chúng được ghi chép lại trong sách các vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Chapter 36

2 Chronicles 36:1

Giô-a-cha

2 Chronicles 36:3

Thông tin Tổng quát:

See:

Ta-lâng

Mang ông đến Ai Cập

AT: "mang ông đến Ai Cập như tù binh"

2 Chronicles 36:5

Ông đã làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va

Xem những dịch này trong 2CH 21:6

Tấn công người

AT: "tấn công Giê-ru-sa-lem"

Nê-bu-cát-nết-sa cũng đem

Đầy tớ của Nê-bu-cát-nết-sa đem.

2 Chronicles 36:8

Những điều ghê tởm mà ông làm

Điều này thường được dùng để kể đến những thần giả, thứ mà Đức Giê-hô-va ghét.

Những gì được thấy từ ông

Điều này có thể nói đến tính cách của ông.

Sách Các vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên

Xem bản dịch này trong 2CH 35:27

2 Chronicles 36:9

Ông đã làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va

Xem bản dịch này trong 2CH 14:1

2 Chronicles 36:11

Ông đã không hạ mình trước tiên tri Giê-rê-mi

AT: "ông đã không hạ mình và vâng lời Chúa bởi việc nghe tiên tri Giê-rê-mi"

Từ miệng của Đức Giê-hô-va

"từ những lời mà Chúa đã ban cho ông"

2 Chronicles 36:13

Cứng cổ và rắn lòng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hai nhóm từ này có tính chất thành ngữ và nói đến sự ngoan cố của một người. Cả hai đều nhấn mạnh sự chống lại Chú của Sê-đê-kia.

Những việc gớm ghiếc

Xem cách dịch những cụm từ tương tự trong 2CH 15:8

Ô uế nhà Đức Giê-hô-va

AT: "họ làm ô uế nơi phải trở nên thánh"

2 Chronicles 36:15

Không biết bao nhiêu lần

AT: "nhiều lần"

Không thể giúp được nữa

AT: "không có cách tránh khỏi"

2 Chronicles 36:17

Chúa giao hết thảy chúng vào trong tay người

AT: "Chúa cho phép đội quân Canh-đê đánh bại chúng."

2 Chronicles 36:18

Ông chiếm

Đội quân của ông chiếm

Chúng đốt phá

"Chúng" nói đến quân đội Ba-by-lôn.

2 Chronicles 36:20

Vua chiếm

"quân lính của người chiếm."

2 Chronicles 36:22

Vào năm đầu

Ngài đã lệnh cho tôi xây ngôi nhà

AT: "Ngài đã chọn tôi để ra lệnh cho thợ của tôi xây đền cho Ngài ở Giê-ru-sa-lem"

Translation Questions

2 Chronicles 36:1

Sau khi Giô-si-a chết, ai trở thành vua Giê-ru-sa-lem?

Dân chúng trong xứ đã lập Giô-a-cha, con trai Giô-si-a lên làm vua và vua nầy đã cai trị được ba tháng.

2 Chronicles 36:2

Sau khi Giô-si-a chết, ai trở thành vua Giê-ru-sa-lem?

Dân chúng trong xứ đã lập Giô-a-cha, con trai Giô-si-a lên làm vua và vua nầy đã cai trị được ba tháng.

2 Chronicles 36:3

Làm thế nào mà Ê-li-a-kim đã trở thành vua Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?

Chính vua Ai Cập đã truất ngôi Giô-a-cha sau ba tháng trị và lập em Giô-a-cha là Ê-li-a-kim làm vua Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, rồi đổi tên là
Giê-hô-gia-kim.

2 Chronicles 36:4

Làm thế nào mà Ê-li-a-kim đã trở thành vua Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?

Chính vua Ai Cập đã truất ngôi Giô-a-cha sau ba tháng trị và lập em Giô-a-cha là Ê-li-a-kim làm vua Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, rồi đổi tên là
Giê-hô-gia-kim.

2 Chronicles 36:5

Giê-hô-gia-kim là một vị vua như thế nào trong suốt mười một năm trị vì của mình?

Giê-hô-gia-kim là một vị vua gian ác trước mặt Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 36:6

Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, đã làm gì với vua Giu-đa?

Vua nầy đã tấn công người, trói bằng xích và bắt dẫn qua Ba-by-lôn.

2 Chronicles 36:7

Nê-bu-cát-nết-sa đã làm gì với đền thờ của Đức Giê-hô-va?

Vua nầy đã lấy một số trong các vật dụng trong đền thờ của Đức Giê-hô-va đem về Ba-by-lôn, và đặt chúng trong cung điện của mình.

2 Chronicles 36:8

Ai đã trở thành vua sau Giê-hô-gia-kim?

Giê-hô-gia-kin, con trai người, đã trở thành vua sau người.

2 Chronicles 36:9

Giê-hô-gia-kin là một vị vua như thế nào?

Trong khoảng thời gian trị vì ngắn ngủi của mình, vua nầy đã làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 36:10

Vua Nê-bu-cát-nết-sa đã xử vua Giê-hô-gia-kin như thế nào?

Vua Nê-bu-cát-nết-sa đã dẫn Giê-hô-gia-kin đến Ba-by-lôn cùng với nhiều vật báu khác từ đền thờ của Đức Giê-hô-va.

2 Chronicles 36:12

Sê-đê-kia đã đáp ứng như thế nào trước Đức Giê-hô-va?

Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, và cũng không hạ mình xuống trước mặt tiên tri Giê-rê-mi, là nhà tiên tri nói lời của Đức Giê-hô-va cho vua.

2 Chronicles 36:13

Sê-đê-kia đã nổi loạn chống ngịch vua Nê-bu-cát-nết-sa ra sao?

Vua trở nên cứng cổ rắn lòng nghịch cùng Đức Giê-hô-va và dấy nghịch cùng vua Nê-bu-cát-nết-sa.

2 Chronicles 36:15

Dân sự đã đáp ứng ra sao trước lòng thương xót mà Đức Giê-hô-va đã tiếp tục bày tỏ ra cho họ?

Họ nhạo báng sứ giả của Đức Chúa Trời, xem thường lời Chúa và chế nhạo các nhà tiên tri của Ngài.

2 Chronicles 36:16

Dân sự đã đáp ứng ra sao trước lòng thương xót mà Đức Giê-hô-va đã tiếp tục bày tỏ ra cho họ?

Họ nhạo báng sứ giả của Đức Chúa Trời, xem thường lời Chúa và chế nhạo các nhà tiên tri của Ngài.

2 Chronicles 36:17

Đức Chúa Trời đã xử những kẻ nhạo báng nầy ra sao?

Đức Giê-hô-va khiến vua Canh-đê giết các thanh niên trong họ và phó hết thảy những kẻ khác vào tay vua.

2 Chronicles 36:18

Vua Ba-by-lôn đã làm gì với Giê-ru-sa-lem và vua đã đem gì về Ba-by-lôn?

Vua nầy đã phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, tường thành Giê-ru-sa-lem, mọi cung điện của nó và những vật đẹp đẽ trong đó. Sau đó, vua đem hết thảy những vật dụng và báy vật về Ba-by-lôn.

2 Chronicles 36:19

Vua Ba-by-lôn đã làm gì với Giê-ru-sa-lem và vua đã đem gì về Ba-by-lôn?

Vua nầy đã phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, tường thành Giê-ru-sa-lem, mọi cung điện của nó và những vật đẹp đẽ trong đó. Sau đó, vua đem hết thảy những vật dụng và báy vật về Ba-by-lôn.

2 Chronicles 36:20

Chuyện gì đã xảy ra với những người còn sót lại không bị giết bằng gươm?

Họ trở thành đầy tớ cho vua và con cháu của vua, điều nầy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đã ứng nghiệm lời của của Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi.
2 Chronicles 36:21
Chuyện gì đã xảy ra với những người còn sót lại không bị giết bằng gươm?
Họ trở thành đầy tớ cho vua và con cháu của vua, điều nầy đã ứng nghiệm lời của của Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi.
2 Chronicles 36:22
Si-ru, vua Ba Tư, đã tuyên bố và ra chiếu chỉ gì?
Vua phán rằng Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho mình xây dựng một đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem và rằng Đức Chúa Trời sẽ ở cùng họ khi họ trở lên xứ ấy.
2 Chronicles 36:23
Si-ru, vua Ba Tư, đã tuyên bố và ra chiếu chỉ gì?
Vua phán rằng Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho mình xây dựng một đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem và rằng Đức Chúa Trời sẽ ở cùng họ khi họ trở lên xứ ấy.

Chapter 1
Ezra 1:1
năm thứ nhất
chỉ về giai đoạn bắt đầu trị vì của vua Si-ru
ra từ miệng Giê-rê-mi
Nghĩa là những điều mà Giê-rê-mi đã viết hoặc nói.
Nầy là những lời đã được viết
Cụm từ nầy chỉ về chiếu chỉ chứa lời công bố của vua Si-ru.
Ezra 1:3
dân sự Ngài
Dân được chọn lựa của Đức Chúa Trời hoặc những dân thuộc về Đức Giê-hô-va.
những người còn sót lại đang sinh sống phải chu cấp cho họ
Những người Y-sơ-ra-ên đã quyết định ở lại phải giúp đỡ về cả tài chính lẫn sức lực cho những người quyết định đi.
Ezra 1:5
công việc của họ
Cụm từ nầy chỉ về công việc của những người mà Đức Chúa Trời đã thúc giục trong câu trước.
tất cả những người mà Đức Chúa Trời thúc giục trong lòng
Đức Chúa Trời đặt vào tấm lòng của dân sự ước muốn được quay trở lại Y-sơ-ra-ên để xây dựng đền thờ cho Ngài.
Ezra 1:7
Mít-rê-đát ... Sết-ba-xa
Đây đều là tên của nam.
thủ quỹ
Một viên chức chịu trách nhiệm về tiền bạc.
Ezra 1:9
Thông tin chung:
Đây là danh sách những vật dụng đã được kiểm kê.
Ba mươi ... một nghìn ... hai mươi chín
nine** - 30
chậu ... bát
những vật dụng đựng nước tắm rửa.
tổng cộng 5.400 vật dụng bằng vàng và bạc
Tổng số những vật dụng sẽ được đưa từ Ba-by-lôn về Giê-ru-sa-lem đã được liệt kê từng thứ ở trên.

Translation Questions

Ezra 1:2
Đức Giê-hô-va đã chỉ định ai xây dựng cho Ngài một đền thờ tại Giê-ru-sa-lem trong xứ Giu-đê?
Đức Giê-hô-va đã chỉ định Si-ru xây dựng cho Ngài một đền thờ tại Giê-ru-sa-lem trong xứ Giu-đê.
Ezra 1:4
Ai sẽ chu cấp vàng và bạc cho những người còn sót lại đang sinh sống trong xứ?
Dân chúng trong mọi vùng của vương quốc, nơi những người còn sót lại đang sinh sống sẽ chu cấp cho họ vàng và bạc.
Ezra 1:7
Nê-bu-cát-nết-sa đã đặt những vật thuộc về đền thờ của Đức Giê-hô-va ở đâu?
Nê-bu-cát-nết-sa đã đặt những vật thuộc về đền thờ của Đức Giê-hô-va trong miếu thờ các thần của mình.
Ezra 1:11
Tổng số những vật dụng bằng vàng và bạc mà Sết-ba-xa đã đem về khi những người bắt làm phu tù ở Ba-by-lôn được dẫn về Giê-ru-sa-lem?
Sết-ba-xa đem về 5.400 cái, những khí dụng bằng vàng và bạc khi những người bắt làm phu tù ở Ba-by-lôn được dẫn về Giê-ru-sa-lem.

Chapter 2
Ezra 2:1
Thông tin chung:
Phần nầy bắt đầu danh sách những người trở về cuộc lưu đày.
Sê-ra-gia, Rê-ê-la gia, Mạc-đô-chê, Binh-san, Mít-bạt, Bích-vai, Rê-hum, và Ba-a-na
Đây đều là tên của nam.
Ezra 2:3
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục danh sách những người từ cuộc lưu đày trở về Giê-ru-sa-lem, kèm theo số lượng của từng nhóm.
Pha-rốt ... Sê-pha-tia ... A-rách ... Pha-hát Mô-áp ... Giê-sua
Đây đều là tên của nam.
Ezra 2:7
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục danh sách những người từ cuộc lưu đày trở về Giê-ru-sa-lem, kèm theo số lượng của từng nhóm.
Xát-tu ... Xác-cai ... Ba-ni
Đây đều là tên của nam.
Ezra 2:11
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục danh sách những người từ cuộc lưu đày trở về Giê-ru-sa-lem, kèm theo số lượng của từng nhóm.
Bê-bai ... A-gát ... A-đô-ni-cam
Đây đều là tên của nam.
Bích-vai
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:01
Ezra 2:15
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục danh sách những người từ cuộc lưu đày

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trở về Giê-ru-sa-lem, kèm theo số lượng của từng nhóm.
A-đin ... A-te ... Bết-sai
Đây đều là tên của nam.
Ezra 2:19
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục danh sách những người từ cuộc lưu đày trở về Giê-ru-sa-lem, kèm theo số lượng của từng nhóm. Lưu ý ở đây đều là tên quê quán của họ.
Ha-sum ... Ghi-ba
Đây đều là tên của nam.
Nê-tô-pha
Đây là tên một địa điểm.
Ezra 2:23
Thông tin chung:
Phần này tiếp tục danh sách tên những người từ cuộc lưu đày trở về Giê-ru-sa-lem kèm theo số lượng của từng nhóm, trong đó tổ tiên của những nhóm đó đến từ những nơi đã được nêu tên. .
A-na-tốt ... Ách-ma-vết ... Ki-ri-át A-rim ... Kê-phi-ra ... Bê-ê-rốt ... Ghê-ba
Đây đều là tên của các địa danh.
Ezra 2:27
Thông tin chung:
Phần này tiếp tục danh sách tên những người từ cuộc lưu đày trở về Giê-ru-sa-lem kèm theo số lượng của từng nhóm, trong đó tổ tiên của những nhóm đó đến từ những nơi đã được nêu tên. .
Mích-ma ... Nê-bô ... Mách-bi
Đây đều là tên của các địa danh.
năm mươi hai
52
Ezra 2:31
Thông tin chung:
Phần này tiếp tục danh sách tên những người từ cuộc lưu đày trở về Giê-ru-sa-lem kèm theo số lượng của từng nhóm, trong đó tổ tiên của những nhóm đó đến từ những nơi đã được nêu tên. .
Ha-rim ... Lót ... Ha-đít ... Ô-nô
Đây đều là tên của các địa danh.
Ezra 2:34
Thông tin chung:
Phần này tiếp tục danh sách tên những người từ cuộc lưu đày trở về Giê-ru-sa-lem kèm theo số lượng của từng nhóm, trong đó tổ tiên của những nhóm đó đến từ những nơi đã được nêu tên. .
Sê-na
Đây là tên của một địa danh.
Ezra 2:36
Thông tin chung:
Phần nầy liệt kê tên của các thầy tế lễ có con cháu trở về từ cuộc lưu đày, kèm theo sống lượng của từng nhóm.
Giê-đa-gia ... Y-mê ... Pha-su-rơ
Đây đều là tên của nam.
Giê-sua
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:03
Y-mê
Đây là tên của một người nam.
Ha-rim
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:31
Ezra 2:40
Thông tin chung:
Phần nầy liệt kê tên của những người Lê-vi có con cháu trở về từ cuộc lưu đày, kèm theo sống lượng của từng nhóm.
Cát-mi-ên ... Hô-đa-via ... Sa-lum, A-te, Tanh-môn, A-cúp, Ha-ti-ta, và Sô-bai
Đây đều là tên của nam.
những người gác cổng
những người nầy có nhiệm vụ trông coi những người ra vào cổng đền thờ.
A-te
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:15
Ezra 2:43
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục liệt kê danh sách tên những người Lê-vi có con cháu trở về từ cuộc lưu đày.
Xi-ha, Ha-su-pha, Ta-ba-ốt, Kê-rốt, Sia-ha, Ba-đôn, Lê-ba-na, Ha-ga-ba...
Ha-gáp, Sam-lai, và Han-nan
Đây đều là tên của nam.
A-cúp
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:40
Ezra 2:47
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục liệt kê danh sách tên những người Lê-vi có con cháu trở về từ cuộc lưu đày.
Ezra 2:51
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục liệt kê danh sách tên những người Lê-vi có con cháu trở về từ cuộc lưu đày.
Ezra 2:55
Thông tin chung:
Phần nầy tiếp tục liệt kê danh sách tên những người Lê-vi có con cháu trở về từ cuộc lưu đày.
Có tổng cộng là 392 con cháu
Đây là con số tổng những người quay về từ cuộc lưu đày thuộc nhóm nầy.
Ezra 2:59
Thông tin chung:
Đây là tên của những người nam trong nhóm nầy, cùng với số con cháu trong nhóm đó. -
Tên Mê-la, Tên Hạt-sa, Kê-rúp, A-đan, và Y-mê
Đây đều là tên của những nơi trong Ba-by-lôn mà nay không còn tồn tại nữa.
Đê-la-gia, Tô-bi-gia, và Nê-cô-đa
Đây đều là tên của nam.
Ezra 2:61
Ha-ba-gia... Ha-cốt... Bạt-xi-lai
Đây đều là tên của nam.
Họ cố gắng tìm kiếm gia phả của mình trong bảng đăng ký
Chỉ có những con cháu thực sự của A-rôn mới được phép phục vụ trước mặt Đức Chúa Trời trong đền thờ của Ngài với tư cách là thầy tế lễ.
U-rim và Thu-mim
Một cách tiên đoán do chính Đức Chúa Trời phê chuẩn để nhận thức rõ ràng những vấn đề đòi hỏi sự can thiệp của Đức Chúa Trời.
Ezra 2:64
cả hội chúng
toàn bộ những người trong nhóm từ cuộc lưu đày trở về đất Giu-đa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những người hầu gái của họ
"những người đầy tớ gái của họ"
Ezra 2:66
Thông tin chung:
Đây là danh sách liệt kê những loài vật mà những người trở về từ cuộc lưu đày mang theo cùng, cùng với số lượng của từng loài.
Ezra 2:68
vàng đa-riếc
"đa-riếc" là đồng bạc nhỏ bằng vàng được dùng trong thời đế chế Ba-tư.
mi-na
Một dụng cụ đo tiền tệ bằng cân nặng. Người ta thường nghĩ đến mi-na là số bạc đã được cân.
Ezra 2:70
Tất cả những người Y-sơ-ra-ên đều ở trong thành của mình
Tất cả những người trở về thành của mình tại Giu-đa. Không phải tất cả dân Y-sơ-ra-ên đều tái định cư tại Giê-ru-sa-lem.

Translation Questions

Ezra 2:1
Ai đã lưu đày dân sự sang Ba-by-lôn?
Vua Nê-bu-cát-nết-sa đã lưu đày dân sự sang Ba-by-lôn.
Ezra 2:62
Tại sao một số con cháu thuộc dòng dõi của các thầy tế lễ lại không thể tìm thấy gia phổ của mình trong sổ sách?
Một số con cháu thuộc dòng dõi của các thầy tế lễ không thể tìm thấy gia phổ của mình trong sổ sác bởi vì họ đã làm ô uế chức thầy tế lễ của mình.
Ezra 2:63
Khi nào thì các con cháu thuộc dòng dõi thầy tế lễ có thể ăn một số trong những của lễ thánh?
Các con cháu thuộc dòng dõi thầy tế lễ có thể ăn một số trong những của lễ thánh sau khi một thầy lễ có U-rim và Thu-mim được chấp thuận.
Ezra 2:70
Tất cả dân Y-sơ-ra-ên ở đâu?
Tất cả dân Y-sơ-ra-ên đều ở trong thành mình.

Chapter 3

Ezra 3:1
tháng thứ bảy
Đây là tháng thứ bảy trong lịch Hê-bơ-rơ. Tháng nầy ở vài cuối mùa khô và bắt đầu đầu mùa mưa. Ấy là vào cuối tháng 9, đầu tháng 10 theo lịch phương Tây.
họp lại như một người
một phép so sánh thể hiện mục đích chungg
Giê-sua
Xem cách bạn đã dịch tên gọi nầy trong EZR02:36
Sa-anh-thi-ên
Đây là tên của một người nam.
Ezra 3:3
sự kinh hãi ở trên họ
Dân sự sống trong nỗi sợ hãi những dân tộc khác đang sống trong xứ đó.
Họ đã dâng của lễ thiêu lên cho Đức Giê-hô-va vào buổi sáng và buổi chiều
Một trong những điều đầu tiên mà dân sự làm ấy là tái tổ chức các lễ dâng trong đền thờ. Đây là việc trước khi đền thờ được tái xây dựng.
Ezra 3:6
ngày một một tháng bảy
Đây là tháng thứ bảy trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mồng một gần với giữa tháng 9 theo lịch Tây phương.
đền thờ vẫn chưa được xây nền
Người Do Thái thậm chí đã bắt đầu các buổi lễ thờ phượng trước khi họ bắt đầu xây dựng đền thờ. Tham khảo cách dịch: "họ vẫn chưa xây nền đền thờ"
như Si-ru vua Ba-tư đã cho phép mình
Những lá thơ mà Si-ru đã ban cho dân Do Thái cho họ quyền mua vật liệu cũng như xây dựng đền thờ. Người Do Thái chịu trách nhiệm dùng tiền mà mình đã tích góp được trước khi rời khỏi Phe-rơ-sơ (tức là Ba Tư) để trả tiền cho những vật liệu đó cũng như trả tiền nhân công.
Ezra 3:8
tháng hai
Đây là tháng hai trong lịch Hê-bơ-rơ. Tháng nầy nhằm mùa nóng khi người ta đang thu hoạch mùa màng. Tức là nhằm cuối tháng 4 đầu tháng 5 theo lịch phương Tây.
năm thứ hai
Đây là năm sau một năm họ trở về.
Giê-sua ... Giô-xa-đác
Đây đều là tên của nam.
hai mươi tuổi
"20 tuổi"
Cát-mi-ên
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:40
Hê-na-đát
Tên của một người nam.
Ezra 3:10
đặt nền
"nền" theo nghĩa nầy không chỉ là những khối đá chống đỡ tường đền thờ. Nó còn bao gồm cả nền đền thờ xây trên những khối đá đó nữa. Chính nền đền thờ giúp cho những người thờ phượng tại đền thờ có thể mặc những trang phục đặc biệt của mình và giữ nó được sạch.
áo lễ của mình
"lễ phục của mình"
chập chõa
hai miếng kim loại tròn, dẹp đánh vào nhau để tạo ra âm thanh lớn.
lòng biết ơn
Một cảm xúc hoặc biểu hiện thể hiện lòng biết ơn, cảm kích trước sự tốt lành, tử tế của người khác.
Ezra 3:12
nhà đầu tiên
Cụm từ nầy chỉ về ngôi đền đầu tiên mà Sa-lô-môn đã xây, chính là nhà của Đức Chúa Trời.
khóc lớn tiếng
Cụm từ nầy chỉ về cách thể hiện cảm xúc buồn rầu qua nước mắt và những âm thanh phát ra từ miệng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Ezra 3:2

Tại sao Giê-sua con trai Giô-sa-đác và các anh em người, là thầy tế lễ, luôn với Xô-rô-ba-bên, con trai Sa-anh-thi-ên, và các anh em người, đều chỗi dậy xây cất bàn thờ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên?

Họ đã chỗi dậy xây bàn thờ để dâng của lễ thiêu tại đó, theo như đã chép trong luật pháp Môi-se.

Ezra 3:3

Mức độ thường xuyên của việc Giê-sua và các anh em người, là thầy tế lễ, luôn với Xô-rô-ba-bên và các anh em người dâng của lễ thiêu lên cho Đức Giê-hô-va là như thế nào?

Họ đã dâng những của lễ thiêu lên cho Đức Giê-hô-va vào buổi sáng và buổi chiều. at dawn và evening.

Ezra 3:7

Ai đã sai chuyển gỗ bá hương từ Li-ban đến Gia-phô bằng đường biển?

Si-ru, vua Ba Tư đã sai chuyển gỗ bá hương từ Li-ban đến Gia-phô bằng đường biển.

Ezra 3:8

Khi nào thì công việc nầy bắt đầu?

Công việc xây dựng được bắt đầu vào tháng thứ hai của năm thứ hai sau khi dân Y-sơ-ra-ên đến đền của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem.

Ezra 3:11

Dân sự đã phản ứng ra sao vì cớ nền của đền thờ đã được xây lên?

Cả dân sự đều kêu reo tiếng lớn, ngợi khen Đức Giê-hô-va, bởi vì người ta xây nền đền thờ của Đức Giê-hô-va.

Ezra 3:12

Những người đã nhìn thấy đền thờ đầu tiên phản ứng ra sao khi nhìn thấy nền của đền thờ nầy đã được xây lên trước mắt mình?

Những người đã nhìn thấy đền thờ đầu tiên khóc tiếng lớn trong khi người ta xây nền của đền mới tại trước mặt mình. Cũng có nhiều người khác lại la tiếng lớn vui mừng hớn hở.

Chapter 4

Ezra 4:1

Thông tin chung:

Những người không phải là người Do Thái đề nghị giúp đỡ công việc xây dựng đền thờ.

Ê-sạt Ha-đôn, vua A-si-ri

Vua nầy cai trị trước vua Si-ru.

Ezra 4:3

Giê-sua

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:03

Không phải các ông, mà là chính chúng tôi mới là những người phải xây dựng

Ý nghĩa khả thi: 1) những người lãnh đạo Do Thái cho rằng chỉ mình họ là được vua Si-ru cho phép xây dựng đền thờ hoặc 2) việc xây dựng đền thờ là việc dành riêng cho người Do Thái, không một người ngoại bang nào được phép góp phần vào công việc nầy. Đây là một lời từ chối kiên quyết không cho những người không phải là người Do Thái tham dự dù là bất cứ lí do gì.

Ezra 4:4

làm yếu sức tay của dân Giu-đa

khiến dân Giu-đa nản lòng (Xem:)

dân Giu-đa

Những người đã trở về và định cư trong đất Giu-đa được gọi là người Giu-đa.

sợ

sợ hãi

phá hỏng những kẻ hoạch của họ

"phá hỏng những kế hoạch xây dựng đền thờ của dân Y-sơ-ra-ên"

Ezra 4:7

Bít-lam… Mít-rê-đát ... Ta-bê-ên ... Sim-sai

Đây đều là tên của nam.

Rê-hum

Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong EZR02:01.

tiếng A-ram

Đây là loại ngôn ngữ được sử dụng trong xứ đó để giao thương buôn bán.

Ezra 4:9

E-réc ... Su-sa…Ê-lam

Đây đều là tên của các địa danh.

A-su-ba-ni-banh

Đây là tên của một người.

Ezra 4:11

Đây là bản sao

E-xơ-ra bao gồm nội dung lá thư gửi cho vua trong bản ghi chép của mình.

tu sửa phần nền

"sửa chữa phần nền" hoặc "sửa sang phần nền"

Ezra 4:13

nhưng họ sẽ làm hại vua

Những tổn hại ở đây đề cập đến việc các nhà vua sẽ thiếu tiền cho các dự án của họ.

Ezra 4:14

ăn muối của hoàng cung

Đây là biện pháp tu từ mô tả những sự chu cấp mà họ nhận được từ hoàng cung.

sẽ chẳng có gì còn lại cho bệ hạ ở phía bên kia sông cái, tức là sông Ơ-phơ-rát nữa

"ở phía bên kia sông Ơ-phơ-rát sẽ chẳng có thể cho bệ hạ thu nữa". Những người nầy đang tìm cách kích động vua chống lại người Do Thái bằng cách phóng đại tầm ảnh hưởng của một thành nhỏ được xây dựng lại đến tổng doanh thu thuế của họ.

Ezra 4:17

đã được dịch

Những viên quan nầy viết lại lá thư nầy bằng ngôn ngữ của vua để vua hiểu rõ nó hơn.

Rê-hum

Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong EZR02:01

Sim-sai

Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong EZR04:07

sông

Chỉ về sông Ơ-phơ-rát.

Ezra 4:20

ra sắc lệnh

"ra luật"

Hãy thận trọng chú ý đến việc nầy

"Hãy thận trọng khi làm việc nầy"

Tại sao các ngươi lại để cho mối hiểm họa nầy một gia tăng rồi gây tổn thất ngày càng nhiều cho những quyền lợi của hoàng gia?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Kẻ thù của người Do Thái đang đặt câu hỏi này với vua Ạt-ta-xét-xe để làm cho vua tin rằng người Do Thái sẽ nổi loạn sau khi công việc tái thiết được hoàn thành. Tham khảo cách dịch: "Các ngươi phải đảm bảo những kẻ này phải tiếp tục nộp thuế của chúng"

Ezra 4:23

Rê-hum

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR02:01.

Sim-sai

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR04:07.

công việc xây cất đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem bị đình chỉ cho đến năm thứ hai đời Đa-ri-út

Sự đình chỉ này kéo dài khoảng 16 năm.

Translation Questions

Ezra 4:1

Một số kẻ thù của Giu-đa và Bên-gia-min đã hay tin gì về việc những người đã bị bắt làm phu tù đang làm?

Một số kẻ thù của Giu-đa và Bên-gia-min đã hay tin rằng những người đã bị bắt làm phu tù hiện đang xây cất đền thờ cho Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.

Ezra 4:4

Những kẻ thù đó cứ khiến dân Giu-đa nản lòng trong bao lâu?

Họ khiến dân Giu-đa nản lòng trong suốt thời gian trị vì của Si-ru, vua Ba Tư, cho đến đời Đa-ri-út, vua Ba Tư.

Ezra 4:5

Những kẻ thù đó cứ khiến dân Giu-đa nản lòng trong bao lâu?

Họ khiến dân Giu-đa nản lòng trong suốt thời gian trị vì của Si-ru, vua Ba Tư, cho đến đời Đa-ri-út, vua Ba Tư.

Ezra 4:6

Vào đời vua A-suê-ru, khi vua bắt đầu trị vì, những kẻ thù đó đã viết gì?

Vào đời vua A-suê-ru, khi vua bắt đầu trị vì, chúng viết một bản cáo trạng về
dân Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem.

Ezra 4:12

Những kẻ thù đó đã tâu với vua những điều gì về thành của người Do Thái?

Những kẻ thù đó đã tâu với vua rằng người Do Thái đang xây dựng một thành phản nghịch.

Ezra 4:14

Tại sao những kẻ thù đó không nỡ ngồi nhìn đức vua bị xúc phạm?

Họ không nỡ ngồi nhìn đức vua bị xúc phạm bởi vì họ đã hưởng bổng lộc của triều đình.

Ezra 4:18

Sau khi lá thư mà những kẻ thù của dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên gửi đến vua đã được dịch ra và được đọc cho vua nghe, thì vua đã làm gì?

Sau khi lá thư mà những kẻ thù đó gửi cho vua đã được dịch ra và được đọc cho vua nghe thì vua đã ra lệnh làm một cuộc điều tra.

Ezra 4:19

Sau khi lá thư mà những kẻ thù của dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên gửi đến vua đã được dịch ra và được đọc cho vua nghe, thì vua đã làm gì?

Sau khi lá thư mà những kẻ thù đó gửi cho vua đã được dịch ra và được đọc cho vua nghe thì vua đã ra lệnh làm một cuộc điều tra.

Ezra 4:24

Công việc xây cất đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem bị đình chỉ trong bao lâu?

Công việc xây cất đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem bị đình chỉ cho đến năm thứ hai đời Đa-ri-út, vua Ba Tư, cai trị.

Chapter 5

Ezra 5:1

Y-đô ... Giê-sua ... Giô-xa-đác

tên người

Sa-anh-thi-ên

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR03:01.

để xây dựng nhà Đức Chúa Trời

Nói về đền thờ của Đức Chúa Trời

Ezra 5:3

Tát-tê-nai ... Sê-ta Bô-xê-nai

tên của nam

Con mắt của Đức Chúa Trời ở trên

"Đức Chúa Trời đang dõi theo"

Họ đang đợi cho đến khi thư được gửi đến vua và nhận được sắc lệnh về việc ấy của vua

Người Do Thái lại bắt đầu công việc xây dựng đền thờ trong khi chờ đợi vua Đa-ri-út tuyên bố rõ ràng liệu họ sẽ được tiếp tục hay phải dừng công việc đó lại.

Ezra 5:6

Đây là bức thứ

E-xơ-ra đính kèm nội dung của bức thư gửi đến vua Đa-ri-út về công việc xây dựng đền thờ của dân Y-sơ-ra-ên.

Ezra 5:8

gỗ

gỗ xây dựng

Ai đã ban lệnh cho các ông

"Ai cho phép các ông"

Ezra 5:11

Chúng tôi là đầy tớ của Đấng

Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang gọi người Do Thái là đầy tớ của Đức Chúa Trời hoặc 2) những người đang trả lời là những người từ các chi tộc Lê-vi và A-rôn, vốn thực sự là những người chịu trách nhiệm về các công việc thờ phượng và của lễ trong đền thờ.

hoàn thành nó

"hoàn tất nó"

Ezra 5:12

chọc giận Đức Chúa Trời trên trời

Đức Chúa Trời ở trên trời đã nổi giận.

phá hủy nhà này

"đánh đổ nhà này"

vào tay Nê-bu-cát-nết-sa

Người Do Thái trở thành nô lệ trong nước của Nê-bu-cát-nết-sa

vua Si-ru ban chiếu chỉ xây lại đền thờ này của Đức Chúa Trời

Si-ru hạ lệnh phải xây dựng lại đền thờ của Đức Chúa Trời.

Ezra 5:14

Sết-ba-xa

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR01:07.

Vua giao trả các vật ấy

Vua Si-ru giao trả những vật dụng trong đền thờ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ezra 5:16
đền thờ vẫn đang được xây dựng
"đền thờ vẫn đang được xây"
Ezra 5:17
xin vua cho tra cứu điều đó
Những người viết thư đề nghị vua tìm ra những bản ghi chép chính thức đề cập đến những việc nầy.
có thật quyết định từ vua Si-ru
có thật sắc lệnh từ vua Si-ru

Translation Questions

Ezra 5:5
Các trưởng lão người Do Thái đang đợi chờ điều gì?
Các trưởng lão người Do Thái đang đợi một sắc lệnh từ vua Đa-ri-út.
Ezra 5:8
Quan tổng đốc Tát-tê-nai, Sê-ta Bô-xê-nai, và các đồng liêu của người đã mô tả công việc xây dựng đền thờ của Đức Chúa Trời ra sao?
Họ ghi rằng công việc đang được thi công suôn sẻ và tốt đẹp trong tay người Do Thái.
Ezra 5:12
Tại sao Đức Chúa Trời của các tầng trời lại phó dân Do Thái vào tay Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn?
Đức Chúa Trời của các tầng trời lại phó dân Do Thái vào tay Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn khi tổ phụ của họ đã chọc giận Ngài.
Ezra 5:14
Vua Si-ru đã giao lại những vật dụng gì cho Sết-ba-xa?
Vua Si-ru đã giao lại các vật bằng vàng và bạc cho đền thờ của Đức Chúa Trời.
Ezra 5:17
Người Do Thái đã yêu cầu vua làm gì?
Họ xin vua tra cứu trong văn khố hoàng gia tại Ba-by-lôn thử xem có thật vua Si-ru ban chiếu chỉ xây dựng đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem hay không.

Chapter 6
Ezra 6:1
kho lưu trữ
Đây là một nơi đặc biệt mà các viên quan có trách nhiệm lưu giữ những bản ghi chép quan trọng của chính quyền.
Éc-ba-tan
tên một thành
một cuộn da được tìm thấy
Những người được sai đi tìm những bản ghi chép đã tìm thấy cuộn da nầy.
Ezra 6:3
sáu mươi cu-bít
"60 cu-bít." Một cu-bít bằng khoảng 46 cm.
ba hàng
3 lớp đá nền
Ezra 6:6
Tát-tê-nai ... Sê-ta Bô-xê-nai
Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong EZR05:03
Ezra 6:8
Hãy lấy ngân quỹ từ những phần thuế ở bên kia sông của vua
King Đa-ri-út đang hỗ trợ việc xây dựng lại đền thờ từ số thuế thu được từ các nước ở phía đông sông Ơ-phơ-rát
Hãy làm thế để họ sẽ... cầu nguyện cho... vua và các hoàng tử của ta
Đa-ri-út đã tỏ lòng tôn trọng hoặc ông thật sự kính trọng Đức Chúa Trời của người Do Thái.
Ezra 6:11
cây đòn
một cây gỗ dài, rắn chắc, dùng để chống đỡ phần mái nhà.
đâm xuyên qua
đâm xuyên qua
Nguyện Đức Chúa Trời... lật đổ vua nào... dám phạm đến đền thờ nầy của Đức Chúa Trời
Mặc dầu Đa-ri-út biết rằng Đức Chúa Trời không cần ông phải bảo vệ đền thờ của Ngài, nhưng Đa-ri-út vẫn cố gắng tìm cách đứng về phía Đức Chúa Trời để hỗ trợ đền thờ của Ngài.
Ezra 6:13
Tát-tê-nai, Sê-ta Bô-xê-nai
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR05:03
Nhà
"Nhà của Đức Chúa Trời" hoặc "Ngôi đền"
ngày mồng ba tháng A-đa
"A-đa" là tên của tháng thứ mười hai và cũng là tháng cuối cùng trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Nhằm vào mùa lạnh. Ngày mồng ba nầy gần với giữa tháng Hai trong lịch phương Tây.
năm thứ sáu
Vua Đa-ri-út đã cai trị được năm năm, vậy nên hiện giờ ông đang làm vua trong năm thứ sáu.
Ezra 6:16
một trăm con bò đực
100 con bò đực
bốn trăm con chiên con
400 con chiên con
Mười hai con dê đực
12 con dê đực
Ezra 6:19
ngày mười bốn tháng giêng
Đây là tháng đầu tiên trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mười bốn tháng giêng vào khoảng gần đầu tháng 4 theo lịch phương Tây .
thanh tẩy chính mình
"thanh tẩy chính mình theo luật Môi-se". Trước khi các thầy tế lễ dâng của lễ thiêu cho những người khác thì trước hết họ phải đảm bảo rằng mình thanh sạch trước mặt Đức Chúa Trời.
Ezra 6:21
từ bỏ những sự ô uế của các dân tộc
Dân Do Thái không kết hôn với những dân trong vùng cũng không đi theo các tà giáo của nơi đó.
đổi lòng vua A-si-ri
Đức Chúa Trời khiến vua A-si-ri có lòng thương xót đối với công việc xây cất đền thờ của Đức Chúa Trời
để làm mạnh tay họ trong công việc xây dựng đền thờ của Ngài
Đức Chúa Trời đã khiến vua A-si-ri giúp đỡ những người Do Thái đang xây dựng lại đền thờ của Đức Chúa Trời để họ tiếp tục công việc nầy.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhà Ngài
Đền thờ

Translation Questions

Ezra 6:1
Khi vua Đa-ri-út ra lệnh tra cứu các hồ sơ trong văn khố tại Ba-by-lôn thì đã tìm thấy gì?
Trong cuộc điều tra mà vua Đa-ri-út đã ra lệnh thực hiện thì người ta đã tìm được tại Éc-ba-tan, thủ phủ tỉnh Mê-đi, một cuộn da.
Ezra 6:2
Khi vua Đa-ri-út ra lệnh tra cứu các hồ sơ trong văn khố tại Ba-by-lôn thì đã tìm thấy gì?
Trong cuộc điều tra mà vua Đa-ri-út đã ra lệnh thực hiện thì người ta đã tìm được tại Éc-ba-tan, thủ phủ tỉnh Mê-đi, một cuộn da.
Ezra 6:4
Trong chiếu chỉ của vua Si-ru thì ai sẽ trả kinh phí xây dựng cho đền thờ dâng tế lễ?
Chi phí cho đền thờ dâng tế lễ sẽ do ngân khố triều đình đài thọ.
Ezra 6:5
Theo chiếu chỉ của vua Si-ru thì những vật gì sẽ phải hoàn trả cho đền thờ của Đức Chúa Trời?
Theo chiếu chỉ của vua Si-ru thì các vật dụng bằng vàng và bạc của nhà Đức Chúa Trời mà Nê-bu-cát-nết-sa đã lấy trong
đền thờ tại Giê-ru-sa-lem và đem qua Ba-by-lôn sẽ được đem hoàn trả lại cho đền thờ của Đức Chúa Trời ở Giê-ru-sa-lem.
Ezra 6:7
Si-ru đã ra ra lệnh ai sẽ là người xây đền thờ của Đức Chúa Trời?
Si-ru ra lệnh các tổng đốc người Do Thái và các trưởng lão của họ xây cất lại đền thờ của Đức Chúa Trời.
Ezra 6:9
Tại sao Si-ru lại muốn ban cho người Do Thái bất cứ vật gì họ cần để xây đền thờ của Đức Chúa Trời?
Vua Si-ru muốn ban cho người Do Thái bất cứ vật gì họ cần để xây đền thờ của Đức Chúa Trời để rồi họ sẽ đem của lễ đó dâng lên cho Đức Chúa Trời trên trời và cầu nguyện cho ông và các con trai của ông.
Ezra 6:10
Tại sao Si-ru lại muốn ban cho người Do Thái bất cứ vật gì họ cần để xây đền thờ của Đức Chúa Trời?
Vua Si-ru muốn ban cho người Do Thái bất cứ vật gì họ cần để xây đền thờ của Đức Chúa Trời để rồi họ sẽ đem của lễ đó dâng lên cho Đức Chúa Trời trên trời và cầu nguyện cho ông và các con trai của ông.
Ezra 6:11
Nếu ai làm trái chiếu chỉ nầy về việc trợ giúp người Do Thái thì chuyện gì phải xảy ra?
Nếu ai làm trái chiếu chỉ nầy thì người ta sẽ rút một cây xà trong nhà người đó mà đâm người. Nhà người đó sẽ biến tháng một đống rác vì cớ điều nầy.
Ezra 6:14
A-ghê và Xa-cha-ri đã hướng dẫn các trưởng lão người Do Thái xây dựng như thế nào?
A-ghê và Xa-cha-ri đã hướng dẫn các trưởng lão Do Thái bằng cách nói tiên tri.
Ezra 6:20
Các thầy tế lễ và người Lê-vi đã giết các con sinh tế của Lễ Vượt Qua cho ai?
Các thầy tế lễ và người Lê-vi giết những con sinh tế của Lễ Vượt Qua cho hết thảy những người đã bị lưu đày, kể cả chính mình họ.
Ezra 6:22
Tại sao người Do Thái lại vui mừng tổ chức Lễ Bánh Không Men?
Người Do Thái vui mừng tổ chức Lễ Bánh Không Men, vì Đức Giê-hô-va đã làm cho lòng họ hân hoan khi đổi lòng vua A-si-ri để giúp đỡ họ vững lòng trong công việc xây cất đền thờ của Ngài.

Chapter 7

Ezra 7:1
Thông tin chung:
Bảng phả hệ của E-xơ-ra tra ngược trở lại A-rôn, là thầy tế lễ thượng phẩm đầu tiên.
Sê-ra-gia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:01
Sa-lum
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:40
A-xa-ria, Hinh-kia… Xa-đốc… A-hi-túp, A-ma-ria, A-xa-ria, Mê-ra-giốt, Xê-ra-hi-gia, U-xi, Bu-ki, A-bi-sua, Phi-nê-a, Ê-lê-a-sa
Toàn bộ danh sách nầy đều là tên của nam.
Ezra 7:6
tay Đức Giê-hô-va ở với ông
Phước lành từ Đức Giê-hô-va ở với ông.
Vào năm thứ bảy đời vua Ạt-ta-xét-xe
Vào năm thứ bảy Ạt-ta-xét-xe làm vua.
Ezra 7:8
tháng năm
Đây là tháng thứ năm trong lịch Hê-bơ-rơ, rơi vào khoảng cuối tháng Bảy đầu tháng Tám theo lịch phương Tây.
ngày mồng một tháng giêng
Khoảng giữa tháng Ba theo lịch phương Tây.
ngày mồng một tháng năm
Gần giữa tháng Bảy trong lịch phương Tây.
tay nhân lành của Đức Chúa Trời
"tay" tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát mà Đức Chúa Trời dùng để làm ra những kết quả tốt đẹp.
E-xơ-ra chuyên tâm nghiên cứu
"E-xơ-ra cả đời tận tụy nghiên cứu"
những luật lệ và mạng lịnh trong luật pháp của Đức Giê-hô-va
Đây là luật mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên qua Môi-se.
Ezra 7:11
Đây là chiếu chỉ
Những đoạn theo sau cụm từ nầy chính là những chiếu chỉ mà vua Ạt-ta-xét-xe đã ban hành.
Ta ra lệnh rằng bất cứ người nào… muốn đi đến Giê-ru-sa-lem
Trong thời bấy giờ, dân sự cần phải có sự cho phép của vua

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mới có thể tái định cư hoặc xây dựng lại trong khu vực đã bị nước thắng trận phá hủy trước đây.
Ezra 7:14
Thông tin chung:
Vua ban phiếu thông hành cho đến Giu-đa cho tất cả những người Y-sơ-ra-ên nào muốn quay trở lại nhà.
Hãy tự do dâng tất cả vàng bạc
Vua chấp thuận mọi quyên góp cho đền thờ của Đức Chúa Trời, vốn sẽ được chuyển đến Giê-ru-sa-lem.
Ezra 7:17
Thông tin chung:
Vua muốn làm vui lòng Đức Chúa Trời với số tiền mà họ đem về.
Rồi hãy mua đầy đủ
Vua cho phép mua các loài loài vật cũng như thức ăn làm của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời.
Với số...còn lại... bất cứ việc gì các ngươi có là tốt... để làm vui lòng Đức Chúa Trời các ngươi
Vua cho phép E-xơ-ra từ do dùng số tiền đó, nếu ông thấy nó phù hợp để làm vui lòng Đức Chúa Trời.
Ezra 7:19
được ban cho các ngươi trước mặt Ngài
"Ngài" chỉ về Đức Chúa Trời. Những vật nầy sẽ được đặt trước mặt Đức Chúa Trời như một tế lễ từ vua.
kho của hoàng gia
một nơi an toàn để cất giữ bạc vàng.
Ezra 7:21
bất cứ vật gì E-xơ-ra yêu cầu cùng các ngươi
E-xơ-ra nhận được sự trợ giúp đầy đủ từ vua trong việc xây dựng lại đền thờ của Đức Chúa Trời.
một trăm
100
ta-lâng
Một ta-lâng bằng 34 kg.
cô-rơ
Một cô-r hay một co bằng 220 lít.
thùng
một thùng bằng 22 lít.
Ezra 7:24
không được thu cống vật hay tiền thuế
Chỉ miễn cho những người có liên quan đến những hoạt động hằng ngày của đền thờ, chứ không áp dụng cho mọi người dân Y-sơ-ra-ên hay mọi người dân sống tại Giê-ru-sa-lem.
những nhạc sĩ
những người chơi các nhạc cụ
Ezra 7:25
Thông tin chung:
Vua cho phép E-xơ-ra giảng dạy và buộc người Do Thái phải sống theo luật pháp của Đức Chúa Trời.
Ezra 7:27
Thông tin chung:
Ezra prays a prayer of thanksgiving to God.
đã đặt mọi điều nầy vào trong lòng vua
Đức Chúa Trời đã điều khiển những ước muốn và suy nghĩ của vua khiến vua tôn trọng Đức Chúa Trời và đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem.
được can đảm nhờ tay của Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi
E-xo-ra đã có được sự can đảm và tự tin để tiếp tục nhận biết rằng Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ông đang trang bị cho ông. "tay của Đức Giê-hô-va" là một cách nói chỉ về việc nhận được những phước hạnh từ Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Ezra 7:6
Công việc của E-xơ-ra là gì?
Ông là một học giả am hiểu luật pháp Môi-se.
Ezra 7:9
Tại sao E-xơ-ra có thể đến được Giê-ru-sa-lem vào ngày mồng một tháng thứ năm?
Vào ngày mồng một tháng năm, ông đã đến Giê-ru-sa-lem, bởi vì tay nhân lành của Đức Chúa Trời đã ở cùng ông?
Ezra 7:13
Ai được phép đi đến Giê-ru-sa-lem cùng với E-xơ-ra?
Bất cứ người Y-sơ-ra-ên nào ở trong nước của Ạt-ta-xét-xe, cùng với các thầy tế lễ và người Lê-vi, ai muốn đi đến Giê-ru-sa-lem đều có thể đi cùng với E-xơ-ra.
Ezra 7:14
Tại sao vua và các cố vấn của vua lại cho dân Y-sơ-ra-ên trở về Y-sơ-ra-ên?
Vua và bảy cố vấn của vua đã cho họ đi để điều tra về Giu-đa và Giê-ru-sa-lem dựa theo luật pháp của Đức Chúa Trời mà người hiểu, và để đem theo vàng và bạc mà vua và các cố vấn tự nguyện hiến dâng cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên về Giê-ru-sa-lem, nhà Ngài.
Ezra 7:15
Tại sao vua và các cố vấn của vua lại cho dân Y-sơ-ra-ên trở về Y-sơ-ra-ên?
Vua và bảy cố vấn của vua đã cho họ đi để điều tra về Giu-đa và Giê-ru-sa-lem dựa theo luật pháp của Đức Chúa Trời mà người hiểu, và để đem theo vàng và bạc mà vua và các cố vấn tự nguyện hiến dâng cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên về Giê-ru-sa-lem, nhà Ngài.
Ezra 7:20
Những người Do Thái phải lấy những vật cần dùng khác cho đền Đức Chúa Trời của họ ở đâu?
Người Do Thái sẽ lấy những vật cần dùng khác cho đền Đức Chúa Trời của họ từ kho của Ạt-ta-xét-xe.
Ezra 7:23
Tại sao các thủ quỹ phải hết lòng mà làm mọi việc theo luật pháp của Đức Chúa Trời trên trời về đền thờ của Ngài?
Họ phải hết lòng mà làm mọi việc theo luật pháp của Đức Chúa Trời trên trời về đền thờ của Ngài để cơn thịnh nộ của Ngài sẽ không giáng trên vương quốc của Ạt-ta-xét-xe và trên nước của các con trai vua.
Ezra 7:26
E-xơ-ra có thể dùng cách nào để trừng phạt những người không tuân giữ trọn vẹn luật pháp của Đức Chúa Trời hoặc luật pháp của vua?
E-xơ-ra có thể trừng phạt những người không tuân giữ trọn vẹn luật pháp của Đức Chúa Trời hoặc luật pháp của vua bằng cách hoặc xử tử, hoặc lưu đày, hoặc tịch thu tài sản hay bỏ tù họ.
Ezra 7:28
E-xơ-ra đã được thêm sức ra sao?
E-xơ-ra được thêm sức bởi tay Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 8

Ezra 8:1

Thông tin chung:

Bắt đầu từ đây, có một sự thay đổi rõ ràng tác giả. Các chương từ 1-7 được viết như thể tác giả đang viết về E-xơ-ra. Chương 8 được viết như thể E-xơ-ra chính là tác giả.

Thông tin chung:

Phần nầy bao gồm danh sách tên những người nam

Pha-rốt

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:03

150 người nam

số người nam trưởng thành và các bé trai.

Ezra 8:4

Thông tin chung:

Tiếp tục danh sách tên của những người nam

Xê-ra-hi-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR07:01

Sê-ca-nia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:01

A-đin

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:15

hai trăm... ba trăm... năm mươi... bảy mươi

200, 300, 50, 70. Số những người nam và các bé trai.

Ezra 8:8

Thông tin chung:

Tiếp tục danh sách tên của những người nam

Sê-pha-tia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:03

Bê-bai

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:11

tám mươi... hai mươi tám

80, 28. Những con số nầy tượng trưng cho những người đàn ông và các bé trai trong mỗi gia đình đã được liệt kê.

Ezra 8:12

Thông tin chung:

Tiếp tục danh sách tên của những người nam

A-gát

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:11

A-đô-ni-cam

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:11

Bích-vai

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:01

sáu mươi... bảy mươi

60, 70. Những con số nầy tượng trưng cho những người đàn ông và các bé trai trong mỗi gia đình đã được liệt kê.

Ezra 8:15

Thông tin chung:

E-xơ-ra tiếp những người lãnh đạo Do Thái và những thầy dạy luật. Đây đều là tên của nam.

A-ha-va

tên của một địa điểm

kênh

người ta đào kênh để tàu thuyền có thể qua lại dễ dàng

Sê-ma-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:12

ba ngày

3 ngày

Ezra 8:17

Y-đô

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR05:01

Ca-si-phia

tên một nơi hoặc một địa điểm

Ezra 8:18

Sê-rê-bia ... Mách-li ... Ha-sa-bia ... Mê-ra-ri

Đây đều là tên của nam.

nhờ tay nhân lành của Đức Chúa Trời chúng tôi

một cách nói diễn đạt sự tốt lành hoặc sự chu cấp của Đức Chúa Trời cho họ.

một người khôn ngoan

Đây là một người hiểu biết và khôn ngoan.

mười tám... hai mươi

18, 20.

Giê-sai-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:04

các triều thần

Những người có thẩm quyền cụ thể trong hệ thống chính phủ.

Ezra 8:21

Tay của Đức Chúa Trời chúng tôi ở trên những người tìm kiếm Ngài

Đây là một cách diễn đạt mà Ê-xơ-ra đưa ra về vấn đề tin vào sự bảo vệ của Đức Chúa Trời trên dân Ngài.

Ezra 8:24

mười hai người

12 men

Sê-rê-bia, Ha-sa-bia

Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong EZR08:18

mười

10

Ezra 8:26

ta-lâng

Một ta-lâng bằng 34 kg.

một nghìn đa-riếc

"1.000 đa-riếc." Một "đa-riếc" là một đồng vàng nhỏ mà những người trong thời đế chế Ba Tư sử dụng.

những chậu bằng đồng

Đồng thiếc là một loại hợp kim đồng còn chắc hơn cả đồng nguyên chất. Bản thân loại hợp kim đồng nầy thì không giá trị. Nhưng khi làm đồ trang sức thì nó khá là có giá trị.

Ezra 8:28

cho đến khi anh em cân chúng

Đây là cách những người nầy tính đến chuyện vận chuyển tất cả các lễ vật bằng cách cân lại mọi thứ đã được đưa vào cất giữ tại Giê-ru-sa-lem.

Các thầy tế lễ và người Lê-vi

Theo luật Môi-se, chi tộc Lê-vi sẽ chăm sóc đền thờ, cùng những tài sản và của lễ trong đó.

Ezra 8:31

kênh A-ha-va

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:15

ngày hai mươi tháng giêng

Đây là tháng đầu tiên trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi tháng giêng gần với cuối tháng Ba theo lịch phương Tây.

Tay của Đức Chúa Trời chúng tôi

Cụm từ nầy chỉ về việc Đức Chúa Trời bảo vệ nhóm của E-xơ-ra.

Ngài đã bảo vệ chúng tôi khỏi tay kẻ thù

"tay" chỉ về sức mạnh của người đó. Đức Chúa Trời khiến kẻ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thù không thể tấn công họ.
những kẻ muốn phục kích chúng tôi
Đức Chúa Trời bảo vệ họ khỏi bọn trộm cướp muốn tấn công để cướp vàng bạc của họ.
ba ngày
3 ngày
Ezra 8:33
những vật mà chúng tôi đã cân
Cụm từ nầy việc làm thuộc về trách nhiệm phải vận chuyển tất cả vàng bạc và những vật dụng trong đền thờ.
Mê-rê-mốt ... Giô-xa-báp ... Nô-a-đia ... Bin-nui
Đây đều là tên của nam.
Ê-lê-a-sa
Hãy dịch tên Ê-lê-a-sa như bạn đã làm trong EZR07:01
Giê-sua
Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong EZR02:01
Ezra 8:35
từ chỗ bị giam cầm, những người bị lưu đày
Đây là những người Do Thái bị bắt giữ và tái định cư tại Ba-by-lôn rồi quyết định quay trở lại Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.
mười hai ... chín mươi sáu ... bảy mươi bảy
12, 96 và 77.
những người cai trị phía bên kia sông
Đây là quan cai trị của Ba-by-lôn quản lí những người dân ở phía Tây sông ơ-phơ-rát, bao gồm cả những người ở tại Giu-đa.
Nhà của Đức Chúa Trời
đền thờ

Translation Questions

Ezra 8:15
Khi E-xơ-ra kiểm tra dân chúng và các thầy tế lễ thì ông không thể tìm thấy điều gì?
Khi E-xơ-ra kiểm tra dân chúng và các thầy tế lễ thì ông không thể tìm thấy một dòng dõi nào của người Lê-vi tại đó.
Ezra 8:17
Y-đô và và các anh em người làm công việc gì?
Y-đô và các anh em mình là những người phụ vụ trong đền thờ.
Ezra 8:18
Sê-rê-bia là một người như thế nào?
Sê-rê-bia là một người khôn ngoan.
Ezra 8:22
Tại sao E-xơ-ra không hỏi xin vua một toán quân hay kỵ binh để bảo vệ họ khỏi kẻ thù?
E-xơ-ra không hỏi xin vua một toán quân hay kỵ binh để bảo vệ họ khỏi kẻ thù bởi vì ông cảm thấy hổ thẹn.
Ezra 8:29
Mười hai người nầy sẽ canh giữ những vật dụng bằng vàng và bạc nầy trong bao lâu?
Mười hai người nầy sẽ canh giữ những vật dụng bằng vàng và bạc nầy cho đến khi họ cân lại những vật đó trước mặt các thầy tế lễ cả và người Lê-vi, cùng trước mặt các trưởng tộc của Y-sơ-ra-ên tại Giê-ru-sa-lem, trong các phòng của đền thờ Đức Chúa Trời.
Ezra 8:31
Tay của Đức Chúa Trời ở trên E-xơ-ra và trên mười hai người nầy ra sao?
Tay của Đức Chúa Trời ở trên họ, giải cứu họ khỏi tay các kẻ thù và bọn cướp dọc đường.
Ezra 8:35
Những người bị lưu đày trở về giao chiếu chỉ của vua cho ai?
Những người bị lưu đày trở về giao chiếu chỉ của vua cho các quan lớn của vua và cho các tổng đốc của vua ở bên kia sông.
Ezra 8:36
Những người bị lưu đày trở về giao chiếu chỉ của vua cho ai?
Những người bị lưu đày trở về giao chiếu chỉ của vua cho các quan lớn của vua và cho các tổng đốc của vua ở bên kia sông.

Chapter 9
Ezra 9:1
các quan trưởng đến với tôi
"các quan trưởng" trong trường hợp nầy chỉ về những người Do Thái đứng đầu, tức là những người đã quay về trước đó cùng với Xô-rô-ba-bên.
đã không tách biệt chính mình
Họ đã cưới những người dân ở các xứ khác đồng thời tiếp thu tôn giáo của những người đó.
và những điều ghê tởm của họ
Vấn đề thực sự ở đây là khi họ cưới những người ngoại bên ngoài thì họ đã từ bỏ Đức Chúa Trời.
đã pha trộn dân thánh với các dân tộc ở những xứ khác
Luật pháp của Đức Chúa Trời đã quy định rằng dân Y-sơ-ra-ên phải kết hôn với những người quyết định theo Đức Giê-hô-va như Đức Chúa Trời của mình. Tuy nhiên, trong trường hợp nầy, những người dân ở các xứ khác đã khiến dân Y-sơ-ra-ên vào tình trạng pha trộn với tôn giáo của họ.
các quan chức và các nhà lãnh đạo
Đây là những người có thẩm quyền cụ thể trong chính phủ.
Ezra 9:3
Khi tôi nghe những lời ấy
Khi E-xơ-ra nghe rằng nhiều người Y-sơ-ra-ên đã cưới những người nữ ngoại bang và thờ lạy các thần của họ.
Tôi ngồi hổ thẹn
E-xơ-ra cho rằng những người Y-sơ-ra-ên đã quay trở về đó được phép cưới những người thuộc các dân tộc khác. Ông thực sự rất lo lắng khi thực sự có nhiều người đã cưới những người nữ ngoại bang.
tế lễ buổi chiều
một tế lễ dâng vào buổi chiều
Ezra 9:5
mọc cao đến tận trời
Cụm từ nầy bày tỏ rằng nếu tội lỗi thực sự có thể nhìn thấy thì nó đã mọc thành một vật rất cao rồi.
Ezra 9:7
thời của tổ phụ chúng con cho đến nay
E-xơ-ra đang chỉ ra rằng từ trước đến nay dân sự vẫn cứ tiếp tục không vâng lời Đức Chúa Trời trong vấn đề cưới những người nữ ngoại bang.
những điều tội lỗi
Tham khảo cách dịch: "những tội lỗi" hoặc " đi theo đường lỗi riêng của chúng tôi"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ezra 9:8

Đức Chúa Trời đã để lại cho chúng tôi một vài người sống sót

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời đã cho phép để cho chúng tôi tiếp tục với một vài người sống sót"

đã mở rộng sự thành tín về giao ước Ngài đối với chúng tôi

Đức Chúa Trời đã tiếp tục ban phước cho dân Y-sơ-ra-ên mặc cho sự bất trung của họ.

Nhà của Đức Chúa Trời

đền thờ

Ezra 9:10

Xứ mà các con sẽ vào chiếm lấy đó là một xứ bị ô uế

Điều nầy ban đầu là lời Môi-se đã nói khi dân Y-sơ-ra-ên tiến vào vùng đất nầy. Họ được lệnh phải tiêu diệt tất cả những dân ở xứ đó và không được cưới gả với họ, vì những dân đó đầy sự gian ác, ô uế và tội lỗi.

đời đời

Tham khảo cách dịch: "cho đến tận thế"

Ezra 9:13

các việc ác và tội trọng của chúng con

Y-sơ-ra-ên đã không tận diệt những dân làm điều ác trước mặt Đức Chúa Trời. Dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu cưới những dân đó và thực hành những nghi lễ tôn giáo của họ để rồi bị dẫn dụ khỏi Đức Chúa Trời.

vì Chúa... đã không phạt tội lỗi chúng con như đáng phải bị phạt mà để cho chúng con được sống sót

Đây là những ví dụ về những việc làm bày tỏ lòng thương xót của Đức Chúa Trời.

lẽ nào chúng con lại vi phạm các mạng lệnh của Chúa

Đây chính xác là những gì mà một vài trong số những người trở về đã làm. Họ đã vi phạm các mạng lệnh của Chúa khi cưới những người dân trong xứ và thờ phượng các thần của những dân đó.

Chúa sẽ không nổi giận mà tiêu diệt chúng con

Trước đó Đức Chúa Trời đã tiêu diệt hết thảy dân Y-sơ-ra-ên và E-xơ-ra sợ rằng Ngài sẽ lại làm như vậy và rồi sẽ không có ai còn sót lại.

Ezra 9:15

người nào có thể đứng trước Ngài

"chẳng ai trong chúng tôi vô tội trước Ngài"

Translation Questions

Ezra 9:1

Dân Y-sơ-ra-ên không sống tách biệt với các dân tộc trong xứ khác ra sao?

Dân Y-sơ-ra-ên không sống tách biệt với các dân tộc trong xứ, vì họ cưới gả với con trai con gái của dân các xứ ấy.

Ezra 9:2

Dân Y-sơ-ra-ên không sống tách biệt với các dân tộc trong xứ khác ra sao?

Dân Y-sơ-ra-ên không sống tách biệt với các dân tộc trong xứ, vì họ cưới gả với con trai con gái của dân các xứ ấy.

Ezra 9:3

E-xơ-ra đã phản ứng ra sau trước sự bất trung của dân sự?

E-xơ-ra xé áo trong và áo tơi mình, bứt râu, nhổ tóc trên đầu rồi ngồi buồn bã.

Ezra 9:6

Tại sao E-xơ-ra lại hổ thẹn và quá bẽ mặt đến nỗi không dám ngẩng mặt trước Đức Giê-hô-va?

E-xơ-ra hổ thẹn và quá bẽ mặt đến nỗi không dám ngẩng mặt trước Đức Giê-hô-va, vì sự gian ác của dân sự Ngài cứ chồng chất trên đầu họ, và tội lỗi của dân sự Ngài cao đến tận trời.

Ezra 9:9

Tại sao Đức Giê-hô-va lại bày tỏ sự thành tín về giao ước của Ngài với dân của E-xơ-ra?

Đức Giê-hô-va bày tỏ sự thành tín về giao ước của Ngài với dân của E-xơ-ra để ban cho dân sự sức mới để họ có thể xây dựng lại đền thờ của Đức Chúa Trời và xây những nơi hư nát của nó lên lại. Ngài làm như vật để có thể ban cho họ một thành trì an ninh trong Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.

Ezra 9:11

Xứ ấy đã bị ô uế ra sao?

Xứ ấy đã bị ô uế bởi vì cớ những dân trong xứ đó cùng với những điều đáng ghê tởm mà họ đã làm ô uế khắp nơi trong xứ ấy.

Ezra 9:13

Đức Chúa Trời đã cầm giữ điều gì lại?

Đức Chúa Trời đã cầm giữ những điều mà sự gian ác của dân ấy đáng phải chịu.

Chapter 10

Ezra 10:1

Sê-ca-nia

Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong EZR08:04

Giê-hi-ên

Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong EZR08:08

Chúng tôi đã bất trung với Đức Chúa Trời chúng tôi

Đây như là một lời xưng tội công khai, chứ không phải một lời khoe khoang.

Dù vậy, vẫn còn hi vọng cho Y-sơ-ra-ên

Sê-ca-nia đang khẳng định niềm tin rằng Đức Chúa Trời đang và sẽ thương xót họ.

Ezra 10:3

chúng ta hãy lập giao ước với Đức Chúa Trời chúng ta... theo lời khuyên bảo của Chúa tôi

Sê-ca-nia đang đưa ra lời đề nghị cho E-xơ-ra trước Đức Chúa Trời và dân sự về sự xưng tội và được tẩy sạch của Y-sơ-ra-ên.

Ezra 10:5

Giê-hô-nan ... Ê-li-a-síp

Đây đều là tên của nam.

Ông vào đó không ăn bánh cũng không uống nước

E-xơ-ra đã dành cả đêm kiêng ăn, cầu thay cho sự bất trung của Y-sơ-ra-ên.

Ezra 10:7

Ai không đến... bị tịch thu toàn bộ tài sản

Các trưởng lão đang làm rõ rằng sẽ có một việc rất hệ trọng diễn ra tại Giê-ru-sa-lem, bắt buộc tất cả mọi người phải có mặt.

ba ngày

3 ngày

Ezra 10:9

ngày hai mươi tháng chín

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là tháng thứ chín trong lịch Hê-bơ-rơ, ngày hai mươi tháng chín nầy gần với giữa tháng Mười Hai trong lịch phương Tây.
tại quảng trường
Một sân lớn, rộng, thoáng ở trước đền thờ.
phạm tội bất trung
Tội phản bội đất nước, không trung thành. E-xơ-ra coi hành động cưới những người nữ ngoại bang là một hành động phản bội.
Ezra 10:11
ý muốn của Ngài
Ý muốn của Đức Chúa Trời
Hãy tách biệt
rời ra, không dự phần
Ezra 10:12
một hai ngày
Chuyện nầy sẽ phải giải quyết trong thời gian lâu hơn là một vài ngày.
Bây giờ đang là mùa mưa. Chúng tôi đủ sức để đứng ngoài trời
Dân chúng đang bày tỏ nỗi lo ngoại về tất cả những người cứ đứng ngoài trời dưới trời mưa để giải quyết vấn đề nầy bởi vì chuyện nầy sẽ mất nhiều thời gian hơn, không phải một vài ngày là xong.
việc nầy không thể giải quyết trong một hai ngày
"chúng ta sẽ cần một khoảng thời gian dài để giải quyết những vấn đề nầy"
Ezra 10:14
Giô-na-than, con trai của A-sa-ên, và Gia-xi-gia, con trai Tiếc-va, chống đối việc nầy
Ý nghĩa khả thi: 1) những người phản đối trì hoãn trong việc yêu cầu các trưởng các thành điều tra những tội nầy hoặc 2) họ phản đối việc điều tra.
Mê-su-lam và Sáp-bê-tai, người Lê-vi, đều ủng hộ họ
Những người nầy ủng hộ Giô-na-than và A-sa-ên phản đối việc này.
Ezra 10:16
làm như vậy
Dân sự điều tra những người đã cưới những người vợ ngoại bang.
ngày mồng một tháng mười
Đây là tháng thứ mười trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mồng một tháng mười nầy gần với giữa tháng Mười Hai theo lịch phương Tây.
ngày mồng một tháng giêng
Gần với giữa tháng Ba trong lịch phương Tây.
Ezra 10:18
Giê-sua
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:01
Giô-xa-đác
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR03:01
Ma-a-sê-gia ... Ghê-đa-lia
tên của nam
Ê-li-ê-xe ... Gia-ríp
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong EZR08:15
Ezra 10:20
Thông tin chung:
E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.
Y-mê ... Pha-su-rơ
Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong EZR02:36
Ha-na-ni... Ê-li-ô-ê-nai... Na-tha-na-nê... Ê-la-sa
tên của nam
Xê-ba-đia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:08
Ha-rim
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:31
Ma-a-sê-gia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:18
Sê-ma-gia ... Giê-hi-ên
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong EZR08:12
Giô-xa-báp
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:33
Ezra 10:23
Thông tin chung:
E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.
Giô-xa-báp
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:33
Ê-li-ê-xe
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:15
Ê-li-a-síp
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:05
Sa-lum
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:40
Pha-rốt
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:03
Ê-lê-a-sa
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR07:01
Ezra 10:26
Thông tin chung:
E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.
Ê-lam ... Xát-tu ... Ba-ni
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong EZR02:07
Giê-hi-ên
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:08
Ê-li-ô-ê-nai
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:20
Ê-li-a-síp ... Giê-hô-ha-nan
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong EZR10:05
Bê-bai
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:11
Giê-hô-ha-nan
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:05
Mê-su-lam
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:15
Ezra 10:30
Thông tin chung:
E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.
Pha-hát Mô-áp
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:04
Bê-na-gia ... Sê-ma-gia
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong EZR10:23
Ma-a-sê-gia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:18
Mát-ta-nia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:26

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bin-nui
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:33
Ha-rim
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:31
Ê-li-ê-xe
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:15
Manh-ki-gia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:23
Ma-lúc
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:26
Ezra 10:33
Thông tin chung:
E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.
Ha-sum
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:19
Xa-bát
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:26
Ê-li-phê-lết
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:12
Ma-na-se
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:30
Si-mê-i ... Bê-na-gia
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong EZR10:23
Ba-ni
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:07
Mê-rê-mốt
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:33
Ê-li-a-síp
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:05
Ezra 10:37
Thông tin chung:
E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.
Mát-ta-nia ... A-đa-gia
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong EZR10:26
Mát-ta-nia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:33
Bin-nui
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:33
Si-mê-i
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:23
Ezra 10:41
Thông tin chung:
E-xơ-ra kết thúc phần danh sách liệt kê những người nam Do Thái đã cưới những người nữ ngoại bang.
Sê-lê-mia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:37
Sê-ma-ria
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:30
Sa-lum
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:40
A-ma-ria
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR07:01
Nê-bô
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR02:27
Giê-i-ên
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR08:12
Xa-bát
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:26
Y-đô
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR05:01
Bê-na-gia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EZR10:23
Tất cả những người ấy
E-xơ-ra đang nói đến tất cả những cái tên trong danh sách liệt kê bắt đầu từ EZR10:20

Translation Questions

Ezra 10:1
E-xơ-ra đã làm gì khi ông cầu nguyện và xưng tội?
Trong lúc E-xơ-ra cầu nguyện như vậy, vừa khóc vừa xưng tội và sấp mình xuống
trước đền của Đức Chúa Trời.
Ezra 10:3
Sê-ca-nia cho rằng dân Y-sơ-ra-ên nên lập giao ước gì?
Ông cho rằng họ nên lập giao ước với Đức Chúa Trời của họ mà đuổi hết thảy những người nữ ngoại bang cùng các con cái của họ đi.
Ezra 10:6
Tại sao E-xơ-ra không ăn bánh và cũng không uống nước?
E-xơ-ra không ăn bánh và cũng không uống nước bởi vì người lấy làm buồn thảm vì cớ tội lỗi của dân đã bị bắt làm phu tù được trở về.
Ezra 10:8
Chuyện gì đã xảy ra cho những kẻ không đến trong ba ngày như chỉ dẫn của các quan trưởng và các trưởng lão?
Những kẻ không đến trong ba ngày như chỉ dẫn của các quan trưởng và các trưởng lão tài sản người ấy sẽ bị tịch thu, và chính người ấy bị khai trừ khỏi hội chúng của
những người lưu đày hồi hương.
Ezra 10:9
Tại sao tất cả những người đứng trước đền thờ Đức Chúa Trời đều run sợ?
Tất cả những người đứng trước đền thờ Đức Chúa Trời đều run sợ bởi vì những lời đã truyền ra và vì trời mưa.
Ezra 10:13
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên lại muốn có thêm thời gian để đuổi những người nữ ngoại bang đi?
Họ muốn có thêm thời gian bởi vì họ có rất nhiều người và vì đang là mùa mưa. Họ không có sức để đứng ngoài trời.
Có rất nhiều người trong họ đã vi phạm điều nầy.
Ezra 10:17
Trước thời gian nào thì các nhà lãnh đạo đã hoàn tất việc điều tra những người đã cưới vợ ngoại đạo?
Trước ngày mồng một tháng giêng, họ đã hoàn tất việc điều tra những người đã cưới vợ ngoại đạo.
Ezra 10:19
Những người phạm tội đó đã dâng gì?
Những người phạm tội đó đã dâng một con chiên đực trong bầy cho tội lỗi của mình.

Chapter 1

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nehemiah 1:1

Nê-hê-mi ... Ha-ca-lia ... Ha-na-ni

Đây đều là tên của nam.

vào tháng Kít-lêu

"Kít-lêu" là tháng thứ chín theo lịch của người Hê-bơ-rơ, nhằm vào khoảng cuối tháng Mười Một đầu tháng Mười Hai theo lịch phương Tây.

vào năm thứ hai mươi

"vào năm thứ hai mươi trong thời trị vì của Ạt-ta-xét-xe, vua nước Ba Tư"

thành Su-sơ

Đây là cung thành của vua Ba Tư, nằm ở nước Ê-lam, cách xa Giu-đa. Đó là một thành lớn có tường thành bao quanh.

một người trong anh em tôi

"một người trong những người anh em Do Thái đồng hương của tôi"

những người Do Thái đã trốn thoát

"những người Do Thái đã trở về Giê-ru-sa-lem từ tình trạng bị giam giữ"

những người Do Thái còn sót lại

"những người Do Thái đã thoát khỏi tình trạng bị giam giữ của người Ba-by-lôn"

Nehemiah 1:3

Họ nói với tôi

Ở đây, "họ" chỉ về Ha-na-ni và những người khác đã đến Giu-đa. (Xem NEH01:01

tỉnh

Đây là một vùng do vua hoặc một người nắm quyền lớn hơn kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "Giu-đa" hoặc "xứ Giu-đa"

cảnh lưu đày

Cụm từ nầy chỉ về cảnh lưu đày của người Ba-by-lôn.

tủi nhục

"ô nhục" hoặc "bị kẻ thù sỉ nhục" "

Nehemiah 1:4

Đức Chúa Trời vĩ đại

"Đức Chúa Trời đầy quyền lực" hoặc "Đức Chúa Trời đầy quyền năng"

Đấng giữ

"Đấng giữ gìn" hoặc "Đấng làm theo" hoặc "Đấng bảo vệ". Đức Chúa Trời không từ bỏ lời hứa của Ngài với dân Y-sơ-ra-ên.

Nehemiah 1:6

Xin hãy lắng nghe lời cầu nguyện của con và mở mắt của Ngài

"Xin hãy lắng tai và nhìn xem"

Xin hãy lắng nghe

Tham khảo cách dịch: "Xin Ngài hãy chú ý đến" hoặc "xin hãy lắng nghe"

mở mắt Ngài

Nê-hê-mi đang thưa chuyện cùng Đức Chúa Trời như thể Ngài có những thuộc tính của con người. Tham khảo cách dịch: "nhìn xem và đáp lời" hoặc "nhìn xem việc đang xảy ra"

để Ngài có thể nghe thấy lời cầu nguyện của đầy tớ Ngài

Từ "đầy tớ" ở đây chỉ về Nê-hê-mi. Đây là cách một người nói về người cao trọng, lớn hơn mình. Dùng cách nầy để nói về một người nào đó nhằm bày tỏ sự khiêm nhường và tôn trọng đối với người đó.

ngày đêm

Cụm từ nầy dùng hai thái cực thời gian khác nhau để nói về toàn bộ thời gian. Tham khảo cách dịch: "không ngừng nghỉ" hoặc "mọi lúc"

xưng các tội

Tham khảo cách dịch: "thừa nhận những tội lỗi"

Chúng con đã hành xử rất gian ác

Tham khảo cách dịch: "Chúng con đã sống một đời sống vô cùng tội lỗi"

Nehemiah 1:8

Thông tin chung:

Nê-hê-mi tiếp tục lời cầu nguyện của mình cùng Đức Chúa Trời và trưng dẫn lời hứa mà Đức Chúa Trời đã từng hứa với Môi-se từ rất lâu về trước.

Xin hãy nhớ đến

Tham khảo cách dịch: "Xin hãy nhớ lại"

lời Chúa đã phán dạy Môi-se là đầy tớ của Chúa

Đại từ "Chúa" và "của Chúa" chỉ về Đức Chúa Trời.

Nếu các con... làm cho các con bị tản lạc... nhưng nếu các con trở lại

Đại từ "các con" chỉ về dân sự của Đức Chúa Trời.

Ta sẽ làm cho các con bị tản lạc

"Ta sẽ làm tản lạc các con" hoặc "Ta sẽ chia rẽ các con"

trở lại cùng Ta

"quay trở lại cùng Ta" hoặc "trở lại với Ta" hoặc "lại trung tín với Ta"

đến nơi đó

"đến đất Y-sơ-ra-ên"

nơi Ta đã chọn để danh Ta ngự tại đó

Tham khảo cách dịch: "nơi Ta quyết định để danh Ta ngự tại đó" hoặc "nơi Ta khiến mọi dân biết đến Ta" hoặc "nơi Ta tỏ cho thế gian biết đến Ta"

Nehemiah 1:10

Thông tin chung:

Nê-hê-mi tiếp tục lời cầu nguyện của mình cùng Đức Chúa Trời.

Hiện họ là đầy tớ của Ngài

Từ "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, và từ "của Ngài" chỉ về chính Đức Chúa Trời.

Hiện

Từ nầy được dùng ở đây để chuyển từ những lời mà Đức Chúa Trời phán với Môi-se sang những lời mà Nê-hê-mi thưa cùng Đức Chúa Trời.

cánh tay mạnh mẽ của Ngài

Nê-hê-mi gán những đặc điểm của con người cho Đức Chúa Trời. "Tay" ở đây tượng trưng cho sức mạnh, quyền năng hoặc quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "sức mạnh rất lớn của Ngài"

lời cầu nguyện của đầy tớ Ngài

Từ "đầy tớ" chỉ về Nê-hê-mi. Đây là cách một người nói chuyện với một người lớn hơn, cao trọng hơn mình. Dùng cách nầy để nói về mình là một cách bày tỏ sự khiêm nhường và tôn trọng.

các đầy tớ Ngài là những người vui lòng

Tham khảo cách dịch: "các đầy tớ Ngài là những người vui mừng" hoặc "các đầy tớ Ngài là những người sẵn lòng"

kính sợ danh Ngài

"tôn kính danh Ngài" hoặc "tôn cao danh Ngài"

ban cho người

Nê-hê-mi đang tự nói về mình ở ngôi thứ ba để bày tỏ sự khiêm nhường hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trước mặt người nầy
"người nầy" chỉ về Ạt-ta-xét-xe, vua xứ Ba Tư.

Translation Questions

Nehemiah 1:1
Ai viết sách Nê-hê-mi?
Nê-hê-mi con trai Ha-ca-lia đã viết sách Nê-hê-mi.
Khi nào thì Nê-hê-mi hỏi thăm Ha-na-ni và vài người từ Giu-da đến về những người Do Thái đã trốn thoát, tức là những người Do Thái còn sót lại tại đó và về Giê-ru-sa-lem?
Ông đã hỏi họ vào tháng Kít-lêu, năm thứ hai mươi.
Nehemiah 1:2
Khi nào thì Nê-hê-mi hỏi thăm Ha-na-ni và vài người từ Giu-da đến về những người Do Thái đã trốn thoát, tức là những người Do Thái còn sót lại tại đó và về Giê-ru-sa-lem?
Ông đã hỏi họ vào tháng Kít-lêu, năm thứ hai mươi.
Nehemiah 1:3
Ha-na-ni và một vài người từ Giu-đa đã trả lời ra sao?
Họ đã trả lời rằng những người còn sống sót sau lưu đày ở lại trong tỉnh bị hoạn nạn và tủi nhục lắm vì tường thành Giê-ru-sa-lem và các cửa thành đã bị lửa đốt cháy và đổ nát.
Nehemiah 1:4
Nê-hê-mi đã làm gì khi ông nghe nói về tình trạng hiện tại của Giê-ru-sa-lem?
Ông ngồi than khóc, và ông cứ đau buồn, kiêng ăn và cầu nguyện trong suốt mấy ngày liền.
Nê-hê-mi đã khẩn xin điều gì khi ông cầu nguyện trước Đức Chúa Trời của các tầng trời?
Ông đã cầu xin Đức Giê-hô-va nghe lời cầu nguyện của ông; xin Đức Giê-hô-va nhớ lại những lời Chúa đã phán dạy Môi-se, phán hứa sẽ tập hợp những người Y-sơ-ra-ên bị tản lạc lại nếu như họ quay trở lại đi theo Ngài và vâng giữ các mạng lệnh của Ngài, và xin Đức Giê-hô-va cho ông được thành công và thương xót ông.
Nehemiah 1:6
Nê-hê-mi đã xưng nhận những gì khi ông cầu nguyện trước Đức Chúa Trời của các tầng trời?
Nê-hê-mi xưng nhận những tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên cũng như tội lỗi của chính ông và tội lỗi của gia đình ông. Nê-hê-mi thừa nhận họ đã ăn ở gian ác chống nghịch Đức Giê-hô-va và không vâng giữ điều răn, các quy định và luật lệ của Chúa đã phán dạy Môi-se.
Nehemiah 1:7
Nê-hê-mi đã xưng nhận những gì khi ông cầu nguyện trước Đức Chúa Trời của các tầng trời?
Nê-hê-mi xưng nhận những tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên cũng như tội lỗi của chính ông và tội lỗi của gia đình ông. Nê-hê-mi thừa nhận họ đã ăn ở gian ác chống nghịch Đức Giê-hô-va và không vâng giữ điều răn, các quy định và luật lệ của Chúa đã phán dạy Môi-se.
Nehemiah 1:11
Nê-hê-mi làm quan dâng rượu cho ai?
Nê-hê-mi làm quan dâng rượu cho vua.

Chapter 2
Nehemiah 2:1
Vào tháng Ni-san
"Ni-san" là tên gọi của tháng đầu tiên theo lịch của người Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối tháng Ba, đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.
vào năm thứ hai mươi
"vào năm thứ 20"
Nhưng vua
"Nên vua"
Sao vẻ mặt ngươi buồn rầu quá vậy?
Vẻ mặt thể hiện cảm xúc của một người, vậy nên câu nầy cũng có thể nói: "Sao người buồn rầu quá vậy?"
Hình như người không bị bệnh
"Nhìn người không có vẻ như đang bị bệnh"
Hẳn đây phải là điều buồn bã trong lòng
Tấm lòng là trung tâm của mọi cảm xúc. Tham khảo cách dịch: "Hẳn ngươi đang rất buồn rầu"
Lúc đó tôi rất sợ hãi
Lúc Nê-hê-mi chuẩn bị trả lời vua thì ông không biết vua sẽ phản ứng ra sao.
Nehemiah 2:3
Nguyện chúc vua sống đời đời!
"Bệ hạ vạn tuế!" hoặc "Nguyện vua vạn tuế!". Nê-hê-mi đang tỏ lòng kính trọng vua Ạt-ta-xét-xe.
Làm sao vẻ mặt tôi không buồn cho được?
Tham khảo cách dịch: "Tôi có lí do chính đáng để buồn"
nơi có mồ mả của tổ phụ tôi
Tham khảo cách dịch: "nơi của tổ phụ tôi"
nằm trong đống đổ nát
"bị phá hủy"
Nehemiah 2:4
tôi trả lời vua
"rồi tôi tâu với vua"
Nếu vua thấy điều đó là tốt lành, và nếu kẻ tôi tớ vua được ơn trước mặt vua
Nê-hê-mi đang tự nói về mình ở ngôi thứ ba để bày tỏ sự khiêm nhường hạ mình trước mặt vua. Tham khảo cách dịch: "Nếu điều đó vừa ý vua, và nếu tôi được ơn trước mặt vua"
thành có mồ mả của tổ phụ tôi
Tham khảo cách dịch: "thành của tổ phụ tôi"
Nehemiah 2:7
xin vua trao cho tôi các văn thư
Câu nầy đang diễn tả một người đầy tớ thưa chuyện cùng vua. Những văn thư sẽ chứng tỏ rằng Nê-hê-mi có được sự cho phép của nhà vua.
các quan tổng đốc
Đây là những người cầm quyền cai trị trong chính phủ của nước Ba Tư. Ba Tư cai trị toàn bộ những vùng lãnh thổ trải dài từ Ba Tư cho đến Ai Cập, bao gồm cả Giu-đa.
bên kia sông
"bên kia sông Ơ-phơ-rát". Đây là con sống lớn nhất ở vùng Cận Đông.
thành cạnh đền thờ
"thành thuộc về đền thờ"
tay nhơn lành của Đức Chúa Trời ở trên tôi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ nầy truyền đạt sự hướng dẫn và sự giú đỡ của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "Ơn lành của Đức Chúa Trời ở trên tôi"

Nehemiah 2:9

bên kia sông

"bên kia sông Ơ-phơ-rát"

San-ba-lát, người Hô-rôn

San-ba-lát tên của một người nam, và người Hô-rôn là một nhóm dân.

Tô-bi-gia, kẻ tôi tớ người Am-môn

Người nầy có lẽ là một người nô lệ đã được trả tự do và hiện giờ đang là một viên quan tại Am-môn.

Nehemiah 2:11

điều gì Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng tôi để thực hiện cho Giê-ru-sa-lem

"điều gì Đức Chúa Trời đã bảo tôi phải làm tại Giê-ru-sa-lem" hoặc "điều gì Đức Chúa Trời tôi đã thúc giục tôi phải làm cho Giê-ru-sa-lem"

Chẳng có con vật nào khác ở với tôi

"Chẳng có loài vật nào ở với tôi"

Nehemiah 2:13

Thông tin chung:

Một vài người đi cùng Nê-hê-mi trong lần đi tuần nầy, nhưng ông lại xưng ở ngôi thứ nhất bởi vì ông là người chính.

Ban đêm tôi rời thành qua cổng Thung Lũng hướng về phía giếng Chó Rừng, và đến cổng Phân

"Ban đêm, tôi đi qua cổng Thung Lũng, hướng về phía giếng Chó Rừng và cổng Phân"

Cổng Thung Lũng

Cổng nầy nằm ở phía Tây hoặc Tây Nam của Giê-ru-sa-lem.

Chó Rừng

"chó hoang"

Cổng Phân

Có vẻ, những đồ thừa hoặc rác rưởi được vứt khỏi thành phố qua cổng nầy.

Nehemiah 2:15

Vì thế tôi đi lên

Những người nam khác ở với Nê-hê-mi cùng đi theo ông.

Các quan chức không biết

Các quan chức ở đây là những người cầm quyền đứng đầu hoặc những người lãnh đạo.

những người khác làm công việc xây dựng

Tham khảo cách dịch: "những người sau này sẽ làm công việc xây dựng lại các tường thành"

Nehemiah 2:17

Anh em thấy hoàn cảnh bi đát

Ở đây, "anh em" ở dạng số nhiều, chỉ về hết thảy những người được nói đến trong NEH02:15

để chúng ta sẽ không còn bị sỉ nhục nữa

"để chúng ta sẽ chấm dứt sự sỉ nhục nầy"

Tôi thuật cho họ

"Kế đến, tôi nói với họ"

tay nhơn lành của Đức Chúa Trời tôi ở trên tôi

Ở đây, "tay nhơn lành" là hoán dụ chỉ về sự hiện diện của Đức Chúa Trời hoặc năng quyền của Ngài. Tham khảo cách dịch: "sự giúp đỡ đầy uy quyền của Đức Chúa Trời ở trên tôi" hoặc "Đức Chúa Trời ở cùng tôi"

Chúng ta hãy đứng lên mà xây dựng

Cụm từ "đứng lên và xây dựng" là một cách nói. Tham khảo cách dịch: "Chúng ta hãy bắt đầu xây dựng"

Vậy họ mạnh dạn bắt tay vào công việc tốt đẹp nầy

"Vậy họ sẵn sàng làm việc" hoặc "vậy họ cổ vũ mình làm công việc tốt đẹp nầy"

Nehemiah 2:19

San-ba-lát ... Tô-bi-gia ... và Ghê-sem

Đây đều là tên của những người nam chống đối những nổ lực xây dựng lại tường và cổng thành. Xem NEH02:09

San-ba-lát, người Hô-rôn

Người Hô-rôn là một nhóm dân.

Các ngươi đang phản nghịch lại vua sao?

Từ vua chỉ về Ạt-ta-xét-xe, vua Ba Tư.

Chúng tôi là đầy tớ Ngài và chúng tôi sẽ đứng dậy mà xây dựng lại

"Chúng tôi là đầy tớ Ngài sẽ khởi công xây dựng lại"

Nhưng các ông thì không có phần, không có quyền và cũng không lưu dấu gì ở Giê-ru-sa-lem cả

"Nhưng các ông thì không có phần hoặc có quyền hay bất cứ đòi hỏi nào mang tính tôn giáo ở Giê-ru-sa-lem cả"

Translation Questions

Nehemiah 2:1

Đương lúc ông đang buồn rầu, Nê-hê-mi đã dâng rượu cho vua vào ngày nào?

Ông đã dâng rượu cho vua vào tháng Ni-san, năm thứ hai mươi đời vua Ạt-ta-xét-xe.

Nehemiah 2:3

Tại sao Nê-hê-mi buồn rầu?

Ông buồn rầu bởi vì thành Giê-ru-sa-lem đã bị tàn phá và các cổng thành đều bị phá hủy.

Nehemiah 2:4

Khi vua hỏi Nê-hê-mi muốn vua làm gì thì Nê-hê-mi đã làm gì?

Nê-hê-mi cầu nguyện với Đức Chúa Trời của các tầng trời.

Nê-hê-mi muốn vua cho phép ông làm gì?

Nê-hê-mi muốn vua cho phép mình đi đến Giu-đa để xây sửa lại thành.

Nehemiah 2:5

Nê-hê-mi muốn vua cho phép ông làm gì?

Nê-hê-mi muốn vua cho phép mình đi đến Giu-đa để xây sửa lại thành.

Nehemiah 2:9

Khi vua sai Nê-hê-mi đi cùng với các quan chỉ huy quân đội và kỵ binh, tại sao San-ba-lát và Tô-bi-gia lại khó chịu?

Họ khó chịu vì có người đến để tìm cách giúp dân Y-sơ-ra-ên.

Nehemiah 2:10

Khi vua sai Nê-hê-mi đi cùng với các quan chỉ huy quân đội và kỵ binh, tại sao San-ba-lát và Tô-bi-gia lại khó chịu?

Họ khó chịu vì có người đến để tìm cách giúp dân Y-sơ-ra-ên.

Nehemiah 2:12

Khi Nê-hê-mi trỗi dậy lúc ban đêm, ông đã cho ai biết về những việc Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng ông để thực hiện cho Giê-ru-sa-lem?

Nê-hê-mi không cho ai hay biết điều gì Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng ông để thực hiện cho Giê-ru-sa-lem.

Nehemiah 2:17

Khi Nê-hê-mi nói với các quan trưởng, người Do Thái, các thầy tế lễ,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những người quyền quý, và những người thợ còn lại về những việc rằng tay tốt lành của Đức Chúa Trời ông ở trên ông và về những lời vua đã nói với ông, thì họ đã nói gì và làm gì?
Họ đã nói rằng họ sẽ khởi công xây dựng, họ mạnh dạn bắt tay vào làm công việc tốt đẹp nầy.
Nehemiah 2:18
Khi Nê-hê-mi nói với các quan trưởng, người Do Thái, các thầy tế lễ, những người quyền quý, và những người thợ còn lại về những việc rằng tay tốt lành của Đức Chúa Trời ông ở trên ông và về những lời vua đã nói với ông, thì họ đã nói gì và làm gì?
Họ đã nói rằng họ sẽ khởi công xây dựng, họ mạnh dạn bắt tay vào làm công việc tốt đẹp nầy.
Nehemiah 2:19
Nê-hê-mi đã phản ứng ra sao trước San-ba-lát, Tô-bi-gia, và Ghê-sem khi Họ có nghe nói về việc đó thì chế giễu và cười nhạo những người thợ làm việc?
Nê-hê-mi đáp lại bằng cách khẳng định rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ thành công, rằng họ là đầy tớ của Đức Chúa Trời, và rằng San-ba-lát, Tô-bi-gia, và Ghê-sem không có phần, cũng không có quyền, cũng không có dấu xác nhận lịch sử gì tại Giê-ru-sa-lem.
Nehemiah 2:20
Nê-hê-mi đã phản ứng ra sao trước San-ba-lát, Tô-bi-gia, và Ghê-sem khi Họ có nghe nói về việc đó thì chế giễu và cười nhạo những người thợ làm việc?
Nê-hê-mi đáp lại bằng cách khẳng định rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ thành công, rằng họ là đầy tớ của Đức Chúa Trời, và rằng San-ba-lát, Tô-bi-gia, và Ghê-sem không có phần, cũng không có quyền, cũng không có dấu xác nhận lịch sử gì tại Giê-ru-sa-lem.

Chapter 3
Nehemiah 3:1
Đoạn, thầy tế lễ thượng phẩm Ê-li-a-síp đứng dậy
"Đoạn, thầy tế lễ thượng phẩm Ê-li-a-síp đi đến"
cùng với những thầy tế lễ anh em mình
"cùng với các anh em mình là những thầy tế lễ"
Nehemiah 3:3
Hát-sê-na ... Mê-rê-mốt ... U-ri ... Ha-cốt ... Mê-su-lam ... Bê-rê-kia ... Mê-sê-xa-lê-ên ... Xa-đốc ... Ba-a-na
Đây đều là tên của những người nam sẽ xây dựng lại tường thành Giê-ru-sa-lem.
tra cửa vào
"lắp đặt của vào" hoặc "gán các cánh cửa vào"
chốt và then cài của nó
"bộ khóa của nó" hoặc "khóa của nó"
người Tê-cô-a
Đây là những công nhân đến từ thành Tê-cô-a.
những lãnh đạo của họ thì không chịu làm công việc mà các đốc công của mình đã ra lệnh
Có thể xem từ được dịch thành "những người đốc công" trong tiếng Hê-bơ-rơ là một cách nhắc đến Chúa là Đức Chúa Trời của họ. Tham khảo cách dịch: "những người quyền quý của họ không chịu phục vụ Chúa mình"
Nehemiah 3:6
Giô-gia-đa ... Pha-sê-a và Mê-su-lam ... Bê-sô-đia ... Mê-la-tia ... Gia-đôn
Đây đều là tên của nam.
tra các cửa của nó
"lắp đặt các cửa của nó" hoặc "lắp các cửa của nó vào"
chốt của nó... then của nó
"bộ khóa của nó" hoặc "các khóa của nó"
Mê-la-tia người Ghi-bê-ôn ... Gia-đôn người Mê-rô-nốt
Người Ghi-bê-ôn và người Mê-rô-nốt là những người nhóm dân.
Ghi-bê-ôn và Mích-pa
Đây là tên của các địa điểm.
địa hạt ở bên kia sông
"địa hạt gần sông Ơ-phơ-rát" hoặc "vùng phụ cận tại sông Ơ-phơ-rát"
Nehemiah 3:8
U-xi-ên ... Hạt-ha-gia ... Ha-na-nia ... Rê-pha-gia ... Hu-rơ ... Giê-đa-gia ... Ha-ru-máp ... Hát-túc ... Ha-sáp-nia
Đây đều là tên của nam.
thợ kim hoàn
Thợ kim hoàn là người làm ra những đồ trang sức bằng vàng và những vật bằng vàng khác
nước hoa
loại chất lòng mà người ta lấy một lượng nhỏ để xức lên người nhằm tạo ra mùi dễ chịu.
Ông là người cai trị
"Ông là người nắm quyền chủ yếu" hoặc "Ông là người đứng đầu"
Nehemiah 3:11
Manh-ki-gia ... Ha-rim ... Ha-súp ... Pha-hát Mô-áp ... Sa-lum ... Ha-lô-he
Đây đều là tên của nam
sửa chữa một phần khác
"sửa chữa một phần tường thành khác"
cái tháp Lò
Có lẽ phần tường thành có những cái lò dùng để nấu ăn và nướng bánh.
Kế họ
Cụm từ nầy chỉ những người đang sửa chửa ở phần tường thành kế đó.
người cai trị phân nửa kia của quận Giê-ru-sa-lem
"người cai trị" là người nắm quyền chủ yếu hoặc người đứng đầu.
cùng với các con gái của ông
Các con trai cũng như các con gái đều tham gia và công việc sửa chữa tường thành nầy.
Nehemiah 3:13
Ha-nun
Đây là tên của một người nam.
Xa-nô-a
Đây là tên của một địa danh.
Cổng Thung Lũng
"cổng của thung lũng" hoặc "cổng dẫn ra thung lũng". Hãy thử dịch cách diễn đạt nầy thành một cách tên, chứ không phải là một câu mô tả.
tra các cửa của nó
"lắp đặt các cửa của nó" hoặc "lắp các cửa của nó vào"
chốt và then của nó
"bộ khóa cửa của nó" hoặc "các ổ khóa của nó""
Họ đã sửa được một nghìn cu-bít
"Họ đã sửa được một đoạn tường thành khác dài một nghìn cu-bít ở phía ngoài cổng Thung Lũng"
một nghìn cu-bít

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một cu-bít bằng 46 cm. Tham khảo cách dịch: "1.000 cu-bít" hoặc "460 mét"
Cổng Phân
Có thể đây là nơi người ta vứt rác ra ngoài thành. Hãy dịch cách diễn đạt nầy như một cái tên chứ không chỉ là một câu mô tả.
Nehemiah 3:14
Manh-ki-gia ... Rê-cáp
Đây đều là tên của nam.
Bết Hát-kê-rem
Đây là tên của một địa danh.
ông ... tra các cửa của nó
"ông lắp các cánh cửa của nó vào" hoặc "ông tra các cánh cửa của nó vào"
chốt và then của nó
"bộ khóa cửa của nó" hoặc "các ổ khóa của nó""
Sa-lun ... Côn Hô-xê
Đây đều là tên của nam.
quận Mích-pa
Mích-pa là một thành nằm về phía Tây Bắc của Giê-ru-sa-lem.
cổng Suối Nước
"cánh cổng dẫn đến chỗ suối nước"
tường thành của ao Si-lô-ê
"tường thành bao quanh ao Si-lô-ê"
vườn thượng uyển
một nơi được biết đến nằm dọc theo bức tường thành, có một thời, tường thành bao bọc lấy cả vườn thượng uyển nầy.
Nehemiah 3:16
Nê-hê-mi
Nê-hê-mi nầy khác với Nê-hê-mi là tác giả của sách nầy.
người cai trị
"người nắm quyền cai trị chính yếu" hoặc "người đứng đầu"
Nê-hê-mi ... A-búc ... Đa-vít ... Rê-hum ... Ba-ni ... Ha-sa-bia
Đây đều là tên của nam.
Bết Xu-rơ ... Kê-i-la
Đây là tên của các địa điểm.
sửa chửa nơi
"sửa chữa đoạn tường thành cho đến chỗ"
các lăng tẩm của Đa-vít
"các lăng tẩm của hoàng tộc Đa-vít"
nhà của các dũng sĩ
Có thể đây là những trại quân nơi Đa-vít cho những quân sĩ tinh nhuệ nhất của mình ở.
các dũng sĩ
"các chiến sĩ"
Kế ông
"Ngay sau ông" hoặc "Trong khung vực kế tiếp"
người Lê-vi sửa chữa, có cả Rê-hum
"những người Lê-vi sửa chữa tường thành. Trong vòng họ có Rê-hum"
về phần quận của mình
"đại diện cho quận của mình" hoặc "thay mặt cho quận của mình"
Nehemiah 3:18
Sau ông có các anh em đồng hương khác sửa chữa
Phần thông tin ngầm hiểu ở đây là tường thành đang được sửa chữa. Tham khảo cách dịch: "Trên phần tường thành kế tiếp, các anh em của họ đang làm công việc sửa chữa"
Ba-va-i ... Hê-na-đát ... Ê-xe ... Giê-sua
Đây đều là tên của nam.
Ba-va-i con trai Hê-na-đát, người cai trị nửa quận Kê-i-la
Ba-va-i là người đứng đầu một nửa quân Kê-i-la, không phải Hê-na-đát.
quận
"khu vực thuộc chính phủ" hoặc "vùng thuộc chính phủ"
Kê-i-la ... Mích-pa
Đây là tên của các khu vực hoặc vùng đất.
Ê-xe ... con trai Giê-sua, người cai trị Mích-pa
Ê-xe là mới người cai trị Mích-pa, chứ không phải Giê-sua
dốc đi lên kho vũ khí
"bậc thang dẫn đi lên kho vũ khí" (UDB)
kho vũ khí
nơi cất giữ vũ khí
Nehemiah 3:20
Ba-rúc ... Xáp-bai ... Ê-li-a-síp ... Mê-rê-mốt ... U-ri ... Ha-cốt
Đây đều là tên của những người nam .
Nehemiah 3:22
các thầy tế lễ ... sửa chữa
Phần thông tin ngầm hiểu ở đây là tường thành đang được sửa chữa. AT: "các thầy tế lễ sang sửa lại tường thành"
Bên-gia-min và Ha-súp sửa chữa
Hãy xem phần ghi chú về thông tin ngầm hiểu phía trên. Tham khảo cách dịch: "Bên-gia-min và Ha-súp sang sửa lại tường thành"
Bên-gia-min ... Ha-súp ... A-xa-ria ... Ma-a-xê-gia ... A-na-nia ... Bin-nui ... Hê-na-đát ... A-xa-ria
Đây đều là tên của những người nam .
Nehemiah 3:25
Pha-lanh ... sửa chữa
Phần thông tin ngầm hiểu ở đây là tường thành đang được sửa chữa. AT: "Pha-lanh ... sang sửa lại tường thành"
Pha-lanh ... U-xai ... Phê-đa-gia ... Pha-rốt
Đây đều là tên của những người nam .
tháp cao nhô lên
"tháp nhô cao lên"
cung vua
"cung điện của các người đứng đầu Y-sơ-ra-ên"
sâm của vệ binh
Đây là nơi các vệ binh ở.
Ô-phên
Đây là tên của một khu vực hoặc một vùng.
Cổng Nước
Đây là tên của lối vào ở trên tường thành.
người Tê-cô-a
Đây là tên của những người đến từ thành Tê-cô-a. (Xem: [[rc://vi/obe/other/peoplegroup]])
Nehemiah 3:28
cổng Ngựa
Đây là tên của lối vào ở trên tường thành.
Xa-đốc ... Y-mê ... Sê-ma-gia ... Sê-ca-nia ... Ha-na-nia ... Sê-lê-mia ... Ha-nun ... Xa-láp ... Mê-su-lam ... Bê-rê-kia
Đây đều là tên của những người nam .
Sê-ma-gia con trai Sê-ca-nia, người giữ cổng Đông
Sê-ma-gia mới là người giữ cổng Đông, chứ không phải Sê-ca-nia

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người giữ cổng Đông
"người coi sóc cổng Đông" hoặc "người đóng mở cổng Đông"
cổng Đông
Đây là tên của lối vào ở trên tường thành.
phòng sinh hoạt của mình
"những căn phòng mà Mê-su-lam ở"
Nehemiah 3:31
Manh-ki-gia
Đây là tên của một người nam
thợ kim hoàn
"người gia công và chế tạo những vật bằng vàng"
các thương gia
"những người bán hàng" hoặc "những người buôn bán"
cổng Tập Trung
Đây là tên của một lối vào nằm ở trên tường thành.
các phòng cao
"các phòng ở trên cao"
Cổng Chiên
Đây là tên của một lối vào nằm ở trên tường thành.

Translation Questions

Nehemiah 3:1
Ai đã xây cất cổng Chiên và biệt ra thánh?
Ê-li-a-síp cùng với các anh em mình là những thầy tế lễ khởi công xây cất cổng Chiên.
Nehemiah 3:3
Ai đã xây dựng cổng Cá?
Con cháu của Hát-sê-na xây dựng cổng Cá.
Nehemiah 3:5
Những nhà lãnh đạo của dân nào không chịu làm công việc mà các đốc công yêu cầu?
Những nhà lãnh đạo của dân Tê-cô-a không chịu làm công việc đó.
Nehemiah 3:6
Ai đã xây sửa lại cổng Cũ?
Giô-gia-đa và Mê-su-lam đã xây sửa lại cổng Cũ.
Nehemiah 3:8
Ai đã xây sửa lại cổng Giê-ru-sa-lem cho đến vách Rộng?
U-xi-ên và Ha-na-nia đã xây sửa lại phần đó của Giê-ru-sa-lem.
Nehemiah 3:11
Ai đã xây sửa lại một phần khác và cái tháp Lò?
Manh-ki-gia con trai Ha-rim và Ha-súp đã xây sửa lại một phần khác và cái tháp Lò.
Nehemiah 3:12
Ai đã giúp đỡ Sa-lum sửa chữa tường thành?
Các con gái của ông đã phụ giúp ông.
Nehemiah 3:13
Ai đã xây sửa lại cổng Thung Lũng cho đến cổng Phân?
Ha-nun và dân cư ở Xa-nô-a đã xây sửa lại cổng Thung Lũng cho đến cổng Phân.
Nehemiah 3:14
Ai đã xây sửa lại cổng Phân?
Manh-ki-gia con trai Rê-cáp đã xây sửa lại cổng Phân.
Nehemiah 3:15
Ai đã xây sửa lại cổng Suối và vách ngăn quanh ao Si-lô-ê?
Sa-lun đã xây sửa lại cổng Suối và vách ngăn quanh ao Si-lô-ê.
Nehemiah 3:16
Ai đã xây sửa lại chỗ đối diện các lăng tẩm Đa-vít cho đến nhà của các dũng sĩ?
Nê-hê-mi, con trai của A-búc, đã xây sửa lại phần đó.
Nehemiah 3:20
Ai đã hăng hái sửa chữa một phần khác từ góc thành cho đến cửa vào nhà Ê-li-a-síp, thầy tế lễ thượng phẩm?
Ba-rúc đã hăng hái sửa chữa phần đó.
Nehemiah 3:23
Bên-gia-min và Ha-súp đã sửa chữa phần nào của tường thành?
Họ sửa chữa phần đối diện nhà mình.
Nehemiah 3:28
Ai đã sữa chữa phần phía trên cổng Ngựa?
Các thầy tế lễ đã sửa chữa phần đó, mỗi người sửa phần đối diện nhà của mình.
Nehemiah 3:32
Ai đã xây sửa sửa phần giữa nơi góc thành và cửa Chiên?
Những thợ kim hoàn và các thương gia đã sửa chữa phần đó.

Chapter 4

Nehemiah 4:1
Lúc bấy giờ, khi San-ba-lát
Ở đây, Nê-hê-mi dùng từ "lúc bấy giờ" để đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.
điều đó khiến ông nổi giận và ông bực tức điên tiết lắm
Ở đây, "điều đó" chỉ về nhận thức của San-ba-lát về việc dân Do Thái đang xây dựng lại tường thành. Tham khảo cách dịch: "ý nghĩ đó khiến ông nổi giận và ông giận sôi người"
Trước mặt anh em mình
"Trước mặt những người bà con của mình" hoặc "Trước mặt gia tộc của mình"
Bọn Do Thái yếu đuối ấy đang làm gì đây? Chúng sẽ xây lại tường thành… Chúng sẽ dâng tế lễ… Chúng sẽ hoàn thành công việc xây dựng đó… Chúng sẽ khiến đá đã cháy thiêu thành đống bụi đất rồi có thể phục hồi thành đá xây được sao?
San-ba-lát đưa ra những câu hỏi nầy không phải để tìm câu trả lời nhưng là để chế nhạo người Do Thái. Tham khảo cách dịch: "Bọn Do Thái yếu đuối đó chẳng thể làm được việc gì. Chúng sẽ chẳng bao giờ khôi phục lại thành đó, dâng tế lễ, hoàn thành công việc xây dựng hay khiến đá đã bị cháy thiêu thành đá xây được."
bọn Do Thái yếu đuối
"bọn Do Thái yếu ớt"
Nehemiah 4:4
Lạy Đức Cha Trời của chúng con! Xin lắng nghe vì chúng con bị khinh dể
Ở đây, Nê-hê-mi đang nói về dân Do Thái. Tham khảo cách dịch: "Lạy Đức Chúa Trời của chúng con! Xin lắng nghe vì kẻ thù của chúng con khinh dể chúng con"
phó chúng bị cướp
Nê-hê-mi xin Đức Giê-hô-va khiến kẻ thù của chúng cướp bóc chúng. Tham khảo cách dịch: "để kẻ thù của chúng cướp bóc chúng"
Xin đổ những lời sỉ nhục của chúng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ "những lời sỉ nhục của chúng" chỉ về những lời nhục mạ của San-ba-lát và Tô-bi-gia.

trong xứ mà chúng bị bắt làm tù binh

"trong xứ bị giam cầm"

Đừng khỏa lấp

"Đừng tha thứ"

chúng đã chọc giận các thợ xây cất

"chúng đã có những lời lẽ xúc phạm đến những người thờ xây"

Vậy chúng tôi xây cất tường thành

"vậy chúng tôi xây dựng lại tường thành"

Nehemiah 4:7

người Ả-rập ... dân Am-môn... dân Ách-đốt

Đây là các nhóm dân.

người Ả-rập

"dân Ả-rập"

một cơn giận kinh khiếp cháy bùng lên trong họ

"họ nổi giận" hoặc "họ rất giận dữ"

Còn chúng tôi thì cầu nguyện với Đức Chúa Trời của chúng tôi và lập người canh gác ngày và đêm để chống lại chúng vì cớ lời đe dọa của chúng

"Tuy nhiên, bởi vì họ mà chúng tôi cầu xin Đức Chúa Trời can thiệt và rồi đặt lính canh gác ngày và đêm để chống lại chúng"

Nehemiah 4:10

Còn quá nhiều đống đổ nát

Đống đổ nát là "đá đã bị thiêu cháy" hoặc "đã đã vỡ" hoặc "đã không dùng được nữa"

Chúng sẽ không biết hoặc không thấy gì cho đến chừng chúng ta đến giữa chúng

"Chúng sẽ không thấy chúng ta cho đến khi chúng ta đã ở ngay bên cạnh chúng"

Nehemiah 4:12

người Do Thái... đến với chúng tôi từ mọi hướng và nài nỉ chúng tôi hàng chục lần

Đây là biện pháp tu từ nói quá để đưa ra một luận điểm. Câu nầy có nghĩa là "người Do Thái kéo đến từ nhiều hướng khác nhau và nài nỉ chúng tôi nhiều lần"

những nơi trống trải

"những nơi yếu điểm"

Hãy nhớ đến Chúa là Đấng vĩ đại và đáng kính sợ

"Hãy nhớ đến Chúa vĩ đại và đáng kính sợ" hoặc "Hãy nhớ đến Chúa, là Đấng vĩ đại và đáng kính sợ"

Hãy chiến đấu vì cớ gia đình anh em

"Hãy chiến đấu vì cớ bà con anh em"

và cả gia đình của anh em

"và cả nhà anh em"

Nehemiah 4:15

và Đức Chúa Trời đã phá hỏng

Tham khảo cách dịch: "và rằng Đức Chúa Trời đã phá hỏng"

số đầy tớ làm việc

Tham khảo cách dịch: "những người trai trẻ của tôi làm việc" hoặc "những người làm việc dưới quyền của tôi làm việc"

Các người lãnh đạo đều đứng phía sau cả nhà

Tham khảo cách dịch: "các nhà lãnh đạo đặt mình đứng ở vị trí phía sau cả nhà"

Nehemiah 4:19

Tôi nói

Ở đây, "tôi" chỉ về Nê-hê-mi.

các người quý tộc... các viên chức

Đây là những việc chức đã được nhắc đến trong NEH04:15

Nehemiah 4:21

từ lúc rạng đông cho đến khi sao mọc

Tham khảo cách dịch: 'từ lúc rạng đông cho đến chiều tối"

ở giữa Giê-ru-sa-lem

"trong Giê-ru-sa-lem"

thay áo mình

"cởi áo mình ra"

Translation Questions

Nehemiah 4:1

Ai đã chế nhạo người Do Thái khi bọn họ nghe nói về việc người Do Thái đang xây sửa tường thành?

San-ba-lát và Tô-bi-gia đã chế nhạo người Do Thái.

Nehemiah 4:3

Ai đã chế nhạo người Do Thái khi bọn họ nghe nói về việc người Do Thái đang xây sửa tường thành?

San-ba-lát và Tô-bi-gia đã chế nhạo người Do Thái.

Nehemiah 4:4

Tại sao Nê-hê-mi cầu xin Đức Chúa Trời không khỏa lấp sự gian ác của San-ba-lát và Tô-bi-gia?

Nê-hê-mi đã cầu xin Đức Chúa Trời không khỏa lấp sự gian ác của họ bởi vì bọn họ đã khinh miệt người Do Thái và chọc dận những người thợ xây cất.

Nehemiah 4:6

Tại sao Nê-hê-mi cầu xin Đức Chúa Trời không khỏa lấp sự gian ác của San-ba-lát và Tô-bi-gia?

Nê-hê-mi đã cầu xin Đức Chúa Trời không khỏa lấp sự gian ác của họ bởi vì bọn họ đã khinh miệt người Do Thái và chọc dận những người thợ xây cất.

Nehemiah 4:7

Khi San-ba-lát, Tô-bi-gia, người Ả-rập, dân Am-môn, và dân Ách-đốt đến tiến đánh Giê-ru-sa-lem thì những người thợ xây và dân sự đã làm gì?

Họ đã đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời mình và và lập người canh gác.

Nehemiah 4:9

Khi San-ba-lát, Tô-bi-gia, người Ả-rập, dân Am-môn, và dân Ách-đốt đến tiến đánh Giê-ru-sa-lem thì những người thợ xây và dân sự đã làm gì?

Họ đã đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời mình và và lập người canh gác.

Nehemiah 4:12

Nê-hê-mi đã làm gì sau khi người Do Thái cảnh báo ông về những âm mưu lập ra để chống lại họ?

Sau khi Nê-hê-mi biết được những âm mưu chống lại họ, ông đã bố trí dân sự ở những chỗ thấp nhất và trống trải của tường thành. Ông cũng bố trí từng gia đình đã trang bị vũ khí. Nê-hê-mi khuyên dân sự không được sợ hãi kẻ thù, phải nhớ đến Chúa vĩ đại và đáng kinh sợ, và phải chiến đấu vì gia đình mình.

Nehemiah 4:14

Nê-hê-mi đã làm gì sau khi người Do Thái cảnh báo ông về những âm mưu lập ra để chống lại họ?

Sau khi Nê-hê-mi biết được những âm mưu chống lại họ, ông đã bố trí dân sự ở những chỗ thấp nhất và trống trải

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của tường thành. Ông cũng bố trí từng gia đình đã trang bị vũ khí. Nê-hê-mi khuyên dân sự không được sợ hãi kẻ thù, phải nhớ đến Chúa vĩ đại và đáng kinh sợ, và phải chiến đấu vì gia đình mình.
Nehemiah 4:15
Tại sao những kế hoạch của kẻ thù đã bị bại lộ trước các thợ xây cất?
Những kế hoạch đó bị bại lộ bởi vì Đức Chúa Trời đã làm nản lòng các kế hoạch của chúng.
Nehemiah 4:16
Nê-hê-mi đã sai các thuộc hạ của mình làm gì?
Nê-hê-mi cho một nữa thuộc hạ của mình làm công việc xây sửa vách thành và một nửa còn lại thì trang bị vũ khí và áo giáp.
Nehemiah 4:19
Tại sao Nê-hê-mi căn dặn dân sự rằng mỗi khi họ nghe tiếng kèn trỗi lên ở nơi nào thì phải chạy thật nhanh để tập trung về nơi đó?
Nê-hê-mi căn dặn dân sự như vậy bởi vì những người thợ làm việc cách khoảng xa với nhau trên tường thành.
Nehemiah 4:20
Tại sao Nê-hê-mi căn dặn dân sự rằng mỗi khi họ nghe tiếng kèn trỗi lên ở nơi nào thì phải chạy thật nhanh để tập trung về nơi đó?
Nê-hê-mi căn dặn dân sự như vậy bởi vì những người thợ làm việc cách khoảng xa với nhau trên tường thành.
Nehemiah 4:21
Tại sao dân sự không về nhà ngủ hay thay y phục của mình?
Họ không về nhà ngủ hay thay y phục của mình để họ có thể chia sẻ việc canh gác ban đêm ở giữa Giê-ru-sa-lem, rồi cùng nhau làm việc ban ngày.
Nehemiah 4:23
Tại sao dân sự không về nhà ngủ hay thay y phục của mình?
Họ không về nhà ngủ hay thay y phục của mình để họ có thể chia sẻ việc canh gác ban đêm ở giữa Giê-ru-sa-lem, rồi cùng nhau làm việc ban ngày.

Chapter 5
Nehemiah 5:1
một số người cùng vợ của họ kêu la phản đối
"một số người cùng vợ của họ kêu khóc"
Chúng tôi thế chấp ruộng của mình
Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi đang phải cầm" hoặc "Chúng tôi đang phải
Nehemiah 5:4
Vả hiện nay thân thể của chúng tôi cũng giống như anh em chúng tôi, và con cái chúng tôi cũng giống như con cái của họ
"Chúng ta cũng giống như người Do Thái và con cháu chúng ta cũng giống như con cháu của họ"
Con gái chúng tôi có đứa đã thành nô tì
Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi đã bán vài đứa con gái của mình làm nô lệ"
nhưng chúng tôi không có quyền chuộc lại vì đồng ruộng và vườn nho chúng tôi hiện đã thuộc về kẻ khác rồi
Đoạn văn nầy giả định thông tin mà người đọc có thể hiểu được. Những đồng ruộng và vườn nho của người Do Thái phải là tài sản của họ để họ có thể dùng chúng làm ra tiền mà họ cần. Tham khảo cách dịch: "Nhưng hiện nay chúng tôi không có khả năng thay đổi hoàn cảnh nầy bởi vì hiện nay những người khác đang sở hữu đồng ruộng và vườn nho của chúng tôi, vốn là những thứ chúng tôi cần để nuôi sống mình"
Nehemiah 5:6
Khi nghe những lời kêu của họ
Cụm từ "của họ" chỉ về những người Do Thái nghèo khó trong NEH05:04
Các ông đã cho anh em mình vay nặng lãi
Mỗi người Do Thái đều biết rằng theo Luật Do Thái thì việc cho những người Do Thái khác vay nặng lãi là sai trái.
Tham khảo cách dịch: "Mỗi người đã ông đã tính lãi cho chính anh em của mình, đó là điều sai trái dưới luật pháp"
Tôi triệu tập một buổi họp đông đảo để chống đối họ
Tham khảo cách dịch: "Tôi đã mở một phiên tòa để buộc tội họ"
Chúng tôi đã làm hết sức để chuộc lại anh em chúng tôi là người Do Thái đã bị bán cho các dân tộc khác làm nô lệ, còn các ông lại muốn bán anh chị em mình để họ lại bị bán ngược lại cho chúng tôi sao!
Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi đã làm hết sức có thể chuộc lại những người anh em Do Thái đã bị bán cho những kẻ ngoại giáo ở các nước khác. Mà bây giờ các ông lại bán chính đồng bào của mình, chỉ để cho phải bị bán ngược lại cho chúng tôi sao!"
Nehemiah 5:9
Tôi cũng nói
Đại từ "tôi" chỉ về Nê-hê-mi.
Những điều các ông đang làm
"các ông" ở đây chỉ về những quý tộc người Do Thái.
Chẳng phải các ông phải ăn ở trong sự kính sợ Đức Chúa Trời chúng ta để các dân tộc thù địch không sỉ nhục chúng ta sao?
Đây là câu hỏi mà Nê-hê-mi dùng để trách mắng những người quý tộc kia. Tham khảo cách dịch: "Các ông nên ăn ở trong sự kính sợ Đức Chúa Trời chúng ta để các dân tộc thù địch không sỉ nhục chúng ta"
ăn ở trong sự kính sợ Đức Chúa Trời chúng ta
Từ "bước đi" trong bản tiếng anh là một cụm từ được dùng để nói về cách sống của một người. Tham khảo cách dịch: "sống tôn kính Đức Chúa Trời" .
sỉ nhục
"chế nhạo" hoặc "phỉ báng" hoặc "sỉ nhục"
cho họ mượn
"để cho họ mượn"
tính lãi
Tham khảo cách dịch: "đòi họ phải trả nhiều hơn số họ mượn"
những món nợ
Bất cứ số tiền, đồ ăn hoặc tài sản nào mà một người có thể cho người khác mượn để trả nợ. Sau đó thì người mượn sẽ mắc nợ người cho mượn"
phần trăm
Một phần giá trị của khỏa nợ mà người mượn sẽ phải trả lãi.
các ông đã bắt họ phải nộp
"các ông đã buộc họ phải trả' hoặc "các ông đã yêu cầu họ phải trả"
Nehemiah 5:12
Họ đáp lời
Ở đây, "họ" chỉ về những nhà quý tộc người Do Thái.
Chúng tôi sẽ trả lại những thứ mà chúng tôi đã lấy từ họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các nhà quý tộc nầy đang hứa rằng họ sẽ trả lại số tiền lãi mà những người Do Thái nghèo khó hơn đã trả.

Chúng tôi sẽ làm như ông nói

"Chúng tôi" chỉ về những người quý tộc đang nói chuyện với Nê-hê-mi.

Đoạn, tôi cũng gọi

"tôi" chỉ về Nê-hê-mi.

và bắt họ thề

"và bắt những người quý tộc Do Thái phải thề"

Tôi cũng giũ vạt áo

Có nhiều chỗ trong Cựu Ước, lời thề thường được bày tỏ như một nhân chứng cho những gì đã hứa. Nê-hê-mi đang cho các người quý tộc thấy những chuyện sẽ xảy ra nếu như họ phá vỡ lời hứa của mình.

và họ ca ngợi Đức Giê-hô-va

Tham khảo cách dịch: "và họ thờ phượng Đức Chúa Trời"

Vậy dân chúng đều làm theo lời hứa ấy

Tham khảo cách dịch: "và cả dân chúng đều giữ lời hứa của mình"

Nehemiah 5:14

Thông tin chung:

từ năm thứ hai mươi cho đến năm thứ ba mươi hai đời vua Ạt-ta-xét-xe

Năm ở vùng Cận Đông cổ xưa được tính bằng số năm trị vì của vua.

mười hai năm

Nê-hê-mi đang lặp lại số năm để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: "suốt khoảng thời gian đó"

tôi và anh em tôi không ăn lương bổng dành cho tổng đốc

"cả anh em tôi và tôi đều sẽ không ăn lương bổng dành cho tổng đốc". Phần lương thực nầy do chính vua cấp phát và là một phần trong những thứ mà một tổng đốc được dân chúng trả lương. Bởi vì dân chúng đang chết đói, nên Nê-hê-mi quyết định không sử dụng đặc ân nầy.

các quan tổng đốc tiền nhiệm

"các quan tổng đốc trước" hoặc "các tổng đốc trước kia". Nê-hê-mi không phải là quan tổng đốc đầu tiên của Giu-đa.

chiếm của họ 40 siếc-lơ bạc cho thức ăn và rượu hàng ngày của mình

Tham khảo cách dịch: "từ họ bốn mươi siếc-lơ bạc, ngoài thức ăn và rượu hàng ngày"

siếc-lơ

Nehemiah 5:16

Tôi cũng tiếp tục

""tôi" chỉ về Nê-hê-mi.

tiếp tục công việc xây sửa tường thành

Khi dân chúng trở về Giê-ru-sa-lem, họ bắt đầu xây dựng lại tường thành, nhưng vẫn chưa làm xong.

chúng tôi không mua mảnh đất nào

Canh tác trên đất là cách để giàu có. Một lần nữa, Nê-hê-mi không sử dụng đặc ân là một tổng đốc của mình.

chúng tôi mua

Cụm từ "chúng tôi" chỉ về Nê-hê-mi và các đầy tớ của ông.

Các đầy tớ tôi đều họp lại ở đó để làm việc

"Tất cả đầy tớ của tôi cũng xây sửa tường thành"

bàn của tôi

Cụm từ nầy chỉ về bàn của tổng đốc. Đây là bàn chung dùng cho các cuộc họp và thảo luận nhưng vấn đề chung.

các viên chức

Tham khảo cách dịch: "những viên chức chính phủ khác"

Nehemiah 5:18

Thông tin chung:

những thứ đã được chuẩn bị

Tham khảo cách dịch: "những thức ăn đã nấu sẵn trên bàn tôi" hoặc "những thức ăn được chuẩn bị cho bữa ăn của chúng tôi"

một con bò, sáu con chiên béo tốt; và cả chim chóc

Đây là thực đơn hằng ngày cho hơn 150 người, vốn đã được nói đến trong NEH05:16

rượu rất nhiều

Tham khảo cách dịch: "đủ rượu cho tất cả mọi người và thậm chí là dư"

Tuy nhiên, với tất cả những điều nầy tôi cũng không đòi lương bổng về đồ ăn dành cho tổng đốc

"những tôi chưa bao giờ đòi hỏi phần lương bổng về lương thực dành cho tổng đốc". Tất cả những đồ ăn và rượu nầy được cho là sẽ được chính dân chúng chu cấp, nhưng Nê-hê-mi dùng chúng đồ ăn và rượu của mình để chu cấp cho tất cả những người nầy.

lương bổng về lương thực

Đây là phần lương bổng mà dân chúng phải trả cho quan tổng đốc.

Lạy Đức Chúa Trời con, vì lòng nhân từ của Ngài, xin nhớ lại

"Lạy Đức Chúa Trời con, xin hãy nhớ đến con vì những việc tốt lành mà con đã làm" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, khi Ngài nghĩ đến con, xin nhớ lại mọi điều tốt lành mà con đang làm cho dân sự". Lúc nầy, Nê-hê-mi đang cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời và cầu xin Ngài cứu giúp.

Translation Questions

Nehemiah 5:7

Tại sao dân sự và vợ của họ lớn tiếng kêu la phản đối những người Do-thái anh chị em của họ?

Họ kêu la phản đối bởi vì họ đã phải thế chấp tài sản của mình và bán con cái của mình để có thức ăn, nhưng những nhà quý tộc và những người cầm quyền lại còn đòi lãi từ họ.

Nehemiah 5:8

Mặc dầu những người nam người nữ nầy đã được chuộc khỏi cảnh nô lệ, những anh chị em Do Thái của họ đã từng bị bán cho các nước khác, thì hiện nay những nhà quý tộc và những người cầm quyền lại đang làm gì?

Họ đang bán anh chị em mình để những người đó sẽ bị bán lại cho những người Do Thái khác.

Nehemiah 5:9

Tại sao Nê-hê-mi ra lệnh cho những nhà quý tộc, những người cầm quyền, và các thầy tế lễ trả lại những vật mà họ đã bắt dân chúng phải nộp?

Ông đã ra lệnh cho họ làm vậy bởi vì những việc họ đang làm không tốt, và họ đang khiến các nước thù nghịch chế nhạo mình.

Nehemiah 5:11

Tại sao Nê-hê-mi ra lệnh cho những nhà quý tộc, những người cầm quyền, và các thầy tế lễ trả lại những vật mà họ đã bắt dân chúng phải nộp?

Ông đã ra lệnh cho họ làm vậy bởi vì những việc họ đang làm không tốt, và họ đang khiến các nước thù nghịch chế nhạo mình.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nehemiah 5:12
Những nhà quý tộc, những người cầm quyền, và các thầy tế lễ đã phản ứng ra sao trước mệnh lệnh của Nê-hê-mi?
Họ hứa sẽ làm như lời ông nói và đồng thanh nói "A-men!" rồi ngợi khen Đức Giê-hô-va.
Nehemiah 5:13
Những nhà quý tộc, những người cầm quyền, và các thầy tế lễ đã phản ứng ra sao trước mệnh lệnh của Nê-hê-mi?
Họ hứa sẽ làm như lời ông nói và đồng thanh nói "A-men!" rồi ngợi khen Đức Giê-hô-va.
Nehemiah 5:14
Tại sao trong suốt mười hai năm làm quan tổng trấn Giu-đa, Nê-hê-mi và anh em ông không hề nhận phần lương thực thường cấp cho quan tổng trấn?
Ông không nhận bởi vì các quan tổng trấn tiền nhiệm đã đặt những gánh nặng nề trên dân sự, nhưng ông thì kính sợ Đức Chúa Trời.
Nehemiah 5:15
Tại sao trong suốt mười hai năm làm quan tổng trấn Giu-đa, Nê-hê-mi và anh em ông không hề nhận phần lương thực thường cấp cho quan tổng trấn?
Ông không nhận bởi vì các quan tổng trấn tiền nhiệm đã đặt những gánh nặng nề trên dân sự, nhưng ông thì kính sợ Đức Chúa Trời.
Nehemiah 5:17
Ai đã ăn tại bàn của Nê-hê-mi?
Những người đã ăn tại bàn của Nê-hê-mi ấy là những người Do Thái và những người cầm quyền, 150 người, cùng có những người từ các nước chung quanh đã đến với Nê-hê-mi.
Nehemiah 5:19
Tại sao Nê-hê-mi cầu xin Đức Chúa Trời nhớ đến ông để làm ơn cho ông?
Ông đã cầu xin Đức Chúa Trời làm như vậy bởi vì tất cả những điều ông đã làm cho dân sự.

Chapter 6
Nehemiah 6:1
San-ba-lát, Tô-bi-gia, và Ghê-sem
Đây đều là tên của nam.
xây sửa lại tường thành và rằng
"xây sửa lại tường thành để"
không còn lỗ hổng nào nữa
"không còn đoạn tường thành đổ vỡ nào nữa"
Ô-nê
Đây là tên của một thung lũng.
Nehemiah 6:3
Tôi sai sứ giả đến nói với chúng
Ở đây, "chúng" chỉ về San-ba-lát, Tô-bi-gia, và Ghê-sem.
và tôi không thể
"và tôi không thể"
Sao tôi có thể ngưng lại và bỏ dở công việc để đi xuống với các ông?
Đây là một câu khẳng định được viết như một câu hỏi. Mục đích của câu hỏi nầy là để thách thức San-ba-lát. Tham khảo cách dịch: "Tôi sẽ không để công việc ngưng trệ khi bỏ dỡ nó rồi đi xuống với các ông"
Nehemiah 6:5
Lần thứ năm, San-ba-lát sai đầy tớ đến với tôi y như trước
Nhận diện lời nhắn lần này riêng, có nghĩa là nó có gì đó khác với bốn lá thứ trước và chính vì vậy nên mới cần phải chú ý. Tham khảo cách dịch: "Lần thứ năm, San-ba-lát sai đầy tớ của mình đến với tôi"
một lá thư không niêm
Đây là lá thư không có niêm phong lại. Đây được coi là một sự sỉ nhục đối với người nhận bởi vì người giao lá thư có thể tự do đọc lá thứ đó và loan nội dung thư cho những người trong khu vực.
trong tay mình
Tham khảo cách dịch: "trong quyền sở hữu của người"
Tin đồn lan khắp các nước
Tham khảo cách dịch: "Tin đồn vùng ấy là"
ông và người Do Thái đang âm mưu dấy loạn nên mới xây sửa lại tường thành. Theo những lời đồn đó thì ông sẽ làm vua của họ
Nê-hê-mi đang bị buộc tôi có âm mưu tạo phản lại ân nhân của mình, Ạt-ta-xét-xe vua nước Ba Tư, Nê-hê-mi đã từng là quan tửu chánh phục vụ vua nầy. (Xem: NEH02:01
nên mới xây sửa lại
Tham khảo cách dịch: "và đó là lí do tại sao ngươi xây sửa lại"
Nehemiah 6:7
Có một vua trong xứ Giu-đa!
San-ba-lát nói rằng Nê-hê-mi sẽ truyền bá tư tưởng rằng ông sẽ làm vua Giu-đa.
Ông có thể chắc chắn rằng vua sẽ nghe được những tin đồn đó
Ở đây, "vua" chỉ về vua Ạt-ta-xét-xe, vua Ba Tư là người mà Nê-hê-mi là quan tửu chánh hầu việc vua.
Nehemiah 6:8
Tôi sai người trả lời với ông
Ở đây "tôi" chỉ về Nê-hê-mi và "ông" chỉ về San-ba-lát.
Chẳng hề có chuyện như thế xảy ra như ông nói
"Chẳng một việc nào trong những việc ông nói xảy ra"
do lòng ông tưởng tượng ra mà thôi
"chính ông đã tự bịa đặt những chuyện đó"
Vì tất cả bọn chúng đều muốn làm cho chúng tôi sợ hãi
Ở đây "bọn chúng" chỉ về những kẻ thù địch của Nê-hê-mi, San-ba-lát, Tô-bi-gia, Ghê-sem, và thuộc hạ của họ. Cụm từ "chúng tôi" chỉ về dân sự của Đức Chúa Trời.
Họ sẽ ngưng tay không làm công việc xây sử vách thành, và công việc không thể hoàn thành được
"Vì sợ hãi, các nhân công xây sửa vách thành sẽ không làm việc của mình nữa'
Vậy bây giờ, lạy Đức Chúa Trời, xin làm cho tay con mạnh mẽ
Tham khảo cách dịch: "Bây giờ, thậm chí còn quyết tâm làm công việc nầy hơn"
Nehemiah 6:10
Sê-ma-gia ... Đê-la-gia ... Mê-hê-ta-bê
Đây đều là tên của nam.
Sê-ma-gia
một trong những viên chức Do Thái
người bị giam tại nhà của mình
Tác giả không đưa ra lí do tại sao ông bị giam, vì vậy tốt nhất là nói rằng ông đang ở nhà bằng những từ ngữ chung chung nhất có thể. Tham khảo cách dịch: "người mà các nhà cầm quyền đã lệnh phải ở trong nhà mình" hoặc "người không thể ra khỏi nhà"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúng ta hãy gặp nhau trong nhà của Đức Chúa Trời, bên trong đền thờ và đóng các cửa đền thờ lại, vì chúng sẽ tìm giết ông. Đêm nay chúng sẽ đến giết ông

Dường như đối với các thuộc hạ của Nê-hê-mi việc ông nấp trong đền thờ là một dấu hiệu của sự yếu đuối.

Một người như tôi sẽ chạy trốn ư? Một người như tôi vào trong đền thờ mà được sống sao?

Những câu hỏi nầy không cần phải có câu trả lời, nhưng chúng được dùng để nhấn mạnh. "Một người như tôi sẽ không chạy trốn. Và một người như tôi sẽ không chạy trốn vào trong đền thờ để sống sót"

Nehemiah 6:12

Tôi nhận biết không phải Đức Chúa Trời đã sai ông ấy đến đâu, nhưng ông ấy nói lời tiên tri đó chống lại tôi

Ở đây ""tôi" chỉ về Nê-hê-mi, và "ông ấy" chỉ về Sê-ma-gia. Tham khảo cách dịch: "Tôi nhận ra không phải Đức Chúa Trời sai Sê-ma-gia đến bởi vì ông ta nói tiên tri chống lại tôi" (Xem: NEH06:10

Tô-bi-gia và San-ba-lát đã mướn ông ấy

Sê-ma-gia được trả tiền và ở dưới quyền của Tô-bi-gia và San-ba-lát.

để tôi sẽ phải làm theo điều hắn nói mà phạm tội

Tham khảo cách dịch: "để tôi phạm tội khi dùng sai đền thờ"

hầu cho chúng nó sẽ gán tiếng xấu xa cho tôi để rồi sỉ nhục tôi

"hầu cho chúng nó có cớ để làm mất uy tín của tôi"

Xin nhớ lại

Cụm từ nầy không rõ ràng. Không rõ là Nê-hê-mi có đang cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ ông (Nê-hê-mi) nhớ đến Tô-bi-gia và San-ba-lát hay Nê-hê-mi đang cầu xin Đức Chúa Trời nhớ đến những người nầy. Tham khảo cách dịch: "Xin hãy nhớ"

nữ tiên tri Nô-a-đia

Ở đây "Nô-a-đia" là một người nữ

Nehemiah 6:15

Vậy tường thành được hoàn thành

Có thể viết lại vế nầy ở thế chủ động. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi đã hoàn tất tường thành"

ngày hai mươi lăm tháng Ê-lun

"Ê-lun" là tháng thứ sáu theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi lăm tháng nầy gần với giữa tháng chính theo lịch phương Tây.

năm mươi hai ngày

"52 ngày"

họ cảm thấy mình rất thua kém

"họ không còn tự tin nữa" hoặc "họ nản lòng thoái chí"

Nehemiah 6:17

các người quý tộc của Giu-đa gửi nhiều thư cho Tô-bi-gia và Tô-bi-gia cũng gửi thư cho chúng

Giữa những người giàu có tại Giu-đa và Tô-bi-gia, vốn là kẻ thù của dân Do Thái, luôn có sự liên lạc với nhau.

Vì tại Giu-đa có nhiều người đã mắc lời thề với ông

"Vì tại Giu-đa có nhiều người trung thành với Tô-bi-gia"

ông là con rể của Sê-ca-nia

Câu nầy có nghĩa là Tô-bi-gia đã cưới con gái của Sê-ca-nia.

Tô-bi-gia ... Sê-ca-nia ... A-ra ... Giê-hô-na-nan ... Mê-su-lam ... Bê-rê-kia

Đây đều là tên của nam.

Họ cũng khen ngợi những việc tốt của ông trước mặt tôi và thuật lại cho ông những lời của tôi

"Những người quý tộc Do Thái kể cho tôi nghe những việc tốt của Tô-bi-gia và rồi thuật lại cho ông những câu trả lời của tôi"

Những lá thư Tô-bi-gia gửi cho tôi để khiến tôi hoảng sợ

Có thể viết lại vế nầy ở thế chủ động. Tham khảo cách dịch: "Tô-bi-gia gửi thư cho tôi để làm cho tôi sợ hãi"

để khiến tôi hoảng sợ

"để làm cho tôi sợ hãi". Mục đích dai dẳng của Tô-bi-gia là dùng nỗi sợ hãi để chế ngự Nê-hê-mi.

Translation Questions

Nehemiah 6:2

Khi San-ba-lát, Tô-bi-gia, và Ghê-sem yêu cầu Nê-hê-mi đến gặp họ tại trũng Ô-nô, ý định của của họ là gì?

San-ba-lát, Tô-bi-gia, và Ghê-sem có ý hãm hại Nê-hê-mi.

Nehemiah 6:3

Nê-hê-mi đã phản ứng ra sao trước những yêu cầu của kẻ thù nghịch mình?

Nê-hê-mi sai sứ giả đến nói với chúng: “Tôi bận làm công trình lớn, không thể xuống được. Lẽ nào tôi bỏ dở công việc để đi xuống với các ông?”.

Nehemiah 6:5

Trong lời nhắn lần thứ năm của mình, San-ba-lát đã nói gì?

Hắn đã nói rằng tất cả các nước đã đồn đại rằng Nê-hê-mi và người Do Thái đang âm mưu dấy loạn, và vua chắc chắn sẽ nghe được những lời đồn ấy.

Nê-hê-mi đã phản ứng ra sao trước lời nhắn thứ năm của San-ba-lát?

Nê-hê-mi đáp lại bằng cách khẳng định rằng San-ba-lát đã tự bịa trong lòng ra những tin đồn đó.

Nehemiah 6:6

Trong lời nhắn lần thứ năm của mình, San-ba-lát đã nói gì?

Hắn đã nói rằng tất cả các nước đã đồn đại rằng Nê-hê-mi và người Do Thái đang âm mưu dấy loạn, và vua chắc chắn sẽ nghe được những lời đồn ấy.

Nehemiah 6:8

Nê-hê-mi đã phản ứng ra sao trước lời nhắn thứ năm của San-ba-lát?

Nê-hê-mi đáp lại bằng cách khẳng định rằng San-ba-lát đã tự bịa trong lòng ra những tin đồn đó.

Nê-hê-mi đã cầu nguyện gì khi ông nhận ra rằng San-ba-lát và kẻ thù của người Do Thái đang cố gắng để đình chỉ công việc xây sửa đền thờ lại và khiến người Do Thái sợ hãi?

Nê-hê-mi đã cầu nguyện xin Đức Chúa Trời làm cho tay ông được mạnh mẽ.

Nehemiah 6:9

Nê-hê-mi đã cầu nguyện gì khi ông nhận ra rằng San-ba-lát và kẻ thù của người Do Thái đang cố gắng để đình chỉ công việc xây sửa đền thờ lại và khiến người Do Thái sợ hãi?

Nê-hê-mi đã cầu nguyện xin Đức Chúa Trời làm cho tay ông được mạnh mẽ.

Nehemiah 6:10

Tại sao Nê-hê-mi không chịu gặp Sê-ma-gia, con trai Đê-la-gia, con trai Mê-hê-ta-bê-ên, trong đền thờ?

Nê-hê-mi từ chối bởi vì ông cho rằng một người như ông không nên chạy trốn để cứu mạng sống mình.

Nehemiah 6:11

Tại sao Nê-hê-mi không chịu gặp Sê-ma-gia, con trai Đê-la-gia, con trai Mê-hê-ta-bê-ên, trong đền thờ?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nê-hê-mi từ chối bởi vì ông cho rằng một người như ông không nên chạy trốn để cứu mạng sống mình.

Nehemiah 6:13

Nếu như Nê-hê-mi đã chạy trốn vào trong đền thờ thì chuyện gì đã có thể xảy ra?

Ông sẽ phạm tội, và rồi Tô-bi-gia và San-ba-lát sẽ bêu xấu Nê-hê-mi nhằm làm nhục ông.

Nehemiah 6:14

Lầm thứ hai Nê-hê-mi đã cầu nguyện gì?

Ông đã cầu nguyện xin Đức Chúa Trời nhớ đến Tô-bi-gia, San-ba-lát, nữ tiên tri Nô-a-đia và các nhà tiên tri khác đã cố gắng làm cho ông sợ hãi.

Nehemiah 6:15

Tại sao kẻ thù của Nê-hê-mi đều trở nên sợ hãi và nản chí khi tường thành đã được hoàn thành?

Họ sợ hãi bởi vì họ biết rằng công việc nầy đã được hoàn thành với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời của người Do Thái.

Nehemiah 6:16

Tại sao kẻ thù của Nê-hê-mi đều trở nên sợ hãi và nản chí khi tường thành đã được hoàn thành?

Họ sợ hãi bởi vì họ biết rằng công việc nầy đã được hoàn thành với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời của người Do Thái.

Chapter 7

Nehemiah 7:1

Khi tường thành đã xây xong

Có thể viết lại vế nầy ở thế chủ động. Tham khảo cách dịch: "Khi chúng tôi đã xây sửa tường thành xong"

những người gác cổng, các ca sĩ và người Lê-vi đã được chỉ định

Có thể viết lại vế nầy ở thế chủ động. Tham khảo cách dịch: "Tôi chọn những người gác cổng, các ca sĩ và người Lê-vi"

những người gác cổng

Người gác cổng là người được cắt cử đứng ở mỗi cổng, được trang bị vũ khí hoặc được những lính gác có vũ trang hỗ trợ (tùy thuộc vào quy mô của thành), có trách nhiệm nhận diện những người vào thành, nhưng không phải là dân thành đó, rồi buộc họ phải đăng ký và ghi chú về công việc kinh doanh của họ tại đó. Những người gác cổng đôi khi cũng có nhiệm vụ đóng mở cổng thành và họ được các nhà cầm quyền lập ra.

các ca sĩ

Từ nầy đề cập đến những nhạc sĩ thanh nhạc, lãnh đạo việc thờ phượng, các cuộc giễu hành, các buổi buổi lễ, tạo ra âm nhạc và các bài hát để làm nổi bật cũng như đề cao những dịp tiện đó.

những người Lê-vi

Tầng lớp thầy tế lễ do chính Đức Chúa Trời thiết lập từ nhiều thế kỷ trước và giờ Nê-hê-mi đã tái lập lại điều nầy.

Ha-na-ni ... Ha-na-nia

Đây đều là tên của nam.

Tôi giao cho Ha-na-ni em tôi nhiệm vụ

"Tôi đã chọn em tôi là Ha-na-ni làm người cai trị"

người quản đốc kinh thành

"người có nhiệm vụ coi sóc kinh thành"

kinh thành

một nơi kiên cố cất giữ vũ khí hoặc các người lính ở hoặc nơi có cả vũ khí và lính chiến. Ý nghĩa thứ hai có thể là tất cả các pháo đài ở trong thành.

vì ông là người trung tín

"vì ông là người đáng tin cậy" hoặc "vì ông đã thực hiện nhiệm vụ của mình"

kính sợ Đức Chúa Trời hơn nhiều kẻ khác

"vâng phục Đức Chúa Trời hơn nhiều kẻ khác". Nê-hê-mi đưa ra một lí do rõ ràng và chuẩn xác tại sao Ha-na-nia được chỉ định.

Nehemiah 7:3

Tôi dặn họ

Cụm từ "họ" chỉ về em của Nê-hê-mi, người quản trị thành, và về Ha-na-nia là người chịu trách nhiệm về các kinh thành.

mặt trời nắng nóng

"mặt trời lên cao"

Trong khi những người gác cổng còn đứng canh

"Nếu những người gác cổng còn đang đứng canh gác ở cổng". Ý nghĩa ở đây là "nếu những người gác cổng đang thách thức những kẻ đang tiến đến"

những người gác cổng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NEH07:01

anh em phải đóng cửa, cài then lại

"anh em hãy đóng và khóa cổng lại"

Cũng phải chỉ định người dân ở Giê-ru-sa-lem thay phiên canh gác, một số thì đứng ở vọng canh, một số khác thì đứng đối diện nhà mình

Đây là tiêu chuẩn của lính canh: những người sống tại Giê-ru-sa-lem, và có nhà ở gần đó. Những người nầy không phải chỉ được thuê mà họ còn có sự quan tâm đặc biệt về an ninh, sự đảm bảo của phần đó của thành.

Khi ấy thành thì rộng và lớn, nhưng dân trong thành lại ít và nhà cửa chưa được xây dựng lại

Khu vực tường thành thì rộng nhưng ít dân cư, và dân sự vẫn còn đang ở trong những căn lều tạm.

chưa có nhà nào được xây dựng lại

Đây là cách nói quá để nhấn mạnh rằng thành vẫn chưa ở trong tình trạng hoàn thành để xây dựng lại nhà cửa có toàn bộ dân trong thành. Có thể viết lại vế nầy ở thế chủ động. Tham khảo cách dịch: "dân chúng vẫn chưa xây dựng lại được nhiều ngôi nhà"

Nehemiah 7:5

Đức Chúa Trời tôi đặt vào lòng tôi

Mặc dầu Đức Chúa Trời không thực sự đặt suy nghĩ vào trong tim của Nê-hê-mi, nhưng Ngài khiến Nê-hê-mi có những ý nghĩ nầy. Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời tôi khiến tôi nghĩ đến một ý"

để ghi tên họ

"để ghi vào danh sách, đăng ký và sắp xếp cho họ"

cuốn gia phả

Một cuốn sách chính thức ghi chép về bố mẹ và sự ra đời, là một phần trong văn hóa của người Hê-bơ-rơ.

và trong đó tôi thấy có ghi rằng

Có thể dịch lại câu nầy thành một câu mới. "Sau đây là những mục mà tôi đã tìm thấy và lựa chọn từ trong những cuốn ghi chép đó"

Nehemiah 7:6

Đây là những người trong tỉnh

"Đây là dòng dõi của xứ nầy"

những người đi lên

"những người trở về"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những người bị Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn đã bắt đi lưu đày
"những người mà vua Nê-bu-cát-nết-sa, người cai trị nước Ba-by-lôn đã bắt họ lìa khỏi xứ sở quê hương mình"
Nê-bu-cát-nết-sa... Xô-rô-ba-bên ... Giê-sua ... Nê-hê-mi ... A-xa-ria ... Ra-a-mia ... Na-ha-ma-ni ... Mạc-đô-chê... Binh-san ... Mích-bê-rết ... Biết-vai ... Nê-hum ... Ba-a-nah
Đây đều là tên của nam. .
Số những người nam
Một cuộc điều tra dân số đã diễn ra khi những người Y-sơ-ra-ên đầu tiên trở về Y-sơ-ra-ên sau cuộc lưu đày. Những con số nầy tượng trưng cho số người nam thuộc mỗi một nhóm gia tộc. Câu nầy giới thiệu thông tin cho những câu sau.
Nehemiah 7:8
Câu nối:
Nê-hê-mi đang đếm lại số người đã trở về từ cuộc lưu đày. Những người nầy được nhóm họp lại theo từng gia tộc, dựa theo tên người đứng đầu gia tộc của họ. Con số nầy tượng trưng cho số người nam trong mỗi gia tộc.
Pha-rốt ... Sê-pha-tia ... A-ra
Đây là tên của những người đứng đầu mỗi gia tộc. Những nhóm gia tộc sẽ bao gồm con, cháu và chắt..
Nehemiah 7:11
Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.
Pha-hát Mô-áp
Pha-hát Mô-áp là tên gọi một địa danh.
con cháu Giê-sua và Giô-áp
"đó là con cháu Giê-sua và Giô-áp"
Giê-sua ... Giô-áp ... Ê-lam ... Xát-tu ... Xác-cai
Đây là tên của các tộc trưởng đứng đầu mỗi nhóm gia tộc.
Nehemiah 7:15
Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.
Bin-nui ... Bê-bai ... A-gát ... A-đô-ni-cam
Đây là tên của các tộc trưởng đứng đầu mỗi nhóm gia tộc.
Nehemiah 7:19
Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.
Biết-vai ... A-đin ... A-te ... Ha-sum
Đây là tên của các tộc trưởng đứng đầu mỗi nhóm gia tộc.
Con cháu A-te, nghĩa là con cháu Ê-xê-chia
"Con cháu A-te, thuộc dòng dõi Ê-xê-chia"
Nehemiah 7:23
Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.
Bết-sai ... Ha-ríp ... Ghi-bê-ôn
Đây là tên của các tộc trưởng đứng đầu mỗi nhóm gia tộc.
Bết-lê-hem và Nê-tô-pha
Đây là tên của hai ngôi làng tại Giu-đa.
Nehemiah 7:27
Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.
Những người từ
"Những người quê ở"
A-na-tốt ... Bết A-ma-vết ... Ki-ri-át Giê-a-rim, Kê-phi-ra, và Bê-ê-rốt ... Ra-ma và Ghê-ba
Đây đều là tên của các địa danh.
Nehemiah 7:31
Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.
Những người thuộc
"Những người quê ở"
Mích-ma ... Bê-tên... A-hi... Nê-bô... Ê-lam
Đây đều là tên của các địa danh. Xem
Nehemiah 7:35
Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.
Những người thuộc
"Con cháu"
Ha-rim ... Giê-ri-cô ... Lót, Ha-đít... Ô-nô... Sê-na
Đây là tên của các ngôi làng.
Nehemiah 7:39
Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.
Giê-đa-gia ... Y-mê ... Phát-hua ... Ha-rim
Đây đều là tên của nam.
Nehemiah 7:43
Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.
Giê-sua ... Cát-mi-ên ... Hô-đê-va ... A-sáp ... Sa-lum ... A-te ... Tanh-môn ... A-cúp ... Ha-ti-ta ... Sô-bai
Đây đều là tên của nam.
Các ca sĩ
"Các nhạc sĩ"
những người gác cổng
Đây là những người canh gác cổng của một ngôi làng hoặc một thành. Nếu ngôn ngữ của bạn có thể dịch thành "những người gác cổng" thì hãy sử dụng từ đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NEH07:01
Nehemiah 7:46
Si-a
Đây cũng chính là người được biết đến với tên gọi Xi-a-ha trong E-xơ-ra 2:44.
Xi-ha ... Ha-su-pha ... Ta-ba-ốt ... Kê-rốt ... Si-a ... Pha-đôn... Lê-ba-na... Ha-ga-ba... Sanh-mai... Ha-na... Ghi-đên... Ga-ha
Đây đều là tên của nam. .
Nehemiah 7:50
Rê-a-gia... Rê-xin... Nê-cô-đa ... Ga-xam ... U-xa ... Pha-sê-a ... Bê-sai ... Mê-u-nim ... Nê-phu-sim
Đây đều là tên của nam.
Nehemiah 7:53
Bác-búc ... Ha-cu-pha ... Ha-rua ... Bát-lít ... Mê-hi-đa ... Hạt-sa ... Bạt-cô ... Si-sê-ra ... Tê-ma ... Nê-xia ... Ha-ti-pha
Đây đều là tên của nam.
Bát-lít
Đây là tên của một người nam còn được gọi là Ba-lút trong E-xơ-ra 2:52.
Nehemiah 7:57
Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.
Sa-lô-môn ... Sô-tai ... Sô-phê-rết ... Phê-ri-đa ... Gia-a-la ... Đạt-côn ... Ghi-đên ... Sê-pha-tia ... Hát-tinh ... Phô-kê-rết Hát-xê-ba-im... A-môn.
Đây đều là tên của nam.
Sô-phê-rết
Đây là tên của một người nam còn được gọi là Ha Sô-phô-rết trong E-xơ-ra 2:55
Phê-ri-đa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là tên của một người nam còn được gọi là Phê-ru-đa trong E-xơ-ra 2:55.

Nehemiah 7:61

Câu nối:

Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.

Tên Mê-la ... Tên Hất... Kê-rúp... A-đôn... Y-mê.... Y-sơ-ra-ên

Đây là tên của các địa điểm.

Đê-la-gia ... Tô-bi-gia ... Nê-cô-đa ... Ha-ba-gia ... Ha-cốt ... Bạt-xi-lai

Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 7:64

Những người nầy tìm kiếm tên mình theo tên của gia tộc trưởng trong những cuốn gia phả

Tham khảo cách dịch: "Họ tìm kiếm những bảng ghi chép gia phả của mình" hoặc "Họ tìm những bảng ghi chép về gia phả của mình"

Những người nầy tìm kiếm

"những người nầy" chỉ về con cháu Ha-ba-gia, Ha-cốt và Bạt-xi-lai. (Xem: NEH07:61

nhưng không tìm thấy

Tham khảo cách dịch: "nhưng họ không tìm thấy những bảng ghi chép đó"

nên họ bị loại ra khỏi chức tế lễ vì bị coi là ô uế

"nên các quan tổng đốc loại họ khỏi chức thầy tế lễ vì không đủ tiêu chuẩn"

cho đến khi có một thầy tế lễ dùng U-rim và Thu-mim

"cho đến khi dấy lên một thầy tế lễ có thể dùng những hòn đá đã được đánh dấu của thầy tế lễ để nhận ra sự lựa chọn của Đức Chúa Trời"

Nehemiah 7:66

Câu nối:

Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.

Cả hội chúng nhóm họp lại

"Cả hội chúng họp lại". Cụm từ "hội chúng" có vẻ như là một từ thích hợp để chỉ một cộng đồng.

ca sĩ, cả nam lẫn nữ

"các nam ca sĩ và các nữ ca sĩ". Câu nầy mô phỏng theo cấu trúc của cụm "tôi trai tớ gái của họ".

Nehemiah 7:68

736 ... 245 ... 435 ... 6.720

Đây là số những con vật được đem đến.

Nehemiah 7:70

Câu nối:

Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đày.

các trưởng gia đình của tổ tiên

Tham khảo cách dịch: "các trưởng tộc" hoặc "các trưởng gia tộc"

đa-riếc vàng

Đa-riếc là một đồng xu nhỏ bằng vàng mà người dân ở đế quốc Ba Tư sử dụng.

chậu

những cái tô lớn, rộng

áo

áo quần

ma-na bạc

1 mi-na= 600 gr

Nehemiah 7:73

những người gác cổng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NEH07:01

một số người khác

Hầu hết các bản dịch hiện đại, kể cả bản tiếng anh UDB, đều hiểu cách nói nầy chỉ về những người Y-sơ-ra-ên không phải là các thầy tế lễ hoặc những người làm việc trong đền thờ.

cùng cả Y-sơ-ra-ên

Hầu hết các bản dịch hiện đại, kể cả bản tiếng anh UDB, đều hiểu cách nói nầy chỉ về tất cả các nhóm người trong Y-sơ-ra-ên đã được liệt kê trong câu nầy. Tuy nhiên, một vài bản dịch hiện đại khác lại hiểu cụm từ nầy chỉ riêng những người Y-sơ-ra-ên không làm việc trong đền thờ.

tháng thứ bảy

Đây là tháng thứ bảy theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Nhằm vào khoảng thời gian đầu mùa mưa, là thời điểm người ta chuẩn bị đất để gieo trồng, và tương đương với khoảng cuối tháng chín đầu tháng mười theo lịch phương Tây.

Translation Questions

Nehemiah 7:1

Nê-hê-mi giao việc cai trị Giê-ru-sa-lem cho em ông là Ha-na-ni khi nào?

Sau khi Nê-hê-mi đã xây xong tường thành, đã tra các cánh cửa và lập những người gác cổng, các ca sĩ và người Lê-vi làm nhiệm vụ thì ông giao việc cai trị lại cho Ha-na-ni.

Nehemiah 7:2

Nê-hê-mi giao việc cai trị Giê-ru-sa-lem cho em ông là Ha-na-ni khi nào?

Sau khi Nê-hê-mi đã xây xong tường thành, đã tra các cánh cửa và lập những người gác cổng, các ca sĩ và người Lê-vi làm nhiệm vụ thì ông giao việc cai trị lại cho Ha-na-ni.

Tại sao Nê-hê-mi lại chỉ định Ha-na-ni?

Nê-hê-mi làm như vậy bởi vì Ha-na-ni là người trung tín và kính sợ Đức Chúa Trời hơn nhiều kẻ khác.

Nehemiah 7:3

Khi nào thì những các cổng của Giê-ru-sa-lem sẽ được mở?

Cổng sẽ được mở khi mặt trời lên cao.

Nehemiah 7:4

Mặc dầu thành rộng lớn nhưng trong đó có dân cư và nhà cửa không?

Trong thành, dân cư thì ít ỏi, không có nhà cửa.

Nehemiah 7:5

Đức Chúa Trời thúc giục lòng Nê-hê-mi làm gì?

Đức Chúa Trời thúc giục lòng Nê-hê-mi ghi những nhà quý tộc, những người cầm quyền, và dân sự vào sổ sách theo từng gia phổ của họ.

Nehemiah 7:64

Người ta làm gì với những thầy tế lễ không thể tìm thấy gia phổ của mình và quan tổng trấn cấm họ làm gì?

Những thầy tế lễ không thể tìm thấy gia phổ của mình bị loại ra khỏi chức thầy tế lễ và quan tổng trấn cấm họ ăn những phần sinh tế dành cho các thầy tế lễ.

Nehemiah 7:65

Người ta làm gì với những thầy tế lễ không thể tìm thấy gia phổ của mình và quan tổng trấn cấm họ làm gì?

Những thầy tế lễ không thể tìm thấy gia phổ của mình bị loại ra khỏi chức thầy tế lễ và quan tổng trấn cấm họ ăn những phần sinh tế dành cho các thầy tế lễ.

Khi nào thì những thầy tế lễ không thể chứng minh được gia phổ của mình sẽ lại được liệt vào hàng thầy tế lễ?

Họ sẽ được tính vào khi có một thầy tế lễ dùng U-rim và Thu-mim.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nehemiah 7:66
Có bao nhiêu người trong hội chúng được ghi tên vào sổ sách?
Cả hội chúng tổng cộng là 42.360 người.
Nehemiah 7:70
Ai đã dâng hiến cho công trình nầy?
Một vài trưởng tộc đã dâng hiến vào quỹ công trình, y như dân chúng còn lại.
Nehemiah 7:72
Ai đã dâng hiến cho công trình nầy?
Một vài trưởng tộc đã dâng hiến vào quỹ công trình, y như dân chúng còn lại.
Nehemiah 7:73
Khi nào thì các thầy tế lễ, người Lê-vi, những người gác cổng, các ca sĩ, những người phục vụ trong đền thờ, và dân chúng được sống trong các thành của mình?
Đến tháng bảy thì họ đều ở trong các thành của mình.

Chapter 8
Nehemiah 8:1
Vào ngày mồng một tháng bảy
Đây là tháng thứ bảy theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày nầy gần với giữa tháng chín theo lịch phương Tây.
tất cả những người có thể nghe và hiểu được
Không ai là không nghe đọc luật pháp.
Nehemiah 8:4
Ma-ti-thia, Sê-ma, A-na-gia, U-ri, Hinh-kia và Ma-a-xê-gia... Phê-đa-gia, Mi-sa-ên, Manh-ki-gia, Ha-sum, Hách-ba-đa-na, Xa-cha-ri và Mê-su-lam
Đây đều là tên của nam.
khi ông mở sách ra thì dân chúng đều đứng dậy
Đoạn văn nầy làm rõ rằng việc mở sách nầy ra là dấu ra hiệu cho dân chúng phải đứng dậy.
Nehemiah 8:6
Giê-sua, Ba-ni, Sê-rê-bia, Gia-min, A-súp, Sa-bê-thai,Hô-đi-gia, Ma-a-xê-gia, Kê-li-ta, A-xa-ria, Giô-xa-bát, Ha-nan, Phê-la-gia
Đây đều là tên của nam.
Họ đọc rõ ràng trong sách luật pháp của Đức Chúa Trời rồi giải nghĩa cho người ta hiểu lời họ đọc
Chủ đích của dân chúng được đáp ứng một cách cá nhân, tức là mọi người đều nghe và đều hiểu. Người Lê-vi trả lời những câu hỏi và đưa ra những lời giải thích rõ ràng cho dân chúng.
Nehemiah 8:11
Hãy im lặng!
"Xin hãy yên lặng!" hoặc "Đừng làm ồn!"
vì ngày nay là thánh
"vì ngày nay đã được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời"
và ăn mừng hớn hở
"để ăn mừng trong niềm hạnh phúc rất lớn"
họ hiểu được các lời người ta đã truyền dạy cho mình
Có thể viết lại vế nầy ở thế chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ đã hiểu được những lời mà các thầy tế lễ đã giảng giải cho mình
Nehemiah 8:13
Qua ngày thứ hai
"Qua ngày hai" hoặc "Qua ngày hôm sau"
để hiểu được
"để hiểu"
Đức Giê-hô-va ra lệnh qua Môi-se bảo dân Y-sơ-ra-ên phải ở trong các lều tạm suốt kỳ lễ vào tháng bảy
Có thể nêu rõ lí do dân Y-sơ-ra-ên phải sống trong các lều tạm. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Môi-se phải lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên sống trong các lều tạm trong suốt tháng đó, để nhớ rằng tổ phụ của họ đã từng sống trong các lều tạm khi họ sống trong đồng vắng"
tháng bảy
Đây là tháng thứ bảy theo lịch của người Hê-bơ-rơ, nhằm vào khoảng cuối tháng chín đầu tháng mười theo lịch phương Tây.
Họ phải rao truyền
"Họ phải thông báo"
cây sim
một loại cây có lá màu xanh đậm và hoa màu trắng, thường được dùng để làm nước hoa. Đây là một biểu tượng của hòa bình và hạnh phúc.
những cây rậm lá
"những loại cây có tám lá rậm rạp"
để làm lều tạm
"để làm những căn lều chỉ tồn tại được trong kỳ lễ nầy mà thôi"
như đã được viết
Cụm từ bị động nầy có thể được dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "như Môi-se đã viết về việc nầy"
Nehemiah 8:16
nơi quảng trường trước cổng Nước
"trong quảng trường trước Cổng Nước"
trong quảng trường tại cổng Ép-ra-im
"trong khu vực trống trải tại cổng Ép-ra-im"
Cổng Nước ... Cổng Ép-ra-im
Đây là tên của những cổng ra vào tường thành.
Giô-suê ... Nun
Đây đều là tên của nam.
Và đó là một niềm vui lớn
"Và dân sự rất vui mừng"
Nehemiah 8:18
vào ngày thứ tám có một cuộc hội họp trọng thể
"vào ngày thứ họ triệu tập dân chúng lại"
ngày thứ tám
"ngày thứ 8"
tuân theo luật định
"như Đức Chúa Trời đã ra lệnh"

Translation Questions

Nehemiah 8:2
Những ai đã tập hợp lại để lắng nghe nghe đọc sách luật pháp?
Hội chúng cả nam lẫn nữ, cùng tất cả những người có thể hiểu được đều tập hợp lại để nghe đọc sách luật pháp.
Nehemiah 8:3
Những ai đã tập hợp lại để lắng nghe nghe đọc sách luật pháp?
Hội chúng cả nam lẫn nữ, cùng tất cả những người có thể hiểu được đều tập hợp lại để nghe đọc sách luật pháp.
Nehemiah 8:5
Ai đã đọc sách luật pháp của Đức Chúa Trời?
E-xơ-ra, những người đứng bên cạnh ông, và người Lê-vi đọc những điều trong sách đó.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nehemiah 8:7

Tại sao E-xơ-ra, những người khác đứng bên cạnh ông, và người Lê-vi phải giải thích và trình bày ý nghĩa của sách?

Họ đã phải giải thích và trình bày ý nghĩa của sách để dân chúng có thể hiểu những lời họ đọc.

Nehemiah 8:8

Tại sao E-xơ-ra, những người khác đứng bên cạnh ông, và người Lê-vi phải giải thích và trình bày ý nghĩa của sách?

Họ đã phải giải thích và trình bày ý nghĩa của sách để dân chúng có thể hiểu những lời họ đọc.

Nehemiah 8:9

Tại sao Nê-hê-mi, E-xơ-ra, và người Lê-vi lệnh cho hết thảy dân chúng phải vui mừng ngợi khen chứ không được than khóc?

Họ được lệnh phải vui mừng hớn hở chứ không được than khóc bởi vì ngày nầy là thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ và rằng sự vui vẻ về Đức Giê-hô-va là sức mạnh của họ.

Nehemiah 8:10

Tại sao Nê-hê-mi, E-xơ-ra, và người Lê-vi lệnh cho hết thảy dân chúng phải vui mừng ngợi khen chứ không được than khóc?

Họ được lệnh phải vui mừng hớn hở chứ không được than khóc bởi vì ngày nầy là thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ và rằng sự vui vẻ về Đức Giê-hô-va là sức mạnh của họ.

Nehemiah 8:13

Các trưởng tộc, các thầy tế lễ, và người Lê-vi có được sự hiểu biết gì khi họ đến cùng nghe để nghe E-xơ-ra?

Họ học biết rằng Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên phải ở trong các lều tạm suốt kỳ lễ vào tháng bảy.

Nehemiah 8:14

Các trưởng tộc, các thầy tế lễ, và người Lê-vi có được sự hiểu biết gì khi họ đến cùng nghe để nghe E-xơ-ra?

Họ học biết rằng Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên phải ở trong các lều tạm suốt kỳ lễ vào tháng bảy.

Nehemiah 8:16

Dân sự dựng lều ở đâu để tổ chức kỳ lễ?

Dân sự lều tạm trên mái nhà mình, ngoài sân, trong hành lang của đền Đức Chúa Trời, nơi quảng trường trước cổng Nước và quảng trường trước cổng Ép-ra-im..

Nehemiah 8:17

Dân sự dựng lều ở đâu để tổ chức kỳ lễ?

Dân sự lều tạm trên mái nhà mình, ngoài sân, trong hành lang của đền Đức Chúa Trời, nơi quảng trường trước cổng Nước và quảng trường trước cổng Ép-ra-im..

Lần cuối cùng dân Y-sơ-ra-ên đã vâng lệnh Đức Giê-hô-va mà tổ chức kỳ lễ nầy là khi nào?

Lần cuối cùng mà kỳ lễ nầy được tổ chức là vào thời của Giô-suê, con trai của Nun.

Nehemiah 8:18

Tại sao dân sự lại nhóm họp lại với nhau từ ngày đầu đến ngày cuối của tháng thứ bảy?

Dân sự nhóm họp lại để nghe lời của sách luật pháp.

Chapter 9

Nehemiah 9:1

Vào ngày hai mươi bốn tháng ấy

"ngày hai mươi bốn tháng bảy", gần với giữa tháng Mười theo lịch phương Tây.

dân Y-sơ-ra-ên được nhóm lại

"dân Y-sơ-ra-ên nhóm lại"

họ mặc vải sô và họ rải bụi đất trên đầu mình

Câu nầy được sắp xếp theo trật từ để cho thấy dân sự thực sự hối hận ra sao vì những việc sai trái mà họ và tổ phụ của họ đã làm.

Con cháu Y-sơ-ra-ên

"các con trai và con gái Y-sơ-ra-ên" hoặc "dân Y-sơ-ra-ên"

đã tách biệt mình những khỏi người ngoại

"đã phân rẽ mình khỏi những người không phải là con trai con gái của Y-sơ-ra-ên"

Họ đứng dậy xưng tội lỗi của mình cùng những việc làm gian ác của tổ phụ mình

"Họ thừa nhận những việc làm sai trái mà mình và các tổ phụ của mình đã làm" done"

Nehemiah 9:3

Họ đứng tại chỗ

Đại từ "họ" ở đây chỉ về hết thảy những người Y-sơ-ra-ên.

họ xưng tội

"họ đang thừa nhận những việc làm gian ác mà mình đã phạm"

và cúi mình xuống trước

"và thờ phượng" hoặc "và ngợi khen"

Người Lê-vi, Giê-sua, Ba-ni ... đứng trên bục

"Giê-sua, Ba-ni ... đứng trên bục dành cho người Lê-vi"

Giê-sua, Ba-ni, Cát-mi-ên, Sê-ba-nia, Bun-ni, Sê-rê-bia, Ba-ni và Kê-na-ni

Đây đều là tên của nam Lê-vi

họ kêu cầu

Đại từ "họ" ở đây chỉ về người Lê-vi: Giê-sua, Ba-ni, Cát-mi-ên, Sê-ba-nia, Bun-ni, Sê-rê-bia, Ba-ni, và Kê-na-ni.

Nehemiah 9:5

Kế đó, người Lê-vi ... nói: "Hãy đứng dậy"

Ở đây người Lê-vi đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

ngợi khen Đức Giê-hô-va

"tôn vinh Đức Giê-hô-va"

Giê-sua, và Cát-mi-ên, Ba-ni, Ha-sáp-nia, Sê-rê-bia, Hô-đia, Sê-ba-nia, và Phê-ta-hia

Đây là tên của những người nam.

vĩnh hằng

Đây là cách nói nhấn mạnh cho ý "cho đến đời đời" hoặc "cho đến muôn đời". Y-sơ-ra-ên được khuyến khích phải ngợi khen Đức Giê-hô-va cho đến đời đời.

Nguyện người ta tụng ca danh vinh hiển của Ngài

Ở đây người Lê-vi đang nói về Đức Giê-hô-va. Cụm từ "ngươi ta" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, và "của Ngài" chỉ về dân Đức Giê-hô-va.

Chúa đã dựng nên các tầng trời

"Ngài đã dựng nên các từng trời"

các tầng trời, các tầng trời cao ngất

Đây là một cách nói nhấn mạnh cho "cả vũ trụ" hoặc "bầu trời và mọi thứ ở trên cả bầu trời"

cùng toàn cơ binh của chúng

Cách nói nầy có thể chỉ về toàn bộ sao trên các từng thời hoặc thực sự là chỉ về các thiên sứ. Câu nầy chỉ về mọi thứ trong cả vũ trụ. Tham khảo cách dịch: "cùng toàn bộ cơ binh của nó" hoặc "mọi thứ trên các từng trời"

các cơ binh trên các tầng trời

Tham khảo cách dịch: "các cơ binh trên các từng trời" hoặc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"các đám đông trên các từng trời". Cụm từ nầy có thể chỉ về các ngôi sao và các hành tinh hoặc chỉ về chính các thiên sứ.

Nehemiah 9:7

Thông tin chung:

Người Lê-vi tiếp tục lời cầu nguyện của mình trước mặt dân chúng.

đã đem ông ra khi U-rơ của dân Canh-đê

Thông tin ngầm hiểu ở đây là Đức Chúa Trời đã đem Áp-ram đến đất hứa mà sau này gọi là Y-sơ-ra-ên.

ban cho ông tên Áp-ra-ham

Như một phần giao ước của Ngài với Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời bạn cho ông một đặc tính mới. Ở đây, ý nghĩa tên Áp-ram và Áp-ra-ham rất quan trọng. Tham khảo cách dịch: "đổi tên ông thành Áp-ra-ham"

Chúa thấy lòng ông trung thành

Ở đây "lòng của ông"

trước mặt Chúa

"trước mắt Ngài" hoặc "trong sự hiện diện của Ngài"

dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Phê-rê-sít, dân Giê-bu-sít và dân Ghi-rê-ga-sít

Đây là các nhóm dân vốn là con cháu của cùng một tổ phụ và có hung ngôn ngữ cùng như văn hóa. (Xem: [[rc://vi/obe/other/peoplegroup]])

Ngài đã giữ lời hứa mình

"Các lời Ngài là công chính"

Nehemiah 9:9

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa đã thấy nỗi khốn khổ

Ở đây "Chúa" chỉ về Đức Chúa Trời

Ngài đã nghe thấu tiếng kêu khóc

Thông tin ngầm hiểu ở đây là Đức Chúa Trời đã hành động vì cớ tiếng kêu cầu của dân Y-sơ-ra-ên.

những phép mầu và dấu lạ chống lại Pha-ra-ôn

Các tai vạ thử lòng Pha-ra-ôn, và chúng trở thành lời chứng về sự cứng lòng của Pha-ra-ôn. Tham khảo cách dịch: "những phép mầu và dấu lạ làm chứng nghịch cùng Pha-ra-ôn" hoặc "những phép mầu và dấu lạ làm chứng nghịch cùng Pha-ra-ôn" và "những phép mầu và dấu lạ làm chứng nghịch lại cùng Pha-ra-ôn" hoặc "những phép mầu và dấu lạ kết tội Pha-ra-ôn"

toàn dân trong lãnh thổ mình

"toàn thể dân Ai Cập"

chúng đã đối đãi họ một cách kiêu căng

"kiêu căng với người Y-sơ-ra-ên" hoặc "đã ngược đãi dân được chọn của Đức Chúa Trời"

Ngài đã tạo cho mình một danh

Đây là một cách nói khác, "Ngài đã khiến cho cả thế giới biết đến danh Ngài" hoặc "Ngài đã bày tỏ năng quyền của mình"

vẫn còn cho đến ngày nay

"người ta vẫn còn nhớ" hoặc "vẫn tồn tại cho đến tận bây giờ"

Nehemiah 9:11

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Và Chúa rẽ biển

Ở đây "Chúa" chỉ về Đức Chúa Trời. Người Lê-vi đang kể lại câu chuyện rời khỏi Ai Cập.

rẽ

"phân ra" hoặc "rẽ ra"

Ngài... ném những kẻ đuổi theo họ xuống dưới vực sâu, như ném đá xuống nước sâu

Trong phép so sánh nầy, tác giả mô tả Đức Chúa Trời ném người Ai Cập xuống dưới biển như một người ném một hòn đá xuống nước.

Nehemiah 9:12

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài đã dẫn họ

Ở đây "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va, và "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên xưa.

để chiếu sáng con đường họ đi để họ có thể bước đi trong ánh sáng của nó

Tham khảo cách dịch: "để chiếu sáng con đường họ đi"

Chúa ngự xuống

Khi Đức Chúa Trời phán với dân sự của Ngài, Ngài được được mô tả là đang "ngự xuống" hoặc "ngự xuống từ trời". Đây là một cách nói tượng hình để nói rằng Đức Chúa Trời đã hiện ra với người đó. Tham khảo cách dịch: "Ngài đã hiện ra" hoặc "Ngài đã ngự xuống từ trời"

những luật lệ công chính và quy định ngay thẳng, những quy tắc và điều răn tốt lành

Cả hai cụm từ đôi này đều cùng mô tả một điều: luật pháp của Môi-se.

Nehemiah 9:14

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

những điều răn, quy tắc và luật pháp

Cả ba từ nầy đều chỉ về luật pháp Môi-se.

vào nhận lấy đất

"vào vùng đất Y-sơ-ra-ên" hoặc "vào đất hứa"

Nehemiah 9:16

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Nhưng họ và tổ phụ của chúng con

Ở đây "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời của Môi-se, và "của chúng ta" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Họ đã cứng cổ... trở nên cứng đầu cứng cổ

Cách nói theo đúng nghĩa đen của câu nầy là "họ đã cứng cổ mình"

các phép lạ mà Chúa đã làm giữa họ

"các phép lạ mà Chúa đã làm giữa họ"

Họ chọn một người lãnh đạo để trở về cảnh nô lệ

"Họ đã chọn một người lãnh đạo để đưa họ trở lại cảnh nô lệ". Sau khi cuộc Xuất hành khỏi Ai Cập, người Y-sơ-ra-ên đã nói về việc lập một người lãnh đạo như thế. (Xem: NUM14:04

Đấng đầy sự tha thứ

"Đấng sẵn lòng tha thứ"

Nehemiah 9:18

Thông tin chung:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài không hề từ bỏ họ ngay cả khi họ đã đúc một pho tượng hình con bê bằng kim loại nấu chảy rồi nói rằng: "Đấy chính là Đức Chúa Trời, là Đấng đã đem các ngươi ra khỏi Ai Cập, trong lúc họ đã xúc phạm nặng nề đến Chúa. Và Chúa bởi lòng thương xót của Ngài đã không từ bỏ họ trong đồng vắng.

"Ngay cả khi họ dùng kim loại nấu chảy để đúc tượng con bê và nói rằng: "Đây chính là Đức Chúa Trời, Đấng đã đem các ngươi ra khỏi Ai Cập" để rồi xúc phạm nặng nề đến Chúa, nhưng Ngài bởi lòng thương xót của Ngài đã không bỏ họ lại trong đồng vắng"

Ngài không hề từ bỏ họ

Ở đây "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va, và "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời của Môi-se.

đúc một con bê từ kim loại nấu chảy

"đúc tượng một con về kim loại nấu chảy"

Trụ mây... trụ lửa

Xem NEH09:12

con đường

"bước đường" hoặc "con đường"

Nehemiah 9:20

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa cũng ban cho họ Thần Linh tốt lành của Chúa để chỉ dẫn họ

Ở đây "Chúa" và "của Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va, và "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời Môi-se.

và bánh ma-na của Ngài cũng không hề bị cất khỏi miệng họ

"và Ngài không cất bánh ma-na khỏi miệng họ"

hướng dẫn

"dạy dỗ"

Nehemiah 9:22

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa bạn cho họ các vương quốc

Ở đây "Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va, và "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời Môi-se.

Chúa đã phân phát cho họ các vùng đất ở mọi vùng miền xa xôi

"Chúa đã ban cho họ quyền sở hữu các vùng đất ở mọi hướng"

Si-hôn... Óc

Đây là tên của các vị vua.

Hết-bôn... Ba-san

Đây là tên của các địa điểm.

Nehemiah 9:23

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa đã làm cho con cháu của họ đông như sao trên trời

"Chúa đã gia tăng số con cháu của họ đông như sao trên trời"

Chúa khiến... của họ

Ở đây "Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va, và "của họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời Môi-se.

Ngài đem họ vào xứ mà Chúa đã phán với tổ phụ họ rằng họ sẽ vào chiếm lấy xứ ấy

"Ngài đem họ vào xứ mà Ngài đã phán bảo tổ phụ của họ hãy vào và chiếm lấy"

Chúa đã phó chúng và những vua chúng nó cùng các dân tộc của xứ vào tay của họ

Ở đây, "chúng" chỉ về dân Ca-na-an, và "của họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. "Ngài đã nộp các vua Ca-na-an cùng dân của chúng vào tay họ"

Nehemiah 9:25

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Họ chiếm lấy

Ở đây "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời Môi-se.

một vùng đất màu mỡ

"một vùng đất tốt"

họ ăn no nê và thỏa lòng

"họ ăn no nê thỏa thích và trở nên béo tốt"

Nehemiah 9:26

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Họ vứt bỏ sau lưng luật pháp Ngài

Đây là một cách nói của người Hê-bơ-rơ, có nghĩa là: "Họ coi thương luật pháp của Ngài" hoặc "Họ không hề chú ý đến luật pháp của Ngài"

Họ ném bỏ luật pháp của Ngài

Cụm từ "Họ" chỉ Họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, và "của Ngài" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa phó họ vào tay của

Đây là một cách nói có nghĩa là "Ngài đặt họ dưới quyền cai trị của"

tay các kẻ thù của họ

Ở đây, cụm từ "tay"

nhiều lần Ngài đã giải cứu họ khỏi tay các kẻ thù mình vì cớ lòng nhân từ lớn lao của Ngài

"vì lòng nhân từ rất lớn của mình, Ngài đã giải cứu họ khỏi tay các kẻ thù của họ"

Nehemiah 9:28

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

sau khi họ được nghỉ ngơi, họ lại làm những việc ác nữa trước mặt Ngài

Ở đây "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên và "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Chúa đã phó mặc họ vào tay các kẻ thù của họ

Ở đây cụm từ "tay"

để kẻ thù cai trị trên họ

"để kẻ thù của họ chế ngự họ"

không nghe theo các mạng lệnh của Ngài

"không vâng theo các mạng lệnh của Ngài"

các luật lệ của Ngài đem lại sự sống

Các luật lệ nầy không đem lại sự sống nhưng chính việc vâng theo các luật lệ đó khiến cho Đức Chúa Trời ban phước cho những người vâng phục chúng. person.

Họ không vâng giữ chúng

Ở đây "chúng" chỉ về các luật lệ của Đức Giê-hô-va.

nhưng họ không chú ý đến chúng

Cụm từ "chúng" chỉ về các luật lệ của Đức Giê-hô-va.

"nhưng họ lại cứng đầu cứng cổ mà xây lưng lại"

và họ không chịu nghe theo chúng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"và không chịu vâng phục"
Nehemiah 9:30
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.
Ngài phó họ vào tay của
Đây là một cách nói có nghĩa là "Ngài đặt họ dưới quyền cai trị của"
Ngài phó
Ở đây "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.
Chúa không tận diệt họ
Tham khảo cách dịch: "Chúa đã không hủy diệt họ"
Nehemiah 9:32
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.
Vậy bây giờ, lạy Đức Chúa Trời của chúng con, là Đức Chúa Trời vĩ đại, quyền năng, đáng kính sợ, Đấng giữ giao ước và tình yêu thương kiên định của Ngài
"Vậy, bây giờ, lạy Đức Chúa Trời chúng con, Ngài là Đấng vĩ đại, quyền năng, đáng kính sợ và Ngài giữ giao ước và tình yêu thương kiên định của Ngài"
Xin đừng xem nhẹ nỗi khốn khổ đã giáng trên chúng con... cho đến ngày nay
Có thể chia câu nầy thành hai câu riêng biệt. "Xin đừng xem nhẹ nỗi khổ khổ nầy. Nỗi khốn khổ đã giáng trên chúng con... cho đến ngày nay."
Chúa thật là công bình trong mọi việc xảy đến cho chúng con
"Chúa công bình khi giáng những nỗi khốn khổ này trên chúng con"
còn chúng con làm điều gian ác
"nhưng chúng con lại hành động cách gian ác"
Nehemiah 9:35
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.
khi họ vui hưởng biết bao điều tốt lành
"trong khi họ vui hưởng sự giàu có trong cuộc sống mà Ngài đã ban"
họ không phụng sự Chúa
"họ không vâng theo những luật pháp hay lời dạy dỗ của Ngài"
Nehemiah 9:36
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.
để hưởng hoa quả mà những thổ sản tốt tươi của nó
"để hưởng hoa quả và thổ sản của nó"
Những hoa lợi dư dật từ đất của chúng con đã thuộc về các vua
Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi nộp cống vật cho các vua vì họ cai trị trên đất của chúng con"
Họ có quyền trên thân thể và bầy súc vật của chúng con như họ muốn
"Họ" chỉ về các vị vua kia.
Nehemiah 9:38
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.
Vì tất cả những lẽ đó
"những lẽ đó" chỉ về những ghi chép của người Lê-vi về những sự bất tuân của dân Y-sơ-ra-ên và hình phạt của Đức Giê-hô-va đã được kể ra trong chương trước.

Translation Questions

Nehemiah 9:1
Về tổng thể, dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì khi họ nhóm họp lại vào ngày hai mươi bốn tháng ấy?
Dân Y-sơ-ra-ên nhóm lại kiêng ăn, mặc vải sô và rải bụi đất trên đầu. Những người thuộc dòng giống Y-sơ-ra-ên đã tách biệt khỏi người ngoại đều đứng dậy xưng tội lỗi của mình và sự gian ác của tổ phụ mình.
Nehemiah 9:2
Về tổng thể, dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì khi họ nhóm họp lại vào ngày hai mươi bốn tháng ấy?
Dân Y-sơ-ra-ên nhóm lại kiêng ăn, mặc vải sô và rải bụi đất trên đầu. Những người thuộc dòng giống Y-sơ-ra-ên đã tách biệt khỏi người ngoại đều đứng dậy xưng tội lỗi của mình và sự gian ác của tổ phụ mình.
Nehemiah 9:5
Dân sự đã nói gì về Đức Giê-hô-va?
Dân sự nhìn nhận chỉ mình Ngài là Đức Giê-hô-va, Ngài đã dựng nên trời, đất, biển và muôn vật ở trong đó, và cũng ban cho chúng sự sống.
Nehemiah 9:6
Dân sự đã nói gì về Đức Giê-hô-va?
Dân sự nhìn nhận chỉ mình Ngài là Đức Giê-hô-va, Ngài đã dựng nên trời, đất, biển và muôn vật ở trong đó, và cũng ban cho chúng sự sống.
Nehemiah 9:7
Dân sự còn nói gì về Đức Giê-hô-va liên quan đến Áp-ram?
Dân sự nói rằng Đức Giê-hô-va đã chọn Áp-ram, đã đổi tên ông thành Áp-ra-ham. và lập giao ước với ông rằng Ngài sẽ ban cho dòng dõi ông đất nầy.
Nehemiah 9:8
Dân sự còn nói gì về Đức Giê-hô-va liên quan đến Áp-ram?
Dân sự nói rằng Đức Giê-hô-va đã chọn Áp-ram, đã đổi tên ông thành Áp-ra-ham. và lập giao ước với ông rằng Ngài sẽ ban cho dòng dõi ông đất nầy.
Nehemiah 9:9
Dân sự ca ngợi Đức Giê-hô-va đã giữ lời hứa của Ngài với họ ra sao?
Dân sự nói về cách Đức Giê-hô-va đã đem cha ông họ ra khỏi xứ Ai Cập, ban cho họ những phép mầu dấu lạ chống lại Pha-ra-ôn cùng toàn dân của vua đó, cũng đã cứu tổ phụ họ tại Biển Đỏ.
Nehemiah 9:10
Dân sự ca ngợi Đức Giê-hô-va đã giữ lời hứa của Ngài với họ ra sao?
Dân sự nói về cách Đức Giê-hô-va đã đem cha ông họ ra khỏi xứ Ai Cập, ban cho họ những phép mầu dấu lạ chống lại Pha-ra-ôn cùng toàn dân của vua đó, cũng đã cứu tổ phụ họ tại Biển Đỏ.
Nehemiah 9:11
Dân sự đã nói gì về những việc Đức Giê-hô-va đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên ở Biển Đỏ?
Đức Giê-hô-va đã rẽ biển để họ có thể đi ngang qua trên đất khô, và rồi Ngài khiến biển trở lại ập trên những kẻ đang đuổi theo họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nehemiah 9:12
Họ còn nói Đức Giê-hô-va chăm sóc dân Y-sơ-ra-ên theo những cách nào nữa?
Ban ngày Đức Giê-hô-va dẫn dắt họ bằng trụ mây và ban đêm bằng trụ lửa, và tại trên núi Si-na-i, Chúa đã ban cho họ những mạng lệnh của Ngài.
Nehemiah 9:13
Họ còn nói Đức Giê-hô-va chăm sóc dân Y-sơ-ra-ên theo những cách nào nữa?
Ban ngày Đức Giê-hô-va dẫn dắt họ bằng trụ mây và ban đêm bằng trụ lửa, và tại trên núi Si-na-i, Chúa đã ban cho họ những mạng lệnh của Ngài.
Nehemiah 9:14
Dân sự còn nói Đức Giê-hô-va đã chu cấp cho các tổ phụ của họ ra sao nữa?
Đức Giê-hô-va khiến họ biết ngày sa-bát thánh của Chúa, ban cho họ bánh từ trời, nước từ hòn đá và truyền bảo họ vào nhận lấy đất mà Chúa đã hứa ban cho họ.
Nehemiah 9:15
Dân sự còn nói Đức Giê-hô-va đã chu cấp cho các tổ phụ của họ ra sao nữa?
Đức Giê-hô-va khiến họ biết ngày sa-bát thánh của Chúa, ban cho họ bánh từ trời, nước từ hòn đá và truyền bảo họ vào nhận lấy đất mà Chúa đã hứa ban cho họ.
Nehemiah 9:16
Dân Y-sơ-ra-ên và tổ phụ của họ đã cư xử ra sao với Đức Chúa Trời?
Dân Y-sơ-ra-ên bất kính, cứng cổ, không chịu lắng nghe, nổi loạn và còn chọn một người lãnh đạo để đưa họ trở về cảnh nô lệ.
Tại sao Đức Chúa Trời không từ bỏ dân Y-sơ-ra-ên khi họ bất kính, cứng cổ, nổi loạn và không vâng lời như vậy?
Đức Chúa Trời không từ bỏ dân Y-sơ-ra-ên bởi vì Ngài là Đức Chúa Trời đầy dẫy sự tha thứ, nhân từ, thương xót, chậm nóng giận và giàu lòng yêu thương không hề thay đổi.
Nehemiah 9:17
Dân Y-sơ-ra-ên và tổ phụ của họ đã cư xử ra sao với Đức Chúa Trời?
Dân Y-sơ-ra-ên bất kính, cứng cổ, không chịu lắng nghe, nổi loạn và còn chọn một người lãnh đạo để đưa họ trở về cảnh nô lệ.
Tại sao Đức Chúa Trời không từ bỏ dân Y-sơ-ra-ên khi họ bất kính, cứng cổ, nổi loạn và không vâng lời như vậy?
Đức Chúa Trời không từ bỏ dân Y-sơ-ra-ên bởi vì Ngài là Đức Chúa Trời đầy dẫy sự tha thứ, nhân từ, thương xót, chậm nóng giận và giàu lòng yêu thương không hề thay đổi.
Nehemiah 9:20
Dân sự làm rõ Đức Chúa Trời đã chu cấp cho tổ phụ của họ suốt bốn mươi năm trong hoang mạc ra sao?
Đức Giê-hô-va đã ban Thần của Ngài để hướng dẫn họ, ban cho họ đồ ăn nước uống;quần áo họ không cũ rách và chân họ không phù lên.
Nehemiah 9:21
Dân sự làm rõ Đức Chúa Trời đã chu cấp cho tổ phụ của họ suốt bốn mươi năm trong hoang mạc ra sao?
Đức Giê-hô-va đã ban Thần của Ngài để hướng dẫn họ, ban cho họ đồ ăn nước uống;quần áo họ không cũ rách và chân họ không phù lên.
Nehemiah 9:23
Dân sự nhớ lại điều gì đã xảy ra sau khi tổ phụ của họ đã ở trong đồng vắng?
Dân sự nhớ lại rằng Đức Giê-hô-va đã làm cho dòng dõi họ đông đúc, và bảo họ đi vào chiếm lấy xứ mà Ngài đã hứa với họ,và đã khuất phục dân Ca-na-an.
Nehemiah 9:24
Dân sự nhớ lại điều gì đã xảy ra sau khi tổ phụ của họ đã ở trong đồng vắng?
Dân sự nhớ lại rằng Đức Giê-hô-va đã làm cho dòng dõi họ đông đúc, và bảo họ đi vào chiếm lấy xứ mà Ngài đã hứa với họ,và đã khuất phục dân Ca-na-an.
Nehemiah 9:25
Dân Y-sơ-ra-ên đã sống ra sao sau khi nhận lấy xứ mà Đức Chúa Trời đã hứa cho họ?
Dân Y-sơ-ra-ên đã chiếm lấy xứ đó và họ vui hưởng tất cả những điều đó trong sự tốt lành của Đức Chúa Trời.
Nehemiah 9:26
Dân sự đã nói rằng Đức Giê-hô-va đã làm gì cho các tổ phụ của họ và tổ tiên họ sau khi họ trở nên không vâng lời và nổi loạn chống ngịch Chúa?
Đức Giê-hô-va phó họ vào tay các kẻ thù, và chúng hà hiếp họ.
Nehemiah 9:27
Dân sự đã nói rằng Đức Giê-hô-va đã làm gì cho các tổ phụ của họ và tổ tiên họ sau khi họ trở nên không vâng lời và nổi loạn chống ngịch Chúa?
Đức Giê-hô-va phó họ vào tay các kẻ thù, và chúng hà hiếp họ.
Khi dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu cùng Đức Chúa Trời thì Đức Chúa Trời đã làm gì cho họ vì cớ sự lòng thương xót rất lớn của Ngài?
Đức Chúa Trời đã nhiều lần giải cứu họ khỏi kẻ thù.
Nehemiah 9:37
Tại sao những hoa lợi dư dật trong xứ của người Y-sơ-ra-ên lại thuộc về các vua mà Đức Chúa Trời đã lập trên họ?
Những hoa lợi dư dật trong xứ thuộc về các vua của họ bởi vì cớ những tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên.
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên lại rất đỗi buồn rầu?
dân Y-sơ-ra-ên rất đỗi buồn phiền bởi vì các vua của họ có quyền trên thân thể và bầy súc vật của họ, muốn làm gì thì làm.
Nehemiah 9:38
Trong khi buồn rầu rất lớn ấy, dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì?
Dân Y-sơ-ra-ên đã viết thành văn một giao ước chắc chắn với Đức Giê-hô-va.
Tên của ai đã được ghi trên giao ước đã đóng ấn đó?
Tên của các nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên, người Lê-vi, và các thầy tế lễ đã được viết trên giao ước đã đóng ấn đó.

Chapter 10
Nehemiah 10:1
Nê-hê-mi ... Ha-ca-lia ... Xê-đê-kia, Sê-ra-gia, A-xa-ria, Giê-rê-mi, Phát-hua, A-ma-ria, Manh-ki-gia
Đây đều là tên của nam.
Nehemiah 10:4
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, Nê-hê-mi liệt kê danh sách của các thầy tế lễ đã đóng dấu mình trong giao ước đó. (Xem NEH10:01
Hát-túc, Sê-ba-nia, Ma-lúc, Ha-rim, Mê-rê-mốt, Ô-ba-đia, Đa-ni-ên, Ghi-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nê-thôn, Ba-rúc, Mê-su-lam, A-bi-gia, Mi-gia-min, Ma-a-xia, Binh-gai, Sê-ma-gia
Đây đều là tên của những người nam.
Đó là các thầy tế lễ
Câu nầy chỉ về danh sách những người đã kí những tài liệu kia. Tham khảo cách dịch: "Đó là tên của các thầy tế lễ đã đóng dấu mình trong giao ước ấy".
Nehemiah 10:9
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, Nê-hê-mi tiếp tục danh sách những người đã đóng dấu vào những giao ước đã niêm yết đó.
Giê-sua ... A-xa-nia ... Bin-nui ... Hê-na-đát ... Cát-mi-ên ... Sê-ba-nia ... Hô-đia ... Kê-li-ta ... Phê-la-gia ... Ha-nan ... Mi-chê ... Rê-hốp ... Ha-sa-bia ... Xác-cua ... Sê-rê-bia ... Sê-ba-nia ... Hô-đia ... Ba-ni ... Bê-ni-nu ... Pha-rốt ... Pha-hát Mô-áp ... Ê-lam ... Xát-tu ... Ba-ni
Đây đều là tên của những người nam .
Những nười Lê-vi gồm có
"Những người Lê-vi đã đóng ấn trên giao ước gồm có"
Các thủ lĩnh của dân chúng gồm có
"Những người lãnh đạo của dân chúng đãđóng ấn vào giao ước gồm có"
Nehemiah 10:15
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, Nê-hê-mi tiếp tục danh sách những người đã đóng dấu vào những giao ước đã niêm yết đó.
Bun-ni, A-gát, Bê-bai ... A-đô-ni-gia, Biết-vai, A-đin ... A-te, Ê-xê-chia, A-xu-rơ ... Hô-đia, Ha-sum, Bết-sai ... Ha-ríp, A-na-tốt, Nê-bai ... Bác-bi-ách, Mê-su-lam, Hê-xia ... Mê-sê-xa-lê-ên, Xa-đốc, Gia-đua
Đây đều là tên của những người nam .
Nehemiah 10:22
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, Nê-hê-mi tiếp tục danh sách những người đã đóng dấu vào những giao ước đã niêm yết đó.
Phê-la-tia ... A-na-gia
Đây đều là tên của những người nam .
Nehemiah 10:28
những người gác cổng
Đây là những người lo việc mở cổng thành và kiểm soát những người ra vào thành. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NEH07:01
các ca sĩ
"các ca sĩ đền thờ"
tất cả những người đã tự tách biệt mình ra khỏi các dân trong xứ để hết lòng vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời
Tham khảo cách dịch: "tất cả những người đã tách biệt mình ra vì luật pháp của Đức Chúa Trời"
tất cả những người đã tự tách biệt mình
Cụm từ nầy chỉ về những cuộc nhóm lại tách biệt của dân Do Thái trong NEH09:01
tất cả những người có tri thức và sự hiểu biết
Có thể làm rõ cụm từ nầy. Tham khảo cách dịch: "tất cả những người đủ từng trải để hiểu được những hứa hẹn khi vâng phục Đức Chúa Trời có nghĩa là gì"
các quý tộc
"nhóm dân là các thành viên của tầng lớp xã hội cao nhất"
buộc mình với cả lời rủa sả và thề nguyện
Người dân không buộc người mình vào lời rủa sả hoặc lời thề theo nghĩa đen. Cụm từ "lời rủa sả và thề nguyện" là một cách nói ẩn dụ cho "lời thề nguyện trọng thể". Tham khảo cách dịch: "lập lời thề nguyện trọng thể"
lời rủa sả và thề nguyện
Những từ nầy có liên hệ với nhau. "lời thề nguyện" là một lời hứa trọng thể sẽ làm một việc gì đó và "lời rủa sả" chỉ về những điều tồi tệ sẽ xảy ra nếu như họ phá vỡ lời thề mà mình đã lập.
để bước đi trong luật pháp của Đức Chúa Trời
"để vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời"
để tuân theo
"để làm theo"
Nehemiah 10:30
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, dân sự đang mô tả nội dung lời thề mà họ lập ra trong NEH10:28
Chúng con hứa rằng chúng con sẽ không gả các con gái chúng con cho dân địa phương hay cưới con gái của chúng cho con trai chúng con
"Chúng con cam kết sẽ không cho phép con trai con gái chúng tôi cưới dân địa phương là những người không vâng phục Đức Giê-hô-va"
Chúng con hứa... chúng con sẽ không gả.... chúng con sẽ không mua... chúng con sẽ để... chúng con sẽ xóa bỏ
Đại từ "chúng con" ở đây bao gồm Nê-hê-mi và những người Do Thái, không kể những người đọc sách nầy.
chúng con sẽ để cho ruộng đồng mình nghỉ ngơi
"chúng con sẽ không cày bừa trên ruộng mình" hoặc "chúng con sẽ không trồng trọt gì trên ruộng của mình"
chúng con sẽ hủy mọi món nợ mà những người Do Thái đã kí kết
"chúng con sẽ tuyên bố rằng những người Do Thái sẽ không cần phải trả những món nợ mà họ đã mượn của của chúng con"
Nehemiah 10:32
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, những người nầy tiếp tục mô tả nội dung của lời thề mà họ lập ra trong NEH10:28
Chúng con chấp nhận những mạng lệnh đó
Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi tự hứa với mình"
Chúng con chấp nhận
Đại từ "chúng con" ở đây bao gồm tất cả những người Y-sơ-ra-ên không kể các thầy tế lễ và người Lê-vi, không bao gồm những người đọc sách nầy
một phần ba sê-ken
Một sê-ken tương đương với khoảng 11 gr. Tham khảo cách dịch: "1/3 sê-ken"
dùng vào các công việc của đền thờ Đức Chúa Trời
"để chi trả cho công việc chăm sóc đền thờ"
bánh trần thiết
Cụm từ nầy chỉ về 12 ổ bánh nướng không người được đặt ở trong đền thờ và được dùng làm biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời luôn ở với dân sự của Ngài.
những lễ hội trăng mới
Đây là những lễ hội được tổ chức khi mặt trăng chỉ mới ở hình dạng lưỡi liềm nhỏ trên bầu trời.
để làm lễ chuộc tội cho dân Y-sơ-ra-ên
"để chuộc những tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên"
cũng như cho mọi công việc khác trong đền của Đức Chúa Trời chúng con
"cũng như cho công việc chăm lo đền thờ"
Nehemiah 10:34
Thông tin chung:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong những câu nầy, những người nầy tiếp tục mô tả nội dung của lời thề mà họ lập ra trong NEH10:28

dân chúng bắt thăm

"dân chúng tung những viên đá đã được đánh dấu để quyết định xem ai sẽ phải là người chịu trách nhiệm"

Nehemiah 10:37

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, những người nầy tiếp tục mô tả nội dung của lời thề mà họ lập ra trong NEH10:28

Chúng con sẽ đem... chúng con sẽ đem

Đại từ "chúng con" ở đây bao gồm Nê-hê-mi và những người Y-sơ-ra-ên ngoại trừ các thầy tế lễ và những người Lê-vi, và cũng không bao gồm những người đọc sách nầy

bột nhồi đầu tiên của chúng con

Bột nhồi là "bột mịn" hoặc "bột đã được nghiền mịn"

trong kho ở nhà của Đức Chúa Trời

"những nơi trong đền thờ dùng để cất giữ nhiều thứ"

một phần mười thổ sản từ đất của chúng con

Ở đây "đất của chúng con" chỉ về mọi thứ mọc ở trên đất của họ. Tham khảo cách dịch: "một phần mười thổ sản mà chúng tôi đã trồng trên đất của chúng con"

ngân khố

"những phòng nơi các thầy tế lễ cất giữ của cải của đền thờ"

Nehemiah 10:39

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, dân sự xong phần mô tả lời thề mà họ lập ra trong NEH10:28

những phòng kho đó là nơi các vật dụng của đền thánh được cất giữ

Có thể viết lại vế nầy ở thế chủ động. Tham khảo cách dịch: "những phòng là nơi các thầy tế lễ giữ những vật dụng được sử dụng trong đền thờ"

những người gác cổng

Đây là những người lo việc mở cổng thành và kiểm soát những người ra vào thành. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NEH07:01

chúng con sẽ không bỏ bê đền của Đức Chúa Trời chúng con đâu

Câu phủ định kép nầy được dùng để nhấn mạnh rằng ý trái ngược nầy không hề đúng. Tham khảo cách dịch: "Chúng con sẽ chăm lo cho đền thờ"

Chúng con sẽ

Đại từ "chúng con" ở đây chỉ về Nê-hê-mi và toàn thể những người Y-sơ-ra-ên, nhưng không tính những người đọc sách nầy

Translation Questions

Nehemiah 10:28

Ai đã hết lòng vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se?

Những người đã cam kết chính mình hết lòng là những người còn lại trong dân chúng gồm các thầy tế lễ, người Lê-vi, những người gác cổng, các ca sĩ, những người phục vụ trong đền thờ, và hết thảy những người khác đã hết lòng vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời.

Nehemiah 10:29

Ai đã hết lòng vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se?

Những người đã cam kết chính mình hết lòng là những người còn lại trong dân chúng gồm các thầy tế lễ, người Lê-vi, những người gác cổng, các ca sĩ, những người phục vụ trong đền thờ, và hết thảy những người khác đã hết lòng vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời.

Nehemiah 10:30

Họ đã hứa gì với Đức Chúa Trời?

Họ đã hứa sẽ không gả con gái của mình hoặc để con trai mình cưới con gái của dân mà họ đã tách biệt ra; họ cũng sẽ không mua bất cứ hàng hóa nào trong ngày Sa-bát hoặc trong bất cứ ngày thánh nào, và họ sẽ để cho đồng ruộng của mình nghỉ ngơi vào năm thứ bảy.

Nehemiah 10:31

Họ đã hứa gì với Đức Chúa Trời?

Họ đã hứa sẽ không gả con gái của mình hoặc để con trai mình cưới con gái của dân mà họ đã tách biệt ra; họ cũng sẽ không mua bất cứ hàng hóa nào trong ngày Sa-bát hoặc trong bất cứ ngày thánh nào, và họ sẽ để cho đồng ruộng của mình nghỉ ngơi vào năm thứ bảy.

Nehemiah 10:32

Họ đã chấp nhận những mạng lệnh nào?

Họ sẽ dâng tiền, bánh mì, lúa và chu cấp cho mọi của lễ và yến tiệc mỗi năm cho công việc của đền thờ Đức Chúa Trời.

Nehemiah 10:33

Họ đã chấp nhận những mạng lệnh nào?

Họ sẽ dâng tiền, bánh mì, lúa và chu cấp cho mọi của lễ và yến tiệc mỗi năm cho công việc của đền thờ Đức Chúa Trời.

Nehemiah 10:34

Tại sao các thầy tế lễ, người Lê-vi, và dân sự lại bắt thăm về việc dâng củi lửa?

Việc bắt thăm sẽ chọn ra gia đình nào sẽ đem củi vào trong đền thờ của Đức Chúa Trời vào những lần nhất định trong năm.

Nehemiah 10:35

Họ đã hứa sẽ đem gì đến thờ của Đức Giê-hô-va?

Họ hứa sẽ đem hoa lợi đầu mùa, cũng đem con đầu lòng trong các con trai và con đầu đàn của súc vật họ.

Nehemiah 10:36

Họ đã hứa sẽ đem gì đến thờ của Đức Giê-hô-va?

Họ hứa sẽ đem hoa lợi đầu mùa, cũng đem con đầu lòng trong các con trai và con đầu đàn của súc vật họ.

Nehemiah 10:38

Ai đã phải ở cùng người Lê-vi khi người Lê-vi nhận một phần mười?

Một thầy tế lễ, là con cháu của A-rôn, sẽ ở với người Lê-vi đó.

Nehemiah 10:39

Dân Y-sơ-ra-ên và con cháu Lê-vi sẽ đem những sản vật được dâng lên để ở đâu?

Họ sẽ đem những phần dâng hiến đó đến để trong các phòng kho nơi nơi cất giữ các vật dụng của đền thánh, là nơi ở của những thầy tế lễ đang phục vụ, những người gác cổng và các ca sĩ.

Chapter 11

Nehemiah 11:1

dân sự bắt thăm

"dân sự ném các viên đá đã được đánh dấu để quyết định xem ai sẽ là người chịu trách nhiệm"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nehemiah 11:3
trong xứ của mình, bao gồm một số người Y-sơ-ra-ên
"trong xứ của mình: những người Y-sơ-ra-ên"
một số con cháu Giu-đa và Bên-gia-min
"một số người dân Giu-đa và Bên-gia-min"
Những người quê ở Giu-đa bao gồm:
"Con cháu Giu-đa:"
dòng dõi Phê-rết
"từ con cháu Phê-rết"
Bên-gia-min ... A-tha-gia ... U-xia ... Xa-cha-ri ... A-ma-ria ... Sê-pha-tia ... Ma-ha-la-lên ... Phê-rết
Đây đều là tên của nam.
Nehemiah 11:5
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, Nê-hê-mi tiếp tục danh sách những quan chức cấp tỉnh sống tại Giê-ru-sa-lem.
Và có Ma-a-xê-gia
"và Ma-a-xê-gia"
con cháu Phê-rết
"Con cháu Phê-rết"
468. Họ là những người nổi trội
"468 dũng sĩ" hoặc "468 người gan dạ". Xem cách bạn đã dịch những con số nầy trong NEH07:11
Ma-a-xê-gia ... Ba-rúc ... Côn Hô-xê ... Ha-xa-gia ... A-đa-gia ... Giô-gia-ríp ... Xa-cha-ri ... Si-lô-ni ... Phê-rết
Đây đều là tên của nam.
Nehemiah 11:7
Thông tin chung:
Trong những câu nầy, Nê-hê-mi tiếp tục danh sách những quan chức cấp tỉnh sống tại Giê-ru-sa-lem.
Đây là những người từ dòng dõi
"Đây là con cháu"
Bên-gia-min ... Sa-lu ... Mê-su-lam ... Giô-ết ... Phê-đa-gia ... Cô-la-gia ... Ma-a-xê-gia ... Y-thi-ên ... Giê-sai ... Gáp-ba ... Sa-lai ... Giô-ên ... Xiếc-ri ... Giu-đa ... Ha-sê-nua
Đây đều là tên của nam.
tổng cộng là 928 người
Xem cách bạn đã dịch những con số nầy trong NEH07:11
Nehemiah 11:10
Giê-đa-gia ... Giô-gia-ríp ... Gia-kin ... Sê-ra-gia ... Hinh-kia ... Mê-su-lam ... Xa-đốc ... Mê-ra-giốt ... A-hi-túp ... A-đa-gia ... Giê-rô-ham ... Phê-la-lia ... Am-si ... Xa-cha-ri ... Phát-hua ... Manh-ki-gia
Đây đều là tên của những người nam .
người cai trị
"viên chức" hoặc "tổng đốc"
những người làm côn việc của gia tộc mình
"những người làm công việc trong đền thờ"
những người bạn cùng làm việc với mình
"anh em của họ" hoặc "bà con của họ"
822 người
Xem cách bạn đã dịch những con số nầy trong NEH07:11
Nehemiah 11:13
Và có các anh em đồng tộc của ông vốn là các trưởng tộc
"Và anh em của ông đều là các trưởng tộc" hoặc "và bà con của ông đều là trưởng tộc"
các đồng liêu của ông
Ở đây "của ông" chỉ về A-đa-gia, con cháu Giê-rô-ham. (Xem NEH11:10
242 người
Xem cách bạn đã dịch những con số nầy trong NEH07:11
A-mát-sai... A-xa-rên... Ạc-xai... Mê-si-lê-mốt... Y-mê... Xáp-đi-ên... Hát-ghê-đô-lim
Đây đều là tên của nam.
những chiến sĩ mạnh dạn
"những người chiến rĩ gan dạ" hoặc "những người chiến sĩ dũng cảm"
128
Xem cách bạn đã dịch những con số nầy trong NEH07:11
Nehemiah 11:15
Sê-ma-gia ... Ha-súp ... A-ri-kham ... Ha-sa-bia ... Bun-ni ... Sa-bê-thai ... Giô-xa-bát
Đây đều là tên của nam.
Từ các trưởng tộc người Lê-vi có Sa-bê-thai và Giô-xa-bát được giao coi sóc công việc bên ngoài của đền Đức Chúa Trời
"từ các trưởng tộc người Lê-vi có Sa-bê-thai và Giô-xa-bát đảm nhiệm các công việc bên ngoài đền của Đức Chúa Trời"
Nehemiah 11:17
Mát-ta-nia ... Mi-chê ... Xáp-đi ... A-sáp ... Bác-bu-kia ... Áp-đa ... Sa-mua ... Ga-la ... Giê-đu-thun
Đây đều là tên của nam.
những người mở đầu cho việc tạ ơn trong giờ cầu nguyện
Đây là những người hướng dẫn các ca sĩ (Xem UDB).
các đồng liêu của ông
"các anh em của ông"
Trong cả thành thánh có 284 người Lê-vi
"Tất cả người Lê-vi ở trong thành thánh là 284 người" hoặc "Ở đó có tổng cộng 284 người trong thành thánh". Xem cách bạn đã dịch những con số nầy trong NEH07:11
thành thánh
Chỉ về thành Giê-ru-sa-lem
Nehemiah 11:19
những người gác cổng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NEH07:01
A-cúp ... Tanh-môn ... Xi-ha ... Ghít-ba
Đây đều là tên của nam.
những người anh em đồng liêu của họ
"các anh em của họ"
172 người
Xem cách bạn đã dịch những con số nầy trong NEH07:11
Những người phục vụ đền thờ ở tại Ô-phên; Xi-ha và Ghít-ba lãnh đạo những người nầy
" Những người phục vụ đền thờ ở tại Ô-phên; Xi-ha và Ghít-ba lãnh đạo những người làm việc trong đền thờ nầy"
Ô-phên
Đây là tên của một địa danh.
Nehemiah 11:22
Những người chỉ huy trưởng
"Những đốc công"
những người đang phục vụ tại Giê-ru-sa-lem
"tại Giê-ru-sa-lem"
U-xi ... Ba-ni ... Ha-sa-bia ... Mát-ta-nia ... Mi-chê ... A-sáp ... Phê-ta-hia ... Mê-sê-xa-lê-ên ... Xê-ra ... Giu-đa
Đây đều là tên của những người nam .
Họ ở dưới lệnh truyền từ vua
"Vì có lệnh từ vua liên quan đến họ"
bên cạnh vua trong mọi vấn đề liên quan đến dân sự
"bên cạnh vua với vai trò là một người tư vấn cho mọi vấn đề liên quan đến dân Do Thái"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nehemiah 11:25
Ki-ri-át A-ra-ba ... Đi-bôn ... Giê-cáp-xê-ên... Giê-sua ... Mô-la-đa ... Bết Phê-lết ... Hát-sa Su-anh... Bê-e-sê-ba
Đây là tên của các địa điểm.
Nehemiah 11:28
họ sống
Ở đây "họ" chỉ về dân Giu-đa.
Xiếc-lác ... Mê-cô-na ... Ên-rim-môn ... Xô-ra ... Giạt-mút ... Xa-nô-a ... A-đu-lam ... La-ki ... A-xê-ca ... Bê-e-sê-ba ... thung lũng Hin-nôm
Đây là tên của các địa điểm. (

Translation Questions

Nehemiah 11:1
Ai đã sống trong thành thánh của Giê-ru-sa-lem?
Các thủ lĩnh của dân Chúa đều ở tại Giê-ru-sa-lem và dân chúng còn lại bắt thăm để xem ai là người trong số mười người kia sẽ đến ở tại đó.

Nehemiah 11:20
Những người Y-sơ-ra-ên khác, những thầy tế lễ và người Lê-vi đều sống ở đâu?
Họ sống ở các thành của xứ Giu-đa, mỗi người ở trong sản nghiệp mình.

Chapter 12
Nehemiah 12:1
những người đi lên
"từ Ba-by-lôn đến"
với Xô-rô-ba-bên
"dưới sự lãnh đạo của Xô-rô-ba-bên"
Xô-rô-ba-bên ... Sa-anh-thi-ên ... Giê-sua ... Sê-ra-gia ... Giê-rê-mi ... E-xơ-ra ... A-ma-ria ... Ma-lúc ... Hát-túc ... Sê-ca-nia ... Rê-hum ... Mê-rê-mốt
Đây đều là tên của nam.
Nehemiah 12:4
Y-đô ... Ghi-nê-thôi ... A-bi-gia ... Mi-gia-min... Ma-a-đia ... Binh-ga ... Sê-ma-gia ... Giô-gia-ríp ... Giê-đa-gia ... Sa-lu ... A-mốc ... Hinh-kia ... Giê-đa-gia ... Giê-sua.
Đây đều là tên của nam.
Ghi-nê-thôi
Ghi-nê-thôi có thể là một cách ghi khác của Ghi-nê-thôn.
Ma-a-đia
Mô-a-đia có thể là một cách ghi khác của Ma-a-đia.
Nehemiah 12:8
Giê-sua ... Bin-nui ... Cát-mi-ên ... Sê-rê-bia ... Giu-đa ... Mát-ta-nia ... Bác-bu-kia ... U-ni
Đây đều là tên của nam.
Mát-ta-nia ... cùng với anh em mình phụ trách các bài ca cảm tạ Chúa. Bác-bu-kia và U-ni, cùng với anh em của họ đứng đối nhau trong các buổi thờ phượng
Câu nầy có nghĩa là một người hướng dân hai nhóm ca sĩ trong hình thức hát "đối đáp"
Nehemiah 12:10
Giê-sua ... Giô-gia-kim ... Ê-li-a-síp ... Giô-gia-đa ... Giô-na-than ... Gia-đua
Đây đều là tên của nam. (Xem:
Nehemiah 12:12
Đây là các thầy tế lễ đồng thời cũng là các trưởng tộc trong đời Giô-gia-kim: Mê-ra-gia trưởng tộc Sê-rê-gia… Giô-sép trưởng tộc Sê-ba-nia
Đây là những người đại diện cho mỗi gia tộc.
Giô-gia-kim ... Mê-ra-gia ... Sê-ra-gia, Ha-na-nia ... Giê-rê-mi, Mê-su-lam ... E-xơ-ra, Giê-hô-na-nan ... A-ma-ria ... Giô-na-than ... Ma-lúc ... Giô-sép ... Sê-ba-nia
Đây đều là tên của nam.
Nehemiah 12:15
Át-na trưởng tộc Ha-rim… và Nê-tha-nên trưởng tộc Giê-đa-gia
Tiếp tục phần danh sách các trưởng tộc đại diện cho các gia tộc.
Mê-su-lam trưởng tộc Ghi-nê-thôn
Ghi-nê-thôn có thể là một cách ghi khác của Ghi-nê-thôi.
gia tộc Min-gia-min
Do sai sót, nên bản Kinh Thánh Hê-bơ-rơ đã sót tên trưởng tộc Mi-gia-min. Một số bản dịch hiện đại để trống phần còn thiếu đó, như trong bản tiếng anh ULB. Một số bản dịch khác thì đưa ra phần giải thích ngắn gọn để bù lại cho phần tên còn thiếu của trưởng tộc nầy (Xem UDB).
Mô-a-đia
Ma-a-đia có thể là một cách ghi khác của Mô-a-đia.
Át-na ... Ha-rim ... Hên-cai… Mê-ra-giốt... Xa-cha-ri ... Y-đô ... Mê-su-lam ... Ghi-nê-thôn ... Xiếc-ri ... A-bi-gia ... Min-gia-min ... Phinh-tai ... Mô-a-đia ... Sa-mua ... Binh-ga ... Giê-hô-na-than ... Sê-ma-gia ... Mát-tê-nai ... Giô-gia-ríp ... U-xi ... Giê-đa-gia ... Ca-lai ... Sa-lai ... Ê-be ... A-mốc ... Ha-sa-bia ... Hinh-kia ... Nê-tha-nên ... Giê-đa-gia
Đây đều là tên của nam.
Nehemiah 12:22
Trong đời Ê-li-a-síp, những người Lê-vi như Ê-li-a-síp, Giô-gia-đa, Giô-ha-nan và Gia-đua được ghi tên vào sổ với tư cách là các trưởng tộc; và các thầy tế lễ đó được ghi tên vào sổ trong thời trị vì của Đa-ri-út, vua Ba Tư
Câu nầy không rõ nghĩa, bởi vì nó không nói rõ người Lê-vi và các thầy tế lễ đó đại diện cho một nhóm người hay họ là hai nhóm khác nhau. Có một bản dịch phù hợp: "Tên các trưởng tộc người Lê-vi trong đời Ê-li-a-síp (Giô-gia-đa, Giô-ha-nan và Gia-đua) cũng như các thầy tế lễ của các chi tộc đó được ghi lại trong thời trị vì của Đa-ri-út, vua Ba Tư'
Ê-li-a-síp ... Giô-gia-đa, Giô-ha-nan, và Gia-đua được ghi vào sổ với tư cách là các trưởng tộc
Những người nam nầy được ghi tên vào sổ với tư cách là các trưởng tộc.
Đối với dòng dõi Lê-vi, các trưởng tộc của họ
"Về dòng dõi Lê-vi, các trưởng tộc"
được ghi trong Sách Sử biên niên
Có thể là sách sử ký. Người sao chép sách nầy đã viết những câu trên vào cuốn sách ghi lại những sự kiện của từng thời kỳ.
cho đến đời Giô-ha-nan, cháu của Ê-li-a-síp
Những cuộn ghi chép trong đền thờ chỉ ghi lại cho đến đời Giô-ha-nan.
Nehemiah 12:24
những người đứng đối diện với họ để ngợi khen và cảm tạ, đối đáp theo từng phần
Cụm từ nầy chỉ về các tổ chức buổi thờ ngợi khen theo thể "đối đáp". Người hướng dẫn có thể gọi từng nhóm đối đáp hoặc cả hai nhóm đối đáp trong suốt buổi thờ phượng.
vâng theo quy định của Đa-vít
Vua Đa-vít đã hướng dẫn phải tổ chức buổi thờ phượng ra sao và buổi đó phải do người Lê-vi dẫn dắt.
Trong đời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"trong suốt thời gian lãnh đạo của". Thời gian đã được ấn định bằng cách liệt kê những người phụ trách vào thời điểm đó.

Ha-sa-bia, Sê-rê-bia ... Giê-sua ... Cát-mi-ên ... Đa-vít ... Mát-ta-nia, Bác-bu-kia, Ô-ba-đia, Mê-su-lam, Tanh-môn, và A-cúp ... Giô-gia-kim ... Giê-sua ... Giô-xa-đác ... Nê-hê-mi ... E-xơ-ra

Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 12:27

Vào dịp lễ cung hiến tường thành Giê-ru-sa-lem

"Trong thời gian cung hiến tường thành Giê-ru-sa-lem". Nê-hê-mi ghi chép lại lễ cung hiến cả tường thành Giê-ru-sa-lem.

người ta sai tìm các người Lê-vi ở khắp mọi nơi để đưa họ về Giê-ru-sa-lem dự lễ cung hiến trong niềm hân hoan, cảm tạ giữa tiếng hát ngợi ca hòa lẫn với tiếng chập chõa, đàn hạc và đàn lia

"dân sự tìm kiếm ở khắp mọi nơi những người Lê-vi có thể tổ chức lễ cung hiến tường thành trọn vẹn nhất trong niềm hân hoan, với những lời cảm tạ, tiếng hát ca ngợi cùng với những nhạc cụ đủ khả năng, tâm linh và khả năng âm nhạc tốt nhất.

chập chõa

hai miếng kim loại hình tròn, dẹp có thể va đập vào nhau để tạo ra âm thanh lớn.

Nehemiah 12:29

Bết Ghinh-ganh... Ghê-ba và Ách-ma-vết... Giê-ru-sa-lem

Đây là tên của các địa điểm.

vì các ca sĩ đã xây làng mạc cho mình chung quanh thành Giê-ru-sa-lem

"vì các ca sĩ đã sống trong cộng đồng những người có năng khiếu về âm nhạc trong những chỗ mà họ đã xây dựng quanh Giê-ru-sa-lem"

Các thầy tế lễ và người Lê-vi thanh tẩy

Câu nầy nói đến nghi thức thanh tẩy mọi thứ tham dự vào lễ cung hiến tường thành: các nhà lãnh đạo, những người tham dự, các nhạc khí, các toàn nhà và thậm chí cả những bức tường thành.

Nehemiah 12:31

Bấy giờ tôi bảo các người lãnh đạo Giu-đa

Chỉ những người lãnh đạo ở vùng Giu-đa.

Tôi lập thành hai nhóm đi diễu hành để cảm tạ Chúa

"Tôi lập hai đoàn rước lớn diễu hành cảm tạ Chúa"

Một nhóm đi bên phải trên vách thành hướng về cổng Phân

"Một nhóm đi bên phải trên nóc tường thành hướng về cổng Phân"

Nehemiah 12:32

Hô-sa-gia ... A-xa-ria, E-xơ-ra, Mê-su-lam, Giu-đa, Bên-gia-min, Sê-ma-gia, Giê-rê-mi ... Xa-cha-ri ... Giô-na-than ... Sê-ma-gia ... Mát-ta-nia ... Mi-chê ... Xác-cua ... A-sáp

Đây đều là tên của nam.

và đi sau họ

"và theo sau họ"

và một số con trai của các thầy tế lễ thổi kèn, và Xa-cha-ri

Tham khảo cách dịch: "và trong số những người thầy tế lễ thổi kèn, Xa-cha-ri"

Xa-cha-ri con trai Giô-na-than, cháu của Sê-ma-gia, chắt của Mát-ta-nia, chít của Mi-chê; Mi-chê là con trai Xác-cua, cháu của A-sáp

Tất cả những tên gọi sau cái tên "Xa-cha-ri" là những tổ tiên của Xa-cha-ri. Bảng liệt kê nầy cho thấy mối liên hệ giữa Xa-cha-ri và ca sĩ nổi tiếng A-sáp. Tham khảo cách dịch: "Xa-cha-ri con trai Giô-na-than, Giô-na-than con trai của Sê-ma-gia, Sê-ma-gia con trai của Mát-ta-nia, Mát-ta-nia con của Mi-chê; Mi-chê là con trai Xác-cua, Xác-cua là con trai của A-sáp"

Nehemiah 12:36

Cũng có

"Cùng với các anh em của ông là"

Xa-cha-ri ... Sê-ma-gia, A-xa-rên, Mi-la-lai,Ghi-la-lai, Ma-ai, Nê-tha-nên, Giu-đa, Ha-na-ni ... Đa-vít ... E-xơ-ra

Đây đều là tên của nam.

Ha-na-ni

Người nam nầy có thể không phải là bà con của Xa-cha-ri.

cầm nhạc cụ của Đa-vít

"cầm các nhạc khí của Đa-vít"

Thầy thông giáo E-xơ-ra ở trước mặt họ

"Thầy thông giáo E-xơ-ra đi trước họ"

Từ cổng Suối, họ đi thẳng lên

"Và từ cổng Suối ngay trước mặt, họ đi thẳng lên"

Cổng Suối ... Cổng Nước

Đây là tên của các cánh cửa ở trên tường thành.

họ đi thẳng lên các nấc thang của thành Đa-vít, theo dốc tường thành đến phía trên đền Đa-vít và đến cổng Nước về hướng đông

"họ đi cầu thang lên đỉnh thành Đa-vít phía trên đền Đa-vít lên đến cổng Nước ở hướng đông"

trên đỉnh tường thành

"bằng cách đi lên tường thành"

Nehemiah 12:38

đội hợp xướng

"nhóm các ca sĩ"

đi theo hướng khác

Đây là cách nói trong bản dịch UDB nói về việc rẽ sang trái, nhưng nó có nghĩa nghĩa là họ đi theo hướng ngược lại. Tham khảo cách dịch: "đi theo hướng ngược lại"

tôi đi theo họ

Nê-hê-mi đang nói. Tham khảo cách dịch: "Tôi, Nê-hê-mi, đi theo họ"

tháp Lò ... tháp Ha-na-nê-ên ... Tháp Một Trăm

Đây là tên của các tòa nhà cao, nơi người ta canh gác để phác giác những mối nguy hiểm.

Vách Rộng

Đây là tên một phần tường thành.

cổng Ép-ra-im... cổng Cũ.... cổng Cá... Cổng Chiên ... cổng Phòng Vệ

Đây là tên các cổng ở trên tường thành.

Nehemiah 12:40

I cũng đứng

Ở đây, Nê-hê-mi đang nói. Ở đây. Tham khảo cách dịch: "Tôi, Nê-hê-mi, cũng đứng"

Ê-li-a-kim... Ma-a-sê-gia... Min-gia-min... Mai-cai... Ê-li-ô-nai... Xa-cha-nia... Ha-na-nia ... Ma-a-xê-gia ... Sê-ma-gia ... Ê-lê-a-sa ... U-xi ... Giê-hô-na-nan ... Manh-ki-gia ... Ê-lam ... Ê-xe

Đây đều là tên của các người nam là các thầy tế lễ lúc bấy giờ.

Giê-ra-hia

Đây là tên của một người nam đứng đầu các ca sĩ.

Các ca sĩ do Giê-ra-hia điều khiển cất tiếng hát vang

Tham khảo cách dịch: "Các ca sĩ và người hướng dẫn Giê-ra-hia tuyên bố"

Nehemiah 12:43

vì Đức Chúa Trời đã khiến lòng họ vui mừng

"vì Đức Chúa Trời đã khiến họ vui mừng rất lớn"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Và niềm vui của Giê-ru-sa-lem đã lan rộng ra xa
"Giê-ru-sa-lem" có nghĩa là "dân tại Giê-ru-sa-lem". Tham khảo cách dịch: "niềm vui của dân Giê-ru-sa-lem đã lan rộng ra xa"
Nehemiah 12:44
người ta lập những người trông coi
Có thể viết lại vế nầy ở thế chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ta lập những người sẽ chịu trách nhiệm"
các phần đóng góp
Đây là những đồ đóng góp dành riêng cho các thầy tế lễ.
các phần mười, để đem vào kho các phần của những thầy tế lễ và người Lê-vi mà luật pháp đã quy định. Mỗi phần được thu từ các đồng ruộng chung quanh thành
Có thể bắt đầu một câu mới bằng cụm từ "các phần mười". Tham khảo cách dịch: "Những người nầy cũng chịu trách nhiệm thu những phần dâng nầy từ các đồng ruộng bên ngoài thành theo luật quy định dành cho các thầy tế lễ và người Lê-vi"
vì người Giu-đa hài lòng về sự phục vụ của những thầy tế lễ và người Lê-vi
Có vẻ như, những người nầy được chỉ định bởi vì dân Giu-đa biết ơn các thầy tế lễ và người Lê-vi là những người phục vụ ở đền thờ.
đang đứng trước mặt mình
Người Lê-vi và các thầy tế lễ không chỉ đứng yên, mà họ còn đang làm nhiệm vụ của mình. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: "đang đứng hầu việc Đức Chúa Trời trước mặt mình"
Họ phục vụ Đức Chúa Trời của mình, và lo việc thanh tẩy... cùng như công việc của ca sĩ và người gác cổng
Ca hát và giữ cổng, cả hai đều là nhiệm vụ của người Lê-vi. Tham khảo cách dịch: "họ phục vụ Đức Chúa Trời và lo việc thanh tẩy, cùng với vai trò của các ca sĩ và của những người gác cổng"
theo lệnh của vua Đa-vít và vua Sa-lô-môn, con trai vua
Tham khảo cách dịch: "cũng như lệnh của Đức Chúa Trời mà Sa-lô-môn con trai vua đã giữ"
những người gác cổng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NEH07:01
Nehemiah 12:46
đã có những người lãnh đạo đặc trách các ca sĩ
Câu nầy cung cấp thêm thông tin về lúc Đa-vít hướng dẫn dân sự cách thờ phượng tại đền thờ.
Trong đời Xô-rô-ba-bên
Xô-rô-ba-bên là dòng dõi vua Đa-vít và là một trong số những quan tổng đốc xứ Giu-đa.
Họ để riêng khẩu phần
"Toàn thể Y-sơ-ra-ên để riêng khẩu phần"
những người gác cổng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NEH07:01
Con cháu A-rôn
Cụm từ nầy chỉ về các thầy tế lễ trong Y-sơ-ra-ên, là con cháu A-rôn, anh trai Môi-se.

Translation Questions

Nehemiah 12:23
Con cháu của Lê-vi và các trưởng tộc của người Lê-vi được ghi chép ở trong sách nào?
Họ được ghi tên vào sách sử ký cho đến đời Giô-ha-nan.
Nehemiah 12:27
Tại sao dân sự lại đi tìm người Lê-vi vào dịp lễ cung hiến các tường thành Giê-ru-sa-lem?
Dân sự đưa người Lê-vi đến Giê-ru-sa-lem để tổ chức lễ cung hiến đó.
Nehemiah 12:30
Các thầy tế lễ và người Lê-vi đã làm gì cho buổi lễ?
Các thầy tế lễ và người Lê-vi đã thanh tẩy chính mình cũng như thanh tẩy dân chúng, các cổng và tường thành.
Nehemiah 12:31
Vào ngày cung hiến tường thành, các người lãnh đạo của Giu-đa đã đi đâu?
Các người lãnh đạo nầy đi lên trên chót đỉnh của tường thành.
Hai nhóm ca đoàn lớn mà Nê-hê-mi đã chỉ định sẽ làm gì?
Hai nhóm ca đoàn lớn đó sẽ dâng lời cảm tạ.
Nhóm ca đoàn thứ nhất sẽ đi đâu?
Một nhóm đi bên phải trên vách thành hướng về cổng Phân.
Nehemiah 12:42
Ai đã điều khiển các ca sĩ?
Các ca sĩ do Dít-ra-bia điều khiển cất tiếng hát vang.
Nehemiah 12:43
Tại sao dân chúng dâng những tế lễ trọng thể trong ngày đó và tràn ngập niềm vui?
Trong ngày đó, họ dâng những tế lễ trọng thể và tràn ngập niềm vui vì Đức Chúa
Trời đã khiến lòng họ vui mừng.
Nehemiah 12:44
Ai đã được chỉ định để làm trong các đồng ruộng gần thành?
Những người được chỉ định trông coi các phòng kho sẽ được giao làm việc trên các cánh đồng gần các thành.
Nehemiah 12:47
Trong thời gian nào thì cả Y-sơ-ra-ên đều cung cấp khẩu phần hằng ngày cho các ca sĩ và người gác cổng?
thời Xô-rô-ba-bên và Nê-hê-mi, cả Y-sơ-ra-ên đều cung cấp khẩu phần hằng ngày cho các ca sĩ và người gác cổng.

Chapter 13
Nehemiah 13:1
Trong ngày đó, người ta đọc sách Môi-se cho dân chúng nghe
"Trong ngày đó, các thầy tế lễ đọc sách Môi-se cho dân chúng nghe". Thi thoảng trong các chương trước, cụm từ "trong ngày đó" có nghĩa là "Thời xưa", nhưng ở đây cụm từ nầy chỉ về chính ngày mà người ta đọc sách đó.
dân chúng
Cụm từ nầy chỉ về tất cả những người dân đã tụ họp lại đây trong sự kiện nầy, kể cả những người đã tham gia xây dựng tường thành, những người sống trong thành và những người dân sống trong các vùng lân cận.
không một ngời Am-môn hay một người Mô-áp nào được vào hội của Đức Chúa Trời
"người Am-môn và người Mô-áp vĩnh viễn không được vào

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hội của Đức Chúa Trời"
Chuyện nầy là vì
"Lí do có liên quan đến lịch sử của việc nầy là"
Nehemiah 13:4
Ông có quan hệ với Tô-bi-gia
Đoạn văn ghi rõ "ông" ở đây là Ê-li-a-síp. Tham khảo cách dịch: "Ông có quan hệ bà con với Tô-bi-gia" hoặc "Ông có mối liên hệ gần gũi với Tô-bi-gia"
Tô-bi-gia
Ông là kẻ thù của những người Do Thái trở về.
Ê-li-a-síp chuẩn bị cho Tô-bi-gia một phòng kho lớn
Ê-li-a-síp chuẩn bị một phòng kho lớn cho Tô-bi-gia trong vùng đã được dọn sạch để lưu trữ những vật dụng dâng hiến.
những người gác cổng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong NEH07:01
Nehemiah 13:6
Nhưng trong toàn bộ thời gian đó, tôi không ở tại Giê-ru-sa-lem
"Trong suốt thời gian các điều đó xảy ra thì tôi không đang ở cách xa Giê-ru-sa-lem"
điều tệ hi mà Ê-li-a-síp đã làm,tức là cấp cho Tô-bi-gia một cái phòng trong hành lang của đền Đức Chúa Trời
Đây là căn phòng mà trước đó đã được dọn sạch để lưu trữ các vật dụng dùng cho việc dâng hiến. (Xem NEH13:04
Nehemiah 13:8
Tôi rất giận và tôi đã ném tất cả các vật dụng của nhà Tô-bi-gia ra khỏi phòng ấy
"Tôi rất giận và ném các vật dụng của nhà Tô-bi-gia ra khỏi phòng ấy"
Nehemiah 13:10
các thầy Lê-vi không nhận được khẩu phần dành riêng cho mình
Tham khảo cách dịch: "người Y-sơ-ra-ên đã không đem các phần mười và các thực phẩm làm của lễ dân vào kho chứ cho các thầy tế lễ phục vụ trong đền thờ"
vì vậy họ đã nhanh chóng rời khỏi đền thờ để về đồng ruộng của mình, cả các ca sĩ trong đền thờ cũng làm như vậy
Có thể viết lại thành một câu mới. "Kết quả là, các thầy tế lễ và các ca sĩ phục vụ trong đền thờ đã bỏ về đồng ruộng của mình"
các ca sĩ
Tham khảo cách dịch: "các nhạc sĩ"
Tại sao đền của Đức Chúa Trời bị bỏ bê như thế?
Đây là câu hỏi tu từ bởi vì Nê-hê-mi đang dùng nó để thách thức hoặc thậm chí là để chế giễu các viên chức đã không chịu làm công việc của mình.
Nehemiah 13:12
tất cả người Giu-đa đều đem một phần mười
Đáp lại lời của Nê-hê-mi trong NEH13:10
Sê-lê-mia ... Xa-đốc ... Phê-đa-gia ... Ha-nan ... Xác-cua ... Mát-ta-nia
Đây đều là tên của nam.
Đức Chúa Tri của con ôi! Vì việc nầy, xin nhớ đến con
"Đức Chúa Trời của con ơi, xin hãy nhớ đến con trong việc nầy". Nê-hê-mi đang tóm tắt cho Đức Chúa Trời nghe những thành tựu mà mình đã làm được, xin Ngài nhớ lại và rồi kết thúc phần nầy để chuyển qua phần kế tiếp.
Nehemiah 13:15
đạp máy ép nho trong ngày sa-bát
Người Do Thái đã làm việc trong ngày Sa-bát, vi phạm luật Môi-se.
đạp
đi, giậm trên vật gì đó để nghiền ép nó ra
chất chúng trên lưng lừa
Người Do Thái đang sử dụng súc vật của mình làm việc trong ngày Sa-bát và vi phạm luật DO Thái.
họ buôn bán thực phẩm trong ngày đó
Người Do Thái đang buôn bán trong ngày Sa-bát, vi phạm luật Môi-se.
Nehemiah 13:16
Những người Ty-rơ
Ty-rơ là một thành phía Bắc Y-sơ-ra-ên.
điều gian ác nầy
"điều nầy vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời"
xúc phạm ngày Sa-bát
"vi phạm ngày sa bát"
Chẳng phải Đức Chúa Trời đã giáng mọi tai họa nầy sao
"chẳng phải Đức Chúa Trời chúng ta đã giáng mọi hình phạt nầy"
Nehemiah 13:19
Vậy khi trời bắt đầu tối tại các cổng thành Giê-ru-sa-lem trước ngày sa-bát
"Khi mặt trời lặn tại các cổng thành Giê-ru-sa-lem" hoặc "Khi ngày sa-bát chính thức bắt đầu tại các cổng thành Giê-ru-sa-lem'
không được mở cho đến sau ngày sa bát
"không được mở cho đến sau ngày sa bát, tức là lúc mặt trời lặn vào ngày hôm sau"
đủ các loại hàng hóa
"đủ thứ hàng hóa"
Nehemiah 13:21
Sao các ông lại dựng trại bên ngoài tường thành như vậy?
Nê-hê-mi đặt ra câu hỏi nầy không phải để họ trả lời nhưng để quở trách những người buôn bán và một lần nữa nhấn mạnh mạng lệnh của mình. Tham khảo cách dịch: "Các ông đã chống lại lệnh của tôi mà đi dựng trại ngoài tường thành"
Tôi sẽ thẳng tay với các ông!
"Tôi sẽ bắt buộc các ông phải rời đi!" hoặc "Tôi sẽ đuổi các ông đi!"
Đức Chúa Trời của con ôi! Xin làm ơn cũng nhớ đến con về điều nầy nữa
"Đức Chúa Trời của con ơi, xin cũng nhớ đến con vì điều nầy nữa". Lần thứ hai, Nê-hê-mi thuật lại những điều mình đã làm để khẳng định rằng ông tuân theo đúng luật pháp. Ông không hướng đến dân sự nhưng hướng đến Đức Chúa Trời. Ông cầu xin Đức Chúa Trời nhớ đến những việc mà mình đã làm.
vì cớ sự thành tín của giao ước Ngài đối cùng con
"vì cớ lời hứa thành thành tín mà Ngài đã lập cùng con"
Nehemiah 13:23
những người Giu-đa cưới vợ người Ách-đốt, Am-môn và Mô-áp
"Người Do Thái đã cưới những người nữ ngoại bang". Đức Chúa Trời đã cấm hôn nhân khác chủng tộc.
Ách-đốt... Am-môn... Mô-áp
Đây là tên của các địa điểm.
Phân nửa con cái của họ
"Hậu quả là phân nửa con cái của họ"
Nehemiah 13:25
Tôi đối chất với họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Tôi đã trực tiếp nói với họ về tội lỗi của họ"
tôi đã đánh một vài người trong số họ
"tôi đã đánh họ" hoặc "tôi đã đánh chúng"
Tôi bắt họ chỉ Đức Chúa Trời mà thề
"Tôi bắt họ phải hứa trước mặt Đức Chúa Trời"
Chẳng phải vua Y-sơ-ra-ên là Sa-lô-môn đã phạm tội vì những phụ nữ như thế sao?
Đây là một câu khẳng định nhấn mạnh khi được nói dưới dạng một câu hỏi. Đây là một câu hỏi không đòi hỏi phải đưa ra câu trả lời. Tham khảo cách dịch: "Sa-lô-môn, vua Y-sơ-ra-ên, đã phạm tội vì cớ những người phụ nữ như thế"
Vậy thì chúng ta phải nghe các ông làm điều đại ác nầy, chống lại Đức Chúa Trời chúng ta bằng cách lấy vợ ngoại đạo sao?
Đây là một câu khẳng định nhấn mạnh khi được nói dưới dạng một câu hỏi. Đây là một câu hỏi không đòi hỏi phải đưa ra câu trả lời. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi sẽ không nghe các ông cũng không làm điều đại ác nầy, cũng không chống nghịch cùng Đức Chúa Trời chúng tôi bằng cách cưới vợ ngoại đạo đâu"
Nehemiah 13:28
Giô-gia-đa ... Ê-li-a-síp ... San-ba-lát
Đây đều là tên của nam.
người Hô-rôn
Đây là một nhóm dân. (Xem: [[rc://vi/obe/other/peoplegroup]])
San-ba-lát
kẻ thù ngầm của người Do Thái
đuổi hắn
"kéo hắn khỏi"
Lạy Đức Chúa Trời của con, xin nhớ đến họ
"Lạy Đức Cha Trời của con, xin nhớ đến những người nầy và cả những việc con đã làm". Lần thứ ba, Nê-hê-mi thuật lại những việc mà mình đã làm để khẳng định rằng luật pháp của Chúa được vâng giữ. Ông đã cầu xin Đức Chúa Trời nhớ đến những việc làm của ông.
Nehemiah 13:30
Như vậy, tôi đã dọn sạch họ
"Như vậy, tôi đã thanh tẩy họ"
những nhiệm vụ
"những trách nhiệm"
Tôi chu cấp cho việc dâng củi làm của lễ
"Tôi sắp xếp việc cung cấp củi cho việc của lễ là củi"
cho các thổ sản đầu mùa
"cho các của lễ là các thổ sản đầu mùa vào mùa thu hoạch"
Đức Chúa Trời của con ôi, xin nhớ đến con mà làm ơn cho!
"Đức Chúa Trời của con ơi, xin nhớ đến con mà làm ơn cho!". Lần cuối cùng, Nê-hê-mi thuật lại những điều mà ông đã làm để khẳng định rằng Luật Pháp của Đức Chúa Trời đã được vâng giữ. Ông không nói với dân sự, nhưng nói với Đức Chúa Trời. Ông cầu xin Đức Chúa Trời nhớ đến những việc làm của mình. (Xem: NEH13:12

Translation Questions

Nehemiah 13:1
Tại sao người Am-môn và người Mô-áp vĩnh viễn không được vào hội chúng của Đức Chúa Trời?
Người Am-môn và người Mô-áp vĩnh viễn không được vào hội chúng của Đức Chúa Trời bởi vì họ đã đem bánh và nước ra tiếp đón dân Y-sơ-ra-ên mà lại mướn Ba-la-am đến rủa sả dân Y-sơ-ra-ên.
Nehemiah 13:2
Tại sao người Am-môn và người Mô-áp vĩnh viễn không được vào hội chúng của Đức Chúa Trời?
Người Am-môn và người Mô-áp vĩnh viễn không được vào hội chúng của Đức Chúa Trời bởi vì họ đã đem bánh và nước ra tiếp đón dân Y-sơ-ra-ên mà lại mướn Ba-la-am đến rủa sả dân Y-sơ-ra-ên.
Nehemiah 13:5
Ê-li-a-síp đã chuẩn bị gì cho Tô-bi-gia?
Ê-li-a-síp đã chuẩn bị một phòng kho lớn cho Tô-bi-gia.
Nehemiah 13:6
Vào năm thứ ba mươi hai đời Ạt-ta-xét-xe, Nê-hê-mi đã đi đâu?
Vào năm thứ ba mươi hai đời Ạt-ta-xét-xe, Nê-hê-mi đã trở về với vua.
Nehemiah 13:8
Vì rất giận nên Nê-hê-mi đã làm gì?
Vì rất giận nên Nê-hê-mi đã ném các vật dụng của nhà Tô-bi-gia ra khỏi phòng kho đó.
Nehemiah 13:10
Tại sao người Lê-vi và các ca sĩ lại vội vã rời khỏi đền thờ?
Bởi vì người ta đã không cấp khẩu phần đã định cho người Lê-vi nên họ vội vã rời khỏi đền thờ.
Nehemiah 13:13
Ai đã được kể là đáng tin cậy?
Thầy tế lễ Sê-lê-mia, thầy thông giáo Xa-đốc, Phê-đa-gia và Ha-nan là những người đáng tin cậy.
Nehemiah 13:15
Người Giu-đa đã dùng máy ép nho trong ngày nào?
Người Giu-đa đã dùng máy ép nho trong ngày sa-bát.
Nehemiah 13:16
Những người Ty-rơ đã làm gì trong ngày sa-bát?
Những người Ty-rơ đem cá và các thứ hàng hóa đến bán cho người Giu-đa ngay tại thành Giê-ru-sa-lem trong ngày sa-bát.
Nehemiah 13:19
Nê-hê-mi đã làm sao để ngăn không cho ai vào thành Giê-ru-sa-lem trong ngày sa-bát?
Vừa khi các cổng thành Giê-ru-sa-lem bắt đầu khuất trong bóng đêm trước ngày sa-bát, Nê-hê-mi đã ra lệnh đóng cổng lại và chỉ mở cổng sau ngày sa-bát. Ông cũng đặt một vài thuộc hạ của mình giữ tại cổng để không cho ai gánh hay chở
đồ vào thành trong ngày sa-bát
Nehemiah 13:22
Ai đã đến và giữ các cổng để biệt ngày sa-bát ra thánh?
Người Lê-vi đã đến và giữ các cổng để biệt ngày sa-bát ra thánh.
Nehemiah 13:24
Phân nửa con cái của người Giu-đa nói tiếng gì?
Phân nửa con cái của họ nói tiếng Ách-đốt hoặc tiếng của các dân tộc khác chứ không biết nói tiếng Do Thái.
Nehemiah 13:25
How did Nê-hê-mi đã đối chất với những người Giu-đa đã cưới vợ người Ách-đốt, Am-môn và Mô-áp ra sao?
Nê-hê-mi đã đối chất với họ và ông rủa sả họ, và ông đánh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

một vài người và bứt tóc của họ.
Nehemiah 13:31
Nê-hê-mi muốn Đức Chúa Trời nhớ đến ông ra sao?
Nê-hê-mi muốn Đức Chúa Trời nhớ đến ông đặng làm ơn cho ông.

Chapter 1
Esther 1:1
trong đời Vua A-suê-ru
"Trong thời vua A-suê-ru" hoặc "Khi A-suê-ru làm vua cai trị"
127
tỉnh
"tỉnh" là một khu vực rộng lớn, trong đó một số quốc gia đã được được chia ra vì những mục đích của chính phủ.
pháo đài
Một chỗ đóng quân kiên cố, một lâu đài hoặc thành trì.
Su-sơ
Kinh đô của các vua Ba Tư.
Esther 1:3
năm thứ ba
"sau 2 năm"
180
Esther 1:5
bảy
"7"
cung điện
Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:01
Su-sơ
Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:01
Esther 1:7
tính rộng rãi của vua
"tính hào phóng" hoặc "thoải mái ban người ta điều họ cần"
Vua đã truyền cho các quan chức phục vụ trong hoàng cung phải phục vụ khách theo sở thích của mỗi người
Câu nầy có nghĩa là vua truyền cho những người làm việc trong hoàng cung phải dâng rượu cho tất cả khách mời như họ muốn.
Esther 1:9
Vào ngày thứ bảy
"Sau 6 ngày"
đang khi vua hứng chí vì rượu
"sau khi vua đã say rượu"
Mê-hu-man, Bít-tha, Hạt-bô-na, Biếc-tha, A-bác-tha, Xê-thạt và Cạt-cách
bảy
"7"
Esther 1:13
Cạt-sê-na, Sê-thạt, Át-ma-tha, Ta-rê-si, Mê-re, Mạt-sê-na, Mê-mu-can
bảy
"7"
Phù hợp theo luật pháp
"Chiếu theo luật pháp" hoặc "Làm theo luật"
Esther 1:16
Mê-mu-can
tỉnh
Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:01
Esther 1:19
rộng lớn
"lớn" hoặc "to lớn"
Esther 1:21
Mê-mu-can
tỉnh
Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:01

Translation Questions

Esther 1:1
A-suê-ru cai trị cho đến đâu?
A-suê-ru cai trị trên một trăm hai mươi bảy tỉnh, từ Ấn Độ cho đến Ê-thi-ô-bi.
Esther 1:3
Những ai ở trong sự hiện diện của vua?
Quân đội Ba Tư và Mê-đi, các nhà quý tộc, và các quan tổng đốc của các tỉnh đều ở trước mặt vua.
Esther 1:5
Bữa yến tiệc kéo dài bảy ngày nầy dành cho ai?
Bữa yến tiệc kéo dài bảy ngày nầy dành cho tất cả dân chúng ở kinh đô Su-sơ từ sang đến hèn.
Vua tổ chức bữa tiệc nầy cho ai?
Bữa yến tiệc nầy là dành cho tất cả dân chúng ở kinh đô Su-sơ từ sang đến hèn.
Esther 1:7
Tại sao ở đó có rất nhiều rượu của hoàng gia?
Tại đó có rất nhiều rượu của hoàng gia vì cớ lòng rộng rãi của nhà vua.
Esther 1:8
Vua đã ra lệnh gì cho các quan chức phục vụ ở hoàng cung?
Vua đã ra lệnh cho các quan chức phục vụ ở hoàng cung phải phục vụ khách theo sở thích của mỗi người.
Esther 1:10
Vua truyền cho bảy viên quan đứng hầu trước mặt mình làm gì?
Vua truyền cho bảy viên quan đứng hầu trước mặt mình đưa hoàng hậu Vả-thi đội vương miện hoàng hậu đến trước mặt vua.
Esther 1:11
Vua truyền cho bảy viên quan đứng hầu trước mặt mình làm gì?
Vua truyền cho bảy viên quan đứng hầu trước mặt mình đưa hoàng hậu Vả-thi đội vương miện hoàng hậu đến trước mặt vua.
Esther 1:12
Tại sao vua lại nổi giận phừng phừng?
Vua nổi giận phừng phừng bởi vì hoàng hậu Vả-thi không chịu đến theo lệnh vua truyền.
Esther 1:13
Vua đã hội ý với những người nào?
Vua đã hội ý với những nhà thông thái hiểu biết thời vận.
Esther 1:16
Theo Mê-mu-can, hoàng hậu Vả-thi đã mắc tội với những ai?
Mê-mu-can thưa rằng hoàng hậu Vả-thi không những mắc tội với vua mà còn mắc tội với rất cả các quần thân và hết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thấy dân chúng sống trong tất cả các tỉnh của Vua A-suê-ru.
Esther 1:17
Mê-mu-can lí luận rằng rồi ngày hôm đó vợ của các quan trong nước Ba Tư và Mê-đi sẽ làm gì?
Ông cho rằng trước khi hết ngày hôm ấy, vợ của các quan sẽ không chịu nghe theo các quan của vua.
Esther 1:18
Mê-mu-can lí luận rằng rồi ngày hôm đó vợ của các quan trong nước Ba Tư và Mê-đi sẽ làm gì?
Ông cho rằng trước khi hết ngày hôm ấy, vợ của các quan sẽ không chịu nghe theo các quan của vua.
Esther 1:19
Vua trao vị trí của hoàng hậu Vả-thi cho ai?
Vua sẽ trao vị trí của hoàng hậu Vả-thi cho cho một người khác xứng đáng hơn bà.
Esther 1:22
Vua đã ra lệnh gì?
Vua đã ra lệnh rằng tất cả đàn ông sẽ là chủ gia đình mình.

Chapter 2
Esther 2:1
sắc lệnh
Nói đến sắc lệnh đã được ban ra trong EST01:19
Esther 2:3
tỉnh
Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:01
hậu cung
"nơi giữ vợ của nhà cầm quyền" (UDB)
cung điện
Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:05
Su-sơ
Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:01
Hê-gai
mỹ phẩm của họ
"mỹ phẩm" là những thứ như kem, phấn, nước thơm mà phụ nữ thường dùng để thoa lên mặt hoặc lên người để cải thiện vẻ ngoài, nhan sắc của mình.
Esther 2:5
Su-sơ
Hãy dùng tên mà bạn đã dịch trong EST01:01
con trai của Giai-rơ, cháu của Si-mê-i, chắt của Kích
"Gia-rơ", "Si-mê-i" và "Kích" là những người nam là cha ông của ông "Mạc-đô-chê"
người Bên-gia-min
"thuộc chi phái Bên-gia-min" (UDB)
Ông bị đày đi khỏi Giê-ru-sa-lem
Đoạn Kinh Thánh Do Thái không nêu rõ ai đang được nói đến ở đây. Có lẽ đó là Kích, người có được coi là ông cố của Mạc-đô-chê. Nếu người nầy là Mạc-đô-chê, thì vào thời điểm của những sự kiện liên quan đến Ê-xơ-tê, Mạc-đô-chê đã già rồi. Nhiều bản dịch hiện đại chỉ bỏ ngõ vấn đề nầy, không làm rõ. Có một số ít bản dịch, có cả bản dịch UDB, quyết định cho đó là Mạc-đô-chê, người đã bị lưu đày khỏi Giê-ru-sa-lem.
Giê-hô-gia-kin, vua Giu-đa
Esther 2:7
Ha-đa-sa
This is "Esther's" Hebrew name.
con gái của cậu mình
"em họ của mình" (UDB)
cô không còn cha hay mẹ
"cha mẹ của cô đã qua đời" (UDB)
Esther 2:8
được công bố
"được tuyên bố"
cung điện
Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:05
Esther 2:10
về hạnh phúc của Ê-xơ-tê
"Ê-xơ-tê ra sao" hoặc "về lợi ích của Ê-xơ-tê"
Esther 2:12
tuân theo những luật định dành cho người nữ
"tuân theo những yêu cầu dành cho phụ nữ"
những liệu pháp chăm sóc sắc đẹp
Những việc phải làm để khiến những người nữ nầy trông đẹp hơn và thơm tho hơn.
mỹ phẩm
Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST02:03
cung điện
Hãy dùng từ mà bạn đã dùng trong EST01:05
Esther 2:14
vào buổi sáng
"sáng hôm sau"
hậu cung thứ hai
"hậu cung khác"
sự coi sóc
"sự giám sát" hoặc "sự bảo vệ" (UDB)
Sa-ách-ga
Esther 2:15
A-bi-hai
"A-bi-hai" là cha của Ê-xơ-tê và là cậu của Mạc-đô-chê.
Hê-gai
Hãy dùng tên mà bạn đã dịch trong EST02:03
tháng mười, tức là tháng Tê-bết
"Tê-bết" là tên của tháng thứ mười trong lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối tháng Mười Hai, đầu tháng Một theo lịch phương Tây.
năm thứ bảy
Tham khảo cách dịch: "năm thứ 7"
Esther 2:17
Vua yêu mến
Đây là từ ngữ lãng mạn dùng cho từ "yêu thương"
thuế
"việc thu thuế"
tỉnh
Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:01
Esther 2:19
lần thứ hai
"một lần nữa" hoặc "thêm một lần nữa"
đã hướng dẫn mình

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"đã nói với mình"

Bích-than và Tê-rết

Đây là tên của hai trong số những người lính gác trong cung.

Esther 2:22

giá treo cổ

một loại công trình để "treo" một người lên bằng cách đặt dây thừng quanh cổ người đó để treo cả thân người đó lơ lửng trong không mà không có bất kỳ một sự chống đỡ nào từ phía trên.

Translation Questions

Esther 2:2

Những người trẻ của vua đã đề nghị gì?

Đoạn, những người trẻ của vua đề nghị thay mặt vua mở một cuộc tìm kiếm những trinh nữ trẻ đẹp.

Esther 2:3

Các trinh nữ nầy được đặt dưới sự chăm sóc của ai?

Các trinh nữ nầy sẽ ở dưới sự chăm sóc của Hê-gai, một quần thần của vua, chịu trách nhiệm về những người nữ nầy.

Esther 2:6

Ai đã bắt Mạc-đô-chê ra khỏi Giê-ru-sa-lem?

Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn đã bắt Mạc-đô-chê ra khỏi Giê-ru-sa-lem.

Esther 2:7

Tên gọi khác của Ê-xơ-tê là gì?

Tên gọi khác của Ê-xơ-tê là Ha-đa-sah.

Ê-xơ-tê có quan hệ gì với Mạc-đô-chê?

Ê-xơ-tê là con gái của cậu Mạc-đô-chê.

Esther 2:9

Hê-gai đã cấp cho Ê-xơ-tê những gì?

Hê-gai đã cấp cho nàng các mỹ phẩm và lương thực, và ông cũng đã chọn bảy cung nữ đang phục vụ trong hoàng cung để hầu hạ nàng.

Esther 2:10

Tại sao Ê-xơ-tê không hề tiết lộ với bất cứ ai về dân tộc hay về dòng họ của nàng?

Ê-xơ-tê không hề tiết lộ với bất cứ ai về dân tộc hay về dòng họ của nàng, vì Mạc-đô-chê đã dặn nàng không được tiết lộ gì với ai cả.

Esther 2:13

Khi một thiếu nữ đến gặp vua thì vua sẽ ban cho người nầy thứ gì?

Khi một thiếu nữ đến gặp vua thì vua sẽ ban cho người bất cứ món gì người cầu xin.

Esther 2:14

Khi nào thì một cô gái sẽ được vào cùng vua?

Cô gái ấy sẽ không được vào hầu vua nữa, nếu vua không sủng ái và cho gọi đích
danh.

Esther 2:15

Ê-xơ-tê đã cầu xin điều gì?

Nàng không yêu cầu món gì đặc biệt, ngoại trừ những gì Hê-gai quan thái giám của
vua, người trông coi các phụ nữ trong cung, đề nghị với nàng.

Esther 2:16

Khi nào thì Ê-xơ-tê được đem vào hầu Vua A-suê-ru?

Ê-xơ-tê được đem vào hầu Vua A-suê-ru vào tháng mười, tức tháng Tê-bết, nhằm năm thứ bảy của triều đại vua.

Esther 2:17

Tại sao vua đội mão triều trên đầu Ê-xơ-tê và lập nàng làm hoàng hậu?

Vua yêu thương Ê-xơ-tê hơn tất cả các phụ nữ khác. Trong tất cả các trinh nữ, nàng được vua yêu mến và sủng ái nhất. Vì thế vua đội mão triều trên đầu nàng và lập nàng làm hoàng hậu.

Esther 2:21

Bích-than và Thê-rết tìm cách làm gì với vua A-suê-ru?

Bích-than và Thê-rết tìm cách ám hại vua A-suê-ru.

Esther 2:23

Chuyện gì đã xảy ra với Bích-than và Thê-rết?

Cả hai người đều bị treo trên giá treo cổ.

Chapter 3

Esther 3:1

Ha-man, con trai của Ham-mê-đa-tha, người A-gát

Đây là tên cùng với mô tả về Ha-man, một trong những triều thần của vua.

đặt ông vào vị trí quyền lực

"đề bạt ông"

nằm sấp mình xuống trước Ha-man

"hạ mình và nằm sấp mình xuống đất trước Ha-man"

Esther 3:5

Ông khinh thường việc giết hại một mình Mạc-đô-chê

"Ông từ chối ý tưởng chỉ giết một mình Mạc-đô-chê"

giết tất cả người Do Thái

"loại bỏ toàn bộ người Do Thái" hoặc "tiêu diệt toàn bộ người Do Thái"

Esther 3:7

Vào tháng giêng là tháng Ni-san

"Ni-san" là tên của tháng đầu tiên trong lịch của người Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối tháng Ba đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.

vào năm thứ mười hai

"vào năm thứ 2"

gieo Phu-rơ

"bắt thăm"

tháng thứ mười hai, tức là tháng A-đa

"A-đa" là tên của tháng thứ mười hai là tháng cuối cùng trong lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối tháng Hai đầu tháng Ba theo lịch phương Tây.

Esther 3:8

một dân tộc nào đó

"một nhóm dân"

tỉnh

Hãy dùng cùng một từ hoặc cụm từ như đã dùng trong EST01:01

mười nghìn ta-lâng bạc

"10.000 ta-lâng bạc"

Esther 3:10

nhẫn có ấn

một loại nhẫn đặc biệt có thể dùng để đóng dấu chính thức của vua lên một thông cáo.

Esther 3:12

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ngày mười ba tháng giêng
Đây là tháng đầu tiên theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày mười ba tháng nầy gần với đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.
các quan tổng đốc mỗi tỉnh của vua
"các quan tổng đốc của các tỉnh". Hãy sử dụng cùng một từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng cho tỉnh như trong EST01:01
ngày mười ba tháng thứ mười hai (tức là tháng A-đa)
"A-đa" là tên của tháng thứ mười hai và là tháng cuối cùng trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mười ba tháng nầy gần với đầu tháng Ba theo lịch phương Tây.
Esther 3:14
tỉnh
Hãy dùng cùng một từ hoặc cụm từ như trong EST01:01
Su-sơ
đều nhốn nháo
"đều hoang mang nhốn nháo"

Translation Questions

Esther 3:2
Ai đã quỳ xuống và cúi lạy trước Ha-man?
Tất cả các đầy tớ của vua ở cổng hoàng cung đều phải luôn quỳ xuống và cúi lạy Ha-man.
Esther 3:4
Mạc-đô-chê không chịu làm gì?
Mạc-đô-chê không chịu làm theo những yêu cầu với các đầy tớ của vua.
Esther 3:6
Ha-man muốn giết ai?
Ha-man muốn giết Mạc-đô-chê cũng như toàn dân Do Thái.
Esther 3:8
Khi họ gieo lá thăm thì họ đã chọn trúng tháng mấy?
Khi họ gieo lá thăm thì họ đã chọn trúng tháng mười hai, tức tháng A-đa.
Esther 3:9
Nếu vua chịu ra lệnh diệt dân Do Thái thì Ha-man sẵn sàng dâng bao nhiêu tiền vào ngân khố của nhà vua?
Ha-man sẵn sàng dâng mười nghìn ta-lâng bạc vào ngân khố của nhà vua nếu như vua chịu hạ lệnh diệt dân Do Thái.
Esther 3:13
Những văn thư được giao đến cho tất cả các tỉnh của vua bằng cách nào?
Các văn thư nấy được những người đưa thư mang đến các tỉnh của vua.
Esther 3:15
Thành Su-sơ đã phản ứng ra sao trước sắc lệnh đó?
Thành Su-sơ đều náo loạn.

Chapter 4

Esther 4:1
tỉnh
Hãy dùng cùng một từ hoặc cụm từ như trong EST01:01
Esther 4:4
đau buồn
"đau đớn lắm"
Ha-thác
Esther 4:6
Ha-thác
quảng trường thành phố
"quãng trường"
Ha-man
Hãy dùng từ mà bạn đã dùng trong EST03:01
Esther 4:9
ba mươi ngày
"30 ngày"
Esther 4:13
Nhưng ai biết được liệu con có vì cớ thời gian như thế nầy mà được ngôi hoàng hậu chăng?
Mục đích của câu hỏi nầy để khiến Ê-xơ-tê suy nghĩ cặn kẽ về vai trò của bà trong hoàn cảnh nầy. Tham khảo cách dịch: "Ai biết được có khi do thời gian như thế nào mà con được lập làm hoàng hậu thì sao"
Esther 4:15
Su-sơ
Hãy dịch như trong EST01:01
ba ngày
"3 ngày"

Translation Questions

Esther 4:2
Mạc-đô-chê đã đi bao xa? Tại sao?
Ông chỉ đi đến được tới cổng của hoàng cung, vì không ai mặc bao gai mà được phép bước vào bên trong cổng của hoàng cung.
Esther 4:4
Khi Ê-xơ-tê sai người mang áo quần đến cho Mạc-đô-chê thì ông đã phản ứng ra sao?
Khi bà sai người mang áo quần đến cho Mạc-đô-chê thì ông chịu nhận những quần áo ấy.
Esther 4:7
Mạc-đô-chê đã thuật lại cho Ha-thác nghe những gì?
Mạc-đô-chê đã thuật lại cho người nghe mọi điều đã xảy đến mình, và số bạc Ha-man đã hứa sẽ cân và nộp vào kho vua để có thể tuyệt diệt dân Do Thái.
Esther 4:8
Tại sao Mạc-đô-chê lại trao cho Ha-thác một bản sao chiếu chỉ đã ban hành tại Su-sơ về việc tiêu diệt dân Do Thái?
Mạc-đô-chê làm như vậy để Ha-thác có thể mang về cho Ê-xơ-tê xem, và để Ha-thác có thể giao trách nhiệm cho bà phải đến gặp vua, để cầu xin vua và van nài vua cho dân tộc của mình.
Esther 4:11
Chuyện gì xảy ra nếu như ai đó, bất kỳ nam hay nữ, tự ý đi vào nội điện của triều cung mà không được triệu mời?
Nếu như ai đó, bất kỳ nam hay nữ, tự ý đi vào nội điện của triều cung mà không được triệu mời thì chỉ có một luật là: là người đó sẽ bị xử tử, trừ khi vua đưa cây vương trượng bằng vàng ra cho người ấy, người ấy mới được được sống.
Esther 4:14

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mạc-đô-chê đã nói rằng chuyện gì sẽ xảy ra nếu như Ê-xơ-tê cứ im lặng trong lúc nầy?
Nếu như Ê-xơ-tê cứ im lặng trong lúc nầy thì sự giải cứu sẽ được dấy lên cho người Do Thái ở một nơi khác, nhưng và và cả nhà cha của bà sẽ bị diệt vong.

Esther 4:16
Ê-xơ-tê đã bảo Mạc-đô-chê làm gì?
Ê-xơ-tê bảo Mạc-đô-chê triệu tập tất cả người Do Thái ở Su-sơ lại và kiêng ăn trong ba ngày đêm.

Chapter 5

Esther 5:1
ba ngày
"3 ngày"

Esther 5:3
Ha-man
Hãy dịch như trong EST03:01
cho bệ hạ
"cho vua"

Esther 5:5
thỉnh cầu
"yêu cầu của nhà vua"
điều đó sẽ được ban cho
"thỉnh cầu của nàng sẽ được đáp ứng"

Esther 5:9
tức giận
"thịnh nộ"
Xê-rết

Esther 5:12
chẳng đáng gì đối với ta
"chẳng khiến ta vui sướng" hoặc "không làm ta thỏa mãn"

Esther 5:14
giá treo cổ
Hãy dịch như trong EST02:22
năm mươi cu-bít
"50 cu-bít"

Translation Questions

Esther 5:1
Sân trong của cung điện vua nằm ở đâu?
Sân trong của cung điện vua nằm ở trước cung vua.

Esther 5:2
Khi vua thấy hoàng hậu Ê-xơ-tê đứng chầu nơi nội điện, tại sao vua lại giơ cây vương trượng vàng của mình ra?
Ê-xơ-tê được ơn trước mặt vua nên vua đưa vương trượng vàng trong tay về phía bà.

Esther 5:4
Ê-xơ-tê đã thỉnh cầu điều gì nơi vua?
Bà xin vua và Ha-man hôm nay đến dự yến tiệc mà bà đã chuẩn bị cho vua.

Esther 5:8
Lần thứ hai, Ê-xơ-tê đã thỉnh cầu điều gì nơi vua?
Bà xin vua và Ha-man hôm nay đến dự yến tiệc mà bà đã chuẩn bị cho họ.

Esther 5:11
Ha-man đã thuật lại chi tiết những việc gì cho gia đình mình?
Ha-man đã thuật lại chi tiết cho họ giàu có sang trọng và đông con trai của mình, về việc ông đã quan tiến chức cho ông cao hơn các quan chức và triều thần của vua ra sao.

Esther 5:13
Tại sao Ha-man cảm thấy việc được mời đến các bữa tiệc đó lại chẳng có ý nghĩa gì với ông?
Việc được mở đến dự những yến tiệc của hoàng hậu chẳng có ý nghĩa gì với ông chừng nào ông còn thấy Mạc-đô-chê, người Do Thái kia, vẫn ngồi tại cổng hoàng cung.

Esther 5:14
Xê-rết đã bảo Ha-man làm gì? Tại sao?
Xê-rết vảo ông hãy dựng một giá treo cổ cao hai mươi lăm mét để ông có thể treo cổ Mạc-đô-chê trên đó.

Chapter 6

Esther 6:1
Bích-than và Thê-rết
Hãy dịch như trong EST02:19
hai trong số các hoạn quan của vua
"2 trong số các hoạn quan của vua"
Ông ấy không nhận được gì hết
"Nhà vua chẳng làm gì cho Mạc-đô-chê cả"

Esther 6:4
Ha-man
Hãy dịch như trong EST03:01
sân ngoài
"sân nhỏ đầu tiên từ bên ngoài"
treo cổ Mạc-đô-chê
"xử tử Mạc-đô-chê bằng cách treo cổ"
giá treo cổ
Hãy dịch như trong EST02:22
dựng nên
"xây dựng"

nói thầm trong bụng
Tham khảo cách dịch: "nghĩ thầm" hoặc "tự nhủ"
Ngoài ta ra còn ai là người đáng được vua tôn trọng chứ?
"Chắc chắn là chẳng có ai mà vua tôn trọng hơn ta!"

Esther 6:7
phải đem áo triều đến
"phải sai người đem áo triều đến"
cưỡi ngựa
Đây là hình thức quá khứ của từ "cưỡi ngựa" trong tiếng Anh.
bờm của hoàng gia
một biểu tượng đặc biệt đại diện cho gia đình của vua.
Sau đó hãy ban cho áo triều và ngựa
"Sau đó hãy ban áo triều và ngựa"
Hãy sai họ công bố
"Hãy sai các đầy tớ và các quan chức quý tộc tuyên bố"

Esther 6:12
Xê-rết

---

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Esther 6:1

Tại sao vua ra lệnh cho các đầy tớ đem những sách sử ghi chép những sự kiện trong thời ông trị vì đến?

Đêm đó, vua không ngủ được. Vua truyền cho các đầy tớ đem những sách sử ghi chép những sự kiện trong thời ông trị vì đến.

Esther 6:2

Mạc-đô-chê có được ban cho vinh dự hoặc sự công nhận nào vì đã báo cho vua biết về Bích-than và Thê-rết hay không?

Mạc-đô-chê chẳng nhận được gì hoặc vinh dự hoặc sự công nhận nào vì đã báo cho vua biết về Bích-than và Thê-rết.

Esther 6:3

Mạc-đô-chê có được ban cho vinh dự hoặc sự công nhận nào vì đã báo cho vua biết về Bích-than và Thê-rết hay không?

Mạc-đô-chê chẳng nhận được gì hoặc vinh dự hoặc sự công nhận nào vì đã báo cho vua biết về Bích-than và Thê-rết.

Esther 6:6

Khi vua hỏi Ha-man phải làm gì cho người mà vua muốn tôn trọng, thì Ha-man nghĩ rằng vua đang nói về ai?

Khi vua hỏi Ha-man phải làm gì cho người mà vua muốn tôn trọng, thì Ha-man nghĩ rằng vua đang nói về chính Ha-man.

Esther 6:9

Ai sẽ mặc cho người mà vua muốn tôn trọng rồi dẫn người ấy cưỡi ngựa dạo quanh quảng trường của thành phố?

Một trong số những vị đại thần cao nhất của vua triều thần tối cao sẽ mặc cho người mà vua muốn tôn trọng rồi dẫn người ấy cưỡi ngựa dạo quanh quảng trường của thành phố.

Esther 6:11

Ai đã mặc y phục cho Mạc-đô-chê và dẫn người ấy cưỡi ngựa dạo quanh quảng trường của thành phố?

Ha-man đã mặc y phục cho Mạc-đô-chê và dẫn người ấy cưỡi ngựa dạo quanh quảng trường của thành phố.

Esther 6:13

Vợ của Ha-man và các nhà thông thái của ông đã cảnh báo ông điều gì?

Các nhà thông thái và vợ của ông đã nói với ông rằng nếu Mạc-đô-chê là người Do Thái thì Ha-man sẽ không thắng hắn được đâu nhưng chắc chắn sẽ thất bại trước người.

Chapter 7

Esther 7:1

Ha-man

Hãy dịch như trong EST03:01

Vào ngày thứ hai nầy

"Vào bữa tiệc thứ hai nầy" hoặc "Vào bữa tiệc phụ thêm nầy'

thỉnh cầu

Hãy dịch như trong EST05:05

Điều đó sẽ được ban cho

"Ta sẽ ban cho điều đó"

Esther 7:3

trong mắt bệ hạ

"từ bệ hạ"

được ban cho tôi

"được cứu"

Vì chúng thần đã bị bán

"Vì một luật định đã bán chúng tôi"

bị hủy diệt, giết chết và thủ tiêu

Đây là ba từ có cùng nghĩa với nhau và được dùng để nhấn mạnh.

Esther 7:6

kinh hãi

"sợ hãi tột độ"

cơn thịnh nộ

"cơn thịnh nộ"

Esther 7:8

tiệc rượu đã được dọn lên

"Các đầy tớ đã phục vụ rượu"

trường kỷ

đồ nội thật dài mà người ta có thể ngồi hoặc nằm lên.

làm nhục hoàn hậu

Cụm từ nầy là cách nói lịch sự chỉ về việc đang lên tiếng hỏi có phải hắn định cưỡng hiếp hoàn hậu hay không.

Trong cung điện trước mặt ta nó còn dám làm nhục hoàng hậu nữa sao?

Tham khảo cách dịch: "Hắn đang cố cưỡng hiếp hoàng hậu trong khi nàng vẫn đang ở đây với ta trong cung điện của ta!"

các đầy tớ che mặt Ha-man lại

một số viên chức đã che đầu Ha-man lại, như họ đã làm với những người sắp bị treo cổ.

Esther 7:9

Hạt-bô-na

Đây là tên của một người nam.

giá treo cổ

Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EST02:22

năm mươi cu-bít

"50 cu-bít"

Translation Questions

Esther 7:3

Thỉnh cầu của Ê-xơ-tê là gì?

Mà muốn vua cứu mạng sống của bà và mạng sống của dân tộc bà được giao cho bà.

Esther 7:4

Ê-xơ-tê đã nói rằng nếu dân tộc của bà chỉ bị bán làm nô lệ thì bài sẽ làm gì?

Nếu dân tộc bà chỉ bị bán làm nô lệ thì bà nói rằng bà sẽ im lặng.

Esther 7:6

Ê-xơ-tê đã mô tả ai là: "Kẻ thù và kẻ nghịch..

Đây là lời của Ê-xơ-tê mô tả Ha-man.

Esther 7:7

Ha-man đã làm gì khi vua bừng bừng nổi giận, đứng lên bỏ tiệc rượu đi ra?

Khi vua bừng bừng nổi giận, đứng lên bỏ tiệc rượu đi ra, Ha-man vẫn ở lại để van xin hoàng hậu Ê-xơ-tê cứu mạng.

Esther 7:8

Sau khi Ha-man ngã mình trên trường kỷ nơi Ê-xơ-tê đang ngồi, vua cho rằng Ha-man đang làm gì?

Sau khi Ha-man ngã mình trên trường kỷ nơi Ê-xơ-tê đang ngồi, vua cho rằng ông đang hãm hiếp hoàng hậu ngay

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trước mặt vua.
Esther 7:9
Vua đã ra lệnh treo cổ Ha-man ở đâu?
Vua ra lệnh treo cổ Ha-man và gia đình ông trên giá treo cổ đã được dựng sẵn để treo cổ Mạc-đô-chê.

Chapter 8
Esther 8:1
Ha-man
Hãy dịch như trong EST03:01
nhẫn có ấn
một loại nhẫn đặc biệt có thể dùng để đóng dấu chính thức của vua lên một thông cáo.
Esther 8:3
cầu xin
"van xin"
Người A-gát
Hãy dịch như trong EST03:01
kế hoạch mà người đã nghĩ ra
"âm mưu mà người đó đã nghĩ ra" hoặc "âm mưu mà Ha-man đã nghĩ ra"
Esther 8:5
hủy bỏ
"chính thức hủy bỏ"
Ham-mê-da-tha
tỉnh
Hãy dịch như trong EST01:01
Vì làm sao thiếp có thể chịu nổi cảnh nhìn thấy thảm họa xảy đến cho dân tộc thiếp? Làm sao thiếp có thể chịu nổi cảnh nhìn thấy dòng họ thiếp bị tiêu diệt?
Tham khảo cách dịch: "Thiếp không thể nào chịu nổi cảnh nhìn thấy thảm họa xảy đến trên dân Do Thái. Thiếp không thể chịu nổi cảnh nhìn thấy bà con của thiếp bị giết"
Esther 8:7
giá treo cổ
Hãy dịch như trong EST02:22
Hãy viết một sắc lệnh khác
Câu nầy ngụ ý là Mạc-đô-chê và Ê-xơ-tê đã viết một lá thư.
Tham khảo cách dịch: "Các khanh hãy viết một sắc lệnh khác"
không thể bị bãi bỏ
"không ai có thể bãi bỏ nó" hoặc "không ai có thể chính thức bãi bỏ nó"
Esther 8:9
gọi đến
"triệu gập"
ngày hai mươi ba, tháng ba tức là tháng Si-van
"Si-van" là tên của tháng thứ ba theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi ba tháng ba nhằm vào giữa tháng Sáu theo lịch phương Tây.
tỉnh
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EST01:01
127
Esther 8:10
nhẫn có ấn
Hãy dịch như trong EST03:01
người đưa tin
"người đưa thư"
giống ngựa hoàng gia
một loại ngựa đua đã nghỉ hưu, được giữ lại cho việc sinh sản ra những con ngựa đua khác.
sự cho phép
"quyền"
sẵn sàng chống cự
Đây là ẩn dụ chỉ về việc đánh trả chứ không bỏ chạy. Tham khảo cách dịch: "đánh trả"
ngày mười ba tháng thứ mười hai, tức là tháng A-đa
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EST03:12
Esther 8:13
sự báo thù
Hành động gây thiệt hại lại cho người đã hại mình.
Su-sơ
Hãy dịch như trong EST01:01
Esther 8:15
ánh sáng
"niềm hạnh phúc"
tỉnh
Hãy dịch như trong EST01:01
ngày lễ
"lễ kỷ niệm"

Translation Questions

Esther 8:1
Tại sao Mạc-đô-chê bắt đầu hầu hạ trước mặt vua?
Mạc-đô-chê bắt đầu hầu hạ trước mặt vua, vì Ê-xơ-tê đã kể cho vua về mối liên hệ giữa bà và ông ấy.
Esther 8:2
Tại sao Mạc-đô-chê được cai quản mọi tài sản của Ha-man?
Ê-xơ-tê đã chỉ định Mạc-đô-chê cai quản mọi tài sản của Ha-man.
Esther 8:4
Vua đã làm gì để Ê-xơ-tê có thể đứng dậy trước mặt vua?
Vua đã đưa vương trượng vàng ra cho bà Ê-xơ-tê, nên bà đứng dậy trước mặt vua.
Esther 8:5
Ha-man đã viết những văn thư gì?
Ha-man đã viết những văn thư về việc tiêu diệt người Do Thái trong tất cả các tỉnh của vua.
Esther 8:8
Tại sao Ê-xơ-tê cần nhân danh vua để viết một sắc lệnh khác?
Ê-xơ-tê cần nhân danh vua để viết một sắc lệnh khác cho người Do Thái, vì sắc lệnh đầu tiên đã nhân danh vua mà được viết ra và được đóng ấn bằng chiếc nhẫn của vua thì không thể bãi bỏ được.
Esther 8:9
Những nhà sao chép bản thảo của vua đã được triệu tập lúc nào?
Những nhà sao chép bản thảo của vua đã được triệu tập vào ngày hai mươi ba, tháng thứ ba, tức là tháng Si-van.
Esther 8:11
Vua đã cho phép người Do Thái làm gì?
Vua đã cho phép người Do Thái tập hợp lại để bảo vệ sinh mạng mình, phá hủy, giết chết, diệt trừ những người nào

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mang vũ khí tấn công họ bất kể dân nào, tỉnh nào, phụ nữ hay trẻ em và cướp đoạt tài sản của chúng.
Esther 8:17
Tại sao nhiều người thuộc các dân tộc khác trong xứ cũng trở thành người Do Thái?
Nhiều người thuộc các dân tộc khác trong xứ cũng trở thành người Do Thái vì họ quá sợ hãi người Do Thái.

Chapter 9
Esther 9:1
người mười ba tháng thứ mười hai, tức là tháng A-đa,
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EST03:12
sắp sửa được thực hiện
"được thi hành"
tỉnh
Hãy dịch như trong EST01:01
mà tra tay trên những kẻ cố gắng khiến thảm họa xảy đến trên họ
"đánh lại kẻ thù của mình"
Esther 9:3
tỉnh
Hãy dịch như trong EST01:01
các quan tổng đốc trực thuộc tỉnh
"các quan tổng đốc the tỉnh"
danh tiếng
"sự cao trọng" hoặc "sự nổi tiếng"
Esther 9:6
Su-sơ
Hãy dịch như trong EST01:01
pháo đài
"đồn lũy" hoặc "thành trì"
năm trăm người
"500 người"
Phạt-san-đa-tha, Đanh-phông, A-ba-tha, Phô-ra-tha, A-đa-lia, A-ri-đa-tha, Phạt-ma-sa-ta, A-ri-sai, A-ri-đai và Vai-xa-tha
mười người con trai
"10 con trai"
Ha-man
Ham-mê-da-tha
Esther 9:11
thành kiên cố
"đồn lũy" hoặc "thành trì"
năm trăm người
"500 người"
mười người con trai
"10 con trai"
Vậy thì họ đã làm gì trong các tỉnh còn lại của trẫm?
Tham khảo cách dịch: "Vật thì họ phải làm gì đó trong các tỉnh còn lại của trẫm!" (Xem:
thỉnh cầu
"yêu cầu"
Esther 9:13
mười người con trai
"10 con trai"
giá treo cổ
Hãy dịch như trong EST02:22
Esther 9:15
người mười bốn tháng A-đa
"A-đa" là tên của tháng thứ mười hai và cũng là tháng cuối cùng trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày mười bốn tháng nầy nhằm vào đầu tháng Ba.
ba trăm
"300"
tỉnh
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EST01:01
bảy mươi lăm nghìn
"75.000"
Esther 9:17
ngày mười ba tháng A-đa
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EST03:12
ngày mười bốn
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EST09:15
Su-sơ
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EST01:01
ngày mười lăm
"ngày 15"
niềm vui mừng
"niềm vui vẻ"
Esther 9:20
ngày mười bốn và ngày mười lăm
"ngày 14 và 15"
ngày lễ
"lễ kỷ niệm" hoặc "ngày hội"
Esther 9:23
Thông tin chung:
Phân đoạn nầy tóm tắt lại phần lớn sách Ê-xơ-tê để giải thích lí do tại sao có lễ Phu-rim.
Ha-man
Ham-mê-da-tha
Người A-gát
Đây là dân tộc của Ha-man.
hắn gieo Phu-rơ (nghĩa là hắn gieo thăm)
"hắn gieo Phu-rơ
Pua
"Phu-rim" hoặc "bắt thăm"
Nhưng khi việc ấy đến tai vua
Bản Kinh Thánh Hê-bơ-rơ có thể được diễn giải theo ý nầy: "Nhưng khi Ê-xơ-tê đến trước mặt vua". Một số bản dịch hiện đại chọn cách diễn giải nầy.
Esther 9:26
Phu-rim
một kỳ lễ để kỷ niệm sự giải cứu người Do Thái khỏi âm mưu tận diệt người Do Thái chỉ trong một ngày ở nước Ba Tư cổ xưa.
hai
"2"
Những ngày nầy được tổ chức và tuân giữ
"người Do Thái đã tổ chức và tuân giữ những ngày nầy"
sẽ không bao giờ thôi tuân giữ
"sẽ luôn trung tín giữ"
Esther 9:29
A-bi-hai
là thứ thứ hai
"là thư khác"
Esther 9:30
127

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tỉnh
Hãy dùng cùng một từ hoặc cụm từ như đã dùng trong EST01:01
bắt buộc
"cam kết" hoặc "hứa"
những luật định
"sự sắp xếp" hoặc "sự cai trị"

Translation Questions

Esther 9:2
Tại sao không ai có thể chống cự nổi người Do Thái?
Không ai có thể chống cự nổi người Do Thái vì các dân tộc rất sợ họ.
Esther 9:5
Người Do Thái đã làm gì với những kẻ thù của mình?
Người Do Thái đã dùng gươm tấn công và giết chết những kẻ thù của mình, và họ đối xử với những kẻ ghét mình tùy ý họ muốn.
Esther 9:12
Người Do Thái đã giết những ai?
Người Do Thái đã giết năm trăm người tại kinh đô Su-sơ, và mười con trai của Ha-man.
Esther 9:13
Chuyện gì xảy ra với mười người con trai của Ha-man?
Mười con trai của Ha-man bị treo trên giá treo cổ.
Esther 9:15
Vào nngày mười bốn của tháng A-đa, người Do Thái đã giết chết bao nhiêu người?
Vào nngày mười bốn của tháng A-đa, người Do Thái đã giết chết thêm ba trăm người nữa tại Su-sơ.
Esther 9:17
Tại sao do người Do Thái ở các làng mạc lại giữ ngày mười bốn tháng A-đa lập thành một ngày yến tiệc vui vẻ?
Người Do Thái ở các làng mạc giữ ngày mười bốn tháng A-đa lập thành một ngày yến tiệc vui vẻ bởi vì họ nghỉ ngơi, không giết chóc nữa, và lập ngày đó thành ngày yến tiệc vui vẻ.
Esther 9:19
Tại sao do người Do Thái ở các làng mạc lại giữ ngày mười bốn tháng A-đa lập thành một ngày yến tiệc vui vẻ?
Người Do Thái ở các làng mạc giữ ngày mười bốn tháng A-đa lập thành một ngày yến tiệc vui vẻ bởi vì họ nghỉ ngơi, không giết chóc nữa, và lập ngày đó thành ngày yến tiệc vui vẻ.
Esther 9:20
Mạc-đô-chê căn dặn người Do Thái phải giữ ngày mười bốn và mười lăm của tháng A-đa với mức độ thường xuyên ra sao?
Mạc-đô-chê căn dặn người Do Thái phải giữ ngày mười bốn và mười lăm của tháng A-đa hằng năm.
Esther 9:21
Mạc-đô-chê căn dặn người Do Thái phải giữ ngày mười bốn và mười lăm của tháng A-đa với mức độ thường xuyên ra sao?
Mạc-đô-chê căn dặn người Do Thái phải giữ ngày mười bốn và mười lăm của tháng A-đa hằng năm.
Esther 9:24
Phu-rơ có nghĩa là gì?
Phu-rơ có nghĩa là "gieo thăm".
Esther 9:28
Tại sao người Do Thái và con cháu họ phải đời đời trung tín giữ những ngày Phu-rim nầy?
Người Do Thái và con cháu họ phải đời đời trung tín giữ những ngày Phu-rim nầy, để họ không bao giờ quên đi những ngày ấy.

Chapter 10

Esther 10:1
đánh thuế
"thu thuế" hoặc "tính thuế"
công trạng
"thành tựu" hoặc "các công việc"
Esther 10:3
thứ hai
"số 2"
theo duổi
"muốn" hoặc "cần"
phúc lợi
"lợi ích" hoặc "sự phát triển"

Translation Questions

Esther 10:1
Vua A-suê-ru đã đánh thuế ở đâu?
Vua A-suê-ru đã đánh thuế trong xứ và ở trên các hải đảo.
Esther 10:2
Tất cả công trạng, quyền thế, năng lực của vua A-suê-ru đều được ghi chép lại ở đâu?
Tất cả công trạng, quyền thế, năng lực của vua A-suê-ru đều được ghi chép vào sách sử ký các vua nước Mê-đi và Ba Tư.
Esther 10:3
Thứ bậc của Mạc-đô-chê, người Do Thái, là gì?
Mạc-đô-chê, người Do Thái, đứng thứ hai sau vua A-suê-ru.
Tại sao Mạc-đô-chê lại được tôn trọng giữa người Do Thái, và được anh em Do Thái quý mến?
Mạc-đô-chê được tôn trọng giữa người Do Thái, và được anh em Do Thái quý mến vì ông mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc và lên tiếng để đem lại an ninh cho dân tộc mình.

Chapter 1

Psalms 1:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Chẳng đi theo lời khuyên của kẻ ác
"Lời khuyên của kẻ ác" được ví như một lối đi để đi theo.
Gợi ý dịch: "không nghe theo lời khuyên của kẻ ác"
đứng chung đường với tội nhân
Từ "đường" ở đây chỉ về lối sống. Từ "đứng" song song với từ "đi". Gợi ý dịch: "bắt chước hành vi của người tội lỗi"
Hay ngồi trong hội những kẻ nhạo báng
Ngồi với người nhạo báng Đức Chúa Trời chỉ về việc tham

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

gia với những người nhạo báng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "hay tham gia với những kẻ nhạo báng Đức Chúa Trời" hoặc "hay nhạo báng Đức Chúa Trời cũng với những kẻ nhạo báng khác"

Vui thích

"thỏa lòng" hoặc "vui mừng"

Psalms 1:3

Thông Tin Tổng Quát:

Phần này giới thiệu về một hình ảnh được mô tả chi tiết, trong đó người công bình được ví như một cây trồng tươi tốt.

Người ấy sẽ như cây ... trái đúng mùa

Trong Kinh Thánh, con người thường được ví sánh như cây trồng. Người vui thích trong luật pháp của Đức Giê-hô-va có thể làm mọi điều Đức Chúa Trời muốn họ làm giống như cây trồng gần dòng nước thì sinh ra trái tốt. Gợi ý dịch: "Người ấy sẽ thịnh vượng như cây ... trái đúng mùa"

Trồng bên suối nước

Cây trồng bên suối nước có thể hút đủ nước để được tươi tốt.

Ra trái đúng mùa

Cây mạnh khỏe sẽ cho ra trái tốt vào đúng mùa.

Lá nó chẳng tàn héo

Nếu cây có đủ nước thì lá của nó sẽ không bị khô và chết.

Mọi việc người làm đều sẽ thịnh vượng

"Người sẽ thành công trong mọi việc người làm"

Psalms 1:4

Kẻ ác chẳng như vậy

Có thể nõi rõ họ không giống điều gì. "Kẻ ác không được thịnh vượng" hoặc "Kẻ ác sẽ không thịnh vượng"

Nhưng chúng như rơm rát

Có thể nói rõ chúng giống rơm rát như thế nào. Gợi ý dịch: "nhưng chúng vô giá trị như rơm rát"

Sẽ chẳng đứng nổi trong sự phán xét

Sống sót khi Đức Chúa Trời phán xét được gọi là "đứng". Gợi ý dịch: "sẽ chẳng sống sót khi Đức Chúa Trời xét xử chúng" hoặc "sẽ bị kết tội khi Đức Chúa Trời phán xét chúng" (Xem:

Tội nhân cũng không được vào hội

Người dịch có thể thêm vào từ "đứng". Gợi ý dịch: "tội nhân cũng sẽ không đứng trong hội"

Tội nhân cũng không được vào hội người công chính

Được Đức Chúa Trời chấp nhận là công chính được ví như đứng trong nhóm những người công chính. Gợi ý dịch: "và Đức Chúa Trời sẽ không chập nhận tội nhân chung với người công chính"

Psalms 1:6

Vì Đức Giê-hô-va ưng thuận đường lối của người công chính, nhưng đường của kẻ ác sẽ bị diệt vong

Hai mệnh đề này làm tương phản điều xảy ra cho người công chính và điều xảy ra cho người gian ác.

đường lối của người công chính

Lối sống được ví như một "đường lối" hay "con đường" để người ta bước đi. Gợi ý dịch: "cách sống của người công bình"

đường của kẻ ác sẽ bị diệt vong

Từ "đường" ở đây đại diện cho kẻ ác đang bước đi trên con đường đó theo nghĩa bóng. Gợi ý dịch: "Kẻ ác sẽ bị diệt vong vì đường lối của chúng" hoặc "kẻ ác sẽ chết vì lối sống của chúng"

Translation Questions

Psalms 1:1

Người được phước không bước đi trong nơi đâu?

Người đó không bước đi trong lời khuyên của kẻ ác.

Người được phước không đứng ở đâu?

Người đó không đứng trong lối mòn cùng kẻ tội lỗi.

Người được phước không ngồi ở đâu?

Người đó không ngồi ở trong đoàn người nhạo báng.

Psalms 1:2

Người được phước vui sướng những điều gì?

Người đó vui sướng trong luật pháp của Đức Giê-hô-va.

Người được phước ngẫm nghĩ về luật pháp lúc nào?

Người đó ngẫm nghĩ nó cả ngày lẫn đêm.

Psalms 1:3

Người được phước giống điều gì?

Người đó giống như cây mọc gần dòng suối.

Điều gì xảy ra cho mọi thứ mà người được phước làm?

Mọi thứ người đó làm sẽ được thành công.

Psalms 1:4

Kẻ xấu giống điều gì?

Chúng giống như vỏ trấu bị gió thổi đi.

Psalms 1:5

Điều gì xảy ra với kẻ ác trong sự xét xử?

Chúng không được đứng trong sự xét xử.

Psalms 1:6

Ai bằng lòng về đường lối của người công bình?

Đức Giê-hô-va bằng lòng về đường lối người công bình.

Điều gì xảy ra với đường lối của kẻ ác?

Đường lối của kẻ ác sẽ diệt vong.

Chapter 2

Psalms 2:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Vì sao các nước náo loạn ... vì sao các dân mưu tính chuyện hư không?

Hai mệnh đề này có ý nghĩa tương tự, từ "nước" và "dân" cùng chỉ về nhóm người. Từ "nước" và "dân" cũng có thể chỉ về người đứng đầu của họ. Gợi ý dịch: "Vì sao lãnh đạo các nước náo loạn và mưu tính chuyện hư không?"

Vì sao các nước náo loạn và vì sao các dân mưu tính chuyện hư không?

Những câu hỏi này được dùng để thể hiện sự ngạc nhiên vì người ta làm những việc thật sai lầm và khờ dại. Gợi ý dịch: "Các nước náo loạn và các dân mưu tính chuyện hư không."

các nước náo loạn

Có thể là các nước gây nên cơn bạo loạn ầm ĩ và phẫn nộ.

Mưu tính chuyện hư không

Đây có thể là âm mưu chống nghịch Đức Chúa Trời và dân của Ngài.

Các vua thế gian đứng cùng nhau... các lãnh tụ câu kết với nhau

Hai mệnh đề này có ý nghĩa như nhau.

Đứng cùng nhau

"hợp lại để chiến đấu" hoặc "hợp nhất và chuẩn bị nổi dậy"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hãy bẻ gãy gông cùm ... quăng xa xiềng xích của chúng
Dân tộc các nước ví Đức Giê-hô-va và sự cai trị của Đấng Mê-si trên họ như gông cùm và xiềng xích. Gợi ý dịch: "Chúng ta phải giải phóng mình khỏi sự kiểm soát của họ, chúng ta không được để họ cai trị trên chúng ta nữa!"
Psalms 2:4
Ngài ... Chúa
Những từ này chỉ về Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va thường được gọi là "Chúa" nhưng từ "Đức Giê-hô-va" và từ "Chúa" khác nhau.
ngự trên trời
Ở đây, ngự chỉ về sự cai trị. Có thể nói rõ nơi Ngài ngự. Gợi ý dịch: "cai trị trên trời" hoặc "ngự trên ngai trời"
Chúa chế nhạo chúng
"Chúa chế nhạo những kẻ đó." Có thể nói rõ vì sao Ngài chế nhạo chúng. Gợi ý dịch: "Chúa chế nhạo chúng vì kế hoạch ngu xuẩn của chúng"
Và khiến chúng kinh hoàng trong cơn giận dữ của Ngài
"cơn giận dữ" có thể chỉ về việc vô cùng tức giận hoặc phẫn nộ.
Khiến chúng kinh hoàng
"khiến cho hoảng sợ"
Psalms 2:6
Chính ta
Đức Giê-hô-va đang nhấn mạnh rằng chính Ngài xức dầu cho vua của Ngài chứ không phải ai khác.
Xức dầu cho vua của ta
"lập vua của ta lên cai trị"
Ta sẽ công bố sắc chỉ của Đức Giê-hô-va
Người đang nói điều này là vị vua. Có thể nói rõ điều này. Gợi ý dịch: "Vua nói rằng 'Ta sẽ công bố sắc chỉ của Đức Giê-hô-va'"
Ngài phán với Ta
"Đức Giê-hô-va phán với ta"
Con là Con Ta! Ngày nay Ta là cha của Con.
Ở nhiều dân tộc trong khu vực đó, người ta được quyền nhận con nuôi cách hợp pháp và đứa trẻ sẽ là người thừa kế của họ. Ở đây Đức Giê-hô-va nhận nuôi một người và lập người đó làm vua của Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Ta lập con làm con trai ta. Ngày nay ta trở thành cha của con" hoặc "Ngày nay con là con trai ta và ta là cha của con"
Psalms 2:8
Lời Dẫn:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng vị vua mới của Y-sơ-ra-ên.
các nước làm cơ nghiệp con ... các đầu cùng đất làm tài sản con
Hai vế này mang ý nghĩa tương tự.
các đầu cùng đất
"những vùng đất rất xa xôi"
Con sẽ dùng gậy sắt mà đập vỡ chúng, làm cho chúng bể ra tan tành như bình của thợ gốm
Hai vế này mang ý nghĩa như nhau.
Con sẽ dùng gậy sắt mà đập vỡ chúng
Việc đánh bại các dân được ví như đập vỡ họ, và sức mạnh của người được ví như gậy sắt.
Gợi ý dịch: "Con sẽ đánh bại họ hoàn toàn bởi sức mạnh mình"
làm cho chúng bể ra tan tành
Việc tiêu diệt các nước được ví như chúng có thể bị đập bể như bình gốm. Gợi ý dịch: con sẽ tiêu diệt chúng hoàn toàn như một chiếc bình gốm"
bình của thợ gốm
Thợ gốm là người làm bình và lọ bằng đất sét. Chúng rất mỏng manh và dễ vỡ. Gợi ý dịch: "bình gốm" hoặc "lọ gốm"
Psalms 2:10
Vì vậy bây giờ, hỡi các vua hãy cảnh giác, hỡi các nhà cầm quyền thế gian hãy chịu răn bảo
Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "Vì vậy bây giờ, hỡi các vua và các nhà cầm quyền thế gian hãy cảnh giác và chịu răn bảo"
Hãy cảnh giác
Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "hãy nghe lời cảnh báo này" hoặc "hãy khôn ngoan"
Chịu răn bảo
Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "hãy nghe lời răn bảo này" hoặc "hãy nhận lời răn bảo này"
Psalms 2:12
Hãy hôn Con
Người ta phải thể hiện rằng họ trung thành với vua của mình bằng cách hôn người, có thể là hôn ở chân. Gợi ý dịch: "Hãy thể hiện rằng các ngươi thật sự trung thành với người" hoặc "Hãy khiêm nhường cúi xuống trước con Ngài"
các ngươi sẽ chết trên đường
Có thể chỉ về việc chết ngay tại chỗ trước khi có cơ hội chạy thoát. Gợi ý dịch: "các ngươi sẽ chết ngay tức khắc".
Khi cơn thịnh nộ của Người bùng lên tức khắc
Cơn thịnh nộ của vua được ví như một ngọn lửa có thể bùng lên. Gợi ý dịch: "khi người đột nhiên tức giận"
Tìm nơi trú ẩn nơi Người
Việc cầu xin vị vua bảo vệ được ví như tìm nơi trú ẩn nơi người. Gợi ý dịch: "cầu xin vị vua bảo vệ họ"

Translation Questions

Psalms 2:2
Ai là người mà những kẻ cai trị chống lại?
Họ đang chống lại Đức Giê-hô-va và chống lại Chúa cứu thế của họ.
Psalms 2:3
Những kẻ cai trị muốn nhổ bỏ và quăng đi thứ gì?
Chúng muốn nhổ bỏ gông cùm mà Giê-hô-va và Đấng Cứu thế của họ buộc vào họ và quăng đi xiềng xích của họ.
Psalms 2:4
Ai ngồi trên trời và nhạo báng các dân nổi loạn?
Đức Chúa Trời nhạo báng họ.
Psalms 2:6
Ai đã được Đức Chúa Trời xức dầu?
Chúa đã xức dầu trên vua xứ Si-ôn, là núi thánh của Ngài.
Psalms 2:7
Mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va ban cho người viết là gì?
Đức Giê-hô-va phán, "Con là con trai ta! Ngày này ta đã thành cha của con."
Psalms 2:8
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với các dân và các vùng xa nhất trên đất?
Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ như sản nghiệp và của cải.
Psalms 2:9
Điều gì xảy ra với các dân?
Họ sẽ vỡ và vụn nát.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 2:11

Các vua và những kẻ cai trị đáp trả mạng lệnh của Đức Giê-hô-va thế nào?

Họ nên thờ lạy Đức Giê-hô-va trong sự hãi và vui mừng bằng sự run sợ.

Psalms 2:12

Tại sao các vua phải trung thành với con trai của Đức Giê-hô-va?

Họ phải trung thành vì người sẽ không giận dữ và họ sẽ không chết.

Điều gì xảy ra với mọi kẻ nương dựa nơi con trai?

Họ được phước.

Chapter 3

Psalms 3:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va ôi, kẻ thủ của con nhiều dường nào!

Câu cảm thán này cho thấy Đa-vít sợ hãi kẻ thù của mình. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, con có quá nhiều kẻ thủ!"

nổi lên chống lại con

Việc tranh chiến với một người được ví như nổi lên chống lại người đó. Gợi ý dịch: "đến chống lại con"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này.

Psalms 3:3

Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài là cái khiên chở che con

Khiên dùng để bảo vệ người lính. Đa-vít ví Đức Chúa Trời như cái khiên bảo vệ ông. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài bảo vệ con như cái khiên"

vinh quang của con

"Ngài là vinh quang của con". Đa-vít gọi Đức Chúa Trời là vinh hiển của ông có ý muốn nói rằng Đức Chúa Trời là Đấng ban cho ông sự vinh hiển. Vì Đa-vít vừa nói về kẻ thù của mình và Đức Chúa Trời là Đấng bảo vệ ông nên có lẽ ông muốn nói rằng Đức Chúa Trời ban vinh hiển cho ông bằng cách cho ông chiến thắng kẻ thù. Gợi ý dịch: "Ngài là Đấng ban cho con sự vinh hiển" hoặc "Ngài là Đấng cho con được chiến thắng".

Đấng làm cho con ngẩng đầu lên

"Ngài là Đấng làm cho con ngẩng đầu lên". Việc ban cho một người sự dũng cảm được ví như làm cho người đó ngẩng đầu lên. Gợi ý dịch: "Đấng làm cho con can đảm"

Con lớn tiếng

Việc dùng tiếng của mình để kêu cầu được ví như lớn tiếng lên. Gợi ý dịch: "Tôi kêu cầu"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở

Psalms 3:5

Vây hãm con từ phía

"bao vây con để tiêu diệt con"

Psalms 3:7

hãy chỗi dậy

Đa-vít gọi việc bắt đầu làm một việc gì đó là chỗi dậy. Gợi ý dịch: "Hãy hành động" hoặc "Hãy ra tay"

Đánh mọi kẻ thù của con ... bẻ gãy răng kẻ ác

Hai vế này có nghĩa như nhau. Cụm từ "kẻ thù của con" và "kẻ ác" chỉ về cùng một nhóm người.

Vì Chúa sẽ vả vào má mọi kẻ thù của con

Đây là cách sỉ nhục ai đó. Đa-vít nói như thể Đức Giê-hô-va sẽ đến và đánh kẻ thù của ông theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "Vì Chúa sẽ sỉ nhục mọi kẻ thù con như người ta vả vào má chúng"

Chúa sẽ bẻ gãy răng kẻ ác

Những con thú thường tấn công bằng răng. Bẻ răng là lấy đi sức mạnh tấn công của nó. Đa-vít nói như thể Đức Giê-hô-va sẽ đến và đánh kẻ ác theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "Chúa sẽ làm cho kẻ ác không thể hãm hại con như người ta bẻ gãy răng của con vật hung dữ"

Sự giải cứu đến từ Đức Giê-hô-va

Danh từ trừu tượng "sự giải cứu" có thể được dịch thành động từ "giải cứu". Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giải cứu con dân Ngài"

Translation Questions

Psalms 3:1

Kẻ thù của Đa-vít đã làm gì với người?

Họ đã quay lưng lại và tấn công người.

Psalms 3:3

Đa-vít so sánh Đức Giê-hô-va với điều gì?

Giê-hô-va là khiên che phủ ông, là vinh hiển của ông, và là Đấng nâng đầu ông ngước lên.

Psalms 3:4

Đức Giê-hô-va làm gì khi Đa-vít cất tiếng thưa cùng Ngài?

Ngài đáp lời từ đồi thánh.

Psalms 3:6

Đa-vít không sợ ai vì sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va?

Đa-vít sẽ không sợ hãi những kẻ chống lại ông.

Psalms 3:7

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với kẻ thù của Đa-vít?

Ngài sẽ đánh vào hàm của tất cả kẻ thù, Ngài sẽ bẻ gãy răng của kẻ ác.

Psalms 3:8

Sự cứu rỗi đến từ ai?

Sự cứu rỗi đến từ Đức Giê-hô-va.

Chapter 4

Psalms 4:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

việc thờ phượng"

dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

xin đáp lời con khi con kêu cầu

"Xin trả lời con khi con kêu cầu" hoặc "Xin cứu giúp con khi con kêu cầu"

Đức Chúa Trời của sự công chính con

"Đức Chúa Trời là Đấng nhận con công chính"

Xin mở lối khi con bị vây hãm

Bị lâm nguy được ví như ở trong một chỗ chật hẹp. Gợi ý dịch: "xin giải cứu con khi con lâm nguy"

Psalms 4:2

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít hát phân khúc này như thể ông đang nói với kẻ thù.

Nầy các ngươi, các ngươi sẽ đổi danh dự ta ra sỉ nhục cho đến chừng nào?

Đa-vít dùng câu hỏi này để quở trách kẻ thù mình. Gợi ý dịch: "Các ngươi không ngừng đổi danh dự ta ra sỉ nhục!"

đổi danh dự ta ra sỉ nhục

Sỉ nhục thay vì tôn kính được diễn đạt là biến danh dự của người ấy trở thành điều sỉ nhục. Gợi ý dịch: "sỉ nhục thay vì tôn kính ta" hoặc "khiến ta nhục nhã khi lẽ ra các ngươi phải tôn kính ta"

Các người ưa thích chuyện hư không và tìm kiếm điều dối trá cho đến chừng nào?

Đa-vít dùng câu hỏi này để quở trách kẻ thù của mình. Gợi ý dịch: "Các ngươi cứ ưa thích chuyện hư không và tìm kiếm điều dối trá."

ưa thích chuyện hư không ... tìm kiếm điều dối trá

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Điều dối trá là những chuyện hư không. Gợi ý dịch: "ưa thích những điều dối trá hư không"

Đức Giê-hô-va biệt riêng những người tin kính cho Ngài

"Đức Giê-hô-va chọn những người tin kính cho Ngài"

Psalms 4:4

Run sợ

Có thể nói rõ mối liên hệ giữa "run" và "sợ" và chỉ rõ người ta cần phải sợ ai. Gợi ý dịch: "Hãy kính sợ Đức Giê-hô-va đến mức run rẩy" hoặc "Hãy đứng trước mặt Đức Giê-hô-va với sự kính sợ"

Run

"Run rẩy"

Suy ngẫm trong lòng

Lòng tượng trưng cho ý nghĩ của một người. Việc suy nghĩ cẩn thận được diễn đạt là suy ngẫm trong lòng. Gợi ý dịch: "Suy nghĩ thật kỹ"

Dâng sự công chính làm tế lễ

"Dâng của tế lễ công chính"

đặt lòng tin cậy nơi Đức Giê-hô-va

Lòng tin cậy được ví như một đồ vật có thể đem đặt vào nơi nào đó. Gợi ý dịch: "hãy tin cậy nơi Đức Giê-hô-va" hoặc "hãy tin cậy Đức Giê-hô-va"

Psalms 4:6

Ai sẽ cho chúng tôi thấy điều tốt đẹp?

Câu hỏi này được dùng để yêu cầu hoặc để bày tỏ mong ước về điều đã không xảy ra. Gợi ý dịch: "Xin cho chúng tôi thấy điều tốt đẹp" hoặc "Chúng tôi mong ước có người cho chúng tôi thấy điều tốt đẹp"

Ai sẽ cho chúng tôi thấy điều tốt đẹp?

Cho thấy điều tốt đẹp chỉ về việc đem lại điều tốt lành hoặc nói rằng điều tốt đẹp đã xảy ra. Gợi ý dịch: "Ai sẽ đem điều tốt đẹp đến cho chúng tôi?" hoặc "Ai sẽ nói rằng có điều tốt lành nào đã xảy ra?"

Xin chiếu rạng ánh sáng của mặt Ngài trên chúng con

Tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va làm ơn cho họ như thể mặt của Ngài chiếu sáng trên họ. Gợi ý dịch: "làm ơn trên chúng tôi"

Chúa cho lòng con vui mừng hơn

Từ lòng chỉ về chính con người đó. Gợi ý dịch: "Chúa cho con vui mừng hơn"

Chúa cho lòng con vui mừng hơn những kẻ khác

Sự vui mừng được ví như một đồ vật có thể được ban cho. Gợi ý dịch: "Chúa đã khiến con vui mừng hơn những kẻ khác"

khi có lúa mì và rượu mới dư dật

"Rượu mới" có thể chỉ về trái nho. Gợi ý dịch: "khi chúng thu hoạch dư dật lúa mì và nho"

con sẽ nằm và ngủ trong bình yên

Sự bình yên được ví như một địa điểm. Gợi ý dịch: "Con sẽ được bình yên khi nằm ngủ" hoặc "Con sẽ không sợ nguy hiểm khi nằm ngủ"

Cho con được an lành và yên ổn

Từ "an lành" và "yên ổn" căn bản có nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh sự an toàn tuyệt đối. Gợi ý dịch: "cho con được an toàn tuyệt đối"

Translation Questions

Psalms 4:1

Đa-vít hỏi ai trả lời khi ông kêu cầu?

Đa-vít cầu nguyện với Chúa của sự công bình để đáp lời kêu cầu của ông.

Psalms 4:2

Người ta đang làm gì với danh dự của Đa-vít?

Họ đang biến danh dự của ông thành sự sỉ nhục.

Psalms 4:3

Đức Giê-hô-va biệt riêng ai?

Chúa biệt riêng những người yêu mến Ngài cho chính Ngài.

Psalms 4:4

Đa-vít nói về suy gẫm thế nào?

Ông nói, "Suy ngẫm trong lòng ngươi ở trên giường và yên lặng."

Psalms 4:5

Các của lễ mà Đa-vít nói để dâng là gì?

Ông nói rằng hãy dâng các của lễ công bình.

Đa-vít nói rằng tin cậy ở ai?

Ông nói rằng tin cậy ở Đức Giê-hô-va.

Psalms 4:6

Nhiều người nói gì?

Nhiều người nói rằng, "Ai sẽ cho chúng ta thấy mọi điều tốt lành?"

Đa-vít kêu cầu Đức Giê-hô-va để chiếu soi điều gì?

Ông kêu cầu Đức Giê-hô-va chiếu soi sự sáng của mặt Chúa trên họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 4:7

Đức Giê-hô-va đã ban gì trong lòng Đa-vít?

Đức Giê-hô-va đã ban lòng ông nhiều niềm vui hơn những thứ khác, hơn cả lúc lúa thóc và rượu mới của họ đầy dẫy.

Psalms 4:8

Ai làm cho Đa-vít an toàn và bảo đảm lúc ông nằm ngủ yên giấc?

Chỉ duy Đức Giê-hô-va khiến Đa-vít an toàn và bảo đảm.

Chapter 5

Psalms 5:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Dùng với sáo

"Bài hát này nên được đệm với sáo"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

xin lắng tai nghe lời con kêu cầu cùng Ngài

Đây là lời cầu cứu. Gợi ý dịch: "Xin lắng nghe con kêu cầu Ngài giờ đây"

Sự thở than

Nhưng âm trầm phát ra tiếng khi người ta chịu đau khổ

Buổi sáng Ngài nghe tiếng con ... buổi sáng con dâng lời khẩn nguyện cho Ngài

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau.

con dâng lời khẩn nguyện cho Ngài

"Con dâng lên lời cầu xin" hoặc "Con cầu xin Ngài điều con cần"

Trông đợi

"hy vọng"

Psalms 5:4

Đức Giê-hô-va khinh thường kẻ hung bạo và dối trá

Vì trong thi thiên này Đa-vít đang thưa cùng Đức Chúa Trời nên câu này có thể được dịch với từ "Ngài". Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, Ngài khinh thường kẻ hung bạo và dối trá" hoặc "Đức Giê-hô-va ôi, Ngài ghét những kẻ làm điều hung bạo và lừa dối người khác"

Psalms 5:7

Nhà Chúa

Từ này chỉ về đền thờ của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "đền thờ của Chúa"

dẫn dắt con trong sự công chính của Ngài

Đa-vít ví sự công chính như một con đường và sự dạy dỗ là việc dẫn dắt. Cụm từ "sự công chính của Ngài" có nghĩa là Đức Chúa Trời là công chính. Gợi ý dịch: "xin dạy con làm điều công chính như Ngài"

Xin làm thẳng đường Ngài trước mặt con

Đa-vít ví sự công chính như một con đường. Đường thẳng thì dễ nhìn thấy và bước đi. Gợi ý dịch: "xin chỉ rõ cho con thấy cách sống trong đường lối công chính" (UDB) hoặc "xin cho con dễ dàng làm điều công chính"

Psalms 5:9

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít nói về kẻ thù của ông.

Vì miệng chúng không có điều thành thật

Có điều thành thật trong miệng có nghĩa là nói thật. Gợi ý dịch: "Vì chúng chẳng bao giờ nói thật"

Lòng chúng đầy gian ác

Lòng chỉ về tư tưởng và ước muốn của một người. Gợi ý dịch: "tư tưởng và ước muốn của chúng đầy gian ác"

Họng của chúng

Họng chỉ về lời nói của một người. Gợi ý dịch: "lời nói của chúng" hoặc "điều chúng nói"

Họng của chúng là mồ mả mở ra

Họng của chúng được ví như mồ mả mở ra, sẵn sàng để cho thi thể vào. Có thể hiểu là 1) "chúng nói rằng chúng sẽ giết người" hoặc 2) "Điều chúng nói giết chết người ta"

Lưỡi của chúng nói lời dua nịnh

"Chúng nói những điều tốt lành về người ta mà trong lòng không thật nghĩ vậy"

Lưỡi của chúng

Lưỡi tượng trưng cho điều người ta nói ra.

Nguyện chúng sa ngã trong mưu chước mình

"nguyện âm mưu của chúng khiến chúng nếm mùi tai họa" hoặc "nguyện chúng trở nên yếu thế vì âm mưu của chúng"

Mưu chước

Kế hoạch làm hại người khác

Sa ngã

Đây là điều khiến một người trải qua tai họa hoặc mất sức lực. Trải qua tai họa hay yếu thế được gọi là sa ngã.

Psalms 5:11

Nguyện tất cả những ai nương náu nơi Ngài đều được vui mừng

Đức Chúa Trời được ví như một nơi nương náu, một nơi để người ta được bảo vệ. Gợi ý dịch: "Nguyện tất cả những ai đến cùng Ngài để được bảo vệ đều vui mừng"

những ai nương náu mình nơi Chúa được vui mừng ... cất tiếng reo mừng vì Chúa bảo vệ họ

Hai vế này có ý nghĩa tương tự.

nương náu nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được ví như nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến với Ngài để được bảo vệ"

Người nào yêu mến danh Chúa

Danh Chúa đại diện cho chính Chúa. Gợi ý dịch: "người nào yêu mến Chúa"

Chúa sẽ lấy ơn Ngài vây phủ người ấy như cái khiên

Ơn của Đức Chúa Trời được ví như một cái khiên. Gợi ý dịch: "Chúa sẽ ban ơn cho người ấy và bảo vệ người ấy như người lính dùng khiên bảo vệ mình" hoặc "vì Chúa nhân từ cùng người ấy và sẽ bảo vệ người ấy"

Translation Questions

Psalms 5:1

Đa-vít đang xin ai lắng nghe lời ông kêu cầu và ngẫm nghĩ các lời than thở của ông?

Đa-vít đang xin Đức Giê-hô-va lắng nghe lời ông kêu cầu và ngẫm nghĩ các lời than thở của ông.

Psalms 5:2

Đa-vít dùng tên gì với người lắng nghe lời ông kêu cầu?

Đa-vít gọi Ngài. "Vua và là Chúa của tôi."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 5:3
What will David do in the morning? Đa-vít sẽ làm gì vào buổi sáng?
He will bring his petition to Yahweh and wait expectantly.
Ông sẽ dâng sự cầu xin đến Đức Giê-hô-va và mong đợi.
Psalms 5:4
Điều gì Chúa chắc chắn không làm?
Ngài chắc chắn không bằng lòng về điều ác, và kẻ ác sẽ không phải khách của Ngài.
Psalms 5:5
Ai sẽ không đứng trước mặt của Chúa?
Sự kiêu gạo sẽ không đứng trước mặt Chúa.
Chúa ghét ai?
Chúa ghét mọi kẻ hành xử độc ác.
Psalms 5:6
Chúa làm gì với những kẻ dối trá?
Chúa sẽ hủy diệt những kẻ dối trá.
Đức Giê-hô-va khinh thường những ai?
Đức Giê-hô-va khinh thường kẻ hung bạo và dối trá.
Psalms 5:7
Tại sao Đa-vít đi đến nhà của Đức Giê-hô-va?
Đa-vít sẽ đi đến nhà của Đức Giê-hô-va bởi vì giao ước thành tín lớn lao của Ngài.
Đa-vít cúi xuống trước đền thánh của Đức Giê-hô-va thế nào?
Đa-vít sẽ cúi xuống với lòng kính trọng.
Psalms 5:8
Tại sao Đa-vít kêu cầu Chúa dẫn ông vào công bình?
Đa-vít kêu cầu Chúa dẫn ông vào công bình bởi vì kẻ thù của Đa-vít.
Psalms 5:9
Đa-vít mô tả kẻ thù của mình thế nào?
Đa-vít mô tả kẻ thù của mình không có sự thành thật trong miệng, lòng của chúng là gian ác, cổ họng của chúng là mồ mả mở ra và lưỡi chúng nó xu nịnh.
Psalms 5:10
Đa-vít đang cầu xin Đức Chúa Trời làm gì với những kẻ thù của Đa-vít vì nhiều tội lỗi và nổi loạn của họ chống lại Đức Chúa Trời?
Đa-vít đang cầu xin Chúa tuyên bố rằng kẻ thù của ông có tội.
Psalms 5:11
Tại sao những kẻ nương náu nơi Chúa reo lên vì vui mừng?
Họ reo lên vui mừng bởi vì Chúa che chở họ.
Psalms 5:12
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người công bình?
Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho người công bình và che phủ họ bằng ơn của Ngài như cái khiên.

Chapter 6
Psalms 6:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
Dùng với nhạc cụ bằng dây
"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"
Theo điệu Sê-mi-nít
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
xương cốt con run rẩy
Xương chỉ về toàn bộ thân thể. Có thể ông run rẩy vì đau bệnh hoặc vô cùng mỏi mệt. Gợi ý dịch: "cả người con run rẩy"
Psalms 6:3
Rất bối rối
"kinh hãi" hoặc "lo lắng"
Việc này sẽ tiếp diễn cho đến chừng nào?
Đa-vít dùng câu hỏi này để bày tỏ rằng ông không muốn tiếp tục cảm thấy yếu sức và phiền muộn. Gợi ý dịch: Xin đừng để điều này tiếp diễn!"
Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy trở lại
Đa-vít ví việc Đức Chúa Trời nhân lành với ông giống như Đức Chúa Trời trở lại cùng ông. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin trở lại cùng con" hoặc "Lạy Đức Giê-hô-va, xin thương xót con"
Vì trong cõi chết đâu còn ai nhớ Chúa. Chốn âm ti ai sẽ cảm tạ Ngài?
Hai câu này có nghĩa tương tự nhau.
Vì trong cõi chết đâu còn ai nhớ Chúa
Sự ghi nhớ ở đây chỉ về sự ngợi khen. Gợi ý dịch: "Vì khi đã chết, người ta không còn ngợi khen Chúa nữa"
Chốn âm ti ai sẽ cảm tạ Ngài?
Đa-vít dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng không ai trong chốn âm phủ cảm tạ Ngài. Gợi ý dịch: "Không ai trong chôn âm phủ sẽ cảm tạ Ngài!" hoặc "Người chết không thể ngợi khen Ngài!"
Psalms 6:6
Con mỏi mòn vì than thở
Sự than thở chỉ về nỗi đau hay sự buồn khổ của ông. Gợi ý dịch: "Con rất mệt mỏi vì nỗi đau khổ của con"
Tôi làm giường tôi đẫm lệ, giặt nó bằng nước mắt
Hai câu này có ý nghĩa như nhau.
Tôi làm giường tôi đẫm lệ
"Tôi làm giường tôi đẫm nước mắt" hoặc "Giường tôi ướt đẫm vì nước mắt tôi"
giặt nó bằng nước mắt
"làm nó ướt đẫm nước mắt"
Mắt con hoen mờ
Từ mắt chỉ về thị lực. Gợi ý dịch: "Thị giác con đã mờ" hoặc "con không thể thấy rõ"
Vì buồn thảm
Ở đây, buồn thảm chỉ về sự than khóc. Gợi ý dịch: "vì than khóc" hoặc "vì con khóc quá nhiều"
Psalms 6:8
Đức Giê-hô-va đã nghe tiếng kêu cầu ta ... Đức Giê-hô-va đã nhậm lời cầu nguyện ta
Hai câu này có ý nghĩa như nhau.
Đức Giê-hô-va đã nhậm lời cầu nguyện ta
Sẵn lòng làm điều Đa-vít cầu xin được gọi là nhậm lời cầu nguyện của ông. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ đáp lại lời cầu nguyện ta"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Psalms 6:1

Đa-vít thỉnh cầu Đức Giê-hô-va đừng làm gì?

Ông thỉnh cầu Đức Giê-hô-va đừng quở phạt ông trong cơn giận dữ của Chúa hay phạt ông trong cơn thịnh nộ của Chúa.

Psalms 6:2

Đa-vít kêu cầu Đức Giê-hô-va làm gì vì ông yếu đuối?

Đa-vít kêu cầu Đức Giê-hô-va có lòng thương xót với ông và chữa lành ông.

Psalms 6:4

Tại sao Đức Giê-hô-va giải thoát và cứu nguy Đa-vít?

Bởi vì giao ước thành tín của Đức Giê-hô-va.

Psalms 6:5

Điều gì sẽ không được nhớ trong cái chết?

Trong cái chết sẽ không nhớ đến Đức Giê-hô-va.

Psalms 6:6

Đa-vít làm gì với giường của mình vì ông mệt mỏi và than thở?

Suốt đêm ông khóc ướt nước mắt.

Psalms 6:7

Điều gì xảy ra với mắt của Đa-vít vì nỗi đau buồn và vì tất cả những kẻ thù của ông?

Mắt ông dần lờ mờ và lòa.

Psalms 6:8

Tại sao những kẻ quen phạm tội tránh xa khỏi Đa-vít?

Bởi vì Đức Giê-hô-va đã nghe tiếng ông khóc và lời khẩn cầu của ông, và vì thương xót và đã nhậm lời cầu nguyện của ông.

Psalms 6:9

Tại sao những kẻ quen phạm tội tránh xa khỏi Đa-vít?

Bởi vì Đức Giê-hô-va đã nghe tiếng ông khóc và lời khẩn cầu của ông, và vì thương xót và đã nhậm lời cầu nguyện của ông.

Psalms 6:10

Điều gì sẽ xảy ra với kẻ thù của Đa-vít?

Mọi kẻ thù của ông sẽ nhục nhã và hỗn loạn, và họ sẽ quay lui lại và bị nhục nhã thình lình.

Chapter 7

Psalms 7:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Tác phẩm âm nhạc của Đa-vít

"Đây là bài hát Đa-vít viết"

Về lời của Cút, người Bên-gia-min

Cụm từ "lời của Cút" chỉ về điều ông nói. Gợi ý dịch: "về điều Cút, thuộc chi phái Bên-gia-min, đã nói"

nương náu mình nơi Ngài!

Đến với Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Ngài để được bảo vệ!"

Chúng sẽ phân thây con như sư tử, xé con ra thành từng mảnh

Đa-vít ví việc kẻ thù tấn công ông như thể chúng sẽ phân thây ông và xé ông thành từng mảnh như chúng là những con sư tử. Gợi ý dịch: "chúng sẽ giết hại con tàn bạo như một con sư tử phân thây con mồi và xé nó ra từng mảnh" hoặc "chúng sẽ tàn bạo giết hại con"

Không ai có thể đưa con vào nơi an toàn

"và không ai có thể giải cứu con"

Psalms 7:3

Không có sự bất chính trong tay con

Tay chỉ về việc người đó làm. Có sự bất chính trong tay nghĩa là làm điều không công chính. Gợi ý dịch: "không có sự bất chính nào trong việc con làm" hoặc "con không làm điều bất chính với ai"

Psalms 7:5

mạng sống con

Mạng sống chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "con"

Đuổi kịp

"bắt kịp" hoặc "bắt lấy". Từ này chỉ về việc bắt lấy ông. Gợi ý dịch: "bắt lấy con"

Để nó giày đạp thân con dưới đất

"Thân con" chỉ về chính tác giả. Gợi ý dịch: "để kẻ thù con tiêu diệt con"

Nằm dài nhục nhã trong bụi đất

Có nghĩa là nằm chết và không được chôn cất đầy nhục nhã.

Psalms 7:6

Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy trỗi dậy trong cơn giận

Trỗi dậy nói đến việc ra tay hành động. Gợi ý dịch: "Hãy làm điều gì đó trong cơn giận của Ngài" hoặc "Hãy nổi giận với kẻ thù của con và hành động"

Xin đứng lên chống lại cơn giận hoảng của kẻ thù con

Việc chiến đấu với người khác được gọi là đứng lên chống lại họ. Gợi ý dịch: "chiến đấu chống lại cơn giận hoảng của kẻ thù con" hoặc "tấn công kẻ thù con, là kẻ giận hoảng cùng con"

cơn giận hoảng của kẻ thù con

Cơn giận hoảng chỉ về sự tấn công của họ. Gợi ý dịch: "sự tấn công của kẻ thù con" hoặc "kẻ thù tấn công con"

Thức dậy

Thức dậy chỉ về việc bắt đầu làm điều gì đó hay ra tay hành động. Gợi ý dịch: "Hành động" hoặc "Làm điều gì đó"

Vì con

"cho con" hoặc "để giúp đỡ con"

Các dân tụ họp

Từ "các dân" ở đây chỉ về tất cả những đội quân đã họp lại để tấn công.

Lấy lại vị trí chính đáng của Ngài trên chúng

Cai trị người khác được nói như đang ở trên họ. Nơi chính đáng của Đức Giê-hô-va chỉ về trời hoặc chỉ về sự cai trị nói chung. Gợi ý dịch: "Từ trời cai trị chúng" hoặc "Cai trị chúng"

Psalms 7:8

Bênh vực con

"Cho chúng thấy rằng con không có tội"

làm vững bền người công chính

"làm cho người công chính vững vàng" hoặc "làm cho người công chính thịnh vượng"

Là Đấng dò xét lòng và tư tưởng

Lòng và tư tưởng chỉ về ước muốn và suy nghĩ của một người. Gợi ý dịch: "Ngài biết tư tưởng bên trong chúng con"

Psalms 7:10

Cái khiên của con đến từ Đức Chúa Trời

Từ "cái khiên" chỉ về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Là Đức Chúa Trời hằng ngày nổi giận

Có thể nói rõ Đức Chúa Trời nổi giận với ai. Gợi ý dịch: "Là Đức Chúa Trời hằng ngày nổi giận với kẻ ác"

Psalms 7:12

Đức Chúa Trời sẽ mài gươm và giương cung chờ sẵn cho trận chiến

Trong câu 12 và 13, Đa-vít nói về việc Đức Chúa Trời quyết định trừng phạt kẻ ác như thể Ngài là một chiến sĩ chuẩn bị vũ khí sẵn sàng để chiến đấu với họ. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ ra tay chống lại kẻ ác như một chiến sĩ mài gươm và giương cung chờ sẵn cho trận chiến"

Psalms 7:14

Kẻ cưu mang gian ác ... hoài thai kế hủy diệt ... sinh ra lời dối trá gây thiệt hại

Đa-vít nói về những điều kẻ gian ác làm giống như chúng mang thai và sự gian ác là đứa bé trong bụng. Gợi ý dịch: "Kẻ gian ác. Hắn lập kế hủy diệt người khác và nói lời gian trá gây thiệt hại"

Kế hủy diệt đổ lại trên đầu hắn, vì sự hung bạo của hắn giáng xuống đầu hắn

Sự hủy diệt và sự hung bạo được ví như chúng đập vào đầu hay đổ xuống đầu ai đó. Gợi ý dịch: "Kế hủy diệt của hắn tiêu diệt hắn, vì sự hung bạo hắn tấn công hắn" hoặc "Khi hắn lập kế tiêu diệt kẻ khác thì kẻ khác lại tiêu diệt hắn; khi hắn tấn công kẻ khác thì kẻ khác lại tấn công hắn"

Translation Questions

Psalms 7:1

Đa-vít nương náu ở trong ai?

Đa-vít nương náu trong Đức Giê-hô-va Chúa của ông.

Đa-vít đang thỉnh cầu Đức Giê-hô-va làm gì?

Đa-vít đang thỉnh cầu Đức Giê-hô-va cứu ông khỏi những kẻ rượt đuổi ông, và giải thoát ông.

Psalms 7:2

Chỉ có Đức Giê-hô-va có thể làm gì cho Đa-vít?

Không ai ngoài Đức Giê-hô-va có thể đem Đa-vít đến chỗ an toàn.

Psalms 7:3

Đa-vít nói rằng ông không làm gì?

Đa-vít nói với Đức Giê-hô-va rằng ông không bao giờ làm những gì kẻ thù bảo ông làm, và không có sự bất công trong tay ông.

Psalms 7:4

Đa-vít nói ông đã không làm gì với ai hòa thuận với ông hoặc ai chống lại ông?

Đa-vít nói ông đã không làm điều sai với ai hòa thuận với ông hoặc làm hại vô cớ ai chống lại ông.

Psalms 7:5

Đa-vít nói Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với ông nếu ông không nói sự thật?

Đa-vít nói Đức Giê-hô-va sẽ để kẻ thù của Đa-vít bám theo đời ông và hủy hoại nó, giẫm nát mạng sống ông, và để ông chịu nhục dưới cát bụi.

Psalms 7:6

Đa-viy1 kêu cầu Chúa làm gì lúc Ngài giận dữ?

Đa-vít kêu cầu Đức Giê-hô-va trỗi dậy và đứng lên chống lại kẻ thù của Đa-vít.

Đa-vít thỉnh cầu Đức Giê-hô-va làm gì cho ông?

Đa-vít thỉnh cầu Đức Giê-hô-va tỉnh dậy và thực hiện mạng lệnh công bình mà Đức Giê-hô-va đã truyền.

Psalms 7:7

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va làm gì trên các nước?

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va đem nơi công bình của Ngài trên các nước.

Psalms 7:8

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va đoán xét ai?

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va đoán xét các dân.

Psalms 7:9

Đa-vít nói Chúa công bình làm gì?

Đa-vít nói Chúa xem xét lòng và tư tưởng.

Psalms 7:10

Khiên của Đa-vít đến từ đâu?

Khiên của Đa-vít đến từ Chúa.

Chúa cứu ai?

Chúa cứu người ngay thẳng trong lòng.

Psalms 7:11

Đa-vít mô tả Chúa thế nào?

Đa-vít mô tả Chúa là quan tòa công bình, người nổi giận mỗi ngày.

Psalms 7:12

Chúa sẽ làm gì nếu một người không ăn năn?

Chúa sẽ mài gươm của Ngài và sẽ chuẩn bị cung cho trận chiến.

Psalms 7:14

Đa-vít mô tả sự độc ác trong kẻ không ăn năn thế nào?

Đa-vít mô tả người thai nghén ra điều ác, kẻ hoài thai những dự tính phá hoại và sinh ra điều giả dối tai hại.

Psalms 7:15

Điều gì xảy ra với kẻ ác, là kẻ đào hố?

Nó sẽ té xuống cái hố nó đã đào.

Psalms 7:16

Điều gì xảy ra với những dự định phá hoại của kẻ ác?

Các dự định của nó trở lại trên đầu nó và sự hung bạo giáng xuống đầu nó.

Psalms 7:17

Đa-vít cảm tạ Đức Giê-hô-va điều gì?

Ông sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va vì sự công bình của Ngài.

Đa-vít sẽ hát ca ngợi ai?

Đa-vít sẽ hát ngợi ca Đức Giê-hô-va Chí Cao.

Chapter 8

Psalms 8:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Dành cho điệu Ghi-tít

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Danh Chúa vang lừng trên khắp đất biết bao

"Danh" của Đức Chúa Trời chỉ về chính Ngài. Gợi ý dịch:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"dân trên khắp đất đều biết Ngài thật vĩ đại"

Từ môi miệng trẻ thơ và trẻ con đương bú, Ngài lập nên sự ngợi khen

Khiến cho những trẻ thơ ngợi khen Đức Chúa Trời được nói đến như thể sự ngợi khen là một vật mà Đức Chúa Trời tạo dựng trong miệng của trẻ thơ và khiến nó phát ra. Gợi ý dịch: "Ngài cho những trẻ thơ và trẻ con đương bú biết ngợi khen Ngài"

Psalms 8:3

các tầng trời là công việc ngón tay Chúa đã làm nên

Ngón tay Chúa chỉ về chính Chúa. Gợi ý dịch: "các tầng trời mà Ngài đã dựng nên"

Loài người là gì mà Chúa nhớ đến, hay thế nhân là gì mà Chúa bận tâm?

Những lời này được thể hiện ở dạng câu hỏi để thêm phần nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Thật kinh ngạc khi Ngài nghĩ về con người và bận tâm về họ!"

Loài người ... thế nhân

Hai cụm từ này đều chỉ về con người nói chung.

Đội cho họ mão miện vinh quang và tôn trọng

Vinh quang và tôn trọng được ví như vương miệng. Từ "vinh quang" và "tôn trọng" có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "ban cho họ sự vinh hiển và tôn trọng" hoặc "khiến họ giống như những vị vua".

Psalms 8:6

Ngài cho người cai trị công việc ... Ngài đặt mọi vật dưới chân người

Hai vế này có ý nghĩa như nhau.

Ngài cho người ... dưới chân người

"Ngài cho họ ... dưới chân họ". Từ "người" ở đây chỉ về con người.

công việc của tay Chúa

Từ tay chỉ về điều Đức Chúa Trời đã làm. Gợi ý dịch: "những điều Ngài đã làm"

Ngài đặt mọi vật dưới chân người

Có thẩm quyền cai trị những vật khác và điều khiển mọi thứ được gọi là đặt những vật đó dưới chân. Có nghĩa là Đức Chúa Trời ban cho con người thẩm quyền trên mọi tạo vật. Gợi ý dịch: "Ngài ban cho người thẩm quyền trên mọi vật"

Psalms 8:9

Danh Chúa vang lừng trên khắp đất biết bao

Bằng câu cảm thán này, Đa-vít thể hiện niềm vui và kinh ngạc về sự vĩ đại của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "danh Ngài vang lừng diệu kỳ trên khắp đất" hoặc "con người trên khắp đất biết Ngài vang lừng như thế nào"

Danh Ngài

"Danh" của Đức Chúa Trời chỉ về chính Ngài hoặc sự danh tiếng của Ngài. Gợi ý dịch: "danh tiếng của Ngài"

Vang lừng

"vượt trội" hoặc "vĩ đại"

Translation Questions

Psalms 8:1

Danh của ai là cao sang trên khắp đất?

Danh của Đức Giê-hô-va Chúa chúng ta là cao sang.

Psalms 8:2

Đức Giê-hô-va đã làm gì từ miệng của trẻ thơ và con nhỏ?

Ngài làm sự ca ngợi.

Tại sao Đức Giê-hô-va tạo sự ca ngợi?

Ngài tạo sự ca ngợi để làm sự yên lặng cho cả kẻ thù và kẻ báo thù.

Psalms 8:3

Đa-vít nhìn lên điều gì mà khiến ông nghĩ loài người không quan trọng?

Ông nhìn lên bầu trời, trăng, và các vì sao.

Psalms 8:5

Loài người so sánh với sự sống thiên đàng thế nào?

Đức Giê-hô-va làm con người thấp hơn sự sống thiên đàng một chút.

Đức Giê-hô-va đội vương miện cho con người cùng thứ gì?

Ngài đội cho họ cùng vinh hiển và danh dự.

Psalms 8:6

Đức Giê-hô-va khiến loài người làm gì?

Đức Giê-hô-va khiến loài người cai trị công việc của tay Ngài.

Psalms 8:7

Những điều gì mà Đức Giê-hô-va đặt dưới chân loài người?

Ngài đặt hết thảy con cừu và con bò, và cả các con vật trên đồng, chim trên trời, và cá dưới biển, mọi thứ đi qua các dòng biển dưới chân con người.

Psalms 8:8

Những điều gì mà Đức Giê-hô-va đặt dưới chân loài người?

Ngài đặt hết thảy con cừu và con bò, và cả các con vật trên đồng, chim trên trời, và cá dưới biển, mọi thứ đi qua các dòng biển dưới chân con người.

Psalms 8:9

Danh của ai cao sang trên khắp đất?

Danh của Đức Giê-hô-va Chúa chúng ta là cao sang.

Chapter 9

Psalms 9:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu "Mút-la-bên"

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Con sẽ hết lòng cảm tạ Đức Giê-hô-va

Vì bài hát này viết cho Đức Giê-hô-va nên có thể gọi Đức Giê-hô-va là "Ngài". Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, con sẽ hết lòng cảm tạ Ngài"

Mọi việc lạ lùng của Ngài

Từ "việc" có thể được dịch bằng từ "làm". Gợi ý dịch: "mọi việc lạ lùng Ngài làm" hoặc "mọi điều lạ lùng Ngài đã làm"

Con sẽ ca tụng danh của Ngài

Ở đây danh của Đức Chúa Trời chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ hát ngợi khen Ngài"

Psalms 9:3

Lùi bước

"rút lui" hoặc "sợ hãi chạy trốn"

Chúa ngồi trên ngai mà phán xét công minh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những vị vua có quyền phán xét dân chúng, và họ sẽ ngồi trên ngai khi phán xét. Đa-vít nói như thể Đức Chúa Trời là một vị vua trên đất. Gợi ý dịch: "Ngài phán xét như một vị vua ngồi trên ngai và Ngài là Đấng công bình"

Psalms 9:5

Ngài vĩnh viễn xóa sạch tên của chúng

Khiến cho ai đó bị lãng quên được ví như xóa đi tên của người đó. Gợi ý dịch: "Ngài khiến chúng bị quên lãng như thể tên chúng bị xóa đi" hoặc "sẽ không ai còn nhớ lại tên của chúng"

Xóa sạch

"xóa bỏ"

Kẻ thù bị phá đổ như đống đổ nát

Kẻ thù được nói đến như thể chúng là một thành phố đầy những tòa nhà đổ nát. Gợi ý dịch: "Kẻ thù của chúng con bị tiêu diệt"

Khi Chúa phá đổ các thành của chúng

"khi Chúa phá hủy các thành của chúng"

Mọi ký ức về chúng cũng chết đi

Ký ức được ví như một loài sống có thể chết đi. Gợi ý dịch: "Mọi ghi nhớ về chúng đều ngừng lại" hoặc "Không còn ký ức gì về chúng nữa".

Mọi ký ức về chúng cũng chết đi

Ký ức có thể được dịch thành động từ "nhớ". Gợi ý dịch: "Không ai nhớ đến chúng cả"

Psalms 9:7

Đức Giê-hô-va còn đời đời

Từ "còn" có thể chỉ về việc ngồi trên ngôi vua. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ngự trên ngai Ngài đời đời" hoặc "Đức Giê-hô-va cai trị đời đời".

Ngài thiết lập ngôi Ngài để phán xét

Cụm từ "ngôi Ngài" tượng trưng cho sự cai trị của Đức Chúa Trời. Có thể hiểu là 1) "Ngài cai trị để phán xét con người" hoặc "Ngài cai trị con người cách công chính"

Ngài sẽ phán xét thế gian theo sự công chính ... Ngài sẽ lấy lẽ công bằng mà xét xử các dân

Hai câu này có ý nghĩa như nhau.

Ngài sẽ phán xét thế gian theo sự công chính

Từ "thế gian" ở đây chỉ về hết thảy loài người trên thế gian. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ phán xét hết thảy loài người trên thế gian cách công chính"

Psalms 9:9

Đức Giê-hô-va cũng là đồn lũy cho người bị áp bức

Đức Chúa Trời được ví như một nơi người ta có thể chạy đến để được an toàn. Gợi ý dịch: " Đức Giê-hô-va cũng bảo vệ cho ngươi bị áp bức" hoặc "Đức Giê-hô-va cũng ban an ninh cho kẻ bị áp bức"

Đồn lũy

"nơi trú ẩn" hoặc "chỗ ẩn náu"

những người biết danh Ngài

Từ "danh Ngài" ở đây tượng trưng cho chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Những người biết Ngài"

Chẳng từ bỏ

"chẳng bỏ" hoặc "chẳng lìa bỏ"

Psalms 9:11

Đấng cai trị tại Si-ôn

"Đấng ngự tại Giê-ru-sa-lem"

Nói cho các dân

Từ "các dân" chỉ về hết thảy loài người.

Vì Đức Chúa Trời là Đấng báo thù huyết nhớ đến

Có thể nói rõ đối tượng mà Ngài nhớ đến. Gợi ý dịch: "Vì Đức Chúa Trời là Đấng báo thù huyết nhớ đến những kẻ bị giết hại" hoặc "Vì Đức Chúa Trời nhớ đến những người bị giết hại và Ngài trừng phạt kẻ giết người"

Ngài không quên tiếng kêu cứu

" Ngài không phớt lờ tiếng kêu cứu"

Psalms 9:13

Xin đoái xem con bị áp bức thể nào bởi những kẻ ghét con

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "xem những kẻ ghét con áp bức con thể nào" hoặc "xem kẻ thù của con đãi tệ cùng con thể nào"

Ngài là Đấng đem con lên khỏi cổng sự chết

Sự chết được ví như một thành phố có cổng để người ta đi vào. Nếu một người ở gần cổng sự chết thì có nghĩa là người đó sắp chết. Cứu một người khỏi chết được ví như đem người đó ra khỏi cổng của thành phố đó. Gợi ý dịch: "Ngài là Đấng có thể giải cứu con khỏi sự chết" hoặc "Ngài là Đấng có thể cứu con khỏi chết"

Psalms 9:15

Các dân đã sa xuống hố mà chúng đã đào

Người ta đào hố để bắt những con thú rơi xuống đó. Đào hố ở đây tượng trưng cho việc lên kế hoạch tiêu diệt người khác. Gợi ý dịch: "Các dân giống như những người đào hố cho kẻ khác rồi rơi xuống đó".

Chân của chúng mắc vào lưới chúng đã giăng

Người ta giăng lưới để bắt những con vật mắc vào đó. Giăng lưới ở đây tượng trưng cho việc lên kế hoạch tiêu diệt người khác. Gợi ý dịch: "họ giống như những kẻ giăng lưới rồi mắc vào đó"

Bị mắc bẫy

"bị bẫy" hoặc "bị bắt". Tượng trưng cho việc bị tiêu diệt. Gợi ý dịch: "bị diệt đi"

Psalms 9:17

Quay lưng

"chối bỏ"

Số phận của tất cả các dân quên Đức Chúa Trời

"nơi dành cho tất cả các dân quên Đức Chúa Trời"

Vì người thiếu thốn sẽ không bị bỏ quên luôn luôn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ không bỏ quên người thiếu thốn luôn luôn" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ nhớ đến người thiếu thốn"

Niềm hy vọng của kẻ bị áp bức cũng không bị tan vỡ mãi mãi

Niềm hy vọng được ví như những đồ vật có thể bị tan vỡ hay phá hủy. Hy vọng bị phá hủy tượng trưng cho những điều người ta hy vọng chẳng bao giờ được xảy ra. Gợi ý dịch: "và kẻ bị áp bức sẽ không tuyệt vọng luôn luôn" hoặc "và một ngày nào đó điều kẻ bị áp bức hy vọng sẽ xảy ra"

Psalms 9:19

xin trỗi dậy

Trỗi dậy tượng trưng cho việc bắt đầu làm việc gì đó. Gợi ý dịch: "Xin hãy làm điều gì đó" hoặc "Xin hãy hành động"

Người

"con người"

bị phán xét

Bị phán xét ở đây chỉ về sự trừng phạt. Gợi ý dịch: "bị trừng phạt"

trước mặt Ngài

Ở đây chỉ về sự hiện diện. Gợi ý dịch: "trong sự hiện diện

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của Ngài"

Nguyện các nước bị phán xét trước mặt Ngài

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "phán xét các dân trong sự hiện diện của Ngài" hoặc "đem các dân vào sự hiện diện của Ngài và trừng phạt họ"

Translation Questions

Psalms 9:1

Đa-vít sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va thế nào và ông sẽ nói điều gì?

Ông sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va bằng cả tấm lòng và nói về mọi công việc lạ lùng của Ngài.

Psalms 9:3

Khi kẻ thù của Đa-vít quay lưng, điều gì xảy ra với chúng?

Kẻ thù sẩy chân và bỏ mạng trước Đức Giê-hô-va.

Psalms 9:4

Quan án công bình đã làm gì cho Đa-vít?

Quan án công bình ngồi trên ngai và đã bào chữa kiện cáo công bình của Đa-vít.

Psalms 9:5

Quan án công bình đã làm gì với các dân và kẻ ác?

Ngài làm các dân kinh hãi trận chiến, hủy diệt kẻ xấu, và xóa sạch ký ức của chúng mãi mãi.

Psalms 9:6

Điều gì xảy ra với kẻ thù khi quan án công bình phá đổ thành của chúng?

Kẻ thù đổ nát như đống điêu tàn và mọi sự hồi tưởng về chúng bị héo tàn.

Psalms 9:7

Ai còn lại đời đời và lập ngôi mình để xét xử?

Đức Giê-hô-va còn lại đời đời và lập ngôi mình để xét xử.

Psalms 9:8

Đức Giê-hô-va đoán xét thế gian thế nào và điều gì Ngài làm gì với các dân?

Đức Giê-hô-va đoán xét thế gian cách công bằng và phân xử các dân.

Psalms 9:9

Đức Giê-hô-va sẽ là gì với người bị đàn áp?

Đức Giê-hô-va sẽ là đồn lũy cho người đàn áp trong lúc khó khăn.

Psalms 9:10

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì cho những người tìm kiếm Ngài?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va đừng từ bỏ những ai tìm kiếm Ngài.

Psalms 9:11

Đa-vít làm gì với người làm việc cho Đức Giê-hô-va, là Đấng ở xứ Si-ôn?

Họ ngợi ca Đức Giê-hô-va và nói với những dân những gì Đức Giê-hô-va đã làm.

Psalms 9:12

Điều gì Chúa không quên?

Ngài không quên tiếng khóc của kẻ bị áp bức.

Psalms 9:13

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì cho ông?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va tỏ lòng thương xót với ông.

Đa-vít bị đàn áp bởi ai?

Đa-vít bị đàn áp bởi những kẻ ghét ông.

Psalms 9:14

Đa-vít sẽ vui hưởng sự cứu giúp ở đâu?

Đa-vít sẽ vui hưởng sự cứu giúp ở trong cổng của con gái xứ Si-ôn.

Psalms 9:15

Điều gì xảy ra với các dân?

Các dân đã lún sâu xuống hố mà họ đã đào và chân của họ bị mắc vào lưới mà họ đã giấu.

Psalms 9:16

Ai đã làm cho mình hiểu và thi hành sự đoán xét?

Đức Giê-hô-va đã làm cho mình hiểu và thi hành sự đoán xét.

Psalms 9:17

Kẻ ác được sai đi đâu?

Chúng được sai đi Âm phủ, nơi mà số phận của các dân đã quên Chúa.

Psalms 9:18

Điều gì sẽ xảy ra với kẻ nghèo và kẻ bị áp bức?

Kẻ nghèo sẽ không bị quên mà hi vọng cũng sẽ không bị tiêu tan mãi mãi.

Psalms 9:19

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va ngăn con người khỏi việc gì?

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va trỗi dậy và không để con người chiến thắng.

Psalms 9:20

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì với các dân?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va làm kinh hãi họ và khiến họ hiểu rằng họ là con người.

Chapter 10

Psalms 10:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Đức Giê-hô-va ôi! Vì sao Ngài đứng xa? Sao Ngài ẩn mặt trong lúc gian truân?

Tác giả dùng những câu hỏi này để thể hiện nỗi đau buồn của ông vì Đức Chúa Trời không giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, dường như Ngài xa cách con và ẩn mặt khỏi con những lúc con gặp gian truân"

Mưu chước

"kế hoạch"

Kẻ ác

Chỉ về những người gian ác nói chung. Gợi ý dịch: "người gian ác"

Dục vọng sâu thẳm của chúng

Danh từ "dục vọng" có thể được dịch thành động từ "ham muốn". Gợi ý dịch: "điều chúng ham muốn phải làm cho được"

Bọn tham lam

"người tham lam"

Psalms 10:4

Kẻ ác

Chỉ về những người gian ác nói chung. Gợi ý dịch: "người gian ác"

Có bộ mặt kiêu ngạo

Mặt kiêu ngạo chỉ về sự ngạo mạn hay kiêu căng. Gợi ý dịch: "có thái độ kiêu căng" hay "kiêu ngạo"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hắn không tìm kiếm Chúa

Tìm kiếm Chúa tức là 1) cầu hỏi Đức Chúa Trời hoặc 2) suy ngẫm về Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài. Gợi ý dịch: "hắn không cầu hỏi Đức Chúa Trời" hoặc "hắn không suy ngẫm về Đức Chúa Trời"

Hắn luôn được an toàn

"Hắn luôn được bình yên". Hắn không thật sự được bình yên mà chỉ tự nghĩ như vậy.

Sự phán xét công bình của Chúa cao quá cho hắn

Điều khó hiểu được nói như thể chúng quá cao không thể với tới. Gợi ý dịch: "hắn không thể hiểu được sự phán xét công bình của Ngài"

Hắn chế giễu tất cả kẻ thù mình

Người ta chế giễu kẻ thù của mình khi cho rằng họ yếu ớt và vô dụng. Gợi ý dịch: "hắn nghĩ rằng tất cả kẻ thù của hắn đều yếu ớt và vô dụng" hoặc "hắn khinh bỉ tất cả kẻ thù mình"

Hắn chế giễu

Có nghĩa là hắn khịt mũi tạo ra âm thanh.

Psalms 10:6

Hắn nói rằng

"Kẻ ác nói rằng"

Suốt các thế hệ

Đơn giản có thể có nghĩa là "đời đời".

Ta sẽ không bao giờ gặp tai họa

Trải qua tai họa được gọi là gặp tai họa. Gợi ý dịch: "Ta sẽ không có bất kì phiền toái nào"

Miệng hắn đầy lời nguyền rủa, giả dối và tàn hại

Điều người ta nói ra được ví như ở trong miệng họ. Gợi ý dịch: "Hắn luôn nguyền rủa người khác, nói những điều dối gạt và gây thiệt hại" hoặc "Hắn luôn nguyền rủa người khác, nói dối và đe dọa làm hại người ta"

Lưỡi hắn gây xúc phạm và hủy diệt

Ở đây lưỡi tượng trưng cho lời nói. Gợi ý dịch: "điều hắn nói gây xúc phạm và hủy diệt người khác" hoặc "hắn nói những lời đe dọa và gây tổn thương người ta"

Psalms 10:8

Hắn rình rập

Từ "hắn" chỉ về kẻ ác.

Mắt hắn tìm kiếm kẻ khốn cùng

Mắt hắn chỉ về chính hắn. Gợi ý dịch: "hắn tìm kiếm kẻ khốn cùng"

Hắn ẩn nấp trong nơi kín đáo như sư tử rình trong bụi cây

Câu này ví kẻ ác như một con sư tử. Gợi ý dịch: "Hắn ẩn nấp chờ kẻ yếu đuối đến gần như con sư tử yên lặng nằm trong bụi cây chờ đợi con thú nó muốn tấn công"

ẩn nấp

Nghĩa là trốn hoặc chờ đợi nhằm làm hại hay giết đi.

Hắn nằm rình

"nằm chờ" hoặc "hắn ẩn nấp chờ"

Hắn bắt người cùng khốn khi kéo lưới mình

Tác giả nói kẻ ác bắt lấy người ta như thể hắn là thợ săn dùng lưới để bắt những con vật. Gợi ý dịch: "Hắn bắt người cùng khốn như thợ săn cho những con vật vào lưới và kéo chúng đi"

Họ sa vào lưới cứng chắc của hắn

Tác giả tiếp tục ví kẻ ác bắt người khác như hắn là thợ săn, âm mưu của hắn là lưới giăng và người ta là những con vật rơi vào lưới. Gợi ý dịch: "những nạn nhân bị bắt được bởi mưu kế hắn giống như những con vật rơi vào lưới của thợ săn".

Psalms 10:11

Hắn nói rằng

Từ "hắn" chỉ về kẻ ác và những người gian ác nói chung.

Đức Chúa Trời đã quên rồi

Không chú ý vào việc ai làm của ai đó được gọi là đã quên. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời không chú ý đến" hoặc "Đức Chúa Trời không bận tâm ta làm gì"

Ngài che mặt

Không chú ý đến việc làm của ai đó được gọi là che mặt. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời không xem xét những việc đang diễn ra"

Ngài sẽ chẳng buồn nhìn xem

Chú ý vào việc ai đó làm được gọi là nhìn xem việc đó. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ chẳng buồn bận tâm" hoặc "Ngài sẽ không quan tâm"

Xin trỗi dậy

Bắt đầu làm việc gì đó được gọi là trỗi dậy. Gợi ý dịch: "Xin hãy làm gì đó"

Xin giơ tay Ngài lên

Ở đây giơ tay lên đánh ai đó tượng trưng cho việc trừng phạt người đó. Gợi ý dịch: "Xin hãy đánh hắn thật nặng" hoặc "xin hãy trừng phạt kẻ ác"

Psalms 10:13

Vì sao kẻ ác chối bỏ Đức Chúa Trời mà nói rằng ... "Chúa sẽ không tra hỏi tôi"?

Tác giả dùng câu hỏi này để thể hiện rằng ông rất buồn vì kẻ ác làm những việc đó. Gợi ý dịch: "Kẻ ác luôn chối bỏ Đức Chúa Trời mà nói rằng ... 'Chúa sẽ không tra hỏi tôi'".

Chúa sẽ không tra hỏi tôi

"Chúa sẽ không buộc tôi trình ra những lí do cho việc làm của tôi". Ở đây buộc một người chịu trách nhiệm tượng trưng cho việc trừng phạt người đó. Gợi ý dịch: "Chúa sẽ không trừng phạt tôi"

Psalms 10:15

Xin bẻ gãy cánh tay kẻ dữ và bọn gian ác

"Cánh tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "Xin tiêu diệt quyền lực của kẻ dữ và bọn gian ác" hoặc "Xin làm cho kẻ dữ và bọn gian ác phải suy yếu"

kẻ dữ và bọn gian ác

Những từ này có ý nghĩa như nhau. Có thể dùng một từ để thể hiện cả hai khái niệm này.

Khiến chúng chịu trách nhiệm cho việc gian ác của chúng

Khiến ai đó chịu trách nhiệm cho việc gian ác của mình muốn nói đến việc trừng phạt kẻ đó. Gợi ý dịch: "Xin trừng phạt chúng vì những việc gian ác chúng đã làm"

Các nước bị đuổi khỏi đất của Ngài

Có thể dịch ở dạng chủ động. "Đức Giê-hô-va buộc dân của các nước phải ra khỏi đất của Ngài"

Psalms 10:17

Ngài đã nghe nhu cầu của kẻ bị áp bức

Ngụ ý rằng kẻ bị áp bức đã kêu cầu Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "khi những kẻ bị áp bức kêu cầu Ngài thì Ngài lắng nghe họ trình dâng những điều họ cần"

Ngài làm cho họ được vững lòng

Vững lòng chỉ về sự can đảm, làm cho ai đó vững lòng có nghĩa là khích lệ người đó. Gợi ý dịch: "Ngài khích lệ họ" hoặc "Ngài khiến họ vững tin"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Không ai ... sẽ khiến cho kinh sợ nữa
"không ai ... sẽ khiến cho con người sợ hãi nữa"

Translation Questions

Psalms 10:1
Người viết thấy Đức Giê-hô-va đối xử với ông thế nào?
Người viết thấy rằng Đức Giê-hô-va đứng xa và ẩn chính Ngài.
Psalms 10:2
Người viết kêu cầu Đức Giê-hô-va làm gì với kẻ ác?
Người viết kêu cầu Đức Giê-hô-va để kẻ ác rơi vào chính bẫy mà chúng toan tính.
Psalms 10:4
Tại sao người viết không tìm kiếm Chúa?
Người viết không tìm kiếm Chúa bởi vì họ quá kiêu căng.
Psalms 10:6
Kẻ ác nói gì trong lòng mình?
Kẻ ác nói, "Ta sẽ không bao giờ thất bại, suốt đời ta sẽ không gặp tai họa."
Psalms 10:7
Điều gì chứa đầy miệng của kẻ ác?
Miệng của chúng đầy xấu xa, dối trá và những lời gây hại.
Psalms 10:9
Con vật gì nếu kẻ ác giống như thế?
Nó giống như một con sư tử núp ở nơi kín trong bụi cây và rình rập để bắt kẻ khốn khó.
Psalms 10:11
Kẻ ác nói với lòng mình điều gì về Chúa?
Kẻ ác nói rằng, "Chúa đã quên; Ngài che mặt mình; Ngài sẽ không màng nhìn đến."
Psalms 10:12
Người viết muốn Đức Giê-hô-va đáp lời kẻ ác thế nào?
Ông muốn Đức Giê-hô-va giơ tay mình lên đoán xét và đừng quên kẻ áp bức.
Psalms 10:13
Kẻ ác nói gì trong lòng mình?
Nó nói rằng, "Ngài sẽ không tính tới chúng ta đâu."
Psalms 10:15
Kẻ ác và kẻ tội lỗi nghĩ gì về những việc ác nó làm?
Chúng nghĩ rằng Chúa sẽ không nhận ra chúng.
Psalms 10:16
Đức Giê-hô-va đáp trả những nhu cầu của kẻ áp bức thế nào?
Ngài thêm sức trong lòng họ, lắng nghe lời cầu nguyện của họ.

Chapter 11

Psalms 11:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Nương náu nơi Đức Giê-hô-va
Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được ví như nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ"
Sao các người lại bảo tôi: "Hãy trốn đi như chim bay về núi"?
Câu hỏi này được dùng để thêm nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Vậy đừng bảo tôi phải chạy trốn!" (
Vì kìa! Kẻ ác giương cung. Chúng tra sẵn tên vào dây để trong bóng tối bắn vào người có lòng ngay thẳng
"Kìa! Kẻ ác đang chuẩn bị tấn công người ngay thẳng"
người có lòng ngay thẳng
Ở đây chỉ về người tin kính hay công chính.
Psalms 11:3
Vì nếu các nền tảng bị phá đổ thì người công chính sẽ làm sao?
"Các nền tảng" ở đây chỉ về luật pháp và trật tự. Câu hỏi tu từ này được dùng để thêm phần nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Người công chính không thể làm bất kì điều gì khi kẻ ác không bị trừng phạt khi bất tuân luật pháp!"
Mắt Ngài nhìn xem, mắt Ngài dò xét con cái loài người
Đức Giê-hô-va biết tất cả mọi việc xảy ra. Gợi ý dịch: "Ngài dò xét mọi việc con người làm"
con cái loài người
"loài người"
Psalms 11:5
Dò xét
"quan sát thật kỹ lưỡng"
Bạo tàn
"làm hại người khác"
Ngài trút than hừng và lưu huỳnh trên kẻ ác; gió nóng sẽ là phần cho chén chúng nó!
Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời được mô tả như than hừng và lưu huỳnh từ núi lửa. Gợi ý dịch: "Ngài trừng phạt kẻ ác; sẽ không có sự giải cứu nào cho chúng!"
Lưu huỳnh
Đây là một tên gọi khác cho chất sulfua.
thấy mặt Ngài
"ở trong sự hiện diện của Ngài"

Translation Questions

Psalms 11:1
Đa-vít nương náu trong ai?
Đa-vít nương náu ở trong Đức Giê-hô-va.
Người ta nói gì với Đa-vít về linh hồn ông?
Họ nói với ông như chim lẩn trốn lên núi.
Psalms 11:2
Kẻ ác chuẩn bị tấn công người ngay thẳng trong lòng thế nào?
Chúng nó chuẩn bị cung và sẵn sàng mũi tên của chúng.
Psalms 11:4
Đức Giê-hô-va đang làm gì trong đền thánh của Ngài?
Mắt của Ngài đang nhìn trông xem và đoán xét con của loài người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 11:5

Đức Giê-hô-va tra xét ai?

Ngài tra xét người ngay thẳng và kẻ ác.

Đức Giê-hô-va ghét ai?

Ngài ghét những kẻ thích làm điều bạo lực.

Psalms 11:6

Đức Giê-hô-va làm gì với kẻ ác?

Ngài làm mưa đá lửa và lưu huỳnh trên chúng và trút xuống một cơn gió nóng từ chén của Ngài.

Psalms 11:7

Đức Giê-hô-va nghĩ gì về người công bình?

Ngài yêu người công bình.

Điều gì xảy ra với người ngay thẳng?

Người ngay thẳng sẽ nhìn thấy mặt của Đức Giê-hô-va.

Chapter 12

Psalms 12:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Sê-mi-nít

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA006:001

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va ôi! Xin cứu

"Đức Giê-hô-va ôi! Xin đến cứu giúp"

Người trung tín đã biến mất

"người trung tín đều đã biến mất"

Psalms 12:2

Mỗi người nói ... mỗi người nói

Từ "mỗi người" xuất hiện hai lần ở đây đều mang ý phòng đại, được dùng để nhấn mạnh tính nghiêm trọng của vấn đề.

Môi dua nịnh

"khen ngợi giả dối"

Lòng dối gạt

"những lời lừa dối"

Hớt môi dua nịnh

"buộc chúng thôi nói những lời khen ngợi giả dối"

Mọi lưỡi nói điều khoác lác

"Lưỡi" ở đây tượng trưng cho những lời khoe khoang. Gợi ý dịch: "tất cả những người khoác lác"

Nhờ lưỡi mình chúng ta sẽ thắng thế

Từ "lưỡi mình" ở đây tượng trưng cho những lời mà họ nói ra. Gợi ý dịch: "Nói nhiều lời sẽ khiến chúng ta giành chiến thắng"

chúng ta sẽ thắng thế

"chúng ta sẽ thành công" hoặc "chúng ta sẽ thắng"

ai có thể là chủ của chúng ta?

Câu hỏi tu từ này được dùng để nhấn mạnh việc họ tin rằng không ai có thể cai trị họ. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "không ai có thể cai trị trên chúng ta!"

Psalms 12:5

Rên siết

Đây là những âm thanh trầm con người phát ra vì đau đớn hay vì những cảm xúc mạnh mẽ nào đó.

Đức Giê-hô-va phán: ta sẽ đứng dậy

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ làm gì đó để giúp đỡ con người.

Psalms 12:6

như bạc đã luyện trong lò trên đất, tinh luyện đến bảy lần

Lời của Đức Giê-hô-va được so sánh với bạc đã được tinh luyện. Gợi ý dịch: "Chúng không có chút sai sót nào"

Ngài gìn giữ họ

"Ngài gìn giữ người công chính"

Đi dạo quanh tứ phía

"vây quanh chúng con"

Khi sự gian ác được tán tụng giữa con cái loài người

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "khi khắp nơi người ta ca ngợi điều gian ác"

con cái loài người

"loài người" hoặc "con người"

Translation Questions

Psalms 12:1

Tại sao Đa-vít kêu cầu sự giúp đỡ của Đức Giê-hô-va?

Đa-vít kêu cầu sự giúp đỡ của Đức Giê-hô-va bởi vì người tin kính đã biến mất và người trung tín đã không còn nữa.

Psalms 12:2

Mọi người nói với kẻ thân cạnh mình thế nào?

Mọi người nói những lời trống không với kẻ lân cận mình, nói bằng môi xu nịnh và hai lòng.

Psalms 12:3

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va làm gì với môi nịnh bợ?

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va cắt hết mọi môi nịnh bợ và mọi lưỡi nói điều tự cao tự đại.

Psalms 12:4

Điều xu nịnh được nói là gì?

Có vài lời nói rằng, "Bằng miệng lưỡi chúng ta sẽ chiến thắng. Khi môi chúng ta nói, ai có thể là Chúa hơn chúng ta?"

Psalms 12:5

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với người đáng thương và người nghèo túng?

Đức Giê-hô-va sẽ trỗi dậy và lo liệu an toàn cho họ lâu dài.

Psalms 12:6

Những lời của Đức Giê-hô-va giống điều gì?

Lời của Đức Giê-hô-va là lời thánh khiết như bạc nguyên chất ở trong lò và được tinh luyện bảy lần.

Psalms 12:7

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì cho dân tin kính?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va giữ họ mãi mãi và gìn giữ họ khỏi dòng dõi độc ác.

Psalms 12:8

Điều gì khiến kẻ ác đi dạo khắp phía?

Kẻ ác đi khắp phía khi điều dữ được đề cao giữa con trai loài người.

---

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 13

Psalms 13:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va ôi! Ngài mãi quên con cho đến chừng nào?

Câu hỏi này được dùng để thu hút sự chú ý của độc giả và thêm phần nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, dường như Ngài đã quên con!"

... mặt khỏi con cho đến bao giờ?

Từ "mặt" tượng trưng cho chính Đức Chúa Trời. Câu hỏi tu từ này được dùng để thêm phần nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Dường như Ngài lánh khỏi con!"

Kẻ thù con sẽ chiến thắng con cho đến chừng nào?

Câu hỏi tu từ này được dùng để thêm phần nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chắc chắn kẻ thù con sẽ không thắng con luôn luôn!"

Psalms 13:3

Xin đoái xem con và đáp lời con

"Xin chú ý đến con và lắng nghe con"

Xin cho mắt con được sáng

Đây là cách cầu xin được ban cho sức lực. Gợi ý dịch: "Xin khiến con được mạnh mẽ trở lại"

Kẻo con phải ngủ trong sự chết

"Ngủ trong sự chết" có nghĩa là chết.

Xin đừng để kẻ thù con nói rằng ... để kẻ thù con không thể nói

"Xin đừng để kẻ thù con nói về con ... để kẻ thù con không thể nói về con"

khi con ngã xuống

"khi con vấp ngã" hoặc "khi chúng đánh bại con"

Psalms 13:5

con đã tin cậy vào sự thành tín nơi giao ước Ngài

Khi nói về "sự thành tín nơi giao ước" của Đức Giê-hô-va, Đa-vít tin rằng Đức Giê-hô-va sẽ luôn yêu thương ông. Gợi ý dịch: "Con tin rằng Ngài sẽ luôn yêu thương con"

lòng con vui mừng trong sự cứu rỗi của Chúa

"Lòng con" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con sẽ vui mừng vì Chúa đã giải cứu con"

Translation Questions

Psalms 13:3

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va đáp lời cầu nguyện của ông thế nào?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va nhìn xem ông, làm mắt ông sáng tỏ.

Điều gù Đa-vít sợ sẽ xảy ra nếu Đức Giê-hô-va không đáp lời?

Đa-vít sợ ông ngủ trong sự chết.

Psalms 13:4

Đa-vít không muốn kẻ thù của ông nói gì về ông?

Ông không muốn họ nói rằng họ đã đánh bại ông và thắng hơn ông.

Điều gì sẽ xảy ra nếu Đa-vít bị đánh bại?

Kẻ thù của ông sẽ mừng rỡ khi ông bị hạ gục.

Psalms 13:5

Đa-vít đã tin cậy vào điều gì?

Đa-vít đã tin cậy vào giao ước thành tín của Đức Giê-hô-va.

Lòng của Đa-vít vui mừng điều gì?

Lòng của ông vui mừng vào sự giải cứu của Đức Giê-hô-va.

Psalms 13:6

Tại sao Đa-vít sẽ ngợi ca Đức Giê-hô-va?

Đa-vít sẽ ngợi ca bởi vì Đức Giê-hô-va đã đối đãi với ông rất rộng lượng.

Chapter 14

Psalms 14:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Kẻ ngu dại nói trong lòng

Đây là cách nói mang ý nghĩa là tự nói với bản thân hay tự nghĩ trong đầu. Gợi ý dịch: "Kẻ ngu dại nói với chính mình rằng"

Chúng đều đồi bại

Từ "chúng" chỉ về tất cả những con người ngu dại nói rằng không có Đức Chúa Trời.

Psalms 14:2

con cháu loài người

Cụm từ này chỉ về hết thảy loài người.

Là người tìm kiếm Ngài

Câu này mô tả những người có khao khát được biết Đức Chúa Trời như thể họ thật sự đi theo Ngài trên một con đường theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "người có khao khát được biết Ngài"

Chúng nó thay thảy đều quay đi

Câu này mô tả những người chối bỏ Đức Chúa Trời như thể họ đã ngừng đi theo con đường đúng đắn mà đi sang hướng khác. Gợi ý dịch: "Chúng đều đã xoay khỏi Đức Giê-hô-va"

Psalms 14:4

Chúng chẳng hiểu biết gì sao ... kẻ chẳng kêu cầu Đức Giê-hô-va?

Câu hỏi tu từ này nhằm thêm phần nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúng hành động như thể không biết gì ... kẻ chẳng kêu cầu Đức Giê-hô-va. Nhưng chúng biết việc chúng đang làm!"

Những kẻ phạm điều ác

"Điều ác" ở đây chỉ về những việc làm gian ác. Gợi ý dịch: "những kẻ sống theo lối gian ác"

Những kẻ ăn nuốt dân Ta

Câu này chỉ về những kẻ làm điều gian ác và tiêu diệt con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dân Đức Chúa Trời như thể chúng đang ăn thức ăn.
Psalms 14:5
Chúng run rẩy
Từ "chúng" chỉ về những kẻ làm điều gian ác.
Đức Chúa Trời ở cùng hội người công chính
"Đức Chúa Trời ở cùng" người công chính có nghĩa là Ngài giúp đỡ họ. Có thể nói rõ điều này. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời giúp đỡ những người sống công chính"
Các ngươi muốn
Từ "các ngươi" ở đây chỉ về những kẻ gian ác.
Sỉ nhục người nghèo
"khiến người nghèo phải hổ thẹn"
Đức Giê-hô-va là nơi nương náu của người
Câu này ví sự bảo vệ của Đức Chúa Trời như thể Ngài là nơi nương náu để người ta có thể tìm đến trong cơn giông bão. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giống như nơi nương náu để bảo vệ người"
Psalms 14:7
Ôi, sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên sẽ đến từ Si-ôn!
Tác giả đang nói rằng ông ao ước Đức Chúa Trời từ Giê-ru-sa-lem đến giúp đỡ Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Tôi ước ao Đức Giê-hô-va sẽ từ Giê-ru-sa-lem mà đến giải cứu con dân Ngài!"
Thì Gia-cốp sẽ mừng rỡ và Y-sơ-ra-ên sẽ vui vẻ
Hai vế này có nghĩa như nhau. Ở đây cả "Gia-cốp" và "Y-sơ-ra-ên" đều tượng trưng cho dân Y-sơ-ra-ên. Hai vế này có thể được gộp chung với nhau. Gợi ý dịch: "thì cả dân Y-sơ-ra-ên đều sẽ vui mừng lớn"

Translation Questions

Psalms 14:1
Kẻ ngu dại nói gì trong lòng nó?
Kẻ ngu dại nói, "Không có Chúa."
Psalms 14:2
Tại sao Đức Giê-hô-va nhìn xuống con trai loài người?
Ngài nhìn xuống để xem thử có ai ngoan, có ai tìm kiếm Ngài không?
Psalms 14:3
Ai đã quay đi và trở nên ô dơ?
Mọi người đã quay đi và tất cả đã trở nên ô dơ.
Psalms 14:4
Ai không kêu cầu Đức Giê-hô-va?
Những kẻ phạm tội và những kẻ nuốt dân của Đa-vít như khi họ ăn bánh, và không kêu cầu Đức Giê-hô-va.
Psalms 14:5
Tại sao những kẻ không kêu cầu Đức Giê-hô-va đều run sợ?
Họ run sợ bởi vì Chúa là ở cùng hội người công chính.
Psalms 14:6
Ai là nơi nương náu của người nghèo?
Đức Giê-hô-va là nơi nương náu của họ.
Psalms 14:7
Đa-vít muốn điều gì đến từ Si-ôn?
Đa-vít muốn Đấng giải cứu của Y-sơ-ra-ên đến từ Si-ôn.
Khi nào Gia-cốp vui vẻ và Y-sơ-ra-ên mừng rỡ?
Khi Đức Giê-hô-va đem dân sự của Ngài lại từ nơi bị giam.

Chapter 15
Psalms 15:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Ai sẽ được ở trên núi thánh Ngài?
"Núi thánh" ở đây chỉ về đền thờ của Đức Chúa Trời, nằm trên núi Si-ôn. Gợi ý dịch: "Ai có thể ở trong nơi thánh Ngài?"
nói lời chân thật từ trong lòng mình
"nói thật"
Psalms 15:3
Người
Chỉ về người công chính ở PSA015:001
Người có lưỡi không nói xấu
Từ "lưỡi" ở đây chỉ về lời nói gian ác. Gợi ý dịch: "Người không nói điều xấu cho người vô tội"
Làm hại
"xúc phạm" hoặc "gây thiệt hại"
Psalms 15:4
Mắt người khinh dể kẻ vô giá trị, nhưng người tôn trọng những ai kính sợ Đức Giê-hô-va
"Người công chính ghét những ai chối bỏ Đức Chúa Trời nhưng tôn trọng những người tôn kính Ngài"
kẻ vô giá trị
"Kẻ gián ác" hoặc "Người chối bỏ Đức Giê-hô-va"
Sẽ không bao giờ lay động
"Lay động" ở đây tượng trưng cho việc không sống tin cậy nữa. Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "sẽ sống trong sự tin cậy"

Translation Questions

Psalms 15:1
Những ai có thể ở trong đền thờ của Đức Giê-hô-va và sống trên núi thánh của Ngài?
Người bước vẹn toàn, làm những điều gì ngay thẳng, và nói lời chân thật từ trong lòng sẽ ở trong đền tạm của Đức Giê-hô-va và sống trên núi thánh của Ngài.
Psalms 15:2
Những ai có thể ở trong đền thờ của Đức Giê-hô-va và sống trên núi thánh của Ngài?
Người bước vẹn toàn, làm những điều gì ngay thẳng, và nói lời chân thật từ trong lòng sẽ ở trong đền tạm của Đức Giê-hô-va và sống trên núi thánh của Ngài.
Psalms 15:3
Người vẹn toàn không cho lưỡi mình làm gì?
Họ không vu khống bởi lưỡi mình.
Psalms 15:4
Người vẹn toàn này xem thường ai?
Người này xem thường kẻ vô dụng.
Người vẹn toàn này kính trọng ai?
Người này kính trọng những ai tôn kính Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khi người này thề về sự tổn hại của chính mình, điều gì người đó không làm?
Người đó không rút lại lời thề của mình.
Psalms 15:5
Khi người vẹn toàn này cho vay tiền, điều gì anh ta không làm?
Anh ta sẽ không lấy tiền lãi.
Người vẹn toàn này không lấy của hối lộ để làm gì?
Người không lấy của hối lộ để hại người vô tội.
Điều gì sẽ không bao giờ xảy ra với người vẹn toàn là người làm những điều này?
Người sẽ không bao giờ lay động.

Chapter 16
Psalms 16:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Michtam của Đa-vít
Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết".
nương náu nơi Chúa
Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Chúa để được bảo vệ"
những người thánh trên đất
"Người thánh" ở đây chỉ về con dân của Đức Chúa Trời, là những người tin cậy Ngài. Gợi ý dịch: "con dân chúa sống trên đất này"
Psalms 16:4
Phiền muộn của chúng sẽ ... các thần
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Phiền muộn của những kẻ tìm kiếm các thần khác sẽ gia tăng"
Đổ ... huyết cho các thần của chúng
"cúng tế cho các thần của chúng" (UDB)
Tôn cao danh chúng nó trên môi con
Tôn cao "danh chúng nó trên môi con" tượng trưng cho việc ca ngợi các thần khác hay cầu nguyện cùng chúng.
Psalms 16:5
Phần đã được chọn cho con
Ở đây Đa-vít ví Đức Giê-hô-va như một phần đất đã được ban cho ông.
cái chén của con
Ở đây Đa-vít ví Đức Giê-hô-va như cái chén chứa nhiều ơn phước. Gợi ý dịch: "Đấng ban phước cho con"
Ngài nắm giữ số phận con
"Ngài định đoạt tương lai con"
Dây đo ... nơi tốt đẹp
Các phước lành của Đức Chúa Trời dành cho Đa-vít được ví như một phần đất đã được xem xét trước để dành riêng cho ông. "Dây đo" chỉ về dây của người khảo sát. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nơi Ngài ban cho con thật tốt đẹp"
Phần cơ nghiệp tuyệt vời chắn chắc dành cho con
Ở đây Đa-vít ví những phước lành của Đức Giê-hô-va như một cơ nghiệp ông được nhận. Gợi ý dịch: "Con vui thích về mọi điều Ngài đã ban cho con" (UDB)
Psalms 16:7
Con để Đức Giê-hô-va trước mặt con luôn luôn
"Con luôn nhớ rằng Đức Giê-hô-va ở cùng con"
Vì thế con sẽ chẳng bị dời đổi khỏi tay hữu Ngài
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không gì có thể đem con ra xa khỏi Ngài"
Psalms 16:9
Thông Tin Tổng Quát:
Đa-vít tiếp tục thưa cùng Đức Chúa Trời.
Vì thế, lòng con vui vẻ, vinh quang con vui mừng
Tác giả đang nói rằng có thể ngợi khen Đức Chúa Trời là vinh dự cho ông. Cả hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Gợi ý dịch: "Vì thế con vui vẻ, con được vinh dự ngợi khen Ngài".
Lòng con
Ở đây "lòng" tượng trưng cho tư tưởng và cảm xúc của tác giả.
vinh quang con
Nhiều bản, bao gồm cả bản UDB diễn giải "vinh quang con" có nghĩa là tấm lòng của tác giả, ông được vinh dự vui mừng vì Đức Chúa Trời.
Psalms 16:11
Dư dật
"lớn" hoặc "rất nhiều"
Niềm vui ngụ trong sự hiện diện của Chúa
Tác giả nói về "niềm vui" như thể nó là một con người.
Trong tay phải Ngài
Từ "tay phải" chỉ về việc ở trong sự hiện diện đặc biệt của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "khi con ở gần Ngài"

Translation Questions

Psalms 16:1
Đa-vít thỉnh cầu Chúa làm gì cho ông?
Đa-vít muốn Chúa bảo vệ ông bởi vì ông nương náu ở trong Chúa.
Psalms 16:2
Đa-vít nhận ra điều gì về mối quan hệ của ông với Đức Giê-hô-va?
Đa-vít nhận ra rằng Đức Giê-hô-va là Chúa của ông, và phước lành của Đa-vít không có gì ngoài Đức Giê-hô-va.
Psalms 16:3
Ai là các thánh trên đất?
Họ là dân cao quý mà Đa-vít yêu thích.
Psalms 16:4
Điều gì sẽ xảy ra cho những kẻ tìm kiếm thần khác?
Tai họa sẽ gia tăng cho những kẻ tìm kiếm thần khác.
Những cách nào mà Đa-vít không thờ phượng những thần khác?
Ngài sẽ không đổ ra của lễ thù ân cho các thần của chúng nó, xưng tên của chúng nó bằng môi ông.
Psalms 16:6
Đa-vít nhận ra rằng Đức Giê-hô-va làm gì cho ông?
Đức Giê-hô-va giữ vận mệnh của Đa-vít, ban cho ông những nơi tốt đẹp, và một cơ nghiệp vừa lòng.
Psalms 16:7
Tại sao Đa-vít chúc tụng Đức Giê-hô-va?
Đa-vít chúc tụng Đức Giê-hô-va bởi vì Đức Giê-hô-va khuyên dạy ông.
Psalms 16:8

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao Đa-vít chúc tụng Đức Giê-hô-va?
Đa-vít chúc tụng Đức Giê-hô-va bởi vì Đức Giê-hô-va khuyên dạy ông.
Psalms 16:9
Lòng của Đa-vít đáp lời Đức Giê-hô-va thế nào?
Lòng của Đa-vít vui sướng, và sẽ tán dương ở trong Đức Giê-hô-va.
Psalms 16:10
Đức Giê-hô-va sẽ không cho phép điều gì xảy ra với kẻ có giao ước thành tín?
Đức Giê-hô-va sẽ không để người đó thấy âm phủ.
Psalms 16:11
Những lợi ích mà Đa-vít nhận từ Đức Giê-hô-va là gì?
Đức Giê-hô-va dạy Đa-vít các đường đời, ban cho ông niềm vui, và sự vui thích ở trong tay phải của Đức Giê-hô-va mãi mãi.

Chapter 17
Psalms 17:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Bài cầu nguyện của Đa-vít
"Đây là bài cầu nguyện do Đa-vít viết"
Xin nghiêng tai nghe lời cầu nguyện từ đôi môi không giả dối của con
Từ "nghiêng tai" chỉ về việc lắng nghe, từ "đôi môi" chỉ về lời của một người nói ra. Gợi ý dịch: "Xin nghe lời cầu nguyện con, là lời không ra từ môi giả dối"
Xin sự bênh vực con đến từ sự hiện diện của Ngài
"Sự hiện diện" ở đây chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Tuyên bố con vô tội"
Xin mắt Chúa xem xét điều ngay thẳng!
Ở đây "mắt Chúa" chỉ về điều Đức Giê-hô-va biết là chân thật. Gợi ý dịch: "Chúa biết con nói điều chân thật!"
Psalms 17:3
Nếu Chúa thử nghiệm lòng con, nếu Chúa đến cùng con lúc ban đêm
"Thử nghiệm lòng con" có nghĩa là tra xét tư tưởng và động cơ của con. Gợi ý dịch: "Nếu Chúa tra xét tư tưởng con lúc ban đêm"
miệng con sẽ không phạm tội
Ở đây miệng được ví như có thể hành động tự ý mình, nó cũng tượng trưng cho lời nói của một người. Gợi ý dịch: "Con sẽ không nói dối hay phạm tội trong lời nói mình"
Psalms 17:4
Nhờ lời từ môi Ngài, con đã giữ được mình khỏi đường lối của kẻ hung tàn
"Lời từ môi Ngài" tượng trưng cho lời truyền dạy của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "lời truyền dạy của Ngài cho tôi tránh khỏi những việc làm gian ác"
Bước chân con vững chắc theo đường lối Chúa, chân con không trượt ngã
Cả hai vế này có nghĩa như nhau, được lặp lại để thêm phần nhấn mạnh.
chân con không trượt ngã
Tác giả ví việc ông vâng lời Đức Chúa Trời như thể ông đang bước đi trên một con đường. Gợi ý dịch: "Con quyết tâm đi theo đường lối Ngài"
Psalms 17:6
Xin nghiêng tai Chúa qua ... nghe lời con thưa
Hai vế này có nghĩa như nhau. "Tai Chúa" ở đây chỉ về sự sẵn lòng của Đức Chúa Trời để lắng nghe lời ai đó cầu nguyện với Ngài. Gợi ý dịch: "xin lưu tâm đến con ... nghe lời con thưa"
Tay phải Chúa
"Tay phải" chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "năng quyền của Chúa"
nương náu nơi Chúa
Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Chúa để được bảo vệ"
Psalms 17:8
Cầu Chúa bảo vệ con như con ngươi của mắt Ngài
"Con ngươi của mắt" chỉ về thứ rất giá trị. Gợi ý dịch: "Bảo vệ con như một vật quý và giá trị"
Xin giấu con dưới bóng cánh Chúa
Đa-vít ví sự bảo vệ của Đức Chúa Trời giống như một con chim bảo vệ đàn con dưới cánh của mình. Gợi ý dịch: "Xin giữ con an toàn như chim mẹ bảo vệ các con khi gom chúng lại dưới cánh mình"
Miệng chúng nói cách kiêu căng
Cụm từ "miệng chúng nói" chỉ về điều người ta nói ra. Gợi ý dịch: "chúng luôn khoe khoang"
Psalms 17:11
Chúng vây phủ các bước con
"Vây phủ các bước con" cho thấy thể nào kẻ thù của Đa-vít đã bám theo ông ở mọi nơi để bắt lấy ông. Gợi ý dịch: "Kẻ thù con vây quanh con"
Giống như sư tử hám mồi, như sư tử tơ ẩn mình trong chỗ khuất
Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để thêm nhấn mạnh.
Chúng giống như sư tử ... như sư tử tơ
Tác giả cảm nhận theo cách sư tử săn mồi
Psalms 17:13
Xin dùng gươm Chúa giải cứu mạng sống con khỏi kẻ gian ác ... Đức Giê-hô-va ôi, xin dùng tay Chúa giải cứu con khỏi con người, là người của thế gian này
Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để thêm nhấn mạnh cho lời của tác giả.
Dùng gươm Chúa ... dùng tay Chúa
"Gươm" và "tay" ở đây đều tượng trưng cho quyền năng của Đức Giê-hô-va.
Ngài sẽ cho bụng những kẻ yêu quý của Ngài được no nê sự giàu có
Bản Kinh Thánh cổ bị mất phần này. Có thể hiểu là 1) Đức Giê-hô-va sẽ ban phước lớn cho con dân Ngài. Gợi ý dịch: "Chúa sẽ ban phước dư dật cho con dân Ngài" hoặc 2) Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt kẻ ác nặng nề trên con cháu của chúng.
Psalms 17:15
Con sẽ thấy mặt Chúa trong sự công chính
Từ "mặt" ở đây chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Đa-vít tin chắc rằng ông sẽ thấy Đức Giê-hô-va.
Gợi ý dịch: "vì con hành động cách ngay thẳng nên một ngày kia con sẽ được ở với Ngài"
Con sẽ thỏa nguyện, khi con thức dậy và nhìn thấy Ngài
Đa-vít tin rằng sau khi chết, ông sẽ được ở với Đức Giê-hô-va. Có thể nói rõ điều này. Gợi ý dịch: "Sau khi chết, con sẽ vui mừng thức dậy trong sự hiện diên của Ngài"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Psalms 17:1

Đa-vít xin Chúa làm gì cho ông?

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va lắng nghe lời cầu nguyện vì sự công bình, chú tâm nghe lời ông cầu cứu, và lắng nghe lời cầu nguyện của ông.

Psalms 17:2

Đa-vít cầu xin điều gì sẽ ra từ trước mặt Chúa?

Đa-vít cầu xin rằng sự bênh vực của ông sẽ ra từ trước mặt của Đức Giê-hô-va.

Psalms 17:3

Điều gì sẽ xảy ra với Đa-vít nếu Đức Giê-hô-va đến với ông lúc ban đêm?

Đức Giê-hô-va sẽ gạn lọc ông và không tìm thấy điều ác nào hay sự phạm tội từ miệng ông.

Psalms 17:4

Đa-vít giữ chính ông thế nào khỏi những đường lối của kẻ vô pháp?

Nó là lời ở môi của Đức Giê-hô-va đã giữ ông khỏi đường lối vô pháp.

Psalms 17:6

Tại sao Đa-vít kêu cầu Chúa?

Đa-vít kêu cầu Chúa vì Chúa đáp lời ông.

Psalms 17:7

Đa-vít cầu xin Chúa bày tỏ với ông điều gì?

Ông cầu xin Chúa bày tỏ giao ước thành tín của Ngài với ông để ông ở trong đường lối diệu kỳ.

Ai được Chúa cứu bởi tay phải của Ngài?

Ngài sẽ cứu những ai nương náu nơi Ngài từ kẻ thù của họ.

Psalms 17:8

Đa-vít mô tả cách Chúa bảo vệ ông khỏi kẻ thù ác độc công kích ông thế nào?

Chúa sẽ bảo vệ Đa-vít như con ngươi của mắt, giấu Đa-vít dưới bóng của cánh của Chúa.

Psalms 17:9

Đa-vít mô tả cách Chúa bảo vệ ông khỏi kẻ thù ác độc công kích ông thế nào?

Chúa sẽ bảo vệ Đa-vít như con ngươi của mắt, giấu Đa-vít dưới bóng của cánh của Chúa.

Psalms 17:10

Đa-vít mô tả kẻ thù của ông thế nào?

Ông nói kẻ thù của ông không thương xót ai, và miệng của chúng nói lời tự cao.

Psalms 17:11

Kẻ thù của Đa-vít đã làm gì với ông?

Chúng đã vây quanh ông mỗi bước và mắt chúng đánh gục ông xuống đất.

Psalms 17:13

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì với kẻ thù của ông?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va trỗi dậy, tấn công kẻ thù của ông, và hạ chúng té sấp mặt.

Psalms 17:14

Đa-vít kêu cầu Đức Giê-hô-va giải cứu ông từ tay Ngài khỏi ai?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va giải cứu ông khỏi con người của thế giới, sự thịnh vượng chỉ có trong đời này.

Đức Giê-hô-va sẽ chu cấp của cải cho người của Ngài thế nào?

Đức Giê-hô-va sẽ làm đầy bụng họ bằng sự giàu để họ có nhiều con là người họ để lại của cải.

Psalms 17:15

Đa-vít mong đợi điều gì xảy ra khi ông thấy mặt của Đức Giê-hô-va trong sự công bình?

Ông sẽ thỏa lòng ở trước Đức Giê-hô-va.

Chapter 18

Psalms 18:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Ông hát cho Đức Giê-hô-va những lời của bài hát này

"ông hát bài hát này cho Đức Giê-hô-va"

trong ngày Đức Giê-hô-va giải cứu ông

"sau khi Đức Giê-hô-va giải cứu ông"

khỏi tay Sau-lơ

"Tay" ở đây chỉ về quyền lực của Sau-lơ. Gợi ý dịch: "khỏi quyền lực của Sau-lơ"

Psalms 18:2

Đức Giê-hô-va là vầng đá của con

Đa-vít ví Đức Giê-hô-va như vâng đá. "Vầng đá" là hình ảnh của một nơi an toàn.

vầng đá của con, đồn lũy của con

"Vâng đá" và "đồn lũy" có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va ban cho sự an toàn khỏi kẻ thù.

nương náu nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Ngài để được bảo vệ"

là cái khiên, là sừng cứu rỗi, và là nơi ẩn náu của con

Đa-vít ví Đức Giê-hô-va như "cái khiên", "sừng" cứu rỗi và "nơi ẩn náu" của ông. Đức Giê-hô-va là Đấng bảo vệ ông khỏi sự tai hại. Ở đây một ý tương tự được lặp lại ba lần nhằm mục đích nhấn mạnh.

Con sẽ được giải cứu khỏi kẻ thù của con

"Con sẽ được giải thoát khỏi kẻ thù của con"

Psalms 18:4

Dây sự chết vây quanh con

Đa-vít ví sự chết như một người có thể bắt lấy ông và dùng dây trói ông lại. Gợi ý dịch: "Con sắp bị giết đi"

Dòng nước cuộn của sự vô ích

Đa-vít bất lực như bị nước lụt cuốn đi. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy hoàn toàn bất lực"

Các dây âm phủ vây quanh con, các bẫy sự chết giăng bắt con

Ở đây "âm phủ" là chỗ của người chết và "sự chết" được ví như con người có thể vây quanh và đặt bẫy ông. Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy bị mắc bẫy và nghĩ mình sắp chết"

Psalms 18:6

Trong cơn gian truân của con

"Trong lúc cần kíp của con" hoặc "trong cơn tuyệt vọng của con"

tiếng kêu cứu của con đi vào nơi hiện diện của Ngài

Ở đây Đa-vít ví "tiếng kêu cứu" như một người có thể đi vào

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nơi hiện diện của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con cầu nguyện với Ngài"

Nó đi đến tai Ngài

Ở đây Đa-vít nói về cách Đức Giê-hô-va nghe tiếng kêu cứu của ông. Ý này được lặp lại để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Ngài nghe tiếng kêu cầu tôi"

Psalms 18:7

Đất ... rúng động vì Đức Chúa Trời nổi giận

Sự nổi giận của Đức Chúa Trời được nói như thể có một cơn động đất dữ dội. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời nổi giận đến nỗi như thể đất ... rúng động"

đất động và rung

Từ "động" và "run" căn bản có ý nghĩa như nhau và nhấn mạnh đất rung chuyển như thế nào. Gợi ý dịch: "đất lắc lư" hoặc "đất dồi sụt" hoặc "có một cơn động đất dữ dội"

Nền các núi cũng rúng động và bị rung lắc

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nền các núi cũng rúng động và rung lắc"

Khói bay lên từ lỗ mũi Ngài ... than bị nó làm cho cháy rực

Đa-vít nói như thể Đức Giê-hô-va thở ra lửa. Đây là hình ảnh cho thấy Đức Chúa Trời tức giận thể nào.

Ngọn lửa hừng phát ra từ miệng Ngài. Than bị nó làm cho cháy rực

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngọn lửa hừng phát ra từ miệng Ngài và làm cho than cháy rực"

Psalms 18:9

Ngài mở

Từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Bóng tối dày đặc dưới chân Ngài

Mặc dù Đức Giê-hô-va không thật sự có chân nhưng tác giả thi thiên nói về Ngài với những đặc điểm của con người. Gợi ý dịch: "bóng tối dày đặc ở dưới Ngài"

Cánh gió

Ở đây tác giả thi thiên nói như thể gió có cánh giống thiên sứ.

Psalms 18:11

Ngài dùng bóng tối ... Ngài

Từ "Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.

Ngài lấy bóng tối làm trại

Ở đây bóng tối được ví như một cái trại. Gợi ý dịch: "Ngài khiến bóng tối bao phủ" hoặc "Ngài lấy bóng tối làm thành nơi trú ẩn"

mây đen nặng hạt

"mây mù nặng hạt" hoặc "mây đen dày đặc"

Mưa đá

"những viên đá băng"

Psalms 18:13

Đức Giê-hô-va nổi sấm sét trên các tầng trời

Tiếng của Đức Giê-hô-va nghe như sấm.

Đấng Chí Cao

"Đấng Chí Cao" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Ngài bắn tên làm quân thù tản lạc ... chớp nhoáng khiến chúng toán loạn

Cả hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau.

Ngài bắn tên làm quân thù tản lạc

Ở đây chớp nhoáng được ví như những mũi tên.

khiến chúng toán loạn

"khiến chúng tẻ ra những hướng khác nhau"

Psalms 18:15

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục nói về quyền năng lớn của Đức Giê-hô-va.

Các rạch nước lộ ra, các nền quả đất phải phơi bày

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Các rạch nước lộ ra và đáy biển phơi trần, Ngài phơi bày các nền quả đất"

do hơi thở từ lỗ mũi Ngài

Mặc dù Đức Chúa Trời không có những đặc điểm cơ thể giống con người như mô tả ở đây, nhưng câu này thể hiện sức mạnh năng quyền của Ngài. Gió được ví như hơi rất mạnh ra từ lỗ mũi của Đức Chúa Trời.

Psalms 18:16

Ngài giơ ra ... Ngài nắm ... Ngài rút con

Từ "Ngài" trong những câu này chỉ về Đức Giê-hô-va.

Nước cuộn sóng

Ở đây tác giả thi thiên nói về sự nguy hiểm của kẻ thù như thể chúng là những cơn sóng lớn hay dòng nước cuộn mà Đức Giê-hô-va đã giải cứu ông ra khỏi đó.

Psalms 18:18

chúng đến tấn công con

Từ "chúng" ở đây chỉ về những kẻ thù hùng mạnh ở câu 17.

Chúng đến tấn công con trong ngày hoạn nạn nhưng Đức Giê-hô-va là sự nâng đỡ con

Từ "hoạn nạn" mô tả hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn của một người. Gợi ý dịch: "Những kẻ thù hùng mạnh đã tấn công con trong ngày con gặp nhiều gian nan, nhưng Đức Giê-hô-va bảo vệ con"

Psalms 18:20

Tay con trong sạch

Ở đây có "tay trong sạch" có nghĩa là người đó vô tội. Gợi ý dịch: "mọi việc của con đều ngay thẳng"

Con đã giữ các đường lối Đức Giê-hô-va

Luật pháp của Đức Giê-hô-va được ví như những con đường cho một người bước đi. Gợi ý dịch: "Con đã vâng theo luật pháp của Đức Giê-hô-va"

Không làm điều ác mà xoay bỏ Đức Chúa Trời của con

Trở nên gian ác được nói như thể một người rời khỏi con đường ngay thẳng mà đi theo con đường sai trái. Gợi ý dịch: "không làm điều ác là xoay bỏ khỏi Đức Chúa Trời của con"

Psalms 18:22

Vì mọi mệnh lệnh công chính của Ngài ... Con không xoay bỏ khỏi chúng

Cả hai vế đều có nghĩa tương tự. Tác giả lặp lại ý này để nhấn mạnh.

ở trước mặt con

"hướng dẫn con" hoặc "con đã ghi nhớ"

Con cũng vô tội ... con đã giữ mình khỏi tội

Cả hai vế đều có nghĩa tương tự. Tác giả lặp lại ý này để nhấn mạnh.

Vô tội trước mặt Ngài

"vô tội theo Ngài"

con đã giữ mình khỏi tội

"con đã không phạm tội"

Tay con trong sạch

Ở đây có "tay trong sạch" có nghĩa là người đó vô tội. Xem cách đã dịch ở PSA018:020

Trước mắt Ngài

Ở đây chỉ về sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "trước Ngài" hoặc "theo Ngài"

Psalms 18:25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Bất kì ai trung tín

"Trung tín" ở đây có nghĩa là làm theo điều Đức Chúa Trời truyền cho một người phải làm. Có thể nói rõ điều này. Gợi ý dịch: "những ai trung tín vâng theo điều răn Ngài" hoặc "những ai trung tín thực hiện giao ước Ngài"

Với người trọn vẹn ... Ngài tỏ mình thanh sạch

Cả hai vế đều có nghĩa tương tự. Tác giả lặp lại ý này để nhấn mạnh.

Chúa khôn ngoan với kẻ mưu mẹo

"Chúa khôn ngoan với kẻ thiếu thành thực"

Psalms 18:27

Chúa hạ

"Chúa làm cho khiêm nhường"

Mắt ngước lên tự cao

Thành ngữ này chỉ về những người kiêu ngạo. Gợi ý dịch: "người tự cao"

Chúa thắp sáng đèn của con; Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con chiếu rọi nơi tối tăm của con

Tác giả nói về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va như thể Ngài là sự sáng. Hai vế này có ý nghĩa như nhau.

Nhờ Ngài con có thể vượt qua chướng ngại vật

"Với sự giúp đỡ của Ngài con có thể vượt qua mọi trở ngại"

Psalms 18:30

Ngài là cái khiên cho những ai nương náu nơi Ngài

Cái khiên giúp bảo vệ cho người lính. Đa-vít nói như thể Đức Chúa Trời là cái khiên bảo vệ ông. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, Ngài bảo vệ cho những ai nương náu nơi Ngài như cái khiên". Xem cách đã dịch ở PSA003:003

Vì ngoài Đức Giê-hô-va, ai là Đức Chúa Trời? Ngoài Đức Chúa Trời của chúng con, ai là vầng đá?

Ngụ ý câu trả lời là không ai cả. Gợi ý dịch: "Chỉ có Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời! Chỉ có Đức Chúa Trời của chúng con là vầng đá!"

Vâng đá

Đa-vít ví Đức Giê-hô-va như một vầng đá mà ông có thể leo lên để tránh khỏi kẻ thù. Xem cách đã dịch ở PSA018:002

Ban sức lực trên con như một chiếc thắt lưng

Đức Chúa Trời ban sức lực cho Đa-vít như thể nó là một miếng vải.

Đặt người trọn vẹn trên đường Ngài

Ở đây Đa-vít nói về việc sống làm vui lòng Đức Chúa Trời như thể ông được đặt vào đường lối ngay thẳng. Gợi ý dịch: "làm cho người trọn vẹn sống đời sống công chính"

Psalms 18:33

làm cho chân con nhanh lẹ

Chỉ về việc làm cho một người có thể chạy nhanh. Gợi ý dịch: "làm cho con chạy rất nhanh"

Như con nai và đặt con trên các nơi cao

Nai là loài rất nhanh nhẹn và đứng vững được trên núi.

Ngài luyện tập tay con

Từ "tay con" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Ngài luyện con"

Tay con

Chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "con"

Psalms 18:35

khiên cứu rỗi của Ngài

Ở đây tác giả nói về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời như cái khiên. Danh từ trừu tượng "cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ "cứu". Gợi ý dịch: "sự bảo vệ của Ngài và cứu con"

Tay phải của Chúa ... sự che chở của Ngài

Cả hai cụm từ này đều là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Chúa Trời.

Nơi rộng rãi cho chân con

Tác giả ví sự an toàn Đức Chúa Trời ban cho như một nơi rộng rãi cho ông đứng. Gợi ý dịch: "một nơi an toàn cho con"

chân con không trượt ngã

Từ "chân con" chỉ về chính người đó. Tác giả nói về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời như thể ông đang đứng ở một nơi mà ông sẽ không bị trượt hay ngã. Gợi ý dịch: "Con không trượt ngã" hoặc "con được vững vàng"

Psalms 18:37

Con đập tan chúng

"Con nghiền nát chúng " hoặc "con đập vỡ chúng thành từng mảnh"

không thể dậy nổi

"không thể đứng dậy"

Chúng ngã gục dưới chân con

Câu này có nghĩa là tác giả thi thiên đã đánh bại kẻ thù. Gợi ý dịch: "Con đã đánh bại tất cả bọn chúng"

Ban sức lực trên con như một chiếc thắt lưng

Tác giả thi thiên nói rằng Đức Giê-hô-va đã ban cho sức lực bao quanh và hỗ trợ cho ông như chiếc thắt lưng. Xem cách đã dịch ở PSA018:030

Chúa đặt dưới con

Ở đây tác giả thi thiên nói về việc đánh bại kẻ thù như thể ông đang đứng trên họ. Gợi ý dịch: "Chúa đánh bại cho con"

Những kẻ dấy lên nghịch cùng con

Chỉ về những kẻ đối đầu với tác giả thi thiên. Gợi ý dịch: "những kẻ là kẻ thù con"

Psalms 18:40

Gáy của kẻ thù con

Chỉ về sự chiến thắng trên kẻ thù. Gợi ý dịch: "chiến thắng trên kẻ thù con"

Con diệt những kẻ ghét con

"Con đánh bại những kẻ ghét con" hoặc "con tiêu diệt hoàn toàn những kẻ ghét con"

nhưng Ngài chẳng đáp lời chúng

Tức là Đức Giê-hô-va không giúp đỡ chúng. Gợi ý dịch: "nhưng Ngài không giúp đỡ chúng" (

Con đánh tan chúng như bụi trước gió

Kẻ thù của tác giả thi thiên được so sánh như bụi để cho thấy chúng bị đánh bại như thế nào.

Con ném chúng ra như bùn ngoài đường

Kẻ thù của tác giả thi thiên được so sánh như bùn ngoài đường để cho thấy chúng bị đánh bại thể nào.

Psalms 18:43

Sự tranh chấp

"bất hòa" hoặc "tranh cãi"

Lập con làm đầu các nước

Từ "đầu" ở đây chỉ về người cai trị. Gợi ý dịch: "lập con làm người cai trị trên nhiều nước"

Các dân ngoại buộc phải cúi xuống

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời buộc các dân ngoại cúi xuống"

Các dân ngoại run rẩy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây "run rẩy" cho thấy họ rất sợ hãi. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "các dân ngoại run rẩy cho thấy họ rất sợ hãi"
Psalms 18:46
Nguyện vầng đá con được ngợi khen
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài là vầng đá con và đáng được ngợi khen" hoặc "nguyện người ta ngợi khen vầng đá con"
Vầng đá con
Ở đây tác giả nói về sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va như thể Ngài là vầng đá ngăn không cho kẻ thù đến gần ông. Xem cách đã dịch ở PSA018:002
Nguyện Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con được tôn cao
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện người ta tôn cao Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con"
Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con
Có nghĩa là chính Đức Chúa Trời là Đấng đã giải cứu ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã giải cứu con"
Đức Chúa Trời báo thù cho con
"Báo thù" có nghĩa là trừng phạt người ta về việc làm gian ác của họ. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời trừng phạt người ta về những điều gian ác họ đã làm cho con"
Psalms 18:48
Con được giải thoát
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời giải thoát con"
Chúa nâng con lên
Sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va dành cho tác giả được nói như thể Ngài nâng tác giả lên cao đến nỗi kẻ thù không thể đụng đến để làm hại ông. Gợi ý dịch: "Ngài đặt con ở nơi an toàn trên cao"
Kẻ dấy lên nghịch cùng con
"kẻ tấn công con" hoặc "kẻ dấy loạn cùng con"
Người hung tàn
"người hung ác" hoặc "người độc ác"
giữa các nước
Ở đây tác giả có ý muốn nói ông sẽ tạ ơn Đức Giê-hô-va để mọi người sẽ nghe thấy sự vĩ đại của Ngài. Gợi ý dịch: "để mọi nước đều sẽ nghe thấy"
Cho danh của Ngài
"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "chúc tụng danh Ngài" hoặc "cho Ngài"
Psalms 18:50
Chiến thắng cho vua của Ngài
Bằng cách dùng từ "vua của Ngài", Đa-vít đang gọi mình là vua.
Ngài bày tỏ lòng thành tín với giao ước Ngài cho người được xức dầu của Ngài ... cho dòng dõi người đến đời đời
"Ngài luôn yêu mến con như Ngài đã hứa trong giao ước Ngài, và Ngài sẽ yêu mến dòng dõi con đến đời đời"

Translation Questions

Psalms 18:1
Cảm xúc mà Đa-vít bày tỏ với Đức Giê-hô-va là gì?
He says, "I love you." Ông nói, "Con yêu Ngài."
Psalms 18:3
Điều gì sẽ xảy ra khi Đa-vít kêu cầu Đức Giê-hô-va?
Đa-vít sẽ được cứu khỏi kẻ thù của ông.
Psalms 18:6
Đức Giê-hô-va ở đâu khi ông nghe tiếng của Đa-vít?
Đức Giê-hô-va nghe tiếng của Đa-vít từ đền thờ của Ngài.
Psalms 18:7
Tại sao các chân núi rúng động?
Chúng bị rúng động vì Chúa giận dữ.
Psalms 18:9
Đức Giê-hô-va hạ trần từ trời thế nào?
Ngài cưỡi trên trên một tiểu thiên sứ và bay; Ngài lượn trên
Psalms 18:14
Đức Giê-hô-va phân tán kẻ thù của Ngài thế nào?
Ngài bắn tên của Ngài và phân tán chúng.
Psalms 18:15
Điều gì phơi bày ở nền thế giới?
Cơn thạnh nộ của Đức Giê-hô-va và luồng hơi từ lổ mũi của Ngài.
Psalms 18:16
Đức Giê-hô-va kéo Đa-vít ra khỏi điều gì?
Ngài kéo Đa-vít ra khỏi cơn sóng nước.
Psalms 18:19
Tại sao Đức Giê-hô-va cứu Đa-vít?
Đức Giê-hô-va cứu Đa-vít bởi vì Đức Giê-hô-va hài lòng về ông.
Psalms 18:27
Đức Giê-hô-va làm gì cho dân khốn khổ?
Ngài cứu dân khốn khổ.
Đức Giê-hô-va làm gì với những kẻ kiêu ngạo, có mắt tự cao?
Ngài hạ những kẻ kiêu ngạo, có mắt tự cao.
Psalms 18:30
Đa-vít mô tả đường lối của Đức Giê-hô-va thế nào?
Ông nói đường lối của Đức Giê-hô-va là hoàn hảo.
Psalms 18:37
Đa-vít làm gì với kẻ thù của ông?
Đa-vít đuổi theo kẻ thù của ông và bắt chúng.
Psalms 18:41
Điều gì xảy ra khi kẻ thù của Đa-vít kêu Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va không đáp lời chúng.
Psalms 18:43
Đức Giê-hô-va khiến Đa-vít dẫn đầu trên điều gì?
Đức Giê-hô-va khiến Da-vít làm đầu trên các dân.
Psalms 18:48
Đa-vít được tự do khỏi ai?
Ông được từ do khỏi kẻ thù của ông.
Psalms 18:50
Đức Giê-hô-va bày tỏ giao ước thành tính đến ai?
Ngài bày tỏ giao ước thành tính đến kẻ Ngài chỉ định, đến Đa-vít và dòng dõi của ông mãi mãi.

Chapter 19

Psalms 19:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Các tầng trời rao truyền

Các tầng trời được mô tả như một con người. Gợi ý dịch: "Các tầng trời bày tỏ" hoặc "các tầng trời trông như đang bày tỏ"

bầu trời bày tỏ công việc tay Ngài làm

Bầu trời được mô tả như một nhà giáo. Gợi ý dịch: "Bầu trời dường như bày tỏ công viêc tay Đức Chúa Trời làm cho chúng ta"

công việc tay Ngài làm

"tạo vật của Ngài" hoặc "thế giới Ngài đã tạo dựng"

Tiếng nói tràn ra

Nhưng điều đẹp đẽ của tạo vật được ví như tiếng nói, như thể các tạo vật là một con người. Sau đó những lời này được ví như nước chảy ra khắp nơi. Gợi ý dịch: "tạo vật giống như một người nói ra cho tất cả mọi người"

Chẳng có tiếng, chẳng có lời nói; không ai nghe âm thanh của chúng

Những vế này chỉ rõ hai câu đầu chỉ là phép ẩn dụ. Gợi ý dịch: "Không có tiếng thật sự hay lời nói, không ai nghe thấy tiếng của chúng"

không ai nghe âm thanh của chúng

Các bản khác dịch là "chỗ không nghe thấy âm thanh của chúng" để nhấn mạnh rằng "âm thanh" của tạo vật ở khắp mọi nơi.

Psalms 19:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít vừa nói rằng các tạo vật bày tỏ vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Tiếng của chúng ... lời của chúng

Ở đây chỉ về những "lời" không nói ra bày tỏ vinh quang của Đức Chúa Trời.

Tiếng của chúng đi ra

Tiếng được ví như con người đi ra mang theo sứ điệp. Gợi ý dịch: "tiếng các tạo vật nói như những con người đi ra"

lời của chúng đến tận cùng thế giới

Có thể dịch rõ ngụ ý ở đây. Gợi ý dịch: "lời của chúng đi ra đến tận cùng thế giới"

Ngài đã dựng trại cho mặt trời

Ở đây tác giả ví nơi Đức Giê-hô-va tạo dựng cho mặt trời như một cái trại. Gợi ý dịch: "Ngài tạo dựng một nơi cho mặt trời"

Giữa chúng

Từ "chúng" có thể chỉ về các tầng trời.

Mặt trời khác nào tân lang ra khỏi loan phòng

Tác giả ví mặt trời đi ra như tân lang. Gợi ý dịch: "Mặt trời giống như tân lang vui mừng đi đến cùng nàng dâu mình"

Như một dũng sĩ vui vẻ chạy đua

Câu này so sánh mặt trời như một vận động viên để nhấn mạnh cường độ và sự sáng của mặt trời.

một dũng sĩ

"một người chạy nhanh"

Chân trời

Đường thẳng giao nhau giữa mặt đất và bầu trời

Đến bên kia

Từ "kia" ở đây chỉ về chân trời bên kia. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "đến chân trời kia"

Không gì thoát khỏi được sức nóng của nó

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "mọi vật đều cảm nhận được sức nóng của nó"

Psalms 19:7

Linh hồn ... lòng ... mắt

Cả ba từ này đều chỉ về cả một con người. Gợi ý dịch: "một người"

kẻ ngu dại

"những người không có kinh nghiệm" hoặc "những người thiếu hiểu biết"

là ngay thẳng

"là đúng đắn" hoặc "là chính xác"

Mang đến ánh sáng

"mang đến sự hiểu biết"

Psalms 19:9

đều đúng đắn

"hoàn toàn đúng đắn"

Chúng quý giá hơn vàng ... chúng ngọt hơn mật ong

Mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được nói như thể có thể mua được và nếm được. Gợi ý dịch: "Nếu ngươi có thể mua chúng thì chúng quý giá hơn vàng ... nếu ngươi có thể nếm chúng thì chúng ngọt hơn mật ong" (

Hơn cả vàng ròng

Có thêm vào từ "giá trị" được ngụ ý ở đây. Gợi ý dịch: "thậm chí giá trị hơn vàng ròng rất nhiều"

Vàng ròng

"vàng tinh khiết" hoặc "vàng đắc tiền"

Psalms 19:11

Phải

"Đồng thời" hoặc "thật vậy"

Nhờ chúng đầy tớ Chúa được răn bảo

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "chúng răn bảo cho đầy tớ Chúa" hoặc "chúng là lời răn bảo cho đầy tớ Chúa"

Nhờ chúng ... vâng giữ chúng

Từ "chúng" chỉ về những mạng lệnh công chính của Đức Giê-hô-va.

đầy tớ Chúa được răn bảo

Đa-vít gọi mình là "đầy tớ Chúa" khi thưa chuyện cùng Đức Chúa Trời để thể hiện sự tôn trọng. Gợi ý dịch: "Con được răn bảo"

Ai nhận thức được mọi sai lầm mình?

Câu này được viết ở dạng câu hỏi để thêm phần nhấn mạnh, có thể dịch thành câu khẳng định chắc chắn. Gợi ý dịch: Không ai có thể nhận thức được các sai lầm của mình!"

Khỏi tội lỗi giấu kín

"khỏi những sai lầm ẩn dấu mà con đã phạm"

Psalms 19:13

Xin cũng giữ đầy tớ Chúa khỏi

Cụm từ này mô tả như thể người đầy tớ được đem đi khỏi tội lỗi mà ông không muốn phạm. Gợi ý dịch: "Xin cũng bảo vệ đầy tớ Chúa khỏi" hoặc "Xin cũng đảm bảo rằng con không phạm tội"

Đầy tớ Chúa

Đa-vít gọi mình là "đầy tớ Chúa" khi thưa chuyện cùng Đức Chúa Trời để thể hiện sự tôn trọng.

Gợi ý dịch: "con". Xem cách đã dịch ở PSA019:011

Xin chớ để chúng cai trị con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tội lỗi được ví như một vị vua có thể cai trị trên ai đó. Gợi ý dịch: "xin chớ để tội lỗi con như một vị vua cai trị con"

Vô tội khỏi nhiều vi phạm

"trong sạch khỏi tội phản nghịch Ngài" hoặc "trong sạch khỏi nhiều tội lỗi"

lời nói của miệng con, và sự suy ngẫm của lòng con

Những vế này được dùng chung để mô tả những điều một người nói và suy nghĩ. Gợi ý dịch: "những điều con nói và những điều con suy nghĩ"

Được chấp nhận trong mắt Ngài

"được chấp thuận trong mắt Ngài" hoặc "được đẹp ý Ngài"

Trong mắt Ngài

Chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "đối với Ngài"

Lạy Đức Giê-hô-va là vầng đá tôi

Tác giả ví Đức Chúa Trời như một vầng đá mà người ta có thể leo lên đó và được bảo vệ khỏi kẻ thù. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, Chúa giống như vầng đá của con"

Translation Questions

Psalms 19:1

Trời công bố điều gì và mây loan báo điều gì?

Trời công bố vinh hiển của Chúa và mây loan báo công việc do tay Ngài.

Psalms 19:2

Lời nói đổ xuống bày tỏ điều gì?

Lời nói đổ xuống bày tỏ sự hiểu biết.

Psalms 19:4

Những lời đó ở đâu và những lời từ trời và mây đi đâu?

Những lời đó đi khắp thế giới, đến tận cùng thế giới.

Psalms 19:5

Mặt trời giống điều gì?

Mặt trời giống một chú rễ, và như một người mạnh mẽ.

Psalms 19:7

Luật pháp của Đức Giê-hô-va để làm gì?

Luật của Đức Giê-hô-va bổ sức linh hồn.

Mạng lệnh của Đức Giê-hô-va làm gì?

Mạng lệnh của Đức Giê-hô-va ban sự khôn ngoan cho người thiếu kinh nghiệm.

Psalms 19:8

Sự dạy dỗ của Đức Giê-hô-va làm gì?

Chúng khiến tấm lòng hân hoan.

Những mạng lệnh của Đức Giê-hô-va làm gì?

Chúng giúp hiểu thấu bằng mắt.

Psalms 19:10

Các luật lệ công bình của Đức Giê-hô-va so sánh với vàng thế nào?

Chúng quý hơn vàng, hơn bất cứ vàng nào được tìm thấy.

Psalms 19:11

Các luật lệ công bình của Đức Giê-hô-va làm gì cho tôi tớ Ngài?

Bởi các luật lệ mà tôi tớ được răn đe, chúng khiến họ vâng lời và nhận phần thưởng lớn.

Psalms 19:12

Đa-vít cầu xin được thanh tẩy từ điều gì?

Ông kêu cầu được thanh tẩy khỏi những tội lỗi được giấu kín.

Psalms 19:13

Điều gì xảy ra khi đầy tớ không để tội lỗi ngạo mạn của mình cai trị trên mình?

Người đó sẽ hoàn hảo và vô tội trước những sự vi phạm.

Psalms 19:14

Đa-vít muốn điều gì có thể chấp nhận dưới cái nhìn của Đức Giê-hô-va?

Đa-vít muốn những lời từ miệng ông và những tư tưởng của lòng ông được chấp nhận trước cái nhìn của Đức Giê-hô-va.

Chapter 20

Psalms 20:1

Thông Tin Tổng Quát:

Thi Thiên này bắt đầu với một nhóm người thưa chuyện cùng vua của Y-sơ-ra-ên.

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Giúp đỡ người

Từ "người" trong Thi Thiên này ở dạng số ít và chỉ về vị vua.

ngày gian truân

Ở đây "ngày" chỉ về một khoảng thời gian dài hơn. Gợi ý dịch: "thời gian hoạn nạn"

danh Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Ở đây "danh" chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời"

Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Chỉ về tổ phụ của họ là Gia-cốp, người thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Ban sự giúp đỡ từ nơi thánh

Việc Đức Chúa Trời giúp đỡ từ nơi thánh của Ngài được nói như thể Đức Chúa Trời ban xuống sự giúp đỡ. Gợi ý dịch: "nguyện Đức Giê-hô-va giúp đỡ vua từ nơi thánh của Ngài"

Nơi thánh ... Si-ôn

Cả hai từ đều chỉ về đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem.

Psalms 20:3

Nguyện Ngài nhớ lại

"Nhớ lại" cũng có nghĩa là "nhớ". Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã quên nhưng có nghĩa là xem xét hay suy nghĩ về. Gợi ý dịch: "Nguyện Ngài nhớ"

Nguyện Ngài

Từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Nguyện Ngài ban

"Nguyện Ngài cho"

Điều ao ước trong lòng vua

Từ "lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Danh từ trừu tượng "điều ao ước" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"điều vua ao ước" hoặc "điều vua mong muốn"

làm thành kế hoạch của vua

Danh từ trừu tượng "kế hoạch" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "nguyện Ngài giúp vua làm thành mọi điều vua dự định"

Psalms 20:5

Chúng tôi sẽ vui mừng trong chiến thắng của vua

Từ "chúng tôi" ở đây chỉ về dân chúng. Họ sẽ vui mừng trong chiến thắng của vị vua.

Trong danh của Đức Chúa Trời chúng tôi

Từ "danh" chỉ về sự tôn kính hay thanh danh. Gợi ý dịch: "trong sự tôn kính của Đức Chúa Trời chúng tôi" hoặc "vì thanh danh của Đức Chúa Trời chúng tôi"

Chúng tôi sẽ giương cao ngọn cờ

"chúng tôi sẽ giương cờ" hoặc "chúng tôi sẽ đưa cao ngọn cờ"

Ban cho mọi điều cầu xin của vua

"ban cho vua mọi điều vua cầu xin Ngài"

Bây giờ

Từ này được dùng để đánh dấu một quãng ngắt trong thi thiên để chuyển từ lời của dân chúng sang lời của vị vua.

Tôi biết

Từ "tôi" có thể chỉ về vị vua đang nói trong phần này.

người được xức dầu của Ngài ... đáp lời vua ... giải cứu vua

Vị vua đang nói về chính mình ở ngôi thứ ba. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: "con, là người được xức dầu của Ngài ... đáp lời con ... giải cứu con"

Từ trên trời thánh của Ngài

Đức Chúa Trời ngự ở trên trời cũng như trong đền thờ Giê-ru-sa-lem. (Xem: PSA020:001

Bằng sức lực của tay phải Ngài có thể giải cứu người

Tay phải của Đức Chúa Trời tượng trưng cho quyền năng giải cứu vị vua. Gợi ý dịch: "bằng quyền năng lớn Ngài sẽ giải cứu người"

Psalms 20:7

Người nầy nhờ cậy nơi xe cộ còn người khác nơi chiến mã

"Xe cộ" và "chiến mã" ở đây chỉ về quân đội của vua.

Còn người khác nơi chiến mã

Được hiểu là "nhờ cậy" nơi chiến mã. Gợi ý dịch: "còn người khác nhờ cậy nơi chiến mã"

Chúng ta kêu cầu

Ở đây "chúng ta" chỉ về vua và dân chúng của vua.

Chúng sẽ bị hạ xuống và ngã nhào

Từ "chúng" chỉ về những người nhờ cậy xe cộ và chiến mã. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ hạ chúng xuống và khiến chúng ngã nhào"

hạ xuống và ngã nhào

Cả hai động từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, đều chỉ về việc thua trận.

Chúng ta sẽ trỗi dậy và đứng thẳng lên

"chúng ta sẽ vùng dậy và đứng thẳng lên". Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, đều chỉ về việc thắng trận.

Psalms 20:9

Đức Giê-hô-va ôi, xin cứu giúp vua

Có thể giải nghĩa là 1) dân chúng cầu xin Đức Chúa Trời bảo vệ vua (UDB) hoặc 2) vị vua tiếp tục nói về mình ở ngôi thứ ba.

Vua; xin cứu giúp chúng tôi khi chúng tôi kêu cầu

Một số bản dịch có cách hiểu bản Hê-bơ-rơ khác nhau. Một số dịch là dân chúng đang thưa chuyện cùng Đức Giê-hô-va, là vua của họ. Gợi ý dịch: "Lạy Vua, xin cứu giúp chúng tôi khi chúng tôi kêu cầu Ngài"

Translation Questions

Psalms 20:2

Đa-vít muốn Chúa gửi sự giúp đỡ và tiếp trợ từ đâu?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va gửi sự giúp đỡ từ đền thờ và tiếp trợ từ Si-ôn.

Psalms 20:3

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va nhớ lại và chấp nhận điều gì?

Đa-vít cầu xin rằng Đức Giê-hô-va nhớ lại các của lễ và nhận của lễ thiêu từ họ.

Psalms 20:5

Đa-vít nói họ sẽ vui mừng trong điều gì?

Đa-vít nói họ sẽ vui mừng trong sự cứu chuộc của Đức Giê-hô-va.

Psalms 20:6

Đa-vít nói Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu ai?

Đa-vít biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ sẽ giải cứu người Ngài chỉ định.

Psalms 20:7

Những người khác tin vào điều gì?

Vài người tin vào những cổ xe ngựa và những người khác nhờ ngựa.

Đa-vít và dân của ông làm gì để đạt được chiến thắng?

Họ gọi Đức Giê-hô-va là Chúa của họ.

Chapter 21

Psalms 21:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Trong năng lực Ngài, lạy Đức Giê-hô-va

Ngụ ý đây là năng lực Đức Giê-hô-va đã ban cho vua để đánh bại kẻ thù. Gợi ý dịch: Vì Ngài, là Đức Giê-hô-va, đã khiến người đủ sức lực để đánh bại kẻ thù"

người hoan hỉ biết bao

"Người rất hoan hỉ"

Trong sự cứu rỗi Ngài ban

Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời đã giải cứu vua khỏi kẻ thù. Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "vì Chúa đã cứu người khỏi kẻ thù"

Điều ao ước trong lòng vua

"Mong ước trong lòng vua". Từ "lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "điều ao ước của vua" hoặc "điều vua mong ước"

Không giữ lại

"không từ chối vua". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch: "Chúa đã ban cho vua"

Điều thỉnh cầu của môi vua

Từ "môi" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "điều thỉnh cầu của người" hoặc "điều người cầu xin Chúa"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 21:3

Chúa ban cho người phước lành thật dồi dào

Danh từ trừu tượng "phước lành" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Chúa ban phước lớn cho người" hoặc "Chúa ban cho người nhiều điều tốt lành"

Đội trên đầu người mão triều bằng vàng ròng

Đội mão triều lên đầu một người tượng trưng cho việc lập người đó làm vua.

mão triều bằng vàng ròng

"Vàng ròng" ở đây tượng trưng cho sự tôn trọng được ban cho vua.

Người cầu xin Chúa ban sự sống, và Chúa đã ban cho người

Danh từ trừu tượng "sự sống" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Người cầu xin Chúa cho người được sống lâu và Ngài đã làm như vậy"

ngày tháng dài lâu vô cùng

Có thể là 1) sống rất lâu hoặc 2) sự sống đời đời hoặc 3) một dòng dõi lâu dài.

Psalms 21:5

Vinh hiển người

"Sự tôn trọng của vua" hoặc "danh tiếng của vua"

Chúa đã ban cho người sự huy hoàng và oai nghi

"Chúa đã đặt trên người sự huy hoàng và oai nghi". Làm cho vua được thịnh vượng và quyền lực được nói như thể sự huy hoàng và oai nghi là những vật được đặt trên người. Gợi ý dịch: "Chúa làm cho người thịnh vượng và quyền lực"

Chúa ban cho người

"Chúa cho người có" hoặc "Chúa đồng ý ban cho người"

phước lành mãi mãi

"một phước lành lâu dài" hoặc "phước lành còn lại"

Sự vui mừng trước mặt Chúa

"Niềm vui được ở trong sự hiện diện của Chúa" hoặc "niềm vui đến từ Chúa khi được ở gần Ngài"

Psalms 21:7

Qua sự thành tín với giao ước của Đấng Chí Cao

"vì Đấng Chí Cao thành tín với giao ước của Ngài"

Người sẽ không bị dao động

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "sẽ không ai lật đổ vua"

Tay người sẽ bắt

Từ "tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "Quyền lực của người sẽ bắt" hoặc "Người sẽ mạnh mẽ bắt lấy"

Tay người ... ghét người

Có thể tất cả từ "người" ở đây là 1) chỉ về vị vua hoặc 2) chỉ về Đức Chúa Trời.

Tay phải người sẽ bắt lấy những kẻ ghét người

Vế này cùng nghĩa với vế đầu của câu, nó nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho vua năng lực để ngăn chặn kẻ thù.

Psalms 21:9

Trong cơn giận dữ của người

"Khi người xuất hiện trong cơn tức giận"

Cơn giân dữ của người ... người sẽ tiêu diệt

Tất cả từ "người" ở đây có thể là 1) chỉ về Đức Chúa Trời hoặc 2) chỉ về vị vua.

Người sẽ đốt chúng như trong lò lửa hừng

Đức Giê-hô-va hay vị vua tiêu diệt kẻ thù được nói đến như thể kẻ thù nghịch của họ là củi và Đức Giê-hô-va hay vị vua sẽ ném chúng vào lò lửa.

Đức Giê-hô-va sẽ thiêu đốt chúng trong cơn thạnh nộ, và lửa sẽ hủy diệt chúng

Cả hai vế căn bản có ý nghĩa như nhau. Đức Giê-hô-va hoàn toàn tiêu diệt kẻ thù được nói như thể cơn thạnh nộ của Ngài là một ngon lửa thiêu trụi kẻ thù của Ngài.

khỏi mặt đất ... khỏi dòng dõi loài người

Cả hai cụm từ này đều có nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh rằng không một kẻ thù nào của họ sẽ sống sót.

Psalms 21:11

chúng toan tính

"chúng hoạch định". Từ "chúng" chỉ về kẻ thù của Đức Chúa Trời và vị vua.

Điều ác nghịch cùng người

"làm điều gian ác cho người"

Chúng lập mưu

"chúng lập kế hoạch" hoặc "chúng mưu đồ"

Vì người sẽ khiến chúng quay lưng, người sẽ giương cung trước mặt chúng

Từ "người" ở đây có thể là 1) chỉ về vị vua hoặc 2) chỉ về Đức Chúa Trời và nói như thể người là một binh sĩ cầm cung tên.

người sẽ khiến chúng quay lưng

Đây là cách để nói rằng Đức Chúa Trời và vị vua sẽ đánh bại kẻ thù trong chiến trận.

người sẽ giương cung trước mặt chúng

Ngụ ý rằng người bắn tên vào kẻ thù.

Psalms 21:13

Lạy Đức Giê-hô-va, nguyện Ngài được tôn cao trong sức mạnh Ngài

Có thể là 1) "Lạy Đức Giê-hô-va, xin cho chúng con thấy Ngài rất mạnh sức" (UDB) hoặc 2) "Lạy Đức Giê-hô-va, chúng con sẽ tôn cao Ngài vì Ngài mạnh sức"

Chúng con sẽ hát xướng và ngợi ca quyền năng của Ngài

"Hát xướng" và "ngợi ca" có ý nghĩa tương tự nhau. Từ "quyền năng" ở đây chỉ về Đức Chúa Trời và quyền năng của Ngài. Gợi ý dịch: "bằng lời hát xướng chúng con sẽ ngợi khen Ngài vì Ngài đầy quyền năng"

Translation Questions

Psalms 21:1

Vua vua mừng trong điều gì?

Người vui mừng trong sức mạnh của Đức Giê-hô-va và trong sự cứu chuộc Đức Giê-hô-va ban cho.

Psalms 21:2

Đức Giê-hô-va đã làm cho vua?

Đức Giê-hô-va đã ban cho vua những ước ao trong lòng ông và đã không giữ lại những điều môi ông cầu xin.

Psalms 21:3

Đức Giê-hô-va đã đem điều gì và thay thế trên đầu vua?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài đã đem cho vua những phước lành đầy dẫy và đặt một vương miệng vàng tinh khiết nhất trên đầu ông.
Psalms 21:4
Đức Giê-hô-va đã ban điều gì sau khi vua cầu xin nó?
Đức Giê-hô-va ban cho vua sống lâu và những ngày dài mãi mãi và vô cùng.
Psalms 21:5
Tại sao vinh hiển của vua lại lớn?
Vinh hiển của vua lớn bởi vì chiến thắng của Đức Giê-hô-va.
Đức Giê-hô-va ban cho điều gì trên vua?
Đức Giê-hô-va đã ban cho sự huy hoàng và vẻ uy nghiêm.
Psalms 21:7
Tại sao vua sẽ không bị lay động?
Ông sẽ không lay động vì ông tin vào Đức Giê-hô-va qua giao ước thành tín của Đấng Chí Cao.
Psalms 21:8
Tay Chúa sẽ tóm bắt ai?
Tay của Ngài tóm bắt mọi kẻ thù ghét Ngài.
Psalms 21:9
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với kẻ thù của Ngài?
Ngài sẽ thiêu trụi chúng, và chúng sẽ bị đốt bởi cơn giận của Ngài.
Psalms 21:10
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với con cháu của kẻ thù?
Ngài sẽ hủy diệt con cháu và dòng dõi của chúng.
Psalms 21:11
Tại sao Đức Giê-hô-va hủy diệt kẻ thù của Ngài?
Ngài sẽ hủy diệt chúng bởi vì chúng âm mưu phản nghịch với Ngài.
Tại sao âm mưu của kẻ thù của Đức Giê-hô-va không thành công?
Nó không thành công bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ quay lưng và giương cung bắn chúng.
Psalms 21:12
Tại sao âm mưu của kẻ thù của Đức Giê-hô-va không thành công?
Nó không thành công bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ quay lưng và giương cung bắn chúng.
Psalms 21:13
Dân sự tán tụng Đức Giê-hô-va thế nào?
Họ sẽ hát và tán dương sức mạnh của Ngài.

Chapter 22
Psalms 22:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
Giai điệu con nai
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Đức Chúa Trời con ôi, Đức Chúa Trời con ôi
Tác giả lặp lại cụm từ "Đức Chúa Trời con ôi" để nhấn mạnh rằng ông tuyệt vọng để Đức Chúa Trời lắng nghe ông.
Đức Chúa Trời con ôi, sao Ngài từ bỏ con?
Tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông cảm thấy như Đức Chúa Trời đã từ bỏ ông. Tốt nhất nên để ở dạng câu hỏi. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời con ôi, con cảm thấy như Ngài đã từ bỏ con!"
Ngài từ bỏ con
"Ngài để con một mình"
Sao Ngài đứng xa không giúp đỡ con và đứng xa lời rên xiết của con?
Một lần nữa tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông cảm thấy như Đức Chúa Trời xa cách ông. Tốt nhất nên để ở dạng câu hỏi. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Ngài đứng xa không giải cứu con và đứng xa lời rên xiết của con!"
đứng xa lời rên xiết của con
Việc tác giả cảm thấy dường như Đức Chúa Trời không lắng nghe ông được nói như thể Đức Chúa Trời đứng xa lời rên xiết của ông. Từ "lời" ở đây chỉ về điều tác giả đã nói. Gợi ý dịch: "vì sao Chúa không lắng nghe khi con thưa cùng Ngài về nỗi thống khổ của con" hoặc "con đã thưa với Chúa về nỗi thống khổ của con nhưng Ngài không đến cùng con"
Ban ngày ... ban đêm
Tác giả dùng từ "ban ngày" và "ban đêm" để nói rằng ông cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời luôn luôn.
Con không yên lặng
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "con vẫn nói"
Psalms 22:3
Ngài ngự làm vua với lời ngợi khen của Y-sơ-ra-ên
"Lời ngợi khen của Y-sơ-ra-ên là ngai Ngài ngự làm vua". Lời ngợi khen của Y-sơ-ra-ên được mô tả như thể chúng là ngai để Đức Chúa Trời ngự lên đó và cai trị, hoặc như một ngôi nhà để Đức Chúa Trời ngự. Gợi ý dịch: "Ngài là vua và Y-sơ-ra-ên ngợi khen Ngài"
Của Y-sơ-ra-ên
Ở đây "Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Chẳng thất vọng
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và Ngài không khiến họ thất vọng" hoặc "Ngài không từ bỏ họ"
Chẳng thất vọng
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "và Ngài giải cứu họ" hoặc "và Ngài làm cho họ điều họ cần"
Psalms 22:6
con là một con sâu chứ không phải con người
Tác giả ví mình là một con sâu. Điều này nhấn mạnh rằng ông cảm thấy vô dụng hay người ta đối xử với ông như thể ông là kẻ vô dụng. Gợi ý dịch: "Nhưng con như thể một con sâu chứ không phải con người"
là điều ô nhục của loài người và bị dân chúng khinh khi
Cả hai vế căn bản có ý nghĩa như nhau. Cụm từ "bị dân chúng khinh khi" có thể được dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "mọi người cho con là vô dụng và dân chúng ghét con"
nhạo cười con; họ chế giễu con; họ lắc đầu
Ba vế này có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh người ta bất kính với ông thể nào.
Họ lắc đầu
Câu này mô tả hành động chế giễu người khác.
Nó phó thác mình nơi Đức Giê-hô-va ... hài lòng về nó
Người ta nói điều này để chế giễu tác giả. Họ không thật sự tin Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu ông.
Hãy để Ngài giải thoát nó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Hãy để Đức Giê-hô-va giải thoát nó"

Vì Ngài hài lòng về nó

Có thể là 1) "vì Đức Giê-hô-va hài lòng về nó" hoặc 2) "vì nó vui thích nơi Đức Giê-hô-va"

Psalms 22:9

Vì Chúa

Tác giả dùng từ "vì" để bắt đầu giải thích vì sao ông bối rối và cầu hỏi Đức Chúa Trời vì sao Ngài không đến giúp đỡ ông.

Chúa đem con ra khỏi tử cung

Đây là cách đế nói rằng "Chúa cho con được sinh ra".

khi con nằm trên ngực của mẹ con

Câu này có nghĩa là ông đã tin cậy nơi Đức Giê-hô-va từ khi ông còn rất nhỏ. Gợi ý dịch: "từ lúc con còn bú sữa mẹ"

Từ trong tử cung, con đã được giao cho Chúa

Cụm từ "đã được giao" ý muốn nói rằng Đức Giê-hô-va đã chăm sóc cho ông như thể Ngài nhận nuôi ông làm con của Ngài. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Như thể Ngài đã nhận nuôi con ngay khi con được sinh ra"

Chúa là Đức Chúa Trời của con

Ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va đã luôn chăm sóc cho tác giả. Gợi ý dịch: "Ngài, là Đức Chúa Trời đã chăm sóc cho con"

Từ khi con ở trong tử cung của mẹ con

"từ trước khi con được sinh ra"

Psalms 22:11

Xin đừng cách xa con

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin đến gần con"

Vì sự gian truân gần kề

Tác giả nói về "sự gian truân" như thể nó là một vật ở gần ông. Gợi ý dịch: "vì kẻ thù con gần kề con"

Không có ai giúp đỡ

"không có người giúp đỡ"

Có nhiều bò đực vây quanh con, những bò đực mập mạnh của Ba-san vây quanh con

Tác giả ví kẻ thù của ông như những con bò đực, nhằm nhấn mạnh chúng nguy hiểm và hùng mạnh thể nào. Gợi ý dịch: "Con có nhiều kẻ thù và chúng giống như những con bò đực vây quanh con"

Họ hả miệng lớn cùng tôi

Tác giả nói về kẻ thù của ông như chúng là những con sư tử mở miệng sẵn để ăn thịt ông. Kẻ thù của ông có lẽ đang nói dối để hạ uy tín của ông. Hoặc chúng có thể đang đe dọa ông và tấn công ông.

Giống như một con sư tử gầm thét cắn xé con mồi

Tác giả ví kẻ thù của mình như những con sư tử, nhằm nhấn mạnh chúng hùng mạnh và nguy hiểm thể nào.

Psalms 22:14

Con bị đổ ra như nước

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Như thể ai đó đổ con ra như nước"

Con bị đổ ra như nước

Tác giả nói về cảm giác hoàn toàn kiệt quệ và yếu ớt như thể ông là nước bị đổ ra khỏi bình.

Xương cốt con đều rã rời

"Các xương cốt con rời khớp." Có thể tác giả đang chịu một nỗi đau thể xác nào đó. Hoặc có thể ông đang nói đến nỗi đau tinh thần như thể đó là một nỗi đau thể xác.

lòng con như sáp ... trong mình con

Tác giả đang nói ông không còn dũng cảm nữa như thể lòng ông đã chảy ra như sáp. Ở đây từ "lòng" chỉ về "sự can đảm".

Sáp

Một loại chất mềm tan chảy ở nhiệt độ tương đối thấp

Trong mình con

"bên trong con"

Sức lực con đã khô cạn như miếng gốm

Tác giả nói về cảm giác yếu ớt như thể sức lực của ông giống một miếng gốm khô dễ dàng bị vỡ.

miếng gốm

Một vật làm bằng đất sét nung có thể được sử dụng trong nhà

lưỡi con dính vào vòm họng con

"lưỡi con dính vào cuống họng con". Tác giả có thể đang mô tả cơn khát cực độ của ông. Hoặc ông có thể đang tiếp tục nói về việc ông trở nên yếu ớt như hoàn toàn khô cạn.

Chúa đã đặt con nằm trong bụi của sự chết

"Bụi của sự chết" có thể là 1) chỉ về một người hóa thành bụi sau khi chết. Gợi ý dịch: "Chúa sắp để cho con phải chết và trở thành bụi đất" hoặc 2) đây là cách nói về hầm mộ, có nghĩa là Đức Chúa Trời đang khiến cho tác giả phải chết. Gợi ý dịch: "Chúa đặt con vào hầm mộ"

Chúa đã đặt con

"Chúa" ở dạng số ít chỉ về Đức Chúa Trời.

Psalms 22:16

những con chó vây quanh con

Tác giả ví kẻ thù của ông như những con chó. Kẻ thù của ông đến gần ông như chó hoang đến gần con vật sắp chết. Gợi ý dịch: "kẻ thù con giống như những con chó vây quanh con"

Một lũ hung ác

"nhóm hung ác" hoặc "bọn hung ác"

Bao vây

"vây quanh"

Chúng đâm thủng tay và chân con

Ở đây tiếp tục hình ảnh ẩn dụ về những con chó. Tác giả nói về kẻ thù của mình như những con chó đang cắn thủng tay và chân ông.

Đâm

Xuyên qua thứ gì đó bằng một vật nhọn

Con có thể đếm hết xương cốt của con

Có thể là 1) tác giả ốm đến nỗi nhìn thấy xương của mình. Gợi ý dịch: "Con có thể nhìn thấy hết xương cốt của mình" hoặc "con có thể cảm nhận được từng cái xương của mình" hoặc 2) câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ về những con chó và tác giả có thể nhìn thấy xương của mình sau khi những con chó đã cắn vào thịt ông.

Nhìn và chằm chằm vào tôi

Từ "nhìn" và "chằm chằm" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng người ta nhìn vào ông cách lúng lúng và chế nhạo ông.

Psalms 22:18

Áo của con

"áo quần của con"

Xin đừng cách xa

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin ở gần"

Sức lực của con

Ở đây "sức lực" chỉ về Đức Giê-hô-va, Đấng ban cho ông sức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lực. Gợi ý dịch: "Chúa là Đấng ban cho con sức lực" hoặc "Chúa là Đấng giúp đỡ con"

Psalms 22:20

Giải cứu linh hồn con

"Linh hồn" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Giải cứu con"

Gươm

Gươm là cách nói thường dùng để chỉ về kẻ thù hung bạo. Gợi ý dịch: "những kẻ muốn giết con" hoặc "kẻ thù con"

Mạng sống duy nhất của con

"mạng sống quý giá của con" hoặc "mạng sống duy nhất con có"

móng vuốt loài chó hoang ... miệng của sư tử ... sừng của bò đực hoang

Tác giả ví kẻ thù của ông như chó, sư tử và bò đực hoang để nhấn mạnh chúng nguy hiểm thể nào. Đồng thời, móng vuốt, miệng và sừng là phép chuyển ngữ chỉ về chính những con vật đó. Tác giả nhấn mạnh những bộ phận đó của con vật vì chúng được sử dùng để tấn công.

Chó hoang ... bò đực hoang

Từ "hoang" ở đây có nghĩa là chúng chưa được bắt và thuần hóa.

Psalms 22:22

Con sẽ rao truyền danh Chúa

"Con sẽ truyền ra danh Chúa". "Danh" ở đây chỉ về bản chất hay danh tiếng của Đức Chúa Trời.

Gợi ý dịch: "Con sẽ nói về bản chất của Chúa"

anh em con

"Anh em" ở đây có nghĩa là "đồng bào Y-sơ-ra-ên" (UDB) hoặc "những người bạn cùng thờ phượng Đức Giê-hô-va của tôi"

giữa hội chúng

"khi những đồng bào Y-sơ-ra-ên cùng con tụ họp lại" hoặc "khi con ở giữa những người bạn cùng thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Hỡi những người kính sợ

Từ "những người" ở đây ở dạng số nhiều.

Hỡi con cháu Gia-cốp ... hỡi con cháu Y-sơ-ra-ên

Cả hai vế đều chỉ về cùng một nhóm người.

Đứng trong sự kính sợ Ngài

"Hãy kính sợ Ngài" hoặc "hãy để quyền năng của Đức Chúa Trời khiến cho anh em kinh ngạc"

Psalms 22:24

Ngài không khinh bỉ hay ghê tởm

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Ngài yêu mến và trân trọng"

không khinh bỉ hay ghê tởm cảnh hoạn nạn của người khốn khổ

Ở đây "người bị áp bức" chỉ về người đang chịu khốn khổ. Gợi ý dịch: "không khinh bỉ hay ghê tởm người chịu khốn khổ"

khinh bỉ hay ghê tởm

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời không quên tác giả.

Khinh bỉ

"căm ghét" hay "ghét"

Ghê tởm

"ghét" hay "khinh thường"

Cảnh hoạn nạn của người chịu khốn khổ ... khỏi người ... người chịu khốn khổ kêu cầu

Có thể dịch theo cách chỉ về bất kì người nào chịu khốn khổ. Gợi ý dịch: "những người chịu khốn khổ ... khỏi họ ... những người chịu khổ kêu cầu"

không giấu mặt Ngài

Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "không chuyển hướng chú ý của Ngài" hoặc "không phớt lờ"

Ngài lắng nghe

"Ngài nghe". Ngụ ý rằng Ngài đáp lời khi nghe tiếng kêu cầu của họ. Gợi ý dịch: "Ngài đáp lời" hoặc "Ngài giúp đỡ"

Vì Ngài

"Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.

Con sẽ làm trọn lời hứa nguyện của con

Chỉ về của tế lễ tác giả hứa dâng cho Đức Chúa Trời.

trước mặt những người kính sợ Ngài

Từ "Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Có thể dịch là "Chúa". Gợi ý dịch: "trong sự hiện diện của những người kính sợ Chúa"

Psalms 22:26

Người bị áp bức sẽ ăn và được no nê

Chỉ về bữa ăn thông công sau khi tác giả dâng cho Đức Chúa Trời của lễ ông đã hứa nguyện. Ông sẽ mời những người chịu khốn khổ đến ăn một phần thú vật ông đã dâng.

Những người tìm kiếm Đức Giê-hô-va

Những người muốn biết Đức Giê-hô-va và làm vui lòng Ngài được nói như thể họ thật sự đi tìm Đức Giê-hô-va theo nghĩa đen.

Nguyện lòng người được sống muôn đời

Ở đây "lòng" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Nguyện người được sống muôn đời"

Nguyện lòng người

Ở đây từ "người" ở dạng số nhiều, chỉ về những người bị áp bức.

sẽ nhớ và trở về cùng Đức Giê-hô-va

Bắt đầu vâng theo lời Đức Giê-hô-va được nói như thể người ta thật sự hướng về Ngài theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "sẽ nhớ Đức Giê-hô-va và vâng lời Ngài"

Họ hàng muôn dân sẽ cúi xuống trước Ngài

Vế này cùng nghĩa với vế đầu của câu. Tác giả đang nhấn mạnh rằng mọi người từ mọi nơi sẽ thờ phượng và vâng phục Đức Giê-hô-va.

sẽ cúi xuống trước Chúa

Đây là biểu hiện bày tỏ sự kính nể và tôn trọng đối với ai đó.

Trước Chúa

Từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va. Có thể dịch ở ngôi thứ ba để liên kết với phần đầu của câu. Gợi ý dịch: "trước Ngài"

Psalms 22:28

Vì vương quốc là của Đức Giê-hô-va

"Vì vương quốc thuộc về Đức Giê-hô-va ". "Vương quốc" ở đây chỉ về sự cai trị làm vua của Đức Chúa Trời.

Gợi ý dịch: "Vì Đức Giê-hô-va là vua"

Ngài là vua cai trị trên các nước

Ở đây "các nước" chỉ về dân của các nước. Gợi ý dịch: "Ngài cai trị dân chúng của các nước"

Sẽ thết tiệc

Dân chúng sẽ dự tiệc cùng nhau. Gợi ý dịch: "sẽ ăn cùng nhau" hoặc "sẽ ăn tiệc cùng nhau"

Mọi kẻ trở về bụi đất ... những người không thể bảo tồn mạng sống mình

Cả hai vế đều chỉ về cùng một đối tượng, đó là tất cả mọi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người vì mọi người đều sẽ chết.

Mọi kẻ trở về bụi đất

"Bụi đất" ở đây chỉ về hầm mộ. Cụm từ "trở về bụi đất" chỉ về việc một người chết đi. Gợi ý dịch: "những người đang hấp hối" hoặc "những người chết"

những người không thể bảo tồn mạng sống mình

"những người không thể tự cứu mạng sống mình" hoặc "những người không thể giữ mình khỏi chết"

Psalms 22:30

Một thế hệ sẽ đến

"Một thế hệ" chỉ về những người thuộc thế hệ đó. Cụm từ "sẽ đến" nói về thời gian trong tương lai như thể nó là một vật có thể di chuyển và đi đến một nơi nào đó. Gợi ý dịch: "Con người trong các thế hệ tương lai"

Thế hệ kế tiếp

"Thế hệ" chỉ về những người thuộc thế hệ đó. Gợi ý dịch: "những người của thế hệ kế tiếp" hoặc "con cháu họ"

Của Chúa

"về Chúa" hoặc "về việc Chúa đã làm"

công bố đức công chính của Ngài

Danh từ trừu tượng "đức công chính" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "nói về những điều công chính Ngài đã làm"

Translation Questions

Psalms 22:1

Đa-vít đang hỏi Chúa điều gì?

Đa-vít đang hỏi tại sao Chúa đã bỏ ông, tại sao Ngài cách xa Đa-vít.

Psalms 22:2

Đa-vít làm gì vào ban ngày và ban đêm?

Đa-vít kêu khóc vào ban ngày và ban đêm, Đa-vít không im lặng.

Psalms 22:3

Đa-vít nhờ cậy Chúa thế nào?

Đa-vít nhờ cậy Chúa là Thánh, như vua đang ngồi giữa sự tán dương của Y-sơ-ra-ên.

Psalms 22:4

Dòng dõi của Đa-vít đã làm gì và Chúa đã đáp lời thế nào?

Họ tin vào Chúa, Ngài giải cứu họ, và họ không thất vọng.

Psalms 22:5

Dòng dõi của Đa-vít đã làm gì và Chúa đã đáp lời thế nào?

Họ tin vào Chúa, Ngài giải cứu họ, và họ không thất vọng.

Psalms 22:6

Đa-vít diễn tả chính về chính ông thế nào?

Đa-vít nói ông là một con trùng, không phải người, là một sự hổ thẹn cho loài người và coi khinh cho dân sự.

Psalms 22:8

Dân sự đã chế giễu và miếng nhiếc Đa-vít điều gì?

Họ nói, "Ông tin vào Đức Giê-hô-va, để Đức Giê-hô-va giải cứu ông."

Psalms 22:9

Đa-vít đã tin vào Chúa bao lâu?

Đa-vít đã tin vào Đức Giê-hô-va khi ông còn nằm trên vú mẹ ông và khi ông ở trong dạ mẹ ông.

Psalms 22:10

How long has David trusted God?

Đa-vít đã tin vào Đức Giê-hô-va khi ông còn nằm trên vú mẹ ông và khi ông ở trong dạ mẹ ông.

Psalms 22:11

Đa-vít đã tin vào Chúa bao lâu?

He is asking God to not be far away from him because trouble is near and there is no one to help.

Psalms 22:12

Điều gì đang vây quanh Đa-vít như sư tử rống?

Nhiều con bò mộng của Ba-san vây quanh ông, há miệng chống ông.

Psalms 22:13

Điều gì đang vây quanh Đa-vít như sư tử rống?

Nhiều con bò mộng của Ba-san vây quanh ông, há miệng chống ông.

Psalms 22:14

Đa-vít diễn tả về chính ông thế nào?

Ông nói rằng ông đang trút xuống như nước, mọi xương ông trật khớp, lòng ông như sáp, sức mạnh ông đã khô cạn, lưỡi ông dính vào vòm miệng của ông.

Psalms 22:15

Đa-vít diễn tả về chính mình thế nào?

Ông nói rằng ông đang trút xuống như nước, mọi xương ông trật khớp, lòng ông như sáp, sức mạnh ông đã khô cạn, lưỡi ông dính vào vòm miệng của ông.

Psalms 22:16

Điều gì đã vây quanh và bao quanh ông?

Chó đã vây quanh ông và đồng bọn của lũ bất lương bao quanh ông, đã đâm vào tay và chân ông.

Psalms 22:18

Điều gì được làm với áo ngoài và quần áo?

Áo ngoài được chia và bắt thăm để lấy quần áo.

Psalms 22:19

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va đừng ở cách xa.

Psalms 22:20

Đa-vít muốn điều gì được giải nguy và cứu thoát?

Ông muốn linh hồn mình được giải nguy khỏi gươm kiếm, và mạng sống quý báu của ông khỏi móng vuốt chó, sứng của bò mộng, và cứu thoát khỏi miệng sư tử.

Psalms 22:21

Đa-vít muốn điều gì được giải nguy và cứu thoát?

Ông muốn linh hồn mình được giải nguy khỏi gươm kiếm, và mạng sống quý báu của ông khỏi móng vuốt chó, sứng của bò mộng, và cứu thoát khỏi miệng sư tử.

Psalms 22:22

Đa-vít sẽ công bố điều gì về anh em của ông và ông sẽ tán dương Đức Giê-hô-va ở đâu?

Ông sẽ công bố danh Chúa với anh em của ông và tán dương Ngài ở giữa hội chúng.

Psalms 22:23

Ai tán dương, tôn vinh, và kính sợ Đức Giê-hô-va?

Tất cả mọi người kính sợ Đức Giê-hô-va, mọi dòng dõi của Gia-cốp, và mọi dòng dõi của Y-sơ-ra-ên phải tán dương, tôn vinh, và kính sợ Ngài.

Psalms 22:24

Khi nào Đức Giê-hô-va lắng nghe người khổ sở?

Ngài nghe người khổ sở khi họ kêu khóc vì Ngài.

Psalms 22:25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đa-vít sẽ tán dương và làm trọn lời thề của ông ở đâu?
Ông sẽ tán dương ở trong hội lớn và làm trọn lời thế của ông trước những người kính sợ Đức Giê-hô-va.
Psalms 22:26
Ai sẽ ăn, được thỏa lòng, và tán dương Đức Giê-hô-va?
Kẻ bị áp bức sẽ ăn, được thỏa lòng và những kẻ tìm kiếm Đức Giê-hô-va sẽ tán dương Ngài.
Psalms 22:27
Điều gì mà mọi dân trên đất và mọi dòng dõi của các dân sẽ làm?
Mọi dân trên đất sẽ nhớ và quay lại với Đức Giê-hô-va và mọi dòng dõi của các dân sẽ quỳ lại trước Ngài.
Psalms 22:28
Đức Giê-hô-va cai trị trên điều gì?
Đức Giê-hô-va cai trị trên các dân.
Psalms 22:29
Ai sẽ cúi trước Đức Giê-hô-va?
Mọi kẻ từ cát bụi, là kẻ không gìn giữ linh hồn của họ, sẽ cúi trước Ngài.
Psalms 22:30
Dòng dõi trong tương lai sẽ làm gì?
Họ sẽ đến và nói với người chưa được sinh ra những gì Ngài đã làm.
Psalms 22:31
Dòng dõi trong tương lai sẽ làm gì?
Họ sẽ đến và nói với người chưa được sinh ra những gì Ngài đã làm.

Chapter 23
Psalms 23:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Đức Giê-hô-va là Đấng chăn giữ tôi
Tác giả ví Đức Giê-hô-va như một người chăn nhằm nhấn mạnh Đức Chúa Trời chăm sóc cho dân Chúa như một người chăn chăm sóc cho chiên của mình. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giống như một người chăn của tôi" hoặc "Đức Giê-hô-va chăm sóc cho tôi như một người chăn chăm sóc cho chiên của mình"
Tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi có mọi điều tôi cần"
Ngài khiến tôi nằm nghỉ nơi đồng cỏ xanh
Tác giả ví mình như một con chiên và Đức Giê-hô-va như người chăn. Gợi ý dịch: Ngài cho tôi yên nghỉ như một người chăn cho chiên mình nằm trong đồng cỏ xanh tươi.
Ngài dẫn tôi đến mé nước bình tịnh
Tác giả ví mình như một con chiên, và Đức Giê-hô-va như người chăn. Gợi ý dịch: "Ngài chu cấp điều tôi cần như người chăn dẫn chiên đến mé nước bình tịnh"
nước bình tịnh
"nước yên tĩnh" hoặc "nước chảy êm ả". Dòng nước này có thể uống được.
Psalms 23:3
Thông Tin Tổng Quát:
Thi thiên này tiếp tục nói về cách Đức Chúa Trời chăm sóc cho chúng ta như người chăn chăm sóc cho bầy chiên.
Ngài phục hồi sự sống tôi
Có nghĩa là Đức Chúa Trời làm cho người yếu ớt và mệt mỏi trở nên mạnh mẽ và được nghỉ ngơi trở lại.
Ngài dẫn con theo các lối công chính
Bày tỏ cho một người cách sống đẹp lòng Đức Chúa Trời được ví như người chăn chỉ cho chiên đi đúng đường. Gợi ý dịch: "Ngài chỉ con cách sống đúng đắn"
Vì cớ danh Ngài
"Danh Ngài" chỉ về thanh danh của Ngài. Gợi ý dịch: "vì thanh danh của Ngài" hoặc "để người ta sẽ tôn kính Ngài"
Psalms 23:4
Thông Tin Tổng Quát:
Thi thiên này tiếp tục nói về cách Đức Chúa Trời chăm sóc cho chúng ta như người chăn chăm sóc cho bầy chiên.
Dù khi con đi qua trũng bóng tối
Tác giả mô tả một người trải qua những khó khăn kinh khiếp như một con chiên đi qua trũng bóng tối nguy hiểm. Ở đó chiên có thể bị lạc hoặc bị thú hoang tấn công. Gợi ý dịch: "Dù khi cuộc đời con như đang đi qua trũng bóng tối hiểm nguy"
Con sẽ chẳng sợ sự tổn hại nào
Danh từ trừu tượng "sự tổn hại" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Con sẽ chẳng sợ điều gì làm hại con"
Chúa ở cùng con
Từ "Chúa" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.
Cây trượng và cây gậy của Chúa an ủi con
Cây trượng và cây gậy tượng trưng cho sự bảo vệ vì người chăn dùng chúng để bảo vệ chiên của mình khỏi nguy hiểm. Gợi ý dịch: "Con không sợ vì Chúa bảo vệ con như người chăn dùng cây trượng và cây gậy bảo vệ chiên của mình" (Xem:
Psalms 23:5
Thông Tin Tổng Quát:
Giờ đây tác giả ví Đức Chúa Trời như một người chào đón khách vào nhà mình và bảo vệ người đó.
Chúa dọn bàn
Bàn tượng trưng cho một bữa tiệc vì người ta sẽ để hết thảy thức ăn lên bàn.
Trước mặt kẻ thù nghịch con
Ở đây có nghĩa là tác giả không lo lắng về kẻ thù vì ông là khách danh dự của Chúa, bởi đó ông được bảo vệ khỏi sự tàn hại. Gợi ý dịch: "mặc kệ kẻ thù nghịch con"
xức dầu cho đầu con
Đôi khi người ta xức dầu lên đầu của khách để thể hiện sự tôn trọng họ.
chén con đầy tràn
Chén rượu đầy tràn mang ý nghĩa là rất nhiều ơn phước. Gợi ý dịch: "Chúa rót cho chén con đầy tràn" hoặc "Chúa ban cho nhiều ơn phước"
Psalms 23:6
Sự tốt lành và thành tín của giao ước sẽ theo tôi
Đức Giê-hô-va là tốt lành và thành tín với một người được nói như thể sự tốt lành và thành tín theo giao ước là những vật đang đuổi theo một người. Gợi ý dịch: "Chắc chắn Chúa sẽ tốt lành và thành tín với tôi"
Trọn các ngày của đời tôi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Danh từ trừu tượng "đời" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "hễ tôi còn sống"

nhà Đức Giê-hô-va

Có thể là 1) chỉ về nhà đời đời của Đức Giê-hô-va hoặc 2) chỉ về đền thờ của Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem. Nếu được hãy dịch sao cho có thể hiểu được theo cả hai ý.

cho đến lâu dài

Có thể là 1) "đời đời" hoặc 2) "hễ tôi còn sống".

Translation Questions

Psalms 23:1

Ai là người chăn giữ của Đa-vít??

Người chăn giữ của Đa-vít là Đức Giê-hô-va.

Psalms 23:2

Đức Giê-hô-va khiến Đa-vít nằm xuống đâu?

Đức Giê-hô-va khiến Đa-vít nằm xuống đồng cỏ xanh.

Đức Giê-hô-va dẫn Đa-vít đi đâu?

Đức Giê-hô-va dẫn Đa-vít cạnh bờ nước yên tịnh.

Psalms 23:3

Đức Giê-hô-va bổ sức điều gì?

Đức Giê-hô-va bổ lại linh hồn của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va dẫn Đa-vít đi đâu?

Đức Giê-hô-va dẫn Đa-vít đi vào các đường lẽ thật.

Psalms 23:4

Khi Đa-vít đi qua thung lũng bóng tối, ai sẽ ở với ông?

Đức Giê-hô-va sẽ ở cùng Đa-vít.

Psalms 23:5

Đức Giê-hô-va chuẩn bị trước Đa-vít điều gì?

Đức Giê-hô-va dọn bàn trước mặt kẻ thù của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va xức dầu điều gì?

Đức Giê-hô-va xức dầu trên đầu của Đa-vít bằng dầu.

Psalms 23:6

Điều gì đuổi theo Đa-vít suốt những ngày của đời ông?

Ơn Chúa và giao ước thành tính sẽ đuổi theo Đa-vít.

Chapter 24

Psalms 24:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Và hết thảy mọi thứ của nó

Danh từ trừu tượng "hết thảy mọi thứ" có thể dịch thành động từ "ở trong". Gợi ý dịch: "và mọi thứ ở trong đó"

Vì Ngài đã lập nó trên biển cả, và đặt nền nó trên các sông

Ở đây "lập nó trên biển cả" và "đặt nền nó trên các sông" căn bản có ý nghĩa như nhau. Người Hê-bơ-rơ thời đó tin rằng xứ của họ được biển cả và những con sông nằm sâu dưới lòng đất chống đỡ. Gợi ý dịch: Vì Ngài lập nền nó trên biển cả và dựng nó trên các dòng nước sâu"

Biển cả ... các dòng nước

Những cụm từ này được dùng chung để chỉ về đại dương lớn nằm sâu dưới lòng đất.

trên các sông

"dòng nước nằm sâu bên dưới" (UDB)

Psalms 24:3

Ai sẽ lên núi ... trong nơi thánh Ngài?

Cả hai câu hỏi này căn bản đều có nghĩa như nhau. Tác giả đang hỏi ai được phép đi đến và thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Lên

"đi lên" hoặc "trèo lên"

núi Đức Giê-hô-va

Chỉ về núi Si-ôn tại Giê-ru-sa-lem.

Nơi thánh Ngài

Chỉ về đền thờ của Đức Giê-hô-va. Đền thờ của Ngài nằm trên núi Si-ôn tại Giê-ru-sa-lem.

Người có ... có ... và không

Từ "người" ở đây không chỉ về một người cụ thể nào. Gợi ý dịch: "Những ai có ... có ... và không"

người có tay trong sạch

Từ "tay" tượng trưng cho việc làm của một người. "Tay" trong sạch có nghĩa là làm điều đúng đắn. Gợi ý dịch: "người làm điều đúng đắn"

lòng thanh khiết

"Lòng" chỉ về suy nghĩ hay động cơ của một người. Gợi ý dịch: "suy nghĩ về điều lành" hoặc "không suy nghĩ về việc thực hiện những điều sai trái"

Người không ca ngợi điều lầm lạc

"Điều lầm lạc" tượng trưng cho tà thần. "Ca ngợi" có nghĩa là thờ phượng. Gợi ý dịch: "người không thờ lạy thần tượng"

Psalms 24:5

Người sẽ nhận được phước từ Đức Giê-hô-va

Từ "người" không chỉ về một người cụ thể nào mà chỉ về những người có lòng thanh khiết được nói ở câu trước. Danh từ trừu tượng "phước" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước cho họ"

Và sự công chính từ nơi Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi mình

Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể dịch là "cách công chính". "Sự cứu rỗi" có thể dịch là "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "và Đức Chúa Trời sẽ đối đãi cách công chính với người và cứu rỗi người"

Đó là thế hệ của những người tìm kiếm Ngài

"Thế hệ" ở đây chỉ về con người nói chung. Gợi ý dịch: "Những người tìm kiếm Ngài là như vầy"

những người tìm kiếm Ngài, những người tìm kiếm mặt Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Cả hai câu này có ý nghĩa như nhau, đều chỉ về những người đi đến đền thờ để thờ phượng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Những người đến gần Đức Chúa Trời, ấy là những người có thể thờ phượng Đức Chúa Trời, Đấng Y-sơ-ra-ên chúng ta thờ phượng"

những người tìm kiếm Ngài

Đi đến đền thờ để thờ phượng Đức Giê-hô-va được nói như thể người đó thật sự đi tìm Ngài theo nghĩa đen.

mặt Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Ở đây "mặt" chỉ về trọn cả người. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của Gia-cốp"

Psalms 24:7

Hỡi các cổng, hãy ngẩng đầu lên; Hỡi các cửa cổ kính, hãy mở cao lên

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. "Các cổng" và "các cửa" chỉ về các cổng của đền thờ. Tác giả nói như thể chúng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

là những con người. Người giữ cổng sẽ là người mở cổng ra. Gợi ý dịch: "Hỡi các cổng cổ kính hãy mở ra" hoặc "Hãy mở những cổng cổ kính này ra"

hãy ngẩng đầu lên

Không rõ đâu là phần "đầu" của cánh cổng, nhưng nó tượng trưng cho cả cánh cổng.

Đức Giê-hô-va đầy sức mạnh và quyền năng, Đức Giê-hô-va quyền năng trong chiến trận

Tác giả nói như thể Đức Giê-hô-va là một binh sĩ mạnh mẽ chiến đấu trong chiến trận.

Psalms 24:9

Hỡi các cổng, hãy ngẩng đầu lên; Hỡi các cửa cổ kính, hãy mở cao lên

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. "Các cổng" và "các cửa" chỉ về các cổng của đền thờ. Tác giả nói như thể chúng là những con người. Người giữ cổng sẽ là người mở cổng ra. Gợi ý dịch: "Hỡi các cổng cổ kính hãy mở ra" hoặc "Hãy mở những cổng cổ kính này ra". Xem cách đã dịch ở PSA024:007

hãy ngẩng đầu lên

Không rõ đâu là phần "đầu" của cánh cổng, nhưng nó tượng trưng cho cả cánh cổng.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Translation Questions

Psalms 24:1

Ai dựng nên trái đất?

Đức Giê-hô-va dựng nó trên các biển và lập nó trên các sông.

Psalms 24:3

Ai sẽ trèo lên núi của Đức Giê-hô-va và đứng ở nơi thánh của Đức Giê-hô-va?

Những người có đôi tay sạch sẽ và lòng tinh khiết; người không cất lòng mình cho điều sai trái, và người đả không thề dối trá sẽ trèo lên núi của Đức Giê-hô-va và đứng ở nơi thánh của Đức Giê-hô-va.

Psalms 24:4

Ai sẽ trèo lên núi của Đức Giê-hô-va và đứng ở nơi thánh của Đức Giê-hô-va?

Những người có đôi tay sạch sẽ và lòng tinh khiết; người không cất lòng mình cho điều sai trái, và người đả không thề dối trá sẽ trèo lên núi của Đức Giê-hô-va và đứng ở nơi thánh của Đức Giê-hô-va.

Psalms 24:5

Ai sẽ nhận được phúc lành từ Đức Giê-hô-va?

Dòng dõi của những ai tìm kiếm Ngài, ai tìm kiếm mặt Chúa của Gia-cốp, là người nhận được phước từ Đức Giê-hô-va.

Psalms 24:6

Ai sẽ nhận được phước từ Đức Giê-hô-va?

Dòng dõi của những ai tìm kiếm Ngài, ai tìm kiếm mặt Chúa của Gia-cốp, là người nhận được phước từ Đức Giê-hô-va.

Psalms 24:7

Tại sao các cổng được nâng cao?

Để vua của vinh hiển sẽ vào.

Chapter 25

Psalms 25:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Con hướng sự sống con

"Hướng sự sống con" là một phép ẩn dụ. Có thể mang ý nghĩa là 1) tác giả dâng mình cho Đức Giê-hô-va, tức là ông hoàn toàn phụ thuộc vào Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con dâng mình cho Ngài"

Xin đừng để con bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng để kẻ thù sỉ nhục con"

Hổ thẹn

"xấu hổ"

reo mừng chiến thắng trên con

"vui mừng trong chiến thắng trên con". Cụm từ "trên con" ngụ ý rằng kẻ thù của ông đã đánh bại ông và đứng trên chiến thắng. Gợi ý dịch: "đánh bại con và vui mừng về việc đó"

Nguyện chẳng ai trông cậy Ngài mà bị hổ thẹn

"Xin đừng để những ai trông cậy Ngài mà bị hổ thẹn". Có thể là hổ thẹn vì bị kẻ thù đánh bại. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng để kẻ thù đánh bại những ai trông cậy nơi Ngài"

ai trông cậy Ngài

"ai tin cậy Ngài"

Phản bội

"dối trá" hoặc "thủ đoạn gian trá"

Vô cớ

"không có lí do"

Psalms 25:4

Lạy Đức Giê-hô-va, xin cho con biết các đường lối Ngài và dạy dỗ con các nẻo đường Ngài

Cả hai vế có ý nghĩa như nhau. Đức Chúa Trời dạy cho một người biết cách cư xử thế nào được nói như thể Ngài chỉ cho người đó biết con đường đúng đắn nên đi.

con trông đợi nơi Ngài

"Con phụ thuộc vào Ngài" hoặc "con kiên nhẫn chờ đợi Ngài"

Xin dẫn con vào trong chân lý của Ngài và dạy dỗ con

Hướng dẫn và dạy dỗ có ý nghĩa như nhau là đưa ra lời chỉ dẫn. Gợi ý dịch: "Xin chỉ dẫn con quản trị đời mình bằng cách vâng theo chân lý Ngài"

Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch là "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "Đấng cứu rỗi con"

Psalms 25:6

Nhớ lại

Đây là một cụm từ. Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã quên. Tác giả đang cầu xin Đức Chúa Trời suy nghĩ và xem xét những việc yêu thương và thành tín của Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gợi ý dịch: "nhớ" hoặc "suy nghĩ về"

những việc yêu thương và thành tín theo giao ước của Ngài

Danh từ trừu tượng "yêu thương" và "thành tín" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "thể nào Ngài đã yêu thương và thành tín cùng con bởi giao ước Ngài"

Vì chúng luôn thực hữu

Từ "chúng" nhân hóa cho lòng yêu thương và thành tín theo giao ước của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "vì Ngài luôn như vậy"

Xin đừng nhớ các tội lỗi của con ở tuổi thanh xuân

Danh từ trừu tượng "tội lỗi" có thể được dịch là "đã phạm". Gợi ý dịch: "Xin đừng nghĩ đến con đã phạm tội cũng Ngài thể nào khi con còn trẻ"

hay sự nổi loạn của con

Danh từ trừu tượng "sự nổi loạn" có thể được dịch là "nổi loạn." Gợi ý dịch: hay con đã nổi loạn cùng Ngài thể nào"

xin nhớ đến con

Đây là một cụm từ. Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã quên mà tác giả đang cầu xin Đức Chúa Trời nghĩ đến mình. Gợi ý dịch: "Xin nhớ lại con" hoặc "xin nghĩ đến con"

Với lòng thành tín theo giao ước nhờ sự tốt lành của Ngài

Danh từ trừu tượng "lòng thành tín" và "sự tốt lành" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "và thành tín cùng con bởi giao ước Ngài, vì Ngài là tốt lành"

Psalms 25:8

Con đường ... con đường Ngài

Cách Đức Chúa Trời muôn một người hành xử theo được nói như thể một con đường mà người đó nên bước đi.

người khiêm nhường

Tính từ đóng vai trò danh từ ở đây có thể được dịch hẳn thành một tính từ. Gợi ý dịch: "con người khiêm nhường" hoặc "những người khiêm nhường"

Psalms 25:10

Tất cả đường lối của Đức Giê-hô-va đều là yêu thương vững bền và thành thực

Từ "đường lối" là phép ẩn dụ chỉ về cách thức. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va luôn yêu thương chúng ta bởi giao ước của Ngài và Ngài luôn thành tín"

Vì cớ danh Ngài

Cụm từ "danh Ngài" ở đây chỉ về thanh danh của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Vì thanh danh của Ngài" hoặc "để mọi người sẽ tôn vinh Ngài"

tha tội cho con, vì tội ấy lớn lắm

Danh từ trừu tượng "tội" có thể được dịch thành "phạm tội". Gợi ý dịch: "xin tha thứ cho con vì con phạm tội quá nhiều"

Psalms 25:12

Ai là người kính sợ Đức Giê-hô-va?

Câu hỏi này giới thiệu một chủ đề mới là "người kính sợ Đức Giê-hô-va". Gợi ý dịch: "Con sẽ nói về người kính sợ Đức Giê-hô-va"

là người kính sợ ... chỉ dạy cho người ấy ... người phải ... đời người ... con cháu người

Ở đây không nói về một người cụ thể nào. Gợi ý dịch: "là những người kính sợ ... chỉ dạy họ ... họ phải ... đời họ ... con cháu họ"

Chúa sẽ chỉ dạy cho người ấy con đường người phải chọn

Đức Giê-hô-va dạy cho con người biết phải cư xử thế nào được nói như thể Đức Giê-hô-va đang dạy cho họ con đường họ cần đi.

Đời người sẽ đi trong sự tốt lành

"Đức Chúa Trời sẽ khiến người thịnh vượng" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ khiến họ thịnh vượng"

Psalms 25:14

Tình bằng hữu của Đức Giê-hô-va dành cho những ai

"Đức Giê-hô-va là bạn với những ai". Một số bản dịch là "Đức Giê-hô-va tin tưởng những người". Sự tin tưởng của Ngài đối với họ cho thấy tình bạn thân thiết Ngài có với họ.

Mắt con luôn trông mong Đức Giê-hô-va

"Mắt" ở đây chỉ về việc nhìn xem. Nhìn Đức Giê-hô-va là cách nói rằng ông đang cầu cứu Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con luôn nhìn vào Đức Giê-hô-va" hoặc "con luôn cầu cứu Đức Giê-hô-va"

Vì Ngài sẽ gỡ chân con ra khỏi lưới

Lưới là một cái bẫy. Một người ở trong cơn nguy hiểm được nói như thể chân họ bị mắc vào lưới. Gợi ý dịch: Ngài sẽ giải cứu con khỏi hiểm nguy"

Quay sang con Turn toward me

Đức Giê-hô-va chú ý đến một người và xem xét người đó được nói như thể Đức Giê-hô-va đang quay sang người đó theo nghĩa đen.

Psalms 25:17

Nỗi phiền muộn của lòng con thêm nhiều

Từ "lòng" ở đây chỉ về cảm xúc của một người. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy ngày càng phiền muộn"

Kéo con ra khỏi hoạn nạn của con

"Đem con ra khỏi hoạn nạn con". Câu này nói cơn hoạn nạn như thể một nơi mà người ta có thể được đem ra khỏi đó. Gợi ý dịch: "giải cứu con ra khỏi hoạn nạn con" hoặc "giảm bớt cơn hoạn nạn con"

hoạn nạn của con

Từ "hoạn nạn" là một danh từ trừu tượng. Gợi ý dịch: "những điều làm con đau buồn" hoặc "những điều khiến con sợ hãi"

xem xét nỗi khốn khổ của con

"lưu tâm đến nỗi khốn khổ của con"

nỗi khốn khổ của con

Danh từ trừu tượng "nỗi khốn khổ" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "những điều khiến con khốn khổ" hoặc "con khốn khổ thể nào"

hoạn nạn của con

"Hoạn nạn" là một danh từ trừu tượng. Gợi ý dịch: "những điều làm con phiền muộn"

Chúng ghét con cách hung bạo

"Chúng ghét con đầy tàn bạo" hoặc "chúng ghét con cách cay nghiệt"

Psalms 25:20

Xin đừng để con bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng để kẻ thù khiến con nhục nhã"

nương náu nơi Chúa!

Đi đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được nói như thể nương náu mình nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Chúa để được bảo vệ!"

Nguyện sự thanh liêm và sự chính trực giữ gìn con

Câu này nói 'sự thanh liêm" và "sự chính trực" như những con người có thể giữ cho người khác được an toàn. Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành tính từ. Gợi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ý dịch: "Nguyện lối sống trung thực và làm điều đúng đắn sẽ giữ gìn con" hoặc "Lạy Chúa xin giữ gìn con vì con chân thật và làm điều đúng đắn"

giữ gìn con

"giữ con an toàn"

Psalms 25:22

Giải cứu Y-sơ-ra-ên

"Cứu giúp Y-sơ-ra-ên" hoặc " cứu chuộc Y-sơ-ra-ên"

Y-sơ-ra-ên ... gian truân

"Y-sơ-ra-ên" ở đây tượng trưng cho dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "dân Y-sơ-ra-ên ... gian truân của chúng tôi"

Translation Questions

Psalms 25:2

Đa-vít cầu xin Chúa điều gì?

Đa-vít cầu xin Chúa không để ông nhục nhã, và không để kẻ thù của ông vui mừng hơn ông.

Psalms 25:4

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va khiến ông biết điều gì?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va khiến ông biết các đường của Đức Giê-hô-va.

Psalms 25:5

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va khiến ông biết điều gì?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va khiến ông biết các đường của Đức Giê-hô-va.

Psalms 25:6

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va gợi nhớ điều gì?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va gợi nhớ các việc của Ngài về lòng thương xót và giao ước thành tín, nhưng không nghĩ về các tội lỗi tuổi thanh xuân của Đa-vít hay sự nổi loạn của ông.

Psalms 25:7

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va gợi nhớ điều gì?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va gợi nhớ các việc của Ngài về lòng thương xót và giao ước thành tín, nhưng không nghĩ về các tội lỗi tuổi thanh xuân của Đa-vít hay sự nổi loạn của ông.

Psalms 25:8

Đức Giê-hô-va làm gì vì Ngài nhân lành và ngay thẳng?

Ngài dạy tội nhân các đường, chỉ dẫn kẻ thấp hèn bằng sự công bình, và dạy các kẻ thấp hèn các lối của Ngài.

Psalms 25:9

Đức Giê-hô-va làm gì vì Ngài nhân lành và ngay thẳng?

Ngài dạy tội nhân các đường, chỉ dẫn kẻ thấp hèn bằng sự công bình, và dạy các kẻ thấp hèn các lối của Ngài.

Psalms 25:10

Các đường lối của Đức giê-hô-va được tạo ra từ điều gì?

Chúng được tạo ra từ giao ước thành tín và đáng tin cậy.

Psalms 25:11

Tại sao Đức Giê-hô-va tha thứ tội lỗi của Đa-vít?

Ngài tha lỗi cho Đa-vít vì ích lợi danh cho Ngài.

Psalms 25:12

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người kính sợ Ngài?

Chúa sẽ dẫn người đó vào đường lối Ngài đã chọn.

Psalms 25:13

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người kính sợ Ngài?

Chúa sẽ dẫn người đó vào đường lối Ngài đã chọn.

Psalms 25:14

Đức Giê-hô-va làm gì cho những người tôn kính Ngài?

Ngài ban cho họ tình bạn của Ngài và khiến giao ước của Ngài biết họ.

Psalms 25:15

Tại sao Đa-vít luôn chăm chú nhìn Đức Giê-hô-va?

Bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ giải thoát chân của Đa-vít khỏi lưới.

Psalms 25:16

Khi Đa-vít đơn độc và buồn rầu, ông sẽ cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va quay về phía ông và thương xót ông.

Psalms 25:17

Khi lòng của Đa-vít băn khoăn thì ông cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?

Đa-vít cầu Đức Giê-hô-va nhìn thấy sự đau buồn của ông và sự khó nhọc của ông, hãy tha thứ các tội của ông, và thấy kẻ thù của ông là kè ghét ông cách hung tợn.

Psalms 25:19

Khi lòng của Đa-vít băn khoăn thì ông cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì?

Đa-vít cầu Đức Giê-hô-va nhìn thấy sự đau buồn của ông và sự khó nhọc của ông, hãy tha thứ các tội của ông, và thấy kẻ thù của ông là kè ghét ông cách hung tợn.

Psalms 25:20

Tại sao Đa-vít sẽ bị làm nhục?

Bởi vì ông nương náu ở trong Đức Giê-hô-va.

Psalms 25:22

Đa-vít cầu xin Chúa giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi điều gì?

Ông cầu xin Chúa giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi mọi tai họa.

Chapter 26

Psalms 26:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

con đã bước đi

Từ "bước đi" là phép ẩn dụ chỉ về hành vi. Gợi ý dịch: "Con đã cư xử"

Nơi Đức Giê-hô-va

Từ "Đức Giê-hô-va" ở ngôi thứ ba có thể được dịch sang ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "nơi Chúa"

Không lung lay

Nghi ngại được nói như thể lắc lư mất cân bằng. Gợi ý dịch: "không nghi ngại"

Tra xét con

"thử con"

Dò xét sự thanh sạch bên trong con và tấm lòng con

"Bên trong" và "tấm lòng" có nghĩa là động cơ. Gợi ý dịch: "xin xét xem động cơ của con có đúng đắn hay không"

Vì sự thành tín theo giao ước của Chúa ở trước mắt con

"Mắt" ở đây chỉ về tư tưởng của một người. Gợi ý dịch: "Vì con luôn nghĩ Ngài thành tín với con thể nào theo giao ước Ngài"

Con bước đi trong sự thành tín của Chúa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ "bước đi" là phép ẩn dụ chỉ về cách hành xử. Gợi ý dịch: "Con sống theo sự thành tín của Chúa" (UDB) hoặc "lối sống của con vì sự thành tín của Chúa"

Psalms 26:4

Con không kết giao với

"Con không làm bạn với" hoặc "con không ngồi chung với"

với kẻ dối trá

"với những kẻ lừa dối người khác"

Con cũng không lẫn mình vào những người thiếu thành thực

Vế này cùng nghĩa với vế đầu của câu. Gợi ý dịch: "và con không tham dự cùng những người thiếu thành thực"

những người thiếu thành thực

"kẻ giả hình" (UDB) hoặc "những kẻ nói dối cùng người khác"

bọn làm ác

"những kẻ tụ tập làm điều ác"

kẻ gian tà

Đây là tính từ đóng vai trò như danh từ. Gợi ý dịch: "người gian ác" hoặc "những kẻ gian tà"

Psalms 26:6

con rửa tay trong sự vô tội

Câu này dường như chỉ về nghi thức rửa tay bằng nước, tượng trưng cho việc thoát khỏi tội lỗi.

Con đi vòng quanh bàn thờ của Ngài

Đây là hành động thờ phượng mà dân Y-sơ-ra-ên thường thực hiện.

ngôi nhà Ngài ở

Có thể là 1) nếu một người viết điều này sau thời Đa-vít thì tác giả đang chỉ về đền thờ tại Giê-ru-sa-lem hoặc 2) nếu Đa-vít viết điều này thì ở đây đang chỉ về căn lều mà Đức Chúa Trời bảo dân chúng dựng lên để thờ phượng Ngài tại đó.

nơi vinh quang Ngài ngự

Ở đây "vinh quang" chỉ về sự hiện diện và quyền năng của Đức Chúa Trời, tương tự như ánh sáng chói lòa. Gợi ý dịch: "nơi người ta có thể nhìn thấy ánh sáng vinh hiển của sự hiện diện Ngài"

Psalms 26:9

Đừng quét sạch con cùng với tội nhân

"Quét sạch" là phép ẩn dụ cho sự tiêu diệt. Gợi ý dịch: "Đừng tiêu diệt con cùng với tội nhân"

Hay mạng sống con

Được hiểu là "quét đi" mạng sống con. Gợi ý dịch: "hay quét đi mạng sống con"

bọn khát máu

Từ "khát máu" tượng trưng cho người muốn giết người khác. Gợi ý dịch: "kẻ háo hức làm đổ máu người khác" hoặc "kẻ giết người"

Tay chúng

Từ "tay" chỉ về toàn bộ người đó. Gợi ý dịch: "chúng"

Âm mưu

"kế hoạch gian ác"

Psalms 26:11

Nhưng con

Cụm từ này thể hiện tác giả đang chuyển từ nói về kẻ ác sang nói về bản thân.

Con sẽ bước đi trong sự liêm chính

"Bước đi" là phép ẩn dụ chỉ về hành vi. Gợi ý dịch: "Con sẽ cư xử cách liêm chính"

Chân con đứng

Từ "chân" ở đây chỉ về cả người. Gợi ý dịch: "con đứng"

đất bằng phẳng

Có thể tượng trưng cho 1) nơi an toàn hoặc 2) cách cư xử đúng đắn

Con sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va giữa hội chúng

"khi con tập hợp dân Y-sơ-ra-ên lại con sẽ ngợi khen Ngài"

Translation Questions

Psalms 26:1

Đa-vít nói rằng ông đã bước đi thế nào?

Đa-vít nói rằng ông đã bước đi cách chính trực và đã tin tưởng Đức Giê-hô-va không nao núng.

Psalms 26:2

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va xem xét và thử điều gì?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va thử sự trong sạch trong lòng dạ của ông.

Psalms 26:3

Điều gì ở trước mắt của Đa-vít?

Giao ước thành tín của Đức Giê-hô-va ở trước mắt của Đa-vít.

Psalms 26:4

Đa-vít không dính líu hay trộn lẫn từ ai?

Đa-vít không dính líu tới kẻ dối trá hay trộn lẫn với kẻ bất lương.

Psalms 26:5

Đa-vít ghét điều gì?

Đa-vít ghét quân bất lương.

Đa-vít không sống với ai?

Đa-vít không sống với kẻ ác.

Psalms 26:6

Đa-vít làm gì khi ông đi quanh bàn thờ của Đức Giê-hô-va?

Ông hát một bài hát ngợi ca và nói lại mọi việc làm lạ lùng của Đức Giê-hô-va.

Psalms 26:7

Đa-vít làm gì khi ông đi quanh bàn thờ của Đức Giê-hô-va?

Ông hát một bài hát ngợi ca và nói lại mọi việc làm lạ lùng của Đức Giê-hô-va.

Psalms 26:8

Đa-vít thấy thế nào về ngôi nhà nơi Đức Giê-hô-va sống?

ông yêu ngôi nhà nơi Đức Giê-hô-va sống.

Psalms 26:9

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va không làm điều gì?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va đừng quét hồn ông đi với kẻ tội lỗi, hay sự sống của ông với kẻ tàn bạo.

Psalms 26:11

Đa-vít nói ông sẽ bước đi thế nào?

Đa-vít nói rằng ông sẽ bước đi cách chính trực.

Psalms 26:12

Chân của Đa-vít đứng ở đâu và ông sẽ chúc tán Chúa ở đâu?

Chân ông sẽ đứng trên đất bằng phẳng và ông sẽ chúc tán Đức Giê-hô-va ở giữa hội chúng.

Chapter 27

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 27:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va là ánh sáng của con

"Ánh sáng" ở đây tương trưng cho sự sống. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va là nguồn sự sống con"

Con sẽ sợ ai?

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng Đa-vít không phải sợ ai cả. Gợi ý dịch: "Con sẽ không sợ ai cả"

Đức Giê-hô-va là đồn lũy của mạng sống con

Câu này ví Đức Giê-hô-va như một nơi mà người ta có thể đi đến để được an toàn. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va là Đấng giữ con an toàn"

sẽ hãi hùng ai?

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng Đa-vít không phải sợ ai cả. Gợi ý dịch: "Con sẽ chẳng hãi hùng ai cả"

Psalms 27:2

Cắn xé thịt con

Hoàn toàn tiêu diệt ai đó được nói như thể cắn xé thịt của người đó. Ông không có ý muốn nói họ muốn ăn thịt ông. Gợi ý dịch: "tiêu diệt con"

Kẻ ác và kẻ thù con

Những từ này có nghĩa như nhau. Đây là những kẻ bất lương đến gần ông.

Vấp ngã

Tượng trưng cho việc kẻ thù của tác giả thất bại trong việc thực hiện kế hoạch làm hại tác giả.
Gợi ý dịch: "không thành công" hoặc "thất bại"

Dù một đạo binh đóng trại đối đầu cùng con

"dù một đạo binh vây quanh con" hoặc "dù một đạo binh dựng trại quanh con"

Lòng con sẽ chẳng sợ hãi

Ở đây "lòng" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con sẽ chẳng sợ hãi"

Dù chiến tranh nổi dậy

Kẻ thù của tác giả được ví như chiến tranh. Gợi ý dịch: "dù kẻ thù con đến chiến đấu cùng con"

Con sẽ vẫn vững tin

"Con sẽ tiếp tục tin cậy Đức Chúa Trời giúp đỡ con"

Psalms 27:4

đã xin Đức Giê-hô-va

"Tôi đã xin Đức Giê-hô-va cho tôi"

sẽ tìm kiếm điều ấy

Một người mong muốn điều gì đó và liên tục cầu hỏi Đức Chúa Trời được nói như thể người ấy đang tìm kiếm điều đó.

Để nhìn xem vẻ đẹp của Đức Giê-hô-va

Bản chất tuyệt vời của Đức Chúa Trời được ví như vẻ đẹp về thể chất. Gợi ý dịch: "để nhìn xem Đức Giê-hô-va tuyệt vời thể nào"

suy gẫm trong đền thờ của Ngài

Có thể là 1) "cầu hỏi Đức Chúa Trời muốn con làm gì" hoặc 2) "ngẫm nghĩ về Đức Chúa Trời trong đền thờ của Ngài".

Psalms 27:5

trong ngày tai họa

"Ngày" chỉ về một khoảng thời gian dài hơn. Gợi ý dịch: "trong lúc hoạn nạn" hoặc "khi con gặp hoạn nạn"

Ngài sẽ che chở con

"Ngài sẽ bảo vệ con"

Lều của Ngài ... trại của Ngài

Cả hai đều chỉ về đền tạm mà tác giả đang thờ phượng Đức Chúa Trời.

Trong sự che chở của trại Ngài

Từ "che chở" tượng trưng cho vật có thể che khuất và bảo vệ.

Ngài sẽ đỡ con lên trên một vầng đá

Đức Chúa Trời giữ tác giả an toàn khỏi kẻ thù được ví như thể Đức Chúa Trời đặt ông lên một hòn đá cao mà kẻ thù không thể chạm đến ông.

đầu tôi sẽ được ngước cao hơn các kẻ thù

Câu này tượng trưng cho việc tác giả được tự hào hay tôn trọng khi ông đánh bại kẻ thù. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta sẽ nể trọng con khi con chiến thắng kẻ thù" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ tôn vinh con bằng cách cho con chiến thắng kẻ thù"

Psalms 27:7

Lạy Đức Giê-hô-va, xin nghe tiếng con

"Tiếng" ở đây chỉ về điều tác giả đang nói. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy nghe con"

Đáp lời con

Ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va nghe lời cầu nguyện của tác giả và Ngài sẽ làm điều ông cầu xin. Gợi ý dịch: "xin đáp lời cầu nguyện con"

lòng con thưa

Ở đây "lòng" đại diện cho tâm trí và tư tưởng của một người. Gợi ý dịch: "Con nói trong lòng" hoặc "con nói với mình rằng"

tìm kiếm mặt Ngài

Một người đi đến đền thờ để cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va được nói như thể người đó đang tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Từ "mặt" ở đây đại diện cho chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "đi và cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va"

Đức Giê-hô-va ôi, con tìm kiếm mặt Ngài

Một người đi đến đền thờ để cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va được nói như thể người đó đang tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Từ "mặt" ở đây đại diện cho chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Con sẽ đến đền thờ cầu nguyện cùng Chúa" (UDB)

Psalms 27:9

Xin đừng ẩn mặt Chúa với con

Mặt ở đây tượng trưng cho sự chú ý của Đức Giê-hô-va. Cụm từ "đừng ẩn mặt Chúa" là một cách để cầu xin Đức Chúa Trời đừng chối bỏ ông. Gợi ý dịch: "Xin đừng chối bỏ con" hoặc "Xin cứ chăm sóc con"

Chớ xua đuổi đầy tớ Chúa trong khi Chúa nổi giận

Đa-vít gọi mình cách khiêm tốn là "đầy tớ Chúa". Gợi ý dịch: "xin đừng nổi giận cùng con"

Xin chớ lìa con hay bỏ con

Từ "lìa" và "bỏ" có ý nghĩa như nhau. Tác giả đang nhấn mạnh rằng ông không muốn Đức Chúa Trời lìa bỏ ông.

Hay bỏ con

Được hiểu là "và chớ" bỏ con. Gợi ý dịch: "và chớ bỏ con" hay "và đừng rời bỏ con"

Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch là "cứu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

rỗi". Gợi ý dịch: Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi con" hoặc "vì Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi con".

Ngay cả khi cha mẹ từ bỏ con

"Ngay cả khi cha mẹ phải từ bỏ con". Ông không nói rằng họ thật sự đã làm như vậy hay họ sẽ làm vậy. Ý ông là ngay cả khi họ làm thế thì Đức Chúa Trời vẫn sẽ không từ bỏ ông.

Đức Giê-hô-va sẽ tiếp nhận con

"Đức Giê-hô-va sẽ gìn giữ con" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ chăm sóc con"

Psalms 27:11

Xin dạy con đường lối của Ngài

Cách một người cần cư xử được ví như một con đường người đó cần bước đi. Gợi ý dịch: "Dạy con biết Ngài muốn con sống thể nào" hoặc "Dạy con làm điều Ngài muốn con làm"

dẫn con vào đường bằng phẳng

Đức Giê-hô-va giữ tác giả an toàn khỏi kẻ thù được ví như Đức Giê-hô-va dẫn tác giả trên con đường bằng phẳng mà ông sẽ không vấp ngã. Gợi ý dịch: "Xin giữ con an toàn"

Chớ phó con cho ý muốn của kẻ thù con

Danh từ trừu tượng "ý muốn" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Đừng để kẻ thù làm điều chúng muốn trên con"

Trỗi dậy nghịch cùng con

"Trỗi dậy" là một cụm từ mang ý nghĩa là một nhân chứng đứng trong phiên tòa để trình bày lời chứng. Gợi ý dịch: "đã đứng dậy để nói nghịch cùng tôi"

Chúng thở ra sự hung bạo

Ở đây sự hung bạo được ví như một thứ gì đó mà con người có thể thở ra. Gợi ý dịch: "chúng nói rằng chúng sẽ làm điều hung bạo với con"

Psalms 27:13

Điều gì hẳn đã xảy ra cùng con

Câu hỏi tu từ này có thể được dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Điều tồi tệ hẳn đã xảy ra cùng con"

sự tốt lành của Đức Giê-hô-va

Danh từ trừu tượng "sự tốt lành" có thể được dịch thành một tính từ. Gợi ý dịch: "điều tốt lành Đức Giê-hô-va làm"

trong đất người sống

Chỉ về tình trạng còn sống. Gợi ý dịch: "khi con còn sống"

Hãy trông đợi Đức Giê-hô-va ... Hãy trông đợi Đức Giê-hô-va!

Câu này có thể là 1) tác giả đang nói với chính mình hoặc 2) tác giả đang nói với người khác hoặc 3) ai đó đang nói với tác giả.

Lòng ngươi hãy can đảm

Ở đây "lòng" chỉ về chính bản thân người đó. Gợi ý dịch: "hãy can đảm"

Hãy trông đợi Đức Giê-hô-va!

Dòng này được lặp lại ở cuối thi thiên như một cách để kết thúc thi thiên.

Translation Questions

Psalms 27:1

Tại sao Đa-vít không sợ người nào?

Đa-vít không sợ ai khi Đức Giê-hô-va là ánh sáng của ông, giải cứu ông, và nương náu của sự sống ông.

Psalms 27:2

Điều gì xảy ra khi kẻ làm việc ác kéo Đa-vít lại gần?

Quân thù và kẻ địch của ông sẫy chân và ngã.

Psalms 27:3

Trong những chỗ nào Đa-vít không sợ mà còn tự tin hơn?

Lòng ông sẽ không sợ hãi dù kẻ thù đóng quân quanh ông và chiến tranh nổi dậy chống lại ông.

Psalms 27:4

Đa-vít đã xin Đức Giê-hô-va điều gì?

Đa-vít đã xin rằng ông sẽ sống trong nhà của Đức Giê-hô-va trong suốt đời ông, để thấy vẻ đẹp của Đức Giê-hô-va, và suy gẫm trong đền của Ngài.

Psalms 27:5

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho Đa-vít trong những ngày tai họa?

Đức Giê-hô-va sẽ che chở ông trong lều của Ngài, giấu ông trong đền tạm của Ngài, và nâng cao ông trên tảng đá.

Psalms 27:6

Đa-vít sẽ dâng sự thờ phượng lên Đức Giê-hô-va thế nào?

Đa-vít sẽ dâng sự thờ phượng bằng niềm vui, ca hát, và viết bài hát về Đức Giê-hô-va.

Psalms 27:7

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va lắng nghe tiếng ông, tỏ ơn thương xót trên ông.

Psalms 27:8

Lòng của Đa-vít nói về Đức Giê-hô-va?

Lòng của Đa-vít nói rằng, "Tìm kiếm mặt Ngài!"

Psalms 27:9

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va không làm điều gì?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va không giấu mặt Ngài khỏi ông, không đánh tôi tớ Ngài lúc giận, không lìa hay từ bỏ ông.

Psalms 27:10

Đức Giê-hô-va sẽ đem Đa-vít vào nơi nào?

Đức Giê-hô-va sẽ đem Đa-vít vào dù cho cha mẹ ông từ bỏ ông.

Psalms 27:11

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va dạy ông các đường lối Ngái và dẫn ông trên con đường bằng phẳng bởi vì kẻ thù của ông.

Psalms 27:12

Tại sao Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va đừng ban linh hồn ông cho kẻ thù của ông?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va đừng ban linh hồn của ông cho kẻ thù của ông bởi vì lời chứng dối đã chống lại ông, và chúng thở ra hung bạo.

Psalms 27:13

Đa-vít tin điều gì giúp đỡ ông?

Ông tin rằng ông sẽ thấy sự nhân từ của Đức Giê-hô-va ở tại đất người sống.

Psalms 27:14

Đa-vít khuyến khích dân sự làm gì?

Đa-vít khuyến khích dân sự chờ đợi Đức Giê-hô-va, hãy mạnh mẽ, và để lòng họ can đảm.

Chapter 28

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 28:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

con kêu cầu

"Con kêu lớn"

Vầng đá của con

Đây là phép ẩn dụ chỉ về sức lực. Gợi ý dịch: "sức lực của con"

Xin chớ phớt lờ con

"xin đừng yên lặng với con" hoặc "xin chớ để con một mình"

Con sẽ hiệp cùng những kẻ xuống mồ

Người chết được gọi là xuống mồ. Gợi ý dịch: "Con sẽ chết như những kẻ ở trong hầm mộ"

Xin nghe tiếng khẩn cầu của con

"Tiếng" ở đây chỉ về nội dung lời cầu xin. Gợi ý dịch: "Xin nghe lời khẩn cầu của con"

Con giơ tay hướng về nơi chí thánh của Chúa

Giờ tay lên là biểu tượng của sự thờ phượng. Tác giả không phải đang thờ phượng nơi thánh mà thờ phượng Đức Giê-hô-va, là Đấng ngự trong nơi thánh.

nơi chí thánh của Chúa

Có thể là 1) nếu Đa-vít viết điều này thì ở đây đang chỉ về căn lều mà Đức Chúa Trời truyền cho dân chúng dựng lên để thờ phượng Ngài tại đó, hoặc 2) nếu một người viết điều này sau thời của Đa-vít thì tác giả đang chỉ về đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.

Psalms 28:3

Xin chớ lôi con đi

Đức Chúa Trời trừng phạt con người được diễn đạt là Đức Chúa Trời lôi người đó đi theo nghĩa đen. Trong phép ẩn dụ này, Đức Giê-hô-va có thể đang kéo họ vào tù, đi lưu đày hoặc đến chỗ chết. Gợi ý dịch: "Xin đừng diệt con"

những kẻ nói hòa bình với người lân cận mình

Ở đây "người lân cận" là chỉ về con người nói chung. Gợi ý dịch: "kẻ nói hòa bình với người khác"

Nhưng có sự gian ác trong lòng

Ở đây "lòng" chỉ về tư tưởng và suy nghĩ của một người. Gợi ý dịch: "nhưng đang nghĩ về điều gian ác đối với họ"

Ban cho chúng tùy theo công việc của chúng ... báo trả chúng tùy theo sự gian ác của chúng

Hai vế này có nghĩa như nhau. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh rằng chúng đáng bị Đức Chúa Trời trừng phạt.

việc của tay chúng

"Tay" tượng trưng cho điều họ làm. Gợi ý dịch: "những điều chúng đã làm"

Báo lại điều gì chúng nó xứng đáng

"ban cho chúng điều chúng xứng đáng"

Vì chúng không hiểu ... chẳng bao giờ cho xây dựng lại

Không rõ nên hiểu câu 5 là câu khẳng định (như trong bản ULB) hay là lời cầu xin (như trong bản UDB).

chúng không hiểu các việc làm của Đức Giê-hô-va

Cụm từ "không hiểu" ngụ ý là họ phớt lờ hay không kính trọng công việc của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "họ không kính trọng những điều Đức Giê-hô-va đã làm"

công trình của tay Ngài

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho điều Đức Giê-hô-va đã làm hay sáng tạo nên. Gợi ý dịch: "những gì Ngài đã tạo dựng"

Ngài sẽ phá đổ chúng và chẳng bao giờ cho xây dựng lại

Sự trừng phạt dành cho kẻ ác được nói như thể họ là một tòa nhà hay thành phố sẽ bị phá hủy.

Psalms 28:6

Ngài đã nghe tiếng cầu khẩn của con

Ở đây "tiếng" tượng trưng cho điều tác giả nói. Gợi ý dịch: "đã nghe điều con thưa khi con kêu cầu cùng Ngài"

Đức Giê-hô-va là sức mạnh con

Danh từ trừu tượng "sức mạnh" có thể được dịch là "mạnh mẽ". Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va khiến con mạnh mẽ"

cái khiên của con

Tượng trưng cho sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va đối với tác giả. Gợi ý dịch: "Ngài bảo vệ con"

Lòng con tin cậy

Ở đây "lòng" tượng trưng cho chính người đó. Gợi ý dịch: "Con tin cậy"

con được cứu giúp

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài cứu giúp con"

lòng con rất mừng rỡ

Ở đây "lòng" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con rất mừng rỡ"

Đức Giê-hô-va là sức mạnh của dân Ngài

Danh từ trừu tượng "sức mạnh" có thể được dịch là "mạnh mẽ". Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va khiến dân Ngài mạnh mẽ"

Ngài là đồn lũy cứu rỗi cho người được xức dầu của Ngài

Đức Giê-hô-va giữ cho vua được an toàn được nói như thể Đức Giê-hô-va là nơi vị vua có thể đi đến để được an toàn. Gợi ý dịch: "Ngài giữ cho người Ngài xức dầu làm vua được an toàn"

người được xức dầu của Ngài

Chỉ về vị vua.

Psalms 28:9

cơ nghiệp Ngài

Ở đây nói về dân Chúa như thể họ là vật Ngài thừa hưởng. Gợi ý dịch: "tài sản của Ngài" hoặc "những người thuộc về Ngài"

Xin là người chăn của họ và bồng bế họ đời đời

Tác giả nói về Đức Giê-hô-va như thể Ngài là người chăn và dân chúng là chiên của Ngài. Người chăn sẽ bồng bế chiên khi nó cần giúp đỡ hay bảo vệ. Gợi ý dịch: "Xin hãy như người chăn của họ và bảo vệ họ đời đời"

Translation Questions

Psalms 28:1

Đa-vít kêu khíc với ai?

Đa-vít kêu khóc với Đức Giê-hô-va, vầng đá của ông.

Điều gì sẽ xảy ra với Đa-vít nếu Đức Giê-hô-va không đáp lời ông?

Đa-vít sẽ cùng nhập bọn với kẻ đi xuống mồ mã.

Psalms 28:2

Đa-vít muốn ai nghe lời cầu xin của ông?

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va nghe lời ông cầu xin.

Psalms 28:3

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va không làm gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va không kéo ông đi chung với kẻ ác.
Psalms 28:4
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va ban điều gì cho kẻ ác?
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho chúng những gì đáng với việc của chúng và trả lại chúng những ác chúng làm.
Psalms 28:5
Kẻ ác không hiểu điều gì?
Kẻ ác không hiểu các đường lối của Đức Giê-hô-va hoặc công việc của tay Ngài.
Psalms 28:6
Đức Giê-hô-va đã nghe điều gì?
Đức Giê-hô-va đã nghe tiếng cầu xin của Đa-vít.
Psalms 28:7
Ai là tấm khiến và sức mạnh của Đa-vít?
Đức Giê-hô-va là sức mạnh và tấm khiến của Đa-vít.
Lòng Đa-vít tin cậy ở trong ai?
Lòng của Đa-vít tin cậy ở trong Đức Giê-hô-va và mừng rỡ vô cùng.
Psalms 28:8
Who is the strength of his people? Ai là sức mạnh của dân ông?
Yahweh is the strength of his people. Đức Giê-hô-va là sức mạnh của dân ông.
Ai là nơi nương náu cứu giúp cho người được xức dầu?
Đức Giê-hô-va là nơi nương náu cho người được xức dầu.
Psalms 28:9
Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va cứu và ban phước cho ai?
Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va cứu dân Ngài và chúc phước sản nghiệp Ngài.

Chapter 29
Psalms 29:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Hỡi các con trai của Đức Chúa Trời
Cụm từ "các con trai của" là một cách nói "có bản tính của". Gợi ý dịch: "hỡi những người mạnh mẽ"
Hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va vì vinh hiển và quyền năng Ngài
Danh từ trừu tượng "vinh hiển" và "quyền năng" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài đầy vinh hiển và quyền năng"
Hãy tôn Đức Giê-hô-va vinh hiển xứng đáng cho danh Ngài
Danh từ trừu tượng "vinh hiển" có thể được dịch thành một động từ hoặc tính từ. Gợi ý dịch: "Hãy tôn kính Đức Giê-hô-va xứng đáng theo danh Ngài" hoặc "Hãy rao truyền rằng Đức Giê-hô-va vinh hiển xứng đáng cho danh Ngài"
Xứng đáng cho danh Ngài
Cụm từ "danh Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va hoặc thanh danh của Ngài. Gợi ý dịch: "xứng đáng cho Ngài" (Xem:}
Psalms 29:3
Thông Tin Tổng Quát:
Thi thiên thể hiện quyền năng và vinh hiển của Đức Giê-hô-va.
Tiếng của Đức Giê-hô-va vang trên mặt nước
Tiếng của Đức Chúa Trời lớn hơn và rõ hơn tất cả những âm thanh và tiếng ồn khác, có thể nghe thấy lấn át những âm thanh ồn ào khác chẳng hạn như âm thanh của nước. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Khi Đức Giê-hô-va phán, tiếng Ngài lớn hơn cả tiếng của biển" hoặc "Đức Giê-hô-va phán lớn hơn tiếng của nước"
trên mặt nước
Chỉ về biển hoặc đại dương. Những dòng nước này tạo ra âm thanh ồn ào khi sóng dâng lên và ập xuống.
Tiếng của Đức Giê-hô-va
Tất cả từ "tiếng" ở đây đều tượng trưng cho Đức Giê-hô-va phán. Tác giả đang nhấn mạnh rằng khi Đức Giê-hô-va phán, tiếng Ngài rất lớn đến nỗi lấn át tiếng nước và rất quyền năng đến nỗi tiêu diệt những cây lớn nhất. Gợi ý dịch: "Khi Đức Giê-hô-va phán, tiếng Ngài"
Đức Chúa Trời vinh hiển nổi sấm sét
Câu này ví Đức Chúa Trời phán như thể âm thanh của sấm. Giống như tiếng sấm, tiếng của Đức Giê-hô-va có thể được nghe thấy từ rất xa. Gợi ý dịch: "Tiếng của Đức Chúa Trời vinh hiển lớn như tiếng sấm" hoặc "khi Đức Chúa Trời vinh hiển phán, tiếng Ngài vang rền như sấm"
Trên nhiều dòng nước
"trên những nguồn nước lớn"
Psalms 29:6
Lời Dẫn:
Tác giả tiếp tục mô tả sức mạnh của tiếng Đức Chúa Trời.
Ngài khiến núi Li-ban nhảy như bò con
Núi Li-ban được ví như bò con. Câu này nhấn mạnh rằng khi Đức Giê-hô-va phán, sức mạnh của tiếng Ngài làm rung chuyển đất. Gợi ý dịch: "Ngài khiến đất của núi Li-ban rung chuyển như bò con đang nhảy"
Nhảy
Nhẹ nhàng nhảy qua lại
núi Si-ri-ôn như bò tơ
Núi Si-ri-ôn được ví như bò tơ. Câu này nhấn mạnh rằng khi Đức Giê-hô-va phán thì sức mạnh của tiếng Ngài làm rung chuyển đất. Có thể thêm vào từ bị lược bỏ. Gợi ý dịch: "Ngài khiến núi Si-ri-ôn nhảy như bò tơ"
Núi Si-ri-ôn
Đây là một ngọn núi ở Li-ban, còn được gọi là núi Hẹt-môn.
Tiếng Đức Giê-hô-va phát ra ngọn lửa
Tất cả những từ "tiếng" ở đây đều tượng trưng cho Đức Giê-hô-va phán. Gợi ý dịch: "Khi Đức Giê-hô-va phán, Ngài khiến chớp sáng lòe trên bầu trời"
ngọn lửa
Chỉ về chớp.
Psalms 29:9
Tiếng của Đức Giê-hô-va làm cho
Từ "tiếng" ở đây đều tượng trưng cho Đức Giê-hô-va phán. Gợi ý dịch: "Khi Đức Giê-hô-va phán, tiếng của Ngài làm cho"
Cây sồi xoắn lại
"những cây đại thụ phải rung lắc" (UDB)
Lột trần rừng cây
Làm rụng hết lá của cây được ví như lấy hết áo quần của chúng. Gợi ý dịch: "vặt hết lá của cây"
Đức Giê-hô-va ngự làm vua

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va cai trị. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va cai trị" hoặc "Đức Giê-hô-va là vua"

trên nước lụt

Ở đây "nước lụt" chỉ về nước phủ trên đất.

Psalms 29:11

Đức Giê-hô-va ban phước bình an cho dân Ngài

"Bình an" là một danh từ trừu tượng. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va chúc phước cho dân Ngài bằng cách khiến cho họ được thịnh vượng và sống bình an"

Translation Questions

Psalms 29:1

Đa-vít nói ai hãy thừa nhận Đức Giê-hô-va có vinh hiển và quyền năng?

Đa-vít nói các con trai của Đấng năng quyền hãy thừa nhận vinh hiển và quyền năng của Đức Giê-hô-va.

Psalms 29:2

Danh của Đức Giê-hô-va xứng đáng điều gì?

Danh của Đức Giê-hô-va xứng đáng tôn vinh.

Psalms 29:3

Đa-vít so sánh tiếng của Đức Giê-hô-va với điều gì?

Ông so sánh tiếng của Đức Giê-hô-va với tiếng sấm rền vang.

Psalms 29:5

Đức Giê-hô-va bẻ cái gì từng mảnh?

Đức Giê-hô-va bẻ từng mảnh cây tuyết tùng của Li-băng.

Psalms 29:8

Đức Giê-hô-va rung điều gì?

Đức Giê-hô-va rung đồng vắng của Ca-đe.

Psalms 29:9

Mọi người ở trong đền của Đức Giê-hô-va nói gì?

Mọi người ở trong đền Ngài đều nói, "Thật vinh hiển!"

Psalms 29:10

Đức Giê-hô-va ngồi ngai vua bao lâu?

Đức Giê-hô-va ngồi ngai vua mãi mãi.

Psalms 29:11

Hai điều mà Đức Giê-hô-va ban cho dân Ngài là gì?

Đức Giê-hô-va ban sức mạnh cho dân Ngài và chúc phước dân Ngài bình an.

Chapter 30

Psalms 30:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Bài hát trong lễ cung hiến đền thờ

"Bài này được hát khi cung hiến đền thờ"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Ngài đã nâng con lên

Tác giả ví việc Đức Chúa Trời giải cứu ông và giữ ông khỏi chết như thể Đức Chúa Trời đã kéo ông lên khỏi giếng sâu. Gợi ý dịch: "Ngài đã giải cứu con"

Đã đem linh hồn con lên khỏi âm phủ

Vì "âm phủ" là nơi dành cho người chết nên từ này chỉ về sự chết. Gợi ý dịch: "xin giữ con khỏi chết"

Đã đem linh hồn con lên

"Linh hồn con" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "đã đem con lên"

không xuống mồ

"Mồ" tượng trưng cho sự chết. Gợi ý dịch: "khỏi chết"

Psalms 30:4

cảm tạ khi nhớ đến sự thánh khiết của Ngài

Danh từ trừu tượng "sự thánh khiết" có thể được dịch là "thánh". Gợi ý dịch: "Hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời là thánh và cảm tạ Ngài" hoặc "Hãy nhớ những điều Đức Chúa Trời đã làm vì Ngài là thánh và cảm tạ Ngài"

cơn giận của Ngài chỉ trong chốc lát

"cơn giận của Ngài chỉ kéo dài trong chốc lát". Danh từ trừu tượng "cơn giận" có thể được dịch là "tức giận". Gợi ý dịch: "Ngài tức giận chỉ trong chốc lát"

Chốc lát

"Chốc lát" chỉ về một khoảng thời gian ngắn. Gợi ý dịch: "thời gian ngắn"

Còn ân huệ của Ngài hằng có trọn đời

Danh từ trừu tượng "ân huệ" có thể được dịch thành tính từ "tốt lành". Gợi ý dịch: "nhưng Ngài tốt lành với chúng ta đến trọn đời" (UDB)

Sự khóc lóc đến trong một đêm nhưng niềm vui sẽ đến vào buổi sáng

Câu này nói về "sự khóc lóc" và "niềm vui" như thể chúng có thể di chuyển và đến nơi vào một thời điểm cụ thể. Gợi ý dịch: "Chúng ta có thể khóc cả đêm nhưng đến sáng sẽ được vui mừng"

Psalms 30:6

Trong sự vững tin

"Sự vững tin" là một danh từ trừu tượng. Tác giả nhớ lại khoảng thời gian ông được thịnh vượng, cảm thấy vững tin và an toàn. Gợi ý dịch: "Khi con vững tin" hoặc "Khi con cảm thấy an toàn"

Ta sẽ chẳng bao giờ bị rúng động

"Rúng động" là một phép ẩn dụ chỉ về sự thất bại. Gợi ý dịch: "Sẽ không ai đánh bại con"

nhờ ơn Ngài

Danh từ trừu tượng "ơn" có thể được dịch thành động từ "yêu mến" hoặc tính từ "nhân từ". Gợi ý dịch: "khi Ngài yêu mến con" hoặc "khi Ngài nhân từ cùng con"

Ngài lập con như một ngọn núi vững bền

Câu này nói về sự an toàn của tác giả như thể ông là một ngọn núi vững bền. Gợi ý dịch: "Ngài làm cho con được an ninh như ngọn núi cao"

khi Ngài ẩn mặt

Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "khi Chúa ngừng giúp đỡ con" hoặc "khi Chúa từ bỏ con"

con bối rối

"Con sợ hãi" hoặc "con lo lắng"

Cầu xin ơn của Chúa con

"Cầu xin ơn" có nghĩa là cầu cứu. Gợi ý dịch: "Con kêu cứu cùng Chúa" (UDB)

của Chúa con

Tác giả gọi Đức Giê-hô-va ở ngôi thứ ba. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "từ Chúa, là Chúa của con"

Psalms 30:9

Có ích gì ... Đấng giúp đỡ con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể được dịch thành câu trích dẫn trực tiếp như trong bản UDB.

Nếu con xuống mồ thì có ích gì trong cái chết của con?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông sẽ chẳng có giá trị gì cho Chúa nếu ông chết đi. Gợi ý dịch: "Chẳng có ích lợi gì khi con chết đi và xuống mồ"

Bụi tro sẽ ca ngợi Chúa ư? Nó sẽ truyền rao sự thành tín của Ngài ư?

Tác giả dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng cái chết của ông và thân thể mục nát của ông không thể ngợi khen Đức Chúa Trời được. Gợi ý dịch: "Tro bụi của con chắc hẳn sẽ không ngợi khen Chúa hay thuật cho người khác biết Ngài thành tín thể nào"

Bụi tro

Chỉ về thân thể của tác giả sẽ mục nát và trở thành bụi đất khi ông chết. Gợi ý dịch: "thân thể mục nát của con"

Psalms 30:11

Chúa đã đổi sự than khóc của con ra nhảy nhót

Người Do Thái thường nhảy nhót khi họ vui mừng. Danh từ trừu tượng "sự than khóc" và "sự nhảy nhót" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Chúa đã khiến con ngừng than khóc mà trở nên nhảy nhót vui mừng"

Chúa đã cởi bỏ áo tang của con

Áo tang gắn liền với sự than khóc và đau buồn. Gợi ý dịch: "Chúa đã khiến con không còn buồn rầu nữa"

Mặc cho con sự vui mừng

Tác giả ví sự vui mừng như một chiếc áo ông có thể mặc vào. Gợi ý dịch: "khiến con vui mừng"

Vinh quang của con sẽ hát ngợi khen Chúa

Ở đây "vinh quang của con" chỉ về linh hồn hay tấm lòng hay con người bên trong của tác giả, tượng trưng cho chính bản thân tác giả. Ông sẽ thờ phượng Đức Chúa Trời vì Ngài khiến ông vui mừng. Gợi ý dịch: "Con sẽ hát ngợi khen Chúa"

Translation Questions

Psalms 30:1

Tại sao Đa-vít tán dương Đức Giê-hô-va?

Ông tán dương Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài đã nâng Đa-vít lên và không cho phép kẻ thù của Đa-vít vui mừng hơn ông.

Psalms 30:2

Đức Giê-hô-va làm gì khi Đa-vít kêu cầu giúp đỡ?

Đức Giê-hô-va chữa lành Đa-vít.

Psalms 30:3

Đức Giê-hô-va đem hồn của Đa-vít lên từ đâu?

Đức Giê-hô-va đem hồn Đa-vít lên từ âm phủ.

Psalms 30:4

Những người trung tín nói ới nhau phải làm gì để chúc tán danh thánh của Đức Giê-hô-va?

Những người trung tín nói với nhau phải hát ngợi khen Đức Giê-hô-va và dâng Ngài lời cảm tạ.

Psalms 30:5

Cơn giận giữ và sự tha thứ của Đức Giê-hô-va còn lại bao lâu?

Cơn giận cửa Đức Giê-hô-va chỉ trong khoảnh khắc, còn sự tha thứ Ngài thì đến trọn đời.

Điều gì xảy ra sau tiếng khóc lúc ban đêm?

Niềm vui sẽ đến lúc bình minh.

Psalms 30:6

Đa-vít nói gì trong sự giải bày?

Đa-vít nói, "Tôi sẽ không bao giờ nao núng."

Psalms 30:7

Điều gì xảy ra với Đa-vít khi Đức Giê-hô-va giấu mặt Ngài đi?

Khi Đức Giê-hô-va giấu mặt đi, Đa-vít gặp tai họa.

Psalms 30:8

Đa-vít tìm kiếm điều gì từ Chúa?

Đa-vít kiếm ân điển từ Chúa.

Psalms 30:10

Những điều gì Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm cho ông?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va nghe lời o5b, tỏ lòng thương xót trên ông, và thành Đấng giúp đỡ ông.

Psalms 30:11

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Đa-vít?

Đức Giê-hô-va đã biến sự buồn rầu của Đa-vít thành sự nhảy nhót, bỏ áo gai và đồ tang của ông thành sự vui vẻ.

Psalms 30:12

Lòng tôn kính của Đa-vít sẽ làm gì?

Lòng của Đa-vít sẽ hát ngợi khen Đức Giê-hô-va và sẽ không yên lặng. Ông sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va là Chúa ông mãi mãi.

Chapter 31

Psalms 31:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Lạy Đức Giê-hô-va, con nương náu mình nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va con đến cùng Chúa để được bảo vệ"

Xin chớ để con bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "xin đừng để kẻ khác làm con hổ thẹn"

Xin làm vầng đá ẩn náu cho con, một đồn lũy để cứu con

"Xin làm vầng đá ẩn náu cho con" là một lời cầu xin để được bảo vệ. Vế thứ hai nhấn mạnh cho vế thứ nhất.

vầng đá ẩn náu cho con

Đức Giê-hô-va được ví như một vầng đá lớn sẽ bảo vệ tác giả khỏi bị tấn công. Gợi ý dịch: "như một vầng đá lớn cho con được an toàn trên đó" (UDB)

Một đồn lũy để cứu con

Đức Giê-hô-va được ví như một pháo đài vững chắc để tác giả được bảo vệ khỏi kẻ thù.

Psalms 31:3

vầng đá của con

Đức Giê-hô-va được ví như một vầng đá lớn sẽ bảo vệ tác giả khỏi sự tấn công. Gợi ý dịch: "như một vầng đá lớn cho con được an toàn trên đó"

đồn lũy con

Đức Giê-hô-va được ví như một pháo đài vững chắc để tác

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

giả được bảo vệ khỏi kẻ thù.

Vì cớ danh Ngài

Trong cụm từ này "danh" chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "để danh Chúa được tôn vinh" hoặc "để con thờ phượng Chúa"

Xin dẫn đường và hướng dẫn con

Từ "dẫn đường" và "hướng dẫn" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh lời nài xin Đức Giê-hô-va dẫn dắt ông. Gợi ý dịch: "dẫn con đến nơi Ngài muốn con đi"

Xin gỡ con ra khỏi lưới mà chúng đã giăng bẫy con

Tác giả ví mình như con chim bị mắc vào bẫy lưới đang chờ đợi Đức Giê-hô-va giải cứu.

Ngài là đồn lũy con

Đức Giê-hô-va được ví như một nơi cho tác giả ẩn nấp khỏi những kẻ tấn công ông. Gợi ý dịch: "Chúa luôn bảo vệ con" hoặc "Chúa cho con được bảo vệ liên tục"

Psalms 31:5

vào tay Chúa

Đức Chúa Trời là thần nhưng ở đây nói như thể Ngài có tay. Ở đây "tay Chúa" chỉ về sự chăm sóc của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "vào sự chăm sóc của Chúa"

Con phó thác linh hồn con

"Linh hồn con" ở đây chỉ về chính tác giả. Gợi ý dịch: "Con phó chính mình"

Đức Chúa Trời đáng tin cậy

"Ngài là Đức Chúa Trời con có thể tin cậy"

Con ghét những kẻ thờ hình tượng hư không

"Hình tượng là hư không. Con ghét những ai thờ lạy chúng"

Chúa thấy cảnh hoạn nạn con ... Ngài biết nỗi sầu khổ của linh hồn con

Cả hai vế đều có ý nghĩa là Đức Chúa Trời biết về những hoạn nạn của tác giả.

nỗi sầu khổ của linh hồn con

"Linh hồn con" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "nỗi sầu khổ của con"

Psalms 31:8

Chúa đã đặt chân con

"Chân con" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "Chúa đã đặt con"

nơi rộng rãi

Người Hê-bơ-rơ cho nơi rộng rãi là phép ẩn dụ chỉ về sự an toàn và tự do. Gợi ý dịch: "nơi con được tự do"

Con đang gặp gian truân

"Con đang đau khổ cùng cực"

linh hồn và thân thể con

"Linh hồn" và "thân thể" được dùng để mô tả trọn vẹn cả một con người.

Psalms 31:10

Vì đời con mệt mỏi

"Đời con" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "Con đã trở nên yếu mòn"

Với ưu phiền ... với than thở

"vì nỗi ưu phiền của con ... vì tiếng than thở của con"

Các năm tháng con với than thở

Cụm từ "mệt mỏi" đã được lược bỏ. Gợi ý dịch: "các năm tháng con mệt mỏi vì than thở"

sức lực con hao mòn

"Sức lực con" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "Con đã trở nên yếu mòn"

xương cốt con rã rời

"Xương cốt con" nói đến sức khỏe về thể chất của tác giả. Gợi ý dịch: "sức khỏe con hao mòn"

Người ta khinh miệt con

"người ta sỉ nhục con"

Kinh hoàng trước tình cảnh của con

"kinh ngạc trước hoàn cảnh của con"

Psalms 31:12

Như một kẻ chết mà không ai nhớ đến

Tác giả nói về việc người ta quên mất ông như thể ông đã chết rồi.

như cái bình đã vỡ

Tác giả nói về mình như thể ông đã hoàn toàn vô dụng. "vô dụng như cái bình vỡ"

Nhiều tiếng thì thào

"Nhiều" ở đây ngụ ý là nhiều người. Gợi ý dịch: "nhiều người bàn tán về tôi"

Tin tức kinh hãi bốn bề

"tìn đồn kinh hãi từ nhiều nơi"

cất đi mạng sống của con

Thành ngữ này có nghĩa là giết ai đó. Gợi ý dịch: "giết tôi"

Psalms 31:14

Số phận con ở trong tay Chúa

"Tay Chúa" chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Chúa có quyền năng định đoạt tương lai của con"

Khỏi những kẻ đuổi bắt con

"khỏi những người cố gắng bắt lấy con"

Xin mặt Chúa chiếu sáng trên đầy tớ Chúa

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va làm ơn trên ông như thể mặt của Ngài chiếu sáng trên ông. Gợi ý dịch: "làm ơn cho đầy tớ Chúa"

Psalms 31:17

Xin chớ để con bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng để người khác khiến con bị hổ thẹn"

Nguyện kẻ ác phải xấu hổ!

"Con mong ước Đức Chúa Trời làm cho kẻ ác phải hổ thẹn!"

kẻ ác

Chỉ về những người gian ác.

Nguyện chúng phải nín lặng nơi âm phủ. Nguyện môi dối trá phải câm đi

Ý này được lặp lại để nhấn mạnh mong ước của tác giả là tiếng của kẻ ác sẽ không còn được nghe thấy nữa.

Nguyện chúng phải nín lặng nơi âm phủ

"Âm phủ" tượng trưng cho sự chết. Gợi ý dịch: "Xin cho chúng phải chết để chúng không thể nói nữa"

môi dối trá

Tượng trưng cho những người dối trá. Gợi ý dịch: "những kẻ nói dối"

Nói ngang ngược nghịch lại người công chính

"Người chông chính" chỉ về những người công bình. Gợi ý dịch: "nói những điều xấu xa về người công bình"

kiêu ngạo và khinh bỉ

Những từ này có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "hoàn toàn thiếu tôn trọng"

Psalms 31:19

Sự tốt lành của Chúa

Có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "những điều lành Ngài làm"

Mà Chúa đã cất giữ

Sự tốt lành của Đức Giê-hô-va được ví như vật có thể được

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cất giữ như mùa gặt. Gợi ý dịch: "mà Chúa đã giữ sẵn để dùng"

Những người kính sợ Chúa

"những người hết sức kính trọng Ngài"

nương náu nơi Chúa

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "những ai đến cùng Chúa để được bảo vệ". Xem cách đã dịch ở PSA031:001

Trong nơi trú ẩn của sự hiện diện Chúa, Chúa giấu họ ... Ngài giấu họ trong trại

Những vế này đều có nghĩa là Đức Chúa Trời bảo vệ họ.

Trong nơi trú ẩn

Sự hiện diện của Đức Giê-hô-va được ví như một tòa nhà vững chắc mà tại đó tác giả được an toàn.

Chúa giấu họ trong trại

Ở đây "trại" tượng trưng cho một nơi an toàn. Gợi ý dịch: "Chúa ban một chỗ an toàn cho họ"

Khỏi sự hung bạo của lưỡi

"Lưỡi" ở đây chỉ về những người nói điều hung bạo nghịch cùng tác giả. Gợi ý dịch: "nơi kẻ thù không thể nói điều gian ác cho họ"

Psalms 31:21

Con bị diệt mất trước mắt Chúa

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa đã bỏ con ra khỏi sự hiện diện của Chúa"

mắt Chúa

Ở đây "mắt" chỉ về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "sự hiện diện của Chúa"

Chúa nghe lời nài xin của con

"Lời nài xin" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Chúa nghe con cầu cứu"

Psalms 31:23

Người trung tín

Chỉ về người trung thành. Gợi ý dịch: "người trung thành"

Ngài báo trả đầy đủ cho những kẻ kiêu ngạo

"Báo trả" là thành ngữ chỉ về sự trừng phạt. Gợi ý dịch: "Ngài cho những kẻ kiêu ngạo trọn sự trừng phạt mà họ xứng đáng"

Translation Questions

Psalms 31:1

Đa-vít sẽ nương náu trong ai?

Đa-vít nương náu trong Đức Giê-hô-va

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va trở thành điều gì cho Đa-vít?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va trờ thành vầng đá nương náu của ông, và thành đồn lũy để cứu ông.

Psalms 31:2

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va trở thành điều gì cho Đa-vít?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va trờ thành vầng đá nương náu của ông, và thành đồn lũy để cứu ông.

Psalms 31:3

Tại sao Đa-vít cầu xin Chúa dẫn dắt và chỉ dẫn ông?

Đa-vít cầu xin Chúa dẫn dắt và chỉ dẫn ông vì ích lợi cho danh của Đức Giê-hô-va.

Psalms 31:4

Tại sao Đa-vít tin rằng Đức Giê-hô-va sẽ kéo ông ra khỏi lưới kẻ thù đã gài ông?

Đức Giê-hô-va sẽ kéo ông khỏi lưới kẻ thù vì Đức Giê-hô-va là nơi nương náu của ông.

Psalms 31:5

Đa-vít giao phó linh hồn mình vào trong điều gì?

Đa-vít giao phó linh hồn ông vào trong bàn tay của Đức Giê-hô-va.

Psalms 31:6

Đa-vít ghét ai?

Ông ghét những kẻ thờ thần tượng vô giá.

Psalms 31:7

Tại sao Đa-vít thấy vui và mừng rỡ trong giao ước thành tín của Đức Giê-hô-va?

Đa-vít sẽ vui và mừng rỡ bởi vì Đức Giê-hô-va đã thấy nỗi buồn và biết hiểm nguy trong hồn ông.

Psalms 31:8

Đức Giê-hô-va đã đặt chân của Đa-vít ở đâu?

Đức Giê-hô-va đã đặt chân của Đa-vít ở nơi rộng lớn.

Psalms 31:9

Tại sao Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va tỏ lòng thương xót trên ông?

Ông muốn Đức Giê-hô-va tỏ lòng thương xót trên ông bởi vì ông ở trong hiểm nguy và mắt ông càng mỏi mệt vì buồn khổ.

Psalms 31:10

Tại sao sức mạnh của Đa-vít mất dần và xương của ông bị hư mất đi?

Sức mạnh ông mất dần và xương của ông bị hư mất đi vì tội lỗi của ông.

Psalms 31:11

Dân sự đáp trả với địa vị của Đa-vít thế nào?

Dân sự khinh dễ ông, kẻ lân cận của ông hoảng sợ và kinh tởm với địa vị của ông, và những kẻ thấy ông trên đường chạy khỏi ông.

Psalms 31:12

Đa-vít so sánh chính ông với điều gì?

Đa-vít nói ông là bị lãng quên như một người đã chết mà không ai nghĩ đến, ông giống như cái bình bể nát.

Psalms 31:13

Tại sao Đa-vít lại băn khoăn?

Ông đã nghe nhiều tiếng đồn bậy, những tin dữ từ khắp phía khi chúng bày mưu với nhau để lấy mạng ông đi.

Psalms 31:15

Đa-vít cầu xin Chúa giải cứu ông khỏi ai?

Ông cầu xin Chúa giải cứu ông khỏi kẻ thù của ông và những kẻ đuổi theo ông.

Psalms 31:16

Đa-vít cầu xin Chúa làm gì cho tôi tớ ông?

Đa-vít cầu xin Chúa khiến mặt ông được soi sáng, và cứu ông trong giao ước thành tín của Đức Giê-hô-va.

Psalms 31:17

Đa-vít cầu xin Chúa không để xảy ra điều gì với ông?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va không để ông bị nhục nhã.

Psalms 31:18

Tại sao môi giả dối phải im lặng?

Họ nói nghịch với người công bình bằng sự kiêu ngạo và khinh thường.

Psalms 31:19

Sự nhân từ của Chúa để dành cho ai?

Sự nhân từ của Chúa được dành cho những kẻ kính trọng Ngài.

Psalms 31:20

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va giấu những người tôn kính Ngài khỏi điều gì?
Ngài giấu ông khỏi những âm mưu của người ta và khỏi sự hung bạo của miệng lưỡi.
Psalms 31:21
Tại aao Đức Giê-hô-va được chúc tán?
Đức Giê-hô-va bày tỏ Đa-vít giao ước thành tín kỳ lạ của Ngài khi Đa-vít ở trong thành bị bao vây.
Psalms 31:22
Đức Giê-hô-va làm gì cho Đa-vít dù cho ông bị đuổi khỏi trước mắt của Chúa?
Đức Giê-hô-va nghe tiếng Đa-vít kêu cầu khi ông khóc với Ngài.
Psalms 31:23
Đức Giê-hô-va làm gì cho người theo gót tín trung của Ngài?
Đức Giê-hô-va bảo vệ người theo gót tín trung nhưng hoàn trả đầy đủ cho kẻ ngạo mạn.
Psalms 31:24
Đa-vít khuyên những người tin cậy Đức Giê-hô-va thế nào?
Ông nói họ hãy mạnh mẽ và vững tin.

Chapter 32
Psalms 32:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Huấn ca
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.
Sự vi phạm mình được tha, tội lỗi mình được khỏa lấp
Những vế này có ý nghĩa như nhau. Chúng có thể được dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người Đức Chúa Trời tha thứ sự vi phạm và khỏa lấp tội lỗi cho"
tội lỗi mình được khỏa lấp
Ở đây tội lỗi được tha được nói như thể nó được che lấp không nhìn thấy được. Gợi ý dịch: "tội mình được bỏ qua" hoặc "tội mình được cố ý lãng quên"
Người Đức Giê-hô-va kể là vô tội
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người Đức Giê-hô-va xem là vô tội" hoặc "người vô tội trước mặt Đức Giê-hô-va"
trong lòng không có điều dối trá
"Lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "trong người không có sự lừa dối" hoặc "người hoàn toàn chân thật"
Psalms 32:3
xương cốt con hao mòn
"Xương cốt" con chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "Con hao mòn" hoặc "Con yếu mòn"
trọn cả ngày
Thành ngữ này có nghĩa là "liên tục". Gợi ý dịch: "luôn luôn"
ngày và đêm
Hai thái cực này bao gồm mọi thứ ở giữa. Gợi ý dịch: "luôn luôn"
tay Chúa đè nặng trên con
"Tay" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Cả cụm này là một thành ngữ có nghĩa là "Chúa làm cho con ưu phiên". Gợi ý dịch: "Chúa làm cho con sầu khổ"
Sức con héo mòn như trong cơn hạn hán mùa hè
Sức lực của Đa-vít được ví như cây xanh nhỏ bé chuyển sang màu nâu và vụn nát trong mùa khô.
Sê-la
Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001
Psalms 32:5
Sê-la
Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001
Trong lúc hoạn nạn lớn
"khi họ ở trong hoạn nạn lớn"
Thì khi nước lụt tràn tới, chúng sẽ không đụng đến người
Những khó khăn được ví như nước lụt. Gợi ý dịch: "Thì khi khó khăn xảy đến như nước lụt, những người ấy sẽ được an toàn"
Psalms 32:7
Chúa là nơi trú ẩn của con
Đức Giê-hô-va được ví như một nơi an toàn để tác giả tránh khỏi sự tấn công của kẻ thù. Gợi ý dịch: "Chúa giống như một nơi cho con ẩn nấp khỏi kẻ thù"
Chúa lấy bài ca chiến thắng mà bao phủ con
Phép ẩn dụ này dường như có nghĩa là sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va dành cho tác giả là lí do bài ca chiến thắng được cất lên. Gợi ý dịch: "Nhờ Ngài con sẽ hát bài ca chiến thắng"
Sê-la
Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001
Ta sẽ chỉ dẫn con, dạy dỗ con nẻo đường
Từ "chỉ dẫn" và "dạy dỗ" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh sự chỉ dẫn cách cẩn thận. Gợi ý dịch: "Ta sẽ dạy dỗ con mọi điều về nẻo đường"
Ta sẽ chỉ dẫn
Ở đây "Ta" có thể là Đức Giê-hô-va, Đấng đang phán trực tiếp với Đa-vít.
nẻo đường con phải đi
Sống trong đường lối đúng đắn được ví như một con đường tác giả cần đi. Gợi ý dịch: "Cách con phải sống"
Mắt Ta sẽ dõi theo con
Ở đây "mắt ta" chỉ về sự chú ý của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "và hướng sự chú ý của ta vào con" hoặc "và trông chừng con"
Psalms 32:9
Đừng như con ngựa ... vô tri
Tác giả so sánh người không hiểu biết giống như con ngựa và con la. Có thể là 1) tác giả đang truyền lời phán của Đức Giê-hô-va cho độc giả "Các ngươi không được như con ngựa ... vô tri" hoặc 2) Đức Giê-hô-va đang phán với tác giả như thể với một nhóm người.
dây cương và hàm thiết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người ta dùng hai dụng cụ này để hướng ngựa và la đi theo ý của người lái.

Nơi con muốn chúng đi where you want them to

"nơi người ta muốn chúng đi". Ở đây từ "con" ở dạng số ít và không chỉ cụ thể một người nào cả.

Sẽ bao phủ

Sự thành tín của Đức Giê-hô-va sẽ "bao phủ" người ấy để bảo vệ và hướng dẫn. Gợi ý dịch: "sẽ dẫn dắt" hoặc "sẽ bảo vệ".

Psalms 32:11

Hãy mừng rỡ nơi Đức Giê-hô-va

Ở đây "nơi Đức Giê-hô-va" chỉ về điều Đức Giê-hô-va đã làm cho họ. "Hãy mừng rỡ về những điều Đức Giê-hô-va đã làm"

Hỡi người công chính

Chỉ về con người. Gợi ý dịch: "hỡi người công bình"

hãy reo mừng

"hãy reo lên cách vui mừng" hoặc "hãy reo lên vì vui mừng"

Người có lòng ngay thẳng

Từ "lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "người ngay thẳng"

Translation Questions

Psalms 32:1

Đức Giê-hô-va chúc phước dân sự thế nào?

Đức Giê-hô-va chúc phước dân sự bằng cách tha thứ tội lỗi của họ và che đậy tội của họ.

Psalms 32:3

Điều gì xảy ra với Đa-vít khi ông vẫn còn im lặng?

Xương của ông hao mòn và ông rên rỉ suốt ngày dài. Bàn tay của Chúa nặng nề trên Đa-vít và làm sức mạnh ông héo mòn.

Psalms 32:4

Điều gì xảy ra với Đa-vít khi ông vẫn còn im lặng?

Xương của ông hao mòn và ông rên rỉ suốt ngày dài. Bàn tay của Chúa nặng nề trên Đa-vít và làm sức mạnh ông héo mòn.

Psalms 32:5

Chúa đã làm gì khi Đa-vít nhận biết tội lỗi của ông và không còn che giấu nó?

Chúa tha thứ tội lỗi mà Đa-vít đã phạm.

Psalms 32:6

Người tin kính phải làm gì?

Họ phải cầu nguyện với Chúa vào lúc khốn cùng nhất.

Điều gì sẽ xảy ra khi người tin kính cầu nguyện với Đức Giê-hô-va vào lúc khốn cùng nhất?

Khi đó sóng nước chảy qua cũng sẽ không lan đến họ.

Psalms 32:7

Chúa phủ quanh Đa-vít bằng điều gì?

Chúa phủ quanh ông bằng các bài ca chiến thắng.

Psalms 32:10

Điều gì xảy ra cho người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va?

Giao ước thành tín của Đức Giê-hô-va sẽ bao phủ họ.

Psalms 32:11

Người công bình và người ngay thẳng làm gì trong lòng cho Đức Giê-hô-va?

Người ngay thẳng ở trong lòng mừng rỡ và kêu lên vì vui sướng.

Chapter 33

Psalms 33:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

hãy vui vẻ nơi Đức Giê-hô-va

Ở đây "nơi Đức Giê-hô-va" chỉ về điều Đức Giê-hô-va đã làm cho họ. "Hãy vui vẻ về điều Đức Giê-hô-va đã làm"

Sự ca ngợi thật thích hợp với người ngay thẳng

"ca ngợi Đức Giê-hô-va thật thích hợp cho người ngay thẳng"

Psalms 33:4

Thông Tin Tổng Quát:

Mỗi câu gồm hai dòng có ý nghĩa tương tự như nhau.

lời của Đức Giê-hô-va là ngay thẳng

"Ngày thẳng" là phép ẩn dụ chỉ về điều chân thật. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va luôn thực hiện điều Ngài đã phán"

Ngài yêu sự công bình và chính trực

Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành những hành động. Gợi ý dịch: "Ngài yêu thích làm điều ngay thẳng và công bình" hoặc "Ngài yêu thích những ai làm điều ngay thẳng và công bình"

Khắp đất đầy dẫy sự thành tín trong giao ước của Đức Giê-hô-va

"Khắp đất đầy dẫy" là thành ngữ có nghĩa là có thể nhìn thấy sự thành tín trong giao ước của Chúa trên khắp đất. Gợi ý dịch: "Sự thành tín trong giao ước của Đức Giê-hô-va có thể được kinh nghiệm trên khắp thế giới"

Các tầng trời được làm nên bởi lời của Đức Giê-hô-va

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Bằng lời phán, Đức Giê-hô-va đã dựng nên các tầng trời"

Bởi hơi thở của miệng Ngài

Ở đây chỉ về lời của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "bởi lời Ngài"

Psalms 33:7

Thông Tin Tổng Quát:

Mỗi câu gồm hai dòng có ý nghĩa tương tự như nhau.

Như một đóng

"như nằm sau một cái đập". Tác giả mô tả biển được dựng nên như thể Đức Chúa Trời dồn hết nước lại.

Ngài chứa đại dương trong kho

Tác giả mô tả đại dương được dựng nên như thể Đức Chúa Trời đặt chúng trong một cái kho.

Gợi ý dịch: "Ngài đặt đại dương vào chỗ của chúng như người ta cho lúa vào kho"

Cả trái đất hãy

Chỉ về con người trên trái đất. Gợi ý dịch: "Mọi người trên đất hãy"

Hãy đứng trong sự kính sợ Ngài

"Đứng trong sự kính sợ" là một thành ngữ có nghĩa là "hãy kính sợ". Gợi ý dịch: "hãy tôn kính Ngài"

Đặt vào chỗ

"Đặt vào chỗ" là một thành ngữ có nghĩa là "được dựng nên". Gợi ý dịch: "bắt đầu tồn tại"

Psalms 33:10

Thông Tin Tổng Quát:

Mỗi câu gồm hai dòng có ý nghĩa tương tự như nhau.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va làm thất bại
"Đức Giê-hô-va phá hủy" hoặc "Đức Giê-hô-va phá vỡ"
Liên mình các nước
"Các nước" chỉ về những người ở trong các nước đó. Gợi ý dịch: "liên minh các dân thuộc các nước khác nhau"
Liên minh
Liên minh là sự thống nhất giữa hai hay nhiều nước sẽ hỗ trợ lẫn nhau trong chiến tranh chống lại một kẻ thù chung.
kế hoạch của các dân
"mục đích của các dân". Gợi ý dịch: "kế hoạch gian ác của các dân"
Đứng vững đời đời
"Đứng vững" ở đây là một thành ngữ có nghĩa là "tồn tại".
Kế hoạch của lòng Ngài qua mọi thế hệ
Ngụ ý là "đứng vững" qua mọi thế hệ. Gợi ý dịch: "kế hoạch của lòng Ngài đứng vững qua mọi thế hệ".
Kế hoạch của lòng Ngài
Ở đây "lòng Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "kế hoạch của Ngài"
qua mọi thế hệ
"qua mọi thế hệ tương lai". Đây là một thành ngữ có nghĩa là "đời đời".
Phước cho nước nào
"Nước" ở đây chỉ về dân của nước đó. Gợi ý dịch: "Phước cho dân của nước nào"
Có Đức Chúa Trời của mình là Đức Giê-hô-va
"ai thờ phượng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời"
làm cơ nghiệp Ngài
Dân được Đức Giê-hô-va chọn để thờ phượng Ngài được ví như một cơ nghiệp Ngài đã nhận.
Psalms 33:13
Ngài nhìn xuống
Nơi Đức Giê-hô-va ngự được ví như thể ở phía trên trái đất, nơi con người sinh sống.
nắn nên lòng của mọi người
"Lòng" ở đây chỉ về suy nghĩ của họ. Tác giả ví Đức Giê-hô-va hướng dẫn suy nghĩ của con người như thể Ngài là thợ gốm đang nắn một cái bát. Gợi ý dịch: "hướng dẫn suy nghĩ của họ như người thợ gốm nắn một cái bát"
Psalms 33:16
Chẳng có vua nào nhờ binh đông mà được cứu
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Quân đội đông đảo không phải là điều giúp cứu được vua"
Ngựa là sự an toàn giả tạo
Ở đây "ngựa" tượng trưng cho phần mạnh nhất của quân đội. Gợi ý dịch: "Có một quân đội cùng ngựa tốt không đem lại sự an toàn"
Psalms 33:18
Kìa
Từ này thể hiện thi thiên bắt đầu một chủ đề mới. Gợi ý dịch: "Nhìn kìa" hoặc "Nghe này" hoặc "Hãy chú ý điều ta sắp nói"
mắt của Đức Giê-hô-va
Ở đây "mắt" chỉ về sự chú ý của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Sự chú ý của Đức Giê-hô-va"
Ai tin cậy
"ai trông đợi" hoặc "ai hi vọng"
Cứu mạng sống họ khỏi sự chết
"Mạng sống họ" chỉ về chính họ. Gợi ý dịch: "giữ họ khỏi chết"
Psalms 33:20
chúng tôi trông đợi Đức Giê-hô-va
Ở đây "trông đợi" là một thành ngữ có nghĩa là tin cậy. Gợi ý dịch: "Chúng tôi tin cậy nơi Đức Giê-hô-va"
Ngài là nguồn giúp đỡ và cái khiên của chúng tôi
Ở đây Đức Giê-hô-va được ví như cái khiên bảo vệ người lính trong chiến trận. Gợi ý dịch: "Ngài là Đấng giúp đỡ và bảo vệ chúng tôi như cái khiến"
Lòng chúng tôi vui vẻ
"Lòng" chỉ về chính họ. Gợi ý dịch: "Chúng tôi vui vẻ"
nơi danh thánh của Ngài
Ở đây "danh thánh" chỉ về bản tính thánh khiết của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "trong bản tính thánh khiết của Ngài" hoặc "nơi Ngài vì Ngài là thánh"
Psalms 33:22
ở cùng chúng con
Thành ngữ này có nghĩa là "giúp đỡ" chúng con. Gợi ý dịch: "hành động vì điều ích lợi cho chúng con" hoặc "giúp đỡ chúng con" hoặc "bảo vệ chúng con"
như chúng con đặt hi vọng nơi Ngài
"như chúng con hi vọng nơi sự giúp đỡ của Ngài"

Translation Questions

Psalms 33:1
Tác giả viết người công bình phải vui mừng ở trong ai?
Người công bình phải vui mừng ở trong Đức Giê-hô-va.
Psalms 33:2
Bằng nhạc khí gì mà tác giả muốn cảm tạ Đức Giê-hô-va?
Tác giả muốn cảm tạ Đức Giê-hô-va bằng đàn hạc.
Psalms 33:4
Tác giả mô tả lời và các việc của Đức Giê-hô-va thế nào?
Lời của Đức Giê-hô-va là ngay thẳng và mọi điều ngày làm là công bằng.
Psalms 33:5
Đức Giê-hô-va yêu điều gì?
Đức Giê-hô-va yêu sự công bình và sự chính trực.
Psalms 33:6
Điều gì được làm bởi lời của Đức Giê-hô-va?
Các từng trời được tạo ra bởi lời của Đức Giê-hô-va.
Điều gì được tạo ra bởi hơi thở từ miệng của Đức Giê-hô-va?
Các vì sao được tạo ra bởi hơi thở từ miệng của Đức Giê-hô-va.
Psalms 33:7
Tác giả nói Đức Giê-hô-va làm gì với nước ngoài biển?
Ngài gom nước ngoài biển lại với nhau thành một đống.
Psalms 33:8
Tác giả nói mọi dân sống trên thế giới phải làm gì?
Mọi dân sống trên thế giới phải đứng trong nỗi sợ Đức Giê-hô-va.
Psalms 33:11
Những kế hoạch của Đức Giê-hô-va sẽ lập bao lâu?
Những kế hoạch của Đức Giê-hô-va lập mãi mãi, những kế hoạch trong lòng Ngài cho mọi thế hệ.
Psalms 33:14
Đức Giê-hô-va nhìn xuống ai từ nơi Ngài sống?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va nhìn xuống mọi dân tộc, và mọi người sống trên đất.

Psalms 33:18

Mắt của Đức Giê-hô-va ở trên ai?

Mắt của Đức Giê-hô-va ở trên những người kính sợ Ngài.

Psalms 33:21

Tại sao lòng chúng ta vui mừng ở trong Đức Giê-hô-va?

Lòng chúng ta phải vui mừng trong Ngài, vì chúng ta tin cậy vào danh thánh của Ngài.

Chapter 34

Psalms 34:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Giả vờ điên dại

"hành động như một người điên"

trước mặt A-bi-mê-léc

Ở đây chỉ về một sự kiện cụ thể trong lịch sử mà người Hê-bơ-rơ biết rất rõ. Gợi ý dịch: "khi ông ở nhà A-bi-mê-léc" hoặc "khi ông là tù nhân của A-bi-mê-léc"

Đuổi ông đi

"buộc ông đi nơi khác"

Sự ngợi khen Ngài hằng ở nơi miệng tôi

"Nơi miệng tôi" chỉ về việc Đa-vít nói về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con sẽ luôn lớn tiếng ngợi khen Ngài"

Psalms 34:2

kẻ khốn cùng

Ở đây chỉ về người bị áp bức. Gợi ý dịch: "người bị áp bức"

Hãy cùng tôi ngợi khen Đức Giê-hô-va

"Hãy ngợi khen" là mệnh lệnh cho một nhóm người. Gợi ý dịch: "Mọi người phải cùng tôi ngợi khen Đức Giê-hô-va"

tôn cao danh của Ngài

"Tôn cao" là thành ngữ chỉ về việc tôn vinh Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "hãy nói cho mọi người biết Ngài vĩ đại dường nào"

Danh Ngài

Ở đây "danh Ngài" chỉ về bản tính của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "bản tính của Ngài"

Psalms 34:4

Tôi đã tìm cầu Đức Giê-hô-va

Ở đây "tìm cầu Đức Giê-hô-va" có nghĩa là Đa-vít đang cầu cứu cùng Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va"

Những ai ngưỡng trông Chúa

"Ngưỡng trông" ở đây tượng trưng cho việc tìm kiếm sự giúp đỡ từ nơi Chúa. Gợi ý dịch: "Những ai trông chờ Chúa giúp đỡ" hoặc "những ai trông chờ sự giúp đỡ duy nhất từ nơi Chúa"

Được rạng rỡ

Cụm từ này chỉ về vẻ bề ngoài vui mừng. Gợi ý dịch: "được vui mừng"

Mặt họ chẳng bị hổ thẹn

"Mặt họ" chỉ về người ngưỡng trông Đức Giê-hô-va. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "họ không bị hổ thẹn" hoặc "họ tự hào"

Kẻ khốn cùng này

Đa-vít gọi mình là kẻ khốn cùng. Gợi ý dịch: "Con là kẻ khốn cùng"

Đức Giê-hô-va nghe người

"Nghe" ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va giúp đỡ người. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va nghe con" hoặc "Đức Giê-hô-va giúp đỡ người"

Psalms 34:7

đóng trại chung quanh

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va được ví như một đội quân đóng trại xung quanh một người để bảo vệ người đó. Gợi ý dịch: "bảo vệ"

Hãy nếm thử và nhận biết Đức Giê-hô-va là tốt đẹp

Sự tốt lành của Đức Giê-hô-va được ví như một thứ có thể nếm và nhìn thấy được. Gợi ý dịch: "Hãy thử và kinh nghiệm rằng Đức Giê-hô-va là tốt lành"

nương náu

Đức Giê-hô-va được ví như một nơi mà người ta có thể ẩn náu để được bảo vệ khỏi kẻ thù. Gợi ý dịch: "tin cậy Ngài bảo vệ họ"

Chẳng có sự thiếu thốn nào cho những người kính sợ Ngài

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Những người kính sợ Ngài sẽ luôn có điều cần dùng"

Psalms 34:10

sẽ chẳng thiếu điều tốt lành nào

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "sẽ luôn có điều tốt lành họ cần"

Các con trai

Ở đây không nói đến các con trai của tác giả theo nghĩa đen mà nói đến những người ông đang dạy dỗ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "các học trò ta" (UDB)

Psalms 34:12

Ai là người ưa thích sự sống và yêu mến ngày lâu dài để hưởng phước lành?

Câu trả lời ngụ ý ở đây là "tất cả mọi người". Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Mọi người đều ưa thích sự sống, yêu mến ngày lâu dài và có một cuộc đời tươi đẹp"

Hãy giữ lưỡi mình khỏi điều ác ... giữ môi mình khỏi lời dối gạt

Hai vế này cùng nói về một điều nhưng cách nói khác nhau để nhấn mạnh tầm quan trọng của nó.

Hãy giữ lưỡi mình khỏi điều ác

Ở đây "lưỡi" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Vì thế, đừng nói điều ác"

giữ môi mình khỏi lời dối gạt

"Môi" ở đây chỉ về người nói. Gợi ý dịch: "đừng nói dối"

Xoay khỏi điều ác

"Xoay khỏi" là phép ẩn dụ chỉ về việc tránh khỏi điều ác. Gợi ý dịch: "Từ chối làm điều ác"

tìm kiếm hòa bình

"Tìm kiếm" có nghĩa là quan tâm đến hòa bình. Gợi ý dịch: "Gắng hết sức để sống trong hòa bình với người khác"

Psalms 34:15

Mắt của Đức Giê-hô-va đoái xem người công chính

"Mắt của Đức Giê-hô-va" chỉ về sự coi sóc cẩn thận của Ngài. "Người công chính" chỉ về người công bình. Gợi ý dịch: "Đức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-hô-va cẩn thận chăm nom người công chính"

Tai Ngài hướng về tiếng kêu cầu của họ

"Tai Ngài" chỉ về mong muốn đáp ứng với họ của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Ngài chú ý đến tiếng kêu cầu của họ" hoặc "Ngài đáp lời kêu cầu của họ"

Cắt bỏ kỷ niệm của chúng khỏi mặt đất

Đức Giê-hô-va sẽ khiến người ta quên chúng hoàn toàn khi chúng chết đi như thể Ngài dùng một con dao cắt bỏ kỷ niệm về chúng. Gợi ý dịch: "để khi họ chết thì người ta sẽ quên họ hoàn toàn"

Đức Giê-hô-va nghe

"Nghe" ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va mong muốn đáp ứng cho họ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va chú ý đến họ"

Psalms 34:18

Đức Giê-hô-va ở gần

"Ở gần" có nghĩa là "sẵn sàng giúp đỡ". Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va luôn sẵn sàng giúp đỡ"

Người có lòng tan vỡ

Sự buồn rầu sâu sắc được nói như lòng của người đó bị tan vỡ. Gợi ý dịch: "người rất buồn rầu"

Những người bị nhàu nát trong tâm hồn

Những người vô cùng chán nản được nói như thể tâm hồn của họ bị nhàu nát. Gợi ý dịch: "những người vô cùng chán nản"

Người công chính

Chỉ về người công bình. Gợi ý dịch: "người công bình"

Ngài gìn giữ tất cả xương cốt người ấy, không để một cái nào bị gãy

Ở đây "tất cả xương cốt" ở nghĩa đen nhưng cũng ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va chăm sóc một người cách trọn vẹn. Gợi ý dịch: "Ngài chu cấp sự bảo vệ trọn vẹn cho người ấy, người ấy sẽ không bị hại bất kì cách nào"

Psalms 34:21

Điều dữ sẽ giết kẻ ác

Điều dữ được ví như một người có thể giết người khác. Gợi ý dịch: "Việc dữ của kẻ ác sẽ giết họ" việc làm"

kẻ ác

Chỉ về người gian ác.

Những kẻ ghét người công chính sẽ bị định tội

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ định tội những kẻ ghét người công chính"

người công chính

Chỉ về người công bình.

Không người nào nương náu nơi Ngài bị định tội

Có thể dịch ở dạng chủ động thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho tất cả những ai nương náu nơi Ngài"

nương náu nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Ngài để được bảo vệ"

Translation Questions

Psalms 34:1

Đa-vít sẽ thường tán dương Đức Giê-hô-va thế nào?

Đa-vít thường tán dương Đức Giê-hô-va mọi lúc.

Psalms 34:2

Đa-vít muốn ai nghe khi ông tán dương Đức Giê-hô-va?

Đa-vít muốn kẻ áp bức nghe nó và mừng rỡ.

Psalms 34:3

Đa-vít đang mời mọi người cùng làm gì với ông?

Đa-vít đang mời họ cùng tán dương Đức Giê-hô-va và tôn cao danh của Ngài.

Psalms 34:4

Điều gì xảy ra khi Đa-vít tìm kiếm Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va đáp lời Đa-vít và ban cho ông chiến thắng trên mọi nỗi sợ hãi.

Psalms 34:5

Điều gì xảy ra cho những ai tìm kiếm Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ hớn hở và mặt của họ không hổ thẹn.

Psalms 34:6

Đức Giê-hô-va đã làm gì khi Ngài nghe những người bị áp bức này khóc?

Đức Giê-hô-va cứu họ khỏi mọi tai họa.

Psalms 34:7

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va làm gì khi họ đóng quân xung quanh những người kính sợ họ?

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va giải cứu họ.

Psalms 34:8

Ai là người được phước?

Người được phước là người nương náu ở trong Đức Giê-hô-va.

Psalms 34:9

Điều gì xảy ra cho những người được lựa chọn kính sợ Đức Giê-hô-va?

Không thiếu thốn chi hết cho những người kính sợ Đức Giê-hô-va.

Psalms 34:10

Đa-vít nói gì về những người tìm kiếm Đức Giê-hô-va?

Những người tìm kiếm Đức Giê-hô-va sẽ không thiếu thứ tốt.

Psalms 34:11

Đa-vít nói điều gì với con trẻ?

Đa-vít nói, "Hãy đến, lắng nghe và ta dạy các con kính sợ Đức Giê-hô-va."

Psalms 34:13

Đa-vít nói với người khao khát sự sống điều gì?

Đa-vít nói người đó giữ mình khỏi lời ác, khỏi lời giả dối, quay đi khỏi điều ác, làm điều lành và tìm kiếm bình an và xúc tiến nó.

Psalms 34:14

Đa-vít nói với người khao khát sự sống điều gì?

Đa-vít nói người đó giữ mình khỏi lời ác, khỏi lời giả dối, quay đi khỏi điều ác, làm điều lành và tìm kiếm bình an và xúc tiến nó.

Psalms 34:15

Đức Giê-hô-va đáp lại tiếng khóc than của người chính trực thế nào?

Mắt của Ngài ở trên người chính trực và tai Ngài hướng về tiếng khóc của họ.

Psalms 34:16

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với kẻ làm việc ác, là kẻ chống lại Ngài?

Ngài sẽ lau dọn mọi kí ức của chúng khỏi trái đất.

Psalms 34:17

Đức Giê-hô-va làm gì khi người chính trực kêu khóc?

Ngài nghe và giải cứu họ khỏi mọi tai họa của họ.

Psalms 34:18

Đức Giê-hô-va ở gần ai?

Ngài ở gần người có lòng vỡ tan.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va giải cứu ai?
Đức Giê-hô-va cứu những người bị tan nát tâm linh.
Psalms 34:19
Điều gì xảy ra với người chính trực, là người gặp nhiều tai họa?
Đức Giê-hô-va ban cho người đó chiến thắng trên mọi điều và bảo vệ xương cốt họ.
Psalms 34:20
Điều gì xảy ra với người chính trực, là người gặp nhiều tai họa?
Đức Giê-hô-va ban cho người đó chiến thắng trên mọi điều và bảo vệ xương cốt họ.
Psalms 34:21
Điều gì xảy ra với kẻ ác?
Tai họa sẽ giết chết kẻ ác.
Điều gì xảy ra với những kẻ ghét người chính trực?
Họ sẽ bị xử phạt.
Psalms 34:22
Đức Giê-hô-va làm gì cho tôi tớ Ngài, là người nương náu ở trong Ngài?
Ngài chuộc linh hồn của họ và họ sẽ không bị kết tội.

Chapter 35
Psalms 35:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Xin cầm lấy khiên nhỏ và lớn ... lao và giáo
Những cụm này mô tả Đức Chúa Trời như một binh sĩ chuẩn bị cho trận chiến.
khiên nhỏ và lớn
Đây là những vũ khí phòng vệ
lao và giáo
Đây là những vũ khí tấn công
Những kẻ rượt đuổi con
Có thể là 1) những kẻ thù thật sự rượt đuổi tác giả theo nghĩa đen hoặc 2) đây là phép ẩn dụ chỉ về những người là kẻ thù của tác giả.
nói cùng linh hồn con
Ở đây chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "nói cùng con"
Ta là sự cứu rỗi của con
Có thể dịch mà không dùng danh từ trừu tượng. Gợi ý dịch: "Ta là Đấng giải cứu con" hoặc "Ta sẽ giải cứu con"
Psalms 35:4
Nguyện những kẻ tìm hại mạng sống con phải bị hổ thẹn và sỉ nhục
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va làm cho những kẻ tìm hại mạng sống con phải hổ thẹn và sỉ nhục"
Nguyện
"Con ước ao rằng"
Những kẻ tìm hại mạng sống con
"Tìm hại mạng sống con" có nghĩa là họ muốn giết tác giả. Gợi ý dịch: "những kẻ tìm cách giết con"
Nguyện những kẻ âm mưu hại con phải tháo lui và bị xấu hổ
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va làm cho những kẻ âm mưu hại con phải tháo lui và xấu hổ"
phải tháo lui
"phải tháo lui" là phép ẩn dụ có nghĩa là không thể hoàn thành mục đích. Gợi ý dịch: "không thành công"
Bị xấu hổ
"bối rối" hoặc "lúng túng"
như trấu trước gió
Kẻ thù của tác giả được ví như trấu dễ dàng bị thổi bay đi. Gợi ý dịch: "bị gió thổi bay đi như trấu"
con đường của chúng
"Còn đường của chúng" chỉ về cuộc đời của chúng. Gợi ý dịch: "cuộc đời của chúng"
tối tăm và trơn trợt
Chỉ về một con đường bị che khuất và nguy hiểm. Gợi ý dịch: "bị che khuất và đầy nguy hiểm"
đuổi theo chúng
Câu này nói về thiên sứ của Đức Giê-hô-va đối đầu với kẻ thù của tác giả. Gợi ý dịch: "nghịch cùng chúng" hoặc "chống lại chúng"
Psalms 35:7
Chúng giăng lưới con
Âm mưu của kẻ ác được ví như lưới họ giăng ra để bắt lấy tác giả. Gợi ý dịch: "họ muốn bắt lấy con trong lưới như con thú nhỏ"
Chúng đào hầm hại mạng sống con
Âm mưu của kẻ ác được ví như một cái hầm họ đào ra để bắt lấy tác giả. Gợi ý dịch: "họ muốn bắt con trong hố như con thú lớn"
mạng sống con
Ở đây chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "con"
Nguyện sự hủy diệt bất ngờ ập đến trên chúng
Sự hủy diệt được ví như một con vật nguy hiểm sẽ bất ngờ tấn công họ. Gợi ý dịch: "Nguyện chúng thình lình bị hủy diệt" hoặc "Nguyện chúng bất ngờ vì Chúa thình lình hủy diệt chúng"
lưới chúng đã giăng
Âm mưu của kẻ ác được ví như một chiếc lưới họ giăng ra để bắt lấy tác giả. Gợi ý dịch: "Lưới họ đã giăng để bắt con như một con thú và hãm hại con"
Để chúng rơi vào đó
Đây cũng là phép ẩn dụ ở câu 7. Lưới để bắt lấy tác giả. Gợi ý dịch: "Để chúng rơi vào hố mà chúng đã đào cho con"
rơi vào đó
Có thể là 1) rơi vào hố ở câu 7 hoặc 2) rơi vào chỗ hủy diệt.
chỗ hủy diệt của chúng
Danh từ trừu tượng "chỗ hủy diệt" có thể được dịch ở dạng từ khác. Gợi ý dịch: "để chúng bị hủy diệt" hoặc "Chúa sẽ hủy diệt họ như thế"
Psalms 35:9
Trong sự cứu rỗi của Ngài
Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "vì Chúa cứu con"
Hết thảy xương cốt con
"Xương cốt" ở đây chỉ về phần sâu thẩm bên trong con người. Gợi ý dịch: "Hết cả con người bên trong"
Lạy Đức Giê-hô-va, ai giống như Ngài? ... bọn tìm cách cướp bóc họ?
Ngụ ý câu trả lời ở đây là không ai giống như Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, không có ai giống như Ngài ... những kẻ tìm cách cướp bóc họ."
Người nghèo khổ và kẻ thiếu thốn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Nghèo khổ" và "thiếu thốn" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va giải cứu những người cần Ngài giúp đỡ.
Psalms 35:11
nổi lên
Có nghĩa là chúng làm chứng trong phiên tòa. Gợi ý dịch: "tình nguyện làm chứng"
Chúng lấy dữ trả lành cho con
Đây là phép ẩn dụ có nghĩa là họ lấy điều dữ trả cho điều lành họ đã nhận. Gợi ý dịch: "Đổi lại những điều lành con đã làm cho họ, họ làm điều dữ cho con"
dữ ... lành
Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch ở dạng từ khác. Gợi ý dịch: "điều dữ ... điều lành"
Con buồn rầu
"Con rất buồn"
Psalms 35:13
khi chúng ốm đau
"Chúng" chỉ về "những nhân chứng hung ác". (PSA035:011
Con mặc vải sô
"Con tỏ ra buồn rầu" (UDB)
Đầu gục xuống ngực
Đây là biểu tượng của sự cầu nguyện. "cúi đầu cầu nguyện"
Đau buồn như cho người anh em
Tác giả đau buồn như người anh em ruột vừa qua đời. Gợi ý dịch: "đau lòng như thể người anh em ruột bị đau ốm"
Con cúi xuống than khóc như than khóc mẹ mình
Tác giả than khóc như thể mẹ ruột qua đời. Gợi ý dịch: "Con than khóc như thể mẹ ruột qua đời"
Con cúi xuống
Đây là biểu tượng của nỗi đau buồn và khốn khổ.
Psalms 35:15
họp nhau
"hội họp cùng nhau" hoặc "họp lại"
chống lại con
Có nghĩa là chúng họp lại cùng nhau để tấn công tác giả. Gợi ý dịch: "lập kế hoạch chống lại con" hoặc "lập kế hoạch hủy diệt con"
Chúng cấu xé con
Ở đây chúng xem tác giả như một miếng vải có thể xé thành từng mảnh. Gợi ý dịch: "Chúng tấn công con"
chế nhạo con không tôn trọng chút nào
"Chúng chế giễu con như kẻ vô dụng" hoặc 2) "Chúng nhạo cười con không chút tôn trọng"
Chúng nghiến răng với con
Đây là biểu hiện của sự tức giận và chán ghét. "Chúng phát ra tiếng nghiến răng cùng con"
Psalms 35:17
Ngài cứ lặng nhìn cho đến bao giờ?
Câu hỏi tu từ này thể hiện tác giả muốn Đức Chúa Trời không chỉ nhìn nữa mà bắt đầu giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "Ngài chỉ lặng nhìn việc chúng làm cho đến bao giờ?"
Giải cứu linh hồn con
"Linh hồn" chỉ về chính tác giả. Gợi ý dịch: "Giải cứu con"
mạng sống con khỏi sư tử
Ngụ ý là "giải cứu" mạng sống. Gợi ý dịch: "giải cứu mạng sống con khỏi sư tử"
mạng sống con
Ở đây chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "con"
khỏi sư tử
Ở đây tác giả ví kẻ thù như những con sư tử hung ác. Gợi ý dịch: "khỏi kẻ thù tấn công con như thú hoang"
Psalms 35:19
Đừng để kẻ thù dối trá của con
"Đừng để kẻ thù con, là kẻ nói dối về con"
Âm mưu gian ác của chúng
"kế hoạch gian ác của chúng"
chúng không nói lời hòa bình
Danh từ trừu tượng "lời hòa bình" có thể được dịch ở dạng từ khác. Gợi ý dịch: "chúng không nói cách hòa bình với người khác"
Đưa ra lời dối trá
"tìm cách nói dối" (UDB)
Những người trong xứ sống hiền hòa
"Những người sống hiền hòa trong xứ"
sống hiền hòa
Danh từ trừu tượng "hiền hòa" có thể được dịch ở dạng khác. Gợi ý dịch: "không làm hại ai"
Psalms 35:21
Chúng hả hoác miệng ra nghịch lại con
Lí do chúng hả miệng ra là để buộc tội tác giả. Gợi ý dịch: "Chúng hét vào con để buộc tội con"
A ha, A ha
Đây là lời cảm thán được dùng khi đột nhiên nhìn thấy hay hiểu ra điều gì đó. Từ này nhấn mạnh lời khẳng định theo sau.
Mắt chúng ta đã thấy điều đó rồi
"Mắt chúng ta" chỉ về mắt của kẻ thù. Ngụ ý rằng chúng thấy tác giả làm điều sai trái nào đó. Gợi ý dịch: "chúng ta đã thấy điều đó rồi" hoặc "chúng ta đã thấy điều sai trái ngươi làm rồi"
Ngài đã thấy điều đó
"Điều đó" chỉ về lời vu khống của kẻ thù tác giả. Gợi ý dịch: "Chúa đã thấy chúng vu khống con thể nào"
xin chớ làm thinh
"Xin chớ phớt lờ điều chúng đã làm". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin phán xét chúng vì việc chúng đã làm"
Xin đừng cách xa con
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "xin ở gần bên con"
Xin thức dậy và tỉnh thức
Ở đây không có nghĩa là Đức Chúa Trời thật sự ngủ. Tác giả muốn Đức Chúa Trời can thiệp vào. Cả hai từ căn bản có ý nghĩa như nhau và nhấn mạnh sự cấp bách của lời cầu xin. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy như Chúa đang ngủ! Xin hãy thức dậy"
Để bênh vực con
Danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành dạng từ khác. Gợi ý dịch: "để bảo vệ con"
duyên cớ con
Ở đây chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "con"
Psalms 35:24
Chớ để chúng nó vui mừng trên con
"Xin chớ để chúng nó vui mừng vì con chịu khốn khổ"
Nói trong lòng chúng
Đây là thành ngữ có nghĩa là nói với bản thân. Gợi ý dịch: "nói với chính chúng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

A ha

Đây là lời cảm thán được dùng khi đột nhiên nhìn thấy hay hiểu ra điều gì đó. Từ này nhấn mạnh lời khẳng định theo sau. Gợi ý dịch: "Yes"

Chúng ta đạt điều mình mong muốn rồi

Ngụ ý rằng kẻ thù của tác giả muốn ông bị kết tội. Gợi ý dịch: "Hắn đã bị kết tội như chúng ta mong ước!"

Chúng ta đã nuốt sống nó rồi

Kẻ thù của tác giả nói về sự hủy diệt của ông như thể họ là thú hoang đã nuốt lấy ông. Gợi ý dịch: "Chúng ta đã nuốt lấy nó rồi" hoặc "Chúng ta đã tiêu diệt nó rồi"

Xấu hổ

"nhục nhã" hoặc "hổ thẹn"

Nguyện người nào chế nhạo con đều bị bao trùm bằng sự xấu hổ và sỉ nhục

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Chúa bao trùm sự xấu hổ và sỉ nhục trên những kẻ chế nhạo con"

Chế nhạo

Xúc phạm ai đó để khiến họ tức giận

bao trùm bằng sự xấu hổ và sỉ nhục

Ở đây sự xấu hổ và sỉ nhục được ví như những chiếc áo xấu hổ mà tác giả có thể mặc vào. Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "xấu hổ và sỉ nhục".

sự xấu hổ và sỉ nhục

Những từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh chúng sẽ bị hạ xuống thể nào.

Psalms 35:27

Sự bênh vực con

"Sự bênh vực" ở đây chỉ về việc Đức Giê-hô-va tuyên bố hoặc phán xét tác giả thi thiên là vô tội.

Nguyện họ luôn nói

"nguyện họ luôn luôn nói"

Đức Giê-hô-va được tôn cao

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúng ta hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va"

Kẻ vui mừng cho

"kẻ vui mừng với" hoặc "kẻ vui mừng về"

Phúc lợi

Điều ích lợi, hạnh phúc

truyền rao sự công chính của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "truyền rao rằng Chúa hành động cách công chính"

Translation Questions

Psalms 35:1

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì cho ông?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm việc chống lại kẻ phản nghịch ông, và đánh lại kẻ đánh ông.

Psalms 35:2

Vũ khí gì mà Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va dùng để cứu ông?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va dùng tấm khiên nhỏ và lớn, cái thương của Ngài, và cái rìu chiến của Ngài.

Psalms 35:3

Vũ khí gì mà Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va dùng để cứu ông?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va dùng tấm khiên nhỏ và lớn, cái thương của Ngài, và cái rìu chiến của Ngài.

Psalms 35:4

Điều gì Đa-vít muốn xảy ra với những kẻ âm mưu hãm hại ông?

Đa-vít muốn họ bị quay trở lui và bẽ mặt.

Psalms 35:5

Đa-vít muốn ai đuổi kẻ thù của ông đi?

Ông muốn thiên sứ của Đức Giê-hô-va đuổi chúng đi.

Psalms 35:7

Kẻ thù của Đa-vít làm gì không cần lý do?

Chúng đặt bẫy lưới và đào hố cho Đa-vít.

Psalms 35:8

Đa-vít muốn điều gì xảy ra với kẻ thù của ông?

Đa-vít muốn sự hủy diệt đuổi theo chúng cách bất ngờ, để chúng bị mắc lưới của chính chúng, và để rơi vào sự hủy diệt của chúng.

Psalms 35:9

Đa-vít sẽ vui mừng ở trong điều gì?

Ông sẽ vui mừng ở trong sự giải cứu của Đức Giê-hô-va.

Psalms 35:11

Tại sao Đa-vít buồn rầu?

Ông buồn rầu vì sự làm chứng bất chính nổi lên để buộc tội ông, và đáp trả ông sự dữ thay vì điều tốt.

Psalms 35:12

Tại sao Đa-vít buồn rầu?

Ông buồn rầu vì sự làm chứng bất chính nổi lên để buộc tội ông, và đáp trả ông sự dữ thay vì điều tốt.

Psalms 35:13

Đa-vit đã đáp trả những tai họa của kẻ thù ông thế nào?

Đa-vít mặc vải gai, kiêng ăn vì chúng, trở nên đau buồn và quỳ xuống than khóc vì chúng.

Psalms 35:14

Đa-vit đã đáp trả những tai họa của kẻ thù ông thế nào?

Đa-vít mặc vải gai, kiêng ăn vì chúng, trở nên đau buồn và quỳ xuống than khóc vì chúng.

Psalms 35:15

Kẻ thù phản ứng trước tai họa của Đa-vít thế nào?

Chúng mừng rỡ, tập hợp phản nghịch ông, kéo xé ông ra, chế nhạo ông, và chúng nghiến răng với ông.

Psalms 35:16

Kẻ thù phản ứng trước tai họa của Đa-vít thế nào?

Chúng mừng rỡ, tập hợp phản nghịch ông, kéo xé ông ra, chế nhạo ông, và chúng nghiến răng với ông.

Psalms 35:17

Đa-vít sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va ở trong nhà hội lúc nào?

Ông sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va khi linh hồn ông được cứu khỏi những tấn công phá họa của chúng.

Psalms 35:18

Đa-vít sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va ở trong nhà hội lúc nào?

Ông sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va khi linh hồn ông được cứu khỏi những tấn công phá họa của chúng.

Psalms 35:20

Kẻ thù của Đa-vít làm gì để thay cho lời hòa bình?

Chúng bày mưu những lời dối trá để chống lại những người sống trong hòa bình.

Psalms 35:22

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va làm gì khi Ngài thấy thấy những tai họa của Đa-vít?

Ông muốn Đức Giê-hô-va đừng im lặng, đừng ở xa, và đánh thức, thức dậy để bênh vực ông.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 35:23

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va làm gì khi Ngài thấy thấy những tai họa của Đa-vít?

Ông muốn Đức Giê-hô-va đừng im lặng, đừng ở xa, và đánh thức, thức dậy để bênh vực ông.

Psalms 35:24

Tại sao Đa-vít nói Đức Giê-hô-va hãy che chở ông?

Ông nói Đức Giê-hô-va Đức Giê-hô-va hãy che chở ông bởi vì sự công bằng của Đức Giê-hô-va.

Chapter 36

Psalms 36:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít đầy tớ của Đức Giê-hô-va

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Tội lỗi nói như một tiên tri

Tội lỗi được ví như một tiên tri giả. Gợi ý dịch: "Tội lỗi như tiên tri giả nói rằng"

trong lòng kẻ ác

"Lòng" ở đây chỉ về con người bên trong. Gợi ý dịch: "với thâm tâm của kẻ ác"

Kẻ ác

Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà chỉ về kẻ ác nói chung. Gợi ý dịch: "người gian ác"

Trong mắt nó

"Mắt" ở đây chỉ về người gian ác. Gợi ý dịch: "trong nó"

Nó an ủi mình mà nghĩ rằng

"nó thích tin rằng" hoặc "nó muốn nghĩ rằng"

Tội ác mình sẽ không bị bại lộ và không bị ghét

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ không phát hiện ra và ghét tội lỗi của người"

Psalms 36:3

Các lời của nó

Chỉ về lời tuyên bố của người đó. Gợi ý dịch: "Điều nó nói"

làm điều lành

"điều lành" có thể được dịch thành một dạng từ khác. Gợi ý dịch: "làm những điều tốt lành"

Nó đứng trên con đường gian ác

Việc làm tội lỗi của một người được ví như người ấy bước đi trên con đường gian ác. Gợi ý dịch: "nó bắt đầu làm điều gian ác"

Nó không từ bỏ điều dữ

"Điều dữ" có thể được dịch ở một dạng từ khác. Gợi ý dịch: "nó không từ bỏ những hành vi gian ác"

Psalms 36:5

Chạm đến các tầng trời

Sự thành tín lớn lao trong giao ước của Đức Chúa Trời được mô tả như thể nó rất cao. Gợi ý dịch: "cao như các tầng trời" hoặc "vô cùng vĩ đại"

Chạm đến các mây reaches to the clouds

Sự thành tín vĩ đại của Đức Chúa Trời được mô tả như thể nó rất cao. Gợi ý dịch: "cao như các mây" hoặc "vô cùng vĩ đại"

Như các núi của Đức Chúa Trời ... như các vực sâu thăm thẳm

Những câu này mô tả sự công chính và phán xét của Đức Chúa Trời như thể chúng rất cao và sâu. Gợi ý dịch: "cao như dãy núi cao nhất ... sâu như biển sâu nhất"

Ngài bảo tồn

"Ngài giúp đỡ" hoặc "Ngài cứu giúp"

Psalms 36:7

Sự thành tín trong giao ước Ngài thật quý biết bao

Sự thành tín trong giao ước của Đức Chúa Trời được ví như đồ trang sức đắc tiền và hiếm có. Gợi ý dịch: "Sự thành tín trong giao ước của Chúa giá trị như đồ trang sức hiếm có"

loài người nương náu

"Con người tìm kiếm sự bảo vệ"

loài người nương náu dưới bóng cánh Chúa

Đức Chúa Trời không có cánh theo nghĩa đen. Đây là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ của Ngài.

Gợi ý dịch: "Loài người nương náu nơi Ngài như chim con tìm sự bảo vệ dưới cánh mẹ"

Họ sẽ được thỏa nguyện dư dật

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cho họ thỏa nguyện dư dật"

Nhờ thức ăn dư dật của nhà Chúa

Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời có một nhà chứa thức ăn mà đó là phép ẩn dụ chỉ về sự chu cấp dư dật. Gợi ý dịch: "như thể họ đang ăn thức ăn dư dật từ nhà Chúa" hoặc "với ơn phước dư dật của Chúa"

Chúa sẽ cho họ uống từ dòng sông phước lành quý báu của Ngài

Ở đây có hai hình ảnh ẩn dụ. Phước lành dư dật của Chúa được ví như nước trên dòng sông. Còn những người nhận ơn phước đó được ví như họ đang uống chúng như uống nước. Gợi ý dịch: "phước lành quý báu của Chúa giống như một con sông mà Chúa sẽ cho họ uống từ đó"

Suối nước sự sống

"nguồn sự sống"

Trong ánh sáng của Ngài, chúng con thấy ánh sáng

"Ánh sáng" ở đây là hình ảnh ẩn dụ chỉ về sự hiểu biết chân lí. Gợi ý dịch: "khi Chúa soi sáng chúng con thì chúng con sẽ biết chân lí" hoặc "ánh sáng của Chúa làm cho chúng con biết chân lí về Ngài" (UDB)

Psalms 36:10

Mở rộng sự thành tín theo giao ước Ngài cách đầy trọn

"Tiếp tục thành tín theo giao ước của Chúa"

Sự bảo vệ của Ngài cho người có lòng ngay thẳng

Danh từ trừu tượng "sự bảo vệ" có thể được dịch thành một động từ. Được ngầm hiểu từ câu trước là "tiếp tục". Gợi ý dịch: "Tiếp tục bảo vệ người có lòng ngay thẳng"

người có lòng ngay thẳng

Ở đây "lòng" chỉ về con người. Gợi ý dịch: "Người ngay thẳng" hoặc "người hành động công chính"

chân kẻ kiêu ngạo ... tay kẻ ác

Ở đây "chân" và "tay" chỉ về người gian ác. Ở đây không phải là một người cụ thể nào nhưng chỉ về người gian ác nói chung. Gợi ý dịch: "kẻ kiêu ngạo ... kẻ ác"

Đuổi con đi

"bắt con đi" hoặc "khiến con đi khỏi chỗ của mình"

Kẻ làm ác ngã gục, chúng bị lật nhào và không thể trỗi dậy được

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cả ba cụm từ này đều mô tả kẻ làm ác khi bị đánh bại.

chúng bị lật nhào

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa đã hạ gục chúng" hoặc "Chúa đã tiêu diệt chúng"

không thể trỗi dậy được

"không thể đứng dậy được"

Translation Questions

Psalms 36:1

Tội lỗi với lòng kẻ ác thế nào?

Tội lỗi nói như lời sấm trong lòng của kẻ ác.

Psalms 36:2

Kẻ ác an úi chính nó thế nào?

Nó nghĩ rằng tội lỗi của nó sẽ không bị phát hiện và không bị ghét.

Psalms 36:3

Những lời của kẻ ác như thế nào?

Những lời của chúng tội lỗi và dối trá.

Kẻ ác không muốn trở nên điều gì?

Chúng không muốn được khôn ngoan và làm điều lành.

Psalms 36:4

Kẻ ác làm gì khi chúng nằm trên giường?

Chúng toan tính các đường tội lỗi khi chúng nằm trên giường.

Psalms 36:5

Điều gì chạm tới trời và chạm tới mây?

Giao ước thành tính của Đức Giê-hô-va chạm tới trời, và lòng thành của Ngài chạm tới mây.

Psalms 36:6

Sự công bình của Đức Giê-hô-va giống điều gì?

Sự công bình của Ngài như các ngọn núi cao nhất và các biển sâu nhất.

Đức Giê-hô-va gìn giữ điều gì?

Đức Giê-hô-va gìn giữ loài người và các loài vật.

Psalms 36:7

Ai nương náu dưới bóng của cánh Chúa?

Loài người nương náu dưới bóng của cánh Chúa.

Psalms 36:8

Điều gì nhiều mà hài lòng con người?

Sự dư dật thức ăn của nhà Chúa sẽ hài lòng con người.

Psalms 36:10

Đa-vít cầu xin Chúa mở rộng giao ước thành tín của Ngài đến ai?

Đa-vít cầu xin Chúa mở rộng giao ước thành tín của Ngài trọn vẹn đến những người biết Ngài.

Psalms 36:11

Đa-vít cầu xin Chúa đừng để điều gì xảy ra?

Đa-vít cầu xin Chúa đừng để chân của kẻ ngạo mạn đến gần ông, và tay của kẻ ác xua đuổi ông.

Psalms 36:12

Điều gì sẽ xảy ra với kẻ làm điều ác đã thất bại?

Chúng bị hạ gục và không thể đứng dậy.

Chapter 37

Psalms 37:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Chớ bực tức vì kẻ làm ác

"Đừng để kẻ ác làm con khó chịu" hoặc "đứng phiền lòng bởi điều kẻ ác làm" (UDB)

Khô như cỏ ... héo tàn như cỏ xanh

Kẻ làm ác được ví như cây cỏ khô héo và chết trong thời tiết nóng bức. Cả hai phép so sánh này đều có nghĩa là chúng sẽ chết. Gợi ý dịch: "chết" hoặc "bị kết liễu"

Psalms 37:3

Nuôi mình trong sự trung tín

Sự trung tín được nói như thể một con vật sẽ được khỏe mạnh khi ăn trong đồng cỏ tươi tốt. Gợi ý dịch: "nuôi dưỡng sự trung tín" hoặc "gia tăng sự trung tín của mình"

Ao ước của lòng ngươi

"Lòng" ở đây chỉ về con người bên trong và tư tưởng của một người. Gợi ý dịch: "ao ước sâu thẳm bên trong ngươi" hoặc "điều ngươi ao ước nhất"

Psalms 37:5

Hãy phó thác đường lối mình cho Đức Giê-hô-va

"Phó thác đường lối" là một thành ngữ có nghĩa là cầu xin Đức Giê-hô-va điều hướng đời sống mình. Gợi ý dịch: "Cầu xin Đức Giê-hô-va hướng dẫn những hành động trong đời sống"

Hành động thay ngươi

Tức là đại diện cho người khác trong vấn đề pháp lý. Ở đây, khi một người tin cậy Đức Giê-hô-va thì Ngài sẽ bảo vệ người đó và ban sự công bằng cho người đó.

như ánh nắng ban ngày ... như ban trưa

Cả hai vế đều có nghĩa như nhau.

như ánh nắng ban ngày

Có nghĩa là "nhìn thấy tất cả mọi người". Gợi ý dịch: "nhìn thấy rõ như ban ngày"

như ban trưa

Có nghĩa là "rõ như mặt trời ban trưa". Gợi ý dịch: "rõ như ánh sáng lúc sáng nhất trong ngày"

Psalms 37:7

Hãy yên tịnh

" Hãy yên lặng"

Psalms 37:8

Sẽ bị cắt bỏ

Sự hủy diệt của kẻ ác được nói như thể họ là một nhánh cây bị cắt bỏ và quăng đi.

Nhưng những ai trông đợi Đức Giê-hô-va

"nhưng những ai tin cậy Đức Giê-hô-va"

Sẽ thừa hưởng đất

Sở hữu đất được nói như thể được nhận đất làm cơ nghiệp. Gợi ý dịch: "sẽ nhận đất làm tài sản của riêng họ" hoặc "sẽ sống an toàn trong đất"

Sẽ biến mất

Thành ngữ này chỉ về cái chết của kẻ gian ác. Gợi ý dịch: "sẽ chết và ngươi sẽ không còn thấy nó nữa"

Psalms 37:11

Kẻ nhu mì

Ở đây chỉ về người khiêm nhường. Gợi ý dịch: "người nhu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mì"
Sẽ thừa hưởng đất
Sở hữu đất được nói như thể được nhận đất làm cơ nghiệp. Gợi ý dịch: "sẽ nhận đất làm tài sản của riêng họ" hoặc "sẽ sống an toàn trong đất". Xem cách đã dịch ở PSA037:008
Kẻ ác
Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà nói về kẻ ác nói chung. Gợi ý dịch: "Người gian ác"
người công chính
Ở đây không chỉ về một người cụ thể mà nói về tất cả những người nào là công chính. Gợi ý dịch: "người công bình"
nghiến răng
Kẻ ác ghét người công chính đến nỗi nghiến răng để thể hiện sự giận dữ.
Ngày của nó gần kề
"Ngày của nó" ngụ ý là ngày đoán xét. Gợi ý dịch: "ngày đã gần kề khi Đức Giê-hô-va sẽ phán xét và trừng phạt nó" hoặc "ngày đã gần kề khi Đức Giê-hô-va sẽ phán xét và trừng phạt kẻ ác"
Psalms 37:14
Kẻ ác
Chỉ về người gian ác. Gợi ý dịch: "Người gian ác"
đã rút gươm ra ... đã giương cung
"Gươm" và "cung" đều là vũ khí dùng để tấn công người khác. Việc chúng được "rút ra" và "giương" lên có nghĩa là chúng đã sẵn sàng để bắt đầu tấn công. Gợi ý dịch: "đã chuẩn bị vũ khí của mình để tấn công"
Để quăng xuống
Việc giết hại kẻ thiếu thốn được nói như thể họ là bình gốm sẽ vỡ thành từng mảnh khi bị ném xuống đất. Gợi ý dịch: "để tiêu diệt"
Người bị áp bức và kẻ thiếu thốn
Những từ này đều chỉ về người bất lực để bảo vệ chính mình. Gợi ý dịch: "người không thể kháng cự lại chúng"
gươm của chúng sẽ đâm vào lòng chúng
Gươm là ví dụ cho vũ khí và "lòng" tượng trưng cho con người. "Đâm vào lòng" là thành ngữ có nghĩa là "giết". Gợi ý dịch: "Vũ khí của chúng sẽ trở nghịch cùng chúng và giết chúng"
Psalms 37:16
Người công chính tuy ít của cải còn hơn kẻ làm ác mà giàu có
Ở đây, vế thứ hai đối lập với vế thứ nhất. Gợi ý dịch: "Làm người công chính, thậm chí phải nghèo khổ còn hơn gian ác mà giàu có." (Xem: Parallelism)
Người công chính tuy ít của cải còn hơn
"Làm người công chính, thậm chí phải nghèo khổ còn hơn"
Ít
Ở đây chỉ về có ít tài sản.
Người công chính
Ở đây chỉ về người công bình. Gợi ý dịch: "người công bình có"
Dư dật
Ở đây chỉ về sự thịnh vượng của kẻ ác.
Vì cánh tay kẻ ác sẽ bị gãy
"Cánh tay" tượng trưng cho sức mạnh của kẻ ác. Làm cho chúng bị gãy tay nghĩa là cất đi quyền lực của chúng. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Vì Đức Giê-hô-va sẽ loại bỏ sức mạnh của kẻ ác"
Psalms 37:18
Trông nom cho người trọn vẹn
"Trông nom" có nghĩa là bảo vệ ai đó. "Người trọn vẹn" chỉ về người trong sạch. Gợi ý dịch: "bảo vệ người trong sạch"
Ngày qua ngày
"mỗi ngày" hoặc "luôn luôn"
Trong thời gian khó khăn
Ở đây chỉ về những tai họa, chẳng hạn như nạn đói. Gợi ý dịch: "khi tai họa xảy ra" (UDB)
Psalms 37:20
Kẻ thù của Đức Giê-hô-va sẽ như sắc đẹp của đồng cỏ
Tác giả ví sánh kẻ thù của Đức Giê-hô-va như hoa nở trên đồng.
bị thiêu đốt và tiêu tan trong làn khói
Tác giả nói về sự tiêu diệt kẻ ác như thể chúng là cỏ hay hoa tàn héo trên cánh đồng bị đốt cháy sau mùa gặt. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt chúng như lửa, biến cây cỏ trên đồng thành khói bụi"
Rộng rãi và ban cho
Hai từ này có nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh lòng rộng rãi của người công chính.
Psalms 37:22
X
**Những người được Đức Chúa Trời ban phước sẽ thừa hưởng đất;
X
Đây là dạng đối lập của phép song song. Những người được Đức Chúa Trời ban phước trái ngược với những người bị Đức Chúa Trời rủa sả.
Những người được Đức Chúa Trời ban phước
 Những người được Đức Chúa Trời ban phước Có thể dịch thành câu chủ động. Gợi ý dịch: "Những người Đức Chúa Trời ban phước cho"
Sẽ thừa hưởng đất
Sở hữu đất được nói như thể được nhận đất làm cơ nghiệp. Gợi ý dịch: "sẽ được nhận đất làm tài sản" hoặc "sẽ được sống bình an trong xứ". Xem cách đã dịch ở PSA037:008
Những người bị Ngài rủa sả
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "những người Đức Giê-hô-va rủa sả"
sẽ bị chặt bỏ
Sự hủy diệt kẻ ác được nói như thể chúng là một nhánh cây bị chặt xuống và quăng đi. Xem cách đã dịch ở PSA037:008
Bởi Đức Giê-hô-va mà các bước của người được vững chãi ... đáng khen ngợi trong mắt Đức Chúa Trời
Có thể dịch sao cho thể hiện được mạch lô-gíc và làm rõ vế bị động. Gợi ý dịch: "Nếu một người sống trong đường lối đáng khen ngợi trước mặt Đức Giê-hô-va thì Đức Giê-hô-va sẽ làm vững chãi các bước của người ấy"
Bởi Đức Giê-hô-va mà các bước của người được vững chãi
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va là Đấng làm cho một người được thành công"
Người ... người ấy
Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào nhưng chỉ về con người nói chung.
các bước của người
Các bước chỉ về lối sống. Gợi ý dịch: "lối sống của người"
Dù người vấp chân cũng không té ngã
"Vấp chân" và "té ngã" là phản ứng của một người trước giai

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đoạn khó khăn.
Gợi ý dịch: "Dù người gặp thời kỳ khó khăn thì cũng không thất bại hoàn toàn"
lấy tay Ngài nâng đỡ người
Ở đây "tay Ngài" chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va và "nâng đỡ người" chỉ về việc bảo vệ người. Gợi ý dịch: "lấy quyền năng bảo vệ người"
Psalms 37:25
Người công chính bị bỏ
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va từ bỏ người công chính"
Người công chính
Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào. Đây là lời tuyên bố chung.
Xin bánh
"Bánh" ở đây chỉ về thức ăn nói chung. Gợi ý dịch: xin ăn"
Cả ngày người
Tức là hành động này là một thói quen trong đời sống. Gợi ý dịch: "Người luôn
con cháu người trở thành nguồn phước
"con cháu người lớn lên chúc phước cho người khác"
Xoay bỏ
Ngừng làm việc gì đó được ví như một người xoay bỏ khỏi việc đó. Gợi ý dịch: "Ngừng làm"
Psalms 37:28
Họ được gìn giữ đời đời
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ họ đời đời"
Sẽ bị chặt bỏ
Sự hủy diệt kẻ ác được nói như thể chúng là một nhánh cây bị chặt bỏ và ném đi. Xem cách đã dịch ở PSA037:008
Người công chính
Chỉ về người công bình. Gợi ý dịch: "người công bình"
Sẽ thừa hưởng đất
Sở hữu đất được nói như thể được nhận đất làm cơ nghiệp. Gợi ý dịch: "sẽ nhận đất làm tài sản của riêng họ" hoặc "sẽ sống an toàn trong đất". Xem cách đã dịch ở PSA037:008
Miệng của người công chính
"Miệng" ở đây chỉ về chính người nói. Gợi ý dịch: "Người công bình"
nói lời khôn ngoan
Danh từ trừu tượng "lời khôn ngoan" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "đưa ra lời khuyên khôn ngoan cho người khác"
Gia tăng sự công chính
Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "khích lệ người khác sống công chính"
Psalms 37:31
Luật pháp của Đức Chúa Trời ở trong lòng người
"Trong lòng người" chỉ về con người sâu thẳm bên trong. Gợi ý dịch: "Lòng người quý trọng các mạng lệnh của Đức Chúa Trời"
Chân người sẽ không trượt ngã
Ở đây thất bại trong việc vâng lời Đức Giê-hô-va được gọi là trượt khỏi đường an toàn và ngã xuống. Gợi ý dịch: "Người sẽ bước đi an toàn trong đường lối Đức Chúa Trời muốn" hoặc "người sẽ được bình yên làm những điều Đức Chúa Trời muốn"
Kẻ ác ... người công chính ... người gian ác
Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà nói đến những loại người nói chung.
rình rập người công chính
Rình rập ở đây ngụ ý là quan sát người công chính để hãm hại họ. Gợi ý dịch: "chờ đợi để phục kích người công chính"
Tay kẻ ác
Ở đây "tay" chỉ về quyền lực và sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "quyền lực của kẻ ác"
Khi người bị đoán xét
Ở đây đang chỉ về Đức Giê-hô-va phán xét người công chính. Gợi ý dịch: "Khi Đức Giê-hô-va phán xét người"
Psalms 37:34
Ngài sẽ nâng ngươi lên để hưởng được đất
"Nâng ngươi lên" chỉ về việc Đức Chúa Trời ban vinh hiển cho người trông đợi Ngài. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cho ngươi được vinh dự khi ban đất cho ngươi"
kẻ ác
Chỉ về người gian ác. Gợi ý dịch: "người gian ác"
Bị chặt bỏ
Sự hủy diệt kẻ ác được nói như thể chúng là một nhánh cây bị chặt bỏ và ném đi. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở PSA037:008
Psalms 37:35
Kẻ ác và người đáng sợ
Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà là một lời khẳng định tổng quát.
Lan ra như cây xanh trên đất nhà
Ở đây sự thịnh vượng của kẻ ác được nói như thể hắn là một cái cây xanh tươi phát triển trên đất tốt.
Hắn chẳng còn được tìm thấy
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Tôi chẳng thể tìm thấy hắn" hoặc "Đức Giê-hô-va đã cất hắn đi"
Psalms 37:37
người ngay thẳng
Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà là một lời khẳng định tổng quát.
Chú ý đến người ngay thẳng
"cẩn thận quan sát người lương thiện" hoặc "chú ý đến người lương thiện"
Tương lai kẻ ác sẽ bị tiêu diệt
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ kết thúc dòng dõi của hắn" hoặc "hắn sẽ chẳng có hậu tự".
Tương lai
Chỉ về dòng dõi của hắn. Gợi ý dịch: "dòng dõi của hắn"
Kẻ ác
Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà là một lời khẳng định tổng quát.
Bị chặt bỏ
Sự hủy diệt kẻ ác được nói như thể chúng là một nhánh cây bị chặt bỏ và ném đi. Xem cách đã dịch ở PSA037:008
Psalms 37:39
Sự cứu rỗi của người công chính đến từ Đức Giê-hô-va
Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giải cứu người công chính"
người công chính
Ở đây chỉ về người công bình. Gợi ý dịch: "người công bình"
Giúp đỡ ... giải thoát ... cứu rỗi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ý này được lặp lại bằng nhiều cách khác nhau để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va là thành tín và có thể ban sự giúp đỡ.

Họ nương náu nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "họ đến cùng Ngài để được bảo vệ"

Translation Questions

Psalms 37:1

Tại sao Đa-vít nói không nên tức giận bởi vì kẻ bất lương?

Ông nói không nên tức giận vì kẻ bất lương bởi vì chúng sẽ sớm cằn cỗi như cỏ và héo úa như cây xanh.

Psalms 37:2

Tại sao Đa-vít nói không nên tức giận bởi vì kẻ bất lương?

Ông nói không nên tức giận vì kẻ bất lương bởi vì chúng sẽ sớm cằn cỗi như cỏ và héo úa như cây xanh.

Psalms 37:4

Đa-vít nói tại sao phải vui sướng trong Đức Giê-hô-va?

Ông nói phải vui sướng trong Đức Giê-hô-va vì Ngài sẽ ban cho điều lòng mình ao ước.

Psalms 37:5

Đa-vít nói tại sao phải tin cậy Đức Giê-hô-va?

Ông nói hãy tin cậy Đức Giê-hô-va thì Ngài sẽ làm điều ta nhân danh, tỏ công bình của ta như ánh nắng ban ngày, và sự trong sạch của ta như ban trưa.

Psalms 37:6

Đa-vít nói tại sao phải tin cậy Đức Giê-hô-va?

Ông nói hãy tin cậy Đức Giê-hô-va thì Ngài sẽ làm điều ta nhân danh, tỏ công bình của ta như ánh nắng ban ngày, và sự trong sạch của ta như ban trưa.

Psalms 37:7

Đa-vít nói chúng ta phải làm gì trước Đức Giê-hô-va?

Ông nói phải yên tĩnh trước Ngài và kiên nhẫn chờ đợi Ngài, đừng lo lắm nếu có ai cố gắng làm theo những đường ác của họ để đạt thành công.

Psalms 37:8

Tại sao Đa-vít nói đừng nổi giận và nản lòng hay lo lắng về những kẻ làm điều ác?

Chúng sẽ bị cắt bỏ và biến mất, nhưng những người chờ đợi Dức Giê-hô-va sẽ hưởng được đất.

Psalms 37:10

Tại sao Đa-vít nói đừng nổi giận và nản lòng hay lo lắng về những kẻ làm điều ác?

Chúng sẽ bị cắt bỏ và biến mất, nhưng những người chờ đợi Dức Giê-hô-va sẽ hưởng được đất.

Psalms 37:11

Điều gì xảy ra với người nhu mì?

Họ sẽ hưởng được đất và vui sướng ở trong sự thạnh vượng lớn.

Psalms 37:14

Điều gì xảy ra với kẻ ác là kẻ cố giết người chính trực?

Gươm kiếm của kẻ ác sẽ đâm vào tim của chính nó và cung của chúng sẽ bị vỡ nát.

Psalms 37:15

Điều gì xảy ra với kẻ ác là kẻ cố giết người chính trực?

Gươm kiếm của kẻ ác sẽ đâm vào tim của chính nó và cung của chúng sẽ bị vỡ nát.

Psalms 37:16

Tại sao điều ít ỏi của người chính trực lại tốt hơn sự thừa thãi của những kẻ ác?

Điều ít ỏi mà người chính trực có thì tốt hơn bởi vì cánh tay của kẻ ác sẽ bị gãy, nhưng Đức Giê-hô-va sẽ nâng đỡ người chính trực.

Psalms 37:17

Tại sao điều ít ỏi của người chính trực lại tốt hơn sự thừa thãi của những kẻ ác?

Điều ít ỏi mà người chính trực có thì tốt hơn bởi vì cánh tay của kẻ ác sẽ bị gãy, nhưng Đức Giê-hô-va sẽ nâng đỡ người chính trực.

Psalms 37:18

Đức Giê-hô-va sẽ lo liệu cho người vô tội thế nào?

Người vô tội sẽ không hổ thẹn khi gặp thời xấu, họ sẽ có đủ ăn, và tài sản của họ sẽ còn mãi mãi.

Psalms 37:19

Đức Giê-hô-va sẽ lo liệu cho người vô tội thế nào?

Người vô tội sẽ không hổ thẹn khi gặp thời xấu, họ sẽ có đủ ăn, và tài sản của họ sẽ còn mãi mãi.

Psalms 37:20

Điều gì sẽ xảy ra cho kẻ thù của Đức Giê-hô-va?

Kẻ thù của Ngài sẽ như vẻ rực rỡ của đồng cỏ, nhưng sẽ bị thiêu đốt và biến mất như khói.

Psalms 37:23

Lợi ích của việc Đức Giê-hô-va làm cho vững bền các bước đi của một người là gì?

Dù cho người đó sẫy chân, người đó cũng không ngã xuống vì Đức Giê-hô-va đang giữ người đó trong tay Ngài.

Psalms 37:24

Lợi ích của việc Đức Giê-hô-va làm cho vững bền các bước đi của một người là gì?

Dù cho người đó sẫy chân, người đó cũng không ngã xuống vì Đức Giê-hô-va đang giữ người đó trong tay Ngài.

Psalms 37:25

Đa-vít đã không nhìn thấy điều gì xảy ra với người chính trực?

Ông đã không thấy người chính trực bị ruồng bỏ hoặc con của họ đi xin ăn.

Psalms 37:26

Người chính trực làm thế nào?

Người đó có lòng tốt suốt cả ngày và hay cho mượn.

Psalms 37:27

Người ta phải làm gì để an toàn mãi mãi?

Họ phải quay đi khỏi cái ác và làm điều thiện.

Psalms 37:29

Người chính trực sẽ hưởng điều gì?

Họ sẽ nhận được đất và sống ở đó mãi mãi.

Psalms 37:30

Miệng của người liêm chính nói gì?

Miệng của người liêm chính nói điều khôn ngoan và thêm lên sự công bằng.

Psalms 37:32

Điều gì xảy ra với người chính trực là người mà kẻ ác tìm giết?

Đức Giê-hô-va không bỏ người đó vào tay của kẻ ác hoặc không kết tội người đó khi người đó bị xét xử.

Psalms 37:33

Điều gì xảy ra với người chính trực là người mà kẻ ác tìm giết?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va không bỏ người đó vào tay của kẻ ác hoặc không kết tội người đó khi người đó bị xét xử.
Psalms 37:34
Điều gì xảy ra cho những người chờ đợi Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va sẽ nâng họ lên để hưởng đất.
Psalms 37:35
Điều gì xảy ra với kẻ ác và kẻ đáng sợ?
Nó sẽ trãi ra như cỏ xanh trong đất nó mọc, nhưng sau đó nó sẽ không được thấy.
Psalms 37:36
Điều gì xảy ra với kẻ ác và kẻ đáng sợ?
Nó sẽ trãi ra như cỏ xanh trong đất nó mọc, nhưng sau đó nó sẽ không được thấy.
Psalms 37:39
Đức Giê-hô-va làm gì cho người liêm chính?
Đức Giê-hô-va bảo vệ họ trong lúc khó khăn, giúp đỡ và giải cứu họ.
Psalms 37:40
Đức Giê-hô-va làm gì cho người liêm chính?
Đức Giê-hô-va bảo vệ họ trong lúc khó khăn, giúp đỡ và giải cứu họ.

Chapter 38
Psalms 38:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Xin chớ quở trách con trong cơn nóng giận Chúa ... xin đừng trừng phạt con trong cơn thạnh nộ của Ngài
Những vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được lặp lại để nhấn mạnh.
các mũi tên của Chúa găm vào con
Sự trừng phạt nặng nề của Đức Giê-hô-va cho tác giả được nói như thể Đức Giê-hô-va bắn tên vào ông. Gợi ý dịch: "Sự trừng phạt của Chúa thật đau đớn như thể Ngài bắn tên vào con"
tay Chúa đè con xuống
Sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va dành cho tác giả được nói như thể Ngài lấy tay đánh vào tác giả. Ở đây, "tay" chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "quyền năng của Chúa hạ gục con"
Psalms 38:3
Thông Tin Tổng Quát:
Đa-vít tiếp tục mô tả tội lỗi và sự hổ thẹn đã làm gì trên thân thể ông. Ông dùng phép nói quá để nhấn mạnh những ảnh hưởng của sự trừng phạt này.
Xương cốt con không được lành mạnh vì tội lỗi con
"Xương cốt" ở đây tượng trưng cho thân thể của tác giả. Gợi ý dịch: "cả người con đau bệnh vì tội lỗi con"
Tội lỗi con tràn ngập con
Tội lỗi của tác giả được ví như nước lụt bao phủ ông. Gợi ý dịch: "tội lỗi con bao phủ con như nước lụt"
Chúng là gánh nặng quá lớn cho con
Tội lỗi của tác giả được ví như một gánh nặng mà ông không thể nhấc lên nỗi. Gợi ý dịch: "chúng như gánh nặng quá lớn cho con"
Psalms 38:5
Thông Tin Tổng Quát:
Đa-vít tiếp tục mô tả tội lỗi và sự hổ thẹn đã làm gì trên thân thể ông. Ông dùng phép nói quá để nhấn mạnh những ảnh hưởng của sự trừng phạt này.
Các vết thương của con lở loét và hôi thối
"Hôi thối" tức là vết thương của ông có mùi hôi vì thịt bị thối rữa. Gợi ý dịch: "Các vết thương của con lở loét và bốc mùi vì thối rữa"
Con cúi xuống
Sự đau đớn từ vết thương của tác giả khiến ông phải khom xuống như người già, yếu ớt. Gợi ý dịch: "Con khom người trong đau đớn"
Psalms 38:7
Con bùng cháy
Tác giả sốt nặng đến nỗi người ông như bốc hỏa bên trong. Gợi ý dịch: "Người con bốc hỏa vì cơn sốt"
thịt da con chẳng có chỗ lành
"Thịt da con" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "Con đau ốm hoàn toàn"
Hoàn hoàn bị đè bẹp
Tác giả bệnh quá nặng đến nỗi nó như một sức nặng lớn đè trên tác giả.
Khốn khổ trong lòng con
"Lòng con" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "nỗi khốn khổ của con"
Psalms 38:9
Những ước ao sâu thẳm của lòng con
"Lòng con" chỉ về tác giả. Có thể cần nói rõ tác giả ước ao có sức khỏe tốt. Gợi ý dịch: "Ao ước mãnh liệt nhất của con" hoặc "con ao ước Chúa chữa lành con"
Tiếng thở than của con chẳng giấu được Ngài
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa có thể thấy mọi tiếng thở than buồn rầu của con"
Tim con đập dồn
Có nghĩa là tim ông đập dữ dội. Gợi ý dịch: "Tim con đập mạnh"
Sức con suy tàn
"Con trở nên yếu ớt"
Thị lực con mờ đi
"Con không còn thấy rõ nữa"
Psalms 38:11
gài bẫy con
Âm mưu của kẻ thù tác giả được nói như thể chúng là bẫy giăng ra để bắt lấy ông như bắt một con thú. Gợi ý dịch: "giăng bẫy bắt con"
Nói lời hủy diệt và điều dối trá
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh bản chất gây tổn hại của điều những người này nói ra.
Psalms 38:13
con như kẻ điếc ... không nghe ... chẳng nghe thấy
Những dòng đầu của câu 13 và 14 dùng phép so sánh để thể hiện cùng một hình ảnh của người điếc. Tác giả bệnh nặng đến nỗi không thể nghe được.
Con như người câm ... không nói gì ... chẳng đối đáp
Dòng thứ hai của câu 13 và 14 dùng một phép só sánh để thể hiện hình ảnh người câm. Tác giả bệnh nặng đến nỗi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ông không thể nói.

Người câm

Người không thể nói

Psalms 38:15

Chúa sẽ đáp lời

Có thể là 1) "Chúa sẽ đáp lời con" hoặc 2) "Chúa sẽ trả lời kẻ thù của con".

Sẽ không hả hể vì con

"sẽ không mừng rỡ trên hoạn nạn con"

Nếu chân con trượt ngã

"Chân con" chỉ về tác giả. Vấp chân là phép ẩn dụ chỉ về hoạn nạn và sự bất hạnh của tác giả. Gợi ý dịch: "Nếu con phạm lầm lỗi khiến con gặp hoạn nạn"

Psalms 38:17

Con sắp sa ngã

Phép ẩn dụ này có thể mang ý nghĩa là 1) "Con bệnh nặng đến nỗi sắp chết" hoặc 2) "Con sẽ sớm bị hủy hoại". Tốt nhất đừng giải thích phép ẩn dụ trong bản văn.

Con đau đớn triền miên

"Con luôn ở trong nỗi đau đớn"

Psalms 38:19

Nhưng kẻ thù của con đông đảo ... nhiều

Cả hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau.

Chúng lấy dữ trả lành

Những việc làm của kẻ thù tác giả được nói như một giao dịch tài chính, trong đó chúng đưa cho ông điều ác để đổi lấy điều lành. Danh từ trừu tượng "dữ" và "lành" có thể được dịch thành những việc làm. Gợi ý dịch: chúng cho tôi việc xấu để đổi lấy việc tốt của tôi

Ném lời buộc tội con

Cách kẻ thù của tác giả buộc tội ông được nói như thể chúng ném lời buộc tội vào ông như ném đá.

theo đuổi điều lành

Tác giả mong ước điều lành được ví như ông đang chạy đuổi theo nó.

Psalms 38:21

Xin chớ từ bỏ con ... xin đừng cách xa con

Hai câu này có nghĩa tương tự nhau.

xin đừng cách xa con

Vì Đức Giê-hô-va chưa đáp lời tác giả nên ông thưa cùng Đức Giê-hô-va như thể Ngài đứng cách xa ông.

Xin mau đến cứu giúp con

Câu này nói như thể Đức Chúa Trời chạy đến cùng tác giả để giúp đỡ ông.

sự cứu rỗi của con

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Chúa là Đấng cứu rỗi con"

Translation Questions

Psalms 38:1

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va không làm gì trong cơn giận của Ngài?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va đừng quở phạt ông trong lúc Ngài giận, hay trừng phạt trong lúc Ngài nổi nóng.

Psalms 38:3

Tại sao Đa-vít nói, "Không có sức khỏe cho xương cốt tôi?"

Ông nói không có sức khỏe cho xương cốt ông vì cớ ông phạm tội.

Psalms 38:4

Điều gì đã tràn ngập Đa-vít?

Tội lỗi của ông đã tràn ngập ông.

Psalms 38:6

Đa-vít làm gì suốt ngày dài?

Ông trở nên đau buồn suốt ngày dài.

Psalms 38:7

Đa-vít thắng được điều gì?

ông thắng được sự nhục nhã.

Psalms 38:9

What does David say the Lord understands? Đa-vít nói điều gì Chúa hiểu?

He says the Lord understands his heart's deepest yearnings.

Ông nói Chúa hiểu những khát khao sâu kín trong lòng ông.

Psalms 38:11

Tại sao bạn của Đa-vít và ông quen đều tránh xa ông?

Bạn và người quen đều tránh xa ông bởi vì tình trạng của ông.

Psalms 38:16

Đa-vít sợ kẻ thù của ông sẽ làm gì nếu chân ông trượt?

Nếu chân của ông trượt, kẻ thù của ông sẽ làm những điều khủng khiếp với ông.

Psalms 38:20

Kẻ thù của ông hoàn trả những điều tốt ông đã làm thế nào?

Họ sẽ hoàn trả điều ác thay vì điều tốt và họ ném sự buộc tội với ông.

Psalms 38:21

Những danh nào mà Đa-vít dùng khi ông cầu xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ?

Ông gọi Ngài là, "Đức Giê-hô-va", "Chúa", "Đức Chúa Trời", và "Đấng giải cứu."

Psalms 38:22

Những danh nào mà Đa-vít dùng khi ông cầu xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ?

Ông gọi Ngài là, "Đức Giê-hô-va", "Chúa", "Đức Chúa Trời", và "Đấng giải cứu."

Chapter 39

Psalms 39:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng,"

Giê-đu-thun

Một trong các nhạc trưởng của Đa-vít có tên gọi này. Có thể ở đây đang chỉ về người đó.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Con sẽ trông chừng điều con nói

"Trông chừng" ở đây là một thành ngữ có nghĩa là "để ý đến". Gợi ý dịch: "Con sẽ để ý đến điều con nói"

Để con không phạm tội bởi lưỡi mình

"Lưỡi" ở đây chỉ về lời nói của tác giả. Gợi ý dịch: "để con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không nói lời phạm thượng đến Đức Giê-hô-va"

khớp miệng lại

"Khớp miệng" có nghĩa là giữ miệng đóng chặt. Ở đây Đa-vít muốn nói là ông sẽ không nói khi đang ở với người gian ác.

Psalms 39:2

Con giữ im lặng, con giữ lời mình

Hai vế này có nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng tác giả không nói một lời nào. Gợi ý dịch: "Con hoàn toàn im lặng"

Con giữ lời mình

"Lời" chỉ về lời nói của tác giả. Gợi ý dịch: "Con chẳng nói"

Lòng con nóng nảy ... nó bùng cháy như lửa

"Lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Những suy nghĩ khắc khoải của tác giả được ví như một ngọn lửa bùng cháy trong ông. Gợi ý dịch: "Con rất lo lắng khi nghĩ về những điều này"

Psalms 39:4

sự cuối cùng của đời con ... số các ngày con

Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau.

Xin cho con biết đời mình mỏng manh dường bao

"Xin cho con biết đời mình ngắn ngủi dường nào" hoặc "Xin cho con biết con sẽ chết sớm dường nào"

Chỉ bằng gang tay

Tác giả nói như thể tuổi thọ của ông có thể được đo bằng gang tay. Gợi ý dịch: "chỉ một thời gian ngắn ngủi"

Đời con như chẳng là gì trước mặt Ngài

Phép so sánh này cho thấy độ dài cuộc đời của tác giả quá ngắn ngủi đến nỗi nó chẳng hề tồn tại. Đây là phép nói quá để nhấn mạnh nó ngắn ngủi dường nào. Gợi ý dịch: "Tuổi thọ con chẳng là bao"

Phải, mỗi người chỉ là một hơi thở

Sự ngắn ngủi của cuộc đời được ví như thể chỉ bằng thời gian người ta thở một hơi thở. Gợi ý dịch: "Thời gian con người sống ngắn ngủi chỉ như một hơi thở."

Psalms 39:6

Thật mỗi người bước đi như cái bóng

Đời người được nói như thể vô nghĩa như cái bóng. Gợi ý dịch: "Mỗi người đều biến mất như cái bóng"

Dù họ không biết ai sẽ thâu lấy chúng

Ở đây ngụ ý rằng họ không biết điều gì sẽ xảy ra với của cải của họ sau khi họ qua đời. Có thể nói rõ ý của cả câu.

Lạy Chúa, bây giờ con trông mong gì?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng con người không thể giúp được ông. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, bây giờ con không mong nhận được gì từ bất kì ai khác."

Psalms 39:8

Con im lặng ... chẳng thể mở miệng ra

Hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau.

Vì chính Chúa đã làm điều ấy

"vì sự trừng phạt của con đến từ Chúa"

Psalms 39:10

Xin ngừng gây thương tích cho con

Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời trên tác giả được nói như thể Ngài đang dùng vũ khí để gây thương tích cho ông. Gợi ý dịch: "xin đừng trừng phạt con nữa!"

Con bị chôn vùi

"Con hoàn toàn bị hạ gục"

Cú đấm của tay Ngài

Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời trên tác giả được nói như thể Đức Chúa Trời dùng nắm đấm mà đánh ông. "Tay" ở đây tượng trưng cho sự phán xét của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "sự phán xét của Chúa trên con"

Tiêu hủy những điều chúng ao ước như mối mọt

Đức Chúa Trời sẽ cất đi những thứ chúng quý trọng như mối mọt ăn quần áo. Gợi ý dịch: "tiêu hủy những thứ chúng ao ước như mối mọt ăn quần áo"

Hết thảy loài người chẳng là gì, chỉ như hơi nước

Tác giả nói về sự mỏng manh của con người như thể họ là sương mù chóng tan. Gợi ý dịch: "hết thảy loài người đều mỏng manh"

Psalms 39:12

Xin lắng nghe lời cầu nguyện con ... nghe con ... nghe tiếng than khóc con

Ba cụm này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm thể hiện tác giả mong muốn Đức Chúa Trời đáp lời ông mãnh liệt thế nào.

Xin đừng làm ngơ con

Tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va không đáp ứng với ông như thể Đức Giê-hô-va bị điếc. Gợi ý dịch: "Xin đừng phớt lờ con như thể Ngài không thể nghe thấy con"

Con như người xa lạ với Chúa, một kẻ tị nạn

Tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va không đáp ứng với ông như thể Đức Giê-hô-va xem ông hoàn toàn là người xa lạ với Ngài. Gợi ý dịch: "Con giống như một người hoàn toàn xa lạ với Chúa"

Xin quay ánh mắt nghiêm khắc của Ngài khỏi con

"Ánh mắt nghiêm khắc của Ngài" tượng trưng cho sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Xin ngừng trừng phạt con"

Để con có thể mỉm cười trở lại

Ở đây "mỉm cười" gắn liền với hạnh phúc. Gợi ý dịch: "để con có thể vui vẻ trở lại"

Translation Questions

Psalms 39:1

Đa-vít quyết định ông sẽ làm gì?

Đa-vít quyết định để ý những gì ông nói và ông dùng bịt miệng khi ở trước kẻ ác.

Psalms 39:2

Điều gì xảy ra khi Đa-vít giữ im lặng và giữ lại những lời khỏi vì việc nói điều lành?

Nỗi đau của Đa-vít càng tệ và lòng của ông trở nên nóng như lửa.

Psalms 39:3

Điều gì xảy ra khi Đa-vít giữ im lặng và giữ lại những lời khỏi vì việc nói điều lành?

Nỗi đau của Đa-vít càng tệ và lòng của ông trở nên nóng như lửa.

Psalms 39:4

Đa-vít muốn biết điều gì về sự sống của ông?

Đa-vít muốn biết lúc nào sự sống của ông sẽ xong, khoảng cách những ngày của ông, và thoáng qua như thể nào.

Psalms 39:5

Đa-vít nói sự sống của ông như điều gì trước Chúa?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cuộc đời của Đa-vít không là gì trước Đức Giê-hô-va.
Psalms 39:6
Mọi người vội vã để làm gì?
Mọi người vội vã để tích lũy của cải.
Psalms 39:7
Điều hi vọng duy nhất của Đa-vít là gì?
Chúa là điều hi vọng duy nhất của Đa-vít.
Psalms 39:8
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho ông chiến thắng điều gì?
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho ông chiến thắng trên mọi tội lỗi của ông.
Đa-vít không muốn trở thành đối tượng của điều gì?
Đa-vít không muốn thành đối tượng của những lời lăng mạ cho kẻ ngu dại.
Psalms 39:9
Đa-vít đáp lại thế nào về những điều Chúa đã làm?
Đa-vít im lặng và không mở miệng.
Psalms 39:10
Đa-vít bị dồn dập bởi điều gì?
Đa-vít bị dồn bởi đòn roi của tay Chúa.
Psalms 39:11
Điều gì xảy ra khi Chúa trừng phạt loài người vì tội lỗi?
Chúa làm hao mòn sức của họ như sâu bướm và họ chỉ còn là hơi nước.
Psalms 39:12
Tại sao Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va lắng nghe tiếng ông khóc và đừng làm thinh với ông?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va lắng nghe bởi vì Đa-vít chỉ là người lạ với Ngài và kẻ lánh nạn như tất cả tổ phụ của ông.
Psalms 39:13
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì trước khi Đa-vít chết?
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va đừng nhìn chằm chằm ông để ông có thể tươi cười trở lại.

Chapter 40
Psalms 40:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Tôi kiên nhẫn trông đợi Đức Giê-hô-va
Ở đây có nghĩa là tác giả trông đợi Đức Giê-hô-va giúp đỡ ông.
Ngài lắng nghe tôi ... nghe tiếng kêu cầu tôi
Hai vế này có nghĩa như nhau, có thể gọp lại thành một. Gợi ý dịch: "Ngài lắng nghe tôi khi tôi kêu cầu cùng Ngài"
lên khỏi hầm kinh hãi, khỏi vũng bùn lầy
Hai phép ẩn dụ này có ý nghĩa như nhau. Cơn hiểm nguy của tác giả được ví như một cái hầm chết người đầy bùn lầy, nhằm nhấn mạnh sự nguy hiểm. Gợi ý dịch: "khỏi bị mắc bẫy vào hầm kinh hãi đầy bùn lầy"
Ngài đặt chân tôi trên vầng đá
"Chân tôi" chỉ về tác giả, và "vầng đá" chỉ về một nơi an toàn. Gợi ý dịch: "Ngài ban sự an ninh cho tôi"
Psalms 40:3
Ngài đặt nơi miệng tôi một bài ca mới
Có thể là 1) "Ngài dạy tôi lời bài hát mới" hoặc 2) "Ngài cho con lí do mới để hát khen".
nơi miệng tôi
"Miệng tôi" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "nơi tôi"
sự ca ngợi Đức Chúa Trời chúng ta
Danh từ "sự ca ngợi" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "một bài hát ca ngợi Đức Chúa Trời chúng ta"
Nhiều người sẽ thấy điều đó
"Thấy điều đó" chỉ về việc nghe thấy tác giả hát về những điều Đức Chúa Trời đã làm cho ông.
Gợi ý dịch: "Nhiều người sẽ nghe tôi nói về những việc Đức Giê-hô-va đã làm"
Phước cho người nào lấy Đức Giê-hô-va làm sự trông cậy mình
"Phước cho người nào tin cậy nơi Đức Giê-hô-va" hoặc "Những ai tin cậy Đức Giê-hô-va thật có phước"
kẻ kiêu ngạo
Chỉ về những người kiêu ngạo.
bọn dối trá
Từ này ở tiếng Hê-bơ-rơ không rõ nghĩa. Có thể là 1) "những lời dối trá" hoặc 2) "các tà thần" (UDB).
Psalms 40:5
những tư tưởng của Chúa đối với chúng con không thể đếm hết
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không ai có thể đếm hết mọi điều Chúa suy tưởng về chúng con"
không thể đếm hết ... quá nhiều để có thể đếm hết được
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau. Vế thứ nhất ở dạng phủ định, vế thứ hai ở dạng khẳng định.
Chúa không vui thích về lễ vật hay sinh tế
Đây là cách nói quá để cho thấy chúng không phải là điều quan trọng nhất đối với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Sinh tế hay các lễ vật khác không phải là điều khiến Chúa vui thích nhất"
đã mở tai con
"Tai" ở đây chỉ về khả năng nghe. Gợi ý dịch: "Chúa đã cho con có thể nghe được các mạng lệnh Chúa"
Chúa không đòi tế lễ thiêu hay tế lễ chuộc tội
Đây là cách nói quá để cho thấy chúng không phải là điều quan trọng nhất đối với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "con sinh thiêu trên bàn thờ và các của dâng khác để chuộc tội không phải là điều Chúa đòi hỏi trên hết"
Psalms 40:7
Cuộn sách
Chỉ về cuộn giấy chép lời của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "cuộn văn bản"
Luật pháp Chúa ở trong lòng con
"Lòng con" ở đây chỉ về con người bên trong của tác giả. Gợi ý dịch: "Con luôn suy nghĩ về luật pháp Chúa trong thâm tâm mình"
Con đã rao truyền tin vui về sự công chính của Ngài giữa hội chúng đông đảo
"Con đã nói cho một hội chúng đông đảo tin vui về sự công chính của Ngài".
tin vui về sự công chính của Ngài
Chỉ về tin vui Đức Chúa Trời giải cứu con dân Ngài. Gợi ý

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch: "Tin vui rằng vì Ngài là Đấng công chính nên Ngài giải cứu con dân Ngài". (

Môi con không kìm giữ được việc ấy

"Môi con" chỉ về lời nói của tác giả. Gợi ý dịch: "Con không thể ngăn mình không rao truyền những điều này"

Psalms 40:10

Con chẳng giấu sự công chính của Chúa trong lòng con

"Con không giữ sự công bình Chúa làm bí mật". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Con đã nói rõ cho mọi người biết sự công chính của Chúa"

trong lòng con

Chỉ về con người bên trong của tác giả.

Con không giấu sự thành tín trong giao ước của Chúa hay sự tín nghĩa của Ngài với hội chúng đông đảo

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Con đã nói với mọi người trong hội chúng đông đảo về sự thành tín trong giao ước của Chúa hay sự tín nghĩa của Ngài"

sự thành tín trong giao ước của Chúa

Danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Chúa đã thành tín giữ lời hứa Ngài thể nào"

sự tín nghĩa của Ngài

Danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Chúa đáng tin cậy thể nào"

Nguyện sự thành tín trong giao ước và sự tín nghĩa của Ngài gìn giữ con luôn luôn

Ở đây nói như thể "sự thành tín" và "sự tín nghĩa" là những con người có thể bảo vệ tác giả. Gợi ý dịch: "Con mong ước sự thành tín trong giao ước Chúa và sự tín nghĩa của Ngài luôn được bảo tồn"

Psalms 40:12

Số tai họa vây quanh con không thể đếm hết

Tai họa được ví như những vật thể vây quanh, giăng bẫy tác giả. Gợi ý dịch: "quá nhiều tai họa vây quanh con, con không thể đếm nỗi" hoặc "số tai họa đến với con nhiều quá không đếm được"

Không thể đếm hết

Câu này được dịch ở dạng phủ định để nhấn mạnh số lượng. Xem cách đã dịch ở PSA040:005

Những tội ác con

Ở đây chỉ về những hậu quả tội lỗi của ông. Gợi ý dịch: "những hậu quả của tội ác con"

đã theo kịp con

Tội ác của tác giả được ví như chúng là kẻ thù đang làm hại ông.

Con không còn nhìn thấy gì cả

Các bản khác nhau dịch khác nhau tùy theo cách nhận định phân đoạn khó hiểu này. Có thể là tác giả khóc quá nhiều đến nỗi không thể nhìn thấy gì vì đầy nước mắt.

Lòng con khiến con sờn ngã

"Lòng" ở đây chỉ về sự tin chắc bên trong tác giả. Gợi ý dịch: "Con vô cùng nao sờn" (UDB)

Psalms 40:14

Xin cho chúng ... là những kẻ tìm hại mạng sống con

Câu này có thể được sắp xếp lại và dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin khiến những kẻ tìm giết con phải trở nên hổ thẹn và thất vọng"

là những kẻ tìm hại mạng sống con

"Tìm hại mạng sống con" có nghĩa là chúng mong muốn giết được tác giả. Gợi ý dịch: "là những kẻ tìm cách giết con"

Xin cho chúng ... những kẻ vui thích làm hại con

Câu này có thể được sắp xếp lại và dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin ngăn chặn những kẻ vui thích làm hại con và khiến chúng bị sỉ nhục".

Quay lưng

Bị ngừng lại hay bị ngăn cản được nói như thể quay lưng khỏi sự tấn công của họ. Gợi ý dịch: "ngừng lại"

Xin cho chúng ... những kẻ nói với con "ha, ha!"

"Xin cho những kẻ nói với con "ha, ha!" phải bị hoảng hốt vì sự hổ thẹn của chúng"

Xin khiến chúng hoảng hốt vì sự hổ thẹn của chúng

"Con trông chờ chúng bị hoảng hốt khi Chúa làm chúng phải hổ thẹn"

những kẻ nói với con "ha, ha!"

Người ta nói "ha, ha!" để chế giễu ai đó. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách nói khác để chễ giễu người khác thì có thể sử dụng ở đây. Cũng có thể dịch thành động từ như "chế giễu".

Psalms 40:16

Vui mừng và hân hoan

Hai từ này có nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh mức độ vui mừng. Gợi ý dịch: "vô cùng hân hoan"

yêu mến sự cứu rỗi của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "yêu Chúa vì Chúa đã cứu họ"

nghèo khổ và khốn đốn

Những từ này có nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh tác giả tuyệt vọng thể nào. Gợi ý dịch: "rất khốn đốn"

Chúa nghĩ đến con

"Chúa quan tâm đến con"

Chúa là sự giúp đỡ con ... Chúa đến giải cứu con

Hai vế này có nghĩa như nhau.

Chúa là sự giúp đỡ con

" Chúa là Đấng giúp đỡ con"

Chúa đến giải cứu con

"Chúa đến để cứu con"

Xin đừng trì hoãn

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "xin hãy mau chóng"

Translation Questions

Psalms 40:1

Đức Giê-hô-va làm gì sau khi Đa-vít kiên nhẫn chờ Ngài?

Đức Giê-hô-va lắng nghe Đa-vít và nghe tiếng ông khóc.

Psalms 40:2

Đức Giê-hô-va làm gì khác cho Đa-vít?

Đức Giê-hô-va đem Đa-vít ra khỏi hố khủng khiếp, ra khỏi bùn lầy bẩn thỉu, và đặt chân ông trên vầng đá.

Psalms 40:3

Điều gì nhiều người làm vì Chúa đã đặt một bài ca ngợi khen trong miệng của Đa-vít?

Nhiều người sẽ thấy nó và tôn vinh Đức Giê-hô-va và tin cậy nơi Đức Giê-hô-va.

Psalms 40:4

Ai được phước?

Người cậy Đức Giê-hô-va tin tưởng và không kính trọng kẻ kiêu ngạo hay những kẻ tránh lưng khòi Chúa thì được

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phước.
Psalms 40:5
Đa-vít mô tả các việc và các tư tưởng của Chúa thế nào?
Những việc lạ lùng của Chúa là nhiều lắm và tư tưởng Ngài về chúng ta thì không thể đếm.
Psalms 40:7
Điều gì được viết về Đa-vít ở trong các cuộn tài liệu?
Nó được viết vì ông thích thú làm theo ý muốn và luật của Chúa vì ở trong lòng ông.
Psalms 40:8
Điều gì được viết về Đa-vít ở trong các cuộn tài liệu?
Nó được viết vì ông thích thú làm theo ý muốn và luật của Chúa vì ở trong lòng ông.
Psalms 40:9
Đa-vít đã tuyên bố điều gì trong hội đồng lớn?
Ông đã tuyên bố những tin lành về sự công bình của Chúa trong hội đồng lớn.
Psalms 40:10
Đa-vít đã không che đậy điều gì?
Ông đã không che đậy sự công bằng của Chúa trong lòng hay giao ước thành tín của Chúa, cũng không che đậy sự chân thật trước hội đồng lớn.
Psalms 40:11
Đa-vít khẩn cầu điều gì để Chúa sẽ làm cho ông?
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va không những giữ lại những việc thương xót mà còn để giao ước thành tín và sự tin cậy của Ngài luôn gìn giữ ông.
Psalms 40:12
Tại sao Đa-vít sợ hãi?
Ông sợ bởi vì tai họa không thể đếm được quanh ông, và tội lỗi của ông đã đuổi theo ông. Lòng ông đã hư hại.
Psalms 40:13
Ông cầu xin để Đức Giê-hô-va vui lòng làm điều gì?
Ông cầu xin rằng Đức Giê-hô-va sẽ vui lòng giải cứu ông.
Psalms 40:14
Đa-vít cầu xin điều gì xảy ra cho những kẻ theo đuổi đời sống mình?
Ông cầu xin rằng họ sẽ bị xấu hổ và ngượng ngùng, quay lưng và đem đến sự ô danh.
Psalms 40:16
Đa-vít cầu xin gì cho những người tìm kiếm Chúa và ưa thích sự cứu giúp của Ngài?
Ông cầu xin rằng họ hoan hỉ và mừng vui trong Chúa, và họ sẽ không ngừng nói, "Chúc tán Đức Giê-hô-va!"
Psalms 40:17
Đa-vít diễn tả Chúa thế nào?
Chúa nghĩ về ông, là sự cứu giúp ông, và đến để giải cứu ông.

Chapter 41
Psalms 41:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Người ... người ấy ... của người ấy
Những từ này chỉ về bất kì ai quan tâm đến kẻ yếu đuối.
Kẻ yếu đuối
"người yếu đuối" hoặc "người nghèo khó"
Đức Giê-hô-va sẽ nâng đỡ người ấy khi nằm trên giường đau khổ
Cụm từ "giường đau khổ" chỉ về một người nằm trên giường vì đau bệnh. Gợi ý dịch: "Khi người bị ốm nằm trên giường bệnh thì Đức Giê-hô-va sẽ nâng đỡ người ấy"
Chúa sẽ khiến giường đau ốm của người thành giường chữa lành
"Giường chữa lành" chỉ về một người nằm nghỉ trên giường và được phục hồi khỏi cơn đau ốm.
Gợi ý dịch: "lạy Đức Giê-hô-va, Chúa sẽ chữa lành người ấy khỏi cơn đau ốm"
Psalms 41:4
Danh nó tàn lụi
Danh một người tàn lụi có nghĩa là người ta quên mất người đó từng tồn tại. Gợi ý dịch: "khi nào danh nó sẽ tàn lụi" hoặc "khi nào người ta sẽ quên nó"
Nếu kẻ thù con đến thăm con
Từ "kẻ thù con" chỉ về kẻ thù nói chung chứ không phải một kẻ thù cụ thể nào.
Hắn nói những điều vô ích
Có thể là 1) "hắn nói những điều vô nghĩa" hoặc 2) kẻ thù của ông nói những điều khiến ông nghĩ rằng họ là bạn của ông nhưng thật ra không phải. Gợi ý dịch: "hắn nói điều giả dối" hoặc "chúng giả vờ lo lắng cho tôi"
Lòng chúng chất chứa những tai họa của tôi
Những kẻ thù cố gắng tìm hiểu mọi điều xấu về ông. Từ "lòng" ở đây chỉ về một con người. Những điều xấu được ví như những vật thể có thể thu gom lại được. Gợi ý dịch: "hắn cố gắng tìm hiểu về những tại họa của tôi"
Psalms 41:7
Chúng mong cho con bị tổn hại
Có thể là 1) "chúng mong những điều xấu xa sẽ xảy ra cùng con" (UDB) hoặc 2) "chúng âm mưu hại con".
Chứng bệnh hiểm nghèo ... cho nó
Kẻ thù của ông ví căn bệnh như một người bắt lấy ông. Gợi ý dịch: "Nó mắc bệnh hiểm nghèo"
bệnh hiểm nghèo
Có thể là 1) "một căn bệnh chí tử" hoặc 2) "điều dữ"
Nó nằm liệt, sẽ chẳng trỗi dậy được đâu
Từ "nằm liệt" chỉ về việc nằm trên giường vì đau bệnh. Sẽ chẳng "trỗi dậy" có nghĩa là ông sẽ tiếp tục nằm đó, đây là lối chuyển ngữ nói về sự chết. Gợi ý dịch: "bây giờ nó đau ốm trên giường bệnh, nó sẽ chết ở đó"
giơ gót lên nghịch với con
Đây là thành ngữ có nghĩa là bạn ông phản bội ông. Gợi ý dịch: "đã phản bội con" hoặc "đã trở mặt với con"
Psalms 41:10
Nhưng Ngài, lạy Đức Giê-hô-va, xin thương xót con và đỡ con dậy
Đây là một lời cầu xin. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin thương xót con và đỡ con dậy"
đỡ con dậy
Có nghĩa là đỡ ông dậy khỏi giường hoặc khiến ông được khỏi bệnh. Gợi ý dịch: "cho con mạnh khỏe"
Để con sẽ báo trả chúng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tác giả nói về việc trả thù như thể ông trả cho họ điều ông nợ họ. Gợi ý dịch: "để con trả thù họ"

Nhờ đó con biết Chúa đẹp lòng về con, vì kẻ thù con không thắng hơn con

Từ "đó" chỉ về điều tác giả nói sau đó. Để làm rõ có thể đảo ngược hai vế câu. Gợi ý dịch: "Vì kẻ thù con không thắng hơn con nên con biết rằng Chúa đẹp lòng về con"

Nhờ đó con biết Chúa đẹp lòng về con, vì kẻ thù con không thắng hơn con

Có thể dịch ở thì tương lai, vì Đức Giê-hô-va chưa chữa lành cho ông. Gợi ý dịch: "Nếu Chúa cho con làm việc đó, khiến kẻ thù không đánh bại con thì con sẽ biết rằng Chúa hài lòng về con"

Chúa nâng đỡ con trong sự liêm chính của con

" Chúa nâng đỡ con vì con liêm chính"

Sẽ giữ con trước mặt Ngài

Tác giả nói về việc ở trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va như thể ở một nơi mà Đức Giê-hô-va có thể thấy ông và ông có thể thấy mặt Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "sẽ giữ con ở với Ngài"

Psalms 41:13

Thông Tin Tổng Quát:

Câu này không chỉ là lời kết của chương mà là lời kết cho cả Quyển 1 của sách Thi Thiên, bắt đầu từ Thi Thiên 1 đến Thi Thiên 41.

Từ trước vô cùng cho đến đời đời

Chỉ về hai thái cực và có nghĩa là luôn luôn. Gợi ý dịch: "cho đến đời đời"

A-men, A-men

Từ "A-men" được lặp lại để nhấn mạnh sự đồng thuận với điều vừa nói. Gợi ý dịch: "Nguyện điều đó chắc chắn như vậy"

Translation Questions

Psalms 41:1

Đa-vít nói ai là người được phước?

Người quan tâm đến người yếu đuối được phước.

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người được phước?

Ngài sẽ giải cứu ông, gìn giữ và bảo toàn mạng ông, và ông sẽ được phước ở trên đất.

Psalms 41:2

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người được phước?

Ngài sẽ giải cứu ông, gìn giữ và bảo toàn mạng ông, và ông sẽ được phước ở trên đất.

Đức Giê-hô-va không làm gì cho người được phước?

Đức Giê-hô-va sẽ không để mặc người đó theo ý muốn của kẻ thù của người.

Psalms 41:3

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người được phước ở trên giường đau đớn?

Đức Giê-hô-va sẽ nâng đỡ người đau đớn trên giường bệnh và khiến giường bệnh thành giường chữa lành.

Psalms 41:4

Tại sao Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va tỏ lòng thương xót trên ông?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va tỏ lòng thương xót trên ông bởi vì ông đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va.

Psalms 41:5

Kẻ thù Đa-vít làm điều ác nào để nói nghịch cùng ông?

Chúng hỏi ông khi nào ông chết và danh ông khi nào tàn lụi.

Psalms 41:6

Kẻ thù của Đa-vít nói gì với ông?

Kẻ thù ông nói những thứ vô nghĩa.

Psalms 41:7

Những kẻ ghét Đa-vít xì xầm và hi vọng điều gì?

Những kẻ ghét Đa-vít xì xầm cùng nhau nghịch với ông và hi vọng ông bị tai hại.

Psalms 41:9

Bạn thân của Đa-vít trong số người ông tin tưởng đã làm gì?

Bạn thân của ông đã giơ gót nghịch cùng ông.

Psalms 41:10

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Đa-vít?

Đức Giê-hô-va đã tỏ ơn trên ông và nâng ông lên để ông có thể đáp trả với kẻ ghét ông.

Psalms 41:11

Làm thế nào Đa-vít biết Đức Giê-hô-va hài lòng về ông?

Đa-vít biết điều này vì kẻ thì của ông không chiến thắng trên ông.

Psalms 41:12

Đức Giê-hô-va nâng đỡ Đa-vít thế nào?

Đức Giê-hô-va nâng đỡ ông trong đường chính trực và sẽ giúp ông trước mặt Ngài mãi mãi.

Psalms 41:13

Đức Giê-hô-va sẽ được tán dương khi nào?

Đức Giê-hô-va sẽ được tán dương từ đời đời đến mãi mãi.

Chapter 42

Psalms 42:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Con khao khát Chúa, là Đức Chúa Trời, như con nai thèm khát suối nước

Tác giả so sánh ông khao khát Đức Chúa Trời như con nai thèm khát nước.

Thở hổn hển

Tiếng thở nặng nhọc của con vật hoặc con người đang rất mệt mỏi hoặc khát nước.

Con khao khát Chúa, là Đức Chúa Trời ... con khao khát Đức Chúa Trời

Tác giả nói về ước muốn mạnh mẽ của ông đối với Đức Chúa Trời như thể đó là một cơn khát nước dữ dội.

Khi nào con sẽ đến và ra mắt Ngài?

Tác giả không hỏi câu này để nhận được câu trả lời nhưng để cho thấy khao khát mạnh mẽ của ông được ở trước mặt Đức Chúa Trời.

Psalms 42:3

nước mắt làm đồ ăn của con

Tác giả ví nước mắt như thức ăn của ông. Điều này có nghĩa là ông quá buồn rầu đến nỗi không ăn nỗi. Gợi ý dịch:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Nước mắt như đồ ăn của con và con không ăn thứ gì khác"
Ngày và đêm
Cụm từ này có nghĩa là cả ngày bằng cách chỉ về thời điểm bắt đầu và kết thúc. Gợi ý dịch: "cả ngày"
Kẻ thù con luôn nói cùng con
Đây là phép nói quá. Kẻ thù của ông không nói luôn luôn mà chỉ thường hay nói như vậy.
Đức Chúa Trời ngươi đâu?
Kẻ thù của tác giả dùng câu hỏi này để chế giễu ông và muốn nói rằng chúng không thấy Đức Chúa Trời của ông giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của ông không ở đây để giúp đỡ ông"
Nhớ lại
Đây là cách nói có nghĩa là nhớ hoặc suy nghĩ về điều gì đó. Gợi ý dịch: "nhớ đến"
Con tuông đổ linh hồn mình
"Linh hồn" ở đây chỉ về cảm xúc. Tác giả nói như thể linh hồn ông là một loại chất lỏng ông có thể đổ ra. Câu này có nghĩa là ông bày tỏ cảm xúc đau buồn. Gợi ý dịch: "Con thể hiện nỗi buồn rầu của mình"
đoàn dân
"đám đông"
Vui mừng và ca ngợi
Cụm từ này dùng hai từ khác nhau để thể hiện cùng một ý nghĩa. Gợi ý dịch: "lời ngợi khen vui mừng"
Psalms 42:5
Hỡi linh hồn ta, vì sao ngươi sờn ngã? Sao ngươi bồn chồn trong mình ta?
Tác giả gọi bản thân bên trong mình là "linh hồn". Ông hỏi những câu này để quở trách chính mình. Gợi ý dịch: "Ta không nên sờn ngã. Ta không nên lo lắng"
Sờn ngã
Tác giả nói về sự ưu sầu và chán nản như thể linh hồn ông bị cong xuống. Gợi ý dịch: "chán nản"
Hãy hi vọng nơi Đức Chúa Trời
Tác giả tiếp tục nói với linh hồn mình và ra lệnh cho nó phải tin cậy Đức Chúa Trời.
Đức Chúa Trời con ôi! Linh hồn con
Tác giả bắt đầu thưa với Đức Chúa Trời về linh hồn mình.
con nhớ đến Chúa
Cụm từ này có nghĩa là nhớ về hoặc nghĩ về điều gì đó. Gợi ý dịch: "Con nghĩ đến Chúa"
đất Giô-đanh
Có thể ở đây chỉ về phía bắc Y-sơ-ra-ên, nơi bắt nguồn của sông Giô-đanh. Gợi ý dịch: "Vùng đất bắt nguồn sông Giô-đanh"
Các đỉnh
Các đỉnh núi
Đồi Mít-sê-a
Đây là tên của một ngọn đồi từ núi Hẹt-môn.
Psalms 42:7
Vực thẳm gọi nhau trong tiếng ào ào của thác nước Chúa
"Vực thẳm" ở đây chỉ về những vực nước sâu, ở đây có lẽ là những dòng suối chảy xuống từ núi Hẹt-môn. Tác giả nói như thể chúng là con người đang gọi nhau khi chúng nghe tiếng của chính mình từ trên núi đổ xuống.
Các lượn sóng của Chúa ... đã phủ chụp lấy con
Tác giả nói như thể sự bất hạnh và đau buồn lớn của ông là những vực nước sâu đã nhấn chìm ông hết con sóng này đến con sóng khác.
Các lượn sóng và cơn sóng của Chúa
Từ "lượn sóng" và "cơn sóng" đều như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh cơn sóng lớn. Gợi ý dịch: "hết thảy những cơn sóng lớn của Chúa"
Đức Giê-hô-va sẽ sai khiến sự nhân từ trong giao ước của Ngài
Tác giả nói như thể sự thành tín theo giao ước của Đức Giê-hô-va là một con người mà Ngài có thể truyền lệnh cho nó ở cùng tác giả. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ bày tỏ cho con sự thành tín theo giao ước của Ngài"
bài hát của Ngài
Có thể là 1) "bài hát Ngài ban cho con" hoặc "bài hát về Ngài"
Đức Chúa Trời của sự sống con
"Đức Chúa Trời Đấng ban cho con sự sống"
Psalms 42:9
Con sẽ thưa với Đức Chúa Trời là Vầng Đá của con
Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là một vầng đá lớn sẽ bảo vệ ông khỏi sự tấn công của kẻ thù.
Vì sao con phải buồn thảm
"Buồn thảm" có nghĩa là có những hành động theo phong tục thể hiện sự buồn rầu.
Như một thanh gươm trong xương tôi
Tác giả mô tả kẻ thù quở trách ông như thể ông nhận lấy một vết thương chí tử.
Chúng luôn nói cùng con
Đây là phép nói quá, kẻ thù của ông không phải luôn luôn nói nhưng chỉ thường nói như vậy.
Đức Chúa Trời ngươi đâu?
Kẻ thù của tác giả dùng câu hỏi này để chế giễu ông và muốn nói rằng chúng không thấy Đức Chúa Trời giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của ngươi không ở đây giúp đỡ ông"
Psalms 42:11
Hỡi linh hồn ta, vì sao ngươi sờn ngã? Sao ngươi bồn chồn trong mình ta?
Tác giả gọi bản thân bên trong mình là "linh hồn". Ông hỏi những câu này để quở trách chính mình. Xem cách đã dịch ở PSA042:005
Sờn ngã
Tác giả nói về sự ưu sầu và chán nản như thể linh hồn ông bị cong xuống. Xem cách đã dịch ở PSA042:005
Hãy hi vọng nơi Đức Chúa Trời
Tác giả tiếp tục nói với linh hồn mình và ra lệnh cho nó phải tin cậy Đức Chúa Trời. Xem cách đã dịch ở PSA042:005

Translation Questions

Psalms 42:1
Linh hồn của tác giả khát khao theo Chúa thế nào?
Linh hồn ông theo Chúa như con nai khao khát tìm dòng suối.
Psalms 42:2
Cách nói của người viết về linh hồn của mình là gì?
Linh hồn ông khao khát Chúa, vì Đức Chúa Trời hằng sống.
Psalms 42:3
Nước mắt của tác giả đã trở thành điều gì với ông?
Nước mắt của ông đã thành thức ăn ngày và đêm của ông.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 42:4
Tác giả nhớ lại những điều gì?
Ông nhớ lại ông đi đến đám đông và dắt họ vào nhà của Chúa bằng giọng vui mừng và ngợi ca thế nào.
Psalms 42:5
Tác giả nói với linh hồn ông phải làm gì?
Ông nói với linh hồn mình phải hi vọng ở Chúa, vì ông sẽ vẫn ngợi ca Chúa vì sự giúp đỡ của Chúa.
Psalms 42:7
Điều gì đã đi qua tác giả?
Mọi làn sóng và cơn sóng to đã đi qua ông.
Psalms 42:8
Đức Giê-hô-va sẽ truyền cho điều gì vào ban ngày?
Đức Giê-hô-va sẽ truyền giao ước thành tín của Ngài vào ban ngày.
Điều gì xảy ra lúc đêm?
Vào ban đêm, các bài hát của Chúa sẽ ở cùng tác giả, người nguyện với Chúa về sự sống mình.
Psalms 42:9
Tác giả sẽ hỏi Chúa là vầng đá của ông điều gì?
Ông sẽ hỏi tại sao Chúa đã quên ông, và tại sao ông phải đau khổ vì sự áp bức của quân thù.
Psalms 42:10
Tác giả so sánh sự quở phạt của quân thù là gì?
Ông nói chúng như vết thương của xương gãy vỡ.
Psalms 42:11
Tác giả mong đợi Chúa sẽ làm điều gì?
Ông sẽ luôn chờ Chúa chúc phước ông.

Chapter 43
Psalms 43:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Đức Chúa Trời của sức lực con
Có thể là 1) "Đức Chúa Trời, Đấng bảo vệ con" hoặc 2) "Đức Chúa Trời, Đấng ban cho con sức lực"
Sao Ngài từ bỏ con? Tại sao con phải buồn thảm dưới sự áp bức của kẻ thù?
Tác giả hỏi những câu này để phàn nàn với Đức Chúa Trời và thể hiện cảm xúc của mình, chứ không phải để nhận được câu trả lời.
Tại sao con phải buồn thảm
"Buồn thảm" là có những hành động theo phong tục thể hiện sự buồn rầu.
dưới sự áp bức của kẻ thù
Từ "sự áp bức" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "vì kẻ thù áp bức con"
Psalms 43:3
Xin ban ánh sáng và chân lý Ngài
Tác giả ví sự giải cứu của Đức Chúa Trời như ánh sáng soi đường và chân lí dạy ông cách sống. Gợi ý dịch: "xin hướng dẫn con bằng ánh sáng và chân lí của Ngài"
Đồi thánh
Chỉ về ngọn đồi đền thờ ngự tại Giê-ru-sa-lem, do đó chỉ về chính đền thờ.
nơi ngự của Ngài
"nơi Chúa ngự"
Đức Chúa Trời là niềm vui bất tận của con
"Đức Chúa Trời là niềm vui lớn của con" hoặc "Đức Chúa Trời là Đấng ban niềm vui lớn cho con"
Psalms 43:5
Hỡi linh hồn ta, vì sao ngươi sờn ngã? Sao ngươi bồn chồn trong mình ta?
Tác giả gọi bản thân bên trong mình là "linh hồn". Ông hỏi những câu này để quở trách chính mình. Xem cách đã dịch ở PSA042:005
sờn ngã
Tác giả nói về sự ưu sầu và chán nản như thể linh hồn ông bị cong xuống. Xem cách đã dịch ở PSA042:005
Hãy hi vọng nơi Đức Chúa Trời
Tác giả tiếp tục nói với linh hồn mình và ra lệnh cho nó phải tin cậy Đức Chúa Trời. Xem cách đã dịch ở PSA042:005
sự cứu rỗi của ta và Đức Chúa Trời ta
Cụm từ "sự cứu rỗi của ta" chỉ về Đức Chúa Trời. Có thể gọp chung hai vế nếu cần thiết. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của tôi là Đấng cứu rỗi tôi"

Translation Questions

Psalms 43:1
Tác giả cầu xin Chúa làm điều gì cho ông?
Ông cầu xin Chúa phán xét và bênh vực ông vì cớ dân vô tín.
Psalms 43:2
Tại sao Chúa phán xử và bênh vực ông vì lý lẽ của ông?
Chúa sẽ phân xử ông bởi vì Chúa là sức lực của ông.
Psalms 43:3
Tác giả cầu xin Chúa để ánh sáng và sự chân thật của Ngài làm gì?
Ông cầu xin Chúa để ánh sáng và sự chân thật của Ngài dẫn ông và đem ông đến đồi thánh và đền tạm của Chúa.
Psalms 43:4
Tác giả sẽ đi đâu khi Chúa đem ông đến đền tạm?
Ông sẽ đi đến bàn thờ của Chúa.
Tác giả sẽ làm gì với đàn hạc của mình?
Ông sẽ ngợi ca Chúa bằng đàn hạc của ông.
Psalms 43:5
Tại sao linh hồn của tác giả không chán nản hay băn khoăn ở trong?
Linh hồn của ông sẽ hi vọng vào Chúa vì ông sẽ vẫn ca ngợi Chúa, là Chúa và sự giúp đỡ của ông.

Chapter 44
Psalms 44:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."
Thi thiên của con cháu Cô-rê
"Đây là thi thiên con cháu Cô-rê viết."
Huấn ca

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Lạy Đức Chúa Trời, tai chúng con có nghe

Từ "tai" thêm phần nhấn mạnh rằng họ đã nghe và hiểu điều tác giả sắp sửa mô tả. Tác giả đang thưa câu này cùng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, chúng con đã nghe rõ"

trong thời của họ, vào thời xưa

Cả hai vế đều dùng từ "thời" để chỉ về khoảng thời gian khi tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên còn sống.

Chúa đuổi các dân

"Chúa buộc dân các nước nước phải rời đi"

dùng tay Ngài

"Tay" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "dùng quyên năng Ngài"

Chúa trồng dân tộc chúng con

Tác giả nói việc Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên sống trong xứ như thể Ngài trồng họ trên đất như trồng một cái cây. Gợi ý dịch: "Chúa cho dân tộc chúng con sống tại đó"

Psalms 44:3

nhờ gươm đao mình

Từ "gươm đao" chỉ về sức mạnh quân sự. Gợi ý dịch: "nhờ chiến đấu bằng gươm đao mình" hoặc "nhờ sức mạnh quân sự của riêng họ"

cánh tay mình

Từ "cánh tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "quyền lực của mình"

và ánh sáng mặt Chúa

Có thể thêm một động từ cho cụm này. Gợi ý dịch: "và ánh sáng của mặt Chúa cho họ sở hữu lấy xứ"

bàn tay phải của Chúa, cánh tay Chúa

Từ "tay" và "cánh tay" ở đây đều chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh sự vĩ đại của quyền năng Chúa. Gợi ý dịch: "quyền năng vĩ đại của Chúa"

ánh sáng của mặt Chúa

Tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va ưu ái họ và tốt lành với họ như thể mặt của Đức Giê-hô-va chiếu ánh sáng trên họ. Gợi ý dịch: "sự tốt lành của Chúa" hoặc "ơn lành của Chúa"

Chiến thắng cho Gia-cốp

Dân Y-sơ-ra-ên được gọi bằng tên của tổ phụ họ là "Gia-cốp".

Psalms 44:5

Nhờ Chúa ... nhờ...của Ngài

"Bởi Chúa ... bởi...của Chúa"

xô đổ ... giày đạp ... dấy lên

Tác giả nói về sự đánh bại kẻ thù như thể chúng bị "xô đổ" và sự chuẩn bị để chiến đấu của họ như thể họ "dấy lên".

Nhân danh Chúa

Từ "danh" ở đây chỉ về quyền năng và thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "nhờ quyền năng Chúa"

giày đạp chúng

"giày đạp chúng dưới chân chúng con" hoặc "đi trên đầu chúng"

Psalms 44:7

Chúng con lấy làm kiêu hãnh

Danh từ "kiêu hãnh" có thể dịch hành một động từ. Gợi ý dịch: "chúng con đã kiêu hãnh"

Chúng con sẽ tạ ơn danh Ngài

Từ "danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "chúng con sẽ tạ ơn Ngài"

Psalms 44:9

Chúa đã vứt bỏ chúng con

Tác giả nói về sự từ bỏ của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên như thể Ngài vứt bỏ miếng vải thừa. Gợi ý dịch: "lìa bỏ chúng con"

Chiến lợi phẩm

Tài nguyên và của cải mà một quân đội thu được sau khi đánh thắng một trận chiến.

Chúa làm chúng con giống như chiên bị định làm đồ ăn

Tác giả so sánh Y-sơ-ra-ên như con chiên bị người ta giết thịt. Như con chiên bất lực trước những người giết nó, dân Y-sơ-ra-ên cũng bất lực trước kẻ thù của mình. Gợi ý dịch: "Chúa cho phép kẻ thù giết chúng con như giết thịt một con chiên"

bị định làm đồ ăn

"Bị định làm thức ăn cho người ta"

làm tản lạc chúng con giữa các nước

"khiến chúng con sống ở nhiều nước khác nhau"

Psalms 44:12

Bán dân Chúa không lấy giá gì

Tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va để kẻ thù của Y-sơ-ra-ên chinh phục họ như thể Ngãi đã bán họ cho kẻ thù mà không hề đòi giá trả.

Chúa làm chúng con thành lời quở trách cho kẻ lân cận chúng con, bị chế giễu và nhạo báng bởi những kẻ ở xung quanh

Hai vế này song song với nhau nhằm nhấn mạnh những người xung quanh họ chế giễu họ như thế nào.

Chúa làm chúng con thành lời quở trách cho kẻ lân cận chúng con

Từ "lời quở trách" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Chúa khiến chúng con thành điều cho kẻ lân cận chúng con quở trách"

bị chế giễu và nhạo báng bởi những kẻ ở xung quanh

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "những kẻ ở xung quanh chế giễu và nhạo báng chúng con"

Lời sỉ nhục giữa ... lắc đầu

Những cụm từ này song song với nhau nhằm nhấn mạnh các nước xung quanh chế giễu họ dữ dội thế nào.

Chúa khiến chúng con thành lời sỉ nhục giữa các nước

Từ "lời sỉ nhục" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Chúa khiến các nước xung quanh chúng con sỉ nhục chúng con"

Sự lắc đầu giữa các dân

Cụm từ "sự lắc đâu" có thể dịch ở dạng động từ. Gợi ý dịch: "điều khiến người ta lắc đầu"

Lắc đầu

Đây là điệu bộ thể hiện sự khinh miệt người khác.

Psalms 44:15

sự sỉ nhục con ở trước mặt con

Tác giả nói như thể sự sỉ nhục là một vật thể luôn ở trước mặt để ông nhìn thấy. Cụm từ này có nghĩa là ông luôn suy nghĩ về sự sỉ nhục của ông. Gợi ý dịch: "Con suy nghĩ về sự sỉ nhục của con"

Sự xấu hổ của mặt con bao phủ con

Tác giả nói như thể sự xấu hổ là một vật thể che phủ ông như một chiếc chăn trùm lấy ông. Gợi ý dịch: "sự xấu hổ của mặt con vùi lấp con"

Sự xấu hổ của mặt con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Sự xấu hổ thể hiện trên gương mặt con". Ở đây chỉ về biểu lộ trên gương mặt của ông do ông xấu hổ.

Vì tiếng của kẻ quở trách và sỉ nhục

Ở đây từ "tiếng" chỉ về điều người đó nói. Gợi ý dịch: "vì lời nói của kẻ quở trách và sỉ nhục con"

quở trách và sỉ nhục

Những từ này có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh tính cay nghiệt trong lời nói của người đó.

Psalms 44:18

Lòng chúng con không thối lui ... không xoay khỏi đường lối Chúa

Hai vế này song song với nhau. Tác giả nói như thể trung thành với Đức Chúa Trời là đi theo Ngài, và bất trung là xoay khỏi Ngài.

Lòng chúng con không thối lui

Từ "lòng" ở đây chỉ về những cảm xúc, đặc biệt là sự trung thành và tận hiến. Gợi ý dịch: "Chúng con luôn trung thành với Ngài"

Chúa đã bẻ nát chúng con

Tác giả nói như thể sự trừng phạt của Đức Chúa Trời làm vỡ nát một vật thể yếu ớt. Gợi ý dịch: "Chúa đã trừng phạt chúng con nặng nề"

trong chỗ chó rừng

Tác giả nói như thể Y-sơ-ra-ên sau khi bị Đức Chúa Trời trừng phạt là một nơi hoang vu, không thể ở được. Gợi ý dịch: "và khiến chỗ chúng con như nơi chó rừng ở"

Chó rừng

Một loại chó hoang

Bao phủ chúng con bằng bóng sự chết

Tác giả nói như thể sự chết là một vật thể phủ bóng trên những người sắp chết. Gợi ý dịch: "khiến chúng con sắp chết"

Nếu chúng con có quên danh Đức Chúa Trời chúng con

Từ "danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Quên Đức Chúa Trời có nghĩa là ngừng thờ phượng Ngài. Đây là điều chưa xảy ra. Gợi ý dịch: "Nếu chúng con quên Đức Chúa Trời của chúng con" hoặc "Nếu chúng con ngừng thờ phượng Đức Chúa Trời của chúng con"

giơ tay hướng về một thần lạ

Giơ tay là cử chỉ con người dùng để thờ phượng và cầu nguyện với một thần. Gợi ý dịch: "thờ phượng một thần lạ" hoặc "cầu nguyện với một thần lạ"

Đức Chúa Trời sẽ không khám phá ra sao?

Tác giả dùng câu hỏi này để thể hiện rằng Đức Chúa Trời biết họ có thờ phượng thần khác hay không. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ phát hiện ra"

Ngài biết điều bí mật của lòng

Từ "lòng" ở đây chỉ về tâm trí và tư tưởng. Gợi ý dịch: "Ngài biết điều suy nghĩ thầm kín của một người"

chúng con bị giết hại suốt ngày

Cụm từ "suốt ngày" là phép nói quá để nhấn mạnh dân tộc họ thường xuyên bị giết hại. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta giết chúng con mọi lúc"

Chúng con bị kể như chiên đem đi làm thịt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta xem chúng con là chiên đem đi làm thịt"

chiên đem đi làm thịt

Tác giả so sánh dân Y-sơ-ra-ên như chiên người ta giết thịt. Như chiên bất lực trước những người giết chúng, dân Y-sơ-ra-ên cũng bất lực trước kẻ thù của họ.

Psalms 44:23

Chúa ôi, xin tỉnh thức! Sao Chúa ngủ?

Câu này không có nghĩa là Đức Chúa Trời thật sự ngủ. Tác giả ví việc Đức Chúa Trời dường như không hành động như là Ngài đang ngủ. Ông hỏi câu này để trách Chúa vì dường như Ngài không quan tâm đến những sự khốn khổ của họ. Gợi ý dịch: "Chúa ôi, xin tỉnh thức! Con cảm giác như Ngài đang ngủ!"

Đừng vứt bỏ chúng con

Tác giả nói về việc Đức Chúa Trời từ bỏ dân Y-sơ-ra-ên như thể Ngài đang vứt đi một tấm vải thừa. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở PSA044:009

Vì sao Chúa giấu mặt ... cảnh áp bức của chúng con?

Tác giả dùng câu hỏi này để phàn nàn rằng Đức Chúa Trời dường như bỏ quên họ. Gợi ý dịch: "Xin đừng giấu mặt Chúa ... cảnh áp bức của chúng con."

Giấu mặt

Tác giả nói Đức Chúa Trời phớt lờ họ như thể Ngài giấu mặt để không nhìn thấy họ. Gợi ý dịch: "phớt lờ chúng con"

quên cơn hoạn nạn và cảnh áp bức của chúng con

Từ "cơn hoạn nạn" và "cảnh áp bức" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh tính dữ dội của cơn hoạn nạn. Những từ này có thể dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "quên rằng người ta khiến chúng con khổ sở" hoặc "quên rằng người ta áp bức chúng con dữ dội".

Psalms 44:25

Vì chúng con tan ra trong bụi tro, thể xác chúng con bám vào đất

Hai vế song song này có ý nghĩa tương tự. Tác giả mô tả dân tộc của ông nằm trên đất trong tư thế thất bại và nhục nhã.

Vì chúng con tan ra trong bụi tro

Tác giả nói về sự nhục nhã của họ như thể thân thể họ giống như đá, tan ra và hòa vào bụi đất.

thể xác chúng con bám vào đất

Tác giả nói về sự nhục nhã của họ như thể thân thể họ bám vào đất không thể nào đứng dậy được.

Xin trỗi dậy

Đây là mệnh lệnh đứng lên. Cụm từ này chỉ về việc bắt đầu làm việc gì đó. Gợi ý dịch: "Xin hãy hành đồng"

Translation Questions

Psalms 44:1

Các người viết đã nghe điều gì bằng tai họ?

Họ đã nghe những công việc Chúa làm trong ngày của họ, từ những ngày xa xưa.

Psalms 44:2

Chúa đã làm gì bởi tay Ngài?

Chúa đã đuổi các dân bởi tay Ngài và lập dân Y-sơ-ra-ên.

Psalms 44:3

Dân Y-sơ-ra-ên đã được cứu và có được đất thế nào?

Họ không có đất làm sản nghiệp bởi gươm kiếm hay cánh tay của họ, nhưng nhờ cánh tay phải của Chúa vì Ngài thêm ơn cho họ.

Psalms 44:5

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì nhờ Chúa?

Họ sẽ xô ngã kẻ thù của họ và nhờ danh Chúa mà chà đạp chúng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 44:6
Tác giả không tin cậy vào điều gì?
Ông không tin vào cung của ông, cũng không tin gươm kiếm sẽ cứu ông.
Psalms 44:7
Chúa đã cứu họ khỏi điều gì?
Chúa đã cứu họ khỏi kẻ thù của họ và đặt sự xấu hổ cho những kẻ ghét họ.
Psalms 44:9
Hiện giờ Chúa đã làm gì?
Chúa đã quăng họ đi và đem họ vào sự ô danh, và không đi ra cùng kẻ thù của họ.
Psalms 44:10
Chúa khiến dân Y-sơ-ra-ên làm gì?
Chúa khiến họ quay lưng lại trước kẻ thù.
Những kẻ ghét dân Y-sơ-ra-ên làm gì?
Những kẻ ghét họ cướp đoạt của họ.
Psalms 44:11
Chúa đã khiến dân Y-sơ-ra-ên như điều gì?
Chúa đã khiến họ như cừu được để dành làm thức ăn và đã phân tán họ giữa các dân.
Psalms 44:13
Chúa khiến dân Y-sơ-ra-ên thành điều gì của người thân cận của họ?
Chúa khiến họ là một sự quở phạt cho người thân cận của họ, một lời chế giễu và một sự nhạo báng cho những kẻ xung quanh họ.
Psalms 44:15
Why is the writer's dishonor before him all the day long? Tại sao sự ô danh của tác giả ở trước ông cả ngày dài?
His dishonor is before him, and the shame of his face has covered him because of the voice of him who rebukes and insults, because of the enemy and the avenger. Sự ô danh ở trước ông, và sự nhục nhã đã che kín mặt ông vì giọng của kẻ chê trách và lăng mạ ông, và vì kẻ thù với sự báo thù.
Psalms 44:17
Dân Y-sơ-ra-ên đã không làm điều gì?
Họ đã không quên Chúa, cũng không ăn ở giả dối với giao ước của Chúa.
Psalms 44:18
Lòng của Y-sơ-ra-ên đã không điều gì và cũng không bước thế nào?
Lòng của họ đã không quay lại, cũng không bước đi khỏi đường lối của Chúa.
Psalms 44:19
Chúa đã làm gì dù có ra sao?
Chúa đã làm họ tan tác ở chỗ có chó rừng và che phủ họ bằng bóng tối sự chết.
Psalms 44:20
Điều gì Chúa chắc chắn sẽ tìm thấy?
Chúa chắc sẽ tìm thấy nếu họ đã đã quên danh của Chúa, hoặc họ đưa tay về một thần xa lạ.
Psalms 44:21
Điều gì Chúa chắc chắn sẽ tìm thấy?
Chúa chắc sẽ tìm thấy nếu họ đã đã quên danh của Chúa, hoặc họ đưa tay về một thần xa lạ.
Psalms 44:22
Dân Y-sơ-ra-ên xem như điều gì vì Chúa?
Họ được xem như con cừu để mổ thịt.
Psalms 44:25
Linh hồn của dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì?
Linh hồn của họ tan biến thành cát bụi và thân xác họ dính lấy đất.
Psalms 44:26
Tác giả cầu xin rằng Chúa sẽ làm gì?
Ông cầu xin rằng Chúa hãy trở dậy để giúp họ và mua chuộc họ vì ích lợi cho giao ước thành tín của Chúa.

Chapter 45
Psalms 45:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
Theo điệu Sô-san-nim
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Đôi khi được dịch là "theo điệu 'hoa huê'".
Thi thiên của con cháu Cô-rê
"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết."
Huấn ca
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001
Bài ca về tình yêu
"Bài ca tình yêu"
Lòng tôi tuôn tràn một chủ đề hay
Tác giả nói như thể lòng mình là một vật chứa tràn chất lỏng. Từ "lòng" chỉ về cảm xúc của ông, ông đang phấn khởi với bài hát ông hát. Gợi ý dịch: "Con hào hứng về một chủ đề hay"
một chủ đề hay
"một chủ đề cao quý" hoặc "lời hay ý đẹp". Ở đây chỉ về bài ca ông viết.
Sáng tác
Đã viết hay làm một bài hát
Lưỡi tôi như ngòi bút của văn sĩ thiên tài
Tác giả ví lưỡi mình như một ngòi bút. Ông nói những lời khéo léo như một tác giả có kinh nghiệm viết văn. Gợi ý dịch: "lưỡi tôi như ngòi bút của một người viết văn giỏi" hoặc "tôi nói lời khéo léo như một tác giả có kinh nghiệm viết văn"
Vua đẹp hơn con cháu loài người
Đây là câu cường điệu nhằm nhấn mạnh rằng vua có dung mạo đẹp hơn những người khác. Cụm từ "con cháu loài người" là thành ngữ chỉ về hết thảy loài người. Gợi ý dịch: "Ngài đẹp hơn bất kì người nào khác"
Ân điển đổ vào môi người
Tác giả nói như thể ân điển là dầu người ta dùng để xức dầu vào môi vua. Từ "môi" chỉ về lời nói của vua. Cụm từ này có nghĩa là vua nói cách hùng hồn. Gợi ý dịch: "Như thể ai đó đã xức dầu vào môi người" hoặc "người nói cách hùng hồn"
Psalms 45:3
Xin đeo gươm nơi hông
Quân lính đeo gươm vào vỏ gắn ở nịt lưng. Thanh gươm sẽ ở bên hông họ. Cụm từ này mô tả hành động chuẩn bị cho

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chiến tranh. Gợi ý dịch: "Chuẩn bị sẵn sàng cho chiến tranh"

cưỡi xe trong chiến thắng

Tác giả bảo vị vua cưỡi ngựa hoặc xe đến sự chiến thắng.

Vì sự thành tín, đức nhu mì và công chính

Có thể là 1) đây là phẩm chất của một người uy quyền. Gợi ý dịch: "vì vua thành tín, nhu mì và công chính" hoặc 2) đây là những phẩm chất mà vua đấu tranh để duy trì cho dân chúng mà vua cai trị. Gợi ý dịch: "để duy trì sự thành tín, đức nhu mì và công chính"

Tay phải vua dạy vua những việc đáng kinh

Hầu hết các quân lính dùng tay phải cầm gươm khi đánh trận. Cụm từ "tay phải" ở đây chỉ về khả năng đánh trận mà tác giả nói như thể nó là một người có thể dạy vua từ những kinh nghiệm mình có được qua các trận chiến. Gợi ý dịch: "Vua sẽ học cách dành những chiến công quân sự vẻ vang bằng cách chiến đấu trong nhiều trận chiến"

những việc đáng kinh

"những việc kinh ngạc". Ở đây chỉ về những chiến thắng quân sự khiến kẻ thù sợ vua và những đồng minh kính trọng vua.

Psalms 45:5

Các dân tộc đều ngã dưới chân vua

Câu này chỉ về việc vua đánh bại kẻ thù của mình. Có thể là 1) "các dân đầu hàng ngã dưới chân vua" hoặc 2) "các dân ngã chết dưới chân vua".

Các mũi tên nhọn của vua nằm trong tim của kẻ thù vua

"Các mũi tên của vua đâm thấu tim kẻ thù vua". Tác giả nói cùng vị vua trong khi gọi vị vua ở ngôi thứ ba.

ngôi Ngài ... đời đời, mãi mãi

Từ "ngôi" đại diện cho vương quốc và sự cai trị của vua. Gợi ý dịch: "Vương quốc của Ngài ... đời đời, mãi mãi"

Lạy Đức Chúa Trời, ngôi Ngài

Có thể từ "Đức Chúa Trời" ở đây là 1) danh hiệu cho vị vua, người đại diện của Đức Chúa Trời hoặc 2) làm rõ từ "ngôi" và có nghĩa là "vương quốc của Ngài do Đức Chúa Trời ban cho" (UDB).

Vương quyền chính trực là vương quyền của vương quốc Ngài

Từ "vương quyền" tượng trưng cho thẩm quyền của vua để cai trị vương quốc. Gợi ý dịch: "Ngài lấy sự chính trực cai trị vương quốc Ngài"

Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của vua đã xức dầu vui mừng cho vua

Tác giả ví sự vui mừng như một loại dầu mà Đức Chúa Trời xức cho vua. Đức Chúa Trời xức dầu cho vua là một hành động mang tính tượng trưng có ý nghĩa là Đức Chúa Trời chọn người làm vua. Gợi ý dịch: "khi Đức Chúa Trời xức dầu cho người làm vua, Ngài khiến cho vua vui mừng"

Psalms 45:8

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây tác giả bắt đầu mô tả một sự việc có vẻ như là lễ cưới của vua và nàng dâu của người.

mộc dược, trầm hương và nhục quế

Đây là những loại chất chiếc xuất từ cây được người ta dùng làm dầu thơm.

đền ngà

Ngà là một loại chất màu trắng, cứng làm nên ngà động vật. Cụm từ này mô tả một lâu đài có tường và nội thất được người ta trang trí bằng ngà.

Các nhạc cụ bằng dây làm vui lòng vua

Từ "các nhạc cụ bằng dây" chỉ về âm nhạc do người ta chơi nhạc cụ bằng dây. Gợi ý dịch: "âm nhạc của nhạc cụ bằng dây làm vui lòng vua"

Những người nữ tôn quí

Đây là những người vợ của vua được người chấp thuận.

Hoàng hậu

Đây là cách nói chỉ về người nữ sẽ trở thành hoàng hậu. Gợi ý dịch: "nàng dâu của vua, là hoàng hậu"

Ô-phia

Đây là một địa danh nổi tiếng có vàng quý nhưng vẫn chưa xác định được vị trí.

Psalms 45:10

Hỡi con gái, hãy nghe

Tác giả bắt đầu nói cùng hoàng hậu và gọi người là "con gái" vì là một cô gái trẻ.

Hãy nghiêng tai

Tác giả nói về việc cẩn thận lắng nghe như thể hướng tai về phía người đang nói. Gợi ý dịch: "hãy cẩn thận lắng nghe"

Hãy quên dân tộc con

Tác giả nói hoàng hậu đừng đi theo niềm tin và phong tục của dân tộc mình nữa như thể đã quên chúng rồi. Gợi ý dịch: "đừng đi theo phong tục của dân tộc con nữa"

nhà cha của con

Từ "nhà" ở đây chỉ về gia đình. Gợi ý dịch: "bà con của con"

Như vậy

"và" hoặc "thì"

vua sẽ ái mộ nhan sắc con

Đây là cách tế nhị để nói rằng vua sẽ muốn nằm cùng hoàng hậu như vợ của mình.

Psalms 45:12

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục nói cùng hoàng hậu.

Con gái thành Ty-rơ

Tác giả nói với những người sống ở thành Ty-rơ như thể họ là con cháu của Ty-rơ. Gợi ý dịch: "Dân chúng thành Ty-rơ"

Công chúa

Ở đây chỉ về người nữ mà đức vua sẽ kết hôn. Gợi ý dịch: "Nàng dâu của đức vua"

Lộng lẫy

"rất đẹp". Ở đây chỉ về ngoại hình của người nữ.

Áo nàng thêu dệt bằng vàng

Áo nàng được trang trí hoặc thêu vàng. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nàng mặc áo dệt bằng chỉ vàng"

Psalms 45:14

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục nói về hoàng hậu nhưng bắt đầu thưa cùng đức vua.

Nàng sẽ được đưa đến ra mắt vua trong bộ áo gấm

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người ta sẽ dẫn nàng đến ra mắt vua trong bộ áo gấm"

Gấm

Một loại vải được làm bằng cách thêu các sợi chỉ màu vào vải

Các trinh nữ là bạn đi theo nàng sẽ được đưa đến trước ngài

Từ "ngài" chỉ về vị vua. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta sẽ đưa đến trước ngài các trinh nữ là bạn đi theo nàng"

Họ sẽ được dẫn vào bởi niềm hân hoan và vui mừng

"Hân hoan và vui mừng" được mô tả như một người dẫn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những người khác đến ăn mừng. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Niềm hân hoan và vui mừng sẽ dẫn họ vào" hoặc "Họ sẽ tiến vào với niềm hân hoan và vui mừng"

niềm hân hoan và vui mừng

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh mức độ vui mừng. Gợi ý dịch: "niềm vui mừng lớn"

Psalms 45:16

Lời Dẫn:

Tác giả tiếp tục thưa cùng vị vua.

Các con trai vua sẽ kế vị tổ phụ vua

Có nghĩa là các con trai vua sẽ thay người làm vua như người đã kế vị tổ phụ người.

Vua sẽ lập họ làm người cai trị khắp đất

Cụm từ "khắp đất" là phép cường điệu để nhấn mạnh rằng họ sẽ cai trị trên nhiều nước. Gợi ý dịch: "Vua sẽ lập họ làm người cai trị trên nhiều nước"

Tôi sẽ làm cho danh vua được ghi nhớ qua mọi thế hệ

Từ "tôi" ở đây chỉ về tác giả. Từ "danh" chỉ về tên tuổi và danh tiếng của vua. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ khiến dân chúng mọi thế hệ biết về sự vĩ đại của vua"

Translation Questions

Psalms 45:1

Tác giả sẽ lớn tiếng đọc điều gì?

Ông sẽ lớn tiếng đọc những lời mà ông đã soạn ra cho vua.

Psalms 45:2

Tác giả mô tả vị vua thế nào?

Vị vua đẹp hơn con của loài người, ơn được đổ ra trên môi Ngài, và Chúa đã chúc phước ông mãi mãi.

Psalms 45:4

Tại sao vị vua cưỡi trên chiến thắng?

Vị vua sẽ cưỡi trên chiến thắng bởi vì sự chân thật, nhu mì, và sự công bình.

Psalms 45:5

Cung của vua được mô tả thế nào?

Cung của ông được mài bén và đâm vào tim của kẻ thù.

Psalms 45:6

Ngai của vua và quyền trượng của sự công bình được mô tả thế nào?

Ngôi của vua là mãi mãi và luôn luôn, và quyền của sự công bình là quyền của vương quốc Chúa.

Psalms 45:7

Vua yêu và ghét điều gì?

Vua đã yêu sự bình và ghét sự độc ác.

Psalms 45:8

Hết thảy quần áo của vua có mùi gì?

Hết thảy quần áo của người có mùi nhựa thơm, lô hội và quế hương.

Psalms 45:9

Các công chúa và hoàng hậu của vua ở đâu?

Các công chúa ở giữa những người nữ đáng kính của Chúa và hoàng hậu mặc áo vàng ô-phia đứng bên tay phải của Chúa.

Psalms 45:12

Người giàu sẽ làm gì?

Người giàu ở giữa mọi người sẽ cầu xin vì ân điển.

Psalms 45:14

Con gái hoàng gia sẽ được dắt đi đâu?

Cô sẽ được dắt đến bên vua trong trang phục thuê dệt.

Psalms 45:15

Các trinh nữ sẽ thế nào và được dắt đi đâu?

Họ sẽ được dắt bởi sự vui mừng và hân hoan; họ sẽ vào trong cung điện của vua.

Psalms 45:16

Ai sẽ vào trong nơi của tổ tiên của vua?

Trong nơi tổi tiên sẽ dành cho con cháu họm người sẽ làm các hoàng tử trên khắp đất.

Psalms 45:17

Bởi danh vua mà làm gì?

Sẽ bởi danh mà được nhớ trong suốt các đời.

Chapter 46

Psalms 46:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

Theo điệu A-la-mốt

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Đức Chúa Trời là nơi nương náu và sức lực của chúng con

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là một nơi có thể chạy đến để được an toàn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ban cho chúng con sức lực và sự an ninh"

Núi đồi rung chuyển và đổ xuống lòng biển

Tác giả gọi phần sâu nhất của biển là lòng biển. Ở đây ông mô tả một trận động đất khiến núi đổ nát và rơi xuống biển. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "núi đồi rung chuyển dữ dội đến mức chúng đổ xuống đáy biển"

Dù nước nó ầm ầm sôi bọt

"Dù nước biển ầm ầm sôi bọt". Từ "ầm ầm" và "sôi bọt" mô tả sự chuyển động dữ dội của biển trong cơn bão lớn.

Núi rung chuyển vì sự chuyển dậy của nó

Cụm từ "sự chuyển dậy của nó" chỉ về nước biển dâng lên và đập vào núi. Gợi ý dịch: "nước nổi dậy khiến núi rung chuyển"

Psalms 46:4

Có một con sông, dòng chảy nó làm vui thành của Đức Chúa Trời

"Có một con sông, dòng chảy nó khiến thành của Đức Chúa Trời vui vẻ". Hình ảnh dòng sông đang chảy là biểu tượng của hòa bình và thịnh vượng cho thành của Đức Chúa Trời.

làm vui thành của Đức Chúa Trời

"Thành của Đức Chúa Trời" chỉ về thành Giê-ru-sa-lem, tác giả nói như thể nó là con người biết vui vẻ. Gợi ý dịch: "khiến dân sống trong thành Giê-ru-sa-lem vui vẻ"

Nơi thánh trong đền thờ của Đấng Chí Cao

Câu này mô tả "thành của Đức Chúa Trời". "Đền thờ" ở dạng số nhiều nhấn mạnh rằng đó là nơi ngự đặc biệt của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "nơi thánh Đấng Chí Cao ngự"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ở giữa nó, nó sẽ không bị rúng động ... giúp đỡ nó
Từ "nó" chỉ về "thành của Đức Chúa Trời".
nó sẽ không bị rúng động
Ở đây, từ "rúng động" giống với từ được dịch ở câu PSA046:001
Psalms 46:6
Các dân náo loạn
Ở đây, từ "náo loạn" giống với từ tác giả dùng ở câu PSA046:001
các nước rúng động
Từ "rúng động" ở đây giống với từ được dùng ở câu PSA046:001
Ngài lên tiếng
"Đức Chúa Trời lên tiếng." Tác giả nói như thể "tiếng" là một đồ vật có thể cầm lấy và nâng lên. Ở đây có nghĩa là tiếng lớn hơn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời cất tiếng lớn"
Đất tan chảy
Tác giả nói như thể trái đất là đá có thể tan chảy ra. "Đất" ở đây tượng trưng cho loài người, và tan chản tức là sợ hãi. Gợi ý dịch: "dân trên đất run rẫy sợ hãi"
Đức Chúa Trời của Gia-cốp là nơi nương náu của chúng con
Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là một nơi người ta có thể chạy đến để được an toàn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của Gia-cốp ban cho chúng con sự an ninh"
Đức Chúa Trời của Gia-cốp
Có thể là 1) "Đức Chúa Trời mà Gia-cốp thờ phượng" hoặc 2) "Gia-cốp" là phép hoán dụ chỉ về nước Y-sơ-ra-ên và có nghĩa là "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên".
Psalms 46:8
Ngài dẹp yên giặc giã
"Ngài khiến các nước ngừng tranh chiến"
Đến tận cùng trái đất
Cách nói này có nghĩa là mọi nơi trên thế giới. Gợi ý dịch: "mọi nơi trên thế giới"
Ngài bẻ gãy cung ... đốt cháy khiên
Một cách Đức Giê-hô-va khiến cho chiến tranh ngừng lại là phá hủy vũ khí các quân đội dùng để đánh nhau.
Psalms 46:10
Hãy yên lặng và biết rằng Ta là Đức Chúa Trời
Ở đây, Đức Chúa Trời bắt đầu lên tiếng.
Hãy yên lặng
Trong ngữ cảnh này, câu này có vẻ là một mạng lệnh cho các nước ngừng chiến tranh. Gợi ý dịch: "Hãy ngừng giao chiến"
biết rằng Ta là Đức Chúa Trời
Từ "biết" ở đây có nghĩa là hiểu và xưng nhận rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chân thật.
Ta sẽ được tôn cao giữa các nước, Ta sẽ được tôn cao trên đất
Hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng dân chúng của mọi nước trên thế giới sẽ tôn cao Đức Chúa Trời. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Dân chúng từ mọi nước sẽ tôn cao ta, dân trên khắp đất sẽ tôn cao ta"
Đức Giê-hô-va vạn quân ở cùng chúng con; Đức Chúa Trời của Gia-cốp là nơi nương náu của chúng con.
Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là một nơi người ta có thể chạy đến để được an toàn. Xem cách đã dịch ở PSA046:006

Translation Questions

Psalms 46:1
Tác giả mô tả Chúa thế nào?
Chúa là sức mạnh và nơi chúng ta nương náu, một Đấng giúp có mặt trong hoạn nạn.
Psalms 46:2
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì, dù trái đất có đổi thay và các núi sẽ rúng động thành trong lòng của các biển?
Vì thế, họ sẽ không sợ.
Psalms 46:4
Điều gì khiến thành của Chúa vui vẻ?
Có một con sông, dòng nước của nó khiến thành phố vui vẻ.
Psalms 46:5
Điều gì thành của Chúa sẽ không làm?
Thành phố sẽ không bị rúng động.
Psalms 46:6
Điều gì xảy ra cho trái đất khi Chúa cất giọng của Ngài sau khi các dân nào loạn và các nước bị rúng động?
Trái đất bị tan chảy.
Psalms 46:7
Đức Giê-hô-va là chủ điều gì và Chúa của Gia-cốp ở đâu?
Đức Giê-hô-va là chủ ở cùng Y-sơ-ra-ên, và Chúa của Gia-cốp là nơi nương náu của họ.
Psalms 46:9
Đức Giê-hô-va làm gì cho các cuộc chiến?
Ngài khiến các cuộc chiến ngừng cho đến tận cùng trái đất, và Ngài sẽ bẻ gãy cung, chặt giáo mác thành từng mảnh, và đốt trụi các khiên.
Psalms 46:10
Chúa bảo sẽ nói dân sự làm gì?
Hãy im lặng và biết rằng Ngài là Chúa.S
Điều gì sẽ xảy ra với Chúa ở giữa các dân?
Ngài sẽ được tôn cao giữa các dân và ở trên đất.S
Psalms 46:11
Chúa của Gia-cốp làm gì cho Y-sơ-ra-ên?
Ngài là chỗ nương náu của họ.

Chapter 47

Psalms 47:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
Thi thiên của con cháu Cô-rê
"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"
Hãy vỗ tay
Vỗ tay gắn liền với ý nghĩa tán tụng. Gợi ý dịch: "Hãy vô tay trong sự tán tụng"
Hãy lấy tiếng thắng trận mà reo mừng cho Đức Chúa Trời
"Hãy lấy tiếng mừng rỡ mà reo vang cho Đức Chúa Trời". Từ "thắng trận" ở đây chỉ về niềm vui chiên thắng.
Psalms 47:3

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài khuất phục các dân dưới chúng tôi và các nước dưới chân chúng tôi

Hai vế này song song với nhau và có nghĩa là Đức Chúa Trời cho Y-sơ-ra-ên chinh phục các kẻ thù của họ.

Khuất phục

Chinh phục và đặt dưới quyền của người khác

dưới chúng tôi ... dưới chân chúng tôi

Tác giả nói việc chinh phục các nước như thể đặt các nước dưới chân của họ.

Ngài chọn sản nghiệp cho chúng tôi

Tác giả ví đất của dân Y-sơ-ra-ên như một sản nghiệp mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ sở hữu lâu dài. Gợi ý dịch: "Ngài chọn đất này làm sản nghiệp cho chúng tôi"

vinh hiển của Gia-cốp

"Vinh hiển" ở đây chỉ về niềm tự hào và tượng trưng cho vùng đất mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân Ngài làm cơ nghiệp. Gợi ý dịch: "vùng đất mà Gia-cốp tự hào"

Gia-cốp mà Ngài yêu mến

Từ "Gia-cốp" chỉ về nước Y-sơ-ra-ên.

Đức Chúa Trời ngự lên giữa tiếng reo mừng

Tác giả nói về việc Đức Chúa Trời chinh phục các nước như thể Ngài là vua ngự lên ngôi trong đền thờ. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ngự lên đền thờ khi dân chúng reo mừng"

Đức Giê-hô-va với tiếng kèn thổi

Câu này song song với câu trước. Có thể thêm vào động từ để làm rõ nghĩa. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ngự lên khi dân chúng thổi kèn"

Psalms 47:6

Hãy hát lên ca ngợi Đức Chúa Trời, nào hát lên đi! Hãy hát lên ngợi ca Vua chúng tôi, nào ca lên đi!

Cụm từ "hãy hát lên ca ngợi" được lặp lại để nhấn mạnh. Có thể lượt bỏ phần lặp lại nếu điều đó bất tiện trong ngôn ngữ của bạn. Gợi ý dịch: "Hãy hát lên, hãy hát ngợi khen Đức Chúa Trời, hãy hát lên, hát ngợi khen Vua chúng tôi"

Psalms 47:8

Vua các dân

"Người cai trị của hết thảy các nước"

nhóm nhau lại với dân

Có thể là người cai trị các nước 1) "nhóm lại trước dân chúng" (UDB) hoặc 2) "nhóm lại cùng dân chúng" để tất cả có thể thờ phượng Đức Chúa Trời là vua.

các khiên của đất đều thuộc về Đức Chúa Trời

Có thể "khiên" 1) chỉ về dụng cụ để chiến tranh. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời quyền năng hơn những vũ khí của tất cả các vua trên đất"

Translation Questions

Psalms 47:1

Tại sao mọi người phải vỗ tay của mình và reo hò với Chúa vì tiếng của chiến thắng?

Họ phải vỗ tay và reo hò Đức Giê-hô-va Đấng Chí Cao là sự khiếp sợ và Vua lớ trên khắp đất.

Psalms 47:2

Tại sao mọi người phải vỗ tay của mình và reo hò với Chúa vì tiếng của chiến thắng?

Họ phải vỗ tay và reo hò Đức Giê-hô-va Đấng Chí Cao là sự khiếp sợ và Vua lớ trên khắp đất.

Psalms 47:3

Đức Giê-hô-va làm điều gì cho mọi người và các dân?

Ngài khuất phục mọi người dưới dân Y-sơ-ra-ên và các dân dưới chân họ.

Psalms 47:5

Chúa đã thăng thiên thế nào?

Chúa đã thăng thiên với tiếng reo hò và âm thanh của tiếng kèn.

Psalms 47:6

Tại sao mọi người phải ca ngợi Chúa?

Mọi người phải ca ngợi Chúa vì Chúa Ngài là vua trên khắp đất.

Psalms 47:7

Tại sao mọi người phải ca ngợi Chúa?

Mọi người phải ca ngợi Chúa vì Chúa Ngài là vua trên khắp đất.

Psalms 47:8

Chúa cai trị ở đâu?

Chúa cai trị trên các dân.

Chúa ngồi ở đâu?

Chúa ngồi ở trên ngai thánh của Ngài.

Psalms 47:9

Các hoàng tử của các dân đã tập hợp ở đâu?

Họ đã tập hợp với nhau để làm dân của Chúa của Áp-ra-ham.

Tại sao các hoàng tử tập hợp để làm dân của Áp-ra-ham?

Họ đã tập hợp để làm dân của Áp-ra-ham bởi vì Ngài được tôn rất cao.

Chapter 48

Psalms 48:1

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là một bài hát nói về Giê-ru-sa-lem là nơi ngự của Đức Chúa Trời.

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

rất đáng được ngợi khen

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "mọi người phải hết lòng ngợi khen Ngài"

thành của Đức Chúa Trời chúng ta trên núi thánh Ngài

Ở đây chỉ về thành Giê-ru-sa-lem được xây trên núi Si-ôn.

thành của Đức Chúa Trời chúng ta

Có thể là 1) "thành Đức Chúa Trời chúng ta ngự" hoặc 2) "thành thuộc về Đức Chúa Trời chúng ta"

Đẹp đẽ cao vút

"Đẹp đẽ và cao vút." Từ "cao vút" chỉ về ngọn núi cao đến thế nào.

niềm vui của cả trái đất, là núi Si-ôn

Từ "trái đất" ở đây chỉ về hết thảy con người sống trên đất. Từ "niềm vui" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Núi Si-ôn đem niềm vui cho mọi người trên đất" hoặc "mọi người trên đất vui mừng về núi Si-ôn"

phía bắc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể cụm từ này 1) chỉ về hướng bắc hoặc 2) là một tên gọi khác của núi Si-ôn có nghĩa là "núi của Đức Chúa Trời".

Đức Chúa Trời đã tỏ mình là một nơi nương náu trong các cung điện của thành

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là một nơi người ta có thể chạy đến để được an toàn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã tỏ mình là Đấng ban an ninh cho mọi người trong các cung điện của núi Si-ôn"

Psalms 48:4

Thấy

Từ "thấy" ở đây hướng sự chú ý của chúng ta đến thông tin ngạc nhiên theo sau.

Họp lại

Có nghĩa là vua của các nước khác tụ họp quân đội lại. Gợi ý dịch: "tụ họp lực lượng"

Chúng cùng đi qua

"chúng cùng đi qua Giê-ru-sa-lem"

Chúng thấy thành

"Chúng thấy Giê-ru-sa-lem"

Kinh hoàng

"vô cùng hoảng loạn"

Khi đó sự run rẩy bắt lấy họ

Tác giả nói như thể sự sợ hãi của các vua là người, có thể làm cho các vua và quân đội của họ run rẩy. Gợi ý dịch: "Khi đó họ run rẩy sợ hãi"

đau đớn khác nào khi phụ nữ chuyển dạ

Tác giả ví nỗi sợ hãi của các vua như cơn đau người phụ nữ trải qua khi sinh con và nói như thể nỗi đau là một con người. Có thể thêm vào động từ từ mệnh đề trước. Gợi ý dịch: "nỗi đau bắt lấy họ như khi phụ nữ chuyển dạ" hoặc "họ sợ hãi như người phụ nữ sợ cơn đau chuyển dạ"

Psalms 48:7

Chúa dùng ngọn gió đông đập vỡ tàu thuyền Ta-rê-si

Có thể 1) đây là phép ẩn dụ, tác giả mô tả các vua sợ hãi như thể họ là những chiếc tàu chao đảo vì bị Đức Chúa Trời dùng gió mạnh tiêu diệt. Gợi ý dịch: "Họ run rẩy sợ hãi như tàu thuyền Ta-rê-si chao đảo khi Chúa lấy gió đông đập vỡ chúng" hoặc 2) đây là dấu lược bỏ, trong đó tác giả mô tả quyền năng lớn của Đức Chúa Trời.

ngọn gió đông

Có thể là 1) "ngọn gió thổi từ phía đông" hoặc 2) "ngọn gió lớn".

tàu thuyền Ta-rê-si

Có thể là 1) tàu thuyền đi đến Ta-rê-si hoặc được đóng ở Ta-rê-si hoặc 2) bất kì tàu thuyền lớn nào trên đại dương.

Như chúng tôi đã nghe

Ngụ ý rằng điều họ đã nghe là những việc vĩ đại Đức Chúa Trời đã làm trong quá khứ. Gợi ý dịch: "Như chúng tôi đã nghe về những việc vĩ đại Đức Chúa Trời đã làm"

Thì chúng tôi cũng đã thấy

Có nghĩa là họ đã thấy bằng chứng rằng những điều họ nghe là sự thật. Gợi ý dịch: "thì bây giờ chúng tôi cũng đã thấy Đức Chúa Trời làm những việc vĩ đại"

trong thành của Đức Giê-hô-va vạn quân, tức là trong thành của Đức Chúa Trời chúng tôi

Cả hai vế đều chỉ về Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "trong thành của Đức Chúa Trời chúng tôi. Là Đức Giê-hô-va vạn quân"

thiết lập thành ấy

"khiến nó vững chắc". Ở đây từ "thiết lập" có nghĩa là bảo tồn và làm cho vững chắc.

Psalms 48:9

giữa đền thờ Chúa

"khi chúng con ở giữa đền thờ Chúa"

danh Ngài thể nào thì sự ca ngợi Ngài vươn đến các đầu cùng trái đất thể ấy

Từ "danh" ở đây đại diện cho danh tiếng của Đức Chúa Trời. Hai về này so sánh sự vĩ đại của danh Đức Chúa Trời với sự ngợi khen vô cùng của con người dành cho Ngài. Gợi ý dịch: "Danh Ngài rất lớn ... và con người trên khắp đất ngợi khen Ngài vô cùng" hoặc "con người trên khắp đất đã nghe về Chúa ... vì thế con người trên khắp đất ngợi khen Ngài"

đến các đầu cùng trái đất

Cách nói này có nghĩa là tất cả mọi nơi trên thế giới. Xem cách đã dịch ở PSA046:008

Tay phải của Chúa đầy sự công chính

Tác giả nói như thể sự công chính là một đồ vật Đức Chúa Trời có thể cầm trên tay. Ở đây từ "tay" chỉ về quyền năng và thẩm quyền cai trị của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Chúa cai trị với sự công chính" hoặc "Chúa cai trị công chính"

Psalms 48:11

Nguyện núi Si-ôn vui vẻ

Tác giả nói như thể núi Si-ôn là con người biết vui vẻ. Câu này chỉ về những người sống ở Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "Nguyện những người sống trên núi Si-ôn được vui vẻ"

Nguyện các con gái Giu-đa mừng rỡ

Tác giả nói như thể các thành ở Giu-đa là con cháu của Giu-đa. Câu này chỉ về những người sống trong các thành đó. Gợi ý dịch: "nguyện những người sống trong các thành của Giu-đa được mừng rỡ"

Psalms 48:12

Hãy đi chung quanh núi Si-ôn, hãy dạo vòng quanh thành

Hai về này song song với nhau. Gợi ý dịch: "Hãy đi vòng quanh hết núi Si-ôn"

Chú ý thật kỹ

"chú ý từng chi tiết"

Psalms 48:14

Ngài sẽ là sự hướng dẫn cho chúng ta

Từ "sự hướng dẫn" có thể dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ dẫn dắt chúng ta"

cho đến kỳ chết

Có thể là 1) "cho đến khi chúng ta qua đời" hoặc 2) "đời đời."

Translation Questions

Psalms 48:1

Tác giả mô tả Đức Giê-hô-va thế nào?

Đức Giê-hô-va là vĩ đại và đáng được ca ngợi.

Psalms 48:2

Núi Si-ôn được mô tả thế nào?

Núi Si-ôn đẹp đẽ ngẩng lên, là sự vui mừng của toàn trái đất.

Psalms 48:3

Chúa đã làm mình được biết đến như thế nào?

Chúa đã làm mình được biết đến như một nơi nương náu.

Psalms 48:4

Điều gì xảy ra khi các vua tập họp với nhau và thấy núi Si-ôn?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ bị kinh ngạc, khiếp đảm, và đi vội; sự run sợ giữ họ tại đó.

Psalms 48:6

Điều gì xảy ra khi các vua tập họp với nhau và thấy núi Si-ôn?

Họ bị kinh ngạc, khiếp đảm, và đi vội; sự run sợ giữ họ tại đó.

Psalms 48:8

Chúa sẽ làm cho thành của Đức Giê-hô-va làm chủ?

Chúa sẽ lập nó mãi mãi.

Psalms 48:9

Dân Y-sơ-ra-ên đã nghĩ về điều gì ở giữa đền của Chúa?

Họ đã nghĩ về giao ước thành tín của Chúa.

Psalms 48:10

Tác giả mô tả về bàn tay phải của Chúa thế nào?

Bàn tay phải của Ngài tràn đầy sự công bình.

Psalms 48:11

Tại sao núi Si-ôn được vui mừng và các con gái của Giu-đa hân hoan?

Nó được vui mừng và họ sẽ hân hoan bởi vì các mạng lệnh công bình của Chúa.

Psalms 48:13

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên phải đi vòng quanh núi Si-ôn, đếm các tháp nó và nhìn xem cung điện của nó?

Họ phải làm những điều này để họ sẽ nói với thế hệ kế tiếp.

Psalms 48:14

Chúa sẽ là điều gì cho dân Y-sơ-ra-ên?

Ngài sẽ là sự hướng dẫn của họ cho đến sự chết.

Chapter 49

Psalms 49:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

Hỡi muôn dân, hãy nghe điều nầy; Hỡi mọi người trên thế gian, hãy lắng tai nghe.

Hai câu này song song với nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mạng lệnh mọi người phải lắng nghe.

lắng tai nghe

Có nghĩa là dùng tai mình để lắng nghe. Gợi ý dịch: "hãy nghe"

Cả người hạ lưu và thượng lưu

Tác giả gọi những người yếu thế, tầm thường trong xã hội là hạ lưu và những người có thế lực, uy quyền là thượng lưu. Hai từ "hạ lưu" và "thượng lưu" được dùng chung để đại diên cho tất cả mọi người. Gợi ý dịch: "cả người quyền thế và người tâm thường"

Người giàu có cũng như người nghèo hèn

Từ "giàu có" và "nghèo hèn" được dùng chung để chỉ về tất cả mọi người, không phân biệt giàu nghèo. Gợi ý dịch: "tất cả mọi người"

Psalms 49:3

Miệng tôi sẽ nói lời khôn ngoan

Từ "miệng" chỉ về chính người nói. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ nói lời khôn ngoan"

Sự suy gẫm của lòng tôi sẽ là sự thông sáng

Từ "lòng" ở đây đại diện cho tâm trí và tư tưởng. Từ "sự suy gẫm" có thể dịch thành động từ.

Gợi ý dịch: "những điều con suy gẫm sẽ dẫn con đến chỗ thông sáng"

Nghiêng tai

Tác giả nói như thể lắng nghe cẩn thận là hướng tai về phía người nói. Gợi ý dịch: "hãy lắng nghe cẩn thận"

lấy đàn hạc

"khi tôi chơi đàn hạc"

Vì sao tôi phải sợ hãi ... gót?

Tác giả hỏi câu này để nhấn mạnh rằng ông không có lí do gì để sợ hãi khi điều tồi tệ xảy ra. Gợi ý dịch: "Tôi không có lí do gì để sợ hãi ... gót."

ngày tai họa

"khi điều tai họa xảy ra". Ở đây từ "ngày" chỉ về một khoảng thời gian nói chung.

Khi sự gian ác vây phủ quanh gót tôi

Có thể là 1) tác giả ví những ước muốn gian ác của kẻ thù ông là thú săn mồi sẵn sàng bắt lấy ông. Gợi ý dịch: "khi sự gian ác của những kẻ tội lỗi sẵn sàng bắt lấy tôi" hoặc 2) kẻ thù của tác giả vây quanh ông phạm tội (UDB). Gợi ý dịch: "khi kẻ thù vây quanh tôi"

Psalms 49:6

Chúng tin cậy nơi tài sản mình

Họ tin rằng tài sản của họ sẽ giúp họ không phải chịu khốn khổ.

Về mức giàu có của họ

Số lượng lớn của vật gì đó

Chắc chắn không ai

"Không ai trong số họ có thể". Gợi ý dịch: "Không ai có thể"

Không ai chuộc được anh em mình hoặc trả giá chuộc người ấy nơi Đức Chúa Trời

Cả hai vế đều có nghĩa là người ta không thể đưa đủ tiền chuộc cho Đức Chúa Trời để được thoát khỏi sự chết. Gợi ý dịch: "không ai có thể trả tiền cho Đức Chúa Trời để anh em mình không phải chết"

giá chuộc mạng sống rất đắt

Từ "giá chuộc" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "giá trả quá đắc đến nỗi không thể chuộc nỗi mạng sống một người"

Psalms 49:9

Để thân thể người không rữa nát

Chỉ về việc thân thể người thối rữa trong hầm mộ.

Người ấy sẽ thấy sự rữa nát

Tác giả gọi việc trải qua điều gì đó là thấy nó. Gợi ý dịch: "người ấy sẽ chết và thân thể người sẽ rữa nát"

Người khôn ngoan chết, kẻ điên cuồng và người ngu dại cũng chết như nhau

Tác giả chỉ về tất cả mọi người bằng cách đề cập đến người khôn ngoan nhất và kém khôn ngoan nhất.

Điên cuồng

Có nghĩa là người ngu ngốc hay tối dạ.

Psalms 49:11

Tư tưởng bên trong chúng nó

"Niềm tin của chúng nó"

Và chỗ chúng ở, trải mọi thế hệ

Có thể thêm vào động từ từ vế trước. Gợi ý dịch: "và chỗ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chúng ở sẽ còn tồn tại suốt các thế hệ"

Chúng lấy chính tên mình đặt cho đất ruộng mình

"Chúng đặt tên cho đất ruộng mình theo tên của mình". Gợi ý dịch: "chúng sở hữu đất ruộng của riêng mình"

Psalms 49:12

Nhưng loài người dù giàu sang

"Nhưng loài người dù có giàu sang"

Đường lối chúng là sự ngu dại của chúng

Tác giả nói như thể số phận của kẻ dại đang chờ đợi ở cuối con đường chúng bước đi. Gợi ý dịch: "Đây là số phận của những kẻ sống ngu dại"

Nhưng sau chúng

"nhưng sau khi chúng chết đi"

Psalms 49:14

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục mô tả những người tin rằng sự giàu có sẽ cứu được họ.

như bầy chiên

Tác giả so sánh những người chắc chắn sẽ chết như một bầy chiên. Giống như chiên không thể thoát được khi người ta quyết định giết thịt chúng thì con người cũng sẽ không thoát được khi đến lúc phải chết.

Chúng bị định

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã định cho chúng"

Thần chết sẽ là người chăn của chúng

Tác giả nói về sự chết của con người bằng cách nhân hóa nó thành người chăn dẫn họ đến hầm mộ. Gợi ý dịch: "sự chết sẽ cất chúng đi như người chăn dẫn chiên đến chỗ làm thịt"

Buổi sáng

Ở đây "buổi sáng" là phép ẩn dụ chỉ về lúc Đức Chúa Trời bênh vực người công bình và cứu họ khỏi kẻ ác.

Thân thể của chúng sẽ bị tiêu hủy trong âm phủ

Tác giả nói như thể âm phủ, nơi dành cho người chết là một người hay một con vật. Ông nói về sự rữa nát của thân thể như thể âm phủ đang ăn họ. Gợi ý dịch: "thân thể của chúng sẽ thối rữa trong hầm mộ"

Đức Chúa Trời sẽ cứu chuộc mạng sống tôi khỏi quyền lực âm phủ

Tác giả nói như thể âm phủ là người, có quyền lực trên những người chết. Theo ngữ cảnh thì quyền lực này ngụ ý chỉ về việc tiêu hủy thân thể của người chết.

Đức Chúa Trời sẽ cứu chuộc mạng sống

Từ "mạng sống" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ cứu chuộc tôi"

Psalms 49:16

vinh quang nhà người ấy tăng lên

Từ "vinh quang" ở đây chỉ về sự giàu có hay thịnh vượng. Có thể là 1) "khi nhà người ấy được giàu có hơn" hoặc 2) "khi nhà người ấy trở nên giàu có".

người ấy sẽ chẳng đem gì theo được

"người ấy sẽ chẳng đem gì theo xuống hầm mộ được"

Vinh quang cũng sẽ không đi xuống theo người

Cụm từ "đi xuống" chỉ về việc một người chết. Gợi ý dịch: "vinh quang người sẽ không đi theo người khi người chết" hoặc "người sẽ không giữ được danh tiếng mình khi chết đi"

Psalms 49:18

Người chúc phước cho linh hồn mình

Từ "linh hồn" ở đây chỉ về chính người đó. Cụm từ này có nghĩa là người xem mình đã được vui vẻ và thành đạt vì giàu có. Gợi ý dịch: "Người khen ngợi chính mình"

người ta khen ngợi người vì biết sống cho mình

Ở đây tác giả nói chung về cách người ta nói về người thành công theo tiêu chuẩn thế gian.

sống cho mình

Cụm từ này chỉ về việc sống thành công theo tiêu chuẩn thế gian. Gợi ý dịch: "sống tốt cho bản thân" hoặc "sống thành đạt"

Người ấy sẽ đến cùng thế hệ của tổ phụ mình

"Người ấy sẽ đi đến chỗ của thế hệ tổ phụ mình". Đây là phép chuyển ngữ muốn nói người giàu có sẽ chết và nằm trong hầm mộ với các tổ phụ. Gợi ý dịch: "người ấy sẽ nằm cùng các tổ phụ mình trong hầm mộ"

Họ sẽ chẳng còn thấy ánh sáng nữa

Từ "họ" chỉ về người giàu và tổ phụ của ông. Từ "ánh sáng" có thể chỉ về mặt trời hoặc là phép ẩn dụ chỉ về sự sống. Gợi ý dịch: "họ sẽ chẳng bao giờ thấy mặt trời nữa" hoặc "họ sẽ chẳng bao giờ sống lại"

Translation Questions

Psalms 49:1

Tác giả nói cho ai nghe?

Ông nói cho tất cả mọi người nghe, và mọi cư dân trên thế giới, ở thấp và cao, giàu và nghèo với nhau, để lắng nghe.

Psalms 49:2

Tác giả nói cho ai nghe?

Ông nói cho tất cả mọi người nghe, và mọi cư dân trên thế giới, ở thấp và cao, giàu và nghèo với nhau, để lắng nghe.

Psalms 49:3

Miệng của tác giả sẽ nói điều gì?

Miệng của ông sẽ nói điều khôn ngoan.

Điều gì được ngẫm nghĩ từ lòng của tác giả?

Sự ngẫm nghĩ trong lòng sẽ là sự khôn ngoan.

Psalms 49:4

Tác giả nghiêng tai để nghe gì và ông sẽ mở đầu nó thế nào?

Ông sẽ nghiêng tai nghe câu châm ngôn là điều ông sẽ bắt đầu bằng đàn hạc.

Psalms 49:6

Những kẻ tin cậy vào của cải của nó không thể làm gì?

Không ai trong chúng có thể bởi của cải mà mua chuộc anh em hoặc dâng lên Chúa để chuộc người.

Psalms 49:7

Những kẻ tin cậy vào của cải của nó không thể làm gì?

Không ai trong chúng có thể bởi của cải mà mua chuộc anh em hoặc dâng lên Chúa để chuộc người.

Psalms 49:8

Tác giả mô tả sự cứu chuộc sự sống của một người thế nào?

Sự cứu chuộc sự sống của một người là đắt giá và luôn phải trả quá nhiều.

Psalms 49:9

Ai có thể sống mãi mãi?

Không ai có thể sống mãi mà cơ thể không suy tàn.

Psalms 49:10

Điều gì xảy ra với người khôn ngoan, kẻ dại, và súc vật?

Người khôn sẽ chết; kẻ dại và súc vật diệt vong như nhau và để của cải chúng cho kẻ khác.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 49:12
Điều gì xảy ra với con người?
Con người, có sự giàu có, không còn sống mãi.
Psalms 49:14
Ai sẽ là người chăm nom con người?
Cái chết sẽ là cái chết của họ.
Điều gì sẽ xảy cho con người vào buổi sáng?
Người ngay thẳng sẽ có quyền hơn họ vào buổi sáng.
Psalms 49:15
Chúa sẽ làm gì cho tác giả?
Chúa sẽ cứu chuộc linh hồn của ông khỏi quyền lực của âm phủ, Ngài sẽ tiếp đón ông.
Psalms 49:16
Khi nào tác giả nói không bị sợ hãi?
Người ta sẽ không sẽ sợ hãi khi trở nên giàu có, khi quyền lực của nhà họ thêm lên.
Tại sao tác giả nói không bị sợ hãi?
Ông nói không bị sợ hãi khi kẻ giàu chết, nó sẽ không đem gì theo, và quyền lực của nó sẽ không xuống cùng nó.
Psalms 49:17
Tại sao tác giả nói không bị sợ hãi?
Ông nói không bị sợ hãi khi kẻ giàu chết, nó sẽ không đem gì theo, và quyền lực của nó sẽ không xuống cùng nó.
Psalms 49:18
Khi nào các người nam ngợi ca những người khác?
Các người nam ngợi ca những người khác là kẻ sống cho chính họ.
Psalms 49:19
Kẻ giàu sẽ đi với ai?
Nó sẽ đi với đời của cha nó.
Kẻ giàu và cha nó sẽ không thấy gì?
Chúng sẽ không bao giờ thấy ánh sáng lần nữa.
Psalms 49:20
Một người có của cải nhưng không có sự khôn ngoan sẽ như thế nào?
Người sẽ như súc vật, thứ bị diệt vong.

Chapter 50
Psalms 50:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thông Tin Tổng Quát:
Thi thiên này là bài hát để dạy dỗ.
Thi thiên của A-sáp
"Đây là thi thiên do A-sáp viết."
Đấng quyền năng là Đức Chúa Trời, là Đức Giê-hô-va
Tác giả dùng ba tên gọi khác nhau để nói về Đức Chúa Trời.
Gọi trái đất
Từ "trái đất" ở đây chỉ về những người sống trên đất. Gợi ý dịch: "gọi mọi người"
Từ hướng mặt trời mọc cho đến hướng mặt trời lặn
Câu này chỉ về hướng đông, là hướng mặt trời mọc và hướng tây là hướng mặt trời lặn. Tác giả dùng hai thái cực này để chỉ về mọi nơi trên đất. Gợi ý dịch: "mọi nơi trên đất"
Si-ôn tốt đẹp toàn hảo
Có thể là 1) "Si-ôn có vẻ đẹp hoàn hảo" hoặc 2) "Si-ôn, thành phố đẹp nhất"
Đức Chúa Trời đã chiếu sáng
Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là ánh sáng. Ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời làm cho người ta biết về vinh quang Ngài. Gợi ý dịch: "Vinh quang của Đức Chúa Trời chiếu rọi như ánh sáng"
Psalms 50:3
không nín lặng
Tác giả dùng câu phủ định để nhấn mạnh ý khẳng định. Gợi ý dịch: "nói để mọi người đều nghe"
ngọn lửa ăn nuốt trước mặt Ngài
Tác giả nói ngọn lửa đốt cháy vật gì đó như thể nó đang ăn nuốt chúng. Gợi ý dịch: "ngọn lửa bùn cháy trước Ngài"
Chung quanh Ngài là trận bão dữ dội
"một trận bão dữ dội chung quanh Ngài"
Ngài gọi các tầng trời trên cao và đất
Có thể là 1) Đức Chúa Trời đang gọi hết thảy mọi loài sống ở trên trời và dưới đất làm chứng khi Ngài phán xét dân của Ngài hoặc 2) Đức Chúa Trời đang nói với trời và đất như thể chúng là con người và Ngài gọi chúng làm chứng khi Ngài phán xét dân Ngài.
Psalms 50:6
Các tầng trời sẽ rao truyền
Có thể là 1) tác giả dùng từ "các tầng trời" để chỉ về các thiên sứ ở đó
Psalms 50:7
Ta sẽ chẳng trách ngươi vì các sinh tế
"Ta sẽ trách ngươi, nhưng không phải vì các sinh tế." Đức Chúa Trời giải thích rằng sinh tế không phải là lí do Ngài trách họ.
Trách
"quở trách" hoặc "khiển trách"
tế lễ thiêu của ngươi luôn ở trước mặt ta
Câu này giải thích vì sao Đức Chúa Trời không trách họ về của tế lễ của họ. Cụm từ "luôn ở trước mặt ta" chỉ về việc ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời và có nghĩa là dân chúng luôn dâng của lễ thiêu cho Ngài. Gợi ý dịch: "ngươi luôn dâng của lễ thiêu cho ta"
Psalms 50:9
Bầy
"ràn" hoặc "rào"
súc vật trên hàng nghìn đồi núi
Cụm từ "trên hàng nghìn đồi núi" không thể hiện tổng số súc vật Đức Chúa Trời sở hữu. Con số này là phép cường điệu nhằm nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sở hữu tất cả súc vật trên đất. Có thể thêm vào động từ từ vế trước. Gợi ý dịch: "hết thảy súc vật trên đất là của ta"
hàng nghìn đồi núi
"1,000 đồi núi"
Ta biết hết mọi loài chim
Từ "biết" ở đây ngụ ý chỉ về quyền sở hữu. Gợi ý dịch: "Ta sở hữu mọi loài chim"
Psalms 50:12
Nếu ta đói
Câu này mô tả một việc không thể xảy ra vì Đức Chúa Trời không hề đói.
Ta có ăn thịt bò đực hay uống huyết dê đực không?
Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để nhấn mạnh rằng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài không làm những việc đó và vì thế không cần các của lễ của họ. Gợi ý dịch: "Ta không ăn thịt bò đực hay uống huyết dê đực."

Psalms 50:14

Hãy dâng cho Đức Chúa Trời

Ở đây Đức Chúa Trời đang chỉ về chính mình. Gợi ý dịch: "Hãy dâng cho ta"

trả sự hứa nguyện ngươi cho Đấng Chí Cao

Tác giả nói như thể "sự hứa nguyện" là loại tiền tệ một người phải trả cho Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "làm trọn sự hứa nguyện người cho Đấng Chí Cao" hoặc "làm điều ngươi đã hứa cùng Đấng Chí Cao"

trong ngày gian truân

Từ "ngày" ở đây chỉ về một giai đoạn nào đó. Gợi ý dịch: "bất cứ khi nào ngươi gặp gian truân"

Psalms 50:16

Nhưng Đức Chúa Trời phán với kẻ ác

Ở đây Đức Chúa Trời vẫn đang phán và Ngài chỉ về chính mình ở ngôi thứ ba. Gợi ý dịch: "nhưng ta phán với kẻ ác"

Với kẻ ác

Từ "kẻ ác" chỉ về người gian ác nói chung. Gợi ý dịch: "với người gian ác"

Vì sao ngươi thuật lại các luật lệ Ta ... và vứt bỏ các lời Ta?

Đức Chúa Trời dùng câu hỏi này để quở trách kẻ ác. Có thể chuyển thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chẳng có ý nghĩa gì khi ngươi thuật lại các luật lệ và giao ước ta, vì người ghét sự sửa dạy, vứt bỏ các lời ta" hoặc "Thật chẳng đúng đắn khi người thuật lại các luật lệ ... ta".

Đặt giao ước Ta trong miệng ngươi

Đức Chúa Trời nói về việc kẻ ác thuật lại lời của giao ước Ngài như thể chúng đặt giao ước trong miệng. Gợi ý dịch: "nói về giao ước ta"

Vứt bỏ các lời ta

Đức Chúa Trời nói về việc kẻ ác chối bỏ lời Ngài như thể chúng vứt rác. Gợi ý dịch: "chối bỏ điều ta phán"

Psalms 50:18

Ngươi đồng tình với hắn

Có thể là 1) họ tán đồng những hành động của kẻ trộm" hoặc 2) họ cùng tham gia trong việc làm của kẻ trộm. Gợi ý dịch: "người dự phần với hắn"

Ngươi gửi miệng mình cho điều gian ác

Đức Chúa Trời nói về người nói điều gian ác như thể miệng người ấy là sứ giả được sai đi để làm điều ác. Gợi ý dịch: "Ngươi luôn nói điều gian ác"

Lưỡi ngươi tỏ ra điều dối trá

Từ "lưỡi" chỉ về chính người nói. Gợi ý dịch: "ngươi luôn nói dối"

Ngươi ngồi nói hành anh em ngươi, vu khống con trai của mẹ ngươi

Hai vế này có ý nghĩa như nhau nhưng dùng cách nói khác nhau. Đức Chúa Trời buộc tội họ vu không những người trong chính gia đình mình.

Ngươi ngồi nói

Từ "ngồi nói" hành ai đó ngụ ý rằng người đó có chủ tâm suy nghĩ về điều xấu để nói về ai đó.
Gợi ý dịch: "Ngươi luôn nghĩ cách nói"

Psalms 50:21

Ngươi tưởng rằng Ta cũng giống như ngươi

Vì Đức Chúa Trời im lặng, không quở trách kẻ ác vì hành động của chúng nên chúng nghĩ rằng Đức Chúa Trời chấp thuận việc chúng làm. Gợi ý dịch: "ngươi nghĩ rằng ta cũng hành động giống như người"

Trách

"quở trách" hoặc "khiển trách"

Phơi bày ... mọi việc ngươi đã làm

Đức Chúa Trời nói đến việc liệt kê mọi việc chúng đã làm. Gợi ý dịch: "liệt kê ... mọi việc ngươi đã làm"

Ngay trước mắt ngươi

Ở đây, "trước mắt ngươi" có nghĩa là ở một nơi họ có thể thấy được. Điều này có nghĩa là họ sẽ không thể chối cãi lời kết tội của Đức Chúa Trời dành cho họ. Gợi ý dịch: "ngay trước mặt ngươi" hoặc "để ngươi không thể chối cãi"

Hỡi kẻ quên Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời nói kẻ ác chối bỏ Ngài như thể chúng đã quên Ngài. Đức Chúa Trời nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Gợi ý dịch: "hỡi kẻ quên ta"

Ta sẽ xé nát ngươi

Đức Chúa Trời nói về việc tiêu diệt kẻ ác như thể Ngài là sư tử đang ăn con mồi. Gợi ý dịch: "Ta sẽ tiêu diệt ngươi"

Psalms 50:23

đi theo đường ngay thẳng

Đức Chúa Trời nói về cách sống của một người như thể đó là một con đường để đi. Gợi ý dịch: "sống ngay thẳng"

Ta sẽ cho thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời

Ở đây Đức Chúa Trời nói về việc cứu một người như thể làm cho người đó nhìn thấy sự cứu rỗi. Ngài chỉ về mình ở ngôi thứ ba. Gợi ý dịch: "Ta sẽ cứu người ấy"

Translation Questions

Psalms 50:1

Ba tên của Chúa mà A-xáp thích dùng cho Chúa hơn là gì?

Ông dùng các tên "Đấng quyền năng", "Chúa", và "Đức Giê-hô-va".

Psalms 50:4

Tại sao Chúa gọi các tầng trời bên trên và ở trái đất?

Ngài gọi các tầng trời bên trên và ở trái đất để Ngài có thể xét xử dân Ngài.

Psalms 50:8

Chúa nói dân Ngài làm gì và Ngài sẽ không quở trách điều gì?

Chúa nói họ rằng Ngài sẽ không quở trách họ vì của lễ của họ.

Psalms 50:10

Tại sao Chúa nói rằng Ngài không nhận bò hay dê của dân Ngài?

Chúa nói rằng mọi thú vật trong rừng là của Ngài, và gia súc trên ngàn núi đồi.

Psalms 50:14

A-xáp nói môi người nên dâng điều gì và để trả Chúa điều gì?

Mọi người nên dâng Chúa của lễ cảm tạ và trả sự hứa nguyện với Đấng Chí Cao.

Psalms 50:17

Chúa nói kẻ ác ghét và vứt đi điều gì?

Chúa nói rằng kẻ ác ghét sự dạy dỗ và vứt đi lời Ngài.

Psalms 50:21

Chúa nói rằng kẻ ác nghĩ gì về Ngài khi Ngài giữ im lặng?

Chúng nghĩ rằng Ngài là ai đó như chúng.

Psalms 50:22

Ai sẽ kẻ ác khi Chúa xé chúng thành từng mảnh?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sẽ không có ai đến và giúp chúng.
Psalms 50:23
Chúa sẽ bày tỏ sự cứu giúp của Ngài đến ai?
Chúa sẽ tỏ sự giải cứu đến ai dâng của lễ cảm và làm theo đường của Ngài trong lối ngay thẳng.

Chapter 51
Psalms 51:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thông Tin Tổng Quát:
Trong thi thiên này Đa-vít cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Khi tiên tri Na-than đến cùng người
Có thể dịch rõ Na-than đã làm gì khi đến cùng Đa-vít, vì thi thiên này đáp lại điều đó. Gợi ý dịch: "khi tiên tri Na-than đến cùng Đa-vít và quở trách người"
Sau khi người đã ngủ cùng Bát-sê-ba
"sau khi Đa-vít đã ngủ cùng Bát-sê-ba"
Vì vô số việc làm nhân từ của Ngài
"vì Chúa làm nhiều việc nhân từ"
Xin xóa các sự vi phạm con
Sự tha thứ tội lỗi được nói như thể 1) làm sạch chúng đi hoặc 2) xóa bản án. Gợi ý dịch: "tha thứ tội lỗi như xóa sạch đi thứ gì đó" hoặc "quên đi tội lỗi con như người ta xóa đi bản án"
Xin rửa sạch hết mọi gian ác ... và thanh tẩy tội lỗi con
Hai vế này có nghĩa như nhau.
Xin rửa sạch hết mọi gian ác
Được chấp nhận với Đức Chúa Trời được gọi là được sạch. Đức Chúa Trời làm cho con người được chấp nhận bằng cách tha thứ tội lỗi của họ. Gợi ý dịch: "Xin rửa sạch hết mọi tội lỗi con" hoặc "Xin tha thứ mọi tội lỗi con để con được Ngài chấp nhận"
Sạch
"hoàn toàn"
thanh tẩy tội lỗi con
Được Đức Chúa Trời chấp nhận được gọi là được sạch. Đức Chúa Trời làm cho con người được chấp nhận bằng cách tha thứ tội lỗi của họ. Gợi ý dịch: "khiến con được sạch tội" hoặc "xin tha thứ tội lỗi con để con được sạch"
Psalms 51:3
tội lỗi con luôn ở trước mặt con
Không thể quên được tội lỗi được nói như thể chúng luôn ở trước mặt ông để ông có thể thấy chúng. Gợi ý dịch: "Con luôn nhận biết tội lỗi mình" hoặc "Con không thể quên tội lỗi mình"
làm điều ác
"và con đã làm điều ác"
Psalms 51:5
Kìa, con sinh ra trong sự gian ác ... Kìa, Chúa mong muốn sự chân thật
Hai vế này dùng từ "kìa" để hướng sự chú ý của chúng ta đến sự đối lập của hai trường hợp. Gợi ý dịch: "Thật con sinh ra trong sự gian ác ... Nhưng Chúa mong muốn sự chân thật"
Kìa, con sinh ra trong sự gian ác ... con đã ở trong tội lỗi ngay khi mẹ con hoài thai con
Hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.
con sinh ra trong sự gian ác
Là tội nhân được gọi là ở trong sự gian ác. Gợi ý dịch: "Con đã là tội nhân từ lúc sinh ra đời"
con đã ở trong tội lỗi ngay khi mẹ con hoài thai con
Là tội nhân được gọi là ở trong tội lỗi. Gợi ý dịch: "ngay khi mẹ con hoài thai con thì con đã là một tội nhân"
Chúa mong muốn sự chân thật trong lòng con
Lòng chỉ về 1) mong ước của một người hoặc 2) chính người đó. Gợi ý dịch: "Chúa muốn con mong ước điều chân thật" hoặc "Chúa muốn con trở nên chân thật"
Psalms 51:7
Xin tẩy sạch con ... con sẽ được sạch ... xin rửa con ... con sẽ trở nên trắng hơn tuyết
Được chấp nhận với Đức Chúa Trời được nói như thể được sạch hoặc trở nên trắng. Đức Chúa Trời làm cho con người được chấp nhận bằng cách tha thứ tội lỗi họ.
Xin lấy chùm bài hương tẩy sạch con
Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là thầy tế lễ rẩy nước trên ông để khiến ông được chấp nhận trước Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Xin khiến con được chấp nhận bằng cách lấy chùm bài hương rẩy nước trên con" hoặc "Xin tha thứ tội lỗi con để con được chấp nhận trước Ngài"
chùm bài hương
Đây là loại cây thầy tế lễ dùng để rẩy nước hoặc huyết lên đồ vật hoặc con người để thực hiện nghi thức thanh tẩy, tức là được Đức Chúa Trời chấp nhận.
trắng hơn tuyết
Không có tội được gọi là trở nên trắng. Gợi ý dịch: "vô cùng trắng"
vui vẻ và mừng rỡ
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh mong muốn của ông được nghe những việc vui mừng.
Để các xương cốt mà Ngài đã bẻ gãy được hoan lạc
Cảm thấy vô cùng buồn bã được nói như thể xương của ông bị bẻ gãy. Gợi ý dịch: "vì Chúa đã khiến tâm hồn con vô cùng buồn bã. Xin cho con vui mừng trở lại!"
Xin Chúa ngoảnh mặt khỏi các tội lỗi con
Nghĩ về tội lỗi của ai đó được nói như thể nhìn thấy chúng. Tha thứ hay từ chối không nghĩ về tội lỗi được gọi là không nhìn vào chúng. Gợi ý dịch: "Xin đừng nhìn vào tội lỗi con" hoặc "Xin đừng ghi nhớ tội lỗi con"
bôi xóa mọi gian ác của con
Tha thứ hay không nghĩ về tội lỗi của một người được nói như thể 1) làm sạch chúng đi hoặc 2) xóa một bản án. Gợi ý dịch: 1) "xin tha thứ tội lỗi con như xóa sạch đi thứ gì đó" hoặc "quên đi tội lỗi con như người ta xóa đi bản án" (Xem: Metaphor)
Psalms 51:10
Xin dựng nên trong con một lòng trong sạch
"Lòng" ở đây tượng trưng cho cảm xúc và mong ước. Hoàn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

toàn tận hiến và vâng phục Đức Chúa Trời được gọi là có lòng trong sạch. Gợi ý dịch: "Xin khiến con hoàn toàn tận hiến cho Ngài" hoặc "Xin khiến con mong muốn vâng phục Chúa luôn luôn"

Xin làm mới lại trong con một tâm linh ngay thẳng

"Tâm linh" ở đây chỉ về thái độ và mong ước của Đa-vít. Gợi ý dịch: "xin khiến con có thái độ đúng đắn" hoặc "xin khiến con luôn mong muốn làm điều đúng"

Xin đừng đuổi con khỏi sự hiện diện của Chúa

"Xin đừng bắt con phải đi xa khỏi Chúa". Bị Đức Chúa Trời từ bỏ được gọi là bị buộc phải đi xa khỏi Ngài. Gợi ý dịch: "Xin đừng từ bỏ con vì con thuộc vào dân của Chúa"

Psalms 51:12

nâng đỡ con

"và giữ con vững vàng" hoặc "giúp đỡ con"

Các đường lối Chúa

"đường lối Chúa muốn con người sống theo" hoặc "điều Chúa muốn con người phải làm"

kẻ vi phạm ... tội nhân

Hai từ này chỉ về cùng một đối tượng.

Psalms 51:14

đổ huyết

Chỉ về việc giết người.

Chúa ơi, xin mở môi con và miệng con sẽ truyền ra sự ca ngợi Chúa

Có thể nói được được gọi là môi được mở ra. Ở đây, không thể nói được tượng trưng cho việc phạm tội và không thể nào bào chữa. Gợi ý dịch: "Chúa ôi, xin cho con có thể nói được và con sẽ ngợi khen Ngài"

Chúa không ưa thích sinh tế ... Chúa không vui thích của lễ thiêu

Có nghĩa là Đức Chúa Trời muốn điều quan trọng hơn. Gợi ý dịch: "Sinh tế không đủ làm vui lòng Chúa ... Chúa muốn điều quan trọng hơn của lễ thiêu"

Psalms 51:17

Sinh tế của Đức Chúa Trời

"Sinh tế đẹp lòng Đức Chúa Trời"

Tâm linh đau thương

Tâm linh đau thương tượng trưng cho thái độ khiêm nhường. Gợi ý dịch: "khiêm nhường" hoặc "một người trở nên khiêm nhường"

Lòng đau thương thống hối

Khiêm nhường và hối tiếc cho tội lỗi của mình được gọi là có lòng đau thương thống hối. Lòng tượng trưng cho cảm xúc và ý chí. Gợi ý dịch: "đau buồn và khiêm nhường" hoặc "một người hối tiếc về tội lỗi của mình và khiêm nhường"

Xin dựng lại các tường thành Giê-ru-sa-lem

Tường thành giúp bảo vệ thành phố và dân cư trong đó. Câu này có thể là 1) "xin cho chúng con xây lại các tường thành Giê-ru-sa-lem" hoặc 2) "xin bảo vệ Giê-ru-sa-lem và làm cho nó được vững chắc"

Dân tộc chúng con sẽ dâng bò đực trên bàn thờ của Chúa

Bò đực ở đây là bò đực đã trưởng thành. Bò đực thường được dùng làm vật tế lễ theo luật định của Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Psalms 51:1

Tại sao Đa-vít nói rằng Chúa đã tỏ ơn thương xót với ông?

Ông nói rằng Chúa phải tỏ ơn thương xót với ông vì giao ước thành tín của Ngài.

Psalms 51:4

Đa-vít nói rằng ông đã phạm tội cùng ai?

Ông nói rằng ông đã phạm tội cùng Chúa.

Psalms 51:5

Đa-vít nói rằng tội lỗi ông bắt đầu khi nào?

Ông nói rằng ông sanh ra trong tội lỗi, và ngay khi mẹ ông thụ thai ông, ông đã ở trong tội.

Psalms 51:7

Chúa đã làm gì để ông có thể tinh sạch?

Ông cầu xin Chúa lọc trong ông bằng cây bài hương để ông sẽ được sạch, và rửa ông để ông trắng hơn tuyết.

Psalms 51:10

Đa-vít cầu xin Chúa làm gì để trắng trong và làm mới trong ông?

Ông cầu xin Chúa tạo nên trong ông tấm lòng trong sạch, và tâm thần phải lẽ bên trong ông.

Psalms 51:11

Đa-vít cầu xin Chúa đừng làm gì với ông?

Ông cầu xin Chúa đừng đuổi ông khỏi mặt Ngài, và không cất thánh linh khỏi ông.

Psalms 51:14

Tội lỗi nào mà Đa-vít cầu xin Chúa tha thứ?

Ông cầu xin Chúa tha thứ cho ông vì tội làm đổ máu.

Psalms 51:17

Những của lễ dâng cho Chúa là gì?

Của lễ cho Chúa là tâm thần tan vỡ. Ông sẽ không coi thường sự tan vỡ và lòng ăn năn."

Chapter 52

Psalms 52:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Trong thi thiên này từ "ngươi" chỉ về Đô-e. Khi Sau-lơ muốn giết Đa-vít thì Đô-e báo cho Sau-lơ biết chỗ của Đa-vít để tìm ra ông.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Đô-e ... A-hi-mê-léc

Đây là tên của những người nam.

Hỡi người hùng mạnh, sao ngươi tự hào về điều dữ?

Câu hỏi này cho thấy Đa-vít tức giận thế nào với người gây ra điều dữ. Gợi ý dịch: "Hỡi người hùng mạnh, ngươi không nên tự hào về điều dữ".

Hỡi người hùng mạnh

Đa-vít có lẽ đang dùng cách nói mỉa mai khi gọi Đô-e như vậy. Gợi ý dịch: "Hỡi người nghĩ mình hùng mạnh"

Sự thành tín trong giao ước Chúa đến

Đa-vít nói như thể sự thành tín trong giao ước Chúa là vật có thể đi đến. Có thể Đa-vít đang nói về lời hứa Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ dân Ngài khỏi kẻ ác. Có thể dịch cho rõ ý. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời thành tín giữ lời hứa trong giao ước

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài" hoặc "Đức Chúa Trời thành tín bảo vệ dân Ngài khỏi kẻ ác như ngươi"

dao cạo bén

Lưỡi dao bén

Lưỡi ngươi toan sự hủy diệt khác nào dao cạo bén, làm điều giả dối

Ở đây lưỡi được ví như dao cạo bén, có thể gây thương tích nặng. Gợi ý dịch: "Lưỡi ngươi làm hại người khác như dao cạo bén khi ngươi toan sự hủy diệt và giả dối"

Lưỡi ngươi

"Lưỡi ngươi" chỉ về người Đa-vít đang nói. Gợi ý dịch: "Ngươi"

Psalms 52:3

Lời Dẫn:

Đa-vít tiếp tục nói với "người hùng mạnh" ở câu PSA052:001

Thích nói điều giả dối hơn điều công chính

"Ngươi thích nói dối hơn là nói điều đúng đắn"

Psalms 52:4

Lời cắn nuốt kẻ khác

Lời gây tổn hại cho người khác được ví như những con thú căn nuốt họ. Gợi ý dịch: "lời làm hại kẻ khác"

Hỡi lưỡi dối trá

Ở đây chỉ về người tác giả đang nói. Gợi ý dịch: "hỡi kẻ nói lời giả dối" hoặc "hỡi kẻ dối trá"

tóm lấy ngươi ... ném ngươi ... nhổ ngươi

Cả ba cụm từ đều có nghĩa là "tiêu diệt ngươi"

nhổ ngươi khỏi đất người sống

Sống trên đất được ví như cây đâm rễ trên đất. Đức Chúa Trời diệt trừ ai đó được ví như đào rễ cây lên và lấy nó ra khỏi đất. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cất ngươi khỏi đất người sống" hoặc "Ngài sẽ tiêu diệt người để ngươi không còn ở trên đất người sống nữa"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không có từ này.

Psalms 52:6

Người công chính cũng sẽ thấy và sợ hãi

"Người công chính cũng sẽ thấy Đức Chúa Trời tiêu diệt hắn và sợ hãi"

Kìa

"Thật"

không nhờ Đức Chúa Trời làm nơi trú ẩn cho mình

"Nơi trú ẩn" ở đây chỉ về người bảo vệ. Gợi ý dịch: "không nhờ Đức Chúa Trời làm Đấng bảo vệ mình" hoặc "không cầu xin Đức Chúa Trời bảo vệ mình"

Psalms 52:8

cây ô-liu xanh tươi

Cây ô-liu xanh tươi mạnh khỏe và vững vàng không bị quật ngã.

con khác nào cây ô-liu xanh tươi trong nhà Đức Chúa Trời

Được an toàn và bình an được ví như cây khỏe mạnh. Gợi ý dịch: "Con vững mạnh trong nhà Đức Chúa Trời như cây ô-liu xanh tươi" hoặc "vì con thờ phượng trong nhà Đức Chúa Trời nên con được vững chắc như cây ô-li xanh tươi"

nhà Đức Chúa Trời

Chỉ về đền thờ của Đức Chúa Trời.

Con sẽ trông cậy danh Chúa vì danh Ngài là tốt lành

Danh Chúa tượng trưng cho chính Ngài. Trông đợi Đức Chúa Trời tức là trông đợi Ngài giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "Con sẽ trông cậy Ngài vì Ngài tốt lành" hoặc "Con sẽ trông đợi Ngài giúp đỡ con vì Ngài là tốt lành"

Translation Questions

Psalms 52:1

Điều gì đến từ Chúa mỗi ngày?

Giao ước thành tín của Chúa đến mỗi ngày.

Psalms 52:3

Người mạnh ưa thích điều gì hơn điều lành?

Nó yêu điều dữ hơn điều lành.

Psalms 52:4

Những lời nào mà kẻ mạnh ưa thích?

Nó yêu mọi lời phá hoại người khác.

Psalms 52:5

SChúa sẽ làm gì cho kẻ mạnh?

Chúa sẽ hủy diệt nó mãi mãi.

Psalms 52:7

Người ta tin cậy trong điều gì?

Nó tin cậy vào sự dư dật của cải nó.

Psalms 52:8

Đa-vít đặt trong lòng ông tin cậy điều gì?

Ông sẽ tin cậy vào giao ước thành tín của Chúa mãi mãi và luôn luôn.

Chapter 53

Psalms 53:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Ma-ha-lát

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

con loài người

Chỉ về hết thảy loài người.

Tìm kiếm Ngài

Tìm kiếm Đức Chúa Trời như một người đi tìm ai đó được gọi là "tìm kiếm" Đức Chúa Trời. Câu này có thể là 1) muốn biết Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "muốn biết Ngài" hoặc 2) thờ phượng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "thờ phượng Ngài"

Chúng nó thay thảy đều xoay đi

Chối bỏ Đức Chúa Trời và điều đúng đắn được gọi là xoay đi. Gợi ý dịch: "Chúng nó thay thảy đều xoay bỏ làm điều ngay lành" hoặc "chúng đều chối bỏ Đức Chúa Trời"

Psalms 53:4

Các kẻ làm ác há chẳng hiểu biết sao - các kẻ ... Đức Chúa Trời?

Câu hỏi này được dùng để thể hiện sự kinh ngạc của tác giả vì con người quá tội lỗi. Có thể viết thành hai câu. "Những kẻ phạm tội hành động như thể chúng không biết gì. Chúng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ăn nuốt dân ta khác nào ăn bánh và chúng chẳng hề cầu khẩn Đức Chúa Trời!"

Những kẻ ăn nuốt dân ta khác nào ăn bánh

Tiêu diệt người khác được gọi là ăn nuốt họ. Khác nào ăn bánh ngụ ý rằng họ làm việc đó rất dễ dàng, không hề cảm thấy tội lỗi. Gợi ý dịch: "những kẻ tiêu diệt dân ta thản nhiên như ăn bánh"

Đức Chúa Trời sẽ rải hài cốt của những kẻ đóng trại nghịch cùng ngươi

Rải hài cốt người tượng trưng cho việc giết họ và để xương họ nằm ở chỗ đã chết mà không được chôn cất hợp lí. "Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt hoàn toàn kẻ sẽ đóng trại nghịch cùng ngươi, và xương của chúng sẽ nằm rải rác trên mặt đất"

những kẻ đóng trại nghịch cùng ngươi

Cắm trại nghịch cùng ai đó tức là tấn công họ. Kẻ thù kéo quân và cắm trại để tạm thời ở gần những người họ muốn tấn công. Gợi ý dịch: "những kẻ sẽ tấn công ngươi"

Psalms 53:6

Ôi! Ước gì sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên đến

Từ "ôi" bắt đầu cho một câu cảm thán bày tỏ hy vọng hoặc lời câu nguyện. Gợi ý dịch: "Con trông đợi sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên sẽ đến" hoặc "Con cầu xin sự cứu rỗi sẽ đến"

sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên đến từ Si-ôn

Sự cứu rỗi đại diện cho Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa, ngự tại đền thờ ở Si-ôn. Gợi ý dịch: "cứu Chúa của Y-sơ-ra-ên sẽ đến từ Si-ôn" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ đến từ Si-ôn và giải cứu Y-sơ-ra-ên"

Khi Đức Chúa Trời đem dân Ngài từ xứ lưu đày trở về

"Khi Đức Chúa Trời giải cứu dân bị phu tù của Ngài"

Gia-cốp sẽ mừng rỡ và Y-sơ-ra-ên sẽ vui vẻ!

Hai vế này có nghĩa như nhau.

Gia-cốp

Ở đây "Gia-cốp" chỉ về dòng dõi của Gia-cốp, tức là dân Y-sơ-ra-ên.

Translation Questions

Psalms 53:1

Kẻ dại nói gì trong lòng nó?

Nó nói, "không có Chúa."

Psalms 53:3

Khi Chúa nhìn xuống con trai loài người, Ngài có thấy ai biết và tìm kiếm Ngài không?

Không, họ đều trở nên bẩn thỉu, và không có ai là tốt lành.

Psalms 53:5

Tại sao con người không gợi nhớ đến Chúa sẽ bị xấu hổ?

Họ sẽ xấu hổ vì Chúa đã từ bỏ họ.

Psalms 53:6

Đa-vít hi vọng sự cứu chuộc cho Y-sơ-ra-ên sẽ đến từ đâu?

Ông hi vọng sự cứu chuộc của Y-sơ-ra-ên sẽ đến từ Si-ôn.

Chapter 54

Psalms 54:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là lời cầu nguyện xin Chúa giúp đỡ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

người Xíp

Người từ thành Xíp ở vùng núi Giu-đê, phía đông nam Hếp-rôn.

Không phải Đa-vít đang ẩn núp giữa chúng tôi sao?

Câu hỏi này được dùng để cho thấy đây là điều quan trọng Sau-lơ cần biết. Gợi ý dịch: "Đa-vít đang ẩn núp giữa chúng tôi."

Đức Chúa Trời ôi! Xin lấy danh Chúa mà cứu con

Ở đây danh Chúa tượng trưng cho bản tính của Ngài, có thể đặc biệt tượng trưng cho quyền năng hay sự công chính của Ngài. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ôi! Xin lấy quyền năng Chúa mà cứu con"

Dùng quyền năng Chúa mà xét xử con

Ở đây xét xử Đa-vít tức là cho mọi người biết Đa-vít không có tội. Khi Đức Chúa Trời dùng quyền năng Ngài để cứu Đa-vít thì người ta sẽ biết rằng Đức Chúa Trời xét ông vô tội. Gợi ý dịch: "Xin cho mọi người biết con vô tội trong quyền năng Chúa" hoặc "Xin cho mọi người biết rằng con vô tội bằng cách dùng quyền năng Ngài giải cứu con"

Xin đưa tai

Đưa tai tượng trưng cho việc lắng nghe. Gợi ý dịch: "xin lắng nghe"

lời của miệng con

Chỉ về điều tác giả nói. Gợi ý dịch: "lời con" hoặc "điều con sẽ thưa cùng Ngài"

nổi lên chống lại con

nổi lên chống lại ai đó chỉ về việc tấn công hoặc chuẩn bị tấn công người đó. Gợi ý dịch: "đã chuẩn bị tấn công con" hoặc "đang tấn công con"

Người hung bạo

"người không có lòng thương xót"

tìm hại mạng sống con

Tìm hại mạng sống ai đó có nghĩa là tìm cách giết người đó. Gợi ý dịch: "tìm cách giết con" hoặc "muốn giết con"

Chúng không để Đức Chúa Trời ở trước mặt mình

Để Đức Chúa Trời ở trước mặt tức là chú ý đến Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "chúng không chú ý đến Đức Chúa Trời" hoặc "chúng phớt lờ Đức Chúa Trời"

Psalms 54:4

Đấng nâng đỡ con

Bênh vực Đa-vít và gìn giữ ông được gọi là nâng đỡ ông. Gợi ý dịch: "Đấng bênh vực con" hoặc "Đấng gìn giữ con"

Ngài sẽ báo ác cho những kẻ thù nghịch con

Sự trừng phạt được gọi là báo trả. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ lấy điều ác kẻ thù đã làm cho con mà làm cho chúng nó" hoặc "Ngài sẽ khiến điều ác kẻ thù đã làm cho con xảy ra cho chúng"

Xin Chúa hủy diệt chúng theo sự thành tín của Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây Đa-vít chuyển từ chỗ nói về Đức Chúa Trời sang thưa chuyện cùng Ngài. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin hủy diệt chúng vì Ngài thành tín với con"

Psalms 54:6

Lạy Đức Giê-hô-va, con sẽ cảm tạ danh Ngài vì danh Ngài tốt lành

Danh của Đức Giê-hô-va đại diện cho chính Ngài. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, con sẽ tạ ơn Ngài vì Ngài là tốt lành"

Mắt con nhìn

Mắt chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con nhìn"

Mắt con nhìn đắc thắng trên kẻ thù con

Có thể là 1) nhìn thấy kẻ thù ông bị đánh bại. Gợi ý dịch: "Con đã thấy kẻ thù con bị đánh bại" hoặc 2) đánh bại kẻ thù mình. Gợi ý dịch: "Con đã đánh bại kẻ thù con"

Translation Questions

Psalms 54:1

Đa-vít cầu xin Chúa bởi điều gì mà cứu ông?

Ông cầu xin Chúa cứu ông bởi danh Chúa.

Psalms 54:3

Ai đã trở dậy và tìm kiếm linh hồn của Đa-vít?

Những kẻ lạ đã nổi dậy nghịch cùng ông, và kẻ nhẫn tâm đã đuổi theo linh hồn ông.

Psalms 54:4

Ai tiếp trợ linh hồn của Đa-vít?

Chúa là Đấng tiếp trợ linh hồn ông.

Psalms 54:5

Điều gì Chúa sẽ đáp trả với kẻ thù của Đa-vít?

Ngài sẽ đáp trả tai họa cho chúng.

Psalms 54:6

Tại sao Đa-vít sẽ cảm tạ danh của Đức Giê-hô-va?

Ông sẽ cảm tạ danh Ngài vì nó là tốt lành.

Psalms 54:7

Đa-vít đã nhìn lên kẻ thù của ông thế nào?

Mắt ông đã nhìn thấy sự thắng lợi trên kẻ thù của ông.

Chapter 55

Psalms 55:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Đưa tai sang lời cầu nguyện con

Đưa tai chỉ về việc lắng nghe. Gợi ý dịch: "Xin nghe lời cầu nguyện con"

Đừng ẩn mặt trước lời nài khẩn của con

Không chú ý đến lời cầu xin của ông được gọi là ẩn mặt khỏi nó. Gợi ý dịch: "xin đừng phớt lờ lời nài khẩn con"

Vì tiếng của kẻ thù con

"Tiếng" ở đây chỉ về điều họ nói. Gợi ý dịch: "vì điều kẻ thù con nói"

chúng đem tai họa đến cho con

Gây ra tai họa được gọi là đem đến tai họa. Gợi ý dịch: "chúng khiến con gặp tai họa lớn" hoặc "chúng làm điều ác cho con để con chịu khốn khổ"

Psalms 55:4

Lòng con run sợ trong con

Ở đây "lòng run sợ" chỉ về cảm xúc đau đớn và sự khốn khổ của ông. Sự khốn khổ này xuất phát từ sự sợ hãi. Gợi ý dịch: "Con chịu khốn khổ vì quá sợ hãi"

Sự kinh khiếp về cái chết đã phủ lấy con

Trở nên sợ hãi hay kinh khiếp được nói như thể nỗi kinh khiếp là vật phủ trên người đó. Gợi ý dịch: "Con rất sợ rằng con sẽ chết"

Nỗi sợ hãi và run rẩy đã giáng trên con

Trở nên sợ hãi và run rẩy được nói như thể sự sợ hãi và run rẩy là vật giáng trên một người. Gợi ý dịch: "Con trở nên sợ hãi và run rẩy"

Nỗi kinh khiếp tràn ngập lấy con

Cảm giác kinh khiếp được nói như thể sự kinh khiếp là một vật có thể phủ lấy con người. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy vô cùng kinh khiếp" hoặc "con vô cùng sợ hãi"

Psalms 55:6

Ôi! Ước gì con có đôi cánh như bồ câu!

Câu cảm thán này cho thấy điều tác giả vô cùng ao ước. Gợi ý dịch: "Con ước ao có đôi cánh như bồ câu"

Thì con sẽ bay đi

"Nếu con có cánh thì con sẽ bay đi"

Kìa

"Thật"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không có từ này.

Psalms 55:8

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả kết thúc chủ đề đang nói.

bão tố

Bão lớn

Nuốt chúng

Tiêu diệt điều gì được gọi là ăn nuốt nó đi. Có thể là "hủy diệt âm mưu của kẻ thù con" hoặc "tiêu diệt kẻ thù con"

làm lộn xộn tiếng nói của chúng

"Tiếng nói" ở đây chỉ về điều người ta nói với nhau, có thể cụ thể chỉ về việc họ đang bàn âm mưu làm điều ác. Làm lộn xộn tức là làm cho người ta không thể hiểu nhau. Gợi ý dịch: "Làm chúng xáo trộn khi nói chuyện cùng nhau" hoặc "làm xáo trộn kế hoạch của chúng"

Psalms 55:10

chúng nó đi vòng quanh trên vách thành

"sự bạo lực và tranh chiến đi vòng quanh trên vách thành". (Xem PSA055:008

trên vách thành

"trên ngọn tường thành". Các thành phố có tường dày bao quanh để bảo vệ khỏi kẻ thù. Người ta có thể đi trên ngọn của bức tường để xem có kẻ thù nào kéo đến không.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tội ác và bạo loạn ở giữa thành phố

Tội ác và bạo loạn được ví như con người. Có thể biểu đạt điều này bằng cách nói về người gây ra tội ác và bạo loạn. Gợi ý dịch: "người ta gây ra tội ác và bạo loạn giữa thành phố" hoặc "người ta làm điều gian ác và gây bạo loạn trong thành phố"

Bạo loạn

"rối loạn"

Sự gian ác ở giữa nó

Sự gian ác được ví như một con người. Có thể diễn đạt ý này bằng cách nói về kẻ làm điều ác. Gợi ý dịch: "Kẻ làm điều ác ở giữa thành" hoặc "kẻ phá hoại ở trong thành"

Áp bức và lường gạt không lìa khỏi đường phố nó

Áp bức và lường gạt được ví như một con người. Có thể diễn đạt ý này bằng cách nói về kẻ áp bức và lường gạt người khác. Gợi ý dịch: "Kẻ áp bức và lường gạt người khác ở nơi đường phố, không rời đi" hoặc "người ta luôn áp bức và lừa gạt người khác ở đường phố"

đường phố nó

Có thể chỉ về phố chợ trong thành.

Psalms 55:12

Con có thể chịu được

Chịu đựng hay nhẫn nại trước lời quở trách được gọi là chịu đựng hay mang vác nó. Gợi ý dịch: "Con có thể chịu được lời quở trách" hoặc "Con có thể không buồn về lời quở trách"

Lên mình nghịch cùng con

Trở nên kiêu ngạo và xúc phạm người khác được gọi là lên mình nghịch cùng người đó. Gợi ý dịch: "xúc phạm con" hoặc "khinh miệt con"

Nhưng chính là ngươi

Tác giả thi thiên nói như thể người ông quở trách đang ở đó nghe ông nói.

Bạn bè tôi và bạn thân thiết tôi

Có thể dịch thành một câu. Gợi ý dịch: "Ngươi là bạn bè tôi và bạn thân thiết tôi".

Chúng ta

Từ "chúng ta" chỉ về tác giả thi thiên và bạn của ông.

Với đoàn đông

Có thể là 1) "cùng nhau" hoặc 2) "với đám đông".

Psalms 55:15

Nguyện sự chết thình lình giáng trên chúng nó

Sự chết được ví như con người có thể tấn công người khác. Gợi ý dịch: "Nguyện kẻ thù con chết cách thình lình" (Xem:

Nguyện chúng nó còn sống mà xuống Âm phủ

Chết cách thình lình được nói như thể người đó xuống âm phủ nhanh đến nỗi chưa kịp chết. Gợi ý dịch: "nguyện chúng thình lình xuống Âm phủ" (Xem:

Sự gian ác ở nơi chúng sống

Sự gian ác được nói như là một vật có thể ở tại một nơi nào đó. Sự gian ác thường trực của kẻ thù ông được nói như thể nó ở cùng họ hoặc ở gần họ. Gợi ý dịch: "chúng luôn làm điều gian ác ở nơi chúng sống" (Xem:

Ngay giữa chúng nó

Cụm từ này nhấn mạnh sự gian ác ở rất gần chúng. Ở đây, sự gian ác không chỉ ở trong nhà họ nhưng ở bất cứ nơi nào họ đi. Gợi ý dịch: "Chúng luôn làm điều ác tại mọi nơi chúng ở" hoặc "bất kì nơi nào chúng ở" (Xem:

Psalms 55:16

Còn con

Cụm từ này cho thấy tác giả ngừng nói về điều trước đó và bắt đầu nói về mình. Gợi ý dịch: "Nhưng con"

Kêu cầu

"kêu cứu"

Ngài sẽ nghe tiếng con

"Tiếng" ở đây chỉ về 1) tác giả thi thiên hoặc 2) lời thở than và cầu xin của tác giả thi thiên. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ nghe con" hoặc "Ngài sẽ nghe lời cầu xin con"

mạng sống con

"Mạng sống con" chỉ về tác giả thi thiên. Gợi ý dịch: "con"

Vì những kẻ tấn công con rất đông

"vì có nhiều kẻ tấn công con"

Psalms 55:19

Sẽ nghe chúng

"sẽ nghe kẻ thù con" hoặc "sẽ nghe điều kẻ thù con nói". Một số bản viết rằng "sẽ nghe con".

Khiến chúng nhục nhã

Có thể nói rõ cách Đức Chúa Trời khiến chúng nhục nhã. Gợi ý dịch: "sẽ đánh bại và khiến chúng nhục nhã"

Psalms 55:20

dang tay chống lại những người

Dang tay chống lại ai đó có nghĩa là tấn công họ. Đây có thể là phép ẩn dụ có nghĩa là đặt người đó vào nguy hiểm hoặc khiến họ gặp tai họa. Gợi ý dịch: "đã tấn công những người" hoặc "đã bội nghịch những người"

Miệng nó

"Miệng" chỉ về điều người đó nói. Gợi ý dịch: "điều bạn con nói"

Miệng nó trơn láng như mỡ

Lời nói êm tai, dễ nghe được gọi là trơn láng và dễ nuốt. Gợi ý dịch: "Điều nó nói êm tai như mỡ trơn láng" hoặc "nó nói điều tốt lành"

Thù địch

"hèn hạ" hoặc "căm ghét"

Các lời nó

"Lời" chỉ về điều người đó nói. Gợi ý dịch: "Điều nó nói"

các lời nó dịu dàng hơn dầu

Người ta xoa dầu lên da để làm da lán mịn và xức cho vết thương mau lành. Lời nói nhân lành và ích lợi được gọi là dịu dàng và êm tai. Gợi ý dịch: "điều nó nói nhân lành và dịu dàng như dầu" hoặc "nó nói điều nhân lành"

Chúng thật là những thanh gươm trần

Lời nói khiến người khác gặp hoạn nan được gọi là thanh gươm gây thương tích. Gợi ý dịch: "điều hắn nói gây thương tổn cho người khác như một thanh gươm trần" hoặc "điều hắn nói gây tai họa cho người khác"

những thanh gươm trần

Từ "trần" ở đây có nghĩa là thanh gươm đã tuốt khỏi vỏ, chuẩn bị sẵn sàng.

Psalms 55:22

Hãy trao gánh nặng của con

Ở đây tác giả thi thiên đang nói với những người tin kính khác.

Hãy trao gánh nặng của con cho Đức Giê-hô-va

Ở đây điều hoạn nạn được gọi là gánh nặng người ta phải mang. Tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ chúng ta khi gặp hoạn nạn được gọi là trao gánh nặng của mình cho Ngài gánh thay. Gợi ý dịch: "Hãy trao vấn đề của con cho Đức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-hô-va" hoặc "Hãy tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ con trong mọi hoạn nạn như người ta trao phó cho người mạnh hơn mang vác gánh nặng cho mình"

Ngài sẽ nâng đỡ con

Chăm sóc cho ai đó và giúp đỡ khi người gặp hoạn nạn được gọi là nâng đỡ người đó. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ săn sóc con" hoặc "Ngài sẽ giúp đỡ con"

Ngài sẽ chẳng bao giờ để người công chính bị rúng động

Một người sắp bị tổn hại nặng nề bởi tai họa nào đó được gọi là bị rúng động hay lay chuyển hay vấp ngã. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ không để người công chính bị lay chuyển và vấp ngã" hoặc "Ngài sẽ không để người công chính bị hủy diệt"

Nhưng lạy Đức Chúa Trời

Bây giờ tác giả thưa cùng Đức Chúa Trời.

hầm hủy diệt

Ở đây có thể chỉ về hầm mộ hay âm phủ.

Sẽ đem kẻ ác xuống hầm hủy diệt

Chỉ về việc khiến họ phải chết. Gợi ý dịch: "sẽ khiến kẻ ác phải chết" hoặc "sẽ khiến kẻ ác phải chết và đi đến chỗ dành cho người chết"

kẻ khát máu và người giả dối

"kẻ nói dối và kẻ muốn giết người" hoặc "kẻ giết người dối trá"

Nửa số ngày của những người khác

"nửa số ngày người khác sống"

Translation Questions

Psalms 55:3

Tại sao Đa-vít không có sự nghỉ ngơi trong tai họa của ông?

Ông không có sự nghỉ ngơi vì tiếng của kẻ thù, và bởi vì sự chèn ép của kẻ ác.

Psalms 55:4

Những kinh sợ nào đã trút xuống Đa-vít?

Những tai họa của sự chết đã trút xuống ông.

Psalms 55:6

Tại sao Đa-vít có đôi cánh như chim bồ câu?

Nếu ông có đôi cánh như chim bồ câu, ông có thể bay đi và được thanh thản.

Psalms 55:9

Đa-vít cầu xin Chúa làm gì với kẻ thù của ông?

Ông cầu xin Chúa hủy diệt chúng, và làm rối tiếng nói của chúng.

Psalms 55:10

Điều gì được thấy ở giữa thành?

Tội lỗi, sự phá hoại và điều ác ở giữa thành.

Psalms 55:11

Điều gì được thấy ở giữa thành?

Tội lỗi, sự phá hoại và điều ác ở giữa thành.

Psalms 55:12

Ai quở phạt Đa-vít và nổi dậy nghịch cùng Đa-vít?

Kẻ đồng hành và bạn thân của Đa-vít quở phạt ông và nổi dậy nghịch cùng ông.

Psalms 55:13

Ai quở phạt Đa-vít và nổi dậy nghịch cùng Đa-vít?

Kẻ đồng hành và bạn thân của Đa-vít quở phạt ông và nổi dậy nghịch cùng ông.

Psalms 55:15

Đa-vít muốn điều gì đột ngột đến trên kẻ thù của ông?

Ông muốn cái chết đến thình lình trên chúng, để chúng còn sống đi xuống âm phủ.

Psalms 55:17

Điều gì Đa-vít làm lúc chiều, buổi sáng và khi ban trưa?

Ông kêu ca và than van với chúng.

Psalms 55:19

Tại sao Chúa sẽ nghe và đáp trả kẻ thù của Đa-vít?

Ngài sẽ nghe và đáp trả bởi vì chúng không thay đổi, và chúng không kính sợ Chúa.

Psalms 55:20

Bạn của Đa-vít làm gì với giao ước nó làm?

Nó đã không tôn trọng giao ước mà nó làm.

Psalms 55:23

Chúa sẽ mang kẻ ác xuống đâu?

Ngài sẽ mang kẻ ác xuống cái hố hủy diệt.

Chapter 56

Psalms 56:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng;"

Theo điệu Giô-nát-Ê-lem-Rô-hô-kim

Có thể ở đây chỉ về phong cách hay giai điệu âm nhạc để hát thi thiên này. Gợi ý dịch: "Hát thi thiên này theo điệu 'Giô-nát-Ê-lem-Rô-hô-kim'" hoặc "Hát theo phong cách Giô-nát-Ê-lem-Rô-hô-kim"

Giô-nát-Ê-lem-Rô-hô-kim

Cụm này có thể có nghĩa là "Bồ Câu Trên Cây Sồi Xa Xôi". Người dịch có thể ghi nghĩa hoặc giữ theo từ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Michtam

Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết". Xem cách đã dịch ở PSA016:001

khi dân Phi-li-tin bắt ông trong thành Gát

"khi dân Phi-li-tin bắt lấy ông trong thành Gát"

Dồn ép

"ngày càng tiến gần để tấn công con"

Kẻ thù con giẫm đạp con

Sự tấn công hung bạo của kẻ thù được nói như thể chúng giẫm đạp lên người ông. Gợi ý dịch: "Kẻ thù con tấn công con dữ dội"

Psalms 56:3

Ngài

Chỉ về Đức Chúa Trời.

Người phàm sẽ làm gì được con?

Câu hỏi này thể hiện rằng tác giả thi thiên không sợ con người vì họ không thể làm ông tổn hại nghiêm trọng. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "người phàm chẳng thể làm gì con được!" hoặc "người phàm chẳng thể làm con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tổn hại nặng nề!"

Người phàm

"loài người" hoặc "con người". Ngụ ý rằng con người không có quyền năng nhưng Đức Chúa Trời quyền năng.

Psalms 56:5

Suốt ngày

"luôn luôn"

Chúng xuyên tạc lời con

Lặp lại điều người khác nói nhưng thay đổi một chút để làm lệch lạc ý nghĩa được gọi là xuyên tạc lời nói. Gợi ý dịch: "chúng vu khống con nói những điều con không hề nói" hoặc "chúng bảo con đã nói điều đó, nhưng chúng nói dối"

Các tư tưởng chúng nó đều toan hại con

"chúng luôn toan tính để hại con" hoặc "chúng luôn nghĩ những việc ác để hại con"

Chúng theo dõi bước chân của con

Quan sát một người để tìm cách gây họa cho người đó được gọi là theo dõi bước chân của người đó, giống như muốn bắt một người thì phải theo dõi người đó đi đâu. Gợi ý dịch: "chúng theo dõi mọi việc con làm"

Chúng chực chờ mạng sống con

Đợi để giết ai đó được gọi là chực chờ mạng sống người đó. Gợi ý dịch: "chúng chờ để giết con"

Psalms 56:7

Xin đừng để chúng thoát khỏi việc làm ác

Có thể nói rõ chúng thoát khỏi điều gì. Gợi ý dịch: "Xin đừng để chúng thoát khỏi sự trừng phạt của Ngài cho gian ác chúng" hoặc "Xin đừng để chúng trốn thoát khi Chúa trừng phạt việc gian ác chúng làm"

đánh đổ các dân

Đánh bại kẻ thù được gọi là đánh đổ chúng. Gợi ý dịch: "Xin đánh bại các dân"

Chúa đếm từng bước lang thang của con

Đức Chúa Trời quan tâm đến tác giả được nói như thể Đức Chúa Trời đếm mỗi lần tác giả bước đi trong buồn rầu, không có nơi an ủi. Gợi ý dịch: "Chúa biết những lần con lang thang một mình"

Và đựng nước mắt con trong ve của Chúa

Đức Chúa Trời quan tâm đến tác giả được nói như thể Đức Chúa Trời đựng nước mắt của ông trong ve. Nước mắt tượng trưng cho sự khóc lóc. Gợi ý dịch: "Chúa biết con đã khóc nhiều chừng nào và Chúa quan tâm đến con"

Chúng không được ghi vào sổ Chúa sao?

Đức Chúa Trời quan tâm đến tác giả được nói như thể Ngài ghi vào sổ số những giọt nước mắt của ông. Câu hỏi này nhằm nhắc Đức Chúa Trời nhớ lại rằng Ngài đã quan tâm đến tác giả dường nào. Gợi ý dịch: "Chúa đã ghi chúng vào sổ của Ngài" hoặc "Chúa ghi nhớ những giọt nước mắt của con"

Psalms 56:9

sẽ thối lui

"sẽ rút lui" hoặc "sẽ rút chạy"

Đức Chúa Trời bênh vực con

Có nghĩa là Đức Chúa Trời giúp đỡ ông. Ngữ cảnh ở đây ngụ ý rằng Đức Chúa Trời chiến đấu cùng kẻ thù của tác giả để bảo vệ ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời chiến đấu cho con"

Ai có thể làm gì con được?

Câu hỏi này thể hiện tác giả không sợ con người vì họ không thể làm ông tổn hại nặng nề. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Người ta không thể làm gì con được!" hoặc "Người ta chẳng thể làm con tổn hại nặng nề!"

Psalms 56:12

Trách nhiệm làm trọn lời hứa nguyện với Ngài ở trên con

Bị buộc phải làm gì đó được nói như thể trách nhiệm thực hiện việc đó ở trên mình. Gợi ý dịch: "Con phải làm trọn lời hứa nguyện với Ngài" hoặc "Con phải làm điều con đã hứa với Ngài"

Chúa đã giữ chân con khỏi vấp ngã

Chân ở đây chỉ về chính người đó. Vấp ngã có thể tượng trưng cho việc bị kẻ thù giết hại. Gợi ý dịch: "chúa đã giữ con khỏi vấp ngã" hoặc "Chúa đã giữ gìn con không bị kẻ thù giết hại"

Để con có thể bước đi trước mặt Đức Chúa Trời

Còn sống và được Đức Chúa Trời nhìn thấy được gọi là bước đi trước mặt Ngài. Gợi ý dịch: "để con có thể sống trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời"

Trong ánh sáng của sự sống

Ở đây "ánh sáng của sự sống" có thể chỉ về việc Đức Chúa Trời cho người đó được sống. Gợi ý dịch: "với sự sống Chúa ban" hoặc "vì Chúa cho con sống"

Translation Questions

Psalms 56:1

Tại sao Đa-vít cầu xin Chúa tỏ lòng thương xót với ông?

Ông cầu xin Chúa tỏ lòng thương xót bởi vì người ta muốn nuốt chửng ông.

Psalms 56:2

Kẻ thù của Đa-vít muốn nuốt chửng ông khi nào?

Kẻ thù của Đa-vít muốn nuốt chửng ông suốt ngày dài.

Psalms 56:3

Đa-vít thề làm gì khi ông sợ hãi?

Khi Đa-vít sợ hãi, ông sẽ đặt lòng tin nơi Chúa.

Psalms 56:4

Kết quả của việc tin nơi Chúa của Đa-vít là gì?

Đa-vít đặt lòng tin của ông nơi Chúa để ông không sợ hãi gì.

Psalms 56:5

Kẻ thù của Đa-vít làm gì với những lời của Đa-vít?

Chúng bắt bẻ những lời của Đa-vít.

Kẻ thù của Đa-vít nghĩ gì về Đa-vít?

Mọi tư tưởng của chúng là chống lại Đa-vít vì điều ác.

Psalms 56:7

Đa-vít cầu xin Chúa hạ kẻ thù của ông thế nào?

Đa-vít cầu xin Chúa mang lại chúng cơn thịnh nộ của Ngài.

Psalms 56:8

Đa-vít cầu xin Chúa làm gì với nước mắt của ông?

Đa-vít cầu xin Chúa để nước mắt của trong chai của Ngài.

Psalms 56:9

Khi nào kẻ thù của Đa-vít sẽ quay lưng?

Kẻ thù của Đa-vít sẽ quay lưng vào ngày mà ông kêu cầu Chúa.

Psalms 56:12

Đa-vít thề dâng cho Chúa điều gì?

Đa-vít thề rằng ông sẽ dâng của lễ cảm tạ cho Chúa.

Psalms 56:13

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nơi đâu Đa-vít bước đi trước Chúa?
Đa-vít bước trước Chúa ở trong ánh sáng sự sống.

Chapter 57
Psalms 57:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
Theo điệu Al Tashheth
Có thể ở đây chỉ về phong cách hay giai điệu âm nhạc để hát thi thiên này. Gợi ý dịch: "Hát thi thiên này theo điệu 'Al Tashheth'" hoặc "Hát theo phong cách Al Tashheth"
Al Tashheth
Có nghĩa là "Xin Đừng Hủy Diệt." Người dịch có thể ghi nghĩa hoặc giữ nguyên từ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Michtam
Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết". Xem cách đã dịch ở PSA016:001
khi ông chạy trốn khỏi Sau-lơ, trong hang đá
Có thể dịch rõ ý của của câu này với một vài chi tiết căn bản cho bối cảnh. Gợi ý dịch: "Thi thiên này viết về lúc Đa-vít trốn khỏi Sau-lơ trong hang đá" hoặc "Thi thiên này viết về lúc vua Sau-lơ đuổi bắt Đa-vít, và Đa-vít trốn trong một cái hang"
Con nương náu nơi Chúa
Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "Con đến cùng Chúa để được bảo vệ"
Con nương náu mình dưới cánh của Ngài
Tác giả thi thiên nói như thể Đức Chúa Trời là chim mẹ bảo vệ con mình bằng cách túc chúng dưới cánh. Gợi ý dịch: "Con tin Ngài sẽ bảo vệ con"
Cho đến khi cơn hủy diệt qua khỏi
The tác giả thi thiên mô tả Sau-lơ muốn giết ông như thể tìm giết kẻ thù. Gợi ý dịch: "cho đến khi cơn hoạn nạn này kết thúc" hoặc "cho đến khi con thoát cảnh nguy hiểm"
Psalms 57:2
Đấng làm mọi điều cho con
Câu này giải thích vì sao ông sẽ kêu cầu Đức Chúa Trời. Có thể dịch bắt đầu với từ "vì". Gợi ý dịch: "vì Ngài làm mọi điều cho con"
Những kẻ giày đạp con
Sự tấn công ác liệt của kẻ thù được ví như thể chúng đang giày đạp ông. Gợi ý dịch: "những kẻ tấn công con cách ác liệt"
Đức Chúa Trời sẽ ban sự nhân từ và sự thành tín của Ngài cho con
Đức Chúa Trời tỏ lòng nhân từ và thành tín được nói như thể Ngài ban chúng xuống. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ nhân từ và thành tín cùng con"
Psalms 57:4
Mạng sống con ở giữa những con sư tử
Tác giả ví kẻ thù như sư tử. Gợi ý dịch: "Con sống giữa kẻ thù hung tợn" hoặc "Kẻ thù hung hãn vây quanh con như sư tử"
Những kẻ sẵn sàng cắn nuốt con
Hủy diệt được gọi là cắn nuốt hay ăn nuốt. Một số bản dịch hiểu nguyên bản tiếng Hê-bơ-rơ ở đây là "những con thú hung hăng". Cả hai hình ảnh trên đều ví kẻ thù như thú hoang. Gợi ý dịch: "những kẻ sẵn sàng tiêu diệt con"
Những kẻ có răng như ngọn giáo và mũi tên
Giáo và mũi tên của kẻ thù được nói như thể chúng là răng sư tử. Tác giả thi thiên tiếp tục ví kẻ thù của ông như sư tử. Gợi ý dịch: "những kẻ giết người bằng giáo và mũi tên như sử tử giết mồi bằng răng sắc nhọn"
ngọn giáo và mũi tên
Vì cả hai đều là vũ khí nên nếu văn hóa của bạn chỉ biết đến một loại thì có thể chỉ dùng một từ.
lưỡi chúng là gươm sắc nhọn
Lưỡi tượng trưng cho lời nói, lời gian ác của kẻ thù được ví như gươm. Gợi ý dịch: "lời gian ác của chúng như gươm sắc nhọn" hoặc "kẻ dùng lời nói gây tai họa cho con"
Lạy Đức Chúa Trời, nguyện Chúa được tôn cao trên các tầng trời
Tác giả thi thiên cầu xin Đức Chúa Trời tỏ ra rằng Ngài được tôn cao. Được tôn cao trên các tầng trời tức là rất vĩ đại. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài được tôn cao trên các tầng trời" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài vĩ đại trên các tầng trời"
Nguyện sự vinh hiển Chúa trổi cao hơn cả trái đất
Tác giả thi thiên cầu xin Đức Chúa Trời bày tỏ vinh quang của Ngài. Gợi ý dịch: "xin bày tỏ vinh quang Ngài trên cả trái đất"
Psalms 57:6
Chúng giăng lưới bẫy chân con
Kẻ thù lập mưu bắt ông được ví như chúng giăng lưới trên đất để bẫy ông. Gợi ý dịch: "Như thể kẻ thù giăng lưới bẫy con" hoặc "Chúng lập mưu bắt con như người ta giăng lưới bẫy động vật"
Chúng đào hầm phía trước con
Kẻ thù lập mưu bắt ông được ví như chúng đào hố cho ông rơi xuống. Gợi ý dịch: "Như thể chúng đào hố cho con rơi xuống" hoặc "Chúng lập mưu bắt con như người ta đào hố dưới đất để bẫy động vật"
Chính chúng lại sa xuống đó
Sự tổn hại lại đến trên kẻ thù của ông khi chúng cố gắng bắt ông được nói như thể chúng rơi vào bẫy đã giăng cho ông. Gợi ý dịch: "Chính chúng lại sa vào hầm đã đào cho con" hoặc "Nhưng chính chúng lại bị thiệt hại bởi điều chúng âm mưu hại con"
Psalms 57:7
Lạy Đức Chúa Trời, lòng con vững chắc, lòng con vững chắc
Tin chắc được gọi là lòng được vững chắc không nao núng hay dễ lay động. Cụm từ này được lặp lại để thể hiện rằng ông hoàn toàn tin vào Đức Chúa Trời và không thay đổi. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, con hoàn toàn tin cậy nơi Ngài"
Con sẽ hát ngợi khen
Có thể nói rõ ông hát ngợi khen ai. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, Con sẽ hát ngợi khen Ngài"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hỡi lòng tôn trọng ta, hãy tỉnh thức
Có thể dịch rõ mục đích tỉnh thức là để ngợi khen Đức Chúa Trời. Tỉnh thức có thể là phép ẩn dụ chỉ về việc bắt đầu hoặc chuẩn bị làm việc gì đó. Lòng chỉ về tác giả thi thiên hoặc cảm xúc của ông. Gợi ý dịch: "Hỡi lòng tôn trọng ta, hãy tỉnh thức để hát ngợi khen Đức Chúa Trời" hoặc "Con sẽ sửa soạn lòng tôn trọng của mình để hát ngợi khen Đức Chúa Trời" hoặc "Con được vinh dự tỉnh thức và hát ngợi khen Đức Chúa Trời"
Hỡi đàn hạc, đàn lia, hãy trỗi dậy
Có thể dịch rõ mục đích trỗi dậy là để hát ngợi khen Đức Chúa Trời. Tác giả thi thiên nói như thể đàn hạc, đàn lia là con người có thể trỗi dậy để hát ca ngợi Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Hỡi đàn hạc, đàn lia, hãy trỗi dậy hát ngợi khen Đức Chúa Trời" hoặc "Con sẽ chơi đàn hạc, đàn lia khi hát ngợi khen Đức Chúa Trời" (Xem: and and)
Con sẽ đánh thức bình minh
Bình minh được nói như thể một vật sống, thức dậy trước lúc bình mình được gọi là đánh thức bình minh dậy. Mục đích thức dậy trước bình minh là để ngợi khen Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Con sẽ thức dậy trước bình minh" hoặc "Con sẽ thức dậy trước khi mặt trời mọc"
Psalms 57:9
Vì lòng nhân từ Chúa cao đến tận trời, đức thành tín Chúa đến tận mây
Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Sự vĩ đại của lòng nhân từ và đức thành tín Chúa được nói như thể đo lường được bằng khoảng cách.
Vì lòng nhân từ Chúa cao đến tận trời
Sự vĩ đại của lòng nhân từ Chúa được nói như thể đo lường được bằng khoảng cách. Gợi ý dịch: "Lòng nhân từ Chúa vĩ đại như khoảng cách từ đất đến các tầng trời"
đức thành tín Chúa đến tận mây
Có thể ngầm hiểu từ "cao" theo vế trước. Gợi ý dịch: "đức thành tín Chúa cao đến tận mây" hoặc "đức thành tín Chúa vĩ đại như khoảng cách từ đất đến các tầng mây"
Lạy Đức Chúa Trời, nguyện Chúa được tôn cao trên các tầng trời
Tác giả thi thiên cầu xin Đức Chúa Trời tỏ ra rằng Ngài được tôn cao. Được tôn cao trên các tầng trời tức là rất vĩ đại. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài được tôn cao trên các tầng trời" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài vĩ đại trên các tầng trời"
Nguyện sự vinh hiển Chúa trổi cao hơn cả trái đất
Tác giả thi thiên cầu xin Đức Chúa Trời bảy tỏ vinh hiển của Ngài. Gợi ý dịch: "xin bày tỏ vinh hiển của Ngài trên cả trái đất"

Translation Questions

Psalms 57:1
Tại sao Đa-vít cầu xin Chúa tỏ lòng thương xót với ông?
Ông cầu xin Chúa tỏ lòng thương xót với ông, vì linh hồn ông nương náu trong Chúa.
Đa-vít nương náu nơi Chúa bao lâu?
Đa-vít nương náu trong Chúa đến khi những tai họa này kết thúc.
Psalms 57:2
Đa-vít nói Chúa làm gì cho ông?
Đa-vít nói rằng Chúa làm mọi điều cho ông.
Psalms 57:3
Đa-vít nói Chúa sẽ sai phái điều gì đến ông?
Đa-vít nói rằng Chúa sẽ sai phái đến ông giao ước thành tín của Ngài và sự tin cậy của Ngài.
Psalms 57:4
Đa-vít nằm ở giữa ai?
Ông nằm giữa những kẻ xúi giục.
Psalms 57:5
Đa-vít cầu xin Chúa để vinh quang Ngài ở đâu?
Đa-vít cấu xin Chúa để vinh quang Ngài ở trên khắp đất.
Psalms 57:6
Điều gì xảy ra với những kẻ đào hố trước mặt Đa-vít?
Tự chúng đã ngã vào giữa nó.
Psalms 57:8
Những nhạc cụ nào mà Đa-vít gọi thức dậy?
Đa-vít gọi sáo và đàn hạc tỉnh dậy.
Psalms 57:9
Đa-vít muốn cảm tạ Chúa ở đâu?
Đa-vít sẽ cảm tạ Chúa ở giữa mọi người.
Đa-vít sẽ ngợi ca Chúa ở đâu?
Đa-vít sẽ ngợi ca Chúa ở giữa các dân.
Psalms 57:11
Đa-vít cầu xin vinh hiển Ngài được tôn cao ở đâu?
Đa-vít cầu xin vinh hiển Chúa được tôn cao trên khắp đất.

Chapter 58
Psalms 58:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thông Tin Tổng Quát:
Thi thiên này là một bài hát về kẻ gian ác.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
Theo điệu Al Tashheth
Có thể ở đây chỉ về phong cách hay giai điệu âm nhạc để hát thi thiên này. Xem cách đã dịch ở PSA057:001
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Michtam
Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết". Xem cách đã dịch ở PSA016:001
Hỡi những người quyền thế các ngươi có nói điều công chính chăng?
Tác giả dùng câu hỏi này để quở trách những người quyền thế vì không nói cách công chính. Gợi ý dịch: "Hỡi những người quyền thế, các ngươi chẳng nói điều công chính!"
Các ngươi ... của các ngươi
Ở đây chỉ về những người quyền thế làm quan án. Từ "các ngươi" ở dạng số nhiều.
Các ngươi phán xét công minh chăng?
Tác giả dùng câu hỏi này để quở trách các quan án không phán xét công minh. Gợi ý dịch: "Các ngươi chẳng bao giờ phán xét công minh!"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Không
Tác giả trả lời cho hai câu ông vừa hỏi.
Các ngươi phạm điều gian ác trong lòng
Lòng chỉ về tư tưởng hay hoạch định của một người. Gợi ý dịch: "các ngươi phạm điều gian ác trong tư tưởng mình" hoặc "các ngươi suy nghĩ về việc làm ác"
Tay các ngươi rải điều hung bạo khắp xứ
Làm điều hung bạo ở nhiều nơi trên khắp xứ được gọi là rải hay lan truyền điều hung bạo khắp xứ, như thể điều hung bạo là một đồ vật. Gợi ý dịch: "chính các ngươi làm điều hung bạo khắp xứ"
Psalms 58:3
Kẻ ác lầm lạc từ trong tử cung ... chúng lầm lạc từ khi lọt lòng
Đây là hai cách nói khác nhau cùng thể hiện một ý.
Chúng lầm lạc
Làm điều sai quấy được nói như thể người ấy đang đi trên đường rồi rẽ lối và đi sai đường. Gợi ý dịch: "chúng làm điều sai quấy"
Nọc độc chúng nó khác nào nọc rắn
Điều ác chúng nói ra được ví như nọc độc. Gợi ý dịch: "Những lời gian ác của chúng gây tai họa như nọc độc rắn làm hại người ta"
Chúng giống như rắn hổ mang điếc bịt tai
Kẻ gian ác không lắng nghe lời khuyên hay lời quở trách được ví như rắn không đáp ứng lại với âm nhạc của người dụ rắn. Gợi ý dịch: "chúng không chịu lắng nghe như rắn hổ mang điếc bịt tai lại"
rắn hổ mang điếc bịt tai
Rắn hổ mang không phản ứng lại với âm nhạc của người dụ rắn được nói như nó có thể cho vật gì vào tai để không nghe thấy. Gợi ý dịch: "rắn hổ mang điếc"
Rắn hổ mang
Một loại rắn độc
Người dụ rắn
Người chơi nhạc để kiểm soác rắn
Dù họ có tài đến mực nào
Có thể nói rõ họ có tài trong việc gì. Gợi ý dịch: "cho dù người dụ rắn có tài kiểm soát rắn đến mực nào"
Psalms 58:6
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả liệt kê những điều ông muốn Đức Chúa Trời làm cho kẻ ác.
xin bẻ răng chúng ... xin bẻ nanh các sư tử tơ
Trong cả hai vế, kẻ ác được ví như sư tử, làm cho chúng không thể giết người được nói là bẻ răng chúng. Gợi ý dịch: "Xin cất đi sức mạnh giết người của chúng. Xin khiến chúng bất lực như sư tử tơ bị bẻ răng"
Nguyện chúng nó tan ra như nước chảy
Kẻ ác được ví như nước đá hay nước. Không còn tồn tại nữa được gọi là tan chảy hay rút hết vào đất khô. Gợi ý dịch: "Xin khiến chúng biến mất như nước chảy" hoặc "Xin khiến chúng tan biến như đá tan chảy và ngấm vào đất"
Nguyện chúng như bị cùn
"nguyện mũi tên chúng như không có đầu nhọn"
Nguyện chúng như con ốc sên tiêu mòn đi
Không còn tồn tại nữa được gọi là tiêu mòn và biến mất. Gợi ý dịch: "Nguyện kẻ ác biến mất như ốc sên tiêu mòn đi và không còn nữa"
ốc sên
"ốc"
Như thai bị sẩy của người phụ nữ, không hề thấy mặt trời
thai bị sẩy của người phụ nữ, không hề thấy mặt trời** - Không tồn tại được nói như thể một đứa trẻ được sinh ra đã chết.
Gợi ý dịch: "như đứa trẻ sinh non không thể sống nỗi để nhìn thấy ánh mặt trời" hoặc "như đứa trẻ được sinh ra đã chết"
Psalms 58:9
Trước khi vạc các ngươi chưa nghe biết những gai cháy ... thì những gai còn xanh hay bị cháy cũng đều sẽ như vậy
Kẻ ác được ví như những nhánh gai, sự trừng phạt mau chóng của Đức Chúa Trời dành cho chúng được nói như thể Ngài nhanh chóng thổi chúng đi hay quét chúng đi. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt kẻ ác nhanh hơn ngọn gió cuộn đi nhánh gai đã đặt dưới nồi nấu và bén lửa"
Của các ngươi
Đa-vít đang nói với con dân của Đức Chúa Trời.
Những gai
"những nhánh gai"
Người công chính sẽ vui khi thấy
Cụm từ "người công chính" chỉ về người công bình nói chung. Gợi ý dịch: "Người công bình sẽ vui mừng khi thấy"
Người sẽ rửa chân mình trong huyết kẻ ác
Làm ướt chân khi bước đi trên huyết được gọi là rửa chân trong huyết. Gợi ý dịch: "người công chính sẽ làm ướt chân mình trong huyết kẻ ác" hoặc "người công bình sẽ diễu hành trên huyết kẻ ác"
Người sẽ rửa chân mình trong huyết kẻ ác
Số lượng kẻ gian ác chết rất nhiều được thể hiện bằng cách nói cường điều người công bình rửa chân trong huyết kẻ ác. Gợi ý dịch: "kẻ gian ác chết nhiều đến nỗi người công chính hành quân trên huyết của chúng như thể họ rửa chân mình trong đó"

Translation Questions

Psalms 58:2
Đa-vít nói gì về con trai loài người phân bố trên đất?
Chúng phân bố sự hung tàn trên đất bằng tay chúng.
Psalms 58:3
Đa-vít nói khi nào kẻ ác lạc đường?
Chúng lạc đường ngay khi chúng sinh ra.
Psalms 58:7
Đa-vít cầu xin Chúa làm gì khi kẻ ác bắn cung của nó?
Đa-vít cầu xin Chúa để mũi tên như thể chúng không có đầu nhọn.
Psalms 58:10
Khi nào người công bình sẽ vui mừng?
Người công bình sẽ vui mừng khi người thấy sự báo thù của Chúa.

Chapter 59

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 59:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Al Tashheth

Có thể ở đây chỉ về phong cách hay giai điệu âm nhạc để hát thi thiên này. Xem cách đã dịch ở PSA057:001

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Michtam

Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết". Xem cách đã dịch ở PSA016:001

khi Sau-lơ sai người canh chừng nhà Đa-vít để giết ông

"khi Sau-lơ sai quân lính canh chừng nhà Đa-vít để tìm cơ hội giết ông"

Xin đặt con lên cao

Nơi cao tượng trưng cho một nơi an toàn mà kẻ thù không thể chạm đến. Gợi ý dịch: "xin đặt con vào nơi an toàn"

nổi lên chống lại con

Nổi lên chống lại ai đó tức là tấn công người đó. Gợi ý dịch: "tấn công con"

Những kẻ khát máu

Từ "khát máu" có chứa từ "máu" chỉ về tội giết người và "khát" chỉ về lòng thèm muốn. Gợi ý dịch: "kẻ muốn giết người" hoặc "kẻ thích giết người"

Psalms 59:3

chúng nó rình rập hại mạng sống con

Kẻ thù của Đa-vít ẩn nấp và yên lặng chờ đến lúc có thể tấn công ông.

Tỉnh thức

Quyết định làm gì đó và bắt đầu làm được gọi là tỉnh thức. Gợi ý dịch: "làm gì đó" hoặc "hành động"

và hãy xem xét

Có thể nói rõ ông muốn Đức Chúa Trời xem xét điều gì. Gợi ý dịch: "và xem xét điều đang xảy ra với con" hoặc "và xem chúng đang làm gì với con"

Psalms 59:5

Trỗi dậy

Quyết định làm gì đó và bắt đầu làm được gọi là trỗi dậy. Gợi ý dịch: "làm gì đó" hoặc "hành động"

Tất cả các nước

"Các nước" ở đây chỉ về dân của các nước không tôn kính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "dân của mọi nước"

Psalms 59:6

Buổi chiều chúng quay lại

Từ "chúng" chỉ về những kẻ phạm tội gian ác.

Chúng tru như chó

Tác giả thi thiên nói về việc kẻ thù đe dọa tấn công như thể chúng là chó tru, gầm gừ hay sủa vào người ta. Gợi ý dịch: "chúng đe dọa tấn công người ta"

đi vòng quanh thành

Có thể dịch rõ vì sao chúng đi vòng quanh thành. Gợi ý dịch: "đi vòng quanh thành để tấn công bất kì ai chúng thấy"

Kìa

Từ "kìa" dùng để hướng sự chú ý đến điều gì đó. Gợi ý dịch: "Nầy"

miệng chúng tuôn ra

Nói điều tệ hại được mô tả là tuôn ra. Những điều tệ hại này có thể là lời xúc phạm hoặc đe dọa. Gợi ý dịch: "chúng nói điều thậm tệ" hoặc "chúng thốt ra những lời thậm tệ"

Tuôn ra

ợ lớn; để không khí từ dạ dày thoát ra khỏi miệng tạo ra âm thanh lớn và thô lỗ.

Những gươm ở nơi môi chúng nó

Điều gian ác mà kẻ ác nói ra được ví như gươm. Gợi ý dịch: "chúng nói điều gian ác khiến người khác gặp tai họa như thanh gươm giết người"

Có ai nghe đâu?

Câu hỏi này thể hiện rằng chúng tin Đức Chúa Trời sẽ không nghe thấy và trừng phạt chúng. Gợi ý dịch: "Không ai có thể nghe thấy chúng ta!" hoặc "Đức Chúa Trời các ngươi chẳng nghe thấy chúng ta đâu!"

Psalms 59:8

cười chúng nó

"cười khinh miệt chúng nó" hoặc "chế nhạo chúng nó". Đức Chúa Trời sẽ cười chúng vì chúng vô dụng và bất lực.

Chúa giữ các nước trong sự nhạo báng

"Chúa nhạo báng tất cả các nước" hoặc "Chúa biết dân các nước đều khờ dại"

Sự nhạo báng

"chế nhạo" hoặc "chế giễu"

sức mạnh của con

Đức Chúa Trời là sức mạnh của tác giả tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời bảo vệ ông. Gợi ý dịch: "Chúa là sức mạnh của con" hoặc "Chúa là Đấng bảo vệ con"

Chúa là thành lũy của con

Thành lũy là nơi người ta có thể chạy đến để ẩn nấp khỏi kẻ thù. Tác giả thi thiên nói việc Đức Chúa Trời bảo vệ ông như thể Ngài là nơi trú ẩn vững chắc, an toàn. Gợi ý dịch: "Chúa bảo vệ con như một thành lũy"

Psalms 59:10

Đức Chúa Trời của con sẽ gặp con

Đức Chúa Trời giải cứu tác giả được nói như thể Đức Chúa Trời sẽ gặp tác giả. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của con sẽ giải cứu con"

Mong ước của con cho kẻ thù

Danh từ trừu tượng "mong ước" có thể chuyển thành động từ "muốn". Gợi ý dịch: "điều con muốn xảy đến cho kẻ thù con"

Khiến chúng tan lạc

"Khiến chúng đi lang thang"

Cái khiên của chúng con

Đức Chúa Trời bảo vệ người công chính được nói như thể Đức Chúa Trời là cái khiên. Gợi ý dịch: "Đấng bảo vệ của chúng con" hoặc "Đấng bảo vệ chúng con như cái khiên"

Psalms 59:12

Vì tội lỗi của miệng chúng và lời của môi chúng

Miệng và môi tương trưng cho lời nói. Gợi ý dịch: "Vì chúng phạm tội bởi lời nói mình" hoặc "Vì điều tội lỗi chúng nói ra"

Nguyện chúng bị mắc bẫy trong sự kiêu ngạo mình

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyện người ta

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bắt lấy chúng vì sự kiêu ngạo chúng"

Mà chúng bày tỏ

"mà chúng nói"

Xin thiêu đốt chúng trong cơn thịnh nộ, xin thiêu đốt chúng để chúng không còn nữa

Tiêu diệt chúng hoàn toàn được gọi là thiêu đốt hay ăn nuốt chúng. Gợi ý dịch: "Xin hãy nổi giận cùng chúng và tiêu diệt chúng hoàn toàn để chúng không còn nữa"

trong Gia-cốp

Gia-cốp chỉ về Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "trong Y-sơ-ra-ên"

Cho đến tận cùng trái đất

"đến những nơi xa nhất trên trái đất." Ở đây tượng trưng mọi nơi trên đất. Gợi ý dịch: "mọi nơi trên đất"

Psalms 59:14

Tru như chó

Tác giả thi thiên ví việc kẻ thù đe dọa tấn công như thể chúng là chó tru, gầm gừ hay sủa vào người ta. Gợi ý dịch: "đe dọa tấn công chúng con" hoặc "đe dọa tấn công chúng con như chó hoang"

Thỏa mãn

"vừa lòng"

Psalms 59:16

Chúa là đồn lũy và nơi trú ẩn của con

Đồn lũy và nơi trú ẩn là nơi người ta có thể chạy đến để ẩn nấp khỏi kẻ thù. Tác giả thi thiên nói về việc Đức Chúa Trời bảo vệ ông như thể Đức Chúa Trời là chỗ trú ẩn an toàn, vững chắc. Gợi ý dịch: "Chúa đã bảo vệ con như đồn lũy và nơi trú ẩn"

trong ngày gian truân

Từ "ngày" ở đây chỉ về một giai đoạn. Gợi ý dịch: "bất cứ khi nào con gặp gian truân"

Lạy Chúa, là sức lực con, con sẽ hát ca ngợi Ngài

"Lạy Chúa, là sức lực con" có thể gọp lại thành một vế. Gợi ý dịch: "Chúa là sức lực con nên con sẽ hát ca ngợi Ngài"

sức lực con

Đức Chúa Trời là sức lực của tác giả tức là Đức Chúa Trời bảo vệ tác giả. Gợi ý dịch: "Đấng bảo vệ con"

Vì Đức Chúa Trời là thành lũy của con

Thanh lũy là nơi người ta có thể chạy đến để ẩn nấp khỏi kẻ thù. Tác giả thi thiên nói về việc Đức Chúa Trời bảo vệ ông như thể Đức Chúa Trời là nơi trú ẩn an toàn, vững chắc. Gợi ý dịch: "Chúa bảo vệ con như thành lũy"

Đức Chúa Trời thành tín trong giao ước

Có thể viết thành một câu riêng. Gợi ý dịch: "Ngài là Đức Chúa Trời thành tín trong giao ước" hoặc "Chúa là Đức Chúa Trời của sự thành tín theo giao ước"

Translation Questions

Psalms 59:1

Đa-vít cầu xin Chúa giải cứu ông khỏi kẻ thù của ông thế nào?

Ông cầu xin Chúa đưa ông lên cao khỏi những kẻ nổi dậy nghịch cùng ông.

Psalms 59:3

Ai tụ họp với nhau nghịch lại Đa-vít?

Kẻ ác hùng mạnh tự họp với nhau nghịch cùng Đa-vít.

Psalms 59:5

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va đừng tỏ lòng thương xót với ai?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va đừng tỏ lòng thương xót với bất kì kẻ ác nào.

Psalms 59:10

Đa-vít mong đợi Chúa gặp ông thế nào?

Chúa sẽ gặp ông bằng giao ước thành tín của Ngài.

Psalms 59:13

Đa-vít cầu xin Chúa thiêu hủy kẻ thù của ông thế nào?

Ông cầu xin Chúa thiêu hủy ông trong cơn thịnh nộ, và thiêu hủy chúng để chúng không còn nhiều.

Psalms 59:16

Đa-vít hát về sức mạnh của Chúa thế nào?

Ông nói Chúa tháp cao mà ông ở và là một nơi nương náu trong ngày khốn cùng của ông.

Chapter 60

Psalms 60:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Shushan Eduth

Ở đây có thể chỉ về giai điệu hay phong cách âm nhạc để hát thi thiên này. Gợi ý dịch: "hát thi thiên này theo giai điệu 'Shushan Eduth'" hoặc "hát thi thiên này theo phong cách Shushan Eduth"

Shushan Eduth

Cụm này có nghĩa là " Hoa huệ chứng ước." Người dịch có thể ghi nghĩa hoặc giữ nguyên từ Hê-bơ-rơ.

Michtam

Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết". Xem cách đã dịch ở PSA016:001

A-ram Na-ha-ra-im ... A-ram Xô-ba

"A-ram của hai con sông ... A-ram của nước Xô-ba." Đây là những địa điểm.

Giô-áp

Chỉ về Giô-áp và quân đội ông dẫn đầu.

mười hai nghìn người Ê-đôm

"12,000 người Ê-đôm"

Chúa đã ném chúng con đi

Đức Chúa Trời từ bỏ họ được nói như thể Ngài ném họ đi. Gợi ý dịch: "Chúa đã từ bỏ chúng con"

Chúa đã phá vỡ hàng phòng ngự của chúng con

Đức Chúa Trời cho phép kẻ thù của Y-sơ-ra-ên phá vỡ hàng phòng ngự của họ được nói như thể chính Ngài đã làm việc đó. Gợi ý dịch: "Chúa đã cho phép kẻ thù chúng con phá vỡ hàng phòng ngự của chúng con"

Psalms 60:2

Lời Dẫn:

Tác giả thi thiên tiếp tục thưa cùng Đức Chúa Trời.

Chúa khiến đất rúng động, Ngài xé toạc nó ra

Tác giả thi thiên nói về tai họa trên đất nước ông như thể nó là một cơn động đất.

sửa lại những chỗ nứt

Làm cho dân Chúa vững mạnh trở lại được gọi là sửa chữa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những chỗ nứt trên đất hay trên tường.

Những chỗ nứt

Những vết rạn lớn trên đất hoặc trên tường

Chúa đã làm cho dân Ngài thấy sự gian nan

Từ "thấy" ở đây tượng trưng cho việc "kinh nghiệm" hoặc "chịu đựng".

uống rượu xây xẩm

"rượu làm chúng ta xây xẩm." Vô vọng được ví như bị xây xẩm, khó có thể đứng thẳng.

Psalms 60:4

Chúa giương cờ

Đức Chúa Trời hướng dẫn dân Ngài trong trận chiến được nói như thể Đức Chúa Trời là vua hay tướng chỉ huy giương cờ cho binh lính. Gợi ý dịch: "Chúa giống như vị vua giương cờ lên" hoặc "Chúa chỉ huy chúng con trong trận chiến như một vị vua giương cờ lên"

cờ

"Cờ chiến". Đây là cờ của vua hay tướng chỉ huy giương trên một chiếc cột để ra hiệu cho binh lính tập hợp.

Để được giơ ra nghịch cùng những kẻ cầm cung

Có thể dịch thành câu chủ động. Gợi ý dịch: "để giơ ra nghịch cùng những kẻ cầm cung". Tuy nhiên, một số bản có các cách dịch khác nhau cho câu này.

Để được giơ ra nghịch cùng những kẻ cầm cung

Cụm từ "những kẻ cầm cung" chỉ về quân lính của kẻ thù trong trận chiến. Gợi ý dịch: "để giơ ra khi Ngài đem quân xông trận đánh kẻ thù"

lấy tay phải Ngài

Tay phải của Đức Chúa Trời tượng trưng cho quyền năng của Ngài. Gợi ý dịch: "bởi quyền năng của Ngài"

Đáp lời con

Đáp lời tức là đáp ứng lời thỉnh cầu của ông. Gợi ý dịch: "đáp ứng lời thỉnh cầu con" hoặc "đáp lời cầu nguyện con"

Psalms 60:6

Ép-ra-im cũng là mũ sắt ta

Đức Chúa Trời nói về chi phái Ép-ra-im như thể đó là đội quân của Ngài. Mũ sắt tượng trưng cho những trang thiết bị chiến tranh. Gợi ý dịch: "Ép-ra-im như mũ sắt ta đã chọn" hoặc "chi phái Ép-ra-im là quân đội của ta"

Mũ sắt

Một loại mũ cứng, binh lính đội để bảo vệ phần đầu khỏi bị thương.

Giu-đa là vương trượng của ta

Đức Chúa Trời chọn những người từ chi phái Giu-đa để làm vua của dân Ngài, Ngài ví chi phái này như vương trượng của Ngài. Gợi ý dịch: "Chi phái Giu-đa như vương trượng của ta" hoặc "ta sẽ cai trị dân ta qua chi phái Giu-đa"

Psalms 60:8

Mô-áp là cái chậu rửa của Ta

Đức Chúa Trời nói Mô-áp tầm thường như cái chậu rửa hay người hầu thấp hèn. Gợi ý dịch: "Mô-áp như cái chậu rửa của ta"

Ta ném giày ta trên Ê-đôm

Đức Chúa Trời có thể đang nói về việc chiếm lấy Ê-đôm như thể Ngài ném giày vào mảnh đất đó theo cách hình bóng để thể hiện quyền làm chủ. Tuy nhiên một số bản có các cách dịch khác. Gợi ý dịch: "Ta chiếm lấy xứ Ê-đôm" hoặc "Ta ném giày ta trên xứ Ê-đôm để thể hiện chủ quyền"

Psalms 60:10

Nhưng lạy Đức Chúa Trời, chẳng phải Chúa đã từ bỏ chúng con sao?

Tác giả thi thiên dùng câu hỏi này để thể hiện nỗi buồn vì dường như Đức Chúa Trời đã từ bỏ họ. Gợi ý dịch: "Nhưng lạy Đức Chúa Trời, dường như Ngài đã từ bỏ chúng con" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, Chúa dường như đã từ bỏ chúng con."

Chúa không ra trận với quân đội chúng con

Tác giả nói việc Đức Chúa Trời giúp đỡ quân đội của ông như thể Ngài phải ra trận và chiến đấu cùng họ. Gợi ý dịch: "Chúa không giúp đỡ quân đội chúng con khi chúng con ra trận"

Vô ích

"vô dụng"

Chiến thắng

"giành chiến thắng"

Ngài sẽ giày đạp các kẻ thù chúng con

Tác giả thi thiên nói về việc Đức Chúa Trời giúp họ đánh bại kẻ thù như thể Đức Chúa Trời giày đạp chúng xuống. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cho chúng con giày đạp trên kẻ thù" hoặc "Ngài sẽ cho chúng con đánh bại kẻ thù"

Translation Questions

Psalms 60:1

Chúa đã làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên?

Ngài đã từ bỏ họ, phân tán họ, và đã nổi giận với họ.

Psalms 60:2

Chúa đã làm gì trên đất?

Ngài đã làm trên đất loạn lạc và xé nó ra.

Psalms 60:3

Chúa đã bày tỏ điều gì cho dân ngày và cho họ uống gì?

Ngài đã bày tỏ cho họ những điều khốc liệt, và cho họ uống rượu làm loạng choạng.

Psalms 60:4

Chúa đã ban một ngọn cờ cho ai?

Ngài ban một ngọn cờ cho những kẻ tôn kính Ngài.

Psalms 60:6

Chúa sẽ làm gì với Si-chem và thung lũng Su-cốt?

Ngài sẽ phân Si-chem ra và chia thung lũng Su-cốt thành từng phần.

Psalms 60:8

Chúa sẽ làm gì với Ê-đôm?

Chúa sẽ ném giày của Ngài trên Ê-đôm.

Psalms 60:10

Chúa đã không làm gì cho đội quân?

Ngài không còn xuất trận với họ.

Psalms 60:11

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ có thể thắng lợi như thế nào?

Họ sẽ chiến thắng nhờ sự giúp đỡ của Chúa, vì Ngài sẽ giẫm đạp kẻ thù.

Psalms 60:12

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ có thể thắng lợi như thế nào?

Họ sẽ chiến thắng nhờ sự giúp đỡ của Chúa, vì Ngài sẽ giẫm đạp kẻ thù.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 61

Psalms 61:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Đây là bài hát về sự thành tín của Đức Chúa Trời.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Lạy Đức Chúa Trời, xin nghe tiếng kêu cầu của con, xin lưu tâm đến lời cầu nguyện con

Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin lắng nghe con và đáp lời cầu nguyện con"

Choáng ngợp

"cùng kiệt"

Xin dẫn con đến vầng đá cao hơn con

Ở đây tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là vầng đá cao ông có thể trèo lên để được bảo vệ.

ngọn tháp vững bền khỏi kẻ thù

Có thể thêm vào cụm từ "giữ con an toàn". Gợi ý dịch: "Chúa như ngọn tháp vững bền giữ con an toàn khỏi kẻ thù"

ngọn tháp vững bền

Ở đây tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là "ngọn tháp vững bền" bảo vệ ông khỏi kẻ thù.

Psalms 61:4

nương náu mình dưới cánh của Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Phép ẩn dụ thứ hai ở đây nói về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời như thể Ngài là gà mái bảo vệ con mình dưới cánh Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Ngài để được bảo vệ như gà con ở dưới cánh mẹ"

Chúa ban cho con cơ nghiệp

Tác giả ví ơn phước của Đức Chúa Trời là cơ nghiệp ông được nhận. Gợi ý dịch: "Chúa ban các phước lành cho con"

những người kính sợ danh Ngài

"Danh Ngài" có nghĩa là chính Ngài. Gợi ý dịch: "những người kính sợ Ngài" hoặc "những người tôn quý Ngài"

Psalms 61:6

Chúa sẽ gia thêm ... nhiều thế hệ

Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để nhấn mạnh.

Chúa sẽ gia thêm tuổi thọ cho vua

"Chúa sẽ kéo dài tuổi thọ cho vua" hoặc "Chúa sẽ khiến đời vua lâu dài"

Năm tháng người như qua nhiều thế hệ

"Năm tháng" chỉ về độ dài của đời vua. Gợi ý dịch: "Vua sẽ sống qua nhiều thế hệ"

Người sẽ ở trước mặt Đức Chúa Trời đời đời

"Ở trước mặt Đức Chúa Trời" có nghĩa là ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời hoặc ở với Đức Chúa Trời. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ ở với người đời đời" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ ở với vua đời đời"

Psalms 61:8

Con sẽ hát ca ngợi danh Chúa đời đời

"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Con sẽ luôn hát ngợi khen Chúa"

Lời hứa nguyện con

Ở đây chỉ về lời hứa dâng của lễ cho Đức Chúa Trời mỗi ngày. (Xem bản UDB)

Translation Questions

Psalms 61:1

Đa-vít cầu xin Chúa làm gì cho ông?

Đa-vít cầu xin Chúa lắng nghe tiếng khóc của ông, và chú tâm lời ông cầu nguyện.

Psalms 61:3

Chúa đã như điều gì cho Đa-vít?

Chúa là nơi nương náu và tháp vững mạnh tránh quân thù cho Đa-vít.

Psalms 61:4

Đa-vít sống và nương náu ở đâu?

Đa-vít sẽ sống trong đền thánh của Chúa mãi mãi và nương náu trong nơi kín nhiệm dưới cánh của Ngài.

Psalms 61:5

Chúa đã làm gì cho Đa-vít khi Ngài nghe lời ông thề nguyện?

Chúa ban cho ông sản nghiệp của những kẻ tôn vinh danh Chúa.

Psalms 61:6

Chúa sẽ làm gì cho sự sống của vua?

Chúa sẽ kéo dài sự sống của vua để tuổi của ông thêm nhiều đời.

Psalms 61:8

Tại sao Đa-vít hát ngợi ca danh của Chúa mãi mãi?

Đa-vít sẽ hát ngợi ca danh của Chúa mãi mãi để Ngài sẽ thực hiện hứa nguyện của ông mỗi ngày.

Chapter 62

Psalms 62:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là bài hát về sự thành tín của Đức Chúa Trời.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Giê-đu-thun

Một trong các nhạc trưởng của Đa-vít có tên gọi này. Có thể ở đây đang chỉ về người đó. Xem cách đã dịch ở PSA039:001

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Sự cứu rỗi của con đến từ Ngài

"Ngài là Đấng giải cứu con" hoặc "Ngài là Đấng cứu rỗi con"

Một mình Ngài là vầng đá và sự cứu rỗi của con

Tác giả ví Đức Chúa Trời có thể bảo vệ ông như thể Đức Chúa Trời là vầng đá. Gợi ý dịch: "Ngài là Đấng duy nhất có

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thể bảo vệ và giải cứu con"

Ngài là thành lũy của con

Tác giả ví Đức Chúa Trời có thể bảo vệ ông như thể Đức Chúa Trời là thành lũy. Gợi ý dịch: "Ngài giữ con khỏi quyền lực của kẻ thù"

Con sẽ không hề bị rúng động

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không gì có thể lay chuyển con"

Psalms 62:3

Hết thảy các ngươi

"kẻ thù ta" hoặc "hết thảy kẻ thù ta"

Các ngươi đánh một người cho đến chừng nào ... một hàng rào sắp ngã sao?

Đa-vít dùng một câu hỏi tu từ để thể hiện sự thất vọng chứ không phải để được trả lời. Gợi ý dịch: "Dường như kẻ thù con sẽ không ngừng tấn công con. Con thấy mình yếu đuối trước Ngài như bức tường nghiêng hay hàng rào đổ sập."

Tấn công một người

"tấn công con"

Chúng bàn luận chỉ để

"Chúng muốn" hoặc "Chúng dự định"

Bàn luận với người ... đem người ... chúc phước người ... rủa sả người

Trong những câu này, Đa-vít gọi mình là "người".

Miệng chúng

Chỉ về lời nói của chúng.

Trong lòng chúng

Chỉ về các tư tưởng của chúng.

Psalms 62:5

Vì niềm hi vọng ta đặt nơi Ngài

"vì ta đặt hy vọng nơi Ngài"

Chỉ một mình Ngài là vầng đá và sự cứu rỗi của ta; Ngài là thành lũy của ta

Tác giả ví Đức Chúa Trời là vầng đá và thành lũy. Cả hai hình ảnh ẩn dụ đều cho thấy Đức Chúa Trời bảo vệ một người khỏi kẻ thù. "Sự cứu rỗi" ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời giải cứu tác giả. Xem cách đã dịch ở PSA062:001

Ta sẽ chẳng bị rúng động

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không gì có thể lay động con"

Psalms 62:7

Vầng đá sức lực ta và nơi ẩn náu của ta ở nơi Đức Chúa Trời

Tác giả ví Đức Chúa Trời như vầng đá giữ một người an toàn khỏi kẻ thù. Ông cũng ví Đức Chúa Trời là nơi ẩn náu bảo vệ cho ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời luôn ban cho con sức lực và sự che chở"

Hãy dốc đổ lòng mình

Câu này ví việc bày tỏ cùng Đức Chúa Trời cảm xúc bên trong của mình như thể đang đổ một loại chất lỏng. Gợi ý dịch: "trao sự lo lắng cho Đức Chúa Trời"

nơi nương náu cho chúng ta

Từ "chúng ta" chỉ về Đa-vít và những người ông đang nói.

Psalms 62:9

người hạ lưu ... người thượng lưu là kẻ dối giả

Ở đây chỉ về mọi người thuộc mọi tầng lớp về vật chất và thế lực. Cụm từ "ảo mộng" và "kẻ dối giả" có ý nghĩa như nhau. Các ngươi không thể tin tưởng bất kì ai. Gợi ý dịch: "các ngươi không thể đặt lòng tin nơi con người, dù họ quyền thế mực nào"

Cùng đặt lên cân, chúng nhẹ như không

Nếu đặt tất cả những loại người này lên cân thì chúng chẳng có trọng lượng. Điều này có nghĩa là chúng không có giá trị thật sự.

sự hà hiếp hay sự cướp bóc

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Các ngươi không thể nhờ cậy vào tiền bạc lấy của người khác.

Vì chúng sẽ không kết quả

Tác giả ví sự giàu có như dây nho hay cây không ra trái. Gợi ý dịch: "vì chúng sẽ không đem lại điều tốt lành cho ngươi"

Chớ chú tâm vào chúng

"Chú tâm" ở đây có nghĩa là mong muốn mãnh liệt. Gợi ý dịch: "đừng thèm khát chúng"

Psalms 62:11

Đức Chúa Trời có phán một lần, con có nghe điều nầy hai lần

Tức là Đức Chúa Trời đã phán điều này không chỉ một lần.

quyền năng thuộc về Đức Chúa Trời

"Đức Chúa Trời là Đấng thực sự quyền năng"

Lạy Chúa, sự thành tín theo giao ước thuộc về Ngài

"Ngài là Đấng luôn yêu chúng con như Ngài đã hứa" (UDB)

Vì Chúa trả cho mỗi người theo công việc họ làm

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời ban thưởng là Ngài đang trả lương theo công việc.

Translation Questions

Psalms 62:1

Tại sao Đa-vít im lặng đợi chờ một mình Chúa?

Đa-vít muốn im lặng đợi chờ Chúa bởi vì sự cứu chuộc của ông đến từ Chúa.

Psalms 62:2

Đa-vít nói Chúa là gì với ông?

Đa-vít nói chỉ mình Chúa là vầng đá và sự giải cứu của ông, và là ngọn tháp cao của ông.

Psalms 62:4

Người ta đối xử với một người ở địa vị cao quý thế nào?

Chúng nó chỉ nghĩ đến hạ người xuống, chúng ưa thích nói dối, và chúng chúc phước nhau bằng miệng nhưng lòng chúng nguyền rủa người đó.

Psalms 62:8

Đa-vít nói mọi người làm gì?

Ông nói mọi người hãy tin nơi Chúa mọi lúc, và hãy thổ lộ lòng mình trước Chúa.

Psalms 62:9

Đa-vít mô tả những người có địa vị thấp cao thế nào?

Những người có vị trí thấp thì kiêu căng, và người có vị trí cao thì dối trá, cân với nhau thì chúng nhẹ hơn sự không có.

Psalms 62:10

Đa-vít nói mọi người đừng đổi lòng vì điều gì?

Ông nói họ đừng cậy lòng nơi sự đàn áp hoặc sự cướp và đừng hi vọng vào của cải vô nghĩa, bởi vì chúng không sinh ra lợi ích.

Psalms 62:11

Đa-vít đã nghe điều gì khi Chúa phán?

Đa-vít đã nghe rằng quyền lực thuộc về Chúa.

Psalms 62:12

Giao ước thành tín thuộc về ai?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giao ước thành tín thuộc về Chúa bởi vì Chúa đáp trả cho mọi người tùy theo việc họ làm.

Chapter 63

Psalms 63:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Hết lòng

"thành tâm"

Linh hồn con khát khao Chúa, thân thể con mong ước Ngài

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh tác giả khao khát được ở với Đức Chúa Trời đến mực nào. Gợi ý dịch: "trọn lòng con khao khát được ở với Ngài"

đất khô cằn, nứt nẻ

"sa mạc nóng bức, khô cằn"

Psalms 63:3

Môi con sẽ ca ngợi Chúa

"Môi con" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con sẽ ca ngợi Chúa"

Con sẽ giơ tay lên trong danh Chúa

"Trong danh Chúa" có nghĩa là "hướng về Chúa". Gợi ý dịch: "Con sẽ thờ phượng Chúa và cầu nguyện với Ngài"

Psalms 63:5

như thể con ăn tủy xương và mỡ

Ở đây tác giả nói rằng việc nhận biết và thờ phượng Đức Chúa Trời đem đến sự thỏa mãn hơn cả được ăn một bữa ăn ngon. Gợi ý dịch: "Con sẽ mừng rỡ hơn người được ăn đồ ngon, béo bổ"

Miệng con sẽ lấy môi vui vẻ mà ngợi khen Chúa

"Miệng con sẽ lấy môi vui vẻ" chỉ về chính người sẽ vui mừng ngợi khen Chúa. Gợi ý dịch: "Con sẽ vui vẻ ngợi khen Chúa"

Khi nằm trên giường, con nhớ đến Chúa ... suốt các canh đêm

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được lặp lại để nhấn mạnh tác giả suy nghĩ về Đức Chúa Trời nhiều thể nào.

Psalms 63:7

Con mừng rỡ dưới bóng cánh Chúa

Tác giả ví Đức Chúa Trời như một con chim bảo vệ các con dưới cánh mình. Gợi ý dịch: "Con mừng rỡ vì Chúa bảo vệ con"

con bám chặt lấy Chúa

"Con cần Chúa" hoặc "Con phụ thuộc vào Chúa"

Tay phải Chúa nâng đỡ con

Ở đây tay phải được sử dụng như một biểu tượng của sức mạnh và quyền năng. Gợi ý dịch: "Chúa nâng đỡ con" hoặc "Chúa nâng con lên"

Psalms 63:9

Sẽ sa xuống nơi thấp nhất của đất

Có nghĩa là chúng sẽ chết và đi đến nơi dành cho người chết. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "sẽ chết và sa xuống nơi dành cho người chết"

Chúng sẽ bị phó cho những kẻ tay cầm gươm

"Gươm" ở đây tượng trưng cho cái chết trong chiến tranh, "những kẻ tay cầm gươm" chỉ về kẻ thù giết chúng trong trận chiến. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng chết trong chiến trận"

Chúng sẽ làm thức ăn cho chó rừng

"Chúng" chỉ về xác của những người chết trong chiến trận. Gợi ý dịch: "chó rừng sẽ ăn xác chúng"

Chó rừng

"chó rừng" là một loại chó hoang chân dài. Chúng ăn xác chết, thú rừng và trái cây.

Psalms 63:11

Vua

Đa-vít đang nói về chính mình. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "Ta, là vua Y-sơ-ra-ên"

nhân danh Ngài mà thề ... tự hào về Ngài

Từ "Ngài" chỉ về "Đức Chúa Trời".

Còn miệng những kẻ nói dối sẽ bị ngậm lại

"Miệng" ở đây chỉ về chính người đó. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nhưng Đức Chúa Trời sẽ khiến kẻ nói dối phải im miệng" hoặc "nhưng Đức Chúa Trời sẽ làm im miệng những kẻ nói dối"

Translation Questions

Psalms 63:1

Đa-vít tìm kiếm Chúa thế nào?

Ông tìm kiếm Chúa cách nghiêm chỉnh, lòng ông khát khao vì Ngài, và xác thịt ông mong mỏi vì Chúa.

Psalms 63:2

Khi Đa-vít tìm Chúa trong đền thờ, ông thấy điều gì?

Ông thấy quyền lực và vinh hiển của Chúa.

Psalms 63:3

Đa-vít sẽ làm điều gì bởi vì giao ước thành tín của Chúa?

Môi của Đa-vít sẽ ngợi ca Chúa, ông sẽ chúc phước Chúa khi ông sống, và ông sẽ giơ tay mình vì danh Chúa.

Psalms 63:4

Đa-vít sẽ làm điều gì bởi vì giao ước thành tín của Chúa?

Môi của Đa-vít sẽ ngợi ca Chúa, ông sẽ chúc phước Chúa khi ông sống, và ông sẽ giơ tay mình vì danh Chúa.

Psalms 63:5

Linh hồn của Đa-vít thỏa lòng điều gì và động cơ ông ca ngợi Chúa là gì?

Ông thỏa lòng và ca ngợi khi ông nghĩ về Chúa trên giường và hòa giải với Ngài vào ban đêm.

Psalms 63:6

Linh hồn của Đa-vít thỏa lòng điều gì và động cơ ông ca ngợi Chúa là gì?

Ông thỏa lòng và ca ngợi khi ông nghĩ về Chúa trên giường và hòa giải với Ngài vào ban đêm.

Psalms 63:7

Đa-vít vui mừng ở đâu?

Ông vui mừng trong cánh của Chúa.

Psalms 63:8

Điều gì nâng đỡ Đa-vít?

Tay phải của Chúa nâng đỡ Đa-vít.

Psalms 63:9

Điều gì sẽ xảy ra cho những kẻ tìm kiếm hủy diệt linh hồn của Đa-vít?

Chúng sẽ đi vào nơi thấp trên đất, chúng sẽ phó mặc cho

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sức mạnh của gươm kiếm, và phó cho chó rừng.
Psalms 63:10
Điều gì sẽ xảy ra cho những kẻ tìm kiếm hủy diệt linh hồn của Đa-vít?
Chúng sẽ đi vào nơi thấp trên đất, chúng sẽ phó mặc cho sức mạnh của gươm kiếm, và phó cho chó rừng.
Psalms 63:11
Điều gì xảy ra cho những kẻ thề bởi Đức Chúa Trời?
Những kẻ đó thề bởi Ngài sẽ tự hào về Ngài.
Điều gì xảy ra với những kẻ nói dối?
Những kẻ nói dối sẽ ngậm miệng chúng lại.

Chapter 64
Psalms 64:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thông Tin Tổng Quát:
Thi thiên này là lời cầu nguyện xin Chúa giúp đỡ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Gìn giữ
"bảo vệ"
Xin giấu con khỏi âm mưu ... sự náo loạn của những kẻ làm ác
Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai cung cấp thêm chi tiết bằng cách mô tả thêm "âm mưu" đó như thế nào.
Khỏi sự náo loạn
Có thể thêm vào cụm từ "xin giấu con". Gợi ý dịch: "xin giấu con khỏi sự náo loạn"
Sự náo loạn
Âm thanh hỗn loạn và phấn khích
Psalms 64:3
Chúng mài lưỡi mình như gươm
Tác giả ví lưỡi của kẻ thù ông sắc như gươm. "Lưỡi" ở đây tượng trưng cho những lời nói cay nghiệt của kẻ thù. Gợi ý dịch: "Những lời cay nghiệt chúng nói khiến con bị thương như thanh gươm bén"
mũi tên, lời cay đắng
Tác giả ví lời cay đắng của kẻ thù như mũi tên bắn vào ông. Gợi ý dịch: "lời cay đắng đâm vào con như mũi tên"
Psalms 64:5
Ai sẽ thấy được?
Ở đây kẻ làm ác không hỏi câu này để được trả lời vì chúng nghĩ rằng sẽ không ai nhìn thấy chúng. Gợi ý dịch: "Không ai thấy việc chúng ta làm"
Tư tưởng bên trong và lòng dạ con người thật hiểm sâu
Tác giả ví "tư tưởng bên trong" và "lòng dạ con người" như một nguồn nước sâu không ai có thể tìm ra đáy.
Tư tưởng bên trong ... lòng dạ con người
Cả hai cụm từ đều chỉ về tư tưởng bên trong, riêng tư của con người.
Psalms 64:7
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục nói về "kẻ làm ác" ở câu PSA064:001
Nhưng Đức Chúa Trời sẽ bắn tên vào chúng
Tác giả ví sự trừng phạt của Đức Chúa Trời dành cho kẻ ác như thể Đức Chúa Trời bắn tên vào chúng.
Chúng sẽ bị vấp ngã
Tác giả nói về việc Đức Chúa Trời làm thất bại âm mưu của kẻ ác như thể Ngài khiến chúng vấp ngã trên đường. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng vấp ngã" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ khiến kế hoạch của chúng thất bại"
Vì lưỡi chúng nghịch lại chúng
"Lưỡi" ở đây tượng trưng cho lời chúng nói. Gợi ý dịch: "vì lời chúng nói nghịch lại chúng"
điều Ngài đã làm
"Điều Đức Chúa Trời đã làm"
Psalms 64:10
nương náu nơi Ngài
Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Ngài để được bảo vệ"
Hết thảy người có lòng công chính sẽ hãnh diện về Ngài
"Có lòng công chính" có nghĩa là tin kính hay công bình. Gợi ý dịch: "hết thảy người tin kính sẽ ngợi khen Ngài"

Translation Questions

Psalms 64:1
Đa-vít đang cầu xin Chúa lắng nghe điều gì?
Ông muốn Chúa nghe giọng ông và nghe lời than thở của ông.
Psalms 64:2
Đa-vít cầu xin Chúa giấu ông khỏi điều gì?
Ông cầu xin Chúa giấu ông khỏi âm mưu của kẻ ác và khỏi sự nổi loạn mà chúng cưu mang.
Psalms 64:3
Kẻ thù của Đa-vít đã làm xong chuyện gì bằng lưỡi chúng?
Chúng đã mài bén lưỡi chúng như gươm kiếm.
Psalms 64:4
Kẻ thù của Đa-vít bắn vào ai?
Chúng bắn vào những người vô tội.
Psalms 64:5
Kẻ thù của Đa-vít nói gì khi chúng bàn bạc riêng tư với nhau để hãm hại và gài bẫy?
Chúng nói, "Ai sẽ thấy chúng ta?"
Psalms 64:7
Chúa sẽ đáp trả kẻ thù của Đa-vít thế nào?
Chúa sẽ thình lình bắn chúng và chúng sẽ bị thương bởi cung của Ngài.
Psalms 64:8
Bởi những việc làm của Chúa, điều gì xảy ra với kẻ thù?
Kẻ thù sẽ vấp ngã và mọi người thấy chúng sẽ lắc đầu.
Psalms 64:9
Mọi người đáp trả thế nào khi Chúa phán xử kẻ thù của Đa-vít?
Mọi người sẽ sợ hãi, công bố những việc của Chúa, và nhận thấy những việc Chúa đã làm.
Psalms 64:10
Điều gì xảy ra với người công bình và mọi người có lòng ngay thẳng làm gì?
Người ngay thẳng sẽ vui mừng về Đức Giê-hô-va và nơi náu nơi Ngài; mọi người ngay thẳng trong lòng sẽ hãnh diện

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trong Ngài.

Chapter 65

Psalms 65:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là một bài ca ngợi khen.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Một thi thiên. Một bài hát của Đa-vít

"Đây là thi thiên do Đa-vít viết"

Lạy Đức Chúa Trời tại Si-ôn, lời ngợi khen chúng con trông đợi Ngài

Câu này ví lời ngợi khen như một người có thể tự mình hành động. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời tại Si-ôn, chúng con sẽ dâng lời ngợi khen cho riêng mình Ngài"

Lời hứa nguyện của chúng con với Ngài sẽ được thực hiện

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "chúng con sẽ làm điều chúng con đã hứa nguyện"

Sự gian ác áp đảo chúng con

Đa-vít ví sự gian ác như một con người, có thể đánh bại hay áp đảo người khác. Gợi ý dịch: "Như thể tội lỗi chúng con đánh bại chúng con"

Chúa sẽ tha thứ cho chúng

Từ "chúng" chỉ về "sự gian ác" của chúng con.

Psalms 65:4

người Chúa chọn ... hành lang của Chúa

Từ "Chúa" và "của Chúa" trong câu này chỉ về Đức Giê-hô-va.

ở trong hành lang của Chúa

Điều này không có nghĩa là người đó thật sự sống trong đền thờ mà là người đó ở tại đến thờ rất thường xuyên để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "thường thờ phượng trong hành lang Chúa"

Chúng con sẽ được thỏa mãn với những điều tốt lành của nhà Chúa, đền thánh của Ngài

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Sự tốt lành của nhà Chúa, là đến thánh của Ngài sẽ làm chúng con được thỏa mãn"

Chúng con sẽ

Ở đây "chúng con" chỉ về Đa-vít và những người ông nói cùng.

nhà Chúa, đền thánh của Ngài

"nhà Chúa, là đền thánh của Ngài"

Psalms 65:5

theo sự công bình

"Vì Chúa công bình"

Chúa là Đấng

"Chúa"

tận cùng trái đất ... tận biển xa

Hai cụm này có nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "mọi dân sống khắp đất và tận biển xa"

tận cùng trái đất

Chỉ về những người sống trên khắp đất.

Psalms 65:6

Ngài thắt lưng bằng sức mạnh

Tác giả nói Đức Chúa Trời mặc lấy sức mạnh như thể mang dây thắt lưng. Gợi ý dịch: "bày tỏ rằng Chúa rất quyền năng"

Tiếng gầm của biển, tiếng gầm của sóng

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để tạo ấn tượng mạnh cho người nghe hay người đọc. Gợi ý dịch: "tiếng gầm liên tục của biển"

Tiếng gầm

Tiếng ồn lớn từ gió và sóng

Và sự náo loạn

Có thể thêm vào từ "dẹp yên". Gợi ý dịch: "và dẹp yên sự náo loạn"

Sự náo loạn

Tiếng ồn lớn

Psalms 65:8

Bằng cớ

Bằng chứng hay điều gì đó cho thấy một điều là chính xác

Chúa khiến phương đông và phương tây vui mừng

Cụm từ "phương đông và phương tây" chỉ về con người sống trên toàn trái đất. Gợi ý dịch: "Chúa khiến con người khắp nơi reo mừng"

thăm viếng đất

Ở đây chỉ về đất đai.

Chúa làm cho nó phì nhiêu

"Chúa làm cho đất tươi tốt đến nỗi những vật tốt lành sẽ mọc trên nó"

Dòng sông của Đức Chúa Trời đầy nước

Ở đây chỉ về nguồn nước trên trời mà từ đó Đức Chúa Trời ban nước xuống đất và lấp đầy những con suối. Gợi ý dịch: "Chúa làm những con suối đầy nước"

Psalms 65:10

Chúa ... của Chúa

Từ "Chúa" và "của Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va.

các luống cày của nó

"các luống cày của đất"

Các luống cày

Luống cày là một đường dài hẹp xới ra trên đất để gieo hạt hoặc để tưới nước cho cánh đồng đã gieo hạt.

Mô đất

Bờ đất

Chúa lấy sự tốt lành của Chúa làm vương miện đội cho năm tháng

Ở đây "năm tháng" được nhân hóa là đội vương miện. Gợi ý dịch: "Chúa làm cho năm tháng được vẻ vang với mùa màng bội thu"

Nhỏ sự màu mỡ xuống đất

Từ "sự màu mỡ" chỉ về sự kết quả hay sự tươi tốt. Câu trên cho thấy thể nào Đức Giê-hô-va làm cho đất tươi tốt và màu mỡ, sinh mùa gặt bội thu.

đồng cỏ ... đượm sương

Sương nhiều đến nỗi đồng cỏ được gọi là đượm sương. Gợi ý dịch: "Đồng cỏ ... đầy sương" hoặc "Sương nhiều làm ướt sũng đồng cỏ ngoài hoang mạc"

Đồi núi khoác sự vui mừng

Tác giả ví vẻ đẹp của đồi núi như những người vui mừng, và ví sự vui mừng như quần áo. Gợi ý dịch: "đồi núi như người mặc sự vui mừng" và "đồi núi như người vui mừng"

Psalms 65:13

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đồng cỏ mặc những bầy thú vật
Tác giả ví đồng cỏ được phủ những bầy chiên như thể nó mặc một chiếc áo.
Đồng cỏ
Cánh đồng lớn cho động vật ăn cỏ
Những bầy thú vật
Bầy thú như chiên và dê
Chúng reo mừng và hát xướng
Các cánh đồng, đồi núi và thung lũng bội thu đến nỗi chúng như thể reo mừng và hát xướng. Gợi ý dịch: "chúng như những người ca hát mừng rỡ"
Chúng reo mừng
Từ "chúng" chỉ về đồng cỏ và thung lũng.

Translation Questions

Psalms 65:1
Đa-vít nói lời thề của họ sẽ thực hiện với ai?
Lời thề của họ sẽ thực hiện với Chúa ở Si-ôn.
Psalms 65:3
Đa-vít nói Chúa sẽ làm gì về sự vi phạm của họ?
Ông nói Chúa sẽ tha thứ cho sự vi phạm của họ. Ông nói Chúa sẽ tha thứ sự vi phạm của họ.
Psalms 65:4
Đa-vít nói ai là người được phước?
Được phước là người Chúa chọn để đem về và sống trong sân Ngài; Ngài sẽ hài lòng với sự tốt lành của nhà Đức Chúa Trời.
Psalms 65:5
Chúa của sự giải cứu sẽ đáp lời cầu nguyện của họ thế nào?
Chúa sẽ đáp lời ở trong công bình bởi những việc kinh ngạc.
Psalms 65:7
Chúa làm im lặng điều gì?
Ngài làm im lặng các biển gào thét, sóng ầm ầm, tiếng nổi loạn của các dân.
Psalms 65:8
Ai là kẻ sợ dấu hiệu về những việc làm của Chúa?
Những người sống trong nơi cao trên đất đều sợ dấu hiệu về những việc làm của Chúa.
Psalms 65:9
Đa-vít nói Chúa cứu giúp trái đất thế nào?
Chúa tưới cho nó, làm giàu nó, sắm sửa cho trái đất bằng cách chu cấp lúa thóc cho con người.
Psalms 65:11
Điều gì xảy ra cho trái đất ở sau xe ngựa của Chúa?
Những dấu vết sau xe ngựa của Ngài rơi xuống sự màu mỡ trên đất.
Psalms 65:13
Đồng cỏ được che phủ bằng điều gì, và các thung lũng tràn ngập điều gì?
Đồng cỏ được phủ bởi bầy chiên, và thung lũng được tràn ngập lúa.

Chapter 66
Psalms 66:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thông Tin Tổng Quát:
Thi thiên này là một bài ca ngợi khen.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
Hỡi cả trái đất, hãy cất tiếng reo mừng cho Đức Chúa Trời
"Cất tiếng reo mừng cho Đức Chúa Trời" tức là ca hát và ngợi khen Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Cả trái đất hãy ca hát và reo mừng cho Đức Chúa Trời"
Cả trái đất
Ở đây chỉ về hết thảy mọi người sống trên đất. Gợi ý dịch: "mọi người trên đất"
Hãy hát ra sự vinh hiển của danh Ngài, hãy tôn vinh Ngài
Những vế này có nghĩa tương tự nhau, nhằm nhấn mạnh sự tuyệt vời của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Hãy hát ra danh Chúa tuyệt vời thể nào, hãy hát khen ngợi Đức Chúa Trời vĩ đại dường bao"
sự vinh hiển của danh Ngài
Danh Đức Chúa Trời đại diện cho chính Ngài. Gợi ý dịch: "sự vinh hiển của Ngài"
Psalms 66:3
Các việc Ngài đáng sợ thay
Các công việc Chúa khiến chúng ta khiếp sợ vì chúng ta biết Ngài quyền năng và thánh khiết.
Bởi sự vĩ đại của quyền năng Ngài
"Vì Chúa có quyền năng vĩ đại"
Cả trái đất sẽ thờ lạy Chúa
Câu này chỉ về hết thảy mọi người sống trên đất. Gợi ý dịch: "Mọi người trên đất sẽ thờ lạy Chúa"
Họ sẽ hát ngợi khen danh Ngài
"Danh Ngài" chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "họ sẽ ngợi khen và tôn vinh Ngài"
Psalms 66:5
Ngài ... của Ngài
Tất cả các từ ở đây đều chỉ về Đức Chúa Trời.
Đáng sợ
"đáng kinh sợ"
con cái loài người
"loài người"
Ngài hóa biển thành đất khô; họ đi bộ qua sông
Ở đây chỉ về sự kiện vượt Biển Đỏ. (Xem:
Họ đi
Từ "họ" chỉ về dân của Đức Chúa Trời, là dân Y-sơ-ra-ên.
chúng con vui mừng
Từ "chúng con" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, tổ phụ của họ, là Đa-vít và những người ông đang nói. (Xem:
Mắt Ngài xem xét
Cụm từ "mắt Ngài" chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ngài thấy" (Xem:
Những kẻ phản nghịch chớ tự cao
"những người phản nghịch chớ tự cao" hoặc "những người phản nghịch chớ kiêu ngạo"
Psalms 66:8
Hãy chúc tụng Đức Chúa Trời ... làm cho vang tiếng ngợi khen Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ngợi khen Đức Chúa Trời.

chúng ta

Trong câu này từ "chúng ta" bao gồm Đa-vít và những người ông đang nói cùng.

Ngài không cho phép chân chúng ta xiêu tó

Tác giả ví sự bảo vệ của Đức Chúa Trời như thể Ngài ngăn ông khỏi bị trượt ngã khi bước đi hay té xuống vách đá. Gợi ý dịch: "Ngài không cho phép chúng con vấp ngã vào tai họa"

Psalms 66:10

Chúa đã đem chúng con vào lưới

Tác giả nói về sự trừng phạt của Đức Chúa Trời như thể Ngài bắt dân Ngài trong lưới.

Lưới

Bẫy chim hay thú vật

Chúa chất gánh nặng trên lưng chúng con

Tác giả nói về những điều dân tộc phải chịu đựng như thể họ phải mang gánh nặng trên vai.

Chúa khiến người ta cỡi trên đầu chúng con

Đây là hình ảnh bị đánh bại nặng nề trong chiến trận. Gợi ý dịch: "Như thể kẻ thù đã đánh bại chúng con trong trận chiến rồi cưỡi xe ngựa trên thây ngã chết của chúng con"

đi qua lửa và nước

Đức Chúa Trời thử thách họ bằng những thiên tai như lửa và lũ lụt. Gợi ý dịch: "chúng con chịu khốn khổ như người ta chịu khổ với lửa và lũ lụt"

Nơi rộng rãi

Tác giả ví những ơn phước dân Y-sơ-ra-ên hiện có như thể họ được đem vào chỗ rộng rãi mà họ được an toàn. Gợi ý dịch: "chỗ rộng rãi mà chúng con được an toàn"

Psalms 66:13

Môi con đã hứa và miệng con nói ra

"Môi" và "miệng" ở đây chỉ về lời đã hứa. Gợi ý dịch: "mà con đã hứa"

Mùi thơm của chiên đực

"mùi khói của chiên đực được dâng tế lễ"

Psalms 66:16

Tôi sẽ thuật điều Ngài đã làm cho linh hồn tôi

Từ "linh hồn" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ thuật lại điều Ngài đã làm cho tôi"

Miệng tôi kêu cầu Chúa

Từ "miệng" chỉ về chính người kêu cầu Đức Chúa Trời.

Bởi lưỡi tôi Ngài được ca ngợi

"Lưỡi" ở đây tượng trưng cho lời nói. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Lưỡi tôi ca ngợi Ngài" hoặc "tôi ca ngợi Ngài"

Thấy tội lỗi

"yêu tội lỗi" hoặc "chất chứa điều ác"

chẳng nghe tôi đâu

"Chẳng nghe tôi" ngụ ý là Đức Chúa Trời sẽ không đáp lời cầu nguyện của ông. Có thể làm rõ ý này. Gợi ý dịch: "chẳng nghe tôi kêu cầu cùng Ngài đâu" hoặc "Ngài chẳng đáp lời cầu nguyện tôi đâu"

Psalms 66:19

Nhưng Đức Chúa Trời thật có nghe; Ngài đã lắng tai nghe

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện của ông. Gợi ý dịch: "Nhưng Đức Chúa Trời thật đã nghe lời cầu nguyện tôi"

tiếng cầu nguyện tôi

Ở đây lời cầu nguyện của tác giả được nhân hóa là có tiếng nói. Gợi ý dịch: "lời cầu nguyện tôi"

Hay sự thành tín theo giao ước Ngài khỏi con

Có thể thêm vào bản dịch từ được ngụ ý ở đây. Gợi ý dịch: "hay cất sự thành tín theo giao ước Ngài khỏi con"

Translation Questions

Psalms 66:1

Tác giả nói mọi người trên đất làm gì?

Ông nói mọi người hãy vui mừng rộn rã vì Chúa, kêu lớn vinh hiển danh Ngài, và khiến sự ngợi khen vinh hiển.

Psalms 66:3

Kẻ thù của Chúa sẽ làm gì để quy phục Ngài?

Quyền năng cao lớn của Chúa sẽ khiến kẻ thù của Ngài quy phục Ngài.

Psalms 66:6

Những công việc kỳ lạ nào mà Chúa làm cho con của loài người?

Ngài biến các biển thành đất khô để dân sự đi qua sông bằng chân.

Psalms 66:9

Chúa làm gì cho dân Ngài trong đời sống?

Ngài giữ linh hồn họ trong đời sống và không để cho chân họ không bị xê dịch.

Psalms 66:10

Chúa đã thử dân Ngài thế nào và Ngài đã đem họ đi đâu?

Chúa đã thử họ như thử bạc.

Psalms 66:12

Chúa đã đem dân Ngài ra đâu?

Ngài đã đem dân Ngài ra một nơi rộng rãi.

Psalms 66:13

Tác giả vào trong nhà Chúa cùng điều gì?

Ông sẽ vào nhà Chúa với của lễ thiêu.

Psalms 66:15

Tác giả dâng cho Chúa điều gì?

Ông sẽ dâng của lễ thiêu bằng những con béo tốt, mùi thơm ngọt ngào của con chiên, bò và dê.

Psalms 66:16

Tác giả sẽ công bố điều gì với mọi người kính sợ Chúa?

Ông sẽ công bố những điều Chúa đã làm cho linh hồn ông.

Psalms 66:18

Chúa sẽ làm gì nếu tác giả hướng về tội lỗi trong lòng mình?

Chúa sẽ không nghe ông nếu tác giả hướng về tội lỗi trong lòng mình.

Psalms 66:20

Chúa đã không quay đi khỏi điều gì?

Chúa đã quay đi khỏi lời cầu nguyện của tác giả và khỏi giao ước thành tín của Ngài.

Chapter 67

Psalms 67:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
dùng với nhạc cụ bằng dây
"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"
Khiến mặt Ngài chiếu sáng trên chúng con
Tác giả ví việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên họ như thể mặt Ngài chiếu sáng trên họ. Gợi ý dịch: "làm ơn cho chúng con"
đường lối Chúa được biết trên đất
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta biết đường lối Chúa trên đất"
sự cứu rỗi của Chúa giữa mọi nước
Tác giả mong muốn mọi người biết rằng Đức Chúa Trời có quyền năng để cứu họ. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "và dân của mọi nước biết rằng Chúa có quyền năng để cứu họ"
Psalms 67:3
Nguyện các dân ca ngợi Chúa ... Nguyện muôn dân chúc tụng Ngài
Vế thứ hai làm tăng cường ý nghĩa cho vế thứ nhất, nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ngợi khen Đức Chúa Trời.
Nguyện các nước ... cai trị các nước
"Các nước" ở đây chỉ về những người sống trong mọi nước trên đất.
Với sự ngay thẳng
"cách công bằng" hoặc "cách công minh"
Psalms 67:5
nguyện các dân ca ngợi Chúa ... Nguyện muôn dân ca tụng Ngài
Vế thứ hai làm tăng cường ý nghĩa cho vế thứ nhất, nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ngợi khen Đức Chúa Trời.
Đất sinh hoa lợi
Ở đây tác giả nói như thể "đất" đã lựa chọn việc sinh hoa lợi cho con người. Gợi ý dịch: "Chúng ta đã gặt hái được một vụ mùa bội thu"
Psalms 67:7
các đầu cùng đất đều tôn kính Ngài
Có nghĩa là mọi người ở mọi nơi sẽ tôn kính Đức Chúa Trời vì những phước lành của Ngài. Gợi ý dịch: "Tôi mong ước mọi dân ở mọi nơi trên đất sẽ tôn kính Ngài" UDB

Translation Questions

Psalms 67:1
Tại sao Chúa tỏ lòng thương xót với dân Ngài và chúc phước cho họ?
Chúa sẽ chúc phước họ để các đường lối Ngài sẽ được biết trên đất, và sự giải cứu của Ngài ở giữa các dân.
Psalms 67:2
Tại sao Chúa tỏ lòng thương xót với dân Ngài và chúc phước cho họ?
Chúa sẽ chúc phước họ để các đường lối Ngài sẽ được biết trên đất, và sự giải cứu của Ngài ở giữa các dân.
Psalms 67:3
Ai hãy ca ngợi Chúa?
Mọi dân dãy ca ngợi Chúa.
Psalms 67:4
Tại sao các dân vui mừng và ca hát?
Các dân sẽ vui mừng và ca hát bởi vì Chúa sẽ phân xử dân sự bằng sự công bình và cai trị các dân trên đất.
Psalms 67:6
Tại sao trái đất sinh lợi từ chính nó?
Trái đất sinh lợi từ chính nó bởi vì Chúa đã chúc phước dân sự.
Psalms 67:7
Điều gì sẽ xảy ra bởi vì Chúa đã chúc phước dân sự?
Khắp tận cùng trái đất sẽ tôn kính Ngài.

Chapter 68
Psalms 68:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Nguyện Đức Chúa Trời trỗi dậy
Đức Chúa Trời bắt đầu hành động được nói như thể Ngài đứng dậy. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời bắt đầu hành động"
Nguyện kẻ thù Ngài bị tan lạc
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyện Đức Chúa Trời đuổi theo các kẻ thù Ngài"
Như khói tan đi thể nào thì Chúa sẽ làm cho chúng tan đi thể ấy
Kẻ thù của Đức Chúa Trời được ví như khói dễ dàng bị gió xua tan. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đuổi chúng đi như gió xua tan khói"
như sáp tan chảy trước lửa
Kẻ thù của Đức Chúa Trời được ví như sáp dễ dàng tan chảy trước lửa. Gợi ý dịch: "khiến chúng biến mất như sáp tan chảy trước lửa"
Kẻ ác
Chỉ về những kẻ gian ác nói chung.
Người công chính
Ở đây chỉ về những người công chính nói chung.
vui mừng và hân hoan
Hai từ này có nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh mức độ vui mừng của họ.
Psalms 68:4
Danh Ngài
Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ngài"
Đấng cưỡi ngang qua đồng bằng
Đức Chúa Trời hiện diện giữa dân chúng được ví như Ngài cưỡi ngựa hay xe đi trên đất.
cha của trẻ mồ côi
Đức Chúa Trời được mô tả là Đức Chúa Trời giàu lòng thương, làm cha của những trẻ mồ côi. Gợi ý dịch: "Đấng làm cha cho những đứa trẻ không có cha mẹ"
quan xét cho người góa bụa
Đức Chúa Trời được mô tả là Đức Chúa Trời có lòng thương xót, bảo vệ người góa bụa. Gợi ý dịch: "Đấng bảo vệ cho người góa bụa"
Đức Chúa Trời làm cho kẻ cô độc được có gia đình
Câu này nói như thể Đức Chúa Trời đặt kẻ cô độc vào trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những gia đình. "Đức Chúa Trời ban mái ấm gia đình cho những ai sống đơn độc" (UDB)

Ngài giải phóng các tù nhân trong tiếng ca hát

Câu này mô tả Đức Chúa Trời là Đấng dẫn tù nhân ra khỏi nơi bị giam hãm. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời giải phóng cho những tù nhân và khiến họ ca hát mừng rỡ"

kẻ phản nghịch

Chỉ về những người nổi loạn. Từ trừu tượng "phản nghịch" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "những kẻ chống nghịch Ngài"

đất khô cằn

Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời dành cho kẻ phản nghịch được nói như thể Ngài buộc chúng phải sống ở vùng sa mạc nóng bức. Gợi ý dịch: "vùng đất nóng bức và khô cằn" (UDB)

Psalms 68:7

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít bắt đầu thuật lại câu chuyện Đức Chúa Trời dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi qua sa mạc đến núi Si-nai.

khi Chúa đi ra ... khi Ngài đi qua

Hai cụm từ này cùng chỉ về một sự kiện.

khi Chúa đi ra trước dân Chúa

"Chúa dẫn dân Chúa"

Khi Ngài đi qua hoang mạc

Đức Chúa Trời được ví như một binh sĩ đi trước dân Y-sơ-ra-ên.

các tầng trời đổ mưa xuống ... sự hiện diện của Đức Chúa Trời

"Đức Chúa Trời khiến trời mưa"

Trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời

Ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời hiện ra trước dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "khi Đức Chúa Trời hiện ra trước dân Y-sơ-ra-ên"

Psalms 68:9

Chúa làm vững mạnh sản nghiệp Chúa khi nó mệt mỏi

Xứ của Y-sơ-ra-ên được ví như con người, có thể mệt mỏi và lấy lại sức lực. Gợi ý dịch: "Chúa khiến đất sinh ra mùa màng tươi tốt"

sản nghiệp Chúa

Xứ Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên được ví như sản nghiệp của một người cha truyền lại cho con cái. Gợi ý dịch: "Xứ Chúa ban cho dân Y-sơ-ra-ên chúng con"

người thiếu thốn

Ở đây chỉ về người nghèo nói chung. Gợi ý dịch: "người nghèo"

Psalms 68:11

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít tiếp tục câu chuyện về hành trình dân Y-sơ-ra-ên đi qua sa mạc. Trong phần này của câu chuyện, dân Y-sơ-ra-ên giành chiến thắng trong trận chiến với kẻ thù.

Những người báo tin ... quân đội

Số người rao truyền sứ điệp của Chúa cho người khác rất đông đảo. Họ được ví như một đội quân đông đảo. Vì cụm từ này thuộc giống cái nên một số bản dịch là "những người nữ báo tin ... quân đội".

Các vua thống lĩnh đạo quân ... sao các người làm vậy?

Thông tin ở câu PSA068:011

Các vua thống lĩnh đạo quân chạy trốn, họ chạy trốn

Các vua đại diện cho toàn bộ đạo quân của họ. Câu này được hiểu là họ chạy trốn vì bị quân đội Y-sơ-ra-ên đánh bại. Gợi ý dịch: "Các vua và quân đội của họ chạy trốn khỏi chúng con vì bị đánh bại"

của cướp

Những thứ lấy từ đội quân bị đánh bại và đem về nhà của đội quân chiến thắng.

bồ câu bọc bạc ... vàng

Câu này có nghĩa là một số của cướp rất có giá trị vì được bọc bằng kim loại quý.

Một số người trong các ngươi ở lại giữa bầy chiên, sao các người làm vậy?

Câu hỏi này được dùng để quở trách những người không tham gia vào trận chiến. Gợi ý dịch: "Những kẻ ở lại giữa bầy chiên lẽ ra không nên làm vậy, chúng lẽ ra phải ra trận."

Psalms 68:14

tản lạc các vua tại đó ... tuyết rơi trên núi Sanh-môn

Có rất nhiều vua và quân lính chết trên núi đến nỗi họ được ví như tuyết phủ trên núi. Gợi ý dịch: "hạ gục nhiều vua và quân lính của kẻ thù đến nỗi chúng giống như bông tuyết phủ núi Sanh-môn"

tản lạc các vua

"Các vua" ở đây chỉ về cả quân đội của họ. Gợi ý dịch: "tản lạc các vua và quân đội của kẻ thù"

núi Sanh-môn

Đây là tên của một ngọn núi.

Núi hùng vĩ ... núi cao chót vót

Hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, nhằm củng cố ý nghĩa của nhau. Gợi ý dịch: "núi hùng vĩ và cao chót vót là vùng đồi núi Ba-san"

sao các ngươi nhìn cách ganh ghét ... nơi Ngài ở?

Có thể viết thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Vùng đồi núi Ba-san không nên nhìn cách ganh ghét với núi mà Đức Chúa Trời chọn làm nơi Ngài ở."

Psalms 68:17

Hai mươi ngàn, từng ngàn trên từng ngàn

Đây có thể không phải là một con số chính xác, nhưng biểu thị một số lượng rất đông đảo. Gợi ý dịch: "hàng ngàn"

Ngự lên

"Ngự lên" nghĩa là đi lên, lên trời.

Psalms 68:19

hằng ngày mang lấy gánh nặng của chúng con

"mang lấy gánh nặng của chúng con mỗi ngày". Sự chăm sóc của Đức Chúa Trời cho con dân Ngài được ví như thể Ngài mang lấy những điều phiền muộn của họ như một gánh nặng.

Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi của chúng con ... Đức Chúa Trời của chúng con là Đức Chúa Trời cứu rỗi

Hai vế này có ý nghĩa như nhau. "Sự cứu rỗi của chúng con" có thể dịch thành động từ "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi chúng con ... Đức Chúa Trời chúng con là Đức Chúa Trời cứu rỗi chúng con"

sẽ đập đầu kẻ thù Ngài

Đức Chúa Trời được ví như một binh sĩ sẽ giết kẻ thù của mình bằng cách đập vào đầu chúng.

Gợi ý dịch: "sẽ giết kẻ thù Ngài bằng cách đập vào đầu chúng"

Đầu tóc

Dường như binh lính có phong tục không cắt tóc trong thời gian chiến tranh. Gợi ý dịch: "đầu tóc dài"

Đi trong tội ác chống lại Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Xúc phạm đến Đức Chúa Trời được nói như thể bước đi trong tội ác. Gợi ý dịch: "có thói quen xúc phạm Ngài"

Psalms 68:22

Ta sẽ đem chúng về

Từ "chúng" chỉ về kẻ thù của Đức Chúa Trời.

các vực sâu biển cả

Cụm từ này chỉ về nơi xa nhất của trái đất mà người ta cố tìm cách thoát khỏi Đức Chúa Trời.

Giày đạp kẻ thù các ngươi

Hoàn toàn tiêu diệt kẻ thù của Y-sơ-ra-ên được nói như thể Y-sơ-ra-ên giày đạp chúng dưới chân. Gợi ý dịch: "hoàn toàn đánh bại kẻ thù của các ngươi"

dầm chân mình trong huyết

Sự bạo lực trong việc tiêu diệt kẻ thù được mô tả một cách sinh động như thể dân Y-sơ-ra-ên sẽ đứng trong huyết kẻ thù của họ. Gợi ý dịch: "bước đi trong huyết của chúng"

lưỡi của những con chó các ngươi cũng hưởng phần

Sự đổ máu trong trận chiến với kẻ thù của Y-sơ-ra-ên được nói như thể tràn lan đến nỗi chó cũng sẽ liếm huyết đó.

Psalms 68:24

đoàn diễu hành

Đoàn diễu hành là một nhóm người đi cùng nhau cách trật tự như trong một buổi lễ.

người ca hát

Người chơi nhạc cụ

Psalms 68:26

Hãy chúc tụng Đức Chúa Trời trong hội chúng, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va, hỡi con cháu thật của Y-sơ-ra-ên

Có thể thay đổi trật tự của những vế này. Gợi ý dịch: "Hỡi con cháu thật của Y-sơ-ra-ên, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va và chúc tụng Đức Chúa Trời trong hội chúng"

Hội chúng của họ

"cộng đồng của họ." Từ "của họ" chỉ về những người lãnh đạo của Giu-đa.

Psalms 68:28

Hỡi Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời ngươi đã ban sức lực cho ngươi

Một số bản có cách hiểu khác về nguyên bản Hê-bơ-rơ này: "Lạy Đức Chúa Trời, xin tập trung (hay sử dụng) sức lực Ngài"

Hỡi Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời ngươi đã ban

"Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời ngươi đã ban"

cho chúng con

Từ "chúng con" chỉ về Đa-vít và người ông đang nói cùng.

xin bày tỏ quyền năng Ngài cho chúng con từ đền thờ của Chúa tại Giê-ru-sa-lem

"Khi Chúa hiện diện trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem, xin bày tỏ quyền năng Ngài cho chúng con"

xin bày tỏ quyền năng Ngài

Danh từ trừu tượng "quyền năng" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Xin bày tỏ cho chúng con biết rằng Ngài rất quyền năng"

Psalms 68:30

thú hoang trong lau sậy

Nhiều học giả cho rằng thú hoang ở đây là phép ẩn dụ chỉ về dân Ai Cập. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "dân Ai Cập như thú hoang trong lau sậy"

các dân, là đàn bò đực và bò con

Dân của các nước khác được ví như một bầy gia súc lớn. Gợi ý dịch: "các nước quyền thế như bầy bò đực"

tản lạc

Gieo rãi hoặc khiến vật gì đó nhanh chóng lan rộng theo nhiều hướng khác nhau.

Những công hầu sẽ ra khỏi Ai Cập

Ngụ ý rằng những công hầu này từ Ai Cập đi ra đem lễ vật dâng cho Đức Chúa Trời ở Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "Rồi những người lãnh đạo của Ai Cập sẽ đem lễ vật cho Ngài"

Ê-thi-ô-pi

Chỉ về người Ê-thi-ô-pi. Gợi ý dịch: "Người Ê-thi-ô-pi"

giơ tay hướng về Đức Chúa Trời

Đây là hành động mang tính biểu tượng thể hiện sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "giơ tay mình ngợi khen Đức Chúa Trời"

Psalms 68:32

Hỡi các vương quốc trên đất

"Các vương quốc" ở đây chỉ về công dân của các vương quốc đó. Gợi ý dịch: "hỡi những công dân của các vương quốc trên khắp đất"

Cho Ngài là Đấng cưỡi trên các tầng trời

Từ "hát" được ngụ ý ở đầu câu này. Ở đây Đức Chúa Trời được mô tả là cưỡi xe trên trời.

Gợi ý dịch: "Hãy hát cho Đức Chúa Trời, Đấng cưỡi xe trên trời".

Ngài cất tiếng đầy quyền năng

Câu này có nghĩa là phán cách quyền năng. Gợi ý dịch: "Ngài phán đầy quyền năng" hoặc "Ngài phán lớn"

Psalms 68:34

Phó thác sức lực cho Đức Chúa Trời

"Phó thác" có nghĩa là tin cậy ai đó. Gợi ý dịch: "Sức mạnh thuộc về Đức Chúa Trời"

sức mạnh Ngài trong các tầng trời

Danh từ trừu tượng "sức mạnh" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Ngài cũng bày tỏ quyền năng trên các tầng trời"

Lạy Đức Chúa Trời, Ngài thật đáng sợ trong nơi thánh Ngài

Ở đây tác giả đang thưa cùng Đức Chúa Trời.

sức mạnh và quyền năng

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh Đức Chúa Trời ban nhiều sức lực dường nào cho con dân Ngài.

Translation Questions

Psalms 68:1

Đa-vít muốn điều gì xảy ra với kẻ thù của Chúa và những kẻ ghét Ngài?

Ông muốn kẻ thù của Chúa sẽ rãi rác, và những kẻ ghét Chúa chạy trốn trước Ngài.

Psalms 68:3

Người ngay thẳng phải làm gì?

Người ngay thẳng phải vui vẻ, hân hoan, ca hát và mừng rỡ trước Đức Giê-hô-va.

Psalms 68:6

Chúa làm gì cho kẻ cô độc và kẻ bị tù?

Ngài đặt kẻ cô độc vào mái nhà, và đem đến kẻ tù tiếng ca.

Psalms 68:7

Trái đất và các tầng trời đã làm gì khi Chúa đi ra trước dân Ngài?

Trái đất run sợ và các tầng trời rơi mưa ở trước mặt Chúa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 68:8
Trái đất và các tầng trời đã làm gì khi Chúa đi ra trước dân Ngài?
Trái đất run sợ và các tầng trời rơi mưa ở trước mặt Chúa.
Psalms 68:9
Chúa đã gửi gì cho dân Ngài?
Chúa đã cho một cơn mưa dồi dào để làm mạnh sản nghiệp của Ngài khi nó bị héo tàn.
Psalms 68:10
Chúa đã gửi gì cho dân Ngài?
Chúa đã cho một cơn mưa dồi dào để làm mạnh sản nghiệp của Ngài khi nó bị héo tàn.
Psalms 68:11
Đội quân lớn đã loan báo điều gì?
Đội quân loan các mạng lệnh của Chúa.
Psalms 68:12
Phụ nữ chờ đợi ở nhà làm gì sau khi các vị vua của quân đội chạy trốn?
Họ chia của cải cướp vàng và bạc hình chim bồ câu.
Psalms 68:13
Phụ nữ chờ đợi ở nhà làm gì sau khi các vị vua của quân đội chạy trốn?
Họ chia của cải cướp vàng và bạc hình chim bồ câu.
Psalms 68:16
Ở các vùng núi đồi đang ghen tỵ điều gì?
Các núi đồi đang ghen tỵ các núi mà Chúa muốn chọn làm nơi Ngài sẽ sống mãi mãi.
Psalms 68:17
Có bao nhiêu xe ngựa của Chúa ở đó?
Những xe ngựa của Chúa có hai mươi nghìn, từng nghìn trên từng nghìn.
Psalms 68:19
Chúa là gì cho dân Ngài mỗi ngày?
Hằng ngày chúa vác gánh nặng của họ.
Psalms 68:22
Chúa đem trả dân Ngài từ đâu?
Chúa sẽ đem dân Ngài từ Ba-san và từ nơi sâu của biển.
Psalms 68:24
Các thứ tự trong đám rước của Chúa diễn ra trong đền thờ là gì?
Các ca sĩ di trước, các nhạc công theo sau, và ở giữa là các cô gái chưa kết hôn đang chơi trống nhỏ.
Psalms 68:25
Các thứ tự trong đám rước của Chúa diễn ra trong đền thờ là gì?
Các ca sĩ di trước, các nhạc công theo sau, và ở giữa là các cô gái chưa kết hôn đang chơi trống nhỏ.
Psalms 68:26
Ai sẽ chúc phước và ngợi khen Chúa ở giữa hội đồng?
Các dòng dõi trung thành của Y-sơ-ra-ên sẽ chúc phước và ca ngợi Chúa.
Psalms 68:27
Ai là thị tộc nhỏ nhất?
Bên-gia-min là thị tộc nhỏ nhất.
Psalms 68:28
Đa-vít cầu xin Chúa bày tỏ với dân Ngài điều gì?
Ông cầu xin Chúa bày tỏ quyền lực như lúc xưa.
Psalms 68:30
Đa-vít điều gì quở phạt?
Đa-vít nói quở phạt các con thú hoang trong lau sậy, và con bò và bê của các dân.
Psalms 68:31
Ai sẽ ra khỏi Ai Cập?
Các hoàng tử sẽ ra khỏi Ai Cập.
Psalms 68:32
Ai sẽ ca ngợi Chúa?
Các vương quốc trên đất sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va.
Psalms 68:34
Đa-vít nói sức mạnh sẽ được đổ từ ai?
Đa-vít nói sức mạnh được đổ từ Chúa.
Psalms 68:35
Chúa ban gì cho dân Ngài?
Chúa ban sức mạnh và quyền lực cho dân Ngài.

Chapter 69
Psalms 69:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thông Tin Tổng Quát:
Thi thiên này là lời cầu nguyện xin Chúa cứu giúp.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"
Theo điệu Shoshannim
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA045:001
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Vì những dòng nước đã đe dọa mạng sống con
Tác giả mô tả những hoạn nạn trong đời ông như thể ông bị chìm vào nước lụt. Gợi ý dịch: "như thể con bị chìm vào những dòng nước"
Con bị lún trong bùn sâu
Tác giả mô tả những hoạn nạn trong đời ông như thể ông bị lún trong bùn sâu. Gợi ý dịch: "Vì như thể con bị lún trong bùn sâu và sẽ chết"
Bùn
Bùn dày đặc
Không có chỗ đứng
Tác giả dùng câu phủ định để nhấn mạnh tình cảnh bấp bênh, không chắc chắn của mình.
Con bị chìm trong nước sâu, dòng nước cuốn trôi con
Tác giả mô tả những rắc rối của ông như thể ông đang chìm vào dòng sông sâu, nước chảy xiết. Gợi ý dịch: "Như thể con bị chìm trong nước sâu và dòng nước cuốn trôi con"
Psalms 69:3
Mệt lả
Rất mệt mỏi
Mắt con yếu đi
Câu này có nghĩa là tác giả khóc quá nhiều đến nỗi mắt ông không thấy rõ nữa. Gợi ý dịch: "mắt con sưng lên vì khóc"
Nhiều hơn số tóc trên đầu con
Đây là phép nói quá cho thấy kẻ thù của ông rất nhiều. Gợi ý dịch: "con không thể đếm hết, như tóc trên đầu con"
Loại bỏ con
Có nghĩa là "giết con".
Psalms 69:5
sự ngu dại của con
Danh từ trừu tượng "sự ngu dại" có thể được dịch thành

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

một hành động. Gợi ý dịch: "điều ngu dại mà con đã làm"
Các tội lỗi của con không giấu được Chúa
Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúa biết mọi tội lỗi con"
những người trông đợi Chúa bị hổ thẹn ... những người tìm kiếm Chúa bị sỉ nhục
Hai vế này có nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh tác giả mong muốn Đức Chúa Trời bảo vệ dân Ngài.
Nguyện những người trông đợi Chúa không bị hổ thẹn vì cớ con
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng để những người trông đợi Chúa phải hổ thẹn vì cớ con"
Nguyện những người ... không
"Xin đừng để"
Nguyện những người tìm kiếm Chúa không bị sỉ nhục vì cớ con
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng đem sỉ nhục cho những người tìm kiếm Chúa vì cớ con"
Những người tìm kiếm Chúa
Tìm kiếm Đức Chúa Trời tức là 1) cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ hoặc 2) suy ngẫm về Đức Chúa Trời và vâng phục Ngài. Gợi ý dịch: 1) "những người cầu xin Chúa giúp đỡ" hoặc 2) "những người thờ phượng và vâng phục Chúa"
Psalms 69:7
Vì cớ Chúa
"Trong danh Chúa" hoặc "cho Chúa"
Con chịu sự mắng nhiếc
Sự mắng nhiếc của kẻ thù tác giả được ví như một gánh nặng ông phải mang. Gợi ý dịch: "Con chịu sự sỉ nhục của kẻ thù"
sự hổ thẹn bao phủ mặt con
Tác giả ví sự hổ thẹn của ông như một thứ dơ bẩn trên mặt mà ai cũng thấy rõ. Gợi ý dịch: "Con hoàn toàn nhục nhã"
Con trở nên một kẻ xa lạ đối với anh em con
Tác giả nói như thể ông không thuộc về chính gia đình ông. Gợi ý dịch: "Các anh em con không còn nhìn biết hay chấp nhận con nữa"
một kẻ xa lạ đối với anh em con ... một người ngoại quốc đối với các con trai của mẹ con
Hai vế này có nghĩa như nhau, được lặp lại để nhấn mạnh sự tách biệt giữa ông với gia đình.
một người ngoại quốc đối với các con trai của mẹ con
Được ngầm hiểu có cụm từ "con trở nên" ở đầu câu. Tác giả nói như thể ông không thuộc về chính gia đình ông. Gợi ý dịch: "các anh em con không còn nhìn biết hay tin cậy con nữa"
sự sốt sắng về nhà Chúa tiêu nuốt con
Tác giả nói như thể lòng sốt sắng của ông về đền thờ Chúa là một con thú hoang cắn nuốt ông. Gợi ý dịch: "lòng sốt sắng của con cho nhà Chúa nung đốt con"
tiêu nuốt con
Tức là lòng sốt sắng của tác giả cho đền thờ xâm chiếm tư tưởng và hành động của ông. Gợi ý dịch: "hoàn toàn kiểm soát mọi điều con nghĩ và làm"
Lời mắng nhiếc ... đã đổ trên con
Tác giả ví lời mắng nhiếc của kẻ thù Đức Chúa Trời như đá ném vào ông. Gợi ý dịch: "những kẻ mắng nhiếc Chúa cũng ném lời mắng nhiếc vào con"
Psalms 69:10
con khóc lóc và kiêng ăn
Việc tác giả kiêng ăn cho thấy ông rất buồn về cách người ta đối xử với đền thờ của Đức Chúa Trời.
Chúng sỉ nhục con
"kẻ thù con mắng nhiếc con vì điều đó"
con lấy vải sô làm áo mặc
Mặc loại vải rẻ tiền, thô ráp là biểu tượng cho việc than khóc về tội lỗi.
Con trở thành đối tượng của lời châm ngôn
Tác giả nói như thể ông là người buồn rầu hay ngu dại trong lời châm ngôn. Gợi ý dịch: "Con trở thành người buồn rầu tiêu biểu trong châm ngôn của chúng" hoặc "chúng cười nhạo con"
Những kẻ ngồi nơi cổng thành
Ở đây "cổng thành" gắn liền với quyền lãnh đạo thành phố. Gợi ý dịch: "Những kẻ quyền thế trong thành"
Con là câu hát của những kẻ say rượu
Tác giả nói như thể ông là chủ đề cho những kẻ say rượu hát lời chế nhạo. Gợi ý dịch: "những kẻ say rượu của thành hát lời ghê tởm về con"
Psalms 69:13
Vào lúc Chúa cho phép
"vào lúc Chúa chấp thuận" hoặc "lúc Chúa sẵn lòng"
Xin đáp lời con theo lòng thành tín trong sự cứu rỗi của Chúa
Danh từ trừu tượng "lòng thành tín" và "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành những hành động. Gợi ý dịch: "xin giải cứu con vì Chúa luôn yêu con như lời Ngài đã hứa"
Xin kéo con ra ... đừng để con lún sâu
Hai vế này có nghĩa như nhau.
Xin kéo con ra khỏi vũng bùn và đừng để con lún sâu
Tác giả nói về mối nguy hiểm cho ông đến từ kẻ thù như thể ông bị lún vào hố bùn. "Xin đừng để con lún thêm vào vũng bùn"
Nguyện con được cất đi
"Cất đi" ở đây chỉ về việc được đem đi khỏi nguy hiểm. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin cất con đi" hoặc "xin giải cứu con"
giải thoát khỏi
Được ngầm hiểu ở đầu câu là "nguyện con được". Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "xin giải thoát con khỏi"
dòng nước sâu ... nước lụt ... nước sâu
Những cụm này có nghĩa như nhau.
giải thoát khỏi những dòng nước sâu
Tác giả nói về mối nguy hiểm cho ông đến từ kẻ thù như thể ông bị chìm vào nước sâu.
Nước lụt phủ lấp con
Tác giả nói về mối nguy hiểm cho ông đến từ kẻ thù như thể nước lụt nhấn chìm ông hoàn toàn.
Nước sâu nuốt lấy con
Tác giả ví nước sâu như một con thú hung hãn sắp ăn thịt ông. Gợi ý dịch: "các dòng nước sâu nuốt lấy con như một con thú nguy hiểm"
Xin đừng để vực thẳm khép miệng lại trên con
"Vực thẳm" được nói như thể nó có miệng như con người có thể ăn nuốt tác giả. Gợi ý dịch: "Xin đừng để vực thẳm tiêu nuốt con" hoặc "Xin đừng để hố sự chết đóng lại trên con"
Psalms 69:16
Sự thành tín theo giao ước Ngài là tốt lành
Cụm từ trừu tượng "sự thành tín theo giao ước" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Chúa tốt lành và luôn yêu thương con"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lòng thương xót của Ngài dư dật cho con
"Chúa đầy lòng thương xót con"
xin quay lại cùng con
Quay sang ai đó có nghĩa là chú ý vào hay giúp đỡ người đó. Gợi ý dịch: "xin cứu giúp con"
Xin Chúa đừng ẩn mặt cùng đầy tớ Chúa
Ẩn mặt có nghĩa là từ chối lắng nghe hay giúp đỡ ai đó. Gợi ý dịch: "Xin giúp đỡ đầy tớ Chúa" hoặc "Xin giúp đỡ con"
Trong cảnh khốn cùng
"trong hoạn nạn lớn" (UDB)
Psalms 69:18
cứu chuộc con
Tác giả cầu xin Đức Chúa Trời cứu chuộc ông như thể ông là một nô lệ mà Đức Chúa Trời có thể mua sự tự do cho ông. Gợi ý dịch: "xin giải phóng con"
Xin chuộc con
Tác giả cầu xin Đức Chúa Trời chuộc ông như thể ông là một tù nhân có thể dùng tiền chuộc để được thả tự do. Gợi ý dịch: "xin giải cứu con"
nỗi sỉ nhục, hổ thẹn và nhuốc nhơ của con
Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành hành động. Gợi ý dịch: "người ta sỉ nhục, làm con hổ thẹn và xấu hổ dường nào"
Các kẻ thù của con đều ở trước mặt Chúa
"Trước mặt Chúa" có nghĩa là Đức Chúa Trời nhìn thấy và biết rõ về chúng. Gợi ý dịch: "Chúa biết rõ về kẻ thù con"
Psalms 69:20
Làm lòng con tan nát
Có nghĩa là vô cùng buồn rầu. Gợi ý dịch: "Xúc phạm con sâu sắc"
Con đầy sự khổ nhọc
Nỗi buồn lớn của tác giả được nói như thể ông đầy gánh nặng. Gợi ý dịch: "Con nặng nhọc với nỗi buồn phiền"
thương xót
Cảm thấy đau xót hay buồn rầu
Chúng lấy thuốc độc làm thức ăn cho con
Đây có thể là cách nói theo nghĩa bóng. Thức ăn người ta cho tác giả quá tệ hại, nếm vào như thuốc độc. Gợi ý dịch: "Chúng cho con thức ăn nếm như thuốc độc" (UDB)
Psalms 69:22
Nguyện bàn trước mặt chúng nó trở nên cái bẫy ... nguyên nó trở nên cái lưới
Tác giả muốn thức ăn của kẻ thù ông khiến chúng hoàn toàn bị hủy hoại như thể chúng là những con vật nhỏ bị mắc vào bẫy hay lưới. Gợi ý dịch: "Nguyện thức ăn của chúng tiêu diệt chúng như cái bẫy ... nguyện nó hủy diệt chúng như cái lưới"
Bàn
Ở đây chỉ về thức ăn được dọn trên bàn, có thể là trong bữa tiệc. Gợi ý dịch: "thức ăn của chúng"
Nguyện mắt chúng tối sầm
Tác giả ví mắt không thể thấy rõ là mắt tối sầm. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin khiến cho chúng nó không thể thấy gì"
làm cho lưng chúng nó run rẩy
Lưng yếu ớt được nói như thể chúng run rẩy. Gợi ý dịch: "khiến lưng chúng yếu ớt đến nỗi không thể làm gì được"
Lưng chúng nó
"sườn chúng nó" hoặc "hong chúng nó"
Psalms 69:24
Xin đổ cơn thịnh nộ Chúa trên chúng
Đức Chúa Trời bày tỏ cơn tức giận của mình được nói như thể Ngài đổ chúng ra trên kẻ thù của ông như đổ nước.
Cơn thịnh nộ
"cơn giận" hoặc "cơn tức giận"
Sự dữ dội của cơn giận Chúa
"cơn nóng giận Chúa" hoặc "cơn tức giận dữ dội của Chúa"
Bắt lấy chúng
Sự phán xét của Đức Chúa Trời trên kẻ thù của ông được mô tả như thể Ngài đuổi theo chúng và bắt được chúng.
Thành chỗ hoang tàn
Danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "bị bỏ hoang"
Psalms 69:26
chúng bắt bớ kẻ
"chúng bắt bớ người"
Chúa đánh
Bị "đánh" chỉ về sự trừng phạt. Gợi ý dịch: "Chúa trừng phạt"
Những người mà Chúa đã làm bị thương
"Bị thương" ở đây chỉ về việc khiến họ đau khổ. Gợi ý dịch: "những người Chúa làm cho đau khổ"
kết án chúng phạm hết tội ác nầy đến tội ác khác
"Cứ ghi chép lại mọi tội ác chúng" (UDB)
hết tội ác nầy đến tội ác khác
"rất nhiều tội lỗi"
Đừng cho chúng bước vào sự chiến thắng công chính của Chúa
Bước vào sự chiến thắng của Đức Chúa Trời có nghĩa là nhận phần thưởng từ Ngài. Gợi ý dịch: "xin đừng cho chúng nhận phần thưởng công chính của Chúa"
Psalms 69:28
Nguyện chúng nó bị xóa khỏi
"Chúng" chỉ về tên của kẻ thù. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin xóa sạch tên chúng trong"
Không được ghi
Được ngầm hiểu ở đầu câu là "nguyện chúng". Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng viết tên chúng"
Đức Chúa Trời ôi, nguyện sự cứu rỗi của Chúa đưa con lên nơi cao
Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ "cứu rỗi". "Nơi cao" chỉ về một nơi an toàn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ôi, xin cứu rỗi con và đặt con vào nơi an toàn"
Psalms 69:30
danh Đức Chúa Trời
"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời"
lấy sự cảm tạ
Danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành động từ "tạ ơn". Gợi ý dịch: "bằng cách tạ ơn Ngài"
Tốt hơn bò đực
Ở đây được hiểu là bò đực được dâng làm của tế lễ cho Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "tốt hơn dâng bò đực"
bò đực có sừng và móng rẽ
Cụm này phân biệt bò đực trưởng thành với bê con. Gợi ý dịch: "bò trưởng thành có sừng và móng rẽ"
Psalms 69:32
Người nhu mì
Ở đây chỉ về người nhu mì nói chung. Gợi ý dịch: "Kẻ nhu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mì"

Hỡi các người tìm cầu Đức Chúa Trời

Tìm cầu Đức Chúa Trời có nghĩa là 1) cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ hoặc 2) suy nghĩ về Đức Chúa Trời và vâng phục Ngài. Gợi ý dịch: "hỡi các người cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ" hoặc "hỡi các người suy nghĩ về Đức Chúa Trời"

nguyện lòng các ngươi được sống

"Lòng" ở đây chỉ về con người. "Sống" ở đây có nghĩa là được khích lệ. Gợi ý dịch: "nguyện chúng được khích lệ"

Đức Giê-hô-va nghe

"Nghe" ở đây có nghĩa là đáp lại. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đáp lời"

kẻ thiếu thốn

Chỉ về người thiếu thốn nói chung. Gợi ý dịch: "người thiếu thốn"

những phu tù của Ngài

"những người chịu khổ cho Ngài" (UDB)

Psalms 69:34

Nguyện trời, đất, biển ... ngợi khen Ngài

Ở đây trời, đất, biển được nói như thể chúng là con người, có thể ngợi khen Đức Chúa Trời.

Biển và mọi sinh vật trong đó

Được hiểu là "nguyện ... ngợi khen Ngài". Gợi ý dịch: "Nguyện biển và mọi sinh vật trong đó ngợi khen Ngài"

Đức Chúa Trời sẽ cứu Si-ôn

Ở đây "Si-ôn" chỉ về người dân ở Si-ôn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ cứu dân cư của Si-ôn"

chiếm hữu nó

Từ "nó" chỉ về xứ Giu-đa.

ai yêu mến danh Ngài

"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "ai yêu mến Đức Chúa Trời"

Translation Questions

Psalms 69:1

Đa-vít cầu xin Chúa cứu ông khỏi điều gì?

Ông cầu xin Chúa cứu ông khỏi nước sâu đã đến trong linh hồn ông.

Psalms 69:3

Điều gì đang xảy ra với Đa-vít khi ông đợi Chúa ông?

Ông mệt nhoài vì kêu la, cổ họng ông khô, và mắt ông mỏi.

Psalms 69:4

Có bao nhiêu kẻ thù của Đa-vít là kẻ ghét ông?

Kẻ thù của ông nhiều hơn tóc trên đầu ông.

Psalms 69:5

Chúa biết gì về Đa-vít?

Chúa biết về sự giả dối và tội lỗi của ông đã không giấu khỏi Chúa.

Psalms 69:6

Đa-vít không muốn điều gì xảy ra cho những người chờ đợi và tìm kiếm Chúa?

Đa-vít cầu xin rằng họ đừng bị xấu hổ và đem đến sự ô danh vì Đa-vít.

Psalms 69:9

Điều gì đã nuốt chửng Đa-vít?

Lòng sốt sắng vì nhà của Chúa đã nuốt chửng ông.

Psalms 69:10

Đa-vít đã làm gì khi sự quở phạt đến với ông?

Ông khóc và trừng phạt lòng mình bằng sự kiêng ăn.

Psalms 69:11

Khi nào Đa-vít trở thành một vật của câu tục ngữ?

Khi ông làm áo bằng vải gai.

Psalms 69:12

Khi nào Đa-vít trở thành một vật của câu tục ngữ?

Khi ông làm áo bằng vải gai.

Psalms 69:13

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va đáp lời cầu nguyện của ông thế nào?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va đáp lời ông trong sự tin cậy từ sự giải cứu của Đức Giê-hô-va.

Psalms 69:16

Tại sao Đức Giê-hô-va phải đáp lại Đa-vít?

Ngài sẽ đáp lại Đa-vít vì ân điển của Đức Giê-hô-va dành cho Đa-vít là nhiều lắm.

Psalms 69:18

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va làm gì vì quân thù của Đa-vít?

Ông muốn Đức Giê-hô-va kéo lại gần lòng ông và chuộc nó.

Psalms 69:21

Kẻ thù của Đa-vít cho ông ăn và uống thứ gì?

Chúng bỏ độc vào thức ăn và giấm vào nước uống.

Psalms 69:22

Đa-vít muốn bàn của kẻ thù trở thành điều gì?

Ông muốn bàn của kẻ thù trở thành cái bẫy và bẫy chúng.

Psalms 69:25

Đa-vít muốn điều gì xảy ra với nơi của kẻ thù ông?

Ông muốn chỗ của chúng thành nơi bỏ hoang, và không ai sống trong lều nó.

Psalms 69:27

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va buộc tội gì với kẻ thù ông?

Ông muốn Đức Giê-hô-va buộc tội chúng đã phạm tội nối tiếp phạm tội.

Psalms 69:30

Điều gì sẽ làm hài lòng Chúa hơn là con bò?

Sự ca ngợi của Đa-vít trong danh Ngài và sự cảm tạ sẽ làm vui lòng Ngài.

Psalms 69:31

Điều gì sẽ làm hài lòng Chúa hơn là con bò?

Sự ca ngợi của Đa-vít trong danh Ngài và sự cảm tạ sẽ làm vui lòng Ngài.

Psalms 69:33

Đức Giê-hô-va đáp trả kẻ nghèo túng và kẻ tù của Ngài thế nào?

Đức Giê-hô-va lắng nghe kẻ nghèo túng và không xem thường kẻ tù của Ngài.

Psalms 69:34

Đa-vít nói điều gì phải ngợi khen Chúa?

Trời, đất, biển, và mọi thứ chuyển động phải ngợi ca Đức Chúa Trời.

Psalms 69:35

Điều gì Chúa sẽ làm cho Si-ôn và các thành của Giu-đa?

Chúa sẽ cứu Si-ôn và sẽ xây lại các thành của Giu-đa, và mọi người sẽ sống ở đó và có nó như là sản nghiệp.

Psalms 69:36

Điều gì Chúa sẽ làm cho Si-ôn và các thành của Giu-đa?

Chúa sẽ cứu Si-ôn và sẽ xây lại các thành của Giu-đa, và mọi người sẽ sống ở đó và có nó như là sản nghiệp.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 70

Psalms 70:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

để kỷ niệm

"Thi thiên này được viết để làm cho dân chúng ghi nhớ"

những kẻ

"những người"

Lấy mạng sống con

Có nghĩa là "giết con"

bị hổ thẹn và nhục nhã

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời khiến chúng hổ thẹn và giáng sự nhục nhã trên chúng"

Nguyện chúng phải xoay lại và bị nhục nhã

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyện Đức Chúa Trời khiến chúng quay lại và làm chúng hổ thẹn về việc chúng đã làm"

Xoay lại

Bị ngừng lại hay bị ngăn cản được gọi là xoay khỏi sự tấn công. Gợi ý dịch: "ngừng lại"

Những kẻ nói rằng: "Ha! Ha!"

Ở đây chỉ về sự cười nhạo. Có thể thay cụm từ "Ha! Ha!" thành bất kì tiếng cười nào trong ngôn ngữ của bạn. Gợi ý dịch: "những kẻ chế giễu và cười nhạo con"

Psalms 70:4

tìm kiếm Chúa

Tìm kiếm Chúa tức là 1) cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ hoặc 2) suy ngẫm về Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài. Gợi ý dịch: "cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ" hoặc "suy ngẫm về Chúa và vâng lời Ngài"

mừng rỡ và vui vẻ

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh mức độ vui mừng. Gợi ý dịch: "vui mừng lớn" hoặc "hết sức vui mừng"

yêu mến sự cứu rỗi của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "yêu Chúa vì Chúa đã cứu họ"

Luôn nói

Đây là cách nói cường điệu để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thường xuyên ngợi khen Đức Chúa Trời.

Nguyện Đức Chúa Trời được ca ngợi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Mọi người hãy ca ngợi Đức Chúa Trời"

Nghèo khó và thiếu thốn

"Nghèo khó" và "thiếu thốn" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng ông không thể tự cứu mình. Gợi ý dịch: "rất thiếu thốn"

mau đến cùng con

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời có thể chạy đến để giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "xin mau đến giúp đỡ con!" (UDB)

Chúa là sự giúp đỡ con và Ngài giải cứu con

Cụm từ "Ngài giải cứu con" giải thích Chúa là sự "giúp đỡ" cho ông như thế nào. Gợi ý dịch: "Chúa giúp đỡ con bằng cách giải cứu con"

Xin đừng chậm trễ

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin đến mau chóng"

Translation Questions

Psalms 70:1

Đa-vít đang cầu xin Chúa làm điều gì?

Đa-vít đang thỉnh cầu Chúa cứu ông và sớm đến và giải cứu ông.

Psalms 70:2

Đa-vít muốn Chúa làm gì cho những người tìm kiếm linh hồn Ngài?

Đa-vít muốn Chúa để chúng xấu hổ và làm chúng tiêu tan, cho chúng bỏ chạy và để chúng ô danh.

Psalms 70:3

Đa-vít muốn Chúa làm gì cho những người tìm kiếm linh hồn Ngài?

Đa-vít muốn Chúa để chúng xấu hổ và làm chúng tiêu tan, cho chúng bỏ chạy và để chúng ô danh.

Psalms 70:4

Đa-vít muốn mọi kẻ tìm kiếm Đức Giê-hô-va làm gì?

Ông muôn họ hân hoan và vui mừng mà nói rằng, "Ngợi khen Chúa."

Psalms 70:5

Đa-vít cần điều gì từ Chúa bởi vì ông nghèo và túng thiếu?

Đa-vít cần Chúa mau đến giúp đỡ và giải cứu ông.

Chapter 71

Psalms 71:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là lời cầu nguyện xin được giúp đỡ.

Lạy Đức Giê-hô-va, con nương náu mình nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, con đến cùng Ngài để được bảo vệ"

Nguyện con chẳng bao giờ bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng để kẻ thù khiến con bị hổ thẹn". Xem cách đã dịch câu "Xin đừng để con bị hổ thẹn" ở câu PSA025:001

Xin khiến con an ninh trong sự công chính Chúa

Có thể là 1) "xin khiến con an ninh vì Chúa luôn thi hành điều công chính" hoặc 2) "xin khiến con an ninh vì con làm theo điều Chúa muốn"

Nghiên tai qua con

Từ "tai" ở đây chỉ về sự sẵn lòng lắng nghe của Đức Chúa Trời đối vời lời cầu nguyện của ai đó.

Gợi ý dịch: "xin chú ý đến con." Xem cách đã dịch ở PSA017:006

Xin làm vầng đá ẩn náu cho con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tác giả thi thiên cầu xin Đức Giê-hô-va cho ông được an ninh như ẩn nấp trong một vầng đá hay vách đá lớn làm cho kẻ thù không tìm thấy ông.

Vầng đá ... vầng đá

Đây là những ngọn đồi hay núi chứ không phải hòn đá mà người ta có thể cầm lên được.

Chúa ra lệnh

"Chúa đã truyền cho thiên sứ Chúa"

Cứu con

"giữ con an toàn"

Chúa là vầng đá và đồn lũy của con

Tác giả thi thiên tin rằng Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ ông và cho ông được an toàn như thể trốn trên đỉnh núi lớn hay ở trong đồn lũy.

Psalms 71:4

khỏi tay kẻ độc ác, khỏi tay kẻ bất chính

Có thể là 1) "tay" là phép hoán dụ chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "khỏi quyền lực của kẻ ác, khỏi quyền lực của kẻ bất chính" hoặc 2) "tay" chỉ về chính đối tượng đó. Gợi ý dịch: "khỏi kẻ gian ác, khỏi kẻ bất chính" hoặc "để kẻ ác và kẻ bất chính không thể hại con"

độc ác, khỏi tay kẻ bất chính

"độc ác, giải cứu con khỏi tay kẻ bất chính." Có thể nói rõ thông tin được ngầm hiểu.

Độc ác ... bất chính ... hung ác

Có thể dịch những tính từ này thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "kẻ độc ác ... người bất chính ... người hung ác"

Ngài là niềm hi vọng của con

"Hy vọng" là phép hoán dụ chỉ về người tác giả đặt hi vọng. Gợi ý dịch: "Chúa là Đấng con trông đợi sẽ giúp đỡ con" (UDB)

Psalms 71:6

Con được Chúa nâng đỡ từ trong tử cung

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa nâng đỡ con từ trong tử cung" hoặc "Chúa chăm sóc con ngay từ lúc con lọt lòng mẹ"

Chúa là Đấng

"Chúa là Đấng"

Con là gương cho nhiều người

"Nhiều người thấy cách con sống và muốn sống như con"

Psalms 71:8

Miệng con đầy lời ngợi ca Chúa ... vinh hiển Chúa

Tác giả thi thiên ví mong ước được ngợi khen và tôn vinh Đức Giê-hô-va bằng lời nói của mình như thể miệng ông đầy lời nói giống như đầy thức ăn. Gợi ý dịch: "Miệng con sẽ đầy lời ngợi ca Chúa ... tôn vinh Chúa" hoặc "Con sẽ luôn ngợi khen Chúa ... sẽ luôn tôn vinh Chúa"

lời ngợi ca Chúa

"những lời nói cho mọi người biết Chúa vĩ đại dường nào"

vinh hiển Chúa

"lời khiến cho mọi người tôn vinh Chúa"

Cả ngày

"suốt cả ngày" hoặc "mọi lúc"

Xin đừng ném con đi ... xin đừng từ bỏ con

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.

Xin đừng ném con đi

"Xin đừng bắt con đi xa khỏi Chúa". Đức Chúa Trời từ bỏ ông được nói như thể Đức Chúa Trời buộc ông phải đi. Gợi ý dịch: "xin đừng từ bỏ con" (UDB) Xem cách đã dịch ở PSA051:010

Xin đừng từ bỏ con

"xin đừng lìa bỏ con đời đời"

Psalms 71:10

rình rập mạng sống con

"chờ cơ hội để giết con"

Chúng nói

"Chúng nói về con"

đuổi theo và bắt hắn

"đuổi theo khi hắn bỏ chạy và giết hắn"

Psalms 71:12

Xin chớ đứng xa con

"xin ở gần con"

Mau mau giúp đỡ con

"sớm giúp đỡ con"

Nguyện chúng phải hổ thẹn và bị tiêu diệt, tức là những kẻ thù địch mạng sống con

"Nguyện những kẻ thù địch mạng sống con phải hổ thẹn và bị tiêu diệt"

Nguyện chúng phải hổ thẹn và bị tiêu diệt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin khiến chúng bị hổ thẹn và tiêu diệt chúng"

những kẻ thù địch mạng sống con

"những kẻ vu khống con"

nguyện chúng bị bao phủ bằng sỉ nhục và nhuốc nhơ, tức là những kẻ tìm cách hãm hại con

"nguyện những kẻ tìm cách hãm hại con bị bao phủ bằng sỉ nhục và nhuốc nhơ"

nguyện chúng bị bao phủ bằng sỉ nhục và nhuốc nhơ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "xin bao phủ chúng bằng sỉ nhục và nhuốc nhơ". Có thể dịch những danh từ này thành động từ. Gợi ý dịch: "nguyện mọi người quở mắng chúng và chẳng ai khen ngợi chúng"

Những kẻ tìm cách hãm hại con

"những kẻ tìm cách làm hại con"

Psalms 71:14

càng ngày càng thêm

"mỗi lúc càng thêm" hoặc "luôn gia tăng"

Miệng con sẽ thuật lại

Miệng là phép chuyển ngữ chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con sẽ thuật lại" hoặc "Con sẽ dùng miệng con thuật lại"

sự công chính của Chúa

"Chúa công chính thể nào" hoặc "mọi điều tốt lành Chúa làm"

Sự cứu rỗi của Chúa

"Chúa đã cứu con thể nào" hoặc "Chúa đã cứu con người thể nào"

Dù

"mặc dù"

Con sẽ đến

Có thể là 1) "Con sẽ đi đến chỗ người ta thờ phượng Đức Giê-hô-va" hoặc 2) "Con sẽ đi đến kẻ thù con"

các việc quyền năng của Chúa Giê-hô-va

Có thể là 1) "Con sẽ thuật lại cho chúng các việc quyền năng mà Chúa Giê-hô-va đã làm" hoặc 2) "vì Chúa Giê-hô-va đã ban cho con sức lực để làm những việc quyền năng".

Sẽ nhắc về

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"sẽ nói về"

Psalms 71:17

dạy con

Có thể nói rõ thông tin ngụ ý ở đây. "dạy con nhiều điều"

Lạy Đức Chúa Trời, xin đừng từ bỏ con

"Đức Chúa Trời ôi, xin đừng từ bỏ con"

con rao truyền sức mạnh của Ngài

"Con thuật lại Chúa quyền năng mực nào"

cho thế hệ sau

"cho các con cháu ngày nay"

quyền năng Ngài cho mọi người sẽ đến

Có thể nói rõ thông tin được lượt bỏ. Gợi ý dịch: "và con rao truyền quyền năng Chúa cho mọi người sẽ đến"

mọi người sẽ đến

Đây là cách nói cường điệu. Gợi ý dịch: "để bao nhiêu người con có thể nói cho đều biết đến"

Psalms 71:19

Lạy Đức Chúa Trời, sự công chính của Chúa rất cao

Tác giả thi thiên nói về những điều tốt lành Đức Chúa Trời đã làm như thể chúng được chất lên nhau như một tòa nhà cao hay một ngọn núi.

ai giống như Ngài?

Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Không có ai giống như Ngài!"

Gian truân

"khó khăn nghiêm trọng"

Sống lại

Làm cho vững mạnh hay khiến tươi tỉnh trở lại

khỏi các vực sâu của đất

"Các vực sâu của đất" là phép ẩn dụ chỉ về nơi dành cho người chết. Tác giả thi thiên chưa chết nhưng ông nói như thể ông đã chết rồi. Gợi ý dịch: "khi chúng con gần chết"

Psalms 71:21

Nguyện Chúa gia thêm ... trở lại và an ủi con

"Con muốn Chúa gia thêm ... con muốn Chúa trở lại và an ủi con." Một số bản viết là "Chúa sẽ gia thêm ... Chúa sẽ trở lại và an ủi." (See UDB)

trở lại và an ủi con

Câu này mô tả một hành động qua hai cụm từ. Gợi ý dịch: "an ủi con trở lại"

sự thành tín của Ngài

"Vì con có thể tin cậy Ngài"

Con sẽ dùng đàn hạc mà ca tụng Ngài, là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

"Lạy Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, con sẽ dùng đàn hạc mà ca tụng Ngài"

Psalms 71:23

Môi con sẽ reo mừng

"Môi" là phép hoán dụ chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con sẽ reo mừng"

Cả linh hồn con mà Chúa đã chuộc

Có thể dịch rõ những từ tác giả thi thiên đã lược bỏ. Gợi ý dịch: "và linh hồn con mà Chúa đã chuộc sẽ hát ca ngợi"

linh hồn con

Ở đây "linh hồn" chỉ về chính người đó.

lưỡi con cũng sẽ thuật lại

"Lưỡi" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con cũng sẽ thuật lại"

Chúng đã bị xấu hổ và bối rối, tức là những kẻ tìm cách hại con

"những kẻ tìm cách hại con đã bị xấu hổ và bối rối"

Vì chúng đã bị xấu hổ và bối rối

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "vì Đức Chúa Trời đã làm cho chúng xấu hổ và bối rối"

những kẻ tìm cách hại con

Ở đây chỉ về những kẻ thù của tác giả. (PSA071:008

Translation Questions

Psalms 71:2

Tác giả nói Đức Giê-hô-va, Ngài muốn ông làm gì?

Tác giả muốn Ngài giải nguy cho ông, khiến ông an toàn, lắng tai Ngài và cứu ông.

Psalms 71:3

Tác giả muốn Đức Giê-hô-va là gì cho ông?

Tác giả muốn Đức Giê-hô-va là vầng đá của ông và pháo đài của ông.

Psalms 71:4

Bàn tay của ai mà tác giả muốn được giải cứu?

Ông muốn được giải cứu khỏi tay của kẻ ác, và khỏi kẻ bất chính và kẻ ác.

Psalms 71:5

Tác giả đã cậy tin ở Đức Giê-hô-va bao lâu?

Ông đã cậy tin ở Đức Giê-hô-va khi ông là đứa trẻ.

Psalms 71:7

Tác giả đã trở thành điều gì cho nhiều người?

Ông đã thành tấm gương cho nhiều người.

Psalms 71:8

Tác giả làm gì bằng miệng ông suốt ngày?

Miệng ông đầy sự ngợi khen và tôn vinh suốt ngày.

Psalms 71:9

Tác giả cầu xin Chúa đừng làm gì khi tác giả già và sức yếu?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va đừng ném ông đi và ruồng bỏ ông.

Psalms 71:10

Kẻ thù của tác giả nói gì khi chúng đang âm mưu với nhau hại ông?

Chúng nói, "Chúa đã ruồng bỏ ông; đuổi và bắt ông, vì không có ai cứu ông."

Psalms 71:11

Kẻ thù của tác giả nói gì khi chúng đang âm mưu với nhau hại ông?

Chúng nói, "Chúa đã ruồng bỏ ông; đuổi và bắt ông, vì không có ai cứu ông."

Psalms 71:13

Tác giả muốn điều gì xảy ra cho những kẻ thù địch trong đời ông?

Ông muốn chúng bị nhục nhã và hủy diệt, và bị phủ bằng sự quở phạt và sự ô danh.

Psalms 71:15

. Tác giả sẽ công bố điều gì bằng miệng về Đức Giê-hô-va?

Miệng ông sẽ nói về sự công bình của Đức Giê-hô-va và sự cứu giúp.

Psalms 71:17

Tại sao Đức Giê-hô-va không từ bỏ Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va không từ bỏ ông bởi vì tác giả đang công bố sức mạnh của Đức Giê-hô-va cho thế hệ kế tiếp, và quyền lực của Ngài cho những người đến.

Psalms 71:18

Tại sao Đức Giê-hô-va không từ bỏ Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va không từ bỏ ông bởi vì tác giả đang công bố sức mạnh của Đức Giê-hô-va cho thế hệ kế tiếp, và quyền

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lực của Ngài cho những người đến.
Psalms 71:19
Tác giả nói điều gì là rất cao?
Sự công bình của Chúa là rất cao.
Psalms 71:21
Tác giả cảm tạ bằng đàn hạc vì điều gì?
Ông cảm tạ Chúa vì sự thành tín của Chúa.
Psalms 71:22
Tác giả cảm tạ bằng đàn hạc vì điều gì?
Ông cảm tạ Chúa vì sự thành tín của Chúa.
Psalms 71:23
Lưỡi của tác giả làm gì suốt ngày?
Nó sẽ nói về sự công bình của Chúa suốt ngày.
Psalms 71:24
Lưỡi của tác giả làm gì suốt ngày?
Nó sẽ nói về sự công bình của Chúa suốt ngày.

Chapter 72
Psalms 72:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thông Tin Tổng Quát:
Tựa đề "thi thiên của Sa-lô-môn" có thể có nghĩa là 1) Đa-vít viết thi thiên này về Sa-lô-môn
Lạy Đức Chúa Trời, xin ban cho vua công lý của Ngài, và ban cho vương tử đức công chính của Ngài
Có thể là 1) "Lạy Đức Chúa Trời xin ban công lý của Ngài cho con, là vua, và ban đức công chính của Ngài cho vương tử" hoặc 2) "Lạy Đức Chúa Trời, xin ban công lý của Ngài cho con, là vua, và ban đức công chính của Ngài cho con, là vương tử". Những người thời đó thường nói về mình như thể nói về một người khác. Tuy nhiên, tốt nhất nên dịch như thể tác giả thi thiên đang nói về ai khác chứ không phải chính mình.
xin ban cho vua công lý của Ngài
"Xin cho vua có thể xét xử công minh" (xem bản UDB)
cho vương tử đức công chính của Ngài
"Nguyện vương tử có thể làm điều đẹp lòng Ngài"
Nguyện người phán xét
Nếu Đa-vít là người viết thi thiên này thì ông đang nói về con trai mình, tức là "vương tử", ông đang nói đến lúc con trai ông sẽ làm vua. Nếu Sa-lô-môn viết thi thiên này thì mặc dầu ông đang nói về chính mình, nhưng tốt nhất nên dịch như thể ông đang viết về một người khác. Dù là trường hợp nào thì cách dịch tốt nhất cũng là "Nguyện vua phán xét".
dân Ngài ... kẻ nghèo khổ
Tác giả thi thiên đang thưa cùng Đức Chúa Trời.
kẻ nghèo khổ của Ngài
"và nguyện đức vua phân xử kẻ nghèo khổ của Ngài"
Nguyện các núi sinh ra sự hòa bình ... nguyện các đồi sinh ra sự công chính
Tác giả thi thiên ví dân Y-sơ-ra-ên như thể những vùng đồi núi mà họ đang sinh sống. Ông nói như thể các núi, các đồi là toàn bộ vùng đất của Y-sơ-ra-ên, và nó như một khu vườn ra trái, sự bình an và sự công chính là những trái đó. Gợi ý dịch: "Nguyện dân của xứ sống trong sự hòa bình ... nguyện họ làm mọi việc cách công chính"
Psalms 72:4
Người ... người
Chỉ về người sẽ "phán xét". (PSA072:001
Đập nát kẻ áp bức
"hủy diệt hoàn toàn kẻ áp bức họ"
Hễ mặt trời, mặt trăng tồn tại
Mặt trời và mặt trăng là phép hoán dụ chỉ về ban ngày và ban đêm, được dùng chung để chỉ về toàn bộ thời gian. Gợi ý dịch: "đời đời, không cùng"
Psalms 72:6
Nguyện người ngự xuống như mưa trên cỏ mới phát
Vua sẽ ở cách nhân lành, và người sẽ làm điều tốt cho dân của người như mưa làm tươi tốt cỏ mới phát.
Nguyện người ngự xuống
"Tôi khao khát người ngự xuống"
Như mưa rào tưới
"Nguyện Ngài ngự xuống như mưa rào tưới". Vua sẽ ở cách nhân lành, người sẽ làm điều lành cho dân của người như mưa tưới đất.
Người công chính
Tính từ "công chính" có thể dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người công bình"
Trong thời của người
Có thể là 1) "khi vua cai trị" hoặc 2) "hễ khi nào người công bình còn sống" hoặc "hễ khi nào những người công bình còn sống"
Thì sự hòa bình có dư dật
Tác giả thi thiên nói như thể sự hòa bình là một đồ vật như đồ ăn. "Dư dật" là khi có thật nhiều một thứ gì đó. Gợi ý dịch: "nguyện người công chính có thể sống trong sự hòa bình chân thật"
cho đến khi mặt trăng không còn
"hễ khi nào mặt trăng còn chiếu sáng"
Psalms 72:8
Nguyện người cai trị
"Nguyện vua cai trị"
từ biển nầy tới biển kia, từ sông cho đến cùng trái đất
Cả hai vế này đều chỉ về hết cả trái đất.
từ biển nầy tới biển kia
Từ Biển Chết và Biển Ki-nê-rết ở phía đông đến biển Địa Trung Hải ở phía tây.
Sông
"sông Ơ-phơ-rát" là con sông dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi qua khi đi về phía bắc bằng đường bộ.
đến cùng trái đất
Chỗ xa nhất mà người ta có thể đi bằng đường bộ về phía nam bằng nhiều tuyến đường khác nhau. Người Y-sơ-ra-ên nói về trái đất như thể nó là một mặt phẳng có giới hạn.
liếm bụi đất lick the dust
Đây là phép ẩn dụ chỉ về sự nhục nhã vô cùng. Gợi ý dịch: "làm mọi điều chúng có thể để người cho chúng được sống"
Ta-rê-si
Một địa danh
Cống
"nộp"
Cống lễ
"tặng quà"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sê-ba
Đây là tên của một nước, khác với Sa-ba.
Psalms 72:11
sấp mình xuống trước mặt vua
"quỳ xuống trước mặt vua" hoặc "tôn người làm vua của họ"
Mọi nước
"dân cư của mọi nước"
Không có ai khác giúp đỡ
"không có ai giúp đỡ"
Psalms 72:13
Vua thương xót người nghèo khó và kẻ thiếu thốn
"Vua muốn cho kẻ nghèo khó và thiếu thốn không phải chịu khốn khổ nữa"
người nghèo khó và kẻ thiếu thốn
Ở đây "nghèo khó" và "thiếu thốn" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh họ không thể tự cứu mình.
Cứu chuộc mạng sống họ
"cứu chuộc họ" hoặc "cứu họ" hoặc "giải cứu họ"
Cảnh áp bức và bạo tàn
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh những người thiếu thốn phải chịu khốn khổ mực nào. Gợi ý dịch: "những kẻ áp bức họ và làm hại họ"
Huyết của họ thật quý báu trong mắt vua
"vua muốn họ sống an lành"
Huyết của họ
"mạng sống của họ" hoặc "phúc lợi của họ"
Trong mắt vua
"đối với vua". Xem cách đã dịch ở (PSA019:013
Psalms 72:15
Nguyện người được sống!
"Nguyện vua sống lâu!" hoặc "Tôi nguyện ước vua được sống lâu!"
Nguyện vàng Sa-ba được dâng cho vua
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện họ dâng vàng Sa-ba cho vua" hoặc "Nguyện vua nhận lấy vàng Sa-ba"
Suốt ngày
"luôn luôn"
dư dật ngũ cốc
"Dư dật" là khi có rất nhiều một thứ gì đó. "Rất nhiều ngũ cốc" hoặc "đầy dẫy ngũ cốc"
Cây trồng
Cây trồng làm lương thực
Gợn sóng
Dùng từ chỉ về những cây cỏ cao khi có gió nhẹ thổi qua khiến chúng nhẹ nhàng lung lay.
Như Li-ban
"Như cây tuyết tùng ở Li-ban." Đây là những cây rất đẹp và có gỗ tốt để xây dựng. Có thể nói rõ ý của câu này.
Người được hưng thịnh trong thành như cỏ của đồng nội
Sự thịnh vượng của người trong thành được nói như thể họ là cỏ mọc đầy trên đồng nội.
Psalms 72:17
Nguyện danh người sẽ còn mãi mãi
"Nguyện người ta luôn biết đến người" hoặc "Nguyện người ta không bao giờ quên người là ai"
Danh người
"danh vua" hoặc "danh tiếng của vua" hoặc "tên tuổi của vua"
Hễ mặt trời còn
"Hễ mặt trời còn chiếu sáng"
Nguyện dân chúng được phước trong người
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyện Đức Chúa Trời khiến người làm điều tốt cho dân chúng"
Gọi người là có phước
"nhận thấy Đức Chúa Trời đã ban phước cho họ"
Psalms 72:18
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này không phải là lời kết của thi thiên này mà còn là lời kết cho toàn bộ Quyển 2 của sách Thi Thiên, bắt đầu từ Thi Thiên 42 và kết thúc ở Thi Thiên 72.
Đáng ngợi khen Giê-hô-va Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện mọi người chúc tụng Giê-hô-va Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên"
Đáng ngợi khen danh vinh hiển Ngài đến đời đời
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện mọi người chúc tụng danh vinh hiển Ngài đến đời đời" hoặc, xem "danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va, "Nguyện con người muôn đời biết Ngài vinh hiển mực nào"
Đáng ngợi khen danh vinh hiển Ngài
"Đáng ngợi khen Ngài là Đấng vinh hiển"
Nguyện khắp trái đất được đầy vinh quang của Ngài
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyện vinh quang Ngài tràn ngập cả trái đất" hoặc "nguyện Ngài dùng vinh quang Ngài làm ngập tràn cả trái đất"
A-men và A-men
Từ "A-men" được lặp lại để nhấn mạnh sự đồng thuận cho điều vừa nói. Gợi ý dịch: "Nguyện chắc chắn được như vậy". Xem cách đã dịch ở PSA041:013
Các bài cầu nguyện của Đa-vít con trai Gie-sê đến đây kết thúc
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đa-vít, con trai Gie-sê kết thúc lời cầu nguyện của mình" hoặc "Đây là bài cầu nguyện cuối cùng của Đa-vít, con trai Gie-sê"

Translation Questions

Psalms 72:1
Sô-lô-môn cầu xin Chúa ban cho vua và con ông điều gì?
Sô-lô-môn cầu xin Chúa ban cho vua các mạng lệnh ngay thẳng, và ban cho con trai ông sự công bình của Chúa.
Psalms 72:5
Sa-lô-môn muốn dân sự tôn vinh Chúa bao lâu?
Ông muốn họ tôn vinh Chúa khi mặt trời tồn tại và cũng như mặt trăng còn mãi qua các đời.
Psalms 72:6
Sa-lô-môn muốn những ngày của ông như thế nào?
Ông muốn chúng như mưa trên rơm cỏ, và trận mưa tưới đất.
Psalms 72:8
Sự thống trị của vua sẽ trải rộng tới đâu?
Sự thống trị của vua sẽ trải rộng từ biển này tới biển kia, từ sông đến tận cùng trái đất.
Psalms 72:11
Các vua và các dân sẽ làm gì trước Vua?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mọi vua sẽ cúi xuống trước Người và hầu việc Người.
Psalms 72:13
Vua đối đãi với người nghèo và kẻ túng thiếu thế nào?
Người thương xót người nghèo và kẻ túng thiếu, lòng của kẻ nghèo túng được người cứu.
Psalms 72:16
Các dấu hiệu phước lành của Chúa trên vua là gì?
Các dấu hiệu phước lành là lúa thóc, và mọi dân trong thành sẽ thịnh vượng.
Psalms 72:17
Sa-lô-môn cầu xin danh của Vua kéo dài bao lâu?
Ông cầu xin danh của vua kéo dài mãi mãi, và vẫn cứ dài lâu dài như mặt trời.
Psalms 72:18
Chỉ Đức Giê-hô-va làm điều gì?
Chỉ Ngài làm những điều lạ thường.

Chapter 73
Psalms 73:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của A-sáp
"Đây là thi thiên do A-sáp viết." Xem cách đã dịch ở PSA053:001
Chân con gần vấp ngã, chân con suýt trượt ngã
Tác giả thi thiên nói về việc không thể tin cậy Đức Chúa Trời và muốn phạm tội như thể ông suýt vấp ngã khi bước đi trên con đường trơn trợt. Gợi ý dịch: "Con gần như không tin cậy Đức Chúa Trời nữa, con suýt phạm tội trọng cùng Ngài"
Con ganh tị với kẻ kiêu ngạo
"Con ganh ghét kẻ kiêu ngạo" hoặc "Con không muốn kẻ kiêu ngạo có được những điều tốt lành chúng đang có"
kẻ kiêu ngạo
Tính từ "kiêu ngạo" có thể được dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người kiêu ngạo"
sự thịnh vượng của kẻ ác
Từ "sự thịnh vượng" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "thể nào kẻ ác được nhiều điều tốt lành"
Kẻ ác
Tính từ "ác" có thể được dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người gian ác"
Psalms 73:4
Thông Tin Tổng Quát:
A-sáp bắt đầu mô tả vì sao đôi khi ông muốn than phiền với Đức Chúa Trời về những kẻ "kiêu ngạo" và kẻ "ác" (PSA073:001
Những gánh nặng của những người khác
"Gánh nặng" ở đây là phép hoán dụ chỉ về những tranh đấu trong đời sống hằng ngày
Chúng chẳng phải ưu phiền như những người khác
"chúng không phải chịu khổ như những người khác"
Psalms 73:6
Thông Tin Tổng Quát:
A-sáp tiếp tục mô tả vì sao đôi khi ông muốn than phiền với Đức Chúa Trời về những kẻ "kiêu ngạo" và kẻ "ác" (PSA073:001
Sự kiêu ngạo tô điểm cho chúng như cái kiềng quanh cổ; sự hung bạo bao phủ chúng như áo choàng
Có nghĩa là kẻ ác thể hiện cho mọi người biết chúng kiêu ngạo và bạo ngược mực nào như thể chúng đang đeo vòng cổ hay khoác một chiếc áo choàng rất đẹp.
Vòng cổ ... áo choàng
Ở đây chỉ về những thứ người giàu có và quyền thế mặc trên người.
Vòng cổ
Vòng thường được làm bằng vàng hay đá quý đeo quanh cổ
Tội lỗi ra từ sự mù lòa
Vì chúng như người mù không thấy mình đi đâu nên chúng phạm tội mà không biết. Mù lòa là phép ẩn dụ chỉ về một người không thể nhận biết mình gian ác mực nào.
Những tư tưởng gian ác đi qua lòng chúng nó
Ở đây tác giả thi thiên mô tả như thể tư tưởng của con người là một con người. Ông cũng mô tả con người bên trong của kẻ ác như thể một tòa nhà mà chúng có thể đi lại trong đó. Gợi ý dịch: "trong thâm tâm chúng luôn suy nghĩ thêm những việc ác để làm" (UDB)
Psalms 73:8
Thông Tin Tổng Quát:
A-sáp tiếp tục mô tả vì sao đôi khi ông muốn than phiền với Đức Chúa Trời về những kẻ "kiêu ngạo" và kẻ "ác" (PSA073:001
Chúng chế giễu
Có thể nói rõ chúng chế giễu ai. Gợi ý dịch: "Chúng chế giễu Đức Chúa Trời và dân Ngài"
Chúng nói lời nghịch cùng các tầng trời
Từ "các tầng trời" ở đây là phép hoán dụ chỉ về Đức Chúa Trời, Đấng ở trên các tầng trời. Gợi ý dịch: "Chúng nói những lời chống lại Đức Chúa Trời là Đấng ở trên trời"
Nói lời
"nói hùng hổ" hoặc "nói có chủ ý"
Lưỡi chúng đi khắp đất
Từ "lưỡi" là phép hoán dụ chỉ về chính những người đó. Có thể là 1) "chúng đi khắp đất nói xấu về Đức Chúa Trời" hoặc "chúng đi khắp nơi khoe khoang về bản thân". Xem:
Psalms 73:10
Thông Tin Tổng Quát:
A-sáp tiếp tục mô tả vì sao đôi khi ông muốn than phiền với Đức Chúa Trời về những kẻ "kiêu ngạo" và kẻ "ác" (PSA073:001
dân Ngài xoay hướng về phía chúng
Có thể là 1) "dân của Đức Chúa Trời yêu thích kẻ ác" hoặc "kẻ ác trở lại nơi này"
Nước dồi dào bị cạn kiệt
Có thể là 1) "dân của Đức Chúa Trời vui thích nghe những lời của kẻ ác" hoặc 2) "kẻ ác có đầy thức ăn và rượu"
Chúng nói
Kẻ ác nói
Làm sao Đức Chúa Trời biết được? Đấng Chí Cao có tri thức sao?
Những câu hỏi tu từ này thể hiện sự khinh thường Đức Chúa Trời. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chắc chắn Đức Chúa Trời không biết việc chúng ta đang làm. Đấng Chí Cao chẳng biết được điều đó."
Psalms 73:13
Thông Tin Tổng Quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong câu 13 và 14, A-sáp tiếp tục mô tả vì sao đôi khi ông muốn than phiền với Đức Chúa Trời về những kẻ "kiêu ngạo" và kẻ "ác" (PSA073:001

Con đã

Từ "con" chỉ về A-sáp.

giữ lòng con

A-sáp nói về việc canh giữ lòng mình như thể canh giữ một thành phố hay tòa nhà trước kẻ thù.

Gợi ý dịch: "Con đã giữ cho tư tưởng mình được trong sạch"

rửa tay con trong sự vô tội

Tác giả nói về sự tinh sạch của mình như thể ông rửa tay bằng sự vô tội thay vì rửa bằng nước. Gợi ý dịch: "các việc con làm đều giữ sự tinh sạch" hoặc "Con đã rửa tay mình để cho thấy con vô tội." Xem cách đã dịch ở PSA026:006

Suốt ngày

"luôn luôn" hoặc "mỗi ngày"

Con chịu ưu phiền

"Chúa khiến con chịu khổ." Xem cách đã dịch "chúng chẳng phải ưu phiền" ở câu PSA073:004

Con bị sửa phạt

"Con bị trừng phạt"

Nếu con có nói rằng: "Ta sẽ nói những điều ấy" thì con đã phạm tội bất trung với dòng dõi con cái Chúa

Tình huống giả định này chưa xảy ra. Gợi ý dịch: "Con không bao giờ nói rằng: 'Ta sẽ nói những điều ấy' để con không phạm tội bất trung với dòng dõi con cái Chúa"

Psalms 73:16

Những điều ấy

Những điều tốt xảy ra cho "kẻ ác" (PSA073:004

Số phận của chúng

"điều xảy ra cho kẻ ác khi chúng chết đi" (UDB) hoặc "kẻ ác sẽ chết cách nào"

Psalms 73:18

đặt chúng

Từ "chúng" chỉ về kẻ ác.

nơi trơn trợt

"Nơi không an toàn hay không vững chắc". Xem cách đã dịch từ "trượt ngã" ở câu PSA073:001

Thể nào chúng trở thành hoang mạc trong chốc lát

"Hoang mạc" là phép ẩn dụ chỉ về một người đánh mất mọi thứ tốt lành. Gợi ý dịch: "Chúng bị tiêu diệt nhanh chóng thể nào"

Như một giấc mơ sau khi thức giấc

Kẻ ác sẽ chỉ tồn tại như một giấc mơ. Nó sớm tan biến khi người ta tỉnh giấc.

Psalms 73:21

Lòng con cay đắng

"Lòng" là phép hoán dụ chỉ về tư tưởng và cảm xúc của một người. Gợi ý dịch: "Con rất buồn rầu"

Con bị thương nặng

Tác giả thi thiên ví cơn đau tinh thần như cơn đau thể xác. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy như ai đó làm con bị thương" bằng dao hay cung tên.

ngu si và thiếu hiểu biết

Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh ông ít hiểu biết đến mực nào. Gợi ý dịch: "rất ngu si"

thiếu hiểu biết

"chẳng hiểu biết gì"

Chúa

"Chúa" chỉ về Đức Chúa Trời.

Psalms 73:23

Con luôn ở cùng Chúa

Từ "con" chỉ về A-sáp. Từ "Chúa" chỉ về Đức Chúa Trời.

Chúa nắm lấy tay phải con

Câu này thể hiện mối quan hệ mật thiết với Đức Chúa Trời đem đến sự vững vàng và an ninh. Gợi ý dịch: "Chúa giữ con thật gần"

tiếp rước con trong vinh quang

Có thể là 1) "đặt con vào chỗ mọi người tôn vinh con" hoặc 2) "tôn vinh con bằng cách đem con đến nơi của Ngài". Xem cách đã dịch từ "tiếp rước con" ở câu PSA049:014

Psalms 73:25

Ở trên trời con có ai ngoài Chúa?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Ở trên trời con không có ai ngoài Chúa" hoặc "ở trên trời con chỉ có duy nhất mình Chúa"

Ở trên trời

"giữa các thần" hoặc "giữa cá Đấng siêu nhiên"

Không ai trên đất

"không một người nào"

Thịt và lòng con

Hai từ này có ý nghĩa tương tự nhau, được dùng chung để chỉ về toàn bộ một con người. Gợi ý dịch: "Thân thể con và tâm trí con"

Psalms 73:27

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp tiếp tục nói về Đức Chúa Trời.

Những kẻ cách xa Ngài

Ở đây việc cách xa Đức Chúa Trời được ví sánh với việc không sẵn sàng vâng lời Ngài. Gợi ý dịch: "Những kẻ không muốn vâng phục Ngài"

nơi nương náu mình

Tác giả ví Đức Giê-hô-va như một nơi người ta có thể chạy đến ẩn nấp để được an toàn.

Translation Questions

Psalms 73:1

Chúa là tốt lành với ai?

Chúa là tốt lành với Y-sơ-ra-ên, và những người có lòng thánh khiết.

Psalms 73:2

Tại sao chân của A-xáp suýt trượt ngã?

Ông súy trượt ngã vì ông đố kỵ với kẻ kiêu ngạo khi ông thấy sự thịnh vượng của kẻ ác.

Psalms 73:3

Tại sao chân của A-xáp suýt trượt ngã?

Ông súy trượt ngã vì ông đố kỵ với kẻ kiêu ngạo khi ông thấy sự thịnh vượng của kẻ ác.

Psalms 73:4

A-sáp mô tả kẻ kiêu ngạo và kẻ ác thế nào?

Ông nói chúng không thấy đau, chúng mạnh và ăn no, chúng giải thoát khỏi gánh nặng, và không khổ sở như những người khác.

Psalms 73:5

A-sáp mô tả kẻ kiêu ngạo và kẻ ác thế nào?

Ông nói chúng không thấy đau, chúng mạnh và ăn no,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chúng giải thoát khỏi gánh nặng, và không khổ sở như những người khác.
Psalms 73:6
Kiêu ngạo và hung hăng giống như điều ác thế nào?
Kiêu ngạo như chuỗi hạt quanh cổ nó, và sự hung hăng mặc phủ như áo choàng.
Psalms 73:7
Hậu quả của sự mù quáng của kẻ ác là gì?
Sự mù quáng này dẫn đến tội lỗi và các tư tưởng xấu xa.
Psalms 73:8
Những điều gì mà kẻ ác nói?
Chúng mắng nhiếc, nói điều ác, đe dạo hung hăng, và nói huênh hoang.
Psalms 73:9
Những điều gì mà kẻ ác nói?
Chúng mắng nhiếc, nói điều ác, đe dạo hung hăng, và nói huênh hoang.
Psalms 73:11
Kẻ ác nói gì về Chúa?
Chúng nói, "Chúa biết thế nào? Làm sao Chúa biết chuyện gì xảy ra?."
Psalms 73:13
Tại sao A-xáp thấy thận trọng lòng mình là vô ích?
Vì A-xáp đã đau buồn suốt ngày và kỷ luật mỗi sáng.
Psalms 73:14
Tại sao A-xáp thấy thận trọng lòng mình là vô ích?
Vì A-xáp đã đau buồn suốt ngày và kỷ luật mỗi sáng.
Psalms 73:15
Điều gì sẽ xảy ra nếu A-xáp nói những điều này?
Ông sẽ phản bội thế hệ của con cháu Chúa.
Psalms 73:16
A-xáp đã đi đâu để có sự hiểu biết những điều này?
A-xáp đi vào đền thờ của Chúa.
Psalms 73:17
A-xáp đã đi đâu để có sự hiểu biết những điều này?
A-xáp đi vào đền thờ của Chúa.
Psalms 73:19
Kẻ ác sẽ thành gì trong phút chóc?
Chúng sẽ trở thành một bãi hoang tàn trong phút chóc.
Psalms 73:22
A-xáp nói ông là gì trước mặt Chúa?
Ông là một con vật ngu dại trước Chúa.
Psalms 73:24
Chúa sẽ làm gì cho A-xáp sau khi Ngài hướng dẫn ông bằng những lời khuyên?
Sau đó, Chúa sẽ tiếp đón A-xáp vào trong vinh hiển.
Psalms 73:25
Ao ước duy nhất trên đất của A-xáp là gì?
Chúa trên trời là mọi điều ông ước ao.
Psalms 73:27
Ai sẽ diệt vong?
Những kẻ ở xa Chúa sẽ bị diệt vong, và Ngài sẽ hủy diệt mọi kẻ không tín trung với Ngài.
Psalms 73:28
Một điều gì mà A-xáp cần phải làm?
Ông cần được kéo gần về Chúa.

Chapter 74
Psalms 74:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Huấn ca của A-sáp
"Đây là huấn ca do A-sáp viết."
Huấn ca
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001
Đức Chúa Trời ôi, vì sao Chúa bỏ chúng con đời đời?
Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ôi, chúng con không làm gì sai nhưng Chúa đã từ bỏ chúng con đời đời!"
Vì sao cơn giận Chúa nổi phừng cùng bầy chiên của đồng cỏ Ngài?
Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúa đã hứa coi sóc chúng con và chúng con không làm gì sai nhưng Chúa nổi giận cùng chúng con!"
bầy chiên của đồng cỏ Ngài
A-sáp ví dân Y-sơ-ra-ên như bầy chiên. Gợi ý dịch: "cùng Y-sơ-ra-ên, là những kẻ như bầy chiên Ngài chăn nuôi trên đồng cỏ Ngài"
Xin nhớ lại
"Xin chú ý." Không phải Đức Chúa Trời đã quên dân Ngài nhưng có vẻ như Ngài không nghĩ về họ.
cơ nghiệp của Ngài
"đời đời thuộc về Ngài"
Psalms 74:3
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này mô tả một sự kiện có thật, một cuộc tấn công vào đền thờ của Y-sơ-ra-ên tại Giê-ru-sa-lem.
Xin hãy đến xem
A-sáp đang thưa cùng Đức Chúa Trời, xin Ngài đến xem sự phá hủy.
Gầm thét
Kẻ thù la lớn tiếng kêu chiến thắng.
Chạm trổ
Chỉ về việc chạm khắc trên gỗ, kim loại hay đá trong đền thờ.
Psalms 74:7
Thông Tin Tổng Quát:
A-sáp tiếp tục mô tả sự hủy phá đền thờ.
Chúng ... chúng ... chúng ... chúng
Ở đây "chúng" chỉ về kẻ thù được nhắc đến ở câu PSA074:003
Chúng nói trong lòng
Đây là một cụm từ. Gợi ý dịch: "Chúng tự nhũ" hoặc "Chúng thầm nghĩ"
Psalms 74:9
Thông Tin Tổng Quát:
A-sáp thưa cùng Đức Chúa Trời về sự phá hủy ông nhìn thấy.
Chúng con chẳng còn thấy các dấu lạ
Có thể là 1) "Chúng con chẳng còn thấy các dấu lạ từ Đức Chúa Trời" hoặc 2) "Mọi dấu thiêng liêng của chúng con đã biến mất" hoặc 3) nếu ở đây chỉ về cờ và hiệu của một đội quân thì là "đội quân của chúng con hoàn toàn bị tiêu diệt".
Đức Chúa Trời ôi! Kẻ thù nghịch sẽ sỉ nhục Ngài cho đến chừng nào?
Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Chúa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trời ôi, kẻ thù đã sỉ nhục Ngài quá lâu!"

Kẻ thù cứ xúc phạm danh Ngài mãi sao?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Dường như Chúa sẽ không ngăn chặn việc kẻ thù xúc phạm danh Ngài!"

xúc phạm danh Ngài

Từ 'danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "nói xấu danh Ngài" hoặc "xúc phạm Ngài"

Sao Chúa rút tay lại, tức là tay phải của Ngài?

Tác giả thi thiên nói như thể Đức Chúa Trời có thân thể vật lí. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin đừng rút tay Chúa lại nữa, tức là tay phải của Ngài!"

rút tay lại

Ở đây "tay" là phép hoán dụ chỉ về năng quyền. Gợi ý dịch: "không bày tỏ quyền năng Ngài" hoặc "không dùng quyền năng Ngài để tiêu diệt kẻ thù"

tay phải của Ngài

"tay mạnh sức nhất của Ngài"

Xin rút tay phải của Chúa ra khỏi áo Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể Đức Chúa Trời có thân thể vật lí. "Xin đừng che giấu quyền năng Chúa mà hãy hành động"

Psalms 74:12

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây bắt đầu một chủ đề mới: A-sáp thuật lại những việc quyền năng của Đức Chúa Trời trong lịch sử của dân Ngài.

Đức Chúa Trời là Vua của con từ nghìn xưa

Có thể là 1) A-sáp nói như một người đại diện của Y-sơ-ra-ên "Đức Chúa Trời là vua của chúng con từ khi dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu trở thành một quốc gia" hoặc 2) "Đức Chúa Trời, vua của chúng con đã sống từ nghìn xưa".

Đem đến sự cứu rỗi

"cứu rỗi con người"

Chúa rẽ ... dưới nước

Có thể A-sáp đang nhắc lại lúc Đức Chúa Trời đưa dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, rẽ Biển Đỏ cho dân Y-sơ-ra-ên đi trên đất khô, sau đó nhấn chìm đạo quân của Pha-ra-ôn.

Chúa đã dùng quyền năng Ngài mà rẽ biển ra

A-sáp nói như thể Đức Chúa Trời có thân thể vật lí. "Chúa thật quyền năng có thể làm ra dải đất khô giữa biển".

Biển

"vùng nước lớn"

Đập nát đầu của quái vật dưới nước

Có thể A-sáp đang nói ví Pha-ra-ôn và đội quân của người như quá vật dưới biển. Nếu được hãy dịch theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "Chúa tiêu diệt quân đội của Pha-ra-ôn như thể đập nát đầu quái vật dưới nước"

Psalms 74:14

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp tiếp tục nói về những việc Đức Chúa Trời đã làm từ xa xưa. Có thể ông đang thuật lại lúc Đức Chúa Trời đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập và nhấn chìm quân đội của Pha-ra-ôn dưới Biển Đỏ. Nếu được, nên dịch theo nghĩa đen.

Lê-vi-a-than

Lê-vi-a-than là một quá vật biển. Nó tượng trưng cho một quân đội hung ác.

Chúa mở ra các suối và khe

"Chúa khiến suối và khe chảy ra từ đất khô cằn"

Psalms 74:16

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp tiếp tục thuật lại quyền năng sáng tạo của Đức Chúa Trời.

các ranh giới của đất

"các ranh giới của đất và biển"

Psalms 74:18

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp cầu xin Đức Chúa Trời cứu giúp.

Nhớ

"Chú ý." Xem cách đã dịch ở PSA074:001

Kẻ thù ném lời xúc phạm vào Ngài

A-sáp nói như thể lời xúc phạm là một vật thể như một hòn đá kẻ thù lấy ném vào Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "kẻ thù xúc phạm Chúa nhiều lần"

sinh mạng bồ câu của Chúa

A-sáp ví mình như chim bồ câu, một loài chim không có khả năng tự vệ. Gợi ý dịch: "con, là bồ câu của Chúa." Cụm từ này có thể là phép ẩn dụ chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Bồ câu

Một loài chim nhỏ, không có khả năng tự vệ, thường được nuôi làm thú cưng.

Thú hoang

Đây có thể là phép ẩn dụ chỉ về kẻ thù của Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "kẻ thù hung ác như thú hoang"

Cũng đừng quên mạng sống của dân tộc bị áp bức của Chúa đến đời đời

"Xin đừng mãi im lặng trước dân tộc bị áp bức của Chúa". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin sớm đến cứu giúp dân tộc bị áp bức của Chúa" .

Psalms 74:20

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp tiếp tục than khóc cùng Đức Giê-hô-va.

các nơi tối tăm của đất đều là nơi đầy bạo hành

A-sáp ví "các nơi" này như một vật chứa mà người ta có thể lấy những "nơi bạo hành" đặt vào đó. Gợi ý dịch: "người hung bạo làm điều ác ở những nơi tối tắm trên đất bất kì nơi nào có thể"

các nơi tối tăm của đất

"Tối tăm" có thể là phép ẩn dụ chỉ về nơi diễn ra những điều xấu xa hoặc chỉ về xứ dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày, nhưng nếu có thể, nên dịch những từ này theo nghĩa đen.

Xin đừng để kẻ bị áp bức trở về trong hổ thẹn

"Xin đừng để kẻ ác đánh bại kẻ bị áp bức và khiến họ bị hổ thẹn"

kẻ bị áp bức

Đây là những người bị người quyền thế đối xử tàn ác.

Kẻ nghèo khổ và bị áp bức

Từ "nghèo khổ" và "áp bức" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va giải cứu nhiều người cần Ngài giúp đỡ. Xem cách đã dịch các từ này ở PSA035:009

Psalms 74:22

Bảo vệ danh dự của Ngài

"cho mọi người thấy Ngài đúng đắn"

Xin nhớ lại

"Xin chú ý." Đức Chúa Trời không quên bọn ngu dại đã chế nhạo Ngài thể nào, nhưng dường như Ngài không suy nghĩ về điều đó. Xem cách đã dịch ở câu PSA074:001

tiếng của kẻ thù Chúa

"Tiếng" là phép hoán dụ chỉ về lời nói. Gợi ý dịch: "điều kẻ thù Chúa đang nói"

Hoặc sự ồn ào của những kẻ không ngừng xem thường Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tác giả thi thiên ví lời nói của những kẻ xem thường Đức Chúa Trời như tiếng lớn của động vật hay những vật không có sự sống như nước hay gió. Gợi ý dịch: "và chú ý đến lời nói ồn ào, vô nghĩa của những kẻ không ngừng xem thường Ngài"

Xem thường

Chống đối cách trâng tráo

Translation Questions

Psalms 74:2

A-xáp cầu xin Chúa nhớ rằng Ngài đã làm gì cho dân Ngài thời xưa?

Chúa cứu họ thời xưa, và mua chuộc họ để thành sản nghiệp của Ngài.

Psalms 74:4

Những hư hại nào mà kẻ thù làm trong đền thờ?

Chúng dựng cờ của chúng, giơ rìu chém, đập vỡ và phá nát các vật chạm trổ.

Psalms 74:6

Những hư hại nào mà kẻ thù làm trong đền thờ?

Chúng dựng cờ của chúng, giơ rìu chém, đập vỡ và phá nát các vật chạm trổ.

Psalms 74:7

Những hư hại nào mà kẻ thù làm trong đền thờ?

Chúng dựng cờ của chúng, giơ rìu chém, đập vỡ và phá nát các vật chạm trổ.

Psalms 74:8

Kẻ thù làm gì với các nhà hội?

Chúng đốt sạch các nhà hội trên đất.

Psalms 74:9

Dân của Chúa không còn thấy điều gì nữa?

Họ sẽ không thấy bất kì các phép lạ nữa, cũng không có tiên tri nào nữa.

Psalms 74:12

Các dấu lạ mà Chúa đã tỏ ra với vua của A-xáp vào thời xưa là gì?

Chúa chia các biển và bẻ gãy đầu các quái vật biển.

Psalms 74:13

Các dấu lạ mà Chúa đã tỏ ra với vua của A-xáp vào thời xưa là gì?

Chúa chia các biển và bẻ gãy đầu các quái vật biển.

Psalms 74:14

Chúa làm gì với các thủy quái?

Ngài nghiền nát đầu thủy quái, và biến nó thành thức ăn cho những kẻ sống nơi hoang vắng.

Psalms 74:16

Chúa đã thiết lập những điều gì?

Ngài lập mặt trời và mặt trăng vào chỗ thích hợp, và đặt các đường biên giới trên đất?

Psalms 74:17

Chúa đã thiết lập những điều gì?

Ngài lập mặt trời và mặt trăng vào chỗ thích hợp, và đặt các đường biên giới trên đất?

Psalms 74:18

Kẻ thù làm gì để A-xáp muốn Đức Giê-hô-va nhớ?

Chúng ném lời lăng mạ vào Đức Giê-hô-va và báng bổ danh Ngài.

Psalms 74:20

Tại sao A-xáp cầu xin Chúa nhớ lại giao ước của Ngài?

Ông muốn Đức Giê-hô-va nhớ lại giao ước của Ngài vì trái đất đầy dẫy sự hung bạo.

Psalms 74:22

Điều gì A-xáp muốn Chúa che chở?

A-xáp muốn Chúa trở dậy và che chở chính danh Ngài.

Chapter 75

Psalms 75:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Dân của Đức Chúa Trời nói trong câu 75:1, và Đức Chúa Trời phán trong câu 75:2-3.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Al Tashheth

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA057:001

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết." Xem cách đã dịch ở PSA053:001

Mọi cư dân

"mọi người sống trên đó"

giữ vững các trụ của đất

"giữ trái đất không bị tiêu diệt" hoặc gợi ý dịch: "giữ dân ta an toàn"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 75:4

Ta nói

Có thể là 1) Đức Chúa Trời đang phán hoặc 2) A-sáp đang nói.

Chớ kiêu ngạo ... Đừng ngước ... Đừng ngước ... đừng nói

Người nói đang nói với những kẻ gian ác vì thế những câu này ở dạng số nhiều.

Và với kẻ ác

"và ta nói cùng kẻ ác"

Đừng ngước sừng lên

A-sáp ví kẻ ác như thú vật có sừng trên đầu, rướn cổ và đưa đầu lên cao để đe dọa các con vật khác. Gợi ý dịch: "Đừng tự cao" hoặc "Đừng khoe khoang sức mạnh mình"

Đừng ngước sừng các ngươi cao lên

A-sáp ví kẻ ác như thú vật có sừng trên đầu, rướn cổ và đưa đầu lên cao để đe dọa các con vật khác. Gợi ý dịch: "Hãy chắc chắn đừng khoe khoang mình lớn hơn Đức Chúa Trời"

cổ xấc xược

A-sáp ví kẻ gian ác xem thường và thách thức Đức Chúa Trời như thú vật có sừng trên đầu, rướn cổ và đưa đầu lên cao để đe dọa các con vật khác. Gợi ý dịch: "cách kiêu ngạo"

Chẳng phải từ phương đông ... mà có sự tôn cao

A-sáp dùng hành động tôn cao để chỉ về người tôn cao. Ông cũng nói về việc Đức Chúa Trời ban sức mạnh và sự tôn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trọng cho một người như thể Đức Chúa Trời nâng người đó lên theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "Người nâng ngươi lên không đến từ phương đông" hoặc "Người khiến ngươi mạnh mẽ và khiến người ta tôn cao ngươi không đến từ phương đông"

Psalms 75:7

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp nói về Đức Chúa Trời.

Ngài hạ xuống và Ngài nhấc lên

Có thể dịch rõ đối tượng ở đây: "Ngài hạ kẻ nầy xuống và nhấc người kia lên". "Hạ xuống" và "nhấc lên" là phép ẩn dụ cho việc Chúa ban cho và cất đi quyền thế của con người. Gợi ý dịch: "Ngài lập người này làm vua thế người khác" hoặc "Ngài cất đi quyền lực của người này và ban quyền lực cho người kia"

Chén rượu sủi bọt ... trộn gia vị

Khi Đức Giê-hô-va trừng phạt con người, họ sẽ giống như bị say rượu mạnh và ngã bệnh.

Rượu sủi bọt

Bọt là hình ảnh ẩn dụ chỉ về sức mạnh của rượu làm cho người ta say xỉn. Gợi ý dịch: "rượu mạnh"

Gia vị

Lá khô hoặc hạt

rót nó ra

Rót từ một vật chứa lớn ra ly cho người ta uống

Uống đến giọt cuối cùng

"uống hết từng giọt"

Psalms 75:9

Ngài phán

Đức Chúa Trời phán

chặt tất cả các sừng

Sừng của thú vật là phép ẩn dụ chỉ về quyền lực của một người. Gợi ý dịch: "cất hết quyền lực khỏi"

sừng của người công chính sẽ được ngước lên

Sừng của thú vật là phép ẩn dụ chỉ về quyền lực của một người. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ngước sừng của người công chính lên" hoặc "Ta sẽ làm cho người công chính được quyền thế"

Translation Questions

Psalms 75:1

Dân sự cảm tạ vì điều gì?

Họ cảm tạ vì Chúa bày tỏ sự hiện diện của Ngài.

Psalms 75:2

Chúa sẽ làm gù vào thời điểm chỉ định?

Ngài sẽ phân xử công bằng, và vững bền các cột của đất.

Psalms 75:3

Chúa sẽ làm gù vào thời điểm chỉ định?

Ngài sẽ phân xử công bằng, và vững bền các cột của đất.

Psalms 75:4

A-xáp nói kẻ kiêu căng và kẻ ác không làm gì?

Ông nói chúng đừng ngạo mạn hay tự mãn về chiến thắng, và cũng đừng nói gì khi chúng ngẩng cao đầu.

Psalms 75:5

A-xáp nói kẻ kiêu căng và kẻ ác không làm gì?

Ông nói chúng đừng ngạo mạn hay tự mãn về chiến thắng, và cũng đừng nói gì khi chúng ngẩng cao đầu.

Psalms 75:7

A-xáp nói điều gì về Chúa?

Chúa công bình, Ngài đem kẻ này xuống và nâng kẻ khác lên.

Psalms 75:8

Kẻ ác sẽ làm gì với chén rượu đầy trong tay Chúa?

Chúng sẽ uống nó đến giọt cuối cùng.

Psalms 75:9

A-xáp sẽ ngợi ca Chúa của Gia-cốp thế nào?

Ông sẽ luôn nói ra những gì Chúa đã làm và hát ngợi ca về Ngài.

Psalms 75:10

Chúa phán Ngài sẽ làm gì với sừng của kẻ ác và người ngay thẳng?

Ngài sẽ cắt sừng của kẻ ác và nâng sừng của người ngay thẳng.

Chapter 76

Psalms 76:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này."

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết". Xem cách đã dịch ở PSA053:001

Tỏ mình trong Giu-đa

"khiến người ở Giu-đa biết Ngài là ai" hoặc "khiến Ngài nổi danh trong Giu-đa"

Danh Ngài thật vĩ đại giữa Y-sơ-ra-ên

Từ "danh Ngài" là phép hoán dụ chỉ về danh tiếng của Ngài. Gợi ý dịch: "dân Y-sơ-ra-ên nhận biết Ngài là tốt lành và quyền năng"

nơi ở của Ngài

"nơi Ngài chọn để ở"

Tại nơi ấy, Ngài đã bẻ gãy những mũi tên, khiên, thanh gươm và các vũ khí chiến tranh khác

Đây có thể là phép ẩn dụ chỉ về việc Đức Chúa Trời cho dân Giu-đa được sống trong hòa bình, không sợ bị kẻ thù gây chiến, nhưng nên dịch câu này theo nghĩa đen.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở

Psalms 76:4

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp nói như thể Đức Chúa Trời là một người lính xuống núi trở về sau khi chiến thắng một trận chiến lớn.

Chúa rực rỡ và bày tỏ vinh quang Ngài

Vế thứ hai củng cố cho vế thứ nhất, cho thấy vinh quang của Đức Giê-hô-va liên quan đến sự rực rỡ của Chúa.

Chúa rực rỡ

Từ "rực rỡ" là phép ẩn dụ chỉ về sự vĩ đại. Gợi ý dịch: "Chúa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bày tỏ Ngài vĩ đại dường nào"

Các dũng sĩ đã bị cướp lột

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Dân Chúa giết những binh lính dũng cảm của kẻ thù và lấy đi mọi tài sản của chúng"

chìm vào giấc ngủ

"Chìm vào giấc ngủ" là phép chuyển ngữ có nghĩa là chết. Gợi ý dịch: "chết" hoặc "ngã chết"

Psalms 76:6

Trong sự quở trách của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự quở trách" chỉ về việc nói điều gì đó cách tức giận và chỉ trích. Gợi ý dịch: "Khi Chúa quở trách chúng"

chìm vào giấc ngủ

"chết" hoặc "ngã chết"

Ai đứng nổi trước mặt Chúa khi Chúa nổi giận?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Không ai có thể đứng nổi trước mặt Chúa khi Ngài nổi giận" hoặc "Chúa có thể tiêu diệt bất kì kẻ nào Chúa nổi giận".

Psalms 76:8

Chúa truyền sự phán xét

"Chúa tuyên án" hoặc "Chúa tuyên phán Ngài sẽ trừng phạt kẻ ác như thế nào"

Đất

"Đất" ở đây là phép hoán dụ chỉ về người sống trên đất. Gợi ý dịch: "Dân cư trên đất"

Thi hành phán quyết

"thực hiện phán quyết" hoặc "trưng phạt kẻ ác"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở

Psalms 76:10

Chắc chắn

Từ "chắc chắn" thể hiện điều mong đợi sau đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Sự phán xét giận dữ của Chúa trên kẻ thù sẽ ngợi ca Chúa

Có thể là 1) "người ta sẽ ngợi khen Chúa vì Chúa nổi giận cùng kẻ ác và xét xử chúng" hoặc 2) "những kẻ tức giận Chúa sẽ làm những việc khiến người ta ngợi khen Ngài".

Chúa buộc mình bằng cơn tức giận còn lại

Cơn tức giận của Đức Giê-hô-va được nói như thể một vật Ngài có thể buộc quanh mình giống như dây thắt lưng. Gợi ý dịch: "Chúa buộc cơn tức giận còn lại quanh Ngài như dây thắt lưng"

Psalms 76:11

Ngài, là Đấng đáng kính sợ

"Đức Giê-hô-va, là Đấng họ phải kính sợ"

Ngài làm các nhà lãnh đạo mất tinh thần

Cụm từ "Ngài làm mất tinh thần" có nghĩa là Ngài phá vỡ tinh thần hoặc Ngài làm cho khiêm nhường. Gợi ý dịch: "Ngài làm cho các quan trưởng phải khiêm nhường"

Ngài được các vua thế gian kính sợ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Các vua thế gian phải kính sợ Ngài"

Translation Questions

Psalms 76:2

Đâu là nơi ở của Chúa của Giu-đa?

Nơi ở của Ngài là ở Si-ôn.

Psalms 76:4

Khi Ngài xuống khỏi núi, Chúa trông như điều gì?

Chúa tỏa sáng rực rỡ và tỏ ra vinh hiển Ngài.

Psalms 76:6

Điều gì xảy ra khi Chúa của Gia-cốp quở phạt kẻ thù?

Lúc Ngài quở phạt, ngựa và người cưỡi đều chết.

Psalms 76:8

Điều gì xảy ra khi sự xét xử đến từtrời?

Khi sự xét xử của Ngài đến, trái đất sẽ sợ hãi và im lặng.

Psalms 76:10

Cơn giận của Chúa phân xử kẻ thù Ngài sẽ đem lại điều gì?

Cơn giận của Ngài phân xử kẻ thù Ngài sẽ đem lại sự ngợi khen.

Psalms 76:11

Dân sự phải làm gì với lời thế mà họ làm với Đức Giê-hô-va là Chúa họ?

Họ phải giữ lời thề của họ.

Psalms 76:12

Các hoàng tử và các vua đáp trả với Đức Giê-hô-va thế nào?

Ngài hạ thấp tinh thần của các hoàng tử, và Ngài đáng kinh sợ với các vua.

Chapter 77

Psalms 77:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Giê-đu-thun

Một trong các nhạc trưởng của Đa-vít có tên gọi này. Có thể ở đây đang chỉ về người đó. Xem cách đã dịch ở PSA039:001

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết." Xem cách đã dịch ở PSA053:001

Psalms 77:2

Con giơ tay

"Con đưa tay cầu nguyện"

Linh hồn con không chịu an ủi

"Linh hồn" là phép hoán dụ chỉ về con người. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con sẽ không để bất kì ai tìm cách can ủi con"

Con nhớ đến Đức Chúa Trời khi con than vãn, con nhớ đến Ngài khi con nao sờn

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.

khi con nao sờn

"khi tinh thần con sờn ngã" hoặc "khi tinh thần con bị áp đảo"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 77:4

Thông Tin Tổng Quát:

Sau khi nói về Đức Chúa Trời, A-sáp thưa cùng Ngài ở câu 4, sau đó quay lại nói về Đức Chúa Trời.

Chúa giữ mắt con mở ra

"Con thưa cùng Đức Chúa Trời rằng 'Chúa giữ mắt con mở ra'".

giữ mắt con mở ra

Mở mắt là phép hoán dụ chỉ về việc không thể ngủ. Gợi ý dịch: "làm con không ngủ được"

những ngày xưa, những năm tháng đã trôi qua

Có thể gọp hai vế trên làm một nếu cần thiết. Gợi ý dịch: "về những điều đã xảy ra rất lâu về trước"

Psalms 77:6

con nhớ lại

Cụm từ này có nghĩa là ghi nhớ. Gợi ý dịch: "Con nhớ"

Điều đã xảy ra

Một ý nghĩa khác là "điều đang xảy ra".

Chúa sẽ từ bỏ con đến đời đời ư? Ngài chẳng còn ban ơn cho con nữa sao?

Hai câu này bảy tỏ cảm giác bị Đức Chúa Trời từ bỏ.

ban ơn

"làm những điều cho thấy Ngài hài lòng về con"

Psalms 77:8

Thông Tin Tổng Quát:

Vì A-sáp không chắc chắn về câu trả lời cho những câu hỏi này nên chúng có thể là những câu hỏi thật sự và cần được dịch theo nghĩa đen.

Sự thành tín theo giao ước

Khi nói về "sự thành tín theo giao ước" của Đức Giê-hô-va, Đa-vít đang tin cậy rằng Đức Giê-hô-va sẽ luôn yêu thương ông. Gợi ý dịch: "tình yêu thành tín." Xem cách đã dịch ở PSA013:005

X

**Đức Chúa Trời quên làm ơn sao?

X

Đây là hai cách cùng nói về việc Đức Chúa Trời không bày tỏ lòng thương.

Cơn giận của Ngài đã đóng chặt lòng thương xót Ngài

A-sáp nói như thể cơn giận là một người đóng cửa nhốt người khác, ở đây là lòng thương xót, để không cho ra ngoài. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời không tỏ lòng thương xót chúng con nữa vì Ngài nổi giận cùng chúng con sao"

Psalms 77:10

Con nói

Có thể là 1) tác giả thi thiên tự nhủ hoặc 2) tác giả thi thiên thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Tay phải của Đấng Chí Cao đã thay đổi cùng chúng con

"Tay phải" là phép hoán dụ chỉ về quyền năng, thẩm quyền và sức mạnh. Gợi ý dịch: "Đấng Chí Cao không còn dùng quyền năng Ngài để giúp đỡ chúng con nữa"

Psalms 77:11

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả bắt đầu thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Nhớ lại

"nhớ". Xem cách đã dịch ở PSA074:001

Các việc kỳ diệu của Ngài xưa kia

"các việc kỳ diệu Chúa đã làm xưa kia"

Con sẽ ngẫm nghĩ về mọi công tác Chúa và sẽ suy gẫm về chúng.

Hai vế này đều có nghĩa là suy ngẫm việc Đức Giê-hô-va đã làm.

Ngẫm nghĩ

"suy nghĩ thật sâu sắc về"

suy gẫm về chúng

"suy nghĩ về ý nghĩa của chúng"

Psalms 77:13

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Có thần nào sánh bằng Đức Chúa Trời vĩ đại của chúng con?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "không có thần nào sánh bằng Đức Chúa Trời vĩ đại của chúng con."

bày tỏ quyền năng Ngài giữa các dân

"cho các dân tộc biết Ngài quyền năng thể nào"

Ban chiến thắng cho dân Ngài ... con cháu

"ban cho chúng con, là dân Ngài, sự chiến thắng ... chúng con là con cháu"

Ban chiến thắng cho dân Ngài

"cho dân Ngài đánh bại kẻ thù"

Dòng dõi của Gia-cốp và Giô-sép

Ở đây chỉ về toàn bộ nước Y-sơ-ra-ên.

Psalms 77:16

Các dòng nước thấy Chúa ... chúng sợ hãi ... các vực sâu run rẩy

A-sáp ví nước như một người thấy điều gì đó làm cho nó kinh khiếp.

Các dòng nước thấy Chúa thì chúng sợ hãi; các vực sâu run rẩy

"Nước" và "vực sâu" chỉ về những nguồn nước lớn như biển hay đại dương.

các vực sâu

"các dòng nước sâu nhất"

Các đám mây đổ nước xuống

A-sáp nói như thể các đám mây là người đổ nước ra từ thùng chứa. Gợi ý dịch: "Mưa đổ xuống rất nhiều" hoặc "trời mưa rất lớn"

các mũi tên Chúa bay khắp

Đây là phép ẩn dụ mô tả tia chớp như mũi tên của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Chúa làm tia chớp lóe lên như những mũi tên"

Bay

Dùng từ trong ngôn ngữ của bạn mô tả một mũi tên sau khi được bắn ra.

Psalms 77:18

Tiếng sấm

Đây là phép nhân hóa, dùng tiếng sấm để chỉ về tiếng của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "tiếng lớn như sấm" hoặc "tiếng rất lớn"

Tia chớp chiếu sáng thế gian

Tia chớp dường như chiếu sáng cả thế gian. Gợi ý dịch: "tia chớp chiếu sáng mọi thứ đến tận nơi xa nhất có thể nhìn thấy"

Con đường của Chúa ... lối Chúa

Hai cụm từ này có ý nghĩa tượng tự, được dùng chung để nhấn mạnh.

các dấu chân Chúa

A-sáp nói như thể Đức Giê-hô-va là con người nên Ngài có chân. Mặc dù đây là phép nhân hóa nhưng nếu được thì nên dịch theo nghĩa đen.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

các dấu chân Chúa không nhìn thấy được
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không ai nhìn thấy các dấu chân Chúa"
Chúa dẫn dắt dân Ngài như một đàn chiên
Phép so sánh này ví dân của Đức Chúa Trời như một đàn vật.
Dùng tay của
Cụm từ "dùng tay của" ở đây có nghĩa là "dùng việc làm của" hoặc "qua việc làm của".
tay
Ở đây "tay" là phép chuyển nghĩa chỉ về chính người đó.

Translation Questions

Psalms 77:2
A-sáp đã làm gì trong những ngày tai họa của ông?
Ông tìm kiếm Chúa, cầu nguyện suốt đêm, và giơ tay ông ra.
Psalms 77:3
A-sáp đã làm gì trong những ngày tai họa của ông?
Ông tìm kiếm Chúa, cầu nguyện suốt đêm, và giơ tay ông ra.
Psalms 77:5
A-sáp đã suy gẫm điều gì khi ông không ngủ được lúc đêm?
Ông suy gẫm về ngày xưa, về những thời giờ đã qua.
Psalms 77:6
A-sáp nhớ lại điều gì suốt đêm?
Ông nhớ lại bài hát ông từng hát.
Psalms 77:10
Nỗi buồn của A-sáp là gì?
Nỗi buồn của ông là sự hay thay đổi nơi bàn tay phải của Thượng đế đến ông và dân tộc của ông.
Psalms 77:11
Những việc làm nào của Đức Giê-hô-va mà A-sáp nghĩ về?
Ông nghĩ về những việc lạ thường của Đức Giê-hô-va thời xưa.
Psalms 77:13
Chúa khác với mọi thần khác thế nào?
Chúa lạ thường, Ngài làm điều lạ, Ngài bày tỏ sức mạnh và ban cho dân Ngài chiến thắng.
Psalms 77:15
Chúa khác với mọi thần khác thế nào?
Chúa lạ thường, Ngài làm điều lạ, Ngài bày tỏ sức mạnh và ban cho dân Ngài chiến thắng.
Psalms 77:16
Tự nhiên phải ứng lại Chúa thế nào?
Các nước sợ hãi và run sợ. Mấy trút nước và bầu trời làm sấm.
Psalms 77:17
Tự nhiên phải ứng lại Chúa thế nào?
Các nước sợ hãi và run sợ. Mấy trút nước và bầu trời làm sấm.
Psalms 77:18
Con đường của Chúa đã đi đâu?
Con đường của Ngài đã đi qua biển, và con đường Ngài qua các sóng nước nhưng không thấy các dấu chân Ngài.
Psalms 77:20
Con đường của Chúa đã đi đâu?
Con đường của Ngài đã đi qua biển, và con đường Ngài qua các sóng nước nhưng không thấy các dấu chân Ngài.

Chapter 78

Psalms 78:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Huấn ca của A-sáp
"Đây là huấn ca do A-sáp viết". Xem cách đã dịch cụm từ "Thi thiên của A-sáp" ở PSA050:001
Huấn ca
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001
lời dạy dỗ của ta
"ta dạy dỗ"
Những lời của miệng ta
Từ "miệng" là phép hoán dụ chỉ về người nói với họ. Gợi ý dịch: "lời ta"
mở miệng ta nói bằng ẩn dụ
"mở miệng ta và nói ẩn dụ"
Hát về
"nói." Xem cách đã dịch từ "tuôn đổ" ở câu PSA019:001
Những điều bí ẩn
Nếu ngôn ngữ của bạn có từ chỉ về những lời nói có chủ đích làm cho khó hiểu thì có thể sử dụng ở đây.
Psalms 78:3
Thông Tin Tổng Quát:
Câu 3 tiếp nối câu nói bắt đầu ở câu 2.
Chúng ta sẽ không giấu chúng với con cháu chúng ta
"Chúng ta chắc chắn sẽ thuật lại chúng cho dòng dõi chúng ta"
Các việc làm đáng khen ngợi của Đức Giê-hô-va
"những điều để chúng ta ngợi khen Đức Giê-hô-va"
Psalms 78:5
Ngài đã lập
"Đức Giê-hô-va đã lập"
Sắc lệnh giao ước
Có thể có những ý nghĩa khác là "chứng cớ" hoặc "luật pháp".
Psalms 78:7
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả nói về các "con cháu" ở câu PSA078:005
Psalms 78:9
Người Ép-ra-im ... ngày chiến trận
Đây có thể là phép ẩn dụ chỉ về việc không giữ giao ước (câu 10) nhưng tốt nhất nên dịch theo nghĩa đen.
Người Ép-ra-im
"Lính Ép-ra-im"
được trang bị bằng cung tên
Những quân lính này có thể cũng có cung tên. Gợi ý dịch: "có cung và gươm làm vũ khí"
Psalms 78:12
Đất Xô-an
Chỉ về vùng xung quanh thành Xô-an, tức là Ai Cập.
Psalms 78:15
Ngài chẻ
"Đức Chúa Trời chẻ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đủ lấp đầy những vực sâu của biển
Đây có thể là phép phóng đại. Gợi ý dịch: "nhiều nước hơn chúng có thể uống"
Những dòng suối
Những dòng sông nhỏ
Psalms 78:17
Họ thách thức Đức Chúa Trời
Họ muốn Đức Chúa Trời chứng tỏ rằng Ngài có thể làm được điều Ngài nói trước khi họ có thể tin Ngài.
Trong lòng họ
"họ hết lòng"
Để thỏa mãn ham muốn
"để họ có thể ăn thỏa thích"
Psalms 78:19
Họ nói
Dân Y-sơ-ra-ên nói
Đức Chúa Trời có thể dọn bàn cho chúng tôi trong hoang mạc được sao?
Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúng tôi không tin Đức Chúa Trời thật sự có thể dọn bàn cho chúng tôi trong hoang mạc!" hoặc "Hỡi Đức Chúa Trời, xin hãy chứng minh cho chúng tôi thấy Ngài có thể dọn bàn cho chúng tôi trong hoang mạc!"
dọn bàn
"cung cấp lương thực cho chúng ta"
nước phun ra
Nước chảy ra nhanh và nhiều
Nhưng liệu Ngài có thể ban bánh không? Ngài sẽ cung cấp thịt cho dân Ngài được chăng?
Dân chúng cười nhạo Đức Chúa Trời để sỉ nhục Ngài bằng những câu hỏi này. Gợi ý dịch: "Nhưng chúng tôi sẽ không tin rằng Ngài có thể ban bánh hay thịt cho dân Ngài cho đến chừng nào chúng tôi thấy Ngài làm việc đó."
Bánh ... thịt
Thức ăn từ cây cối hoặc thức ăn từ động vật. Mặc dù đây là phép tu từ chỉ về mọi loại thức ăn nhưng tốt nhất nên dịch theo nghĩa đen.
Psalms 78:21
cơn giận của Chúa tấn công Y-sơ-ra-ên
"vì Chúa nổi giận nên Ngài tấn công Y-sơ-ra-ên"
Không tin vào sự cứu rỗi của Ngài
"không tin Ngài có thể cứu họ"
Psalms 78:23
Ngài truyền cho các tầng trời
A-sáp nói như thể các tầng trời là con người, có thể nghe và vâng phục mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ngái phán cùng bầu trời"
các tầng trời
Có thể là 1) "bầu trời" hoặc 2) "các tầng mây"
mở các cửa trên trời
A-sáp ví bầu trời như một nhà kho có cửa. Gợi ý dịch: "mở trời ra như mở nhà kho"
Ngài ban mưa ma-na xuống cho họ ăn, và ban cho họ lương thực từ trời
Hai vế này nói về cùng một sự kiện.
Ngài ban mưa ma-na xuống cho họ ăn
"Ngài khiến ma-na rơi xuống từ trời như mưa"
bánh của thiên sứ
Ở đây chỉ về ma-na. "Cùng loại thức ăn với của thiên sứ".
thức ăn dồi dào
"rất nhiều thức ăn"
Psalms 78:26
Ngài khiến
"Đức Chúa Trời khiến"
Ngài đổ cơn mưa thịt trên họ như bụi
"Ngài khiến thịt rơi xuống từ trời như mưa, nhiều đến nỗi che phủ mặt đất như bụi"
Thịt
Chim
Như bụi ... nhiều như cát biển
Chim nhiều đến nỗi không ai có thể đếm được.
Psalms 78:29
Thèm muốn
"khao khát mãnh liệt"
Psalms 78:31
Thì
Trong khi thức ăn vẫn còn trong miệng họ (PSA078:029
cơn giận của Đức Chúa Trời tấn công họ
"Đức Chúa Trời nổi giận và tấn công họ." Xem cách đã dịch câu "cơn giận của Ngài tấn công Y-sơ-ra-ên" ở PSA078:021
Đánh hạ
"giết"
Không tin các công việc diệu kỳ của Ngài
"Các công việc" là phép hoán dụ chỉ về Đức Chúa Trời, Đấng làm những việc đó. Có thể dịch rõ họ không tin điều gì. Gợi ý dịch: "mặc dù Ngài đã làm những việc diệu kỳ nhưng họ không tin rằng Ngài sẽ chăm sóc họ"
Psalms 78:33
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục thuật lại những điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.
Cắt ngắn các ngày của họ
"giết họ khi họ vẫn còn trẻ"
Các năm tháng của họ đầy kinh hoàng
A-sáp ví các năm tháng như những thùng chứa. Gợi ý dịch: "năm này sang năm khác chúng luôn phải sợ hãi"
Tìm kiếm Ngài
Cầu hỏi Ngài họ cần làm gì để Ngài bảo vệ họ
Khiến chúng khổ sở, họ mới ... họ mới trở lại và tìm kiếm
Những người này khác với những người bị Đức Chúa Trời "cắt ngắn" các ngày của mình. Khi một vài người trong số họ chết đi thì những người khác mơi "bắt đầu tìm kiếm Đức Chúa Trời".
Mới trở lại
"mới ăn năn" hoặc "mới thật sự hối tiếc cho tội lỗi của mình"
Tha thiết
"khẩn thiết" hoặc "hết sức"
Psalms 78:35
Thông Tin Tổng Quát:
Thuật lại những việc Y-sơ-ra-ên đã làm.
Nhớ lại
"nhớ". Xem cách đã dịch ở PSA020:003
Đức Chúa Trời là vầng đá của họ
Tác giả ví Đức Chúa Trời như ngọn đồi hay núi mà người ta có thể chạy đến để được an toàn khỏi kẻ thù. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời là Đấng bảo vệ họ"
Đấng giải cứu của họ
"Đấng giải cứu họ"
tâng bốc Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"thưa cùng Ngài rằng Ngài rất tuyệt diệu nhưng bản thân họ không tin như vậy"

lấy miệng

"Miệng" là phép hoán dụ chỉ về lời nói.

Lòng họ chẳng khẳng khít với Ngài

"họ không tin Ngài" hoặc "họ không trung thành với Ngài"

Psalms 78:38

tha thứ tội ác họ

"tha thứ cho họ dù họ làm những việc gian ác"

nén cơn giận lại

A-sáp ví cơn giận của Đức Chúa Trời như một người đang tức giận mà Đức Chúa Trời phải kiềm nén lại để người đó không tấn công kẻ khiến mình tức giận. Gợi ý dịch: "không trừng phạt họ mặc dù Ngài nổi giận cùng họ"

Không khuấy động cơn thịnh nộ Ngài

A-sáp nói như thể cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là một người đang ngủ và Đức Chúa Trời để cho nó ngủ chứ không đánh thức nó dậy. Gợi ý dịch: "không để mình nổi giận tột cùng với họ"

Psalms 78:39

Nhớ lại

"nhớ." Xem cách đã dịch cụm từ "nhớ lại" ở câu PSA020:003

Họ chỉ là xác thịt

"Xác thịt" tức là yếu đuối và sẽ chết đi, đây là phép hoán dụ chỉ về sự yếu đuối và cái chết của con người. Gợi ý dịch: "dân Y-sơ-ra-ên yếu đuối và một ngày sẽ chết đi"

Vùng cằn cỗi

"nơi không có gì mọc nỗi"

Họ thách thức Đức Chúa Trời

Họ muốn Đức Chúa Trời chứng minh rằng Ngài có thể làm điều Ngài đã nói trước khi họ có thể tin Ngài. Xem cách đã dịch ở PSA078:017

Psalms 78:42

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thuật lại Đức Chúa Trời đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên thể nào.

Xô-an

Một thành phố ở Ai Cập.

Psalms 78:44

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả mô tả việc Đức Chúa Trời đã làm.

Đàn ruồi

Rất nhiều ruồi, trông như một đám mây

ăn nuốt chúng

Lũ ruồi khiến dân Ai Cập khốn khổ như thể chúng ăn nuốt người Ai Cập.

phó mùa màng chúng cho châu chấu, công lao chúng cho cào cào

"để châu chấu ăn mùa màng của chúng và cho cào cào ăn mọi thứ chúng đã khó nhọc làm ra"

Lan tràn

"đi khắp mọi nơi"

Châu chấu

Một loại côn trùng ăn cỏ có chân dài để bật nhảy

Ngài phó mùa màng chúng cho châu chấu

A-sáp ví mùa màng như một món quà Đức Chúa Trời ban cho châu chấu. Gợi ý dịch: "Ngài cho châu chấu ăn mùa màng của chúng"

công lao chúng cho cào cào

"Ngài phó công lao chúng cho cào cào". A-sáp nói như thể công lao của con người là một món quà Đức Chúa Trời ban cho cào cào. "Công lao" là phép hoán dụ chỉ về mùa màng mà công lao chúng đã làm ra. Gợi ý dịch: "Ngài cho cào cào ăn mùa màng mà chúng đã cực nhọc làm ra"

Psalms 78:47

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho người Ai Cập.

Cây sung

Một loại cây ra trái

Sấm sét

Sét đánh tạo tiếng sấm lớn

Ngài trút mưa đá

"Ngài cho mưa đá" hoặc "Ngài làm mưa đá"

Sự dữ dội của cơn giận Ngài trút trên chúng

A-sáp ví sự cơn giận của Đức Chúa Trời như một người có thể tấn công người khác. Gợi ý dịch: "Ngài nổi giận cùng chúng vì thế Ngài tấn công chúng cách thình lình và dữ dội"

Sự dữ dội của cơn giận Ngài

"Cơn tức giận dữ dội của Ngài"

trút trên chúng

"tấn công chúng khi chúng không ngờ đến"

Ngài sai cơn thịnh nộ, căm phẫn và rối loạn đến như những người đem tai họa

A-sáp nói như thể cơn thịnh nộ, căm phẫn và rối loạn là những con người Đức Chúa Trời có thể sai đi để làm việc cho Ngài. Gợi ý dịch: "Ngài giận dữ đến mức muốn gây thiệt hại cho người Ai Cập, vì thế Ngài đem sự rối loạn đến cho họ và cho họ gặp tai họa"

Căm phẫn

Cơn tức giận khiến một người muốn hãm hại người khác

Psalms 78:50

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời làm cho người Ai Cập.

Ngài mở lối cho cơn giận của Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể cơn tức giận là một con người có thể đi được, sẵn sàng trừng phạt con người được nói như thể Ngài tạo ra một con đường bằng phẳng cho ai đó bước đi. Gợi ý dịch: "Ngài tức giận đến mức làm mọi điều có thể để gây hại cho họ" hoặc "Cơn giận của Ngài như thể một đội quân và Ngài tạo một con đường bằng phẳng cho họ hành quân"

Ngài chẳng dung tha chúng khỏi sự chết

"Ngài không giữ cho dân Ai Cập khỏi chết" hoặc "Ngài chẳng để cho người Ai Cập được sống"

Phó chúng cho bệnh dịch

A-sáp ví bệnh dịch như một người sắp sửa hãm hại người Ai Cập. Gợi ý dịch: "Ngài khiến chúng đều đau yếu vì bệnh dịch"

Con đầu lòng của sức lực chúng

"những người nam quan trọng nhất và mạnh khỏe nhất của chúng"

trong các trại của Cham

"giữa các gia đình của Ai Cập"

Psalms 78:52

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời làm cho dân Y-sơ-ra-ên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

như con chiên ... như một bầy chiên
Tác giả ví dân Y-sơ-ra-ên như chiên. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời chăm sóc và bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên như người chăn bảo vệ chiên mình.
vùi lấp
"hoàn toàn che phủ"
Psalms 78:54
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.
tay phải Ngài đã lấy được
"Tay phải" là phép hoán dụ chỉ về quyền năng. Gợi ý dịch: "Ngài dùng quyền năng Ngài mà chiến thắng"
Chia sản nghiệp cho họ
Có thể là 1) Đức Chúa Trời chia sản nghiệp cho dân Y-sơ-ra-ên trong vùng đất các dân khác từng sống hoặc 2) Đức Chúa Trời chia cho các dân Ngài đuổi đi một sản nghiệp ở nơi khác. "Ban cho họ phần đất sẽ thuộc về họ luôn luôn".
Trong các trại của họ
Có thể là 1) Ngài cho Y-sơ-ra-ên ổn định trong các trại tại xứ mình hoặc 2) Ngài cho Y-sơ-ra-ên ổn định trong các trại mà Ngài đã đuổi các dân khác đi. Hầu hết các "trại" này là những căn nhà, cả khi các dân khác sống và khi dân Y-sơ-ra-ên sinh sống. Gợi ý dịch: "trong nhà của họ"
Psalms 78:56
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.
Thách thức và phản loạn
Hai từ này gần như một nghĩa. Tác giả dùng cả hai từ để nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên không tin Đức Chúa Trời sẽ chu cấp cho họ hay trừng phạt kẻ ác như Ngài đã phán.
Thách thức
Họ muốn Đức Chúa Trời chứng minh rằng Ngài có thể làm điều Ngài phán trước khi họ có thể tin Ngài. Xem cách đã dịch ở PSA078:017
Phản loạn
"không chịu vâng phục"
bất trung và tráo trở
Hai từ này gần như một nghĩa. Tác giả dùng chung để nhấn mạnh rằng Y-sơ-ra-ên không làm điều họ đã hứa cùng Đức Chúa Trời.
Psalms 78:58
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.
Chọc giận Chúa vì các nơi cao, khiến Ngài ghen tức vì những tượng chạm của chúng
Hai vế này song song và có ý nghĩa tương tự nhau.
Psalms 78:60
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.
Ngài để sức lực Ngài bị bắt và phó vinh hiển Ngài vào tay kẻ thù
A-sáp nói như thể sức lực và vinh hiển của Đức Chúa Trời là những vật thể mà người ta có thể bắt hay giữ lấy. "Sức lực" và "vinh hiển" có thể là phép hoán dụ chỉ về hòm giao ước. "Tay" là phép hoán dụ chỉ về quyền lực của kẻ thù. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài để kẻ thù chiếm lấy hòm giao ước vinh hiển của Ngài, Ngài phó cho chúng làm mọi điều chúng muốn"
Psalms 78:62
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.
Ngài phó dân Ngài cho gươm giáo
A-sáp ví dân của Đức Chúa Trời như một vật thể nhỏ mà Đức Chúa Trời có thể trao đi như một món quà, gươm giáo là phép hoán dụ chỉ về cái chết trong chiến tranh được ví như một người có thể nhận lấy quà tặng. Gợi ý dịch: "Ngài để người ta giết hết thảy dân Ngài trong chiến tranh"
Ngài nổi giận với cơ nghiệp mình
"Ngài nổi giận với dân Ngài phán sẽ thuộc về Ngài đời đời"
Lửa thiêu nuốt những chàng trai của họ
Có thể là 1) "Kẻ thù dùng lửa để giết những chàng trai của họ" hoặc 2) "Những chàng trai của họ chết trong trận chiến rất mau chóng như lửa đốt cháy cỏ khô". Đừng diễn đạt theo kiểu những người này dùng súng.
Thiêu nuốt
"Thiêu nuốt" là ăn hết mọi thứ rất nhanh chóng.
hôn lễ
Nghi lễ khi người ta kết hôn
Psalms 78:64
Các thầy tế lễ gục ngã vì gươm
"Kẻ thù dùng gươm giết rất nhiều thầy tế lễ Y-sơ-ra-ên"
Các góa phụ của họ không thể khóc than
Có thể là 1) người ta buộc các góa phụ không được khóc hoặc 2) số các thầy tế lễ chết nhiều đến nỗi không có thời gian để tổ chức lễ tang cho phù hợp.
Góa phụ
Phụ nữ có chồng chết
Chúa như người thức dậy khỏi giấc ngủ
"như thể Chúa thức dậy khỏi giấc ngủ"
Như người chiến sĩ la hét vì rượu
Có thể là 1) như một chiến sĩ uống quá nhiều rượu và trở nên tức giận vì bị đánh thức và muốn đánh nhau hoặc 2) như một chiến sĩ uống rất nhiều rượu nhưng bây giờ có thể minh mẫn và chiến đấu tốt vì đã được ngủ rồi.
Psalms 78:67
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.
trại của Giô-sép
"dòng dõi của Giô-sép"
Giô-sép ... Ép-ra-im
Ép-ra-im là con trai của Giô-sép.
Giu-đa ... núi Si-ôn
Núi Si-ôn nằm trong xứ thuộc chi phái Giu-đa.
Như các tầng trời
"cao, như các tầng trời"
Như trái đất
"vững vàng và chắc chắn như trái đất"
Psalms 78:70
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm
Từ các chuồng chiên
"từ nơi người làm việc trong các chuồng chiên"
các chuồng chiên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khoảng trống có tường chung quanh giữ cho chiên được an toàn

Để làm người chăn của Gia-cốp, là dân Ngài, và của Y-sơ-ra-ên là cơ nghiệp Ngài

"Người chăn" là phép ẩn dụ chỉ về người lãnh đạo và bảo vệ người khác. Gợi ý dịch: "để lãnh đạo và bảo vệ dòng dõi của Gia-cốp, là dân Ngài, và của Y-sơ-ra-ên, là cơ nghiệp Ngài"

cơ nghiệp Ngài

"những người Ngài đã chọn để thuộc về Ngài đời đời". Xem cách đã dịch ở PSA078:062

Đa-vít chăn giữ họ

"Chăn giữ" là phép ẩn dụ chỉ về việc lãnh đạo và bảo vệ. Gợi ý dịch: "Đa-vít dẫn dắt họ và bảo vệ họ"

Translation Questions

Psalms 78:2

A-xáp dạy dân sự Ngài thế nào?

A-xáp sẽ mở miệng nói ngụ ngôn và hát về những thứ kín nhiệm trong quá khứ.

Psalms 78:4

A-xáp sẽ chuyển giao điều gì tới thế hệ kế tiếp?

A-xáp sẽ nói với thế hệ kế tiếp về những việc đáng ngợi khen của Đức Giê-hô-va, sức mạnh Ngài, và những điều lạ thường mà Ngài đã làm.

Psalms 78:6

Tại sao Đức Giê-hô-va ra lệnh cho tổ tiên của A-áp để dạy dỗ các mạng lệnh của của Đức Giê-hô-va tới con cháu họ?

Đức Giê-hô-va truyền điều này để thế hệ tiếp theo phải biết mạng lệnh Ngài, để con cháu chưa sanh được nói rồi kể lại cho con cháu chúng.

Psalms 78:7

Tại sao nó quan trọng để tổ phụ A-xáp dạy dỗ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va cho con cháu họ?

Nó quan trọng để họ dạy dỗ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va cho con cháu họ vì con cháu sẽ không như tổ phụ là thế hệ cứng đầu và chống đối.

Psalms 78:8

Tại sao nó quan trọng để tổ phụ A-xáp dạy dỗ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va cho con cháu họ?

Nó quan trọng để họ dạy dỗ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va cho con cháu họ vì con cháu sẽ không như tổ phụ là thế hệ cứng đầu và chống đối.

Psalms 78:10

Y-sơ-ra-ên điều sai trước mặt Chúa thế nào?

Họ không giữ giao ước với Chúa, và chối bỏ việc vâng theo luật pháp của Ngài.

Psalms 78:14

Chúa dẫn dắt Y-sơ-ra-ên thế nào?

Ngài dắt họ vào ban ngày có áng mây, ban đêm có có ánh sáng lửa.

Psalms 78:18

Y-sơ-ra-ên thử Chúa thế nào?

Họ thử Chúa trong lòng bằng việc cầu xin cho thức ăn để thỏa thích sự thèm ăn.

Psalms 78:19

Y-sơ-ra-ên đã nói nghịch lại Chúa điều gì?

Họ nói nghịch cùng Chúa rằng, " Chúa thực sự có thể dọn bàn cho chúng ta trong đồng vắng được sao?"

Psalms 78:22

Tại sao Đức Giê-hô-va trở nên giận dữ và tấn công Y-sơ-ra-ên bằng cơn giận của Ngài?

Đức Giê-hô-va trở nên giận dữ với Y-sơ-ra-ên bởi vì họ không tin Ngài và cậy trông nơi cứu chuộc của Ngài.

Psalms 78:23

Chúa đã lo liệu cho Y-sơ-ra-ên thế nào dù rằng họ đã không tin vào Ngài?

Chúa lo liệu cho họ bằng cơn mưa ma-na và thịt ê hề để họ ăn no.

Psalms 78:24

Chúa đã lo liệu cho Y-sơ-ra-ên thế nào dù rằng họ đã không tin vào Ngài?

Chúa lo liệu cho họ bằng cơn mưa ma-na và thịt ê hề để họ ăn no.

Psalms 78:31

Chúa đã làm gì cho Y-sơ-ra-ên trong lúc Ngài giận?

Ngài tấn công và giết kẻ mạnh nhất trong họ, và hạ gục những người nam trẻ.

Psalms 78:34

Dân Y-sơ-ra-ên đáp lại thế nào khi lúc Chúa đau buồn về họ?

Họ bắt đầu tìm kiếm Ngài, trở về và tha thiết tìm Chúa.

Psalms 78:37

Tình trạng trong lòng Y-sơ-ra-ên trước Chúa là gì?

Lòng họ không kiên quyết vững tin nơi Ngài, và họ cũng không trung thành với giao ước Ngài.

Psalms 78:38

Chúa đã bày tỏ ân điển với dân Y-sơ-ra-ên?

Ngài tha thứ tội lỗi họ và không hủy diệt họ bởi vì Ngài nhớ lại họ được làm từ xác thịt.

Psalms 78:44

Chúa đã làm gì với các sông của người Ai Cập?

Ngài biến sông của người Ai Cập thành máu, để họ không uống các dòng nước của họ.

Psalms 78:51

Chúa đã làm gì với các con đầu lòng của người Ai Cập?

Ngài giết tất cả con đầu lòng của Ai Cập, con đầu lòng là sức mạnh của họ.

Psalms 78:52

Chúa dẫn dắt dân của chính Ngài thế nào?

Ngài dẫn họ ra như cừu, và dắt họ qua đồng vắng như bầy chiên.

Psalms 78:55

Chúa đã làm gì với các dân?

Ngài đuổi các dân trước Y-sơ-ra-ên và để lại sản nghiệp của họ cho Y-sơ-ra-ên.

Psalms 78:57

Dân Y-sơ-ra-ên đã làm giống như tổ tiên họ thế nào?

Họ bất trung và làm điều dối trá như tổ tiên họ.

Psalms 78:58

Y-sơ-ra-ên khiến Chúa giận dữ bằng việc gì?

Họ khiến Ngài giận giữ bằng những đền thờ thần của họ và chọc tức Chúa để đố kỵ với thần của họ.

Psalms 78:62

Chúa phó dân Ngài vào điều gì?

Ngài phó chúng vào gươm kiếm, và lửa nuốt lấy những người nam trẻ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 78:63
Chúa phó dân Ngài vào điều gì?
Ngài phó chúng vào gươm kiếm, và lửa nuốt lấy những người nam trẻ.
Psalms 78:68
Chúa đã chọn chi phái nào từ Y-sơ-ra-ên?
Ngài chọn chi phái Giu-đa và núi Si-ôn mà Ngài ưa thích.
Psalms 78:70
Chúa đã chọn ai thành người dẫn dắt Y-sơ-ra-ên?
Ngài chọn Đa-vít, tôi tớ Ngài, và chọn ông thành người chăn dắt.

Chapter 79
Psalms 79:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của A-sáp
"Đây là thi thiên do A-sáp viết." Xem cách đã dịch ở PSA050:001
sản nghiệp của Chúa
"vùng đất thuộc về Chúa đời đời". Xem cách đã dịch ở PSA068:009
Chúng đổ huyết họ ra như nước
"Huyết" ở đây là phép hoán dụ chỉ về mạng sống vô tội. Làm đổ huyết tức là giết người vô tội. Nước là thứ thông thường mà ai cũng thấy mỗi ngày, vì thế huyết trở nên như nước có nghĩa là rất nhiều người vô tội phải chết. Gợi ý dịch: "Chúng đã giết rất nhiều người vô tội đến nỗi huyết của họ ở khắp mọi nơi, như nước sau cơn mưa"
chẳng có ai chôn cất họ
"chẳng có ai chôn cất người chết"
Psalms 79:4
Chúng con đã trở nên sự sỉ nhục cho kẻ lân cận mình, vật nhạo báng và đồ chê cười cho những kẻ ở chung quanh chúng con
"Sự sỉ nhục", "vật nhạo báng" và "đồ chê cười" là phép hoán dụ chỉ về những người bị người khác sỉ nhục, nhạo báng, chê cười và chế giễu. Gợi ý dịch: "Chúng con đã trở nên người cho kẻ lân cận sỉ nhục, những kẻ ở chung quanh chúng con nhạo báng và chê cười chúng con"
Chúng con đã trở nên
Đại từ "chúng con" chỉ về con dân của Đức Chúa Trời.
Chê cười
Cười lớn để làm một người hổ thẹn
Sự ghen tức của Ngài sẽ cháy như lửa cho đến chừng nào?
Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Dường như sự ghen tức của Chúa sẽ cháy như lửa mãi mãi không ngừng"
Sự ghen tức của Ngài sẽ cháy
"Sự ghen tức" nói về việc Đức Chúa Trời ghen tuông và tức giận. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ ghen tuông và tức giận"
cháy như lửa
Phép so sánh này ví sự biểu lộ cơn giận của Đức Chúa Trời như một ngọt lửa hủy diệt. Gợi ý dịch: "hủy diệt chúng con"
Psalms 79:6
Thông Tin Tổng Quát:
Hai cặp cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.
Xin đổ cơn giận của Chúa trên các dân
A-sáp nói như thể cơn giận của Đức Chúa Trời là chất lỏng. Gợi ý dịch: "Vì Chúa tức giận, trừng phạt các dân"
Không cầu khẩn danh Ngài
"Danh" là phép hoán dụ chỉ về quyền lực và thẩm quyền của một người. Gợi ý dịch: "không thuộc về Ngài" hoặc "không cầu xin Ngài cứu giúp họ"
chúng đã ăn nuốt Gia-cốp
"Gia-cốp" là phép hoán dụ chỉ về dòng dõi của ông, tức là dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "chúng đã hoàn toàn tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên"
Psalms 79:8
Xin đừng giữ tội lỗi của tổ phụ chúng con mà nghịch cùng chúng con
"Xin đừng tiếp tục ghi nhớ tội lỗi của tổ phụ chúng con mà trừng phạt chúng con" hoặc "Xin tha thứ cho chúng con những tội lỗi của tổ phụ chúng con"
Chúng con chán nản vô cùng
"chúng con mòn mỏi vô cùng"
Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi chúng con
Có thể dịch từ "sự cứu rỗi" thành động từ "cứu rỗi": "Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi chúng con"
Vì vinh quang của danh Chúa
"Danh" là phép hoán dụ chỉ về danh tiếng của Ngài, là điều người ta biết về Ngài. Gợi ý dịch: "để người ta biết về vinh quang Ngài"
Vì cớ danh Ngài
Danh của Đức Chúa Trời ở đây tượng trưng cho chính Ngài và vinh hiển đáng có của Ngài. Gợi ý dịch: "để người ta tôn vinh Ngài" hoặc "vì chính Ngài"
Psalms 79:10
Vì sao các dân nói rằng: "Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?"
Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Các dân không được nói rằng 'Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?'"
Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?
Có thể dịch lời chế nhạo này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của chúng chẳng thể làm gì được!"
Nguyện huyết của đầy tớ Chúa đã đổ ra được báo thù giữa các dân trước mắt chúng con
Làm đổ huyết là phép hoán dụ chỉ về việc giết người vô tội. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin báo thù cho các đầy tớ vô tội của Chúa bị các dân giết hại tại nơi chúng con có thể chứng kiến".
trước mắt chúng con
"trước mặt chúng con" hoặc "khi chúng con có mặt"
Nguyện tiếng than thở của các tù nhân đến trước mặt Chúa
A-sáp nói như thể tiếng kêu của các tù nhân trong lúc đau khổ và buồn rầu là một người ra mắt vua. Gợi ý dịch: "Xin lắng nghe tiếng than thở của các tù nhân và cứu giúp họ"
Con cái của sự chết
"Những người bị án tử hình"
Psalms 79:12
Báo trả ... sự sỉ nhục ... Chúa
A-sáp ví việc làm gian ác của các nước láng giềng đối với Y-sơ-ra-ên là "sự sỉ nhục" và nói như thể chúng là những đồ vật. Ông cầu xin Chúa đếm số những việc đó và với mỗi việc mà các nước láng giềng đã phạm thì ông cầu xin Chúa sai người làm lại cho chúng gấp bảy lần.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Báo trả
"Trả lại" hoặc "trao lại"
trong lòng
Trong chỗ đầu gối và đùi của chúng khi chúng ngồi. Đây là phép hoán dụ có nghĩa là "trực tiếp và cá nhân".
Chúng con là dân của Chúa và là bầy chiên của đồng cỏ Ngài, chúng con sẽ cảm tạ Chúa
"Chiên" là phép ẩn dụ chỉ về những người bất lực được người chăn bảo vệ và dẫn dắt. Gợi ý dịch: "chúng con là dân của Chúa, người được Chúa bảo vệ và dẫn dắt, chúng con sẽ cảm tạ Chúa"
truyền ra sự ca ngợi Ngài cho mọi thế hệ
"làm cho mọi thế hệ biết tất cả những điều tốt lành Chúa đã làm"
sự ca ngợi Ngài
Đây là phép hoán dụ chỉ về "những điều tốt lành để người ta ca ngợi Chúa"

Translation Questions

Psalms 79:1
Điều gì xảy khi dân ngoại vào trong Y-sơ-ra-ên?
Họ làm ô nhơ đền thờ, họ biến Giê-ru-sa-lem thành một đống đổ nát.
Psalms 79:4
Y-sơ-ra-ên đã trở thành gì với người lân cận của họ?
Họ đã trở thành sự nhục nhã cho người thân cận họ, và sự nhạo báng và trò cười cho những kẻ quanh họ.
Psalms 79:6
A-xáp cầu xin Chúa trút cơn thịnh nộ của Ngài lên ai?
Ông cầu xin Chúa trút cơn thịnh nộ của Ngài lên các dân không biết Chúa và các vương quốc không cầu khẩn danh Chúa.
Psalms 79:8
A-sáp không muốn Chúa điều gì chống lại Y-sơ-ra-ên?
Ông muốn Chúa đừng giữ lại tội lỗi của tổ tiên họ.
Psalms 79:10
A-sáp không muốn các dân nói gì?
Ông không muốn các dân nói rằng, "Chúa của chúng ta ở đâu?"
Psalms 79:13
A-sáp nói rằng Y-sơ-ra-ên là gì với Chúa?
Ông nói rằng họ là dân của Chúa và cừu trên đồng cỏ Ngài.

Chapter 80
Psalms 80:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng". Xem cách đã dịch ở PSA004:001
Theo điệu Shoshannim
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA045:001
Thi thiên của A-sáp
"Đây là thi thiên do A-sáp viết." Xem cách đã dịch ở PSA050:001
Đấng chăn dắt của Y-sơ-ra-ên
A-sáp gọi Đức Chúa Trời là Đấng dẫn dắt và bảo vệ Y-sơ-ra-ên.
Ngài là Đấng dẫn dắt Giô-sép như bầy chiên
"Chúa là Đấng dẫn dắt dòng dõi của Giô-sép như thể họ là bầy chiên"
Giô-sép
Ở đây Giô-sép đại diện cho dân tộc Y-sơ-ra-ên.
Chúa là Đấng ngự trên Chê-ru-bim
Nắp của hòm giao ước trong đền thờ, biểu tượng cho ngôi Đức Chúa Trời cai trị trên Y-sơ-ra-ên, có gắn Chê-ru-bim bằng vàng ở mỗi đầu, đối diện nhau.
chiếu sáng trên chúng con
A-sáp nói như thể Đức Chúa Trời là mặt trời ban ánh sáng, đây là phép ẩn dụ chỉ về sự tốt lành trong phẩm hạnh. Gợi ý dịch: "ban ánh sáng cho chúng con" hoặc "bày tỏ cho chúng con lối sống đúng đắn"
Giục giã năng lực Ngài
"Giục giã" có nghĩa là "đưa vào hành động".
làm cho mặt Chúa chiếu sáng trên chúng con
Tác giả ví việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên họ như thể mặt Ngài chiếu sáng trên họ. Gợi ý dịch: "làm ơn cho chúng con"
thì chúng con sẽ được cứu
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và xin cứu chúng con" hoặc "để Ngài có thể cứu chúng con"
Psalms 80:4
dân Chúa
Y-sơ-ra-ên
Chúa đã nuôi họ bằng bánh giọt lệ và cho họ uống nước mắt tràn trề
"Bánh giọt lệ" và "uống nước mắt" là phép ẩn dụ chỉ về nỗi đau buồn triền miên. Gợi ý dịch: "Chúa cho họ phải buồn rầu luôn luôn"
Psalms 80:7
Thông Tin Tổng Quát:
A-sáp thay mặt cho dân Y-sơ-ra-ên. Ông bắt đầu ở câu 8 để nói về cách Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên an cư trong xứ như thể Đức Chúa Trời là người làm sạch đất để trồng nho. Nếu cần dịch ý nghĩa của câu chuyện chứ không phải lời kể chuyện thì xem cách dịch trong bản UDB.
làm cho mặt Chúa chiếu sáng trên chúng con
Tác giả ví việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên họ như thể mặt Ngài chiếu sáng trên họ. Xem cách đã dịch ở PSA080:001
chúng con sẽ được cứu
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa sẽ cứu chúng con"
Chúa đã đem về một cây nho từ Ai Cập
A-sáp ví dân Y-sơ-ra-ên như cây nho chuẩn bị được trồng nơi khác. Gợi ý dịch: "Chúa đem chúng con ra khỏi Ai Cập như một cây nho"
Ngài đuổi các dân ra rồi trồng cây ấy
Tác giả thi thiên ví dân Chúa như cây trồng được Ngài trồng lại nơi khác. Gợi ý dịch: "Chúa đuổi các dân ra khỏi xứ của chúng rồi ban nó cho chúng tôi, là cây nho, và trồng chúng tôi tại đó"
Psalms 80:9

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông Tin Tổng Quát:
A-sáp tiếp tục nói về cách Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên được an cư trong xứ như thể Đức Chúa Trời là người làm sạch đất để trồng nho. Nếu cần dịch ý nghĩa của câu chuyện chứ không phải lời kể chuyện thì xem cách dịch của bản UDB.
Ngài đã làm sạch mảnh đất cho nó
"Ngài đã làm sạch mảnh đất cho cây nho"
Nó châm rễ
"cây nho châm rễ" hoặc "cây nho bắt đầu mọc"
đầy trên đất
"các nhánh của nó che phủ khắp đất"
Các núi bị bóng nó che phủ và cây bá hương của Đức Chúa Trời bị che phủ bởi các nhánh nó
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Bóng nó che phủ các núi, cành của nó che phủ cây bá hương của Đức Chúa Trời"
cây bá hương của Đức Chúa Trời bị che phủ bởi các nhánh nó
"và cây bá hương của Đức Chúa Trời bị các nhánh nó che phủ", câu này viết theo động từ của câu trước đó. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và các cành của nó che phủ cây bá hương của Đức Chúa Trời"
cây bá hương của Đức Chúa Trời
Có thể là 1) "những cây bá hương cao nhất", những cây bá hương mọc trên "các núi" trong xứ Li-ban phía bắc Y-sơ-ra-ên, hoặc 2) "cây bá hương của chính Đức Chúa Trời".
Biển
Biển Địa Trung Hải về phía tây của Y-sơ-ra-ên
Chồi
Phần cây mới bắt đầu mọc trên đất
Psalms 80:12
Thông Tin Tổng Quát:
A-sáp tiếp tục nói về cách Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên được an cư trong xứ như thể Đức Chúa Trời là người làm sạch đất để trồng nho. Nếu cần dịch ý nghĩa của câu chuyện chứ không phải lời kể chuyện thì xem cách dịch của bản UDB.
tường rào nó
Tường đá chứ không phải tường gỗ
Heo rừng boars
Lợn hoang phá hoại vườn tược, nông trại và tấn công con người. Nếu người đọc không biết chúng thì hãy dùng từ chỉ về loại thú hoang phá hoại vườn tược, nông trại và tấn công con người.
Rừng
Vùng đất có nhiều cây cối
Thú
Mọi loại động vật hoang dã
Đồng
Vùng đất có nhiều cây cỏ chứ không phải các loại cây cao.
Psalms 80:14
Thông Tin Tổng Quát:
A-sáp kết thúc phần nói về cách Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên được an cư trong xứ như thể Đức Chúa Trời là người làm sạch đất để trồng nho. Nếu cần dịch ý nghĩa của câu chuyện chứ không phải lời kể chuyện thì xem cách dịch của bản UDB.
Trở lại
"Trở lại cùng chúng con" hoặc "Trở lại và giúp đỡ chúng con"
Và lưu tâm
"và đoái xem"
cây nho nầy
Tác giả tiếp tục ví sánh dân Y-sơ-ra-ên với cây nho.
Đây là gốc mà tay phải Chúa đã trồng
Tay phải tượng trưng cho quyền năng và sự tể trị của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đây là gốc mà Chúa, là Đức Giê-hô-va, đã trồng"
Chồi
Phần cây mới vừa bắt đầu mọc trên đất. Xem cách đã dịch ở PSA080:009
Xuống; chúng tàn lụi vì sự quở trách của Chúa
Có thể là 1) "xuống; dân Chúa diệt vong vì sự quở trách của Chúa" hoặc 2) "xuống. Nguyện kẻ thù Chúa diệt vong vì sự quở trách của Chúa!"
Psalms 80:17
Tay Chúa
Ở đây chỉ về quyền năng và sự tể trị của Đức Giê-hô-va.
người của tay phải Chúa
Dân Y-sơ-ra-ên, là dân mà Đức Giê-hô-va đã chọn làm dân Ngài.
Tay phải
Khi một người ở Y-sơ-ra-ên muốn tôn vinh người khác thì sẽ để người đó đứng bên phải ngay cạnh mình.
chúng con sẽ không xoay bỏ Chúa
"Chúng con sẽ không ngừng thờ phượng và vâng phục Ngài" hoặc "chúng con sẽ luôn thờ phượng và vâng phục Ngài"
Psalms 80:19
chiếu sáng trên chúng con
Tác giả ví việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên họ như thể mặt Ngài chiếu sáng trên họ. Xem cách đã dịch ở PSA080:001
chúng con sẽ được cứu
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa sẽ cứu chúng con"

Translation Questions

Psalms 80:1
Tác giả đang cầu xin Người chăn dắt Y-sơ-ra-ên làm gì?
Người viết cầu xin Chúa hãy chú ý và chiếu sáng trên họ.
Psalms 80:2
Tác giả đang cầu xin Người chăn dắt Y-sơ-ra-ên làm gì trước Ép-ra-im, Bên-gia-min và Ma-na-se?
Ông đang cầu xin Người chăn dắt Y-sơ-ra-ên lay động năng quyền của Ngài và đến cứu họ.
Psalms 80:3
Tác giả đang cầu xin Chúa làm gì?
Ông đang cầu xin Chúa phục hồi họ, soi sáng mặt Ngài trên họ và họ sẽ được cứu.
Psalms 80:4
Sự phản hồi từ Đức Giê-hô-va khi dân Ngài cầu nguyện là gì?
Ngài giận dữ với dân Ngài kho họ cầu nguyện.
Psalms 80:5
Chúa đã ban cho họ đồ ăn và thức uống gì?
Ngài đã cho họ ăn và uống bằng nước mắt.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 80:6
Kẻ thân cận của Y-sơ-ra-ên và kẻ thù đang làm gì họ?
Kẻ thân cận đang cãi lẽ với họ và kẻ thù đang cười nhạo vào họ.
Psalms 80:7
Điều gì xảy ra khi Chúa các đạo quân phục hồi họ và soi sáng mặt Ngài trên họ?
Họ sẽ được cứu.
Psalms 80:8
Chúa các đạo quân làm gì với cây nho mà Ngài đem ra khỏi Y-sơ-ra-ên?
Ngài đuổi các dân và dời nó đi trồng.
Psalms 80:9
Chúa làm gì để sắm sửa trồng cây nho?
Chúa dọn đất cho nó.
Psalms 80:11
Nhánh nho che phủ điều gì?
Nhánh nho che phủ các núi và những cây tùng cao nhất.
Cây nho đã nảy chồi trên nhánh nó bao xa?
Cây nho vươn nhánh nó xa đến biển và chồi nó vươn đến sông Ơ-phơ-rát.
Psalms 80:12
Điều gì sẽ xảy ra khi các bức tường của cây nho bị
Mọi người qua bứt trái nó.
Psalms 80:13
Lợn rừng và thú vật sẽ làm gì với cây nho?
Lợn rừng phá nó và thú vật ăn nó.
Psalms 80:14
Tác giả cầu xin Chúa các đạo quân làm gì với cây nho?
Ông cầu xin Chúa các đạo quân quay lại, nhìn xuống từ trời, chú ý và chăm sóc cây nho này.
Psalms 80:15
Ai trồng rễ cây nho và làm rễ nó lớn?
Tay phải của Chúa các đạo quân trồng rễ và làm nó lớn.
Psalms 80:16
Điều gì đang xảy ra với cây nho?
Cây nho bị đốt và đốn hạ.
Tác giả muốn điều gì xảy ra với kẻ thù của Chúa các đạo quân?
Tác giả muốn kẻ thù của Chúa các đạo quân bị diệt vong bởi vì sự quở phạt của Ngài.
Psalms 80:17
Tác giả muốn Chúa làm gì cho người ở tay phải của Chúa?
Tác giả muốn tay Chúa ở trên người đó.
Chúa đã làm gì cho con trai loài người?
Chúa khiến người mạnh mẽ cho chính người.
Psalms 80:18
Dân sự sẽ làm gì nếu Chúa hồi sinh họ?
Họ sẽ kêu cầu danh của Chúa.
Psalms 80:19
Điều gì sẽ xảy ra nếu Đức Giê-hô-va, Chúa các đạo quân soi sáng lên dân Ngài?
Nếu Đức Giê-hô-va soi sáng họ, thì họ sẽ được cứu.

Chapter 81
Psalms 81:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thông Tin Tổng Quát:
Thi thiên của A-sáp.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng;"
Theo điệu Ghi-tít
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA008:001
Thi thiên của A-sáp
"Đây là thi thiên do A-sáp viết"
Đức Chúa Trời là sức lực của chúng ta
Danh từ trừu tượng "sức lực" có thể dịch là "mạnh mẽ". Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời là Đấng khiến cho chúng con mạnh mẽ"
Đức Chúa Trời của Gia-cốp
Ở đây "Gia-cốp" đại diện cho hết thảy con cháu của ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, dân tộc của con cháu Gia-cốp"
gióng trống cơm, khảy đàn lia du dương hòa với đàn hạc
Đây là những nhạc cụ.
trống cơm
Loại nhạc cụ có một đầu như trống để gõ và có các miếng kim loại xung quanh mặt bên để phát ra âm thanh khi rung lắc nhạc cụ.
trăng non
Bắt đầu tháng âm lịch.
Ngày trăng rằm
Giữa tháng âm lịch.
Khi ngày lễ của chúng ta bắt đầu
"và vào ngày bắt đầu những kỳ lễ"
Psalms 81:4
Vì đó
Ở đây từ "đó" chỉ về ngày lễ.
Một luật lệ do Đức Chúa Trời của Gia-cốp ban cho
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của Gia-cốp chỉ định điều đó" hoặc "Đức Chúa Trời của Gia-cốp truyền cho điều đó"
Đức Chúa Trời của Gia-cốp
Ở đây "Gia-cốp" đại diện cho hết thảy con cháu của ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, dân tộc của con cháu Gia-cốp"
Ban hành như một quy định
"ban ra như một luật lệ"
Nơi Giô-sép
Ở đây "Giô-sép" đại diện cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "cho Y-sơ-ra-ên"
Khi Ngài đi đánh xứ Ai Cập
Ở đây chỉ về những sự kiện lịch sử tại Ai Cập khi dân Y-sơ-ra-ên bị nô lệ và Đức Chúa Trời giải cứu họ.
xứ Ai Cập
Ở đây "xứ" chỉ về dân trong xứ. Gợi ý dịch: "dân Ai Cập"
Psalms 81:6
Thông Tin Tổng Quát:
Ở đây Đức Chúa Trời bắt đầu phán.
cất gánh nặng khỏi vai người
Ở đây "gánh nặng trên vai người" chỉ về việc lao động cưỡng bức người Y-sơ-ra-ên phải chịu khi làm nô lệ tại Ai Cập.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tay ngươi được buông khỏi cái giỏ

"Cái giỏ" ở đây tượng trưng cho việc lao động cưỡng bức mà dân Y-sơ-ra-ên phải chịu khi làm nô lệ tại Ai Cập.

Trong cơn gian truân

"Trong cơn khốn khổ nặng nề"

Ta đã đáp lời ngươi từ trong đám mây đen của sấm sét

Khi Đức Chúa Trời đến cùng dân Y-sơ-ra-ên, Ngài che sự hiện diện và vinh quang của Ngài trong đám mấy đen đáng sợ.

Ta đã thử thách ngươi tại dòng nước Mê-ri-ba

Đức Chúa Trời thử xem dân Y-sơ-ra-ên có tin cậy Ngài ban nước cho họ tại hoang mạc Mê-ri-ba không.

Psalms 81:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va nhắc cho dân Ngài nhớ lại điều Ngài đã phán khi họ ở trong hoang mạc.

Vì ta khuyến cáo ngươi

"vì Ta đưa ra lời cảnh báo cho ngươi"

Y-sơ-ra-ên

Ở đây "Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "người Y-sơ-ra-ên" hoặc "dân Y-sơ-ra-ên" .

phải chi ngươi lắng nghe ta!

"Ta ước gì ngươi lắng nghe ta" hoặc "nhưng ngươi phải lắng nghe ta!"

Hãy há to miệng ngươi ra thì ta sẽ làm cho đầy

Đức Chúa Trời chăm sóc cho mọi nhu cầu của dân Ngài được nói như thể Ngài là chim mẹ mớm mồi cho con.

Psalms 81:11

Thông Tin Tổng Quát:

Đến đây Đức Giê-hô-va cho biết điều gì thực sự xảy ra sau khi Ngài đã cảnh báo dân Ngài.

Lời ta

Ở đây "lời" chỉ về điều Đức Chúa Trời phán. Gợi ý dịch: "điều ta phán" hoặc "ta"

Vì vậy, ta phó họ cho sự cứng lòng của họ

Đức Chúa Trời để cho dân Ngài cứ cứng lòng được nói như thể Ngài phó họ cho kẻ thù hãm hại họ. Gợi ý dịch: "Vì thế, ta để họ cứ cứng lòng"

Psalms 81:13

Ôi! Phải chi dân ta chịu đi trong đường lối ta

Đức Chúa Trời muốn dân Ngài vâng phục Ngài được nói như thể Ngài muốn dân Ngài bước đi trên con đường của Ngài. Gợi ý dịch: "Ước gì họ vâng giữ luật pháp ta"

Ta trở tay chống lại

"Tay" chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Ta sẽ tiêu diệt" hoặc "Ta sẽ đánh bại"

Psalms 81:15

Những kẻ ghét Đức Giê-hô-va ... trước Ngài

Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Gợi ý dịch: "những kẻ ghét ta ... trước ta"

Khúm núm trong sợ hãi

"cúi xuống trong sợ hãi" hoặc "sấp mình trong sợ hãi"

Nguyện chúng bị sỉ nhục đời đời

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ làm cho chúng phải nhục nhã đời đời" hoặc "Ta sẽ trừng phạt chúng đời đời"

Ta sẽ nuôi Y-sơ-ra-ên bằng lúa mì ngon nhất

Đức Chúa Trời khiến lúa mì ngon nhất mọc lên ở Y-sơ-ra-ên được nói như thể Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên ăn lúa mì theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "Ta sẽ cho dân Y-sơ-ra-ên được ăn loại lúa mì ngon nhất"

nuôi Y-sơ-ra-ên ... cho ngươi được no nê

Cả từ "Y-sơ-ra-ên" và "ngươi" đều chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

mật ong ra từ vầng đá

Ở đây chỉ về mật ong rừng. Ong làm tổ ở những hóc đá và làm mật trong đó.

Translation Questions

Psalms 81:1

Tác giả nói mọi người phải làm gì cho Chúa?

Họ nói họ hãy hát lớn tiếng và kêu lên vì vui mừng.

Psalms 81:2

Tác giả nói mọi người hãy dùng nhạc cụ gì để chơi khi họ hát một bài ca?

Mọi người hãy chơi lắc nhạc, đàn lia vui tươi cùng đàn hạc.

Psalms 81:3

Mọi người hãy thổi sừng chiên khi nào?

Mọi người hãy thổi nó vào ngày trăng mới, ngày trăng tròn, khi các ngày lễ bắt đầu.

Psalms 81:4

Ai ban các luật thánh và chiếu chỉ cho Y-sơ-ra-ên?

Chúa của Gia-cốp ban chúng cho họ.

Psalms 81:5

Tại sao Chúa của Gia-cốp ban luật thánh và chiếu chỉ cho Y-sơ-ra-ên?

Ngài ban nó như sự chỉnh đốn nơi Giô-sép.

Psalms 81:6

Chúa đã cất đi điều gì khỏi vai của dân sự?

Chúa cất khỏi gánh nặng.

Psalms 81:7

Điều gì xảy ra khi dân sự kêu than trong cơn đau buồn của họ?

Chúa giúp họ, đáp lời và thử họ.

Psalms 81:9

Chúa phán điều gì các thần ngoại?

Chúa nói tại đó không có thần ngoại giữa Y-sơ-ra-ên và họ không được thờ phượng bất kì thần ngoại nào.

Psalms 81:10

Đức Giê-hô-va phán điều gì với Y-sơ-ra-ên?

Ngài đem họ khỏi Ê-díp-tô.

Tại sao Chúa phán với Y-sơ-ra-ên phải há miệng của họ ra?

Ngài phán họ phải há miệng để Ngài làm cho no đầy.

Psalms 81:11

Dân của Đức Giê-hô-va, Y-sơ-ra-ên, không làm gì?

Họ không lắng nghe lời Đức Giê-hô-va hoặc vâng theo Ngài.

Psalms 81:12

Tại sao Đức Giê-hô-va ban cho dân sự đường lối ngang bướng của họ?

Ngài ban cho họ để họ có thể làm những điều họ cho là đúng.

Psalms 81:13

Đức Giê-hô-va hằng muốn dân Ngài làm gì?

Đức Giê-hô-va muốn dân Ngài lắng nghe và bước đi trong các đường lối Ngài.

Psalms 81:14

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu dân Ngài lắng nghe và bước đi trong các đường lối của Ngài?

Ngài sẽ nhanh chóng khuất phục kẻ thù của họ và trở tay Ngài nghịch lại kẻ đán áp của họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 81:15

Tác giả muốn điều gì xảy ra với những kẻ ghét Đức Giê-hô-va?

ông muốn chúng khúm núm trong sợ hãi và bị bẽ mặt mãi mãi.

Psalms 81:16

Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì cho Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va sẽ cho họ ăn ngũ cốc mịn và làm hài lòng họ bằng mật ong lấy ra từ đá.

Chapter 82

Psalms 82:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết"

Hội thánh

"hội đồng trên trời" hoặc "cuộc họp trên trời"

Ngài đưa ra phán xét

"Ngài ban sự phán xét". Danh từ trừu tượng "phán xét" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Ngài phán xét"

các thần

Có thể 1) đây là những thể thần linh khác ngự ở trên trời. Gợi ý dịch: "thể thần linh" hoặc "các thẩm phán trên trời" hoặc 2) đây là những quan án loài người được Đức Chúa Trời chỉ định. Dù là cách nào thì họ cũng không phải là thần như Đức Giê-hô-va là thần. Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã ban cho họ quyền lực và thẩm quyền lớn. Gợi ý dịch: "những nhà cầm quyền"

Các ngươi phán xét không công minh và thiên vị kẻ ác cho đến chừng nào?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi để quở trách các thần vì không phán xét con người cách công minh.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 82:3

Người nghèo khó và kẻ mồ côi

"Người nghèo khó" và "kẻ mồ côi" là những tính từ đóng vài trò danh từ. Có thể dịch thành những tính từ. Gợi ý dịch: "những người nghèo khó và những trẻ mồ côi"

Giữ điều ngay thẳng cho

"làm điều ngay thẳng cho"

Kẻ khốn cùng và người nghèo khó

"Kẻ khốn cùng" và "người nghèo khó" là những tính từ đóng vai trò danh từ. Có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "những kẻ chịu khốn cùng và những người không có gì"

Kẻ nghèo khổ và người thiếu thốn ... kẻ ác

Đây là những tính từ đóng vai trò danh từ. Có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "những kẻ nghèo khổ và những người thiếu thốn ... những kẻ gian ác"

cứu họ khỏi tay kẻ ác

"Tay" tượng trưng cho quyền lực hay sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "ngăn chặn kẻ ác làm hại họ"

Psalms 82:5

Chúng cũng không

Có thể 1) "chúng" chỉ về các thần hoặc 2) "chúng" chỉ về kẻ ác.

Chúng lang thang trong bóng tối

Làm điều ác được nói như thể chúng đi trong chỗ tối tăm.

Các nền trái đất đều bị đổ nát

Các thần phá hỏng trật tự đạo đức mà Đức Giê-hô-va đã thiết lập được nói như thể các thần làm trái đất rúng động và đổ nát.

Đổ nát

"vỡ vụn"

Psalms 82:6

Các ngươi là thần và là con trai của Đấng Chí Cao

"Thần" ở đây cùng chỉ về một nhóm người ở PSA082:001. Dù ở đây chỉ về thể thần linh hay con người thì họ cũng không phải là thần như Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, và cũng không thực sự là con trai của Ngài. Đức Giê-hô-va gọi họ là "các thần" và "con trai của Đấng Chí Cao" để thừa nhận rằng Ngài đã ban cho họ quyền lực và thẩm quyền lớn.

Con trai của Đấng Chí Cao

Đức Giê-hô-va gọi mình là "Đấng Chí Cao."

Tuy nhiên

"Nhưng"

Và ngã xuống

Đây là cách nói chỉ về một người chết đi.

Psalms 82:8

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả nói trở lại.

phán xét thế gian

Ở đây "thế gian" chỉ về con người. Gợi ý dịch: "phán xét con người ở thế gian"

Vì Ngài có cơ nghiệp trong muôn dân

"Vì muôn dân đều là cơ nghiệp của Ngài". Đức Giê-hô-va nhận muôn dân là của Ngài và cai trị trên họ được nói như thể các dân là một tài sản Ngài thừa hưởng. Gợi ý dịch: "vì Chúa cai trị mọi dân của mọi nước"

muôn dân

Ở đây "muôn dân" chỉ về dân của mọi nước.

Translation Questions

Psalms 82:1

Chúa đứng đâu ở đâu để đưa ra sự phán xét?

Ngài sẽ đứng ở giữa hội đồng và ở giữa các thần.

Psalms 82:2

A-sáp hỏi Chúa điều gì?

Ông hỏi Chúa sẽ phân xử bất công và tỏ sự thiên vị với kẻ ác đến bao giờ?

Psalms 82:3

A-sáp cầu xin Chúa làm gì cho người nghèo và kẻ mồ côi, kẻ đau buồn và kẻ nghèo túng?

Ông cầu xin Chúa che chở và gìn giữ các quyền lợi của họ.

Psalms 82:4

A-sáp cầu xin Chúa làm gì cho người nghèo và kẻ túng thiếu?

Ông cầu xin Chúa giải cứu họ và đem họ khỏi tay của kẻ thù.

Psalms 82:5

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những kẻ không hiểu không biết đi lang thang ở đâu?
Chúng lang thang vòng quanh đêm đen.
Psalms 82:6
A-sáp nói con của Đấng Chí Cao sẽ chết thế nào?
Chúng sẽ chết như con người và sụp đổ như một hoàng tử.
Psalms 82:7
A-sáp nói con của Đấng Chí Cao sẽ chết thế nào?
Chúng sẽ chết như con người và sụp đổ như một hoàng tử.
Psalms 82:8
Tại sao A-sáp cầu xin Chúa trở dậy và xét xử thế gian?
Ông cầu xin Chúa phân xử bởi vì Ngài sẽ thừa hưởng muôn dân.

Chapter 83
Psalms 83:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Một bài hát. Thi thiên của A-sáp
"Đây là thi thiên do A-sáp viết"
Ngồi yên
"không làm gì để giúp đỡ chúng con"
Kìa, các kẻ thù Chúa nổi loạn
Ở đây "nổi loạn" có nghĩa là họ tụ tập lại dấy loạn. Gợi ý dịch: "Kìa, các kẻ thù của Chúa dấy loạn cùng Ngài"
những kẻ ghét Ngài ngẩng đầu lên
"Ngẩng đầu lên" là cách nói chỉ về sự phản nghịch với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "những kẻ ghét Chúa thách thức Chúa"
Psalms 83:3
những người được bảo vệ của Ngài
"Những người Chúa bảo vệ". Ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
danh Y-sơ-ra-ên sẽ không còn được nhớ đến nữa
Ở đây "danh" chỉ về danh tiếng hay sự ghi nhớ về ai đó. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "sẽ không ai nhớ dân Y-sơ-ra-ên từng tồn tại"
Chúng cùng lập mưu với nhau
"Kẻ thù của Chúa đồng lòng âm mưu với nhau"
Chúng lập liên minh nghịch cùng Chúa
"chúng cùng nhau chống nghịch Chúa"
Psalms 83:6
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục liệt kê những nhóm người muốn tiêu diệt Y-sơ-ra-ên.
trại Ê-đôm
Ở đây chỉ về dân Ê-đôm sống trong trại.
Ha-ga-rít
Đây là tên của một nhóm người sống ở phía đông sông Giô-đanh.
Ghê-banh, Am-môn, A-ma-léc ... Phi-li-tin
Tất cả đều chỉ về người ở khu vực hay bộ tộc đó. Gợi ý dịch: "dân Ghê-banh, dân Am-môn, dân A-ma-léc ... dân Phi-li-tin"
Ghê-banh
Đây là tên của một vùng nằm ở phía nam biển Chết.
Psalms 83:8
A-si-ri
Ở đây chỉ về dân A-si-ri. Gợi ý dịch: "Dân A-si-ri"
Con cháu của Lót
Ở đây chỉ về dân Mô-áp và Am-môn. Có thể nói rõ thông tin này.
Sê-la
Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này.
Xem cách đã dịch ở PSA003:001
Psalms 83:9
hãy làm cho chúng nó ... cho đất
Tác giả đang cầu xin Đức Chúa Trời đánh bại kẻ thù của Y-sơ-ra-ên như Ngài đã làm trong quá khứ.
Đã làm cho Ma-đi-an
"Ma-đi-an" ở đây chỉ về dân Ma-đi-an. Gợi ý dịch: "Đã làm cho dân Ma-đi-an"
Si-sê-ra ... Gia-bin
Đây là tên người. Gia-bin là vua của Hát-so. Si-sê-ra là tướng chỉ huy cho quân đội vua Gia-bin.
sông Ki-sôn
Đây là dòng sông ở phía bắc Y-sơ-ra-ên.
Ên-đô-rơ
Đây là tên của một thành ở phía bắc Y-sơ-ra-ên.
Trở thành như phân cho đất
Có nghĩa là xác của Si-sê-ra và Gia-bin không được chôn mà cứ bị để cho thối rữa.
Psalms 83:11
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục nhắc lại với Đức Chúa Trời về những kẻ thù khác mà Ngài đã đánh bại trong quá khứ.
Ô-rép ... Xê-ép ... Xê-bách ... Xanh-mu-na
Đây là tên của các vị vua.
Chúng nói rằng
"Chúng" ở đây chỉ về Ô-rép, Xê-ép, Xê-bách và Xanh-mu-na.
những đồng cỏ của Đức Chúa Trời
Chỉ về xứ của dân Y-sơ-ra-ên như thể đó là đất cho chiên ăn cỏ và Đức Chúa Trời là người chăn coi sóc chiên.
Psalms 83:13
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả dùng phép so sánh để mô tả Đức Chúa Trời tiêu diệt hoàn toàn kẻ thù của Y-sơ-ra-ên.
làm cho chúng giống như bụi cát trong cơn lốc, như rơm rác trước gió
Cả hai về đều nói về việc Đức Chúa Trời tiêu diệt kẻ thù như thể Ngài là cơn gió mạnh dễ dàng thổi bay chúng đi.
như lửa thiêu hủy rừng, như lửa đốt cháy núi
Cả hai vế đều ví sự trừng phạt của Đức Chúa Trời như lửa và kẻ thù của Đức Chúa Trời là vật bị đốt cháy.
Lấy cuồng phong mà rượt đuổi chúng và dùng giông tố làm chúng kinh hoàng
Cả hai vế đều cầu xin Đức Chúa Trời dùng giông bão tiêu diệt kẻ thù.
Psalms 83:16
Làm mặt chúng nó hổ thẹn
Ở đây "mặt" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Khiến chúng nó đầy hổ thẹn"
Để chúng tìm kiếm danh Ngài
"Danh" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Kẻ thù của Đức Chúa Trời thừa nhận Ngài là Đấng quyền năng được nói như thể chúng tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"để chúng thừa nhận rằng Chúa là Đấng quyền năng"

tìm kiếm danh Ngài

Có thể là 1) Kẻ thù của Đức Chúa Trời thừa nhận rằng Đức Chúa Trời là Đấng quyền năng hoặc 2) Kẻ thù của Đức Chúa Trời cầu xin Ngài giúp đỡ hoặc 3) Kẻ thù của Đức Chúa Trời bắt đầu thờ phượng và vâng phục Ngài.

Nguyện chúng bị hổ thẹn và thất kinh đến đời đời

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện chúng hổ thẹn và kinh khiếp đến đời đời"

Nguyện chúng chết mất trong nhục nhã

"Nguyện chúng chết đi trong lúc bị chúng bị hổ thẹn"

Psalms 83:18

Để chúng biết

Có thể bắt đầu bằng lời cầu xin của tác giả với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Xin khiến chúng biết" (UDB)

là Đấng Chí Cao trên khắp trái đất

Đức Chúa Trời cai trị mọi vật trên đất được nói như thể Ngài được nhấc lên cao, trên mọi vật. Gợi ý dịch: "là Đấng chí cao, Ngài cai trị mọi vật trên đất"

Translation Questions

Psalms 83:2

Kẻ thù của Chúa đang làm gì?

Chúng đang làm sự rối loạn, và ngẩng đầu lên.

Psalms 83:3

Kẻ thù của Chúa mưu hại và âm mưu phản ai?

Chúng mưu hại phản dân của Chúa và âm mưu phản những người được Chúa bảo vệ.

Psalms 83:4

Kẻ thù của Chúa nói chúng sẽ làm gì cho Y-sơ-ra-ên?

Chúng nói, "Hãy để ta hủy diệt dân chúng nó."

Điều gì sẽ xảy ra cho danh của Y-sơ-ra-ên nếu kẻ thù của Chúa hủy diệt họ?

Y-sơ-ra-ên sẽ không còn được nhớ đến nữa.

Psalms 83:5

Kẻ thù của Chúa âm mưu chống lại ai?

Chúng âm mưu chống lại Chúa và lập khối liên minh.

Psalms 83:9

A-sáp cầu xin Chúa làm gì với kẻ thù ông, như Ngài đã làm với Ma-đi-an, Si-sê-ra và Gia-bin?

Ông cầu xin rằng chúng bị diệt vong ở Ên-đô-rơ và trở thành phân bón cho đất.

Psalms 83:10

A-sáp cầu xin Chúa làm gì với kẻ thù ông, như Ngài đã làm với Ma-đi-an, Si-sê-ra và Gia-bin?

Ông cầu xin rằng chúng bị diệt vong ở Ên-đô-rơ và trở thành phân bón cho đất.

Psalms 83:11

Những kẻ quý phái và hoàng tử của kẻ thù nói gì về Y-sơ-ra-ên?

Chúng nói rằng, "Hãy chiếm cho chúng ta các đồng cỏ của Chúa."

Psalms 83:12

Những kẻ quý phái và hoàng tử của kẻ thù nói gì về Y-sơ-ra-ên?

Chúng nói rằng, "Hãy chiếm cho chúng ta các đồng cỏ của Chúa."

Psalms 83:13

Những điều gì mà A-sáp muốn Chúa làm cho kẻ thù của ông?

Ông muốn Chúa làm cho chúng như lốc xoáy, vỏ trấu trước gió, lửa đốt cháy rừng, và các ngọn lửa đốt cháy các đồi núi.

Psalms 83:14

Những điều gì mà A-sáp muốn Chúa làm cho kẻ thù của ông?

Ông muốn Chúa làm cho chúng như lốc xoáy, vỏ trấu trước gió, lửa đốt cháy rừng, và các ngọn lửa đốt cháy các đồi núi.

Psalms 83:15

A-sáp muốn Chúa đuổi theo và làm kinh hãi kẻ thù của ông thế nào?

Ông muốn Chúa đuổi theo họ bằng gió lớn và kinh hãi chúng bằng bão táp của Chúa.

Psalms 83:16

Tại sao A-háp cầu xin Chúa lấp đầy mặt kẻ thù bằng sự nhục nhã?

Ông cầu xin Chúa lấp đầy kẻ thù bằng sự nhục nhã để chúng sẽ tìm kiếm danh Đức Giê-hô-va.

Psalms 83:17

A-xáp mong mỏi điều gì xảy ra cho kẻ thù của Chúa?

Ông mong mỏi rằng chúng xấu hổ, bị kinh hãi mãi mãi và diệt vong bởi điều nhục nhã.

Psalms 83:18

Kẻ thù của Chúa sẽ biết gì về Đức Giê-hô-va?

Chúng sẽ biết rằng chỉ mình Đức Giê-hô-va là Đấng Chí Cao trên khắp đất.

Chapter 84

Psalms 84:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Ghi-tít

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA008:001

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

Đáng yêu thay

"Đẹp thay"

Con mong ước về hành lang của Đức Giê-hô-va

"Con thật sự muốn ở trong hành lang của Đức Giê-hô-va

hành lang của Đức Giê-hô-va

"Hành lang" ở đây chỉ về đền thờ.

Mong ước đó khiến con hao mòn

"mong ước trong con khiến con hao mòn" hoặc "Con mệt mỏi vì quá mong ước hành lang Chúa"

Tâm hồn và thể xác con cất tiếng

Ở đây "tâm hồn" tượng trưng cho chính người đó. Gợi ý dịch: "Hết cả mình con cất tiếng"

Đức Chúa Trời hằng sống

Có nghĩa là Đức Chúa Trời hằng sống và Ngài cũng có quyền năng để làm các vật khác sống.

Psalms 84:3

Chim sẻ ... chim én

Đây là những loại chim.

Tìm tổ

"tìm ổ" hoặc "làm tổ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chim én một tổ
Ngầm hiểu là "tìm được" hoặc "làm ra". Gợi ý dịch: "chim én tìm được một tổ" hoặc "chim én làm tổ"
Chỗ để đẻ con
"chỗ để đẻ trứng và chăm sóc cho chim non"
người nào được ở trong nhà Chúa
Có thể là 1) "người nào" ở đây chỉ về các thầy tế lễ phục vụ lâu dài trong đền thờ hoặc 2) "người nào" ở đây chỉ chung về tất cả mọi người đến và thờ phượng tại đền thờ.
Mãi mãi
"không ngớt"
Psalms 84:5
Phước cho người nào
Ở đây chỉ về con người nói chung.
người nào được sức lực trong Chúa
Ở đây nói như thể sức lực được tìm thấy trong Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "người nào Chúa làm cho vững mạnh"
Để trong lòng con đường dẫn đến Si-ôn
Câu này chỉ về khao khát trong lòng. Gợi ý dịch: "người thích đi lên Si-ôn" hoặc "người sốt sắng muốn đi lên Si-ôn"
Con đường
"đường lớn"
Lên Si-ôn
Đền thờ ở Giê-ru-sa-lem nằm trên đỉnh đồi cao nhất, gọi là núi Si-ôn.
Trũng nước mắt
Đây là một chỗ khô cằn. Một số bản Kinh Thánh gọi là "trũng Ba-ca". Từ "Ba-ca" có nghĩa là "khóc lóc".
Mưa sớm
Đây là mưa mùa thu trước khi đến mùa lạnh, vào tháng 10 và 11 theo lịch phương Tây.
Phước
"những vũng nước" (Xem bản UDB)
Psalms 84:7
Họ đi từ sức lực đến sức lực
Đây là cách nói họ được mạnh mẽ hơn.
Họ đi
"Họ" ở đây chỉ về những người có khao khát mạnh mẽ được đến đền thờ thờ phượng Đức Chúa Trời.
Sê-la
Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001
Lạy Đức Chúa Trời, xin dõi theo cái khiên của chúng con
Vua là người bảo vệ dân mình được ví như cái khiên. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin dõi theo vua của chúng con"
Vì một ngày trong hành lang Chúa đáng hơn một nghìn ngày ở nơi khác
Có thể dịch rõ thông tin được ngầm hiểu. Gợi ý dịch: "Con mong được ở trong hành lang Chúa chỉ một ngày hơn là một ngàn ngày ở nơi khác"
một nghìn
"1,000"
làm người giữ cửa
"làm người canh cửa" hoặc "đứng ở cửa"
Kẻ gian ác
Có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "kẻ ác" hoặc "những người gian ác"
Psalms 84:11
Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời là mặt trời và là cái khiên của chúng con
Đức Giê-hô-va là Đấng hướng dẫn và bảo vệ dân Ngài được ví như thể Ngài là mặt trời và là cái khiên. Gợi ý dịch: "Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời hướng dẫn chúng con như ánh sáng mặt trời và bảo vệ chúng con như cái khiên"
Đức Giê-hô-va sẽ ban ân điển và vinh quang
Danh từ trừu tượng "ân điển" và "vinh quang" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ nhân từ với chúng tôi và ban vinh dự cho chúng tôi"
Những người bước đi trong sự ngay thẳng
Cách sống hay cư xử của một người được ví với việc người đó bước đi. Gợi ý dịch: "người sống lượng thiện" hoặc "người thành thực"
Phước cho người
Ở đây chỉ về con người nói chung. Gợi ý dịch: "phước cho những ai"

Translation Questions

Psalms 84:1
Tác giả nói gì về nơi Đức Giê-hô-va là chủ của các đạo quân sống?
Ông nói nơi Đức Giê-hô-va là Chủ các đạo quân sống là nơi đẹp đẽ.
Psalms 84:2
Tác giả hằng làm điều gì?
Ông hằng ở trong sân của Đức Giê-hô-va.
Lòng tác giả và toàn bộ sự sống ông kêu cầu đến ai?
Lòng ông và toàn bộ sự sống kêu cầu đến Chúa hằng sống.
Psalms 84:3
Chim sẻ đã tìm nhà nó ở đâu và chim nhạn tìm tổ ở đâu cho con nó?
Nó đã tìm nhà nó và tổ nó gần đến thờ Đức Giê-hô-va Chủ các đạo quân.
Những cái tên khác mà tác giả dùng cho Đức Giê-hô-va Chủ các đạo quân là gì?
Ông dùng danh của các vua và các Chúa.
Psalms 84:4
Điều gì xảy ra cho những người sống trong nhà của Đức Giê-hô-va?
Họ được chúc phước và họ luôn ngợi khen Đức Giê-hô-va.
Psalms 84:5
Điều gì xảy ra với những người có sức mạnh trong Đức Giê-hô-va?
Những người có sức mạnh ở trong Đức Giê-hô-va được phước.
Psalms 84:6
Người được phước tìm các dòng nước để uống ở đâu?
Họ tìm thấy các dòng nước để uống khi họ vượt qua thung lũng khóc lóc.
Psalms 84:7
Người được phước xuất hiện ở đâu?
Họ xuất hiện trước Chúa ở Si-ôn.
Psalms 84:8
Tác giả muốn ai nghe lời cầu nguyện của ông?
Ông muốn Đức Giê-hô-va, Chúa các đạo quân nghe lời cầu nguyện của ông.
Tác giả muốn ai lắng nghe những gì ông nói?
Ông muốn Chúa của Gia-cốp lắng nghe những gì ông đang cầu nguyện.
Psalms 84:9

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tác giả muốn Chúa trông nom điều gì và ai mà ông muốn Chúa bày tỏ sự quan tâm?
Ông muốn Chúa trông nom khiên của họ và tỏ sự quan tâm dành cho người xức dầu của Chúa.
Psalms 84:10
Một ngày ở trong sân của Đức Giê-hô-va thì tốt hơn điều gì?
Một ngày trong sân của Đức Giê-hô-va thù tốt hơn một nghìn năm ở nơi khác.
Tác giả thích là gì khi ở trong nhà của Chúa hơn là sống trong lều trại kẻ ác?
Ông thích là người canh cửa trong nhà của Chúa.
Psalms 84:11
Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời là điều gì với tác giả?
Giê-hô-va Đức Chúa Trời là mặt trời và khiên của chúng tôi.
Đức Giê-hô-va sẽ ban điều gì?
Đức Giê-hô-va sẽ ban ân điển và vinh hiển.
Đức Giê-hô-va không từ chối điều gì cho những người bước đi trong chính trực?
Đức Giê-hô-va không từ chối điều lành cho những ai bước đi trong chính trực.
Psalms 84:12
Điều gì xảy ra cho người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va các đạo quân?
Người tin cậy nơi Ngài được phước.

Chapter 85
Psalms 85:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Cho nhạc trưởng
"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."
Thi thiên của con cháu Cô-rê
"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết."
Ngài đã làm ơn cho xứ sở Ngài
"Xứ sở" ở đây chỉ về quốc gia và dân tộc Y-sơ-ra-ên.
Phúc lợi
Ở đây chỉ về một người được vui vẻ, khỏe mạnh và thịnh vượng.
Của Gia-cốp
Ở đây từ "Gia-cốp" tượng trưng cho dòng dõi của ông, là dân Y-sơ-ra-ên.
Chúa đã khỏa lấp mọi tội lỗi của họ
Tội lỗi được tha thứ được nói như thể nó được che phủ lại để không nhìn thấy nữa. Gợi ý dịch: "Chúa đã cố tình quên đi tội lỗi của họ"
tội lỗi của họ
Ở đây tác giả xem mình thuộc về dân của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "tội lỗi của chúng con"
Sê-la
Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001
Psalms 85:3
Chúa đã thu hồi cơn giận của Chúa
Đức Chúa Trời không còn trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên nữa được nói như cơn giận là một đồ vật mà Đức Giê-hô-va có thể lấy ra khỏi dân Y-sơ-ra-ên.
Chúa đã quay khỏi cơn nóng giận của Chúa
Đức Chúa Trời không còn tức giận cùng dân Y-sơ-ra-ên nữa được nói như cơn nóng giận là một ngọn lửa và Đức Chúa Trời quay khỏi đó.
Chúa Trời là sự cứu rỗi của chúng con
Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi chúng con"
xin dừng cơn thịnh nộ của Chúa trên chúng con
Cầu xin Đức Chúa Trời ngừng tức giận với dân Y-sơ-ra-ên được diễn đạt như thể cơn tức giận là một đồ vật mà tác giả muốn Đức Chúa Trời bỏ đi.
Chúa sẽ giận chúng con mãi mãi ư? Cơn thịnh nộ Chúa sẽ kéo dài qua các thế hệ sao?
Tác giả dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh ông cầu xin Đức Chúa Trời ngừng tức giận với họ. Có thể dịch những câu hỏi này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin đừng tức giận với chúng con đời đời"
Psalms 85:6
Chúa sẽ không làm cho chúng con hồi sinh sao?
Tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh ông cầu xin Đức Chúa Trời làm cho dân Y-sơ-ra-ên được thịnh vượng và vui vẻ trở lại. Gợi ý dịch: "Xin khiến chúng con được thịnh vượng trở lại". Có thể dịch thành câu khẳng định.
Xin bày tỏ cho chúng con lòng thành tín theo giao ước Chúa
Danh từ trừu tượng "lòng thành tín" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Xin thành tín vì giao ước của Chúa với chúng con"
ban cho chúng con sự cứu rỗi của Ngài
Có thể thêm từ "bằng cách" ở đầu câu để cho thấy đây là cách tác giả muốn Đức Chúa Trời bày tỏ lòng thành tín với dân Ngài. Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "bằng cách cứu chúng con"
Psalms 85:8
Làm hòa với dân Ngài
"có mối liên hệ hòa bình với dân Ngài" hoặc "đem hòa bình cho dân Ngài"
Nhưng họ không được quay lại con đường ngu dại nữa
Một người thay đổi cách hành xử được ví như người đó quay sang hướng khác. Gợi ý dịch: "Nhưng họ không được trở lại làm điều ngu dại nữa"
Sự cứu rỗi của Ngài chắc chắn ở gần những người
Đức Chúa Trời sẵn sàng cứu ai đó được nói như thể sự cứu rỗi là một đồ vật Đức Chúa Trời đặt gần người đó. Gợi ý dịch: "Chắc chắn Đức Chúa Trời sẵn sàng cứu những người "
Để vinh quang cứ ở mãi trong xứ sở chúng ta
"Vinh quang" ở đây tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "thì sự hiện diện vinh quang của Ngài sẽ cứ ở trong xứ sở chúng ta"
Psalms 85:10
Sự thành tín theo giao ước và sự chân thật đã gặp nhau
Có thể là 1) Đức Chúa Trời sẽ thành tín bởi giao ước của Ngài và làm điều Ngài đã hứa hoặc 2) Đức Chúa Trời sẽ thành tín bởi giao ước của Ngài và dân chúng sẽ đáp lại bằng cách trung tín với Ngài. Dù là cách nào thì ở đây sự

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thành tín và chân thật được ví như hai người gặp nhau.

đã gặp nhau ... đã hôn nhau

Dường như tác giả đang mô tả một thời điểm trong tương lai khi Đức Chúa Trời khiến dân Ngài được thịnh vượng trở lại. Gợi ý dịch: "sẽ gặp nhau ... sẽ hôn nhau"

Sự công chính và sự bình an đã hôn nhau

Có thể là 1) dân Chúa sẽ làm điều công chính và Ngài sẽ cho họ sống trong bình an hoặc 2) Đức Chúa Trời sẽ làm điều công chính và khiến dân Ngài sống trong bình an. Dù là trường hợp nào thì ở đây sự công chính và sự bình an được ví như hai người hôn nhau.

hôn nhau

Đây là cách những người bạn thường chào nhau.

Sự trung tín từ dưới đất vươn lên

Những người trên đất trung tín với Đức Chúa Trời được nói như thể sự trung tín là cây mọc lên khỏi đất. Gợi ý dịch: "Trên đất này, chúng con sẽ trung tín với Đức Chúa Trời"

Sự công chính từ trời nhìn xuống

Tác giả mô tả sự công chính như một người nhìn xuống giống như Đức Chúa Trời nhìn xuống. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ vui lòng nhìn chúng ta và ban cho chúng ta sự chiến thắng"

Psalms 85:12

Sự công chính sẽ đi trước mặt Ngài, và dọn đường cho bước chân Ngài

Đức Chúa Trời làm điều công chính ở mọi nơi Ngài đi được nói như thể sự công chính là người đi trước Đức Chúa Trời và dọn đường cho Ngài.

bước chân Ngài

Ở đây "bước chân" chỉ về nơi Đức Chúa Trời đi.

Translation Questions

Psalms 85:1

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho sự thịnh vượng của Gia-cốp?

Đức Giê-hô-va đã bày tỏ ân điển trên đất họ và phục hồi sự thịnh vượng của Gia-cốp.

Psalms 85:2

Đức Giê-hô-va đã làm gì với những tội lỗi của dân Ngài?

Ngài đã tha thứ dân Ngài và che đậy mọi tội lỗi của họ.

Psalms 85:3

Đức Giê-hô-va đã làm gì với cơn thịnh nộ và sự nóng giận của Ngài?

Ngài đã thu hồi lại mọi cơn thịnh nộ và xoay lưng lại sự nóng giận của Ngài.

Psalms 85:4

Tác giả cầu xin Chúa không nghĩ đến điều gì?

Ông cầu xin Chúa đừng nghĩ đến sự tức giận của Ngài với dân sự Ngài.

Psalms 85:6

Dân của Chúa sẽ làm gì nếu Chúa hồi sinh họ lần nữa?

Dân của Chúa sẽ vui mừng trong Chúa.

Psalms 85:7

Tác giả đang cầu xin Chúa bày tỏ và ban cho dân Ngài điều gì?

Ông đang cầu xin Đức Giê-hô-va bày tỏ dân Ngài giao ước thành tín và ban cho sự cứu chuộc của Ngài.

Psalms 85:8

Tác giả nói sẽ xảy ra điều gì khi ông lắng nghe những điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán?

Chúa sẽ khiến hòa bình ở cùng dân Ngài, cho những người tín trung theo Ngài.

Dân sự phải làm gì để được hòa bình nơi Chúa?

Dân sự Chúa đừng trở lại với con đường gian dối.

Psalms 85:9

Điều gì sẽ còn lại trên đất khi sự giải cứu của Chúa ở gần những người kính sợ Ngài?

Vinh hiển sẽ còn lại trên đất.

Psalms 85:10

Điều gì đã gặp nhau và điều gì đã hôn lẫn nhau?

Giao ước thành tín và sự tin cậy đã gặp nhau, sự chính trực và sự hòa bình đã hôn lẫn nhau.

Psalms 85:11

Điều gì sẽ nẩy mầm từ đất và điều gì sẽ nhìn xuống từ trời?

Sự tin cậy sẽ nảy mầm và sự chiến thắng sẽ nhìn xuống.

Psalms 85:12

Điều gì sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va ban những phước lành của Ngài?

Đất của họ sẽ sanh lợi của mùa màng nó.

Psalms 85:13

Điều gì sẽ đi trước Đức Giê-hô-va và khiến nó thành con đường nơi bước chân Ngài theo?

Sự chính trực sẽ đi trước Đức Giê-hô-va.

Chapter 86

Psalms 86:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Nghèo khó và bị áp bức

"yếu đuối và nghèo túng" (UDB)

Xin cứu đầy tớ Chúa

Đa-vít gọi mình là "đầy tớ Chúa", tức là đầy tớ của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "xin cứu con, là đầy tớ Chúa"

Psalms 86:3

Suốt ngày

Đây là cách nói cường điệu. Đa-vít không thật sự khóc cả ngày theo nghĩa đen mà điều này nhấn mạnh rằng ông liên tục kêu cầu. Gợi ý dịch: "liên tục"

Xin làm cho đầy tớ Chúa được vui mừng

Đa-vít gọi mình là "đầy tớ Chúa", tức là đầy tớ của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Xin làm cho con, là đầy tớ Chúa" hoặc "Xin làm cho con"

Psalms 86:5

Trong ngày gian truân của con

"Ngày" ở đây chỉ về một khoảng thời gian dài hơn. Gợi ý dịch: "Trong những lúc khó khăn"

Con kêu cầu cùng Chúa

"Con cầu nguyện cùng Chúa"

Psalms 86:8

Trong vòng các thần

Không phải tác giả thừa nhận rằng có những thần khác tồn tại mà ông đang chỉ về các tà thần mà dân tộc các nước khác thờ phượng.

Tất cả các nước

"Nước" ở đây tượng trưng cho các dân. Gợi ý dịch: "Dân từ mọi nước"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ sẽ tôn vinh danh Ngài
"Danh" ở đây tượng trưng cho một người. Gợi ý dịch: "Họ sẽ tôn vinh Ngài"
Psalms 86:10
Những điều tuyệt diệu
"những điều rất tốt lành khiến con kinh ngạc"
Chỉ một mình Chúa là Đức Chúa Trời mà thôi
"Chúa là Đức Chúa Trời duy nhất"
Lạy Đức Giê-hô-va, xin dạy con đường lối của Chúa, thì con sẽ đi theo chân lý của Ngài
Một người vâng theo điều Đức Chúa Trời muốn được nói như thể người đó bước đi trong đường lối hay con đường của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin dạy con chân lí của Chúa thì con sẽ vâng theo lời Ngài truyền"
Xin cho con một lòng kính sợ Ngài
Ở đây "lòng" tượng trưng cho tư tưởng, cảm xúc và động cơ của một người. Việc cầu xin Đức Chúa Trời khiến một người tôn trọng Ngài hoàn toan được nói như thể lòng của họ có nhiều mảnh nên Đức Chúa Trời hợp chúng làm một. Gợi ý dịch: "Khiến con tôn kính Chúa thành thật với cả tấm lòng" hoặc "Khiến con thật lòng tôn kính Chúa"
Con sẽ hết lòng ca ngợi Chúa
"Lòng" ở đây tượng trưng cho tư tưởng, cảm xúc và động cơ của một người. Gợi ý dịch: "Con sẽ ngợi khen Chúa hoàn toàn và hết lòng"
Con sẽ tôn vinh danh Chúa
"Danh" ở đây tượng trưng cho một người. Gợi ý dịch: "Con sẽ tôn vinh Chúa"
Psalms 86:13
Vì sự thành tín theo giao ước Chúa đối cùng con rất lớn lao
Danh từ trừu tượng "sự thành tín" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Vì Chúa thành tín với con theo giao ước của Ngài"
Chúa đã giải cứu linh hồn con khỏi vực sâu của âm phủ
Câu này không có nghĩa là Đức Chúa Trời cho ông sống lại sau khi đã chết mà là Đức Chúa Trời cứu ông khi ông sắp chết.
kẻ kiêu ngạo
Tính từ đóng vai trò danh từ này có thể được dịch thành một tính từ. Gợi ý dịch: "người kiêu ngạo"
Đã nổi lên chống lại con
"hiệp lại để làm hại con"
tìm hại mạng sống con
Đây là một cách nói họ muốn giết ông.
Psalms 86:15
Dư dật sự thành tín theo giao ước và sự chân thật
Đức Chúa Trời luôn luôn thành tín và chân thật được nói như thể sự thành tín và sự chân thật là những đồ vật mà Đức Chúa Trời có rất nhiều.
Quay qua con
Cầu xin Đức Chúa Trời quan tâm đến ông được nói như thể ông muốn Đức Chúa Trời xoay lại nhìn ông.
Xin ban sức mạnh Chúa cho đầy tớ Chúa
Danh từ trừu tượng "sức mạnh" có thể được dịch thành một động từ hoặc một tính từ. Gợi ý dịch: "làm cho đầy tớ Chúa mạnh mẽ" hoặc "làm cho đầy tớ Chúa vững mạnh"
đầy tớ Chúa ... con trai của tớ gái Ngài
Tác giả nói về mình ở ngôi thứ ba.
Và bị hổ thẹn
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và chúng sẽ hổ thẹn"

Translation Questions

Psalms 86:1
Tại sao Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va lắng nghe và đáp lời ông?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va đáp lời ông bởi Đa-vít nghèo túng và bị áp bức.
Psalms 86:2
Đa-vít cầu xin Chúa làm gì cho ông khi ông trung thành và cậy tin nơi Chúa?
Đa-vít cầu xin Chúa bảo vệ và cứu ông.
Psalms 86:3
Đa-vít cầu xin điều gì khi ông khóc than cùng Chúa?
Đa-vít cầu xin Chúa tỏ lòng thương xót với ông.
Psalms 86:4
Khi Đa-vít dâng hồn mình cho Chúa, thì điều gì ông cầu xin từ Chúa?
Đa-vít cầu xin Chúa được thành người hầu hạ vui mừng.
Psalms 86:5
Điều gì xảy ra cho mọi kẻ kêu cầu cùng Chúa là Đấng nhân lành?
Chúa sẵn sàng tha thứ và tỏ ơn điển lớn lao với họ.
Psalms 86:6
Đa-vít cầu xin ai lắng nghe lời ông cầu nguyện và nghe tiếng khẩn nài của ông?
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va nghe và lắng nghe.
Psalms 86:7
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì khi Đa-vít kêu nài Ngài vào những ngày tai họa của ông?
Đức Giê-hô-va sẽ đáp lời ông.
Psalms 86:8
Ai có thể sánh so với Chúa giữa các thần?
Không ai có thể thể so sánh với Chúa.
Psalms 86:9
Mọi dân sẽ làm gì trước Chúa?
Mọi dân sẽ đến và quỳ trước Chúa và tôn vinh danh Ngài.
Psalms 86:10
Chỉ có ai có thể làm điều to lớn và lạ thường?
Chỉ có Chúa có thể làm điều to lớn và lạ thường.
Psalms 86:11
Đa-vít cầu xin Chúa dạy ông điều gì?
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va dạy ông các đường lối của Đức Giê-hô-va.
Điều gì sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va dạy dỗ Đa-vít?
Đa-vít sẽ đi trong chân lý của Đức Giê-hô-va.
Psalms 86:12
Đa-vít thưa cùng Chúa điều gì ông sẽ làm?
Đa-vít sẽ tán dương Chúa và ca ngợi danh Chúa mãi mãi.
Psalms 86:13
Đa-vít nói giao ước thành tín của Chúa đã làm gì với ông?
Chúa đã giải cứu linh hồn Đa-vít khỏi nơi sâu thẳm của địa ngục.
Psalms 86:14
Đa-vít nói kẻ kiêu ngạo và kẻ bạo tàn đã làm gì?
Chúng đã nổi dậy nghịch cùng Đa-vít, nhắm vào mạng sống ông và không để ý tới Chúa.
Psalms 86:15

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đa-vít mô tả Chúa thế nào?
Đa-vít mô tả Chùa là Chúa thương xót và khoan dung, chậm nóng giận, và rộng rãi trong giao ước thành tín và đáng tin cậy.
Psalms 86:16
Đa-vít cầu xin Chúa làm gì cho ông?
Đa-vít cầu xin Chúa hướng về ông, tỏ ân điển trên ông, ban cho ông sức mạnh và cứu ông.
Psalms 86:17
Điều gì xảy ra khi Đức Giê-hô-va tỏ cho Đa-vít một dấu hiệu của ân điển?
Những kẻ ghét Đa-vít sẽ thấy ân điển của Chúa và xấu hổ.
Đa-vít thưa điều gì khi Đức Giê-hô-va đã làm cho ông?
Đức Giê-hô-va đã giúp đỡ Đa-vít và an ủi ông.

Chapter 87
Psalms 87:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của con cháu Cô-rê; một bài ca
"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"
các cổng Si-ôn
"Các cổng Si-ôn" tượng trưng cho toàn bộ thành Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "thành Giê-ru-sa-lem"
Tất cả các lều của Gia-cốp
Dân chúng ở trong những chiếc lều khi đi thang lang trong hoang mạc. Ở đây tác giả dùng từ "các lều của Gia-cốp" để chỉ về nơi Y-sơ-ra-ên đang sống. Gợi ý dịch: "bất kì nơi ở nào khác của dân Y-sơ-ra-ên"
Hỡi thành của Đức Chúa Trời, những điều vinh quang được nói đến về ngươi
Tác giả nói như thể thành Giê-ru-sa-lem đang nghe ông nói. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Hỡi dân thành Giê-ru-sa-lem, người ta nói những điều tuyệt diệu về thành của các ngươi"
Sê-la
Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001
Psalms 87:4
Ta nói
"Ta nói về". "Ta" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.
Ra-háp và Ba-by-lôn
Ở đây "Ra-háp" là cách nói văn thơ để chỉ về Ai Cập. Cả "Ra-háp" và "Ba-by-lôn" đều chỉ về con người. Gợi ý dịch: "dân Ai Cập và Ba-by-lôn"
Cho những kẻ theo ta
"cho những kẻ thờ phượng ta"
Phi-li-tin và Ty-rơ với Ê-thi-ô-pi
Tên của những nước này chỉ về dân chúng. Gợi ý dịch: dân từ Phi-li-tin và Ty-rơ cùng với dân từ Ê-thi-ô-pi"
Kẻ này đã sinh tại đó
"Kẻ này" chỉ về dân cư của các nước mà tác giả nhắc đến. Mặc dù họ không thật sự được sinh ra tại Si-ôn nhưng những người theo Đức Chúa Trời là dân Giê-ru-sa-lem thuộc linh.
Psalms 87:5
Si-ôn sẽ được nói rằng
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta sẽ nói về Si-ôn rằng"
Mỗi người họ được sinh tại đó
Những người thuộc các nước khác thờ phượng Đức Giê-hô-va được nói như thể họ sinh ra tại Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "Như thể hết này những người này được sinh ra tại Giê-ru-sa-lem"
Tại đó
Từ "đó" chỉ về thành phố. Gợi ý dịch: "tại Giê-ru-sa-lem" hoặc "tại Si-ôn"
Chính Đấng Chí Cao
Tác giả dùng từ "chính" để nhấn mạnh chính Đấng Chí Cao làm điều đó.
sẽ vững lập nó
"sẽ khiến Giê-ru-sa-lem vững mạnh"
Đức Giê-hô-va viết vào sổ dân của các nước
Việc Đức Giê-hô-va thừa nhận các dân tộc nước khác thuộc về Ngài được nói như thể Ngài là vua ghi lại tên của những người sống trong thành.
Kẻ này đã sinh tại đó
"Kẻ này" chỉ về dân cư của các nước mà tác giả nhắc đến. Mặc dù họ không thật sự được sinh ra tại Si-ôn nhưng những người theo Đức Chúa Trời là dân Giê-ru-sa-lem thuộc linh. Xem cách đã dịch ở PSA087:004
Psalms 87:7
Mọi nguồn suối của ta đều ở trong ngươi
Giê-ru-sa-lem là nơi người ta nhận được mọi phước lành được nói như thể Giê-ru-sa-lem là một nguồn suối cung cấp nước cho mọi người.

Translation Questions

Psalms 87:1
Thành phố của Chúa được thành lập ở đâu?
Nó được thành lập ở trên dãy núi thánh.
Psalms 87:2
Đức Giê-hô-va yêu các cổng của Si-ôn bao nhiêu?
Ngài yêu chúng hơn hết thảy lều trại của Gia-cốp.
Psalms 87:3
Các điều gì được nói trong thành của Chúa?
Các điều vinh hiển được nói đến trong thành của Chúa.
Psalms 87:4
Tác giả đề cập Ra-háp và Ba-by-lôn đến ai?
Ông đề cập họ đến những người theo ông.
Psalms 87:5
Đấng Chí Cao sẽ làm gì cho Si-ôn?
Chính Đấng Chí Cao sẽ thiết lập nó.
Psalms 87:6
Đức Giê-hô-va ghi chú gì khi Ngài biên sổ dân sự?
Ngài ghi, "Người này được sanh ở đó."
Psalms 87:7
Các ca sĩ và vũ công nói gì?
Họ nói, "Mọi dòng nước ở trong ngươi."

---

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 88

Psalms 88:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Một bài ca, Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Mahalath Leannoth

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Hê-man

Đây là tên của một người.

người Ếch-ra-hít

Đây là tên của một nhóm người. Có thể chỉ về con trai hoặc con cháu của Xê-rách.

Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Chúa là Đấng cứu rỗi con"

ngày và đêm

Tác giả dùng những từ có ý nghĩa đối nghịch này để nói rằng ông kêu cầu liên tục.

Psalms 88:3

Vì con đầy dẫy khổ đau

Tác giả nói như thể ông là một thùng chứa và khổ đau là thứ đầy cả thùng đó. Gợi ý dịch: "Vì con rất buồn khổ"

Mạng sống con đã cận kề âm phủ

Ở đây "mạng sống" chỉ về tác giả. "Âm phủ" tượng trưng cho sự chết. Tác giả nói ông có thể chết sớm như thể ông đã đến âm phủ rồi. Gợi ý dịch: "Con sắp chết"

Người ta đối xử với con như những kẻ đi xuống huyệt

"Huyệt" có nghĩa giống như "âm phủ". "Đi xuống huyệt" có nghĩa là chết. Gợi ý dịch: "người ta đối xử với con như con đã chết rồi"

Psalms 88:5

Con bị từ bỏ giữa vòng kẻ chết

Người ta đối xử với tác giả như ông đã chết rồi được nói như thể ông là một xác chết chưa được chôn. Gợi ý dịch: Con bị bỏ rơi như đã chết rồi"

Con giống như kẻ chết nằm trong mồ mả

Tác giả cảm thấy như Đức Chúa Trời và mọi người đã từ bỏ ông, ông nói như thể ông đã là người chết nằm trong hầm mộ.

kẻ chết nằm trong

"Kẻ chết" là tính từ đóng vai trò danh từ, có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "người chết nằm" hoặc "người đã chết nằm"

Kẻ Chúa không còn quan tâm nữa

"kẻ không còn được Chúa quan tâm nữa" hoặc "kẻ Chúa đã ngừng quan tâm"

Họ bị cắt bỏ khỏi quyền năng Chúa

Đức Chúa Trời không còn dùng quyền năng của Ngài để giúp đỡ kẻ chết nữa được nói như thể Đức Chúa Trời thật sự cắt bỏ hay loại bỏ ông khỏi quyền năng của Ngài. Gợi ý dịch: "Chúa không còn dùng quyền năng của Chúa để giúp đỡ họ"

Chúa để con dưới hầm sâu nhất, trong nơi tối tăm và vực thẳm

Tác giả cảm thấy dường như Đức Chúa Trời đã từ bỏ ông được nói như thể Đức Chúa Trời đã đặt ông vào hầm mộ sâu nhất và tăm tối nhất.

Psalms 88:7

Cơn giận Chúa đè nặng trên con

Câu này nói Đức Chúa Trời rất tức giận với tác giả như thể cơn giận của Đức Chúa Trời là một vật nặng đè trên tác giả. Gợi ý dịch: "Con cảm nhận được cơn giận lớn của Chúa" hoặc "con cảm nhận được Chúa tức giận con đến thế nào"

các lượn sóng của Ngài phủ chụp lấy con

Câu này nói Đức Chúa Trời rất tức giận với tác giả như thể cơn tức giận của Đức Chúa Trời là những con sóng lớn từ biển cả dâng lên đập vào tác giả.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 88:8

Người quen của con

"những kẻ biết con"

Ngài khiến con trở nên vật kinh tởm đối với họ

"Ngài khiến con trở nên vật ghê tởm đối với họ" hoặc "Vì Ngài mà chúng sửng sốt khi nhìn thấy con"

Con bị bao vây

Tình trạng thể chất của tác giả khiến ông trở nên kinh tởm đối với bạn bè ông được nói như thể ông bị cô lập. Gợi ý dịch: "Như thể con ở trong tù"

Psalms 88:9

Mắt con hao mòn vì hoạn nạn

Ở đây "mắt" chỉ về khả năng nhìn thấy của một người. Mắt ông hao mòn vì hoạn nạn là cách để nói rằng hoạn nạn khiến ông khóc quá nhiều đến nỗi ông không thể nhìn thấy rõ.

Con giơ tay lên hướng về Ngài

"Con đưa tay hướng về Ngài". Đây là hành động thể hiện rằng ông hoàn toàn phụ thuộc vào Đức Chúa Trời.

Chúa có làm phép lạ cho kẻ chết sao?

Tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng nếu Đức Chúa Trời để ông chết thì Ngài sẽ không thể làm phép lạ cho ông nữa. Gợi ý dịch: "Chúa không làm phép lạ cho kẻ chết."

Những kẻ đã chết có trỗi dậy để ca ngợi Chúa chăng?

Tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng nếu Đức Chúa Trời để ông chết thì ông sẽ không thể ca ngợi Ngài nữa. Gợi ý dịch: "Chúa biết rằng người chết sẽ không đứng dậy ngợi khen Chúa".

Psalms 88:11

Sự thành tín theo giao ước Chúa sẽ được rao truyền nơi hầm mộ và sự tín nghĩa Ngài sẽ được rao truyền trong nơi của kẻ chết sao?

Cả hai vế đều có nghĩa như nhau. Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng người chết không thể ngợi khen sự thành tín của Chúa. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Sẽ không ai rao truyền sự thành tín trong giao ước và sự tín nghĩa của Chúa nơi hầm mộ".

Hầm mộ ... nơi của kẻ chết ... nơi tối tăm ... xứ lãng quên

Tất cả những từ này đều chỉ về nơi người ta sẽ đến sau khi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chết.

Và sự tín nghĩa Ngài trong nơi của kẻ chết sao?

Có thể dịch thành một câu riêng biệt. Gợi ý dịch: "Sự tín nghĩa Ngài sẽ được rao truyền trong nơi của kẻ chết sao?" hoặc "Những kẻ chết sẽ không rao truyền sự tín nghĩa của Ngài."

Các phép lạ Chúa có được biết đến nơi tối tăm hoặc sự công chính Chúa có được biết đến trong xứ lãng quên chăng?

Cả hai vế đều có nghĩa như nhau. Tác giả dùng câu hỏi để nhấn mạnh rằng người chết không thể kinh nghiệm được hay rao truyền những điều vĩ đại Đức Chúa Trời đã làm. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người ta sẽ không nói về những việc kỳ diệu và sự công chính của Ngài trong nơi tối tăm của người chết đã bị lãng quên".

hoặc sự công chính Chúa trong xứ lãng quên chăng?

Có thể dịch thành một câu riêng biệt. Gợi ý dịch: "Sự công chính Chúa có được biết đến trong xứ lãng quên chăng?" hoặc "Những kẻ trong xứ lãng quên sẽ không biết về những việc công chính của Ngài."

Psalms 88:13

lời cầu nguyện con thấu đến trước mặt Ngài

Tác giả cầu nguyện với Đức Giê-hô-va được nói như thể lời cầu nguyện tự mình đi đến thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Sao Ngài giấu mặt Ngài khỏi con?

Tác giả cảm thấy dường như Đức Chúa Trời đã từ bỏ ông được nói như thể Ngài giấu mặt Ngài hoặc Ngài xoay mặt khỏi tác giả.

Psalms 88:15

Những hành động tức giận của Chúa vùi dập con

Câu này nói Đức Chúa Trời trừng phạt tác giả như thể những hành động của Đức Chúa Trời là một cơn sóng lớn từ biển dâng lên và ập xuống, đập vào tác giả. Gợi ý dịch: "Như thể những hành động tức giận của Chúa nghiền nát con"

Những việc làm kinh khiếp của Chúa tiêu diệt con

Câu này nói Đức Chúa Trời trừng phạt tác giả như thể Ngài tiêu diệt tác giả hoàn toàn. Gợi ý dịch: "Những điều kinh khiếp Ngài làm đã hủy diệt con" hoặc "những điều kinh khiếp Chúa làm gần như hủy diệt con"

Psalms 88:17

Suốt ngày chúng vây quanh con như nước lụt

Tác giả ví "hành động tức giận" và "việc làm kinh khiếp" của Đức Chúa Trời như nước lụt. Gợi ý dịch: "Suốt ngày chúng đe dọa hủy diệt con như nước lụt"

Chúng

Từ "chúng" chỉ về "hành động tức giận" và "việc làm kinh khiếp" của Đức Chúa Trời từ câu trước.

Chúng bao vây lấy con

Tác giả nói về "hành động tức giận" và "việc làm kinh khiếp" của Đức Chúa Trời như thể chúng là những kẻ thù cố gắng bắt giết ông. Gợi ý dịch: "chúng bao vây con như quân lính của kẻ thù"

Hết thảy bạn bè và người thân quen

"tất cả những người con yêu thương và biết đến"

Người thân duy nhất của con là bóng đêm

Câu này nói như thể bóng đêm là con người có thể làm bạn với người khác. Tác giả đang nhấn mạnh rằng ông cảm thấy hoàn toàn cô đơn. Gợi ý dịch: "Mọi nơi con đi đều là bóng đêm"

Translation Questions

Psalms 88:1

Tác giả kêu cầu với Đức Giê-hô-va, Chúa của sự giải cứu ông lúc nào?

Tác giả kêu cầu ngày và đêm trước Chúa.

Psalms 88:2

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì cho ông?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va lắng nghe lời cầu nguyện của ông và chú ý nghe tiếng khóc của ông.

Psalms 88:3

Vấn đề gì ở linh hồn và sự sống của tác giả?

Linh hồn của ông đầy dẫy tai họa và sự sống ông thì gần âm phủ.

Psalms 88:4

Tác giả mô tả chính ông thế nào khi dân sự đối đãi với ông như những kẻ đi xuống huyệt?

Ông mô tả chính ông như kẻ không có sức mạnh.

Psalms 88:5

Tác giả nói điều gì xảy ra với ông khi ông như kẻ chết nằm trong mồ mả?

Ông nói rằng Đức Giê-hô-va không quan tâm kẻ chết nữa bởi vì chúng bị cắt khỏi quyền hạn của Ngài.

Psalms 88:6

Tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va đã đặt ông ở đâu?

Ông nói Đức Giê-hô-va đã đặt ông ở nơi thấp nhất của cái huyệt.

Psalms 88:7

Điều gì đè nặng trên tác giả?

Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va đè nặng trên tác giả.

Psalms 88:8

Đức Giê-hô-va đã làm gì khiến người quen của tác giả tránh xa ông?

Đức Giê-hô-va đã làm tác giả thành thứ khó coi trước người quen của ông.

Psalms 88:9

Mắt của tác giả càng mệt mỏi vì điều gì?

Mắt ông càng mỏi mệt vì tai họa.

Psalms 88:10

Những câu hỏi gì mà tác giả hỏi Đức Giê-hô-va về kẻ chết và những kẻ đã chết?

Ông hỏi Đức Giê-hô-va nếu Ngài sẽ làm điều lạ thường cho kẻ chết, thì chúng sẽ trở dậy và ngợi khen Ngài.

Psalms 88:11

Tác giả hỏi Đức Giê-hô-va điều gì về giao ước thành tín, lòng trung thành, những việc làm lạ thường và chính trực của Ngài?

Tác giả hỏi Đức Giê-hô-va nếu chúng được công bố từ mồ mả, ở nơi kẻ chết, ở trong nơi tối tăm và trong nơi quên lãng.

Psalms 88:12

Tác giả hỏi Đức Giê-hô-va điều gì về giao ước thành tín, lòng trung thành, những việc làm lạ thường và chính trực của Ngài?

Tác giả hỏi Đức Giê-hô-va nếu chúng được công bố từ mồ mả, ở nơi kẻ chết, ở trong nơi tối tăm và trong nơi quên lãng.

Psalms 88:13

Lời cầu nguyện của tác giả đến trước Đức Giê-hô-va khi nào?

Lời cầu nguyện của ông đến trước Đức Giê-hô-va vào sáng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sớm.
Psalms 88:14
Đức Giê-hô-va đã làm gì với tác giả?
Đức Giê-hô-va đã từ bỏ tác giả và giấu ông khỏi mặt Ngài.
Psalms 88:15
Tác giả đã đau buồn và ở bên bờ cái chết bao lâu?
Tác giả đã ở đau buồn và bên bờ cái chết khi ông còn trẻ.
Psalms 88:16
Tác giả nói những hành động nóng giận và việc làm đáng sợ của Đức Giê-hô-va đã làm gì?
Những hành động của Đức Giê-hô-va đã băng qua và những việc của Ngài đã hủy diệt tác giả.
Psalms 88:17
Những hành động và việc mà Đức Giê-hô-va đã làm với tác giả suốt ngày?
Chúng quay quanh tác giả như nước và cùng bao phủ ông.
Psalms 88:18
Tác giả nói người quen duy nhất của ông là gì?
Ông nói người quen duy nhất của ông là bóng đêm.

Chapter 89
Psalms 89:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Huấn ca
Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001
Ê-than
Đây là tên tác giả.
người Ếch-ra-hít
Đây là tên của một nhóm người. Ở đây có thể chỉ về con trai hoặc con cháu của Xê-rách.
Việc làm của sự thành tín theo giao ước
Danh từ trừu tượng "sự thành tín" có thể được dịch thành một tính từ. Gợi ý dịch: "việc làm thành tín" hoặc "việc làm yêu thương"
Sự thành tín theo giao ước được lập vững đến đời đời
Đức Chúa Trời luôn làm điều Ngài đã hứa được nói như thể sự thành tín của Ngài là một tòa nhà được Đức Chúa Trời xây dựng và làm cho vững chắc. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa sẽ luôn thành tín vì giao ước của Ngài với chúng con"
Sự thành tín của Chúa được vững lập trên các tầng trời
Đức Chúa Trời luôn làm điều Ngài đã hứa được nói như thể sự thành tín của Ngài là một tòa nhà được Đức Chúa Trời xây dựng và làm cho vững chắc.
trên các tầng trời
Có thể là 1) ở đây chỉ về nơi ngự của Đức Chúa Trời. Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời cai trị từ các tầng trời và Ngài luôn làm điều Ngài hứa hoặc 2) ở đây chỉ về bầu trời. Câu này có thể có nghĩa là lời hứa của Đức Chúa Trời là bất biến và trường tồn giống như bầu trời (UDB).
Psalms 89:3
Ta đã lập giao ước với người được chọn của Ta
Có thể nói rõ "người được chọn" ở đây chỉ về Đa-vít. Gợi ý dịch: "Ta đã lập lời hứa với Đa-vít, là người ta chọn"
Ta đã lập I
Đức Giê-hô-va là người phán ở câu 89:3-4.
Ta sẽ lập dòng dõi con đến đời đời
Đức Giê-hô-va luôn cho một trong những con cháu của Đa-vít lên làm vua được nói như thể dòng dõi của Đa-vít là tòa nhà Đức Giê-hô-va sẽ xây dựng và làm cho vững chắc.
Ta sẽ lập ngôi con qua mọi thế hệ
Ở đây "ngôi" tượng trưng cho quyền lực cai trị của một vị vua. Tác giả thi thiên nói việc Đức Chúa Trời hứa cho dòng dõi của Đa-vít luôn được làm vua như thể Đức Chúa Trời sẽ xây dựng ngôi của Đa-vít và làm cho nó được vững chắc.
Gợi ý dịch: "Ta đảm bảo rằng một trong những con cháu của con sẽ làm vua qua mọi thế hệ của dân ta"
Sê-la
Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001
Psalms 89:5
các tầng trời ca ngợi
Ở đây "các tầng trời" chỉ về những gì ở trên trời.
ca ngợi các phép lạ của Ngài, là Đức Giê-hô-va
"ca ngợi Ngài, là Đức Giê-hô-va, vì các phép lạ Ngài làm"
Đức thành tín của Ngài được ca ngợi trong hội của các thánh
Danh từ trừu tượng "đức thành tín" có thể được dịch là "Ngài luôn làm điều Ngài hứa". Có thể dịch câu này ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Hội của các thánh ngợi khen Chúa vì Ngài luôn làm điều Ngài hứa"
Hội của các thánh
Ở đây chỉ về các thiên sứ ở trên trời.
Vì ai ở trên các tầng trời có thể sánh được với Đức Giê-hô-va? Trong vòng con trai của các thần, ai giống như Đức Giê-hô-va?
Cả hai câu hỏi đều có nghĩa như nhau. Tác giả dùng câu hỏi để nhấn mạnh rằng không ai ở trên trời giống như Đức Giê-hô-va.
con trai của các thần
Ở đây cụm từ "con trai của" có nghĩa là có phẩm chất của. Đây là cách nói chỉ về các thể thần linh khác ở trên trời. Gợi ý dịch: "các thiên sứ" hoặc "các thể thiêng liêng"
Psalms 89:7
Ngài là Đức Chúa Trời đáng kính sợ trong hội các thánh
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Hội các thánh rất kính sợ Đức Chúa Trời"
hội các thánh
"tập hợp các linh thể trên trời" hoặc "tập hợp các thiên sứ"
Lạy Đức Giê-hô-va, ai mạnh mẽ như Chúa?
Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh không ai mạnh mẽ như Đức Giê-hô-va.
sự thành tín Ngài bao quanh Ngài
Đức Giê-hô-va luôn làm điều Ngài hứa được nói như thể sự thành tín Chúa là một chiếc áo choàng hay một chiếc áo khoác quanh người ông.
Psalms 89:9
Chúa cai trị trên biển giận dữ
"Chúa kiểm soát biển đang giận dữ"
Chúa đã chà nát Ra-háp như một xác chết
Từ "Ra-háp" ở đây chỉ về một con thủy quái.
Bằng cánh tay mạnh mẽ của Chúa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Cánh tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "bằng quyền lực rất lớn của Chúa"
Psalms 89:11
Phương bắc và phương nam
Tác giả dùng từ "bắc" và "nam" ở đây để có ý muốn nói là Đức Chúa Trời tạo nên mọi vật ở mọi nơi.
Tha-bô và Hẹt-môn vui mừng trong danh Chúa
Tha-bô là ngọn núi ở phía tây nam biển Ga-li-lê và Hẹt-môn là ngọn núi ở phía đông bắc biển Ga-li-lê. Tác giả mô tả như thể chúng là con người, biết vui mừng. Gợi ý dịch: "Như thể núi Tha-bô và núi Hẹt-môn vui mừng trong danh Chúa"
trong danh Chúa
Ở đây "danh" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "trong Chúa"
Psalms 89:13
Chúa có cánh tay đại năng, bàn tay mạnh mẽ và tay phải Chúa giơ cao lên
Các từ "cánh tay đại năng", "bàn tay mạnh mẽ" và "tay phải" đều tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời.
tay phải Chúa giơ cao lên
Giơ tay phải cao lên là cử chỉ thể hiện sức mạnh.
Sự công chính và công lý là nền của ngôi Chúa
Đức Chúa Trời làm vua cai trị, làm điều công chính và thực thi công lí được nói như thể ngôi của Đức Chúa Trời là một tòa nhà, và sự công chính và công lý là nền.
ngôi Chúa
Ngôi tượng trưng cho sự cai trị của Đức Chúa Trời.
Sự thành tín với giao ước và sự chân thật đến trước mặt Ngài
Đức Chúa Trời luôn thành tín và làm điều Ngài hứa được nói như thể sự thành tín với giao ước và sự chân thật đi đến gặp Ngài.
Psalms 89:15
Thờ phượng Chúa
Từ "thờ phượng" ở đây ngụ ý là việc reo hò và thổi kèn. Đây là những hành động thông thường thể hiện sự thờ phượng trong những kỳ lễ của Y-sơ-ra-ên.
Họ bước đi
Ở đây sống được ví như là bước đi. Gợi ý dịch: "họ sống"
trong ánh sáng của mặt Chúa
Tác giả nói việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên họ như thể mặt của Đức Giê-hô-va chiếu sáng trên họ. Gợi ý dịch: "biết rằng Chúa làm ơn trên họ"
Trong danh Chúa
"Danh" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "trong Chúa"
Họ tôn cao Chúa trong sự công chính của Ngài
Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể được dịch thành một tính từ. Gợi ý dịch: "Họ tôn cao Chúa vì Ngài luôn làm điều công chính"
Psalms 89:17
Chúa là sức lực uy nghi của họ
Danh từ trừu tượng "sức lực" có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Chúa khiến họ mạnh mẽ vô cùng"
Chúa là ... của họ
Từ "của họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tác giả kể mình thuộc vào dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Chúa là ... của chúng con"
Chúng con chiến thắng
Ở đây từ "chúng con" chỉ về tác giả và dân Y-sơ-ra-ên.
Cái khiên của chúng con thuộc về Đức Giê-hô-va
Vua là người bảo vệ dân chúng và là người được Đức Giê-hô-va chọn được ví như một cái khiên thuộc về Đức Giê-hô-va.
Psalms 89:19
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả mặc nhiên người đọc biết lịch sử Đa-vít đã trở thành vị vua được chọn như thế nào.
Ta đặt vương miện trên đầu người uy dũng
Đặt vương miện trên đầu một người là hành động thể hiện việc lập người đó làm vua. Gợi ý dịch: "Ta đã lập một người uy dũng làm vua"
đặt vương miện trên đầu người uy dũng
Một số bản Kinh Thánh dịch là "ban sức mạnh cho người uy dũng" hoặc "giúp đỡ người uy dũng".
Ta đã tôn cao một người được lựa chọn giữa vòng dân chúng
"Tôn cao" ở đây có nghĩa là bổ nhiệm. Câu này ngụ ý rằng Đức Chúa Trời đã chọn người này làm vua. Gợi ý dịch: "Ta đã chọn một người trong vòng dân chúng để làm vua"
Ta đã xức cho người dầu thánh của ta
Đổ dầu trên đầu ai đó là hành động thể hiện Đức Chúa Trời chọn người đó làm vua.
Bàn tay ta sẽ nâng đỡ người, cánh tay ta sẽ làm cho người mạnh mẽ
"Bàn tay" và "cánh tay" ở đây đều có nghĩa là quyền năng và sự điều khiển của Đức Giê-hô-va.
Gợi ý dịch: "Ta sẽ nâng đỡ người và làm cho người mạnh mẽ"
Con của sự gian ác
Tác giả gọi những người có bản chất hay tính gian ác là "con của sự gian ác". Gợi ý dịch: "người gian ác"
Psalms 89:24
Lời Dẫn:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về Đa-vít.
Chân lí và sự thành tín theo giao ước ta sẽ ở với người
Đức Chúa Trời luôn thành tín và làm điều Ngài hứa cho Đa-vít được nói như thể chân lí và sự thành tín là những đồ vật sẽ ở cạnh Đa-vít.
Nhờ danh ta người sẽ chiến thắng
"Danh" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ta, là Đức Chúa Trời, sẽ làm cho người chiến thắng"
Ta cũng sẽ đặt tay người trên biển, và tay phải người trên các dòng sông
Ở đây "tay" và "tay phải" tượng trưng cho thế lực và thẩm quyền. "Biển" ở đây dường như chỉ về biển Địa Trung Hải ở phía tây của Y-sơ-ra-ên, và "các dòng sông" chỉ về sông Ơ-phơ-rát ở phía đông. Câu này có nghĩa là Đa-vít sẽ có thẩm quyền trên mọi vật từ biển đến sông. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ban cho người thẩm quyền trên mọi vât từ biển Địa Trung Hải đến sông Ơ-phơ-rát"
Người sẽ gọi Ta rằng: 'Ngài là Cha của con, là Đức Chúa Trời của con và là vầng đá của sự cứu rỗi con'
Đây là câu trích dẫn kép. Có thể dịch thành câu trích dẫn trực tiếp. Gợi ý dịch: "Người sẽ nói rằng ta là Cha người, là Đức Chúa Trời của người và là vầng đá của sự cứu rỗi người"
vầng đá của sự cứu rỗi con
Đức Giê-hô-va bảo vệ và giải cứu Đa-vít được nói như thể Đức Giê-hô-va là vâng đá cao mà Đa-vít có thể đứng trên đỉnh để được bảo vệ khỏi kẻ thù.
Psalms 89:27
Lời Dẫn:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về Đa-vít.

Ta cũng sẽ lập người làm con trưởng nam ta

Đức Giê-hô-va ban cho Đa-vít vị trí đặc biệt và đặc quyền trên hết thảy những người khác được nói như thể Đa-vít sẽ làm con trưởng nam của Đức Giê-hô-va.

Ngôi người sẽ lâu dài như các tầng trời cao

Người từ nhà Đa-vít luôn làm vua cai trị được nói như thể ngôi Ngài sẽ lâu dài như sự tồn tại của bầu trời.

Ngôi người

"Ngôi" ở đây tượng trưng cho quyền lực cai trị của vua.

Psalms 89:30

con cháu người

"dòng dõi của Đa-vít"

trừng phạt sự nổi loạn của họ bằng roi

Đức Chúa Trời trừng phạt dòng dõi của Đa-vít được nói như thể Ngài sẽ dùng roi đánh họ. "Sự nổi loạn" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "trừng phạt họ vì phản nghịch ta"

Và tội lỗi họ bằng đòn vọt

Đức Chúa Trời trừng phạt dòng dõi của Đa-vít được nói như thể Đức Chúa Trời sẽ đánh họ theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "và ta sẽ trừng phạt họ vì họ phạm tội cùng ta"

Psalms 89:33

Ta sẽ không cất tình yêu bền vững của ta khỏi người hay thất tín trong lời hứa mình

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Ta sẽ luôn yêu thương Đa-vít và ta sẽ làm điều ta đã hứa cùng người"

Lời của môi ta

"Lời" ở đây chỉ về lời nói. "Môi" chỉ về miệng và chỉ về người nói. Gợi ý dịch: "điều ta đã phán"

Psalms 89:35

Ta đã lấy sự thánh khiết ta mà thề

Đức Giê-hô-va dùng sự thánh khiết của Ngài làm nền tảng để lập lời thề. Đây là cách cam đoan rằng Ngài chắc chắn làm điều Ngài phán.

ngôi người sẽ tồn tại như mặt trời ở trước mặt ta

Được ngầm hiểu có cụm từ "sẽ liên tục". Gợi ý dịch: "và ngôi người sẽ liên tục tồn tại như mặt trời ở trước mặt ta"

ngôi người

"Ngôi" tượng trưng cho quyền cai trị của vua. Đức Chúa Trời đang hứa rằng dòng dõi của Đa-vít sẽ luôn làm vua.

tồn tại như mặt trời ở trước mặt ta

Đức Chúa Trời ví sánh sự cai trị của Đa-vít như mặt trời để nhấn mạnh rằng dòng dõi của Đa-vít sẽ luôn làm vua cai trị.

Nó sẽ được vững lập mãi mãi

"Nó" chỉ về ngôi hay quyền lực cai trị của Đa-vít. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ làm cho nó tồn tại đời đời"

mãi mãi như mặt trăng

Đức Chúa Trời ví sánh sự cai trị của Đa-vít với mặt trăng để nhấn mạnh rằng dòng dõi của Đa-vít sẽ luôn làm vua cai trị.

Mặt trăng, là nhân chứng trung tín trên bầu trời

Mặt trăng được ví như một người làm chứng việc Đức Chúa Trời lập lời hứa cùng Đa-vít. Gợi ý dịch: "mặt trăng giống như nhân chứng trung tín trên bầu trời"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 89:38

Chúa đã khước từ và loại bỏ

Được ngầm hiểu đối tượng ở đây là "vua". Gợi ý dịch: "Chúa đã khước từ và loại bỏ vua"

Vị vua được xức dầu của Ngài

"vua Ngài đã chọn"

Chúa đã hủy bỏ giao ước

"Chúa đã từ bỏ giao ước"

Ngài làm ô uế vương miện người trên đất

Đẩy xuống đất là hành động thể hiện sự sỉ nhục thậm tệ. Gợi ý dịch: "Chúa đã làm ô uế vương miện người trên đất" hoặc "Chúa đã khiến vương miện người rơi vào bụi đất"

vương miện người

Ở đây chỉ về thế lực và quyền cai trị của vua.

Chúa đã phá sập các tường thành của người. Chúa đã phá hủy những đồn lũy của người.

Câu này ngụ ý rằng Đức Chúa Trời để cho kẻ thù phá hủy hàng phòng ngự của Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "Chúa để cho kẻ thù phá sập tường và hủy hoại những đồn lũy của người ở Giê-ru-sa-lem"

Psalms 89:41

Các lân bang

"Lân bang" ở đây có nghĩa là dân của các nước lân cận.

nhấc cao tay phải của kẻ thù người lên

"Tay phải" tượng trưng cho quyền lực. "Nhấc cao tay phải" có nghĩa là Đức Giê-hô-va khiến cho kẻ thù đủ mạnh để đánh bại vị vua được chọn của Đức Chúa Trời.

làm cho lưỡi gươm người quay lại

"Gươm" ở đây tượng trưng cho sức mạnh của vua trên chiến trận. Làm cho lưỡi gươm quay lại tượng trưng cho việc khiến vua không thể thắng trận.

lưỡi gươm

"Lưỡi" ở đây chỉ về toàn bộ thanh gươm. Gợi ý dịch: "thanh gươm người"

Không cho người đứng nổi trong cơn chiến trận

"Đứng" ở đây tượng trưng cho việc thắng trận. Gợi ý dịch: "Chúa không giúp họ chiến thắng trong chiến trận"

Psalms 89:44

Chúa đã đem ngôi người xuống đất

"Ngôi" ở đây chỉ về quyền cai trị. Gợi ý dịch: "Chúa, là Đức Giê-hô-va, đã chấm dứt triều đại làm vua của người"

Ngài rút ngắn tuổi thanh xuân của người

Đây là cách nói rằng Đức Chúa Trời làm cho vua dường như già đi mặc dù vẫn còn trẻ. Gợi ý dịch: "Dù người còn trẻ nhưng Chúa khiến người yếu mòn như người già"

bao phủ người bằng sự nhục nhã

Đức Giê-hô-va sỉ nhục vua thậm tệ được nói như thể sự nhục nhã là một chiếc áo Đức Chúa Trời dùng để bao phủ vua.

Psalms 89:46

Đức Giê-hô-va ôi, cho đến chừng nào? Ngài sẽ lánh mặt đời đời ư?

Tác giả dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông không muốn Đức Chúa Trời tiếp tục từ bỏ vua. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, xin đừng từ chối không giúp đỡ vua mãi mãi."

Ngài sẽ lánh mặt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Chúa Trời không giúp đỡ vua được nói như thể Đức Chúa Trời lánh khỏi ông. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ từ chối không giúp đỡ vua"

Cơn giận Ngài sẽ cháy như lửa cho đến bao giờ?

Tác giả dùng câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông không muốn Đức Chúa Trời tiếp tục tức giận. Gợi ý dịch: "Xin đừng tiếp tục giận dữ"

Cơn giận Ngài cháy như lửa

Đức Chúa Trời rất tức giận được nói như thể cơn giận của Ngài là ngọn lửa hừng.

Ngài dựng nên con loài người cho sự vô ích

Danh từ trừu tượng "sự vô ích" có thể được dịch là "cách vô ích". Gợi ý dịch: "Chúa dựng nên loài người để chết cách vô ích"

con loài người

Ở đây chỉ về loài người nói chung. Gợi ý dịch: "loài người" hoặc "con người"

Ai có thể sống mà không chết hay tự cứu mình khỏi tay âm phủ?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng tất cả mọi người đều sẽ chết. Gợi ý dịch: "Không ai có thể sống đời đời hay tự mình sống lại sau khi chết"

tự cứu mình khỏi tay âm phủ

Ở đây "tay" chỉ về quyền lực. Tác giả nói như thể âm phủ là một con người, có quyền lực trên kẻ chết. Câu này có thể có nghĩa là 1) con người không thể tự mình sống lại sau khi chết hoặc 2) con người không thể giữ cho mình khỏi chết.

Psalms 89:49

Lạy Chúa, các việc làm của sự thành tín theo giao ước mà Ngài đã lấy sự tín nghĩa thề cùng Đa-vít ngày xưa, bây giờ ở đâu?

Tác giả dùng câu hỏi này để cầu xin Chúa thành tín theo giao ước của Ngài cùng Đa-vít. Gợi ý dịch: "Lạy Chúa, xin Ngài thành tín theo giao ước Ngài với Đa-vít như Ngài đã làm ngày xưa"

Nhớ lại

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va nhớ lại điều đó. Gợi ý dịch: "Nhớ đến" hoặc "Xem xét"

Sự sỉ nhục nhằm vào đầy tớ Chúa

Ở đây "đầy tớ Chúa" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "thể nào họ đã sỉ nhục chúng con, là đầy tớ Chúa"

Con mang trong lòng sự sỉ nhục từ các nước

"Lòng" ở đây chỉ về cảm xúc của người đó. Gợi ý dịch: "Con chịu nhiều sự sỉ nhục từ dân của các nước" hoặc "Con chịu đựng vì dân từ các nước sỉ nhục con"

từ các nước

Ở đây "các nước" chỉ về dân của các nước đó.

Kẻ thù của Chúa ném sự sỉ nhục

Kẻ thù gào thét những lời sỉ nhục vào vua được nói như thể sự sỉ nhục là một đồ vật mà kẻ thù có thể ném vào vua cách bạo lực.

Chúng chế giễu mỗi bước chân của người được Chúa xức dầu

"Bước chân" ở đây tượng trưng cho nơi vua đi. Gợi ý dịch: "đi đâu người được Chúa xức dầu cũng bị chúng chế giễu"

Psalms 89:52

Thông Tin Tổng Quát:

Câu này không chỉ là lời kết cho thi thiên này mà còn là lời kết cho cả Quyển 3 của sách Thi Thiên bắt từ Thi Thiên 73 đến Thi Thiên 89.

Đáng chúc tụng Đức Giê-hô-va đến đời đời

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện con người ngợi khen Đức Giê-hô-va đến đời đời"

A-men và A-men

Từ "A-men" được lặp lại để nhấn mạnh sự đồng thuận về điều vừa nói. Xem cách đã dịch ở PSA041:013

Translation Questions

Psalms 89:1

Tác giả sẽ mãi hát vì điều gì?

Ông sẽ hát về các việc làm thành tín giao ước của Đức Giê-hô-va.

Tác giả sẽ công bố với thế hệ tương lai điều gì?

Ông sẽ công bố sự thành tín của Đức Giê-hô-va.

Psalms 89:2

Sự trung tín của Đức Giê-hô-va được lập ở đâu?

Nó đã được lập trên các từng trời.

Psalms 89:3

Đã có lời giao ước và lời thề được lập nên với ai?

Giao ước đã được lập với người được chọn, và lời thề được lập bởi Đa-vít.

Psalms 89:4

Các dòng dõi và ngai vàng được lập bao lâu?

Các dòng dõi sẽ được lập mãi mãi và ngai vàng trải qua mọi thế hệ.

Psalms 89:5

Các từng trời sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va vì điều gì?

Các từng trời sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va vì các điều kỳ lạ của Ngài.

Đoàn người thánh sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va vì điều gì?

Họ sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự trung tín của Ngài.

Psalms 89:7

Chúa so sánh những kẻ xung quanh Ngài thế nào?

Ngài tuyệt vời hơn mọi kẻ xung quanh Ngài.

Psalms 89:8

Tác giả nói gì về sự trung tín của Đức Giê-hô-va?

Nó bao quanh Đức Giê-hô-va.

Psalms 89:9

Tác giả nói gì về sự cai trị của Đức Giê-hô-va trên biển dữ?

Ông nói rằng khi biển dấy lên, Đức Giê-hô-va làm yên lặng nó.

Psalms 89:10

Đức Giê-hô-va đã làm gì với Ra-háp?

Ngài đè nát bà ta như kẻ bị giết.

Đức Giê-hô-va dùng gì để phân tán kẻ thù của Ngài?

Ngài dùng cánh tay mạnh mẽ của mình.

Psalms 89:11

Điều gì thuộc về Đức Giê-hô-va là Đấng dựng nên trái đất và mọi thứ nó chứa đựng?

Các từng trời và trái đất thuộc về Đức Giê-hô-va.

Psalms 89:12

Đức Giê-hô-va đã tạo ra điều gì?

Đức Giê-hô-va đã tạo ra phía bắc và phía nam.

Psalms 89:13

Tác giả nói nói gì về cánh tay và bàn tay của Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va có cánh tay năng quyền và bàn tay mạnh mẽ, và tay phải của Ngài là cao lắm.

Psalms 89:14

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các nền tảng của ngai Đức Giê-hô-va là gì?
Sự chính trực và công bằng là nền tảng của ngai Đức Giê-hô-va.
Điều gì đến trước Đức Giê-hô-va?
Giao ước thành tín và sự tin cậy đến trước Đức Giê-hô-va.
Psalms 89:15
Điều gì với với dân sự là người thờ phượng Đức Giê-hô-va?
Họ được phước và bước đi trong ánh sáng của mặt Đức Giê-hô-va, họ vui mừng trong danh Đức Giê-hô-va, và trong sự chính trực của Đức Giê-hô-va họ tán dương.
Psalms 89:16
Điều gì với với dân sự là người thờ phượng Đức Giê-hô-va?
Họ được phước và bước đi trong ánh sáng của mặt Đức Giê-hô-va, họ vui mừng trong danh Đức Giê-hô-va, và trong sự chính trực của Đức Giê-hô-va họ tán dương.
Psalms 89:17
Sức mạnh oai nghiêm của Đức Giê-hô-va và ân điển ích lợi cho dân sự thế nào?
Dân sự được chiến thắng.
Psalms 89:18
Điều gì thuộc về Đức Giê-hô-va và Ngài gọi là gì?
Khiên của dân sự thuộc về Đức Giê-hô-va và được gọi là Đấng thánh của Y-sơ-ra-ên.
Psalms 89:19
Đức Giê-hô-va đã nói gì về một khải tượng với kẻ trung thành của Ngài?
Ngài nói rằng sẽ đặt vương miệng trên kẻ mạnh và nâng lên kẻ được chọn từ giữa dân sự.
Psalms 89:20
Đức Giê-hô-va đã nói Ngài sẽ làm gì cho tôi tớ được chọn của Ngài là Đa-vít?
Ngài nói Ngài đã xức dầu cho vua, sẽ nâng đỡ ông, và sẽ thêm sức cho ông.
Psalms 89:23
Đức Giê-hô-va đã nói Ngài sẽ làm gì cho tôi tớ được chọn của Ngài là Đa-vít?
Ngài nói Ngài đã xức dầu cho vua, sẽ nâng đỡ ông, và sẽ thêm sức cho ông.
Psalms 89:24
Điều gì ở cùng Đa-vít và ông sẽ chiến thắng thế nào?
Chân lý của Đức Giê-hô-va và giao ước thành tín sẽ ở cùng Đa-vít và bởi danh của Đức Giê-hô-va mà Đa-vít sẽ chiến thắng.
Psalms 89:26
Đa-vít sẽ kêu cầu Đức Giê-hô-va điều gì?
Ông sẽ kêu Đức Giê-hô-va là Cha, Chúa, và vầng đá của sự giải cứu của ông.
Psalms 89:27
Điều gì Đức Giê-hô-va sẽ làm cho Đa-vít là người Ngài đặt làm con đầu lòng và vua cao nhất trên đất?
Đức Giê-hô-va sẽ giơ tay và làm vững bền giao ước thành tín của Ngài với Đa-vít mãi mãi.
Psalms 89:28
Điều gì Đức Giê-hô-va sẽ làm cho Đa-vít là người Ngài đặt làm con đầu lòng và vua cao nhất trên đất?
Đức Giê-hô-va sẽ giơ tay và làm vững bền giao ước thành tín của Ngài với Đa-vít mãi mãi.
Psalms 89:29
Các dòng dõi của Đa-vít và ngai vàng sẽ kéo dài bao lâu?
Dòng dõi của ông sẽ kéo dài mãi mãi và ngai của ông sẽ kéo dài như mây trên cao.
Psalms 89:30
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với con cháu của Đa-vít nếu chúng từ bỏ luật của Đức Giê-hô-va, bất tuân mạng lệnh của Ngài, vi phạm quy tắc và không giữ mạng lệnh Ngài?
Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt sự nổi loạn của chúng bằng roi và sự phạm tội của chúng bằng đòn roi.
Psalms 89:32
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với con cháu của Đa-vít nếu chúng từ bỏ luật của Đức Giê-hô-va, bất tuân mạng lệnh của Ngài, vi phạm quy tắc và không giữ mạng lệnh Ngài?
Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt sự nổi loạn của chúng bằng roi và sự phạm tội của chúng bằng đòn roi.
Psalms 89:33
Những lời hứa mà Đức Giê-hô-va lập với Đa-vít?
Đức Giê-hô-va hứa không bỏ giao ước thành tín của Ngài hoặc phản bội lời hứa của Ngài. Ngài sẽ không phá giao ước của Ngài hoặc đổi các lời của môi Ngài.
Psalms 89:34
Những lời hứa mà Đức Giê-hô-va lập với Đa-vít?
Đức Giê-hô-va hứa không bỏ giao ước thành tín của Ngài hoặc phản bội lời hứa của Ngài. Ngài sẽ không phá giao ước của Ngài hoặc đổi các lời của môi Ngài.
Psalms 89:35
Bởi điều gì mà Đức Giê-hô-va thề một lần và cho hết thảy?
Đức Giê-hô-va thề bởi thánh khiết của Ngài.
Psalms 89:38
Tác giả bấy giờ nói về việc Đức Giê-hô-va đối đãi với Đa-vít?
Tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va đã từ chối, rời bỏ và giận dữ với vua được xức dầu.
Psalms 89:41
Tác giả nói gì về việc đang xảy ra với vua được xức dầu?
Ông đang bị cướp và đã trở thành vật đáng kinh tởm cho người thân cận.
Psalms 89:42
Kẻ thù của vua được xức dầu đã làm gì?
Họ đã giơ tay phải của họ và đã vui mừng.
Psalms 89:43
Điều gì xảy ra khi vua được chỉ định đi vào trận chiến?
Lưỡi kiếm của vua bị bật lại và vua không thể đứng trong trận chiến.
Psalms 89:44
Điều gì đã xảy ra với sự huy hoàng và ngai của vua?
Sự huy hoàng của vua đã đem đi mất và đã đem ngai của người xuống đất.
Psalms 89:45
Điều gì đã xảy ra với những ngày của vua được chỉ định?
Những ngày đã ngắn lại và ông đã bị che phủ bởi nỗi nhục nhã.
Psalms 89:46
What does the writer ask Yahweh about his anger? Đức Giê-hô-va hỏi Đức Giê-hô-va gì về cơn giận của Ngài?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va sẽ giấu chính Ngài và cơn giận của Ngài sẽ thiêu đốt như lửa đến bao giờ.
Psalms 89:47
Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va ngẫm nghĩ điều gì?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va nghĩ về thời gian ngắn ngủi của ông và những điều vô ích mà Đức Giê-hô đã tạo cho hết thảy con trai loài người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 89:49
Tác giả hỏi Chúa điều gì về những việc xưa trong giao ước thành tín của Ngài?
Tác giả hỏi Chúa. "Những việc xưa trong giao ước thành tín của Ngài đâu rồi?"
Psalms 89:50
Tác giả nói Chúa nhớ lại điều gì?
Lời nói của ông với Chúa rằng kẻ thù của Đức Giê-hô-va ném lời sỉ nhục và lăng mạ các bước chân của kẻ được Đức Giê-hô-va xức dầu.
Psalms 89:51
Tác giả nói Chúa nhớ lại điều gì?
Lời nói của ông với Chúa rằng kẻ thù của Đức Giê-hô-va ném lời sỉ nhục và lăng mạ các bước chân của kẻ được Đức Giê-hô-va xức dầu.
Psalms 89:52
Tác giả nói Đức Giê-hô-va sẽ được chúc phước bao lâu?
Đức Giê-hô-va sẽ được chúc phước mãi mãi.

Chapter 90
Psalms 90:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Bài cầu nguyện của Môi-se
"Đây là bài cầu nguyện do Môi-se viết"
Lạy Chúa, Chúa là nơi ẩn náu của chúng con
Đức Chúa Trời bảo vệ dân Ngài được nói như thể Đức Chúa Trời là nơi trú ẩn hay là đồn lũy. Gợi ý dịch: "Lạy Chúa, Chúa giống như nơi ẩn náu của chúng con"
Qua mọi thế hệ
"luôn luôn" (UDB)
Trước khi núi non thành hình
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Trước khi Ngài dựng nên núi non"
Thành hình
"tạo nên" hoặc "hình thành"
Thế gian
Từ này tượng trưng cho mọi vật trong thế gian.
Từ trước vô cùng cho đến đời đời from everlasting to everlasting
Cụm từ này chỉ về toàn bộ thời gian trong quá khứ, hiện tại và tương lai.
Psalms 90:3
Chúa khiến loài người trở vào bụi đất
Câu này ngụ ý rằng như Đức Chúa Trời đã tạo nên con người đầu tiên là A-đam từ bụi đất thì Ngài cũng sẽ khiến thể xác của con người trở về bụi đất sau khi qua đời. Gợi ý dịch: "Chúa khiến loài người trở vào bụi đất khi họ qua đời"
Khiến con người
Ở đây chỉ về loài người nói chung.
Hỡi con cái ... hãy trở về
Được ngầm hiểu là trở về "bụi đất" hoặc "đất". Gợi ý dịch: "Hỡi con cái ... hãy trở về bụi đất" hoặc "Hãy trở về với đất, hỡi con cái..."
Hỡi con cái loài người
Đây là cách chỉ về con người nói chung. Gợi ý dịch: "hỡi loài người" hoặc "hỡi con người"
Vì một ngàn năm trước mắt Chúa khác nào ngày hôm qua đã qua rồi, giống như một canh của đêm
Tác giả có ý muốn nói một khoảng thời gian dài dường như chỉ là một khoảng thời gian ngắn đối với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Chúa xem một ngàn năm cũng giống như một năm trong quá khứ hay vài giờ ngắn ngủi trong đêm" hoặc "Thậm chí đến một ngàn năm cũng không hề dài đối với Chúa"
một ngàn năm
"1,000 năm"
trước mắt Chúa
"Mắt" ở đây chỉ về ý nghĩ hay sự đánh giá. Gợi ý dịch: "trước Chúa"
Psalms 90:5
Chúa quét chúng đi như một cơn nước lụt và chúng ngủ
Đức Chúa Trời khiến con người chết cách đột ngột được nói như thể Ngài dùng chổi quét họ đi. Điều này cũng được ví như một cơn nước lụt cuốn con người đi. Gợi ý dịch: "Chúa ôi, Ngài hủy diệt loài người như một cơn nước lụt và chúng chết"
Chúng ngủ
Đây là cách tế nhị để nói chúng chết.
Buổi sáng chúng giống như cỏ ... buổi tối nó tàn úa và khô héo
Con người được ví sanh như cỏ để nhấn mạnh rằng con người chẳng sống được bao lâu.
nó nở bông và tốt tươi
Cả hai cụm từ đều thể hiện cây cỏ phát triển như thế nào. Gợi ý dịch: "nó bắt đầu mọc lên và phát triển"
nó tàn úa và khô héo
Cả hai cụm từ này đều thể hiện cây cỏ chết như thế nào. Gợi ý dịch: "nó héo và chết khô"
Psalms 90:7
chúng con bị hao mòn trong cơn giận của Chúa
Đức Chúa Trời tiêu diệt con người trong cơn giận của Ngài được nói như thể cơn giận của Đức Chúa Trời là ngọn lửa thiêu rụi con người hoàn toàn. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa tiêu diệt chúng con trong cơn giận của Ngài"
Và trong cơn thịnh nộ của Chúa chúng con bị kinh hãi
"và khi Chúa tức giận chúng con vô cùng kinh hãi"
Chúa đã đặt gian ác chúng con trước mặt Chúa, để những tội lỗi giấu kín của chúng con trong ánh sáng của sự hiện diện Ngài
Đức Chúa Trời xem xét tội lỗi của con người được nói như thể tội lỗi là một đồ vật có thể đem đặt trước Ngài để Ngài nhìn xem chúng. Gợi ý dịch: "Chúa thấy mọi điều tội lỗi chúng con làm, kể cả những điều tội lỗi chúng con làm cách kín đáo"
Psalms 90:9
Đời sống chúng con qua đi dưới cơn thịnh nộ của Chúa
Có thể dùng từ "vì" để làm rõ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời khiến đời người chấm dứt. Gợi ý dịch: "Đời chúng con chấm dứt vì cơn thịnh nộ của Chúa"
Như hơi thở
Tác giả so sánh đời người như hơi thở để nhấn mạnh rằng đời người rất ngắn ngủi.
Bảy mươi
"70"
Tám mươi
"80"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thậm chí những năm vàng son nhất của chúng con cũng ghi dấu lao nhọc và buồn thảm

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Kể cả trong những tháng năm vàng son nhất, chúng con cũng phải khó nhọc và buồn thảm"

Chúng con bay mất đi

Đây là cách tế nhị để nói con người chết đi. Gợi ý dịch: "chúng con chết đi"

Psalms 90:11

Ai biết được sức giận của Chúa và cơn thịnh nộ Ngài để kính sợ Ngài đúng mực?

Tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng chưa ai từng nếm trải cơn giận cực độ của Chúa. Vì thế không ai thật sự tôn kính Đức Chúa Trời và sợ sự tức giận của Ngài khi họ phạm tội. Gợi ý dịch: "Không ai biết được sức giận của Chúa. Vì thế không ai sợ cơn thịnh nộ của Ngài khi họ phạm tội."

Đức Giê-hô-va ôi, xin quay lại! Sẽ còn đến chừng nào nữa?

Cầu xin Đức Giê-hô-va không tức giận nữa được nói như thể tác giả muốn Đức Chúa Trời quay mình khỏi cơn giận của Ngài. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, xin Ngài đừng tức giận nữa"

Sẽ còn đến chừng nào nữa?

Tác giả dùng một câu hỏi để thể hiện rằng ông muốn Đức Chúa Trời ngừng tức giận.

Xin thương xót các đầy tớ Ngài

"Các đầy tớ Ngài" ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Xin thương xót chúng con, là các đầy tớ Ngài"

Psalms 90:14

Buổi sáng xin cho chúng con được thỏa lòng

"Mỗi buổi sáng xin cho chúng con được thỏa lòng"

Với sự thành tín theo giao ước Chúa

Danh từ trừu tượng "sự thành tín" có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "bằng cách thành tín bởi giao ước Ngài cùng chúng con"

Tương ứng với số ngày Chúa làm cho chúng con ưu phiền và số năm chúng con trải qua tai họa

Cả hai vế đều có nghĩa như nhau. Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va cho họ được vui vẻ bằng với khoảng thời gian Ngài trừng phạt họ. Gợi ý dịch: "bằng với khoảng thời gian Chúa làm cho chúng con ưu phiền và khiến chúng con khốn khổ"

Nguyện các đầy tớ Chúa

"Các đầy tớ Chúa" ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Nguyện chúng con, là các đầy tớ Chúa" hoặc "Nguyện chúng con"

Nguyện con cháu chúng con

"Con cháu" ở đây có nghĩa là con cái và dòng dõi.

Thấy sự oai nghi Ngài

Danh từ trừu tượng "sự oai nghi" có thể được dịch là "những điều lớn lao". Gợi ý dịch: "thấy những điều lớn lao Chúa làm"

Psalms 90:17

Nguyện ơn Chúa là Đức Chúa Trời chúng con thuộc về chúng con

Danh từ trừu tượng "ơn" có thể được dịch là "nhân lành". Gợi ý dịch: "Nguyện Chúa là Đức Chúa Trời của chúng con nhân lành với chúng con"

Làm thịnh vượng công việc của tay chúng con

Ở đây từ "tay" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "khiến chúng con được thành công"

Translation Questions

Psalms 90:1

Chúa đã là nơi nương náu cho Môi-se và dân sự trong bao lâu?

Chúa đã là nơi nương náu qua khắp các thế hệ.

Psalms 90:3

Chúa biến con người thành điều gì?

Ngài biến con người thành cát bụi.

Psalms 90:4

Một nghìn năm như điều gì ở trước mắt của Chúa?

Chúng như ngày hôm qua lúc nó đã qua, và như một canh giờ trong đêm.

Psalms 90:5

Các dòng dõi của con người như điều gì?

Chúng như cỏ đã nẩy mầm, ra hoa và lớn lên, và rồi tàn lụi và khô héo.

Psalms 90:6

Các dòng dõi của con người như điều gì?

Chúng như cỏ đã nẩy mầm, ra hoa và lớn lên, và rồi tàn lụi và khô héo.

Psalms 90:7

Tại sao loài người bị thiêu đốt trong cơn giận dữ của Chúa và kinh hãi trong cơn thịnh nộ của Ngài?

Chúng bị thiêu đốt và kinh hãi bởi vì Chúa đã đặt tội lỗi của họ trước Ngài, và giấu tội lỗi của họ trong ánh sáng của mặt Ngài.

Psalms 90:8

Tại sao loài người bị thiêu đốt trong cơn giận dữ của Chúa và kinh hãi trong cơn thịnh nộ của Ngài?

Chúng bị thiêu đốt và kinh hãi bởi vì Chúa đã đặt tội lỗi của họ trước Ngài, và giấu tội lỗi của họ trong ánh sáng của mặt Ngài.

Psalms 90:10

Có bao năm trong đời người nếu họ khỏe mạnh?

Số năm của họ là tám mươi nếu mạnh khỏe.

Psalms 90:12

Môi-se cầu xin Chúa dạy loài người điều gì?

Ông cầu xin Chúa dạy loài người biết suy xét đời họ, để họ sẽ sống khôn ngoan.

Psalms 90:14

Bởi điều gì mà Môi-se muốn Chúa hài lòng con người vào sáng sớm?

Ông muốn Chúa hài lòng con người bằng giao ước thành tín của Chúa, để họ sẽ vui mừng và được hạnh phúc trọn những ngày của họ.

Psalms 90:16

Môi-se muốn Chúa để tôi tớ của Ngài thấy điều gì?

Ông muốn Chúa để tôi tớ của Ngài thấy công việc của Ngài và con cái họ thấy vẻ oai nghi của Ngài.

Psalms 90:17

Chúa bày tỏ ân điển của Ngài với con người thế nào?

Ngài làm thịnh vượng công việc của tay họ.

Chapter 91

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 91:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Người nào cư ngụ ... sẽ ở ... của Đấng Toàn Năng

Vì "cư ngụ" và "ở" hầu như có nghĩa như nhau, cũng như "nơi trú ẩn" và "bóng" đều là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ, nên có thể ghép hai vế này làm một. Gợi ý dịch: "Đấng Chí Cao, là Đấng Toàn Năng, sẽ chăm sóc cho hết thảy những ai ở tại nơi Ngài có thể bảo vệ họ"

Người nào cư ngụ trong nơi trú ẩn của Đấng Chí Cao

Từ "nơi trú ẩn" là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ. Gợi ý dịch: "người nào cư ngụ tại nơi Đấng Chí Cao bảo vệ cho mình"

Đấng Chí Cao

Từ "Đấng Chí Cao" chỉ về Đức Giê-hô-va. Xem cách đã dịch ở PSA018:013

Sẽ ở dưới bóng của Đấng Toàn Năng

Từ "bóng" là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ. Gợi ý dịch: "sẽ ở nơi Đấng Toàn Năng có thể bảo vệ cho mình"

Đấng Toàn Năng

Đấng có quyền năng và cai trị trên vạn vật. Xem cách đã dịch ở PSA068:014

Tôi sẽ nói đến Đức Giê-hô-va

"Tôi sẽ nói về Đức Giê-hô-va"

nơi nương náu con và đồn lũy con

"Nơi nương náu" là bất kì nơi nào mà một người có thể chạy đến và được ai đó hay vật gì đó bảo vệ. "Đồn lũy" là nơi người ta tạo ra để có thể bảo vệ bản thân và tài sản. Ở đây A-sáp dùng chúng làm phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ. Gợi ý dịch: "Đấng con có thể chạy đến và Ngài sẽ bảo vệ con"

Psalms 91:3

Vì Ngài sẽ giải cứu ngươi khỏi bẫy của kẻ săn lùng và khỏi dịch lệ chết người

Có thể thêm vào từ được lượt bỏ. Gợi ý dịch: "Vì Đức Chúa Trời sẽ giải cứu ngươi khỏi bẫy của kẻ săn lùng và Ngài sẽ giải cứu ngươi khỏi dịch lệ chết người"

bẫy của kẻ săn lùng

"khỏi bẫy của kẻ săn lùng giăng ra để bắt ngươi"

Ngài sẽ lấy cánh Ngài mà che chở ngươi và dưới cánh Ngài ngươi sẽ được nương náu mình

Sự bảo vệ của Đức Chúa Trời ở đây được để cập đến bằng từ "cánh", loài chim thường dùng cánh để bảo vệ các con của mình khỏi nguy hiểm. Hai cụm từ "lấy cánh Ngài mà che chở ngươi" và "dưới cánh Ngài" căn bản có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ giữ ngươi an toàn và bảo vệ ngươi"

Sự thành tín của Ngài là cái khiên và sự bảo vệ

Sự thành tín của Đức Chúa Trời ở đây được gọi là "cái khiên" có thể bảo vệ người nào nương cậy nơi Ngài.
Gợi ý dịch: "Ngươi có thể phó thác cho Ngài bảo vệ"

sự bảo vệ

Không ai biết chắc chắn từ này có nghĩa gì. Có thể là 1) một lá chắn nhỏ gắn vào cẳng tay, được binh lính sử dụng để bảo vệ mình khỏi mũi tên hay gươm đao hoặc 2) một bức tường đá được dựng hình tròn để binh lính nấp ở bên trong và bắn tên.

Psalms 91:5

sự kinh khiếp trong ban đêm

The tác giả thi thiên nói như thể nó là một linh hay một con vật hung dữ có thể tấn công vào ban đêm khiến cho mọi người khiếp sợ. Gợi ý dịch: "những vật tấn công người trong ban đêm"

Trong ban đêm ... ban ngày

Hai từ này đi chung chỉ về mọi thời điểm có thể, ban đêm lẫn ban ngày.

tên bay ban ngày

"Tên" là phép hoán dụ chỉ về người bắn tên. Gợi ý dịch: "những kẻ dùng tên tấn công ngươi vào ban ngày"

Hoặc dịch lệ đi khắp nơi

The tác giả thi thiên nói như thể bệnh tật là một người đi vòng quanh lúc ban đêm để giết người.
Gợi ý dịch: "Ngươi sẽ không phải sợ chết vì bệnh tật"

Đi khắp nơi

Đi bất kì nơi đâu nó muốn và bất kì lúc nào

trong tối tăm ... đang lúc trưa

Hai cụm này đi chung để chỉ về mọi khoảng thời gian có thể vào ban ngày và ban đêm.

Dịch lệ

Một căn bệnh khiến nhiều người mắc cùng lúc.

Nghìn người có thể sa ngã bên ngươi và vạn người sa ngã bên phải ngươi

"Nhiều người có thể sa ngã quanh ngươi". Nếu việc dịch chính xác con số khiến người đọc nhầm lẫn thì có thể lượt bỏ chúng.

Nó sẽ chẳng đụng đến ngươi

"điều ác sẽ không làm hại ngươi"

Psalms 91:8

Ngươi sẽ chỉ nhìn xem và sẽ thấy

"Chính ngươi không chịu thiệt hại nhưng ngươi sẽ cẩn thận nhìn xem và sẽ thấy"

Sự trừng phạt của kẻ ác

"Đức Chúa Trời trừng phạt kẻ ác thể nào"

Đức Giê-hô-va là nơi trú ẩn của con

"Đức Giê-hô-va là Đấng con chạy đến khi con cần được bảo vệ"

Nhờ Đấng Chí Cao làm nơi cư trú mình

"Ngươi phải nhờ Đấng Chí Cao làm nơi nương náu mình".
Tác giả thi thiên ngừng thưa với Đức Chúa Trời và bắt đầu nói cùng độc giả.

Psalms 91:10

Sẽ chẳng có điều ác nào xảy đến ngươi

"Sẽ không có điều nào gian ác xảy ra cho ngươi"

Sẽ chẳng có tai họa nào tới gần nhà ngươi

Tác giả thi thiên nói về kẻ gây tai họa cho người khác như thể họ chính là tai họa đó. Gợi ý dịch: "sẽ chẳng ai có thể làm hại gia đình ngươi"

Vì Ngài sẽ ban lệnh

"Đức Giê-hô-va sẽ truyền lệnh"

trong mọi đường lối ngươi

Tác giả thi thiên nói như thể cách sống là một con đường.
Gợi ý dịch: "trong mọi việc ngươi làm" hoặc "luôn luôn"

Psalms 91:12

Họ sẽ nâng ngươi

"Các thiên sứ của Đức Giê-hô-va sẽ nâng ngươi"

Ngươi sẽ không vấp chân vào đá

Các thiên sứ không chỉ sẽ bảo vệ chân của độc giả mà bảo vệ hết cả người của tác giả. Gợi ý dịch: "ngươi thậm chí sẽ không vấp chân vào đá" hoặc "sẽ không có điều tai họa nào

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

xảy ra với ngươi"

Ngươi sẽ giày đạp sư tử và rắn dưới chân, ngươi sẽ giẫm trên sư tử tơ và rắn

"Vấp chân vào đá" chỉ là vấn đề nhỏ, sư tử và rắn là ví dụ cho những nguy hiểm lớn. Tác giả thi thiên nói như thể sư tử và rắn nhỏ bé đến nỗi có thể giày đạp được trong lòng bàn chân. Gợi ý dịch: "Ngươi sẽ giết được sư tử và rắn như thể chúng là những con vật bé nhỏ ngươi có thể giày đạp dưới bàn chân"

Rắn

Những loại rắn độc.

Giẫm

Đè bẹp bằng cách bước lên thật mạnh

Psalms 91:14

Vì người hết lòng cho ta

"Vì người yêu mến ta"

Trong cơn gian truân, ta sẽ ở cùng người

Có thể dịch câu này rõ hơn. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ở cùng người khi người gặp gian truân"

Cho người chiến thắng

"cho người có thể đánh bại kẻ thù"

cho người thỏa lòng sống lâu

Tác giả thi thiên nói như thể cuộc sống là thứ có thể ăn được. Gợi ý dịch: "Ta sẽ cho người được sống lâu và hạnh phúc"

Và tỏ cho người sự cứu rỗi của ta

"và ta sẽ tỏ cho người sự cứu rỗi của ta." Tác giả thi thiên nói như thể những việc Đức Chúa Trời làm để cứu rỗi loài người là một đồ vật. Gợi ý dịch: "Ta sẽ cứu người để người biết ta là Đấng giải cứu"

Translation Questions

Psalms 91:2

Tác giả nói điều gì về Đức Giê-hô-va?

Tác giả nói, "Ngài là nơi nương náu và sự bảo vệ của tôi, Chúa tôi, Đấng tôi cậy trông."

Psalms 91:3

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người cậy tin nơi Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ cứu người đó khỏi bẫy của thợ săn và khỏi tai họa chết chóc và che phủ người đó bằng cánh của Ngài.

Psalms 91:4

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người cậy tin nơi Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ cứu người đó khỏi bẫy của thợ săn và khỏi tai họa chết chóc và che phủ người đó bằng cánh của Ngài.

Psalms 91:5

Người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va không cần sợ hãi điều gì?

Người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va không cần sợ sự kinh sợ lúc ban đêm, hay tên bay lúc ban ngày, bệnh dịch rong rủi lúc đêm đen, hay bệnh tật đến lúc trưa.

Psalms 91:6

Người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va không cần sợ hãi điều gì?

Người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va không cần sợ sự kinh sợ lúc ban đêm, hay tên bay lúc ban ngày, bệnh dịch rong rủi lúc đêm đen, hay bệnh tật đến lúc trưa.

Psalms 91:9

Đức Giê-hô-va là gì với tác giả?

Đức Giê-hô-va là nơi nương náu với tác giả.

Psalms 91:10

Tại sao sẽ không có điều tai hại nào đuổi theo hay nỗi đau buồn đến gần nhà của người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va?

Không tai hại nào sẽ đuổi theo hay nỗi đau buồn đến gần người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va bởi vì Chúa sẽ gửi các thiên sứ đến bảo vệ và canh chừng người đó trong mọi lối đường.

Psalms 91:11

Tại sao sẽ không có điều tai hại nào đuổi theo hay nỗi đau buồn đến gần nhà của người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va?

Không tai hại nào sẽ đuổi theo hay nỗi đau buồn đến gần người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va bởi vì Chúa sẽ gửi các thiên sứ đến bảo vệ và canh chừng người đó trong mọi lối đường.

Psalms 91:12

Tại sao các thiên sứ sẽ bảo vệ và canh chừng người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va?

Các thiên sứ sẽ nâng người đó lên bằng tay họ để người đó không trượt và té vào đá.

Psalms 91:13

Tại sao các thiên sứ sẽ bảo vệ và canh chừng người cậy tin nơi Đức Giê-hô-va?

Các thiên sứ sẽ nâng người đó lên bằng tay họ để người đó không trượt và té vào đá.

Psalms 91:14

Đức Giê-hô-va làm gì là người tận hiến cho Ngài?

Ngài ban chiến thắng, và danh dự khi người gặp tai họa, người hài lòng về đời sống mình, và bày đỏ sự cứu chuộc của Đức Giê-hô-va.

Psalms 91:16

Đức Giê-hô-va làm gì là người tận hiến cho Ngài?

Ngài ban chiến thắng, và danh dự khi người gặp tai họa, người hài lòng về đời sống mình, và bày đỏ sự cứu chuộc của Đức Giê-hô-va.

Chapter 92

Psalms 92:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Hát ngợi khen danh Ngài

"Danh Ngài" là phép hoán dụ chỉ về "Ngài". Gợi ý dịch: "Hát ngợi khen Ngài"

Rao truyền lòng thành tín theo giao ước Ngài

Danh từ trừu tượng "lòng thành tín" có thể được dịch thành tính từ "thành tín". Gợi ý dịch: "rao truyền rằng Chúa thành tín giữ giao ước Ngài"

Sự chân thật Chúa

Danh từ trừu tượng "sự chân thật" có thể dịch thành tín từ "chân thật". Gợi ý dịch: "rằng mọi điều Chúa phán đều chân thật"

Psalms 92:4

Vui vẻ

"vui mừng"

bởi công việc Ngài

Cụm danh từ trừu tượng "công việc Ngài" có thể dịch thành mệnh đề quan hệ "việc Chúa đã làm". Gợi ý dịch: "bởi việc Chúa đã làm"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

công tác của tay Ngài
Cụm danh từ trừu tượng "công tác của tay Ngài" có thể dịch thành mệnh đề quan hệ "việc tay Chúa đã làm". "Tay" là cách nói chuyển ngữ để chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Việc Chúa đã làm"
công việc Ngài
Cụm danh từ trừu tượng "công việc Ngài" có thể dịch thành mệnh đề quan hệ. Gợi ý dịch: "việc Chúa đã làm"
Tư tưởng Ngài rất sâu sắc
"Chúng con không thể hiểu được điều Chúa sẽ làm cho đến khi Ngài thực hiện nó"
Tư tưởng Ngài
Cụm anh từ trừu tượng "tư tưởng Ngài" có thể dịch thành mệnh đề quan hệ. Gợi ý dịch: "Điều Chúa nghĩ" hoặc "Điều Chúa hoạch định"
Psalms 92:6
Điên dại
"hung bạo và ngu dốt"
Khi kẻ ác mọc lên như cỏ
Câu này so sánh kẻ ác như cỏ mọc, chúng mọc rất nhanh và ở rất nhiều nơi. Gợi ý dịch: "Khi kẻ ác xuất hiện nhanh chóng và dường như ở khắp nơi như cỏ"
Chúng bị định cho sự hủy diệt đời đời
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã định cho chúng sẽ bị hủy diệt hoàn toàn"
Psalms 92:8
Thật vậy, lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy nhìn kẻ thù của Ngài
Nhiều bản không có câu này.
Chúng sẽ hư mất
"Chúng sẽ chết" hoặc "Ngài sẽ giết chúng"
Tất cả những kẻ làm ác sẽ bị tản lạc
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa sẽ làm tản lạc tất cả những kẻ làm ác"
sẽ bị tản lạc
Nhiều bản viết là "đã bị tản lạc".
bị tản lạc
"bị đuổi đi"
Psalms 92:10
Chúa làm cho sừng của con ngước cao lên như sừng bò tót
Tác giả thi thiên nói về Đức Chúa Trời như thể Ngài đã khiến ông mạnh mẽ như thú rừng. Gợi ý dịch: "Chúa đã khiến con mạnh mẽ như bò tót"
Ngước lên ... sừng
"Làm cho con mạnh mẽ". Xem cách đã dich "Ngước lên ... sừng" ở PSA075:004
Con được xức bằng dầu mới
Có thể là dầu mà Đức Chúa Trời đã xức cho tác giả thi thiên là phép ẩn dụ chỉ về việc Đức Chúa Trời 1) khiến ông vui vẻ "Chúa đã làm cho con rất vui mừng" hoặc 2) làm cho ông mạnh mẽ "Chúa đã làm cho con mạnh mẽ" hoặc 3) cho ông đánh bại kẻ thù, "Chúa đã cho con đánh bại kẻ thù".
Mắt con đã thấy sự sụp đổ của kẻ thù con; tai con đã nghe nói về sự diệt vong của kẻ thù gian ác con
Từ "mắt" và "tai" là phép chuyển ngữ để chỉ về người thấy và nghe. Hai vế này có thể gọp lại thành một câu. Gợi ý dịch: "Con đã thấy và nghe về sự bại trận của kẻ thù con"
Psalms 92:12
Người công chính sẽ tươi tốt như cây cọ
Có thể là người công chính sẽ giống như một cây cọ tươi tốt vì họ sẽ 1) mạnh mẽ hoặc 2) sống lâu.
Họ sẽ mọc lên như cây bá hương ở Li-ban
Có thể là người công chính sẽ giống như cây bá hương tươi tốt mọc ở Li-ban vì 1) họ sẽ mạnh mẽ hoặc 2) người ta sẽ tôn kính họ.
Họ được trồng
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã trồng họ" hoặc "Đức Giê-hô-va chăm sóc cho họ như thể họ là cây Ngài đã trồng"
trong nhà Đức Giê-hô-va ... trong hành lang của Đức Chúa Trời chúng ta
Tác giả thi thiên nói như thể những người thật sự thờ phượng Đức Chúa Trời là cây mọc trong nhà Đức Giê-hô-va.
Họ tươi tốt
Tác giả thi thiên nói như thể người công chính là cây khỏe mạnh. Gợi ý dịch: "họ tăng trưởng tốt" hoặc "họ rất mạnh mẽ"
trong hành lang của Đức Chúa Trời chúng ta
Trong sân đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.
Psalms 92:14
Họ sinh bông trái
Tác giả thi thiên nói như thể người công chính là cây sinh ra trái. Gợi ý dịch: "Họ làm vui lòng Đức Chúa Trời"
Họ cứ tươi khỏe và xanh tốt
Tác giả thi thiên nói như thể người công chính là cây cối. Gợi ý dịch: "họ cứ mạnh mẽ và khỏe mạnh" hoặc "họ luôn làm điều đẹp lòng Đức Chúa Trời"
xanh tốt, để rao truyền rằng
Có thể là 1) "xanh tốt, để chúng có thể rao truyền" hoặc 2) "xanh tốt. Điều đó cho thấy"
Ngài là vầng đá của con
"Đức Giê-hô-va là Đấng bải vệ con". Tác giả thi thiên nói như thể Đức Giê-hô-va là vầng đá có thể bảo vệ ông. Xem cách đã dịch ở PSA018:002

Translation Questions

Psalms 92:1
Tác giả xem xét việc lấy điều tốt làm gì?
Lấy điều tốt để cảm tạ và hát ngợi khen danh Đức Giê-hô-va.
Psalms 92:2
Tác giả khi đó nói khi nào công bố giao ước thành tín và sự tin cậy của Đức Giê-hô-va?
Ông nói hãy công bố giao ước thành tín của Đức Giê-hô-va vào buổi sáng và sự tin cậy của Ngài mỗi tối.
Psalms 92:4
Tác giả đã đáp lại những việc làm lớn lao của Đức Giê-hô-va thế nào?
Những việc lớn lao của Đức Giê-hô-va đã làm ông vui sướng để ông sẽ hát cách hân hoan.
Psalms 92:5
Tác giả đã đáp lại những việc làm lớn lao của Đức Giê-hô-va thế nào?
Những việc lớn lao của Đức Giê-hô-va đã làm ông vui sướng để ông sẽ hát cách hân hoan.
Psalms 92:6
Những người nào không biết hay không hiểu vui mừng thật sự?
Vui mừng thật sự không được biết bởi kẻ ngu dần hay kẻ dại dột.
Psalms 92:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Số phận của kẻ ác là kẻ sinh sôi như cỏ và mọi kẻ ác thịnh vượng là gì?
Kẻ ác sinh sôi như cỏ và mọi kẻ làm ác thịnh vượng thì vẫn bị kết kết tội hủy diệt đời đời.
Psalms 92:8
Tại sao mọi kẻ làm ác, là kẻ thù của Đức Giê-hô-va, sẽ phân tán?
Mọi kẻ làm ác bị phân tán bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ cai trị mãi mãi.
Psalms 92:9
Tại sao mọi kẻ làm ác, là kẻ thù của Đức Giê-hô-va, sẽ phân tán?
Mọi kẻ làm ác bị phân tán bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ cai trị mãi mãi.
Psalms 92:10
Đức Giê-hô-va đã khen ngợi sừng của tác giả và xức dầu ông bằng dầu mới thế nào?
Đức Giê-hô-va đã khen ngợi sừng và xức dầu tác giả bằng việc cho phép ông thấy sự suy sụp của kẻ thù và lắng nghe sự định tội của kẻ thù địch.
Psalms 92:11
Đức Giê-hô-va đã khen ngợi sừng của tác giả và xức dầu ông bằng dầu mới thế nào?
Đức Giê-hô-va đã khen ngợi sừng và xức dầu tác giả bằng việc cho phép ông thấy sự suy sụp của kẻ thù và lắng nghe sự định tội của kẻ thù địch.
Psalms 92:13
Người ngay thẳng được định ở đâu?
Họ được định ở trong nhà của Đức Giê-hô-va.
Psalms 92:14
Người ngay thẳng làm gì để công bố rằng Đức Giê-hô-va là công bằng?
Người ngay thẳng sinh bông trái khi họ già và vẫn còn tươi và xanh.
Psalms 92:15
Người ngay thẳng làm gì để công bố rằng Đức Giê-hô-va là công bằng?
Người ngay thẳng sinh bông trái khi họ già và vẫn còn tươi và xanh.
Tại sao Đức Giê-hô-va là vầng đá của tác giả?
Đức Giê-hô-va là vầng đá bởi vì không có điều bất chính ở trong Đức Giê-hô-va.

Chapter 93
Psalms 93:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ. (Xem:
Ngài khoác vẻ uy nghiêm; Đức Giê-hô-va mặc và thắt lưng bằng sức mạnh
Tác giả thi thiên nói như thể sức mạnh và vẻ uy nghiêm của Đức Giê-hô-va là thứ Đức Giê-hô-va mang trên người. Gợi ý dịch: "Ngài bày tỏ cho mọi người thấy Ngài là vua quyền năng" hoặc "vẻ uy nghiêm của Ngài tỏ cho mọi người đều thấy như chiếc áo choàng vua mặc; mọi điều về Đức Giê-hô-va cho thấy rằng Ngài mạnh mẽ và sẵn sàng làm những việc lớn lao" (Xem:
vẻ uy nghiêm
Quyền lực của vua và cách hành động của vua
Thắt lưng girded himself
Đeo thắt lưng - một dải da hay chất liệu khác đeo quanh hông - để chuẩn bị làm việc hoặc ra trận
Thế giới được thiết lập vững bền
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa thiết lập thế giới vững bền" (Xem:
Nó không hề bị chuyển dời
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không ai có thể dịch chuyển nó được" (Xem:
Ngôi Chúa được lập vững từ thời xưa
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa lập vững ngôi Ngài từ thời xưa" (Xem:
Chúa hiện hữu từ trước vô cùng
"Chúa luôn hiện hữu"
Psalms 93:3
Biển ... biển
Mộ số bản viết là "nước lụt ... nước lụt". Từ này thường chỉ về một con sông (xem "Sông," PSA072:008
Cất tiếng; sóng biển xô nhau ầm ầm
Tác giả thi thiên nói như thể nó là người có thể nói được. Gợi ý dịch: "tạo tiếng ồn ào dữ dội vì những cơn sóng xô nhau ầm ầm"
ầm ầm
Tạo âm thanh lớn và kéo dài.
hơn tiếng xô vào nhau của các con sóng, những con sóng to của biển cả
Cụm từ "những con sóng to của biển cả" và "các con sóng" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh những con sóng này lớn thế nào. Gợi ý dịch: "hơn tiếng xô vào nhau của tất cả những con sóng to của biển cả"
những con sóng to
Những con sóng lớn xô vào đất liền
trên cao
Tác giả thi thiên nói như thể nơi Đức Chúa Trời ngự nằm ở phía trên trái đất. Gợi ý dịch: "trên trời"
Psalms 93:5
Uy nghiêm
Rất nghiêm trang
Rất thành tín
"luôn giữ nguyên" hoặc "không bao giờ thay đổi" (UDB)
Sự thánh khiết tô điểm cho nhà Chúa
Tác giả thi thiên nói như thể nhà của Đức Giê-hô-va là một người nữ mặc đồ đẹp và đeo trang sức, còn sự thánh khiết của Đức Giê-hô-va là áo quần và trang sức đó. Gợi ý dịch: "nhà Chúa thật đẹp vì Ngài thật thánh khiết" hoặc "sự thánh khiết của Chúa khiến nhà Chúa thật đẹp giống như y phục và trang sức làm cho người phụ nữ đẹp hơn"
Nhà Chúa
Đền thờ tại Giê-ru-sa-lem
Tô điểm
Làm đẹp

Translation Questions

Psalms 93:1
Đức Giê-hô-va được mặc và phủ trong điều gì?
Đức Giê-hô-va được mặc trong sự huy hoàng và phủ bằng sức mạnh mà Ngài mang như thắt lưng.
Psalms 93:3
Các đại dương đã cất giọng của chúng thế nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các đại dương dâng lên và ngọn sóng của chúng đổ ầm và gầm vang.
Psalms 93:4
Ai ở trên sự đâm sầm của những cơn sóng và những con sóng lớn trên biển?
Đức Giê-hô-va trên cao và mạnh hơn những cơn sóng va vào và những con sóng lớn trên biển.
Psalms 93:5
Tác giả mô tả các mạnh lệnh và sự thánh khiết của Đức Giê-hô-va thế nào?
Tác giả nói rằng các mạng lệnh của Đức Giê-hô-va là rất đáng tin và sự thánh khiết trang hoàng cho nhà của Đức Giê-hô-va mãi mãi.

Chapter 94
Psalms 94:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Chiếu sáng trên chúng con
"bày tỏ chính Ngài" hoặc "bày tỏ sự công chính của Ngài"
Hỡi thẩm phán của thế gian, xin trỗi dậy báo trả xứng đáng cho kẻ kiêu ngạo
"Hỡi thẩm phán của thế gian, xin hãy đến và trừng phạt kẻ kiêu ngạo"
Xin trỗi dậy
Tác giả thi thiên nói việc bắt đầu làm gì đó là trỗi dậy. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ chỉ về việc bắt đầu hành động thì có thể dùng ở đây. Gợi ý dịch: "Xin hành động" hoặc "Xin làm gì đó"
Psalms 94:3
Lạy Đức Giê-hô-va, cho đến bao giờ, kẻ ác sẽ cứ vui sướng cho đến bao giờ?
Tác giả thi thiên lặp lại câu hỏi để cho thấy ông không vui vì Đức Giê-hô-va để cho kẻ ác vui sướng thật lâu. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã chờ đợi quá lâu, Ngài dã chờ đợi quá lâu để làm cho kẻ ác thôi vui sướng."
kẻ ác sẽ vui sướng
Có thể dịch rõ vì sao kẻ ác vui sướng. Gợi ý dịch: "kẻ ác sẽ vui sướng vì Chúa không bao giờ trừng phạt chúng vì việc gian ác chúng làm"
Chúng
"Tất cả những kẻ làm điều ác"
Chúng tuông đổ những lời kiêu ngạo
Tác giả thi thiên nói như thể lời của kẻ ác là chất lỏng đổ ra.
Tất cả kẻ làm ác đều khoe khoang
"Tất cả kẻ làm ác đều khoe khoang về việc làm và hành vi gian ác của mình"
Psalms 94:5
Làm cho đất nướcc khốn khổ
"Đất nước" ở đây là phép hoán dụ chỉ về dân của nước đó. Gợi ý dịch: "làm cho dân của đất nước khốn khổ"
Chúng chà nát
Tác giả thi thiên nói kẻ cường quyền đối xử thậm tệ với những người không có quyền thế như thể chúng chà nát họ hay đập nát họ. Gợi ý dịch: "Chúng diệt hết" hoặc "Chúng gây hại nặng nền". Cem cách đã dịch cụm từ "đập nát" ở PSA072:004
Kẻ góa bụa
"phụ nữ chồng chết"
trẻ mồ côi
"trẻ em không có cha mẹ"
Đức Chúa Trời của Gia-cốp chẳng để ý đến
"Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên không thấy việc chúng ta làm đâu"
Psalms 94:8
Thông Tin Tổng Quát:
Đến đây tác giả giáo huấn cho kẻ ác.
bao giờ các ngươi mới học khôn?
Câu hỏi tu từ này nhấn mạnh sự tức giận của tác giả đối với kẻ ác. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "đừng đi con đường ngu dại nữa!" hoặc "hãy biết học từ những lần lầm lỗi của mình!"
Đấng đã dựng nên lỗ tai lại không nghe sao? Đấng đã nắn nên con mắt lại chẳng thấy sao?
Có thể dịch những câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định hoặc câu mệnh lệnh. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã dựng nên lỗ tai nên Ngài có thể nghe được. Đức Chúa Trời đã dựng nên mắt nên Ngài có thể nhìn thấy" hoặc "Đức Chúa Trời đã dựng nên lỗ tai nên hãy thôi hành động như thể Ngài không nghe được. Đức Chúa Trời đã nắn nên con mắt nên hãy thôi hành động như thể Ngài không nhìn thấy".
Psalms 94:10
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục giáo huấn kẻ ác.
Đấng khiển trách các nước sẽ chẳng trừng phạt sao?
Có thể dịch thành câu khẳng định. Câu này ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va sửa phạt dân Ngài. Gợi ý dịch: "Các ngươi biết rằng Đức Giê-hô-va trừng phạt các nước nên cũng hãy biết chắc rằng Ngài sẽ trừng phạt dân Ngài" hoặc "Ngài sẽ trừng phạt dân Ngài"
sẽ chẳng trừng phạt sao
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Câu này có thể có nghĩa là 1) Đức Chúa Trời sửa phạt. Gợi ý dịch: "Ngài sửa phạt" hoặc 2) Đức Chúa Trời trừng phạt. "Ngài trừng phạt"
Chúng chỉ là hơi nước
Ở đây tư tưởng của con người được ví như hơi hay hơi nước biến mất trong không khí. Phép ẩn dụ này cho thấy chúng tầm thường và vô ích thể nào.
Hơi nước
"hơi." Xem cách đã dịch ở PSA039:010
Psalms 94:12
Thông Tin Tổng Quát:
Đến đây tác giả trở lại thưa cùng Đức Giê-hô-va.
Cho đến khi hầm đã đào xong cho kẻ ác
Tác giả thi thiên nói về sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va như thể Đức Giê-hô-va đào hố để bẫy thú vật. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "cho đến khi Ngài đào một cái hầm cho kẻ ác" hoặc "cho đến khi Ngài tiêu diệt kẻ ác"
Psalms 94:14
cơ nghiệp Ngài
"những kẻ Ngài đã chọn để ở với Ngài đời đời"
Sự phán xét sẽ trở nên công chính trở lại
Tác giả thi thiên nói đến quyết định xét xử để chỉ về những

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người xét xử. Danh từ trừu tượng "sự phán xét" có thể dịch thành động từ "phán xét". Gợi ý dịch: "các quan án sẽ phán xét công minh trở lại" hoặc "các quan án sẽ đưa ra phán quyết công chính như trước"

Người ngay thẳng trong lòng

Cụm tính từ "ngay thẳng trong lòng" có thể được dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "những người có lòng ngay thẳng cùng Đức Chúa Trời"

sẽ đi theo điều ấy

"sẽ muốn các quan án phán xét cách công chính"

Ai sẽ trỗi dậy bảo vệ con khỏi kẻ làm ác? Ai sẽ đứng dậy chống lại kẻ ác cho con?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Sẽ không ai trỗi dậy bảo vệ con khỏi kẻ làm ác. Sẽ không ai giúp đỡ con chống lại kẻ ác."

Kẻ ác

Tính từ "ác" có thể được dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người gian ác"

Psalms 94:17

Nếu Đức Giê-hô-va không phải là sự giúp đỡ con ... im lặng rồi

Đây là tình huống giả định. Đức Giê-hô-va đã giúp đỡ ông vì thế ông không phải nằm xuống trong miền đất im lặng. (

Nếu Đức Giê-hô-va không phải là sự giúp đỡ con

Danh từ trừu tượng "sự giúp đỡ" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Nếu Đức Giê-hô-va không giúp đỡ con."

Thì con đã sớm nằm xuống trong miền đất im lặng rồi

"Nằm xuống" chỉ về "sự chết" và "trong miền đất im lặng" chỉ về hầm mộ. Gợi ý dịch: "chẳng bao lâu con sẽ chết và nằm trong hầm mộ tỉnh mịch"

Khi trong con nhiều ưu tư lo lắng thì sự an ủi của Ngài làm cho con vui vẻ

Tác giả thi thiên nói như thể ông có thể đếm từng sự lo lắng một. Danh từ trừu tượng "sự an ủi" có thể dịch thành động từ "an ủi" hay "khuyên giải". Gợi ý dịch: "Khi con lo lắng nhiều điều thì Chúa an ủi con và làm cho con vui vẻ"

Psalms 94:20

Ngôi hủy diệt lấy luật pháp làm ra sự bất công lẽ nào có thể liên minh với Ngài sao?

Câu hỏi này được dùng để đưa ra quan điểm. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Kẻ cai trị gian ác lập luật pháp bất công chẳng phải là bạn của Ngài"

Ngôi hủy diệt

Ở đây "ngôi" chỉ về vua hay người cai trị. Gợi ý dịch: "kẻ cai trị gian ác" hoặc "quan án suy đồi"

Âm mưu

Bí mật với ai đó lên kế hoạch hãm hại hoặc làm việc bất hợp pháp

Lấy mạng sống của

Cụm từ này có nghĩa là giết ai đó.

Psalms 94:22

Đức Giê-hô-va là đồn lũy của con

"Đồn lũy" là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã bảo vệ con khỏi kẻ thù"

Đức Chúa Trời là vầng đá trú ẩn của con

Tác giả thi thiên nói về việc có Đức Chúa Trời bảo vệ như thể Đức Chúa Trời là nơi ông có thể chạy đến để được an toàn. Xem cách đã dịch từ "vầng đá" và "nơi trú ẩn" ở PSA062:007

Sẽ giáng trên chúng tội lỗi của chính chúng

Có thể là 1) "sẽ làm cho chúng những điều ác chúng đã làm cho người khác" hoặc 2) "sẽ trừng phạt chúng vì những điều ác chúng đã làm cho người khác".

Chặt bỏ chúng

Cụm từ này có nghĩa là "giết chúng".

Trong sự gian ác của chính chúng

Có thể là 1) "trong khi chúng đang làm điều ác" hoặc 2) "vì chúng đã làm điều ác".

Translation Questions

Psalms 94:1

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì?

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va soi sáng trên dân Ngài và đáp trả cho những kẻ kiêu ngạo.

Psalms 94:2

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì?

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va soi sáng trên dân Ngài và đáp trả cho những kẻ kiêu ngạo.

Psalms 94:3

Kẻ ác vui mừng trong những điều chúng nói như thế nào?

Kẻ ác vui mừng bởi việc trút ngạo mạn ra, ngang bướng, và những lời khoác lác.

Psalms 94:4

Kẻ ác vui mừng trong những điều chúng nói như thế nào?

Kẻ ác vui mừng bởi việc trút ngạo mạn ra, ngang bướng, và những lời khoác lác.

Psalms 94:5

Hành vi của kẻ ác là gì?

Kẻ ác tiêu diệt dân của Đức Giê-hô-va và giết góa phụ, người ngoại kiều và người mồ côi.

Psalms 94:6

Hành vi của kẻ ác là gì?

Kẻ ác tiêu diệt dân của Đức Giê-hô-va và giết góa phụ, người ngoại kiều và người mồ côi.

Psalms 94:7

Kẻ ác nói gì?

Kẻ ác nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ không thấy cũng không quan tâm những gì chúng làm.

Psalms 94:8

Câu hỏi mà tác giả hỏi những kẻ ngu dại là gì?

Ông hỏi chúng: "Đến bao giờ ngươi sẽ học biết?"

Psalms 94:11

Đức Giê-hô-va biết gì về những tư tưởng của con người?

Đức Giê-hô-va biết rằng những tư tưởng của con người là đồi bại.

Psalms 94:12

Đức Giê-hô-va làm gì cho người được phước?

Đức Giê-hô-va dạy luật pháp của Ngàu và ban sự yên lòng trong lúc tai họa cho người được phước.

Psalms 94:13

Đức Giê-hô-va làm gì cho người được phước?

Đức Giê-hô-va dạy luật pháp của Ngàu và ban sự yên lòng trong lúc tai họa cho người được phước.

Psalms 94:14

Điều gì hứa hẹn mà tác giả gửi gắm cho dân của Đức Giê-hô-va?

Tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ không từ bỏ dân Ngài,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cũng không ruồng bỏ sản nghiệp của Ngài.
Psalms 94:15
Kết quả cho lời hứa của Đức Giê-hô-va là gì?
Kết quả chi lời hứa của Đức Giê-hô-va là sự công bằng đó sẽ thắng thế và mọi người ngay thẳng sẽ theo đuổi nó.
Psalms 94:17
Sự lo liệu gì từ Đức Giê-hô-va là một sự giúp đỡ cho tác giả?
Sự lo liệu là giao ước thành tín của Đức Giê-hô-va, điều giữ vững tác giả khi ông nói, "chân của tôi đang trượt ngã."
Psalms 94:18
Sự lo liệu gì từ Đức Giê-hô-va là một sự giúp đỡ cho tác giả?
Sự lo liệu là giao ước thành tín của Đức Giê-hô-va, điều giữ vững tác giả khi ông nói, "chân của tôi đang trượt ngã."
Psalms 94:20
Những kẻ ác cai trị tạo ra điều bất công bằng luật lệ nào?
Những kẻ ác cai trị tạo ra điều bất công bằng việc mưu hại nghịch lại người ngay thẳng và xử tử người vô tội.
Psalms 94:21
Những kẻ ác cai trị tạo ra điều bất công bằng luật lệ nào?
Những kẻ ác cai trị tạo ra điều bất công bằng việc mưu hại nghịch lại người ngay thẳng và xử tử người vô tội.
Psalms 94:22
Đức Giê-hô-va khích lệ tác giả thế nào?
Đức Giê-hô-va đã khích lệ tác giả bằng tòa tháp cao và vầng đá nương náu của Ngài.
Psalms 94:23
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho kẻ ác cai trị?
Đức Giê-hô-va sẽ gây ra tội lỗi của chúng cho chúng và kết liễu chúng bằng tội ác của chúng.

Chapter 95
Psalms 95:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Vầng đá của sự cứu rỗi con
Tác giả thi thiên nói như thể Đức Giê-hô-va là vầng đá mà dân Ngài có thể trèo lên để được an toàn. Gợi ý dịch: "vầng đá chúng con có thể chạy đến và Đức Chúa Trời sẽ cứu chúng con". Xem cách đã dịch từ "vầng đá" và "của sự cứu rỗi con" ở PSA018:046
Bước vào sự hiện diện của Ngài
Tác giả thi thiên nói như thể ông đang bảo các độc giả đi vào phòng ngai vàng của vua. Gợi ý dịch: "vào nơi Ngài đang ngự"
với lòng cảm tạ
"cảm tạ Ngài khi chúng ta bước vào sự hiện diện của Ngài"
Vượt hơn tất cả các thần
Có thể là Đức Giê-hô-va là vị vua vĩ đại 1) "cai trị trên tất cả các thần" hoặc 2) "tốt lành hơn tất cả các thần"
Psalms 95:4
trong tay Ngài
Cụm từ này có nghĩa là "trong sự kiểm soát của Ngài" hoặc "Ngài chịu trách nhiệm cho".
Các vực sâu
Những nơi sâu
Những đỉnh cao
Những nơi cao
Tay Ngài đã dựng nên
Từ "tay" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "chính Ngài đã dựng nên"
Psalms 95:6
Quỳ xuống
Hai đầu gối chạm đất, thông thường để thể hiện sự phục tùng
dân của đồng cỏ Ngài
"Đồng cỏ" là phép hoán dụ chỉ về thức ăn các thú vật ăn ở đồng cỏ, theo đó nó là phép chuyển ngữ để chỉ về mọi thứ Đức Giê-hô-va ban cho dân Ngài. Gợi ý dịch: "chúng ta là dân tộc được Ngài đáp ứng nhu cầu"
Đồng cỏ
Khu vực các thú vật tìm cỏ để ăn
Chiên của tay Ngài
"Tay" ở đây chỉ về cách Đức Giê-hô-va bảo vệ dân Ngài giống như người chăn bảo vệ chiên của mình. Gợi ý dịch: "dân Ngài bảo vệ như người chăn bảo vệ chiên mình"
Ngày nay - ôi, nếu các ngươi nghe tiếng Ngài!
"Ôi, nếu ngày nay các ngươi nghe tiếng Ngài!" Tác giả thi thiên cố ý ngắt lời ông đang nói.
nghe tiếng Ngài
Ở đây "tiếng Ngài" chỉ về việc chú ý vào lời của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "lắng nghe Ngài cẩn thận"
Psalms 95:8
Thông Tin Tổng Quát:
Đến đây tác giả viết những lời Đức Giê-hô-va phán.
Cứng lòng
"trở nên cứng đầu"
Mê-ri-ba, ... Ma-sa
Đây là những nơi trong sa mạc do Môi-se đặt tên vì dân Y-sơ-ra-ên phản nghịch Đức Chúa Trời.
thách thức ta ... thử ta
Hai cụm từ này đều là phép ẩn dụ chỉ về việc dân Y-sơ-ra-ên thử xem họ có thể làm điều ác đến đâu trước khi Đức Giê-hô-va trừng phạt họ. Những cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, có thể được gọp chung lại. Gợi ý dịch: "thử ta" hoặc "muốn thử xem họ có thể làm điều ác mà không bị ta trừng phạt hay không ... thử xem ta có tiếp tục kiên nhẫn với họ không"
công việc Ta
"điều kỳ diệu ta đã làm"
Psalms 95:10
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán trực tiếp với dân Ngài.
Bốn mươi năm
"40 năm"
thế hệ đó
"tất cả những người ấy" hoặc "toàn bộ thế hệ loài người"
Lầm lạc
Đức Chúa Trời nói như thể dân chúng là những con chiên đi bất cứ đâu chúng muốn mà không ở gần người chăn. Gợi ý dịch: "đi xa khỏi ta" hoặc "đi theo đường riêng của mình"
Chúng chẳng biết đường lối ta
"chúng chẳng vâng lời ta"
Đường lối ta
"đường lối ta muốn chúng sống theo"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nơi an nghỉ của ta
"nơi ta sẽ cho chúng an nghỉ"

Translation Questions

Psalms 95:2
Tác giả khích lệ mọi người đi vào thế nào?
Tác giả khích lệ mọi vào trước Đức Giê-hô-va bằng sự cảm tạ.
Psalms 95:3
Đức Giê-hô-va so sánh với các thần khác thế nào?
Đức Giê-hô-va là một thần lớn và vua vĩ đại ở trên khắp các thần.
Psalms 95:4
Đức Giê-hô-va ở trên các thần thế nào?
Đức Giê-hô-va là Đấng cao hơn hết thảy các thần, vì những đỉnh cao của các núi và biển mà Ngài đã dựng nên, và tay Ngài đã lập nên vùng đất khô.
Psalms 95:5
Đức Giê-hô-va ở trên các thần thế nào?
Đức Giê-hô-va là Đấng cao hơn hết thảy các thần, vì những đỉnh cao của các núi và biển mà Ngài đã dựng nên, và tay Ngài đã lập nên vùng đất khô.
Psalms 95:6
Tại sao mọi người phải thờ phượng bằng việc cúi xuống và quỳ trước Đức Giê-hô-va?
Mọi người phải thờ phượng Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài là thần của họ và họ là dân của đồng cỏ Ngài và đàn cừu của tay Ngài.
Psalms 95:7
Tại sao mọi người phải thờ phượng bằng việc cúi xuống và quỳ trước Đức Giê-hô-va?
Mọi người phải thờ phượng Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài là thần của họ và họ là dân của đồng cỏ Ngài và đàn cừu của tay Ngài.
Psalms 95:9
Tổ tiên của Y-sơ-ra-ên đáp lời Đức Giê-hô-va thế nào?
Họ thử quyền năng của Ngài và thử sự kiên nhẫn của Ngài, dù họ đã thấy các việc Ngài làm.
Psalms 95:10
Đức Giê-hô-va diễn tả thế nào về dân thử thách quyền năng của Ngài?
Đức Giê-hô-va nói, "Đây là một dân có lòng u mê lạc lối; chúng đã không biết các đường của ta."
Psalms 95:11
Đức Giê-hô-va đã thề gì trong cơn giận dữ của Ngài?
Đức Giê-hô-va thề trong cơn giận của Ngài rằng dân thử quyền năng của Ngài sẽ không bao giờ được vào trong nơi an nghỉ của Đức Giê-hô-va.

Chapter 96
Psalms 96:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
một bài ca mới
Một bài ca chưa ai từng hát
cả trái đất
Ở đây chỉ về con người trên đất. Gợi ý dịch: "hết thảy con người sống trên đất"
chúc tụng danh Ngài
"Danh" ở đây là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "chúc tụng Đức Giê-hô-va" hoặc "làm cho Đức Giê-hô-va vui lòng". Xem cách dịch câu "Đáng ca ngợi danh vinh quang Ngài" ở PSA072:018
rao truyền sự cứu rỗi của Ngài
Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể dịch thành động từ "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "rao truyền rằng Ngài cứu rỗi chúng ta" hoặc "cho mọi người biết Ngài là Đấng cứu rỗi"
Psalms 96:3
Công bố vinh quang Ngài giữa các nước
"Nói cho mọi người ở mọi nước biết về vinh quang lớn của Ngài"
Đức Giê-hô-va thật vĩ đại, rất đáng được ca ngợi
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va thật vĩ đại. Hãy ngợi khen Ngài thật nhiều" hoặc "Đức Giê-hô-va thật vĩ đại, con người phải ngợi khen Ngài hết lòng"
Ngài đáng kính sợ hơn tất cả các thần
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Hãy kính sợ Ngài hơn tất cả các thần"
Psalms 96:5
Trong sự hiện diện của Ngài
"nơi Ngài ngự"
vinh quang và uy nghi ở trong sự hiện diện của Ngài
Tác giả thi thiên nói như thể vinh quang và uy nghi là con người, có thể đứng trước mặt vua. Gợi ý dịch: "Mọi người đều biết đến vinh quang và uy nghi Ngài"
Quyền năng và vẻ đẹp ở nơi thánh Ngài
"Quyền năng" và "vẻ đẹp" là phép hoán dụ chỉ về hòm giao ước ở trong nơi thánh. Gợi ý dịch: "nơi thánh Ngài có hòm giao ước"
Psalms 96:7
Ngợi khen Đức Giê-hô-va ... ngợi khen Đức Giê-hô-va vì vinh quang và sức mạnh Ngài
Danh từ trừu tượng "vinh quang" và "sức mạnh" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Ngợi khen Đức Giê-hô-va ... ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài vinh hiển và quyền năng". Xem cách đã dịch những từ này ở PSA029:001
Hãy dâng cho Đức Giê-hô-va vinh quang xứng đáng với danh Ngài
 Hãy dâng cho Đức Giê-hô-va vinh quang xứng đáng với danh Ngài Danh từ trừu tượng "vinh quang" có thể được dịch thành động từ hoặc tính từ. Gợi ý dịch: "Tôn vinh Đức Giê-hô-va cách xứng đáng với danh Ngài" hoặc "Rao truyền rằng Đức Giê-hô-va được vinh hiển xứng đáng theo danh của Ngài". Xem cách đã dịch ở PSA029:001
Danh Ngài
"Danh" chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ngài"
hành lang Ngài
Hành lang đền thờ nơi các thầy tế lễ dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va.
Psalms 96:9
Hãy mặc trang phục tôn vinh sự thánh khiết của Ngài
Con người phải mặc trang phục thể hiện rằng người đó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hiểu Đức Giê-hô-va là thánh khiết. "Đức Giê-hô-va, và mặc trang phục phù hợp vì Ngài là thánh". Xem cách đã dịch ở PSA029:001

Run rẩy

Run vì sợ

cả trái đất

"hết thảy những người của đất"

thế giới được lập vững

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài cũng vững lập thế giới"

Nó không thể bị rúng động

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không gì có thể làm nó rúng động"

Psalms 96:11

Nguyện các tầng trời vui vẻ và đất mừng rỡ

Có thể là 1) tác giả thi thiên nói như thể "trời" và "đất" có cảm xúc giống như con người. "Như thể các tầng trời vui vẻ và đất mừng rỡ" hoặc 2) "Nguyện những người ở trên trời vui vẻ và những người ở dưới đất mừng rỡ"

Nguyện biển gầm vang và mọi vật trong biển reo vui

"nguyện tiếng biển nghe như nhiều người ngợi khen Đức Giê-hô-va như thể những vật ở trong biển reo vui"

Nguyện đồng ruộng hân hoan cùng hết thảy mọi vật trong đó

"Nguyện đồng ruộng và mọi vật trong đó đều hân hoan". Tác giả thi thiên đang ví sánh "đồng ruộng" và những loài vật sống trong đó có cảm xúc như con người. Gợi ý dịch: "như thể chính những đồng ruộng và mọi thú vật trong đó đều hân hoan"

Nguyện mọi cây cối trong rừng reo mừng

"Mọi cây cối trong rừng sẽ reo mừng"

Ngài đang đến để phán xét thế gian; Ngài sẽ phán xét thế giới ... và các dân

Ba cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, hai cụm từ cuối được dùng để củng cố thêm cho cụm thứ nhất.

để phán xét ... sẽ phán xét

Có thể có ý nghĩa khác là "để cai trị ... sẽ cai trị".

Ngài sẽ phán xét thế giới bằng đức công chính

Ở đây "thế giới" là phép hoán dụ chỉ về tất cả mọi người trên thế giới. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ phán xét mọi người trên thế giới cách công bình". Xem cách đã dịch ở PSA009:007

Các dân bằng sự thành tín của Ngài

"Ngài sẽ phán xét các dân bằng sự thành tín của Ngài"

bằng sự thành tín của Ngài

Có thể là 1) "công bằng, dựa theo điều Ngài biết là đúng đắn" hoặc 2) "dùng cùng một tiêu chuẩn cho tất cả mọi người".

Translation Questions

Psalms 96:2

Tác giả khích lệ mọi người loan báo điều gì?

Tác giả khích lệ mọi người loan báo sự cứu chuộc của Đức Giê-hô-va ngày qua ngày.

Psalms 96:3

Tại sao mọi người phải công bố vinh hiển của Đức Giê-hô-va và những việc phi thường của Ngài giữa các dân?

Mọi người phải công bố vinh hiển của Đức Giê-hô-va và những việc phi thường của Ngài bởi vì Đức Giê-hô-va là vĩ đại, và sự cao cả đáng ngợi khen, và đáng sợ hơn mọi thần khác.

Psalms 96:4

Tại sao mọi người phải công bố vinh hiển của Đức Giê-hô-va và những việc phi thường của Ngài giữa các dân?

Mọi người phải công bố vinh hiển của Đức Giê-hô-va và những việc phi thường của Ngài bởi vì Đức Giê-hô-va là vĩ đại, và sự cao cả đáng ngợi khen, và đáng sợ hơn mọi thần khác.

Psalms 96:6

Những thuộc tính gì ở trước mặt của Đức Giê-hô-va?

Những thuộc tính ở trước mặt của Đức Giê-hô-va là vẻ huy hoàng, vẻ oa nghiêm, sức mạnh và sự đẹp đẽ.

Psalms 96:8

Mọi người phải quy vinh hiển Đức Giê-hô-va vì cớ danh Ngài bằng điều gì?

Mọi người phải đem của lễ và đến trong sân của Ngài.

Psalms 96:10

Tác giả đã khích lệ mọi người nói gì giữa các dân?

Tác giả khích lệ mọi người hãy nói, "Đức Giê-hô-va cai trị."

Đức Giê-hô-va phán xét dân sự thế nào?

Đức Giê-hô-va phán xét dân sự công bằng.

Psalms 96:11

Tại sao các từng trời vui mừng và trái đất hân hoan?

Các từng trời vui mừng và trái đất hân hoan vì Chúa đang đến.

Psalms 96:13

Tại sao các từng trời vui mừng và trái đất hân hoan?

Các từng trời vui mừng và trái đất hân hoan vì Chúa đang đến.

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì khi Ngài đến?

Khi Đức Giê-hô-va đến Ngài sẽ phán xét thế gian, bằng sự công bình, và phán dân sự bằng sự thành tín của Ngài.

Chapter 97

Psalms 97:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Trái đất hãy mừng rỡ; muôn vàn bờ biển hãy vui vẻ

Trái đất và bờ biển được nói như thể có cảm xúc như con người. Gợi ý dịch: "Mọi người ở trên đất và gần các biển hãy mừng rỡ và vui vẻ"

Bờ biển

Có thể là 1) "các vùng đất gần biển" hoặc 2) "đảo".

Mây và bóng tối vây quanh Ngài

"Chúng ta không thể thấy Ngài, như thể Ngài ngồi trong chỗ tối có mây bao quanh"

Sự công chính và công lý là nền của ngôi Chúa

"Ngôi" là phép hoán dụ chỉ về việc làm và lời nói của Đấng ngồi trên đó. Tác giả thi thiên nói như thể sự công chính và công lý là những vật làm cho ngôi được kiên cố. Gợi ý dịch: "Ngài công chính và công bằng trong mọi việc Ngài làm" hoặc "Ngài có thể cai trị vì Ngài cai trị cách công chính và công bằng"

nền của ngôi Chúa

Ở đây "nền của ngôi Chúa" chỉ về cách Đức Giê-hô-va cai trị

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vương quốc của Ngài.
Psalms 97:3
Lửa đi trước mặt Ngài
Tác giả thi thiên nói như thể lửa là người đi trước vua, là Đức Giê-hô-va, và rao rằng đức vua đang đến.
thiêu đốt hết kẻ thù của Ngài
"đốt sạch kẻ thù của Ngài"
Trái đất nhìn thấy và rúng động
"Trái đất" chỉ về người trên trái đất. Gợi ý dịch: loài người trên đất nhìn thấy và rúng động"
Rúng động
"run rẩy vì sợ hãi"
Các núi tan chảy như sáp trước mặt Đức Giê-hô-va
"Các núi không thể đứng nỗi khi Đức Giê-hô-va đến gần" hoặc "Các núi sụp đổ trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"
Psalms 97:6
Các tầng trời rao truyền sự công chính Ngài
Có thể là 1) tác giả thi thiên nói như thể các tầng trời là sứ giả của Đức Giê-hô-va và chúng rao truyền rằng Đức Giê-hô-va là công chính. Gợi ý dịch: "Mọi người có thể thấy Đức Chúa Trời là Đấng công chính giống như họ có thể nhìn thấy bầu trời" hoặc 2) các tầng trời chỉ về các hữu thể ở trên trời. Gợi ý dịch: "Hết thảy những người ở trên trời đều rao truyền rằng Đức Giê-hô-va là công chính"
Tất cả kẻ thờ hình tượng đều sẽ bị hổ thẹn, cùng những kẻ khoe khoang về thần tượng vô ích
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ khiến cho những kẻ khoe khoang về thần tượng vô ích và thờ hình tượng phải hổ thẹn"
Si-ôn nghe ... thành Giu-đa
Ở đây chỉ về con người sống ở những vùng đó. Gợi ý dịch: "Dân của Si-ôn nghe ... dân tại Giu-đa"
Psalms 97:9
cao hơn tất cả
Tác giả thi thiên nói như thể những người đủ năng lực cai trị là những người cao hơn người khác. Gợi ý dịch: "cai trị trên tất cả mọi người hiện thời"
Ngài được tôn cao
Tác giả thi thiên nói như thể những người đủ năng lực cai trị là những người cao hơn người khác. Gợi ý dịch: "Ngài cao hơn"
tay kẻ ác
"sự kiểm soát của kẻ ác"
Ánh sáng được gieo ... và niềm vui
Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va chiếu sáng cho người làm điều công chính và gieo niềm vui cho những người có lòng chân thật"
Ánh sáng được gieo cho người công chính
"Gieo" là phép ẩn dụ chỉ về những hành động có kết quả trong tương lai. "Ánh sáng" là phép ẩn dụ chỉ về những điều tốt lành. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va định liệu cho những điều tốt lành đến với người công chính trong tương lai"
Người công chính
Tính từ "công chính" có thể dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người công bình"
Và niềm vui cho những người có lòng thành thật
"Và niềm vui được gieo cho những người có lòng thành thật". "Gieo" là phép ẩn dụ chỉ về những hành động có kết quả trong tương lai. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va định liệu cho những người có lòng thành thật được vui mừng trong tương lai"
những người có lòng thành thật
Lòng là phép chuyển ngữ để chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "người chân thật"
Psalms 97:12
Thông Tin Tổng Quát:
Câu này có một mạng lệnh, đồng thời có lí do cho mạng lệnh đó. Nếu trong ngôn ngữ dịch yêu cầu phải có lí do đi trước thì có thể dịch là "Hỡi những người công chính, vì điều Đức Giê-hô-va đã làm cho ngươi, ngươi hãy vui mừng và tạ ơn khi nhớ đến sự thánh khiết của Ngài."
Hãy vui mừng nơi Đức Giê-hô-va
"Hãy vui mừng vì những gì Đức Giê-hô-va đã làm cho ngươi"
Khi ngươi nhớ đến sự thánh khiết của Ngài
Có thể là 1) "khi ngươi nhớ lại Ngài thánh khiết thể nào" hoặc 2) "đến danh thánh của Ngài" là phép hoán dụ có ý nghĩa là "đến Ngài".

Translation Questions

Psalms 97:2
Nền của ngai Đức Giê-hô-va là gì?
Nền của ngai Đức Giê-hô-va là sự chính trực và công bằng.
Psalms 97:3
Điều gì ra từ lửa mà đi trước Đức Giê-hô-va?
Lửa đi trước Đức Giê-hô-va thiêu đốt kẻ thù của Ngài trên các phía.
Psalms 97:4
Điều gì xảy ra ở trước Đức Giê-hô-va?
Tia chớp của Đức Giê-hô-va thắp sáng thế gian, trái đất thấy và run sợ, và các núi tan chảy như sáp trước mặt của Đức Giê-hô-va.
Psalms 97:5
Điều gì xảy ra ở trước Đức Giê-hô-va?
Tia chớp của Đức Giê-hô-va thắp sáng thế gian, trái đất thấy và run sợ, và các núi tan chảy như sáp trước mặt của Đức Giê-hô-va.
Psalms 97:6
Điều gì loan báo công bằng và vinh hiển của Đức Giê-hô-va?
Các tầng trời loan báo công bằng của Đức Giê-hô-va và mọi dân thấy vinh hiển của Ngài.
Psalms 97:7
Ai sẽ nhục nhã vì bởi Đức Giê-hô-va?
Mọi kẻ thời phượng hình tượng chạm khắc và khoe khoang về các thần vô ích sẽ nhục nhã bởi Đức Giê-hô-va.
Psalms 97:8
Tại sao Si-ôn nghe và các thành của Giu-đa vui mừng?
Si-ôn nghe và các thành của Giu-đa vui mừng bởi vì các mạng lệnh ngay thẳng của Đức Giê-hô-va.
Psalms 97:9
Tác giả nói gì về Đức Giê-hô-va?
Tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va là Đấng chí cao trên khắp đất và đáng tụng ca hơn mọi thần.
Psalms 97:10

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va làm gì cho các thành của Ngài?
Đức Giê-hô-va bảo vệ sự sống của các thánh và đem họ ra khỏi tay của kẻ thù.
Psalms 97:12
Tác giả khích lệ người công bình làm gì?
Tác giả khích lệ người công bình hãy vui mừng trong Đức Giê-hô-va và cảm tạ vì cớ danh thánh của Ngài.

Chapter 98
Psalms 98:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Một bài ca mới
Một bài ca chưa ai từng hát. Xem cách đã dịch ở PSA096:001
Tay phải và cánh tay thánh của Ngài
Từ "tay phải" và "cánh tay thánh" chỉ về sức lực của Đức Giê-hô-va. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh Ngài quyền năng thể nào. Gợi ý dịch: "quyền năng rất lớn của Ngài"
Tay phải
Tay mạnh sức và điêu luyện hơn
cánh tay thánh
"Cánh tay" là phép hoán dụ chỉ về quyền năng. Gợi ý dịch: "quyền năng chỉ thuộc về Ngài"
đem lại chiến thắng cho Ngài
Có thể là 1) "cho Ngài đánh bại kẻ thù" hoặc 2) "cho Ngài giải cứu dân Ngài".
công bố sự cứu rỗi của Ngài
Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể dịch thành động từ "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "cho mọi người thấy Ngài cứu rỗi dân Ngài"
bày tỏ đức công chính Ngài cho mọi nước
Danh từ trừu tượng "đức công chính" có thể dịch thành tính từ "công chính". "Nước" là phép hoán dụ chỉ về "dân ở mọi nước". Gợi ý dịch: "bày tỏ cho dân mọi nước thấy Ngài là công chính"
Psalms 98:3
Nhớ lại
"nhớ đến". Xem cách đã dịch ở PSA020:003
Các đầu cùng đất ... cả trái đất
Đây là phép hoán dụ chỉ về con người trên đất. Gợi ý dịch: "loài người trên cả thế giới ... mọi người trên thế giới"
Sẽ thấy sự chiến thắng của Đức Chúa Trời chúng ta
Danh từ trừu tượng "sự chiến thắng" có thể dịch thành động từ "đánh bại". Gợi ý dịch: "sẽ thấy Đức Chúa Trời của chúng ta đánh bại kẻ thù"
Cất tiếng hát
"đột nhiên hát lên cách vui mừng"
Hát mừng
"hát vì vui mừng"
hát ngợi khen
"hát ngợi khen Đức Chúa Trời"
Psalms 98:5
Giai điệu
Tiếng nhạc vui tươi và dễ chịu
Tù và
Sừng động vật được dùng làm dụng cụ âm nhạc.
Tạo âm thanh vui vẻ
"cất tiếng". Xem cách đã dịch ở PSA047:001
Psalms 98:7
Nguyện biển và muôn vật trong biển cất tiếng
Tác giả thi thiên nói như thể biển là một con người có thể cất tiếng cùng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Như thể biển và muôn vật ở trong biển cất tiếng"
Thế giới cùng những người sống trong đó
Tác giả thi thiên nói như thể thế gian là một con người. Gợi ý dịch: "nguyện thế giới cùng những người sống trong đó cất tiếng"
Nguyện các sông vỗ tay, và núi đồi reo mừng
Tác giả thi thiên nói như thể các sông và đồi núi là con người, có thể vỗ tay và reo mừng. Gợi ý dịch: "Nguyện như các sông vỗ tay, và núi đồi reo mừng"
Thế giới ... các nước
Những cụm từ này là phép hoán dụ chỉ về "con người trên thế giới" và "dân cư các quốc gia".
Các nước theo lẽ công bằng
"Ngài sẽ phán xét các nước theo lẽ công bằng"
theo lẽ công bằng
"thành thực" hoặc "dùng một tiêu chuẩn cho mọi người"

Translation Questions

Psalms 98:1
Điều gì đã ban chiến thắng cho dân của Đức Giê-hô-va?
Bàn tay phải của Đức Giê-hô-va và cánh tay thánh đã ban cho dân Ngài chiến thắng.
Psalms 98:2
Điều gì Đức Giê-hô-va đã tỏ ra cho mọi dân tộc?
Ngài đã tỏ ra sự công bằng của Ngài cho mọi dân tộc.
Psalms 98:3
Đức Giê-hô-va nhớ lại điều gì?
Đức Giê-hô-va nhớ lại giao ước trung tín và chân thật cho nhà của Y-sơ-ra-ên.
Ai sẽ thấy chiến thắng của Chúa của Y-sơ-ra-ên?
Khắp tận cùng trái đất sẽ thấy chiến thắng của Chúa của Y-sơ-ra-ên.
Psalms 98:4
Sự đáp lời của mọi người tới sự lo liệu của Đức Giê-hô-va là gì?
Mọi người phải hò hét vui mừng và bùng lên khúc hát, ngợi khen Đức Giê-hô-va.
Psalms 98:5
Những nhạc cụ nào mà nhà Đức Giê-hô-va dùng để ngợi khen và làm huyên náo trước mặt Đức Giê-hô-va?
Nhà của Y-sơ-ra-ên dùng đàn hạc, kèn, và tiếng sừng.
Psalms 98:6
Những nhạc cụ nào mà nhà Đức Giê-hô-va dùng để ngợi khen và làm huyên náo trước mặt Đức Giê-hô-va?
Nhà của Y-sơ-ra-ên dùng đàn hạc, kèn, và tiếng sừng.
Psalms 98:7
Tác giả khích lệ các vật sáng tạo của Đức Giê-hô-va đáp lại sự đến của Ngài thế nào?
Tác giả nói rằng biển và mọi thứ trong đó, thế giới và

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những ai sống trong hãy hò hét, và các sông hãy vỗ tay, và các núi hãy reo mừng.

Psalms 98:8

Tác giả khích lệ các vật sáng tạo của Đức Giê-hô-va đáp lại sự đến của Ngài thế nào?

Tác giả nói rằng biển và mọi thứ trong đó, thế giới và những ai sống trong hãy hò hét, và các sông hãy vỗ tay, và các núi hãy reo mừng.

Psalms 98:9

Đức Giê-hô-va sẽ phán xét thế gian thế nào?

Đức Giê-hô-va sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình và phán xét các dân cách ngay thẳng.

Chapter 99

Psalms 99:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Các nước

Ở đây chỉ về dân của các nước. Gợi ý dịch: "dân của mọi nước"

Rúng động

Run sợ

Ngài ngự trên các Chê-ru-bim

Tác giả thi thiên nói như thể ngôi Đức Giê-hô-va ngự nằm phía trên Chê-ru-bim trên nắp hòm giao ước tại đền thờ.

Rung động

Rung lắc

Đức Giê-hô-va thật vĩ đại tại Si-ôn, Ngài được tôn cao trên mọi nước

"Đức Giê-hô-va không chỉ vĩ đại tại Si-ôn mà Ngài còn được tôn cao trên mọi nước" hoặc "Đức Giê-hô-va không chỉ cai trị trên Si-ôn mà Ngài còn cai trị trên mọi nước"

Ngài được tôn cao trên mọi nước

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "dân cư của mọi nước tôn cao Ngài" hoặc "dân cư của mọi nước ngợi khen Ngài vô cùng"

Nguyện họ ca ngợi danh vĩ đại và đáng sợ của Chúa

Ở đây tác giả chuyển từ nói về Đức Chúa Trời sang thưa cùng Ngài, rồi sau đó ông lại trở lại nói về Đức Chúa Trời.

Psalms 99:4

Ngài yêu sự công chính

Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể dịch thành cụm từ "những điều nào là công chính". Gợi ý dịch: "Ngài yêu thích làm điều công chính"

Ngài thiết lập sự công bằng

Danh từ trừu tượng "sự công bằng" là phép hoán dụ chỉ về luật pháp công bằng. "Luật pháp Ngài thiết lập là công bằng"

dưới bệ chân Ngài

"trước ngôi Ngài"

Psalms 99:6

Uy nghiêm

"thiêng liêng"

Psalms 99:8

Ngài đáp lời họ

"Chúa đáp lời dân của Ngài"

Đồi thánh của Ngài

"Núi Si-ôn"

Translation Questions

Psalms 99:1

Các dân đáp lại sự cai trị của Đức Giê-hô-va thế nào?

Các dân sẽ run sợ để đáp lại sự cai trị của Đức Giê-hô-va.

Tại sao trái đất rúng động?

Trái đất rúng động bởi vì Đức Giê-hô-va được tôn lên trên các tiểu thiên sứ.

Psalms 99:2

Tại sao Đức Giê-hô-va được tán dương trên bên trên mọi dân?

Đức Giê-hô-va được tôn cao bởi vì Ngài vĩ đại ở Si-ôn.

Psalms 99:3

Tại sao các dân ngợi khen sự cao cả của Đức Giê-hô-va và danh tuyệt vời?

Các dân phải ngợi khen danh của Đức Giê-hô-va vì Ngài là thánh.

Psalms 99:4

Tác giả mô tả vị vua thế nào?

Tác giả nói vị vua mạnh và vua ưa thích công bằng.

Psalms 99:5

Tác giả nói các dân phải đáp lại Đức Giê-hô-va thế nào?

Tác giả nói rằng các dân phải ngợi khen và thờ phượng bệ chân vì Ngài là thánh.

Psalms 99:6

Ai là những người nguyện cầu với Đức Giê-hô-va và Ngài đáp lời họ?

Một vài người cầu nguyện với Đức Giê-hô-va và Ngài đáp lời họ là Môi-se, A-rôn, và Sa-mu-ên.

Psalms 99:7

Người cầu nguyện với Đức Giê-hô-va đáp lại những điều Đức Giê-hô-va nói thế nào?

Người cầu nguyện giữ sự uy nghiêm của Đức Giê-hô-va và các luật lệ mà Ngài ban cho họ.

Psalms 99:8

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho người cầu nguyện với Ngài?

Đức Giê-hô-va tha thứ cho họ qua việc Ngài trừng phạt những việc làm tội lỗi của họ.

Psalms 99:9

Tác giả khích lệ mọi người làm gì?

Tác giả nói mọi người hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va và thờ phượng đồi thánh của Ngài bởi vì Ngài là thánh.

Chapter 100

Psalms 100:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

cất tiếng reo mừng cho Đức Giê-hô-va

"Cất tiếng reo cho Đức Giê-hô-va". Xem cách đã dịch từ "reo" ở PSA047:001

Cả trái đất

Chỉ về hết thảy con người trên đất. Gợi ý dịch: "mọi người trên đất"

đến trước sự hiện diện của Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể ông đang kêu gọi độc giả bước

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vào phòng ngai vàng của một vị vua.
Gợi ý dịch: "vào nơi của Ngài với lời hát vui mừng" hoặc "Ngài có thể nghe thấy các ngươi nên hãy hát lên vui mừng"
Psalms 100:3
bầy chiên của đồng cỏ Ngài
Con dân của Đức Chúa Trời giống như chiên của Ngài. Gợi ý dịch: "những người Đức Chúa Trời chu cấp và bảo vệ"
Đồng cỏ
Vùng có nhiều cỏ cho những con vật ăn
Psalms 100:4
Với sự cảm tạ
"vừa cảm tạ ngài" hoặc "vừa dâng lời tạ ơn Ngài"
chúc tụng danh của Ngài
Từ "danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "chúc tụng Đức Giê-hô-va" hoặc "làm điều khiến Đức Giê-hô-va vui lòng". Xem cách dịch câu "đáng ngợi khen danh vinh quang Ngài" ở PSA072:018
sự thành tín Ngài trải mọi thế hệ
"sự thành tín Ngài kéo dài qua mọi thế hệ"
Trải mọi thế hệ
"từ thế hệ này sang thế hệ khác". Xem cách đã dịch ở PSA089:003

Translation Questions

Psalms 100:1
Tác giả mời gọi ai cất tiếng reo mừng cho Đức Giê-hô-va?
Ông mời gọi cả trái đất hãy cất tiếng reo mừng cho Đức Giê-hô-va.
Psalms 100:2
Người ta sẽ thế nào khi đến với Đức Giê-hô-va?
Hãy ca hát vui vẻ mà đến trước mặt Ngài.
Psalms 100:3
Tác giả lại dùng hình ảnh gì để cho thấy mọi người thuộc về Đức Giê-hô-va?
Ông nói rằng chúng ta là dân của Đức Giê-hô-va, là bầy chiên trong đồng cỏ Ngài.
Psalms 100:4
Người ta nên vào cổng và vào hành lang của Đức Giê-hô-va thế nào?
Hãy vào cổng Ngài với lời cảm tạ và vào hành lang Ngài bằng lời ngợi ca.
Psalms 100:5
Tác giả nói điều gì sẽ tồn tại đời đời?
Ông nói rằng sự thành tín của Đức Chúa Trời còn đến đời đời.

Chapter 101

Psalms 101:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Psalms 101:2
Con sẽ bước đi trong đường chính trực
Ở đây Đa-vít ví việc "sống" giống như "bước đi". Gợi ý dịch: "Con sẽ sống cách trung thực và ngay thẳng" hoặc "Con sẽ sống cuộc đời đầy liêm chính"
Con sẽ bước đi ngay thẳng trong nhà con
Ở đây Đa-vít ví việc "sống" giống như "bước đi". Đa-vít cũng nói về việc cai quản nhà mình trong sự liêm chính như thế sự liêm chính là một đồ vật để trong nhà. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ trông nom nhà mình trong sự liêm chính"
Con sẽ chẳng để điều gian ác trước mắt con
"Điều gian ác" là một danh từ trừu tượng có thể được dịch thành một cụm từ. Thành ngữ "để điều ác trước mắt con" có nghĩa là tán đồng với việc đó. Gợi ý dịch: "Con sẽ không tán đồng với bất kỳ ai làm điều sai trái trước mặt con"
Chúng sẽ không bám lấy con
Đa-vít ví "điều gian ác" như một vật gì đó có thể bám lấy ông. Câu này có nghĩa là ông sẽ tránh khỏi điều ác và những người làm ác. Gợi ý dịch: "Con sẽ hoàn toàn lánh xa điều ác"
Bám lấy
Giữ chặt lấy ai hay vật gì
Psalms 101:4
Điều ác
"bất kì điều gian ác nào"
Lòng tự cao và thái độ kiêu ngạo
Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh những người như vậy kiêu ngạo thể nào.
Lòng
"thái độ" hoặc "tính cách"
con sẽ tìm kiếm người trung tín trong xứ, cho họ ngồi bên cạnh con
Nghĩa là Đa-vít sẽ để những người đó ở cạnh mình và sống với mình. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ để những người trung tín sống với mình"
người trung tín
Ở đây chỉ về những người trung tín với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "người trung thành"
Bước đi trong đường chính trực
Ở đây Đa-vít ví việc "sống" giống như "bước đi". Gợi ý dịch: "Con sẽ sống cách trung thực và ngay thẳng" hoặc "sống cuộc đời đầy liêm chính"
Psalms 101:7
Kẻ lừa đảo sẽ chẳng ... Bọn dối trá sẽ không
Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh Đa-vít sẽ không dung dưỡng cho những kẻ lừa dối.
Bọn dối trá sẽ không được chào đón
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con sẽ không chào đón bọn dối trá"
trước mắt con
Từ "mắt con" ở đây chỉ về chính Đa-vít. Gợi ý dịch: "trước con" hoặc "trước mặt con"
Mỗi buổi sáng
"Mỗi ngày" (UDB)
kẻ ác
Chỉ về những người gian ác. Gợi ý dịch: "người gian ác"
Khỏi thành của Đức Giê-hô-va
Đa-vít gọi thành ông đang ở là "thành của Đức Giê-hô-va". Có thể nói rõ hơn. Gợi ý dịch: "khỏi thành này, là thành của Đức Giê-hô-va"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 101:1

Đa-vít sẽ hát xướng về hai mỹ đức nào?

Ông sẽ hát xướng về lòng nhân từ và đức công chính.

Psalms 101:3

Đa-vít không đặt điều gì trước mặt ông?

Ông sẽ chẳng để điều gian ác trước mắt ông.

Psalms 101:5

Đa-vít sẽ loại trừ ai?

Ông sẽ loại trừ kẻ nào lén lút nói xấu người lân cận mình.

Psalms 101:6

Đa-vít muốn ngồi cùng ai và ai phục vụ ông?

Đa-vít muốn ngồi cùng những người trung tín trong xứ, và ai đi theo con đường trọn vẹn sẽ phục vụ ông.

Psalms 101:7

Đa-vít sẽ không cho ai ở trong nhà ông?

Ông sẽ không để kẻ lừa đảo ở trong nhà ông.

Psalms 101:8

Đa-vít thường nói rằng ông sẽ tiêu diệt tất cả kẻ ác trong xứ vào lúc nào?

Mỗi sáng sớm, ông sẽ tiêu diệt tất cả những kẻ ác.

Chapter 102

Psalms 102:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Kẻ khốn khổ

Chỉ về người chịu khốn khổ. Gợi ý dịch: "người chịu khốn khổ"

Choáng ngợp

"nản lòng" hoặc "yếu đuối"

Tuôn đổ nỗi buồn thảm của mình trước Đức Giê-hô-va

Cách tác giả bày tỏ nỗi buồn thảm của mình được ví như đổ một loại chất lỏng. Gợi ý dịch: "tự do bày tỏ nỗi đau buồn của mình với Đức Giê-hô-va"

Psalms 102:3

các ngày con tan như mây khói

Từ "các ngày của con" ở đây chỉ về cuộc đời của tác giả và "khói" là thứ mau tan biến. Gợi ý dịch: "cuộc đời con trôi đi thật nhanh"

Xương cốt con cháy như lửa

Ở đây tác giả gọi thân thể mình là "xương". Gợi ý dịch: "thân thể con như đang bốc cháy"

Lòng con bị vùi dập

Ở đây tác giả dùng từ "lòng" để chỉ về chính ông. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con tuyệt vọng"

Con như cỏ héo khô

Đây là một cách nói khác để mô tả nỗi tuyệt vọng của ông. Gợi ý dịch: "Con cảm giác mình đang khô héo như cỏ khô"

Psalms 102:5

Con giống như con bồ nông nơi hoang mạc

Ông so sánh sự lẻ loi của mình với sự lẻ loi của chim bồ nông, là loài thường ở riêng lẻ thay vì đi cùng với những con chim khác. Gợi ý dịch: "Con lẻ loi và bị khinh thường như con bồ nông nơi hoang mạc"

Con bồ nông

Một loại chim ăn cá to lớn

Con như chim cú ở chốn đồng hoang

Tác giả tiếp tục mô tả sự lẻ loi bằng cách ví sánh mình như một con cú ở đồng hoang. Gợi ý dịch: "Con lẻ loi như chim cú ở chốn đồng hoang"

Chim cú

Đây là loài chim hoạt động về đêm. Gợi ý dịch: "chim đêm"

Psalms 102:7

Tôi nằm thao thức như con chim cô độc

Tác giả so sánh mình như một con chim để nhấn mạnh cảm giác lẻ loi của mình.

Psalms 102:9

Con ăn bụi tro khác nào ăn bánh

Đa-vít hẳn đã ngồi trong bụi tro như một hành động thể hiện sự than khóc, thế nên bụi tro rơi vào thức ăn của ông. Gợi ý dịch: "Con ăn bụi tro như ăn bánh" hoặc "Khi con than khóc, tro bụi rơi vào bánh của con"

Và pha thức uống con với nước mắt

Đa-vít không có chủ ý pha đồ uống với nước mắt nhưng khi ông than khóc nước mắt rơi vào ly của ông. Gợi ý dịch: "và nước mắt rơi vào ly con uống"

Chúa đã nâng con lên cao để ném con xuống

Đức Chúa Trời không nâng người Đa-vít lên rồi ném ông xuống đất theo nghĩa đen, nhưng Đa-vít nói như vậy để mô tả cảm xúc và trải nghiệm của ông. Gợi ý dịch: "như thể Chúa đã nâng con lên cao để ném con xuống"

Psalms 102:11

Các ngày của con như cái bóng tàn đi

Đa-vít ví thời gian còn lại của ông trên đất như cái bóng tàn. Gợi ý dịch: "Thời gian con còn được sống ngắn ngủi như bóng chiều sớm tan"

Con khô héo như cỏ

Người Đa-vít mòn yếu và gần đến cuối đời, ông so sánh mình như cỏ héo. Gợi ý dịch: "thân thể con yếu mòn như cỏ khô"

Khô héo

Khô và héo

Danh Ngài trải mọi thế hệ

"Ngài sẽ được nhìn biết qua mọi thế hệ"

Danh

Được nhiều người biết đến

Psalms 102:13

thương xót Si-ôn

Từ "Si-ôn" ở đây chỉ về những người sống ở Si-ôn. Gợi ý dịch: "thương xót dân chúng ở Si-ôn" (Xem: Metonymy)

Trên nó

Từ "nó" chỉ về Si-ôn.

Yêu mến những viên đá

"Những viên đá" chỉ về những viên đá dựng nên tường thành trước khi chúng bị phá hủy. Gợi ý dịch: "vẫn yêu mến những viên đá trước kia dựng nên tường thành"

Danh Chúa

Ở đây "danh Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Chúa" (Xem: Metonymy)

Sẽ tôn kính vinh quang Ngài

Muôn dân sẽ tôn kính Đức Giê-hô-va vì vinh quang Ngài. Ở đây vinh quang của Đức Giê-hô-va tượng trưng cho chính Ngài. Gợi ý dịch: "sẽ tôn kính Ngài vì Ngài đầy vinh quang"

sẽ hiện ra trong vinh quang Ngài

"sẽ được nhìn thấy trong vinh hiển" hoặc "người ta sẽ nhìn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thấy vinh quang Ngài"

Psalms 102:17

kẻ khốn cùng

Chỉ về những người thiếu thốn.

Ngài sẽ không từ chối lời cầu nguyện của họ

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ nhậm lời cầu nguyện của họ"

Điều này sẽ được viết lại cho thế hệ mai sau

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con sẽ viết lại điều này cho thế hệ mai sau"

Psalms 102:19

Vì từ nơi thánh trên cao, Ngài nhìn xuống, từ trên trời, Ngài xem xét

Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được dùng chung để nhấn mạnh Đức Chúa Trời từ trời nhìn xuống.

nơi thánh trên cao

"nơi thánh của Ngài cao hơn khỏi đất"

những người bị án tử

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "những người nhà cầm quyền tuyên án tử"

Psalms 102:21

truyền rao danh Đức Giê-hô-va trong Si-ôn và lời ca ngợi Ngài tại Giê-ru-sa-lem

Hai vế này có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh sự ngợi khen danh Đức Giê-hô-va.

Và lời ca ngợi Ngài

Có thể thêm vào từ được lượt bỏ. Gợi ý dịch: "và truyền rao lời ca ngợi Ngài"

Psalms 102:23

Lấy đi sức lực con

Đa-vít mô tả việc Đức Chúa Trời khiến cho ông yếu đuối như thể sức lực của ông là một vật có thể bị lấy đi. Gợi ý dịch: "đã khiến con trở nên yếu đuối"

Những ngày của con

"Những ngày" ở đây chỉ về cuộc đời của ông. Gợi ý dịch: "đời con"

Xin đừng cất con đi

Đa-vít cầu xin Đức Chúa Trời đừng để ông phải chết. Gợi ý dịch: "xin đừng cất con khỏi mặt đất" (UDB) hoặc "đừng để con phải chết"

Chúa tồn tại qua mọi thế hệ

"Chúa hiện diện qua mọi thế hệ"

Psalms 102:25

Chúng sẽ đều củ mòn

Từ "chúng" chỉ về "trái đất" và "các tầng trời".

Các năm Chúa không hề cùng

Ở đây Đa-vít mô tả độ dài thời gian Đức Chúa Trời tồn tại bằng từ "các năm". Có thể viết ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ sống đời đời"

Psalms 102:28

Sẽ còn mãi

"sẽ sống mãi"

Sống trước mặt Ngài

Ở đây Đa-vít mô tả việc dòng dõi ông được Đức Giê-hô-va bảo vệ khi ở trong sự hiện diện của Ngài. Gợi ý dịch: "được bảo vệ khi họ sống trong sự hiện diện của Ngài"

Translation Questions

Psalms 102:2

Trong ngày gian truân người ta kêu cứu Đức Giê-hô-va thế nào?

Trong ngày gian truân người ta kêu cứu Đức Giê-hô-va xin chớ ẩn mặt Ngài với họ.

Psalms 102:4

Người đau khổ so sánh lòng mình với điều gì?

Người đau khổ nói rằng lòng họ như cỏ hoa bị vùi dập và khô héo.

Psalms 102:5

Điều gì đã xảy ra vì tiếng than thở rên xiết của sự đau đớn?

Với tiếng than thở rên siết của đau đớn, người đã trở nên mỏng manh.

Psalms 102:8

Kẻ thù đã dùng danh của ông như thế nào?

Những kẻ thù sỉ nhục, chế giễu và nguyền rủa ông.

Psalms 102:10

Những người đau khổ nói rằng họ đã bị đối xử thế nào bởi cơn giận của Đức Giê-hô-va?

Những người đau khổ nói rằng Đức Chúa Trời đã nâng ông lên cao rồi ném ông xuống thấp.

Psalms 102:12

Kỷ niệm của Đức Giê-hô-va còn đến bao lâu?

Tác giả nói rằng kỷ niệm Đức Giê-hô-va trải qua tất cả các đời.

Psalms 102:14

Đầy tớ của Đức Giê-hô-va thương xót điều gì?

Các đầy tớ của Đức Giê-hô-va thương xót cả đến bụi đất của Si-ôn nữa.

Psalms 102:15

Tất cả các vua sẽ kính sợ Đức Giê-hô-va như thế nào?

Tất cả các vua sẽ kính sợ vinh quang của Đức Giê-hô-va.

Psalms 102:17

Đức Giê-hô-va đã đáp ứng thế nào với lời cầu nguyện của kẻ khốn cùng?

Đức Giê-hô-va sẽ đáp lại lời cầu nguyện của kẻ khốn cùng.

Psalms 102:18

Tác giả ghi lại sự ngợi khen Đức Giê-hô-va trong tương lai sẽ tiếp diễn ra sao?

Ông ghi lại để dân sự được dựng nên về sau sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Psalms 102:19

Đức Giê-hô-va từ trời nhìn thấy gì?

Từ trên trời Ngài xem xét thế gian.

Psalms 102:22

Muôn dân và các nước nhóm lại để làm gì?

Muôn dân và các nước nhóm lại đặng hầu việc Đức Giê-hô-va.

Psalms 102:24

Tác giả đau khổ cầu xin Đức Chúa Trời làm điều gì?

Tác giả thưa, "Đức Chúa Trời tôi ôi, các năm Chúa tồn tại từ đời nầy qua đời kia. Xin đừng cất con đi khi nửa đời dang dở"

Psalms 102:25

Tác giả nói Đức Giê-hô-va đã làm gì vào thuở xưa?

Tác giả nói rằng vào thuở xưa, Đức Giê-hô-va đã lập nền trái đất.

Psalms 102:27

Các năm của Đức Giê-hô-va sẽ kéo dài bao lâu?

Các năm của Đức Giê-hô-va mãi mãi trường tồn.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 102:28

Tác giả nói rằng con cháu của các đầy tớ Đức Giê-hô-va sẽ còn sống ở đâu?

Con cháu của đầy tớ Đức Giê-hô-va sẽ được vững lập trước mặt Ngài.

Chapter 103

Psalms 103:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Trọn sự sống ta sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va, với mọi điều ở trong ta, ta sẽ ngợi khen danh thánh của Ngài

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh ông sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va thể nào. Gợi ý dịch: "Ta sẽ hết mình ngợi khen Đức Giê-hô-va"

ngợi khen danh thánh của Ngài

Câu này gọi ngợi khen Đức Giê-hô-va là ngợi khen danh Đức Giê-hô-va.

Mọi điều ở trong ta

"cả người ta" hoặc "hết mình ta". Đa-vít dùng cụm từ này để chỉ về chính mình và nhấn mạnh sự hết lòng của ông cho Đức Giê-hô-va.

Psalms 103:3

Của ngươi ... ngươi

Nhiều bản dịch dùng "của con, con" như trong bản UDB.

Ngài cứu chuộc mạng sống ngươi khỏi chốn hư nát

Nghĩa là Đức Giê-hô-va giữ ông được sống. Gợi ý dịch: "Ngài cứu con khỏi chết"

Ngài đội vương miện cho ngươi

Ở đây "chúc phước" được mô tả như thể "đội vương miện" cho. Gợi ý dịch: "Ngài chúc phước cho ngươi"

Ngài làm cho đời ngươi được mãn nguyện với những điều tốt đẹp

"Đời ngươi" tức là "ngươi", nhưng để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va ban phước trên suốt cả cuộc đời. Gợi ý dịch: "Ngài làm cho ngươi trọn đời được thỏa mãn những điều tốt lành"

tuổi thanh xuân của ngươi hồi phục như của chim phụng hoàng

"Tuổi thanh xuân được hồi phục" có nghĩa là cảm thấy tươi trẻ trở lại. Ở đây Đa-vít so sánh tuổi thanh xuân với sự nhanh nhẹn và sức lực của chim phụng hoàng. Gợi ý dịch: "ngươi cảm thấy được tươi trẻ và mạnh mẽ như chim phụng hoàng"

tuổi thanh xuân của ngươi

"tuổi thanh xuân" chỉ về sức lực của một người khi còn tuổi trẻ.

Psalms 103:6

thi hành sự công chính cho

"khiến điều công chính xảy ra cho"

mọi người bị áp bức

Có thể nói rõ người áp bức. Gợi ý dịch: "mọi người bị người ta áp bức"

Công việc Ngài cho các con cháu

Có thể thêm vào từ bị lược bỏ. Gợi ý dịch: "Ngài bày tỏ công việc Ngài cho các con cháu"

Thành tín với giao ước

"giàu lòng thương xót và tình yêu"

Psalms 103:9

Ngài sẽ không trách phạt luôn luôn, Ngài không căm giận mãi mãi

Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai cũng cố cho ý ở vế thứ nhất.

Ngài không đối đãi với chúng ta ... hay báo trả chúng ta

Hai vế này song song với nhau nhằm nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời không trừng phạt chúng ta theo điều chúng ta thích đáng phải nhận. Gợi ý dịch: "Ngài không báo trả chúng ta bằng những hình phạt thích đáng với tội lỗi của chúng ta".

đối đãi với chúng ta

"trừng phạt chúng ta"

Psalms 103:11

Vì các tầng trời cao ... cho người nào kính sợ Ngài

Phép so sánh này ví khoảng cách lớn giữa trời và đất với sự vĩ đại của tình yêu Đức Chúa Trời dành cho con dân Ngài.

Xa như phương đông ... cất sự vi phạm chúng ta cách xa chúng ta

Khoảng cách giữa phương tây và phương đông xa đến nỗi không thể đo lường. Tương tự như vậy, khoảng cách đó được so sánh với việc Đức Chúa Trời cất sự vi phạm cách xa chúng ta thể nào.

Như cha thương xót con ... người kính sợ Ngài

Ở đây tác giả so sánh lòng thương xót của người cha dành cho con cái mình với lòng thương xót của Đức Giê-hô-va dành cho những người kính sợ Ngài.

Psalms 103:14

Chúng ta được nắn nên thể nào

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "thân thể chúng ta như thể nào" hoặc "Ngài nắn nên người chúng ta thể nào"

Ngài biết chúng ta là bụi đất

Đức Giê-hô-va dựng nên A-đam, là con người đầu tiên, bằng bụi đất. Gợi ý dịch: "Ngài nhớ rằng Ngài tạo dựng chúng ta từ bụi đất"

Về loài người, những ngày của người giống như cây cỏ

Trong phép so sánh này, độ dài đời người được ví như thời gian cây cỏ mọc lên trước khi chết.

Gợi ý dịch: "Độ dài đời người ngắn như cây cỏ"

Người sanh trưởng khác nào bông hoa nơi đồng

Trong phép so sánh này, con người phát triển qua thời gian được so sánh như hoa mọc.

Sanh trưởng

"Sanh trưởng" là phát triển tốt và khỏe mạnh.

gió thổi trên bông hoa, và nó chẳng còn ... chỗ nó từng mọc

Những câu này tiếp tục nói về hoa và cỏ. Chúng so sánh cách hoa cỏ chết đi với cách con người qua đời. Gợi ý dịch: "Gió thổi trên hoa cỏ và nó chẳng còn, không ai biết đến chỗ nó từng mọc - con người cũng vậy"

Psalms 103:17

Đời đời mãi mãi

Có nghĩa là tình yêu của Đức Giê-hô-va còn đến đời đời. Gợi ý dịch: "sẽ còn đến đời đời"

Dòng dõi họ

"dòng dõi của những ai kính sợ Ngài"

Gìn giữ giao ước Ngài và ghi nhớ tuân hành các mạng lệnh Ngài

Hai vế này có ý nghĩa như nhau.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va đã lập ngôi Ngài trên các tầng trời
Ở đây sự cai trị của Đức Giê-hô-va được gọi là "ngai" Ngài. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ngự trên các tầng trời là nơi Ngài làm vua cai trị"
Lập
"dựng"
Vương quốc Ngài cai trị
Ở đây Đức Giê-hô-va được gọi là "Vương quốc Ngài" để nhấn mạnh quyền làm vua của Ngài. Gợi ý dịch: "Ngài cai trị"

Psalms 103:20
Thực hiện ý muốn của Ngài
Đây là cụm từ có nghĩa là "làm theo ý muốn của Ngài". Gợi ý dịch: "làm theo ý muốn Ngài"
Mọi nơi Ngài cai trị
"ngợi khen Ngài mọi nơi Ngài cai trị"
Trọn sự sống ta
"hết mình ta" hoặc "hết cả linh hồn ta". Cụm từ này có nghĩa là ông sẽ hết lòng ngợi khen Đức Giê-hô-va và được dùng để nhấn mạnh sự tận hiến của ông cho Ngài.

Translation Questions

Psalms 103:2
Đa-vít không muốn quên điều gì?
Ông không muốn quên các ân huệ của Đức Giê-hô-va.
Psalms 103:4
Đa-vít nói Đức Giê-hô-va đã lấy điều gì làm mão triều đội cho linh hồn ông?
Ngài lấy tình yêu và lòng thương xót làm mão triều đội cho ông.
Psalms 103:6
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho những kẻ bị ức hiếp?
Đức Giê-hô-va làm điều phải lẽ công bằng cho những kẻ bị ức hiếp.
Psalms 103:7
Đức Giê-hô-va sẽ cho dòng dõi Y-sơ-ra-ên biết điều gì?
Ngài làm cho Y-sơ-ra-ên biết các công việc Ngài.
Psalms 103:9
Đa-vít nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ không bao giờ làm việc gì?
Ông nói rằng Đức Chúa Trời sẽ không bắt tội luôn luôn, cũng chẳng giữ lòng giận đến đời đời.
Psalms 103:10
Đa-vít nói rằng Đức Giê-hô-va không đối đãi chúng ta theo cách nào?
Đức Giê-hô-va không đối đãi với chúng ta theo tội lỗi chúng ta.
Psalms 103:13
Đức Giê-hô-va thương xót người kính sợ Ngài bằng cách đặc biệt nào?
Đức Giê-hô-va thương xót người kính sợ Ngài giống như cha thương xót con cái mình vậy.
Psalms 103:17
Sự thành tín trong giao ước của Đức Giê-hô-va kéo dài trong bao lâu?
Sự thành tín trong giao ước của Đức Giê-hô-va hằng còn đời đời cho những người kính sợ Ngài.
Psalms 103:19
Đức Giê-hô-va đã lập ngôi Ngài ở đâu?
Đức Giê-hô-va đã lập ngôi Ngài trên các tầng trời.
Psalms 103:20
Đức Giê-hô-va gọi ai để làm theo mệnh lệnh Ngài và vâng theo tiếng Ngài?
Các thiên sứ của Đức Giê-hô-va được kêu gọi vâng theo tiếng Ngài.
Psalms 103:22
Đa-vít nói đầy tớ nào của Đức Giê-hô-va làm theo ý muốn Ngài?
Cả thiên binh của Đức Giê-hô-va đều làm theo ý muốn Ngài.

Chapter 104
Psalms 104:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thông Tin Tổng Quát:
Thi thiên này là một bài hát ngợi khen.
Trọn sự sống ta
"hết mình ta" hoặc "hết cả linh hồn ta". Cụm từ này có nghĩa là ông sẽ hết lòng ngợi khen Đức Giê-hô-va và được dùng để nhấn mạnh sự tận hiến của ông cho Ngài.
Ngài mặc sự rực rỡ và uy nghi
Từ "rực rỡ" và "uy nghi" có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh sự vĩ đại của vinh hiển Chúa. Chúng được mô tả là mặc vào người Đức Giê-hô-va như một chiếc áo. Gợi ý dịch: "Sự rực rỡ và uy nghi ở quanh Ngài"
Chúa bao phủ mình bằng ánh sáng như chiếc áo
Câu này mô tả Đức Giê-hô-va được bao phủ bằng ánh sáng như thể ánh sáng là một chiếc áo quanh Ngài. Gợi ý dịch: "Ngài được bao phủ trong ánh sáng"
Ngài giương các tầng trời ra như lều trại
Câu này mô tả Đức Chúa Trời giương các từng trời như người ta giăng lều để dựng chúng lên.
Gợi ý dịch: "Ngài giương các tầng trời như người ta dựng trại"
Ngài đặt các đòn tay của phòng Ngài trên những đám mây
"Ngài dựng phòng cao Ngài trên các tầng trời". Câu này có ý nói nhà của Ngài quá cao đến nỗi phòng cao đụng đến những đám mây.
Ngài dùng mây làm xe ngựa
Câu này mô tả mây đưa Ngài đi như thể chúng là xe ngựa. Gợi ý dịch: "Ngài dùng mây đưa Ngài đi như xe ngựa"
Ngài bước đi trên cánh gió
Luồng gió được mô tả như những chiếc cánh mà Đức Giê-hô-va bước đi trên đó. Gợi ý dịch: "Ngài bước đi trên gió"
Psalms 104:4
Ngài sai gió làm sứ giả của Ngài
Có thể là 1) Ngài khiến gió đem sứ điệp đi như một sứ giả "Ngài khiến gió giống như sứ giả của Ngài" hoặc 2) "Ngài khiến các sứ giả Ngài nhanh như gió"
Ngọn lửa làm đầy tớ Ngài
Có thể là 1) "Ngài khiến ngọn lửa làm đầy tớ Ngài". Ngài khiến lửa phục vụ Ngài giống như một người đầy tớ hoặc 2) "Ngài làm cho các đầy tớ Ngài giống như những ngọn lửa"
Ngọn lửa làm đầy tớ Ngài
Có thể nói rõ theo thông tin ở vế trước. Gợi ý dịch: "Ngài sai ngọn lửa làm đầy tớ Ngài"
Ngài đặt nền trái đất
Cụm từ "đặt nền" ở đây có nghĩa là "tạo dựng". Gợi ý dịch:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Ngài tạo dựng cả trái đất"
Psalms 104:6
Chúa lấy nước bao phủ đất như chiếc áo
Ở đây nước bao phủ đất được so sánh như một chiếc áo lớn có thể bao phủ hoàn toàn một vật. Gợi ý dịch: "Chúa lấy nước hoàn toàn bao phủ cả đất"
Lời quở trách của Chúa khiến nước ... chúng chạy trốn
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh Đức Chúa Trời phán và nước chạy trốn như thế nào.
Cuốn xa
"rút lui" hoặc "lùi xa"
Chúng chạy trốn
Ở đây tác giả thi thiên mô tả nước cuốn xa như thể chúng chạy trốn như một con thú sau khi nghe tiếng của Đức Giê-hô-va. Từ "chạy trốn" có nghĩa là vội chạy đi. Gợi ý dịch: "cuốn đi"
Psalms 104:8
Núi nhô lên, thung lũng lan ra
Ở đây tác giả thi thiên nói về việc Đức Chúa Trời khiến núi và thung lũng chuyển động và thay đổi như thể chúng tự mình di chuyển. Chúng được mô tả như vậy để nhấn mạnh quyền năng của Đức Chúa Trời.
Ranh giới cho chúng để chúng không vượt qua
Ở đây việc Đức Chúa Trời làm cho nước không thể vượt qua ranh giới mà Ngài đã dựng nên được tác giả thi thiên nói như thể bản thân chúng tự ý thức không được vượt qua. Chúng được mô tả như vậy để nhấn mạnh thẩm quyền của Đức Chúa Trời trên chúng. Gợi ý dịch: "ranh giới cho chúng để chúng không thể vượt qua"
Ranh giới
"đường biên" hoặc "biên giới"
Cho chúng
Từ "chúng" chỉ về nước.
Psalms 104:10
các suối
Những con sông nhỏ
Các lừa rừng được giải khát
Có thể dịch rõ rằng chúng được giải khát nhờ uống nước. Gợi ý dịch: "Các lừa rừng uống nước để giải khát"
Bờ sông
Bờ đất ven sông
hát giữa những cành cây
Ở đây Đa-vít mô tả chim kêu như thể chúng đang hát. Gợi ý dịch: "Chúng kêu giữa những cành cây"
Psalms 104:13
Ngài tưới các núi từ những phòng chứa nước trên trời
Có nghĩa là Đức Chúa Trời khiến trời mưa. Nước được mô tả là ở trong phòng chứa trên trời. Gợi ý dịch: "Ngài tưới các núi bằng cách khiến mưa xuống từ trời"
thành quả của công việc Ngài
"nhiều điều tốt lành mà Chúa tạo nên" (UDB)
Cây cối cho con người chăm bón
Có thể thêm vào từ được lượt bỏ. Gợi ý dịch: "và khiến cây cối mọc lên cho con người chăm bón"
Psalms 104:16
Cây cối của Đức Giê-hô-va được rất nhiều mưa
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ban nhiều mưa cho cây cối của Ngài"
Các loài chim làm tổ
Chúng làm tổ trên cây bá hương. Có thể dịch rõ ý này. Gợi ý dịch: "Các loài chim làm tổ trên cây bá hương"
con cò
Đây là một loài chim. Gợi ý dịch: "chim"
Đa man
Đa man là một loài vật nhỏ nhìn giống loài gặm nhắm lớn. Gợi ý dịch: "thỏ đá"
Psalms 104:19
Mùa
Từ này chỉ về sự thay đổi của thời tiết trong năm. Một số nơi có mùa mưa và mùa khô, còn một số khác có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.
Mặt trời biết giờ của mình
Ở đây Đa-vít mô tả như thể mặt trời biết khi nào là thời gian ban ngày. Gợi ý dịch: "Ngài khiến mặt trời lặn đúng giờ"
Chúa làm
"Đức Giê-hô-va ôi, Chúa làm". Ở đây tác giả chuyển từ nói về Đức Giê-hô-va sang thưa cùng Ngài.
Psalms 104:21
Mồi
Đây là một loài vật làm thức ăn cho loài vật khác.
Và tìm thức ăn từ Đức Chúa Trời
"nhưng chúng nhờ Đức Chúa Trời ban thức ăn cho mình"
Rút về
"trở về" hoặc "rời đi"
Hang
Chỗ ở của một số loài động vật nhỏ có vú.
Psalms 104:23
Công việc Chúa đầy tràn
Ở đây Đa-vít mô tả số lượng những vật Đức Giê-hô-va đã tạo dựng nên như thể chúng là chất lỏng đầy tràn một vật đựng. Gợi ý dịch: "đầy dẫy công việc Ngài!"
Psalms 104:25
Sâu và rộng
"Rất sâu và rất rộng". Chiều sâu và chiều rộng của biển nhấn mạnh mức độ rộng lớn của nó.
Bao la
"tràn ngập"
Vô số
"không thể đếm được"
Cả nhỏ và lớn
Tức là loài vật thuộc mọi kích cỡ.
Tàu thuyền đi lại trên đó
"Tàu thuyền đi lại trên biển"
Psalms 104:27
Tất cả chúng
"Mọi sinh vật ấy"
ban thức ăn cho chúng phải thì
"ban thức ăn cho chúng khi chúng cần"
Chúa ban cho chúng và chúng nhận lấy
Có thể dịch rõ là Chúa ban cho chúng thức ăn. Gợi ý dịch: "Khi Chúa ban thức ăn cho chúng thì chúng gom lấy"
Nhận lấy
"gom lấy"
Khi Chúa xòe tay ra
Ở đây mô tả Đức Giê-hô-va xòe tay ra ban thức ăn cho muôn vật. Gợi ý dịch: "Khi Chúa xòe tay ra cho chúng ăn"
Psalms 104:29

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ẩn mặt
Có nghĩa là Đức Giê-hô-va không nhìn chúng hay không chú ý đến chúng. Gợi ý dịch: "khi Chúa không nhìn chúng" hoặc "khi Chúa phớt lờ chúng"
trở về bụi đất
Có nghĩa là xác chúng thối rữa và trở thành bụi đất trở lại. Gợi ý dịch: "thân thế chúng thối rữa và trở về bụi đất"
Chúa sai Thần Chúa đi ra
Ở đây chỉ về việc Thần Chúa được sai đi để ban sự sống cho vạn vật.
Chúng được dựng nên
Thần của Đức Giê-hô-va đã tạo nên chúng.
Chúa làm cho đất mới lại
"Chúa làm cho đất tràn đầy sự sống mới"
Psalms 104:33
Tư tưởng con ngọt ngào
Ông ví tư tưởng của mình như vật có vị ngọt. Gợi ý dịch: "tư tưởng con làm đẹp lòng"
Psalms 104:35
Bị diệt mất
"biến mất"
kẻ ác chẳng còn nữa
Cụm từ "kẻ ác" chỉ về người gian ác. Gợi ý dịch: "nguyện kẻ ác biến mất"

Translation Questions

Psalms 104:1
Tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va mặc như thế nào?
Ông nói rằng Đức Giê-hô-va mặc sự rực rỡ và uy nghi.
Psalms 104:2
Đức Giê-hô-va đã giương các tầng trời như điều gì?
Ngài giương các tầng trời ra như lều trại.
Psalms 104:5
Tác giả nói điều gì sẽ không bao giờ xảy ra với các nền trên quả đất mà Đức Giê-hô-va đã lập?
Các nền được lập trên quả đất sẽ không bao giờ bị rúng động.
Psalms 104:7
Tác giả nói điều gì đã làm cho nước liền rút xuống?
Đức Giê-hô-va quở trách thì nước liền rút lại.
Psalms 104:9
Tại sao nước không còn phủ ngập trên mặt đất nữa?
Đức Giê-hô-va đã định ranh giới cho nước để nước không thể vượt qua.
Psalms 104:15
Tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va ban cho con người ba điều nào?
Đức Giê-hô-va ban rượu nho khiến lòng người hứng khởi, dầu làm cho mặt mày rạng rỡ, và bánh để ăn cho đỡ đói lòng.
Psalms 104:19
Đức Giê-hô-va đã chỉ định điều gì cho mặt trăng và đánh dấu điều gì cho mặt trời?
Ngài làm nên mặt trăng để phân định thời tiết và mặt trời biết giờ nó lặn.
Psalms 104:22
Điều gì sẽ xảy ra với sư tử con khi mặt trời mọc?
Khi mặt trời mọc, chúng rút về và nằm trong hang.
Psalms 104:25
Biển rộng lớn bao la sẽ có điều gì?
Biển có vô số sinh vật lớn và nhỏ.
Psalms 104:27
Mọi sinh vật dưới biển trông đợi ai ban thức ăn cho chúng?
Tất cả đều trông đợi Đức Giê-hô-va để Ngài ban thức ăn cho chúng theo giờ.
Psalms 104:29
Điều gì xảy ra với các sinh vật nếu Đức Giê-hô-va ẩn mặt và cất hơi thở chúng đi?
Khi Ngài ẩn mặt, chúng kinh hãi, nếu Ngài cất hơi thở chúng đi, chúng sẽ chết và trờ về bụi đất.
Psalms 104:31
Tác giả muốn Đức Giê-hô-va làm gì với công việc Ngài?
Tác giả muốn Đức Giê-hô-va hài lòng về công việc Ngài.
Psalms 104:33
Khi tác giả con sống chừng nào ông hứa sẽ hát điều gì?
Ông hứa sẽ ca ngợi Đức Chúa Trời ông đến lúc ông còn sống.
Psalms 104:35
Tác giả hi vọng điều gì sẽ xảy ra với tội nhân và kẻ ác trên đất?
Ông muốn tội nhân bị diệt khỏi đất và kẻ ác sẽ chẳng còn nữa.

Chapter 105

Psalms 105:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
cầu khẩn danh Ngài ... tự hào trong danh thánh Ngài
"Danh" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "cầu khẩn Ngài ... tự hào trong Đức Giê-hô-va"
các nước
Ở đây chỉ về dân của các nước đó. Gợi ý dịch: "dân của các nước"
Nguyện lòng của những người tìm kiếm Đức Giê-hô-va được hoan hỉ
Ở đây "lòng" chỉ về người tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Nguyện những người tìm kiếm Đức Giê-hô-va được hoan hỉ"
Psalms 105:4
Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va và sức lực Ngài
"Tìm kiếm sức lực của Đức Giê-hô-va" có nghĩa là cầu xin Chúa làm cho vững mạnh. Gợi ý dịch: "
Nhớ lại
"Ghi nhớ"
Các phép lạ của Ngài và
Có thể thêm vào từ bị lượt bỏ. Gợi ý dịch: "nhớ lại các phép lạ của Ngài"
Các phán quyết từ miệng Ngài
"Miệng" ở đây chỉ về điều Ngài phán. Gợi ý dịch: "các phán quyết Ngài đã truyền"
Hỡi dòng dõi Áp-ra-ham ... hỡi con cháu Gia-cốp
Tác giả đang nói với dân Y-sơ-ra-ên và gọi họ với tên gọi như vậy.
Áp-ra-ham là đầy tớ Ngài
"Áp-ra-ham là đầy tớ của Đức Giê-hô-va"
Psalms 105:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài nhớ ... lời Ngài đã truyền
Hai vế này có ý nghĩa như nhau được dùng chung để nhấn mạnh. Từ "lời" ở đây chỉ về giao ước.
Gợi ý dịch: "Ngài ghi nhớ giao ước đời đời của Ngài và lời Ngài đã hứa"
Nhớ
Ở đây có nghĩa là ghi nhớ và suy nghĩ về điều gì đó. Gợi ý dịch: "ghi nhớ"
Nghìn đời
"1,000 đời"
Psalms 105:9
Ngài nhớ lại
Có nghĩa là ghi nhớ điều gì đó. Gợi ý dịch: "Ngài nhớ"
giao ước Ngài đã lập với Áp-ra-ham ... lời thề cùng Y-sác
Cả hai cụm từ "giao ước" và "lời thề" đều chỉ về cùng một lời hứa mà Đức Giê-hô-va đã lập cùng dân Ngài.
lời thề của Ngài cùng Y-sác
Có thể thêm vào từ bị lượt bỏ. Gợi ý dịch: "lời thề Ngài đã lập cùng Y-sác"
Psalms 105:12
Lời Dẫn:
Tác giả thi thiên đang viết về Y-sơ-ra-ên.
Lúc ấy họ chỉ là một số ít người
Từ "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Là những khách lạ trong xứ
"Xứ" ở đây chỉ về xứ Ca-na-an. Gợi ý dịch: "Là những khách lạ trong xứ Ca-na-an"
Họ đi từ
"Họ tiếp tục lang thang"
từ nước nầy đến nước khác, từ vương quốc nọ sang vương quốc kia
Hai vế này có ý nghĩa tương tự được dùng chung để nhấn mạnh.
Psalms 105:14
Lời Dẫn:
Tác giả thi thiên đang viết về Y-sơ-ra-ên.
Vì cớ họ
"Vì ích lợi của họ". Ở đây chỉ về Y-sơ-ra-ên.
Đừng đụng đến những người được xức dầu của Ta
"Chạm" ở đây có nghĩa là hãm hại, đây là cách nói cường điệu Đức Giê-hô-va dùng để nhấn mạnh lời cảnh báo không được làm hại dân Ngài. Gợi ý dịch: "Chớ làm hại dân tộc ta đã xức dầu"
Psalms 105:16
Ngài cho gọi
"Ngài gọi." Có nghĩa là Ngài khiến nạn đói xảy ra trong xứ.
Toàn bộ nguồn bánh
"Bánh" ở đây chỉ về thức ăn nói chung. Gợi ý dịch: "toàn bộ nguồn lương thực"
Ngài sai một người đi trước họ; Giô-sép
Có thể dịch rõ là Ngài sai một người đi trước họ đến Ai Cập. Gợi ý dịch: "Ngài sai một người đi trước họ đến Ai Cập, Ngài sai Giô-sép"
Giô-sép, bị bán làm nô lệ
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Các anh của Giô-sép bán ông làm nô lệ"
Psalms 105:18
Cùm
Vật kim loại được dùng để còng cổ tay hay cổ chân lại với nhau.
Chân ông bị tra vào cùm, cổ ông phải đeo xiềng sắt
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người Ai Cập tra chân ông vào cùm, họ đeo xiềng sắt quanh cổ ông.
Lời của Đức Giê-hô-va đã rèn thử ông
"Lời" ở đây chỉ về sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va đã rèn thử ông"
Psalms 105:20
Vua sai các đầy tớ thả ông, người cai trị dân tộc phóng thích ông
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh rằng vua thả tự do cho Giô-sép.
Sau đó, dân Y-sơ-ra-ên đến Ai Cập
Ở đây "Y-sơ-ra-ên" chỉ về Giô-sép. Gia-cốp cũng đem gia đình đi với mình. Gợi ý dịch: "Sau đó Y-sơ-ra-ên và gia đình ông đến Ai Cập"
Psalms 105:24
Đức Giê-hô-va làm cho con dân Ngài sai trái
Tác giả ví việc gia tăng của dân Y-sơ-ra-ên như cây ra nhiều quả. "Đức Chúa Trời làm cho dân Ngài gia tăng rất nhiều"
ghét dân Chúa, ngược đãi các đầy tớ Ngài
"ghét dân Chúa và ngược đãi các đầy tớ Ngài"
Họ thi hành các dấu lạ ... phép mầu của Ngài trong xứ Cham
Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Môi-se và A-rôn thi hành các phép lạ của Đức Chúa Trời ở Ai Cập giữa dòng dõi của Cham"
Các phép mầu của Ngài
Có thể thêm vào từ được lượt bỏ. Gợi ý dịch: "và họ thi hành các phép mầu của Ngài"
Psalms 105:28
làm cho xứ tối tăm
"làm cho bầu trời tối tăm"
ếch nhái
Loài bò sát nhỏ biết nhảy
Tận trong phòng của những nhà cầm quyền
"chúng ở cả trong phòng của nhà cầm quyền"
Psalms 105:31
Lời Dẫn:
Tác giả thi thiên tiếp tục mô tả sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va trên Ai Cập.
Đàn ruồi mòng
Đàn ruồi lớn
Muỗi
Loài côn trùng nhỏ biết bay giống ruồi nhưng nhỏ hơn
Mưa đá
Đá rơi xuống từ trời như mưa
Ngài phá hủy ... Ngài bẻ gãy
Đức Chúa Trời khiến đá, mưa và sấm chớp phá hoại nho và cây cối. Gợi ý dịch: "Ngài khiến nó phá hủy ... và bẻ gãy"
Psalms 105:34
Rất nhiều cào cào
"có rất nhiều cào cào"
Cào cào ăn hết mọi loại cây cỏ ... Chúng ăn hết hoa màu của đất
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Các loài côn trùng ăn hết mọi loại cây cỏ và hoa màu trên đất"
Ngài giết tất cả con đầu lòng trong xứ, tức là trái đầu mùa của sức lực chúng
Câu thứ hai dùng từ "trái đầu mùa" để mô tả từ "con đầu lòng" ở câu thứ nhất. Gợi ý dịch: "Ngài giết tất cả con đầu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lòng trong xứ, đó là trái đầu mùa của sức lực chúng" hoặc "Sau đó Đức Giê-hô-va giết con trai cả trong tất cả các nhà của người Ai Cập"

Psalms 105:37

Ngài đem dân Y-sơ-ra-ên ra với bạc và vàng

Dân Y-sơ-ra-ên lấy theo bạc và vàng khi đi khỏi Ai Cập. Gợi ý dịch: "Ngài đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập có bạc và vàng làm tài sản"

Không một ai trong các chi phái của Ngài bị vấp ngã trên đường

Không ai bị bỏ lại. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "tất cả các chi phải của Ngài đều lên đường"

Ai Cập vui mừng

Ở đây "Ai Cập" chỉ về người sống ở Ai Cập. Gợi ý dịch: Dân Ai Cập vui mừng

Ngài bủa mây ra để che phủ

Ở đây tác giả thi thiên mô tả Đức Giê-hô-va đặt một đám mấy trên trời như thể Ngài trải một chiếc áo. Đám mây "che phủ" để bảo vệ họ khỏi mặt trời. Gợi ý dịch: "Ngài đặt một đám mây trên trời để bảo vệ họ khỏi mặt trời và sức nóng"

Lửa để soi đường ban đêm

Đức Giê-hô-va đặt một trụ lửa trên trời để ban ánh sáng suốt đêm. Gợi ý dịch: "đặt lửa trên trời để soi sáng ban đêm"

Psalms 105:40

Và Ngài đem chim cút đến

Có thể nói rõ chim cút là loài chim nhỏ Đức Giê-hô-va sai đến cho họ làm đồ ăn. Gợi ý dịch: "và Đức Giê-hô-va sai những con chim nhỏ đến để làm thức ăn"

Và bánh từ trời

Đức Giê-hô-va cho ma-na, là một loại bánh mì, rơi xuống từ trời. Gợi ý dịch: "và bánh mì rơi xuống từ trời"

Chúng chảy

"nước chảy"

nhớ lại

Có nghĩa là nhớ. Gợi ý dịch: "nhớ đến"

Psalms 105:43

Chúa dẫn dân Ngài ra ... những người Ngài chọn trong tiếng reo hò chiến thắng

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh rằng dân tộc của Đức Chúa Trời vui mừng khi Ngài dẫn họ ra khỏi Ai Cập. Họ reo mừng. Gợi ý dịch: "Ngài dẫn dân được chọn của Ngài ra đi trong tiếng reo hò vui mừng và chiến thắng"

những người Ngài chọn

Ở đây "những người Ngài chọn" chỉ về dân được chọn của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "dân được chọn của Ngài"

Chiến thắng

"vui mừng" hoặc "hoan hỉ"

gìn giữ luật lệ Ngài và vâng theo luật pháp Ngài

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhất mạnh. "Gìn giữ" luật lệ Ngài có nghĩa là vâng theo. Gợi ý dịch: "vâng theo luật pháp và luật lệ Ngài"

Translation Questions

Psalms 105:1

Tác giả rao truyền công việc của Đức Giê-hô-va ở đâu?

Tác giả rao truyền cho mọi người biết công việc Ngài giữa các dân.

Psalms 105:3

Tác giả nói tấm lòng của ai được vui mừng?

Tác giả nói nguyện lòng của những người tìm kiếm Đức Chúa Trời được vui mừng.

Psalms 105:4

Người ta thường tìm kiếm sự hiện diện của Đức Giê-hô-va như thế nào?

Tác giả kêu gọi mọi người hãy tìm kiếm mặt Ngài luôn luôn.

Psalms 105:8

Tác giả nói rằng Đức Chúa Trời giữ giao ước của Ngài trong bao lâu?

Tác giả nói rằng Đức Chúa Trời giữ giao ước của Ngài đến ngàn đời.

Psalms 105:9

Tác giả nói rằng Đức Chúa Trời đã lập giao ước cùng ai?

Đức Chúa Trời đã lập giao ước với Áp-ra-ham và đã thề cùng Y-sác.

Psalms 105:11

Giao ước đời đời mà Đức Giê-hô-va đã lập cùng Y-sơ-ra-ên là gì?

Đức Giê-hô-va đã lập giao ước đời đời cùng Y-sơ-ra-ên để ban cho họ đất Ca-na-an làm sản nghiệp.

Psalms 105:12

Tác giả nói Đức Giê-hô-va đã lập giao ước với Y-sơ-ra-ên khi nào?

Tác giả nói Đức Giê-hô-va đã lập giao ước với Y-sơ-ra-ên khi họ chỉ là một số ít người.

Psalms 105:15

Đức Giê-hô-va cảnh báo với các vua không được đụng vào ai?

Đức Giê-hô-va bảo họ đừng đụng đến những người được xức dầu của Ngài.

Psalms 105:17

Đức Giê-hô-va sai Giô-sép đến trước mặt Y-sơ-ra-ên như thế nào?

Ngài sai Giô-sép đến trước mặt họ như một nô lệ.

Psalms 105:19

Giô-sép bị buộc xích sắt trong bao lâu?

Giô-sép bị buộc xích sắt cho đến khi điều ông nói trở thành sự thật.

Psalms 105:21

Vua đã lập Giô-sép quản trị điều gì trong nhà của vua?

Giô-sép được lập làm người cai quản triều đình và quản trị tất cả tài sản vua.

Psalms 105:23

Gia-cốp đã sống ở đâu khi ông đến Ai Cập?

Gia-cốp kiều ngụ trong xứ Cham.

Psalms 105:25

Đức Chúa Trời khiến người Ai Cập ghen ghét ai?

Đức Chúa Trời khiến cho kẻ thù của Y-sơ-ra-ên trở lòng ghen ghét dân Chúa.

Psalms 105:27

Môi-se và A-rôn thi hành các dấu lạ của Đức Chúa Trời ở đâu?

Môi-se và A-rôn thi hành các dấu lạ của Đức Chúa Trời giữa dân Ai Cập.

Psalms 105:29

Đức Chúa Trời đã làm gì với nước sông Ai Cập?

Đức Chúa Trời đã biến nước sông Ai Cập thành máu và giết chết cá của chúng.

Psalms 105:32

Đức Chúa Trời đã giáng điều gì cùng mưa đá thay vì ban mưa xuống Ai Cập?

Đức Chúa Trời đã giáng mưa đá thay vì ban mưa và sai lửa đốt cháy cả xứ của họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 105:36
Đức Chúa Trời đã giết những ai trong xứ Ai Cập?
Đức Chúa Trời đã giết tất cả con đầu lòng trong xứ, tức là tinh hoa của sức lực chúng.
Psalms 105:38
Tại sao người Ai Cập lại vui mừng khi dân Y-sơ-ra-ên ra đi?
Ai Cập vui mừng khi dân Y-sơ-ra-ên rời đi, vì người Ai Cập sợ họ.
Psalms 105:40
Đức Chúa Trời ban thức ăn gì cho dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Chúa Trời ban bánh từ trời cho họ.
Psalms 105:42
Đức Chúa Trời ban lời hứa thánh nào cho người Y-sơ-ra-ên?
Đức Chúa Trời nhớ lại lời hứa thánh của Ngài và không quên Áp-ra-ham là đầy tớ Ngài.
Psalms 105:44
Đức Chúa Trời đã để dân Ngài thừa hưởng điều gì?
Dân Ngài thừa hưởng công lao của các dân tộc khác.

Chapter 106
Psalms 106:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Ai có thể thuật các công việc quyền năng của Đức Giê-hô-va ... các công việc?
Tác giả hỏi câu này để ngợi khen Đức Chúa Trời chứ không mong đợi câu trả lời. Gợi ý dịch: "Không ai có thể thuật lại các công việc quyền năng của Đức Giê-hô-va ... các việc làm".
Các việc làm đáng ngợi khen
"các việc làm đáng ca ngợi"
Psalms 106:3
xin nhớ đến con
Có nghĩa là nhớ về điều gì đó. Gợi ý dịch: "nhớ về con"
Những người được chọn của Ngài
"Những người được chọn" chỉ về dân tộc được chọn của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "dân tộc được chọn của Ngài"
Vui trong niềm vui ... và tự hào
Đây là những điều Đa-vít nói ông sẽ làm cùng với việc "thấy được sự thịnh vượng của những người được Chúa chọn". Có thể thêm vào từ được lược bỏ. Gợi ý dịch: "Con sẽ vui trong niềm vui ... và con sẽ tự hào"
Niềm vui
"vui vẻ" hoặc "vui mừng"
tự hào về cơ nghiệp Ngài
Ở đây cụm từ "cơ nghiệp Ngài" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, là dân tộc được chọn của Đức Giê-hô-va. "Tự hào" có nghĩa là "kiêu hãnh về" điều gì đó, trong trường hợp này là kiêu hãnh về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "kiêu hãnh về sự lớn mạnh của dân Chúa"
Psalms 106:6
không nhận thấy các việc diệu kỳ của Ngài
"không biết ơn về việc diệu kỳ Ngài đã làm"
Bên biển ... Biển Đỏ
Hai cụm từ này chỉ về cùng một biển. Cụm thứ hai là tên của biển.
Psalms 106:8
Tuy nhiên
"Nhưng" hoặc "Dù vậy"
vì danh Ngài
"Danh Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "vì danh tiếng của Ngài"
qua vực sâu như đi qua hoang mạc
Ở đây Đa-vít so sánh Đức Giê-hô-va dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi qua biển Đỏ giống như họ được dẫn qua đất khô trên hoang mạc. "Vực sâu" chỉ về lòng sông hiện ra sau khi Đức Giê-hô-va rẽ nước. Gợi ý dịch: "vượt qua biển Đỏ trên đất khô"
Psalms 106:10
Ngài giải thoát họ khỏi tay ... và Ngài giải cứu họ khỏi tay
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va cứu họ khỏi kẻ thù.
tay của những kẻ ghét họ
Ở đây "tay" chỉ về thế lực hoặc sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "thế lực của những kẻ ghét họ" hoặc "sự kiểm soát của những kẻ ghét họ"
Che phủ kẻ thù của họ
Đây là cách tế nhị để nói họ bị nhấn chìm. Gợi ý dịch: "nhận chìm kẻ thù của họ"
Bấy giờ họ mới tin lời Ngài
Ở đây từ "họ" chỉ về "tổ phụ của họ" và từ "Ngài" chỉ về "Đức Giê-hô-va".
Psalms 106:13
Họ không chờ đợi sự chỉ dẫn của Ngài
Ngụ ý rằng họ hành động mà không chờ đợi xem Đức Giê-hô-va muốn họ làm gì. Gợi ý dịch: "họ hành động mà trước tiên không chờ đợi sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va"
lòng tham dục vô độ
"lòng tham dục chẳng khi nào thỏa mãn"
họ đã thử Đức Chúa Trời
"Họ đã chống nghịch Đức Chúa Trời"
Hủy hoại
"thình lình xảy đến" hoặc "ập đến"
Nhưng sai bệnh tật
Đức Giê-hô-va khiến dân Y-sơ-ra-ên phải khổ sở vì bệnh tật được tác giả mô tả là Đức Giê-hô-va sai bệnh tật đến trên họ giống như sai một người hay sai sứ giả đến. Gợi ý dịch: "nhưng Ngài khiến bệnh tật hủy hoại thể xác họ"
Psalms 106:16
Trong trại quân
Ở đây chỉ về trại của dân Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc. Gợi ý dịch: "Trong trại quân nơi hoang mạc"
Đất mở ra nuốt
Ở đây đất mở ra và chôn vùi con người được ví sánh như một sinh vật nuốt thứ gì đó. Gợi ý dịch: "Đất mở ra và chôn vùi"
Đa-than
Đây là một quan tướng dấy loạn cùng Môi-se.
Và phủ lấp những kẻ theo A-bi-ram
Những kẻ theo A-bi-ram cũng bị chôn vùi khi đất mở ra và chôn vui Đa-than. Gợi ý dịch: "và cũng phủ lấp những kẻ theo A-bi-ram" hoặc "và cũng chôn vùi những kẻ theo A-bi-ram"
A-bi-ram
Đây là một quan tướng dấy loạn cùng Môi-se.
Lửa bùng cháy giữa họ; lửa thiêu đốt kẻ ác

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hai vế này có nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh kẻ ác bị lửa giết chết như thế nào.
Psalms 106:19
đúc một con bò tơ tại Hô-rếp, và thờ lạy tượng kim loại ấy
Có thể sắp xếp lại trật tự thông tin để nói rõ con bò tơ này là một bức tượng kim loại. Gợi ý dịch: "Tại Hô-rếp, họ đúc một bức tượng bò tờ bằng kim loại và thờ lạy nó".
Họ đổi sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ra hình dạng con bò
Có nghĩa là thay vì thờ phượng Đức Chúa Trời thì họ thờ phượng tượng con bò. Gợi ý dịch: "Họ đổi việc thờ phượng vinh hiển của Đức Chúa Trời thành thờ phượng tượng con bò"
sự vinh hiển của Đức Chúa Trời
Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời vinh hiển của họ" hoặc "Đức Chúa Trời là Đấng vinh hiển"
Psalms 106:22
xứ Cham
Ở đây chỉ về xứ dòng dõi của Cham sinh sống. Gợi ý dịch: "xứ dòng dõi của Cham sinh sống"
những việc kỳ diệu
"những việc đáng kính sợ"
Can gián với Ngài trong chỗ sứt mẻ ... đừng hủy diệt họ
Ở đây Đa-vít gọi việc Môi-se thuyết phục Đức Giê-hô-va đừng hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên là Môi-se can gián với Ngài trong chỗ sức mẻ. Gợi ý dịch: "đứng giữ Đức Giê-hô-va và dân Y-sơ-ra-ên, cầu xin Ngài đừng hủy diệt họ"
Psalms 106:24
Lầm bầm
"than phiền"
Lời hứa của Ngài
Ở đây chỉ về lời hứa của Đức Giê-hô-va, Ngài hứa cho họ chiếm lấy xứ Ca-na-an.
Psalms 106:26
giơ tay Ngài
"Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va. Người ta có phong tục giơ tay lên khi thề.
làm tản lạc dòng dõi họ ... trong xứ lạ
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "và Ngài sẽ khiến dòng dõi họ sống nơi xứ lạ"
làm tản lạc
Có nghĩa là làm phân tán hay rải rác vật gì đó.
Psalms 106:28
đồ cúng cho người chết
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "đồ họ cúng cho người chết" Xem:
cho người chết
"Người chết" chỉ về hình tượng và các thần mà dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng. Gợi ý dịch: "cho các thần đã chết" hoặc "cho các thần không có sự sống"
ôn dịch bùng phát
"ôn dịch lây lan"
Khiến Ngài tức giận
"chọc giận Ngài"
Psalms 106:30
Bấy giờ Phi-nê-a đứng ra can thiệp
Phi-nê-a can thiệp giữa dân chúng, trừng phạt họ vì tội lỗi của họ. Có thể dịch rõ ý này. Gợi ý dịch: "Bấy giờ Phi-nê-a đứng ra can thiệp giữa dân chúng vì tội lỗi của họ"
Điều đó được kể là việc làm công chính cho ông
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người ta kể đó là việc làm công chính cho ông"
Psalms 106:32
Mê-ri-ba
Đây là một địa điểm.
Chịu tai họa vì cớ họ
Môi-se chịu tai họa vì tội lỗi của dân chúng. Ở đây từ "họ" là đại từ chỉ về dân chúng và là phép hoán dụ chỉ về tội lỗi của họ. Gợi ý dịch: "chịu tai họa vì việc làm của họ"
Nhưng lại pha trộn với các dân ấy
Đa-vít gọi việc dân Y-sơ-ra-ên kết hôn với những người nữ của các dân khác là "pha trộn" với họ. Gợi ý dịch: "nhưng họ pha trộn với các dân khác trong hôn nhân"
trở thành cái bẫy cho họ
Các thần tượng trở thành cái bẫy cho họ.
Psalms 106:37
Họ làm đổ máu vô tội, tức là máu của con trai con gái mình
"Làm đổ máu" là cách nói chuyển ngữ chỉ về việc "giết người". Gợi ý dịch: "Họ làm đổ máu vô tội khi giết các con trai, con gái mình"
Họ bị ô uế bởi công việc mình
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Việc làm của họ khiến họ ô uế"
Họ giống kẻ mại dâm trong việc làm mình
Ở đây Đa-vít so sánh sự bất trung của họ với Đức Giê-hô-va như sự không chung thủy của kẻ mại dâm. Gợi ý dịch: "họ bất trung với Đức Giê-hô-va như một kẻ mại dâm"
Psalms 106:40
Vì thế Đức Giê-hô-va nổi giận cùng dân mình ... Ngài khinh ghét dân của mình
"Vì thế Đức Giê-hô-va nổi giận cùng dân mình và khinh ghét họ"
Ngài phó họ vào tay các dân
Ở đây "tay" chỉ về quyền lực và sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời để các dân kiểm soát họ"
những kẻ ghét họ
"những người ghét họ"
Psalms 106:42
Và họ bị khuất phục dưới thẩm quyền của chúng
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và kẻ thù của họ khiến họ phải khuất phục thẩm quyền của chúng"
Bị hạ gục vì tội lỗi của họ
"Bị hạ gục" có nghĩa là bị tiêu diệt. Có thể được dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "tội lỗi của họ hủy hoại họ"
Psalms 106:44
Tuy nhiên
"Nhưng" hoặc "Dù vậy". Xem cách đã dịch ở PSA106:008
Nỗi khốn khổ của họ
"nỗi khổ sở của họ" hoặc "nỗi đau khổ của họ"
Nhớ lại
"Nhớ lại" có nghĩa là nhớ đến điều gì đó. Gợi ý dịch: "nhớ đến"
Và động lòng
"và đoái thương họ"
Kẻ chinh phục họ
"kẻ bắt giữ họ". Ở đây chỉ về kẻ thù của Y-sơ-ra-ên bắt họ làm phu tù.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thương xót họ
"đoái thương họ"
Psalms 106:47
Thông Tin Tổng Quát:
Ở đây câu 106:48 không chỉ là câu kết cho thi thiên này mà còn là câu kết cho cả Quyển 4 của sách Thi Thiên từ Thi Thiên 90 đến Thi Thiên 106.
Đáng ca ngợi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện loài người ca ngợi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên"
danh thánh của Chúa
"Danh thánh" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Chúa"
Từ trước vô cùng cho đến đời đời
Ở đây dùng hai thái cực để mang ý nghĩa là luôn luôn. Xem cách đã dịch ở PSA041:013

Translation Questions

Psalms 106:1
Tác giả nói điều gì còn đến đời đời?
Sự nhân từ Ngài còn đến đời đời.
Psalms 106:4
Tác giả xin Đức Giê-hô-va nhớ đến ông khi nào?
Tác giả xin Đức Giê-hô-va nhớ đến ông khi Ngài làm ơn cho dân Ngài.
Psalms 106:5
Điều gì sẽ làm cho tác giả vui mừng?
Ông sẽ vui mừng khi thấy sự thịnh vượng của những người được Chúa chọn.
Psalms 106:7
Tổ phụ của tác giả đã phản ứng thế nào với các phép lạ của Đức Giê-hô-va?
Tổ phụ của tác giả ở Ai Cập đã không quan tâm đến các phép lạ của Đức Giê-hô-va.
Psalms 106:8
Tại sao Đức Giê-hô-va cứu tổ phụ của tác giả?
Ngài đã cứu họ vì danh Ngài để bày tỏ quyền năng của Ngài.
Psalms 106:11
Chuyện gì xảy ra với những kẻ chống lại Y-sơ-ra-ên?
Nước nhận chìm quân thù; không để một ai sống sót.
Psalms 106:14
Người ta làm gì khi lòng họ đầy tham dục trong đồng hoang?
Họ đã thử Đức Chúa Trời nơi hoang mạc.
Psalms 106:17
Đất làm gì Đa-than và những người theo A-bi-am?
Đất hả miệng nuốt Đa-than và chôn vùi bọn A-bi-ram.
Psalms 106:20
Người ta thờ phương điều gì ở Hô-rếp?
Họ đã đúc một con bò tơ tại Hô-rếp và thờ lạy hình con bò con vàng.
Psalms 106:23
Tại sao Đức Chúa Trời không ra lệnh hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên?
Môi-se, là người được Chúa chọn, đứng vào nơi sứt mẻ trước mắt Ngài, để xin Ngài đừng giận mà hủy diệt họ.
Psalms 106:26
Đức Chúa Trời thề hứa điều gì khi Ngài giơ tay ra?
Đức Chúa Trời giơ tay mà thề rằng Ngài sẽ làm cho họ gục ngã trong hoang mạc, và phân tán dòng dõi họ trong các xứ.
Psalms 106:29
Điều gì đã diễn ra với Y-sơ-ra-ên khi họ chọc giận Đức Giê-hô-va?
Ôn dịch bùng phát giữa họ.
Psalms 106:30
Chuyện gì đã diễn ra khi Phi-nê-a đứng ra can thiệp giữa họ?
Khi Phi-nê-a can thiệp thì dịch bệnh ngừng lại.
Psalms 106:33
Tại sao Môi-se phạm tội bên suối nước Mê-ri-ba?
Dân chúng làm Môi-se rối trí nên ông nói lỡ lời.
Psalms 106:37
Chuyện gì đã diễn ra khi các dân bị pha trộn lại và thờ hình tượng của chúng?
Thần tượng của chúng trở thành cái bẫy cho chúng.
Psalms 106:41
Chuyện gì đã diễn ra với Y-sơ-ra-ên khi Đức Chúa Trời nổi giận và phó chúng vào tay các dân ngoại?
Khi Đức Giê-hô-va phó họ vào tay các dân ngoại, và những kẻ ghét họ thống trị họ.
Psalms 106:45
Tại sao Đức Giê-hô-va vẫn nhớ đến và thương xót Y-sơ-ra-ên khi họ gặp rắc rối?
Ngài nhớ đến họ vì giao ước của Ngài đã lập với họ và thương xót họ theo lòng nhân từ vô biên của Ngài.
Psalms 106:47
Đức Giê-hô-va sẽ nhóm họp Y-sơ-ra-ên từ giữa các nước vì lí do gì?
Ngài nhóm họp họ lại để họ cảm tạ danh thánh của Ngài và được vinh hạnh ca ngợi Ngài.

Chapter 107

Psalms 107:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Sự thành tín theo giao ước Ngài con đến đời đời
"tình yêu thành tín của Ngài dành cho con không bao giờ nguôi"
Những người được cứu chuộc của Đức Giê-hô-va
"Những người được cứu chuộc" chỉ về những người Đức Giê-hô-va đã cứu chuộc. Gợi ý dịch: "những người Đức Giê-hô-va đã cứu chuộc"
Nói
Có nghĩa là nói về điều gì cho ai đó. Gợi ý dịch: "nói về việc Đức Giê-hô-va đã làm"
khỏi tay kẻ thù
"Tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "khỏi quyền lực của kẻ thù"
Từ phương đông ... và từ phương nam
Ở đây nói đến bốn hướng để nhấn mạnh rằng Ngài tập hợp họ lại từ mọi nơi. Gợi ý dịch: "từ mọi hướng" hoặc "từ mọi nơi trên thế giới"
Từ phương đông và phương tây, từ phương bắc và phương nam
Câu này mô tả những nơi Đức Giê-hô-va tập hợp dân Ngài. Gợi ý dịch: "Ngài tập hợp họ từ phương đông và phương

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tây, từ phương bắc và phương nam"
Psalms 107:4
Họ lang thang
"Một số người lang thang"
Trên con đường hoang mạc
"trên con đường trong hoang mạc"
Nơi để ở
"nơi họ có thể ở"
trong cơn gian truân, họ kêu cầu Đức Giê-hô-va
Ngụ ý rằng họ cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va để Ngài giúp đỡ họ. Gợi ý dịch: "Họ cầu xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ họ trong cơn gian truân"
cơn gian truân
"cơn khó khăn" hoặc "cơn hoạn nạn"
Psalms 107:8
Ôi, nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự thành tín theo giao ước Ngài
"Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài luôn yêu thương họ cách thành tín" hoặc "Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì đức yêu thương thành tín của Ngài". Từ "ôi" ở đây thể hiện mong muốn mạnh mẽ người ta sẽ ngợi khen Ngài.
Loài người
"con người"
Vì Ngài thỏa đáp ao ước của những kẻ khát
"Vì Ngài ban nước cho những kẻ mong muốn nó - tức là cho những kẻ khát"
Và khao khát của những kẻ đói được no nê những vật tốt lành
"với những kẻ đói, Ngài cho họ ăn những vật tốt lành"
Cho loài người
"cho mọi người"
Những kẻ ngồi
Ngụ ý đây là những người Đức Giê-hô-va đã giải cứu. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va cũng giải cứu những kẻ ngồi"
Trong bóng tối và trong chỗ u ám
"Bóng tối" và "chỗ u ám" căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh cảnh tối tăm trong tù. Gợi ý dịch: "trong bóng tối mịt mù"
Psalms 107:11
Họ đã phản nghịch lời Đức Chúa Trời ... chối bỏ lời chỉ dẫn của Đấng Chí Cao
Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh họ đã chống nghịch Đức Chúa Trời đến thể nào, là lí do khiến họ bị cầm tù.
Ngài dùng lao khổ để hạ lòng họ xuống
Lòng chỉ về chính người đó, nhưng đặc biệt chỉ về ý muốn của họ. Gợi ý dịch: "Ngài khiến họ phải hạ xuống bằng cách để họ chịu khó nhọc"
lao khổ
Có thể là 1) "hoạn nạn" hoặc 2) "lao động cực nhọc"
Họ vấp ngã không ai nâng đỡ
"Vấp ngã" chỉ về lúc họ rơi vào tình cảnh rất khó khăn. Gợi ý dịch: "họ lâm vào hoạn nạn không ai giúp thoát ra được"
Bấy giờ, trong cơn gian truân họ kêu cầu Đức Giê-hô-va
Ngụ ý rằng họ cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va để Ngài giúp đỡ. Xem cách đã dịch ở PSA107:004
cơn gian truân
"khó khăn" hoặc "hoạn nạn". Xem cách đã dịch ở PSA107:004
Ngài đem
Đa-vít mô tả Đức Giê-hô-va cứu họ khỏi hoạn nạn như thể hoạn nạn là một địa điểm và Ngài đem họ ra khỏi đó. Gợi ý dịch: "Ngài cứu"
Psalms 107:14
Ngài đem họ
"Đức Giê-hô-va đem những người trong ngục"
bóng tối và chỗ u ám
"Bóng tối" và "chỗ u ám" căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh cảnh tối tăm trong tù. Xem cách đã dịch ở PSA107:008
Ôi, nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự thành tín theo giao ước Ngài
"Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài luôn yêu thương họ cách thành tín" hoặc "Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì đức yêu thương thành tín của Ngài". Từ "ôi" ở đây thể hiện mong muốn mạnh mẽ người ta sẽ ngợi khen Ngài. Xem cách đã dịch ở PSA107:008
Vì Ngài
"Bởi vì Ngài"
Vì Ngài đã phá cổng đồng và cắt các song sắt
Cả hai vế đều mô tả Đức Giê-hô-va giải phóng dân Ngài khỏi ngục tù, được dùng chung để nhấn mạnh ý. Gợi ý dịch: "Ngài đã giải phóng dân Ngài khỏi ngục tù"
Psalms 107:17
Họ ngu dại trong đường lối phản nghịch của mình
"Họ ngu dại trong đường lối phản nghịch Đức Giê-hô-va"
Và bị đau đớn
"và họ đau đớn". Cụ thể là họ bị đau đớn vì bệnh tật. Gợi ý dịch: "và họ bị đau bệnh"
đến gần cổng sự chết
Ở đây "sự chết" được mô tả là một địa điểm, "cổng sự chết". Gợi ý dịch: "họ sắp chết"
Bấy giờ, trong cơn gian truân họ kêu cầu Đức Giê-hô-va
Ngụ ý rằng họ cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va để Ngài giúp đỡ. Xem cách đã dịch ở PSA107:004
Psalms 107:20
Ngài ban lời Ngài và chữa lành họ
Ở đây Đa-vít mô tả Đức Giê-hô-va ban lời Ngài giống như một sứ giả. Có thể là 1) "Ngài truyền phán cho họ được lành và họ được lành" hoặc 2) "Ngài khích lệ họ và chữa lành cho họ"
Ôi, nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự thành tín theo giao ước Ngài
"Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài luôn yêu thương họ cách thành tín" hoặc "Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì đức yêu thương thành tín của Ngài". Từ "ôi" ở đây thể hiện mong muốn mạnh mẽ người ta sẽ ngợi khen Ngài. Xem cách đã dịch ở PSA107:008
Tạ ơn
"thể hiện rằng họ biết ơn"
Trong sự ca hát
"bằng cách hát về chúng"
Psalms 107:23
Và buôn bán ở nước ngoài
Có thể họ đi thuyền đến nhiều nơi và mua bán hàng hóa với những người ở đó. Gợi ý dịch: "buôn bán ở những thành phố xa"
Psalms 107:25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài truyền lệnh nổi cơn bão trên biển
"Ngài truyền lệnh cho gió và khiến nó hóa thành bão khuấy động biển"
Bão
Gió mạnh, giống như gió đi kèm với mưa bão lớn
khuấy động biển
Ở đây Đa-vít mô tả gió khiến sóng dâng cao như thể gió là một đồ vật khuấy thứ gì đó thật dữ dội. Gợi ý dịch: "khiến sóng biển dâng cao"
Chúng vọt đến tận trời, chúng hụp xuống tận vực sâu
Câu này mô tả những con tàu dâng lên, hạ xuống theo những cơn sóng. Hai thái cực vọt đến tận trời và hụp xuống tận vực sâu là cách nói cường điệu thể hiện cơn bão kinh khiếp thế nào. Gợi ý dịch: "những chiếc thuyền dâng lên rất cao trên những con sóng rồi chúng rơi xuống rất thấp giữa những con sóng"
Sự sống của họ tan chảy trong sự khốn khổ
Câu này mô tả nỗi khiếp sợ của các thủy thủ. Gợi ý dịch: "Con người khiếp sợ và khốn đốn"
mất hết khôn ngoan
"Mất hết khôn ngoan" có nghĩa là họ không biết phải làm gì. Gợi ý dịch: "và họ không biết phải làm gì" hoặc "họ không nghĩ ra phải làm gì"
Psalms 107:28
Bấy giờ, trong cơn gian truân họ kêu cầu Đức Giê-hô-va
Ngụ ý rằng họ cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va để Ngài giúp đỡ. Xem cách đã dịch ở PSA107:004
Bấy giờ họ
Từ "họ" chỉ về các thủy thủ.
Ngài khiến bão yên lặng
"Ngài khiến gió ngừng lại"
Những con sóng yên lặng
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài khiến những con sóng yên lặng"
Ngài đem họ
"Ngài dẫn họ"
Bến bờ ao ước của họ
"đến bến bờ họ mong muốn"
Psalms 107:31
Ôi, nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự thành tín theo giao ước Ngài
"Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài luôn yêu thương họ cách thành tín" hoặc "Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì đức yêu thương thành tín của Ngài". Từ "ôi" ở đây thể hiện mong muốn mạnh mẽ người ta sẽ ngợi khen Ngài. Xem cách đã dịch ở PSA107:008
ca ngợi Ngài trong hội đồng các trưởng lão
"khi các trưởng lão ngồi lại cùng nhau." Các trưởng lão ngồi lại thảo luận các vấn đề trong cộng đồng và đưa ra quyết định cho cộng đồng.
Psalms 107:33
Ngài đổi
"Đức Giê-hô-va khiến"
Vì sự gian ác của dân cư ở đó
"vì dân cư ở đó rất gian ác"
Ngài biến hoang mạc thành ao hồ, đất khô ra suối nước
Cả hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh Đức Giê-hô-va khiến nước xuất hiện trong hoang mạc. Gợi ý dịch: "Ngài làm nên suối nước và ao hồ tại vùng đất từng là hoang mạc"
Psalms 107:36
Ngài cho kẻ đói được an cư ở đó
Từ "ở đó" chỉ về nơi Đức Giê-hô-va khiến suối nước và ao hồ xuất hiện. Cụm từ "người đói" chỉ về người đang đói. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va cho người đói sống ở đó"
Trồng nho to
"trồng nho trong"
Và thu gặt mùa màng dư dật
"để chúng cho mùa màng dư dật"
Nên họ thêm nhiều
"để dân tộc của họ thêm nhiều"
Ngài không để cho bầy súc vật của họ bị giảm sút
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Ngài giữ cho bầy súc vật của họ đông đảo"
Psalms 107:39
Họ
Từ "họ" chỉ về người đói mà Đức Giê-hô-va đã cho an cư trong xứ. Câu này mô tả tình trạng của họ trước khi Đức Giê-hô-va cho họ an cư trong xứ.
Họ bị suy giảm và bị sỉ nhục
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Những người lãnh đạo của họ làm họ suy giảm và bị sỉ nhục"
bị suy giảm
"số lượng giảm bớt"
Bị sỉ nhục
Có nghĩa là bị hạ nhục. Gợi ý dịch: "nhục nhã"
đổ sự khinh bỉ trên
Ở đây Đa-vít nói việc Đức Giê-hô-va tỏ ra khinh bỉ những người lãnh đạo như thể sự khinh bỉ là một chất lỏng Ngài đổ trên họ. Gợi ý dịch: "tỏ ra khinh bỉ"
Những người lãnh đạo
"Người quyền quý". Ở đây chỉ về những người lãnh đạo ức hiếp dân chúng. Gợi ý dịch: "những người lãnh đạo ức hiếp dân chúng"
Nơi không có đường đi
"nơi vắng vẻ không có người đi"
Psalms 107:41
Nhưng Ngài
"Nhưng Đức Giê-hô-va"
kẻ thiếu thốn
Ở đây chỉ về người thiếu thốn. Gợi ý dịch: "người thiếu thốn" hoặc "người nghèo khó"
Chăm sóc cho gia đình họ như bầy chiên
Ở đây Đa-vít ví Đức Giê-hô-va chăm sóc cho dân Ngài như người chăn chăm sóc chiên. Có thể là 1) "khiến số người trong gia đình họ tăng lên như bầy chiên" hoặc 2) "chăm sóc cho họ như người chăn chăm sóc chiên mình"
người ngay thẳng
Ở đây chỉ về những người sống theo đường lối công chính. Gợi ý dịch: "Những người ngay thẳng" hoặc "Những người làm điều công chính"
Hết thảy bọn gian ác
Ở đây người gian ác được gọi là "bọn gian ác". Gợi ý dịch: "mọi kẻ gian ác"
ngậm miệng lại
Có nghĩa là không đáp lại lời nào. Gợi ý dịch: "không có lời nào đáp lại nghịch cùng Đức Giê-hô-va"
chú ý những điều nầy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có nghĩa là suy nghĩ về những điều này. Gợi ý dịch: "suy nghĩ về những điều này" hoặc "ghi nhớ những điều này"

Translation Questions

Psalms 107:1

Sự nhân từ của Đức Giê-hô-va kéo dài bao lâu?

Sự nhân từ của Đức Giê-hô-va còn đến đời đời.

Psalms 107:3

Đức Giê-hô-va đã tập hợp những người Ngài đã cứu chuộc ở đâu?

Ngài đã tập hợp chúng từ các xứ, từ phương đông và phương tây, phía bắc và phía nam.

Psalms 107:6

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho người được cứu khi họ kêu cầu Ngài trong cơn hoạn nạn?

Ngài giải cứu họ khỏi cảnh hoạn nạn.

Psalms 107:8

Những người cảm tạ Đức Giê-hô-va đã làm gì?

Họ nên cảm tạ Ngài vì lòng nhân từ của Ngài, và vì các phép mầu mà Ngài đã làm cho con loài người.

Psalms 107:12

Đức Giê-hô-va đã làm cho lòng dân sự ra như thế nào?

Ngài làm cho lao khổ để hạ lòng họ xuống.

Psalms 107:16

Đức Giê-hô-va phá vỡ dân Ngài bằng những loại cổng và sắt gì?

Ngài đã phá cổng đồng và bẻ gãy các song sắt.

Psalms 107:17

Tại sao người ta thường đau khổ?

Họ đau khổ vì cớ sự gian ác của họ.

Psalms 107:22

Người ta nên dâng hiến tế lễ gì?

"Họ nên dâng hiến tế lễ tạ ơn".

Psalms 107:24

Những người đi tàu trên đại dương và làm việc nơi biển cả đã thấy điều gì của Đức Giê-hô-va?

Họ đã thấy công việc của Đức Giê-hô-va và xem các phép lạ Ngài làm trong nước sâu.

Psalms 107:27

Tại sao người ta lại choáng váng lảo đảo như người say?

Sự khôn ngoan của họ bị tiêu mất.

Psalms 107:28

Điều gì đã diễn ra khi người ta kêu cầu Đức Giê-hô-va trong cơn hoạn nạn?

Ngài đã giải cứu họ khỏi cảnh hoạn nạn và làm ngừng bão tố.

Psalms 107:29

Điều gì đã diễn ra khi người ta kêu cầu Đức Giê-hô-va trong cơn hoạn nạn?

Ngài đã giải cứu họ khỏi cảnh hoạn nạn và làm ngừng bão tố.

Psalms 107:32

Người ta tôn cao và ca ngợi Đức Giê-hô-va ở nơi nào?

Họ nên tôn cao Ngài giữa cộng đồng dân Chúa và ca ngợi Ngài trong hội đồng trưởng lão.

Psalms 107:34

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho đất màu mỡ vì sự gian ác của dân sự?

Ngài đã biến đất màu mỡ ra đất mặn vì sự gian ác của dân sự ở đó.

Psalms 107:37

Người ta làm gì trong thành phố của họ?

Họ gieo giống trong ruộng và trồng nho.

Psalms 107:40

Điều gì đã xảy ra với các vua chúa khi Đức Giê-hô-va khiến họ bị khinh dễ?

Ngài khiến họ bị lưu lạc trong đất hoang vu không lối thoát.

Psalms 107:42

Bọn gian ác sẽ làm gì khi người ngay thẳng thấy được sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va và vui mừng?

Tất cả bọn gian ác đều phải ngậm miệng lại.

Psalms 107:43

Tác giả kêu gọi ai chú ý đến những điều này?

Tác giả kêu gọi người khôn ngoan chú ý đến những điều này và suy ngẫm về lòng nhân từ của Đức Giê-hô-va.

Chapter 108

Psalms 108:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Lạy Đức Chúa Trời, lòng con vững chắc

Ở đây Đa-vít dùng từ lòng để chỉ về chính mình. Từ "vững chắc" có nghĩa là hoàn toàn tin cậy. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, lòng con vững chắc nơi Ngài" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, con hoàn toàn tin cậy nơi Ngài"

Con sẽ hát ngợi khen với tấm lòng vinh dự

Ở đây Đa-vít nói mình có vinh dự được ngợi khen Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Chúa cho con vinh dự hát ngợi khen Ngài"

Hỡi đàn hạc và đàn lia, hãy tỉnh thức

Ở đây Đa-vít mô tả việc chơi nhạc cụ như thể đánh thức chúng dậy. Gợi ý dịch: "Con sẽ chơi đàn hạc và đàn lia để ngợi khen Chúa"

Ta sẽ đánh thức rạng đông

Ở đây Đa-vít mô tả bình minh thức dậy giống như một người thức dậy vào buổi sáng. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ngợi khen Chúa khi bình minh lên"

Rạng đông

Khi mặt trời mọc

Psalms 108:3

Vì sự thành tín theo giao ước Chúa rất lớn ... sự chân thật Chúa đến tận các tầng trời

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Chúng so sánh sự vĩ đại của sự thành tín theo giao ước và sự chân thật của Đức Giê-hô-va với sự vĩ đại của các tầng trời cao. Gợi ý dịch: "Sự thành tín theo giao ước và sự chân thật của Chúa vĩ đại hơn khoảng cách giữa trời và đất"

Psalms 108:5

Lạy Đức Chúa Trời, nguyện Chúa được tôn cao trên các tầng trời

Tác giả thi thiên cầu xin Đức Chúa Trời tỏ ra rằng Ngài được tôn cao. Được tôn cao trên các tầng trời tức là rất vĩ đại. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

được tôn cao trên các tầng trời" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài vĩ đại trên các tầng trời"

Nguyện vinh quang Ngài được tôn cao

"Vinh quang Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "nguyện Chúa được tôn cao"

Để người mà Ngài yêu mến được giải thoát

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Vì những người Ngài yêu cần được giải cứu" hoặc "Giải cứu những người Ngài yêu"

lấy tay phải Chúa

"Tay phải" của Đức Giê-hô-va chỉ về quyền năng của Ngài. Gợi ý dịch: "lấy quyền năng của Chúa"

đáp lời con

Đáp lời ở đây chỉ về việc đáp lại lời cầu xin của ông. Gợi ý dịch: "đáp lại lời cầu xin của con" hoặc "đáp lời cầu nguyện con"

Psalms 108:7

Thông Tin Tổng Quát:

7]].

Đức Chúa Trời đã phán trong sự thánh khiết của Ngài

Đức Chúa Trời phán vì Ngài là thánh khiết được Đa-vít gọi là Ngài phán "trong sự thánh khiết", sự thánh khiết của Ngài được nói như một thực thể nào đó mà Ngài thật sự đang ở bên trong. Gợi ý dịch: "Vì Đức Chúa Trời là thánh nên Ngài phán"

Ta sẽ phân chia Si-chem và đo đạc thung lũng Su-cốt

Ở đây Đức Giê-hô-va phán về việc phân chia xứ Si-chem và thung lũng Su-cốt.

Đo đạt

Chia ra nhiều phần

Ép-ra-im là mũ sắt của ta

Đức Chúa Trời phán như thể chi phái Ép-ra-im là một quân đội. Mũ sắt tượng trưng cho những trang bị chiến tranh. Gợi ý dịch: "Ép-ra-im như mũ sắt ta đã chọn" hoặc "Chi phái Ép-ra-im là quân đội của ta"

Mũ sắt

Một loại mũ cứng mà các quân lính đội để bảo vệ đầu khỏi bị thương

Giu-đa là vương trượng của ta

Đức Chúa Trời chọn những người từ chi phái Giu-đa để làm vua của dân Ngài và Ngài phán như thể chi phái đó là vương trượng của Ngài. Gợi ý dịch: "Chi phái của Giu-đa giống như vương trượng của ta" hoặc "Giu-đa là chi phái để qua đó ta cai trị dân ta"

Psalms 108:9

Thông Tin Tổng Quát:

9]].

Mô-áp là bồn rửa của Ta

Đức Chúa Trời nói Mô-áp không quan trọng như thể Mô-áp là bồn rửa hay người đầy tớ thấp hèn. Gợi ý dịch: "Mô-áp như cái bát ta dùng để rửa"

Ta ném giày Ta trên Ê-đôm

Đức Chúa Trời có thể đang nói về việc chiếm lấy Ê-đôm như thể Ngài ném giày vào mảnh đất đó theo cách hình bóng để thể hiện quyền làm chủ. Tuy nhiên một số bản có các cách dịch khác. Gợi ý dịch: "Ta chiếm lấy xứ Ê-đôm" hoặc "Ta ném giày ta trên xứ Ê-đôm để thể hiện chủ quyền"

Psalms 108:11

Thông Tin Tổng Quát:

12]], nhưng lưu ý rằng 108:11 không có cụm từ "nhưng Chúa" như ở đầu câu 60:10.

Lạy Đức Chúa Trời, chẳng phải Chúa đã từ bỏ chúng con sao?

Tác giả thi thiên dùng câu hỏi này để thể thể hiện nỗi buồn vì Đức Chúa Trời dường như đã từ bỏ họ. Gợi ý dịch: "Dường như Chúa đã từ bỏ chúng con" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, dường như Chúa đã từ bỏ chúng con"

Chúa không còn ra trận với quân đội của chúng con

Tác giả thi thiên ví việc Đức Chúa Trời giúp đỡ quân đội của họ như thể Đức Chúa Trời phải đi và chiến đấu với họ. Gợi ý dịch: "Chúa không giúp đỡ quân đội của chúng con khi chúng con ra trận"

Vô ích

"vô giá trị"

Chiến thắng

"giành chiến thắng"

Ngài sẽ giày đạp các kẻ thù chúng con

Tác giả thi thiên ví việc Đức Chúa Trời giúp quân đội của họ đánh bại kẻ thù như thể Đức Chúa Trời giày đạp chúng. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cho chúng con giày đạp kẻ thù chúng con" hoặc "Ngài sẽ cho chúng con đánh bại kẻ thù chúng con".

Translation Questions

Psalms 108:1

Đa-vít nói rằng ông ấy sẽ hát ca ngợi cùng với điều gì?

Đa-vít nói rằng ông sẽ hát và linh hồn ông sẽ ca ngợi Ngài.

Psalms 108:4

Đa-vít nói lòng nhân từ của Chúa vĩ đại như thế nào?

Đa-vít nói rằng lòng nhân từ của Chúa vĩ đại hơn các tầng trời.

Psalms 108:5

Đa-vít xin sự vinh quang của Đức Chúa Trời được tôn cao ở nơi nào?

Đa-vít cầu xin sự vinh quang của Đức Chúa Trời được tỏa khắp trái đất.

Psalms 108:8

Chúa nói gì về Ép-ra-im và Giu-đa?

Đức Chúa Trời phán rằng Ép-ra-im là đồn lũy của đầu Ngài và Giu-đa là vương trượng của Ngài.

Psalms 108:9

Đức Chúa Trời sẽ cất tiếng như thế nào về Phi-li-tin?

Đức Chúa Trời sẽ cất tiếng reo mừng về đất Phi-li-tin.

Psalms 108:12

Đa-vít nói giúp đỡ ai là vô ích?

Đa-vít xin sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời vì sự giúp đỡ của loài người là vô ích.

Psalms 108:13

Đa-vít mô tả sự thành công của ông và sự vùi giúp của Đức Chúa Trời như thế nào?

Đa-vít nói rằng quân đội của ông sẽ chiến đấu dũng cảm với sự vùi giúp của Đức Chúa Trời, bởi vì Đức Chúa Trời sẽ giày đạp kẻ thù của Đa-vít.

Chapter 109

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 109:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Vì kẻ ác và bọn lừa dối

Từ "ác" và "lừa dối" ở đây chỉ về con người. Chúng có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh chúng tệ hại như thế nào. Gợi ý dịch: "Vì những người gian ác và lừa dối"

Psalms 109:4

Họ đáp lại tình yêu của con bằng lời vu khống

"Mặc dù con yêu thương họ nhưng họ lại tố cáo con"

Tình yêu của con

"Tình yêu của con cho họ"

Họ vu khống con

Từ "họ" chỉ về người gian ác và lừa dối.

Psalms 109:6

Lập kẻ ác ... lập kẻ tố cáo

Hai cụm từ này song song với nhau và cùng chỉ về một đối tượng.

Bên tay hữu nó

"bên tay phải của kẻ thù"

Khi nó bị phán xét, nguyện nó bị kết tội

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Khi nó ở trước toà, nguyện quan tòa kết tội nó"

Nguyện lời cầu nguyện nó bị kể là tội lỗi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "xem lời cầu nguyện nó là tội lỗi"

Psalms 109:8

Nguyện các ngày của nó ngắn ngủi

"Các ngày" chỉ về tuổi thọ của người đó. Gợi ý dịch: "Nguyện nó không được sống lâu"

chức vụ của nó

"địa vị quyền lực của nó"

Của bố thí

Thức ăn hay tiền cho người ăn xin

Nhà đổ nát của chúng

"nhà bị phá hủy của chúng"

Psalms 109:11

chủ nợ

Người cho người khác mượn tiền và chờ người đó trả lại.

Cướp

"ăn cướp"

Nguyện con cháu nó bị diệt đi, tên nó bị xóa mất

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau, nhấn mạnh việc con cháu của nó bị tiêu diệt.

Nguyện con cháu nó bị diệt đi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Khiến cho con cháu nó bị diệt đi" hoặc "Khiến cho con cháu nó phải chết"

Nguyện tên chúng bị xóa mất trong thế hệ kế tiếp

Ở đây việc không có người nối dõi được nói như thể "tên chúng bị xóa mất". Gợi ý dịch: "nguyện chúng không có người nối dõi"

Psalms 109:14

Nguyện tội lỗi của tổ phụ nó bị nhắc lại trước mặt Đức Giê-hô-va

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Hỡi Đức Giê-hô-va, nguyện Chúa ghi nhớ tội lỗi của tổ phụ nó"

Nguyện tội lỗi của mẹ nó không bị lãng quên

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Chúa không quên những tội lỗi mà mẹ nó đã phạm"

Nguyện tội lỗi chúng luôn ở trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây Đa-vít nói về việc Đức Giê-hô-va nghĩ đến tội lỗi của chúng như thể tội lỗi là một vật đặt ngay trước mặt Ngài. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va luôn nghĩ đến tội lỗi của chúng"

Nguyện Đức Giê-hô-va xóa ký ức về chúng khỏi đất

Đa-vít dùng từ "đất" để chỉ về hết thảy loài người sống trên đất. Cụm từ "ký ức về chúng" chỉ về việc người ta nhớ về chúng sau khi chúng chết đi. Gợi ý dịch: "nguyện Đức Giê-hô-va khiến cho chẳng còn ai trên đất nhớ đến chúng"

Nó chẳng bao giờ giữ giao ước

Ở đây chỉ về việc giữ giao ước với người khác. Gợi ý dịch: "Nó chẳng bao giờ giữ giao ước với người khác"

Kẻ khốn cùng, người thiếu thốn

Ở đây chỉ về người khốn cùng và thiếu thốn. Gợi ý dịch: "người khốn cùng, người thiếu thốn"

Kẻ nản lòng

Ở đây chỉ về người nản lòng. Gợi ý dịch: "người nản lòng" hoặc "người mất hy vọng"

Đến chết

"đến khi họ chết". Có nghĩa là nó bắt bớ họ cho đến khi họ chết.

Psalms 109:17

Nguyện nó đổ lại trên nó

"nguyện sự nguyền rủa của nó đổ lại trên nó"

Nó mặc sự nguyền rủa khác nào chiếc áo

Đa-vít nói như thể hành vi của kẻ ác là chiếc áo của nó. Gợi ý dịch: "Nó rủa sả người khác thường xuyên như việc mặc áo" hoặc "Nó luôn luôn rủa sả người khác"

khác nào chiếc áo

"như thể chúng là chiếc áo của hắn"

Sự nguyền rủa thấm vào thân nó như nước, như dầu thấm vô xương cốt nó

Có thể là 1) Nó cứ nguyền rủa đến nỗi chúng trở thành một phần tính nết của nó. "Những lời nguyền rủa nó nói ra là một phần trong con người nó" hoặc 2) lời nguyền rủa của nó lại xảy ra cho nó. "Cả con người nó bị nguyền rủa bởi lời rủa sả mà nó nói ra".

Như nước

Ở đây chỉ về việc uống nước. Gợi ý dịch: "như nước người ta uống vào"

như dầu thấm vô xương cốt nó

Ở đây chỉ về việc dầu ngấm vào xương khi xoa bóp trên da. Gợi ý dịch: "như dầu ô-liu thấm vô xương người khi xoa bóp trên da"

Psalms 109:19

Nguyện sự nguyền rủa của nó như chiếc áo bao bọc nó

Người ta mặc áo mỗi ngày. Đa-vít nói những lời rủa sả luôn bao bọc nó giống như nó mặc quần áo. Gợi ý dịch: "Nguyện những lời rủa sả của nó ở trên nó mỗi ngày như nó mặc áo"

Như dây nịt nó luôn mang

Có thể thêm vào những từ được lượt bỏ. Gợi ý dịch: "nguyện những lời rủa sả của nó luôn ở trên nó như dây nịt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nó luôn mang trên người"

Nguyện nó bị báo trả

"Nguyện những lời rủa sả này bị báo trả"

Psalms 109:21

xin hậu đãi con

Đây là lời cầu xin Đức Giê-hô-va đối xử nhân lành với ông. Gợi ý dịch: "xin đối đãi nhân lành cùng con"

Vì danh Ngài

"vì danh tiếng của Ngài"

khốn cùng và thiếu thốn

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng ông không thể tự cứu mình.

Lòng con đau xót trong mình con

Ở đây Đa-vít gọi việc ông tuyệt vọng là lòng ông đau xót. Gợi ý dịch: "Con đầy đau buồn và tuyệt vọng"

Con tàn phai như cái bóng ... như cào cào

Đa-vít cảm thấy như ông sẽ chết sớm và mô tả cảm giác này bằng cách so sánh mình như cái bóng mờ dần và như cào cào bị gió thổi bay hết. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy như sắp chết, như cái bóng ban đêm sớm tan đi, như cào cào dễ dàng bị gió thổi bay đi"

Psalms 109:24

Gối con yếu mòn

Ở đây có nghĩa là ông yếu đi, khó có thể đứng được. Gợi ý dịch: "Con đi đứng khó khăn" hoặc "Thân thể con yếu mòn"

vì kiêng ăn

"vì con không ăn"

Con thành da bọc xương

Có nghĩa là ông sụt cân rất nhiều. Gợi ý dịch: "thân thể con gầy còm"

Con bị kẻ lên án con khinh miệt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Những kẻ lên án con chế nhạo con"

lắc đầu

Đây là cử chỉ thể hiện sự chê bai.

Psalms 109:26

Nguyện chúng biết

Từ "chúng" chỉ về những kẻ buộc tội Đa-vít và những người nói xấu ông.

đã làm điều đó

"đã cứu con"

Psalms 109:28

Dù chúng nguyền rủa con

"Chúng" chỉ về những người buộc tội Đa-vít và nói xấu ông.

Nguyện chúng phải bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyện chúng bị hổ thẹn" hoặc "chúng phải bị hổ thẹn"

Còn đầy tớ Chúa sẽ được vui vẻ

"Nhưng con, là đầy tớ Chúa, sẽ vui vẻ" hoặc "Con là đầy tớ Chúa, nguyện con được vui mừng". Đa-vít gọi mình là "đầy tớ Chúa".

Nguyện kẻ thù của con phải mặc ... nguyện chúng phải mặc

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh ông mong muốn họ bị hổ thẹn đến mực nào.

phải mặc lấy sự hổ thẹn

Ở đây Đa-vít nói chúng bị hổ thẹn như thể chúng mặc quần áo. Gợi ý dịch: "bị hổ thẹn"

Nguyện chúng phải mặc lấy sự hổ thẹn như áo choàng

Đa-vít nói chúng bị hổ thẹn như thể sự hổ thẹn là chiếc áo choàng chúng mặc. Gợi ý dịch: "nguyện sự hổ thẹn bao bọc chúng như áo choàng bao quanh chúng"

Psalms 109:30

Con dùng môi con mà dâng

Có nghĩa là ông sẽ nói. Gợi ý dịch: "Con sẽ nói và dâng"

Sẽ đứng bên tay phải của người thiếu thốn

Có nghĩa là Ngài sẽ giúp đỡ và bênh vực cho người nghèo. Gợi ý dịch: "sẽ bênh vực cho người thiếu thốn"

Translation Questions

Psalms 109:2

Đa-vít nói ai chống lại ông?

Đa-vít nói rằng kẻ ác và bọn lừa dối đã chống lại ông.

Psalms 109:4

Kẻ ác đã làm gì để đáp lại tình yêu thương của Đa-vít?

Đa-vít nói rằng để đáp lại tình yêu thương của ông, họ đã tố cáo ông.

Psalms 109:7

Đa-vít xin điều gì xảy ra cho kẻ thù của ông khi chúng bị phán xét?

Đa-vít xin khi nó bị phán xét, nguyện nó bị kết tội.

Psalms 109:10

Đa-vít xin điều gì cho con cái của kẻ thù?

Đa-vít xin cho con cái nó đi lang thang ăn xin, và bị xiết nợ.

Psalms 109:11

Đa-vít xin điều gì xảy ra cho công lao của kẻ thù ông?

Đa-vít xin cho kẻ ngoại bang cướp lấy hoa lợi của công lao nó.

Psalms 109:12

Tại sao Đa-vít xin Đức Giê-hô-va làm ơn cho ông?

Đa-vít xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời làm ơn cho ông vì lòng thương xót của Ngài.

Psalms 109:15

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va làm gì với kỷ niệm của kẻ thù ông?

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va xóa kỷ niệm chúng khỏi đất.

Psalms 109:16

Tại sao Đa-vít xin Đức Giê-hô-va xóa kỷ niệm của chúng?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va làm điều này vì chúng không hề nghĩ đến chuyện làm ơn.

Psalms 109:17

Đa-vít xin điều gì khi kẻ thù ông không thích chúc lành cho kẻ khác?

Đa-vít nói rằng kẻ thù ông không thích chúc lành cho kẻ khác, nên nguyện phước lành không đến trên nó.

Psalms 109:20

Đa-vít xin ai phần thưởng dành cho những kẻ tố cáo ông?

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va điều đó làm phần thưởng cho những kẻ tố cáo ông.

Psalms 109:23

Đa-vít so sánh sự hấp hối của ông thế nào?

Đa-vít nói rằng ông như bóng xế chiều.

Psalms 109:25

Kẻ tố cáo Đa-vít đã làm gì khi gặp ông?

Đa-vít nói rằng mỗi khi chúng gặp ông, chúng lắc đầu.

Psalms 109:26

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va cứu ông bởi điều gì?

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va cứu ông theo lòng nhân từ của Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 109:28

Đa-vít xin điều gì xảy ra cho những kẻ tố cáo chống lại ông?

Đa-vít xin rằng những kẻ tố cáo chống lại ông, chúng sẽ bị hổ thẹn.

Psalms 109:31

Đa-vít nói điều gì sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va đứng bên phải người thiếu thốn?

Đức Giê-hô-va giải cứu mạng sống kẻ thiếu thốn khỏi kẻ kết án.

Chapter 110

Psalms 110:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Hãy ngồi bên tay phải ta

"Tay phải ta" chỉ về vị trí danh dự. Gợi ý dịch: "Ngồi vào vị trí danh dự ta dành cho ngươi"

Khiến các kẻ thù của con làm bệ chân cho con

Ở đây Đa-vít mô tả việc Đức Giê-hô-va đặt kẻ thù của chúa ông dưới uy quyền và sự kiểm soát của người là đặt chúng dưới chân người giống như dưới bệ chân. Gợi ý dịch: "đặt kẻ thù con dưới uy quyền của con"

Psalms 110:2

Thông Tin Tổng Quát:

Thông Tin Tổng Quát: Đa-vít tiếp tục nói với vua.

Đức Giê-hô-va sẽ giương ra cây vương trượng của sức mạnh vua

Ở đây Đa-vít nói Đức Giê-hô-va mở rộng lãnh thổ vua cai trị là giương cây vương trượng của vua ra. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ mở rộng lãnh thổ vua cai trị"

cai trị giữa các kẻ thù vua

"Hỡi vua, hãy cai trị giữa các kẻ thù vua." Câu này như một mệnh lệnh cho đức vua.

Tình nguyện

"bởi lựa chọn của họ". Có nghĩa là họ sẽ chọn lựa đi theo đức vua.

Trong ngày của sức mạnh vua

Ở đây chỉ về ngày vua dẫn đầu quân đội xông trận. Có thể dịch rõ ý này. Gợi ý dịch: "vào ngày vua dẫn đầu quân đội xông trận" (UDB)

Từ lòng rạng đông ... giống như sương

Đa-vít mô tả sương như một đứa bé được rạng đông sinh ra. Gợi ý dịch: "vào buổi sáng ... như sương"

Từ lòng của rạng đông, thời thanh niên của người sẽ như sương

Đa-vít ví vua sẽ có được sức lực trai trẻ vào mỗi buổi sáng như sương xuất hiện vào sáng sớm. Gợi ý dịch: "mỗi buổi sáng người sẽ được đầy sức lực tuổi trẻ như sương mỗi buổi sáng tưới tắm và duy trì sự sống cho trái đất"

Psalms 110:4

Con là

Đức Giê-hô-va đang phán cùng chúa.

Sẽ không thay đổi

Có nghĩa là Ngài sẽ không thay đổi điều Ngài đã phán. Gợi ý dịch: "sẽ không đổi ý" hoặc "sẽ không thay đổi lời đã phán"

Theo ban Mên-chi-xê-đéc

Có thể thêm vào từ được lượt bỏ. Gợi ý dịch: "theo ban Mên-chi-xê-đéc là thầy tế lễ" hoặc "giống như Mên-chi-xê-đéc là thầy tế lễ"

Psalms 110:5

Chúa ở bên tay phải của người

Khi chúa ra trân, Đức Giê-hô-va ở bên tay phải người để giúp đỡ người. Gợi ý dịch: "Chúa giúp đỡ người trong chiến trận"

Chúa

Chỉ về Đức Giê-hô-va.

Ngài sẽ giết

"Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va. Ngài sẽ khiến cho các vua bị đánh bại và chết đi, nhưng Ngài sẽ để cho kẻ thù của vua giết các vua thù nghịch. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ khiến các vua phải chết" hoặc "Ngài sẽ để cho các kẻ thù của vua giết các vua"

Các vua

Chỉ về kẻ thù của vua. Gợi ý dịch: "các vua thù nghịch"

Trong ngày thịnh nộ của Chúa

Đa-vít gọi ngày Đức Giê-hô-va tức giận và đánh bại các vua là "ngày thịnh nộ của vua". Gợi ý dịch: "vào ngày phán xét, khi sự nhẫn nại của Chúa hóa ra giận dữ"

Ngài sẽ cho chiến trường đầy những xác chết

Tức là Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho điều đó xảy ra chứ không phải là đích thân Ngài sẽ giết tất cả những người chết trên chiến trường. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ khiến cho chiến trường đầy những xác chết"

Ngài sẽ giết những người đứng đầu của nhiều nước

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho điều đó xảy ra chứ không phải đích thân Ngài giết họ. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ khiến những người đứng đầu của nhiều nước bị giết chết" hoặc "Ngài sẽ để cho những người lãnh đạo của nhiều nước phải chết"

Psalms 110:7

Vua sẽ uống nước suối bên đường

Vua chỉ tạm dừng để uống nước, sau đó tiếp tục truy đuổi quân địch. Gợi ý dịch: "Khi truy đuổi quân địch, vua sẽ tạm dừng uống nước bên dòng suối"

Suối

Có nghĩa là vua sẽ uống nước suối. Đây là một dòng suối nhỏ. Gợi ý dịch: "vua sẽ uống nước từ dòng suối"

Rồi

"và" hoặc "vì thế"

vua sẽ ngẩng cao đầu

Có thể là 1) vua ngẩng đầu lên hoặc 2) Đức Giê-hô-va ngẩng đầu vua lên.

vua ngẩng cao đầu sau khi chiến thắng

Người ta ngẩng cao đầu khi chiến thắng, tự tin và vui vẻ. Gợi ý dịch: "vua sẽ tự tin ngẩng cao đầu sau khi chiến thắng" hoặc "vua sẽ chiến thắng"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 110:1

Đức Giê-hô-va phán với Chúa của ông cho ông ngồi ở đâu và trong bao lâu?

Đức Giê-hô-va phán với Chúa của ông rằng hãy ngồi bên phải Ngài, cho đến khi Ngài đặt các kẻ thù của ông làm bệ chân ông.

Psalms 110:3

Người ta sẽ mặc gì khi đi theo Chúa của Đa-vít?

Họ sẽ mặc trang phục thánh mà đi theo Ngài.

Psalms 110:4

Đức Giê-hô-va đã thề và không thay đổi điều gì?

Ngài đã thề và không đổi ý rằng Đa-vít là thầy tế lễ đời đời.

Psalms 110:5

Chúa của Đa-vít sẽ làm gì các vua trong ngày Ngài nổi giận?

Ngài sẽ giết các vua trong ngày Ngài nổi giận.

Psalms 110:7

Chúa của Đa-vít sẽ làm gì khi uống nước suối bên đường?

Ngài sẽ ngẩng cao đầu đắc thắng.

Chapter 111

Psalms 111:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

hết lòng

"Lòng" ở đây chỉ về con người bên trong và cảm xúc của một người. Gợi ý dịch: "hết mình"

Trong hội người ngay thẳng và giữa hội chúng

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, có thể gọp chung nếu cần thiết. Gợi ý dịch: "trong hội người ngay thẳng"

Được thiết tha trông đợi từ những ai ham thích chúng

"Chúng" chỉ về "công việc của Đức Giê-hô-va". Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "tất cả những ai ham thích công việc của Đức Giê-hô-va đều sốt sắng trông đợi chúng"

Thiết tha trông đợi

Có thể là 1) "tìm kiếm" hoặc 2) "suy ngẫm".

Psalms 111:4

Sẽ được ghi nhớ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta sẽ luôn ghi nhớ"

Nhớ lại

Có nghĩa là nhớ đến. Gợi ý dịch: "nhớ đến"

những việc diệu kỳ của Ngài

"những việc bày tỏ quyền năng Ngài"

sản nghiệp của các nước

Tác giả nói như thể vùng đất của các nước ở Ca-na-an là sản nghiệp của họ. Gợi ý dịch: "đất đai của các nước khác"

Psalms 111:7

Công việc của tay Ngài

"Tay" ở đây chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "các công việc Ngài làm"

Chúng được vững lập đời đời

Có nghĩa là những kỷ cương của Đức Giê-hô-va không thay đổi và sẽ tồn tại đời đời. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài đã vững lập chúng đời đời" hoặc "Chúng sẽ tồn tại đời đời"

được thực thi trong sự thành tín và ngay thẳng

Có thể là 1) Đức Giê-hô-va đã ban các kỷ cương Ngài cách thành tín và đúng đắn hoặc 2) dân Chúa thực hiện các kỷ cương Ngài cách thành tín và phải lẽ. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "để dân Ngài thực thi cách thành tín và phải lẽ"

Danh Ngài là thánh và đáng kính sợ

"Danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va là thánh và đáng kính sợ"

Psalms 111:10

khởi đầu sự khôn ngoan

Từ "sự khôn ngoan" có thể dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "bước đầu tiên để được khôn ngoan" hoặc "điều quan trong nhất để được khôn ngoan"

Những ai thực hiện các kỷ cương Ngài

"những ai vâng theo kỷ cương Ngài"

Sự ca ngợi Ngài còn đến đời đời

"Sự ca ngợi" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Người ta sẽ ca ngợi Ngài đến đời đời"

Translation Questions

Psalms 111:1

Tác giả nói rằng ông sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va hết lòng ở nơi nào?

Ông sẽ hết lòng cảm tạ Đức Giê-hô-va trong đoàn người ngay thẳng và giữa hội chúng.

Psalms 111:3

Đức công chính của Đức Giê-hô-va sẽ còn đến bao giờ?

Đức công chính của Ngài còn đến đời đời.

Psalms 111:5

Đức Giê-hô-va luôn luôn nhớ đến điều gì?

Ngài sẽ ghi nhớ giao ước Ngài mãi mãi.

Psalms 111:6

Đức Giê-hô-va đã bày tỏ cho dân Ngài quyền năng của công việc Ngài như thế nào?

Ngài đã bày tỏ cho dân Ngài quyền năng của công việc Ngài, và ban cho họ sản nghiệp của các nước.

Psalms 111:8

Các kỷ cương của Đức Giê-hô-va sẽ được thực thi như thế nào?

Tất cả các kỷ cương của Ngài phải được thực thi trong sự thành tín và ngay thẳng.

Psalms 111:9

Tác giả mô tả danh Đức Giê-hô-va như thế nào?

Tác giả nói, "Danh Ngài là thánh và đáng kính sợ."

Psalms 111:10

Khởi đầu của sự khôn ngoan là gì?

Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là khởi đầu sự khôn ngoan.

Người nào vâng giữ điều răn Đức Giê-hô-va sẽ có được điều gì?

Người nào vâng giữ điều răn sẽ được sự thông sáng.

Chapter 112

Psalms 112:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vô cùng vui thích
"yêu thích"
Dòng dõi của người tin kính sẽ được phước
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước cho dòng dõi của người tin kính"
Psalms 112:3
Thông Tin Tổng Quát:
Người hát bài ca này tiếp tục mô tả người tôn kính Đức Giê-hô-va.
Của cải và giàu có đều ở trong nhà người ấy
"Nhà" chỉ về gia đình của người ấy. "Của cải" và "giàu có" căn bản có ý nghĩa như nhau, chỉ về sự dư dật về tài sản. Gợi ý dịch: "Gia đình người ấy sẽ rất giàu có"
Ánh sáng soi nơi tối tăm cho người tin kính
Tác giả nói Đức Chúa Trời ban phước cho người tin kính trong những lúc khó khăn như thể đó là ánh sáng chiếu trong nơi tối tăm. Gợi ý dịch: "Những phước lành người tin kính nhận được từ Đức Chúa Trời giống như ánh sáng chiếu trong nơi tối tăm"
cho mượn tiền
Có thể nói rõ thông tin được ngầm hiểu ở đây. Gợi ý dịch: "cho người khác mượn tiền."
Psalms 112:6
Thông Tin Tổng Quát:
Người hát bài ca này tiếp tục mô tả về một người tôn kính Đức Giê-hô-va.
Vì người sẽ chẳng hề bị rúng động
Người sẽ không bị rối loạn hay hạ gục bởi hoàn cảnh vì người tin cậy nơi Đức Giê-hô-va. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Vì không gì có thể lay chuyển người"
Người công chính sẽ được ghi nhớ đời đời
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta sẽ ghi nhớ người công chính đến đời đời"
Psalms 112:8
Thông Tin Tổng Quát:
Người hát bài ca này tiếp tục mô tả về một người tôn kính Đức Giê-hô-va.
Lòng người bình yên
"Lòng người vững vàng". Từ "lòng" chỉ về chính người đó. Có thể là 1) "Người bình an" hoặc 2) "Người vững tin".
Sự công chính người còn đến đời đời
"Những việc làm công chính của Ngài sẽ còn đến đời đời". Xem cách đã dịch ở PSA112:003
Người sẽ được tôn cao trong vinh quang
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tôn cao người bằng cách ban vinh hiển cho người"
Psalms 112:10
Sẽ thấy điều đó
"Sẽ thấy những điều đó ích lợi cho người tin kính". Từ "đó" chỉ về mọi điều tốt lành mà tác giả đã mô tả ở những câu trên về người tin kính.
Ngài sẽ nghiến răng
Nghiến răng là cử chỉ thể hiện sự khinh miệt. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở PSA035:015
Tan đi
Tác giả nói về sự chết cuối cùng của một người như thể người ấy là vật gì đó giống như đá có thể tan chảy. Gợi ý dịch: "cuối cùng thì chết đi"
Ước vọng của kẻ ác sẽ tiêu tan
Có thể "ước vọng" là 1) cảm giác khao khát của kẻ ác. Gợi ý dịch: "những điều kẻ ác mong muốn sẽ không bao giờ xảy ra" hoặc là 2) phép hoán dụ chỉ về những điều kẻ ác khao khát. Gợi ý dịch: "kẻ ác sẽ mất những thứ chúng khao khát"

Translation Questions

Psalms 112:2
Điều gì xảy ra với dòng dõi của những người vâng lời Đức Giê-hô-va và ai sẽ hết lòng yêu thích điều răn của Ngài?
Dòng dõi người ấy sẽ cường thịnh trên đất và sẽ được phước.
Psalms 112:3
Trong nhà người vâng lời Đức Giê-hô-va sẽ có gì?
Của cải và giàu có đều ở trong nhà người ấy.
Psalms 112:5
Tác giả nói rằng ai sẽ là người có phước?
Phước cho người nào có lòng rộng rãi, sẵn sàng cho mượn và điều hành mọi công việc trong sự chính trực.
Psalms 112:7
Người ấy không sợ các tin dữ mà đã làm điều gì tốt hơn?
Người ấy không sợ, nhưng vững bền, tin cậy Đức Giê-hô-va.
Psalms 112:9
Điều gì đã xảy ra cho người bố thí cho người nghèo?
Người ấy sẽ được tôn cao.
Psalms 112:10
Điều gì đã xảy ra với kẻ ác khi nó nhìn thấy phước của người công chính thì tức giận?
Kẻ ác sẽ nghiến răng và bị diệt mất.

Chapter 113
Psalms 113:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
danh Đức Giê-hô-va
Ở đây "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va"
Psalms 113:3
Từ chỗ mặt trời mọc đến nơi mặt trời lặn
Cụm từ này chỉ về phía đông, là nơi mặt trời mọc và phía tây, là nơi mặt trời lặn. Tác giả dùng hai cụm từ này để chỉ về mọi nơi trên đất. Xem cách đã dịch ở PSA050:001
Danh của Đức Giê-hô-va phải được khen ngợi
Ở đây "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "con người phải ngợi khen Đức Giê-hô-va"
Vinh quang Ngài vượt hơn các tầng trời
Vinh quang của Đức Chúa Trời được gọi là rất cao. Gợi ý dịch: "vinh quang Ngài cao hơn các tầng trời" hoặc "vinh quang Ngài rất lớn"
Psalms 113:5
Ai giống như Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ... đất?
Tác giả hỏi câu này để nhấn mạnh rằng không có ai giống như Đức Giê-hô-va. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch: "Chẳng có ai như Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ... đất".

Ngôi Ngài ở trên cao

"Đấng ngự trên cao" hoặc "Đấng cai trị ở vị trí cao nhất"

Psalms 113:7

Ngài nâng người nghèo khó ... khỏi đống tro

Hai cụm từ này song song với nhau. Tác giả ví việc Đức Giê-hô-va giúp đỡ và tôn trọng người nghèo như thể Đức Giê-hô-va khiến họ đứng lên khỏi chỗ tro bụi.

Khỏi bụi ... khỏi đống tro

Ngồi trong bụi và tro tượng trưng cho sự nghèo khó hoặc tuyệt vọng.

Để Ngài đặt người ngồi chung với các bậc quan quyền, với những người quyền thế của dân Ngài

Cụm từ thứ hai làm rõ rằng cụm từ thứ nhất chỉ về những người quyền thế trong dân của Đức Giê-hô-va. Có thể gọp hai cụm từ làm một. Gợi ý dịch: "để Đức Giê-hô-va đặt người ngồi cạnh những người lãnh đạo của dân Ngài"

Psalms 113:9

Chúa ban mái ấm cho người phụ nữ son sẻ trong nhà

"Mái ấm" ở đây chỉ về con cái trong nhà. Gợi ý dịch: "Ngài ban con cái cho người phụ nữ không con"

Translation Questions

Psalms 113:2

Khi nào thì danh của Đức Giê-hô-va sẽ được chúc tụng?

Danh Ngài sẽ được chúc tụng từ bây giờ cho đến đời đời.

Psalms 113:4

Vinh quang của Đức Giê-hô-va ở nơi đâu?

Vinh quang Ngài lên đến các tầng trời.

Psalms 113:5

Ngôi của Đức Giê-hô-va ở đâu?

Ngôi của Ngài ở trên cao, để xem xét trời và đất.

Psalms 113:6

Ngôi của Đức Giê-hô-va ở đâu?

Ngôi của Ngài ở trên cao, để xem xét trời và đất.

Psalms 113:8

Đức Giê-hô-va nâng người khốn cùng và kẻ thiếu thốn lên để đặt họ ở đâu?

Đức Giê-hô-va đặt họ ngồi chung với các bậc quyền quý, tức là bậc quyền quý trong dân chúng.

Psalms 113:9

Đức Giê-hô-va đã ban điều gì cho người đàn bà hiếm muộn?

Ngài ban cho người đàn bà hiếm muộn được làm mẹ vui vẻ với đàn con trong nhà.

Chapter 114

Psalms 114:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Khi Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, nhà Gia-cốp lìa dân ngoại quốc đó

Hai vế này song song với nhau, "Y-sơ-ra-ên" và "nhà Gia-cốp" cùng chỉ về một đối tượng và "Ai Cập" và "dân ngoại quốc đó" cùng chỉ về cùng một dân tộc.

nhà Gia-cốp lìa dân ngoại quốc đó

"Nhà" tượng trưng cho gia đình hay dòng dõi. Có thể thêm động từ bổ sung cho cụm này. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Gia-cốp rời khỏi dân ngoại quốc đó"

Giu-đa trở thành nơi thánh của Ngài, và Y-sơ-ra-ên thành vương quốc của Ngài

Có thể là "Giu-đa" và "Y-sơ-ra-ên" 1) chỉ về vùng đất. Gợi ý dịch: "Đất của Giu-đa trở thành nơi thánh của Ngài, và đất của Y-sơ-ra-ên thành vương quốc của Ngài" hoặc 2) là phép hoán dụ chỉ về dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Giu-đa là dân Đức Giê-hô-va ngự giữa, Y-sơ-ra-ên là dân Ngài cai trị"

Psalms 114:3

Biển nhìn thấy và chạy trốn

Tác giả nói như thể Biển Đỏ là người, chạy trốn khi Đức Giê-hô-va dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi qua trên đất khô. Gợi ý dịch: "Như thể biển nhìn thấy và chạy trốn"

Sông Giô-đanh trở lui

Tác giả nói như thể sông Giô-đanh là người, phải rút lui khi Đức Giê-hô-va dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi qua trên đất khô Gợi ý dịch: "như thể sông Giô-đanh rút lui"

Các núi nhảy như chiên đực, các đồi nhảy như chiên con

Tác giả nói như thể núi và đồi là những vật sống. Có thể tác giả đang chỉ về động đất khi mô tả chúng sợ hãi sự hiện diện của Đức Giê-hô-va như thể chúng nhảy như chiên đực và chiên con.

Gợi ý dịch: "Như thể các núi rung chuyển như chiên đực nhảy lên và các đồi rung chuyển như chiên con nhảy lên"

Psalms 114:5

Thông Tin Tổng Quát:

Câu 5-6 có bốn câu hỏi tu từ. Câu trả lời cho mỗi câu hỏi được tìm thấy ở câu 7 "vì sự hiện diện của Chúa".

như chiên đực ... như chiên con

Tác giả nói như thể núi và đồi là những vật sống. Có thể tác giả đang chỉ về động đất khi mô tả chúng sợ hãi sự hiện diện của Đức Giê-hô-va như thể chúng nhảy như chiên đực và chiên con.

Gợi ý dịch: "rung chuyển như chiên đực nhảy lên ... rung chuyển như chiên con nhảy lên". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở PSA114:003

Hỡi đất, hãy run rẩy trước mặt Chúa, trước mặt Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Hai cụm từ cuối song song với nhau. Có thể thêm vào động từ cho vế thứ hai. Gợi ý dịch: "Hỡi đất, hãy run rẩy trước mặt Chúa, hãy run rẩy trước mặt Đức Chúa Trời của Gia-cốp"

Hỡi đất, hãy run rẩy

Có thể là 1) tác giả nói chuyện với đất như thể nó là người và ra lệnh cho nó phải run rẩy, sợ hãi trước Đức Chúa Trời hoặc 2) "đất" là phép hoán dụ chỉ về những ai sống trên đất. Gợi ý dịch: "Hỡi mọi người trên đất, hãy run rẩy"

Psalms 114:8

Ngài biến vầng đá ra ao nước, đá cứng thành suối nước

Hai vế này song song nhau. Tác giả mô tả Đức Giê-hô-va khiến nước chảy ra từ đá như thể Ngài hóa đá thành nước.

đá cứng thành suối nước

Có thể thêm vào động từ từ vế trước. Gợi ý dịch: "Ngài biến đá cứng thành suối nước"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Psalms 114:2

Khi Y-sơ-ra-ên đã rời khỏi Ai Cập, nhà Giu-đa và Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên thế nào?

Nhà Giu-đa trở nên đền thánh Ngài, và Y-sơ-ra-ên thành vương quốc của Ngài.

Psalms 114:4

Núi và đồi sẽ làm gì khi dân Y-sơ-ra-ên đến trên đất?

Núi nhảy như chiên đực và đồi phóng như chiên con.

Psalms 114:7

Tại sao tác giả lại nói trái đất run rẩy?

Trái đất run rẩy trước mặt Chúa, trước mặt Đức Chúa Trời của Gia-cốp.

Psalms 114:8

Tác giả đã nói Đức Giê-hô-va đã đổi vầng đá và đá cứng ra thành điều gì?

Ngài đã biến vầng đá ra ao nước, đổi đá cứng thành nguồn nước.

Chapter 115

Psalms 115:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Lạy Đức Giê-hô-va, không thuộc về chúng con, không thuộc về chúng con

Tác giả lặp lại cụm từ "không thuộc về chúng con" để nhấn mạnh rằng họ không xứng đáng nhận được vinh quang do nơi Đức Giê-hô-va. Nếu cần có thể thêm vào cụm động từ ở đây. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin đừng đem vinh quang cho chúng con"

thuộc về chúng con

Từ "chúng con" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Nhưng đem vinh quang cho danh Ngài

Ở đây "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "nhưng đem vinh quang cho chính Ngài"

Vì sự thành tín theo giao ước Ngài

"bởi sự thành tín theo giao ước của Ngài"

Vì sao các nước nói rằng: "Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?"

Câu hỏi tu từ này nhấn mạnh rằng không có lí do gì để các nước nói điều đó. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Dân của các nước không thể nói rằng: 'Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?'"

Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?

Dân của các nước khác dùng câu hỏi này để chế giễu dân Y-sơ-ra-ên và bày tỏ rằng chúng không thấy Đức Giê-hô-va giúp đỡ họ. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của các ngươi không có ở đây để giúp đỡ các ngươi".

Psalms 115:3

công việc của tay người ta

Ở đây từ "tay" chỉ về ngươi làm ra hình tượng. Gợi ý dịch: "vật người ta làm ra"

Psalms 115:5

Những hình tượng đó có miệng

Các hình tượng không có miệng, mắt, tai hay mũi thật. Tuy nhiên người ta làm nên chúng có hình dáng, miệng, mắt, tai và mũi. Tác giả đang nhấn mạnh rằng chúng không thật sự sống động. Có thể dịch rõ ngụ ý ở đây. Gợi ý dịch: "Người ta làm miệng cho những hình tượng đó"

Psalms 115:7

Những hình tượng đó có tay

Các hình tượng không có tay, chân hay miệng thật. Tuy nhiên người ta làm nên chúng có hình dáng, tay, chân, miệng. Tác giả đang nhấn mạnh rằng chúng không thật sự sống động. Có thể dịch rõ ngụ ý ở đây. Gợi ý dịch: "Người ta làm tay cho những hình tượng đó"

Nhưng vô giác

"nhưng tay chúng không cảm thấy gì"

Kẻ nào làm ra chúng cũng giống như chúng và hết thảy mọi người tin cậy chúng cũng vậy

Những ai làm và thờ phượng thần tượng cũng trở nên bất lực và không có sự sống giống như những thần tượng đó. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Những ai làm ra chúng cũng sẽ không có sự sống giống như chúng, và tất cả những ai tin cậy vào chúng cũng vậy"

Psalms 115:9

Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy tin cậy Đức Giê-hô-va

"Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, hãy tin cậy Đức Giê-hô-va"

sự cứu giúp và cái khiên của các ngươi

Tác giả ví Đức Giê-hô-va như cái khiên vì Ngài bảo vệ dân Ngài như cái khiên bảo vệ họ khỏi những tổn hại. Gợi ý dịch: "Đấng giúp đỡ các ngươi và bảo vệ các ngươi"

nhà A-rôn

"Nhà" ở đây chỉ về gia đình hay dòng dõi. Cụm từ này chỉ về các thầy tế lễ là dòng dõi của A-rôn. Gợi ý dịch: "Dòng dõi của A-rôn" hoặc "các thầy tế lễ"

Psalms 115:12

Lưu tâm đến chúng con

"chú ý đến chúng con"

Nhà của Y-sơ-ra-ên

Ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, là dòng dõi của gia-cốp, còn gọi là Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "dân Y-sơ-ra-ên"

nhà A-rôn

Ở đây chỉ về các thầy tế lễ, là dòng dõi của A-rôn. Gợi ý dịch: "dòng dõi của A-rôn" hoặc "các thầy tế lễ"

Cả già lẫn trẻ

"cả lớn lẫn nhỏ". Có thể ở đây chỉ về 1) địa vị xã hội hoặc 2) tuổi tác. Dù trong trường hợp nào thì hai thái cực này đều chỉ về tất cả mọi người, bất kể tuổi tác hay địa vị xã hội.

Nguyện Đức Giê-hô-va làm cho các ngươi ngày càng gia tăng

Tác giả đang nói về số con cái dân Y-sơ-ra-ên sẽ có. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va làm cho con cháu các ngươi ngày càng gia tăng"

Của các ngươi và con cháu các ngươi

"Cả con cháu các ngươi và con cháu của con cháu các ngươi". Tác giả làm rõ lời cầu xin gia tăng con cháu của ông không chỉ dành cho thế hệ hiện tại mà còn dành cho cả con cháu của họ.

Psalms 115:15

Nguyện các ngươi được phước từ Đức Giê-hô-va, là Đấng dựng nên trời và đất

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hô-va, là Đấng dựng nên trời và đất, ban phước cho các ngươi"

Trái đất được ban cho loài người

Ở đây không có nghĩa là trái đất không thuộc về Đức Giê-hô-va, nhưng có nghĩa là Ngài ban trái đất cho con người làm nơi trú ngụ.

Psalms 115:17

Kẻ chết

Tính từ "chết" có thể dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "Người chết"

hoặc kẻ đi xuống cõi im lặng

Cụm từ này song song và có ý nhĩa tương tự với cụm từ đi trước. Có thể thêm vào động từ ở cụm từ trước để làm cho rõ nghĩa. Gợi ý dịch: "hoặc kẻ đi xuống cõi im lặng cũng không ngợi khen Đức Giê-hô-va"

hoặc kẻ đi xuống cõi im lặng

Tác giả gọi hầm mộ hay nơi của người chết là cõi im lặng, nơi không ai có thể nói được nữa. Đây là phép chuyển ngữ chỉ về cái chết. Gợi ý dịch: "hoặc kẻ đi đến nơi dành cho người chết"

Nhưng chúng con

"Chúng con" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, là những người vẫn còn sống.

Translation Questions

Psalms 115:1

Đa-vít cầu nguyện Đức Giê-hô-va cho vinh quang thuộc về danh Ngài với lí do gì?

Ông nguyện Đức Giê-hô-va cho vinh quang thuộc về danh Ngài vì lòng nhân từ và đức thành tín của Ngài.

Psalms 115:4

Đa-vít nói hình tượng của các dân là gì?

Ông nói hình tượng của chúng làm bằng vàng bạc, bằng vàng, là công việc tay người ta làm ra.

Psalms 115:5

Những hình tượng không thể làm được gì?

Chúng không thể nói, hoặc thấy, hay nghe, hay ngửi.

Psalms 115:6

Những hình tượng không thể làm được gì?

Chúng không thể nói, hoặc thấy, hay nghe, hay ngửi.

Psalms 115:9

Tại sao mọi người nên tin cậy vào Đức Giê-hô-va?

Họ nên tin cậy vào Đức Giê-hô-va vì Ngài là sự giúp đỡ và cái khiên của họ.

Psalms 115:11

Tại sao mọi người nên tin cậy vào Đức Giê-hô-va?

Họ nên tin cậy vào Đức Giê-hô-va vì Ngài là sự giúp đỡ và cái khiên của họ.

Psalms 115:13

Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho người nào?

Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho những người kính sợ Ngài, hoặc nhỏ hay lớn cũng vậy.

Psalms 115:16

Các tầng trời và đất thuộc về ai?

Các tầng trời thuộc về Đức Giê-hô-va, nhưng Ngài đã ban quả đất cho con cái loài người.

Psalms 115:18

Đa-vít nói người ta sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va đến bao giờ?

Ông nói họ sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va từ bây giờ cho đến đời đời.

Chapter 116

Psalms 116:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Ngài nghe tiếng tôi và lời nài xin của tôi

"Tiếng" ở đây chỉ về người nói. Cụm từ "lời nài xin của tôi" giải thích điều ông đang nói là gì, có thể dịch thành cụm động từ. Gợi ý dịch: "Ngài nghe tôi khi tôi nài xin Ngài"

Psalms 116:3

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên này tiếp tục nói.

Dây sự chết buộc quanh tôi

Tác giả nói như thể sự chết là con người, có thể bắt lấy ông và dùng dây thừng trói ông lại. Xem cách đã dịch ở PSA018:004

Bẫy lưới của âm phủ ngay trước mặt con

Tác giả nói như thể "âm phủ", nơi dành cho người chết, là con người, có thể giăng lưới bẫy ông.

Gợi ý dịch: "Con cảm thấy như thể sắp sửa bước vào hầm mộ"

kêu cầu danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "kêu cầu Đức Giê-hô-va"

giải cứu mạng sống con

"Mạng sống" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "giải cứu con" hoặc "giữ con khỏi chết"

Psalms 116:5

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả bài ca này tiếp tục nói.

Người thật thà

Ở đây chỉ về người thiếu kinh nghiệm hay không thể bảo vệ bản thân. Tính từ ở đây có thể dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "những người thật thà" hoặc "những người bất lực"

Tôi bị hạ xuống

Tác giả gọi bị sỉ nhục là phải ở một vị trí thấp hơn. Gợi ý dịch: "Tôi bất lực"

Psalms 116:7

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên này tiếp tục nói.

Hỡi linh hồn ta, hãy trở về nơi an nghỉ ngươi

Tác giả nói như thể bình an và vững tin là một nơi để linh hồn ông có thể yên nghỉ. Từ "linh hồn" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con có thể an nghỉ bình an"

Chúa đã giải cứu mạng sống tôi khỏi chết

Ở đây từ "Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va. Từ "mạng sống" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Chúa đã cứu tôi khỏi chết" hoặc "Chúa đã giữ tôi khỏi chết"

Mắt tôi khỏi giọt lệ

Có thể thêm vào cụm động từ ở vế trước để làm rõ nghĩa. Gợi ý dịch: "Chúa đã cứu mắt tôi khỏi giọt lệ" hoặc "Chúa đã

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

giữ tôi khỏi khóc than"

chân tôi khỏi vấp ngã

Có thể thêm vào cụm động từ ở vế trước để làm rõ nghĩa. Chân ở đây chỉ về chính người đó. Vấp ngã có thể chỉ về việc bị kẻ thù giết hại. Gợi ý dịch: "Chúa đã cứu tôi khỏi vấp ngã" hoặc "Chúa đã giữ tôi khỏi bị kẻ thù giết hại"

Psalms 116:9

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên này tiếp tục nói.

Trong đất kẻ sống

"Trên thế giới này, là nơi con người sống động". Cụm từ này đối lập với nơi dành cho kẻ chết.

Con đau buồn quá đỗi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con vô cùng đau khổ" hoặc "Người ta khiến con vô cùng khốn khổ"

Tôi bối rối nói

"Tôi vội vàng nói" hoặc "Tôi nói mà không suy nghĩ"

Mọi người đều nói dối

"Mọi người là kẻ dối trá" hoặc "Mọi người là kẻ lừa dối"

Psalms 116:12

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả bài ca này tiếp tục nói.

Làm sao tôi có thể báo đáp cho Đức Giê-hô-va ... cho tôi?

Tác giả hỏi câu này để mở đầu nói về việc ông sẽ đáp lại những điều Đức Giê-hô-va đã làm cho ông như thế nào. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ báo đáp cho Đức Giê-hô-va thế này ... cho tôi".

Tôi sẽ nâng chén cứu rỗi lên

Ở đây có thể chỉ về của lễ quán, là của lễ có nghi thức rưới rượu lên bàn thờ, và tác giả sẽ dâng của lễ này để đáp lại việc Đức Giê-hô-va đã giải cứu ông. Có thể dịch rõ ý nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ dâng của lễ quán cho Đức Giê-hô-va vì Ngài đã giải cứu tôi"

cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "cầu khẩn Đức Giê-hô-va"

Sự chết của những người thánh là quý báu trước mắt Đức Giê-hô-va

"Quý báu" ở đây không chỉ ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va coi trọng cái chết của các thánh Ngài mà nó còn giá trị với Ngài và khiến Ngài đau buồn. Ở đây từ "trước mắt" chỉ về nhìn nhận của Đức Giê-hô-va về điều Ngài nhìn thấy. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va xem cái chết của những người thánh Ngài là rất quý giá"

Psalms 116:16

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên này tiếp tục nói.

con trai của tớ gái Ngài

Ở đây có vẻ đang chỉ về mẹ của tác giả và muốn nói rằng bà trung tín thờ phượng Đức Giê-hô-va. Có thể dịch rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: "giống như mẹ của con"

Ngài đã cởi bỏ gông cùm cho con

Tác giả nói việc có nguy cơ phải chết giống như bị xiềng xích trong tù. Gợi ý dịch: "Chúa đã cứu con khỏi sự chết"

Của lễ tạ ơn

"của lễ bày tỏ lòng biết ơn"

Sẽ cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Sẽ cầu khẩn Đức Giê-hô-va"

Psalms 116:18

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả bài ca này tiếp tục nói.

Con sẽ hoàn thành ... toàn thể con dân Ngài

Dịch tương tự câu PSA116:012

Trong hành lang của nhà Đức Giê-hô-va

Từ "nhà" chỉ về đền thờ của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Trong hành lang của đền thờ Đức Giê-hô-va"

Ở giữa ngươi, hỡi Giê-ru-sa-lem

Tác giả nói với Giê-ru-sa-lem như thể nó là người. Gợi ý dịch: "tại Giê-ru-sa-lem"

Translation Questions

Psalms 116:1

Tác giả nói ông yêu mến Đức Giê-hô-va vì lý do gì?

Ông yêu mến Đức Giê-hô-va, vì Ngài nghe tiếng ông và lời nài xin của ông.

Psalms 116:3

Tác giả thấy thế nào khi ông bị dây sự chết vương vấn và âm phủ nắm lấy?

Ông cảm thấy đau đớn và sầu khổ.

Psalms 116:6

Đức Giê-hô-va bảo vệ ai?

Đức Giê-hô-va bảo vệ người thật thà.

Psalms 116:8

Linh hồn của tác giả được giải cứu khỏi điều gì?

Đức Giê-hô-va đã giải cứu linh hồn ông khỏi chết.

Psalms 116:9

Tác giả nói rằng ông sẽ hầu việc Đức Giê-hô-va ở đâu?

Ông sẽ hầu việc Đức Giê-hô-va trong đất kẻ sống.

Psalms 116:14

Tác giả nói rằng ông sẽ trả xong các điều ông hứa nguyện với Đức Giê-hô-va ở đâu?

Ông sẽ làm trọn lời thề trước mặt toàn thể con dân Ngài.

Psalms 116:15

Điều gì là quý báu trước mặt Đức Giê-hô-va?

Sự chết của những người thánh là quý báu dưới mắt Đức Giê-hô-va.

Psalms 116:17

Tác giả nói rằng ông sẽ dâng gì lên cho Đức Giê-hô-va vì Ngài đã mở gông cùm cho ông?

Ông nói rằng ông sẽ dâng lên Chúa tế lễ tạ ơn.

Psalms 116:19

Tác giả sẽ ở trong sự hiện diện của ai khi ông làm trọn lời hứa nguyện?

Ông sẽ làm trọn sự hứa nguyện trước mặt toàn thể con dân Ngài.

Chapter 117

Psalms 117:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Vì

"Bởi vì"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sự thành tín theo giao ước của Ngài rất lớn cho chúng con
" Sự thành tín theo giao ước của Ngài đối cùng chúng con là rất lớn"

còn đến đời đời
"kéo dài đời đời"

Translation Questions

Psalms 117:1

Tác giả nói rằng ông làm trọn lời thề của ông cùng Đức Giê-hô-va trước sự hiện diện của ai?
Ông sẽ làm trọn lời thề trước mặt muôn dân của Đức Giê-hô-va.

Psalms 117:2

Điều gì là tuyệt vời đối với dân của Ngài?
Lòng nhân từ của Đức Giê-hô-va đối với dân Ngài rất lớn.
Đức thành tín của Đức Giê-hô-va còn đến bao giờ?
Đức thành tín của Đức Giê-hô-va còn đến đời đời.

Chapter 118

Psalms 118:1

Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va vì Ngài là thiện
"Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va vì Ngài những điều tốt lành Ngài làm nên"
Sự thành tín theo giao ước của Ngài còn đến đời đời
"Ngài thành tín yêu thương chúng ta đến đời đời"
Nguyện Y-sơ-ra-ên nói rằng
"Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Nguyện dân Y-sơ-ra-ên nói rằng"

Psalms 118:3

Nguyện nhà A-rôn nói rằng
"Nhà" ở đây chỉ về gia đình hay dòng dõi của một người. Cụm từ này chỉ về các thầy tế lễ là dòng dõi của A-rôn. Gợi ý dịch: "Nguyện dòng dõi của A-rôn nói rằng" hoặc "Nguyện các thầy tế lễ nói rằng"
Sự thành tín theo giao ước của Ngài còn đến đời đời
"Ngài thành tín yêu thương chúng ta đến đời đời." Xem cách đã dịch ở PSA118:001
Những môn đồ trung thành của Đức Giê-hô-va
"những người kính sợ Đức Giê-hô-va" hoặc "những người thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Psalms 118:5

Giải phóng tôi
Tác giả nói Đức Giê-hô-va đã cứu ông khỏi sự buồn thảm như thể Ngài đem ông từ một nơi bị giam hãm đến nơi rộng rãi ông có thể đi lại thoải mái.
Loài người làm gì tôi được?
Tác giả hỏi câu hỏi tu từ này để nhấn mạnh rằng loài người không thể làm gì để làm hại ông vì Đức Giê-hô-va ở cùng ông. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "người ta không thể làm gì để hãm hại con được."
Đức Giê-hô-va là Đấng giúp đỡ bên cạnh tôi
Ở bên cạnh một người tức là người đó chấp thuận và sẽ giúp đỡ người kia. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va chấp thuận tôi và sẽ giúp đỡ tôi"
Tôi sẽ nhìn đắc thắng trên những kẻ ghét tôi
Ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va là Đấng sẽ đánh bại kẻ thù của tác giả, trong khi tác giả chưng kiến. Có thể nói rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ nhìn Đức Giê-hô-va đánh bại hết thảy những kẻ ghét tôi"

Psalms 118:8

nương náu nơi Đức Giê-hô-va
Chúa được ví như một chỗ nương náu, nơi để người ta được bảo vệ. Gợi ý dịch: "tìm kiếm sự bảo vệ từ Đức Giê-hô-va"

nương náu nơi Đức Giê-hô-va
Câu này song song với câu đi trước. Chúa được ví như một chỗ nương náu, nơi để người ta được bảo vệ. Gợi ý dịch: "tìm kiếm sự bảo vệ từ Đức Giê-hô-va"

Psalms 118:10

Mọi nước
"Nước" ở đây tượng trưng cho kẻ thù của các nước đó. Tác giả dùng cách nói cường điệu để nhấn mạnh rằng số kẻ thù vây quanh ông rất đông. Gợi ý dịch: "Kẻ thù của nhiều nước"
Trong danh Đức Giê-hô-va
"Danh" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "bởi quyền năng của Đức Giê-hô-va"
Tôi cắt bỏ chúng
Tác giả nói việc đánh bại kẻ thù như thể ông cắt bỏ chúng như cắt bỏ nhánh cây. Gợi ý dịch: "Ta đánh bại chúng"
Chúng bao vây tôi khác nào đàn ong
Tác giả ví quân thù như đàn ong. Gợi ý dịch: "Chúng bao vây tôi như đàn ong vây lấy một người"
Chúng biến mất nhanh như lửa giữa bụi gai
Như bụi gai khô cháy nhanh tàn, sự tấn công của kẻ thù cũng chóng qua như vậy. Gợi ý dịch: "sự tấn công của chúng chóng qua như lửa bụi gai nhanh tàn"

Psalms 118:13

Đề hạ gục ta
Tác giả nói quân thù tìm cách hạ gục ông như thể chúng tìm cách đẩy ông ngã xuống đất. Gợi ý dịch: "để đánh bại ta"
Đức Giê-hô-va là sức mạnh và là niềm vui của ta
"Đức Giê-hô-va ban cho ta sức mạnh và niềm vui"

Psalms 118:15

Có tiếng reo mừng chiến thắng trong trại người công chính
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người ta nghe tiếng reo mừng chiến thắng trong trại người công chính" hoặc "Người công chính reo mừng chiến thắng trong trại mình"
Tay phải của Đức Giê-hô-va chế ngự
"Tay" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã chiến thắng bằng sức mạnh rất lớn của Ngài"
Tay phải Đức Giê-hô-va giơ cao lên
Giơ tay lên là cử chỉ của sự chiến thắng. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giơ cao tay phải lên" hoặc "Đức Giê-hô-va giơ cao tay phải trong chiến thắng"

Psalms 118:17

Tôi sẽ chẳng chết đâu nhưng được sống
Tác giả nói cùng một ý ở cả thể phủ định và khẳng định để nhấn mạnh rằng ông chắc chắn sẽ sống.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va đã trừng phạt tôi
"Đức Giê-hô-va đã kỷ luật tôi"
Ngài không phó tôi cho sự chết
Tác giả nói như thể sự chết là một người để Đức Giê-hô-va giao nộp tác giả. Gợi ý dịch: "Ngài không để tôi phải chết" hoặc "Ngài không để kẻ thù giết tôi"
Psalms 118:19
Hãy mở cho tôi các cửa công chính
"Hãy mở cho tôi những cánh cửa để người công chính bước vào". Ở đây chỉ về các cánh cửa của đền thờ và tác giả đang nói với người giữ cửa. Có thể nói rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: "Hãy mở cho tôi các cửa đền thờ"
cửa của Đức Giê-hô-va
"cửa dẫn vào sự hiện diện của Đức Giê-hô-va" hoặc "cửa của Đức Giê-hô-va"
Con sẽ cảm tạ Chúa
Đến đây tác giả bắt đầu thưa cùng Đức Giê-hô-va.
Chúa đã trở nên sự cứu rỗi của con
"Sự cứu rỗi" có thể được dịch thành cụm động từ. Gợi ý dịch: "Chúa đã cứu rỗi con"
Psalms 118:22
Hòn đá mà thợ xây loại ra đã trở nên đá góc nhà
Đây dường như là một thành ngữ tác giả dùng để mô tả vua hoặc nước Y-sơ-ra-ên, mặc dù người khác xem là vô giá trị nhưng Đức Giê-hô-va làm cho trở nên quan trọng nhất.
Kỳ diệu trong mắt chúng con
Có thể là 1) "điều kỳ diệu chúng con xem thấy" hoặc 2) "chúng con nhận thấy đó là điều kỳ diệu".
Psalms 118:24
mừng rỡ và vui vẻ
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh mức độ vui mừng. Gợi ý dịch: "rất vui mừng"
Psalms 118:26
Đáng ca ngợi đấng nhân danh Đức Giê-hô-va mà đến
Ở đây các thấy tế lễ bắt đầu nói về vị vua.
Đấng nhân danh Đức Giê-hô-va mà đến
"Danh" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "đấng đến trong năng quyền của Đức Giê-hô-va"
Từ nơi nhà Đức Giê-hô-va, chúng con chúc tụng Ngài
Ở đây các thầy tế lễ chỉ về dân chúng.
nhà Đức Giê-hô-va
Từ "nhà" ở đây chỉ về đền thờ. Gợi ý dịch: "Đền thờ của Đức Giê-hô-va"
Ngài đã ban cho chúng con ánh sáng
Tác giả nói Đức Giê-hô-va ban phước cho dân Ngài như thể Đức Giê-hô-va chiếu sáng trên họ. Gợi ý dịch: "Ngài đã ban phước cho chúng con"
lấy dây cột sinh tế
"lấy dây thừng buộc sinh tế"
Chúa là Đức Chúa Trời của con
Ở đây tác giả bắt đầu trở lại trực tiếp thưa cùng Đức Giê-hô-va.
Psalms 118:29
Ôi
Đây là từ cảm thán có thể dịch thành bất kì từ cảm thán nào trong ngôn ngữ của bạn để nghe được tự nhiên.
Tạ ơn Đức Giê-hô-va, vì Ngài tốt lành
"tạ ơn Đức Giê-hô-va vì điều tốt lành Ngài làm." Xem cách đã dịch ở PSA118:001
Sự thành tín theo giao ước của Ngài còn đến đời đời
"Ngài thành tín yêu thương chúng ta đến đời đời." Xem cách đã dịch ở PSA118:001

Translation Questions

Psalms 118:2
Tác giả nói rằng mọi người nên cảm tạ Đức Giê-hô-va vì hai điều gì?
Họ nên cảm tạ Đức Giê-hô-va vì Ngài là thiện và lòng nhân từ Ngài còn đến đời đời.
Psalms 118:5
Đức Giê-hô-va đáp lại thế nào khi tác giả khẩn cầu Ngài?
Đức Giê-hô-va đáp lời ông và đặt ông nơi rộng rãi.
Psalms 118:8
Tác giả nói rằng thà nương náu nơi Đức Giê-hô-va hơn điều gì?
Thà nương náu mình nơi Đức Giê-hô-va hơn là tin cậy loài người.
Psalms 118:12
Tác giả nói rằng các nước giống điều gì khi họ bao vây ông?
Ông nói rằng tất cả các nước đều bao vây ông như đàn ong.
Psalms 118:15
Có tiếng gì trong trại của người công bình?
Trong trại người công bình có tiếng vui mừng.
Psalms 118:18
Đức Giê-hô-va đã sửa phạt tác giả cách nghiêm khắc nhưng không phó ông cho điều gì?
Đức Giê-hô-va đã không phó ông vào sự chết.
Psalms 118:19
Tác giả sẽ làm gì khi Đức Giê-hô-va mở các cửa công chính cho ông?
Tác giả bước vào cửa công chính để ca ngợi Đức Giê-hô-va.
Psalms 118:22
Chuyện gì đã xảy ra với hòn đá mà thợ xây loại ra?
Hòn đá mà thợ xây loại ra đã trở nên đá góc nhà.
Psalms 118:24
Người ta sẽ làm gì trong ngày Đức Giê-hô-va làm nên?
Họ sẽ mừng rỡ và vui vẻ trong ngày ấy.
Psalms 118:27
Tác giả nói mọi người nên làm gì với sinh tế?
Họ nên lấy dây cọt sinh tế vào các sừng bàn thờ.
Psalms 118:28
Tác giả nói rằng ông sẽ làm gì vì Chúa là Đức Chúa Trời của ông?
Ông sẽ tôn cao Đức Giê-hô-va, và sẽ tôn cao Ngài.

Chapter 119

Psalms 119:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
ALEPH
Đây là tên của ký tự đầu tiên trong bản chữ cái Hê-bơ-rơ.
Phước cho những người
"Thất tốt lành cho những người"
những người có đường lối trọn vẹn
Cách cư xử của một người được gọi là "đường" hay "đường lối". Gợi ý dịch: "những người có hành vi trọn vẹn" hoặc "những người không có ai chê trách vì làm điều sai trái"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ai đi trong luật pháp của Đức Giê-hô-va
Cách một người sống hay cư xử được gọi là bước đi. Gợi ý dịch: "ai sống theo luật pháp của Đức Giê-hô-va" hoặc "ai vâng theo luật pháp của Đức Giê-hô-va". Câu này làm rõ nghĩa cho câu "những người có đường lối trọn vẹn".
Ai hết lòng tìm kiếm Ngài
"Tìm kiếm" Đức Chúa Trời có nghĩa là muốn biết Ngài.
hết lòng
Có nghĩa là mãnh liệt hay chân thành. Gợi ý dịch: "hết mình" hoặc "với mọi thứ trong mình" hoặc "chân thành"
Psalms 119:3
Thông Tin Tổng Quát:
Phần lớn thi thiên này thưa cùng Đức Chúa Trời, và từ "Ngài", "của Ngài" hầu như luôn chỉ về Ngài.
Họ không làm điều sai trái
Họ không bất tuân lời Đức Giê-hô-va.
Họ bước đi trong đường lối Ngài
"Họ bước đi trong đường lối của Đức Giê-hô-va". Ở đây hành vi của họ được gọi là "bước đi", và cách Đức Chúa Trời muốn họ phải cư xử theo được gọi là "đường lối Ngài". Gợi ý dịch: "họ ăn ở theo cách Đức Giê-hô-va muốn" (UDB)
Giữ các kỷ cương của Chúa
"vâng theo mọi điều Chúa ban bố họ cần làm"
Cẩn thận thi hành
Tức là biết và hiểu các kỷ cương cách cẩn thận và vâng theo.
Psalms 119:5
Con sẽ được lập vững
Tác giả nói về việc được lập vững trong kỷ cương Chúa như thể không ai có thể lay chuyển ông về mặt vật lí.
tuân giữ các luật lệ Chúa
"vâng theo các luật lệ Chúa"
Con sẽ chẳng bị hổ thẹn
Tác giả không muốn bị hổ thẹn khi ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời.
Mọi điều răn Ngài
"mọi điều Chúa đã truyền dạy chúng con"
Psalms 119:7
lòng ngay thật
"Lòng chân thật." Người chân thật sẽ làm điều ngay thẳng. Lòng chỉ về trung tâm cảm xúc của một người. Xem cách đã dịch từ "sự ngay thẳng" ở PSA025:020
luật lệ Chúa
"Luật lệ" chỉ về luật pháp hay mạng lệnh của Đức Chúa Trời.
Psalms 119:9
BETH
Đây là tên của chữ cái thứ hai trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 9-16 đều bắt đầu bằng chữ cái này.
Người trẻ tuổi phải làm sao cho đường lối mình được trong sạch?
Câu hỏi này được dùng để giới thiệu một giá trị mới của lời Chúa. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đây là cách cho người trẻ tuổi giữ đường lối mình được trong sạch"
Giữ đường lối mình được trong sạch
Tác giả ví việc sống theo luật pháp của Đức Chúa Trời như thể một con đường được giữ cho thông suốt.
Con hết lòng
Đây là một cụm từ. Lòng chỉ về mọi cảm xúc, cảm tưởng, ao ước và ý chí của một người. Gợi ý dịch: "hết mình" hoặc "với hết cả mọi thứ trong con" hoặc "thành tâm"
Đừng để con lạc khỏi các điều răn Chúa
Ở đây, không vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời được gọi là lạc lối. Gợi ý dịch: "Xin chớ để con bất tuân các điều răn Chúa"
Psalms 119:11
Con đã cất giữ lời Chúa trong lòng
"Con đã đặt lời Chúa trong lòng". Đây là phép ẩn dụ có nghĩa là "Con đã ghi nhớ lời Chúa". Lòng được mô tả như một vật chứa, có thể cất giữ những điều người ta suy nghĩ.
Psalms 119:13
Hơn được mọi vinh hoa phú quý
"hơn mọi sự giàu sang"
Psalms 119:15
Con sẽ suy ngẫm ... và chú tâm
 Con sẽ suy ngẫm ... và chú tâm Đây là những ý song song có ý nghĩa tương tự nhau, được lặp lại để nhấn mạnh.
suy ngẫm kỷ cương Chúa
"suy nghĩ cẩn thận về điều Chúa đã chỉ dẫn chúng con"
chú tâm
Từ này chỉ về việc suy nghĩ thông suốt điều được bàn đến. Gợi ý dịch: "suy nghĩ cẩn thận"
Con vui thích
Ưa thích
Psalms 119:17
GIMEL
Đây là tên của chữ cái thứ ba trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng từ câu 17-24 đều bắt đầu bằng chữ cái này.
đầy tớ Chúa
Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa" để thể hiện sự hạ mình.
Xin mở mắt con để con thấy
Tác giả gọi việc có được hiểu biết, kiến thức và sự khôn ngoan là có thể nhìn thấy. Gợi ý dịch: Xin giúp con hiểu được"
Điều diệu kỳ trong luật pháp của Chúa
Tác giả gọi sự hiểu biết sâu sắc về luật pháp là điều để kinh ngạc.
trong luật pháp của Chúa
"trong kỷ cương Chúa" hoặc "trong mạng lệnh Chúa"
Psalms 119:19
Con là khách lạ trên đất
Có thể là 1) tác giả nói về cuộc đời ngắn ngủi của ông trên đất như thể ông là khách lạ, không ở lâu trong xứ. Gợi ý dịch: "Con như người khách lạ sống tạm trong xứ" hoặc 2) sự thiếu hiểu biết của tác giả về luật pháp của Đức Chúa Trời giống như ông là khách lạ, không biết về luật pháp của xứ. Gợi ý dịch: "Con thiếu hiểu biết như người khạch lạ trong xứ"
Ao ước của con bị nghiền nát vì khát khao
Tác giả nói ao ước của ông mãnh liệt như thể chúng đang ở trong đau đớn. Gợi ý dịch: "Tâm con khao khát được biết" hoặc "Linh hồn con đau đớn vì con rất mong muốn được biết"
Psalms 119:21
kẻ bị nguyền rủa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể là 1) Đức Chúa Trời sẽ nguyền rủa họ hoặc 2) Họ đáng bị Đức Chúa Trời trừng phạt. Gợi ý dịch: "kẻ đáng bị trừng phạt"

Đi lầm lạc khỏi các điều răn của Chúa

Tác giả nói về việc không vâng theo điều răn của Đức Chúa Trời như thể đó là con đường người ta có thể đi lạc. Gợi ý dịch: "kẻ đi ra khỏi đường lối của điều răn Chúa" hoặc "kẻ không vâng giữ các điều răn Chúa"

Xin gìn giữ con khỏi

"Xin giữ con khỏi" hoặc "Xin giải cứu con khỏi"

và nỗi sỉ nhục

"cảm giác hổ thẹn và ngu xuẩn"

Psalms 119:23

Dù các vua chúa lập mưu và vu cáo con

"Dù các vua lập kế hoạch làm hại con và nói xấu về con"

Các chứng ước Chúa là niềm vui thích của con

"Các chứng ước Chúa khiến con vui vẻ"

Và chúng là những cố vấn cho con

Chứng ước của Đức Chúa Trời được nói như thể chúng là con người. Gợi ý dịch: "và chúng như những cố vấn khôn ngoan cho con" hoặc "và chúng cho con lời khuyên khôn ngoan"

Psalms 119:25

DALETH

Đây là tên của chữ cái thứ tư trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng từ câu 25-32 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Mạng sống con dính vào bụi đất

Đây là một thành ngữ. Có thể có nghĩa là 1) ông nghĩ rằng ông sẽ chết sớm, hoặc 2) ông nằm trong bụi đất vì ông rất buồn rầu hoặc 3) ông nhận thấy rằng ông mong ước những điều vô giá trị của thế gian.

Xin dùng lời Chúa ban cho con sự sống

Đây là một cách biểu đạt. "Sự sống" ở đây chỉ về mục đích và ý nghĩa, chứ không chỉ là sự sống vật lí.

dùng lời Chúa

"Lời" của Đức Chúa Trời chỉ về điều Ngài phán. Ở đây nó chỉ về điều Ngài đã hứa. Gợi ý dịch: "theo lời hứa của Ngài"

đường lối con

Việc làm hay cử chỉ của một người được ví như một con đường hay đường lối. Gợi ý dịch: "điều con đã làm"

Psalms 119:27

Sự dạy dỗ kỳ diệu

"sự dạy dỗ đầy kinh ngạc"

Với ưu sầu

"vì con rất buồn rầu"

khiến con mạnh mẽ

"Làm cho con mạnh mẽ". Ở đây có thể chỉ về sức mạnh thuộc thể hoặc sức mạnh thuộc linh.

Psalms 119:29

Xin đem khỏi con đường lối dối trá

"Đường lối" ở đây chỉ về cách ứng xử. Gợi ý dịch: "Xin giữ con không đi theo con đường dối trá" hoặc "Xin ngăn con khỏi sự dối trá"

Dối trá

Có thể là 1) "nói dối" hoặc 2) "tin những lời nói dối" hoặc "đi theo sự lừa dối".

Con đường trung tín

Cách một người cư xử hay hành động được ví như một con đường. Gợi ý dịch: "trung tín với Ngài"

Psalms 119:31

Con nắm lấy các chứng ước Chúa

Giữ chặt lấy chúng tức là cam kết vâng theo. Gợi ý dịch: "Con giữ chặt lấy các chứng ước của Chúa" hoặc "Con cam kết vâng theo các chứng ước Chúa"

chứng ước

Ở đây chỉ về luật pháp của Môi-se.

con sẽ chạy theo con đường giới răn của Chúa

Tác giả ví việc tập trung hay cam kết vâng giữ các mạng lệnh của Đức Chúa Trời là chạy trên một con đường. Gợi ý dịch: "Con sẽ cam kết vâng giữ các mạng lệnh Chúa"

Chúa mở rộng lòng con

Đây là một lối nói. Có thể là 1) "Chúa giúp con hiểu biết hơn về các mạng lệnh của Chúa" hoặc 2) "Chúa ban cho con thêm lòng ao ước vâng theo các mạng lệnh Chúa"

Psalms 119:33

HE

Đây là tên của chữ cái thứ năm trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ thì mỗi dòng của câu 33-40 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

luật lệ của Chúa

Đây là một cách gọi khác để chỉ về luật pháp của Môi-se.

đến cuối cùng

Có thể là 1) "hoàn toàn" hoặc 2) "cho đến cuối đời" hoặc 3) "cho đến giờ phút cuối cùng".

Giữ luật pháp Chúa

"vâng theo luật pháp Chúa"

Con sẽ hết lòng tuân giữ

"Con chắc chắn sẽ tuân giữ luật pháp Chúa" hoặc "Con hoàn toàn cam kết sẽ làm theo điều truyền dạy"

hết lòng

Đây là một lối nói. Gợi ý dịch: "hết mình" hoặc "với hết cả mọi thứ trong con" hoặc "thành tâm"

Psalms 119:35

Xin dẫn con đi trong con đường điều răn của Chúa

"Xin hướng dẫn con theo điều răn của Chúa" hoặc "Xin dạy con vâng giữ điều răn Chúa". Điều răn của Đức Chúa Trời được ví như một con đường để người ta bước đi trong sự vâng phục Đức Chúa Trời.

Xin hướng lòng con về

Đây là một lối nói. "Lòng" ở đây chỉ về ý muốn, những mong ước và lựa chọn điều hướng đời sống của một người. Gợi ý dịch: "Khiến con mong muốn"

chứng ước Chúa

"vâng theo chứng ước Chúa". Ở đây chỉ về việc vâng theo luật pháp của Môi-se.

lợi lộc bất chính

"Ước muốn giàu có". Ở đây chỉ về sự thịnh vượng đạt được bằng cách bất hợp pháp hoặc làm điều sai trái đối với người khác.

Psalms 119:37

Xin đừng để mắt con nhìn vào những điều vô giá trị

Đây là phép ẩn dụ chỉ về việc ao ước những điều không có giá trị đời đời.

Làm cho con được sống theo đường lối Chúa

"cho con có thể sống như Ngài mong muốn"

Làm cho con được sống

"cho con sống vững vàng" hoặc "ban cho con sức mạnh"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Xin làm ứng nghiệm cho đầy tớ Chúa lời hứa mà Chúa đã lập cho những ai tôn kính Ngài

"Xin làm cho đầy tớ Chúa điều Ngài đã hứa cho những ai tôn kính Ngài"

đầy tớ Chúa

Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa" để thể hiện sự hạ mình. Gợi ý dịch: "con, là đầy tớ Chúa"

Psalms 119:39

con sợ hãi

"Con rất sợ"

phán quyết công bình của Chúa thật tốt lành

Đức Chúa Trời phán xét ngay thẳng và phán quyết của Ngài là tốt lành. Gợi ý dịch: "Sự phán xét của Chúa là công bình và tốt lành"

Xem

Đây là một lối nói. "Xem" ở đây chỉ về việc nhận biết tình hình, nhấn mạnh vào kiến thức hay hiểu biết hơn là chỉ quan sát.

Con mong ước các kỷ cương Chúa

Có thể là 1) "Con rất muốn biết các kỷ cương Chúa" hoặc 2) "Con rất muốn vâng theo điều Chúa dạy dỗ chúng con".

Xin khiến con được sống trong sự công chính của Ngài

"Sự công chính" là một danh từ trừu tượng chỉ về bản chất công chính. Gợi ý dịch: "Xin khiến con được sống vì Chúa là công chính"

Xin khiến con được sống

Có thể là 1) "Xin giữ cho con được sống" hoặc 2) "Xin khiến con mạnh mẽ".

Psalms 119:41

VAV

Đây là tên của chữ cái thứ sau trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hy Lạp thì mỗi dòng của câu 41-48 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

cho con tình yêu thương không tàn của Chúa

Đây là một lời cầu xin. Gợi ý dịch: "Xin cho con tình yêu thương không tàn của Chúa"

sự cứu rỗi của Ngài

Có thể dịch rõ thông tin được ngầm hiểu. Gợi ý dịch: "xin ban cho con sự cứu rỗi của Ngài" hoặc "xin cứu rỗi con"

Lời đáp

"câu trả lời" hoặc "đáp ứng"

Psalms 119:43

Xin đừng cất khỏi miệng con lời của chân lý

"Miệng con" chỉ về việc nói về lời của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Xin đừng ngăn con nói ra chân lý Chúa"

Vì con trông đợi nơi phán quyết của Chúa

"Trông đợi" mang ý nghĩa là tin cậy, tin chắc rằng Đức Chúa Trời sẽ làm như Ngài phán quyết.

Con sẽ tuân giữ

"Con sẽ vâng theo"

Psalms 119:45

Con sẽ bước đi vững vàng

Bước đi vững vàng tức là sống vững vàng. Gợi ý dịch: "Con sẽ sống vững vàng trong Đức Chúa Trời"

Con tìm kiếm kỷ cương của Chúa

"Tìm kiếm" là lĩnh hội hay tìm hiểu về kỷ cương của Đức Chúa Trời như thể có thể nhìn thấy được chúng.

Mạng lệnh uy nghi trước các vua

"Mạng lệnh hệ trọng cho các vua" hoặc "sự hướng dẫn cho các vua"

Psalms 119:47

Con vui thích các điều răn Chúa

Có thể là 1) "Con vui thích học biết các điều răn Chúa" hoặc 2) "Con vui mừng vì có cơ hội học biết các điều răn Chúa".

Con giơ tay lên

Đây là cách nói có nghĩa là tôn vinh, yêu mến hay tôn trọng các điều răn của Đức Chúa Trời.

Psalms 119:49

ZAYIN

Đây là tên của chữ cái thứ bảy trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 49-56 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

nhớ lại lời hứa Chúa

"Nhớ đến lời hứa của Chúa." Xem cách đã dịch ở PSA020:003

Đây là sự an ủi con trong cơn hoạn nạn: ấy là lời hứa của Chúa khiến con được sống

Có thể sắp xếp lại trật tự của câu. Gợi ý dịch: "Lí do cho sự an ủi con ấy là lời hứa Chúa cho con được sống trong cơn hoạn nạn"

Psalms 119:51

Kẻ kiêu ngạo

Tính từ đóng vai trò danh từ này có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Người kiêu ngạo"

chế nhạo

Chế giễu ai đó hay vật gì đó là xem thường, không tin cậy hay không tôn trọng

từ thời xưa

Ở đây chỉ về lúc luật pháp được ban cho Môi-se nhiều năm trước.

Psalms 119:53

Sự nóng giận chiếm giữ con

Đây là một lối nói. Sự tức giận được nói như một người có thể bắt lấy người khác. Gợi ý dịch: "Con rất tức giận"

Các luật lệ Chúa là bài ca của con

"Con lấy luật lệ Chúa làm lời bài hát của con" hoặc "Con sáng tác những bài ca từ các luật lệ của Chúa"

Psalms 119:55

Con suy nghĩ về danh Chúa

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, con suy nghĩ về Ngài"

Con giữ luật pháp Ngài

Có nghĩa là vâng theo luật pháp. Gợi ý dịch: "Con vâng theo luật pháp Ngài"

Lối sống của con

"thói quen của con"

Con tuân giữ các kỷ cương của Chúa

Có nghĩa là đi theo hay vâng giữ các kỷ cương đó. Gợi ý dịch: "Con đã vâng giữ các kỷ cương của Chúa"

Psalms 119:57

HETH

Đây là tên của chữ cái thứ tám trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 57-64 đều bắt đầu với chữ cái này.

Đức Giê-hô-va là phần của con

Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va là tất cả những gì ông ao ước. Người Lê-vi không được nhiều đất đai vì Chúa là phần của họ vì thế tác giả nói Đức Giê-hô-va là Đấng thỏa mãn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhu cầu của ông.
Psalms 119:59
Xoay bước chân con
"Chân" ở đây chỉ về chính người đó. Ăn năn và lựa chọn vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời giống như xoay bước chân về hướng khác. Gợi ý dịch: "đổi hướng của con"
Con nhanh chóng, không hề chậm trễ
Tác giả diễn đạt cùng một ý ở cả thể khẳng định và phủ định để nhấn mạnh sự cấp bách trong việc ông vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va.
Psalms 119:61
Dây kẻ ác đã giăng bẫy con
Trong phép ẩn dụ này, kẻ ác hay người gian ác tìm cách làm cho tác giả phạm tội như người săn tìm cách dùng bẫy bắt thú vật. Gợi ý dịch: "Kẻ thù con tìm cách bắt con"
Psalms 119:63
Con là bạn hữu của mọi người kính sợ Chúa
"Con là bạn của mọi người tôn kính Chúa"
Psalms 119:65
TETH
Đây là tên của chữ cái thứ chín trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 65-72 đều bắt đầu bằng chữ cái này.
đầy tớ Chúa
Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa." Gợi ý dịch: "con, là đầy tớ Chúa" hoặc "con"
Bởi lời Ngài
Đây là một cách nói. "Lời Ngài" chỉ về những lời hứa Đức Giê-hô-va ban cho tác giả. Gợi ý dịch: "như Ngài đã hứa"
X
**Dạy con nhận thức và hiểu biết đúng đắn,
X
Một số ngôn ngữ có thể đòi hỏi phải thay đổi mạch lô-gíc. Gợi ý dịch: "Vì con tin vào các điều răn Chúa nên xin Ngài dạy con nhận thức và hiểu biết"
Psalms 119:67
Trước khi bị hoạn nạn
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Trước khi Chúa khiến con khốn khổ" hoặc "Trước khi Chúa trừng phạt con"
Con đi lạc
Không vâng lời Đức Chúa Trời được nói như thể đi sai đường. Gợi ý dịch: "Con không vâng lời Ngài"
con vâng giữ lời Chúa
"Lời" ở đây chỉ về các điều răn. Gợi ý dịch: "Con vâng theo các điều răn Chúa"
Psalms 119:69
Kẻ kiêu ngạo
Có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Người kiêu ngạo"
dùng lời dối trá bôi nhọ con
Nói dối về một người được nói như thể làm cho người đó dơ dáy bằng cách rêu rao những lời nói dối về người đó.
hết lòng
"Lòng" ở đây chỉ về ý chí của một người. Gợi ý dịch: "hoàn toàn cam kết" hoặc "hoàn toàn"
Lòng chúng nó chai cứng
"Lòng" ở đây chỉ về ý chỉ của con người. Người cứng đầu được nói như thể lòng hay ý chí của họ cứng như đá. Gợi ý dịch: "Họ cứng đầu"
Psalms 119:71
Luật pháp của miệng Ngài
"Miệng" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán. Gợi ý dịch: "Luật pháp Chúa phán" hoặc "Luật pháp Chúa"
Hơn hàng ngàn miếng vàng và bạc
Có thể dịch tổng quát hơn. Gợi ý dịch: "hơn số tiền lớn" hoặc "hơn giàu sang"
Psalms 119:73
YOD
Đây là tên của chữ cái thứ mười trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 73-80 đều bắt đầu bằng chữ cái này.
Tay Chúa đã làm và nắn nên con
Đức Chúa Trời tạo dựng nên một người được nói như thể Ngài dùng tay nắn nên người đó giống như nắn đất sét.
Tay Chúa
"Tay" ở đây chỉ về quyền năng hay hành động của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Chúa"
Vì con có hy vọng nơi lời Chúa
"Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán. Gợi ý dịch: "vì con tin vào điều Chúa phán" hoặc "con tin chắc vào điều Chúa phán"
Psalms 119:75
Trong sự thành tín, Chúa làm cho con đau khổ
"Chúa trừng phạt con vì Chúa là thành tín". Đức Chúa Trời hứa ban thưởng cho người công chính và trừng phạt người phạm tội, vì thế Ngài thành tín làm điều Ngài đã phán.
đầy tớ Chúa
Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa." Gợi ý dịch: "con, là đầy tớ Chúa" hoặc "con"
Psalms 119:77
Nguyện những kẻ kiêu ngạo phải bị hổ thẹn
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin cho những kẻ kiêu ngạo phải hổ thẹn" hoặc "Xin khiến cho những kẻ kiêu ngạo phải hổ thẹn"
Kẻ kiêu ngạo
Có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "người kiêu ngạo" hoặc "những kẻ kiêu ngạo"
Psalms 119:79
Quay sang con
Trở lại làm bạn với tác giả được nói như thể người đó quay người sang tác giả. Gợi ý dịch: "đến cùng con" hoặc "hiệp với con"
Những người biết chứng ước Chúa
Có thể là 1) câu này mô tả thêm về những người kính sợ Đức Chúa Trời hoặc 2) câu này cho thấy mục đích cho những người kính sợ chúa trở lại cùng tác giả. Có thể thêm vào từ "để" cho rõ nghĩa. Gợi ý dịch: "để họ có thể học được điều Chúa truyền phán"
Nguyện lòng con chẳng hổ thẹn
"Lòng" ở đây chỉ về tư tưởng và động cơ của một người. Gợi ý dịch: "Nguyện con chẳng hổ thẹn"
Con không bị nhục nhã
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con không hổ thẹn"
Psalms 119:81
KAPH
Đây là tên của chữ cái thứ mười một trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 81-88 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Con có hy vọng nơi lời Chúa
"Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán. Gợi ý dịch: "con tin chắc nơi điều Chúa phán"
Mắt con mong ước thấy lời hứa của Chúa
"Mắt" ở đây chỉ về chính người nói. Gợi ý dịch: "Con trông chờ Chúa thực hiện lời Ngài hứa"
Psalms 119:83
Con trở thành như bầu da trong khói
Bầu da sẽ bị hỏng khi treo lâu ngày trong chỗ nhiều khói. Tác giả ví mình như bầu da đã hư vì khói để nhấn mạnh rằng ông cảm thấy rất vô dụng.
Đầy tớ Chúa phải chịu đựng cho đến bao giờ? Chừng nào Chúa mới trừng phạt những kẻ bắt bớ con?
Tác giả dùng một câu hỏi để kêu cầu Đức Chúa Trời trừng phạt những kẻ bắt bớ ông. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin Chúa đừng chờ đợi nữa. Xin hãy trừng phạt những kẻ bắt bớ con."
đầy tớ Chúa phải
Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa." Gợi ý dịch: "Con, là đầy tớ Chúa phải" hoặc "con phải"
Psalms 119:85
Kẻ kiêu ngạo đã đào hầm cho con
Kẻ kiêu ngạo tìm cách bắt tác giả và khiến ông làm sai được nói như thể chúng là những kẻ đi săn đang đào hầm để bắt tác giả như bắt thú vật.
Kẻ kiêu ngạo
Có thể dịch tính từ đóng vai trò danh từ ở đây thành một tính từ. Gợi ý dịch: "Người kiêu ngạo" hoặc "Những người kiêu ngạo"
Psalms 119:87
Chúng gần như diệt con khỏi đất
Đây là cách tế nhị để nói về việc giết người. Gợi ý dịch: "Chúng gần như giết chết con"
Bằng tình yêu thương bền vững của Chúa
"Theo tình yêu thương bền vững của Chúa". Cụm từ "tình yêu bền vững" hay "sự thành tín" có thể được dịch thành trạng từ. Gợi ý dịch: "vì Chúa yêu thương con cách thành tín"
Psalms 119:89
LAMEDH
Đây là tên gọi của chữ cái thứ mười hai trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 89-96 đều bắt đầu bằng chữ cái này.
Lời Chúa đứng vững đời đời
"Lời" ở đây chỉ về bất kì điều gì Đức Chúa Trời phán với con người. Gợi ý dịch: "điều Chúa đã phán sẽ đúng đắn đến đời đời"
Cho mọi thế hệ
"cho mọi thế hệ mai sau." Đây là một cách nói có nghĩa là "đời đời".
Psalms 119:91
Muôn vật đều là đầy tớ Chúa
Muôn vật được ví như con người, có thể phục vụ Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "muôn vật đều phục vụ Chúa" hoặc "muôn vật đều vâng theo mạng lệnh của Chúa".
Psalms 119:93
Con sẽ không bao giờ quên
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Con sẽ luôn ghi nhớ"
Vì nhờ đó, Chúa giữ cho con được sống
Ngụ ý rằng tác giả vâng theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Chúa giữ con còn sống vì con vâng giữ chúng"
Vì con tìm kiếm các kỷ cương của Ngài
Cố gắng hết sức vâng theo các kỷ cương của Đức Chúa Trời được nói như thể chúng là đồ vật mà một người phải tìm kiếm.
Psalms 119:95
Con sẽ tìm cách để thấu hiểu
"Con sẽ cố gắng hết sức để thấu hiểu"
Mọi vật đều hữu hạn
"mọi vật đều có điểm tận cùng"
Nhưng các điều răn Chúa dài rộng vô biên
Các điều răn của Đức Chúa Trời luôn chính xác và hoàn hảo được nói như thể chúng là một đồ vật to lớn đến nỗi không có giới hạn. Gợi ý dịch: "nhưng các điều răn Chúa là vô hạn" hoặc "nhưng các điều răn Chúa là đời đời"
Psalms 119:97
MEM
Đây là tên của chữ cái thứ mười ba trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 97-104 đều bắt đầu bằng chữ cái này.
Các điều răn Chúa luôn ở cùng con
Luôn suy nghĩ về các điều răn của Đức Chúa Trời được nói như thể các điều răn là đồ vật tác giả luôn giữ bên mình.
Psalms 119:101
Con giữ chân con tránh mọi đường tà
Tránh làm điều ác được nói như thể một người tránh bước đi trên con đường gian ác. Gợi ý dịch: "Con đã tránh làm điều ác"
giữ chân con
"Chân" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "giữ mình"
Thực thi lời Chúa
"vâng theo lời Chúa"
Lời Chúa
"Lời" ở đây chỉ về mạng lệnh của Đức Chúa Trời.
Con không xây bỏ các phán quyết công chính của Chúa
Tiếp tục vâng theo các phán quyết công chính của Chúa được nói như thể tác giả không xoay người khỏi chúng. Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Con luôn vâng giữ các phán quyết công chính của Chúa"
Psalms 119:103
Lời Chúa ngọt họng con dường bao, thật, ngọt hơn mật ong cho miệng con!
Tác giả vui thích điều Đức Chúa Trời phán được nói như thể lời Chúa là thức ăn có vị ngọt đối với tác giả. Gợi ý dịch: "Lời Chúa tốt lành và đầy vui vẻ!"
Tôi được sự thông hiểu
Danh từ trừu tượng "sự thông hiểu" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Con học biết phân biệt điều nào là phải lẽ". Xem:
Vì vậy con ghét mọi đường giả dối
Hành vi gian ác được ví như con đường giả dối.
Psalms 119:105
NUN
Đây là tên của chữ cái thứ mười bốn trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 105-112 đều bắt đầu với chữ cái này.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lời Chúa là ngọn đèn cho chân con, ánh sáng cho đường lối con
Hai vế này có nghĩa như nhau, nói về việc Đức Chúa Trời phán dạy một người phải sống như thế nào như thể người đó đang bước đi trên một con đường và lời Chúa là ánh sáng giúp người đó nhìn thấy lối đi. Gợi ý dịch: "Lời Chúa cho con biết phải sống thế nào"
Lời Chúa
"Lời" chỉ về mọi điều Đức Chúa Trời phán với con người.
Psalms 119:107
Như Chúa đã phán trong lời Ngài
"Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán với con người. Gợi ý dịch: "như Chúa đã hứa"
tế lễ tự nguyện của miệng con
Tác giả nói như thể lời cầu nguyện của ông là một của tế lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "lời cầu nguyện con là của tế lễ dâng cho Ngài"
của miệng con
"Miệng" ở đây chỉ về chính người đó.
Psalms 119:109
Mạng sống con luôn ở trong tay con
Câu này có nghĩa là mạng sống của tác giả luôn ở trong nguy hiểm. Gợi ý dịch: "Kẻ thù con thường xuyên tìm cách giết con"
con không quên luật pháp Chúa
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Con luôn ghi nhớ luật pháp của Chúa"
Kẻ ác gài bẫy con
Kẻ ác tìm cách bắt và giết tác giả được nói như thể chúng là thợ săn giăng bẫy bắt tác giả như bắt thú vật.
Kẻ ác
Có thể dịch tính từ đóng vai trò danh từ này thành một tính từ. Gợi ý dịch: "Người gian ác"
Con không lạc khỏi các kỷ cương Chúa
Không bất tuân các kỷ cương của Đức Chúa Trời được nói như thể tác giả không đi trật khỏi các kỷ cương của Đức Chúa Trời. Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Con vâng giữ các kỷ cương của Chúa"
Psalms 119:111
Con rao truyền các chứng ước Chúa như là cơ nghiệp đời đời của con
Tác giả luôn vui mừng và vâng giữ các luật lệ Chúa được nói như thể các chứng ước Chúa là tài sản hay đất đai mà tác giả sẽ thừa hưởng. Gợi ý dịch: "Luật pháp Chúa sẽ thuộc về con đời đời" hoặc "Các chứng ước Chúa giống như cơ nghiệp con sẽ sở hữu đời đời"
Chúng là niềm vui của lòng con
"Lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "chúng làm con vui vẻ" hoặc "Con vui vẻ về chúng"
Lòng con đặt trong sự vâng phục
"Lòng" ở đây chỉ về ý chí của tác giả. Cụm từ "lòng đặt trong" mang ý nghĩa là tác giả quyết tâm. Gợi ý dịch: "Con quyết tâm vâng phục"
Cho đến cuối cùng to the very end
Có thể là 1) "từng điều một" (UDB) 2) "cho đến cuối đời" hoặc 3) "cho đến giờ phút cuối cùng"
Psalms 119:113
SAMEKH
Đây là tên của chữ cái thứ mười lăm trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 113-120 đều bắt đầu bằng chữ cái này.
những kẻ hai lòng
Người không thành thật hay không hoàn toàn cam kết vâng phục Đức Chúa Trời được nói như thể người đó có hai lòng. Gợi ý dịch: "những kẻ không hoàn toàn cam kết vâng phục Chúa" hoặc "những kẻ không thành thật"
nơi ẩn náu của con
Đức Chúa Trời cho tác giả được an ninh được nói như thể Đức Chúa Trời là nơi tác giả có thể chạy đến để ẩn náu.
cái khiên của con
Đức Chúa Trời bảo vệ tác giả được nói như thể Đức Chúa Trời là cái khiên của tác giả.
Con chờ đợi lời Chúa
"Chờ" ở đây có nghĩa là trông chờ, kỳ vọng, mang ý nghĩa tin cậy và hy vọng. Gợi ý dịch: "Con tin cậy nơi lời Chúa"
lời Chúa
"Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán với con người.
Psalms 119:115
Nâng đỡ con bằng lời Chúa
"Giúp đỡ con bằng lời Chúa." "Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán với con người. Gợi ý dịch: "Xin ban cho con sức lực như Chúa đã phán" hoặc "Xin cho con được mạnh mẽ như Chúa đã hứa"
Và không bị hổ thẹn về sự trông cậy của con
"Sự trông cậy của con" ở đây chỉ về sự tin cậy của tác giả nơi Đức Chúa Trời và lời hứa của Ngài. Có thể dịch thành một câu hoàn chỉnh. Gợi ý dịch: "Xin đừng khiến con thất vọng." (UDB) hoặc "Xin thi hành điều Ngài đã phán để con không bị hổ thẹn."
Psalms 119:117
Nâng đỡ con
"Giúp đỡ con" hoặc "Khiến con mạnh mẽ"
Chúng dối trá và không đáng tin cậy
Có thể là 1) "Chúng nói dối và không ai có thể tin tưởng chúng" hoặc 2) "chúng lập mưu dối trá nhưng chúng sẽ thất bại"
Psalms 119:119
Chúa loại bỏ kẻ ác khỏi thế gian như cặn bã
Cặn bã là chất thải hay chất dư thừa không mong muốn trong quá trình luyện vàng hay các kim loại khác. Đức Giê-hô-va loại bỏ kẻ ác như thể chúng là rác rưởi.
kẻ ác
Tính từ đóng vai trò danh từ ở đây có thể được dịch thành một tính từ. Gợi ý dịch: "người gian ác"
như cặn bã
"như rác rưởi" hoặc "như chất thải"
Người con run rẩy kính sợ Chúa
"Người" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con run rẩy vì kính sợ Chúa"
Con sợ hãi các luật công chính của Chúa
Ngụ ý rằng tác giả sợ các luật công chính của Đức Chúa Trời vì ông biết rằng Đức Chúa Trời trừng phạt những ai không vâng theo luật pháp của Ngài. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu.
Psalms 119:121
AYIN
Đây là tên của chữ cái thứ mười sáu trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 121-128 đều bắt đầu với chữ cái này.
Xin đừng phó con cho kẻ áp bức con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Xin đừng để người ta áp bức con"

Xin Chúa bảo đảm hạnh phúc cho đầy tớ Chúa

Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa." Gợi ý dịch: "Xin Chúa bảo đảm hạnh phúc cho con" hoặc "Xin giúp đỡ và bảo vệ con, là đầy tớ Chúa"

kẻ kiêu ngạo

Tính từ đóng vai trò danh từ có thể được dịch thành một tính từ. Gợi ý dịch: "những kẻ kiêu ngạo" hoặc "người kiêu ngạo"

Psalms 119:123

Mắt con mòn mỏi trông đợi

"Mắt" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con mòn mỏi vì trông đợi"

Sự cứu rỗi và lời công chính của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Vì Chúa sẽ cứu con như lời Ngài hứa"

lời công chính của Chúa

"Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán với con người. Gợi ý dịch: "lời hứa công chính của Chúa" (

cho đầy tớ Chúa

Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa." Gợi ý dịch: "Cho con" hoặc "Cho con, là đầy tớ Chúa"

Sự thành tín theo giao ước Chúa

Danh từ trừu tượng "sự thành tín" có thể được dịch thành trạng từ hoặc tính từ. Gợi ý dịch: "rằng Chúa thành tín yêu thương con" hoặc "rằng Chúa thành tín với con bởi giao ước của Ngài"

Psalms 119:125

xin ban cho con sự thông hiểu

Danh từ trừu tượng "sự thông hiểu" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "cho con hiểu điều Chúa muốn con nhận biết"

Đã đến lúc Đức Giê-hô-va hành động

Tác giả thưa cùng Đức Giê-hô-va ở ngôi thứ ba. Có thể được dịch thành ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, đã đến lúc Ngài hành động"

Người ta đã phá bỏ luật pháp Ngài

Đây là một lối nói. "Đã phá bỏ" có nghĩa là "không vâng giữ". Đây là cách để nói người ta không vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời.

ulb_psa/119_127/notes/0

Psalms 119:127

mọi đường lối giả dối

Con người làm điều gian ác được nói như thể họ bước đi trên con đường sai trật. Gợi ý dịch: "mọi con đường gian tà mà người ta sống theo"

Psalms 119:129

PE

Đây là tên của chữ cái thứ mười bảy trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 129-136 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Lời Chúa mở ra đem lại ánh sáng

Tác giả nói như thể lời Đức Giê-hô-va là miếng vải được gấp lại và người giảng giải lời Chúa giống như họ đang mở tấm vải ra. Gợi ý dịch: "Sự giảng giải lời Chúa đem lại ánh sáng" hoặc "Khi người ta giảng giải lời Chúa đem lại ánh sáng"

Lời Chúa mở ra đem lại ánh sáng

Lời Chúa ban cho sự khôn ngoan được nói như thể lời Ngài chiếu sáng trên họ. Gợi ý dịch: "Sự giảng giải lời Chúa ban cho con người sự khôn ngoan"

Psalms 119:131

Con mở miệng và khát khao, vì con mong ước điều răn của Chúa

Tác giả mô tả ông khao khát điều răn của Đức Giê-hô-va như thể ông là một con chó hổn hển khát nước. Gợi ý dịch: "Con tha thiết khát khao điều răn Chúa"

Quay sang con

Quay sang ai đó có nghĩa là chú ý vào người đó. Gợi ý dịch: "Chú ý đến con"

yêu mến danh Chúa

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "yêu mến Chúa"

Psalms 119:133

Hướng bước chân con

"Bước chân" ở đây chỉ về tác giả khi ông bước đi. Tác giả nói về cách ông sống hay hành vi của mình như thể ông đang đi trên một con đường. Gợi ý dịch: "Điều hướng con" hoặc "Dạy con cách sống"

Đừng để tội ác nào cai trị con

Tác giả nói như thể tội lỗi là người có thẩm quyền trên ông. Có thể là 1) "chớ để con thường xuyên phạm tội" hoặc 2) "chớ để kẻ tội lỗi cai trị con"

Chuộc con khỏi sự áp bức của loài người

"Sự áp bức" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Xin cứu con khỏi những kẻ áp bức người khác"

Psalms 119:135

Nguyện mặt Chúa soi sáng trên đầy tớ Chúa

Tác giả gọi việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên ông là mặt Ngài soi sáng trên ông. Gợi ý dịch: "Xin làm ơn cho đầy tớ Chúa"

Suối lệ

Tác giả nói như thể nước mắt là dòng nước. Gợi ý dịch: "nhiều nước mắt"

Thi hành luật pháp Chúa

"vâng giữ luật pháp Chúa"

Psalms 119:137

TSADHE

Đây là tên của chữ cái thứ mười tám trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 137-144 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Các chứng ước

Có thể mang ý nghĩa khác là "lời chứng" hoặc "luật pháp". Xem cách đã dịch ở PSA078:005

Psalms 119:139

Sự tức giận tiêu diệt con

Đây là cách cường điệu để nói "Con vô cùng tức giận".

Đã được trắc nghiệm rất nhiều

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con đã trắc nghiệm lời Chúa nhiều lần"

đầy tớ Chúa yêu mến

Tác giả nói về mình như thể nói về một người khác. Gợi ý dịch: "Con, là đầy tớ Chúa, yêu mến" hoặc "Con yêu mến"

Psalms 119:141

Con ... bị khinh khi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người ta khinh miệt con"

Psalms 119:143

Gian truân và sầu khổ đã tìm thấy con

Tác giả thi thiên nói như thể gian truân và sầu khổ là con người. Gợi ý dịch: "Con trở nên sầu khổ và đau đớn"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 119:145
QOPH
Đây là tên của chữ cái thứ mười chin trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 145-152 đều bắt đầu bằng chữ cái này.
Hết lòng
Tác giả thi thiên dùng từ hết lòng để chỉ về hết cả con người ông. Gợi ý dịch: "hoàn toàn"
Chứng ước
Có thể có ý nghĩa khác là "lời chứng" hoặc "luật pháp". Xem cách đã dịch ở PSA078:005
Psalms 119:147
Bình minh
"trước khi mặt trời ló dạng"
Mắt con mở ra trước các canh đêm
Đây là một lối nói. Trong văn hóa Hê-bơ-rơ, đêm được chia thành ba "canh" hay giai đoạn. Gợi ý dịch: "Tôi thức cả đêm"
Psalms 119:149
Nghe tiếng con trong sự thành tín theo giao ước Chúa
Tác giả thi thiên gọi điều ông nói là tiếng nói. Gợi ý dịch: "nghe điều con nói vì sự thành tín theo giao ước Chúa" (Xem:
Chúng nó cách xa luật pháp của Chúa
"chúng lạc khỏi luật pháp Chúa" hoặc "chúng không hề để tâm đến luật pháp Chúa" (UDB)
Psalms 119:151
Hết thảy điều răn Chúa đều đáng tin cậy
Danh từ trừu tượng "đáng tin cậy" có thể dịch thành động từ "tin cây". Gợi ý dịch: "Con có thể tin cậy nơi các điều răn Chúa"
chứng ước
Có thể mang ý nghĩa khác là "lời chứng" hoặc "luật pháp". Xem cách đã dịch ở PSA078:005
Sắp đặt chúng
Tác giả thi thiên nói như thể mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được đặt ra trên đất. Gợi ý dịch: "ban ra cho con người vâng giữ"
Psalms 119:153
RESH
Đây là tên gọi của chữ cái thứ hai mươi trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 153-160 đều bắt đầu bằng chữ cái này.
Đoái xem nỗi khốn khổ của con
Tác giả thi thiên nói như thể nỗi khốn khổ là một đồ vật có thể nhìn thấy được. Gợi ý dịch: "Nhìn xem con khốn khổ thể nào"
Bênh vực lý lẽ con
"Bênh vực con trước những kẻ buộc tội con"
Giữ con
"bảo vệ mạng sống con" hoặc "ban cho con sự sống"
Psalms 119:155
Sự cứu rỗi cách xa kẻ ác
Tác giả thi thiên nói như thể sự cứu rỗi là một đồ vật. Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể dịch thành động từ "cứu". Gợi ý dịch: "Chắc chắn Chúa sẽ không cứu kẻ ác"
Các việc làm thương xót của Chúa thật lớn thay
"Lớn" ở đây có nghĩa là "nhiều". "Chúa đã nhiều lần bày tỏ lòng thương xót cho con người" hoặc "Chúa đã làm nhiều việc thương xót".
Như Ngài vẫn làm
Có thể mang ý nghĩa khác là "vì Chúa làm điều công chính".
Psalms 119:157
Kẻ bắt bớ con
Danh từ trừu tượng "kẻ bắt bớ" có thể dịch thành động từ "bắt bớ". Gợi ý dịch: "Những kẻ bắt bớ con"
Con không xoay bỏ
Đây là một cách nói có nghĩa là "Con không ngừng vâng giữ" hoặc "Con không ngừng tin"
chứng ước
Có thể mang ý nghĩa khác là "lời chứng" hoặc "luật pháp". Xem cách đã dịch ở PSA078:005
Kẻ phản bội
Tính từ "phản bội" có thể dịch thành một cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người phản bội" hoặc "những kẻ phản bội con" hoặc "kẻ thù con"
Không giữ
"không vâng giữ
Psalms 119:159
Thấy
"Lưu tâm" hoặc "Xin nhìn con để có thể thấy"
Lời Chúa vốn là chân thật
"Lời Chúa hoàn toàn chân thật" hoặc "Lời Chúa đáng tin cậy"
Psalms 119:161
SHIN
Đây là tên của chữ cái thứ hai mươi mốt trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 161-168 đều bắt đầu bằng chữ cái này.
Lòng con run rẩy, sợ không vâng giữ lời Chúa
Tác giả thi thiên nói như thể tấm lòng biết run rẩy và sợ hãi. Lòng là cách chuyển ngữ để chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con run rẩy vì sợ rằng con sẽ không vâng giữ lời Chúa"
Chiến lợi phẩm
Có thể là 1) những vật quân lính hay kẻ cướp lấy được từ những người họ đánh bại trong trận chiến hoặc 2) những thứ có giá trị hay "châu báu".
Psalms 119:163
ghét và khinh bỉ
Hai từ này hầu như có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "rất ghét"
điều dối trá
Có thể đây là phép hoán dụ chỉ về 1) "kẻ dối trá" hoặc 2) "lời dối trá người ta nói".
Psalms 119:165
Chẳng có điều gì khiến họ vấp ngã
Có thể là 1) "chẳng có điều gì khiến họ phạm tội" hoặc 2) "chẳng có điều gì khiến họ phiền muộn."
Psalms 119:167
Con tuân giữ các mạng lệnh uy nghi của Chúa
"Con vâng giữ các mạng lệnh uy nghi của Chúa"
mạng lệnh uy nghi
Có thể mang ý nghĩa khác là "lời chứng" hoặc "luật pháp". Xem cách đã dịch ở PSA119:001
Con giữ theo các kỷ cương Chúa
"Con vâng giữ các kỷ cương Chúa"
Psalms 119:169
TAV

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là tên của chữ cái thứ hai mươi hai trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 169-176 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Xin ban cho con sự thông hiểu trong lời Chúa

Tác giả thi thiên nói như thể khả năng thông hiểu là một đồ vật. Gợi ý dịch: "xin giúp con hiểu được lời Chúa"

Nguyện lời cầu xin của con đến trước mặt Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể lời ông cầu nguyện là con người, muốn thưa chuyện cùng đức vua. Gợi ý dịch: "Nguyện Chúa nghe lời cầu nguyện con"

Psalms 119:171

Nguyện môi miệng con tuôn trào lời ca ngợi

Tác giả thi thiên nói như thể môi miệng ông là một vật chứa và lời ca ngợi là chất lỏng có thể được đổ ra. Ở đây "môi miệng" là phép chuyển ngữ chỉ về chính tác giả. Gợi ý dịch: "Con rất khao khát được ngợi khen Chúa" ",

Lưỡi con ca hát

Tác giả thi thiên nói về lưỡi 1) như thể nó là con người hoặc 2) là cách chuyển ngữ chỉ về chính tác giả. Gợi ý dịch: "con ca hát"

Psalms 119:173

Nguyện tay Chúa giúp đỡ con

Tay là phép chuyển ngữ chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Xin Chúa giúp đỡ con"

Đã chọn

"đã chọn vâng theo"

Sự giải cứu của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự giải cứu" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Chúa giải cứu con"

Luật pháp Chúa là sự vui thích của con

Danh từ trừu tượng "sự vui thích" có thể được dịch thành động từ. "Con vui thích vâng giữ luật pháp Chúa"

Psalms 119:175

Nguyện các phán quyết công chính của Chúa giúp đỡ con

Tác giả thi thiên nói như thể các phán quyết của Đức Giê-hô-va là người có thể giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "nguyện con nghe theo các phán quyết công chính của Chúa, trở nên khôn sáng và mạnh mẽ"

Con lầm đường như chiên lạc lối

"Con đã rời bỏ đường lối Chúa như chiên lìa bầy"

Xin tìm kiếm đầy tớ Chúa

"vì con là đầy tớ Chúa, xin hãy đến và tìm kiếm con"

Translation Questions

Psalms 119:2

Tác giả nói mọi người tìm kiếm Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ nên tìm kiếm bằng cả tấm lòng của mình.

Psalms 119:6

Tác giả nói điều gì sẽ xảy ra nếu ông tuân giữ các luật lệ Chúa và chú tâm vào các điều răn Chúa?

Ông nói ông sẽ chẳng bị hổ thẹn khi ông chú tâm vào các điều răn Chúa.

Psalms 119:7

Tác giả ca ngợi Đức Giê-hô-va vì điều gì?

Ông ca ngợi Ngài với lòng ngay thật.

Psalms 119:9

Tác giả nói rằng người trẻ tuổi phải làm thế nào để đường lối người được trong sạch?

Người trẻ tuổi phải cẩn thận theo lời Chúa để đường lối mình được trong sạch.

Psalms 119:104

Tác giả nói lời Chúa ngọt ngào hơn điều gì?

Lời Chúa thật ngọt hơn mật ong trong miệng ông.

Psalms 119:106

Tác giả đã thề và cam kết điều gì?

Ông đã thề và cam kết rằng ông sẽ giữ các phán quyết công chính của Chúa.

Psalms 119:11

Tại sao tác giả lại giấu lời Chúa trong lòng?

Ông đã giữ lời Chúa trong lòng để không phạm tội cùng Chúa.

Psalms 119:111

Tác giả tuyên bố điều gì là cơ nghiệp đời đời của ông và là niềm vui của lòng ông?

Ông tuyên bố chứng ước Chúa là cơ nghiệp đời đời của ông và chứng ước ấy là niềm vui của lòng ông.

Psalms 119:114

Chúa là nơi ẩn náu và cái khiên cho tác giả, và ông còn hi vọng điều gì?

Tác giả hi vọng nơi lời Chúa.

Psalms 119:118

Tại sao Đức Giê-hô-va từ chối những kẻ đi sai lạc luật lệ Chúa?

Ngài từ chối những kẻ đi sai lạc luật lệ Ngài, vì thói lừa dối của chúng chỉ vô ích mà thôi.

Psalms 119:120

Trong sự sợ hãi thì điều gì trên cơ thể của tác giả run rẩy?

Da thịt ông run rẩy vì sợ hãi Chúa.

Psalms 119:123

Mắt của tác giả mòn mỏi trông đợi điều gì?

Ông trông đợi sự cứu rỗi và lời công chính của Chúa.

Psalms 119:125

Tại sao tác giả xin Chúa ban cho sự thông sáng?

Ông xin sự thông sáng để ông thông hiểu các chứng ước của Chúa.

Psalms 119:128

Tác giả ghét điều gì?

Ông ghét mọi đường lối giả dối.

Psalms 119:130

Sự giảng giải Lời Chúa mở ra điều gì?

Sự giảng giải Lời Chúa đem lại ánh sáng, ban sự thông hiểu cho người thật thà.

Psalms 119:132

Đức Giê-hô-va luôn làm điều gì với những người yêu mến danh Chúa?

Đức Giê-hô-va đoái trông và thương xót họ.

Psalms 119:134

Tại sao tác giả xin Đức Giê-hô-va cứu ông khỏi sự áp bức của loài người?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va cứu ông khỏi sự áp bức của loài người để ông vâng giữ các kỷ cương Chúa.

Psalms 119:136

Tại sao nước mắt tác giả tuôn ra như suối?

Nước mắt ông tuôn ra như suối vì người ta không vâng giữ luật pháp Chúa.

Psalms 119:138

Đức Giê-hô-va ban chứng ước của Ngài bằng cách nào?

Đức Giê-hô-va ban chứng ước của Ngài trong sự công chính và thành tín.

Psalms 119:14

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tác giả vui thích điều gì hơn vinh hoa phú quý?
Ông vui thích con đường chứng ước của Chúa hơn vui hưởng vinh hoa phú quý.
Psalms 119:141
Tác giả đã không làm gì khi ông còn nhỏ và bị khinh thường?
Ông không quên các kỷ cương Chúa.
Psalms 119:143
Tác giả đã làm gì với các điều răn Chúa, mặc dù gian truân và sầu khổ đổ trên ông?
Mặc dù gian truân và sầu khổ đổ trên ông nhưng ông vẫn yêu thích các điều răn Chúa.
Psalms 119:146
Tác giả sẽ làm gì nếu Đức Giê-hô-va cứu ông?
Ông sẽ giữ các chứng ước của Ngài.
Psalms 119:15
Tác giả sẽ làm gì với kỷ cương của Chúa?
Ông sẽ suy ngẫm kỷ cương của Chúa.
Psalms 119:152
Tác giả đã biết rõ Đức Giê-hô-va lập các điều răn đến khi nào?
Ông đã biết rõ rằng Ngài lập các điều răn Ngài cho đến đời đời.
Psalms 119:153
Tại sao tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va đoái xem nỗi khốn khổ của ông và giải cứu ông?
Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu ông vì ông không quên luật pháp của Ngài.
Psalms 119:155
Tại sao sự cứu rỗi lại cách xa kẻ ác?
Sự cứu rỗi ở cách xa kẻ ác, vì chúng không tìm kiếm các luật lệ của Chúa.
Psalms 119:158
Tại sao tác giả thấy bọn phản bội và ghê tởm chúng?
Ông thấy bọn phản bội và ghê tởm vì chúng không vâng giữ lời Chúa.
Psalms 119:160
Các phán quyết công chính của Chúa còn đến bao giờ?
Các phán quyết công chính của Chúa còn đến đời đời.
Psalms 119:161
Tác giả sợ điều gì khi các vua bắt bớ ông vô cớ?
Lòng ông kính sợ lời Đức Giê-hô-va.
Psalms 119:164
Tác giả thường ca ngợi Đức Giê-hô-va về các luật lệ công chính mấy lần trong ngày?
Ông ca ngợi Đức Giê-hô-va bảy lần mỗi ngày.
Psalms 119:168
Tại sao tác giả vâng giữ kỷ cương của Đức Giê-hô-va và chứng ước Ngài?
Ông vâng giữ kỷ cương của Đức Giê-hô-va và chứng ước Ngài vì mọi đường lối ông đều bày tỏ trước mặt Ngài.
Psalms 119:170
Đức Giê-hô-va hứa trong lời của Ngài để làm gì?
Đức Giê-hô-va hứa trong lời của Ngài để giải cứu tác giả vì lời cầu khẩn của ông thấu đến trước mặt Chúa.
Psalms 119:172
Tại sao tác giả lại xin Đức Giê-hô-va để lưỡi ông hát xướng về lời Chúa?
Ông muốn lưỡi ông hát xướng về lời Chúa vì hết thảy điều răn Chúa là công bình.
Psalms 119:176
Tác giả xin Đức Giê-hô-va làm gì khi ông đi lang thang như chiên đi lạc?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va tìm kiếm đầy tớ Ngài, vì ông không quên điều răn của Ngài.
Psalms 119:18
Tác giả sẽ thấy sự diệu kỳ trong luật pháp của Chúa khi nào?
Ông sẽ thấy sự diệu kỳ trong luật pháp Chúa khi Ngài mở mắt ông.
Psalms 119:20
Điều gì đã xảy ra với linh hồn của tác giả khi ông muốn biết các phán quyết của Chúa?
Linh hồn ông hằng khao khát mỏi mòn về các phán quyết của Chúa.
Psalms 119:21
Tác giả nói rằng ai bị nguyền rủa và đi sai lạc khỏi các điều răn Chúa?
Kẻ kiêu ngạo là kẻ bị nguyền rủa, đi sai lạc khỏi các điều răn của Chúa.
Psalms 119:23
Tác giả đã làm gì mặc dầu các vua bàn âm mưu chống lại ông?
Ông cứ suy ngẫm luật lệ Chúa.
Psalms 119:25
Tác giả kêu cầu Đức Giê-hô-va cho ông sống bằng cách nào?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va cho ông sống lại theo lời Ngài.
Psalms 119:27
Tại sao tác giả muốn hiểu được con đường kỷ cương của Chúa?
Ông muốn hiểu được con đường kỷ cương của Chúa để ông có thể suy ngẫm các công việc kỳ diệu của Ngài.
Psalms 119:29
Tác giả xin Đức Giê-hô-va khiến ông tránh xa con đường nào?
Ông xin Đức Giê-hô-va khiến ông tránh xa con đường dối trá.
Psalms 119:36
Tác giả xin Đức Giê-hô-va hướng lòng ông về đâu?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va hướng lòng ông về chứng ước Chúa và tránh những lợi lộc bất chính.
Psalms 119:37
Tác giả xin Đức Giê-hô-va đừng để mắt ông hướng vào điều gì?
Ông xin Đức Giê-hô-va đừng để mắt ông hướng về những điều vô nghĩa.
Psalms 119:43
Tác giả xin Đức Giê-hô-va đừng cất điều gì khỏi miệng ông?
Ông xin Đức Giê-hô-va đừng cất khỏi miệng ông lời của chân lý.
Psalms 119:45
Tại sao tác giả nói rằng ông sẽ bước đi cách ung dung?
Ông sẽ bước đi cách ung dung vì đã tìm kiếm kỷ cương của Chúa.
Psalms 119:47
Tác giả nói rằng ông vui thích điều gì?
Ông vui thích các điều răn Chúa.
Psalms 119:49
Tác giả xin Chúa nhớ lại điều gì?
Ông xin Chúa nhớ lại lời Chúa đã phán với đầy tớ Ngài.
Psalms 119:51
Mặc dù kẻ kiêu ngạo chế ngạo ông, nhưng tác giả vẫn không làm gì?
Tác giả đã không xây bỏ luật pháp Chúa.
Psalms 119:54
Tác giả nói rằng các luật lệ Chúa là bài ca của ông trong hoàn cảnh nào?
Các luật lệ Chúa là bài ca của ông trong cuộc đời lữ khách.
Psalms 119:58
Tác giả đã làm gì để xin sự thương xót của Đức Giê-hô-va?
Ông đã hết lòng cầu khẩn ơn lành của Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 119:61
Tác giả đã làm gì khi dây kẻ ác đã giăng bẫy hại ông?
Ông không quên luật pháp Chúa.
Psalms 119:63
Tác giả là bạn hữu của những người nào?
Ông là bạn hữu của mọi người kính sợ Chúa, của những ai tuân theo các kỷ cương của Ngài.
Psalms 119:66
Tại sao tác giả xin Đức Giê-hô-va dạy ông tri thức và sự phán đoán đúng đắn?
Ông xin Đức Giê-hô-va dạy ông tri thức và sự phán đoán đúng đắn của Ngài vì ông tin vào các điều răn Ngài.
Psalms 119:69
Tác giả đã làm gì khi kẻ kiêu ngạo dùng lời dối trá bôi nhọ ông?
Ông vẫn hết lòng tuân giữ kỷ cương của Chúa.
Psalms 119:71
Tại sao tác giả lại nói rằng hoạn nạn là điều tốt cho ông?
Điều đó tốt cho ông vì nhờ đó ông biết luật lệ của Chúa.
Psalms 119:72
Tác giả nói rằng luật pháp truyền phán từ miệng Chúa là quý báu với ông hơn cả điều gì?
Luật lệ truyền phán từ miệng Chúa quý báu cho ông hơn cả hàng nghìn đồng vàng và bạc.
Psalms 119:74
Tại sao tác giả lại nói rằng những người kính sợ Chúa sẽ vui mừng khi thấy ông?
Họ sẽ vui mừng khi thấy ông vì ông đã đặt hi vọng nơi lời của Chúa.
Psalms 119:76
Tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va an ủi ông thế nào?
Sự nhân từ Chúa an ủi ông.
Psalms 119:80
Tác giả xin cho lòng ông được trọn vẹn trong các luật lệ Chúa để điều gì không xảy ra?
Tác giả xin cho lòng ông được trọn vẹn trong các luật lệ Chúa để ông không bị hổ thẹn.
Psalms 119:82
Mắt của tác giả mong mỏi điều gì?
Mắt của ông hao mòn vì mong ước lời của Đức Giê-hô-va.
Psalms 119:85
Những kẻ kiêu ngạo đã làm gì với luật pháp của Đức Giê-hô-va?
Những kẻ kiêu ngạo đã đào hầm hại ông là điều không theo luật pháp của Đức Giê-hô-va.
Psalms 119:88
Tác giả xin Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho ông được sống và ông có thể làm gì?
Ông xin Đức Giê-hô-va làm cho ông được sống để ông tuân giữ chứng ước từ miệng Chúa.
Psalms 119:90
Sự thành tín của Đức Giê-hô-va kèo dài trong bao lâu?
Sự thành tín của Đức Giê-hô-va trường tồn mãi mãi.
Psalms 119:93
Tại sao tác giả không hề quên kỷ cương của Chúa?
Ông sẽ chẳng hề quên kỷ cương của Chúa, vì nhờ đó Chúa làm ông được sống.
Psalms 119:96
Điều gì là vô hạn?
Luật pháp Chúa là vô cùng vô tận.
Psalms 119:99
Tại sao tác giả lại nói ông thấu hiểu hơn tất cả những người dạy ông?
Ông hiểu hơn tất cả những người dạy ông vì ông suy ngẫm các chứng ước Chúa.

Chapter 120
Psalms 120:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Bài ca đi lên
Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang".
Trong cơn gian truân
"Trong cơn buồn thảm" hoặc "Khi con phiền muộn"
Giải cứu mạng sống con
"Mạng sống" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Giải cứu con"
Những kẻ có môi dối trá và lưỡi phỉnh gạt
Ở đây "môi" và "lưỡi" chỉ về kẻ nói dối và phỉnh gạt. Gợi ý dịch: "những kẻ nói dối con và tìm cách phỉnh gạt con"
Psalms 120:3
Hỡi kẻ có lưỡi dối trá, Ngài sẽ trừng phạt ngươi thể nào, Ngài sẽ làm gì nữa với ngươi?
Tác giả hỏi câu này để bắt đầu giải thích Đức Chúa Trời sẽ làm gì với kẻ dối trá. Có thể dịch câu hỏi này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Hỡi kẻ có lưỡi dối trá, Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt ngươi và làm cho ngươi như thế này".
Hỡi kẻ có lưỡi dối trá
"Lưỡi dối trá" ở đây chỉ về người nói dối. Gợi ý dịch: "kẻ nói dối"
Ngài sẽ trừng phạt ngươi bằng mũi tên của dũng sĩ
Đức Chúa Trời trừng phạt kẻ nói dối cách nặng nề được tác giả gọi là Đức Chúa Trời bắn tên vào chúng. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ trừng phạt ngươi nặng nề như thể Ngài lấy mũi tên của dũng sĩ mà bắn vào ngươi"
Được mài nhọn trên than đỏ hực của cây giếng giêng
Ở đây nói đến cách người ta rèn mũi tên trên lửa. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "mà Ngài mài nhọn trên than đỏ hực của cây giếng giêng"
Psalms 120:5
Con tạm trú tại Mê-siếc, con từng ở giữa các trại Kê-đa
Hai nơi này cách nhau rất xa. Dường như tác giả dùng những tên gọi này theo cách ẩn dụ để nói đến việc ông sống giữa những người gian ác và man rợ. Gợi ý dịch: "Như thể con sống tại Mê-siếc hay ở giữa các trại Kê-đa"
các trại Kê-đa
Cụm từ này chỉ về người Kê-đa sống trong các trại đó. Gợi ý dịch: "Người sống tại Kê-đa"
Con mong ước hòa bình
"Con muốn hòa bình"
Chúng đòi chiến tranh
"chúng muốn chiến tranh"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 120:1

Đức Giê-hô-va đã làm gì khi tác giả kêu cầu Ngài trong cơn gian truân?

Tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va đã đáp lời ông.

Psalms 120:2

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì cho linh hồn mình?

Tác giả đang cầu xin Đức Giê-hô-va giải cứu linh hồn ông khỏi môi dối trá, khỏi lưỡi phỉnh gạt.

Psalms 120:4

Tác giả nói với dân chúng rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với những kẻ phỉnh gạt?

Đức Giê-hô-va sẽ bắn chúng nó bằng những mũi tên nhọn và than đỏ hực của cây giếng giêng.

Psalms 120:5

Tác giả nói rằng ông đã ngụ và trú ở đâu?

Tác giả nói rằng ông ngự ở Mê-siếc và trước đây ông trú dưới các trại Kê-đa.

Psalms 120:6

Tác giả nói gì về sự hòa bình?

Tác giả nói ông đã sống chung quá lâu với kẻ ghét hòa bình, và ông muốn hòa bình.

Psalms 120:7

Tác giả nói gì về sự hòa bình?

Tác giả nói ông đã sống chung quá lâu với kẻ ghét hòa bình, và ông muốn hòa bình.

Chapter 121

Psalms 121:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Tôi ngước mắt lên

Có nghĩa là "nhìn vào" hay "tập trung chú ý vào"

Sự cứu giúp tôi đến từ đâu?

Tác giả dùng câu hỏi này để hướng sự chú ý vào nguồn cứu giúp của ông. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ nói sự cứu giúp tôi đến từ đâu."

Sự cứu giúp tôi đến từ Đức Giê-hô-va

Đây là câu trả lời cho câu hỏi đi trước.

Psalms 121:3

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây có sự chuyển đổi sang ngôi thứ hai. Có thể là 1) tác giả bắt đầu nói với dân Y-sơ-ra-ên hoặc 2) tác giả đang trích dẫn lời một người khác nói với mình.

chân ngươi trượt ngã

Trượt chân đi liền với việc vấp ngã. Gợi ý dịch: "ngươi vấp ngã"

Đấng bảo vệ ... Đấng canh giữ

Hai cụm từ này có nghĩa như nhau, nhấn mạnh Đức Chúa Trời là Đấng bảo vệ.

Đấng bảo vệ ngươi sẽ không buồn ngủ

"Buồn ngủ" ở đây có nghĩa là ngừng bảo vệ. Thể phủ định nhấn mạnh thêm cho ý của câu. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ không ngủ mà ngừng bảo vệ ngươi" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ luôn bảo vệ ngươi "

Sẽ không buồn ngủ ... không bao giờ chợp mắt hay buồn ngủ

Hai vế này có nghĩa như nhau. Vế thứ hai nhấn mạnh thêm cho ý của vế thứ nhất.

Kìa

Từ này hướng sự chú ý vào thông tin quan trọng theo sau.

không bao giờ chợp mắt hay buồn ngủ

Hai từ này có nghĩa như nhau. "Buồn ngủ" có nghĩa là ngừng bảo vệ. Thể phủ định nhấn mạnh thêm cho ý của câu. Gợi ý dịch: "sẽ không buồn ngủ mà ngừng bảo vệ ngươi" hoặc "sẽ luôn bảo vệ ngươi"

Psalms 121:5

Đức Giê-hô-va là bóng che ở bên phải ngươi

"Bóng che" ở đây chỉ về sự bảo vệ. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ở bên cạnh ngươi bảo vệ ngươi khỏi những điều làm hại ngươi"

ở bên phải ngươi

Ở đây có nghĩa là ở bên cạnh hoặc ở gần tác giả.

Mặt trời sẽ không hại ngươi lúc ban ngày, hay mặt trăng lúc ban đêm

Hai từ đối lập "ngày" và "đêm" chỉ về hai thái cực và toàn bộ khoảng ở giữa hai thái cực đó. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời bảo vệ người trong mọi lúc"

hay mặt trăng lúc ban đêm

Ngụ ý rằng mặt trăng "cũng không hại ngươi". Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "mặt trăng cũng không hại ngươi lúc ban đêm"

Psalms 121:7

Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ ngươi ... Ngài sẽ bảo vệ mạng sống ngươi ... Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ ngươi

Những câu này đều có ý nghĩa như nhau, được lặp lại để nhấn mạnh ý.

mạng sống ngươi

Ở đây chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "ngươi"

Translation Questions

Psalms 121:1

Tác giả sẽ ngước mắt lên trên điều gì?

Tác giả nói rằng ông sẽ ngước mắt lên trên núi.

Psalms 121:2

Tác giả nói sự cứu giúp của ông đến từ ai?

Tác giả nói rằng sự cứu giúp của ông đến từ Đức Giê-hô-va.

Psalms 121:3

Đức Giê-hô-va gìn giữ tác giả như thế nào?

Đức Giê-hô-va sẽ không để chân ông trượt ngã và sẽ bảo vệ cho ông.

Psalms 121:4

Tác giả nói Đấng gìn giữ Y-sơ-ra-ên sẽ không hề làm việc gì?

Đấng gìn giữ Y-sơ-ra-ên chẳng hề chợp mắt cũng không buồn ngủ.

Đấng gìn giữ và là bóng che của Y-sơ-ra-ên là ai?

Đức Giê-hô-va là Đấng gìn giữ Y-sơ-ra-ên và là bóng che ở bên phải họ.

Psalms 121:6

Điều gì sẽ không làm hại Y-sơ-ra-ên?

Mặt trời sẽ không hại họ và mặt trăng cũng không hại họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ban đêm.

Psalms 121:7

Ai sẽ gìn giữ Y-sơ-ra-ên khỏi mọi tai họa và mạng sống họ trong mọi việc họ làm?

Đức Giê-hô-va sẽ gìn giữ họ khỏi mọi tai họa, gìn giữ mạng sống họ trong mọi việc họ làm.

Psalms 121:8

Ai sẽ gìn giữ Y-sơ-ra-ên khỏi mọi tai họa và mạng sống họ trong mọi việc họ làm?

Đức Giê-hô-va sẽ gìn giữ họ khỏi mọi tai họa, gìn giữ mạng sống họ trong mọi việc họ làm.

Chapter 122

Psalms 122:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Hỡi Giê-ru-sa-lem, chân chúng ta đang đứng trong các cổng của ngươi!

Tác giả tạm ngừng nói với người nghe để chuyển sang nói với thành Giê-ru-sa-lem. Giê-ru-sa-lem được nói như thể là một con người, có thể lắng nghe tác giả nói.

chân chúng ta đang đứng

"Chân" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "chúng ta đang đứng"

trong các cổng của ngươi

"Các cổng" ở đây chỉ về các thành phố. Gợi ý dịch: "hỡi Giê-ru-sa-lem ... ở trong ngươi"

Psalms 122:4

danh của Đức Giê-hô-va

"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va"

Nhà của Đa-vít

"Nhà" ở đây chỉ về dòng dõi của Đa-vít. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Đa-vít"

Psalms 122:6

Nguyện người nào yêu mến ngươi được bình an ... bình an ở trong thành ngươi

Phần này nói lên nội dung lời cầu nguyên mà tác giả muốn người nghe cầu nguyện. Ông muốn họ nói trực tiếp với thành Giê-ru-sa-lem, như thể Giê-ru-sa-lem là con người có thể nghe họ nói.

Nguyện sự bình an ở trong ... nguyện trong chúng có sự bình an

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Nguyện dân chúng tại Giê-ru-sa-lem được sống bình yên"

Trong các bức tường bảo vệ ngươi ... trong thành ngươi

Ở đây Giê-ru-sa-lem được gọi bằng tường thành bảo vệ nó. Từ "tường" và "thành" cùng chỉ về một đối tượng. Gợi ý dịch: "trong Giê-ru-sa-lem"

Psalms 122:8

Thông Tin Tổng Quát:

Trong phần này tác giả nói với thành Giê-ru-sa-lem như thể nó là con người, có thể nghe ông nói.

Vì cớ

"Vì ích lợi"

Nguyện hòa bình ở trong ngươi

"Nguyện cho dân chúng trong ngươi được sống bình yên"

Tìm điều ích lợi cho ngươi

Danh từ trừu tượng "điều ích lợi" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "cầu mong người ta hậu đãi ngươi"

Translation Questions

Psalms 122:1

Đa-vít nói điều gì làm cho ông vui mừng?

Đa-vít nói "Chúng ta hãy đi đến nhà Đức Giê-hô-va."

Psalms 122:2

Chân của mọi người đang đứng ở đâu?

Chân của họ đang đứng trong các cổng của Giê-ru-sa-lem.

Psalms 122:3

Giê-ru-sa-lem được xây dựng như thế nào?

Giê-ru-sa-lem được xây như một thành nhỏ xây kiên cố liên kết với nhau.

Psalms 122:4

Tại sao các bộ tộc lại lên Giê-ru-sa-lem?

Các bộ tộc đi lên Giê-ru-sa-lem để cảm tạ danh của Đức Giê-hô-va.

Psalms 122:5

Tại sao các nhà lãnh đạo ngồi trên ngai tại Giê-ru-sa-lem?

Các nhà lãnh đạo ngồi trên ngai để phán xét nhà Đa-vít.

Psalms 122:6

Điều gì sẽ xảy ra cho những người yêu mến Giê-ru-sa-lem?

Những ai yêu mến Giê-ru-sa-lem sẽ được thịnh vượng.

Psalms 122:7

Đa-vít muốn được điều gì khi ở trong tường thành và thịnh vượng trong các cung đền Giê-ru-sa-lem?

Ông muốn có sự hòa bình khi ở trong tường thành và thịnh vượng trong các cung đền.

Psalms 122:8

Đa-vít sẽ nói với ai rằng: "Nguyện hòa bình ở trong ngươi."?

Đa-vít nói điều này vì lợi ích của anh em ông và bạn hữu ông.

Psalms 122:9

Tại sao Đa-vít nói rằng ông sẽ cầu mong phước lành cho Giê-ru-sa-lem?

Ông sẽ cầu mong phước lành cho Giê-ru-sa-lem vì nhà của Giê-hô-va Đức Chúa Trời.

Chapter 123

Psalms 123:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Con ngước mắt lên

Ở đây tác giả đề cập đến mắt của ông vì đó là quan thể dùng để nhìn. Gợi ý dịch: "Con nhìn lên Ngài"

Ngự

Ngồi trên ngai làm vua cai trị

Như mắt đầy tớ ... như mắt tớ gái ... thì mắt chúng con

Ba cụm từ này có ý nghĩa như nhau. Cụm từ thứ ba, nói về dân Y-sơ-ra-ên, được so sách như cách đầy tớ và tớ gái nhìn lên ông chủ và bà chủ của mình để cầu xin được giúp đỡ. Trong mỗi trường hợp, "mắt" đều chỉ về chính người đó.

Tay ông chủ ... tay bà chủ

"Tay" ở đây chỉ về sự chu cấp nhu cầu. Gợi ý dịch: "sự chu cấp của ông chủ ... sự chu cấp của bà chủ"

Tớ gái

"đầy tớ gái"

Bà chủ

Người phụ nữ có thẩm quyền trên các đầy tớ gái

Thương xót chúng con

Danh từ trừu tượng "sự thương xót" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "làm ơn trên chúng con"

Psalms 123:3

Thương xót chúng con

Danh từ trừu tượng "sự thương xót" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "làm ơn trên chúng con". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở PSA123:001

Chúng con đầy nhục nhã

Ở đây sự nhục nhã được nói như thể nó là thứ có thể lấp đầy một người. "Chúng con vô cùng nhục nhã"

chúng con quá đầy

Câu này có nghĩa là quá nhiều theo ý tiêu cực. Gợi ý dịch: "Chúng con có quá nhiều"

Sự nhạo bang ... và sự khinh miệt

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh họ bị người ta chế nhạo đến thế nào.

Nhạo báng

Chếu giễu hoặc xúc phạm

Bọn xấc xược

Chỉ về những người xấc xược. Gợi ý dịch: "những người thô lỗ và kiêu ngạo"

kẻ kiêu ngạo

Ở đây chỉ về những người kiêu ngạo. Gợi ý dịch: "những người kiêu ngạo"

Translation Questions

Psalms 123:1

Tác giả ngước mắt lên nhìn về ai?

Tác giả ngước mắt lên hướng về Đấng ngự trên các tầng trời.

Psalms 123:2

Mắt của dân sự ngưỡng vọng Giê-hô-va Đức Chúa Trời trong bao lâu?

Họ nhìn xem Đức Giê-hô-va cho đến chừng nào Ngài thương xót họ.

Psalms 123:3

Tại sao dân sự cầu xin Đức Giê-hô-va thương xót họ?

Dân sự đầy dẫy sự chán ngán, sự nhạo báng của kẻ tự phụ, và sự khinh miệt của bọn kiêu căng.

Psalms 123:4

Tại sao dân sự cầu xin Đức Giê-hô-va thương xót họ?

Dân sự đầy dẫy sự chán ngán, sự nhạo báng của kẻ tự phụ, và sự khinh miệt của bọn kiêu căng.

Chapter 124

Psalms 124:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Nếu Đức Giê-hô-va không về phía chúng ta ... thì chúng đã nuốt sống chúng ta rồi

Đây là câu giả định mô tả kết quả không có thực, vì Đức Giê-hô-va bênh vực họ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ở về phía chúng ta ... nên chúng chẳng thể nuốt sống chúng ta"

Nếu Đức Giê-hô-va không về phía chúng ta ... nếu không có Đức Giê-hô-va về phía chúng ta

Hai vế này có nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "Nếu không có sự giúp đỡ của Đức Giê-hô-va ... nếu không có sự giúp đỡ của Đức Giê-hô-va"

nuốt sống chúng ta

Phép ẩn dụ này mô tả dân Y-sơ-ra-ên có thể đã chết như một con thú nhỏ bị thú dữ ăn thịt.
Gợi ý dịch: "giết chúng ta"

cơn giận của chúng nổi lên cùng chúng ta

"Cơn giận của chúng" chỉ về những kẻ thù tức giận. Gợi ý dịch: "chúng nổi giận cùng chúng ta!"

Psalms 124:4

Thông Tin Tổng Quát:

Ở hai câu này tác giả ví sánh các kẻ thù của Y-sơ-ra-ên như nước lụt.

Lẽ ra nước đã cuốn chúng ta đi ... đã nhấn chìm chúng ta

Câu này tiếp tục giả thiết ở câu trước, mô tả một kết quả không có thực vì Đức Giê-hô-va đã bênh vực họ. Gợi ý dịch: "Nước đã không cuốn được chúng ta đi ... không nhấn chìm được chúng ta"

Nước ... dòng thác ... những dòng nước cuồng bạo

Tất cả những cụm từ này đều chỉ về cùng một đối tượng.

cuốn chúng ta đi ... phủ lấp chúng ta ... nhấn chìm chúng ta

Những cụm từ này có nghĩa như nhau.

Lẽ ra nước đã cuốn chúng ta đi

Ở đây kẻ thù của tác tác giả được ví như nước lụt. Gợi ý dịch: "Lẽ ra kẻ thù của chúng ta đã dễ dàng đánh bại chúng ta rồi"

Dòng thác hẳn đã phủ lấp chúng ta rồi

Ở đây kẻ thù của tác giả được ví như nước lụt lẽ ra đã nhấn chìm dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "các kẻ thù chúng ta hẳn đã phủ lấp chúng ta rồi"

những dòng nước cuồng bạo hẳn đã nhấn chìm chúng ta rồi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây các kẻ thù của tác giả được ví như dòng sông cuồng bạo lẽ ra đã nhấn chìm Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "kẻ thù của chúng ta hẳn đã tiêu diệt chúng ta rồi"

Psalms 124:6

bị răng chúng cắn xé

Các kẻ thù được ví như thú hoang sẽ ăn thịt dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "bị tiêu diệt như thể bị thú hoang ăn thịt"

Được thoát khỏi như chim thoát khỏi bẫy của kẻ bẫy chim

Tác giả mô tả ông thoát khỏi kẻ thù như thể ông là chim thoát khỏi bẫy của thợ săn. Gợi ý dịch: "thoát khỏi kẻ thù như thể chim thoát khỏi bẫy giăng của thợ săn" (UDB)

Bẫy

Bẫy nhỏ làm bằng dây để bắt chim hoặc những con thú nhỏ

Bẫy đã bị gẫy

Âm mưu bắt tác giả của kẻ thù bị thất bại giống như bẫy bị gẫy.

Translation Questions

Psalms 124:1

Điều gì sẽ xảy ra nếu Đức Giê-hô-va không bênh vực Y-sơ-ra-ên khi con người nổi dậy chống lại họ?

Nếu Đức Giê-hô-va không bênh vực Y-sơ-ra-ên, thì những người nổi dậy chống lại họ đã nuốt sống họ.

Psalms 124:3

Điều gì sẽ xảy ra nếu Đức Giê-hô-va không bênh vực Y-sơ-ra-ên khi con người nổi dậy chống lại họ?

Nếu Đức Giê-hô-va không bênh vực Y-sơ-ra-ên, thì những người nổi dậy chống lại họ đã nuốt sống họ.

Psalms 124:4

Nước lụt, dòng thác và những lượn sống đã làm gì Y-sơ-ra-ên?

Nước lụt chắc đã nhận chìm họ, dòng thác đã quét qua linh hồn họ và những lượn sóng cuồng nộ đã cuốn trôi sinh mạng họ.

Psalms 124:5

Nước lụt, dòng thác và những lượn sống đã làm gì Y-sơ-ra-ên?

Nước lụt chắc đã nhận chìm họ, dòng thác đã quét qua linh hồn họ và những lượn sóng cuồng nộ đã cuốn trôi sinh mạng họ.

Psalms 124:6

Người ta làm gì sau khi Đức Giê-hô-va không phó họ làm mồi cho nanh vuốt?

Người ta chúc tụng Đức Giê-hô-va.

Psalms 124:7

Sự trốn thoát của người Y-sơ-ra-ên giống điều gì?

Sự trốn thoát của họ giống như chim thoát khỏi bẫy của kẻ bẫy chim.

Psalms 124:8

Đa-vít nói sự cứu giúp của người Y-sơ-ra-ên đến từ đâu?

Sự cứu giúp của người Y-sơ-ra-ên đến từ Đức Giê-hô-va, là Đấng dựng nên trời và đất.

Chapter 125

Psalms 125:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Những người tin cậy Đức Giê-hô-va giống như núi Si-ôn, không rúng động nhưng tồn tại đời đời

Những người tin cậy nơi Đức Giê-hô-va được ví như núi Si-ôn. Núi thì không thể nào bị dời chuyển.

Các núi vây quanh Giê-ru-sa-lem thể nào thì Đức Giê-hô-va cũng bao quanh con dân Ngài thể ấy

Sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va được nói như thể Ngài là núi vây quanh Giê-ru-sa-lem. Giê-ru-sa-lem được những ngọn núi vây quanh, giúp bảo vệ nó khỏi bị tấn công. Gợi ý dịch: "Các đồi núi vây quanh bảo vệ Giê-ru-sa-lem thể nào thì Đức Giê-hô-va cũng bảo vệ con dân Ngài thể ấy" (UDB)

bây giờ cho đến đời đời

Cụm từ này có nghĩa là "luôn luôn".

Vương trượng của kẻ ác

Vương trượng của kẻ ác ở đây tượng trưng cho sự cai trị của kẻ gian ác. Gợi ý dịch: "Người gian ác" hoặc "Kẻ cầm quyền gian ác"

Psalms 125:4

Lạy Đức Giê-hô-va, xin làm lành

Đây là một lời cầu xin. Danh từ trừu tượng "lành" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin làm điều lành" hoặc "Lạy Đức Giê-hô-va, con xin Ngài làm điều tốt lành"

Ngay thẳng trong lòng

Ở đây "lòng" chỉ về khao khát của họ. Gợi ý dịch: "khao khát làm điều ngay lành"

Quay đi

Từ chối vâng theo Đức Giê-hô-va được gọi là xoay bỏ khỏi con đường ngay lành. Gợi ý dịch: "lìa bỏ điều tốt lành"

đường cong quẹo

Ở đây lối sống gian ác được ví như con đường không thẳng lối. Gợi ý dịch: "con đường gian ác của chúng"

Dẫn chúng đi

Dẫn đi để trừng phạt chúng. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "dẫn chúng đi để trừng phạt chúng"

Translation Questions

Psalms 125:1

Những người tin cậy Đức Giê-hô-va giống điều gì?

Họ giống núi Si-ôn, không rúng động nhưng tồn tại mãi mãi.

Psalms 125:2

Tác giả so sánh Đức Giê-hô-va vây phủ con dân Y-sơ-ra-ên Ngài với điều gì?

Tác giả so sánh Đức Giê-hô-va vây phủ con dân Ngài như thể các núi vây quanh Giê-ru-sa-lem, từ bây giờ cho đến mãi mãi.

Psalms 125:3

Điều gì không được đặt trên sản nghiệp của người công chính?

Vương trượng của kẻ ác không được đặt trên sản nghiệp của người công chính.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 125:4
Tác giả xin Đức Giê-hô-va làm điều tốt lành cho ai?
Ông xin Đức Giê-hô-va làm điều tốt lành cho người lành và cho người có lòng chính trực.
Psalms 125:5
Có điều gì xảy ra với những kẻ đi theo đường cong quẹo?
Đức Giê-hô-va sẽ đuổi chúng đi chung với kẻ làm ác.
Tác giả mong muốn điều gì cho Y-sơ-ra-ên?
Tác giả nguyện sự bình an trên Y-sơ-ra-ên.

Chapter 126
Psalms 126:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
bài ca đi lên
Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001
Phục hồi vận mệnh của si-ôn
"khiến Si-ôn thịnh vượng trở lại"
Psalms 126:2
miệng chúng con đầy tiếng vui cười
Tiếng vui cười được nói đến như thể miệng của họ là vật chứa và tiếng cười nằm trong đó. Có thể nói rõ tiếng cười này là đáp ứng từ niềm vui trong họ. Gợi ý dịch: "chúng con cười vui vẻ"
Lưỡi chúng con ca hát
Có thể dịch rõ động từ "đầy". Ca hát được nói như thể lưỡi của họ là vật chứa và lời ca hát nằm trong đó. Gợi ý dịch: "lưỡi chúng con đầy lời ca hát" hoặc "chúng con hát bài hát vui mừng"
Người ta nói giữa các nước
"Dân của các nước nói với nhau". Đại từ được sử dụng trước khi giới thiệu đối tượng nó muốn chỉ đến, đây là cách nói ít được sử dụng.
Đức Giê-hô-va đã làm cho chúng con những việc vĩ đại, chúng con thật vui mừng!
"Chúng con thật vui mừng vì Đức Giê-hô-va làm những việc vĩ đại cho chúng con!"
Psalms 126:4
Người nào gieo giống trong nước mắt ... Người nào vừa đi vừa khóc ... mang bó lúa mình
Hai câu này song song với nhau. Câu thứ hai đồng nghĩa với câu thứ nhất nhưng nói chi tiết hơn.
Người nào gieo giống trong nước mắt
"Người nào gieo với nước mắt"

Translation Questions

Psalms 126:1
Đức Giê-hô-va hồi phục Si-ôn giống với điều gì?
Họ giống như người nằm mơ.
Psalms 126:2
Cái gì đã lấp đầy miệng họ khi Đức Giê-hô-va đưa những người bị lưu đày của Si-ôn về?
Miệng của họ đầy tiếng vui cười và lưỡi họ reo mừng ca hát.
Psalms 126:3
Cái gì đã lấp đầy miệng họ khi Đức Giê-hô-va đưa những người bị lưu đày của Si-ôn về?
Miệng của họ đầy tiếng vui cười và lưỡi họ reo mừng ca hát.
Psalms 126:4
Tác giả xin Đức Giê-hô-va điều gì?
Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va đưa họ trở về từ cảnh lưu đày.
Psalms 126:5
Điều gì sẽ xảy ra cho người gieo trong nước mắt?
Họ sẽ gặt hái cách vui mừng
Psalms 126:6
Điều gì sẽ xảy ra với người nào vừa đi vừa khóc đem giống ra vãi?
Người đó sẽ trở về cách vui mừng, mang bó lúa mình.

Chapter 127
Psalms 127:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
bài ca đi lên
Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001
dậy sớm, về muộn
Người làm việc chăm chỉ thường phải dậy từ sáng sớm và trở về nhà vào tối khuya.
Ăn bánh lao khổ
Đây là một lối nói. Bánh thường tượng trưng cho thức ăn con người cần dùng mỗi ngày để tồn tại. Gợi ý dịch: "làm việc cực nhọc vì nhu cầu hằng ngày"
Psalms 127:3
Cơ nghiệp
"Món quà" hoặc "tài sản giá trị". Con cái thường được nhận cơ nghiệp từ cha mẹ. Cơ nghiệp được truyền từ cha mẹ sang con cái. Phân đoạn này gọi con cái là cơ nghiệp của cha mẹ.
Con cái sinh ra đang tuổi thanh xuân khác nào mũi tên trong tay dũng sĩ
Mũi tên rất quan trọng đối với một dũng sĩ vì chúng bảo vệ cho người trong chiến trận. Con cái được ví như là mũi tên của một dũng sĩ. Gợi ý dịch: "Có nhiều con cháu sẽ giúp bảo vệ cho ngươi"
để chúng đầy ống tên mình
Ống tên là đồ dùng đựng mũi tên. Có nhiều con cháu được nói như thể con cháu là mũi tên trong ống tên. Gợi ý dịch: "nhà đầy con cái" hoặc "nhiều con cái"

---

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Psalms 127:1

Điều gì sẽ xảy ra nếu Đức Giê-hô-va không cất nhà và không canh giữ thành?

Khi Đức Giê-hô-va không cất nhà, thì thợ xây có lao nhọc cũng luống công, và nếu Đức Giê-hô-va không canh giữ thành, thì người lính canh có thức đêm cũng vô ích.

Psalms 127:2

Đức Giê-hô-va ban điều gì cho người Ngài yêu mến?

Đức Giê-hô-va ban giấc ngủ cho người Ngài yêu mến.

Psalms 127:3

Cơ nghiệp và phần thưởng của Đức Giê-hô-va là gì?

Con cái là cơ nghiệp, bông trái của tử cung là phần thưởng của Đức Giê-hô-va.

Psalms 127:4

Con cái đang tuổi thanh xuân giống điều gì?

Con cái khác nào mũi tên trong tay dũng sĩ.

Psalms 127:5

Khi người được phước, người run rẩy và chẳng hổ thẹn cùng ai?

Người sẽ không hổ thẹn khi đối đáp với kẻ thù mình tại cổng thành.

Chapter 128

Psalms 128:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Phước cho người nào tôn kính Đức Giê-hô-va

Câu này được viết ở dạng bị động để tránh mang ý nghĩa rằng Đức Giê-hô-va buộc phải ban phước cho người nào tôn kính Ngài. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho người nào tôn kính Ngài"

Điều tay ngươi ban ra

Người ta có thể nói đến tay của một người để chỉ về chính người đó vì tay là bộ phận người đó dùng để làm việc. Gợi ý dịch: "Điều ngươi ban ra" hoặc "Điều ngươi làm việc"

Ngươi sẽ được phước và thịnh vượng

"Được phước" và "thịnh vượng" có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh ân huệ của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho ngươi và cho ngươi được thịnh vượng" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho ngươi được phước và thịnh vượng"

Psalms 128:3

như cây nho sai trái trong nhà ngươi

Người vợ được ví như cây nho sanh nhiều trái. Câu này ngụ ý con cái là bông trái và người vợ sẽ có nhiều con. Gợi ý dịch: "rất sai trái và cho ngươi nhiều con cái"

Con cái ngươi khác nào các cây ô-liu

Con cái được ví như cây ô-liu vì chúng mọc lên bao quanh vật gì đó. Con cái sẽ ngồi quanh, kín cả bàn. Gợi ý dịch: "ngươi sẽ có nhiều con cái, chúng sẽ lớn lên và thịnh vượng"

quanh bàn ngươi

Ở đây chỉ về nơi gia đình tập trung lại vào bữa ăn. Những người ăn trên bàn của một người thường là những người ở dưới thẩm quyền hay sự kiểm soát của người đó.

người nào kính sợ Đức Giê-hô-va sẽ được phước

Có thể dịch thành động từ chủ động. "Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho người kính sợ Ngài"

Trọn các ngày của đời ngươi

"trọn đời ngươi"

Nguyện sự bình an giáng trên Y-sơ-ra-ên

"Nguyện Y-sơ-ra-ên được bình an"

Translation Questions

Psalms 128:1

Điều gì xảy ra cho những người nào kính sợ Đức Giê-hô-va và đi trong đường lối Ngài?

Người nào kính sợ Đức Giê-hô-va và đi trong đường lối Ngài thì sẽ được phước.

Psalms 128:2

Tác giả nói điều gì sẽ xảy ra với người hưởng thành quả của tay mình?

Người đó sẽ được phước và may mắn.

Psalms 128:3

Tác giả nói vợ của người được phước thế nào?

Vợ người ấy như cây nho sai trái.

Tác giả nói con cái người được phước như thế nào?

Con cái người khác nào những chồi ô-liu.

Psalms 128:4

Điều gì sẽ xảy ra với người kính sợ Đức Giê-hô-va?

Người kính sợ Đức Giê-hô-va sẽ được phước.

Psalms 128:5

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì cho người được phước từ Si-ôn?

Tác giả cầu xin người từ Si-ôn thấy được sự phồn thịnh của Giê-ru-sa-lem, nguyện trọn đời người sẽ được thấy con cháu của con cháu mình.

Psalms 128:6

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì cho người được phước từ Si-ôn?

Tác giả cầu xin người từ Si-ôn thấy được sự phồn thịnh của Giê-ru-sa-lem, nguyện trọn đời người sẽ được thấy con cháu của con cháu mình.

Chapter 129

Psalms 129:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Người thợ cày đã cày xéo trên lưng tôi

Vết cắt do đòn roi được ví như đường cày của người thợ cày. Người nông dân cày những đường thật sâu trên cánh đồng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gợi ý dịch: "Các kẻ thù của tôi đã cắt thật sâu trên lưng tôi"
Chúng xẻ những đường cày dài
Ở đây tiếp tục hình ảnh ẩn dụ về việc cày cấy. "Đường cày" là đường người nông dân kéo cày. Gợi ý dịch: "Chúng làm ra những vết cắt dài"
Psalms 129:4
Ngài đã cắt đứt dây trói của kẻ ác
Y-sơ-ra-ên được nói như thể bị kẻ ác trói buộc. Gợi ý dịch: "Ngài đã giải phóng chúng ta khỏi kẻ thù"
Nguyện hết thảy chúng đều bị hổ thẹn và thối lui
Câu này không nói rõ Đức Giê-hô-va là Đấng làm những điều này. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va làm chúng hổ thẹn và đánh bại chúng"
Psalms 129:6
Nguyện chúng như ... rơm rạ
Tác giả thi thiên nói như thể kẻ thù của ông hấp hối và ít đi. Chúng được ví sánh như một ít cỏ mọc trên mái nhà và héo đi, không đủ để cắt hay bó. Gợi ý dịch: "Nguyện chúng chết đi và trở nên ít ỏi đến nỗi giống như cỏ ... rơm rạ"
Nguyện phước lành của Đức Giê-hô-va ở trên ngươi
"Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho ngươi"

Translation Questions

Psalms 129:1
Y-sơ-ra-ên thường bị tấn công và áp bức từ khi nào?
Y-sơ-ra-ên bị tấn công và áp bức từ khi còn thơ ấu.
Psalms 129:2
Y-sơ-ra-ên thường bị tấn công và áp bức từ khi nào?
Y-sơ-ra-ên bị tấn công và áp bức từ khi còn thơ ấu.
Psalms 129:3
Người nông dân đang làm gì trên lưng của Y-sơ-ra-ên?
Người nông dân đã cày xéo trên lưng của Y-sơ-ra-ên và xẻ đường cày dài trên đó.
Psalms 129:4
Đức Giê-hô-va đã làm điều công bình gì cho Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va đã dứt dây trói của kẻ ác.
Psalms 129:5
Tác giả muốn điều gì xảy ra với những kẻ ghét Si-ôn?
Ông muốn chúng bị hổ thẹn và thối lui.
Psalms 129:8
Tác giả không muốn người qua kẻ lại nói điều gì?
Ông không muốn họ nói, "Cầu xin Đức Giê-hô-va ban phước lành cho các ngươi, chúng ta nhân danh Đức Giê-hô-va chúc phước cho các ngươi."

Chapter 130
Psalms 130:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
bài ca đi lên
Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001
Từ nơi vực sâu
Sự buồn rầu của tác giả được nói như thể nó là một vật chứa. Sự buồn rầu của ông ra từ đáy của vật chứa. Sự buồn rầu thường được nói như thể một vật chứa đầy tràn. Gợi ý dịch: "Vì con rất buồn rầu"
Xin lắng tai nghe
Tai ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va, nhưng vì tác giả biết rằng Đức Giê-hô-va có thể nghe được mọi điều nên thực chất ông đang cầu xin Đức Giê-hô-va đáp lời. Gợi ý dịch: "xin lắng nghe" hoặc "xin đáp lời"
Lời nài xin sự thương xót của con
"Sự thương xót" không phải là vật để có thể trao cho ai đó. Tác giả đang cầu xin Đức Giê-hô-va thương xót ông. Gợi ý dịch: "lời cầu xin của con và thương xót con"
Psalms 130:3
Ai có thể đứng nỗi?
Tác giả dùng câu hỏi này để thể hiện sự vô vọng khi nghĩ xem người nào có thể đứng nỗi trong trường hợp này. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "chẳng ai có thể đứng nỗi".
Ai có thể đứng nỗi
"Đứng" thường tượng trưng cho việc thoát khỏi hay sống sót khi bị tấn công. Trong trường hợp này là thoát khỏi việc bị trừng phạt. Gợi ý dịch: "không ai có thể thoát khỏi sự trừng phạt của Ngài" hoặc "không ai có thể qua khỏi sự trừng phạt của Ngài"
Psalms 130:5
Linh hồn tôi
"Linh hồn tôi" chỉ về tác giả thi thiên. Gợi ý dịch: "tôi"
Linh hồn tôi trông đợi
Câu này nói như thể tác giả thi thiên đang trông chờ điều gì đó. Gợi ý dịch: "tôi hy vọng" hoặc "tôi tin cậy" hoặc "tôi mong ước"
Linh hồn tôi trông đợi ... hơn người lính canh trông đợi sáng
Tác giả thi thiên nói ông mong ước Chúa giúp đỡ ông hơn cả những người làm việc cả đêm trông đợi sáng. (Xem: [[rc://vi/ta//man/translate/figs-simile]])
người lính canh
Đây là những người canh giữ thành hay đồng ruộng khỏi kẻ thù hay trộm cướp. Ở đây chỉ về những người phải thức đêm để canh giữ.
Psalms 130:7
Y-sơ-ra-ên ... tội lỗi của người
Dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể một người. Gợi ý dịch: "dân Y-sơ-ra-ên ... của họ" hoặc "chúng con là dân Y-sơ-ra-ên ... của chúng con"

Translation Questions

Psalms 130:1
Tác giả khóc kêu cầu cùng Đức Giê-hô-va điều gì?
Tác giả kêu xin Chúa nghe tiếng kêu cầu của ông và xin Ngài lắng tai nghe tiếng nài xin của ông.
Psalms 130:2
Tác giả khóc kêu cầu cùng Đức Giê-hô-va điều gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tác giả kêu xin Chúa nghe tiếng kêu cầu của ông và xin Ngài lắng tai nghe tiếng nài xin của ông.

Psalms 130:3

Tại sao tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va được kính sợ?

Đức Giê-hô-va phải được tôn kính vì lòng tha thứ của Ngài.

Psalms 130:4

Tại sao tác giả nói rằng Đức Giê-hô-va được kính sợ?

Đức Giê-hô-va phải được tôn kính vì lòng tha thứ của Ngài.

Psalms 130:5

Linh hồn tác giả trông đợi và hi vọng ai?

Linh hồn tác giả trông đợi Ngài và ông hi vọng nơi lời của Đức Giê-hô-va.

Psalms 130:6

Linh hồn tác giả trông đợi và hi vọng ai?

Linh hồn tác giả trông đợi Ngài và ông hi vọng nơi lời của Giê-hô-va.

Psalms 130:7

Tại sao tác giả lại kêu gọi hi vọng nơi Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va đầy lòng thương xót, Ngài ban ơn cứu rỗi cách dồi dào, Ngài sẽ chuộc Y-sơ-ra-ên khỏi mọi điều gian ác.

Psalms 130:8

Tại sao tác giả lại kêu gọi hi vọng nơi Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va đầy lòng thương xót, Ngài ban ơn cứu rỗi các dồi dào, Ngài sẽ chuộc Y-sơ-ra-ên khỏi mọi điều gian ác.

Chapter 131

Psalms 131:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

lòng con không kiêu ngạo, mắt con không tự cao

Lòng và mắt tượng trưng cho một người. Gợi ý dịch: "Con không kiêu ngạo hay tự cao"

Con không đeo đuổi những khát vọng cho bản thân

Có thể là "con không mong đợi làm những việc vĩ đại" hoặc "Con không nghĩ rằng mình cao cả".

Những việc vượt quá khỏi con

Những điều quá khó để thông hiểu được nói như thể chúng vượt cao hơn người hay quá xa vời không thể chạm đến được. Gợi ý dịch: "những điều quá khó hiểu"

Psalms 131:2

Con đã làm cho linh hồn con vững yên và an tịnh

Linh hồn tượng trưng cho một người và cảm xúc của người đó. Bình tĩnh và an tịnh được gọi là làm cho linh hồn vững yên và an tịnh. Gợi ý dịch: "Con bình tĩnh và an tịnh"

Linh hồn ở trong con

Linh hồn tượng trưng cho một người và cảm xúc của người đó. Gợi ý dịch: "Con"

đứa trẻ đã thôi bú bên mẹ mình

Tác giả thi thiên nói về việc ông vui mừng và thư thái như thể ông là đứa bé không còn đòi sữa mẹ. Gợi ý dịch: "vui mừng như đứa trẻ không còn khóc đòi sữa mà nằm ngủ trong vòng tay mẹ" hoặc "vui vẻ và thư thái"

Translation Questions

Psalms 131:1

Đa-vít mô tả lòng và mắt ông như thế nào?

Lòng ông không kiêu ngạo và mắt ông không tự cao.

Psalms 131:2

Linh hồn của Đa-vít giống điều gì?

Linh hồn ông êm dịu, an tịnh như đứa trẻ đã thôi bú.

Psalms 131:3

Đa-vít nói với Y-sơ-ra-ên hãy trông cậy vào Đức Giê-hô-va khi nào?

Ông bảo họ hãy trông cậy nơi Đức Giê-hô-va từ nay cho đến đời đời.

Chapter 132

Psalms 132:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Vì Đa-vít

"vì những điều đã xảy ra cho Đa-vít"

Nhớ lại

"nhớ đến" hoặc "suy nghĩ về"

Đấng Toàn Năng của Gia-cốp

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời.

Psalms 132:3

Người đã nói

"Vua Đa-vít đã nói"

Con sẽ không cho mắt con ngủ, cũng không cho mí mắt con nghỉ ngơi

Ngủ và nghỉ ngơi được ví như những thứ có thể được đem cho. Mắt và mí mắt ở đây chỉ về toàn bộ con người. Gợi ý dịch: "Con sẽ không để mắt con ngủ hay mí mắt con nghỉ ngơi" hoặc "con sẽ không ngủ hay nhắm mắt nghỉ ngơi"

Cho đến khi nào con tìm được một chỗ cho Đức Giê-hô-va

Xây dựng một nơi cho Đức Giê-hô-va được gọi là tìm được một chỗ cho Ngài. Gợi ý dịch: "cho đến khi con xây dựng được một nơi cho Đức Giê-hô-va"

Đấng Toàn Năng của Gia-cốp

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời.

Psalms 132:6

Chúng con đã nghe nói về nó tại Ơ-phơ-rát

Từ "nó" có thể chỉ về nơi đặt hòm thiêng của Đức Chúa Trời. Cụm từ "tại Ơ-phơ-rát" có thể chỉ về địa điểm họ đang ở khi nghe tin. Có thể dịch rõ ý này. Gợi ý dịch: "chúng con tại Ơ-phơ-rát có nghe nói về nơi đặt hòm thiêng" hoặc "chúng con ở Ơ-phơ-rát có nghe nói hòm thiêng đặt tại Gia-a"

cánh đồng Gia-a

Gia-a có thể là một tên gọi khác chỉ về thành Ki-ri-át Giê-a-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

rim. Đây có lẽ là những cánh đồng bao quanh thành phố.

Chúng con sẽ thờ phượng dưới bệ chân của Ngài

Thờ phượng Đức Chúa Trời tại hòm giao ước được gọi là quỳ dưới chân của vị vua đang ngồi trên ngai. Câu này thể hiện sự khiêm nhường và đầu phục Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "chúng con sẽ đi đến hòm giao ước của Đức Chúa Trời và thờ phượng Ngài, là vua"

Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy chỗi dậy, đến nơi an nghỉ của Ngài

Có thể dịch rõ động từ "vào". "Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy chỗi dậy, vào nơi an nghỉ của Ngài"

nơi an nghỉ của Ngài

Nơi Đức Chúa Trời lựa chọn để dân chúng thờ phượng Ngài được nói như thể đó là nơi Ngài an nghỉ hay cư ngụ đời đời. Gợi ý dịch: "nơi Chúa cư ngụ" hoặc "đền tạm của Chúa"

Chúa và hòm giao ước của sức mạnh Chúa!

Có thể là 1) "đến cùng hòm giao ước của sức mạnh Chúa" hoặc 2) "xin hãy đến và khiến hòm giao ước của sức mạnh Chúa cũng đến."

hòm giao ước của sức mạnh Chúa

"hòm giao ước thể hiện quyền năng vĩ đại của Chúa"

Psalms 132:9

Nguyện các thầy tế lễ của Chúa được mặc sự chính trực

Sự chính trực được nói như thể quần áo. Gợi ý dịch: "Nguyện người ta nhận thấy rằng các thầy tế lễ của Chúa có sự chính trực" hoặc "Con muốn người ta thấy các thầy tế lễ của Chúa luôn làm điều ngay thẳng"

Vì Đa-vít là đầy tớ Chúa

"Vì những điều đã xảy ra cho đầy tớ Chúa là Đa-vít." Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở PSA132:001

Xin đừng xoay khỏi vị vua được xức dầu của Chúa

"Xoay khỏi" ở đây có nghĩa là từ bỏ ai đó. Gợi ý dịch: "xin đừng từ bỏ vị vua Chúa đã xức dầu"

Psalms 132:11

Ta sẽ đặt một trong các con cháu ngươi lên ngai ngươi

Lập con cháu của một vị vua lên kế vị được gọi là đặt người trên ngôi vua. Gợi ý dịch: "Ta sẽ lập một trong các con cháu ngươi cai trị Y-sơ-ra-ên thế cho ngươi"

ngồi trên ngôi ngươi

Làm vua cai trị được gọi là ngồi trên ngôi. Gợi ý dịch: "làm vua cai trị"

Các con trai ngươi

Ở đây "các con trai ngươi" chỉ về các con cháu của Đa-vít sẽ lên làm vua. Gợi ý dịch: "Các con cháu ngươi"

Psalms 132:13

Thông Tin Tổng Quát:

"Ngài", "của ta" và "ta" chỉ về Đức Giê-hô-va, còn "nàng" chỉ về Si-ôn.

Si-ôn ... nàng ... nàng

Tác giả viết như thể thành Si-ôn là một người phụ nữ.

Ngài ước ao Si-ôn làm nơi ngự của Ngài

"Nơi ngự" ở đây chỉ về 1) ngôi Ngài sẽ cai trị hoặc 2) nơi Ngài sẽ ở.

Ngài ước ao Si-ôn làm nơi ngự của Ngài

"Đức Giê-hô-va ước ao Si-ôn làm nơi ngự của Đức Giê-hô-va". Câu này thể hiện rõ các đối tượng.

nơi an nghỉ của ta

Nơi Đức Chúa Trời chọn để dân chúng thờ phượng Ngài được nói như thể đó là nơi Ngài an nghỉ hay cư ngụ đời đời. Gợi ý dịch: "nơi ta ở" hoặc "đền tạm của ta"

Psalms 132:15

Lời Dẫn:

Đức Chúa Trời tiếp tục nói về thành Si-ôn như thể nó là một người phụ nữ.

sẽ ban phước dư dật cho nàng

"sẽ ban phước dư dật cho Si-ôn"

cho những kẻ nghèo của nàng được ăn bánh no nê

"Kẻ nghèo" chỉ về những người nghèo tại Si-ôn. "Bánh" ở đây có thể chỉ về thức ăn nói chung. Gợi ý dịch: "Cho những người nghèo tại Si-ôn được thức ăn no nê"

Ta sẽ mặc sự cứu rỗi cho các thầy tế lễ của nàng

Sự cứu rỗi được ví như thể quần áo. Có thể là 1) "Ta sẽ khiến các thầy tế lễ hành xử xứng đáng là những người ta đã cứu chuộc"

Psalms 132:17

Ta sẽ khiến một cái sừng vươn lên cho Đa-vít

Đức Chúa Trời nói về một hậu tự hùng mạnh của Đa-vít như thể người đó là một cái sừng động vật. Gợi ý dịch: "Ta sẽ lập một hậu tự của Đa-vít làm vua nối ngôi người" hoặc "Ta sẽ cho Đa-vít một hậu tự trở thành vị vua hùng mạnh"

chuẩn bị một ngọn đèn cho người được xức dầu của ta

Đức Chúa Trời nói việc cho các con cháu của Đa-vít tiếp tục làm vua cai trị như thể họ là ngọn đèn sẽ tiếp tục tỏa sáng. Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến các con cháu của người được xức dầu của ta tiếp tục làm vua cai trị"

người được xức dầu của ta

"vị vua được chọn của ta" hoặc "vị vua ta đã chọn"

Ta sẽ lấy sự xấu hổ mặc cho kẻ thù người

Sự xấu hổ được ví như thể quần áo. Sự xấu hổ này có thể là kết quả của việc bại trận. Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến kẻ thù người bị xấu hổ" hoặc "Ta sẽ khiến kẻ thù người bị đánh bại và xấu hổ"

vương miện của người sẽ chiếu sáng

Vương miện tượng trưng cho sự cai trị của người và sự chiếu sáng ở đây muốn chỉ về sự vĩ đại. Gợi ý dịch: "người sẽ là vị vua vĩ đại" hoặc "sự vĩ đại của người sẽ chiếu sáng"

Translation Questions

Psalms 132:1

Tác giả xin Đức Giê-hô-va nhớ lại điều gì?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va nhớ đến những khổ nạn của ông, người thề với Đức Giê-hô-va và hứa nguyện với Đấng Toàn Năng của Gia-cốp.

Psalms 132:2

Tác giả xin Đức Giê-hô-va nhớ lại điều gì?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va nhớ đến những khổ nạn của ông, người thề với Đức Giê-hô-va và hứa nguyện với Đấng Toàn Năng của Gia-cốp.

Psalms 132:5

Đa-vít thề rằng ông sẽ không vào trại mình hay ngủ cho đến khi nào?

Ông nói ông sẽ không ngủ cho đến khi ông tìm được một chỗ cho Đức Giê-hô-va, một nơi ngự cho Đấng Toàn Năng của Gia-cốp.

Psalms 132:7

Dân sự sẽ đi đâu và họ sẽ làm gì khi họ đến đó?

Họ sẽ vào nơi ngự của Ngài và sẽ thờ phương dưới bệ chân

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của Ngài.
Psalms 132:9
Các thầy tế lễ được mặc gì và ai sẽ reo mừng?
Các thầy tế lễ được mặc sự công chính và những người tin kính của Ngài sẽ reo mừng.
Psalms 132:10
Những người tin kính đừng khước từ ai?
Họ không nên khước từ người được xức dầu của họ.
Psalms 132:11
Đức Giê-hô-va đã thề hứa thế nào với Đa-vít?
Đức Giê-hô-va đã thề hứa đáng tin cậy với Đa-vít.
Psalms 132:13
Tác giả mong muốn nghỉ ngơi và sống đời đời ở đâu?
Ông mong muốn nghỉ ngơi và sống trong Si-ôn, là nơi ngự được Đức Giê-hô-va chọn.
Psalms 132:14
Tác giả mong muốn nghỉ ngơi và sống đời đời ở đâu?
Ông mong muốn nghỉ ngơi và sống trong Si-ôn, là nơi ngự được Đức Giê-hô-va chọn.
Psalms 132:15
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Si-ôn?
Ngài sẽ ban phước cho nó, cho người nghèo bánh ăn, và mặc cho các thầy tế lễ sự cứu rỗi.
Psalms 132:16
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Si-ôn?
Ngài sẽ ban phước cho nó, cho người nghèo bánh ăn, và mặc cho các thầy tế lễ sự cứu rỗi.
Psalms 132:18
Đức Giê-hô-va sẽ mặc lấy sự xấu hổ của ai?
Ngài sẽ mặc lấy sự xấu hổ của kẻ thù.

Chapter 133
Psalms 133:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
bài ca đi lên
Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001
Kìa
Từ này được dùng để nhấn mạnh tầm quan trọng của câu nói theo sau.
anh em sống với nhau
Mối quan hệ giữa con dân Chúa với nhau được nói như thể họ là anh em. Gợi ý dịch: "con dân Chúa sống hòa thuận với nhau như anh em"
Psalms 133:2
Điều ấy như dầu quý giá đổ trên đầu
Sự tốt đẹp của việc hiệp một giữa các con dân Chúa được nói như thể đó là dầu quý giá đổ trên đầu A-rôn. Gợi ý dịch: "Sự hiệp một này quý báu như dầu đổ trên đầu A-rôn"
như sương móc Hẹt-môn
Sự tốt đẹp của việc hiệp một giữa các con dân Chúa được nói như thể nó tươi mát như sương.
Gợi ý dịch: "tươi mát như sương móc Hẹt-môn"
Hẹt-môn
Đây là một ngọn núi tại Y-sơ-ra-ên có tuyết phủ quanh năm trên đỉnh núi.

Translation Questions

Psalms 133:1
Đa-vít nói gì về anh em?
Ông nói rằng thật tốt đẹp biết bao khi anh em ăn ở hòa thuận nhau.
Psalms 133:2
Đa-vít ví sánh điều gì với sự hiệp nhất của anh em?
Nó giống như dầu quý giá đổ trên đầu, chảy xuống râu, tức râu của A-rôn. Nó cũng giống như sương móc Hẹt-môn, sa xuống các núi Si-ôn.
Psalms 133:3
Đa-vít ví sánh điều gì với sự hiệp nhất của anh em?
Nó giống như dầu quý giá đổ trên đầu, chảy xuống râu, tức râu của A-rôn. Nó cũng giống như sương móc Hẹt-môn, sa xuống các núi Si-ôn.
Đức Giê-hô-va đã ban phước sự sống đời đời ở đâu?
Ngài đã ban phước sự sống đời đời trên núi Si-ôn.

Chapter 134
Psalms 134:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
bài ca đi lên
Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001
Hỡi hết thảy các đầy tớ của Đức Giê-hô-va
"hỡi hết thảy những người phục vụ Đức Giê-hô-va"
Hãy giơ tay lên
Đây là cách người ta cầu nguyện hoặc ngợi khen Đức Chúa Trời.
hướng về nơi thánh
Có thể là 1) "hướng về đền thờ" hoặc 2) "hướng về nơi thánh trong đền thờ".
Psalms 134:3
trời và đất
Cụm từ "trời và đất" ở đây chỉ về mọi vật. Gợi ý dịch: "mọi vật trên trời dưới đất"

Translation Questions

Psalms 134:1
Các đầy tớ của Đức Giê-hô-va đã làm gì?
Họ đến nhà Chúa, ca ngợi Đức Giê-hô-va, và giơ tay lên hướng về nơi thánh.
Psalms 134:2
Các đầy tớ của Đức Giê-hô-va đã làm gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ đến nhà Chúa, ca ngợi Đức Giê-hô-va, và giơ tay lên hướng về nơi thánh.
Psalms 134:3
Đức Giê-hô-va là Đấng dựng nên trời và đất đã chúc phước cho đầy tớ Ngài ở đâu?
Ngài sẽ ban phước cho họ từ Si-ôn.

Chapter 135
Psalms 135:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Hãy ca ngợi danh Đức Giê-hô-va
Danh Đức Giê-hô-va chỉ về chính Ngài. "Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va" hoặc "Hãy ca ngợi Ngài"
Đứng trong nhà Đức Giê-hô-va
Ở đây chỉ về việc phục vụ Đức Giê-hô-va trong đền thờ của Ngài.
Đức Giê-hô-va ... Đức Chúa Trời chúng ta
Phải đảm bảo người đọc hiểu rằng cụm từ "Đức Chúa Trời chúng ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.
Psalms 135:3
vì đó là niềm vui
"vì chúng ta được vui vẻ khi ngợi khen danh Ngài"
Đức Giê-hô-va đã chọn Gia-cốp
Ở đây "Gia-cốp" chỉ về dòng dõi của ông là dân tộc Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã chọn dòng dõi của Gia-cốp"
Y-sơ-ra-ên làm tài sản của Ngài
Có thể dịch rõ phần đầu câu. Gợi ý dịch: "Ngài đã chọn Y-sơ-ra-ên làm tài sản của Ngài"
Psalms 135:5
Rằng Chúa của chúng con trổi cao hơn tất cả các thần
"Con biết rằng Chúa của chúng con trổi cao hơn tất cả các thần". Vĩ đại hơn được gọi là trổi cao hơn. Gợi ý dịch: "rằng Chúa của chúng con vĩ đại hơn tất cả các thần"
Psalms 135:7
Đem gió ra từ các kho tàng của Ngài
Kho tàng là nơi cất giữ đồ đạt để sử dụng trong tương lai.
Hình ảnh này cho thấy quyền năng điều khiển gió của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "khiến gió thổi bởi quyền năng của Ngài"
Psalms 135:8
dấu lạ phép mầu
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, chỉ về những tại họa kỳ diệu Đức Chúa Trời khiến xảy ra tại Ai Cập.
Hỡi Ai-cập, ... ở giữa ngươi
Tác giả thi thiên nói như thể người Ai Cập đang nghe ông nói. Gợi ý dịch: "ở giữa ngươi, hỡi dân Ai Cập" hoặc "ở giữa dân Ai Cập"
Nghịch cùng Pha-ra-ôn
"để trừng phạt Pha-ra-ôn"
Psalms 135:10
Si-hôn ... Óc
Đây là tên của hai người nam.
Psalms 135:12
Ngài ban cho chúng con đất của chúng làm sản nghiệp
Đức Chúa Trời ban đất cho dân Y-sơ-ra-ên được nói như thể đó là sản nghiệp cha truyền cho con. Gợi ý dịch: "Ngài ban đất của chúng cho chúng con đời đời" hoặc "Ngài ban đất của chúng cho chúng con sở hữu đời đời"
Danh Chúa
Danh ở đây tượng trưng cho danh tiếng hay thanh danh của Ngài. Gợi ý dịch: "Danh tiếng của Chúa" hoặc "Thanh danh của Ngài"
Psalms 135:19
Là Đấng ngự tại Giê-ru-sa-lem
Câu này nói như thể Đức Chúa Trời ở tại Giê-ru-sa-lem vì đền thờ mà dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng Ngài nằm tại đó. Gợi ý dịch: "đền thờ của Ngài nằm tại Giê-ru-sa-lem"

Translation Questions

Psalms 135:1
Ai sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va?
Các đầy tớ của Đức Giê-hô-va, là những người đứng trong nhà Đức Giê-hô-va, nơi hành lang của nhà Đức Chúa Trời mà ca ngợi Ngài.
Psalms 135:2
Ai sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va?
Các đầy tớ của Đức Giê-hô-va, là những người đứng trong nhà Đức Giê-hô-va, nơi hành lang của nhà Đức Chúa Trời mà ca ngợi Ngài.
Psalms 135:3
Tại sao các đầy tớ của Đức Giê-hô-va ca ngợi và chúc tụng Ngài?
Họ nên ca ngợi Đức Giê-hô-va vì Ngài là thiện, và họ nên chúc tụng Ngài vì điều đó là niềm vui.
Psalms 135:5
Tác giả biết gì về Đức Giê-hô-va?
Ông biết rằng Đức Giê-hô-va là vĩ đại, Chúa vượt trội trên tất cả các thần, và bất kì điều gì đẹp ý Ngài dù ở trên trời, dưới đất hay trong biển cả.
Psalms 135:6
Tác giả biết gì về Đức Giê-hô-va?
Ông biết rằng Đức Giê-hô-va là vĩ đại, Chúa vượt trội trên tất cả các thần, và bất kì điều gì đẹp ý Ngài dù ở trên trời, dưới đất hay trong biển cả.
Psalms 135:7
Đức Giê-hô-va làm điều gì để thể hiện sự cao trọng của Ngài?
Đức Giê-hô-va khiến mây nổi lên từ tận cùng trái đất, làm sấm chớp cùng với mưa, khiến gió thổi ra từ các kho tàng của Ngài.
Psalms 135:8
Đức Giê-hô-va làm gì cho người Ai Cập?
Ngài đã giết các con đầu lòng của xứ Ai Cập, Ngài thi hành những dấu lạ phép mầu giữa Pha-ra-ôn và tất cả quần thần.
Psalms 135:9
Đức Giê-hô-va làm gì cho người Ai Cập?
Ngài đã giết các con đầu lòng của xứ Ai Cập, Ngài thi hành những dấu lạ phép mầu giữa Pha-ra-ôn và tất cả quần thần.
Psalms 135:12
Đức Giê-hô-va làm gì với đất của dân tộc mà Y-sơ-ra-ên đã tấn công?
Ngài đã ban xứ của chúng làm sản nghiệp cho Y-sơ-ra-ên là dân Ngài.
Psalms 135:15

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hình tượng của các dân trông thế nào?
Chúng được làm bằng bạc, vàng, có miệng, có mắt, mà không nói, không thấy, không nghe và không có hơi thở.
Psalms 135:17
Hình tượng của các dân trông thế nào?
Chúng được làm bằng bạc, vàng, có miệng, có mắt, có tai, mà không nói, không thấy, không nghe và không có hơi thở.
Psalms 135:18
Ai làm nên hình tượng của các dân?
Kẻ làm hình tượng là kẻ nhờ cậy vào thứ chúng làm ra.
Psalms 135:19
Ai nên chúng tụng Đức Giê-hô-va?
Nhà Y-sơ-ra-ên, nhà A-rôn, nhà Lê-vi và những người kính sợ Đức Giê-hô-va.
Psalms 135:20
Ai nên chúng tụng Đức Giê-hô-va?
Nhà Y-sơ-ra-ên, nhà A-rôn, nhà Lê-vi và những người kính sợ Đức Giê-hô-va.

Chapter 136
Psalms 136:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Ôi
Đây là từ cảm thán, có thể dịch thành bất kì từ cảm thán nào trong ngôn ngữ dịch mang ý nhấn mạnh để được tự nhiên nhất.
Đức Chúa Trời của các thần
Đức Chúa Trời vĩ đại hơn các thần mà các dân khác thờ phượng
Psalms 136:4
Bởi sự khôn sáng
Tức là vì Ngài khôn ngoan.
Psalms 136:6
trải đất ra trên các dòng nước
Người Y-sơ-ra-ên xưa cho rằng đất khô nằm trên đỉnh của biển. Gợi ý dịch: "đặt đất trên các dòng nước"
các vì sáng lớn
Ở đây chỉ về các nguồn sáng cho trái đất, đặc biệt là mặt trời và mặt trăng. Gợi ý dịch: "mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao"
Psalms 136:8
để cai trị ban ngày ... để cai trị ban đêm
Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao được nói như thể chúng là những vị vua. Gợi ý dịch: "đánh dấu thời gian ban ngày ... đánh dấu thời gian ban đêm"
Psalms 136:10
ở giữa chúng
"ở giữa dân Ai Cập"
Bằng bàn tay quyền năng và cánh tay giơ ra
"Tay" và "cánh tay" tượng trưng cho quyền năng. Gợi ý dịch: "bằng quyền năng vĩ đại"
Psalms 136:13
Biển Đỏ
Quân lính của Pha-ra-ôn bị nhấn chìm trong Biển Đỏ.
Lật đổ Pha-ra-ôn
Đánh bại một người được nói như thể lật ngược người đó. Gợi ý dịch: "đánh bại Pha-ra-ôn" hoặc "đánh bại vua Ai Cập"
Pha-ra-ôn
Tức là quân đội của Pha-ra-ôn.
Psalms 136:18
Si-hôn ... Óc
Những vua này chỉ là hai trong số rất nhiều vị vua mà Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên đánh bại họ.
Psalms 136:21
Nhớ lại chúng con
"nghĩ về chúng con"
Giúp đỡ chúng con trong sự nhục nhã của chúng con
Hoàn cảnh bị xấu hổ được nói như thể đó là một địa điểm và dân Y-sơ-ra-ên phải ở trong đó. Câu này chỉ về những lúc dân Y-sơ-ra-ên bị kẻ thù đánh bại trên chiến trận và khiến họ phải xấu hổ. Gợi ý dịch: "chăm sóc khi chúng con bị xấu hổ"
Psalms 136:24
Đã cho chúng con chiến thắng kẻ thù
Cho dân chúng được chiến thắng và đánh bại kẻ thù được gọi là cho họ chiến thắng, như thể chiến thắng là một đồ vật có thể đem cho. Gợi ý dịch: "khiến cho chúng con chiến thắng kẻ thù" hoặc "cho chúng con có thể đánh bại kẻ thù"
Đức Chúa Trời trên trời
"Đức Chúa Trời ở trên trời" hoặc "Đức Chúa Trời mà các thể linh trên trời thờ phượng"

Translation Questions

Psalms 136:1
Tại sao dân sự lại cảm tạ Đức Giê-hô-va?
Họ nên cảm tạ Ngài vì Ngài là thiện, và lòng nhân từ Ngài còn đến đời đời.
Psalms 136:4
Đức Giê-hô-va làm điều gì mà không ai khác có thể làm được?
Chỉ một mình Đức Giê-hô-va làm nên các phép mầu vĩ đại.
Psalms 136:10
Đức Giê-hô-va đã làm gì các con đầu lòng của dân Ai-Cập?
Ngài đã giết các con đầu lòng của dân Ai-Cập.
Psalms 136:14
Đức Giê-hô-va làm điều gì cho Y-sơ-ra-ên khi Ngài rẽ biển đỏ?
Ngài khiến Y-sơ-ra-ên đi qua giữa biển ấy.
Psalms 136:16
Lòng nhân từ của Đức Giê-hô-va đối với dân Ngài thế nào?
Ngài dẫn dân Ngài qua hoang mạc.
Psalms 136:21
Đức Giê-hô-va làm gì với đất của các vua lớn?
Ngài đã ban đất của chúng làm sản nghiệp cho Y-sơ-ra-ên, là đầy tớ Ngài.
Psalms 136:22
Đức Giê-hô-va làm gì với đất của các vua lớn?
Ngài đã ban đất của chúng làm sản nghiệp cho Y-sơ-ra-ên, là đầy tớ Ngài.
Psalms 136:26
Tại sao tác giả lại cảm tạ Đức Chúa Trời của các tầng trời?
Mọi người nên cảm tạ Đức Chúa Trời vì lòng nhân từ Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 137

Psalms 137:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bên bờ sông Ba-by-lôn

"Bên một trong những con sông gần Ba-by-lôn"

Chúng tôi ngồi ... khóc ... chúng tôi nghĩ ... chúng tôi treo

Tác giả không bao hàm người đọc ở những câu trên.

Trên cây dương liễu tại đó

Cây dương liễu không mọc ở Y-sơ-ra-ên. "Cây dương liễu" ở đây có thể chỉ về bất kì loại cây nào ở Ba-by-lôn. Gợi ý dịch: "Trên những cây ở Ba-by-lôn"

Psalms 137:3

Những kẻ bắt chúng tôi đòi chúng tôi những bài hát

"Những bài hát" ở đây chỉ về hành động ca hát. Gợi ý dịch: "Những kẻ bắt chúng tôi đòi chúng tôi phải ca hát"

Đòi chúng tôi phải vui vẻ

"bắt chúng tôi phải giả vờ vui vẻ"

một trong những bài ca của Si-ôn

Ở đây có thể chỉ về những bài ca mà dân Y-sơ-ra-ên sử dụng trong lúc thờ phượng tại đền thờ Giê-ru-sa-lem.

Psalms 137:5

Hỡi Giê-ru-sa-lem, nếu ta phớt lờ ký ức về ngươi

Tác giả nói như thể Giê-ru-sa-lem đang nghe ông nói. Gợi ý dịch: "Hỡi Giê-ru-sa-lem, nếu ta hành động như thể ta không nhớ đến ngươi" hoặc "Hơi Giê-ru-sa-lem, nếu ta cố gắng quên ngươi"

Tay phải

Tay nhiều người thường hay sử dụng nhất

Psalms 137:7

Nhớ đến

"Nhớ lại" hoặc "suy nghĩ về"

Lạy Đức Giê-hô-va, xin nhớ những gì dân Ê-đôm đã làm

Nhớ những gì dân Ê-đôm đã làm ở đây có nghĩa là trừng phạt họ vì những gì họ đã làm. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin trừng phạt dân Ê-đôm vì những gì họ đã làm"

ngày Giê-ru-sa-lem sụp đổ

Giê-ru-sa-lem bị quân địch bắt giữ được nói như thể nó bị sụp đổ. Có thể dịch rõ người bắt giữ Giê-ru-sa-lem là ai. Gợi ý dịch: "Ngày Giê-ru-sa-lem bị bắt" hoặc "ngày quân Ba-by-lôn tiến vào Giê-ru-sa-lem"

Psalms 137:8

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên gọi dân Ba-by-lôn như thể họ đang có mặt ở đó nghe ông nói.

con gái Ba-by-lôn

Cụm từ này tượng trưng cho thành Ba-by-lôn và dân cư của nó.

Nguyện người được phước

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyện Đức Chúa Trời ban phước cho người"

báo trả ngươi vì những gì ngươi đã làm cho chúng ta

Tác giả nói về việc ai đó làm cho một người những gì người đó đã làm như thể đó là trả lại. Gợi ý dịch: "làm cho ngươi những gì ngươi đã làm cho chúng ta"

Đập các con nhỏ ngươi vào đá

"đập đầu các con nhỏ ngươi vào đá"

Translation Questions

Psalms 137:1

Những kẻ bị bắt đang ngồi và khóc ở đâu?

Họ ngồi bên bờ sông Ba-by-lôn.

Psalms 137:3

Những người bắt giam yêu cầu người bị bắt phải hát gì?

Những kẻ bắt giữ họ yêu cầu họ hát một bài ca của Si-ôn.

Psalms 137:5

Tác giả muốn điều gì xảy ra nếu như ông quên Giê-ru-sa-lem và không nghĩ về Đức Giê-hô-va nữa?

Ông muốn tay phải ông quên năng lực và lưỡi ông dính vào vòm miệng.

Psalms 137:6

Tác giả muốn điều gì xảy ra nếu như ông quên Giê-ru-sa-lem và không nghĩ về Đức Giê-hô-va nữa?

Ông muốn tay phải ông quên năng lực và lưỡi ông dính vào vòm miệng.

Psalms 137:7

Tác giả muốn Đức Giê-hô-va nhớ đến điều gì của dân Ê-đôm?

Ông muốn Đức Giê-hô-va nhớ lại trong ngày Giê-ru-sa-lem, và những gì con cháu Ê-đôm đã làm, chúng reo lên: "Hãy phá hủy! hãy phá hủy! san bằng cho đến tận nền nó đi!".

Psalms 137:8

Tác giả muốn ai được phước?

Ông muốn kẻ báo trả Ba-by-lôn được phước.

Psalms 137:9

Tác giả muốn ai được phước?

Ông muốn kẻ báo trả Ba-by-lôn được phước.

Chapter 138

Psalms 138:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Con sẽ hết lòng cảm tạ Chúa

Lòng tượng trưng cho cảm xúc. Làm việc gì đó cách chân thành và trọn vẹn được gọi là làm hết lòng. Gợi ý dịch: "Con sẽ chân thành tạ ơn Chúa"

trước mặt các thần

Có thể là 1) "bất kể những tà thần có tồn tại" hoặc 2) "trước hội trên trời" có nghĩa là "trước sự thừa nhận của các thiên sứ trên trời".

Con sẽ cúi xuống

Cúi xuống là hành động mang tính biểu tượng, thể hiện sự thờ phượng và tôn kính. Gợi ý dịch: "Con sẽ thờ phượng Chúa"

Cảm tạ danh Chúa

"cảm tạ Chúa"

lời Chúa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời đã phán. Gợi ý dịch: "điều Chúa đã phán" hoặc "các mạng lệnh và lời hứa của Chúa"

Danh Chúa

Có thể là 1) "chính Chúa" hoặc 2) "danh tiếng của Chúa".

Psalms 138:3

Mọi vua trên đất

"Hết thảy những người lãnh đạo trên thế gian"

miệng Ngài

Cách nói này chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ngài"

Psalms 138:5

Đức Giê-hô-va là cao cả nhưng Ngài chăm sóc cho những người thấp hèn

Đức Giê-hô-va vượt hơn mọi tạo vật về quyền năng, địa vị và thẩm quyền, nhưng Ngài vui thích những người có tinh thần khiêm nhường, phục vụ mọi người. Đây là một điều trái ngược.

Nhưng từ xa, Ngài đã nhận biết kẻ kiêu ngạo rồi

Câu này có thể có nghĩa là Đức Chúa Trời không thành tín với những kẻ kiêu ngạo.

Psalms 138:7

Bước đi

Sống, tồn tại

giữa cảnh nguy khốn

Gặp nguy khốn được nói như thể đang ở giữa một địa điểm.

Ngài sẽ giơ tay ra chống trả cơn giận của kẻ thù con

Câu này nói như thể Đức Chúa Trời sẽ dùng tay Ngài đánh kẻ thù.

cơn giận của kẻ thù con

Cơn giận được nói như thể nó là một vật thể chứ không phải một cảm xúc. Gợi ý dịch: "kẻ thù con, là những kẻ tức giận"

Tay Ngài đã làm

Câu này nói như thể Đức Chúa Trời thật sự dùng tay của Ngài để tạo dựng. Gợi ý dịch: "Chúa đã tạo dựng"

Những người tay Chúa đã làm nên

Câu này có thể chỉ về nước Y-sơ-ra-ên.

Translation Questions

Psalms 138:2

Điều gì của Đức Giê-hô-va được tôn cao hơn tất cả?

Ngài đã làm cho lời Chúa và danh Chúa được tôn cao hơn tất cả.

Psalms 138:3

Đức Giê-hô-va làm gì cho Đa-vít khi ông kêu cầu Ngài?

Đức Giê-hô-va đáp lời ông, giục lòng ông can đảm và mạnh mẽ.

Psalms 138:4

Các vua thế gian sẽ làm gì?

Họ sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 138:6

Đức Giê-hô-va quan tâm đến ai?

Ngài quan tâm đến những người thấp hèn.

Psalms 138:8

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va đừng từ bỏ ai?

Ông cầu xin Đức Giê-hô-va đừng bỏ công việc của tay Ngài.

Chapter 139

Psalms 139:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

dò xét

"tra xét"

khi con ngồi, lúc con đứng dậy

Tác giả thi thiên dùng hai hành động này để tượng trưng cho mọi việc ông làm. Gợi ý dịch: "mọi việc con làm" hoặc "mọi điều về con"

Psalms 139:3

Đường lối con và chỗ con nằm

"Đường lối" ở đây chỉ về hành vi của một người. "Đường lối con và chỗ con nằm" tượng trưng cho mọi điều về tác giả.

Trước khi lời ở trên lưỡi con

"Lời ở trên lưỡi" tượng trưng cho lời nói. Gợi ý dịch: "trước khi con nói bất kì điều gì"

Chúa bao phủ con phía sau và phía trước

Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời hiện diện ở mọi nơi.

Đặt tay Chúa trên con

Câu này nói đến sự hướng dẫn và giúp đỡ. Gợi ý dịch: "Chúa hướng dẫn và giúp đỡ con"

Quá nhiều cho con

"quá nhiều đến nỗi con không thể hiểu được"

Quá cao, con không thể với tới được

Trong trường hợp này thì cao ngoài tầm với chỉ về những hiểu biết mà loài người không thể có được. Gợi ý dịch: "quá khó đến nỗi không thể hiểu được"

Psalms 139:7

Con sẽ đi đâu khỏi Thần Chúa? ... Con sẽ trốn đâu khỏi sự hiện diện của Ngài?

Hai câu hỏi này song song với nhau. Tác giả thi thiên nói rằng ông không thể đi đâu cho khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Con không thể thoát khỏi thần của Chúa".

Nếu con đặt giường con ở âm phủ

"Đặt giường" chỉ về việc ở tại nơi nào đó. Gợi ý dịch: "thậm chí nếu con ở âm phủ"

Psalms 139:9

Nếu con chắp cánh hừng đông bay qua tận cùng biển cả

Tác giả đang giải thích rằng dù ông ở đâu thì Đức Chúa Trời cũng hiện diện ở đó.

Nếu con chắp cánh hừng đông

Ở vùng cận đông xưa, mặt trời thường được hình dung là có cánh để bay trên bầu trời. Gợi ý dịch: "Nếu mặt trời có thể đem con theo băng ngang bầu trời"

tận cùng biển cả

"tận cực tây"

sẽ nắm giữ con

"sẽ giúp đỡ con"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 139:11

Nếu con nói: "Bóng tối chắc sẽ che khuất con

Tác giả thi thiên nói như thể ban đêm là một cái mền có thể phủ lấy ông.

Ban đêm sẽ chiếu sáng như ban ngày

Ban đêm đen tối được nói như thể được sáng lên như có ánh sáng.

Psalms 139:13

Chúa nắn nên tâm can con

"Tâm can" chỉ về các bộ phận bên trong con người, nhưng ở đây có thể chỉ về toàn bộ thân thể. Gợi ý dịch: "Chúa tạo dựng nên thân thể con"

Linh hồn con biết rõ lắm

"Linh hồn" ở đây có thể chỉ về phần sâu thẳm bên trong tác giả có thể biết chắc về tình yêu và sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, người dịch có thể xem "linh hồn" ở đây là phép hoán dụ chỉ về tâm trí và tấm lòng của tác giả. Gợi ý dịch: "Trọn lòng con biết điều đó"

Psalms 139:15

Dựng nên cách tinh xảo

"dựng nên cách phức tạp"

nơi sâu thẳm của đất

Đây có thể là một cách nói chỉ về tử cung của người mẹ.

Tất cả các ngày định cho con đã được biên vào sổ Chúa khi chưa có một ngày nào trong các ngày ấy

Câu này ngụ ý rằng người Y-sơ-ra-ên xưa hình dung Đức Chúa Trời viết kế hoạch của Ngài trong một quyển sổ.

Psalms 139:17

Quý báu

"quan trọng" hoặc "giá trị"

Số lượng chúng nhiều biết bao!

"Các tư tưởng của Chúa thật quá nhiều."

Chúng nhiều hơn cát

"không thể đếm được"

Psalms 139:19

Hỡi bọn hung bạo, hãy tránh xa khỏi ta

Tác giả thi thiên chỉ vờ như đang nói trực tiếp với những kẻ hung bạo, ông chỉ đang nghĩ đến họ ở trong đầu. Người dịch có thể thể hiện cây này như một lời mong ước.

Chúng chống nghịch Ngài

"Lạy Đức Chúa Trời, chúng chống nghịch thẩm quyền của Ngài"

Kẻ thù của Chúa nói dối

"kẻ thù Chúa dói dối về Chúa"

Psalms 139:21

Lạy Đức Giê-hô-va, lẽ nào con không ghét những kẻ ghét Chúa? Và không khinh thường bọn dấy nghịch Chúa?

Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Câu thứ hai cũng cố cho ý của câu thứ nhất. Thực chất hai câu hỏi này đưa ra những lời khẳng định.

Dấy nghịch

Chống nghịch

Psalms 139:23

Xin tra xét con

Đây là lời cầu xin Đức Chúa Trời nói cho tác giả thi thiên biết ông có những tư tưởng tội lỗi nào. Gợi ý dịch: "Xin dò xét con" hoặc "Con xin Chúa dò xét con"

Đức Chúa Trời ôi! Xin tra xét con và biết lòng con; xin thử nghiệm con và biết tư tưởng con

Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Câu thứ hai cũng cố cho ý của câu thứ nhất.

lối ác

Ở đây "lối" chỉ về những hành vi.

con đường đời đời

"Con đường" ở đây chỉ về sự tin cậy và vâng phục Đức Chúa Trời. Bất kì ai "bước đi" theo con đường này sẽ được sự sống đời đời.

Translation Questions

Psalms 139:2

Đức Giê-hô-va có thể hiểu điều gì từ xa?

Đức Giê-hô-va biết rõ tư tưởng của Đa-vít từ xa.

Psalms 139:6

Đa-vít đáp lại thế nào về sự hiểu biết rõ của Đức Giê-hô-va về ông từ xa?

Sự hiểu biết ấy thật diệu kì quá cho ông, cao đến nỗi không thể vươn tới được.

Psalms 139:8

Đa-vít không thể trốn đi đâu khỏi sự hiện diện của Đức Giê-hô-va?

Ông không thể lên trời hay nằm dưới âm phủ, vì Đức Giê-hô-va cũng có ở đó.

Psalms 139:12

Bóng tối và ánh sáng khác với Đức Giê-hô-va như thế nào?

Bóng tối và ánh sáng đều giống nhau và giống với Đức Giê-hô-va.

Psalms 139:13

Đức Giê-hô-va tạo nên Đa-vít từ đâu?

Đức Giê-hô-va đã dệt thành ông trong lòng mẹ ông.

Psalms 139:16

Khi nào Đức Giê-hô-va ghi các ngày đã định cho của Đa-vít?

Đức Giê-hô-va đã biên vào sổ Ngài số ngày đã định cho ông, khi chưa có một ngày nào trong các ngày ấy.

Psalms 139:17

Đa-vít diễn tả các tư tưởng của Đức Giê-hô-va như thế nào?

Chúng rất quý báu và quá nhiều để có thể đếm.

Psalms 139:19

Đa-vít muốn Đức Chúa Trời làm gì những kẻ ác và bọn khát máu?

Đa-vít muốn Đức Chúa Trời tiêu diệt kẻ ác và đưa bọn khát máu đi khỏi ông.

Psalms 139:24

Đa-vít muốn Đức Chúa Trời dẫn ông đi đường nào?

Đa-vít cầu xin Chúa dẫn ông vào con đường đời đời.

Chapter 140

Psalms 140:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúng gây chiến
Ở đây "chiến" có thể chỉ về bất kì sự mâu thuẫn nào, bao gồm cả sự tranh cãi.
Lưỡi chúng gây thương tích như rắn
Người gây xung đột bằng lời nói được nói như thể lưỡi của họ là lưỡi rắn. Tất nhiên, rắn không gây thương tích bằng lưỡi nhưng bằng vết cắn và đặc biệt là nọc độc. Con người cũng không thể nào mài lưỡi được. Ở đây, lưỡi sắc nhọn chỉ về cách nói gây ra tai họa và rắn có lưỡi sắc nhọn chỉ về những loài rắn có độc.
Psalms 140:4
tay kẻ ác
Tức là quyền lực của kẻ ác
gài bẫy ... giương lưới ... gài bẫy
Các loại bẫy cụ thể ở đây không quan trọng bằng đại ý chỉ về "kẻ ác ... hung bạo" lên kế hoạch gây tai họa cho tác giả. Nếu độc giả không biết nhiều về bẫy thì có thể gọp chung thành một câu, như bản UDB rút gọn những câu của bản ULB thành một câu ở PSA140:001
Psalms 140:6
nghe tiếng nài xin của con
Đây là tiếng cầu cứu. Gợi ý dịch: "xin lắng nghe con khi con kêu cầu Ngài giúp đỡ"
Chúa che chở đầu con trong ngày chiến trận
Đầu luôn là bộ phận gặp nguy hiểm lớn trong trận chiến. Gợi ý dịch: "Chúa bảo vệ con khi con ra trận"
Chiến trận
Ở đây có thể chỉ về bất kì loại tai họa nghiêm trọng nào.
xin đừng ban cho kẻ ác điều chúng ước ao
"xin đừng để kẻ ác có được điều chúng ao ước"
Kẻ ác
Tính từ "ác" là tính từ đóng vai trò danh từ có thể được dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người gian ác"
Psalms 140:9
Ngẩng đầu lên
Đầy là dấu hiệu của sự kiêu ngạo. Gợi ý dịch: "kiêu ngạo"
Nguyện sự gian ác của môi chúng phủ lấy chúng
Lời cầu nguyện này cầu xin Đức Chúa Trời khiến kẻ ác phải chịu khổ vì tại họa chúng gây ra bằng lời nói của mình.
sự gian ác của môi chúng
tại họa chúng gây ra bằng lời nói của mình.
phủ lấy chúng
Tức là ngăn chặn chúng gây thêm tai họa nào nữa.
Nguyện than lửa đỏ đổ trên chúng! Nguyện chúng bị quăng vào lửa
Lửa là hình ảnh tượng trưng cho sự trừng phạt nặng nề dành cho kẻ ác.
Hố sâu không đáy
Ở đây có thể chỉ về âm phủ, thế giới của người chết.
kẻ có lưỡi gian trá
Những người nói xấu người khác vô cớ
An ninh trên đất
"bình yên trong đời này"
Nguyện tai họa săn đuổi theo kẻ bạo tàn
Ở đây tai hoạ được nói như thể một người đi báo thù.
Psalms 140:12
Ngài sẽ ban sự công chính cho người thiếu thốn
Ở đây sự công chính được nói như thể một đồ vật có thể được đem cho ai đó. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ hành động cách công chính để giúp đỡ người thiếu thốn"
danh Chúa
Chúa

Translation Questions

Psalms 140:1
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va giải cứu ai?
Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va giải cứu ông khỏi kẻ ác, bảo hộ ông khỏi người hung bạo.
Psalms 140:2
Đa-vít nói kẻ độc ác giống điều gì?
Ông nói rằng lưỡi chúng được mài nhọn như lưỡi rắn và môi chúng có nọc độc của rắn hổ mang.
Psalms 140:3
Đa-vít nói kẻ độc ác giống điều gì?
Ông nói rằng lưỡi chúng được mài nhọn như lưỡi rắn và môi chúng có nọc độc của rắn hổ mang.
Psalms 140:4
Kẻ bạo tàn có ý định làm gì với Đa-vít?
Chúng có âm mưu làm chân ông vấp ngã.
Psalms 140:5
Những kẻ kiêu ngạo đã làm gì cho Đa-vít?
Chúng đã gài bẫy ông, giăng dây giương lưới dọc đường và gài bẫy hại ông.
Psalms 140:6
Đa-vít xin Đức Giê-hô-va lắng nghe điều gì?
Đa-vít xin Đức Giê-hô-va lắng nghe tiếng nài xin của ông cho lòng thương xót.
Psalms 140:7
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Đa-vít trong ngày chiến trận?
Đức Giê-hô-va che chở đầu ông trong ngày chiến trận.
Psalms 140:8
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Đa-vít trong ngày chiến trận?
Đức Giê-hô-va che chở đầu ông trong ngày chiến trận.
Psalms 140:9
Đa-vít muốn tàn hại những người vây quanh ông điều gì?
Đa-vít muốn nọc độc trong môi họ tàn hại họ.
Psalms 140:11
Đa-vít muốn điều gì xảy ra với những kẻ gian trá?
Đa-vít không muốn cho kẻ có lưỡi gian trá được vững bên trên đất.
Psalms 140:12
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho kẻ nghèo khổ và người thiếu thốn?
Đức Giê-hô-va sẽ bênh vực công lý cho kẻ nghèo khổ và phán xét công minh cho người thiếu thốn.
Psalms 140:13
Người công chính sẽ làm gì?
Người công bình hẳn sẽ cảm tạ danh Chúa.
Điều gì sẽ xảy ra với những người ngay lành?
Họ sẽ sống trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va.

Chapter 141

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 141:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

cầu khẩn

"cầu xin Ngài giúp đỡ"

mau mau đến cùng con

Tác giả thi thiên nói như thể Đức Giê-hô-va là con người, phải đi đến từ một nơi khác để giúp đỡ ông. Có thể dịch rõ tác giả thi thiên muốn Đức Giê-hô-va làm gì. Gợi ý dịch: "mau mau đến giúp đỡ con"

Xin lắng nghe con khi con kêu cầu

"Xin nghe con kêu cầu" hoặc "Con xin Ngài nghe con khi con kêu cầu xin"

Nguyện lời cầu nguyện con như hương thơm

"Nguyện lời cầu nguyện con làm vui lòng Ngài như hương thơm khiến người ta dễ chịu"

lời cầu nguyện

Tác giả thi thiên muốn Đức Giê-hô-va vui lòng về ông vì việc ông cầu nguyện và vì lời cầu nguyện của ông.

Bàn tay giơ cao của con

"Bàn tay con giơ cao". Tay giơ cao là hình ảnh hoán dụ chỉ về sự cầu nguyện. Người ta giơ tay lên khi cầu nguyện hoặc ngợi khen Đức Giê-hô-va. Xem cách đã dịch cụm từ "Hãy giơ tay lên" ở PSA134:001

như tế lễ buổi chiều

Như con vật thiêu trên bàn thờ vào buổi chiều. Tác giả thi thiên nói như thể ông muốn Đức Giê-hô-va vui lòng về ông như vui lòng về những người đem dâng của tế lễ. Ông muốn Đức Giê-hô-va vui lòng vì ông câu nguyện hoặc vì lời cầu nguyện của ông.

Psalms 141:3

cử người canh gác miệng con

Tác giả thi thiên nói như thể những lời gian ác là tù nhân cố gắng thoát ra khỏi miệng ông. Gợi ý dịch: "xin giúp con không nói những điều gian ác"

cử người canh gác

"cho người canh gác"

canh cửa môi con

Tác giả thi thiên nói như thể những lời gian ác là tù nhân cố gắng thoát ra khỏi miệng ông. Gợi ý dịch: "xin giúp con không nói những điều không nên nói"

tham dự vào việc tội lỗi

"làm những việc tội lỗi"

Đồ ngon

"những thức ăn đặc biệt"

Psalms 141:5

đánh con

Tác giả thi thiên gọi việc quở trách là đánh. Gợi ý dịch: "quở trách con"

Đó là điều tốt lành cho con

"khi người đánh con, con biết rằng người nhân lành với con"

Như dầu xức cho đầu con

Có thể là tác giả thi thiên đang nói như thể người sửa dạy một người là đang xức dầu lên đầu người đó 1) để tôn vinh người đó. Gợi ý dịch: "khi người sửa dạy con, con biết rằng người làm điều tốt cho con" hoặc 2) để đầu người đó cảm thấy khỏe hơn.

Nguyện đầu con sẽ không từ chối

Đầu là phép chuyển ngữ chỉ về chính người đó. Cách nói phủ định này có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Nguyên con vui vẻ tiếp nhận"

Lời cầu nguyện con luôn nghịch vùng việc làm gian ác của chúng

"Việc làm gian ác" là phép hoán dụ chỉ về người làm việc ác. Gợi ý dịch: "Con luôn cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va ngăn chặn kẻ ác làm điều xấu"

Các nhà lãnh đạo của chúng sẽ bị ném xuống

Có thể là 1) "Người ta sẽ ném các nhà lãnh đạo của chúng xuống" hoặc 2) "Các nhà lãnh đạo của chúng sẽ ném chúng xuống".

Vách đá

Nền thẳng đứng rất sâu

Xương chúng tôi bị rải ra

Có thể là 1) "người ta đã ném xương chúng tôi ra nhiều hướng" hoặc 2) đây là kết quả của việc rơi xuống vách đá (141:6) "xác chúng tôi tan tành và xương chúng tôi hỗn độn"

Psalms 141:8

Mắt con ngưỡng vọng Chúa

Mắt là lối chuyển ngữ chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con trông chờ được nhìn xem điều Chúa sẽ làm" hoặc "Con trông đợi Ngài giúp đỡ"

Con nương náu mình nơi Ngài

"Con cầu xin Chúa bảo vệ con". Xem cách đã dịch cụm từ "nương náu" ở PSA118:008

linh hồn con

Linh hồn là phép hoán dụ chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "con"

bẫy mà chúng đã đặt cho con

Tác giả thi thiên gọi việc lừa người lương thiện để người đó phạm tội hoặc để kẻ ác có thể đánh bại người đó là đặt bẫy. "Bẫy" là phép hoán dụ chỉ về chính họ. Gợi ý dịch: "kẻ tìm cách hãm hại con"

Bẫy ... lưới

Các nhà thần học còn bất đồng về ý nghĩa chính xác của những từ này. Tốt nhất nên dịch một từ là lưới hay lồng để chứa con mồi bên trong và từ kia là dây thừng hoặc dây nho quấn vào chân hay cổ của con mồi hoặc dịch cả hai từ này bằng từ tổng quát là "bẫy". Xem cách đã dịch ở PSA140:004

lưới của bọn làm ác

"lưới những kẻ làm ác đã giăng ra"

Nguyện kẻ ác sa vào chính lưới của chúng

Tác giả thi thiên nói kẻ gian ác lừa dối người lương thiện như thể thợ săn gài bẫy thú vật. Gợi ý dịch: "Nguyện kẻ ác rơi vào lưới chúng đã giăng để bẫy người ta" hoặc "Nguyện những điều tồi tệ kẻ ác đã âm mưu cho người công chính sẽ xảy ra cho chính chúng nó"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 141:1

Đa-vít cầu khẩn Đức Giê-hô-va điều gì?

Ông cầu khẩn Đức Giê-hô-va mau mau đến cùng ông và lắng nghe tiếng của ông.

Psalms 141:2

Đa-vít mong muốn lời cầu nguyện của ông và ông giơ tay lên Đức Giê-hô-va sẽ như điều gì?

Đa-vít nguyện lời cầu nguyện của ông như hương thơm dâng lên trước Chúa và tay ông giơ lên như tế lễ buổi chiều.

Psalms 141:4

Đa-vít không muốn tấm lòng ông làm gì?

Ông muốn tấm lòng của ông không hướng về điều xấu, hay tham dự vào việc gian ác với bọn gian tà và không ăn thức ngon của chúng.

Psalms 141:5

Đa-vít nói nếu người công chính đánh ông sẽ giống điều gì?

Ông nói nếu một người công chính đánh ông, thì đó là vì lòng nhân từ ông.

Đa-vít nói sự sửa dạy của người công chính như điều gì?

Ông nói nó giống như dầu tốt nhất xức cho ông.

Sự chống nghịch mà Đa-vít đã luôn cầu nguyện là gì?

Ông luôn luôn cầu nguyện chống lại những việc gian ác của kẻ ác.

Psalms 141:6

Điều gì sẽ xảy ra với các thẩm phán của kẻ ác?

Các thẩm phán của chúng bị ném xuống vách đá và họ sẽ nghe lời của Đa-vít vì rất êm dịu.

Psalms 141:7

Ai sẽ nói, "Giống như người ta cày xới đất đai. Hài cốt chúng tôi bị rải ra nơi cửa âm phủ."?

Những kẻ ác sẽ nói rằng, "Giống như người ta cày xới đất đai. Hài cốt chúng tôi bị rải ra nơi cửa âm phủ."

Psalms 141:8

Mắt Đa-vít hướng về ai?

Mắt Đa-vít ngưỡng vọng Chúa.

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va làm điều gì để gìn giữ ông?

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va giữ ông khỏi bẫy mà chúng đã gài và khỏi lưới của bọn làm ác.

Psalms 141:9

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va làm điều gì để gìn giữ ông?

Đa-vít muốn Đức Giê-hô-va giữ ông khỏi bẫy mà chúng đã gài và khỏi lưới của bọn làm ác.

Psalms 141:10

Đa-vít muốn điều gì xảy ra với kẻ ác?

Đa-vít muốn kẻ ác bị sa vào lưới mà chính chúng giăng trong khi ông được thoát khỏi.

Chapter 142

Psalms 142:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

hang đá

Nơi dưới lòng đất đủ lớn để người ta đi dần vào trong

Tôi kêu cầu Đức Giê-hô-va giúp đỡ ... tôi cầu xin ân huệ của Đức Giê-hô-va

Nếu hai câu này quá giống nhau đến nỗi làm người đọc hiểu nhầm thì có thể dịch thành một câu.

Cất tiếng

"dùng tiếng của mình" -

tuôn đổ nỗi thở than của tôi trước Ngài ... thưa cùng Ngài cảnh gian nan của tôi

Nếu hai câu này quá giống nhau đến nỗi làm người đọc hiểu nhầm thì có thể dịch thành một câu.

tuôn đổ nỗi thở than của tôi trước Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể ông trình bày lí do ông buồn là để hết chất lỏng ra khỏi bình chứa. Gợi ý dịch: "Tôi thưa hết cùng Ngài vì sao tôi buồn rầu"

thưa cùng Ngài cảnh gian nan của tôi

"thưa cùng Ngài mọi điều khiến tôi lo lắng"

Psalms 142:3

tâm linh con mỏi mòn trong con

"Con mòn mỏi" hoặc "Con vô cùng chán nản"

Chúa biết đường lối con

"Chúa biết con nên đi đường nào". Tác giả thi thiên nói như thể việc làm của một người là con đường người đó bước đi. Gợi ý dịch: "Chúa biết đường lối con cần sống theo"

Trên đường con đi, chúng đã gài bẫy con

Tác giả thi thiên nói việc người ta hãm hại ông như thể họ cố gắng gài bẫy một con thú. Gợi ý dịch: "Chúng âm mưu để con làm gì thì chúng cũng có thể hại con"

Mạng sống con

Đây là phép ẩn dụ có nghĩa là "con".

kêu cầu với Ngài

Đây là lời cầu cứu. Gợi ý dịch: "cầu xin Ngài giúp đỡ con lúc này"

phần của con

Có thể là 1) "tất cả những gì con muốn" hoặc 2) "tất cả những gì con cần" hoặc 3) "tất cả những gì con có"

trong đất kẻ sống

"khi con còn sống"

Psalms 142:6

Xin Chúa lắng nghe tiếng kêu cầu con

Đây là tiếng cầu cứu. Xem cách đã dịch ở PSA005:001

Con khốn khổ vô cùng

Có thể là 1) "Con vô cùng thiếu thốn" và 2) "Con rất mỏi mòn". Xem cách đã dịch câu "chúng con khốn khổ vô cùng" ở PSA078:007

Xin đem linh hồn con ra khỏi ngục tù

Đây là một lời cầu xin. Gợi ý dịch: "Xin đem con ra khỏi ngục tù"

cảm tạ danh Chúa

"Danh" là phép hoán dụ chỉ về chính người đó. Xem cách đã dịch ở PSA005:011

Translation Questions

Psalms 142:2

Đa-vít tuôn đổ điều gì trước Đức Giê-hô-va?

Đa-vít tuôn đổ nỗi thở than của ông trước Đức Giê-hô-va.

Psalms 142:3

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va biết rõ điều gì khi tâm linh của Đa-vít mỏi mòn?
Đức Giê-hô-va biết rõ đường lối Đa-vít khi tâm linh ông mòn mỏi.
Psalms 142:4
Đa-vít nhìn thấy gì khi ông nhìn phía bên phải?
Đa-vít thấy chẳng có ai chú ý đến ông cả, và cũng không có nơi nào để ông nương thân.
Psalms 142:5
Đa-vít nói rằng Đức Giê-hô-va là ai?
Đức Giê-hô-va là nơi nương náu của Đa-vít và là phần của ông trong đất kẻ sống.
Psalms 142:6
Tại sao Đa-vít xin Đức Giê-hô-va cứu ông khỏi kẻ bắt bớ ông?
Đa-vít xin Đức Giê-hô-va giải cứu ông khỏi kẻ bắt bớ ông vì chúng mạnh hơn ông.
Psalms 142:7
Tại sao người thành công sẽ vây quanh Đa-vít?
Những người thành công sẽ vây quanh Đa-vít vì Chúa đã làm ơn cho ông.

Chapter 143
Psalms 143:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Thi thiên của Đa-vít
Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.
Xin nghe lời cầu nguyện con
"Lời cầu nguyện con" là phép hoán dụ chỉ về người đang cầu nguyện. Xem cách đã dịch ở PSA039:012
Xin đáp lời con
"xin làm điều con cầu xin"
Xin chớ bước vào sự phán xét
"Xin chớ phát xét" hoặc "Con cầu xin Chúa chớ phán xét"
đầy tớ Chúa
Tác giả thi thiên nói về mình như thể đang nói về một người khác. Gợi ý dịch: "con"
Trước mắt Chúa chẳng ai là công chính
"Chúa chẳng thấy ai là công chính"
Psalms 143:3
đuổi theo linh hồn con
"đuổi theo để bắt con"
Đã đẩy tôi xuống đất
"đã hoàn toàn đánh bại con" (xem UDB)
Tâm linh con choáng ngợp trong con
"Con mòn mỏi" hoặc "Con vô cùng chán nản"
Lòng con tuyệt vọng
"Con chẳng còn hy vọng"
Psalms 143:5
Nhớ lại
"nghĩ về"
Những việc trọn vẹn của Ngài
Danh từ trừu tượng "việc trọn vẹn" có thể dịch thành động từ "hoàn tất". Gợi ý dịch: "mọi điều Chúa đã hoàn tất" hoặc "mọi việc vĩ đại Chúa đã làm"
Con giơ tay lên hướng về Chúa trong sự cầu nguyện
"cầu nguyện cùng Chúa với đôi tay giơ cao lên"
Linh hồn con khát khao Chúa trong đất khô hạn
Tác giả thi thiên nói ông muốn được ở với Đức Chúa Trời như thể ông đang ở trong vùng đất khô hạn và sắp chết khát. Gợi ý dịch: "Con muốn được ở với Chúa như một người trong đất khô hạn thèm khát nước."
Linh hồn con khát khao Chúa
Tác giả thi thiên khao khát muốn biết Đức Giê-hô-va. Mức độ khao khát của ông giống như một người vô cùng khát nước. Gợi ý dịch: "Con khao khát Chúa"
Linh hồn con
Linh hồn là phép hoán dụ chỉ về chính người đó.
đất khô hạn
Là vùng đất mà mọi thứ đều chết vì không có nước.
Sê-la
Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001
Psalms 143:7
Tâm linh con mỏi mòn
"Con mòn mỏi" hoặc "Con rất chán nản"
Xin đừng giấu mặt Ngài khỏi con
Đây là một lời cầu xin. "Con cầu xin Chúa chơ ẩn mình khỏi con" hoặc "Xin đừng ẩn mình khỏi con"
Xin đừng giấu mặt Ngài khỏi con
Tác giả thi thiên nói Đức Giê-hô-va từ chối làm điều ông cầu xin như thể Đức Giê-hô-va không nhìn đến tác giả. Câu phủ định này có thể được dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin chớ từ chối lắng nghe lời con nói" hoặc "Xin lắng nghe con"
con sẽ giống như kẻ xuống huyệt
"Con sẽ lại trở thành một người chết"
xin cho con nghe được sự thành tín theo giao ước Chúa
"Xin khiến con nghe được sự thành tín theo giao ước Chúa" hoặc "Xin nói cho con nghe sự thành tín theo giao ước Chúa"
Buổi sáng
Có thể là 1) "vào buổi sáng", thời điểm mà nhiều người cho là thời gian tốt nhất để cầu nguyện, hoặc 2) "mỗi buổi sáng", mỗi ngày.
Xin chỉ cho con
"Xin nói cho con"
con đường con phải đi
Tác giả thi thiên nói như thể lối sống là con đường mà người ta bước đi trên đó. Gợi ý dịch: "Chúa muốn con sống thế nào"
Vì linh hồn con ngưỡng vọng Chúa
Có thể là 1) "Con cầu nguyện cùng Chúa" hoặc 2) "Con tin rằng Chúa sẽ hướng dẫn và bảo vệ con."
Psalms 143:9
Con chạy đến cùng Ngài để ẩn náu
Có thể là 1) "Con chạy đến chùng Ngài để con có thể ẩn náu" và 2) "Con chạy đến cùng Ngài để Ngài che chở và bảo vệ con."
làm theo ý muốn Chúa
"Làm điều Chúa muốn con làm"
Dẫn con vào đất ngay thẳng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể là 1) "giúp con sống công chính" hoặc 2) "nguyện cuộc đời con không gặp hoạn nạn"

đất ngay thẳng

Có thể là 1) đây là phép ẩn dụ chỉ về đời sống công chính hoặc 2) "đất bằng phẳng", là phép ẩn dụ chỉ về đời sống không gặp hoạn nạn.

Psalms 143:11

Vì cớ danh Ngài

Kẻ thù của mạng sống con

"kẻ thù muốn lấy mạng con"

Nhờ lòng thành tín theo giao ước của Chúa, xin tiêu diệt kẻ thù của con

"Xin bày tỏ lòng thành tín theo giao ước Chúa bằng cách tiêu diệt kẻ thù của con"

Kẻ thù của mạng sống con

"kẻ thù của linh hồn con" hoặc "mạng sống con" là phép hoán dụ có nghĩa là "con", dịch là "kẻ thù con"

Translation Questions

Psalms 143:2

Tại sao Đa-vít không muốn Đức Giê-hô-va lên án ông?

Đa-vít không muốn Đức Giê-hô-va phán xét ông, vì trước mặt Chúa chẳng người sống nào được xưng là công chính.

Psalms 143:3

Kẻ thù đã làm gì với Đa-vít?

Kẻ thù đuổi theo linh hồn ông, chà đạp mạng sống ông dưới đất, và làm cho ông phải ở nơi tối tăm.

Psalms 143:4

Kẻ thù đã làm gì tâm linh và tâm hồn của Đa-vít?

Kẻ thù làm cho tâm linh Đa-vít mỏi mòn, và làm tâm hồn ông tuyệt vọng.

Psalms 143:6

Đa-vít mô tả sự khao khát Chúa trong linh hồn ông ra sao?

Linh hồn ông khát khao Chúa như đất khô hạn vậy.

Psalms 143:7

Điều gì khiến Đa-vít giống như kẻ xuống huyệt?

Đa-vít sẽ giống như kẻ xuống huyệt, nếu Đức Giê-hô-va không đáp lời ông nhanh, hoặc Chúa giấu mặt khỏi ông.

Psalms 143:8

Đa-vít muốn nghe điều gì vào buổi sáng khi ông tin cậy nơi Đức Giê-hô-va?

Đa-vít muốn nghe được lòng nhân từ Chúa.

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va làm điều gì, vì linh hồn ông ngưỡng vọng Chúa?

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va chỉ cho ông biết con đường ông phải đi.

Psalms 143:10

Đa-vít xin điều gì dẫn ông vào đất bằng phẳng?

Đa-vít nguyện Thần tốt lành của Chúa dẫn ông vào đất bằng phẳng.

Psalms 143:12

Đa-vít xin Đức Giê-hô-va làm gì với kẻ thù của ông?

Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va tiêu diệt hết mọi kẻ thù của ông và phá hủy những kẻ áp bức ông.

Chapter 144

Psalms 144:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

vầng đá của con

Có thể là 1) "Đấng giữ con an toàn" hoặc 2) "Đấng ban cho con sức mạnh"

Đấng dạy tay con đánh giặc, tập ngón tay con chiến đấu

Từ "tay" và "ngón tay" là phép chuyển ngữ chỉ về "con". Nếu "đánh giặc" và "chiến đấu" là cùng một từ trong ngôn ngữ dịch thì có thể dịch thành một câu. Gợi ý dịch: "Đấng dạy con đánh giặc và tập luyện con chiến đấu" hoặc "Đấng dạy con đánh giặc"

Sự thành tín trong giao ước của con

"Đấng bày tỏ cùng con sự thành tín theo giao ước"

đồn lũy của con ... nương náu

Tác giả thi thiên dùng nhiều hình ảnh ẩn dụ để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ ông.

Tòa tháp cao của con

Đa-vít nói như thể Đức Giê-hô-va là một pháo đài bảo vệ ông khỏi bị tấn công. Đức Giê-hô-va là Đấng bảo vệ Đa-vít khỏi bị thiệt hại.

cái khiên của con

Đa-vít nói như thể Đức Giê-hô-va là cái khiên bảo vệ cho người lính. Đức Giê-hô-va là Đấng bảo vệ Đa-vít khỏi bị thiệt hại. Xem cách đã dịch ở PSA018:002

Đấng con nương náu

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "Đấng con chạy đến để Ngài bảo vệ con"

Đấng khiến các dân chịu khuất phục con

"Đấng cho con có thể đánh bại các dân khác"

Psalms 144:3

Lạy Đức Giê-hô-va, loài người là gì mà Ngài để ý đến? Con loài người là chi mà Ngài lại quan tâm?

Có thể dịch những câu hỏi này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Loài người thật nhỏ bé so với tất cả những vật khác Chúa đã tạo dựng đến nỗi con ngạc nhiên khi Chúa để ý đến loài người và Ngài quan tâm đến con loài người"

Loài người ... con loài người

Cả hai đều chỉ về loài người.

như hơi thở ... như bóng bay qua

Tác giả so sánh loài người với những điều đó để nhấn mạnh cuộc đời họ ngắn ngủi thể nào.

Psalms 144:5

Khiến ... ngự ... đụng đến ... làm ... phát ... bắn ... đuổi

Những từ này cần được dịch như lời cầu xin chứ không phải mệnh lệnh, vì tác giả thi thiên xem Đức Chúa Trời lớn hơn ông.

Khiến bầu trời hạ xuống

Có thể là 1) xé bầu trời ra hoặc 2) bẻ cong bầu trời như nhánh cây có người đi ở trên hoặc như người ta kéo cung chuẩn bị bắn tên.

Rối loạn

"để chúng không biết phải nghĩ gì hay làm gì"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Psalms 144:7

Từ trời cao, xin Chúa giơ tay ra giải cứu con khỏi những dòng nước

Đa-vít nói như thể Đức Chúa Trời đang đứng trên đất liền phía trên cơn lũ và Ngài có tay để kéo ông ra khỏi nước lũ. Lũ là phép ẩn dụ chỉ về những hoạn nạn do "kẻ ngoại bang" gây ra. Gợi ý dịch: "Xin Chúa hành động để giúp con vượt qua hoạn nạn"

khỏi tay kẻ ngoại bang

"Tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "khỏi quyền lực của kẻ ngoại bang"

Miệng của chúng nói dối

"Chúng nói dối"

tay phải chúng lừa dối

Có thể là 1) Đa-vít nói về tục lệ đưa tay lên thề điều người đó sắp nói trước tòa là sự thật "chúng nói dối ngay cả khi đưa tay lên thề nói sự thật" hoặc 2) "tay phải" là phép ẩn dụ chỉ về quyền thế, "mọi thứ chúng có được là nhờ nói dối".

Psalms 144:9

bài ca mới

Có thể là 1) "bài ca nhưa ai từng hát" hoặc 2) "bài ca con chưa từng hát."

Chúa, Đấng ban ... các vua, Đấng giải cứu

"Chúa. Chính Chúa ban ... các vua. Chính Chúa giải cứu"

Đa-vít đầy tớ Chúa

Đa-vít nói về mình như thể nói về một người khác. "con, là Đa-vít, đầy tớ Chúa"

khỏi thanh gươm gian ác

Đa-vít nói về những người gian ác như thể họ là những thanh gươm dùng làm vũ khí. Gợi ý dịch: "khỏi những kẻ ác đang tìm cách giết người"

giải cứu con và giải phóng con

"Xin giải cứu con và giải phóng con"

khỏi tay kẻ ngoại bang

"Tay" ở đây chỉ về quyền lực. Xem cách đã dịch ở PSA144:007

Miệng chúng nói dối

"Chúng nói dối". Xem cách đã dịch ở PSA144:007

Tay phải chúng lừa dối

Có thể là 1) Đa-vít nói về tục lệ đưa tay lên thề điều người đó sắp nói trước tòa là sự thật "chúng nói dối ngay cả khi đưa tay lên thề nói sự thật" hoặc 2) "tay phải" là phép ẩn dụ chỉ về quyền thế, "mọi thứ chúng có được là nhờ nói dối". Dịch giống ở PSA144:007

Psalms 144:12

như cây mọc cao lớn

Mạnh mẽ và vững chắc

tuổi thanh xuân của chúng

Giai đoạn phát triển của con người

các con gái chúng con như những cây cột được chạm trổ

"nguyện các con gái chúng con như những cây cột được chạm trổ"

cây cột được chạm trổ

"những cây cột xinh đẹp chống đỡ các góc của ngôi nhà lớn"

Cột, đẹp đẽ như những cây cột trong cung điện

"cột được chạm trổ làm cho cung điện trở nên đẹp đẽ"

hàng nghìn, hàng vạn trong đồng ruộng của chúng con

"hàng nghìn - thậm chí đến hàng vạn! - đầy dẫy đồng ruộng của chúng con"

Psalms 144:14

Sẽ không ai chọc thủng tường chúng con

"Không ai có thể xâm phạm thành chúng con"

không có tiếng khóc than

"không ai khóc than" hoặc "không ai xin ăn" hoặc "không ai kêu cầu công lý"

Translation Questions

Psalms 144:1

Đức Giê-hô-va đã làm gì để tay Đa-vít đánh giặc và ngón tay ông chiến đấu?

Đức Giê-hô-va dạy cho tay Đa-vít đánh giặc và tập cho ngón tay ông chiến đấu.

Psalms 144:3

Đa-vít ngạc nhiên khi Đức Giê-hô-va biết đến điều gì và quan tâm điều chi?

Đa-vít ngạc nhiên vì Đức Giê-hô-va biết đến và quan tâm đến con loài người.

Psalms 144:5

Các núi sẽ làm gì nếu Đức Giê-hô-va đụng đến nó?

Đức Giê-hô-va sẽ khiến núi bốc khói lên nếu như Ngài đụng đến.

Psalms 144:7

Đức Giê-hô-va giải cứu Đa-vít ra khỏi tay kẻ ngoại bang như thế nào?

Đức Giê-hô-va giơ tay giải cứu, vớt ông lên khỏi dòng thác lũ, và khỏi tay kẻ ngoại bang.

Psalms 144:9

Đa-vít sẽ hát cho Đức Giê-hô-va một bài ca mới nào?

Đa-vít sẽ dùng đàn hạc mười dây để hát cho Đức Giê-hô-va một bài ca mới.

Psalms 144:11

Miệng của kẻ ngoại bang nói gì?

Miệng của họ buông lời dối gạt và tay phải chúng là tay phải gian tà.

Psalms 144:12

Đa-vít ví sánh con trai Y-sơ-ra-ên với điều gì?

Ông muốn chúng giống như cây đâm chồi mạnh mẽ trong tuổi thanh xuân.

Đa-vít ví sánh con gái Y-sơ-ra-ên với điều gì?

Ông muốn chúng giống như những cây cột, chạm trổ theo kiểu đền thờ.

Psalms 144:15

Đa-vít nói ai là người được phước?

Phước cho dân tộc nào có Giê-hô-va làm Đức Chúa Trời mình.

Chapter 145

Psalms 145:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên ngợi khen. Của Đa-vít

"Đây là thi thiên ngợi khen do Đa-vít viết."

Ca tụng Chúa

"nói cho mọi người biết Chúa tuyệt diệu thể nào"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúc tụng danh Ngài
"Danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Xem cách đã dịch câu "nguyện danh vinh hiển Chúa được chúc tụng" ở PSA072:018
Ca ngợi danh Ngài
"Danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "ngợi khen Chúa" hoặc "nói cho mọi người biết Chúa vĩ đại dường nào"
Psalms 145:4
việc quyền năng của Ngài
"những việc Chúa có thể làm vì Ngài quyền năng"
Psalms 145:6
Công bố sự tốt lành dư dật của Chúa
"nói cho mọi người biết Chúa tốt lành dường nào"
Psalms 145:8
Đầy dẫy sự thành tín theo giao ước
Tác giả thi thiên nói như thể sự thành tín theo giao ước là đồ vật có thể được sở hữu rất nhiều. Gợi ý dịch: "hoàn toàn thành tín với giao ước Ngài"
Lòng thương xót nhân lành của Chúa ở trên mọi công việc của Ngài
"con người có thể thấy Ngài bày tỏ lòng thương xót trong mọi điều Ngài làm"
Psalms 145:10
Mọi vật Chúa đã dựng nên sẽ cảm tạ Ngài
"Mọi dân Chúa đã dựng nên sẽ cảm tạ Ngài" hoặc "Như thể mọi vật Chúa dựng nên sẽ cảm tạ Ngài"
Psalms 145:13
tồn tại qua mọi thế hệ
"tồn tại đời đời"
Psalms 145:14
nâng đỡ mọi người sa ngã ... vực dậy mọi người cong khom
Tác giả thi thiên nói về việc Đức Giê-hô-va nâng đỡ con người như thể Ngài đang giúp đỡ người mòn mỏi về thể chất. Có thể dịch hai câu thành một. Gợi ý dịch: "khích lệ những người ngã lòng"
Mắt của muôn vật đều ngửa trông
"muôn vật đều ngửa trông"
Chúa xòe tay ra
"Chúa rộng rãi ban cho"
Làm thỏa nguyện mong ước của mọi loài sinh vật
"ban cho mọi loài nhiều hơn điều chúng cần và nhiều như chúng mong muốn"
Psalms 145:17
Đức Giê-hô-va là công chính trong mọi đường lối Ngài
"Con người có thể thấy Đức Giê-hô-va là công chính qua mọi điều Ngài làm"
nhân từ trong mọi việc Ngài làm
"và Ngài nhân từ trong mọi việc Ngài làm" hoặc "Con người có thể thấy Đức Giê-hô-va nhân từ qua mọi điều Ngài làm"
ở gần mọi người cầu khẩn Ngài
"mau chóng hành động để giúp đỡ những người cầu nguyện"
mọi người thành tâm cầu khẩn Ngài
"mọi người nói lời chân thật khi cầu nguyện" hoặc "mọi người Ngài tin tưởng khi họ câu nguyện"
Psalms 145:20
Miệng con sẽ
"Con sẽ"
sẽ cất tiếng ca ngợi Đức Giê-hô-va
"nói cho mọi người biết Đức Giê-hô-va nhân lành thể nào"
Nguyện mọi loài xác thịt chúc tụng danh thánh của Ngài
"Danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Xem cách đã dịch câu "nguyện danh vinh hiển Chúa được chúc tụng" ở PSA072:018

Translation Questions

Psalms 145:1
Đa-vít sẽ tôn cao và chúc tụng ai?
Đa-vít sẽ tôn cao Đức Giê-hô-va, và chúc tụng danh Ngài đến đời đời vô cùng.
Psalms 145:2
Đa-vít thường chúc tụng Chúa thế nào?
Hằng ngày Đa-vít sẽ chúc tụng Chúa.
Psalms 145:4
Một thế hệ nầy qua và thế hệ khác sẽ công bố điều gì?
Một thế hệ sẽ truyền tụng công việc Chúa và công bố những việc quyền năng của Ngài.
Psalms 145:5
Đa-vít sẽ suy ngẫm về điều gì?
Ông sẽ suy ngẫm về sự oai nghi rực rỡ, đầy vinh quang của Đức Giê-hô-va, và về công việc lạ lùng của Ngài.
Psalms 145:7
Thế hệ đó sẽ công bố và ca hát về điều gì?
Họ sẽ loan truyền về sự tốt lành vô biên của Đức Giê-hô-va và ca hát về đức công chính của Ngài.
Psalms 145:10
Đức Giê-hô-va sẽ cảm tạ và chúc tụng điều gì?
Mọi công việc sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va, và những người trung tín với Ngài sẽ chúc tụng Ngài.

Chapter 146

Psalms 146:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Hỡi linh hồn ta, hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va
"Linh hồn" ở đây chỉ về con người bên trong của tác giả. Tác giả ra lệnh cho tâm can ông ngợi khen Đức Giê-hô-va. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Con sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va với cả linh hồn mình" hoặc "Con ngợi khen Đức Giê-hô-va với cả sự sống con"
suốt đời
"cho đến khi con chết" hoặc "khi con còn sống"
Psalms 146:3
vua chúa
"Vua chúa" chỉ về hết thảy những người lãnh đạo.
con người, là nơi không có sự cứu rỗi
Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch là "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "bất kì người nào vì họ không thể cứu rỗi ngươi"
con người
"loài người" hoặc "người ta"
Khi hơi thở tắt đi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là cách tế nhị để nói khi một người chết. Gợi ý dịch: Khi một người chết đi"

Người trở về bụi đất

Tức là như Đức Chúa Trời đã dựng nên con người đầu tiên là A-đam từ bụi đất thì thân thể con người cũng sẽ thối rữa và trở về bụi đất khi chết đi.

Psalms 146:5

Đức Giê-hô-va dựng nên trời và đất

"Trời" và "đất" tượng trưng cho mọi vật tồn tại trong vũ trụ vật chất.

giữ lòng thành tín

Danh từ trừu tượng "lòng thành tín" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "luôn thành tín" hoặc "luôn trung nghĩa"

Psalms 146:7

Ngài thi hành công lý

"Ngài phán quyết cách công bình" (UDB)

cho kẻ bị áp bức

Tính từ đóng vai trò danh từ này có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "cho người bị áp bức" hoặc "cho những người bị người khác áp bức"

cho kẻ đói

Tính từ đóng vai trò danh từ này có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "cho người đói" hoặc "cho những người đói"

mở mắt người mù

Khiến người mù nhìn thấy được nói như thể Đức Giê-hô-va mở mắt người đó. Gợi ý dịch: "khiến người mù nhìn thấy"

Kẻ mù

Tính từ đóng vai trò danh từ này có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "người mù" hoặc "những người bị mù"

Đức Giê-hô-va vực dậy những kẻ cong khom

Đức Giê-hô-va giúp đỡ ai đó được nói như thể Ngài giúp họ đứng lên về mặt vật lí. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giúp đỡ những người nản lòng" hoặc "Đức Giê-hô-va giúp đỡ những người yếu đuối"

những kẻ cong khom

Hành động này là biểu hiện của sự buồn rầu hay than khóc.

Psalms 146:9

Ngài nâng đỡ

Đức Chúa Trời giúp đỡ ai đó được nói như thể Ngài nâng đỡ họ về mặt thể xác.

Hỡi Si-ôn, Đức Chúa Trời của ngươi

Ở đây "Si-ôn" tượng trưng cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên. Tác giả nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ đang lắng nghe ông nói. Gợi ý dịch: "Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời của ngươi"

Mọi thế hệ

Từ "sẽ cai trị" được ngầm hiểu ở đây. Gợi ý dịch: "sẽ cai trị mọi thế hệ" hoặc "sẽ cai trị đời đời"

Translation Questions

Psalms 146:2

Tác giả sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va trong bao lâu?

Ông sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va đến khi ông còn sống.

Psalms 146:3

Họ không nên tin cậy vào điều gì?

Người ta chớ nên tin cậy vào vua chúa, cũng đừng tin cậy nơi con người là nơi không có sự cứu rỗi.

Psalms 146:4

Điều gì sẽ xảy ra khi hơi thở loài người tắt đi?

Khi hơi thở tắt đi, loài người liền trở về bụi đất, trong chính ngày đó các kế hoạch của nó bị tiêu tan.

Psalms 146:5

Ai là người được phước?

Phước cho người nào có Đức Chúa Trời của Gia-cốp giúp đỡ mình, đặt niềm hi vọng nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.

Psalms 146:6

Đức Giê-hô-va đã làm nên điều gì?

Đức Giê-hô-va dựng nên trời và đất, biển và mọi vật ở trong đó.

Psalms 146:8

Đức Giê-hô-va làm gì cho người mù và kẻ ngã lòng?

Đức Giê-hô-va mở mắt người mù, và nâng đỡ những kẻ ngã lòng.

Psalms 146:9

Đức Giê-hô-va bảo vệ ai?

Đức Giê-hô-va bảo vệ khách lạ.

Psalms 146:10

Đức Giê-hô-va sẽ cai trị đến khi nào?

Đức Giê-hô-va sẽ cai trị đời đời.

Chapter 147

Psalms 147:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thật vui thỏa

Có thể thêm vào tân ngữ từ cụm từ trước. Gợi ý dịch: "thật vui thỏa khi hát ngợi khen"

Sự ngợi khen xứng hợp

"sự ngợi khen phù hợp" hoặc "sự ngợi khen thích đáng"

Psalms 147:2

Ngài chữa lành những người có tấm lòng tan vỡ và băng bó vết thương của họ

Tác giả nói về sự buồn rầu và nản lòng của con người như thể chúng là những vết thương thể xác, và Đức Giê-hô-va khích lệ họ như thể Ngài chữa lành những vết thương đó. Gợi ý dịch: "Ngài khích lệ những người buồn rầu và giúp họ chữa lành những vết thương tinh thần"

Psalms 147:4

Sự thông sáng Ngài không thể đo lường

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không ai có thể đo lường sự thông sáng của Ngài" hoặc " Sự thông sáng Ngài vô cùng vô tận"

Psalms 147:6

Đức Giê-hô-va nâng đỡ người bị áp bức

Tác giả nói việc Đức Giê-hô-va tôn trọng những người bị áp bức như thể Ngài đỡ họ lên khỏi đất. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va tôn trọng người bị áp bức"

Ngài hạ kẻ ác xuống đất

Tác giả nói việc Đức Giê-hô-va làm kẻ ác phải nhục nhã như thể Ngài bắt họ phải nằm xuống đất. Gợi ý dịch: "Ngài làm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

kẻ ác phải chịu nhục nhã"

dùng đàn hạc

"vừa chơi đàn hạc"

Psalms 147:8

Và cho bầy quạ con khi chúng kêu

Có thể thêm vào cụm động từ từ câu trước. Gợi ý dịch: "và Ngài ban thức ăn cho bầy quạ con khi chúng kêu"

khi chúng kêu

"khi chúng kêu chiêm chiếp" hoặc "khi chúng gọi"

Psalms 147:10

Ngài không vui thích nơi sức của ngựa

"Ngựa tốt không làm Ngài vui thích"

Chân khỏe mạnh của loài người

Có thể là 1) "Chân khỏe mạnh" là phép hoán dụ nói đến việc một người chạy nhanh thể nào. Gợi ý dịch: "người có thể chạy nhanh" hoặc 2) "chân khỏe mạnh" chỉ về sức mạnh của cả người. Gợi ý dịch: "một người mạnh mẽ mực nào"

Psalms 147:12

Hỡi Giê-ru-sa-lem ... Hỡi Si-ôn

Tác giả nói với Giê-ru-sa-lem, hay còn gọi là Si-ôn, như thể nó là một con người. Tên thành là phép hoán dụ chỉ về dân chúng sống trong thành đó. Gợi ý dịch: "Hỡi dân Giê-ru-sa-lem ... hỡi dân Si-ôn"

Vì Ngài đã làm cho then cửa ngươi được vững chắc

Cụm từ "then cửa" tượng trưng cho cả thành. Đức Giê-hô-va sẽ làm cho Giê-ru-sa-lem được an ninh khỏi sự xâm lược của kẻ thù. Gợi ý dịch: "Vì Ngài bảo vệ Giê-ru-sa-lem"

Ngài ban phước ... ở giữa ngươi

Tác giả nói về những người sống tại Giê-ru-sa-lem như thể họ là con cái của Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "Ngài ban phước cho những người sống tại Giê-ru-sa-lem"

Ngài ban sự thịnh vượng

"Ngài ban sự hòa bình." Có thể là 1) Đức Giê-hô-va cho dân ở tại Giê-ru-sa-lem được thịnh vượng về vật chất và tài chính hoặc 2) từ được dịch là "thịnh vượng" có nghĩa là "hòa bình", Đức Giê-hô-va giữ Giê-ru-sa-lem bình an khỏi sự tấn công của kẻ thù.

Psalms 147:15

Mạng lệnh của Ngài chạy rất nhanh

Tác giả mô tả như thể mạng lệnh của Đức Chúa Trời là sứ giả nhanh chóng di chuyển để truyền sứ điệp của Ngài.

Ngài làm tuyết như lông chiên, Ngài rải sương móc như tro

Những câu này nhấn mạnh Ngài làm những việc đó dễ dàng thế nào. Ngài lấy tuyết che phủ mặt đất dễ dàng như người ta lấy mền lông chiên phủ lên đồ vật. Và Ngài cất sương móc đi dễ dàng như gió thổi tro bay đi.

Psalms 147:17

Ngài ném mảng băng xuống như vụn bánh

Đức Giê-hô-va rải băng giá dễ dàng như người ta rải vụn bánh mì. Gợi ý dịch: "Ngài ném băng giá dễ dàng như vụn bánh"

Ngài ném

"Ngài ban"

Mảng băng

Những mảnh đá nhỏ rơi xuống từ trời như mưa

Ai chịu được cơn giá rét của Ngài?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng khó mà có thể chịu được thời tiết lạnh mà giá Đức Giê-hô-va sai xuống. Gợi ý dịch: "không ai có thể sống nỗi trong cơn giá rét của Chúa".

Ngài truyền lệnh làm tan chảy chúng

Tác giả nói như thể mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va là sứ giả của Ngài. Từ "lệnh" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Ngài lệnh cho đá tan chảy"

Psalms 147:19

Ngài công bố lời Ngài cho Gia-cốp, luật lệ và phán quyết Ngài cho Y-sơ-ra-ên

Hai câu này có nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va chỉ ban luật pháp cho Y-sơ-ra-ên.

luật lệ và phán quyết Ngài cho Y-sơ-ra-ên

Có thể thêm vào cụm động từ từ câu trước. Gợi ý dịch: "Ngài công bố luật lệ và phán quyết Ngài cho Y-sơ-ra-ên"

luật lệ và phán quyết Ngài

"Luật lệ", "phán quyết" và "lời" ở câu trước đều chỉ về luật Môi-se. Nếu ngôn ngữ dịch không có những từ khác nhau cho những từ này thì có thể gọp hai câu thành một, có thể dùng "Gia-cốp" hoặc "Y-sơ-ra-ên" làm người được ban cho.

Họ không biết chúng

Các dân khác không biết các phán quyết của Đức Giê-hô-va.

Translation Questions

Psalms 147:1

Tại sao Đức Giê-hô-va đáng được ca ngợi?

Đức Giê-hô-va đáng được ca ngợi vì đó là điều tốt đẹp, vui thỏa và xứng hợp.

Psalms 147:2

Đức Giê-hô-va giúp những người tin cậy Ngài như thế nào?

Đức Giê-hô-va xây cất Giê-ru-sa-lem, và tập hợp những người bị tản lạc của Y-sơ-ra-ên.

Psalms 147:4

Đức Giê-hô-va làm gì với các vì sao khi Ngài đếm?

Đức Giê-hô-va định số lượng các vì sao và đặt tên cho tất cả ngôi sao.

Psalms 147:5

Sự thông sáng Của Chúa vĩ đại như thế nào?

Sự thông sáng của Chúa vô cùng vô tận.

Psalms 147:6

Đức Giê-hô-va làm gì với kẻ ác?

Đức Giê-hô-va đánh đổ kẻ ác xuống đất.

Psalms 147:9

Đức Giê-hô-va quan tâm đến thú vật và bầy quạ như thế nào?

Đức Giê-hô-va ban thức ăn cho thú vật, và cho bầy quạ con ăn khi chúng kêu mồi.

Psalms 147:10

Đức Giê-hô-va không hài lòng và không vui về điều gì?

Đức Giê-hô-va không hài lòng về sức của ngựa, và không vui về nơi chân của loài người.

Psalms 147:11

Đức Giê-hô-va hài lòng về điều gì?

Đức Giê-hô-va hài lòng về những người kính sợ Ngài, và những ai đặt hi vọng nơi lòng nhân từ của Ngài.

Psalms 147:12

Đức Giê-hô-va ban điều gì cho Giê-ru-sa-lem?

Đức Giê-hô-va làm cho đầy dẫy lúa mì tốt nhất.

Psalms 147:14

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va ban điều gì cho Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va làm cho đầy dẫy lúa mì tốt nhất.
Psalms 147:15
Lệnh truyền của Đức Giê-hô-va cho trái đất như thế nào?
Đức Giê-hô-va truyền lệnh cho trái đất, lời Ngài chạy rất nhanh.
Psalms 147:17
Đức Giê-hô-va ban băng giá như thế nào?
Đức Giê-hô-va ném băng giá xuống từng mảnh.
Psalms 147:19
Đức Giê-hô-va đã công bố lời Ngài, cùng luật lệ và phán quyết của Ngài cho ai?
Đức Giê-hô-va đã công bố lời Ngài cho Gia-cốp, luật lệ và phán quyết Ngài cho Y-sơ-ra-ên.
Psalms 147:20
Nước nào khác mà Đức Giê-hô-va đã công bố lời Ngài, cùng luật lệ và phán quyết của Ngài?
Đức Giê-hô-va chẳng hề công bố lời Ngài, cùng luật lệ và phán quyết của Ngài với nước nào khác.

Chapter 148
Psalms 148:1
Thông Tin Tổng Quát:
Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.
Hỡi những vật trên các tầng trời, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va ... hỡi những vật trong các nơi cao
" Hỡi những vật trên các tầng trời, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va ... hỡi những vật trên trời". Hai câu này song song với nhau, "các nơi cao" và "các tầng trời" ở câu trước có ý nghĩa như nhau.
Psalms 148:3
Hỡi mặt trời, mặt trăng, hãy ca ngợi Ngài
Tác giả nói với mặt trời, mặt trăng như thể chúng là người và ông truyền cho chúng ngợi khen Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Hỡi mặt trời, mặt trăng, hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va giống như con người"
Hỡi tất cả các vì sao sáng, hãy ca ngợi Ngài
Tác giả nói với những vì sao sáng như thể chúng là người và truyền cho chúng ngợi khen Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Hỡi các vì sao sáng, hãy ca ngợi Ngài giống như con người"
Hỡi tầng trời cao nhất, hãy ngợi khen Ngài
"Tầng trời cao nhất" là cách nói chỉ về bầu trời. Tác giả nói với bầu trời như thể nó là người và truyền lệnh cho nó ngợi khen Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Hỡi tầng trời cao nhất, hãy ngợi khen Ngài giống như con người"
Hỡi nguồn nước phía trên bầu trời
Tác giả nói với "nguồn nước phía trên bầu trời" như thể chúng là người và truyền lệnh cho chúng ngợi khen Đức Giê-hô-va. Có thể thêm vào cụm động từ từ câu trước. Gợi ý dịch: "Hỡi nguồn nước phía trên bầu trời, hãy ngợi khen Ngài giống như con người"
nguồn nước phía trên bầu trời
Tác giả nói về một nơi ở phía trên bầu trời, ở đó cất giữ nước và từ đó cho mưa xuống.
Psalms 148:5
Nguyện chúng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va
Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Nguyện chúng ngợi khen Đức Giê-hô-va"
Chúng được dựng nên
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài dựng nên chúng"
Ngài ban luật không bao giờ thay đổi
Có thể là 1) "Ngài truyền lệnh lâu dài" hoặc 2) "Ngài ban lệnh để họ không bất tuân."
Ban
"truyền ," như vua truyền
Psalms 148:7
các vực sâu đại dương
Cụm từ ngày tượng trưng cho mọi sinh vật sống ở các vực sâu đại dương. Gợi ý dịch: "mọi tạo vật ở vực sâu đại dương"
lửa và mưa đá, tuyết và hơi nước, gió bão
Tác giả nói với những hiện tượng tự nhiên này như thể chúng là người và truyền cho chúng ngợi khen Đức Giê-hô-va.
Gió và bão, hãy vâng lệnh Ngài,
"lệnh Ngài" tượng trưng cho diều Đức Giê-hô-va truyền. Gợi ý dịch: "gió bão làm điều Đức Giê-hô-va truyền cho"
Psalms 148:9
Lời Dẫn:
The writer continues to speak to things that are not human as if they were people and commands them to praise Yahweh.
Động vật hoang dã và thuần hóa
"Hoang dã" và "thuần hóa" là hai từ đối lập. Chúng được dùng chung để chỉ về mọi loài động vật. Gợi ý dịch: "mọi loài động vật"
Psalms 148:11
Lời Dẫn:
Tác giả truyền cho mọi người ngợi khen Đức Giê-hô-va.
Mọi nước
"Nước" chỉ về những người sống ở các nước đó. Gợi ý dịch: "dân của mọi nước"
Thanh niên nam nữ, người già và trẻ nhỏ
Tác giả dùng hai phép đối lập từ, một chỉ về giới tính, một chỉ về tuổi tác để tượng trưng cho tất cả mọi người.
Psalms 148:13
danh Đức Giê-hô-va! Vì chỉ danh Ngài
Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va, vì chỉ Ngài"
Vinh quang Ngài lan ra cả trái đất và các tầng trời
Tác giả nói về sự vĩ đại của Đức Giê-hô-va là vinh quang Ngài vượt trên cả trái đất và bầu trời.
Ngài đã nâng cái sừng của con dân Ngài ngước lên
Tác giả ví sức mạnh với sừng thú vật. Nâng sừng lên là một hahf động mang tính biểu tượng thể hiện sự chiến thắng trong quân sự. Gợi ý dịch: "Ngài đã làm cho dân Ngài mạnh mẽ" hoặc "Ngài đã ban chiến thắng cho dân Ngài"
Sự ngợi khen từ hết thảy những người trung tín của Ngài
"để hết thảy mọi người trung tín của Ngài ngợi khen Ngài"
Dân gần gũi bên Ngài
Tác giả nói việc Đức Giê-hô-va yêu thương dân Ngài như thể họ được ở gần Ngài về mặt vật lí. Gợi ý dịch: "dân Ngài yêu"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Psalms 148:1

Ai sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va?

Từ các tầng trời, trong các nơi cao, các thiên sứ và hết thảy thiên binh đều ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 148:2

Ai sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va?

Từ các tầng trời, trong các nơi cao, các thiên sứ và hết thảy thiên binh đều ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 148:3

Ai sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va?

Mặt trời, mặt trăng, các vì sao sáng, các trời của các tầng trời và nguồn nước trên các tầng trời hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 148:4

Ai sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va?

Mặt trời, mặt trăng, các vì sao sáng, các trời của các tầng trời và nguồn nước trên các tầng trời hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 148:5

Tại sao Đức Giê-hô-va được ca ngợi?

Hãy ca ngợi danh Đức Giê-hô-va vì Ngài ra lệnh, tất cả đều được dựng nên.

Psalms 148:6

Quy luật nào sẽ không thể thay đổi?

Quy luật của Đức Giê-hô-va sẽ không bao giờ thay đổi.

Psalms 148:7

Ai trên trái đất đã ngợi khen Đức Giê-hô-va?

Những quái vật biển và các vực sâu trên đất, lửa, mưa đá, tuyết và hơi nước, gió, bão hãy vâng lệnh Đức Giê-hô-va.

Psalms 148:8

Ai trên trái đất đã ngợi khen Đức Giê-hô-va?

Những quái vật biển và các vực sâu trên đất, lửa, mưa đá, tuyết và hơi nước, gió, bão hãy vâng lệnh Đức Giê-hô-va.

Psalms 148:9

Ai cùng ngợi khen Đức Giê-hô-va nữa?

Các núi và đồi, cây trái và mọi cây bá hương, thú rừng và các loài súc vật, loài côn trùng và loài chim hãy ca ngợi danh Đức Giê-hô-va.

Psalms 148:10

Ai cùng ngợi khen Đức Giê-hô-va nữa?

Các núi và đồi, cây trái và mọi cây bá hương, thú rừng và các loài súc vật, loài côn trùng và loài chim hãy ca ngợi danh Đức Giê-hô-va.

Psalms 148:13

Tại sao Đức Giê-hô-va đáng được ca ngợi?

Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va vì danh Ngài đáng được tôn cao và vinh quang Ngài ở trên cả trái đất và các tầng trời.

Psalms 148:14

Ai là người trung tín của Đức Giê-hô-va?

Dân Y-sơ-ra-ên, một dân gần gũi bên Ngài là những người trung tín của Đức Giê-hô-va.

Chapter 149

Psalms 149:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên đang nói với hết thảy con dân của Đức Chúa Trời vì thế nên dùng dạng mệnh lệnh ở số nhiều trong ngôn ngữ dịch nếu có.

một bài ca mới

Có thể là 1) "một bài ca các ngươi chưa từng hát" hoặc 2) một bài ca chưa ai từng hát.

Hát ca ngợi Ngài

"ngợi ca Ngài bằng những bài hát"

Psalms 149:2

mừng rỡ nơi Đấng đã dựng nên họ

Có thể là 1) "mừng rỡ vì Ngài đã dựng nên họ" hoặc 2) "vui mừng vì Đấng đã dựng nên họ là tốt lành."

vui vẻ nơi Vua mình

Từ "vua mình" dường như chỉ về Đức Chúa Trời. Có thể là 1) "vui mừng vì Ngài là vua của họ" hoặc 2) "vui mừng vì vua của họ là tốt lành".

ca ngợi danh Ngài

"Danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "ca ngợi Ngài" hoặc "nói cho mọi người biết Ngài vĩ đại dường nào"

Trống cơm

Loại nhạc cụ có một đầu như trống để gõ và có các miếng kim loại xung quanh mặt bên để phát ra âm thanh khi rung lắc nhạc cụ.

Psalms 149:4

lấy sự cứu rỗi trang sức cho người khiêm nhường

"ban vinh hiển cho người khiêm nhường bằng cách cứu họ khỏi kẻ thù"

Trên giường họ

"ngay cả khi họ nằm ngủ trên giường lúc ban đêm"

Psalms 149:6

Nguyện sự ngợi khen Đức Chúa Trời ở trong miệng họ

Miệng là phép hoán dụ chỉ về cả người đó. Gợi ý dịch: "Nguyện họ luôn sẵn sàng ngợi khen Đức Chúa Trời"

gươm hai lưỡi ở trong tay họ

gươm hai lưỡi ở trong tay họ** - Nếu không biết gươm thì có thể thay bằng tên gọi của một vũ khí của địa phương. "Gươm" là phép hoán dụ chỉ về việc sẵn sàng chiến đấu. Gợi ý dịch: "nguyện chúng luôn sẵn sàng chiến đấu vì Ngài"

Các nước

"Các nước" là phép hoán dụ chỉ về dân của các nước đó. Gợi ý dịch: "dân của các nước"

Psalms 149:8

xiềng

Chúng được làm bằng kim loại nặng, kiềm hãm sự di chuyển của tù nhân.

Gông

Một cặp xiềng hoặc dây có dây xích ở giữa kiềm hãm sự vận động của cả hai tay hoặc chân.

thi hành sự phán xét đã được ghi

Thực hiện điều Đức Giê-hô-va cho Môi-se viết phải làm gì với những người phạm tội.

---

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Psalms 149:1

Mọi người nên ca ngợi Đức Giê-hô-va như thế nào?

Mọi người nên hát cho Đức Giê-hô-va một bài ca mới và ca ngợi Ngài trong hội các thánh Ngài.

Psalms 149:2

Y-sơ-ra-ên mừng rỡ vì ai?

Y-sơ-ra-ên mừng rỡ nơi Đấng đã dựng nên mình và là vua mình.

Psalms 149:3

Người ta nên ca ngợi danh Đức Giê-hô-va như thế nào?

Người ta nên ca ngợi danh Đức Giê-hô-va bằng điệu múa và dùng trống cơm và đàn hạc.

Psalms 149:4

Đức Giê-hô-va hài lòng về ai?

Đức Giê-hô-va hài lòng về con dân Ngài.

Đức Giê-hô-va tôn cao ai?

Ngài lấy sự cứu rỗi làm trang sức cho người khiêm nhường.

Psalms 149:5

Thánh đồ vui mừng như thế nào?

Các thánh đồ vui mừng trong vinh quang và hát mừng.

Psalms 149:6

Trong miệng người tin kính có gì?

Những lời ca ngợi Đức Chúa Trời trong miệng họ.

Mục đích của thanh gươm hai lưỡi trong tay người tin kính?

Thanh gươm hai lưỡi trong tay họ để báo thù các nước, trừng phạt các dân.

Psalms 149:7

Mục đích của thanh gươm hai lưỡi trong tay người tin kính?

Thanh gươm hai lưỡi trong tay họ để báo thù các nước, trừng phạt các dân.

Psalms 149:8

Người tin kính sẽ làm gì với các vua và các quý tộc?

Họ sẽ trói các vua của chúng bằng xiềng và đóng gông bằng sắt các quý tộc.

Psalms 149:9

Ai sẽ được tôn trọng khi phán xét được thi hành?

Đó sẽ là vinh quang của các thánh đồ.

Chapter 150

Psalms 150:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này tập trung vào sự ngợi khen hay thờ phượng thường diễn ra trong đền thờ.

Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va trong nơi thánh Ngài

Đền thờ của Đức Chúa Trời thường được gọi là nơi thánh Ngài. Đây là nơi người ta thường đến để thờ phượng Đức Chúa Trời.

các việc quyền năng Ngài

"những việc vĩ đại Ngài đã làm." "Các việc quyền năng" của Đức Chúa Trời có thể là 1) những điều tự nhiên như sấm sét và động đất hoặc 2) những điều kỳ diệu như chữa bệnh và những chiến thắng lớn trên chiến trận.

Psalms 150:3

Thông Tin Tổng Quát:

Phần này tập trung vào việc ngợi khen và thờ phượng Đức Chúa Trời bằng nhạc cụ và nhảy múa.

trống cơm

Trống cơm là loại nhạc cụ có một đầu như trống để gõ và có các miếng kim loại xung quanh mặt bên để phát ra âm thanh khi rung lắc nhạc cụ.

chập chõa

Hai tấm kim loại tròn, dẹp đập vào nhau để phát ra âm thanh

Psalms 150:6

Thông Tin Tổng Quát:

Câu này không chỉ là câu kết cho thi thiên này mà còn là câu kết cho cả Quyển 5 của sách Thi Thiên bắt đầu từ Thi Thiên 107 đến Thi Thiên 150.

Mọi vật có hơi thở

Có thể là 1) hết thảy những người còn sống phải ngợi khen Đức Chúa Trời hoặc 2) mọi tạo vật sống động phải ngợi khen Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Psalms 150:1

Mọi người nên ca ngợi Đức Chúa Trời ở đâu?

Mọi người nên ca ngợi Đức Chúa Trời trong nơi thánh Ngài và trên bầu trời kỳ vĩ của Ngài.

Psalms 150:2

Mọi người nên ngợi khen Đức Chúa Trời về điều gì?

Mọi người nên ngợi khen Đức Chúa Trời về các việc quyền năng Ngài và sự oai nghi vĩ đại của Ngài.

Psalms 150:3

Mọi người dùng nhạc cụ gì để ngợi khen Đức Chúa Trời?

Mọi người nên ngợi khen Đức Chúa Trời bằng kèn, đàn lia, đàn hạc, trống cơm, nhảy múa, nhạc cụ bằng dây và thổi sáo, chập chõa và phèng la.

Psalms 150:5

Mọi người dùng nhạc cụ gì để ngợi khen Đức Chúa Trời?

Mọi người nên ngợi khen Đức Chúa Trời bằng kèn, đàn lia, đàn hạc, trống cơm, nhảy múa, nhạc cụ bằng dây và thổi sáo, chập chõa và phèng la.

Psalms 150:6

Ai sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va?

Mọi sinh vật có hơi thở hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Chapter 1

Proverbs 1:1

Thông tin tổng quát:

Các câu 2-33 là thơ.

để dạy sự khôn ngoan và sự chỉ dẫn

Điều này có thể được diễn đạt lại để các danh từ trừu tượng "sự khôn ngoan" và "sự chỉ dẫn" có thể xét ở dạng tính từ và động từ. Cách dịch khác: "để dạy con biết khôn ngoan và chỉ dẫn con các sống có đạo đức"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Để dạy những lời thông sáng
Ở đây "những lời" tương ứng với một thông điệp hoặc lời dạy dỗ. Cách dịch khác: "để giúp con hiểu những sự dạy dỗ khôn ngoan"
Để con sẽ nhận được
Ở đây "con" kể đến những người đọc. Nếu nó tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể xét nó thành "chúng tôi." Cách dịch khác: "để chúng tôi sẽ nhận được"
Sẽ nhận sự sửa phạt để mà sống
Điều này có thể diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "sự sửa phạt" được xét như tính từ. Cách dịch khác: "sẽ học được cách sửa chửa mà sống"
Proverbs 1:4
cũng ban sự khôn ngoan cho kẻ ngu dại
Điều này có thể diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "sự khôn ngoan" có thể xét thành tính từ "khôn ngoan." Nó cũng có thể xét thành câu chủ động. Cách dịch khác: "cũng dạy những kẻ ngu dại thế nào được khôn ngoan"
Ngu dại
"thiếu kinh nghiệm, non nớt"
Ban sự hiểu biết và sự suy xét cho người trẻ
Các danh từ trừu tượng "sự hiểu biết" và "sự suy xét" có thể xét thành những động từ. Cách dịch khác: "còn dạy người trẻ những gì họ cần để hiểu biết và làm thế nào để suy xét điều đúng để làm"
Sự suy xét
Biết những gì nên làm trong những trường hợp đặc biệt
Để người khôn ngoan lắng nghe và thêm sự hiểu biết của họ
"để những ai khôn ngoan chú ý và học nhiều hơn nữa"
Để người sáng suốt nhận sự hướng dẫn
"để người có sự hiểu biết học từ những câu châm ngôn này để làm thế nào đưa ra những quyết định đúng"
Những câu đố
Những lời nói mà một người có thể hiểu chỉ say khi ngẫm nghĩ về chúng
Proverbs 1:7
Thông tin tổng quát
Một người cha dạy con của mình
Kính sợ Đức Giê-hô-va là sự khởi đầu của sự hiểu biết
Các danh từ trừu tượng "kính sợ." "sự khởi đầu," và "sự hiểu biết" có thể xét thành các động từ. Cách dịch khác: "Con phải kính sợ Đức Giê-hô-va trước hết để mà bắt đầu hiểu khôn ngoan là gì" hoặc "Con phải tôn kính trước và kính trọng Đức Giê-hô-va trước hết để mà học biết khôn ngoan là gì"
Kẻ ngu dại coi thường sự khôn ngoan và kỷ luật
"những kẻ không đánh giá khôn ngoan và dạy dỗ là kẻ ngu dại "
Đừng để nó một bên
Đây là thành ngữ có nghĩa rằng "đừng từ chối" hoặc "đừng bỏ đi"
Chúng sẽ vòng hoa yêu kiều cho đầu con và dây chuyền đeo trên cổ con
Các phép tắc và sự chỉ dẫn mà cha mẹ dạy cho con mình là vô cùng quý báu và quan trọng mà chúng được kể như thể chúng là vòng hoa tuyệt đẹp hoặc dây chuyền mà một người đeo. Cách dịch khác: "chúng sẽ làm con khôn ngoan giống như đội một vòng hoa trên đầu hoặc một dây chuyền quanh cổ khiến con xinh đẹp "
Vòng hoa
Một vòng tròn được kết lại từ lá hoặc hoa
Dây chuyền
Trang sức được đeo quanh cổ
Proverbs 1:10
Cố gắng dụ dỗ con vào trong tội lỗi của chúng
"cố gắng thuyết phục con phạm tội như chúng"
Từ chối theo chúng
"từ chối chúng" hoặc "đừng nghe theo chúng"
Nếu chúng nói
Ở đây người nói đưa ra minh họa về những gì kẻ tội lỗi sẽ cố gắng dụ dỗ một người làm.
Nằm phục sẵn
"trốn và chờ đến đúng lúc"
Proverbs 1:12
Thông tin tổng quát:
Câu 12-14 kết thúc sự hình dung về những kẻ lỗi, là kẻ đang dụ dỗ người khác phạm tội.
Để chúng ta nuốt sống chúng, như Âm phủ lấy đi những kẻ khỏe mạnh
Kẻ tội lỗi kể đến việc tàn sát người vô tội như thể chúng là Âm phủ và chúng sẽ lấy đi mạng sống và người mạnh khỏe xuống nơi người chết đến.
Chúng ta nuốt ... như Âm phủ đem đi
Điều này kể đến mồ mả như thể chúng là một người nuốt người ta và đem họ xuống nơi của sự chết.
Như Âm phủ đem đi những kẻ mạnh khỏe
Kẻ ác mong đợi hủy diệt nạn nhân của chúng theo cách Âm phủ, là nơi của sự chết, đem đi người mạnh khỏe.
Khiến chúng như những kẻ rơi xuống hố
Có thể mang những nghĩa 1) Điều này kể đến những người đi đường rơi vào một hố sâu là nơi không ai có thể tìm thấy họ hoặc 2) Ở đây "hố" là từ khác mà chỉ về Âm phủ hoặc nơi kẻ chết đến.
Hãy dự phần với chúng ta
Đây là thành ngữ. Cách dịch khác: "Gia nhập cùng chúng ta"
Tất cả chúng ta cùng có túi bạc
Ở đây "túi bạc" kể đến mọi thứ mà chúng trộm cắp. Cách dịch khác: "chúng ta sẽ chia đều mọi thứ chúng ta trộm "
Túi bạc
Một túi để đựng tiền bạc
Proverbs 1:15
Đừng đi xuống đường đó với chúng; đừng để chân con chạm đến nơi chúng đi
Để tránh xa việc cư xử mà kẻ tội lỗi làm được kể như thể đứa con tránh đi trên hay chạm đến những con đường mà kẻ tội lỗi đã đi lên. Cách dịch khác: "đừng đi cùng kẻ tội lỗi hay làm những gì chúng làm"
Chân của chúng chạy đến tội lỗi
Kẻ tội lỗi có sự ham hở khi làm những điều ác được kể như thể chúng đang chạy đến tội lỗi. Cách dịch khác: "chúng hăng hái để làm những điều ác "
Chân chúng chạy đến
Ở đây "chân" kể đến toàn bộ con người. Cách dịch khác: "chúng chạy"
Đổ huyết ra
Ở đây "huyết" kể đến sự sống của một người. Để "đổ huyết" nghĩa là giết ai đó.
Thật vô ích khi giăng ... đang cảnh giác
Điều này bắt đầu một sự so sánh mà kết thúc trong 1: 18. Nó so sánh sự khôn ngoan của loài chim tránh các bẫy chúng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thấy với sự ngu dại của kẻ tội lỗi bị mắc trong bẫy mà chúng làm cho chính mình.

Proverbs 1:18

Hạng người nầy đang phục chờ để giết người ta- và giăng một cái bẫy để hại họ

Điều này kết thúc sự so sánh trong PRO01:15

Là đường của những kẻ

Số phận của một người được kể đến như thể chúng là con đường một người đi trên. Cách dịch khác: "Đây là những gì xảy ra với một người"

Lợi bất nghĩa tước đi mạng sống của những ai đang nắm giữ nó.

Một người tự hủy diệt chúng bằng việc cố gắng tích trữ của cải nhờ cưỡng đoạt, trộm cắp, và dối trá được kể đến như thể lợi bất nghĩa sẽ giết những kẻ lấy nó. Cách dịch khác: "lợi bất nghĩa sẽ hủy diệt những ai giữ nó"

Proverbs 1:20

Thông tin tổng quát:

Trong 1:20-1:33 Sự khôn ngoan được kể đến như thể nó là người nữ đang nói với mọi người.

Khôn ngoan kêu la lớn tiếng

Nếu ngôn ngữ của bạn không cho phép bạn xét sự khôn ngoan là người nữ kêu la với mọi người trong thành, bạn có thể thử "Bà khôn ngoan kêu la lớn tiếng" tiếng "Quý cô khôn ngoan kêu la lớn tiếng" hoặc "Sự khôn ngoan như người nữ kêu la lớn tiếng"

Nó cất tiếng

Đây là thành ngữ. Cách dịch khác: "nói bằng giọng lớn tiếng "

Ở những nơi rộng rãi

Điều này nghĩa là ở những nơi sẽ có nhiều người. Cách dịch khác: "ở trong chợ" hoặc "ở những quảng trường thị trấn"

Ở đầu những con đường lúc nào cũng náo nhiệt

Có thể mang những nghĩa 1) "đầu" kể đến nơi đường phố nhộn nhịp giao nhau hoặc 2) "đầu" kể đến đầu đường những bức tường nơi người ta đi trên đường phố ồn ào có thể thấy và nghe sự khôn ngoan nói.

Các ngươi ưa thích những điều các ngươi không hiểu cho đến bao giờ?

Sự khôn ngoan dùng câu hỏi này để quở phạt những ai không khôn ngoan. Cách dịch khác: "Ai là kẻ ngu dại hãy ngưng ưa thích sự dại dột."

Sự dại dột

"thiếu kinh nghiệm, non nớt"

Hỡi các ngươi là kẻ nhạo báng sẽ ưa sự nhạo báng, và hỡi kẻ dại dột, các ngươi sẽ ghét sự tri thức cho đến chừng nào?

Sự khôn ngoan dùng câu hỏi này để quở phạt kẻ nhạo báng và kẻ dại dột. Cách dịch khác: "Những kẻ nhạo báng hãy ngưng việc ham thích chế nhạo, và các kẻ ngu dại hãy ngưng việc ghét tri thức."

Proverbs 1:23

Thông tin tổng quát

Sự khôn ngoan tiếp tục nói.

Chú ý

"Cẩn thận lắng nghe"

Ta sẽ đổ dốc mọi tư tưởng của ta cho các ngươi

Sự khôn ngoan đang nói với mọi người về mọi điều cô ta nghĩ về họ được kể như thể những tư tưởng của cô là nước mà cô ta đổ dốc.

Ta sẽ làm cho các ngươi biết những lời của ta

Ở đây "những lời" kể đến những tư tưởng. Cách dịch khác: "Ta sẽ nói các ngươi những gì ta nghĩ"

Ta giơ tay ra

Cụm từ này là thành ngữ có nghĩa là vẫy tay ra hiệu cho ai đó hoặc mời ai đó đến. Cách dịch khác: "Ta sẽ mời các ngươi đến với ta"

Proverbs 1:26

Thông tin tổng quát

Sự khôn ngoan tiếp tục nói, đang mô tả những gì xảy ra với những kẻ từ chối cô ấy.

Ta sẽ cười

Điều này có thể xét thành từ "bởi vậy" để diễn tả rằng người nữ khôn ngoan cười vào chúng bởi vì chúng từ chối cô ta. Cách dịch khác: "Bởi vậy ta sẽ cười"

Nơi hoạn nạn của ngươi

"khi những điều tệ hại xảy ra với ngươi"

Khi sự sợ hãi xảy đến

Danh từ trừu tượng "sự sợ hãi" có thể xét thành tính từ. Cách dịch khác: "Khi ngươi sợ hãi"

Khi sự sợ hãi của các ngươi xảy đến như giông bão ... như cơn trốt ... giáng trên các ngươi

Những điều đáng sợ xảy ra với người ta được so sánh như cơn bão đang đánh họ và gây sợ hãi và đau đớn.

Cơn trốt

Một cơn giông tố lớn gây thiệt hại

Proverbs 1:28

Câu liên kết:

Sự khôn ngoan đang tiếp tục nói.

Lúc đó họ sẽ kêu cầu ta

"Lúc đó những kẻ từ chối ta sẽ kêu cầu ta giúp đỡ"

Bởi vì họ ghét tri thức

Danh từ trừu tượng "tri thức" có thể xét thành động từ "học." Cách dịch khác: "Vì chúng từ chối học biết để khôn ngoan"

Không chọn sự kính sợ Đức Giê-hô-va

Danh từ trừu tượng "sợ hãi" có thể xét thành một động từ. Cách dịch khác: "không kính sợ Đức Giê-hô-va" hoặc "Không tôn kính và kính sợ Đức Giê-hô-va"

Không làm theo sự dạy dỗ của ta

"không chấp nhận sự dạy dỗ của ta" hoặc "từ bỏ lời khuyên của ta"

Proverbs 1:31

Thông tin tổng quát:

Câu 33 kết thúc câu của khôn ngoan đã bắt đầu trong PRO01:20

Ăn bông trái của đường lối mình

Ở đây cách cư xử của một người được kể đến như thể chúng là một lối đi hoặc một con đường. Cũng như vậy, một người đang nhận lấy kết quả của cách cư xử của họ được kể đến như thể họ đang ăn bông trái của cách cư xử. Cách dịch khác: "kinh nghiệm được kết quả của những việc họ làm"

Và được no nê hậu quả toan tính của họ

"họ sẽ ăn bông trái từ sự toan tính của họ đến khi họ no."

Một người nhận lấy hậu quả từ những toan tính xấu xa của mình được kể đến như thể đang ăn bông trái từ sự toan tính của họ. Cách dịch khác: "chúng sẽ chịu hậu quả từ những kế hoạch xấu xa của chúng"

Ngu dại

"thiếu kinh nghiệm, non nớt"

Bị giết khi họ xây đi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một người đang từ bỏ sự khôn ngoan được kể đến như thể người đó quay người đi khỏi sự khôn ngoan. Điều này có thể xét ở thể chủ động. Cách dịch khác: "chết vì chúng từ chối việc học biết"

Sự dửng dưng của kẻ dại sẽ hủy diệt họ

Danh từ trừu tượng "sự dửng dưng" có thể xét thành một động từ. Cách dịch khác: "kẻ dại sẽ chết bởi vì chúng không quan tâm những gì nên làm"

Sự dửng dưng

Thiếu quan tâm về điều gì đó

Translation Questions

Proverbs 1:1

Ai là tác giả của những câu châm ngôn này?

Sa-lô-môn, vua Y-sơ-ra-ên, là tác giả của những câu châm ngôn này.

Proverbs 1:3

Những câu châm ngôn dạy con người sống như thế nào?

Những câu châm ngôn dạy con người sống làm những điều phải, trung thực và công bình.

Proverbs 1:5

Người khôn ngoan có thể nhận được điều gì khi lắng nghe những câu châm ngôn này?

Người khôn ngoan có thể tăng thêm sự học vấn của họ bằng việc lắng nghe những câu châm ngôn này.

Proverbs 1:7

Sự khởi đầu của tri thức là gì?

Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là sự khởi đầu của tri thức.

Proverbs 1:8

Một người con nên lắng nghe lời dạy dỗ của ai?

Một người con phải lắng nghe lời dạy dỗ của cha và mẹ.

Proverbs 1:10

Một người con nên làm gì nếu những tội nhân cố dụ dỗ người phạm tội?

Một người con nên từ chối đi theo những kẻ cố dụ dỗ người phạm tội.

Proverbs 1:13

Những kẻ phạm tội định chất đầy nhà của họ với những gì?

Những kẻ phạm tội có kế hoạch chất đầy nhà của họ bằng những gì họ trộm cắp từ người khác.

Proverbs 1:16

Những người đang phạm tội nhanh lại vội làm điều gì?

Những ai đang phạm tội nhanh chóng làm đổ máu.

Proverbs 1:19

Sự tham lợi bất nghĩa đã làm gì với những người giữ nó?

Sự tham lợi bất nghĩa đã lấy đi mạng sống của những ai giữ nó.

Proverbs 1:20

Ai la lớn trên đường phố, những chốn công cộng và những nơi cổng thành?

Sự khôn ngoan la lớn trên đường phố, những chốn công cộng, và nơi cổng thành

Proverbs 1:21

Ai la lớn trên đường phố, những chốn công cộng và những nơi cổng thành?

Sự khôn ngoan la lớn trên đường phố, những chốn công cộng, và nơi cổng thành

Proverbs 1:24

Những người thiếu sự khôn ngoan đã làm gì khi Sự Khôn Ngoan kêu gọi họ?

Những người thiếu sự khôn ngoan đã từ chối lắng nghe và chẳng hề chú ý đến khi Sự Khôn Ngoan kêu gọi họ.

Proverbs 1:25

Những người thiếu sự khôn ngoan đã làm gì khi Sự Khôn Ngoan kêu gọi họ?

Những người thiếu sự khôn ngoan đã từ chối lắng nghe và chẳng hề chú ý đến khi Sự Khôn Ngoan kêu gọi họ.

Proverbs 1:26

Sự Khôn Ngoan sẽ làm gi khi tai họa xảy đến với những người thiếu khôn ngoan?

Sự Khôn Ngoan sẽ cười khi tai họa xảy đến với những người thiếu khôn ngoan.

Proverbs 1:28

Sự Khôn Ngoan sẽ làm gi khi tai họa xảy đến với những người thiếu khôn ngoan?

Sự Khôn Ngoan sẽ cười khi tai họa xảy đến với những người thiếu khôn ngoan.

Proverbs 1:31

Những người thiếu sự không ngoan sẽ được tràn ngập những điều gì?

Những người thiếu sự khôn ngoan sẽ được lấp đầy với bông trái của đường lối họ.

Proverbs 1:33

Những người sống mà nghe theo lời khôn ngoan sẽ ra sao?

Những ai nghe lời khôn ngoan sẽ được sống bình an.

Chapter 2

Proverbs 2:1

Thông tin tổng quát

Người cha dạy dỗ con mình bằng thơ.

Nếu con tiếp nhận lời ta

Ở đây "những lời" kể đến việc dạy dỗ. Cách dịch khác: "Nếu con lắng nghe những gì ta đang dạy con"

Nếu con tiếp nhận

Điều này bắt đầu một loạt câu điều kiện bao kết thúc trong 2:5. Nếu nó tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dịch những câu điều kiện thành câu lệnh như trong UDB.

Dành chứa các mạng lệnh ta với con

Giá trị những gì được truyền được kể đến như thể các mạng lệnh là một kho báu và người đó là nơi an toàn để cất trữ kho báu. Cách dịch khác: "xem các mạng lệnh của ta quý báu như kho báu"

Lắng nghe theo sự khôn ngoan và lòng con xu hướng về sự thông sáng

Nếu bạn dịch 2:1 thành câu mệnh lệnh, bạn cũng có thể dịch 2:2 thành mệnh lệnh, như trong UDB. Hoặc, nếu bạn dịch 2:1 thành câu điều kiện, bạn cũng có thể dịch 2:2 thành câu điều kiện. Cách dịch khác: "Nếu con để tai mình chú ý sự khôn ngoan và hướng lòng con về sự thông sáng"

Lắng nghe theo sự khôn ngoan

"bắt mình lắng nghe cẩn thận"

Sự khôn ngoan

Danh từ trừu tượng này có thể xét thành tính từ. Cách dịch khác: "lắng nghe điều khôn ngoan ta đang dạy con"

Xu hướng lòng con về sự thông sáng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây "lòng" kể đến tâm trí của một người. Cụm từ "xu hướng lòng con" là một thành ngữ nghĩa là giao phó hoặc trọn vẹn hiến dâng tâm trí của một người cho một nhiệm vụ. Cách dịch khác: "có gắng hiểu những gì khôn ngoan"

Proverbs 2:3

Nếu con cầu xin để có sự hiểu biết và cất tiếng kêu lên

Cả những câu mệnh lệnh này có nghĩa như nhau. Nó ám chỉ rằng người ta hăng hái cầu xin Đức Giê-hô-va để hiểu biết. Cách dịch khác: "Nếu con khẩn nài Chúa và cầu xin sự hiểu biết"

Nếu con khóc ... nếu con tìm kiếm

Điều này tiếp tục một loạt câu điều kiện bắt đầu trong PRO02:01

Cất tiếng kêu lên

Đây là thành ngữ nghĩa là nói lớn tiếng hoặc kêu la.

Nếu con tìm nó giống như con tìm bạc và tìm cách để có được sự hiểu biết giống như con tìm kiếm báu vật chôn kín

Cả những câu này có nghĩa như nhau. Các câu tương tự này nhấn mạnh sự nỗ lực mạnh mẽ mà một người làm để hiểu biết khôn ngoan là gì. Cách dịch khác: "Nếu con tìm kiếm sự hiểu biết bằng nhiều nỗ lực hơn khi con tìm kiếm báu vật chôn kín"

Con tìm nó ... tìm kiếm sự hiểu biết

Cố gắng hết sức để hiểu biết khôn ngoan là gì được kể đến như thể sự hiểu biết là một vật mà một người phải tìm kiếm.

Con sẽ tìm được sự tri thức về Đức Chúa Trời

Để thành công trong việc hiểu biết Chúa được kể đến như thể tri thức về Đức Chúa Trời là một vật mà một người theo đuổi tìm kiếm.

Proverbs 2:6

Từ miệng Ngài ra điều tri thức và sự thông sáng

Ở đây "miệng" kể đến chính Đức Giê-hô-va hoặc những gì Ngài nói. Cách dịch khác: "từ Đức Giê-hô-va ra tri thức và sự hiểu biết" hoặc "Đức Giê-hô-va bảo chúng ta những gì chúng ta cần biết và hiểu"

Ngài chất chứa lời lẽ khôn ngoan cho người nào đẹp lòng Ngài

Đức Giê-hô-va dạy dỗ sự khôn ngoan cho người ta được kể đến như thể sự khôn ngoan là một vật mà Đức Giê-hô-va chất chứa và ban cho người ta. Cách dịch khác: "Ngài dạy sự khôn ngoan thật là gì cho những ai đẹp lòng Ngài"

Hợp lý

"đáng tin cậy"

Ngài là tấm khiên cho những kẻ

Đức Giê-hô-va hằng sống có thể che chở cho dân Ngài được kể đến như thể Ngài là tấm khiên. Cách dịch khác: "Chúa che chở những kẻ"

Ai đi trong sự ngay thẳng

Một người cư xử trong sự ngay thẳng được kể đến như thể họ đang đi trong sự ngây thẳng. Cách dịch khác: "ai cư xử ngay thẳng" hoặc "sống cuộc sống mà họ nên làm"

Ngài canh chừng các lối công bình

Có thể mang những nghĩa 1) chính sự công bình được kể đến như thể nó là con đường. Cách dịch khác: "Chúa đảm bảo người ta làm điều công bình" hoặc 2) sự sống của một người được kể đến như thể chúng là một con đường. Cách dịch khác: "Chúa bảo vệ những ai làm điều công bình"

Gìn giữ đường lối của người nào

Sự sống của một người được kể đến như thể nó là con đường hoặc lối đi. Cách dịch khác: "gìn giữ"

Proverbs 2:9

Tính công bằng

"sự không thiên vị"

Từng nẻo tốt lành

Một người khôn ngoan và đẹp lòng Đức Giê-hô-va được kể đến như thể nó là nẻo tốt lành. Cách dịch khác: "cách sống đẹp lòng Chúa"

Sự khôn ngoan sẽ ngự vào lòng con

Ở đây "lòng" kể đến những thứ tồn tại bên trong của một người. Một người trở nên khôn ngoan được kể đến như thể sự khôn ngoan sẽ vào trong lòng của một người. Cách dịch khác: "con sẽ đạt được nhiều sự khôn ngoan" hoặc "con sẽ học biết sự khôn ngoan thật là thế nào"

Vui thích cho linh hồn con

Ở đây "lòng" kể đến toàn bộ một người. Cách dịch khác: "vui lòng con" hoặc "thích thú cho con"

Proverbs 2:11

Sự thận trọng sẽ canh chừng con, sự hiểu biết sẽ gìn giữ con

Điều này kể đến "sự thận trọng" và "sự hiểu biết" như thể chúng là người có thể trông chừng người khác. Cả hai câu có nghĩa cơ bản như nhau. Cách dịch khác: "Vì con suy nghĩ thận trọng và hiểu những gì đúng và sai thì con sẽ được an toàn"

Sự thận trọng

đức tính của con người cẩn thận trong lời nói và hành động

Canh chừng

Gìn giữ, bảo vệ, hay chăm sóc điều gì hoặc ai đó

Chúng sẽ giải cứu con khỏi con đường dữ

"Chúng" kể đến sự thận trọng và sự hiểu biết, điều mà được kể đến như thể chúng là con người có thể giải cứu người khác. Cách dịch khác: "Con sẽ biết để tránh xa những gì là dữ"

Khỏi con đường dữ

Cư xử theo điều dữ được kể đến như thể điều dữ là con đường hoặc lối đi mà một người bước lên.

khỏi kẻ từ bỏ đường ngay thẳng mà đi theo các lối tối tăm

Một người không còn làm điều gì ngay thẳng nhưng quyết định làm điều dữ được kể đến như thể một người không đi trên con đường đúng đắn và chọn đi trên lối đi tối tăm.

Kẻ từ bỏ

Từ "kẻ" kể đến người nói những điều sai lầm.

Từ bỏ

Ra đi hoặc không bao giờ trở lại với ai hay điều gì

Proverbs 2:14

Họ vui mừng

"Họ" kể đến những người được nói trong PRO02:11

Vui mừng khi họ làm dữ

Điều này có nghĩa giống như phần đầu của câu. Cách dịch khác: "vui mừng khi làm những điều họ biết là dữ"

Chúng lương lẹo trong đường lối

Những người nói dối với người khác được kể đến như thể họ đi trên con đường lương lẹo và quanh co. Cách dịch khác: "chúng lừa dối người khác"

và dùng sự lừa đảo chúng nó che giấu mưu mẹo của mình

Kẻ nói dối để mà người khác không tìm thấy những gì họ làm được kể như thể họ che các dấu vết trên con đường để không ai biết tới. Cách dịch khác: "và chúng nói dối để không ai biết những việc chúng đã làm"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Proverbs 2:16

Thông tin tổng quát:

Người cha tiếp tục dạy con mình khôn ngoan sẽ bảo vệ nó thế nào.

Sự khôn ngoan và sự thận trọng sẽ cứu con

Người viết kể đến sự khôn ngoan và sự thận trọng như thể chúng là người cứu kẻ khác, là kẻ sở hữu chúng. Cách dịch khác: "Nếu con có sự khôn ngoan và sự thận trọng, con sẽ cứu chính mình"

Nàng lìa bỏ bạn lúc đang thì mình

Điều này kể đến chồng của nàng, là người nàng đã cưới khi còn trẻ.

Sự giao ước của Đức Chúa Trời mình.

Điều này giống như kể đến giao ước hôn nhân mà nàng đã làm với chồng mình ở trước mặt Chúa.

Proverbs 2:18

Nhà nàng xiêu qua sự chết

Có thể mang những nghĩa 1) "đi đến nhà nàng là dẫn đến sự chết" hoặc 2) "con đường đến nhà nàng là con đường dẫn đến sự chết."

Các lối nàng sẽ dẫn con

Có thể mang những nghĩa 1) Điều này kể đến con đường và lối đi dẫn đến nhà nàng. Cách dịch khác: "con đường đến nhà nàng sẽ dẫn con" hoặc 2) Đây là cách ẩn dụ kể đến con đường của sự sống nàng như thể nó là con đường mà nàng đi trên. Cách dịch khác: "con đường của sự sống nàng sẽ dẫn con"

Đến với những kẻ ở trong mồ mả

Điều này kể đến những linh hồn của người chết và là cách ẩn dụ cho nơi của sự chết. Cách dịch khác: "đến mồ mả"

Ai vào nhà nàng

Điều này có nghĩa là đi vào trong nhà nàng để ngủ với nàng, như một kẻ ngủ với điếm đĩ.

Họ sẽ không tìm được con đường sự sống.

Có thể mang những nghĩa 1) "chúng sẽ không trở lại vùng đất của sự sống" hoặc 2) "chúng sẽ không bao giờ có cuộc sống hạnh phúc nữa."

Proverbs 2:20

Vì

Tác giả nói đến kết quả của việc có được sự hiểu biết và sự thận trọng.

Con nên ăn ở theo con đường ... bước theo các lối

Cách cư xử của một người được kể đến như thể nó đang bước trên con đường. Cách dịch khác: "con sẽ ăn ở theo con đường ... theo tấm gương"

Kẻ gian ác sẽ bị dứt khỏi đất

Tác giả kể đến Đức Giê-hô-va loại bỏ người ta khỏi đất như thể Ngài cắt bỏ chúng đi, như người ta cắt nhánh khỏi cây. Có thể dịch ở thể chủ động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ dọn kẻ ác khỏi đất"

kẻ bất trung sẽ bị rứt ra khỏi đó

Tác giả kể đến việc Đức Giê-hô-va loại bỏ chúng khỏi đất như thể Ngài đang cắt bỏ chúng đi, như người ta cắt nhánh khỏi cây. Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ngài sẽ dọn kẻ bất trung khỏi đó"

Translation Questions

Proverbs 2:1

Sự Khôn Ngoan muốn con trai của nàng là kho tàng cho điều gì?

Sự khôn ngoan muốn con của nàng là kho tàng cho những điều răn của nàng.

Proverbs 2:3

Người con tìm kiếm và khám phá sự hiểu biết như thế nào?

Người con nên tìm kiếm sự thông hiểu như bạc, và khám phá nó như một kho báu ẩn giấu.

Proverbs 2:4

Người con tìm kiếm và khám phá sự hiểu biết như thế nào?

Người con nên tìm kiếm sự thông hiểu như bạc, và khám phá nó như một kho báu ẩn giấu.

Proverbs 2:5

Nếu người con tìm kiếm và khám phá về sự hiểu biết, người sẽ tìm thấy điều gì?

Người con sẽ tìm được tri thức về Đức Chúa Trời.

Proverbs 2:7

Đức Giê-hô-va là gì cho những người bước đi trong sự liêm chính?

Đức Giê-hô-va là tấm khiên cho những ai bước đi trong sự liêm chính.

Proverbs 2:9

Khi sự khôn ngoan đến trong lòng của người con, người sẽ hiểu biết điều gì?

Người con sẽ hiểu được sự công bình, công lý, sự ngay thẳng và mọi đường lối tốt đẹp.

Proverbs 2:11

Tính thận trọng và sự hiểu biết sẽ giải cứu người con khỏi những điều gì?

Tính thận trọng và sự hiểu biết sẽ giải cứu người con khỏi con đường gian tà và khỏi những kẻ đi theo con đường của bóng tối.

Proverbs 2:13

Tính thận trọng và sự hiểu biết sẽ giải cứu người con khỏi những điều gì?

Tính thận trọng và sự hiểu biết sẽ giải cứu người con khỏi con đường gian tà và khỏi những kẻ đi theo con đường của bóng tối.

Proverbs 2:15

Những người đi theo con đường của sự tối tăm ẩn giấu dấu vết của họ bằng cách nào?

Những người đi theo con đường của sự tối tăm ẩn giấu dấu vết của họ bằng những điều giả dối.

Proverbs 2:17

Người phụ nữ vô đạo đức từ bỏ và quên điều gì?

Người phụ nữ vô đạo đức từ bỏ người đồng hành của tuổi trẻ mình và quên đi giao ước của Đức Chúa Trời mình.

Proverbs 2:18

Những dấu chân của người đàn bà vô đạo đức dẫn đến nơi nào?

Những dấu chân của người đàn bà vô đạo đức dẫn đến mồ mã.

Proverbs 2:20

Trong con đường của người nào mà người con nên đi?

Người con nên đi trong con đường của những người tốt và những người làm điều ngay thẳng.

Proverbs 2:21

Điều gì sẽ xảy ra với những người làm điều ngay thẳng?

Những người làm điều ngay thẳng sẽ được một ngôi nhà trên đất.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Proverbs 2:22
Điều gì sẽ xảy ra với những người gian ác?
Những người gian ác sẽ bị trục xuất khỏi đất.

Chapter 3
Proverbs 3:1
Thông tin tổng quát:
Tác giả đọc như người cha đang dạy con mình bằng thơ.
Chớ quên các mạng lịnh ta
Từ "các mạng lịnh" có thể dịch thành động từ. Cách dịch khác: "chớ quên những gì ta truyền cho con"
hãy giữ các sự dạy của ta
Cụm từ này nói bằng thuật ngữ khẳng định lại những gì cụm trước nói trong thể phủ định. Ở đây từ "lòng" kể đến tâm trí. Từ "các sự dạy" có thể dịch thành động từ. Cách dịch khác: "luôn ghi nhớ những gì ta dạy con"
thêm cho con lâu ngày và nhiều năm sống
Cả hai cụm từ này có nghĩa tương tự và kể đến cuộc sống dài lâu. Cách dịch khác: "một cuộc sống dài"
Proverbs 3:3
Chớ để sự trung tín và sự đáng tin mang tính giao ước lìa khỏi con, hãy đeo cả hai thứ ấy vào cổ
Tác giả kể đến "sự trung tín" và "sự đáng tin" như thể chúng là con người có thể lìa bỏ ai đó. Mạng lệnh phủ định có thể xét ở thể khẳng định. Cách dịch khác: "Chắc chắn luôn thực hành sự trung tín và trở nên đáng tin cậy"
hãy đeo cả hai thứ ấy vào cổ
Tác giả kể đến sự trung tín và sự đáng tin như thể chúng là các thứ vật mà người ta phải cột quanh cổ như dây chuyền. Hình ảnh gợi ra chúng ra những thứ có giá trị mà người ta phải phô bày ra ngoài. Cách dịch khác: "hãnh diện phô bày chúng như người ta đeo dây chuyền"
ghi nó nơi bảng lòng con
Ở đây tấm lòng kể đến tâm trí của một người và được kể đến như thể nó là tấm bảng treo mà người ta có thể viết thông điệp và những mạng lệnh. Cách dịch khác: "luôn ghi nhớ chúng, như thể con đã viết chúng cố định trên tấm bảng"
trước mặt Đức Chúa Trời và loài người
Tác giả kể đến sự đánh giá của Đức Chúa Trời và của con người về điều gì đó như thể họ đang nhìn thấy điều đó. Cách dịch khác: "trong sự đánh giá của Đức Chúa Trời và con người"
Proverbs 3:5
Hãy hết lòng
Ở đây từ "lòng" kể đến bộ phận bên trong con người. Cách dịch khác: "toàn bộ sự sống của con"
chớ nương cậy vào sự thông sáng của riêng con
Tác giả kể đến việc dựa vào sự hiểu biết của chính người đó như thể "sự hiểu biết" là một vật mà người ta có thể dựa vào. Cách dịch khác: "đừng dựa vào sự hiểu biết của chính con"
trong mọi đường lối của con
Tác giả kể đến những việc của một người như thể chúng là các đường mà người ta đi trên. Cách dịch khác: "trong mọi điều con làm"
Ngài sẽ ban bằng các nẻo của con
Tác giả kể đến việc Đức Giê-hô-va làm những việc làm của một người thịnh vượng như thể những việc của người đó là các đường mà anh ta bước và Đức Giê-hô-va giải phóng các vật cảns. Cách dịch khác: "Ngài sẽ ban cho con sự thành công"
Proverbs 3:7
Chớ khôn ngoan theo mắt mình
Tác giả kể đến quan điểm của một người như thể người đó đang nhìn thứ gì đó bằng mắt mình. Cách dịch khác: "đừng khôn ngoan theo ý kiến của mình"
và xây khỏi sự ác
Tác giả kể đến việc không dính líu vào việc làm ác như thể nó đang xây khỏi sự ác. Cách dịch khác: "đừng dính líu đến sự ác"
Điều đó sẽ là sự chữa lành khoan khoái cho thân thể con
Từ "điều đó" kể đến sự chỉ dẫn mà tác giả đưa ra trong những câu trước. Từ "thân thể" kể đến toàn bộ cơ thể. Cách dịch khác: "Nếu con làm điều này, nó sẽ chữa lành cho thân thể con"
Proverbs 3:9
Tài vật
"vụ gặt"
các kho chứa của con sẽ được dư dật
Có thể xét ở thể chủ động. Cách dịch khác: "các kho chứa của con sẽ tràn trề"
Các kho chứa
Các tòa nhà hay các phòng là nơi thức ăn được dự trữ
Dư dật
Ngập tràn, như thể sẵn sàng tràn tuôn ra
Proverbs 3:11
Thông tin tổng quát:
Tác giả viết như người cha đang dạy dỗ con mình.
con cái nào làm đẹp lòng Ngài
"con cái mà Ngài vui thích." Điều này kể đến tình cảm của người cha dành cho đứa con, chứ không phải sự chấp nhận của người cha về cách cư xử của người con. Cách dịch khác: "người con mà ông yêu"
Proverbs 3:13
Người nào tìm kiếm sự khôn ngoan
Tác giả kể đến "sự khôn ngoan" như thể nó là một vật mà người ta tìm kiếm. Cách dịch khác: "Ai đạt đến sự khôn ngoan"
những gì bạc cung ứng cho
Điều này kể đến ích lợi mà người ta có thể đầu tư hay buôn bán từ bạc.
Proverbs 3:15
Thông tin tổng quát:
Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là một người nữ .
Quý giá
"có giá trị" hoặc "đáng giá"
Nó cầm sự lâu ngày nơi tay hữu; còn trong tay tả nó là sự giàu có và vinh hiển
Tác giả kể đến những lợi ích mà người ta đạt được từ việc có sự khôn ngoan như thể sự khôn ngoan là người nữ nắm giữ các lợi ích này trong tay nàng và đưa cho người đó. Cách dịch khác: "sự khôn ngoan đưa cho một người những ngày dài, sự giàu có và vinh hiển"
Sự lâu ngày

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều này kể đến một cuộc đời lâu dài. Cách dịch khác: "sống lâu"

Proverbs 3:17

Các đường nẻo nó đều là sự nhân từ và các lối nó thảy đều bình an

Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là người nữ và những lợi ích mà sự khôn ngoan ban cho một người như thể sự khôn ngoan đang dẫn người đó theo một con đường. Cách dịch khác: "Sự khôn ngoan sẽ luôn đối xử với con tử tế và ban cho con bình an"

Nó là cây sự sống cho những ai nắm chặt lấy nó

Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là cái cây sanh ra trái sự sống và một người có lợi ích từ sự khôn ngoan như thể người đó ăn trái. Cách dịch khác: "Sự khôn ngoan như cái cây kéo dài sự sống của những ai ăn trái của nó"

Cây của sự sống

"cái cây ban sự sống" hoặc "cái cây mà trái của nó kéo dài sự sống"

cho những ai nắm chặt lấy nó

"cho những ai giữ chặt trái của nó"

Proverbs 3:19

Đức Giê-hô-va đã lập nên trái đất ... lập nên các từng trời

Tác giả kể đến việc Đức Giê-hô-va tạo dựng trái đất và các từng trời như thể Ngài đang dựng nền của tòa nhà. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va tạo dựng trái đất ... lập nên các từng trời"

Các vực sâu mở ra

Theo quan điểm xa xưa, nước tồn tại dưới trái đất. Cụm từ này kể đến việc Đức Giê-hô-va khiến nước đi ra từ đất và khiến các đại dương cà sông tồn tại. Cách dịch khác: "Ngài khiến các sông chảy" hoặc "Ngài khiến các đại dương tồn tại"

Sương

Nước động lại trên mặt đất vào mỗi tối

Proverbs 3:21

đừng lệch khỏi chúng

Tác giả kể đến việc đừng quên điều gì như thể nó luôn có sẵn trước mắt. Cách dịch khác: "đừng quên chúng"

Chúng sẽ là sự sống cho linh hồn con

Ở đây từ "linh hồn" kể đến con người. Cách dịch khác: "Chúng sẽ là sự sống cho con"

Là đồ trang sức quấn quanh cổ con

Tác giả kể đến "phân xử công bằng" và "sự sáng suốt" như thể chúng là các vật mà một người phải cột quanh cổ giống như dây chuyền. Hình ảnh gợi ra những vật có giá trị mà người ta phô bày ra ngoài. Cách dịch khác: "vật phô bày ưa thích như người ta điểm tô cho mình bằng sợi dây chuyền"

Đồ trang sức

Có thể mang những nghĩa 1) "một vật trang trí có ích" hoặc "vật trang trí mà phô bày ân điển của Đức Giê-hô-va."

Proverbs 3:23

Con sẽ bước đi an toàn trong đường lối của con

Tác giả kể đến việc sống của một người như thể người đó đang bước đi trên một con đường. Cách dịch khác: "con sẽ sống đời con trong sự an toàn"

Chân con không vấp ngã

Từ "chân" kể đến một người. Tác giả kể đến việc làm sai như thể một người vấp ngã bởi một vật trên đường. Cách dịch khác: "con sẽ không làm những điều sai trái"

Khi con nằm

Điều này ám chỉ một người nằm xuống để mà ngủ. Cách dịch khác: "Khi con nằm xuống ngủ"

Giấc ngủ con sẽ được ngọt ngào

Tác giả kể đến giấc ngủ yên bình và thoải mái như thể nếm sự ngọt ngào của một người đang ngủ. Từ "ngủ" có thể xét thành động từ. Cách dịch khác: "giấc ngủ của con sẽ êm đềm" hoặc "con sẽ ngủ cách yên bình"

Proverbs 3:25

Sự tàn hại do kẻ ác gây ra, khi nó đến

Điều này có thể xét thành thể chủ động. Cách dịch khác: "khi kẻ ác gây sự tàn phá"

Đức Giê-hô-va sẽ ở bên cạnh con

"Đức Giê-hô-va sẽ ở cạnh con." Một người đứng cạnh người khác là thành ngữ nghĩa là một người sẽ giúp đỡ và hỗ trợ người khác. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ hỗ trợ và che chở con"

Sẽ gìn giữ chân con khỏi sa vào bẫy rập

Tác giả kể đến một người trải qua tổn hại từ "sự kinh hãi" và "sự tàn phá" như thể người đó bị mắc bẫy. Từ "chân" kể đến một người. Cách dịch khác: "sẽ gìn giữ con khỏi những kẻ muốn hãm hại con"

Proverbs 3:27

Chớ rút sự làm lành

"Đừng từ chối không làm điều tốt" hoặc "Đừng từ chối làm những việc tốt"

Đáng khi con có quyền làm việc ấy

"Khi con có khả năng để giúp đỡ"

Khi con có tiền bạc bên mình

"Khi con sẵn tiền của mình." Nghĩa là người đó có tiền để giúp vào hôm nay, nhưng nói với người thân cận của mình quay lại vào ngày mai.

Proverbs 3:31

Đừng ... cũng đừng chọn lối nào của hắn

Điều này ám chỉ rằng anh ta không chọn việc noi theo những việc làm của người dữ. Cách dịch khác: "Đừng ... cũng đừng noi theo con đường nào của hắn"

Kẻ đáng tởm bị gớm ghiếc đối với Đức Giê-hô-va

"Đức Giê-hô-va ghê tởm kẻ thủ đoạn"

Thủ đoạn

Đi xa khỏi con đường đúng đắn; dối trá

Ngài đưa người ngay thẳng vào trong sự tin cậy Ngài

Đức Giê-hô-va chia sẽ những tư tưởng của Ngài với những kẻ làm điều thiện như người bạn khắng khít, đáng tin. Cách dịch khác: "đức Giê-hô-va là người bạn khắng khít với người ngay thẳng"

Proverbs 3:33

Sự rủa sả của Đức Giê-hô-va giáng trên nhà kẻ ác

Tác giả kể đến sự rủa sả của Đức Giê-hô-va như thể nó là một vật mà Ngài đặt trên mái nhà của kẻ ác. Từ "nhà" là cách ẩn dụ về gia đình. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va đã nguyền rủa gia đình của kẻ ác"

Ngài chúc phước cho nhà cửa của người công bình

Từ "nhà" tượng trưng cho gia đình. Cách dịch khác: "Ngài chúc phước cho gia đình của người công bình"

Ngài ban sự ưu ái của Ngài cho người khiêm nhường

Tác giả kể đến ân điển của Đức Giê-hô-va như thể nó là một vật mà Ngài ban cho dân sự. Cách dịch khác: "Ngài bày tỏ ân điển của Ngài cho người khiêm nhường" hoặc "Ngài nhân từ với người khiêm nhường"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Proverbs 3:35

Người khôn ngoan sẽ hưởng được tiếng tốt

Tác giả kể đến người khôn ngoan có được tiếng tốt như thể họ thừa hưởng một của cải lâu bền. Cách dịch khác: "Người khôn ngoan sẽ có được sự tôn trọng" hoặc "Người khôn ngoan sẽ có được danh tiếng vinh dự"

kẻ dại sẽ được nhấc lên trong sự xấu hổ của hắn

Tác giả kể đến việc Đức Giê-hô-va làm kẻ dại xấu hổ với mọi người như thể Đức Giê-hô-va đang nâng kẻ dại lên cho mọi người thấy chúng. Có thể xét ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến mọi người thấy sự xấu hổ của kẻ dại"

Translation Questions

Proverbs 3:1

Những mạng lệnh và giáo huấn của Sự Khôn Ngoan sẽ thêm điều gì cho con trai của nàng?

Những mạng lệnh và giáo huấn của Sự Khôn Ngoan sẽ thêm tuổi đời và sự bình an cho con trai của nàng.

Proverbs 3:2

Những mạng lệnh và giáo huấn của Sự Khôn Ngoan sẽ thêm điều gì cho con trai của nàng?

Những mạng lệnh và giáo huấn của Sự Khôn Ngoan sẽ thêm tuổi đời và sự bình an cho con trai của nàng.

Proverbs 3:3

Sự chân thật và sự trung thành phải được viết ở đâu?

Sự trung thành và sự chân thật phải được viết trên bia của tấm lòng.

Proverbs 3:5

Người con không nên tựa vào điều gì?

Người con không nên tựa vào trí hiểu biết riêng của mình.

Proverbs 3:7

Người con không được coi mình như thế nào?

Người con không được coi mình là khôn ngoan.

Proverbs 3:9

Người con phải làm gì với của cải của mình?

Người con phải tôn vinh Đức Giê-hô-va với của cải của mình.

Proverbs 3:12

Đức Giê-hô-va kỷ luật ai?

Đức Giê-hô-va kỷ luật người mà Ngài yêu.

Proverbs 3:14

Sự khôn ngoan tốt hơn điều gì?

Sự khôn ngoan tốt hơn bạc và vàng.

Proverbs 3:17

Tất cả các con đường của người khôn ngoan là điều gì?

Tất cả các con đường của sự khôn ngoan là hòa bình.

Proverbs 3:19

Đức Giê-hô-va đã làm gì bởi sự khôn ngoan của Ngài?

Bởi sự khôn ngoan, Đức Giê-hô-va đã dựng nên trái đất.

Proverbs 3:21

Điều gì sẽ là sự sống của linh hồn người con?

Sự thẩm định và sự suy xét sẽ là sự sống của linh hồn người con.

Proverbs 3:22

Điều gì sẽ là sự sống của linh hồn người con?

Sự thẩm định và sự suy xét sẽ là sự sống của linh hồn người con.

Proverbs 3:24

Nếu người con đi trong sự khôn ngoan, điều gì sẽ xảy ra khi người nằm xuống?

Khi người nằm xuống, người sẽ không sợ hãi và người sẽ ngủ ngon giấc.

Proverbs 3:25

Người con không nên sự điều gì?

Người con không nên sợ tai họa hay sự hủy diệt xảy đến bất ngờ.

Proverbs 3:27

Người con nên làm gì cho những người xứng đáng nhận nó?

Người con không nên từ chối làm điều lành cho những người xứng đáng.

Proverbs 3:29

Người con không nên làm gì với người hàng xóm của mình?

Người con không nên bàn mưu hại người hàng xóm của mình.

Proverbs 3:32

Ai là người gian ác đối với Đức Giê-hô-va?

Kẻ dối gạt là gian tà đối với Đức Giê-hô-va.

Proverbs 3:34

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì những kẻ nhạo báng?

Đức Giê-hô-va nhạo báng những kẻ nhạo báng.

Proverbs 3:35

Người khôn ngoan sẽ thừa hưởng điều gì?

Người khôn ngoan sẽ thừa hưởng phần vinh dự.

Chapter 4

Proverbs 4:1

Thông tin tổng quát:

Tác giả nói như người cha đang dạy con mình.

Chú ý

"lắng nghe cách cẩn thận"

Con biết đâu là sự thông sáng

"Con sẽ biết sự thông sáng là gì" hoặc "con sẽ có được sự thông sáng"

Ta ban cho các con những sự dạy dỗ tốt lành

"Những gì ta dạy con là tốt lành"

Proverbs 4:3

Khi ta là con trai của cha ta

Liên quan đến thời gian khi tác giả còn là đứa con sống dưới sự chăm sóc của cha mình. Cách dịch khác: "khi ta còn là đứa con học hỏi từ cha mình"

Đứa con một và yêu dấu

Ở đây từ "yêu dấu" kể đến người trẻ tuổi lúc đứa con vẫn còn yếu ớt. Nó là hình thức sánh đôi của từ "một." Cách dịch khác: "đứa con một yêu dấu"

Hãy giữ lấy các mạng lịnh ta và sống theo

Từ "lòng" tượng trưng cho suy nghĩ của một người. Tác giả kể đến việc ghi nhớ những các lời như thể tấm lòng đang giữ chặt chúng. Cách dịch khác: "Luôn ghi nhớ những gì ta đang dạy con"

Proverbs 4:5

Thông tin tổng quát:

Người cha tiếp tục dạy con mình từ những gì cha ông dạy ông.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đạt được
"Làm việc chăm chỉ để có cho mình" hoặc "có được"
Đừng quên
"nhớ"
Đừng từ bỏ
"chấp nhận"
Các lời của miệng ta
Ở đây từ "miệng" tượng trưng cho người nói. Cách dịch khác: "những gì ta đang nói"
Đừng lìa bỏ sự khôn ngoan thì nó sẽ quan phòng con; hãy yêu mến người, thì người sẽ giữ con được an toàn
Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là người nữ bảo vệ người chung thủy với cô ấy.
Đừng lìa bỏ sự khôn ngoan
"giữ chặt sự khôn ngoan" hoặc "làm việc siêng năng để khôn ngoan"
Yêu mến người
"yêu mến sự khôn ngoan"
Proverbs 4:7
Thông tin tổng quát:
Người cha kết thúc việc dạy con mình từ những gì cha ông đã dạy ông.
Hãy dùng hết của con đã được mà mua sự thông sáng
"Sự hiểu biết giá trị hơn hết thảy mọi thứ con có"
Hãy ấp ủ sự khôn ngoan và sự khôn ngoan sẽ tôn con lên
Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là một người nữ và sự khôn ngoan ban cho danh cao quý cho một người như thể sự khôn ngoan nâng người đó lên một vị trí cao. Cách dịch khác: "Nếu con ấp ủ sự khôn ngoan, thì nó sẽ ban cho con danh cao quý"
Ấp ủ
Có cảm giác hay bày tỏ tình cảm với ai hay điều gì
Sự khôn ngoan sẽ tôn vinh con khi con vòng tay ôm lấy sự khôn ngoan
Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là một người nữ và một người coi trọng sự khôn ngoan như thể người đó đặt tay mình quanh cô ấy. Cách dịch khác: "Nếu con yêu sự khôn ngoan, thì sự khôn ngoan sẽ khiến người ta tôn trọng con"
Sự khôn ngoan sẽ đội trên đầu con một vòng hoa vinh dự
Tác giả kể đến sự tôn vinh mà một người có từ việc đạt được sự khôn ngoan như thể sự khôn ngoan đặt vòng hoa trên đầu người đó. Cách dịch khác: "Sự khôn ngoan sẽ như vòng hoa đội trên đầu con mà tỏ sự vinh dự của con"
Vòng hoa
Một vòng tròn được kết lại từ hoa hoặc lá
Sự khôn ngoan sẽ ban cho con một mão triều thật đẹp
Tác giả kể đến sự vinh dự mà một người sẽ có từ việc đạt sự khôn ngoan như thể sự khôn ngoan đặt một vòng trên đầu người đó. Cách dịch khác: "Sự khôn ngoan sẽ như một mão triều thiên đẹp trên đầu con"
Proverbs 4:10
Chú ý đến các lời ta
"Lắng nghe cách cẩn thận những gì ta dạy con"
Con sẽ có nhiều năm trong đời sống con
"con sẽ được sống nhiều năm"
Ta dẫn dắt con trong đường khôn ngoan; ta dẫn con vào các lối ngay thẳng
Tác giả kể đến việc dạy con mình sống khôn ngoan như thể ông đang dẫn đứa con theo các con đường là nơi người ta sẽ tìm thấy sự khôn ngoan. Cách dịch khác: "Ta dạy con làm thế nào sống khôn ngoan; ta đang giảng giải con đường ngay thẳng để sống"
Khi con bước đi, không một ai dám đứng cản lối con và nếu con chạy, con sẽ không vấp ngã
Cả hai dòng này có nghĩa như nhau. Tác giả kể đến những quyết định và những việc làm mà một người làm như thể người đó đang đi và chạy trên một con đường và người đó sẽ thành công như thể con đường giải phóng các trở ngại có thể khiến người đó vấp ngã. Cách dịch khác: "khi con định làm gì thì con sẽ thành công khi làm"
Proverbs 4:13
Hãy nắm chắc phần kỷ luật, chớ buông ra
Tác giả kể đến một người ghi nhớ những gì đã học như thể "kỷ luật" là một vật mà người đó có thể giữ chặt. Cách dịch khác: "Luôn vâng theo những gì ta dạy con và đừng quên nó"
Vì đó là sự sống của con
Tác giả kể đến việc gìn giữ kỷ luật trong đời sống của một người như thể nó là sự sống của người đó. Cách dịch khác: "vì nó sẽ gìn giữ sự sống của con"
Chớ bước theo lối của kẻ ác và đừng đi theo đường của kẻ làm ác
Tác giả kể đến những việc làm của một người như thể người đó đang đi theo một con đường. Cách dịch khác: "đừng làm những gì kẻ ác đã làm và đừng tham dự vào những điều kẻ ác làm"
Hãy tránh đường ấy
"Tránh khỏi đường của kẻ ác"
Proverbs 4:16
Vì họ không thể ngủ cho đến khi họ làm ác
Tác giả dùng phép cường điệu để diễn tả mong ước của kẻ ác khi làm những điều ác.
Giấc ngủ bị tước khỏi họ
Tác giả kể đến việc người ta không thể ngủ như thể giấc ngủ là một vật mà người ta lấy đi khỏi họ. Cách dịch khác: "chúng không thể ngủ"
Đến khi họ gây cho ai đó phải vấp ngã
Tác giả kể đến việc gây hại cho người khác như thể nó là một thứ làm người đó vấp ngã. Cách dịch khác: "đến khi chúng hại được người khác"
Vì họ ăn bánh của sự gian ác và uống rượu của sự hung bạo
Có thể mang những nghĩa 1) đây là một phép ẩn dụ khi tác giả kể đến những người luôn luôn dính vào sự gian ác và sự hung bạo như thể họ ăn và uống chúng như người ta ăn bánh và uống rượu. Cách dịch khác: "Sự hung bạo như bánh mà họ ăn và sự hung bạo như rượu mà họ uống" hoặc 2) Những người này lấy bánh và rượu khi dính líu đến sự gian ác và hung bạo. Cách dịch khác: " họ ăn bánh mà họ đạt được bằng việc làm ác và uống rượu mà họ có bởi sự hung bạo"
Proverbs 4:18
Đường người làm việc ngay thẳng ... Còn nẻo kẻ gian ác
Tác giả kể đến những việc và nếp sống của người ngay thẳng và kẻ ác như thể chúng là "một con đường" hoặc "lối đi"mà người ta đi. Cách dịch khác: "Nếp sống của người ngay thẳng ... Nếp sống của kẻ ác"
Đường người làm việc ngay thẳng giống như tia sáng đầu tiên chiếu rạng
Tác giả so sánh con đường của người ngay thẳng với mặt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trời, nghĩa là họ an toàn vì họ có ánh sáng để thấy nơi họ đang đi. Cách dịch khác: "người ngay thẳng đi theo con đường an toàn bởi vì mặt trời buổi sáng chiếu trên và ngày càng chiếu rạng"

Tia sáng đầu tiên

Điều này kể đến bình minh và mặt trời mọc.

Nó càng sáng thêm lên cho đến giữa trưa

Điều này kể đến thời gian trong ngày khi mặt trời chiếu sáng nhất. Cách dịch khác: "đến khi mặt trời chiếu sáng nhất" hoặc "đến khi ánh nắng chói chang"

Còn nẻo kẻ gian ác giống như bóng tối

Tác giả so sánh con đường của kẻ ác như bóng tối, nghĩa là chúng luôn đi trong hiểm nguy bởi vì chúng không có ánh sáng để thấy nơi chúng đang đi. Cách dịch khác: "kẻ ác đi theo đường hiểm nguy của chúng bởi vì chúng không ánh sáng để thấy"

Họ chẳng biết mình vấp ngã vì đâu

Tác giả kể đến việc chịu đựng nguy hại như thể chúng đang vấp ngã bởi một vật trên đường mà chúng đi trên. Cách dịch khác: "chúng không biết tại sao chúng chịu đựng nguy hại và điều tai họa"

Proverbs 4:20

Chú ý

"lắng nghe cách cẩn thận"

Hãy lắng nghe lời giảng luận của ta

Ở đây từ "tai" kể đến con người. Tác giả kể đến việc lắng nghe chăm chú của một người như thể nó đang học hỏi sốt sắng để tai sát với người đang giảng luận. Từ "giảng luận" có thể dịch thành động từ. Cách dịch khác: "lắng nghe chăm chú những điều ta đang nói"

Chớ để các lời ấy xa khỏi mắt con

Tác giả kể đến việc luôn luôn nghĩ về điều gì như thể nó được giữ nó ở nơi người ta có thể thấy. Cách dịch khác: "Chớ ngưng suy nghĩ về chúng"

Giữ chúng trong lòng con

Tác giả kể đến việc ghi nhớ điều gì như thể nó được giữ ở trong lòng của một người. Cách dịch khác: "luôn ghi nhớ chúng"

Proverbs 4:22

Những lời của ta là sự sống

Tác giả kể đến những lời của ông gìn giữ sự sống của một người như thể chúng là sự sống của một người. Cách dịch khác: "những lời của ta ban sự sống"

Cho người nào tìm được nó

Tác giả kể đến việc hiểu hết những lời của ông như thể một người tìm kiếm và thấy chúng. Cách dịch khác: "cho những ai hiểu và thực hành nó"

Sự khỏe mạnh cho toàn thân thể của họ

Từ "của họ" kể đến "những ai tìm chúng." Chủ từ cho mệnh đề này có thể bổ trợ cho cụm từ trước. Cách dịch khác: "lời của ta sẽ ban cho sự khỏe mạnh cho toàn thân thể của ai tìm chúng"

Khá cẩn thận giữ tấm lòng của con được an toàn và cẩn thận coi chừng nó

Ở đây từ "lòng" kể đến tâm trí và những tư tưởng của một người. Cách dịch khác: "giữ tâm trí của con được an toàn và cẩn thận coi chừng nó"

Sự siêng năng

Bền lòng và nỗ lực sốt sắng

Vì từ đó các nguồn sự sống

Từ "nó" kể đến tấm lòng, là cách ẩn dụ về tâm trí và các tư tưởng. Tác giả kể đến sự sống của một người như thể nó là nguồn tuôn chảy mà bắt nguồn từ tấm lòng. Cách dịch khác: "những tư tưởng của con đến từ việc con nói và làm" hoặc "những tư tưởng của con định đoạt nguồn sự sống của con"

Proverbs 4:24

Hãy bỏ đi lối nói quanh co khỏi miệng con và bỏ lối nói hủ bại khỏi con

Tác giả kể đến việc nói lời dối trá hoặc lừa gạt được kể như thể nó bị cong quẹo và một người không dùng lời nói để làm điều đó như nó đang được dời xa khỏi chính người đó. Cách dịch khác: "Đừng lừa gạt và đừng nói lời dối trá"

Nguyện mắt con hãy ngó thẳng về đàng trước và mí mắt con khá nhìn thẳng trước mặt con

Ở đây từ "mắt" kể đến người đang nhìn. Tác giả kể đến một người đang cam kết làm những điều đúng đắn như thể người đó luôn nhìn về phía trước mà không xoay đầu mình để nhìn hướng khác. Cách dịch khác: "Luôn nhìn thẳng về phía trước và sự tập trung của con thẳng trước mặt con"

Proverbs 4:26

Hãy ban bằng cái nẻo của chân con

Cách dịch khác: "Khiến đường bằng phẳng để bước đi" hoặc "Chuẩn bị tốt những gì con muốn làm"

Bằng phẳng

"bằng phẳng" hoặc "san bằng" Cách dịch khác: dễ dàng bước lên"

Con đường bằng phẳng ... đường của con

Một con đường hay lối đi kể đến cách bạn sống.

Chân con

"chính con"

an ninh

"an toàn"

Chớ xây qua bên phải hay bên trái

"đừng xoay hay đi khỏi con đường"

Hãy dời chân con khỏi sự ác

Cách dịch khác: "Xoay khỏi điều ác" hoặc "tránh xa khỏi điều ác"

Translation Questions

Proverbs 4:1

Những người con không nên quên điều gì?

Các con không nên quên lời dạy của cha mình.

Proverbs 4:2

Những người con không nên quên điều gì?

Các con không nên quên lời dạy của cha mình.

Proverbs 4:4

Người cha nói với con trai mình, nếu con muốn sống thì phải làm gì?

Người cha nói với con trai mình rằng nếu con muốn sống thì giữ những mạng lệnh của người cha.

Proverbs 4:6

Sự khôn ngoan sẽ làm gì cho người con nếu anh không từ bỏ nàng, nhưng yêu mến nàng?

Sự khôn ngoan sẽ dõi theo và bảo vệ an toàn cho anh.

Proverbs 4:8

Sự khôn ngoan sẽ làm gì cho người con nếu anh yêu mến và ôm lấy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nàng?
Sự khôn ngoan sẽ tôn anh lên cao, tôn kính anh, đặt một vòng hoa lên đầu anh và ban cho anh một vương miện xinh đẹp.
Proverbs 4:9
Sự khôn ngoan sẽ làm gì cho người con nếu anh yêu mến và ôm lấy nàng?
Sự khôn ngoan sẽ tôn anh lên cao, tôn kính anh, đặt một vòng hoa lên đầu anh và ban cho anh một vương miện xinh đẹp.
Proverbs 4:11
Con đường nào người cha đã dẫn con trai mình đi?
Người cha dẫn con trai đến con đường ngay thẳng.
Proverbs 4:13
Người con trai phải giữ điều gì vì đó là sự sống của anh?
Người con trai phải giữ kỷ luật, vì đó là sự sống của anh.
Proverbs 4:14
Người con trai phải tránh con đường nào?
Người con phải tránh con đường của kẻ ác.
Proverbs 4:15
Người con trai phải tránh con đường nào?
Người con phải tránh con đường của kẻ ác.
Proverbs 4:16
Kẻ ác phải làm gì trước khi họ đi ngủ?
Kẻ ác phải làm điều ác trước khi họ có thể đi ngủ.
Proverbs 4:18
Con đường của người công bình giống như điều gì?
Con đường của người công bình giống như ánh sáng bình minh, càng thêm sáng sủa.
Proverbs 4:19
Con đường của kẻ ác giống như điều gì?
Con đường của kẻ ác giống như sự tối tăm.
Proverbs 4:23
Tại sao người con trai phải bảo vệ trái tim của anh với tất cả sự chuyên cần?
Người con trai phải bảo vệ trái tim của anh với tất cả sự chuyên cần bởi vì từ nơi đó chảy ra những nguồn suối của sự sống.
Proverbs 4:24
Những lời nói và những chuyện gì mà người con nên tránh xa?
Người con trai phải đẩy ra xa những lời nói lừa lọc và chuyện gian dối.
Proverbs 4:25
Người con phải nhìn chăm vào đâu?
Người con phải nhìn chăm vào phía trước của anh.

Chapter 5
Proverbs 5:1
Con ơi ... sự khôn ngoan ta ... sự thông sáng ta
Đó là con trai, sự khôn ngoan, và sự hiểu biết của người khôn ngoan là người dạy dỗ trong chương 1.
Nghiêng tai con
"ngả người về phía trước và xoay đầu con để con có thể nghe rõ." Dịch như trong PRO04:20
thận trọng
Tính cách cẩn thận bằng sự quan tâm tới việc làm và lời nói của một người. Xem bản dịch này trong PRO01:04
Môi miệng con
"con"
Bảo tồn sự tri thức
"sẽ nói điều đúng đắn"
Proverbs 5:3
Môi kẻ dâm phụ nhỏ ra mật ... miệng nó dịu hơn dầu
Hai câu này diễn tả khái niệm như nhau để nhấn mạnh sự nguy hiểm. Có thể mang những nghĩa 1) Cô ta sẽ nói những gì con muốn nghe 2) lúc đầu hôn cô ta cảm thấy thích thú.
Kẻ dâm phụ
Đây không phải là một người nữ đặc thù trong lịch sử, nhưng cô ta đại diện cho loại người cám dỗ tình dục.
Nhưng đến cuối cùng nàng ta đắng như ngải cứu
Cách dịch khác: "nhưng lúc cuối cùng cô ta sẽ có mùi rất tệ" hoặc "nhưng sau đó cô ta rất hèn hạ"
Cây ngải cứu
Một loài thực vật có vị đắng.
Bén như gươm hai lưỡi
Cách dịch khác: "nói những lời gây tổn thương" hoặc "gây ra nổi đau lớn"
Proverbs 5:5
Chân nàng ta bước xuống chỗ chết ... bước nàng ta nhắm suốt con đường dẫn tới âm phủ
Hai cụm từ này diễn tả khái niệm như nhau nhằm nhấn mạnh cô ta nguy hiểm thế nào.
Chân nàng ta ... bước nàng ta ... Các bước chân của nàng ta phiêu bạt
Cách dịch khác: "nàng ấy đi ...nàng ấy đi ... nàng ấy đi lang thang". Đó là người đàn bà ngoại tình PRO05:03
Âm phủ
Xem cách dịch trong bản này PRO01:12
Nàng ta không chút suy nghĩ gì
"nàng ấy không theo dõi" hoặc "cô ấy không quan tâm"
Sự sống
Điều này đề cập đến đời sống vật chất trên trái đất.
Các bước chân của nàng ta phiêu bạt
Cách dịch khác: "nàng ấy đi ngẫu nhiên xung quanh" hoặc "nàng ấy đi mà không có định hướng"
Proverbs 5:7
Vậy bây giờ
ở đây người dạy thay đổi từ cảnh cáo người đàn bà ngoại tình cho đến lời khuyên cụ thể
Hãy nghe theo ta ... chớ xây khỏi việc nghe
Hai cụm từ này thể hiện cùng ý tưởng là làm cho người học chú ý.
Chớ xây khỏi việc nghe
Cách dịch khác: "luôn luôn lắng nghe"
Các lời của miệng ta
Cách dịch khác: "giáo lý của ta"
Hãy dời đường các con tránh xa ... đừng lại gần
Hai cụm từ này thể hiện cùng một ý tưởng là nhấn mạnh tầm quan trọng của lời khuyên này
Hãy dời đường các con tránh xa nàng ta
Nghĩa nó có thể là 1) 1giữ khoảng cách vật lí giữa bạn và người đàn bà ngoại tình 2) không được sống giống như nàng ta
Đừng lại gần
"đừng đến gần" Cách dịch khác: "ở cách xa"
Cửa nhà nó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cách dịch khác: "nàng ta" hoạc "người đàn bà ngoại tình"
Proverbs 5:9
Không nhường danh dự mình cho kẻ khác
Nghĩa nó có thể là 1) bạn sẽ không để sự tôn trọng cho người khác (UDB) 2) điều đáng tôn trọng về bạn sẽ không bị mất đi vì điều bạn đã làm đối với dâm phụ.
Số năm mạng sống các con cho kẻ hung bạo
Người độc ác là kẻ ngoại tình
Những người lạ sẽ chẳng tiệc tùng nơi sự giàu có của con; mọi điều con làm lụng được sẽ chạy vào kẻ ngoại
Nghĩa có thể là 1) người lạ sẽ không lấy tài sản của ngươi (UDB) 2) những đứa con ngươi sẽ có với kẻ ngoại tình sẽ không nhận được thừa kế của ngươi. Cách dịch khác: "con khốn nạn của ngươi sẽ không thích sự giàu có của ngươi, và một gia đình không phải của riêng người sẽ không được yêu cầu bồi thường từ thừa kế từ ngươi"
Tiệc tùng
Cách dịch khác: "tổ chức một bữa tiệc vì họ muốn" hoặc "tận hưởng"
Proverbs 5:11
Con sẽ rên xiết
Cách dịch khác: "con sẽ nói, "ồ, không!" "
Thịt và thân thể các con
Hai từ này thể hiện cùng một điều và cả hai đều được sử dụng để nhấn mạnh cái chết khủng khiếp như thế nào
Hao mòn
Cách dịch khác: "thể chất đi xuống" hoặc "trở nên yếu đuối và không lành mạnh"
Các con sẽ nói
Cách dịch khác: "con sẽ suy nghĩ"
Tôi ghét sự kẻ luật ... lòng tôi khinh bỉ sự sửa phạt
Hai cụm từ này thể hiện cùng một ý tưởng và nhấn mạnh số người này không thích điều mà người dạy nói.
Lòng tôi
Cách dịch khác: "tôi"
Khinh bỉ
Cách dịch khác: "không thích" hoặc "ghét"
Sự sửa phạt
Để sửa ai đó là chỉ ra một sai lầm mà họ đã làm. Cách dịch khác: "ai đó sửa phạt tôi" hoặc "những người đã sửa tôi"
Proverbs 5:13
Hội chúng ... sự nhóm lại của dân sự
Cả hai từ đều đề cập đến một nhóm người có thể ở cùng nhau 1) thờ phượng Thiên Chúa, hoặc 2) quyến định một vấn đề pháp lý nào đó.
Lắng nghe theo
"nghiêng về phía trước và quay đầu để tôi có thể nghe tốt" hoặc "cẩn thận chú ý. Những từ tượng trưng xuất hiện trong PRO04:20
Proverbs 5:15
Nước hồ con chứa ... chảy ra trong giếng của chính con
Hai cụm từ cơ bản có ý nghĩa giống nhau và có ý nghĩa nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ vững lòng trung thành.
Chứa
"tốt" một bể chứa là nơi để nước nhân tạo.
Nước chảy ra
"nước chảy"
Các suối của con ... tràn ra khắp nơi phố chợ sao?
Nghĩa nó có thể là 1) một thuật ngữ chỉ về hành vi dâm dục phạm pháp hoặc 2) cách ẩn dụ nói đến những đứa con ngoài giả thú. Đồng thời nó cũng là một sự cường điệu, vì nó phóng đại số người mà ngươi ngủ cùng hoặc số con cái ngoài giả thú mà ngươi có. Và đó cũng là câu hỏi hùng biện cần phải nói "không". Cách dịch khác: "vậy thì đừng ra ngoài và ngủ với bất kì ai mà ngươi gặp, và đừng lấp đầy đường phố bằng những đứa con ngoài giả thú của ngươi"
Nơi phố chợ
Mở các khu vực trong một thành phố hoặc thị trấn nơi có hai hoặc nhiều đường phố gặp nhau. Một nơi công cộng để mọi người gặp nhau và trao đổi.
Nguyện nó khá
Từ "nó" dùng để chỉ "dòng sông" và "suối nước" và những gì nó đứng vững
Chớ đừng về các dân Ngoại ở với con
Cách dịch khác: "không thể cho cả người lạ và con" hoặc "chỉ cho riêng con mà thôi; chớ không cho người lạ"
Proverbs 5:18
Nguyện dòng suối của con được chúc phước cho
Vợ của người học được so sánh với một đài phun nước. Nghĩa nó có thể là 1) rằng vợ của anh ta sẽ luôn luôn cho anh ta niềm vui 2) rằng vợ của anh ấy sẽ cho anh ấy những đứa con khỏe mạnh.
Vợ con cưới buổi đang thì
Cách dịch khác: "người nữ mà con đã cưới khi con còn trẻ" (UDB) hoặc "người vợ đầu tiên và duy nhất của con"
Nai cái dễ thương và hoàng dương có duyên dáng
Hai thuật ngữ này có ý nghĩa tương tự và được lặp lại để nhấn mạnh. Vợ của người học được so sánh của một con vật xinh xắn, tốt bụng như một lời khen ngợi.
Duyên dáng
Từ này không có nghĩa là "đầy ân sủng", nhưng nó có nghĩa là "nhìn đẹp trong khi di chuyển"
Nguyện ngực nàng làm thỏa lòng con luôn luôn
Có thể lý do tập trung vào ngực của nàng là 1) nhìn thấy ngực nàng dẫn đến ham muốn tình dục, hoặc 2) giống như vú cho sữa để nuôi con, cũng vậy chúng cũng sẽ nuôi dưỡng cho hạnh phúc của con. Nếu bạn dịch nó theo ý nghĩa đầu tiên, bạn có thể chọn một phần khác của cơ thể người phụ nữ khơi gợi ham muốn tình dục trong bối cảnh văn hóa của bạn. Nếu bạn dịch nó theo ý nghĩa thứ hai, bạn có thể dịch nó như là một phép so sánh: "Hãy để ngực nàng làm cho con cảm thấy vui thỏa giống như vú mẹ nuôi cho con trẻ được no đủ vậy."
ái tình nàng khiến cho con say mê mãi mãi
Cách dịch khác: "để cho tình yêu của cô ấy luôn luôn giữ sự chú ý và quan tâm của con"
Ái tình nàng
Nghĩa nó có thể là 1) "bởi tình yêu con dành cho nàng" hoặc 2) "bởi tình yêu nàng dành cho con" Cách dịch khác: "vì con yêu nàng rất nhiều" hoặc "vì nàng yêu con"
Ái tình
Điều này đề cập đến tình yêu lãng mạng giữa một người nam và một người nữ
Proverbs 5:20
Con ơi, cớ sao con ... ngực của người đàn bà lạ chứ?
"con ơi, đừng bị mê hoặc bởi người dâm phụ! Đừng ôm lấy ngực của người đàn bà lạ!"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Con ơi, cớ sao con mê mệt người dâm phụ
Cách dịch khác: "tại sao một người ngoại tình lại con mê mệt, hỡi con?"
Người dâm phụ
Xem cách dịch từ này trong PRO05:03
Một người đàn bà lạ
Cách dịch khác: "một người đàn bà không phải là vợ của con"
Nhìn thấy mọi sự ... nhìn thấy mọi nẻo đường
Hai cụm từ này có ý nghĩa giống nhau và được lặp lại để nhấn mạnh sự quan tâm chăm sóc của Đức Chúa Trời ở trên một người. Vì vậy bạn cũng có thể dịch sang cách hai: "Đức Giê-hô-va nhìn thấy mọi việc bạn làm và quan sát tất cả các con đường bạn đi"
Mọi nẻo đường người đang bước đi
Cách dịch khác: "mọi nơi người đi" hoặc "mọi việc người làm"
Proverbs 5:22
Kẻ gian ác sẽ bị mọi lầm lỗi của hắn bắt lấy
Điều này hàm ý rằng những kẻ ác sẽ chết như là hình phạt cho tội lỗi của họ.
Các sợi dây tội lỗi của hắn vấn buộc lấy
Trước giả nói về việc kẻ ác không thể tránh khỏi những hậu quả của tội lỗi hắn như thể tội lỗi đó là cái bẫy được làm bằng dây mà người đó mắc phải. Cách dịch khác: "Người ấy không còn tự do khỏi tội lỗi."
Hắn lạc sai do sự dại dột quá quắt của hắn
Cách dịch khác: "sự dại dột quá quắt của hắn đã dẫn hắn đi lạc đường"
Do sự dại dột quá quắt của hắn
Cách dịch khác: "vì hắn đã hành động rất ngu ngốc"

Translation Questions

Proverbs 5:1
Người con trai sẽ học được điều gì nếu anh ta lắng nghe cẩn thận sự tri thức?
Người con trai sẽ học được cách tự quyết định nếu anh ta lắng nghe cẩn thận lời tri thức.
Proverbs 5:4
Cuối cùng, kẻ ngoại tình giống như điều gì?
Cuối cùng, kẻ ngoại tình đắng cay như ngải cứu.
Proverbs 5:5
Chân của kẻ ngoại tình đi đến nơi nào?
Chân của kẻ ngoại tình bước xuống cõi chết, đến tận Âm phủ.
Proverbs 5:8
Những người con khôn ngoan sẽ làm gì với người tà dâm và nhà của nàng?
Những người con khôn ngoan giữ con đường cách xa người tà dâm và không đến gần nhà của nàng?
Proverbs 5:9
Những người con trai sẽ phải trao điều gì cho kẻ khác nếu họ dính líu cùng với người tà dâm?
Nếu những người con trai tham gia vào cùng với người tà dâm, họ sẽ phải trao danh dự và sự sống của họ cho kẻ khác.
Proverbs 5:11
Điều gì sẽ xảy ra vào cuối cuộc đời của họ nếu các người con trai dính líu cùng người tà dâm?
Nếu họ dính líu với người tà dâm, xác thịt và cơ thể của họ sẽ bị tiêu mòn.
Proverbs 5:12
Những người con trai sẽ nói về cuối đời, họ sẽ ân hận điều gì nếu họ có dính líu đến người tà dâm?
Nếu họ dính líu với người tà dâm, họ sẽ nói rằng vào cuối đời họ, họ sẽ ân hận vì đã ghét sự dạy dỗ và khinh thường lời quở trách,
Proverbs 5:15
Những người con trai nên uống nước từ đâu?
Những người con trai nên uống nước từ bể chứa riêng của họ và từ giếng của chính mình.
Proverbs 5:18
Những người con trai nên vui mừng với ai?
Những người con trai nên vui mừng với vợ của họ khi còn trẻ.
Proverbs 5:19
Những người con trai nên bị quyến rũ với những gì?
Những người con trai nên bị quyến rũ bởi tình yêu của người vợ thời trẻ tuổi của họ.
Proverbs 5:21
Đức Giê-hô-va nhìn thấy điều gì?
Đức Giê-hô-va nhìn thấy mọi điều con người làm.
Proverbs 5:22
Cái gì sẽ chiếm lấy và bắt giữ kẻ ác?
Tội lỗi của hắn sẽ chiếm lấy và bắt giữ kẻ ác.

Chapter 6

Proverbs 6:1
Biệt riêng tiền bạc
Ngụ ý ở đây là lời hứa của con và hoàn cảnh buộc con phải tiết kiệm. Cách dịch khác: "con đã phải tiết kiệm một số tiền"
Sự đảm bảo món nợ của kẻ lân cận mình
Nghĩa nó có thể là 1) người lân cận của con có thể gặp con để mượn tiền con 2) người lân cận của con muốn vay tiền từ người khác, nhưng con hứa trả cho người cho vay nếu như người lân cận con không thể trả.
Lân cận
Từ Hê-bơ-rơ này cũng có thể hiểu là "bạn"
Con đã tự mình lọt vào bẫy do lời hứa của mình
Đây là một hình ảnh nói về con sẽ tự bẫy chính mình con. Cách dịch khác: "con đã làm một cái bẫy mà trong đó chính con sẽ bị mắc kẹt"
Lời của miệng con
"những gì con nói" hoặc "những gì con hứa sẽ làm"
Proverbs 6:3
Giải cứu mình
"bảo vệ bản thân" hoặc "giúp mình thoát khỏi những vấn đề này"
Con đang ở trong sự thương xót của kẻ lân cận con
Đây là hình ảnh của lời nói qua cách sử dụng từ "tay" để nói đến "sự thương xót". Cách dịch khác: "người lân cận con có thể gây hại cho con nếu họ muốn" hoặc "người lân cận có

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ảnh hưởng đối với con"

Người lân cận

"bạn bè"

Proverbs 6:4

Đừng nhắm mắt ngủ và mí mắt con đừng chớp lại

"đừng để mắt bạn ngủ, đừng cho mí mắt nhắm lại." Hai cụm từ này có ý nghĩa giống nhau và được lặp lại để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc không lười biếng. Nó cũng được tuyên bố cho sự nhấn mạnh tiêu cực hơn nữa. Cách dịch khác: "Hãy tỉnh táo, và làm những gì bạn có thể"

Nhắm mắt ... mí mắt con

Đây là hình ảnh của lời nói bằng cách sử dụng một phần của gương mặt của một người để nói lên toàn bộ cơ thể của người đó.

Tự cứu mình giống như con hoàng dương thoát khỏi tay thợ săn

"thoát khỏi người lận cận của ngươi giống như con linh dương bỏ trốn khỏi một thợ săn"

Hoàng dương

Đây là một con thú lớn ăn cỏ và thường bị người ta săn bắt để lấy thịt. Nó được chú ý vì khả năng chạy trốn một cách nhanh chóng

Khỏi tay thợ săn

Tay của người thợ săn đề cập đến sự kiểm soát của thợ săn. Cách dịch khác: "khỏi sự kiểm soát của thợ săn"

Như con chim thoát khỏi tay kẻ đánh rập

"và trốn thoát như con chim bay xa người thợ bẫy chim"

Proverbs 6:6

Hãy nhìn xem ... xem xét

"nghiên cứu ... suy nghĩ" hoặc "cẩn thận quan sát ... suy ngẫm"

Loài kiến

Kiến là một con côn trùng nhỏ sống dưới lòng đất hoặc trong một cái tổ tự xây cất. Chúng thường sống theo bầy đàn gồm hàng hàng con, và chúng có thể khiêng những thứ lớn hơn chúng.

Hãy xem xét cách ăn ở nó

Đây là một hình ảnh bằng việc dùng "cách ăn ở" của một con kiến để chỉ các hoạt động của nó. Cách dịch khác: "xem xét cách cư xử của con kiến"

Quan tướng, cai đốc. quan cai trị

Ba từ này căn bản có ý nghĩa tương tự và được dùng để nhấn mạnh rằng không ai có thẩm quyền trên mỗi con kiến.

Nó sắm sửa thực phẩm cho mình lúc mùa hè, và trong mùa gặt nó chất chứa mọi thứ nó ăn được

Hai cụm từ này về cơ bản có ý nghĩa giống nhau và được lặp đi lặp lại để cho thấy kiến có tinh thần trách nhiệm như thế nào.

Mùa hè

Mùa hè là thời gian trong năm khi một số cây ra quả

Proverbs 6:9

Hỡi kẻ biếng nhác ... khi nào thì con trở mình dậy khỏi giấc ngủ?

Người dạy sử dụng những câu hỏi này để trách mắng người lười biếng đã ngủ quá nhiều

Ngủ một chút ... khoanh tay nghỉ một chút

Đây là những điều mà những người lười biếng hay nói

Ngủ một chút, chợp mắt một chút

"tôi sẽ ngủ thêm một chút. Để tôi ngủ thiếp đi một chút nữa"

Khoanh tay nghỉ

Mọi người thường gấp tay lại trong khi nằm để nghỉ ngơi thoải mái hơn. Cách dịch khác: "tôi sẽ vòng tay để lại cho thoải mái và nghỉ ngơi một chút"

Thì sự nghèo khổ của con sẽ đến

Thực tế đây là kết quả của việc lười biếng được nói rõ. Cách dịch khác: "nếu bạn tiếp tục lười biếng, nghèo đói sẽ đến với bạn" hoặc "Trong khi bạn ngủ, nghèo đói sẽ đến"

Thì sự nghèo khổ của con sẽ đến như kẻ trộm

Người lười biếng đột ngột trở nên nghèo nàn giống như cách một tên cướp đột nhiên xuất hiện và đánh cắp mọi thứ. Cách dịch khác: "bạn sẽ đột ngột trở nên nghèo, giống như một tên trộm đến và lấy đi mọi thứ bạn có"

Mọi nhu cầu của con giống kẻ cầm binh khí vậy

"và nhu cầu của bạn sẽ đến với bạn như một người lính có binh khí" hoặc "và bạn sẽ trở nên nghèo khổ như thể một người lính có binh khí đánh cắp tất cả mọi thứ của bạn"

Kẻ cầm binh khí

"một người lính đang cầm binh khí" hoặc "một người đàn ông có binh khí"

Proverbs 6:12

Một người không có giá trị - một kẻ gian ác

Hai từ này có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh sự xấu xa của người này. Cách dịch khác: "Người không có giá trị - một người gian ác"

Sống bởi miệng giả dối của hắn

"liên tục nói dối"

Con mắt láo liên

Nếu ai đó nháy mắt, người đó sẽ nhắm nhanh chóng một bên mắt như một tín hiệu bí mật cho người khác. Đây có thể là một dấu hiệu của sự tin tưởng, sự chấp nhận, hay cái gì đó khác.

Con mắt láo liên, ra dấu bằng chân, và chỉ bằng ngón tay mình.

Cả ba cụm từ này miêu tả một cách mà người ác liên lạc bí mật để lừa người khác

Proverbs 6:14

Hắn mưu ác

"Hắn có kế hoạch xấu xa" hoặc "hắn chuẩn bị làm những việc xấu xa"

Hắn luôn gieo ra sự tranh cạnh

"hắn luôn luôn gây ra sự bất hòa" hoặc "hắn liên tục tìm kiếm xung đột và khiến cho nó ngày càng leo thang"

Bởi cớ ấy

"vì lý do đó"

Tai họa

Đó là thảm họa sẽ xảy ra cho hắn, nhưng cũng là thảm họa mà chính hắn gây ra

Tai họa sẽ liền bắt lấy hắn

Điều đó ngụ ý rằng thiên tai đang đuổi theo hắn như một người hay một con vật , và nó sẽ bắt kịp anh ta. Cách dịch khác: "thiên tai của hắn sẽ bắt lấy hắn"

Liền; trong khoảnh khắc

Cả hai đều có ý nghĩa tương tự, và một hoặc cả hai đều có thể được thay thế bằng cách dùng từ "đột ngột" hoặc "rất nhanh"

Proverbs 6:16

Có sáu điều Đức Giê-hô-va thì ghét, và bảy điều

Câu này toàn bộ là một chủ đề song song nhấn mạnh rằng Thiên Chúa ghét nhiều thứ chớ không phải chỉ là một. Cách dịch khác: "sáu điều mà Đức Giê-hô-va ghét, và bảy điều"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài lấy làm gớm ghiếc
"khiến Ngài cảm thấy ghê tởm" hoặc "khiến Ngài kinh tởm điều đó"
Proverbs 6:17
Mắt ...lưỡi ... tay ...lòng ...chân
Tất cả các bộ phận cơ thể này chỉ về một người. Bạn có thể dịch từng cái với câu "những người mà"
Đổ huyết
"giết" hoặc "giết người"
Làm ác
"kế hoạch độc ác"
Hà ra
Câu này sử dụng từ "hà" để chỉ sự nói dối liên tục. Cách dịch khác: "liên tục nói dối"
Tranh cạnh
Xem bản dịch từ này trong PRO06:14
Kẻ nào gieo sự tranh cạnh
Hình ảnh này được sử dụng "gieo" để đề cập đến việc gây ra nguyên nhân hoặc gây ra sự bất bình. Cách dịch khác: "một người gây ra sự bất hòa"
Proverbs 6:20
Hãy tuân theo mạng lịnh của cha ... chớ lìa bỏ sự dạy của mẹ con
Hai câu trên có cùng nghĩa là làm một điều. Mặt khác, sự nhấn mạnh lặp đi lặp lại ở cả "cha" và "mẹ" rõ ràng bao gồm cả người nữ trong toàn bộ quá trình dạy và học.
Chớ lìa bỏ sự dạy của mẹ con
Câu này sử dụng từ "lìa bỏ" nghĩa là "sự tuân theo" tích cực. Cách dịch khác: "tuân theo lời dạy của mẹ"
Cột nó nơi lòng con, đeo nó quanh cổ con
Hai cụm từ cơ bản có ý nghĩa giống nhau. Họ mô tả các điều lệnh và hướng dẫn như thể chúng được viết xuống để bạn có thể đặt nó vào hoặc gắn trên người để tự nhắc nhở mình.
Cột nó nơi lòng con
"yêu nó" hoặc "nghĩ đến nó"
Proverbs 6:22
Khi con đi ... lúc con ngủ ... khi con thức dậy
Ba cụm từ này được sử dụng cùng nhau để nhấn mạnh rằng các bài học luôn có giá trị.
Chúng sẽ dẫn dắt con ... chúng sẽ gìn giữ con ... chúng sẽ dạy dỗ con
Sự lặp đi lặp lại của những cụm từ này là để cho thấy rằng các bài học có giá trị cho mọi điều. Nó cũng nói về những bài học như thể nó là con người.
Điều răn ... sự dạy dỗ ... các sự quở trách kỷ luật
Ba cụm từ này cơ bản có cùng một nghĩa, đó là nói đến các sự dạy dỗ khác nhau mà cha mẹ dạy.
Một cái đèn ... ánh sáng ... con đường sự sống
Cả ba điều này có ý nghĩa cơ bản giống nhau và được lặp lại để nhấn mạnh thực tế là các bài học làm cho cuộc sống tốt hơn và dễ dàng hơn. Cách dịch khác: "hữu ích như một ngọn đèn ... hữu ích như ánh sáng trong bóng tối ... nếu như nó cần thiết cho con đường sự sống"
Còn đường sự sống
"con đường đưa đến sự sống" hoặc "con đường mà Chúa ưng thuận"
Proverbs 6:24
Nó giữ con khỏi
Từ "nó" ở đây đề cập đến những bài học được cha mẹ dạy dỗ trong PRO06:20
Người đàn bà không có đạo đức ... dâm phụ
Hai từ này cơ bản có ý nghĩa giống nhau. Xem cách dịch từ "người đàn bà ngoại tình" trong PRO05:03
Không có đạo đức
"đạo đức gian ác"
Sắc đẹp nó
"những điều đẹp đẽ của cô ấy" hoặc "của cô ấy"
Bắt lấy
"giành quyền kiểm soát"
Mí mắt nó
Mí mắt đại diện cho những điều đẹp đẽ về cơ thể của cô ấy, dùng để thu hút sự chú ý của một người đàn ông. Cách dịch khác: "cô ấy có đôi mắt đẹp"
Proverbs 6:26
Giá của một miếng bánh
Điều này nói đến giá cả của nguyên liệu, chứ không phải giá cả của tinh thần hay là đạo đức. Cách dịch khác: "một chút"
Có thể khiến con trả giá bằng chính mạng sống của con
Nghĩa nó có thể là 1) vợ của một người đàn ông khác sẽ làm xói mòn cuộc sống của bạn bởi vì cô ta luôn đòi hỏi nhiều hơn 2) chồng của người phụ nữ sẽ đẩy ngươi xuống và giết ngươi.
Có người nào để lửa trước ngực mà không làm cháy áo mình?
Hành động này sẽ rất nguy hiểm và có thể gây hại. câu trả lời cho câu hỏi này là "không". Cách dịch khác: "Mỗi người mang lửa trước ngực sẽ đốt cháy quần áo mình"
Không làm cháy
"không phá hủy" hoặc "và không tàn hại"
Chiếc áo của mình
Chiếc áo ở đây đại diện cho cả con người.
Proverbs 6:28
Có ai đi trên than lửa hực mà chân mình lại chẳng bị phỏng lên?
Đi trên than nóng sẽ làm cho chân của một người bị thiêu đốt, vì vậy câu trả lời ngụ ý là "không". Cách dịch khác: "bất kì ai đi trên than nóng sẽ làm cho chân mình bị cháy"
Đi trên than lửa
Điều này có nghĩa là phạm tội tà dâm.
Đi
Đó là từ từ đi bộ trên một doạnd dường dài, mà không sử dụng thủ thuật hay ma thuật.
Bị phỏng
"đốt"
Proverbs 6:30
Xem khinh kẻ trộm
"đừng khinh thường kẻ trộm" hoặc "đừng nghĩ xấu về kẻ trộm"
Nếu nó bị bắt
Điều này có thể được thể hiện dưới hoạt động. Cách dịch khác: "nếu ai đó bắt nó"
Của nhà nó
Hình ảnh này nói rằng mọi thứ trong nhà nó đều là những gì nó sở hữu. Cách dịch khác: "nó sở hữu" (
Proverbs 6:32
Kẻ nào
"người" hoặc "người đàn ông"
Những thứ hắn phải chịu
"sự trừng phạt thích hợp cho những gì hắn đã làm"
Tình trạng xấu hổ ấy
Câu này sử dụng thuật ngữ "xấu hổ" để nói về cảm giác của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hắn khi hành động đáng hổ thẹn. Cách dịch khác: "ký ức về hành động xấu hổ của mình"

Sẽ chẳng được bôi xóa đi

Câu này được sử dụng chữ "chẳng được bôi xóa" để nói nó luôn ở đó. Cách dịch khác: "sẽ luôn luôn tồn tại"

Proverbs 6:34

Giận dữ

"rất tức giận"

Người chẳng tỏ ra chút thương xót nào hết

"người" là người lân cận có vợ đã phạm tội ngoại tình với người khác. Cách dịch khác: "người ấy sẽ không hạn chế nỗi đau mà người đó đã gây ra cho người khác" hoặc "người sẽ gây tổn thương nhiều thêm cho người khác"

Khi người có quyền báo thù

"trong thời khắc trả thù của mình" hoặc "khi thời điểm đến thì anh ta có thể trả thù"

Báo thù

Nếu anh ấy trả thù, anh ấy sẽ gây tổn thương cho người đã làm tổn thương anh ấy đầu tiên

Bồi thường

"thanh toán"

Không thể mua chuộc được

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Bạn không thể trả đủ tiền để thay đổi ý định của mình"

Được, dù

"được. Điều này sẽ đúng ngay cả khi"

dâng

"cho" hoặc "lời hứa"

Translation Questions

Proverbs 6:1

Người con trai có thể đặt cái bẫy cho mình như thế nào?

Người con trai có thể đặt một cái bẫy cho mình bằng cách cam kết trả nợ cho một người mà anh ta không biết.

Proverbs 6:2

Người con trai có thể đặt cái bẫy cho mình như thế nào?

Người con trai có thể đặt một cái bẫy cho mình bằng cách cam kết trả nợ cho một người mà anh ta không biết.

Proverbs 6:3

Người con trai phải làm gì để cứu chính mình?

Để tự cứu lấy mình, người con trai phải đi đến người hàng xóm của anh ta và cầu xin gỡ khỏi lời hứa của mình.

Proverbs 6:6

Một kẻ biếng nhác nên học theo điều gì?

Một kẻ biếng nhác nên học theo loài kiến.

Proverbs 6:8

Loài kiến làm gì trong mùa hè?

Trong mùa hè, loài kiến chuẩn bị và thâu trữ thức ăn.

Proverbs 6:11

Điều gì sẽ xảy ra với kẻ lười biếng nằm ngủ không chịu thức dậy?

Nghèo đói sẽ đến với người lười biếng nằm ngủ không chịu thức dậy.

Proverbs 6:12

Một người đàn ông gian tà sống bằng cách nào?

Một người đàn ông gian tà sống bằng lời nói gian dối của hắn.

Proverbs 6:15

Điều gì sẽ xảy ra với người ác bởi những âm mưu xấu xa của hắn?

Tai họa sẽ xảy đến với kẻ ác trong chốc lát.

Proverbs 6:16

Có bao nhiêu điều Đức Giê-hô-va ghét và bao nhiêu điều Ngài ghê tởm?

Có sáu điều Đức Giê-hô-va ghét và bảy điều Ngài ghê tởm.

Proverbs 6:18

Đức Giê-hô-va ghét những bàn chân như thế nào?

Đức Giê-hô-va ghét những bàn chân vội vàng chạy đi làm điều ác.

Proverbs 6:19

Đức Giê-hô-va ghét những kẻ làm chứng như thế nào?

Đức Giê-hô-va ghét kẻ làm chứng gian và nói điều dối.

Proverbs 6:23

Các mạng lệnh và những lời giáo huấn sẽ giống như thế nào?

Các mạng lệnh được ví như một cái đèn, và những lời giáo huấn được sánh với nguồn ánh sáng.

Proverbs 6:26

Điều gì có thể làm tổn thương người con trai khi ngủ với vợ của người khác?

Ngủ với vợ của người khác có thể làm cho người con trai hỏng cả một cuộc đời.

Proverbs 6:30

Tại sao người ta không khinh dị kẻ trộm nếu hắn ăn trộm?

Người ta có thể không khinh thường kẻ trộm nếu hắn ăn cắp để ăn khi hắn bị đói.

Proverbs 6:32

Một người phạm tội ngoại tình sẽ hủy hoại điều gì?

Một người nào đó phạm tội ngoại tình sẽ hủy hoại chính mình.

Proverbs 6:35

Người trả thù kẻ ngoại tình sẽ không chấp nhận điều gì?

Người trả thù kẻ ngoại tình sẽ không chấp nhận bồi thường.

Chapter 7

Proverbs 7:1

Hãy giữ các lời ta

ở đây giữ nói đến sự tuân theo. Cách dịch khác: "tuân theo lời nói của ta"

Chất chứa ở trong con các mạng lịnh ta

ở đây các mạng lịnh của Đức Chúa Trời được nói đến như thể đó là đồ vật mà ai đó có thể cất vào kho. Cách dịch khác: "ghi nhớ mạng lịnh ta"

Như con ngươi của mắt con

Con ngươi của mắt là phần bên trong của mắt, mà con người thường có bản năng bảo vệ nó khi có một vật bay vào mặt họ. ở đây "con ngươi của mắt" đại diện cho bất kì điều gì có giá trị và được bảo vệ nhiều nhất. Cách dịch khác: "như sở hữu điều giá trị nhất của mình" .

Giữ theo sự dạy dỗ của ta

ở đây giữ biểu hiện cho sự tuân theo. Cách dịch khác: "tuân theo sự hướng dẫn của ta"

Hãy cột nó nơi các ngón tay con

Ý nghĩa nó có thể là 1) người viết muốn các con khắc các mạng lịnh của Thiên Chúa trên một chiếc nhẫn và mang nó,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hoặc 2) người viết muốn con mình luôn ghi nhớ các mạng lệnh của Thiên Chúa, như thể ông ấy luôn đeo nhẫn.

Hãy ghi nó trên bảng lòng con

ở đây lòng đại diện cho tâm trí của một người, và nhớ một điều gì đó được nói đến như thể người đó đang viết nó trên hòn đá. Xem cách dịch từ này trong PRO03:03

Proverbs 7:4

Hãy nói với sự khôn ngoan rằng: "Người là chị em ta,"

ở đây sự khôn ngoan được nói đến như thể nó là một con người. Cách dịch khác: "giá trị của sự khôn ngoan quí giá như người chị em của ngươi"

Gọi sự thông sáng là bà con của con

ở đây, giá trị của sự thông sáng được nói đến như thể nó là một người bà con hay người họ hàng. Cách dịch khác: "Giữ sự hiểu biết giống như cách ngươi đối xử với người bà con của người"

Bà con

"người thân" hoặc "thành viên trong gia đình"

người nữ có sức cám dỗ

Từ này nói đến bất kỳ một người phụ nữ nào không phải là vợ của người nam. Cách dịch khác: "Người phụ nữ mà con không nên có bất kỳ mối liên hệ gì"

dâm phụ

Từ này nói đến bất kỳ một người phụ nữ nào mà người nam không biết tới.

Lời ngọt xớt

Những từ ngữ dùng để lừa dối, được nói đến như thể chúng là một vật trơn tru. Cách dịch khác: "Ai đó nói những điều thú vị, nhưng là muốn đánh lừa con"

Proverbs 7:6

Lưới

Đây là một loại lưới của cửa sổ làm từ các dải gỗ mỏng đan lên nhau tạo nên các lỗ hình vuông.

Thanh niên

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Proverbs 7:8

Góc nhà nàng

ở đây "nàng" ý nói đến bất kỳ người nữ lạ nào, như được đề cập trong PRO07:04

góc

Điều này nói đến nơi mà hai con đường giao nhau

Chạng vạng

Thời gian trong ngày khi nó bắt đầu tối hơn và dần chuyển thành ban đêm

Proverbs 7:10

biết lý do tại sao nàng có mặt ở đó

Từ "lý do" ở đây có ý nói đến ý định hay kế hoạch. Cách dịch khác: "nàng lên kế hoạch để lừa một ai đó"

Nàng nói năng lớn tiếng, ngang ngạnh

"nàng ta nói lớn tiếng và hành động theo những điều mà nàng ấy muốn"

Hai chân nàng không ở trong nhà

Cụm từ "chân nàng" đại diện cho người phụ nữ. Cách dịch khác: "nàng ấy không có ở nhà"

Nàng giả vờ chờ đợi tại các góc hẻm

ở đây, người phụ nữ được nói đến như thể đang chuẩn bị gài bẫy một người hay một con thú. Ngoài ra, ở đây ý tưởng gài bẫy ai đó thể hiện việc dụ dỗ ai đó phạm tội. Cách dịch khác: "nàng chờ đợi để lừa gạt ai đó" hoặc "nàng chờ đợi để tìm một người nào đó để dụ dỗ họ phạm tội"

Proverbs 7:13

nàng

"nàng" là người phụ nữ được nói đến trong PRO07:10

Chụp lấy hắn

"nắm chặt lấy hắn"

Tôi đã trả xong các lời khấn nguyện tôi

Từ "lời khấn nguyện" ở đây đại diện cho điều mà một người hứa sẽ dâng lên cho Chúa. Cách dịch khác: "Tôi đã dâng các của lễ mà tôi đã hứa với Chúa"

Mặt chai mày đá

ở đây "mày đá" đại diện cho "bướng bỉnh". "mặt chai mày đá" có nghĩa là một biểu hiện cứng đầu. Điều này ngụ ý rằng người phụ nữ đang hành động một cách bướng bỉnh, rằng cô ta cố ý làm những điều cô ấy biết mình sai. Cách dịch khác: "với một vẻ mặt xấu hổ trên khuôn mặt của cô ấy"

Thấy mặt anh

ở đây "mặt" đại diện cho con người và đặc biệt là sự hiện diện của con người. Cách dịch khác: "tìm ra anh ấy" hoặc "tìm ra anh ấy đang ở đâu rồi"

Proverbs 7:16

xức dầu thơm cho giường mình

"đã rải ra trên giường của tôi"

Lư hội

gỗ từ một loại cây có mùi thơm

Quế bì

Đây là một gia vị được làm từ vỏ cây có mùi thơm và vị ngon

Chúng ta sẽ ân ái yêu đương

Ở đây thú vui của tình yêu lãng mạn được nói đến như thể chúng là một thứ gì đó rất tốt để uống vào. Cách dịch khác: "chúng ta hãy ân ái cho thỏa dạ"

Proverbs 7:19

Không có nhà ở

"không có nhà ở"

Người ... nàng ... hắn

Người đàn bà là người phụ nữ đã lập gia đình lại muốn ngủ với "hắn", một chàng trai trẻ

Ngày rằm

Mặt trăng được cho là sáng nhất và trong nhất là khi nó trông như một cái đĩa tròn hoàn hảo

Nàng khích hắn

Việc thuyết phục một ai đó hành động theo một cách nhất định được nói đến như thể nó đang thay đổi hướng mà người đó đang đi. Cách dịch khác: "Nàng thuyết phục anh ta"

Nói năng ngọt xớt

ở đây "môi" đại diện cho những điều mà một người nói. Khi một người vuốt ve người khác bằng cách nói những điều không chân thành, những lời này được nói đến như thể chúng rất trôi chảy. Cách dịch khác: "tâng bốc, nói lời giả dối"

Nàng thúc ép hắn

"nàng ta thuyết phục hắn làm điều ác" Cách dịch khác: "nàng quyến dụ hắn ta phạm tội cùng nàng"

Proverbs 7:22

Hắn liền đi theo nàng

Điều này dường như ngụ ý rằng người thanh niên mất rất ít

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thời gian để suy nghĩ về những điều anh ta nên làm. Cách dịch khác: "hắn nhanh chóng quyết định đi theo nàng"

Giống như con bò ... lưới bẫy

Sự khờ dại và không nghi ngờ của người thanh niên đi theo người đàn bà ngoại tình được so sánh với ba con vật không ý thức được sự nguy hiểm.

Làm thịt

Điều này đề cập đến việc giết một con vật để ăn thịt nó

Con nai

Xem bản dịch con vật này trong PRO05:18

Cho đến khi mũi tên xoi ngang qua gan nó

Đoạn văn này ngụ ý rằng một thợ săn đã bắn trúng con nai bằng mũi tên. Cách dịch khác: "cho đến khi một thợ săn bắn trúng phần quan trọng nhất của nó"

gan

ở đây cơ quan này đại diện cho một phần rất quan trọng của con nai

Mình phải trả giá bằng mạng sống mình

"nó giết chết hắn" hoặc "hắn ta sẽ chết sớm"

Proverbs 7:24

Vậy bây giờ

Đây là sự tập trung chú ý của các con trai của người viết nói về phần kết luận của bài học này.

Chớ để lòng con chớ xây vào đường nẻo của nàng ta; chớ đi lạc vào các lối của nàng

Ở đây "đường nẻo" có nghĩa là những con đường mà một người lựa chọn để bước tiếp. Nó đại diện cho hành vi của người đó, những điều người quyết định làm trong cuộc sống. Cách dịch khác: "hãy khiến lòng con tránh xa khỏi các nẻo của dâm phụ," "đừng để lòng con ham muốn làm những điều mà người dâm phụ làm"

Lòng con

Ở đây "lòng" đại diện cho những điều mà một người mong muốn. Cách dịch khác: "bản thân con"

Chớ đi lạc vào các lối của nàng

Điều này có nghĩa giống như câu trước đó. Nó làm mạnh thêm điều được cảnh báo trước đó

Chớ đi lạc vào các lối của nàng

"đừng lìa khỏi đường ngay để đi vào các lối của nàng "

Proverbs 7:26

Nàng đã làm cho nhiều nạn nhân phải vấp ngã

Bị đâm bởi giáo hoặc mũi tên đại diện cho cái chết. Cách dịch khác: "nàng đã khiến nhiều người bị ngã chết"

Nhà nàng nằm trên con đường dẫn đến âm phủ ...nó dẫn xuống

ở đây "con đường" đại diện cho những hành động của những kẻ dại đã làm. Âm phủ là tên của thế giới người chết

Gian phòng của sự chết

Biểu hiện này cho thấy những người chết như thể đang ngủ trong nhiều phòng khác nhau ở âm phủ.

Dẫn đến âm phủ ... dẫn xuống những gian phòng của sự chết

Hai cụm từ cơ bản này có ý nghĩa giống nhau và được lặp lại để nhấn mạnh rằng những nạn nhân của nàng sẽ bị tiêu diệt.

Translation Questions

Proverbs 7:1

Người con trai cần giữ gìn và cất giữ điều gì cho sự sống của mình?

Người con trai phải gìn giữ và cất giữ các mạng lệnh và lời dạy của cha mình.

Proverbs 7:2

Người con trai cần giữ gìn và cất giữ điều gì cho sự sống của mình?

Người con trai phải gìn giữ và cất giữ các mạng lệnh và lời dạy của cha mình.

Proverbs 7:4

Sự khôn ngoan và sự thông sáng sẽ giữ người con trai khỏi người nào?

Sự khôn ngoan và sự thông sáng sẽ giữ người con trai khỏi người phụ nữ quyến rũ.

Proverbs 7:5

Sự khôn ngoan và sự thông sáng sẽ giữ người con trai khỏi người nào?

Sự khôn ngoan và sự thông sáng sẽ giữ người con trai khỏi người phụ nữ quyến rũ.

Proverbs 7:6

Sa-lô-môn đã nhìn thấy điều gì khi ông nhìn ra song cửa?

Sa-lô-môn nhìn thấy nhiều người trẻ tuổi vô giáo dục và trong số họ có một thanh niên không có ý thức.

Proverbs 7:7

Sa-lô-môn đã nhìn thấy điều gì khi ông nhìn ra song cửa?

Sa-lô-môn nhìn thấy nhiều người trẻ tuổi vô giáo dục và trong số họ có một thanh niên không có ý thức.

Proverbs 7:10

Người phụ nữ trẻ tuổi mặc đồ như thế nào?

Người phụ nữ mặc đồ như một dâm phụ.

Proverbs 7:12

Người phụ nữ làm gì ở mọi góc đường?

Người phụ nữ nằm chờ ở mọi góc đường.

Proverbs 7:14

Người phụ nữ làm gì trước lúc đó trong ngày?

Trước lúc đó trong ngày, người phụ nữ đã dâng của lễ bình an.

Proverbs 7:15

Người phụ nữ đã háo hức tìm kiếm điều gì?

Người phụ nữ đã háo hức tìm kiếm gương mặt của chàng trai trẻ.

Proverbs 7:16

Người phụ nữ mời người thanh niên làm gì?

Người phụ nữ mời người thanh niên đi cùng cô ấy lên giường của cô ấy ngủ cho đến sáng.

Proverbs 7:18

Người phụ nữ mời người thanh niên làm gì?

Người phụ nữ mời người thanh niên đi cùng cô ấy lên giường của cô ấy ngủ cho đến sáng.

Proverbs 7:19

Người chồng của người phụ nữ ở đâu?

Chồng của người phụ nữ này đai xa.

Proverbs 7:22

Người thanh niên trẻ bước theo người phụ nữ như thế nào?

Người thanh niên bước theo người phụ nữ như một con bò đến lò giết mổ, hoặc giống như một con nai bị mắc kẹt trong bẫy.

Proverbs 7:23

Những hành động của chàng thanh niên trẻ sẽ làm anh ta hao tốn điều gì?

Hành động của chàng trai trẻ sẽ làm anh ta tốn nhiều thời gian.

Proverbs 7:25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người thanh niên trẻ tuổi có sự hướng dẫn khôn ngoan để làm gì với người phụ nữ?

Người thanh niên trẻ tuổi có sự hướng dẫn khôn ngoan để không đi lạc vào đường lối của cô ta.

Proverbs 7:27

Trên con đường đến nhà của người phụ nữ dẫn đến đâu?

Nhà của người phụ nữ là đường dẫn vào địa ngục.

Chapter 8

Proverbs 8:1

Thông tin chung:

Trong chương 8 sự khôn ngoan được nói đến như một người phụ nữ dạy dỗ người ta cách sống khôn ngoan.

Thông tin chung:

Nhiều câu trong chương 8 có ý nghĩa song song.

Có phải sự khôn ngoan không kêu lên sao?

Câu hỏi này được sử dụng để nhắc nhở người đọc về những điều họ cần biết. Cách dịch khác: "trí tuệ kêu gọi"

Có phải sự khôn ngoan không kêu lên sao?

ở đây sự khôn ngoan được ẩn dụ như một người phụ nữ. Nếu trong câu không cho sử dụng ẩn dụ này, các Cách dịch khác có thể dịch 1) " sự khôn ngoan như người đàn bà kêu lên phải không?" 2) "chẳng phải người nữ tên là Khôn Ngoan đang kêu lên sao?"

Có phải sự thông sáng cất tiếng mình lên ư?

ở đây "sự thông sáng" được hiểu như "sự khôn ngoan"

Gần cổng thành

Trong thời cổ đại, các thành phố thường có những bức tường bên ngoài với những cánh cổng trong đó.

Sự khôn ngoan kêu lên

"sự khôn ngoan kêu gọi mọi người lắng nghe nó"

Proverbs 8:4

Thông tin chung

Sự khôn ngoan nói cùng mọi người trong câu 4 - 36

Cất giọng nhắm vào con cái loài người

ở đây "giọng" đại diện cho những từ được nói. Cách dịch khác: "những lời của ta dành cho con cái loài người"

Con cái loài người

Đây là hoán dụ dùng nói đến tất cả mọi người. Cách dịch khác: "tất cả mọi người"

Không được dạy dỗ

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Hiểu biết khôn ngoan

Từ "khôn ngoan" dùng để chỉ những điều mà người khôn ngoan tin tưởng và cách thức mà người đó hành động. Cách dịch khác: "học cách người khôn ngoan hành động" hoặc "học cách hiểu thầm"

Các ngươi phải có một tấm lòng thông sáng

Để hiểu được mọi thứ được nói đến như thể nó có một trí óc có thể hiểu. Cách dịch khác: "Bạn phải bắt đầu hiểu những điều bằng tấm trí của bạn"

Proverbs 8:6

Khi môi miệng ta mở ra

ở đây "môi" đại diện cho miệng của một người, mà người đó nói. Cách dịch khác: "khi tôi mở miệng nói"

Điều phải

"đúng" hoặc "công bằng"

Miệng ta nói ra

ở đây "miệng" đại diện cho lời nói của một người. Cách dịch khác: "tôi nói chuyện"

Điều đáng tin

"những điều mọi người nên tin tưởng"

Môi ta ghét sự ác

ở đây "môi" đại diện cho lời nói của một người. Cách dịch khác: "sự gian ác là điều ta kinh tởm" hoặc "ta kinh tởm những điều xấu xa"

Sự ác

ở đây, danh từ "ác" tượng trưng cho lời nói xấu.

Proverbs 8:8

Lời lẽ của miệng ta

ở đây "miệng" là viết tắt của người nói. Cách dịch khác: "những lời mà ta nói"

Cong vạy

"sai"

Ngay thẳng

"trung thức và rõ ràng"

Ngay thẳng

"thật thà"

Lời lẽ của ta là ngay thẳng cho người nào tìm kiếm tri thức

Điều này có thể nghĩa là những người tìm hiểu kiến thức sẽ dễ dàng hiểu rằng những lời nói có người nói đó là đúng. Cách dịch khác: "những lời nói của ta sẽ được những người tìm kiếm tri thức thẳng thắn nói ra"

Proverbs 8:10

Hãy chọn sự dạy dỗ của ta hơn chọn bạc

"ngươi nên cố gắng hiểu sự hướng dẫn của ta hơn là có được bạc"

Vì Ta, Đấng khôn ngoan, tốt hơn châu ngọc, chẳng có gì các ngươi ao ước có thể sánh với ta được

ở đây sự khôn ngoan, được nhân cách hóa như một người phụ nữ, không phải là lời nói. Tuy nhiên, cũng có thể xem sự khôn ngoan trong câu này là tốt. Cách dịch khác: "đối với ta, sự khôn ngoan, tốt hơn đồ trang sức, không có kho báu này bằng ta".

Proverbs 8:12

Ta, Đấng khôn ngoan, sống với sự thông sáng

Sự thông sáng ở đây được thể hiện như một con người

Sự thông sáng

"thận trọng" hoặc "phán quyết tốt"

Ta có tri thức và sự thận trọng

Những ý tưởng trừu tượng từ "tri thức" và "sự thận trọng" có thể được thể hiện theo những cách khác nhau. Cách dịch khác: "Ta am hiểu và kín đáo" hoặc "Ta biết nhiều điều, và ta cẩn thận"

Sự thận trọng

Cẩn thận về những gì chúng ta nói và làm; thận trọng không làm tổn thương hoặc làm hại người khác

Miệng gian tà

"nói xấu"

Gian tà

Xoay khỏi điều đúng đắn

Proverbs 8:14

Lời khuyên tốt

"gợi ý khôn ngoan"

Lời khuyên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tư vấn được đưa ra để giúp đỡ một ai đó

Thật

Tốt, đáng tin cậy

Ta có sự thông sáng

ở đây sự khôn ngoan được nói đến như thể nó đã có cái nhìn thấu đáo. Cách dịch khác: "Ta có cái nhìn sâu sắc"

Người tước vị

Quý tộc, lãnh đạo các thành viên của các gia đình trọng đại trong nước

Proverbs 8:17

Yêu mến

Điều này đề cập đến tình yêu anh em hoặc tình yêu của một người bạn hay người thân trong gia đình. Đây là tình yêu của con người tự nhiên giữa bạn bè và người thân

Siêng năng

Nỗ lực liên tục cách cẩn trọng

Sự giàu có và vinh dự

"Ta giàu có và vinh dự"

Của cải bền lâu và sưu công bình

Điều này giải thích ý nghĩa của "sự giàu có và danh dự". Cách dịch khác: "Ta có sự giàu có và sự công bình lâu dài" hoặc "những ai tìm thấy ta sẽ tìm thấy sự giàu có và sự công bình dài lâu"

Sự công bình

"khả năng để sống một cách đúng đắn"

Proverbs 8:19

Bông trái ta

Những gì sự khôn ngoan làm ra hoặc nguyên nhân

Những thứ ta tạo ra

Ích lợi hay điều có được mà khôn ngoan đem đến

Ta đi trong con đường ngay thẳng

Sống đúng cách được nói đến như thể đi bộ trên đường bên phải. Cách dịch khác: "Ta sống đúng" hoặc "Ta làm điều đúng"

Trong các nẻo dẫn tới sự công bình

Điều này nói nhiều về ý nghĩa của "con đường của sự công bình". Cách dịch khác: "Ta làm những điều hoàn hảo" hoặc "Ta chỉ làm những điều dẫn đến sự công bình"

Kho tàng

Kho chứa những thứ có giá trị. Sự khôn ngoan được nói đến như thể một người phụ nữ làm đầy các kho của mình bằng những thứ đồ giá trị.

Proverbs 8:22

Việc thứ nhất trong mọi việc làm của Ngài từ ngàn xưa

"Ta là đầu trong số những thứ Ngài làm ra từ ngàn xưa"

Từ trước vô cùng

"cách đây rất lâu"

từ trước

Từ "từ trước" chỉ một khoảng thời gian dài nói chung.

Ta đã được lập

Điều này có thể được đưa vào hình thức hoạt động. Cách dịch khác: "Thiên Chúa đã làm nên ta"

Từ lúc dựng nên thế gian

Ý tưởng về sự bắt đầu có thể được dịch theo một cách trừu tượng hơn. Cách dịch khác: "từ khi Thiên Chúa tạo ra trái đất"

Proverbs 8:24

Thông tin chung:

Tiếp tục nói đến sự khôn ngoan.

Trước khi núi non được lập nên

"trước khi các dãy núi xuất hiện". Điều này cũng có thể được đưa vào hình thức hoạt động. Cách dịch khác: "Trước khi Đức Chúa Trời làm nền móng cho những ngọn núi và đưa nó vào nơi thích hợp"

Proverbs 8:26

Ta đã sanh ra ... Ta có mặt

Đây là sự khôn ngoan nói về chính Ngài.

Sanh ra

"ta đã sống"

Dựng nên

Từ dựng nên cái gì đó với ý nghĩa để đưa nó vào cơ sở ổn định. Cách dịch khác: "đã tạo ra" hoặc "làm được"

Khi Ngài rút đường chân trời lên khỏi mặt vực

Điều này đề cập đến việc đặt ra một giới hạn bao xa cho một người đi tàu có thể nhìn thấy cảnh vật xung quanh. Cách dịch khác: "Khi Ngài đánh dấu bề mặt của đại dương đến mức một người trên biển có thể nhìn thấy ở mọi hướng" (UDB)

Mặt vực

"đại dương"

Proverbs 8:28

Thông tin chung

Tiếp tục nói lời khôn ngoan

Dựng nên

Bắt đầu hiện hữu

Khi Ngài dựng nên các dòng suối ở vực sâu

Điều này có thể được đưa vào hình thức hoạt động. Cách dịch khác: "khi Đức Chúa Trời cố định các dòng suối ở vực sâu"

Dòng suối ở vực sâu

Người Hê-bơ-rơ cổ nghĩ rằng biển có nguồn từ những suối nước ở bên dưới đáy biển.

Khi Ngài định các giới hạn cho đại dương

"khi Ngài tạo ra bờ biển cho các đại dương." "Giới hạn cho đại dương" phân cách đại dương với đất liền.

Khi Ngài lập chỗ để làm nền của địa cầu

Từ "trái đất" của tiếng Do Thái cũng thường có nghĩa là "đất đai".

Khi Ngài lập chỗ để làm nền của địa cầu

Điều này có thể được đưa vào hoạt động. Cách dịch khác: "khi Đức Chúa Trời thiết lập giới hạn cho nền tảng của trái đất".

Proverbs 8:30

Ta ở bên cạnh Ngài

Đây là lời nói của sự khôn ngoan. Sự khôn ngoan ở cạnh bên Đức Giê-hô-va, như thể là trợ lý của Ngài trong việc dựng nên trái đất.

Làm thợ cái

Đây là một người đã được đào tạo trong nhiều năm để làm những thứ đồ tốt rất hữu ích, như đồ đạc hoặc nhà cửa

Sự vui thích

"nguồn gốc của niềm vui" hoặc "lý do để vui"

Mỗi ngày

"liên tục" hoặc "toàn bộ thời gian"

Cả thế giới của Ngài

"cả thế giới mà Ngài dựng nên" (UDB) hoặc "mọi thứ Ngài làm nên"

Con người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều này nói đến con người nói chung. Cách dịch khác: "những người mà Ngài đã dựng nên" (UDB)
Proverbs 8:32
Rồi bây giờ
Điều này làm tập trung sự chú ý của trẻ con vào phần kết thúc của bài học này.
Hãy lắng nghe ta
Đây là sự khôn ngoan nói về chính mình.
Người nào giữ các đường lối của ta
ở đây "đường lối của ta" thể hiện hành động của sự khôn ngoan. Cách dịch khác: "những người làm theo lời Ta dạy" hoặc "những người noi theo gương Ta"
Đừng chễnh mãng nó
"đừng bỏ qua". Cách dịch khác: "hãy chú ý đến" hoặc "hãy làm theo"
Mỗi ngày canh chừng tại nơi cửa ta, chờ đợi ta bên cửa nhà ta
Hai cụm từ này cơ bản có ý nghĩa giống nhau. Sự khôn ngoan được miêu tả như một căn nhà, ý nghĩa của từ "canh chừng" có thể là 1) một người khôn ngoan chờ đợi bên ngoài của nhà khôn ngoan để phụ vụ nó, hoặc 2) một người khôn ngoan đợi bên ngoài nhà khôn ngoan để đến và dạy nó.
Proverbs 8:35
Tìm được ta ... tìm được sự sống ... ghét ta
Đây là sự khôn ngoan nói về chính mình.
Ai không tìm được
Ý nghĩa trọn vẹn là, "Người không tìm thấy Ta"
Cho mình
Từ "mình" ở đây đại diện cho người đó.

Translation Questions

Proverbs 8:1
Ai kêu lên gần bên cổng thành phố?
Sự khôn ngoan kêu lên gần bên cổng thành phố.
Proverbs 8:3
Ai kêu lên gần bên cổng thành phố?
Sự khôn ngoan kêu lên gần bên cổng thành phố.
Proverbs 8:4
Sự khôn ngoan gọi ai?
Sự khôn ngoan kêu gọi con cái của loài người.
Proverbs 8:6
Sự khôn ngoan nói về những điều gì?
Sự khôn ngoan nói về những điều quý báu và những điều đang tin cậy.
Proverbs 8:7
Sự khôn ngoan nói về những điều gì?
Sự khôn ngoan nói về những điều quý báu và những điều đang tin cậy.
Proverbs 8:11
Sự khôn ngoan có giá trị hơn điều gì?
Sự khôn ngoan có giá trị hơn đồ trang sức.
Proverbs 8:13
Những người kính sợ Đức Giê-hô-va là ghét điều gì?
Những người kính sợ Đức Giê-hô-va là ghét điều ác, sự kiêu ngạo, gian manh và môi miệng lừa gạt.
Proverbs 8:15
Các vua và những hoàng tử là những người có sự khôn ngoan cai trị như thế nào?
Các vua và những hoàng tử có sự khôn ngoan cai trị công bằng.
Proverbs 8:16
How do kings and princes who have Wisdom govern?
Kings and princes who have Wisdom govern justly.
Proverbs 8:19
Bông trái của Sự Khôn Ngoan tốt hơn điều gì?
Bông trái của Sự Khôn Ngoan tốt hơn vàng và bạc.
Proverbs 8:21
Sự khôn ngon sẽ mang lại cho người yêu mến nàng điều gì?
Sự khôn ngoan sẽ mang đến một gia tài cho những ai yêu mến nàng.
Proverbs 8:23
Sự khôn ngoan thành lập khi nào?
Sự khôn ngoan được thành lập từ lúc cách đây rất lâu, từ thuở ban đầu.
Proverbs 8:26
Sự khôn ngoan ở đâu khi Đức Giê-hô-va tạo dựng trời và đất?
Sự khôn ngoan đã ở đó khi Đức Giê-hô-va tạo dựng trời và đất.
Proverbs 8:27
Sự khôn ngoan ở đâu khi Đức Giê-hô-va tạo dựng trời và đất?
Sự khôn ngoan đã ở đó khi Đức Giê-hô-va tạo dựng trời và đất.
Proverbs 8:30
Sự khôn nhoan đã làm gì bên cạnh Đức Giê-hô-va khi Đức Giê-hô-va tạo dựng muôn vật?
Sự khôn ngoan đã ở bên cạnh Đức Giê-hô-va như một người thợ thủ công khi Đức Giê-hô va tạo dựng nên muôn vật.
Proverbs 8:31
Sự vui mừng của sự khôn ngoan là gì?
Sự vui mừng của sự khôn ngoan là ở nơi con cái loài người.
Proverbs 8:35
Người nào tìm thấy Sự Khôn ngang cũng có thể tìm thấy điều gì?
Ai tìm được Sự Khôn Ngoan cũng sẽ thấy được sự sống và ơn của Đức Chua Trời.
Proverbs 8:36
Một người không tìm thấy sự khôn ngoan thì cũng sẽ tìm được gì?
Một người không tìm thấy Sự khôn ngoan cũng sẽ thấy sự chết.

Chapter 9

Proverbs 9:1
Thông tin chung:
Những câu này bắt đầu một dụ ngôn, trong đó sự khôn ngoan được tưởng tượng là một người phụ nữ đang đưa ra những lời khuyên tốt cho mọi người.
Sự khôn ngoan
Người viết nói về sự khôn ngoan thể đó là một người nữ đang xây nhà của nàng.
Cây trụ
Điều này đề cập đến các cấu hình trụ dài lớn được sử dụng để giữ cho mái nhà hoặc một phần khác của tòa nhà.
Sự khôn ngoan sắm sẵn vật thực

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều này nói đến những con vật có thịt sẽ được ăn trong bữa tối mà sự khôn ngoan sẽ cho. Cách dịch khác: "nàng đã giết thú vật để ăn thịt cho bữa tối"

Người pha rượu nho mình

ở thời Do Thái xưa, người ta thường pha rượu với nước. Cách dịch khác: "chuẩn bị rượu bằng cách pha nước với nó"

Dọn bàn tiệc mình

"nàng đã chuẩn bị bàn của mình"

Proverbs 9:3

Thông tin chung:

Những câu này bắt đầu đưa ra thông điệp của sự khôn ngoan, đã được nhân cách hóa như một người nữ.

Lời mời

Lời mời này là những thông điệp bằng miệng mà các cô hầu phải học thuộc lòng, hoặc chúng đã được viết thành thư cho những người khôn ngoan muốn mời.

Tớ gái mình

Người nữ trẻ tuổi hoặc cô gái trẻ, phục vụ cho một người phụ nữ lớn tuổi đáng kính, giống như là bà có tên là Khôn Ngoan.

Người kêu la

"người tuyên bố" hoặc "người triệu tập". Cách dịch khác: "người ấy lớn tiếng nhắc lại lời mời của người"

Chỗ cao của thành

Lời mời được hét lên từ những nơi cao nhất để mọi người có thể nghe thấy.

Nguyện người nào chưa được dạy dỗ, ... kẻ thiếu hiểu biết

Hai cụm từ này mô tả cùng một nhóm người, những người cần thêm sự khôn ngoan trong cuộc sống của họ. ở đây câu hỏi được gửi tới tất cả mọi người. Cách dịch khác: "Bất cứ ai ngây ngô ... bất kì ai thiếu ý thức".

Chưa được dạy dỗ

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Hãy đến đây

"rời khỏi con đường của bạn và đi vào nhà của tôi"

Proverbs 9:5

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục sứ điệp của sự khôn ngoan

Hãy đến ... ăn ... uống ... để ... sống ... ăn ở

Tất cả các mạng lệnh này đều ở dạng số nhiều; sự Khôn Ngoan đang đề cập đến nhiều người cùng lúc.

Rượu ta đã pha

Trong thời Do Thái xưa, người ta thường pha rượu với nước. Cách dịch khác: "chuẩn bị rượu bằng cách pha nó với nước".

Hãy để các lối ngây dại lại

ở đây hành động ngây dại được nói đến như thể họ là một nơi mà người ta có thể rời khỏi. Cách dịch khác: "hành động khờ dại của bạn"

Ngây dại

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Con đường thông sáng

ở đây, quá trình hiểu biết sự khôn ngoan như thể đó là một con đường mà người ta có thể làm theo. Cách dịch khác: "cách sống mà một người khôn ngoan sống"

Proverbs 9:7

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục sứ điệp của sự khôn ngoan

Hễ ai chỉnh sửa ... ai quở trách

Hai cụm từ này cơ bản nói cùng một điều.

Kẻ nhạo báng

Ai đó thường xuyên chế nhạo mọi người. Cách dịch khác: "ai đó nói những điều xúc phạm về người khác" (UDB) hoặc "người thích làm cho người khác trở nên tồi tệ"

Sỉ nhục

Hành động đối xử khắc nghiệt với một ai đó

Quở trách

Sửa chữa

Hãy cung ứng các sự dạy dỗ cho người khôn ngoan ... dạy dỗ người công bình

Hai cụm từ cơ bản nói cùng một điều.

Hãy cung ứng ... hãy dạy dỗ

Hai hành động này thực sự đại diện cho động từ có điều kiện. Cách dịch khác: "Nếu bạn cho ... nếu bạn dạy"

Hãy cung ứng sự dạy dỗ cho người khôn ngoan

Điều này đề cập đến việc hướng dẫn một người khôn ngoan.

Proverbs 9:10

Thông tin chung:

Những câu này kết thúc sứ điệp của sự khôn ngoan.

Kính sợ Đức Giê-hô-va

Xem bản dịch cụm từ này trong PRO01:07

Vì nhờ ta, các ngày con sẽ được thêm nhiều lên

"Ta sẽ thêm lên ngày của người" hoặc "Ta sẽ khiến người sống thêm nhiều ngày nữa".

Nhờ ta

Sự khôn ngoan, được nhân cách hóa như một người nữ, ở đây vẫn tiếp tục nói chuyện.

Các ngày con sẽ được thêm nhiều lên, và đời sống sẽ được gia thêm nhiều năm nữa

Hai cụm từ cơ bản có cùng một ý nghĩa và được sử dụng để nhấn mạnh đến ích lời tuyệt vời mà sự khôn ngoan có được.

Đời sống sẽ được gia thêm nhiều năm nữa

Sự khôn ngoan trong những năm tháng sinh sống như thể nó là một vật thể. Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Ta sẽ thêm tuổi thọ cho ngươi" hoặc "Ta sẽ thêm nhiều năm vào cuộc sống của ngươi" hoặc "Ta sẽ cho phép người sống lâu hơn"

Nếu con khôn ngoan ... nếu con nhạo báng

Hai tuyên bố này dường như nói đến người khôn ngoan có được lợi ích cho bản thân vì sự khôn ngoan của họ, còn những kẻ nhạo báng phải chịu đựng hành vi của họ.

Con sẽ gánh lấy nó

Điều này nói về những hậu quả của hành vi tồi tệ của một người như thể chúng là những vật nặng nề mà người ta phải gánh nó trên lưng

Proverbs 9:13

Thông tin chung:

Những câu này bắt đầu mô tả sự ngu xuẩn, cũng được nhân cách hóa như một người phụ nữ.

Một người đàn bà dại dột

Có thể dịch là "sự dại dột như mô tả". Cách dịch khác: "một người phụ nữ ngu ngốc". Tuy nhiên, nếu được phép minh họa như trong phần trước của chương này, thì ngu ngốc cũng được nhân cách hóa. Cách dịch khác: "người đàn bà khờ dại"

Người chưa được dạy dỗ và chẳng biết chi cả

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cả hai cách diễn đạt này đều có ý nghĩa tương tự và được lặp đi lặp lại để cho thấy người đàn bà dại dột vô dụng như thế nào.

Người chưa được dạy dỗ

Cách dịch khác: "người đã không học được từ kinh nghiệm" hoặc "người còn trẻ và ngây thơ"

Đi thẳng lối của họ

Điều này dường như là một thành ngữ cho "chỉ suy nghĩ về những việc riêng của họ" hoặc chỉ quan tâm đến việc của họ

Proverbs 9:16

Chưa được dạy dỗ

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Hãy vào

"rời khỏi con đường của ngươi và đến đây"

Người nói

Đây là người phụ nữ ngu ngốc được nói đến trong PRO09:13

Kẻ thiếu trí hiểu

"những người không cso sự khôn ngoan" hoặc "những người không khôn ngoan"

Nước ăn cắp rất là ngọt ngào, và bánh ăn vụng là ngon thay

Người nữ dại dột nói về niềm vui của việc ăn trộm bánh và nước như thể nếu chúng ngủ với cô thì chúng sẽ được vui vẻ vậy. Điều này có thể được trình bày cách rõ ràng qua phép so sánh: "chàng có thể vui hưởng tôi giống như khi chàng thưởng thức bánh mì hoặc nước mà chàng đã ăn cắp được vậy."

Rằng kẻ chết đang ở đó

"rằng người nam đi đến chỗ cô ta đã chết"

Dưới chốn sâu của âm phủ

"âm phủ" đề cập đến thế giới của người chết (Xem UDB).

Translation Questions

Proverbs 9:1

Sự khôn ngoan đã xây cái gì?

Sự khôn ngoan đã xây dựng ngôi nhà cho chính mình.

Proverbs 9:3

Lời mời của Sự Khôn Ngoan đưa ra để hướng đến ai?

Lời mời của Sự Khôn Ngoan đưa ra để hướng tới những người không có ý chí, những người có lý trí.

Proverbs 9:4

Lời mời của Sự Khôn Ngoan đưa ra để hướng đến ai?

Lời mời của Sự Khôn Ngoan đưa ra để hướng tới những người không có ý chí, những người có lý trí.

Proverbs 9:6

Sự khôn ngoan nói rằng những vô giáo không có học thức không nên từ bỏ điều gì?

Sự khôn ngoan nói rằng những người vô giáo dục không nên từ bỏ con đường không có học thức của họ.

Proverbs 9:7

Điều gì xảy ra với một người đang trách mắng kẻ nhạo báng?

Một người đang trách mắng kẻ nhạo báng sẽ bị tổn thương vì bị ghét.

Proverbs 9:8

Điều gì xảy ra với một người đang trách mắng kẻ nhạo báng?

Một người đang trách mắng kẻ nhạo báng sẽ bị tổn thương vì bị ghét.

Điều gì xảy ra với một người đang trách mắn người khôn hoa?

Ai trách người khôn ngoan, thì sẽ được yêu mến.

Proverbs 9:10

Sự khởi đầu của sự khôn ngoan là gì?

Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là khởi đầu của sự khôn ngoan.

Sự tri thức là gì?

Sự thông hiểu Đấng Thánh là sự tri thức.

Proverbs 9:13

Những đặc điểm của một người đàn bà ngu muội là gì?

Một người đàn bà ngu muội là hay to tiếng, không được dạy dỗ, và chẳng biết gì.

Proverbs 9:17

Những thứ ăn cắp và ăn vụng như thế nào với những ai nhận được chúng?

Những thứ ăn cắp và ăn vụng thật ngọt ngào và thú vị với những người nhận chúng.

Proverbs 9:18

Ai ở trong nhà của người đàn bầ ngu muội?

Những người chết ở vực thẩm của âm phủ nằm trong nhà của người đàn bà.

Chapter 10

Proverbs 10:1

Thông tin chung:

Nhiều câu trong chương 10 đối lập song song nhau.

Châm ngôn của Sa-lô-môn

Sau khi giới thiệu trong chương 1-9, chương 10 bắt đầu thu thập các câu tục ngữ, những câu nói ngắn chỉ về sự dạy dỗ khôn ngoan

Tích lũy

Có được theo thời gian

Đức Giê-hô-va không để cho người làm phải chịu đói khát

Từ "người" ở đây chỉ về một người. Điều này có thể được trình bày theo hướng tích cực. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va bảo đảm rằng những ai làm điều đúng sẽ có thức ăn để ăn"

Proverbs 10:4

Tay kẻ biếng nhác

"tay" thể hiện sức mạnh và khả năng của một người. Cách dịch khác: "một người không muốn làm việc"

Tay người siêng năng

"bàn tay" thể hiện sức mạnh và khả năng của một người. Cách dịch khác: "Một người làm việc chăm chỉ"

Proverbs 10:6

Giáng trên đầu

"đầu" đại diện cho toàn thể con người. Cách dịch khác: "được trao cho"

Miệng kẻ ác

"miệng" đại diện cho những điều người ta nói. Cách dịch khác: "những lời kẻ ác nói"

Che đậy

Che giấu sự thật

tên

"tên" đại diện cho danh tiếng của một người. Cách dịch khác: "trí nhớ"

Proverbs 10:8

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bị sa ngã
"bị phá hủy" hoặc "bị vô dụng"
Cong vẹo
Không thẳng, bị biến dạng, không trung thực, lừa dối
Proverbs 10:10
Người nào nheo mắt
"nheo mắt" đại diện cho mật hiệu ra dấu cho phép đối xử cách tàn nhẫn đối với người khác. Cách dịch khác: "người dùng cử chỉ để truyền tải một tín hiệu"
sẽ bị sa ngã
Một người bị hủy hoại được nói đến như thể họ bị ném xuống. Cách dịch khác: "những người khác sẽ làm hỏng anh ta"A person who is ruined is spoken of as if he were thrown down. Cách dịch khác: "others will ruin him"
Miệng của người làm điều phải
"Những lời của một người công chính"
là một nguồn sự sống
Lời nói của người này được nói đến như thể nó bảo tồn sự sống của động vật hay con người, giống như một nguồn suối đem lại cho một vùng đất khô.
miệng kẻ hung ác
"miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "những lời của một kẻ ác"
miệng kẻ hung ác che giấu sự bạo lực
Nghĩa là, người ác nói những điều dường như vô hại, nhưng thực tế là lập kế hoạch cho những hành vi bạo lực đối với người khác That is, the wicked person appears to say harmless things, but plans to violent things against other people.
Proverbs 10:12
lòng thương yêu lấp hết
Tình yêu thương hành động như một người làm nguôi đi vấn đề giữa hai người thay vì khuấy động vấn đề lên.
nơi môi miệng người biết phân biện
"Môi miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "trong điều mà người biết phân biện nói ra"
cây roi dành cho lưng
"cây roi" tượng trưng cho sự hình phạt nặng nề về thể chất và "lưng" đại diện cho người nhận sự hình phạt đó. Cách dịch khác: "một người không có ý thức cần phải bị phạt nặng."
Proverbs 10:14
miệng kẻ ngu muội
"Miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "những lời của một kẻ ngu muội"
cái thành kiên cố
Sự giàu có được ví như một nơi an toàn. Cách dịch khác: "Sự giàu có cung ứng sự an toàn cho người giàu."
Proverbs 10:16
Tiền công ... hoa lợi
Những từ này thường được dùng để cập đến số tiền mà một người lao động kiếm được. Ở đây chúng đại diện cho kết quả của những việc làm đúng hoặc hậu quả của những việc làm sai.
Có một con đường dẫn đến sự sống cho người nào bước theo kỷ luật
"Người nào tuân theo sự hướng dẫn khôn ngoan sẽ có cuộc sống lâu dài và hạnh phúc"
nhưng ai chối bỏ sự quở trách phải lầm lạc
"nhưng người không tuân theo sự hướng dẫn khôn ngoan sẽ không có được một cuộc sống tốt đẹp"
sự quở trách
Đây là một sự sửa phạt hay khiển trách một ai đó đang làm điều xấu.
Proverbs 10:18
có môi miệng dối trá
"Môi miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "nói ra những điều dối trá"
vi phạm nào có thiếu
"mắc phải nhiều tội"
Proverbs 10:20
Lưỡi của người làm phải
"Lưỡi" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "bất cứ điều gì người làm phải nói ra"
bạc cao
"bạc" đại diện cho những lời nói có giá trị. Cách dịch khác: "là vô cùng giá trị"
Môi miệng của người làm phải
"Môi miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "lời nói của người làm phải"
giúp đỡ
Giúp họ phát triển hay trở nên mạnh mẽ hơn
Proverbs 10:22
Sự gian ác là trò chơi của kẻ dại,
Trò chơi là một hoạt động mà mọi người tham gia vì mục đích vui chơi. Cách dịch khác: "Những kẻ dại dột tìm kiếm niềm vui trong sự gian ác.
Proverbs 10:24
xảy đến
thắng hơn một ai đó
Kẻ ác giống như giông bão
Giống cơn bão ập đến và quét sạch mọi thứ, thì người xấu xa sẽ biến mất giống như vậy.
là cái nền còn đến đời đời
"cái nền" đại diện cho mặt bằng hoặc sự khởi đầu của một cái gì đó mà người ta bắt đầu xây dựng lên. Cách dịch khác: "là sự khởi đầu cho một cái gì đó còn lại mãi mãi"
Proverbs 10:26
Như giấm làm ghê răng và khói làm cay mắt, cũng vậy, kẻ biếng nhác
cũng một thể ấy đối với người nào sai khiến nó
"Giấm" và "khói" đại diện cho những thứ khiến cho răng và mắt của một người cảm thấy khó chịu. Cách dịch khác: "Sai một người lười biếng đi để làm một việc gì đó thì chỉ thêm bực mình và khó chịu mà thôi."
giấm
Một loại chất lỏng có vị chua dùng làm gia vị hoặc để bảo quản thực phẩm
năm tuổi của kẻ ác
Từ "năm" ở đây đại diện cho thời gian mà một người sống. Cách dịch khác: "đời sống của kẻ ác"
Proverbs 10:28
năm tuổi của kẻ ác
Từ "năm" ở đây đại diện cho thời gian mà một người sống. Cách dịch khác: "đời sống của kẻ ác"
chẳng hề bị rúng động,
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động và mang nghĩa tích cực: Cách dịch khác: "sẽ được vững chắc"
Proverbs 10:31
Miệng người công bình toát ra

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "từ những lời nói của người công bình"

lưỡi của kẻ gian tà sẽ bị cắt mất

"Lưỡi" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ bịt miệng của người nói điều sai quấy"

Môi miệng của người làm phải biết điều chi đáng nhận

"môi miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "người làm phải biết điều nào đáng nói"

miệng kẻ gian ác

"Miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "những lời lẽ của kẻ gian ác"

Translation Questions

Proverbs 10:1

Một đứa trẻ khôn ngoan sẽ làm cho cha mình phản ứng ra sao?

Một đứa trẻ khôn ngoan khiến cho người cha mình vui lòng.

Proverbs 10:3

Đức Giê-hô-va làm gì với tham vọng của kẻ ác?

Đức Giê-hô-va gạt bỏ tham vọng của kẻ ác.

Proverbs 10:4

Kết quả của một bàn tay lười biếng là gì?

Một bàn tay lười biếng là căn nguyên của một người nghèo.

Proverbs 10:6

Những người làm điều thiện nhận được điều gì từ Đức Chúa Trời?

Những người làm điều thiện sẽ nhận được quà tặng của Đức Chúa Trời.

Proverbs 10:8

Điều gì xảy ra với một thằng ngốc lắm lời?

Một thằng ngốc lắm lời sẽ bị hủy hoại.

Proverbs 10:12

Tình yêu che đậy điều gì?

Tình yêu thương che đậy mọi lỗi lầm.

Proverbs 10:13

Điều gì được tìm thấy trên môi miệng của một người sáng suốt?

Sự khôn ngoan được tìm thấy trên môi miệng của một người sáng suốt.

Proverbs 10:17

Điều gì xảy ra với người từ chối lời khiển trách?

Người chối bỏ lời khiển trách sẽ bị lầm lạc.

Proverbs 10:19

Điều gì không thiếu khi có nhiều lời?

Sự vấp phạm (tội lỗi) không thiếu khi nhiều lời.

Proverbs 10:22

Những mon quà tốt đẹp mà Đức Giê-hô-va mang lại là gì?

Những món quà tốt đẹp của Đức Giê-hô-va mang lại là sự giàu có.

Proverbs 10:25

Kẻ ác giống như điều gì?

Kẻ ác như một cơn bão đi qua và không còn gì nữa.

Proverbs 10:26

Điều như như khói trong mắt?

Người biếng nhác giống như khói trong mắt đối với những ai sai khiến họ.

Proverbs 10:27

Các năm của kẻ ác sẽ ra sao?

Các năm của kẻ ác sẽ ngắn ngủi.

Proverbs 10:29

Con đường của Đức Giê-hô-va bảo vệ ai?

Con đường của Đức Giê-hô-va bảo vệ những người có đức tính ngay thẳng.

Proverbs 10:31

Điều gì xuất phát từ miệng của những người công bình?

Ra khỏi miệng của những người công bình phải đến từ bông trái của sự khôn ngoan.

Chapter 11

Proverbs 11:1

Thông tin chung:

Nhiều câu trong chương 11 tương phản song song

Đức Giê-hô-va rất ghét thứ cân không chính xác

"Chiếc cân" thể hiện cho đơn vị đo chính xác trong việc đàm phán. Cách dịch khác: "Thiên Chúa ghét lừa đảo" hoặc "Thiên Chúa" ghét nó khi người ta dùng nói để lừa dối"

nhưng Ngài vui thích trái cân đúng

"Quả cân đúng" thể hiện sự chính xác trong việc đàm phán. Cách dịch khác: "nhưng Ngài hài lòng và vui thích vì sự chân thật" hoặc "nhưng Ngài đẹp lòng vì sự chân thật của con người"

Proverbs 11:3

Ngày thạnh nộ

Điều này đại diện cho một sự kiện cụ thể, chẳng hạn như "ngày của Đức Giê-hô-va" hoặc "ngày phán xét" hoặc "ngày cuối cùng". Cách dịch khác: "Của cải của người giàu có chẳng ích lợi gì trong ngày thịnh nộ"

Proverbs 11:5

Đường lối người ngay thẳng

"có đường hướng rõ ràng"

Kẻ bất trung bị mắc trong mưu tính của chúng

"những kẻ làm ác sẽ bị bắt bởi những đam mê của nó"

Bất trung

Sẵn sàng phản bội niền tin, bội bạc và lừa dối

Proverbs 11:7

Sự trông đợi vốn là sức lực của hắn

"sự tự tin mà anh ta có trong quyền lực của chính mình"

Đi đến chỗ hư vong

"biến mất"

Người nào làm phải được gìn giữ khỏi hoạn nạn

Điều này có thể được thể hiện trong các hoạt động. Cách dịch khác: "Thiên Chúa giữ con người tránh xa những hoạn nạn khi con người làm phải"

Đi đến

"chỗ hư vong"

Proverbs 11:9

Với cái miệng của kẻ bất kính

"Miệng" đại diện cho những gì mà con người nói. Cách dịch khác: "những lời nói của kẻ bất kính"

Cả thành được cao trọng

"Thành" đại diện cho cộng đồng hoặc nhóm người. Cách dịch khác: "nhóm dân thịnh vượng" hoặc "cộng đồng trở nên thịnh vượng"

Bởi miệng của kẻ ác

"Miệng" đại diện cho những gì mà con người nói. Cách dịch

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khác: "những lời nói của kẻ bất kính"
Proverbs 11:12
Giữ kín sự việc
"Giữ kín" thể hiện cho những điều giấu kín, càng nhiều càng tốt. Cách dịch khác: "không nói" hoặc "không nói về vấn đề đó"
Proverbs 11:14
Cầu kiến
Những người đưa ra những kiến nghị để hướng dẫn hành động; cố vấn
Proverbs 11:15
Người ghét việc đưa ra lời thề
"người từ chối những lời thề"
Người hung bạo
Không thương hại hay từ bi; hung ác.
Chụp lấy sự giàu có
"tham sự giàu có"
Proverbs 11:17
Một người
"một người"
Gieo ra điều phải
Từ "gieo" biểu hiện sự lan rộng ra để đạt được nhiều hơn. Cách dịch khác: "lây lan ra điều đúng"
Kết quả nơi điều thiện
Để "kết quả" đại diện cho việc thu thập hoặc thu hoạch trong. Cách dịch khác: " chắc chắn sẽ được khen thưởng".
Proverbs 11:19
Một người
"một người"
Đuổi theo điều ác
"đuổi theo sau điều ác" hoặc "tìm kiếm để làm điều ác"
Kẻ nào có lòng gian tà
"lòng" đại diện cho cảm xúc, thái độ và động cơ của một người. Cách dịch khác: "những người có suy nghĩ độc ác".
Proverbs 11:21
Sẽ chẳng hề khỏi bị phạt
"sẽ bị phạt"
Giống như chiếc nhẫn vàng ... mà thiếu thận trọng
Một người phụ nữ xinh đẹp không thận trọng sẽ bị so sánh với một chiếc vòng vàng vô dụng và không phù hợp nơi mũi heo.
Cẩn trọng
"thông thường" hoặc "sự hiểu biết"
Proverbs 11:23
Người gieo giống
"gieo giống" thể hiện về việc chuẩn bị cho tương lai. Cách dịch khác: "một người chuẩn bị cho tương lai"
Càng thêm
"đạt được"
Không gieo
"gieo" thể hiện việc chuẩn bị cho một kết quả. Cách dịch khác: "không chuẩn bị"
Proverbs 11:25
Sẽ được hanh thông
"sẽ đạt được nhiều hơn"
Người nào
"người hào phóng" hoặc "bất cứ ai"
Từ chối bán
Điều này mô tả những người tích trữ tài sản của mình thay vì giúp đỡ những người có nhu cầu.
Các ơn lành đội trên đầu người nào bán
"đội trên đầu" đại diện cho phần thưởng hoặc giải thưởng cho người sẵn sàng bán lúa. Cách dịch khác: "những ơn lành được đội trên đầu người bán" hoặc "người bán được tôn vinh với nhiều ơn lành"
Proverbs 11:27
Cẩn thận
Cẩn thận và tiếp tục cố gắng
Như lá, người công bình sẽ được sum suê
"lá" thể hiện sự tăng trưởng và thịnh vượng. Cách dịch khác: "người công bình sẽ thịnh vượng giống như lá cây xanh khỏe mạnh phát triển"
Sum suê
"phát đạt" hoặc "thịnh vượng"
Proverbs 11:29
Gió làm cơ nghiệp
"gió" là cái gì đó không thể nắm bắt. Cách dịch khác: "cơ nghiệp không có gì"
Proverbs 11:30
Người nào làm phải thì giống như cây sự sống
Một người làm đúng được ví sánh với một cái cây tạo ra sự sống là những trái cây của nó. Cách dịch khác: "Những người làm đúng sẽ mang lại sự sống cho chính mình và cho người khác"
Cây sự sống
Xem cách bạn đã dịch trong PRO03:17
huống hồ gì
"thậm chí sẽ con nhiều hơn"

Translation Questions

Proverbs 11:2
Điều gì đến trước sự sỉ nhục?
Sự kiêu căng đến trước sự sỉ nhục.
Proverbs 11:4
Điều gì có giá trị trong ngày thạnh nộ?
Làm điều công bình có giá trị trong ngày thạnh nộ.
Proverbs 11:6
Điều gì làm bẫy cho những kẻ phản bội (gian ác)?
Những kẻ phản bội bị kẹt trong lòng tham của họ.
Proverbs 11:8
Điều gì ngăn một người ra khỏi rắc rối?
Làm điều công bình giữ người khỏi rắc rối.
Proverbs 11:9
Người vô thần gây hại cho người hàng xóm của mình như thế nào?
Người vô thần gây hại cho người hàng xóm của mình bằng miệng.
Proverbs 11:13
Người trung tín làm gì thay vì vu khống?
Một người trung tín giữ kín điều bí mật thay vì vu khống.
Proverbs 11:15
Một người không nên làm gì cho một người lạ mặt bởi vì như vậy sẽ mang lại thiệt hại cho mình?
Một người không nên đảm bảo một khoản vay cho một người lạ.
Proverbs 11:18
Một người làm ác nhận tiền công như thế nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một kẻ làm ác lừa lọc để lấy tiền công.
Proverbs 11:20
Đức Giê-hô-va đẹp lòng những ai?
Đức Giê-hô-va đẹp lòng những người có đường lối không chỗ trách được.
Proverbs 11:21
Mọi người có thể chắc chắn về điều gì?
Mọi người đều có thể chắc chắn rằng kẻ ác sẽ không bị trừng phạt.
Proverbs 11:24
Điều gì xảy ra với người gieo giống?
Người gieo giống sẽ tích lũy nhiều thêm.
Proverbs 11:25
Người ban nước cho người khác sẽ nhận được điều gì?
Một người ban cho nước người khác sẽ nhận được nước cho chính mình.
Proverbs 11:28
Điều gì xảy ra với người tin cậy nơi sự giàu có của mình?
Người nào tin cậy nơi của cài mình sẽ bị suy bại.
Proverbs 11:30
Người nào được ví giống như cây sự sống?
Những người làm điều công bình giống như cây sự sống.
Proverbs 11:31
Người nào sẽ nhận được những điều họ xứng đáng?
Những người làm điều công bình, và nhiều kẻ ác cùng tội nhân sẽ nhận được theo những gì họ xứng đáng.

Chapter 12
Proverbs 12:1
Thông tin chung:
Tác giả dùng throughout this chapter.
Thông tin chung:
Câu 1-15 đối lập giữa trí tuệ và dại dột
Ai
"bất kì người nào"
Ghét sự quở trách
"không muốn được kêu phải làm gì"
Ngu dại
"dại dột" hoặc "thiếu khôn ngoan"
Proverbs 12:3
Một người không thể đứng vững do tánh gian ác
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "không ai có thể trở nên an toàn và an toàn bằng cách làm những điều xấu xa"
Không thể bị dứt bỏ
"dứt bỏ" nghĩa là bị kéo ra khỏi mặt đất như một cái cây. Điều này không thể xảy ra với những người làm đúng. Cách dịch khác: "ổn định như một cây có rễ sâu"
Người đàn bà nết na là mão triều thiên cho chồng nàng
Mão triều thiên đại diện cho danh dự lớn nhất mà một người có thể nhận được. Cách dịch khác: "Một người vợ tốt là một dấu hiệu vinh lớn cho chồng nàng"
Còn vợ làm xấu hổ khác nào chứng mục trong xương cốt người
Một căn bệnh làm hỏng xương biểu thị sự hư hỏng trong cuộc sống của một người. Cách dịch khác: "hành động xấu hổ của một người vợ phá hủy và ảnh hưởng đến hạnh phúc của người chồng.
Proverbs 12:5
Các lời của kẻ ác rình rập chờ cơ hội để giết chóc
"rình rập" thể hiện cho một cái bẫy giết chết bởi sự ngạc nhiên. Cách dịch khác: "Điều mà một người xấu nói có thể giết người bằng sự ngạc nhiên"
Các lời
Điều này đại diện cho những gì người ta nói. Cách dịch khác: "những gì người ta nói"
Người ngay thẳng
"người công chính" hoặc "người trung thực" hay "người công bình."
Proverbs 12:7
Kẻ ác bị đánh đổ
Điều này có thể được thể hiện đưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Mọi người sẽ lật đổ những người xấu xa" hoặc "người ta sẽ cướp đi những kẻ ác khỏi quyền lực"
nhà
Từ "nhà" thường được sử dụng trong Kinh Thánh để diễn tả tổ tiên, con cháu, hoặc người thân khác của người đó.
Một người được khen ngợi do có nhiều sự khôn sáng
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Mọi người sẽ khen ngợi những người có trí tuệ"
Kẻ đưa ra nhiều sự lựa chọn không tốt sẽ bị xem khinh
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "mọi người sẽ ghét kẻ luôn nghĩ về những điều xấu xa" hoặc "kẻ ấy ghét những ai có những điều tốt đẹp và làm cho họ trở nên tồi tệ"
Proverbs 12:9
Thà có một địa vị không quan trọng
"tốt hơn là trở thành một người bình thường"
Hung bạo
"gây ra khổ đau"
Proverbs 12:11
Dự án
"kế hoạch" hoặc "nhiệm vụ"
Bông trái
Điều này đề cập đến hành động và suy nghĩ của một người. Giống như bông trái trên cây cho thấy loại cây đó là gì, theo cùng một lời nói và hành động của một người cho thấy nhân vật của anh ta là như thế nào.
Proverbs 12:13
Kẻ ác bị mắc kẹt bởi lối ăn nói gian tà
"mắc kẹt" tượng trưng cho việc bị mắc bẫy hoặc bị lừa. Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Những điều tà ác cảu kẻ ác sẽ là cái bẫy của nó"
Công việc của tay người ban thưởng cho người
Cụm từ "công việc của bàn tay" là công việc được thực hiện bởi lao động thể chất. Cách dịch khác: "như công việc tốt của người khen thưởng người"
Proverbs 12:15
Theo mắt nó
Cụm từ này đại diện cho ý tưởng mà người đã quan sát, trí tưởng tượng hay trí nhớ của mình. Cách dịch khác: "theo quan điểm riêng của mình"
Khuyên dạy
Đề xuất khôn ngoan
Là khôn ngoan
"là khôn ngoan" hoặc "có ý nghĩa tốt."
Proverbs 12:17

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lời lẽ của một người ăn nói vô độ đâm như lưỡi gươm
Cùm từ "lưỡi gươm" là những từ chỉ sự độc ác gây tổn thương cho người khác. Cách dịch khác: "điều mà khi nói người ta không nghĩ nó có thể làm tổn thương người khác như việc đâm bằng lưỡi gươm"
Lưỡi người khôn ngoan
"lưỡi" đại diện cho những gì mà một người nói. Cách dịch khác: "những gì người khôn ngoan nói"
Đem lại sự chữa lành
"an ủi và hồi phục"
Proverbs 12:19
Môi miệng chân thật còn cho đến đời đời
"môi" đại diện cho những gì mà một người nói. Cách dịch khác: "một người chân thật tồn tại mãi mãi"
Cái lưỡi chuyên nói dối chỉ có trong một lúc mà thôi
"lưỡi" đại diện cho những gì một người nói. Cách dịch khác: "người nói dối chỉ trong một khoảnh khắc"
Mưu cầu
Là những người đưa ra các khuyến nghị như một hướng dẫn để hành động; cố vấn.
Proverbs 12:21
Chẳng có một điều xấu xa nào
Câu phủ định, "không" hủy bỏ những ý tưởng "xấu xa"
Đức Giê-hô-va ghét môi dối trá
"môi" đại diện cho những gì một người nói. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va ghét những kẻ nói dối"
Proverbs 12:23
Người khôn ngoan giấu tri thức mình
"không nói hết mọi điều họ biết"
Tay của người siêng năng
"tay" đại diện cho một người làm nên tác phẩm của mình. Cách dịch khác: "những người siêng năng"
Sẽ là đối tượng cho lao động bắt buộc
"lao động bắt buộc" môt tả những gì một người phải làm và là một người không tự do làm những gì mình muốn. Cách dịch khác: "sẽ trở thành một nô lệ".
Proverbs 12:25
Sự lo sợ
Cảm giác không thoải mái của sự sợ sệt hoặc sợ hãi, lo lắng
Nhận người xuống
"nhận xuống" thể hiện ý tưởng đặt một trọng tải rất lớn lên một người nên người đó không thể di chuyển tự do. Cụm từ này có nghĩa là làm cho một người buồn hoặc chán nản. Cách dịch khác: "khiến người ấy trở nên buồn hoặc chán nản".
Nhưng một lời lành khiến cho người vui vẻ
"nhưng khi người khác nói chuyện tử tế với người, người vui vẻ trở lại"
Proverbs 12:27
Nung nấu trò chơi riêng của mình
"trò chơi" có nghĩa là động vật bị bắt và giết trong khi săn bắt và nung nấu là việc chuẩn vị thức ăn. Cụm từ này thể hiện công việc mà người làm tốt sẽ sử dụng những gì anh ta thu nhận được. Cách dịch khác: "họ tự làm những gì có ích"
Của cải quý giá
"kho báu giá trị"

Translation Questions

Proverbs 12:1
Người ngu dại ghét điều gì?
Người ngu dại ghét sự sửa dạy.
Proverbs 12:2
Đức Giê-hô-va đoán phạt ai?
Đức Diê-hô-va đoán phạt kẻ mưu mô.
Proverbs 12:4
Vương miện của người chồng là gì?
Một người vợ đức hạnh là vương miện của người chồng.
Proverbs 12:5
Những lời khuyên của kẻ gian ác mang lại điều gì?
Kẻ ác mang lại sự dối trá.
Proverbs 12:7
Điều gì xảy ra với ngôi nhà của những người công bình?
Nhà của những người làm điều công bình sẽ đứng vững.
Proverbs 12:10
Ai quan tâm đến nhu cầu của những súc vật mình?
Người làm điều công bình quan tâm đến nhu cầu của những con vật mình.
Proverbs 12:13
Điều gì bẫy được một người gian tà?
Một người gian tà bị mắc phải bởi lời lội lỗi của mình.
Proverbs 12:15
Con đường của kẻ ngu dại như thế nào trong cái nhìn của chính mắt hắn?
Con đường của kẻ ngu dại là ngay thẳng trong chính mắt của hắn.
Proverbs 12:18
Những lời nói thiếu suy nghĩ giống như cái gì?
Những lưỡi nói thiếu suy nghĩ giống như các thanh gươm.
Proverbs 12:20
Điều gì nằm trong lòng những kẻ có âm mưu gian ác?
Sự lừa dối nằm trong lòng những kẻ có âm mưu gian ác.
Proverbs 12:22
Điều gì Đức Giê-hô-va ghét?
Đức Giê-hô-va ghét môi dối trá.
Proverbs 12:24
Những kẻ lười biếng sẽ là đối tượng như thế nào?
Người lười biếng sẽ là đối tượng bị bắt lao động.
Proverbs 12:26
Đường lối của kẻ ác dẫn họ đến đâu?
Đường của kẻ dữ làm cho họ lạc lối.
Proverbs 12:28
Những người đi trong sự công bình sẽ tìm thấy những điều gì?
Những người đi trong sự công bình tìm được sự sống.

Chapter 13

Proverbs 13:1
Con khôn ngoan nghe
ở đây "nghe" đại diện cho việc chú ý để làm điều đó. Cách dịch khác: "một đứa trẻ khôn ngoan tuân theo"
Không nghe lời quở trách
ở đây "nghe" đại diện cho sự chú ý để làm điều đó. Cách dịch khác: "sẽ không học hỏi từ quở trách" hay "sẽ không tuân theo, mặc dù bị khiển trách"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nhờ bông trái của miệng mình
ở đây "bông trái" tượng trưng cho kết quả hay sản phẩm của những gì người ta nói. Cách dịch khác: "từ những lời của miệng" hay "từ những gì người ta nói"
Ăn lấy
Một mong muốn hoặc thích một cái gì đó
Bạo lực
Sẵn sàng phản bội hoặc lừa dối bạn
Proverbs 13:3
Môi miệng mình
"miệng" đại diện cho những gì một người nói. Cách dịch khác: "những gì anh ấy nói"
Hở môi quá
"môi" đại diện cho những gì một người nói. Cách dịch khác: "nói rất nhiều" hoặc "nói chuyện quá nhiều"
Sự biến nhác
Xem bản dịch này trên đây PRO13:01
Ao ước
"ham muốn mạnh mẽ"
Ước ao của người siêng năng sẽ được thỏa mãn
"sự thèm ăn" thể hiện mong muốn. Cách dịch khác: "những người siêng năng sẽ có một cuộc sống hài hòa giàu có" hoặc "siêng năng sẽ làm cho mọi người giàu có hài lòng"
Người siêng năng
Những người làm việc với nổ lực cẩn thận và tiếp tục cố gắng
Proverbs 13:5
Gớm
Gây ra một cảm giác ghê tởm
Không vít trong đường lối của họ
"đường lối" thể hiện cách một người điều khiển cuộc sống của mình. Cách dịch khác: "không có lỗi trong cách sống của họ" hoặc "sống một cuộc sống liêm chính"
Sự công bình bảo hộ
"sự công bình" biểu trưng cho lối sống được Đức Giê-hô-va chấp nhận. chất lượng này hoạt động như một người bảo vệ. Cách dịch khác: "một lối sống được Đức Giê-hô-va chấp nhận bảo vệ"
Sự gian ác xây sang kẻ nào phạm tội
"sự gian ác" biểu hiện một hành vi tà ác trong đời sống. chất lượng này hoạt động như một người quay lưng lại với những ai phạm tội. Cách dịch khác: "sự gian ác sẽ làm cho những kẻ tội lỗi xa khỏi con đường thành công" hoặc "sự tàn ác tàn phá cuộc sống của những người tội lỗi"
Proverbs 13:7
Kẻ làm bộ giàu
"người làm cho mình giàu có"
Chẳng hề tiếp lấy lời hăm dọa
Những từ ở đây giống như trong PRO13:01
Proverbs 13:9
Sự sáng ... rực rỡ
Ánh sáng là từ viết tắt của sự ảnh hưởng của một người công chính và được miêu tả là trải nghiệm cảm xúc của con người. Điều này cũng có thể được diễn tả như một sự so dánh, như UDB đã làm. Cách dịch khác: "ảnh hưởng của người công chính tạo ra niềm vui"
Đèn kẻ ác lại bị tắt đi
Ngọn đèn của những kẻ xấu là sự ảnh hưởng của những kẻ ác. Điều chiếu ra ngoài có nghĩa là ảnh hưởng của chúng sẽ dừng lại. Cách dịch khác: "Những kẻ ác sẽ mất đi ảnh hưởng của nó"
Kiêu ngạo chỉ sanh ra xung đột
"tự hào luôn tạo ra xung đột"
Kiêu ngạo
"tự hào" or "tự trọng"
nghe
"lắng nghe" hoặc "làm theo"
Lời khuyên dạy
Đề xuất hữu ích, có lợi nhuận
Proverbs 13:11
Của cải hao bớt
"sự giàu có hao hụt" hoặc "sự giàu có từ từ biến mất"
Kiêu căng
Quá tự hào về bản thân
Bằng việc tay mình
"bằng việc tay mình" chỉ công việc làm thay vì chỉ tinh thần hay cách nào khác. Nhiều người làm công việc thể chất có giá trị thấp. Cách dịch khác: "bằng cách làm việc với sức mạnh thể chất"
Thêm nhiều tiền bạc
Tiền được so sánh với một cái cây phát triển. Cách dịch khác: "làm cho tiền của mình tăng lên"
Khi sự trông cậy bị trì hoãn
"khi hy vọng bị trì hoãn" hoặc "khi Chúa hoãn hy vọng"
Nó làm tan nát lòng
"làm tan nát lòng" thể hiện sự choáng ngợp bởi nổi buồn. Cách dịch khác: "nó gây ra nỗi buồn mãnh liệt"
Cây sự sống
Xem cách dịch trên đây PRO03:17
Proverbs 13:13
Người nào tôn trọng sự dạy sẽ được ban thưởng
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "họ sẽ thưởng cho người tôn trọng.
Nguồn sự sống
"nguồn sự sống" đại diện cho một nguồn nước tốt và đây là nguồn của sự sống. Cách dịch khác: "một nguồn sống dồi dào của cuộc sống.
Bẫy sự chết
"bẫy" đại diện cho những nguy hiểm sẽ giết chết. Cách dịch khác: "cái bẫy dẫn đến cái chết"
Proverbs 13:15
Đường kẻ phạm tội
Điều này mô tả cuộc sống với những nguy hiểm đã sẵn sàng để đánh lừa và tiêu diệt. Cách dịch khác: "hành vi của những kẻ không chung thủy không dừng lại."
Kẻ dại tỏ ra sự dốt nát của mình
"tỏ ra" nghĩa là biểu diễn trước mọi người. Cách dịch khác: "một kẻ ngốc hiển thị sự dại dột của mình cho mọi người"
Proverbs 13:17
Sa vào tai họa
"không đáng tin cậy" hoặc "sẽ làm điều ác"
Khâm sai
"sứ giả" or "nhà ngoại giao"
Tiếp thu từ quở trách
"quở trách" là một khái niệm hay một ý tưởng có thể được coi là hành động. Cách dịch khác: "học hỏi khi ai đó sửa chữa anh ta"
Proverbs 13:19

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Êm dịu
"là một thú vui" hoặc "mang lại niềm vui"
Sẽ gánh lấy thiệt hại
"sẽ gặp khó khăn" or "sẽ bị hủy hoại"
Proverbs 13:21
Tai họa đuổi theo kẻ có tội
"tai họa" mang đặc điểm của con người như khả năng chạy. Cách dịch khác: "tội phạm sẽ gặp rắc rối ở bất cứ nơi nào họ đến"
Những người làm phải được phần thưởng với phước lành
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Thiên Chúa ban thưởng cho người công chính tốt lành"
Con cháu mình
"con của các con trai" hoặc "con cái của con cái" hay "con cháu ông ta"
Của cải của kẻ có tội được chất chứa cho người chuyên làm phải
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "người làm đúng sẽ nhận được sự giàu có mà một tội nhân đã tích trữ"
Proverbs 13:23
Một thửa ruộng không cày cấy
"một cánh đồng chưa được chuẩn bị cho sản xuất lương thực" hoặc "một cánh đồng trống không sẵn sàng để trồng"
Nhưng nó có thể bị quét sạch do sự bất công
"quét sạch" tượng trưng cho việc nhanh chóng loại bỏ. Cách dịch khác: "nhưng bất công lấy đi thức ăn đó" hoặc "nhưng những người bất công lấy thức ăn đi"
Cẩn thận kỉ luật nó
"đảm bảo kỉ luật anh ta" hoặc "ý định kỉ luật anh ta"
Proverbs 13:25
Ăn cho tới khi phỉ dạ mình
"anh ấy đã thỏa mãn bản thân" hoặc "anh ấy hoàn thành mong muốn của mình"
Bao tử của kẻ ác luôn luôn bị đói
"bao tử" đại diện cho mong muốn của một người. Cách dịch khác: "người tà ác luôn luôn đói khát nhiều hơn"

Translation Questions

Proverbs 13:1
Một người con không ngoan thì nghe điều gì?
Một người con khôn ngoan nghe lời dạy của cha mình.
Proverbs 13:3
Một người bảo vệ mạng sống của mình như thế nào?
Một người bảo vệ mạng sống của họ là cầm giữ môi miệng của họ.
Proverbs 13:4
Người nào mong ước mà không nhận được điều gì?
Kẻ lười nhác mong ước nhưng không nhận được cái gì.
Proverbs 13:7
Người thự sự giàu có là người như thế nào?
Một số người thực sự giàu có bằng việc cho đi mọi thứ.
Proverbs 13:8
Một người nghèo không bao giờ nhận được sự đe dọa gì?
Một người nghèo khó sẽ không bao giờ có mối đe doạn tiền chuộc.
Proverbs 13:10
Sự kiêu căng giống như thế nào?
Kiêu căng chỉ gây ra xung đột.
Proverbs 13:11
Tài sản giảm đi bằng cách nào?
Tài sản giảm đi khi có quá nhiều sự hư hỏng.
Proverbs 13:14
Nguồn sự sống là gì?
Lời dạy của người khôn ngoan là nguồn của sự sống.
Proverbs 13:16
Hành động khôn ngoan trong moi quyết định theo điều gì?
Hành động khôn khéo trong mọi quyết định cứ theo sự hiểu biết.
Proverbs 13:18
Điều gì sẽ đến với người tiếp nhận sự sửa đổi?
Sự tôn trọng sẽ đến với những người tiếp nhận sự sửa đổi.
Proverbs 13:20
Để có được sự khôn ngoan, người ta phải đi với ai?
Để trở nên khôn ngoan, người đó nên đi cùng với người khôn ngoan.
Proverbs 13:22
Sự giàu có của kẻ tội nhân được giữ lại cho ai?
Sự giàu có của tội nhân được giữ lại cho người làm điều công bình.
Proverbs 13:24
Một phụ huynh bày tỏ tình tương với con của mình bằng cách nào?
Một phụ huynh bày tỏ tình thương với con của mình bằng cách cẩn thận trong việc kỷ luật con mình.
Proverbs 13:25
Dạ dày của kẻ ác luôn trong tình trạng nào?
Dạ dày của kẻ ác luôn luôn đói.

Chapter 14

Proverbs 14:1
Xây nhà mình
"xây dựng nhà của mình" hoặc "làm cho căn nhà của mình tốt hơn"
nhà
Nó có thể có nghĩa là 1) điều này có thể đề cập đến ngôi nhà thật sự của mình, đó là tòa nhà mình đang sống 2) điều này có thể đề cập đến gia đình của mình (UDB).
Lấy tay mình
"tay" đại diện cho hành động của mình. Cách dịch khác: "một mình" hoặc "bằng cách cô ấy cư xử"
Người nào ... những kẻ nào
"người ... người mà"
Thành thật trong đường lối
"đường lối" đại diện cho hành vi của cuộc sống. Cách dịch khác: "tiến hành cuộc sống của mình một cách công bằng và trung thực"
Khinh bỉ
"thô tục không tôn trọng" hoặc "cho thấy điều người ấy ghét"
Trong đường Ngài khinh bỉ Ngài
Từ "Ngài" dùng để chỉ người không trung tín và "Ngài" là Đức Giê-hô-va
Proverbs 14:3

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ miệng ... nhưng môi
Miệng và môi cả hai đều đề cập đến những gì một người nói.
Cây roi đánh phạt sự kiêu ngạo nó
Nhánh là một cái gì đó phát triển thêm ra từ một cái có sẵn. Cách dịch khác: "niềm tự hào của mình khi làm ra cái gì đó
Khôn ngoan
Từ ngày thật sự là một số nhiều. "những người khôn ngoan" hay "những người thông thái"
Giữ gìn người
"sẽ giữ người khỏi bị tổn hại" hoặc "sẽ giữ người an toàn"
Máng cỏ
Cái "máng" là một thùng chứa mà trong đó người ta chứa thức ăn cho động vật
Hoa lợi dư dật
"vụ mùa bội thu"
Do nơi sức bò đực mà ra
"sức" thể hiện cho công việc mạnh mẽ mà một con bò có thể làm. Cách dịch khác: "bởi vì công việc của một con bò"
Proverbs 14:5
Buông ra lời dối trá
Dùng từ "buông ra" để chỉ việc nói dối liên tục. Cách dịch khác: "nói dối liên tục" . Xem how you translated this phrase in PRO06:17
Song chẳng gặp
"và sự khôn ngoan không có ở đó" hoặc "nhưng anh ta sẽ không tìm thấy sự khôn ngoan" (UDB)
Dễ đến
"dễ dàng tìm thấy bởi" hoặc "lấy lại mà không gặp trở ngại"
Người khôn ngoan
"người khôn ngoan" hoặc "người hiểu biết"
Proverbs 14:7
Nơi môi miệng
"môi miệng" đại diện cho những gì một người nói. Cách dịch khác: "từ bài phát biểu của mình" hoặc "với ý kiến của mình"
Người khôn ngoan
Một người có nhận thức hay ý thức tốt
Đường lối mình
"đường lối" đại diện cho hành vi của cuộc sống của một người. Cách dịch khác: "hành vi của mình" hoặc "cách mình sống"
Sự dại dột của kẻ ngu muội là sự phỉnh gạt
Sự ngu ngốc của những kẻ khờ dại chính là họ nghĩ rằng họ không ngoan, trong khi họ chẳng được như vậy
Proverbs 14:9
Khi của lễ chuộc tội được dâng lên
"tội lỗi" hoặc "lễ tạ tội". Ý nghĩa của cụm từ này là những kẻ ngu ngốc không xin sự tha thứ từ Thiên Chúa hoặc con người cùng những điều họ làm sai
Nhưng giữa vòng người ngay thẳng ơn phước được chia sẻ
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "nhưng người ngay thẳng được hưởng lợi với nhau" hoặc "sự thương xót của Đức Chúa Trời được trải nghiệm cùng nhau giữa những người ngay thẳng"
Sự cay đắng
"buồn" or "nỗi buồn"
Không người ngoại nào
"những người không biết anh ta"
Proverbs 14:11
Trại
"trại" đại diện cho mọi thứ xảy ra trong đó. Cách dịch khác: "gia đình"
Hưng thạnh
"lúa" có nghĩa là nở hoa mạnh mẽ và do đó đại diện cho bất cứ thứ gì phát triển mạnh mẽ. Cách dịch khác: "làm tốt và lâu dài" hoặc "khỏe mạnh" hay "thành công lắm"
Có một con đường coi dường chánh đáng cho con người
"con đường" thể hiện hành vi sống của một người đang theo đuổi. Cách dịch khác: "mọi người nghĩ rằng cách sống của họ là đúng"
Proverbs 14:13
Tấm lòng có thể cười cợt
"tấm lòng" thể hiện cảm xúc, thái độ và động lực của một người. Cách dịch khác: "cảm xúc của một người có thể cho thấy tiếng cười"
Chỗ buồn thảm
"kinh nghiệm đau buồn" or "đau thương"
Người nào
"một ai đó"
Xứng đáng với đường lối mình
"đường lối" đại diện cho hành vi cảu một người trong cuộc đời. Cách dịch khác: "những gì người ta xứng đáng, dựa trên cách người ta sống"
Thuộc về người
"những gì thuộc về người" hoặc "những gì người có quyền"
Proverbs 14:15
Chưa truyền dạy
"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"
Khôn ngoan
Xem bản dịch từ này trong PRO12:23
Các bước mình
ở đây ý tưởng về bước chân đại diện cho hành vi của một người. Cách dịch khác: "hành động của mình"
Tránh khỏi điều ác
ở đây ác được nói đến như thể nó là một nơi chốn. Cách dịch khác: "tránh làm điều ác"
Gạt bỏ
"mạnh dạn bỏ qua"
Proverbs 14:17
Mau giận
"trở nên tức giận nhanh chóng"
Kẻ không được dạy dỗ
"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"
Hưởng lấy sự dại dột
ở đây "hưởng lấy" đại diện cho sự sở hữu vĩnh viễn của một cái gì đó.
Sự dại dột
"sự dại dột" là một danh từ trừu tượng, ở đây đại diện cho suy nghĩ ngu ngốc và hành động dại dột
Người khôn ngoan
"người thông thái"
Có tri thức bao quanh
ở đây kiến thức được nói đến như thể đó là một vật trang trú đẹp đeo trên đầu một người, chẳng hạn như một chiếc khăn quàng cổ với đồ trang sức. Cách dịch khác: "đeo kiến thức như một chiếc khăn"
Proverbs 14:19

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sấp mình
Điều này nghĩa là khom người khiêm tốn thể hiện sự tôn trọng người khác. ở đây hành động này đã đại diện cho tất cả sự ảnh hưởng của một người
Nơi cửa nhà người công bình
"cửa" đại diện cho một lối vào để gặp người khác. Điều này có nghĩa là kẻ ác sẽ phải đợi người công chính và xin họ vào sự hiện diện của mình. Cách dịch khác: "gặp gỡ người công chính"
Người nghèo khó bị ghét bỏ bởi bạn hữu mình
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "mọi người ghét người nghèo thậm chí cả những người hàng xóm của mình"
Proverbs 14:21
Người nào ... người nào
"một người ... một người"
Người nghèo
"người nghèo"
Có phải kẻ chuyên mưu ác há chẳng lầm lạc sao?
Câu trả lời cho câu hỏi này là "có". Cách dịch khác: "Những kẻ mưu ác sẽ lạc lối"
Kẻ chuyên mưu ác
"người lập kế hoạch gian ác" hoặc "người lập kế hoạch để làm điều ác"
Proverbs 14:23
Nhưng chỉ có nói thôi
"những nếu bạn chỉ nói" hoặc "nhưng khi tất cả mọi người đang nói chuyện"
Mão triều thiên của người khôn ngoan
"mão triều thiên" thể hiện thành tích cao nhất có thể và hiển thị cho tất cả mọi người. Cách dịch khác: "Phần thưởng của những người khôn ngoan"
Sự dối nát của kẻ dại
Xem bản dịch cụm từ này trong PRO14:07
Proverbs 14:25
Thốt ra sự phỉnh gạt
Câu này sử dụng từ "thốt ra" để chỉ sự nói dối liên tục. Cách dịch khác: "liên tục nói dối" Xem how you translated this phrase in PRO06:17
Proverbs 14:26
Nguồn sự sống
"Nguồn" là một mạch mước dồi dào và đại diện cho nguồn của sự sống. Cách dịch khác: "nguồn của sự sống"
Xây khỏi bẫy sự chết
"bẫy" là một loại dụng cụ được sử dụng để săn thú vật và đại diện cho một cái gì đó khó khăn và nguy hiểm có thể giết chết. Cách dịch khác: "từ cái bẫy sẽ giết chết"
Proverbs 14:28
Số đông dân sự
"số người mà vua cai trị thật là đông đảo"
Nhà vua sẽ bị sụp đổ
"nhà vua không có gì và vương quốc của người sẽ tiêu tan"
Mau nóng nảy
Bị nóng giận** - một người đang mau chóng nổi giận
Proverbs 14:30
Lòng bình tĩnh
"một tâm hồn bình yên" hoặc "một thái độ hòa bình"
Làm mục cho xương cốt
"mục" đại diện cho sự phân rã của một người và "xương" đại diện cho toàn thể con người. Cách dịch khác: "tình trạng không lành mạnh trong cơ thể và tinh thần" Cách dịch khác: "Causes a person to be unhealthy in body and spirit."
Người ... người
"người nào đó ... người nào đó"
Làm nhục
Điều này có nghĩa là để bày tỏ mong muốn rằng những điều xấu sẽ xảy ra với ai đó.
Người nghèo ... người khốn cùng
"một người nghèo ... một người nghèo khổ"
Ưu ái
"tốt bụng" hoặc "giúp đỡ"
Proverbs 14:32
Bị đánh hạ bởi mọi việc làm gian ác của mình
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "bị phá hủy bởi những việc gian ác" hoặc "sự gian ác đã làm hủy hoại"
Sự khôn ngoan ngự ở trong lòng
"lòng" đại diện cho cảm xúc, thái độ và động cơ của một người. Cách dịch khác: "sự khôn ngoan trong thái độ"
Phân biệt
"một người sáng suốt"
Những kẻ dại lại lộ ra sự dại dột đó
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "người dại đảm bảo rằng mọi người đều biết mình"
Người
Từ "người" dùng để chỉ sự khôn ngoan
Proverbs 14:34
Sự hổ thẹn
"mang lấy sự xấu hổ"
Khôn khéo
"khôn ngoan"
Kẻ nào
"người đầy tớ"

Translation Questions

Proverbs 14:1
Một người phụ nữ khôn ngoan thì làm gì?
Người phụ nữ khôn ngoan xây nhà mình.
Proverbs 14:2
Ai khinh bỉ Đức Giê-hô-va?
Người nào không trung tín theo cách của Ngài sẽ khinh bỉ Đức Giê-hô-va.
Proverbs 14:5
Một nhân chứng trung thành không làm điều gì?
Một nhân chứng trung thành không hề nói dối.
Proverbs 14:7
Điều gì sẽ không tìm thấy được trên môi của người ngu dại?
Sự tri thức sẽ không được tìm thấy trên môi của một người ngu dại.
Proverbs 14:11
Điều gì xảy ra với nhà của kẻ ác?
Nhà của kẻ ác sẽ bị phá hủy.
Điều gì xảy ra với lều của người ngay thẳng?
Lều của người ngay thẳng sẽ được phát đạt.
Proverbs 14:14

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một người không trung thành sẽ nhận được điều gì?
Một người không trung thành sẽ nhận được những điều theo kết quả của mình xứng đáng.
Proverbs 14:16
Một kẻ ngốc làm gì khi anh được cảnh cáo?
Một kẻ ngốc kiêu căng bắc bỏ lời cảnh cáo.
Proverbs 14:17
Một người nhanh chóng trở nên tức giận, người đó làm gì?
Một người nhanh chóng trở nên tức giận, làm những điều dại dột.
Proverbs 14:19
Kẻ ác sẽ cúi đầu trước ai?
Kẻ ác sẽ cúi đầu trước những người thiện.
Proverbs 14:22
Những người có ý định làm việc thiện sẽ nhận được điều gì?
Những ai dự định làm điều thiện sẽ nhận được lòng trung thành và sự đáng tin.
Proverbs 14:23
Mọi công việc chăm chỉ đi kèm với điều gì?
Tất cả các công việc chăm chỉ đều có lợi ích.
Proverbs 14:27
Nguồn của sự sống là gì?
Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là nguồn của sự sống.
Proverbs 14:29
Ai tăng lên sự điên cuồng?
Người hay nóng nảy tăng lên sự điên cuồng.
Proverbs 14:31
Kẻ nào nguyền rủa Đấng Tạo Hóa mình bằng hành động của hắn?
Người nào áp bức người nghèo sẽ nguyền rủa Đấng tạo hóa mình.
Proverbs 14:34
Tôn vinh một đất nước là gì?
Làm những điều công bình là tôn vinh một đất nước.

Chapter 15
Proverbs 15:1
Lời đáp dịu dàng làm cho cơn giận nguôi đi
Giúp cho một người ngăn chặn sự tức giận như thể làm cho cơn giận của người đó ra xa. Cách dịch khác: "trả lời cho một người nhẹ nhàng sẽ làm dịu cơn giận của người đó"
Nhưng lời xẳng xớm chọc giận thêm
Làm cho người khác trở nên tức giận hơn như thể làm khuấy lên hoặc đánh thức sự tức giận. Cách dịch khác: "nhưng nói thô bạo làm cho người đó trở nên tức giận hơn"
Lưỡi của người khôn ngoan gợi ra kiến thức
ở đâu "lưỡi" đề cập đến người nói chuyện. Cách dịch khác: "những người khôn ngoan khen ngợi tri thức khi họ nói chuyện"
Gợi ra tri thức
"làm cho kiến thức hấp dẫn" hoặc "sử dụng kiến thức chính xác"
Miệng kẻ ngu dại thốt ra điều điên cuồng
Người viết nói về miệng của những kẻ ngu ngốc như thể họ là những đồ chứa sự điên dại như thể đó là chất lỏng chứa đầy chúng. Khi những kẻ ngốc nói, miệng của họ đổ chất lỏng ra. Từ "miệng" đại diện cho những người nói chuyện. Cách dịch khác: "những kẻ ngốc luôn luôn nói sự điên rồ"
Proverbs 15:3
Con mắt của Đức Giê-hô-va nhìn khắp mọi nơi
ở đây "mắt" tượng trưng cho khả năng của Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va thấy mọi sự"
Kẻ ác và người lành
Từ "ác" và "lành là những từ chỉ về con người. Cách dịch khác: "người ác và người tốt"
Lưỡi hiền lành giống như một cây sự sống
"lưỡi" chỉ về lời nói. Người viết nói về những lời của một người nói những điều để giúp đỡ và khuyến khích người khác như thể họ là một cây cung cấp dưỡng chất cho cuộc sống. Cách dịch khác: "những từ ngữ giống như một cái cây cho sự sống"
Lưỡi gian tà làm cho hư nát tâm thần
Cụm từ "lưỡi gian tà" dùng để chỉ những lời nói dối hoặc gây ra tổn thương. Người viết nói về một người bị tổn thương hoặc tuyệt vọng như thể tinh thần của người đó là một đối tượng mà lời nói đã bị nghiền nát. Cách dịch khác: "lời nói lừa đảo cho một người tuyệt vọng"
Proverbs 15:5
Học tập từ sự chỉnh sửa
Từ "chỉnh sửa" có thể được dịch sang động từ. Cách dịch khác: " người đó sẽ học được khi có ai đó sửa chữa họ"
Khôn ngoan
"thông sáng"
Huê lợi kẻ ác làm cho
Từ "huê lợi" có thể dịch là một cụm từ bởi lời nói. Cách dịch khác: "sự giàu có mà kẻ ác kiếm được"
Proverbs 15:7
Môi miệng người khôn ngoan rải tri thức ra
Từ "môi" đại diện cho những gì người khôn ngoan nói ra. Người viết nói về kiến thức như thể nó là hạt giống mà những người khôn ngoan phân tán xung quanh khi họ nói chuyện. Cách dịch khác: "bài phát biểu của người khôn ngoan truyền bá kiến thức"
Lòng kẻ ngu muội chẳng làm được vậy
Nó có thể nghĩa là 1) từ "lòng" là từ đồng nghĩa cho người ngu ngốc và có nghĩa là họ không phân tán kiến thức như những người khôn ngoan làm. Cách dịch khác: "nhưng những kẻ ngu ngốc khôn rải tri thức về" hoặc 2) kẻ ngốc không có kiến thức trong trái tim của họ, "trái tim" là một từ ngữ cho những suy nghĩ. Cách dịch khác: "nhưng những kẻ ngốc không hiểu biết tri thức"
Người ngay thẳng
"những người sống đúng"
Là sự vui thích của Ngài
"Ngài hài lòng"
Proverbs 15:9
Đức Giê-hô-va ghét đường lối của kẻ ác
Cuộc sống của những kẻ ác được nói đến như thể họ là những con đường mà họ đang đi trên đó. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va ghét đời sống của những kẻ ác"
Người nào theo đuổi điều chi là phải
Siêng năng để có đời sống đúng được nói đến ở đây như thể đang đeo đuổi những điều đúng đắn. Cách dịch khác: "người cố gắng sống đúng"
Cho kẻ bỏ đường ngay
ở đây "đường ngay" dùng để chỉ đường lối của sự công bình.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một người ngừng làm những điều đúng đắn được nói đến như thể người ấy ngừng đi trên con đường ngay thẳng. Cách dịch khác: "bất cứ ai ngừng sống đúng"

Kẻ nào ghét sự chỉnh sửa

Từ "chỉnh sửa" có thể dịch là động từ. Cách dịch khác: "người ấy ghét việc người khác sửa chữa mình"

Proverbs 15:11

Âm phủ và sự hủy diệt còn mở ra trước mặt Đức Giê-hô-va

Những từ "âm phủ và hủy diệt" đều liên quan đến nơi người chết. Đức Giê-hô-va biết mọi điều về địa điểm của kẻ chết được nói đến như thể họ đã mở trước mặt Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va biết mọi điều về những nơi của người chết"

Huống hồ gì tấm lòng của con cái loài người?

Câu hỏi hùng biện hỏi rằng kể từ khi Đức Giê-hô-va biết mọi sự về nơi của người chết, rõ ràng là ông biết mọi điều về lòng người. Cách dịch khác: "Vì vậy chắc chắn rằng Ngài biết được tấm lòng của con người"

Tấm lòng của con cái loài người

ở đây chữ "tấm lòng" đại diện cho những suy nghĩ và động lực. Cụm từ "con cái loài người" là một thành ngữ cho nhân loại. Cách dịch khác: "những suy nghĩ của con người"

Kẻ nhạo báng bực tức sự chỉnh sửa

Từ "chỉnh sửa" có thể được dịch bởi hình thức bằng lời nói. Cách dịch khác: "Người nhạo báng ghét những người khác sửa chữa họ"

Hắn không muốn đến cùng người khôn ngoan

Ngụ ý rằng hắn sẽ không đến người khôn ngoan để tìm kiếm lời khuyên của họ. Cách dịch khác: "hắn sẽ không đến gặp người khôn ngoan để tìm kiếm lời khuyên của họ"

Proverbs 15:13

Lòng khoái lạc làm cho mặt mày vui vẻ

ở đây chữ "lòng" đại diện cho người đó. Cách dịch khác: "Khi một người vui vẻ, khuôn mặt của họ vui vẻ"

Chà nát tâm linh

Người viết nói về một người bị chán nản như thể tinh thần của người đó là là một vật bị nghiền nát. Hãy tham khảo bản dịch trong PRO15:03

Tấm lòng của người biết phân biệt

ở đây chữ "tấm lòng" đại diện cho tâm trí và tư duy. Cách dịch khác: "Tâm của người thông minh" hoặc "người khôn ngoan"

Cái miệng kẻ dại nuôi lấy mình bằng sự điên cuồng

ở đây chữ "miệng" đại diện cho người đó. Người viết nói về những kẻ ngốc khao khát những điều dại dột như thể họ ăn những thứ dại dột đó. Cách dịch khác: "những người ngu ngốc khao khát sự điên dại như thể nó là thức ăn mà họ ăn"

Proverbs 15:15

Các ngày kẻ bị hoạn nạn đều rất nhọc nhằn

"những người bị áp bức đều khốn khổ suốt cả ngày"

Lòng vui mừng dự yến tiệc không dứt

ở đây chữ "lòng" đại diện cho người đó. người viết nói về một người vui vẻ hưởng thụ cuộc sống như thể người đó đang ăn mừng một buổi tiệc không hề kết thúc. Cách dịch khác: ""người vui vẻ thích cuộc sống, như thể người đang ăn mừng một bữa tiệc bất tận"

Yến tiệc không dứt

"một bữa tiệc không bao giờ kết thúc"

Bối rối

"sự lo ngại"

Proverbs 15:17

Một bữa rau

Rau quả là một bữa ăn nhỏ với rất ít thức ăn. Cách dịch khác: "một bữa ăn nhỏ" hoặc "thức ăn đạm bạt"

Chỗ có tình yêu thương

Từ "tình yêu thương" có thể dịch bằng một cụm từ bằng lời nói. Cách dịch khác: "nơi đó mọi người yêu thuogn nhau"

Bò mập béo với sự ganh ghét cặp theo

Điều này có thể được dịch dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "ai đó chiêu đãi một con bò béo với lòng thù hận"

Bò mập béo

Điều này đề cập đến một con bò được ăn nhiều thức ăn để nó trở nên béo hơn. ở đây nó đại diện cho một bữa ăn ngon hoặc một bữa tiệc. Cách dịch khác: "một bữa ăn sang trọng" hoặc "một bữa tiệc"

Với sự ganh ghét

Từ "ganh ghét" có thể được dịch bằng một cụm từ biểu thị lời nói. Cách dịch khác: "nơi đó mọi người thù ghét nhau"

Tạo ra tranh cải

Gây ra sự tranh cải nhều hơn như thể đang khuấy động hoặc đánh thức các lập luận. Cách dịch khác: "khiến mọi người tranh luận nhiều hơn"

Proverbs 15:19

Đường kẻ biếng nhác ... nẻo người ngay thẳng

Người viết nói về cuộc sống của một người như thể đó là con đường mà người đó đi. Cách dịch khác: "cuộc sống của kẻ nghèo ... cuộc đời của người ngay thẳng"

Đường kẻ biếng nhác như một chỗ có hàng rào gai

Người viết so sánh phong cách sống của người lười biếng cố gắng đi qua một hàng rào gai. Cả hai đều làm cho người bị đau đớn. Cách dịch khác: "Cuộc đời của kẻ nghèo nàn giống như một người cố gắng đi qua hàng rào gai"

Nẻo người ngay thẳng là xa lộ thẳng tấp

Xa lộ thẳng tấp** - người viết nói về những phước lành mà những người ngay thẳng trải nghiệm trong cuộc sống như thể họ đang đi trên con đường mòn

Xa lộ thẳng tấp

Xa lộ thẳng tấp** - đây là một con đường rộng, bằng phẳng, và không có trở ngại hay ổ gà.

Proverbs 15:21

Người hiểu biết bước đi trong con đường ngay

Người viết nói về một người làm điều đúng như thể người đó đang đi thẳng về phía trước trên con đường. Cách dịch khác: "Người có hiểu biết làm điều đúng đắn"

Toan tính rơi vào chỗ sai lầm

"kế hoạch thất bại"

Chẳng có bàn bạc

"khi không có ai đưa ra lời khuyên"

Mưu sĩ

Những người đưa ra các lời khuyên hướng dẫn hành động

Được thành

"kế hoạch thành công"

Proverbs 15:23

Lời đáp giỏi

"một câu trả lời phù hợp" or "một câu trả lời thích hợp"

Lời nói phải thì lấy làm tốt biết bao

Tiếng nói lớn này nhấn mạnh rằng một từ được nói đúng lúc là rất tốt. Cách dịch khác: "câu từ mà một người nói

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đúng thời điểm là rất tốt"

Con đường sự sống khiến người khôn ngoan luôn hướng ... khỏi âm phủ ở bên dưới

Người viết nói về một lối sống dẫn đến một đời sống như thể nó là một con đường hướng đến sự sống, và một lối sống dẫn tới cái chết như thể đó là một con đường dẫn xuống nơi chết chóc.

Proverbs 15:25

Di sản

"nhà ở". Điều này đề cập đến hộ gia đình, tài sản và sự giàu có

Những lời lẽ của người tử tế đều là trong sạch

"những lời tử tế là tinh khiết" hay "những lời dễ chịu là tinh khiết"

Proverbs 15:27

Lòng người nào làm lành suy nghĩ trước khi đáp

ở đây chữ "trái tim" là một từ ngữ cho tâm trí và tư tưởng. điều này đại diện cho những điều mà người ta suy nghĩ. Cách dịch khác: "người làm việc đúng phải suy nghĩ trước khi trả lời"

Miệng kẻ ác thốt ra sự ác của nó

Người viết nói về miệng của những người độc ác như thể chúng là đồ chứa và cái ác như là chất lỏng chứa đầy chúng. Khi những kẻ xấu xa nói, miệng của nó đổ ra chất lỏng. từ "miệng" đại diện cho những người nói chuyện. Cách dịch khác: "những người xấu xa luôn luôn nói những điều xấu xa"

Proverbs 15:29

Đức Giê-hô-va ở cách xa kẻ ác

Người viết nói Đức Giê-hô-va không nghe những kẻ ác như thể Ngài xa cách họ. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va không nghe kẻ ác!" hoặc "Đức Giê-hô-va không trả lời những kẻ ác"

Sự sáng con mắt

Người viết nói về một biểu hiện của niềm tin trên đôi mắt như thể mắt của họ phát ra ánh sáng. Cách dịch khác: "một biểu hiện vui vẻ"

Đem sự vui vẻ cho tấm lòng

Từ "trái tim" đại diện cho người đó. ý nghĩa có thể là 1) người có biểu hiện vui vẻ sẽ trở nên vui vẻ 2) người khác vui vẻ khi thấy ai đó có những biểu hiện vui vẻ. Cách dịch khác: "lý do để một người vui vẻ"

Tin tức tốt lành là sức khỏe cho thân thể

ở đây chữ "thân thể" đại diện cho người đó. Cách dịch khác: "nhận được tin tốt làm cho một người cảm thấy tốt hơn"

Proverbs 15:31

Sẽ được ở giữa hạng người khôn ngoan

Ý nghĩa có thể là 1) người ta sẽ tiếp tục coi bạn là người khôn ngoan hay 2) bạn sẽ tiếp tục đồng hành cùng những người khôn ngoan.

Nghe lời quở trách

Từ "quở trách" có thể được dịch bằng một cụm từ bằng lời nói. Cách dịch khác: "lắng nghe khi những người khác sửa lại mình"

Proverbs 15:33

Sự kính sợ Đức Giê-hô-va dạy dỗ điều khôn ngoan

Những từ "kính sợ" và "khôn ngoan" có thể được dịch bằng những cụm từ của lời nói. Cách dịch khác: "Khi người ta kính sợ Đức Giê-hô-va, người ấy sẽ học cách khôn ngoan"

Sự kính sợ Đức Giê-hô-va

Dịch cụm từ này theo cùng một cách dịch trong PRO01:07

Khiêm nhượng đi trước sự tôn trọng

Điều này có nghĩa là một người phải học cách khiêm tốn trước khi Đức Giê-hô-va tôn vinh người

Translation Questions

Proverbs 15:1

Điều gì làm mất đi cơn thịnh nộ?

Một câu trả lời nhẹ nhàng làm mất đi cơn thịnh nộ.

Proverbs 15:3

Đức Giê-hô-va chăm xem những người nào?

Đức Giê-hô-va chăm xem kẻ dữ và người lành.

Proverbs 15:5

Thái độ của kẻ ngu muội đối với cha mình ra sao?

Một kẻ ngu muội đã khinh thường kỷ luật của cha mình.

Proverbs 15:8

Đức Giê-hô-va ghét của tế lễ của ai?

Đức Giê-hô-va ghét của lế lễ của kẻ dữ.

Proverbs 15:10

Điều gì đang chờ bất cứ ai từ bỏ con đường?

Kỷ luật khắc nghiệt đang chờ đón bất cứ ai bỏ đường.

Proverbs 15:13

Điều gì làm cho mặt mày hớn hở?

Một trái tim vui mừng làm cho mặt mày hớn hở.

Proverbs 15:16

Điều gì tốt hơn kho báu to lớn với sự bối rối?

Có một chút mà kính sợ Đức Giê-hô-va còn tốt hơn là lắm của mà có sự bối rối.

Proverbs 15:18

Loại người nào làm nguôi cơn cãi lộn?

Một người chậm nóng giận làm nguôi trận cãi vả.

Proverbs 15:20

Người con khôn ngoan mang lại điều gì cho cha mình?

Một người con khôn ngoan sẽ mang lại niềm vui cho cha mình.

Proverbs 15:22

Lý do gì khiến cho kế hoạch thành công?

Nhiều cố vấn đưa ra những kế hoạch để thành công.

Proverbs 15:25

Đức Giê-hô-va phá tan cái gì?

Đức Giê-hô-va phá tan nhà của kẻ kiêu ngạo.

Proverbs 15:28

Người làm điều công bình làm gì trước khi trả lời?

Người làm điều công bình cân nhắc trước khi trả lời.

Proverbs 15:31

Người khôn ngoan làm gì khi ai đó sửa chữa anh ta?

Người khôn ngoan chú ý khi ai đó sửa chữa người.

Proverbs 15:33

Điều gì đi trước sự vinh dự?

Sự khiêm nhường đi trước sự vinh dự.

Chapter 16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Proverbs 16:1

Toan tính ở trong lòng thuộc về một người

ở đây chữ "trái tim"

Sự đáp trả đến từ lưỡi của Đức Giê-hô-va

Ý nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va đáp lại câu trả lời của người đối với kế hoạch của họ, sự ẩn dụ có nghĩa là Đức Giê-hô-va quyết định kết quả trên kế hoạch của người đó 2) Đức Giê-hô-va cho phép một người nói lên những lời nói và kế hoạch Ngài đã làm

Sự đáp trả đến từ lưỡi của Đức Giê-hô-va

Cụm từ này là một từ ngữ cho những điều mà người ta nói. Cách dịch khác: "câu trả lời mà Ngài phán"

Mọi đường lối của người đều là trong sạch theo mắt mình

Từ "mắt" là một từ ngữ nói đến cách mà một người nghĩ về việc đúng hoặc sai. Người viết nói về những gì và thế nào người đó đi trên con đường. Cách dịch khác: "Một người nghĩ rằng mọi thứ người làm là trong sạch"

Đức Giê-hô-va cân nhắc cái lòng

ở đây chữ "cái lòng" tượng trưng cho những ham muốn và động cơ của con người. Người viết nói về Đức Giê-hô-va khôn ngoan và xét đoán những ham muốn và động cơ của một người như thể Ngài đang cân nhắc tinh thần của người đó. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va đaons xét động cơ của con người"

Proverbs 16:3

Ngay cả kẻ ác dành cho ngày tai họa

Cụm động từ có thể được thêm vào từ vế trước đó. Cách dịch khác: "Ngài đã làm ra kẻ ác cho ngày tai họa"

Proverbs 16:5

Người nào có lòng kiêu ngạo

ở đây chữ "lòng" đại diện cho con người. Cách dịch khác: "những người kiêu ngạo"

Họ sẽ chẳng được khỏi bị phạt

Hai điều tiêu cực trong cụm từ này nhấn mạnh sự tích cực. Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va chắn chắn sẽ trừng phạt họ"

Bởi sự thành tín với giao ước và sự đáng tin cậy tội lỗi mới được chuộc

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "của lễ chuộc tội cho Đức Giê-hô-va đến từ sự trung thành và lòng tin cậy vào giao ước"

Người ta xây bỏ đều ác

Người viết nói về những người không còn làm điều xấu xa nữa như thể họ đang quay lưng lại với cái ác. Cách dịch khác: "people stop doing evil things"

Proverbs 16:7

Ngài cũng khiến

"Đức Giê-hô-va đã làm"

Thu nhập cao

"kiếm được rất nhiều tiền"

Sự bất công

"sai trái"

Proverbs 16:9

Trong lòng của một người toan định đường lối mình

ở đây "lòng"đại diện cho tâm trí và tư duy. Người viết nói về hành động của một người như thể người đó đang đi trên con đường. Cách dịch khác: "trong tâm trí của một người có kế hoạch cho những gì người sẽ làm"

Đức Giê-hô-va chỉ dẫn các bước của người

Người viết nói về Đức Giê-hô-va quyết định kết quả trên kế hoạch của một người như thể Đức Giê-hô-va đang chỉ cho người sẽ đi đâu.

Lời Chúa trên môi miệng của một vị vua

ở đây chữ "môi miệng" là một từ ngữ dùng để chỉ những gì nhà vua nói. Cách dịch khác: "Những điều vua nói là những lời tiên tri"

Lời Chúa

Một quyết định từ Thiên Chúa, một bản án thánh

Trong sự xét đoán, miệng người không nói ra cách giả dối

Từ "miệng" đại diện cho chính nhà vua. Cách dịch khác: "khi người xét đoán, người không hề nói dối"

Không nói ra cách giả dối

Điều này có thể hiểu theo chiều hướng tích cực. Cách dịch khác: "người đó nói thật"

Proverbs 16:11

Cây cân thật đến từ Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va đòi hỏi sự công lý và công bằng khi làm ăn. Nhưng những người không trung thực đã sử dụng trọng lượng nặng hơn hay nhẹ hơn theo quy mô của mình để thu được nhiều hơn khi mua hay bán.

Các cái cân trong bao là công việc của Ngài

Các thương gia vận chuyển đồ của họ trong túi. Ý nghĩa có thể là: 1) Đức Giê-hô-va đã quyết định cân nặng bao nhiêu là nặng, hoặc 2) Đức Giê-hô-va quan tâm đến mọi trọng lượng mà một thương gia sử dụng.

Việc ấy bị xem khinh

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Đó là điều mà mọi người coi thường" hoặc "đó là điều mà Đức Giê-hô-va xem thường"

Ngôi nước được lập vững bền bởi việc làm theo điều phải

ở đây chữ "ngôi nước" đại diện cho quy luật của nhà vua. Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "vì vua lập triều đại của mình bằng cách làm những gì đúng"

Proverbs 16:13

Môi miệng nói ra điều phải

ở đây "môi miệng" đại diện cho người nói chuyện. Cách dịch khác: "một người nói ra sự thật"

Cơn thạnh nộ của vua khác nào sứ giả sự chết

Người viết nói cơn giận của vị vua có thể làm ai đó chết như thể cơn thịnh nộ của nhà vua như một sứ giả được vua sai đi để giết ai đó. Cách dịch khác: "một vị vua giận dữ có thể giết chết người khác"

Proverbs 16:15

Thông tin chung:

Câu 15 đối lập với câu 14

Mặt vua sáng láng thì đấy là sự sống

Người viết nói về một sự biểu lộ niềm vui trên mặt vua như thể gương mặt người phát ra ánh sáng. Cách dịch khác: "khi vua vui vẻ, là lúc vua sống"

Sự ưu ái của người khác nào đám mây đem lại cơn mưa vào mùa xuân

Người viết so sánh nhà vua tỏ ra thiên vị đối với một người như thể một đám mây mang lại mưa cho cây trồng phát triển. Cả hai đều hứa ban phước cho những người tiếp nhận họ.

Thà là được sự khôn ngoan quí hơn vàng ròng

Câu nói này nhấn mạnh rằng có sự thông thái tốt hơn nhiều so với việc có vàng. Cách dịch khác: "tốt hơn là nên có trí tuệ hơn là có vàng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cần phải chọn được sự thông sáng, đáng hơn bạc biết bao
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Một người nên ưu tiên chọn để có được sự hiểu biết hơn là có tiền bạc"
Proverbs 16:17
Con đường của người ngay thẳng xây khỏi điều ác
Người viết nói về lối sống của những người bình thường như thể đó là con đường được xây dựng tốt, không có trở ngại gì. Cách dịch khác: "Cách đúng đắn mà những người bình thường đang sống"
Xây khỏi điều ác
Người viết nói về việc tránh hoặc không làm những điều xấu xa như thể tránh xa cái ác. Cách dịch khác: " họ giữ không làm điều ác"
Tánh tự cao
ở đây chữ "tánh" thể hiện thái độ và tính khí của con người. Cách dịch khác: "thái độ kiêu ngạo"
Sự hủy diệt
"hủy hoại" hoặc "thất bại"
Proverbs 16:19
Của cướp
Hàng hóa được đưa ra trong trận đánh
Điều họ được truyền dạy
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "những gì người đó được dạy dỗ" hoặc "những gì họ học được"
Proverbs 16:21
Người nào khôn ngoan ở trong lòng được gọi là biết phân biệt
Người này sẽ có một danh tiếng là người sáng suốt. Điều này có thể được thể hiện dưới hoạt động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ gọi người khôn ngoan trong lòng là sáng suốt" hoặc "người khôn ngoan trong lòng sẽ có tiếng là người thông sáng"
Người nào có sự khôn ngoan ở trong lòng
ở đây lòng đại diện cho tâm trí và tư tưởng. Cách dịch khác: "người khôn ngoan" hoặc "người có suy nghĩ khôn ngoan"
Sự dịu dàng trong lời nói
Người viết đề cập đến lời nói tử tế hoặc dễ chịu giống như điều ngọt ngào. Cách dịch khác: "lời nói tốt" hoặc "lời nói dễ chịu"
Thông sáng là dòng sông sự sống
Người viết nói đến "sự thông sáng" như thể đó là một dòng suối chảy liên tục và duy trì sự sống của những người uống nước đó. Cách dịch khác: "sự hiểu biết giống như một dòng suối đem lại sự sống"
Proverbs 16:23
Lòng người khôn ngoan
ở đây từ "lòng" đại diện cho tâm trí và tư duy. Cách dịch khác: "những suy nghĩ của một người khôn ngoan"
Cung ứng khẩu tài cho miệng mình
ở đây từ "miệng" là một từ ngữ chỉ lời nói. Cách dịch khác: "làm cho câu nói của mình khôn ngoan"
Cho môi miệng mình
ở đây từ "miệng" là một từ ngữ dùng để chỉ lời nói. "với những gì anh ấy nói"
Lời lành giống như tàng ong
Người viết nói những từ dễ chịu mang lại niềm vui cho người nghe như thể những từ này là một tổ ong nhỏ giọt với mật ong tươi. Cách dịch khác: "Lời nói dễ chịu giống như mật ong"
Ngọt ngào cho linh hồn
Ý nghĩa của từ "linh hồn" có thể là 1) nó tượng trưng cho những ham muốn và niềm vui bên trong của một người. Cách dịch khác: "sự ngọt ngào để làm cho một người hạnh phúc" hoặc 2) nghĩa của nó cũng có thể là "cổ họng" và là một từ ngữ chỉ cái lưỡi của một người cũng như khả năng vị giác. Cách dịch khác: "người có hương vị ngọt"
Chữa lành cho xương cốt
ở đây chữ "xương cốt" đại diện cho thân thể của một người. Cách dịch khác: "chữa bệnh cho cơ thể"
Proverbs 16:25
Có một con đường dường như chánh đáng cho một người
Người viết nói về hành vi hoặc việc làm của một người như thể con đường mà người đó đi đến. Cách dịch khác: "Một người nghĩ rằng cách sống của mình đang sống là đúng"
Song cứu cánh của nó là con đường dẫn đến sự chết
Từ "nó" chỉ về "còn đường" trong câu trước. "con đường" này là con đường đẫn đến cái chết.
Sự thèm ăn của người lao động tác động người
Người viết miêu tả sự thèm ăn như thể nó là một người làm việc thay cho người lao động ở đây. Điều này có nghĩa là người làm được thúc đẩy bởi mong muốn được ăn. Cách dịch khác: "người làm làm việc để thỏa mãn cơn thèm ăn của mình"
Sự đói khát thúc giục người phải chịu khổ
Người viết nói về "sự đói khát" như thể đó là người thúc giục người làm tiếp tục làm việc. Cách dịch khác: "anh ta tiếp tục làm việc vì anh ta đói"
Proverbs 16:27
Một gã chẳng ra gì hết đào sâu thứ quỉ quái
Người viết nói về một người đang tìm cách làm hại người khác như thể người đó đang đào bới trong đất để tìm cái gì đó bị chôn vùi. Cách dịch khác: "người vô giá trị tìm kiếm sự nghịch ngợm như thể đang đào bới một thứ gì đó trong lòng đất"
Một gã chẳng ra gì hết
"vô dụng" hoặc "ác quỷ"
Quỉ quái
"độc ác" hoặc "rắc rối"
Lời nói nó giống như ngọn lửa hừng
Người viết so sánh cách làm tổn thương bằng những lời nói với cách mà lửa đốt cháy mọi thứ. Cách dịch khác: "người ấy làm tổn thương mọi người bằng lời nói của mình, giống như một ngọn lửa thiêu đốt những điều mà người ấy chạm vào"
Kẻ thèo lẻo
Một người đồn thổi hoặc truyền tin đồn
Proverbs 16:29
Kẻ hay bạo lực nói dối với bạn bè
Ngụ ý rằng kẻ này nói dối với bạn bè của mình để có được người cùng tham gia với hắn vào các hành động bạo lực. Cách dịch khác: "kẻ hay bạo lực lôi kéo bạn bè mình"
Kẻ hay bạo lực
"một người hung bạo" hoặc "người hành hung bạo lực"
Khiến người đi xuống con đường không được tốt
Người viết nói về hành động của một người như thể đó là con đường mà họ đang đi. Cách dịch khác: "khiến anh ta làm những việc không tốt"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Con đường không được tốt
Người viết sử dụng cách nói ngắn để nhấn mạnh con đường xấu thế nào. Cách dịch khác: "một con đường xấu" hoặc "một con đường khủng khiếp"
Kẻ nào nháy mắt ... bặm môi
Cả hai đều là cử chỉ qua nét mặt mà mọi người có thể sử dụng để báo hiệu kế hoạch của họ cho người khác. Xem cách dịch "nháy mắt" trong PRO10:10
Muốn làm thành việc ác
"sẽ làm điều xấu xa"
Proverbs 16:31
Tóc bạc là chiếc mão vinh hiển
Người viết nói về tóc bạc như thể nó là một vương miện. "tóc bạc" là một từ ngữ cho tuổi già. Cách dịch khác: "một người đã sống đủ lâu để có mái tóc màu xám giống như người đội vương miện vinh quang trên đầu".
Có được mão ấy
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "một người đạt được nó"
Ai nắm chắc tinh thần mình
Người viết nói về một người có khả năng kiểm soát được tính khí và cảm xúc của mình như thể đang điều khiển tinh thần của mình như các luật lệ của vua. Cách dịch khác: "người kiểm soát tính khí của mình"
Proverbs 16:33
Có nhiều thăm trong vạt áo
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "một người ném nhiều thăm trong lòng họ"
Quyết định ra từ Đức Giê-hô-va
Có nghĩa là 1) Đức Giê-hô-va quyết định những mảnh đất sẽ đổ xuống 2) không phải là nhiều, nhưng là Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ quyết định điều gì sẽ xảy ra

Translation Questions

Proverbs 16:2
Tất cả đường lối của con người như thế nào với chính mình?
Tất cả các đường lối của con người đều trong sạch theo mắt mình.
Proverbs 16:4
Đức Giê-hô-va đã làm mọi thứ cho điều gì?
Đức Giê-hô-va đã làm mọi sự cho mục đích của nó.
Proverbs 16:6
Bởi điều gì mà tội lỗi được tha?
Bởi giao ước thành tín và chân lý mà tội lỗi được chuộc.
Proverbs 16:9
Khi một người lên kế hoạch cho con đường của mình, Đức Giê-hô-va làm gì?
Khi một người lập kế hoạch cho đường lối mình, Đức Giê-hô-va chỉ dẫn các bước của người.
Proverbs 16:12
Ngôi nước được lập như thế nào?
Ngôi nước được lập bởi làm những điều công bình.
Proverbs 16:14
Sứ giả của cái chết là gì?
Cơn thạnh nộ của vua là sứ giả của sự chết.
Proverbs 16:16
Điều gì nên chọn hơn là vàng và bạc?
Sự khôn ngoan và sự thông sáng nên chọn lựa hơn là có nhiều vàng và bạc.
Proverbs 16:18
Điều gì đến trước sự sụp đổ?
Ránh tự cao đi trước sự sụp đổ.
Proverbs 16:20
Một người tìm được những điều tốt đẹp với những điều họ được dạy dỗ như thế nào?
Người đó suy ngẫm những điều ông được dạy với những điều tốt đẹp.
Proverbs 16:23
Lòng của người khôn ngoan làm gì cho cái miệng của anh ấy?
Lòng người khôn ngoan làm miệng nên khéo léo.
Proverbs 16:25
Mặc dù có một con đường dường như thích hợp cho một ngươi, nhưng nơi đó dẫn đi đến đâu?
Mặc dù có một con đường dường như thích hợp cho một người, nhưng nó có thể dẫn đến cái chết.
Proverbs 16:28
Có cách nào để chia rẽ những người bạn thân?
Kẻ mách lẻo chia rẽ những người bạn thân.
Proverbs 16:30
Người nháy mắt đang làm gì?
Người nháy mắt đang mưu toan điều ác.
Proverbs 16:31
Vương miện của vinh quang là gì?
Tóc bạc là một vương miện của vinh quang.
Proverbs 16:32
Ai mạnh hơn người chinh phục thành phố?
Người kiềm chế tính tình của mình mạnh hơn người chinh phục thành phố.
Proverbs 16:33
Quyết định của những số thăm được thực hiện như thế nào?
Quyết định số thăm đến từ Đức Giê-hô-va.

Chapter 17

Proverbs 17:1
Thà yên ắng
ở đây "yên ắng" đề cập đến "hòa bình". Cách dịch khác: "để được hòa bình"
Hơn là nhà đầy tiệc tùng với sự tranh cạnh
Có những từ bị thiếu ở đây: "được" hay "ở trong" có thể được thêm vào. Cách dịch khác: "hơn là ở trong một ngôi nhà đầy những bữa tiệc là nơi có sự xung đột"
Proverbs 17:3
Lò nung để luyện bạc và lò lửa để luyện vàng
Điều này nói đến cách mà vàng và bạc được tinh chế. Một kim loại được chế bằng cách sưởi ấm nó ở nhiệt độ cao để nó tan chảy và các tạp chất có thể được loại bỏ. Cách dịch khác: "lò nung được sử dụng để tinh chế bạc và lò được sử dụng để tinh chế vàng"
Lò nung
Một cái chậu trong đó có các kim loại nóng chảy ở nhiệt độ rất cao
Đức Giê-hô-va luyện lọc tấm lòng
Điều này nói đến việc Đức Giê-hô-va thử nghiệm mọi người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

để giúp họ ngăn chặn điều ác và sự dại dột như thể trái tim họ là một thứ kim loại mà Đức Giê-hô-va đang tinh chế để loại bỏ mọi thứ không tinh khiết. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va kiểm tra lòng người"

Tấm lòng

ở đây nhằm nhấn mạnh đến trái tim của con người, đến những suy nghĩ và mong muốn của họ. Cách dịch khác: "con người"

Nói năng cách gian ác

Từ "nói năng" có thể dịch là 1) một cách hoán dụ cho người đó hoặc 2) một từ ngữ cho những từ xuất phát từ môi miệng họ. Cách dịch khác: "một người xấu xa" hoặc "nói chuyện độc ác"

Chú ý nghe

"lắng nghe"

Những chuyện phỉnh gạt

Từ "lưỡi" có thể được dịch như là 1) một cách hoán dụ cho người đó hoặc 2) một từ ngữ cho những từ xuất phát từ môi miệng họ. Cách dịch khác: "một người phá hoại" hoặc "nói chuyện phá hoại"

Proverbs 17:5

Người nghèo

Điều này đề cập đến người nghèo khó. Cách dịch khác: "những ngươi nghèo"

Đấng Tạo Hóa

Đây là tên gọi của Đức Giê-hô-va. Đây cũng là một danh từ trừu tượng có thể được viết như một động từ. Cách dịch khác: "Đấng tạo ra con người"

Tai họa

Điều này đề cập đến sự bất hạnh của người khác. Cách dịch khác: "về bất hạnh của người khác" hay "ở những rắc rối của người khác"

Là vương miệng của

Điều này nói về những đứa cháu của các người già là dấu hiệu của sự vinh dự đối với họ như thể những đứa cháu đó là một vương miệng. Cách dịch khác: "mang danh dự và tôn trọng"

Người cao tuổi

Điều này đề cập đến những người lớn tuổi. At: "những người cao tuổi" hoặc "người già"

Proverbs 17:7

Tài hùng biện

"nói giỏi" or "bài phát biểu xuất sắc"

Môi miệng dối trá chẳng xứng cho hoàng gia

Điều này mô tả người nói dối như thể đó là "môi miệng" của họ đang nói dối. Cách dịch khác: "hoàng gia mà nói dối thì lại càng chẳng xứng hiệp"

Của hối lộ giống như viên ngọc quí của người ban nó ra

Điều này nói đến việc hối lộ của một người làm việc bằng cách so sánh nó với một viên đá thần kỳ hoặc bùa hộ mệnh. Cách dịch khác: "một khoản tiền hối lộ giống như một viên đá thần kỳ dành cho người trao nó" hoặc "một khoản hối lộ hoạt động như một bùa phép cho kẻ bồi thường"

Dầu người xây trở phía nào

ở đây "xây" đề cập đến những điều khác nhau của người đó. Cụ thể, điều này đề cập đến những điều khác mà người đó đã làm bằng việc hối lộ. Cách dịch khác: "trong bất cứ điều gì anh ta làm" hoặc "trong mọi thứ anh ta cố gắng thực hiện bằng cách đưa hối lộ"

Proverbs 17:9

Sự xúc phạm

Một điều gì đó gây tổn thương hoặc tức giận cho một người

Người nào lặp đi lặp lại một việc

Điều này đề cập đến việc đưa ra một tình huống trong quá khứ khiến người khác bị tổn thương bị xúc phạm. Cách dịch khác: "người lặp lại hành vi vi phạm trong quá khứ"

Chia rẽ

"tách ra"

Lời quở trách thấm sâu vào người nào có sự hiểu biết hơn là trăm roi đánh vào kẻ ngu dại

Ảnh hưởng của việc quở trách người hiểu biết được đem so với ảnh hưởng của việc dùng roi đánh kẻ ngu dại. Sự tác đối với hai loại người này được miêu tả như thể nó có thể được đo lường bằng chiều sâu mà nó đi vào trong họ. Cách dịch khác: "Lời quở trách có ảnh hưởng nhiều đến một người ... hơn một trăm đòn roi đánh vào một kẻ ngu dại".

Trăm roi đánh

"đánh một trăm cú"

Người nào có sự hiểu biết

"một người phán quyết tốt". Từ "hiểu biết" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "một người hiểu được"

Proverbs 17:11

Tìm điều phản nghịch

Từ "phản nghịch" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "tìm cách nổi dậy"

Một sứ giả dữ tợn sẽ được sai đi nghịch cùng nó

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "một sứ giả độc ác sẽ đến chống lại nó"

Sẽ được sai đi nghịch cùng nó

Để được "sai đi chống lại" người đó có nghĩa là bị gửi đi để làm hại nó. Cách dịch khác: "sẽ được gửi đến để làm hại nó"

Một gấu cái bị cướp con nó

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "con gấu mẹ đã mất con của nó"

Trong sự dốt nát của nó

Từ "dốt nát" có thể được thể hiện như một tính từ. Cách dịch khác: "người đang hành động ngu ngốc"

Proverbs 17:13

Điều ác sẽ không hề lìa khỏi nhà nó

ở đây "điều ác" được nói đến như thể một người không rời khỏi nhà của một người. ở đây chữ "nhà" có thể được dùng theo nghĩa đen, nhưng nó cũng là một danh từ dùng cho gia đình. Cách dịch khác: "những điều tồi tệ sẽ tiếp tục xảy ra cho anh ta và gia đình anh ấy" hoặc "những điều xấu sẽ không bao giờ dừng lại xảy đến với anh ta và gia đình anh ấy"

Khởi đầu tranh cạnh giống như người ta mở đường nước chảy

Điều này so sánh dễ dàng sự xung đột lan ra như dòng nước đổ tràn ra khắp nơi. Cách dịch khác: "bắt đầu xung đột cũng giống như bơm nước và để nó chảy ở khắp mọi nơi".

Nổ ra

"bắt đầu" hoặc "khởi điểm"

Proverbs 17:15

Người nào tha thứ cho kẻ ác hoặc xét đoán người làm phải

"ai là người giải thoát những kẻ xấu xa và kẻ lên án người công bình"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tha thứ

Biện minh, tuyên bố ai đó không có tội

Tại sao kẻ ngu muội trả tiền để học sự khôn ngoan, khi hắn chẳng có khả năng để tiếp thu sự ấy?

Câu hỏi hùng biện này nhấn mạnh rằng kẻ ngốc không nên làm điều này. Câu hỏi này có thể được viết như một sự tuyên bố. Cách dịch khác: "một kẻ ngốc không nên trả tiền để học về trí tuệ bởi vì anh ta không có khả năng học nó"

Proverbs 17:17

Và anh em sanh ra để giúp đỡ trong lúc hoạn nạn

Một trong những mục đích của những người anh em là để giúp đỡ nhau trong những lúc gặp rắc rối. Cách dịch khác: "một người anh em sẵn sàng cho những lúc gặp rắc rối"

Thiếu trí hiểu

"không có phán quyết tốt" (UDB)

Các lời hứa bắt buộc

Điều này nói đến các lời hứa phải được giữ và nó thường là gánh nặng cho người tạo ra chúng.

Proverbs 17:19

Khiến cho xương cốt phải gãy

Câu này có nghĩa là một ai đó trượt ngã ngay ngạch cửa và bị gãy xương, rất có thể là gãy ở nơi chân của họ. Cách dịch khác: "chắc chắn sẽ khiến một ai đó trượt ngã và gãy các xương nơi chân của họ" hoặc "chắc chắn sẽ khiến một ai đó trượt ngã và bị thương"

Kẻ nào có lòng không thật thà

"Lòng" thể hiện cảm xúc, thái độ và động lực của một người. Cách dịch khác: "kẻ lừa dối" hoặc "người không trung thực"

Người nào có lưỡi gian tà

"Lưỡi" đại diện cho một lời phát biểu của một người. Cách dịch khác: "cách nói tồi tệ" hoặc "nói dối"

Sa vào trong tai họa

"rơi vào rắc rối." Để "sa vào" điều gì nghĩa là để có được tình huống nào đó. Cách dịch khác: "sẽ có thiên tai"

Proverbs 17:21

Lòng vui mừng là một phương thuốc hay

Điều này nói đến một tấm lòng vui vẻ như là một loại thuốc tốt vì nó làm cho con người thấy tốt hơn. Cách dịch khác: "một trái tim vui vẻ giống như liều thuốc làm cho con người cảm thấy tốt hơn"

Lòng vui mừng

"Lòng" thể hiện cảm xúc, thái độ và động lực của một người. Cách dịch khác: "Vui vẻ"

Một tâm linh nao sờn

ở đây "tâm linh" đại diện cho cảm xúc của một người và trạng thái cảm xúc. Một tâm hồn tan vỡ chỉ trạng thái tình cảm đau khổ. Cách dịch khác: "trầm cảm"

Làm khô héo xương cốt

Xương của một người thể hiện sức khỏe thể chất và sức mạnh của họ. Nếu xương của một người khô héo có nghĩa là họ rất ốm và không khỏe mạnh. Cách dịch khác: "làm cho một người không khỏe mạnh và yếu đuối"

Proverbs 17:23

Làm sai lệch các lối công bình

"để cản trở sự kết án công bình" hoặc "phá hỏng công lý"

Chường mặt mình ra hướng tới sự khôn ngoan

Điều này nói về một người tập trung vào hành động khôn ngoan như thể người đó đang nhìn vào sự khôn ngoan. Cách dịch khác: "tập trung vào hành động khôn ngoan"

Con mắt kẻ ngu muội

Điều này đề cập đến một kẻ ngốc với đôi mắt của họ để nhấn mạnh những gì họ đang tập trung. Cách dịch khác: "kẻ ngốc thì"

Các đầu cùng đất

Điều này nói về giấc mơ không tưởng của kẻ ngốc như thể họ là những đầu của đất để nhấn mạnh rằng họ không sống thực tế. Cách dịch khác: "phấn đấu cho những thứ xa xỉ của họ như những đầu của trái đất" hoặc "tập trung vào những điều không thể"

Proverbs 17:25

Con ngu muội là một điều buồn rầu cho cha nó

Điều này chỉ về một đứa con trai làm đau cha mình như thể bản thân nó "đau buồn". Cách dịch khác: "Một đứa con ngu ngốc mang nỗi đau cho cha mình"

Con ngu muội ... và sự cay đắng cho người đàn bà

Điều này nói về một đứa con gây ra sự cay đắng cho mẹ mình như thế chính đứa con ấy "cay đắng". Cách dịch khác: "một đứa con ngu ngốc ... và mang lại sự cay đắng cho người đàn bà"

Người đã sanh ra nó

"người đã sinh ra nó"

Sự cay đắng

Cảm xúc đau khổ, buồn phiền

Chẳng có gì là hay ... cũng chẳng tốt đẹp gì

Những tuyên bố này có thể được viết dưới hình thức tích cực. Cách dịch khác: "luôn luôn sai ... và nó là xấu xa"

Người làm điều phải

Một ý nghĩa khác có thể là "người vô tội", người đó không phạm bất cứ điều gì mà người khác đã cáo buộc về một tội ác.

Tước

Quất mạnh

Họ có lòng ngay thẳng

Từ "ngay thẳng" có thể được thể hiện bằng tính từ "trung thực". Cách dịch khác: "những người thành thật"

Proverbs 17:27

Sử dụng ít lời

Điều này nói đến cách người đó nói. Cách dịch khác: "nói một vài lời"

Ngậm miệng lại

Điều này nghĩa là người đó không nói gì. Cách dịch khác: "không nói gì"

Even a fool is thought to be wise

This can be written in active form. Cách dịch khác: "People even think a fool is wise"

Người được kể là thông sáng

Điều này có thể được viết để diễn tả hoạt động. Cách dịch khác: "mọi người coi người đó thông minh"

Translation Questions

Proverbs 17:2

Một người đầy tớ khôn ngoan làm gì với một đứa con đáng xấu hổ?

Một đầy tớ khôn ngoan cai trị một đứa con đáng xấu hổ.

Proverbs 17:4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Kẻ nói dối chú ý đến những người nào?
Một kẻ nói dối chú ý đến những người nói đến các điều ác.
Proverbs 17:5
Điều gì sẽ xảy ra cho những người vui mừng vì tai họa?
Những ai vui mừng vì tai họa sẽ không thoát khỏi bị trừng phạt.
Proverbs 17:8
Một khoản tiền hối lộ giống như một viên đá ma thuật như thế nào?
Một khoản tiền hối lộ giống như một viên đá ma thuật vì người ai cho nó bất cứ nơi nào thành công cũng đến với họ.
Proverbs 17:10
Thậm chí điều gì mà cũng không thấm sâu vào một kẻ ngốc?
Thậm chí một trăm roi đánh người dại cũng không thấm sâu vào một kẻ ngốc.
Proverbs 17:12
Điều gì tệ hơn là gặp một con gấu bị cướp con mình?
Gặp một thằng ngu trong sự điên dại của nó còn tệ hơn là gặp một con gấu bị cướp con.
Proverbs 17:14
Một người nên làm gì trước khi tranh chấp diễn ra?
Một người nên đi khỏi trước khi cuộc tranh chấp diễn ra.
Proverbs 17:15
Người nào lấy làm gớm ghê cho Đức Giê-hô-va?
Người nào phạm tội ác hay lên án những người làm điều thiện là gớm ghiếc cho Đức Giê-hô-va.
Proverbs 17:18
Một người đàn ông ngu muội làm gì?
Một người ngu muội hứa hẹn ràng buộc những món nợ của người hàng xóm.
Proverbs 17:20
Cái gì khiến cho một người rơi vào tai họa?
Một cái lưỡi tà ác làm cho người rơi vào tai họa.
Proverbs 17:22
Loại thuốc tốt là gì?
Lòng vui mừng vôn là một loại thuốc tốt.
Proverbs 17:25
Một người con ngu dại là điều gì của cha và mẹ nó?
Một người con ngu dại là nỗi đau của cha mình và sự cay đắng đối với mẹ mình.
Proverbs 17:28
Làm thế nào mà một thằng ngu có thể được coi là khôn ngoan?
Một thằng ngu có thể được coi là khôn ngoan nếu nó im lặng.

Chapter 18
Proverbs 18:1
Cô lập mình
"lánh xa người khác" (UDB)
Tranh cãi với sự xét đoán chân thật
Điều này nói về một người không đồng ý với sự xét đoán chân thật như thể "sự xét đoán chân thật" là điều mà một người đó chiến đấu. Cách dịch khác: "người đó không đồng ý với tất cả sự xét đoán chân thật"
Sự xét đoán chân thật
"phán quyết tốt" hoặc "lựa chọn khôn ngoan"
Kẻ ngu muội không lấy làm vui nơi sự hiểu biết, nhưng chỉ
"một thằng ngốc không quan tâm đến sự hiểu biết, nhưng chỉ". Điều này có nghĩa là kẻ ngốc xem "sự hiểu biết" là niềm vui. Cách dịch khác: "Một kẻ ngốc ghét sự hiểu biết và chỉ tìm niềm vui trong"
Nhưng chỉ muốn tỏ ra điều có ở trong lòng nó
Điều này có nghĩa là kẻ ngốc chỉ thấy vui khi nói với những người khác điều mà lòng nó cảm thấy và ham muốn.
Điều có ở trong lòng nó
Nội dung trong trái tim của một người đề cập đến những suy nghĩ và cảm xúc của người đó. Cách dịch khác: "Những điều người đó suy nghĩ"
Proverbs 18:3
Sự kinh bỉ cùng đến với nó - cùng với sự xấu hổ và sự quở trách
ở đây "khinh bỉ", "xấu hổ" và "sự quở trách" được nói đến như thể nó là những người cùng đồng hành với một con người xấu xa. Nghĩa của nó có thể là 1) người ta tỏ thái độ khinh khi với người xấu xa và khiến người đó cảm thấy xấu hổ và bị quở trách. Cách dịch khác: "mọi người cảm thấy khinh thường anh ta cùng sự hổ thẹn và chê bai" hoặc 2) kẻ ác đang kinh thường người khác và khiến họ cảm thấy xấu hổ và hổ thẹn. Cách dịch khác: "người ấy tỏ ra khinh thường người khác và khiến họ cảm thấy xấu hổ và hổ thẹn".
Sự xấu hổ và sự quở trách
Hai từ này có cùng ý nghĩa và được sử dụng cùng nhau để nhấn mạnh đến cảm giác "xấu hổ" của kẻ ác hoặc người khác.
Lời lẽ trong miệng của một người giống như chỗ nước sâu; suối khôn ngoan là dòng nước đang tuôn chảy
Hai câu này đi song song với nhau và nó được ngụ ý rằng người được nói đến trong câu đầu tiên là người khôn ngoan. Cách dịch khác: "Lời lẽ trên miệng của người khôn ngoan là những dòng nước sâu, ... nguồn suối của sự khôn ngoan là một dòng chảy"
Lời lẽ trong miệng của một người giống như chỗ nước sâu
Điều này nói về những lời nói của một người khôn ngoan đang sâu sắc như thể nó sâu sắc và sâu trong chỗ nước sâu. Cách dịch khác: "Những lời nói của miệng người đó sâu sắc như chỗ nước sâu" hoặc "những lời ở miệng của người sâu và sâu sắc.
Miệng của một người
ở đây một người được nói đến với miệng của người được nhấn mạnh bởi những gì người đó nói. Cách dịch khác: "của một người"
Suối khôn ngoan là dòng nước đang tuôn chảy
Điều này nói về nguồn gốc của sự khôn ngoan đang dồi dào như thể nó là một mùa xuân tuôn tràn. Sự tuôn trào của mùa xuân được nói đến như thể nó là một dòng suối chảy. Cách dịch khác: "Suối khôn ngoan dồi dào như nước của một mùa xuân tuôn chảy"
Proverbs 18:5
Thật chẳng hay ho ... cho người làm điều phải
Những cụm từ này có thể được viết bằng hình thức tích cực. Cách dịch khác: "Thật chẳng hay ho gì khi thiên vị kẻ ác, cũng như khi chối bỏ sự công chính cho người làm điều phải"
Môi kẻ dại
ở đây kẻ dại được gọi là "môi" của nó để nhấn mạnh những gì nó nói. Cách dịch khác: "những gì một kẻ ngốc mang lại"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đưa
"nguyên nhân"
Miệng nó mời mọc sự đánh đập
Điều này chỉ về kẻ ngốc nói những điều khiến mọi người muốn đánh bại nó như thể nó mời họ đánh nó. Cách dịch khác: "miệng của nó khiến mọi người muốn đánh bại nó"
Miệng nó
ở đây những gì mà kẻ dại nói đến được gọi là "miệng nó". Cách dịch khác: "những gì nó nói"
Proverbs 18:7
Môi kẻ dại ... với môi miệng của mình
Cả hai cụm từ đều nói về những điều mà kẻ dại nói. Cách dịch khác: "Những gì một kẻ dại nói ... bởi những gì nó nói"
Là sự bại hoại của nó
"sẽ làm hỏng nó"
Nó gài bẫy bản thân nó
Điều này nói về người gây ra vấn đề và rắc rối cho bản thân người như thể người ấy đang gài bẫy chính mình như gài bẫy một con vật. Cách dịch khác: "người đó tự gây ra vấn đề cho chính mình"
Lời kẻ ngồi lê đôi mách vốn là vật thực ngon
Điều này nói về mong muốn lắng nghe những lời đồn thổi như thể đó là một món ăn ngon để ăn. Cách dịch khác: "sự mong mỏi lắng nghe những lời nói của một tin đồn"
Lời kẻ ngồi lê đôi mách
Điều này nói đến những điều mà một người nói chuyện phiếm. Cách dịch khác: "Những lời nói của một tin đồn"
Chúng thấu xuống đến các chi thể trong thân
Điều này nói về những tin đồn xâm nhập vào tâm trí của một người và ảnh hưởng đến những suy nghĩ của người đó như thể thức ăn đang chảy vào dạ dày của người đó. Cách dịch khác: "và chúng nhập vào tâm trí của một người và hình thành những suy nghĩ của mình"
Vật thực
Cắn nhỏ thức ăn
Proverbs 18:9
Thả trôi
"lười biếng" hoặc "không quan tâm"
thả trôi trong công việc mình cũng là anh em của người nào phá hại
Câu này miêu tả người bê trễ là đồng một hạng với người phá hoại như thể cả hai có sự liên hệ với nhau. Cách dịch khác: "có liên hệ mật thiết với" hay "rất giống với"
Người nào phá hại nhiều nhất
"người phá hủy mọi thứ" (UDB) hoặc "người luôn phá hoại"
Danh Đức Giê-hô-va là ngọn tháp kiên cố
Điều này nói đến việc Đức Giê-hô-va bảo vệ dân của Ngài như thể Ngài là một ngọn tháp kiên cố trong đó họ có thể trú ẩn. Cách dịch khác: "sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va giống như một tháp vững chắc" hoặc "Đức Giê-hô-va bảo vệ dân Ngài giống như một ngọn tháp vững chắc"
Danh Đức Giê-hô-va
ở đây, Đức Giê-hô-va là danh riêng của Ngài. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va"
Làm phải
Điều này nói đến những người làm phải. Cách dịch khác: "những người công chính" hoặc "người công chính"
Chạy vào trong đó và được an ninh
Điều này nói đến những người tìm kiếm sự an toàn từ Đức Giê-hô-va và Đức Giê-hô-va bảo vệ họ như thể Ngài là một tháp vững chắc để họ chạy vào được an toàn. Cách dịch khác: "chạy đến với Ngài để họ được an toàn" hoặc "tìm Ngài để họ được an toàn"
Proverbs 18:11
Của cải người giàu có là cái thành kiên cố của người
Điều này nói về một người giàu có tùy thuộc vào của cải của họ như thể sự giàu có của họ là một bức tường để bảo vệ họ. Cách dịch khác: "Người giàu phụ thuộc sự giàu có của mình như một thành phố phụ thuộc vào vách thành của nó".
Người giàu
Điều này đề cập những người giàu có. Cách dịch khác: "người giàu"
Cái thành kiên cố
Một cái thành có hệ thống phòng thủ mạnh mẽ như tường và tháp
Trong suy tưởng của người đó là một bức tường cao
Điều này nói về người giàu tin rằng tài sản của họ sẽ giữ cho họ được an toàn như một bức tường cao giúp những người trong thành được an toàn. Cách dịch khác: "họ nghĩ rằng nó bảo vệ họ như một bức tường cao"
Trước sự bại hoại, lòng người vẫn tự cao
"đầu tiên là trái tim của một người tự cao, nhưng sau đó là sự thất bại của họ"
Lòng người
ở đây một người được nói đến bởi trái tim của họ để nhấn mạnh những suy nghĩ và cảm xúc của họ. Cách dịch khác: "một người"
Sự bại hoại
Điều này đề cập đến sự suy giảm đáng kể đến uy tín và sức khỏe của một người.
Sự khiêm nhượng đi trước sự tôn trọng
Từ "khiêm nhượng" có thể được thể hiện như một tính từ và "sự tôn trọng" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "người phải khiêm tốn trước khi được tôn trọng"
Proverbs 18:13
ấy là sự điên dại và hổ thẹn
Từ "điên dại" có thể được thể hiện như một tính từ và từ "hổ thẹn" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "Nó là sự khờ dại của người đó, và người đó bị hổ thẹn"
Tâm linh của một người sẽ làm cho cơn bịnh vơi đi
ở đây một người được nhắc đến bởi tâm linh của người để nhấn mạnh thái độ của người đó. Cách dịch khác: "Một người hy vọng sẽ sống sót qua bệnh tật" hay "nếu một người có đầy niềm hy vọng trong lòng, người ấy sẽ sống sót qua cơn bệnh tật"
Nhưng tâm linh đỗ vỡ ai có thể chịu được?
Đây là một câu hỏi hùng biện, mong đợi câu trả lời mà ít ai có thể trả lời được. Điều này có thể được viết như một lời tuyên bố. Cách dịch khác: "nhưng rất khó để chịu đựng một tâm linh tan vỡ"
Tâm linh đỗ vỡ
Điều này đề cập đến sự chán nản. Cách dịch khác: "bị trầm cảm"
Proverbs 18:15
Lòng người khôn khéo có được tri thức
ở đây người tri thức được nhắc đến bằng hình ảnh tấm lòng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của họ nhằm nhấn mạnh những điều mà họ mong muốn. Cách dịch khác : "người khôn khéo mong muốn có được"

Khôn khéo

Điều này đề cập đến những người thông minh. Cách dịch khác: "những người thông minh" hoặc "người thông minh"

Có được

"ích lợi" hoặc "có được"

Người khôn ngoan

Điều này đề cập đến những người khôn ngoan. Cách dịch khác: "những người khôn ngoan" hay "người khôn ngoan"

Về việc nghe của người khôn ngoan tìm kiếm tri thức đó

Người khôn ngoan ở đây được nhắc đến qua việc họ lắng nghe nhằm nhấn mạnh điều mà họ mong muốn nghe được. Cách dịch khác: "người khôn ngoan tìm kiếm để hiểu về nó"

Tìm kiếm tri thức đó

ở đây chữ "nó" được dùng để chỉ "tri thức"

Mở lối

ở đây "mở lối" có nghĩa là tạo ra một cơ hội. Cách dịch khác: "có thể tạo ra cơ hội cho mình"

Đưa người đến trước

Điều này có nghĩa là được phép gặp ai đó. Cách dịch khác: "để người đó đến gặp" hoặc "để người đó được giới thiệu"

Proverbs 18:17

Người

"người" ở đây có ý nói về người đầu tiên làm một việc gì đó. Cách dịch khác: "người đầu tiên"

Sự bắt thăm

"bắt thăm"

Và biệt những kẻ có quyền thế riêng ra

Điều này đề cập đến những người đang chiến đấu khắc nghiệt trong một cuộc tranh chấp. Khi họ bị tách ra, họ không còn chiến đấu chống lại tranh chấp"

Proverbs 18:19

Một anh em bị mích lòng khó lấy lòng lại hơn là đánh chiếm một thành kiên cố

Điều này nói đến sự khó khăn trong việc làm hòa với người anh em mà mình đã xúc phạm bằng cách so sánh nó với sự khó khăn trong việc giành chiến thắng trong một cuộc chiến tranh. Cách dịch khác: "Nếu mình xúc phạm anh em mình, mà muốn tìm cách để làm hòa thì còn khó khăn hơn so với một cuộc chiến".

Sự tranh cãi dường ấy khác nào chấn song của một cái ngục

Điều này nói lên sự khó khăn của việc giải quyết tranh cãi bằng cách so sánh nó với sự khó khăn của việc phá các chấn song của ngục. Cách dịch khác: "giải quyết việc tranh cãi nhau là khó khăn như phá đỗ các chấn song của một cái ngục"

Cái ngục

Một lâu đài kiên cố

Từ bông trái của cái miệng bụng người sẽ được no đầy; với hoa lợi của môi miệng mình, người được no nê.

Hai dòng này có cùng ý nghĩa và được sử dụng cùng nhau để nhấn mạnh đến những gì được nói đến. Chúng có thể được kết hợp. Cách dịch khác: "Một người hài lòng bởi kết quả của những điều tốt đẹp mà người đó nói"

Bông trái của cái miệng

Điều này nói về những điều tốt đẹp mà một người nói như thể nó là trái từ miệng họ. Cách dịch khác: "những lời nói khôn ngoan của mình" hoặc "những từ ngữ hay"

Bụng người sẽ được no đầy

Điều này nói đến một người hài lòng hoặc kết quả của những gì họ nói như thể họ đã ăn và thấy hài lòng. Cách dịch khác: "một người hài lòng"

Hoa lợi của môi miệng mình

Điều này nói về những điều tốt đẹp mà một người đã nói như thể đó là trái cây đến mùa thu hoạch. Cách dịch khác: "những lời nói khôn ngoan" hoặc "những từ ngữ hay"

Người được no nê

"người ấy hài lòng"

Proverbs 18:21

Sống và chết nằm ở nơi quyền của lưỡi

Điều này có thể được nói đến hình thức hoạt động. Cách dịch khác: "Lưỡi có thể dẫn đến sự sống hoặc cái chết" hoặc "những gì người ta nói có thể dẫn đến sự sống hoặc cái chết"

Quyền của lưỡi ... ưa thích nó

ở đây "lưỡi" là lời nói. Cách dịch khác: "theo những gì mọi người nói ... ưa thích lời nói"

Sẽ ăn bông trái của nó

Điều này nói về một người nhận được hậu quả bởi những gì người đó nói và những hậu quả đó như thể hoa quả mà người đó nhận được. Cách dịch khác: "sẽ nhận được hậu quả của nó"

Proverbs 18:23

Nhiều bạn bè bị họ làm hại cho

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Nhiều bạn bè - họ sẽ làm cho anh ta bị hủy hoại" hoặc "nhiều bạn bè - bạn bè của anh ta sẽ tiêu diệt anh ta"

Thân cận hơn

"trung thành hơn" hoặc "vẫn cứ trung thành hơn"

Translation Questions

Proverbs 18:2

Một kẻ ngốc không tìm thấy niềm vui trong điều gì?

Một người ngu dại không thấy niềm vui trong sự thông sáng.

Proverbs 18:3

Điều gì đến cùng với người gian tà?

Sự khinh chê, sỉ nhục, hổ thẹn đi cùng với người gian tà.

Proverbs 18:6

Môi của kẻ ngu dốt đem lại cho anh ta điều gì?

Môi kẻ ngu dốt đem lại cho anh ta sự xung đột.

Proverbs 18:8

Cái gì giống như đồ ăn ngon?

Lời nói của kẻ mách lẻo giống như đồ ăn ngon.

Proverbs 18:10

Điều gì như một ngọn tháp vững chắc?

Danh của Đức Giê-hô-va là một ngọn tháp vững chắc.

Proverbs 18:12

Thái độ của một người trước khi bị suy sụp là gì?

Trước khi bị suy sụp, lòng người vẫn tự cao.

Proverbs 18:14

Điều gì là một thứ rất khó chịu?

Tinh thần sụp đổ là thứ gì đó rất khó chịu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Proverbs 18:17

Ai được cho là hợp lý lúc đầu tiên?

Người đầu tiên trình bày lý lẽ trong vụ kiện của mình thì có vẻ hợp lý.

Proverbs 18:19

Điều gì khó khăn để giành chiến thắng hơn cả một thành phố mạnh?

Một người anh em bị xúc phạm khó thắng hơn một thành phố mạnh

Proverbs 18:21

Điều gì ở trong quyền của lưỡi?

Sự sống và cái chết là ở trong quyền của lưỡi.

Proverbs 18:23

Một người giàu đáp lời người khác như thế nào?

Một người giàu đáp lời người khác cách hống hách.

Chapter 19

Proverbs 19:1

Thà người nghèo khổ

"tốt hơn là trở thành một người nghèo"

Ăn ở thanh liêm

ở đây ăn ở nói đến cách sống. Cách dịch khác: "con người sống trong sự toàn vẹn của mình" hoặc "con người sống một cuộc sống chân thật"

Môi miệng gian tà

Từ "gian từ" có thể được thể hiện dưới dạng động từ. Cách dịch khác: "cách nói chuyện tồi tệ" hoặc "nói theo một cách xấu xa"

Mong muốn mà chẳng có tri thức

Điều này đề cập đến những người cố gắng làm điều gì đó trong khi không có kiến thức về cách thực hiện đúng. Cách dịch khác: "chăm chỉ làm việc mà không biết mình đang làm gì"

Kẻ nào chạy quá nhanh sẽ quên đường

Điều này nói về một người làm điều gì đó quá nhanh và mắc phải sai lầm như thể họ đang chạy nhanh và bỏ lỡ con đường của họ. Cách dịch khác: "người nào hành động quá nhanh chóng sẽ mắc phải sai lầm" hoặc "người nào hành động quá nhanh sẽ có những lựa chọn không tốt"

Proverbs 19:3

Lòng người cưu giận

ở đây con người được gọi bằng "lòng" của mình để nhấn mạnh cảm xúc của mình. Cách dịch khác: "người ấy tức giận"

Người giàu có kết nhiều bạn hữu

Điều này có nghĩa là một người giàu có sẽ có nhiều bạn vì sự giàu có thu hút mọi người. Cách dịch khác: "Những người giàu có dễ dàng tìm thấy nhiều bạn bè"

Người nghèo bị tách ra khỏi bạn hữu mình

Một người nghèo bị tách ra khỏi nhiều người bạn của mình vì mình nghèo. Cách dịch khác: "nghèo đói làm cho một người mất bạn bè của mình"

Proverbs 19:5

Kẻ làm chứng dối sẽ chẳng khỏi bị phạt

Điều này có thể được viết bằng hình thức và hoạt động tích cực. Cách dịch khác: "Một nhân chứng giả dối chắc chắn sẽ bị trừng phạt" hoặc "chắc chắn họ sẽ trừng phạt một nhân chứng giả dối"

Buông điều giả dối

Câu này sử dụng từ "buông" để chỉ về sự nói dối liên tục. Xem bản dịch cụm từ này trên đây PRO06:17

Kẻ buông điều giả dối không sao thoát khỏi được

Điều này có nghĩa là chúng sẽ bị bắt. Cách dịch khác: "người nào đang nói dối sẽ bị bắt" hoặc "họ sẽ bắt được kẻ nói điều giả dối"

Người có tánh rộng rãi

Người mà thường xuyên cho đi

Mỗi người đều là bạn hữu

Đây là một sự phóng đại nhẹ. Cách dịch khác: "có vẻ như mọi người đều là một người bạn" hoặc "hầu hết mọi người đều là một người bạn"

Proverbs 19:7

Huống hồ chi bạn bè sẽ lìa xa khỏi người!

Cụm từ này là một dấu chấm than cho thấy điều này có nhiều khả năng hơn cụm từ trước. Cách dịch khác: "do đó những người bạn của anh ta chắc chắc sẽ ghét anh ta và tránh xa anh ta"

Yêu mến chính sự sống mình

ở đây người ta gọi là "sự sống" của mình để nhấn mạnh mình đang sống. Cách dịch khác: "yêu chính mình"

Giữ lấy sự hiểu biết

"có hiểu biết"

Proverbs 19:9

Kẻ làm chứng dối sẽ chẳng khỏi bị phạt

Điều này có thể được viết bằng phương diện và hoạt động tích cực. Dịch cụm từ này giống như trong PRO19:05

Thốt ra sự giả dối

Câu này sử dụng từ "thốt ra" để chỉ sự nói dối liên tục. xem cách dịch cụm từ này trong PRO06:17

Chẳng thích hợp

"nó không đúng"

Xa hoa

Điều kiện của sự giàu có và niềm vui

Huống chi kẻ nô lệ

Các từ thiếu có thể được thêm vào. Cách dịch khác: "nó không phù hợp với một nô lệ" hay "thậm chí còn tệ hại hơn đối với một nô lệ"

Proverbs 19:11

Sự khôn ngoan khiến cho một người chậm giận

"một người có quyền quyết định chậm trở nên giận"

Sự khôn ngoan

Điều này có nghĩa là phải biết làm gì trong một tình huống cụ thể. Dịch từ này giống như trong PRO01:04

Bỏ qua tội phạm ấy là sự vinh hiển của người

"nó sẽ mang lại vinh quang" hoặc "những người khác sẽ coi đó là điều đáng tôn trọng nếu anh ta bỏ qua"

Bỏ qua

Quên đi mục đích

Cơn giận của vua giống như sư tử tơ gầm thét

ở đây tiếng gầm của sư tử đề cập đến sự tấn công. Sự giận dữ của một vị vua được so sánh với cuộc tấn công nguy hiểm của một con sư tử tơ. Cách dịch khác: "sự thịnh nộ của nhà vua cũng nguy hiểm như cuộc tấn công của sư tử tơ"

Nhưng sự ưu ái của người giống như sương móc sa xuống trên cỏ

Sự ân cần của nhà vua được so sánh với nước tươi mới xuất hiện trên cỏ vào buổi sáng sớm. Cách dịch khác: "nhưng sự ưu ái của người ấy đang được làm tươi mát như sương trên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cỏ" hay "nhưng sự ưu ái của người ấy được làm tươi mát như sương trên mặt đất vào buổi sáng"
Proverbs 19:13
Là bại hoại cho cha nó
"người cha sẽ bị hủy hoại" (UDB)
Người vợ hay tranh cãi là một máng xối hằng chảy luôn
Điều này nói đến một người vợ gây phiền nhiễu như thể người vợ ấy là nước nhỏ giọt liên tục. Cách dịch khác: "Một người vợ hay cãi lẫy và gây phiền nhiễu cũng như mất tập trung thì giống như nước nhỏ giọt liên tục"
Tranh cãi
"tranh cãi" hoặc "bất đồng ý kiến"
Nhà cửa và tài sản được hưởng từ cha mẹ
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Con cái được thừa hưởng một ngôi nhà và sự giàu có đến từ cha mẹ chúng"
Khôn ngoan
Dịch từ này giống như trong PRO12:23
Một người vợ khôn ngoan thì đến từ Đức Giê-hô-va
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va ban cho một người vợ khôn ngoan"
Proverbs 19:15
Sự biếng nhác khiến cho một người rơi vào giấc ngủ mê
Điều này nói lên sự lười biếng khiến cho một người ngủ nhiều như thể sự lười biếng đã ép người đó vào giấc ngủ một cách mạnh mẽ. Cách dịch khác: "sự lười biếng làm cho một người ngủ nhiều" hoặc "một người lười biếng ngủ rất nhiều"
Bị đói khát
Điều này có nghĩa là không ăn. Cách dịch khác: "không ăn" hay "đói"
Điều răn
"lệnh mà người đó được dạy" (UDB)
Giữ lấy sự sống mình
"bảo vệ cuộc sống của mình"
Đường lối mình
Điều này nói đến cách người đó sống. Cách dịch khác: "cách mà người đó sống" hoặc "người đó sống như thế nào"
Proverbs 19:17
Ai đối đãi tử tế với kẻ nghèo cho Đức Giê-hô-va mượn
Đức Giê-hô-va tỏ lòng nhân ái cho những người tỏ lòng nhân từ với người nghèo. Cho người nghèo là một trong những cách người ta tử tế đối với họ. Cách dịch khác: "Ai cho người nghèo -giống như họ đang cho Đức Giê-hô-va"
Kẻ nghèo
Điều này đề cập đến người nghèo. Cách dịch khác: "những người nghèo" hoặc "người nghèo"
Đang khi còn có hy vọng
Điều này nói đến trong khi đứa trẻ còn nhỏ và chấp nhận kỷ luật cùng sự chỉ dẫn. Cách dịch khác: "khi còn trẻ" hoặc "trong khi vẫn còn có thể dạy"
Và đừng ước ao muốn nó phải chết
Nghĩa nó có thể là 1) cụm từ này mô tả việc trừng phạt những đứa con. Cách dịch khác: "nhưng đừng trừng phạt chúng quá nghiêm trọng đến mức chúng có thể chết" hoặc 2) cụm từ này miêu tả điều sẽ xảy ra nếu không trừng phạt con mình. Cách dịch khác: "vì nếu không trừng phạt con cái, là đang giúp nó tự hủy hoại nó"
Ước ao muốn nó
Nghĩa là điều này được xác định sẽ gây ra điều gì đó sẽ xảy ra. Cách dịch khác: "được xác định để"
Proverbs 19:19
Người có tánh nóng giận
Người nóng tính** - điều này đề cập đến một người dễ tức giận. Cách dịch khác: "Người không kiểm soạt được tâm trạng của mình" hoặc "người mau tức giận"
Phải trả giá án phạt
Điều này đề cập đến hậu quả đối với những gì xảy ra khi một người tức giận. Cách dịch khác: "phải chịu hậu quả của sự tức giận mình" hoặc "phải chịu hậu quả của những gì người ấy làm trong cơn giận của mình"
Nếu con giải cứu hắn
"nếu con cứu giúp hắn". Điều này đề cập đến việc giải cứu hắn khi hắn đã hành động thoát khỏi sự tức giận của hắn. Cách dịch khác: "nếu con giải cứu hắn sau khi hắn có sự bùng nổ"
Lần thứ nhì
"lần thứ 2" hoặc "lần nữa"
Hãy nghe lời khuyên dạy và tiếp nhận sự giáo huấn
Hai cụm từ này có ý nghĩa cơ bản giống nhau và được lặp lại để nhấn mạnh nó rất quan trọng.
Nghe lời khuyên dạy
ở đây "nghe lời" không chỉ là lắng nghe mà thôi, mà là để học hỏi từ lời khuyên của người khác đưa ra và làm theo. Cách dịch khác: "chú ý đến lời khuyên" hoặc "làm theo lời khuyên"
Proverbs 19:21
Trong lòng của một người
ở đây "lòng" được dùng chỉ đến "tâm trí" để nhấn mạnh mong muốn của một người. Cách dịch khác: "trong tâm trí của một người" hoặc "mà một người mong muốn"
Ý đồ của Đức Giê-hô-va
"mục đích của Đức Giê-hô-va" hoặc "kế hoạch của Đức Giê-hô-va"
Mới được thành
Điều này có nghĩa là "xảy ra". Cách dịch khác: "điều đó sẽ xảy ra"
Proverbs 19:23
Sự tôn kính dành cho Đức Giê-hô-va dẫn người ta đến với sự sống
Điều này có nghĩa là họ sẽ sống trong một thời gian dài. Cách dịch khác: "Những ai tôn kính Đức Giê-hô-va sẽ sống lâu"
Sự tôn kính dành cho Đức Giê-hô-va
"tôn vinh Đức Giê-hô-va"
Còn người nào có sự ấy
Đây là cụm từ đề cập đến "sự tôn kính dành cho Đức Giê-hô-va"
Thỏa lòng và không bị tai vạ lâm đến
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "hài lòng, sẽ không có gì làm hại được người đó" hoặc "hài lòng, người ta sẽ được an toàn"
Kẻ biếng nhác
Dịch từ này giống như dịch trong PRO10:26
Thò tay mình vào dĩa
"nhúng tay vào món ăn" hoặc "đặt tay vào đĩa của mình". Trong thời kì Kinh Thánh, người ta thường ăn bằng tay như người ta đã làm trong nhiều nền văn hóa ngày nay"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hắn sẽ không đưa nó lên miệng mình nữa
Hắn sẽ không đưa tay lên miệng hắn vì hắn quá lười biếng. Cách dịch khác: "nhưng hắn quá lười biếng đưa tay lên miệng để nuôi sống chính mình"
Proverbs 19:25
Nếu con đánh kẻ hay chế giễu
"nếu con tấn công một kẻ nhạo báng"
Đánh
"trừng phạt"
Không học vấn
"thiếu kinh nghiệm" hoặc "chưa chín chắn"
Khôn khéo
Dịch từ này giống như trong PRO12:23
hãy chính sửa người biết phân biệt
"nếu con chỉnh sửa một người khôn ngoan"
Có được tri thức
ở đây ý tưởng trừu tượng của kiến thức được nói đến như thể nó là cái gì đó có thể có nhiều thêm. Cách dịch khác: "biết thêm"
Proverbs 19:26
Đem lại sự xấu hổ và sỉ nhục
Nghĩa nó có thể là 1) nó mang điều đó trong lòng. Cách dịch khác: "mang xấu hổ và hổ thẹn cho chính mình" hoặc 2) người ấy mang nó đến gia đình . Cách dịch khác: "mang lấy sự xấu hổ và sỉ nhục cho gia đình mình"
Nếu con thôi không nghe sự giáo huấn
ở đây "lắng nghe và vâng lời" được nói đến như thể đó là "thính giác". Cách dịch khác: "Nếu bạn ngừng chú ý đến sự chỉ dẫn" hoặc "nếu bạn không tuân theo sự hướng dẫn"
Con sẽ lầm lạc cách xa
"con sẽ từ bỏ" hoặc "con sẽ quay lưng lại"
Các lời tri thức
"sự hiểu biết"
Proverbs 19:28
Miệng kẻ ác nuốt lấy tội ác
Điều này nói về những người ác làm việc xấu bằng cách nói rằng họ nuốt tội lỗi dễ dàng như cách họ nuốt thức ăn. Cách dịch khác: "những kẻ ác thích làm nhiều điều ác như lúc nó ăn nhiều thức ăn"
Miệng kẻ ác nuốt lấy
Những kẻ ác được nhắc đến qua hình ảnh cái "miệng" của họ. Cách dịch khác: "kẻ ác nuốt lấy"
Kẻ ác
Điều này đề cập đến những người độc ác. Cách dịch khác: "những người xấu xa" hoặc "người ác"
Sự xét đoán sẵn có cho kẻ nhạo báng, và roi vọt dành cho
Cụm từ "sự xét đoán" và "roi vọt" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va đã sẵn sàng để lên án những kẻ nhạo báng và đòn roi"
Roi vọt dành cho lưng
Các từ thiếu có thể được thêm vào. Cách dịch khác: "roi vọt đã sẵn sàng"
Roi vọt
Đánh bằng roi hoặc bằng gậy

Translation Questions

Proverbs 19:2
Một người phải có điều gì ngoài sự mong ước?
Một người phải có tri thức ngoài sự mong ước.
Proverbs 19:5
Điều gì sẽ xảy ra với một nhân chứng gian dối?
Một nhân chứng giả sẽ không bị trừng phạt.
Proverbs 19:7
Điều gì xảy ra khi một người đàn ông nghèo kêu gọi cùng bạn bè của mình?
Khi một người đàn ông nghèo gọi bạn bè, họ chẳng có.
Proverbs 19:8
Một người thương mến linh hồn mình thì sao?
Một người yêu thương linh hồn mình nhận được sự khôn ngoan.
Proverbs 19:11
Một người có quyền quyết định làm gì khi bị xúc phạm?
Một người có quyền quyết định mà bỏ qua.
Proverbs 19:13
Điều gì giống như nước nhỏ giọt liên tục?
Một người vợ cãi lộn giống như nước nhỏ giọt liên tục.
Proverbs 19:14
Một người vợ khôn ngoan đến từ nơi nào?
Một người vợ khôn ngoan đến từ Đức Giê-hô-va.
Proverbs 19:17
Một người cho Đức Giê-hô-va vay mượn là như thế nào?
Một người tử tế với người nghèo là cho Đức Giê-hô-va vay mượn.
Proverbs 19:19
Ai sẽ phải được giải cứu lần thứ hai?
Một người nóng tính (hay tứ giận) sẽ phải được giải cứu lần thứ hai.
Proverbs 19:20
Làm thế nào để một người có thể trở nên khôn ngoan trong lúc cuối cuộc đời của mình?
Một người có thể trở nên khôn ngoan vào cuối đời của mình bằng cách lắng nghe lời khuyên và chấp nhận chỉ dẫn.
Proverbs 19:23
Điều gì dẫn mọi người đến với sự sống?
Sự kính sợ Đức Giê-hô-va khiến cho người ta được sống.
Proverbs 19:24
Một kẻ lười biếng không thể làm được điều gì?
Một kẻ lười biếng không thể đưa bàn tay của mình từ dĩa lên miệng.
Proverbs 19:26
Một đứa trẻ mang lại điều gì khi cướp của cha mình và đuổi mẹ mình đi?
Một đứa trẻ cướp của cha mình và đuổi mẹ mình đi mang lại sự sỉ nhục và hổ thẹn.
Proverbs 19:28
Điều gò khiến cho công bình trở thành một sự nhạo báng?
Một nhân chứng gian dối làm cho công bình trở nên sự nhạo báng.

Chapter 20

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Proverbs 20:1

Rượu là kẻ nhạo báng và đồ uống say là kẻ hay tranh cãi

Hai cụm từ này có ý nghĩa cơ bản giống nhau và được kết hợp để nhấn mạnh sự nguy hiểm rất nhiều của rượu.

Rượu là kẻ nhạo báng

ở đây "rượu" chỉ người say rượu. Cách dịch khác: "một người say vì rượu nhạo báng"

Đồ uống say là kẻ hay tranh cãi

ở đây "đồ uống say" dùng để chỉ người say rượu với đồ uống say. Cách dịch khác: "một người say rượu với đồ uống say bắt đầu tranh cãi"

Tranh cãi

Một người tranh cãi ồn ào, thường là ở nơi công cộng

Hễ ai loay hoay bởi rượu chẳng phải là khôn ngoan

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "những người uống đến khi họ không còn nghĩ rõ ràng được nữa"

Chẳng phải là khôn ngoan

Điều này có nghĩa đối lập với "khôn ngoan" đó là "ngu xuẩn". Cách dịch khác: "là ngu ngốc"

Rượu

Điều này đề cập đến thức uống có cồn

Sự kinh sợ của nhà vua giống như sư tử tơ gầm hét

Điều này so sánh nỗi sợ giữa cơn thịnh nộ của nhà vua với nỗi sợ một con sư tử ồn ào. Cách dịch khác: "cơn giận dữ của nhà vua làm cho mọi người sợ hãi như thể họ đang đối diện với một con sư tử đang gầm lên với họ"

Chọc giận người

"khiến vua tức giận"

Nguy cho mạng sống mình

Điều này đề cập đến việc bị giết. Cách dịch khác: "sẽ chết"

Mạng sống

Điều này đề cập đến đời sống thể xác

Proverbs 20:3

Đáng tôn trọng

"nó là danh dự" điều này có nghĩa là một người sẽ được tôn trọng.

Kẻ điên cuồng mới nhảy vào sự tranh cạnh

Điều này nói đến việc đưa ra một cuộc tranh luận nhanh chóng như thể đối với một số chuyện mà những người ngu ngốc đã nhảy vào. Cách dịch khác: "những kẻ ngốc nhanh chóng đi vào cuộc tranh luận" hoặc "mọi kẻ ngốc đều nhanh chóng tham gia vào cuộc tranh luận".

Cày đất

Chuẩn bị đất trồng

Mùa thu

"mùa trồng trọt"

Nhưng chẳng được gì

Điều này có nghĩa là sẽ không có gì phát triển trong lĩnh vực của một người để người đó thu hoạch. Cách dịch khác : "nhưng sẽ không có gì để thu hoạch"

Proverbs 20:5

Ý đồ ở trong một người giống như nước sâu

Điều này nói đến những khó hiểu về lý do hành động của một người, bằng cách so sánh nó với sự khó khăn trong việc tiếp cận nước sâu. Cách dịch khác: "Thật khó hiểu mục đích của trái tim con người nó như cái giếng nước sâu" hoặc "mục đích của trái tim của con người rất khó hiểu"

Người thông sáng

"một người có hiểu biết" (UDB)

Sẽ múc lấy nước tại đó

Điều này nói về việc tìm ra mục đích của trái tim con người như thể nó là nước được múc ra từ một cái giếng sâu. Cách dịch khác: "sẽ biết đến mục đích" hoặc "sẽ tìm ra nó"

Trung thành

"trung thành" hoặc "đáng tin cậy"

Nhưng ai sẽ tìm được người trung thành

Câu trả lời ngụ ý rằng "một số người có thể tìm thấy một người như thế". Câu hỏi hùng biện này có thể được viết như một lời tuyên bố. Cách dịch khác: "nhưng có ít người có thể tìm được một người thực sự trung thành"

Proverbs 20:7

Ăn ở trong sự thanh liêm mình

ở đây từ đi bộ đề cập đến cách sống. xem các bản dịch cụm từ này bằng PRO19:01

Con cháu noi theo người

Điều này đơn giản có nghĩa là chúng "theo sau người" vì chúng còn trẻ hơn người và con cái của người. Nếu cụm từ này là sự lúng túng trong ngôn ngữ của bạn thì có thể được ngụ ý. Cách dịch khác: "những đứa cháu của người theo sau người" hoặc "con cháu của người"

Quan xét với mắt mình phân biệt mọi sự ác ở trước mặt mình

Điều này nói về nhà vua đánh giá giữa các loại tà ác như thể ông đang tách họ ra như một người tách lúa mì. Cách dịch khác: "thấy và phân biệt các loại tệ nạn khác nhau được đưa ra trước mặt vị vua"

Proverbs 20:9

Ai dám nói, "Ta đã luyện sạch lòng mình; ta đã trong sạch tội ta rồi"

Câu trả lời ngầm cho câu hỏi này là: "Không ai có thể nói được điều đó". Câu hỏi hùng biện này có thể được viết như một lời tuyên bố. Cách dịch khác: "không ai có thể nói rằng trái tim của mình là trong sạch và không hề có tội lỗi"

Lòng mình

ở đây con người được nói đến bằng "lòng" của mình để nhấn mạnh đến suy nghĩ và mong muốn của mình. Cách dịch khác: "bản thân tôi"

Sạch

Một người mà Đức Giê-hô-va xem xét chấp nhận về mặt thuộc linh thì được nói đến như thể người được sạch về mặt thể xác.

Ta đã làm sạch tội ta rồi

"tôi không có tội" hoặc "tôi đã không phạm tội"

Proverbs 20:11

Người ta nhận ra một thanh niên theo hành vi

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Mọi người đều biết một thanh niên qua hành động của nó"

Theo cách ứng xử của người là trong sạch và chánh đáng

"cho dù hành vi của người là trong sạch và chánh đáng hay không"

Cách ứng xử của người

"hành động của người" hoặc "những gì người ấy làm"

Trong sạch và chánh đáng

Hai từ này cơ bản có ý nghĩa tương tự và nhấn mạnh sự tốt đẹp của người trẻ tuổi này. Một từ có thể được sử dụng khi cần. Cách dịch khác: "trong sạch"

Tai nghe và mắt nhìn thấy

Cùng một ý nghĩa được lặp lại để nhấn mạnh rằng Đức Giê-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hô-va đã biết mọi điều của chúng ta.
Proverbs 20:13
Trở nên nghèo khổ
Cụm từ "trở nên" ở đây có nghĩa là chuyển sang một tình huống mới. Cách dịch khác: "trở nên nghèo"
Mở mắt con ra
ở đây "mở mắt" được coi là "đang tỉnh táo". Cách dịch khác: "hãy tỉnh táo"
Kẻ mua nói rằng: "không tốt, không tốt", nhưng khi hắn đi hắn lại lên tiếng khoe
Ở đây một người mua đang chỉ trích món đồ mà một người nào đó đang bán để có được một mức giá thấp từ người bán. Sau khi mua được, anh ta tự hào về mức giá tốt mà anh ấy đã ép người bán bán cho anh ta. Cách dịch khác: "người mua chê những món hàng của người bán rằng: "không tốt! không tốt!", nhưng sau khi mua rồi, anh ta bỏ đi, anh tự hào về mức giá thấp mà anh trả được."
Proverbs 20:15
Miệng tri thức là bửu vật quí giá
Điều này nói về giá trị của một đôi môi của kiến thức được so sánh với một viên ngọc quý. Cách dịch khác: "môi của kiến thức có giá trị như một viên kim cương đắt tiền"
Môi tri thức
ở đâu "từ ngữ" được gọi là "môi". Cách dịch khác: "lời khôn ngoan" hoặc "ngôn ngữ tri thức"
Hãy cầm lấy áo hắn nếu chủ áo đó đặt tiền bảo lãnh nợ cho người lạ
Khi cho vay tiền, người cho vay sẽ lấy một thứ gì đó từ người mượn, ví dụ như quần áo, để đảm bảo người kia sẽ trả số tiền nợ. Người cho vay sẽ trả lại món đồ này sau khi số tiền đã được hoàn trả. Nếu người đi vay quá nghèo, người khác có thể đưa người cho vay một cái gì đó để đảm bảo cho người nghèo kia. Cách dịch khác: "Lấy quần áo làm của cầm từ người đứng ra bảo đảm rằng những gì người lạ kia đã mượn sẽ được hoàn trả lại"
Đặt tiền bảo lãnh
Điều này có nghĩa là một người đưa cho người cho vay một cái gì đó để đảm bảo rằng những gì đã vay sẽ được hoàn trả. Cách dịch khác: "đảm bảo rằng những gì đã mượn sẽ được trả lại" hoặc "hứa trả một khoản vay"
cầm lấy
Cụm từ "cầm lấy" có nghĩa là giữ lấy một cái gì đó mà một ai đó đã đưa cho như một của tin, hay một lời hứa, rằng anh ta sẽ trả đủ số nợ. Cách dịch khác: "cầm lấy áo khoác của anh ta như vật đảm bảo cho việc trả nợ"
Proverbs 20:17
Bánh kiếm được nhờ dối gạt
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Bánh mà ai đó có được bằng cách lừa dối"
Nhờ dối gạt
Từ "dối gạt" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "bằng cách lừa dối người khác"
Bánh
ở đây "bánh" nói đến thức ăn nói chung. Cách dịch khác: "thức ăn"
Nếm thật ngọt ngào
"vị ngon tuyệt"
Nhưng kế sau miệng người đã đầy sạn
Điều này nói về thức ăn nêm khó chịu như thể miệng của người đó đầy sỏi sạn thay vì thức ăn. Cách dịch khác: "nhưng sau đó nó có vị như sạn trong miệng" hoặc "nhưng ngay sau đó nó có vị như cát trong miệng"
Sạn
Những viên đá nhỏ
Ý đồ được lập nên do bàn bạc
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Người dân lập kế hoạch dựa trên lời khuyên"
Proverbs 20:19
Kẻ ngồi lê đôi mách
Điều này nói đến một người đùa giỡn rất nhiều
Vì thế chớ nên hiệp với
"bạn không nên kết bạn với"
Rủa sả
Điều này có nghĩa là để bày tỏ mong muốn điều xấu sẽ xảy đến với ai đó
Đèn nó sẽ tắt ngúm đi giữa chỗ tăm tối
Điều này nói về người chết đột ngột và bất ngờ như thể cuộc sống của người đó là một ngọn đèn bị tắt đi trong bóng tối. Cách dịch khác: "Cuộc sống của hắn sẽ kết thúc như ánh sáng của một ngọn đèn bị tắt đi ở nơi tối tăm" hoặc "hắn sẽ chết cách thình linh khi ánh sáng của ngọn đèn tắt đi khi một ai đó đem tắt đi trong bóng tối"
Đèn nó sẽ tắt ngúm đi
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "đèn của nó sẽ đem ra ngoài"
Đèn nó
Điều này đề cập đến đèn có ngọn lửa cháy. Ở đây ngọn lửa của cái đèn được gọi là bóng đèn. Cách dịch khác: "ngọn lửa của cái đèn"
Proverbs 20:21
Lúc ban đầu
Điều này đề cập đến một người nhận thừa kế của mình trước khi người đó được nhận nó. Cách dịch khác: "trước thời điểm"
Ta sẽ lấy ác trả
Điều này có nghĩa là làm sai với một người vì người đó đã làm sai với bạn. Cách dịch khác: "tôi sẽ trừng phạt bạn"
Hãy chờ đợi Đức Giê-hô-va
Điều này nghĩa là tin rằng Đức Giê-hô-va sẽ giải quyết tình huống. Cách dịch khác: "có niềm tin nơi Đức Giê-hô-va" hoặc "niềm hy vọng trong Đức Giê-hô-va"
Proverbs 20:23
Đức Giê-hô-va ghét hai trái cân, và cây cân giả đúng là chẳng tốt gì cả
Hai cụm từ căn bản có ý nghĩa giống nhau và được kết hợp để nhấn mạnh sự xấu xa là thể nào.
Các bước của một người được dẫn dắt bởi Đức Giê-hô-va
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va hướng dẫn bước đi của một người"
Các bước của một người
Điều này đề cập đến những điều khác nhau của một người. Cách dịch khác: "hành động của một người"
Làm sao người hiểu được đường lối mình
Câu trả lời ngầm là người ấy không hiểu. Câu hỏi hùng biện này có thể được viết như một câu khẳng định. Cách dịch khác: "do đó, một người không thể hiểu theo cách của mình"
Hiểu được đường lối mình
Cụm từ "đường lối mình" đề cập đến cuộc sống của người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đó. Cách dịch khác: "hiểu tại sao một số điều xảy ra trong cuộc sống của mình"

Proverbs 20:25

Là cái bẫy

Điều này nói về một cái gì đó nguy hiểm như thể nó là cái bẫy. Cách dịch khác: "Thật nguy hiểm"

Hấp tấp

Nhanh chóng và không xem xét cẩn thận

Đưa ra lời thề

Người đã thề nguyện tuyên bố một điều gì đó là thánh khiết và dành riêng cho Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "tận hiến cho Đức Giê-hô-va" hoặc "tuyên bố rằng nó là thánh khiết"

Xua kẻ ác đi

Điều này nói đến việc nhà vua phân tách những người độc ác ra như thể họ là lúa mì mà ông đang sàng lọc. Cách dịch khác: "phân rẽ kẻ ác ra"

Kẻ ác

Điều này đề cập đến những người độc ác. Cách dịch khác: "những kẻ xấu xa" hoặc "những người xấu xa"

Và người điều khiển xe đạp lúa cán lên chúng

Điều này nói về nhà vua trừng phạt những kẻ ác như thể đang lái một chiếc xe đập vào họ. Cách dịch khác: "và người trừng phạt họ một cách nghiêm trọng"

Xe đạp lúa

"đạp lúa". Đây là một công cụ được sử dụng để nghiền nát và làm tách vỏ ra khỏi nó.

Proverbs 20:27

Tâm linh của một người là ngọn đèn của Đức Giê-hô-va, nó dò thấu các nơi sâu kín nhất của lòng

Điều này nói về tinh thần của một người như thể nó là một ngọn đèn. Tinh thần của một người giúp người đó hiểu được bản thân mình. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va đã ban cho chúng ta một tinh thần để hiểu sâu thẳm bản thân chúng ta, giống như một ngọn đèn làm cho bạn thấy trong đêm tối".

Sự thành tín theo giao ước và sự đáng tin cậy giữ gìn nhà vua

Điều này nói về lòng trung thành và sự tin cậy trong giao ước của vua như thể họ là những người bảo vệ vua. Cách dịch khác: "nhà vua bảo vệ mình bằng sự trung thành và lòng tin cậy của giao ước mình"

Giữ gìn

Để giữ an toàn tránh bị tổn hại hoặc mất mát

Ngôi của người được lập lên chắc chắn bởi sự nhân từ

Điều này nói về tình yêu như thể nó là một người bảo vệ quy luật của nhà vua. Cách dịch khác: "ngôi của người được an toàn bởi tình yêu của người"

Ngôi của người được lập lên chắc chắn bởi sự nhân từ

Điều này có thể được nói đến bởi hoạt động từ. Cách dịch khác: "tình yêu làm cho ngôi của người được an toàn"

Ngôi của người

ở đây phép tắc của nhà vua được gọi là "ngôi". Cách dịch khác: "qui tắt của ông"

Chắc chắn

"an toàn"

Proverbs 20:29

Những cú đấm gây ra thương tích ... và sự đánh đập khiến

Hai cụm từ này về cơ bản có ý nghĩa giống nhau và được lặp đi lặp lại để nhấn mạnh.

Rửa sạch đi điều ác ... khiến cho các chi thể bên trong được sạch

Điều này nói về một người ít làm ác lại như thể cái ác đã được dọn dẹp sạch khỏi người đó. Cách dịch khác: "làm cho một người ít gian ác hơn ... làm cho một người tốt hơn từ bên trong tấm lòng họ"

Translation Questions

Proverbs 20:2

Điều gì xảy ra với ai đó làm mất lòng nhà vua?

Người nào làm mất lòng vua sẽ bị mất mạng.

Proverbs 20:3

Mọi kẻ ngu dại nhảy vào điều gì?

Mọi kẻ ngu dại mới nhảy vào cuộc tranh cãi.

Proverbs 20:6

Loại người nào rất khó tìm?

Một người trung thành rất khó tìm.

Proverbs 20:9

Không ai có thể nói về chính mình về điều gì?

Không ai có thể nói về chính mình rằng: "Tôi đã giữ lòng tôi trong sách, tôi đã thoát khỏi tội lỗi".

Proverbs 20:11

Ngay cả một thanh niên được biết đến bởi điều gì?

Thậm chí một thanh niên được biết đến bởi hành động của anh ta.

Proverbs 20:13

Mê điều gì khiến cho một người trở nên nghèo đói?

Mê ngủ khiến cho một người trở nên nghèo đói.

Proverbs 20:15

Điều gì giống như một viên ngọc quý?

Miệng có tri thức giống như một viên ngọc quý.

Proverbs 20:17

Bánh mì có hương vị lừa đảo giống như điều gì?

Bánh mì có hương vị lừa đảo giống như sạn đá.

Proverbs 20:20

Điều gì xảy ra cho một kẻ nguyền rủa cha mẹ mình?

Một kẻ nguyền rủa cha mẹ mình, ngọn đèn của hắn sẽ bị tắt.

Proverbs 20:22

Thay vì cố gắng trả thù vì sai lầm của một người nào đó, thì người ta nên làm gì?

Thay vì cố gắng trả thù, người ta nên chờ đợi Đức Giê-hô-va giải cứu.

Proverbs 20:25

Đó sẽ là một cái bẫy cho việc làm nào?

Đó là một cái bẫy cho ai thề thốt bừa bãi.

Proverbs 20:28

Điều gì bảo vệ nhà vua?

Sự trung thành và chân thật bảo vệ nhà vua.

Proverbs 20:29

Vinh quang của những người trai trẻ là gì?

Vinh quang của những người trai trẻ là sức mạnh của họ.

Chapter 21

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Proverbs 21:1

Lòng của vua là dòng nước ở trong tay Đức Giê-hô-va

Trước giả miêu tả tấm lòng của vua như thể một rãnh nước tưới trong một khu vực khô hạn mà người ta có thể dẫn nó vào để tưới cho những cây trồng đang cần nước. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va điều khiển tấm lòng của vua như một người dẫn nước vào nơi cần được tưới"

Lòng của vua

Tấm lòng là hình ảnh ẩn dụ hàm ý nói đến suy nghĩ và mong muốn của một ai đó. Cách dịch khác: "Những suy nghĩ và hành động của vua" hay "Điều mà vua suy tính và mong muốn làm"

Đường lối của mỗi người đều đúng trong mắt họ

Từ "mắt" trong nghĩa bóng hàm ý nói đến cách suy nghĩ của một người về việc thế nào là đúng hay sai. Trước giả có ý nói rằng mọi việc người ta làm là một con đường mà người đó chọn để đi vậy. Cách dịch khác: "Mọi người nghĩ rằng những gì mình làm là tốt"

Đấng cân nhắc cái lòng

Trước giả nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ là Đấng sẽ quyết định xem liệu những điều một người muốn làm là đúng hay không như thể Đức Giê-hô-va đang nhìn vào một sản phẩm và định xem là chất lượng của nó có tốt hay không. Cách dịch khác: "Đấng tra xét động cơ bên trong"

Proverbs 21:3

Làm theo điều phải

Làm điều mà Đức Giê-hô-va kể là đúng đắn

Làm theo điều ... công bình

Đối xử với mọi người theo cách Chúa muốn con người đối xử với nhau

công bình được Đức Giê-hô-va chấp nhận hơn

"công bình-Đức Giê-hô-va ưa thích điều này hơn"

Mắt cao ngạo và lòng kiêu căng

Từ "mắt" và "lòng" được dùng theo nghĩa bóng chỉ về một người tự cho mình tốt hơn người khác và muốn người khác biết điều đó. Cách dịch khác: "Những người muốn người khác nghĩ rằng họ tốt hơn người khác"

Mắt cao ngạo

Đây là cách nói bóng bẩy về người muốn người khác biết rằng họ nghĩ mình tốt hơn những người khác.

lòng kiêu căng

Đây là cách nói bóng bẩy về người nghĩ mình tốt hơn những người khác.

ngọn đèn của kẻ ác

"những thứ giúp cho kẻ ác giống như ngọn đèn giúp cho người ta nhìn thấy trong đêm tối."

Proverbs 21:5

người siêng năng

Tính từ danh định này có thể được dịch ra như một cụm danh từ. Cách dịch khác: "một người siêng năng" hay "một người chăm chỉ làm việc"

dẫn đến sự nghèo khổ

"chỉ trở nên nghèo khó mà thôi"

Giàu có

"thu vén của cải"

lưỡi nói dối

Cái lưỡi là cách nói bóng bẩy chỉ về những lời nói mà một người nói ra từ miệng của mình. Cách dịch khác: "nói những lời dối trá"

hơi nước phù du

Trước giả có ý nói rằng sự giàu có một người có được nhờ sự dối trá chỉ giống như hơi sương nhanh chóng tan biến đi khi trời sáng. Cách dịch khác: "sương sớm chóng ta"

và là cái bẫy chết chóc

Trước giả có ý nói rằng sự giàu có mà một người đạt được bằng cách dối trá giống như là mồi trong bẫy của thợ săn; từ "bẫy" là cách nói bóng bẩy cho miếng mồi nhằm thu hút động vật sa vào bẫy.

Proverbs 21:7

Tánh bạo lực của kẻ dữ sẽ đùa chúng nó đi

Trước giả miêu tả bạo lực như một người có thể lôi kéo người khác đi. Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những kẻ ác dùng bạo lực để làm hại những người vô tội xung quanh họ.

Tánh bạo lực của kẻ dữ

Danh từ "tánh bạo lực" chỉ về những việc làm hung bạo hay những điều mà một người làm để gây hại cho những người vô tội xung quanh họ. Từ "kẻ dữ" là một tính từ danh định có thể được dịch ra như một cụm danh từ, "những người gian ác." Cách dịch khác: "Khi những người gian ác làm hại những người vô tội xung quanh họ."

đùa chúng nó đi

Tóm lấy chúng và buộc chúng trình diện trước Chúa để Ngài xét đoán.

Con đường của kẻ hay phạm tội là quanh quẹo

"lối sống của kẻ có tội là cong vẹo"

quanh quẹo

"cong" hay "không ngay thẳng." Đây là cách nói ẩn dụ về sự bại hoại đạo đức. Cách dịch khác: "sai trật"

Proverbs 21:9

ở nơi xó góc nhà

Những ngôi nhà vào thời bấy giờ thường có mái nhà bằng phẳng. Những người Y-sơ-ra-ên xưa thường ở trên mái nhà nhiều hơn là ở trong nhà, vì ở đó thường mát mẻ hơn và đôi khi người ta sẽ xây trên đó một nơi đủ lớn để một người có thể ngủ ở một góc của mái nhà.

tranh cạnh

Người thường tranh cãi hay than phiền

Tánh kẻ dữ hướng vào điều ác

Trước giả miêu tả khẩu vị của con người, sự thèm muốn đồ ăn và thức uống như thể đó là một người có thể ham muốn điều gì đó. Cụm từ "điều ác" là một tính từ danh định chỉ về đến người gian ác; một cách dùng khác từ "điều ác" đó là để miêu tả những việc làm xấu xa. Cách dịch khác: "Người ác muốn làm những điều xấu như cách họ thèm ăn và uống."

hướng vào

"thèm khát cách mãnh liệt"

mắt nó chẳng chút tử tế

Danh từ mang tính trừu tượng "tử tế" có thể được dịch như một tính từ. Các nói giảm "chẳng chút tử tế" có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cụm từ "mắt nó" là cách nói bóng bẩy để chỉ về một người. Cách dịch khác: "rằng anh ta không hề tử tế" hay "anh ta rất xấu tính."

Proverbs 21:11

Khi kẻ nhạo báng bị phạt

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "khi một ai đó trừng phạt kẻ nhạo báng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người không có học vấn
"không có kinh nghiệm, chưa trưởng thành"
kẻ nhạo báng
"người chế nhạo những người khác"
khi người khôn ngoan được hướng dẫn
Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "khi một ai đó hướng dẫn cho người khôn ngoan"
thêm lên sự tri thức
Ở đây tri thức được nhắc đến như thể một món đồ vật mà một người có thể nắm lấy và giữ cho riêng mình.
Người nào làm theo điều phải
Ý nghĩa của cụm từ này rất có thể là 1) bất cứ một người công bình nào hay 2) "Đức Giê-hô-va là Đấng công bình duy nhất."
quan sát
"chú ý đến một cách cẩn thận"
người thấy kẻ ác bị hư hoại
Sự hư hoại ở đây được miêu tả như thể nó là một nơi chốn mà một ai đó có thể bị đem đến đây. Cách dịch khác: "người hủy diệt chúng"
Proverbs 21:13
Người nào không khứng nghe tiếng kêu la của kẻ nghèo
"Người không chịu lắng nghe khi kẻ nghèo xin giúp đỡ."
chẳng có ai đáp lại
Từ "đáp lại" là phép hoán dụ chỉ về người nghe tiếng kêu cứu một một người khác và ra tay hành động để giúp đỡ người đó. Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "không ai ra tay để giúp đỡ cho anh ta."
làm nguôi cơn giận
Khiến người đang giận dữ nguôi đi để rồi không còn giận dữ nữa
Proverbs 21:15
Khi người ta làm điều công bình
Danh từ mang tính trừu tượng "công bình" có thể được dịch như một cụm danh từ. Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Khi người cai trị làm điều đúng đắn"
phiêu bạt xa khỏi con đường của sự hiểu biết
"không còn sống cách khôn ngoan nữa"
hắn sẽ yên nghỉ trong hội của kẻ chết
"hắn sẽ cứ ở trong vòng những linh hồn chết mất"
Proverbs 21:17
là giá chuộc cho
Từ "giá chuộc" mang nghĩa ẩn dụ chỉ về một người đứng thay vào vị trí của một người khác. Ở đây thì người làm điều sai sẽ bị trừng phạt thay cho người làm điều đúng.
kẻ dối gạt
Người làm hại những người tin tưởng anh ta bằng cách lừa gạt hay làm điều sai trái với họ
người ngay thẳng
"người công bình" hay "người thật thà" hoặc "người làm điều đúng đắn"
Proverbs 21:19
hay tranh cạnh
"khiến người khác giận hờn nhau " hay "khiến mọi người bất đồng với nhau"
khôn ngoan
"người khôn ngoan"
phung phí nó
"xử dụng hết tất cả"
Proverbs 21:21
nghịch cùng thành
Leo lên và băng qua bức tường xung quanh thành
thành của kẻ mạnh sức
"thành mà người mạnh mẽ sống trong đó " hay "thành của những dõng sĩ mạnh mẽ" (xem UDB)
người đánh hạ
"người phá hủy"
đồn luỹ che chở cho nó
Những bức tường và tháp canh xung quanh thành mà họ không nghĩ rằng bất kỳ ai có thể vượt qua được để vào thành, chính vì thế mà họ cảm thấy an toàn.
Proverbs 21:23
Ai canh giữ miệng lưỡi mình
Cả "miệng" và "lưỡi" đều hàm ý nói đến điều mà một người nói ra. Cách dịch khác: "Bất kỳ ai cẩn thận trong điều mình nói ra"
Kẻ kiêu ngạo và cao kỳ cư xử với sự kiêu ngạo và cao kỳ
"Bạn có thể đoán được rằng người kiêu ngạo và cao kỳ chắc sẽ cư xử cách ngạo mạn."
kiêu ngạo và cao kỳ
Hai từ này về căn bản là có cùng một ý nghĩa và cả hai đều nhấn mạnh đến sự kiêu ngạo của một người.
"nhạo báng" là tên của hắn
"kẻ nhạo báng là tên gọi mà chúng ta nên đặt cho họ"
Proverbs 21:25
Sự ước ao của kẻ biếng nhác giết nó chết
Trước giả miêu tả điều mà một người ao ước như thể đó là một con người có thể ra tay sát hại kẻ lười biếng. Ở đây, kẻ lười biếng chỉ muốn ở không mà không chịu làm việc. Cách dịch khác: "kẻ lười biếng chỉ muốn ở không, và vì vậy hắn sẽ chết" hay "kẻ lười biếng sẽ chết vì nó không chịu làm việc"
hai tay nó từ chối
Bàn tay là phép hoán dụ để chỉ về một người. Cách dịch khác: "hắn từ chối"
ham muốn
"thèm khát" hay "khao khát cách mãnh liệt"
bố thí mà không cầm lại
Cụm từ "không cầm lại" có thể được dịch cách chủ động và điều mà người đó bố thí có thể được diễn tả cách cụ thể. Cách dịch khác: "cho đi mọi thứ mà người đó có" hay "bố thí cách rời rộng"
Proverbs 21:27
Sinh tế của kẻ ác là một vật gớm ghiếc
Trước giả không hề nhắc đến danh Đức Giê-hô-va ở đây, như trong PRO15:07
kẻ ác
Tính từ danh định "kẻ ác" có thể được dịch như một cụm danh từ. Cách dịch khác: "người gian ác," có thể là bất cứ người làm điều ác nào, hay "kẻ ác," danh từ chung chỉ những người gian ác.
còn gớm ghiếc hơn nữa
Đức Giê-hô-va cảm thấy gớm ghiếc hơn nữa
sẽ nói suốt cả đời
Bởi vì người ta sẽ không bao giờ quên đi điều mà người đó nói

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Proverbs 21:29

tự cho mình ra mạnh

Rất có thể có nghĩa là 1) "giả vờ tỏ ra dùng cảm" hay 2) không chịu lắng nghe sự sửa dạy

cẩn thận về mọi hành động của mình

Nghĩa là chắc chắn điều người đó làm là đúng bởi vì người đó đã tra xét xem điều đó có đúng không trước khi thực hiện nó

Proverbs 21:30

Chẳng có sự khôn ngoan nào, sự hiểu biết nào, hay mưu kế nào

Từ "chẳng có" được lặp lại nhằm nhấn mạnh những danh từ mang tính trừu tượng như "sự khôn ngoan," "hiểu biết" và "mưu kế." Đức Giê-hô-va là lớn hơn bất cứ điều mà một người có thể biết, nghĩ hay nói ra. Rất có thể trong ngôn ngữ của bạn, bạn không cần phải lặp đi lặp lại cụm từ "chẳng có." Những danh từ mang tính trừu tượng kia có thể được dịch như những tính từ hay động từ. Cách dịch khác: "Không có ai khôn ngoan, không có ai hiểu biết bất cứ điều gì và không có ai nói cho người khác biết điều mà họ phải làm là người..." hay "Không có sự khôn ngoan, hiểu biết hay lời khuyên nào có thể ..."

đứng nghịch cùng Đức Giê-hô-va

"thắng hơn Đức Giê-hô-va" hay "chống lại được điều Đức Giê-hô-va muốn thực hiện" hoặc "chứng tỏ rằng người đó đúng và Đức Giê-hô-va sai"

Ngựa sắm sửa về ngày chiến trận

Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Những binh sĩ chuẩn bị ngựa cho ngày ra trận"

ngày chiến trận

Từ "ngày" chỉ về một khoảng thời gian có thể dài hơn hay ngắn hơn một ngày thông thường. Cách dịch khác: "khi xảy ra chiến trận"

Translation Questions

Proverbs 21:1

Đức Giê-hô-va điều khiển điều gì tùy ý Ngài muốn?

Đức Giê-hô-va điều khiển tấm lòng của vua tùy ý Ngài muốn.

Proverbs 21:3

Điều gì được đẹp lòng Đức Giê-hô-va hơn là của lễ?

Làm điều lành và công chính được đẹp lòng Đức Giê-hô-va hơn của lễ.

Proverbs 21:6

Điều gì xảy ra với người được sự giàu có bằng lời dối gạt?

Một người có được sự giàu có bằng lời dối gạt sẽ bị giết bởi cái bẫy đó.

Proverbs 21:7

Tại sao những kẻ độc ác bị cuốn đi?

Những kẻ ác sẽ bị cuốn trôi đi bởi vì họ từ chối làm điều công bình.

Proverbs 21:10

Điều gì không nhìn thấy được trong mắt kẻ ác?

Sự thương xót không nhìn thấy được trong mắt kẻ ác.

Proverbs 21:11

Ai học được sự khôn ngoan khi kẻ nhạo báng bị trừng phạt?

Những kẻ ngu dại sẽ họ biết sự khôn ngoan khi kẻ nhạo báng bị trừng phạt.

Proverbs 21:14

Một món quà bị mật hoàn thành được điều gì?

Một món quà bí mật làm nguôi cơn giận dữ.

Proverbs 21:16

Một người đi lạc khỏi con đường tri thức sẽ nằm ở đâu?

Một người đi lạc khỏi con đường tri thức sẽ nằm chung với bọn của người chết.

Proverbs 21:19

Nơi nào tốt hơn là sống với người vợ hay càu nhàu?

Sống trong sa mạc tốt hơn là sống với người vợ hay càu nhàu.

Proverbs 21:22

Một người khôn ngoan có thể đem lại điều gì?

Một người khôn ngoan có thể mang lại thành trì của những kẻ mạnh.

Proverbs 21:24

Tên của một kẻ lên mình và kiêu căng là gì?

Một kẻ lên mình và kiêu căng được gọi là một kẻ "xấc láo".

Proverbs 21:27

Của lễ nào là điều ghê tởm?

Của tế lễ của kẻ ác là điều ghê tởm.

Proverbs 21:30

Điều gì không thể chống lại Đức Giê-hô-va?

Không có sự khôn ngoan, sự hiểu biết, hoặc mưu mô nào có thể chống lại Đức Giê-hô-va.

Proverbs 21:31

Ai đem lại chiến thắng trong ngày chiến tranh?

Đức Giê-hô-va ban sự thắng trận trong nhày chiến tranh.

Chapter 22

Proverbs 22:1

Thà chọn danh tiếng tốt còn hơn chọn giàu có lớn

Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Một người nên chọn danh tiếng tốt hơn là sự giàu có"

danh tiếng tốt

"Để cho người khác nghĩ rằng họ là một người tốt "

có điểm nầy chung

"điều giống nhau ở một điểm" hay "giống nhau ở điểm này"

Proverbs 22:3

Người khôn ngoan

"Một người có sự khôn ngoan" hay "Một người có sự hiểu biết." Xem cách bạn dịch từ "khôn ngoan" trong PRO12:15

kẻ thiếu kinh nghiệm

"không có kinh nghiệm và chưa trưởng thành"

Proverbs 22:5

Gai chông và bẫy rập nằm trên đường của kẻ ngoan cố

Trước giả miêu tả cách người ngoan cố sống như thể họ đang đi trên một con đường chắc chắn sẽ gặp phải rắc rối với những "gai góc" trong tự nhiên và "những chiếc bẫy" do con người làm ra.

bẫy rập

Những chiếc bẫy dùng để săn bắt động vật

kẻ ngoan cố

Tính từ danh định này có thể được dịch ra như một cụm danh từ. Cách dịch khác: "những người ngoan cố"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ai giữ lấy mạng sống mình
"người cẩn thận làm điều đúng đắn"
con đường nó phải theo
"cách mà nó phải sống"
Proverbs 22:7
mượn ... cho mượn
"mượn tiền ... cho mượn tiền"
Người nào gieo sự bất công sẽ gặt rắc rối
Trước giả miêu tả người cai trị hay người có thế lực đối xử cách bất công với người cô thế như thể họ đang gieo ra những hạt giống sẽ sanh ra những cây đem lại rắc rối. Cách dịch khác: "Nếu một người đối xử với người yếu thế hơn mình cách bất công, điều đó sẽ khiến cho họ gặp phải rắc rối về sau"
cây roi thạnh nộ nó sẽ ra vô dụng
Từ "cây roi" là phép hoán dụ chỉ về quyền lực ở trên người khác. Nó có thể được hiểu theo nghĩa 1) người cai trị bất công sẽ bất đi quyền lực mà họ có để ức hiếp người khác hay 2) người ta phản ứng lại với sự bất công mà hắn đã làm bằng cách gây hại cho hắn, hắn sẽ không có quyền lực để ngăn chặn họ. Cách dịch khác: "hắn sẽ không còn quyền lực hắn đã từng có để hại người khác"
cây roi thạnh nộ nó
Từ "cây roi" là phép hoán dụ chỉ về quyền lực ở trên người khác. Kẻ ác đang hãm hại người lương thiện như thể hắn nổi giận cùng họ. Cách dịch khác: "cây roi hắn đã dùng như thể hắn hình phạt người khác" hay "quyền lực mà hắn dùng để hãm hại người khác"
sẽ ra vô dụng
Cụm từ "ra vô dụng" cũng là từ được dùng để mô tả những cái cây bị khô héo đi.
Proverbs 22:9
Người nào có con mắt từ bi sẽ được phước
Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ chúc phước có người có con mắt hào phóng"
Người nào có con mắt từ bi
Con mắt là phép hoán dụ chỉ về việc nhìn thấy nhu cầu của người khác, và "mắt từ bi" không chỉ là nhìn thấy nhưng còn hành động giúp đỡ cho người khác điều họ cần. Con mắt cũng đại diện cho cả con người. Cách dịch khác: "người hào phóng" hay "người sẵn sàng cho đi để giúp đỡ người khác"
bánh
Bởi vì bánh là thức ăn chính trong thời bấy giờ, vì thế nó thường được dùng để chỉ về đồ ăn nói chung.
cãi cọ và sỉ nhục sẽ dứt
Những danh từ mang tính trừu tượng "cãi cọ" và "sỉ nhục" có thể được dịch như những động từ. Cách dịch khác: "người ta sẽ không còn cãi cọ với nhau hay nói điều làm tổn thương nhau nữa"
Proverbs 22:11
ưa thích tấm lòng thanh sạch
Tấm lòng của người đó ao ước được thanh sạch. Tấm lòng là hình ảnh hoán dụ chỉ về một người. Cách dịch khác: "yêu thích có tấm lòng thanh sạch" hay "mong muốn được nên thanh sạch"
giàu ơn
"nhân từ"
Mắt của Đức Giê-hô-va canh giữ
Mắt là hình ảnh hoán dụ chỉ về một người. Trước giả nói như thể Đức Giê-hô-va có con mắt thể lý giống như con người. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va chứ nhìn xem" hay "Đức Giê-hô-va bảo vệ người có tri thức"
canh giữ người có tri thức
"bảo vệ người có tri thức"
đánh đổ
"hủy diệt"
kẻ gian tà
"Người xảo trá." Nên dịch từ "kẻ gian tà" như trong PRO11:03
Proverbs 22:13
Kẻ làm biếng nói
Phần trích dẫn sau đó là một lời nói dối và lời ngụy biện để khỏi phải làm việc. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cấu trúc nào đặc trưng dùng để mở đầu cho một lời nói dối, thì bạn có thể dùng nó ở đây.
Miệng của dâm phụ vốn là một cái hố sâu
Từ "miệng" là phép hoán dụ cho những lời ra từ miệng của một người. Trước giả miêu tả một người không thể tránh được việc bị người ta hình phạt về những việc làm gian ác như thể người đó rơi vào một cái hố mà ai đó đã đào lên và không thể nào thoát ra được. Cách dịch khác: "Những lời kẻ dâm phụ nói sẽ lôi kéo người khác vào, và nó sẽ như thể người đó đã rơi vào trong một cái hố sâu và nguy hiểm"
dâm phụ
Nên dịch ra như đã dịch trong PRO05:03
cơn giận của Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên
Ở đây từ "dấy lên" có nghĩa là cơn giận của Ngài gia tăng thêm. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va nổi giận"
sa ngã vào đó
Tội ngoại tình được nói đến như thể nó là một cái gì đó mà người ta có thể rơi vào trong đó. Cách dịch khác: "những tội lỗi do nơi việc ngoại tình"
Proverbs 22:15
Sự dại dột bó quanh tấm lòng con trẻ
"tấm lòng của một đứa trẻ đầy những điều dại dột"
cây roi kỷ luật
Trước giả miêu tả hình thức kỷ luật mà phụ huynh áp dụng như thể phụ huynh dùng roi để đánh đứa con của mình.
gỡ nó xa khỏi
Trước giả nhân cách hóa sự ngu dại giống như một người mà người khác có thể dùng roi để đuổi đi. Cách dịch khác: "sẽ giúp cho đứa trẻ nên khôn ngoan"
thêm sự giàu có cho nó
"trở nên giàu có hơn" hay "có được nhiều tiền của hơn"
dành cho người giàu
"cho tiền người giàu có"
nghèo khổ
"sẽ trở nên nghèo khổ"
Proverbs 22:17
Thông tin chung:
Câu 17 là phần mở đầu của một tiết đoạn mới trong sách Châm Ngôn.
Hãy chú ý và lắng nghe
Rất có thể có nghĩa là 1) "hãy chú ý để có thể hiểu được " hay 2) đây là phép lặp từ mà có thể được dịch ra là "Hãy nghe cách cẩn thận để."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hãy chú ý
"nghiêng mình về phía trước và xoay lỗ tai của mình lại để có thể lắng nghe cách rõ ràng." Nên dịch giống như trong PRO04:20
lời lẽ của kẻ khôn ngoan
"điều mà người khôn ngoan nói"
áp dụng tri thức của ta cho tấm lòng của con
"hãy gắng hết sức để hiểu và ghi nhớ lấy"
tri thức của ta
"kiến thức mà ta có, là điều mà ta đang chia sẻ cho con" hay "điều ta biết." Người đang nói ở đây rất có thể là người cha trong PRO01:07
thảy chúng sẵn sàng trên môi miệng con
Những từ ngữ đã sẵn sàng có nghĩa là người đang nói ở đây đã sẵn sàng để nói. Cách dịch khác: "con có thể nói ra chúng bất cứ lúc nào"
thậm chí dạy dỗ con
"hôm nay. Phải, ta đang dạy dỗ con," Người đang nói muốn nhấn mạnh rằng chính người đang nghe đó là người mà ông đang dạy dỗ chứ không phải một ai khác và ông dạy cho người đang nghe đó bởi vì người đó cần được dạy dỗ. Nếu ngôn ngữ của bạn không có cách thức diễn đạt phù hợp để nhấn mạnh điều này, bạn có thể thay đổi từ ngữ sao cho phù hợp, cụm từ "thậm chí con" có thể được bỏ qua.
Proverbs 22:20
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục và khép lại phần giới thiệu bắt đầu từ PRO22:17
Phải chăng ta chẳng có chép cho con?
Câu hỏi tu từ nay có thể được dịch ra thành một câu khẳng định. Cách dịch khác: "Con phải biết rằng ta đã viết cho con."
ba mươi câu dạy
Một số bản dịch viết, "những lời dạy dỗ ích lợi."
với những kẻ hay thắc mắc kia
Câu này hàm ý rằng người đang lắng nghe đây là người được những người khác sai đi để thu thập và đem thông tin về cho họ.
Proverbs 22:22
Thông tin chung:
Những câu này bắt đầu phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
Chớ tước đoạt... hay đừng hà hiếp
Nếu trong ngôn ngữ của bạn có phương cách nào khác để diễn đạt cách nói mạnh mẽ của một người, khác với cách diễn đạt thông thường, nhưng khiến cho người nghe buộc phải tuân theo, thì bạn nên sử dụng cách diễn đạt đó.
kẻ nghèo
Tính từ danh định này có thể được dịch ra thành một cụm danh từ. Cách dịch khác: "bất kỳ một người nghèo nào" hay "người nghèo"
hà hiếp
Có nghĩa là nghiền thành bột. Đây là cách nói ẩn dụ cho việc "đối xử bất công."
người khốn khổ
Tính từ danh định này có thể được dịch ra thành một cụm danh từ. Cách dịch khác: "bất kỳ một người khốn khó nào" hay "bất kỳ người nào không có đủ những nhu cầu thiết yếu để sinh sống"
nơi cửa thành
Nơi mọi người mua bán hàng hóa và giải quyết những xung đột mang tính pháp lý, cụm từ này được dùng cách hoán dụ đại diện cho những hoạt động thương mại và pháp lý. Cách dịch khác: "tại nơi tòa án"
Đức Giê-hô-va sẽ bình vực duyên cớ của họ
Đây là cách nói ẩn dụ hàm ý hình ảnh người luật sư biện hộ cho người khốn khó trước mặt quan tòa. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ người khốn khó khỏi người áp bức họ" hay "Đức Giê-hô-va sẽ đảm bảo người khó khăn được đối xử cách công bình"
Ngài sẽ tước lấy mạng sống của kẻ có cướp lột họ
Đức Giê-hô-va không phải là trộm, nhưng Ngài sẽ cất lấy sự sống của những người không chịu ban cho giống như một kẻ trộm. Cách dịch khác: "Ngài sẽ hủy diệt những kẻ áp bức người nghèo."
Proverbs 22:24
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
người bị cơn giận cai trị
Người không có khả năng cầm giữ cơn giận của mình
tánh cường bạo
Bày tỏ sự tức giận cách dữ dội
con sẽ bị sa vào bẫy dò chăng
"con sẽ giống như con thú ăn mồi trong bẫy và không thể thoát ra được"
bẫy dò
Linh hồn ở đây là phép hoán dụ đại diện cho đời sống của một người. Cách dịch khác: "miếng mồi mà ai đó đã gài để họ có thể giết hại con"
Proverbs 22:26
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi cây dạy" (PRO22:20
hiệp cùng
Một người đặt tay của mình trên tay của một người khác nhằm mục đích kết hiệp với người đó trong việc mà cả hai đã đồng thuận để cùng nhau làm. Ở đây người dạy cảnh báo người nghe đừng nhúng tay của mình vào việc "đảm bảo cho các khoản nợ."
bảo đảm các món nợ
"đồng ý để trả những gì mà một ai đó nợ người khác."
Proverbs 22:28
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
cũ
Rất lâu đời
mộc giới
Đó là một hòn đá lớn đánh dấu ranh giới đất đai giữa người này với người kia
tổ phụ
Cha ông
Con có thấy người nào siêng năng trong công việc mình chăng?
Câu hỏi tu từ này thật chất là một mệnh lệnh. Cách dịch khác: "Hãy nghĩ về một ai đó mà con biết, là người siêng năng trong công việc của anh ta"
đứng ở trước
Phục vụ, trở nên người phục vụ ai đó. Vua và những nhân vật quan trọng khác sẽ đánh giá cao anh ta và họ sẽ dùng đến khả năng của anh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Proverbs 22:2

Kẻ giàu và người nghèo có điểm gì chung?

Đức Giê-hô-va tạo dựng nên cả kẻ giàu và người nghèo.

Proverbs 22:4

Sự giàu có, danh dự và sự sống là phần thưởng của điều gì?

Vì sự khiêm nhường và kính sợ Đức Giê-hô-va, phần thưởng là sự giàu có, danh dự, và sự sống.

Proverbs 22:6

Nếu một đứa trẻ được dạy theo đường nó nên đi, nó sẽ không làm gì khi nó lớn lên?

Nếu một đứa trẻ được dạy theo đường nó nên đi, nó sẽ không quay lưng lại với con đường đó khi nó lớn lên.

Proverbs 22:7

Mối quan hệ giữa người mượn và người cho mượn là gì?

Người nào mượn là nô lệ của người cho mượn.

Proverbs 22:10

Điều gì sẽ chấm dứt nếu người nhạo bán bị đuổi đi?

Xung đột, tranh chấp và xúc phạm sẽ chấm dứt nếu người nhạo báng bị đuổi đi.

Proverbs 22:13

Người lười biếng sử dụng cái cớ gì?

Một người lười biếng nói rằng có một con sư tử trên đường phố như một cái cớ.

Proverbs 22:14

Những kẻ ngã vào tình trạng ngoại tình sẽ gây ra những gì?

Những kẻ ngã trong tình trạng ngoại tình làm cho cơn giận của Đức Giê-hô-va chống lại họ.

Proverbs 22:15

Điều gì khiến cho sự ngốc nghếch ra khỏi một đứa trẻ?

Cây roi kỷ luật làm cho sự ngốc nghếch ra khỏi một đứa trẻ.

Proverbs 22:19

Một người nên tin cậy vào ai?

Một người nên tin cậy Đức Giê-hô-va.

Proverbs 22:22

Không nên làm gì đối với người nghèo và người túng thiếu?

Người nghèo và người túng thiếu không nên cướp hoặc hà hiếp họ.

Proverbs 22:23

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với những kẻ cướp của người nghèo?

Đức Giê-hô-va sẽ cướp mạng sống của kẻ cướp của người nghèo.

Proverbs 22:25

Tại sao một người không được kết bạn với người bị cai trị bởi cơn điên giận?

Một người không được kết bạn với người bị cai trị bởi cơn điên giận dữ vì người đó sẽ sẽ học theo cách của hắn ta và bị vướng vào một cái bẫy.

Proverbs 22:27

Một người có thể bị mất cái gì nếu không thể trả nợ?

Một người có thể bị mất cái giường ngủ nếu không thể trả nợ.

Proverbs 22:28

Điều gì không được loại bỏ?

Gốc ranh giới của cha ông không được loại bỏ.

Chapter 23

Proverbs 23:1

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

kề con dao nơi cổ họng con

Rất có thể có ý nghĩa là 1) "hãy cẩn thận, đừng nên ăn quá nhiều" hay 2) "đừng nên ăn gì cả"

Chớ thèm

"Đừng thèm muốn cách mãnh liệt." Xem cách bạn dịch từ "thèm" này trong PRO21:09

các món ngon

"món ăn đặc biệt và đắt tiền" (UDB)

đó là đồ ăn của sự dối gạt

"anh ta đưa cho con để có thể lừa gạt con"

Proverbs 23:4

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

chớ chịu khổ quá

"đừng làm việc quá độ đến nỗi con luôn ở trong tình trạng mệt mỏi" (UDB)

chiếu theo

Đậu lên trên của cải giống như một con chim

nó chắp cánh rồi bay lên trên trời như chim ưng vậy

"của cải sẽ biến mất đi cách nhanh chóng như con chim ưng bay đi vậy"

chắp cánh như chim ưng

Có cánh giống như cánh của chim ưng

Proverbs 23:6

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

kẻ gian ác

Rất có thể có nghĩa là 1) người keo kiệt, không muốn cho bất kỳ ai thứ gì, hay 2) một người gian ác (UDB).

thèm muốn

"đừng khao khát cách mãnh liệt." Xem cách bạn dịch từ "thèm muốn" trong PRO21:09

cao lương mỹ vị

"thức ăn đặc biệt và đắt tiền" (UDB). Xem cách bạn đã dịch trong PRO23:01

lòng hắn chẳng hiệp cùng con

"người đó không thật sự muốn con thưởng thức bữa ăn"

Con sẽ mửa ra một chút thứ con đã ăn

"Con sẽ ước gì mình chưa từng ăn thức ăn này"

con sẽ phí mất những lời khen tặng của con

"người đó sẽ không vui vẻ thậm chí khi con nói những điều tốt về anh ta và đồ ăn của người đó"

Proverbs 23:9

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

lỗ tai kẻ dại dột

Danh từ mang tính trừu tượng "lỗ tai" có thể được dịch như một động từ. Cách dịch khác: "chỗ mà kẻ dại dột có thể nghe con"

xưa

Rất cũ rồi. Như được dịch trong PRO22:28

hòn đá mộc giới

Đó là một hòn đá lớn đánh dấu ranh giới đất đai giữa người này với người kia. Như được dịch trong PRO22:28

vào trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ từ chiếm lấy hay bắt đầu sử dụng phần đất (hay vật gì đó) thuộc về một người khác.

kẻ mồ côi

Những đứa trẻ mà cha mẹ chúng đã qua đời

Đấng cứu chuộc của họ

Đức Giê-hô-va

Ngài sẽ binh vực duyên cớ của họ nghịch cùng con

Đây là hình ảnh ẩn dụ của một người luật sư biện hộ cho người khó khăn trước mặt quan tòa. Cách dịch khác: "Ngài sẽ bảo vệ cho những đứa trẻ mồ côi đối cùng con" hay "Ngài sẽ chắc rằng những đứa trẻ mồ côi được đối xử cách công bình và sẽ hình phạt con"

Proverbs 23:12

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

Hãy áp dụng sự khuyên dạy vào tấm lòng con

"hãy gắng hết sức để hiểu và ghi nhớ lấy." Như được dịch trong PRO22:17

sự khuyên dạy

Rất có thể có nghĩa là 1) "điều người biết phân biệt đúng sai nói với con" hay 2) "điều người ta nói và làm để sửa dạy con."

và tai con

"và lắng lỗ tai con" hay "và hãy lắng nghe cách cẩn thận"

lời lẽ có tri thức

"nghe ta khi ta bảo con điều ta biết"

Proverbs 23:13

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

Chớ cầm sự sửa phạt đối với

Danh từ mang tính trừu tượng "sự sửa phạt" có thể được dịch như một động từ. Cách dịch khác: "Đừng rút lại việc sửa phạt" hay "Đừng rút lại việc dạy dỗ bằng cách hình phạt"

Cầm

Từ chối không cho người kia điều mà người đó cần

roi

Một khúc cây

Nếu con đánh nó... giải cứu linh hồn nó

"Con phải là người phải đánh nó ... và giải cứu linh hồn nó." Không ai khác sẽ làm điều đó thay con. Người nghe phải chịu trách nhiệm giải cứu linh hồn của con mình khỏi Âm Phủ, và cách để giải cứu nó đó là đánh đòn nó.

giải cứu linh hồn nó khỏi âm phủ

Nếu người nghe đánh con cái mình bằng roi, nó sẽ không chết trẻ bởi làm những việc dại dột hay gian ác. Từ "linh hồn" là phép hoán dụ chỉ về một người. Âm phủ là thế giới của người chết; đi đến thế giới của người chết là cách nói giảm của việc qua đời. Cách dịch khác: "và con sẽ giữ cho nó khỏi thế giới của những kẻ chết" hay "và con sẽ giữ cho nó khỏi bị chết mất"

Proverbs 23:15

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

khi môi miệng con thốt ra

"môi miệng con" có nghĩa là cả con người con. Cách dịch khác: "khi con nói ra"

Proverbs 23:17

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

Chớ để lòng con ganh tỵ với hạng tội nhân

Từ "lòng" là phép hoán dụ đại diện cho cả con người. Cách dịch khác: "Đừng để bản thân con ganh tỵ với những kẻ có tội" hay "Hãy chắc rằng con không ghen tị với những kẻ có tội"

sự trông cậy của con sẽ chẳng luống công đâu

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ không cho phép bất cứ ai cất đi sự trông cậy của con" hay "Chúa sẽ giữ những lời hứa mà Ngài đã lập với con"

Proverbs 23:19

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

Con ơi, hãy lắng nghe

"Hãy lắng nghe cách cẩn thận, con trai của ta." Người nói đang nói thêm để chắc rằng người nghe chú tâm lắng nghe.

hãy hướng lòng con vào đấy

Việc quyết định làm điều đúng đắn được miêu tả như một người đang chỉ cho người khác biết con đường nào nên đi. Cách dịch khác: "hãy chắc rằng con làm điều khôn ngoan"

những kẻ ham ăn thịt

Rất có thể có nghĩa là 1) "những người ăn nhiều thịt hơn mức họ cần" hay 2) đây là phép hoán dụ để chỉ về "những người ăn nhiều hơn mức họ cần."

kẻ ham ngủ sẽ quấn mình bằng giẻ rách

Từ "kẻ ham ngủ" là cách nói cường điệu hóa về những người dành quá nhiều thời gian cho việc ăn uống. Hoạt động này được miêu tả như thể nó là bậc phụ huynh mặc đồ cho con của mình. Cách dịch khác: "bởi vì họ dành quá nhiều thời gian cho việc ăn uống, họ sẽ không làm việc và sẽ trở nên nghèo khó"

Proverbs 23:22

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

chớ coi thường

"bày tỏ lòng kính trọng với"

Hãy mua lẽ thật, đừng bán nó đi; hãy mua sự khôn ngoan, kỷ luật, và sự thông sáng

Một ý nghĩa khác đó là "Hãy mua chân lý, và đừng bán đi sự khôn ngoan, sự kỷ luật hay sự hiểu biết." Những từ "chân lý," "sự khôn ngoan," "sự kỷ luật" và "sự hiểu biết" là những danh từ mang tính trừu tượng và chúng được miêu tả như những món đồ mà người ta có thể mua và bán tại nơi chợ. Chúng có thể được dịch ra như những động từ. Cách dịch khác: "Hãy làm điều con nên làm để con biết được điều nào là đúng, để con được nên khôn ngoan, để con có thể tự chủ bản thân mình và để con có thể phân biệt giữa điều tốt và điều xấu; đừng nghĩ rằng có bất kỳ điều nào quan trọng hơn những điều này"

Proverbs 23:24

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20

Cha của người làm theo điều phải sẽ có sự vui vẻ lớn, và người nào sanh con khôn ngoan sẽ khoái lạc nơi nó

Một ý nghĩa khác nữa đó là cụm "người nào sanh con khôn ngoan " giải thích cho cụm "cha của người làm theo điều phải." Cách dịch khác: "Cha của người công bình, người có con cái khôn ngoan, sẽ rất vui mừng và vừa ý về đứa con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đó."
sẽ khoái lạc nơi nó
"sẽ được vui mừng vì cớ nó"
Proverbs 23:26
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
hãy dâng lòng con cho cha
Từ "lòng" đại diện cho điều một người suy nghĩ và quyết định thực hiện. Rất có thể nó có nghĩa là 1) "hãy cẩn thận chú ý" hay 2) "tin cậy ta hoàn toàn."
nguyện mắt con luôn theo đuổi
Con mắt đại diện cho toàn bộ con người. Cách dịch khác: "quan sát" hay "nhìn cách cẩn thận"
gái điếm ... vợ của người khác
Ở đây muốn nói đến những phụ nữ thiếu đạo đức. "Gái điếm" là một người nữ chưa kết hôn, "vợ của người khác" là một người đã kết hôn rồi. Cả hai từ này được dùng với ý nghĩa hoán dụ chỉ về những phụ nữ thiếu đạo đức. cp[;
gái điếm là một cái hố sâu
"ngủ với một cô gái điếm cũng giống như việc rơi vào một cái hố sâu vậy"
gái điếm
Ở đây, từ này có ý nói đến những người nữ chưa kết hôn nhưng có sinh hoạt tình dục, chớ không chỉ nói đến những người làm điều đó vì tiền.
Hố sâu ... hầm hẹp
Đây là những nơi người ta dễ rơi vào và khó có thể thoát ra, "hố" thường "sâu" và "hầm" vì thường "chật hẹp."
vợ của người khác là một cái hầm hẹp
"Ngủ với vợ của người khác cũng giống như rơi vào một cái hầm chật hẹp vậy"
Hầm
Là một cái hố người ta đào lên để lấy nước
rình đợi
ấn núp, sẵn sàng tấn công khi nạn nhân tiến đến
kẻ phản bội
Tính từ danh định này có thể dịch như một tính từ hay động từ. Cách dịch khác: "người xảo trá" hay "những người làm hại người khác bằng cách lừa dối họ"
Proverbs 23:29
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
Ai bị sự khốn khổ? Ai phải buồn thảm? Ai có sự tranh cạnh? Ai than xiết? Ai bị thương tích vô cớ? Ai có con mắt đỏ?
Trước giả dùng những câu hỏi này để chuẩn bị đọc giả cho ý mà ông sắp sửa trình bày về những loại người này. Trước giả không trông đợi người ta sẽ trả lời chúng. Trong ngôn ngữ của bạn rất có thể cũng có phương cách khác để mở đầu cho một bài học. Cách dịch khác: "Hãy lắng nghe ta khi ta nói cho con biết ai là người sẽ khốn khổ, buồn thảm, tranh cạnh, than xiết, bị thương tích vô cớ và có con mắt đỏ."
con mắt đỏ
"có mắt màu đỏ giống như màu của máu"
Người nào bám lấy chai rượu, những kẻ nếm thứ rượu pha
Những lời này trả lời cho các câu hỏi trong câu 29 và có ý nói đến người uống quá nhiều rượu.
bám lấy chai rượu
Dành quá nhiều thời gian cho việc uống rượu và do đó uống rất nhiều rượu
rượu pha
Rất có thể có nghĩa là 1) nhiều loại rượu được trộn lại với nhau hay 2) những thức uống khác mạnh hơn cả rượu.
Proverbs 23:31
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
Đến cuối cùng
"Sau khi con đã uống nó"
nó cắn như rắn, chích như rắn lục
Từ "nó" có ý nói đến "rượu khi nó đỏ hồng." "Cắn" và "chích" là ẩn dụ nói về cảm giác của con người ta khi uống quá nhiều rượu. Cách dịch khác: "nó khiến con cảm thấy tệ hại như thể con bị rắn cắn hay một con rắn lục đã mổ con vậy"
Rắn lục
Một loại rắn độc
lòng con sẽ nói điều gian tà
Tấm lòng đại diện cho suy nghĩ và hành động của một người. Cách dịch khác: "con sẽ nghĩ đến và quyết định làm những điều gian tà"
điều gian tà
Những điều Đức Chúa Trời kể là vô đạo đức và xấu xa; những điều gian ác
Proverbs 23:34
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
nằm trên chót cột buồm vậy
"nằm trong cái giỏ gần chót cột buồm"
cột buồm
cột gỗ dài để gắn cánh buồm lên của một chiếc thuyền buồm
Họ đánh tôi, nhưng tôi không đau. Họ đập tôi, nhưng tôi không cảm nhận được gì hết.
Bởi vì người say xỉn không còn nhận thức cách rõ ràng nữa, thế nên anh ta tưởng tượng như thể có ai đánh và đập mình nhưng anh ta không cảm thấy đau đớn và không thể nhớ được bất cứ điều gì.
Khi tôi tỉnh dậy
Người say xỉn đang tự hỏi rằng khi nào anh ta mới tỉnh táo trở lại; khi nào thì ảnh hưởng của rượu không còn nữa.

Translation Questions

Proverbs 23:1
Một người nên quan sát cẩn thận những gì phía trước mặt khi nào?
Khi một người ngồi ăn với một người cai trị, anh ta nên cẩn thận quan sát những gì đang xảy ra trước mặt mình.
Proverbs 23:4
Một người khôn ngoan biết khi nào nên ngừng lại điều gì?
Một người khôn ngoan biết khi nào nên ngừng làm việc quá sức để cố gắng trở nên giàu có.
Proverbs 23:5
Điều gì xảy ra khi một người sáng mắt trên tiền của?
Khi một người sáng mắt trên tiền của, nó đã biến mất.
Proverbs 23:7
Tại sao trái tim của một người gian tà không thật lòng với bạn khi hắn ta mời bạn ăn uống?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trái tim của một người gian tà không thật lòng với bạn bởi vì hắn ta tính giá tiền cho phần ăn.
Proverbs 23:9
Một kẻ ngu ngốc phản ứng như thế nào với những lời khôn ngoan?
Một kẻ ngu ngốc khinh thường những lời khôn ngoan.
Proverbs 23:11
Ai sẽ biện hộ nguyên nhân của những trẻ mồ côi?
Đấng Cứu Chuộc quyền năng của họ sẽ biện hộ nguyên nhân của trẻ mồ côi.
Proverbs 23:13
Điều gì không nên bỏ qua ở con trẻ?
Kỷ luật không nên bỏ qua ở con trẻ.
Proverbs 23:16
Điều gì khiến cho người cha vui mừng sung sướng?
Khi con trai của ông nói điều ngay thẳng, thì người cha sẽ vui mừng sung sướng.
Proverbs 23:20
Một người không nên nhập bọn cùng với loại người nào?
Một người không nên nhập bọn với kẻ say rượu hoặc người ham ăn.
Proverbs 23:23
Một người nên mua cái gì?
Một người nên mua chân lý, sự khôn ngoan, sự kỷ luật và học thức.
Proverbs 23:26
Một người con nên cho cha mình cái gì?
Một người con nên cho cha của mình tấm lòng của mình.
Proverbs 23:28
Vợ của người khác làm tăng điều gì trong nhân loại?
Vợ của người khác làm tăng số người bội nghĩa trong nhân loại.
Proverbs 23:29
Ai có khổ nạn và tranh đấu?
Những kẻ chè chén mãi bên ly rượu có khổ nạn và tranh đấu.
Proverbs 23:30
Ai có khổ nạn và tranh đấu?
Những kẻ chè chén mãi bên ly rượu có khổ nạn và tranh đấu.
Proverbs 23:33
Mắt người nhìn vào rượu khi nó màu đỏ, thì nó sẽ thấy điều gì?
Một người nhìn vào rượu khi nó màu đỏ, thì nó sẽ thấy những điều kỳ lạ.
Proverbs 23:35
Người say rượu nói rằng hắn ta sẽ làm gì khi hắn tỉnh dậy?
Người say rượu nói rằng hắn ta sẽ tìm rượu uống khác khi hắn tỉnh dậy.

Chapter 24
Proverbs 24:1
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
lòng chúng nó
Cụm từ "lòng chúng nó" có ý nói đến toàn bộ con người. Cách dịch khác: "họ"
môi miệng chúng
Cụm từ "môi miệng chúng" có ý nói đến toàn bộ con người. Cách dịch khác: "họ"
nói ra điều rối rắm
"nói về việc làm hại" hay "nói về việc gây ra những vấn đề"
Proverbs 24:3
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
Nhờ sự khôn ngoan, cửa nhà được xây cất nên
Danh từ mang tính trừu tượng "khôn ngoan" có thể được dịch như một tính từ. Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Nếu một người muốn xây nên một căn nhà tốt thì người đó cần phải khôn ngoan"
do hiểu biết nhà ấy được vững bền
Danh từ mang tính trừu tượng "hiểu biết" có thể được dịch ra như một động từ. Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Nếu một người muốn nhà mình được bền vững thì họ cần phải hiểu được điều gì là tốt và điều nào là xấu về mặt đạo đức"
được vững bền
Được ổn định và mạnh mẽ. Từ "nhà" đại diện cho gia đình sống bên trong đó, và nhà được ổn định và mạnh mẽ là phép ẩn dụ chỉ về một gia đình sống trong an bình.
Nhờ sự tri thức, phòng ốc đầy ắp
Danh từ mang tính trừu tượng "tri thức" có thể được dịch ra như một động từ. Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Nếu một người muốn làm đầy phòng mình thì người đó cần phải biết đâu là thứ quý giá và vừa ý"
Proverbs 24:5
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
Người khôn ngoan
"một chiến binh khôn ngoan"
người nào hiểu biết thì tốt hơn người có sức mạnh
"một người biết nhiều điều là người mạnh mẽ hơn bởi vì người biết những điều này"
nhờ mưu khôn ngoan
"nếu con có người ngôn ngoan mách bảo con con điều phải làm"
lượng được
"chiến đấu"
nhiều mưu sĩ
Những người chỉ cho những quan chức chính phủ điều họ nên làm
Proverbs 24:7
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
quá cao đối với kẻ dại
"quá khó để người ngu dại có thể hiểu được"
mở miệng mình ra
"nói"
Proverbs 24:8
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
kẻ sắp xếp bậc thầy
Người giỏi vạch ra những kế hoạch gian ác. Cách dịch khác: "kẻ phá hoại" hay "người gây rắc rối"
Proverbs 24:10
Thông tin chung:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
sức lực con nhỏ mọn thay
"con lúc nào cũng yếu ớt"
Proverbs 24:11
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
kẻ bị đùa đến
Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "những người bị họ kéo đi," trong đó từ "họ" có thể là bất cứ ai, nhưng rất có thể là thể là những quan chức nhà nước.
bị đùa đến
Một ý nghĩa khác đó là "bị lôi đi."
đi xiêu tó
Đi không vững và gần như té ngã. Từ này cũng có thể dùng để miêu tả dáng dấp của một người trong tình trạng bị một người khác lôi đi.
chỗ khổ hình
Danh từ mang tính trừu tượng "chỗ khổ hình" này có thể được dịch ra như một động từ. Trước giả miêu tả như thể những người lôi kéo họ đi nghĩ rằng những con người này không khác gì những con vật. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có từ ngữ nào phù hợp để miêu tả việc làm thịt những con vật, thì bạn có thể đưa từ đó vào đây. Cách dịch khác: "nơi người ta sẽ giết họ như thể giết những con vật"
Nếu con nói: "Chúng tôi ... về việc nầy". Có phải
Trước giả đang trả lời cho điều mà đọc giả rất có thể đang hiểu sai. Cách dịch khác: "Bạn có thể nói rằng, 'hãy xem, ... điều này,' nhưng có phải ..."
Chúng tôi
"Hãy nghe chúng tôi! Chúng tôi" hay "Nhưng chúng tôi" hoặc "Chúng tôi không làm gì sai cả, bởi vì chúng tôi"
Có phải Đấng chuyên cân nhắc tấm lòng hiết biết con đang nói điều gì sao?
Người viết giả định rằng đọc giả đã biết câu trả lời và đặt ra câu hỏi này nhằm mục đích nhấn mạnh thêm. Cách dịch khác: "Đấng cân nhắc tấm lòng biết rõ điều anh đang nói."
Đấng
"Đức Giê-hô-va là Đấng"
cân nhắc tấm lòng
Từ "tấm lòng" là phép hoán dụ đại diện cho điều một người suy nghĩ và mong ước. Trước giả miêu tả như thể điều một người suy nghĩ và ao ước giống như là một vật thể mà người ta có thể cân đo được, và việc cân đo một vật là phép ẩn dụ hàm ý nói về việc tra xét một điều gì đó cách cẩn thận để xem liệu nó có tốt hay không. Cách dịch khác: "biết rõ điều mọi người suy nghĩ và ước ao là tốt hay không"
Đấng gìn giữ sanh mạng con, có phải Ngài không biết đến nó sao?
Người viết giả định rằng đọc giả đã biết câu trả lời và đặt ra câu hỏi này nhằm mục đích nhấn mạnh thêm. Cách dịch khác: "Đấng bảo vệ mạng sống con biết điều đó."
có phải Ngài sẽ chẳng báo cho mỗi người những gì họ đáng được sao?
Người viết giả định rằng đọc giả đã biết câu trả lời và đặt ra câu hỏi này nhằm mục đích nhấn mạnh thêm. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ ban cho mỗi người điều họ xứng đáng nhận được."
Proverbs 24:13
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
sự trông cậy của con sẽ chẳng hề luống công đâu
Rất có thể có nghĩa là 1) đây là một câu bị động có thể được dịch lại sang thể chủ động. Cách dịch khác: "không ai có thể lấy đi niềm hy vọng của con" hay 2) đây là cách nói giảm có thể được dịch với sắc thái cách tích cực hơn. Cách dịch khác: "niềm hy vọng của con chắc chắn vẫn sẽ còn mãi"
Proverbs 24:15
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
Đừng có nằm đó mà đợi
"Đừng ẩn núp và đợi cho đúng thời điểm." Nên dịch cụm "nằm đó mà đợi " như trong PRO01:10
người làm theo điều phải
Danh từ mang tính trừu tượng "người làm theo điều phải" có thể được dịch là "người công bình" hay "người làm theo điều Đức Chúa Trời kể là đúng đắn."
nhà người ấy
Nhà của người công bình
chổi dậy
"đứng dậy trên chân của mình" hay "đứng lên"
kẻ hung ác bị tai vạ đánh đổ
Trước giả nhân cách hóa "tai vạ" giống như một người có thể đem điều xấu đến cho người khác. Những từ này có thể được dịch ra theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ dùng tai vạ để đánh đổ kẻ hung ác"
đánh đổ
Đây là hình ảnh ẩn dụ miêu tả một người đang đứng nhưng một ai đó đã vật họ ngã xuống đất hay làm cho người đó té ngã xuống.
tai vạ
Lúc những điều không may xảy đến trên con người hay tài sản của họ
Proverbs 24:17
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
kẻ thù con sa ngã
"điều xấu xảy đến cho kẻ thù của con"
nguyện lòng con chớ vui mừng
Đây là một mệnh lệnh đầy mạnh mẽ. Từ "lòng" là phép hoán dụ dại diện cho một người. Cách dịch khác: "đừng cho phép bản thân con vui mừng" hay "hãy dừng sự vui mừng của con lại"
cất cơn thạnh nộ Ngài ra khỏi nó
"không còn nổi giận với nó nữa nhưng thay vào đó là nổi giận với con"
Proverbs 24:19
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
ngọn đèn kẻ dữ sẽ tắt đi
Ngọn đèn là phép ẩn dụ hàm ý nói đến sự sống. Sự sống của kẻ dữ sẽ kết thúc giống như một ngọn đèn bị tắt đi vậy.
Proverbs 24:21
Thông tin chung:
Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20
kính sợ
Lòng tôn kính và sợ sệt đối với một người có thẩm quyền.
ai biết phạm vi sự huỷ diệt sẽ xảy đến cho cả hai kẻ ấy?
Trước giả đặt ra câu hỏi này nhằm mục đích nhấn mạnh đến sự hủy diệt sẽ xảy đến. Cách dịch khác: "không ai biết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

được mức độ của sự hủy diệt mà hai người ấy sẽ đem lại."
hai kẻ ấy
Hàm ý nói đến Đức Giê-hô-va và vua
Proverbs 24:23
Đây cũng là lời lẽ của người khôn ngoan
Câu này mở đầu cho một loạt những châm ngôn khác.
sự xét đoán một vụ án
một trường hợp được trình ra trước thẩm phán, trong đó một người bị buộc tội vi phạm pháp luật
Proverbs 24:24
Ai nói với kẻ ác rằng, ... sẽ bị dân sự rủa sả, và các nước lấy làm gớm ghiếc
Từ "các nước" mang nghĩa hoán dụ chỉ về những người sống trong các quốc gia. Cụm này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ rủa sả bất kỳ ai nói với kẻ ác rằng, ..., và người dân trong các nước sẽ căm ghét người đó."
kẻ ác ... Ngươi làm phải
Rất có thể có nghĩa là 1) người ta không bao giờ nên gọi bất kỳ một kẻ ác nào là người công bình hay 2) không ai nên nói với người phạm tội rằng người đó vô tội. Cách dịch khác: "người phạm tội ... vô tội"
sẽ được sự vui thích
"sẽ rất vui mừng"
ơn phước sẽ giáng trên họ
"Người ta sẽ đem cho họ những món quà quý"
ơn phước
"những điều tốt" hay "những phước lành"
Proverbs 24:26
cung ứng nụ hôn nơi môi miệng vậy
Nụ hôn là dấu hiệu bày tỏ lòng tôn kính và tận hiến trong bối cảnh văn hóa đó. Cách dịch khác: "bày tỏ tình bằng hữu thật"
Proverbs 24:28
môi miệng mình
Môi miệng là phép hoán dụ đại diện cho những ngôn từ mà một người nói ra. Cách dịch khác: "bởi điều mà con nói"
báo người
"trả thù người đó"
Proverbs 24:30
Gai góc
Những cây dại có gai nhọn
cỏ khô
Những cây có lá và gai cứng
bị phá hư
"đã sụp đổ"
Proverbs 24:32
nhận được sự dạy dỗ
"học được một bài học"
Ngủ một chút ... ngủ một chút
sự nghèo khổ đến trên con
Một số bản dịch ghi là, "sự nghèo khổ đến trên con như kẻ trộm." Sự nghèo khổ được miêu tả như thể một con người hay một con vật có khả năng tấn công những người lười biếng.
mọi nhu cần của con sẽ áp tới như một kẻ cầm binh khí
"mọi nhu cần của con sẽ áp tới như một kẻ cầm binh khí." Những nhu cầu được miêu tả như thể chúng là một con người có thể tấn công những kẻ lười biếng.

Translation Questions

Proverbs 24:1
Một người không nên ghen tị với những người nào?
Một người không nên ghen tị với những người gian tà.
Proverbs 24:3
Một ngôi nhà được dựng nên bằng cái gì?
Bằng sự thông sáng, một ngôi nhà được dựng nên.
Proverbs 24:5
Điều gì tốt hơn một người có sức mạnh?
Một người có tri thức thì tốt hơn một người có sức mạnh.
Proverbs 24:8
Mọi người gọi một người có mưu mô làm ác là gì?
Mọi người gọi một người có mưu mô làm ác là một bậc thầy của sự bịp bợm.
Proverbs 24:10
Sức mạnh của một người tỏ ra yếu kém như thế nào?
Khi một người tỏ sự hèn nhát của mình trong ngày khó khăn, thì người đó cho thấy sức lực của mình thật yếu kém.
Proverbs 24:12
Đức Chúa Trời ban cho mỗi người điều gì?
Đức Chúa Trời ban cho mỗi người những gì mà họ xứng đáng.
Proverbs 24:15
Kẻ gian tà nằm chờ đợi để làm gì?
Kẻ gian tà nằm chờ đợi để tấn công nhà của người ngay thẳng.
Proverbs 24:17
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu người ta ăn mừng khi kẻ thù gục ngã?
Đức Giê-hô-va sẽ thấy và không đẹp lòng, và Ngài cất cơn thịnh nộ của Ngài khỏi kẻ thù nghịch.
Proverbs 24:18
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu người ta ăn mừng khi kẻ thù gục ngã?
Đức Giê-hô-va sẽ thấy và không đẹp lòng, và Ngài cất cơn thịnh nộ của Ngài khỏi kẻ thù nghịch.
Proverbs 24:20
Điều gì xảy ra với ngọn đèn của kẻ ác?
Đèn của kẻ ác sẽ tắt đi.
Proverbs 24:21
Một người không nên kết hiệp với những người nào?
Một người không nên kết hiệp với những kẻ chống lại vua.
Proverbs 24:24
Điều gì sẽ xảy ra với người nào nói với những kẻ có tội rằng "ngươi là người ngay thẳng"?
Người đó sẽ bị rủa sả bởi các dân tộc, và bị ghét bởi các nước.
Proverbs 24:26
Điều gì giống như một nụ hôn trên môi?
Lời đáp thành thật giống như một nụ hôn trên môi.
Proverbs 24:29
Một người không nên nói gì về người hàng xóm của mình?
Một người không nên nói rằng anh ta sẽ trả lại người hàng xóm của anh ta những gì mà người đó đã làm.
Proverbs 24:30
Đồng ruộng của kẻ lười biếng trông như thế nào?
Trong đồng ruộng của lẻ biếng nhác, gai mọc lên, mặt đất bị

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lồi lõm, và tường bị hư hỏng.
Proverbs 24:31
Đồng ruộng của kẻ lười biếng trông như thế nào?
Trong đồng ruộng của lẻ biếng nhác, gai mọc lên, mặt đất bị lồi lõm, và tường bị hư hỏng.
Proverbs 24:34
Điều gì xảy ra với người lười biếng như một tên cướp?
Nghèo đói xảy ra khi người lười biếng như một tên cướp.

Chapter 25
Proverbs 25:1
che giấu một việc nào đó
"giữ bí mật một việc nào đó"
Nhưng vinh quang
"nhưng đó là sự vinh hiển"
dò được
"tìm kiếm cho ra điều gì đó" hay "tìm kiếm những điều mà Đức Chúa Trời đã che đi"
Giống như các từng trời thì thật cao và đất thì thật thấp, người ta không thể dò được tấm lòng của các vị vua.
Lòng của các vị vua được ví như kích thước của các từng trời và đất. Cách dịch khác: "Cũng giống như việc không ai có thể đo lường được chiều cao của các từng trời hay chiều sâu của đất, thì cũng vậy không ai có thể hiểu được lòng của các vị vua."
các từng trời
Co ý nói đến mọi thứ chúng ta nhìn thấy bên trên đất, bao gồm mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao.
Proverbs 25:4
cáu cặn
vật liệu trong kim loại mà người ta không muốn có chúng và họ loại bỏ vật liệu này bằng cách nung kim loại lên
ngôi người sẽ được lập bền vững do làm
Ngôi là phép hoán dụ đại diện cho quyền lực để cai trị. Cụm này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "vua sẽ vững lập ngôi vị mình bằng cách làm" hay "ông sẽ có quyền lực để cai trị bởi vì ông làm"
Proverbs 25:7
Vì thà người ta nói
Tốt hơn để cho vua (PRO25:07
hơn là con bị hạ xuống
Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "hơn là để người hạ con xuống"
trong sự hiện diện của một nhà quí tộc
"trước mặt một người quý tộc"
Vì rốt cuộc con sẽ làm gì, khi kẻ lân cận con khiến con phải xấu hổ?
Câu hỏi này được đặt ra nhằm khiến cho đọc giả cân nhắc xem liệu họ có thể đã hiểu sai tình huống hay không. Cách mà người hàng xóm có thể khiến người đọc xấu hổ có thể được trình bày cách rõ ràng. Cách dịch khác: "Vì con sẽ không biết rốt cuộc mình phải làm gì, khi người hàng xóm của con làm cho con phải xấu hổ." hoặc "Vì nếu người hàng xóm của con có lời giải thích, người đó sẽ khiến cho con bị xấu hổ và con sẽ không còn gì để có thể biện hộ cho mình."
Proverbs 25:9
trường hợp của con
"sự bất đồng của con"
chớ tỏ ra sự kín đáo của kẻ khác
"đừng chia sẻ những bí mật của người hàng xóm con cho người khác"
và một báo cáo xấu về con
Từ "báo cáo xấu" có nghĩa là "một lời tố cáo rằng con là một con người gian ác." Cách dịch khác: "và người sẽ trình ra những điều xấu về con" hay "và người sẽ nói cho những người khác rằng con là một người xấu"
không thể im bặt được
Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "con sẽ không thể ngăn người đó nói những điều xấu về con"
Proverbs 25:11
khuôn vàng có cẩn bạc... đã được chọn lọc
Đa số bản dịch dịch ẩn dụ này như một phép so sánh và đảo thứ tự của các cụm từ. Sự tốt đẹp của "lời nói ra phải lúc" được miêu tả như một nét đẹp thuộc về thể lý của "những trái táo vàng ở trên một khuôn bạc." Cách dịch khác: "lời nói ... hoàn cảnh cũng giống như những trái táo vàng... bạc" hay "lời nói ... hoàn cảnh thật tuyệt đẹp, giống như những quả táo vàng ... bạc"
khuôn vàng có cẩn bạc
Những người Do Thái cổ đại không biết đến những trái táo mà hầu hết mọi người biết đến ngày nay. Rất có thể cụm từ này có nghĩa là 1) một loại trái cây khác có màu vàng mà người ta đặt trên một đĩa bạc hoặc một cái bát hoặc 2) Từ "táo vàng" là phép ẩn dụ cho một loại trái cây ngon mà người ta phục vụ vào đúng thời điểm, như khi người ăn đặc biệt đói hay khát, hoặc 3) một cái gì đó mà nhà điêu khắc làm ra bằng vàng và đặt một khung bạc xung quanh nó.
lời lẽ
Một thông điệp
chiếc nhẫn ... được làm bằng vàng ròng là một lời quở trách khôn ngoan ... lỗ tai
Hầu hết các bản dịch dịch phép ẩn dụ này như một phép so sánh và thay đổi thứ tự các cụm từ. Giá trị và tầm quan trọng của "một lời quở trách khôn ngoan" được nói đến như thể nó là vàng 1) giá trị của đồng tiền vàng hoặc 2) vẻ đẹp bên ngoài của vàng. Cách dịch khác: "một lời quở trách khôn ngoan ... cho lỗ tai cũng giống như một chiếc nhẫn vàng ... làm bằng vàng ròng" hay "một lời quở trách khôn ngoan... cho lỗ tai thật có giá trị, giống như một chiếc nhẫn vàng ... làm bằng vàng ròng"
lỗ tai biết lắng nghe
"người sẵn lòng để lắng nghe"
Proverbs 25:13
Giống như tuyết giá lạnh vào lúc mùa gặt ... là một sứ giả trung tín
Ở đây người sứ giả trung tín được so sánh với sức lạnh của tuyết, bởi vì cả hai đều đem lại cảm giác thoải mái.
tuyết giá lạnh
Tuyết chỉ rơi trên đỉnh núi và vụ mùa thì lại thường thu hoạch trong điều kiện thời tiết nóng, vì vậy đây có thể là phép ẩn dụ để nói đến một nguồn nước mát, trong lành phát xuất từ một dòng suối sạch. Nếu ngôn ngữ của bạn không có từ để miêu tả tuyết, hãy xem xét dùng những từ ngữ thay thế sau "mát, tươi mát, nước sạch."
tuyết
Những mảnh băng trắng rơi xuống từ trời giống như mưa
làm ích cho chủ mình

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Làm cho những người chủ đang yếu ớt và mệt mỏi được khỏe mạnh và thảnh thơi

Giống như các đám mây và gió mà không có mưa là kẻ khoe khoang ... không ban ra

Hầu hết các bản dịch dịch phép ẩn dụ này như một phép so sánh và thay đổi thứ tự các cụm từ. Mưa rất quan trọng đối với người Do Thái vì tại đây lượng mưa khá ít, vì vậy một đám mây không mà có mưa là vô dụng và đáng thất vọng đối với người Do Thái. Cách dịch khác: "kẻ khoe khoang ... không ban ra cũng giống như các đám mây và gió mà không có mưa" hay "kẻ khoe khoang ... không ban ra thì vô dụng và đáng thất vọng, giống như các đám mây và gió mà không có mưa"

Proverbs 25:15

Với sự kiên nhẫn có thể khuyên dỗ một vị quan trưởng

Cụm này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "một người có lòng kiên nhẫn có thể thuyết phục người cai trị" hay "một người có lòng kiên nhẫn có thể nói với người cai trị và làm thay đổi ý định của ông"

lưỡi mềm dịu có thể bẻ gãy xương cốt

Từ "lưỡi" là phép hoán dụ cho những lời lẽ mà một người dùng miệng lưỡi mình để nói ra. Từ "xương cốt" là phép ẩn dụ chỉ về sự chống đối gay gắt. Cách dịch khác: "lời nói dịu dàng có thể thắng hơn sự chống đối gay gắt."

Proverbs 25:16

Thông tin chung:

Câu 16 trình bày một nguyên tắc chung và câu 17 đưa ra một ví cụ thể cho nguyên tắc đó. Khái niệm ăn quá nhiều mật ong để rồi phải mửa ra là phép ẩn dụ cho việc thu vào quá nhiều điều tốt và rồi hối hận về sau.

Proverbs 25:18

Một người làm chứng dối nghịch cùng kẻ lân cận mình thì khác nào một cái dùi cui, hay gươm, hoặc mũi tên nhọn dùng trong chiến trận.

Một lời làm chứng dối được so sánh với ba thứ vũ khí có thể giết người.

Một kẻ bất trung mà con tin cậy trong thời hoạn nạn thì giống như cái răng hư hay cái chân bị trặt.

Người dại dột được so sánh với một bộ phận của cơ thể gây ra rắc rối cho một người. Cách dịch khác: "Tin tưởng vào một người không trung thành trong lúc gặp rắc rối sẽ chỉ đem lại cho bạn những đau đớn giống như một cái răng hư hoặc bàn chân bị trặt."

Proverbs 25:20

lột áo

Lột áo của một người khác ra

diêm tiêu

một loại chất khoáng sẽ rít và sủi bọt mạnh khi tiếp xúc với các axit như giấm. Nhiều bản dịch dịch từ này là "vết thương."

hát lên những bài ca

"hát lên những bài hát vui mừng"

lòng nặng nề

"một người đang buồn bã"

Proverbs 25:21

chất than cháy đỏ trên đầu hắn

"khiến cho lương tâm người đó cảm thấy tội lỗi về điều mà anh ta đã làm"

Proverbs 25:23

Gió bắc

Ở Y-sơ-ra-ên, gió từ phía bắc thường mang đem mưa đến. Người dịch được tự do thay đổi tên của loại gió có cùng tính chất, ví dụ như, "một cơn gió lạnh."

người nào nói ra điều kín nhiệm

Một số bản dịch thì ghi là, "người nào nóng giận."

tạo nét giận dữ trên nhiều khuôn mặt

Khuôn mặt là từ hoán dụ chỉ về con người. Cách dịch khác: "làm cho người khác nổi giận."

xó nóc nhà

Những ngôi nhà vào thời bấy giờ có mái bằng. Phần lớn thì giờ trong ngày người Y-sơ-ra-ên lúc bấy giờ ở trên mái nhà của họ vì nơi nó thường mát mẻ hơn ở trong nhà và đôi khi người ta xây dựng trên đó một nơi đủ lớn để một người có thể ngủ ở một góc của mái nhà.

hay tranh cạnh

Người hay cãi vả hoặc than vãn

Proverbs 25:25

Giống như nước lạnh cho kẻ nào khát, cũng một thể ấy, tin lành đến từ xứ xa

Nước lạnh được so sánh với tin tức tốt lành vì cả hai đều đem lại cảm giác tươi mát và phấn chấn

Giống như dòng suối có nhiều rong rêu hay nước sông bị đục là người nhơn đức chao đảo trước mặt kẻ ác

Người ta thường cho rằng một con suối hay một cái thác sẽ có nước sạch, giống như người ta mong đợi một người công chính đứng vững trong những gì mình tin. Một dòng suối hay con thác bị ô nhiễm được so sánh với việc một người công chính sa ngã.

chao đảo trước mặt kẻ ác

Chao đảo là một phép ẩn dụ cho 1) việc từ đấu tranh chống lại những kẻ xấu hoặc 2) dựa phần vào trong việc gian ác của chúng. Cách dịch khác: "người cho phép những kẻ ác làm điều ác" hoặc "người bắt đầu làm những việc mà kẻ ác làm"

chao đảo

"không thể đứng được," phép ẩn dụ chỉ về việc không thể tiếp tục làm điều tốt nữa

trước mặt kẻ ác

Rất có thể có nghĩa là "khi những kẻ xấu tấn công anh ta" hoặc "khi những kẻ ác thúc giục anh ta làm điều ác.

Proverbs 25:27

Chẳng tốt lành chi khi ăn quá nhiều mật; giống như tìm kiếm hết vinh quang nầy đến vinh quang khác.

Cả hai việc đó là muốn người khác tôn vinh mình và ăn mật ong đều là điều tốt, tuy nhiên bạn rất có thể sẽ ăn quá nhiều mật ong và bạn cũng có thể rơi vào tình trạng cố gắng quá sức để được mọi người tôn vinh.

Chẳng tốt lành chi

"Nó là điều xấu"

giống như tìm kiếm hết vinh quang nầy đến vinh quang khác

Rất có thể có nghĩa là 1) "giống như việc luôn suy nghĩ xem người khác nên tôn vinh mình như thế nào" hoặc 2) "bạn không nên dành qua nhiều lời khen tặng cho một người."

Một người không kiểm soát mình được giống như một cái thành có những bức tường hư lũng không có chỗ kín vậy.

không kiểm soát thì giống như một cái thành có những bức tường hư lũng không có chỗ kín vậy.** - Cả người không kiểm soát được mình và một thành không có tường thành đều yếu ớt và dễ bị tấn công.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bức tường hư lũng không có chỗ kín
"những bức tường của nó đã bị quân thù đánh sập và phá hủy."

Translation Questions

Proverbs 25:1
Ai là tác giả của những câu châm ngôn này?
Vua Sa-lô-môn là tác giả của những câu châm ngôn này.
Proverbs 25:2
Vinh hiển của Đức Chúa Trời để làm gì?
Đó là vinh hiển của Đức Chúa Trời để giấu kín một điều gì đó.
Proverbs 25:5
Ngôi của vua được vững lập bằng cách nào?
Bằng cách loại trừ những kẻ ác khỏi sự hiện giện của vua, ngôi của vua sẽ được vững lập.
Proverbs 25:7
Điều gì tốt hơn là đứng ở nơi được đặt cho người cao trọng?
Chờ đợi vua nói với bạn rằng "Hãy đến đây", tốt hơn là đứng ở nơi dành cho người cao trọng.
Nếu bạn đã chứng kiến điều gì đó liên quan đến người hàng xóm của bạn, tại sao bạn không nên nhanh chóng đứng ra can ngăn?
Bạn không nên nhanh chóng đứng ra can ngăn bởi vì người hàng xóm của bạn có thể khiến bạn xấu hổ.
Proverbs 25:8
Nếu bạn đã chứng kiến điều gì đó liên quan đến người hàng xóm của bạn, tại sao bạn không nên nhanh chóng đứng ra can ngăn?
Bạn không nên nhanh chóng đứng ra can ngăn bởi vì người hàng xóm của bạn có thể khiến bạn xấu hổ.
Proverbs 25:13
Một sứ giả trung thành làm gì cho những người chủ của mình?
Một sứ giả trung thành làm sống lại linh hồn người chủ của mình.
Proverbs 25:15
Một nhà cai trị có thể được thuyết phục với điều gì?
Với sự kiên nhẫn, một nhà cai trị có thể được thuyết phục.
Proverbs 25:17
Người hàng xóm của bạn có thể mệt mỏi với bạn như thế nào?
Người hàng xóm của bạn có thể mệt mỏi với bạn nếu như bạn đặt chân vào nhà của anh ta quá thường xuyên.
Proverbs 25:19
Điều gì giống như chân bị trẹo?
Một người đàn ông bất trung mà bạn tin cậy cũng giống như một chân bị trẹo.
Proverbs 25:21
Bạn nên làm gì cho kẻ thù mình?
Bạn nên ban cho kẻ thù của mình thức ăn và nước uống.
Proverbs 25:22
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho những ai ban cho kẻ thù mình đồ ăn và nước uống?
Đức Giê-hô-va sẽ ban thưởng cho những ai ban cho kẻ thù mình đồ ăn và nước uống.

Chapter 26
Proverbs 26:1
Giống như tuyết rơi vào mùa hè hay mưa trong lúc mùa gặt
Thông thường tuyết không rơi vào mùa hè và mưa không rơi vào mùa thu hoạch. Điều này có thể được trình bày cách rõ ràng. Cách dịch khác: "Cũng giống như việc tuyết vào mùa hè và mưa trong mùa thu hoạch là điều lạ"
cũng một thể ấy lời rủa sả vô cớ chẳng hề xảy đến bao giờ
Một lời rủa sả ai đó được thốt ra giống như một con chim đậu xuống trên người đó vậy. Cách dịch khác: "cũng vậy một lời nguyền rủa vô cớ chẳng bao giờ có tác dụng trên người kia" hoặc "cũng vậy, lời mắng oan không thể tổn hại gì cho người kia"
lời rủa sả vô cớ
Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "một lời rủa sả mà người kia không đáng phải nhận lấy"
xảy đến
Đáp xuống trên một ai đó hay một thứ gì đó
Proverbs 26:3
Cây roi dùng cho ngựa, hàm thiết dùng cho lừa, và roi vọt dành cho lưng kẻ ngu muội
Cây roi, hàm thiết và roi vọt là những thứ người ta dùng để điều khiển con ngựa, con lừa và người ngu dại làm theo điều mà họ muốn.
hàm thiết dùng cho lừa
Hàm thiết được làm bằng dây da. Người ta đặt nó lên đầu con lừa và giữ một đầu dây để điều khiển con lừa đi theo đường mà họ muốn nó đi.
roi vọt dành cho lưng kẻ ngu muội
Trong Kinh thánh, người ta thường dùng một thanh gỗ để đánh con cái hoặc nô lệ của họ nhằm mục đích kỷ luật.
Proverbs 26:5
Hãy đáp trả kẻ dại rồi hiệp vào sự ngu dại nó
Hiệp vào sự ngu dại của kẻ dại nghĩa là trả lời cho người đó theo cách ngu dại của người đó. Cách dịch khác: "đáp lời kẻ dại theo cách dại dột của nó" hay "đáp lời kẻ dại cách ngu muội"
thế là nó sẽ không được khôn ngoan theo mắt nó
Cụm từ "theo mắt nó" đại diện cho cách suy nghĩ của người đó. Cách dịch khác: "nhờ đó nó sẽ không xem mình là khôn ngoan trong suy nghĩ của nó" hoặc "vì vậy nó sẽ không bắt đầu nghĩ rằng nó khôn ngoan"
Kẻ nào gửi sứ điệp do tay kẻ dại
Ở đây tay đại diện cho trách nhiệm chuyển đi thông điệp của kẻ dại. Cách dịch khác: "Ai gửi một kẻ ngốc để chuyển đi thông điệp"
chặt chính chân mình và uống lấy bạo lực
Cắt bỏ đôi chân và uống nhiều rượu mạnh là hành động làm hại bản thân. Cách dịch khác: "làm hại chính mình như người cắt đứt đôi chân và nhiều rượu mạnh vậy"
uống lấy bạo lực
Bạo lực được miêu tả như một thức uống mà người ta có thể uống được.
Proverbs 26:7
Hai chân người ... câu châm ngôn ở trong miệng kẻ dại
Hai cụm này có thể được sắp đặt lại. Cách dịch khác: "câu châm ngôn ở trong miệng kẻ dại cũng giống như đôi chân của người bị liệt để lòng thòng vậy"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người bị tê liệt
Người không để di chuyển hay cảm nhận được tất cả hoặc một phần cơ thể của mình
câu châm ngôn ở trong miệng kẻ dại
Câu châm ngôn trong miệng của ai đó nghĩa là người đó nói ra một câu châm ngôn. Cách dịch khác: "một câu châm ngôn mà kẻ ngốc nói"
Buộc hòn đá vào cái tràng
Để ném một hòn đi xa, người ta đặt nó vào một cái tràng và quay cái tràng để viên đá có thể bay ra với vận tốc lớn. Kết quả của việc buộc một hòn đá vào trong một cái tràng có thể được trình bày cách rõ ràng. "buộc hòn đá vào trong cái tràng để nó không thể bị ném đi"
trao vinh dự cho kẻ dại
"tôn vinh kẻ dại"
Proverbs 26:9
Cái gai ... câu châm ngôn trong miệng kẻ dại
Sự giống nhau giữa hai điều này có thể được trình bày cách rõ ràng. Cách dịch khác: "Câu châm ngôn trong miệng của kẻ dại nguy hiểm như một cái gai đâm vào tay của một kẻ say rượu"
cái gai đâm vào tay kẻ say xỉn
Rất có thể có nghĩa là 1) nếu người say rượu cầm một bụi gai, thì gai sẽ đâm vào tay người đó, hoặc 2) nếu người say rượu tức giận, anh ta sẽ lấy một bụi gai mà đập vào người khác. Với ý nghĩa thứ hai, từ "gai" tượng trưng cho cả một bụi gai.
câu châm ngôn trong miệng kẻ dại
Câu châm ngôn trong miệng của ai đó nghĩa là người đó nói ra một câu châm ngôn. Dịch tương tự như trong PRO26:07
thuê
"được trả tiền để làm một việc nào đó"
Proverbs 26:11
Có phải con thấy người nào khôn ngoan theo mắt nó chăng?
Câu hỏi này được dùng để hướng người đọc suy nghĩ về một người tự nghĩ rằng mình khôn ngoan. Cách dịch khác: "Hãy xem người nghĩ rằng họ khôn ngoan"
Proverbs 26:13
Có con sư tử ở ngoài đường!
Xem cách bạn đã dịch trong Châm Ngôn PRO22:13
bản lề
Một vật làm bằng kim loại dùng để gắn cánh cửa vào một cái gì đó để nó có thể mở ra và đóng lại
Giống như cánh cửa xoay quanh bản lề, cũng vậy kẻ biếng nhác lăn trở trên giường mình
Người lười lăn qua lăn lại trên giường của mình được so sánh với cánh cửa xoay quanh bản lề.
Proverbs 26:15
Kẻ biếng nhác thò tay mình vào trong dĩa, dù vậy hắn chẳng có chút sức lực gì để nhấc đưa bánh lên miệng mình
Sự lười biếng tột cùng của một người được thể hiện qua hình ảnh người đó đặt tay vào đĩa để ăn nhưng rồi cứ để tay luôn ở đó. Phần đầu của câu này tương đương với Châm ngôn PRO19:23
Kẻ biếng nhác là người khôn ngoan trong mắt mình hơn bảy người biết phân biệt
Cách dịch khác: "người lười biếng nghĩ rằng họ khôn hơn bảy người có sự hiểu biết"
Proverbs 26:17
Giống như người nào nắm lấy tai con chó, khác nào kẻ qua đường nổi giận về cuộc cãi lẫy không can đến mình
Một người tức giận vì sự tranh cãi của người khác đó là tự gây thương tổn không cần thiết cho bản thân mình, cũng giống như người tức giận một con chó bằng cách kéo tai của nó vậy.
Proverbs 26:18
Có phải tôi không nói đùa sao?
Người rồ dại nói rằng hành động của mình chỉ nhằm mục đích vui vẻ, mặc cho sự thiệt hại tiềm ẩn mà họ có thể gây ra.
Proverbs 26:20
kẻ thèo lẻo
Người hai đi nói chuyện tầm phào
Giống như than mồi cho than đỏ lên và củi để chụm lửa, cũng vậy đối với kẻ hay tranh cạnh nhen lên sự tranh cạnh
Cách dịch khác: "Một người thích cãi vả khiến cho mọi người tranh luận giống như than củi dùng để đốt than đá và củi là để nhóm lửa vậy."
Proverbs 26:22
chúng xuống đến các chi thể tận cùng của thân
Những lời tầm phào đi vào trong phần sâu nhất của một con người. Câu này tương ứng với PRO18:07
Môi miệng sôi sụt và tấm lòng độc ác, khác nào bình gốm bọc vàng bạc pha
Cách dịch khác: "Những người nói điều tốt đẹp trong khi suy nghĩ về việc làm những điều xấu cũng giống như men tốt bao bên ngoài một vật làm bằng đất hoặc đất sét"
Proverbs 26:24
tin
Điều này có nghĩa là thừa nhận rằng những gì người khác nói là đúng.
vì có bảy sự gớm ghiếc ở trong lòng hắn
Cách dịch khác: "vì tấm lòng của hắn đầy dẫy những ý nghĩ và kế hoạch gian ác" Con số "7"có nghĩa là trọn vẹn trong trường hợp này.
Dầu sự thù hận của hắn được che đậy với sự giả trá
Cách dịch khác: "Dầu sự giả trá che đậy cho sự thù hận của hắn"
sự gian ác hắn sẽ bị lộ ra nơi chỗ đông người
Cách dịch khác: "cả Y-sơ-ra-ên sẽ phát hiện ra sự gian ác của hắn"
Proverbs 26:27
Lưỡi giả dối ghét những kẻ nó đã chà nát
Cách dịch khác: "Người gian dối ghét những người hắn làm tổn hại bởi lời nói dối của mình"
dua nịnh
Giả vời ca ngợi một ai đó

Translation Questions

Proverbs 26:2
Điều gì không xảy ra với một người?
Một lời rủa sả vô cớ không hề xảy đến với một người.
Proverbs 26:4
Một người sẽ trở nên như thế nào nếu anh ta tham dự vào sự điêu rồ của một kẻ ngốc?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một người tham dự vào sự điên rồ của một kẻ ngu ngốc sẽ trở thành một kẻ ngốc.
Proverbs 26:6
Điều gì giống như cắt đứt chân của chính mình?
Trao gởi tin nhắn vào tay của kẻ ngu ngốc cũng giống như cắt đứt chân của mình.
Proverbs 26:10
Một người mướn một thằng ngu ngốc giống như điều gì?
Một người mướn thằng ngu ngốc giống như một tay xạ thụ bắn mọi người bị thương.
Proverbs 26:11
Tại sao một thằng ngốc giống như một con chó ăn lại đồ nó nôn mửa ra?
Một thằng ngốc giống như một con chó ăn lại với đồ nó nôm nửa bởi vì một thằng ngốc lặp lại những việc làm điên rồ của mình.
Proverbs 26:14
Một cánh cửa quay quanh bản lề của nó giống như điều gì?
Một cánh cửa quay quanh bản lề của nó giống như một người lười biếng lăn trở trên giường của mình.
Proverbs 26:16
Muột người lười biếng xuất hiện ở trong mắt hắn như thế nào?
Một người lười biếng xuất hiện khôn ngoan hơn bảy người đàn ông có tri thức trong mắt hắn.
Proverbs 26:19
Một người sẽ nói gì sau khi hắn lừa gạt người hàng xóm của mình?
Một người nói rằng "Tôi đùa thôi mà!" sau khi đánh lừa người hàng xóm của mình.
Proverbs 26:21
Một người gây gỗ gây ra điều gì?
Một người gây gỗ gây ra xung đột.
Proverbs 26:24
Một người ghét người khác ngụy trang bằng cách nào?
Một người ghét người khác dùng môi miệng của mình để ngụy trang.
Proverbs 26:27
Điều gì xảy ra với người đào hố?
Người đào hố sẽ té xuống đó.
Proverbs 26:28
Môi miệng nịnh hót mang lại điều gì?
Môi miệng nịnh hót mang lại sự hủy hoại.

Chapter 27
Proverbs 27:1
Chớ khoe khoang về ngày mai
Đây là một cảnh báo không nên khoe khoang về điều bạn mong đợi sẽ xảy ra trong tương lai. Điều này có thể được nói cách rõ ràng. Cách dịch khác: "Đừng tự hào khi nói về kế hoạch của bạn cho ngày mai"
ngày mai sẽ đưa đến việc gì
Điều xảy ra trong tương lai được nói đến như thể ngày có thể đem đến một sự việc nào đó. Cách dịch khác: "điều sẽ xảy ra trong ngày" hoặc "điều gì sẽ xảy ra vào ngày mai"
chính miệng con ... chính môi con
Hai cụm từ "miệng" và "môi" này đại diện cho điều được nói ra bởi vì đó là những phần của cơ thể được sử dụng để nói. Cách dịch khác: "chính mình con ... chính mình con"
người lạ chớ không phải chính môi con
Các từ bị thiếu có thể được bổ sung từ cụm từ đứng trước nó. Cách dịch khác: "Hãy để một người lạ mặt khen ngợi con chớ không phải từ chính môi của con"
Proverbs 27:3
sự kích động của kẻ dại còn nặng hơn cả hai thứ ấy
Sự khó khăn trong việc kiên nhẫn trước sự khiêu khích của một kẻ ngu dại được so sánh với độ nặng của đá và cát. Cách dịch khác: "sự khiêu khích của một kẻ dại khó chịu hơn bất cứ điều nào trong số họ" hoặc "Việc kiên nhẫn khi một kẻ ngu dại khiêu khích bạn thật khó hơn là kiên nhẫn mang vác cả hai thứ kia"
sự kích động của kẻ dại
"nan đề gây ra bởi kẻ dại dột." "sự kích động" có nghĩa là những hành động hay ngôn từ có thể khiến một ai đó cảm thấy khó chịu hay nóng giận.
Có sự tàn nhẫn khi giận dữ, và cơn lũ thạnh nộ, nhưng ai có thể đứng nổi trước sự ghen ghét?
Các danh từ trừu tượng "giận dữ", "tức giận" và "ghen ghét" có thể được dịch như là các tính từ. Cách dịch khác: "Một người giận dữ thì tàn nhẫn và một người tức giận thì không thể chế ngự được, nhưng ai có thể đứng nổi trước một người có lòng ghen ghét?"
sự tàn nhẫn
"sự gay gắt"
cơn lũ thạnh nộ
"sự tàn phá của cơn giận." Cơn giận được nói đến ở đây như thể đó là một cơn lũ lớn.
nhưng ai có thể đứng nổi trước sự ghen ghét?
Câu hỏi này ngụ ý rằng không ai có thể đứng nổi trước sự ghen ghét. Nó có thể được diễn đạt lại như một lời tuyên bố. Cách dịch khác: "nhưng không ai có thể đứng nổi trước sự ghen ghét" .
đứng nổi trước sự ghen ghét
Ở đây từ đứng biểu thị cho sự mạnh mẽ và chống cự lại việc bị tổn hại bởi sự tấn công của một người có lòng ghen ghét. Cách dịch khác: "để chống lại người có lòng ghen ghét" hoặc "vẫn mạnh mẽ khi người có lòng ghen ghét tấn công"
Proverbs 27:5
Thà là quở trách công khai
Danh từ trừu tượng "quở trách" có thể được thể hiện bằng động từ "quở trách". Cách dịch khác: "Tốt hơn là bị khiển trách cách công khai"
hơn là thương yêu giấu kín
"hơn tình yêu không được bày tỏ cách công khai." Danh từ trừu tượng "tình yêu" có thể được dịch như một cụm động từ. Cách dịch khác: "hơn là được yêu thương cách bí mật"
bạn hữu gây thương tích cho là do lòng trung thành
"Những vết thương do một người bạn gây ra thì an toàn." Từ "vết thương" ở đây thể hiện nỗi đau và nỗi buồn mà một người cảm thấy khi bị một người bạn khiển trách hoặc sửa sai.
bạn hữu gây thương tích cho là do lòng trung thành
Sự đáng tin cậy của lời khiển trách từ một người bạn được nói đến như thể nỗi buồn mà sự khiển trách của người đó gây ra là đúng đắn. Cách dịch khác: "Mặc dù nó gây ra nỗi buồn, nhưng sự khiển trách của một người bạn là đáng tin cậy"
nhưng kẻ thù có thể hôn bạn cách thừa thãi
Có thể nói rõ rằng nụ hôn của kẻ thù là không đáng tin cậy.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cách dịch khác: "nhưng nụ hôn của kẻ thù là không đáng tin cậy" hoặc "nhưng kẻ thù có thể cố lừa bạn bằng cách hôn bạn một cách thừa thải" hoặc

thừa thãi

"nhiều" hay "quá nhiều"

Proverbs 27:7

Một người ăn no nê

"khi một người đã được thỏa mãn" hay "người đã ăn đủ no "

thậm chí chối bỏ cả mật ong

Mật ong thường là thứ người ta thèm muốn, nhưng không phải đối với người đã ăn được ăn no đủ.

ngay cả đắng cũng trở làm ngọt

"mọi thứ đắng nều nếm thấy ngọt"

Chim bay từ tổ nó đến chỗ nầy chỗ kia thì giống như kẻ lưu lạc xa cách nơi ở của mình vậy

Từ "chỗ này chỗ kia" và "lưu lạc" là cùng một nghĩa trong câu này.

Proverbs 27:9

thuốc thơm

Từ "thuốc thơm" có nghĩa là một loại dầu hay cao mà người ta ưa thích.

làm cho lòng vui mừng

Từ "lòng" ở đây đại diện cho cảm giác hay cảm xúc của một người. Cách dịch khác: "khiến người ta cảm thấy vui vẻ" hay "khiến một người cảm thấy vui mừng"

nhưng sự êm dịu của người bạn thì tốt hơn lời khuyên của người

Rất có thể có nghĩa là 1) "sự êm diệu" đại diện cho lòng tốt. Cách dịch khác: "chúng ta nhận biết lòng tốt của bạn mình qua lời khuyên của họ" hoặc 2) "sự êm diệu" đại diện cho điều mà chúng ta trân quý về người đó. Cách dịch khác: "điều chúng ta trân quý nơi một người bạn đó là lời khuyên của họ"

nhà anh em mình

Từ "anh em" ở đây là từ dùng chung cho người thân, chẳng hạn như những thành viên trong một bộ tộc, dòng tộc hoặc sắc tộc.

tai vạ

Những khó khăn cùng cực hay điều không may

Proverbs 27:11

làm cho lòng cha được vui vẻ

Từ "lòng" ở đây đại diện cho cảm giác hay cảm xúc của một người. Cách dịch khác: "làm cho cha cảm thấy vui vẻ" hoặc "làm cho cha vui mừng"

khi ấy cha có thế đáp lại cùng kẻ nào chế nhạo cha

Đây không phải là câu trả lời cho một câu hỏi, nhưng là lời đáp lại cho người chế nhạo anh ta. Cách dịch khác: "rồi cha sẽ đáp lời người chế nhạo cha" hoặc "rồi cha sẽ có một điều gì đó hữu ích để nói với bất cứ ai chế nhạo cha"

khi ấy cha có thế đáp lại cùng kẻ nào chế nhạo cha

Mối liên hệ giữa vế này với vế trước có thể được làm rõ hơn. Cách dịch khác: "sau đó cha sẽ trả lời cho người đã chế nhạo cha bằng cách nói cho anh ta về con"

Người khôn nhìn thấy rắc rối và lo ẩn mình, nhưng người thiếu kinh nghiệm cứ đi tới và chịu khổ vì cớ nó

Xem lại câu tương tự mà bạn đã dịch trong PRO22:03

Người khôn

"người có sự khôn ngoan" hay "một người có hiểu biết"

người thiếu kinh nghiệm

"người chưa có kinh nghiệm hay chưa trưởng thành"

Proverbs 27:13

Hãy cầm cái áo nếu chủ nó bảo lãnh cho kẻ lạ

Khi cho vay tiền, người cho vay sẽ lấy một thứ gì đó của người mượn, ví dụ như áo xống như là vật bảo đảm cho số nợ. Người cho vay sẽ phải trả lại nó sau khi số tiền đã được trả xong. Nếu người đi vay quá nghèo, người khác có thể đưa cho người chủ nợ một món đồ nào đó để bảo đảm cho người đi vay. Xem lại câu tương tự mà bạn đã dịch trong PRO20:15

bảo lãnh

Điều này có nghĩa là một ai đó đưa người cho vay một thứ gì đó để đảm bảo rằng những gì đã vay sẽ được thanh toán. Tham khảo cách bạn đã dịch trong PRO20:15

cầm lấy

Để "giữ một thứ gì đó làm tin" có nghĩa là giữ một cái gì đó mà người kia đưa như một vật cầm cố, hoặc hứa rằng anh ta sẽ trả cho một món nợ. Tham khảo cách bạn dịch câu tương tự trong PRO20:15

ai dậy sớm trao cho kẻ lân cận mình ơn phước

"nếu bất kỳ ai chúc phước cho người lân cận mình"

ơn phước ấy sẽ bị xem là một sự rủa sả

Câu này có thể được dịch ra với nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "người lân cận sẽ coi ơn phước đó là một sự rủa sả"

Proverbs 27:15

tranh cạnh

Điều này có nghĩa là làm cho mọi người giận nhau hoặc gây ra sự bất đồng mạnh mẽ giữa vòng mọi người.

dột luôn

Điều được ngụ ý ở đây đó là khi trời mưa thì nước liên tục chảy ra. Cách dịch khác: "bị nhiễu nước mưa liên tục"

ngày mưa

"mưa suốt cả ngày"

kềm chế nàng giống như kềm chế gió, giống như tìm cách nắm lấy dầu trong tay hữu mình vậy

Điều được ngụ ý ở đây đó là việc kiềm hãm cô ấy là một việc vô cùng khó khăn hay vô nghĩa giống như là việc cố gắng ngăn cản gió hoặc giữ dầu khỏi chảy ra trong tay của mình

kềm chế nàng

"ngăn cản cô ấy" hoặc "kiểm soát cô ấy." Điều được ngụ ý ở đây đó là việc cố gắng ngăn cô ta cãi nhau với người khác. Cách dịch khác: "kiềm chế cô ấy lại để không cãi vả"

kềm chế gió

"ngăn cản gió" hặc "kiểm soát gió"

Proverbs 27:17

Sắt mài nhọn sắt; cũng một thể ấy, một người lo trau dồi bạn hữu mình.

Hai cụm từ này so sánh cách một thanh sắt được mài dũa với cách một người được trau dồi. Cách dịch khác: "Giống như sắt có thể dùng để mài sắt, thì cũng vậy, phẩm cách của một người có thể được trau dồi qua mối liên hệ với bạn của mình"

săn sóc

"chăm sóc"

người nào lo bảo hộ chủ mình ắt sẽ được tôn trọng

Câu này có thể được dịch ra theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "người chủ sẽ tôn vinh người bảo vệ ông ấy"

Proverbs 27:19

tấm lòng của một người

Cụm từ này có nghĩa là những suy nghĩ của một người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cách dịch khác: "điều mà một người nghĩ tới"

vực sâu

Đây là một tên riêng và nó có nghĩa là "kẻ hủy diệt." Cách dịch khác: "Kẻ Hủy Diệt"

thấy thoả mãn

"thấy đủ"

mắt của con người

Cụm từ "mắt của con người" ở đây có nghĩa là sự ham muốn những điều mà người đó nhìn thấy. Cách dịch khác: "những tham muốn của con người"

Proverbs 27:21

Cái lò để thử bạc và cái nồi dót để thử vàng

Điều này chỉ về cách vàng và bạc được tinh chế. Kim loại thường được tinh chế bằng nung nó ở nhiệt độ cao để nó tan chảy ra nhằm loại đi các tạp chất. Xem cách bạn dịch cụm từ tương tự trong PRO17:03

Cái lò

một vật chứa dùng để nung kim loại ở nhiệt độ rất cao

nồi dót

Một cái lò có nhiệt độ rất cao

người ta bị thử khi họ được khen ngợi

Câu này có thể dịch theo thể chủ động. Cách dịch khác: "khi một người khen ngợi anh ta, thì đó là họ cũng đang thử anh ta"

Dầu con dùng chày giã kẻ ngu dại ... thì sự điên dại nó sẽ không lìa khỏi nó

Điều này có nghĩa là ngay cả khi một người ngu dại chịu đau khổ hoặc đau đớn

chày

một dụng cụ cứng chắc có một đầu tròn, dùng để nghiền những thứ trong bát

Proverbs 27:23

Con phải biết chắc tình trạng bầy của con, và phải quan tâm đến gia súc của con

Hai cụm từ này về cơ bản là có cùng ý nghĩa và được sử dụng cùng nhau nhằm mục đích nhấn mạnh.

bầy

"bầy chiên"

gia súc

"bầy dê"

Có phải chiếc vương miện còn đến đời đời không?

Câu hỏi này mong đợi một câu trả lời mang tính phủ định để làm rõ ý muốn truyền tải đó là vương triều của những người cai trị trên đất này không kéo dài mãi mãi. Điều này có thể được thể hiện như là một lời khẳng định. Cách dịch khác: "chiếc vương miện không tồn tại mãi mãi."

chiếc vương miện

Từ "vương miện" ở đây là một từ hoán dụ hàm ý nói về quyền cai trị của vị vua trên vương quốc của ông. Cách dịch khác: "sự cai trị của vua"

cỏ mới mọc ra

"mầm mới mọc lên" hoặc "cỏ mới bắt đầu mọc"

Proverbs 27:26

Câu liên kết:

Câu 26 và 27 gộp chung với các câu từ 23 đến 25 tạo thành một châm ngôn.

Chiên con sẽ cung ứng y phục cho con

Điều được ngụ ý ở đây đó là lông cừu từ lông cừu có thể được sử dụng để làm quần áo. Cách dịch khác: "Lông cừu sẽ cho con quần áo"

bầy dê sẽ cung ứng giá của đồng ruộng

Điều được ngụ ý đó là số tiền thu được từ việc bán dê sẽ đủ để mua một cánh đồng. Cách dịch khác: "bán đi đàn dê của con sẽ đủ tiền để mua một cánh đồng"

cho người nhà con

"cho cả gia đình của con"

và thực phẩm cho các tớ gái của con

Điều được ngụ ý ở đây đó là việc có đủ sữa dê để nuôi những đầy tớ gái. Cách dịch khác: "và sẽ có sữa dê đủ để nuôi những đầy tớ gái của con"

thực phẩm

"đồ ăn"

Translation Questions

Proverbs 27:1

Tại sao chúng ta không nên khoe khoang về ngày mai?

Một người không nên khoe khoang về ngày mai bởi vì anh ta không biết ngày mai xảy đến những điều gì.

Proverbs 27:3

Thứ gì nặng hơn trọng lượng của cát?

Sự khiêu khích của một kẻ ngốc nặng hơn trọng lượng của cát.

Proverbs 27:6

Kẻ thù có thể làm gì để đánh lừa bạn?

Kẻ thù có thể hôn bạn để đánh lừa bạn.

Proverbs 27:7

Mọi chất đắng trở nên ngọt ngào với những người nào?

Với những người đói, mọi điều cay đắng đều ngọt ngào.

Proverbs 27:10

Điều gì tốt hơn so với một người anh em ở xa?

Một người hàng xóm tốt hơn là người anh em ở xa.

Proverbs 27:12

Một người khôn ngoan làm gì khi thấy rắc rối?

Một người khôn ngoan ẩn mình khi thấy rắc rối.

Proverbs 27:14

Khi nào mà chúc phước lớn tiếng được coi là một lời rủa sả?

Sáng sớm mà chúc phước lớn tiếng được coi là một lời rủa sả.

Proverbs 27:15

Điều gì giống như việc ngăn giữ gió?

Can ngăn người vợ hay tranh cãi cũng giống như việc ngăn giữ gió.

Proverbs 27:16

Điều gì giống như việc ngăn giữ gió?

Can ngăn người vợ hay tranh cãi cũng giống như việc ngăn giữ gió.

Proverbs 27:17

Điều gì giống như sắt mài sắt?

Một người làm sắc nét bạn của mình cũng giống như sắt mài sắt.

Proverbs 27:20

Điều gì không bao giờ cảm thấy đủ, giống như Âm phủ?

Đôi mắt của người đàn ông không bao giờ cảm thấy đủ, giống như Âm phủ.

Proverbs 27:22

Thậm chí làm điều thì cũng sẽ không loại bỏ được sự dại dột của một

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thằng ngu?
Dù là nghiền nát một thằng ngu cũng sẽ không loại bỏ được sự dại dột ra khỏi nó.
Proverbs 27:24
Sự giàu có kéo dài bao lâu?
Sự giàu có không kéo dài mãi mãi.
Proverbs 27:26
Bầy chiên cung cấp điều gì cho một hộ gia đình?
Bầy chiên cung cấp quần áo cho một hộ gia đình.

Chapter 28
Proverbs 28:1
Vì có sự quá phạm trong xứ
Danh từ trừu tượng "sự quá phạm" có thể được dịch như một động từ. Cách dịch khác: "Vì điều mà xứ vi phạm"
sự quá phạm trong xứ
Đây là phép hoán dụ cho tội lỗi mà những người sống tại một vùng đất vi phạm. Cách dịch khác: "Sự vi phạm của dân tộc sống tại đó"
nhưng với một người thông sáng và hiểu biết
Điều được ngụ ý ở đây đó là người được nói đến là người cai trị hoặc người lãnh đạo. Các danh từ trừu tượng "thông sáng" và "hiểu biết" có thể được dịch như động từ. Cách dịch khác: "với một người hiểu biết và biết làm thế nào để cai trị"
Proverbs 28:3
ức hiếp
"ngược đãi cách nặng nề"
giống như trận mưa chẳng để lại chút đồ ăn nào cả
Việc người nghèo này ức hiếp người nghèo khác được so sánh với một cơn mưa to đến nỗi làm hại mùa màng.
trận mưa
Đây là phép ẩn dụ nói đến một cơn mưa to làm cho cây trồng bị gãy đổ. Cách dịch khác: "trận mưa gây thiệt hại"
bỏ luật pháp
"bỏ luật pháp của Đức Chúa Trời"
người giữ theo luật pháp
Cụm từ "giữ theo luật pháp" nghĩa là làm điều mà Đức Chúa Trời đòi hỏi. Cách dịch khác: "những người tân theo luật pháp của Đức Chúa Trời "
chiến đấu chống lại chúng
"đấu tranh chống lại chúng." Câu này có nghĩa là chống đối hay chống cự chúng cách mạnh mẽ.
Proverbs 28:5
Kẻ ác
Người làm những việc ác
chẳng hiểu sự công bình
Danh từ trừu tượng "công bình" có thể được thể hiện như một tính từ. Cách dịch khác: "không hiểu điều nào là đúng"
ai tìm cầu Đức Giê-hô-va
Những ai muốn biết Đức Giê-hô-va và làm vui lòng Ngài được nói đến như thể họ đang tìm kiếm Đức Giê-hô-va.
hiểu biết mọi sự
Điều được ngụ ý ở đây đó là những người tìm kiếm Đức Giê-hô-va đều hiểu biết mọi sự công bình. Cách dịch khác: "hoàn toàn hiểu rõ điều nào là đúng đắn"
thật lấy làm tốt cho người nghèo
"Tốt hơn là làm một người nghèo"
bước đi cách ngay thẳng
Ở đây từ "bước đi" đề cập đến cách sống. Cách dịch khác: "người sống trong sự chính trực của mình"
bước đi cách ngay thẳng
Danh từ trừu tượng "ngay thẳng" có thể được dịch ra như một trạng từ. Cách dịch khác: "bước đi cách thành thật" hoặc "sống cách trung thực"
theo đường tà vạy
Những người giàu có không trung thực được nói đến như thể họ đi trên những con đường quanh co hay cong vẹo. Cách dịch khác: "Người không trung thực trong những gì người đó làm"
Proverbs 28:7
Người nào giữ theo luật pháp
Cụm từ "giữ theo luật pháp" nghĩa là làm điều mà Đức Chúa Trời đòi hỏi. Cách dịch khác: "Người vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời"
đứa con có sự hiểu biết
Danh từ trừu tượng "sự hiểu biết" có thể được dịch như một động từ. Cách dịch khác: "người con trai hiểu biết"
hoang đàng
"người ăn uống quá mức." Từ "hoang đàng" ở đây chỉ về người ăn uống vô độ.
làm xấu hổ cho cha nó
"khiến cha nó xấu hổ" hay "làm cha nó hổ thẹn"
phát đạt
"gia thêm sự giàu có"
ăn lời quá mức
"thu thêm phí khi cho vay"
lời
tiền người vay phải trả cho việc sử dụng tiền của người khác
tóm thâu của cải mình
"đem hết sự giàu có của mình"
dành cho người khác
"đem cho một người khác"
thương xót
cảm giác buồn bã vô cùng hay cảm thông cho một ai đó
Proverbs 28:9
Nếu một người
"Nếu một người"
xây tai mình đi không khứng nghe theo luật pháp
Cụm từ này đại diện cho một người quay lưng lại và chối bỏ luật pháp của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "quay lưng lại với việc nghe và tuân theo luật pháp"
ngay cả lời cầu nguyện của người cũng là một sự gớm ghiếc
"ngay cả lời cầu nguyện của người cũng làm Đức Chúa Trời khó chịu." Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời ghê tởm ngay cả lời cầu nguyện của hắn."
sự gớm ghiếc
Xem cách bạn dịch từ này trong PRO03:31
Hễ ai làm cho người ngay thẳng lạc vào đường xấu
Đây là phép ẩn dụ chỉ về việc dẫn dắt một người tốt đi vào con đường tà ác. "Ai làm người ngay thẳng đi theo đường tà"
Hễ ai

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Nếu bất cứ người nào"

người ngay thẳng

Từ này chỉ về người ngay thẳng nói chung. Cách dịch khác: "những người ngay thẳng"

sẽ sa vào hố mình đã đào

"sẽ rơi vào cái bẫy mà họ đã đào." Đây là một phép ẩn dụ chỉ về một người lãnh cùng một hậu quả mà họ muốn dẫn những người khác đi đến. Cách dịch khác: "sẽ kết thúc trong cùng một nơi xấu xa mà họ đã hướng dẫn người khác đến"

người không tì vít

Từ này chỉ về những người vô tội nói chung. Cách dịch khác: "những người vô tội"

sẽ có một cơ nghiệp tốt lành

"sẽ hưởng được điều tốt"

Proverbs 28:11

có mắt xem mình là khôn ngoan

Cụm từ "có mắt xem mình" đại diện cho suy nghĩ của người đó. Cách dịch khác: "khôn ngoan trong suy nghĩ của mình" hoặc "nghĩ rằng mình khôn ngoan"

kẻ có sự hiểu biết

Danh từ trừu tượng "sự hiểu biết" có thể được dịch như một động từ. Cách dịch khác: "người hiểu biết"

sẽ tìm gặp người

Đây là một thành ngữ có nghĩa là người nghèo sẽ có thể xác định được liệu người giàu có thực sự khôn ngoan hay không. Cách dịch khác: "sẽ thấy bản chất thật của người"

Khi có sự thắng hơn cho người làm theo điều phải

"khi người công bình thành công" hay "khi người công bình đắc thắng"

khi kẻ ác dấy lên

Đây là một thành ngữ có nghĩa là khi thế lực xấu nắm quyền hay bắt đầu cai trị. Cách dịch khác: "khi người ác lên nắm quyền"

kẻ ác

Từ này chỉ về người xấu nói chung. Cách dịch khác: "những người xấu"

Proverbs 28:13

giấu tội lỗi mình

"giấu tội lỗi mình." Đây là điều trái ngược với việc xưng tội và từ bỏ những tội lỗi, và điều được miêu tả như hành động che giấu đi tội lỗi thay vì phơi bày chúng ra.

thịnh vượng

"thành công" hay "tấn tới"

ai xưng chúng ra rồi lìa bỏ nó sẽ được thương xót

Câu này có thể được trình bày theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ tỏ lòng thương xót cho kẻ xưng nhận và lìa bỏ chúng"

Phước cho người nào luôn luôn sống với sự kỉnh kiền

Câu này có thể được trình bày theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho người luôn sống với lòng kính sợ"

sống với sự kỉnh kiền

Danh từ trừu tượng "sự kỉnh kiền" có thể được diễn đạt như một tính từ. Cách dịch khác: "sống một đời sống kỉnh kiền"

sự kỉnh kiền

Từ này có ý nói đến lòng kính trọng đối với Đức Giê-hô-va và bày tỏ ra lòng kính trọng đó bằng cách vâng lời Ngài.

nhưng hễ ai cứng lòng mình

"người cứng lòng"

cứng lòng mình

Đây là một thành ngữ có nghĩa là trở nên bướng bỉnh hoặc không muốn vâng lời Chúa. Cách dịch khác: "Từ chối vâng lời Chúa"

sẽ sa vào rối rắm

Câu này có ý nói rằng người đó sẽ kết thúc trong đau khổ và khốn cùng. Cách dịch khác: "sẽ gặp rắc rối"

Proverbs 28:15

Giống như sư tử đang gầm rống hay gấu đang giận dữ là một vị gian ác cai trị trên dân nghèo

một kẻ ác cai trị trên những người nghèo giống như con sư tử đang gầm thét hay một con gấu tấn công họ

Proverbs 28:17

làm đổ huyết ai đó

"hắn giết người khác" hoặc "hắn sát hại người khác"

đào tẩu

một người đang chạy trốn để tránh cho khỏi bị bắt

sẽ được giữ an toàn

Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ người đó được an toàn "

Proverbs 28:19

cày ruộng mình

Câu này có nghĩa là cày cấy, gieo giống và chăm sóc cho cây trồng của mình.

kẻ nào vội làm cho giàu ắt sẽ chẳng khỏi bị phạt

Cách dịch khác: "Người giàu lên cách nhanh chóng chắc chắn sẽ bị trừng phạt" hoặc "Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ trừng phạt người làm giàu cách nhanh chóng"

Proverbs 28:21

vì một miếng bánh, người sẽ phạm sai lầm

Cách dịch khác: "một người sẽ phạm tội chỉ vì một chút lợi ích"

Kẻ keo kiệt

Người không thích chia sẻ những thứ mình có

vội chạy theo giàu có

Tham muốn sự giàu có.

Proverbs 28:23

tìm được nhiều ơn

Câu này nghĩa là có được sự tán thành của một ai đó.

nịnh mình bằng lưỡi của hắn

Cách dịch khác: "khen ngợi người với những lời lẽ không thật lòng"

kẻ hay huỷ diệt

người gây ra sự tàn phá hay tổn hại

Proverbs 28:25

kẻ tham lam

Người muốn có nhiều hơn điều mà họ cần

khuấy động

Gây ra điều xấu hay điều khó chịu

Proverbs 28:27

ai khép mắt mình lại đối với họ sẽ nhận lãnh nhiều sự rủa sả

Câu này có thể được thể hiện theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "họ sẽ buông ra nhiều lời rủa sả cho bất cứ ai nhắm mắt trước họ"

khép mắt mình lại đối với họ

"phớt lờ họ" hay "không giúp đỡ họ"

Khi kẻ ác dấy lên

"Khi người ác lên nắm quyền" hay "khi kẻ ác có được quyền

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lực." Câu này đề cập đến việc có được một địa vị quyền lực hay nắm quyền lực chính trị

Translation Questions

Proverbs 28:1

Ai chạy trốn ngay cả khi không có ai đuổi theo họ?

Kẻ ác chạy trốn dù không ai đuổi theo họ.

Proverbs 28:4

Ai được ca ngợi bởi những kẻ bỏ luật pháp?

Những kẻ ác được ca ngợi bởi những kẻ bỏ luật pháp.

Proverbs 28:6

Điều gì quan trọng hơn, tiền bạc hay sự trong sạch?

Sự trong sạch quan trọng hơn tiền bạc.

Proverbs 28:8

Điều gì xảy ra với sự giàu có của một người bởi sự ăn lời phá nhiều?

Sự giàu có của ông sẽ được trao cho người thương xót kẻ nghèo.

Proverbs 28:10

Ai sẽ ngã vào hố của họ?

Một người lừa dối người công bình đi theo con đường gian tà sẽ rơi vào hố của riêng mình.

Proverbs 28:12

Mọi người phản ứng như thế nào khi kẻ ác nổi lên?

Người ta tự ẩn mình khi kẻ ác nổi lên.

Proverbs 28:13

Một tội nhân có thể được sự thương xót bằng cách nào?

Một người tội nhân xưng nhận và từ bỏ tội lỗi của mình sẽ được thương xót.

Proverbs 28:16

Làm thế nào để ngày của người cai trị được tăng dài thêm?

Người cai trị có thể được sống lâu nếu ông ghét của hối lộ.

Proverbs 28:17

Điều gì có thể khiến cho một người trốn chạy cho đến chết?

Làm đổ máu của một người có thể làm cho người đó trốn chạy cho đến chết.

Proverbs 28:19

Làm thế nào để một người có được nhiều sự nghèo đói?

Nếu một người đi theo những vật không có giá trị, hắn sẽ có rất nhiều sự nghèo đói.

Proverbs 28:22

Một người keo kiệt đeo đuổi sự giàu có như thế nào?

Một người keo kiệt rảo bước sau sự giàu có.

Proverbs 28:25

Kết quả của người tin cậy vào Đức Giê-hô-va là gì?

Người tin cậy Đức Giê-hô-va sẽ thành công.

Proverbs 28:27

Người nhắm mắt làm ngơ người nghèo sẽ nhận điều gì?

Một người nhắm mắt khỏi người nghèo thì họ sẽ bị nhiều lời nguyền rủa.

Chapter 29

Proverbs 29:1

cứng cổ mình

Chống cự lại những lời quở trách

sẽ bị gãy cổ trong phút chốc

Câu này có thể được dịch theo thể chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ bất ngờ đánh đổ họ"

không phương cứu chữa

"và không ai có thể chữa lành cho anh ta." Bệnh tật là phép ẩn dụ cho bất kỳ một tình huống xấu nào. Cách dịch khác: "không ai có thể giúp anh ta"

dân sự rên siết

Người ta thở dài cách lớn tiếng để tỏ ra rằng họ mệt mỏi và buồn bã. Cách dịch khác: "Người dân sẽ mệt mỏi và buồn bã"

Proverbs 29:3

nhờ sự công bình

"nhờ làm điều đúng đắn" hay "nhờ đặt ra luật pháp công bằng"

Proverbs 29:5

nịnh bợ kẻ lân cận mình

cố ý nói với người lân cận mình những điều không đúng sự thật để người đó làm theo điều mà người nói muốn người đó làm

giăng lưới cho chơn mình

giăng lưới để bắt chân của người lân cận khiến người đó không thoát được

Kẻ ác có cái bẫy bởi tội lỗi của hắn

Khi kẻ ác phạm tội, nó giống như thể người đó đang đi vào một cái bẫy. Người đó muốn làm điều ác cho người khác, nhưng Đức Chúa Trời sẽ sử dụng những gì người đó làm làm để trừng phạt họ.

Proverbs 29:7

châm lửa đốt thành

Xuôi khiến dân thành gây nên rắc rối

bỏ cơn giận đi

Khiến người giận dữ nên hiền hòa lại

Proverbs 29:9

có tranh luận với

Một ý nghĩa khác đó là "đưa ra tòa chống lại."

người giận rồi cười

kẻ ngu dại nổi giận và cố gắng ngăn cản người khôn ngoan nói hoặc vị thẩm phán của toà án phân xử

giận

Từ này có nghĩa là to tiếng và kích động, hành động cách mạnh mẽ như một cơn bão lớn. Đây là một từ mang nghĩa tiêu cực.

chẳng thấy yên tâm được

"họ sẽ không thể nào giải quyết được vấn đề"

tìm kiếm mạng sống

"muốn ra tay sát hại"

Proverbs 29:11

chú ý

"lắng nghe." Dịch tương tự như trong PRO17:03

mọi kẻ dưới quyền người sẽ trở nên gian ác

Những hành vi của người cai trị được miêu tả bằng cách chỉ ra hậu quả mà họ sẽ gây ra. Cách dịch khác: "như thể ông đang dạy các quan chức của mình trở nên xấu xa"

Proverbs 29:13

người ức hiếp

người đối xử khắc nghiệt với mọi người và làm cho cuộc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sống của họ trở nên khó khăn
Đức Giê-hô-va ban ánh sáng cho mắt cả hai
"Đức Giê-hô-va khiến cả hai đều được sống."
ngôi của người
"đất nước của người"
Proverbs 29:15
Roi vọt và sự quở trách cung ứng sự khôn ngoan
Trước giả miêu tả như thể roi vọt và lời khiển trách là những người có thể đem lại sự khôn ngoan như một món quà hữu hình. Cách dịch khác: "Nếu cha mẹ sử dụng roi vọt trên con mình và khiển trách nó, đứa trẻ sẽ trở nên khôn ngoan" hoặc "Nếu cha mẹ kỷ luật con cái và nói cho nó biết khi nó làm sai, thì đứa trẻ sẽ học được cách sống khôn ngoan".
roi vọt
Phụ huynh ở tại Y-sơ-ra-ên sử dụng một thanh gỗ làm dụng cụ để kỷ luật con cái bằng cách đánh chúng. Cách dịch khác: "kỷ luật"
quở trách
Khi một người khiển trách một người khác hoặc quở trách người đó, nghĩa là người này nói với người kia rằng anh ta không chấp nhận những gì người kia đang làm.
thêm lên sự quá phạm
Danh từ trừu tượng "sự quá phạm" có thể được dịch như động từ. Cách dịch khác: "nhiều người sẽ phạm tội và tội lỗi của họ sẽ trở nên nghiêm trọng hơn"
sự sa ngã của kẻ ác
Danh từ trừu tượng "sự sa ngã" có thể được dịch ra thành động từ "ngã xuống", đây là phép ẩn dụ chỉ về việc mất đi quyền cai trị. Cách dịch khác: "những người xấu ngã xuống" hoặc "những người xấu mất đi quyền cai trị"
Proverbs 29:17
người nào giữ theo luật pháp thì được phước
Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho người vâng giữ luật pháp"
Proverbs 29:19
Tôi tớ sẽ chẳng bị chỉnh sửa bằng lời nói
Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động."Con không thể sửa một người nô lệ đơn thuần bằng cách nói chuyện với anh ta."
Con có thấy kẻ hấp tấp trong lời nói mình chăng?
Trước giả sử dụng một câu hỏi nhằm thu hút sự chú ý của người đọc. Cách dịch khác: "Con nên để ý những gì xảy ra với một người vội vàng trong lời nói của mình."
Proverbs 29:21
Người nào nuông chìu kẻ tôi tớ mình
người cho phép nô lệ của mình trốn việc và đối xử với nô lệ của mình tốt hơn đối xử với những nô lệ khác (xem UDB)
đến cuối cùng
"khi người nô lệ đã qua thời tuổi trẻ" hay "khi người nô lệ đã trưởng thành"
sẽ gặp nhiều rối rắm
Cụm từ này được dịch ra từ tiếng Hê-bơ-rơ nhưng ý nghĩa của nó không rõ ràng. Một số người cho rằng nó có nghĩa là người nô lệ sẽ trở nên yếu ớt, số khác thì cho rằng người nô lệ ấy sẽ lên cai quản gia đình. Dù là ý nghĩa nào đi chăng nữa, thì người đọc cần phải hiểu rằng một người cần phải kỷ luật nô lệ của họ như họ phải kỷ luật con trai của mình vậy (PRO29:17
khuấy đảo sự tranh cạnh
Việc khiến cho mọi người tranh cãi nhiều hơn được nói đến như thể đang khuấy động hoặc đánh thức những tranh cãi. Cách dịch khác: "khiến mọi người tranh cãi nhiều hơn" hoặc "khiến mọi người tranh cãi và tranh đấu." Tham khảo những từ tương tự trong PRO15:17
người cưu giận
"người dễ nổi nóng"
Proverbs 29:23
ai có tinh thần khiêm nhượng sẽ được tôn vinh
Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ tôn vinh người có lòng khiêm nhường" hoặc "người có lòng khiêm nhường sẽ nhận được sự tôn trọng từ mọi người" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ khiến người ta tôn vinh người có lòng khiêm nhường"
ghét chính mạng sống mình
"trở thành kẻ thù của chính mình"
nó nghe lời rủa sã và chẳng nói gì hết
Rất có thể có nghĩa là: 1) người ta bắt người "dự phần với kẻ trộm" thề phải nói ra sự thật điều mình biết về những thứ mà tên trộm đánh cắp và anh ta biết rằng anh ta sẽ bị trừng phạt nếu anh ta nói sự thật. Cách dịch khác: "anh ta không dám tuyên thệ là sẽ làm chứng" hoặc 2) người ta không biết ai là tên trộm nhưng họ cầu xin Chúa rủa sả kẻ trộm, và "người có dự phần" sợ không dám xưng nhận tội của mình và như vậy người đó mắc phải sự rủa sả vì anh ta sợ kẻ trộm. Cách dịch khác: "anh ta không nói bất cứ gì ngay cả sau khi mọi người đã rủa sả anh"
Proverbs 29:25
Kẻ sợ hãi người ta lo giăng bẫy
"Bất cứ ai sợ những gì người khác có thể làm với mình cũng giống như người bị mắc trong cái bẫy"
bẫy
một cái bẫy làm bằng dây thừng dùng để bắt động vật
người nào tin cậy nơi Đức Giê-hô-va được bảo hộ
Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ bảo hộ người tin cậy nơi Ngài"
Nhiều người tìm kiếm mặt vua
Từ "mặt" là một từ hoán dụ chỉ về việc người cai trị lắng nghe điều người dân muốn ông làm rồi sau đó thực hiện. Cách dịch khác: "Nhiều người muốn nhà vua quan tâm đến họ"
sự công bình người ấy có cần đều từ Đức Giê-hô-va mà đến
Chính Đức Giê-hô-va, chớ không phải những người cai trị trên đất này, là Đấng sẽ đảm bảo rằng một người sẽ được đối đãi cách công bình.
Proverbs 29:27
sự gớm ghiếc
Người bị ghét bỏ. Xem cách dịch trong PRO03:31

Translation Questions

Proverbs 29:1
Điều gì sẽ xảy ra cới người cứng cổ sau nhiều lần bị khiển trách?
Một người thường xuyên bị khiển trách mà vẫn cứng cổ sẽ bị sụp đổ không đường cứu chữa được.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Proverbs 29:3
Điều gì phá hủy sự giàu có của một người?
Ở chung cùng hội của gái mại dâm sẽ phá hủy sự giàu có của một người.
Proverbs 29:6
Điều gì làm cho người ác sụp bẫy?
Tội lỗi của kẻ ác sẽ làm cho hắn sụp bẫy.
Proverbs 29:8
Người nào xoay khỏi sự giận dữ?
Một người khôn ngoan xoay khỏi sự giận dữ.
Proverbs 29:10
Những kẻ khát máu tìm cách giết ai?
Những kẻ khát màu tìm cách giết người ngay thẳng.
Proverbs 29:11
Người khôn ngoan làm gì với cơn giận của mình?
Một người khôn ngoan kiềm giữ cơn giận của mình và bình tĩnh lại.
Proverbs 29:14
Một vị vua có thể củng cố ngôi vị của mình mãi mãi bằng cách nào?
Một vị vua có thể củng cố ngai vàng của mình mãi mãi bằng cách xét đoán kẻ nghèo theo công lý.
Proverbs 29:17
Kết quả của việc kỷ luật một đứa trẻ là gì?
Một đứa trẻ có kỷ luật sẽ cho cha mẹ sự thảnh thơi.
Proverbs 29:18
Nếu người ta không giữ gìn luật pháp, họ sẽ làm gì?
Nếu người ta không giữ gìn luật pháp, họ sẽ chạy vào đồng vắng.
Proverbs 29:20
Điều gì tệ hơn một thằng ngu?
Một người vội vàng trong lời nói mình thì còn tệ hơn là một thằng ngu.
Proverbs 29:23
Người nào nhận được sự tôn vinh?
Một người có lòng khiêm nhường thì sẽ được tôn vinh.
Proverbs 29:25
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với những người tin cậy Ngài?
Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ người nào tin cậy Ngài.
Proverbs 29:27
Ai là một điều ghê tởm đối với những người công chính?
Một người bất công là một điều ghê tởm đối với những người công chính.

Chapter 30
Proverbs 30:1
A-gu-rơ ... Gia-kê ... Y-thi-ên ... U-canh
Đây là tên của những người nam.
A-gu-rơ, con trai Gia-kê
Có nghĩ là con trai của Gia-kê, chớ không phải là cháu.
lời tiên tri
thông điệp từ Đức Chúa Trời
cho Y-thi-ên, cho Y-thi-ên và U-canh
"cho Y-thi-ên-đó là, cho Y-thi-ên và U-canh"
Quả thật
"chắc chắn" hay "không nghi giờ gì nữa"
ta không có sự hiểu biết của một con người
Danh từ trừu tượng "sự hiểu biết" có thể được dịch như động từ. Cách dịch khác: "Ta không hiểu bất cứ điều gì theo cách mà con người thường hiểu chúng"
ta cũng không có tri thức của Đấng Thánh
Danh từ trừu tượng "tri thức" có thể được dịch như động từ. Cách dịch khác: "Ta cũng thật sự không biết gì về Đấng Thánh"
Proverbs 30:4
Ai đã ... xuống? Ai đã ... lòng tay mình? Ai đã ... áo mình? Ai lập ... đất?
Trước giả đặt những câu hỏi này để người đọc biết rằng Đức Giê-hô-va vĩ đại hơn con người dường bao. Cách dịch khác: "Không có ai đã ... xuống. Không có ai đã ... tay. Không có người nào ... chiếc áo. Không có ai ... trái đất." hoặc "Ai đã ... xuống? Ai đã ... tay? Ai đã ... áo mình? Ai đã ... đất? Không một ai đã từng làm bất cứ điều nào trong số này."
trời
Nơi Đức Chúa Trời ngự
góp gió trong lòng tay mình
Trước giả miêu tả gió như thể nó là thứ mà một người có thể nắm giữ và cầm trong tay mình. Cách dịch khác: "đã nắm giữ được cơn gió trong tay mình"
lòng tay mình
Hình dạng của đôi tay khi hốt một thứ gì đó lên, ví dụ như nước hay cát. "trong lòng đôi tay mình"
góp
Tập trung những đồ vật nhỏ bị phân tán lại thành một đống để có thể nhấc chúng lên
lập các giới hạn của đất
"đã thiết lập các giới hạn nơi mà đất kết thúc" hoặc "đã đánh dấu ranh giới cho các cột móc của trái đất"
Danh người là chi, và tên con trai người là gì?
Trước giả sử dụng những câu hỏi này nhằm mục đích yêu cầu người đọc phải đưa ra câu trả lời. Cách dịch khác: "Cho tôi biết danh của người và tên con trai của người nếu bạn biết họ"
Nếu ngươi biết, hãy nói đi!
Trước giả sử dụng cách nói châm biếm để cho thấy rằng cả ông lẫn người đọc đều không biết bất kỳ một người nào khác có thể làm những gì mà "người" trong những câu hỏi trước đó có thể làm được. Cách dịch khác: "Tôi không nghĩ rằng bạn thực sự biết bất cứ ai có thể làm được những điều đó."
Proverbs 30:5
đã được thử nghiệm
"giống như một quí kim mà người ta đã lọc ra tất cả những chất cặn bã"
Ngài là cái thuẫn đỡ cho người nào nương cậy nơi Ngài
Từ "cái thuẫn" là phép ẩn dụ chỉ về một cái gì đó bảo vệ cho một người. Cách dịch khác: "Ngài bảo vệ những người đến và kêu cầu Ngài bảo vệ họ"
thêm chi vào các lời Ngài
Nói nhiều hơn lời Ngài đã phán
ngươi bị cho là
Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Ngài sẽ chứng minh ngươi là"
Proverbs 30:7
khiến cho sự kiêu căng và lời dối trá dan xa khỏi tôi
Rất có thể có nghĩa là: 1) "Đừng để người ta nói điều kêu căng và dối trá với tôi" hoặc 2) "Đừng để tôi nói lời kiêu căng và dối trá."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sự kiêu căng

Những lời sai trái và vô bổ

Chớ cho tôi nghèo khổ, hoặc giàu có

Trước giả miêu tả "nghèo khổ" và "giàu có" - những danh từ có thể được dịch như những tính từ - như là những đồ vật hữu hình mà một ai đó có thể đem cho người khác. Cách dịch khác: "Đừng cho tôi trở nên rất nghèo hoặc rất giàu"

Vì nếu tôi có quá nhiều, tôi sẽ chối Ngài rồi nói

Câu này miêu tả một tình huống giả định không hề xảy ra nhưng là điều có thể xảy ra nếu như trước giả trở nên giàu có.

nếu tôi nghèo khó, tôi sẽ trộm cắp và báng bổ

Câu này miêu tả một tình huống giả định không hề xảy ra nhưng là điều có thể xảy ra nếu như trước giả trở nên nghèo khó.

tôi sẽ trộm cắp và báng bổ danh của Đức Chúa Trời tôi

"Tôi có thể khiến cho những người biết tôi đã đi ăn cắp nghĩ rằng không hề có Đức Chúa Trời" hoặc "Tôi có thể làm tổn hại danh tiếng của Đức Chúa Trời qua việc đi ăn cắp"

Proverbs 30:10

phao vu

nói sai về người khác với mục đích làm hại người đó

nó sẽ rủa sả

Người đầy tớ sẽ rủa sả

ngươi mắc tội chăng

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "mọi người sẽ cho rằng ngươi có tội"

Proverbs 30:11

Có một dòng dõi rủa sả ... không chúc phước cho ... đấy là một dòng dõi

"một dòng dõi của những người rủa sả ... và không chúc phước ... đấy là dòng dõi của những người"

dòng dõi

Loại hay hạng hoặc nhóm

thanh sạch theo chính mắt họ

"tin rằng họ thanh sạch"

họ chưa rửa sạch nhơ bẩn mình

Những từ như "rửa sạch" và "nhơ bẩn" chỉ về việc Đức Chúa Trời tha thứ cho những người phạm tội như thể Ngài đang rửa đi sự dơ bẩn của người đó. Điều này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời không tha thứ cho họ về những tội lỗi của họ"

nhơ bẩn

Từ này nên được dịch bằng một từ lịch sự miêu tả chất nôn mửa và chất thải của con người hay động vật.

Proverbs 30:13

mắt họ kiêu hãnh thay và mí mắt họ nhướng cao dường nào!

Hai danh từ này đề cập đến những người nghĩ rằng họ là người tốt hơn người khác. Đôi mắt của họ cho thấy rằng họ kiêu căng và cách họ nhìn người khác cho thấy họ nghĩ rằng họ tốt hơn so với những người khác.

kiêu hãnh

Tự hào, xem mình tốt hơn người khác, xem những người khác là xấu

hàm

Những xương trên khuôn mặt có răng mọc lên trên đó

Proverbs 30:15

Con đỉa có hai con gái

Đây là một ví dụ về cái gì đó luôn muốn có nhiều hơn. Cách dịch khác: "sự tham lam có hai con gái"

Đỉa

một loại sâu bám vào da để hút máu

chúng kêu lên: "Hãy cho và hãy cho"

Có thể dịch theo một nghĩa khác đó là "và cả hai đều có tên là Hãy Cho Tôi."

Có ba thứ chẳng hề lấy làm thoả mãn, bốn điều chẳng nói rằng: "Đủ rồi!"

Việc sử dụng các chữ số "ba" và "bốn" với nhau ở đây có thể là một thủ pháp trong văn thơ. Cách dịch khác: "Có bốn điều không bao giờ hài lòng, những người không bao giờ nói là, 'Đủ rồi'"

chẳng hề lấy làm thoả mãn

"luôn muốn thêm nữa"

đất không no đủ nước

Đất đai không còn sản xuất thực phẩm được nữa vì không có mưa, điều này được nói đến như thể nó là một người cần phải uống nước.

xem khinh sự vâng lời đối với mẹ mình

Từ "vâng phục" - một danh từ trừu tượng có thể được dịch như động từ - là một từ hoán dụ chỉ về người mẹ. Cách dịch khác: "coi mẹ mình vô là vô dụng và không vâng lời bà"

kên kên ... ăn nó

Trước giả nói rằng người đó sẽ chết bằng cách đưa ra hai hình ảnh về những gì sẽ xảy ra cho những người chết xa nơi người đó sống.

loài quạ sẽ móc con mắt ấy

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "những con quạ ở thung lũng sẽ móc mắt nó ra"

loài quạ

Một loại chim màu đen, lớn, lông sáng bóng chuyên ăn thực vật và xác động vật chết

kên kên sẽ ăn nó

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "loài kên kên sẽ ăn nó"

kên kên

một trong những loài chim lớn có đầu nhỏ và đầu không có lông chuyên ăn xác động vật chết

Proverbs 30:18

Có ba việc lấy làm ... bốn thứ mà ta chẳng hiểu được:

Việc sử dụng các chữ số "ba" và "bốn" với nhau ở đây có thể là một thủ pháp trong văn thơ. Cách dịch khác: "Có một số điều quá diệu kỳ đối với tôi mà tôi không hiểu - bốn trong số đó là:"

giữa biển

Từ "giữa" dùng để chỉ vị trí ở giữa. Cách dịch khác: "ở giữa biển" hoặc "trên biển"

Proverbs 30:20

nàng ăn, rồi nàng lau miệng

Câu này có vẻ như vừa là lối nói trại vừa là phép ẩn dụ cho việc phạm tội tà dâm xong rồi sau đó đi tắm rửa.

Proverbs 30:21

Trái đất rúng động dưới ba việc nầy, và bốn điều, nó chẳng chịu nổi

Việc sử dụng các chữ số "ba" và "bốn" với nhau ở đây có thể là một thủ pháp trong văn thơ. "Có một số điều làm cho trái đất rúng động, làm cho nó không thể chịu đựng, bốn trong số đó là"

kẻ dại khi hắn no nê đồ ăn

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "một kẻ dại có đủ đồ ăn no nê"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người nữ có lòng thù hận khi lấy chồng
Nghĩa là, người ta ghét cô trước khi cô kết hôn; sau khi cô kết hôn, cô sẽ trở nên tệ hơn trước khi cô kết hôn. Điều này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "một phụ nữ mà người tốt ghét khi cô kết hôn" hoặc "một người phụ nữ bị ruồng bỏ khi cô ấy kết hôn"
chiếm lấy chỗ bà chủ mình
Nắm quyền trong gia đình
Proverbs 30:24
Con thỏ
một con vật có tai hình tròn nhỏ, chân ngắn và không có đuôi
Proverbs 30:27
Con thằn lằn
một loài bò sát nhỏ có bốn chân, thân dài, thon và có đuôi
Proverbs 30:29
Có ba vật điệu đi ... bốn vật nước bước xem sang trọng
Việc sử dụng các chữ số "ba" và "bốn" với nhau ở đây có thể là một thủ pháp trong văn thơ. Cách dịch khác: "Một số con vật có dáng sang trọng. Bốn trong số này là:"
tốt đẹp
Oai nghi hay trang nghiêm, giống như một vị vua
Con ngựa chiến
Một con gà trống trưởng thành với dáng đi oai vệ
Proverbs 30:32
ép
Khuấy mạnh
bơ
Sữa của động vật được khuấy lên và làm cho đặc lại

Translation Questions

Proverbs 30:1
Lời của ai là tác giả của những câu châm ngôn này?
Lời của A-gu-rơ, con của Gia-kê viết những câu châm ngôn này.
Proverbs 30:3
Tác giả đã không học điều gì?
Tác giả đã không học sự khôn ngoan.
Proverbs 30:6
Điều gì sẽ xảy ra với những ai thêm vào lời của Đức Chúa Trời?
Đức Chúa Trời sẽ quở trách những người thêm vào lời của Ngài.
Proverbs 30:8
Tác giả ước mình giàu có như thế nào?
Tác giả mong ước không có sự nghèo đói cũng không giàu có.
Proverbs 30:9
Tác giả sợ ông ấy sẽ làm gì nếu ông được giàu có?
Tác giả sợ rằng ông sẽ từ chối Đức Giê-hô-va nếu ông được giàu có.
Proverbs 30:11
Ai sẽ không được rửa sạch những tội lỗi bẩn thỉu của họ?
Một thế hệ mà nguyền rủa cha mình và không chúc phước cho mẹ mình sẽ không được rửa sạch tội lỗi bẩn thỉu của họ.
Proverbs 30:12
Ai sẽ không được rửa sạch những tội lỗi bẩn thỉu của họ?
Một thế hệ mà nguyền rủa cha mình và không chúc phước cho mẹ mình sẽ không được rửa sạch tội lỗi bẩn thỉu của họ.
Proverbs 30:14
Thế hệ kiêu căng sẽ làm gì người nghèo?
Thế hệ kiêu căng sẽ tàn sát người nghèo.
Proverbs 30:15
Có bốn điều nào chẳng hề nói "đủ"?
Bốn điều chẳng bao giờ nói "đủ" là âm phủ, dạ không sinh con, đất khát nước và lửa.
Proverbs 30:16
Có bốn điều nào chẳng hề nói "đủ"?
Bốn điều chẳng bao giờ nói "đủ" là âm phủ, dạ không sinh con, đất khát nước và lửa.
Proverbs 30:19
Điều thứ hai mà tác giả không hiểu được là gì bởi vì nó quá tuyệt vời?
Tác giả không hiểu được đường bò của con rắn ở trên đá.
Proverbs 30:22
Điều đầu tiên mà tác giả nói rằng sẽ khiến cho trái đất rúng động là gì?
Điều đầu tiên khiến cho trái đất rung động là một tên nô lệ trở thành một vị vua.
Proverbs 30:27
Tác giả tìm thấy điều tuyệt vời gì ở cào cào?
Tác giả tìm thấy loài cào cào tuyệt vời vì chúng không có vua, nhưng tất cả đều đi ngang hàng.
Proverbs 30:30
Điều gì không chịu quay lưng lại với bất cứ điều gì?
Con sư tử không chịu lui bước với bất cứ thứ gì.
Proverbs 30:32
Một người có âm mưu làm điều ác thì nên làm gì?
Một người có âm mưu điều ác thì nên đặt tay mình lên miệng.
Proverbs 30:33
Giận dữ sẽ tạo ra điều gì?
Tức giận tạo ra xung đột.

Chapter 31
Proverbs 31:1
vua Lê-mu-ên
Đây là tên của một vị vua.
châm ngôn
Sứ điệp từ nơi Đức Chúa Trời. Dịch như trong PRO30:01
Con ơi, sao chứ? Và hỡi con của tử cung ta, ta phải nói gì đây? Hỡi con của sự khấn nguyện ta, ta nên nói điều gì với con?
Rất có thể câu tu từ "điều gì" có nghĩa là 1) "con đang làm gì?" hoặc "con không nên làm những gì con đang làm" hoặc 2) "ta sẽ nói với con điều gì đây?" hoặc "hãy lắng nghe những gì ta nói với con" hoặc 3) "đừng làm những điều ta sắp cảnh báo với con đây."
Con ơi ... con của tử cung ta ... con của sự khấn nguyện ta
Người nói muốn người nghe cẩn thận chú ý và tôn trọng người đang nói chuyện với mình.
con của tử cung ta
Tử cung là phép hoán dụ chỉ về một người. Tốt nhất nên dùng một từ ngữ lịch sự để miêu tả phần cơ thể mà trẻ sơ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sinh lớn lên trước khi chúng được sinh ra.

con của sự khấn nguyện ta

Từ "sự khấn nguyện" có thể có nghĩa là 1) lời hứa trong hôn nhân của người mẹ hoặc 2) lời hứa khi cô kết hôn rằng nếu Đức Chúa Trời cho phép cô có một đứa con, cô sẽ dâng đứa con đó cho Chúa.

Chớ phó sức lực con cho phụ nữ

"Đừng cố sức để có thể quan hệ tình dục với phụ nữ", hoặc là ngoài hôn nhân hoặc là với thê thiếp.

hay đừng bước theo những kẻ có đường lối hòng tiêu diệt các vua

"hoặc cho phép những người giết hại các vị vua khuyên nhủ bạn"

đường lối

Rất có thể có nghĩa là 1) "cách con sống" hay 2) "công việc con làm"

kẻ tiêu diệt các vua

rất có thể là những "phụ nữ" thiếu đạo đức mà người đó không nên phó sức mạnh của mình cho họ.

Proverbs 31:4

Lê-mu-ên

Tên của một người nam. Dịch như trong PRO31:01

điều đã được quy định

Điều này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Rất có thể nó có nghĩa là: 1) "điều Đức Chúa Trời đã định" hoặc 2) "những điều các vua đã quy định."

đảo lộn

"thay đổi" hay "bóp méo" hoặc "phủ nhận"

Proverbs 31:6

ban rượu

"và đưa rượu cho"

lòng bị cay đắng

"người có linh hồn cay đắng" hay "người đang đau khổ"

nỗi nghèo khổ mình

Danh từ trừu tượng "nghèo khổ" có thể được dịch như một tính từ. Cách dịch khác: "người đó nghèo đến thế nào"

rối rắm của mình

Danh từ trừu tượng "rối rắm" có thể được dịch như một mệnh đề. "những điều xấu xảy đến với người đó "

Proverbs 31:8

nói thay cho kẻ không thể nói được

"bảo vệ cho những người không thể tự bảo vệ mình"

duyên cớ của hết thảy những người đang hư mất

"để mọi người sẽ đối xử với tất cả những ai đang chết mất một cách công bằng"

nói thay duyên cớ

"nói ra cớ sự" hay "nói thay cho"

người khốn cùng nghèo thiếu

Hai từ này về cơ bản có cùng ý nghĩa và được sử dụng cùng nhau nhằm mục đích nhấn mạnh. Cách dịch khác: "những người nghèo và không có những thứ mà họ cần"

Proverbs 31:10

Ai sẽ tìm được người nữ tài đức?

Trước giả đặt ra một câu hỏi để cho thấy ông đang bắt đầu một phần mới. Cách dịch khác: "Không nhiều người nam có thể tìm được một người vợ giỏi" hay "Không có nhiều người nam có thể tìm được một người vợ có thể làm tốt được nhiều việc."

Giá trị nàng trổi hơn châu ngọc

"nàng quý giá hơn châu ngọc"

người sẽ chẳng sống khó nghèo

Cách nói giảm nay có thể được trình bày theo hướng tích cực. Cách dịch khác: "anh ấy sẽ luôn có những gì mình cần"

Proverbs 31:13

lông chiên

lông cừu được dùng làm vải

gai sợi

một loại cây có sợi được sử dụng để làm vải

với sự vui thích của tay mình

Rất có thể từ "vui thích" miêu tả 1) cảm giác của cô khi làm việc, "vui thích với tay của mình", hoặc 2) cảm giác của cô về lông cừu và gai sợi, "với tay mình đặt trên những thứ mà cô ấy thích làm."

buôn

Người làm công việc mua bán

phân phối công việc cho các tớ gái mình

"nói với những người đầy tớ gái của mình việc của mỗi người phải làm trong ngày là gì"

Proverbs 31:16

với sự cần cù của hai tay mình

"số tiền cô kiếm được" từ lông chiên và gai sợi (PRO31:13

Nàng tự mặc lấy với sức lực

"Nàng sẵn sàng để làm công việc chân tay nặng nhọc"

và làm hai cánh tay mình ra mạnh mẽ

"và cô làm cho tay mình mạnh thêm qua việc cô làm"

Proverbs 31:18

lường trước

Xem xét cách cẩn thận

suốt đêm đèn nàng chẳng tắt

Điều này nói đến việc cô làm việc rất khuya vào ban đêm. Đây là cách nói phóng đại: cô ấy không làm việc suốt cả đêm, chỉ từ sáng đến tối mà thôi. Cách dịch khác: "Cô ấy thắp một ngọn đèn khi cô ấy làm việc vào ban đêm"

con quay

một thanh mỏng hoặc một cái que có đầu nhọn được dùng trong việc tạo ra sợi chỉ

Proverbs 31:20

Nàng chìa tay ra với kẻ nghèo

Tay là một từ hoán dụ chỉ về sự giúp đỡ mà người nữ dùng bàn tay mình để làm. Cách dịch khác: "giúp người nghèo"

nàng chìa tay ra tiếp

Cụm từ này có thể dịch tương tự như cụm "đặt tay vào" trong PRO31:18

mặc áo bằng lông chiên màu đỏ sặm

Từ "đỏ sặm" ở đây không có ý nói đến màu sắc của vải, nhưng hàm ý đây là quần áo đắt tiền và ấm áp. Cách dịch khác: "có quần áo đắt tiền, ấm áp"

đỏ sặm

Màu đỏ có chút cam.

Proverbs 31:22

vải gai mịn

vải làm từ sợi lanh

Chồng nàng được người ta biết đến

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Động từ "biết" là hoán ngữ để chỉ sự tôn trọng. Cách dịch khác: "Mọi người tôn trọng chồng nàng"

khi chàng ngồi chung với các trưởng lão của xứ

để đưa ra các luật lệ và giải quyết những tranh cãi

Proverbs 31:24

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vải gai mịn
vải làm từ sợi lanh
đai lưng
miếng vải dài đeo quanh thắt lưng hoặc trên vai
Nàng mặc lấy sức lực và sự tôn trọng
Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Các danh từ trừu tượng "sức lực" và "sự tôn trọng" có thể được dịch như một tính từ và một động từ tương ứng. "Mọi người đều có thể thấy rằng nàng mạnh mẽ và họ tôn trọng nàng"
vui cười nơi buổi sau hầu đến
Đây có lẽ là một cách nói cường điệu hóa. Cách dịch khác: "không sợ những gì sẽ xảy đến trong tương lai"
Proverbs 31:26
Nàng mở miệng ra với sự khôn ngoan
Hành động mở miệng là một hoán ngữ cho việc nói. Danh từ trừu tượng "khôn ngoan" có thể được dịch như một trạng từ hoặc một tính từ. Cách dịch khác: "cô ấy nói cách khôn ngoan" hoặc "cô ấy nói những lời khôn ngoan"
phép tắc nhân từ ở nơi lưỡi nàng
Cụm từ "nơi lưỡi nàng" nói đến cách cô nói, vì lưỡi là một phần của miệng. Cụm từ "phép tắc nhân từ" dùng để chỉ về việc nàng dạy mọi người phải cư xử tử tế. Cách dịch khác: "Nàng dạy người ta tử tế"
để ý đến mọi nẻo của nhà mình
Từ "nẻo" đề cập đến cách mọi người sống. Cách dịch khác: "đảm bảo rằng cả gia đình cô ấy sống cách đẹp lòng Đức Chúa Trời"
không ăn bánh bị thiêu
Cụm từ "ăn bánh" có nghĩa làm một việc gì đó. Cách dịch khác: "nàng không hề ở không"
bị thiêu
không làm gì, lười biếng
Proverbs 31:28
chổi dậy và
Rất có thể có nghĩa là 1) "đứng lên và" theo nghĩa đen hoặc 2) "nhanh nhẹn" theo nghĩa hoán dụ.
chúc phước cho nàng
chúc mừng nàng, nói rằng những điều tốt đẹp xảy ra với nàng là bởi vì nàng đã làm những điều tốt. Câu này có thể được dịch như một lời trích lại trực tiếp. Cách dịch khác: "nói rằng, 'thật tuyệt, mẹ ơi!'"
trổi hơn
"đã làm tốt hơn"
Proverbs 31:30
Duyên là giả dối
Danh từ trừu tượng "duyên" có thể được dịch như một tính từ. Cách dịch khác: "Một phụ nữ duyên dáng có thể lừa dối mọi người" hoặc "Một người phụ nữ có dáng vẻ tốt có thể thật sự lại là một người gian ác." Từ này giống như từ trong PRO11:15
sắc lại hư không
Danh từ trừu tượng "sắc" có thể được dịch như một tính từ. Cách dịch khác: "một phụ nữ xinh đẹp trong hiện tại không phải cứ xinh đẹp như vậy mãi"
nàng sẽ được khen ngợi
Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "mọi người sẽ khen ngợi cô ấy"
bông trái của tay nàng
"số tiền nàng kiếm được" từ việc làm lông chiên và gai sợi trong (PRO31:13
hãy để các công việc nàng ngợi khen nàng tại nơi cửa thành
Cô sẽ được ca ngợi bởi vì những công việc cô đã làm, chớ không phải được công việc của cô khen ngợi cô. Những người "tại nơi cửa thành" là những người quan trọng của thành phố, những người điều hành các hoạt động kinh doanh và pháp lý thường ở gần các cổng thành. Cách dịch khác: "Nguyện những người quan trọng của thành phố ca ngợi nàng vì những công việc nàng đã làm"

Translation Questions

Proverbs 31:1
Ai đã viết những câu châm ngôn này?
Vua Lê-mu-ên đã viết những câu châm ngôn này.
Proverbs 31:3
Vua không nên đưa đường lối của mình cho ai?
Vua không nên đưa những đường lối của mình cho những kẻ tiêu diệt vua.
Proverbs 31:5
Những người cai trị quên đi điều gì khi họ uống say?
Những người cai trị quên đi những gì đã được quy định khi họ uống say.
Proverbs 31:7
Những người đau khổ cay đắng quên đi điều gì khi họ uống say?
Những người đau khổ cay đắng quên đi những khốn khổ của mình khi học uống say.
Proverbs 31:9
Vua sẽ làm ơn cho những người nào?
Vua sẽ làm ơn cho những người nghèo và người túng thiếu.
Proverbs 31:10
Điều gì có giá trị hơn đồ trang sức?
Một người vợ có tài có giá trị hơn đồ trang sức.
Proverbs 31:12
Một người vợ có tài làm những điều gì trong những ngày của cuộc đời nàng?
Nàng sẽ làm những điều tốt đẹp cho chồng nàng và không có điều xấu xa nào trong những ngày của đời nàng.
Proverbs 31:15
Người vợ có tài thức dậy khi nào?
Nàng sẽ thức dậy trong đêm.
Proverbs 31:17
Người vợ có tài mặc cho mình điều gì?
Nàng mặc cho mình bằng sức mạnh.
Proverbs 31:20
Người vợ có tài rộng rãi với ai?
Nàng rộng tay với người nghèo và người thiếu thốn.
Proverbs 31:23
Chồng của người vợ có tài ngồi ở đâu?
Chồng của nàng ngồi với các trưởng lão ở cổng.
Proverbs 31:26
Điều gì ở trên lưỡi của người vợ có tài?
Điều luật nhân từ ở trên lưỡi của người vợ có tài.
Proverbs 31:28
Những đứa trẻ của người vợ có tài gọi nàng là gì?
Con của nàng sẽ gọi nàng là hạnh phúc.
Proverbs 31:30
Người nữ nào sẽ được khen ngợi?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một người nữ kính sợ Đức Giê-hô-va sẽ được khen ngợi.

Chapter 1

Ecclesiastes 1:1

Như hơi nước trong đám sương mù, như hơi thở trong làn gió thổi

Cả hai vế đều nói về cùng một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.

Loài người được ích lợi gì... dưới ánh mặt trời?

"Loài người chẳng được ích lợi gì... dưới ánh mặt trời."

Ecclesiastes 1:4

Thông tin chung:

Tác giả đang trình bày trật tự tự nhiên của cuộc sống như mình hiểu.

Ecclesiastes 1:7

Thông tin chung:

Tác giả tiếp tục với các quan sát trật tự tự nhiên.

Muôn vật đều mòn mỏi

Bởi vì con người không thể giải thích được những điều nầy, nên những cố gắng trở nên vô ích. Tham khảo cách dịch: "Muôn vật trở nên mệt mỏi"

Mắt nhìn mãi vẫn không thỏa mãn

Một người không thể suy diễn để đưa ra một lời giải thích đơn giản cho những điều mình thấy. Tham khảo cách dịch: "Những điều mắt người thấy không thể làm người thỏa mãn"

tai nghe mãi cũng không đủ

Một người không thể suy diễn để đưa ra một lời giải thích đơn giản về những điều mình nghe. Tham khảo cách dịch: "Những điều tai người nghe cũng không làm người mãn nguyện"

Ecclesiastes 1:9

Thông tin chung:

Không có gì mới về người và những việc làm của người.

điều gì đã làm chính là điều sẽ làm

Tham khảo cách dịch: "điều gì người ta đã làm chính là điều mà họ sẽ làm trong tương lai"

Có điều mà người ta nói rằng: "Xem kìa, cái này mới!" không?

Tham khảo cách dịch: "Chẳng có điều nào mà người ta nói rằng: "Xem kìa, cái nầy mới!"

cũng sẽ không được nhớ đến

Tham khảo cách dịch: "người ta cũng sẽ không nhớ đến họ"

Ecclesiastes 1:12

Ta chuyên tâm

Tham khảo cách dịch: "Ta quyết tâm" hoặc "Ta quyết định"

nghiên cứu và tìm tòi

Cả hai vế đều nói về cùng một ý và nhấn mạnh ông đã siêng năng tìm hiểu ra sao.

con cái loài người

Tham khảo cách dịch: "loài người"

mọi việc đã làm

Tham khảo cách dịch: "mọi việc người ta làm"

hơi nước

"sương mù" hoặc "hơi thở". Việc nầy không kéo dài. Tham khảo cách dịch: "tạm bợ" hoặc "vô ích". Những điều người ta làm giống như hơi nước, bởi vì chúng chỉ qua nhanh và vô ích.

nỗ lực điều khiển ngọn gió

Nhà Triết Học đang cho rằng những điều con người làm chẳng khác nào cố gắng bắt lấy ngọn gió hoặc khiến gió ngừng thổi

Vật gì đã cong thì không thể làm cho thẳng lại được! Vật gì đã thiếu thì không thể được tính đến!

Tham khảo cách dịch: "Người ta không thể làm thẳng những vật gì đã cong! Họ cũng không thể đếm những vật chi không có ở đó!"

Ecclesiastes 1:16

Ta tự nhủ

Tham khảo cách dịch: "Ta quyết tâm" hoặc "Ta quyết định"

sự ngu dại và điên rồ

Những từ "ngu dại" và "điên rồ" có ý nghĩa tương tự nhau và nói đến những suy nghĩ và việc làm dại dột tương ứng.

nỗ lực điều khiển gió

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:12

Translation Questions

Ecclesiastes 1:1

Ai là Người truyền đạo cho dòng dõi?

Những Người truyền đạo là con cháu của Đa-vít, vua ở Giê-ru-sa-lem.

Ecclesiastes 1:4

Điều gì còn lại đời đời?

Trái đất còn lại đời đời.

Ecclesiastes 1:8

Điều gì mà mắt nhìn không thỏa mãn?

Mắt không thỏa mãn bởi những gì nó thấy.

Ecclesiastes 1:9

Điều gì sẽ làm?

Những điều đã làm là những gì sẽ làm.

Ecclesiastes 1:13

Những gì Người truyền đạo chuyên tâm làm?

Người truyền đạo chuyên tâm học hỏi và nghiên cứu các điều khôn ngoan đã được làm ra dưới bầu trời.

Ecclesiastes 1:14

Mọi việc đã được làm ra dưới trời có ý nghĩa gì?

Tất cả mọi việc đã được làm ra dưới trời có nghĩa như hư ảo và hoài công bị gió xua đi.

Ecclesiastes 1:18

Ở đâu có nhiều thất vọng?

Ở sự khôn ngoan đầy dẫy thì có nhiều thất vọng.

Chapter 2

Ecclesiastes 2:1

Ta tự nhủ trong lòng

Tham khảo cách dịch: "Ta tự nhủ"

Ta sẽ lấy những niềm vui sướng mà thử ngươi

Ở đây, từ "ngươi" chỉ về chính người đó. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ thử chính mình bằng những điều khiến ta vui sướng"

vậy hãy tận hưởng những điều vui thú

Tham khảo cách dịch: "Vậy ta sẽ tận hưởng những điều khiến mình vui thích"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ta nói về tiếng cười rằng: "Nó thật điên rồ"
Tham khảo cách dịch: "Ta nói rằng cười vui thật là điên rồ"
Nó có ích gì chăng?
Tham khảo cách dịch: "Nó chẳng ích lợi gì"
Ecclesiastes 2:3
Ta suy nghĩ trong lòng
Tham khảo cách dịch: "Ta suy nghĩ kỹ về"
dùng rượu để thỏa mãn những ước muốn của mình
Tham khảo cách dịch: "dùng rượu để khiến mình vui vẻ"
ta để tâm trí lấy sự khôn ngoan dẫn dắt mình
Tham khảo cách dịch: "ta nghĩ đến những điều mà người khôn ngoan dạy mình"
suốt những chuỗi ngày của đời mình
Tham khảo cách dịch: "khi họ còn sống"
Ecclesiastes 2:4
Ta xây cất cho mình những cung điện và trồng các vườn nho
Tác giả đã sai người khác làm những công việc nầy. Tham khảo cách dịch: 'Ta đã sai người xây dựng những cung điện và trồng các vườn nho cho ta"
các vườn cây ăn trái và vườn hoa
Cả hai cụm từ nầy có ý nghĩa tương tự nhau và nói đến các vườn cây ăn trái đẹp đẽ, tươi tốt.
để tưới cả rừng cây
"cấp nước cho cả rừng cây"
rừng cây đang lớn
Tham khảo cách dịch: "rừng cây đang phát triển"
Ecclesiastes 2:7
Ta có nhiều nô lệ sinh ra trong cung điện của ta
Tham khảo cách dịch: "Ta có các nô lệ được sinh ra trong cung điện của ta" hoặc "Các nô lệ của ta đã sinh con và con cái chúng cũng là nô lệ của ta"
những châu báu của các vua và từ các tỉnh
Cụm từ nầy nói đến vàng và những của cải khác mà các nước lân cận bị buộc phải cống nộp cho vua Y-sơ-ra-ên.
các lạc thú của con cái loài người, tức là vợ và các cung phi
Tham khảo cách dịch: "Ta rất vui hưởng nhiều vợ và các cung phi của mình, giống như những người đàn ông khác"
Ecclesiastes 2:9
sự khôn ngoan của ta vẫn ở với ta
"ta vẫn hành động khôn ngoan" hoặc "Ta vẫn sẽ khôn ngoan"
bất cứ điều nào mắt mình thèm muốn
Tham khảo cách dịch: "bất cứ điều nào ta thấy và thèm muốn"
ta không từ chối chúng
Câu nầy có thể diễn đạt ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: 'ta lấy chúng cho mình"
Ta không hề ngăn lòng mình khỏi bất cứ điều vui thú nào
Câu nầy có thể diễn đạt ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Ta cho phép mình vui hưởng mọi thứ khiến ta vui thích"
lòng ta vui vẻ
Tham khảo cách dịch: "ta vui vẻ"
Ecclesiastes 2:11
mọi việc tay mình đã làm
Tham khảo cách dịch: "mọi việc ta đã làm"
hơi nước và nỗ lực điều khiển gió
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:12
sự ngu dại và diên rồ
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:16
Vì vị vua kế tiếp sẽ làm được gì... điều chưa làm?
Tác giả dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh quan điểm của ông rằng vị vua kế tiếp sẽ không thể làm được điều gì có giá trị hơn những điều ông đã làm rồi. Tham khảo cách dịch: "Vì vị vua kế tiếp sẽ không thể làm được gì... điều đã làm rồi"
vị vua kế tiếp... người kế vị vua
"vị vua.... người sẽ kế vị vua hiện tại". Câu nầy được viết bởi vị vua hiện tại, chính vì vậy, vụm từ "kế vị vua" có thể được dịch ra thành "kế vị ta" (UDB).
Ecclesiastes 2:13
sự khôn ngoan ích lợi hơn ngu dại, như ánh sáng ích lợi hơn bóng tối
Sự khôn ngoan ích lợi hơn ngu dại, như ánh sáng ích lợi hơn bóng tối"
Người khôn ngoan dùng con mắt trên đầu mình để nhìn nơi mình sẽ đi
Tham khảo cách dịch: "Người khôn ngoan giống như một người dùng mắt mình để nhìn nơi mình sẽ đi"
dùng con mắt trên đầu mình để nhìn
Tham khảo cách dịch: "có thể thấy"
kẻ ngu dại bước đi trong bóng tối
Tham khảo cách dịch: "kẻ ngu dại giống như người bước đi trong bóng tối"
Ecclesiastes 2:15
Ta tự nhủ trong lòng
Tham khảo cách dịch: "Ta tự nhủ"
Vậy nếu ta rất khôn ngoan thì nó có khác gì không?
Tác giả dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh quan điểm của mình rằng khôn ngoan cũng chẳng có ích lợi gì. Tham khảo cách dịch: "Vậy nếu ta rất khôn ngoan thì cũng chẳng khác gì."
Ta kết luận trong lòng
Tham khảo cách dịch: "Ta kết luận"
hơi nước
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:12
người khôn ngoan cũng như kẻ ngu dại; sẽ mau chóng bị lãng quên
Tham khảo cách dịch: "người ta sẽ không nhớ mãi người khôn ngoan, cũng giống như họ mau chóng lãng quên kẻ ngu dại"
tất cả đều sẽ bị quên lãng
Tham khảo cách dịch: "người ta sẽ quên lãng mọi thứ"
Ecclesiastes 2:17
mọi công việc đã làm
Tham khảo cách dịch: "mọi việc người ta làm"
hơi nước và nỗ lực điều khiển gió
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:12
Ecclesiastes 2:19
Và ai biết được rằng người ấy sẽ là người khôn ngoan hay là kẻ ngu dại?
Tham khảo cách dịch: "Và chẳng ai biết được người ấy sẽ là người khôn ngoan hay là kẻ ngu dại."
hắn sẽ là
"hắn" chỉ về người sẽ thừa kế sự giàu có của Sa-lô-môn.
lòng tôi trở nên tuyệt vọng
Tham khảo cách dịch: "Tôi bắt đầu tuyệt vọng"
Ecclesiastes 2:21
một tấn bi kịch
"một thảm họa"
Vậy, con người được gì qua mọi công việc vất vả và lao tâm khó nhọc mà họ làm dưới ánh mặt trời?
Tham khảo cách dịch: "Vì một người làm việc vất cả và lao

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tâm khó nhọc để làm việc dưới ánh mặt trời chẳng đạt được gì"

làm việc vất vả và lao tâm khó nhọc

Về cơ bản cả hai về nầy đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh người nầy đang làm việc tích cực ra sao.

lao tâm khó nhọc

Tham khảo cách dịch: "lao tâm"

khó nhọc và căng thẳng

Cả hai cụm từ nầy về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh công việc của người đó khó nhọc như thế nào.

linh hồn người chẳng được nghỉ ngơi

Tham khảo cách dịch: "tâm trí người chẳng được nghỉ ngơi" hoặc "người cứ mãi lo lắng"

Ecclesiastes 2:24

chân lý nầy đến từ bàn tay Đức Chúa Trời

Tham khảo cách dịch: "chân lý nầy đến từ Đức Chúa Trời"

Vì ai có thể ăn uống hoặc có thể hưởng mọi lạc thú nếu ở ngoài Đức Chúa Trời?

Tham khảo cách dịch: "Vì ở ngoài Đức Chúa Trời thì không ai có thể ăn uống hay tận tưởng bất kỳ thú vui nào"

Ecclesiastes 2:26

để rồi người lại ban những điều đó cho người nào đẹp lòng Đức Chúa Trời

Từ "người" có thể chỉ về Đức Chúa Trời hoặc chỉ về tội nhân. Từ "những điều đó" chỉ về những điều mà tội nhân đã gom góp lại hoặc đã thâu chứa. Phần dịch tiếp theo là một cách diễn đạt ý nầy mà không cần phải làm rõ nó là ai là người ban những điều đã được lưu trữ đó. Tham khảo cách dịch: "để người đẹp lòng Đức Chúa Trời có được những điều đó"

hơi nước và nỗ lực điều khiển gió

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:12

Translation Questions

Ecclesiastes 2:1

Điều gì chỉ là nhất thời thoáng qua?

Sự vui sướng chỉ là nhất thời thoáng qua.

Ecclesiastes 2:3

Điều gì mà Người truyền đạo muốn tìm ra?

Người truyền đạo muốn tìm ra những điều tốt lành để con người làm dưới trời trong suốt những ngày họ sống.

Ecclesiastes 2:6

Tại sao Người truyền đạo muốn làm ao nước?

Người truyền đạo đã làm ra ao nước để tưới rừng là nơi cây đang lớn.

Ecclesiastes 2:8

Người truyền đạo đã làm những điều đem tới sự vui sướng cho người trên đất bằng cách nào?

Bằng cách thêm nhiều vợ và nàng hầu, ông ta đã làm ra những thứ mang sự sung sướng cho người trên đất.

Ecclesiastes 2:10

Trong lòng Người truyền đạo hân hoan điều gì?

Lòng Người truyền đạo hân hoan mọi công việc của ông ta.

Ecclesiastes 2:11

Đâu là điều không ích lợi?

Không có lợi ích là điều dưới mặt trời.

Ecclesiastes 2:14

Điều gì chứa đựng trong mỗi người?

Số phận như nhau là điều chứa đựng trong mỗi người.

Ecclesiastes 2:16

Ai không được nhớ lâu dài?

Người khôn ngoan, cũng như người ngu dại, là không được nhớ lâu dài.

Ecclesiastes 2:18

Tại sao Người truyền đạo ghét mọi việc hoàn thành của ông ta?

Người truyền đạo ghét mọi việc hoàn thành của ông ta bởi vì ông ta phải để chúng lại cho người sau ông.

Ecclesiastes 2:20

Lòng của Người truyền đạo thấy thế nào về công việc của ông ta?

Lòng của Người truyền đạo bắt đầu thất vọng trên mọi việc mà ông ta đã làm.

Ecclesiastes 2:23

Tại sao tâm hồn của kẻ vất vả không thấy an nghỉ về đêm?

Mỗi ngày công việc của người đó là khó nhọc và căng thẳng, vì vậy đến đêm thì tâm hồn người đó không thấy an nghỉ.

Ecclesiastes 2:24

Điều gì không tốt hơn cho người ta?

Điều không tốt hơn cho người ta cho người ta là chỉ ăn và uống và thỏa mãn với những gì tốt lành trong công việc người đó.

Ecclesiastes 2:26

Điều gì Chúa giao cho kẻ phạm tội?

Với kẻ tội lỗi, Chúa giao công việc thu nhặt và tích trữ để rồi ban cho người nào làm hài lòng Ngài.

Chapter 3

Ecclesiastes 3:1

Thông tin chung:

Tác giả chuyển sang liệt kê một số phần của cuộc sống

Vì mọi việc đều có thời điểm, và mỗi thời kỳ cho mỗi mục đích của nó

Về cơ bản cả hai về nầy đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.

sinh ra và... chết đi.... giết chết và ... chữa lành

Đây là những mặt khác nhau của cuộc sống được mô tả ở thái cực đối lập với mặt kia.

kỳ nhổ những cây đã trồng

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "kỳ thu hoạch" hoặc 2) "kỳ nhổ cỏ" hoặc 3) "kỳ nhổ bỏ"

Ecclesiastes 3:4

Thông tin chung:

Tác giả tiếp tục với những thời kỳ trong đời.

khóc lóc và... vui cười... khóc thương và... nhảy múa

Đây là những mặt khác nhau của cuộc sống được mô tả ở thái cực đối lập với mặt kia.

Ecclesiastes 3:6

Thông tin chung:

Tác giả tiếp tục với những thời kỳ trong đời.

Ecclesiastes 3:8

Thông tin chung:

Tác giả kết lại những thời kỳ trong đời mình.

Người làm việc có được ích lợi gì về công lao khó nhọc của mình chăng?

Đây là một câu hỏi đòi hỏi phải tư duy nhằm hướng người đọc đến chủ đề bàn luận tiếp theo.

Ecclesiastes 3:11

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đặt sự vĩnh cửu trong lòng họ
Ở đây, từ "họ" chỉ về loài người. Tham khảo cách dịch: "đặt sự vĩnh cữu vào trong lòng loài người"
Ecclesiastes 3:12
phải hiểu làm sao để tận hưởng
Tác giả đang nhấn mạnh việc tận hưởng công việc của một người, không phải nhấn mạnh đến kiến thức về cách làm thế nào để tận hưởng thành quả công việc của người đó.
Ecclesiastes 3:14
Điều gì hiện có thì đã có từ xưa
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:09
Ecclesiastes 3:16
Chính tại chỗ phải có công lý lại có sự gian ác; và chính tại nơi công chính, lại thường tìm thấy những việc làm bất chính
Cả hai vế đều nói về cùng một ý và nhấn mạnh những việc làm gian ác phổ biến ra sao.
việc bất chính lại thường được tìm thấy
Tham khảo cách dịch: "người ta thường tìm thấy những việc bất chính"
Ta tự nhủ trong lòng
Tham khảo cách dịch: "Ta tự nhủ"
mọi sự và mọi việc
Về cơ bản cả hai về nầy đều cùng nói về một ý và nói đến mọi việc mà con người làm.
Ecclesiastes 3:19
Loài người chẳng được lợi gì hơn so với loài thú
Tham khảo cách dịch: "Loài người chẳng hơn gì loài thú"
chẳng phải mọi loài chỉ là hơi thở?
Tham khảo cách dịch: "Mọi thứ chỉ là hơi thở"
Ecclesiastes 3:21
Ai biết được, hoặc linh của... xuống đất?
Tác giả đang đưa ra một lời tuyên bố rằng các loài thú vật cũng có hồn. Tham khảo cách dịch: "Không ai biết được hoặc linh... xuống đất."
chẳng có gì tốt hơn cho loài người hơn là
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC03:12
Ai có thể đem... sau mình?
Không ai có thể khiến một người hoặc một con thú nào sống lại từ cõi chết. Tham khảo cách dịch: "Không ai có thể đem... sau mình."

Translation Questions

Ecclesiastes 3:1
Những điều gì có thời cơ riêng?
Từng ý định dưới bầu trời có thời cơ riêng.
Ecclesiastes 3:10
Người truyền đạo đã thấy điều gì?
Người truyền đạo thấy việc mà Chúa đã giao cho loài người để hoàn thành.
Ecclesiastes 3:11
Chúa đã đặt điều gì trong lòng con người?
Chúa đặt sự đời đời trong lòng mỗi người.
Ecclesiastes 3:13
Món quà đến từ Chúa là gì?
Sự tốt lành đến từ công việc của mỗi người là món quà của Chúa.
Ecclesiastes 3:14
Tại sao không thể thêm vào hay lấy đi những gì Chúa làm?
Không điều gì có thể thêm vào nó hoặc lấy đi khỏi nó, bởi vì nó đã được Chúa làm.
Ecclesiastes 3:16
What is often found in place of righteousness? Những gì thường thấy trong nơi của sự công bằng?
Trong nơi của sự công bằng thì điều gian ác thường tìm thấy.
Ecclesiastes 3:19
Con người giống loài vật như thế nào?
Như loài vật, con người đều chết. Mọi người đều phải thở chung bầu không khí. Mọi thứ đến từ cát bụi, và mọi thứ trở về với cát bụi.
Ecclesiastes 3:20
Con người giống loài vật như thế nào?
Như loài vật, con người đều chết. Mọi người đều phải thở chung bầu không khí. Mọi thứ đến từ cát bụi, và mọi thứ trở về với cát bụi.
Ecclesiastes 3:22
Điều gì được chia cho mỗi người?
Điều được chia cho mỗi người là hưởng sự vui sướng trong việc của người đó.

Chapter 4

Ecclesiastes 4:1
Quyền thế nằm trong tay của những kẻ áp bức họ
Tham khảo cách dịch: "Những kẻ áp bức họ nắm quyền thế rất lớn"
nhưng kẻ bị áp bức thì không được ai an ủi!
Không một người quyền thế nào bênh vực những người bị áp bức.
Ecclesiastes 4:2
Nhưng có phước hơn hai hạng người kia là người chưa từng được sống
Tham khảo cách dịch: "người chưa từng được sinh ra thì tốt hơn cả hai hạng người kia"
Ecclesiastes 4:4
sự đố kỵ của hàng xóm mình
Những ý nghĩa khả thi là: 1) lòng ganh tỵ của hàng xóm với vật mà hàng xóm của họ đã làm ra hoặc 2) người hàng xóm ganh tị với những tài năng mà người hàng xóm của mình có.
hơi nước và nỗ lực điều khiển gió
Không ai có thể kiểm soát hoặc định hướng cho gió thổi như thể họ có thể làm với các con vật. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:12
Ecclesiastes 4:5
khoanh tay và không chịu làm việc
Khoanh tay là một hành động của sự lười biếng và là một cách nói khác cho thấy người đó không chịu làm việc.
nên đồ ăn nó là thịt của nó
Tham khảo cách dịch: "bởi vậy, nó tự hủy hoại mình"
gắng sức điều khiển gió
Không phải mọi công việc đều ích lợi. Một số việc lại không ích lợi gì, giống như thể cố gắng kiểm soát cơn gió.
Ecclesiastes 4:7
Không con cái, cũng không có anh em

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người nầy không có gia đình
mắt nó không được thỏa mãn
Tham khảo cách dịch: "nó không thỏa mãn"
Tôi làm việc khó nhọc và bắt mình từ bỏ những lạc thú là vì ai?
Tham khảo cách dịch: "Liệu tôi làm việc khó nhọc và không cho mình hưởng thụ thì có ích lợi cho ai không?" hoặc "Việc tôi làm chẳng ích lợi cho ai và tôi cũng chẳng vui thích."
Ecclesiastes 4:9
Cũng vậy, nếu hai người ngủ chung thì ấm
Tác giả đang nói về hai người giữ ấm cho nhau trong một đêm lạnh giá.
Còn một mình thì làm sao ấm được?
Tham khảo cách dịch: "người ở một mình thì không thể ấm được"
Ecclesiastes 4:12
chống cự sự tấn công
"bảo vệ mình khỏi sự tấn công"
một sợi dây bệnh ba lấy làm khó đứt
Tham khảo cách dịch: "người ta không thể nào dễ dàng bứt đứt một sợi dây thựng ba tao"
Ecclesiastes 4:13
người sinh ra vốn nghèo nàn trong vương quốc mình
Tham khảo cách dịch: "người sinh ra vốn là một người nghèo sống trong vùng đất mà một mai mình sẽ cai trị"
Ecclesiastes 4:15
Thông tin chung:
Thay vì chọn một người trẻ khôn ngoan, người ta lại chọn con trai của vua là người không hề khôn ngoan hơn người kia.
sống và đi lại
Những từ "sống" và "đi lại" về cơ bản cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.
Có vô số người
Tham khảo cách dịch: "Có rất nhiều người"
hơi nước và nỗ lực điều khiển gió
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:12

Translation Questions

Ecclesiastes 4:1
Điều gì không có cho người an ủi?
Điều không có cho người an ủi là nước mắt của kẻ áp bức.
Ecclesiastes 4:3
Ai may mắn hơn những người sống và kẻ chết?
May mắn hơn người sống và kẻ chết là người chưa sống.
Ecclesiastes 4:6
What is better than two handfuls with the work that tries to shepherd the wind? Điều gì hơn là đầy hai tay mà gắng sức mà làm như xua đi gió?
Thà một tay kiếm ích lợi bằng công việc thanh thản hơn là đầy cả hai tay mà việc chỉ như gắng sức làm như xua gió.
Better is a handful of profit with quiet work than two handfuls with the work that tries to shepherd the wind.
Ecclesiastes 4:9
Tại sao có hai người tốt hơn một người trong lúc bị ngã?
Hai người tốt hơn là một người vì một người có thể nâng bạn mình lên.
Ecclesiastes 4:10
Tại sao có hai người tốt hơn một người trong lúc bị ngã?
Hai người tốt hơn là một người vì một người có thể nâng bạn mình lên.
Ecclesiastes 4:12
Điều gì không nhanh chóng bị đứt?
Dây bện từ ba sợi thì không nhanh chóng bị đứt.
Ecclesiastes 4:13
Điều gì hơn vị vua già và ngu xuẩn?
Một người trẻ nghèo khôn ngon hơn là có vị vua già và ngu xuẩn.
Ecclesiastes 4:16
Dân chúng cần làm gì với vị vua mới?
Dân chúng cần vâng lời vị vua mới.

Chapter 5

Ecclesiastes 5:1
Hãy đến đó mà lắng nghe
Đi đến đền thờ để nghe và học luật pháp của Đức Chúa Trời để có thể vâng phục Đức Chúa Trời thì quan trọng hơn so với việc cứ dâng của tế lễ nhưng lại tiếp tục phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời.
Ecclesiastes 5:2
mở miệng nói
Lập lời hứa nguyện hoặc lời thề nguyện cùng Đức Chúa Trời
Đừng vội vàng.... đừng hấp tấp
Cả hai vế đều nói về cùng một ý.
hãy ít lời
"đừng huyên thuyên quá nhiều"
Ecclesiastes 5:4
vì Đức Chúa Trời chẳng vui thích kẻ dại
Một đặc tính của kẻ dại là lập lời hứa nguyện hoặc lời thề trong khi mình không hề có ý định sẽ giữ hay làm trọn những điều đó.
Ecclesiastes 5:6
Đừng để miệng con gây cho xác thịt mình phạm tội
"Đừng để những điều con nói khiến con phạm tội"
Sao con làm cho Đức Chúa Trời nổi giận... tay con?
"Thật dại dột khi khiến Đức Chúa Trời nổi giận... tay con."
phá hủy công việc của tay con
"phá hủy mọi việc con làm"
Vì ở đâu có quá nhiều chiêm bao và lắm lời, ở đó có những điều hư không
"Lắm lời không khiến những lời đó có giá trị, giống như có nằm mơ nhiều không hề khiến những giấc mơ đó thêm chân thực"
Ecclesiastes 5:8
người nghèo bị áp bức và bị cướp bóc
Tham khảo cách dịch: "người ta áp bức và cướp bóc người nghèo khó"
cách đối xử công bằng và phải lẽ
Những từ "công bằng" và "phải lẽ" về cơ bản cùng nói về một ý và nói đến cách đối xử mà người ta xứng đáng được nhận. Tham khảo cách dịch: "đối xử công bằng"
đừng ngạc nhiên
"đừng kinh ngạc" (UDB)
có những người có quyền

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo cách dịch: "có những người có quyền lực"

thậm chí những người quyền cao hơn họ nữa

Đây là những người cai trị trên những người có quyền đã nói đến. Tham khảo cách dịch: "những người có quyền cao hơn họ"

hoa lợi của xứ

Tham khảo cách dịch: "sản vật của xứ"

Ecclesiastes 5:10

Điều nầy cũng là hư không

Giống như hơi nước không có hình dạng thực thể, thì cũng không có sự thỏa mãn cho lòng ham muốn tiền bạc.

Khi của cải càng thêm nhiều

Tham khảo cách dịch: "Khi một người trở nên giàu có hơn"

thì người ăn xài chúng cũng gia tăng

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "thì những người tiêu xài tiền bạc cũng gia tăng" hoặc 2) "thì những người tiêu xài của cải mình cũng gia tăng."

Người có của cải được ích lợi gì ngoài việc ngắm nhìn nó?

Tham khảo cách dịch: "Lợi ích duy nhất mà của cải đem đến cho người sở hữu mình là người có thể nhìn ngắm nó"

Ecclesiastes 5:12

Người làm việc sẽ ngủ ngon giấc

một người làm việc cách hết mình hoặc làm việc cách thành thật sẽ cảm thấy hài lòng khi biết rằng mình đã có một ngày làm việc hiệu quả bất chấp phần lương thưởng của mình.

dù ăn ít hay nhiều

"dù người ăn ít hay nhiều đồ ăn"

không khiến người ngủ yên giấc được

một người giàu có sẽ chẳng bao giờ thỏa mãn với của cải mình có. Người ấy sẽ thao thức cả đêm vì nghĩ đến tiền bạc của mình. Tham khảo cách dịch: "khiến người thao thức cả đêm"

Ecclesiastes 5:13

của cải mà người chủ tích trữ

Tham khảo cách dịch: "người chủ tích trữ của cải"

vì những bất hạnh

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "vì rủi ro" hoặc 2) "vì công việc làm ăn thất bại"

con trai mình... chẳng còn lại gì trong tay

Ở đây, cụm từ "trong tay" chỉ về quyền sở hữu. Tham khảo cách dịch: "người ấy chẳng để lại của cải gì cho con trai mình"

Ecclesiastes 5:15

một người sinh ra trần truồng... người cũng sẽ ra đi trần truồng

Ngoài việc không có quần áo mặc, ở đây từ "trần truồng" nhấn mạnh rằng người ta được sinh ra mà không có bất cứ tài sản nào. Tham khảo cách dịch: "một người sinh ra đã trần truồng và không có quần áo mặc... người ấy cũng sẽ qua đời thể ấy"

người ấy cũng sẽ qua đời

Tham khảo cách dịch: "người ấy sẽ chết"

Khi ra đi trong tay nó chẳng đem theo thứ gì

Tham khảo cách dịch: "Người ấy chẳng thể đem gì theo được"

Người vào đời thể nào cũng phải ra đi thể ấy

Câu nầy nói đến sự ra đời và cái chết của một người và thể hiện cùng một ý với câu trước.

Vậy, con người phải chịu lao khổ theo luồng gió thổi thì có ích gì đâu?

Tác giả dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh quan điểm của mình rằng làm việc theo luồng gió thổi thì không có ích lợi gì. Tham khảo cách dịch: "Một người chịu lao khổ theo luồng gió thổi chẳng thu được ích lợi gì."

chịu lao khổ theo luồng gió thổi

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "gắng sức nắm bắt những luồng gió thổi" hoặc 2) "làm việc vì không khí mình thở"

Trọn đời mình, người ăn uống trong bóng đêm

Ở đây, từ "bóng đêm" nói về những hoàn cảnh đau buồn. Những ý nghĩa khả thi là: 1) "Trọn đời mình, người ăn uống trong than khóc" hoặc 2) "Người khóc than cả đời"

và phải chịu nhiều phiền muộn, đau buồn và tức giận

Tham khảo cách dịch: "và chịu khổ sở lắm, bị đau ốm và tức giận"

Ecclesiastes 5:18

Xem kìa

"hãy chú ý" hoặc "nghe đây"

những điều ta thấy thật là tốt đẹp và thích hợp

Ở đây, những từ "tốt đẹp" và "thích hợp" về cơ bản cùng nói về một ý. Từ thứ hai nhấn mạnh, làm rõ ý nghĩa của từ thứ nhất. Tham khảo cách dịch: "những điều ta thấy thật là những điều thích hợp nhất để làm"

trong những năm tháng cuộc đời mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta

Tham khảo cách dịch: "chừng nào Đức Chúa Trời còn cho mình sống"

phần của mình

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "phần thưởng của mình" hoặc 2) "phần của mình trong đời"

Ecclesiastes 5:19

sự giàu có và của cải

Cả hai cụm từ nầy về cơ bản cùng nói về một ý. Chúng chỉ về tiền bạc và những thứ mà người ta có thể dùng tiền mua được.

nhận lấy phần mình, và vui hưởng công lao mình làm ra

Đây là cách nói về việc hài lòng và vui hưởng công việc của một người.

người ấy sẽ không nhớ

Ở đây, từ "người" chỉ về người mà Đức Chúa Trời ban cho món quà. Tham khảo cách dịch: "người ấy không nhớ"

những ngày trong đời mình

Tham khảo cách dịch: "những việc đã xảy ra trong đời mình"

cứ bận rộn

"bận rộn"

Translation Questions

Ecclesiastes 5:1

Why should people go to the house of God? Tại sao con người phải đi đến nhà của Chúa?

People should go to the house of God to listen. Con người phải đi đến nhà Chúa để lắng nghe.

Ecclesiastes 5:2

Tại sao con người phải để lời của họ trở nên ít?

Chúa ở trên trời, nhưng con người thì ở trên đất, vì vậy họ phải để lời của họ trở nên ít.

Ecclesiastes 5:5

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều gì một người thà làm hơn là thề nguyện mà người đó không thực hiện?
It is better for a person not to make a vow than to make a vow that he does not carry out. Một người không lập lời thề hơn là thề mà không thực hiện.
Ecclesiastes 5:8
Khi có người thấy kẻ nghèo đang bị áp bức và công bằng, lẽ phải bị tước đoạt. Tại sao không ai nên kinh ngạc như thể không ai biết?
Khi có người thấy kẻ nghèo đang bị áp bức và công bằng, lẽ phải bị tước đoạt, người đó không nên kinh ngạc bởi vì có người quyền lực vẫn đề phòng kẻ dưới họ, và trên họ có người khác quyền lực hơn.
Ecclesiastes 5:11
Điều gì xảy ra khi sự thịnh vượng tăng lên?
Khi sự thịnh vượng tăng lên, thì cũng có người tiêu xài nó.
Ecclesiastes 5:12
Điều gì không cho phép người giàu ngủ ngon?
Sự giàu sang không cho phép họ ngủ ngon.
Ecclesiastes 5:14
Điều gì xảy ra khi người giàu mất của cải họ bởi sự xui rủi?
Khi người giàu mất của cải của họ bởi sự xui rủi, con trai người đó, được để lại hai bàn tay không.
Ecclesiastes 5:15
Một người sanh ra và sẽ mất đi như thế nào?
Một người được sanh ra trần truồng từ dạ của người mẹ, thì cũng sẽ ra đi như vậy.
Ecclesiastes 5:20
Tại sao một người không nhớ nhiều về những ngày của đời mình?
A person does not call to mind very often the days of his life, because God makes him keep busy with the things that he enjoys doing. Một người không nhớ nhiều về những ngày của đời mình, bởi vì Chúa khiến họ bận rộn với những điều người đó đang hưởng.

Chapter 6
Ecclesiastes 6:1
nó thật khốc liệt cho loài người
Tham khảo cách dịch: "nó gây gian khổ cho con người"
sự giàu có, của cải
Cả hai cụm từ nầy về cơ bản cùng nói về một ý. Chúng đề cập đến tiền bạc và những thứ mà một người có thể dùng tiền mua được.
người không thiếu thứ gì
Tham khảo cách dịch: "người có mọi thứ"
Đức Chúa Trời không cho người ấy khả năng hưởng những điều đó
Có sự giàu có hoặc của cải những không có khả năng hưởng thụ thì thật là vô ích.
Đó là sự hư không, một tai họa đau thương
Việc không thể hưởng thụ của cải là một tai họa đau thương hoặc một sự rủa sả.
Ecclesiastes 6:3
là cha của một trăm đứa con
Tham khảo cách dịch: "làm cha của 100 người con"
sống nhiều năm, để tuổi tác cao
Về cơ bản cả hai về nầy đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.
lòng không hề thỏa mãn với những điều tốt lành
Tham khảo cách dịch: "người không thỏa mãn với những điều tốt lành"
người không được chôn cất cách trang trọng
Những ý nghĩa khả thi là: 1) "chẳng ai chôn cất người" hoặc 2) "chẳng ai chôn cất người cách phù hợp"
đứa bé như vậy được sinh ra vô ích
Tham khảo cách dịch: "đứa bé như vậy được sinh ra chẳng ích lợi gì"
qua đời trong bóng tối
Ở đây, từ "bóng tối" chỉ về thế giới của người chết hoặc chỉ về một điều gì đó khó hiểu. Tham khảo cách dịch: "chết cách khó hiểu"
tên tuổi nó vẫn bị vùi lấp
Tham khảo cách dịch: "không ai biết đến tên nó"
Ecclesiastes 6:5
nó đã được yên nghỉ mặc dầu người kia thì không
Một đứa trẻ chưa được sinh ra thì vẫn chưa bao giờ phải trải qua những khó khăn gian khổ, chính vì vậy nên nó vẫn còn được yên nghỉ. Nhưng trái lại, một người đã sống nhiều năm nhưng không thỏa lòng thì vẫn không có sự yên nghỉ.
Dù cho người ấy sống đến hai nghìn năm đi nữa
Đây là một cách nói quá để cho thấy nếu một người không vui thích những điều tốt lành trong cuộc đời mình thì dù người ấy có sống lâu đến mấy cũng không quan trọng.
hai nghìn năm
Tham khảo cách dịch: "2,000 năm"
những không học được cách vui hưởng những điều tốt lành
Đây là ý nói rằng người đó cần phải học biết cách vui hưởng những điều tốt lành mà cuộc sống đem đến cho mình.
Ecclesiastes 6:7
để làm đầy miệng mình
Tham khảo cách dịch: "để nuôi miệng mình" hoặc "để ăn"
lòng thèm khát của người không được thỏa mãn
Tham khảo cách dịch: "người không thỏa mãn được lòng thèm khát của mình"
Người khôn ngoan có lợi gì hơn kẻ ngu dại?
Sự khôn ngoan của một người khôn ngoan sẽ không đem đến cho người ấy thêm bất cứ một sự an ủi nào khác. Tham khảo cách dịch: "một người khôn ngoan chẳng được lợi gì hơn kẻ ngu dại"
Người nghèo mà biết cách xử thế có được lợi gì không?
Tham khảo cách dịch: "Người nghèo mà biết cách xử xự trước người khác thì cũng chẳng có lợi ích gì"
Ecclesiastes 6:9
Điều mắt thấy
Một người có thể nhìn thấy những thứ nầy bởi vì người vốn đã có những điều đó rồi. Tham khảo cách dịch: "Điều một người có"
mơ ước những điều viển vông xa vời
Cụm từ nầy nói về những thứ mà một người muốn những lại không có. Tham khảo cách dịch: "muốn những điều mình không có"
hơi nước và nỗ lực điều khiển gió
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:12
Điều gì hiện có thì đã được đặt tên từ lâu rồi
Tham khảo cách dịch: "Từ xưa người ta đã đặt tên cho mọi thứ hiện có"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

loài người ra sao thì đã được biết rõ từ xưa
Tham khảo cách dịch: "người ta vốn đã biết loài người ra sao"

Translation Questions

Ecclesiastes 6:1
Người truyền đạo đã thấy tai họa gì?
Người truyền đạo thấy Chúa đã ban sự giàu có, của cải, và danh vọng cho một người để mà người đó không thiếu các thứ mình ao ước, nhưng rồi Chúa không ban cho người đó khả năng để hưởng nó.
Ecclesiastes 6:2
Tai họa Người truyền đạo đã thấy là gì?
Người truyền đạo thấy Chúa sẽ ban giàu có, của cải, và danh vọng cho một người để mà người đó không thiếu các điều anh ta ao ước, nhưng rồi Chúa không không ban cho anh ta khả năng để hưởng nó.
Ecclesiastes 6:3
Nếu lòng của một người không thỏa mãn với điều lành và không được chôn cất tử tế, thì ai còn khá hơn anh ta?
Nếu lòng của một người không thỏa mãn với điều lành và không được chôn cất tử tế, thì một đứa trẻ chết lúc sanh ra còn khá hơn anh ta.
Ecclesiastes 6:6
Nếu như một người sống hai nghìn năm mà không nhận được phước hạnh, anh ta sẽ đi đâu?
Nếu như một người sống hai nghìn năm nhưng không nhận được phước hạnh, thì anh ta đi cùng chỗ với người khác.
Ecclesiastes 6:7
Qua mọi việc của một người để kiếm miếng ăn, điều gì xảy ra?
Qua mọi việc của một người để kiếm miếng ăn, lòng ham muốn của người đó chưa đủ.
Ecclesiastes 6:11
Điều gì xảy ra khi nhiều lời được nói ra?
Càng nhiều lời được nói ra, thì sự vô ích càng tăng theo.

Chapter 7

Ecclesiastes 7:1
Danh tiếng tốt
Tham khảo cách dịch: "Tiếng tốt"
người sống hải để tâm đến chuyện nầy
Họ cần phải xem xét xem loại danh hiệu hay tiếng tốt nào mà mình có và sẽ để lại sau khi họ qua đời. Tham khảo cách dịch: "những người đang sống phải suy nghĩ nghiêm túc về điều này"
Ecclesiastes 7:3
nỗi buồn trên gương mặt
Cụm từ nầy nói về trạng thái buồn rầu. Tham khảo cách dịch: "một kinh nghiệm khiến một người buồn rầu"
niềm vui mừng trong lòng
Ở đây, từ "lòng" chỉ về những suy nghĩ và cảm xúc của một người. Niềm vui mô tả trạng thái cạm xác khi đang hạnh phúc và thanh thản. Tham khảo cách dịch: "suy nghĩ hợp lí"
Lòng người khôn ngoan ở trong nhà tang chế
Tham khảo cách dịch: "Người ngôn ngoan suy nghĩ sâu xa về cái chết"
Còn lòng kẻ ngu dại ở trong nhà yến tiệc
Tham khảo cách dịch: "còn người ngu dại chỉ nghĩ đến việc tận hưởng"
nhà tang chế.... nhà yến tiệc
Những cụm từ nầy chỉ về những sự việc diễn ra ở những nơi nầy
Ecclesiastes 7:5
lời quở trách của người khôn ngoan
Tham khảo cách dịch: "khi người khôn ngoan quở trách ngươi"
nghe lời ca khen của kẻ ngu dại
Tham khảo cách dịch: "nghe kẻ ngu dại ca hát"
tiếng cười của kẻ ngu dại giống như tiếng củi gai nổ lách tách cháy dưới nồi
"tiếng cười của kẻ ngu dại" được so sánh với củi gai đang cháy, có tiếng nổ lách tách lớn nhưng lại nhanh chóng bị thiêu rụi
Ecclesiastes 7:7
Sự tống tiền
Cụm từ nầy nói về việc bắt ép ai đó phải đưa tiền hoặc những vật có giá trị khác cho một người khác để người nầy không làm hại người đó. Điều này được cho là sai trái.
khiến một người khôn ngoan trở nên ngu dại
Những ý nghĩa khả thi là: 1) "biến người khôn ngoan trở nên người ngu dại" hoặc 2) "khiến lời khuyên của một người khôn ngoan trở nên ngu dại."
làm hư hoại tấm lòng
Ở đây, từ "tấm lòng" chỉ về tâm trí. Tham khảo cách dịch: "phá hỏng khả năng suy nghĩ và phán xét đúng đắn"
Ecclesiastes 7:8
người có tính kiên nhẫn tốt hơn người có tính tự cao
Ở đây, từ "tính" chỉ về thái điểm của một người. Tham khảo cách dịch: "người kiễn nhẫn tốt hơn người tự cao" hoặc "tính kiên nhẫn tốt hơn tính tự cao"
Đừng vội để cho lòng mình dễ nổi giận
Tham khảo cách dịch: "Đừng dễ nóng giận" hoặc "Đừng nóng giận"
cơn giận nằm trong lòng kẻ ngu dại
Cơn giận được so sánh với một thứ gì ở bên trong kẻ ngu dại. Tham khảo cách dịch: "kẻ ngu dại đầy sự nóng giận"
Ecclesiastes 7:10
Tại sao những ngày trước tốt hơn bây giờ?"
Người nầy đặt ra câu hỏi để phàn nàn về thời điểm hiện tại. Tham khảo cách dịch: "Trước kia, những việc nầy tốt hơn hiện nay"
ấy không phải vì không ngoan mà ngươi hỏi câu nầy
Người đang nói câu nầy không hề so sánh giữa quá khứ và hiện tại một cách hợp lí, nhưng theo cách nghĩ chủ quan. Tham khảo cách dịch: "nếu người khôn ngoan sẽ chẳng hỏi câu nầy" hoặc "việc đặt ra câu hỏi nầy cho thấy người ấy không hề khôn ngoan"
Ecclesiastes 7:11
những người thấy ánh mặt trời
Tham khảo cách dịch: "những người hiện đang còn sống"
lợi ích của tri thức ấy là sự khôn ngoan đem đến sự sống
Những ý nghĩa khả thi là: 1) tác giả dùng từ "tri thức" và "khôn ngoan" để chỉ về cùng một điều hoặc 2) "ích lợi của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

việc nhận biết sự khôn ngoan ấy là nó đem đến sự sống"
đem đến sự sống cho người nào sở hữu nó
"nó" chỉ về sự khôn ngoan. Tri thức và sự khôn ngoan "đem đến sự sống" theo những phương thức khác nhau. Lựa chọn những sự đầu tư đúng đắn, kết giao với những người bạn tốt, chọn lối sống lành mạnh, sống hòa thuận với những người khác là một vài trong số những cách làm sao để sự không ngoan "đem đến sự sống".
Ecclesiastes 7:13
Ai có thể làm cho thẳng được vật mà Ngài đã bẻ cong?
Tham khảo cách dịch: "Không ai có thể làm cho thẳng lại vật mà Ngài đã bẻ cong."
Ecclesiastes 7:14
Trong ngày tốt đẹp... trong ngày tồi tệ
"Khi những việc tốt đẹp xảy đến... khi nhưng việc tồi tệ xảy đến"
sống vui vẻ trong những điều tốt đẹp đó
"vui vẻ về những điều tốt đẹp đó"
gần kề nhau
"cùng một lúc"
điều gì xảy đến sau mình
Những ý nghĩa khả thi là: 1) "điều gì xảy đến trong tương lai" hoặc 2) "điều gì xảy ra trong thế giới nầy sau khi mình chết" hoặc 3) "điều gì xảy đến cho mình sau khi chết"
Ecclesiastes 7:15
mặc cho sự công chính của họ
"mặc dù họ công chính"
tự cho mình là công chính, khôn ngoan theo mắt mình
Về cơ bản cả hai về nầy đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.
Đừng tự cho mình là công chính
"Đừng tự cho rằng mình công chính hơn bản chất thực sự của mình"
khôn ngoan theo mắt mình
Tham khảo cách dịch: "khôn ngoan theo ý mình"
Sao phải hủy hoại chính mình?
Tác giả dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng tự cho mình công chính ấy là đang tự hủy hoại mình. Tham khảo cách dịch: "Chẳng có lí do gì để tự hủy hoại chính mình"
Ecclesiastes 7:17
Tại sao con phải chết trước kỳ định?
"Chẳng có lý do gì để con phải chết sớm hơn kỳ định cho mình"
nắm giữ sự khôn ngoan nầy
"nắm giữ sự khôn ngoan nầy"
con đừng buông sự công chính đó ra
"con phải cứ cố gắng trở nên công chính" hoặc "con đừng từ bỏ việc cố gắng trở nên công chính"
sẽ giữ trọn mọi bổn phận của mình
"sẽ làm thành mọi điều mà Đức Chúa Trời mong đợi nơi mình"
Ecclesiastes 7:19
hơn cả mười thủ lĩnh trong thành
Sự khôn ngoan đang được so sánh với nhiều người lãnh đạo trong thành. Sự khôn ngoan có thể khiến một người trở nên có thế lực hơn hẳn nhiều người lãnh đạo thành.
luôn làm điều thiện mà không bao giờ phạm tội
Tham khảo cách dịch: "làm điều thiện và không phạm tội"
Ecclesiastes 7:21
mọi lời đã nói
Tham khảo cách dịch: "mọi điều người ta nói"
con biết mình
"chính mình con biết". Ở đây, từ "chính con" được dùng để nhấn mạnh cho ý "con biết"
trong lòng mình
Tham khảo cách dịch: "trong suy nghĩ của mình"
Ecclesiastes 7:23
Mọi điều mà ta đã chứng minh nầy
"Ta đã chứng minh mọi điều mình đã viết nầy"
nó vẫn còn cách xa ta
"nó vượt quá khả năng hiểu biết của ta"
xa xôi và sâu thẳm
Sự khôn ngoan rất khó để hiểu thấu. Khi có sự hiểu biết thì sự khôn ngoan bị hạn chế đi nhiều. Nó đòi hỏi một sự hiểu biết sâu sắc hơn khả năng của tác giả. Tham khảo cách dịch: "khó hiểu"
Ai có thể tìm được nó?
Tác giả dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh khó khăn trong việc hiểu biết sự khôn ngoan. Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai có thể hiểu được."
Ta đã đổi hướng lòng mình
Ở đây, từ "lòng" chỉ về tâm trí. Tham khảo cách dịch: "Ta đã chuyển hướng suy nghĩ" hoặc "Ta đã quyết định"
Ecclesiastes 7:26
người đàn bà có lòng đầy dẫy bẫy và lưới, tay như xích xiềng
Tác giả đang nói rằng người đàn bà có sức cám dỗ thật giống như những cái bẫy mà người thợ sản dùng để bắt các con vật.
có lòng đầy dẫy bẫy và lưới
Ở đây, từ "lòng" nói đến những suy nghĩ và cảm xúc. Đây là người đàn bà chỉ hứng thú đến những lợi ích của bản thân mình. Tham khảo cách dịch: "muốn bẫy những người khác"
bẫy và lưới
Cả hai cụm từ nầy đều chỉ về những cách người ta bẫy các loài thú. Người đàn bà nầy lại tiếp tục suy nghĩ tìm cách bẫy những người đàn ông vào việc phải đem đến cho nàng ta mọi thứ.
tay như xiềng xích
Ở đây, từ "tay" chỉ về quyền lực hoặc quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "chẳng ai có thể thoái khỏi tay nó"
còn kẻ có tội sẽ bị nó bắt lấy
Tham khảo cách dịch: "nó sẽ bắt lấy những kẻ có tội"
Ecclesiastes 7:27
thêm khám phá nầy ra tiếp nối khám phá kia
Tham khảo cách dịch: "khám phá ra điều nầy tiếp sau điều kia"
để tìm ra lời giải thích cho thực tiễn
Tham khảo cách dịch: "để có thể giải thích được cuộc sống"
một người công bình trong số một nghìn người
Trong một nhóm 1.000 người đàn ông chỉ tìm thấy được một người công chính duy nhất. Tham khảo cách dịch: "1 người công chính trong số 1.000 người"
một người trong số tất cả người đàn bà
Trong một nhóm 1.000 người đàn bà thì chẳng có một người nữ công bình nào hết.
Ecclesiastes 7:29
họ đã đi tìm kiếm nhiều trở ngại
Những ý nghĩa khả thi là: 1) "họ đã lập ra nhiều mưu kế

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

gian ác" hoặc 2) "họ tự khiến đời mình ra khó khăn"

họ đã đi

Ở đây, từ "họ" chỉ về "loài người"

Translation Questions

Ecclesiastes 7:2

Tại sao một người nên đi đến nhà tang lễ hơn là đến nhà có yến tiệc?

Một người nên đi đến nhà tang lễ hơn là nhà có yến tiệc, vì sự đau buồn xảy đến với mọi người vào cuối đời.

Ecclesiastes 7:4

Tấm lòng của người khôn ngoan ở đâu?

Tấm lòng của người khôn ngoan ở nhà tang lễ.

Ecclesiastes 7:6

Tiếng cười của kẻ ngu dại giống điều gì?

Giống như tiếng tanh tách của gai đang đốt dưới nồi.

Ecclesiastes 7:7

Điều gì làm người khôn ngoan thành ngu dại?

Sự tống tiền khiến người khôn ngoan thành ngu dại.

Ecclesiastes 7:9

Tại sao mọi người nên chậm nóng giận trong lòng?

Mọi người không nên vội nóng giận trong lòng, vì cơn giận ở trong lòng của kẻ ngu dại.

Ecclesiastes 7:12

Sự khôn ngoan hơn tiền bạc thế nào?

Sự khôn ngoan che chở như tiền có thể che chở, nhưng lợi thế của sự hiểu biết là nó ban sự sống cho ai có nó.

Ecclesiastes 7:14

Khi gặp thời tốt, người ta sống thế nào?

Khi gặp thời tốt, người ta hãy sống vui vẻ trong lúc đó.

Ecclesiastes 7:15

Điều gì xảy ra cho kẻ ác mà Người truyền đạo đã thấy?

Người truyền đạo thấy kẻ ác được sống lâu dù chúng sống ác.

Ecclesiastes 7:18

Điều gì sẽ xảy ra cho người kính sợ Chúa?

Người kính sợ Chúa sẽ đáp ứng mọi bổn phận của người đó.

Ecclesiastes 7:21

Tại sao người ta không nên nghe mỗi lời được nói ra?

Mỗi người không nên nghe mỗi lời được nói ra bởi vì họ có thể nghe đầy tớ của họ chửi rủa mình.

Ecclesiastes 7:24

Sự khôn ngoan ở đâu?

Sự khôn ngoan ở cách xa.

Ecclesiastes 7:26

Bởi ai mà kẻ phạm tội sẽ vấp phạm?

Kẻ phạm tội sẽ vấp phạm bởi người nữ có lòng đầy mưu chước và cạm bẫy.

Ecclesiastes 7:28

Mặc dù Người truyền đạo tìm ra một người ngay thẳng ở giữa một nghìn người, thì điều gì ông không tìm thấy?

Dù Người truyền đạo tìm ra một người ở giữa một nghìn người, một người nữ trong số đó ông cũng không tìm thấy.

Chapter 8

Ecclesiastes 8:1

Ai là người khôn ngoan? Ai biết được những việc trong đời có ý nghĩa gì?

Tác giả hỏi những câu nầy như một câu hỏi dẫn để đưa ra câu trả lời cho những điều mình sẽ nói sau đó.

làm cho mặt mày sáng sủa

Cụm từ nầy có nghĩa là nét mặt của người đó sẽ cho thấy rằng người ấy thật sự khôn ngoan. Tham khảo cách dịch: "thể hiện trên gương mặt người đó"

sự nghiêm khắc trên gương mặt người

Tham khảo cách dịch: "vẻ nghiêm khắc của người"

Ecclesiastes 8:2

lời thề của Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ vua

"lời thề mà con đã lập sẽ bảo vệ vua trước mặt Đức Chúa Trời"

Đừng vội rời khỏi vua

Những ý nghĩa khả thi là: 1) đừng vội vàng đi ra khỏi chỗ của vua hoặc 2) cứ trung thành với vua, không được vội vàng từ bỏ vua cho một người khác.

Lời của vua có quyền

Tham khảo cách dịch: "Những lời vua nói là luật"

ai dám hỏi vua

Tham khảo cách dịch: "chẳng ai dám hỏi vua"

Bệ hạ đang làm gì vậy?

Tham khảo cách dịch: "Bệ hạ không nên làm như vậy"

Ecclesiastes 8:5

Lòng người khôn ngoan nhìn nhận

"lòng" chỉ về những suy nghĩ. Tham khảo cách dịch: "Một người khôn ngoan nhận biết"

Ai có thể nói trước cho vua biết chuyện gì sẽ xảy đến?

Câu hỏi nầy nhấn mạnh rằng không ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra trong tương lai. Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai có thể nói trước cho vua chuyện gì sẽ xảy đến."

Ecclesiastes 8:8

Không ai có quyền trên hơi thở để dừng hơi thở lại... không ai có quyền trên các ngày chết của mình

Một người không thể nào bắt mình ngưng thở được thì cũng vậy, không ai có thể tiếp tục sống trong khi đã đến kỳ phải chết.

sự gian ác sẽ không giải cứu những kẻ vốn là nô lệ của nó

Tác giả nói đến sự gian ác như thể nó là một người chủ có nhiều nô lệ.

chú tâm

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:16

mọi việc đã làm

Tham khảo cách dịch: "mọi việc người ta làm"

Ecclesiastes 8:10

kẻ ác được công khai chôn cất

Kẻ ác đã chết và được an táng một cách trang trọng. Ngụ ý rằng lẽ ra xác của những kẻ đó phải bị ném vào đống rác của thành hoặc những nơi đại loại như vậy. Tham khảo cách dịch: "người ta công khai chôn cất kẻ ác"

Chúng được khiêng từ nơi thánh ra để được chôn cất và được mọi người khen ngợi

Tham khảo cách dịch: "Người ta khiêng chúng ra khỏi nơi thánh để chôn cất và khen ngợi chúng"

Khi án phạt đối với hành động của kẻ ác không được nhanh chóng thi hành

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo cách dịch: "Khi những người có thẩm quyền không nhanh chóng thi hành án phạt đối với tội ác"

dụ dỗ lòng người

Ở đây, từ "lòng" chỉ về ý muốn. Tham khảo cách dịch: "dụ dỗ con người"

Ecclesiastes 8:12

hàng trăm lần

Tham khảo cách dịch: "100 lần"

người kính sợ Đức Chúa Trời sẽ được phước

Tham khảo cách dịch: "cuộc sống của những người kính sợ Đức Chúa Trời sẽ diễn ra tốt lành"

những người tôn kính Đức Chúa Trời, tức là những người kính sợ sự hiện diện của Ngài

Về cơ bản cả hai về nầy đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.

đời người ấy sẽ được kéo dài thêm

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời sẽ kéo dài đời người ấy"

Các ngày của người ấy như bóng chóng qua

Những ý nghĩa khả thi là: 1) Tác giả đang so sánh độ dài đời của người gian ác với cái bóng quanh chóng qua đi hoặc 2) chất lượng hoặc những sự vui thú của cuộc đời đối với người gian ác sẽ nhanh chóng qua đi, cuộc đời người ấy chẳng có giá trị gì.

Ecclesiastes 8:14

hư không

"vô nghĩa" hoặc "phù phiếm". Những việc tốt đẹp xảy đến cho người gian ác còn những chuyện tồi tệ lại xảy đến cho người lương thiện.

một việc gì đó được làm trên đất

Tham khảo cách dịch: "một việc gì đó khác mà con người làm ra trên đất"

suốt những ngày trong đời mà Đức Chúa Trời đã ban cho con người

Tham khảo cách dịch: "vì chừng nào Đức Chúa Trời cho người còn sống"

Ecclesiastes 8:16

chú tâm

tập trung tâm trí và sự hiểu biết để hình dung ra một điều gì đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC01:16

công việc được làm trên đất

Tham khảo cách dịch: "công việc mà con người đã làm trên đất"

mắt không ngủ

Tham khảo cách dịch: "không ngủ"

công việc làm ra dưới ánh mặt trời

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "công việc mà Đức Chúa Trời làm ra dưới ánh mặt trời" hoặc 2) "công việc mà Đức Chúa Trời cho phép con người làm dưới ánh mặt trời"

Translation Questions

Ecclesiastes 8:1

Người khôn ngoan là thế nào?

Người khôn ngoan là người biết ý nghĩa của những sự kiện trong đời.

Ecclesiastes 8:3

Tại sao người ta không nên vội vàng rời khỏi mặt vua, và cũng không ủng hộ điều sai trái?

Người ta không nên vội vã rời khỏi mặt vua, cũng không ủng hộ làm điều sai trái, vì vua làm những gì ông muốn.

Ecclesiastes 8:5

Ai tránh điều tai hại?

Bất cứ ai giữ mệnh lệnh của vua đều tránh khỏi tai hại.

Ecclesiastes 8:8

Không một ai có quyền trên điều gì?

Không một ai có quyền trên hơi thở khi nó ngưng thở, và không ai có quyền trên ngày chết của họ.

Ecclesiastes 8:10

BBởi ai mà kẻ ác được ca ngợi?

Kẻ ác được ca ngợi bởi những người trong thành, nơi họ đã cùng làm các điều ác của họ.

Ecclesiastes 8:12

Dù cho kẻ ác phạm tội một trăm lần mà vẫn sống lâu, thì điều gì sẽ xảy ra cho những ai kính sợ Chúa?

Dù cho kẻ ác phạm tội một trăm lần mà vẫn sống lâu, thì phước cũng sẽ ở với ai kính sợ Chúa, vì họ kính sợ trước mặt Ngài.

Ecclesiastes 8:15

Tại sao Người truyền đạo quí mến sự hạnh phúc?

Người truyền đạo quí mến sự hạnh phúc, bởi vì một người ở dưới mặt trời không gì tốt hơn là ăn và uống và được vui vẻ.

Ecclesiastes 8:17

Điều gì một người không thể hiểu?

Một người không thể hiểu các việc được làm ra dưới mặt trời.

Chapter 9

Ecclesiastes 9:1

Ta đã chuyên tâm suy nghĩ về tất cả những điều nầy

Tham khảo cách dịch: "Ta đã suy nghĩ rất kỹ về tất cả những điều nầy"

Họ đều ở trong tay Đức Chúa Trời

Ở đây, từ "họ" chỉ về "những người công bình và khôn ngoan" cũng như "các việc làm của họ"

trong tay Đức Chúa Trời

Ở đây, từ "tay" chỉ về quyền lực và thẩm quyền. Tham khảo cách dịch: "dưới quyền cai trị của Đức Chúa Trời"

Ecclesiastes 9:2

người công chính cũng như kẻ gian ác

người tinh sạch cũng như kẻ ô uế

Người dâng sinh tế cũng như kẻ không dâng

Người thiện lành thế nào... thì kẻ có tội cũng như vậy

Người thề nguyện... vậy nên kẻ không dám thề nguyện cũng vậy

Ecclesiastes 9:3

mọi việc đã được làm

Tham khảo cách dịch: "mọi việc con người làm"

một số phận

Ở đây, từ "số phận" chỉ về cái chết.

Lòng dạ con người đầy dẫy điều hung ác, và sự điên rồ chiếm hữu lòng họ

Ở đây, từ "lòng" chỉ về những suy nghĩ và cảm xúc. Tham khảo cách dịch: "Con người đầy dẫy sự gian ác và suy nghĩ của họ thật điên rồ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

họ đi đến kẻ chết
Tham khảo cách dịch: "họ đi đến chỗ kẻ chết" hoặc "họ chết"
Ecclesiastes 9:4
trí nhớ của họ bị lãng quên
Tham khảo cách dịch: "người ta đã lãng quên họ"
Ecclesiastes 9:6
mọi việc đã làm dưới ánh mặt trời
Tham khảo cách dịch: "mọi việc con người làm dưới ánh mặt trời"
hãy ăn bánh cách vui vẻ và uống rượu với lòng hớn hở
Hai vế nầy có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc vui hưởng những hoạt động cơ bản nhất của cuộc đời.
ăn bánh cách vui vẻ
Tham khảo cách dịch: "tận hưởng đồ ăn của mình"
uống rượu với lòng hớn hở
Ở đây, từ "lòng" chỉ về những cảm xúc của người đó. Tham khảo cách dịch: "hãy uống rượu cách vui mừng"
Áo quần của con phải luôn trắng sạch và đầu con phải được xức dầu thơm
Mặc đồ trắng và xức dầu thơm trên đầu là dấu hiệu của sự vui mừng và của lễ hội.
đầu con phải được xức dầu thơm
Tham khảo cách dịch: "hãy xức dầu thơm cho đầu con"
Ecclesiastes 9:9
Hãy sống hạnh phúc với người vợ mà con yêu thương
Người đó nên sống với người vợ của mình. Tham khảo cách dịch: "Vì con có người vợ mà mình yêu thương, nên hãy sống hạnh phúc với nàng"
Bất cứ điều gì tay con làm được
Tham khảo cách dịch: "Bất cứ điều gì con có thể làm được"
chẳng có công việc hay lời giải thích hay tri thức hay là sự khôn ngoan
Tham khảo cách dịch: "người chết chẳng làm việc cũng chẳng giải thích hay là biết hay có sự khôn ngoan"
Ecclesiastes 9:11
thời thế và cơ hội đều ảnh hưởng đến hết thảy chúng
"chuyện gì xảy ra và khi nào nó xảy đến đều ảnh hưởng đến hết thảy chúng"
đều ảnh hưởng đến hết thảy chúng
Ở đây, những từ "hết thảy chúng" chỉ về cuộc chạy đua, đồ ăn, sự giàu có và ân huệ.
như cá... như chim... Như loài thú, loài người
Cái chết bắt lấy người ta lúc họ không hề mong đợi nó, giống như một người bắt lấy các loài thú khi chúng không ngờ tới.
những lúc tai họa thình lình ập xuống họ
Những ý nghĩa khả thi là: 1) "trong những hoàn cảnh tồi tệ thình lình xảy đến cho họ" hoặc 2) khi sự chết thình lình bắt lấy họ."
Ecclesiastes 9:13
Trong thành đó có một người nghèo mà khôn ngoan
Tham khảo cách dịch: "trong thành đó, người ta tìm được một người nghèo mà khôn ngoan" hoặc"có một người nghèo mà khôn ngoan sống trong thành đó"
Ecclesiastes 9:16
sự khôn ngoan của người nghèo bị coi thường
Bởi vì người ấy nghèo nên người ta không hề xem trọng sự khôn ngoan của người nghèo đó, cũng không hề tôn trọng người vì cớ sự khôn ngoan mà người có. Tham khảo cách dịch: "người ta coi thường sự khôn ngoan của người nghèo ấy"
lời nói của người ấy không được lắng nghe
Người ta không chịu ngheo người. Tham khảo cách dịch: "người ta không chịu nghe những lời người nói" hoặc "họ không nghe theo lời khuyên của người"
Ecclesiastes 9:17
được lắng nghe hơn
Tham khảo cách dịch: "được hiểu biết hơn"

Translation Questions

Ecclesiastes 9:1
Ai ở trong bàn tay của Chúa?
Người ngay thẳng và người khôn ngoan đều ở trong bàn tay của Chúa.
Ecclesiastes 9:2
Đều gì giống nhau với mỗi người?
Mỗi người đều giống số phận.
Ecclesiastes 9:3
Tấm lòng con người tràn ngập điều gì?
Tấm lòng con người tràn ngập tội lỗi.
Ecclesiastes 9:5
Why do the dead no longer have any reward? Tại sao người chết không còn được phần thưởng nào?
Họ không còn được phần thưởng nào bởi vì sự tưởng nhớ họ bị quên lãng.
Ecclesiastes 9:6
Điều gì đã biến mất cách đây rất lâu?
Tình yêu, lòng thù hận, sự đố kỵ của người chết đã biến mất cách đây rất lâu.
Ecclesiastes 9:10
Con người nên làm gì với tay họ làm ra?
Bất cứ điều gì tay họ làm ra, họ nên làm với hết sức của họ.
Ecclesiastes 9:12
Con người bị giam cầm trong điều gì?
Con người bị giam cầm trong thời kì tai họa đột ngột ập xuống họ.
Ecclesiastes 9:15
Điều gì xảy ra với kẻ nghèo, người khôn ngoan, những ai nhờ sự khôn ngoan của mình mà cứu thành phố?
Không ai nhớ kẻ nghèo, người khôn, những ai nhờ sự khôn ngoan của mình cứu thành phố.
Ecclesiastes 9:18
Điều gì tốt hơn các vũ khí chiến tranh?
Sự khôn ngoan tốt hơn các vũ khí của chiến tranh.

Chapter 10

Ecclesiastes 10:1
Như những con ruồi chết.... thì một chút điên dại
Con ruồi có thể làm hư nước hoa thế nào thì sự ngu dại cũng sẽ phá hoại danh tiếng của một người như thế, về cả sự khôn ngoan và danh giá.
Lòng người khôn ngoan... lòng kẻ ngu dại

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây, từ "lòng" chỉ về tâm trí hoặc những ý định. Tham khảo cách dịch: "Cách suy nghĩ của người khôn ngoan... cách suy nghĩ của kẻ ngu dại"

hướng về điều phải lẽ.... hướng về điều sai trái

Ở đây, những từ "trái" và "phải" chỉ về những điều phải lẽ và sai trái. Tham khảo cách dịch: "hướng đến việc làm điều phải lẽ.... hướng đến việc làm điều sai trái"

tư tưởng nó thật thiếu hiểu biết

Tham khảo cách dịch: "nó thật ngu dại"

Ecclesiastes 10:4

Nếu cảm xúc của người cai trị nổi lên nghịch cùng con

Tham khảo cách dịch: "Nếu người cai trị nổi giận cùng con"

Ecclesiastes 10:5

Kẻ ngu dại được giao cho vị trí lãnh đạo

Tham khảo cách dịch: "Những người cai trị giao vị trí lãnh đạo cho những kẻ ngu dại"

những người thành công lại bị giao cho những vị trí thấp hèn

Tham khảo cách dịch: "họ cho những vị trí thấp hèn cho những người thành công"

Ecclesiastes 10:8

Thông tin chung:

Công việc không phải là không có rủi ro

có thể bị thương bởi đá

Tham khảo cách dịch: "sẽ bị đá đó gây thương tích"

Ecclesiastes 10:10

Thông tin chung:

Một số câu châm ngôn

sự khôn ngoan giúp ích cho sự thành công

Một người khôn ngoan sẽ mài bén lưỡi rìu của mình để không phải phí nhiều sức lực để làm.

trước khi nó bị ếm bùa

Tham khảo cách dịch: "trước khi thầy bùa rắn ếm bùa nó"

Ecclesiastes 10:12

Thông tin chung:

Tiếp tục các câu châm ngôn.

Lời nói từ miệng người khôn ngoan thật tử tế

Tham khảo cách dịch: "Những lời người khôn ngoan nói thật tử tế"

môi kẻ ngu dại ăn nuốt chính nó

Ở đây, từ "ăn nuốt" có nghĩa là hủy diệt. Tham khảo cách dịch: "Lời kẻ ngu dại nói hủy diệt nó"

Ecclesiastes 10:13

Khi lời lẽ bắt đầu tuôn tràn từ miệng kẻ ngu dại

Tham khảo cách dịch: "Khi kẻ ngu dại lên tiếng"

kết thúc với những lời lẽ gian ác ngông cuồng

Tham khảo cách dịch: "và nó kết thúc bằng những lời lẽ gian ác ngông cuồng"

Kẻ ngu dại hay lắm lời

Tham khảo cách dịch: "kẻ ngu dại huyên thuyên mãi không ngừng"

không ai biết điều gì sẽ xảy đến

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong ECC08:05

Ai biết việc gì sẽ xảy đến sau khi mình qua đời?

Tác giả đặt ra câu hỏi nầy nhằm nhấn mạnh rằng không ai biết chuyện gì sẽ xảy ra trong tương lai. Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai biết chuyện gì sẽ xảy đến sau mình"

Ecclesiastes 10:15

làm chúng mệt mỏi

"khiến chúng thấy mệt mỏi"

Đến nỗi chúng không còn biết đường về thành

Những ý nghĩa khả thi là: 1) kẻ ngu dại trở nên quá mệt mỏi vì đã làm việc quá cực nhọc đến nỗi không thể tìm được đường đi của mình ở bất cứ nơi nào hoặc 2) kẻ ngu dại mệt mỏi vì đã làm việc quá cực nhọc bởi vì không hiểu biết đủ để về nhà.

Ecclesiastes 10:16

Khốn thay cho ngươi, xứ.... phước thay cho ngươi, xứ

Trong những câu nầy, tác giả đang nói về các quốc gia nầy như thể nó là một người.

nếu vua của ngươi chỉ là một thanh niên trẻ tuổi

Cụm từ nầy có nghĩa là vị vua nầy thiếu kinh nghiệm hoặc còn non nớt. Tuy nhiên, một số bản dịch hiện đại lại dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ nầy là "một người đầy tớ".

mới sáng đã lo tiệc tùng

Cụm từ nầy ngụ ý rằng những người lãnh đạo nầy lại quan tâm đến việc tận hưởng thời gian vui vẻ hơn là lãnh đạo một quốc gia.

vua là con trai của dòng quý tộc

Cụm từ nầy ngụ ý rằng người con trai nầy đã được các trưởng lão của mình huấn luyện theo tục lệ để trở thành một vị vua tốt.

Ecclesiastes 10:18

Do biếng nhác nên rường nhà sụp xuống

Một người lười biếng không theo kịp việc duy trì nhà cửa thông thường.

vì cớ đôi tay lười biếng

Tham khảo cách dịch: "vì cớ người lười biếng"

Người ta chuẩn bị thức ăn để vui cười

Tham khảo cách dịch: "Người ta chuẩn bị thức ăn để cười đùa"

rượu để làm cho đời vui vẻ

Tham khảo cách dịch: "rượu giúp người ta vui hưởng cuộc sống"

tiền bạc đáp ứng mọi nhu cầu

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "tiền bạc chu cấp cho mọi nhu cầu" hoặc 2) "tiền bạc cung ứng cả thức ăn và rượu"

Ecclesiastes 10:20

Thậm chí dù trong tư tưởng, đừng

"kể cả trong tư tưởng của mình, con đừng"

người giàu trên giường ngủ của con

"người giàu khi con đang trên giường ngủ của mình". Cụm từ nầy có nghĩa là con không nên nguyền rủa người giàu có kể cả khi con đang ở trong nơi riêng tư, không ai nghe thấy.

Vì chim trời... có thể loan truyền sự việc

Cả hai dòng nầy về cơ bản cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh. Tác giả dùng một phép ẩn dụ về loài chim trời để nói rằng bằng cách nầy hay cách khác thì người ta sẽ biết được những điều mà con đã nói.

Translation Questions

Ecclesiastes 10:3

Điều gì chứng tỏ cho mọi người thấy một người là kẻ ngu ngốc?

Khi suy nghĩ của một người không trọn đầy đủ, điều này chứng tỏ với mọi người rằng anh ta là kẻ ngu ngốc.

Ecclesiastes 10:7

Người truyền đạo đã thấy nô lệ đang làm gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người truyền đạo đã thấy tên nô lệ đang cưỡi ngựa.
Ecclesiastes 10:8
Điều gì có thể xảy ra lúc một người đập vỡ tường thành?
Khi một người đập vỡ tường thành, một con rắn sẽ căn người đó.
Ecclesiastes 10:10
Điều gì xảy ra nếu một người không mài bén lưỡi kiếm sắt bị cùn?
Nếu một người không mài bén lưỡi kiếm sắt cùn, thì anh ta phải dùng nhiều sức hơn.
Ecclesiastes 10:13
Lúc cuối cùng, miệng của kẻ ngu dại tuôn ra cùng điều gì?
Vào lúc cuối cùng, miệng của kẻ ngu dại tuôn ra cùng điên dại độc ác.
Ecclesiastes 10:16
When is there trouble in the land? Khi nào có tai họa trên đất?
Sẽ có tai họa trên đất nếu vị vua trẻ, các kẻ lãnh đạo bắt đầu tiệc tùng vào lúc sáng sớm!
Ecclesiastes 10:18
Tại sao ngôi nhà bị dột?
Bởi do tay biếng nhác mà nhà dột.
Ecclesiastes 10:20
Tại sao người ta không nên nguyền rủa vua?
Mọi người không nên nguyền rủa vua, vì con chim trên trời có thể truyền các lời của họ.

Chapter 11
Ecclesiastes 11:1
Hãy rải bánh của con trên mặt nước, vì sau nhiều ngày, con sẽ tìm lại được
Những ý nghĩa khả thi là: 1) một người nên rộng rãi với của cải mình có và rồi sẽ nhận lại được rộng rãi từ người khác , hoặc 2) một người nên đầu tư của cải của mình ra nước ngoài và sẽ được lợi từ nó.
Hãy chia nó cho bảy hoặc tám người
Những ý nghĩa khả thi là: 1) chia sẻ của cải của con cho người nhiều người, hoặc 2) đầu từ của cải của con ở nhiều nơi.
bảy hoặc tám
Tham khảo cách dịch: "7, hoặc thậm chí là 8" hoặc "nhiều"
tai họa nào sẽ xảy ra trên đất
Ở đây, cụm từ "trên đất" có nghĩa là "trên thế giới" hoặc "trong xã hội".
mưa tuôn xuống đất
Ở đây, cụm từ "đất" có nghĩa là "mặt đất".
về hướng nam hay hướng bắc
Tham khảo cách dịch: "theo bất cứ hướng nào"
Ecclesiastes 11:4
Người nào lo xem gió thì sẽ không gieo giống
Những ý nghĩa khả thi là: 1) "Người nông dân nào chú ý đến hướng gió thì sẽ không gieo giống khi gió thổi sai hướng" hoặc 2) "Người nông dân nào quá chú ý đến gió thì sẽ chẳng bao giờ gieo giống được"
người nào cứ trông mây thì sẽ không gặt
Những ý nghĩa khả thi là: 1) "Người nông dân nào chú ý đến mây sẽ không thu hoạch khi trời sắp mưa" hoặc 2) "Người nông dân nào quá chú í đến mây trời thì sẽ chẳng bao giờ thu hoạch"
xương cốt của thai nhi phát triển ra sao
Những ý nghĩa khả thi là: 1) "thai nhi phát triển ra sao" hoặc 2) theo nghĩa đen, "xương xốt của thai nhi phát triển ra sao"
Ecclesiastes 11:6
tay con hãy làm việc
Tham khảo cách dịch: "cứ tiếp tục làm việc"
hoặc buổi sáng hoặc buổi chiều, hoặc như thế nầy hoặc thế kia
Về cơ bản cả hai về nầy đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng công việc của người đó có thể sẽ thành công, không cần biết người đó đã hoàn thành nó vào lúc nào.
Tham khảo cách dịch: "hoặc số giống mà con đã gieo lúc sáng hoặc ban chiều"
ánh sáng thật là êm dịu
Ở đây, từ "ánh sáng" chỉ về việc có thể nhìn thấy mặt trời và vì vậy nên có nghĩa là đang còn sống. Tham khảo cách dịch: "có thể nhìn thấy ánh mặt trời thật là êm dịu" hoặc "việc còn sống thạt là êm dịu"
vì mắt thấy được mặt trời
Cụm từ nầy về cơ bản nói về cùng một ý với cụm từ trước. Tham khảo cách dịch: "vì một người được thấy ánh mặt trời" hoặc "được sống động"
vui mừng trong mọi năm ấy
Ở đây, từ "năm ấy" chỉ về những năm mà người đó được sống.
chuỗi ngày tối tăm sắp đến
Ở đây, từ "tối tăm" chỉ về sự chết. Tham khảo cách dịch: "người ấy sẽ chết bao nhiêu ngày"
vì các ngày ấy sẽ nhiều lắm
Ở đây, từ "các ngày ấy" chỉ về "chuỗi ngày tối tăm". Tham khảo cách dịch: "vì người ấy sẽ chết trong nhiều ngày hơn là sống" hoặc "vì người ấy sẽ chết đời đời"
Mọi việc xảy đến
Những ý nghĩa khả thi là: 1) "Mọi việc xảy ra sau cái chết" hoặc 2) "Mọi việc xảy ra trong tương lai."
Ecclesiastes 11:9
Hỡi người trẻ tuổi, hãy vui mừng trong tuổi thiếu niên, lòng con khá hớn hở trong tuổi thanh xuân!
Về cơ bản cả hai về nầy đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.
lòng con khá hớn hở
Ở đây, từ "lòng" chỉ về những cảm xúc của người đó. Tham khảo cách dịch: "hãy vui mừng"
Hãy đi theo những điều tốt đẹp mà lòng mình muốn
Ở đây, từ "lòng" chỉ về tâm trí hoặc cảm xúc của người đó. Tham khảo cách dịch: "Hãy theo đuổi những điều tốt lành mà con ao ước" hoặc "Hãy theo đuổi những điều tốt lành mà con đã quyết tâm đeo đuổi"
mọi điều gì trong tầm mắt mình
Tham khảo cách dịch: "mọi điều gì con thấy mình ao ước" hoặc "mọi điều gì con thấy là tốt nhất"
vì mọi việc ấy, Đức Chúa Trời sẽ đem con ra mà xét xử
Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời sẽ đòi bạn phải giải thích về mọi việc làm của mình"
hãy xua phiền não khỏi tấm lòng
Tham khảo cách dịch: "Đừng giận dữ"

---

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Ecclesiastes 11:2

Tại sao người ta nên chia bánh thành bảy, dù có tám người?

Người ta nên chia nó thành bảy, dù có tám người, vì họ không biết những tai họa đang xảy ra trên đất.

Ecclesiastes 11:5

Điều gì người ta không thể lĩnh hội được?

Người ta không thể lĩnh hội được công việc của Chúa.

Ecclesiastes 11:6

Người ta nên trồng hạt trong bao lâu?

Người ta nên trồng hạt từ sáng đến chiều.

Ecclesiastes 11:10

Người ta nên xua đuổi điều gì ra khỏi lòng họ?

Người ta nên xua đuổi cơn giận ra khỏi lòng họ.

Chapter 12

Ecclesiastes 12:1

nhớ lại

Tham khảo cách dịch: "nhớ đến"

Tôi không thấy vui thỏa trong chúng

Ở đây, từ "chúng" chỉ về "những năm tháng"

Ecclesiastes 12:3

Thông tin chung:

Tác giả đang mô tả một ngôi nhà mà trong đó có nhiều hoạt động không còn nữa. Dường như đây là ẩn dụ chỉ về cơ thể con người khi trở về già.

Các phụ nữ xay cối phải ngừng lại vì họ còn ít người

"Các phụ nữ xay gạo không còn xay gạo nữa bởi vì họ chỉ còn ít người"

Ecclesiastes 12:4

Thông tin chung:

Tác giả tiếp tục ẩn dụ của mình.

hai cánh cửa bên đường đóng lại

Tham khảo cách dịch: "người ta đóng hai cánh của bên đường lại"

khi người ta giật mình bởi tiếng chim hót

Tham khảo cách dịch: "khi tiếng chim hót khiến người ta giật mình"

Ecclesiastes 12:5

Thông tin chung:

Tác giả tiếp tục ẩn dụ của mình.

khi những ham muốn từ nhiên không còn nữa

Tham khảo cách dịch: "khi người ta không còn ham muốn những điều trước đây mình thường ham muốn nữa"

khi cây hạnh nở hoa

"Cây hạnh" là loại cây nở hoa trắng vào mùa đông.

Kế đó, con người đi đến nhà đời đời của mình

Cụm từ nầy nói về cái chết.

những người than khóc đi xuống các đường phố

Những ý nghĩa khả thi là: 1) những người than khóc đi xuống các đường phố để tham dự tang lễ hoặc 2) những người than khóc đi xuống đường để đến nhà của người sắp chết.

Ecclesiastes 12:6

Nhớ đến

"nhớ lại"

trước khi dây bạc bị cắt đứt....hay bánh xe nước bị gãy ra trên giếng

Tác giả đang so sánh cái chết với nhiều vật dụng khác nhau bị đổ bể. Cái chết sẽ hủy hoại cơ thể con người cách đột ngột như thể người ta vô tình làm đổ bể những vật dụng nầy khi họ đang sử dụng chúng.

dây bạc bị cắt đứt

"người ta cắt đứt sợi dây bạc"

chén vàng bị nghiền nát

"người ta nghiền nát chén vàng"

vò nước bị vỡ ra

"người ta làm vỡ vò nước"

bánh xe nước bị gãy

"người ta làm gãy bánh xe nước"

cát bụi trở về đất

Ở đây, từ "các bụi" chỉ về thân thể con người đã phân hủy.

Ecclesiastes 12:8

tất cả đều hư không

"tất cả chỉ thoáng qua, như hơi nước tan biến đi"

cân nhắc và sắp xếp

"nghiên cứu và sắp đặt" hoặc "suy nghĩ kỹ và viết xuống"

Ecclesiastes 12:10

lời của người khôn ngoan... do một người chăn chiên dạy bảo

Tác giả đang so sánh người thầy dùng những lời của mình để hướng dẫn người khác với một người chăn chiên dùng cây gậy để dẫn bầy chiên của mình.

Lời của người khôn ngoan giống như cây gậy nhọn

"Người khôn ngoan khuyến khích chúng ta hành động, như một cây gậy nhọn giục đàn chiên di chuyển"

Những câu châm ngôn được sưu tập của người chăn khác nào đinh đóng chặt

"Giống như con có thể treo đồ lên cây đinh đóng chặt thể nào thì con cũng có thể tin dựa vào những lời châm ngôn của người khôn ngoan viết ra như vậy"

các câu châm ngôn được sưu tập của những người chăn

"Những lời của những chuyên sưu tập các câu châm ngôn"

do một người chăn chiên dạy bảo

"là điều một người chăn chiên dạy bảo"

Ecclesiastes 12:12

sách vở viết ra nhiều, không bao giờ chấm dứt

"người ta sẽ chẳng bao giờ ngưng ra nhiều sách"

khiến thân xác mệt nhọc

"khiến người ấy mỏi mệt"

Ecclesiastes 12:13

Lời kết luận cho vấn đề nầy

"lời kết cho vấn đề nầy"

sau tất cả những gì đã nghe

Tham khảo cách dịch: "sau khi con đã nghe mọi điều"

Translation Questions

Ecclesiastes 12:1

Khi nào người ta nên tưởng nhớ Đấng tạo hóa của họ?

Người ta nên tưởng nhớ Đấng tạo hóa của họ trong những ngày thanh xuân của họ.

Ecclesiastes 12:3

Tại sao người nữ ngừng xay?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người nữ sẽ ngừng xay bởi vì họ còn ít người.
Ecclesiastes 12:4
Người đàn ông bị giật mình khi nào?
Người đàn ông bị giật mình bởi tiếng của con chim.
Ecclesiastes 12:7
Bụi sẽ trở lại đâu?
Bụi sẽ trở lại đất là nơi nó đến.
Ecclesiastes 12:9
Người truyền đão đã dạy người ta điều gì?
Người truyền đạo đã dạy người ta sự hiểu biết.
Ecclesiastes 12:11
Những lời của người khôn ngoan giống điều gì?
Những lời của người khôn ngoan như gậy nhọn.
Ecclesiastes 12:12
Học hỏi nhiều đem tới điều gì?
Học hỏi nhiều đem tới sự mệt nhọc cho cơ thể.
Ecclesiastes 12:13
Điều cuối cùng của chủ đề là gì?
Điều cuối cùng của chủ đề là người ta phải sợ hãi Chúa và giữ các mạng lệnh của Ngài.

Chapter 1
Song of Solomon 1:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: và
Thông Tin Tổng Quát:
Phần Một của sách bắt đầu ở 1:2.
Bài ca của các bài ca
"Bài ca tuyệt nhất" hoặc "Bài ca vượt trội nhất"
của Sa-lô-môn
"về Sa-lô-môn" hoặc "mà Sa-lô-môn sáng tác"
Dầu xức của anh
"Dầu anh xức trên người"
tỏa hương thơm ngát
"thơm ngát"
danh tiếng của anh như dầu thơm tuôn chảy
Người nữ nầy đang nhận biết rằng người yêu của mình có danh tiếng tốt. Tham khảo cách dịch: "danh tiếng của anh thơm ngát như mùi dầu thơm đổ ra"
Xin kéo em theo anh
"Xin đem em đi với anh". Từ "anh" chỉ về người yêu của cô gái đó.
chúng ta sẽ chạy
Từ "chúng ta" chỉ về người thiếu nữ kia và người yêu của nàng.
về anh
"vì anh"
em sẽ ca tụng
"em sẽ ca ngợi"
Các thiếu nữ khác yêu mến anh là điều đương nhiên
"Các thiếu nữ yêu anh thật phải lắm"
Song of Solomon 1:5
Tôi đen nhưng xinh đẹp
"Da tôi đen nhưng tôi vẫn xinh đẹp"
đen như các trại Kê-đa
Các bộ lạc du cư ở Kê-đa dùng da của loài dê đen để làm lều. Người nữ nầy đang so sánh da mình với những lều trại đó.
xinh đẹp như các bức màn của Sa-lô-môn
Nàng đang so sánh da mình như những bức màn đẹp đẽ mà Sa-lô-môn dùng trong cung điện của mình hoặc trong đền thờ của Đức Chúa Trời.
làm cháy sạm
"đốt cháy"
Các con trai của mẹ tôi
"Các anh em cùng mẹ khác cha của tôi". Đây là những người anh em cùng mẹ khác cha.
người giữ vườn nho
"người chăm sóc vườn nho"
còn vườn nho riêng của tôi, tôi lại không chăm sóc được
Người nữ nầy đang so sánh chính mình như một vườn nho. Tham khảo cách dịch: "nhưng tôi lại không thể chăm lo cho mình"
Song of Solomon 1:7
cho bầy của mình ăn
"cho bầy của mình gặm cỏ"
cho bầy của mình nghỉ
"cho bầy của mình nằm nghỉ"
Vì sao em phải như một người lang thang thơ thẩn bên bầy của các bạn anh?
Tham khảo cách dịch: "Hãy nói cho em biết để em không cần phải đi lang thang giữa các bầy của các bạn anh để tìm kiếm anh"
đi lang thang
"đi khắp nơi"
các bạn
"bạn bè" hoặc "những người cùng làm việc"
Song of Solomon 1:8
đi theo dấu bầy của anh
"đi theo sau bầy của anh"
dấu
những dấu chân của bầy gia súc trên đất.
chăn đàn dê tơ
"cho các dê con của em gặm cỏ" hoặc "cho các dê con của em đi ăn"
Song of Solomon 1:9
Thông Tin Tổng Quát:
Người yêu của người nữ nầy nói tiếp.
người yêu dấu của anh
"người anh yêu mến"
con ngựa cái kéo xe Pha-ra-ôn
Chàng người yêu nầy đang so sánh người nữ kia như một con ngựa cái xinh đẹp.
ngựa kéo xe của Pha-ra-ôn
"ngựa lo kéo xe của Pha-ra-ôn"
đính hột bạc
"đính bạc"
Song of Solomon 1:12
nằm trên giường mình
"ngồi tại bàn ăn của mình"
tỏa hương thơm nó ra
"tỏa hương thơm ngào ngạt"
dầu cam tùng
loại dầu mà người ta lấy từ cây cam tùng đắt tiền hoặc cây tùng (loại cây thuốc nữ lang có hoa trắng và hồng nhỏ) và dùng để dưỡng da mềm mại và có mùi thơm dễ chịu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người yêu của tôi với tôi giống như
"Đối với tôi, người yêu của tôi giống như"
nằm cả đêm giữa ngực tôi
"nằm giữa ngực tôi cả đêm dài". Phụ nữ thường thoa giữa hai bầu ngực mình một ít dầu thơm mắc tiền để mình luôn có mùi thơm dễ chịu.
hoa phụng tiên
loài hoa từ một loại cây nhỏ trên sa mạc, mà người ta thường dùng để làm nước hoa.
Song of Solomon 1:15
Kìa
Từ "Kìa" ở đây thêm nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "Thật vậy"
đôi mắt em như cặp bồ câu
Bồ câu là biểu tượng của sự thuần khiết, trong trắng, vô tội, dịu dàng và đáng yêu. Tham khảo cách dịch: "đôi mắt em dịu dàng và đáng yêu như mắt bồ câu"
Song of Solomon 1:16
Kìa
Từ "Kìa" ở đây thêm nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "Thật vậy"
đẹp trai
"tuấn tú" hoặc "đáng yêu" hoặc "xinh đẹp"
cánh đồng xanh ngát
những cây cỏ xanh mướt và phát triển mạnh.
làm giường chúng ta
"là giường chúng ta". Người nữ nầy đang mô tả họ nằm trên những cánh đồng xanh ngát ngoài trời như thể đó là giường của họ.
Những cây xà trong nhà chúng ta là những nhánh cây bá hương
Người nữ nầy đang mô tả khu rừng nầu như thể đó là nhà của họ. Tham khảo cách dịch: "Các nhánh cây bá hương giống như những cây xà trong nhà chúng ta."
cây xà
những khúc gỗ chống đỡ phần còn lại của ngôi nhà.
và rui trên mái nhà chúng ta là những nhánh cây bá tùng
"và những nhánh cây bá tùng giống như rui trên mái nhà chúng ta"
rui trên mái nhà
những cây gỗ giữ phần mái nhà.

Translation Questions

Song of Solomon 1:1
Ai là người viết sách Nhã ca?
Sô-lô-môn là người viết ra sách Nhã Ca.
Song of Solomon 1:2
For what does the young woman ask her lover to do? Cô gái đòi người yêu làm gì cho mình?
The young woman asks her lover to kiss her with the kisses of his mouth. Cô gái đòi người yêu hôn cô ấy bằng cái hôn môi.
What does the young woman say is better than wine? Cô gái nói điều gì tốt hơn rượu?
The young woman says her lover's love is better than wine. Cô gái nói tình yêu của người yêu thì ngon hơn rượu.
Song of Solomon 1:3
Cô gái nói tên của người yêu giống điều gì?
Cô gái nói tên của người yêu giống như nước hoa đổ ra.
Song of Solomon 1:4
Vua đã đem cô gái đi đâu?
Vua đã đem cô gái vào phòng ngủ của mình.
Song of Solomon 1:5
Cô gái mô tả làn da của mình như thế nào?
Cô gái mô tả làn của mình màu đen, nhưng đẹp đẽ như lều của Kê-đa, như bức màn của Sô-lô-môn.
Song of Solomon 1:6
Tại sao cô ấy không muốn người nữ khác nhìn chằm chằm vào mình?
Cô ấy không muốn người phụ nữ khác nhìn chằm chằm vào mình bởi vì da cô ấy đen xạm.
Anh của cô gái đã làm gì khi các người nữ nổi giận với cô ấy?
Anh trai của cô gái lập cô thành người trông coi vườn nho.
Song of Solomon 1:7
Cô gái hỏi người yêu của mình điều gì?
Cô gái hỏi người yêu nơi chàng cho bầy cừu ăn và nơi chàng cho chúng nghỉ lúc buổi trưa.
Song of Solomon 1:8
Người yêu nói với cô gái làm thế nào để tìm thấy mình?
Anh nói với cô đi theo dấu vết của bầy cừu để đến lều của người chăn.
Song of Solomon 1:9
Người yêu so sánh cô gái với điều gì?
Anh ta so sánh nàng như con ngựa cái của xe Pha-ra-ôn.
Song of Solomon 1:10
Người yêu của nàng nói gì trên má và cổ của nàng?
Anh ta nói với trang sức trên cổ và chuỗi ngọc trên cổ cô ấy.
Song of Solomon 1:11
Người yêu nói anh ta sẽ làm cho cô ấy?
Anh ta nói anh ta sẽ làm cho người yêu sợi dây chuyền vàng có cẩn bạc.
Song of Solomon 1:12
Vua nằm ở đâu khi cô gái đang nói về chính mình?
Vua đang nằm trên giường khi cô gái đang nói về chính mình.
Song of Solomon 1:13
Người yêu của cô gái sẽ ở đâu trong đêm?
Người yêu của cô gái sẽ nằm giữa ngực cô ấy trong đêm.
Song of Solomon 1:14
Cô gái so sánh người yêu mình với điều gì?
Người yêu của cô gái được so sánh như bó hoa lá móng giữa vườn nho Ên-ghê-đi.
Song of Solomon 1:15
Người yêu mô tả mắt cô gái như thế nào?
Anh ta nói mắt cô gái như đôi chim bồ câu.
Song of Solomon 1:16
Cô gái nói giường của họ như điều gì?
Cỏ cây sum xuê như giường của họ.
Song of Solomon 1:17
Cô gái nói rầm nhà và rui nhà được làm từ thứ gì?
Rầm và rui nhà được làm từ cây tuyết tùng và gỗ linh sam.

Chapter 2

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Song of Solomon 2:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: và

Em chỉ là một đóa hoa trong đồng bằng

Người nữ nầy đang so sánh chính mình với đoán hoa trong đồng bằng để nhấn mạnh rằng nàng là một cô gái bình dân, thanh mảnh từ vùng thôn quê, không đáng với sự quan tâm quá đỗi mà người yêu của nàng đang dành cho nàng.

đồng bằng

một khu vực đất bằng phẳng, không có cây cối, nhưng có nhiều lại cây cỏ và hoa khác nhau mọc trên đó.

chỉ là cành huệ trong thung lũng

Người nữ nầy đang so sánh chính mình với cành hoa huệ ở trong thung lũng, cũng cùng vì lí do mà cô đã tự ví sánh mình như đóa hoa ở vùng đồng bằng.

hoa huệ

loài hoa có hình dáng giống như một chiếc kèn, và có hương thơm dễ chịu.

thung lũng

Chỉ về một khu vực bằng phẳng, rộng lớn ở giữa các ngọn núi.

Như cành huệ.... những người ở xứ của anh

Chàng trai nầy có ý muốn nói rằng cô gái đó xinh đẹp và quý giá hơn những người thiếu nữ khác rất nhiều. giống như đóa huệ xinh đẹp và quý giá hơn tất cả những bụi gai mọc xung quanh nó.

người yêu của anh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:09

các con gái của dân xứ anh

"những thiếu nữ khác"

Song of Solomon 2:3

Như cây mơ... những người trai trẻ

Như cây mơ khiến người ta được an ủi và thích thú hơn bất kỳ cây nào khác trong rừng, người yêu của cô gái nầy cũng khiến nàng ta được an ủi và vui vẻ hơn mọi chàng trai trẻ khác.

cây mơ

một loại cây cho trái nhỏ, màu vàng, vị rất ngọt.

Em thích thú ngồi dưới bóng chàng

Cô gái nầy tìm thấy niềm vui và sự an ủi rất lớn khi được ở gần người yêu của mình.

và trái chàng ngọt lịm trong miệng em

Người nữ nầy đang so sánh sự thú vị của người yêu của mình như trái cây ngọt lịm.

phòng yến tiệc

một căn phòng rất lớn, nơi người ta dùng những bữa ăn rất thịnh soạn rất lớn và thăm hỏi nhau.

và ngọn cờ của chàng

"ngọn cờ" ở đây là một mảnh vải lớn mà người ta giương cao trước một đội quân để có thể dẫn đường và thêm dũng khí cho các người lính khác.

ngọn cờ tình yêu của chàng phất phới trên tôi

Có thể lúc bước vào phòng yến tiệc, cô gái nầy đã cảm thấy lo lắng, bồn chồn; nhưng tình yêu của người yêu cô đã chỉ lối cho cô và thêm dũng khí để cô có thể bước vào. Tham khảo cách dịch: "những tình yêu của chàng như ngọn cờ hiệu đã dẫn lối tôi đi và thêm cho tôi dũng khí"

Song of Solomon 2:5

Xin bổ sức cho tôi

"Xin hãy trả lại sức lực tôi" hoặc "Xin hãy cho tôi sức lực"

bằng bánh nho khô

"bằng cách cho tôi ăn những bánh nho khô kẹp" hoặc "bằng cách cho tôi những nho khô"

làm tươi mắt tôi bằng những trái mơ

"thêm sức cho tôi bằng cách cho tôi những trái mơ" hoặc "giúp đỡ tôi bằng cách cho tôi những trái mơ"

vì tôi ốm tương tư

"vì người yêu của tôi quá mạnh mẽ đến nỗi tôi cảm thấy yếu đuối"

tay trái... tay phải

"cánh tay trái... cánh tay phải"

ôm lấy tôi

"giữ lấy tôi"

Song of Solomon 2:7

các con gái Giê-ru-sa-lem

"các thiếu nữ Giê-ru-sa-lem"

nhân danh đàn linh dương và bầy nai đồng nội

Những loài vật đồng nội nầy thường nhát nhát và rụt rè, nhưng chúng sống hoàn toàn tự do.

đàn linh dương

loài vật trông giống nai, chạy nhanh, thân hình mảnh khảnh và thường nhút nhát.

đồng nội

"sống ở vùng quê"

sẽ không làm gián đoạn tình ái chúng tôi cho đến khi nó thỏa nguyện

"sẽ không quấy rầy khi chúng tôi ân ái cho đến khi chúng tôi thỏa nguyện"

quấy rầy

"khuấy động" hoặc "làm phiền"

Song of Solomon 2:8

Thông Tin Tổng Quát:

Chỗ nầy bắt đầu Phần Hai của sách

Kìa, chàng đang đến

Từ "kìa" ở đây thêm sự nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "Thật vậy"

nhảy qua các núi, phóng qua các đồi

"nhảy qua các núi, chạy băng qua các đồi". Người yêu của nàng ta chạy rất lẹ làng và duyên dáng như loài linh dương, vượt qua cả những đoạn gồ ghề của núi và đồi.

như con linh dương hoặc chú nai tơ

Người nữ nầy đang so sánh người yêu của mình với con linh dương hoặc chú nai tơ bởi vì chàng ta rất nhanh, xinh đẹp và duyên dáng như những loài vật đó.

con linh dương

Xem cách bạn đã dịch "đàn linh dương" trong SNG08:02

chú nai tơ

"chú hươu tơ" hoặc "chú nai đực tơ"

kìa, chàng đang đứng

Từ "kìa" ở đây cho thấy rằng cô gái nầy đang thấy một điều gì đó thú vị.

sau bức tường nhà chúng tôi

"ở phía bên kia bức tường nhà chúng tôi". Cô gái nầy đang ở trong nhà còn người yêu của cô thì đang ở ngoài.

tường nhà của chúng tôi

Từ "chúng tôi" chỉ về cô gái đó và những người khác cùng sống trong nhà đó với cô.

nhìn chăm chăm qua cửa sổ

"chàng nhìn chăm chăm qua cửa sổ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ngó qua các bức mành cửa
"chàng nhìn hé qua các bức mành cửa"
các bức mành cửa
các mảnh gỗ dài mà người ta đã đan chéo với nhau để tạo ra tấm màn che chắn cửa sổ hoặc những lối vào khác.
Song of Solomon 2:10
Hãy chỗi dậy
"Hãy thức dậy"
người yêu của anh
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:09
Kìa, mùa đông
Từ "Kìa" ở đây thêm sự nhấn mạnh cho những ý tiếp theo.
Tham khảo cách dịch: "Thật vậy"
mưa đã dứt hạt và đi khỏi rồi
Ở Y-sơ-ra-ên, trời chỉ mưa trong suốt mùa đông.
Song of Solomon 2:12
Muôn hoa đã nở ra
Tham khảo cách dịch: "Em có thể thấy muốn hoa" hoặc "Mọi người có thể nhìn thấy muôn hoa"
trên đất
"trên khắp đất nầy'
mùa tỉa cây
"mùa để người ta tỉa cây"
và tiếng chim hót vang
"và để chim hót vang"
tỉa cây
cắt bỏ những nhánh cây để cây đó đậu nhiều trái hoặc trông đẹp hơn.
nghe thấy tiếng chim bồ câu
Tham khảo cách dịch: "em có thể nghe thấy tiếng chim câu gù" hoặc "người ta có thể nghe thấy tiếng chim bồ câu"
nho trổ hoa
"nho đang ra hoa" hoặc "nho đã có hoa"
chúng tỏa
Từ "chúng" chỉ về hoa nở rộ trên vườn nho.
hương thơm ngát
"hương thơm dễ chịu"
Song of Solomon 2:14
Thông Tin Tổng Quát:
Người yêu của cô gái nầy đang nói.
Bồ câu của anh ơi!
Người yêu của cô gái nầy đang so sánh cô gái với chim bồ câu, bởi vì nàng có gương mặt xinh đẹp và giọng nói truyền cảm như chim bồ câu, và bởi vì chàng trai sẽ ở với nàng trong chỗ cách xa những người khác như chim câu sống ở những nơi cách xa con người.
các khe đá
"nơi ẩn náu trên các vách đá". Các khe đá là những vết nứt lớn ở trên sườn núi đá.
trong những khe đá bí hiểm của vách núi cheo leo
"trong những nơi bí mật trên các sườn núi dốc". Cụm từ nầy đang mô tả nơi mà người yêu muốn nhìn thấy gương mặt của cô gái nầy.
gương mặt em
"diện mạo em" hoặc "dáng điệu em" hoặc "dung mạo em"
Song of Solomon 2:15
những con chó rừng
Cũng có thể dịch thành "những con chồn". Những con vật nầy trông giống như những con chó nhỏ, và thường được nhắc đến trong thơ tình để chỉ về những chàng trai trẻ đầy ham muốn chiếm lấy nàng thiếu nữ.
cho chúng tôi
Từ "chúng tôi" có thể chỉ về 1) cô gái và người yêu của cô hoặc 2) cô gái và gia đình của mình.
những con chó rừng nhỏ
"những con chó rừng còn nhỏ". Chó rừng đẻ con vào mùa xuân, thời điểm vườn nho ra hoa.
phá hoại
"tàn phá" hoặc "tàn phá". Chó rừng và chồn phá hoại những cây nho khi chúng đào hố và ăn dây nho cũng như trái nho. Từ nầy cũng tượng trưng cho nhưng chàng trai trẻ làm hư hỏng các thiếu nữ.
đang trổ hoa
Cụm từ nầy có thể tượng trưng cho một thiếu nữ sẵn sàng lấy chồng và sinh con. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG02:12
Song of Solomon 2:16
Người yêu của tôi là của tôi
"Người yêu của tôi thuộc về tôi"
và tôi là của chàng
"và tôi thuộc về chàng"
chàng gặm cỏ
"ăn" hoặc "ăn cỏ". Người nữ nầy đang so sánh người yêu của mình với một loài vật ăn cây cỏ giữa đám hoa huệ, giống như con linh dương hoặc con nai tơ.
bình minh
một phần của ngày khi mặt trời đang mọc.
bóng tối chạy trốn
Người nữ nầy đang mô tả bóng tối như thể chúng đang chạy trốn khỏi ánh sáng mặt trời. Tham khảo cách dịch: "bóng tối biến mất"
như con linh dương hoặc chú nai tơ
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG02:08
linh dương
loại thú có thân hình mảnh khảnh, giống nai, có sừng dài và cong.
nai
một con nai đực trưởng thành
gồ ghề
"đá" hoặc "lởm chởm"

Translation Questions

Song of Solomon 2:1
Cô gái đã mô tả chính mình như thế nào?
Cô gái mô tả chính mình như là đóa hoa ở cánh đồng, như là hoa huệ tây ở thung lũng.
Song of Solomon 2:2
Người trai nói cô gái giống điều gì khi ở giữa đám con gái đồng hương của anh ta?
Anh ta nói cô gái giống như hoa huệ tây giữa bụi gai.
Song of Solomon 2:3
Cô gái mô tả người yêu mình như thế nào khi đứng giữa đám trai trẻ?
Cô gái mô tả người yêu mình như cây mơ ở giữa đám cây trong rừng.
Cô gái đã ngồi ở đâu?
Cô gái hết sức vui sướng ngồi dưới bóng của chàng trai.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều gì làm cô gái nếm thấy ngọt ngào?
Trái của chàng trai ngọt ngào nơi lưỡi cô.
Song of Solomon 2:4
Chàng trai trẻ đã mang cô gái đi đâu?
Chàng trai trẻ đã mang cô phòng yến tiệc.
Biểu ngữ của chàng trai về cô gái là gì?
Biểu ngữ của chàng trai về cô gái là tình yêu.
Song of Solomon 2:5
Cô gái muốn điều gì làm mình tươi tỉnh và khoan khoái?
Cô gái muốn bánh nho khô làm cô tươi tỉnh và quả mơ làm cô khoan khoái.
Song of Solomon 2:6
Tay trái và tay phải của chàng trai đặt ở đâu?
Tay trái chàng trai để dưới đầu cô gái và tay phải ôm cô.
Song of Solomon 2:7
Người con gái muốn con gái của Giê-ru-sa-lem thề điều gì?
Cô gái muốn con gái của Giê-ru-sa-lem thề rằng họ đừng quấy rầy cô và người yêu cô đang làm tình đến khi xong chuyện.
Song of Solomon 2:8
Cô gái đã nghe thấy tiếng gì?
Cô gái đã nghe tiếng của người yêu của cô,
Cô gái nói người yêu đang làm gì?
Anh ta đang vượt qua các núi và nhảy qua các đồi.
Song of Solomon 2:9
Cô gái nói người yêu mình giống điều gì?
Cô gái nói người yêu cô giống như con linh dương hoặc như con hươu tơ.
Song of Solomon 2:10
Người yêu muốn cô gái cùng mình làm gì?
Chàng muốn cô ấy cùng thức dậy và đi xa cùng anh ta.
Song of Solomon 2:11
Chàng trai đã nói gì về quá khứ và điều gì đã đi qua?
Chàng trai nói mùa đông đã dứt và cơn mưa đã qua đi.
Song of Solomon 2:12
Điều gì đã hiện ra trên đất?
Hoa đã nở ra trên đất.
Bấy giờ có điều gì?
Bấy giờ có mận chín và tiếng chim ca hát.
Song of Solomon 2:13
What ripened and was in blossom?
The green figs ripened and the vines were in blossom.
What did her beloved want his beautiful one to do?
He wanted her to arise and come away.
Song of Solomon 2:14
What does her beloved call her?
Her beloved calls her his dove.
What does her beloved want to see and hear?
Her beloved wanted to see her lovely face and hear her sweet voice.
Song of Solomon 2:15
What did the woman want him to catch?
The woman wanted him to catch the jackals.
Song of Solomon 2:16
To whom did the woman's beloved belong?
Her beloved belonged to her.
To whom did the woman belong?
She belonged to her beloved.
What did her beloved do among the lilies?
He grazed among the lilies with pleasure.
Song of Solomon 2:17
What did she want her beloved to do?
She wanted her beloved to go away.
When did she want her beloved to go away?
She wanted her beloved to go away before the soft winds of dawn blew and the shadows fled away.
What did she want him to be like?
She wanted him to like a gazelle or a young stag on the rugged mountains.

Chapter 3
Song of Solomon 3:1
Tôi ao ước người mình yêu mến, tôi đã tìm kiếm chàng
Ý nầy được lặp lại để nhấn mạnh.
tôi đã tìm kiếm chàng nhưng không tìm được
"muốn được ở cùng chàng" hoặc "ao ước có chàng"
Tôi mong mỏi người mình yêu mến
Xem cách bạn đã dịch "người mà linh hồn tôi yêu mến" trong SNG01:07
đi khắp thành
"đi rảo khắp thành"
khắp các đường phố và quảng trường
Từ "quảng trường" chỉ về khu vực trung tâm của thành, nơi giao nhau của các con phố hoặc đường phố. Đây thường là khu vực người ta buôn bán hàng hóa, là một khu chợ, và một nơi mà người ta đến để nói chuyện với nhau.
tìm
"tìm kiếm"
Song of Solomon 3:3
người lính canh
những người có công việc canh gác thành vào ban đêm để giữ cho dân thành được an toàn.
khi họ đi tuần quanh phố
"những người đi tuần quanh thành" hoặc "những người đi tuần quanh khắp thành"
phòng ngủ
"phòng để ngủ"
người đã mang thai tôi
"người đã thai nghén tôi" hoặc "người đã mang tôi trong bụng mình". Cụm từ nầy chỉ về mẹ của nàng.
Song of Solomon 3:5
Tôi muốn các cô phải thề.... cho đến khi nó thỏa nguyện
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG02:07
Song of Solomon 3:6
Thông Tin Tổng Quát:
Ở đây bắt đầu Phần Ba của sách
Điều gì đang từ hoang mạc đi lên
Một nhóm người đang từ hoang mạc đi lên Giê-ru-sa-lem. Bởi vì, hoang mạc nầy nằm dưới thung lũng Giô-đanh, còn Giê-ru-sa-lem thì nằm ở trên các núi cao; người ta phải đi lên thì mới có thể đến được Giê-ru-sa-lem.
trông như cột khói
Bởi vì lúc đi thì người ta làm bụi bay lên, và bụi đó nhìn từ xa trông giống như khói. Tham khảo cách dịch: "với những cột khói bay lên."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thơm mùi nhũ hương và mộc dược
Tham khảo cách dịch: "mùi khói ngào ngạt hương nhũ hương và một dược quanh nó"
cùng mọi thứ phấn mà các lái buôn bán ra
Tham khảo cách dịch: "và khói thơm ngào ngạt từ mọi thứ phấn mà các lái buôn bán ra"
phấn
loại bột mịn được làm ra bằng cách nghiền nát một vật rắn
Xem kìa
Ở đây, từ nầy cho thấy hiện tại người nói đã khám phá ra được câu trả lời cho câu hỏi trong câu 6.
đó là giường
Cụm từ nầy chỉ về giường có màn bao phủ để có thể khiêng từ nơi nầy đến nơi khác.
có sáu mươi binh sĩ hộ tống, sáu mươi lính chiến của Y-sơ-ra-ên
Hai cụm từ cùng chỉ về cùng một nhóm sáu mươi người đó. Cụm từ thứ hai làm sáng tỏ cho cho cụm từ "binh sĩ" ở đây chính là "lính chiến của Y-sơ-ra-ên"
binh sĩ
người chiến đấu
Song of Solomon 3:8
trên chiến trường
"trên chiến trận"
trang bị chống lại
"để đề phòng" hoặc "để chiến đấu với"
những nỗi khiếp sợ ban đêm
Cụm từ nầy chỉ về những mối nguy hiểm có thể xảy ra lúc ban đêm, ví dụ như trộm cướp.
kiệu
loại ghế có những cây cột dài mà người ta dùng để khiêng những nhân vật quan trọng.
Song of Solomon 3:10
Các trụ của nó
Từ "của nó" chỉ về kiệu của Sa-lô-môn.
trụ
Từ "trụ" ở đây chỉ về những cây gỗ chống đỡ phần vải che ở quanh kiệu.
Bên trong nó
"Phía bên trong của nó"
được trang trí tỉ mỉ
"được trang trí tỉ mỉ rất dễ thương" hoặc "được thêu tỉ mỉ". Cụm từ nầy cho thấy các thiếu nữ nầy đã trang trí kiệu nầy một cách đặc biệt để bày tỏ tình cảm yêu mến của họ với Sa-lô-môn.
mà ngắm xem vua Sa-lô-môn
"ngắm nhìn vua Sa-lô-môn". Từ "ngắm" chỉ về hành động nhìn một ai đó hoặc một vật gì đó trong một quãng thời gian dài, thường là với một cảm xúc mãnh liệt.
đội chiếc vương miện
"mang vương miện"

Translation Questions

Song of Solomon 3:1
Cô gái đang mong đợi nhưng không tìm thấy ai?
Cô gái đang mong đợi người cô yêu nhưng không thể tìm thấy người đó.
Song of Solomon 3:2
Cô gái đang tìm kiếm qua những con đường và quảng trường nhưng không thấy ai?
Cô gái đang tìm kiếm qua những con đường và quảng trường nhưng không thể thấy người yêu của cô.
Song of Solomon 3:3
Cô gái hỏi người canh gác điều gì khi họ thấy cô?
Cô hỏi họ, "Các người có thấy người yêu của tôi không?"
Song of Solomon 3:4
Khi nào cô gái tìm thấy người mà tâm hồn cô yêu quý?
Cô tìm thấy người mà tâm hồn cô yêu quí sau khi cô đi qua người canh gác của thành phố.
Cô ấy đã làm gì với người yêu của mình?
Cô giữ chặt người yêu không để anh ta đi đến khi cô đã đem anh ta vào nhà mẹ của mình.
Song of Solomon 3:5
Cô gái muốn con gái của Giê-ru-sa-lem hứa điều gì?
Cô gái muốn con gái của Giê-ru-sa-lem hứa rằng họ không làm quấy rầy họ làm tình đến khi họ xong việc.
Song of Solomon 3:6
Cô gái nhìn thấy gì từ nơi hoang dã có hương thơm của nhựa và hương tràm?
Cô nhìn thấy kiệu khiêng của Sa-lô-môn cùng 60 binh lính xung quanh đó.
Song of Solomon 3:7
Cô gái nhìn thấy gì từ nơi hoang dã có hương thơm của nhựa và hương tràm?
Cô nhìn thấy kiệu khiêng của Sa-lô-môn cùng 60 binh lính xung quanh đó.
Song of Solomon 3:8
Có điều gì ở những binh sĩ giỏi này?
Binh sĩ này giỏi về kiếm và chiến đấu.
Song of Solomon 3:9
Vua Sa-lô-môn đã làm gì cho mình?
Vua Sa-lô-môn làm cho mình một cái kiệu từ gỗ Li-băng.
Song of Solomon 3:10
Cái kiệu vua Sa-lô-môn đã làm trông ra sao?
Cái kiệu có các cột bằng bạc, thân dựa bằng vàng, đế ngồi bằng vải tía, và được trang trí bởi tình yêu.
Song of Solomon 3:11
Cô gái muốn phụ nữ Giê-ru-sa-lem nhìn điều gì?
Cô muốn họ nhìn vào vua Sa-lô-môn.
Vua Sa-lô-môn mặc gì trong ngày cưới của ông?
Ông đội vương miện mà mẹ ông đã đặt lên trong ngày cưới của ông.

Chapter 4

Song of Solomon 4:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: và
Ôi, em thật xinh đẹp quá… mắt bồ câu
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:15
Tóc em… núi Ghi-lê-át
Dê thường có lông màu đen, và khi chúng đi trên núi, lông chúng trông giống như một dải tóc dài của người nữ.
Song of Solomon 4:2
Răng em như bầy chiên vừa mới được hớt lông

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sau khi chiên đã được hớt lông thì chúng chúng được tắm rửa và da của chúng rất trắng. Vế nầy đang so sánh màu trắng của răng cô gái với độ trắng sáng của lông chiên sau khi lông của chúng đã được hớt.

bầy chiên vừa mới được hớt lông

Tham khảo cách dịch: "bầy chiên mà người ta vừa mới hớt lộng"

từ chỗ tắm mát đi lên

Vế nầy ngụ ý rằng bầy chiên đó đang đi lên khỏi hồ nước. Tham khảo cách dịch: "đang ra khỏi chỗ hồ nước mà người ta tắm rửa cho chúng"

Tất cả theo từng từng cặp

Thường thì chiên sẽ sinh một lần hai con. Hai con chiên sinh đôi nầy thường sẽ giống nhau. Hàm răng của cô gái nầy rất đều nhau, hàm trên đối xứng với hàm dưới. Chính vì vậy nên giống như hàm răng nầy của cô gái sẽ có em chị em song sinh, giống như những con chiên kia vậy..

không thiếu một con nào

Không một chiếc răng nào của nàng bị trống so với hàm kia. Nàng không hề bị mất một chiếc răng nào.

bị mất

Bị mất một người thân yêu, người ấy đã qua đời.

Song of Solomon 4:3

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái nầy.

như sợi chỉ đỏ

Cụm từ nầy đang so sánh màu môi của cô gái nầy với sợi chỉ đỏ. Tham khảo cách dịch: "đỏ tươi như chỉ đỏ"

đỏ tươi

màu đỏ đậm rất giống với màu máu.

xinh xinh

"xinh đẹp"

giống như quả lự bẻ đôi

Lựu có vỏ nhẵn nhụi, tròn và có màu có sậm. Tham khảo cách dịch: "hồng hào và tròn như hai nửa của quả lựu"

sau tấm mạng che mặt

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG04:01

Song of Solomon 4:4

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái nầy.

cổ em như

Tham khảo cách dịch: "cổ em dài và xinh đẹp như"

của Đa-vít

"mà Đa-vít đã xây"

xây trên các dãy đá

Người nữ đeo những dây chuyền có dây trang trí quanh cổ mình. Người yêu của cô gái nầy đang so sánh như dây trang trí của dây chuyền với những dãy đá trên tháp. Tham khảo cách dịch: "có nhiều dãy đá"

có hàng nghìn thuẫn khiên

Người yêu của cô gái nầy đang so sánh các dây chuyền đeo trên cổ của cô gái với những thuẫn khiên treo trên tháp.

hàng nghìn thuẫn khiên

"1.000 thuẫn khiên."

toàn bộ thuẫn khiên của các chiên sĩ

"toàn bộ all of the shields belong to mighty warriors"

như đôi nai tơ, như cặp linh dương song sinh

Bộ ngực của cô gái nầy mềm mại, cân xứng và xinh đẹp như hai con nai tơi hoặc hai con linh dương tơ.

son sinh

hai con của người mẹ sinh hai đứa trẻ cùng một lúc

linh dương

Xem cách bạn đã dịch "linh dương" trong SNG02:07

gặm cỏ giữa đám hoa huệ

"ăn cây cỏ giữa đám hoa huệ". Những con nai tơ hoặc linh dương con thậm chí còn đẹp hơn nữa khi chúng ở giữa đám hoa huệ.

Song of Solomon 4:6

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái nầy.

Cho đến bình minh kéo đến và bóng tối chạy trốn

Xem cách bạn đã dịch dòng nầy trong SNG02:16

Ta sẽ lên núi mộc dược, đến đồi nhũ hương

Chàng người yêu đang bày tỏ niềm ao ước được tận hưởng bộ ngực của cô gái bằng cách so sánh chúng với những dãy núi hoặc những ngọn đồi mình mình thích. Bộ ngực của nàng tròn trịa và nhô ra như núi đồi. Chúng có mùi thơm dễ chịu như mùi của mộc dược và nhũ hương.

Ta sẽ lên núi mộc dược.... đồi nhũ hương

Những dòng nầy lặp lại cùng một ý theo những cách hơi khác nhau để nhấn mạnh sự cuốn hút của bộ ngực của người yêu chàng trai.

núi mộc dược

"núi làm từ mộc dược" hoặc "núi có mộc dược trên đó"

Em đẹp tuyệt trần

"Em xinh đẹp hoàn mỹ" hoặc "Mọi điều em có đều xinh đẹp"

người yêu của anh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:09

em không có một tì vết nào

"em đẹp không tì vết"

Song of Solomon 4:8

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng người yêu tiếp tục nói chuyện với cô gái.

hãy đến với anh... hang con báo

Chàng người yêu muốn cô dâu của mình ra khỏi chỗ nguy hiểm và hoang dã để đến với mình. Đây là phép ẩn dụ, còn cặp đôi nầy không phải là đang thực sự ở trên các ngọn núi đó hay ở gần các hang báo.

khỏi Li-ban

"rời khỏi Li-ban"

A-ma-na

tên của ngọn núi gần Đa-mách

Sê-nia

tên một ngọn núi gần A-ma-na và Hẹt-môn. Vài người thì cho rằng từ nầy cũng nói đến ngọn núi Hẹt-môn.

hang

nơi ở của sư tử và báo, giống như những cái hang động hoặc hang ở dưới đất

Song of Solomon 4:9

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng người yêu tiếp tục nói chuyện với cô gái.

đã cướp đi trái tim anh

Chàng trai nầy đang nói rằng tình cảm, cảm xúc của mình đang thuộc về cô gái. Tham khảo cách dịch: "đã chiếm lấy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người yêu của em"
em gái của anh
Cô gái nầy đối với người yêu của nàng cũng thân thuộc giống như em gái của chàng vậy. Họ thực sự không phải là anh chị em ruột. Tham khảo cách dịch: "người yêu dấu của anh" hoặc "người yêu mến của anh"
chỉ bằng một cái liếc mắt, chỉ với chuỗi trân châu trên cổ em
Đôi mắt cô gái và cả những đồ trang sức nàng đang đeo đều cuốn hút người yêu của nàng.
Song of Solomon 4:10
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái nầy.
Tình em ngọt ngào biết bao!
"Tình em thật ngọt ngào"
em gái của anh, cô dâu của anh
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG04:09
Tình em nồng nàn hơn rượu biết bao
Những dòng nầy dùng những từ ngữ khác nhau để lặp lại cùng một ý nhằm nhấn mạnh.
Tình em nồng nàn hơn rượu biết bao
"Tình em nồng nàn hơn rượu". Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:01
Mùi nước hoa thơm ngát của em không hương liệu nào bằng
"mùi dầu thơm của em hơn hẳn mọi loại hương liệu khác"
mùi thơm ngát.... dầu thơm
Xem cách bạn đã dịch những từ nầy trong SNG01:01
hương liệu
các loại cây hoặc hạt khô, có mùi thơm hoặc có vị ngon.
Môi em... dưới lưỡi em
Những dòng nầy dùng những từ ngữ khác nhau để lặp lại cùng một ý nhằm nhấn mạnh.
Cô dâu của anh ơi, môi em nhỏ từng giọt mật
Chàng người yêu cho rằng nụ hôn của của gái ngọt ngào như mật ong, hoặc bởi vì những lời cô nói dịu ngọt như mật ong.
dưới lưỡi em giấu mật ong và sữa
Chàng người yêu cho rằng nụ hôn của cô gái ngọt ngào như sữa và mật ong, hoặc những lời nàng nói dịu ngọt như sữa và mật ong.
hương thơm ngát của áo em như hương thơm rừng Li-ban
"mùi thơm của áo em như hương rừng Li-ban". Có rất nhiều cây tùng phát triển ở Li-ban. Cây tùng có mùi rất thơm, vì vậy nên Li-ban sẽ có mùi thơm ngào ngạt và tươi mới.
Song of Solomon 4:12
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái nầy.
Em gái của anh, cô dâu của anh
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG04:09
là khu vườn đóng kín
"là khu vườn đã khóa kín". Người yêu của cô gái nầy đang so sánh cô với một khu vườn đã khóa kín, bởi vì cô thì chỉ thuộc về mình chàng trai và chỉ có chàng mới được chiếm đoạt nàng. Cũng có thể chàng trai đang nói rằng, nàng vẫn còn là thiếu nữ trinh trắng mà anh ta chưa hề chiếm đoạt.
suối nước đã niêm phong
Người yêu của cô gái nầy đang so sánh cô gái với một suối nước đã bị niêm phong với cùng lí do mà anh ta so sánh nàng với khu vườn khóa kín.
Các nhánh của em... các hương liệu tốt nhất
Chàng trai đang mô tả cô gái nầy tuyệt vời như thế nào khi tả nàng như một khu vườn đầy những điều tuyệt vời.
một khu rừng nhỏ
một nơi có nhiều cây cối mọc chung với nhau.
với những loại trái cây tuyển chọn
"với những loại trái cây ngon nhất"
hoa phụng tiên
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:12
cây cam tùng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:12
cam tùng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG04:12
hoa nghệ tây
loại hương liệu làm từ phần nhụy màu vàng của hoa
xương bồ
Đây là loại sậy có mùi dễ chịu mà người ta thường dùng để làm dầu xức.
quế
loại hương liệu làm từ phần vỏ cây, dùng trong nấu ăn
mộc dược
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:12
lô hội
loại cây lớn, có mùi rất dễ chịu
tất cả các hương liệu tuyệt hảo
"tất cả các hương liệu tốt nhất"
Song of Solomon 4:15
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái nầy.
Em là suối nước trong vườn
"Em là suối nước trong vườn". Chàng trai đang mô tả cô gái tuyệt vời như thế nào bằng cách tả nàng như mạch nước mát.
nước tươi mát
loại nước uống tốt
suối nước từ Li-ban chảy xuống
Bởi Li-ban có những đồi núi có rừng cây bao phủ nên những suối nước từ Li-ban chảy xuống thường mát lạnh và trong.
Hãy thức dậy... để hương thơm lan tỏa
Cô gái nầy đang nói với gió phương bắc và gió phương nam như thể chúng là con người.
Hãy thức dậy
"Hãy kéo đến"
thổi trên vườn tôi
Cô gái nầy nói về cơ thể mình khi nhắc đến nó như một khu vườn.
để hương thơm lan tỏa
"để lan tỏa hương thơm"
Ước gì người yêu dấu của tôi.... trái cây ngon nhất
Cô gái nầy đang mời gọi người yêu của mình đến ăn nằm với mình như vợ của chàng.
trái cây ngon nhất
"trái tuyệt vời"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Song of Solomon 4:1

Người yêu của cô gái đã mô tả mắt cô ra sao?

Mắt của cô là đôi bồ câu phía sau tấm mạng che.

Người yêu của cô gái đã mô tả mái tóc của cô ra sao?

Tóc của cô giống như bầy dê đang đi xuống núi Ga-la-át.

Song of Solomon 4:2

Người yêu của cô gái đã mô tả răng cô ấy ra sao?

Răng của cô ấy như cừu xén lông và được tắm sạch.

Song of Solomon 4:3

Người yêu của cô gái đã nói gì về môi và miệng của cô?

Anh ta nói môi cô như sợi chỉ đỏ tươi và miệng cô thật đẹp đẽ.

Người yêu của cô gái đã mô tả gò má cô ra sao?

Anh ta mô tả gò má của cô như nửa quả lựu phía sau tấm mạng che.

Song of Solomon 4:4

Người yêu của cô gái đã mô tả cổ của cô ra sao?

Anh ta mô tả cổ của cô như tháp của Đa-vít xây bằng dãy đá có khiên của nghìn quân lính treo trên đó.

Song of Solomon 4:5

How did the woman's beloved describe her two breasts? Người yêu của cô gái mô tả ngực của cô gái ra sao?

He described her two breasts as two fawns, twins of a gazelle, grazing among the lilies. Anh ta mô tả ngực của cô như đôi hươu con của cặp linh dương, chăn thả ở giữa cánh đồng hoa huệ.

Song of Solomon 4:6

Người yêu của cô muốn đi đâu sau khi bình minh đến và bóng đêm lui đi?

Anh ta nói mình sẽ đi lên núi của nhựa thơm và đồi hương trầm.

Song of Solomon 4:7

Người yêu của anh ta đẹp ở điểm nào?

Người yêu của anh ta đẹp mọi bề.

Người yêu của anh ta có gì không đẹp?

Người yêu của anh ta không có nhược điểm gì.

Song of Solomon 4:9

Sa-lô-môn đã gọi cô dâu của mình là gì?

Sa-lô-môn đã gọi cô là em gái mình.

Sô-lô-môn nói cô dâu đã đánh cắp điều gì từ mình?

Ông nói cô đã đánh cắp trái tim của ông.

Sa-lô-môn đã nói điều gì đẹp và nó đẹp hơn thứ gì?

Sa-lô-môn nói người yêu của mình xinh đẹp và hơn hẳn rượu.

Song of Solomon 4:10

Mùi thơm của cô gái thơm hơn thứ gì?

Mùi thơm của cô hơn cả loại gia vị.

Song of Solomon 4:11

Anh ta nói cô dâu của mình đã nhỏ ra gì và thứ gì dưới lưỡi cô?

Anh ta nói môi của cô dâu nhỏ ra mật ong và dưới lưỡi cô có mật và sữa.

Trang phục của cô gái có mùi gì?

Trang phục của cô có mùi như hương thơm ngát của Li-băng.

Song of Solomon 4:12

Khu vườn như điều gì và dòng suối mà Sa-lô-môn nói với em gái, là vợ người, như điều gì?

Sa-lô-môn nói cô như vườn đóng kín và dòng suối bị niêm phong.

Song of Solomon 4:13

Chàng trai đã so sánh nhánh cây của cô gái giống điều gì?

Anh ta so sánh nhánh cây của cô lùm cây lựu cùng trái cây tuyển chọn, và mọi cây hương liệu.

Song of Solomon 4:14

#Chàng trai đã so sánh nhánh cây của cô gái giống điều gì?

Anh ta so sánh nhánh cây của cô lùm cây lựu cùng trái cây tuyển chọn, và mọi cây hương liệu.

Song of Solomon 4:15

Bằng các loại nước gì mà Sa-lô-môn đã mô tả về người yêu của mình?

Ông đã mô tả cô ấy như nước trong vườn, một giếng nước sạch, và dòng suối chảy xuống từ Li-băng.

Song of Solomon 4:16

Cô gái muốn gió Bắc và gió Nam thổi điều gì và tại sao?

Cô ấy muốn gió Bắc và gió Nam thổi khu vườn của cô để mùi của nó tỏa ra hương thơm ngát.

Cô ấy muốn người yêu của mình làm và ăn gì?

Cô ấy muốn muốn người yêu của mình đến trong vườn của anh ấy và ăn những trái tuyển chọn.

Chapter 5

Song of Solomon 5:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: và

Anh đã đến

Có thể thấy rõ là người yêu của vô gái nầy đang nói.

vào trong vườn của anh rồi

Chàng trai đang mô tả cô gái nầy như một khu vườn. Vào đêm tân hôn của họ, chàng trai cuối cùng cũng có thể hoàn toàn có được cô gái nầy. Anh ta đang mô tả việc nầy như thể là đang vào trong khu vườn của mình.

em gái của anh

Chàng trai gọi cô gái nầy nầy là em gái của mình bởi vì chàng trai yêu cô gái nhiều như yêu mến em gái của mình. Tham khảo cách dịch: "người anh yêu mến"

Anh đã thu gom mộc dược của mình... với sữa của anh

Chàng trai dùng những hình ảnh nầy từ khu vườn để nói rằng mình đã có thể vui hưởng nhiều phương diện khác nhau của người yêu mình.

hương liệu

những loại cây cỏ có mùi hương hoặc vị mạnh.

Song of Solomon 5:2

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây bắt đầu Phần Bốn của sách.

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ nầy sử dụng những từ lóng để mô tả giấc mở của mình để nó có thể được diễn giải theo hai cách khác nhau: 1) Người nữ nầy đang mô tả một giấc mở về một buổi tối khi người yếu của nàng đến nhà để thăm nàng; và 2) Người nữ nầy đang mô tả một giấc mơ về việc bắt đầu ngủ với người yêu của mình.

nhưng lòng tôi tỉnh thức

Tham khảo cách dịch: "nhưng tâm trí tôi tỉnh thức". Tham khảo cách dịch: "nhưng cảm xúc tôi vẫn nhận biết"

Hãy mở cho anh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ nầy chỉ về một cánh cửa, nhưng cũng có thể hiểu như một lời đề nghị quan hệ tình dục. Tham khảo cách dịch: 'Hãy mở cửa cho anh" hoặc "Hãy mở lòng đón nhận anh"

em gái của anh

Một cách gọi trìu mến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG04:09

người yêu của anh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:09

Bồ câu của anh ơi!

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG02:14

người trong trắng

"người tuyệt hảo của anh" hoặc "người chung thủy của anh" hoặc "người yêu ngây thơ của anh"

sương

giọt nước hoặc hạt sương đọng lại trong một đêm lạnh giá khi nhiệt độ xuống thấp.

mái tóc anh ướt đẫm

Không khi ẩm ướt ban đêm khiến tóc của chàng trai bị ướt khi đứng ngoài trời.

đầu anh ướt đẫm sương, mái tóc anh ướt đẫm

Cả hai vế nầy đều nói cùng một ý.

Song of Solomon 5:3

áo dài

áo lanh mỏng mà người ta mặc trên người.

lẽ nào tôi mặc nó lại sao?

Tham khảo cách dịch: "tôi không muốn mặc áo lại"

tôi đã rửa chân rồi

Có thể hiểu: 1) Người thiếu nữ nầy đã rửa chân để có thể đi ngủ hoặc 2) Từ "chân" đôi lúc là một cách nói tránh để chỉ về vùng kín của người nữ. Tham khảo cách dịch: "tôi đã rửa mình"

Người yêu tôi luồn tay qua khe cài cửa

Có thể hiểu: 1) Chàng người yêu mở cửa qua một khe hở trên cửa để vào nhà hoặc 2) vế nầy mô tả sự khởi đầu của hoạt động tình dục. Trong phần nầy, "tay" giống như một cách nói tránh chỉ về những bộ phận kín của người nam.

Người yêu tôi

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:12

then cài cửa

"khóa cửa"

Song of Solomon 5:5

Tôi liền trỗi dậy mở cửa cho người yêu

Có thể hiểu 1) Người thiếu nữ nầy ra khỏi giường để mở cửa cho người yêu của mình vào nhà hoặc 2) "Tôi sửa soạn mình để mở lòng với người yêu tôi"

bàn tay tôi... ngón tay tôi

Từ "bàn tay" và "ngón tay" có thể chỉ về cơ quan sinh dục ngoài của người nữ.

thấm đầy mộc dược

"với nước mộc dược"

Song of Solomon 5:6

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ nầy tiếp tục mô tả giấc mơ của mình.

Tôi mở cửa cho người yêu tôi

Tham khảo cách dịch: "Tôi mở mình cho người yêu tôi"

người yêu tôi

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:12

Lòng tôi nặng trĩu; tôi trở nên chán nản

"Linh hồn tôi bay mất khi chàng nói." Tham khảo cách dịch: "Khi chàng nói, tôi thấy như mình đã chết."

Song of Solomon 5:7

Các lính gác

Những người trông coi và canh gác thành vào ban đêm

Gặp tôi

"Tôi" ở đây chỉ về người thiếu nữ.

đánh tôi

"đánh đập tôi"

gây thương tích cho tôi

"làm tôi bị thương"

Các lính gác trên tường thành

"Các kẻ canh giữ tường thành"

áo choàng

Áo đi đường người ta thường khoác ra ngoài khi đi ra chỗ công cộng.

Song of Solomon 5:8

Hỡi các con gái Giê-ru-sa-lem, hãy hứa với tôi

Xem cách đã dịch ở SNG02:07

ốm vì ái tình ta dành cho chàng

Ái tình nàng mạnh mẽ đến nỗi nàng phát ốm.

Song of Solomon 5:9

Hỡi người nữ đẹp nhất trong các người nữ

Xem cách đã dịch ở SNG01:08

Vì sao người yêu của chị lại hơn

"Điều gì làm người yêu của chị hơn"

Mà chị muốn chúng tôi phải thề như thế

"và bắt chúng tôi phải thề như vậy"

thề như thế

Xem lời thề này ở SNG05:08

Song of Solomon 5:10

rạng rỡ và hồng hào

Ở đây ngụ ý người nữ đang mô tả làn da của người yêu mình. Tham khảo cách dịch: "có làn da rạng rỡ và hồng hào"

Rạng rỡ

"hoàn toàn khỏe mạnh" hoặc "thuần khiết." Chàng trai có làn da không có khiếm khuyết gì.

Hồng hào

Màu da khỏe mạnh là màu đỏ nâu

Nổi bật giữa vạn người

"tuyệt nhất trong 10,000 người." Tham khảo cách dịch: "tuyệt vời hơn mọi người" hoặc "không ai giống như chàng."

Đầu chàng là vàng tinh ròng

Đầu của chàng trai quý giá đối với người nữ giống như vàng tinh ròng.

Quạ

Một loài chim có lông rất đen

Song of Solomon 5:12

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục mô tả người yêu của mình.

Mắt chàng như chim bồ câu

Xem cách đã dịch câu "mắt em như bồ câu" ở SNG01:15

bên những dòng suối

Có thể người nữ dùng hình ảnh này để nói rằng mắt của người yêu nàng ẩm như những dòng suối.

Tắm trong sữa

"tắm mình trong sữa." Chim bồ câu tượng trưng cho con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ngươi trong mắt của chàng trai. Nó được bao quanh bởi phần còn lại của mắt có màu trắng như sữa.

Được nạm vào như ngọc

Mắt chàng đẹp đến nỗi trông như ngọc được thợ thủ công cẩn thận đặt vào.

Song of Solomon 5:13

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục mô tả người yêu của mình.

Đôi má chàng ... hương thơm

Câu này mô tả đôi má chàng giống như luống hương liệu vì chúng đều tỏa hương tuyệt vời.

luống hương liệu

Vườn hay một phần khu vườn trồng hương liệu

Tỏa hương thơm

" tỏa hương tuyệt vời."

Môi chàng là hoa huệ

Có thể người nữ ví môi chàng như hoa huệ vì chúng rất đẹp và có mùi hương tuyệt vời.

Hoa huệ

Xem cách đã dịch ở SNG02:16

Đẫm mộc dược

"Đẫm mộc dược tốt nhất." Môi chàng ẩm và có hương thơm như mộc dược.

Song of Solomon 5:14

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục mô tả người yêu của mình.

Tay chàng là những ống bằng vàng nạm ngọc

"Tay chàng là những trụ bằng vàng phủ ngọc." Người nữ dùng hình ảnh này để nói rằng tay chàng rất đẹp và quý.

Bụng chàng là một khối ngà cẩn ngọc xanh

"bụng chàng là khối ngà bóng láng phủ ngọc xanh." Người nữ dùng hình ảnh này để nói rằng bụng chàng rất đẹp và quý.

khối ngà

Răng nanh hay răng màu trắng của động vật, giống như xương. Người ta dùng ngà để làm những tác phẩm nghệ thuật láng bóng.

Ngọc xanh

Ngọc xanh là loại đá trong, quý giá. Loại ngọc xanh này có thể có màu vàng.

Song of Solomon 5:15

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục mô tả người yêu của mình.

Đôi chân chàng như cặp trụ cẩm thạch

Chân chàng khỏe mạnh và đẹp như trụ cẩm thạch.

Cẩm thạch

Một loại đá rất cứng có nhiều màu sắc khác nhau, người ta đánh bóng nó để làm cho nó bóng láng.

Đặt trên đế vàng ròng

Tham khảo cách dịch: "có đế làm bằng vàng ròng." Chân chàng có giá trị và quý giá như đế vàng ròng nâng đỡ cho trụ cẩm thạch.

Diện mạo chàng như Li-ban

"Chàng trông như Li-ban." Li-ban là vùng có nhiều núi và cây cối rất đẹp.

Chọn lọc như cây bá hương

"xin đẹp như cây bá hương" hoặc "tuyệt đẹp như cây bá hương

Song of Solomon 5:16

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục mô tả người yêu của mình.

Miệng chàng ngọt ngào nhất

Người nữ dùng hình ảnh này để mô tả những nụ hôn ngọt ngào của người yêu hoặc những lời ngọt ngào mà chàng nói.

Cả con người chàng thật đáng yêu

"mọi bộ phận của chàng đều đáng yêu" hoặc "cả người chàng đều đáng yêu"

Ấy là người yêu tôi, nầy là bạn của tôi

Từ "ấy" chỉ về người mà người nữ vừa mô tả xong. Bạn có thể dịch câu này là "Người yêu tôi như vậy đó, bạn của tôi là thế đó"

Hỡi các con gái của Giê-ru-sa-lem

Xem cách đã dịch ở SNG01:05

Translation Questions

Song of Solomon 5:1

Sa-lô-môn đã đến nơi đâu?

Sa-lô-môn đã vào trong vườn của ông ấy.

Song of Solomon 5:2

Vợ của Sa-lô-môn đang mơ về điều gì?

Cô ấy đang mơ về tiếng gỏ cửa và tiếng nói của người yêu.

Song of Solomon 5:3

Người yêu của Sa-lô-môn đã làm xong chuyện gì?

Cô ấy đã cởi áo choàng và đã rửa chân.

Song of Solomon 5:4

Sa-lô-môn đã đặt tay mình ở đâu?

Sa-lô-môn đã đặt tay mình qua mở then cửa.

Song of Solomon 5:5

Bàn tay của cô dâu nhỏ thứ gì khi cô mở cửa?

Bàn tay của cô nhỏ chất nhựa thơm.

Song of Solomon 5:6

Cô dâu đã thấy gì khi cô mở cửa và cô cảm thấy thế nào?

Cô ấy thấy người yêu của mình đã quay đi, vì vậy tim của cô lắng xuống và cô thấy buồn.

Song of Solomon 5:7

Người canh cửa đã làm gì khi họ thấy vợ của Sa-lô-môn?

Họ đánh và xúc phạm cô, lấy áo choàng của cô.

Song of Solomon 5:8

Cô dâu yêu cầu người nữ Giê-ru-sa-lem hứa điều gì?

Cô yêu cầu người nữ của Giê-ru-sa-lem hứa rằng họ sẽ nói với cô nếu họ tìm thấy người yêu của cô.

Người yêu của cô khiến cô cảm thấy thế nào?

Người yêu của cô gái khiến cô bệnh tương tư.

Song of Solomon 5:9

Các cô gái đã hỏi cô dâu điều gì?

Họ đã hỏi cô rằng người yêu của cô hơn người khác thế nào và tại sao.

Song of Solomon 5:10

Cô gái đã mô tả người yêu của cô thế nào?

Cô mô tả anh ấy rực rỡ, hồng hào, và nổi tiếng.

Song of Solomon 5:11

Cô gái đã mô tả đầu và tóc của người yêu mình thế nào?

Cô mô tả đầu anh ta như vàng nguyên chất và tóc anh ấy xoăn đen.

Song of Solomon 5:12

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cô gái đã mô tả mắt của người yêu như thế nào?
Cô mô tả mắt anh ấy như đôi chim bồ câu được tắm trong sữa.
Song of Solomon 5:13
Cô dâu của Sa-lô-môn đã mô tả gò má và môi của ông như thế nào?
Cô ấy mô tả gò má của chàng như khu vườn hương thơm ngát và môi chàng như ướt chất nhựa thơm của hoa huệ tây.
Song of Solomon 5:14
Cô gái mô tả cánh tay và bụng của người yêu thế nào?
Cô ấy mô tả cánh tay của anh như vàng nạm đá quý và bụng của anh ấy như ngà voi cẩn ngọc bích.
Song of Solomon 5:15
Cô gái mô tả chân của người yêu và sự xuất hiện của chàng thế nào?
Cô ấy mô tả chân của chàng như cột cẩm thạch có đế bằng vàng và sự xuất hiện của chàng như Li-băng, đặc biệt như cây tuyết tùng.
Song of Solomon 5:16
Cô dâu của Sa-lô-môn mô tả miệng của người yêu thế nào với con gái Giê-ru-sa-lem?
Cô ấy mô tả miệng của ông ngọt ngào lắm vì thế Sa-lô-môn vô cùng đẹp đẽ.

Chapter 6
Song of Solomon 6:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and
Người yêu của chị đi hướng nào?
"Người yêu của chị đi đường nào"
người đẹp nhất trong các người nữ
Xem cách đã dịch ở SNG01:08
Để chúng tôi có thể tìm người với chị
Tham khảo cách dịch: "Hãy cho chúng tôi biết để chúng tôi có thể tìm người với chị."
Song of Solomon 6:2
Người yêu tôi đi xuống vườn chàng
Xem phần giải thích cho hình ảnh này ở SNG05:01
Đến các luống hương liệu
Xem cách đã dịch "các luống hương liệu" ở SNG05:13
Để ăn cỏ trong vườn và nhặt hoa huệ
Người nữ dùng những hình ảnh này để nói rằng người yêu vui thích nơi nàng.
Ăn cỏ
Xem cách đã dịch cụm từ "chàng ăn cỏ" ở SNG02:16
Nhặt hoa huệ
"hái hoa huệ"
Hoa huệ
Xem cách đã dịch ở SNG02:16
Tôi thuộc về người yêu tôi và người yêu tôi thuộc về tôi
Xem cách đã dịch "Người yêu tôi là của tôi và tôi là của chàng" ở SNG02:16
Chàng vui vẻ ăn cỏ giữa đám hoa huệ
Xem cách đã dịch ở SNG02:16
Song of Solomon 6:4
Thông Tin Tổng Quát:
Ở đây bắt đầu Phần Năm của sách.
Đẹp như Tiệt-sa, người yêu của anh, duyên dáng như Giê-ru-sa-lem
Chàng trai ví sánh vẻ đẹp và nét dễ thương của người nữ với những thành phố đẹp đẽ và duyên dáng.
Duyên dáng
Xem cách đã dịch ở SNG01:05
Oai phong như đạo quân giương cờ
như đạo quân giương cờ** - Vẻ đẹp của người nữ mãnh liệt đến nỗi làm cho chàng trai cảm thấy bất lực, giống như có một đội quân đang xông đến trước mặt.
Song of Solomon 6:5
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai tiếp tục ca ngợi người nữ.
Làm anh choáng ngợp
"làm anh sợ." Đôi mắt của người nữ đẹp đến mức làm cho chàng trai cảm thấy choáng ngợp và sợ vì không thể chống lại được sức hút của nó.
Tóc em ... từ triền núi Ghi-lê-át
Xem cách đã dịch "Tóc em ... từ núi Ghi-lê-át" ở SNG04:01
Song of Solomon 6:6
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai tiếp tục ca ngợi người nữ.
Đôi má em như quả lựu bổ đôi sau tấm mạng che mặt
Xem cách đã dịch ở SNG04:03
Song of Solomon 6:8
Có sáu mươi hoàng hậu, tám mươi cung phi
"Có 60 hoàng hậu, 80 cung phi."
Vô số thiếu nữ
Từ "vô số" có nghĩa là không ai có thể đếm hết. Tham khảo cách dịch: "rất nhiều thiếu nữ"
chim bồ câu, người tuyệt hảo của anh ơi
Xem cách đã dịch ở SNG05:02
Là người duy nhất
"là độc nhất" hoặc "là duy nhất". Chàng trai so sánh người nữ với những người nữ khác để làm nàng được nổi bậc. Mặc dù có rất nhiều người nữ xinh đẹp nhưng người nữ này là người vượt trội duy nhất trong số những người còn lại.
Nàng là con gái đặc biệt của mẹ nàng
"nàng là con gái duy nhất của mẹ nàng" hoặc "nàng là con gái độc nhất của mẹ nàng"
Người phụ nữ đã sinh ra nàng
"Người phụ nữ sinh nàng ra". Câu này chỉ về mẹ nàng.
Và xưng nàng có phước
"và nói rằng những điều tốt đẹp đã đến với nàng" hoặc "nói rằng nàng thật có diễm phúc"
Song of Solomon 6:10
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là những điều các hoàng hậu và cung phi nói về người thiếu nữ. Tuy nhiên, một số bản cho rằng đây vẫn là lời của chàng trai.
Người này là ai mà xuất hiện như rạng đông
Họ dùng câu hỏi này để nói rằng người nữ thật tuyệt vời. Tham khảo cách dịch: "Đây là người phụ nữ tuyệt vời! Trông nàng như rạng đông."
xuất hiện như rạng đông
Tham khảo cách dịch: "trông nàng như rạng đông." Chàng trai dùng hình ảnh này để nói rằng người nữ xinh đẹp và oai phong như rạng động bắt đầu ló dạng.
Oai phong như đạo quân giương cờ
như đạo quân giương cờ** - Vẻ đẹp của người nữ mãnh liệt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đến nỗi làm cho những người nữ khác cảm thấy bất lực, giống như có một đội quân đang xông đến trước mặt họ.
Xem cách đã dịch ở SNG06:04
Song of Solomon 6:11
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai ngừng nói với mình.
Khu rừng nhỏ
Xem cách đã dịch ở SNG04:12
Chồi non
"cây con" hoặc "chồi mới"
Đã nứt lộc
"Đã nảy lộc." Lộc là những phần nhỏ tròn của cây nở ra thành hoa.
Ra hoa
"nở hoa"
Tôi vui mừng như đang cưỡi trên xe ngựa của vua
Chàng trai dùng hình ảnh này để thể hiện chàng vui mừng thể nào.
Song of Solomon 6:13
hãy trở về, hãy trở về
"Hãy quay lại, hãy quay lại". Câu này được lặp lại để nhấn mạnh.
Ngắm nhìn
Chăm chú nhìn một lúc
Như tôi đang nhảy múa giữa hai hàng vũ công
Thật tuyệt khi thấy người nữ nhảy múa với những vũ công khác.

Translation Questions

Song of Solomon 6:1
Các phụ nữ của Giê-ru-sa-lem hỏi cô gái câu hỏi gì?
Họ hỏi cô người yêu của cô đã đi đâu và anh ta đi hướng nào?
Các người nữ muốn tìm kiếm điều gì?
Các người nữ muốn tìm kiếm người yêu của cô gái.
Song of Solomon 6:2
Cô gái nói người yêu của mình đang làm gì?
Cô gái nói người yêu ở ngoài vườn hương liệu cho bầy đàn ăn và hái hoa huệ tây.
Song of Solomon 6:3
Cô gái và người yêu cô thuộc về ai?
Cô gái và người yêu của cô thuộc về nhau.
Người yêu của cô gái chăn bầy đàn ở đâu?
Người yêu của cô gái chăn bầy ở giữa đám hoa huệ tây.
Song of Solomon 6:4
Người yêu của cô gái dùng hai thành phố nào để mô tả người yêu?
Anh ta mô tả cô gái như hai thành phố, Tiệt-sa và Giê-ru-sa-lem.
Người yêu cảm thấy thế nào về cô ấy?
Anh ta cảm thấy cô ấy vô cùng quyến rũ.
Song of Solomon 6:5
Why did the woman's lover want her to turn her eyes away from him?
Tại sao người yêu của cô gái muốn cô đừng nhìn anh ta nữa?
Người yêu muốn cô gái đừng nhìn anh ta nữa bởi vì mắt của cô làm anh điên đảo.
Người yêu của cô gái đã mô tả tóc của cô như thế nào?
Anh ta mô tả tóc của cô như đàn dê trên dốc núi Ga-la-át.
Song of Solomon 6:6
Người yêu đã mô tả răng của cô như thế nào?
Anh ta mô tả răng của cô như đàn cừu cái đi từ chỗ tắm đi lên.
Song of Solomon 6:7
Người yêu của cô mô tả gò má của cô như thế nào?
Người yêu mô tả gò má của nàng như nửa trái lựu ẩn sau mạng che mặt.
Song of Solomon 6:8
Người yêu của cô gái nói có bao nhiêu phụ nữ ở đây?
Anh ta nói có 60 hoàng hậu, 80 cung phi, và vô số người nữ khác.
Song of Solomon 6:9
Người yêu của cô gái đã mô tả con bồ câu như thế nào?
Người yêu của cô gái mô tả cô như sự trọn vẹn của anh, chỉ duy nhất, là con gái đặc biệt và yêu thích của mẹ cô ta.
Các hoàng hậu và cung phi nói gì khi họ thấy cô?
Các hoàng hậu và cung phi ca ngợi cô.
Song of Solomon 6:10
Người yêu của cô mô tả cô ta thế nào?
Người yêu của cô mô tả cô như bình minh, mặt trăng, mặt trời, và vô cùng quyến rũ.
Song of Solomon 6:11
Tại sao người yêu của cô đi vào rừng cây hạch?
Người yêu của cô gái đi vào rừng cây hạch đặng xem cây nho đã ra chồi và quả lựu nở hoa.
Song of Solomon 6:12
Người yêu của cô gái cảm thấy thế nào?
Người yêu của cô gái thấy như thể anh đang cưỡi trên cổ xe ngựa của hoàng thân.
Song of Solomon 6:13
Người yêu của cô gái muốn cô làm gì?
Người yêu của cô muốn cô hãy quay trở về với mình.
Tại sao người yêu của cô gái muốn cô quay trở về với anh?
Người yêu của cô gái muốn cô quay về bên anh để anh có thể nhìn thấy cô.
Cô gái nói gì về chính mình?
Cô gái mô tả chính mình như người phụ nữ hoàn hảo mà ai cũng tưởng như đang nhảy giữa hai hàng vũ công.

Chapter 7

Song of Solomon 7:1
Chân em đi giày đẹp làm sao
Câu này ngụ ý tiếp nối theo câu SNG06:13
Hỡi con gái của vua
Mặc dù người nữ không được sinh ra trong gia đình hoàng gia nhưng ánh nhìn và cử chỉ của nàng khiến nàng trông giống như con gái của vua. Tham khảo cách dịch: "hỡi người quý phái" hoặc "hỡi người thanh lịch."
Đường cong của đùi nàng giống như đá quý
Đùi của người nữ có hình như viên đá quý xinh đẹp được người thợ khéo đục đẽo ra hình dáng hoàn hảo. Tham khảo cách dịch: "Đường cong của bắp đùi nàng xinh đẹp như đường cong của đá quý do người thợ khéo làm ra."
đùi nàng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ "đùi" chỉ về hông và phần chân phía trên đầu gối.
Song of Solomon 7:2
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai tiếp tục mô tả về người mình yêu.
Rốn em như cái bát tròn
Rốn của người nữ có hình dạng tròn trĩnh như cái bát.
Tham khảo cách dịch: "Rốn nàng có hình dáng tròn trĩnh như cái bát tròn."
Rốn
Nốt lỏm vào trên bụng, là vết sẹo còn lại của dây rốn nối em bé với mẹ
Nguyện nó không bao giờ thiếu rượu pha
Người ta dùng một cái bát lớn để hòa rượu với nước hay tuyết để dùng cho bữa tiệc. Người ta thích uống rượu trong bữa tiệc. Tham khảo cách dịch: "nguyện tôi luôn vui thích vẻ đẹp của nó" hay "nguyện người ta luôn vui thích vẻ đẹp của nó."
Bụng em như đống lúa mạch
Người ta cho màu lúa mạch là màu da đẹp nhất và những đống lúa mì tròn là rất đẹp. Tham khảo cách dịch: "Bụng em có màu xinh đẹp và tròn như đống lúa mạch."
Đống lúa mạch
Đây là đống lúa mì sau khi người ta đập lúa và quạt thóc.
bao quanh bởi hoa huệ
Những bông hoa xinh đẹp làm cho đống lúa mì càng xinh đẹp hơn. Tham khảo cách dịch: "có hoa huệ bao quanh."
Hoa huệ
Một loại hoa lớn
Song of Solomon 7:3
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai tiếp tục mô tả người mình yêu.
Ngực em như đôi nai tơ, như cặp hoàng dương song sinh
Xem cách đã dịch ở SNG04:04
Cổ em như ngọn tháp ngà
Chàng trai ví cổ nàng như ngọn tháp làm bằng ngà.
Ngà
Răng nanh hay răng màu trắng của động vật, giống như xương. Người ta dùng ngà để làm những tác phẩm nghệ thuật và những đồ vật đẹp mắt.
Mắt em như hồ nước ở Hết-bôn
Tham khảo cách dịch: "mắt em trong trẻo và lấp lánh như hồ nước ở Hết-bôn."
Hết-bôn
Tên của một thành ở phía đông sông Giô-đanh.
Bát Ra-bim
Tên của một thành phố
Mũi em như ngọn tháp Li-ban
Mũi nàng dài và thẳng giống như ngọn tháp cao và thẳng.
Nhìn về Đa-mách
"hướng người ta nhìn về Đa-mách"
Song of Solomon 7:5
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai tiếp tục mô tả người mình yêu.
Đầu em như núi Cạt-mên
Người nữ được ví như núi Cạt-mên vượt cao bên trên mọi vật xung quanh.
Tím sẫm
Có thể là 1) "đen nhánh" hoặc 2) "đỏ sậm".
Vua bị mê hoặc bởi mái tóc
Tham khảo cách dịch: "Mái tóc xõa của em thật xinh đẹp đến nỗi vua không thể ngừng say mê."
Mái tóc
Mái tóc xõa của một cô gái. Có thể dịch là "tóc" hoặc "làn tóc" hoặc "mái tóc".
Song of Solomon 7:7
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai mô tả điều chàng muốn làm với người mình yêu.
Em cao như cây chà là
"Em đứng thẳng như cây chà là." Người nữ cao, đứng thẳng và cuốn hút như cây chà là.
cây chà là
Một loại cây cao, thẳng đứng, ra trái ngọt, dẻo, màu nâu theo từng chùm.
Ngực em như chùm trái chín
Trái chà là mọc thành những nhánh lớn, xinh đẹp, mọc đổ xuống từ trên cây.
Anh muốn trèo ... những nhánh nó
Chàng trai muốn giữ lấy người thiếu nữ.
Ước gì ngực em như chùm nho
Chàng trai muốn chạm vào bộ ngực săn chắc nhưng mềm mại của người nữ giống như trái nho mọng nước.
Ước gì hương thơm từ mũi em giống như quả mơ
"ước gì hơi thở từ mũi em ngọt ngào như quả mơ."
Quả mơ
Từ "quả mơ" chỉ về những miếng trái cây ngon ngọt, màu vàng. .
Song of Solomon 7:9
Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai tiếp tục mô tả điều chàng muốn làm với người mình yêu.
Ước gì miệng em như rượu tuyệt hảo
Tham khảo cách dịch: "Anh muốn nếm lấy miệng em như rượu tuyệt hảo.
êm ả chảy vào người yêu của tôi
"chảy êm ả cho người tôi yêu." Chàng trai vui thích nụ hôn êm ái với người thiếu nữ.
Lướt qua môi và răng chúng ta
"chảy qua môi và răng tôi" hoặc "trượt qua môi và răng chúng ta."
Song of Solomon 7:10
Tôi thuộc về người tôi yêu dấu
Xem cách đã dịch ở SNG06:02
Và chàng ước muốn tôi
"và chàng say đắm về tôi" hoặc "và chàng khao khát tôi"
Song of Solomon 7:12
Thông Tin Tổng Quát:
Người thiếu nữ tiếp tục nói với người yêu của mình.
dậy sớm
"thức dậy sớm"
đã nứt lộc
"bắt đầu nở"
Hoa nở
Những bông hoa khi chúng đã nở
Nở hoa
"có hoa nở trên cây"
Em sẽ trao anh tình yêu của em
"Em sẽ bày tỏ tình yêu của em dành cho anh" hoặc "Em sẽ ân ái với anh".

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Song of Solomon 7:13

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục nói với người yêu của mình.

Ngải sâm

Đây là tên một loại cây có mùi hương nồng nhưng dễ chịu. Mùi hương này làm say và kích thích nhẹ, làm tăng hứng phấn muốn ân ái.

Tỏa hương

"tạo ra mùi hương"

Tại cửa

Ngụ ý là cửa nhà của họ. Tham khảo cách dịch: "trên lối vào của nhà chúng ta" hoặc "tại cửa nhà chúng ta"

Mọi loại trái ngon, mới và cũ

"là mọi loại trái hảo hạng, cả trái cũ và mới"

Để dành cho em

"giữ cho em" hoặc "giữ cho em"

Translation Questions

Song of Solomon 7:1

Sa-lô-môn đã mô tả chân của người yêu mình như thế nào và đường cong của đùi nàng ra sao?

Anh ta mô tả chân nàng mang dép thật đẹp và đường cong của đùi nàng như đá quý.

Song of Solomon 7:2

Sa-lô-môn đã mô tả rốn và bụng của người yêu thế nào?

Sô-lô-môn mô tả rốn của người yêu như cái bát tròn không bao giờ thiếu rượu pha và bụng của nàng như gò lúa mì có hoa huệ tây xung quanh.

Song of Solomon 7:3

Sa-lô-môn đã mô tả cặp ngực của người yêu mình thế nào?

Sa-lô-môn đã mô tả cặp ngực của nàng như cặp hươu, là con của cặp linh dương.

Song of Solomon 7:4

How did Solomon describe his lover's neck, eyes, and nose? Sa-lô-môn đã mô tả cổ, đôi mắt, và mũi của người yêu thế nào?

Sa-lô-môn mô tả cổ nàng như tháp ngà, mắt nàng như cái ao, và mũi nàng như tháp ở Li-băng.

Song of Solomon 7:5

Sa-lô-môn mô tả đầu và tóc của người yêu thế nào?

Sa-lô-môn mô tả đầu của nàng như núi Cạt-mên và tóc nàng màu đen tuyền.

Song of Solomon 7:7

Sa-lô-môn đã mô tả ngực của người yêu mình như thế nào?

Ông mô tả cô ấy như một cây chà là và ngực của cô như chùm quả.

Song of Solomon 7:8

Anh ta muốn ngực của người yêu là điều gì và hơi thở như điều gì?

Anh ta muốn ngực của người yêu như chùm nho và hơi thở của cô ngọt giống mùi quả mơ chín.

Song of Solomon 7:9

Anh muốn miệng của người yêu như điều gì?

Anh muốn miệng của người yêu như rượu hảo hạng.

Song of Solomon 7:10

Cô gái đã thuộc về ai và ai mà anh ta ao ước?

Cô gái thuộc về người yêu mình và người yêu cô ao ước cô.

Song of Solomon 7:11

Cô gái muốn người yêu cùng mình đi đâu?

Cô muốn anh ấy đi vào trong miền quê để qua đêm ở làng.

Song of Solomon 7:12

Tại sao cô muốn người yêu thức dậy sớm?

Cô ấy muốn anh thức sớm đặng thấy nho trong vườn cùng cây lựu đã nảy chồi.

Cô sẽ nói gì khi cô đưa người yêu ra vườn nho?

Cô nói rằng cô sẽ tỏ tình với anh ta.

Song of Solomon 7:13

Cô nói rằng hoa ngải sâm đã làm gì?

Cô nói hoa ngải sâm tỏa ra mùi hương thơm ngát.

Cô nói ở cửa là nơi người yêu của cô đang đợi điều gì?

Cô nói rằng ở cửa là nơi có mọi thứ trái cây tuyển chọn, mới và cũ, mà cô đã để dành cho anh.

Chapter 8

Song of Solomon 8:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: and

Anh như anh trai của em

Người thiếu nữ ước gì nàng có thể tự do thể hiện tình cảm với người yêu ở chỗ công cộng như cô có thể thể hiện với anh trai mình. Ở đây không phải cô nói rằng cô được phép ân ái với anh trai mình.

Anh ngoài đường

"anh ở chỗ công cộng"

Em có thể hôn anh

Người nữ có thể hôn má anh trai mình để chào.

Khinh chê em

"khiến em thấy xấu hổ"

Song of Solomon 8:2

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục nói với người yêu của mình.

Em sẽ dẫn đưa anh về nhà mẹ em

Nếu chàng trai là anh trai của nàng thì nàng có thể đưa chàng vào nhà. Điều này rất phổ biến trong văn hóa khi đó và ngày nay vẫn còn ở một số nơi.

Và anh sẽ dạy em

Có thể dịch là "và mẹ sẽ dạy em". Vì người thiếu nữ chưa có kinh nghiệm trong việc ân ái, nàng tưởng tượng rằng người yêu hay mẹ của nàng sẽ dạy cho nàng điều đó.

Em sẽ mời anh uống rượu pha, và uống nước trái thạch lựu của em

Người nữ dùng hình ảnh này để nói rằng nàng sẽ dâng mình cho người yêu và ân ái với chàng.

Rượu pha

"rượu thêm hương vị" hay "rượu có hương vị". Ở đây tượng trưng cho mãnh lực cuốn hút của sự ân ái.

nước trái thạch lựu của em

Người thiếu nữ dùng nước trái thạch lựu để chỉ về mật ngọt của mình.

Tay trái chàng ... ôm lấy tôi

Xem cách đã dịch ở SNG02:05

Song of Solomon 8:4

Tôi muốn các cô ... những người ở Giê-ru-sa-lem

Xem cách đã dịch ở SNG02:07

Các cô sẽ ... cho đến khi đã hết

Xem cách đã dịch ở SNG02:07

Song of Solomon 8:5

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây bắt đầu Phần Sáu của sách, cũng là phần cuối cùng

Ai kia đang đi lên

Tham khảo cách dịch: "Hãy nhìn người nữ tuyệt vời này khi nàng đi lên". Xem cách đã dịch câu tương tự ở SNG06:10

Em đã đánh thức anh

"em đã gọi anh dậy" hoặc "em đã khuấy động anh"

Cây mơ

Xem cách đã dịch ở SNG02:03

ở đó

Dưới cây mơ

Người sinh anh ra

"người sinh ra anh"

Song of Solomon 8:6

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục nói với người yêu của mình.

Xin đặt em như chiếc ấn nơi tim anh, như chiếc ấn trên cánh tay anh

Có thể là 1) Vì chiếc ấn rất quan trọng nên người ta thường giữ nó quanh cổ hay tay của mình. Người thiếu nữ muốn được ở bên người yêu mình luôn luôn như chiếc ấn. hoặc 2) Chiếc ấn cho biết ai sở hữu vật được đóng ấn. Người nữ muốn mình như chiếc ấn trong lòng và tay của người yêu để thể hiện rằng mọi suy nghĩ, cảm xúc và hành động của chàng trai đều thuộc về nàng.

Vì tình yêu mạnh như sự chết

Sự chết rất mạnh vì nó chiến thắng cả người quyền lực nhất thế giới.

mãnh liệt như âm phủ

"cố chấp như âm phủ." Âm phủ không bao giờ cho người ta sống lại sau khi họ đã chết. Tình yêu bền bỉ như âm phủ vì nó không bao giờ thay đổi.

Ngọn lửa nó bùng lên ... ngọn lửa khác

Tình yêu mạnh như lửa.

Bùng lên

"bùng lên đột ngột"

Song of Solomon 8:7

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục nói với người yêu của mình.

Nước dâng lên không thể dập tắt được tình yêu

Tình yêu mãnh liệt như ngọn lửa nóng hực mà cả đại dương đầy nước cũng không dập tắt được.

Nước dâng lên

"Đại dương nước" hoặc "Rất nhiều nước"

Không thể dập tắt được

"không thể loại bỏ được" hoặc "không thể làm nguôi được"

Nước lụt cũng không thể cuốn nó đi được

Tình yêu không bao giờ thay đổi nên nó giống như thứ gì đó mà cả cơn lụt lớn cũng không thể làm dịch chuyển được.

Nước lụt

Ở Y-sơ-ra-ên, nước mưa chảy xuống những thung lũng sâu và hẹp, tạo nên dòng nước lụt rất mạnh có thể cuốn đi những tảng đá và cây cối. Ngày nay, nước lụt đôi khi cũng cuốn đi những chiếc cầu vững chắc.

Cuốn nó đi

"đem nó đi" hoặc "rửa nó đi"

Nếu một người đem ... điều đó sẽ bị khinh khi thậm tệ

"Nếu một người ... người đó sẽ bị khinh khi thậm tệ."

Hết tài sản trong nhà mình

"mọi thứ mình có"

Để có tình yêu

"để lấy tình yêu" hoặc "để mua tình yêu"

điều đó sẽ bị khinh khi thậm tệ

"người ta sẽ khinh chê anh thậm tệ" hoặc "người ta sẽ chế nhạo anh thậm tệ"

Song of Solomon 8:8

Cô em gái nhỏ

"em gái"

Em sẽ được hứa hôn

Tham khảo cách dịch: "một người nam đến và muốn cưới em."

Song of Solomon 8:9

Thông Tin Tổng Quát:

Các anh của người thiếu nữ tiếp tục nói với nhau.

Nếu em là bức tường thành ... ván bá hương

Vì ngực nàng nhỏ nên trông phẳng như bức tường thành hay cánh cửa. Các anh quyết định tô điểm cho cô em gái để trông xinh đẹp hơn.

Sẽ trang điểm cho em

"sẽ tô điểm cho em"

Song of Solomon 8:10

Ngực em bây giờ như ngọn tháp

Ngực của người thiếu nữ cao như ngọn tháp.

Vì thế trong mắt chàng em đã trưởng thành

Bây giờ chàng trai thấy rằng nàng là một cô gái trưởng thành và hài lòng về điều đó. Tham khảo cách dịch: "Em cho chàng vui thích"

trong mắt chàng

"Mắt chàng" ở đây chỉ về người yêu của nàng. Tham khảo cách dịch: "với chàng"

Song of Solomon 8:11

Ba-anh Ha-môn

Đây là tên của một cái thành ở phía bắc Y-sơ-ra-ên. .

Cho thuê vườn nho

"cho người khác mướn vườn nho"

Cho những người sẽ bảo vệ nó

"cho những người chăm sóc nó"

Mỗi người phải nộp một nghìn miếng bạc về số hoa lợi nó

Tham khảo cách dịch: "Mỗi người phải nộp cho Sa-lô-môn một nghìn miếng bạc để trả cho số hoa lợi của vườn nho."

nộp một nghìn miếng bạc

"nộp 1,000 miếng bạc."

Vườn nho của em là của em

"Em coi sóc cho vườn nho của em." Người thiếu nữ gọi mình là vườn nho như ở SNG01:05

Tâu vua Sa-lô-môn, một nghìn miếng bạc là của vua

Người thiếu nữ sẵn sàng nộp số hoa lợi vườn nho cho Sa-lô-môn mặc dù nó thuộc về nàng và nàng có thể cho ai tùy ý.

Song of Solomon 8:13

Tiếng em

"tiếng của em"

Cũng cho anh được là người nghe nó

"cho anh nghe nó." Từ "nó" chỉ về tiếng của người thiếu nữ.

Song of Solomon 8:14

Hãy như con hoàng dương hay là chú nai con

Xem cách đã dịch ở SNG02:16

Các núi hương liệu

"các núi phủ đầy hương liệu." Người thiếu nữ dùng hình ảnh này để mời gọi người nam tận hưởng nàng. Xem cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người nam dùng hình ảnh núi thảo mộc và ngọn đồi nhũ hương ở SNG04:06

Translation Questions

Song of Solomon 8:1

Cô gái ước rằng người yêu của cô là điều gì và tại sao?

Cô ước anh như anh trai của mình để cô có thể hôn người yêu mọi lúc và không ai sẽ xem thường cô.

Song of Solomon 8:2

Cô gái muốn đem người yêu của cô đi đâu?

Cô muốn đem người yêu đến nhà mẹ của cô để anh có thể dạy cô.

Song of Solomon 8:3

Tay trái và tay phải người yêu của cô đang làm gì?

Bàn tay trái của anh đang giữ đầu mình và tay tay phải đang ôm cô.

Song of Solomon 8:4

Cô gái muốn phụ nữ của Giê-ru-sa-lem hứa điều gì?

Cô gái muốn phụ nữ Giê-ru-sa-lem hứa rằng họ không làm gián đoạn cô và người yêu của cô đang làm tình đến khi họ xong chuyện.

Song of Solomon 8:5

Phụ nữ của Giê-ru-sa-lem đã hỏi điều gì?

Họ hỏi ai đang đến từ nơi hoang dã, đang dựa vào người yêu của cô.

Cô gái nói gì với người yêu khi cô đánh thức anh ta dưới cây mơ?

Cô nói với anh rằng mẹ anh ta đã hoài thai và sanh anh dưới cây mơ.

Song of Solomon 8:6

Cô gái muốn người yêu của mình làm gì và tại sao?

Cô muốn anh ta hãy đặt cô như một con dấu trong lòng anh ta bởi vì tình yêu mãnh liệt say đắm và nóng bỏng như ngọn lửa.

Song of Solomon 8:7

Điều gì không thể ngừng tình yêu?

Dù nước lớn bao nhiêu cũng không thể ngừng tình yêu.

Song of Solomon 8:8

Anh trai của cô gái nói gì về em gái bé nhỏ của họ?

Họ nói rằng ngực cô chưa phát triển và họ muốn biết phải làm gì với cô khi cô được hứa hôn.

Song of Solomon 8:9

Anh trai của cô gái làm gì nêu cô là một bức tường?

Nếu cô là bức tường, họ muốn xây một tháp bạc trên đó.

Anh trai của cô muốn làm gì nếu cô là cái cửa?

Nếu cô là cánh cửa, họ sẽ trang trí cho cô tấm ván gỗ tùng.

Song of Solomon 8:10

Cô gái đã mô tả chính mình như thế nào?

Cô gái mô tả chính mình như bức tường cùng ngực như ngọn tòa tháp và vô cùng hoàn mỹ.

Song of Solomon 8:11

Cô gái nói Sa-lô-mi6n đã làm gì với vườn nho của ông ở Ba-anh Ha-môn?

Sa-lô-môn cho những kẻ chăm sóc vườn nho thuê nó.

Song of Solomon 8:12

What does the young woman say about her own vineyard and those who maintained it? Cô gái nói gì về vườn nho của mình và những kẻ gìn giữ nó?

She said the 1000 shekels that it brought belonged to Solomon and that those who maintained it would get 200 shekels. Cô nói 1000 siếc-lơ thuộc về Sa-lô-môn và những kẻ gìn giữ nó nhận 200 siếc-lơ.

Song of Solomon 8:13

Người yêu và bạn ông nói với cô gái trong vườn nho nói điều gì với họ?

Ông nói rằng bạn ông, cũng như ông, muốn là người nghe giọng của cô.

Song of Solomon 8:14

Cô gái muốn người mình làm điều gì và như gì?

Cô muốn người yêu của mình vội vã và như con hươu.

Chapter 1

Isaiah 1:1

Đây là các khải tượng mà tiên tri Ê-sai ... thấy về

"Đây là khải tượng của Ê-sai ... mà Đức Giê-hô-va đã bày tỏ cho ông thấy" hay "Đây là điều mà Đức Chúa Trời đã mặc khải cho Ê-sai biết"

A-mốt

A-mốt là cha của Ê-sai.

Nước Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem

"Nước Giu-đa" tức là vương quốc phía nam của Y-sơ-ra-ên. "Thành Giê-ru-sa-lem" là thành phố quan trọng nhất của nó. Tương tự câu: "những người đang sống trong đất nước Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem" hay "dân chúng trong nước Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem"

vào thời Ô-xia, Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia, là các vua nước Giu-đa

Ờ đây nói đến thời điểm mà các vua đang trị vì. Họ thay nhau trị vì từ đời này đến đời khác, chứ không phải cùng trị vì một lúc. Tương tự câu: "khi Ô-xia, Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia là các vua của nước Giu-đa"

Isaiah 1:2

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói cùng dân chúng nước Giu-đa bằng một bài thơ.

Hỡi các tầng trời hãy nghe, hỡi đất hãy lắng tai

Mặc dầu những lời tiên tri này là dành cho dân chúng thành Giê-ru-sa-lem và nước Giu-đa, nhưng Ê-sai biết rằng họ sẽ chẳng nghe. Những nghĩa có thể là 1) ông nói dưới dạng hô ngữ, như thể "các tầng trời" và "đất" có thể lắng nghe được điều mà Đức Giê-hô-va truyền phán, hay 2) những từ "các tầng trời" và "đất" là phép hoán dụ và là sự phân khúc các vật đang sống ở mọi nơi. Tương tự câu: "hỡi những ai đang sống trên các tầng trời ... và những ai đang sống trên đất"

Ta đã nuôi nấng ... chẳng hiểu gì

Những Lời mà Đức Giê-hô-va đã truyền phán và những điều mà Ê-sai đang nói với Y-sơ-ra-ên bởi Đức Giê-hô-va.

Ta đã nuôi nấng con cái, cho chúng lớn khôn

Đức Giê-hô-va đã phán như thể những lời Ngài chính là thức ăn và dân Y-sơ-ra-ên chính là con cái của Ngài. Tương tự câu: "Ta đã chăm sóc dân Giu-đa như thể chúng là con của Ta"

lừa còn biết máng cỏ của chủ

"con lừa còn biết máng của chủ mình" hay "lừa còn biết nơi mà chủ cho nó thức ăn"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhưng Y-sơ-ra-ên thì không biết, Dân Ta chẳng hiểu gì
Những nghĩa có thể ở đây là "nhưng dân Y-sơ-ra-ên không biết đến Ta, chúng không hiểu rằng Ta là Đấng duy nhất chăm sóc chúng."
Y-sơ-ra-ên
"dân Y-sơ-ra-ên." Giu-đa là một phần của quốc gia Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 1:4
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.
Quốc gia tội lỗi
Những nghĩa có thể là 1) Ê-sai đang nói đến hai điều khác biệt về họ hay 2) ông chỉ đang nói một điều về họ,"Quốc gia của những tội nhân" (UDB).
dân tộc phạm tội nặng nề
Một thứ gì đó rất nặng nề mà một người phải mang lấy là phép hoán dụ về quá nhiều tội lỗi của họ. Tương tự câu: "tội lỗi của họ như là một cái giỏ nặng trên vai mà khiến họ phải đi cách khó khăn"
dòng dõi làm ác
Từ "dòng dõi" là phép hoán dụ về một dân tộc làm theo điều các dân tộc khác đã làm. Tương tự câu: "dân tộc đã làm theo những điều tội lỗi mà họ thấy nơi các dân tộc khác đã làm"
đồi bại
làm những điều tội lỗi
Chúng đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va
"Chúng đã rời bỏ Đức Giê-hô-va"
khinh bỉ
"khước từ, không vâng theo" hay "chối bỏ sự tôn kính"
Y-sơ-ra-ên
Giu-đa là một phần của quốc gia Y-sơ-ra-ên.
trở nên xa lạ và quay lưng đi
Mặc dầu lúc này họ vẫn còn là bạn, nhưng họ đối đãi với Ngài như thể họ không biết đến Ngài.
Isaiah 1:5
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.
Sao các ngươi cứ tiếp tục nổi loạn? Để lại bị trừng phạt nữa?"
Ê-sai sử dụng những câu hỏi này để quở trách dân Giu-đa. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các ngươi cứ làm những điều mà Đức Giê-hô-va phải trừng phạt các ngươi. Các ngươi cứ tiếp tục nổi loạn chống lại Ngài."
các ngươi
Từ "các ngươi" ở đây tượng trưng cho những ai đang sống tại Giu-đa và vì thế nó ở hình thức số nhiều.
Cả đầu đều bị thương tích, lòng dạ đều tan nát
Ở đây so sánh quốc gia Y-sơ-ra-ên giống như là một người bị đánh đập. Tương tự câu: "Các ngươi giống như một người mà đầu bị thương tích và lòng thì tan nát" hay "Các ngươi giống như một người mà tâm trí và tấm lòng đều mang thương tích"
không chỗ nào lành
Ở đây có thể được tuyên bố cách quả quyết. Ở đây cũng có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những phần trong thân thể các ngươi đều bị đau đớn" hay "ai đó đã gây thương tích cho toàn thân các ngươi"
chưa được rịt lại, chưa được băng bó, cũng chưa được xoa dầu cho êm
Ở đây so sánh sự trừng phạt mà Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên như những vết thương thể xác. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "không một cái nào lành, được làm cho sạch, và băng bó, hay được xoa dầu cho êm"
Isaiah 1:7
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.
Xứ sở các ngươi bị hoang tàn
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chúng đã làm cho xứ sở các ngươi bị điêu tàn" hay "Các kẻ thù nghịch sẽ phá hủy xứ sở các ngươi"
thành trì các ngươi bị thiêu hủy
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "chúng đã thiêu hủy những thành của các ngươi"
đất đai các ngươi bị ngoại bang thôn tính ngay trước mặt các ngươi
"những dân không đến từ xứ sở các ngươi sẽ cướp đoạt các vụ mùa từ đất ruộng trước mặt các ngươi"
khiến nó hoang tàn
"hoang tàn và bị phá hủy." Cụm danh từ trừu tượng này được nói đến như cụm động từ. Tương tự câu: "chúng đã phá hủy xứ sở và không còn ai sống ở đó nữa"
bị ngoại bang đạp đổ
Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "các dân ngoại bang đã đạp đổ xứ sở các ngươi" hay "một đội ngoại quân đã hoàn toàn xâm chiến nó"
Con gái Si-ôn bị bỏ lại
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã bỏ lại con gái của Si-ôn"
Con gái Si-ôn
"Con gái" của một thành phố có nghĩ là dân của thành đó. Tương tự câu: "Dân thành Si-ôn" hay "Dân đang sống tại Si-ôn"
bị bỏ lại như túp lều trong vườn nho, như chòi canh trong ruộng dưa
Các nghĩa có thể là 1) "trở nên nhỏ bé như một túp lều trong vườn nho hay một chòi canh trong ruộng dưa"
ruộng dưa, như thành bị bao vây
Nghĩa khác có thể là "ruộng dưa. Nàng giống như một thành bị bao vây"
Isaiah 1:9
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói với dân Y-sơ-ra-ên bằng một bài thơ.
Nếu Đức Giê-hô-va vạn quân
Ở đây diễn tả về một điều gì đó có thể đã xảy ra trong quá khứ những đã không xảy ra.
một ít người sống sót
"một vài người sống sót"
chúng ta ...chúng ta
Những từ này ở đây nói đến Ê-sai và tất cả dân của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.
Thì chúng ta đã như thành Sô-đôm và giống như thành Gô-mô-rơ rồi
Giu-đa giống với thành Sô-đôm và thành Gô-mô-rơ như thế nào đã được làm rõ. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt chúng ta, giống như Ngài đã hủy diệt thành Sô-đôm và thành Gô-mô-rơ. "
Isaiah 1:10
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói với người Giu-đa bằng một bài thơ.
hỡi các thủ lĩnh Sô-đôm ... hỡi dân Gô-mô-rơ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ê-sai đang so sánh dân Giu-đa với dân Sô-đôm và dân Gô-mô-rơ để nhấn mạnh họ đã trở nên tội lỗi như thế nào. Tương tự câu: "Các ngươi, những kẻ thủ lĩnh cũng tội lỗi như dân thành Sô-đôm ... các ngươi, cũng tội lỗi như những người dân sống ở Gô-mô-rơ"

Vô số sinh tế của các ngươi chẳng có ý nghĩa gì đối với Ta?

Đức Chúa Trời đang sử dụng một câu hỏi để trách mắng dân sự. Tương tự câu: "Các của lễ các ngươi dâng chẳng có ý nghĩa gì với ta!"

Isaiah 1:12

Thông Tin Chung:

Ê-sai kể lại những lời của Đức Giê-hô-va đã phán với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Ai đòi hỏi điều nầy từ tay các ngươi, để các ngươi giày đạp hành lang Ta?

Từ "giày đạp" có nghĩa là bước lên và dẫm đạp bằng chân. Đức Chúa Trời dùng một câu hỏi để quở trách những người dân sống ở Giu-đa. Tương tự câu: "Chẳng ai bảo các ngươi dẫm đạp lên hành lang của ta!"

Đừng tiếp tục đem tế lễ chay vô ích đến nữa

"Đừng đem cho ta bất kỳ của tế lễ vô nghĩa nào của các ngươi nữa"

Ta ghê tởm trầm hương

Câu này có thể được diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "ghê tởm" được diễn đạt như động từ "ghét." Tương tự câu: "Ta ghét hương trầm mà các thầy tế lễ đốt"

Ta không chịu nổi việc cứ phạm tội rồi lại nhóm họp trọng thể

Các ý nghĩa có thể là 1) "Ta không cho phép các ngươi nhóm họp bởi những điều ác các ngươi đã làm" hoặc là 2) "Ta không thể chứng kiến các ngươi nhóm họp cùng nhau bởi những điều ác các ngươi đã làm."

Isaiah 1:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói những lời của Đức Giê-hô-va với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

các lễ hội trăng mới và những lễ hội định kỳ của các ngươi

Những từ như "trăng mới" là một phép hoán dụ về các lễ kỷ niệm của tuần trăng mới và là phép hoán dụ cho tất cả các lễ kỷ niệm định kỳ. Tương tự câu: "Các lễ kỷ niệm của ngươi về trăng mới và cả các kỳ lễ định kỳ"

trăng mới

Trăng mới là khi mặt trăng tỏa ánh sáng đầu tiên sau thời gian bị tối.

Các lễ hội ấy trở thành gánh nặng cho Ta, Ta mệt mỏi mà mang chúng

Câu này so sánh việc Đức Chúa Trời cảm thấy như thế nào về các lễ kỷ niệm của dân sự, nó giống như thể phải mang vác một vật nặng. Tương tự câu: "chúng rất nặng khiến Ta phải mang vác mệt mỏi."

Ta che mắt khỏi các ngươi.

Đây là một cách nói "Ta sẽ không nhìn các ngươi nữa" hoặc là "Ta sẽ không chú ý đến các ngươi nữa"

tay các ngươi đẫm máu

Đây là lý do Đức Chúa Trời không lắng nghe lời cầu nguyện của họ. Máu tượng trưng cho những điều hung ác mà họ đã làm chống lại dân sự. Tương tự câu: "bởi vì đôi tay các ngươi nhuốm đầy máu của những người mà các ngươi hãm hại" hay là "bởi vì các ngươi phạm những tội ác hung tợn"

Isaiah 1:16

Thông Tin Chung:

Ê-sai kể lại những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Hãy rửa cho sạch, hãy thanh tẩy chính mình

Ở đây Đức Chúa Trời so sánh một người ngừng phạm tội với một người tắm rửa cho thân thể của mình. Tương tự câu: "Hãy ăn năn và rửa sạch tội lỗi khỏi lòng ngươi như thể ngươi rửa sạch bụi đất khỏi thân thể ngươi"

hãy loại bỏ những việc ác khỏi mắt Ta

Đức Chúa Trời không nói họ hãy làm những việc ác ở một nơi khác, nhưng bảo họ hãy ngừng làm chúng. Tương tự câu: "Đừng làm những việc ác mà Ta thấy các ngươi đang làm nữa"

Giúp đỡ người bị áp bức

Đức Chúa Trời phán với những người áp bức người khác như thể họ đã làm cong cái gì đó đáng ra phải làm cho thẳng, và Ngài kêu gọi họ hãy làm cho nó thẳng lại. Danh từ trừu tượng "người bị áp bức" có thể được dịch như một động từ. Tương tự câu: "Hãy chắc rằng những người yếu đuối mà ngươi đã hãm hại kia không còn phải chịu đựng những điều ác mà ngươi làm với họ nữa"

xét xử công minh cho kẻ mồ côi

"Hãy công bằng với những đứa trẻ mồ côi cha"

bênh vực lý lẽ người góa bụa

"bảo vệ những phụ nữ đã mất chồng"

Isaiah 1:18

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Giu-đa.

Bây giờ hãy đến, để

Đức Giê-hô-va mời gọi mọi người cách ân cần và đầy yêu thương rằng hãy lắng nghe những gì Ngài sắp nói. "Hãy lắng nghe Ta. Để" hay là "Hãy chú ý; Ta muốn giúp đỡ các ngươi. Để"

để chúng ta biện luận với nhau

Đức Giê-hô-va mời gọi mọi người đến để bàn luận về tương lai. "Hãy cùng nhau nghĩ về" hoặc là "chúng ta cần phải bàn luận việc này" hay là "chúng ta sẽ làm gì?" Ở đây từ "chúng ta" nói đến Đức Giê-hô-va và cả dân Giu-đa.

Dù tội các ngươi đỏ như son, sẽ trở nên trắng như tuyết; dù đỏ thắm như vải điều, sẽ trở nên trắng như lông chiên

Ê-sai đang nói về dân sự như thể họ đang mặc quần áo được làm từ lông chiên màu trắng và tội lỗi của họ như những vết máu đỏ dính trên quần áo; Nếu Đức Giê-hô-va tha thứ tội lỗi của họ, nó sẽ giống như là quần áo của họ được trắng trở lại.

đỏ như son

"màu đỏ tươi" "

trắng như tuyết

Màu trắng thường là biểu tượng của sự thánh khiết hoặc tinh sạch. "Tuyết" nói đến thứ gì đó như mưa tuyết rất là trắng. Vì thế câu này đơn giản là miêu tả điều gì đó rất là trắng, bạn có thể thay thế nó với một thứ khác màu trắng: "trắng như vỏ sò biển" hoặc là "trắng như chim bồ câu." Câu này có nghĩa là tội lỗi của họ sẽ được tha thứ.

đỏ thắm như vải điều

"đỏ sậm"

như lông chiên

Lông chiên là lông của chiên hoặc dê. Làm thế nào họ sẽ được trắng như lông chiên được nói rất rõ ràng. Tương tự câu: "trắng như lông chiên"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 1:19

Thông Tin Chung:

Đức Chúa Trời tiếp tục nói với dân Giu-đa.

Nếu các ngươi sẵn lòng vâng lời

Ở đây, từ "sẵn lòng" và "vâng lời" được sử dụng cùng nhau để bày tỏ một ý nghĩa. Tương tự câu: "Nếu các ngươi sẵn lòng vâng lời"

thì sẽ được ăn sản vật tốt lành của đất

"Vùng đất này sẽ sản sinh ra những thức ăn tốt lành để các ngươi ăn"

nhưng nếu các ngươi khước từ và nổi loạn

"Nhưng nếu các ngươi từ chối lắng nghe và thay vào đó bất tuân lời ta"

các ngươi sẽ bị hủy diệt bởi gươm

Từ "gươm" ở đây liên quan đến những kẻ thù của Giu-đa. Cũng như vậy từ "bị hủy diệt" so sánh những kẻ thù của dân Giu-đa sẽ đến giết họ như một động vật hoang dã tấn công và ăn thịt các loài vật khác. Tương tự câu: "Các kẻ thù của ngươi sẽ giết ngươi"

miệng Đức Giê-hô-va đã phán

Từ "miệng" nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đã phán và điều Ngài phán chắc chắn sẽ xảy ra. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã phán" hay "Đức Giê-hô-va đã phán điều này sẽ xảy ra"

Isaiah 1:21

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Ôi! Một thành trung nghĩa

Lời cảm thán này thể hiện sự giận dữ và nỗi buồn rầu của Ê-sai về dân thành Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Hãy nhìn xem dân thành Giê-ru-sa-lem, là những người đã trung thành với Đức Chúa Trời thế nào"

đã trở nên gái điếm

Ê-sai so sánh dân sự như một người nữ không chung thủy với chồng mình nhưng lại ngủ với người nam khác vì đồng tiền. Dân sự đã không còn trung thành với Đức Chúa Trời nữa nhưng đã thờ phượng các tà thần. Tương tự câu: "hành động như một gái điếm"

Nó vốn đầy công lý

Từ "Nó" tức là Giê-ru-sa-lem và dân sự trong thành. Những người viết Kinh Thánh thường nhắc đến các thành phố như là những người nữ. Tương tự câu: "Dân thành Giê-ru-sa-lem đã rất ngay thẳng và làm điều công bình"

nhưng bây giờ nó đã trở nên chỗ ở của bọn giết người

Từ "nó" tức là Giê-ru-sa-lem và dân sự trong thành. Những người viết Kinh Thánh thường nhắc đến các thành phố như là những người nữ. Tương tự câu: "nhưng bây giờ dân thành Giê-ru-sa-lem là những kẻ sát nhân"

Bạc của ngươi biến thành cặn bã, rượu nho của ngươi bị pha loãng với nước

Các nghĩa có thể đó là Ê-sai dùng bạc và rượu như là phép hoán dụ cho 1) dân thành Giê-ru-sa-lem, "Ngươi giống như bạc không còn nguyên chất nữa, và như rượu đã bị pha với nước," hay 2) những việc làm tốt mà dân sự đã làm trước đây, "Ngươi đã từng làm những điều tốt, nhưng nay những việc làm xấu xa của ngươi đã khiến cho những hành động tốt đó trở nên vô ích."

bạc ... cặn bã

Người ta cần phải lau sạch bạc thường xuyên nếu không nó sẽ không còn chiếu sáng nữa.

rượu nho ... nước

Rượu nho có nước sẽ ít có vị và vì thế không còn tốt hơn nước nữa.

Isaiah 1:23

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Cấp lãnh đạo của ngươi là những kẻ nổi loạn

"Các lãnh đạo ngươi đã nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời"

liên kết với những kẻ trộm cướp

"Họ là bạn với những kẻ trộm cướp"

hối lộ ... quà cáp

Dân sự đã dùng sự "hối lộ" như những món quà cho những vị lãnh đạo không trung thực để họ làm điều bất công. Các vị lãnh đạo nhận "quà cáp" như những món quà từ những người làm nên lợi ích bởi những luật pháp bất công mà người lãnh đạo đã cho qua đó.

chạy theo quà cáp

Họ không xét xử công minh cho kẻ mồ côi

"họ không bảo vệ những người mất cha"

cũng chẳng đếm xỉa gì đến vụ kiện của người góa bụa

"họ cũng không lắng nghe những người góa bụa đến với họ để cầu xin sự giúp đỡ nhằm đối đầu với những người không làm theo luật pháp" hay "và họ cũng không giúp đỡ những người góa bụa đến với họ để cầu xin sự giúp đỡ chống lại những người làm sai luật pháp"

Isaiah 1:24

Thông Tin Chung:

Ê-sai bắt đầu nói những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Vì thế

"Vì lý do đó"

Đây là sấm ngôn của Chúa Thượng

Danh từ trừu tượng "sấm ngôn" có thể được dịch như một động từ. Tương tự câu: "đây là điều Chúa tuyên phán"

Nầy! Ta sẽ thỏa dạ về sự trừng phạt kẻ đối địch Ta, và báo trả những kẻ thù của Ta

Cả hai cụm từ này cơ bản đều có cùng một ý nghĩa. Những từ "sự trừng phạt kẻ đối địch Ta" nói rõ hơn về những điều Đức Giê-hô-va cần làm cho những kẻ chống nghịch Ngài để được thỏa dạ, trong khi những từ "báo trả những kẻ thù của Ta" nói rõ hơn rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt cách công bình kẻ thù của Ngài. Tương tự câu: "Ta sẽ trừng phạt những kẻ đối nghịch với Ta" hay "Ta sẽ làm điều Ta thỏa dạ cho những kẻ chống nghịch lại ta, và Ta sẽ trừng phạt cách công bình những kẻ thù Ta"

Ta sẽ ra tay chống lại ngươi

Từ "tay"ở đây nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời mà Ngài sẽ dùng để trừng phạt dân sự Ngài. Tương tự câu: "Ta sẽ bắt đầu dùng tất cả quyền lực của Ta để chống lại ngươi"

luyện cho ngươi sạch hết cáu cặn như luyện kim

Đây là quá trình mà Đức Chúa Trời loại bỏ tội lỗi khỏi dân sự Ngài được nói đến như thể Ngài sẽ tách bỏ phần kim loại khỏi những những cáu cặn đã bị trộn lẫn vào. Từ "như luyện kim" thêm vào một phép hoán dụ khác: dung dịch kiềm là dùng trong xà phòng, không phải trong luyện kim. Tương tự câu: "và như lửa loại bỏ những cáu cặn khỏi bạc thể nào, Ta sẽ loại bỏ mọi điều ác khỏi giữa các ngươi thể ấy"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cáu cặn
Bụi đất dơ và những thứ khác mà người ta lấy khỏi kim loại nhằm làm kim loại được ở trạng thái tốt nhất.
Isaiah 1:26
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.
như trước ... như thuở ban đầu
Đây là hai cách nói về thời gian đầu tiên trong quá khứ hay lúc ban đầu trong lịch sử Y-sơ-ra-ên, khi Y-sơ-ra-ên bắt đầu trở nên một quốc gia.
ngươi sẽ được gọi
Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "người ta sẽ gọi ngươi"
thành phố công chính, là thành trung nghĩa
Chữ "thành phố" và "thành" ở đây nói đến những người dân đang sống tại Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "thành phố mà người dân ở đây là những người công bình và trung thành với Đức Chúa Trời"
Isaiah 1:27
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.
Si-ôn sẽ được chuộc bởi công lý, và dân trong thành ăn năn sẽ được chuộc bởi sự công chính
Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Các nghĩa có thể là 1) "Đức Giê-hô-va sẽ chuộc Si-ôn bởi vì họ đã làm điều công chính, và Ngài sẽ chuộc những ai ăn năn bởi vì họ đã làm điều Đức Giê-hô-va cho là công bình" hay 2) "Đức Giê-hô-va sẽ chuộc Si-ôn bởi vì Ngài là công bình, và Ngài sẽ chuộc những ai ăn năn bởi vì Ngài là công chính"
Si-ôn
Đây là phép hoán dụ cho "những người đang sống trên Núi Si-ôn."
những kẻ phản loạn và có tội sẽ cùng bị đập tan
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt những ai phản loạn và phạm tội chống nghịch Ngài"
còn những kẻ bỏ Đức Giê-hô-va sẽ bị diệt vong
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va sẽ hoàn toàn hủy diệt những ai lìa bỏ Ngài" hay "còn Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt tất cả những ai chối bỏ Ngài"
Isaiah 1:29
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.
cây cối ... các khu vườn
Những cụm từ này nói đến những nơi mà dân Giu-đa đã thờ các thần tượng.
xấu hổ vì
Một số bản dịch viết, "ngươi sẽ hổ thẹn bởi vì." Một người hổ thẹn khi mặt của người đó trở nên nóng và đỏ lên, thường là bởi vì họ cảm thấy mình đã làm điều gì đó sai trật.
Vì các ngươi sẽ giống như cây thông khô lá, như vườn không có nước
Nước đem đến sự sống cho cây cối và các khu vườn. Dân sự đã tự mình lìa bỏ khỏi Đức Giê-hô-va, là Đấng ban cho họ sự sống.
Isaiah 1:31
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.
Người mạnh
"Người khỏe mạnh" hay "Những người có quyền lực." Ở đây có thể nói đến những người quan trọng và có ảnh hưởng đến người khác.
sợi gai thô
Nguyên liệu khô dễ cháy
việc làm của nó như tia lửa
Ở đây so sánh hành vi hay những việc làm xấu xa của dân sự như một tia lửa rơi trên sợi gai thô và bắt lửa cháy lên. Tương tự câu: "công việc của nó giống như một tia lửa bắt cháy"

Translation Questions

Isaiah 1:1
Ê-sai là ai?
Ê-sai là con của A-mốt.
Khải tượng của Ê-sai là gì?
Khải tượng của Ê-sai là Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.
Ê-sai nhận được khải tượng trong thời nào?
Ê-sai nhận được khải thị trong thời U-xia, Giô-tham, A-cha, Ê-xê-chia, vua của Giu-đa.
Isaiah 1:2
Tại sao các tầng trời hãy nghe, và đất hãy lắng tai?
Các tầng trời hãy nghe, và đất hãy lắng tai vì Đức Giê-hô-va đã phán vậy.
Đức Giê-hô-va đã làm gì?
Ngài đã nuôi nấng và dạy dỗ con cái.
Con cái của Đức Giê-hô-va đã làm gì?
Họ đã phản loạn chống lại Đức Giê-hô-va.
Isaiah 1:4
Quốc gia được diễn tả như thế nào?
Họ được nói đến như những kẻ tội lỗi, dòng dõi làm ác, và con cái đồi bại.
Quốc gia đó đã làm gì?
Chúng lìa bỏ Đức Giê-hô-va, trở nên xa lạ vsf quay lưng đi khỏi Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 1:7
Xứ sở và thành trì của họ đang trong tình trạng gì?
Xứ sở của họ bị hoang tàn và thành trì bị thiêu hủy.
Isaiah 1:9
Đức Giê-hô-va đã từ bỏ họ ra sao?
Ngài đã chừa lại cho chúng một ít người sống sót.
Isaiah 1:11
Đức Giê-hô-va chẳng hài lòng về điều gì?
Ngài chẳng hài lòng về máu của bò đực, hoặc chiên con và dê đực.
Isaiah 1:14
Đức Giê-hô-va chán ghét điều gì?
Ngài chán ghét các lễ hội trăng mới và những lễ hội định kỳ.
Isaiah 1:15
Tại sao Đức Giê-hô-va lại không nghe lời cầu nguyện của họ?
Ngài sẽ không nghe lời cầu nguyện vì tay họ đẫm máu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 1:16
Đức Giê-hô-va bảo họ làm gì?
Đức Giê-hô-va bảo họ đừng làm điều ác nữa, hãy học làm lành, tìm kiếm công lý, giúp đỡ người bị áp bức, xử lý công minh cho kẻ mồ côi và bênh vực lý lẽ cho người góa bụa.
Isaiah 1:17
Đức Giê-hô-va bảo họ làm gì?
Đức Giê-hô-va bảo họ đừng làm điều ác nữa, hãy học làm lành, tìm kiếm công lý, giúp đỡ người bị áp bức, xử lý công minh cho kẻ mồ côi và bênh vực lý lẽ cho người góa bụa.
Isaiah 1:19
Họ phải làm gì để được ăn sản vật tốt nhất của đất?
Họ phải sẵn lòng vâng lời.
Isaiah 1:20
Nếu như họ khước từ và nổi loạn thì chuyện gì sẽ xảy ra?
Họ sẽ bị hủy diệt bởi gươm.
Isaiah 1:21
Thành trung nghĩa vốn như thế nào trước khi nó trở nên gái điếm?
Thành trung nghĩa vốn đầy công lý và sự công chính.
Thành trung nghĩa đầy những kẻ nào?
Thành trung nghĩa đầy những kẻ giết người.
Isaiah 1:24
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?
Ngài sẽ báo trả những kẻ thù của Ngài.
Isaiah 1:29
Họ sẽ hổ thẹn và xấu hổ về điều gì?
Họ sẽ hổ thẹn vì cây cối mà họ ưa thích và xấu hổ vì các khu vườn mà họ đã chọn.
Isaiah 1:31
Chuyện gì sẽ xảy ra với người mạnh và việc làm của nó?
Cả hai sẽ cháy cùng nhau.

Chapter 2
Isaiah 2:1
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.
Giu-đa và Giê-ru-sa-lem
"những người đang sống trong Giu-đa và Giê-ru-sa-lem"
trong những ngày cuối cùng
"trong tương lai"
núi của đền thờ Đức Giê-hô-va sẽ được lập vững
Ở đây có thể được trình bày 1) như một sự diễn tả Tương tự câu: "Núi của đền thờ Đức Giê-hô-va sẽ đứng vững" hay 2) theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ lập vững bền núi mà đền thờ Ngài được xây trên đó"
trên các đỉnh núi
Ê-sai nói về tầm quan trọng như đó là độ cao vật lý. Tương tự câu: "tầm quan trọng của những ngọn núi" hay "nơi quan trọng nhất trên thế giới"
vượt cao hơn các đồi
Ê-sai nói về sự cao trọng trong phép ẩn dụ giống như đó là độ cao về vật lý. Ở đây có thể được trình bày 1) ở thể chủ động, Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho nó được vinh hiển hơn các đồi khác" hay 2) như một phép hoán dụ cho những ai đang thờ phượng ở đây Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho vinh hiển những người thờ phượng tại đây hơn những người khác."
mọi quốc gia
"và dân chúng từ mọi nước"
sẽ đổ về đó
Dân chúng toàn thế giới sẽ đến núi của Đức Giê-hô-va được so sánh với cách mà dòng sông đổ về. Ở đây nhấn mạnh rằng nhiều người sẽ đến, chứ không phải chỉ một số người. Tương tự câu: "sẽ đổ về như dòng sông đổ về nó" hay "sẽ đến đó" (UDB)
Isaiah 2:3
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói vơi dân Giu-đa bằng một bài thơ.
Gia-cốp, Ngài sẽ dạy chúng ta ... chúng ta sẽ đi
Ý nghĩa khác có thể có là "Gia-cốp. Ngài sẽ dạy ... và chúng ta sẽ đi"
Ngài sẽ dạy chúng ta đường lối Ngài, chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài
Từ "đường lối" và "các nẻo" là phép ẩn dụ cho cách sống của một người. Nếu ngôn ngữ của bạn chỉ có một từ chỉ về đất mà người ta đi trên đó, bạn có thể nối các mệnh đề này. Tương tự câu: "Ngài sẽ dạy chúng ta ý chỉ của Ngài để chúng ta có thể vâng theo"
Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, và lời Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem
Những cụm từ này có cùng một ý nghĩa. Ê-sai đã nhấn mạnh rằng mọi quốc gia sẽ hiểu rằng chân lý được tìm thấy tại Giê-ru-sa-lem. "Dân chúng tại Si-ôn sẽ dạy luật pháp Đức Chúa Trời, và dân tại Giê-ru-sa-le sẽ dạy lời của Đức Giê-hô-va."
Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn
Ê-sai nói như thể luật pháp là một thứ giống như dòng sông di chuyển mà không cần ai làm gì cả. "Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn." Tương tự câu: "Những ai mà họ dạy luật pháp sẽ ra từ Si-ôn" hay "Đức Giê-hô-va sẽ công bố luật pháp Ngài từ Si-ôn"
lời Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem
"lời của Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem." Ê-sai nói như thể lời của Đức Giê-hô-va giống như một dòng sông di chuyển mà không cần người khác làm điều gì. Tương tự câu: "Những ai mà họ dạy lời Đức Giê-hô-va sẽ đi ra từ Giê-ru-sa-lem" hay "Đức Giê-hô-va sẽ công bố lời Ngài từ Giê-ru-sa-lem"
Isaiah 2:4
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.
Ngài sẽ phán xét
"Đức Giê-hô-va sẽ phán xét"
phân xử
"sẽ giải quyết những tranh chấp"
họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm
Dân tộc các nước sẽ dùng vũ khí chiến tranh để làm thành những dụng cụ cho công việc đồng án.
gươm ... giáo ... gươm
Những từ này là phép hoán dụ cho tất cả các loại vũ khí.
lưỡi cày ... lưỡi liềm
Những từ này là phép hoán dụ cho các loại công cụ mà người ta dùng trong những hoạt động vào thời bình.
họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày
Lưỡi cày là một lưỡi dao mà người ta dùng để đào đất hầu có thể trồng những hạt giống ở đây. Tương tự câu: "họ sẽ làm cho gươm thành những công cụ để gieo trồng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lấy giáo rèn lưỡi liềm
"họ sẽ rèn giáo thành lưỡi liềm." Một lưỡi liềm là một con dao mà người ta dùng để chặt những nhánh cây không mong muốn khỏi cây. Tương tự câu: "họ sẽ rèn cho giáo trở nên những công cụ để chăm sóc cây trồng"
nước nầy không còn vung gươm đánh nước kia
"không có quốc gia nào sẽ vung gươm lên chống lại quốc gia khác nữa." Gươm là một phép hoán dụ cho chiến tranh. Tương tự câu: "một quốc gia sẽ không nổi lên chiến tranh chống lại một quốc gia khác"
họ cũng không còn luyện tập
"họ cũng sẽ thậm chí không còn luyện tập" không còn chiến tranh. Người viết mong người đọc hiểu rằng những ai tham gia luyện tập chinh chiến trước khi họ sẽ tham gia chiến trận và một số luyện tập cũng sẽ có thể không tham gia chiến trận.
Isaiah 2:5
Thông Tin Chung:
Trong đoạn 2:5 Ê-sai nói với dân Y-sơ-ra-ên, và trong 2:6 ông nói với Đức Giê-hô-va. Cả hai thời điểm ông nói đều bằng thơ.
Nhà Gia-cốp
Từ "nhà" là phép hoán dụ cho những người sống trong nhà, trong gia đình. "Các ngươi, là dòng dõi của Gia-cốp"
hãy đến
một lời khích lệ nhẹ nhàng để người nghe làm theo điều mà người nói sắp nói
chúng ta hãy bước đi trong ánh sáng của Đức Giê-hô-va
Ê-sai nói với dân sự hãy học và sau đó làm theo điều mà Đức Giê-hô-va muốn họ làm như thể họ dang đi trong bóng tối với cây đèn mà Đức Giê-hô-va đã sắm sẵn để họ có thể thấy đường đi. Tương tự câu: 'chúng ta hãy học theo cách mà Đức Giê-hô-va muốn chung ta sống và sau đó hãy sống theo cách đó"
Thật, Chúa đã từ bỏ dân Ngài
"Vì Ngài đã từ bỏ dân Ngài" và không quan tâm đến những điều xảy ra với họ nữa. Từ "Ngài" tức là Đức Giê-hô-va và vì vậy từ này ở số ít
vì họ đầy dẫy thói tục phương Đông
Ê-sai nói như thể dân sự là những bình chứa đầy dẫy những thứ đến từ phương Đông. Những nghĩa có thể mà ông đang nói về 1) những việc làm mà người phương Đông làm, "lúc nào họ cũng làm những điều tội lỗi mà những người sống tại vùng đất phía đông của Y-sơ-ra-ên làm," hay 2) dân sự, đặc biệt là những người cho là mình có thể nói chuyện với người đã chết, là những người đến từ phương Đông và làm những điều tội lỗi, "nhiều thầy bói đã đến từ phương Đông và bây giờ họ đang sống ở đây"
bói toán
những người cho rằng họ có thể nói về tương lai bằng cách nhìn vào các bộ phận của động vật hay lá cây
họ lại bắt tay với con cái dân ngoại
Siết tay với nhau là biểu tượng của tình bạn và hòa bình. Tương tự câu: "họ kết giao và cùng làm việc với những người không đến từ Y-sơ-ra-ên"
Isaiah 2:7
Thông Tin Chung:
Ê-sai nói với Đức Giê-hô-va bằng một bài thơ.
Đất nước họ đầy bạc vàng ... đất nước họ đầy dẫy ngựa chiến ... Đất nước họ đầy những tượng thần
Ê-sai nói như thể đất nước này là một bình chứa mà ai đó đã đặt vào bạc, ngựa chiến, và những tượng thần. Từ "đất nước" là một phép hoán dụ cho chính dân sự, và từ "đầy" là một phép ẩn dụ cho những người chiếm lấy những thứ này. Tương tự câu: "Họ chiếm lấy nhiều bạc ... họ cũng lấy đi những ngựa chiến ... Họ cũng đoạt lấy nhiều tượng thần"
vật do tay mình làm ra, là vật ngón tay họ tạo nên
Hai cụm từ này hầu như nói đến cùng một vật và nhấn mạnh rằng chúng không phải là những thần thật sự. Nếu ngôn ngữ của bạn không có từ chung để chỉ về vật gì đó do con người làm ra, bạn có thể nối các câu này lại với nhau thành một câu hoàn chỉnh. Tương tự câu: "những vật mà chính họ đã làm"
vật do tay mình làm ra
Từ "tay" là phép hoán dụ cho chính dân sự. Tương tự câu: "vật mà chính họ làm nên" hay "công việc của chính tay họ" hay "những vật mà họ đã làm nên bằng chính tay họ"
vật ngón tay họ tạo nên
Từ "ngón tay" là phép hoán dụ cho chính dân sự. Tương tự câu: "những vật mà họ đã làm nên bằng chính những ngón tay của họ"
Isaiah 2:9
Thông Tin Chung:
Trong 2:9, Ê-sai đã nói xong với Đức Giê-hô-va. Trong 2:10-11 Ê-sai nói với dân Giu-đa. Cả hai thời điểm ông đều nói bằng thơ.
Loài người bị khuất phục, con người bị hạ xuống
Những từ "bị khuất phục" và "bị hạ xuống" là phép ẩn dụ cho việc chẳng có điều gì tốt và không có một ai có thể giúp đỡ. Ở đây có thể được trình bảy ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ khiến cho dân sự hổ thẹn, và mỗi người sẽ trở nên hèn mọn"
Loài người
là loài người, khác với loài vật
con người
"từng người"
đừng tha thứ cho họ
Từ "tha thứ" là phép ẩn dụ cho việc Đức Giê-hô-va tha thứ cho dân sự. Tương tự câu: "đừng tha thứ cho họ"
Hãy vào trong tảng đá
Những nghĩa có thể đó là dân sự nên đi vào trong 1) những hang động trên những sườn đồi dốc (xem UDB) hay 2) những nơi có nhiều tảng đá lớn mà ở giữa đó có thể trốn được.
ẩn mình trong bụi đất
Những nghĩa có thể đó là dân sự nên trốn 1) trong những hang động thiên nhiên trong đất hay 2) trong những hốc được họ đào trong đất (xem UDB).
khỏi sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va
Ở đây có thể được diễn đạt lại để danh từ "sự kinh khiếp" được diễn đạt cách rõ ràng bằng "sự kinh hãi." Tương tự câu: "khỏi sự hiện diện kinh hãi của Đức Giê-hô-va" hay "khỏi Đức Giê-hô-va bởi vì ngươi sẽ cực kỳ sợ hãi Ngài"
sự chói sáng của uy nghiêm Ngài
"vẻ đẹp và uy quyền tuyệt vời mà Ngài có như một vị vua" hay "sự chói sáng sang trọng của Ngài." Hãy dịch nó như trong ISA02:09
Con mắt kiêu căng của loài người sẽ bị hạ xuống

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Đức Giê-hô-va sẽ hạ xuống con mắt kiêu căng của loài người." Một người có một "con mắt kiêu căng" thường tỏ vẻ ở trên mọi người để tỏ ra rằng người ấy tốt hơn mọi người. Những người này mang tội nghĩ rằng họ tốt hơn Đức Giê-hô-va, và cách họ nhìn những người thờ phượng Đức Giê-hô-va, là một phép ẩn dụ cho sự kiêu ngạo của họ. "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho hổ thẹn mọi người bởi vì họ nghĩ rằng họ tốt hơn Ngài"

sự ngạo mạn của con người sẽ bị khuất phục

"Đức Giê-hô-va sẽ làm cho những người ngạo mạn phải hổ thẹn về chính họ." Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ hạ xuống sự ngạo mạn của con người." "Sự ngạo mạn của con người" là phép ẩn sự cho những người kiêu ngạo. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ hạ xuống những người kiêu ngạo"

Chỉ một mình Đức Giê-hô-va được tôn cao

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "dân sự sẽ ngợi khen chỉ một mình Đức Giê-hô-va"

trong ngày đó

"vào ngày mà Đức Giê-hô-va đoán xét mọi người"

Isaiah 2:12

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

ngạo mạn, và tự cao

Người "tự cao" là kiêu ngạo và xem chính mình tốt hơn những người khác. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những ai kiêu căng và tự nâng mình cao hơn những người khác" hay "những kẻ kiêu căng và nghĩ rằng mình tốt hơn những người khác"

mọi kẻ kiêu căng

những người nói và hành động như thể họ tốt hơn những người khác

chúng sẽ bị hạ xuống

"và những ai kiêu ngạo sẽ bị hạ xuống." Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ hạ thấp chúng"

chống lại mọi cây bá hương của Li-ban ... mọi cây sồi của Ba-san

"Ngày mà Đức Giê-hô-va đã định" sẽ chống lại những cây bá hương và cây sồi. Những nghĩa có thể là 1) những cây này là phép ẩn dụ cho những người kiêu ngạo mà Đức Chúa Trời sẽ phán xét hay 2) Đức Chúa Trời sẽ thật sự hủy diệt những cây cối hùng vĩ.

Isaiah 2:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ. Ông tiếp tục mô tả về những điều sẽ xảy ra vào ngày của Đức Giê-hô-va (ISA02:12

cũng chống lại

Trong 2:14-16 Ê-sai đã liệt kể những thứ mà Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt. Những nghĩa có thể là 1) Những thứ này tượng trưng cho những người kiêu ngạo mà Đức Chúa Trời sẽ hạ thấp họ hay 2) Đức Chúa Trời sẽ thật sự hủy diệt những thứ trong danh sách này.

các núi ... mọi đồi

Những từ này là ẩn dụ cho sự kiêu ngạo của dân Y-sơ-ra-ên. Chúng cũng có trong ISA02:01

cao

"rất cao"

tháp cao ... tường thành kiên cố

Những điều này tượng trưng cho những thứ mà người ta xây quanh thành để họ có thể phòng thủ và chống lại kẻ thù. Chúng là phép ẩn dụ cho dân Y-sơ-ra-ên và niềm tin rằng họ không cần đến Đức Giê-hô-va và có thể đứng vững chống lại bất cứ sự trừng phạt nào mà Đức Giê-hô-va dành cho họ vì cớ tội lỗi của họ.

tường thành kiên cố

"tường thành mà không gì có thể đánh sập hay đi ngang qua"

mọi tàu bè của Ta-rê-si ... tất cả tàu thuyền sang trọng

Ở đây nói đến những tàu thuyền lớn mà người ta dùng để đi ra khơi xa trên biển và mang về những hàng hóa vào thành.

mọi tàu bè của Ta-rê-si

"mọi tàu bè mà họ đi Ta-rê-si"

Isaiah 2:17

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ. Ông tiếp tục mô tả về những điều sẽ xảy ra vào Ngày của Đức Giê-hô-va (ISA02:12

Tính kiêu căng của loài người sẽ bị khuất phục

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài sẽ hạ xuống những người kiêu ngạo" hay "Ngài sẽ làm hổ thẹn những người kiêu ngạo"

sự ngạo mạn của con người sẽ bị hạ xuống

Danh từ trừu tượng "sự ngạo mạn" có thể được dịch như một tính từ. Tương tự câu: "những người ngạo mạn sẽ không còn kiêu căng nữa"

Chỉ một mình Đức Giê-hô-va được tôn cao

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "mọi người sẽ ngợi khen chỉ một mình Đức Giê-hô-va"

Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA02:09

Các tượng thần đều sẽ biến mất hoàn toàn

"Tất cả mọi tượng thần sẽ biến mất" (UDB) hay "Nơi đây sẽ không còn những tượng thần"

Người ta sẽ chui ... để tránh sự kinh khiếp

"Người ta sẽ đi ... để trốn khỏi sự kinh khiếp"

các hang đá

"các hang động trong những tảng đá." Đây là những tảng đá lớn, không phải là những hòn đá nhỏ mà có thể được cầm trên tay.

tránh sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va, và sự chói sáng của uy nghiêm Ngài

Hãy xem cách câu này được dịch trong ISA02:09

tránh sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va

bởi vì họ rất sợ hãi Đức Giê-hô-va

sự chói sáng của uy nghiêm Ngài

"vẻ đẹp của Ngài giống như một vị vua"

khi Ngài đứng lên làm cho đất rúng động

"khi Đức Giê-hô-va hành động và khiến cho mọi người trên đất đều kinh sợ Ngài"

Isaiah 2:20

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ. Ông tiếp tục mô tả về những điều sẽ xảy ra vào Ngày của Đức Giê-hô-va (ISA02:12

cho chuột, cho dơi

Chuột chũi là loài động vật nhỏ đào đất và sống trong đó. Dơi là loài động vật nhỏ bay được và đôi khi sống trong các

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hang động. Tương tự câu: "cho các loài vật"

các hang đá ... khe đá cheo leo

Nếu ngôn ngữ của bạn không có hai từ khác nhau để chỉ về "hang đá" và "khe đá", là phần không gian xuất hiện giữa hai phần của tảng đá khi nó tách ra, bạn có thể nối hai cụm từ này thành một.

khỏi sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va

bởi vì họ rất sợ hãi Đức Giê-hô-va. Hãy dịch như trong ISA2:17

sự chói sáng của uy nghiêm Ngài

"vẻ đẹp và uy quyền vĩ đại của Ngài như một vị vua" hay "sự chói sáng huy hoàng của Ngài." Hãy dịch như trong ISA02:09

khi Ngài đứng lên làm cho đất rúng động

"khi Đức Giê-hô-va hành động và khiến cho mọi người trên đất đều kinh hãi Ngài." Hãy dịch như trong ISA02:17

là loài có hơi thở trong lỗ mũi

hơi thở trong lỗ mũi** - Mũi thì yếu ớt và lỗ mũi thì không đẹp, vì vậy mũi là phép ẩn dụ cho loài người, là những con người yếu kém. Tương tự câu: "những người yếu kém và sẽ chết" hay "những người cần đến hơi thở trong mũi để sống"

lỗ mũi

Những lỗ trong mũi mà qua đó người ta có thể thở được

vì họ nào có đáng giá gì đâu?

Ê-sai dùng một câu hỏi để nhắc dân sự về điều mà họ nên biết. Tương tự câu: "vì loài người chẳng đáng giá chi cả!" hay "vì loài người không đáng chí cả!"

Translation Questions

Isaiah 2:1

Điều mà Ê-sai đã thấy trong sự lo lắng là gì?

Ê-sai thấy về Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.

Isaiah 2:2

Trong những ngày cuối cùng thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Trong những ngày cuối cùng thì núi của Đức Giê-hô-va sẽ được vững lập.

Ai sẽ đổ về nhà Đức Giê-hô-va?

Mọi quốc gia sẽ đổ về đó.

Isaiah 2:3

Tại sao nhiều người lên núi của Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ được dạy dỗ về một số đường lối của Đức Giê-hô-va.

Isaiah 2:4

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì giữa các quốc gia và nhiều dân tộc?

Đức Giê-hô-va sẽ phán xét và phân xử.

Isaiah 2:5

Nhà Gia-cốp sẽ làm gì?

Họ sẽ bước đi trong ánh sáng của Đức Giê-hô-va.

Isaiah 2:6

Đức Giê-hô-va đã làm gì?

Ngài đã từ bỏ dân của Ngài là nhà Gia-cốp.

Isaiah 2:10

Tại sao nhà Gia-cốp lại vào trong tảng đá và ẩn mình trong bụi đất?

Họ phải tránh khỏi sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va và sự chói sáng của uy nghiêm Ngài.

Isaiah 2:11

Điều gì sẽ xảy ra với sự ngạo mạng và sự kiêu căng của con người?

Chúng nó sẽ bị khuất phục và hạ xuống.

Isaiah 2:18

Điều gì sẽ xảy ra với các thần tượng?

Chúng sẽ bị biến mất hoàn toàn.

Isaiah 2:19

Người ta sẽ đi đâu vào ngày đó?

Họ sẽ chui vào các hang đá và trong các hầm dưới đất.

Isaiah 2:22

Nhà Gia-cốp nói đừng trông cậy vào ai?

Họ nói đừng trông cậy vào nơi con người.

Chapter 3

Isaiah 3:1

Nầy

Từ "này" ở đây để nhấn mạnh thêm về những điều sau đó. Nó có thể được dịch như "Hãy nghe" hay "Quả thật."

nguồn cung cấp và nơi nương cậy

Cả hai cụm từ này đều hàm ý nói đến một cây gậy đi bộ mà người ta dựa vào đó để đi. Ý tưởng này tượng trưng cho những thứ mà con người cần có để sống: như thức ăn và nước. Tương tự câu: "mọi thứ cung ứng cho các ngươi" hay "mọi thứ mà các ngươi phụ thuộc vào"

những anh hùng và chiến sĩ

Đây là phần mở đầu của một danh sách của những hạng người mà những người khác phải phụ thuộc vào. Vì chúng không hàm ý nói đến những cá nhân nào, nên chúng có thể được dịch ở dạng danh từ số nhiều, Tương tự câu: "những anh hùng, những chiến sĩ"

thầy bói

Hãy xem cách câu này được dịch trong ISA02:05

chỉ huy trưởng năm mươi quân

Câu này nói đến một vị chỉ huy phụ trách năm mươi chiến binh. Nó có thể được dịch bằng một thuật ngữ chung hơn. Tương tự câu: "quan chỉ huy quân đội" hay "lãnh đạo quân sự"

năm mươi

"50"

Isaiah 3:4

Ta sẽ cho những cậu bé

Từ "Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va. Ở đây có thể được tuyên bố cách rõ ràng. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va phán, "Ta sẽ cho những cậu bé làm lãnh đạo của họ"

Ta sẽ cho những cậu bé chỉ huy họ, và lũ trẻ con sẽ cai trị họ

Những cụm từ này có ý nghĩa cơ bản giống nhau. Các nghĩa có thể đó là 1) "Ta sẽ cho những người trẻ làm lãnh đạo họ và những người trẻ đó sẽ cai trị trên họ" hay 2) "những cậu bé" là phép ẩn dụ cho những người đơn sơ và khờ khạo. Tương tự câu: "Ta sẽ đặt trên họ những lãnh đạo non nớt, như những cậu bé, và những lãnh đạo thấp hèn đó sẽ cai trị trên họ"

Dân chúng lấn lướt nhau, giữa người nầy với người kia, người lân cận với người lân cận

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta sẽ tàn ác với những người khác và sẽ ngược đãi với người lân cận mình"

người hèn hạ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"người không được tôn trọng" hay "người mà không ai tôn trọng"

người tôn trọng

"người được kính trọng" hay "người được mọi người kính trọng"

Isaiah 3:6

và đống đổ nát nầy sẽ ở dưới quyền của anh

Từ "quyền" ở đây tượng trưng cho quyền lực. Tương tự câu: "hãy cai quản đống đổ nát nầy" hay "hãy cai trị đống đổ nát nầy"

đống đổ nát nầy

Những nghĩa có thể là 1) phần nhiều hay hầu hết những công trình xây dựng trong thành Giê-ru-sa-lem đã bị hủy phá hay 2) dân Giê-ru-sa-lem không còn thịnh vượng hay còn có khả năng lãnh đạo nữa. Tương tự câu: "thành này, bầy giờ đã đổ nát"

Tôi sẽ không cai trị đâu

Giải quyết những nan đề của dân sự được nói đến như thể là đang cai trị họ. Tương tự câu: "Không, Tôi không thể sửa lại được nan đề này" hay "Không, Tôi không thể giúp các anh được" (UDB)

Isaiah 3:8

Câu Kết Nối:

Nhà tiên tri bắt đầu dẫn giải về tình cảnh này.

Giê-ru-sa-lem phải nghiêng ngã, và Giu-đa phải sụp đổ

Không vâng theo Đức Chúa Trời được nói đến như thể nó bị nghiêng ngã và sụp đỗ.

sự hiện diện vinh quang của Ngài

Ở đây "sự hiện diện" tượng trưng cho chính Đức Chúa Trời, là Đấng vinh hiển.

Bộ mặt họ làm chứng chống lại họ

Biểu hiện kiêu căng trên mặt một người được nói như đó là biểu hiện của những người có thể làm chứng chống nghịch lại những người kiêu ngạo. Tương tự câu: "Vẻ mặt đầy kiêu ngạo của họ đã tỏ ra rằng họ chống nghịch lại Đức Giê-hô-va"

họ tuyên bố tội lỗi mình như thành Sô-đôm, chẳng giấu giếm gì cả

Ở đây dân Giu-đa được nói đến như dân thành Sô-đôm, bởi vì họ tỏ rõ sự khoe khoang về tội lỗi họ. Tương tự câu: "giống như dân thành Sô-đôm, họ nói về tội lỗi mình và tỏ cho người khác biết về chúng"

Vì họ đã làm hại chính mình

Tai họa vẫn đang đến, nhưng dân chúng đã làm xong những điều khiến cho nó đến. Nguyên nhân của những tai họa được nói đến ở đây như thể chính chúng là tai họa. Tương tự câu: "Vì họ đã làm mọi thứ gây nên những tai họa xảy ra"

Isaiah 3:10

Hãy nói với người công chính rằng phước cho họ

"Hãy nói với những ai làm điều công bình rằng Ta sẽ khiến cho những điều tốt ở trên họ"

người công chính

Ở đây nhắc đến những người công bình nói chung. Tương tự câu: "những người công bình"

vì họ sẽ hưởng kết quả của việc mình làm

Những việc làm được nói đến như thể chúng là những cái cây cho trái ăn được. Kết quả tượng trưng cho phần thưởng của những việc làm tốt. Tương tự câu: "vì họ sẽ nhận được phần thưởng vì cớ những điều tốt họ làm"

họ sẽ hưởng ... kết quả của việc mình làm

Bản Hê-bơ-rơ có những đại từ số nhiều ở đây, nhưng chúng có ý nói đến bất cứ người công bình nào. Những dịch giả có thể chọn dịch chúng như những mạo từ số ít: "người ấy sẽ hưởng ... kết quả của việc mình làm."

vì nó sẽ chuốc lấy hậu quả do tay mình gây ra

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho những hành động mà một người đã làm. Tương tự câu: "vì những việc mà người xấu đã làm với người khác sẽ đổ trên họ"

Dân ta ... Dân ta

Những nghĩa có thể là 1) Ê-sai đang nói và "Ta" tức là Ê-sai, hay 2) Đức Giê-hô-va đang nói và "Ta" tức là Đức Giê-hô-va.

dân ta bị trẻ con ức hiếp

Những nghĩa có thể là 1) "trẻ con đã trở thành lãnh đạo của họ và chúng chống nghịch lại dân sự" hay 2) "những lãnh đạo của họ còn non nớt như những đứa trẻ và chống nghịch lại dân sự."

đàn bà cai trị họ

Những nghĩa có thể là 1) "những người nữ cai trị trên họ" hay 2) "những lãnh đạo của họ yếu đuối như đàn bà."

kẻ dẫn đường ngươi làm cho ngươi lạc hướng, họ làm rối loạn đường lối ngươi

Thông thường ở vùng Trung Đông Cổ Đại nói đến những nhà lãnh đạo đất nước như thể họ là những người chăn. Vì người chăn dẫn chiên đi theo con đường tốt để được an toàn, những người lãnh đạo nên dạy dân sự chân lý và giúp họ làm những điều công chính. Những nhà lãnh đạo Giu-đa đã không làm điều này. Tương tự câu: 'lãnh đạo của các ngươi giống như một người chăn tồi đã dẫn các ngươi ra khỏi con đường tốt và không chỉ cho người nơi để đi"

Isaiah 3:13

Đức Giê-hô-va đứng lên biện luận, Ngài đứng mà xét xử các dân tộc

Ê-sai nói về quyết định của Đức Giê-hô-va rằng Ngài sẽ hình phạt dân sự giống như Đức Giê-hô-va đang mang đến một sự định tội theo luật pháp tại phòng tòa án để chống nghịch lại dân Y-sơ-ra-ên. Phần thứ hai của câu này có cùng một ý nghĩa như phần đầu, nhưng nó được nói cách trọn vẹn hơn. Tương tự câu: "Dường như Đức Giê-hô-va đã đứng tại phòng tòa án và sẵn sàng để định tội dân sự"

đến phán xét

Phán xét được nói đến như thể đó là một vật có thể mang đến cho người khác. Tương tự câu: "sẽ công bố sự phán xét của Ngài" hay "sẽ tuyên bố sự phán xét của Ngài"

Chính các ngươi là kẻ đã ăn nuốt vườn nho

Từ "các ngươi" ở đây nói đến các trưởng lão và người cai trị. Đức Giê-hô-va đang nói về dân sự của Ngài như thể họ là một vườn nho. Giống như ai đó đã không còn quan tâm chăm sóc vườn nho để những nhánh nho không còn ra trái nữa, các trưởng lão và người lãnh đạo đã làm ngã lòng dân Y-sơ-ra-ên trong việc phục vụ Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "dân ta giống như một vườn nho, và ngươi đã phá hủy nó"

của cướp bóc người nghèo

"những thứ mà ngươi đã lấy từ người nghèo"

Sao các ngươi dám chà đạp dân Ta, giày vò mặt mày người nghèo khó?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để kết tội những người lãnh đạo của dân sự. Lời buộc tội này có thể thể được thể hiện như một lời tuyên bó. Tương tự câu: "Ta tức giận với các người là những con người gian ác bởi vì các người đã chà đạp dân Ta và giày vò mặt mày người nghèo khó!"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dám chà đạp dân Ta
Làm cho dân sự đau khổ được kể đến như thể là nghiền nát họ với một trọng lượng rất nặng. Tương tự câu: "hãm hại dân Ta cách tàn ác"
giày vò mặt mày
Làm cho dân sự đau khổ được kể đến như thể là giẫm đạp mặt họ trên đất. Tương tự câu: "hãm hại những người nghèo khổ cách tàn độc và khiến họ đau khổ"
Isaiah 3:16
ngẩng cao cổ
Ở đây có nghĩa là một cách rất kiêu căng.
liếc mắt đưa tình
Từ "mắt" ở đây ngụ ý nói đến cách mà người nữ nhìn những người nam. Tương tự câu: "cố ý gây ấn tượng những người nam bằng cách nhìn họ"
vừa đi õng ẹo
"bước đi những bước rất nhỏ"
vừa khua kiềng dưới chân
"để những chiếc vòng ở mắt cá chân họ kêu leng keng " hay "để những cái chuông ở mắt cá chân họ phát ra tiếng"
con gái Si-ôn
Si-ôn, ở đây có nghĩa là thành Giê-ru-sa-lem, được nói đến như thể đó là một người nữ với nhưng con gái của cô ấy. Tương tự câu: "người nữ Si-ôn"
Isaiah 3:18
Thông Tin Chung:
Ở đây tiếp tục diễn tả làm thể nào Đức Giê-hô-va sẽ phán xét người nữ Giê-ru-sa-lem.
Chúa sẽ lấy đi
Từ "lấy đi" ở đây tượng trưng cho việc khiến cho những người khác phải bỏ đi thứ gì đó. Tương tự câu: "Chúa sẽ khiến cho họ phải bỏ đi"
đồ trang sức như kiềng dưới chân
một vật trang sức mà người nữ mang chỗ mắt cá chân, ở phía trên bàn chân
lưới trùm đầu
một vật trang sức mà người nữ mang trên đầu và tóc
lược cài tóc
đồ trang sức hình mặt trăng mà người ta mang với niềm tin rằng họ sẽ bảo vệ được mình khỏi tai họa
hoa tai
đồ nữ trang đeo trên tai hay qua tai
xuyến
một vật trang sức mà người nữ mang trên cánh tay gần đôi tay
mạng che mặt
Một vật rất mỏng dùng để che đầu và mặt của người nữ
mão
miếng vải dài và mỏng và người nữ buộc quanh đầu hay tóc
dây chuyền mắt cá
một vật trang sức mà người nữ mang gần bàn chân. Những dây chuyền này thường treo rũ xuống để gây ra tiếng kêu nhẹ.
thắt lưng
một miếng vải mà người ta mang quanh thắt lưng hay qua ngực
hộp hương liệu
một chiếc hộp hay một cái bao nhỏ chứa hương liệu mà người nữ mang trên dây chuyền hay những dây chuỗi quanh cổ họ để họ cảm thấy dễ chịu
bùa hộ mạng
nữ trang mà người ta mang với niềm tin rằng nó sẽ mang lại may mắn
Isaiah 3:21
nhẫn
một thứ trang sức được mang quanh ngón tay
vòng đeo mũi
một vật trang sức được mang phía trong hay xuyên qua mũi
áo lễ
một cái áo ngoài dài và rộng với những trang sức được mang qua những bộ quần áo khác để người ta có thể thấy được
áo lá rộng
Một cái áo được choàng qua vai ở phía bên ngoài của những bộ quần áo
áo choàng
Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA03:18
túi xách tay
một túi xách được dùng để mang những đồ vật nhỏ
gương soi
một bề mặt nhỏ, được cầm trên tay và để soi gương
quần áo lót làm bằng vải gai
một bộ áo mềm được người giàu mặc
băng cột tóc
một miếng vải hay một cái nón nhỏ được mang qua tóc
khăn trùm đầu
một miếng vải trang trí mà người nữ trùm quanh đầu để làm đẹp
Isaiah 3:24
thắt lưng
một mảnh vải mà người ta dùng để mang quanh thắt lưng hay qua ngực. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA03:18
dây thừng
Ở đây nói đến dây thừng mà những kẻ thù sẽ cột dân Giu-đa khi chúng bắt họ. Hoặc nó còn có thể có nghĩa là những người nữ Giê-ru-sa-lem sẽ chẳng có gì để mang nhưng thay vào đó là những bộ quần áo thô ráp bị buộc chặt bằng dây thừng.
tóc quăn, đầu hói
tóc quăn, đầu hói** - "tóc đẹp, đầu của họ sẽ bị hói"
Những người nam của ngươi sẽ gục ngã vì gươm, những dũng sĩ của ngươi sẽ bị tử trận
Gục ngã có nghĩa là bị giết chết, và gươm tượng trưng cho trận chiến. Tương tự câu: "những người nam của ngươi sẽ bị giết trong chiến trận, và những dũng sĩ của ngươi sẽ bị tử trận" hay "Các kẻ thù sẽ giết chết những chiến sĩ trong trận chiến"
Các cổng Giê-ru-sa-lem sẽ than khóc và thảm sầu
Ê-sai nói về các cổng thành sẽ than khóc như thể chúng là con người, như là một phép hoán dụ cho những người sẽ than khóc tại nơi công cộng gần các cổng. Tương tự câu: "Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ngồi tại các cổng thành và than khóc, sầu thảm"
nó sẽ ngồi trên đất hoang vu
Ê-sai nói với những người dân Giê-ru-sa-lem, là sẽ không ai

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

được cứu khỏi kẻ thù của họ, như thể họ chính là thành trì và như thể họ là một phụ nữ đang ngồi trên đất bởi vì tất cả những người bạn của cô ấy đã rời bỏ cô.

Translation Questions

Isaiah 3:1

Đức Giê-hô-va sẽ lấy điều gì khỏi Giê-ru-sa-lem và Giu-đa?

Đức Giê-hô-va sẽ cất nguồn cung cấp và nơi nương cậy khỏi họ.

Isaiah 3:4

Ai sẽ cai trị Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?

Những cậu bé và lũ trẻ con sẽ cai trị họ.

Isaiah 3:5

Ai sẽ lấn lướt người dân?

Người dân sẽ bị người khác và người lân cận mình lất lướt.

Isaiah 3:8

Tại sao Giê-ru-sa-lem phải nghiêng ngã và Giu-đa phải sụp đổ?

Giê-ru-sa-lem phải nghiêng ngã và Giu-đa phải sụp đổ vì lời nói và việc làm của họ đều chống lại Đức Giê-hô-va.

Isaiah 3:9

Điều gì đã chống lại Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?

Bộ mặt họ làm chứng chống lại họ.

Isaiah 3:10

Điều gì sẽ xảy ra với người công bình?

Họ sẽ hưởng được kết quả của việc mình làm.

Isaiah 3:11

Điều gì sẽ xảy ra với kẻ ác?

Nó sẽ chuốc lấy hậu quả do tay mình gây ra.

Isaiah 3:12

Những người cai trị của họ sẽ dẫn họ đến đâu?

Những người cai trị của họ sẽ dẫn họ đi lạc đường và làm rối loạn đường lối ngươi.

Isaiah 3:14

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho các trưởng lão và các lãnh tụ của dân Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ phán xét họ.

Isaiah 3:17

Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ làm gì cho con gái Si-ôn?

Đức Giê-hô-va sẽ làm cho da đầu chúng đóng vảy và khiến chúng bị hói.

Isaiah 3:25

Điều gì sẽ xảy ra cho những người nam?

Những người nam sẽ gục ngã vì gươm.

Chapter 4

Isaiah 4:1

chỉ xin cho phép chúng em được mang tên chàng

Cụm từ này có nghĩa là "Xin hãy để chúng em được cưới chàng."

chồi của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "chồi" nói đến cái gì đó mới mọc lên. Sự diễn đạt này 1) có thể là nói đến những cây trồng nông nghiệp, nhưng 2) một vài người hiểu rằng từ này nói đến Đấng Mê-si trong tương lai.

sẽ đẹp đẽ và vinh quang

"sẽ đầy sự đẹp đẽ và vinh quang"

hoa quả của đất là niềm hãnh diện và vinh dự của những người Y-sơ-ra-ên còn sống sót

"Hoa quả" đôi khi đơn giản là nói đến các loại thức ăn được sản sinh tại xứ sở, và đôi khi nó tượng trưng cho những ơn phước thuộc linh. Các nghĩa có thể là 1) Đức Chúa Trời sẽ lại khiến cho vùng đất sản sinh ra những thức ăn tốt lành. Tương tự câu: "Những người vẫn còn sót lại ở Y-sơ-ra-ên sẽ được hưởng những thức ăn tốt nhất từ vùng đất này" hoặc là 2) Đấng Mê-si trong tương lai sẽ ban những ơn phước thuộc linh cho dân sự trong xứ.

Isaiah 4:3

Những người còn lại ở Si-ôn, những người còn sót lại ở Giê-ru-sa-lem

Phân đoạn này bao gồm tất cả những ai còn sống sót tại Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "mọi người còn sót lại ở Giê-ru-sa-lem"

sẽ được gọi là thánh

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương Tự Câu: "Chúa sẽ gọi họ là thánh" hay "sẽ thuộc về Chúa"

Tất cả được ghi vào sổ những người sống tại Giê-ru-sa-lem

"Tên của mọi người được ghi vào danh sách những người dân đang sống tại Giê-ru-sa-lem"

khi Chúa tẩy rửa sự ô uế của các con gái Si-ôn

Sự diễn đạt này nói về tội lỗi như thể đó là những bùn nhơ thuộc thể. Tương tự câu: "sau khi Chúa tẩy rửa tội lỗi của các con gái Si-ôn như ai đó rửa sạch bụi bẩn"

các con gái của Si-ôn

Các nghĩa có thể là 1) những người nữ Giê-ru-sa-lem hay là 2) dân Giê-ru-sa-lem.

Và tẩy sạch máu của Giê-ru-sa-lem khỏi giữa nó

"Máu" ở đây tượng trưng cho bạo lực và giết chóc. Tương tự câu: "và sẽ cất đi những kẻ hãm hại người dân vô tội ở Giê-ru-sa-lem"

dùng thần công lý và thần thiêu đốt

Đây là cách Đức Chúa Trời sẽ loại bỏ tội lỗi khỏi Giê-ru-sa-lem. Ở đây "thần" có thể là tượng trưng cho hành động phán xét và thiêu đốt.

dùng thần công lý

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "công lý" được diễn đạt như động từ "phán xét." Tương tự câu: "bằng cách phán xét dân sự"

công lý

Các nghĩa có thể đó là 1) Sự đoán phạt hay là 2) tuyên án có tội.

thần thiêu đốt

Câu này có thể diễn đạt sự phá hủy bằng cách thiêu đốt. Tương tự câu: "bằng cách thiêu đốt chúng bằng lửa" hoặc là "trừng phạt họ thật nặng như thể bị thiêu đốt bằng lửa" hay "bằng cách hủy diệt thành bằng lửa"

Isaiah 4:5

một cái vòm che trên mọi vinh quang

Các nghĩa có thể là 1) một mái vòm để giữ gìn sự vinh quang của thành, hay là 2) một mái vòm có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ thành. Nếu như theo nghĩa đầu tiên thì nghĩa sâu hơn đó là thành được vinh hiển bởi vì Đức Giê-hô-va ngự ở trong.

cái vòm che

Đây là một miếng vải được treo trùm lên vật gì đó bao phủ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nó để bảo vệ.

Translation Questions

Isaiah 4:1

Tại sao bảy người nữ sẽ nắm chặt một người nam?

Họ muốn được mang tên người nam đó và cất đi nỗi hổ nhục của họ.

Isaiah 4:3

Những người còn sót lại ở Si-ôn và Giê-ru-sa-lem sẽ được gọi là gì?

Những người còn sót lại ở Si-ôn và Giê-ru-sa-lem sẽ được gọi là thánh.

Isaiah 4:4

Đức Chúa Trời sẽ làm gì khi dùng thần công lú và thần thiêu đốt?

Đức Chúa Trời sẽ tẩy rửa ô uế của các con gái Si-ôn và tẩy sạch máu của Giê-ru-sa-lem khỏi giữa họ.

Isaiah 4:5

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trên khắp núi Si-ôn và trên hội chúng?

Ngài sẽ tạo ra một đám mây vào ban ngày, khói và lửa rực vào ban đêm, và có một cái vòm che trên mọi vinh quang.

Chapter 5

Isaiah 5:1

Thông Tin Chung:

Ê-sai kể một câu chuyện dụ ngôn về một người nông dân và vườn nho của ông. Người nông dân tượng trưng cho Đức Chúa Trời còn vườn nho tượng trưng cho dân Giu-đa, vương quốc phía nam của Y-sơ-ra-ên.

người yêu dấu của tôi

"người bạn thân yêu của tôi"

trên một ngọn đồi mầu mỡ

"trên một ngọn đồi nơi có thể trồng được những vụ mùa bội thu"

Người đào xới đất

Sự diễn đạt này nói đến việc sử dụng một công cụ để đào xới đất để chuẩn bị trồng trọt. Tương tự câu: "Người đã chuẩn bị đất trồng"

Người dựng một tháp canh giữa vườn

"Ông xây dựng một cái tháp cao ở giữa vườn nho để trông chừng." Người ta sẽ đứng trên đỉnh tháp để trông vườn nho và đảm bảo rằng không có thú vật hay người nào có thể đi vào vườn."

đào một hầm ép rượu nho

Hầm ép rượu nho là một nơi thấp được đục đá dưới đất, nơi đó những người thợ sẽ dẫm đạp lên nho để nghiền nát chúng bằng chân, nhằm lấy được nước nho ép. Tương tự câu: "đào một cái hầm để ép lấy nước nho"

trái nho hoang

"nho không có giá trị" hay "nho có vị không ngon"

Isaiah 5:3

Thông Tin Chung:

Trong câu truyện dụ ngôn của Ê-sai về vườn nho, chủ vườn nho là hình bóng của Đức Chúa Trời, nói đến dân Giê-ru-sa-lem và dân Giu-đa về vườn nho của Ngài.

Dân cư của Giê-ru-sa-lem và người Giu-đa

Những sự diễn đạt này nói chung đến tất cả mọi người đang sống ở Giê-ru-sa-lem và Giu-đa, vậy nên những từ này được dịch ở số nhiều. Tương tự câu: "tất cả các ngươi là những kẻ đang sống tại Giê-ru-sa-lem và Giu-đa"

Giê-ru-sa-lem ... Giu-đa

"Giu-đa" là tên của vương quốc phía Nam Y-sơ-ra-ên, và Giê-ru-sa-lem là thủ đô.

hãy phân xử giữa Ta với vườn nho của Ta

Ý nghĩ về một khoảng cách phân chia ra làm hai được dùng để mô tả ý nghĩ về việc chọn điều này hay điều kia. Tương tự câu: "quyết định xem ai đã hành động đúng, Ta hay vườn nho của Ta"

Có điều gì cần làm cho vườn nho của Ta, mà Ta không làm cho nó chăng?

Người chủ sử dụng câu hỏi này để nói về vườn nho của mình. Tương tự câu: "Ta đã làm mọi điều có thể cho vườn nho của Ta!"

Tại sao Ta mong nó sinh trái nho tốt, mà nó lại sinh trái nho hoang?

Người chủ sử dụng một câu hỏi để nói rằng vườn nho của ông phải sinh ra những trái nho tốt. Tương tự câu: "Ta muốn nó sinh trái tốt, nhưng nó chỉ sinh ra những trái nho đáng vứt đi."

Isaiah 5:5

Thông Tin Chung:

Trong dụ ngôn của Ê-sai, chủ vườn nho tiếp tục kể chuyện về vườn nho của ông.

phá rào

Một hàng rào là một hàng những cây bụi hoặc cây nhỏ được trồng để bảo vệ một khu vườn hoặc một khu vực nào đó. Ở đây "rào" có thể là nói đến những cây bụi gai được trồng trên những tường đá xung quanh vườn nho. Tương tự câu: "nhổ bỏ những cây bụi"

Để nó bị cắn nuốt

Đây là một đồng cỏ là nơi mà thú vật ăn cỏ. Tương tự câu: "Ta sẽ để cho thú vật đến đó và ăn"

để nó bị giày đạp

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "thú vật sẽ giày đạp nó"

Ta sẽ khiến nó trở nên hoang tàn

"Ta sẽ phá hủy nó"

không được tỉa sửa cũng không được vun xới

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Sẽ chẳng có ai tỉa sửa hay vun xới cho nó" hoặc là "Chẳng có ai sẽ cắt đi những nhánh không cần thiết, và chẳng có ai chăm sóc đất trồng nữa"

gai góc và bụi rậm mọc lên um tùm

Gai góc và bụi rậm thường được sử dụng như những biểu tượng của các thành và vùng đất bị hoang tàn.

Isaiah 5:7

Thông Tin Chung:

Ê-sai giải thích chuyện dụ ngôn về vườn nho.

Vườn nho của Đức Giê-hô-va vạn quân chính là nhà Y-sơ-ra-ên

"Vì vườn nho của Đức Giê-hô-va vạn quân tượng trưng cho nhà Y-sơ-ra-ên" hay là "Dân Y-sơ-ra-ên giống như vườn nho của Đức Giê-hô-va vạn quân"

nhà Y-sơ-ra-ên

Những quốc gia và các dân tộc thường được nói đến trong Kinh Thánh như thể đó là nhà, là những dòng tộc. Tương tự câu: "dân tộc Y-sơ-ra-ên"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

còn người Giu-đa là những cây trồng mà Ngài vui thích
"người Giu-đa giống như một vườn nho khiến cho người ta vui thích"
người Giu-đa
Từ "người" ở đây tượng trưng cho tất cả người dân Giu-đa. Tương tự câu: "dân Giu-đa"
Ngài mong thấy công lý, mà chỉ thấy sự phạm pháp
Ở đây có thể được diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "công lý" và "sự phạm pháp" được thể hiện rõ như các động từ "làm điều công bình" và "sát hại người khác". Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã trông chờ dân sự làm điều công bình, nhưng họ lại giết hại người khác"
sự công chính
Cụm từ "Ngài mong" bị lược bỏ nhưng được hiểu ở tại đây. Tương tự câu: "Ngài đã mong sự công chính" hay " Ngài đã mong họ làm điều công chính"
mà chỉ có tiếng kêu la
"mà chỉ có tiếng kêu la cầu xin sự cứu giúp." Lý do người ta kêu la để nài xin sự cứu giúp có thể được nói đến rất rõ ràng. Tương tự câu: "mà những người yếu đuối đã kêu la để nài xin sự cứu giúp bởi vì người khác đang hại họ" .
tiếng kêu la
Sự diễn đạt này có thể tượng trưng cho nhiều tiếng kêu la.
Isaiah 5:8
Thông Tin Chung:
Ê-sai tuyên bố sự phán xét của Đức Chúa Trời.
cho những kẻ thêm nhà vào nhà, thêm ruộng vào ruộng
"cho những kẻ lấy thêm nhà vào nhà, cả những kẻ lấy thêm ruộng vào ruộng"
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy xem cách bạn đã dịch trong ISA01:09
không có người ở
"không có ai sống ở đó"
mười mẫu vườn nho
mẫu vườn nho** - Kích cỡ vườn nho được tượng trưng số đôi bò có thể cày trong một ngày. Mỗi đôi bò tương đương với một mẫu . Tương tự câu: "một vườn nho rộng dủ cho mười đôi bò cày trên đó"
một bát rượu
"một bát rượu" hay "22 lít rượu"
một ô-me hột giống chỉ được một ê-pha
"220 lít hột giống chỉ sản xuất được 22 lít lúa." Một ô-me tương đương với mười ê-pha.
Isaiah 5:11
cho kẻ dậy sớm ... nấn ná mãi đến chiều tối
Ở đây nói đến những người chẳng làm gì nhưng lại uổng rượu suốt ngày.
để rượu nung đốt họ
Sức mạnh của rượu ở đây khiến cho những người uống nó được nói đến như thể nó đang nung đốt họ, như đặt họ ở trên lửa. Tương tự câu: "cho đến khi họ say khước bởi rượu"
có đàn hạc, đàn lia, trống nhỏ, sáo và rượu
Những loại nhạc cụ và rượu ngụ ý rằng họ đang vui hưởng những kỳ lễ rất nhiều.
trống nhỏ
Một loại nhạc cụ có một đầu giống như trống mà có thể đập bằng tay. Nó có thể có những mảnh kim loại ở chung quanh để kêu vang lên khi người chơi lắc nó. Cái trống đủ nhỏ để người chơi có thể cầm và lắc nó bằng một tay.
nhìn xem
"suy nghĩ cách nghiêm túc về"
việc tay Ngài làm
Ở đây có thể được diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "việc làm" được thể hiện như động từ "đã làm" hay "đã làm nên." Tương tự câu: "điều Ngài đã làm" hay "điều Ngài đã làm nên"
việc tay Ngài làm
Từ "tay" tượng trưng cho người đã làm những điều này. Tương tự câu: "điều mà Đức Giê-hô-va đã làm"
Isaiah 5:13
Thông Tin Chung:
Những câu này nói về điều sẽ xảy ra với dân sự bởi vì họ đã bất tuân Đức Chúa Trời.
dân Ta phải bị lưu đày
Những điều tiên tri này sẽ xảy ra thường xuyên trong tương lai, được nói đến như thể nó đã xảy ra rồi. Ở đây nhấn mạnh rằng lời tiên tri chắc chắn sẽ xảy ra. Tương tự câu: "Các kẻ thù nghịch từ những quốc gia khác sẽ chiếm lấy dân ta, là Y-sơ-ra-ên, như là nô lệ"
vì thiếu hiểu biết
Điều họ không hiểu biết có thể được nói rất rõ ràng. Tương tự câu: "bởi vì chúng đã không hiểu biết Đức Giê-hô-va hay luật pháp của Ngài"
Âm phủ mở rộng lòng tham muốn của nó và há miệng rộng vô cùng
Cụm từ này nói đến Âm phủ, tượng trưng cho sự chết, như một loài động vật sẵn sàng ăn nuốt những loài động vật khác. Nó ngụ ý rằng nhiều, và nhiều người sẽ chết. Tương tự câu: "sự chết giống như một loài thú đói đang mở ngoác miệng để ăn nuốt nhiều người"
người danh giá và quần chúng, kẻ hay cãi cọ và kẻ say sưa, đều rơi xuống đó
Vị tiên tri nói về tương lai như thể nó đang xảy ra lúc này. Tương tự câu: "Nhiều người Y-sơ-ra-ên, những người quan trọng và những người dân thường, những nhà lãnh đạo và những người vui thú trong tiệc tùng, đều sẽ đi đến Âm phủ"
Isaiah 5:15
Loài người bị khuất phục, con người bị hạ thấp
Những cụm từ này được kết nối với nhau đều có cùng một ý nghĩa và được kết hợp với nhau để nhấn mạnh. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ khiến cho mọi người phải bị khuất phục và bị hạ thấp" Hãy xem cách bạn đã dịch những từ tương tự này trong ISA02:09
Loài người bị khuất phục, con người bị hạ thấp
Những sự kiện trong tương lai được nói đến như thể chúng đã xảy ra rồi.
Loài người bị khuất phục
Bị khuất phục thường thượng trưng cho sự hổ thẹn.
con mắt kẻ ngạo mạn bị hạ xuống
Nhìn xuống thường là dấu hiệu của sự hổ thẹn. Tương tự câu: "con mắt của người kiêu ngạo sẽ phải nhìn xuống cách hổ thẹn" hay "những người kiêu ngạo bay giờ sẽ bị hổ thẹn" Hãy xem cách bạn đã dịch những từ tương tự này trong ISA02:09
kẻ ngạo mạn
Những người kiêu căng, ngạo mạn ở đây được nói đến như thể họ ở trên những người khác. Tương tự câu: "kiêu căng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nhưng Đức Giê-hô-va vạn quân được tôn cao khi phán quyết
Ở đây có thể được trình bảy theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va vạn quân bởi vì Ngài là công bình"
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA01:09
được tôn cao
Sự tôn cao được nói đến như thể là được nâng lên cao. Tương tự câu: "sẽ được tôn cao cách vinh hiển"
những chiên con sẽ ăn cỏ như trong đồng cỏ mình
Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem, nơi được gọi là một "vườn nho" trong ISA05:01
ăn cỏ
ăn cỏ
những người tạm cư sẽ ăn nơi đổ nát của kẻ giàu
Nghĩa là, chiên sẽ ăn cỏ ở đó. Vùng đất sẽ trở nên vô giá trị cho bất cứ ai sử dụng nó.
Isaiah 5:18
Khốn cho kẻ dùng dây dối trá kéo sự gian ác, như dùng cáp kéo xe mà lôi kéo tội lỗi
Những cụm từ này có cùng một ý nghĩa. Chúng nói về những kẻ cứ tiếp tục cố ý phạm tội như thể họ đang dùng tất cả sức mình để kéo một xe kéo nặng theo. Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ vì cớ tội lỗi của họ. Tương tự câu: "Khốn thay cho những kẻ chìm đắm trong tội lỗi như một người đang kéo lê chiếc xe kéo bằng một dây cáp"
họ nói
Ở đây nói đến những con người cứ tiếp tục phạm tội
xin chương trình của Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên được thực thi, được thành tựu
Chương trình của Đức Chúa Trời được nói đến như thể đó là vật gì đó có thể tự đến, tự thực thi. Tương tự câu: "xin Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên hãy làm thành chương trình của Ngài"
Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên
Hãy xem cách bạn đã dịch "Đấng Thánh" trong ISA05:15
Isaiah 5:20
lấy tối làm sáng, lấy sáng làm tối ... lấy đắng làm ngọt, ngọt làm đắng
Những câu này có cùng một ý nghĩa "những kẻ gọi ác là thiện, và thiện là ác." Những điều này trái nghịch với nhau và người ta biết rõ sự khác biệt giữa chúng, nhưng một số người dối trá và nói rằng những điều thiện là ác. Tương tự câu: "Họ là những kẻ gọi tối là sáng và sáng là tối. Họ là những kẻ gọi đắng là ngọt và ngọt là đắng"
cho những kẻ coi mình là khôn ngoan
"coi mình" ở đây tức là suy nghĩ của họ. Tương tự câu: "cho những kẻ tự xem mình là khôn ngoan"
và tự cho mình là thông sáng
"và nghĩ rằng họ hiểu biết mọi việc"
Isaiah 5:22
những kẻ vì nhận hối lộ mà xưng công chính cho kẻ có tội
Phân đoạn này đang nói về sự xét xử bất công trong các tòa án luật pháp.
xưng công chính cho kẻ có tội
"tuyên bố những người có tội là vô tội"
tước đoạt sự công chính của người công chính
"không xử người vô tội cách công chính"
Isaiah 5:24
lưỡi lửa
"ngọn lửa bừng bừng" hay "ngọn lửa"
như lưỡi lửa thiêu nuốt rơm rạ, và cỏ khô tiêu tan trong ngọn lửa
Những cụm từ này cơ bản có cùng một ý nghĩa. Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những kẻ đã được miêu tả trong ISA05:18
rơm rạ
"những thân cây lúa khô." Ở đây nói đến phần của cây bị bỏ lại trên cánh đồng và chết sau khi người nông dân thu hoạch thực phẩm.
gốc rễ của họ sẽ mục nát, và nụ hoa của họ cũng bay đi như tro bụi
Ê-sai nói về những người này như thể họ là một cái cây sắp tàn. Tương tự câu: "chúng sẽ chết như một cái cây mà rễ sẽ bị mục nát cũng như nụ hoa cũng sẽ bị khô đi và bị thổi bay theo gió"
Isaiah 5:25
Đức Giê-hô-va đã nổi cơn thịnh nộ
Ê-sai nói về cơn giận của Đức Giê-hô-va như thể đó là một ngọn lửa. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va rất tức giận"
Ngài giơ tay chống lại họ và đánh phạt họ
Vị tiên tri nói về tương lai như thể nó đã xảy ra rồi. Ông làm vậy để khẳng định rằng lời tiên tri chắc chắn sẽ thành hiện thực. Tương tự câu: "Ngài sẽ trừng phạt họ với cánh tay đầy năng quyền của Ngài"
xác chết
"xác người chết"
xác chết của họ như rác rưởi giữa đường phố
Những xác chết nằm trên những con đường như thể chúng là rác. Ở đây ngụ ý rằng nhiều người sẽ chết nhưng chẳng có ai ở đó để chôn cất họ. Từ "rác rưởi" có thể được dịch như là "đồ bỏ đi" hay "phân bón."
Dù vậy, cơn thịnh nộ Ngài chưa nguôi
"Mặc dầu những điều đó đã xảy ra, Ngài vẫn còn giận dữ"
tay Ngài còn giơ ra
Ê-sai nói như thể Đức Giê-hô-va giống như một người chuẩn bị đánh hại người khác bằng bàn tay mình. Đây là phép ẩn dụ cho việc Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ngài vẫn sẽ sẵn sàng trừng phạt họ"
Isaiah 5:26
Ngài sẽ dựng một ngọn cờ cho các dân tộc xa xôi và thổi còi kêu gọi chúng từ tận cùng cõi đất
Ê-sai nói cùng một sự việc bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ dùng các quốc gia khác để trừng phạt dân sự Ngài. Tương tự câu: "Ngài sẽ kêu gọi những quân đội của các quốc gia ở cách xa Giu-đa và bảo họ đến"
chúng vội vã và nhanh chóng chạy đến
"Các quân đội kẻ thù nghịch sẽ đến"
vội vã và nhanh chóng
Những từ này có ý nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh họ đã đến cách nhanh chóng thể nào. Tương tự câu: "rất nhanh"
Isaiah 5:27
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục diễn tả về quân đội sẽ tiến đánh Giu-đa. Ông diễn tả nó như thể nó đã có sẵn rồi. (Xem: ISA05:26)
mệt mỏi ... vấp ngã ... ngủ gật ... ngủ mê
Bốn từ này tiến triển từ mệt mỏi vì công việc đến không thể đi được rồi đến không thể tỉnh táo và rồi phải ngủ mê, vì thế tất cả bốn từ này nên xuất hiện trong bản dịch.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Không ai cởi dây thắt lưng
Các chiến binh đã giữ quần áo của họ thật gọn gàng để có thể dễ dàng di chuyển và chiến đấu.
dây giày
"dây quai giày"
vó ngựa cứng như đá lửa
Ê-sai so sánh phần cứng của chân ngựa với đá lửa, là một loại đá cứng. Tương tự câu: "vó ngựa của họ cứng như đá"
Đây là phép hoán dụ cho những con ngựa đủ mạnh để làm bất cứ điều gì mà chủ muốn chúng làm. Tương tự câu: "ngựa của họ rất mạnh và khỏe"
bánh xe như gió lốc
Ê-sai so sánh bánh của các xe ngựa giống như gió lốc để ngụ ý rằng chúng sẽ hủy diệt mọi thứ trên đường đi. Tương tự câu: "và những bánh của xe ngựa sẽ xoáy tròn như một cơn gió lốc"
bánh xe
Những cái bánh xe này thường có những lưỡi rất bén được gắn với chúng để có thể chém thành mảnh những ai mà xe ngựa đi ngang qua.
Isaiah 5:29
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về quân đội sẽ tiến đánh Giu-đa. (Xem: ISA05:26
Tiếng gầm của chúng như sư tử, chúng rống như sư tử tơ
Cả hai cụm từ này cơ bản đều có cùng một ý nghĩa. Ê-sai so sánh quân đội kẻ thù nghịch với một con sư tử để ngụ ý về âm thanh sự tấn công của chúng sẽ khiến cho dân Giu-đa vô cùng sợ hãi thể nào. Tương tự câu: "Khi quân đội chúng la to trong chiến trận, chúng sẽ nghe giống như một con sư tử đang rống"
sư tử tơ
Tuổi trẻ là một phép hoán dụ cho sức mạnh. Tương tự câu: "những con sư tử khỏe mạnh nhất"
Chúng sẽ gầm gừ và bắt mồi đem đi
Ê-sai so sánh những kẻ thù đang giết hại dân Giu-đa với một con sư tử đang giết một con vật yếu thể hơn mình. Các nghĩa có thể là 1) các con sư tử gây ra một âm thanh không to như tiếng gầm rống trước khi chúng tấn công, hay 2) người viết đang dùng hai từ có ý nghĩa giống nhau.
mồi
những con vật mà loài động vật khác muốn bắt và giết đi
không ai giải cứu được
"và chẳng ai sẽ có thể cứu chúng được"
sẽ có tiếng gầm ... tiếng sóng biển ầm ầm
Đây là những từ giống nhau để dịch từ "gầm gừ" trong câu 29. Hãy dùng từ trong ngôn ngữ của bạn để diễn đạt âm thanh của tiếng sóng trong cơn bão hay tiếng mưa nặng hạt hoặc âm thanh kinh sợ khác của thiên nhiên.
ánh sáng bị mây mù làm cho tối tăm
Sự tối tăm ở đây tượng trưng cho sự đau đớn và thảm họa. Phép ẩn dụ này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những mây mù sẽ hoàn toàn che phủ ánh sáng mặt trời"

Translation Questions

Isaiah 5:1
Người hát muốn hát cho ai nghe?
Người hát muốn hát cho người yêu dấu của mình.
Người hát hát bài gì?
Người hát hát một bài ca về người yêu dấu và vườn nho người.
Isaiah 5:2
Anh ta đã làm gì với vườn nho?
Người đào xới đất, lượm sạch đá, trồng loại nho tốt, xây một cái tháp giữa vườn.
Vườn nho đã sinh ra cái gì?
Vườn nho sinh ra trái nho hoang.
Isaiah 5:3
Người dân Giê-ru-sa-lem và người Giu-đa phân xử điều gì?
Họ phân xử giữa người yêu và vườn nho của người đó.
Isaiah 5:5
Người yêu sẽ làm gì với vườn nho của mình?
Người sẽ phá rào, khiến vườn nho trở nên hoang tàn, sẽ hạ tường, không được tỉa sửa, cũng không được vun xới.
Isaiah 5:6
Người yêu sẽ làm gì với vườn nho của mình?
Người sẽ phá rào, khiến vườn nho trở nên hoang tàn, sẽ hạ tường, không được tỉa sửa, cũng không được vun xới.
Isaiah 5:7
Vườn nho của Đức Giê-hô-va vạn quân chính là ai?
Vườn nho của Đức Giê-hô-va vạn quân chính là nhà Y-sơ-ra-ên.
Đức Giê-hô-va mong chờ điều gì?
Đức Giê-hô-va mong chờ thấy sự công lý và sự công chính.
Đức Giê-hô-va thấy điều gì thay vì thấy sự công chính và sự công chính?
Đức Giê-hô-va chỉ thấy sự phạm pháp và tiếng kêu la.
Isaiah 5:9
Chuyện gì sẽ xảy ra với nhiều nhà?
Nhiều nhà sẽ bị bỏ hoang và không có người ở.
Isaiah 5:13
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa bị lưu đày?
Họ bị lưu đày vì thiếu hiểu biết.
Isaiah 5:16
Phán quyết của Đức Giê-hô-va là gì?
Đức Giê-hô-va vạn quân được tôn cao khi ra phán quyết.
Đức Chúa Trời là Chúa Thánh đã bày tỏ chính Ngài như thế nào?
Đức Chúa Trời là Chúa Thánh đã bày tỏ chính Ngài là thánh trong sự công chính.
Isaiah 5:24
Tại sao gốc rễ của Y-sơ-ra-ên sẽ mục nát, và nụ hoa của họ bay đi như tro bụi?
Gốc rễ của Y-sơ-ra-ên sẽ mục nát, và nụ hoa của họ bay đi như tro bụi, vì họ đã loại bỏ luật pháp của Đức Giê-hô-va và xem thường lời Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 5:26
Đức Giê-hô-va đã kêu gọi các dân tộc xa xôi đến như thế nào?
Ngài sẽ dựng một ngọn cờ và thổi còi kêu gọi các dân tộc xa xôi đến.

Chapter 6

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 6:1

Chúa ngự trên ngai rất cao

Những chữ "rất cao" nhấn mạnh rằng ngai ở rất cao và ở trên mọi thứ. Độ cao của ngai tượng trưng cho sự cao cả và năng quyền của Chúa là thể nào.

vạt áo của Ngài

"viền áo choàng của Ngài"

đầy dẫy đền thờ

"phủ đầy đền thờ." Từ ngữ được sử dụng cho đền thờ ở đây thường được dùng để nói đến cung điện của những vị vua.

Các sê-ra-phim đứng chầu quanh Ngài

Ở đây có nghĩa là Chúa đã ngồi trên ngai và các sê-ra-phim đang đứng hay bay gần Chúa để sẵn sàng hầu việc Ngài.

Sê-ra-phim

Từ này có thể cho thấy rằng những loài vật có thể có một diện mạo sôi nổi hay giống như những con rắn. Bởi vì chúng ta không biết chính xác "sê-ra-phim" có nghĩa là gì, nên bạn có thể dịch những từ này như "các loài vật" hay "những vật đang sống" hay "những sinh vật."

mỗi vị có sáu cánh

"mỗi sê-ra-phim có sáu cánh" hay "mỗi sinh vật có sáu cánh"

hai cái che mặt, hai cái che chân, và hai cái dùng để bay

Những từ "cánh" và "sê-ra-phim" đã được biết đến. Tương tự câu: "với hai cánh mỗi sê-ra-phim che mặt, và hai cánh đùng để che chân, cùng hai cánh để bay"

Isaiah 6:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục mô tả khải tượng của ông.

Các sê-ra-phim cùng nhau tung hô rằng

"Các sê-ra-phim hô to cùng các sinh vật khác" hay "Các sinh vật công bố với các sinh vật khác"

Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân

Việc lập lại từ "thánh thay" ba lần cho biết rằng Đức Chúa Trời là hoàn toàn thánh khiết. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va vạn quân là thánh trên mọi vật" hay "Đức Giê-hô-va vạn quân là Đấng thánh khiến tuyệt đối"

Khắp đất đầy dẫy vinh quang Ngài

Ở đây nói đến trái đất như thể nó là một vật chứa và sự thánh khiết được chứa đựng bên trong bình chứa này. Tương tự câu: "Mọi vật trên đất là chứng cớ cho sự vinh quang của Đức Chúa Trời"

Isaiah 6:4

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục mô tả khải tượng của ông.

Tiếng tung hô ấy vang dội làm cho các trụ cửa nơi ngưỡng cửa rung chuyển

"Khi các sê-ra-phim hô to, tiếng của họ làm rung chuyển các trụ cửa nơi ngưỡng cửa"

và đền thờ đầy dẫy khói

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "và khói đầy dẫy đền thờ" hay "và khói phủ đầy cung điện"

Khốn cho tôi! Tôi chết mất! Vì tôi là người có môi ô uế ở giữa một dân có môi ô uế, bởi mắt tôi đã thấy Vua, tức là Đức Giê-hô-va vạn quân!

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Tôi đã gặp nạn lớn rồi! Vì mắt tôi đã thấy Đức Giê-hô-va, vị tướng đội quân các thiên sứ, nhưng tôi là người có môi ô uế, và tôi sống giữa một dân tộc có môi ô uế"

có môi ô uế

Từ "môi" ở đây tượng trưng cho điều mà một người nói. Và, dân sự nói những điều mà Đức Chúa Trời không thể chấp nhận được ở đây được nói đến như thể môi họ đang bị dơ dáy.

bởi mắt tôi đã thấy

Từ "mắt" ở đây tượng trưng cho toàn thân thể của một người. Tương tự câu: "Tôi đã thấy"

Isaiah 6:6

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục mô tả về khải tượng của ông.

sê-ra-phim

Từ này gợi ý đến những con sinh vật có một diện mạo sôi nổi hay giống với những con rắn. Bởi vì chúng ta không biết chính xác "sê-ra-phim" có nghĩa là gì, nên bạn có thể dịch những từ này như "các loài tạo vật" hay "những vật đang sống động" hay "các sinh vật." Hãy xem cách bạn đã dịch từ này thế nào trong ISA06:01

kẹp

những vật dụng được dùng cho việc nắm lấy hay giữ những đồ vật.

lỗi ngươi đã được xóa rồi, tội ngươi được tha rồi

Hai cụm từ này cùng nói đến một ý nghĩa cơ bản. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã cất đi lỗi của ngươi và tha thứ các tội ác ngươi"

lỗi ngươi đã được xóa rồi

Đức Giê-hô-va không còn xem một người là có tội được nói đến như thể "tội lỗi" là một thứ gì đó mà người ta có thể lấy nó ra khỏi một người. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va không còn nhìn biết ngươi là có tội nữa"

Isaiah 6:8

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục mô tả về khải tượng của ông.

tiếng Chúa phán

Ở đây từ "tiếng" tượng trưng cho chính Chúa. Tương tự câu: "Chúa phán"

Ta sẽ sai ai đi?

Ở đây ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va sẽ sai một người để nói ra sứ điệp của Ngài đến với dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ta sẽ sai là sứ giả đến với dân ta"

ai sẽ đi cho chúng ta?

Dường như từ "chúng ta" tượng trưng cho Đức Giê-hô-va và các thành viên của một một hội đồng trên thiên đàng.

dân nầy

"dân Y-sơ-ra-ên"

Hãy nghe để mà nghe, nhưng các ngươi sẽ chẳng hiểu gì; Hãy xem để mà xem, nhưng các ngươi sẽ chẳng thấy chi

Những nghĩa có thể là 1) các mệnh lệnh "sẽ chẳng hiểu chi" và "sẽ chẳng thấy chi" cho thấy điều Đức Chúa Trời sẽ khiến cho nó xảy ra.Tương tự câu:"Các ngươi sẽ nghe, nhưng Đức Giê-hô-va sẽ không cho người hiểu; các ngươi sẽ xem thấy cách cẩn thận; nhưng Đức Giê-hô-va sẽ không cho phép ngươi hiểu" hay 2) các mệnh lệnh "Hãy nghe để mà nghe" và "hãy xem để mà xem" nói đến ý như là "nếu." Tương tự câu: "Thậm chí nếu các ngươi lắng nghe các ngươi cũng sẽ không hiểu; hay nếu các ngươi xem xét cách cẩn trọng, các ngươi cũng sẽ chẳng hiểu"

Hãy nghe để mà nghe, nhưng các ngươi sẽ chẳng hiểu gì; Hãy xem để

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mà xem, nhưng các ngươi sẽ chẳng thấy chi

Bạn có thể trình bày cách rõ ràng thông tin được hiểu đến này. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe sứ điệp của Đức Giê-hô-va, nhưng không hiểu nó có ý nghĩa gì; hãy nhìn xem điều Đức Giê-hô-va đang làm, nhưng không nhận ra nó có nghĩa gì"

Isaiah 6:10

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Ê-sai điều mà ông sẽ phải làm khi Đức Giê-hô-va sai ông đến với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy làm cho dân ấy tối dạ

Từ "dạ" ở đây tượng trưng cho tâm trí của một người. Một người không suy nghĩ cách cẩn thận và không thể hiểu cũng như không quan tâm về điều đang xảy ra được nói đến như thể lòng của họ đã vô cảm. Tương tự câu: "Hãy làm cho họ không thể hiểu được" hay "Hãy khiến cho tâm trí của họ đần độn"

Hãy làm cho dân ấy tối dạ

Mạng lệnh này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ dùng sứ điệp của Ê-sai để khiến cho dân sự hiểu biết rất ít ỏi và khiến cho họ trở nên vô cảm với điều mà Đức Giê-hô-va đang làm.

nặng tai, nhắm mắt

"làm vậy để chúng không thể nghe được, và làm cho chúng không thể thấy được." Ê-sai khiến cho dân sự không thể hiểu được sứ điệp của Đức Giê-hô-va cũng như điều mà Ngài đang làm, được nói đến như thể Ê-sai đang làm cho họ trở nên điếc và mù.

kẻo mắt họ thấy được, tai họ nghe được

Dân sự có thể hiểu sứ điệp của Đức Giê-hô-va cũng như điều mà Ngài đang làm, được nói đến như thể dân sự có thể nghe và nhìn thấy được.

lòng họ hiểu được

Ở đây từ "lòng" tượng trưng cho tâm trí của một người. Thật sự hiểu biết một điều gì đó và quan tâm đến điều đang xảy ra được nói đến như thể lòng của dân sự đã hiểu biết được.

rồi họ trở lại

Việc ăn năn và bắt đầu vâng phục Đức Giê-hô-va được nói đến như thể dân sự đã quay trở về với Ngài. Tương tự câu: "và trở lại theo Ta" hay "rồi bắt đầu tin cậy Ta trở lại"

được chữa lành

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự caai: "Ta sẽ chữa lành cho họ"

Isaiah 6:11

Lạy Chúa, cho đến bao giờ?

Ở đây có thể được trình bày với thông điệp đã được hiểu đến. Tương tự câu: "Lạy Chúa, Tôi sẽ làm điều này trong bao lâu?"

Cho đến khi các thành bị bỏ hoang, không có dân cư, nhà không có người ở

"Cho đến khi tất cả các thành và nhà đều bị bỏ hoang và không còn ai sống ở đó nữa"

và đất đai trở nên hoang vu hoàn toàn

Từ "trở nên" là một cách diễn đạt có nghĩa là trở nên một thứ gì đó tồi tệ. Tương tự câu: "cho đến khi đất đai trở nên một nơi hoang vu hoàn toàn"

cho đến khi Đức Giê-hô-va dời dân đi xa, và nhiều nơi trong xứ trở nên điêu tàn

Ở đây Đức Giê-hô-va nói đến chính Ngài như thể là người thứ ba. Tương tự câu: "cho đến khi Ta, Đức Giê-hô-va, dời dân đi xa khỏi đất họ, hầu cho chẳng một ai còn sót lại"

Isaiah 6:13

sẽ bị thiêu nuốt

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "các quân đội sẽ lại tiêu diệt xứ sở Y-sơ-ra-ên"

như khi người ta đốn cây thông, cây sồi còn chừa gốc, thì giống thánh là gốc của nó

Lối so sánh này có nghĩa là ngay cả sau khi Đức Giê-hô-va đã hủy diệt Y-sơ-ra-ên, Ngài sẽ vẫn biệt riêng những người từ giữa dân Y-sơ-ra-ên để phục vụ Ngài.

cây thông

một loại cây sồi

gốc ... gốc

"Gốc" là phần thân gốc to của cây. "Gốc" là phần của cây còn lưu lại trong đất sau khi cây bị chặt đi.

giống thánh

Những người sẽ phục vụ Đức Giê-hô-va sau khi Ngài hủy diệt Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể họ là một hạt giống thánh.

Translation Questions

Isaiah 6:1

Ê-sai nhìn thấy Đức Chúa Trời ngự trên ngai rất cao khi nào?

Ê-sai nhìn thấy Đức Chúa Trời ngự trên ngai rất cao vào năm vua Ô-xia băng hà.

Isaiah 6:2

Ai đứng chầu quanh Đức Chúa Trời?

Các Sê-ru-bim đứng chầu quanh Đức Chúa Trời.

Isaiah 6:4

Chuyện gì sẽ xảy ra khi các chê-ru-bim gọi nhau?

Các chê-ru-bim gọi nhau, làm cho các trụ cửa nơi ngưỡng cửa rung chuyển và đền thờ đầy dẫy khói.

Isaiah 6:5

Ê-sai đã nói gì khi ông ấy thấy tất cả những điều này?

Ê-sai nói rằng ông là người có môi ô ues ở giữa một dân có môi ô uế, bởi mắt ông đã thấy Vua, tức là Đức Giê-hô-va vạn quân.

Isaiah 6:7

Các chê-ru-bim đã nói gì khi đưa than lửa đỏ chạm vào miệng của Ê-sai?

Vị ấy nói: "Đây, cái này đã chạm đến môi ngươi, lỗi ngươi đã được xóa rồi, tội ngươi đã được tha rồi."

Isaiah 6:8

Ê-sai nghe tiếng Chúa phán điều gì?

Chúa phán: "Ta sẽ sai ai đi? Ai sẽ đi cho chúng ta?"

Ê-Sai đã đáp lại tiếng Chúa phán như thế nào?

Ê-sai đáp rằng: "Có con đây, xin Chúa sai con".

Isaiah 6:9

Chúa phán dặn Ê-sai nói với dân chúng điều gì?

Chúa phán dặn Ê-sai hãy nói nhưng không hiểu, hãy xem, nhưng không chẳng thấy chi.

Isaiah 6:11

Ê-sai phải rao truyền sứ điệp của Chúa cho trong bao lâu?

Ê-sai phải rao truyền sứ điệp của Chúa cho đến khi các thành bị bỏ hoang không có dân cư, nhà không có người ở và đất đai trở nên hoang vu hoàn toàn, cho đến khi Đức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-hô-va dời dân đi xa, và nhiều nơi trong xứ trở nên điêu tàn.
Isaiah 6:12
Ê-sai phải rao truyền sứ điệp của Chúa cho trong bao lâu?
Ê-sai phải rao truyền sứ điệp của Chúa cho đến khi các thành bị bỏ hoang không có dân cư, nhà không có người ở và đất đai trở nên hoang vu hoàn toàn, cho đến khi Đức Giê-hô-va dời dân đi xa, và nhiều nơi trong xứ trở nên điêu tàn.

Chapter 7
Isaiah 7:1
Vào thời trị vì của A-cha ... vua nước Giu-đa
"Khi A-cha ... là vua nước Giu-đa" Đây là thời điểm mà các sự kiện xảy ra.
Rê-xin ... Phê-ca ... Rê-ma-lia
tên của những người nam
Rê-xin ... và Phê-ca ... kéo quân lên
Người viết nói như thể các vị vua là các quân đội mà họ lãnh đạo. Tương tự câu: "Rê-xin ...và Phê-ca ... đã dẫn quân đội mình đi lên"
đánh
Người viết nói như thể thành phố chính là dân sự sống tại đó. Tương tự câu: "để đánh dân Giê-ru-sa-lem"
Khi nhà Đa-vít được báo tin
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nhà Đa-vít đã nghe tin báo" hay "ai đó đã báo tin cho nhà Đa-vít"
nhà Đa-vít
Từ "nhà" là một phép hoán dụ cho dòng tộc đang sống trong nhà. Tương tự câu: "Vua A-cha và các quan hầu"
A-ram đã liên minh với Ép-ra-im
Ở đây "A-ram" và "Ép-ra-im" tức là các vị vua của chúng. Ép-ra-im được dùng ở đây để tượng trưng cho toàn vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "rằng Rê-xin, vua A-ram đang giúp đỡ Phê-ca, vua Y-sơ-ra-ên"
Lòng vua A-cha và dân chúng rúng động như cây rừng lung lay trước gió
Lòng của chúng rung động ở đây được so sánh với cách mà những cây cối đang bị lung lay khi gió thổi qua chúng. Tương tự câu: "A-cha và dân chúng đã rất sợ hãi"
Isaiah 7:3
Thông Tin Chung:
Ê-sai viết về điều đã xảy ra với ông hư thể nó đã xảy ra với người khác.
Sê-a Gia-súp
Dịch giả cũng có thể thêm chú thích ở cuối trang để nói thêm rằng "Tên Sê-a Gia-súp có nghĩa là cái còn sót lại sẽ trở về." Nghĩa của nó có thể đem đến niềm hy vọng cho Acha.
tại cuối kênh dẫn nước hồ trên
"nơi nước đổ vào hồ trên"
kênh dẫn nước
kênh nhân tạo hay đường hầm mà nước chảy qua đó.
đường cái
Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ để chỉ về con đường hay lối đi mà người đã làm cho bằng phẳng bằng cách lấp đầy những chỗ thấy và làm thấp đi những chỗ cao, thì bạn có thể sử dụng nó ở đây.
Cánh đồng thợ giặt
Các nghĩa có thể là 1) đây là tên đúng của nó mà người ta đã gọi cánh đồng hay 2) đây là danh từ phổ thông mà người ta nói về cánh đồng, "cánh đồng thợ giặt" hay "cánh đồng mà người ta giặt vải len" hay "cánh đồng mà những người nữ giặt quần áo."
Cánh đồng thợ giặt
Một thợ giặt có nghĩa là 1) một người giặt hàng len mà người ta cắt ra từ những con chiên, "Cánh Đồng Thợ Giặt Vải Len," hay cũng có thể có nghĩa là 2) một người nữ giặt quần áo dơ, "Cánh Đồng Người Giặt Quần Áo (xem UDB).
Con hãy nói với A-cha rằng
"Hãy nói với A-cha"
đừng sợ và chớ sờn lòng vì hai đầu que củi chỉ còn khói, tức là cơn giận dữ của Rê-xin, vua A-ram,và của con trai Rê-ma-lia
Đức Chúa Trời so sánh Rê-xin và Phê-ca với que củi đang cháy mà lửa đã tàn và bây giờ chỉ tạo nên khói. Đức Chúa Trời đang nhấn mạnh rằng chúng không thật sự đáng sợ với Giu-đa. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "đừng để Rê-xin và Phê-ca khiến ngươi sợ hãi, vì cơn giận dữ của chúng chỉ giống như một que cũi đang cháy mà lửa đã tàn và chỉ còn có khói"
sợ và sờn lòng
Những từ "sợ" và "sờn lòng" có cùng một ý nghĩa và có thể được dịch như một từ. Tương tự: "sợ"
Isaiah 7:5
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp túc phán với Ê-sai điều mà ông sẽ nói với A-cha. (Xem: ISA07:03)
A-ram cùng với Ép-ra-im và con trai của Rê-ma-lia
Những từ "A-ram" và "Ép-ra-im" tượng trưng cho những vị vua của các xứ sở này. Cũng vậy, "Ép-ra-im tức là vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Rê-xin, vua của A-ram và Phê-ca con trai của Rê-ma-lia, vua Y-sơ-ra-ên"
Rê-ma-lia
Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA07:01
mưu tính hại vua
Từ "vua" ở đây là số ít và tượng trưng cho A-cha.
con trai của Ta-bê-ên
Người này không được biết đến là ai.
Isaiah 7:7
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ê-sai về điều mà ông sẽ nói với A-cha. (Xem: ISA07:03)
đầu của Đa-mách là Rê-xin
"và vua của Đa-mách là Rê-xin, là người yếu đuối"
Ép-ra-im sẽ bị hủy diệt, không còn được kể là một dân
"Ép-ra-im" ở đây tức là toàn bộ vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "mọt quân đội sẽ hủy diệt Ép-ra-im, và nó sẽ không còn là dân Y-sơ-ra-ên nữa"
sáu mươi lăm năm
lăm năm** - "65 năm"
đầu của Sa-ma-ri là con của Rê-ma-lia
Ở đây có nghĩa Phê-ca là vua của Sa-ma-ri và toàn nước Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "vua của Sa-ma-ri là Phê-ca, là người yếu đuối"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu các ngươi không tin chắc, sẽ không thể đứng vững được
Ở đây có thể được trình bày ở thể khẳng định. Tương tự câu: "Nếu các ngươi cứ tin cậy Ta, các ngươi sẽ chắc chắn được bình an"
Nếu các ngươi không tin chắc
"Nếu các ngươi không tiếp tục"
Isaiah 7:10
dưới vực sâu hoặc trên trời cao
Đức Giê-hô-va dùng từ "vực sâu" và "trời cao" có ý nghĩa là A-cha có thể cầu xin Ngài mọi điều.
vực sâu ... trời cao
Những danh từ trừu tượng "vực sâu" và "trời cao" có thể được dịch với các giới từ. "những nơi rất xa ở phía dưới ngươi ... những nơi rất xa ở trên ngươi"
sẽ không xin
"sẽ không cầu xin Đức Giê-hô-va một dấu hiệu"
Isaiah 7:13
nhà Đa-vít
Từ "nhà" là phép hoán dụ cho dòng tộc đang sống trong nhà. Tương tự câu: "Hỡi Vua A-cha, ngươi và các quan hầu ngươi." Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA07:01
Có phải các ngươi cho rằng làm phiền người ta là việc nhỏ, mà nay lại muốn làm phiền Đức Chúa Trời ta nữa sao?
Những câu hỏi này nhấn mạnh rằng vua đã phạm tội rất trọng. Tương tự câu: 'Ngươi làm phiền người ta! Bây giờ ngươi thậm chí lại còn làm phiền Đức Chúa Trời ta nữa!"
một trinh nữ sẽ mang thai
Một vài bạn cổ xưa và một vài bản đương thời dịch, "người nữ đồng trinh sẽ mang thai, "trong khi các bản khác lại dịch "người thiếu nữ sẽ mang thai."
đặt tên là Em-ma-nu-ên
Các dịch giả có thể thêm phần chú thích để nói thêm rằng: "Tên Em-ma-nu-ên có nghĩa là 'Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta'"
Con trẻ ấy sẽ ăn mỡ sữa và mật, cho đến khi biết bỏ điều dữ và chọn điều lành
Những nghĩa có thể là 1) "Vào thời điểm mà con trẻ đủ lớn để ăn mỡ sữa và mật, con trẻ ấy sẽ có thể biết bỏ điều dữ và chọn điều lành." Ở đây nhấn mạnh rằng con trẻ sẽ còn rất nhỏ khi biết chọn điều công bình thay vì sai trái. 2) "Vào thời điểm con trẻ đủ lớn để khước từ điều ác và chọn điều lành, Ngài sẽ ăn mỡ sữa và mật." Dân Giu-đa đã xem một đứa trẻ có thể chịu trách nhiệm với việc làm điều công bình là khi được 12 tuổi. Ở đây nhấn mạnh rằng vào lúc 12 tuổi người ta sẽ có thể ăn nhiều mỡ sữa và mật bởi vì hầu hết người dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị giết hay bị bắt giữ.
mỡ sữa
Sữa mà người ta lấy để làm nó thành một chất rắn mềm mịn
bỏ điều dữ chọn điều lành
"khước từ làm điều ác và chọn làm điều lành"
Isaiah 7:16
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục mô tả dấu hiệu mà Đức Chúa Trời sẽ ban cho nhà Đa-vít.
bỏ điều dữ chọn điều lành
"khước từ làm điều ác và chọn làm điều lành." Hãy dịch nó như trong ISA07:13
ngươi sợ
"ngươi sợ hãi." "Ngươi" ở đây là số ít và nói đến A-cha.
dân tộc ngươi
Ở đây nói đến dân Giu-đa.
Ép-ra-im tách khỏi Giu-đa
"dân Ép-ra-im tách ra khỏi dân Giu-đa"
Isaiah 7:18
Trong ngày ấy
trước khi con trẻ biết bỏ điều dữ và chọn điều lành (ISA07:13
Đức Giê-hô-va sẽ thổi còi gọi
"Đức Giê-hô-va sẽ gọi" hay "Đức Giê-hô-va sẽ triệu tập"
gọi ruồi ở tận cùng các sông Ai Cập, và gọi ong ở đất A-si-ri đến
"gọi quân đội từ Ai Cập và A-si-ri, cũng như các chiến binh cũng sẽ ở khắp mọi nơi giống như ruồi và ong vậy"
Isaiah 7:20
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục mô tả về thời điểm mà quân đội A-si-ri sẽ tấn công Y-sơ-ra-ên.
Chúa sẽ dùng dao cạo thuê bên kia sông, tức là vua A-si-ri
Từ "dao cạo" là một phép ẩn dụ cho vua A-si-ri và quân đội của ông, và Đức Giê-hô-va nói về vua như thể vua là một người sẽ thi hành công việc của Đức Giê-hô-va và rồi sẽ được nhận tiền từ Đức Giê-hô-va sau đó. Tương tự câu: "Chúa sẽ gọi vua A-si-ri từ bên kia sông Ơ-phơ-rát để thi hành công việc của Ngài là cạo các ngươi"
thuê
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "mà Ngài đã mua"
đầu ... lông chân ... và... râu
Rất là xấu để một ai đó bị cạo phần trên đầu; nó cũng thật tệ khi một người bị cạo "lông chân"; và tệ nhất là khi một người bị cạo râu.
đầu ... lông chân ... râu
Ê-sai không nói đâu, lông và râu của ai mà Chúa sẽ cạo, nhưng A-cha và người đọc hiểu rằng đây là một người, người là một phép ẩn dụ cho dân tộc đang sống trong vùng đất Giu-đa (xem UDB).
đầu
"tóc trên đầu"
lông chân
Những nghĩa có thể là 1) đây là một cách nói lịch sự để nói đến lông trên phần thân dưới hay 2) ở đây nói đến lông chân.
và cắt bỏ
"dao cạo cũng sẽ cắt bỏ." Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải có một người làm chủ ngữ của "sẽ... cắt bỏ," bạn có thể nói, "Chúa cũng sẽ cắt bỏ."
nhưng chúng sản xuất sữa dư dật
Danh từ trừu tượng "dư dật" có thể được dịch như một mệnh đề. Tương tự câu: "bởi vì chúng sẽ cho rất nhiều sữa"
Isaiah 7:23
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục mô tả về thời điểm mà quân đội từ A-si-ri sẽ tấn công xứ sở Y-sơ-ra-ên.
tất cả những nơi trồng được một nghìn gốc nho
"có một nghìn cây nho." Đó là, khi Ê-sai đã viết, có những vườn nho, trong số đó có 1,000 cây nho hoặc có những vườn có nhiều hơn nữa. Ông nói rằng những vườn nho này sẽ trở nên đầy bụi rậm và gai góc.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những gai góc và bụi rậm
Những từ "bụi rậm" và "gai góc", cả hai đều nói đến những cây đầy gai và vô dụng; chúng có thể được dịch bằng một từ. Tương tự câu: "những bụi gai"
vì cả xứ chỉ toàn là gai góc và bụi rậm
Lý do tại sao các người đi săn đi đến những vùng đất này có thể được nói đến rất rõ ràng. Tương tự câu: "bởi vì chẳng có gì tại những vùng đất này ngoài những bụi rậm, gai góc và các loài thú hoang"
Các ngươi cũng không còn đến các ngọn đồi mà mình đã cày xới nữa
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta sẽ tránh xa khỏi các ngọn đồi mà họ đã từng cày xới để trồng cây nữa"

Translation Questions

Isaiah 7:1
A-cha là ai?
A-cha là con của Giô-tham, cháu Ô-xia, vua của Giu-đa.
Vào thời trị vì của A-cha, vị vua nào trong Giu-đa kéo quân lên đánh thành Giê-ru-sa-lem nhưng không thể chiếm được?
Rê-xin vua của Sy-ri, và Phê-ca là con của Rê-ma-lia, vua của Y-sơ-ra-ên kéo quân lên đánh thành Giê-ru-sa-lem.
Isaiah 7:2
Lòng của A-cha và dân chúng như thế nào khi hay tin A-ram đã liên minh với Ép-ra-im?
Lòng của A-cha và dân chúng rúng động khi nghe những điều này.
Isaiah 7:3
Đức Chúa Giê-hô-va phán dặn Y-sơ-ra-ên làm gì?
Đức Giê-hô-va phán cùng Ê-sai đi với con trai của ông và gặp A-cha.
Đức Giê-hô-va phán dặn A-cha không nên sợ ai?
Đức Giê-hô-va phán dặn A-cha không nên sợ hãi và chớ sờn lòng vì Rê-xin và Rê-ma-lia.
Isaiah 7:4
Đức Giê-hô-va phán dặn A-cha không nên sợ ai?
Đức Giê-hô-va phán dặn A-cha không nên sợ hãi và chớ sờn lòng vì Rê-xin và Rê-ma-lia.
Isaiah 7:5
A-ram Ép-ra-im và con trai của Rê-ma-lia đã mưa tính việc gì?
Những người này đã mưu tính hại vua A-háp và Giu-đa. Họ định tiến lên đánh và làm kinh khiếp Giu-đa, và lập con trai của Ta-bê-ên lên làm vua.
Isaiah 7:6
A-ram Ép-ra-im và con trai của Rê-ma-lia đã mưa tính việc gì?
Những người này đã mưu tính hại vua A-háp và Giu-đa. Họ định tiến lên đánh và làm kinh khiếp Giu-đa, và lập con trai của Ta-bê-ên lên làm vua.
Isaiah 7:8
Đức Giê-hô-va phán điều gì cùng A-háp về Ép-ra-im?
Đức Giê-hô-va phán cùng A-háp, "Trong vòng sáu mươi lăm năm, Ép-ra-im sẽ bị hủy diệt và không còn được kể là một dân nữa."
Isaiah 7:9
Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xảy ra với A-háp nếu như đức tin của ông không vững chắc?
A-háp sẽ không được đứng vững được nếu như ông không tin chắc.
Isaiah 7:12
A-cha trả lời thế nào khi Chúa đáp lời cho việc ông xin một dấu lạ từ Đức Giê-hô-va?
A-háp nói, "Con sẽ không xin, và không dám thử Đức Giê-hô-va".
Isaiah 7:13
Ê-sai nói rằng A-háp đã làm gì?
Ê-sai nói rằng ông không chỉ thử lòng kiên trì của dân chúng nhưng ông cũng thử sự kiên nhẫn của Chúa nữa.
Isaiah 7:17
Ê-sai nói với A-cha rằng Đức Giê-hô-va sẽ đưa ai lên chống lại người và dân của Ngài?
Ê-sai nói với A-cha rằng Đức Giê-hô-va sẽ đưa vua A-si-ri chống lại Ngài và dân của Ngài.
Isaiah 7:20
Vua A-sy-ri sẽ làm gì?
Vua A-sy-ri sẽ cạo đầu, lông chân và râu của A-háp.
Isaiah 7:23
Chuyện gì sẽ xảy ra với đất đai?
Đất sẽ mọc đầy những gai gốc và bụi rậm, nó cũng là nơi có thể nuôi chiên và bò.
Isaiah 7:25
Chuyện gì sẽ xảy ra với đất đai?
Đất sẽ mọc đầy những gai gốc và bụi rậm, nó cũng là nơi có thể nuôi chiên và bò.

Chapter 8
Isaiah 8:1
Đức Giê-hô-va phán bảo tôi
Từ "tôi" ở đây tức là Ê-sai.
Tôi đem theo các nhân chứng đáng tin cậy
Những nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va đang phán: "Ta sẽ gọi những người trung thực để làm nhân chứng" hay 2) Ê-sai đang nói: "Tôi sẽ gọi những người thành thật để làm nhân chứng" hoặc 3) Đức Giê-hô-va đang ra lệnh cho Ê-sai: "Hãy gọi những người trung thực làm nhân chứng."
Isaiah 8:3
Tôi đến với nữ tiên tri
Nó có thể được nói rõ rằng Ê-si đã kết hôn với một nữ tiên tri. Tương tự câu: "Tôi đã ngủ với vợ tôi, là nữ tiên tri"
thì vua A-si-ri sẽ đến lấy đi tài sản của Đa-mách và chiến lợi phẩm ở Sa-ma-ri
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vua A-si-ri sẽ mang đi tất cả những châu báu của Đa-mách và Sa-ma-ri"
Isaiah 8:5
Vì dân nầy đã khước từ dòng nước êm dịu của Si-lô-ê
Những từ "dòng nước êm dịu" là một phép ẩn dụ cho luật pháp của Chúa. Tương tự câu: "Bởi vì dân này đã từ chối luật pháp của Đức Giê-hô-va, là dòng nước êm dịu của Si-lô-ê"
dân nầy
"nhóm dân nầy." Nếu ngôn ngữ của bạn cần một từ số nhiều ở đây, bạn có thể dịch cụm từ này và những động từ sau như "những người này đã khước từ ... là vui thích."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

và run sợ trước mặt Rê-xin cùng con trai của Rê-ma-lia
Ý nghĩa đầy đủ có thể được nói đến cách rõ ràng. Tương tự câu: "và ưu thích việc quân đội của A-si-ri đã đánh bại Rê-xin, vua A-ram, cùng Phê-ca, con trai của Rê-ma-lia, là vua Y-sơ-ra-ên." Hãy dịch các tên như trong ISA07:01
cho nên, Chúa sẽ
Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài như thể Ngài là một người nào đó nhắc nhở dân sự rằng Ngài là ai. Tương tự câu: "Vì thế, Ta chính là Chúa"
khiến chảy cuồn cuộn trên họ
Động từ là "khiến"; phó từ là "trên họ."
trên họ
"trên mọi người dân Giu-đa"
nước sông Cái chảy cuồn cuộn trên họ, tức là vua A-si-ri với tất cả vinh quang của vua
Dòng sông tượng trưng cho quân đội A-si-ri. Tương tự câu: "quân đội của A-si-ri hùng mạnh như một dòng sông lớn"
Sông Cái
Sông Ơ-phơ-rát ở A-si-ri
Isaiah 8:8
Thông Tin Chung:
Chúa tiếp tục miêu tả quân đội A-si-ri như một dòng sông sẽ làm ngập lụt Giu-đa. (Xem: ISA08:05
Dòng nước ấy sẽ dâng lên khỏi lòng sông, tràn ngập tất cả các bờ, chảy vào Giu-đa, chảy tràn lan và ngập đến tận cổ
Quân A-si-ri như một dòng nước lũ. Tương tự câu: "Sẽ có nhiều và nhiều hơn nữa các chiến binh sẽ tràn đến như dòng sông dâng lên ngập cổ các ngươi"
Sông Cái
sông Ơ-phơ-rát ở A-si-ri. Đây là một phép hoán dụ cho quân A-si-ri, những người sẽ đến từ quê nhà của họ bằng dòng sông Ơ-phơ-rát. (ISA08:05
cánh nó dang ra che phủ
Các nghĩa có thể là 1) như "Sông" trong phép ẩn dụ dâng lên, "cánh" nó chảy qua và tràn ngập khắp vùng đất khô hoặc là 2) Ê-sai thay đổi những ẩn dụ và bây giờ nói về Đức Giê-hô-va như một con chim đang bảo vệ xứ sở "Nhưng cánh Ngài giang ra bao phủ".
Em-ma-nu-ên
Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong ISA07:13
Isaiah 8:9
Hỡi các dân, hãy liên kết và bị đập tan
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ đập tan quân đội của ngươi thành từng mảnh."
hãy nai nịt, và bị đập tan; hãy nai nịt, và bị đập tan
Câu này về cơ bản là những lời tương tự nhau, được trình bày hai lần để nhấn mạnh. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các ngươi có thể chuẩn bị để chiến đấu, nhưng Ta sẽ đánh bại các ngươi"
Hãy bàn thảo chiến lược, nhưng nó sẽ bị phá vỡ; hãy đưa ra kế hoạch, nhưng nó sẽ không đứng vững
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các ngươi có thể chuẩn bị tiến đánh Giu-đa, nhưng ngươi sẽ không thành công"
nó sẽ bị phá vỡ ... nó sẽ không đứng vững
Để làm "thành" một kế hoạch hay một mệnh lệnh nào đó tức là làm theo điều mà người đưa ra kế hoạch hay mệnh lệnh muốn người nghe làm theo. Cụm từ này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "ngươi sẽ không thể làm điều ngươi lên kế hoạch đâu ... các lính của ngươi sẽ không thể làm theo những gì mà các sĩ quan chỉ huy đã ra lệnh."
Isaiah 8:11
Với cánh tay mạnh mẽ đặt trên tôi, Đức Giê-hô-va phán dạy
"Đức Giê-hô-va phán với tôi một cách mạnh mẽ"
và cảnh báo tôi đừng đi theo đường lối dân này
Đây là một trích dẫn gián tiếp kết thúc tại Ê-sai 8:17. Tương tự câu: "và cảnh báo tôi và phán rằng 'Đừng làm theo dân này.'"
Đừng gọi là âm mưu tất cả những gì dân này gọi là âm mưu
Dân sự tưởng tượng rằng có những âm mưu và điều đó khiến họ lo lắng. Tương tự câu: "Đừng lo lắng như dân này là những người luôn nghĩ rằng ai đó đang cố gắng hãm hại họ"
Nhưng hãy tôn Đức Giê-hô-va vạn quân là thánh. Chính Ngài là Đấng mà các ngươi phải kính sợ và khiếp đảm
Nếu bạn dịch câu này như một trích dẫn trực tiếp, thì bạn cũng có thể dịch nó với cách mà Đức Giê-hô-va đang phán theo ngôi thứ nhất: "Nhưng các ngươi sẽ tôn ta, Đức Giê-hô-va vạn quân là thánh. Và các ngươi sẽ phải kính sợ và kinh hãi Ta"
Isaiah 8:14
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục trích dẫn gián tiếp điều mà Đức Giê-hô-va bắt đầu trong ISA08:11
Ngài sẽ là nơi thánh
Từ "nơi thánh" là ẩn dụ cho việc Đức Giê-hô-va giữ gìn con dân Ngài an toàn và bảo vệ họ. Tương tự câu: "Ngài sẽ bảo vệ họ khi họ đến với Ngài"
nhưng Ngài là hòn đá vấp chân và là tảng đá vấp ngã
Những từ như "hòn đá vấp chân" và "tảng đã vấp ngã", cả hai đều là những ẩn dụ về việc Đức Giê-hô-va hành hại dân sự Ngài. Một vài bản dịch "vấp chân" và "vấp ngã" như là "vấp chân" và "ngã xuống"; những bản khác dịch là "tấn công" và "vấp ngã." Tương tự câu: "Ngài sẽ hành hại dân sự Ngài, như một hòn đá chống lại những người dẫm chân lên nó, và vấp ngã, cũng như giống như một tảng đá khiến người ta phải ngã xuống"
Cũng là lưới và bẫy cho dân cư thành Giê-ru-sa-lem
Những từ "bẫy" và "lưới" mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va quyết định trừng phạt dân Giê-ru-sa-lem và họ sẽ không thể trốn thoát. Tương tự câu: "Và Ngài sẽ bẫy dân Giê-ru-sa-lem vậy nên họ không thể trốn thoát khỏi Ngài."
bẫy
đây là một cái bẫy để bắt chim bằng lưới hoặc bằng cái giỏ
lưới
Đây là một cái bẫy để giữ chân hay mõm của động vật
Nhiều người trong số họ sẽ vấp chân, té ngã và tan nát; họ sẽ mắc bẫy và bị bắt
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Nhiều người trong số họ sẽ vấp vào hòn đá, và khi họ té ngã họ sẽ không đứng dậy được. Cũng như nhiều người sẽ dính bẫy, và họ sẽ không thể thoát ra được"
mắc bẫy và bị bắt
Hai từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự và nhấn mạnh rằng họ sẽ bị dính bẫy.
Isaiah 8:16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hãy buộc chặt lời chứng, hãy niêm phong luật pháp

Hai cụm từ này mang nghĩa về cơ bản giống nhau. Tương tự câu. "Hãy buộc chặt cuộn giấy này với những lời chứng được viết trên đó"

lời chứng ... các môn đồ Ta

Không rõ ở đây từ "Ta" nói về ai. Có thể là về Ê-sai hoặc Đức Giê-hô-va. Tốt nhất ở đây nên để một đại từ lưỡng nghĩa nếu ngôn ngữ của bạn có từ đó.

Tôi trông đợi Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "tôi" chỉ Ê-sai.

là Đấng ẩn mặt Ngài khỏi nhà Gia-cốp

"Mặt" của Đức Giê-hô-va là một phép hoán dụ cho ơn phước hay ân huệ của Ngài. Tương tự câu: "Đấng đã cất đi ơn phước của Ngài khỏi nhà Gia-cốp" hay là "Đấng không còn ban ân huệ cho nhà Gia-cốp"

nhà Gia-cốp

dân Y-sơ-ra-ên

Nầy, tôi và con cái mà Đức Giê-hô-va đã ban cho tôi là dấu lạ và điềm báo trong Y-sơ-ra-ên

"Tôi và các con trai mà Đức Giê-hô-va đã ban cho tôi như là dấu hiệu để cảnh báo dân Y-sơ-ra-ên." Các con trai là Sê-a Gia-súp và Ma-he-Sa-la-Hát-Bát, những tên này là một thông điệp cho dân Y-sơ-ra-ên. (Xem: ISA07:03

Isaiah 8:19

Thông Tin Chung:

Ê-sai đang nói.

Nếu có ai bảo các ngươi: "Hãy cầu hỏi đồng cốt và thầy bói, là kẻ nói líu ríu lẩm bẩm," thì hãy đáp: "Tại sao một dân tộc không cầu hỏi Đức Chúa Trời mình mà lại cầu hỏi kẻ chết cho người sống?hãy theo luật pháp và lời chứng!

Các ý nghĩa khác là 1) "Họ sẽ nói với ngươi rằng, 'Hãy cầu hỏi các đồng cốt và thầy bói, là những kẻ nói ríu rít và lẩm bẩm. Tại sao một dân tộc không cầu hỏi Đức Chúa Trời của mình? Họ nên cầu hỏi kẻ chết thay cho người sống về luật pháp và lời chứng sao.'" hoặc là 2) "Khi họ nói với ngươi, 'Hãy cầu hỏi những đồng cốt và thầy bói, là những kẻ nói ríu rít và lẩm bẩm' Chẳng phải một dân tộc nên cầu hỏi Đức Chúa Trời của họ sao? Hay là họ nên cầu hỏi kẻ chết thay cho người sống ư? Hãy theo luật pháp và lời chứng!"

Nếu có ai bảo các ngươi

Từ "ai" ở đây nói đến những kẻ không tin vào Đức Giê-hô-va. Từ "các ngươi" ở số nhiều nói đến những người tin cậy Đức Giê-hô-va.

Hãy cầu hỏi đồng cốt và thầy bói

"Hãy cầu hỏi những đồng cốt và thầy bói điều ngươi nên làm"

Đồng cốt và thầy bói

Là những kẻ tuyên bố rằng có khả năng nói chuyện với người chết

kẻ nói líu ríu lẩm bẩm

Những từ "líu ríu" và "lẩm bẩm" mô phỏng âm thanh của những đồng cốt và thầy bói tạo ra khi họ cố gắng nói chuyện với người chết. Tương tự câu: "những kẻ thì thầm và lẩm bẩm những từ ngữ ma quái để cố gắng nói chuyện với người chết"

líu ríu

tạo ra âm thanh như tiếng chim

Tại sao một dân tộc không cầu hỏi Đức Chúa Trời mình mà lại cầu hỏi kẻ chết cho người sống?

Những câu hỏi ở đây là để bày tỏ rằng dân sự có thể cầu hỏi Đức Chúa Trời thay cho những hành động ngu ngốc là cố gắng nói chuyện với người chết. Tương tự câu: "Nhưng dân sự có thể cầu xin Đức Chúa Trời dẫn dắt họ. Họ không nên cầu hỏi sự trả lời từ những người đã chết"

Hãy theo luật pháp và lời chứng

Các nghĩa có thể là 1) "Hãy chú ý đến những lời dạy dỗ và hướng dẫn của Đức Chúa Trời" (UDB) hay là 2) "Khi đó ngươi phải nhớ những lời dạy dỗ và làm chứng mà Ta đã ban cho" (ISA08:16

luật pháp

Từ này là từ tương tự được dịch từ "những bản ghi chính thức" trong ISA08:16

lời chứng

Được dịch trong ISA08:16

Nếu họ không nói như vậy

"Nếu họ không nói như vậy về luật pháp và lời chứng"

chắc chắn sẽ chẳng có rạng đông cho họ

Ê-sai nói về những người không biết đến Đức Chúa Trời như thể họ đang đi trong bóng tối mà không có ánh sáng. Tương tự như: "Đó là bởi họ giống như người đang đi lạc trong bóng tối"

Isaiah 8:21

ảm đạm và buồn rầu

"nỗi buồn kinh khủng"

Họ sẽ bị xô đẩy vào nơi tối tăm mù mịt

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ đẩy họ vào nơi hoàn toàn tối tăm"

Translation Questions

Isaiah 8:1

Đức Giê-hô-va phán dặn Ê-sai làm gì?

Ngài nói với Ê-sai hãy lấy một tấm bảng lớn và viết trên đó, "Ma-he Sa-la Hát Bát".

Isaiah 8:2

Ai sẽ là nhân chứng đáng tin cậy cho Đức Giê-hô-va?

Các nhân chứng đáng tin cậy là thầy tế lễ U-ri và Xa-cha-ri, con của Giê-bê-rê-kia.

Isaiah 8:3

Tại sao Đức Giê-hô-va phán cùng Ê-sai là hãy đặt tên con của ông là "Ma-he Sa-la Hát Bát"?

Nó được đặt tên là "Ma-he Sa-la Hát Bát" vì trước khi biết gọi 'Cha ơi!', 'Mẹ ơi!' thì vua A-sy-ri sẽ đến lấy đi tàn sản của Đa-mách và chiến lợi phẩm của Sa-ma-ri.

Isaiah 8:4

Tại sao Đức Giê-hô-va phán cùng Ê-sai là hãy đặt tên con của ông là "Ma-he Sa-la Hát Bát"?

Nó được đặt tên là "Ma-he Sa-la Hát Bát" vì trước khi biết gọi 'Cha ơi!', 'Mẹ ơi!' thì vua A-sy-ri sẽ đến lấy đi tàn sản của Đa-mách và chiến lợi phẩm của Sa-ma-ri.

Isaiah 8:12

Trong cách cụ thể nào mà Ê-sai phán dặn dân chúng không nên đi bộ?

Ê-sai được cảnh báo đừng gọi là âm mưu tất cả những gì dân này gọi là âm mưu, và đừng sợ điều dân này sợ cũng đừng kinh hãi những điều đó.

Isaiah 8:13

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ê-sai nói dân chúng phải kính sợ và khiếp đảm ai?
Ê-sai nói phải kính sợ Đức Giê-hô-va vạn quân,và Ngài là thánh.
Isaiah 8:14
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho cả hai nhà Y-sơ-ra-ên và dân cư thành Giê-ru-sa-lem?
Ngài sẽ làm một hòn đá vấp chân và là tảng đá vấp ngã cho cả hai nhà Y-sơ-ra-ên, cũng là lưới và bẫy cho dân cư thành Giê-ru-sa-lem.
Isaiah 8:16
Lời chứng của Ê-sai là gì giữa các môn đồ?
Lời chứng của Ê-sai vẫn trông cậy Đức Giê-hô-va, Ê-sai và con cái Ngài mà Đức Giê-hô-va ban cho ông là dấu lạ và điềm báo trong Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 8:18
Lời chứng của Ê-sai là gì giữa các môn đồ?
Lời chứng của Ê-sai vẫn trông cậy Đức Giê-hô-va, Ê-sai và con cái Ngài mà Đức Giê-hô-va ban cho ông là dấu lạ và điềm báo trong Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 8:19
Theo Ê-sai, dân Y-sơ-ra-ên đã nói gì với người của Ê-sai?
Họ sẽ nói với người của Ê-sai hãy cầu hỏi đồng cốt và các thầy bói.
Isaiah 8:20
Ê-sai dặn người của ông chú ý đến điều gì?
Họ được dặn phải chú ý đến luật pháp và lời chứng.
Isaiah 8:21
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì khi họ khốn khổ và đói khát cũng như khi nổi giận.
Họ sẽ ngước mặt lên trời nguyền rủa vua và Đức Chúa Trời mình.
Isaiah 8:22
Điều gì sẽ xảy ra cho người dân Y-sơ-ra-ên?
Họ sẽ bị xô đẩy vào nơi tối tăm mù mịt.

Chapter 9
Isaiah 9:1
Nhưng sẽ không còn bóng tối cho người đã chịu buồn rầu
Ê-sai nói đến những người đang lạc lối về thuộc linh như thể họ đang đi quanh quẩn trong bóng đêm mù mịt. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ cất đi bóng tôi cho người đang buồn rầu"
Ảm đạm
Từ này có nghĩa là "tối tăm một phần hoặc hoàn toàn tối tăm." Hãy dịch như bạn đã dịch từ "ảm đạm" trong in ISA08:21
người đã chịu buồn rầu
"Người đang chịu nỗi đau đớn lớn và buồn bã." Ở đây có thể là một phép hoán dụ cho người dân Giu-đa
Trong quá khứ, Đức Chúa Trời đã hạ nhục đất Sa-bu-lôn và đất Nép-ta-li
"Đất" nói đến những người đang sống trong một khu vực. Tương tự câu: "Trong quá khứ, Chúa đã hạ nhục những kẻ sống tại Sa-bu-lôn và Nép-ta-li"
nhưng trong tương lai, Ngài sẽ làm vẻ vang vùng đất nằm trên con đường ra biển, là miền bên kia sông Giô-đanh, tức là xứ Ga-li-lê của dân ngoại
"Nhưng trong tương lai, Chúa sẽ vinh danh dân Ga-li-lê, từ con đường ra biển Địa Trung Hải đến Sông Giô-đanh, nơi có nhiều dân ngoại sinh sống."
bóng tối ... bóng của sự chết
Cả hai sự diễn đạt này đều tượng trưng cho nỗi đau rất lớn.
đi trong bóng tối
Ê-sai đang nói đến những người sống một cuộc sống tội lỗi như thể họ đang đi trong một nơi tối tăm mà không có ánh sáng. Tương tự câu: "tiếp tục làm những điều ác"
ánh sáng lớn ... ánh sáng chiếu rọi
Ở đây "ánh sáng" tượng trưng cho niềm hy vọng và sự giải cứu.
những người đang ngồi dưới bóng của sự chết
"vùng đất của sự tối tăm mù mịt"
Isaiah 9:3
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục mô tả về thời điểm khi Đức Chúa Trời sẽ giải cứu dân Y-sơ-ra-ên. Cho dù những sự kiện này sẽ xảy ra trong tương lai (ISA09:01
Chúa đã làm cho dân nầy gia tăng bội phần,và khiến họ tràn ngập niềm vui
Từ "Chúa" ở đây từ là Đức Giê-hô-va. Từ "họ" tức là dân Y-sơ-ra-ên, nhưng Ê-sai đã bao gồm cả chính ông như là một phần của dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Chúa, là Đấng sẽ làm cho dân này gia tăng bội phần và khiến họ tràn ngập niềm vui"
Họ sẽ vui mừng trước mặt Chúa như vui mừng trong mùa gặt, như người ta reo vui lúc chia nhau chiến lợi phẩm
"Họ sẽ vui mừng trước mặt Chúa như khi họ thu hoạch mùa gặt hoặc như khi trận chiến kết thúc và những binh lính chia nhau chiến lợi phẩm"
Isaiah 9:4
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục mô tả về thời điểm mà Đức Chúa Trời sẽ giải cứu dân Y-sơ-ra-ên. Mặc dầu những sự kiện này sẽ xảy ra trong tương lai (ISA09:01
Cái ách nặng nề ... vai họ ... kẻ áp bức họ
Ê-sai nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người. Tương tự câu: "Vì cái ách nặng nề của họ ... vai họ ... kẻ áp bức họ"
cái ách nặng nề ... Chúa đã bẻ
Ê-sai nói về dân Y-sơ-ra-ên, là những kẻ nô lệ của người A-si-ri, như thể họ là một con bò đang mang một cái ách. Điều này sẽ xảy ra trong tương lai, nhưng ông nói như thể nó đã xảy ra rồi. Tương tự câu: "Người sẽ giải phóng dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi kiếp nô lệ giống như một người bẻ một cái ách ra khỏi một con bò"
ngọn roi đánh trên vai họ
Cái đòn là một phần của cái ách đặt trên vai của con bò.
ngọn roi đánh
Một nghĩa khác có thể là "cái roi," một thanh gỗ dài mà một người dùng để đánh những con bò để chúng làm việc và là một biểu tượng cho quyền lực của một người cai trị những người khác.
cây gậy của kẻ áp bức họ
Ê-sai nói đến quyền lực của kẻ đã áp bức dân Giu-đa như thể đó là một miếng gỗ được một người dùng để đánh những còn bò nhằm khiến chúng làm việc.
như Ngài đã làm trong thời Ma-đi-an
Từ "thời" là một cách diễn đạt ngụ ý đến một sự kiện đã diễn ra nhiều hơn một ngày. Tương tự câu: "như khi Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đã đánh bại người Ma-đi-an"

Tất cả giày dép dùng trong chiến trận và quân phục vấy máu đều sẽ bị thiêu hủy

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "các ngươi sẽ đốt những giày dép và quân phục của quân lính,mà đã bị dính máu"

bị thiêu hủy, làm mồi cho lửa

Ở đây có thể được dịch như một câu mới. Tương tự câu: "bị thiêu hủy. Các ngươi sẽ lấy những giày dép và quân phục này làm mồi cho lửa"

Isaiah 9:6

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục mô tả về thời điểm mà Đức Chúa Trời sẽ giải cứu dân Y-sơ-ra-ên (ISA09:01

Vì một Con Trẻ được sinh cho chúng ta, tức là một con trai được ban cho chúng ta

Hai cụm từ này mang nghĩa cơ bản giống nhau. Từ "chúng ta" ở đây nói đến cả người nói và người nghe. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Vì Chúa sẽ ban cho chúng ta một Con Trẻ"

quyền cai trị sẽ đặt trên vai Ngài

"Ngài sẽ có quyền cai trị như vua" hoặc là "Đức Giê-hô-va sẽ trao cho Ngài quyền cai trị"

Đấng Cố Vấn

Đấng khuyên bảo các vị vua

Quyền cai trị của Ngài cứ gia tăng mãi, và nền hòa bình sẽ vô tận

"Thời gian trôi qua Ngài sẽ cai trị càng nhiều người hơn nữa và khiến cho họ hòa bình càng thêm"

trên ngôi Đa-vít

Ngồi trên "ngôi Đa-vít" là một phép hoán dụ cho việc giữ quyền cai trị; chỉ có các hậu tự của Đa-vít mới có thể trở thành vua cai trị Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "có quyền cai trị như các hậu tự của Đa-vít"

Để lập vững và duy trì vương quốc ấy trong công lý và sự công chính

Câu này có thể được dịch làm một câu mới. Tương tự như: "Ngài sẽ thiết lập và bảo vệ vương quốc Ngài, cũng như Ngài sẽ làm những điều công lý và công chính"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Đã dịch cụm từ này trong ISA01:09

Isaiah 9:8

Chúa đã truyền một lời chống lại Gia-cốp, và lời ấy giáng trên Y-sơ-ra-ên

"Truyền một lời" có nghĩa là phán. Tương tự câu: "Chúa đã phán những lời chống lại dân Y-sơ-ra-ên"

Gia-cốp ... Y-sơ-ra-ên ... Ép-ra-im ... Sa-ma-ri

Những cái tên này đều nói đến những người dân của vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên.

Toàn dân, tức là Ép-ra-im và dân cư Sa-ma-ri, sẽ biết lời ấy

Điều họ sẽ biết có thể được làm rõ. Tương tự câu: "Toàn dân sẽ biết rằng Chúa đã trừng phạt họ, kể cả những người ở Ép-ra-im và Sa-ma-ri"

Gạch đã đổ xuống, nhưng chúng tôi sẽ xây lại bằng đá quý; Cây sung đã bị đốn ngã, nhưng chúng tôi sẽ thay bằng cây bá hương

Ý nghĩa đầy đủ có thể được làm rõ. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chúng tôi sẽ thay thế những viên gạch trong các thành bị phá hủy bằng những hòn đá quý, và chúng tôi sẽ trồng những cây bá hương khổng lồ vào nơi trước đây có các cây sung"

Isaiah 9:11

Vì vậy, Đức Giê-hô-va sẽ khiến kẻ đối địch của Rê-xin, nổi lên chống lại họ

Hãy xem bạn đã dịch từ Rê-xin trong ISA07:01

và khuấy động kẻ thù của họ

"và sẽ buộc kẻ thù của họ phải hành động" hay là "và Đức Giê-hô-va sẽ khiến kẻ thù tấn công dân Y-sơ-ra-ên"

Há miệng ra nuốt dân Y-sơ-ra-ên

"Nuốt" dùng để miêu tả những thú hoang ăn thịt con mồi của chúng ra sao. Tương tự câu: "Giống như con thú hoang dữ tợn ăn thịt con mồi của chúng thì quân đội của kẻ thù sẽ hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên như vậy"

Dù vậy, cơn giận Ngài chưa quay khỏi

"Cho dù tất cả những việc này đã xảy ra, Ngài vẫn còn nóng giận." Hãy dịch câu này như trong ISA05:25

tay Ngài vẫn còn giơ ra

Ê-sai nói như thể Đức Giê-hô-va là một người sắp dùng nắm đấm đánh người khác. Đây là một phép ẩn dụ cho việc Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ngài vẫn còn sẵn sàng trừng phạt họ." Hãy dịch câu này như trong ISA05:25

Isaiah 9:13

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch như trong ISA01:09

cả đầu lẫn đuôi

Ê-sai giải thích phép hoán dụ này trong câu 15: "đầu", là phần của một con vật, tức là phần mà người ta muốn trở thành, đó là "người lãnh đạo và quý tộc," và "đuôi," là phần bẩn thỉu của con vật, tức là "tiên tri dạy điều dối trá."

cả cành cọ lẫn cây sậy

"Cành cọ" mọc phía trên cao của cây và đây là phép ẩn dụ về những người quan trọng. "Cây sậy" mọc ở vùng nước nông và là ẩn dụ về những người nghèo và là kẻ thứ yếu. Tương tự câu: "cả những người giàu có, quan trọng lẫn những người nghèo, và thứ yếu"

Isaiah 9:16

Những kẻ dẫn dắt dân nầy đã sai lạc

"Những lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên đã khiến cho dân sự không vâng lời Đức Chúa Trời"

còn những người được dẫn dắt thì bị hủy diệt

"Bị hủy diệtt" nghĩa là "bị tàn phá." Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "còn mọi người thì bị rối rắm" hay "còn Đức Chúa Trời sẽ diệt sạch những người được họ dẫn dắt"

miệng nào cũng nói điều ngu xuẩn

Từ "miệng" nói đến mọi người. Tương tự câu: "mọi người nói những điều ngu ngốc"

Dù vậy, cơn giận Ngài chưa quay khỏi

"Bởi tất cả những việc này đã xảy ra, và Ngài vẫn còn nóng giận"

và tay Ngài vẫn giơ ra

Ê-sai nói như thể Đức Giê-hô-va là một người sắp dùng nắm đấm đánh người khác. Đây là một phép ẩn dụ về việc Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ngài vẫn còn sẵn sàng để trừng phạt họ." Hãy dịch như trong ISA05:25

Isaiah 9:18

Vì sự gian ác cháy bừng lên như lửa, thiêu hủy gai gốc và bụi rậm, đốt cháy các bụi cây trong rừng

Những việc gian ác của mọi người được nói đến như thể chúng là một ngọn lửa có sức hủy diệt rất lớn. Ngọn lửa này

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thậm chí đốt hết cả gai góc và bụi rậm, cùng các cây mọc ở những nơi mà không còn ai sống ở đó nữa, và "các bụi cây trong rừng" là nơi không còn một ai sống ở đó nữa, bởi vì nó đã phá hủy mọi nơi mà con người sinh sống.

gai góc ... bụi rậm

Những từ như "gai góc" và "bụi rậm" cả hai đều nói đến các loại cây có gai và vô dụng; chúng có thể được dịch bằng một từ. Tương tự câu: "các bụi gai" Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong ISA07:23

Bởi cơn giận của Đức Giê-hô-va vạn quân, đất bị thiêu đốt

Hãy xem cách bạn đã dịch "Đức Giê-hô-va vạn quân" trong ISA01:09

Người ta chẳng còn tiếc thương anh em mình

"Chẳng ai làm bất cứ việc gì để giúp người khác trốn thoát" Isaiah 9:20

Họ cấu xé bên phải mà vẫn đói ... bên trái

Cụm từ này nghĩa là mọi người sẽ vồ lấy thức ăn bất cứ nơi nào họ có thể tìm được.

Ai nấy ăn thịt của chính cánh tay mình

Các nghĩa có thể là 1) người ta quá đói đến nỗi họ sẽ muốn ăn hoặc sẽ ăn chính cánh tay của mình hay là 2) từ "cánh tay" là một phép ẩn dụ về một người hàng xóm."

Dù vậy, cơn giận của Đức Giê-hô-va chưa quay khỏi. Tương tự câu: "Ngài vẫn còn muốn trừng phạt họ nữa"

"Cho dù tất cả những việc này đang diễn ra, Ngài vẫn còn nóng giận." Những từ tương tự xuất hiện trong ISA05:25

và tay Ngài vẫn còn giơ ra

Ê-sai nói như thể Đức Giê-hô-va là một người sắp dùng nắm đấm đánh người khác. Đây là một phép ẩn dụ rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ngài vẫn còn sẵn sàng để trừng phạt họ." Hãt dịch như trong ISA05:25

Translation Questions

Isaiah 9:1

Điều gì sẽ xảy ra với dân đang gặp khó khăn?

Sự khó khăn ảm đạm sẽ bi tiêu tan.

Trước kia Chúa đã khiến đất nào gụt đầu xấu hổ?

Trước kia Chúa đã khiến đất Xê-bu-lôn và Nép-ta-li gụt đầu xấu hổ.

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho Xê-bu-lôn và nép-ta-li sau đó?

Ngài sẽ làm cho nó trở nên trù phú.

Isaiah 9:2

Ánh sáng đã chiếu trên những ai?

Ánh sáng đã chiếu trên những người đang sống trong tối tăm của sự chết.

Isaiah 9:6

Danh xưng của Đấng được ban để dẫn dắt dân sự mình?

Danh Ngài là Cố Vấn Tuyệt Vời, Thượng Đế Toàn Năng, Cha Đời Đời và Chúa Bình An.

Isaiah 9:7

Ngài sẽ cai trị như thế nào?

Ngài sẽ cai trị bởi công lý và bằng sự nhân từ.

Isaiah 9:9

Y-sơ-ra-ên kiêu căng và khoe khoang về điều gì?

Y-sơ-ra-ên nói, "tuy gạch đã đổ, nhưng chúng ta sẽ xây lại bằng đá đẽo, những cây nhỏ đã bị đốn xuống, nhưng chúng ta sẽ thế bằng cây hương nam cao hơn".

Isaiah 9:10

Y-sơ-ra-ên kiêu căng và khoe khoang về điều gì?

Y-sơ-ra-ên nói, "tuy gạch đã đổ, nhưng chúng ta sẽ xây lại bằng đá đẽo, những cây nhỏ đã bị đốn xuống, nhưng chúng ta sẽ thế bằng cây hương nam cao hơn".

Isaiah 9:11

Đức Giê-hô-va đưa ai lên chống lại Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va đưa Rê-xin, A-ram và Phi-li-tin lên chống lại Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 9:12

Đức Giê-hô-va đưa ai lên chống lại Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va đưa Rê-xin, A-ram và Phi-li-tin lên chống lại Y-sơ-ra-ên.

Sau đó thì cơn giận của Đức Giê-hô-va đã hạ xuống?

Không, cơn giận của Đức Giê-hô-va không hạ xuống. Tay Ngài vẫn còn giơ ra để trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 9:13

Dân chúng có quay về cùng Đức Giê-hô-va không?

Dân sự không chịu trở lại cùng Đức Giê-hô-va hoặc không theo Ngài.

Isaiah 9:15

Ai là "đầu" và "đuôi" mà Đức Giê-hô-va sẽ cắt đứt trong một ngày?

Các bô lão và giới thượng lưu là đầu, còn các tiên tri dối là đuôi.

Isaiah 9:17

Tại sao Chúa không thương xót những người mồ côi và góa bụa?

Ngài không thương xót những người mồ côi và góa bụa vì mọi người đều trở nên cực ác, chúng đều nói dối.

Sau tất cả những điều đó, Đức Giê-hô-va hết nổi giận không?

Không, Đức Giê-hô-va vẫn còn nổi giận, tay Ngài còn giơ ra để đánh phạt dân Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 9:19

Sự nổi giận của Đức Giê-hô-va đã xảy ra điều gì?

Đức Giê-hô-va khiến đất bị đốt cháy, và dân chúng như củi dành cho lửa.

Isaiah 9:21

Chuyện gì đã xảy ra với Ma-na-se, Ép-ra-im, và Giu-đa?

Ma-na-se và Ép-ra-im nghịch cùng nhau, và cả hai đều nghịch cùng Giu-đa.

Sau tất cả những điều này thì cơn giận của Đức Giê-hô-va có hạ xuống không?

Không, cơn giận của Đức Giê-hô-va không hạ xuống. Tay Ngài vẫn còn giơ ra để trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 10

Isaiah 10:1

cho những kẻ lập ra luật bất công, những kẻ viết nên đạo luật trái lẽ

Những cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự như: "cho những kẻ làm ra những điều luật và luật lệ bất công với mọi người"

Để tước đoạt quyền lợi của người cô thế và cướp mất công lý khỏi người nghèo khó trong dân Ta

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự như: "Họ không công bằng với người nghèo khó và người cô thế trong dân Ta"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người cô thế

"người nghèo khó"

biến người góa bụa thành miếng mồi của chúng

"lấy mọi thứ từ những người nữ bị mất chồng"

và kẻ mồ côi trở thành chiến lợi phẩm

Ê-sai so sánh những kẻ mồ côi như những con vật bị các vật khác săn bắt và ăn thịt. Câu này nhấn mạnh rằng những kẻ mồ côi là những người yếu đuối và những quan án có thể dễ dàng hãm hại họ. Tương tự câu: "và hãm hại những kẻ không cha không mẹ giống như một con thú đuổi theo con mồi của nó"

chiến lợi phẩm

Hãy xem bạn đã dịch từ "chiến lợi phẩm" như thế nào trong ISA05:29

Isaiah 10:3

Các ngươi sẽ làm gì khi đến ngày trừng phạt, ... từ xa ập đến?

Ê-sai dùng một câu hỏi để quở trách những người Giu-đa đã hãm hại những người nghèo và kẻ yếu thế. Tương tự câu: "Ngươi sẽ chẳng thể làm gì vào ngày trừng phạt ... từ xa ập đến!"

ngày trừng phạt

"là ngày mà Đức Giê-hô-va đến để phán xét các ngươi" hay là "ngày mà Đức Giê-hô-va trừng phạt các ngươi"

Các ngươi sẽ trốn đến ai để cầu cứu? Các ngươi sẽ để danh vọng mình ở đâu?

Ê-sai dùng một câu hỏi để trách mắng những người Giu-đa đã hãm hại những người nghèo và kẻ yếu thế. Tương tự như: "Ngươi không có nơi nào để chạy đến tìm sự giúp đỡ, và ngươi sẽ chẳng có chỗ nào để giấu đi của cải mình!"

Không có gì còn lại

"Chẳng còn gì để các ngươi làm"

là khom lưng giữa đám tù binh và ngã gục giữa những người bị giết

"và các kẻ thù ngươi sẽ bắt ngươi làm tù nhân hoặc sẽ giết ngươi"

Dù vậy, cơn giận của Chúa chưa quay khỏi

"Dù cho tất cả những điều đó xảy ra, Ngài vẫn còn nóng giận." Hãy dịch như trong ISA05:25

Và tay Ngài vẫn còn giơ ra

Ê-sai nói như thể Đức Giê-hô-va là một người sắp dùng nắm đấm đánh người khác. Đây là một phép ẩn dụ rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ngài sẽ vẫn còn sẵn sàng để trừng phạt họ." Hãy dịch như trong ISA05:25

Isaiah 10:5

Khốn cho

Từ này để đánh dấu mở đầu tuyên bố của Đức Chúa Trời về sự hành hại nặng nề cho dân A-si-ri.

A-si-ri

Câu này nói đến vua A-si-ri.

Cây roi của sự thịnh nộ Ta! Cây gậy trong tay nó là sự tức giận của Ta

Cả hai cụm từ này đều mang nghĩa về cơ bản giống nhau. Đức Giê-hô-va so sánh vua A-si-ri với một vũ khí mà một người cầm trong tay và dùng nó để đánh người khác. Câu này nhấn mạnh rằng vua A-si-ri và quân đội của vua là một công cụ mà Đức Giê-hô-va sử dụng để trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "là người sẽ như một vũ khí trong tay Ta để Ta dùng hầu thể hiện sự nóng giận của Ta "

Ta sai nó ... Ta truyền cho nó

Từ "nó" ở đây nói đến vua A-si-ri. Nhưng không có nghĩa là Đức Chúa Trời chỉ sai mình vua; mà Ngài sai quân đội của A-si-ri cùng vua. Tương tự câu: "Ta sẽ sai quân đội A-si-ri ... Ta truyền lệnh cho chúng"

Chống lại một nước bất kính, đánh một dân chọc giận Ta

"tấn công một nước đầy những kẻ tự kiêu khiến Ta tức giận"

Dân chọc giận Ta

Đức Giê-hô-va nói về cơn giận của Ngài như thể nó là chất lỏng tràn ra khỏi bể chứa; "dân sự" đang cố gắng vác cái bể chứa này, nhưng nó quá nặng, và Đức Giê-hô-va cứ tiếp tục đổ chất lỏng vào thậm chí khi nó sắp tràn ra ngoài. Tương tự câu: "dân sự mà Ta tiếp tục giận dữ ngay cả sau khi đã trừng phạt họ"

để cướp bóc

"cướp lấy mọi điều chúng có"

tước đoạt

tước đoạt mạng sống con người như tước đoạt con mồi. Hãy xem bạn đã dịch từ "tước đoạt" như thế nào trong ISA05:29

giày đạp chúng như bùn ngoài đường

Các nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va so sánh quân đội A-si-ri tấn công dân Y-sơ-ra-ên như người ta giẫm đạp trên bùn mà không để ý điều gì đang xảy ra với chúng. Tương tự câu: "dẫm đạp chúng cho tới khi chúng trở thành bùn đất" hoặc là 2) Những người giẫm đạp lên những người khác để họ nằm dưới bùn và không thể đứng dậy được. Câu này là một ẩn dụ về việc đánh bại họ một cách triệt để. Tương tự câu: "hoàn toàn đánh bại họ"

Isaiah 10:7

Nhưng nó không hiểu như thế, lòng nó chẳng nghĩ như vậy

Nghĩa của từ "như thế" và "như vậy" có thể được làm rõ. Tương tự câu: "Nhưng vua của A-si-ri không có ý định làm theo điều Ta đã truyền, hoặc là nó không nghĩ rằng Ta đang sử dụng nó như vũ khí của Ta"

Nó muốn tiêu diệt, và loại trừ thật nhiều nước

Những từ "tiêu diệt" và "loại trừ" về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Chúng được sử dụng để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Nó muốn phá diệt nhiều nước"

Chẳng phải các tướng lĩnh của ta đều là vua sao?

Vua A-si-ri dùng một câu hỏi để nhấn mạnh điều ông tin rằng mọi người đã biết. Tương tự câu: "Ta đã cho các tướng lĩnh của quân đội làm vua cai trị những vùng đất mà ta đã chinh phục!"

Chẳng phải Ca-nô sẽ như Cạt-kê-mít, Ha-mát sẽ như Ạt-bát, Sa-ma-ri sẽ như Đa-mách sao?

Vua A-si-ri dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Ca-nô không khác gì Cạt-kê-mít, Ha-mát không khác gì Ạt-bát, Sa-ma-ri không khác git Đa-mách. Ta đã chinh phục tất cả chúng!"

Ca-nô ... Cạt-kê-mít ... Ha-mát ... Ạt-bát

Đây đều là tên các thành.

Isaiah 10:10

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục trích dẫn những gì vua A-si-ri nói. (Xem: ISA10:07

Như tay Ta đã nắm

"Tay" ở đây nói đến sức mạnh quân đội. Tương tự câu: "Như quân đội đầy sức mạnh của ta đã đánh bại" hoặc là "Như ta đã chinh phục"

ta

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ này nói đến vua A-si-ri.

tượng thần của họ còn hơn cả

Trong thời điểm này mọi người tin rằng sự vĩ đại của một tượng thần bày tỏ sự hùng mạnh của nước làm nên nó. Vua A-si-ri đang nói rằng bởi vì tượng thần ở Giê-ru-sa-lem không lớn như các tượng thần ở các nước vua đã đánh bại, Giê-ru-sa-lem sẽ ít có khả năng để đánh bại ông hơn cả những nước kia.

Như ta đã làm cho Sa-ma-ri và thần tượng nó sao

Từ "Sa-ma-ri" nói đến những người sống ở đó và từ "nó" ngụ ý đến thành Sa-ma-ri. Các thành và các nước thường được nói đến như thể chúng là những người nữ. Tương tự câu: "như ta đã làm với người Sa-ma-ri và những thần tượng vô dụng của nó"

Ta lại chẳng làm cho Giê-ru-sa-lem và thần tượng nó

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để nhấn mạnh cách chắc chắn rằng ông sẽ chinh phục dân Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Ta chắc chắn sẽ làm điều tương tự với Giê-ru-sa-lem và các tượng thần của nó!"

Isaiah 10:12

Nhưng khi Chúa đã hoàn thành mọi công việc của Ngài trên núi Si-ôn và tại Giê-ru-sa-lem, Ngài phán, "Ta sẽ trừng phạt ..."

Đức Giê-hô-va nói về chính mình như thể Ngài là một người khác. "Khi Ta, là Chúa đã hoàn thành mọi công việc của Ta trên Núi Si-ôn và tại Giê-ru-sa-lem, Ta sẽ trừng phạt."

mọi công việc của Ngài trên ... và tại

công việc trừng phạt của Ngài. "trừng phạt ... và trừng phạt"

Ta sẽ trừng phạt những việc làm của lòng tự đại và sự kiêu hãnh của con mắt tự cao của vua A-si-ri

"Ta sẽ trừng phạt vua A-si-ri vì những lời kiêu ngạo nó đã nói và cái nhìn tự cao trên mặt nó"

Vì vua nầy nói rằng

"Vì vua A-si-ri đã nói"

Ta đã xóa bỏ biên giới các dân

Ở đây từ "Ta" nói đến vua A-si-ri. Vua là lãnh đạo của quân A-si-ri và chịu trách nhiệm cho những gì quân đội đã làm theo lệnh vua. Tương tự câu: "quân đội ta đã xóa bỏ biên giới các dân"

như một người hùng mạnh

"khỏe như một con bò". Một vài đoạn Kinh Thánh cổ chép là "như một người hùng mạnh."

Ta đã hạ bệ các vua

Các nghĩa có thể là 1) vua A-si-ri đã sỉ nhục dân chúng trong các nước mà vua đã chinh phục

Ta đã hạ bệ

"Ta và quân đội ta đã hạ bệ"

Isaiah 10:14

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va vẫn đang trích dẫn lời vua A-si-ri. (Xem: ISA10:12

Tay ta đã bắt lấy của cải các dân như bắt một tổ chim

Vua A-si-ri so sánh việc cướp đoạt của cải từ các nước như một người lấy trứng ra khỏi một tổ chim. Câu này nhấn mạnh rằng vua và quân đội của vua rất dễ dàng để chinh phục các nước khác. Tương tự câu: "Quân đội ta đã lấy những của cải từ các nước dễ như một người lấy trứng khỏi tổ chim".

Tay ta đã bắt lấy

Tay là phép hoán dụ cho sức mạnh của vua và cả sức mạnh của quân đội. Tương tự câu: "Ta đã bắt lấy bằng sức mạnh của ta" hoặc là "Quân đội ta đã bắt lấy"

Ta đã thu gom cả mặt đất, như người thu gom trứng bỏ rơi

"và như một người lấy trứng từ tổ chim khi những chim không có ở đó để bảo vệ chúng như thế nào thì quân đội ta cũng lấy của cải từ các nước như vậy"

Chẳng ai vỗ cánh, há miệng, hay kêu hót

Câu này so sánh các nước như một con chim ngồi im lặng trong khi trứng của nó bị lấy đi. Ở đây hấn mạnh rằng các nước đã chẳng thể làm gì khi quân A-si-ri lấy tất cả những của cải của họ. Tương tự câu: "Và giống như một con chim không dám kêu hay vỗ cánh khi người ta lấy trứng của nó, thì các nước cũng không dám làm gì khi chúng ta lấy của cải của họ."

Isaiah 10:15

Cái rìu lại khoe mình với người cầm rìu, hay cái cưa lại tự tôn tự đại với kẻ cầm cưa sao?

Người kể chuyện sử dụng những câu hỏi này để chế nhạo vua A-si-ri. Tương tự câu: "Một cái rìu không thể khoe khoang rằng nó giỏi hơn người cầm rìu. Và cái cưa không thể tự cao tự đại với kẻ cầm cưa."

cái cưa

Một công cụ sắc bén được sử dụng để cưa gỗ

Điều đó giống như cây roi điều khiển người giơ roi, cây gậy nâng người cầm gậy

Những cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và được dùng để củng cố ý nghĩa của hai câu hỏi trước đó. Câu này có thể được dịch thành một câu mới. Tương tự như: "Không một cây gậy hay một cái roi nào có thể nâng người cầm nó lên"

Vậy nên, Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm cho những người mập mạnh của vua ấy trở nên gầy mòn

Vẫn chưa rõ liệu Đức Giê-hô-va hay là Ê-sai đang nói chuyện. Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "gầy mòn" được diễn tả như một động từ "làm yếu đi." Tương tự câu: "Vậy nên, Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân, sẽ khiến nhưng quân lính mạnh mẽ nhất của vua trở nên yếu ớt"

Và dưới cảnh vinh hoa của vua ấy, lửa sẽ cháy lên như một đám lửa thiêu đốt

Đức Giê-hô-va so sánh sự trừng phạt của Ngài với một ngọn lửa. Câu này nhấn mạnh rằng sự trừng phạt của Ngài sẽ hoàn toàn phá hủy tất cả những vinh hoa và sự vĩ đại của nước A-si-ri. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy diệt sự vinh hoa của nó như thể Ta đốt lửa để thiêu hủy mọi thứ mà nó tự hào"

Isaiah 10:17

Ánh sáng của Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên lửa

Cụm từ "ánh sáng của Y-sơ-ra-ên" tức là Đức Giê-hô-va. Vẫn chưa rõ liệu Đức Giê-hô-va hay là Ê-sai đang nói. Tương tự câu: "Ta, là Đức Giê-hô-va, ánh sáng của Y-sơ-ra-ên, sẽ trở nên như một ngọn lửa"

lửa

"Lửa" nhấn mạnh rằng quyền năng của Đức Giê-hô-va sẽ thiêu đốt mọi thứ không tôn cao danh Ngài.

Đấng Thánh của nó sẽ là một ngọn lửa

"Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên sẽ trở thành một ngọn lửa." Hãy xem bạn đã dịch "Đấng Thánh" như thế nào trong ISA01:04

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sẽ đốt cháy và thiêu nuốt gai góc và bụi rậm
"Lửa sẽ đốt cháy và thiêu nuốt các gai góc cùng bụi rậm của vua A-si-ri." Người nói so sánh vua của quân A-si-ri với gai góc và bụi rậm. Câu này nhấn mạnh Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt chúng dễ dàng như thế nào. Tương tự câu: "Ta sẽ phá hủy quân A-si-ri như một ngọn lửa đốt cháy và thiêu nuốt các gai góc cùng bụi rậm."
gai góc ... bụi rậm
Những từ "gai góc" và "bụi rậm" cả hai đều nói đến những loại thực vật có gai và vô dụng, chúng có thể được dịch bằng một từ. Tương tự câu: "những bụi gai" Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong ISA07:23
Còn sự trù phú của rừng và vườn cây ăn quả của vua ấy, Ngài sẽ tận diệt hết
Các nghĩa có thể là 1) "Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt những rừng rất lớn và vườn cây ăn quả trong nước A-si-ri" hay là 2) "Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt quân A-si-ri như một ngọn lửa thiêu đốt các khu rừng lớn và các khu vườn."
cả hồn lẫn xác
Các nghĩa có thể là 1) câu này nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ phá hủy hoàn toàn khu rừng và các khu vườn. Tương tự câu: "hoàn toàn" hay là 2) câu này nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ tận diệt dân A-si-ri. Cụm từ "hồn lẫn xác" là nói đến phần thuộc linh và thuộc thể của một người.
như kẻ kiệt sức đi loạng choạng
Câu này so sánh rằng các khu rừng và vườn của A-si-ri hay là quân đội của A-si-ri giống như một người ốm nằm trên giường sắp chết. Câu này nhấn mạnh cách mà thứ gì đó hùng mạnh có thể lại trở nên yếu ớt và kiệt sức. Tương tự câu: "họ sẽ giống như một người ốm đang yếu dần và chết"
Số cây trong rừng còn lại chẳng là bao
"Những cây còn sót trong rừng của vua rất ít"
Isaiah 10:20
Trong ngày đó
Câu này nói đến thời điểm mà Đức Chúa Trời thực hiện những việc đã phán trong ISA10:15
những người sống sót
Ý nghĩa câu này có thể được làm rõ. Tương tự câu: "những kẻ đã trốn thoát khỏi quân A-si-ri"
sẽ không còn nương cậy vào kẻ đã đánh họ nữa
"sẽ không còn nương cậy vào vua A-si-ri, là kẻ đã hãm hại họ"
Đấng Thánh
Dịch như trong ISA01:04
Isaiah 10:22
Hỡi Y-sơ-ra-ên, dù dân ngươi
Ở đây từ "ngươi" ở số ít. Có thể phiên dịch thành 1) Đức Chúa Trời đang nói với Ê-sai và "ngươi" tức là Ê-sai. Tương tự câu: "dân ngươi, Y-sơ-ra-ên là" hoặc là 2) Ê-sai hay là Chúa đang nói với dân Y-sơ-ra-ên và "ngươi" nói đến đất nước. Tương tự câu: "Hỡi Y-sơ-ra-ên, dân ngươi, là"
đông như cát biển
Cụm từ này nhấn mạnh rằng có một số lớn người Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "quá đông đếm không xuể, như cát trên bờ biển
Sự hủy diệt đã được quyết định
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã quyết rằng Ngài sẽ hủy diệt hầu hết những người dân ở Y-sơ-ra-ên"
công lý sẽ tràn lan
Câu này có thể được dịch thành một câu mới. Tương tự câu: "Điều này phải được thực thi vì sự công bình trọn vẹn" hoặc là "Đức Giê-hô-va sẽ làm điều này bởi Ngài là Đấng Công Bình trọn vẹn"
quyết định thực hiện sự hủy diệt trên khắp đất
Các ý nghĩa có thể là 1) "hủy diệt mọi vật trên đất như Ngài đã quyết định làm" hay 2) "hủy diệt mọi người trên đất như Ngài đã quyết định làm vậy."
đã quyết định
"đã quyết định"
Isaiah 10:24
người A-si-ri
Ê-sai nói đến vua A-si-ri và quân đội của ông như thể đó là một người. Tương tự câu: "vua A-si-ri và quân đội vua"
Chúng đánh ngươi bằng roi và giơ gậy chống lại ngươi
Từ "ngươi" nói đến "người A-si-ri," là sự nhân cách hóa vua A-si-ri và quân đội của vua. Những từ "roi" và "gậy" nói đến những thanh gỗ mà người ta dùng như cái gậy để đánh thú vật và người khác. Ê-sai nói về cách mà người A-si-ri sẽ cai trị Y-sơ-ra-ên như thể người A-si-ri đánh dân Y-sơ-ra-ên bằng những cái gậy. Tương tự câu: "Người A-si-ri sẽ cai trị ngươi và biến ngươi thành nô lệ"
như người Ai Cập đã làm
Nghĩa đầy đủ có thể được làm rõ. Tương tự câu: "như người Ai Cập đã cai trị những tổ phụ của các ngươi và biến họ làm nô lệ"
cơn thịnh nộ của Ta sẽ hướng về chúng để hủy diệt chúng
Danh từ trừu tượng "hủy diệt" có thể được dịch như một động từ. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy diệt chúng bởi vì Ta tức giận chúng"
Isaiah 10:26
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy xem bạn dịch cụm từ này như thế nào trong ISA01:09
sẽ quất roi trên chúng
"sẽ đánh người A-si-ri bằng một cái roi." Đức Chúa Trời sẽ không dùng một cái roi thực sự. Câu này nói đến quyền phép của Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt người A-si-ri cách nặng nề. Tương tự như: "sẽ hành hại người A-si-ri cách nặng nề như thể quất chúng bằng roi"
như đã đánh người Ma-đi-an nơi tảng đá Ô-rép
Câu này nhắc đến thời điểm mà Đức Chúa Trời đã giúp một người tên là Ghê-đê-ôn đánh bại quân đội Ma-đi-an.
Ngài cũng giơ gậy trên biển như đã làm tại Ai Cập
Câu này nói đến thời điểm mà Đức Chúa Trời đã khiến Biển Đỏ chia đôi để người dân Y-sơ-ra-ên có thể trốn thoát khỏi quân Ai Cập và quân Ai Cập đã bị chết chìm dưới đó. Tương tự câu: "Ngài sẽ giúp ngươi thoát khỏi quân A-si-ri như đã giúp các tổ phụ của ngươi thoát khỏi quân Ai Cập"
gánh nặng của chúng sẽ cất khỏi vai ngươi, ách của chúng sẽ cất khỏi cổ ngươi
"Đức Giê-hô-va sẽ cất gánh nặng mà người A-si-ri đã đặt lên vai ngươi, và Ngài sẽ cất ách mà chúng đã đặt lên cổ ngươi." Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Những từ "gánh nặng" và "ách" nói đến cảnh nô lệ. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt người A-si-ri là những kẻ đã áp bức ngươi và không cho họ bắt ngươi làm nô lệ nữa"
ách sẽ bị gãy vì sự béo mập của ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sự diễn đạt này gợi ý đến cổ của một loài động vật đang mang ách sẽ trở nên quá béo mập đến mức không còn vừa cái ách nữa. Câu này là một phép ẩn dụ về dân Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên mạnh đến mức dân A-si-ri không thể cai trị họ được nữa. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: "cổ ngươi sẽ béo mập đến nỗi nó làm gãy ách" hoặc là "ngươi sẽ trở nên mạnh đến mức ngươi sẽ không còn là nô lệ của người A-si-ri nữa"
Isaiah 10:28
đến ... xuyên qua ... để ... vượt qua ...đóng trại ... run sợ ... chạy trốn
Ê-sai nói về những sự kiện trong tương lai như thể chúng đã xảy ra rồi.
A-giát ... Mi-gơ-rôn ... Mích-ma ... Ghê-ba ... Ra-ma ... Ghi-bê-a
Đây đều là những thành và làng mạc gần Giê-ru-sa-lem mà quân A-si-ri đã đi qua và gây ra tai họa.
Ra-ma run sợ, Ghi-bê-a của Sau-lơ chạy trốn
"Người dân Ra-ma run sợ và người dân Ghi-bê-a của Sau-lơ đã chạy trốn"
Isaiah 10:30
con gái Ga-lim
Từ "con gái" ở đây nói đến mọi người sống ở trong thành.
Tương tự câu: "Ga-lim" hoặc là "người Ga-lim"
Ga-lim ... La-ít ...A-na-tốt ... Mát-mê-na ... Ghê-bim ... Nóp
Đây là tên của những thành và làng mạc gần Giê-ru-sa-lem mà quân A-si-ri đã tràn qua gây ra nỗi kinh sợ cho dân sự. Tất cả những tên này đều ngụ ý nói đến những người sống ở những nơi đó.
chúng sẽ dừng lại ở Nóp, vung tay mình
Ở đây từ "chúng" và "mình" nói đến vua A-si-ri và quân lính của vua. Chúng sẽ vung tay đe dọa những ai đang khiếp sợ.
Tương tựu câu: "Quân đội A-si-ri sẽ dừng lại ở Nóp và đe dọa"
núi của con gái Si-ôn, và chống lại đồi của Giê-ru-sa-lem
Những từ như "núi" và "đồi" là những hoán dụ thay cho những người sống ở đó. Tương tự câu: "Những người sống trên núi Si-ôn và những người sống trên đồi của Giê-ru-sa-lem." Những từ như "núi của con gái Si-ôn" có nghĩa tương tự như những từ "đồi của Giê-ru-sa-lem." Hãy xem cách những từ này đã được dịch trong ISA02:14
Isaiah 10:33
Nầy
Từ này có thể được dịch là "Hãy xem" hoặc là "Hãy nghe" hay là "Hãy chú ý đến điều Ta sắp phán với ngươi."
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong ISA01:09
chặt các cành cây ...và Li-ban sẽ ngã xuống bởi Đấng Quyền Năng
Ê-sai nói về quân A-si-ri như thể là những cây cao ở Li-ban. Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt đội quân này giống như người ta chặt hạ những cây cao của Li-ban. Ở đây nhấn mạnh rằng cho dù quân đội mạnh như thế nào, thì Đức Chúa Trời cũng có quyền năng tiêu diệt nó.
chặt các cành cây
"Sẽ chặt những cành lớn của cây." Để nói rõ rằng điều này ngụ ý đến quân đội A-si-ri, nó có thể được dịch như một cách so sánh: Ngài sẽ tiêu diệt quân A-si-ri như một người cường tráng chặt hạ những nhánh lớn của cây.
dùng uy lực đáng sợ
Câu này có thể viết lại để danh từ trừu tượng "uy lực" có thể được diễn tả như một động từ "tạo ra tiếng động." Tương tự câu: "và những cành cây sẽ bị chặt hạ trên đất tạo ra những tiếng ồn đáng sợ" hay là "và những cành cây sẽ rơi trên mặt đất với tiếng ồn rất lớn"
những cây cao lớn sẽ bị hạ thấp
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài sẽ chặt hạ những cây cao nhất"
những cây cao lớn
Đây là một phép ẩn dụ cho "những người lính mạnh mẽ nhất."
những cây kiêu kỳ đều bị đốn ngã
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài sẽ hạ gục những kẻ kiêu kỳ."
những cây kiêu kỳ
kiêu ngạo
những bụi cây trong rừng
"những cây bụi rậm rạp trong rừng." Đây có thể là một phép ẩn dụ cho những người không nổi tiếng.
Và Li-ban sẽ ngã xuống bởi Đấng Quyền Năng
"Những khu rừng của Li-ban sẽ không còn hùng vĩ nữa." Đây có thể là một phép ẩn dụ cho quân A-si-ri. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ đánh bại quân A-si-ri, dù cho nó hùng mạnh như thế nào"

Translation Questions

Isaiah 10:5
Ai là cái roi về sự giận dữ của Đức Giê-hô-va và cây gậy mà Ngài đã làm cho cơn giận của Ngài?
Người A-sy-ri là cái roi về sự giận dữ của Đức Giê-hô-va và cây gậy mà Ngài đã làm cho cơn giận của Ngài.
Isaiah 10:6
Đức Giê-hô-va ra lệnh cho người A-sy-ri làm gì?
Ngài ra lệnh cho người A-sy-ri đánh Y-sơ-ra-ên, cướp của cải chúng và giẫm nát chúgn như bùn trên đường phố.
Isaiah 10:7
Người A-sy-ri đã dự định thế nào?
Đó là lòng họ muốn tiêu diệt kẻ khác và đánh bại nhiều dân tộc.
Isaiah 10:12
Chúa phán Ngài sẽ làm gì khi Ngài đã làm xong cả việc trên núi Si-ôn và tại Giê-ru-sa-lem?
Chúa phán rằng Ngài sẽ trừng phạt lòng kiêu ngạo của vua A-sy-ri và lòng tự kiêu của nó.
Isaiah 10:13
Tại sao vua A-sy-ri nghĩ rằng ông ấy thành công?
Vua A-sy-ri nghĩ rằng ông ấy thành công bởi vì sức mạnh, sự khôn ngoan và sự hiểu biết của mình.
Isaiah 10:16
Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ làm gì giữa các binh sĩ người A-sy-ri?
Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ sai một bệnh tất khủng khiếp đến giữa họ.
Isaiah 10:18
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ tiêu diệt điều gì của A-sy-ri?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ đốt tiêu các rừng và ruộng vườn phì nhiêu của A-sy-ri.
Isaiah 10:20
Những người còn lại sống sót sẽ dựa vào điều gì sau khi họ trốn thoát?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những người còn lại trốn thoát không còn phải tin cậy vào Đấng đã đánh họ, nhưng chắc chắn sẽ phụ thuộc vào Đức Giê-hô-va.

Isaiah 10:24

Tại sao Giê-hô-va Đức Chúa Trời lại phán với những người sống ở Si-ôn đừng sợ người A-sy-ri?

Ngài bảo họ đừng sợ người A-sy-ri bởi vì ít lâu nữa cơn giận của Ngài đối với những kẻ ở Si-ôn sẽ dứt, rồi Ngài sẽ quay cơn giận Ngài tàn phá A-sy-ri.

Isaiah 10:25

Tại sao Giê-hô-va Đức Chúa Trời lại phán với những người sống ở Si-ôn đừng sợ người A-sy-ri?

Ngài bảo họ đừng sợ người A-sy-ri bởi vì ít lâu nữa cơn giận của Ngài đối với những kẻ ở Si-ôn sẽ dứt, rồi Ngài sẽ quay cơn giận Ngài tàn phá A-sy-ri.

Isaiah 10:27

Điều gì sẽ xảy ra trong ngày mà Đức Giê-hô-va sẽ quất roi trên dân A-sy-ri, cũng như khi Ngài giơ gậy trên biển?

Trong ngày đó, gánh nặng sẽ được cất khỏi vai chúng và ách sẽ được cất khỏi cổ chúng.

Chapter 11

Isaiah 11:1

Có một chồi sẽ nứt ra từ gốc Gie-sê ... một cành từ rễ nó sẽ ra trái.

Ê-sai nói đến Gie-sê và những hậu tự của ông như thể họ là một cái cây đã bị chặt hạ. Cả hai cụm từ này đều nói về hậu tự của Gie-sê và là người sẽ trở thành vua. Tương tự câu: "Có một chồi sẽ nứt ra từ gốc cây, là một hậu tự của Gie-sê sẽ trở thành vua của những người Y-sơ-ra-ên còn sống sót"

gốc Gie-sê

Gốc là phần còn lại của cái cây sau khi nó bị đốn hạ. "Gốc Gie-sê" tượng trưng cho những gì còn sót của vương quốc mà con trai của Gie-sê là Đa-vít đã từng làm vua.

Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ngự trên Ngài,

Ngự trên Ngài tức là ở cùng Ngài và giúp đỡ Ngài. Từ "Ngài" nói đến người sẽ trở thành vua.

thần khôn ngoan và thông sáng ... thần mưu lược và quyền năng ... thần tri thức ... và kính sợ Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "thần" nói đến khả năng hay năng lực mà Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ban cho Ngài. Tương tự câu: "và Chúa sẽ khiến cho Ngài có sự khôn ngoan và thông sáng, mưu lược và quyền năng, tri thức cùng sự kính sợ Đức Giê-hô-va"

Isaiah 11:3

Câu Nối:

Ê-sai tiếp tục mô tả vị vua.

Ngài sẽ không xét xử theo mắt thấy

Cụm từ "theo mắt thấy" nói đến việc nhìn thấy mọi việc không có phần quan trọng trong sự phán xét một người công chính. Tương tự câu: "Ngài sẽ chẳng phán xét một người chỉ đơn giản bằng việc nhìn xem người đó như thế nào"

cũng chẳng phán quyết theo tai nghe

"và Ngài sẽ chẳng quyết định bằng điều Ngài nghe thấy." Cụm từ "theo tai nghe" tức là nghe điều ai đó nói về người khác. Tương tự câu: "Ngài sẽ chẳng xét đoán một người chỉ đơn giản bằng cách nghe những người khác nói về người đó"

người cô thế ... kẻ nhu mì ... kẻ gian ác

Những cụm từ này ngụ ý đến những người có những đặc tính này. Tương tự câu: "Người nghèo ... người nhu mì ... người gian ác"

Ngài sẽ đánh thế gian bằng cây gậy nơi miệng mình ... và lấy hơi thở nơi môi mà giết kẻ gian ác

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau.

Ngài sẽ đánh thế gian bằng cây gậy nơi miệng mình

Từ "thế gian" tượng trưng cho mọi người trên thế gian. Đánh họ bằng cây gậy nơi miệng tượng trưng cho việc phán xét họ và sự phán xét đó sẽ dẫn tới sự đoán phạt. Tương tự câu: "Ngài sẽ phán xét mọi người trên thế gian và họ sẽ bị đoán phạt"

lấy hơi thở nơi môi mà giết kẻ gian ác

"hơi thở nơi môi" tượng trưng cho việc Ngài sẽ phán xét họ. Tương tự câu: "Ngài sẽ đoán phạt những kẻ ác và họ sẽ bị giết"

Sự công chính sẽ làm dây thắt lưng của Ngài ... dây ràng hông

Các nghĩa có thể là 1) thắt lưng được dùng để siết chặt quần áo hầu cho họ có thể làm việc, hoặc là 2) thắt lưng là quần áo lót trong, hay 3) thắt lưng là một cái khăn mà vua đeo để bày tỏ uy quyền của vua.

Sự công chính sẽ làm dây thắt lưng của Ngài

Đeo sự công chính như một cái thắt lưng tượng trưng cho sự công chính. Các nghĩa có thể là 1) Sự công chính của vua là để cai trị. Tương tự câu: "Sự công chính của Ngài sẽ như một thắt lưng đeo quanh hông " hoặc là 2) Sự công chính của vua sẽ bày tỏ quyền cai trị. Tương tự câu: "Ngài sẽ cai trị cách công chính"

sự thành tín sẽ làm dây ràng hông

Những từ "sẽ làm" được hiểu ngầm trong cụm từ này. Tương tự câu: "sự thành tín sẽ là dây ràng hông"

sự thành tín sẽ làm dây ràng hông

Đeo sự thành tín như một thắt lưng tượng trưng cho sự trung thành. Các nghĩa có thể là 1) Sự thành tín của vua sẽ giúp vua cai trị, hoặc là 2) sự thành tín của vua sẽ tỏ rõ quyền cai trị. Tương tự câu: "Sự thành tín sẽ là như một cái thắt lưng đeo quanh hông Ngài" hay là "Ngài sẽ cai trị cách thành tín"

Isaiah 11:6

Thông Tin Chung:

Ê-sai miêu tả về thế gian sẽ ra sao khi vua cai trị. Sẽ có hòa bình mãi mãi nơi thế gian. Sự hòa bình này được bày tỏ rằng cũng sẽ có sự công bình giữa các loài vật. Các loài vật thường giết các loài vật khác sẽ không còn giết chúng nữa, và tất cả các loài vật sẽ được an toàn cùng nhau.

Sói ... beo ... sư tử tơ ...gấu ... Sư tử

Những cụm từ này đề cập đến những loài động vật nói chung, không chỉ riêng một loài beo, hay loài sói. Tất cả các loài động vật khỏe mạnh thường tấn công và ăn thịt các động vật khác. Tương tự câu: "Sói ... beo ... sư tử tơ ... gấu ... Sư tử"

Chiên con ... dê con ... bê ... thú béo ... bò cái ... bò

Cụm từ này tức là những động vật nói chung, không chỉ riêng một loài chiên hay dê. Tất cả những động vật này là động vật ăn cỏ và rơm rạ. Những loài động vật khác đôi khi tấn công và ăn thịt chúng. Tương tự câu: "chiên con ... dê con ... bê ... thú béo ... Bò cái ... bò"

beo

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

một loài mèo lớn có lông vàng và đốm đen thường giết và ăn thịt các loài động vật khác

bê, sư tử tơ và thú béo ở chung với nhau

Cụm từ "sẽ ở" được hiểu ngầm. Tương tự câu: "bê, sư tử tơ, và thú béo sẽ ở cùng nhau"

gấu

Một động vật rất lớn có lông dày và vuốt nhọn để giết và ăn thịt các loài động vật khác

một trẻ nhỏ sẽ chăn dắt chúng

Một đứa trẻ sẽ chăm sóc và dẫn chúng đến những nơi tốt lành để uống nước và ăn cỏ hay cỏ khô.

sẽ ăn chung

"sẽ ăn cỏ cùng nhau"

các con nhỏ của chúng

Câu này nói đến các con của động vật khi chúng mới sinh ra.

Isaiah 11:8

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả sự bình an trọn vẹn trong thế gian khi nhà vua trị vì.

rắn hổ mang ... rắn lục

Những cụm từ này nói đến những loài rắn độc nói chung. Tương tự câu: "rắn hổ mang ... rắn lục"

Trẻ còn bú chơi đùa bên hang rắn hổ mang

Câu này có thể được trình bày cách rõ ràng là trẻ con sẽ được an toàn bởi vì rắn hổ mang sẽ không cắn nó. Tương tự câu: "Những đứa trẻ sẽ chơi đùa cách an toàn bên cạnh hang rắn"

trẻ thôi bú

Một đứa trẻ không còn bú sữa mẹ nữa

trên khắp núi Thánh ta

"Núi Thánh" là Núi Si-ôn, ở Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "trên khắp núi Thánh của Đức Giê-hô-va"

vì sự hiểu biết Đức Giê-hô-va sẽ đầy dẫy thế giới

Cụm từ "sự hiểu biết Đức Giê-hô-va" tượng trưng cho những người biết đến Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Cả thế gian sẽ đầy những người hiểu biết Đức Giê-hô-va" hoặc là "những người biết Đức Giê-hô-va sẽ tràn ngập cả đất"

như các dòng nước phủ đầy biển

Cụm từ này được dùng để cho thấy rằng thế gian sẽ có những người biết đến Đức Giê-hô-va nhiều như thế nào. Có lẽ sẽ rõ nghĩa hơn nếu những từ này tương tự như những từ trong cụm từ trước. Tương tự câu: "như biển được lấp đầy bởi nước"

Isaiah 11:10

cội rễ Gie-sê

Ở đây nói đến hậu tự của Gie-sê và vua Đa-vít, là người sẽ trở thành vua mà đã được nói đến trong ISA11:01

sẽ đứng lên làm ngọn cờ cho các dân tộc

Một ngọn cờ là lá cờ mà vị vua sẽ giơ lên như một tín hiệu cho mọi người nhìn thấy và đến với ông. Tương tự câu: "sẽ trở thành dấu hiệu cho mọi người" hoặc là "sẽ thu hút mọi người đến với ngài"

các nước

"người dân các nước"

Chúa còn đưa tay ra một lần nữa để chuộc dân sót của Ngài

Tay ở đây tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Chúa sẽ còn dùng quyền năng một lần nữa để chuộc dân sót của Ngài"

Pha-trô ... Ê-lam ... Ha-mát

Đây là tên các địa danh.

Isaiah 11:12

Ngài sẽ dựng một ngọn cờ cho các nước

Các nghĩa có thể là 1) "Chúa sẽ lập một vua như một ngọn cờ cho các nước" hoặc là 2) "Vua sẽ dựng một ngọn cờ cho các nước"

một ngọn cờ cho các nước

"một ngọn cờ để các nước nhìn thấy" hoặc là "một ngọn cờ để kêu gọi các nước đến với ngài"

những người Giu-đa lưu lạc

"những người Giu-đa đã sống rải rác khắp thế gian"

từ bốn phương trên đất

Trái đất được hình dung như thể nó có bốn phương, và những phương đó là những vùng đất xa xôi nhất. Câu này nói rằng mọi nơi trên trái đất là nơi mà những người này có thể ở. Tương tự câu: "từ những nơi xa xôi nhất trên trái đất" hoặc là "từ mọi nơi trên trái đất"

Sự ghen tị của Ép-ra-im không còn nữa

Ép-ra-im ở đây nói đến những hậu tự của vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Danh từ "sự ghen tị" có thể được miêu tả bằng một tính từ. Tương tự câu: "Ngài sẽ khiến cho những người Ép-ra-im không còn ghen tị nữa"

kẻ thù của Giu-đa sẽ bị tiêu diệt

Giu-đa ở đây nói đến những hậu tự của vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Cụm từ này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài sẽ ngăn chặn những kẻ thù của Giu-đa" hoặc là "Ngài sẽ ngăn những người dân Giu-đa khỏi sự thù ghét"

Isaiah 11:14

họ sẽ tấn công Phi-li-tin

Dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa được mô tả như thể họ là những con chim đang lao xuống rất nhanh để tấn công một người hoặc loài vật nào đó. Tương tự câu: "Họ sẽ nhanh chóng tới những đồi núi của người Phi-li-tin để tấn công những người tại đó"

vịnh Ai Cập

Một "vịnh" là một vùng nước có phần đất liền bao quanh. Tương tự câu: "Nơi biển Ai Cập nối với đất liền"

Vung tay trên Sông Cái với ngọn gió nóng

Vung tay trên cái gì đó tượng trưng cho quyền năng của Ngài để thay đổi nó. Tương tự câu: "Bằng quyền năng Ngài sẽ tạo ra một ngọn gió nóng thổi trên sông Cái"

ngọn gió nóng

Đây là một ngọn gió nóng hoặc lớn khiến cho nước trong các dòng sông bị khô cạn.

và khiến người ta có thể đi qua không ướt dép

"vậy nên người ta có thể đi qua ngay cả khi đang mang dép"

Isaiah 11:16

Vậy sẽ có một đường cái

Một đường cái là một con đường lớn mà mọi người có thể đi trên đó. "Đức Giê-hô-va sẽ làm nên một đường cái"

trong ngày họ ra khỏi đất Ai Cập

"khi họ ra khỏi đất Ai Cập"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 11:1

Điều gì sẽ đến từ gốc Gie-sê?

Có một chồi và một cành ra từ gốc Gie-sê.

Isaiah 11:2

Điều gì sẽ ngự trên Ngài?

Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ngự trên Ngài.

Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ban cho Ngài điều gì?

Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ban cho Ngài sự khôn ngoan, thông sáng, mưu lược, quyền năng, tri thức và sự kính sợ Đức Giê-hô-va.

Isaiah 11:4

Tiêu chuẩn nào được Ngài dùng để phân xử kẻ nghèo và người khiêm tốn?

Ngài sẽ không phán đoán theo mắt thấy hay quyết định theo tai nghe. Ngài sẽ phân xử thanh liêm và phán quyết rất công bằng cho kẻ nghèo.

Isaiah 11:9

Các con vật sẽ hành động khác nhau như thê nào?

Chúng sẽ không làm hại hay tiêu diệt lẫn nhau trong khắp núi thánh Ngài.

Tại sao các con vật không bị thương hoặc bị tiêu diệt?

Những con vật sẽ không bị thương hoặc bị tiêu diệt vì cả đất sẽ đầy sự hiểu biết về Đức Giê-hô-va.

Isaiah 11:11

Vào ngày đó, tại sao Chúa lại giương cờ lên?

Ngài sẽ tìm kiếm mang về những kẻ sống sót từ A-xy-ri, Bắc Ai Cập, Nam Ai Cập, Cút, Ê-lam, Ba-by-lôn, Ha-mát và các hải đảo ngoài biển khơi.

Isaiah 11:13

Điều gì sẽ xảy ra với những kẻ thù nghịch cùng Giu-đa?

Những kẻ thù nghịch cùng Giu-đa sẽ bị cắt đứt.

Chuyện gì sẽ xảy ra giữa Ép-ra-im và Giu-đa?

Ép-ra-im sẽ không còn ganh tức với Giu-đa, và Giu-đa sẽ không còn ghét Ép-ra-im nữa.

Isaiah 11:14

Ép-ra-im và Giu-đa sẽ làm gì cùng nhau?

Chúng nó sẽ tấn công Phi-li-tin về phía tây và chiếm của cải của dân ở phương Đông. Họ cũng cùng nhau đánh Ê-đôm và Mô-áp.

Isaiah 11:15

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho vịnh của biển Ai Cập và sông Ơ-phơ-rát?

Đức Giê-hô-va sẽ phân chia vịnh của biển Ai Cập và chia sông Ơ-phơ-rát thành bảy con sông nhỏ.

Tại sao Đức Giê-hô-va phân chia vịnh của biển Ai Cập và phân chia sông Ơ-phơ-rát?

Ngài sẽ phân chia như vậy để họ có thể đi qua mà không ướt dép.

Chapter 12

Isaiah 12:1

Thông Tin Chung:

Ở đây Ê-sai tiếp tục miêu tả điều sẽ xảy ra khi vị vua mà Đức Chúa Trời đã chọn lên ngôi trị vì. (Xem: ISA11:01

Trong ngày đó

Nó có thể được trình bày cách rõ ràng về thời điểm được đề cập đến. "Vào lúc đó" hay "Khi vị vua cai trị"

nhưng cơn giận Chúa đã quay khỏi

Cơn giận của Chúa được nói đến giống như là một người có thể quay khỏi và rời đi. Điều đó nghĩa là Đức Chúa Trời đã không còn nóng giận nữa. Tương tự câu: "Ngài không còn tức giận với tôi nữa"

Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi của con

Sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho ai đó được nói đến như thể Đức Chúa Trời chính là sự cứu chuộc. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời làm ra sự cứu chuộc tôi." Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được trình bày bằng danh từ "Đấng Cứu Chuộc" hoặc động từ "cứu". "Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Chuộc của con" hoặc là "Đức Chúa Trời là Đấng đã cứu tôi"

Vì Giê-hô-va, chính Đức Giê-hô-va, là sức mạnh của con

Đức Chúa Trời làm cho ai đó trở nên mạnh mẽ được nói đến như thể Đức Giê-hô-va là sức mạnh của họ. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va khiến cho tôi được mạnh mẽ"

và bài ca của con

Từ "bài ca" ở đây tượng trưng cho điều mà một người đang hát về. Tương tự câu: "và là Đấng mà con vui mừng hát ca ngợi"

Ngài đã trở nên sự cứu rỗi của con

"Ngài đã cứu chuộc tôi"

Isaiah 12:3

Vậy nên, các ngươi sẽ vui vẻ múc nước nơi nguồn cứu rỗi

Ê-sai nói về những người được cứu như thể họ sẽ nhận được sự cứu chuộc giống với cách mà mọi người múc nước ra khỏi giếng. Tương tự câu: "các ngươi sẽ vui mừng khi Ngài cứu chuộc các ngươi, như thể người ta vui mừng khi họ múc nước lên từ giếng"

hãy kêu cầu danh Ngài

Ở đây từ "danh Ngài" từ là Đức Giê-hô-va. Kêu cầu danh Ngài tượng trưng cho việc ngợi khen Ngài hoặc là cầu xin Ngài giúp đỡ. Tương tự câu: "ngợi khen Ngài cách lớn tiếng" hoặc là "kêu cầu Ngài để giúp đỡ"

hãy cho các dân tộc biết công việc của Ngài

Danh từ "công việc" có thể được trình bày bằng cụm từ "những điều Ngài đã làm". Tương tự câu: "Hãy nói cho các dân tộc nghe về những điều lớn lạ mà Ngài đã làm"

hãy nhắc họ nhớ rằng danh Ngài đáng được tôn cao

Ở đây từ "danh Ngài" từ là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "hãy công bố rằng danh Ngài đáng được tôn cao" hay là "hãy công bố rằng Ngài là Đấng vĩ đại "

Isaiah 12:5

Lời Chú Giải Kết Nối:

Ê-sai tiếp tục kể về điều mà người ta sẽ nói khi vua cai trị.

Vì Đấng đang ngự giữa ngươi là vĩ đại, là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

"bởi vì Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Đấng đang ngự giữa ngươi, là Đấng vĩ đại" hay "bởi vì Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên là vĩ đại và Ngài đang ngự giữa ngươi"

Translation Questions

Isaiah 12:1

Trong ngày đó, tại sao họ lại cảm tạ Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ cảm tạ cho dù Đức Giê-hô-va đã nổi giận với họ, nhưng cơn giận Ngài đã quay khỏi và Ngài lại an ủi họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong ngày đó dân SỰ sẽ nói gì về Đức Giê-hô-va?
Dân sự sẽ nói rằng Đức Giê-hô-va là sức mạnh của họ, là bài ca của họ và là sự cứu rỗi của họ.
Isaiah 12:2
Trong ngày đó dân SỰ sẽ nói gì về Đức Giê-hô-va?
Dân sự sẽ nói rằng Đức Giê-hô-va là sức mạnh của họ, là bài ca của họ và là sự cứu rỗi của họ.
Isaiah 12:5
Tại sao dân sự lại phải hát cho Đức Giê-hô-va?
Họ sẽ hát ca tụng Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã làm những công việc đầy vinh quang và để cho cả thế giới biết việc Ngài làm.

Chapter 13
Isaiah 13:1
về Ba-by-lôn
Tên của thành trì đại diện cho dân Ba-by-lôn. Tương tự câu: "về dân Ba-by-lôn"
con trai A-mốt
A-mốt là cha của Ê-sai. Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA01:01
hãy cất tiếng lên với chúng
Từ "chúng" nói đến những người lính từ nước khác.
các cửa của người quý tộc
Các nghĩa có thể là 1) "các cửa của thành Ba-by-lôn là nơi có các quý tộc sống" hay là 2) "các cổng những ngôi nhà lớn của các quý tộc"
người quý tộc
"những người được tôn quý" hay là "những người cai trị"
những người đã được Ta biệt riêng ra
"những người Ta đã biệt riêng ra cho chính Ta" hay là "quân đội mà Ta đã biệt riêng ra cho mình"
Cũng đã gọi các dũng sĩ của Ta đến để thi hành cơn thịnh nộ của Ta
Thi hành cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời tức là trừng phạt mọi người bởi vì cơn thịnh nộ của Ngài. "Ta đã gọi các dũng sĩ của Ta đến để trừng phạt người Ba-by-lôn bởi vì họ đã làm Ta tức giận."
họ là những người vui mừng về sự cao trọng của Ta
ao "cả những người vui mừng về sự cao trọng Ta." Lý do họ lại vui mừng về sự cao trọng được giải thích rõ ràng. Tương tự câu: "cả những người vui mừng bởi những điều lớn lạ mà Ta làm"
Isaiah 13:4
Trên các núi có tiếng náo động, như tiếng của một đoàn quân đông đảo
Từ "có" được hiểu ngầm. Cụm từ "náo động" và "một đoàn quân đông đảo" mang nghĩa giống nhau. Tương tự như câu: "Có tiếng động của rất nhiều người ở trên núi" hay là "Có tiếng của một đám đông rất nhiều người trên các núi"
Đó là tiếng gầm thét của các vương quốc, tức các nước họp lại với nhau
Từ "có" được hiểu ngầm. Những từ như "các vương quốc" và "các nước" ở đây mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Có sự náo động ồn ào của nhiều vương quốc đang họp nhau lại"
đang tập trung
"đang họp lại"
từ cuối tận phương trời
"từ những nơi xa xôi tận chân trời" hoặc là "từ những nơi rất xa xôi"
những vũ khí thịnh nộ của Ngài
Những chiến binh mà Đức Chúa Trời sai đến để tấn công Ba-by-lôn được nói đến như thể họ là những vũ khí. "Thịnh nộ" tức là sự trừng phạt bởi vì Đức Chúa Trời đã đoán phạt Ba-by-lôn. Tương tự câu: "quân đội mà Ngài sẽ sử dụng để trừng phạt Ba-by-lôn"
Isaiah 13:6
Hãy than khóc
"Hãy khóc to lên"
vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần rồi
Điều gì đó sẽ sớm xảy ra được nói đến như thể ngày đó đã đang đến gần. Tương tự câu: "Ngày của Đức Giê-hô-va sẽ sớm đến"
ngày đó sẽ đến như cuộc tàn phá từ Đấng Toàn Năng
Từ "ngày đó" tức là ngày của Đức Giê-hô-va. Ngày đó sẽ đến như một cuộc tàn phá có nghĩa là sự phá hủy sẽ diễn ra vào ngày đó. Cuộc tàn phá từ Đấng Toàn Năng nghĩa là Đấng Toàn Năng sẽ phá hủy chúng. Tương tự câu: "vào ngày đó, Đức Chúa Trời Toàn Năng sẽ tiêu diệt các ngươi"
mọi tay đều bủn rủn
Cụm từ này bày tỏ rằng tất cả mọi người sẽ rất yếu ớt và chẳng thể làm gì được.
mọi lòng đều tan chảy
Mọi người sẽ khiếp sợ được nói đến như lòng của họ bị tan chảy. Tương tự câu: "Mọi người quá khiếp sợ"
sự đau đớn và thảm sầu bắt lấy họ
Mọi người đột nhiên cảm thấy đau đớn và khốn khổ khôn cùng được nói đến như thể những nỗi đau và sự thảm sầu là những người túm lấy họ. Tương tự câu: "Họ sẽ cảm thấy nỗi đau và sự sầu thảm khôn cùng"
như cơn quặn thắt của sản phụ lúc sinh con
Đang đau đớn tượng trưng cho việc sinh con. Tương tự câu: "giống như một sản phụ sắp sinh con" hoặc là "giống như nỗi đau của một sản phụ sắp sinh con."
mặt đỏ bừng như ngọn lửa
Mặt của họ bị nóng và đỏ như thể chúng đang bị nung đốt. Những lý do có thể khiến mặt họ nóng bừng là 1) những người này quá sợ hãi, 2) những người này cảm thấy xấu hổ, hay là 3) những người này đang khóc. Tương tự câu: "mặt họ sẽ trở nên đỏ và nóng"
Isaiah 13:9
ngày Đức Giê-hô-va đến, là ngày thảm khốc, thịnh nộ và tức giận dữ dội
Ngày Đức Giê-hô-va đến cùng với cơn thịnh nộ và giận dữ có nghĩa là sẽ có sự thịnh nộ và giận dữ vào ngày đó. Những danh từ trừu tượng "thịnh nộ" và "tức giận" có thể được miêu tả bằng các tính từ "giận dữ" và "tức giận". Tương tự câu: "Vào ngày của Chúa, Ngài sẽ giận dữ và cực kỳ tức giận."
tức giận dữ dội
Sự tức giận ở đây được nói đến như thể người đang tức giận là một thùng chứa đầy sự tức giận. Tức giận dữ dội nghĩa là Ngài vô cùng giận dữ.
để làm cho đất trở nên hoang tàn
Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "hoang tàn" được miêu tả bằng động từ "điêu tàn." Tương tự câu: "khiến vùng đất bị điêu tàn"
Lúc ấy, các ngôi sao trên trời và các chòm sao
"Các ngôi sao trên bầu trời"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sẽ không chiếu sáng nữa
Đem đến ánh sáng tức là "chiếu sáng" Tương tự câu: "sẽ không chiếu sáng nữa"
Mặt trời vừa mọc lên thì đã tối sầm
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến mặt trời tối tăm" hoặc là "Mặt trời sẽ bị tối tăm"
Isaiah 13:11
Câu Kết Nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều mà Ngài sẽ làm trong ngày của Đức Giê-hô-va.
thế gian
Từ này nói đến "mọi người trong thế gian"
kẻ ác ... kẻ ngạo mạn ... kẻ bạo ngược
Những cụm từ này ngụ ý đến những người có những đặc tính này. Tương tự câu: "kẻ ác ... kẻ ngạo mạn ... kẻ bạo ngược"
kẻ bạo ngược
"những người độc ác"
và hạ sự tự cao của kẻ bạo ngược
Hạ xuống thường tượng trưng cho sự nhún nhường. Hạ sự tự cao của một người xuống tượng trưng cho việc khiến họ trở nên nhún nhường. Tương tự câu: "và sẽ khiến những kẻ bạo ngược trở nên khiêm nhường"
Ta sẽ làm cho con người hiếm hơn vàng ròng
Lý do sẽ chỉ còn số ít người có thể được giải thích rõ ràng. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến cho nhiều người chết đến mức những người còn sống sẽ hiếm hơn vàng ròng"
con người hiếm hơn vàng ròng ... loài người hiếm hơn vàng Ô-phia
Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau.
vàng Ô-phia
Ô-phia là tên một địa danh mà ở nơi đó có vàng nguyên chất.
Isaiah 13:13
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
như linh dương bị săn đuổi, như bầy chiên không có người chăn
"Giống như những con linh dương phải chạy trốn thật nhanh khi bị con người săn đuổi, và như bầy chiên không có người chăn phải chạy trốn khỏi những loài thú hoang"
linh dương
một loài động vật giống như hươu. Người ta săn bắt chúng, và các thú hoang đôi khi tấn công và giết chết chúng.
như bầy chiên không có người chăn
Những con chiên không có người chăn tức là chúng không có ai bảo vệ chúng khỏi bị thú hoang tấn công và giết hại chúng.
Isaiah 13:15
Bất cứ kẻ nào người ta tìm thấy sẽ bị đâm ... mọi người bị bắt đều ngã gục dưới lưỡi gươm
Hai cụm từ này về cơ bản mang ý nghĩa giống nhau. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Kẻ thù nghịch sẽ dùng gươm giết những ai mà chúng tìm thấy"
Các trẻ thơ của họ bị đập tan nát
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Kẻ thù cũng sẽ chém con trẻ của họ thành nhiều mảnh" hoặc là "Kẻ thù nghịch sẽ đánh các con trẻ của họ cho đến chết"
trước mắt họ
"Trước mắt họ" có nghĩa là "trước sự hiện diện của họ" hoặc là "trong khi họ nhìn thấy." Câu này có thể được trình bày rõ ràng là họ không thể cứu giúp các con trẻ của họ. Tương tự câu: "trong khi cha mẹ chúng chỉ có thể nhìn cách vô vọng"
Nhà cửa bị cướp phá
Câu này có nghĩa là mọi thứ có giá trị sẽ bị cướp khỏi nhà họ. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Kẻ thù nghịch sẽ cướp phá nhà của dân chúng" hoặc là "Kẻ thù nghịch sẽ cướp phá mọi thứ có giá trị khỏi nhà dân chúng" (
vợ họ bị cưỡng hiếp
Những từ "sẽ bị" được hiểu ngầm. Câu này cũng có thể được diễn đạt ở thể chủ động. Tương tự câu: "vợ của họ sẽ bị cưỡng hiếp" hoặc là "kẻ thù nghịch sẽ cưỡng hiếp vợ họ." Ở đây có nghĩa là kẻ thù sẽ tấn công những người phụ nữ và buộc họ phải quan hệ tình dục với chúng.
Isaiah 13:17
Câu Kết Nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Nầy, Ta sẽ khiến người Mê-đi chống lại họ
Khiến người ta muốn làm điều gì đó như thể kích động họ. Tương tự câu: "Ta sẽ kích động người Mê-đi tấn công họ"
Isaiah 13:19
Câu Kết Nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
sự huy hoàng của các vương quốc
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "các vương quốc mà người ta ngưỡng mộ nhất"
niềm kiêu hãnh ngạo mạn của người Canh-đê
Danh từ "niềm kiêu hãnh" có thể được diễn tả với tính từ "kiêu ngạo." Tương tự câu: "Thành trì đẹp đẽ mà người Canh-đê rất tự hào"
sẽ bị lật đổ
"sẽ bị phá hủy"
sẽ giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ
"như Sô-đôm và Gô-mô-rơ bị lật đổ." Hãy xem bạn đã dịch tên những thành này trong ISA01:09
Nó sẽ vĩnh viễn không người ở, từ đời nầy sang đời kia sẽ chẳng ai cư trú
Hai động từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Sẽ chẳng còn ai sống ở đó nữa"
từ đời này sang đời kia
Cụm từ "đời này sang đời kia" nói đến tất cả các thế hệ dân chúng là những người sẽ sống trong tương lai. Tương tự câu: "mãi mãi" "đời đời"
Người Ả-rập
Ở đây nói đến người Ả-rập nói chung, không phải một người. Tương tự câu: "Người Ả-rập" hoặc là "người dân Ả-rập"
Isaiah 13:21
Câu Kết Nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về việc sẽ xảy đến với Ba-by-lôn.
nằm nghỉ nơi ấy
"sẽ nghỉ ở Ba-by-lôn"
Nhà cửa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Nhà của người dân"

những chim cú

Một loài chim hoang dã đi săn mồi ban đêm

đà điểu

Một loài chim hoang dã lớn chạy nhanh và không bay được

linh cẩu

Những loài động vật hoang dã cỡ lớn trông giống như chó và ăn thịt những động vật đã chết. Tiếng kêu của chúng nghe giống một người đang cười.

chó rừng tru lên trong các lâu đài xa hoa

Những từ "tru lên" được hiểu ở đây. Tương tự câu: "Và chó rừng sẽ tru lên trong các lâu đài xa hoa"

chó rừng

một loại chó hoang

Thời điểm Ba-by-lôn sụp đổ đã gần kề, các ngày của nó sẽ không còn kéo dài nữa

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. "Thời điểm" và "các ngày của nó" cả hai cụm từ này đều nói đến thời điểm mà Đức Chúa Trời đã chọn để hủy diệt Ba-by-lôn. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Thời điểm mà tất cả những điều này sẽ xảy đến đối với người Ba-by-lôn đã gần kề, chẳng gì có thể ngăn nó lại."

Translation Questions

Isaiah 13:1

Sứ điệp mà Ê-sai đã nhận được từ Đức Giê-hô-va là gì?

Ông đã nhận được sứ điệp về Ba-by-lôn.

Isaiah 13:3

Đức Giê-hô-va gọi những chiến sĩ làm gì?

Ông đã gọi họ thi hành cơn giận của ông.

Isaiah 13:5

Đạo quân của Đức Giê-hô-va đến từ đâu?

Họ đến từ xứ rất xa, từ ven chân trời.

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với vũ khí tiêu diệt?

Chúng sẽ làm vũ khí tiêu diệt cả nước.

Isaiah 13:7

Người dân sẽ làm khi đất bị tiêu tan?

Tay chúng đều bủn rủn, mọi lòng đều tan chảy, họ sẽ kinh hãi, sự đau đớn và thảm sầu bắt lấy họ. Họ sẽ sửng sốt nhìn nhau, mặt đỏ bừng như ngọn lửa.

Isaiah 13:8

Người dân sẽ làm khi đất bị tiêu tan?

Tay chúng đều bủn rủn, mọi lòng đều tan chảy, họ sẽ kinh hãi, sự đau đớn và thảm sầu bắt lấy họ. Họ sẽ sửng sốt nhìn nhau, mặt đỏ bừng như ngọn lửa.

Isaiah 13:9

Còn điều gì xảy ra trong ngày của Đức Giê-hô-va nữa?

Đất sẽ trở nên hoang tàn, kẻ có tội sẽ bị tiêu diệt. Các ngôi sao trên trời và các chòm sao sẽ không còn chiếu sáng nữa, chúng sẽ bị tối sầm.

Isaiah 13:10

Còn điều gì xảy ra trong ngày của Đức Giê-hô-va nữa?

Đất sẽ trở nên hoang tàn, kẻ có tội sẽ bị tiêu diệt. Các ngôi sao trên trời và các chòm sao sẽ không còn chiếu sáng nữa, chúng sẽ bị tối sầm.

Isaiah 13:12

Con người sẽ ngày càng nhiều lên phải không?

Không! Đức Giê-hô-va sẽ làm cho loài người hiếm hơn vàng ròng.

Isaiah 13:17

Đức Giê-hô-va sẽ dấy ai lên để chống lại Ba-by-lôn?

Đức Giê-hô-va sẽ dấy dân Y-sơ-ra-ên lên chống lại Ba-by-lôn.

Isaiah 13:19

Chuyện gì sẽ xảy ra với Ba-by-lôn?

Đức Chúa Trời sẽ lật đổ chúng giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ, nó sẽ vĩnh viễn không người ở từ đời này sang đời kia.

Isaiah 13:20

Chuyện gì sẽ xảy ra với Ba-by-lôn?

Đức Chúa Trời sẽ lật đổ chúng giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ, nó sẽ vĩnh viễn không người ở từ đời này sang đời kia.

Isaiah 13:21

Cái gì sẽ nằm trong Ba-by-lôn?

Thú sữ hoang mạc sẽ nằm ở đó.

Isaiah 13:22

Những chuyện này xảy ra với Ba-by-lôn khi nào?

Thời điểm của Ba-by-lôn đã gần kề, các ngày của nó sẽ không còn kéo dài nữa.

Chapter 14

Isaiah 14:1

Thật, Đức Giê-hô-va sẽ thương xót Gia-cốp

Ở đây từ "Gia-cốp" tức là các hậu tự của nhà Gia-cốp. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ thương xót các hậu tự của nhà Gia-cốp"

sẽ liên kết với họ và sẽ hợp tác với nhà Gia-cốp

Nhà Gia-cốp tức là các hậu tự của Gia-cốp, là người Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "hiệp tác với các hậu tự của Gia-cốp"

Các dân sẽ dẫn đưa họ trở về quê hương

"Các nước sẽ đem các hậu tự của Gia-cốp trở về vùng đất Y-sơ-ra-ên"

nhà Y-sơ-ra-ên

Câu này nói đến dân Y-sơ-ra-ên, những hậu tự của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "các hậu tự của nhà Y-sơ-ra-ên"

Họ sẽ bắt giữ những kẻ đã bắt giữ họ

"Những lính chiến của Y-sơ-ra-ên sẽ bắt giữ những kẻ đã từng bắt giữ dân Y-sơ-ra-ên"

Isaiah 14:3

cho ngươi được nghỉ ngơi khỏi cảnh đau khổ, rối loạn

Từ "ngươi" ở số ít, nhưng nó nói đến người dân Y-sơ-ra-ên. Cũng như vậy "đau khổ" và "rối loạn" về cơ bản mang nghĩa giống nhau và được dùng kết hợp với nhau để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Khỏi những điều đã khiến ngươi phải chịu rất nhiều đau khổ "

Kẻ áp bức đã đến lúc tận số rồi

Đây là một câu cảm thán. "Kẻ áp bức đã đến lúc tận số rồi"

cơn giận dữ của hắn cũng phải kết thúc thôi

Những từ "thế nào" và "phải" được hiểu ngầm. Tương tự câu: "Rồi thế nào thì cơn giận dữ của hắn cũng phải kết thúc" hay là "cơn giận dữ và kiêu ngạo của hắn cũng phải kết thúc"

cơn giận dữ của hắn cũng phải kết thúc thôi

Từ "cơn giận dữ" nói đến vua Ba-by-lôn kiêu ngạo và đối đãi với các nước khác rất tàn bạo. Tương tự câu: "Sự tàn bạo

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của hắn đã kết thúc" hay là "hắn không còn áp bức mọi người nữa"
Isaiah 14:5
Câu Kết Nối:
Đây là phần của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên hát về vua Ba-by-lôn.
Đức Giê-hô-va đã bẻ gãy cây gậy của kẻ ác
Cây gậy của kẻ ác có thể ngụ ý đến cây roi mà những kẻ ác đánh những người khác. Bẻ gãy cây gậy tượng trưng cho sự phá hủy sức mạnh của họ đã đối đãi tàn ác với mọi người. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã tiêu diệt sức mạnh của kẻ ác"
cây trượng của kẻ cai trị
Cây trượng tượng trưng cho quyền cai trị của một vị vua. Bẻ gãy cây trượng tượng trưng cho việc phá hủy quyền cai trị của vị vua đó. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã phá hủy quyền cai trị của kẻ ác"
đánh các dân
Những kẻ ác đánh các dân bằng gậy của họ. Tương tự câu: "Kẻ đã đánh các dân"
không ngừng đánh
"không hề ngừng lại" hoặc là "lặp đi lặp lại"
cai trị các nước
"người đã chinh phục các nước khác"
và sự bức hại không ai ngăn được
"tấn công họ không ngừng"
Isaiah 14:7
Câu Kết Nối:
Đây là phần của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên sẽ hát về vua Ba-by-lôn.
Cả thế giới
Câu này nói đến mọi người trên thế giới. Tương tự câu: "mọi người trên thế giới."
Cả đến cây tùng cũng hoan hỉ vì ngươi, cây bá hương trên núi Li-ban nói rằng
Ê-sai nói về các loài cây như thể chúng là những người dân có thể vui mừng. Câu này nhấn mạnh rằng việc Đức Giê-hô-va ngăn vua Ba-by-lôn là lớn lạ biết bao đến nỗi cả thiên nhiên cũng phải vui mừng nếu chúng có thể. Tương tự câu: "Cả đến những cây tùng và cây bá hương trên núi Li-ban cũng vui mừng vì ngươi"
hoan hỉ vì ngươi
Lý do những cây cối vui mừng có thể được giải thích rõ ràng. Tương tự câu: "hãy hoan hỉ vì Đức Chúa Trời đã khiến ngươi trở nên không còn sức mạnh"
Từ khi ngươi nằm xuống
Nằm xuống tượng trưng cho việc bị mất đi sức mạnh và không còn quan trọng nữa. Tương tự câu: "Từ khi ngươi mất đi sức mạnh"
Âm phủ sâu thẳm cũng bị khuấy động vì ngươi, để đón ngươi đến
Âm phủ được nói đến như thể đó là một người háo hức để gặp những vị khách của nó. Câu này ngụ ý rằng vua Ba-by-lôn đã chết. Tương tự câu: "Âm phủ như người chủ nhà háo hức gặp ngươi"
Nó đã vì ngươi đánh thức các âm hồn, tức là tất cả lãnh tụ trên đất
"Nó đã đánh thức người chết vì cớ ngươi, tức là tất cả các lãnh tụ trên đất." Âm phủ được nói đến như thể đó là một người có thể đánh thức những ai ở trong nó." Tương tự câu "Tất cả các vị lãnh tụ trên đất đã chết trong âm phủ thức dậy để chào đón ngươi"
Isaiah 14:10
Câu Kết Nối:
Đây là một phần của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên hát về vua Ba-by-lôn. Ở đây họ hát về những điều mà các vị lãnh tụ đã chết trong âm phủ sẽ nói với vua.
Tất cả những người ấy, sẽ nói với ngươi rằng
Từ "những người ấy" nói đến những vị lãnh tụ đã chết ở âm phủ, và từ "ngươi" nói đến vua Ba-by-lôn.
Sự sang trọng với tiếng đàn hạc của ngài, đều bị đem xuống âm phủ
Các vị lãnh tụ đã chết sẽ nói rằng vua Ba-by-lôn không còn chút huy hoàng nào như thể sự sang trọng của vua đã xuống âm phủ. Tương tự câu: "Sự huy hoàng của vua đã chấm dứt khi Đức Chúa Trời đem ngươi đến đây tại Âm phủ"
với iếng đàn hạc của ngài
Người ta thường chơi đàn hạc để ca tụng vua. Những lãnh tụ đã chết sẽ nói rằng mọi người không còn ca tụng vua Ba-by-lôn bằng đàn hạc nữa như thể âm nhạc cũng theo xuống Âm phủ. Tương tự câu: "cùng với tiếng đàn hạc mà mọi người đang chơi để ca tụng vua"
Một lớp dòi làm nệm cho ngài
Những con dòi ở dưới thân xác đã chết của vua được nói đến như thể chúng là nệm hoặc giường cho vua. Tương tự câu: "Vua nằm trên giường bằng những con dòi" hoặc là "Vua nằm trên nhiều con dòi"
còn sâu bọ thì làm mền
Những con sâu bọ trên xác vua được nói đến như thể chúng bao phủ quanh vua như một cái mền. Tương tự câu: "Những con sâu bọ bao quanh vua như một cái mền" hoặc là "Có những con sâu bọ quanh xác vua"
Isaiah 14:12
Câu Kết Nối:
Đây là một phần của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên hát về vua Ba-by-lôn.
Hỡi sao mai, con trai của rạng đông, sao ngươi từ trời rơi xuống
Sao mai là một ngôi sao sáng thường mọc trước lúc trời sáng. Dân Y-sơ-ra-ên nói đến vua Ba-by-lôn bằng cách nói về ngôi sao này để ngụ ý rằng vua đã từng là một vị vua vĩ đại, nhưng bây giờ thì không còn nữa. Tương tự câu: "Vua từng là một ngôi sao mai sáng chói, nhưng giờ đây ngôi sao đó đã sa từ trời xuống".
Sao ngươi bị hạ xuống đất
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ nói về vua Ba-by-lôn như thể vua là một cái cây bị đốn hạ. Tương tự câu: "Vua bị đánh bại như một cái cây bị ai đó đốn hạ xuống mặt đất"
Ta sẽ ngồi trên núi hội kiến
Câu này ám chỉ đến một câu chuyện thần thoại mà nhiều dân tộc ở vùng Cận Đông Cổ Đại đã biết đến, đó là các vị thần Ca-na-an hội họp ở trên ngọn núi phía bắc của Sy-ri. Ngồi trên núi tượng trưng cho sự cai trị cùng các thần. Tương tự câu: "Ta sẽ cai trị trên ngọn núi là nơi mà các thần họp lại"
xa tít về phương Bắc
"ở nơi xa xôi nhất của phương Bắc." Núi này nằm ở phương Bắc và được gọi là Xa-phôn. Một vài bản Kinh Thánh hiện đại viết là "xa về phía Xa-phôn."
Isaiah 14:15
Câu Kết Nối:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là một phần của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên hát về vua Ba-by-lôn.

Nhưng ngươi phải bị đem xuống âm phủ

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã đem ngươi xuống âm phủ"

Có phải đây là kẻ

Người ta dùng câu hỏi này để trêu chọc vua Ba-by-lôn, hoặc để bày tỏ sự bất ngờ về việc đã xảy đến với vua. Câu này có thể được trình bày như một câu văn. Tương tự câu: "Nhất định đây không phải là kẻ"

kẻ đã từng làm rung chuyển địa cầu

Các nghĩa có thể là 1) địa cầu bị rung chuyển khi quân đội của vua hành quân chinh phục các dân tộc, hoặc là 2) câu này nói đến mọi người trên địa cầu run lên vì sợ vua.

làm cho các vương quốc đảo điên

Các nghĩa có thể là 1) đây là một phép ẩn dụ cho việc "chinh phục các vương quốc" hoặc là 2) đây là một phép hoán dụ cho việc "làm khiếp sợ người dân các nước"

làm cho thế giới trở thành hoang mạc

"kẻ đã biến những nơi mọi người sinh sống thành hoang mạc"

Isaiah 14:18

Câu Kết Nối:

Đây là phần kết của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên hát về vua Ba-by-lôn.

đều được an táng long trọng nơi lăng tẩm mình

Câu này có nghĩa là thân xác của họ được chôn theo một cách rất long trọng. Tương tự câu: "tất cả các vua đã chết đều được chôn cất cách long trọng"

Nhưng ngươi thì bị ném xa khỏi mộ

Bị ném ra khỏi mộ tượng trưng cho việc không được chôn cất. Tương tự câu: "Nhưng ngươi không được chôn cất. Thân xác ngươi bị bỏ lại trên mặt đất"

như một cành non ghê tởm

Một cành non ghê tởm tượng trưng cho thứ gì đó vô nghĩa. Tương tự câu: "như một cành cây vô dụng bị quăng đi"

Như áo của những người bị giết

Câu này ý nói rằng có nhiều người chết nằm trên xác vua. Tương tự câu: "Xác người chết hoàn toàn bao phủ xác vua" hoặc là "Xác chết của những binh lính chất đống lên xác vua."

bị đâm bằng gươm

Câu này nói đến "Người chết" ở phần đầu câu Kinh Thánh này. Bị đâm bằng gươm ý nói rằng bị giết trong trận chiến. Tương tự câu: "những kẻ bị giết trong trận chiến

bị xô xuống những tảng đá dưới hố

Cái hố ở đây từ là địa ngục, hoặc là một cái hố lớn trên mặt đất nơi rất nhiều xác chết được ném xuống.

Ngươi sẽ không được chôn với các vua trong lăng tẩm

Từ "các vua" nói đến các vị vua khác đã chết và được chôn cất tử tế. Chôn trong lăng tẩm cùng các vua nói đến việc được chôn cất như các vua. Tương tự câu: "ngươi sẽ chẳng bao giờ được chôn như các vua đã được chôn"

Dòng dõi kẻ làm ác sẽ mãi mãi không được nhắc đến

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "sẽ chẳng ai nhắc về dòng dõi của những kẻ làm ác"

Isaiah 14:21

Hãy chuẩn bị một chỗ tàn sát con cháu của chúng

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "một chỗ tàn sát" được diễn tả bằng động từ "giết." Tương tự câu: "Hãy chuẩn bị để giết chết những con cháu của vua Ba-by-lôn"

vì tội lỗi của cha ông

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "tội lỗi" được miêu tả bằng động từ "phạm tội trọng." Tương tự câu: "bởi vì cha ông họ đã phạm phải những tội trọng"

Kẻo chúng nổi lên

Ở đây từ "nổi lên" tượng trưng cho việc trở nên mạnh mẽ hoặc là chuyển sang thế tấn công. Tương tự câu: "Để chúng không trở nên mạnh hơn" hoặc là "để chúng không tấn công"

chiếm đất đai

Cụm từ này tượng trưng cho việc nắm quyền kiểm soát các dân tộc trên thế gian, trong trường hợp này là chinh phục họ. Tương tự câu: "Nắm quyền kiểm soát các dân trên đất" hoặc là "chinh phục các dân trên đất"

và lập thành trì khắp đất

Câu này tượng trưng cho việc xây dựng nhiều thành trì trên đất. Tương tự câu: "và xây dựng nhiều thành trì trên khắp đất"

Ta sẽ đứng lên chống lại chúng

Câu này nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm điều gì đó để chống lại chúng. Từ "chúng" nói đến người dân Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Ta sẽ tấn công chúng" hoặc là "Ta sẽ sai người tấn công chúng"

Đức Giê-hô-va vạn quân tuyên phán

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "tuyên phán" được miêu tả như động từ "phán cách uy nghiêm." Tương tự câu: "Đây là điều mà Đức Giê-hô-va vạn quân đã tuyên phán" hoặc là "đây là điều mà Đức Giê-hô-va vạn quân đã phán ra cách uy nghiêm"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch câu này như bạn đã dịch trong ISA01:09

Ta sẽ tiêu diệt danh Ba-by-lôn và dân sót lại, cả đến con cháu và dòng dõi kế tiếp

"Tiêu diệt" tượng trưng cho sự hủy diệt. Ở đây "Ba-by-lôn" tức là dân Ba-by-lôn. Cũng vậy, từ "danh" ở đây nói đến danh tiếng của nước Ba-by-lôn hoặc là chính vương quốc Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy diệt nước Ba-by-lôn cùng với cả con cháu của nó"

Ta sẽ làm cho đất nước ấy

Từ "đất nước ây" ở đây tức là thành Ba-by-lôn. Các thành thường được nhắc đến như thể chúng là những người nữ. Tương tự câu: "Ta cũng sẽ làm cho nó" (Xem:

nơi ở của loài nhím

Câu này nói đến những loài động vật hoang dã sống trong thành bởi vì không có người ở đó. Tương tự câu: "một nơi cho loài nhím sống" hoặ là "một nơi cho các động vật hoang dã sống"

thành ra ao tù

Khiến cho nơi đó trở thành đầm lầy hoặc ao tù là nơi mà trước đây là thành phố, được nói đến như là sẽ biến thành phố thành những nơi như vậy. Tương tự câu: "và trở thành ao tù"

Ta sẽ dùng chổi hủy diệt mà quét sạch đất ấy

Câu này thay cho việc phá hủy Ba-by-lôn hoàn toàn và khiến nó chẳng còn tồn tại như thể người ta đã quét sạch

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thứ bụi bẩn vô dụng. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy diệt nó hoàn toàn, giống như quét nó đi bằng một cái chổi"
Isaiah 14:24
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA01:09
Chắc chắn điều Ta đã hoạch định sẽ xảy ra, điều Ta đã quả quyết sẽ đứng vững
Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Những điều mà Ta đã lên kế hoạch chắc chắn sẽ xảy ra"
Ta sẽ đập tan quân A-si-ri trong đất Ta
Đập tan tức là đánh bại. Tương tự câu: "Ta sẽ đánh bại quân A-si-ri trong đất Ta" hoặc là "Ta sẽ khiến quân A-si-ri trong đất Ta bị đánh bại"
quân A-si-ri
Cụm từ này tức là vua A-si-ri và quân đội của vua. Tương tự câu: "vua A-si-ri và quân đội của vua" hoặc là "quân đội A-si-ri"
ta sẽ giày đạp nó
Câu này tức là đánh bại nó hoàn toàn.
Ách của nó sẽ được cất khỏi dân Ta, gánh nặng nó sẽ được cất khỏi vai họ
Câu này có thể được miêu tả bằng động từ ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ cất ách của nó khỏi dân ta và cất gánh nặng khỏi vai họ"
Ách của nó sẽ được cất khỏi dân Ta, gánh nặng nó sẽ được cất khỏi vai họ
Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Cất ách và gánh nặng tượng trưng cho giải phóng dân sự khỏi ách nô lệ. Tương tự câu: "Ta sẽ giải phóng dân Y-sơ-ra-ên tự do khỏi kiếp nô lệ cho người A-si-ri giống như cất một gánh nặng khỏi vai họ"
ách của nó ... gánh nặng nó
Từ "nó" ở đây chỉ người A-si-ri. ulb_isa/14_24/notes/8
Isaiah 14:26
Thông Tin Chung:
Ở đây có thể là Ê-sai đang nói hoặc có thể là Đức Giê-hô-va đang phán
Đó là kế hoạch đã được hoạch định cho cả thế giới
Ý tưởng về "đã được hoạch định" có thể được miêu tả bằng một động từ chủ động. Tương tự câu: "Đây là kế hoạch mà Đức Chúa Trời đã định sẵn cho cả thế giới"
đó là cánh tay đã giơ ra trên tất cả các nước
Đức Chúa Trời sẵn sàng để trừng phạt các nước được nói đến như thể Ngài đã giơ tay ra để đánh chúng. Từ "tay" cũng có thể thay thế cho quyền phép của Ngài. Tương tự câu: "và đó là quyền phép của Đức Chúa Trời để trừng phạt mọi nước" hoặc là "đó là cách mà Đức Giê-hô-va trừng phạt các nước"
thì ai bãi bỏ được?
Câu hỏi này nhấn mạnh rằng không ai có thể ngăn chặn Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "không ai có thể ngăn Ngài được"
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA01:09
Cánh tay Ngài đã giơ ra
Cụm từ này diễn tả Đức Giê-hô-va sẵn sàng để trừng phạt các nước. Tương tự câu: "Ngài sẵn sàng để trừng phạt họ"
thì ai có thể làm cho rút lại được?
Câu hỏi này được dùng để nói rằng không ai có thể rút tay của Đức Chúa Trời lại được. Rút tay của Ngài lại tức là ngăn Ngài không trừng phạt các nước. Tương tự câu: "không ai có thể rút nó lại được" hoặc là "không ai có thể ngăn Ngài trừng phạt họ"
Isaiah 14:28
roi đánh ngươi đã bị bẻ gãy
Cái roi đánh dân Phi-li-tin tượng trưng cho vị vua đã sai quân đến tấn công họ. Bị bẻ gãy tức là bị giết hoặc bị đánh bại. Tương tự câu: "Vị vua sai quân tấn công ngươi đã chết" hoặc là "đội quân tấn công ngươi đã bị đánh bại"
Bởi vì từ dòng dõi rắn sẽ sinh ra rắn lục ... và con của nó sẽ là rắn lửa bay
Cả hai cụm từ này là hình bóng của dòng dõi rắn thậm chí còn nguy hiểm hơn cả con rắn. Chúng tượng trưng cho những kẻ kế vị của vua còn độc ác và hùng mạnh hơn vị vua đầu tiên.
rắn lục
một loại rắn độc
rắn lửa bay
Ở đây từ "lửa" có lẽ là nói đến vết cắn độc của con rắn, và từ "bay" diễn tả sự chuyển động rất nhanh của nó. Tương tự câu: "một con rắn độc di chuyển rất nhanh"
người nghèo hơn hết
Câu này nói đến những người nghèo nhất. Tương tự câu: "Những người nghèo nhất" hoặc là "những người nghèo nhất trong dân Ta"
Nhưng Ta sẽ khiến dòng dõi ngươi chết đói, và những kẻ còn sót lại của ngươi sẽ bị giết
Ở đây từ "dòng dõi ngươi" nói đến người Phi-li-tin. Tương tự câu: "Ta sẽ tiêu diệt những người của ngươi bằng một trận đói kém và kể cả những kẻ còn sót lại cũng sẽ chết"
Isaiah 14:31
Than khóc, cổng; kêu la, thành
Ở đây từ "cổng" và "thành" tượng trưng cho những người ở tại các cổng và trong các thành. "Hãy than khóc đi, hỡi những kẻ ở tại cổng; và hãy kêu la đi, hỡi những kẻ ở trong thành"
hãy tan chảy
Tan chảy tượng trưng ho việc trở nên yếu đuối vì sợ hãi. Tương tự câu: "Ngươi sẽ trở nên yếu đuối bởi vì sợ"
Vì có một luồng khói đến từ phương bắc
Câu này ngụ ý rằng có một đội quân lớn đang đến từ phương bắc. Tương tự câu: "Vì từ phương bắc có một đội quân lớn đến cùng một luồng khói"
một luồng khói
Các nghĩa có thể là 1) từ này tượng trưng cho một đám bụi do đội quân làm tung lên khi họ di chuyển trên những con đường đầy bụi. Tương tự câu: "một đám bụi" hoặc là 2) có nhiều khói là bởi vì những thứ mà đội quân đã phá hủy và đốt cháy. Tương tự câu "rất nhiều khói"
không ai rời bỏ hàng ngũ mình
"không ai trong hàng ngũ mình đi chậm lại phía sau những người khác"
Phải trả lời thế nào cho sứ giả của nước nầy?
Người viết sử dụng câu hỏi này để mở đầu cho những hướng dẫn về việc người Y-sơ-ra-ên phải nói thế nào với các sứ giả. Tương tự câu: "Đây là cách chúng ta sẽ trả lời cho các sứ giả của Phi-li-tin."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va đã lập Si-ôn
"Đức Giê-hô-va đã thành lập Si-ôn"
trong thành đó
"và ở trong Giê-ru-sa-lem" hoặc là "ở đó"
kẻ nghèo khổ trong dân Ngài
"những người dân nghèo của Ngài"

Translation Questions

Isaiah 14:1
Đức Giê-hô-va sẽ làm gi cho Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va sẽ chọn Y-sơ-ra-ên một lần nữa.
người nào sẽ liên kết với họ và sẽ hợp tác với nhà Gia-cốp?
Người ngoại bang sẽ liên kết với họ và sẽ hợp tác với nhà Gia-cốp.
Isaiah 14:2
Ai sẽ đưa họ trở về quê hương?
Các dân sẽ dẫn đưa họ trở về quê hương.
Nhà Y-sơ-ra-ên đã làm gì cho những kẻ đã bắt giữ họ?
Nhà Y-sơ-ra-ên sẽ chiếm hữu các dân ấy làm tôi trai tớ gái. Họ sẽ giữ những kẻ đã bắt giữ họ và cai trị những kẻ áp bức họ.
Isaiah 14:3
Chuyện gì sẽ xảy ra vào ngày mà Đức Giê-hô-va cho dân Y-sơ-ra-ên được nghỉ ngơi khỏi cảnh đau khổ, rối loạn và lao động nặng nhọc?
Họ sẽ nói lên lời chế nhạo về vua Ba-by-lôn.
Isaiah 14:4
Chuyện gì sẽ xảy ra vào ngày mà Đức Giê-hô-va cho dân Y-sơ-ra-ên được nghỉ ngơi khỏi cảnh đau khổ, rối loạn và lao động nặng nhọc?
Họ sẽ nói lên lời chế nhạo về vua Ba-by-lôn.
Chuyện gì xảy ra với kẻ áp bức?
Kẻ áp bức đã đến lúc tận số rồi.
Isaiah 14:6
Vua Ba-by-lôn đã làm gì?
Vua đã không ngừng đánh các dân. Ông cai trị các nước trong cơn thịnh nộ, và sự bức hại không ai ngăn được.
Isaiah 14:10
Các vị vua đó nói gì với vua Ba-by-lôn?
Họ sẽ nói, "Ngài sẽ trở nên yếu ớt như chúng tôi" và "sự sang trọng đã đem xuống âm phủ".
Isaiah 14:11
Các vị vua đó nói gì với vua Ba-by-lôn?
Họ sẽ nói, "Ngài sẽ trở nên yếu ớt như chúng tôi" và "sự sang trọng đã đem xuống âm phủ".
Isaiah 14:12
Chuyện gì xảy ra với con trai của rạng đông?
Ngài đã từ trời rơi xuống và bị hạ xuống đất.
Isaiah 14:13
Con trai của rạng đông đã nói gì trong lòng?
Ngài nói Ngài sẽ nhấc ngôi lên trên các ngôi sao của Đức Chúa Trời và làm cho Ngài giống Đấng Rất Cao.
Isaiah 14:14
Con trai của rạng đông đã nói gì trong lòng?
Ngài nói Ngài sẽ nhấc ngôi lên trên các ngôi sao của Đức Chúa Trời và làm cho Ngài giống Đấng Rất Cao.
Isaiah 14:20
Tại sao vua Ba-by-lôn không được chôn với các vua trong lăng tẩm?
Vua không chôn cùng là vì vua đã tiêu diệt xứ sở và giết hại dân chúng.
Isaiah 14:22
Đức Giê-hô-va vạn quân tuyên phán điều gì với dân chống lại Ba-by-lôn?
Ngài tuyên phán, "Ta sẽ đứng lên chống lại chúng và hơn thế Ta sẽ chấm dứt Ba-by-lôn, cả đến con cháu và dòng dõi kế tiếp".
Isaiah 14:25
Đức Giê-hô-va vạn quân đã thề điều gì khi đạp tan quân A-sy-ri trong đất của Ngài?
Ngài nói sẽ đập tan quân A-sy-ri trong đất của Ngài và sẽ giày đạp nó trên các núi của Ngài.
Isaiah 14:29
Lời tiên tri được công bố cho dân Phi-li-tin là gì?
Lời tiên tri được công bố cho dân Phi-li-tin là đừng vội vui mừng, vì Đức Giê-hô-va sẽ diệt tận gốc Phi-li-tin bằng nạn đói, những kẻ còn sót lại của Phi-li-tin cũng bị giết.
Isaiah 14:30
Lời tiên tri được công bố cho dân Phi-li-tin là gì?
Lời tiên tri được công bố cho dân Phi-li-tin là đừng vội vui mừng, vì Đức Giê-hô-va sẽ diệt tận gốc Phi-li-tin bằng nạn đói, những kẻ còn sót lại của Phi-li-tin cũng bị giết.
Isaiah 14:32
Ai là người đã lập nên Si-ôn?
Đức Giê-hô-va đã lập Si-ôn.
Dân của Đức Giê-hô-va sẽ tìm được gì ở Si-ôn?
Dân của Đức Giê-hô-va sẽ tìm nơi ẩn náu ở Si-ôn.

Chapter 15

Isaiah 15:1
Thông Tin Chung:
Thường trong các sự kiện tiên tri sẽ xảy ra trong tương lai được miêu tả như thể là đang diễn ra ngay bây giờ hoặc là đã diễn ra trong quá khứ. Việc này nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.
Lời tiên tri
"Đây là điều mà Đức Giê-hô-va phán" hoặc là "Đây là thông điệp từ Đức Giê-hô-va"
A ... Kiệt ... Đi-bôn ... Nê-bô ... Mê-đê-ba
Đây là tên của các thành trì và thị trấn ở Mô-áp.
A Mô-áp bị tàn phá và tiêu diệt
Những từ như "tàn phá" và "tiêu diệt" mang nghĩa giống nhau và nhấn mạnh rằng thành phố đã bị phá hủy hoàn toàn. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Quân đội của kẻ thù sẽ phá hủy hoàn toàn A Mô-áp"
Mô-áp khóc than về Nê-bô và Mê-đê-ba
Những tên các địa danh này ngụ ý đến những người đang sống ở đó. Tương tự câu: "người Mô-áp sẽ than khóc bởi vì những điều đã xảy ra ở các thành Nê-bô và Mê-đê-ba"
Tất cả đều bị hói đầu và phải bị cắt râu
Họ làm việc này để bày tỏ nỗi buồn cùng cực. Tương tự câu: "Tất cả bọn họ sẽ cạo đầu cùng cắt râu và đau buồn"
Isaiah 15:3
Thông Tin Chung:
Đoạn này tiếp tục nói tiên tri về dân Mô-áp. Đức Chúa Trời đã miêu tả những sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như thể

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nó đang xảy ra ở hiện tại. (Xem: ISA15:01

họ mặc áo sô

Họ làm điều này để bày tỏ nỗi buồn đau cùng cực. Tương tự câu: "họ mặc áo xô và than khóc"

Hết-bôn ... Ê-lê-a-lê ... Gia-hát

Đây là tên các thành trì và thị trấn.

Hết-bôn và Ê-lê-a-lê kêu la

Tên của các thành này tượng trưng cho những người dân trong thành. "Người Hếp-bôn và Ê-lê-a-lê kêu la"

tâm hồn họ run rẩy

Sự run rẩy của thân thể là dấu hiệu của sự sợ hãi. Tương tự câu: "họ sẽ bị nỗi sợ xâm chiếm hoàn toàn"

Isaiah 15:5

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục lời tiên tri về dân Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như thể nó đang xảy ra trong hiện tại. (Xem: ISA15:01

Lòng tôi kêu la vì Mô-áp

Lòng ở đây tượng trưng cho những cảm xúc. Đức Chúa Trời nói đến nỗi buồn đau vô cùng của Ngài như thể lòng của Ngài đang kêu la. Tương tự câu: "Ta thực sự đau buồn về những điều xảy đến với Mô-áp"

kẻ trốn chạy của nó

"Những kẻ lánh nạn khỏi Mô-áp sẽ chạy trốn." Kẻ lánh nạn là một người trốn đi thật xa để kẻ thù của họ không bắt được.

Xoa ... Ê-lát Sê-li-sia ... Lu-hít ... Hô-rô-na-im ... Nim-rim

Đây là tên các thành trì và thị trấn.

về sự hủy diệt

Cụm từ này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sự hủy diệt" được miêu tả bằng động từ "hủy diệt." Tương tự câu: "bởi vì các thành trì của họ đã bị hủy diệt"

Tài sản

"mọi thứ"

Khe Cây Liễu

Cụm từ này có thể nói đến dòng sông ở biên giới phía nam của Mô-áp.

Isaiah 15:8

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục lời tiên tri về người Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như thể việc đó đang diễn ra trong hiện tại. (Xem: ISA15:01

Tiếng kêu khóc vang ra khắp lãnh thổ Mô-áp

Mọi người đang kêu khóc và những người khác nghe thấy được nói đến như thể tiếng kêu khóc đó đã vang đi khắp nơi. Tương tự câu: "Mọi người dân trên toàn lãnh thổ Mô-áp đều kêu khóc"

tiếng than van thấu đến Ê-la-im và thấu đến Bê-e Ê-lim

Những từ "vang xa" được hiểu ngầm. Tiếng than vãn của mọi người và những người khác nghe tiếng than đó được nói đến như thể tiếng than van đó đã vang xa thấu đến hai nơi này. Tương tự câu: "tiếng than van đã thấu đến Ê-la-im và cả Bê-e Ê-lim" hoặc là "mọi người thậm chí còn than van đến tận Ê-la-im và Bê-e Ê-lim"

Ê-la-im ... Bê-e Ê-lim ... Đi-môn

Đây là tên các thành trì và thị trấn. Đi-môn là thành phố thủ đô của nước Mô-áp. Một vài bản Kinh Thánh hiện đại dịch là "Đi-bôn" thay vì từ "Đi-môn."

nhưng Ta còn giáng thêm tai họa trên Đi-môn

Ở đây từ "Ta" tức là Đức Giê-hô-va. Cũng tương tự, "trên Đi-môn" tức là người dân Đi-môn. Tương tự câu: "Nhưng Ta sẽ còn gây ra nhiều tai họa trên dân Đi-môn"

Translation Questions

Isaiah 15:1

Lời tiên tri chỉ về ai?

Lời tiên tri chỉ về Mô-áp.

Chuyện gì xảy ra với A-rơ và Kiệt của Mô-áp?

Họ sẽ bị tiêu diệt và hoang tàn trong một đêm.

Isaiah 15:5

Mô-áp sẽ trốn chạy đến đâu?

Họ sẽ chạy trốn đến Xoa và Ếch-la Sê-li-si-gia.

Isaiah 15:9

Có chuyện gì xảy ra với nước của thành Đi-môn và thành Đi-môn?

Nước của thành Đi-môn đầy máu, nhưng Đức Giê-hô-va sẽ mang thêm khốn khổ cho Đi-môn.

Điều gì sẽ xảy ra với những kẻ trốn thoát khỏi Mô-áp và những kẻ ở trong xứ?

Sư tử sẽ giết những kẻ trốn thoát khỏi Mô-áp và những kẻ ở trong xứ.

Chapter 16

Isaiah 16:1

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục lời tiên tri về người Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như thể việc đó đang diễn ra trong hiện tại. Câu 1 có lẽ là điều mà Đức Chúa Trời nói về những kẻ cai trị Mô-áp sẽ bàn với nhau. (Xem: ISA15:01

Hãy gửi chiên con cho người cai trị vùng đất

Người Mô-áp sẽ gửi chiên con đến vua Giu-đa để vua có thể bảo vệ họ khỏi quân đội kẻ thù.

Sê-la

Đây là tên một thành trì.

con gái Si-ôn

Từ "con gái" của một thành nghĩa là dân sống ở thành đó. Tương tự câu: "Người dân thành Si-ôn" hoặc là "Những người sống trong thành Si-ôn." Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong ISA01:07

Tại những chỗ cạn của sông Ạt-nôn, các thiếu nữ Mô-áp bị đuổi đi như đàn chim vỡ tổ

Tất cả người dân Mô-áp, bao gồm cả những phụ nữ, bị buộc phải chạy khỏi nhà họ. Tương tự như: "Các phụ nữ Mô-áp sẽ chạy trốn qua sông tới vùng đất khác giống như những con chim bị mất tổ"

Giống như chim bay tán loạn, và như một lứa chim con bị quăng ra ngoài ổ

Cả hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau.

Isaiah 16:3

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục lời tiên tri về người Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như thể việc đó đang diễn ra trong hiện tại. Câu 3 và 4 có lẽ là thông điệp mà những kẻ cai trị Mô-áp gửi tới vua Giu-đa. (Xem:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ISA15:01

giữa ban trưa, xin phủ bóng che chúng tôi như ban đêm

Sức nóng giữa ban ngày tượng trưng cho sự đau khổ mà dân Mô-áp bị kẻ thù gây ra, và bóng tượng trưng cho sự bảo vệ khỏi kẻ thù của họ. So sánh bóng với màn đêm nghĩa là họ muốn có sự bảo vệ chắc chắn. Tương tự câu: "Xin hãy bảo vệ chúng tôi hoàn toàn khỏi kẻ thù nghịch chúng tôi như một cái bóng lớn che chở bảo vệ chúng tôi khỏi sức nóng của mặt trời"

Xin cho phép những kẻ bị đuổi của Mô-áp trú ngụ giữa các người

"Xin hãy cho phép những kẻ chạy trốn khỏi Mô-áp được sống với các người." Ở đây từ "các người" là nói tới dân Giu-đa.

hãy làm nơi ẩn náu cho họ khỏi kẻ hủy diệt

Cho họ một nơi ẩn náu được nói đến như thể là trở thành một nơi ẩn náu. Tương tự câu: "Cho họ một nơi để ẩn náu khỏi những kẻ đang cố gắng tiêu diệt họ" hoặc là "giấu họ khỏi những kẻ đang muốn tiêu diệt họ"

Isaiah 16:5

Ngai báu sẽ được vững lập trong sự nhân từ

Ở đây "ngai báu" tức là quyền cai trị như một vị vua. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ thành tín với giao ước và Ngài sẽ lập một vị vua"

Trong trại Đa-vít sẽ có một nhà lãnh đạo ngồi trên ngai ấy trong sự trung tín

Ở đây từ "trại Đa-vít" tức là dòng tộc của Đa-vít, bao gồm cả những con cháu của ông. Ngồi trên ngai tượng trưng cho sự cai trị. Tương tự câu: "và một dòng dõi của Đa-vít sẽ cai trị cách trung tín"

người sẽ tìm kiếm công lý

Tìm kiếm công lý tượng trưng cho việc muốn làm điều công bình.

Isaiah 16:6

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục nói tiên tri về người Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai như thể nó đang diễn ra trong hiện tại. (Xem: ISA15:01

Chúng ta đã nghe sự kiêu căng của Mô-áp, nó thật là ngạo mạn, nó tự cao, kiêu căng và xấc xược

Những từ như "của Mô-áp" và "nó" tức là người Mô-áp. Tương tự câu: "Chúng ta đã nghe rằng người Mô-áp rất kiêu căng, ngạo mạn, tự cao và xấc xược"

Chúng ta đã nghe

Các nghĩa có thể đó là 1) Ê-sai đang nói và "Chúng ta" nói đến ông và người dân Giu-đa, hoặc là 2) Đức Chúa Trời đang phán và "Chúng ta" tức là Đức Chúa Trời.

Sự khoe khoang của nó là trống rỗng

"Nhưng những gì chúng nói về chính mình chẳng là gì cả" hoặc là "Nhưng những gì chúng tự cao chẳng phải là sự thật"

Vì thế, Mô-áp sẽ khóc than, mọi người đều than khóc vì Mô-áp

"Mô-áp" tức là người dân Mô-áp. "Vậy nên tất cả mọi người dân Mô-áp sẽ khóc than lớn tiếng về những gì đã xảy đến cho các thành trì của họ"

vì bánh nho của Kiệt Ha-rê-sết

"bởi vì chẳng còn bánh nho ở Kiệt Ha-rê-sết"

bánh nho

Tiếng Hê-bơ-rơ được dùng ở đây có nghĩa là "những bánh nho" hoặc là "con người."

Kiệt Ha-rê-sết

"Kiệt Ha-rê-sết" là tên một thành trì.

Isaiah 16:8

Thông Tin Chung:

Đoạn này tiếp tục lời tiên tri về dân Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai như thể nó đã diễn ra trong quá khứ. (Xem: ISA15:01

Hết-bôn

Hãy dịch tên thành này giống như bạn đã dịch trong ISA15:03

Síp-ma ... Gia-ê-se

Đây là tên các thành trì.

Những nhà cai trị các nước đã chặt các gốc nho tốt

Vùng đất Mô-áp nổi tiếng về những vườn nho của nó. Ở đây Đức Chúa Trời miêu tả vùng đất Mô-áp giống như là một vườn nho lớn. Câu này nhấn mạnh rằng những nhà cai trị, tức là các đội quân, đã hoàn toàn tiêu diệt mọi thứ ở Mô-áp.

Isaiah 16:9

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục miêu tả Mô-áp như một vườn nho lớn (Xem: ISA16:08

Ta khóc cho

Trong đoạn 16:9-10 từ "Ta" tức là Đức Giê-hô-va.

Ta sẽ tưới nước mắt trên các ngươi

Đức Chúa Trời nói về sự đau buồn của Ngài về những nơi này như thể Ngài sẽ khóc rất nhiều và nước mắt Ngài sẽ rơi trên họ. Tương tự câu: "Ta sẽ khóc nhiều vì cớ các ngươi"

Gia-ê-xe ... Síp-ma

Hãy dịch tên các thành trì như bạn đã dịch trong ISA16:08

Hết-bôn ... Ê-lê-a-lê

Hãy dịch tên những thành trì này như bạn đã dịch trong ISA15:03

Vì tiếng reo hò của người đạp nho lúc hái trái mùa hạ, và mùa gặt của các ngươi không còn nữa

"Tiếng reo hò" tượng trưng cho những người đang reo lên vui mừng về vụ mùa các cây ăn quả. Tương tự câu: "Bởi vì điều Ta sẽ làm, các ngươi sẽ không còn reo hò vui mừng khi hái trái mùa hè nữa"

Ta đã làm dứt tiếng reo vui của người đạp nho

Ở đây "tiếng reo vui" nói đến sự vui mừng của những người đạp nho để sản xuất ra rượu nho. Tương tự câu: "vì thế những người đạp nho sẽ không còn reo vui nữa"

Isaiah 16:11

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục nói tiên tri về người Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai như thể nó đang diễn ra ở hiện tại. (Xem: ISA15:01

Bởi thế, lòng Ta vì Mô-áp than van như tiếng đàn hạc

Cụm từ "lòng Ta" tức là Đức Giê-hô-va và cảm giác đau buồn của Ngài. Ngài so sánh tiếng thở dài của Ngài với âm thanh của một bài nhạc buồn được chơi bằng đàn hạc. Tương tự câu: "Vậy nên Ta thở dài như một bài hát buồn được chơi bằng đàn hạc"

Mô-áp ... nó ... nó

Tất cả những từ này nói đến người dân Mô-áp.

Tâm hồn Ta vì Kiệt Hê-re cũng vậy

Cụm từ "tâm hồn Ta" tức là Đức Giê-hô-va. Từ "những tiếng thở dài" được hiểu ngầm từ cụm từ ở câu trước. Tương tự

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

câu: "tâm hồn Ta thở dài vì Kiệt Hê-re" hay là "Ta rất buồn vì cớ người dân của Kiệt Hê-re." Hãy xem bạn đã dịch Kiệt Hê-re trong ISA16:06

cầu nguyện cũng luống công

"lời cầu nguyện của nó cũng sẽ không được đáp lời"

Isaiah 16:13

Đó là lời

"Đó là thông điệp." Câu này nói đến tất cả những gì Ngài đã phán trong đoạn 15:1 -16:12.

về Mô-áp

Từ "Mô-áp" nói đến những người dân Mô-áp.

vinh quang của Mô-áp cùng với đoàn dân đông đảo của nó sẽ bị khinh miệt

"Đất nước Mô-áp sẽ không còn vinh quang"

Translation Questions

Isaiah 16:1

Chiên con được gửi đến ai?

Những con chiên được gửi đến cho người cai trị vùng đất trên núi của Si-ôn.

Isaiah 16:2

Những thiếu nữ Mô-áp ở những chỗ cạn của sông Ạt-nôn giống điều gì?

Họ giống những con chim vỡ tổ hay một cái tổ bị phân tán.

Isaiah 16:3

Giu-đa định làm gì với những kẻ trốn tránh và những kẻ bị đuổi của Mô-áp?

Giu-đa sẽ bảo vệ họ khỏi tay kẻ thù, và để nơi ẩn náu cho họ, che chở họ khỏi những kẻ hủy diệt.

Isaiah 16:4

Giu-đa định làm gì với những kẻ trốn tránh và những kẻ bị đuổi của Mô-áp?

Giu-đa sẽ bảo vệ họ khỏi tay kẻ thù, và để nơi ẩn náu cho họ, che chở họ khỏi những kẻ hủy diệt.

Isaiah 16:5

Trong trại của Đa-vít sẽ có một nhà lãnh đạo đã làm gì?

Người sẽ tìm kiếm công lý và thực hiện sự công chính.

Isaiah 16:12

Mô-áp sẽ làm gì khi ông vào trong đền thờ để cầu nguyện?

Mô-áp luống công khi ông vào trong đền thờ để cầu nguyện.

Isaiah 16:14

Chuyện gì sẽ xảy ra với vinh quang của Mô-áp?

Đức Giê-hô-va phán rằng vinh quang của Mô-áp sẽ không còn trong ba năm.

Có bao nhiêu người của Mô-áp bị bỏ lại?

Số còn lại của Mô-áp sẽ rất ít và yếu ớt.

Chapter 17

Isaiah 17:1

về Đa-mách

Hãy dịch "Đa-mách" như bạn đã dịch trong ISA07:07

Các thành của A-rô-e bị bỏ hoang

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. "Tất cả mọi người dân sẽ lìa bỏ thành A-rô-e"

chẳng ai làm chúng kinh hãi

Từ "chúng" ở đây nói đến bầy chiên.

Đồn lũy sẽ biến mất khỏi Ép-ra-im

Từ "Ép-ra-im" nói đến Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Sẽ chẳng còn những đồn lũy vững chắc ở Y-sơ-ra-ên nữa"

vương quốc của Đa-mách cũng không còn

Từ "sẽ biến mất" được hiểu ngầm theo cụm từ ở câu trước. Đa-mách là nơi vua A-ram cai trị. Vương quốc biến mất tượng trưng cho việc vua không còn quyền cai trị của nhà vua nữa. Tương tự câu: "vương quốc sẽ biến mất khỏi Đa-mách" hoặc là "sẽ không còn quyền cai trị ở Đa-mách nữa"

A-ram

Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong ISA07:01

cũng sẽ giống như vinh quang của dân Y-sơ-ra-ên

Vì người dân Y-sơ-ra-ên đã không còn vinh quang nữa, câu này có nghĩa là những tàn dư của A-ram cũng sẽ không còn vinh quang nữa. Tương tự câu: "chúng sẽ không còn vinh quang nữa, giống như dân Y-sơ-ra-ên vậy" hoặc là "Ta sẽ khiến chúng xấu hổ như Ta đã làm với dân Y-sơ-ra-ên"

Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong ISA14:21

Isaiah 17:4

Trong ngày đó

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng sẽ xảy ra. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để thay thế, thì bạn hãy xem xét sử dụng nó ở đây.

vinh quang của Gia-cốp sẽ giảm đi, thân xác béo mập sẽ trở nên gầy ốm

Ở đây từ "Gia-cốp" ngụ ý tới vương quốc Y-sơ-ra-ên. Y-sơ-ra-ên sẽ không còn vinh quang nữa. Nó sẽ trở nên yếu đuối và nghèo đói.

Điều ấy sẽ xảy ra như khi con gặt túm các ngọn lúa ... trong thung lũng Rê-pha-im

Sẽ chẳng có gì còn lại trong xứ sau khi Đức Chúa Trời trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên.

thung lũng Rê-pha-im

Đây là thung lũng nơi mà mọi người thường trồng và thu hoạch nhiều thực phẩm.

Isaiah 17:6

Thông Tin Chung:

Đoạn này tiếp tục so sánh dân Y-sơ-ra-ên với một cánh đồng sau khi đã được thu hoạch. (Xem: ISA17:04

Thì sẽ còn sót lại những bông lúa mót được

Từ "những bông lúa mót được" ở đây tượng trưng cho những người dân vẫn còn sống sót ở Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Nhưng vẫn còn một vài người ở Y-sơ-ra-ên"

như khi người ta rung cây ô-liu

Người ta thu hoạch cây ô-liu bằng cách rung lắc chúng để cho trái ô-liu rơi xuống. Tương tự câu: "giống như một vài quả ô-liu còn sót lại trên cây sau khi người ta thu hoạch"

hoặc bốn năm trái

Từ "ô-liu" được hiểu ngầm từ cụm từ đằng trước nó. Tương tự câu : "bốn hoặc năm trái ô-liu"

Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã phán vậy

Hãy dịch câu này tương tự như bạn đã dịch trong ISA14:21

người ta sẽ hướng về Đấng Tạo Hóa mình ... mắt họ chăm nhìn Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hướng về Đức Chúa Trời ở đây tượng trưng cho hy vọng rằng Ngài sẽ giúp đỡ họ. Tương tự câu: "mọi người sẽ trông mong rằng Đấng Tạo Hóa của họ, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, sẽ giúp họ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người ta sẽ hướng về
Từ "người ta" tức là dân sự nói chung. Tương tự câu: "dân sự sẽ nhìn về" (Xem:
mắt họ chăm nhìn
Ở đây "mắt" tức là những người đang nhìn. Tương tự câu: "họ sẽ chăm nhìn" hoặc là "mọi người sẽ nhìn"
Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên
Hãy dịch cụm từ này như bạn đã làm trong ISA01:04
Isaiah 17:8
Họ sẽ không còn hướng về các bàn thờ
Hướng về bàn thờ ngụ ý cho sự thờ phượng những thần tượng với hy vọng rằng những thần tượng đó sẽ giúp đỡ họ. Tương tự câu: "Họ sẽ không còn thờ phượng các thần tượng của họ ở tại bàn thờ nữa" hoặc là "Người Y-sơ-ra-ên sẽ không đến bàn thờ và cầu xin các thần tượng giúp đỡ họ nữa"
công việc của tay mình
Tay ở đây nhấn mạnh đến những người đã làm nên bàn thờ hoặc các thần tượng. Tương tự câu: "những thứ mà họ làm nên bằng tay mình" hoặc là "Những thứ mà chính họ đã lập nên"
các vật bởi ngón tay mình làm ra ... các tượng Át-tạt-tê hay bàn thờ dâng hương
Cụm từ thứ hai nói về những điều mà dân sự đã làm. Các ngón tay ở đây nhấn mạnh đến những người đã tạo ra chúng, và những vật đó không phải là thần thật sự. Tương tự câu: "các tượng Át-tạt-tê hay bàn thờ dâng hương, là điều mà chính họ đã tạo ra"
là những nơi đã bị bỏ hoang trước mặt con dân Y-sơ-ra-ên
Câu này có thể được viết rõ ràng là ai đã rời bỏ vùng đất này. Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "những người Hê-vít và A-mô-rít đã rời bỏ sau khi người Y-sơ-ra-ên đến"
Isaiah 17:10
Vì ngươi đã quên
Ở đây từ "ngươi" nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Từ "đã quên" không có nghĩa là họ không còn nhớ về Đức Chúa Trời nữa. Nó có nghĩa là họ không còn vâng giữ lời Ngài nữa. Tương tự câu: "Vì ngươi không còn vâng theo"
Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi ngươi
"là Đức Chúa Trời là Đấng đã cứu ngươi"
không nhớ đến Vầng Đá trú ẩn của ngươi
Câu này so sánh Đức Chúa Trời như một vầng đá lớn mà người ta có thể leo lên để trốn kẻ thù hoặc ẩn núp phía sau. Tương tự câu: "và đã không nhớ đến Đức Chúa Trời, là Đấng như một vầng đá bảo vệ ngươi" hoặc là "và đã không nhớ đến Đấng bảo vệ ngươi"
thì mùa màng mất hết
"sẽ chẳng có nhiều hoa quả cho ngươi thu hoạch"
Isaiah 17:12
Ôi, các dân đông đảo náo động làm sao, chúng gầm lên như biển cả thét gào
Tiếng náo động là một tiếng ồn rất lớn. Tương tự câu: "tiếng ồn của rất nhiều dân tộc, nó rất lớn giống như tiếng biển thét gào"
các dân gào lên như nhiều dòng nước đổ ầm ầm
Quân đội kẻ thù xuất hiện như là một đội quân hùng mạnh mà không ai có thể ngăn cản được. Tương tự câu: "các nước lao đến như dòng nước đổ ầm ầm"
các dân gào lên
Từ "các dân" nói đến quân đội của các nước. Tương tự câu: "sự tấn công ào ạt của quân đội kẻ thù"
và bị đùa đi như rơm rác trên núi bị gió thổi ... như bụi đất gặp cơn gió bão
Hai cụm từ này mang nghĩa giống nhau. Quân đội kẻ thù có vẻ rất mạnh nhưng Đức Chúa Trời sẽ dễ dàng ngăn cản chúng và đuổi chúng đi. Tương tự câu: "giống như rơm rác trên núi bị gió thổi bay đi ... như bụi đất bị gió thổi và cuốn bay xa khi gặp bão"
đó là phần của
Điều xảy đến với chúng được nói đến như thể đó là phần chia mà họ phải nhận. Tương tự câu: "Đó là điều xảy đến với họ"
quân cướp phá ... cướp bóc chúng ta
Từ "chúng ta" ở đây nói đến Ê-sai và dân Giu-đa.

Translation Questions

Isaiah 17:1
Chuyện gì đã xảy ra với thành phố Đa-mách?
Nó sẽ không còn là một thành phố nữa, nhưng là một đống đổ nát.
Isaiah 17:3
Cái gì sẽ biến mất khỏi Ép-ra-im?
Các đồn lũy sẽ biến mất khỏi Ép-ra-im.
Isaiah 17:4
Trong ngày đó, điều gì sẽ xảy ra cho vinh quang của Gia-cốp?
Vinh quang của Gia-cốp sẽ giảm đi và thân xác béo mập sẽ trở nên gầy ốm.
Isaiah 17:7
Vào ngày đó, người ta sẽ hướng về ai?
Vào ngày đó, người ta sẽ hướng về Đấng Tạo Hóa mình, mắt họ chăm nhìn Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 17:9
Trong ngày đó, các thành kiên cố của họ sẽ giống điều gì?
Trong ngày đó, các thành kiên cố của họ sẽ giống như những nơi bị bỏ hoang trên đỉnh đồi.
Isaiah 17:13
Chuyện gì sẽ xảy ra khi các dân gào lên như nhiều dòng nước đổ ầm ầm?
Đức Chúa Trời sẽ quở trách các dân tộc, chúng sẽ chạy trốn đi xa và bị đuổi.
Isaiah 17:14
Phần của quân cướp phá Y-sơ-ra-ên là gì?
Phần của họ là sự kinh hãi vào buổi tối và sẽ chẳng còn gì vào lúc bình mình.

Chapter 18
Isaiah 18:1
Khốn cho đất đập cánh kêu vù vù, là đất ở bên kia các sông của Cút
Các nghĩa có thể của cụm từ "đập cánh kêu vù vù" là 1) những cái cánh ngụ ý đến những con thuyền ra khơi. Tương tự câu: "Khốn cho những kẻ sống trong vùng đất bên kia sông Cút, mà các thuyền của nó như những con côn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trùng trên mặt nước" hoặc là 2) đập cánh kêu vù vù ngụ ý nói đến tiếng ồn của những con côn trùng có cánh, có thể là châu chấu.

vượt biển

Sông Nin rất rộng, và mọi người ở Ê-đíp-tô và Ê-thi-ô-pi nói nó như là "biển." Tương tự câu: "vượt dòng sông lớn" hoặc là "dọc theo Sông Nin"

thuyền bằng lau

Cây lau là một loại thực vật cao mọc dọc theo bờ của Sông Nin. Mọi người buộc các bó lau vào nhau để tạo thành thuyền. Tương tự câu: "thuyền bằng lau" hay là "thuyền làm bằng sậy" hoặc

một nước có người cao da bóng ... một dân mà xa gần ai cũng sợ ... một nước hùng cường và hay xâm lược, là đất nước có nhiều sông ngòi chia cắt.

Tất cả các cụm từ này đều miêu tả dến dân của một nước.

có nhiều sông ngòi chia cắt

Câu này có lẽ nói đế nhiều dòng sông chảy qua đất nước và chia cắt đất nước ra nhiều vùng khác nhau.

một nước có người cao da bóng

Từ "nước" ở đây nói đến dân của nước đó. Tương tự câu: "một đất nước mà dân ở đó cao và có da trơn bóng"

một dân mà xa gần ai cũng sợ

Từ "xa" và "gần" được kết hợp với nhau có nghĩa là "ở mọi nơi." Tương tự câu: "một dân mà mọi nước đều sợ hãi" hoặc là "một dân tộc mà mọi người trên trái đất đều khiếp sợ"

một nước hùng cường và hay xâm lược

Hay xâm lược tức là xâm chiếm các nước khác. Tương tự câu: "Một đất nước hùng cường và hay xâm chiếm các nước khác" Xem:

Isaiah 18:3

Câu Kết Nối:

Câu 3 nói về điều mác các sứ giả trong ISA18:01

Hỡi tất cả cư dân trên thế giới ... là những người sống trên mặt đất

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Tất cả mọi người trên thế gian"

Vừa khi ngọn cờ dựng trên núi, các ngươi hãy xem! Vừa khi kèn thổi lên, các ngươi hãy lắng nghe!

Ngọn cờ và tiếng kèn được dùng để kêu gọi mọi người ra trận. Mệnh lệnh hãy xem và lắng nghe là những mệnh lệnh để yêu cầu sự chú ý và chuẩn bị cho trận chiến. Tương tự câu: "hãy chú ý khi ngọn cờ được dựng trên núi và tiếng kèn được thổi lên"

vừa khi ngọn cờ dựng trên núi, các ngươi hãy xem

Ngọn cờ được dùng để kêu gọi mọi người chiến đấu. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "hãy chú ý khi các ngươi nhìn thấy ngọn cờ chiến đấu trên các núi."

Vừa khi kèn thổi lên, các ngươi hãy lắng nghe

Những tiếng kèn được dùng để kêu gọi mọi người ra trận. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "hãy chú ý khi các ngươi nghe thấy tiếng kèn ra trận"

Isaiah 18:4

Thông Tin Chung:

Đức Chúa Trời sử dụng một dụ ngôn về người nông dân trong vườn nho để miêu tả điều mà Ngài sẽ làm với một quốc gia. Quốc gia đó có thể là Ê-thi-ô-pi hoặc là kẻ thù của Ê-thi-ô-pi.

Vì Đức Giê-hô-va đã phán với tôi thế nầy

"Đức Giê-hô-va phán với tôi." Ở đây từ "tôi" tức là Ê-sai.

Từ chỗ Ta đang ngự, Ta sẽ yên lặng nhìn xem

Điều mà Đức Chúa Trời sẽ quan sát có thể được trình bày rõ ràng. Tương tự câu: "Ta sẽ yên lặng quan sát đất nước đó từ nơi Ta ngự" hoặc là "Từ nơi Ta ngự, Ta sẽ yên lặng nhìn xem điều mà dân nước đó làm"

Như tia nắng lung linh từ ánh mặt trời, như làn sương trong ánh nắng mùa gặt

Những cụm từ này diễn tả cách Đức Chúa Trời yên lặng nhìn xem đất nước đó.

Trước kỳ thu hoạch

"Trước vụ thu hoạch nho"

khi mùa hoa đã hết

Câu này có thể được trình bày cách rõ ràng rằng ở đây nói đến việc hoa nở trong vườn nho. Tương tự câu: "khi hoa đã nở hết trong vườn nho"

người ta sẽ dùng liềm cắt những cành non

Nếu một nông dân thấy rằng một cành non sẽ không ra trái, thì họ sẽ cắt bỏ nó đi. Tương tự câu: "người nông dân sẽ cắt bỏ những cành non không ra trái"

liềm

Một cái liềm là con dao mà mọi người ta dùng để cắt các nhánh của cây nho hay là các cây khác.

tỉa bỏ những cành rậm lá

Nếu người nông dân thấy một cành phát triển quá mạnh và ngăn cản cây nho ra nhiều trái, họ sẽ cắt và vứt nó đi.

Isaiah 18:6

Chúng sẽ cùng bị bỏ lại

Đức Chúa Trời dường như thay đổi từ cách kể câu chuyện dụ ngôn đến việc nói trực tiếp hơn về đất nước đó. Câu này có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: "Những kẻ bị giết chết sẽ cùng bị bỏ lại" hoặc là "Như những cành cây bị cắt bỏ và vứt đi, xác của những kẻ bị giết cũng sẽ bị bỏ lại trên mặt đất như vậy"

Chim săn mồi sẽ ăn chúng trong mùa hạ

"Những con chim sẽ ăn chúng trong suốt mùa hạ." Từ "chim săn mồi" nói đến những loài chim ăn thịt của các xác chết.

tất cả thú vật trên đất

"tất cả các loài động vật hoang dã"

sẽ ăn suốt mùa đông

"sẽ ăn chúng trong suốt mùa đông"

dân tộc người cao da bóng ... dân mà xa gần ai cũng sợ ... một nước hùng cường và hay xâm lược, là đất nước có nhiều sông ngòi chia cắt

Tất cả các cụm từ này đều miêu tả đến dân của một nước. Hãy xem bạn đã dịch những cụm từ này trong ISA18:01

dân tộc người cao da bóng

"dân tộc cao và có da bóng"

dân mà xa gần ai cũng sợ

Những từ như "xa" và "gần" được sử dụng cùng nhau mang ý nghĩa là "mọi nơi." Tương tự câu: "một dân mà mọi nơi đều sợ hãi" hoặc là "một dân mà mọi dân tộc khác trên trái đất đều sợ hãi"

một nước hùng cường và hay xâm lược

Hay xâm lược tức là xâm chiếm các nước khác. Tương tự câu: "một đất nước hùng mạnh và xâm chiếm các nước khác" Xem:

tại nơi danh Đức Giê-hô-va vạn quân ngự, là Núi Si-ôn

Từ "danh" nói đến Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Núi Si-ôn, là nơi Đức Giê-hô-va vạn quân ngự"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Isaiah 18:1

Đất nào đập cánh kêu vù vù?

Đất đập cánh kêu vù vù nằm ở bên kia sông Ê-thi-ô-pi.

Isaiah 18:2

Đất đập cánh kêu vù vù đã sai sứ giả đến cùng ai?

Họ gửi sứ giả đi đến nước của những người cao lớn, da mịn, nhưng họ đều lo sợ, một nước hùng cường và hay xâm lược, có các sông chia đất.

Isaiah 18:3

Khi nào thì dân cư thế giới phải nhìn và lắng nghe?

Họ nhìn và lắng nghe khi có một dấu hiệu được dựng nên trên núi và khi kèn được thổi.

Isaiah 18:5

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trước mùa gặt, khi hoa đã không còn kết trái?

Đức Giê-hô-va sẽ cắt các cành non, và chặt bỏ những cành rậm lá.

Isaiah 18:6

Chuyện gì sẽ xảy ra trên những cành cây của các con chim trong mùa hạ và tất cả thú rừng trên đất vào mùa đông?

Vào lúc đó, của dâng sẽ được mang lên núi Si-ôn cho Đức Giê-hô-va từ những dân tộc người cao da mịn.

Isaiah 18:7

Chuyện gì sẽ xảy ra trên những cành cây của các con chim trong mùa hạ và tất cả thú rừng trên đất vào mùa đông?

Vào lúc đó, của dâng sẽ được mang lên núi Si-ôn cho Đức Giê-hô-va từ những dân tộc người cao da mịn.

Chapter 19

Isaiah 19:1

Nầy

"Hãy xem" hoặc là "Hãy nghe." Từ này nhấn mạnh thêm điều sẽ được nói đến.

Đức Giê-hô-va cưỡi trên đám mây

Đức Giê-hô-va được miêu tả ở đây như là đang cưỡi trên một đám mây giống như Ngài đang cưỡi trên một cỗ xe ngựa.

các tượng thần của Ai Cập đều run rẩy trước mặt Ngài

Các tượng thần được miêu tả như là có cảm giác sợ hãi khi Đức Giê-hô-va đến gần. Tương tự câu: "các tượng thần của Ai Cập đều run rẩy trước mặt Đức Giê-hô-va"

lòng người Ai Cập thất đảm kinh hồn

Lòng người thất đảm kinh hồn tượng trưng cho sự mất đi lòng can đảm. Tương tự câu: "và người Ai Cập không còn can đảm nữa"

người lân cận chống người lân cận

Những từ "sẽ chống lại" được hiểu ngầm từ cụm từ ở câu trước. Tương tự câu: "người ta sẽ chiến đấu chống lại kẻ lân cận mình"

thành nầy chống thành kia

Từ "thành" nói đến những người dân trong thành. Tương tự câu: "những người trong thành sẽ chống lại người của thành khác" hoặc là "những dân từ những thành phố khác nhau sẽ chống lại lẫn nhau"

vương quốc nầy chống vương quốc nọ

Từ "sẽ" hoặc là "sẽ chiến đấu" được hiểu ngầm từ cụm từ trong câu trước. Tương tự câu: "vương quốc nầy chống lại vương quốc nọ" hoặc là "vương quốc nầy sẽ chiến đấu chống lại vương quốc khác"

vương quốc nầy chống vương quốc nọ

Từ "vương quốc" nói đến một vương quốc nhỏ hơn trong đất Ai Cập. Nó có thể được gọi là một tỉnh. Từ này thay thế cho những người ở vương quốc đó hoặc tỉnh đó. Tương tự câu: "Người trong một tỉnh sẽ chống lại người ở tỉnh khác" hoặc là "mọi người đến từ những tỉnh khác nhau sẽ chiến đấu chống lại nhau"

Isaiah 19:3

Người Ai Cập sẽ mất hết tinh thần, Ta sẽ làm xáo trộn kế hoạch của chúng

Đất nước Ai Cập được nhắc đến như thể đó là một người.

Người Ai Cập sẽ mất hết tinh thần

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến người Ai Cập mất hết tinh thần và trở nên yếu đuối"

Ta sẽ làm xáo trộn kế hoạch của chúng

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "kế hoạch" có thể được diễn tả bằng động từ "khuyên." Tương tự câu: "Ta sẽ làm xáo trộn những kẻ khuyên bảo vua"

bấy giờ

"dẫu cho" hoặc là "cho dù"

đồng cốt ... thầy bói

Đây là những người cho rằng họ có thể nói chuyện với những người chết.

Ta sẽ phó dân Ai Cập vào tay các bạo chúa

Ở đây "tay" nói đến sức mạnh hoặc là quyền cai trị. Tương tự câu: "Ta sẽ phó dân Ai Cập ở dưới quyền cai trị của một bạo chúa"

Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy

Danh từ trừu tượng "phán" có thể được dịch thành một động từ. Tương tự câu: "đây là điều mà Chúa, tức là Đức Giê-hô-va vạn quân, phán"

Isaiah 19:5

Biển sẽ không còn nước, sông sẽ cạn và khô

Người Ai Cập coi Sông Nin như là "biển." Hai cụm từ này về cơ bản mang ý nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Sông Nin sẽ hoàn toàn khô cạn"

trở nên hôi thối

"trở nên có mùi hôi" hoặc là "hôi thối"

cạn dần và khô đi

"cạn dần"

lau sậy đều chết héo

"Lau" và "sậy" là hai loại thực vật sống dưới nước tương tự nhau. Tương tự câu: "các loài thực vật mọc dọc theo bờ sông sẽ chết và héo đi"

Isaiah 19:7

tất cả đồng ruộng đã gieo của nó

"các đồng ruộng gần sông Nin là nơi mọi người gieo trồng"

Những người đánh cá sẽ khóc than, mọi kẻ giăng câu ở sông Nin đều rên xiết, và kẻ thả lưới trên các dòng nước đều ủ rũ

Cả ba cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Nếu cần thiết, lý do mà họ ủ rũ có thể được trình bày rõ. Tương tự câu: "Những người đánh cá đánh bắt bằng lưới hoặc cần câu sẽ than khóc trong tuyệt vọng vì cá ở sông Nin đã chết hết"

giăng câu ở sông Nin

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Để bắt cá, một vài người buộc một ít thức ăn vào một móc câu, buộc móc câu vào một sợi dây, và quăng móc câu xuống nước. Khi một con cá cố ăn thức ăn, miệng nó sẽ bị mắc vào móc câu, và người đi câu kéo con cá lên khỏi nước.
giăng
"ném, quăng"
Thả lưới trên các dòng sông
Để bắt cá, một vài người quăng lưới trên mặt sông. Khi cá dính vào lưới, họ sẽ kéo lưới cùng cá ra khỏi mặt nước.
Isaiah 19:9
Những người dệt vải gai mịn và những người dệt vải trắng đều xấu hổ.
Các thợ dệt của Ai Cập đều chán nản
Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Nếu cần thiết, lý do họ đau buồn có thể sẽ được trình bày rõ ràng. Tương tự câu: "Những thợ dệt vải của Ai Cập đều chán nản vì không có cây lanh"
Những người dệt vải gai mịn
"Những người dệt vải gai mịn"
vải gai mịn
Cây lanh là một loại thực vật sinh trưởng dọc theo Sông Nin. Mọi người tách sợi ở thân cây lanh ra, và dùng để làm vải gai mịn.
đều xấu hổ
"sẽ bị xấu hổ"
Các thợ dệt của Ai Cập
"Những người Ai Cập dệt vải"
đều chán nản
Chán nản tượng trưng cho sự ngã lòng. Tương tự câu: "sẽ nản lòng"
làm thuê
"làm thuê lấy tiền"
đều buồn rầu
"sẽ cảm thấy rất buồn"
Isaiah 19:11
Các quan chức ở Xô-an chỉ là ngu dại. Các cố vấn khôn ngoan của Pha-ra-ôn đưa ra những ý kiến điên rồ
Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự nhau. Cả các quan chức ở Xô-an cũng như các cố vấn khôn ngoan của Pha-ra-ôn, hoặc là một nhóm người khác thì cũng chỉ tỏ ra sự ngu dại.
Xô-an
Đây là một thành ở phía bắc Ai Cập.
Sao các ngươi có thể nói với Pha-ra-ôn ... các vua?
Ê-sai dùng một câu hỏi để chế nhạo những kẻ ở Ai Cập tự cho mình là khôn ngoan. Tương tự câu: "Các ngươi nói một cách ngu ngốc với Pha-ra-ôn ... các vua"
Vậy thì các bậc hiền triết của ngươi ở đâu?
Ê-sai dùng một câu hỏi để chế nhạo những kẻ khôn ngoan. Từ "các ngươi" ở đây nói đến Pha-ra-ôn. Tương tự câu: "Các ngươi chẳng có một người khôn ngoan nào" hoặc là "Những kẻ khôn ngoan của các ngươi là những kẻ ngu dại"
Họ hãy nói cho ngươi biết những gì Đức Giê-hô-va vạn quân đã định để chống lại Ai Cập
Ê-sai ngụ ý rằng những kẻ khôn ngoan thì phải hiểu được các kế hoạch của Đức Chúa Trời, nhưng Ê-sai không thực sự tin họ là những kẻ khôn ngoan. Tương tự câu: "Nếu họ thực sự khôn ngoan, họ sẽ có thể nói với ngươi về kế hoạch của Đức Giê-hô-va vạn qyaan chống lại Ai Cập"
Isaiah 19:13
các quan chức ở Xô-an
Xô-an là một thành phố phía bắc Ai Cập. Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong ISA19:11
Nốp
Đây là một thành ở phía bắc Ai Cập.
Các quan chức ở Xô-an ... các quan chức ở Nốp ... những người làm viên đá góc cho các bộ tộc của chúng
Các quan chức ở Xô-an và Nốp được nói đến như thể họ là đá góc nhà bởi vì họ là một phần quan trọng của cộng đồng. Tương tự câu: "là những người lãnh đạo bộ tộc"
đã làm cho Ai Cập lầm lạc
Từ "Ai Cập" tức là dân Ai Cập. Lầm lạc là làm điều gì đó sai trái. Tương tự câu: "khiến cho dân Ai Cập đi lầm lạc" hoặc là "khiến dân Ai Cập làm điều sai trái."
Đức Giê-hô-va đã trộn vào giữa chúng một linh nhầm lẫn
Ê-sai nói về sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va như thể Ai Cập là một cốc rượu. Ông nói Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho suy nghĩ của các lãnh đạo bị sai lệch như thể những suy nghĩ sai lệch của họ là một chất lỏng mà Đức Giê-hô-va đã trộn lẫn vào trong rượu. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã đoán phạt họ bằng cách làm sai trật những suy nghĩ của họ" hoặc là Đức Giê-hô-va đã trừng phạt Ai Cập bằng cách làm sai lệch suy nghĩ của những người lãnh đạo, như là thức uống say làm lẫn lộn suy nghĩ của mọi người"
nhầm lẫn
"sai lầm" hoặc là "lẫn lộn"
vào giữa chúng
Ở đây từ "chúng" tức là dân Ai Cập. Các quốc gia đôi khi được nói tới như thể chúng là những người nữ. Tương tự câu: "giữa Ai Cập"
nó làm cho Ai Cập lầm lạc trong mọi việc
Ở đây, từ "nó" tức là nhà lãnh đạo được nói đến trong câu trước. Từ "Ai Cập" tức là người dân Ai Cập. Tương tự câu: "các quan chức đã khiến cho dân Ai Cập lầm lạc"
làm cho Ai Cập lầm lạc trong mọi việc
Làm cho mọi người lầm lạc tức là gây ảnh hưởng đến họ để làm điều sai trái.
Như người say vừa đi lảo đảo vừa nôn mửa
Ê-sai nói về người dân Ai Cập đang làm điều sai trái như thể họ đi lang thang giống như một người say rượu.
dù là đầu hay là đuôi
Phần "đầu," là phần của một thú vật mà người ta muốn trở thành, tượng trưng cho người lãnh đạo. Phần "đuôi" là phần ngược lại và tượng trưng cho những người đi theo. Tương tự câu: "dù là lãnh đạo hay những kẻ đi theo"
việc lớn hay việc nhỏ (cành cọ hay lau sậy)
"Cành cọ" thường mọc trên thân cây cao và tượng trưng cho những người giàu có và quan trọng. "Lau sậy" thường mọc ở vùng nước nông và tượng trưng cho những người nghèo và kém quan trọng. Hãy xem các bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA09:13
Isaiah 19:16
Người Ai Cập sẽ giống như đàn bà
Câu này nhấn mạnh rằng người Ai Cập sẽ sợ hãi và yếu ớt khi Đức Chúa Trời trừng phạt họ.
Khi thấy tay Đức Giê-hô-va vạn quân vung lên, giơ ra chống lại chúng
Ở đây từ "tay" nói đến quyền phép của Đức Chúa Trời, và giơ tay lên chống lại chúng mang ý nghĩa trừng phạt chúng. Tương tự câu: "bởi vì Đức Giê-hô-va vạn quân đã giơ tay

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

quyền năng của Ngài để trừng phạt chúng"

đất Giu-đa sẽ trở thành nỗi kinh hoàng cho Ai Cập

"đất Giu-đa" và "Ai Cập" được dùng để nhắc đến những người dân sống ở hai nơi này. Người Ai Cập sẽ bối rối vì họ khiếp sợ kinh hoàng. Tương tự câu: "Dân Giu-đa sẽ khiến cho dân Ai Cập bối rối sợ hãi" hoặc là "Dân Giu-đa sẽ khiến cho dân Ai Cập sợ hãi kinh khiếp"

Mỗi khi người ta nhắc đến Giu-đa trước mặt ai thì người ấy khiếp sợ

Ở đây, từ "ai" và "người ấy" tức người Ai Cập và "Giu-đa" tức là người Giu-đa. Tương tự câu: "bất cứ khi nào ai đó nhắc dân Ai Cập về ngươi Giu-đa, thì dân Ai Cập sẽ khiếp sợ"

Isaiah 19:18

tại đất Ai Cập sẽ có năm thành nói

Câu này nói đến những người trong thành đó. Tương tự câu: "những người trong năm thành Ai Cập sẽ nói"

tiếng Ca-na-an

Câu này nói đến tiếng Hê-bơ-rơ, là ngôn ngữ của con dân Chúa đang sống trong vùng đất Ca-na-an. Tương tự câu: "tiếng của dân Ca-na-an"

thề

"thề trung thành"

Một trong các thành ấy được gọi là

Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. " Người ta sẽ gọi một trong các thành ấy"

Thành Hủy Diệt (Thành Mặt Trời)

Chưa rõ là liệu trong tiếng Hê-bơ-rơ từ "Mặt Trời" được dịch ở đây mang nghĩa là "mặt trời" hay là "hủy diệt." Cũng chưa rõ là tên đó nói cho chúng ta biết gì về thành trì. Tương tự câu: "Thành được gọi là 'Thành Mặt Trời'" hoặc là "Thành được gọi là 'Thành Hủy Diệt'"

Isaiah 19:19

có một cột trụ cho Đức Giê-hô-va gần biên giới

Cụm từ "biên giới" nói đến biên giới của Ai Cập. Tương tự câu: "Một cột trụ bằng đá cho Đức Giê-hô-va ở biên giới Ai Cập"

Đó là dấu hiệu và bằng chứng cho Đức Giê-hô-va vạn quân tại đất Ai Cập

Danh từ trừu tượng "dấu hiệu" và "bằng chứng" có thể được miêu tả bằng những động từ "bày tỏ" và "chứng minh." Tương tự câu: "Bàn thờ sẽ bày tỏ và chứng minh rằng Đức Giê-hô-va vạn quân ở trong xứ Ai Cập"

cho Đức Giê-hô-va vạn quân tại đất Ai Cập

Đức Giê-hô-va đang ở tại đất Ai Cập ngụ ý rằng những người dân ở Ai Cập đang thờ phượng Ngài. Tương tự câu: "những người ở đất Ai Cập thờ phượng Đức Giê-hô-va vạn quân"

Khi họ kêu cầu

"Khi người Ai Cập kêu khóc"

vì bị áp bức

"bởi vì người ta này đang ngược đãi họ" hay là "bởi vì những người khác đang khiến cho họ đau khổ"

Ngài sẽ sai một vị cứu tinh đến bảo vệ

"Đức Giê-hô-va sẽ sai một người nào đó đến cứu và bảo vệ người Ai Cập"

và giải cứu họ

Những người mà Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu có thể được làm rõ. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu những người Ai Cập khỏi những kẻ áp bức họ"

Isaiah 19:21

Đức Giê-hô-va sẽ làm cho Ai Cập biết Ngài

Ở đây "người Ai Cập" tức là dân Ai Cập. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến người dân Ai Cập biết đến danh Ngài"

sẽ nhận biết Đức Giê-hô-va

"sẽ chấp nhận sự thật về Đức Giê-hô-va" hoặc là "sẽ chấp nhận sự thật về Đức Giê-hô-va"

Thờ phượng Ngài

Đối tượng sự thờ phượng của họ có thể được giải thích rõ. Tương tự câu: "Họ sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va"

sẽ khấn nguyện cùng Đức Giê-hô-va và hoàn nguyện

"sẽ hứa với Đức Giê-hô-va và gìn giữ lời hứa" hoặc là "họ sẽ hứa với Đức Giê-hô-va và họ sẽ làm theo điều họ hứa"

Đức Giê-hô-va sẽ đánh Ai Cập

Ở đây, từ "Ai Cập" là nói về dân Ai Cập. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ đánh dân Ai Cập"

đánh rồi lại chữa lành

Từ "họ" được hiểu ngầm trong cụm từ này. Tương tự câu: "Ngài đánh họ rồi lại chữa lành cho họ"

đánh rồi lại chữa lành

Cụm từ này liên quan như thế nào với cụm từ trước đó có thể được giải thích rõ bằng những từ như "sau khi" và "cũng." Tương tự câu: "và sau khi Ngài đánh họ, thì Ngài cũng chữa lành cho họ"

đánh

"đánh" hoặc là "trừng phạt"

Isaiah 19:23

sẽ có con đường cái

Con đường cái là một con đường rộng mà nhiều người có thể qua lại.

người A-si-ri sẽ đến

"người A-si-ri" tức là một người từ A-si-ri, nhưng đại diện cho bất kỳ ai từ A-si-ri đến Ai Cập. Tương tự câu: "Người A-si-ri sẽ đến"

và người Ai Cập sẽ đến A-si-ri

Những từ "sẽ đến" được hiểu ngầm. Tương tự câu: "và người Ai Cập sẽ đến A-si-ri"

người Ai Cập

Ở đây nói đến một người từ Ai Cập, nhưng đại diện cho bất kỳ ai từ Ai Cập đến A-si-ri. Tương tự câu: "Người Ai Cập"

người Ai Cập và người A-si-ri sẽ cùng nhau thờ phượng

Đối tượng của sự thờ phượng ở đây có thể được giải thích rõ. Tương tự câu: "Người Ai Cập và người A-si-ri sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Isaiah 19:24

Y-sơ-ra-ên sẽ cùng với Ai Cập và A-si-ri thành bộ ba

Tên của ba nước tượng trưng cho dân sự của các nước đó. Tương tự câu: "Người Y-sơ-ra-ên sẽ cùng với người A-si-ri và người Ai Cập trở thành bộ ba"

thành bộ ba

Các nghĩa có thể là 1) "gia nhập cùng nhau" hoặc là 2) "trở thành bộ ba nguồn phước" hoặc là 3) "ngang nhau."

Phước cho Ai Cập là dân Ta, A-si-ri là công trình của tay Ta, Y-sơ-ra-ên là cơ nghiệp của Ta

Tên của ba nước tượng trưng cho dân sự của các nước đó. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã ban phước cho ngươi, là dân Ai Cập, bởi vì ngươi là dân Ta; và Ta ban phước cho ngươi, dân A-si-ri, bởi vì ta đã sáng tạo ra các ngươi; và Ta ban phước cho ngươi,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dân Y-sơ-ra-ên, bởi vì Ta coi các ngươi là của cải Ta"
công trình của tay Ta
Ở đây từ "tay" nói đến quyền năng và công việc của Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Isaiah 19:1
Đây là bản tuyên ngôn dành cho ai?
Đây là bản tuyên ngôn dành cho Ai Cập.
Ai sẽ khuấy động người Ai Cập?
Đức Giê-hô-va sẽ khuấy động người Ai Cập.
Isaiah 19:2
Ai sẽ khuấy động người Ai Cập?
Đức Giê-hô-va sẽ khuấy động người Ai Cập.
Người Ai Cập sẽ chống lại ai?
Họ sẽ chống nghịch cùng nhau.
Isaiah 19:4
Đức Giê-hô-va sẽ phó dân Ai-Cập vào tay ai?
Đức Giê-hô-va sẽ phó dân Ai-Cập vào tay các bạo chúa, và một vua mạnh sẽ cai trị họ.
Isaiah 19:5
Điều gì sẽ xảy ra với vùng biển Ai Cập?
Biển sẽ không còn nước và sông sẽ cạn và khô.
Isaiah 19:10
Điều gì sẽ xảy ra với những người dệt vải ở Ai Cập?
Những người dệt vải sẽ chán nản.
Isaiah 19:11
Chuyện gì xảy ra với những ý kiến của các cố vấn của Pha-ra-ôn?
Những ý kiến của họ trở nên điên rồ.
Isaiah 19:14
Tại sao ý kiến của các cố vấn Pha-ra-ôn trở nên điên rồ?
Ý kiến của họ trở nên điên rồ bởi vì Đức Giê-hô-va đã làm cho Ai Cập lầm lạc trong mọi việc.
Isaiah 19:16
Trong ngày đó, Ai Cập sẽ như thế nào?
Trong ngày đó, người Ai Cập sẽ giống như đàn bà. Họ sẽ run rẩy và sợ hãi.
Isaiah 19:18
Trong ngày đó, năm thành tại Ai Cập sẽ làm gì?
Họ thề sẽ trung thành với Đức Giê-hô-va vạn quân.
Isaiah 19:19
Trong ngày đó, ở giữa đất Ai Cập sẽ diễn ra điều gì?
Trong ngày đó sẽ có một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va ngay giữa đất Ai Cập.
Isaiah 19:23
Trong ngày đó, những người cùng thờ phương Đức Giê-hô-va là ai?
Người Ai Cập và người A-sy-ri sẽ cùng thờ phượng Đức Giê-hô-va.
Isaiah 19:24
Trong ngày đó, dân nào trở nên một phước lành giữa thế gian?
Y-sơ-ra-ên, Ai Cập và A-sy-ri sẽ là nguồn phước giữa thế gian.

Chapter 20
Isaiah 20:1
Ta-tân
Tên của tổng tư lệnh quân đội A-si-ri
Sa-gôn
Tên của vua A-si-ri
đến Ách-đốt để tấn công và chiếm thành
Ách-đốt ở đây tức là quân đội Ách-đốt. Tương tự câu: "Ông tấn công quân đội Ách-đốt"
cởi trần và đi chân đất
Ở đây từ "cởi trần" có lẽ là nói đến việc chỉ mặc đồ lót. Tương tự câu: "đi mà không mặc quần áo ngoài cũng như không dép"
Isaiah 20:3
và điềm báo
"và một lời cảnh báo"
về Ai Cập và Cút
Tên các địa danh tức là dân sự sống ở đó. Tương tự câu: "về dân Ai Cập và dân Cút"
vua A-si-ri giải đi
Vua ra lệnh cho quân đội mình làm việc này. Tương tự câu: "vua A-si-ri sẽ ra lệnh cho quân đội mình giải những người bị bắt giữ"
những người Ai Cập bị bắt và người Cút bị lưu đày
Câu này có thể được trình bày rõ ràng là họ sẽ tấn công trước hết và bắt giữ mọi người. Tương tự câu: "sẽ tấn công Ai Cập và Cút, rồi sau đó bắt giữ họ và giải họ đi"
để làm nhục Ai Cập thể ấy
Ai Cập tức là người dân Ai Cập. Tương tự câu: "sẽ khiến người Ai Cập nhục nhã"
Isaiah 20:5
khiếp sợ và hổ thẹn
"sợ hãi và xấu hổ"
những ai xem Cút là niềm hi vọng, và xem Ai Cập là niềm kiêu hãnh của mình
Niềm hi vọng và kiêu hãnh tượng trưng cho sự tin tưởng của họ vào sức mạnh quân đội của những nước này. Tương tự câu: "bởi vì họ đã tin cậy vào sức mạnh quân đội Cút và Ai Cập"
Những cư dân miền duyên hải nầy
người dân sống ở vùng bờ biển Địa Trung Hải
chạy đến cầu cứu để được giải thoát
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "là nơi chúng ta chạy đến để họ có thể cứu chúng ta"
nay đã bị như thế, chúng ta làm sao trốn khỏi được?
Người viết dùng câu hỏi này để nhấn mạnh sự vô vọng về tình trạng của họ là như thể nào. Tương tự câu: "Giờ đây không còn cách nào khác để chúng ta thoát khỏi!"

Translation Questions

Isaiah 20:1
Chuyện gì đã xảy ra khi Ta-tân đến Ách-đốt?
Ta-tân đã vây thành và chiếm lấy nó.
Ai là người đã sai Ta-tân tới Ách-đốt?
Sa-gôn, vua A-sy-ri đã sai Ta-tân đến Ách-đốt.
Isaiah 20:2
Đức Giê-hô-va phán dặn Ê-sai làm gì khi Ta-tân chiếm Ách-đốt?
Đức Giê-hô-va phán dặn Ê-sai phải tháo giày dép và lột giày

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khỏi chân ngươi, đi trần và chân không.
Isaiah 20:3
Tại sao Ê-sai đã đi chân trần?
Đây là một dấu cho thấy những kẻ bị bắt làm phu tù của Ai Cập và những người lưu tù của Ê-thi-ô-bi sẽ bị vua A-sy-ri giải đi trần và chân không.
Isaiah 20:4
Tại sao Ê-sai đã đi chân trần?
Đây là một dấu cho thấy những kẻ bị bắt làm phu tù của Ai Cập và những người lưu tù của Ê-thi-ô-bi sẽ bị vua A-sy-ri giải đi trần và chân không.
Isaiah 20:5
Điều gì xảy ra với những người đặt hi vọng của mình vào Ê-thi-ô-bi và Ai Cập?
Họ sẽ sợ sệt và hổ thẹn.
Isaiah 20:6
Điều gì xảy ra với những người đặt hi vọng của mình vào Ê-thi-ô-bi và Ai Cập?
Họ sẽ sợ sệt và hổ thẹn.

Chapter 21
Isaiah 21:1
Lời tiên tri
"Đây là điều mà Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc là "Đây là sứ điệp của Đức Giê-hô-va"
về hoang mạc gần biển
Câu này nói đến những người sống ở Ba-by-lôn như là họ sống ở một hoang mạc, thậm chí cho dù Đức Chúa Trời chưa biến nó thành hoang mạc. Sự kiện này chắc chắn sẽ xảy ra. Tương tự câu: "về những người sống ở vùng đất sẽ sớm trở thành một hoang mạc"
Giống như cơn gió lốc càn quét Nê-ghép
Ê-sai so sánh quân đội sẽ tấn công dân đó như một cơn gió lốc. Chúng sẽ tấn công nhanh và rất mạnh.
từ hoang mạc
Ở đây "hoang mạc" tức là hoang mạc xứ Giu-đa.
Là vùng đất kinh hoàng
Quân đội đó là từ một dân tộc gây ra nỗi sợ kinh hoàng.
Có một khải tượng kinh hoàng đã tỏ ra cho tôi
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã tỏ cho tôi thấy một khải tượng kinh hoàng"
kẻ phản bội đang phản bội
"những kẻ lừa gạt sẽ lừa gạt"
kẻ hủy diệt đang hủy diệt
"những kẻ hủy diệt sẽ hủy diệt"
Hỡi người Ê-lam, hãy tiến lên! Hỡi người Mê-đi, hãy bao vây!
Trong khải tượng được ban cho Ê-sai, Đức Giê-hô-va phán với quân Ê-lam và Mê-đi như thể họ đang lắng nghe Ngài.
Hỡi người Ê-lam, hãy tiến lên! Hỡi người Mê-đi, hãy bao vây!
Có thể ngầm hiểu rằng họ sắp tấn công Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Hãy đi lên và tấn công Ba-by-lôn, hỡi những người lính chiến Ê-lam; hãy đi và bao vây người Ba-by-lôn, hỡi những lính chiến Mê-đi"
Ê-lam ... Mê-đi
Ở đây từ "Ê-lam" và "Mê-đi" tức là những binh lính đến từ những nơi này.
Ta sẽ làm cho dứt mọi tiếng than thở của nó
Ở đây từ "nó" thay thế cho toàn bộ người dân đang chịu cảnh khốn khổ bởi vì người Ba-by-lôn. Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho họ ngừng than thở khi Ngài sai quân Ê-lam và Mê-đi đến tiêu diệt người Ba-by-lôn.
Isaiah 21:3
lưng tôi đau lắm
Khải tượng mà Ê-sai nhìn thấy rất bất an đã khiến ông bị đau về thể xác. Ở đây ông miêu tả cơn đau đó và sự chèn ép đó ở phần lưng.
cơn quặn thắt bắt lấy tôi như cơn quặn thắt của đàn bà lúc sinh đẻ
Ê-sai so sánh cơn đau của ông như cơn đau của một phụ nữ lúc sinh đẻ. Câu này nhấn mạnh sự đau đớn khủng khiếp mà ông đang cảm nhận.
Sự đau đớn mà tôi chịu khiến tôi không nghe được
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Điều tôi đã nghe khiến tôi cúi gập xuống trong cơn đau đớn"
Sự kinh hãi làm cho tôi không thấy được
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Điều tôi thấy đã khiến tôi rất kinh hãi"
Lòng tôi dao động, nỗi khiếp sợ khiến tôi bàng hoàng
"Tim tôi đập nhanh và tôi bàng hoàng"
Isaiah 21:5
Người ta dọn
Ở đây từ "Người ta" nói đến những lãnh đạo của Ba-by-lôn.
Hỡi các quan chức hãy đứng dậy!
Ở đây "các quan chức" nói chung là những người có quyền hành và không nhất thiết phải là các hoàng tử.
dọn bàn tiệc
Ở đây từ "bàn tiệc" tượng trưng cho đồ ăn mà mọi người sẽ ăn trong bữa tiệc.
Hãy bôi dầu vào thuẫn!
Những người lính sẽ bôi dầu lên những cái thuẫn bằng da của họ để giữ cho nó mềm và không bị nứt khi chiến đấu.
Isaiah 21:6
đặt người canh gác
"bảo một người canh gác đứng canh trên tường của Giê-ru-sa-lem"
quân lính cưỡi ngựa đi từng cặp
"một người lính cưỡi xe ngựa đôi"
Isaiah 21:8
Thưa chúa
Ở đây từ này nói đến người có quyền ra lệnh cho người canh gác đứng canh trên tường thành Giê-ru-sa-lem.
Ba-by-lôn đã sụp đổ, sụp đổ rồi
Ba-by-lôn đã hoàn toàn bị đánh bại bởi kẻ thù của họ được nói đến như thể thành Ba-by-lôn đã sụp đổ. Ở đây từ "Ba-by-lôn" là một phép hoán dụ thay cho người dân Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Người Ba-by-lôn đã hoàn toàn bị đánh bại"
đã sụp đổ, sụp đổ rồi
Từ "sụp đổ" được lặp lại để nhấn mạnh rằng người Ba-by-lôn đã hoàn toàn bị đánh bại bởi kẻ thù mình.
Isaiah 21:10
Hỡi kẻ bị đập như thóc trên sân đập lúa của tôi
Người Y-sơ-ra-ên chịu khốn khổ vì cớ người Ba-by-lôn được nói đến như thể họ là những hạt lúa bị đập và sàng sảy.
Hỡi kẻ bị đập như thóc của tôi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ "của tôi" ở đây nói đến Ê-sai.

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:09

Isaiah 21:11

Lời tiên tri

"Đây là điều Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc là "Đây là sứ điệp từ Đức Giê-hô-va"

về Đu-ma

Đây là một cái tên khác của Ê-đôm. Ở đây từ "Đu-ma" tượng trưng cho những người sống ở đó. Tương tự câu: "về người dân Đu-ma" hoặc là "về người dân Ê-đôm"

Có tiếng gọi tôi

Ở đây từ "tôi" tức là Ê-sai.

Sê-i-rơ

Đây là tên một ngọn núi ở phía tây Ê-đôm.

Nầy người lính canh, đêm thế nào rồi? Nầy người lính canh, đêm thế nào rồi?

Câu này được lặp lại để nhấn mạnh rằng người đang hỏi câu hỏi này đang lo lắng và sợ hãi.

Người lính canh

Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong ISA21:06

Nếu muốn hỏi thì cứ hỏi; Nhưng hãy trở lại, hãy đến đây

"Bây giờ hãy hỏi tôi điều mà anh muốn biết, nhưng cũng hãy trở về sau đó và hỏi lại nữa"

Isaiah 21:13

Lời tiên tri

"Đây là điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán" hoặc là "Đây là sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

về Ả-rập

Ả-rập tức là dân Ả-rập. Tương tự câu: "người dân Ả-rập"

Trong rừng Ả-rập

Ả-rập không có rừng. Tương tự câu: "Ở nơi hoang vắng của Ả-rập" hoặc là "ở nơi xa xôi của Ả-rập"

đoàn thương buôn

Một nhóm những người đi cùng nhau

người Đê-đan

Đây là một dân tộc sống ở Ả-rập.

đất Thê-ma

Đây là tên của một thành phố ở Ả-rập.

người lánh nạn

Người lánh nạn là người chạy trốn để kẻ thù không bắt giữ được họ. Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong ISA15:05

đem bánh

Ở đây từ "bánh" tượng trưng cho thức ăn nói chung.

thoát khỏi lưỡi gươm, trốn khỏi gươm tuốt trần, trốn khỏi cung giương ra

Ở đây từ "gươm" và "cung" tượng trưng cho những binh lính tấn công cư dân Thê-ma. Tương tự câu: "trốn khỏi kẻ thù tấn công họ bằng gươm và cung"

trốn cuộc chiến ác liệt

Nỗi kinh hoàng và sự đau khổ mà họ phải trải qua trong suốt cuộc chiến được nói đến như thể cuộc chiến đó là một gánh nặng khủng khiếp trên vai mọi người. Tương tự câu: "trốn khỏi trận chiến kinh hoàng"

Isaiah 21:16

còn một năm nữa, theo năm của người làm thuê

"là một người làm thuê tính lương theo ngày trong năm."

Một người làm thuê sẽ tính toán cẩn thận các ngày hầu cho người đó làm đúng thời gian mà anh ta được trả tiền. Câu này nghĩa là Kê-đa sẽ bị đánh bại trong vòng đúng một năm.

của Kê-đa

Đây là một vùng ở Ả-rập. Kê-đa đại diện cho dân Kê-đa. Tương tự câu: "của dân Kê-đa"

Translation Questions

Isaiah 21:2

Sự hiện thấy của Ê-sai là gì?

Một sự hiện thấy hãi hùng được tỏ ra cho ông.

Sự hiện thấy đó là gì?

Sự hiện thấy của Ê-sai là việc tấn công vào Ê-lam và bao vây Mê-đi.

Isaiah 21:3

Sự hiện thấy đó ảnh hưởng thế nào đến Ê-sai?

Nó làm cho lòng Ê-sai đau đớn. Cơn quặn thắt bắt lấy ông. Tim ông đập thình thịch. Ông khiếp sợ và run rẩy.

Isaiah 21:4

Sự hiện thấy đó ảnh hưởng thế nào đến Ê-sai?

Nó làm cho lòng Ê-sai đau đớn. Cơn quặn thắt bắt lấy ông. Tim ông đập thình thịch. Ông khiếp sợ và run rẩy.

Isaiah 21:6

Chúa phán dặn điều gì với Ê-sai?

Chúa phán dặn Ê-sai hãy đặt một người canh gác, để truyền lại điều mà ông thấy.

Isaiah 21:7

Người canh gác đã làm gì khi thấy một chiếc xe ngựa từng đi cặp, có người cưỡi lừa và lạc đà?

Sau đó, người canh gác phải chú ý và cảnh giác.

Isaiah 21:9

Khi chiến xa đã đến, anh ấy đã nói gì?

Ông kêu lên rằng, "Ba-by-lôn đã thất thủ rồi, đã sụp đổ rồi và các thần tượng cũng bị đổ xuống, nằm la liệt dưới đất!".

Isaiah 21:13

Ai đã dành cả đêm trong rừng Ả-rập?

Đoàn thương gia từ Đê-đăng ngủ đêm ở đó.

Isaiah 21:14

Đoàn thương gia Đê-đăng nói họ sẽ làm gì?

Họ được yêu cầu là hãy đem nước đến cho những kẻ khát.

Cư dân đất Thê-ma nói họ sẽ làm gì?

Họ được biết là sẽ đem bánh cho những người lánh nạn.

Isaiah 21:16

Chúa đã phán gì với Ê-sai về Kê-đa?

Chúa đã phán với Ê-sai rằng trong vòng một năm, mọi vinh quang của Kê-đa sẽ chấm dứt và chỉ có một số rất ít những dũng sĩ bắn cung cùng các binh lính.

Isaiah 21:17

Chúa đã phán gì với Ê-sai về Kê-đa?

Chúa đã phán với Ê-sai rằng trong vòng một năm, mọi vinh quang của Kê-đa sẽ chấm dứt và chỉ có một số rất ít những dũng sĩ bắn cung cùng các binh lính.

Chapter 22

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 22:1

Lời tiên tri

"Đây là điều Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc là "Đây là sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

về thung lũng khải tượng

Ở đây từ "thung lũng" tượng trưng cho những người đang sống trong thung lũng, đó là, dân Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "về những người sống trong thung lũng khải tượng" hay "về những người sống tại Giê-ru-sa-lem"

Có việc gì xảy ra cho các ngươi, mà tất cả các ngươi đều leo lên nóc nhà vậy?

Ê-sai dùng một câu hỏi để quở trách dân Giu-đa. Tương tự câu: "Các ngươi không nên leo lên nóc nhà."

Hỡi thành đầy tiếng ồn ào huyên náo

"một thành đầy những người ồn ào vui vẻ"

Những kẻ bị giết của ngươi chẳng phải chết vì gươm

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Quân lính kẻ thù đã không giết những kẻ của ngươi"

vì gươm

Ở đây từ "gươm" tượng trưng cho những người lính chiến đấu trong trận chiến.

Isaiah 22:3

Họ bị bắt trói mà không cần cung tên

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nhưng kẻ thù sẽ bắt những người cầm quyền mà thậm chí không cần mang theo cung tên"

tất cả người của ngươi bị phát hiện đều bị trói chung với nhau

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "kẻ thù đã bắt và trói họ chung với nhau"

Vì vậy, tôi nói

Ở đây từ "tôi" tức là Ê-sai.

con gái dân tôi

Ở đây từ "con gái" tượng trưng cho dân sự và có thể ngụ ý đến tình cảm thương yêu của Ê-sai dành cho họ. Tương tự câu: "những người dân mà tôi yêu quý" hoặc là "những người dân của tôi"

Isaiah 22:5

Thật là một ngày

Ở đây từ "ngày" nói đến một khoảng thời gian dài hơn. Tương tự câu: "Vì sẽ đến lúc"

giày đạp và hỗn loạn, được bày tỏ trong thung lũng khải tượng bởi Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân

"khi đó Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ gây ra sự kinh hoàng, giày đạp và hỗn loạn"

giày đạp

Các nghĩa có thể là 1) câu này nói đến những binh lính đang hành quân 2) mọi người nói chung đang chạy trốn trong kinh hoàng và không biết phải trốn nơi nào.

trong thung lũng khải tượng

Câu này nói đến Giê-ru-sa-lem. Hãy xem bạn đã dịch câu này trong ISA22:01

tiếng kêu cứu vang đến núi

Các nghĩa có thể là 1) "mọi người ở trên núi sẽ nghe thấy tiếng kêu cứu của họ" 2) "tiếng kêu cứu của mọi người sẽ vang vọng đến các ngọn núi"

Ê-lam đeo giỏ đựng tên

Giỏ đựng tên là một cái túi để mang tên và tượng trưng cho vũ khí của cung thủ. Tương tự câu: "những người lính Ê-lam sẽ lấy cung và tên"

Còn Ki-rơ thì mở thuẫn sẵn sàng

Ở đây "Ki-rơ" tượng trưng cho những người lính. Tương tự câu: "người lính của Ki-rơ sẽ mở thuẫn ra sẵn sàng che chắn"

Ki-rơ

Ki-rơ là một thành ở Mê-đi.

các thung lũng đẹp nhất của ngươi

Ở đây từ "của ngươi" nói đến người dân Giê-ru-sa-lem. Ê-sai bao gồm cả chính ông là một trong những người Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "những thung lũng đẹp nhất của chúng ta"

Isaiah 22:8

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả một thời điểm trong tương lai khi có một đội quân sẽ tấn công dân Giê-ru-sa-lem. Động từ thì quá khứ có thể được chuyển thành động từ ở thì tương lai.

Màn che Giu-đa đã bị cất đi rồi

Danh từ trừu tượng "màn che" có thể được miêu tả bằng một động từ. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ cất đi mọi thứ bảo vệ che chở dân Giu-đa"

trong ngày đó, ngươi trông vào vũ khí

ỞI đây cụm từ "trông vào" mang nghĩa là tin cậy vào cái gì đó. Tương tự câu: "để bảo vệ chính mình các ngươi sẽ lấy vũ khí"

Cung Rừng

Đây là một phần của cung điện ở Giê-ru-sa-lem là nơi họ cất giữ vũ khí.

nên trữ nước ở hồ dưới

Mọi người sẽ dự trữ nước để họ có đủ nước uống trong khi quân địch bao vây thành.

Isaiah 22:10

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả về thời điểm trong tương lai khi một đội quân tấn công dân Giê-ru-sa-lem.

Các ngươi đếm nhà cửa

Ở đây từ "đếm" nghĩa là họ kiểm tra các ngôi nhà để tìm kiếm các vật liệu có thể giúp họ củng cố lại tường thành.

Các ngươi lại xây hồ chứa nước

"các ngươi xây một nơi chứa"

giữa hai lớp tường thành

Vẫn chưa rõ hai lớp tường thành mà Ê-sai nói nghĩa là gì. Điểm chính ở đây là họ xây hồ chứa nước giữa các lớp tường thành.

Đấng đã làm nên điều này

Câu này nói đến Đức Giê-hô-va.

Isaiah 22:12

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụ từ này như bạn đã dịch trong ISA01:09

cạo đầu

Đây là dấu hiệu của sự than khóc và ăn năn.

Nào, hãy ăn uống đi, vì ngày mai chúng ta sẽ chết

Ở đây từ "hãy ăn và uống" tượng trưng cho việc mở tiệc và ăn uống no say. Tương tự câu: "bây giờ chúng ta hãy vui vẻ bằng việc ăn uống bất cứ thứ gì chúng ta muốn, vì chúng sẽ sớm chết thôi"

Chính Đức Giê-hô-va vạn quân đã tiết lộ điều nầy vào tai tôi

Ở đây từ "tai" tượng trưng cho Ê-sai. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va vạn quân đã mặc khải điều này với tôi"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chắc chắn tội nầy sẽ chẳng bao giờ được tha cho đến khi các ngươi chết
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Chắc chắn Ta sẽ không tha thứ cho các ngươi vì những điều gian ác các ngươi đã làm, ngay cả khi các ngươi chết"
cho đến khi các ngươi chết
Các nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va sẽ không bao giờ tha thứ cho họ, thậm chí là khi họ chết hoặc là 2) Đức Giê-hô-va sẽ không tha thứ cho họ cho tới khi họ chết.
Isaiah 22:15
Sép-na
Đây là tên của người cai quản cung điện ở Giê-ru-sa-lem.
là người cai quản cung điện
Ở đây từ "cung điện" tức là cung điện của vua. Tương tự câu: "là người chịu trách nhiệm coi sóc tất cả những ai làm việc ở trong cung điện"
Ông đang làm gì ở đây? Ông có bà con gì ở đây ... trong vầng đá?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để quở trách Sép-na. Tương tự câu: "Ngươi không có quyền ... trong vầng đá!"
đục cho mình một phần mộ ... đục cho mình một phần mộ ... khoét cho mình một nơi an nghỉ
Cả ba cụm từ này tất cả đều nói đến việc đào một phần mộ.
trên cao
Những người quan trọng nhất ở Y-sơ-ra-ên thường có phần mộ ở các nơi cao.
Isaiah 22:17
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục truyền lại thông điệp của Đức Chúa Trời dành cho Sép-na.
Ngài sẽ cuộn tròn ông và ném ông như quả bóng vào một xứ rộng mênh mông
Binh lính của kẻ thù sẽ đến và bắt Sép-na đưa đến một vùng đất ngoại bang được nói đến như thể Đức Giê-hô-va sẽ ném ông đi như một quả bóng tới vùng đất khác.
ông sẽ là nỗi ô nhục cho nhà chủ mình
Ở đây từ "nhà" tượng trưng cho những người làm việc trong cung vua. Tương tự câu: "Ông sẽ gây nên sự ô nhục cho tất cả mọi người ở nơi cung điện chủ ông"
Ta sẽ cách chức ngươi, và ngươi sẽ bị truất khỏi địa vị mình
Đức Giê-hô-va khiến cho Sép-na không còn làm việc trong cung vua nữa được miêu tả như thể Ngài sẽ quăng ông trên mặt đất.
Ngươi sẽ bị truất khỏi địa vị mình
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ truất ngươi khỏi địa vị cao trọng"
Isaiah 22:20
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục truyền lại thông điệp của Đức Chúa Trời dành cho Sép-na.
Trong ngày đó
Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Nó sẽ xảy ra ở thời điểm đó"
Ê-li-a-kim ... Hinh-kia
Đây là tên của những người nam.
Ta sẽ lấy áo ngươi mặc cho người, lấy đai ngươi thắt cho người
Đức Giê-hô-va cho Ê-li-a-kim thay thế vị trí của Sép-na trong cung vua được nói đến như thể Đức Giê-hô-va sẽ lấy áo Sép-na mặc cho Ê-li-a-kim tượng trưng cho uy quyền của ông nơi cung vua.
áo ngươi ... đai ngươi
Ở đây áo và đai tượng trưng cho thẩm quyền ở trong cung vua.
đai
Đây là một mảnh vải mà mọi người thường quấn quanh thắt lưng hoặc ngang ngực. Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong ISA03:18
trao vào tay người
Ở đây từ "tay" tượng trưng cho quyền lực hoặc là sự quản lý. Tương tự câu: "cho người"
Người sẽ là cha
Ê-li-a-kim chăm sóc và bảo vệ dân Giu-đa được nhắc đến như thể ông là cha của họ. Tương tự câu: "Ông giống như một người cha"
nhà Giu-đa
Ở đây từ "nhà" tượng trưng cho người dân. Tương tự câu: "đối với dân Giu-đa"
Ta sẽ đặt chìa khóa nhà Đa-vít trên vai người ... thì không ai mở được
Ở đây từ "chìa khóa" tượng trưng cho uy quyền. Câu này nói rằng Ê-li-a-kim có quyền mà không ai có thể chống nghịch như thể ông có chìa khóa của cung điện và không ai khác có thể khóa hoặc là mở khóa cửa được. Tương tự câu: "Ta sẽ cho người quản lý những người làm việc trong cung vua, và khi người ra quyết định thì không ai có thể chống lại được"
Isaiah 22:23
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục miêu tả Ê-li-a-kim, là người thay thế cho Sép-na trong cung vua.
Ta sẽ làm cho người vững chắc như cọc lều đóng xuống đất
Đức Giê-hô-va khiến cho quyền hành trong tay Ê-li-a-kim được vững vàng và mạnh mẽ trong cung vua được nói đến như thể Ê-li-a-kim là một cái cọc và Đức Giê-hô-va sẽ đóng cái cọc đó vững chắc trong tường của cung điện.
người sẽ trở nên một ngai vinh quang cho nhà cha mình
Ở đây "ngai vinh quang" tượng trưng cho một nơi vinh quang. Tương tự câu: "Ê-li-a-kim sẽ đem vinh quang về cho gia đình ông"
nhà cha mình
Ở đây từ "nhà" tức là gia đình. Tương tự câu: "nhà cha ông" hoặc là "gia đình ông"
Người ta sẽ treo trên người mọi vinh quang của nhà cha mình
Đức Giê-hô-va khiến cho cả nhà Ê-li-a-kim được vinh quang vì cớ Ê-li-a-kim được nhắc đến như thể Ê-li-a-kim là một cái cọc trên tường và nhà ông giống như vật gì đó treo trên cây cọc vậy. Tương tự câu: "Họ sẽ trao vinh quang cho cả nhà ông vì cớ ông"
tất cả những vật dụng bé nhỏ, từ cái chén đến cái bình
Câu này tiếp tục nói đến Ê-li-a-kim như một cái cọc. Dòng dõi của ông sẽ như những cái chén treo trên cái cọc đó. Câu này có nghĩa là những hậu duệ của ông sẽ được hưởng vinh quang vì cớ ông.
cái chén đến cái bình
Một cái chén là vật dụng chứa nước loại nhỏ. Một cái bình là vật dụng chứa nước loại lớn.
Isaiah 22:25
Thông Tin Chung:
Đoạn này tiếp tục miêu tả những hình ảnh từ những câu trước. (Xem: ISA22:23

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong ngày đó
Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Vào lúc đó"
Đức Giê-hô-va vạn quân phán
Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA14:21
cái chốt đóng vào nơi vững chắc ... sẽ bị cắt đứt
Đức Giê-hô-va khiến Sép-na mất đi quyền hành nơi cung vua được nói đến như thể Sép-na là một cái chốt đóng trong tường bị long ra và rơi trên đất. Câu này nhấn mạnh rằng Sép-na đã nghĩ rằng quyền hành của ông được vững chắc nhưng Đức Chúa Trời sẽ loại bỏ ông.
vật nặng treo trên đó sẽ bị cắt đứt
Ở đây "vật nặng" tượng trưng cho sức mạnh và quyền hành của Sép-na. Nó được nói đến như thể đó là một vật thể được treo lên chốt mà cái chốt đó chính là Sép-na. Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho Sép-na bị mất đi sức mạnh và quyền hành được nói đến như thể ai đó đã cắt bỏ những vật nặng treo trên cái chốt đó.

Translation Questions

Isaiah 22:1
Chủ đề của chương 22 là gì?
Đó là một tuyên ngôn về thung lũng khải tượng.
Tất cả mọi người đều đã làm gì?
Tất cả mọi người đều leo lên mái nhà.
Isaiah 22:2
Điều gì đã xảy ra trong thành và trong thị trấn?
Thành đầy tiếng ồn huyên náo và thị trấn đầy những đam mê.
Có ai bị giết vì gươm hoặc tử trận không?
Không ai chết vì gươm hoặc trong trận chiến.
Isaiah 22:3
Chuyện gì đã xảy ra với người cai trị của họ?
Người cai trị của họ đều cùng nhau chạy trốn và bị bắt, bị trói cùng nhau.
Isaiah 22:4
Tại sao Ê-sai khóc lóc thảm thiết?
Ông khóc vì sự hủy diệt của con gái dân mình.
Isaiah 22:6
Ai đã đeo giỏ và khiên lên chống lại họ?
Ê-lam đeo giỏ đựng tên, còn Ki-rơ thì mở thuẫn sẵn sàng.
Isaiah 22:7
Điều gì đã xảy ra trong thung lũng đặt biệt của Giu-đa?
Thung lũng của chúng sẽ đầy những xe ngựa.
Isaiah 22:8
Chúa sẽ làm gì để bảo vệ Giê-ru-sa-lem?
Chúa đã không còn bảo vệ Giê-ru-sa-lem nữa.
Isaiah 22:12
Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va vạn quân đã phán điều gì khi bảo họ kêu cầu Ngài?
Ngài bảo họ ăn năn, khóc lóc, cạo đầu và mặc bao gai.
Người ta đã làm gì thay vì ăn năn và than khóc?
Dân chúng vẫn vui chơi, đùa giỡn. Họ mổ bò cừu ăn tiệc và uống rượu thỏa thích.
Isaiah 22:13
Người ta đã làm gì thay vì ăn năn và than khóc?
Dân chúng vẫn vui chơi, đùa giỡn. Họ mổ bò cừu ăn tiệc và uống rượu thỏa thích.
Isaiah 22:14
Chúa sẽ tha thứ cho người dân về việc làm của họ?
Chúa sẽ không thể nào tha thứ cho đến khi họ chết.
Isaiah 22:15
Viên quản lý Sép-na đã làm gì cho mình?
Sép-na có đục cho mình một phần mộ làm nơi an nghỉ cho mình.
Isaiah 22:16
Viên quản lý Sép-na đã làm gì cho mình?
Sép-na có đục cho mình một phần mộ làm nơi an nghỉ cho mình.
Isaiah 22:17
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì cho Sép-na?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ ném Sép-ta xuống và quăng ông ra xa và truất khỏi địa vị mình.
Isaiah 22:19
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì cho Sép-na?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ ném Sép-ta xuống và quăng ông ra xa và truất khỏi địa vị mình.
Isaiah 22:20
Ai là người nắm quyền của Sép-na?
Ê-li-a-kim, con trai của Hinh-kia lấy quyền bính của Sép-na.
Isaiah 22:21
Ai là người nắm quyền của Sép-na?
Ê-li-a-kim, con trai của Hinh-kia lấy quyền bính của Sép-na.
Isaiah 22:25
Vào ngày đó chuyện gì đã xảy ra với các cái chốt khi nó được đóng vào nơi vững chắc?
Cái chốt đóng vào nơi vững chắc sẽ bị long ra và rơi xuống; và vật nặng treo trên đó sẽ bị cắt đứt.

Chapter 23

Isaiah 23:1
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói về điều mà Đức Giê-hô-va đã phán xét nghịch cùng các nước trong 13:1-23:18.
Lời tiên tri về Ty-rơ
"Đây là điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về Ty-rơ"
Hỡi tàu bè Ta-rê-si, hãy than khóc
Ở đây từ "tàu bè" tượng trưng cho những người ở trên tàu. Ê-sai nói với những người trên tàu thuyền Ta-ri-sê như thể họ có thể nghe thấy lời ông nói. Tương tự câu: "Hãy than khóc trong tuyệt vọng hỡi những người trên tàu thuyền Ta-ri-sê"
lối vào
Một vùng biển gần đất liền và an toàn cho tàu thuyền
từ đất Kít-tim, họ đã biết được tin nầy
Cụm từ này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "những người này đã nghe tin về Ty-rơ trong khi họ ở đất Kít-tim"
Hãy nín lặng! Hỡi cư dân duyên hải
Ê-sai nói với người dân sống ở duyên hải như thể họ có thể nghe thấy lời ông nói.
Hãy nín lặng
Ở đây từ nín lặng nghĩa là có dấu hiệu sững sốt và ngạc nhiên. Tương tự câu: "Bị choáng váng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

duyên hải

"Duyên hãi" là vùng đất gần hoặc bao quanh biển hay đại dương. Ở đây ý nói đến người dân sống ở Phê-ni-xi mà biên giới chính là biển Địa Trung Hải.

Hỡi những thương gia ở Si-đôn, là những kẻ vượt biển chở đầy hàng

Ở đây từ "thương gia" là nói đến "nhiều thương gia." Tương tự câu: "Hỡi những thương gia ở Si-đôn, là những người mà vượt biển đã khiến họ trở nên giàu có"

Hạt giống của Si-ho

Si-ho là tên một thung lũng gần sông Nin ở Ai Cập được biết đến vì sản vật của nó là hạt giống. Tương tự câu: "Những người đã đi trên biển lớn để chở những hạt giống của Si-ho đến Ai Cập"

mùa màng của sông Nin, là nguồn lợi của nó

Hạt giống được thu hoạch gần sông Nin và được chở theo dòng sông đến Phê-ni-xi.

là nguồn lợi của nó

Thông thường nói về dòng sông như là "của cô ấy." Tương tự câu: "sản vật của nó"

nó là nơi giao thương của các nước

Giao thương là hoạt động mua bán hàng hóa. Ở đây "các nước" tức là các dân tộc. Tương tự câu: "ngươi là nơi mà những dân tộc từ các nước đến để mua và bán hàng hóa"

Isaiah 23:4

Vì biển đã nói, pháo đài của biển nói rằng ... cũng không nuôi thiếu nữ

Các nghĩa có thể đó là 1) Đức Giê-hô-va miêu tả thành Ty-rơ như một người mẹ đang nói về những người dân trong thành như thể đó là con của bà, hoặc là 2) Đức Giê-hô-va đang miêu tả về biển Địa Trung Hải. Người Ty-rơ đã coi biển như là thần và cha của họ. Dù nghĩa nào đi nữa thì người nói cũng đang khóc than bởi vì cớ những đứa con của người đó đang bị giết hại.

Isaiah 23:6

Hãy dời qua Ta-rê-si

"Hãy đến Ta-rê-si." Ta-rê-si là vùng đất xa nhất mà dân Ty-rơ đến đó để kinh doanh buôn bán. Đó sẽ là nơi an toàn duy nhất cho những ai trốn thoát khỏi Ty-rơ.

Phải chăng đây là thành vui vẻ của các ngươi? Là thành có từ thời cổ ... trú ngụ?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để chế giễu dân Ty-rơ. Tương tự câu: "Việc này đã xảy ra với các ngươi là những người sống vui vẻ ở trong thành cổ Ty-rơ ... trú ngụ."

thành vui vẻ

Ở đây từ "thành" tượng trưng cho người dân. Tương tự câu: "những người dân vui vẻ sống trong thành Ty-rơ"

Mà chân nó đã đem nó đến các miền xa trú ngụ

Ở đây "chân" thay cho con người. Tương tự câu: "người đi đến những nơi xa để sống và kiếm tiền"

đem nó đến các miền xa

Ở đây từ "nó" nói đến thành Ty-rơ tượng trưng cho dân Ty-rơ.

Isaiah 23:8

Ai đã định điều nầy chống lại Ty-rơ ... trong thiên hạ?

Ê-sai dùng một câu hỏi để giễu cợt dân Ty-rơ. Từ "điều nầy" ngụ ý đến kế hoạch của Đức Chúa Trời để tiêu diệt thành Ty-rơ mà Ê-sai đã miêu tả trong đoạn 23:1-7. Cũng như vậy, "Ty-rơ" ở đây nói đến người dân sống ở Ty-rơ. Tương tự câu: "Chính Đức Giê-hô-va đã định tiêu diệt dân thành Ty-rơ ... trong thiên hạ."

thành đã đội mão miện

Ở đây từ "mão miện" là nói đến sức mạnh của một người có như là người cai trị trong dân. Tương tự câu: "Người ban cho mọi người quyền cai trị kẻ khác"

các thương gia của nó vốn thuộc hàng quý tộc

Các thương gia được so sánh với những quý tộc để nhấn mạnh quyền lực của họ lớn thế nào khi họ đến những vùng đất khác. Tương tự câu: "các thương gia giống như các quý tộc"

các nhà buôn của nó vốn là hạng danh giá trong thiên hạ

Câu này có thể được viết lại theo thể chủ động. Tương tự câu: "những thương gia này được cả thiên hạ tôn kính nhất"

để hạ tính kiêu căng của mọi vinh quang

"Để hạ bớt tính kiêu căng của họ bởi vì họ kiêu ngạo về vinh quang của chính họ"

tính kiêu căng của họ ... vinh quang họ... mọi kẻ sang trọng của họ

Ở đây từ "của họ" nói đến thành Ty-rơ tượng trưng cho người dân sống ở đó. Tương tự câu: "sự kiêu ngạo của họ ... vinh quang của họ ... mọi kẻ sang trọng"

Isaiah 23:10

Hỡi con gái Ta-rê-si, hãy đi xuyên qua đất ngươi, như lưu vực sông Nin. Không còn sự trói buộc nào nữa

Các nghĩa có thể là 1) Ê-sai đang nói người Ta-ri-si bắt đầu gieo trồng vụ mùa bởi vì họ không còn buôn bán với Ty-rơ nữa hoặc là 2) Ê-sai đang nói người dân Ta-rê-si là họ thoát khỏi sự quản lý của người Ty-rơ. Tương tự câu: "Hỡi con gái Ta-rê-si hãy đi qua đất ngươi như một dòng sông. Người Ty-rơ không còn quyền lực nào nữa"

con gái Ta-rê-si

"Con gái" của một thành tượng trưng cho dân trong thành đó. Tương tự câu: "dân thành Ta-rê-si" hoặc là "những người dân sống trong thành Ta-rê-si"

Đức Giê-hô-va đã giơ tay Ngài trên biển, làm cho các vương quốc rúng động

Đức Giê-hô-va dùng quyền năng của Ngài để điều khiển biển và người dân trong các vương quốc hùng cường được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đã vươn tay ra và làm rúng động các vương quốc.

đã giơ tay Ngài trên biển

Ở đây từ "tay" nói đến quyền năng và sự tể trị của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "đã bày tỏ quyền năng của Ngài trên biển"

Hỡi con gái Si-đôn, là trinh nữ bị áp bức

Ở đây từ "trinh nữ" tượng trưng cho người dân Si-đôn. Tương tự câu: "Hỡi người Si-đôn, bởi vì những người khác sẽ áp bức ngươi"

Isaiah 23:13

Hãy xem đất của người Canh-đê

"Hãy xem điều đã xảy đến với Ba-by-lôn"

dựng tháp, vây thành

Những người lính dựng những tháp hoặc là những dốc nghiêng để tấn công lên tường thành.

Hỡi tàu bè Ta-rê-si, hãy than khóc

Ở đây từ "tàu bè" nói đến những người trên tàu thuyền. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA23:01

vì đồn lũy các ngươi đã bị phá hủy rồi

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "vì kẻ thù đã phá hủy các đồn lũy ngươi"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 23:15

Lúc ấy

Ở đây từ "lúc ấy" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Vào lúc đó" hoặc là "Khi đó"

Thành Ty-rơ sẽ bị quên lãng trong bảy mươi năm

Bởi vì người dân không còn đến Ty-rơ để mua bán hàng hóa nữa, điều đó giống như họ đã quên lãng thành phố này. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "dường như mọi người đã quên Ty-rơ trong khoảng bảy mươi năm "

trong bảy mươi năm

"trong 70 năm"

tức là một đời vua

Ở đây từ "đời" tượng trưng cho một khoảng thời gian dài hơn. Khoảng thời gian trung bình mà một vị vua sống là khoảng bảy mươi năm. Tương tự câu: "khoảng một đời vua" hoặc là "dài bằng khoảng thời gian một vị vua sống"

như bài ca của kỹ nữ ... để người ta nhớ đến ngươi

Câu này nói về người dân Ty-rơ như thể họ là những kỹ nữ. Giống như một gái điếm không còn nổi tiếng để có thể hát trên các đường phố nhằm lôi kéo những người yêu cũ nữa, vì thế người dân Ty-rơ sẽ cố gắng lôi kéo dân các nước trở lại để tiếp tục buôn bán hầu cho dân Ty-rơ trở nên giàu mạnh trở lại.

để người ta nhớ đến ngươi

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "để mọi người nhớ đến ngươi" hoặc là "để mọi người quay về với ngươi"

Isaiah 23:17

Sau bảy mươi năm ấy

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng sẽ xảy ra. Nếu như trong ngôn ngữ của bạn có cách để thay thế thì bạn hãy xem xét để sử dụng nó ở đây.

bảy mươi năm

"70 năm"

Đức Giê-hô-va sẽ thăm viếng thành Ty-rơ

Ở đây từ "Ty-rơ" tượng trưng cho những người sống ở Ty-rơ. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ thăm viếng dân Ty-rơ"

nó sẽ trở lại nghề cũ của nó và làm điếm ... trên mặt đất nầy

Ê-sai so sánh dân Ty-rơ với một cô gái điếm. Giống như gái điếm bán mình cho bất kỳ người đàn ông nào để lấy tiền, thì dân Ty-rơ cũng sẽ lại mua và bán với mọi nước. Tương tự câu: "Và cũng như một cô gái điếm, chúng sẽ mua và bán với tất cả các vương quốc trên đất"

Thay vì gom góp tích trữ

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Những thương gia sẽ không tích cóp được tiền bạc của họ"

Những người phục vụ trước mặt Đức Giê-hô-va

"Những kẻ vâng lời và hầu việc Đức Giê-hô-va"

để họ được ăn sung mặc sướng

"vì họ sẽ được đủ ăn đủ mặc trong thời gian dài"

Translation Questions

Isaiah 23:1

Chương 23 lời tiên tri nói về ai?

Lời tiên tri ở chương 23 là về sự sụp đổ của Ty-rơ.

Tại sao con tàu của Ta-rê-si nên than khóc?

Vì họ đã bị hủy phá, không còn nhà cửa, cũng chẳng có lối vào.

Isaiah 23:3

Thành của Ty-rơ là gì?

Ty-rơ là nơi giao thương của các nước.

Isaiah 23:5

Ai Cập sẽ làm gì khi họ nghe tin đồn đến Ty-rơ?

Ai Cập sẽ rất đau xót khi nghe tin về Ty-rơ.

Isaiah 23:8

Ai là người lên kế hoạch để chống lại Ty-rơ?

Đức Giê-hô-va vạn quân đã lên kế hoạch chống lại Ty-rơ.

Isaiah 23:9

Ai là người lên kế hoạch để chống lại Ty-rơ?

Đức Giê-hô-va vạn quân đã lên kế hoạch chống lại Ty-rơ.

Tại sao Đức Giê-hô-va vạn quân đã lên kế hoạch chống lại Ty-rơ?

Ngài đã lên kế hoạch để họ tính kiêu căng của mọi vinh quang, và làm nhục mọi kẻ sang trọng trên mặt đất.

Isaiah 23:15

Ty-rơ sẽ bị quên lãng trong bao lâu?

Trong ngày đó, Ty-rơ sẽ bị quên lãng trong bảy mươi năm.

Isaiah 23:17

Chuyện gì sẽ xảy ra với Ty-rơ sau khi bị lãng quên trong bảy mươi năm?

Đức Giê-hô-va sẽ giúp Ty-rơ, nó sẽ trở lại nghề cũ của nó và làm điếm cho mọi vương quốc trần gian trên mặt đất này.

Isaiah 23:18

Điều gì sẽ xảy ra với lợi nhuận và tiền công của Ty-rơ?

Lợi nhuận và tiền công của nó sẽ được biệt ra thánh cho Đức Giê-hô-va.

Chuyện gì sẽ xảy ra với hàng hóa của Ty-rơ?

Những người phục vụ trước mặt Đức Giê-hô-va, để họ được ăn sung mặc sướng.

Chapter 24

Isaiah 24:1

Làm cho đất trống không

"làm cho mặt đất bị phá hủy" hoặc là "phá hủy mọi thứ trên đất"

Bấy giờ

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng. Nếu như trong ngôn ngữ của bạn có cách để thay thế thì bạn hãy xem xét sử dụng ở đây.

cũng như ... cũng như

Điều mà Đức Giê-hô-va sẽ làm không được nói rõ ở đây, nhưng được ngầm hiểu. Câu này bày tỏ rằng Đức Chúa Trời sẽ đối xử với mọi dân theo cùng một cách. Tương tự câu: "cũng như Đức Giê-hô-va làm tan lạc ... Ngài cũng sẽ làm tan lạc"

thầy tế lễ ... chủ nợ

Trong 24:2 Ê-sai liệt kê danh sách gồm có nhiều loại người. Họ có thể được nói đến dưới dạng những danh từ số nhiều như trong UDB. Tương tự câu: "các thầy tế lễ ... người cho mượn"

con nợ

"Những người nợ tiền." Từ "tiền lãi" nghĩa là số tiền phải trả thêm để được mượn tiền.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chủ nợ
"người cho mượn tiền"
Isaiah 24:3
Mặt đất sẽ hoàn toàn trống không và hoang vu
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt hoàn toàn mọi thứ trên đất và Ngài sẽ loại bỏ mọi thứ có giá trị"
Vì Đức Giê-hô-va đã phán lời nầy
Ở đây từ "lời" tức là những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ"
Quả đất sầu thảm và hoang tàn, thế gian hao mòn và hoang tàn
Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Mọi thứ trên đất sẽ khô cạn và chết hết"
Quả đất ... thế gian
Cả hai cụm từ này tượng trưng cho mọi vật ở trên đất.
Quả đất bị ô uế bởi dân cư của nó
Mọi dân tộc đều phạm tội và khiến cho Đức Chúa Trời không thể chấp nhận quả đất được nói đến như thể mọi dân tộc đang làm cho quả đất bị dơ bẩn. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người đã làm ô nhiễm quả đất"
Vì họ đã vi phạm luật pháp, trái điều răn, và phá vỡ giao ước đời đời
"họ đã không tuân theo điều răn cũng như luật thánh của Đức Chúa Trời, và họ đã phá vỡ giao ước đời đời của Đức Chúa Trời"
Isaiah 24:6
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về một thời điểm trong tương lai khi mà Đức Chúa Trời trừng phạt trái đất. Các nhà tiên tri đôi khi miêu tả một sự kiện trong tương lai như là nó đã xảy ra trong quá khứ hoặc ở hiện tại. Điều này nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.
sự nguyền rủa ăn nuốt đất
Đức Giê-hô-va nguyền rủa trái đất và hủy diệt nó được nói đến như thể sự nguyền rủa đó như một con thú hoang dã hoàn toàn ăn nuốt lấy quả đất hoặc là một ngọn lửa hoàn toàn thiêu rụi quả đất.
cư dân trên nó phải mắc tội
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va sẽ tuyên phán rằng mọi người đều đã phạm tội"
Isaiah 24:8
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả một thời điểm trong tương lai khi Đức Chúa Trời đoán phạt thế gian. Các nhà tiên tri đôi khi miêu tả một sự kiện trong tương lai như thể nó đã xảy ra trong quá khứ hoặc hiện tại. Điều này nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.
trống ... đàn hạc
Đây là những loại nhạc cụ. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong ISA05:11
Isaiah 24:10
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về một thời điểm trong tương lai khi Đức Chúa Trời đoán phạt thế gian. Các nhà tiên tri đôi khi miêu tả một sự kiện trong tương lai như thể nó đã xảy ra trong quá khứ hoặc hiện tại. Làm như vậy để nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.
Thành phố hỗn loạn đã đổ nát
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ phá đổ thành phố hỗn loạn"
Thành phố hỗn loạn
Các nghĩa có thể là 1) thành phố hỗn loạn trước khi Chúa phá đổ nó. Dân chúng đã không vâng lời Đức Chúa Trời, chính phủ thì thối nát, và thành phố đầy những cảnh tiệc tùng và say sưa, hoặc là 2) Thành phố hỗn loạn sau khi Đức Chúa Trời phá đổ nó. Tường thành và các tòa nhà được xây cao vững chắc thì nay lại đang nằm trong đống đổ nát trên mặt đất. Cho dù với nghĩa nào thì câu này cũng không chỉ mang ý nghĩa về một thành phố. Mà nó liên quan đến nhiều thành phố nói chung.
nhà cửa đều đóng lại, không ai vào được
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "mọi người sẽ đóng cửa nhà họ và để chúng trống không"
đòi rượu
"bởi vì không có rượu"
Mọi cuộc vui đều trở nên tăm tối, niềm vui trên đất đã rời xa!
Cả hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "mọi niềm vui rồi sẽ rời xa khỏi đất"
niềm vui trên đất
Ở đây từ "đất" tượng trưng cho những người sống trên đất.
Isaiah 24:12
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về thời điểm trong tương lai khi Đức Chúa Trời đoán phạt thế gian. Các tiên tri thường miêu tả một sự kiện trong tương lai như một sự kiện xảy ra trong quá khứ hoặc hiện tại. Điều này nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ diễn ra.
Trong thành chỉ còn cảnh hoang tàn
Danh từ trừu tượng "hoang tàn" có thể được miêu tả bằng các từ "hoang tàn" hoặc là "trống không." Tương tự câu: "Thành sẽ bị bỏ hoang" hoặc là "Thành sẽ bị trống không"
Trong thành
Đây không phải là một thành cụ thể nào đó mà là các thành nói chung.
Sẽ giống như lúc người ta rung cây ô-liu, và như khi mót trái nho sau mùa hái trái
Câu này so sánh các nước sau khi Đức Giê-hô-va phá hủyvới những cây ô-liu và cây nho sau khi đã bị thu hoạch. Câu này có nghĩa là sẽ chỉ còn lại rất ít người trên đất.
Isaiah 24:14
Họ sẽ cất tiếng reo mừng ca ngợi uy nghiêm của Đức Giê-hô-va
Cụm từ "lớn tiếng" là một thành ngữ diễn tả việc nói lớn tiếng. Tương tự câu: "Họ sẽ hát và lớn tiếng ca ngợi về sự uy nghiêm của Đức Giê-hô-va"
Họ sẽ
Ở đây từ "Họ" nói đến những người còn sống sau khi Đức Giê-hô-va phá hủy thế gian.
từ phương tây, họ lớn tiếng vui mừng
Ở đây "từ phương tây" nói đến Biển Địa Trung Hải ở phía Tây Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "và những kẻ ở phía Tây curab biển sẽ lớn tiếng vui mừng"
Vậy từ phương đông, hãy tôn vinh Đức Giê-hô-va
Cụm từ "từ phương đông" tượng trưng cho những người sống ở phía đông Y-sơ-ra-ên. Ê-sai đang ra lệnh cho mọi người như thể họ đã ở đó với ông. Nhưng, ở đây ông đang nói với mọi người trong tương lai sau khi Đức Chúa Trời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hủy diệt trái đất. Tương tự câu: "Vì thế mọi người từ những vùng đất ở xa xôi phương đông sẽ tôn cao Đức Giê-hô-va"

từ các hải đảo hãy tôn cao

Ê-sai đang ra lệnh cho những người sống trên các đảo ở biển Địa Trung Hải như thể họ ở đó với ông. Nhưng, ở đây ông đang nói với những người trong tương lai sau khi Đức Chúa Trời hủy diệt thế gian. Tương tự câu: "và mọi người ở trên các hải đảo sẽ tôn cao"

Danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" tức là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va"

Isaiah 24:16

chúng tôi đã nghe

Ở đây từ "chúng tôi" tức là Ê-sai và người dân Y-sơ-ra-ên. Ê-sai đang miêu tả điều gì đó trong tương lai như thể nó đã diễn ra rồi. Tương tự câu: "chúng ta sẽ nghe thấy"

Tôi mòn mỏi, tôi mòn mỏi

Ê-sai lặp đi lặp lại cụm từ này để nhấn mạnh sự đau buồn của ông. Ông rất lo lắng bởi vì ông đã thấy mọi người phản bội lẫn nhau và không làm theo điều họ đã hứa. Tương tự câu: "Tôi đã trở nên rất mệt mỏi"

Những kẻ phản bội cứ tiếp tục phản bội

Ê-sai lặp lại cụm từ này để nhấn mạnh sự đau buồn của ông. Tương tự câu: "Quả thực, những kẻ phản bội cứ tiếp tục phản bội người khác" hoặc là "Quả thực, những kẻ phản bội cứ tiếp tục hành động như thế"

Isaiah 24:17

Hỡi cư dân trên đất, sự kinh hãi, hố sâu, và lưới bẫy đang chờ đợi các ngươi

"Hỡi mọi người trên thế gian các ngươi sẽ phải trải qua những sự kinh hãi, hố sâu, và lưới bẫy"

hố sâu, và lưới bẫy ... mắc vào lưới bẫy

Ở đây "hố sâu" và "lưới bẫy" tượng trưng cho tất cả những điều xấu sẽ xảy đến với mọi người. Người ta sẽ chạy trốn để thoát khỏi một điều tồi tệ xấu xa nào đó nhưng lại sẽ trải qua điều xấu xa khác.

tiếng kinh hãi

"tiếng la hét kinh hãi"

sẽ mắc vào lưới bẫy

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "lưới bẫy sẽ bắt lấy họ"

Vì các cửa sổ trên trời đều mở ra

Câu này nói về một cơn mưa lớn từ trên trời xuống như thể Đức Giê-hô-va mở một cửa sổ ở trên trời và đổ nước xuống. Tương tự câu: "Bầu trời sẽ mở ra và một trận mưa lớn sẽ trút xuống"

các nền dưới đất đều rung chuyển

Từ "nền" thông thường nói đến một cấu trúc bằng đá để chống đỡ cho một tòa nhà từ bên dưới. Ở đây miêu tả một cấu trúc tương tự được cho là sẽ chống đỡ và giữ cho quả đất đứng vững. Ê-sai nói thậm chí cả nền móng giữ cho quả đất đứng vững cũng sẽ bị rung chuyển. Tương tự câu: "và trái đất sẽ rung chuyển mạnh kinh hoàng" hoặc là "và sẽ có một trận động đất kinh hoàng"

Isaiah 24:19

Đất bị đập vỡ tan nát, đất bị xé ra từng mảnh, đất bị rúng động dữ dội

Những mệnh đề bị động có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đất sẽ vỡ tan nát; đất sẽ rúng động dữ dội"

Đất lảo đảo như người say, lắc lư như túp lều tranh

Những phép so sánh này nhấn mạnh trái đất sẽ lắc lư thế nào.

Tội lỗi của nó chất nặng lên nó, và nó sẽ ngã xuống, không sao dậy nổi

Câu này nói đến thế gian giống như một người và tội lỗi là một vật nặng. Mọi người đang cố gắng vác một vật nặng nhưng sức nặng đó khiến người đó bị ngã xuống và không thể đứng dậy được. Ở đây thế gian tượng trưng cho mọi người ở trên trái đất mà đã khiến Đức Giê-hô-va phải hủy diệt thế gian vì cớ tội lỗi của họ. Tương tự câu: "Tội lỗi của mọi người quá nhiều và bởi vậy Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt thế gian, và thế gian sẽ giống như một người bị ngã xuống và không thể đứng dậy nổi"

Isaiah 24:21

Xảy ra

Ở đây đánh dấu một sự kiện quan trọng. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để diễn tả, hãy xem xét việc sử dụng nó ở đây.

trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" có nghĩa là một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "vào lúc đó"

Đạo binh ở trên các tầng trời cao

Thuật ngữ "đạo binh" hoặc là "những đạo binh" là một từ nói đến một số lượng lớn của cái gì đó. Ở đây nói đến các thiên sứ sa ngã trên thiên đàng. Tương tự câu: "thiên sứ sa ngã" hoặc là "các thiên sứ chống nghịch lại Ngài"

trên các tầng trời cao

Ở đây từ "các tầng trời cao" tượng trưng cho thiên đàng hoặc là bầu trời. Tương tự câu: "trên thiên đàng" hoặc là "trên trời cao"

Họ bị tập trung lại

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ tập trung họ lại"

tù nhân trong hầm

Ở đây từ "hầm" là một phòng giam tối tăm trong một nhà tù. Nơi này được dùng để giam các tù nhân phạm tội nặng nhất. Tương tự câu: "các tù nhân trong ngục tối"

họ bị giam trong ngục tối

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "và Ngài sẽ nhốt họ vào ngục"

họ sẽ bị trừng phạt

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ"

Mặt trăng sẽ xấu hổ, mặt trời sẽ mắc cỡ

Mặt trăng và mặt trời được miêu tả như là một người bị xấu hổ trước mặt người khác với quyền lực lớn hơn. Trước mặt Đức Giê-hô-va, thì ánh sáng của mặt trời và mặt trăng có vẻ như tỏa sáng yếu hơn.

Translation Questions

Isaiah 24:1

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?

Ngài sẽ làm cho đất trống không và hoang vu, Ngài cho mặt đất biến dạng và dân cư tan lạc.

Isaiah 24:5

Qủa đất bị ô uế bởi dân cư như thế nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Qủa đất bị ô uế bởi dân cư vì họ đã vi phạm luật pháp, trái điều răn và phá vỡ giao ước ước đời đời.
Isaiah 24:6
Điều gì sẽ xảy ra với dân cư trên đất?
Họ sẽ bị thiêu hủy và chỉ ít người còn sót lại.
Isaiah 24:13
Ê-sai đã dùng hình ảnh gì để so sánh các dân trên đất?
Giữa các dân trên đất, sẽ giống như lúc người ta rung cây ô-liu, và như khi mót trái nho mùa hái trái.
Isaiah 24:14
Trong cơn hoạn nạn này, "họ" sẽ làm gì?
Họ sẽ cất tiếng lên reo mừng, ca ngợi uy nghiêm của Đức Giê-hô-va và sẽ hớn hở kêu lên từ các hải đảo.
Isaiah 24:16
Ê-sai đã đáp lại điều gì với những tiếng reo mừng và ca ngợi vinh quang của Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên?
Ê-sai đáp lại bằng cách nói: "Tôi mòn mỏi, tôi mòn mỏi. Khốn nạn cho tôi! Những kẻ phản bội Những kẻ phản bội cứ tiếp tục phản bội. Phải, những kẻ phản bội đã rất gian xảo."
Isaiah 24:21
Trong ngày đó, ai sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt các kẻ ở trên cao cùng các vua trên trái đất.
Isaiah 24:22
Hình phạt nào dành cho những kẻ ở nơi cao cùng các vua trên trái đất là gì?
Họ sẽ bị gom lại với nhau, như các tù nhân bị nhốt chung dưới hầm ngục, sẽ bị giam giữ trong tù và sẽ bị trừng phạt trong nhiều ngày.
Isaiah 24:23
Tại sao mặt trăng và mặt trời bị hổi thẹn?
Ấy là vì Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ trị vì trên núi Si-ôn, ngay tại Gie-ru-sa-lem, và vinh quang Ngài sẽ rạng lòa trước mặt các vị trưởng lão của Ngài.

Chapter 25
Isaiah 25:1
tôn vinh Ngài
Ở đây từ "danh Ngài" thay cho Đức Giê-hô-va. Tương tự câu. "ngợi khen Ngài"
là những việc đã được hoạch định từ xưa
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Những việc Ngài đã hoạch định từ lâu"
một cách thành tín và chân thật
Danh từ trừu tượng "thành tín" có thể được miêu tả như tính từ "cách thành tín." Tương tự câu: Tương tự câu: "bởi vì Ngài là thành tín chân thật"
thành phố
Câu này không nói đến một thành phố cụ thể. Nó có nghĩa là các thành phố nói chung.
đền đài của dân ngoại
"đền đài thuộc về những người ngoại quốc"
thành của các nước hung ác
Ở đây "thành" và "các nước" tượng trưng cho những người sống ở đó.
Isaiah 25:4
vì Ngài là nơi nương tựa ... là chốn nương náu ... là nơi trú ẩn khỏi cơn bão táp ... bóng mát tránh cơn nóng bức
Đức Giê-hô-va đang bảo vệ dân sự Ngài được miêu tả như thể Ngài là một nơi ẩn náu để mọi người được an toàn và thoải mái.
Khi những kẻ hung bạo thổi hơi ra như bão táp xông vào tường thành
Những kẻ hung bạo áp bức con dân Đức Chúa Trời được nhắc đến như thể chúng là một cơn bão táp xông vào tường thành.
Thổi hơi ra
"Khi gió thổi" hoặc là "Khi có gió"
những kẻ hung bạo
Đây là một tính từ có vai trò như danh từ. Tương tự câu: "Những kẻ hung bạo" hoặc là "những người hung bạo"
sức nóng trên đất khô hạn
Câu này so sánh kẻ thù của con dân Chúa với hơi nóng làm khô hạn vùng đất. Câu này nhấn mạnh các kẻ thù nghịch đã khiến con dân Chúa phải chịu khổ ra sao.
như giảm sức nóng ... làm im tiếng hát của kẻ hung bạo
Đức Giê-hô-va khiến cho những kẻ hung bạo phải ngưng tiếng hát và sự khoe khoang được so sánh như một đám mây tạo ra bóng mát vào một ngày nắng nóng. Câu này nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va làm thỏa lòng con dân Ngài bằng cách ngăn chặn những kẻ làm cho họ khổ sở.
như nắng nóng tan đi bởi bóng mây
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "như bóng mây ngăn chặn khỏi cơn nắng nóng đã khiến cho mọi người phải chịu khổ"
làm im tiếng hát của kẻ hung bạo
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài sẽ làm im tiếng hát của kẻ hung bạo"
Isaiah 25:6
Trên núi nầy
Câu này nói về Giê-ru-sa-lem hoặc là núi Si-ôn.
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy dịch danh xưng này như bạn đã dịch trong ISA01:09
một yến tiệc béo bổ
Ở đây từ "béo bổ" có nghĩa là những thức ăn tốt nhất.
một tiệc rượu ngon
"rượu lâu năm nhất." Ở đây có nghĩa là rượu ngon nhất.
Cái màn che mặt phủ trên mọi dân tộc, và tấm chăn che phủ muôn nước
Sự chết, sự đau khổ, và sự buồn bã được nói đến như thể chúng là một đám mây đen hoặc là một cái màn che phủ mọi người trên thế gian.
Ngài sẽ vĩnh viễn tiêu diệt sự chết
Đức Giê-hô-va ban cho mọi người sự sống đời đời được miêu tả như thể Ngài sẽ tiêu diệt sự chết.
xóa sạch sự sỉ nhục của dân Ngài khỏi cả mặt đất
Đức Giê-hô-va khiến cho dân sự không bao giờ phải xấu hổ nữa được miêu tả như thể sự sỉ nhục xấu hổ đó là một vật bị Đức Giê-hô-va cất đi.
Isaiah 25:9
Người ta sẽ nói rằng
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người sẽ nói rằng"
trong ngày đó
Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chung. Tương tự câu: "vào lúc đó"

Vì tay Đức Giê-hô-va sẽ đặt trên núi nầy

Từ "tay" tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Vì tay của Đức Giê-hô-va sẽ đặt trên "núi này" có nghĩa là Ngài sẽ bảo vệ con dân Ngài. Tương tự câu: "Quyền năng của Đức Giê-hô-va sẽ đặt trên núi này" hoặc là "Vì Núi Si-ôn, Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ con dân Ngài"

Nhưng Mô-áp sẽ bị giày đạp ngay tại chỗ, như đống rơm bị giày đạp trong hố phân

Đức Giê-hô-va tiêu diệt người Mô-áp được miêu tả như thể Ngài giày đạp trên họ. Câu này được so sánh với việc mọi người giày đạp lên rơm để trộn lẫn nó với phân.

Nhưng Mô-áp sẽ bị giày đạp ngay tại chỗ

Ở đây Mô-áp tức là người dân Mô-áp. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ giày đạp dân vùng Mô-áp"

Isaiah 25:11

Nó sẽ dang tay ra ... dang tay ra để bơi

Phép so sánh này nhấn mạnh Đức Giê-hô-va sẽ khiến dân Mô-áp chịu sỉ nhục như thế nào. Họ sẽ dang tay ra trong hố phân như một người bơi lội dang tay ra để bơi.

Nó sẽ dang tay ra trong đó

"người Mô-áp sẽ dang tay ra trong hố phân"

như người bơi lội dang tay ra để bơi

"như thể họ đang bơi"

sẽ hạ sự kiêu ngạo nó xuống

Đức Giê-hô-va sẽ làm nhục kẻ kiêu ngạo được nói đến như thể sự kiêu ngạo đó ở trên cao và Đức Giê-hô-va sẽ hạ nó xuống.

và đánh bại âm mưu của tay nó

Ở đây từ "tay" tượng trưng cho sức mạnh để làm điều gì đó hoặc tạo ra điều gì. Tương tự câu: "bất chấp những thứ to lớn mà họ đã xây" hoặc là "bất chấp những việc lớn mà họ đã làm"

Tường thành của ngươi với lũy cao kiên cố, Ngài sẽ triệt hạ, đánh đổ và ném xuống đất, xuống tận bụi đất

Câu này nói đến Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho các quân đội triệt hạ và đánh đổ các tường thành như thể chính Ngài sẽ làm điều này. Tương tự câu: "Ngài sẽ sai một đội quân phá đổ và đánh sập các tường thành cùng lũy cao kiên cố xuống tận bụi đất"

Tường thành của ngươi với lũy cao kiên cố

Ở đây từ "ngươi" nói đến dân Mô-áp. Câu này có thể được trình bày ở ngôi thứ ba để phù hợp với câu Kinh Thánh trước đó. Tương tự câu: "Tường thành với lũy cao kiên cố của họ"

Translation Questions

Isaiah 25:1

Tại saoÊ-sai đã tôn cao và ngợi khen danh Đức Giê-hô-va?

Ê-sai đã tôn cao và ngợi khen danh Đức Giê-hô-va vì Đức Giê-hô-va đã làm những việc kỳ diệu, những chương trình đã được định từ lâu với sự trung tín trọn vẹn.

Isaiah 25:2

Đức Giê-hô-va đã đã làm những điều kì lạ gì?

Đức Giê-hô-va đã làm cho thành đó thành một đống vụng, một nơi đổ nát tiêu tàn và một đền đài của dân ngoại cũng chẳng phải là thành nữa.

Isaiah 25:3

Chuyện gì sẽ xảy ra sau khi Đức Giê-hô-va khiến thành trở thành một đống đổ nát, v.v ...?

Một dân hùng mạnh sẽ làm vinh danh Đức Giê-hô-va, và một thành của các nước hung ác sẽ kính sợ Ngài.

Isaiah 25:6

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho mọi dân tộc trên núi?

Ngài sẽ làm một yến tiệc béo bổ cho mọi dân tộc và Ngài sẽ hủy diệt cái màn che mặt phủ trên mọi dân tộc, cùng tấm chăn che phủ muôn nước.

Isaiah 25:7

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho mọi dân tộc trên núi?

Ngài sẽ làm một yến tiệc béo bổ cho mọi dân tộc và Ngài sẽ hủy diệt cái màn che mặt phủ trên mọi dân tộc, cùng tấm chăn che phủ muôn nước.

Isaiah 25:8

Đức Giê-hô-va sẽ nuốt lấy, lau đi và xóa sạch điều gì khỏi dân Ngài?

Ngài sẽ nuốt lấy cái chết, lau ráo nước mắt và lấy đi sự sỉ nhục của dân Ngài.

Isaiah 25:9

Trong ngày đó, người ta sẽ nói gì?

Điều này sẽ được nói: "Kìa, đây là Đức Chúa Trời chúng ta; chúng ta trông đợi Ngài, và Ngài đã cứu chúng ta. Đây là Đức Giê-hô-va mà chúng ta trông đợi, chúng ta hãy hân hoan vui mừng về sự cứu rỗi của Ngài."

Isaiah 25:10

Số phận của Mô-áp sẽ giống điều gì?

Số phận của Mô-áp như đống rơm bị giày đạp trong hố phân.

Chapter 26

Isaiah 26:1

Trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "vào lúc đó"

ở đất Giu-đa người ta sẽ hát bài ca này

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "người dân xứ Giu-đa sẽ hát bài ca này"

Chúng ta có một thành kiên cố

Câu này nói đến thành Giê-ru-sa-lem.

Chúa lấy sự cứu rỗi làm tường, làm lũy

Quyền năng của Đức Chúa Trời để bảo vệ và cứu rỗi con dân Ngài được nói đến như thể sự cứu rỗi của Ngài là những bức tường bao quanh thành.

Dân công chính, là dân giữ lòng trung tín

Ở đây từ "dân" thay cho các dân tộc. Tương tự câu: "dân trung tín và công chính"

Isaiah 26:3

Để tâm trí mình nương cậy nơi Chúa

Ở đây từ "tâm trí" tượng trưng cho ý nghĩ của một người. Cũng như vậy từ "Chúa" tức là Đức Giê-hô-va. Cụm từ "Để tâm trí mình nương cậy nơi Chúa" là một thành ngữ mang ý nghĩa là "Người đó liên tục suy nghĩ về Chúa."

Đức Giê-hô-va (Yah), chính Đức Giê-hô-va (Yahweh)

Yah (Đức Giê-hô-va) là danh xưng khác của Yahweh (Đức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-hô-va).

Chính Đức Giê-hô-va, là vầng đá của mọi thời đại

Đức Giê-hô-va có quyền phép để bảo vệ con dân Ngài được miêu tả như thể Ngài là một vầng đá cao, là nơi mọi người có thể chạy trốn khỏi kẻ thù mình.

Isaiah 26:5

Ngài đã hạ bệ những kẻ ở trên cao

Đức Giê-hô-va khiến những kẻ kiêu căng phải xấu hổ được miêu tả như thể những kẻ kiêu căng ở trên nơi cao và Ngài sẽ hạ chúng xuống.

thành cao ngất

Câu này nói đến những thành lũy kiên cố nói chung chứ không phải là một thành cụ thể nào.

triệt hạ ... san thành bình địa

Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho một đội quân đến phá hủy những thành kiên cố được miêu tả như thể Ngài sẽ tự mình làm điều đó.

Nó sẽ bị giày đạp dưới chân, dưới bàn chân của kẻ nghèo nàn, dưới bước chân của người cô thế

Cả hai tuyên bố này đều mang cùng một ý nghĩa. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Kẻ nghèo nàn và người cô thế sẽ giẫm đạp lên tàn tích còn lại của thành"

Isaiah 26:7

Đường người công chính là đường ngay thẳng ... làm cho đường người công chính được bằng phẳng

Hai cụm từ này về cơ bản mang ý nghĩa giống nhau. Những người vâng lời Đức Giê-hô-va được miêu tả như thể họ đang đi trên con đường của Ngài. Đức Giê-hô-va đảm bảo với họ rằng điều họ làm là ngay thẳng được nói đến như thể Ngài sẽ ban bằng và làm thẳng đường đi cho họ.

Lạy Đức Giê-hô-va, thật vậy, trên con đường phán xét của Ngài, chúng con trông đợi Ngài

Làm theo điều mà Đức Giê-hô-va đã phán là đúng được miêu tả là đang bước đi trên con đường của Ngài. Tương tự câu: "Chúng con đang trông đợi Ngài, Đức Giê-hô-va ơi, vì chúng con đang tiếp tục làm theo những điều Ngài đã phán là công bình"

phán xét của Ngài

"luật pháp Ngài" hoặc là "những lời Ngài dạy dỗ"

chúng con trông đợi

Ở đây từ "chúng con" tức là Ê-sai và tất cả những người công chính là những người đang nói với Đức Giê-hô-va.

linh hồn chúng con khao khát danh Ngài và kỷ niệm của Ngài

Ở đây từ "danh" và "kỷ niệm" tượng trưng cho những đặc tính của Đức Giê-hô-va và là chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "ao ước duy nhất của chúng con đó là tôn vinh Ngài"

thần linh trong con thiết tha tìm kiếm Ngài

Ao ước muốn tìm biết về Đức Giê-hô-va và luật pháp của Ngài nhiều hơn được nói đến như thể người ta đang tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Con tha thiết muốn được tìm biết về Ngài nhiều hơn"

thần linh trong con thiết tha tìm kiếm Ngài

Ở đây từ "thần linh" tượng trưng cho cả thân thể của người nói.

Isaiah 26:10

Dù nhận được ân huệ, kẻ ác cũng không học điều công chính

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Dù cho Đức Giê-hô-va có đối đãi tử tế với kẻ ác, thì họ vẫn không học làm điều công chính"

kẻ ác

Ở đây nói đến kẻ ác nói chung.

Sống trong đất ngay thẳng

Ở đây từ "đất" tượng trưng cho dân cư sống ở đó. Tương tự câu: "Ở trong vùng đất mà mọi người đều làm điều công bình"

không nhìn thấy uy nghiêm của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "nhìn thấy" tượng trưng cho việc nhận biết điều gì đó. Tương tự câu: "Chẳng nhận ra rằng Đức Giê-hô-va là Đấng vĩ đại dường bao"

Isaiah 26:11

tay Ngài đã giơ lên

Đức Giê-hô-va chuẩn bị trừng phạt những kẻ ác được miêu tả như thể tay Ngài đã giơ lên và sắp đánh những kẻ ác.

mà chúng vẫn không thấy

"nhưng kẻ ác vẫn không quan tâm"

xin cho chúng thấy lòng sốt sắng của Ngài vì dân Ngài

Ở đây từ "thấy" tượng trưng cho việc nhận biết điều gì đó. Tương tự câu: "chúng sẽ nhận ra rằng Ngài rất sốt sắng ban phước cho dân sự Ngài"

và chúng xấu hổ

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "chúng sẽ xấu hổ"

hãy để lửa dành cho kẻ thù của Ngài thiêu nuốt chúng

Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt và tiêu diệt hoàn toàn kẻ thù Ngài được miêu tả như thể Ngài sẽ khiến một ngọn thiêu rụi họ hoàn toàn.

hãy để lửa dành cho kẻ thù của Ngài

Ở đây từ "dành cho" không có nghĩa là lửa của kẻ thù mà ngọn lửa này được định để dùng cho việc chống lại kẻ thù. Tương tự câu: "Lửa của Ngài sẽ hoàn toàn thiêu rụi chúng"

cho chúng con

Ở đây từ "chúng con" nói về Ê-sai và bao gồm tất cả những người công chính.

Isaiah 26:13

nhưng bây giờ, chúng con chỉ tin cậy một mình Ngài và cầu khẩn danh Ngài

Ở đây từ "danh" tức là Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "nhưng chúng con chỉ tôn cao danh Ngài"

những âm hồn không trỗi dậy được

"chúng sẽ không sống lại được"

xóa sạch mọi kỷ niệm của chúng

Đức Giê-hô-va khiến cho dân sự không còn nhớ về những điều Ngài đã hủy diệt được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va đã xóa sạch ký ức của họ.

Isaiah 26:15

Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã làm cho dân nầy lớn mạnh, Ngài đã làm cho dân nầy lớn mạnh

Cụm từ này được lặp lại để nhấn mạnh. Ở đây từ "dân nầy" tức là dân sự. Tương tự câu: "Ngài đã làm cho số dân trong nước này tăng nhanh"

Isaiah 26:16

họ đã tìm kiếm Ngài

Ở đây từ "họ" tức là những người dân Y-sơ-ra-ên. Ở đây bao gồm cả Ê-sai. Tương tự câu: "chúng con đã tìm kiếm Ngài"

đã tìm kiếm Ngài

Thành ngữ này có nghĩa là họ đã cầu xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khi bị Ngài sửa trị
Danh từ trừu tượng "sửa trị" có thể được diễn đạt bằng một động từ. Tương tự câu: "khi Ngài sửa trị họ"
khác nào sản phụ sắp sinh ... quặn thắt, kêu la trong cơn đau đớn
Ở đây so sánh dân sự như một sản phụ đang sinh con. Câu này nhấn mạnh về sự đau đớn của họ và tiếng kêu la của họ khi Đức Giê-hô-va sửa trị họ.
Isaiah 26:18
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục so sánh sự đau đớn của người dân Giu-đa với một sản phụ đang sinh con.
nhưng chỉ sinh ra gió
"nhưng cứ như thể chúng con chỉ sinh ra gió" hoặc là "cứ như thể chúng con chẳng sinh ra gì cả." Đây là một phép so sánh để nhấn mạnh rằng sự đau đớn của dân sự chẳng đem lại kết quả gì. Tương tự câu: "nhưng chẳng đem lại kết quả tốt đẹp nào"
Chúng con không đem lại sự giải cứu cho quả đất, cũng chẳng sinh ra cư dân trên thế gian nầy
Ở đây từ "quả đất" tượng trưng cho những cư dân sống trên trái đất. Ý nghĩa của câu này không rõ ràng, nhưng có vẻ như câu này mang nghĩa là người Y-sơ-ra-ên không thể tự cứu chính họ hay những người khác bằng cách đánh bại kẻ thù họ trong chiến trận.
Chúng con không đem lại sự giải cứu cho quả đất
Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sự giải cứu" được diễn đạt bằng động từ "giải cứu." Tương tự câu: "Chúng con không thể giải cứu những cư dân cho quả đất" và
cũng chẳng sinh ra cư dân trên thế gian nầy
"chúng con cũng chẳng cho khiến kẻ ác trong thế gian ngã chết trong chiến trận" "
Isaiah 26:19
Những người chết của Ngài sẽ sống
Câu này có thể được viết lại để tính từ có vai trò như danh từ "chết" được diễn tả bằng động từ "đã chết." Tương tự câu: "Những người đã chết sẽ sống lại"
Những người chết của Ngài
Các nghĩa có thể là 1) Từ "của Ngài" nói đến Đức Giê-hô-va hoặc là 2) "Của ngươi" nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Nếu bạn chọn nghĩa thứ hai bạn có thể dịch là "Những người chết của chúng ta."
sẽ trỗi dậy
Câu này nói về những người đã chết sống lại như thể họ đã thức dậy khi đang ngủ.
Hỡi những kẻ ở trong bụi đất
Đây là một cách nói tế nhị khi đề cập đến những người đã chết. Tương tự câu: "hỡi những kẻ đã chết và được chôn"
Vì sương móc của Ngài như sương móc rạng đông
Đức Giê-hô-va sẽ đối đãi tử tế với con dân Ngài và đưa họ trở lại với cuộc sống được miêu tả như thể đó là sương móc khiến cho cây cối tươi tốt.
vì sương móc của Ngài
Các nghĩa có thể là 1) "của Ngài" tức là Đức Giê-hô-va và đây là sương móc mà Đức Giê-hô-va ban xuống hoặc là 2) "của ngươi" nói đến dân Y-sơ-ra-ên và đây là sương móc mà họ nhận được từ Đức Giê-hô-va.
sương móc rạng đông
Các nghĩa có thể là 1) "rạng đông" tức là quyền phép của Đức Giê-hô-va khiến người chết sống lại. Tương tự câu: "sương móc từ Đức Giê-hô-va" hoặc là 2) "rạng đông" nói đến thời gian buổi sáng khi sương móc vương trên cây cối. Tương tự câu: "sương móc vào buổi sáng sớm"
và đất sẽ buông tha các âm hồn
"đất sẽ hồi sinh những người đã chết." Đức Giê-hô-va sẽ khiến những kẻ chết sống lại được miêu tả như thể đất sẽ hồi sinh những người đã chết. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho những kẻ đã chết sống lại từ đất"
Isaiah 26:20
Hỡi dân Ta
Ở đây từ "Ta" nói đến Ê-sai. Cũng như vậy từ "dân" tức là người dân Y-sơ-ra-ên.
cho đến khi cơn thịnh nộ đã qua
Danh từ trừu tượng "cơn thịnh nộ" có thể được thay bằng tính từ "tức giận." Tương tự câu: "cho đến khi Đức Giê-hô-va không còn tức giận chúng ta nữa"
đất sẽ để lộ máu ra và không che đậy những kẻ đã bị giết nữa
Đức Giê-hô-va sẽ tỏ ra mọi vụ giết người đã diễn ra trên đất để Ngài có thể trừng phạt những kẻ giết người được nói đến như thể quả đất sẽ tự để lộ ra những người đã bị giết hại.

Translation Questions

Isaiah 26:1
Trong ngày đó, bài hát này sẽ được hát ở đâu?
Bài hát này sẽ được hát trong xứ Giu-đa.
Chúa đã làm cho thành phố mạnh mẽ ra sao?
Ngài đã làm cho nó mạnh mẽ bằng cách lấy sự cứu rỗi làm tường, làm lũy.
Isaiah 26:2
Cửa thành được mở ra cho ai?
Các cửa sẽ được mở ra cho dân công chính là dân giữ lòng trung tín.
Isaiah 26:4
Chúng ta nên tin tưởng ai và tin tưởng trong bao lâu?
Chúng ta nên tin tưởng nơi Đức Giê-hô-va mãi mãi.
Isaiah 26:5
Điều gì sẽ xảy ra cho những kẻ ở trên cao, thành cao ngất?
Đức Giê-hô-va sẽ san thành bình địa và ném nó xuống bụi đất. Nó sẽ bị giày đạp dưới bàn chân kẻ nghèo nàn và dưới bước chân của người cô thế.
Isaiah 26:6
Điều gì sẽ xảy ra cho những kẻ ở trên cao, thành cao ngất?
Đức Giê-hô-va sẽ san thành bình địa và ném nó xuống bụi đất. Nó sẽ bị giày đạp dưới bàn chân kẻ nghèo nàn và dưới bước chân của người cô thế.
Isaiah 26:8
Mong muốn của linh hồn chúng ta là gì?
Danh Ngài và kỷ niệm của Ngài là mong muốn của linh hồn chúng ta.
Isaiah 26:9
Điều gì sẽ xảy ra khi sự phán xét được thực thi trên đất?
Khi sự phán xét được thực thi thì dân cư trên đất sẽ học biết sự công chính.
Isaiah 26:10
Người ác sẽ làm gì khi nhận được ân huệ?
Họ sẽ không học được điều công chính.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 26:12
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Giu-đa và Ngài đã thiết lập điều gì cho họ?
Đức Giê-hô-va đã làm mọi việc cho Giu-đa và thiết lập sự bình an cho họ.
Isaiah 26:13
Điều gì sẽ xảy ra với các chủ khác cai trị dân Giu-đa?
Họ đã chết, sẽ không còn sống nữa, như bóng ngã dài, chẳng bao giờ vùng dậy, vì Đức Giê-hô-va đã đoán phạt chúng.
Isaiah 26:14
Điều gì sẽ xảy ra với các chủ khác cai trị dân Giu-đa?
Họ đã chết, sẽ không còn sống nữa, như bóng ngã dài, chẳng bao giờ vùng dậy, vì Đức Giê-hô-va đã đoán phạt chúng.
Isaiah 26:16
Giu-đa nhìn xem Đức Giê-hô-va khi nào?
Họ ngắm nhìn Đức Giê-hô-va khi họ ở trong cảnh hoàn nạn đau thương, khi Đức Giê-hô-va sửa phạt họ.
Isaiah 26:19
Tại sao những kẻ nằm trong bụi đất hãy vùng dậy, hoan ca?
Họ nên tỉnh thức và hoan ca trong niềm vui vì người chết đã sống lại, và họ sẽ phục sinh.
Isaiah 26:20
Tại sao người ta phải đi về nhà và khóa cửa lại?
Họ đã làm như vậy để họ có thể trú ẩn một thời gian đến khi Chúa hình phạt xong những kẻ gian ác.
Isaiah 26:21
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?
Ngài sẽ ngự từ trời xuống để trừng phạt dân tộc trên trái đất vì sự gian ác của họ.

Chapter 27
Isaiah 27:1
Trong ngày đó
Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Vào lúc đó"
Đức Giê-hô-va sẽ dùng gươm cứng, lớn và mạnh để trừng phạt
Đức Giê-hô-va sẽ dùng quyền phép để tiêu diệt những kẻ thù của Ngài được miêu tả như thể Ngài có một thanh gươm lớn và mạnh.
con quái vật dưới biển
Câu này nói đến Lê-vi-a-than.
Các ngươi hãy hát cho vườn nho sai trái
"Hãy hát về vườn nho sai trái." Câu này nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một vườn nho sai trái. Tương tự câu: "Hãy hát về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một vườn nho sai trái để ép rượu"
Chính Ta, Đức Giê-hô-va là Đấng canh giữ nó
"Chính Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng canh giữ vườn nho"
ngày đêm
Những từ "ngày" và "đêm" kết hợp với nhau ở đây có nghĩa là "mọi lúc." Tương tự câu: "mọi lúc" hoặc là "liên tục"
Isaiah 27:4
Câu Kết Nối:
Ở đây tiếp tục nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một vườn nho. (Xem: ISA27:01
Ta không còn giận nữa. Nếu nó chỉ sinh gai góc và bụi rậm, Ta sẽ đi đánh chúng nó
"Ta sẽ chẳng tức giận nữa. Nếu nó chỉ sinh ra gai góc và bụi rậm Ta sẽ đi đánh chúng nó"
Ta không còn giận nữa
Có thể hiểu là Đức Giê-hô-va sẽ chẳng tức giận với con dân Ngài nữa. Tương tự câu: "Ta sẽ chẳng tức giận với dân Ta nữa"
gai góc và bụi rậm
Hãy dịch những từ này như bạn đã dịch trong ISA05:05
Ta sẽ đi đánh chúng nó
Đức Giê-hô-va sẽ chiến đấu với kẻ thù của Ngài được miêu tả như thể Ngài là một chiến binh trong quân đội.
Ta sẽ đi đánh chúng nó, Ta sẽ đốt nó chung với nhau
Ở đây Ê-sai kết hợp những hình ảnh khác nhau để nói về kẻ thù của Đức Giê-hô-va. Ngài nói về chúng như thể chúng là những gai góc và bụi rậm nhưng cũng như là những quân lính trong quân đội.
không gì bằng nhờ sức Ta
Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sức" có thể được miêu tả bằng động từ "bảo vệ." Tương tự câu: "nếu chúng không cầu xin Ta bảo vệ"
Hãy làm hòa với Ta, phải, hãy làm hòa với Ta
"và chúng cầu xin sống hòa thuận với Ta; phải, Ta muốn chúng sống hòa thuận với Ta"
Isaiah 27:6
Thông Tin Chung:
Ê-sai đang nói. Ông tiếp tục miêu tả dân Y-sơ-ra-ên như một vườn nho. (Xem: ISA27:01
Sẽ đến lúc
Câu này nói về một ngày mà ngày đó có thể đi và đến ở một nơi nào đó. Tương tự câu: "Trong tương lai"
Gia-cốp đâm rễ, Y-sơ-ra-ên kết nụ và nở hoa
Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho người Y-sơ-ra-ên và làm cho họ được thịnh vượng được miêu tả như thể họ là một vườn nho đâm rễ và nở hoa. Tương tự câu: "dòng dõi của nhà Y-sơ-ra-ên sẽ được thịnh vượng như vườn nho đâm rễ và nở hoa"
Gia-cốp ... Y-sơ-ra-ên
Ở đây "Gia-cốp" và "Y-sơ-ra-ên" là những phép hoán dụ tượng trưng cho các dòng dõi của nhà Gia-cốp.
và sẽ ra trái đầy trên mặt đất
Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho dân Y-sơ-ra-ên được thịnh vượng để họ có thể giúp đỡ các dân khác được nói đến như thể họ là một vườn nho sinh trưởng mạnh đến nỗi ra trái đầy trên mặt đất.
Isaiah 27:7
Có phải Ngài đánh nó như đánh kẻ đã đánh nó không?
Câu hỏi được dùng để đối chiếu sự trừng phạt khắc nghiệt của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ trừng phạt các nước thù nghịch nghiêm khắc hơn cả khi Ngài trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên."
Gia-cốp ... Y-sơ-ra-ên
Những từ này tượng trưng cho dòng dõi của Gia-cốp.
Hay nó có bị giết như những kẻ giết nó đã bị giết không?
Câu hỏi này cũng được dùng để so sánh đối chiếu sự trừng phạt khắc nghiệt của Đức Chúa Trời. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã không tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên giống như họ đã tiêu giệt kẻ thù nghịch mình từ các nước khác."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài đã trừng phạt nó cách chừng mực

Ở đây từ "Ngài" tức là Đức Chúa Trời. Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt con dân Ngài cách cần thiết được miêu tả như thể sự trừng phạt của Đức Chúa Trời có thể đo đếm được. Tương tự câu: "Nhưng Ngài đã trừng phạt nó có chừng mực"

bằng cách đuổi nó đi

Ở đây tượng trưng cho các hậu tự của Gia-cốp. Tương tự câu: "đuổi dân Y-sơ-ra-ên đi"

Ngài dùng cơn lốc mãnh liệt đùa nó đi trong một ngày có gió đông

Quyền phép của Đức Giê-hô-va sẽ đuổi con dân Ngài đi đến một đất nước ngoại bang được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va đã dùng một cơn gió lốc thổi họ tới một đất nước ngoại bang. Tương tự câu: "quyền phép của Đức Giê-hô-va đã đuổi họ đi như một cơn gió lốc từ phía đông"

Isaiah 27:9

Vậy nhờ điều sau đây

Các nghĩa có thể là 1) "điều sau đây" nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ đuổi dân sự đi như Ê-sai đã đề cập ở câu Kinh Thánh trước đó hoặc là 2) "điều sau đây" nói đến những hành động mà Ê-sai sẽ đề cập đến trong phần tiếp theo của câu 9.

tội của Gia-cốp sẽ được tha

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ rửa sạch tội lỗi của Y-sơ-ra-ên" hoặc là "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho tội lỗi của Y-sơ-ra-ên"

tội của Gia-cốp ... tội nó được xóa bỏ

Ở đây từ "Gia-cốp" tượng trưng cho các hậu tự của Gia-cốp. Tương tự câu: "tội của nhà Y-sơ-ra-ên ... đã xóa bỏ tội lỗi của nó"

và đây là tất cả

Từ "đây" ở đây nói đến các hành động mà Ê-sai sẽ miêu tả trong phần tiếp theo của câu 9.

những gì nó cần làm

Cụm từ này nói đến kết quả của một hành động như thể đó là trái mọc trên cây hoặc cành nho. Tương tự câu: "kết quả"

Nó phải làm cho tất cả đá của bàn thờ trở nên như đá vôi tán vụn, các tượng A-sê-ra và các bàn thờ dâng hương sẽ không bao giờ dựng lại nữa

Ở đây từ "nó" nói đến Gia-cốp là người đại diện cho các dòng dõi của ông. Tương tự câu: "Chúng sẽ phá hủy hoàn toàn các bàn thờ mà tại đó chúng thờ các tà thần, và chúng sẽ xóa bỏ tất cả các tượng A-sê-ra và các bàn thờ mà chúng dâng hương cho các tà thần"

Isaiah 27:10

Vì thành kiên cố đã ... nhơi những cành cây

Ở đây Ê-sai miêu tả một sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai như thể nó đã diễn ra rồi. Việc này nhấn mạnh rằng điều đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Vì thành kiên cố đã trở nên hoang vắng, nơi cư trú đã bị bỏ hoang và lãng quên như hoang mạc

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Các thành kiên cố có nhiều người từng sống ở đó sẽ trở nên hoang vắng như hoang mạc"

thành kiên cố ... nơi cư trú

Câu này không nói đến một thành hay là một nơi cư trú cụ thể mà nói đến các thành và những nơi cư trú nói chung.

bò tơ sẽ đến ăn cỏ tại đó, nằm và nhơi

Ở đây từ "bò tơ" tượng trưng cho những con bò tơ hoặc là gia súc nói chung. Tương tự câu: "Những con bò tơ ăn cỏ, chúng nằm xuống và nhơi"

Khi cành khô ... vì dân nầy không chịu hiểu

Dân sự sẽ trở nên yếu đuối bởi vì họ bất tuân theo lời của Đức Giê-hô-va vậy nên kẻ thù có thể dễ dang tiêu diệt họ như thể họ là những cành khô bị các phụ nữ bẻ gãy khỏi cây.

Khi cành khô và bị bẻ gãy, các phụ nữ đến lấy mà nhen lửa

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Khi cành khô, các phụ nữ đến bẻ gãy và đem đi nhóm lửa"

vì dân nầy không chịu hiểu

Câu này có thể được giải thích rõ hơn. Tương tự câu: "Vì chẳng có người nào hiểu biết Đức Giê-hô-va hoặc hiểu về luật pháp của Ngài"

dân

Các nghĩa có thể là 1) "dân" tức là dân Y-sơ-ra-ên hoặc là 2) "dân" nói đến các dân tộc ngoại bang là những dân áp bức dân Y-sơ-ra-ên.

Nên Đấng đã làm nên nó không thương xót, Đấng tạo nên nó chẳng ban ơn

Cả hai mệnh đề đều mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Bởi vì nó không hiểu, Đức Giê-hô-va, tức là Đấng tạo nên nó, sẽ chẳng ban ơn cho nó"

Isaiah 27:12

Rồi sẽ đến ngày

Cụm từ này đánh dấu một sự kiện quan trọng sẽ xảy ra.

trong ngày đó

Từ "ngày" ở đây tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "vào lúc đó"

Đức Giê-hô-va sẽ đập lúa

Đức Giê-hô-va sẽ nhóm hiệp dân sự Ngài để đem họ từ các dân ngoại trở về xứ Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Ngài sẽ đập lúa mì để tách hạt ra khỏi vỏ trấu.

từ dòng Sông Cái cho đến suối Ai Cập

Ê-sai đề cập đến Sông Cái và suối Ai Cập ý nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ đem dân Y-sơ-ra-ên trở về, là những người bị đày đi đến những xứ gần các sông suối đó, tức là A-si-ri và Ai Cập. Sông Cái nằm ở phía đông bắc Y-sơ-ra-ên, và suối Ai Cập nằm ở phía tây nam Y-sơ-ra-ên.

các ngươi sẽ được thu nhặt từng người một

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ nhóm hiệp từng người một trong các ngươi"

kèn lớn sẽ thổi lên

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "người ta sẽ thổi kèn trompet lớn tiếng"

những kẻ bị thất lạc trong đất A-si-ri và những kẻ bị đày sang đất Ai Cập sẽ đến

Những thông tin được hiểu ở đây có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: "những kẻ bị đày và gần chết trong xứ A-si-ri và xứ Ai Cập sẽ trở về Y-sơ-ra-ên"

núi thánh

"Núi thánh" là Núi Si-ôn, ở tại Giê-ru-sa-lem. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA11:08

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 27:1

Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với lưỡi kiếm?

Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt con của "Lê-vi" và Ngài sẽ giết con quáy vật dưới biển.

Isaiah 27:2

Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với vườn nho?

Ngài sẽ bảo vệ nó, tưới nước liên tiếp và chăm sóc nó ngày đêm.

Isaiah 27:3

Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với vườn nho?

Ngài sẽ bảo vệ nó, tưới nước liên tiếp và chăm sóc nó ngày đêm.

Isaiah 27:4

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu các thung lũng và gai không nắm giữ sự bảo vệ của Ngài để làm hòa với Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ đi trên chúng và đốt chúng nó.

Isaiah 27:5

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu các thung lũng và gai không nắm giữ sự bảo vệ của Ngài để làm hòa với Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ đi trên chúng và đốt chúng nó.

Isaiah 27:6

Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì trong những ngày sau?

Gia-Cốp sẽ đâm rễ, Y-sơ-ra-ên sẽ kết nụ và nở hoa, chúng sẽ ra trái đầy mặt trên mặt đất.

Isaiah 27:9

Qủa của sự trừ bỏ tội lỗi của nhà Gia-Cốp sẽ là gì?

Ngài sẽ làm cho hết thảy đá của bàn thờ ra như đá vôi bể nát, các hình tượng và các trụ mặt trời sẽ không dựng lên nữa.

Isaiah 27:11

Tại sao Đấng đã làm nên dân Y-sơ-ra-ên lại không thương xót họ?

Vì họ không phải là dân có trí khôn, nên Đức Giê-hô-va sẽ không thương xót họ.

Isaiah 27:12

Trong ngày đó, dân Y-sơ-ra-ên sẽ tụ họp lại như thế nào?

Họ sẽ bị lượm từng người một.

Isaiah 27:13

Ai sẽ đến thờ lạy trước mặt Đức Giê-hô-va, trên hòn núi thánh tại Giê-ru-sa-lem?

Những kẻ bị thất lạc trong xứ A-sy-ri và những kẻ bị đày trong đất Ai-Cập sẽ đến thờ lạy trước mặt Đức Giê-hô-va, trên hòn núi thánh tại Giê-ru-sa-lem.

Chapter 28

Isaiah 28:1

Khốn cho mão miện kiêu ngạo ... cho thủ phủ thung lũng phì nhiêu của những kẻ bị rượu đánh ngã

Một "mão miện" là một cái mão được làm từ hoa. Ở đây tượng trưng cho thành phố Sa-ma-ri, là thủ đô của Y-sơ-ra-ên, nằm ở trên đỉnh của thung lũng phì nhiêu. Sa-ma-ri và dân nó sẽ bị hủu diệt được nói đến như thể hoa trên vòng sẽ héo tàn và không còn đẹp nữa.

Nầy

"Hãy lắng nghe" hay "Hãy chú ý"

những kẻ bị rượu đánh ngã

"những kẻ say rượu"

từ nơi Chúa có một người mạnh mẽ và có quyền thế, giống như cơn bão mưa đá

Một "cơn bão mưa đá" là khi các tảng băng cứng rơi từ trên trời xuống. Ở đây là phép so sánh nói đến quân đội kẻ thù mà Đức Giê-hô-va sẽ sai đến để hủy diệt dân Sa-ma-ri.

từ nơi Chúa có một người mạnh mẽ và có quyền thế

Từ "một người" ở đây nói đến một vị vua quyền lực và cũng là vị vua tượng trưng cho quân đội đầy hùng mạnh của ông. Tương tự câu: "Chúa sẽ sai một đội quân hùng mạnh"

người sẽ dùng tay ném chúng xuống đất

Quân đội hùng mạnh sẽ hủy diệt dân Sa-ma-ri và thành của họ được nói đến như thể vị vua đó sẽ ném mão miện của dân sự xuống đất.

Isaiah 28:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói về dân sự và thành Sa-ma-ri như thể họ là một mão miện. (Xem: ISA28:01

Mão miện kiêu ngạo của những bợm rượu Ép-ra-im sẽ bị chà đạp dưới chân

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đội quân kẻ thù nghịch sẽ nghiền nát những kẻ nghiện rượu của Sa-ma-ri như thể nghiền nát những bông hoa dưới chân họ"

Mão miện kiêu ngạo ... Ép-ra-im ... cho thủ phủ của thung lũng phì nhiêu

Một "mão miện" là một cái mão được làm từ hoa. Ở đây tượng trưng cho thành phố Sa-ma-ri, thủ đô của Y-sơ-ra-ên, nằm trên đỉnh của một thung lũng phì nhiêu.

cũng sẽ giống như trái vả chín trước ... đã nuốt ngay

Ở đây nói về những chiến binh kẻ thù nghịch nhìn thấy vẻ đẹp của Sa-ma-ri và nhanh chóng chiếm lấy nó như thể một người thấy trái vả chín vào đầu mùa và nhanh chóng ăn nó.

Isaiah 28:5

Trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Vào lúc đó"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch câu này như bạn đã làm trong ISA01:09

sẽ là mão triều thiên vinh quang và mão miện rực rỡ

Mọi người sẽ tôn cao Đức Giê-hô-va như là một vị vua chân thật được nói đến như thể Ngài sẽ trở nên mão triều thiên đẹp đẽ mà họ mang lấy.

mão triều thiên vinh quang và mão miện rực rỡ

Những câu này màng ý nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "một mão triều thiên tuyệt đẹp"

Thần Công Lý cho người ngồi tòa xét xử

Ở đây có thể được trình bày lại để danh từ trừu tượng "công lý" được diễn đạt như một động từ "trở nên công chính." Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho người ngồi tòa xét xử trở nên công chính"

Thần Công Lý

Ở đây từ "thần công lý" có nghĩa là một người có đặc tính công bình, tức là, người công chính.

ngồi tòa xét xử

Cách diễn đạt này có nghĩa là một người có quyền phán xét.

và là sức mạnh cho những người đẩy lùi chiến trận nơi cổng thành

Ở đây từ "đẩy lùi" là một cách diễn đạt mang nghĩa đánh bại một ai đó trong trận chiến. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho quân lính trở nên mạnh mẽ để có thể đánh bại các kẻ thù nghịch khi chúng tấn công thành của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

họ"
Isaiah 28:7
Ngay cả những người nầy
"Nhưng ngay cả những tiên tri và các thầy tế lễ." Có thể lúc này Ê-sai đang nói về các nhà tiên tri và những thầy tế lễ tại Giu-đa.
cũng loạng choạng vì rượu, và đi lảo đảo vì rượu mạnh
Hai cụm từ này đều mang nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng những nhà lãnh đạo không thể làm công việc của họ nữa bởi vì họ đều đã rất say. Tương tự câu: "trượt chân loạng choạng bởi vì họ đã say"
họ bị nuốt chửng vì rượu
Những thầy tế lễ và các nhà tiên tri đã uống quá nhiều đến nỗi họ không thể suy nghĩ cách đúng đắn được nữa được miêu tả như thể rượu đã nuốt chửng lấy họ. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "rượu đang khiến cho họ trở nên rối trí"
quờ quạng trong khải tượng và nhầm lẫn trong phán đoán
Có vẻ như họ đã uống quá nhiều để có thể đi cách ngay thẳng, họ đã uống quá say để có thể hiểu được những khải tượng mà Đức Chúa Trời ban cho hay có những quyết định đúng đắn.
Isaiah 28:9
Vậy, người sẽ dạy kiến thức cho ai, và sẽ giải thích cho ai hiểu sứ điệp của mình?
Những nhà tiên tri và các tế lễ say rượu dùng một câu hỏi để chỉ trích Ê-sai, là người đã cố gắng sửa sai họ. Tương tự câu: "Những tiên tri và các thầy tế lễ say rượu đã nói, 'Ê-sai không nên cố gắng dạy dỗ chúng tôi về sứ điệp của Đức Giê-hô-va!'"
Có phải là dạy cho những trẻ thôi bú, mới rời khỏi vú chăng?
Những vị tiên tri và các thầy tế lễ say rượu dùng một câu hỏi để chỉ trích Ê-sai, bởi vì họ cảm thấy ông đang xử sự với họ giống như là những em bé. Tương tự câu: "Chúng tôi không phải là những em bé nữa!"
Vì mệnh lệnh thêm mệnh lệnh, mệnh lệnh thêm mệnh lệnh; hàng thêm hàng, hàng thêm hàng; một chút chỗ nầy, một chút chỗ kia
Những vị tiên tri và các thầy tế lễ say sưa đã chỉ trích Ê-sai bởi vì họ cảm thấy rằng Ê-sai đang lặp lại những mệnh lệnh đơn giản như thể ông đang nói chuyện với một đứa trẻ.
Isaiah 28:11
dùng môi miệng người ngoại quốc và tiếng khác mà phán với dân nầy
Ở đây từ "môi miệng" và" tiếng" tượng trưng cho những người ngoại quốc nói một ngôn ngữ khác với dân Y-sơ-ra-ên. Ở đây tượng trưng cho quân đội A-si-ri sẽ tấn công Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ nói với dân này bằng những binh lính kẻ thù nghịch là những người sẽ nói một thứ ngôn ngữ ngoại quốc khác"
môi miệng người ngoại quốc
"môi miệng nói lắp"
Đây là chỗ nghỉ ngơi
Danh từ trừu tượng "chỗ nghỉ ngơi" có thể được trình bày như một tính từ. Tương tự câu: "Đây là chỗ nghỉ ngơi"
hãy để kẻ mệt mỏi được nghỉ
Danh từ trừu tượng "nghỉ" có thể được trình bày như một động từ.Tương tự câu: "Hãy để những ai mệt mỏi đến và được yên nghỉ"
đây là chỗ yên tĩnh
Danh từ trừu tượng "chỗ yên tĩnh" có thể được trình bày như một động từ. Tương tự câu: "đây là nơi ngươi có thể được yên nghỉ"
Isaiah 28:13
Cho nên lời Đức Giê-hô-va
Ở đây từ "lời" tượng trưng cho một sứ điệp. Tương tự câu: "Vì thế sứ điệp của Đức Giê-hô-va"
mệnh lệnh thêm mệnh lệnh, mệnh lệnh thêm mệnh lệnh; hàng thêm hàng, hàng thêm hàng; một chút chỗ nầy, một chút chỗ kia
Những cụm từ này là những lời mà các thầy tế lễ và nhà tiên tri đã dùng để chỉ trích cách mà Ê-sai đã dạy dỗ họ. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA28:09
để họ bước tới thì ngã ngửa, bị vỡ nát, sập bẫy và bị bắt
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "để quân đội A-si-ri đến và đánh bại họ cũng như giam cầm họ"
bước tới thì ngã ngửa, bị vỡ nát
Dân sự thất bại trong chiến trận với quân đội kẻ thù nghịch được nói đến như thể dân sự sẽ ngã xuống và bị vỡ nát.
sập bẫy
Các quân lính kẻ thù bắt lấy dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể chúng là những người đi săn dùng bẫy để bắt lấy con thú.
Isaiah 28:14
Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va
Lúc này Ê-sai đang nói với những nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên. Ở đây từ "lời" tượng trưng cho một sứ điệp. Tương tự câu: "Vì thế, hãy lắng nghe sứ điệp của Đức Giê-hô-va"
Chúng tôi đã kết ước ... lấy sự lừa đảo làm nơi trú ẩn
Các nhà lãnh đạo của Giê-ru-sa-lem đã liên minh với các lãnh đạo của Ai Cập. Vì thế, họ đã rất tự tin rằng người Ai Cập có thể giải cứu họ khỏi quân đội A-si-ri.
Chúng tôi đã kết ước với sự chết, chúng tôi có một hợp đồng với âm phủ
Cả hai mệnh đề này đều có nghĩa cơ bản giống nhau. Các nghĩa có thể là 1) các lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đã dùng ma thuật và yêu thuật để cố gắng làm nên một hợp đồng với các thần của âm phủ hầu cho những thần này có thể bảo vệ họ khỏi sự chế hay 2) đây là phép ẩn dụ nói về các nhà lãnh đạo đã làm nên một hợp đồng với các lãnh đạo Ai Cập. Các lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đã rất tự tin rằng người Ai Cập sẽ có thể bảo vệ họ giống như là hợp đồng họ đã làm với các thần nơi âm phủ.
Khi tai nạn hủy diệt tràn qua sẽ chẳng chạm đến chúng tôi
Ở đây nói về sự phán xét và đoán phạt của Đức Giê-hô-va như là một trận lũ lụt. Tương tự câu: "Như là kết quả của việc Đức Chúa Trời phán xét dân sự, quân lính kẻ thù nghịch sẽ đến như một trận lũ, và chúng sẽ hãm hại chúng tôi"
vì chúng tôi lấy sự gian dối làm nơi nương náu, lấy sự lừa đảo làm nơi trú ẩn
Hai cụm từ này đều có ý nghĩa cơ bản như nhau. Ở đây nói về "sự gian dối" và "sự lừa đảo" như là nơi mà một người có thể đến và trốn tại đó.
sự gian dối làm nơi nương náu ... sự lừa đảo làm nơi trú ẩn
Các nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem không nói rằng họ nương cậy vào sự gian dối. Nhưng họ tin rằng họ thật sự được an toàn bởi vì sự thỏa thuận của họ với các lãnh đạo Ai Cập. Nhưng, Ê-sai biết rằng điều này sẽ không đem đến cho họ sự an toàn. Bạn có thể trình bày ở đây cách rõ rằng như trong UDB.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 28:16

Nầy

"Hãy lắng nghe điều này"

Ta đặt tại Si-ôn một hòn đá ... nền tảng vững chắc

Đức Giê-hô-va sẽ sai một người mạnh dạn đến để giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Đức Giê-hô-va sẽ dựng nên một nền móng vững chắc cho một công trình xây dựng.

đá thử nghiệm

"một tảng đá vững chắc"

nền tảng vững chắc

"một nơi nương tựa không thay đổi"

Ai tin sẽ không hành động vội vã

"Bất cứ ai tin cậy vào tảng đá nền này sẽ không phải hối tiếc"

Isaiah 28:17

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục so sánh điều Ngài sẽ làm cho dân Y-sơ-ra-ên như một người xây dựng đang sắp đặt và bố trí một tòa nhà. (Xem: ISA28:16

Ta sẽ lấy sự công minh làm dây đo, và sự công chính làm chuẩn mực

Đức Giê-hô-va thử nghiệm dựa trên sự công minh và công chính để xác định xem một người có công bình và công chính hay không được nói đến như thể Ngài là một người xây dựng sử dụng các công cụ để xác định một thứ gì đó có đúng chiều dài và ở mức độ hoàn hảo hay không.

dây đo

Một người xây dựng dùng dây đo để xác định một thứ gì đó có chiều dài chính xác hay không.

chuẩn mực

Một người xây dựng dùng chuẩn mực để định một thứ gì đó ngay ngắn và ở đúng vị trí.

Mưa đá sẽ quét sạch

Đức Giê-hô-va sẽ sai một quân đội kẻ thù nghịch để hủy diệt dân Giê-ru-sa-lem được nói đến như thể Ngài sẽ dùng rất nhiều mưa đá để quét sạch mọi người như một trận lũ.

Mưa đá

Những tảng đá cứng rời từ trời xuống

nơi nương náu của kẻ gian dối ... chỗ trú ẩn

Ở đây nói về "kẻ gian dối" như thể chúng là một nơi mà con người có thể đến để trốn. Các nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đã nghĩ rằng họ an toàn khỏi quân đội A-si-ri bởi vì họ đã liên kết với các lãnh đạo Ai Cập. Nhưng, Ê-sai biết rằng người Ai Cập sẽ không thể giúp đỡ dân Giê-ru-sa-lem được. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA28:14

nước sẽ tràn ngập chỗ trú ẩn

Đức Giê-hô-va sẽ sai quân đội kẻ thù nghịch đến hủy diệt dân Giê-ru-sa-lem được nói đến như thể đó là một trận lũ sẽ đến để cuốn sạch họ.

Isaiah 28:18

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Giao ước của các ngươi với sự chết sẽ bị hủy bỏ, hợp đồng của các ngươi với âm phủ sẽ không đứng vững

Ở đây có thể được trình bảy theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy bỏ những thỏa thuận mà các ngươi nghĩ là mình đang kết ước với sự chết"

giao ước của các ngươi với sự chết ... hợp đồng của các ngươi với âm phủ

Các nghĩa có thể là 1) các nhà lãnh đạo của Giê-ru-sa-lem đã dùng những tà thuật và ma thuật để cố gắng thỏa thuận với các thần nơi âm phủ hầu cho các thần này sẽ bảo vệ họ khỏi sự chết hay 2) đây là phép ẩn dụ để nói về các nhà lãnh đạo đã làm một hợp đồng với các lãnh đạo Ai Cập. Các nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đã rất tự tin rằng ngươi Ai Cập sẽ có thể bảo vệ họ như các thỏa thuận mà họ đã có với các thần nơi âm phủ. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA28:14

sẽ không đứng vững

"sẽ không lâu bền"

Khi tai họa hủy diệt tràn qua, thì các ngươi sẽ bị nó chà đạp

Các quân lính kẻ thù tấn công dân Giê-ru-sa-lem được so sánh như một trận lũ tràn qua và nhấn chìm mọi người. Tương tự câu: "Khi quân đội kẻ thù đến như một trận lũ, nó sẽ hủy diệt các ngươi"

thì các ngươi sẽ bị nó chà đạp

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nó sẽ chà đạp các ngươi"

vì hết buổi sáng nầy đến buổi sáng khác

Đây là một thành ngữ. Tương tự câu: "hàng ngày"

ngày cũng như đêm

Ở đây từ "ngày cũng như đêm" có nghĩa là "kéo dài suốt cả ngày"

Isaiah 28:20

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Giường ngắn quá không thể duỗi mình; mền hẹp quá không đủ đắp kín

Ở đây có thể là một câu tục ngữ mà người ta thường dùng vào thời điểm đó. Nó có nghĩa là mặc dầu các nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đã liên minh với các lãnh đạo Ai Cập, thì người Ai Cập sẽ khiến họ thất vọng như một cái giường quá ngắn hay một cái mền quá hẹp.

Vì Đức Giê-hô-va sẽ đứng dậy

Đức Giê-hô-va sẽ sẵn sàng hành động được nói đến như thể Ngài đang ngồi và rồi Ngài sẽ đứng dậy.

Núi Phê-ra-xim ... thung lũng Ga-ba-ôn

Những câu này nói đến nơi mà Đức Chúa Trời sẽ đánh bại những quân đội kẻ thù nghịch một cách lạ lùng.

Ngài sẽ nổi giận

"Ngài sẽ rất tức giận"

công việc khác thường ... công tác lạ lùng

Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự nhau. Công việc này khác thường bởi vì Đức Chúa Trời sẽ dùng một đội quân ngoại bang để đánh bại dân Giê-ru-sa-lem chứ không phải giúp dân Giê-ru-sa-lem đánh bại kẻ thù của họ.

Isaiah 28:22

Vậy bây giờ

Từ này không có nghĩa là "vào lúc này", mà nó được dùng để thu hút sự chú ý vào điều quan trọng sau đó.

dây trói các ngươi càng siết chặt thêm

Ê-sai đe dọa dân chúng rằng Đức Giê-hô-va sẽ có thể trừng phạt họ nghiêm khắc hơn được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va sẽ siết chặt dây trói của họ. Câu này có thể trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ siết chặt dây trói các ngươi" hoặc là "Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt các ngươi nghiêm khắc hơn nữa"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA01:09

lệnh hủy diệt trên khắp đất nước này

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "hủy diệt" được miêu tả bằng động từ "hủy diệt." Tương tự câu: "Ngài sẽ hủy diệt mọi người trên khắp đất"

Isaiah 28:23

Thông Tin Chung:

Ở đây mở đầu cho một dụ ngôn mà kết thúc ở 28:29

Hãy lắng tai nghe tiếng tôi; hãy chú ý nghe lời tôi nói

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau.

tiếng tôi

Ở đây "tiếng" tượng trưng cho điều Ê-sai nói. Tương tự câu: "điều tôi nói"

lời tôi nói

Ở đây "lời" tượng trưng cho một thông điệp. Tương tự câu: "thông điệp của tôi"

Có phải người cày ruộng để gieo cứ cày mỗi ngày không? Người ấy cứ vỡ đất và bừa mãi sao?

Ê-sai dùng những câu hỏi để khiến mọi người suy nghĩ một cách kỹ càng. Tương tự câu: "Một nông dân sẽ không cày ruộng liên tục và tiếp tục vỡ đất mãi mà không gieo hạt."

Isaiah 28:25

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục kể một dụ ngôn về người Giê-ru-sa-lem.

Khi mặt đất đã được ban bằng rồi

"Khi người nông dân đã cày xới mặt đất rồi"

chẳng phải người ấy vãi tiểu hồi và gieo đại hồi, tỉa lúa mì trên luống, lúa mạch tại chỗ riêng và đại mạch theo khu vực của nó sao?

Ê-sai dùng một câu hỏi để khiến dân Giê-ru-sa-lem suy nghĩ cách sâu sắc. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ riêng cho những loại hạt này, chúng có thể được nói đến cách chung chung. Tương tự câu: "sau đó người gieo mỗi loại hạt theo luống và từng khu vực riêng của nó."

tiểu hồi ... đại hồi ... lúa mạch ... đại mạch

Tất cả đều là tên của các loại thực vật. Các dịch giả có thể thay chúng bằng những loại hạt nói chung được dùng để làm gia vị.

Ấy là Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn và dạy bảo nông dân cách phải làm

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va giúp người nông dân biết cách làm thế nào để chăm sóc mỗi loại thực vật"

Isaiah 28:27

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục kể một dụ ngôn về dân Giê-ru-sa-lem.

vì người ta không đập tiểu hồi bằng trái lăn

Câu này có thể trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Người nông dân không tách hạt tiểu hồi khỏi cây bằng một cái chày nặng"

đại hồi

Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong ISA28:25

cũng chẳng cho bánh xe lăn trên đại hồi

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "người nông dân cũng chẳng lăn bánh xe trên hạt đại hồi"

Nhưng tiểu hồi thì đập bằng cái que, đại hồi thì đập bằng cây gậy

Ê-sai miêu tả phương cách đúng đắn mà người nông dân tách hạt ra khỏi cây. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "nhưng người nông dân đập tiểu hồi bằng một cái que, và đập đại hồi bằng một cái gậy"

tiểu hồi

Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong ISA28:25

Người ta xay lúa mì để làm bánh, nhưng không đập mãi

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Người nông dân xay lúa mì để làm bánh nhưng không xay mãi khi hạt mì đã quá nhỏ"

Isaiah 28:29

Điều này cũng đến ... sự khôn ngoan Ngài thật tuyệt vời

Ở đây kết thúc dụ ngôn được mở đầu trong ISA28:23

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA01:09

Translation Questions

Isaiah 28:1

Ép-ra-im đã tự hào như thế nào?

Ép-ra-im đã tự hào vì là những bợm rượu.

Điều gì đã xảy ra với vẻ đẹp của Ép-ra-im?

Vẻ đẹp của Ép-ra-im đang mờ dần.

Isaiah 28:2

Quyền năng và sự mạnh mẽ của Chúa được so sánh với điều gì?

Ngài được ví sánh như cơn bão mưa đá, như trận gió phá hại, như nước lớn vỡ bờ.

Chúa sẽ làm gì với sự mạnh mẽ của Ngài?

Ngài sẽ lấy tay ném cả xuống đất.

Isaiah 28:4

Vẻ đẹp huy hoang của Ép-ra-im được ví sánh với điều gì?

Nó sẽ giống như trái vả chín trước mùa hè, người ta thấy nó, vừa mới vào tay thì đã nuốt.

Isaiah 28:5

Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân sót lại của Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ trở nên mão triều thiêng chói sáng và mão miệng rực rỡ, một thần công chính cho kẻ ngồi trên tòa xét đoán và sức mạnh cho những kẻ đuổi giặc nơi cửa thành của họ.

Isaiah 28:6

Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân sót lại của Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ trở nên mão triều thiêng chói sáng và mão miệng rực rỡ, một thần công chính cho kẻ ngồi trên tòa xét đoán và sức mạnh cho những kẻ đuổi giặc nơi cửa thành của họ.

Isaiah 28:7

Ai là người say rượu và xiêu tó vì các thứu rượu mạnh?

Dân còn sót lại của Y-sơ-ra-ên, thầy tế lễ và đấng tiên tri.

Các thầy tế lễ và đấng tiên tri cắt nghĩa sai và vấp ngã điều gì?

Họ xem sự hiện thấy thì cắt nghĩa sai, sử kiện thì vấp ngã.

Isaiah 28:11

Đức Giê-hô-va phán cùng dân này bằng cách nào?

Ngài sẽ dùng môi miệng người ngoại quốc và tiếng khác mà phán với dân này.

Isaiah 28:12

Chuyện gì sẽ xảy ra với họ khi Đức Giê-hô-va phán với họ trước đây?

Họ sẽ không chịu lắng nghe.

Isaiah 28:13

Bấy giờ, kết quả sẽ là gì khi họ nghe lời của Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ bước tới thì ngã ngửa, bị vỡ nát, sập bẫy và bị bắt.

Isaiah 28:15

Những người cai trị dân Giê-ru-sa-lem đã nói gì?

Họ nói rằng họ kết ước với sự chết, và có một hợp đồng với âm phủ rằng sự hủy diệt sẽ chẳng chạm đến họ. Họ nói

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

rằng họ đã lấy sự lừa đảo làm nơi trú ẩn.
Isaiah 28:16
Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ đặt gì trong Si-ôn?
Ngài sẽ đặt một hòn đá, là đá thử nghiệm, đá góc nhà, đá quý làm nền tảng vững chắc.
Điều gì đã xảy ra nếu họ tin vào tảng đá này?
Nếu họ tin vào tảng đá này, họ sẽ không hổ thẹn.
Isaiah 28:17
Điều gì sẽ xảy ra với nơi nương náu của kẻ gian dối và chỗ trú ẩn?
Mưa đá sẽ quét sạch nơi nương náu của kẻ gian dối và nước sẽ tràn ngập chỗ trú ẩn.
Isaiah 28:18
Điều gì sẽ xảy ra với giao ước sự chết và hợp đồng âm phủ của kẻ cai trị dân Giê-ru-sa-lem?
Giao ước của họ với sự chết sẽ bị hủy bỏ, hợp đồng của họ với âm phủ sẽ không đứng vững.
Isaiah 28:22
Ê-Sai sẽ nói gì về về hậu quả của sự nhạo báng?
Ngài cảnh báo họ đừng khinh lờn nữa, kẻo dây trói các ngươi càng siết chặt thêm.

Chapter 29
Isaiah 29:1
Khốn cho A-ri-ên
Ở đây "A-ri-ên" tượng trưng cho dân sự sống trong thành A-ri-ên. Tương tự câu: "Điều xảy đến với dân A-ri-ên thật kinh khủng làm sao"
A-ri-ên
Đây là một tên gọi khác của Giê-ru-sa-lem, và nó có nghĩa là "bàn thờ." Nếu có thể dịch từ này là "A-ri-ên" thì tốt hơn dịch là "Giê-ru-sa-lem" bởi vì ý nghĩa của từ "A-ri-ên" đóng vai trò quan trọng trong câu 29:2.
Đa-vít đã đóng trại
"Đa-vít đã ở đó" hoặc là "Đa-vít đã sống"
Năm nầy sang năm khác, các kỳ lễ cứ xoay vần
"Cứ tiếp tục kỷ niệm các kỳ lễ từ năm nầy sang năm khác." Đây là một câu mỉa mai. Đức Giê-hô-va bảo dân sự hãy cứ tiếp tục kỷ niệm các kỳ lễ hội khi họ dâng tế lễ cho Ngài, nhưng Ngài biết rằng điều đó sẽ chẳng ngăn Ngài hủy diệt họ.
Ta sẽ vây hãm
Từ "Ta" tức là Đức Giê-hô-va. Ở đây ý nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho quân đội kẻ thù bao vây Giê-ru-sa-lem.
nó sẽ
Ở đây từ "nó" tức là thành A-ri-ên và là dân A-ri-ên. Tương tự câu: "dân thành A-ri-ên sẽ"
tang chế và than vãn
Những từ như "tang chế" và "than vãn" về cơ bản mang ý nghĩa giống nhau và nhấn mạnh về tang chế đau thương. Tương tự câu: "họ sẽ than khóc cách cay đắng"
vẫn là A-ri-ên
Các dịch giả có thể thêm chú thích rằng "Tên A-ri-ên có nghĩa là 'bàn thờ.'"
Isaiah 29:3
Ta sẽ đóng trại chung quanh ngươi
Từ "Ta" tức là Đức Giê-hô-va. Câu này ý nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ cho quân đội kẻ thù bao vây Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Ta sẽ ra lệnh cho quân đội kẻ thù bao vây ngươi"
lập đồn ... đắp lũy
Một cái "đồn" là một cái tháp mà quân đội dựng lên để tấn công các thành có tường cao. Cũng như vậy "đắp lũy" tượng trưng cho những loại vũ khí khác mà quân đội dựng lên để tấn công thành.
Ngươi sẽ bị chôn vùi
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Kẻ thù ngươi sẽ chôn vùi ngươi" hoặc là "Kẻ thù ngươi sẽ hạ nhục ngươi"
và từ lòng đất ngươi sẽ kêu lên, từ bụi đất, lời nói ngươi thều thào yếu ớt. Tiếng ngươi từ dưới đất vọng lên giống như tiếng đồng cốt, lời nói ngươi thì thầm từ bụi đất
Tất cả những câu này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Chúng đều nhấn mạnh rằng những người đã từng nói lời kiêu ngạo sẽ trở nên yếu ớt và đau buồn sau khi kẻ thù đánh bại họ. Tương tự câu: "và ngươi sẽ chỉ có thể nói những lời thì thầm như một linh hồn đang nói từ nơi những người chết ở"
Isaiah 29:5
Nhưng muôn vàn kẻ thù của ngươi sẽ như đám bụi li ti, lũ cường bạo như trấu bay đi.
Câu này nhấn mạnh về sự yếu ớt và tầm thường của quân xâm lược là thể nào trước mặt Đức Chúa Trời.
29:5
muôn vàn kẻ thù
lũ cường bạo như trấu
Dịch giả có thể thay thế động từ "sẽ như". Tương tự câu: "những quân lính đã không thương xót ngươi sẽ như trấu"
Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ thăm viếng ngươi
Từ "ngươi" nói đến dân Giê-ru-sa-lem. Các nghĩa có thể là 1) "Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ đến giúp ngươi" hoặc là 2) "Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ đến trừng phạt ngươi"
Isaiah 29:7
Đều sẽ tan biến như chiêm bao, như giấc mơ trong ban đêm
Cụm từ "giấc mơ trong ban đêm" tương tự như "chiêm bao." Hai cụm từ này nhấn mạnh rằng sớm thôi đội quân xâm lược sẽ chẳng còn ở đó nữa.
Quân đội của tất cả các nước
"Những đội quân lớn từ tất cả các nước"
tiến đánh A-ri-ên
Tên "A-ri-ên" là một cái tên khác của Giê-ru-sa-lem, và nó tượng trưng cho người dân sống ở đó. Hãy xem bạn đã dịch từ "A-ri-ên" trong ISA29:01
Tất cả những kẻ tiến đánh, công phá đồn lũy, và siết chặt nó
Từ "nó" ở đây là nói về thành A-ri-ên và tượng trưng cho người dân sống ở đó. Tương tự câu: "các đồn lũy của họ. Chúng sẽ tấn công thành A-ri-ên và hệ thống phòng thủ cũng như khiến cho người dân sống trong lo sợ kinh hoàng"
Như người đói nằm mơ thấy mình được ăn, ... vẫn khát
Những phép so sánh này có nghĩa là kẻ thù sẽ trông mong chiến thắng nhưng chúng sẽ thất bại bởi vì Đức Chúa Trời sẽ không cho phép chúng chiếm đóng Giê-ru-sa-lem.
Quân đội của tất cả các nước tiến đánh núi Si-ôn cũng sẽ như vậy
Ở đây từ "Núi Si-ôn" tượng trưng cho người dân sống ở đó. Tương tự câu: "Phải, điều này cũng sẽ xảy đến với quân đội các nước là những nước sẽ tiến đánh mọi người sống trên núi Si-ôn"
Isaiah 29:9

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chính ngươi hãy sững sờ và kinh ngạc

Từ "chính ngươi" nói đến dân Giê-ru-sa-lem. Tại sao họ lại kinh ngạc có thể được giải thích rõ. Tương tự câu: "Hãy kinh ngạc và sững sờ về những gì ta đang nói với ngươi"

Hãy làm cho mình mù mắt và quáng lòa

Người dân không để ý đến lời Đức Giê-hô-va phán như thể họ tự làm mình mù mắt. Tương tự câu: "hãy cứ tiếp tục ngu dốt và mù mắt thuộc linh trước những điều Ta đang chỉ cho ngươi"

Họ say nhưng không phải vì rượu; Họ lảo đảo nhưng không phải vì rượu mạnh

Những người này ngu dốt không hiểu điều Đức Giê-hô-va sẽ làm được miêu tả như thể họ đang say rượu. Tương tự câu: "Hãy cứ ngu dại như kẻ say, nhưng đó chẳng phải bởi ngươi đã uống quá nhiều rượu hay bia"

Vì Đức Giê-hô-va đã đổ thần ngủ mê trên các ngươi

Đức Giê-hô-va khiến cho dân sự trở nên rồ dốt và không hiểu điều Ngài sẽ làm được nói đến như thể Ngài làm cho họ ngủ mê và không thể thức dậy nổi. Tương tự câu: "Lý do ngươi trở nên rồ dại là bởi Đức Giê-hô-va đã khiến cho ngươi ngủ mê về thuộc linh"

đã đổ thần ngủ mê trên các ngươi

Ở đây từ "thần" có nghĩa là "có đặc tính của." Và, Đức Giê-hô-va sẽ làm cho mọi người có đặc tính này được miêu tả như thể "thần" là một chất lỏng mà Ngài đã đổ trên dân sự.

Ngài đã bịt mắt các ngươi là các nhà tiên tri, và đã trùm đầu các ngươi là những nhà tiên kiến

Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho mọi người trở nên rồ dại và không hiểu điều Ngài đang làm được miêu tả như thể Ngài bịt mắt và trùm đầu họ để họ không thể nhìn thấy. Tương tự câu: "Cứ như là Đức Giê-hô-va đã bịt mắt những nhà tiên tri và trùm đầu những nhà tiên kiến"

Isaiah 29:11

Khải tượng về tất cả điều nầy giống như những lời ghi trong cuộn sách bị niêm phong

Những nhà tiên tri khác ở Giê-ru-sa-lem không thể nghe hay hiểu được sứ điệp của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Tất cả những điều Đức Giê-hô-va đã tỏ ra cho các ngươi như một cuốn sách bị niêm phong"

bị niêm phong. Nếu đưa cho người biết đọc

Câu này có thể được viết lại bằng một câu mới. Tương tự câu: "bị niêm phong. Một người có thể đưa cuốn sách bị niêm phong cho người biết đọc"

Hoặc nếu đưa cuộn sách cho người không biết đọc

Câu này có thể được viết theo thể chủ động. Tương tự câu: "Nếu một người đưa cuộn sách cho người không biết đọc"

Isaiah 29:13

Vì dân nầy chỉ lấy miệng đến gần Ta, lấy môi miếng tôn vinh Ta

Những từ "miệng" và "môi miếng" tượng trưng cho những điều dân sự nói. Ở đây nó cũng tượng trưng cho việc nói điều gì đó nhưng không thực sự có ý nghĩa đó. Tương tự câu: "Dân Giê-ru-sa-lem giả vờ thờ phượng Ta và tôn vinh Ta bằng những lời chúng nói"

nhưng lòng chúng nó thì cách xa Ta lắm

Ở đây từ "lòng" là một phép hoán dụ tượng trưng cho suy nghĩ và cảm xúc của một người. Những người này không thực sự thờ phượng Đức Giê-hô-va được miêu tả rằng lòng họ cách xa Ngài lắm. Tương tự câu: "nhưng trong suy nghĩ của họ thì họ chẳng thờ phượng Ta" hoặc là "nhưng họ không thực sự thờ phượng Ta"

Việc chúng kính sợ Ta chẳng qua là điều răn của loài người, do loài người dạy bảo

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Chúng tôn vinh Ta chỉ bởi vì đó là điều loài người đã dạy chúng phải làm"

Vì thế, Ta sẽ tiếp tục làm những việc lạ lùng giữa dân nầy

"Vì thế, hãy nhìn và xem! Ta sẽ tiếp tục làm những điều lớn lạ giữa các ngươi là những việc các ngươi chẳng thể giải thích được"

Việc rất lạ đến nỗi sự khôn ngoan của người khôn ngoan sẽ tiêu mất, và sự thông sáng của người thông sáng sẽ bị che khuất

Cả hai câu này đều có nghĩa tương tự nhau. Đức Giê-hô-va bày tỏ rằng những kẻ khôn ngoan không thể hiểu hoặc giải thích được điều Đức Giê-hô-va làm được nói đến như thể sự khôn ngoan và hiểu biết của họ sẽ biến mất.

Isaiah 29:15

Thông Tin Chung:

Ở đây có thể là Ê-sai đang nói hoặc có thể tiếp tục lời phán của Đức Giê-hô-va trong đoạn 29:13-14.

những kẻ giấu ý đồ của mình khỏi Đức Giê-hô-va cách sâu kín

Mọi người đang cố gắng lập kế hoạch mà không cầu hỏi Đức Giê-hô-va được biết đến như thể họ đã giấu những ý đồ của họ ở nơi kín đáo là nơi mà Đức Giê-hô-va không thể nhìn thấy được. Tương tự câu: "Những kẻ cố gắng che giấu ý đồ của họ" hoặc là "những kẻ cố gắng che giấu để Đức Giê-hô-va không phát hiện ra ý đồ của họ"

làm việc trong bóng tối

Câu này ngụ ý rằng họ đang làm những việc ác một cách kín đáo. Tương tự câu: "Những kẻ làm những việc ác trong nơi tối tăm để không ai có thể nhìn thấy họ"

Ai thấy ta, ai biết ta?

Họ dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ tin là không ai biết việc họ làm. Tương tự câu: "Không ai cả, kể cả Đức Giê-hô-va, có thể nhìn thấy hoặc biết những điều chúng ta đang làm!"

Isaiah 29:16

Các ngươi thật là mâu thuẫn

Đây là một thành ngữ có nghĩa là bóp méo sự thật. Tương tự câu: "Các ngươi biến mọi thứ trái ngược với sự thật" hoặc là "Các ngươi bóp méo sự thật"

Thợ gốm lại coi như đất sét sao ... "Hắn chẳng hiểu biết gì"?

Câu hỏi này được dùng để quở trách dân Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Rõ ràng là thợ gốm không thể coi như đất sét ... 'Hắn chẳng hiểu gì cả.'"

Thợ gốm lại coi như đất sét

Đức Giê-hô-va là Đấng tạo ra loài người được ví sánh như Ngài là một người thợ gốm và loài người là đất sét. Phép ẩn dụ này nhấn mạnh rằng thật là ngu dại khi con người chối bỏ hay chỉ trích Đấng tạo dựng nên họ.

Isaiah 29:17

Li-ban sẽ trở thành vườn cây ăn trái, và vườn cây ăn trái sẽ được coi như rừng rậm hay sao

Các nghĩa có thể là 1) Đây là nghĩa đen và Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho những nơi cây cối mọc hoang dã ở Li-ban sẽ trở thành những vườn cây ăn trái hoặc là 2) Đây là một ẩn dụ và những cánh rừng lớn ở Li-ban tượng trưng cho những kẻ đàn áp hùng mạnh, và vườn cây trồng trong cánh đồng, cũng như việc trở thành rừng rậm là những người dân nói

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chung đang chịu khổ sở. Câu này nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ làm nhục những kẻ mạnh và Ngài sẽ tôn vinh những kẻ đang chịu khổ sở.

Li-ban sẽ trở thành vườn cây ăn trái

Ở đây từ "Li-ban" tượng trưng cho những khu rừng bá hương rộng lớn ở Li-băng. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ biến những khu rừng rộng lớn ở Li-ban thành vườn cây ăn trái"

người điếc sẽ nghe được lời trong cuộn sách, mắt người mù sẽ ra khỏi cảnh tối tăm mù mịt và thấy được

Các nghĩa có thể là 1) Đây là nghĩa đen và Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho kẻ điếc nghe được và người mù nhìn thấy được hoặc là 2) Đây là một phép ẩn dụ có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho mọi người nghe thấy và hiểu được sứ điệp của Ngài hoặc là 3) câu này mang nghĩa của cả 1 và 2.

mắt người mù

Ở đây từ "mắt" tượng trưng cho cả thân thể một người. Tương tự câu: "những kẻ bị mù"

Người nhu mì sẽ gia tăng niềm vui trong Đức Giê-hô-va, người nghèo khổ sẽ vui mừng trong Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Cả hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Kẻ nghèo và người nhu mì sẽ vui mừng vì những điều mà Đức Giê-hô-va, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên đã làm"

Isaiah 29:20

Vì kẻ bạo ngược không còn nữa

Tính từ có vai trò như danh từ "kẻ bạo ngược" có thể được miêu tả bằng một tính từ. Tương tự câu: "Vì những người bạo ngược sẽ không còn" hoặc là "Vì sẽ không còn những kẻ bạo ngược nữa"

kẻ ngạo mạn sẽ chấm dứt

Tính từ đóng vai trò như danh từ " kẻ ngạo mạn" có thể được trình bày bằng một động từ. Tương tự câu: "và những kẻ nào ngạo mạn sẽ phải chấm dứt" hay "và những kẻ nào hay chế giễu sẽ phải biến mất"

Và mọi kẻ rình rập làm ác sẽ bị diệt trừ

Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ diệt trừ mọi kẻ rình rập làm ác"

tức là những kẻ dùng lời nói làm cho người ta bị kết tội

Ở đây từ "lời nói" tức là một lời chứng trước tòa. Tương tự câu: "những kẻ làm chứng trước tòa để khiến một người vô tội bị kết tội về việc làm sai trái nào đó"

Kẻ gài bẫy người phân xử tại cổng thành, những kẻ dùng lý lẽ ngụy tạo để khuất phục người công chính

Những kẻ ác làm bất cứ điều gì đến có thể hại những người tốt được nói đến như thể kẻ xấu sẽ đặt một cái bẫy giống như cách một người thợ săn bắt lấy con mồi của anh ấy. Tương tự câu: "Họ dùng lý lẽ ngụy tạo để cố gắng hại những người muốn làm điều công bình và đúng đắn"

người phân xử tại cổng thành

Cổng thành thường là nơi mà các lãnh đạo thành thường dùng để đưa ra những quyết định công khai.

Isaiah 29:22

nhà Gia-cốp

Ở đây từ "nhà" tức là một gia đình. Tương tự câu: "dòng dõi của Gia-cốp"

là Đấng cứu chuộc Áp-ra-ham

Ở đây có lẽ đề cập đến thời điểm khi mà Đức Giê-hô-va kêu gọi Áp-ra-hem ra khỏi quê nhà để đi đến vùng đất hứa.

Gia-cốp sẽ không còn ... mặt nó ... nhưng khi Gia-cốp thấy

Ở đây "Gia-cốp" tức là dòng dõi của ông. Tương tự câu: "Dòng dõi Gia-cốp sẽ không còn ... mặt họ ... khi họ thấy"

và mặt nó sẽ chẳng còn tái xanh

Ở đây là một thành ngữ có ý nghĩa rằng họ sẽ không còn sợ hãi nữa. Tương tự câu: "họ cũng sẽ không còn sợ hãi nữa"

Nhưng khi Gia-cốp thấy con cái mình, là việc tay Ta làm ra giữa họ

Ở đây "tay" tượng trưng cho quyền năng và hành động của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Khi họ thấy tất cả những con cái mà Ta đã ban cho họ cùng mọi việc Ta đã làm"

thì họ sẽ tôn danh Ta là Thánh

Ở đây "danh" tức là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "họ sẽ tôn cao Ta"

Họ sẽ tôn thánh danh Đấng Thánh của Gia-cốp

Ở đây "danh" tức là Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va phán Ngài chính là "Đấng Thánh của Gia-cốp" Tương tự câu: "Họ sẽ tôn thánh Ta, tức là Đấng Thánh của Gia-cốp"

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Đức Giê-hô-va phán Ngài chính là "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên." Tương tự câu: "Ta, tức là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên"

Những kẻ có tâm linh lầm lạc

Ở đây "tâm linh" tức là phần bên trong của một người. Tương tự câu: "Những ai sai trật trong suy nghĩ" hay "Những kẻ có thái độ sai trật"

sẽ được hiểu biết

Ở đây có thể được làm rõ hơn để lý giải điều họ sẽ hiểu biết là gì. Tương tự câu: "sẽ bắt đầu hiểu biết Đức Giê-hô-va cùng luật pháp của Ngài"

kẻ hay oán trách sẽ được dạy dỗ

Ở đây có thể được nói rõ hơn để lý giải điều họ đã họ được là gì. Tương tự câu: "những kẻ hay oán trách sẽ bắt đầu nhận biết điều mà Đức Giê-hô-va dạy họ chính là chân lý"

Translation Questions

Isaiah 29:1

A-ri-ên là gì?

A-ri-ên là thành mà Đa-vít đã đóng trại.

Isaiah 29:3

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho A-ri-ên?

Ngài sẽ đóng trại chung quanh A-ri-ên và nó sẽ bị hạ xuống.

Isaiah 29:4

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho A-ri-ên?

Ngài sẽ đóng trại chung quanh A-ri-ên và nó sẽ bị hạ xuống.

Isaiah 29:5

A-ri-ên đã bị hạ xuống như thế nào?

Nó sẽ xảy đến thình lình, chỉ trong chốc lát.

Isaiah 29:7

Ai sẽ chiến đấu chống lại A-ri-ên và đồn lũy của nó?

Quân đội của tất cả các nước chiến đấu chống lại A-ri-ên.

Isaiah 29:10

Đức Giê-hô-va đã đổ điều gì trên A-ri-ên?

Ngài đã đổ thần ngủ mê trên họ.

Thần ngủ mê đã làm gì trên họ?

Ngài đã bịt mắt các nhà tiên tri và đã trùm đầu những nhà tiên kiến.

Isaiah 29:13

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa đã phán điều gì để chống lại những người này?
Đức Giê-hô-va phán rằng, "Vì dân này chỉ lấy miệng đến gần Ta, lấy môi miếng tôn vinh Ta, nhưng lòng chúng nó thì cách xa Ta lắm. Việc chúng kính sợ Ta chẳng qua là điều răn của loài người."
Isaiah 29:14
Từ khi họ xa cách Chúa và không tôn kính Ngài, thì Chúa sẽ làm gì cho họ?
Ngài sẽ làm cho sự khôn ngoan của người khôn ngoan bị tiêu mất và sự thông sáng của người thông sáng sẽ bị che khuất.
Isaiah 29:17
Điều gì sẽ xảy ra với cây Li-ban trong ít lâu nữa?
Li-ban sẽ trở thành vườn cây ăn trái và vườn cây ăn trái được coi như rừng rậm.
Isaiah 29:18
Trong ngày đó, người điếc và người mù sẽ làm gì?
Người điếc sẽ nghe được lời trong cuộn sách, và mắt người mù sẽ ra khỏi cảnh tối tăm mù mịt và thấy được.
Isaiah 29:19
Người nhu mì và người nghèo khổ sẽ ra sao?
Họ sẽ vui mừng trong Đức Giê-hô-va là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 29:20
Điều gì sẽ xảy ra cho những kẻ yêu thích làm việc ác?
Họ sẽ bị diệt trừ.
Isaiah 29:23
Nhà Gia-cốp sẽ tôn vinh danh Đức Giê-hô-va khi nào?
Họ sẽ tôn vinh danh Đức Giê-hô-va khi thấy con cái mình là việc tay Đức Giê-hô-va làm ra giữa họ.
Isaiah 29:24
Điều gì sẽ xảy ra với những kẻ hay oán trách và kẻ có tâm linh lầm lạc?
Những kẻ hay oán trách sẽ được dạy dỗ và những kẻ có tâm linh lầm lạc sẽ được hiểu biết.

Chapter 30
Isaiah 30:1
con cái phản nghịch
Đức Giê-hô-va phán về dân sự Ngài như thể họ chính là con cái của Ngài..
Đức Giê-hô-va phán
Ở đây có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "phán" được diễn đạt như động từ "nói cách uy nghiêm". Tương tự câu: "đây là điều Đức Giê-hô-va đã phán" hay "đây là điều Đức Giê-hô-va đã nói cách uy nghiêm"
Chúng lập kế hoạch không theo ý Ta
Ở đây có thể được trình bày lại để danh từ trừu tượng "kế hoạch" có thể được diễn đạt như động từ "lên kế hoạch." Tương tự câu: "Chúng lên kế hoạch làm mọi việc, nhưng chúng không cầu hỏi Ta điều Ta muốn chúng làm"
không bởi Thần Ta
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nhưng Thần Ta đã không hướng dẫn họ"
để thêm tội vào tội
Tiếp tục phạm tội được nói đến như thể tội lỗi là một vật thể mà có thể chồng chất lên nhau. Tương tự câu: " họ cứ tiếp tục phạm tội càng hơn"
Để tìm nơi ẩn náu dưới sự che chở của Pha-ra-ôn
Ở đây có thể được nói lại để danh từ trừu tượng "sự che chở" được diễn đạt như một động từ "bảo vệ." Tương tự câu: "Họ cầu xin Pha-ra-ôn bảo vệ họ"
và núp bóng Ai Cập
Sự bảo vệ của Ai Cập khỏi những quân đội kẻ thù được nói đến như thể đó là một cái bóng che chở người ta khỏi cái nóng cháy của mặt trời. Tương tự câu: "họ dựa dẫm vào người Ai Cập hầu cho được bảo vệ
Isaiah 30:3
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Giu-đa.
Vì vậy, sự che chở của Pha-ra-ôn sẽ trở thành sự sỉ nhục cho các ngươi, việc núp bóng Ai Cập sẽ làm các ngươi phải xấu hổ
Ở đây có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sự che chở," "sự sỉ nhục," "xấu hổ" được diễn đạt như tính từ hoặc động từ. Tương tự câu: "Vì vậy các ngươi sẽ xấu hổ vì cớ nương cậy nơi sự che chở của Pha-ra-ôn; các ngươi sẽ phải xấu hổ vì cớ núp bóng Ai Cập để mong được an toàn"
việc núp bóng Ai Cập
Sự bảo vệ của Ai Cập khỏi các quân đội kẻ thù được nói đến như thể đó là một cái bóng có thể che chở người ta khỏi cái nóng cháy của mặt trời.
các thủ lĩnh nó
"Các thủ lĩnh" ở đây có nghĩa là các quan chức hay các đại sứ, không nhất thiết phải là các con trai của vua.
nó ... Nó ... mình
Những chữ này nói đến dân Giu-đa.
Xô-an ... Ha-ne
Đây là những thành ở phía bắc Ai Cập.
đã đến Ha-ne
Từ "đến" ở đây có thể được trình bày như "đã đi."
vì một dân
"vì cớ người Ai Cập"
Isaiah 30:6
Thông Tin Chung:
Ở đây tiếp tục lời phán của Đức Chúa Trời về dân Giu-đa.
Lời tiên tri
"Đây là điều Đức Giê-hô-va phán"
miền đất của những sư tử đực và sư tử cái, miền đất của rắn độc và rắn lửa bay
Ở đây nói đến những loại thú vật nói chung. Tương tự câu: "nơi của những sư tử đực và sư tử cái, cũng như nơi của rắn độc và rắn lửa bay"
rắn lửa bay
Ở đây từ "lửa" có lẽ nói đến vết cắn độc của con rắn và từ "bay" nói đến sự di chuyển rất nhanh của nó. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA14:28
chúng chở của cải
"dân Giu-đa mang của cải mình"
nên Ta gọi nó là "Ra-háp ngồi yên bất động."
Đã có một số câu chuyện phổ biến về một con quái vật biển tên là Ra-háp. Tên Ra-háp có nghĩa là "sức mạnh" hay "ngạo mạn." Tương tự câu: "Ta gọi Ai Cập là một kẻ ngạo mạn lớn tiếng nhưng chẳng làm được gì"
Isaiah 30:8
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ê-sai.
Bây giờ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự gián đoạn trong lời phán của Đức Giê-hô-va về Giu-đa. Ở đây Ngài nói Ê-sai phải làm điều gì đó..

ở trước mặt họ

"ở trước mặt người Giu-đa"

để lưu lại đời sau mãi mãi

Ở đây nói đến một thời điểm sẽ đến và đi ở một nơi nào đó. Tương tự câu: "cho đời sau"

con cái gian dối, con cái không muốn lắng nghe luật pháp của Đức Giê-hô-va

Ở đây nói dân sự của Đức Giê-hô-va như là con cái của Ngài. Câu này có thể được dịch thành một câi mới. Tương tự câu: "Họ cư xử như những đứa con gian dối và không nghe theo lời Đức Giê-hô-va phán dặn"

Isaiah 30:10

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Giu-đa.

Hãy lìa đường, bỏ lối

Cách mà Đức Giê-hô-va muốn dân sự của Ngài cư xử được nói đến như thể đó là một lối đi hay một con đường để bước đi. Không vâng theo Đức Giê-hô-va được nói đến như thể người ta lìa bỏ khỏi con đường của Đức Giê-hô-va.

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

Isaiah 30:12

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cây này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

các ngươi khinh thường lời nầy

Ở đây từ "lời" tượng trưng cho một sứ điệp. Tương tự câu: "các ngươi khước từ sứ điệp nầy"

mà tin tưởng vào sự áp bức và gian dối, và nương cậy vào đó

Các nghĩa có thể là 1) các nhà lãnh đạo của Giu-đa tin tưởng vào các nhà lãnh đạo của Ai Cập, là những người cai trị bằng sự áp bức và gian dối hay 2) Các nhà lãnh đạo của Giu-đa đã áo bức và gian dối với chính dân của mình để lấy tiền và đem chúng cho các nhà lãnh đạo Ai Cập như một khoảng chi phí cho sự bảo vệ.

nương cậy vào đó

Ở đây từ "đó" tượng trưng cho "sự áp bức và gian dối." Tương tự câu: "nương cậy vào chúng"

nương cậy vào

Đây là một thành ngữ mang ý nghĩa là tin cậy hay nương dựa vào điều gì đó.

tội ấy như vết nứt ... trong nháy mắt

Sự so sánh này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ thình lình hủy diệt dân Giu-đa bởi cớ tội lỗi của họ.

như vết nứt lộ ra trên một bức tường cao sắp sụp đổ

Ở đây được hiểu rằng đây là một vết nứt trên một bức tường. Tương tự câu: "như một vết nứt trên một bức tường sắp sụp đổ"

sắp sụp đổ thình lình

Ở đây có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sụp đổ" được diễn đạt như động từ "sụp đổ." Tương tự câu: "nó sẽ sụp đỗ thình lình"

thình lình, trong nháy mắt

Những nghĩa ở đây đều giống nhau và nhấn mạnh bức tường sẽ sụp đổ nhanh chóng thể nào.

Isaiah 30:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai miêu tả cách Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt dân Giu-đa. (Xem: ISA30:12

Ngài sẽ đập bể nó

Ở đây từ "nó" nói đến phần của bức tường sắp đổ xuống. Phần của bức tường là một phép ẩn dụ tượng trưng cho dân Giu-đa và tội lỗi của họ đã được đề cập trong ISA30:12

như cái bình của thợ gốm bị bể ra

Sự so sánh này có nghĩa là phần của bức tường sẽ đổ xuống cách nhanh chóng và tan nát như một chiếc bình đất sét rơi xuống đất.

thợ gốm

một người làm bình hoặc chậu bằng đất sét

đến nỗi người ta không tìm được

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "không ai có thể tìm thấy" hay "sẽ không còn"

một mảnh gốm để lấy

"một mảnh đủ lớn để nạo"

lửa trong bếp

Từ "lửa" ở đây tức là tro tàn. Tương tự câu: "tro tàn từ lò sưởi"

Isaiah 30:15

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

Nhờ quay trở lại và yên nghỉ, các ngươi sẽ được giải cứu

Sự ăn năn được nói đến như thể đây là sự trở lại với Đức Giê-hô-va. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ giải cứu các ngươi khỏi các kẻ thù nghịch nếu các ngươi ăn năn và yên nghĩ, sẽ biết rằng Ta sẽ lo liệu cho các ngươi"

yên nghỉ

Ở đây ngụ ý rằng dân sự sẽ yên nghỉ bởi vì họ tin cậy rằng Đức Giê-hô-va sẽ chăm sóc họ.

nhờ yên lặng và tin cậy, các ngươi sẽ được sức mạnh

Sự yên lặng ở đây tượng trưng cho việc không bối rối hay lo lắng. Ở đây ngụ ý rằng họ sẽ không lo lắng bởi vì họ tin cậy nơi Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Các ngươi sẽ trở nên mạnh mẽ nếu các ngươi yên lặng và tin cậy Ta"

chúng tôi sẽ cưỡi ngựa chạy trốn

Rõ ràng đây là những con ngựa mà dân Giu-đa đã nhận được từ người Ai Cập.

Isaiah 30:17

Một người dọa, nghìn người chạy trốn; năm người dọa, các ngươi đều bỏ chạy

Từ "người lính" được hiểu ở đây. Tương tự câu: "Một nghìn người lính sẽ chạy trốn bởi sự đe dọa của một người lính của kẻ thù nghịch, bởi sự đe dọa của năm người lính của kẻ thù tất cả đội quân các ngươi sẽ bỏ chạy"

Nghìn

"1,000"

cho đến khi các ngươi còn sót lại như cột cờ trên đỉnh núi, như ngọn cờ ở trên đồi

Sự so sánh ở đây mang nghĩa là sẽ có một số người còn sót lại và họ sẽ giống như một ngọn cờ đơn lẻ ở trên đỉnh đồi.

Isaiah 30:18

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Giu-đa.

Ngài liền nhậm lời

"Ngài sẽ cứu giúp ngươi"

ngươi sẽ ... cho ngươi ... nhậm lời ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây từ "ngươi" tức là những người sống tại Si-ôn.
Isaiah 30:20
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói với dân Giu-đa.
ban bánh hoạn nạn và nước khốn khó
Ở đây từ "bánh" và "nước" nói đến một chế độ ăn thiếu thốn của một người rất nghèo. Cả cụm từ này tượng trưng cho thời điểm khốn khó và nghèo nàn của dân sự.
những người dạy dỗ ngươi
Ở đây nói đến Đức Giê-hô-va.
mắt ngươi sẽ thấy những người dạy dỗ mình
Ở đây từ "mắt" tượng trưng cho thân thể của một người. Tương tự câu: "chính các ngươi sẽ thấy những người dạy dỗ mình"
Tai ngươi sẽ nghe
Ở đây từ "tai" tượng trưng cho cả thân thể một người. Tương tự câu: "Ngươi sẽ nghe"
có tiếng phía sau mình rằng
Ở đây từ "tiếng" tượng trưng cho một người đang nói. Tương tự câu: "có người đang nói phía sau ngươi rằng"
Nầy là đường đây, hãy noi theo
khi ngươi xoay qua bên phải hoặc bên trái
Việc bất tuân mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được miêu tả như thể người đó rẽ sang bên trái hoặc bên phải lệch khỏi con đường của Đức Giê-hô-va.
Isaiah 30:22
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói với người dân Giu-đa.
Các ngươi sẽ ném chúng ra xa như đồ ô uế
Phép so sánh này có nghĩa là họ sẽ ném những thần tượng đi như là quăng rác.
và nói: "Hãy cút khỏi đây"
Câu này nói về các thần tượng như thể chúng có thể nghe thấy và rời khỏi chỗ nó. Đức Giê-hô-va ngụ ý rằng mọi người sẽ không cần hoặc muốn có các thần tượng nữa.
Isaiah 30:23
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói với người dân Giu-đa.
Chúa sẽ ban
"Đức Giê-hô-va sẽ ban"
lương thực là sản phẩm từ đất đai sẽ màu mỡ và dồi dào
Ở đây từ "bánh" tượng trưng cho lương thực nói chung. Tương tự câu:"Ngài sẽ làm cho đất sản sinh ra nhiều lương thực cho các ngươi"
Trong ngày đó
Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Vào lúc đó"
mà người ta rê bằng xẻng và chĩa
Xẻng và chĩa thường được dùng hất hạt lúa mì lên để gió thổi vỏ trấu bay đi chỉ để lại phần ăn được. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "mà ngươi rê bằng xẻng và chĩa"
Isaiah 30:25
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói với người dân Giu-đa.
Trên mọi núi cao đồi cả ... ánh sáng của bảy ngày
Ê-sai miêu tả hình ảnh tươi đẹp sau khi Đức Giê-hô-va giải cứu dân sự của Ngài. Mặc dù ngôn ngữ có thể được cường điệu, bạn cũng nên dịch câu này đúng như Ê-sai đã miêu tả.
Trong ngày có cuộc tàn sát lớn, các đồn lũy sụp đổ
"khi Đức Giê-hô-va tiêu diệt kẻ thù của ngươi và khiến cho các đồn lũy vững chắc của chúng sụp đổ"
trong ngày
Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "vào lúc đó"
ánh sáng mặt trời sẽ tăng gấp bảy lần như ánh sáng của bảy ngày
"mặt trời sẽ chiếu sáng như có bảy mặt trời" hoặc là "mặt trời sẽ chiếu ánh sáng lớn trong một ngày như trong bảy ngày vậy"
Đức Giê-hô-va băng bó vết thương cho dân Ngài, và chữa lành thương tích cho họ
Đức Giê-hô-va sẽ an ủi dân sự và kết thúc sự đau khổ của họ được miêu tả như thể Ngài sẽ băng lại vết thương cho họ.
Isaiah 30:27
danh Đức Giê-hô-va ... giống như lửa thiêu nuốt
Đức Giê-hô-va cực kỳ tức giận được miêu tả như Ngài là một ngọn lửa lớn.
danh Đức Giê-hô-va từ xa mà đến
Ở đây "danh" tượng trưng cho Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đến"
Đôi môi Ngài đầy thịnh nộ, lưỡi Ngài giống như lửa thiêu nuốt
Ở đây "đôi môi" và "lưỡi" là những hoán dụ tượng trưng cho Đức Giê-hô-va đang phán. Và Đức Giê-hô-va phán đầy tức giận cũng như mạnh mẽ được miêu tả như lưỡi Ngài là một ngọn lửa. Tương tự câu: "Khi Ngài phán cơn thịnh nộ của Ngài như ngọn lửa thiêu hủy mọi thứ"
Hơi thở Ngài như dòng nước chảy xiết
Câu này so sánh hơi thở từ miệng Ngài như một dòng nước lũ để nhấn mạnh đến sức mạnh hủy diệt của Ngài.
Ngài sàng sẩy các nước bằng cái sàng hủy diệt
Đức Giê-hô-va đang chia rẽ dân các nước và tiêu diệt những kẻ ác được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đặt các nước vào một cái sàng. Câu này có thể được dịch thành một câu mới. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ phân rẽ các nước và tiêu diệt những kẻ ác của các nước đó"
và đặt hàm thiếc vào hàm các dân để dẫn chúng lạc đường
Đức Giê-hô-va có quyền phép khiến cho kế hoạch của loài người thất bại hoặc là khiến cho chúng bị phá hủy được miêu tả như thể hơi thở của Ngài là một cái hàm thiếc để dẫn dân chúng ra khỏi con đường đúng.
hàm thiếc vào hàm các dân
"Một cái hàm thiết trên đầu của các dân" hoặc là "một cái hốc đặt vào hàm các dân." Một "hàm thiết" là một dụng cụ mà mọi người buộc quanh đầu của con ngựa để dắt nó đi. Cái hàm thiếc này có một mảnh nhỏ được gọi là "cái hốc" đặt trong miệng của con ngựa.
Isaiah 30:29
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói với người Giu-đa.
Các ngươi sẽ hát một bài ca
Câu này có thể viết lại để danh từ trừu tượng là "một bài ca" được trình bày bằng một động từ. Tương tự câu: "Các ngươi sẽ ca hát"
Như trong đêm thánh lễ
Phép so sánh này nhấn mạnh rằng dân sự sẽ vui mừng như thế nào.
thánh lễ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "khi ngươi xem một thánh lễ"

lòng các ngươi vui mừng

Ở đây từ "lòng" tượng trưng cho tâm hồn của một người. Tương tự câu: "và ngươi sẽ vui mừng hớn hở"

Như người thổi sáo lên ... Vầng Đá của Y-sơ-ra-ên

Phép so sánh này nhấn mạnh mọi người sẽ vui vẻ hạnh phúc như thế nào.

đến cùng Vầng Đá của Y-sơ-ra-ên

Đức Giê-hô-va có quyền phép để bảo vệ dân sự Ngài được miêu tả như thể Ngài là hòn đá để mọi người leo lên và trốn thoát khỏi kẻ thù. Tương tự câu: "Vầng Đá chở che của Y-sơ-ra-ên" hay là "Đấng như Vầng Đá chở che cho Y-sơ-ra-ên"

Isaiah 30:30

sẽ cho thấy cánh tay răn đe của Ngài

Ở đây từ "cánh tay" tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Câu này ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va sẽ bày tỏ quyền năng của Ngài bằng cách tiêu diệt kẻ thù của dân sự Ngài. Tương tự câu: "tỏ ra quyền phép của Ngài bằng cách tiêu diệt kẻ thù của ngươi"

trong cơn thịnh nộ, trong ngọn lửa thiêu đốt

Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va được miêu tả như thể đó là một trận bão hay một ngọn lửa. Tương tự câu: "trong cơn tức giận như một cơn bão hay một ngọn lửa" hoặc là "trong cơn thịnh nộ dữ dội"

trong bão táp, giông tố và mưa đá

"trong những cơn mưa bão, giông tố và mưa đá"

mưa đá

Những tảng băng cứng rơi xuống từ trời như mưa

Isaiah 30:31

A-si-ri sẽ khiếp sợ vì tiếng Đức Giê-hô-va

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Vì khi Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ khiến cho quân A-si-ri run sợ"

A-si-ri sẽ khiếp sợ

Ê-sai nói về nỗi sợ hãi của A-si-ri như thể A-si-ri là một vật thể mà tiếng của Đức Giê-hô-va làm nó tiêu tan. Tương tự câu: "A-si-ri sẽ khiếp sợ"

A-si-ri

Ở đây tượng trưng cho những người lính của A-si-ri.

mỗi khi giơ roi trừng phạt mà Đức Giê-hô-va đã định trên nó

Đức Giê-hô-va cho một đội quân đánh bại quân A-si-ri được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va đánh quân A-si-ri bằng một cái roi.

hoạ theo

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "dân Giu-đa sẽ họa theo nó"

tiếng trống

Đây là một nhạc cụ có một đầu như cái trống có thể đánh vào và các mảnh kim loại xung quanh sẽ phát ra âm thanh khi nhạc cụ được lắc. Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA05:11

Ngài ra tay tranh chiến với nó

Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho quân đội kẻ thù đánh bại dân A-si-ri được nói đến như thể Đức Giê-hô-va là một chiến sĩ sẽ chiến đấu với đội quân kẻ thù nghịch.

Isaiah 30:33

Dàn hoả thiêu đã chuẩn bị từ lâu

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Vì Đức Giê-hô-va đã sắm sẵn một nơi để hỏa thiêu từ lâu"

dàn hoả thiêu

Cụm từ này là nghĩa của từ "Tô-phết." Tô-phết là một nơi nằm ở Thung Lũng Hi-môn, phía nam Giê-ru-sa-lem, là nơi mà người ta đã từng hỏa thiêu con cái họ như của lễ để dâng cho các tà thần.

nó được chuẩn bị cho vua

Ở đây ý nói đến vua A-si-ri. Câu này có thể được trình bảy ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã chuẩn bị nó cho vua A-si-ri"

Nó sâu và rộng, thật nhiều lửa và củi

"Dàn hỏa thiêu đã sẵn sàng với thật nhiều củi để đốt"

Hơi thở của Đức Giê-hô-va như dòng suối lưu huỳnh đốt cháy nó

Ở đây nói về hơi thở của Đức Giê-hô-va như thể đó là dòng suối đầy lửa sẽ đốt cháy dàn hỏa thiêu.

Translation Questions

Isaiah 30:1

Đức Giê-hô-va phán cùng con cái phản nghịch làm gì?

Ngài nói rằng chúng lập kế hoạch không theo ý Ngài, lập liên minh không bởi Thần Ngài, để thêm tội vào tội.

Isaiah 30:2

Những đứa con phản nghịch tìm nơi ẩn náu dưới sự che chở của ai?

Họ tìm nơi ẩn náu dưới sự che chở của Pha-ra-ôn và núp bóng Ai-Cập.

Isaiah 30:3

Sự che chở của Pha-ra-ôn và việc núp bóng Ai Cập sẽ là gì đối với những đứa con phản nghịch?

Sự che chở của Pha-ra-ôn sẽ trở thành sự sỉ nhục và việc núp bóng Ai Cập sẽ là sự xấu hổ cho họ.

Isaiah 30:7

Gía trị sự cứu giúp của Ai Cập đối với những đứa con phản nghịch là như thế nào?

Sự cứu giúp của Ai Cập là vô ích.

Isaiah 30:8

Tại sao Đức Giê-hô-va muốn Ê-sai ghi những lời đó trên một tấm bảng và chép vào một cuộn sách?

Đức Giê-hô-va muốn nó được lưu lại đời sau để làm bằng cớ.

Isaiah 30:9

Dân phản nghịch sẽ không muốn lắng nghe điều gì?

Họ sẽ không muốn nghe luật pháp của Đức Giê-hô-va.

Isaiah 30:10

Những đứa con phản nghịch muốn nghe điều gì?

Chúng muốn nghe những điều êm tai và những chuyện huyễn hoặc.

Isaiah 30:15

Đức Giê-hô-va phán rằng những đứa con phản nghịch sẽ mạnh mẽ và được cứu như thế nào?

Đức Giê-hô-va phán rằng họ có thể được cứu rỗi nếu họ quay về và yên nghỉ. Và trong sự yên lặng, niềm tin sẽ là sức mạnh của họ.

Isaiah 30:16

Đức Giê-hô-va phán gì cùng những đứa con phản nghịch khi chúng cưỡi ngựa chạy trốn và cưỡi ngựa phóng nhanh?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va đã phán cùng những đứa con phản nghịch rằng chúng sẽ chạy trốn và những kẻ truy đuổi họ sẽ phóng nhanh.

Isaiah 30:17

Đức Giê-hô-va đã phán rằng có bao nhiêu người sẽ chạy trốn khỏi sự đe dọa của một người?

Đức Giê-hô-va phán rằng một nghìn người sẽ chạy trốn khỏi sự đe dọa của một người.

Isaiah 30:18

Đức Giê-hô-va đang chờ đợi và sẵn sàng làm gì?

Ngài đáng chờ đợi để ban ơn và tỏ lòng thương xót cho những đứa con phản nghịch.

Isaiah 30:20

Đức Giê-hô-va ban bánh hoạn nạn và nước khốn khó, những người dạy dỗ sẽ không còn làm gì nữa?

Người dạy dỗ của họ không còn ẩn mặt nữa, nhưng bằng mắt người ta sẽ thấy họ.

Isaiah 30:22

Những đứa con nổi loạn sẽ làm gì với các tượng chạm dát bạc và tượng đúc bọc vàng?

Họ sẽ khinh miệt và ném chúng đi.

Isaiah 30:26

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân Ngài sau ngày có cuộc tàn sát lớn, các đồn lũy sụp đổ?

Đức Giê-hô-va sẽ băng bó vết thương và chữa lành thương tích cho họ.

Isaiah 30:30

Điều gì khiến Đức Giê-hô-va làm cho nghe tiếng oai nghiêm Ngài và cánh tay răn đe của Ngài?

Ngài sẽ làm trong cơn thịnh nộ, và trong ngọn lửa, trong bão táp, giông tố và mưa đá.

Isaiah 30:31

Ai sẽ khiếp sợ vì tiếng của Đức Giê-hô-va và Ngài dùng roi đánh ai?

Chúng sẽ hướng về A-sy-ri. Vì tiếng của Đức Giê-hô-va, A-sy-ri sẽ bị tan vỡ. Ngài sẽ lấy roi đánh A-sy-ri.

Isaiah 30:32

Điều gì sẽ theo sau mỗi lần roi trừng phạt mà Đức Giê-hô-va sẽ đặt trên nó?

Điệu nhạc trống cơm và đờn cầm sẽ theo sau mỗi lần roi mà Đức Giê-hô-va lấy để trừng phạt A-sy-ri.

Isaiah 30:33

Cái gì đã được chuẩn bị cho vua A-sy-ri?

Củi lửa đã được chuẩn bị cho vua A-sy-ri.

Điều gì hoặc ai đã làm cho luồng lửa lưu hoàng bốc cháy?

Hơi thở của Đức Giê-hô-va đã làm cho luồng lửa lưu hoàng bốc cháy.

Chapter 31

Isaiah 31:1

xuống Ai Cập

Từ "xuống" được dùng ở đây bởi vì Ai Cập ở vị trí thấp hơn so với Giê-ru-sa-lem.

những kẻ xuống

"những người Giu-đa đi xuống"

dựa vào ngựa chiến

Ở đây nói về những người nương dựa nơi ngựa chiến để cứu giúp họ như thể họ đã nương cậy nơi những ngựa của mình. Tương tự câu: "dựa vào ngựa mình"

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

và chẳng tìm cầu Đức Giê-hô-va

"họ cũng chẳng cầu xin Đức Giê-hô-va cứu giúp họ"

Đấng giáng họa

Ở đây từ "giáng" có nghĩa là "gây ra." Tương tự câu: "Ngài sẽ gây ra tai họa"

Đấng không rút lại lời đã phán ra

Cụm từ "rút lại lời" nói về một người không làm thành điều họ đã nói là sẽ làm như thể những lời mà người đó đã nói giống như là một vật mà có thể rút lại được. Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ không làm như vậy, nghĩa là Ngài sẽ làm thành điều Ngài đã phán. Tương tự câu: "Ngài sẽ làm thành điều Ngài đã phán ra"

đứng lên chống lại

"trừng phạt"

nhà kẻ ác

Ở đây nói đến những kẻ ác đang sống ở tại đó. Tương tự câu: "tất cả những kẻ làm ác"

Isaiah 31:3

Người Ai Cập chỉ là loài người

Ở đây Ai Cập tức là những người lính của Ai Cập. Tương tự câu: "Những lính chiến của Ai Cập chỉ là loài người"

ngựa chiến của chúng chỉ là xác thịt, không phải là thần

Ở đây có nghĩa rằng ngựa của họ chỉ là ngựa cũng không phải là thần. Tương tự câu: "ngựa của họ chỉ là ngựa, chúng không phải là thần đầy sức mạnh!"

Khi Đức Giê-hô-va dang tay ra

Thuật ngữ "tay" thường được dùng để nói đến quyền năng cùng hành động của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Khi Đức Giê-hô-va dùng quuyền năng Ngài để chống lại chúng"

kẻ giúp đỡ sẽ lảo đảo, người được giúp sẽ ngã nhào

Cả hai cụm từ này đều có nghĩa cơ bản giống nhau. Lảo đảo và ngã nhào là phép ẩn dụ của việc té ngã. Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "cả hai điều này sẽ xảy ra: Ta sẽ hủy diệt Ai Cập, là kẻ giúp đỡ ngươi, và Ta cũng sẽ tiêu diệt ngươi, là người mà Ai Cập giúp đỡ"

người được giúp

Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "người tìm kiếm sự giúp đỡ"

Isaiah 31:4

Thông Tin Chung:

Đức GIê-hô-va phán với Ê-sai.

Như sư tử ... cũng vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân

"Một con sư tử ... cũng vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân." Ở đây Đức Giê-hô-va phán về cách Ngài sẽ bảo vệ những ai thuộc về Ngài và không sợ hãi bằng sự so sánh chính Ngài như một con sư tử bảo vệ con mồi của nó.

Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ ngự xuống ... ngọn đồi của nó

Nó có thể được làm rõ hơn nếu bạn chuyển câu cuối lên trên câu đầu tiên: "Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ ngự xuống để đánh trận trên Núi Si-ôn, tại ngọn đồi đó, như một con sư tử, thậm chí là môt con sư tử tơ"

như sư tử hoặc sư tử tơ

"một sư tử cái hay một con sư tử săn mồi." Đây lày một bộ đôi với hai cụm từ đều nói đến một con sư tử hung dữ. Tương tự câu: "một con sư tử"

gầm thét

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cảnh bào các con vật khác tránh xa đi

mặc dù một đám chăn chiên họp lại chống nó

Cụm từ "họp lại chống nó có nghĩa là được sai đi để đuổi sư tử. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "khi người ta sai người chăn đi đuổi sư tử"

tiếng la hét

Những người chăn sẽ la hét để cố đuổi con sư tử đi . Tương tự câu: "tiếng la hét của họ"

sẽ ngự xuống

"sẽ giáng xuống" (UDB). Ở đây nói đến sự giáng xuống từ trên trởi. Tương tự câu: "sẽ ngự xuông từ trời"

trên núi Si-ôn và trên ngọn đồi của nó

Cả hai cụm từ này đều nói đến Núi SI-ôn. Tương tự câu: "trên Núi Si-ôn"

Isaiah 31:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Như chim bay lượn thể nào thì Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ bảo vệ Giê-ru-sa-lem thể ấy

Đây là cách mà Đức Giê-hô-va bảo vệ Giê-ru-sa-lem được so sánh với cách mà một con chim mẹ bảo vệ con mình trong tổ.

Ngài sẽ bảo vệ và giải thoát, Ngài sẽ vượt qua và cứu vớt nó

Ở đây nói đến cách mà Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ và giải cứu Giê-ru-sa-lem, ở đây miêu tả Ngài như một con chim bay qua thành phố. Tương tự câu: "Ngài sẽ bảo vệ và giải cứu thành phố khỏi kẻ thù nó"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:09

Giê-ru-sa-lem

Câu này nói đến những người dân sống ở đây. Tương tự câu: "dân Giê-ru-sa-lem"

hãy trở lại cùng Đấng mà anh em đã hết sức chống nghịch

"Hãy trở lại với Đấng mà anh em đã chống nghịch"

do chính tay tội lỗi của anh em làm ra

Ở đây từ "tay" đề cập đến dân sự để nhấn mạnh rằng họ đã làm điều gì đó bằng chính tay mình. Tương tự câu: "mà anh em đã phạm bằng chính tay mình"

Translation Questions

Isaiah 31:1

Tại sao phải khốn khổ cho những kẻ xuống Ai Cập để cầu cứu?

Khốn thay cho họ bởi vì họ nhờ cậy vào đoàn chiến xa đông đảo, và lực lượng kỵ binh hùng hậu, mà không nhìn lên Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên và chẳng tìm cầu Đức Giê-hô-va.

Isaiah 31:2

Đức Giê-hô-va sẽ đứng lên chống lại ai?

Ngài sẽ đứng lên chống lại nhà kẻ ác và chống lại kẻ giúp đỡ bọn gian tà.

Isaiah 31:3

Điều gì sẽ xảy ra với kẻ giúp đỡ và người được giúp?

Cả hai sẽ cùng nhau gục ngã.

Isaiah 31:5

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho Giê-ru-sa-lem?

Ngài sẽ bảo vệ, giải thoát, vượt qua và cứu vớt nó.

Isaiah 31:6

Ê-sai bảo dân Y-sơ-ra-ên làm gì?

Ông bảo họ hãy trở lại cùng Đức Giê-hô-va, là Đấng mà họ đã hết sức chống nghịch.

Isaiah 31:8

Sau khi A-sy-ri ngã gục dưới lưỡi gươm, những thanh niên phải làm gì?

Những thanh niên người A-sy-ri sẽ phải làm lao dịch nặng nề.

Chapter 32

Isaiah 32:1

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để gây sự chú ý của mọi người vào điều sắp nói. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

Sẽ có một người như nơi núp gió và chỗ che bão táp

Ở đây so sánh vua và các hoàng từ là người bảo vệ cho mọi người như một một nơi ẩn núp. Tương tự câu: "những người cai trị sẽ bảo vệ dân sự như một nơi ẩn núp trong cơn bão táp"

như suối nước trong nơi khô hạn

Đây là một sự so sánh khác mang nghĩa là những nhà cai trị sẽ chu cấp những nhu cầu cần thiết cho dân sự. Tương tự câu: "họ sẽ chu cấp cho dân sự như những suối nước trong nơi khô hạn"

như bóng vầng đá lớn trong đất cằn cỗi

Đây là sự so sánh khác mang ý nghĩa là những nhà cai trị sẽ cung ứng sự thoải mái và yên nghỉ cho dân sự. Tương tự câu: "họ sẽ cho dân sự được yên nghỉ như một tảng đá lớn che bóng cho những ai mệt mỏi"

Bấy giờ, mắt ... sẽ lắng nghe

Cả hai cụm từ này đều nhấn mạnh rằng những nhà lãnh đạo sẽ khiến cho dân sự có thể hiểu được lẽ thật của Đức Chúa Trời.

sẽ không nhắm lại

"sẽ thấy rõ ràng"

Isaiah 32:4

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả dân sự sau khi Đức Chúa Trời phục hồi lại những vị lãnh đạo công chính trong Giu-đa. (Xem: ISA32:01

Lòng của người hấp tấp ... lưỡi của người cà lăm

Ở đây nói đến những người hành động cách hấp tấp và nhưng người nói lắp. Tương tự câu: "những người hấp tấp ... những người cà lăm"

Kẻ ngu dại sẽ không được gọi là cao quý

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Không còn ai tôn cao nhưng kẻ ngu dại nữa"

Vì kẻ ngu dại sẽ nói những lời dại dột, lòng họ mưu đồ việc gian ác

"Kẻ ngu dại" tức là những kẻ dại dột. Cũng như vậy, "những lời dại dột" và "việc ác" có thể được diễn đạt như tính từ. Tương tự câu: "Vì kẻ dại dột nói những điều dại dột và lòng họ mưu toàn làm điều ác"

lòng họ mưu đồ việc gian ác

Ở đây người dại dột được đề cập đến bằng từ lòng họ để nhấn mạnh những suy nghĩ bên trong họ. Tương tự câu: "họ mưu toan những việc ác trong lòng họ"

kẻ quỷ quyệt chẳng ai cho là đáng kính

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. "Kẻ quỷ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

quyệt" nói đến một người dối trá. Tương tự câu: "cũng chẳng ai tôn trọng những kẻ quỷ quyệt nữa

Chúng làm

Từ "chúng" nói đến những kẻ dại dột.

người đói phải trống bụng

"Người đói" tức là những người nghèo đói. Họ đói bởi vì họ trống bụng. Tương tự câu: "người đói bị trống bụng"

kẻ khát chẳng được uống

"Kẻ khát" nói đến những người đang khát. Tương tự câu: "chúng làm cho những người khát không có gì để uống"

Isaiah 32:7

Kẻ quỷ quyệt

Ở đây nói đến một người hay lừa dối người khác. Tương tự câu: "Những kẻ lừa gạt"

dùng lời dối trá để làm hại người nhu mì và người nghèo khó

"người nhu mì và người nghèo khó" tức là những người nghèo. Cũng vậy, cụm từ "làm hại" không có nghĩa là giết họ nhưng là hãm hại họ bằng cách nói dối về họ. Tương tự câu: "hãm hại những người nghèo bằng cách nói lời dối trá"

và đứng vững

Ở đây có nghĩa là người đó sẽ được thành công. Tương tự câu: "người sẽ được thành công"

Isaiah 32:9

Hãy trỗi dậy

"Hãy đứng dậy" hay "Hãy chú ý"

tự mãn

"vững chắc" hay "thảnh thơi"

tiếng Ta

Ê-sai đề cập đến chính ông như tiếng của ông để nhấn mạnh điều ông nói. Tương tự câu: "ta nói"

các ngươi là kẻ vô tâm sẽ run rẩy

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Cũng vậy, Ê-sai nói rằng họ sẽ không còn vô tâm nữa được miêu tả như thể lòng vô tâm của họ là một vật thể mà có thê bị đổ vỡ hay run rẩy. Tương tự câu: "các ngươi sẽ chẳng còn vô tâm nữa"

mùa hái nho sẽ mất

Ở đây có nghĩa là sẽ không còn mùa nho bội thu nữa. Tương tự câu: "sẽ chẳng còn nho cho các ngươi thu hoạch nữa"

mùa gặt hái cũng không đến

"Thời điểm gặt hái sẽ không xảy ra nữa"

Isaiah 32:11

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Hãy run rẩy

"Hãy run rẩy vì sợ hãi"

tự mãn

"vững chắc" hay "thảnh thơi"

hãy cởi áo, hãy ở trần

"Ở trần" ở đây không có nhất thiết có nghĩa là lõa lồ nhưng là mặt những mảnh cải nhỏ che thân như là đồ lót. Tương tự câu: "Hãy cởi áo và hãy ở trần" hay "hãy cởi áo ngoài của ngươi ra"

hãy thắt lưng bằng vải sô

Đây là một hành động của sự đau khổ và buồn rầu. Tương tự câu: "hãy mặc áo sô quanh thắt lưng như là sự than khóc của các ngươi"

Chúng sẽ đấm ngực than khóc về đồng ruộng màu mỡ, và vườn nho sai quả

Ở đây có nghĩa rằng chúng sẽ than khóc lớn tiếng khi đau buồn về điều xảy ra với đồng ruộng màu mỡ và vườn nho của họ. Tương tự câu: "Các ngươi sẽ khóc than vì cớ điều xảy ra với đồng ruộng màu mỡ và vườn nho sai quả của các ngươi"

gai góc và bụi rậm

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA05:05

mọi nhà hoan lạc

Nhà ở đây được miêu tả như là niềm vui bởi vì những người hạnh phúc ở trong đó. Tương tự câu: "nhà các ngươi là nơi vui mừng"

thành vui nhộn

"thành vui thích của các ngươi." Từ "vui nhộn" có nghĩa là sự tiệc tùng và lễ kỷ niệm.

Isaiah 32:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Thật vậy, cung điện vắng tanh, thành đông đúc bị bỏ hoang

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Vì mọi người sẽ bỏ hoang cung điện và đám đông sẽ rời bỏ thành phố"

đồi

Ở đây nói đến pháo đài được xây trên đỉnh đồi. Tương tự câu: "pháo đài trên đồi"

đồi và tháp canh trở nên hang động

Ở đây nói đến pháo đài và tháp canh bị bỏ hoang như hang động. Tương tự câu: "đồi và tháp canh sẽ bị bỏ hoang và trống không"

cho lừa rừng làm nơi đùa giỡn, và làm đồng cỏ cho các bầy súc vật

Ở đây có nghĩa là những loài động vật sẽ vui vẻ ăn cỏ và lớn lên giữa những pháo đài cũng như tháp canh bị bỏ hoang đó. Tương tự câu: "những con lừa rừng và các bầy súc vật sẽ ăn cỏ ở đó"

đến muôn đời

Ở đây có nghĩa là một thời gian rất dài. Tương tự câu: "một thời gian vô cùng dài"

cho đến khi Thần từ trên cao được đổ xuống

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "cho đến khi Đức Giê-hô-va đổ Thần Ngài"

Thần từ trên cao được đổ xuống cho chúng ta

Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban Thần Ngài xuống trên dân Ngài như thể Thần Ngài là một chất lỏng mà Ngài có thể đổ xuống trên họ. Tương tự câu: "Thần sẽ được ban xuống cho chúng ta"

từ trên cao

Thiên đàng ở đây được để cập đến như "từ trên cao". Tương tự câu: "từ thiên đàng"

vườn cây ăn quả được xem như một cánh rừng

Ở đây có thể được viết theo thể chủ động. Câu này so sánh những cánh đồng sai trái sum xuê với một cánh rừng dày và rậm rạp. Tương tự câu: "người ta sẽ nói rằng vườn cây ăn quả sai trái và rậm rạp như một cánh rừng" hay "những vườn cây ăn quả sẽ sai trái sum xuê"

Isaiah 32:16

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

lẽ công minh sẽ ở trong ... và sự công chính ở trong

Ê-sai miêu tả "lẽ công minh" và "sự công chính" như một

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người sống trong những nơi này. Ở đây có nghĩ là những người sống tại nơi này sẽ làm điều công bình và chính trực. Tương tự câu: "Người ta sẽ hành động cách công bình trong hoang mạc cũng như làm cách chính trực tại các vườn cây ăn quả sai trái"

Sản phẩm của công chính là sự bình an, thành quả của công chính là sự yên ổn và an ninh mãi mãi

Hai cụm từ này tương tự nhau và cả hai nói về kết quả của sự công chính. Những câu này có thể được nối lại với nhau. Tương tự câu: "Kết quả của những người hành động cách công chính sẽ đem lại bình an, yên ổn, và an ninh mãi mãi"

nơi

"nơi chốn"

Isaiah 32:19

mưa đá

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA28:01

nhưng mưa đá sẽ đổ trên rừng, và thành trì sẽ bị triệt hạ

Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "nó phá hủy rừng và toàn bộ thành trì"

phước cho các ngươi, những người gieo giống bên mọi dòng nước, thả cho bò lừa đi ăn cỏ tự do

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Câu này nói đến sự ban phước của Đức Giê-hô-va cho tất cả con dân Ngài và nói về những thứ bình thường mà con dân của Ngài làm. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho các ngươi, khi các ngươi gieo giống dọc theo các dòng nước và khi các ngươi thả cho bà và lừa ăn cỏ trong cánh đồng"

Translation Questions

Isaiah 32:2

Một vị vua công chính và các quan chức sẽ giống điều gì?

Họ sẽ giống như nơi núp gió và chỗ che bão táp, như suối nước ở nơi khô hạn, như bóng vầng đá lớn trong đất cằn cỗi.

Isaiah 32:4

Người hấp tấp và người cà lăm sẽ làm gì khi một vị vua công chính và các quan chức thực thi công lý?

Lòng của người hấp tấp sẽ có sự thông sáng để hiểu biết, lưỡi của người cà lăm sẽ nói lưu loát và rõ ràng. Kẻ ngu dại sẽ không được gọi là cao quý, kẻ quỷ quyệt chẳng ai cho là đáng kính.

Isaiah 32:6

Kẻ ngu dại sẽ làm gì?

Kẻ ngu dại sẽ nói những lời dại dột, lòng họ mưu đồ việc gian ác, để làm chuyện vô đạo, nói điều xúc phạm đến Đức Giê-hô-va.

Isaiah 32:7

Kẻ quỷ quyệt đã làm gì?

Kẻ quỷ quyệt dùng những vũ khí gian tà. Nghĩ ra những mưu ác và dùng lời dối trá để làm hại người nhu mì và người nghèo khó.

Isaiah 32:8

Điều gì sẽ xảy ra với những người cao quý?

Những người cao quý chỉ mưu cầu những điều cao quý và đứng vững trên những việc cao quý.

Isaiah 32:9

Tại sao những đàn bà tự mãn lại trỗi dậy để nghe lời Ê-sai?

Họ phải trỗi dậy mà nghe tiếng của Ê-sai bởi vì trong một năm và mấy ngày nữa họ là những kẻ vô tâm sẽ run rẩy, vì mùa hái nho sẽ mất và mùa gặt hái cũng sẽ không đến.

Isaiah 32:10

Tại sao những đàn bà tự mãn lại trỗi dậy để nghe lời Ê-sai?

Họ phải trỗi dậy mà nghe tiếng của Ê-sai bởi vì trong một năm và mấy ngày nữa họ là những kẻ vô tâm sẽ run rẩy, vì mùa hái nho sẽ mất và mùa gặt hái cũng sẽ không đến.

Isaiah 32:14

Chuyện gì sẽ xảy ra với cung điện và thành phố đông đúc?

Cung điện sẽ vắng tanh và thành phố đông đúc bị bỏ hoang.

Isaiah 32:15

Sự tàn phá cuối cùng sẽ diễn ra trong bao lâu?

Nó sẽ kéo dài cho đến khi Thần từ trên cao được đổ xuống, hoang mạc biến thành vườn cây ăn quả, vườn cây ăn quả được xem như một cánh rừng.

Isaiah 32:17

Sản phẩm và thành quả của công chính là gì?

Sản phẩm của công chính là sự bình an, thành quả của công chính là sự yên ổn và an ninh mãi mãi.

Isaiah 32:20

Ai sẽ được phước?

Phước cho những người gieo giống bên mọi dòng nước. và thả cho bò lừa tự đi ăn cỏ.

Chapter 33

Isaiah 33:1

Thông Tin Chung:

Ê-sai dùng thơ để nói về Đức Giê-hô-va với dân A-si-ri.

mà chính ngươi chưa bị hủy diệt

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những kẻ chưa bị người khác tiêu diệt"

ngươi sẽ bị hủy diệt

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những người khác sẽ hủy diệt ngươi" (UDB)

ngươi sẽ bị phản bội

"những người khác sẽ phản bội"

Isaiah 33:2

làm cánh tay cho chúng tôi

Ở đây cánh tay của Đức Giê-hô-va nói đến sức mạnh của Ngài. Câu nàu nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban sức mạnh cho họ như thể Đức Giê-hô-va sẽ dùng sức mạnh của Ngài để hành động cho họ. Tương tự câu: "hãy cho cho chúng tôi sức mạnh"

mỗi buổi sáng

Ở đây nói đến cả ngày, chỉ không chỉ buổi sáng. Tương tự câu: "mỗi ngày"

Đấng cứu giúp chúng con

Từ thiếu "là" ở đây có thể được thêm vào. Cũng như vậy, từ "Đấng cứu giúp" co thể được diễn đạt bằng động từ "cứu giúp". Tương tự câu: "xin hãy là Đấng cứu giúp của chúng con" hay "hãy cứu chúng con"

trong lúc hoạn nạn

Ở đây nói đến thời điểm khi họ gặp hoạn nạn. Tương tự câu: "khi chúng tôi gặp hoạn nạn"

Isaiah 33:3

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nghe tiếng ồn ào, các dân đều chạy trốn

Các nghĩa có thể của cụm từ "tiếng ồn ào" là 1) ở đây nói đến tiếng của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Mọi người chạy trốn vì tiếng ồn của Ngài" hay 2) đề cập đến tiếng của quân đội Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Mọi người chạy trốn vì tiếng quân đội của Ngài"

đứng lên

Ở đây có nghĩa là bắt đầu hành động làm việc gì đó. Tương tự câu: "bắt đầu hành động"

các nước chạy tán loạn

Ở đây có thể được viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "các nước chạy tán loạn"

Của cải các ngươi sẽ bị gom như cào cào; người ta xông vào nó như đàn châu chấu xông tới

Ở đây so sánh sự nhanh chóng và sốt sắng của con dân Đức Giê-hô-va khi họ gom chiến lợi phẩm của kẻ thù với những con cào cào khi chúng gom thức ăn lại. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Dân các ngươi sẽ gom của cải của kẻ thù cách hung bạo như cào cào cắn xé cây cỏ"

Isaiah 33:5

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giê-ru-sa-lem.

Đức Giê-hô-va được tôn cao

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va vĩ đại hơn bất cứ ai khác"

Ngài làm cho Si-ôn đầy dẫy công lý và sự công chính

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ cai trị Si-ôn bằng công lý và sự công chính của Ngài như thể Ngài sẽ làm đầy dẫy Si-ôn bằng công lý và sự công chính"

Ngài sẽ là sự bền vững cho ngày giờ của ngươi

Ở đây nói dến việc Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho dân sự Ngài được vững bền như thể chính Ngài là sự vững chắc. Cụm từ "ngày giờ của ngươi" nói đến cuộc sống của họ. Tương tự câu: "Ngài sẽ khiến cho ngươi được vững chắc trọn đời ngươi"

sự phong phú của ơn cứu rỗi, sự khôn ngoan, và tri thức

Những từ thiếu có thể được thêm vào. Cũng vậy, "ơn cứu rỗi" có thể được diễn đạt bằng động từ "cứu rỗi". Tương tự câu: "và Ngài sẽ ban cho các ngươi sự phong phú của ơn cứu rỗi, sự khôn ngoan, và tri thức"

sự kính sợ Đức Giê-hô-va là kho báu Ngài ban

Ở đây nói đến sự kính sợ Đức Giê-hô-va như thể đó là kho báu mà Đức Giê-hô-va ban cho con dân Ngài. Tương tự câu: "sự kính trọng Đức Giê-hô-va sẽ như là một kho báu đầy giá trị mà ngài ban cho các ngươi" (UDB) hay "kính sợ Đức Giê-hô-va sẽ có giá trị với các ngươi như là một châu báu"

Isaiah 33:7

Nầy

Từ này được dùng ở đây để kéo sự chú ý của mọi ngườii vào điều sắp nói đến. Nó cũng được dùng ở đây để đánh dấu một phần mới trong sách. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

các sứ giả

"những người đại diện"

các sứ giả hòa bình khóc lóc đắng cay

Ở đây họ khóc vì vớ họ đã không thành công trong việc làm cho hòa bình. Tương tự câu: "các sứ giả hy vọng có sự hòa bình nhưng họ đã không thành công và vì thế họ đã khóc lóc cách đắy cay"

Đường cái hoang vắng, đường sá không người qua lại

Cả hai cụm từ đều nhấn mạnh rằng chẳng có ai qua lại trên đường cả. Những câu này có thể được nối lại và trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta không còn đi lại trên đường nữa"

Người ta đã phá vỡ giao ước, xem thường nhân chứng, chẳng coi ai ra gì

Phân đoạn này có lẻ nói đến tình cảnh mục nát chung trong Y-sơ-ra-ên, hay có thể nói đến sự bất lực của đất nước để lập những hiệp ước hòa bình đáng tin cậy với A-si-ri

Isaiah 33:9

Đất đai than khóc và hao mòn

Ở đây nói đến đất sẽ trở nên khô cằn như là một người đang than khóc. Tương tự câu: "đất đai trở nên khô cằn và câu cối cũng hao mòn đi"

xấu hổ và khô héo

Ở đây nói đến các cây của Li-ban sẽ khô héo và suy tàn như thể Li-ban là một người bị hổ thẹn. Tương tự câu: "Các cây của Li-ban sẽ khô héo và suy tàn"

Sa-rôn ... Ba-san ... Cạt-mên

Nhiều cây cối và hoa đã mọc ở những nơi này.

Sa-rôn giống như đồng hoang

Ở đây so sánh sự khô cằn của Sa-rôn với một cánh đồng hoang. Tương tự câu: "Sa-rôn bị khô héo như một cánh đồng hoang"

Ba-san và Cạt-mên trơ trụi

Ba-san và Cạt-mên ở đây giống như những cái cây của chúng. Tương tự câu: "chẳng còn lá trên cây ở Ba-san và Cạt-mên"

Isaiah 33:10

đứng dậy

"đứng." Ở đây có nghĩa là bắt đầu làm điều gì đó. Trong trường hợp này Đức Giê-hô-va đang tự tôn cao chính Ngài.

bây giờ, Ta sẽ tự tôn cao; bây giờ, Ta sẽ được tôn vinh

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Hai cụm từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và đều nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va được tôn cao. Tương tự câu: "Bây giờ Ta sẽ tự tôn cao và tỏ ra rằng Ta xứng đáng để mọi người phải tôn vinh Ta"

Các ngươi mang thai rơm rạ, hẳn sẽ sinh ra cỏ rác

Câu này nói rằng người A-si-ri sẽ lên kế hoạch như thể họ đang mang thai và sinh ra những kể hoạch của mình như một người mẹ sinh con. Ở đây nói rằng kế hoạch của họ sẽ trở nên vô ích bằng việc so sánh chúng với rơm rạ. Tương tự câu: "Các ngươi sẽ lập nhữung kế hoạch vô ích như rơm rạ và vỏ trấu"

cỏ rác

"rơm rạ"

hơi thở của các ngươi là lửa thiêu nuốt mình

Nhữung kế hoạch của người A-si-ri ở đây được tượng trưng như "hơi thở" của họ. Câu này này nói rằng những kế hoạch của họ sẽ làm cho họ chết như thể những kế hoạch đó sẽ thiêu rụi thân thể của họ. Tương tự câu: "những kế hoạch của các ngươi sẽ khiến cho các ngươi chết"

Các dân sẽ như vôi đang bị nung, như gai đã bị chặt và đốt trong lửa

Ở đây so sánh thể nào mà những xác chết của các dân sẽ bị thiêu rụi với những bụi gai bị đốt. Cũng vậy, ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Lửa sẽ thiêu đốt thân thể của các dân như vôi giống như một người nông dân chặt bụi gai và thiêu rụi chúng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vôi
tro tàn từ những xương bị cháy
Isaiah 33:13
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Hỡi những kẻ ở xa, hãy nghe việc Ta đã làm; hỡi những kẻ ở gần, hãy nhận biết sức mạnh của Ta
Đức Giê-hô-va dùng những từ "ở xa" và "ở gần" để nói đến tất cả mọi người. Từ " sức mạnh" có thể được diễn đạt bằng tính từ "vĩ đại." Tương tự câu: "Mọi dân ở khắp nơi hãy nghe điều Ta đã làm và nhận biết Ta vĩ đại"
đám vô đạo run rẩy
Ở đây nói đến những kẻ vô đạo sẽ run sợ như thể sự run rẩy của họ đã bị kẻ thù bắt lấy. Tương tự câu: "những kẻ vô đạo run rẩy bị lấn át bằng sự run sợ"
Ai trong chúng ta ... lửa cháy đời đời
Nó được ngụ ý rằng những tội nhân ở Si-ôn đã hỏi những câu này. Tương tự câu: "Họ nói, 'Ai trong chúng ta ... lửa cháy đời đời"
Ai trong chúng ta có thể ở với lửa thiêu nuốt? Ai trong chúng ta có thể ở với lửa cháy đời đời?
Những câu hỏi tu từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và đều nhấn mạnh rằng chẳng ai có thể ở với lửa. Lửa ở đây tượng trưng cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Chẳng ai có thể sống ở với đám lửa thiêu nuốt! Chẳng ai có thể ở với lửa cháy đời đời!" hay "Không ai có thể chịu nổi sự phán xét của Đức Giê-hô-va, nó giống như một đám lửa đời đời!
ở với
ở trong một nơi không phải là nhà mình
Isaiah 33:15
Người bước theo
Bước theo ở đây nói đến việc sống. Tương tự câu: "Người sống"
xem thường món lợi bất chính
Cụm danh từ "món lợi bất chính" có thể được diễn đạt như một cụm động từ. Tương tự câu: "những người ghét kẻ giàu bằng cách hãm hãi người khác"
nhắm mắt không nhìn việc ác
"Nhìn" ở đây có nghĩa là tán thành điều gì đó. Tương tự câu: "và những ai không tán tành làm việc ác"
X
**Họ sẽ làm nhà trên nơi cao;
X
Ở đây nói đến con người được an toàn như thể họ sống trong một ngôi nhà trên đồi cao. Hai cụm từ này tương đương nhau và cụm từ thứ hai diễn tả nơi chốn mà con người sống. Tương tự câu: "Người sẽ được bình an, như một ngươi có nhà được xây trên đồi cao, ở trong một nơi bằng vách đá để dễ dàng được bảo vệ"
nơi cao
Ở đây nói đến một đồi cao hay một triền núi. Tương tự câu: "đồi cao" hay "triền núi"
đồn lũy bằng vách đá
Ở đây nói đến những khu vực bằng vách đá dễ dàng phòng thủ như thể chúng thật sự là những đồn lũy. Tương tự câu: "những nơi trú ẩn lớn bằng vách đá"
sẽ luôn được cung cấp bánh ăn và chẳng lo thiếu nước uống
"sẽ luôn sẵn có để dùng"
Isaiah 33:17
Mắt ngươi sẽ chiêm ngưỡng ... và sẽ thấy
Ở đây nói đến những người xem bằng "mắt". Tương tự câu: "Ngươi sẽ thấy .. ngươi sẽ nhìn xem"
Vua trong vẻ đẹp của Ngài
Áo choảng đẹp đẽ của vua được miêu tả như "vẻ đẹp của Ngài." Tương tự câu: "vua trong áo choàng lộng lẫy của Ngài"
Lòng ngươi sẽ suy ngẫm sự kinh khiếp
Ở đây nói đến những ngươi xem bằng "lòng." "Sự kinh khiếp" nói đến cuộc chiến giữa họ với người A-si-ri. Ở đây có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: "Ngươi sẽ nhớ đến sự kinh khiếp mà người A-si-ri đã gây ra khi chúng tấn công ngươi."
các quan chức ở đâu? Kẻ thu thuế ở đâu? Người kiểm tra các tháp canh ở đâu?
Những câu hỏi tu từ này được hỏi để nhấn mạnh rằng các quan chức A-si-ri đã đi rồi. Các câu hỏi này có thể được viết như một lời tuyên bố. Tương tự câu: "Các quan chức A-si-ri là những người thu thuế đã ép chúng ta phải trả cho họ đã biến mất! Những người kiểm tra các tháp cánh cũng đã bỏ đi!"
thu thuế
Tiền là một kim loại có giá trị; giá trị của nó được xác định bởi cân nặng.
dân nói tiếng xa lạ khó nghe
"một dân nói ngôn ngữ khác"
hiểu được
"hiểu"
Isaiah 33:20
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói về dân Giu-đa.
thành của các kỳ đại lễ của chúng ta
Ở đây có nghĩa là họ tổ chức những lễ hội và tiệc tùng tại thành phố. Tương tự câu: "thành mà chúng ta tổ chức các kỳ đại lễ" hay "thành là nơi tổ chức các kỳ đại lễ của chúng ta"
mắt ngươi sẽ thấy
Dân sự được miêu tả bằng "mắt" để nhấn mạnh điều họ thấy. Tương tự câu: "ngươi sẽ thấy"
lều sẽ không còn dời đi nữa
Ở đây nói rằng Si-ôn sẽ vững chắc và được lập vững bền như thể đó là một cái lều chắc chắn. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động và được viết lại như một câu mới. Tương tự câu: "nó sẽ được vững bền, giống như một cái lều mà chẳng ai dời đi nữa"
các cọc lều không còn bị nhổ đi, tất cả dây thừng không bị đứt
Đây là một phần của phép ẩn dụ nhằm so sánh Si-ôn như một cái lều vững chắc. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "các cọc lều của nó không còn bị ai nhổ đi nữa và tất cả dây thừng cũng không bị ai cắt đứt nữa"
Vì uy nghiêm của Đức Giê-hô-va sẽ ở với chúng ta tại đó, là nơi có sông suối rộng lớn
"Chúng ta" ở đây nói đến Ê-sai và luôn cả dân Giu-đa. Câu này nói về sự bình an khi sống cùng Đức Giê-hô-va như thể đó là một nơi có các sông bao quanh để các kẻ thù nghịch không thể tấn công được. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va là Đấng uy nghiêm sẽ ở cùng chúng ta, và chúng ta sẽ an toàn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

như được ở trong một nơi được bao quanh bởi các sông rộng lớn"
đi lại
"đi lại qua sông"
Isaiah 33:22
của chúng ta ... chúng ta
Ở đây nói đến Ê-sai và luôn cả dân Giu-đa.
Isaiah 33:23
Các dây của ngươi đã bị tháo lỏng, không thể giữ chân cột buồm và không thể giương buồm được
Các nghĩa có thể: 1) Quân đội A-si-ri giống như một con tàu không thể di chuyển trên nước: các dây giữ chân cột buồm và buồm đã bị lỏng và không còn giữ được cột buồm nữa, vì thể buồm trở nên vô ích (ISA33:01
cột buồm
cột cao giữ buồm
buồm
một mảnh vải lớn căng gió và làm di chuyển con tàu trên nước
bấy giờ, người ta sẽ chia nhau nhiều chiến lợi phẩm
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "khi họ chia nhau các của cải"
người què
Ở đây nói đến những người không thể đi được. Tương tự câu: "những người què"
người sống trong đó sẽ được tha tội
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ tội lỗi cho những người sống ở đó"

Translation Questions

Isaiah 33:1
Điều gì sẽ xảy ra với kẻ hủy diệt và kẻ phản bội khi họ không còn hủy diệt và phản bội nữa?
Kẻ hủy diệt sẽ bị hủy diệt, kẻ phản bội sẽ bị phản bội.
Isaiah 33:3
Điều gì đã xảy ra khi Đức Giê-hô-va đứng lên?
Các nước chạy tán loạn.
Isaiah 33:5
Đức Giê-hô-va sẽ làm đầy dẫy điều gì cho Si-ôn?
Ngài sẽ làm cho Si-ôn đầy dẫy công lý và sự công bình.
Isaiah 33:6
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trong ngày giờ của họ?
Trong thời của họ, Ngài sẽ làm sự bền vững, làm phong phú sự cứu rỗi, sự khôn ngoan và tri thức.
Isaiah 33:8
Tại sao những dũng sĩ của chúng lại kêu la ngoài đường, còn các sứ giả hòa bình thì khóc lóc đắng cay?
Họ khóc vì đường cái hoang vắng, đường sá không người qua lại. Giao ước bị phá vỡ, xem thường nhân chứng, chẳng coi ai ra gì.
Isaiah 33:10
Kết quả sẽ như thế nào khi Đức Giê-hô-va đứng dậy?
Đức Giê-hô-va sẽ được tôn cao và được tôn vinh.
Isaiah 33:11
Điều gì đã xảy ra cho những kẻ ở Si-ôn, những người mang thai rơm rạ, và sinh ra cỏ rác?
Hơi thở của họ là lửa thiêu nuốt họ. Các dân sẽ như vôi đang bị nung.
Isaiah 33:12
Điều gì đã xảy ra cho những kẻ ở Si-ôn, những người mang thai rơm rạ, và sinh ra cỏ rác?
Hơi thở của họ là lửa thiêu nuốt họ. Các dân sẽ như vôi đang bị nung.
Isaiah 33:14
Sự đáp lại của những tội nhân trong Si-ôn là gì?
Bọn tội nhân ở Si-ôn kinh hãi, run rẩy và bắt giữ những người vô thần.
Isaiah 33:15
Tại Si-ôn, ai là người có thể ở với lửa thiêu nuốt và lửa cháy đời đời?
Những người có thể sống với lửa thiêu nuốt và lửa cháy đời đời này là những người bước theo sự công chính và nói điều chính trực. Người xem thường món lợi bất chính, không nhận hối lộ, không nghe chuyện đổ máu, không nhìn việc ác.
Những người bước đi theo sự công bình và nói điều chính trực sẽ ở đâu?
Những người bước đi theo sự công bình và nói điều chính trực sẽ làm cho nhà mình được ở nơi cao.
Isaiah 33:16
Những người bước đi theo sự công bình và nói điều chính trực sẽ ở đâu?
Những người bước đi theo sự công bình và nói điều chính trực sẽ làm cho nhà mình được ở nơi cao.
Isaiah 33:22
Đức Giê-hô-va là ai và Ngài sẽ làm gì?
Đức Giê-hô-va là Đấng phán xét của chúng ta, Đức Giê-hô-va là Đấng Lập Pháp của chúng ta, chính Ngài sẽ cứu rỗi chúng ta.
Isaiah 33:23
Bấy giờ người ta sẽ chia nhau chiến lợi phẩm cho ai?
Ngay cả người què cũng được phần của chiến lợi phẩm.

Chapter 34

Isaiah 34:1
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va đang phán dưới thể thơ.
Hỡi các nước hãy đến gần mà nghe; hỡi các dân, hãy chú ý! đất và mọi vật trên đó, thế giới và mọi vật sinh ra từ nó
Đất ở đây được yêu cầu phải lắng nghe Đức Giê-hô-va nhằm nhấn mạnh rằng nó nằm dưới quyền cai trị của Đức Giê-hô-va. Hai cụm từ tương tự nhau này là phép hoán dụ cho mọi dân sống trên thế giới. Tương tự câu: "Ở mọi nơi trên đất, mọi người phải lắng nghe điều Ta nói"
thế giới và mọi vật sinh ra từ nó
Đây là cụm từ thứ hai trong hai cụm từ tương tự nhau. Những từ thiếu có thể được thêm vào cụm từ này. Tương tự câu: "thế giới, và mọi vật sinh ra từ nó phải lắng nghe"
Ngài khiến chúng bị hủy diệt, phó chúng cho cuộc tàn sát
Thông thường các nhà tiên tri nói về mọi điều sẽ xảy ra trong tương lai như thể chúng đã xảy ra rồi. Ở đây nhấn mạnh rằng sự kiện này chắc chắn sẽ xảy ra. Tương tự câu:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Ngài sẽ hủy diệt họ hoàn toàn, Ngài sẽ phó họ vào cuộc tàn sát"

Isaiah 34:3

Những kẻ bị giết của chúng sẽ bị ném bỏ

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chẳng có ai sẽ chôn xác họ"

những kẻ bị giết của chúng

Ở đây nói đến những người chết. Tương tự câu: "những người chết"

núi non máu chảy đầm đìa

"các núi sẽ tràn đầy máu của họ"

các tầng trời sẽ cuốn lại như cuộn sách

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Câu này so sánh điều Đức Giê-hô-va sẽ làm với các tầng trời như một người cuốn một cuộn sách lại. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ cuốn các tầng trời như cách người ta cuốn một cuộn sách"

tất cả tinh tú sẽ tàn lụi như lá nho khô rơi rụng, cũng như lá vả khô rơi xuống từ cây vả

Ở đây nhấn mạnh sự kiện rằng mọi vật trên trời mà người ta nghĩ rằng ở trên đó mãi mãi sẽ rơi xuống dễ dàng như một cái lá. Tương tự câu: "và mọi ngôi sao sẽ rơi từ trời xuống như một chiếc lá nho rơi hoặc như một chiếc lá vả rơi xuống từ cây vả"

Isaiah 34:5

vì gươm Ta ở trên trời đã uống thỏa mãn

Đức Giê-hô-va miêu tả chính Ngài như một chiến binh đang mang lấy một thanh gươm. Cụm từ "đã uống thỏa mãn" nói về thanh gươm của Đức Giê-hô-va như là một người đã được ăn và thỏa mãn. Đức Giê-hô-va dùng hình ảnh này để nhấn mạnh rằng sẽ có rất nhiều sự hủy diệt trên trởi và nói đến việc làm thành những điều đó. Tương tự câu: "Khi Ta đã tiêu diệt mọi thứ trên trời"

nầy

Từ này được dùng ở đây để thu hút sự chú ý của người nghe và để cho họ suy ngẫm về những điều sẽ được nói. Tương tự câu: "hãy lắng nghe" hay "và sau đó"

nó sẽ xuống trừng phạt Ê-đôm, dân mà Ta đã phó cho sự hủy diệt để chịu phán xét

Từ "nó" nói đến thanh gươm của Đức Giê-hô-va. Ở đây tiếp tục phép hoán dụ về việc Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt mọi thứ bằng một thanh gươm. Tương tự câu: "Ta sẽ đến để trừng phạt người Ê-đôm, là dân mà Ta đã phó cho sự hủy diệt"

Ê-đôm

Ê-đôm nói đến những người sống ở đây, Tương tự câu: "trên dân Ê-đôm"

Gươm của Đức Giê-hô-va dính đầy máu, vấy đầy mỡ ... của chiên đực

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ giết mọi người như thể Ngài là một thầy tế lễ giết những con thú để làm tế lễ. Ngài làm điều này bằng cách miêu tả thanh gươm của một thầy tế lễ. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va giết chúng để làm tế lễ như một thầy tế lễ giết các con sinh tế. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ giết chúng làm tế lễ như một thầy tế lễ giết các con sinh tế, và gươm dính đầy máu và mỡ của các con chiên, dê, và chiên đực"

Vì có một cuộc dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va ở Bốt-ra, là sự tàn sát lớn trong đất Ê-đôm

Những từ "cuộc dâng sinh tế" và "sự tàn sát" có thể được diễn đạt ở đây như động từ. Tương tự câu: "Vì Đức Giê-hô-va sẽ dâng sinh tế nhiều người ở tại Bốt-ra và giết nhiều người trên đất Ê-đôm"

Bốt-ra

Đây là một thành phố quan trọng trong Ê-đôm.

Isaiah 34:7

Bò rừng, bò tơ và bò đực đều ngã xuống với chúng

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta, Đức Giê-hô-va, sẽ tàn sát bò rừng, bò tơ và bò đực"

Đất của chúng sẽ say vì máu

Ở đây miêu tả đến lượng máu sẽ thấm vào đất bằng sự so sánh đất như một người say. Tương tự câu: "Đất của chúng sẽ thấm đầy máu"

bụi của chúng thấm đầy mỡ béo

"Bụi" ở đây tức là những vật vô giá trị trên đất. Ở đây miêu tả lượng mỡ sẽ thấm vào những vật dơ bẩn bằng phép so sánh nó như một người béo mập vì ăn quá nhiều mỡ động vật. Tương tự câu: "Những vật dơ bẩn sẽ đầy những mỡ động vật"

Isaiah 34:8

vì Đức Giê-hô-va có ngày báo thù

"Ngày" ở đây là một thành ngữ chỉ về một thời điểm; đó không hẳn có nghĩa là "ngày." Tương tự câu: "đó sẽ là lúc Đức Giê-hô-va-báo thù"

có năm báo trả vì cớ Si-ôn

Ở đây có nghĩa là Ngài sẽ báo thù chúng vì họ đã mở cuộc chiến tranh trước đó nhằm chống nghịch dân Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Ngài sẽ trừng phạt họ xứng đáng với điều họ đã làm cho dân Si-ôn"

Các sông suối Ê-đôm sẽ biến thành nhựa thông

Ở đây Đức Giê-hô-va nhấn mạnh rằng các sông suối sẽ đầy nhựa thông như thế nào bằng cách nói rằng chúng sẽ thật sự biến thành nhựa thông. Tương tự câu: "Các sông suối Ê-đôm sẽ đầy những nhựa thông"

bụi đất ... đất đai nó

"bụi đất của Ê-đôm ... đất đai của Ê-đôm"

bụi đất nó biến thành lưu huỳnh

Ở đây Đức Giê-hô-va nhấn mạnh rằng đất sẽ đầy những lưu huỳnh như thế nào bằng cách nói rằng đất sẽ thật sự biến thành lưu huỳnh. Tương tự câu: "đất nó sẽ đầy những lưu huỳnh đốt cháy"

đất đai nó trở thành nhựa thông đang cháy

Ở đây Đức Giê-hô-va nhấn mạnh rằng mọi thứ của Ê-đôm sẽ bị đốt cháy và đầy những nhựa thông bằng cách nói rằng đất sẽ thật sự trở thành nhựa thông đang cháy. Tương tự câu: "và đất sẽ đầy những nhựa thông đang cháy"

nhựa thông

một chất dày, đen cháy rất lâu

ngày đêm

Ở đây có nghĩa là mọi lúc. Tương tự câu: "Nó sẽ cháy suốt ngày và đêm" hay "Nó sẽ cháy liên tục, suốt ngày và suốt đêm"

từ đời nầy sang đời kia

Cụm từ "đời nầy sang đời kia" nói đến mọi thế hệ người dân sẽ sống trong tương lai. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ISA13:19

Isaiah 34:11

đi qua đó

"sẽ sống trong đất Ê-đôm"

chim cú

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA13:21

chim quạ

Đây là một loài chim lớn màu đen. Rất khó để nhận biết chính xác loại chim nào được đề cập đến trong phân đoạn này. Tuy nhiên, tất cả đều là những loài chim tượng trưng cho việc sống ở những nơi không có ai, vì thể chúng là biểu tượng của những nơi hoang vắng.

ở tại đó

"ở đó." Ở đây nói về Ê-đôm.

Chúa sẽ giăng dây đo hỗn độn và dây dọi trống rỗng trên nó

Ở đây nói về Đức Giê-hô-va như là một thợ xây cẩn thận khi phá hủy Ê-đôm. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ đo xứ cách cẩn thận, Ngài sẽ đo nó để xác định nơi nào cần tàn phá và hủy diệt"

dây đo ... dây dọi

Đây là những công cụ trong xây dựng, hãy xem cách bạn đã dịch những từ tương tự trong ISA28:17

Giới quý tộc của nó ... các quan chức của nó

"Giới quý tộc của Ê-đôm ... các quan chức của Ê-đôm"

tất cả các quan chức của nó đều không là gì cả

Ở đây là phép cường điệu rằng các quan chức sẽ mất đi địa vị cao quý của mình bằng cách nói rằng họ sẽ chẳng là gì cả. Tương tự câu: "tất cả các quan chức của nó sẽ không còn cai trị nữa"

Isaiah 34:13

Gai góc ... bụi rậm ... cỏ rác

Đây là tất cả những loại cỏ dại có gai. Gai của bụi rậm có chất độc có thể gây ra ngứa ngáy.

chó rừng ... đà điểu ... thú rừng ... chó rừng ... chim cú

Hãy dịch tên các loài động vật này như cách bạn đã dịch trong ISA13:21

Yêu quái

những loài động vật thức và hoạt động trong đêm

diều hâu

những loài chim giết các loài thú nhỏ để ăn thịt

Isaiah 34:16

Hãy tìm trong sách Đức Giê-hô-va và đọc

Cụm từ "sách Đức Giê-hô-va" có nghĩa là nó chứa các sứ điệp được phán bởi Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Hãy đọc cẩn thận điều đã viết trong cuộn sách này, là sách chứa các sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

trong những thú vật ấy, không thiếu một con nào

"không một con nào trong những thú vật ấy"

Chẳng một con nào là không đủ đôi

Ở đây có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Mỗi con vật đều có đôi"

vì chính miệng Đức Giê-hô-va đã truyền

Đức Giê-hô-va đã được nhắc đến bởi "miệng" Ngài để nhấn mạnh điều Ngài đã nói. Tương tự câu: "vì Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh"

Chính Chúa đã bắt thăm

Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ quyết định nơi sống của các loài thú vật như thể Ngài bắt thăm nơi ở của chúng. Tương tự câu: "Ngài đã định nơi cho chúng sống"

tay Ngài dùng dây đo chia phần cho chúng

Ở đây nói đến cách mà người ta đo mọi thứ dưới thời đại Thánh Kinh. Tương tự câu: "và Ngài định cho các loài thú vật nơi ở của chúng"

ở đó từ đời nầy sang đời kia

Cụm từ "đời nầy sang đời kia" nói đến các thế hệ loài người sẽ sống trong tương lai. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ "từ đời nầy sang đời kia" trong ISA13:19

Translation Questions

Isaiah 34:1

Những ai được đến gần lắng nghe và chú ý?

Các nước, các dân, đất và mọi vật sinh ra từ đó đã đến gần để lắng nghe và chú ý.

Isaiah 34:2

Tại sao các nước, các dân, đất và mọi vật sinh ra từ đó đã đến gần để lắng nghe và chú ý?

Họ phải làm điều đó vì Đức Giê-hô-va nổi giận chống lại mọi nước, và cơn thịnh nộ Ngài giáng trên tất cả quân đội của chúng.

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho quân đội của chúng?

Ngài khiến chúng bị hủy diệt và phó chúng cho cuộc tàn sát.

Isaiah 34:4

Điều gì sẽ xảy ra với các tinh tú trên bầu trời và các tầng trời?

Tất cả các tinh tú trên bầu trời sẽ biến mất và các tầng trời sẽ cuốn lại như cuộn sách, tất cả tinh tú sẽ tàn lụi.

Isaiah 34:5

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì sau khi gươm của Ngài ở trên trời đã uống thỏa mãn?

Sau đó thanh gươm sẽ đổ trên đất Ê-đôm và dân mà Ngài đã phó cho sự hủy diệt để chịu phán xét.

Isaiah 34:6

Đức Giê-hô-va đã có gì ở Bốt-ra và Ê-đôm?

Đức Giê-hô-va có một cuộc dâng sinh tế ở Bốt-ra, là sự tàn sát lớn trong đất Ê-đôm.

Isaiah 34:9

Điều gì sẽ xảy ra cho đất Ê-đôm?

Các sông suối của Ê-đôm sẽ biến thành nhựa thông, trở thành nhựa thông đang cháy. Nó sẽ bị bỏ hoang, và không còn ai đi qua nó nữa.

Isaiah 34:10

Điều gì sẽ xảy ra cho đất Ê-đôm?

Các sông suối của Ê-đôm sẽ biến thành nhựa thông, trở thành nhựa thông đang cháy. Nó sẽ bị bỏ hoang, và không còn ai đi qua nó nữa.

Isaiah 34:11

Nói chung, Ê-đôm còn tồn tại những gì?

Các loài chim hoang dã và thú vật sẽ sống tại Ê-đôm.

Isaiah 34:17

Loài chim và thú vật sẽ chiếm hữu bao lâu trên đất Ê-đôm?

Chúng sẽ chiếm hữu đất này mãi và ở đó từ đời này sang đời kia.

Chapter 35

Isaiah 35:1

Hoang mạc và đất khô hạn sẽ vui vẻ; đồng hoang sẽ mừng rỡ

Hai cụm từ này có cùng ý nghĩa với nhau. Những nơi nầy sẽ vui vẻ, như một người vui mừng, vì cớ chúng nhận được

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nước và đang trổ hoa. Tương tự câu: "Nó sẽ như những hoang mạc và đất khô hạn sẽ vui vẻ và đồng hoang sẽ mừng rỡ"

trổ nhiều hoa

Ở đây nói đến các cây trong đồng hoang sẽ trổ hoa như là chính nó trổ hoa vậy. Tương tự câu "và các cây của nó sẽ trổ hoa"

Nó sẽ trổ nhiều hoa như hoa hồng

Ở đây so sánh những cây trong đồng hoang trổ hoa như hoa hồng trổ hoa vậy. Tương tự câu: "Những cây của nó sẽ trổ hoa nhiều như hoa hồng vậy"

và vui mừng, hớn hở trỗi tiếng hát ca

Ở đây nói đến đồng hoang như một người vui mừng và ca hát. Tương tự câu: "dường như mọi thứ trong nó sẽ vui mừng và ca hát!"

vinh quang của Li-ban sẽ được ban cho nó

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Câu này nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho đồng hoang được vinh quang như Li-ban giống như Ngài ban cho đồng hoang sự vinh quang của Li-ban. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ ban cho nó sự vinh quang của Li-ban" hay "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho nó được vinh quang như Li-ban"

cùng với vẻ đẹp của Cạt-mên và Sa-rôn

Những từ thiếu có thể được thêm vào. Cũng vậy, ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho đồng hoang trông đẹp như Cạt-mên và Sa-rôn giống như Ngài ban cho đồng hoang vẻ đẹp của chúng. Tương tự câu: "vẻ đẹp của Cạt-mên và S-rôn sẽ được ban cho nó" hay "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho nó đẹp như Cạt-mên và Sa-rôn"

vinh quang Đức Giê-hô-va và sự huy hoàng của Đức Chúa Trời chúng ta

Hai cụm từ này có cùng ý nghĩa với nhau và đều nhấn mạnh đến diện mạo của Đức Giê-hô-va.

Isaiah 35:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai đang nói với dân Giu-đa.

Hãy làm cho mạnh mẽ những bàn tay yếu ớt, làm cho vững vàng những đầu gối run rẩy.

Ở đây nói đến một người đầy sợ hãi. Tương tự câu: "Hãy làm cho mạnh mẽ bàn tay yếu ớt và đầu gối run rẩy vì cớ sợ hãi"

những người có lòng lo sợ

Người ở đây được nói đến để nhấn mạnh cảm giác bên trong lòng họ. Tương tự câu: "với những người đầy sợ hãi"

Nầy

Từ này được dùng ở đây để thu hút sự chú ý của người nghe về điều sắp nói. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

Đức Chúa Trời của anh em sẽ đến với sự báo thù, tức là sự báo trả của Đức Chúa Trời

Ở đây có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sự báo thù" và "sự báo trả" được diễn đạt như động từ "trừng phạt." Những từ "sự báo thù" và "sự báo trả" có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những kẻ thù của Giu-đa. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các kẻ thù nghịch ngươi về mọi điều chúng đã làm"

Isaiah 35:5

Thông Tin Chung:

Những câu này mở đầu một sự diễn đạt về vinh quang trong tương lai của dân sự Đức Chúa Trời.

mắt người mù sẽ thấy được

"Người mù" nói đến những người bị mù. Họ được nhắc đến bằng "mắt" của họ để nhấn mạnh sự chữa lành. Tương tự câu: "người mù sẽ thấy"

tai người điếc sẽ nghe được

"Người điếc" nói đến những người không thể nghe được. Họ được nhắc đến bằng "tai" của họ để nhấn mạnh sự chữa lành. Tương tự câu: "người điếc sẽ nghe được"

người què sẽ nhảy nhót như con nai

Ở đây có nghĩa là một người không thể đi sẽ có thể nhảy được. Khả năng nhảy được cường điệu bằng việc người ấy có thể nhảy như một con nai. Tương tự câu: "người què sẽ nhảy cao"

lưỡi người câm sẽ ca hát vang lừng

Ở đây nói đến những người không thể nói được. Họ được nhắc đến bằng "lưỡi" của họ để nhấn mạnh sự chữa lành. Tương tự câu: "người câm sẽ ca hát vang lừng"

các suối tuôn chảy nơi đồng hoang

Những từ thiếu có thể được thêm vào. Tương tự câu: "các suối sẽ chảy trong đồng hoang"

Cát nóng sẽ biến thành ao hồ

Ở đây có nghĩ là một hồ nước sẽ xuất hiện giữa các nóng. Tương tự câu: "Một hồ nước sẽ xuất hiện giữa cát nóng"

đất khô hạn

Ở đây đất khô hạn được diễn đạt như bị khát. Tương tự câu: "đất khô hạn"

đất khô hạn sẽ biến thành suối nước

Ở đây có nghĩa là các suối nước sẽ xuất hiện trong đất khô hạn. Tương tự câu: "các suối nước sẽ xuất hiện trong vùng đất hạn hán"

chó rừng

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA13:21

sậy và cói

Đây là những cây mọc trong nơi có nước.

Isaiah 35:8

Thông Tin Chung:

Những câu này tiếp tục miêu tả về sự vinh quang trong tương lai của con dân Đức Chúa Trời.

Một con đường gọi là Đường Thánh

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ở đó sẽ có một con đường tên là Đường Thánh"

con đường

Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong ISA11:16

Kẻ bất khiết

Ở đây nói đến những người bất khiết. Một người mà Đức Chúa Trời xem là không thể chấp nhận được về mặt thuộc linh hay đã bị ô uế được miêu tả như một người có thân thể ô nhơ. Tương tự câu: "Những người ô uế" hay "Những người không được Đức Chúa Trời chấp nhận"

ai đi trong đường ấy

"Đi" ở đây tượng trưng cho "cách sống." Câu này nói đến người sống một đời sống thánh khiết. Tương tự câu: "những người sống trong đường lối thánh khiết" hay "những người sống một cuộc sống thánh khiết"

chẳng ai thấy chúng ở đó

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "chẳng ai có thể tìm thấy họ ở đó"

những người được chuộc

Ở đây nói đến những người mà Đức Chúa Trời đã cứu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chuộc. Tương tự câu: "những người được chuộc" hay "những người được Đức Chúa Trời cứu chuộc"

Isaiah 35:10

Những người Đức Giê-hô-va cứu chuộc

Từ "cứu chuộc" có nghĩa là "giải thoát". Ở đây nói đến những người mà Đức Giê-hô-va đã giải cứu. Tương tự câu: "Những người mà Đức Giê-hô-va đã giải cứu"

niềm vui bất tận sẽ ở trên đầu họ.

Ở đây dùng đầu của một người để nói đến cả thân thể người đó. Tương tự câu: "họ sẽ vui mừng mãi mãi"

niềm hân hoan vui mừng ... sự buồn bực than vãn

Những từ "niềm hân hoan" và "vui mừng" có nghĩa cơ bản giống nhau, "sự buồn bực" và "than vãn" cũng như vậy. Chúng kết hợp với nhau để nhấn mạnh cường độ của những cảm xúc này.

họ sẽ tràn ngập niềm hân hoan vui mừng

Ở đây nói đến những người tràn ngập sự vui mừng và niềm vui bằng cách dùng những cảm xúc này của con người để miêu tả rằng có thể lấn át hay điều khiển được họ . Tương tự câu: "họ sẽ tràn ngập niềm hân hoan vui mừng"

sự buồn bực than vãn sẽ biến mất

Ở đây nói về những người không còn đau khổ và than vãn nữa bằng cách miêu tả rằng những cảm xúc này của con người sẽ biết mất đi. Tương tự câu: "họ sẽ không còn đau khổ và than vãn nữa"

Translation Questions

Isaiah 35:1

Chuyện gì sẽ xảy ra với hoang mạc?

Nó sẽ mừng rỡ và trổ hoa như hoa hồng.

Isaiah 35:2

Điều gì đã được ban cho hoang mạc?

Vinh quang của Li-ban sẽ được ban cho nó, cùng với vẻ đẹp của Cạt-mên và Sa-rôn.

Đồng hoang, thung lũng và hoang mạc sẽ thấy gì?

Chúng sẽ thấy vinh quang Đức Giê-hô-va, sự huy hoàng của Đức Chúa Trời chúng ta.

Isaiah 35:4

Tại sao những người có lòng lo lắng hay vừng lòng và đừng sợ?

Vì Đức Chúa Trời của họ sẽ đến và báo thù, tức là sự báo trả của Đức Chúa Trời. Chính Ngài sẽ đến và cứu họ.

Isaiah 35:5

Chuyện gì sẽ xảy ra khi Đức Chúa Trời đến?

Người mù sẽ thấy được, người điếc sẽ nghe được. Người què sẽ nhảy nhót như con nai, người câm sẽ ca hát vang lừng. Vì cso những dòng nước trào lên trong hoang mạc, các suối tuôn chảy nơi đồng hoang, cát nóng sẽ biến thành ao hồ, nơi chó rừng đã ở sẽ trở thành đồng cỏ, có sậy và cói.

Isaiah 35:7

Chuyện gì sẽ xảy ra khi Đức Chúa Trời đến?

Người mù sẽ thấy được, người điếc sẽ nghe được. Người què sẽ nhảy nhót như con nai, người câm sẽ ca hát vang lừng. Vì cso những dòng nước trào lên trong hoang mạc, các suối tuôn chảy nơi đồng hoang, cát nóng sẽ biến thành ao hồ, nơi chó rừng đã ở sẽ trở thành đồng cỏ, có sậy và cói.

Isaiah 35:8

Tại đó, một đường cái được gọi là gì?

Một con đường được gọi là Đường Thánh.

Ai không được đi qua con đường đó?

Kẻ bất khiết sẽ không được đi qua. Tại đó không có sư tử, cũng không có một thú dữ nào đi trên đường ấy. Những người được chuộc sẽ bước đi trên đường ấy.

Isaiah 35:9

Ai không được đi qua con đường đó?

Kẻ bất khiết sẽ không được đi qua. Tại đó không có sư tử, cũng không có một thú dữ nào đi trên đường ấy. Những người được chuộc sẽ bước đi trên đường ấy.

Isaiah 35:10

Điều gì sẽ xảy ra cho sự cứu chuộc của Đức Giê-hô-va khi họ trở lại?

Niềm vui bất tận sẽ ở trên đầu họ; họ sẽ tràn ngập niềm hân hoan vui mừng và sự buồn bực than vãn sẽ biến mất.

Chapter 36

Isaiah 36:1

năm thứ mười bốn

"năm thứ 14"

Vua Ê-xê-chia

Hãy dịch tên của vị vua này như cách bạn đã dịch trong ISA01:01

San-chê-ríp

Đây là tên của vua A-si-ri.

San-chê-ríp ... lên đánh và chiếm được tất cả các thành kiên cố

Đội quân của San-chê-ríp tấn công các thành phố. Tương tự câu: "San-chê-ríp và quân đội ông ... đã tấn công và đánh chiếm tất cả cá thành kiên cố"

viên chỉ huy tác chiến

"Ráp-sa-kê"

La-ki

Đây là một thành phố phía tây nam của Giê-ru-sa-lem.

cống dẫn nước ao trên, nằm trên đường cái dẫn đến cánh đồng thợ giặt

Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA07:03

Hinh-kia ... Ê-li-a-kim

Hãy dịch tên những người này như cách bạn đã dịch trong ISA22:20

Sép-na

Hãy dịch tên người này như cách bạn đã dịch trong ISA22:15

A-sáp ... Giô-a

Đây là tên của những người nam.

Isaiah 36:4

nói với họ

"nói với Ê-li-a-kim, Sép-na, và Giô-a"

Sự tin tưởng của ngươi dựa vào đâu?

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để thách thức Ê-xê-chia và nói cho ông thấy rằng ông không có nơi nào an toàn để nương dựa. Câu hỏi này có thể được viết lại như một lời khẳng định. Tương tự câu: "Ngươi chẳng có nơi nào đáng tin cậy để nương dựa"

mưu lược và sức mạnh để chiến đấu

"ngươi có hội đồng bàn luận và sức mạnh để chiến đấu." Cụm từ "sức mạnh để chiến đấu" nói đến việc có một quân đội đủ lớn mà mạnh với nhiều vũ khí. Tương tự câu: "ngươi có đủ hội đồng bàn luận quân sự, những người mạnh dạn,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

và vũ khí để chiến đấu"
Bây giờ, ngươi cậy vào ai mà dám nổi lên chống lại ta?
Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để chế nhạo Ê-xê-chia vì ông tin rằng mình có đủ sức mạnh để chống nghịch lại. Câu hỏi này có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Mặc cho ngươi tin cậy vào ai, ngươi cũng sẽ không có đủ dũng khí để chống nghịch lại ta."
Isaiah 36:6
Thông Tin Chung:
Ở đây tiếp tục thông điệp của vua A-si-ri đến Ê-xê-chia. Ráp-sa-kê đang nói thông điệp đến với những người của Ê-xê-chia. (Xem: ISA36:04
Nầy
San-chê-ríp dùng thuật ngữ này để gây sự chú ý của Ê-xê-chia về điều ông sắp nói. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"
dựa vào Ai Cập
"Ai Cập" ở đây nói đến quân đội Ai Cập. Tương tự câu: "tin cậy vào quân đội Ai Cập"
là cây gậy bằng sậy đã giập, mà ai dựa vào nó thì bị đâm thủng bàn tay
Ở đây nói về Ai Cập, đặc biệt là Pha-ra-ôn và quân đội của nó, như thể nó là một cây gậy bằng sậy đã giập để nhấn mạnh rằng việc nương cậy vào nó sẽ không giúp gì cho họ mà chỉ gây hại. Tương tự câu: "nó giống như đi bằng một cây gậy bằng sậy đã giập. Nếu một người dựa vào đó, nó sẽ đâm thủng bản tay người đó"
cây gậy bằng sậy đã giập
Sậy là một cây có thân dài và mỏng như cây cỏ cao. Nếu nó bị giập nát hay bị hư hỏng nó không thể gánh bất kỳ vật nặng nào.
gậy
Đây là một cái gậy mà người ta dùng khi đi, được làm từ bất kỳ loại cây to nào có thể tìm thấy dọc đường.
nhưng chẳng phải ấy là Đấng mà Ê-xê-chia đã dẹp bỏ các nơi cao và các bàn thờ Ngài ... Giê-ru-sa-lem ... hay sao?
Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để chế nhạo dân sự và ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va đã nổi giận vì điều Ê-xê-chia đã làm và sẽ không bảo vệ chúng. Tương tự câu: "Ngài là Đấng mà Ê-xê-chia đã dẹp bỏ các nơi cào và bàn thờ ... Giê-ru-sa-lem" hay "Ngài là Đấng mà Ê-xê-chia đã làm sỉ nhục bằng cách hạ các nơi cao và bàn thờ của Ngài xuống ... Giê-ru-sa-lem'."
khi truyền cho Giu-đa và Giê-ru-sa-lem rằng: "Các ngươi hãy thờ lạy trước bàn thờ nầy," hay sao?
Ở đây có thể được viết lại như một câu trích dẫn gián tiếp. "Giu-đa" và "Giê-ru-sa-lem" đề cập đến những người sống tại đó. Tương tự câu: "đã nói với dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem rằng họ chỉ phải thờ phượng tại bàn thờ này ở tại Giê-ru-sa-lem."
Isaiah 36:8
Thông Tin Chung:
Ở đây tiếp tục thông điệp của vua A-si-ri đến với Ê-xê-chia bằng việc truyền thông điệp này đến với những người của Ê-xê-chia. (Xem: ISA36:04
hai nghìn con ngựa
"2,000 con ngựa"
nếu ngươi tìm đủ số kỵ binh để cưỡi
Ráp-sa-kê tiếp tục chế nhạo Ê-xê-chia và quân đội của vua bằng việc ngụ ý rằng vua không thể có nhiều binh lính.
Isaiah 36:9
Thông Tin Chung:
Ở đây tiếp tục thông điệp của vua A-si-ri đến với Ê-xê-chia bằng cách nói thông điệp này đến với người của vua Ê-xê-chia. (Xem: ISA36:04
Liệu ngươi có thể đẩy lui được một tướng ... các thuộc hạ của chủ ta không?
Ráp-sa-kê tiếp tục chế nhạo Ê-xê-chia và quân đội của ông. Khi ông nói "ngươi," là nói đến Ê-xê-chia, thực tế là nói đến quân đội của Ê-xê-chia. Câu hỏi này có thể được viết như một tuyên bố: Tương tự câu: "Quân đội của ngươi chẳng thể đẩy lui được ngay cả một tướng ... các thuộc hạ của chủ ta."
Vả lại, há không có mạng của Đức Giê-hô-va mà ta lên đánh xứ nầy để diệt nó sao?
Ráp-sa-kê sử dụng một câu hỏi khác để chế nhạo Ê-xê-chia và dân Giu-đa. Câu hỏi này có thể được viết như một tuyên bố. Tương tự câu: "Ta đến đây theo lệnh của Đức Giê-hô-va để tiêu diệt Giê-ru-sa-lem."
Không có mạng của Đức Giê-hô-va
"Đức Giê-hô-va" ở đây tức là các mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "không có lệnh của Đức Giê-hô-va"
Đánh xứ nầy và tiêu diệt nó ... Đánh xứ nầy và tiêu diệt nó đi
Câu này có nghĩa là tấn công dân sự và phá hủy nơi họ sống. Xứ nầy ở đây là Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "tiêu diệt dân này và phá hủy xứ nó ... Tiêu diệt dân này và phá hủy xứ nó"
Isaiah 36:11
Ê-li-a-kim ... Hinh-kia ... Sép-na
Hãy dịch tên của những người này như bạn đã dịch trong ISA22:20
Sép-na
Hãy dịch tên người này như bạn đã dịch trong ISA22:15
Giô-a ... Ráp-sa-kê
Hãy dịch tên người này và cụm từ "Ráp-sa-kê" như bạn đã dịch trong ISA36:01
Xin nói với các đầy tớ ông
Ê-li-a-kim, Sép-na, và Giô-a tự xưng là đầy tớ của Ráp-sa-kê. Đây là một cách nói lịch sự với những người có quyền thế lớn hơn.
tiếng A-ram
"A-ram" là tên của một dân tộc. "Tiếng A-ram" là ngôn ngữ của họ.
dân ở trên tường thành nghe được
"nói cho ai nghe" có nghĩa là nói ở nơi họ có thể nghe thấy. Tương tự câu: "Dân ở trên tường thành có thể nghe thấy chúng ta"
dân ở trên tường thành
Ở đây có nghĩ là họ đang đứng trên tường thành. Ở phía trên tường thành là nơi rộng rãi và là nơi mọi người có thể đứng hoặc ngồi. Tương tự câu: "những người đang đứng trên tường thành"
Có phải chủ ta sai ta truyền mấy lời nầy cho chủ ngươi và cho ngươi thôi sao?
Ráp-sa-kê sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng thông điệp của ông ta là dành cho cả dân Giu-đa. Câu hỏi này có thể được viết như một tuyên bố. Tương tự câu: "Chắc chắn là chủ ta sai ta đến đây để truyền lại thông điệp này cho ngươi và tất cả những ai nghe thấy."
Chẳng phải cũng truyền cho những người ngồi trên tường thành kia ... mình sao?
Quan chỉ huy sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh sự sỉ nhục

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của ông ta. Câu này có thể được viết như một lời tuyên bố. Tương tự câu: "Chủ ta đã sai ta đến với tất cả những ai có thể nghe điều này, là những kẻ sẽ ... mình sao"

sắp phải cùng với các ngươi ăn phân,uống nước tiểu mình sao

Đây là một tuyên bố rất sỉ nhục. Ông ta ngụ ý rằng họ sẽ phải ăn những thứ này bởi vì họ sẽ không có gì để ăn vì thành của họ sẽ bị tấn công. Tương tự câu: "sẽ sớm phải ăn phân và uống nước tiểu của họ cùng với ngươi, bởi vì các ngươi sẽ không còn gì để ăn" (UDB)

Isaiah 36:13

Ráp-sa-kê

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA36:01

sẽ chẳng phó nó vào tay vua A-si-ri đâu

Câu này có thể được trình bày lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ chẳng phó Giê-ru-sa-lem vào tay vua A-si-ri đâu"

tay vua

"Tay" của vua ngụ ý đến "quyền điều khiển." của vua. Tương tự câu: "quyền điều khiển của vua"

Isaiah 36:16

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục nói với dân Giu-đa.

Hãy làm hòa với ta

Câu này nói đến việc ngưng tấn công và làm hòa với kẻ khác. Tương tự câu: "Hãy làm hòa với ta"

ra hàng

Câu này có nghĩa là đầu hàng. Tương tự câu: "hãy đầu hàng ta" (UDB)

cho tới khi ta đến và đem

Ở đây vua A-si-ri đang nói đến quân đội của ông ta như thể nói về chính mình. Tương tự câu: "cho đến khi quân đội của ta đến và đem"

xứ có ngũ cốc và rượu mới, một xứ có bánh và vườn nho

Hai cụm từ này đều mang nghĩa giống nhau và được dùng để nhấn mạnh vùng đất này sẽ màu mỡ ra sao.

Xứ có ngũ cốc ... một xứ có bánh

Câu này có nghĩa là vùng đất đó của họ giàu tài nguyên, như là ngũ cốc. Tương tự câu: "một vùng đất có đầy ngũ cốc ... và một vùng đất có đầy bánh"

Isaiah 36:18

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục nói về thông điệp của vua A-si-ri dành cho dân Giu-đa. (Xem: ISA36:16

Vậy, có thần nào của các nước đã giải cứu xứ họ khỏi ... vua A-si-ri được không?

Ráp-sa-kê sử dụng câu hỏi này để chế nhạo dân Giu-đa. Câu hỏi này có thể được viết như một lời tuyên bố. Tương tự câu: "Chẳng có thần nào của các nước đã giải cứu họ khỏi ... vua A-si-ri."

tay vua

Quyền điều khiển của vua được nói đến như là "tay"của vua. Tương tự câu: "quyền điều khiển của vua"

Các thần của Ha-mát và Ạt-bát ở đâu? Các thần của Sê-phạt-va-im ở đâu? Các thần ấy có giải cứu Sa-ma-ri khỏi tay ta được không?

Ráp-sa-kê sử dụng những câu hỏi này để chế nhạo dân Giu-đa. Những câu hỏi này có thể viết như một lời tuyên bố. "Các thần của Ha-mát, Ạt-bát, Sê-phạt-va-im, và Sa-ma-ri đã chẳng thể cứu được dân của họ ra khỏi tay ta."

Ha-mát ... Ạt-bát

Hãy dịch tên các thành này tương tự như bạn đã dịch trong ISA10:07

Sê-phạt-va-im

Đây là tên một thành.

có thần nào đã cứu ... Vậy, làm thế nào Đức Giê-hô-va cứu nổi Giê-ru-sa-lem khỏi tay ta?

Ráp-sa-kê dùng câu hỏi này để chế nhạo dân Giu-đa. Câu hỏi này có thể được viết như một tuyên bố. Tương tự câu: "chẳng có thần nào khác giải cứu được ... và Đức Giê-hô-va cũng sẽ chẳng cứu được các ngươi tại Giê-ru-sa-lem khỏi tay ta."

xứ mình

Từ này nói đến những người dân sống ở vùng này. Tương tự câu: "dân họ"

Isaiah 36:21

Ê-li-a-kim ... Hinh-kia ... Sép-na ... Giô-a ... A-sáp

Hãy dịch tên của những người này tương tự như bạn đã dịch trong ISA36:01

quản lý cung điện

Ở đây có nghĩa là ông chịu trách nhiệm quản lý các công việc trong cung điện. Tương tự câu: "chịu trách nhiệm quản lý cung điện"

xé áo mình ra

Các quan của Ê-xê-chia xé quần áo của họ như là dấu hiệu của sự than khóc và đau đớn. Tương tự câu: "xé áo mình ra bởi vì họ đã vô cùng đau buồn"

Translation Questions

Isaiah 36:1

Chuyện gì sẽ xảy ra vào năm thứ mười bốn đời vua Ê-xê-chia?

San-chê-ríp, vua A-sy-ri, lên đánh và chiếm được tất cả các thành kiên cố của Giu-đa.

Isaiah 36:2

Ai là vua của A-sy-ri sai từ La-ki đến Giê-ru-sa-lem và Ê-xê-chia?

Vua A-sy-ri sai Ráp-sa-kê đi.

Ráp-sa-kê đã dừng lại nơi nào?

Ráp-sa-kê đứng tại cống dẫn nước ao trên, nằm trên đường cái dẫn đến cánh đồng thợ giặt.

Isaiah 36:3

Ai là người đi ra gặp Ráp-sa-kê?

Ê-li-a-kim, con trai của Hinh-kia, cùng với thư ký Sép-na và quan thái sử Giô-a, con trai của A-sáp, đi ra gặp Ráp-sa-kê.

Isaiah 36:6

Ráp-sa-kê đã nói gì với Pha-ra-ôn, vua Ai-cập cũng như tất cả những ai nương cậy vào ông?

Ráp-sa-kê nói Pha-ra-ôn là cây gậy bằng sậy đã giập, mà ai dựa vào nó thì bị đâm thủng bàn tay.

Isaiah 36:8

Ráp-sa-kê nói rằng vua A-sy-ri sẽ làm gì nếu Ê-xê-chia đánh cuộc với vua A-sy-ri?

Ráp-sa-kê nói rằng vua của A-sy-ri sẽ cho Ê-xê-chia hai nghìn con ngựa.

Isaiah 36:10

Ráp-sa-kê nói ai bảo ông hãy lên đánh xứ Giu-đa và tiêu diệt nó?

Ráp-sa-kê nói rằng Đức Giê-hô-va đã phán cùng ông hãy lên đánh xứ Giu-đa và tiêu diệt nó.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 36:11
Tại sao Ê-li-a-kim, Sép-na và Giô-a lại xin Ráp-sa-kê nói chuyện với họ bằng tiếng A-ram?
Họ không muốn mọi người trên tường thành nghe và hiểu được những gì họ đang nói.
Isaiah 36:12
Tại sao Ê-li-a-kim, Sép-na và Giô-a lại xin Ráp-sa-kê nói chuyện với họ bằng tiếng A-ram?
Họ không muốn mọi người trên tường thành nghe và hiểu được những gì họ đang nói.
Isaiah 36:13
Ráp-sa-kê đáp lại yêu cầu của Ê-li-a-kim, Sép-na và Giô-a về việc nói tiếng A-ram thế nào?
Ông đã đứng dậy, và nói to lên bằng tiếng Giu-đa.
Tóm lại Ráp-sa-kê đã nói những gì với vua A-sy-ri về Ê-xê-chia?
Ông nói rằng đừng để Ê-xê-chia lừa dối họ, vì vua ấy không thể giải cứu họ cũng như vua khiến họ không tin cậy vào Đức Giê-hô-va.
Isaiah 36:15
Tóm lại Ráp-sa-kê đã nói những gì với vua A-sy-ri về Ê-xê-chia?
Ông nói rằng đừng để Ê-xê-chia lừa dối họ, vì vua ấy không thể giải cứu họ cũng như vua khiến họ không tin cậy vào Đức Giê-hô-va.
Isaiah 36:16
Vua A-sy-ri đã nói điều gì sẽ xảy ra nếu dân Giu-đa làm hòa với đi đến cùng vua?
Vua nói rằng người Giu-đa sẽ ăn trái nho, trái vả và uống nước từ hồ chứa của mình, cho tới khi vua đến và đem họ vào một xứ như xứ của họ, tức là xứ có ngũ cốc và rượu mới, một xứ có bánh và vườn nho.
Isaiah 36:17
Vua A-sy-ri đã nói điều gì sẽ xảy ra nếu dân Giu-đa làm hòa với đi đến cùng vua?
Vua nói rằng người Giu-đa sẽ ăn trái nho, trái vả và uống nước từ hồ chứa của mình, cho tới khi vua đến và đem họ vào một xứ như xứ của họ, tức là xứ có ngũ cốc và rượu mới, một xứ có bánh và vườn nho.
Isaiah 36:21
Cách đáp ứng cho lệnh của vua Ráp-sa-kê đã truyền là gì?
Họ giữ im lặng và không trả lời, vì lệnh truyền của vua là, "Đừng đáp lại ông ấy".
Isaiah 36:22
Ê-li-a-kim, Sép-na và Giô-a đã làm gì sau khi vua Ráp-sa-kê truyền lệnh?
Họ đã đến với Ê-xê-chia đã xé áo mình ra và trở về gặp vua Ê-xê-chia để thuật lại những lời của Ráp-sa-kê.

Chapter 37
Isaiah 37:1
Khi nghe tin ấy
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách khác để diễn đạt điều này, thì bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.
vua Ê-xê-chia liền xé áo mình, mặc áo sô
Đây là một dấu của sự than khóc và đau đớn. Tương tự câu: "vua xé quần áo mình ra và mặc áo sô bởi vì vua đã rất đau buồn. Sau đó vua đến"
Ê-li-a-kim ... Sép-na
Hãy dịch tên những người này như bạn đã dịch trong ISA36:01
quản lý cung điện
Ở đây có nghĩa là ông có nhiệm vụ trong mọi việc thuộc trong cung điện. Tương tự câu: "coi sóc trong cung điện"
mặc áo sô
Đây là biểu hiện của sự than khóc và buồn thảm.
Isaiah 37:3
Họ nói với ông
"Những người được Ê-xê-chia sai đi đã nói với Ê-sai"
như đàn bà đã đến lúc phải sinh con nhưng không đủ sức để sinh
Phép so sánh này được dùng để nhấn mạnh rằng họ đang ở trong thời điểm cực kỳ khó khăn. Tương tự câu: "Thật kinh khiếp khi đến ngày chuẩn bị sinh nở, nhưng người mẹ lại không đủ sức để sinh"
Chắc Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông đã nghe những lời
Ê-xê-chia đang để nghị một cách gián tiếp rằng nếu mọi người cầu nguyện có lẽ Đức Giê-hô-va sẽ lắng nghe và hành động trên điều mà vị đại tướng đã nói. Tương tự câu: "Có lẽ nếu ông cầu nguyện nài xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông, Ngài sẽ nghe thấy thông điệp ấy"
viên chỉ huy tác chiến
Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong ISA36:01
chủ hắn
Cụm từ này có nghĩa rằng vua là chủ của viên chỉ huy tác chiến.
và Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông sẽ trừng phạt chúng theo những lời mà Ngài đã nghe
Cụm từ "những lời mà Ngài đã nghe" ở đây nói đến điều mà vua A-si-ri đã nói. Tương tự câu: "và Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi sẽ trừng phạt vua A-si-ri vi điều mà vua đã nói"
dâng lời cầu nguyện
Cầu nguyện với Đức Giê-hô-va được miêu tả như vậy để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đang ở trên thiên đàng. Những lời cầu nguyện được nói đến như là những vật mà có thể nâng cao để dâng lên đến trời. Tương tự câu: "cầu nguyện"
cho những người còn sót lại đây
Ở đây nói đến những người còn sót lại tại Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "cho một số ít người còn ở lại đây"
Isaiah 37:5
Ta sẽ đặt một thần linh trong nó, khiến nó nghe tin đồn mà rút quân về nước
Cụm từ "đặt một thần linh trong nó" có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ tác động đến nó để làm nên một quyết định rõ ràng. Từ "thần linh" ở đây có nghĩa là một quan điểm hay một cảm nhận mạnh mẽ. Tương tự câu: "Ta sẽ gây tác động đến nó để khi nó nghe một tin đồn, nó sẽ rút quân trở về nước"
Nầy
Từ này được dùng ở đây để thu hút sự chú ý của mọi người vào điều sắp nói đến. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"
Ta sẽ làm cho nó ngã chết dưới lưỡi gươm ngay tại xứ sở nó
Cụm từ "ngã chết dưới gươm" có nghĩa là kẻ thù của nó sẽ giết nó bằng gươm. Tương tự câu: "Và ở tại xứ sở nó, Ta sẽ khiến cho các kẻ thù nghịch nó tiêu diệt nó bằng gươm"
Isaiah 37:8
La-ki

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hãy dịch tên của thành này như cách bạn đã dịch trong ISA36:01

Vua San-chê-ríp

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã dịch trong ISA36:01

Thành Líp-na

Đây là một thành ở phía nam Giu-đa.

Tiệt-ha-ca vua Cu-si của Ai-cập đang kéo đến đánh mình

"Tiệt-ha-ca" là tên của một người nam. Vua đã huy động quân đội mình để chuẩn bị tấn công. Tương tự câu: "Tiệt-ha-ca vua Ê-thi-ô-pi và Ai Cập đã huy động quân đội mình"

đánh mình

Từ "mình" nói đến San-chê-ríp. Cụm từ này đề cập đến cuộc chiến chống lại quân đội của San-chê-ríp. Tương tự câu: "chống lại quân đội của San-chê-ríp"

Giê-ru-sa-lem sẽ không rơi vào tay vua A-si-ri đâu

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Từ "tay" nói đến đến sức mạnh của quân đội vua. Tương tự câu: "Vua A-si-ri và quân đội vua sẽ không chinh phục được các ngươi tại Giê-ru-sa-lem đâu"

Isaiah 37:11

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục thông điệp của vua A-si-ri dành cho Ê-xê-chia.

Nầy, hẳn ngươi có nghe

Từ "nầy" ở đây được dùng để nhấn mạnh điều sắp được nói đến. Tương tự câu: "Ngươi chắc đã nghe"

Còn ngươi, ngươi sẽ thoát được sao?

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để chế nhạo Ê-xê-chia cùng quân đội ông. Ở đây có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Vì thế ngươi cũng sẽ không thoát được." hay "Vì thế tất nhiên không ai sẽ có thể giải cứu ngươi được!"

Thần của các nước mà cha ông ta đã tiêu diệt … ở tại Tê-la-sa, có giải cứu họ được chăng?

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để chế nhạo Ê-xê-chia cùng quân đội ông. Ở đây có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Thần của các nước đã không thể giải cứu họ khỏi sự tiêu diệt của cha ông ta … Tê-la-sa!"

mà cha ông ta đã tiêu diệt

Những người này đã tiêu diệt các thành được đề cập đến bằng việc đem quân chinh phục chúng. "Cha ông ta" nói đến cha ông của vua cùng các tổ tiên khác đã làm vua. Tương tự câu "mà cha ông ta cùng quân đội mình đã tiêu diệt"

Gô-xan … Ha-ran … Rết-sép … Ê-đen … Tê-la-sa … Hê-na … Y-va

Đây là những nơi mà người A-si-ri đã chinh phục.

Vua của … Y-va ở đâu?

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để chế nhạo Ê-xê-chia cùng quân đội ông. Ở đây có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Chúng ta cũng chinh phúc vua của … Y-va!"

Ha-mát … Ạt-bát … Sê-phạt-va-im

Hãy dịch tên các thành này như cách bạn đã dịch trong ISA36:18

Isaiah 37:14

do các sứ giả trao tận tay

Các sứ giả ở đây được đề cập đến với từ "tay" của họ để nhấn mạnh rằng chính bản thân họ đã đem đến cho vua.

Tương tự câu: "mà các sứ giả đã trao cho vua"

vua liền đi lên đền thờ Đức Giê-hô-va

Đền thờ của Đức Giê-hô-va là nơi cao nhất tại Giê-ru-sa-lem, vì thế nó được nói đến như "đi lên."

trải thư ra trước mặt Đức Giê-hô-va

"trải bức thư ra ở trước mặt Đức Giê-hô-va" (UDB). Ở trong đền thờ Đức Giê-hô-va được xem như là ở trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Bức thư là một cuộn giấy có thể cuộn lại và trải ra.

là Đấng ngự trên các chê-ru-bim

Ở đây Ê-xê-chia đang nói đến sự hiện diện của Đức Giê-hô-va trong đền thờ. Tương tự câu: "là Đấng đang ở đây cùng các chê-ru-bim"

một mình Ngài là Đức Chúa Trời

"chỉ duy nhất mình Ngài là Đức Chúa Trời"

của mọi vương quốc

Ở đây mang nghĩa là có thẩm quyền và cai trị mọi vương quốc. Tương tự câu: "có quyền trên mọi vương quốc"

Chính Ngài đã tạo nên trời và đất

Ở đây nghĩa là Ngài đã tạo nên mọi vật. Tương tự câu: "Ngài đã làm nên mọi vật"

Isaiah 37:17

Thông Tin Chung:

Ê-xê-chia tiếp tục cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.

mà San-chê-ríp đã gửi đến

Ê-xê-chi đang đề cập đến bức thư từ San-chê-ríp. Tương tự câu: "trong thông điệp mà hắn đã gửi đến"

Xin nghiêng tai và nghe

"Xin hãy nghiêng qua lắng nghe" hay "Xin hãy xoay mặt Ngài." Ở đây có nghĩa là nghiêng mặt qua để có thể nghe rõ hơn.

San-chê-ríp

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã dịch trong ISA36:01

mọi xứ sở và đất đai của họ

Đây là một sự cường điệu. Các vua đã tiêu diệt nhiều vùng đất gần đó, nhưng không phải là tất cả. Tương tự câu: "nhiều quốc gia và xứ sở của họ"

Isaiah 37:19

Thông Tin Chung:

Ê-xê-chia tiếp tục cầu nguyện với Đức Giê-hô-va.

vì chúng không phải là thần, mà chỉ là sản phẩm bằng gỗ và bằng đá do tay người làm ra

Ở đây nhấn mạnh rằng chính con người đã làm nên các tượng thần bằng tay mình và vì vậy chúng là những vật vô giá trị. Tương tự câu: "bởi vì chúng là những tà thần mà con người đã làm nên bằng gỗ và đá"

khỏi tay San-chê-ríp

"khỏi quyền lực của vua A-si-ri"

mọi vương quốc

Ở đây nói đến mọi dân thuộc các vương quốc. Tương tự câu: "mọi người trong các vương quốc"

chỉ một mình Ngài là Đức Giê-hô-va

"chỉ một mình Ngài, Đức Giê-hô-và, là Đức Chúa Trời"

Isaiah 37:21

sai người đến

Ở đây có nghĩa là ông đã sai một sứ giả đến để tâu với vua. Tương tự câu: "sai ai đó đem một thông điệp đến"

là lời Đức Giê-hô-va đã phán

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"là điều Đức Giê-hô-va đã phán"

chế nhạo ngươi

"cười chê ngươi" hay "lấy ngươi làm trò cười"

lắc đầu

Đây là một cử chỉ của sự khinh bỉ.

Trinh nữ Si-ôn ... con gái Giê-ru-sa-lem

Cả hai cụm từ này đều có cùng một ý nghĩa. "Con gái" của một thành có nghĩa là dân sự sống trong thành đó. Hãy xem cách bạn đã dịch một cụm từ tương đương trong ISA01:07

Ngươi đã phỉ báng và xúc phạm đến ai? ... chống lại Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên sao.

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi tu từ này để chế nhạo vua A-si-ri. Những câu này có thể được viết lại như câu khẳng định. Tương tự câu: "Ngươi đã phỉ bang và xúc phạm Đức Giê-hô-va, ngươi đã lớn tiếng và hành động cách đầy kiêu ngạo chống lại Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên!"

ngươi đã lên giọng

Ở đây ngụ ý đến việc nói lớn tiếng như thể giọng nói của một người là một vật thể mà có thể nâng cao lên. Tương tự câu: "ngươi đã lớn tiếng"

ngước mắt tự cao

Cụm từ này có nghĩa là nhìn vào điều gì đó cách kiêu ngạo, xem chính mình là quan trọng. Tương tự câu: "đã nhìn cách kiêu ngạo" hay "đã hành động cách tự cao"

Isaiah 37:24

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục sứ điệp của Đức Giê-hô-va đến với vua A-si-ri.

dùng các thuộc hạ

Ở đây nói đến các tôi tớ mà vua đã sai đến tâu với Ê-xê-chia. Câu nầy có thể được trình bày lại rõ ràng hơn. Tương tự câu: "Trong thông điệp mà ngươi sai các tôi tớ ngươi đem đến"

Ta lên ... Ta sẽ đốn ... Ta sẽ đến ... Ta đã đào giếng ... Ta đã làm cạn khô ... đôi bàn chân của ta

Ở đây San-chê-ríp nói rằng chính mình sẽ chinh phục được nhiều điều. Vua đang thật sự chinh phục chúng bằng quân đội và xe ngựa của mình. Tương tự câu: "Chúng ta lên ... chúng ta sẽ đốn ... chúng ta sẽ đến ... Chúng ta đã đào giếng ... chúng ta đã làm cạn khô ... đôi bàn chân chúng ta"

những cây bá hương cao hơn hết

"Những cây bá hương cao của Li-ban"

rừng cây rậm rạp

Ở đây từ "rậm rạp" nói đến một khu rừng dày đặc và đầy những cây cao lớn. Cũng vậy, những từ thiếu ở đây có thể được thêm vào. Tương tự câu: "và vào trong khu rừng rậm rạp nhất"

Ta đã làm cạn khô mọi sông ngòi Ai Cập với đôi bàn chân của ta

Ở đây San-chê-ríp đang phóng đại sự chinh phục của vua qua các sông ngòi Ai Cập bằng việc tự cho là mình đã làm cạn khô các sông ngòi khi vua hành quân cùng quân đội mình qua đó. Tương tự câu: "Ta đã hành quân qua mọi sông ngòi của Ai Cập như thể chúng đã khô cạn dưới chân ta"

Isaiah 37:26

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục sứ điệp của Đức Giê-hô-va dành cho vua A-si-ri.

Có phải ngươi không hề nghe rằng ... từ xa xưa

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi tu từ này để nhắc cho San-chê-ríp nhớ về những điều mà vua nên nhận thấy. Câu này có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Chắc rằng ngươi đã nghe .. từ xa xưa."

Để ngươi biến các thành kiên cố ra những đống đổ nát hoang tàn

Đức Giê-hô-va đã lập kế hoạch cho quân đội của San-chê-ríp đến hủy phá các thành mà họ đã hủy phá. Câu nầy có thể được trình bày rõ ràng hơn. Tương tự câu: "Ta đã định rằng quân đội ngươi sẽ hủy diệt các thành và khiến cho chúng trở nên những đống đổ nát"

kiên cố

Được canh gác bền vững và chắc chắn

phải bó tay

"những người yếu đuối"

khiếp sợ

"nản lòng"

Nay Ta khiến nó xảy ra

"Khiến nó xảy ra" có nghĩa là sẽ làm một điều gì đó đặc biệt xảy ra. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến cho nó xảy ra" hay " Ta sẽ khiến mọi thứ diễn ra đúng như vậy"

Như cỏ xanh đồng nội cúi rạp trước trận bão, như rêu vừa mọc trên mái nhà đã bị gió thổi tốc đi

Ở đây nói đến sự yếu đuối và dễ bị công kích của các thành trước quân đội A-si-ri là thể nào bằng cách so sánh các thành như là cây cỏ. Tương tự câu: "Các thành yếu đuối như cây cỏ ngoài đồng trước quân đội ngươi. Chúng yếu như cỏ non mọc trên mái nhà và khô héo trước ngọn gió đông."

gió thổi tốc đi

Gió đông là gió nóng và khô đến từ hoang mạc và khiến cho các cây chết héo khi nó thổi qua.

Isaiah 37:28

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục sứ điệp của Đức Giê-hô-va dành cho vua A-si-ri.

Nhưng Ta biết khi ngươi ngồi, lúc ngươi đứng; khi ngươi ra, lúc ngươi vào

Ở đây nói đến tất cả những sinh hoạt trong cuộc sống. Tương tự câu: "Ta biết mọi điều ngươi làm"

và ngay cả khi ngươi điên cuồng chống lại Ta

Từ "điên cuồng" có thể được diễn đạt như một động từ. Tương tự câu: "cách mà ngươi giận dữ chống lại Ta"

lời ngạo mạn của ngươi

"Lời ngạo mạn" của vua ở đây tức là những lời nói kiêu ngạo của vua. Tương tự câu: "những lời nói kiêu ngạo của ngươi"

và lời ngạo mạn của ngươi đã thấu đến tai Ta

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va đã nghe những lời của vua như thể những lời đó là một vật có thể đi đến tai của Ngài. Tương tự câu: "Ta đã nghe ngươi nói cách ngạo mạn"

Nên Ta móc khoen vào mũi ngươi, tra hàm thiếc vào miệng ngươi

Người ta dùng một cái khoen và hàm thiếc để dắt một con vật đi vòng quanh. Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ điều khiển vua như là một con vật mà Đức Giê-hô-va dắt đi bằng khoen và hàm thiết. Tương tự câu: "Ta sẽ điều khiển ngươi như một người dắt con vật mình bằng cách đặt vào mũi nó một cái móc khoen và tra vào miệng nó một cái hàm thiếc"

Ta sẽ khiến ngươi phải trở về theo con đường mà ngươi đã đến

Ở đây nói đến việc khiến cho vua sẽ trở về xứ sở của mình. Tương tự câu: "Ta sẽ buộc ngươi phải trở về đất nước mình"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 37:30
Thông Tin Chung:
Ở đây tiếp tục sứ điệp của Đức Giê-hô-va dành cho Ê-xê-chia. (Xem: ISA37:21
dấu hiệu cho con
"Hỡi Ê-xê-chia, đây là dấu hiệu cho con." Ở đây "con" là số ít và nói đến Ê-xê-chia.
các con sẽ ăn ... hãy gieo và gặt, trồng nho và ăn trái
"Các con" ở đây là số nhiều và nói đến dân Giu-đa.
năm thứ nhì
"năm thứ hai"
Năm thứ nhì ăn sản vật mọc lên
Những từ thiếu có thể được thêm vào. Tương tự câu: "trong năm thứ nhì ngươi sẽ ăn những sản vật mọc lên"
sản vật mọc lên do hạt giống tự rơi
"sản vật tự mọc lên" hay "sản vật mọc hoang"
Isaiah 37:31
Thông Tin Chung:
Ở đây tiếp tục sứ điệp của Đức Giê-hô-va đến với Ê-xê-chia.
còn sống sót
"Sống sót" là một phần của thứ gì đó còn lại sau khi những cái khác đã đi. Ở đây nói đến những người còn sót lại tại Giu-đa.
nhà Giu-đa
Ở đây "nhà" của Giu-đa tức là dòng dõi của ông. Tương tự câu: "dòng dõi của Giu-đa"
sẽ tiếp tục đâm rễ ở dưới và ra trái ở trên
Ở đây nói rằng dân Giu-đa sẽ trở nên thịnh vượng như những cây có rễ đâm ở dưới và ra trái ở trên. Tương tự câu: "sẽ thịnh vượng như một cây đâm rễ và ra trái"
Vì sẽ có dân sót lại đi ra từ Giê-ru-sa-lem, và nhóm người trốn thoát ra từ núi Si-ôn
Hai cụm từ này có cùng một ý nghĩa và được đùng kết hợp với nhau để nhấn mạnh rằng những người còn lại của dấn sự sẽ được sống sót.
Lòng sốt sắng của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ thực hiện điều đó
Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm điều gì đó bởi vì lòng sốt sắng của Ngài như thể "lòng sốt sắng của Ngài" thật sự đã tạo nên hành động. Tương tự câu: "Bởi vì lòng sốt sắng của Ngài, Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm điều này" hoặc "Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm điều này bởi vì lòng sốt sắng của Ngài"
Isaiah 37:33
Nó sẽ không vào được thành nầy ... Không vào thành nầy được đâu
Vua A-si-ri ở đây tức là cả vua và quân đội vua. Tương tự câu: "Quân đội vua sẽ không vào được ... chúng cũng sẽ không vào được đâu"
dùng khiên
"dùng những khiên"
lũy
một gò đất lớn để chống tường thành hầu cho quân đội có thể dễ tấn công thành hơn
nó sẽ theo con đường mình đã đến ... không vào
Vua A-si-ri ở đây tượng trưng cho cả vua và quân đội mình. Tương tự câu: "chúng đã đến ... chúng sẽ không vào"
Đức Giê-hô-va phán vậy
Ở đây có thể được diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "phán" có thể được diễn đạt như động từ "phán cách uy nghiêm" Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA14:21
Isaiah 37:35
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
vì
"mục tiêu"
Isaiah 37:36
giết
Ở đây có nghĩa là tiêu diệt. Tương tự câu: "tiêu diệt"
San-chê-ríp, vua A-si-ri, rút quân về, và ở tại Ni-ni-ve
San-chê-ríp ở đây tức là cả vua và quân đội vua. Chúng đã rời khỏi Y-sơ-ra-ên và trở về A-si-ri. San-chê-ríp đã trở về thành Ni-ni-ve. Tương tự câu: "San-chê-ríp và quân đội mình rời khỏi Y-sơ-ra-ên và trở về, San-chê-ríp ở tại Ni-ni-ve."
San-chê-ríp
Hãy dịch tên vua này như cách bạn đã dịch trong ISA36:01
Isaiah 37:38
khi vua San-chê-ríp đang cúi lạy
"khi San-chê-ríp đang thờ lạy"
Nít-róc
Đây là tên của một tà thần.
A-tra-mê-léc ... Sa-rết-se ... Ê-sạt-ha-đôn
Đây là tên của những người nam.
dùng gươm
"dùng gươm của chúng"

Translation Questions

Isaiah 37:1
Ê-xê-chia đã làm gì khi nghe tin từ Ê-li-a-kim, Sép-na và Giô-a?
Vua Ê-xê-chia liền xé áo mình, mặc áo bao gai và đi vào đền thờ Đức Giê-hô-va. Vua cũng sai Ê-li-a-kim, Sép-na và các thầy tế lễ cao niên mặc áo bao gai đến gặp nhà tiên tri Ê-sai.
Isaiah 37:2
Ê-xê-chia đã làm gì khi nghe tin từ Ê-li-a-kim, Sép-na và Giô-a?
Vua Ê-xê-chia liền xé áo mình, mặc áo bao gai và đi vào đền thờ Đức Giê-hô-va. Vua cũng sai Ê-li-a-kim, Sép-na và các thầy tế lễ cao niên mặc áo bao gai đến gặp nhà tiên tri Ê-sai.
Isaiah 37:4
Vua Ê-xê-chia đã cầu xin Ê-sai làm gì?
Vua đã cầu xin Ê-sai cầu nguyện với Đức Giê-hô-va cho những người còn sót lại đây.
Isaiah 37:6
Sứ điệp Ê-sai đã truyền cho các đầy tớ của vua Ê-xê-chia để họ về tâu lại cho chủ mình là gì?
Sứ điệp của Ê-sai truyền cho Ê-xê-chi-ên là đừng sợ những lời mà các đầy tớ của vua A-sy-ri, là Ráp-sa-kê. Đức Giê-hô-va sẽ đặt một thần linh trong vua A-sy-ri, khiến nó nghe tin đồn mà rút quân về nước và nó sẽ bị ngã chết dưới lưỡi gươm tại đó.
Isaiah 37:7
Sứ điệp Ê-sai đã truyền cho các đầy tớ của vua Ê-xê-chia để họ về tâu lại cho chủ mình là gì?
Sứ điệp của Ê-sai truyền cho Ê-xê-chi-ên là đừng sợ những lời mà các đầy tớ của vua A-sy-ri, là Ráp-sa-kê. Đức Giê-hô-va sẽ đặt một thần linh trong vua A-sy-ri, khiến nó nghe tin

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đồn mà rút quân về nước và nó sẽ bị ngã chết dưới lưỡi gươm tại đó.
Isaiah 37:10
Sau khi vua của A-sy-ri hay tin Tiệt-ha-ca , vua của Ê-thi-ô-bi đang kéo quân giao chiến với mình, thì vua A-sy-ri đã truyền dặn gì đến Ê-xê-chia?
Vua A-sy-ri dặn Ê-xê-chia là đừng để Đức Chúa Trời lừa dối Ê-xê-chia bằng cách nói rằng, Giê-ru-sa-lem sẽ không rơi vào tay vua A-sy-ri đâu.
Isaiah 37:14
Ê-xê-chia đã làm gì sau khi nhận được bức thư của vua A-sy-ri và đọc nó?
Ê-xê-chia liền đi lên đền thờ Đức Giê-hô-va và trải thư ra và câu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.
Isaiah 37:15
Ê-xê-chia đã làm gì sau khi nhận được bức thư của vua A-sy-ri và đọc nó?
Ê-xê-chia liền đi lên đền thờ Đức Giê-hô-va và trải thư ra và câu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.
Isaiah 37:17
Ê-xê-chia đã cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va làm gì?
Trước hết, Ê-xê-chia xin Đức Giê-hô-va nghiêng tai và nghe, xin mở mắt và xem mọi lời mà San-chê-ríp đã gửi đến. Thứ hai, Ê-xê-chia xin Đức Giê-hô-va giải cứu Giê-ru-sa-lem khỏi tay San-chê-ríp.
Isaiah 37:20
Ê-xê-chia đã cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va làm gì?
Trước hết, Ê-xê-chia xin Đức Giê-hô-va nghiêng tai và nghe, xin mở mắt và xem mọi lời mà San-chê-ríp đã gửi đến. Thứ hai, Ê-xê-chia xin Đức Giê-hô-va giải cứu Giê-ru-sa-lem khỏi tay San-chê-ríp.
Lý do nào của Ê-xê-chia làm động lực khiến Đức Giê-hô-va giải cứu Giê-ru-sa-lem khỏi San-chê-ríp?
Ê-xê-chia muốn Đức Giê-hô-va giải cứu Giê-ru-sa-lem khỏi San-chê-ríp, để mọi vương quốc trên đất đều biết rằng chỉ có một mình Giê-hô-va là Đức Chúa Trời.
Isaiah 37:21
Đức Giê-hô-va đáp lại lời cầu nguyện của Ê-xê-chia như thế nào?
Đức Giê-hô-va đáp lại bằng cách gửi một sứ điệp đến Ê-xê-chia qua Ê-sai.
Isaiah 37:23
Trong sứ điệp của Đức Giê-hô-va gửi đến cho Ê-xê-chia thì Đức Giê-hô-va phán San-chê-ríp đã làm sai điều gì?
Đức Giê-hô-va phán rằng San-chê-ríp đã phỉ báng và xúc phạm, đã lên giọng và ngước mắt tự cao chống lại Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 37:26
Đức Giê-hô-va đã định việc gì từ lâu và hoạch định gì từ xa xưa?
Ngài đã định và hoạch định rằng việc San-chê-ríp sẽ biến các thành kiên cố ra thành những đống đổ nát hoang tàn.
Isaiah 37:28
Đức Giê-hô-va còn biết gì San-chê-ríp?
Đức Giê-hô-va biết khi San-chê-ríp ngồi, lúc đứng, khi đi, lúc đi vào và ngay cả cơn điên cuồng của ông nghịch cùng Đức Giê-hô-va.
Isaiah 37:29
Kết quả cho sự điên cuồng của San-chê-ríp nghịch cùng Đức Giê-hô-va là gì?
Đức Giê-hô-va khiến San-chê-ríp phải trở về theo con đường mà ông đã đến.
Isaiah 37:33
Đức Giê-hô-va đã phán gì về vua A-sy-ri liên quan Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va phán về vua A-sy-ri sẽ không vào được thành Giê-ru-sa-lem, sẽ chẳng bắn vào đó một mũi tên nào, cũng chẳng dùng khiên hay đắp lũy mà tấn công thành.
Isaiah 37:34
Đức Giê-hô-va đã phán gì về vua A-sy-ri liên quan Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va phán về vua A-sy-ri sẽ không vào được thành Giê-ru-sa-lem, sẽ chẳng bắn vào đó một mũi tên nào, cũng chẳng dùng khiên hay đắp lũy mà tấn công thành.
Isaiah 37:35
Lý do nào mà Đức Giê-hô-va đã ban sự bảo vệ và sự cứu rỗi cho Giê-ru-sa-lem?
Ngài phán Ngài sẽ bảo vệ và giải cứu Giê-ru-sa-lem vì chính Ngài và vì Đa-vít, đầy tớ của Ngài.
Isaiah 37:36
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đã làm gì?
Thiên sứ đã vào trại quân và giết một trăn tám mươi lăm nghìn người trong trại của người A-sy-ri.
Isaiah 37:38
Chuyện gì đã xảy ra với San-chê-ríp sau khi vua rút quân về và ở tại Ni-ni-ve?
Trong khi đang cúi lạy thần của mình trong đền thờ Nít-róc, thì các con trai của vua là A-tra-mê-léc và Sa-rết-se dùng gươm giết vua San-chê-ríp.

Chapter 38
Isaiah 38:1
Hãy sắp đặt việc nhà của con
Ở đây có nghĩa là chuẩn bị sắp đặt cho gia đình con và những người có trách nhiệm trong mọi công việc để họ biết phải làm gì sau khi con qua đời. Ở đây có thể được viết lại rõ ràng hơn. Tương tự câu: "Con nên nói với mọi người trong cung điện mọi điều con muốn họ làm sau khi con qua đời"
xin nhớ lại
Ở đây có nghĩa là nhớ về. Tương tự câu: "hãy nhớ"
vẫn bước đi trước mặt Ngài cách trung tín
"Bước đi" ở đây có nghĩa là "sống." Cụm từ này có nghĩa là sống trong đường lối đẹp lòng Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "đã sống cách trung tín trước mặt Ngài" hay "đã hầu việc Ngài cách trung tín"
hết lòng
Ở đây "lòng" tức là phần nội tâm bên trong tượng trưng cho sự chân thành trọn vẹn của một người. Tương tự câu: "với tất cả mọi điều bên trong con"
điều thiện dưới mắt Ngài
Cụm từ "dưới mắt Ngài" ở đây tức là điều mà Đức Giê-hô-va suy nghĩ. Tương tự câu: "điều làm đẹp lòng Ngài" hay "điều mà Ngài xem là thiện"
Isaiah 38:4
có lời Đức Giê-hô-va phán
Ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã truyền phán sứ điệp Ngài. Đức Giê-hô-va đã không đưa cho ông bất kỳ mẫu giấy nào, đúng hơn là Ngài truyền đạt sứ điệp của Ngài đến với

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lòng của Ê-sai. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã phán lời Ngài"

Nầy

Cụm từ này được dùng để thu hút sự lắng nghe về điều sắp được nói đến. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

mười lăm năm

"15 năm"

tay vua A-si-ri

"Tay" của vua ở đây tượng trưng cho quyền lực của vua. Tương tự câu: "quyền lực của vua A-si-ri"

Isaiah 38:7

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ê-xê-chia.

Nầy

Đức Giê-hô-va dùng từ này để thu hút sự chú ý của người nghe về điều sắp nói đến. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

các bậc của đồng hồ mặt trời của A-cha

Các bậc của đồng hồ mặt trời được đề cập đến ở đây bởi vì chúng được xây trong thời vua A-cha.

Isaiah 38:9

giữa chừng cuộc đời

"trước khi tôi về già." Ở đây nói đến sự chết vào lúc tuổi trung niên, trước khi về già.

bị tiêu mất nơi các cửa âm phủ

"vào Âm-phủ"

Tôi bị tiêu mất nơi các cửa âm phủ

Ở đây nói đến sự chết và đi đến Âm phủ. Cụm từ này có thể được dịch như một câu hỏi tu từ. Tương tự câu: "Tôi sẽ chết và đi đến các cửa âm phủ" hay "Tôi sẽ chết trước khi về già và đi vào nơi Âm phủ sao?"

Tôi phải ra đi; những năm còn lại của đời tôi

"trước khi sống trọn các năm của đời tôi, tôi sẽ phải đi đến nơi mồ mả." Cụm từ này có thể được dịch như một câu hỏi tu từ. Tương tự câu: "Tôi sẽ đến đó trước khi tôi sống trọn các năm của đời tôi sao?"

ở trên đất người sống

"Người sống" tức là những người đang sống. Tương tự câu: "ở trên đất những người đang sống" hay "trên thế gian nơi mọi người đang sống"

Isaiah 38:12

Thông Tin Chung:

Ê-xê-chia tiếp tục viết lời cầu nguyện của mình.

Nơi ở của tôi bị nhổ lên và dời xa khỏi tôi như cái lều của người chăn chiên

Ở đây nói đến cách Đức Giê-hô-va sẽ kết thúc cuộc đời của Ê-xê-chia nhanh chóng bằng việc so sánh nó với cách người chăn dời lều mình khỏi đất. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã cất mạng sống tôi đi cách nhanh chóng như một người chăn xếp lều mình lại và mang đi"

Nơi ở của tôi bị nhổ lên

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã cất lấy mạng sống tôi"

Tôi cuốn đời tôi như thợ dệt cuốn vải; Chúa cắt tôi khỏi khung cửi

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ sớm kết thúc cuộc đời của Ê-xê-chia bằng việc so sánh nó với cách một người thợ dệt cắt vải khỏi khung cửi và cuốn nó lại. Tương tự câu: "Chúa dã cất lấy mạng sống tôi cách nhanh chóng, như một người thợ dệt cắt vải mình khỏi khung cửi khi đã xong công việc"

Chúa cắt

Ở đây từ "Chúa" là số ít và nói đến Đức Chúa Trời.

khung cửi

một thiết bị được dùng để dệt vải

Ngài đã xé tất cả xương tôi như sư tử

Ê-xê-chia nói về sự đau đớn cùng cực của mình bằng cách so sánh nó như việc thân thể mình bị xé nát bởi sư tử. Tương tự câu: "sự đau đớn của tôi giống như thể thân mình bị xé nát bởi sư tử" (UDB)

Isaiah 38:14

Thông Tin Chung:

Ê-xê-chia tiếp tục viết lời cầu nguyện của mình.

Tôi rầm rì như chim hạc, chim yến; Gù gù như chim bồ câu

Cả hai cụm từ trên đều có nghĩa như nhau và nhấn mạnh lòng buồn rầu cùng sự thương tâm trong tiếng khóc của Ê-xê-chia. Hạt và bồ câu là những loài chim. Tương tự câu: "Tiếng khóc của tôi đầy thương tâm - chúng nghe như tiếng kêu của chim hạt và tiếng gù của chim bồ câu"

mắt tôi

Ở đây Ê-xê-chia nói "mắt" tôi khi đề cập đến chính mình để nhấn mạnh rằng ông đang trông mong điều gì đó. Tương tự câu: "Tôi"

nhìn lên cao

Ở đây nói đến việc Ê-xê-chia nhìn hướng lên trời để tìm kiếm sự giúp đỡ từ Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "trông chờ sự giúp đỡ từ trời" hay "trông chờ Ngài cứu giúp con"

Con đang trong cơn khốn đốn

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Bệnh tật đã áp hãm tôi"

Con biết nói gì đây?

Ê-xê-chia dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông chẳng còn gì để nói. Ở đây có thể được viết như một lời khẳng định. Tương tự câu: "Tôi chẳng còn gì để nói."

Con sẽ bước đi cách khiêm nhường

"Bước đi" ở đây nói đến cách sống. Tương tự câu: "Tôi sẽ khiêm nhường"

suốt đời

Ở đây nói đến cuối đời ông. Tương tự câu: "trọn đời tôi"

vì tâm hồn con đầy nỗi đắng cay

"bởi vì tôi đầy sự cay đắng" hay "vì tôi đang rất đau buồn"

Isaiah 38:16

Thông Tin Chung:

Ê-xê-chia tiếp tục viết lời cầu nguyện của mình.

xin Chúa chữa lành cho con và bảo tồn sự sống của con

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "xin Chúa cho con được bảo tồn sự sống"

khỏi hầm hủy diệt

Ê-xê-chia đã không chết nhưng ông đã hấp hối. Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ cứu ông khỏi cơn hấp hối. Tương tự câu: "khỏi sự chết và đến hầm hủy diệt" hay "để tôi khỏi chết"

vì Chúa đã ném mọi tội lỗi tôi ra sau lưng Ngài

Ê-xê-chia nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ mọi tội lỗi ông như thể chúng là những vật thể mà Đức Giê-hô-va đã ném ra sau lưng Ngài và quên nó đi. Tương tự câu: "vì Ngài đã tha thứ mọi tội lỗi tôi và không còn nghĩ đến chúng nữa"

Isaiah 38:18

Thông Tin Chung:

Ê-xê-chia tiếp tục viết lời cầu nguyện của mình.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vì âm phủ không thể cảm tạ Chúa, sự chết không thể ca ngợi Ngài
"Âm phủ" và "sự chết" ở đây nói đến "những người đã chết." Tương tự câu: "Vì những kẻ ở nơi âm phủ không thể cảm tạ Chúa; những kẻ đã chết cũng không thể ca ngợi Ngài"
những kẻ đã xuống mồ
"những kẻ đã đi xuống mồ mả"
không còn hi vọng nơi sự thành tín của Ngài nữa
"không có hy vọng nơi sự thành tín của Ngài nữa." Ở đây "Ngài" ở số nhiều và nói đến Đức Giê-hô-va.
Người sống, chỉ có người sống
Ê-xê-chia lặp lại cụm từ này để nhấn mạnh rằng chỉ có người sống, không phải người chết, mới có thể cảm tạ Đức Giê-hô-va. (
Isaiah 38:20
Thông Tin Chung:
Ê-xê-chia tiếp tục viết lời cầu nguyện của mình.
cứu rỗi tôi
Ở đây có thể được viết lại rõ ràng hơn. Tương tự câu: "cứu tôi khỏi sự chết"
chúng tôi sẽ đàn và hát
Ở đây "chúng tôi" tức là Ê-xê-chia và dân Giu-đa.
Isaiah 38:21
Vả
Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự gián đoạn trong cốt truyện chính. Ở đây nói đến thông tin chung về Ê-sai và Ê-xê-chia.
Hãy
"Các đầy tớ của Ê-xê-chia hãy"
một cái bánh trái vả
Ở đây được dùng như thuốc mỡ. Tương tự câu: "hãy dùng thuốc mỡ từ những trái vả được nghiền nát"
chỗ ung độc
chỗ đau trên da đã bị nhiễm trùng

Translation Questions

Isaiah 38:1
Trong những ngày đó, chuyện gì đã xảy ra với Ê-xê-chia?
Ông đã lâm bệnh và sắp chết.
Ê-sai nói gì với Ê-xê-chia?
Ê-sai nói với Ê-xê-chia, "Đức Giê-hô-va phán thế này: Hãy sắp đặt việc nhà của con vì con sắp chết, và không sống được nữa."
Isaiah 38:3
Ê-xê-chia đã làm gì sau khi nhận được sứ điệp của Đức Giê-hô-va qua Ê-sai?
Ông cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, cầu xin Đức Giê-hô-va nhớ lại rằng ông vẫn bước đi trước mặt Ngài cách trung tín hết lòng, và làm điều thiện dưới mắt Ngài. và Ê-xê-chia đã khóc lớn.
Isaiah 38:5
Đức Giê-hô-va phán gì với Ê-sai để ông nói lại cho Ê-xê-chia?
Ông nói với Ê-xê-chia rằng ông đã nghe lời cầu nguyện và thấy nước mắt của vua. Đức Giê-hô-va phán rằng Ê-xê-chia sẽ sống thêm mười lăm năm nữa, Ngài sẽ giải cứu Ê-xê-chia và Giê-ru-sa-lem ra khỏi tay vua A-sy-ri và bảo vệ thành Giê-ru-sa-lem.
Isaiah 38:6
Đức Giê-hô-va phán gì với Ê-sai để ông nói lại cho Ê-xê-chia?
Ông nói với Ê-xê-chia rằng ông đã nghe lời cầu nguyện và thấy nước mắt của vua. Đức Giê-hô-va phán rằng Ê-xê-chia sẽ sống thêm mười lăm năm nữa, Ngài sẽ giải cứu Ê-xê-chia và Giê-ru-sa-lem ra khỏi tay vua A-sy-ri và bảo vệ thành Giê-ru-sa-lem.
Isaiah 38:8
Dấu hiệu mà Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm để Ê-xê-chia biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ thực hiện điều Ngài đã phán hứa là gì?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm cho bóng mặt trời chiếu xuống các bậc của đồng hồ mặt trời của A-cha lùi lại mười bậc.
Isaiah 38:10
Trong lời cầu nguyện của Ê-xê-chia, ông đã nói điều gì sẽ xảy ra ở giữa chừng cuộc đời ông?
Ông nói ông sẽ đi qua nơi các cửa âm phủ.
Isaiah 38:11
Khi bắt đầu cầu nguyện, Ê-xê-chia đã nói gì về Đức Giê-hô-va?
Ê-xê-chia nói rằng ông sẽ chẳng còn thấy Đức Giê-hô-va ở trên đất người sống nữa.
Isaiah 38:16
Ê-xê-chia đã nói gì với Chúa về những đau khổ và nỗi đắng cay của mình?
Ê-xê-chia nói rằng những đau khổ mà Chúa đưa đến là điều tốt lành dành cho ông và vì lợi ích của Ê-xê-chia mà ông đã trải qua nỗi đau như vậy.
Isaiah 38:17
Ê-xê-chia đã nói gì với Chúa về những đau khổ và nỗi đắng cay của mình?
Ê-xê-chia nói rằng những đau khổ mà Chúa đưa đến là điều tốt lành dành cho ông và vì lợi ích của Ê-xê-chia mà ông đã trải qua nỗi đau như vậy.
Ê-xê-cha nói Chúa đã làm gì với tội lỗi của ông?
Ê-xê-chia nói rằng Chúa đã ném mọi tội lỗi ông ra sau lưng Ngài.
Isaiah 38:20
Ê-xê-chia sẽ mừng rỡ như thế nào về Đức Giê-hô-va là Đấng cứu rỗi ông?
Ê-xê-chia sẽ đàn và hát trong nhà Đức Giê-hô-va trọn đời ông.
Isaiah 38:21
Ê-sai nói ông sẽ làm gì để Ê-xê-chia có thể phục hồi?
Ông nói, "Hãy lấy một cái bánh trái vả đắp trên chỗ ung độc thì vua sẽ sống".

Chapter 39
Isaiah 39:1
Mê-rô-đác Ba-la-đan ... Ba-la-đan
Đây là tên những người nam.
Ê-xê-chia chào mừng các sứ thần
Ở đây có thể được giải thích rõ ràng. Tương tự câu: "Khi các sứ giả của vua đến, Ê-xê-chia đã rất vui về những quà tặng mà họ mang đến" (
cho họ xem kho báu của vua như vàng bạc, hương liệu,dầu quý, tất cả kho vũ khí và mọi vật trong các kho tàng
"Vua đã chỉ cho các sứ giả thấy mọi thứ giá trị mà vua có"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

kho tàng
một tòa nhà chứa mọi thứ hàng hóa
mọi vật trong các kho tàng
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "mọi thứ trong các kho tàng mình"
Chẳng có vật gì trong cung điện và trong toàn lãnh thổ mà Ê-xê-chia không cho họ xem
Đây là một phép cường điệu nhẹ khi Ê-xê-chia cho họ xem nhiều thứ, những không có nghĩa là mọi thứ. Cũng như vậy, ở đây có thể được diễn đạt cách quả quyết. Tương tự câu: "Ê-xê-chia đã chỉ cho họ mọi thứ trong nhà và trong vương quốc mình"
Isaiah 39:3
Họ đã xem tất cả những gì có trong cung điện của ta. Chẳng vật gì trong các kho tàng mà ta không cho họ xem
Hai câu này mang cùng một ý nghĩa và được kết hợp với nhau để nhấn mạnh rằng Ê-xê-chia đã cho họ xem nhiều đến thế nào.
tất cả những gì có trong cung điện của ta
Đây là một cách nói phóng đại nhẹ khi Ê-xê-chia chỉ cho họ xem nhiều thứ, nhưng không phải là tất cả mọi thứ trong cung điện. Tương tự câu: "hầu hết mọi thứ trong cung điện ta"
Chẳng vật gì trong các kho tàng mà ta không cho họ xem
Câu này có thể được trình bày rõ ràng. Tương tự câu: "Ta đã cho họ xem mọi thứ quý giá trong cung điện của ta"
Isaiah 39:5
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy dịch cụm từ này tương tự như bạn đã dịch trong ISA01:09
lời
"sứ điệp"
Nầy
Từ này được dùng ở đây như một cách diễn đạt để thu hút sự chú ý của Ê-xê-chia vào điều sắp nói. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"
trong những ngày đến, mọi vật trong cung điện của con ... đều sẽ bị đem qua Ba-by-lôn
Câu này có thể được trình bày một cách rõ ràng. Tương tự câu: "khi quân đội kẻ thù sẽ lấy mọi thứ trong cung điện con ... mang về Ba-by-lôn"
Isaiah 39:7
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói về sứ điệp của Đức Giê-hô-va cho Ê-xê-chia.
các con ruột của con, do chính con sinh ra
"các con trai con"
một số sẽ bị bắt đi
"Người Ba-by-lôn sẽ bắt họ đi"

Translation Questions

Isaiah 39:1
Ai đã gửi thư và quà tặng cho vua Ê-xê-chia?
Mê-rô-đác Ba-la-đan, con của vua Ba-la-đan, vua của Ba-by-lôn đã gửi thư và quà tặng cho Ê-xê-chia.
Isaiah 39:2
Ê-xê-chia đã làm gì với những người mang thư và quà tặng từ Mê-rô-đác Ba-la-đan?
Ê-xê-chia cho họ xem kho báu của vua như - vàng bạc, hương liệu, dầu quý, tất cả kho vũ khí và mọi vật trong kho vua. Ê-xê-chia cho họ xem mọi thứ trong cung điện và trong toàn lãnh thổ của vua.
Isaiah 39:3
Ê-sai hỏi Ê-xê-chia điều gì?
Ông hỏi Ê-xê-chia, những người ấy đã nói gì với vua và họ đến từ đâu, họ đã xem gì trong cung vua.
Isaiah 39:4
Ê-sai hỏi Ê-xê-chia điều gì?
Ông hỏi Ê-xê-chia, những người ấy đã nói gì với vua và họ đến từ đâu, họ đã xem gì trong cung vua.
Isaiah 39:5
Ê-sai nói gì với Ê-xê-chia về Ba-by-lôn?
Đức Giê-hô-va nói cùng Ê-xê-chia rằng mọi vật mà tổ tiên ông đã chưa trong kho cho đến ngày nay, sẽ dời sang Ba-by-lôn.
Isaiah 39:6
Ê-sai nói gì với Ê-xê-chia về Ba-by-lôn?
Đức Giê-hô-va nói cùng Ê-xê-chia rằng mọi vật mà tổ tiên ông đã chưa trong kho cho đến ngày nay, sẽ dời sang Ba-by-lôn.
Isaiah 39:8
Tại sao Ê-xê-chia lại nghĩ lời của Đức Giê-hô-va mà Ê-sai vừa thuật lại cho ông nghe đó là tốt?
Ông nghĩ nó tốt bởi vì ông cho rằng ông sẽ được bình yên và lẽ thật trong những ngày ông con sống.

Chapter 40
Isaiah 40:1
Hãy an ủi, hãy an ủi
Từ "an ủi" được lặp đi lặp lại để nhấn mạnh.
Đức Chúa Trời của các ngươi phán
Ở đây từ "các ngươi" ở số nhiều và nói đến những người mà vị tiên tri nói với họ rằng hãy an ủi con dân Chúa.
Hãy nói cho thấu lòng Giê-ru-sa-lem
Tiên tri nói về Giê-ru-sa-lem như thể đó là một nữ mà Đức Giê-hô-va đã tha thứ cho. Như vậy, Giê-ru-sa-lem tượng trưng cho những người dân sống trong thành. Tương tự câu: "Hãy nói cho thấu lòng người dân Giê-ru-sa-lem"
Rao rằng ... cuộc chiến của nó... tội lỗi nó ... nó đã chịu ... mọi tội lỗi của mình
Những đại từ này thay cho Giê-ru-sa-lem nhưng có thể được thay đổi nếu "người dân Giê-ru-sa-lem" được sử dụng trong bản dịch. Tương tự câu: "hãy rao với chúng rằng ... cuộc chiến của chúng ... tội lỗi của chúng ... chúng đã phải chịu ... mọi tội lỗi chúng"
cuộc chiến của nó
Các nghĩa có thể mà từ "cuộc chiến" có thể nói đến là 1) trận chiến quân sự hoặc là 2) lao động nô dịch.
tội lỗi nó đã được tha
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã tha thứ tội lỗi của nó"
từ tay Đức Giê-hô-va
Ở đây từ "tay" thay cho chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"từ Đức Giê-hô-va"
Isaiah 40:3
Có tiếng kêu lên
Từ "tiếng" thay cho người đang kêu lên. Tương tự câu: "Ai đó kêu lên"
Trong hoang mạc: Hãy mở một con đường cho Đức Giê-hô-va; Hãy dọn thẳng đường cái trong đồng hoang cho Đức Chúa Trời chúng ta!
Hai cụm từ này tương đương nhau và mang cùng một ý nghĩa. Mọi người chuẩn bị chính mình để chờ sự cứu giúp của Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ đã chuẩn bị con đường cho Đức Giê-hô-va đi qua.
Đồng hoang
Hãy dịch từ này tương tự cách bạn đã dịch trong ISA35:01
Mọi thung lũng sẽ được nâng lên, mọi núi đồi sẽ bị hạ xuống
Các cụm từ này giải thích về cách mà dân chúng dọn đường cho Đức Giê-hô-va ra sao. Những câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Nâng mọi thung lũng lên, và hạ mọi núi đồi xuống."
Mọi thung lũng sẽ được nâng lên
Làm cho các thung lũng được nâng lên bằng với bề mặt của đất được miêu tả như thể đang nâng các thung lũng lên. Tương tự câu: "Các thung lũng sẽ được lấp đầy"
X
** các nơi gập ghềnh sẽ được làm cho bằng phẳng, và
X
Những cụm từ này giải thích về cách mà dân chúng dọn đường cái cho Đức Giê-hô-va. Những cụm từ này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "san phẳng các vùng đất gập ghềnh, và làm bằng phẳng những vùng đất gồ ghề"
vinh quang Đức Giê-hô-va sẽ hiển hiện
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va sẽ bày tỏ vinh quang Ngài"
vì miệng Đức Giê-hô-va đã phán vậy
Từ "miệng" tượng trưng cho chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "vì Đức Giê-hô-va đã phán vậy"
Isaiah 40:6
Loài người giống như cỏ
Từ "loài người" nói đến mọi người. Người nói nói về nhân loại như thể họ là cỏ, bởi vì tất cả bọn họ đều chết rất nhanh. Tương tự câu: "Mọi nguowfi đều giống như cỏ"
mọi vẻ đẹp của nó như cỏ hoa đồng nội
Người nói so sánh vẻ đẹp của mọi người với loài hoa chóng nở sớm tàn. Tương tự câu: "vẻ đẹp của họ sẽ sớm mất đi, chỉ như hoa trên đồng nhanh tàn"
vẻ đẹp
Các nghĩa có thể là 1) sự thành tín với giao ước hay 2) vẻ đẹp. Hãy xem bạn đã dịch cụm từ "vẻ đẹp" trong ISA16:05
vì hơi thở của Đức Giê-hô-va thổi qua
Các nghĩa có thể là 1) "khi Đức Giê-hô-va thổi hơi thở Ngài qua nó" hoặc là 2) "khi Đức Giê-hô-va sai một ngọn gió thổi qua."
loài người chỉ là cỏ
Người nói nói về loài người như thể họ là cỏ, bởi vì cả cỏ lẫn loài người đều chết cách nhanh chóng.
nhưng lời của Đức Chúa Trời chúng ta đứng vững đời đời
Người nói nói về những điều mà Đức Chúa Trời phán sẽ còn mãi như thể lời Ngài sẽ đứng vững đời đời. Tương tự câu: "những điều mà Đức Chúa Trời phán sẽ đứng vững đời đời"
Isaiah 40:9
Ai rao tin lành cho Si-ôn, hãy lên trên núi cao!
Tác giả nói về Si-ôn như thể nó là một sứ giả rao báo tin lành từ đỉnh núi.
Hãy lên trên núi cao
Các sứ giả thường đứng trên vùng đất cao, như là các ngọn núi, để nhiều người có thể nghe thấy điều họ rao báo.
Si-ôn
Ở đây nói đến mọi người sống tại núi Si-ôn. Tương tự câu: "hỡi những người ở Si-ôn"
Ai rao tin lành cho Giê-ru-sa-lem
Người viết nói về Giê-ru-sa-lem như thể nó là một sứ giả rao báo tin lành.
Ngài dùng cánh tay Ngài mà cai trị
Ở đây từ "cánh tay" tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "và Ngài cai trị bằng quyền năng vĩ đại"
sự ban thưởng Ngài ở với Ngài ... sự báo trả Ngài ở trước mặt Ngài
Hai cụm từ này về cơ bản mang ý nghĩa như nhau. Những kẻ mà Ngài đã cứu là "phần thưởng" của Ngài. Tương tự câu: "Ngài sẽ đem những kẻ Ngài đã cứu ở cùng Ngài như là phần thưởng của Ngài."
Isaiah 40:11
Ngài sẽ chăn bầy mình như người chăn chiên
Người viết nói đến dân sự của Đức Giê-hô-va như thể họ là chiên và Đức Giê-hô-va là người chăn của họ. Tương tự câu: "Ngài sẽ chăm sóc dân sự Ngài như một người chăn chăn bầy mình"
Isaiah 40:12
Ai đã lấy lòng bàn tay mà lường ... và dùng cân bàn mà cân đồi?
Những câu hỏi tu từ này để liệu trước một câu trả lời mang tính phủ nhận và nhấn mạnh rằng chỉ có Đức Giê-hô-va là có thể làm những điều này. Tương tự câu: "Chẳng ai ngoại trừ Đức Giê-hô-va đã đo lường ... và cân đồi trên bàn cân."
lấy lòng bàn tay mà lường biển cả
Đức Giê-hô-va biết nước biển nhiều thể nào được nói đến như thể Đức Giê-hô-va cầm giữ nước trong tay mình.
lấy gang tay mà đo các tầng trời
Một "gang" là đơn vị đo chiều dài giữa ngón tay cái và ngón út khi bàn tay căng ra. Đức Giê-hô-va biết chiều dài của bầu trời được nói đến như thể Ngài đã đo nó bằng tay mình.
ai đã lấy đấu mà đong bụi đất
Đức Giê-hô-va biết bụi nhiều bao nhiêu trên đất được nói đến như thể Ngài đựng nó trong một cái giỏ.
đã dùng cân mà cân núi và dùng cân bàn mà cân đồi?
Đức Giê-hô-va biết núi nặng thế nào được nói đến như thể Ngài cân nó trên cân và cân bàn.
Isaiah 40:13
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục dùng các câu hỏi để nhấn mạnh sự duy nhất của Đức Giê-hô-va.
Ai lường được Thần của Đức Chúa Trời, và ai làm cố vấn cho Ngài để dạy Ngài điều gì?
Câu hỏi tu từ này để liệu trước một câu trả lời mang tính phủ định và để nhấn mạnh rằng chẳng ai có thể làm những việc này. Tương tự câu: "Chẳng ai hiểu được suy nghĩ của Đức Giê-hô-va và không ai có thể chỉ dạy Ngài như là một người cố vấn."

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lường được Thần của Đức Chúa Trời

Từ "thần" ở đây không chỉ nói đến suy nghĩ của Đức Giê-hô-va, mà còn là những mong ước và những động cơ trong Ngài.

Ngài đã hỏi ý kiến ai để được thông hiểu?

Câu hỏi tu từ này để liệu trước một câu trả lời mang ý phủ nhận và để nhấn mạnh rằng chưa từng có ai làm điều này. Tương tự câu: "Ngài không bao giờ nhận lấy sự hướng dẫn từ ai."

Ai đã dạy cho Ngài đường công lý? Ai đã dạy Ngài tri thức, và chỉ cho Ngài phương cách nhận thức?

Câu hỏi tu từ này để liệu trước một câu trả lời mang ý nghĩa phủ nhận và để nhấn mạnh rằng chưa từng có ai làm những điều này. Tương tự câu: "Chẳng ai có thể chỉ dạy Ngài con đường công lý. Chưa từng có ai đã dạy Ngài sự tri thức. Và không ai có thể chỉ cho Ngài phương cách nhận thức."

Isaiah 40:15

Kìa ... nầy

Các từ này được dùng để nhấn mạnh những điều sau đó.

các nước giống như một giọt nước nhỏ trong thùng, giống như là một hạt bụi rơi trên cân

Vị tiên tri so sánh các nước như là một giọt nước và một hạt bụi để nhấn mạnh rằng nó nhỏ bé và không đáng kể gì đối với Đức Giê-hô-va.

giống như một giọt nước nhỏ trong thùng

Các nghĩa có thể là 1) một giọt nước rơi vào trong thùng hay 2) một giọt nước rơi ra khỏi thùng.

giống như là một hạt bụi rơi trên cân

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va xem chúng như là một hạt bụi trên cân"

Ngài xem chúng như trống không và hư vô

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài xem chúng như hư vô"

Isaiah 40:18

Vậy, các ngươi có thể ví Đức Chúa Trời với ai? Lấy hình ảnh nào so sánh với Ngài được?

Ê-sai dùng hai câu hỏi tương tự nhau để nhấn mạnh rằng chẳng có thần tượng nào có thể so sánh với Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Các ngươi chẳng thể so sánh Đức Chúa Trời với ai. Không một thần tượng nào có thể giống như Ngài."

các ngươi

Đây là số nhiều và nói đến mọi người dân của Đức Chúa Trời.

Khi người thợ đúc tượng thì thợ bạc lấy vàng bọc nó, và đúc những dây chuyền bằng bạc cho nó

"Một người thợ lành nghề đã làm nên nó, người khác bọc nó bằng vàng, và làm những dây chuyền bằng bạc cho nó."

Isaiah 40:21

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân sự Đức Chúa Trời.

Các ngươi không biết sao? Các ngươi chưa nghe sao? Chẳng phải điều đó đã được dạy cho các ngươi từ ban đầu sao? Chẳng phải các ngươi đã hiểu quả đất được đặt nền móng sao?

Ê-sai dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng dân sự nên biết đến sự vĩ đại của Đấng Sáng Tạo tức là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Các ngươi đã biết chắc và đã nghe thấy! Điều đó đã được nói cho các ngươi ngay từ ban đầu; các ngươi đã hiểu rằng quả đất được đặt nền móng!"

Chẳng phải điều đó đã được dạy cho các ngươi từ ban đầu sao?

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chẳng phải người ta đã nói với các ngươi từ thuở ban đầu sao?"

quả đất được đặt nền móng

Vị tiên tri nói rằng Đức Giê-hô-va sáng tạo nên trái đất như thể quả đất là một công trình mà Đức Giê-hô-va đã đặt nền móng cho nó. Tương tự câu: "từ khi Đức Giê-hô-va sáng tạo nên quả đất"

Chính Ngài là Đấng ngự trên vòm che quả đất

Vị tiên tri nói về sự cai trị của Đức Giê-hô-va trên trái đất như thể Đức Giê-hô-va đã ngồi lên ngai trên trái đất.

các cư dân trên đất giống như cào cào

Vị tiên tri so sánh cách mà Đức Giê-hô-va xem thấy con người như cách mà lòai người xem thấy cào cào vậy. Cào cào nhỏ bé với loài người thể nào, thì con người cũng nhỏ bé và yếu đuối trước mặt Đức Chúa Trời như vậy.

Ngài là Đấng giương các tầng trời ra như cái màn và căng chúng ra như trại để ở

Hai câu này có cùng ý nghĩa với nhau. Vị tiên tri nói đến việc Đức Giê-hô-va tạo nên các tầng trời như thể Ngài đã dựng một cái lều để ở. Tương tự câu: "Ngài giương các tầng trời ra dễ như một người căng một cái màn hay dựng một cái lều để ở"

Isaiah 40:23

Ngài làm ra hư không

"Đức Giê-hô-va làm ra hư không"

Nầy ... ngước mắt lên cao ... xem

Những từ này nhấn mạnh thêm những điều sau đó.

họ vừa mới được trồng ... và họ liền khô héo

Vị tiên trị nói rằng những người cai trị sẽ không có nơi nương tựa trước mặt Đức Giê-hô-va giống như họ là những cây mới trồng và bị khô héo đi khi một cơn gió nóng thổi qua trên họ.

họ vừa mới được trồng, vừa mới được gieo

Hai cụm từ này có cùng ý nghĩa với nhau và nói đến thời điểm mà cây hay hạt giống được gieo trồng vào đất. Chúng có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "ngay khi người ta trồng nó ... ngay khi người ta gieo nó"

Đức Giê-hô-va thổi hơi qua

Vị tiên tri nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ cất bỏ những người cai trị bằng sức mạnh như thể Đức Giê-hô-va là cơn gió thiêu đốt trên các cây và khiến chúng khô héo.

một cơn gió lốc đùa họ đi như rơm rác

Phép so sánh này đem đến ẩn dụ về những người cai trị giống như các cây cối và Đức Giê-hô-va như một cơn gió khiến chúng trở nên khô héo. Cơn gió phán xét của Đức Giê-hô-va sẽ đùa những cây khô héo dễ dàng như gió thổi rơm rác bay đi.

Isaiah 40:25

Các con so sánh Ta với ai? Ai sẽ ngang bằng với Ta?

Đức Giê-hô-va sử dụng hai câu hỏi tu từ tương tự nhau để nhấn mạnh rằng chẳng có ai như Ngài. Tương tự câu: "Các con không thể so sánh Ta với ai. Không ai có thể sánh ngang bằng với Ta."

Ai đã sáng tạo những vật nầy?

Đây là một câu hỏi mở để liệu trước câu trả lời, là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã tạo nên những vật

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

này!"

Ngài là Đấng khiến các thiên thể ra theo số lượng và đội ngũ

Ở đây từ "theo số lượng và đội ngũ" đề cập đến tổ chức quân đội. Vị tiên tri nói đến các ngôi sao như thể chúng là những người lính mà Đức Giê-hô-va ra lệnh trình diện ra.

Vì sức mạnh vĩ đại và quyền năng vô biên của Ngài

Cụm từ "sức mạnh vĩ đại" và "quyền năng vô biên của Ngài" là một cặp đôi nhằm nhấn mạnh quyền năng của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Bởi quyền năng vô biên và sức mạnh vĩ đại của Ngài"

không bỏ sót một thiên thể nào

Câu ở thể phủ định này để nhấn mạnh sự khẳng định. Tương tự câu: "mỗi vật đều hiện diện"

Isaiah 40:27

Vậy hỡi Gia-cốp, sao con nói; Hỡi Y-sơ-ra-ên, sao con than thở ... quyền lợi của tôi"?

Câu hỏi nầy nhấn mạnh rằng họ không nên nói điều họ nói. Tương tự câu: "Hỡi dẫn Y-sơ-ra-ên, con không nên nói ... quyền lợi của tôi'."

Vậy hỡi Gia-cốp, sao con nói; Hỡi Y-sơ-ra-ên, sao con than thở

Hai cụm từ này đều nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, sao con nói"

Đường lối tôi đã bị che khuất khỏi Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va không biết điều gì xảy ra với họ được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đã không thể thấy con đường mà họ đang đi. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va không biết điều xảy ra với tôi"

Đức Chúa Trời tôi không còn quan tâm đến quyền lợi của tôi

Các nghĩa có thể là 1) "Đức Chúa Trời tôi đã không còn quan tâm đến việc người khác đối xử với tôi cách bất công nữa" hay 2) "Đức Chúa Trời tôi đã không còn quan tâm đến việc đối xử với tôi cách công bằng nữa."

Con không biết sao? Con chưa nghe sao?

Ê-sai đã dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng mọi người nên biết đến sự vĩ đại của Đức Giê-hô-va. Hãy xem cách bạn đã dịch những câu này trong ISA40:21

toàn cõi đất

Mọi nơi ở đầu cùng đất được nói đến như thể đó là những nơi ở tận cùng của trái đất. Cụm từ này tạo nên sự phân khúc và nói đến mọi nơi ngay tại chỗ tận cùng đó. Tương tự câu: "những nơi xa nhất của trái đất" hay "toàn trái đất"

Isaiah 40:29

Ngài ban năng lực cho người mệt mỏi, thêm sức mạnh cho kẻ chẳng có sức

Hai cụm từ này đều mang cùng ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va thêm sức cho những ai mệt mỏi.

Ngài ban năng lực

"Đức Giê-hô-va thêm sức"

cất cánh bay cao như chim ưng

Những người nhận được sức lực từ Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ có thể bay như chim ưng vậy. Chim ưng là một loài chim thường được nói đến như biểu tượng của năng lực và sức mạnh.

chạy mà không mệt nhọc, đi mà không mòn mỏi

Hai cụm từ này đều mang cùng ý nghĩa. Những ai nhận lấy sức lực từ Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ có thể chạy và đi mà không mệt mỏi.

Translation Questions

Isaiah 40:2

Đức Chúa Trời đã phán thế nào để yên ủi dân Ngài?

Ngài phán rằng họ hãy yên ủi bằng cách nói cho thấu lòng Giê-ru-sa-lem, và rao rằng sự tranh chiến của nó đã trọn; tội lỗi nó đã được tha, nó đã chịu gấp hai từ tay Đức Giê-hô-va vì các tội lỗi nó.

Isaiah 40:3

Có tiếng kêu gì?

Có tiếng kêu rằng, "Hãy mở đường trong đồng vắng cho Đức Giê-hô-va, hãy ban bằng đường cái trong đất hoang cho Đức Chúa Trời chúng ta."

Isaiah 40:4

Chuyện gì đã xảy ra cho đất Y-sơ-ra-ên?

Mọi nơi sủng thấp sẽ được cao lên và mọi núi mọi gò sẽ bị hạ xuống, các nơi gập ghềnh sẽ làm cho bằng, các nơi dốc hãm sẽ làm thành đồng nội.

Isaiah 40:5

Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời sẽ được tỏ ra cho ai?

Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời sẽ được tỏ ra cho mọi xác thịt đều sẽ xem thấy.

Isaiah 40:8

Điều gì sẽ tồn tại mãi mãi?

Lời của Đức Chúa Trời chúng ta sẽ còn mãi đời đời.

Isaiah 40:9

Tin tức tốt lành được rao truyền cho Giê-ru-sa-lem và thành Giu-đa là gì?

Tin tức tốt lành là, "Đức Chúa Trời của các ngươi đây!"

Isaiah 40:10

Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã đến như thế nào?

Ngài đến như một chiến binh chiến thắng.

Đức Giê-hô-va đã lấy gì để đến?

Đức Giê-hô-va đã mang theo phần thưởng Ngài ở nơi Ngài, sự báo trả Ngài ở trước mặt Ngài.

Isaiah 40:15

Các dân tộc giống với Đức Giê-hô-va điều gì?

Các dân tộc giống một giọt nước nhỏ trong thùng, và kể như một mảy bụi rơi trên cân.

Isaiah 40:22

Đức Chúa Trời ngự ở đâu?

Đức Chúa Trời ngự trên vòng trái đất.

Isaiah 40:23

Đức Chúa Trời đã làm gì cho các quan?

Đức Chúa Trời đã tiêu diệt các quan trưởng và làm cho các quan xét trên đất ra hư không.

Isaiah 40:26

Đức Giê-hô-va đã làm gì với các vì sao?

Ngài đã tạo ra những vật này và đặt tên hết thảy, chẳng một vật nào thiếu, vì sức mạnh Ngài lớn lắm, và quyền năng Ngài rất cao.

Isaiah 40:28

Đức Giê-hô-va là ai, và đặc tính của Ngài là gì?

Giê-hô-va là Đức Chúa Trời hằng sống, là Đấng dựng nên các đầu cùng đất. Ngài chẳng mỏi chẳng mệt, sự khôn ngoan Ngài không thể dò.

Isaiah 40:29

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho những kẻ nhọc nhằn và kẻ chẳng có sức?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va ban sức mạnh cho kẻ nhọc nhằn, thêm lực lượng cho kẻ chẳng có sức.
Isaiah 40:31
Điều gì sẽ xảy ra với những ai trông đợi Đức Giê-hô-va?
Những ai trông đợi Đức Giê-hô-va thì chắc được sức mới, cất cánh bay cao như chim ưng; chạy mà không mệt nhọc, đi mà không mòn mỏi.

Chapter 41
Isaiah 41:1
Hãy im lặng trước mặt Ta
"Ta" ở đây là Đức Chúa Trời.
hỡi các hải đảo
Ở đây tượng trưng cho những người sống trên các đảo và vùng đất tại biên giới hay đối ngang với Biển Địa Trung Hải.
nhận lấy sức mới
Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA40:29
hãy để chúng đến gần và lên tiếng! Chúng ta hãy đến gần nhau để phán đoán
Hai cụm từ này đều mang cùng ý nghĩa. Cụm từ thứ hai giải thích thêm cho cụm từ thứ nhất. Tương tự câu: "hãy để chúng đến gần hầu cho họ có thể nói và tranh luận với Ta"
Ai đã khiến một người nổi lên từ phương đông, lấy sự công chính gọi người đến bên chân mình?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng duy nhất khiến cho người cai trị đến từ phương đông này được chiến thắng. Tương tự câu: "Ta là Đấng duy nhất gọi người cai trị đầy uy quyền đến từ phương đông này và đặt người tại nơi hầu việc tốt bên Ta."
Ngài phó các nước trước mặt người
"Ta ban cho người các nước" hay "Đấng duy nhất làm những điều này sẽ phó các nước cho người"
Ngài phó họ cho lưỡi gươm của người như bụi đất, và phó họ cho cây cung của người như rơm rác bị gió đùa đi
Các nước mà người từ phương đông đến chinh phục được ví sánh như bụi và rơm rác, bởi vì chúng sẽ trở nên rất nhỏ như những vật đó và bởi vì quân đội của người sẽ đánh tan chúng cách dễ dàng.
Isaiah 41:3
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với các hải đảo và các nước.
Người truy đuổi họ và vượt qua con đường người chưa hề đặt chân đến mà vẫn bình an
"Người cai trị đến từ phương đông sẽ truy đuổi các nước"
con đường người chưa hề đặt chân đến
Các nghĩa có thể là 1) đây là phép ẩn dụ mà người và quân đội người di chuyển rất nhanh được nói đến như thể chân người mới vừa chạm đến đất. Tương tự câu: "bằng con đường mà người di chuyển rất nhanh" hay 2) "chân" là phép hoán dụ và cụm từ này cho biết rằng đây là một con đường mà họ chưa bao giờ đi qua trước đó. Tương tự câu: "bằng con đường mà người chưa bao giờ đi qua trước đó"
Ai đã thực hiện và hoàn thành việc đó?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng duy nhất làm những việc này. Tương tự câu: "Ta đã thực hiện và hoàn thành những việc này."
Ai đã kêu gọi các thế hệ từ ban đầu?
Từ "các thế hệ" ở đây tượng trưng cho mọi người trong lịch sử, mà Đức Giê-hô-va đã tạo nên và hướng dẫn suốt trong lịch sử. Câu hỏi tu từ này liệu trước câu trả lời, đó chính là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Ta đã kêu gọi các thế hệ mọi người ngay từ ban đầu."
thực hiện và hoàn thành
Hai từ này mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va là Đấng duy nhất đã làm mọi điều này.
Đấng Đầu Tiên và Cuối Cùng
Các nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va đã hiện hữu trước khi sáng tạo và sẽ còn mãi khi mọi vật kết thúc hay 2) Đức Giê-hô-va là Đấng có trước các thế hệ loài người đầu tiên và sẽ còn mãi đến các thế hệ sau cùng.
Isaiah 41:5
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Các hải đảo ... các nơi tận cùng cõi đất
Những cụm từ nầy tượng trưng cho những ai sống tại đây. Tương tự câu: "Mọi người sống trên các hải đảo ... những ai sống tại những nơi đầu cùng đất"
Các hải đảo
Bạn có thể dịch "các hải đảo" như cách bạn đã dịch từ "các hải đảo" trong ISA41:01
các nơi tận cùng cõi đất
Các nơi ở rất xa trên đất được nói đến như thể chúng ở những nơi tận đầu cùng của đất. Tương tự câu: "những nơi xa nhất trên đất"
chúng đều lại gần và tiến đến
Bộ đôi này mang ý nghĩa là mọi người nhóm hiệp lại với nhau. Tương tự câu: "họ đến với nhau"
đe
Một khối sắt mà người ta dùng búa để định hình kim loại trên nó.
nói về mối hàn
Từ "mối hàn" ở đây nói đến quá trình gắn chặt vàng vào gỗ khi người thợ hoàn thành việc làm nên thần tượng.
Rồi dùng đinh đóng để tượng khỏi lung lay
"Tượng" ở đây nói đến những tượng thần mà họ đã làm nên.
Isaiah 41:8
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Ta đã nắm lấy con từ tận cùng cõi đất, gọi con từ các miền xa xăm
Hai cụm từ này đều mang cùng ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va mang dân Y-sơ-ra-ên trở về xứ họ từ những đất nước xa xăm.
tận cùng cõi đất
Những nơi xa xăm trên đất được nói đến như thể chúng là những nơi ở tận cùng của trái đất. Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA41:05
Ta đã chọn con, không từ bỏ con
Hai cụm từ này đều mang cùng ý nghĩa. Cụm từ thứ hai dùng thuật ngữ phủ định với điều mà cụm từ thứ nhất khẳng định.
Isaiah 41:10
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Dùng tay phải công chính của Ta mà nắm giữ con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va sẽ thêm sức cho dân Ngài được nói đến như thể Ngài đang nắm giữ họ bằng cánh tay mình.

tay phải công chính của Ta

"Tay phải" ở đây tượng trưng cho quyền năng của Đức Giê-hô-va. Các nghĩa có thể là 1) tay phải của Đức Giê-hô-va là công bình và bởi cớ đó Ngài sẽ luôn luôn làm điều công bình. Tương tự câu: "quyền năng công bình của Ta" hay 2) tay phải Đức Giê-hô-va là sự chiến thắng và vì cớ đó Ngài luôn luôn thành công trong mọi việc Ngài làm. Tương tự câu: "quyền năng chiến thắng của Ta"

Isaiah 41:11

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

mọi kẻ nổi giận cùng con sẽ hổ thẹn và bị sỉ nhục

"những kẻ nào nổi giận cùng con sẽ hổ thẹn và bị sỉ nhục"

hổ thẹn và bị sỉ nhục

Hai từ này mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng sự hổ thẹn là lớn dường bao.

những kẻ nổi lên chống nghịch con sẽ trở nên hư không và bị diệt vong

"những kẻ nào nổi lên nghịch cùng con sẽ trở nên hư không và bị diệt vong"

Isaiah 41:12

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta ... nắm giữ tay phải con

Đức Giê-hô-va sẽ giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Ngài đang nắm giữ tay phải của họ.

Isaiah 41:14

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi sâu bọ Gia-cốp, đừng sợ! Hỡi những người Y-sơ-ra-ên

"Gia-cốp" và "những người Y-sơ-ra-ên" ở đây có cùng một ý nghĩa. Tương tự câu: "hỡi dân Y-sơ-ra-ên là dân như sâu bọ"

Hỡi sâu bọ Gia-cốp

Các nghĩa có thể là 1) điều này nói về suy nghĩ của những nước khác đối với dân Y-sơ-ra-ên hay 2) điều này nói đến suy nghĩ của dân Y-sơ-ra-ên đối với chính bản thân mình. Đức Giê-hô-va nói đến sự tầm thường của họ như thể họ là sâu bọ.

Đức Giê-hô-va phán vậy

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA14:21

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

Ta sẽ khiến con làm dụng cụ đập lúa vừa mới vừa sắc bén ... làm cho các đồi trở nên như rơm rác

Đức Giê-hô-va phán rằng Y-sơ-ra-ên có thể đánh bại kẻ thù mình như thể Ngài sẽ làm cho họ trở nên như một dụng cụ đập lúa làm bằng phẳng các núi.

dụng cụ đập lúa vừa mới vừa sắc bén

Một dụng cụ đập lúa làm một tấm bảng với những chiếc đinh sắc bén mà người ta kéo rê qua lúa mì để tách hạt ra khỏi vỏ trấu.

có nhiều răng

răng** - Ở đây nói đến những chiếc răng của các chiếc đinh được gắn vào dụng cụ đập lúa. Chúng "có nhiều răng" mang ý nghĩa là chúng rất sắc bén.

con sẽ giày đạp và nghiền nát các núi

Thay vì đập lúa, Y-sơ-ra-ên lại đập các núi, ở đây nói đến các nước hùng mạnh là kẻ thù của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "con sẽ giày đạp kẻ thù mình và nghiền nát chúng như những hạt thóc, ngay cả khi chúng mạnh mẽ như các núi"

làm cho các đồi trở nên như rơm rác

Câu này có cùng ý nghĩa với câu trước nhưng nói đến bước kế tiếp trong quá trình đập lúa. Các đồi tượng trưng cho những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên, giống như những vỏ trấu vô giá trị.

Isaiah 41:16

Câu Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục dùng phép ẩn dụ về việc tách hạt ra khỏi vỏ trấu để mô tả về cách mà Y-sơ-ra-ên sẽ đánh bại kẻ thù mình.

Con sẽ rê chúng ... một cơn gió lốc sẽ làm chúng tan tác

Từ "chúng"ở đây nói đến các núi và đồi trong ISA41:14

gió sẽ đùa chúng đi, một cơn gió lốc sẽ làm chúng tan tác

Hai cụm từ này mang ý nghĩa như nhau. Tương tự câu: "gió sẽ thổi chúng bay đi"

Isaiah 41:17

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va nói về dân sự là những người rất cần đến sự chu cấp như thể họ thật sự rất khát, và nói về sự cung ứng của Ngài cho họ như thể Ngài sẽ khiến nước xuất hiện ở những nơi mà thường rất hiếm xảy ra.

Isaiah 41:19

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

cây sim ... cây sam, và cây hoàng dương chung với nhau

Đây là những loại cây.

tay Đức Giê-hô-va đã làm điều ấy

Từ "tay" ở đây là chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã làm điều nầy"

Isaiah 41:21

Thông Tin Chung:

Trong những câu nầy, Đức Giê-hô-va đang chế nhạo dân sự và thần tượng của họ. Ngài đang thách thức các thần tượng nói về điều sẽ xảy ra trong tương lai, nhưng Ngài biết là họ không thể.

Isaiah 41:23

Câu Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chế nhạo các tượng thần và những ai đang thờ phượng chúng. (Xem: ISA41:21

cũng hãy ban phước hoặc giáng họa

Những từ "phước" và "họa" nói đến sự phân khúc và tượng trưng cho mọi điều. Tương tự câu: "hãy làm bất cứ điều gì"

kẻ chọn các ngươi

"Các ngươi" ở đây là số nhiều và nói đến các tượng thần. Tương tự câu: "những kẻ chọn các ngươi là thần tượng"

Isaiah 41:25

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

ta khiến một người từ phương bắc nổi lên

Đức Giê-hô-va phán về sự lập lên một người như thể Ngài sẽ dấy người ấy lên. Tương tự câu: "Ta đã chọn một người"

từ phía mặt trời mọc

Ở đây nói đến phía đông, lời hướng dẫn từ nơi mặt trời mọc. Tương tự câu: "từ phía đông"

người kêu cầu danh Ta

Các nghĩa có thể là 1) rằng người nầy cầu khẩn Đức Giê-hô-va giúp cho họ thành công hay 2) rằng người nầy thờ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phượng Đức Giê-hô-va.

người sẽ giẫm lên những kẻ cai trị

Chinh phục những kẻ cai trị các nước khác được nói đến như thể giẫm đạp họ dưới chân. Tương tự câu: "người sẽ chiến thắng những kẻ cai trị"

như thợ gốm nhồi đất sét dưới chân

Đức Giê-hô-va so sánh cách mà người này giẫm đạp lên những kẻ cai trị với cách mà một người thợ gốm nhồi đất xét với nước bằng chân.

Ai đã nói cho chúng ta biết điều đó từ ban đầu? Ai đã rao ra từ trước để chúng ta nói: "Người ấy đúng"?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi tu từ để chế nhạo các tượng thần mà mọi người đang thờ phượng. Câu trả lời được ngụ ý đến là 1) rằng các tượng thần đã không làm những điều này và 2) rằng Đức Giê-hô-va là Đấng duy nhất làm những điều nầy. Tương tự câu: "Chẳng có tượng thần nào đã cho chúng ta biết điều nầy ngay từ ban đầu. Và không ai trong chúng đã cho chúng ta biết từ trước để chúng ta nói, "Người ấy đúng."

Nhưng chẳng ai rao, chẳng ai báo cả, cũng chẳng ai đã từng nghe tiếng các ngươi

"Quả thật, chẳng thần tượng nào đã rao ra. Thật vậy, chẳng có ai nghe các tượng thần nói điều gì"

Isaiah 41:27

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

chẳng có ai cả trong số họ

"không một tượng thần nào"

tượng đúc của họ là hư không như làn gió thoảng

Đức Giê-hô-va nói đến sự vô giá trị của các tượng thần như thể các tượng thần là làn gió thoảng và hư không. Tương tự câu : "tượng thần của họ thảy đều hư không"

Translation Questions

Isaiah 41:1

Đức Giê-hô-va phán, "chúng ta hãy đến gần nhau" để làm gì?

Đức Giê-hô-va phán dặn chúng ta hãy đến gần nhau để phán đoán.

Isaiah 41:4

Ai đã kêu gọi các thế hệ từ ban đầu?

Ấy chính Đức Giê-hô-va đã làm những việc này.

Isaiah 41:5

Lời đáp của các hải đảo thấy và khiếp sợ, và các nơi tận cùng cõi đất đều run rẩy là gì?

Lời đáp của họ ấy là hãy lại gần và tiến đến và khuyến khích nhau dựng nên một thần tượng.

Isaiah 41:7

Lời đáp của các hải đảo thấy và khiếp sợ, và các nơi tận cùng cõi đất đều run rẩy là gì?

Lời đáp của họ ấy là hãy lại gần và tiến đến và khuyến khích nhau dựng nên một thần tượng.

Isaiah 41:8

Đức Giê-hô-va gọi Y-sơ-ra-ên là gì?

Đức Giê-hô-va gọi Y-sơ-ra-ên là đầy tớ Ngài, các con là dòng dõi của Áp-ra-ham, là bạn của Ngài.

Isaiah 41:9

Đức Giê-hô-va gọi Y-sơ-ra-ên là gì?

Đức Giê-hô-va gọi Y-sơ-ra-ên là đầy tớ Ngài, các con là dòng dõi của Áp-ra-ham, là bạn của Ngài.

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì cho Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài đem Y-sơ-ra-ên từ tận cùng cõi đất.

Isaiah 41:10

Đức Giê-hô-va phán rằng Y-sơ-ra-ên không nên làm gì và tại sao?

Đức Giê-hô-va phán cùng Y-sơ-ra-ên đừng sợ vì Đức Giê-hô-va ở với họ, chớ kinh khiếp vì Ngài là Đức Chúa Trời của họ.

Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì cho Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm cho họ mạnh mẽ và sẽ giúp đỡ họ, và sẽ nắm giữ họ bằng tay công chính của Ngài.

Isaiah 41:11

Điều gì sẽ xảy ra cho cho những kẻ nổi giận và chống nghịch Y-sơ-ra-ên?

Họ sẽ hổ thẹn, sẽ trở nên hư không và bị diệt vong.

Isaiah 41:16

Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì khi gió thổi chúng đi và cơn lốc tung rải chúng?

Y-sơ-ra-ên sẽ vui mừng trong Đức Giê-hô-va, và sẽ tự hào trong Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 41:17

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì khi những người nghèo khó và thiếu thốn tìm nước uống?

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ đáp lời cầu xin của họ bằng cách mở những dòng sông chảy ra từ những đồi trơ trụi, những dòng suối sẽ tuôn trào từ các thung lũng, Ngài sẽ biến đồng hoang thành nơi có nhiều hồ nước. Ngài sẽ không từ bỏ họ.

Isaiah 41:18

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì khi những người nghèo khó và thiếu thốn tìm nước uống?

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ đáp lời cầu xin của họ bằng cách mở những dòng sông chảy ra từ những đồi trơ trụi, những dòng suối sẽ tuôn trào từ các thung lũng, Ngài sẽ biến đồng hoang thành nơi có nhiều hồ nước. Ngài sẽ không từ bỏ họ.

Isaiah 41:21

Đức Giê-hô-va nói gì cùng những kẻ đi theo thần tượng?

Đức Giê-hô-va phán, "Hãy trình bày những cớ sự đưa ra lập luận cho việc thờ lạy thần tượng của họ.

Isaiah 41:22

Đức Giê-hô-va phán bằng cớ nào để những kẻ thờ lạy thần tượng biết liệu họ có thể tin hoặc không tin?

Để làm bằng cớ thì Đức Giê-hô-va nói điều sẽ xảy đến, và nói cho chúng ta những điều đã có từ trước, để chúng ta suy nghiệm và biết kết cuộc của nó.

Isaiah 41:24

Đức Giê-hô-va đã đoán xét thần tượng và những người theo nó là gì?

Đức Giê-hô-va phán rằng những thần tượng của chúng chẳng ra gì, các việc của nó cùng là vô ích, kẻ chọn nó thật đáng ghê tởm.

Isaiah 41:25

Ai trong số những người thờ lạy thần tượng đã tuyên bố rằng những người từ phương bắc sẽ nổi lên và giẫm lên những kẻ cai trị như giẫm trên bùn đất, như thợ gốm nhồi đất sét dưới chân?

Chẳng ai trong số những người thờ lạy thần tượng rao báo cả và cũng chẳng ai từng nghe tiếng của họ.

Isaiah 41:26

Ai trong số những người thờ lạy thần tượng đã tuyên bố rằng những người từ phương bắc sẽ nổi lên và giẫm lên những kẻ cai trị như giẫm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trên bùn đất, như thợ gốm nhồi đất sét dưới chân?
Chẳng ai trong số những người thờ lạy thần tượng rao báo cả và cũng chẳng ai từng nghe tiếng của họ.
Isaiah 41:27
Đức Giê-hô-va phán điều gì liên quan đến người mà Ngài đã dựng lên từ phía bắc?
Ngài phán trước với Si-ôn rằng, "Nầy chúng đây", Ngài sẽ sai một sứ giả báo đến Giê-ru-sa-lem.
Isaiah 41:28
Trong chương này, lời cuối cùng của Đức Giê-hô-va về những kẻ theo thần tượng là gì?
Đây là những lời của Ngài: "Khi Ta nhìn xem nhưng chẳng có ai cả, không có ai trong số họ không có một cố vấn, khi Ta hỏi, họ có thể đáp một lời. Hãy nhìn tất cả họ chỉ là hư ảo, công việc của họ là vô giá trị, tượng đúc của họ là hư không như làn gió thoảng."
Isaiah 41:29
Trong chương này, lời cuối cùng của Đức Giê-hô-va về những kẻ theo thần tượng là gì?
Đây là những lời của Ngài: "Khi Ta nhìn xem nhưng chẳng có ai cả, không có ai trong số họ không có một cố vấn, khi Ta hỏi, họ có thể đáp một lời. Hãy nhìn tất cả họ chỉ là hư ảo, công việc của họ là vô giá trị, tượng đúc của họ là hư không như làn gió thoảng."

Chapter 42
Isaiah 42:1
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Đây là đầy tớ Ta
"Hãy nhìn xem, đầy tớ Ta" hay "Nầy là đầy tớ Ta"
linh hồn Ta hài lòng
"người mà Ta rất vui lòng"
Isaiah 42:3
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Người sẽ không bẻ cây sậy đã giập, và chẳng tắt tim đèn gần tàn
Đức Giê-hô-va nói đến những người yếu đuối và không có sự cứu giúp như thể họ là những cây gậy đã giập và tim đèn gần tàn.
cây sậy đã giập
Cây sậy là một thân cây dài và mỏng như cây cỏ cao. Nếu bị giập, nó không thể gánh bất cứ sức nặng nào. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA36:06
Người sẽ không bẻ
"Đầy tớ Ta sẽ không bẻ"
các hải đảo
Ở đây đề cập đến những người sống trên các đảo và ở những vùng đất giáp ranh hay đối ngang Biển Địa Trung Hải. Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA41:01
Isaiah 42:5
Đấng đã dựng nên và giương các tầng trời ra, đã trải rộng mặt đất
Vị tiên tri nói về việc Đức Giê-hô-va sáng tạo nên các tầng trời và trái đất như thể các tầng trời và trái đất là vải mà Đức Giê-hô-va trải nó ra.
Đấng ban hơi sống cho dân trên đất, và ban thần linh cho người bước đi trên đó
Các cụm từ này mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va ban sự sống đến cho mọi người. Từ "hơi sống" là phép hoán dụ cho sự sống. Tương tự câu: "ban sự sống đến cho mọi người trên đất"
đã gọi ngươi
"Ngươi" ở đây là số ít và nói đến đầy tớ của Đức Giê-hô-va.
Ta sẽ ... lập ngươi làm giao ước của dân
Từ "giao ước" ở đây là một phép hoán dụ cho người thiết lập và làm trung gian để điều chỉnh một giao ước. Tương tự câu: "Ta sẽ ... lập ngươi làm người trung gian của giao ước với mọi người"
làm ánh sáng cho các nước
Đức Giê-hô-va nói đến việc khiến cho đầy tớ Ngài trở thành người giải phóng các nước ra khỏi cảnh nô lệ như thể Ngài khiến cho đầy tớ ấy trở nên ánh sáng để chiếu trong bóng đêm cho các nước.
Isaiah 42:7
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục mô tả điều mà đầy tớ Ngài sẽ làm.
để mở mắt cho người mù
Làm cho người mù được nhìn thấy được nói đến như thể mở mắt họ. Cũng như vậy, Đức Giê-hô-va nói về việc đầy tớ Ngài sẽ giải thoát những ai bị giam cầm oan như thể đầy tớ Ngài sẽ phục hồi thị lực cho người mù. Tương tự câu: "làm cho kẻ mù được thấy"
đem tù nhân ra khỏi ngục, kẻ ngồi trong chốn tối tăm ra khỏi nhà giam
Hai cụm từ này mang cùng một ý nghĩa. Động từ có thể được thêm vào trong cụm từ thứ hai. Tương tự câu: "giải thoát kẻ tù tội ra khỏi ngục, và những kẻ ngồi trong tối tăm ra khỏi nhà giam"
Isaiah 42:8
cũng không nhường sự ca ngợi Ta cho các tượng thần
Động từ có thể được thêm vào trong cụm từ trước đó. Tương tự câu: "bấy giờ Ta sẽ không nhường sự ca ngợi Ta cho các tượng thần"
sự ca ngợi Ta
Ở đây nói đến sự ca ngợi mà Đức Giê-hô-va nhận được từ mọi người.
Ta cho các ngươi biết
"Các ngươi" ở đây là số nhiều và nói đến dân Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 42:10
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
hỡi những người đi biển cùng mọi vật trong biển, các hải đảo cùng cư dân của nó
"tất cả mọi tạo vật sống trong biển, cùng mọi người trên các hải đảo"
Hoang mạc cùng các thành trong nó hãy cất tiếng lên
Ở đây nói đến dân cư sống trong hoang mạc và các thành.
Kê-đa
Đây là một thành ở phía bắc của Ả-rập. Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA21:16
Sê-la
Đây là một thành ở Ê-đôm.
Isaiah 42:12
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Hãy dâng vinh quang
Ở đây nói đến những người sống dọc các hải đảo.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va sẽ đi ra như một dũng sĩ, như một chiến binh

Đức Giê-hô-va được so sánh như một dũng sĩ sẵn sàng đánh bại các kẻ thù nghịch của dân Ngài.

lòng đầy nhiệt huyết

"Nhiệt huyết" ở đây tượng trưng cho lòng đam mê mà một chiến binh trải nghiệm khi người ấy chuẩn bị chiến trận. Đức Giê-hô-va giục lòng nhiệt huyết của mình như thể ngài khuấy động giống như gió làm náo động những làn sóng.

Isaiah 42:14

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Ta giữ yên lặng đã lâu, Ta đã nín lặng và Ta đã tự kiềm chế

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa. Sự bất động của Đức Giê-hô-va được mô tả như sự yên lặng và nín lặng.

Ta đã nín lặng và Ta đã tự kiềm chế

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa và đề cập rằng Đức Giê-hô-va đang tự kiềm chế mình để không phải hành động. Tương tự câu: "Ta đã giữ mình không làm bất cứ điều gì"

Ta rên la, nói hổn hển, thở chẳng ra hơi như đàn bà sinh đẻ

Những hành động của Đức Giê-hô-va như là một chiến binh đang thét lớn được ví sánh như người đàn bà mang thai khóc vì cớ sanh đẻ. Ở đây nhấn mạnh đến những hành động bộc phát không thể tránh được sau một thời gian kiềm chế không hành động.

Ta sẽ tàn phá núi đồi ... làm cho các ao hồ đều khô cạn

Đức Giê-hô-va dùng ngôn ngữ ẩn dụ để mô tả sức mạnh vĩ đại của Ngài khi chinh phục các kẻ thù mình.

các ao hồ

Ao hồ là một khu vực có đất mềm và ướt cùng các vũng nước.

Isaiah 42:16

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Ta sẽ dẫn người mù đi trên đường chưa quen, dắt họ trên các nẻo chưa biết

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa. Tương tự câu: "Ta sẽ dẫn những người mù trên con đường mà họ không biết"

người mù

Đức Giê-hô-va nói về việc dân sự Ngài trở nên vô dụng như thể họ không thể nhìn thấy bởi vì họ đã bị mù.

chưa quen

Các nghĩa có thể là 1) "họ chưa bao giờ đi qua" hay 2) "họ chưa quen."

Ta sẽ biến bóng tối trước mặt họ thành ra ánh sáng

Đức Giê-hô-va nói về việc dân sự Ngài sẽ trở nên vô dụng như thể họ không thể nhìn thấy bởi vì họ đã đi trong bóng tối, và việc Ngài cứu giúp họ giống như thể Ngài khiến cho ánh sáng chiếu trong bóng đêm.

Isaiah 42:17

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Đều sẽ quay lưng lại và hoàn toàn xấu hổ

Việc khước từ những kẻ thờ thần tượng được miêu tả như thể buộc họ phải quay lưng và đi theo hướng đối nghịch. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ chối bỏ chúng và khiến chúng xấu hổ"

Isaiah 42:18

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Hỡi những kẻ điếc ... hỡi những kẻ mù

Ở đây từ "những kẻ" ở số nhiều và đề cập đến dân Y-sơ-ra-ên. Đức Giê-hô-va nói về việc họ không lắng nghe và tuân lệnh Ngài như thể họ là những kẻ mù và điếc.

Ai là người mù, nếu không phải là đầy tớ Ta? Ai là người điếc như sứ giả mà Ta đã sai đi?

Đức Giê-hô-va hỏi những câu hỏi tu từ nầy để quở trách dân sự Ngài và nhấn mạnh rằng chẳng có ai mù hay điếc như họ. Tương tự câu: "Chẳng ai mù như đầy tớ Ta. Không ai điếc như sứ giả mà Ta đã sai đi."

Ai là người mù như một người tận hiến của Ta, Hoặc mù như đầy tớ của Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va hỏi những câu hỏi tu từ nầy để quở trách dân sự Ngài và nhấn mạnh rằng không ai trong số họ bị mù hoặc điếc cả. Tương tự câu: "Chẳng có ai mù như những người làm theo giao ước Ta.. Cũng không ai mù như đầy tớ Đức Giê-hô-va."

Isaiah 42:20

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngươi thấy nhiều điều mà chẳng lưu tâm

"Mặc dù ngươi thấy nhiều điều,nhưng ngươi không hiểu chúng có nghĩa gì"

có tai mở ra mà không nghe gì cả

Khả năng nghe được miêu tả như là tai mở ra. Ở đây từ "nghe" nói đến việc hiểu được điều một người đang nghe. Tương tự câu: "mọi người nghe, nhưng không ai hiểu điều họ nghe"

Đức Giê-hô-va vui lòng vì sự công chính Ngài, làm cho luật pháp được tôn trọng và vinh quang

"Đức Giê-hô-va vui lòng tôn vinh sự công chính Ngài bằng việc làm cho luật pháp Ngài được vinh quang." Phần thứ hai trong cụm từ này giải thích Đức Giê-hô-va đã làm trọn công việc trong phần một thế nào.

Isaiah 42:22

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Nhưng ấy là một dân bị cướp giật và tước đoạt

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Nhưng kẻ thù đã cướp giật và tước đoạt dân này"

bị cướp giật và tước đoạt

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh kẻ địch đã tước đoạt họ cách tàn tệ thế nào.

Tất cả đều mắc bẫy trong hang, và bị giam trong ngục

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "kẻ thù đã bẫy họ trong hang và giam họ trong ngục"

Isaiah 42:23

Ai trong các ngươi

Ở đây từ "các ngươi" ở số nhiều và nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Ai đã phó Gia-cốp cho sự cướp bóc, và phó Y-sơ-ra-ên cho kẻ tước đoạt?

Hai cụm từ này đều có ý nghĩa giống nhau. Ê-sai dùng câu này như một câu hỏi để đem đến sự nhấn mạnh về câu trả lời mà ông sẽ đưa ra trong cụm từ tiếp theo. Tương tự câu: "Ta sẽ kể cho các ngươi về Đấng đã phó dân Y-sơ-ra-ên cho sự cướp bóc và kẻ cướp đoạt"

Chẳng phải là Đức Giê-hô-va ... chẳng tuân giữ luật pháp Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ê-sai dùng câu hỏi tu từ nầy để nhấn mạnh rằng chính Đức Giê-hô-va đã đưa dân Y-sơ-ra-ên vào tình trạng đó và giải thích lý do tại sao Ngài đã làm như vậy. Tương tự câu: "Chính là Đức Giê-hô-va ... từ chối tuân theo lời Ngài."

Đấng mà chúng ta phạm tội nghịch cùng Ngài sao?

Ở đây từ "chúng ta" nói đến dân Y-sơ-ra-ên và Ê-sai.

Vì không ai muốn đi theo đường lối Ngài, chẳng tuân giữ luật pháp Ngài

Từ "ai" ở đây nói đến dân Y-sơ-ra-ên và Ê-sai. Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự nhau. Trong cụm từ đầu tiên, tuân theo luật pháp của Đức Giê-hô-va được miêu tả như thể đang đi trong con đường mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ đi.

Isaiah 42:25

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Thế nên, Chúa

"Vì thế Đức Giê-hô-va"

Chúa đã trút cơn giận phừng phừng trên nó

Ê-sai nói về cơn giận của Đức Giê-hô-va như thể đó là một chất lỏng có thể trút ra. Tương tự câu: "Ngài đã trút cơn tức giận phừng phừng trên họ"

trên nó

"Nó" ở đây nói đến dân Y-sơ-ra-ên, nhưng Ê-sai cũng bao gồm cả chính mình như một phần của dân sự. Tương tự câu: "trên chúng ta"

và chiến tranh khốc liệt

Từ "khốc liệt" có thể được dịch với một động từ. Tương tự câu: "hủy diệt họ bằng chiến tranh"

Lửa cháy chung quanh ... lửa thiêu đốt nó

Ê-sai nói về cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va như thể đó là một ngọn lửa thiêu đốt dân sự.

nó chẳng quan tâm

Chú ý đến điều gì đó và học hỏi từ nó được miêu tả như thể đặt điều đó vào trong lòng ai. Tương tự câu: "nó chẳng quan tâm" hay là "nó chẳng học được gì"

Translation Questions

Isaiah 42:1

Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm với đầy tớ Ngài?

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ chọn đầy tớ mà Ngài hài lòng và đặt Thần Ngài trên Người.

Đức Giê-hô-va phán đầy tớ Ngài sẽ mang điều gì đến các nước?

Đức Giê-hô-va phán rằng đầy tớ Ngài sẽ bảy tỏ công lý cho các nước.

Isaiah 42:3

Đầy tớ Ngài sẽ không làm gì cây sậy đã giập và tim đèn gần tàn?

Đức Giê-hô-va phán rằng đầy tớ Ngài sẽ không bẻ cây sậy đã giập và chẳng tắt tim đèn gần tàn.

Isaiah 42:5

Đức Giê-hô-va mô tả chính Ngài như thế nào?

Ngài mô tả chính Ngài là Đấng đã dựng nên và giương các tầng trời ra, đã trải rộng mặt đất, cùng với mọi vật ra từ nó, là Đấng ban hơi sống cho dân trên đất.

Isaiah 42:7

Đức Giê-hô-va muốn đầy tớ được chọn của Ngài làm gì cho người mục và tù nhân?

Đức Giê-hô-va muốn đầy tớ Ngài mở mắt kẻ mù và đem tù nhân ra khỏi ngục, và kẻ ngồi trong chốn tối tăm ra khỏi nhà giam.

Isaiah 42:8

Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ không nhường điều gì?

Ngài phán Ngài sẽ không nhường vinh quang Ngài cho ai khác cùng không nhường sự xa ngợi ngài cho các thần tượng.

Đức Giê-hô-va khác biệt gì so với các thần tượng?

Trái ngược với các thần tượng, mọi việc sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va phán cùng họ.

Isaiah 42:9

Đức Giê-hô-va khác biệt gì so với các thần tượng?

Trái ngược với các thần tượng, mọi việc sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va bày tỏ cho họ.

Để tiếp tục bày tỏ vinh quang của Ngài thì Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ làm gì?

Ngài nói Ngài sẽ báo những việc mới. Ngài nói trước khi nó xảy ra.

Isaiah 42:13

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho kẻ thù Ngài?

Ngài sẽ cho họ thấy sức mạnh Ngài.

Isaiah 42:16

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người mù?

Ngài sẽ dẫn người mù đi trên đường chưa quen, dắt họ trên các nẻo chưa biết. Ngài sẽ biến bóng tối trước mặt họ thành ra ánh sáng, những chỗ gồ ghề trở thành bằng phẳng và sẽ không từ bỏ họ.

Isaiah 42:17

Điều gì sẽ xảy ra với những người thờ thần tượng và nói với các tượng đức, "Các ngài là thần chúng tôi"?

Họ sẽ quay lưng lại và hoàn toàn xấu hổ.

Isaiah 42:18

Kẻ điếc và kẻ mù được ra lệnh phải làm gì?

Kẻ điếc hãy lắng nghe và kẻ mù hãy nhìn và thấy.

Isaiah 42:20

Tại sao Đức Giê-hô-va ra lệnh cho họ hãy lắng nghe và nhìn thấy?

Ngài ra lệnh cho họ hãy lắng nghe và nhìn thấy bởi vì họ thấy nhiều điều mà chẳng lưu tâm, có tai mở ra mà không nghe gì cả.

Isaiah 42:22

Đức Giê-hô-va phán gì về tình hình của người dân?

Đức Giê-hô-va phán rằng dân bị cướp giật và tước đoạt, tất cả đều mắc bẫy trong hang, và bị giam trong ngục, họ trở thành chiến lợi phẩm mà không ai giải cứu.

Isaiah 42:24

Ai đã phó Gia-cốp cho sự cướp bóc, và phó Y-sơ-ra-ên cho kẻ tước đoạt?

Chính Đức Giê-hô-va đã phó họ.

Tại sao Đức Giê-hô-va lại phó Gia-cốp cho sự cướp bóc, và phó Y-sơ-ra-ên cho kẻ tước đoạt?

Đức Giê-hô-va đã phó họ vì họ đã phạm tội nghịch cùng Ngài, vì không ai muốn đi theo đường lối Ngài, chẳng tuân giữ luật pháp Ngài.

Isaiah 42:25

Y-sơ-ra-ên có nhận ra ai là người đã gây ra chiến tranh khốc liệt trên họ không và tại sao lại làm như vậy?

Không! lửa cháy chung quanh mà họ không hiểu, lửa thiêu đốt nó mà nó chẳng quan tâm.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 43

Isaiah 43:1

Hỡi Gia-cốp! Đấng đã dựng nên con, hỡi Y-sơ-ra-ên! Đấng đã tạo thành con

Cả hai mệnh đề này đều có chung ý nghĩa. Tương tự câu: "Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, Đấng đã tạo nên con"

Isaiah 43:2

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi con vượt qua các dòng nước ... ngọn lửa sẽ chẳng thiêu đốt con

Đức Giê-hô-va phán về những trải nghiệm khó khăn và đau khổ như thể chúng là những dòng nước sâu và lửa cháy khi dân sự đi qua. Những từ "dòng nước" và "ngọn lửa" tạo nên một sự phân khúc để nhấn mạnh đến bất kỳ hoàn cảnh khó khăn.

Khi con vượt qua các dòng nước, Ta sẽ ở cùng; Khi con lội qua sông, sẽ chẳng bị nước cuốn

Hai tuyên bố này về cơ bản mang ý nghĩa giống nhau và nhấn mạnh rằng dân sự sẽ kinh nghiệm được sự bình yên bởi vì Đức Giê-hô-va ở cùng họ.

sẽ chẳng bị cháy

Câu này có thể được viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "Lửa sẽ chẳng thiêu đốt con"

Ta ban Ai Cập làm giá chuộc con, Cút và Sê-ba để thay thế con

Hai cụm từ này mang ý nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ cho phép những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên xâm lược các quốc gia này thay cho Y-sơ-ra-ên.

Sê-ba

Đây là tên một quốc gia.

Isaiah 43:4

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Vì Ta xem con là quý báu và đáng chuộng

Những từ "quý báu" và "đáng chuộng" đều mang ý nghĩa như nhau và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va coi trọng dân sự Ngài nhiều đến thế nào. Tương tự câu: "Bởi vì con rất quý báu đối với Ta"

Nên Ta sẽ ban người thế con, và ban các dân tộc thay mạng sống con

Cả hai cụm từ mang ý nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Vì thế Ta sẽ để cho kẻ thù xâm lược các dân khác thay con"

Ta sẽ đem dòng dõi con đến từ phương đông, và quy tụ con từ phương tây

Các hướng "đông" và "tây" tạo nên một sự phân khúc và tương trưng cho các hướng. Tương tự câu: "Ta sẽ đem con và dòng dõi con về từ mọi hướng"

Isaiah 43:6

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

bảo phương bắc ... bảo phương nam

Đức Giê-hô-va phán với "phương bắc" và "phươn nam" như thể là đang ra lệnh cho các nước ở đây.

các con trai Ta ... các con gái Ta

Đức Giê-hô-va phán với những ai thuộc về Ngài như thể họ là con cái của Ngài.

tất cả những người được gọi bằng danh Ta

Được gọi bằng danh của ai đó ở đây tượng trưng cho việc thuộc về người đó. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những người mà Ta đã gọi bằng danh Ta" hay " mọi người thuộc về Ta"

Ta đã tạo thành và đã làm nên họ

Cả hai câu này đều mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng đó Đức Chúa Trời đã làm nên dân Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 43:8

dân có mắt mà mù ... điếc

Đức Giê-hô-va phán với những người không lắng nghe Ngài hay vâng lời Ngài như thể họ đã bị mù và điếc.

Ai trong họ có thể rao truyền điều nầy, và nói cho chúng ta biết những điều từ trước?

Câu hỏi tu từ này nói đến các thần mà dân các nước thờ phượng. Câu trả lời được ngụ ý rằng chẳng ai trong chúng có thể làm điều này. Tương tự câu: "Chẳng có thần nào có thể rao tuyền điều này hay nói cho chúng ta biết những điều từ trước."

nói cho chúng ta biết những điều từ trước?

Ở đây đề cập đến khả năng nói về các sự kiện xảy ra trước khi các sự kiện đó được xảy ra. Tương tự câu: "nói cho chúng ta những điều trước khi chúng xảy ra"

Họ hãy đem nhân chứng ra để chứng minh họ là đúng, và cho người ta nghe mà nói rằng: "Ấy là thật!"

Đức Giê-hô-va thách thức các thần mà các dân khác thờ phượng rằng hãy đem nhân chứng ra để làm chứng rằng họ có thể làm những điều này, dầu vậy Ngài biết rằng chúng không thể làm được như vậy. Tương tự câu: "Các thần không có nhân chứng để làm chứng rằng họ đúng, các nhân chứng sẽ lắng nghe và xác nhận rằng, "Điều đó là thật"

Isaiah 43:10

Các con ... đầy tớ Ta

"Các con" ở đây là số nhiều và nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Cụm từ " đầy tớ Ta" tức là toàn bộ đất nước.

Trước Ta ... sau Ta

Nói như vậy, Đức Giê-hô-va không có ý nói rằng đã có một thời điểm trước khi Ngài có hay một thời điểm sau khi Ngài không còn tồn tại nữa. Mà đúng hơn là, Ngài quả quyết rằng Ngài còn mãi đến đời đời và các thần mà dân các nước thờ phượng thì không như vậy.

Chẳng có thần nào được tạo thành trước Ta

Từ "được tạo thành" cho thấy rằng Đức Giê-hô-va đang nói đến các thần mà loài người đã làm nên. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chẳng có thần nào mà loài người làm nên đã có trước Ta"

và cũng chẳng có thần nào sau Ta nữa

"và chẳng có thần nào có sau Ta "

Ta, chính Ta là Đức Giê-hô-va

Từ "Ta" được lặp lại để nhấn mạnh trọng tâm là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Chỉ duy nhất Ta là Đức Giê-hô-va" hay "chính Ta là Đức Giê-hô-va"

ngoài Ta, không có Cứu Chúa nào khác

Câu này có thể được diễn đạt theo thể khẳng định. Tương tự câu: "Chỉ duy nhất Ta là Cứu Chúa" hay "Ta là Đấng duy nhất có thể cứu chuộc các con"

Isaiah 43:12

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

chẳng ai có thể thoát khỏi tay Ta

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho quyền năng của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "chẳng ai có thể được giải cứu khỏi quyền

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

năng của Ta"

ai có thể ngăn cản Ta được?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nói rằng chẳng ai có thể rút lại cánh tay Ngài. Rút cánh tay lại tượng trưng cho việc ngăn Ngài làm điều gì đó. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA14:26

Isaiah 43:14

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong ISA01:04

Ta đã sai đánh Ba-by-lôn, đuổi tất cả bọn chúng

Đối tượng của động từ "đã sai" có thể được thêm vào để dịch. Tương tự câu: "Ta đã sai một quân đội đến Ba-by-lôn"

đuổi tất cả bọn chúng như là những kẻ chạy trốn

"đuổi những người Ba-by-lôn như những kẻ chạy trốn"

những kẻ chạy trốn

Kẻ chạy trốn là một người chạy đi để cho kẻ thù nghịch không thể bắt được người đó.

Isaiah 43:16

Đấng đã mở đường ... tim đèn

Ở những câu này, Ê-sai nói đến các sự kiện rời khỏi Ai-Cập, khi Đức Giê-hô-va chia đôi biển và để cho dân Y-sơ-ra-ên đi qua trên đất khô nhưng lại nhấn chìm quân đội Ai-Cập.

Cùng nhau nằm xuống, không dậy được nữa

Sự chết được nói đến như là nằm xuống đất. Tương tự câu: "Hết thảy họ đều chết, họ sẽ không bao giờ sống trở lại"

họ bị dập đi, như người ta dập tắt tim đèn

Mọi người bị chết được diễn đạt như thể họ là những tim đèn đang cháy mà bị người ta dập tắt đi. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "mạng sống của họ đã kết thúc, như một người dập tắt lửa của một ngọn nến đang cháy"

Isaiah 43:18

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Đừng nhớ lại những việc đã qua, cũng đừng nghĩ đến chuyện thuở trước

Hai cụm từ này đều mang nghĩa như nhau và nhấn mạnh rằng họ đừng lo lắng về điều đã xảy ra trong quá khứ.

Nầy

"Hãy lắng nghe" hay "Hãy chú ý"

các con không biết sao?

Đức Giê-hô-va sử dụng một câu hỏi để dạy dỗ dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "chắc rằng các con đã không để ý đến nó."

Isaiah 43:20

loài dã thú, chó rừng và đà điểu sẽ tôn vinh Ta

Các loài động vật sẽ tôn vinh Đức Giê-hô-va như thể chúng là loài người.

chó rừng và đà điểu

Đây là những ví dụ về các loài vật tôn vinh Đức Giê-hô-va. Hãy xem cách bạn đã dịch tên của những loài vật này trong ISA13:21

Isaiah 43:22

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 43:24

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

xương bồ

xương bồ** - Đây là một loài thực vật với mùi dễ chịu được dùng để làm dầu bôi. Nó không mọc tại đất Y-sơ-ra-ên vì vậy dân sự phải mua nó từ nước khác.

lấy tội lỗi mình làm cho Ta phiền lòng, và lấy sự gian ác làm cho Ta mệt mỏi

Cả hai câu này đều mang nghĩa như nhau và nhấn mạnh đến lời than phiền của Đức Giê-hô-va đối với dân sự Ngài.

lấy tội lỗi mình làm cho Ta phiền lòng

"làm phiền lòng ta bởi tội lỗi các ngươi"

Isaiah 43:25

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta, chính Ta

Từ "Ta" được lặp lại để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Chỉ duy nhất Ta"

xóa các sự vi phạm của con

Tha thứ tội lỗi được nói đến như 1) xóa sạch chúng hay lau sạch chúng đi hoặc là 2) bôi xóa sự ghi chép về các tội lỗi. Tương tự câu: "tha thứ các sự vi phạm của con giống như một người lau đi thứ gì đó" hay "tha thứ các sự vi phạm con giống như một người bôi xóa sự ghi chép về các tội lỗi"

vì chính mình

"vì chính danh Ta" hay "vì thanh danh của chính Ta"

nhớ

"ghi nhớ"

hãy đưa ra lý lẽ để chứng tỏ con đúng

Đức Giê-hô-va đã thách thức dân sự đưa ra bằng chứng để chứng tỏ rằng họ vô tội về những điều mà Ngài đang buộc tội họ, dầu Ngài biết rằng họ không thể làm điều đó. Tương tự câu: "hãy đưa ra chứng cớ, nhưng con không thể chứng tỏ rằng mình là vô tội"

để chứng tỏ con đúng

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "để tự chứng minh mình vô tội"

Isaiah 43:27

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Thủy tổ của con đã phạm tội

Câu này nói về người đầu tiên lập nên Y-sơ-ra-ên và có thể là Áp-ra-ham hoặc Gia-cốp.

Ta phó Gia-cốp cho sự hủy diệt

Ở đây từ "phó cho" tượng trưng cho việc trao ai đó vào quyền của người khác. Danh từ "sự hủy diệt" có thể được dịch thành một cụm động từ. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến kẻ thù hủy diệt hoàn toàn Gia-cốp"

và phó Y-sơ-ra-ên cho sự phỉ báng

Động từ có thể được thêm vào cụm từ ở câu trước đó, để cụm từ này được tương đương nhau. Danh từ "sự phỉ báng" có thể được dịch thành một cụm động từ. Tương tự câu: "Và Ta sẽ để kẻ thù lăng mạ và phỉ báng Y-sơ-ra-ên"

Translation Questions

Isaiah 43:1

Nói chung, Đức Giê-hô-va đã phán Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên điều gì?

Ngài phán dặn Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên đừng sợ.

Isaiah 43:2

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì cho Y-sơ-ra-ên để bảo vệ họ?
Đức Giê-hô-va phán rằng các dòng sông sẽ chẳng thể cuốn Y-sơ-ra-ên và sẽ chẳng bị cháy, ngọn lửa sẽ chẳng thiêu đốt.
Isaiah 43:3
Đức Giê-hô-va đã ban cho Y-sơ-ra-ên điều gì làm giá chuộc và để thay thế?
Ngài đã ban Ai Cập làm giá chuộc, Ê-thi-ô-bi và Sê-ba để đổi lấy Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 43:5
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì cho con cháu Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài đem họ đến từ phương đông và quy tụ họ về phương tây.
Isaiah 43:10
Tại sao Đức Giê-hô-va lại đem họ đến từ phương đông và quy tụ họ về phương tây và phán với họ những điều đã xảy ra trước đó?
Đức Giê-hô-va làm như vậy để họ được biết và tin ngài cũng như hiểu rằng Ngài là Đức Chúa Trời.
Có vị thần hay vị cứu tinh nào khác Đức Giê-hô-va không?
Trước Đức Giê-hô-va chẳng có thần nào được tạo thành và sau Ngài cũng chẳng có thần nào. Ngài là Đức Giê-hô-va, ngoài Ngài không có Cứu Chúa nào khác.
Isaiah 43:11
Có vị thần hay vị cứu tinh nào khác Đức Giê-hô-va không?
Trước Đức Giê-hô-va chẳng có thần nào được tạo thành và sau Ngài cũng chẳng có thần nào. Ngài là Đức Giê-hô-va, ngoài Ngài không có Cứu Chúa nào khác.
Isaiah 43:13
Ai có thể giải cứu chúng ta ra khỏi tay Chúa?
Chẳng ai có thể thoát khỏi tay Chúa.
Isaiah 43:14
Đức Giê-hô-va đã đánh Ba-by-lôn và dẫn họ xuống như những kẻ chạy trốn, xuống các tàu mà chúng đã từng reo hò vang dội vì ai?
Đức Giê-hô-va đã làm như vậy vì ích lợi của Y-sơ-ra-ên?
Isaiah 43:16
Những điều mà trước đây Đức Giê-hô-va đã làm và đã phán dặn họ đừng nhớ lại và cũng đừng nghĩ đến là việc gì?
Đức Giê-hô-va đã mở đường trong biển và vạch lối qua dòng nước mạnh. Đấng khiến chiến xa và chiến mã, quân binh và dũng sĩ, cùng nhau nằm xuống, không dậy được nữa. Họ bị dập đi, như người ta dập tắt tim đèn.
Isaiah 43:17
Những điều mà trước đây Đức Giê-hô-va đã làm và đã phán dặn họ đừng nhớ lại và cũng đừng nghĩ đến là việc gì?
Đức Giê-hô-va đã mở đường trong biển và vạch lối qua dòng nước mạnh. Đấng khiến chiến xa và chiến mã, quân binh và dũng sĩ, cùng nhau nằm xuống, không dậy được nữa. Họ bị dập đi, như người ta dập tắt tim đèn.
Isaiah 43:19
Đức Giê-hô-va phán Ngài sắp làm một việc mới gì trong hoang mạc và đất khô cằn?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ vạch một con đường mới trong hoang mạc và một dòng sông chảy nơi đất khô cằn.
Isaiah 43:22
Những người này, là dân Y-sơ-ra-ên đã không làm gì cho Đức Giê-hô-va là Đấng dựng nên họ?
Y-sơ-ra-ên đã chẳng từng kêu cầu Đức Giê-hô-va. Họ cũng không dân chiên làm tế lễ thiêu cho Ngài để tôn kính Ngài bằng cách dân sinh tế của họ.
Isaiah 43:23
Những người này, là dân Y-sơ-ra-ên đã không làm gì cho Đức Giê-hô-va là Đấng dựng nên họ?
Y-sơ-ra-ên đã chẳng từng kêu cầu Đức Giê-hô-va. Họ cũng không dân chiên làm tế lễ thiêu cho Ngài để tôn kính Ngài bằng cách dân sinh tế của họ.
Isaiah 43:24
Y-sơ-ra-ên đã làm gì cho Đức Giê-hô-va?
Y-sơ-ra-ên làm phiền lòng Đức Giê-hô-va vì cớ tội lỗi của họ, và lấy sự gian ác làm Ngài mệt mỏi.
Isaiah 43:25
Tại sao Đức Giê-hô-va lại xóa các sự vi phạm của họ và không nhớ đến tội lỗi của họ nữa?
Chính Đức Giê-hô-va là Đấng vì chính mình.
Isaiah 43:27
Vì sao Chúa Giê-hô-va làm nhục các chức sắc của nơi thánh, và phó Gia-cốp cho sự hủy diệt và Y-sơ-ra-ên cho sự phỉ báng?
Đức Giê-hô-va làm như vậy vì thủy tổ của họ đã phạm tội và các nhà lãnh đạo của họ nổi lên chống lại Ngài.
Isaiah 43:28
Vì sao Chúa Giê-hô-va làm nhục các chức sắc của nơi thánh, và phó Gia-cốp cho sự hủy diệt và Y-sơ-ra-ên cho sự phỉ báng?
Đức Giê-hô-va làm như vậy vì thủy tổ của họ đã phạm tội và các nhà lãnh đạo của họ nổi lên chống lại Ngài.

Chapter 44
Isaiah 44:1
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Hỡi Gia-cốp, đầy tớ Ta
Ở đây nói đến các hậu tự của Gia-cốp. Tương tự câu: "hỡi các hậu tự của nhà Gia-cốp, đầy tớ Ta"
Đấng đã tạo nên con, đã hình thành con từ trong lòng mẹ
Đức Giê-hô-va nói về sự tạo dựng nên đất nước Y-sơ-ra-ên như là sự hình thành của một đứa trẻ ở trong lòng mẹ. Tương tự câu: "Ngài là Đấng đã tạo nên các ngươi, như Ngài tạo nên một đứa trẻ trong lòng mẹ."
Và Giê-su-run mà Ta đã chọn
Động từ ở đây có thể được dùng ở cụm từ trước. Tương tự câu: "và ngươi, Giê-su-run, là kẻ mà ta đã chọn, chớ có sợ"
Giê-su-run
Câu này cũng nói đến dân Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 44:3
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Vì Ta sẽ rót nước trên người khát khao, cho suối chảy nơi đất khô hạn
Đức Giê-hô-va miêu tả việc ban Thần của Ngài trên dân Y-sơ-ra-ên như thể Ngài khiến mưa và những dòng suối chảy trên đất khô.
người khát khao
Đất khô được nói đến như là một người đang khát. Tương tự câu: "vùng đất khô"
Ta sẽ đổ Thần Ta trên dòng dõi con
Đức Giê-hô-va nói về việc ban Thần của Ngài cho dân sự như thể Thần Ngài là một chất lỏng mà Ngài đổ ra trên họ. Tương tự câu: "Ta sẽ ban Thần Ta cho dòng dõi con"
và ban phước lành trên hậu tự con
Động từ ở đây có thể được dùng ở cụm từ trong câu trước.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tương tự câu: "và Ta sẽ đổ ơn phước lên hậu tự con" hoặc là "và Ta sẽ ban ơn phước cho hậu tự con"

Chúng sẽ nẩy nở giữa đám cỏ, như cây liễu bên dòng nước

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ thịnh vượng và đông đúc được miêu tả như thể họ là những cây cối phát triển tốt vì có nhiều nước.

cây liễu

Cây liễu là một loại cây có cành gầy guộc sinh trưởng gần nước.

Isaiah 44:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên

Người kia xưng mình bằng danh của Gia-cốp

"một người khác sẽ xưng mình là hậu tự của Gia-cốp"

xưng mình bằng danh Y-sơ-ra-ên

"tự gọi mình là hậu tự của Y-sơ-ra-ên"

Isaiah 44:6

Đấng Cứu Chuộc của Y-sơ-ra-ên

"Đấng Cứu Chuộc của Y-sơ-ra-ên"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này tương tự như bạn đã dịch trong ISA01:09

Ta là đầu tiên và cuối cùng

Cụm từ này nhấn mạnh về bản tính đời đời của Đức Giê-hô-va. Các nghĩa có thể là 1) "Ta là Đấng bắt đầu mọi việc và Ta là Đấng kết thúc mọi việc" hay là 2) "Ta là Đấng duy nhất luôn sống, và là Đấng sẽ còn sống đời đời."

Isaiah 44:7

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Ai giống như Ta? Hãy để người ấy lên tiếng

Đức Giê-hô-va sử dụng câu hỏi tu từ nầy để nhấn mạnh rằng chẳng có bất kỳ ai khác giống như Ngài. Tương tự câu: "Nếu ai nghĩ là người đó giống Ta, hãy để họ lên tiếng"

Isaiah 44:8

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Chớ kinh hãi, cũng đừng bối rối

Đức Giê-hô-va sử dụng hai cách diễn đạt tương tự nhau để nhấn mạnh thêm sự khích lệ. Tương tự câu: "Đừng e sợ"

Chẳng phải Ta đã nói cho các ngươi biết từ xưa rồi sao?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng duy nhất đã tiên đoán những sự kiện bây giờ đã xảy ra. Từ "đã nói" về cơ bản giống như từ "rao báo." Tương tự câu: "Ta đã tuyên bố những điều này cho các ngươi biết từ xưa rồi."

Ngoài Ta, có Đức Chúa Trời nào khác không?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi lần nữa để nhấn mạnh rằng chẳng có Đức Chúa Trời nào khác. Tương tự câu: "Chẳng có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ta"

Chẳng có Vầng Đá nào khác

Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài như là một Vầng Đá lớn mà dân sự có thể tìm đến để trú ngụ. Điều này có nghĩa là Ngài có quyền năng để bảo vệ dân sự Ngài.

Isaiah 44:9

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

những điều họ yêu thích chẳng có ích gì

"những thần tượng mà họ yêu thích chẳng có giá trị gì"

Các nhân chứng của họ không thấy cũng không biết

Cụm từ này nói đến những kẻ đang thờ phượng các thần tượng này cùng những kẻ làm nhân chứng cho quyền phép của các thần tượng. Đức Giê-hô-va phán rằng họ không thể hiểu được sự thật như thể họ bị mù. Tương tự câu: "những kẻ hầu việc các thần tượng này như là những nhân chứng, họ bị mù chẳng biết gì cả"

họ phải mang xấu hổ

Câu này có thể được viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "chúng sẽ bị xấu hổ" hoặc là "các thần tượng của chúng sẽ khiến chúng xấu hổ"

Ai là kẻ tạo một vị thần và đúc một tượng mà không có ích gì cả?

Đức Giê-hô-va đang dùng câu hỏi này để quở trách những kẻ tạc và đúc nên các thần tượng. Tương tự câu: "Chỉ những kẻ khờ dại mới tạc thần hoặc đúc tượng là những thứ vô giá trị."

Đúc một tượng mà không có ích gì cả

Từ "không có ích gì cả" không có ý phân biệt các thần tượng vô ích với các thần tượng có ích, bởi vì tất cả các thần tượng đều là vô ích. Tương tự câu: "đúc những thần tượng vô ích"

Isaiah 44:11

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Mọi kẻ tham dự vào việc đó

Các ý nghĩa có thể là 1/ ở đây nói đến những kẻ tham dự cùng các thợ để đúc thần tượng. Tương tự câu: "mọi kẻ hiệp tác với các thợ" hoặc là 2) Ở đây nói đến những người kết hiệp chính họ với thần tượng bằng việc thờ phượng nó. Tương tự câu: "Tất cả những kẻ thờ thần tượng"

sẽ bị xấu hổ

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "sẽ bị xấu hổ"

Hãy để tất cả họ tụ họp lại và đứng lên

"Hãy để tất cả bọn họ cùng đến trước mặt Ta"

họ đều kinh hãi

"họ sẽ đều kinh hãi." "Ngồi co mình lại" là tư thế thể hiện sự sợ hãi.

Isaiah 44:12

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

tạo hình

"tạo thần tượng"

Isaiah 44:13

căng dây

Một sợi dây được dùng để khắc họa hình thần tượng vào gỗ.

cái chàng

Một dụng cụ sắc nhọn dùng để đục vào gỗ để người thợ có thể nhìn thấy chỗ cần cắt.

com-pa

Đây là một dụng cụ có hai đầu nhọn có thể kéo ra được dùng để đánh dấu khúc gỗ để tạc thần tượng.

Isaiah 44:14

Anh ta đi đốn

"Người thợ mộc đi đốn hạ" hoặc là "Người thợ điêu khắc đi đốn hạ"

cây bách

một loại cây cao xanh tươi

Isaiah 44:15

Người ta sẽ dùng gỗ

"Người ta dùng gỗ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 44:18

Mắt họ nhắm lại để không thấy

Đức Giê-hô-va phán về những kẻ không hiểu được sự ngu muội của việc thờ thần tượng như thể họ bị mù.

mắt họ nhắm lại

Ở đây từ "mắt họ" tượng trưng cho chính người đó. Tương tự câu: "vì họ mù"

lòng họ đóng lại để không hiểu

Ở đây từ "lòng" tượng trưng cho tâm trí và suy nghĩ của mọi người. Tương tự câu: "Họ không thể hiểu"

Isaiah 44:19

Rồi phần còn lại ... một vật đáng ghê tởm sao? Ta lại đi cúi lạy một khúc gỗ sao?

Đức Giê-hô-va phán rằng những kẻ đó nên tự hỏi chính họ những câu hỏi tu từ nầy. Những câu hỏi này cho biết trước những câu trả lời mang tính phủ định và nhấn mạnh người nào làm điều này thật là ngu ngốc. Tương tự câu: "Ta không nên làm ... một vật đáng ghê tởm để thờ phượng. Ta không nên thờ lạy một khúc gỗ."

Isaiah 44:20

Người ấy nuôi mình bằng tro bụi

Đức Giê-hô-va nói về người đang thờ lạy một thần tượng như thể người đó đang ăn những tro bụi từ gỗ mà anh ta dùng để tạo tượng. Giống như ăn tro bụi mà chẳng đem lại lợi ích gì, thì thờ thần tượng cũng vậy.

lòng mê muội đã làm cho lầm đường

Lòng họ tượng trưng cho nội tâm của một người. Tương tự câu: "anh ta khiến mình lầm đường bởi vì bị mê muội"

Chẳng thể cứu linh hồn mình

"Kẻ thờ lạy thần tượng chẳng thể tự cứu lấy mình"

Isaiah 44:21

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Hỡi Gia-cốp ... hỡi Y-sơ-ra-ên

Câu này nói đến những người là hậu tự của Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Hỡi những kẻ kế tự của Y-sơ-ra-ên"

Ta sẽ không quên con

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ không quên con"

Ta đã xóa sự vi phạm của con như mây dày đặc, và tội lỗi con như đám mây

Cả hai tuyên bố này đều mang ý nghĩa như nhau. Đức Chúa Trời đã xóa bỏ tội lỗi của họ nhanh chóng và dễ dàng như một cơn gió thổi đám mây bay xa.

và tội lỗi con như đám mây

Động từ có thể được thêm vào cụm từ trong câu trước. Tương tự câu: "Ta đã thổi sạch tội lỗi con, giống như một đám mây"

Isaiah 44:23

Hỡi các tầng trời, hãy ca hát vui mừng ... vinh quang Ngài trong Y-sơ-ra-ên

Ở đây Ê-sai nói với nhiều tạo vật như thể chúng là người và ra lệnh chúng phải ngợi khen tôn vinh Đức Giê-hô-va.

hỡi các nơi thấp dưới đất

"hỡi các ngươi, là nơi thấp nhất của đất." Các nghĩa có thể là 1) câu này nói đến những nơi rất sâu của đất như các hang động hay các hẻm núi và hình thành nên một sự phân khúc với "các tầng trời" trong câu trước đó hoặc là 2) câu này nói đến một nơi dành cho người chết.

Isaiah 44:24

Đấng Cứu Chuộc

Hãy dịch từ này tương tự theo cách bạn đã dịch trong ISA41:14

Đấng đã tạo nên con từ trong lòng mẹ

Đức Giê-hô-va phán về sự thành lập nên nước Y-sơ-ra-ên giống như một đứa bé được tạo nên từ trong lòng mẹ. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA44:01

một mình Ta đã giương các tầng trời

Đức Giê-hô-va phán về sự sáng tạo các tầng trời như thể chúng là vải và Ngài đã kéo căng nó ra. Hãy xem cách bạn đã dịch một cụm từ tương tự trong ISA42:05

các điềm

Đây là những dấu hiệu mà người ta dùng để cố gắng dự báo tương lai.

kẻ tiên tri giả

Câu này chỉ về những người nói những điều vô nghĩa.

Isaiah 44:26

Chúa chứng thực lời của đầy tớ Ngài, thực hiện lời của các sứ giả Ngài

Đức Giê-hô-va phán cùng một điều hai lần để nhấn mạnh. Chỉ có duy nhất Đức Giê-hô-va là Đấng sẽ làm cho các lời tiên tri được ứng nghiệm.

lời của đầy tớ Ngài ... lời của các sứ giả Ngài

Những từ "lời" có thể được dịch bằng các động từ. Tương tự câu: "Điều mà các đầy tớ Ngài đã rao truyền ... điều mà các sứ giả của Ngài đã rao báo"

Nó sẽ có người ở

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người sẽ lại sống ở đó"

Nó sẽ được xây dựng lại

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người sẽ xây lại nó."

Ta sẽ dựng lại các nơi đổ nát của nó

Cụm từ "các nơi đổ nát" là những nơi đã bị phá hủy. Đức Giê-hô-va nói về việc xây dựng lại những nơi đó như thể Ngài sẽ dựng nó lại. Tương tự câu: "Ta sẽ dựng lại những nơi mà kẻ khác đã phá hủy"

Isaiah 44:28

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Si-ru là người chăn chiên của Ta

Đức Giê-hô-va phán rằng Si-ru sẽ cai trị và bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên như thể Si-ru là người chăn của họ.

Nó sẽ được xây lại

Câu này có thể được trình bày lại the thể chủ động. Tương tự câu: "Hãy để cho mọi người xây lại thành"

Nó sẽ được đặt nền móng lại

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Hãy để cho mọi người đạt nền móng nó lại"

Translation Questions

Isaiah 44:3

Đức Giê-hô-va sẽ đổ gì trên dòng dõi nhà Gia-cốp?

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ đổ Thần Ngài trên dòng dõi họ.

Isaiah 44:7

Người ta có thể chứng minh cho Đức Giê-hô-va rằng có người khác

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

giống như Ngài, là một vị thần khác?
Để chứng minh điều đó cho Đức Giê-hô-va, họ sẽ loan báo và trình bày cho Đức Giê-hô-va, những điều xảy ra từ khi Ngài lập dân tộc cổ xưa này và họ sẽ loan báo những điều đang xảy đến.
Isaiah 44:9
Đức Giê-hô-va phán gì với những người thờ thần tượng?
Đức Giê-hô-va phán rằng họ chẳng có ích gì, các nhân chứng của họ không thấy cũng không biết, nên họ phải mang xấu hổ.
Isaiah 44:11
Điều gì sẽ xảy ra với những người thợ và những người tham dự vào việc đúc nên thần tượng?
Những người thợ và những người tham dự, thảy họ đều kinh hãi và xấu hổ.
Isaiah 44:14
Người thợ đã bắt đầu làm ra thần tượng như thế nào?
Anh ta đi đốn cây bá hương, hoặc chọn cây bách, hay cây sồi.
Isaiah 44:15
Anh ấy đã làm gì với số gỗ mà anh ấy đã đốn được?
Anh ấy dừng một phần để sưởi, một phần dùng để nhóm lửa nướng bánh, rồi cũng lấy một phần để làm một vị thần mà thờ lạy, một tượng chạm để quỳ lạy trước mặt nó.
Isaiah 44:16
Anh ấy đã làm gì với số gỗ mà anh ấy đã đốn được?
Anh ấy dừng một phần để sưởi, một phần dùng để nhóm lửa nướng bánh, rồi cũng lấy một phần để làm một vị thần mà thờ lạy, một tượng chạm để quỳ lạy trước mặt nó.
Isaiah 44:19
Vì những người thợ và người thờ thần tượng không biết cũng không suy xét, vì mắt họ nhắm lại để không thấy, lòng họ đóng lại để không hiểu, hai câu hỏi nào mà họ không tự hỏi?
Thứ nhất, liệu họ có nên làm một vật đáng ghê tởm để thờ phượng không. Thứ hai, họ có nên cúi lạy một khúc gỗ hay không.
Isaiah 44:21
Tại sao Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên lại nghĩ Giê-hô-va là Đức Chúa Trời duy nhất và các thần tượng chẳng là gì?
Họ phải nhớ các điều này vì Đức Giê-hô-va đã tạo nên họ, họ là đầy tớ của Ngài và Ngài sẽ không quên họ. Cũng vậy, Đức Giê-hô-va đã xóa tội lỗi và sự vi phạm của họ.
Isaiah 44:22
Tại sao Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên lại nghĩ Giê-hô-va là Đức Chúa Trời duy nhất và các thần tượng chẳng là gì?
Họ phải nhớ các điều này vì Đức Giê-hô-va đã tạo nên họ, họ là đầy tớ của Ngài và Ngài sẽ không quên họ. Cũng vậy, Đức Giê-hô-va đã xóa tội lỗi và sự vi phạm của họ.
Isaiah 44:23
Tại sao các tầng trời, nơi đất thấp, các núi cùng mọi cây cối trên rừng được trỗi tiếng hát ca?
Chúng trỗi tiếng hát ca bởi vì Đức Giê-hô-va đã cứu chuộc Gia-cốp và bày tỏ vinh quang Ngài trong Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 44:25
Đức Giê-hô-va đã làm gì trên các điềm của kẻ tiên tri và thầy bói?
Đức Giê-hô-va làm hỏng các điềm dối của kẻ tiên tri giả, khiến thầy bối trở nên ngu dại.
Isaiah 44:26
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho đầy tớ và sứ giả của Ngài?
Đức Giê-hô-va chứng thực lời của đầy tớ Ngài, thực hiện lời của các sứ giải Ngài.
Đức Giê-hô-va phán gì về Giê-ru-sa-lem và các thành của Giu-đa?
Ngài nói rằng Giê-ru-sa-lem sẽ có người ở và về các thành của Giu-đa rằng những nơi bị đổ nát sẽ được xây dựng lại.
Isaiah 44:28
Đức Giê-hô-va phán điều gì về Si-su và Ngài sẽ làm gì?
Đức Giê-hô-va phán rằng, "Si-ru là người chăn chiên của Ngài-người sẽ làm mọi điều Ngài muốn". Người sẽ nói về Giê-ru-sa-lem rằng: "Nó sẽ được xây lại", "và về đền thờ rằng, "Nó sẽ được đặt nền móng.""

Chapter 45
Isaiah 45:1
Ta đã nắm lấy tay phải của người
Đức Giê-hô-va sẽ giúp đỡ Si-ru và làm cho ông thành công được nói đến như thể Ngài nắm lấy tay hữu của ông.
Isaiah 45:2
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ru.
san phẳng các đường gập ghềnh
Đức Giê-hô-va phán về việc dời đi những chướng ngại vật làm cản trở sự thành công của Si-ru như thể là san phẳng các đường gập ghềnh trước mặt ông.
các đường gập ghềnh
Từ Hê-bơ-rơ được dùng ở đây là rất hiếm và mang ý nghĩa không rõ ràng lắm. Một số bản dịch mới dịch là "những nơi gồ ghề" hay "những nơi khúc khuỷu."
then cài bằng sắt
Ở đây nói đến những thanh sắt trên các cửa bằng đồng.
các kho báu bí ẩn
Từ "bí ẩn" ở đây nói đến những nơi bí mật. Tương tự câu: "các kho báu tại nơi kín giấu" hay "các kho báu ở nơi bí mật"
Isaiah 45:4
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ru.
Gia-cốp ... Y-sơ-ra-ên
Cả hai từ nầy đều nói đến dòng dõi của Y-sơ-ra-ên.
Ta sẽ thắt lưng ngươi
Các nghĩa có thể là 1) "Ta sẽ thêm sức cho ngươi trong chiến trận" hay 2) "Ta sẽ trang bị cho ngươi trong chiến trận."
từ đông sang tây
Từ nơi mặt trời mọc ở phía đông, cụm từ nầy tạo nên sự phân khúc và có nghĩa là ở mọi nơi trên trái đất. Tương tự câu: "từ mọi nơi trên đất"
Isaiah 45:7
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Ta là Đấng tạo ra ánh sáng và dựng nên bóng tối, làm ra bình an và dựng nên tai họa
Cả hai sự diễn đạt nầy tạo nên sự phân khúc và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va là Đấng Sáng Tạo tối cao trên vạn vật.
Hỡi các tầng trời, từ trên cao hãy tuôn sương móc, hãy để mây đổ mưa ... đồng thời sự công chính cũng nẩy mầm
Đức Giê-hô-va phán về sự công chính của Ngài như thể đó là mưa đổ trên đất, và về sự công chính cùng sự cứu rỗi của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài như cây mọc trên đất.

Hỡi các tầng trời

Đức Giê-hô-va xoay hướng sự chú ý của Ngài khỏi dân sự trong chốc lát và phán với các tầng trời.

Isaiah 45:9

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

nó chỉ là một bình trong các bình bằng đất

Đức Giê-hô-va phán về chính Ngài như thể Ngài là một thợ gốm và phán về người tranh luận với Ngài như thể người đó và cả loài người đều là những chiếc bình bằng đất. Tương tự câu; "như một chiếc bình gốm ở giữa những chiếc khác trên đất"

bình bằng đất

Các nghĩa có thể là 1) "bình bằng đất sét" hay 2) "mảnh của bình đất bị vỡ."

Đất sét có thể nào hỏi thợ gốm ... không được khéo"?

Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi này để quở trách những ai tranh luận với Ngài về việc Ngài làm. Tương tự câu: "Cái bình đất không nên nói với người thợ gốm ... trên nó!"

Isaiah 45:10

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục quở trách những ai tranh luận với Ngài về việc Ngài làm.

Khốn cho kẻ dám hỏi cha mình ... "Bà mang nặng đẻ đau làm gì?"

Đức Giê-hô-va phán về những người tranh luận với Ngài như thể họ là những đứa con chưa được sinh ra đang tranh luận với chính cha mẹ mình.

Ông sinh ra cái gì? ... Bà mang nặng đẻ đau làm gì?

Đứa trẻ chưa được sinh ra đã hỏi những câu hỏi tu từ để trách ba mẹ nó về việc sinh ra nó. Những câu nầy có thể được dịch như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Ông không nên là cha tôi ... Bà không nên sinh tôi ra." hay "Đúng ra ông không nên sinh ra tôi ... đúng ra bà không nên sinh ra tôi."

Isaiah 45:11

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

Ngươi sẽ chất vấn Ta về tương lai của con dân Ta chăng? Ngươi sẽ truyền lệnh cho Ta về công việc của tay Ta sao?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi để quở trách những ai tranh luận với Ngài về việc Ngài làm. Tương tự câu: "Chớ hỏi Ta về điều mà Ta làm cho con dân Ta. Đừng bảo Ta ... tay Ta."

con dân Ta

Ở đây nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

công việc của tay Ta

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "mọi điều Ta đã làm"

Isaiah 45:12

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Chính tay Ta

Từ "tay"ở đây tượng trưng cho Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Chính Ta là Đấng"

đã giương các tầng trời ra

Đức Giê-hô-va phán về sự sáng tạo các tầng trời như thể chúng là vải mà Ngài có thể căng chúng ra. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA42:05

Isaiah 45:13

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Chính Ta đã khiến người nầy nổi lên trong sự công chính

Từ "công chính" nói đến những hành động tốt. Các nghĩa có thể là 1) rằng Đức Giê-hô-va đã khiến cho Si-ru nổi lên để làm điều công bình hay 2) rằng Đức Giê-hô-va đã đúng khi khiến cho Si-ru nổi lên.

chính Ta đã khiến người nầy nổi lên

Đức Giê-hô-va đã phán về việc khiến cho Si-ru hành động như thể khuấy động người nầy khỏi sự buồn ngủ.

làm cho mọi đường lối người bằng phẳng

Đức Giê-hô-va phán về việc cất bỏ những chướng ngại vật và làm cho Si-ru thành công như thể Ngài làm cho những con đường mà Si-ru đi qua được bằng phẳng.

Người sẽ xây dựng lại thành của Ta

Ở đây nói đến Giê-ru-sa-lem.

mà không đòi giá chuộc, cũng không cần quà cáp

Từ "giá chuộc" và "quà cáp" ở đây mang cùng một ý nghĩa. Si-ru sẽ không làm những điều này vì lợi tài chính. Tương tự câu: "và người sẽ không làm những điều này vì đồng tiền"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:09

Isaiah 45:14

Tài sản của Ai Cập, nguồn lợi của Cút và người Sa-bê, người có vóc dáng cao lớn, đều sẽ về tay ngươi và thuộc về ngươi

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Dân Ai Cập, Cút, và người cao lớn Sa-bê, sẽ mang đến cho ngươi các tài sản và nguồn lợi của họ"

Tài sản của Ai Cập

"Nguồn lợi của Ai Cập"

Sa-bê

Đây là những người từ đất nước Sa-bê.

về tay ngươi

Từ "ngươi" ở đây nói đến dân Giê-ru-sa-lem.

Isaiah 45:16

Tất cả những người làm hình tượng phải bị xấu hổ, sỉ nhục; họ cùng nhau rút lui trong sự hổ thẹn

Hai cụm từ nầy đều mang ý nghĩa tương đương nhau, cụm từ thứ hai làm rõ chủ ngữ cho cụm từ thứ nhất.

Tất cả những người làm hình tượng phải bị xấu hổ, sỉ nhục

Từ "bị xấu hổ" và "sỉ nhục" mang ý nghĩa như nhau và nhấn mạnh đến mức độ của sự xấu hổ. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các thần tượng của họ sẽ khiến cho họ hoàn toàn bị xấu hổ"

rút lui trong sự hổ thẹn

Sống trong sự hổ thẹn liên tục được nói đến như là rút lui trong sự hổ thẹn. Tương tự câu: "sẽ liên tục bị hổ thẹn"

Y-sơ-ra-ên được Đức Giê-hô-va giải cứu

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu dân Y-sơ-ra-ên" (

các ngươi không còn bị xấu hổ, sỉ nhục nữa

Từ "các ngươi" ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên. Những từ "bị xấu hổ" và "sỉ nhục" mang ý nghĩa như nhau. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chẳng ai sẽ làm cho ngươi phải xấu hổ nữa"

Isaiah 45:18

chẳng phải sáng tạo để bỏ hoang

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"chẳng phải để không." Từ "bỏ hoang" ở đây nói đến một nơi trống không và cằn cỗi.

nhưng làm nên để con người ở

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những Ngài làm để con người có thể sống tại đó"

Isaiah 45:19

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Isaiah 45:20

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán

những người lánh nạn

những người trốn chạy khỏi đất nước mình hầu cho kẻ thù không thể bắt và giết họ

Isaiah 45:21

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người lánh nạn. (Xem: ISA45:20

Vậy hãy loan báo, và hãy bảo chúng đến gần; hãy bàn luận với nhau

Từ "chúng" ở đây nói đến những người lánh nạn khỏi các nước thờ thần tượng.

Ai đã nói cho biết điều nầy từ trước? Ai đã tiên báo từ nghìn xưa? Chẳng phải chính Ta là Đức Giê-hô-va sao?

Đức Giê-hô-va sử dụng các câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng duy nhất đã nói cho họ biết những điều nầy sẽ xảy ra. Tương tự câu: "Ta sẽ cho các biết ai là Đấng đã bảy tỏ điều này từ trước. Ta sẽ nói cho các ngươi biết rằng ai đã truyền rao điều nầy. Đó chính là Ta, Đức Giê-hô-va."

Isaiah 45:22

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Hãy quay về với Ta và được cứu rỗi

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Hãy quay về với Ta và Ta sẽ giải cứu các ngươi"

các nơi tận cùng cõi đất

Những nơi nầy trên trái đất ở rất xa được miêu tả như chúng là những nơi ở tận cùng cõi đất. Cụm từ nầy cũng tạo nên sự phân khúc và nói đến mọi nơi ở tại tận cùng trái đất. Tương tự câu: "các nơi xa nhất của trái đất" hay "tận cùng cõi đất"

các nơi tận cùng cõi đất

Cụm từ nầy ở đây tượng trưng cho những ai sống ở "tận cùng cõi đất." Tương tự câu: "các ngươi là những người sống ở những nơi xa nhất của cõi đất" hay "tất cả những ai sống trên trái đất"

Mọi đầu gối sẽ quỳ trước mặt Ta, và mọi lưỡi sẽ nhân danh Ta mà thề

Những từ "đầu gối" và "lưỡi" nói đến mọi người. Tương tự câu: "Mọi người sẽ quỳ trước mặt Ta, và mọi người đều sẽ thề"

Isaiah 45:24

Nói

Mọi người trên đất sẽ nói.

Trong Đức Giê-hô-va, tất cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên sẽ được xưng công chính

Từ "được xưng công chính" ở đay không mang ý nghĩa rằng Đức Giê-hô-va sẽ tha tội cho họ, nhưng để chứng minh cho các nước thấy rằng Y-sơ-ra-ên đã đúng khi thờ phượng Ngài. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ xưng công bình cho tất cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên" hay " Đức Giê-hô-va sẽ bào chữa cho tất cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên"

Translation Questions

Isaiah 45:1

Trong chương này, ai là người được xức dầu của Chúa?

Trong chương này, Đức Giê-hô-va nói rằng Si-ru là người được xức dầu của Ngài.

Tại sao Đức Giê-hô-va nắm lấy tay của Si-ru?

Đức Giê-hô-va đã nắm lấy tay của Si-ru để chinh phục các nước trước mặt mình, mở thắt lưng các vua, các cửa thành vẫn mở.

Isaiah 45:3

Tại sao Đức Giê-hô-va sẽ đi trước Si-ru và san bằng các đường núi, phá vỡ các cửa bằng đồng, bẻ gãy then cài sắt và ban cho người các kho báu bí ẩn và những của cải chứa trong những nơi kín đáo?

Đức Giê-hô-va sẽ làm những điều này để Si-ru biết rằng chính Ngài là Đức Giê-hô-va.

Isaiah 45:4

Đức Giê-hô-va gọi đích danh Si-ru vì ích lợi của ai?

Đức Giê-hô-va làm như vậy vì Gia-cốp, đầy tớ Ngài, và vì Y-sơ-ra-ên, người mà Ngài đã chọn.

Si-ru có biết Đức Giê-hô-va không?

Không, Si-ru không biết Đức Giê-hô-va.

Isaiah 45:5

Si-ru có biết Đức Giê-hô-va không?

Không, Si-ru không biết Đức Giê-hô-va.

Có phải có một Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va không?

Không, không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va.

Isaiah 45:6

Có phải có một Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va không?

Không, không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va.

Isaiah 45:7

Ai đã tạo ra ánh sáng và dựng nên bóng tối và ai đã làm ra bình an và dựng nên tai họa?

Đức Giê-hô-va là Đấng làm mọi điều đó.

Isaiah 45:8

Ai đã tạo ra sự cứu rỗi?

Đức Giê-hô-va đã dựng nên sự cứu rỗi.

Isaiah 45:9

Đức Giê-hô-va đã so sánh điều gì cho kẻ tranh cãi và Đấng tạo nên mình?

Ngài đã so sánh kẻ tranh cãi với Đấng tạo nên mình như đất sét nói với thợ gốm, "Ông đang nặn ra hình gì?" hoặc nói, "Sản phẩm ông làm ra-không được khéo" hay "Bà mang nặng đẻ đau làm gì"?

Isaiah 45:13

Si-ru sẽ làm gì cho Đức Giê-hô-va?

Ngài sẽ xây dựng lại thành của của Đức Giê-hô-va, sẽ phóng thích kẻ bị lưu đày của Ngài và không đòi giá chuộc, cũng không cần quà cáp.

Isaiah 45:14

Có phải có một Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va không?

Không, không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

va.
Isaiah 45:16
Ai sẽ đi trong sự sỉ nhục?
Tất cả những người làm hình tượng sẽ bước đi trong sự sỉ nhục.
Isaiah 45:17
Sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên sẽ kéo dài trong bao lâu?
Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu Y-sơ-ra-ên bằng sự cứu rỗi đời đời.
Isaiah 45:18
Có phải có một Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va không?
Không, không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va.
Tại sao Đức Chúa Trời đã tạo nên trái đất?
Ngài làm nên trái đất để con người ở.
Isaiah 45:20
Ai là người không hiểu biết?
Những người khiêng tượng gỗ và khấn cái với thần không cứu được ai, thật chúng không hiểu biết gì cả.
Isaiah 45:21
Có phải có một Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va không?
Không, không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va.
Isaiah 45:22
Có phải có một Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va không?
Không, không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va.
Isaiah 45:23
Đức Giê-hô-va đã nhân danh ai mà thề?
Chính Đức Giê-hô-va đã nhân danh chính Ngài mà thề.
Isaiah 45:24
Mọi lưỡi sẽ thề điều gì?
Mọi lưỡi sẽ thề rằng, "Chỉ ở trong Đức Giê-hô-va mới có sự công chính và sức mạnh."
Isaiah 45:25
Điều gì sẽ xảy ra cho tất cả dòng dõi của Y-sơ-ra-ên?
Trong Đức Giê-hô-va, tất cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên sẽ được xưng công bình và được vinh quang.

Chapter 46
Isaiah 46:1
Thần Bên gục xuống, thần Nê-bô ngã quỵ, tượng của chúng ... trên những con vật mệt nhọc
Ê-sai nói về những người đã đặt các tượng thần Bên và Nê-bô lên xe chở hàng bởi các con vật để vận chuyển như thể các thần được làm nên để "gục xuống" và "ngã quỵ". Đây là hai tư thế mang nghĩa bị sỉ nhục.
Bên ... Nê-bô
Đây là hai thần chính yếu mà người Ba-by-lôn đã thờ phượng.
tượng của chúng
các tượng thần nầy tượng trưng cho Bên và Nê-bô
không thể cứu gánh nặng trên lưng
"Bên và Nê-bô không thể giải cứu được mình"
chính chúng cũng bị lưu đày
Ê-sai nói về việc người ta bắt các thần tượng nầy đi như thể các tà thần mà họ nói đến bị mang đi lưu đày.
Isaiah 46:3
Hãy nghe Ta
Từ "Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.
Ta đã mang nặng các ngươi từ khi còn trong lòng mẹ, bồng ẵm các ngươi từ lúc mới sinh
Đức Giê-hô-va phán về dân Y-sơ-ra-ên như thể đó là một người, và từ khi bắt đầu thành lập vương quốc như là từ khi nó mới được sinh ra.
bồng ẵm các ngươi
Đức Giê-hô-va phán về sự cứu giúp và giải cứu dân Y-sơ-ra-ên như là Ngài đang bồng ẵm họ. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã bồng ẵm các ngươi"
Cho đến khi các ngươi già cả, đầu râu tóc bạc, Ta chính là Đấng luôn gánh vác các ngươi
Đức Giê-hô-va phán về việc dân Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên già cả như thể đó là một người già với đầu râu tóc bạc.
Isaiah 46:5
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Các ngươi so sánh Ta với ai và kể Ta bằng ai? Các ngươi đối chiếu Ta với ai để thấy chúng ta giống nhau?
Đức Giê-hô-va dùng các câu hỏi để nhấn mạnh rằng chẳng có ai giống như Ngài. Tương tự câu: "Chẳng có ai mà ngươi có thể so sánh với Ta. Ta chẳng giống với bất cứ ai, để mà có thể so sánh với chúng ta."
để thấy chúng ta giống nhau
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "để các ngươi có thể cho sánh với chúng ta"
Isaiah 46:7
Họ vác tượng ấy
"Họ" từ là những người làm nên các tượng thần và "tượng ấy" tức là các tượng thần mà họ đã tạo nên.
Isaiah 46:8
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân sự Ngài.
Isaiah 46:10
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân sự Ngài.
Từ ban đầu, Ta đã báo trước việc cuối cùng, và đã nói từ thuở xưa những việc chưa thực hiện
Câu nầy cơ bản lặp lại cùng một ý nhằm để nhấn mạnh. Động từ từ câu trước có thể được thêm vào câu thứ hai. Tương tự câu: "Ta đã báo trước sự cuối cùng từ ban đầu, và Ta đã rao truyền điều trước khi nó xảy ra."
Từ phương đông, Ta đã gọi một con chim săn mồi
Đức Giê-hô-va phán về Si-ru như thể đó là "một con chim săn mồi". Như một con chim bắt lấy mồi cách nhanh chóng, thì Si-ru cũng nhanh chóng hoàn thành mục tiêu của Đức Giê-hô-va là chinh phục các nước.
Điều Ta đã phán, Ta sẽ hoàn thành; điều Ta đã hoạch định, Ta sẽ thực hiện
Câu nầy lặp lại cùng một ý để nhấn mạnh.
Isaiah 46:12
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
hỡi những kẻ xa cách sự công chính
Đức Giê-hô-va phán về việc dân sự ngoan cố làm những việc gian ác như thể họ đã đi xa khỏi việc làm công chính.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sự cứu rỗi của Ta sẽ không trì hoãn
Đức Giê-hô-va phán về việc sẽ sớm giải cứu dân sự như thể sự cứu rỗi của Ngài giống như một người không thể trì hoãn hành động. Tương tự câu: "Ta sẽ không đợi để giải cứu các ngươi"

Translation Questions

Isaiah 46:1
Bên và Nê-bô là gì?
Chúng là những thần tượng.
Bên và Nê-bô đã trở thành gánh nặng cho ai?
Bên và Nê-bô đã trở thành gánh nặng đè trên những con vật.
Isaiah 46:3
Ai đã mang nặng nhà Gia-cốp?
Đức Giê-hô-va đã mang nặng nhà Gia-cốp.
Đức Giê-hô-va đã bồng ẵm nhà Gia-cốp trong bao lâu rồi và Nghài sẽ còn bồng ẵm họ đến khi nào?
Đức Giê-hô-va đã bồng ẵm họ từ lúc mới sinh cho đến khi họ già cả, đầu râu tóc bạc.
Isaiah 46:4
Đức Giê-hô-va đã bồng ẵm nhà Gia-cốp trong bao lâu rồi và Nghài sẽ còn bồng ẵm họ đến khi nào?
Đức Giê-hô-va đã bồng ẵm họ từ lúc mới sinh cho đến khi họ già cả, đầu râu tóc bạc.
Isaiah 46:6
Người ta đã làm gì với vàng và bạc?
Người ta lấy vàng trong túi ra, và lấy cân mà cân bạc, họ thuê thợ đúc một vị thần.
Isaiah 46:7
Thần đó thể trả lời hay cứu họ được không?
Không, nó không thể trả lời, cũng chẳng thể cứu họ ra khỏi tai họa được.
Isaiah 46:9
Ngoài Đức Chúa Trời còn có Chúa nào khác không? Có ai giống như Ngài?
Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chẳng có Chúa nào khác, chẳng có ai giống như Ngài.
Isaiah 46:10
Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã lập nên điều gì trừ những thần tượng?
Đức Giê-hô-va từ lúc đầu đã báo trước việc cuối cùng, đã nói từ thuở xưa những việc chưa thực hiện.
Isaiah 46:12
Đức Giê-hô-va đã làm gì với những kẻ cứng lòng, những kẻ xa cách sự công chính?
Đức Giê-hô-va đem sự công chính Ngài đến gần. Ngài sẽ đặt sự cứu rỗi trong Si-ôn và vinh quang Ngài cho Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 46:13
Đức Giê-hô-va đã làm gì với những kẻ cứng lòng, những kẻ xa cách sự công chính?
Đức Giê-hô-va đem sự công chính Ngài đến gần. Ngài sẽ đặt sự cứu rỗi trong Si-ôn và vinh quang Ngài cho Y-sơ-ra-ên.

Chapter 47

Isaiah 47:1
Thông Tin Chung:
Trong chương nầy, Đức Giê-hô-va phán với Ba-by-lôm về sự sụp đổ của nó như thể đó là một hoàng hậu bị sỉ nhục.
hỡi trinh nữ Ba-by-lôn, hãy xuống và ngồi trong bụi đất ... hỡi con gái Canh-đê
Hai cụm từ nầy đều mang ý nghĩa như nhau. Việc ngồi trên bụi đất là dấu hiệu của sự sỉ nhục.
hỡi trinh nữ Ba-by-lôn ... hỡi con gái Canh-đê
Cả hai cụm từ nầy đều nói đến thành phố, đó là Ba-by-lôn, và được miêu tả như thể đó là một người con gái. Thành phố đó là một "con gái" ngụ ý đến cách người ta nghĩ đến sự đáng yêu của thành.
chẳng còn ở trên ngai
Từ "ngai" ở đây nói đến quyền cai trị. Tương tự câu: "không còn quyền cai trị nữa"
Ngươi sẽ không còn được xưng là dịu dàng thanh tú nữa
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta sẽ không còn gọi ngươi là xinh xắn và thanh tú nữa"
dịu dàng thanh tú
Hai từ nầy mang cùng một ý nghĩa. Họ miêu tả về một người đẹp và sống trong xa hoa. Tương tự câu: "rất đẹp" hay " rất sang trọng"
cối xay
một tảng đá lớn được dùng để xay lúa
Isaiah 47:3
Câu Nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó giống như là một hoàng hậu bị sỉ nhục.
Sự lõa lồ của ngươi phải bị phơi bày
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngươi sẽ bị lõa lồ"
sự sỉ nhục ngươi phải lộ ra
Từ "sự sỉ nhục" là một lối nói tránh về phần kín của một người. Câu nầy có thể được dịch theo thể chủ động. Tương tự câu: "ngươi ta sẽ thấy sự sỉ nhục ngươi" hay "người ta sẽ thấy phần kín của ngươi"
Đấng Cứu Chuộc chúng ta
"Chúng ta" tức là Ê-sai và dân Y-sơ-ra-ên. Hãy xem cách bạn đã dịch từ "Đấng Cứu Chuộc" trong ISA41:14
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong ISA01:24
Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên
Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong ISA05:15
Hỡi con gái Canh-đê
Cụm từ nầy nói đến thành phố, là Ba-by-lôn, và được nói đến như thể đó là một người con gái. Thành phố đó là một "con gái" đề cập đến cách người Canh-đê nghĩ về sự đáng yêu của nó. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong ISA41:01
vì ngươi sẽ không còn được gọi
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vì người ta sẽ không gọi ngươi"
nữ hoàng của các vương quốc
Đức Giê-hô-va phán về việc Ba-by-lôn sẽ là thành phố thủ phủ của đế chế Ba-by-lôn như thể đó là một nữ hoàng cai trị nhiều vương quốc.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 47:6

Câu Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó như thể đó là một nữ hoàng bị sỉ nhục.

Ta đã nổi giận

"Ta" ở đây từ là Đức Giê-hô-va.

làm hoen ố cơ nghiệp Ta

Đức Giê-hô-va phán về việc dân Y-sơ-ra-ên sẽ là vật sở hữu của Ngài như thể đó là một cơ nghiệp hay di sản của Ngài. Tương tự câu: "Ta đã làm hoen ố dân Ta, là cơ nghiệp riêng biệt của Ta"

phó chúng vào tay ngươi

Từ "tay" ở đây tức là quyền hay sự cai trị của Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Ta đã đặt chúng dưới quyền ngươi"

ngươi đã đặt trên người già cả một cái ách thật nặng

Đức Giê-hô-va phán về việc người Ba-by-lôn sẽ đàn áp người già cả giống như họ đối xử với những người già như gia súc và đặt những cái ách nặng trên cổ họ.

Mãi mãi ta sẽ là nữ hoàng

Ba-by-lôn nói về sự cai trị vĩnh cữu trên nhiều vương quốc như là một nữ hoàng cai trị mãi mãi.

Ngươi không để tâm đến những điều nầy

Đức Giê-hô-va phán về việc suy nghĩ cẩn trọng về điều gì đó giống như là đặt nó vào trong lòng mình. Tương tự câu: "Ngươi đã không suy nghĩ về những điều nầy"

Isaiah 47:8

Câu Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó giống như là một nữ hoàng bị sỉ nhục.

hỡi kẻ hưởng lạc

"ngươi là kẻ xa hoa." Câu nầy nói đến những sự xa hoa mà Ba-by-lôn hưởng thụ.

sống yên ổn

Câu nầy nói đến cảm giác yên ổn sai lầm của Ba-by-lôn trong suy nghĩ rằng nó sẽ không bao giờ mất đi địa vị giàu có và được tôn trọng của mình. Tương tự câu: "nghĩ rằng ngươi yên ổn"

Ta sẽ không ở góa ... mất con là gì

Ba-by-lôn tin rằng các quốc gia khác sẽ không bao giờ có thể chinh phục được họ được nói đến như là họ sẽ không bao giờ trở nên góa bụa hay chẳng bao giờ bị mất con.

Ta sẽ không ở góa

"Ta sẽ không bao giờ trở thành góa phụ"

trong phút chốc, trong cùng một ngày

"bỗng chốc cùng một lúc"

Isaiah 47:10

Câu Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó giống như một hoàng hậu bị sỉ nhục vậy.

bụng bảo dạ rằng

Từ "dạ" ở đây nói đến bên trong của một người. Tương tự câu: "ngươi tự nói với mình rằng"

Tai họa sẽ ập đến trên ngươi

Đức Giê-hô-va phán về việc tai họa sẽ giống như một người chiếm lấy Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Ngươi sẽ thấy tai họa ập đến"

Sự hủy diệt thình lình xảy đến cho ngươi

Đức Giê-hô-va phan rằng Ba-by-lôn sẽ bị hủy diệt như thể sự hủy diệt là một vật thể rơi xuống trên thành. Tương tự câu: "Ngươi sẽ trải qua sự hủy diệt" hay "Những kẻ khác sẽ hủy diệt ngươi"

Hoạn nạn sẽ giáng trên ngươi

Đức Giê-hô-va phán về việc Ba-by-lôn sẽ trải qua sự hoạn nạn như thể hoạn nạn là một người tấn công Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Ngươi sẽ trải qua sự hoạn nạn"

Isaiah 47:12

Câu Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó như một nữ hoàng bị sỉ nhục.

Hãy đứng lên, dùng phù chú và vô số ma thuật ... có lẽ nhờ đó ngươi sẽ trở nên đáng sợ chăng

Đức Giê-hô-va chế nhạo Ba-by-lôn bằng việc nói với nó rằng hãy tiếp tục dùng yêu thuật để xua đuổi những điều xấu đi, nhưng Ngài biết rằng điều đó không thể cứu giúp được họ.

Isaiah 47:14

Câu Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó như thể đó là một nữ hoàng bị sỉ nhục.

họ sẽ trở nên như rơm rạ. Bị lửa thiêu đốt

Đức Giê-hô-va so sánh những thầy phù thủy và các thuật sĩ như rơm rạ bị lửa thiêu cách nhanh chóng. Điều nầy có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt chúng cách dễ dàng như lửa thiêu rơm rạ, và vì thế chúng sẽ không còn năng lực để giải cứu Ba-by-lôn.

quyền ngọn lửa

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho sức mạnh. Tương tự câu: "quyền của lửa"

Lửa ấy chẳng phải là than hồng để sưởi, hoặc lửa để ngồi kề bên

Đức Giê-hô-va nhấn mạnh rằng đây là một ngọn lửa hủy diệt bằng cách tuyên bố rằng nó chẳng phải là thứ lửa mà người ta dùng để sưởi ấm.

thì lang thang mỗi người một ngã

Các nghĩa có thể là 1) mỗi người làm điều mà họ xem là tốt nhất hay 2) mỗi người rời khỏi Ba-by-lôn và chạy trốn.

Translation Questions

Isaiah 47:1

Ai sẽ không còn được xưng là dịu dàng thanh tú nữa?

Trinh nữ Ba-by-lôn, con gái của Canh-đê sẽ không còn được xưng là dịu dàng thanh tú nữa.

Isaiah 47:5

Con gái của người Canh-đê không còn được gọi là gì nữa?

Con gái của người Canh-đê không còn được gọi là nữ hoàng của các vương quốc.

Isaiah 47:6

Tại sao Đức Giê-hô-va lại nổi giận cùng người Canh-đê?

Đức Giê-hô-va lại nổi giận cùng người Canh-đê, vì Ngài phó Y-sơ-ra-ên vào tay người Canh-đê, thì họ không tỏ ra thương xót và đã đặt một ách thật nặng nề.

Isaiah 47:9

Điều gì sẽ xảy ra cho con gái Canh-đê phút chốc trong cùng một ngày?

Trong phút chốc, trong cùng một ngày, con gái người Canh-đê sẽ bị mất con và góa bụa.

Isaiah 47:10

Con gái người Canh-đê tin cậy vào điều gì?

Con gái người Canh-đê tin cậy vào sự gian ác nó.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 47:11
Điều gì đã không thể ngăn chặn tai họa và hoạn nạn xảy đến cho con gái người Canh-đê?
Những câu thần chú của các con gái người Canh-đê không thể ngăn chặn tai họa và hoạn nạn xảy đến với họ.
Isaiah 47:14
Điều gì sẽ xảy ra với những kẻ nhìn trời, xem sao, xem trăng mới mà đoán việc tương lai?
Những kẻ nhìn trời, xem sao, xem trăng mới mà đoán việc tương lai sẽ trở nên giống như rơm rạ bị lửa thiêu đốt.
Isaiah 47:15
Ai sẽ cứu con gái của người Canh-đê?
Chẳng ai đến cứu họ được.

Chapter 48
Isaiah 48:1
Hãy nghe đây
Đức Giê-hô-va đang phán. "Hãy lắng nghe sứ điệp của Ta"
hỡi nhà Gia-cốp
"Nhà" ở đây tức là các dòng dõi của Gia-cốp. Tương tự câu: "dòng dõi nhà Gia-cốp"
là những người được xưng bằng danh Y-sơ-ra-ên
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "là những kẻ mà người ta gọi là dân Y-sơ-ra-ên"
ra từ nguồn Giu-đa
Cụm từ nầy nhấn mạnh rằng họ là dòng dõi trực hệ của Giu-đa. Tương tự câu: "là dòng dõi Giu-đa"
kêu cầu Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
"kêu cầu với Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên"
họ xưng mình
Câu nầy nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "ngươi gọi chính mình"
thành thánh
Ở đây tức là Giê-ru-sa-lem.
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy dịch cụm từ nầy theo cách mà bạn đã dịch trong ISA01:09
Isaiah 48:3
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
những việc ấy ra từ miệng Ta
"Miệng" tức là một ai đó nói. Tương tự câu: "Ta đã phán những điều nầy"
cổ ngươi có gân sắt, trán ngươi cứng như đồng
Đức Giê-hô-va phán về sự cứng đầu của dân sự như thể cổ và trán của họ giống như là các kim loại. Tương tự câu: "nó như thể cổ ngươi là sắt và đầu ngươi là đồng"
cổ ngươi có gân sắt, trán ngươi cứng như đồng
Đức Giê-hô-va so sánh sự căng cứng của cổ và của trán như sự cứng của sắt và đồng. Tương tự câu: "cổ ngươi cứng như sắt và trán ngươi cứng như đồng"
Ta đã báo cho ngươi những điều ấy từ xưa, Ta đã cho ngươi biết trước khi nó xảy ra
Ở đây cũng nói cùng một điều hai lần để nhấn mạnh.
Isaiah 48:6
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
kẻo ngươi nói rằng: "Nầy, tôi đã biết rồi!"
Đức Giê-hô-va sử dụng một câu hỏi để quở trách dân Y-sơ-ra-ên về việc không thừa nhận điều họ biết là sự thật. Tương tự câu: "ngươi thật ương bướng và không thừa nhận điều Ta đã nói là sự thật."
Isaiah 48:8
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
từ trước, tai ngươi chưa mở ra
Đức Giê-hô-va nói về việc giải nghĩa một điều gì đó như thể nó được bày ra. Từ "tai" là những người đang lắng nghe. Câu nầy có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã chưa giải thích những điều nầy cho ngươi từ trước"
từ trong lòng mẹ
Đức Giê-hô-va phán về sự thành lập của đất nước như thể nó mới được sinh ra.
Isaiah 48:9
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Vì danh Ta mà Ta trì hoãn cơn giận
Từ "danh" tức là thanh danh của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Vì cớ danh Ta, Ta sẽ trì hoãn cơn giận mình"
vì vinh quang Ta mà Ta kiềm chế sự tức giận đối với ngươi, để không hủy diệt ngươi
Phần nầy của câu có cùng ý nghĩa như phần đầu.
Nầy, Ta luyện ngươi nhưng không phải như luyện bạc; Ta đã thử nghiệm ngươi trong lò hoạn nạn
Đức Giê-hô-va phán về việc dùng sự hoạn nạn để tẩy sạch con dân Ngài như là những kim loại quý giá và sự hoạn nạn là một cái lò mà Ngài dùng để luyện họ.
lẽ nào Ta để danh Ta bị lăng nhục sao?
Đức Giê-hô-va sử dụng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài không thể để cho danh Ngài bị sỉ nhục được. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vì Ta không thể cho phép ai sỉ nhục danh Ta"
Isaiah 48:12
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Hỡi Gia-cốp tức là Y-sơ-ra-ên
Cả hai câu từ nầy đều nói đến dân Y-sơ-ra-ên.
Ta là đầu tiên và là cuối cùng
Cụm từ nầy nhấn mạnh đến bản chất đời đời của Đức Giê-hô-va. Các nghĩa có thể là 1) "Ta là Đấng duy nhất bắt đầu mọi sự, và Ta cũng là Đấng duy nhất kết thúc mọi sự" hay 2) Ta là Đấng duy nhất còn đến đời đời, và Ta là Đấng duy nhất luôn sống." Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA44:06
tay Ta đã đặt nền móng quả đất, tay phải của Ta đã giương các tầng trời
Từ "tay" ở đây nói đến Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Ta đã đặt nền móng trái đất, và Ta đã giương các tầng trời ra"
nền móng quả đất
Từ "nền móng" thường nói đến một cấu trúc bằng đá mà có thể đem lại sự chống đỡ cho một tòa nhà phía bên dưới. Ở đây miêu tả đến một cấu trúc tương tự được nói đến để chống đỡ và giữ cho trái đất ổn định. Hãy xem cách bạn đã dịch câu nầy trong ISA24:17
đã giương các tầng trời
Đức Giê-hô-va phán về sự sáng tạo các tầng trời như thể nó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

là vải mà Đức Giê-hô-va có thể căng nó ra. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA42:05

khi Ta gọi, Trời và đất đều đứng lên

Đứng lên khi Đức Giê-hô-va gọi là một phép ẩn dụ về việc sẵn sàng vâng theo Ngài. Đức Giê-hô-va phán về trái đất và các tầng trời như thể chúng có thể nghe và vâng theo lời Ngài.

khi Ta gọi

Các nghĩa có thể là 1) "khi Ta gọi đất và các tầng trời" hay 2) "khi Ta gọi các tinh tú trên trời."

Isaiah 48:14

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên. ulb_isa/48_14/notes/1

Người mà Đức Giê-hô-va yêu sẽ làm hài lòng Ngài trong việc chống lại Ba-by-lôn. Cánh tay người sẽ chống lại người Canh-đê

Ở đây từ "người mà Đức Giê-hô-va yêu" tức là Si-ru. Cả hai câu này đều mang nghĩa tương tự và được dùng để nhấn mạnh.

lòng Ngài

"Ý muốn của Đức Giê-hô-va"

Ta, chính Ta

Từ "Ta" ở đây được lặp lại để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Ta, chính Ta"

Isaiah 48:16

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Ta chưa từng nói cách bí mật

Câu này có thể được trình bày một cách rõ ràng. Tương tự câu: "Ta đã phán cách thẳng thắn và rõ ràng"

sai ta

Ở đây từ "ta" nói đến một đầy tớ chưa biết tên của Đức Giê-hô-va, có thể là Ê-sai hoặc là Si-ru hay là Đấng Mê-si.

Isaiah 48:17

Đấng Cứu Chuộc ngươi ... Đức Chúa Trời ngươi

Ở đây từ "ngươi" nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Đấng Cứu Chuộc

Hãy dịch từ này tương tự theo cách bạn đã dịch trong ISA41:14

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này tương tự theo cách bạn đã dịch trong ISA01:04

và dẫn ngươi vào con đường ngươi phải đi

Đức Giê-hô-va dạy dỗ dân sự cách họ phải sống như thế nào được miêu tả như thể Ngài dẫn họ đi đúng con đường.

Ước gì ngươi đã chú ý đến các điều răn của Ta

Đức Giê-hô-va miêu tả những điều có thể xảy ra nhưng đã không diễn ra như thế.

Thì sự bình an của ngươi sẽ như dòng sông, và sự công chính của ngươi như sóng biển

Hai cụm từ này có chung nghĩa giống nhau. Trong cả hai cụm từ, Đức Giê-hô-va phán về trải nghiệm của dân Y-sơ-ra-ên về những ơn phước dư dật như thể những ơn phước đó chảy như một dòng sông.

sự công chính của ngươi như sóng biển

Động từ ở đây có thể được thêm vào từ cụm từ trước đó. Tương tự câu: "sự công chính ngươi đã chảy như sóng biển"

Isaiah 48:19

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục miêu tả tình huống có thể xảy đến với dân Y-sơ-ra-ên.

Dòng dõi ngươi sẽ đông như cát, con cháu ngươi nhiều như cát bụi

Cả hai câu này có nghĩa là dân sự sẽ có vô số hậu tự.

con cháu ngươi

Đức Giê-hô-va nói về dòng dõi của dân Y-sơ-ra-ên như thể chúng là con cái mà đất nước đã sinh ra chúng.

danh của chúng sẽ không bị diệt, cũng chẳng bị xóa bỏ trước mặt Ta

Dân Y-sơ-ra-ên bị hủy diệt được nói đến như thể danh của họ bị diệt mất, như là một người cắt một mảnh vải hay cắt bỏ một nhánh cây hoặc xóa bỏ. Câu này có thể được dịch theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ chẳng cắt bỏ hay xóa bỏ danh của chúng"

danh chúng

Ở đây từ "danh" nói đến các hậu tự sẽ kế tục danh của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "chúng"

không bị diệt, cũng chẳng bị xóa bỏ

Hai cách diễn đạt trong ngữ cảnh này nói đến việc hủy diệt dân sự. Tương tự câu: "hủy diệt"

Isaiah 48:20

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

cho đến tận cùng cõi đất

Những nơi rất xa xôi trên trái đất được miêu tả như thể chúng là những nơi ở tận cùng trái đất. Cụm từ này cũng hình thành nên sự phân khúc và đề cập đến mọi nơi ở phần tận cùng. Tương tự câu: "cho đến những nơi xa xôi nhất trên đất" hoặc là "toàn bộ trái đất"

Gia-cốp, là đầy tớ Ngài

Cụm từ này nói đến các hậu tự của Gia-cốp. Tương tự câu: "dân Y-sơ-ra-ên, là đầy tớ Ngài"

Isaiah 48:21

Họ không khát ... nước tuôn ra

Câu này nói đến một sự kiện trong lịch sử của dân Y-sơ-ra-ên khi Đức Giê-hô-va chăm sóc họ đang khi họ sống nơi hoang mạc sau khi thoát khỏi Ê-díp-tô.

Translation Questions

Isaiah 48:1

Nhà Gia-cốp được xưng là gì và họ ra từ nguồn của ai?

Họ được xưng bằng danh Y-sơ-ra-ên và họ ra từ nguồn Giu-đa.

Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì mà không có lòng chân thật và công chính?

Y-sơ-ra-ên đã nhân danh Đức Giê-hô-va mà thề, kêu cầu Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nhưng không có lòng chân thật và công chính.

Isaiah 48:3

Đức Giê-hô-va đã làm gì, khi biết rằng Y-sơ-ra-ên đã lạc hậu?

Ngài đã báo trước từ xưa những việc qua rồi và nói cho họ biết, Ngài đã thực hiện và những việc ấy xảy ra.

Isaiah 48:4

Đức Giê-hô-va đã làm gì, khi biết rằng Y-sơ-ra-ên đã lạc hậu?

Ngài đã báo trước từ xưa những việc qua rồi và nói cho họ biết, Ngài đã thực hiện và những việc ấy xảy ra.

Isaiah 48:5

Bằng cách báo những điều ấy cho Y-sơ-ra-ên trước khi nó xảy ra, Đức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-hô-va mong muốn sẽ ngăn chặn được điều gì?
Đức Giê-hô-va mong muốn sẽ ngăn chặn Y-sơ-ra-ên nói rằng, "Thần tượng của tôi đã làm những điều ấy, hoặc tượng chạm, tượng đúc của tôi đã truyền như thế."
Isaiah 48:9
Vì sao Đức Giê-hô-va lại trì hoãn cơn giận và kiềm chế sự tức giận không hủy diệt Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ làm việc này vì vinh quang của Ngài.
Isaiah 48:10
Đức Giê-hô-va thử nghiệm Y-sơ-ra-ên thế nào?
Ngài thử nghiệm họ trong lò hoạn nạn.
Isaiah 48:14
Đức Giê-hô-va tập hợp ai và cho mục đích gì?
Đức Giê-hô-va tập hợp dân Ngài lại để chống lại Ba-by-lôn.
Isaiah 48:15
Đức Giê-hô-va tập hợp ai và cho mục đích gì?
Đức Giê-hô-va tập hợp dân Ngài lại để chống lại Ba-by-lôn.
Isaiah 48:20
Tin nào được truyền ra cho đến tận cùng cõi đất?
Lời loan báo là, "Đức Giê-hô-va đã chuộc Gia-cốp, là đầy tớ Ngài."
Isaiah 48:22
Ai khiến cho Đức Giê-hô-va phán rằng sẽ chẳng bao giờ được bình an?
Đức Giê-hô-va phán rằng những kẻ ác chẳng bao giờ được bình an.

Chapter 49
Isaiah 49:1
Hãy nghe tôi
Ở đây từ "tôi" tức là đầy tớ của Đức Giê-hô-va. ulb_isa/49_01/notes/1
Ngài khiến miệng tôi giống như thanh gươm sắc bén
Ở đây từ "miệng" tức là những lời ông nói. Những lời nói của ông được so sánh với một thanh gươm sắc bén để nhấn mạnh rằng những lời nói ấy là có hiệu quả. Tương tự câu: "Ngài đã khiến lời tôi nói ra có hiệu quả như một lưỡi gươm sắc bén"
che tôi dưới bóng tay Ngài
Đức Giê-hô-va đang bảo vệ đầy tớ Ngài và giữ gìn ý định của Ngài cách kín giấu được miêu tả như thể tay của Đức Giê-hô-va tạo ra một bóng râm để che chở ông.
Ngài làm cho tôi như mũi tên nhọn, và cất tôi trong ống tên của Ngài
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va có thể thi hành các ý định của Ngài một cách hiệu quả được miêu tả như thể đầy tớ Ngài là một mũi tên mới và sắc nhọn.
cất tôi trong ống tên của Ngài
Đức Giê-hô-va bảo vệ đầy tớ Ngài và giữ gìn ý định của Ngài cách kín giấu được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va giấu ông trong một ống tên.
ống tên
Một cái hộp dùng để chứa các mũi tên
Isaiah 49:3
Thông Tin Chung:
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói.
Ngài phán
"Đức Giê-hô-va phán"
Hỡi Y-sơ-ra-ên, con là đầy tớ Ta
"Con là đầy tớ Ta, hỡi kẻ mà Ta gọi là Y-sơ-ra-ên"
Isaiah 49:5
Thông Tin Chung:
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói.
Và tập hợp Y-sơ-ra-ên cho Ngài
Phần này trong câu có nghĩa tương tự phần trước đó. Phần này có thể viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đem dân Y-sơ-ra-ên quay trở lại với Ngài"
Tôi được tôn trọng dưới mắt Đức Giê-hô-va
"Mắt" ở đây nói đến ý nghĩ hay quan điểm của Đức Giê-hô-va. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã xem trọng tôi."
Đức Chúa Trời tôi là sức mạnh của tôi
Đức Chúa Trời đã ban cho tôi tớ Ngài sức mạnh như thể chính Đức Chúa Trời là sức mạnh của người đó. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời tôi đã ban cho tôi sức mạnh" hay "Đức Chúa Trời tôi đã thêm sức cho tôi"
Ta sẽ khiến con làm ánh sáng cho các nước
Tôi tớ Đức Giê-hô-va sẽ mang sứ điệp Ngài đến với các dân và giúp họ hiểu biết điều đó được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đã khiến cho tôi tớ Ngài trở nên một ánh sáng để chiếu giữa các dân. Hãy xem cách bạn đã dịch một cụm từ tương tự trong ISA42:05
đến tận cùng trái đất
Các nơi ở rất xa trên trái đất được nói đến như thể chúng là những nơi ở tận cùng trái đất. Cụm từ nầy cũng hình thành nên sự phân khúc và có ý nói đến mọi nơi ở tận cùng của đất. Tương tự câu: "đến những nơi xa nhất trên đất" hay "đến những nơi tận cùng đất"
Isaiah 49:7
Đấng Cứu Chuộc
Hãy dịch từ nầy theo cách bạn đã làm trong ISA41:14
người bị người ta khinh thường, bị dân nầy ghê tởm, là đầy tớ của kẻ có quyền thế
Ở đây từ "người" tức là người đó. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "với người bị người ta khinh thường, người bị các dân ghét bỏ"
Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên
Hãy dịch cụm từ nầy theo cách bạn đã dịch trong ISA01:04
Isaiah 49:8
Ta đã nhậm lời con trong thì thuận tiện, Ta đã phù hộ con trong ngày cứu rỗi
Hai cụm từ nầy đều mang cùng một ý nghĩa.
Ta đã nhậm lời con
Từ "con" ở đây tức là tôi tớ Đức Giê-hô-va.
trong ngày cứu rỗi
Từ "ngày" ở đây tức là một thời điểm đặc trưng chứ không phải là một ngày 24 giờ. Từ "cứu rỗi" có thể được trình bày như một động từ. Tương tự câu: "khi đến đúng thời điểm Ta sẽ cứu rỗi con"
đặt con làm giao ước của dân
Từ "giao ước" ở đây là một phép hoán dụ cho người thành lập hay làm trung gian của một giao ước. Hãy xem cách bạn đã dịch một cụm từ tương tự trong ISA42:05
để xây dựng lại xứ sở
Từ "xứ sở" ở đây tức là các thành của xứ mà đã bị phá hủy. Tương tự câu: "để xây dựng lại những nơi đổ nát trong xứ"
chia đất bị bỏ hoang làm cơ nghiệp

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va phán về xứ như thể đó là một cơ nghiệp mà dân Y-sơ-ra-ên đã nhận như một tài sản lâu đời. Nó được ngụ ý rằng người tôi tớ sẽ chia lại phần đất cho dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "để chia phần đất bỏ hoang cho dân Y-sơ-ra-ên như là cơ nghiệp của họ"

Isaiah 49:9

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với tôi tớ Ngài.

Họ sẽ chăn bầy trên đường đi, và đồng cỏ họ sẽ ở trên mọi đồi trọc

Đức Giê-hô-va phán về việc dân sự sẽ sống tự do và thịnh vượng như thể họ là chiên có nhiều đồng cỏ để đi qua.

Isaiah 49:10

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Họ sẽ không

"Họ" ở đây tức là dân sự của Đức Chúa Trời.

hơi nắng và mặt trời chẳng còn hành hạ họ

Từ "hơi nắng" ở đây miêu tả cho từ "mặt trời." Dân sự chịu khốn khổ bởi cái nóng của mặt trời được nói đến như thể sự nóng ở trên họ. Tương tự câu: "họ cũng sẽ không còn chịu cái nóng của mặt trời nữa"

vì Đấng thương xót họ ... đem họ đến gần các suối nước

Đức Giê-hô-va phán về chính mình như là người thứ ba. Ngài phán về sự bảo vệ dân sự và chăm sóc họ như thể Ngài là người chăn của họ. Tương tự câu: "Ta,Đấng thương xót họ ... Ta sẽ dẫn dắt họ"

Ta sẽ khiến mọi núi của Ta trở thành đường đi, và các đường cái của Ta sẽ được bồi đắp

Đức Giê-hô-va phán về sự dẫn dắt dân sự Ngài được an toàn và cất bỏ mọi trở ngại khỏi con đường của họ như thể Ngài khiến các núi thành đường và làm bằng phẳng các đường cái.

Isaiah 49:12

đất Si-nim

Địa điểm của nơi nầy không rõ lắm, nhưng nó nói đến một khu vực ở phía nam của Ai Cập.

Hỡi các tầng trời, hãy reo hò! Hỡi đất, hãy vui mừng! hỡi các núi, hãy cất tiếng hát ca!

Ê-sai chuyển sự chú ý của mình khỏi dân Y-sơ-ra-ên để nói với các tầng trời, đất và các núi như thể chúng là người.

Isaiah 49:14

Nhưng Si-ôn từng nói

Từ "Si-ôn" là một tên khác của Giê-ru-sa-lem. Ê-sai nói về thành như thể đó là một người nữ đang phàn nàn rằng Đức Giê-hô-va đã quên họ.

Người mẹ có thể nào quên cho con mình bú, hoặc không thương đến con ruột của mình chăng?

Đức Giê-hô-va sử dụng một câu hỏi để giúp cho dân sự Ngài hiểu rằng Ngài sẽ không bao giờ quên họ hay ngừng chăm sóc họ. Tương tự câu: "Một người đàn bà sẽ không quên cho con mình bú hay chăm sóc đến con trai mình. Nhưng ngay cả khi cô ấy như vậy, Ta cũng sẽ không bao giờ quên ngươi."

Isaiah 49:16

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn.

Ta đã chạm con trong lòng bàn tay Ta

Đức Giê-hô-va phán về sự chăm sóc hết lòng không lay chuyển của mình đối với Si-ôn như thể Ngài đã viết tên nó trong lòng bàn tay Ngài.

các tường thành của con luôn ở trước mặt Ta

Đức Giê-hô-va phán về việ Ngài luôn nghĩ về Si-ôn như thể các tường thành của nó luôn luôn ở trước mặt Ngài. Từ "các tường thành" là một phép hoán dụ cho thành. Tương tự câu: "Ta sẽ luôn nghĩ về các tường thành của con" hay " Ta sẽ luôn nghĩ đến con"

Con cái của con nhanh chóng trở về

Đức Giê-hô-va phán về việc dân sự sẽ trở về đế sống tại Giê-ru-sa-lem như thể họ là con cái của thành. Tương tự câu: "Các cư dân của con sẽ nhanh chóng trở về"

Thật như Ta hằng sống

Đây là một cách thức thề hứa mà Đức Giê-hô-va dùng để cam đoan về sự thật mà Ngài sẽ phán.

Đức Giê-hô-va phán

Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong ISA14:21

con sẽ đeo tất cả chúng như đồ trang sức, và mang chúng như thắt lưng của cô dâu

Đức Giê-hô-va phán về dân cư ở tại Si-ôn như thể họ là đồ trang sức mà thành mang lấy để tỏ ra sự đẹp đẽ và niềm vui của mình.

và mang chúng như thắt lưng của cô dâu

Phần cuối của câu có thể được làm tõ từ câu trước. Tương tự câu: "ngươi sẽ mang lấy chúng, như một cô dâu mang đồ trang sức"

Isaiah 49:19

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể nó là một người nữ.

Thật, các nơi đổ nát hoang vu

Các từ "đổ nát" và "hoang vu" mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng kẻ thù sẽ phá hủy Si-ôn và bỏ hoang nó. Tương tự câu: "Dù con bị bỏ hoang hoàn toàn"

những kẻ ăn nuốt con

Kẻ thù hủy diệt Si-ôn được nói đến như thể chúng ăn nuốt nó. Tương tự câu: "những kẻ hủy diệt con"

Con cái mà con sinh trong thời gian mất người thân

Đức Giê-hô-va phán về thời điểm mà dân Giê-ru-sa-lem bị lưu đày như thể thành phố đã bị mất đi con cái mình. Những kẻ đã sinh ra trong khi dân sự bị lưu đày được nói đến như thể là con cái của thành. Tương tự câu: "Những kẻ sẽ trú ngụ tại ngươi, là những kẻ được sinh ra trong khi dân sự bị lưu đày"

Đất đai chật hẹp quá cho con

Câu nầy có nghĩa là sẽ có rất nhiều người mà thành phố lại quá nhỏ để tất cả họ có thể sống tại đây.

Isaiah 49:21

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể đó là một người nữ.

Ai đã sinh cho tôi những đứa con nầy?

Si-ôn phán với dân sự là những người trở lại để sinh sống tại thành như thể họ là những đứa con của thành. Câu hỏi của Si-ôn bày tỏ sự ngạc nnhiên về việc mình có quá nhiều đứa con.

Tôi đã mất hết con cái; tôi đã bị lưu đày không con, và tản lạc

Si-ôn nói về chính mình như một người nữ không thể có con hơn nữa. Chúng cho thấy những lý do về việc rất ngạc nhiên của mình.

Tôi đã mất hết con cái

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Tôi đã than khóc về những đứa con đã chết của mình và không thể có con thêm nữa"

tôi đã bị lưu đày không con, và tản lạc

"Tôi đã bị lưu đày, mà không có chồng"

Vậy thì ai đã nuôi những đứa trẻ nầy? Kìa, tôi đã bị bỏ lại một mình; vậy, những đứa trẻ nầy từ đâu ra?

Một lần nữa, Si-ôn đã dùng câu hỏi này để bày tỏ sự ngạc nhiên của mình. Tương tự câu: "Hãy xem, tôi đã bị bỏ lại một mình; và bây giờ những đứa trẻ nầy đã đến với tôi, là những kẻ mà tôi đã chẳng từng nuôi."

Isaiah 49:22

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể đó là một người nữ. Ngài giải thích làm thế nào mà nó có thể có nhiều con như vậy.

Ta sẽ giá tay trên các nước, dựng ngọn cờ cho muôn dân

Hai mệnh đề nầy mang cùng một ý nghĩa. Tương tự câu: "Ta sẽ giơ tay lên và ra hiệu bằng một lá cờ cho muôn dân các đước đến"

Chúng sẽ bồng các con trai của con trong lòng, vác các con gái của con trên vai mà đến

Đức Giê-hô-va phán về việc người ta sẽ đến tại Giê-ru-sa-lem để sinh sống như thể họ là con cái của thành. Ngài cũng phán về việc dân của các nước khác sẽ giúp đỡ người Y-sơ-ra-ên trở về Giê-ru-sa-lem như thể họ sẽ mang vác lấy người Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 49:23

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể đó là một người nữ.

Các vua sẽ làm cha nuôi của con, các hoàng hậu sẽ làm vú của con

Đức Giê-hô-va phán về những người sẽ ở tại Si-ôn như thể họ là con cái của thành. Thuật ngữ "cha nuôi" và "vú" tức là người nam và người nữ chịu trách nhiệm chăm sóc những đứa trẻ. Tương tự câu: "Các vua và hoàng hậu nước khác sẽ cung ứng cho dân cư ngươi"

họ sẽ cúi sát đất trước mặt con, liếm bụi đất dưới chân con

Những cụm từ nầy nói đến những cử chỉ mà người ta thường dùng để bày tỏ sự phục tùng hoàn toàn đến một người cao trọng hơn.

liếm bụi đất dưới chân con

Các nghĩa có thể là 1) đó là một sự bày tỏ theo đúng nghĩa đen về sự phục tùng, người ta sẽ liếm bụi đất dưới chân hay dưới đất tại dưới chân của người cao trọng hơn hoặc 2) đây là một cách diễn đạt để miêu tả về một người nằm phủ phục trước một người cao trọng hơn.

sẽ chẳng hổ thẹn

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "sẽ không bị hổ thẹn" hay "sẽ chẳng bị thất vọng"

Isaiah 49:24

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể đó là một người nữ.

chiến lợi phẩm

những thứ có giá trị được lấy từ những kẻ thua trận.

Có thể nào giật lại chiến lợi phẩm từ tay kẻ mạnh không? người công chính bị cầm tù có được giải cứu chăng?

Ê-sai dùng một câu hỏi để bày tỏ sự khó khăn trog việc lấy lại thứ gì từ một người lính mạnh dạnh hay một chiến binh rất mạnh mẽ. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Một người không thể lấy lại chiến lợi phẩm từ một chiến binh hay giải cứu những người bị cầm tù khỏi những chiến binh dữ tợn"

những kẻ bị người mạnh bạo bắt lấy sẽ được cứu thoát, chiến lợi phẩm của kẻ bạo ngược sẽ được giành lại

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm điều mà loài người không thể làm. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ giải cứu kẻ cầm tù khỏi các chiến binh, và Ta sẽ giành lại những chiến lợi phẩm"

Ta sẽ ... giải cứu con cái của con

Đức Giê-hô-va phán về những người sẽ cư ngụ tại Si-ôn như thể họ là con cái của thành.

Isaiah 49:26

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể đó là một người.

Ta sẽ làm cho kẻ áp bức con tự ăn thịt mình

Các nghĩa có thể là 1) kẻ đàn áp sẽ rất đói đến nỗi chúng sẽ ăn thịt của các bạn mình, là những người đã chết. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến cho những kẻ áp bức con ăn chính thịt của mình" hay 2) Đức Giê-hô-va phán về những kẻ đàn áp sẽ phải chống lại và hủy diệt chính họ như thể họ đang ăn lấy chính mình. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến cho các kẻ đàn áp con tự hủy diệt lấy chính mình, như thể họ ăn lấy chính thịt mình"

say máu mình như say rượu mới

Các nghĩa có thể là 1) những kẻ đàn áp sẽ rất khát đến nổi họ uống máu của các bạn mình, là những người đã chết. Tương tự câu: "và họ sẽ uống máu các bạn mình như những kẻ yếu đuối say trong rượu" hay 2) Đức Giê-hô-va phán về việc những kẻ đàn áp sẽ chống lại và hủy diệt chính mình như thể chúng đang uống máu của chính mình. Tương tự câu: "và họ sẽ làm đổ máu các bạn mình nhiều đến nỗi như thể họ đang say trong rượu"

Translation Questions

Isaiah 49:1

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Y-sơ-ra-ên, là đầy tớ Ngài?

Đức Giê-hô-va đã gọi Y-sơ-ra-ên từ khi còn là hài nhi. Ngài đã khiến miệng Y-sơ-ra-ên giống như thanh gươm sắc bén và che Y-sơ-ra-ên dưới bóng tay Ngài. Ngài làm cho Y-sơ-ra-ên như mũi tên nhọn, cất Y-sơ-ra-ên trong ống tên của Ngài.

Isaiah 49:2

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Y-sơ-ra-ên, là đầy tớ Ngài?

Đức Giê-hô-va đã gọi Y-sơ-ra-ên từ khi còn là hài nhi. Ngài đã khiến miệng Y-sơ-ra-ên giống như thanh gươm sắc bén và che Y-sơ-ra-ên dưới bóng tay Ngài. Ngài làm cho Y-sơ-ra-ên như mũi tên nhọn, cất Y-sơ-ra-ên trong ống tên của Ngài.

Isaiah 49:3

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì qua Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va sẽ được tôn vinh qua Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 49:4

Y-sơ-ra-ên tin cậy Đức Giê-hô-va để làm gì?

Y-sơ-ra-ên nói rằng Đức Giê-hô-va xét công minh cho họ, Đức Chúa Trời ban phần thưởng cho họ.

Isaiah 49:5

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Việc gì của Y-sơ-ra-ên làm như là đầy tớ của Đức Giê-hô-va?
Việc của Y-sơ-ra-ên là dẫn Gia-cốp trở về cùng Đức Giê-hô-va và tập hợp Y-sơ-ra-ên cho Ngài.
Isaiah 49:6
Điều gì quá nhỏ cho đầy tớ của Đức Giê-hô-va?
Việc rất nhỏ cho các đầy tớ của Đức Giê-hô-va là lập các chi tộc Gia-cốp, và cứu sống những người sót lại của Y-sơ-ra-ên.
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho những đầy tớ của Ngài?
Ngài sẽ khiến họ làm ánh sáng cho các nước, để đem sự cứu rỗi của Ngài đến tận cùng trái đất.
Isaiah 49:7
Điều gì sẽ xảy ra cho những người bị kinh thường, dân bị ghê tởm, là đầy tớ của kẻ có quyền thế?
Các vua sẽ thấy và đứng lên, các thủ lĩnh sẽ quỳ lạy.
Isaiah 49:8
Đức Giê-hô-va sẽ phù hộ và nhậm lời Y-sơ-ra-ên khi nào?
Đức Giê-hô-va đã nhậm lời đầy tớ Ngài trong thì thuận tiện, và Đức Giê-hô-va đã phù đầy tớ Ngài trong ngày cứu rỗi.
Isaiah 49:10
Ai sẽ là người dẫn dắt những kẻ bị tù?
Đấng thương xót họ sẽ dẫn dắt họ.
Isaiah 49:13
Tại sao trời, đất và núi lại cất tiếng hát?
Chúng sẽ hát và vui mừng vì Đức Giê-hô-va đã an ủi dân Ngài và thương xót những kẻ khốn khổ của Ngài.
Isaiah 49:14
Câu trả lời của Đức Giê-hô-va cho Si-ôn khi họ than phiền rằng, "Đức Giê-hô-va đã từ bỏ tôi, Chúa đã quên tôi."?
Câu trả lời của Đức Giê-hô-va cho Si-ôn là, "Người mẹ có thể nào quên cho con mình bú, hoặc không thương đến con ruột của mình chăng?", dù người mẹ có quên con mình, nhưng Ta vẫn không bao giờ quên con.
Isaiah 49:15
Câu trả lời của Đức Giê-hô-va cho Si-ôn khi họ than phiền rằng, "Đức Giê-hô-va đã từ bỏ tôi, Chúa đã quên tôi."?
Câu trả lời của Đức Giê-hô-va cho Si-ôn là, "Người mẹ có thể nào quên cho con mình bú, hoặc không thương đến con ruột của mình chăng?", dù người mẹ có quên con mình, nhưng Ta vẫn không bao giờ quên con.
Isaiah 49:16
Đức Giê-hô-va đưa ra điều gì làm bằng chứng về sự quan tâm Ngài dành cho Si-ôn?
Đức Giê-hô-va đã nói rõ bằng chứng của Ngài: "Nầy, Ta đã chạm con trong lòng bàn tay Ta; các tường thành của con luôn ở trước mặt Ta. Con cái của con nhanh chóng trở về; kẻ phá hại, hủy diệt con sẽ rời khỏi con."
Isaiah 49:18
Đức Giê-hô-va đưa ra điều gì làm bằng chứng về sự quan tâm Ngài dành cho Si-ôn?
Đức Giê-hô-va đã nói rõ bằng chứng của Ngài: "Nầy, Ta đã chạm con trong lòng bàn tay Ta; các tường thành của con luôn ở trước mặt Ta. Con cái của con nhanh chóng trở về; kẻ phá hại, hủy diệt con sẽ rời khỏi con."
Isaiah 49:20
Con cái sinh ra sẽ nói gì trong thời gian Si-ôn mất người thân?
Người sẽ nói, "Đất đai chất hẹp quá cho chúng ta, hãy dọn chỗ cho chúng ta ở."
Isaiah 49:21
Si-ôn sẽ tự hỏi bản thân mình như thế nào?
Si-ôn sẽ hỏi, "Ai đã sinh cho tôi những đứa con nầy?" và "Ai đã nuôi dạy những đứa trẻ nầy?" và cuối cùng, '...những đứa trẻ nầy từ đâu ra?"
Isaiah 49:22
Ai sẽ mang các con trai và các con gái của Si-ôn trở lại?
Muôn dân của các nước sẽ đem họ về.
Isaiah 49:24
Có thể nào giật lại chiến lợi phẩm từ tay kẻ mạnh hoặc kẻ bạo ngược không?
Có, những kẻ bị người mạnh bạo bắt lấy sẽ được cứu thoát, vì Đức Giê-hô-va sẽ chống cự kẻ đối địch cùng Si-ôn và giải cứu con cái họ.
Isaiah 49:25
Có thể nào giật lại chiến lợi phẩm từ tay kẻ mạnh hoặc kẻ bạo ngược không?
Có, những kẻ bị người mạnh bạo bắt lấy sẽ được cứu thoát, vì Đức Giê-hô-va sẽ chống cự kẻ đối địch cùng Si-ôn và giải cứu con cái họ.
Isaiah 49:26
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho kẻ áp bức Si-ôn?
Ngài sẽ làm cho kẻ áp bức con tự ăn thịt mình.
Mọi người sẽ biết được điều gì?
Họ sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va là Cứu Chúa, là Đấng Cứu Chuộc, là Đấng Toàn Năng của Gia-cốp.

Chapter 50
Isaiah 50:1
Giấy ly hôn của mẹ ngươi mà Ta đã ly dị ở đâu?
Đức Giê-hô-va phán về Si-ôn như thể thành là mẹ của những người dân đã sống ở đây và của những người bị đi lưu đày giống như Ngài đã ly dị với mẹ chúng.
Giấy ly hôn của mẹ ngươi mà Ta đã ly dị ở đâu?
Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi tu từ nầy để dân sự viết ra "giấy ly hôn," mà đó chính là lý do mà Đức Giê-hô-va để cho họ bị đi lưu đày. Tương tự câu: "Hãy cho Ta xem giấy ly hôn mà Ta đã ly dị mẹ ngươi."
Hoặc trong số các chủ nợ của Ta, Ta đã bán các ngươi cho ai?
Đức Giê-hô-va phán về việc để cho dân sự bị lưu đày như thể là Ngài đã bán họ.
Hoặc trong số các chủ nợ của Ta, Ta đã bán các ngươi cho ai?
Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng Ngài đã không bán họ bởi vì Ngài nợ các chủ nợ. Nó được ngụ ý rằng đây là điều mà dân sự suy nghĩ. Tương tự câu: "Ta đã không bán các ngươi bởi vì Ta nợ họ."
các ngươi bị bán là vì tội lỗi mình; mẹ các ngươi bị ly dị là vì sự vi phạm của các ngươi
Đức Giê-hô-va đưa ra lý do về việc để cho dân sự bị đi lưu đày, và Ngài phán như thể Ngài đã bán họ và ly dị mẹ họ. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã bán các ngươi bởi vì cớ tội lỗi các ngươi, và Ta đã ly dị mẹ các ngươi là bởi vì sự chống nghịch của các ngươi"
Isaiah 50:2
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Tại sao khi Ta đến, chẳng có một ai? Khi Ta gọi, không ai đáp lại?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hai câu nầy mang ý nghĩa như nhau. Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng dân sự bị đi lưu đày là bởi vì họ đã không đáp lại Ngài, chứ không phải bởi vì Ngài không muốn giải cứu họ. Tương tự câu: "Khi Ta đến cùng các ngươi, lẽ ra các ngươi nên ở đó, nhưng các ngươi lại không có. Khi Ta kêu gọi các ngươi, lẽ ra các ngươi nên trả lời, nhưng các ngươi lại không." hay "Khi Ta đến phán cùng các ngươi, các ngươi đã không đáp lại tiếng Ta."

Có phải tay Ta quá ngắn, không cứu chuộc được chăng? hay Ta không đủ sức để giải cứu chăng?

Đức Giê-hô-va dùng hai câu hỏi tương tự để quở trách dân sự về việc họ nghĩ rằng Ngài đã không đủ mạnh để giải cứu họ. Tương tự câu: "Tay Ta chắc chắn không phải quá ngắn để cứu chuộc các ngươi, và Ta có đủ quyền năng để giải cứu các ngươi!" hay "Ta chắc chắn có quyền năng để giải cứu các ngươi khỏi kẻ thù nghịch mình."

Có phải tay Ta quá ngắn

Từ "tay" ở đây tức là quyền năng của Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va không có đủ sức mạnh được nói đến như thể tay Ngài quá ngắn. Tương tự câu: "Có phải Ta không đủ mạnh"

hay Ta không đủ sức

"Có phải Ta không có quyền năng"

Ta biến sông trở thành hoang mạc

Đức Giê-hô-va phán về việc khiến cho các dòng sông cạn khô như thể Ngài biến nó thành hoang mạc. Tương tự câu: "Ta khiến sông trở nên khô cằn như một hoang mạc"

cá dưới sông vì không có nước phải chết khát và hóa ra hôi thối

"cá dưới sông bị chết và trở nên hôi thối vì thiếu nước." Từ "sông" tức là biển và các dòng sông.

Ta lấy sự tối tăm mặc cho các tầng trời, và khoác cho chúng tấm vải sô

Hai cụm từ nầy đều mang cùng một ý nghĩa. Đức Giê-hô-va phán về việc khiến cho bầu trời trở nên tối tăm như thể Ngài đã mặc cho nó tấm vải sô. Tương tự câu: "Ta khiến cho bầu trời trở nên tối tăm, như thể nó đang mặc lấy tấm vải sô màu tối"

Isaiah 50:4

Thông Tin Chung:

Đầy tớ của Đức Giê-hô-va bắt đầu nói.

Chúa là Đức Giê-hô-va đã ban cho Ta cái lưỡi của người được dạy dỗ

Từ "cái lưỡi" tức là những điều mà người nầy nói. Các nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va có thể khiến cho người nầy nói như là đã được học nói rất điêu luyện. Tương tự câu: "Chúa là Đức Giê-hô-va đã khiến cho ta có thể trở thành một người nói giỏi" hay 2) Đức Giê-hô-va đã dạy ta điều phải nói. Tương tự câu: "Chúa là Đức Giê-hô-va sẽ giúp ta nói điều mà Ngài dạy ta"

Ngài đánh thức tai Ta để lắng nghe

Từ "tai ta" ở đây tức là tôi tớ của Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va khiến cho ông có thể nghe và hiểu điều Đức Giê-hô-va dạy ông như thể Đức Giê-hô-va đã đánh thức tai ông khỏi giấc ngủ. Tương tự câu: "Ngài đã khiến cho ta có thể hiểu điều Ngài phán"

như người học trò vậy

Người tôi tớ so sánh chính mình như một học trò được học từ người thầy của mình. Các nghĩa có thể là 1) "như một người học từ thầy mình" hay 2) "như một người mà Ngài đã dạy dỗ."

Isaiah 50:5

Thông Tin Chung:

Người đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói.

Chúa là Giê-hô-va đã mở tai Ta

Đức Giê-hô-va đã khiến cho đầy tớ Ngài có thể nghe và hiểu như thể Đức Giê-hô-va đã mở tai người. Tương tự câu: "Chúa là Đức Giê-hô-va đã khiến cho tôi có thể nghe và hiểu Ngài"

còn Ta, Ta không chống lại, cũng không thối lui

Hai cụm từ nầy đều mang cùng một ý nghĩa. Không vâng theo điều Đức Giê-hô-va phán được nói đến như thể là qua lưng khỏi Ngài. Câu nầy có thể được trình bày bằng những thuật ngữ khẳng định. Tương tự câu: "còn Ta, Ta đã vâng theo điều Ngài phán"

Ta đã đưa lưng cho kẻ đánh Ta, và đưa má cho kẻ nhổ râu Ta

Cho phép người ta đánh ông và nhổ râu ông được nói đến như là đưa lưng và má cho họ. Tương tự câu: "Ta đã cho người khác đánh ta trên lưng và nhổ râu ta khỏi má"

Ta không che mặt khi bị sỉ vả hoặc bị nhổ nước bọt vào mặt

Che mặt có nghĩa là bảo vệ chính mình. Tương tự câu: "Ta đã không bảo vệ mình khi họ chế nhạo và đánh ta"

Isaiah 50:7

Thông Tin Chung:

Người đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

nên Ta không bị xấu hổ

Ngay cả khi người đầy tớ bị ngược đãi, ông vẫn sẽ không bị xấu hổ bởi vì ông đã vâng theo Đức Giê-hô-va. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vì thế nên ta không bị sỉ nhục"

vì vậy, Ta làm cho mặt Ta cứng như đá

Từ "mặt ta" ở đây tức là người đầy tớ. Người đầy tớ đã quyết tâm không dao động trong việc vâng theo Đức Giê-hô-va được nói đến như thể mặt ông trở nên cứng như đá. Tương tự câu: "vì thế Ta đã quyết tâm hoàn toàn"

vì biết rằng mình chẳng có điều gì phải hổ thẹn

Người đầy tớ nhìn về tương lai với sự tin chắc, đảm bảo trong sự kêu gọi của Đức Giê-hô-va. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vì Ta biết rằng các kẻ thù ta sẽ không thể khiến ta hổ thẹn"

Isaiah 50:8

Thông Tin Chung:

Người đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói.

Ai tranh tụng với Ta? Hãy cùng Ta đứng lên! ... Ai là kẻ đối địch với Ta? Hãy lại gần Ta!

Người đầy tớ dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng chẳng ai có thể buộc tội ông cách chính đáng về điều ông làm là sai trái. Tương tự câu: "Nếu ai đó tranh tụng với ta, hãy cùng ta đứng lên ... Nếu ai đó đối địch với ta, hãy để người đó đến với ta"

Ai định tội Ta được?

Người đầy tớ dùng câu hỏi nầy để khẳng định rằng không ai có thể định tội ông được. Tương tự câu: "Chẳng ai có thể định tội ta được."

tất cả chúng sẽ cũ mòn như chiếc áo và bị mối ăn

Chẳng còn ai buộc tội người đầy tớ nữa được nói đến như thể người kết tội là những chiếc áo đã bị trở nên mỏng và bị mối ăn.

Isaiah 50:10

Thông Tin Chung:

Người đầy tớ tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Trong các ngươi, ai là người kính sợ Đức Giê-hô-va? nghe theo tiếng của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đầy tớ Ngài?
Người đầy tớ dùng những câu hỏi nầy để nhận biết ai là người mà ông đang nói đến. Tương tự câu: "Nếu ai trong các ngươi kính sợ Đức Giê-hô-va và vâng theo tiếng của đầy tớ Ngài,"
nghe theo tiếng của đầy tớ Ngài
Từ "tiếng" ở đây tức là điều mà người đầy tớ nói. Tương tự câu: "vâng theo đầy tớ Ngài"
Người nào đi trong bóng tối và không có sự sáng?
Người đầy tớ nói về những người vô vọng và khốn khó như thể họ đang đi trong nơi rất tối tăm. Câu hỏi nầy để nhận biết nhiều hơn nữa những ai mà ông đang nói đến. Tương tự câu: "nếu ai trong các ngươi đi trong nơi rất tối tăm mà không có sự sáng,"
Thì hãy tin cậy danh Đức Giê-hô-va và nương tựa nơi Đức Chúa Trời mình
Hai cụm từ nầy đều mang nghĩa như nhau. Từ "danh" ở đây tức là chính Đức Giê-hô-va. Hãy tin cậy nơi Đức Chúa Trời được nói đến như là nương tựa nơi Ngài. Tương tự câu: "Người ấy nên tin cậy nơi Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời mình" hay "thì người ấy nên tin cậy nơi Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời mình"
Isaiah 50:11
tất cả các ngươi là kẻ đốt lửa ... và đuốc mình đã đốt
Câu nầy tiếp tục phép ẩn dụ từ câu trước về những người đi trong sự tối tăm. Ở đây người ta cố gắng sống theo sự khôn ngoan của mình thay vì tin cậy nơi Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ đã đốt lửa mình là và mang lấy những ngọn đuốc nầy để soi trong bóng đêm.
các ngươi sẽ nằm xuống trong đau khổ
Ở đây "nằm xuống" tức là bị chết mất. Sự chết cách đau đớn được nói đến như là nằm xuống tại nơi mà họ sẽ trãi qua sự đau đớn. Tương tự câu: "Các ngươi sẽ chết cách đau đớn"

Translation Questions

Isaiah 50:1
Tại sao Si-ôn bị bán và mẹ người lại bị ly dị?
Si-ôn đã bị bán vì tội lỗi của mình, và vì sự vi phạm của Si-ôn mà mẹ người đã bị ly dị.
Isaiah 50:2
Điều gì đã xảy ra tại sự quở trách của Đức Giê-hô-va?
Khi Đức Giê-hô-va quở trách, biển liền khô cạn, sông trở thành hoang mạc. Đức Giê-hô-va lấy sự tối tăm mặc cho các tầng trời và khoác cho chúng tấm vải sô.
Isaiah 50:3
Điều gì đã xảy ra tại sự quở trách của Đức Giê-hô-va?
Khi Đức Giê-hô-va quở trách, biển liền khô cạn, sông trở thành hoang mạc. Đức Giê-hô-va lấy sự tối tăm mặc cho các tầng trời và khoác cho chúng tấm vải sô.
Isaiah 50:4
Đức Giê-hô-va ban gì cho đầy tớ Ngài?
Ngài đã ban cho đầy tớ Ngài cái lưỡi của người được dạy dỗ.
Các đầy tớ của Đức Giê-hô-va làm gì với cái lưỡi Đức Giê-hô-va đã ban cho họ?
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va dùng lời nói nâng đỡ kẻ mệt mỏi.
Isaiah 50:5
Bởi vì ông không chống lại và không thối lui nên đầy tớ của Đức Giê-hô-va đã làm gì?
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va đã đưa lưng cho kẻ đánh ông và đưa má cho kẻ nhổ râu ông. Ông không che mặt khi bị sỉ vả hoặc bị nhổ nước bọt vào mặt.
Isaiah 50:6
Bởi vì ông không chống lại và không thối lui nên đầy tớ của Đức Giê-hô-va đã làm gì?
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va đã đưa lưng cho kẻ đánh ông và đưa má cho kẻ nhổ râu ông. Ông không che mặt khi bị sỉ vả hoặc bị nhổ nước bọt vào mặt.
Isaiah 50:7
Tại sao đầy tớ của Đức Giê-hô-va nói rằng người không bị xấu hổ?
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va nói rằng ông ấy không bị xấu hổ vì Đức Giê-hô-va sẽ giúp người.
Isaiah 50:9
Điều gì sẽ xảy ra cho những kẻ tố cáo và định tội đầy tớ của Đức Giê-hô-va?
Những kẻ cáo trách nó sẽ cũ mòn như chiếc áo và bị mối ăn.
Isaiah 50:10
Ai là người kính sợ Đức Giê-hô-va, nghe theo tiếng của đầy tớ Ngài và người nào đi trong bóng tối, phải làm gì?
Người phải tin cậy dạnh Đức Giê-hô-va và nương tựa nơi Đức Chúa Trời mình.
Isaiah 50:11
Các đầy tớ của Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho tất cả các ngươi là kẻ đốt lửa và thắp đuốc?
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va sẽ khiến họ nằm trong đau khổ.

Chapter 51
Isaiah 51:1
Hãy nghe Ta
Ở đây từ "Ta" tức là Đức Giê-hô-va.
hãy nhìn xem vầng đá ... và hầm đá
Hãy nhìn xem điều gì đó tượng trưng cho việc suy nghĩ đến nó. Tương tự câu: "hãy nghĩ về vầng đá ... và hầm đá"
vầng đá mà từ đó các ngươi được đục ra, và hầm đá mà từ đó các ngươi được đào lên
Đức Chúa Trời phán về đất nước Y-sơ-ra-ên như thể đó mà một công trình được xây bằng đá và các tổ phụ họ như là một vầng đá hay hầm đá mà Đức Chúa Trời đã đào họ lên. Câu nầy có thể được trình bày cách rõ rằng. Tương tự câu: "các tổ phụ ngươi, như là một vầng đá mà từ đó các ngươi được đục ra và một hầm đá mà từ đó các ngươi được đào lên"
vầng đá mà từ đó các ngươi được đục ra,
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vầng đá mà từ đó các ngươi được đục ra"
được đục ra
"được chạm trổ bằng một cái đục" hay "đục"
hầm đá mà từ đó các ngươi được đào lên
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "hầm đã mà từ đó các ngươi được đào lên" (
Isaiah 51:2
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tổ phụ các ngươi là Áp-ra-ham

Đức Chúa Trời phán về tổ phụ của họ như thể ông là tổ tiên của họ. Tương tự câu: "Áp-ra-ham, ông cha các ngươi" hay "Áp-ra-ham, tổ phục các ngươi"

Sa-ra, là người đã sinh ra các ngươi

Đức Chúa Trời phán về vợ của Áp-ra-ham như thể bà là mẹ của họ và đã sinh ra họ. Tương tự câu: "Sa-ra, mẹ các ngươi" hay "Sa-ra, vợ của Áp-ra-ham"

khi người chỉ có một mình

Câu nầy có nghĩa là ông chưa có một đứa con nào. Cầu nầy có thể được trình bày rõ ràng hơn. Tương tự câu: "khi ông chưa có một người con nào"

làm cho người trở nên đông đảo

Đức Chúa Trời đã phán về dòng dõi Áp-ra-ham sẽ trở nên đông đảo như thể Áp-ra-ham sẽ trở nên nhiều. Tương tự câu: "đã làm cho dòng dõi người trở nên nhiều" hay "đã làm cho người có nhiều hậu tự"

Isaiah 51:3

Đức Giê-hô-va an ủi Si-ôn

Thành Si-ôn ở đây tức là dân Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ an ủi dân Si-ôn"

Ngài an ủi mọi nơi đổ nát của nó

"Ngài sẽ an ủi những ai sống trong mọi nơi đổ nát của nó"

nơi đổ nát của nó ... hoang mạc ... đồng hoang

Từ "của nó" tức là Si-ôn. Các thành thường được nói đến như thể chúng là những người nữ.

nơi đổ nát

những nơi đã bị phá hủy

Ngài khiến hoang mạc trở nên vườn Ê-đen, đồng hoang ... trở nên vườn của Đức Giê-hô-va

Những cụm từ nầy có nghĩa rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến cho những nơi hoang mạc tại Y-sơ-ra-ên trở nên đẹp đẽ. Trong lời tiên tri nầy, các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai thường được miêu tả như ở quá khứ. Điều nầy nhấn mạnh rằng chúng chắc chắn sẽ xảy ra. Tương tự câu: "Ngài sẽ khiến cho hoang mạc của nó trở nên như vườn Ê-đen và đồng hoang của nó .. như vườn của Đức Giê-hô-va"

giữa vườn ấy sẽ có sự vui vẻ, mừng rỡ

Sự vui vẻ và mừng rỡ mang cùng một ý nghĩa. Sẽ có ở đây tức là sẽ ở đó. Tương tự câu: "sẽ lại có sự vui vẻ và mừng rỡ tại Si-ôn"

Isaiah 51:4

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi dân Ta, hãy chú ý nghe Ta ... hỡi nước Ta, hãy lắng nghe Ta

Hai cụm từ nầy đều mang cùng một ý nghĩa. Chúng kết hợp với nhau để nhấn mạnh mệnh lệnh hãy lắng nghe.

Và công lý của Ta sẽ là ánh sáng cho muôn dân

Công lý của Đức Chúa Trời ở đây tức là luật pháp của Ngài, và ánh sáng tức là sự nhận biết điều công chính. Ở đây có nghĩa là dân tộc các nước sẽ hiểu biết và vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "luật pháp của Ta sẽ dạy cho các nước điều công chính" hay "muôn dân sẽ biết luật pháp của Ta"

Sự công chính của Ta đã gần kề

"Gần kề" tức là "sớm đến." Sự công chính của Đức Chúa Trời đã gần kề tức là Ngài sẽ sớm bày tỏ ra sự công chính của Ngài. Ngài sẽ làm điều nầy bằng cách thực hiện lời hứa của Ngài và cứu chuộc mọi người. Tương tự câu: "Ta sẽ sớm bày tỏ sự công chính mình"

ơn cứu rỗi của Ta sắp hiện ra

Đức Chúa Trời phán về sự cứu rỗi như thể sự cứu rỗi của Ngài là một vật thể có thể hiện ra với họ. Tương tự câu: "Ta sẽ cứu chuộc mọi người"

cánh tay của Ta sẽ cai trị các dân

Cánh tay của Đức Chúa Trời ở đây tức là quyền năng Ngài, và sự cai trị tức là sự trị vì. Tương tự câu: "Ta sẽ cai trị các dân bằng quyền năng mình"

các hải đảo

Ở đây nói đến những ai sống trên các đảo ở bên kia biển. Tương tự câu: "những người sống trên các hải đảo" hay " những người sống trên các đảo bên kia biển"

và chúng hi vọng nơi cánh tay Ta

Cánh tay của Đức Chúa Trời ở đây từ là điều Ngài sẽ làm. Ở đây nói đến việc Ngài sẽ cứu chuộc mọi người. Tương tự câu: "họ sẽ trông đợi Ta làm điều gì đó" hay "họ sẽ trông dợi Ta cứu chuộc họ"

Isaiah 51:6

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy ngước mắt lên các tầng trời

Hãy ngước mắt tượng trưng cho việc nhìn vào điều gì đó ở trên cao. Tương tự câu: "Hãy nhìn lên bầu trời"

như khói ... như chiếc áo ... như ruồi

Tất cả những điều này tượng trưng cho những thứ dễ dàng và nhanh chóng biến mất hay trở nên vô ích.

sự cứu rỗi của Ta còn đời đời

"Sự cứu rỗi" của Đức Chúa Trời ở đây tức là kết quả của sự cứu chuộc Ngài, đó là sự tự do. Tương tự câu: "Ta sẽ cứu chuộc ngươi, và các ngươi sẽ được tự do mãi mãi"

sự công chính của Ta không bao giờ chấm dứt

"Sự công chính" của Đức Chúa Trời ở đây tức là sự cai trị công bình của Ngài. Tương tự câu: "sự cai trị công chính của Ta sẽ không bao giờ chấm dứt" hay "Ta sẽ cai trị cách công chính đến đời đời"

Isaiah 51:7

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

các ngươi là những người ghi khắc luật pháp Ta trong lòng

Có luật pháp Đức Chúa Trời trong lòng tức là hiểu biết luật pháp Đức Chúa Trời và mong muốn vâng theo. Tương tự câu: "những người biết và trân trọng luật pháp Ta"

cũng đừng kinh hãi vì những lời sỉ vả của họ

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tư câu: "và đừng để mất hết can đảm khi họ làm tổn thương các ngươi"

Vì mối sẽ cắn nuốt họ như cắn áo, mọt sẽ ăn họ như ăn lông chiên

Đức Chúa Trời phán về những người sỉ vả sự công chính như thể họ là những cái áo lông chiên, và chúng sẽ bị hủy diệt như thể sâu mọt ăn lấy họ.

sự công chính của Ta sẽ còn mãi mãi

"Sự công chính" của Đức Chúa Trời ở đây tức là sự cai trị công chính của Ngài. Tương tự câu: "sự cai trị công chính của Ta sẽ còn mãi" hay "Ta sẽ cai trị cách công chính đời đời"

ơn cứu rỗi của Ta còn từ đời nầy sang đời kia

"Ơn cứu rỗi" của Đức Chúa Trời ở đây tức là kết quả của sự cứu chuộc Ngài, đó là sự tự do. Còn "từ đời nầy sáng đời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

kia" tức là còn mãi. Tương tự câu: "Ta sẽ cứu rỗi các ngươi, và các ngươi sẽ được tự do đến đời đời"

Isaiah 51:9

Hỡi cánh tay Đức Giê-hô-va hãy thức dậy, hãy thức dậy mặc lấy sức mạnh

Mọi người nài xin cánh tay Đức Giê-hô-va cứu giúp họ như thể cánh tay Ngài là người. Nếu có thể nói với cánh tay, câu nầy có thể được diễn đạt cách rõ hơn tức là nói với Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Hỡi Đức Giê-hô-va, hãy thức dậy, hãy thức dậy, và mặc lấy cánh tay Ngài bằng sức mạnh"

Hỡi cánh tay Đức Giê-hô-va ... hãy thức dậy, hãy thức dậy

Dân sự nói như thể cánh tay Đức Giê-hô-va đã đang ngủ bởi vì đã không cứu giúp họ. Họ mong muốn nó sẽ cứu giúp họ. Từ "hãy thức dậy" được lặp đi lặp lại để bày tỏ rằng họ rất cần sự cứu giúp của Đức Chúa Trời.

mặc lấy sức mạnh

Sức mạnh được nói đến như thể đó là một loại quần áo mà người ta có thể mặc để thêm sức cho mình trong chiến trận. Tương tự câu: "hãy làm cho mình được mạnh mẽ"

Chẳng phải chính Ngài đã phanh thây Ra-háp, đã đâm quái vật biển đó sao?

Người nói dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng quyền năng của Đức Giê-hô-va có thể làm những điều lớn lạ. Tương tự câu: "Đó là chính Ngài đã phanh thây Ra-háp, và chính Ngài đã đâm quái vật biển."

Ra-háp ... quái vật biển

Cải hai từ nầy đều mang cùng một ý nghĩa. Chúng nói đến Ra-háp, một con rắn thần thoại sống ở biển, và tượng trưng cho quốc gia Ai Cập, hay tượng trưng cho tội lỗi và sự hỗn loạn.

Chẳng phải chính Ngài đã làm cạn biển ... để dân được cứu chuộc đi qua đó sao?

Một lần nữa, người nói dùng những câu hỏi để nhấn mạnh đến quyền năng của Đức Giê-hô-va có thể làm những điều vĩ đại. Câu nầy nói đến việc Đức Giê-hô-va đã mở rộng Biển Đỏ cho dân Y-sơ-ra-ên băng qua và thoát khỏi quân đội Ai Cập. Tương tự câu: "Chính Ngài đã làm cạn biển ... để dân được cứu chuộc có thể đi quá đó."

Isaiah 51:11

Thông Tin Chung:

Ở đây rất giống với ISA35:10

Dân mà Đức Giê-hô-va đã chuộc

"Chuộc" tức là "giải cứu." Câu nầy nói đến dân mà Đức Giê-hô-va đã giải cứu. Tương tự câu: "Những người mà Đức Giê-hô-va đã giải cứu"

niềm vui bất tận sẽ đội trên đầu họ

Ở đây dùng đầu để nói đến cả một người. Tương tự câu: "họ sẽ vui vẻ mãi mãi"

vui vẻ mừng rỡ ... còn sự buồn bã than vãn

Những từ "vui vẻ" và "mừng rỡ" đều mang cùng một ý nghĩa, "sự buồn bã" và "than vãn" cũng như vậy. Chúng kết hợp với nhau để nhấn mạnh đến cường độ của những cảm xúc nầy.

họ sẽ được vui vẻ mừng rỡ

Câu nầy nói đến việc dân sự sẽ tràn ngập sự vui vẻ và mừng rỡ bằng cách nói đến những cảm xúc nầy của con người như thể chúng có thể lấn át họ. Tương tự câu: "chúng sẽ tràn ngập niềm vui và sự vui vẻ" hay "họ sẽ vô cùng vui vẻ và mừng rỡ"

còn sự buồn bã than vãn sẽ biến mất

Câu nầy nói đến việc dân sự sẽ không còn đau buồn và than vãn nữa bằng việc nói đến những cảm xúc nầy như thể chúng đã đi xa. Tương tự câu: "chúng sẽ không còn đau buồn và than vãn nữa"

Isaiah 51:12

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta, chính Ta

Từ nầy được lặp đi lặp lại để nhấn mạnh. Nếu nó không được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, thì sự lặp lại không cần thiết phải được sử dụng. Tương tự câu: "Chính Ta"

Ngươi là ai mà sợ loài người ... như cỏ?

Câu hỏi tu từ nầy nhấn mạnh rằng dân sự là những người có sự bảo vệ của Chúa không nên sợ hãi loài người. Câu nầy có thể được viết lại như một caai khẳng định. Tương tự câu: "Đừng sợ hãi loài người ... như cỏ."

là kẻ sẽ trở nên như cỏ?

Cụm từ nầy so sánh loài người như cỏ để nhấn mạnh rằng đời sống của họ rất ngắn ngủi và họ sẽ nhanh chóng mất đi. Tương tự câu: "những người sống và chết mất cách nhanh chóng như cây cỏ" hay "những người sẽ tàn héo và biết mất đi như cây cỏ"

là kẻ sẽ trở nên như

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những người sẽ như"

Isaiah 51:13

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngươi lại quên Đức Giê-hô-va ... quả đất.

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ không nên quên Đức Giê-hô-va. Điều nầy có thể được viết như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Ngươi không nên quên Đức Giê-hô-va ... quả đất."

Đấng đã tạo nên

Hãy dịch tên nầy của Đức Giê-hô-va như cách bạn đã làm trong ISA17:06

đã giương các tầng trời

"Đấng đã trải bầu trời ra." Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va tạo nên các tầng trời như thể Ngài đã giương chúng ra giống như một người căng một cái áo lớn. Tương tự câu: "Đấng đã giương các tầng trời như một cái áo"

nền móng quả đất

Từ "nền móng" thường nói đến một cấu trúc bằng đá để làm nền cho một công trình từ phía bên dưới. Ở đây miêu tả đến một cấu trúc tương tự để làm nền và giữ ổn định trái đất. Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong ISA24:17

những kẻ áp bức đang hằm hằm giận dữ, mưu tính huỷ diệt ngươi ?"

"cơn giận của kẻ áp bức khi nó định gây nên sự hủy diệt"

hằm hằm giận dữ

Từ "hằm hằm" ở đây có nghĩa là "mạnh mẽ" hay "cực kỳ." Tương tự câu: "cự kỳ giận dữ"

cơn giận của kẻ áp bức ấy ở đâu?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng dân sự không nên sợ những kẻ muốn đàn áp họ. Sự áp bức của họ không còn có thể đe dọa họ được nữa. Ở đây có thể được viết như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Cơn giận của kẻ áp bức không còn đe dọa được nữa!"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 51:14

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Kẻ bị bắt đem đi

Ở đây nói đến người Y-sơ-ra-ên là những nô lệ của dân Ba-by-lôn. Câu nầy nói đến việc làm của họ. Tương tự câu: "Người nô lệ"

ngục tối

Ở đây tức là Âm phủ. Tương tự câu: "hầm của Âm phủ" hay "mồ mả"

và cũng không thiếu lương thực

Câu nầy có thể được viết lại theo thể khẳng định. Tương tự câu: "và người ấy sẽ có lương thực"

lương thực

Ở đây đề cập đến thức ăn nói chung. Tương tự câu: "thức ăn"

Đấng làm cho biển động

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va khiến cho biển động và sóng nổi lên cuồn cuộn như thể Ngài khuấy động biển như một người khuấy mọi thứ trong chén với một cái muỗng lớn. Tương tự câu: "Đấng khiến cho biển động" hay "Đấng khiến cho biển nổi lên cuồn cuộn"

và sóng vỗ ầm ầm

Vỗ ầm ầm là một âm thanh lớn mạnh được gây nên bởi một thứ gì đó sống động, như một con gấu hay sư tử. Ở đây là tiếng sóng vỗ được miêu tả như là đang gây nên âm thanh lớn mạnh nầy. Tương tự câu: "sóng vỗ rất lớn"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch tên này của Đức Giê-hô-va như cách bạn đã dịch trong ISA01:09

Isaiah 51:16

Ta đã đặt lời Ta trong miệng ngươi

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va phán với Ê-sai về điều phải nói như thể lời Ngài là một vật thể hữu hình mà Đức Giê-hô-va đã đặt trong miệng của Ê-sai. Tương tự câu: "Ta đã phán với ngươi điều phải nói"

và cho ngươi núp dưới bóng bàn tay Ta

"Tay" của Đức Giê-hô-va tức là quyền năng Ngài. Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ Ê-sai như thể tay Ngài bao phủ lấy ông để bảo vệ ông. Tương tự câu: "và quyền năng Ta sẽ giữ ngươi được bình an" hay " Ta đã bảo vệ và giữ gìn ngươi trong sự bình an"

trong khi dựng các tầng trời

Từ "dựng" ở đây có nghĩa là lập nên một thứ gì đó ở dưới đất. Câu nầy nói về việc Đức Giê-hô-va phục hồi lại các tầng trời như thể chúng những cái cọc lều mà Ngài dựng nó lên. Tương tự câu: "mà Ta đã lập nên các tầng trời"

đặt nên móng quả đất

Từ "nền móng" thường nói đến một cấu trúc bằng đá được dùng để làm nền cho một công trình từ ở bên dưới. Ở đây nói đến một cấu trúc tương tự mà được nghĩ đến như là nền và để giữ cho quả đất cố định. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA24:17

Isaiah 51:17

Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy thức dậy, thức dậy và đứng lên

Đức Giê-hô-va phán trực tiếp với Giê-ru-sa-lem, ngay cả những người dân của nó không có ở đó, để nhấn mạnh đến sứ điệp của Ngài.

Hãy thức dậy, thức dậy và đứng lên

"hãy tỉnh táo và thức dậy." Sự lặp lại của từ "thức dậy" để nhấn mạnh sự cấp bách trong tiếng gọi để đánh thức dân Y-sơ-ra-ên. Nó không phải là đánh thức họ khỏi giấc ngủ về nghĩa đen.

Giê-ru-sa-lem

Giê-ru-sa-lem ở đây tức là những người sống tại đó. Tương tự câu: "hỡi các ngươi là người Giê-ru-sa-lem"

ngươi đã uống chén thịnh nộ từ tay Đức Giê-hô-va ... đã uống cạn

Đức Giê-hô-va phán về việc đoán phạt dân sự Ngài như thể Ngài buộc họ phải uống chén đầy sự thạnh nộ Ngài.

từ tay Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va ở đây được nhắc đến bởi tay Ngài để nhấn mạnh rằng Ngài sẽ ban chén đó cho dân Ngài. Tương tự câu: "mà Ngài cho các ngươi"

ngươi đã uống chén

Từ "chén" nói đến những thứ bên trong chén. Tương tự câu: "ngươi đã uống chén" hay "ngươi đã uống rượu trong chén"

chén làm cho loạng choạng

Từ "chén" nói đến những thứ bên trong chén. Tương tự câu: "rượu khiến cho ngươi ta loạng choạng"

đã uống cạn

"ngươi đã uống hết"

loạng choạng

Đi không thẳng thắn hay trượt chân lúc đang đi

Trong số các con trai mà Giê-ru-sa-lem đã sinh ra, không một đứa nào

dắt nó ... cầm lấy tay nó

Hai cụm từ nầy đều mang cùng một ý nghĩa và có thể được nối lại với nhau. Ở đây nói đến việc Giê-ru-sa-lem sẽ không có ai cứu giúp như thể thành là một người nữ đã say mà không có một người con trai nào của mình đến cầm tay hay dắt mình đi"

Isaiah 51:19

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

ai là người cảm thương ngươi? Ta sẽ lấy gì an ủi ngươi?

Ê-sai dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng lúc nầy chẳng có ai khóc than cùng họ hay an ủi họ. Những câu hỏi nầy có thể được viết như câu khẳng định. Tương tự câu: "nhưng chẳng có ai cảm thương họ ... Chẳng có ai an ủi họ."

Hai tai họa nầy

Hai tai họa nầy tứ là hai cụm từ sau: "tàn phá và hủy diệt" cùng "đói kém và gươm đao."

tàn phá và hủy diệt

Hai từ nầy đều mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh về sự hủy diệt của xứ gây ra bởi những kẻ thù áp bức họ. Tương tự câu: "Các kẻ thù ngươi đã để cho thành ngươi trở nên hoang tàn và đổ nát"

đói kém và gươm đao

Những từ nầy, "đói kém" và "gươm đao," miêu tả về những tai họa sẽ đến trên dân sự. "Gươm đao" tức là "chiến tranh." Tương tự câu: "và nhiều người trong các ngươi sẽ chết bởi đói kém và chiến tranh"

nằm ngổn ngang khắp đường phố

Đây là một phép cường điệu, họ không phải ở trên khắp các góc phố. Tương tự câu: "chúng nằm tại các góc phố"

như sơn dương mắc lưới

Ở đây nói đến những người con không có sự cứu giúp như thể chúng là con sơn dương bị mắc trong một cái bẫy. Tương tự câu: "chúng vô vọng, như một con sơn dương bị

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mắc lưới" hay "vô vọng như môt con sơn dương bị mắc bẫy"

sơn dương

Đây là một loài động vật, tương tự như một con nai, có sừng và chạy rất nhanh. Tương tự câu: "con nai"

chúng ở dưới cơn giận của Đức Giê-hô-va

"Cơn giận của Đức Giê-hô-va" nói đến việc Đức Giê-hô-va đoán phạt dân sự Ngài bởi vì cơn giận của Ngài đổ trên họ. Điều nầy nói đến việc dân sự bị đoán phạt cách nghiêm khắc như thể họ ở dưới cơn giận của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "họ bị đoán phạt cách nặng nề bởi vì Ngài nổi giận với họ"

sự quở trách của Đức Chúa Trời ngươi

"- đây là sự quở trách của Đức Chúa Trời ngươi." Cụm từ này tương tự với "cơn giận của Đức Giê-hô-va." Cũng vậy, từ "quở trách" có thể được viết dưới dạng động từ. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời đã quở trách ngươi cách nặng nề."

Isaiah 51:21

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên

hỡi kẻ khốn khổ, là kẻ say

Đức Giê-hô-va dùng từ "kẻ" ở đây nói đến những người bị áp bức. Tương tự câu: "hỡi các ngươi, là kẻ bị áp bức và say"

Kìa, Ta đã lấy lại từ tay ngươi chén làm cho loạng choạng, là chén của cơn thịnh nộ Ta

Câu này nói về việc Đức Giê-hô-va không còn giận dữ với dân sự Ngài như thể cơn thịnh nộ đó là một cái chén được cất đi. Tương tự câu: "Ta sẽ không còn giận dữ với các ngươi nữa. Kìa, Ta đã lấy lại từ ngươi chén thịnh nộ của Ta"

Kìa

Đây là một thành ngữ để thu hút sự chú ý về điều sắp được nói ra. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

chén làm cho loạng choạng

Từ "chén" ở đây nói đến những thứ ở bên trong chén đó. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA51:17

chén của cơn thịnh nộ Ta

Đức Giê-hô-va nói về việc đoán phạt dân sự như thể Ngài buộc họ phải uống một chén đầy thịnh nộ của Ngài. Hãy xem bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA51:17

chén của

Từ "chén" là nói đến những thứ ở bên trong chén. Những từ "bát" và "chén" ở đây cùng nói đến chén của cơn thịnh nộ Đức Giê-hô-va; cả hai từ này được dùng kết hợp với nhau để nhấn mạnh. Tương tự câu: "chén rượu của"

Isaiah 51:23

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên. ulb_isa/51_23/notes/1

Ta sẽ đặt chén ấy vào tay kẻ làm khổ ngươi

Câu này ngụ ý rằng bằng cách đặt chén thịnh nộ vào trong tay của chúng, Đức Giê-hô-va đang buộc chúng phải uống những thứ bên trong chén thịnh nộ đó. Tương tự câu: "Ta sẽ buộc những kẻ làm khổ ngươi uống rượu của chén thịnh nộ Ta"

kẻ làm khổ ngươi

Từ "kẻ làm khổ ngươi" ở đây có thể được diễn đạt bằng một động từ. Tương tự câu: "những kẻ đã làm khổ ngươi" hoặc là "những kẻ đã khiến ngươi chịu khổ"

Rồi lưng ngươi như nền đất, như đường đi cho người ta qua lại

Ở đây so sánh cách mà những kẻ thù bước đi trên lưng của họ giống như cách mà người ta bước đi trên đường. Tương tự câu: "Ngươi hãy nằm xuống đường để kẻ thù có thể bước đi trên lưng ngươi"

Translation Questions

Isaiah 51:1

Đức Giê-hô-va phán những người đeo đuổi sự công bình phải nhìn xem điều gì?

Đức Giê-hô-va phán rằng hãy nhìn xem vầng đá mà từ đó các ngươi được đục ra và hầm đá mà từ đó các ngươi được đào lên.

Isaiah 51:2

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Áp-ra-ham?

Đức Giê-hô-va đã gọi người và ban phước dư dật trên người.

Isaiah 51:6

Điều gì sẽ xảy ra với các tầng trời, dưới đất và cư dân trên đất?

Các tầng trời sẽ tan ra như khói, đất sẽ cũ mòn như chiếc áo, cư dân trên đất sẽ chết như ruồi.

Điều gì sẽ còn đời đời và không bao giờ chấm dứt?

Sự cứu rỗi của Đức Giê-hô-va còn đời đời và sự công bình của Ngaià không bao giờ chấm dứt.

Isaiah 51:7

Sự tuyên bố này hướng đến ai: "Đừng sợ người ta đả kích, cũng đừng kinh hãi vì những lời sỉ vả của họ ..."?

Lời tuyên bố đó hướng đến những người hiểu biết công lý và những người ghi khắc luật pháp của Đức Giê-hô-va trong lòng họ.

Isaiah 51:9

Ai là người đã đâm con quái vật biển, làm cạn biển, và tắt các nguồn nước của vực lớn?

Cánh tay Đức Giê-hô-va đã làm như vậy.

Isaiah 51:10

Ai là người đã đâm con quái vật biển, làm cạn biển, và tắt các nguồn nước của vực lớn?

Cánh tay Đức Giê-hô-va đã làm như vậy.

Isaiah 51:11

Điều gì sẽ đội trên đầu và biến mất của dân được Đức Giê-hô-va chuộc trở về và đi đến Si-ôn?

Niềm vui bất tận sẽ đội trên đầu họ và sự buồn bã than vãn sẽ biến mất.

Isaiah 51:14

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho những kẻ bị áp bức?

Đức Giê-hô-va sẽ nhanh chóng thả họ ra.

Isaiah 51:17

Giê-ru-sa-lem uống gì từ tay Đức Giê-hô-va?

Họ đã uống chén thịnh nộ từ tay Đức Giê-hô-va; họ đã uống cạn chén làm cho loạng choạng.

Isaiah 51:18

Ai trong số các con trai của Giê-ru-sa-lem được sinh ra để dẫn dắt nó?

Chẳng một ai trong số các con trai mà nó sinh ra dẫn dắt nó.

Isaiah 51:23

Sau khi Đức Giê-hô-va lấy lại chén làm cho loạng choạng của Giê-ru-sa-lem, và Ngài sẽ ban nó cho ai?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài sẽ đặt nó vào tay kẻ làm khổ Giê-ru-sa-lem.

Chapter 52

Isaiah 52:1

Hãy thức dậy, hãy thức dậy

Từ này được lặp lại để nhấn mạnh và diễn đạt sự khẩn cấp. Ê-sai đang cố gắng đánh thức dân sự được miêu tả như thể ông cố gắng đánh thức họ dậy khi đang ngủ.

hãy mặc lấy sức mạnh ngươi

Hãy trở nên mạnh mẽ trở lại được miêu tả như thể sức mạnh là một thứ quần áo mà một người ta mặc lên. Tương tự câu: "Hãy trở nên mạnh mẽ"

Si-ôn ... Giê-ru-sa-lem

Cả hai từ này đều nói đến những người đang sống ở Giê-ru-sa-lem. Ê-sai đang nói với họ như thể họ đang ở đó lắng nghe ông. Tương tự câu: "người Si-ôn ... người Giê-ru-sa-lem"

kẻ không cắt bì và kẻ ô uế

Những cụm tính từ như danh từ nầy có thể được viết như những tính từ. Tương tự câu: "Những kẻ chưa được cắt bì và những kẻ ô uế này"

kẻ ô uế

Từ này nói đến những người ô uế. Một người mà Đức Chúa Trời thấy rằng không thể chấp nhận được hoặc là bị ô uế được miêu tả như một người dơ dáy về thể xác. Tương tự câu: "những kẻ không được chấp nhận bởi Đức Chúa Trời"

vào nơi ngươi

Ở đây từ "ngươi" tức là Giê-ru-sa-lem và tượng trưng cho những người đang sống ở đó. Có thể hiểu rằng những kẻ chưa cắt bì và kẻ ô uế sẽ vào thành để tấn công dân sự. Tương tự câu: "tiến vào thành và tấn công các ngươi"

Isaiah 52:2

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy đứng dậy, giũ bụi bặm và ngồi trên ngôi

Ở đây từ "Giê-ru-sa-lem" tượng trưng cho dân chúng đang sống ở đó. Tương tự câu: "Mọi người ở Giê-ru-sa-lem, hãy ngồi trên ngôi và giũ sạch bụi bặm"

kẻ tù đày, Hhãy tự cởi trói khỏi cổ ngươi

Câu này ngụ ý rằng người Giê-ru-sa-lem đang đeo những xiềng xích bởi vì họ là nô lệ khi bị lưu đày ở Ba-by-lôn.

hỡi con gái Si-ôn

"Con gái" của một thành nghĩa là người dân thành đó. Tương tự câu: "dân thành Si-ôn" hay là "những người sống ở Si-ôn." Hãy xem cách bạn đã dịch trong ISA01:07

Các ngươi đã bị bán mà không được trả tiền, thì cũng sẽ được chuộc lại mà không cần tiền bạc

Câu này nói về Đức Giê-hô-va như thể Ngài là chủ của dân Y-sơ-ra-ên. Vì Ngài là người chủ hợp pháp nên Ngài có thể bán họ đi hoặc chuộc họ lại bất kỳ lúc nào Ngài muốn. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã bán các ngươi không lấy tiền và Ta sẽ chuộc các ngươi về mà không mất tiền"

Isaiah 52:4

Trước kia

Ở đây từ "Trước kia" nói đến thời kỳ ban đầu của lịch sử dân Y-sơ-ra-ên khi họ bắt đầu trở thành một dân tộc.

đã xuống Ai Cập

Rất bình thường khi sử dụng cụm từ "đi xuống" khi nói về việc đi từ Ca-na-an đến Ai Cập. Tương tự câu: "đã đến Ai Cập"

Người A-si-ri đã áp bức họ

Người A-si-ri tức là dân A-si-ri. Tương tự câu: "Dân A-si-ri đã đối xử với họ cách tồi tệ"

Isaiah 52:5

Bây giờ Ta làm gì đây?... vì dân Ta đã vô cớ bị đày đi?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi khiến mọi người chú ý đến điều Ngài sắp nói. Tương tự câu: "Bây giờ hãy chú ý đến điều sắp diễn ra ... vì dân Ta vô cớ bị đày đi."

vì dân Ta đã vô cớ bị đày đi

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta thấy kẻ địch đang đày dân Ta đi xa một cách vô cớ"

vô cớ

Các nghĩa có thể là 1) "vô cớ" có nghĩa là dân Ba-by-lôn đối xử với dân sự không công bằng và chẳng có nguyên do gì 2) Câu này tiếp tục phép ẩn dụ từ ISA52:02

Những kẻ cai trị họ cất tiếng kêu la

Câu này nói đến người Ba-by-lôn là những kẻ đã xâm chiếm họ. Tuy nhiên, ở một vài bản Kinh Thánh có viết rằng, "Những kẻ cai trị họ sẽ kêu la." Ở những bản này, đoạn này nói đến các lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên bị bắt giữ.

danh Ta thường xuyên bị xúc phạm, ngày nầy sang ngày khác

Ở đây từ "danh" tức là danh tiếng của Đức Giê-hô-va. Câu này có thể được viết theo thể chủ động. Tương tự câu: "những kẻ đứng nhìn kẻ thù đày dân ta đi sẽ tiếp tục nói những lời xấu về Ta"

Vậy, dân Ta sẽ biết danh Ta

Ở đây từ "danh" tượng trưng cho danh tiếng của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Vậy nên dân Ta sẽ biết Ta thực sự là ai"

Isaiah 52:7

Thông Tin Chung:

Ê-sai đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Bàn chân của những người ấy trên các núi xinh đẹp biết bao

Ở đây "bàn chân" tượng trưng cho một người sứ giả đang đi. Tương tự câu: "Thật đẹp làm sao khi thấy một sứ giả đang đi trên các núi để rao báo tin lành"

với Si-ôn

Ở đây từ "Si-ôn" tượng trưng cho dân Si-ôn. Tương tự câu: "với người Si-ôn"

cất tiếng hát

Đây là một thành ngữ. Tương tự câu: "cất tiếng reo lớn"

họ sẽ tận mắt thấy

Ở đây từ "mắt" tượng trưng cho người. Tương tự từ: "mọi người"

Isaiah 52:9

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

hỡi những nơi đổ nát của Giê-ru-sa-lem

Ê-sai nói về những tàn tích của Giê-ru-sa-lem như thể chúng là một người có thể reo mừng. Ở đây tượng trưng cho dân Giê-ru-sa-lem là những người đã bị bại trận. Tương tự câu: "các ngươi là những kẻ sống giữa những nơi đổ nát của Giê-ru-sa-lem"

đã chuộc lại Giê-ru-sa-lem

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây "Giê-ru-sa-lem" tượng trưng cho dân sự. Tương tự câu: "Ngài đã chuộc lại dân Giê-ru-sa-lem"

để trần cánh tay thánh của Ngài

Ở đây từ "cánh tay" tượng trưng cho quyền năng của Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va bày tỏ với mọi dân tộc ở mọi quốc gia rằng Ngài là thánh khiết và quyền năng được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va là một chiến binh cởi áo choàng của Ngài, và để trần cánh tay để chiến đấu. Tương tự câu: "đã bày tỏ sự thánh khiết và quyền năng vô đối của Ngài"

mọi nước; mọi nơi tận cùng trái đất

Ở đây những từ "nước" và "trái đất" tượng trưng cho mọi người dân ở mọi nước trên khắp trái đất.

Isaiah 52:11

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy đi ra, hãy đi ra

Từ này được lặp lại để nhấn mạnh rằng quả thực mọi người phải rời đi, cho dù không cần thiết phải nhanh chóng.

hãy ra khỏi chỗ đó

Như ta đã biết dân Y-sơ-ra-ên làm nô lệ ở xứ Ba-by-lôn. Câu này có thể được viết rõ hơn. Tương tự câu: "đi ra khỏi vùng đất mà các ngươi làm nô lệ"

đừng đụng đến đồ ô uế

Là những thứ mà Đức Giê-hô-va đã tuyên bố rằng không được đụng vào hoặc ăn được miêu tả như thể những thứ đó không sạch sẽ. Tương tự câu: "Đừng đụng đến những gì không được Đức Giê-hô-va chấp nhận"

hãy ra khỏi nó

Ở đây từ "nó" tượng trưng cho Ba-by-lôn.

Vì Đức Giê-hô-va sẽ đi trước các ngươi, và Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đi sau bảo vệ các ngươi

Đức Giê-hô-va đang bảo vệ dân sự Ngài khỏi kẻ thù được miêu tả như thể Ngài là những chiến binh dẫn đầu dân sự và là những chiến binh ở phía sau dân sự để bảo vệ họ.

Isaiah 52:13

sẽ được tán dương, được tôn vinh, và tôn cao tột cùng

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Hai cụm từ này "được tán dương, được tôn vinh" và "tôn cao tột cùng" về cơ bản có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ vinh danh đầy tớ Ngài. Hãy xem bạn đã dịch một cụm từ tương tự trong ISA33:10

ngạc nhiên về người

Ở đây từ "người" nói đến đầy tớ Đức Giê-hô-va. Tuy nhiên, các dịch giả có thể quyết định đổi từ "người" thành từ "người ấy."

Mặt mày người tiều tụy hơn bất cứ người nào khác, hình dáng Người không giống con loài người

Câu này ngụ ý rằng đầy tớ Ngài sẽ tiều tụy bởi vì kẻ địch sẽ đánh người đó rất thậm tệ. Tương tự câu: "kẻ thù của người sẽ đánh người thậm tệ đến nỗi nhìn người không còn giống loài người nữa"

Isaiah 52:15

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về đầy tớ Ngài.

người sẽ thanh tẩy nhiều dân tộc

Đầy tớ sẽ khiến mọi dân trong mọi nước được Đức Giê-hô-va chấp nhận được miêu tả như thể đầy tớ Ngài là một thầy tế lễ rải huyết của con sinh tế để ai đó hay vật gì đó được chấp nhận bởi Đức Giê-hô-va.

sẽ thanh tẩy

Tiếng Hê-bơ-rơ được dịch là "thanh tẩy" ở đây cũng có thể được dịch thành "ngạc nhiên" "sững sờ," mà một vài bản Kinh Thánh đã dịch.

nhiều dân tộc

Ở đây từ "dân tộc" nói đến người dân các nước.

các vua ngậm miệng lại

Cụm từ "ngậm miệng lại" là một thành ngữ. Tương tự câu: "các vua sẽ không còn nói" hoặc "các vua sẽ câm lặng"

điều chưa ai nói cho mình

Câu này có thể được viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "điều chưa ai kể cho họ" hoặc là "những điều chưa có ai nói với họ"

Translation Questions

Isaiah 52:1

Chuyện gì sẽ không bao giờ xảy ra với Giê-ru-sa-lem?

Kẻ không cắt bì và kẻ ô uế sẽ không còn vào Giê-ru-sa-lem nữa.

Isaiah 52:4

Về sau, ai đã áp bức Giê-ru-sa-lem?

Về sau. Người A-sy-ri đã áp bức họ.

Isaiah 52:5

Trong ngày đó, tại sao dân y-sơ-ra-ên lại biết danh của Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ biết được danh của Đức Giê-hô-va, vì danh Ngài thường xuyên bị xúc phạm, ngày nầy sang ngày khác.

Isaiah 52:6

Trong ngày đó, tại sao dân y-sơ-ra-ên lại biết danh của Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ biết được danh của Đức Giê-hô-va, vì danh Ngài thường xuyên bị xúc phạm, ngày nầy sang ngày khác.

Isaiah 52:8

Ai sẽ tận mắt chừng kiến Đức Giê-hô-va trở lại Si-ôn?

Hết thảy mắt của các lính canh Si-ôn sẽ tận mắt thấy Đức Giê-hô-va trở lại Si-ôn.

Isaiah 52:9

Tại sao những nơi đổ nát của Giê-ru-sa-lem lại trỗi giọng hát mừng rập ràng?

Họ nên làm điều đó vì Đức Giê-hô-va đã an ủi dân Ngài, Ngài đã chuộc lại Giê-ru-sa-lem, Đức Giê-hô-va để trần cánh tay thánh của Ngài trước mắt mọi nước.

Isaiah 52:10

Tại sao những nơi đổ nát của Giê-ru-sa-lem lại trỗi giọng hát mừng rập ràng?

Họ nên làm điều đó vì Đức Giê-hô-va đã an ủi dân Ngài, Ngài đã chuộc lại Giê-ru-sa-lem, Đức Giê-hô-va để trần cánh tay thánh của Ngài trước mắt mọi nước.

Isaiah 52:11

Những người mang vật dụng thờ phượng Đức Giê-hô-va phải làm gì?

Họ sẽ ra khỏi chỗ đó, không đụng đến đồ ô uế và phải thanh tẩy chính mình.

Isaiah 52:12

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên không cần phải vội vàng hoặc trốn tránh?

Họ không cần phải vội vàng hoặc trốn tránh bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ đi trước họ, và Đức Giê-hô-va của Y-sơ-ra-ên sẽ đi sau bảo vệ họ.

Isaiah 52:13

Các đầy tớ của Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ sẽ hành động cách khôn ngoan, sẽ được tán dương, được tôn vinh, và tôn cao tột cùng.
Isaiah 52:14
Điều gì đã xảy ra với hình dáng của đầy tớ Đức Giê-hô-va?
Hình dáng Người không giống con loài người.
Isaiah 52:15
Các vua sẽ làm gì vì đầy tớ của Đức Giê-hô-va?
Các vua sẽ ngậm miệng lại vì Người.

Chapter 53
Isaiah 53:1
Thông Tin Chung:
Ở đây Ê-sai đã miêu tả những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai như thể những sự kiện này đã diễn ra trong quá khứ. Câu này nhấn mạnh rằng những sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va.
Ai tin điều đã được rao truyền cho chúng ta?
Điều mà Ê-sai nhận ra thực là quá kỳ diệu đến nỗi ông tự hỏi liệu những kẻ bị lưu đày có tin không. Từ "chúng ta" ở đây bao gồm cả ông và những người bị lưu đày. Tương tự câu: "Thật khó cho mọi người tin vào điều chúng ta đã nghe."
Và cánh tay Đức Giê-hô-va đã được bày tỏ cho ai?
Cánh tay ở đây tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Và Đức Giê-hô-va đã bày tỏ quyền năng Ngài cho dân sự."
Người đã lớn lên trước mặt Ngài như một cái chồi
Ở đây từ "người" nói đến đầy tớ của Đức Giê-hô-va là Đấng mà Ê-sai so sánh như một cái chồi. Câu này nhấn mạnh rằng hình dạng người đầy tớ đó nhìn rất yếu ớt.
ra từ đất khô
"đất khô" là vùng đất khô và cứng mà thực vật không mọc lên được, tượng trưng cho nơi mà đầy tớ của Đức Giê-hô-va sẽ đến. Tương tự câu: "ra từ một vị trí không thể xảy ra"
Isaiah 53:3
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: ISA53:01
Người đã bị người ta khinh rẻ và chối bỏ
Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người sẽ xem Người chẳng ra gì và chối bỏ Người"
từng trải sự đau khổ
"một người biết hết mọi nỗi buồn đau"
như kẻ mà người ta che mặt chẳng thèm xem
"Mặt" tượng trưng cho sự chú ý hay là sự giao hảo của một ngươif. Che mặt nghĩa là quay đi khỏi người khác. Tương tự câu: "là kẻ mà người khác quay đi"
chẳng coi Người ra gì
Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "họ coi Người chẳng ra gì"
Isaiah 53:4
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: ISA53:01
Người đã mang sự đau ốm của chúng ta, đã gánh nỗi đau khổ của chúng ta
Để "mang" hay gánh lấy những thứ trừu tượng như là sự đau ốm và nỗi đau khổ tượng trưng cho cất lấy nó đi. Tương tự câu: "Người đã mang lấy sự đau ốm và nỗi đau khổ của chúng ta trên Ngài"
mà chúng ta lại nghĩ rằng Người đã bị Đức Chúa Trời đánh, đập và làm cho khốn khổ
Câu này có thể viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "mà chúng ta lại nghĩ rằng Đức Chúa Trời đã trừng phạt và đánh đập Người"
Isaiah 53:5
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: ISA53:01
Nhưng Người đã vì tội lỗi của chúng ta mà bị vết, vì gian ác của chúng ta mà bị thương
Hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự và nhấn mạnh rằng người đầy tớ đó đã phải chịu khốn khổ vì tội lỗi của mọi người. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời đã cho phép kẻ thù đâm và giết Người vì cớ tội lỗi của chúng ta"
Bởi sự trừng phạt Người chịu, chúng ta được bình an
Câu này nói đến sự hòa thuận với Đức Chúa Trời. Điều này có thể được làm rõ. Tương tự câu: "Người đã chịu trừng phạt để chúng ta có thể sống trong bình an"
Bởi lằn roi Người mang, chúng ta được lành bệnh
Câu này có thể viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài đã chữa lành bệnh cho chúng ta bởi những đau đớn Ngài chịu"
Isaiah 53:6
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: ISA53:01
Tất cả chúng ta đều như chiên đi lạc
Những con chiên thường đi ra khỏi con đường mà người chăn dẫn chúng đi. Ê-sai muốn nói rằng chúng ta làm theo điều chúng ta muốn thay vì làm theo các mạng lệnh của Đức Chúa Trời.
tội lỗi của tất cả chúng ta
"Tội lỗi" của tất cả chúng ta ở đây tượng trưng cho cảm giác tội lỗi của chúng ta. Tương tự câu: "tội lỗi của mỗi người chúng ta"
Isaiah 53:7
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: ISA53:01
Người bị ngược đãi
Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Họ đối xử với Người cách cay nghiệt"
nhưng không hề mở miệng
"Miệng" ở đây tượng trưng cho lời của một người nói ra. Mở miệng của ai đó có nghĩa là nói ra. Tương tự câu: "Người đã không phản đối"
Như chiên con bị đem đi làm thịt, như chiên câm lặng trước mặt kẻ hớt lông
Ê-sai so sánh người đầy tớ với một con chiên và một con cừu để nhấn mạnh rằng Người vẫn cứ câm lặng khi mọi người làm tổn hại và sỉ nhục người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

như chiên con bị đem đi làm thịt
Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Như con chiên câm lặng khi bị người ta làm thịt"
Isaiah 53:8
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: ISA53:01
Người đã bị ức hiếp, xét xử
Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Họ đã đối xử với người cách cay nghiệt, xét xử và buộc tội người"
ức hiếp
Tiếng Hê-bơ-rơ được dịch ở đây là "ức hiếp" có thể được dịch trong một vài phiên bản khác là "bắt giữ." Với những bản Kinh Thánh này, co thể nghĩ rằng Người Đầy Tớ sẽ bị bắt và bị xét xử cũng như bị kết tội.
trong những kẻ đồng thời với Người, có ai suy xét rằng
Câu hỏi này nhấn mạnh rằng chẳng có ai nghĩ về Ngài. Tương tự câu: "chẳng ai trong những kẻ đồng thời với Người đã quan tâm đến điều xảy ra với Người" hoặc là "không ai trong số những người sống cùng thời quan tâm đến Người"
trong những kẻ đồng thời với Người, có ai suy xét rằng
Nhiều bản Kinh Thánh khác dịch đoạn này trong tiếng Hê-bơ-rơ khác đi: "Ai có thể nói gì về hậu tự của Người?" hoặc là "Ai có thể nói gì về số phận của Người?"
cất khỏi đất người sống
Từ "cất khỏi" ở đây nói đến sự chết. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Nhưng Người đã chết" Hoặc là "Nhưng sự chết đã cất người đi"
của dân Ta
"của dân Y-sơ-ra-ên"
và chẳng có sự dối trá trong miệng
"Miệng" tượng trưng cho lời một người nói. Tương tự câu: "Người chẳng nói dối bất kỳ ai"
Isaiah 53:10
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: ISA53:01
Người sẽ thấy dòng dõi mình
Ở đây, "dòng dõi" nghĩa là những người mà Đức Giê-hô-va đã tha thứ bởi vì sự hy sinh của đầy tớ Ngài.
các ngày của Người sẽ dài thêm
Câu này nói đến việc khiến cho Người sống lâu hơn. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho đầy tớ ngài sống lại"
Và ý muốn của Đức Giê-hô-va nhờ tay Người được thành tựu
Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ làm thành những ý muốn của Ngài nhờ đầy tớ Ngài"
Nhờ sự khốn khổ của linh hồn mình
Ở đây từ "linh hồn mình" tức là người đầy tớ. Tương tự câu: "Sau khi người đầy tớ đã chịu khốn khổ"
người sẽ thấy kết quả
Nhiều bản Kinh Thánh hiểu "kết quả" ở đây tượng trưng cho sự sống. Câu này nghĩa là, người đầy tớ sẽ được sống lại.
Đầy tớ công chính của Ta
Ở đây từ "của Ta" tức là Đức Giê-hô-va.
vì Người gánh lấy tội lỗi của họ
Từ "gánh" ở đây nghĩa là mang lấy và tượng trưng cho việc người đầy tớ của Đức Giê-hô-va sẽ mang lấy tội lỗi của họ. Tương tự câu: "Người sẽ mang lấy tội lỗi của họ"
Isaiah 53:12
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục miêu tả về đầy tớ Ngài.
Vì thế, Ta sẽ chia phần cho Người đồng với những người lớn. Người sẽ chia chiến lợi phẩm với những kẻ mạnh
Hai mệnh đề này về cơ bản có ý nghĩa tương tự nhau. "Phần" và "chiến lợi phẩm" ở đây nói đến một vị vua sau khi thắng trận sẽ chia sẻ chiến lợi phẩm hay những phần thưởng cho quân đội mình. Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ vinh danh đầy tớ Ngài bởi sự hy sinh của đầy tớ đó.
những người lớn
Nhiều bản Kinh Thánh dịch cụm từ này thành "nhiều người" hoặc là "những kẻ mạnh."
Vì Người đã đổ mạng sống mình cho đến chết
Từ "đổ" có nghĩa là dễ bị tổn thương hoặc không được bảo vệ. Đầy tớ của Đức Giê-hô-va tự đẩy mình vào tình cảnh mà Ngài sẽ chết. Tương tự câu: "Người sẵn lòng chịu chết"
đã bị liệt vào hàng tội nhân
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "và để mọi người đối xử với Người như một kẻ tội phạm"

Translation Questions

Isaiah 53:2
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va đã lớn lên?
Người đã lớn lên trước mặt Đức Giê-hô-va như một cái chồi, như cái rễ ra từ đất khô.
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va trông thế nào?
Người chẳng có vẻ đẹp cũng chẳng có sự uy nghi để chúng ta ngắm nhìn; không có gì trong diện mạo Người khiến chúng ta ưa thích được.
Isaiah 53:3
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va đã nhận được gì bởi người dân?
Người bị khinh và cũng chẳng ai coi Người ra gì.
Isaiah 53:4
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va đã làm gì cho chúng ta?
Người đã mang sự đau ốm của chúng ta và đã gánh nỗi đau khổ của chúng ta.
Isaiah 53:5
Tại sao đầy tớ của Đức Giê-hô-va bị vết và bị thương?
Người đã bị vết vì tội lỗi của chúng ta, bị thương vì gian ác của chúng ta.
Sự trừng phạt và lằn roi Người chịu để làm gì cho chúng ta?
Sự trừng phạt Người chịu để chúng ta được bình an, và bởi lằn roi Người mang, chúng ta được lành bệnh.
Isaiah 53:6
Chúng ta giống cừu như thế nào?
Tất cả chúng ta đều như chiên đi lạc; ai theo đường nấy.
Isaiah 53:8
Những cách nào được dùng để lên án đầy tớ của Đức Giê-hô-va?
Ức hiếp, xét xử là những cách dùng để lên án đầy tớ của Đức Giê-hô-va.
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên bị cất khỏi đất người sống?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người bị cất khỏi vì tội lỗi của dân Người.
Isaiah 53:9
Dầy tớ của Đức Giê-hô-va có làm điều gì sai không?
Không. Người không hề làm điều hung dữ, và chẳng có sự dối trá trong miệng.
Isaiah 53:10
Tại sao Đức Giê-hô-va để Người bị tổn thương?
Đó là ý muốn của Đức Giê-hô-va hầu cho mục đích của Đức Giê-hô-va nhờ Người mà được thành tựu.
Isaiah 53:12
Tại sao Đức Giê-hô-va chia phần cho Người đồng với những người lớn?
Đức Giê-hô-va sẽ chia phần cho Người đồng với những người lớn vì Người đã đổ mạng sống mình cho đến chết, đã bị liệt vào hàng tội nhân, đã mang lấy tội lỗi nhiều người, và cầu thay cho những kẻ phạm tội.

Chapter 54
Isaiah 54:1
Hỡi người hiếm muộn, ... con cái của phụ nữ có chồng
Đức Giê-hô-va đang nói với dân Y-sơ-ra-ên hãy vui mừng bởi vì sẽ có nhiều người trở lại Giê-ru-sa-lem để sinh sống như thể Đức Giê-hô-va nói với một phụ nữ hiếm muộn rằng bà sẽ sinh nhiều con.
Hỡi kẻ chưa từng đau đớn vì sinh nở, hãy trỗi tiếng reo mừng
Tuyên bố này có nghĩa tương tự như câu mở đầu.
Vì con cái của phụ nữ bị bỏ sẽ đông hơn con cái của phụ nữ có chồng
Một sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai được miêu tả như thể nó đã diễn ra trong quá khứ. Câu này nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ diễn ra. Tương tự câu: "Vì những đứa trẻ của người phụ nữ bị bỏ sẽ đông hơn"
phụ nữ bị bỏ
Ở đây từ "bị bỏ" có nghĩa là người phụ nữ đó đã bị khước từ và ruồng bỏ.
Isaiah 54:2
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.
Hãy mở rộng chỗ trại ngươi ... đóng cọc cho chắc
Ở đây tiếp tục phép ẩn dụ đã bắt đầu trong ISA54:01
Vì ngươi sẽ lan rộng ra
Ở đây từ "ngươi" ở số ít và nói đến người nữ bị son sẻ. Người nữ nầy tượng trưng cho tất cả những ai thuộc dòng dõi của nàng. Tương tự câu: "Vì ngươi và dòng dõi ngươi sẽ lan rộng ra"
sẽ chiếm các nước
Từ "các nước" ở đây tượng trưng cho mọi người. Tương tự câu: "sẽ chinh phục dân các nước khác"
Isaiah 54:4
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.
ngươi sẽ quên điều sỉ nhục lúc còn trẻ, và không còn nhớ sự nhục nhã trong cảnh góa bụa
Đức Giê-hô-va phán với dân sự rằng trong tương lai họ sẽ chẳng còn suy nghĩ gì đến điều sỉ nhục mà họ đã trải qua khi kẻ thù đã đánh bại họ được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va đang phán với một người phụ nữ rằng bà sẽ không còn nghĩ đến sự sỉ nhục mà mình đã trãi qua do không thể sinh con và bị chồng bỏ nữa.
Isaiah 54:5
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.
Vì chồng ngươi là Đấng Tạo Hóa ngươi
Đức Giê-hô-va yêu thương và chăm sóc dân sự của Ngài được miêu tả như thể Ngài là chồng của họ.
Đấng Tạo Hóa
Hãy dịch tương tự như bạn đã dịch trong ISA17:06
Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy dịch tương tự như bạn đã dịch trong ISA01:24
Đấng Thánh Của Y-sơ-ra-ên
Hãy dịch tương tự như bạn đã dịch trong ISA05:15
Đấng Cứu Chuộc
Hãy dịch tương tự như bạn đã dịch trong ISA41:14
sẽ được xưng là Đức Chúa Trời của cả trái đất
Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài là Đức Chúa Trời của cả trái đất"
Đức Giê-hô-va đã gọi ngươi về như gọi vợ ... tức là vợ cưới lúc còn trẻ và đã bị từ bỏ
Đức Giê-hô-va đã để cho dân sự Ngài bị lưu đày và sau đó đem họ trở về được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va là một người chồng đã từ bỏ vợ mình nhưng giờ lại chấp nhận nàng.
và tâm thần sầu não
Ở đây từ "tâm thần" tượng trưng nội tâm của một người. Tương tự câu: "và sầu não" hay là "và buồn khổ"
Isaiah 54:7
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.
Trong cơn tức giận tột cùng
Đức Giê-hô-va đang rất giận dữ được miêu tả như thể cơn giận của Ngài là một trận lụt chôn vùi mọi người. Tương tự câu: "Khi Ta đã rất giận dữ"
Ta ngoảnh mặt khỏi ngươi
Ở đây từ "ngoảnh mặt" là một thành ngữ mang ý nghĩa là Đức Chúa Trời đã từ bỏ dân sự Ngài và để họ phải chịu khốn khổ. Tương tự câu: "Ta đã bỏ mặc ngươi"
nhưng vì lòng nhân từ vô biên
Danh từ trừu tượng "lòng nhân từ" có thể được miêu tả như từ "thành tín." Tương tự câu: "nhưng bởi vì Ta luôn luôn thành tín với giao ước của Ta với ngươi" hay là "nhưng bởi vì Ta luôn luôn thành tín và làm thành điều Ta hứa"
Đấng Cứu Chuộc ngươi là Đức Giê-hô-va phán vậy
Ở đây Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Câu này có thể trình bày ở ngôi thứ nhất. Tương tự câu: "Đây là điều mà Ta, Đức Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc ngươi đã phán"
Isaiah 54:9
nước lụt thời Nô-ê
Ở đây nói đến trận lụt mà Đức Giê-hô-va đã gây ra trong thời Nô-ê.
Dù núi dời, dù đồi chuyển, nhưng lòng nhân từ của Ta không dời khỏi ngươi
Đức Giê-hô-va miêu tả một tình trạng giả thiết để giải thích điều sẽ diễn ra ngay cả nếu những tình trạng này xảy đến. Tương tự câu: "Cho dù núi dời, đồi chuyển, lòng nhân từ của Ta cũng không dời"
đồi chuyển
Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "đồi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chuyển"

nhưng lòng nhân từ của Ta không dời khỏi ngươi

Đức Giê-hô-va tiếp tục yêu thương dân sự của Ngài được miêu tả như thể tình yêu thương của Ngài sẽ không dời xa dân sự. Tương tự câu: "Ta sẽ không ngừng yêu thương ngươi"

và giao ước bình an của Ta chẳng chuyển lay

Đức Giê-hô-va không xóa bỏ giao ước của Ngài với dân sự được miêu tả như thể giao ước của Ngài là một vật không thể bị lay chuyển. Câu này có thể được viết theo thể chủ động. Tương tự câu: "và Ta sẽ chẳng hủy giao ước bình anh của Ta" hoặc là "và Ta chắc chắn sẽ ban bình an như Ta đã hứa trong giao ước của Ta"

Đức Giê-hô-va là Đấng thương xót ngươi phán vậy

Ở đây Đức Giê-hô-va nói về chính ngài ở ngôi thứ ba. Câu này có thể được viết ở ngôi thứ nhất. Tương tự câu: "Đây là điều mà Ta, là Đức Giê-hô-va, Đấng thương xót ngươi phán"

Isaiah 54:11

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Những người cùng khốn

Ở đây Đức Giê-hô-va nói về thành Giê-ru-sa-lem như thể thành này có thể nghe được lời Ngài. Ở đây Giê-ru-sa-lem tượng trưng cho dân chúng sống ở đó. Tương tự câu: "Hỡi những kẻ cùng khốn của Giê-ru-sa-lem"

bị bão tố dồi dập

Bị dồi dập, bị lôi đi** - Đức Giê-hô-va nói về những người này như thể họ bị bão tố hoặ những cơn gió thổi bay đi và làm cho bị thương.

mất sự an ủi

"không được an ủi"

Ta sẽ lấy ngọc lam làm đá ... tường thành của ngươi đều làm bằng bửu thạch

Đức Giê-hô-va miêu tả bằng những từ ngữ lý tưởng rằng Ngài sẽ khôi phục Giê-ru-sa-lem và khiến nó trở nên đẹp đẽ trở lại. Cho dù là ngôn từ có thể phóng đại, bạn nên dịch câu này đúng như Đức Giê-hô-va đã miêu tả.

ngọc lam ... ngọc bích ... hồng ngọc

Đây là các loại đá quý. Ngọc lam là loại ngọc có màu xanh lam hơi lục, ngọc bích là loại ngọc có màu xanh sẫm, và hồng ngọc là loại có màu đỏ hồng.

Isaiah 54:13

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Tất cả con cái ngươi sẽ được Đức Giê-hô-va dạy dỗ

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Và Đức Giê-hô-va sẽ dạy dỗ tất cả con cái ngươi"

được Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Câu này có thể được viết ở ngôi thứ nhất. Tương tự câu: "bởi Ta, là Đức Giê-hô-va"

Ngươi sẽ được lập vững trên sự công chính

Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể được miêu tả bằng một tính từ "điều thiện." Tương tự câu: "Ta sẽ khiến ngươi đứng vững bởi vì ngươi sẽ làm điều thiện."

và thoát khỏi sự kinh hãi vì nó sẽ không đến gần ngươi

Câu này có nghĩa là không một điều gì bên trong thành hay ngoài thành có thể khiến cho cư dân thành Giê-ru-sa-lem bị kinh khiếp trở lại.

Isaiah 54:15

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

tấn công

Đây là một thuật ngữ. Tương tự câu: "gây ra rắc rối" hoặc là "gây phiền toái"

sẽ sụp đổ

Đây là một thuật ngữ. Tương tự câu: "Ngươi sẽ đánh bại họ trong chiến trận"

Isaiah 54:17

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Nhưng tất cả vũ khí được chế tạo để chống lại ngươi đều không thành công

Các kẻ thù nghịch sẽ không thành công trong việc chống lại dân sự của Đức Giê-hô-va được nói đến như thể các vũ khí của chúng sẽ không thành công trong việc chống lại dân sự của Đức Giê-hô-va. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các kẻ thù nghịch làm ra những vũ khí để tấn công ngươi nhưng chúng sẽ không đánh bại được ngươi"

Đó là cơ nghiệp của các đầy tớ Đức Giê-hô-va

Phần thưởng mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho những người hầu việc Ngài được nói đến như thể phần thưởng là một điều gì đó mà họ có thể thừa hưởng.

lời mời của Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va phán về chính mình như là người thứ ba. Câu nầy có thể được trình bày theo như người ở ngôi thứ nhất. Tương tự câu: "đây là điều mà Ta, Đức Giê-hô-va, đã phán"

Translation Questions

Isaiah 54:1

Tại sao Đức Giê-hô-va phán người hiếm muộn, chưa sinh con hãy hát?

Ngài phán rằng cô ấy nên hát, vì những con cái của phụ nữ bị bỏ sẽ đông hơn con cái của phụ nữ có chồng.

Isaiah 54:3

Con cháu của Si-ôn sẽ làm gì?

Họ sẽ chiếm các nước và làm cho các thành hoang vu.

Isaiah 54:5

Chồng của Si-ôn là ai?

Đức Giê-hô-va vạn quân, là Đấng Tạo Hóa của Si-ôn, là chồng của họ.

Isaiah 54:7

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Y-sơ-ra-ên?

Ngài đã bỏ Y-sơ-ra-ên trong một thời gian ngắn.

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho Y-sơ-ra-ên?

Với lòng nhân từ vô biên, Đức Giê-hô-va sẽ đón họ về.

Isaiah 54:9

Đức Giê-hô-va đã thề điều gì với Y-sơ-ra-ên?

Ngài đã thề rằng Ngài sẽ không giận họ nữa và cũng không trách phạt họ nữa.

Isaiah 54:10

Điều gì sẽ không bị rung chuyển và điều gì đã không rời khỏi Y-sơ-ra-ên?

Giao ước hòa bình của ĐứC Giê-hô-va với Y-sơ-ra-ên sẽ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chẳng bị chuyển lay và sự nhân từ của Ngài không dời khỏi Y-sơ-ra-ên.
Isaiah 54:14
Y-sơ-ra-ên sẽ không còn kinh nghiệm điều gì lâu dài nữa?
Y-sơ-ra-ên sẽ không còn kinh nghiệm sự áp bức nữa.
Isaiah 54:15
Điều gì sẽ xảy ra cho bất cứ ai tấn công Y-sơ-ra-ên?
Bất kì ai tấn công Y-sơ-ra-ên sẽ bị sụp đổ.
Isaiah 54:17
Điều gì sẽ xảy ra cho mọi kẻ kiện cáo Y-sơ-ra-ên?
Y-sơ-ra-ên sẽ lên án họ.

Chapter 55
Isaiah 55:1
Câu Nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên qua Ê-sai đang khi bị lưu đày.
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va phán về sự ban phước cho dân sự một cách nhưng không như thể Ngài sẽ bán thức ăn cùng nước uống cho những người khao khát mà không tốn một giá nào.
Hãy đến ... Hãy đến
Từ nầy được lặp lại bốn lần để nhấn mạnh sự cấp bách của lời mời gọi.
hãy đến mua rượu và sữa mà không cần tiền, không đòi giá
Câu nầy có ý mỉa mai bởi vì thường thì người ta luôn dùng tiền để mua lấy một thứ gì đó. Ở đây nhấn mạnh đến ân điển kỳ diệu của Đức Giê-hô-va trong việc ban cho những thứ nầy một cách nhưng không.
Isaiah 55:2
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.
Sao các ngươi trả tiền để mua vật không phải là bánh?
Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi nầy để quở trách dân sự. Ngài phán về việc dân sự tìm kiếm hạnh phúc ở bên ngoài Đức Giê-hô-va như thể họ đã mua những thứ để ăn nhưng không phải là thức ăn. Tương tự câu: "Các ngươi không nên trả tiền để mua những thứ không phải là bánh."
trả tiền
Ở đây nói đến việc đếm những đồng bạc để trả cho một người nào đó cho thứ gì đó. Tương tự câu: "trả tiền"
để mua vật không phải là bánh
Từ "bánh" ở đây tượng trưng cho thực phẩm nói chung. Nó được ngụ ý rằng dân sự đã mua những thứ không phải là thực phẩm để ăn. Tương tự câu: "để mua những thứ không phải là thức ăn để ăn"
Sao các ngươi đem công lao mình đổi lấy vật chẳng làm cho no?
Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi nầy để quở trách dân sự. Ngài phán về việc dân sự đang tìm kiếm hạnh phúc ở bên ngoài Đức Giê-hô-va như thể họ dang làm việc để kiếm tiền nhằm có thể mua những thứ mà không thể thỏa mãn họ. Tương tự câu: "Các ngươi không nên làm việc chỉ để có tiền để mua những thứ không làm cho mình thỏa mãn"
hãy ăn vật ngon và cho linh hồn các ngươi vui thích trong của béo
Dân sự ngửa trông nơi Đức Giê-hô-va để Ngài ban phước lành cùng sự hạnh phúc được nói đến như thể họ đã ăn thức ăn ngon để khiến cho họ vui thỏa.
trong của béo
Từ "của béo" tức là thịt có nhiều mỡ và đây là một thuật ngữ để chỉ về thức ăn ngon. Tương tự câu: "với những thực phẩm tốt nhất"
Isaiah 55:3
Hãy nghiêng tai
Hãy lắng nghe hay là hãy chú ý đến ai đó được nói đến như thể là nghiêng tai qua người đó. Tương tự câu: "Hãy chú ý" hay "Hãy lắng nghe"
tình yêu vững bền của Ta dành cho Đa-vít
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "tình yêu vững bền mà Ta đã hứa với Đa-vít"
Ta đã lập người
Các nghĩa có thể là 1) ở đây nói đến điều mà Vua Đa-vít đã làm trong quá khứ hay 2) ở đây nói đến điều mà Đức Chúa Trời sẽ làm qua một người thuộc dòng dõi Đa-vít.
Isaiah 55:5
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp túc phán với dân Giê-ru-sa-lem.
Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên
Hãy dịch cụm từ nầy theo cách mà bạn đã dịch trong ISA01:04
Isaiah 55:6
Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va trong khi có thể gặp
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va trong khi ngươi có thể tìm thấy Ngài"
Kẻ gian ác hãy lìa bỏ đường lối mình
Từ "kẻ gian ác" nói đến những người tội lỗi. Đức Giê-hô-a phán về việc những kẻ gian ác không còn phạm tội nữa như thể họ đã dừng việc đi theo con đường mà họ đang đi. Tương tự câu: "Kẻ gian ác hãy thay đổi cách sống của mình"
người xấu xa hãy từ bỏ các ý tưởng mình
Động từ có thể được có từ cụm từ trước. Tương tự câu: "và người tội hãy từ bỏ những suy nghĩ của mình"
các ý tưởng mình
Các nghĩa có thể là 1) "cách mà người đó suy nghĩ" hay 2) "kế hoạch của người"
Ngài sẽ thương xót
"và Đức Giê-hô-va sẽ thương xót người"
hãy đến cùng Đức Chúa Trời chúng ta
Động từ có thể được co mặt từ cụm từ trước. Tương tự câu: "hãy trở về cùng Đức Chúa Trời chúng ta"
Isaiah 55:8
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va phán với dân Giê-ru-sa-lem.
Đức Giê-hô-va phán
Hãy dịch cụm từ nầy theo cách bạn đã dịch trong ISA14:21
vì các tầng trời cao hơn đất bao nhiêu, thì đường lối Ta cao hơn đường lối các ngươi, ý tưởng Ta cao hơn ý tưởng các ngươi cũng bấy nhiêu
Đức Giê-hô-va phán về những việc Ngài làm và những ý tưởng của Ngài rất xa so với điều mà loài người làm và suy nghĩ như thể những hành động và ý tưởng của Ngài cao hơn của họ, cũng như bầu trời cao rất nhiều so với đất.
Isaiah 55:10
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Vì như mưa và tuyết ... không trở về đó nữa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đay giống như một sự mô tả về việc tan biến của mưa và tuyết.

thì lời của Ta cũng vậy ... hoàn thành việc Ta giao

Đức Giê-hô-va phán về lời Ngài như thể đó là một người mà Ngài sai đi làm một sứ giả để hoàn thành một nhiệm vụ.

lời của Ta cũng vậy, đã ra khỏi miệng Ta

Từ "miệng" ở đây tượng trưng cho chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "lời mà Ta phán"

sẽ không trở về luống công

Ở đây sự miêu tả về việc Lời sẽ trở về với Đức Giê-hô-va có nghĩa là nó đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đức Giê-hô-va đã sai nó đi. Nó sẽ không trở về "luống công" có nghĩa là nó sẽ không thất bại trong việc hoàn thành nhiệm vụ mình. Tương tự câu: "nó sẽ không thất bại trong việc hoàn thành nhiệm vụ"

nhưng sẽ thực hiện ý Ta muốn, và hoàn thành việc Ta giao

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng điều Đức Giê-hô-va phán sẽ luôn luôn xảy ra. Tương tự câu: "nhưng Ta sẽ làm thành điều ta muốn, và những điều mà Ta phán Ta sẽ khiến cho nó xảy ra"

Isaiah 55:12

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

được đưa đường trong sự bình an

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ đưa ngươi đi trong sự bình an"

trước mặt các ngươi, núi và đồi sẽ trỗi tiếng ca hát, mọi cây cối ngoài đồng sẽ vỗ tay

Đức Giê-hô-va phán về các núi, đồi và cây cối như thể chúng là loài người có tiếng nói và có tay, cùng ca ngợi khi Đức Giê-hô-va giải cứu dân sự Ngài.

Cây tùng sẽ mọc lên thay cho bụi gai, và cây sim sẽ lớn lên thay cho gai góc

Những từ "bụi gai" và "gai góc" tượng trưng cho những loại cây có gai nhọn mọc lên. Những từ "cây tùng" và "cây sim" tượng trưng cho những cây xanh. Các loại cây gai tượng trưng cho sự hoang tàn, trong khi cây xanh tượng trưng cho sự sống và thịnh vượng.

cho biết danh Đức Giê-hô-va

Từ "danh" ở đây tức là danh tiếng của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "vì cớ danh tiếng Ngài" hay "vì sự vinh quang Ngài"

không hề bị tiêu diệt

Một thứ gì đó không còn tồn tại được nói đến như thể nó đã bị tiêu diệt, giống như một nhánh cây bị cắt ra khỏi một cái cây hay một mảnh vải bị cắt ra khỏi bộ quần áo. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "sẽ không bao giờ chấm dứt" hay "sẽ còn mãi đời đời"

Translation Questions

Isaiah 55:1

Những người không có tiền được bảo hãy mua gì?

Họ được bảo hãy mua rượu và sữa mà không cần tiền và không đòi giá.

Isaiah 55:2

Những kẻ khát được ăn những gì?

Họ được ăn những vật ngon.

Isaiah 55:3

Ai đã đặt Đức Giê-hô-va làm nhân chứng cho các nước, làm nhà lãnh đạo để chỉ huy các dân?

Đức Giê-hô-va đã đặt Đa-vít vào chỗ đó.

Isaiah 55:4

Ai đã đặt Đức Giê-hô-va làm nhân chứng cho các nước, làm nhà lãnh đạo để chỉ huy các dân?

Đức Giê-hô-va đã đặt Đa-vít vào chỗ đó.

Isaiah 55:5

Tại sao các nước chưa biết đến Y-sơ-ra-ên sẽ chạy đến với họ?

Chúng chạy đến với Y-sơ-ra-ên bởi vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên làm họ được vinh hiển.

Isaiah 55:6

Y-sơ-ra-ên tìm kiếm và kêu cầu Đức Giê-hô-va khi nào?

Họ tìm kiếm Đức Giê-hô-va trong khi có thể gặp, hãy kêu cầu đang khi Ngài ở gần.

Isaiah 55:7

Kẻ gian ác và người xấu xa đã làm gì?

Kẻ gian ác hãy lìa bỏ đường lối mình, người xấu xa hãy từ bỏ các ý tưởng mình.

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người trở lại cùng Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ thương xót họ và sẽ tha thứ dồi dào cho họ.

Isaiah 55:8

Tại sao ý tưởng và đường lối của Đức Giê-hô-va không phải là ý tưởng và đường lối của Y-sơ-ra-ên?

Vì các tầng trời cao hơn đất bao nhiêu, thì đường lối của Đức Giê-hô-va cao hơn đường lối họ, và ý tưởng của Đức Giê-hô-va cao hơn ý tưởng của Y-sơ-ra-ên bấy nhiêu.

Isaiah 55:9

Tại sao ý tưởng và đường lối của Đức Giê-hô-va không phải là ý tưởng và đường lối của Y-sơ-ra-ên?

Vì các tầng trời cao hơn đất bao nhiêu, thì đường lối của Đức Giê-hô-va cao hơn đường lối họ, và ý tưởng của Đức Giê-hô-va cao hơn ý tưởng của Y-sơ-ra-ên bấy nhiêu.

Isaiah 55:11

Điều gì sẽ xảy ra cho những lời phán ra từ miệng Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ thực hiện ý mà Đức Giê-hô-va muốn và hoàn thành những điều Đức Giê-hô-va giao.

Isaiah 55:12

Một dấu hiệu đời đời, không hề bị tiêu diệt là gì?

Đây là dấu hiệu: Y-sơ-ra-ên sẽ đi ra trong niềm vui, và được đưa đường trong sự bình an. Những núi và đồi sẽ trỗi tiếng ca hát. Mọi cây cối ngoài đồng sẽ vỗ tay. Cây tùng sẽ mọc lên thay cho bụi gai, cây sim sẽ lớn lên thay cho gai góc.

Isaiah 55:13

Một dấu hiệu đời đời, không hề bị tiêu diệt là gì?

Đây là dấu hiệu: Y-sơ-ra-ên sẽ đi ra trong niềm vui, và được đưa đường trong sự bình an. Những núi và đồi sẽ trỗi tiếng ca hát. Mọi cây cối ngoài đồng sẽ vỗ tay. Cây tùng sẽ mọc lên thay cho bụi gai, cây sim sẽ lớn lên thay cho gai góc.

Chapter 56

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 56:1

vì sự cứu rỗi của Ta gần đến, sự công chính của Ta sắp được bày tỏ.

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ sớm giải cứu người và cho người thấy rằng Ta là công chính"

nắm giữ nó

"Nắm giữ nó" ở đây là một thuật ngữ mang ý nghĩa là tiếp tục tuân theo điều gì đó. Tương tự câu: "những ai luôn cẩn thận làm điều nầy"

giữ tay mình khỏi mọi điều ác

Từ "tay" ở đây tức là những hành động hay cách cư xử của một người. Tương tự câu: "chẳng làm điều ác"

Isaiah 56:3

Nầy, tôi là một cây khô

Ở đây có nghĩa là những quan hoạn có thể nghĩ rằng họ không thể trở nên một phần trong dân sự Đức Chúa Trời bởi vì họ đã bị khác biệt bởi việc bị hoạn

Isaiah 56:4

trong nhà Ta, trong các tường thành của Ta

Hai cụm từ nầy đều mang nghĩa như nhau. Tương tự câu: "ở bên trong các tường thành của đền thờ Ta"

chẳng hề mai một

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "sẽ không bao giờ kết thúc" hay "sẽ không bao giờ bị lãng quên"

Isaiah 56:6

trở về cùng Đức Giê-hô-va

Ở đây nói đến những dân ngoại gia nhập vào dân sự của Đức Giê-hô-va.

yêu mến danh Đức Giê-hô-va

"danh" tượng trưng cho thanh danh và chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "những ai yêu mến Đức Giê-hô-va"

núi thánh

Hãy xem cách bạn đã dịch từ nầy trong ISA11:08

tế lễ thiêu và sinh tế mà họ dâng trên bàn thờ Ta sẽ được nhậm

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta se nhận trên bàn thờ Ta"

nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nhà Ta sẽ là nhà cầu nguyện"

Isaiah 56:9

Hỡi loài thú đồng, hỡi loài thú rừng, tất cả hãy đến mà cắn nuốt

Đức Chúa Trời kêu gọi đội quân các nước bằng việc so sánh họ với các loài thú đến và tấn công dân Y-sơ-ra-ên.

Tất cả những kẻ canh giữ của Y-sơ-ra-ên đều đui mù

Ở đây có nghĩa là những nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên không thể hoặc có thể không muốn thấy điều gì đang diễn ra trong xã hội.

Tất cả chúng đều là chó câm

Các nhà lãnh đạo được yêu cầu mở miệng ra và cảnh báo dân sự, nhưng họ đã không làm điều đó. Việc so sánh ai đó như một con chó trong xã hội lúc nầy là một sự sỉ nhục lớn.

Chỉ mộng mơ, nằm dài và ham ngủ

Ở đây có nghĩa là những nhà lãnh đạo sẽ không mang đến lời của Đức Chúa Trời để cảnh báo dân Y-sơ-ra-ên nhưng ưa thích sự an nhàn của họ hơn.

Isaiah 56:11

Lưu Ý Chung

Đức Giê-hô-va tiếp tục miêu tả các nhà lãnh đạo xấu xa của dân sự Ngài.

Chúng là loài chó mê ăn

Đức Giê-hô-va tiếp tục so sánh những nhà lãnh đạo tồi tệ của Y-sơ-ra-ên với loài chó.

Translation Questions

Isaiah 56:1

Tại sao Đức Giê-hô-va phán hãy giữ điều chính trực và thực hành lẽ công chính?

Ngài phán điều này vì sự cứu rỗi của Ngài gần đến và sự công chính của Ngài sắp được bày tỏ.

Isaiah 56:2

Tại sao Đức Giê-hô-va phán hãy giữ điều chính trực và thực hành lẽ công chính?

Ngài phán điều này vì sự cứu rỗi của Ngài gần đến và sự công chính của Ngài sắp được bày tỏ.

Isaiah 56:3

Dân ngoại và người bị hoạn đã trở về cùng Đức Giê-hô-va chớ nói điều gì?

Dân ngoại chớ nói rằng: "Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ tách tôi ra khỏi dân Ngài" và người bị hoạn cũng đừng nói, "Nầy, tôi là một cây khô."

Isaiah 56:4

Đức Giê-hô-va phán dặn điều gì cho những người bị hoạn mà giữ các ngày Sa-bát của Đức Giê-hô-va, khi chọn điều đẹp lòng Ngài và giữ vững giao ước của Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ một chỗ trong nhà Đức Giê-hô-va, và trong các thành của Ngài, và cho họ một danh tốt hơn danh của con trai, con gái.

Isaiah 56:5

Đức Giê-hô-va phán dặn điều gì cho những người bị hoạn mà giữ các ngày Sa-bát của Đức Giê-hô-va, khi chọn điều đẹp lòng Ngài và giữ vững giao ước của Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ một chỗ trong nhà Đức Giê-hô-va, và trong các thành của Ngài, và cho họ một danh tốt hơn danh của con trai, con gái.

Isaiah 56:6

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân ngoại, trở về cùng Đức Giê-hô-va, để phục vụ Ngài, yêu mến danh Đức Giê-hô-va, tức là tuân giữ ngày Sa-bát, không xúc phạm ngày ấy, và giữ giao ước của Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va sẽ đem họ lên núi thánh của Ngài và khiến họ vui mừng trong nhà nguyện, các tế lễ thiêu và sinh tế mà họ dâng trên bàn thờ của Đức Giê-hô-va sẽ được nhậm.

Isaiah 56:7

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân ngoại, trở về cùng Đức Giê-hô-va, để phục vụ Ngài, yêu mến danh Đức Giê-hô-va, tức là tuân giữ ngày Sa-bát, không xúc phạm ngày ấy, và giữ giao ước của Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va sẽ đem họ lên núi thánh của Ngài và khiến họ vui mừng trong nhà nguyện, các tế lễ thiêu và sinh tế mà họ dâng trên bàn thờ của Đức Giê-hô-va sẽ được nhậm.

Isaiah 56:10

Ai được ví sánh như là con chó câm?

Những kẻ canh giữ của họ được ví sánh như con chó câm.

Isaiah 56:11

Những kẻ canh giữ họ và kẻ chăn cừu đã làm gì?

Họ sẽ tẽ tách theo đường riêng, ai nấy đều lo tìm lợi lộc cho

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chính mình.

Chapter 57

Isaiah 57:1

người công chính

"người công bình và gìn giữ luật pháp của Đức Chúa Trời" hay "người trung thành với Đức Chúa Trời"

được cất đi ... an nghỉ trên giường mình

Cả hài câu nầy đều nói đến sự chết.

chính vì tai họa sắp đến, mà người công chính được cất đi

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "người công bình chết, và Đức Giê-hô-va cất họ khỏi mọi điều tai họa"

Người sẽ đi vào sự bình an

"Những người công chính sẽ được vào sự bình an"

người nào sống ngay thẳng

"những người đã làm điều ngay thẳng"

Isaiah 57:3

Hãy lại gần đây

Đức Chúa Trời đang kêu gọi những người phản nghịch đến trước mặt Ngài hầu cho Ngài có thể đoán xét họ trong sự khác biệt lớn về lời hứa dành cho người công bình ở phần trước.

con cháu của phù thủy

Đây là một sỉ nhục lớn chống lại những người làm ma thuật bởi vì phù thủy và ma thuật bao gồm cả việc thờ thần tượng.

dòng dõi của kẻ gian dâm và mại dâm kia

Ở đây nói đến tội tà dâm thực tế cũng như thuộc linh. Họ đã khước từ thờ phượng Đức Chúa Trời và bây giờ họ thờ phượng các thần khác cũng như các thần tượng kèm theo đó với những hành động tà dâm trong cá nghi lễ tà giáo của người Ca-na-an.

Các ngươi nhạo cười ai? Các ngươi há miệng rộng và le lưỡi chống lại ai?

Đức Giê-hô-va dùng các câu hỏi để quở trách những người đang chế nhạo Ngài qua việc thờ lạy các tà thần. Tương tự câu: "Các ngươi đang cười nhạo Ta và chế giễu Ta bằng cách há miệng rộng và le lưỡi ra!"

Chẳng phải các ngươi là con cái phản loạn, là dòng dõi dối trá sao?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi khác để quở trách dân sự. Ở đây không nói đến dòng dõi được sinh ra nhưng là tình trạng thuộc linh của họ. Tương tự câu: "Các ngươi là dòng dõi của sự phản loạn, con cái của sự dối trá!"

Isaiah 57:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người dân không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

Các ngươi hành dâm với nhau ... trong những hốc đá

Tất cả những hành động nầy được liên kết với việc thờ các thần tượng. Cây sồi là các cây thánh đối với người Ca-na-an. Dân sự đã nghĩ rằng những hành động như vậy sẽ làm gia tăng khả năng sinh sản cho dân sự cũng như cho xứ sở.

Isaiah 57:6

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người dân không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

thật, đó là tài sản của ngươi

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Nghĩa chính xác trong tiếng Hê-bơ-rơ không được rõ ràng lắm. Tương tự câu: "đó là phần của ngươi" hay "đó là cơ nghiệp của ngươi"

Ta có nguôi giận được vì những việc đó không?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để quở trách dân sự. Tương tự câu: "Chắc chắn, những việc nầy không làm hài lòng Ta."

Isaiah 57:7

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

Ngươi đặt giường mình

Ở đây nói đến việc ngủ với những gái điếm như là một phần của việc thờ các tà thần.

trên núi rất cao

Dân sự thường đi lên đỉnh các ngọn đồi và núi để thờ lạy các tà thần. Họ nghĩ rằng đây là những nơi tốt nhất để thờ phượng. Ở đây có thể nói đến ngay cả Giê-ru-sa-lem.

Ngươi lập giao ước với các tà thần

"Ngươi đã lập một giao ước với chúng"

Isaiah 57:9

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

hạ mình xuống tận âm phủ

Dân sự đã không thật sự đi đến âm phủ, tức là thế giới của sự chết. Thay vào đó, Đức Giê-hô-va bày tỏ rằng dân sự sẵn sằng đi bất cứ nơi đâu để tìm kiếm các thần mới nhằm thờ phượng chúng.

Ngươi đã tìm thấy sức mới cho mình

Sau khi cố gắng rất nhiều, những người thờ lạy các thần tượng đã nhận thấy họ vẫn còn sức để tiếp tục. Từ "mình" ở đây tương tự như "sức mới" hay "năng lực."

Isaiah 57:11

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

Ngươi kinh khiếp ai, và sợ hãi ai ... đến Ta?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi nầy để quở trách dân sự. Tương tự câu: "Ngươi thật sự sợ hãi các thần bởi vì ngươi hành động cách đầy dối trá ... đến Ta!"

ngươi không nhớ đến Ta, và không lưu tâm đến Ta?

Hai cụm từ nầy đều mang nghĩa như nhau và nhấn mạnh rằng, mặc dù dân sự nên nhớ đến Đức Giê-hô-va, nhưng họ đã không làm vậy.

Chính Ta sẽ phơi bày việc thực hành nếp sống công chính của ngươi

Đức Giê-hô-va đang chế nhạo, Ngài gọi những điều ác của họ là công chính.

Isaiah 57:13

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

hãy để các thần mà ngươi đã tập hợp giải cứu ngươi

Đức Giê-hô-va đang chế nhạo dân sự và các thần tượng của họ. Ngài nói các tượng thần hãy giải cứu dân sự mặc dù Ngài biết chúng không thể.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

gió sẽ thổi các thần ấy đi, một hơi thở sẽ lùa chúng đi tất cả
Ở đây nói đến cùng một ý nghĩa theo hai cách để nhấn mạnh rằng các thần tượng là vô dụng và không có giá trị gì. Tương tự câu: "cơn gió, hay ngay cả một hơi thở, cũng sẽ thổi chúng bay đi"
núi thánh
Hãy xem cách bạn đã dịch câu nầy ISA11:08
Isaiah 57:14
Hãy đắp đường, hãy đắp đường! Hãy san phẳng! Hãy dẹp bỏ chướng ngại vật khỏi đường dân Ta!
Đức Giê-hô-va nhấn mạnh và hối thúc rằng một con đường bằng phẳng và không còn bất kỳ chướng ngại vật nào sẽ xuất hiện cho dân sự để họ quay trở lại với Ngài và không còn cản trở nào để thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa. Câu nầy lặp lại ISA40:03
Đấng cao cả, Đấng được tôn cao, ngự nơi đời đời vô cùng, danh Ngài là Thánh
Hãy xem cách bajnd dã dịch câu tương tự trong ISA06:01
để làm tươi tỉnh tâm linh của người khiêm nhường, và làm tươi tỉnh tấm lòng người ăn năn đau đớn
Hai cụm từ nầy đều mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ thêm sức và khích lê những ai khiêm nhường và hạ mình trước mặt Ngài.
tâm linh ... tấm lòng
Những chữ nầy tượng trưng cho suy nghĩ và cảm xúc của một người, không hẳn là tâm linh và tấm lòng theo nghĩa đen.
Isaiah 57:16
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Ta đã ẩn mặt
Câu nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời đã từ bỏ dân sự Ngài và không còn cứu giúp hay ban phước cho họ nữa.
nó cứ trở lại con đường của lòng mình
Ở đây có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên vẫn cứ khước từ Đức Chúa Trời thật vì các tà thần. Từ "trở lại" và "con đường" ở đây là những từ nói về vị trị tượng trưng cho sự thúc đẩy và những cảm xúc.
Isaiah 57:18
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
đường lối nó
"Nó" ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên. "đường lối họ"
dẫn dắt và ban sự an ủi cho nó, cùng với những kẻ than khóc của nó
"Ta sẽ xoa dịu và an ủi những kẻ đau buồn vì sự khốn khổ của họ bởi cớ hành động tội lỗi của họ"
Ta tạo nên lời ca ngợi trên môi miệng chúng
"lời ca ngợi trên môi miệng" tức là điều một người nói ra. Tương tự câu: "Ta khiến cho họ ngợi khen và cảm tạ Ta"
Bình an! Bình an cho kẻ ở xa
Từ "Bình an" được lặp lại để nhấn mạnh. "Ta đã làm nên sự bình an cho họ"
Isaiah 57:20
Nhưng những kẻ ác giống như biển động ... bùn lầy và cáu cặn
Ở đây so sánh những kẻ ác giống như biển động trên bờ biển khiến cho nước bị vẩn đục.

Translation Questions

Isaiah 57:1
Người ta chẳng lưu tâm hoặc không hiểu điều gì ở người công bình khi họ được cất đi?
Họ chẳng lưu tâm hoặc không hiểu rằng người công bình bị cất vì họ chú tâm cách xa điều ác để đi vào sự bình an.
Isaiah 57:2
Người ta chẳng lưu tâm hoặc không hiểu điều gì ở người công bình khi họ được cất đi?
Họ chẳng lưu tâm hoặc không hiểu rằng người công bình bị cất vì họ chú tâm cách xa điều ác để đi vào sự bình an.
Isaiah 57:3
Ai đang nhạo cười và há miệng và le lưỡi?
Các con cháu của phù thủy, dòng dõi của kẻ gian dâm và mại dâm đã làm những điều này.
Isaiah 57:4
Ai đang nhạo cười và há miệng và le lưỡi?
Các con cháu của phù thủy, dòng dõi của kẻ gian dâm và mại dâm đã làm những điều này.
Isaiah 57:5
Những con cái phản loạn là dòng dõi dối trá đã làm gì?
Chúng đã hành dâm với nhau bên cây cối, dưới mọi lùm cây xanh. Chúng đã giết con cái làm sinh tế nơi thung lũng, trong những hốc đá.
Isaiah 57:6
Tài sản của họ là những gì?
Những tảng đá bóng láng trong thung lũng là phần riêng của họ, là tài sản của họ.
Isaiah 57:8
Những kẻ nổi loạn và kẻ dối trá đã làm gì với Đức Giê-hô-va?
Họ đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va.
Isaiah 57:13
Đức Giê-hô-va sẽ phán gì với những kẻ ác và kẻ nổi loạn khi chúng kêu cứu?
Đức Giê-hô-va bảo họ hãy để các thần mà họ đã tập hợp giải cứu họ.
Điều gì sẽ xảy ra cho những kẻ ác và kẻ nổi loạn?
Gió sẽ thổi các thần ấy đi, mọi hơi thở sẽ lùa chúng đi tất cả.
Điều gì sẽ xảy ra cho những kẻ ẩn náu nơi Đức Giê-hô-va?
Họ sẽ hưởng được đất đai và được núi thánh của Đức Giê-hô-va.
Isaiah 57:15
Đức Giê-hô-va sẽ ở cùng ai trong nơi cao và thánh?
Những người ăn năn đau đớn và tâm linh khiêm nhường ở đó cùng với Đức Giê-hô-va.
Isaiah 57:16
Điều gì sẽ xảy ra nếu Đức Giê-hô-va kết tội luôn luôn?
Thần linh sẽ mòn mỏi trước mặt Đức Giê-hô-va.
Isaiah 57:17
Tại sao Đức Giê-hô-va lại nổi giận với nó?
Đức Giê-hô-va nổi giận với nó vì trong cơn giận dữ của Ngài.
Isaiah 57:18
Mặc dù Đức Giê-hô-va đã thấy đường lối nó, nhưng Đức Giê-hô-va đã làm gì?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ chữa lành nó.
Isaiah 57:19
Mặc dù Đức Giê-hô-va đã thấy đường lối nó, nhưng Đức Giê-hô-va đã làm gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ chữa lành nó.
Isaiah 57:21
Ai không hưởng được sự bình an?
Những kẻ gian ác chẳng hưởng được sự bình an.

Chapter 58
Isaiah 58:1
Hãy cất tiếng ngươi lên như tiếng tù và
Ở đây có nghĩa là la to lên. Từ "ngươi" ở đây tức là Ê-sai.
Báo cho dân Ta biết sự phản loạn của họ, và báo cho nhà Gia-cốp biết tội lỗi của nhà ấy
Hai cụm từ nầy đều mang nghĩa như nhau. Chúng kết hợp với nhau để nhấn mạnh sự cấp bách của việc loan báo cho dân sự Đức Giê-hô-va biết.
Isaiah 58:3
Chúng con kiêng ăn, sao Chúa không thấy? Chúng con hạ mình, sao Chúa chẳng biết đến?
Dân Y-sơ-ra-ên dùng các câu hỏi để than trách với Đức Chúa Trời bởi vì họ cảm thấy rằng Ngài đang phớt lờ họ.
Isaiah 58:4
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên bằng cách trả lời những câu hỏi đầy thách thức của họ..
Nầy
Đức Giê-hô-va đối chất với câu hỏi của họ bằng cách bảo họ phải chú ý. Tương tự câu: "Nầy!" "Hãy chú ý"
nắm tay gian ác
"nắm tay gian ác." Ở đây bày tỏ rằng họ chống cự nhau cách gian ác. "Nắm tay" tượng trưng cho sự nóng giận cách hung bạo.
Có phải đó là sự kiêng ăn mà Ta chọn lựa ... được Đức Giê-hô-va chấp nhận chăng?
Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để quở trách dân sự. Họ hành động như thể là khiêm nhường và hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời, nhưng họ vẫn đang gây tổn hại cho người khác. Tương tự câu: "Đây không phải là cách kiêng ăn mà Ta muốn ... hài lòng Đức Giê-hô-va"
Là ngày mà người ta hạ mình xuống chăng? Có phải cúi đầu xuống như cây sậy
Ở đây có nghĩa là người ta cúi đầu xuống, nhưng lại không thật sự hạ mình khiêm nhường. "Cây sậy" tượng trưng cho loài thực vật yếu ớt, và dễ dàng bị uốn cong xuống.
Mà các ngươi gọi đó là kiêng ăn, là ngày được Đức Giê-hô-va chấp nhận chăng?
Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để quở trách dân sự. Tương tự câu: "Các ngươi chắc chắn không nghĩ rằng đây là sự kiêng ăn làm hài lòng Ta!"
Isaiah 58:6
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Chẳng phải sự kiêng ăn mà Ta chọn ... bẻ gãy mọi ách hay sao?
Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để dạy cho dân sự về sự kiêng ăn được Ngài chấp nhận. Tương tự câu: "Đây là sự kiêng ăn mà Ta chọn ... bẻ gãy mọi ách."
Tháo những xiềng gian ác, mở dây trói của ách, thả cho kẻ bị áp bức được tự do, và bẻ gãy mọi ách
Tất cả những cụm từ nầy đều có nghĩa là họ nên giúp đỡ những người bị tổn hại và áp bức bởi những kẻ tàn ác.
Chẳng phải là ... nhà mình?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi khác để dạy dỗ dân sự. Tương tự câu: "Đó là ... nhà mình"
chia sẻ thức ăn
Cụm từ nầy tượng trưng cho việc bắt đầu một bữa ăn bằng cách chủ nhà xé ổ bánh mì thành nhiều phần.
Isaiah 58:8
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Bấy giờ, ánh sáng ngươi sẽ bừng lên như rạng đông
"Bừng lên" là một thuật ngữ mang nghĩa khi một ánh sáng bắt đầu chiếu sáng. Ở đây có nghĩa là nếu họ giúp đỡ mọi người lúc cần, thì hành động của họ sẽ giống như ánh sáng mà người khác sẽ nhìn thấy, như khi mặt trời đến sau bóng đêm vậy. Cũng có thể ánh sáng tượng trưng cho sự sáng của Chúa, chiếu trên họ và ban phước cho họ.
vết thương ngươi sẽ nhanh chóng được chữa lành
Câu nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ ban phước và phục hồi họ cách nhanh chóng, như một vết thương sớm được chữa lành.
sự công chính ngươi sẽ đi trước mặt ngươi, và vinh quang của Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ sau ngươi
Câu nầy nói đến thời điểm Đức Chúa Trời bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên khi họ rời khỏi Ai Cập. Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ lại bảo vệ họ khỏi tay kẻ thù nếu họ làm điều công bình.
sự công chính ngươi
Ở sự diễn đạt này trong tiếng Hê-bơ-rơ có thể được giải thích như một người ban cho sự công chính hay sự chiến thắng. Trong phân đoạn nầy, sự diễn đạt ở đây có thể nói đến Đức Chúa Trời. Một vài bản hiện đại có sự diễn giải nầy.
Isaiah 58:9
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp túc phán với dân Y-sơ-ra-ên.
thì ánh sáng của ngươi sẽ chiếu ra trong bóng tối, và sự tối tăm của ngươi sẽ sáng ngời như giữa trưa
"Ánh sáng của ngươi" tức là những hành động tốt sẽ là gương mẫu cho mọi người, và "sự tối tăm," tức là những hành vi xấu, sẽ bị những hành động tốt che lấp.
Isaiah 58:11
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
làm cho ngươi no lòng giữa nơi khô hạn lớn (nơi không có nước)
"Nước" tượng trưng cho tất cả những nhu cầu cho một cuộc sống sung mãn ngay cả khi chung quanh họ không có đủ.
Ngươi sẽ như vườn năng tưới
"Vườn năng tưới" tượng trưng cho sự sung mãn và dư dật tức là họ sẽ có đủ mọi thứ mà họ cần.
như suối nước chẳng hề khô cạn
"Suối nước" tượng trưng cho một nguồn sung mãn của đất nơi mà nước rất là quý giá.
Isaiah 58:12
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
ngươi sẽ được gọi là
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "người ta sẽ gọi ngươi là"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 58:13

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

nếu ngươi trở lại, giữ chân mình khỏi phạm ngày sa-bát, không làm theo ý mình trong ngày thánh của Ta

"Chân" ở đây nói đến việc đi lại và làm việc mà dân sự đã làm trong những ngày khác. Đức Chúa Trời đã không cho phép việc đi xa hay làm việc vào ngày nghỉ. Tương tự câu: "ngươi hãy ngừng việc đi lại và làm điều mà ngươi muốn vào ngày Sa-bát, tức là ngày thánh của Ta"

Isaiah 58:14

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp túc phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ cho ngươi cưỡi lên các đỉnh cao trên đất

Ở đây nói đến việc Đức Chúa Trời sẽ vinh danh đất nước về danh tiếng và sức mạnh để đáp lại việc sống cách công chính.

chính miệng Đức Giê-hô-va đã phán như vậy

"miệng" tượng trưng cho điều Đức Giê-hô-va phán. Tương tự câu: "vì Đức Giê-hô-va đã phán"

Translation Questions

Isaiah 58:1

Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho nhà Gia-cốp phải đương đầu với điều gì?

Ngài ra lệnh cho nhà Gia-cốp phải đương đầu với cuộc phản loạn và tội lỗi của họ.

Isaiah 58:2

Nhà Gia-cốp tìm kiếm Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ tìm kiếm Ngài như thể một dân đã làm điều công minh và chưa từng bỏ luật lệ của Đức Chúa Trời mình.

Isaiah 58:3

Sự than phiền của nhà Gia-cốp đối với Đức Giê-hô-va trong những ngày kiêng ăn là gì?

Sự than phiền của nhà Gia-cốp đối với Đức Giê-hô-va trong những ngày kiêng ăn là Đức Giê-hô-va đã không thấy và chẳng biết đến.

Isaiah 58:4

Đức Giê-hô-va phán gì với nhà Gia-cốp khi họ không kiêng ăn?

Đức Giê-hô-va phán nhà Gia-cốp đừng kiêng ăn để tiếng kêu của họ thấu đến nơi cao.

Isaiah 58:6

Đức Giê-hô-va đã chọn điều gì?

Đức Giê-hô-va đã tháo những xiềng gian ác, mở dây trói của ách, bẻ gãy mọi ách, chia sẻ cho người đói, đem kẻ nghèo khổ, không nhà cửa về nhà mình, khi thấy người trần truồng thì mặc cho và không ngoãnh mặt làm ngơ với anh em cốt nhục mình.

Isaiah 58:7

Đức Giê-hô-va đã chọn điều gì?

Đức Giê-hô-va đã tháo những xiềng gian ác, mở dây trói của ách, bẻ gãy mọi ách, chia sẻ cho người đói, đem kẻ nghèo khổ, không nhà cửa về nhà mình, khi thấy người trần truồng thì mặc cho và không ngoãnh mặt làm ngơ với anh em cốt nhục mình.

Isaiah 58:9

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu nhà Gia-cốp vứt bỏ cái ách, không xỉ vả và không nói lời độc ác, nếu họ dốc lòng lo cho người đói, và đáp ứng nhu cầu kẻ khốn cùng?

Nếu họ làm như vậy thì ánh sáng của họ sẽ chiếu ra trong bóng tối, và sự tối tăm của họ sẽ sáng ngời như giữa trưa.

Isaiah 58:10

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu nhà Gia-cốp vứt bỏ cái ách, không xỉ vả và không nói lời độc ác, nếu họ dốc lòng lo cho người đói, và đáp ứng nhu cầu kẻ khốn cùng?

Nếu họ làm như vậy thì ánh sáng của họ sẽ chiếu ra trong bóng tối, và sự tối tăm của họ sẽ sáng ngời như giữa trưa.

Chapter 59

Isaiah 59:1

Nầy

Đức Giê-hô-va nói dân sự hãy lưu ý. Tương tự câu: "Hãy chú ý!" "Ngươi khá biết!"

Tay Đức Giê-hô-va chẳng phải ngắn

"Tay" tượng trưng cho sức mạnh và quyền năng. Tay "ngắn" có nghĩa là không có đủ quyền năng và sức mạnh. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va hoàn toàn có thể"

của các ngươi ... các ngươi

Những đại từ số nhiều nầy nói đến dân Y-sơ-ra-ên như là một nhóm đơn độc.

tội lỗi các ngươi đã che khuất mặt Ngài khỏi các ngươi

"Mặt" tượng trưng cho sự hiện diện và có mặt. Tương tự câu: "tội lỗi các ngươi đã khiến Ngài xoay bỏ khỏi ngươi"

Isaiah 59:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Vì bàn tay các ngươi đã bị ô uế do vấy máu, ngón tay các ngươi bị ô uế vì tội ác

"Bàn tay" và "ngón tay" ở đây nói đến hành động của họ. Ở đây có nghĩa là họ phạm tội gây ra sự tàn ác và những việc đầy xấu xa. "Các ngươi" là số nhiều. Tương tự câu: "Vì các ngươi đã phạm tội gian ác"

Môi miệng các ngươi nói lời dối trá, lưỡi các ngươi thì thầm việc xấu xa

Các phần của thân thể phát ra tiếng nói tượng trưng cho điều mà dân sự nói. Tương tự câu: "các ngươi nói lời dối trá và những việc xấu xa"

họ cưu mang điều ác và đẻ ra tội trọng

"Cưu mang" và "đẻ ra" nhấn mạnh rằng thể nào họ lên kế hoạch cách cẩn trọng để làm những việc xấu xa. "Họ" ở đây vẫn nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "họ chăm chú làm điều gian ác"

Isaiah 59:5

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên về tội lỗi họ làm bằng cách dùng phép ẩn dụ về những con rắn độc và màng nhện.

Họ ấp trứng rắn ... dệt màng nhện

Trứng của một con rắn độc được ấp nguy hiểm hơn rắn. "Rắn" tượng trưng cho tội lỗi mà dân sự làm để hãm hại ngày càng nhiều. Tương tự câu: "Họ đã làm điều ác để khiến lan ra nhiều điều ác hơn nữa."

dệt màng nhện

Ở đây tượng trưng cho những hành động mà dân sự làm cách vô ích. Tương tự câu: "và sinh ra những việc và hành động vô ích"

Ai ăn trứng đó sẽ chết, và một cái trứng bị vỡ sẽ nở ra rắn độc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Việc ăn một cái trứng độc sẽ giết chết người ăn và nói đến việc tự sát. Trứng bị vỡ sẽ nở ra những con rắn độc con và tượng trưng cho sự hủy diệt tràn lan. Tương tự câu: "Những hành động họ làm sẽ hủy diệt họ và cả người khác.

một cái trứng bị vỡ

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nếu ai đó làm vỡ một cái trứng"

Màng của họ không dùng làm áo được, không thể mặc được hàng mà họ đã dệt ra

Ở đây có nghĩa là những hành động đầy tội lỗi của họ không thể che giấu được, nó giống như một cái màng không thể dùng làm áo hay mặc được. Tương tự câu: "Những hành động tội lỗi của họ sẽ bị cho là vô ích."

Màng của họ không dùng làm áo được

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Họ không thể mặc màng mà chính họ đã làm"

đôi tay họ đầy những việc hung tàn

"Đôi tay" tượng trưng cho khả năng và sức mạnh để làm những việc nầy và vì thế đó là trách nhiệm của họ. Tương tự câu: "Họ phải gánh vác trách nhiệm về việc gian ác họ làm."

Isaiah 59:7

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Chân họ chạy đến điều ác

"Chân" tượng trưng cho khả năng đi và "chạy" tức là làm nó cách vội vàng. Tương tự câu: "Họ vội vàng làm những điều ác."

đường lối họ

"đường lối" tức là cách sống của họ. Tương tự câu: "mọi điều họ làm"

không có sự chính trực trong đường lối họ

"đường lối" tức là cách sống của họ. Tương tự câu: "họ không bao giờ làm điều chánh trực" hay "mọi điều họ làm đều không chính trực"

Họ tự làm quanh quẹo các lối của mình

"Làm quanh quẹo các đường lối" tức là cách sống bị sai lạc. Tương tự câu: "Họ nói và làm không thành thực. Họ không ngay thẳng."

Isaiah 59:9

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

công lý đã cách xa chúng ta

"Chúng ta" ở đây tức là Ê-sai và dân Y-sơ-ra-ên. "Cách xa" tức là công lý đã đi và khó có thể bắt kịp. Tương tự câu: "công lý đã đi và rất khó để bắt kịp"

Chúng ta mò mẫm dọc theo tường như người mù ... như người chết

Câu này có nghĩa là bởi vì Đức Chúa Trời không đến với họ, họ cảm thấy thật thật vô vọng, không tìm thấy con đường đúng phải đi và tuyệt vọng về tương lai, chẳng có hy vọng gì vào một cuộc sống sung mãn.

Isaiah 59:11

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Chúng ta rên xiết như con gấu gầm gừ, và rên rỉ như tiếng gù của chim bồ câu

Câu này nói đến những âm thanh mà mọi người đã tạo ra bởi vì họ đang đau đớn và than khóc.

Isaiah 59:12

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Sự vi phạm chúng con thật nhiều

Ở đây từ "chúng con" tức là Ê-sai và người dân Y-sơ-ra-ên.

trước mặt Chúa

Ở đây từ "Chúa" tức là Đức Giê-hô-va.

Tội lỗi chúng con làm chứng nghịch cùng chúng con

Ê-sai miêu tả những tội lỗi như một người đi đến trước Chúa để khai trình rằng dân sự đã phạm tội.

vì sự vi phạm của chúng con vẫn ở với chúng con

"Ở với chúng con" tượng trưng cho sự nhận biết tội lỗi của họ. Tương tự câu: "Vì chúng con nhận biết về những tội lỗi của chúng con"

Isaiah 59:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Công lý bị đẩy lui

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người đã đẩy lui sự công lý."

Công lý ... sự công chính ... chân lý ... sự ngay thẳng ... chân lý

Đây là những điều mà Ê-sai đang miêu tả chúng hành động như những con người.

Isaiah 59:16

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Ngài thấy không có người công chính nào cả, và ngạc nhiên vì không ai khẩn cầu.

"Đức Giê-hô-va kinh ngạc vì cớ chẳng ai đến để cứu giúp những kẻ khốn cùng." hay "Đức Giê-hô-va đã ngạc nhiên vì cớ chẳng có ai đến để cứu giúp những người khốn khổ."

Ngài dùng chính cánh tay mình đem sự cứu rỗi đến

"Cánh tay" tượng trưng cho quyền năng và sức mạnh. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã dùng quyền năng của Ngài để giải cứu dân sự"

với sự công chính của Ngài hỗ trợ

"Sự công chính" là một phẩm chất hành động giống như con người. Tương tự câu: "và Ngài đã làm sự công chính như Ngài vẫn luôn làm vậy"

Isaiah 59:17

Ngài mặc áo giáp bằng đức công chính, đội mão cứu rỗi trên đầu; mặc áo bằng sự báo thù, khoác trên mình áo choàng của lòng sốt sắng

"áo giáp" "mão" "áo" và "áo choàng" là những thứ trang phục dành cho chiến tranh và đánh trận. Ê-sai miêu tả rằng Đức Giê-hô-va sẽ mặc những trang phục như vậy để trừng phạt dân sự Ngài.

áo choàng

một áo choàng rộng và mềm

Ngài báo trả cho mỗi người

Ê-sai đang miêu tả một sự kiện trong tương lai như thể nó đã xảy ra trong quá khứ. Điều này có nghĩa là sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Isaiah 59:19

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

kính sợ danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" nói đến danh tiếng và bản tính của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Hãy kính sợ Đức Giê-hô-va"

từ phương Tây ... từ phương Đông

Ê-sai kết hợp những từ này để nói đến mọi người trên khắp

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thế gian.

vì Ngài sẽ đến như dòng sông chảy xiết

Những thung lũng hẹp và nhỏ ở Giu-đa hầu như đều khô cạn suốt cả năm cho tới lúc một cơn mưa lớn đột ngột biến chúng trở thành những dòng sông chảy xiết. Khi điều này xảy ra ở đó sẽ có nhiều gió và tiếng ồn.

bởi hơi thở Đức Giê-hô-va đùa nó đi

Câu này có thể được viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "Hơi thở của Đức Giê-hô-va đùa nó đi"

Đức Giê-hô-va phán vậy

Hãy xem cách bạn đã dịch câu nầy như thế nào trong ISA14:21

Isaiah 59:21

những lời Ta đã đặt nơi miệng các con

Câu này ngụ ý đến việc giao cho ai đó điều gì phải nói. Tương tự câu: "Thông điệp mà Ta giao cho con để nói"

Translation Questions

Isaiah 59:1

Đức Giê-hô-va có thể cứu chúng ta không? Ngài có nghe chúng ta không?

Tay Đức Giê-hô-va không quá ngắn mà không cứu được, Tai Ngài cũng chẳng phải nặng mà không nghe được đâu.

Isaiah 59:2

Tại sao Đức Giê-hô-va không nghe hoặc cứu nhà Gia-cốp?

Chính vì sự gian ác của họ đã phân cách họ với Đức Chúa Trời và tội lỗi của họ đã che khuất Đức Giê-hô-va khỏi họ, đến nỗi Ngài không nghe các ngươi nữa.

Isaiah 59:3

Tội lỗi nào mà nhà Gia-cốp đã làm khiến họ chia cách với Đức Giê-hô-va?

Tội lỗi đã che khuất họ khỏi Đức Giê-hô-va là: Bàn tay họ đã bị ô uế do vấy máu, ngón tay họ bị ô uế vì tội ác. Môi miệng các ngươi nói lời dối trá, lưỡi họ thì thầm việc xấu xa.

Isaiah 59:4

Tội lỗi nào mà nhà Gia-cốp đã làm khiến họ chia cách với Đức Giê-hô-va?

Tội lỗi đã che khuất họ khỏi Đức Giê-hô-va là: Bàn tay họ đã bị ô uế do vấy máu, ngón tay họ bị ô uế vì tội ác. Môi miệng các ngươi nói lời dối trá, lưỡi họ thì thầm việc xấu xa.

Isaiah 59:8

Điều gì sẽ xảy ra cho những người đi quanh quẹo?

Những người đi quanh quẹo chẳng biết đến sự bình an.

Isaiah 59:15

Điều gì đã diễn ra cho người không chịu làm điều ác?

Người ấy bị tấn công.

Đức Giê-hô-va đã không hài lòng với điều gì?

Đức Giê-hô-va rất bất bình khi Ngài không thấy công lý đâu.

Isaiah 59:16

Đức Giê-hô-va đã làm gì khi không thấy người công chính nào cả?

Khi Đức Giê-hô-va thấy không có người công chính nào cả thì Ngài dùng chính cánh tay Ngài đem sự cứu rỗi đến.

Isaiah 59:17

Đức Giê-hô-va đã làm gì?

Ngài mặc áo giáp bằng đức công chính, đội mão cứu rỗi trên đầu; mặc áo bằng sự báo thù, khoác trên mình áo choàng của lòng sống sắng. Ngài báo trả cho mỗi người tùy việc họ làm, sự thịnh nộ cho kẻ đối địch với Ngài, và sự báo oán cho các kẻ thù, Ngài sẽ báo trả các hải đảo.

Isaiah 59:18

Đức Giê-hô-va đã làm gì?

Ngài mặc áo giáp bằng đức công chính, đội mão cứu rỗi trên đầu; mặc áo bằng sự báo thù, khoác trên mình áo choàng của lòng sống sắng. Ngài báo trả cho mỗi người tùy việc họ làm, sự thịnh nộ cho kẻ đối địch với Ngài, và sự báo oán cho các kẻ thù, Ngài sẽ báo trả các hải đảo.

Isaiah 59:19

Kết quả của các việc họ làm cho Đức Giê-hô-va là gì?

Họ sẽ kính sợ danh Đức Giê-hô-va từ phương tây, và tôn kính vinh quang Ngài từ hướng mặt trời mọc.

Isaiah 59:20

Đấng Cứu Chuộc sẽ đến với ai?

Đấng Cứu Chuộc sẽ đến Si-ôn và những người thuộc về Gia-cốp đã từ bỏ tội lỗi.

Isaiah 59:21

Giao ước của Đức Giê-hô-va với họ là gì?

Đây là giao ước: Thần của Đức Giê-hô-va ở trên các ngươi, và những lời Ta đã đặt nơi miệng các con sẽ không rời khỏi miệng các con, miệng của dòng dõi các con, và miệng dòng dõi của dòng dõi các con, từ nay cho đến đời đời.

Chapter 60

Isaiah 60:1

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy đứng lên và tỏa sáng ra! Vì ánh sáng ngươi đã đến, và vinh quang Đức Giê-hô-va đã chiếu sáng trên ngươi

Câu này nói đến những điều kỳ diệu mà Đức Giê-hô-va đã làm cho những người dân sống ở tại Giê-ru-sa-lem. Bây giờ chúng bày tỏ sự vinh quang đó qua việc chúng làm và nói cũng như có sự trông cậy trong tương lai.

Isaiah 60:2

Thông Tin Chung:

Ê-sai đang nói với dân Y-sơ-ra-ên. Ông tiếp tục sử dụng phép ẩn dụ về "ánh sáng" và "bóng tối." (Xem: ISA60:01

Nầy, bóng tối bao trùm mặt đất, mây mù che phủ các dân

Cả hai cụm từ này đều mang nghĩa tương tự và kết hợp lại để nhấn mạnh. Chúng nói đến "bóng tối về tâm linh." Câu này có nghĩa là tất cả những dân tộc khác trên thế gian sẽ không biết về Đức Giê-hô-va hay làm thế nào để làm Ngài vui lòng. Đây là một ẩn dụ về sự đoán phạt thuộc linh.

Nhưng Đức Giê-hô-va chiếu sáng trên ngươi

Câu này có nghĩa là ánh sáng về sự hiện diện của Đức Chúa Trời sẽ xuất hiện cho dân Y-sơ-ra-ên, và nó sẽ chiếu sáng con đường họ cần đi.

Vinh quang Ngài hiện ra trên ngươi

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "dân tộc các nước sẽ thấy sự vinh quang Ngài trên ngươi"

Isaiah 60:4

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Tất cả họ họp nhau lại

Từ "Họ" ở đây nói đến những người dân Y-sơ-ra-ên còn lại sẽ trở về Giê-ru-sa-lem.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các con gái ngươi sẽ được bồng ẵm bên hông
Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Các ngươi sẽ được đem trở lại như các con gái ngươi được ẵm bên hông của những người trở về" hoặc là "họ sẽ ẵm các con gái ngươi ở bên hông"
Bấy giờ, ngươi sẽ thấy và được rạng rỡ, lòng ngươi vừa run sợ vừa rộng mở
Những cụm từ này có chung ý nghĩa và nhấn mạnh rằng họ sẽ rất vui vẻ vì những việc sẽ xảy đến tại Giê-ru-sa-lem
sự phong phú của biển cả
Ở đây nói đến sự phong phú và giàu có sẽ đến với dân Y-sơ-ra-ên bằng đường biển, có thể là dọc theo biển Địa Trung Hải.
sẽ đổ về ngươi
Ở đây miêu tả sự thịnh vượng giống như nước trào ra.
Isaiah 60:6
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.
lạc đà
"những lạc đà con"
Ê-pha ... Kê-đa ... Nê-ba-giốt
Đây là tên của những khu vực ở A-rập.
Tất cả bầy súc vật của Kê-đa sẽ được tập trung nơi ngươi
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người Kê-đa sẽ tập trung bầy mình lại nơi ngươi"
các chiên đực của Nê-ba-giốt sẽ được dùng làm tế lễ
Câu nầy nói đến nhu cầu tế lễ của họ.
để ngươi dâng lên bàn thờ Ta, một tế lễ đẹp lòng Ta
"Ta, Đức Giê-hô-va sẽ nhận lấy chúng trên bàn thờ Ta"
Isaiah 60:8
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Những người nầy là ai mà bay như mây, như chim bồ câu bay về tổ?
Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi và hình ảnh nên thơ để thu hút sự chú ý ở đây. Ngài so sánh cánh buồm của những chiếc tàu giống như là mây và chim bồ câu. Đây cũng là hình ảnh dân Y-sơ-ra-ên trở về đất nước mình. Tương tự câu: "Nầy, Ta thấy cái gì đó như là mây bay và như chim bồ câu trở về tổ mình."
Các hải đảo
Ở đây nói đến những người sống trên các hải đảo và miêu tả về các hải đảo như thể đó là người đang trông mong. Tương tự câu: "Người dân từ các hải đảo"
đoàn tàu Ta-rê-si
Sự diễn đạt nầy luôn nói đến những con tàu lái buôn dành riêng cho những chuyến đi biển xa.
Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên
Hãy xem cách bạn đã dịch câu nầy trong ISA01:04
Ngài đã làm cho ngươi được vinh hiển
"Đức Giê-hô-va đã tôn vinh ngươi, là dân Y-sơ-ra-ên"
Isaiah 60:10
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
cả ngày lẫn đêm đều không đóng lại
"ngày" và "đêm" được kết hợp với nhau mang ý nghĩa là "mọi lúc." Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "chẳng ai đóng chúng lại"
để người ta đem của cải các nước đến cho ngươi; và dẫn các vua của họ về làm tù binh
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "để dân các nước đem của cải, và cùng với các vua"
Isaiah 60:12
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
những dân tộc ấy sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu:"Ta sẽ hủy diệt hoàn toàn dân các nước ấy"
Vinh quang của Li-ban, cũng sẽ được đem đến cho ngươi
Ở đây nói đến việc Li-ban sẽ nổi danh vì cớ các cây xinh đẹp của nó, đặc biệt là cây tùng và cây bách. Sự phân biệt chính xác các loại cây nầy không được rõ lắm.
chỗ Ta đặt chân
Ở đây nói đến đền thờ của Đức Giê-hô-va.
Isaiah 60:14
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên
Hãy xem cách bạn đã dịch câu nầy trong ISA01:04
Isaiah 60:15
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
không ai đi qua nơi ngươi
"mọi người sẽ tránh xa xứ sở ngươi" hay "mọi dân ngoại sẽ tránh xa xứ sở ngươi"
Ngươi sẽ hút sữa của các nước, bú vú của các vua
Ở đây nói đến sự thạnh vượng và sung mãn sẽ được rút từ các dân ngoại. Cả hai mệnh đề nầy lặp lại cùng một ý để nhấn mạnh.
Đấng Cứu Chuộc
Hãy xem cách bạn đã dịch từ nầy trong ISA41:14
Đấng Toàn Năng của Gia-cốp
Hãy xem cách bạn đã dịch câu trong ISA49:26
Isaiah 60:17
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
đồng thay cho gỗ, sắt thay cho đá
Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ những vật liệu có giá trị hơn bây giờ. Tương tự câu: "Ta sẽ mang đồng thay cho gỗ, và mang sắt thay cho đá."
Ta sẽ khiến sự bình an trông nom ngươi và sự công chính cai quản ngươi
Đức Giê-hô-va miêu tả "sự bình an" và "sự công chính" như những người cai quản. Câu nầy ở đây mang ý nghĩa rằng sự bình an và công chính hoàn toàn ở trên đất Y-sơ-ra-ên.
Xứ sở ngươi sẽ không còn nghe nói đến chuyện hung bạo
Câu nầy có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Sẽ không còn nghe về chuyện hung bạo trong xứ sở ngươi nữa"
ngươi sẽ gọi tường thành của mình là "Sự Cứu Rỗi", và gọi các cổng thành mình là "Sự Ca Ngợi."
Những vật thể nầy mang tên với ý nghĩa thuộc linh. Thành Giê-ru-sa-lem sẽ là nơi bình an, và dân ở đó sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va.
Isaiah 60:19
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Mặt trời của ngươi không còn lặn nữa, mặt trăng cũng chẳng còn khuyết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mặt trời và mặt trăng sẽ không biến mất. Ở đây nói rằng trong sự so sánh với ánh sáng của Đức Giê-hô-va, chúng sẽ chẳng là gì cả.

Ngươi sẽ không còn nhờ mặt trời soi sáng ban ngày ... vì Đức Giê-hô-va sẽ là ánh sáng đời đời cho ngươi

Cả hai câu nầy lặp lại cùng một ý nghĩa để nhấn mạnh.

Isaiah 60:21

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

mầm non chính Ta đã trồng, là công việc tay Ta làm

Những cụm từ nầy mang ý nghĩa gần giống như nhau để nhấn mạnh.

mầm non chính Ta đã trồng

Đức Giê-hô-va so sánh dân sự là những chồi non mà Ngài đã trồng được lớn lên như thể Ngài là người làm vườn. Đức Giê-hô-va đã đặt dân sự trong xứ Y-sơ-ra-ên. Ở đây mang đến sự hy vọng cho dân sự.

công việc tay Ta làm

Đức Giê-hô-va so sánh dân Y-sơ-ra-ên với một vật được làm nên bởi sự khéo léo trong nghề thủ công.

Ngươi sẽ không dập tắt ngọn đèn của Y-sơ-ra-ên

"Ngọn đèn của Y-sơ-ra-ên" là một phép ẩn dụ cho Đa-vít và dòng dõi ông, là những người được cho là sẽ cai trị Y-sơ-ra-ên đến đời đời. Ở đây có nghĩa là nếu Đa-vít và dòng dõi ông chết, dân Y-sơ-ra-ên sẽ không còn hy vọng nữa.

để Ta được vinh quang

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "hầu cho mọi dân sẽ tôn vinh Ta"

nghìn

"1,000"

Translation Questions

Isaiah 60:2

Nếu bóng tối bao trùm mặt đất, Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va sẽ đứng lên và tỏa sáng ra và vinh quang Ngài sẽ chiếu trên họ.

Isaiah 60:3

Ai sẽ tìm đến ánh sáng của Y-sơ-ra-ên?

Các nước và các vua sẽ tìm đến ánh sáng của họ.

Isaiah 60:5

Tại sao Y-sơ-ra-ên ngước mắt lên nhìn, họ thấy và được rạng rỡ, lòng họ vừa run sợ?

Đó là vì sự phong phú của biển cả sẽ đổ về họ, sự giàu có của các nước sẽ đến với họ.

Isaiah 60:9

Ai là người đem con cái Y-sơ-ra-ên từ xứ xa về?

Đoàn tàu Ta-rê-si đã dẫn họ.

Isaiah 60:10

Ai sẽ xây lại thành của Đức Giê-hô-va và ai là người phục vụ họ?

Dân ngoại sẽ xây lại tường thành họ và các vua sẽ phục vụ họ.

Isaiah 60:11

Tại sao các cổng thành luôn mở?

Nó được mở ra để của cải các nước được đưa vào.

Isaiah 60:12

Điều gì sẽ xảy ra đối với những dân tộc và vương quốc nào không thần phục nó?

Các nước và vương quốc sẽ bị diệt vong; chúng sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn.

Isaiah 60:15

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho thành của Ngài?

Ngài làm cho nó cao trọng mãi mãi, và là niềm vui cho nhiều thế hệ.

Isaiah 60:18

Điều gì sẽ không còn được nghe thấy trong đất Si-ôn?

Xứ sở họ sẽ không còn nghe nói đến chuyện hung bạo hoặc cảnh hoang tàn đổ nát.

Isaiah 60:19

Điều gì sẽ soi sáng ban ngày?

Đức Giê-hô-va sẽ là sự sáng đời đời cho họ.

Isaiah 60:20

Điều gì sẽ soi sáng ban ngày?

Đức Giê-hô-va sẽ là sự sáng đời đời cho họ.

Isaiah 60:21

Dân của Đức Giê-hô-va sẽ hưởng được đất trong bao lâu?

Họ sẽ hưởng được đất đời đời.

Isaiah 60:22

Đức Giê-hô-va sẽ thực hiện những điều này trong bao lâu?

Đức Giê-hô-va sẽ nhanh chóng thực hiện điều ấy đúng kỳ.

Chapter 61

Isaiah 61:1

Thần của Chúa Giê-hô-va ngự trên Ta

"Thần" ở đây là Thánh Linh của Đức Giê-hô-va, tức là Đấng thúc giục hay khích lệ một người. Hãy xem cách bạn đã dịch câu nầy trong ISA11:01

người nghèo

Tức là những người nghèo khổ, là những người cực kỳ khốn khổ, những người bị áp bức và họ không thể tự mình thoát ra được.

công bố tự do cho kẻ bị bắt giữ, và cho những người bị cầm tù được ra khỏi ngục

Hai cụm từ nầy mang cùng một ý nghĩa. Chúng nói rằng Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ ban sự tự do cho những người bị bắt giữ.

Isaiah 61:2

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

năm thi ân của Đức Giê-hô-va, và ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta

Cả hai cụm từ nầy đều nói đến cùng một khoảng thời gian. "Năm" và "ngày" đều là những ví dụ đặc biệt tượng trưng cho sự trọn vẹn hơn.

năm thi ân của Đức Giê-hô-va

"thời điểm khi mà Đức Giê-hô-va thi hành sự nhân từ với dân sự Ngài" (UDB)

Isaiah 61:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

để ban ... ban

Ê-sai lặp lại từ nầy để nhấn mạnh.

mão hoa

Đây là một mảnh vải dài trùm quanh đầu. Tương tự câu:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"một khăn trùm đầu" hay "một tấm che đầu để trang trí"
dầu vui mừng ... áo ngợi ca
Người ta xức dầu trên mình cũng như mặc những chiếc áo dài và đẹp trong suốt buổi lễ và vui mừng.
thay vì tâm linh sầu khổ
"thay cho sự buồn khổ" hay "thay cho sự than khóc"
cây công chính, là cây Đức Giê-hô-va đã trồng
Ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã khiến cho dân sự trở nên mạnh mẽ và cứng cáp.
để làm vinh hiển Ngài
Câu nầy có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "hầu cho đời sống của họ có thể làm vinh hiển Ngài"
Isaiah 61:4
Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói bằng cách sử dụng những cái tương đương trong mỗi dòng.
Isaiah 61:6
Thông Tin Chung:
Đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên bằng từng dòng tương đương.
Các ngươi sẽ được gọi là
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta sẽ gọi ngươi"
các ngươi sẽ hưởng gấp đôi
Ở đây có thể nói đến gấp đôi phần đất trong xứ.
sẽ vui mừng về phần bắt thăm của mình
Câu nầy vẫn nói đến dân Y-sơ-ra-ên. "ngươi sẽ vui mình về của mình có được"
Isaiah 61:8
Dòng dõi họ sẽ được biết đến trong các nước, con cháu họ sẽ nổi tiếng trong các dân
Hai mệnh đề nầy đều mang cùng một ý nghĩa. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Dân các nước khác sẽ biết đến dòng dõi của họ"
con cháu họ sẽ nổi tiếng trong các dân
Câu nầy có cùng một động từ như câu trước. Tương tự câu: "con cháu của họ sẽ được biết đến giữa các dân"
Isaiah 61:10
Ta sẽ rất vui vẻ trong Đức Giê-hô-va
"Ta" tức là dân sự của Đức Chúa Trời được nói đến như một người mà Đức Giê-hô-va đã phục hồi.
vì Ngài mặc áo cứu rỗi cho ta, khoác trên ta áo choàng công chính
Dân sự Đức Chúa Trời nói như là một người có được sự cứu chuộc và sự công chính khi vẻ ngoài khác biệt của họ có thể nhìn thấy được. "Áo" và "áo choàng" được mặc để mọi người có thể thấy.
như chàng rể chỉnh tề khăn áo giống thầy tế lễ, như cô dâu trang sức ngọc ngà châu báu
Sự so sánh ở đây nhấn mạnh rằng người nói đang rất vui, hân hoan và thỏa lòng.
khăn áo
Hãy xem cách bạn đã dịch câu nầy trong ISA61:03
Vì như đất đai làm cho cây cối mọc lên, vườn tược làm cho hạt giống nẩy mầm thể nào
Ở đây nói đến cùng một sự việc bằng hai cách và so sánh rằng bất cứ điều gì Đức Chúa Trời phán Ngài chắc chắn sẽ làm, giống như những hạt giống mọc lên sau khi được trồng xuống. Tương tự câu: "Như những hạt giống được gieo trong vườn mọc lên từ đất và trưởng thành"
sự công chính nẩy mầm và lời ca ngợi trỗi vang trước mặt muôn dân thể ấy
Sự diễn đạt nầy miêu tả những tính tốt khi chúng lớn lên từ những hạt giống như cây vậy.

Translation Questions

Isaiah 61:1
Tại sao Thần của Đức Giê-hô-va hằng ngự trên Người?
Thần đang ngự trên Người vì Đức Giê-hô-va đã xữ dầu cho Người.
Isaiah 61:5
Dân ngoại sẽ làm gì trong Si-ôn?
Họ sẽ đứng chăn chiên cho Si-ôn, và dân ngoại sẽ làm ruộng và trồng vườn nho.
Isaiah 61:6
Những người trong Si-ôn được gọi là gì?
Họ sẽ được gọi là thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va, đầy tớ của Đức Chúa Trời.
Isaiah 61:8
Đức Giê-hô-va yêu điều gì và ghét điều gì?
Đức Giê-hô-va yêu sự chính trực, ghét sự trộm cướp và gian tà.
Isaiah 61:10
Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Người?
Đức Giê-hô-va đã mặc áo cứu rỗi và khoác áo choàng công chính.
Isaiah 61:11
Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ để điều gì trỗi vang trước muôn dân?
Ngài sẽ làm cho sự công chính và sự ca ngợi trỗi vang trước mặt muôn dân.

Chapter 62
Isaiah 62:1
Ta sẽ không nín lặng
Có lẽ "Ta" tức là Ê-sai.
cho đến khi sự công chính của nó chiếu ra như ánh sáng, và sự cứu rỗi nó rực lên như ngọn đuốc
Cả hai mệnh đề nầy đều một lần nữa bảo đảm với dân sự rằng Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ đến và giải cứu dân Y-sơ-ra-ên và nó sẽ được tỏ ra như ánh sáng.)
Isaiah 62:3
Ngươi sẽ là mão miện đẹp đẽ trong tay Đức Giê-hô-va, sẽ là vương miện trong bàn tay Đức Chúa Trời ngươi
Những câu nầy đều mang cùng một ý nghĩa và được nối với nhau để nhấn mạnh. Chúng nói rằng Giê-ru-sa-lem sẽ trở nên một thành phố tráng lệ ở dưới quyền năng và thẩm quyền
Người ta sẽ không còn ... chẳng gọi đất ngươi là "đất hoang vu" nữa
Những câu nầy mang cùng một ý nghĩa và được nối lại với nhau để nhấn mạnh.
Người ta sẽ không còn gọi ngươi
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta sẽ không còn nói về ngươi"
và đất ngươi sẽ có chồng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu nầy có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ yêu thương dân Y-sơ-ra-ên và sẽ luôn luôn ở cùng họ như một người chồng vậy.

Isaiah 62:5

như chàng trai sẽ cưới một trinh nữ, thì con cái ngươi cũng sẽ nhận sản nghiệp ngươi

"Con cái " ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên và "ngươi" tức là Giu-đa, vùng đất Y-sơ-ra-ên. Ở đây có nghĩa là dân sự sẽ nhận được sản nghiệp của đất như một người nam được sản nghiệp của vợ mình.

như chú rể vui mừng vì cô dâu, thì Đức Chúa Trời ngươi cũng vui mừng vì ngươi

Ở đây nhấn mạnh đến sự vui mừng của Đức Chúa Trời về mối liên hệ của Ngài với dân sự.

Isaiah 62:6

Ta đã đặt

"Ta" ở đây tức là Ê-sai hoặc là Đức Giê-hô-va.

trên các tường thành ngươi, Ta đã đặt lính canh

Câu nầy nói đến các nhà tiên tri, các quan chức, hoặc có thể là các thiên sứ, là những người bền lòng cầu nguyện cho dân Giê-ru-sa-lem giống như những lính canh ngày đêm canh giữ thành. Hãy xem bạn đã dùng từ gì cho "lính canh" trong 52:8 và 56:10.

suốt cả ngày đêm, họ sẽ không bao giờ nín lặng

Câu nầy có nghĩa là họ sẽ luôn nài xin Đức Chúa Trời hay cầu xin những người khác. Tương tự câu: "họ sẽ tha thiết khẩn nguyện cùng Đức Giê-hô-va ngày và đêm"

Đừng để Ngài nghỉ ngơi

"Ngài" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

Isaiah 62:8

đưa tay phải và cánh tay quyền năng của Ngài

Tay phải và cánh tay tượng trưng cho sức mạnh và uy quyền. Tương tự câu: "bởi sức mạnh và uy quyền của Ngài"

Ta sẽ không ban ngũ cốc của ngươi làm lương thực cho kẻ thù ngươi ...

Dân ngoại sẽ không được uống rượu nho mới

Những câu nầy được đặt cùng với nhau để nhấn mạnh và làm cho được trọn vẹn.

Ta sẽ không ban ngũ cốc của ngươi làm lương thực cho kẻ thù ngươi

Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ không để cho kẻ thù nghịch chinh phục dân Y-sơ-ra-ên và lấy đi ngũ cốc của họ nữa. Có thể là lúc trước kẻ thù đã lấy đi ngũ cốc như là thuế hoặc là để cho quân đội của họ ăn.

những người gặt hái ... những người hái nho

Những câu nầy được đặt cùng với nhau để nhấn mạnh và làm cho được trọn vẹn.

Isaiah 62:10

Hãy đi qua, hãy đi qua các cổng thành

Cụm từ "hãy đi qua" được lặp lại để bày tỏ sự cấp bách.

Hãy đắp đường, hãy đắp đường cái

Từ "hãy đắp" được lặp lại để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời rất mong muốn đường cái được sửa soạn. "Đường cái" tượng trưng cho con đường mà dân sự có thể quay trở lại. (Xem: và ISA57:14

Hãy dọn sạch đá

"Hãy lấy đá ra khỏi con đường để làm cho nó được bằng phẳng." Đá tượng trưng cho tất cả những chướng ngại vật khiến cho không thể di chuyển nhanh được.

Hãy dựng một ngọn cờ cho các dân

Ngọn cờ tượng trưng cho một thứ gì đó có thể thu hút sự chú ý của những người khác. Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đang kêu gọi dân các nước khác hãy chú ý đến xứ sở Y-sơ-ra-ên để thấy điều Đức Chúa Trời đang làm thành điều mà Ngài đã phán.

Isaiah 62:11

Nầy

"Hãy chú ý!"

con gái Si-ôn

"Con gái" tượng trưng cho dân Giê-ru-sa-lem (Si-ôn). Hãy xem cách bạn đã dịch câu nầy trong ISA01:07

Phần thưởng đi theo Ngài, và sự ban thưởng đi trước Ngài

Những mệnh đề nầy mang cùng một ý nghĩa nhằm để nhấn mạnh. Hãy xem cách bạn đã dịch câu tương tự trong ISA40:09

Còn ngươi sẽ được gọi là

Câu nầy có thể được trình bày cách chủ động, "chúng sẽ gọi ngươi là"

Translation Questions

Isaiah 62:1

Ai sẽ thấy sự công chính và vinh quang của Si-ôn?

Các nước sẽ thấy sự công chính của Si-ôn và tất cả vua sẽ thấy vinh quang của nó.

Isaiah 62:4

Si-ôn và đất sẽ không còn được gọi là gì nữa?

Si-ôn sẽ không còn gọi là "kẻ bị ruồng bỏ" nữa, đất của nó cũng sẽ không còn gọi là "đất hoang vu" nữa.

Tại sao Si-ôn lại được gọi là "người mà Ta vui thích" và đất Si-ôn là, "người có chồng"?

Nó được gọi như vậy là vì Đức Giê-hô-va vui thích nó và đất nó sẽ có chồng.

Isaiah 62:6

Tại sao những lính canh được đặt trên các tường thành Giê-ru-sa-lem?

Họ được giữ ở đó để nhắc nhở Đức Giê-hô-va, đừng nghỉ ngơi chút nào cho đến khi Ngài tái lập Giê-ru-sa-lem và dùng nó làm sự ca ngợi trong khắp đất.

Isaiah 62:7

Tại sao những lính canh được đặt trên các tường thành Giê-ru-sa-lem?

Họ được giữ ở đó để nhắc nhở Đức Giê-hô-va, đừng nghỉ ngơi chút nào cho đến khi Ngài tái lập Giê-ru-sa-lem và dùng nó làm sự ca ngợi trong khắp đất.

Isaiah 62:8

Đức Giê-hô-va đã đưa tay phải và cánh tay quyền năng của Ngài mà thề điều gì?

Ngài thề rằng Ngài sẽ không ban ngũ cốc của Giê-ru-sa-lem làm lương thực cho kẻ thù, và dân ngoại sẽ không uống rượu nho mới của nó.

Isaiah 62:11

Đức Giê-hô-va đã rao truyền điều gì đến tận cùng cõi đất?

Đây là lời rao truyền của Đức Giê-hô-va: "Hãy bảo con gái Si-ôn rằng, "Kìa, sự cứu rỗi ngươi đang đến, phần thưởng đi theo Ngài, và sự ban thưởng đi trước Ngài.""

Chapter 63

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 63:1

Đấng từ thành Bốt-ra của Ê-đôm đến ... Đấng ấy là ai

Ê-sai nói như một người canh giữ dùng kiểu câu hỏi và trả lời để đưa ra thông tin về sự phán xét của Đức Giê-hô-va trên Ê-đôm, một kẻ thù của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Chính Ta, là Đức Giê-hô-va, sẽ đến từ Ê-đôm"

Thành Bốt-ra

Đây là thủ phủ của Ê-đôm.

Ấy chính là Ta

"Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

Isaiah 63:3

chỉ một mình Ta đạp nơi bồn ép nho

"Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va. Hình ảnh này tượng trưng cho việc Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt kẻ thù nghịch mình.

Vì lòng Ta đã định ngày báo thù

"Ngày" ở đây tượng trưng cho một khoảng thời gian.

báo thù

Đức Giê-hô-va sẽ đoán phạt một cách thích đáng để mang lại sẽ công chính. Sự báo thù của Ngài khác với của loài người.

năm cứu chuộc của Ta

"Năm" ở đây nói đến một khoảng thời gian đặc biệt được Đức Giê-hô-va chỉ định để phục hồi Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 63:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

nên chính cánh tay Ta

"Cánh tay" ở đây tượng trưng cho quyền năng.

Ta khiến chúng say vì cơn thịnh nộ của Ta

Ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã khiến cho chúng trở nên choáng váng và mất cảm giác bởi cơn thịnh nộ và sự đoán phạt của Ngài.

Và làm cho máu chúng đổ ra

"Máu" ở đây tượng trưng cho sự sống của các kẻ thù nghịch Đức Giê-hô-va đã đổ ra và chết.

Isaiah 63:7

Tôi xin nhắc lại

"Tôi" ở đây tức là Ê-sai.

đã làm cho chúng ta

"Chúng ta" ở đây tức là Ê-sai và dân Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 63:9

Mỗi khi dân Ngài bị khốn khổ

"Dân Ngài" ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên. Ê-sai bao gồm luôn cả chính ông như là một thành viên của dân sự. Tương tự câu: "Qua những sự khốn khổ của họ"

thì chính Ngài cũng khốn khổ

"Ngài" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

thiên sứ trước mặt Ngài

Ở đây tượng trưng cho những người được sai đi trước mặt Ngài.

Ngài đã bồng ẵm và mang lấy họ

Ở đây nói đến thời điểm mà Đức Chúa Trời đã bảo vệ và giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập nhiều năm trước đây.

Isaiah 63:10

Nhưng họ đã nổi loạn

"Họ" ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên. Ê-sai bao gồm cả chính ông như là một thành viên của dân sự. Tương tự câu: "nhưng chúng ta đã phản nghịch"

Thánh Linh của Ngài

"Thánh Linh của Đức Giê-hô-va"

Isaiah 63:11

Dân Ngài hỏi

"Dân Ngài" ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên. Ê-sai bao gồm cả chính ông như là một thành viên của dân sự. Tương tự câu: "chúng ta đã nói"

người chăn

Người lãnh đạo đôi khi được ví như là "người chăn." Tương tự câu: "các lãnh đạo của dân sự Ngài"

Isaiah 63:12

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói.

Đấng khiến cánh tay vinh quang Ngài đi bên phải Môi-se

"Bên phải" ở đây tức là quyền năng của Đức Giê-hô-va qua Môi-se. Ở đây có nghĩa là quyền năng của Đức Chúa Trời đã khiến cho Môi-se có thể chia đôi Biển Đỏ.

Như ngựa phi trong hoang mạc mà không vấp ngã

Ở đây nói rằng dân Y-sơ-ra-ên đã bước đi cách vững chắc như ngựa phi trên cánh đồng từ Ai Cập đến Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 63:14

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói.

Như bầy súc vật xuống thung lũng

Hình ảnh này mô tả một cách sinh động về bầy súc vật đi xuống thung lũng, là nơi có cỏ xanh và nước cũng như để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên và chăm sóc họ.

để danh Ngài được vinh quang

"Danh vinh quang" ở đây nói đến sự vinh hiển và danh tiếng của một người. Tương tự câu: "để chắc rằng Ngài được vinh hiển"

Isaiah 63:15

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói.

Lòng sốt sắng và công việc quyền năng của Ngài ở đâu?

Họ dùng câu hỏi để nhấn mạnh một cảm xúc sâu xa và lo âu bởi vì dường như Đức Chúa Trời không còn cứu giúp họ nữa.

Sự xúc động và lòng thương xót của Ngài bị ngăn lại rồi ư

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài cầm giữ sự xúc động và lòng thương xót khỏi chúng tôi"

dù Áp-ra-ham không biết chúng con, Và Y-sơ-ra-ên chẳng thừa nhận chúng con

Những tổ phụ của đất nước Y-sơ-ra-ên nầy sẽ không thể nhận ra các con cháu của mình bởi vì cớ họ đã thay đổi quá nhiều. "Áp-ra-ham" và "Y-sơ-ra-ên" tượng trưng cho một khoảng cách quá khứ.

Isaiah 63:17

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói.

Lạy Đức Giê-hô-va, sao để chúng con lầm lạc khỏi đường Ngài? Sao để lòng chúng con cứng cỏi đến nỗi chẳng kính sợ Ngài?

Họ dùng câu hỏi để biểu lộ sự oán trách của họ đối với Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã khiến chúng tôi lầm lạc khỏi đường lối Ngài và trở nên cứng lòng đến nỗi không vâng theo Ngài."

sao để chúng con lầm lạc khỏi đường Ngài?

Dân sự nầy đang than khóc, và tự hỏi rằng liệu có phải Đức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Trời đã khiến họ mê muội đến nỗi họ lầm lạc khỏi đường lối công chính. "Lầm lạc" và "đường" tượng trưng cho sự hướng dẫn được Đức Chúa Trời đặt ra trước đó.
để lòng chúng con cứng cỏi
Trở nên cứng lòng với lời dạy của Đức Giê-hô-va bằng việc từ chối lắng nghe và vâng lời. "Lòng" tượng trưng cho những động cơ, cảm xúc và khao khát của họ.
Isaiah 63:18
Thông Tin Chung:
Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói.
và không còn được gọi bằng danh Ngài nữa
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. "Danh" nói đến một mối quan hệ huyết thống. Tương tự câu: "những người không còn thuộc về dòng tộc của Ngài nữa"
Chúng con như ... được gọi bằng danh Ngài
Một số bản hiện đại dịch phân đoạn này khác: "Chúng con như một dân không còn được Ngài cai trị, như những người không còn được gọi bằng danh Ngài nữa."

Translation Questions

Isaiah 63:1
Người từ thành Bốt-ra đã mặc gì đến Ê-đôm và người đến như thế nào?
Người mặc áo đỏ thẫm và bước đi oai vệ.
Tại sao người từ Ê-đôm lại bước đi oai vệ?
Người bước đi oai vệ vì sức mạnh người vĩ đại.
Người đến từ Ê-đôm nói gì về mình?
Người nói rằng người là Đấng phán lời công chính, Đấng có quyền năng cứu rỗi.
Isaiah 63:4
Ê-đôm mong muốn gì?
Người đã định ngày báo thù, và năm cứu chuộc của Người đã đến.
Isaiah 63:5
Có ai giúp đỡ Người đến từ Ê-đôm?
Không. Người nhìn xin, nhưng không ai giúp đỡ.
Isaiah 63:6
Ê-đôm đã làm gì cho các dân?
Người đã giày đạp các dân trong cơn tức giận và người khiến chúng say vì cơn thịnh nộ của Người, và làm cho máu chúng đổ ra trên đất.
Isaiah 63:7
Tại sao Đức Giê-hô-va tỏ lòng nhân từ với nhà Y-sơ-ra-ên?
Ngài đã tỏ lòng nhân từ vì sự nhân từ vô biên của Ngài và mọi điều Ngài làm bởi sự thành tín trong giao ước.
Isaiah 63:9
Điều gì đã xảy ra trong thời cổ đại khi dân của Đức Giê-hô-va bị khốn khổ?
Khi dân Y-sơ-ra-ên chịu khốn khổ, thì chính Đức Giê-hô-va cũng khốn khổ.
Trong thời cố đại, ai đã cứu lấy Y-sơ-ra-ên?
Trong thời cổ đại, thiên sứ trước mặt Ngài đã cứu họ.
Isaiah 63:10
Tại sao Ngài lại trở thành kẻ thù của họ?
Ngài trở thành kẻ thù của họ bởi vì họ đã nổi loạn và làm buồn Thánh Linh Ngài.
Isaiah 63:16
Danh của Đức Giê-hô-va từ thời cổ đại là gì?
Danh Ngài từ thời cổ đại là "Đấng Cứu Chuộc chúng con".
Isaiah 63:17
Lời phàn nàn hay câu hỏi cuả nhà Y-sơ-ra-ên hỏi Đức Giê-hô-va là gì?
Câu hỏi và sự phàn nàn của họ là, "Lạy Đức Giê-hô-va, sao để chúng con lầm lạc khỏi đường Ngài và sao để lòng chúng con cứng cỏi đến nỗi chẳng kính sợ Ngài?".

Chapter 64
Isaiah 64:1
Thông Tin Chung:
Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va. (Xem: ISA63:11
Ôi! Ước gì Chúa
Ê-sai đưa ra một khao khát về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va trong lịch sử đã qua của họ bằng một sự kêu lên thống thiết.
xé các tầng trời
Giá mà Đức Giê-hô-va bày tỏ mình cách mạnh mẽ bằng cách xé các tầng trời. "Xé" nói đến một mảnh vải bị xé toạc ra.
làm rúng động núi non
Các núi sẽ rúng động như trong cơn động đất.
như lửa đốt củi khô, như lửa đun sôi nước
Câu nầy có thể nhấn mạnh đến sự hiện diện của Đức Chúa Trời sẽ dễ dàng khiến cho các núi và dân sự run sợ. (Xem: và)
Isaiah 64:3
Thông Tin Chung:
Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va.
mắt chưa hề thấy
"mắt" nói đến việc nhìn thấy điều gì đó. Tương tự câu: "chẳng ai đã từng thấy"
Isaiah 64:5
Thông Tin Chung:
Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va.
nhớ đến
Đây là một thuật ngữ mang nghĩa là "nhớ về."
Isaiah 64:6
Thông Tin Chung:
Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va.
mọi việc công chính của chúng con như miếng giẻ bẩn thỉu
Một "miếng giẻ bẩn thỉu" là một miếng vải mà người phụ nữ dùng trong tháng khi cô ấy bị ra huyết. Câu nầy có nghĩa là tất cả những cố gắng để làm hài lòng Đức Chúa Trời của họ để trở nên vô ích. Câu này có vẻ rất khó nghe.
Tất cả chúng con đều khô héo như chiếc lá
Ê-sai so sánh dân Y-sơ-ra-ên giống như những chiếc là khô héo khi chết.
tội ác chúng con như gió đùa mình đi
Ở đây có nghĩa là những tội ác của họ, của cả dân sự, là lý do cho sự thất bại của mình. Ê-sai so sánh tội ác như một cơn gió khiến họ phải gánh chịu sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va.
Ngài đã ẩn mặt khỏi chúng con
Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã từ bỏ dân sự Ngài và để họ phải chịu khốn khổ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 64:8

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va.

chúng con là đất sét, Ngài là thợ gốm; tất cả chúng con là công việc của tay Ngài

Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên dân Y-sơ-ra-ên.

nhớ

Ở đây nói đến việc nhớ về quá khứ.

chúng con xin Ngài đoái xem

Ê-sai cầu xin Đức Giê-hô-va chú ý đến cảnh ngộ của họ.

Isaiah 64:10

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va.

Các thành thánh của Ngài đã trở nên hoang mạc

Ở đây nhấn mạnh rằng các thành sẽ bị hủy diệt và không còn ai ở đó nữa.

thì đã bị thiêu hủy

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "kẻ thù đã hủy diệt nó bằng lửa"

Lạy Đức Giê-hô-va, đã đến nỗi nầy, Ngài còn cầm lòng được sao? Lẽ nào Ngài cứ im lặng để chúng con đau khổ tột cùng sao?

Họ sử dụng những câu hỏi nhằm nhấn mạnh sự thất vọng của họ vì cớ Đức Chúa Trời vẫn chưa đến cứu giúp họ. Tương tự câu: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin Ngài đừng cầm lòng nữa! Đừng giữ sự yên lặng và tiếp tục làm bẽ mặt chúng con nữa!"

Translation Questions

Isaiah 64:2

Điều gì sẽ xảy ra nếu Danh của Đức Giê-hô-va bị kẻ thù biết đến?

Các dân tộc sẽ run rẩy trước mặt Ngài.

Isaiah 64:4

Từ xưa, đã có ai nghe nói đến Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va là Đấng đã được hành động như thế cho người trông đợi Ngài không?

Không, chẳng có ai hay biết về Đức Chúa Trời nào khác đã hành động như thế cho người trông đợi Ngài.

Isaiah 64:6

Tất cả những hành động công chính của Y-sơ-ra-ên đều như thế nào?

Chúng giống như miếng giẻ bẩn thỉu.

Isaiah 64:7

Tại sao không có ai kêu cầu danh của Đức Giê-hô-va, hay cố gắng nắm lấy Ngài?

Đó là bởi vì Đức Giê-hô-va đã ẩn mặt Ngài và để chúng bị tiêu tan trong tội ác mình.

Isaiah 64:8

Tác giả đã so sánh Đức Giê-hô-va và Y-sơ-ra-ên với điều gì?

Đức Giê-hô-va được ví như là thợ gốm và dân Y-sơ-ra-ên ví như là đất sét.

Isaiah 64:10

Các thành thánh của Đức Giê-hô-va trở thành gì?

Các thành thánh của Đức Giê-hô-va đã trở nên hoang mạc, và Giê-ru-sa-lem bị điêu tàn.

Isaiah 64:12

Tác giả đã hỏi Đức Giê-hô-va hai câu hỏi gì?

Hai câu hỏi là, "Lạy Đức Giê-hô-va, đã đến nỗi này, Ngàu còn cầm lòng được sao? và "Lẽ nào Ngài cứ im lặng để chúng con đau khổ tột cùng sao?

Chapter 65

Isaiah 65:1

Ta đây

"Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

Suốt ngày Ta đã giơ tay ra hướng về một dân phản nghịch

"giơ tay ra" là một động tác của một người để tỏ ra lòng nài xin hay một lời yêu cầu tha thiết. Tương tự câu: "Ta cứ tiếp tục nài xin một dân phản nghịch hãy nhận lấy sự cứu giúp của Ta."

Isaiah 65:3

Thông tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Y-sơ-ra-ên.

trong các khu vườn ... trên các đống gạch

Những câu nầy nói đến những nơi mà người Ca-na-an thờ lạy các thần tượng. Những bàn thờ kinh khủng của họ được làm bằng gạch, mà Đức Giê-hô-va đã cấm trên các bàn thờ Ngài. Chúng được làm bằng đá.

ngồi trong mồ mả, trọ đêm trong nơi kín đáo

Đây là một ngụ ý đến việc cầu vấn người chết mà Đức Giê-hô va đã ngăn cấm.

ăn thịt heo

Đức Giê-hô-va đã không cho phép dân Y-sơ-ra-ên ăn thịt heo.

Isaiah 65:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Y-sơ-ra-ên và phán với họ.

Bọn đó là khói nơi mũi Ta

Đức Giê-hô-va so sánh những người luôn quấy rầy Ngài như một thứ khói gây khó chịu với việc hít thở của một người.

như lửa cháy suốt ngày

Đức Giê-hô-va so sánh dân Y-sơ-ra-ên với một thứ lữa cháy âm ỉ gây nên khói kiên tục và làm cho khó chịu.

Isaiah 65:6

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Y-sơ-ra-ên.

Đây là điều đã được ghi chép

"Hãy nhận biết là chú ý"

đích đáng

Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt họ đích đáng. Sự diễn đạt nầy so sánh việc Đức Giê-hô-va trừng phạt dân sự với việc đung đưa chân khi ngồi.

Isaiah 65:8

Khi người ta thấy rượu mới trong chùm nho

Đức Giê-hô-va so sánh dân Y-sơ-ra-ên với một chùm nho vẫn còn nhiều nước ở trong.

khi người ta thấy rượu mới trong chùm

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "khi ngươi tìm thấy nước ép trong chùm nho"

Ta không hủy diệt tất cả

Câu nầy có thể được diễn đạt theo thể khẳng định. Tương tự câu: "Ta sẽ để lại những người công bình trong bọn họ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Isaiah 65:9
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
các núi Ta
Ở đây nói đến những nơi cao nhất của Giê-ru-sa-lem và Giu-đa.
Sa-rôn
Đây là một đồng cỏ phì nhiêu.
thung lũng A-cô
Đây là tên của một thung lũng có thể chạy từ Giê-ru-sa-lem đến phía nam Giê-ri-cô. Ở đây có thể là một đồng cỏ phì nhiêu.
Isaiah 65:11
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
núi thánh
Hãy xem cách bạn đã dịch từ nầy trong ISA11:08
là kẻ dọn bàn ... và rót đầy rượu pha
Mọi người mang thứa ăn cùng nước uống và đặt chúng trước các thần tượng như là một phần của sự thờ phượng.
rượu pha
rượu được pha với chút gia vị
Thần Vận May ... Thần Định Mệnh
Đây là tên các tà thần. Chúng cũng được gọi là "Gát" và "Mê-ni."
Isaiah 65:12
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người thờ các tượng thần trong Y-sơ-ra-ên.
định cho các ngươi phải bị gươm đao
"Gươm dao" tượng trưng cho những vũ khí trong chiến tranh mà Đức Giê-hô-va sẽ dùng để trừng phạt những kẻ nào không đáp lại tiếng kêu gọi của Đức Giê-hô-va.
vì Ta đã kêu gọi mà các ngươi không đáp lời, Ta đã phán mà các ngươi không lắng nghe
Cả hai mệnh đề đều mang cùng một ý nghĩa và được lặp lại để nhấn mạnh.
Isaiah 65:13
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những kẻ thờ lạy các tượng thần trong Y-sơ-ra-ên.
Nầy, các đầy tớ Ta
"Hãy nhận biết và chú ý đến" Đức Giê-hô-va lặp lại câu nầy để nhấn mạnh.
còn các ngươi sẽ kêu la vì lòng tràn ngập buồn đau, các ngươi sẽ than khóc vì tâm linh tan nát
Những mệnh đề này mang cùng một ý nghĩa và sự lặp lại là để nhấn mạnh.
tâm linh tan nát
Sự diễn đạt nầy so sánh cảm xúc thất vọng khủng khiếp và nỗi đau buồn với một thứ gì đó bị biến dạng vì cớ áp lực lớn.
Isaiah 65:15
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những kẻ thờ lạy các tượng thần trong Y-sơ-ra-ên.
sẽ nhân danh Đức Chúa Trời chân thật mà cầu
Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta, Đức Chúa Trời là Đấng luôn phán điều chân thật, sẽ ban phước cho người"
đã bị quên lãng ... đã khuất mắt Ta
sẽ bị quên lãng ... sẽ ẩn đi Những mệnh đề nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "họ sẽ quên đi những sự khốn khổ trước kia, vì những sự khốn khổ đó sẽ ra khỏi ký ức của Ta"
và đã khuất mắt Ta
"đã khuất mắt Ta" nói đến sự quan tâm và ký ức của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Ta sẽ không còn nghĩ về chúng nữa"
Isaiah 65:17
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Vì nầy
"Hãy nhận biết! Hãy chú ý!"
trời mới đất mới
Cả hai đều nói đến sự tận cùng và cũng tượng trưng cho mọi thứ ở giữa đó.
những việc trước kia sẽ không còn được nhớ đến, không còn nhắc đến trong tâm trí nữa
Cả hai mệnh đề nầy đều mang cùng một ý nghĩa và được nối lại với nhau để nhấn mạnh. Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ không còn nghĩ đến những điều đã xảy ra trước đây"
Thà các ngươi hãy mừng rỡ
"Các ngươi" ở đây nói đến tất cả những đầy tớ của Đức Chúa Trời.
nơi ấy sẽ không còn nghe tiếng khóc lóc, hay kêu la đau đớn nữa
Bạn có thể trình bày câu nầy theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chẳng ai sẽ nghe tiếng khóc lóc hay kêu la đau đớn tại nơi ấy nữa."
Isaiah 65:20
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về những người trung tín của Ngài.
trăm tuổi
"100 tuổi"
bị coi như đáng nguyền rủa
Bạn có thể trình bày câu nầy theo thể chủ động. Tương tự câu: "dân sự sẽ xem những người nầy là đáng bị nguyền rủa"
chết lúc trăm tuổi là chết trẻ
Câu này có thể viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Một người một trăm tuổi, người ta sẽ xem như là một người trẻ tuổi"
Isaiah 65:22
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục nói về những người trung tín của Ngài.
vì tuổi thọ của dân Ta sẽ như tuổi của cây
"Tuổi" ở đây ngụ ý cho khoảng thời gian sống trên đất của họ. Tương tự câu: "Dân Ta sẽ sống lâu như cây."
Isaiah 65:24
Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục nói về dân sự trung tín của Ngài.
núi thánh
Hãy xem bạn đã dịch từ này trong ISA11:08

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Isaiah 65:1

Đức Giê-hô-va trông đợi điều gì từ những người vốn không cầu hỏi và chẳng tìm kiếm Ngài?

Ngài muốn những người vốn không cầu hỏi Ngài đã cầu xin Ngài, những người vốn chẳng tìm kiếm Ngài thì gặp được Ngài.

Isaiah 65:2

Dân phản nghịch đó đã bước đi thế nào?

Họ đã đi trong đường lối không tốt và theo ý riêng mình.

Isaiah 65:3

Dân này đã không ngừng chọc giận Đức Giê-hô-va điều gì?

Họ không ngừng chọc giận Đức Giê-hô-va, ngay trước mặt Ngài, họ dâng sinh tế trong các khu vườn, xông hương trên các đống gạch, ngồi trong mồ mả, trọ đem trong nơi kín đáo, để ăn thịt heo, đựng nước luộc thịt ghê tởm trong chén bát của mình.

Isaiah 65:4

Dân này đã không ngừng chọc giận Đức Giê-hô-va điều gì?

Họ không ngừng chọc giận Đức Giê-hô-va, ngay trước mặt Ngài, họ dâng sinh tế trong các khu vườn, xông hương trên các đống gạch, ngồi trong mồ mả, trọ đem trong nơi kín đáo, để ăn thịt heo, đựng nước luộc thịt ghê tởm trong chén bát của mình.

Isaiah 65:6

Đức Giê-hô-va đã làm gì và sẽ làm gì cho dân phản nghịch?

Ngài sẽ báo trả đích đáng tội của họ cũng như tội của tổ phụ họ.

Isaiah 65:7

Đức Giê-hô-va đã làm gì và sẽ làm gì cho dân phản nghịch?

Ngài sẽ báo trả đích đáng tội của họ cũng như tội của tổ phụ họ.

Isaiah 65:9

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người được chọn của Ngài?

Họ sẽ hưởng được đất.

Isaiah 65:12

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho những kẻ đã từ bỏ Đức Giê-hô-va?

Ngài sẽ định cho chúng phải bị gươm đao, và chúng phải cúi xuống để bị giết.

Isaiah 65:13

Điều gì sẽ xảy ra cho đầy tớ của Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ ăn, uống, vui mừng và hét lên.

Điều gì nữa sẽ xảy đến cho đầy tớ của Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ đói và khát. Họ sẽ hổ thẹn và kêu la vì đau đớn, than khóc vì tâm linh tan nát.

Isaiah 65:14

Điều gì sẽ xảy ra cho đầy tớ của Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ ăn, uống, vui mừng và hét lên.

Điều gì nữa sẽ xảy đến cho đầy tớ của Đức Giê-hô-va?

Họ sẽ đói và khát. Họ sẽ hổ thẹn và kêu la vì đau đớn, than khóc vì tâm linh tan nát.

Isaiah 65:17

Đức Giê-hô-va sẽ dựng nên điều gì?

Đức Giê-hô-va sẽ tạo dựng trời mới đất mới.

Isaiah 65:18

Đầy tớ Đức Giê-hô-va đã thế nào với trời mới đất mới?

Họ sẽ vui mừng và hân hoan mãi mãi về những gì Đức Giê-hô-va đã tạo dựng.

Isaiah 65:21

Đầy tớ Đức Giê-hô-va đã thế nào với trời mới đất mới?

Họ sẽ vui mừng và hân hoan mãi mãi về những gì Đức Giê-hô-va đã tạo dựng.

Isaiah 65:22

Tuổi thọ của dân chúng là bao lâu?

Tuổi thọ của dân chúng sẽ như tuổi của cây.

Isaiah 65:24

Trong trời mới và đất mới Đức Giê-hô-va sẽ nghe và đáp lời dân Ngài khi nào?

Ngài sẽ nhậm lời họ trước khi họ kêu cầu Ngài, và khi họ đang nói, Ngài đã nghe rồi.

Isaiah 65:25

Sự khác biệt giữa các con thú trên núi thánh của Đức Giê-hô-va là gì?

Các con thú sẽ chẳng làm tổn hại và hủy phá. Muôn sói và chiên con sẽ ăn chung với nhau, sư tử sẽ ăn rơm như bò.

Chapter 66

Isaiah 66:1

Trời là ngai của Ta, đất là bệ chân Ta

Đức Giê-hô-va so sánh trời là ngai còn đất là bệ chân của Ngài để nhấn mạnh rằng Ngài vô cùng vĩ đại.

Các ngươi sẽ xây nhà thế nào cho Ta? Nơi nào sẽ làm chỗ nghỉ ngơi cho Ta?

Đức Giê-hô-va sử dụng những câu hỏi để nhấn mạnh rằng loài người không thể xây một nơi cho Ngài ngự.

Isaiah 66:2

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Tay Ta đã làm ra mọi điều nầy

"Tay" ở đây nói đến quyền phép và sức mạnh của Đức Giê-hô-va, không phải nói đến thân thể vật lý của Ngài.

Đức Giê-hô-va phán vậy

Hãy xem bạn đã dịch câu này trong ISA14:21

Là người khiêm nhường và có tâm linh thống hối

Ở đây từ "khiêm nhường" và "thống hối" nói đến một người thực sự khiêm nhường và chịu khốn khổ vì cớ niềm tin của mình.

Isaiah 66:3

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói.

kẻ giết người ... ưa thích những việc ghê tởm

Cả bốn câu nầy đều miêu tả những cách khác nhau mà kẻ ác làm và mang cùng một ý nghĩa dùng để nhấn mạnh.

Vì chúng đã chọn đường lối riêng cho mình

"Chúng đã chọn làm những điều ác vi phạm đường lối của Đức Giê-hô-va."

Isaiah 66:4

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về những kẻ ác.

Chúng đã làm điều ác dưới mắt Ta

"Mắt" ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va đang xem xét cách hành xử của chúng. Tương tự câu: "Chúng đã làm những điều Ta xem là ác"

Isaiah 66:5

Xin Đức Giê-hô-va được vinh quang

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Vinh quang dành cho Đức Giê-hô-va" hoặc "Nguyền xin Đức Giê-hô-va làm vinh hiển danh Ngài"

nhưng chính họ sẽ bị hổ thẹn

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Nhưng Ta sẽ khiến họ bị hổ thẹn"

Isaiah 66:6

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va miêu tả sự đoán phạt dành cho những kẻ giả hình trong sự thờ phượng.

Có tiếng ồn ào vang ra

Là âm thanh tượng trưng cho những trận đánh thực sự đang diễn ra trong đền thờ khi Đức Giê-hô-va thi hành sự đoán phạt.

Isaiah 66:7

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Trước khi chuyển dạ, người đàn bà đã sinh con; trước khi cơn quặn thắt đến, nàng đã sinh một trai

Đức Giê-hô-va nói về Si-ôn như thể nó là một người phụ nữ sắp sinh con. Cho dù Si-ôn đã bị phá hủy và mọi người không còn sống ở đó nữa, nhưng Đức Giê-hô-va hứa rằng Ngài sẽ không trì hoãn, và chỉ cần một chút cố gắng cả quốc gia sẽ được sinh ra từ thành nầy.

Ai đã từng nghe một việc như thế? Ai đã từng thấy những việc giống như vậy? Có đất nước nào chuyển dạ trong một ngày, Hay dân tộc nào được sinh ra trong một lúc không?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi để nhấn mạnh rằng sự kiện này độc đáo như thế nào? Cả chuỗi những câu hỏi này tạo nên sự căng thẳng cho tới khi Si-ôn được đề cập đến.

Isaiah 66:9

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về Si-ôn như thể đó là một người mẹ. (Xem: ISA66:07

Chính Ta đã khiến tử cung người mẹ mở ra ...sinh nở sao?

Đức Giê-hô-va sử dụng những câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài sẽ làm trọn lời hứa với dân Giê-ru-sa-lem.

Isaiah 66:10

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói về Giê-ru-sa-lem như thể đó là một người mẹ và dân cư của Giê-ru-sa-lem như một đứa trẻ mới sinh. (Xem: ISA66:07

Để các ngươi được bú và no nê, nơi vú của sự an ủi nó

Câu này nghĩa là Giê-ru-sa-lem sẽ là nơi an toàn và thoải mái cho con dân của Đức Chúa Trời. Câu này có thể viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Vì nó sẽ khiến ngươi thỏa lòng với sữa, và nó sẽ an ủi ngươi bằng bầu vú nó"

Isaiah 66:12

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về Giê-ru-sa-lem như thể nó là một người mẹ. (Xem: ISA66:07

như một dòng sông ... tràn ngập như dòng suối

Câu này nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ khiến dân các nước đem sự giàu có phong phú đến chảy mãi mãi như một dòng sông và dư dật.

Các con sẽ được bú, được bồng ẵm bên hông, và mơn trớn trên đầu gối

Câu này có nghĩa là Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành một nơi an toàn và thoải mái cho con dân của Đức Chúa Trời.

được bồng ẵm bên hông, và mơn trớn trên đầu gối

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "nó sẽ bồng ẵm ngươi bên hông và mơn trớn ngươi trên đầu gối nó"

Ta sẽ an ủi các con như người mẹ an ủi con mình, các con sẽ được an ủi tại Giê-ru-sa-lem

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "vậy nên Ta sẽ an ủi các con ở Giê-ru-sa-lem"

Isaiah 66:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói về những con dân trung tín của Đức Chúa Trời.

Xương cốt các ngươi sẽ nẩy nở

"Xương cốt" tượng trưng cho cả thân thể vì xương cốt là một phần của thân thể.

sẽ nẩy nở như cỏ non

"Cỏ non" lớn nhanh và mạnh, và được so sánh với sức khỏe cũng như sức sống của những con dân trung tín của Đức Chúa Trời.

Tay Đức Giê-hô-va sẽ được bày tỏ cho các đầy tớ Ngài

Ở đây từ "tay" nói đến quyền năng của Ngài. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ bày tỏ quyền năng của Ngài cho các đầy tớ Ngài."

Isaiah 66:15

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói về những con dân trung tín của Đức Chúa Trời.

ngự đến trong lửa

Sự xuất hiện của Đức Giê-hô-va trong Cựu Ước thường đi kèm cùng với lửa và tượng trưng cho cơn thịnh nộ và sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va.

như cơn gió lốc

Những cơn gió lốc tượng trưng cho hành động mạnh mẽ của Đức Giê-hô-va nhằm khiến cho sự đoán phạt của Ngài trở nên hiệu quả.

dùng gươm

"Gươm" là một vũ khí tượng trưng cho chiến tranh và giết chóc.

Và nhiều người sẽ chết bởi Đức Giê-hô-va

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ giết chết nhiều người."

Isaiah 66:17

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Những kẻ dọn mình cho sạch

"Những kẻ" ở đây là những người thờ phượng Đức Giê-hô-va nhưng chống nghịch lại luật pháp của Ngài.

để vào các khu vườn

Đây là một nơi để mọi người thờ lạy hình tượng.

một người đứng ở giữa

Ở đây miêu tả người lãnh đạo của những kẻ thờ lạy hình tượng.

Đức Giê-hô-va phán vậy

Hãy xem bạn đã dịch câu này thế nào trong ISA14:21

Isaiah 66:18

Còn Ta, Ta biết

"Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

việc làm ... ý tưởng của họ

"Họ" ở đây tức là những kẻ thờ lạy thần tượng, là những kẻ đạo đức giả mà Đức Giê-hô-va đã miêu tả trước đó.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Phun ... Lút ... Tu-banh ... Gia-van

Đây là tên các vùng đất ở xa nước Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 66:20

Chúng sẽ đem

"Chúng" ở đây tức là những dân ngoại đã sống và chứng kiến. Họ sẽ trở lại Giê-ru-sa-lem cùng với những người Y-sơ-ra-ên bị lưu đày.

núi thánh

Hãy xem bạn cách bạn đã dịch từ này trong ISA11:08

Isaiah 66:22

trời mới đất mới

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong ISA65:17

Đức Giê-hô-va phán vậy

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong ISA14:21

Isaiah 66:24

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va đã phán xong.

Họ sẽ đi ra

"Họ" ở đây tức là mọi dân tộc, những người Y-sơ-ra-ên trung tín và những dân ngoại, tức là những người đến thờ lạy Đức Giê-hô-va.

Sâu bọ ... lửa

Cả hai đều miêu tả cùng một ý để nhấn mạnh sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va..

sâu bọ trong xác họ

Sâu bọ tượng trưng cho sự thối rữa và mục nát đáng kinh khiếp, tức là sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va dành cho kẻ ác.

lửa thiêu đốt

Lửa cũng tượng trưng cho sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va.

không bao giờ tắt

Câu này có thể được viết rõ. Tương tự câu: "sẽ bị thiêu đốt mãi mãi"

mọi người

Sự diễn đạt nầy tượng trưng cho mọi vật sống chùn bước trước cái chết.

Translation Questions

Isaiah 66:2

Ai đã dựng nên trời và đất?

Đức Giê-hô-va đã làm tất cả những điều đó bằng chính tay của Ngài.

Đức Giê-hô-va đoái xem những người nào?

Đức Giê-hô-va đã đoái xem những người khiêm nhường và có tâm linh thống hối, người run sợ khi nghe lời Ngài phán.

Isaiah 66:3

Ê-sai đã dùng ví dụ nào cho người đạo đức giả?

Đức Giê-hô-va phán rằng những ai làm thịt một con bò giống như kẻ giết người, kẻ dâng chiên con làm sinh tế giống như kẻ bẻ cổ một con chó. Kẻ dâng tế lễ chay giống như kẻ dâng huyết heo, và kẻ xông hương giống như kẻ thờ thần tượng.

Isaiah 66:5

Các anh em đã làm gì với những kẻ đã run sợ trước lời của Đức Giê-hô-va?

Anh em của họ là kẻ ghét họ và loại bỏ họ là những kẻ run sợ trước lời của Đức Giê-hô-va.

Isaiah 66:6

Tiếng ồn từ trong thành và tiếng phát ra từ đền thờ là gì?

Đó là tiếng ồn ào vang ra từ trong thành là tiếng của Đức Giê-hô-va, Đấng báo trả những kẻ thù Ngài.

Isaiah 66:10

Tại sao tất cả những người yêu mến Giê-ru-sa-lem lại vui mừng và hân hoan với nó?

Tất cả nên vui mừng với Giê-ru-sa-lem và hân hoan và cùng hớn hở vui mừng, để các ngươi được bú và no nê, nơi vú của sự an ủi nó, để các ngươi được uống và thỏa thích từ nguồn sung mãn vinh quang của nó.

Isaiah 66:11

Tại sao tất cả những người yêu mến Giê-ru-sa-lem lại vui mừng và hân hoan với nó?

Tất cả nên vui mừng với Giê-ru-sa-lem và hân hoan và cùng hớn hở vui mừng, để các ngươi được bú và no nê, nơi vú của sự an ủi nó, để các ngươi được uống và thỏa thích từ nguồn sung mãn vinh quang của nó.

Isaiah 66:12

Đức Giê-hô-va sẽ truyền phán điều gì khắp xứ Giê-ru-sa-lem?

Đức Giê-hô-va sẽ cho sự bình an tuôn chảy đến Giê-ru-sa-lem như dòng sông, và vinh quang của các nước tràn ngập như dòng suối.

Isaiah 66:16

Đức Giê-hô-va dùng gì để xét xử mọi xác thịt?

Ngài sẽ dùng lửa và gươm.

Isaiah 66:18

Tại sao Đức Giê-hô-va tập hợp tất cả các nước và các thứ tiếng?

Đức Giê-hô-va sẽ tập hợp tất cả các nước và các thứ tiếng để họ đến và được thấy vinh quang Ngài, để những người sống sót có thể trở về nước của họ và loan báo vinh quang của Đức Giê-hô-va giữa các nước.

Isaiah 66:19

Tại sao Đức Giê-hô-va tập hợp tất cả các nước và các thứ tiếng?

Đức Giê-hô-va sẽ tập hợp tất cả các nước và các thứ tiếng để họ đến và được thấy vinh quang Ngài, để những người sống sót có thể trở về nước của họ và loan báo vinh quang của Đức Giê-hô-va giữa các nước.

Isaiah 66:20

Ai được dâng lên cho Đức Giê-hô-va?

Các anh em của Y-sơ-ra-ên từ mọi nước sẽ được dâng như một lễ vật lên Đức Giê-hô-va.

Isaiah 66:23

Mọi xác thịt sẽ làm gì từ ngày trăng mới này đến ngày trăng mới kia, từ ngày Sa-bát nọ đến ngày Sa-bát kia?

Mọi xác thịt sẽ đến thờ lạy trước mặt Đức Giê-hô-va từ ngày trăng mới này đến ngày trăng mới kia, từ ngày Sa-bát nọ đến ngày Sa-bát kia.

Isaiah 66:24

Điều gì sẽ xảy ra với xác của những kẻ phản loạn chống lại Đức Giê-hô-va?

Sâu bọ trong xác họ không bao giờ chết, lửa thiêu đốt họ.

Chapter 1

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 1:1
Hinh-kia ... A-môn
Tên của những người nam
A-na-tốt
Tên thành
Lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va phán"
Đến với ông
"đến với Giê-rê-mi"
thứ mười ba ... thứ mười một
thời trị vì của ông
"thời trị vì của Giô-si-a"
Nó cũng đến
"Lời của Đức Giê-hô-va cũng đến"
tháng thứ năm
Đây là tháng thứ năm trong lịch Hê-bơ-rơ, khoảng cuối tháng bảy và đầu tháng tám của lịch phương Tây.
Thời Sê-đê-kia
"Thời trị vì của Sê-đê-kia"
Jeremiah 1:4
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Đến cùng tôi
"đến cùng Giê-rê-mi"
Tạo nên
"hình thành nên" hoặc "nắn nên"
Jeremiah 1:7
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
"điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán" hoặc "điều Đức Giê-hô-va phán"
Jeremiah 1:9
Đã đặt lời ta trong miệng con
Gợi ý dịch: "ban cho con sứ điệp của ta để rao giảng cho dân chúng".
Bứng gốc
Kéo hết cả cây lên khỏi đất, trái ngược với từ “trồng”
phá sập
Trái ngược với “xây dựng”
Tiêu diệt và lật đổ
Giê-rê-mi dùng những từ gần như có ý nghĩa như nhau này để thể hiện rằng điều đó chắc chắn sẽ xảy ra.
Jeremiah 1:11
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Con thấy một nhánh cây hạnh
Đức Giê-hô-va cho Giê-rê-mi nhìn thấy một khải tượng thuộc linh.
Cây hạnh
Cây hạnh nhận
Vì ta đang trông chừng lời ta
Trong tiếng Hơ-bơ-rơ từ “cây hạnh” và “canh chừng” gần như phát âm như nhau. Đức Chúa Trời muốn mỗi khi Giê-rê-mi nhìn thấy nhánh cây hạnh thì nhớ rằng Đức Chúa Trời muốn lời Ngài được kết quả.
Jeremiah 1:13
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Jeremiah 1:15
Tất cả mọi người
Các lãnh đạo của hết thảy vương quốc phía bắc.
Sẽ đặt ngai mình tại lối vào các cổng thành
Gợi ý dịch: "sẽ ngồi phán xét tại lối vào của thành"
Tuyên án trên chúng
"công bố ta sẽ phạt chúng thế nào"
Jeremiah 1:17
Chớ bị tan vỡ ... ta sẽ làm tan vỡ
"Đừng khiếp sợ ... ta sẽ làm khiếp sợ"
Tan vỡ
Vỡ thành những mảnh nhỏ
Nầy!
"Hãy chú ý!"
Sắt ... đồng
Những kim loại cứng nhất được biết đến trong thời bấy giờ
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Translation Questions

Jeremiah 1:1
Giê-rê-mi làm việc gì?
Giê-rê-mi là một thầy tế lễ.
Jeremiah 1:2
Ai đã làm vua khi lời của Đức Giê-hô-va đến với Giê-rê-mi?
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi khi Giô-si-a làm vua.
Jeremiah 1:5
Đức Giê-hô-va chọn Giê-rê-mi làm tiên tri khi nào?
Đức Giê-hô-va chọn Giê-rê-mi trước khi ông ra đời.
Jeremiah 1:6
Tại sao Giê-rê-mi nói ông không đủ khả năng?
Ông nói ông còn rất trẻ.
Jeremiah 1:7
Đức Giê-hô-va đã phán điều gì với Giê-rê-mi?
Đức Giê-hô-va đã phán với ông rằng hãy nói những gì Ngài truyền cho ông nói.
Jeremiah 1:8
Tại sao Giê-rê-mi không nên sợ?
Ông không nên sợ hãi vì Đức Giê-hô-va sẽ ở cùng ông và giải cứu ông.
Jeremiah 1:9
Đức Giê-hô-va đã đặt điều gì trong miệng Giê-rê-mi?
Đức GIê-hô-va đã đặt lời Ngài trong miệng Giê-rê-mi.
Jeremiah 1:11
Giê-rê-mi đã thấy gì?
Ông đã thấy một cây gậy bằng cây hạnh.
Jeremiah 1:12
Đức Giê-hô-va làm gì với lời của Ngài?
Ngài sẽ làm trọn.
Jeremiah 1:14
Cái nồi nước sôi mà Giê-rê-mi thấy có ý nghĩa gì?
Cái nồi là một hình ảnh của hoạn nạn sắp xảy đến.
Jeremiah 1:15
Các nước phương bắc sẽ làm gì khi Đức Giê-hô-va gọi họ?
Họ sẽ đến và đặt ngôi của mình tại Giê-ru-sa-lem và Giu-đa.
Jeremiah 1:16
Tại sao Đức Giê-hô-va chống lại GIê-ru-sa-lem và Giu-đa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài sẽ rao sự đoán xét họ vì họ đã không vâng lời Ngài.
Jeremiah 1:19

Mọi người sẽ làm gì sau khi Giê-rê-mi đối đầu với họ?
Mọi người sẽ chống lại ông.

Chapter 2
Jeremiah 2:1
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Cùng tôi
Cùng Giê-rê-mi
Hãy đi và tuyên bố vào tai Giê-ru-sa-lem
Gợi ý dịch: "Hãy đi và nói với dân ở Giê-ru-sa-lem"
Vì ngươi
"vì ích lợi cho ngươi" hoặc "vì quyền lợi của ngươi"
Khi chúng ta đính ước
"khi chúng ta đồng ý sẽ cưới nhau", khi dân Y-sơ-ra-ên yêu mến Ngài và chung thủy với Ngài
vùng đất không gieo trồng
Gợi ý dịch: "vùng đất không ai gieo giống" hoặc "vùng đất không trồng trọt lương thực"
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 2:4
nhà Gia-cốp và mọi gia tộc trong nhà Y-sơ-ra-ên
Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng chúng để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "hỡi hết thảy dòng dõi của Gia-cốp"
Tổ phụ các ngươi có thấy điều bất chính nào trong ta không mà chúng đã lìa xa ta? Chúng đi theo các hình tượng vô ích và trở thành những kẻ vô giá trị?
Gợi ý dịch: "Ta không làm điều bất chính nào cho tổ phụ các ngươi để họ phải xúc phạm ta bằng cách bất tuân lời ta, quay sang thờ phượng các thần tượng vô ích và trở thành những kẻ vô giá trị!"
Vô ích
"vô dụng"
Đức Giê-hô-va đâu rồi? Ấy là Đấng đã đem chúng ta … Ai Cập. Đức Giê-hô-va đâu rồi? Ấy là Đấng dắt chúng ta … ở.
"Chúng ta cần tìm kiếm Đức Giê-hô-va muốn chúng ta làm gì. Ngài là Đấng đã đem chúng ta .. Ai Cập, và Ngài là Đấng dắt chúng ta … ở."
Jeremiah 2:7
Nhưng khi vào đó, các ngươi đã làm ô uế đất ta, các ngươi đã làm cho sản nghiệp ta trở nên ghê tởm!
Gợi ý dịch: "Ở đó các ngươi đã phạm tội và làm ô uế đất ta đã ban cho!"
Các thầy tế lễ không buồn hỏi: 'Đức Giê-hô-va ở đâu?' Những chuyên gia luật pháp không còn biết đến Ta nữa!
Gợi ý dịch: Các thầy tế lễ và những nhà lãnh đạo tôn giáo không muốn nhận biết ta".
Đức Giê-hô-va ở đâu?
"Chúng ta cần vâng theo Đức Giê-hô-va!"
Những kẻ chăn phạm tội cùng ta
"Những người lãnh đạo của chúng phạm tội cùng ta"
Những kẻ chăn
"Những người lãnh đạo"
Và đi theo những thứ vô ích
Gợi ý dịch: và cầu nguyện với các thần không thể giúp đỡ chúng"
Đi theo
"vâng theo"
Jeremiah 2:9
Vì vậy ta sẽ vẫn buộc tội các ngươi
"Vì thế, ta sẽ vẫn buộc tội nhà Y-sơ-ra-ên"
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
con cháu của con cháu các ngươi
"các thế hệ tương lai"
Vượt qua các bờ biển Kít-tim
"vượt qua đại dương và đảo Kít-tim"
Kít-tim
Chíp-rơ
Kê-đa
Vùng đất nằm về phía cực đông của Y-sơ-ra-ên.
Có dân tộc nào thay đổi thần … thần không?
"Các ngươi sẽ thấy chẳng có dân tộc nào từng thay đổi … thần".
vinh quang của chúng
Ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời, là "vinh quang" của dân Y-sơ-ra-ên.
Không thể giúp đỡ chúng
"các thần không thể giúp đỡ chúng"
Jeremiah 2:12
Hỡi các tầng trời, hãy kinh ngạc về việc nầy! Hãy rúng động và thật sự bàng hoàng
Người nói chuyển sang nói với các từng trời như thể nó là con người.
Đã lìa bỏ nguồn nước
Gợi ý dịch: "đã lìa bỏ ta, nguồn nước của chúng"
Tự đào bể chứa nước
Các thần tượng được ví như bể chứa nước bị rạn nứt. Gợi ý dịch: thờ phượng các thần hư không"
bể chứa nước
"hố sâu để chứa nước"
Jeremiah 2:14
Y-sơ-ra-ên có phải là một tên nô lệ, hoặc một kẻ tôi đòi sinh ra trong nhà chủ không? Thế tại sao nó lại trở thành của cướp bóc?
Gợi ý dịch: "Dân Y-sơ-ra-ên các ngươi không phải sinh ra là nô lệ nhưng bây giờ các ngươi bị kẻ thù mình cướp đi"
tại sao nó lại trở thành của cướp bóc?
Gợi ý dịch: "Tại sao mọi thứ ngươi có bị cướp đi?"
Các sư tử tơ gầm lên chống lại nó. Chúng rống lên và làm cho đất nó trở nên ghê rợn. Các thành nó bị tiêu hủy, không người ở.
Gợi ý dịch: "Kẻ thù tấn công các ngươi gầm lên như sư tử tơ. Chúng phá hoại đất của các ngươi và thiêu hủy thành của các ngươi để không ai có thể ở được."
Các sư tử tơ gầm lên
Gầm là tiếng kêu lớn của động vật hoang dã.
Người ở
Người sống ở một nơi nào đó
Mem-phít và Ta-ban-hê
Các thành phố ở Ai Cập
Sẽ cạo trọc đầu ngươi
Người Ai Cập cạo đầu những nô lệ của mình để đánh dấu họ là nô lệ.
Sẽ cạo trọc đầu ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bản Hê-bơ-rơ được một số bản hiện đại dịch là “đập bể đầu ngươi”.

Chẳng phải chính ngươi đã tự gây ra điều đó cho mình vì lìa bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời, khi Ngài đang dắt ngươi trên đường đó sao?

Gợi ý dịch: "Ngươi đã tự gây ra điều đó cho mình vì từ bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ngươi trong khi Ngài đang dắt ngươi trên đường".

Jeremiah 2:18

Và bây giờ, vì sao ngươi đi đến Ai Cập và uống nước của Si-ho? Vì sao ngươi qua A-si-ri và uống nước sông Ơ-phơ-rát?

Gợi ý dịch: "Ngươi không nên đến Si-ho lập đồng minh với những người lãnh đạo Ai Cập. Ngươi không nên đến sông Ơ-phơ-rát để liên minh với A-si-ri!

Si-ho

Biên giới phía tây nam của Ca-na-an, một dòng sông khô hạn

Sự gian ác của ngươi quở trách ngươi và sự bội bạc ngươi trừng phạt ngươi.

Cả hai cụm từ này có nghĩa là sự trừng phạt của họ là kết quả cho hành vi gian ác của họ. Gợi ý dịch: "Vì ngươi gian ác và bội bạc nên ta sẽ trừng phạt ngươi."

xấu xa và cay đắng

Từ “cay đắng” mô tả cho từ “xấu xa”. Gợi ý dịch: "gian ác cách đắng cay” hoặc "vô cùng gian ác."

Kinh sợ

Khiếp sợ

Jeremiah 2:20

Vì ta đã bẽ ách ngươi mang ngày xưa, ta đã bứt đứt xiềng xích cho ngươi, nhưng ngươi lại nói: ‘Tôi sẽ không phục vụ!’

Gợi ý dịch: "Từ lâu ta đã giải phóng ngươi khỏi ách nô lệ, nhưng ngươi vẫn không chịu thờ phượng ta!"

Vì ngươi cúi lạy trên mọi đồi cao, dưới mọi lùm cây rậm lá, ngươi là kẻ ngoại tình

"Ngươi cúi lạy các thần tượng và thờ phượng chúng như người vợ ngoại tình cư xử với chồng mình"

Xiềng xích

Dây xích để cầm giữ một người hay một con thú

Bên dưới

ở dưới

Còn ta đã trồng ngươi như một cây nho tuyển, một giống nho thuần chủng

Gợi ý dịch: " Ta, Đức Giê-hô-va, đã cho ngươi một khởi đầu tốt đẹp"

Đã trồng

Chôn xuống đất để mọc lên

Kẻ bất trung từ cây nho hoang!

Gợi ý dịch: "ngươi trở nên giống như cây nho thối, vô giá trị."

Bất trung

Phản bội, dối trá

Tội lỗi ngươi là một vết nhơ

Gợi ý dịch: "ngươi vẫn có tội"

Vết nhơ

Ở đây vết nhơ tượng trưng cho việc luôn ghi nhớ tội lỗi của Y-sơ-ra-ên.

Lời truyền phán của Chúa Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 2:23

Đi theo

"thờ phượng"

Hãy nhìn vào việc làm của ngươi nơi thung lũng! Hãy biết rõ điều ngươi đã làm, như con lạc đà lanh lẹ chạy lung tung!

Gợi ý dịch: "Ngươi phải nhìn vào những việc ngươi đã làm dưới thung lũng ngoài Giê-ru-sa-lem. Ngươi chạy tới chạy lui tìm kiếm điều này điều kia như lạc đà tơ lanh lẹ không biết mình đi đâu”.

Lanh lẹ

"nhanh" hoặc "lẹ làng"

Ngươi là con lừa rừng quen nơi đồng hoang, khao khát sự sống và hổn hển theo cơn gió vô ích! Ai có thể xây nó trở lại khi nó động dục? Những ai tìm nó không cần mệt nhọc. Chúng đến tìm nó trong tháng nó động dục.

Gợi ý dịch: "Ngươi như con lừa cái tơ sống trong hoang mạc. Khi động dục thì mất kiểm soát, liên tục đánh hơi gió để tìm đực. Những con lừa đực chẳng cần đuổi theo nó vì nó sẽ tự tìm đến chúng."

Khao khát

"khao khát mãnh liệt"

Hổn hển

Thở nhanh và mạnh

Ngươi phải giữ chân ngươi không đi chân đất, cổ ngươi không bị khát! Nhưng ngươi nói: ‘Vô ích! Tôi đã yêu thích những người lạ và sẽ đi theo chúng!

Gợi ý dịch: "Ta đã bảo ngươi ngừng chạy đây đó theo đuổi các tà thần, vì cuối cùng sẽ làm mòn giày ngươi và khiến ngươi phải khát. Nhưng ngươi nói cùng ta rằng “Chúng tôi không thể kìm hãm lại được. Chúng tôi phải đi theo các thần Ba-anh và thờ phượng họ!'"

Khát

Cần nước

Những người lạ

Những người chúng tôi chưa từng gặp

Jeremiah 2:26

khi bị phát hiện

"khi bị bắt gặp"

Chúng

"dân chúng"

Đây là những kẻ nói với cây rằng ‘Ngài là cha tôi,’ với cục đá rằng ‘Ngài đã sinh ra tôi’

Gợi ý dịch: "Đây là những người nói với khúc gỗ được đục đẽo rằng “Ngài là cha tôi”, với cục đá được chạm khắc rằng “Ngài đã sinh ra tôi”.

chúng đã quay lưng thay vì xoay mặt lại với Ta

Gợi ý dịch: "chúng quay đi, không thờ phượng ta” hoặc “chúng quay đi nên ta chỉ thấy lưng của chúng chứ chẳng thấy mặt chúng”

Hãy chỗi dậy, cứu lấy chúng tôi!

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va xin hãy đến cứu chúng tôi."

Jeremiah 2:29

Vậy sao các ngươi buộc tội ta? Tất cả các ngươi đều phạm tội cùng ta

Gợi ý dịch: "Hỡi Y-sơ-ra-ên, ngươi nói ta đã sai khi không giải cứu ngươi lúc ngươi kêu cầu, trong khi ngươi liên tục phạm tội cùng ta."

Phá hại

Sức gây thiệt hại lớn

Hỡi các người trong thế hệ nầy! Hãy chú ý vào lời ta, là lời của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "Hỡi nhà Giu-đa, ngươi phải chú ý vào điều ta

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nói cùng ngươi."
Có phải đối với Y-sơ-ra-ên, ta là một hoang mạc? Hay một vùng đất tối tăm mù mịt
Gợi ý dịch: "Ta chưa bao giờ từ bỏ ngươi trong hoang mạc hay để ngươi lại trong vùng đất tối tăm mù mịt"
Vì sao dân ta lại nói: ‘Hãy để chúng tôi đi loanh quanh, chúng tôi sẽ không đến với Ngài nữa’?
Gợi ý dịch: "Vì sao các ngươi nói ‘Chúng tôi có thể đi nơi nào chúng tôi muốn và không thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa’?"
Đi loanh quanh
Đi vòng quanh hoặc đi đến những nơi khác nhau, thường không có mục đích hay định hướng cụ thể
Jeremiah 2:32
Có trinh nữ nào quên đồ trang sức, hay có cô dâu nào quên chiếc lúp của mình không?
Đức Giê-hô-va bắt đầu quở trách dân Ngài vì đã quên Ngài
Những ngày không đếm được
"rất lâu rồi"
Ngươi thật khéo vạch đường mở lối để tìm kiếm tình yêu. Ngươi còn dạy các đường lối đó cho cả những người đàn bà xấu nết.
Đức Giê-hô-va nói rằng dân Y-sơ-ra-ên thật giỏi theo đuổi các tà thần đến nỗi có thể bày cho một kỹ nữ cách tìm kiếm khách hàng
Máu là mạng sống của người nghèo vô tội được tìm thấy trên quần áo ngươi
Gợi ý dịch: "Ngươi phạm tội giết người nghèo vô tội, là những người không làm hại gì đến ngươi." Đức Giê-hô-va đang nói rằng dân Y-sơ-ra-ên đã giết những người không làm gì chống lại họ.
Họ không bị bắt quả tang ăn trộm.
Gợi ý dịch: "Ngươi không bắt quả tang họ ăn trộm"
Jeremiah 2:35
Tôi
"Chúng tôi"
Cơn giận của Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ lìa khỏi tôi
Gợi ý dịch: "Chắc chắn Đức Giê-hô-va sẽ hết nổi giận cùng tôi"
Phán xét
"trừng phạt nặng nề"
Vì
"bởi vì"
Tôi
"Chúng tôi"
Sao ngươi xem nhẹ việc thay đổi đường lối mình như thế?
Đức Giê-hô-va quở trách dân Y-sơ-ra-ên vì họ cầu cứu từ nước này sang nước khác mà không nhờ cậy Đức Chúa Trời giúp đỡ.
Nhẹ
Không quan tâm hay suy nghĩ
Thất vọng
Cảm thấy buồn hay không vui vì vua Ai Cập không đồng ý bảo vệ họ.
Ngươi cũng sẽ đi ra từ đó
Gợi ý dịch: "Ngươi sẽ đi ra từ Ai Cập"
Chán nản
Buồn rầu vì ngươi không nhận được ích lợi gì từ lời hứa giúp đỡ của người Ai Cập.
chắp tay trên đầu
Hình ảnh này cho thấy một ngươi buồn rầu

Translation Questions

Jeremiah 2:2
Đức Giê-hô-va đã nhớ điều gì về Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va đã nhớ lại rằng trước kia họ đã yêu mến Ngài.
Jeremiah 2:3
Điều gì sẽ xảy ra cho dân Y-sơ-ra-ên?
Tai vạ sẽ lâm trên họ.
Jeremiah 2:4
Đức Giê-hô-va muốn nhà GIa-cốp nói với Ngài điều gì?
Đức Giê-hô-va muốn nhà Gia-cốp nói với Ngài rằng những điều Ngài làm là sai.
Jeremiah 2:5
Đức Giê-hô-va muốn nhà GIa-cốp nói với Ngài điều gì?
Đức Giê-hô-va muốn nhà Gia-cốp nói với Ngài rằng những điều Ngài làm là sai.
Jeremiah 2:7
Mọi người làm gì khi Đức Giê-hô-va đem họ đến vùng đất Cạt-mên?
Họ làm ô uế đất.
Jeremiah 2:8
Những tiên tri đã nói tiên tri với ai?
Các tiên tri đã nhân danh Ba-anh mà nói tiên tri.
Jeremiah 2:11
Dân của Đức Giê-hô-va đã đổi vinh hiển của họ cho điều gì?
Dân của Đức Giê-hô-va đã đổi vinh hiển của họ cho những điều vô ích.
Jeremiah 2:13
Dân của Đức Giê-hô-va đã phạm hai điều ác nào?
Dân của Ngài đã lìa bỏ nguồn nước sống mà tự đào các bể chứa.
Jeremiah 2:15
Kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì với họ?
Họ làm cho dân Y-sơ-ra-ên trở thành nô-lệ
Chuyện gì đã xảy ra với thành phố Y-sơ-ra-ên?
Thành phố của họ đã bị phá hủy, không có người ở nữa.
Jeremiah 2:20
Đoàn dân nói gì sau khi Đức Giê-hô-va bẻ ách của họ và bứt xiềng của họ?
Họ nói: "Tôi không vâng phục nữa!"
Jeremiah 2:23
Đức GIê-hô-va nói về dân Y-sơ-ra-ên như con vật gì?
Ngài nói rằng họ giống như con lạc đà và lừa cái rừng.
Jeremiah 2:24
Đức GIê-hô-va nói về dân Y-sơ-ra-ên như con vật gì?
Ngài nói rằng họ giống như con lạc đà và lừa cái rừng.
Jeremiah 2:26
Nhà Y-sơ-ra-ên có tội gì mà xấu hổ?
Họ xấu hổ về việc thờ cúng cây gỗ và đá.
Jeremiah 2:28
Nhà Y-sơ-ra-ên có tội gì mà xấu hổ?
Họ xấu hổ về việc thờ cúng cây gỗ và đá.
Jeremiah 2:29
Đức Giê-hô-va đã tuyên phán điều gì?
Tất cả các ngươi thảy đều phạm tội nghịch cùng ta.
Jeremiah 2:30

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vì sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài đã phạt những kẻ vô ích?
Ngài đã phạt họ nhưng vì họ không chịu sự dạy dỗ.
Jeremiah 2:34
Mọi người đã làm gì với người vô tội và người nghèo?
Họ đã giết người vô tội và người nghèo.
Jeremiah 2:35
Tại sao dân chúng laki nghĩ rằng cơn giận của Đức Giê-hô-va sẽ lìa khỏi họ?
Vì họ nghĩ rằng họ vô tội.

Chapter 3
Jeremiah 3:1
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va nói tiếp theo chương trước, Giê-rê-mi 2
Chẳng phải người đàn bà ấy đã hoàn toàn ô uế sao?
Gợi ý dịch: "Người đàn bà ấy hoàn toàn ô uế"
Người đàn bà ấy là đất nầy!
"Đất nầy giống người đàn bà ấy!" Tức là, Đức Giê-hô-va đem dân Giu-đa trở lại giống như người đàn ông lấy lại người vợ đã ly dị trước đó.
Ngươi đã hành động như gái điếm
"Ngươi đã đặt tình yêu và đức tin nơi các thần tượng giống như gái điếm trao thân cho người không phải chồng mình"
Ngươi còn muốn trở lại cùng ta sao?
Gợi ý dịch: "Ta sẽ không chấp nhận khi ngươi tìm cách trở lại cùng ta."
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Hãy ngước mắt lên
"Hãy nhìn lên"
Có nơi nào mà ngươi chẳng hành dâm?
"Ngươi giống như người phụ nữ đi khắp nơi cho những người đàn ông hãm hiếp và ngủ với mình!"
Người Ả-rập
Ở đây chỉ về những băng cướp ở Ả-rập.
Jeremiah 3:3
Người đàn bà lăng nhăng
Ngủ với nhiều bạn tình
Nầy!
"hãy chú ý" hoặc "nghe đây"
Jeremiah 3:6
Nó đi
Dân Y-sơ-ra-ên đi
mọi núi cao và dưới mỗi lùm cây rậm lá
Các đỉnh đồi và những bóng cây thường là chỗ thờ thần tượng.
Em gái bất trung của nó là Giu-đa đã thấy
"dân Giu-đa cũng là những kẻ không vâng lời ta đã thấy"
Jeremiah 3:8
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Y-sơ-ra-ên bội đạo
"Y-sơ-ra-ên, ngươi đã hoàn toàn không vâng phục ta nữa"
Phản nghịch
Bất trung
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 3:13
Vừa lòng ta
Có thể là “kẻ yêu mến điều ta yêu mến” hoặc “kẻ muốn làm ta vui lòng”.
Jeremiah 3:16
Sẽ gia tăng và kết quả
Cụm từ “kết quả” là cách nói có nghĩa là họ sẽ “gia tăng” về số lượng. Gợi ý dịch: "sẽ gia tăng thêm nhiều."
Jeremiah 3:17
nhà Giu-đa sẽ cùng đi với nhà Y-sơ-ra-ên
"dân Giu-đa sẽ sống cùng dân Y-sơ-ra-ên"
Jeremiah 3:19
Về phần ta
Từ “ta” chỉ về Đức Giê-hô-va
Cho ngươi làm con trai ta ... như người đàn bà
Ở đây chuyển giới tính từ nam sang nữ để nhấn mạnh.
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 3:21
Có tiếng
"Người ta nghe thấy tiếng"
khóc lóc và cầu khẩn
"khóc lóc và cầu xin lớn tiếng"
Nầy!
Từ này hướng chúng ta chú ý vào thông tin ngạc nhiên theo sau.
Jeremiah 3:23
Chỉ có sự dối trá ở những ngọn đồi
Người ta mong chờ sự hướng dẫn và đạt dược gì đó từ việc thờ phượng thần tượng nhưng chỉ tìm thấy sự dối trá.
Hãy để chúng con nằm trong sự xấu hổ. Nguyện sự xấu hổ bao trùm chúng con
Những câu này có ý nghĩa tương tự nhau, nhấn mạnh rằng họ hoàn toàn nhận biết hành vi đáng xấu hổ của mình. Gợi ý dịch: "Hãy để chúng con hoàn toàn nhục nhã"
từ khi còn trẻ
"lúc bắt đầu của dân tộc"
tiếng của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "điều Đức Giê-hô-va phán"

Translation Questions

Jeremiah 3:1
Vị tiên tri đã so sánh dân sự với loại phụ nữ nào?
Ông so sánh họ với một người đàn bà bị chồng bỏ.
Jeremiah 3:3
Tại sao không có mưa?
Không có mưa bởi vì dân chúng không cảm thấy xấu hổ về tội lỗi mà họ gây ra.
Jeremiah 3:5
Tại sao không có mưa?
Không có mưa bởi vì dân chúng không cảm thấy xấu hổ về tội lỗi mà họ gây ra.
Jeremiah 3:6
Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì trên các ngọn núi và dưới mỗi cây xanh?
Dân Y-sơ-ra-ên đã hành động như một người phụ nữ duyên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dáng thờ lạy tà thần.
Jeremiah 3:8
Đức Chúa Trời đã làm gì với Y-sơ-ra-ên?
Ngài đã từ bỏ Y-sơ-ra-ên.
Giu-đa đã làm gì sau khi Đức Giê-hô-va từ bỏ Y-sơ-ra-ên?
Giu-đa cũng đã làm như Y-sơ-ra-ên đã làm.
Jeremiah 3:10
Giu-đa đã làm gì sau khi Đức Giê-hô-va từ bỏ Y-sơ-ra-ên?
Giu-đa cũng đã làm như Y-sơ-ra-ên đã làm.
Jeremiah 3:12
Đức Giê-hô-va đã gọi Y-sơ-ra-ên làm gì?
Ngài gọi họ trở lại.
Jeremiah 3:13
Dân chúng phải làm gì khi họ trở lại?
Họ phải thừa nhận tội lỗi của mình.
Jeremiah 3:15
Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ điều gì nếu họ trở lại?
Ngài sẽ ban cho họ những người chăn vừa lòng Ngài cho họ.
Jeremiah 3:16
Họ nghĩ như thế nào về hòm giao ước?
Họ sẽ không còn nghĩ về nó nữa.
Jeremiah 3:17
Điều gì sẽ xảy ra với GIê-ru-sa-lem?
Hết thảy các nước sẽ đều nhóm lại tại Giê-ru-sa-lem.
Jeremiah 3:18
Liệu Giu-đa và Y-sơ-ra-ên vẫn còn là kẻ thù?
Không, họ sẽ đồng đi với nhau.
Jeremiah 3:19
Đức Giê-hô-va muốn tôn trọng dân Ngài như thế nào?
Ngài muốn tôn trọng họ theo cách mà một người cha tôn trọng con trai mình.
Jeremiah 3:21
Tiếng ồn được nghe thấy ở đồng bằng là gì?
Sự khóc lóc cầu khấn của dân Y-sơ-ra-ên từ đồng bằng.
Jeremiah 3:24
Điều igf xảy ra với những công việc của tổ phụ họ đã làm?
Các thần tượng đã tiêu nuốt hết tất cả những thứ mà tổ phụ họ đã làm.
Jeremiah 3:25
Dân chúng cùng tổ phụ của họ đã làm gì?
Họ đã không lắng nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời họ.

Chapter 4
Jeremiah 4:1
Hỡi Y-sơ-ra-ên, nếu ngươi quay lại
"Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, nếu ngươi trở lại cùng ta” hoặc “Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, nếu ngươi thay đổi cách sống"
Vậy phải trở về cùng ta
Có thể là 1) câu này lặp lại vế đầu tiên: "nếu ngươi trở lại cùng ta". Gợi ý dịch: "thì trở lại cùng ta" hoặc "thì bắt đầu trở lại thờ phượng ta" hoặc 2) đây là một mệnh lệnh “vậy hãy trở về cùng ta”.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Nếu ngươi dẹp bỏ những việc ghê tởm khỏi mặt ta
Cụm từ này nói các thần tượng như những vật đáng gớm ghét. Gợi ý dịch: "Hãy dẹp bỏ những thần tượng ghê tởm khỏi mặt ta"
Chớ đi lầm lạc khỏi ta nữa
"Lầm lạc" là phép ẩn dụ chỉ về việc không trung thành. Gợi ý dịch: "hãy trung thành với ta"
Hãy cày ruộng ngươi và đừng gieo giữa gai góc
Đức Giê-hô-va nói dân chúng chuẩn bị đời sống mình giống như người nông dân vỡ đất chuẩn bị gieo trồng.
Jeremiah 4:4
Hãy cắt bì vì Đức Giê-hô-va, cắt bỏ dương bì khỏi lòng dạ các ngươi
Đức Giê-hô-va dùng dấu giao ước để nói về sự tận hiến của dân sự cho Ngài. Gợi ý dịch: "Hãy hết lòng tận hiến chính mình cho Đức Giê-hô-va"
Hãy cắt bì ... cắt bỏ dương bì khỏi lòng dạ các ngươi
Hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mệnh lệnh đó.
Hãy cắt bì vì Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "Hãy cắt bì chính mình vì Đức Giê-hô-va"
cơn giận ta sẽ phừng lên như lửa
Cơn giận của Đức Giê-hô-va sẽ như lửa thiêu hủy mọi thứ. Gợi ý dịch: "những việc ta làm vì cơn tức giận sẽ giống như lửa"
Hãy loan báo trong Giu-đa và công bố trong Giê-ru-sa-lem
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mệnh lệnh đó.
công bố trong Giê-ru-sa-lem
Gợi ý dịch: "khiến dân Giê-ru-sa-lem nghe thấy"
tai họa ... sự tàn phá khủng khiếp
Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Cụm từ “sự tàn phá khủng khiếp” làm rõ “tai họa” đó là gì.
từ phương bắc
ở đây muốn nói quân đội của kẻ thù sẽ đến từ phương bắc.
Jeremiah 4:7
Sư tử đang đến
Gợi ý dịch: "quân đội hùng mạnh và tàn nhẫn đang đến"
Bụi râm
Một nhóm cây bụi rậm mọc gần nhau.
Xuất quân
Gợi ý dịch: "bắt đầu hành quân"
Kinh khủng
Sợ hãi, kinh khiếp và sửng sốt
Kêu van
Tiếng kêu lớn và dài thể hiện sự buồn rầu và ăn năn vì đã phạm tội.
Jeremiah 4:9
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Gươm giết hại mạng sống họ
"kẻ thù đã sẵn sàng cầm gươm giết chúng ta"
Jeremiah 4:11
sẽ có lời nói rằng
"Đức Giê-hô-va sẽ nói rằng"
ngọn gió nóng từ các vùng đồng bằng ... gió mạnh hơn nhiều
Kẻ thù hung hãn và nhẫn tâm đang đến.
Con gái của dân ta
Dân tộc được ví sánh cách thân thương như một nàng dâu đặc biệt.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nó sẽ không sàng lọc hay làm sạch chúng
“Sàn lọc” và “làm sạch” đều chỉ về việc lấy đi cái xấu, để lại cái tốt. Gợi ý dịch: "Nó sẽ không cất đi tội lỗi của chúng."
Một ngọn gió ... sẽ thổi đến theo lệnh ta
“Lệnh” ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời ra lệnh cho gió thổi đến.
theo lệnh ta
Một số bản hiện đại dịch câu này trong tiếng Hê-bơ-rơ là “cho ta” hoặc “từ ta”.
Tuyên án trên chúng
"Tuyên phạt chúng"
Jeremiah 4:13
Nầy, nó tấn công như mây và chiến xa nó như bão
Hai câu này có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai củng cố ý của vế thứ nhất. (Xem" Parallelism) Gợi ý dịch: "Quân đội kẻ thù tàn phá như gió bão"
Khốn cho chúng tôi vì chúng tôi sẽ bị diệt mất
Dân chúng nói như vậy khi thấy quân đội kẻ thù đến gần. Gợi ý dịch: Dân chúng nói rằng “chúng tôi chắc chắn sẽ bị diệt mất”.
Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy tẩy sạch gian ác trong lòng ngươi
Đức Chúa Trời muốn dân cư ở Giê-ru-sa-lem phải ăn năn. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va phán cùng dân cự tại Giê-ru-sa-lem rằng “Các ngươi phải thay đổi lối sống”.
Có tiếng loan báo
"các sứ giả đang rao truyền"
Có tiếng tai họa đang đến
"người ta nghe thấy tai họa đang đến"
từ đất Đan ... núi Ép-ra-im
Dân chúng sẽ nhận thấy rằng những nơi bày tỏ lời cảnh báo này đang đến gần họ.
Jeremiah 4:16
Chúng sẽ vây quanh nó như người giữ ruộng
Gợi ý dịch: "chúng sẽ bao vây thành"
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Đánh vào lòng ngươi
Gợi ý dịch: "phá tan mọi thứ ngươi yêu mến"
Jeremiah 4:19
Lòng tôi! Lòng tôi! Tôi đau đớn trong lòng. Lòng tôi bối rối trong tôi.
"Tôi đau đớn, tôi choáng ngợp."
Bối rối
Đầy hỗn độn, kích động hay hỗn loạn, không ổn định hay vững vàng
Sự sụp đổ nối tiếp nhau
"người ta nói hết thành này đến thành khác bị phá hủy"
Xứ bất ngờ bị tàn phá
"kẻ thù tàn phá xứ"
Lều tạm tôi và lều trại tôi
“Lều tạm” và “lều trại” có ý nghĩa như nhau. Có thể là “lều trại và bức màn bên trong lều trại tôi” hoặc “nơi tôi ở”.
Jeremiah 4:21
Tôi còn phải nhìn thấy cờ và nghe tiếng kèn cho đến bao giờ?
Hai vế này có nghĩa tương tự nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý của vế thứ nhất. Gợi ý dịch: "Tôi mong ước trận chiến này sớm kết thúc"
Dân dại dột
"dân ngu muội"
Jeremiah 4:23
Tôi nhìn trái đất, kìa!
Đây là lời mời gọi Giê-rê-mi nhìn xem khải tượng Đức Chúa Trời ban cho.
không có hình dạng và trống rỗng
Khải tượng này là lời tiên tri về hình ảnh cho vùng đất của Y-sơ-ra-ên sau khi hết thảy dân chúng bị bắt.
Kìa
Từ “kìa” hướng chúng ta chú ý vào thông tin ngạc nhiên theo sau.
Jeremiah 4:27
đất sẽ sầu thảm, bầu trời sẽ tăm tối
Giê-rê-mi nhấn mạnh sự phán xét của Đức Giê-hô-va bằng cách nói rằng cả trái đất cũng thể hiện sự đau buồn.
Kỵ binh
Một nhóm binh lính cưỡi ngựa
Mọi thành đều chạy trốn ... mọi thành sẽ trèo lên
Câu này nhấn mạnh rằng hết thảy dân chúng sẽ bỏ chạy.
Các thành sẽ bị bỏ hoang vì không một ai cư ngụ
Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý ở vế thứ nhất. Gợi ý dịch: "Sẽ không còn ai ở trong thành."
Jeremiah 4:30
ngươi mặc áo màu tím ... đeo trang sức ... mắt ... vẽ
"ngươi ăn mặc như kỹ nữ"
Trang điểm
"tô điểm" hoặc "thêm vào để làm cho vẻ bề ngoài hấp dẫn hơn và giá trị hơn"
Những người thèm muốn ngươi bây giờ chối bỏ ngươi
Câu này nhấn mạnh rằng những quốc gia Y-sơ-ra-ên chịu phụ thuộc về tài chính và kinh doanh sẽ chối bỏ chúng khi thấy sự phán xét của Đức Chúa Trời.
Đau đớn như khi sinh con
"đau đớn như trong cơn đau của phụ nữ sinh con"
Tôi ngất đi
"Đời tôi mòn mỏi vì nỗi đau"

Translation Questions

Jeremiah 4:1
Điều gì sẽ xảy ra nếu Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Đức Giê-hô-va?
Các nước sẽ cầu xin ơn phước của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 4:4
Điều gì xảy ra vì sự tà ác của dân chúng?
Đức Giê-hô-va sẽ nổi giận cùng chúng nó, và Ngài đem tai hoạc từ phương Bắc đến.
Jeremiah 4:6
Điều gì xảy ra vì sự tà ác của dân chúng?
Đức Giê-hô-va sẽ nổi giận cùng chúng nó, và Ngài đem tai hoạc từ phương Bắc đến.
Jeremiah 4:7
Sư tử sẽ làm gì dân chúng?
Nó sẽ hủy diệt thành của họ.
Jeremiah 4:8
Tại sao mọi người lại thắt bao gai?
Họ sẽ làm điều đó để tỏ bày sự ăn năn vì tội lỗi của họ.
Jeremiah 4:9
Tại sao Giê-rê-mi nghĩ rằng Đức Giê-hô-va đã lừa gạt dân chúng?
Đức Giê-hô-va đã hứa dân sự sẽ được bình an, nhưng họ đã

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bị tấn công.
Jeremiah 4:14
Làm cách nào dân thành Giê-ru-sa-lem mới có thể được cứu?
Họ phải làm sạch hết điều ác trong lòng.
Jeremiah 4:16
Tại sao quân thù đến từ một nơi xa xôi?
Họ đến big Giu-đa nổi loạn chống lại Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 4:19
Tại sao Giê-rê-mi lại đau đớn?
Ông nghe thấy tiếng báo động cho giặc giã.
Jeremiah 4:22
Sự ngu muội của dân chúng là gì?
Họ không biết Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 4:26
Tại sao đất mà Giê-rê-mi thấy lại trống rỗng?
Đất trống không vì Đức Giê-hô-va nổi giận.
Jeremiah 4:29
Người dân ở mỗi thành phố sẽ làm gì?
Họ sẽ chạy trốn khỏi kẻ tấn công và để lại thành phố chẳng có người ở.
Jeremiah 4:31
Điều gì sẽ xảy ra với những người đương giàu có?
Họ sẽ bị giết.

Chapter 5
Jeremiah 5:1
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi đang nói với dân thành Giê-ru-sa-lem. Xem: and
Hãy lùng khắp
"Mau đi vòng quanh"
Quan sát và suy nghĩ về điều này
"hãy nhìn và tìm hiểu"
quảng trường thành phố
Nơi công cộng, rộng rãi trong thành phố mà dân chúng có thể tụ tập.
Nếu ngươi tìm được một người nào
"Nếu ngươi tìm được một người"
Hành động công chính
"làm điều công chính"
Kể cả chúng
Từ “chúng” chỉ về dân thành Giê-ru-sa-lem.
Bởi sự sống của Đức Giê-hô-va
Người ta dùng cụm từ này khi thề để cầu xin Đức Giê-hô-va trừng phạt họ nếu họ phá vỡ lời thề. Xem cách đã dịch ở JER04:01
mắt Ngài không đoái xem sự trung tín sao
Giê-rê-mi dùng câu hỏi này để nhán mạnh rằng điều Đức Giê-hô-va thật đòi hỏi là sự trung tín.
Gợi ý dịch: "Chúa muốn dân sự trung tín."
Ngài đánh chúng, nhưng chúng chẳng thấy đau.
Gợi ý dịch: "Chúa trừng phạt chúng nhưng chúng chẳng chú ý."
Hoàn toàn đánh bại
"hoàn toàn tiêu diệt"
Chịu sửa dạy
"rút ra bài học"
Chúng làm cho mặt mình cứng hơn đá
Gợi ý dịch: "Chúng trở nên rất cứng đầu."
Jeremiah 5:4
Nên tôi nói
Giê-rê-mi là người nói.
Nhưng chính họ đã cùng nhau bẻ ách, chúng đều bứt dây buộc chúng với Đức Chúa Trời.
Ách và dây tượng trưng cho luật pháp ràng buộc Đức Chúa Trời và dân Ngài.
Vì vậy, sư tử ... chó sói ... con báo rình rập
Đây là những con thú nguy hiểm có thể gây chết người. Có thể là 1) “Thú hoang sẽ đến và giết người” hoặc 2) “quân đội của kẻ thù sẽ đến và giết người”
Bụi cây
Một loạt những cây bụi rậm mọc gần nhau.
Chó sói
Một loại chó hoang nguy hiểm
Rình rập
"chờ đợi"
Con báo
Một loại mèo hoang lớn nguy hiểm
Vô hạn
Không thể đếm được
Jeremiah 5:7
Vì sao ta phải tha thứ cho chúng
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài không có lí do gì để tha thứ cho họ. Gợi ý dịch: "Ta không thể tha thứ cho chúng vì những gì chúng làm".
Chúng
Dân thành Giê-ru-sa-lem
Các con trai ngươi
Đức Giê-hô-va đang phán cùng Giê-ru-sa-lem như thể nó là một người phụ nữ có con cái. Gợi ý dịch: "Dân thành Giê-ru-sa-lem."
Ta đã nuôi chúng no nê
"Ta đã cho chúng mọi thứ chúng cần."
Và ghi dấu nhà kỷ nữ
"đi thành những đám đông đến nhà kỷ nữ"
Động dục
"sẵn sàng để kết đôi"
Kết đôi
Những con thú giao phối hoặc nằm cùng nhau để sinh sản
Mỗi người hí với vợ người lân cận
Những con ngựa đực hí lớn với ngựa cái khi chúng muốn giao phối. Gợi ý dịch: "Mỗi người tìm cách ngủ với vợ người lân cận."
Ta sẽ không trừng phạt chúng .... một dân tộc như thế mà ta không báo thù sao?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng những việc họ làm quá xấu xa đến mức Ngài sẽ không thương xót hay ngăn cản mình trừng phạt họ. Gợi ý dịch: "Vì chúng làm những điều đó nên ta sẽ trừng phạt chúng ... ta chắc chắn sẽ báo thù chúng"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 5:10
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Đi lên mái hiên của vườn nho nó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Trèo lên tường nó." Đức Giê-hô-va ví thành Giê-ru-sa-lem như vườn nho có tường bao quanh.

Đi lên

Đức Giê-hô-va đang phán với kẻ thù của dân cư tại Giê-ru-sa-lem.

Đừng đem cho chúng nó sự hủy diệt hoàn toàn

"đừng phá sạch"

Hãy cắt bỏ các cây nho của chúng, vì những cây nho đó không đến từ Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va ví kẻ thù của Giê-ru-sa-lem đối xử với dân thành giống như người ta cắt bỏ nhánh nho. Gợi ý dịch: "Hãy loại bỏ mọi kẻ gian ác vì chúng không đến từ Đức Giê-hô-va."

Vì nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa

Gợi ý dịch: "Vì dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa."

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chúng đã chối bỏ ta

Có thể dịch là “chúng đã nói dối về ta”.

Chẳng có Chúa đâu

"Chẳng có Đức Giê-hô-va đâu". Có thể dịch là “Ngài sẽ không làm những điều đó đâu” hoặc “Ngài không thể làm những điều đó đâu”

Hoạn nạn sẽ chẳng đến trên chúng ta, chúng ta cũng chẳng thấy gươm đao hay đói kém

Hai câu này có ý nghĩa như nhau, câu thứ hai diễn tả cụ thể hơn cho câu thứ nhất.

Hoạn nạn sẽ chẳng đến trên chúng ta

Câu này có nghĩa là “những điều tồi tệ sẽ không xảy đến cho chúng ta”.

chúng ta cũng chẳng thấy gươm đao hay đói kém

Gợi ý dịch: "và chúng ta sẽ không bị chiến tranh hay đói kém"

Jeremiah 5:14

Vì các ngươi

Từ “các ngươi” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

đã nói những lời đó

Xem điều họ đã nói ở JER05:10

Nầy

Gợi ý dịch: "Kìa" hoặc "Nghe đây" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói cùng ngươi"

Ta sẽ đặt lời ta trong miệng ngươi. Nó sẽ như lửa

"Ta sẽ khiến lời ta cho ngươi nói như lửa"

trong miệng ngươi

Từ “của ngươi” chỉ về Giê-rê-mi. "cho ngươi nói"

Dân nầy

Dân Y-sơ-ra-ên

Nó sẽ thiêu nuốt chúng

"Lửa sẽ thiêu đốt dân Y-sơ-ra-ên", lời của Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt dân chúng như lửa đốt cháy gỗ. Gợi ý dịch: "Vì ngươi sẽ tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên khi rao ra lời ta"

Chống lại ngươi

"tấn công ngươi". Từ “ngươi” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

nhà Y-sơ-ra-ên

Xem cách đã dịch ở JER02:04

Đó là một dân tộc lâu đời, một dân tộc từ xa xưa!

Những cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh dân tộc đó đã tồn tại rất lâu đời. Gợi ý dịch: "đó là một dân tộc rất kỳ cựu và lâu đời!"

dân tộc lâu đời

"dân tộc kỳ cựu" hoặc "dân tộc hùng mạnh"

Đó là một dân tộc mà ngôn ngữ nó ngươi không biết, ngươi cũng không hiểu chúng nói gì

Vế thứ hai là dạng phủ định của vế thứ nhất. Câu này nhấn mạnh rằng họ không biết ngôn ngữ của dân tộc đó. Gợi ý dịch: "Đó là một dân tộc mà ngôn ngữ nó ngươi chẳng hiểu."

Jeremiah 5:16

Bao đựng tên của nó như mồ mả mở toang

Mũi tên trong bao đựng tên giết chết nhiều người, đưa họ đến hầm mộ. Gợi ý dịch: "Dân tộc đó sẽ dùng tên mà giết nhiều người."

Bao đựng tên của nó

Từ “của nó” chỉ về dân tộc Đức Giê-hô-va sẽ đưa đến tấn công Y-sơ-ra-ên.

Bao đựng tên

Đồ dùng đựng mũi tên

Vì thế mùa màng của ngươi sẽ bị tàn phá

Gợi ý dịch: "Vì thế quân đội của dân tộc đó sẽ ăn hết những vật thực ngươi chờ gặt hái."

Chúng sẽ ăn

Từ “chúng” chỉ về quân đội của dân tộc đó.

Chúng sẽ dùng gươm phá đổ các thành kiên cố của ngươi

Gươm tượng trưng cho nhiều loại vũ khí khác nhau dùng trong chiến tranh. Gợi ý dịch: "Chúng sẽ dùng vũ khí xâm chiếm các thành vững mạnh của ngươi."

Mà ngươi tin cậy

"mà ngươi nghĩ đủ vững chắc để giữ ngươi an toàn"

Jeremiah 5:18

trong những ngày đó

“Những ngày đó” chỉ về lúc một dân tộc ở xa đến tấn công dân Y-sơ-ra-ên.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Không định tiêu diệt

"sẽ không tiêu diệt"

Xảy khi ngươi

"Khi ngươi" hoặc "Khi nó xảy ra thì ngươi"

mọi điều nầy

Đức Giê-hô-va sai dân ngoại đến tấn công Y-sơ-ra-ên.

Thờ phượng các thần ngoại

Nhiều bản dịch là “phục vụ các thần ngoại” nhưng ở đây ý nghĩa của nó là thờ phượng chúng.

Jeremiah 5:20

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy loan báo tin nầy

"Hãy nói điều này"

Nhà Gia-cốp

Xem cách đã dịch ở JER02:04

Cho Giu-đa nghe thấy

"Công bố nó trong Giu-đa"

Dân! Vì thần tượng không có trí hiểu

"dân không có trí hiểu". Gợi ý dịch: "dân không hiểu biết."

Chúng có mắt mà không thể nhìn thấy

Gợi ý dịch: "Các ngươi có mắt nhưng không hiểu ta đang làm gì"

Chúng có tai mà không nghe

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

" Gợi ý dịch: "Các ngươi có tai nhưng không hiểu điều ta nói cùng các ngươi"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Các ngươi không kính sợ Ta ... mặt sao?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng dân chúng vô cùng ngu xuẩn vì không kính sợ Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Các ngươi thật ngu xuẩn vì không kính sợ ta ... mặt!"
run rẩy trước mặt ta sao
Gợi ý dịch: "hay run sợ vì ta sao."
Ta đã đặt bờ cắt để ngăn biển
"Ta đã đặt cát làm ranh giới cho biển"
một mạng lệnh hiện hành không xâm phạm được
"Một giới hạn vĩnh viễn không thể vượt qua"
Dâng lên, hạ xuống
"dồi lên dập xuống"
Không xâm phạm nó
Gợi ý dịch: "không thể vượt qua được ranh giới đó"
Jeremiah 5:23
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Có lòng cứng cỏi
Gợi ý dịch: "cứng cỏi và phản nghịch"
Chúng quay lưng phản nghịch và bỏ đi
"Chúng rẽ lối, đi riêng". Gợi ý dịch: "Chúng không chịu vâng phục hay lắng nghe"
Chúng chẳng nói trong lòng rằng
Gợi ý dịch: "chúng không nghĩ rằng."
giữ cho chúng ta các tuần lễ nhất định cho mùa gặt
"đảm bảo những tuần lễ mùa gặt sẽ diễn ra đúng lúc"
Sự gian ác các ngươi
Từ “các ngươi” chỉ về dòng dõi của Gia-cốp và dân Giu-đa.
"Tội lỗi các ngươi"
những điều nầy
Mưa và mùa gặt
Jeremiah 5:26
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Vì giữa dân ta có những kẻ ác
Gợi ý dịch: "Vì ta tìm thấy những kẻ gian ác trong dân ta."
Chúng gài bẫy bắt người
Gợi ý dịch: "Chúng sắp đặt để có thể lợi dụng người ta".
Bành trướng và trở nên giàu có
"trở nên quyền thế và giàu có"
Chúng bóng bẩy, tốt tươi
Tốt tươi** - "và béo tốt" hoặc "và mượt mà". Chúng trông mượt mà vì mập không thấy xương.
Chúng vượt mọi giới hạn gian ác
"Chúng làm những điều hơn cả điều ác."
Lý cớ cho kẻ mồ côi
Ở đây chỉ về những vụ kiện người mồ côi cầu xin công lý. Gợi ý dịch: "chúng không giúp cho những vụ kiện của người mồ côi."
Ta sẽ không trừng phạt ... một dân tộc như thế sao?
Xem cách đã dịch ở JER05:07
Jeremiah 5:30
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Sự tàn bạo và kinh hoàng đã xảy ra
"Điều ghê gớm và kinh khiếp đã xảy ra"
Trong xứ
Gợi ý dịch: "trong xứ của Y-sơ-ra-ên."
nói tiên tri dối trá
"nói tiên tri dối"
Với quyền lực của họ
"theo chỉ đạo của các nhà tiên tri ấy"
Nhưng cuối cùng điều gì sẽ xảy ra
"nhưng cuối cùng các ngươi sẽ làm gì?” Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng chúng sẽ phải hối hận vì đã sống gian ác khi cuối cùng nó đem đến sự trừng phạt. Gợi ý dịch: "nhưng các ngươi sẽ gặp tai họa và hối hận về hành vi gian ác này khi cuối cùng nó đem đến sự trừng phạt"
Cuối cùng
Cụm từ “cuối cùng” chỉ về sự trừng phạt do những điều gian ác chúng đã làm.

Translation Questions

Jeremiah 5:1
Ở điểm nào thì Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho Giê-ru-sa-lem?
Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho Giê-ru-sa-lem nếu Giê-rê-mi có thể tìm thấy bất cứ ai làm sự công bình.
Jeremiah 5:3
Dù Đức Chúa Trời đã diệt tất cả mọi người, thì nó vẫn làm gì?
Họ vẫn từ chối nhận sự kỷ luật.
Jeremiah 5:4
Tại sao tác giả lại nói đây thật là kẻ nghèo hèn, ngu muội?
Vì họ không biết đường lối của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 5:5
Những người sang trọng có biết đường lối của Đức Giê-hô-va không?
Không, họ đã nổi loạn chống lại Ngài.
Jeremiah 5:6
Giê-rê-mi đã nói gì về những vi phạm và những hành vi vô tín của người dân?
Giê-rê-mi nói tội lỗi của họ rất nhiều, và sự bội nghịch của họ càng thêm.
Jeremiah 5:12
Dân chúng đã nói gì về Đức Chúa Trời?
Họ đã nói rằng: Ngài không có thật.
Jeremiah 5:15
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho nhà Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ khiến một dân tộc mạnh từ phương xa đến chống lại họ.
Jeremiah 5:17
kẻ thù sẽ làm gì với dân Y-sơ-ra-ên?
Kẻ thù sẽ giết con cái của họ họ và ăn thức ăn của họ.
Jeremiah 5:19
Tại sao Đức Chúa Trời lại làm hại dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa?
Ngài làm hại họ vì họ đã bỏ Ngài mà thờ lạy tà thần.
Jeremiah 5:21
Đôi mắt và đôi tai của thần tượng làm gì?
Chúng không làm gì cả.
Jeremiah 5:23
Đức Giê-hô-va muốn làm gì với những kẻ kính sợ Ngài?
Ngài muốn ban mưa vào đúng thời điểm để mùa màng có thể được tốt.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 5:27
Những kẻ ác trong dân của Đức Giê-hô-va giàu hay nghèo?
Họ giàu.
Jeremiah 5:28
Những kẻ ác trong dân của Đức Giê-hô-va giàu hay nghèo?
Họ giàu.
Jeremiah 5:29
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với kẻ ác?
Ngài sẽ trừng phạt họ.
Jeremiah 5:31
Người dân cảm thấy như thế nào về những điều các tiên tri và các thầy tế lễ đã làm?
Họ ưa thích theo cách đó.

Chapter 6
Jeremiah 6:1
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va đang phán.
Tìm sự an toàn
"nương náu"
Hãy thổi kèn tại Thê-cô-a
Gợi ý dịch: "dân cư ở thành Thê-cô-a chuẩn bị trước khi bị tấn công"
Thê-cô-a
Tên của thành phố cách Giê-ru-sa-lem khoảng 18km về phía nam. Tên gọi này có nghĩa là “cái sừng để thổi”
Phát tín hiệu trên Bết Hát-kê-rem
Gợi ý dịch: "dân cư ở thành Bết Hát-kê-rem chuẩn bị trước khi bị vây hãm"
Bết Hát-kê-rem
Tên của một thành phố cách Giê-ru-sa-lem khoảng 10km về phía nam. Tên này có nghĩa là “chỗ vườn nho”.
Tín hiệu
Gợi ý dịch: "tin hiệu để cảnh báo cho dân chúng biết nguy hiểm đang đến"
Vì sự gian ác đang đến
Gợi ý dịch: "vì họ thấy tai họa đang đến."
sự tàn phá khủng khiếp
"sự phá hoại khủng khiếp"
con gái Si-ôn, người nữ xinh đẹp, yêu kiều
Đức Giê-hô-va mô tả Giê-ru-sa-lem như thể nó là một người nữ. Gợi ý dịch: "con gái Si-ôn giống như người nữ xinh đẹp, yêu kiều"
con gái Si-ôn
Xem cách đã dịch ở JER04:30
Những người chăn cùng bầy chiên mình sẽ đến cùng chúng
Các vua thường được ví như người chăn của dân mình. Gợi ý dịch: Các vua và quân lính của họ sẽ vây quanh Giê-ru-sa-lem."
Chống lại nó ở khắp nơi
"bao quanh nó"
Mỗi người sẽ tự chăn chiên mình
Gợi ý dịch: "mỗi vị vua sẽ tấn cùng bằng quân đội của mình."
Jeremiah 6:4
Thông Tin Tổng Quát:
Vua của một đội quân tiến công đang nói với các binh lính của mình.
Tận hiến mình cho các thần chiến tranh
Đội quân tiến công cố gắng đảm bảo rằng thần của họ sẽ giúp đỡ họ trong suốt trận chiến bằng cách tổ chức một buổi lễ và dâng sinh tế. Gợi ý dịch: "Chuẩn bị cho chiến tranh bằng cách thanh tẩy mình và dâng tế lễ cho các thần".
Hãy trỗi dậy
"Hãy dậy"
lúc đứng trưa
Gợi ý dịch: "lúc đứng trưa dù rất nóng"
Ánh sáng ban ngày dần tàn
"ngày sắp hết"
đã ngả dài
"đang lan ra"
vào ban đêm
Gợi ý dịch: "vào ban đêm dù trời tối"
các lâu đài của nó
"các tòa nhã vững chãi của Giê-ru-sa-lem"
Jeremiah 6:6
đốn cây nó
"Đốn cây". Đức Giê-hô-va đang phán cùng đội quân tấn công Giê-ru-sa-lem.
Chỗ bao vây
"Mô bao vây". Đây là những mô đất cho kẻ thù tấn công tường thành Giê-ru-sa-lem.
Vì nó đầy dẫy sự ức hiếp
"vì dân của nó luôn ức hiếp lẫn nhau"
Như giếng cứ cho nước thì thành này cũng cứ làm điều gian ác
Giếng thường luôn cho nước. Giống như giếng luôn có nước thì Giê-ru-sa-lem luôn giữ sự gian ác dù Đức Giê-hô-va có trừng phạt nó.
Có sự bạo hành và náo loạn trong nó
Gợi ý dịch: "Ta nghe thấy sự bạo hành và cướp bóc trong nó"
Đau khổ và tai họa luôn ở trước mặt ta
Gợi ý dịch: "Ta luôn thấy sự đau ốm và khốn khổ"
Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy chịu dạy dỗ
Đức Giê-hô-va phán với Giê-ru-sa-lem như thể nó là người. Gợi ý dịch: "Hỡi dân Giê-ru-sa-lem, hãy học từ sự trừng phạt của ngươi."
Đất không người ở
"đất không có người sống ở đó"
Jeremiah 6:9
Chúng sẽ mót dân còn sót lại của Y-sơ-ra-ên như trong vườn nho
Đức Giê-hô-va ví dân còn sót lại sau khi kẻ thù đã phá hủy Giê-ru-sa-lem như nho còn sót lại trong vườn sau khi đã thu hoạch. Gợi ý dịch: "Chúng chắc chắn sẽ quay lại tấn công dân còn sót lại của Y-sơ-ra-ên sau khi đã tiêu diệt họ".
Chúng chắc chắn sẽ
Từ “chúng” chỉ về kẻ thù Đức Giê-hô-va sai đến để hủy diệt Y-sơ-ra-ên.
Hãy đưa tay ra một lần nữa
Đức Giê-hô-va đang phán với kẻ thù tấn công Y-sơ-ra-ên.
Hãy đưa tay ra một lần nữa để hái nho
Gợi ý dịch: "Hãy đến tấn công dân Y-sơ-ra-ên còn sót lại"
Tôi sẽ nói với ai
Giê-rê-mi là người nói.
Tôi sẽ nói với ai và cảnh cáo người nào để họ nghe tôi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng không một người nào trong Y-sơ-ra-ên sẽ lắng nghe ông kể cả sau khi sống sót qua đợt tấn công của kẻ thù. Gợi ý dịch: "Không còn người nào để tôi nói và cảnh báo mà họ nghe tôi"

Nầy

Đức Giê-hô-va dùng từ “nầy” để nhấn mạnh điều Ngài đang nói.

Tai họ chưa cắt bì

Gợi ý dịch: "Họ không chịu nghe" hoặc "Họ không chịu vâng phục"

Tai họ

Từ “họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Jeremiah 6:11

Nhưng tôi

Giê-rê-mi là người nói.

đầy cơn giận của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "đầy tức giận cùng với Đức Giê-hô-va"

Tôi mệt vì kìm nén

Gợi ý dịch: "Tôi mệt vì không bày tỏ sự tức giận của Đức Giê-hô-va"

Hãy trút cơn giận đó trên trẻ con ngoài đường phố

"Trẻ con ngoài đường phố" chỉ về tất cả trẻ con trong thành. Gợi ý dịch: "Hãy bày tỏ sự tức giận trên những trẻ con trong thành"

Vì mỗi người nam sẽ bị bắt cùng với vợ mình

Gợi ý dịch: "Vì kẻ thù sẽ bắt từng người nam cùng với vợ mình"

Mỗi người già lớn tuổi

"lớn tuổi" có nghĩa là “rất già”, nhấn mạnh thêm cho cụm từ “người già”. Gợi ý dịch: "mỗi cụ lão"

Sẽ bị sang qua người khác

"sẽ trở thành tài sản của người khác"

Cả ruộng vườn cùng vợ của họ

Gợi ý dịch: "Cả ruộng vườn cùng những người nữ của họ sẽ trở thành tài sản của người khác"

Vì ta sẽ lấy tay tấn công dân cư đất này

Gợi ý dịch: "Vì ta sẽ dùng sức mạnh ta để tấn công dân cư trong xứ"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 6:13

từ người nhỏ nhất đến người lớn nhất

Gợi ý dịch: "tất cả dân Y-sơ-ra-ên còn lại, từ kẻ yếu hèn nhất đến kẻ quyền lực nhất"

tham lợi bất chính

"hại người khác để có được tiền"

vết thương của dân ta

"vấn đề nghiêm trọng của dân ta"

sơ sài

Các tiên tri và thầy tế lễ xem tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên như thể chúng chỉ là vết thương nhỏ. Gợi ý dịch: "như thể nó không nghiêm trọng"

‘Bình an! Bình an!’ Mà không bình an chi hết

"'Tất cả đều ổn cả! Đều tốt đẹp!' nhưng không hề ổn chút nào

Chúng có xấu hổ khi phạm những tội ghê tởm không?

"Chúng phạm những tội khủng khiếp mà không xấu hổ"

Chúng chẳng xấu hổ chút nào. Chúng không hổ thẹn

Hai câu này có ý nghĩa như nhau. Câu thứ hai củng cố cho ý của câu thứ nhất. "They were not ashamed of what they did"

sẽ vấp ngã

Gợi ý dịch: "sẽ bị giết"

sẽ bị lật đổ

"sẽ vấp ngã". Gợi ý dịch: "sẽ chết" hoặc "sẽ mất sức lực và trở nên vô dụng"

Jeremiah 6:16

Hãy đứng ở các ngã đường

Đức Giê-hô-va đang phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy đứng ở các ngã đường ... chúng tôi sẽ không đi

Đường chỉ về lối sống của họ. Đức Giê-hô-va muốn dân Y-sơ-ra-ên cầu hỏi Ngài đâu là con đường đúng đắn cho đời sống để họ sống theo.

tìm hiểu những đường lối xa xưa

"tìm hiểu những tổ phụ của các ngươi đã làm gì"

Ta đã lập cho các ngươi người canh giữ ... sẽ không nghe

Đức Giê-hô-va ví các tiên tri như người canh giữ được sai đi để cảnh báo sự nguy hiểm cho dân chúng.

lập cho các ngươi

Từ “các ngươi” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

nghe tiếng kèn

"Lắng nghe tiếng kèn". Đức Giê-hô-va truyền cho dân Y-sơ-ra-ên chú ý lời cảnh báo Ngài ban cho họ qua các tiên tri.

Vì vậy, hỡi các nước, hãy nghe! Hỡi những nhân chứng, hãy xem điều sẽ xảy ra cho chúng. Hỡi đất, hãy nghe! Nầy

Ba câu này đều kêu gọi dân các nước khác chứng kiến điều Đức Giê-hô-va sẽ làm cho dân Giu-đa phản nghịch. "Hỡi các dân tộc khác, hãy xem ta sẽ làm gì cho dân ta"

Ta sẽ đem tai họa đến trên dân nầy

"ta sẽ sớm trừng phạt nghiêm khắc những người này"

Hỡi những nhân chứng

"Hỡi những người là nhân chứng"

sẽ xảy ra cho chúng

Từ “chúng” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi đất, hãy nghe

Gợi ý dịch: "Hãy nghe, hỡi những người sống trên đất"

Bông trái của các ý tưởng họ

Đức Giê-hô-va dùng từ “bông trái” để chỉ về hậu quả của các ý tưởng họ. Gợi ý dịch: "tai họa là kết quả cho các ý tưởng họ"

Chúng chẳng chú ý đến lời ta hay luật pháp ta mà lại khước từ nó

"Chúng không vâng theo điều ta phán dạy."

Jeremiah 6:20

Nhũ hương từ Sê-ba hay những hương thơm ngọt ngào từ vùng xa xôi có ý nghĩa gì với ta?

Gợi ý dịch: "Ta không muốn nhũ hương từ Sê-ba hay dầu thơm từ vùng xa xôi"

những hương thơm ngọt ngào

Những hương thơm này được dùng để thờ phượng Đức Chúa Trời tại đền thờ.

Không được ta chấp nhận

"không làm ta vừa lòng" hoặc "không khiến ta vui thích"

Nầy

Từ “nầy” thêm nhấn mạnh cho câu theo sau. Gợi ý dịch: "Thật vậy"

Ta sẽ đặt hòn đá vấp chân cho dân nầy

"Ta sẽ đặt chướng ngại vật trước dân nầy". Đức Giê-hô-va gọi những khó khăn Ngài sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên là “đá

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vấp chân”.

hòn đá vấp chân

Những khó khắn

Trên nó

"trên chúng"

Cả cha và con

Gợi ý dịch: "cha và con đều vấp ngã"

Dân cư và láng giềng của họ

"Láng giềng và bạn hữu của họ"

nổi lên từ vùng đất xa xôi

"bị đánh thức đi lên từ những nơi tận cực bắc"

Jeremiah 6:23

Chúng sẽ cầm

"Chúng sẽ nắm chặt". Từ “chúng” chỉ về những người trong đội quân đến từ phương bắc.

Tiếng chúng như biển gào

Gợi ý dịch: "Chúng gầm lớn như tiếng biển"

Bố trí binh lính

"quân đội được tổ chức để binh lính sẵn sàng chiến đấu"

con gái Si-ôn

"Tấn công ngươi, hỡi con gái Si-ôn" hoặc "để tấn công ngươi, hỡi con gái Si-ôn". Xem cách đã dịch ở JER04:30

Chúng tôi đã nghe

Từ “chúng tôi” có thể chỉ về Giê-rê-mi đang nói thay cho hết thảy dân Giu-đa.

Bủn rủn sầu não

"chúng tôi bủn rủn vì lo lắng"

Nỗi thống khổ bắt lấy chúng tôi

Gợi ý dịch: "Chúng tôi sầu khổ."

Như phụ nữ sinh con

"như sản phụ chuyển dạ"

Jeremiah 6:25

Thông Tin Tổng Quát:

Có thể là Đức Giê-hô-va đang phán với con gái Si-ôn, ở đây tượng trưng cho hết thảy dân Giê-ru-sa-lem.

Con gái dân ta

Xem cách đã dịch ở JER04:11

hãy quấn vải sô và lăn trong tro bụi cho lễ tang của con một

"Hãy buồn rầu"

Vì kẻ tiêu diệt sẽ thình lình xông tới chúng ta

"vì quân đội kẻ thù sẽ thình lình đến tấn công chúng ta."

Giê-rê-mi nói cùng dân Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 6:27

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Người thử nghiệm dân ta như thử kim loại

"người sẽ thử nghiệm dân ta". Đức Giê-hô-va ví sánh Giê-rê-mi như người thử bạc xem nó tinh khiết đến đâu. Dân chúng giống như bạc để Giê-rê-mi thử nghiệm và tội lỗi họ như những tạp chất trong bạc.

Sẽ kiểm tra

"sẽ dò xét"

đường lối chúng

Gợi ý dịch: "những việc chúng làm"

Đi phao vu khắp nơi

"luôn phao vu người khác"

Đồng và sắt

Những kim loại này cũng không phải là bạc mà Đức Giê-hô-va mong muốn. Bạc tượng trưng cho sự công chính mà Đức Giê-hô-va mong muốn. Gợi ý dịch: "ô uế và gian ác"

Ống thổi cháy xém do lửa thiêu đốt chúng, chì tan chảy trong lửa

Lửa luyện bạc nóng đến nổi đốt cháy ống thổi. (Ống thổi là dụng cụ dùng để thổi khí cho ngọn lửa đang cháy). Người luyện bạc cho chì vào quặng bạc để lấy tạp chất ra, nhưng ông ta đã hết bạc. Những câu này nhấn mạnh rằng người này làm việc rất cực nhọc để luyện bạc.

Việc tinh lọc vẫn tiếp diễn giữa họ

"Người thợ tiếp tục luyện"

Vì sự gian ác vẫn chưa được loại bỏ

Gợi ý dịch: "vì phần xấu xa không ra khỏi"

Chúng sẽ bị gọi là bạc bị bỏ

Gợi ý dịch: "Người ta sẽ gọi chúng là “bạc phế thải”"

Translation Questions

Jeremiah 6:2

Tại sao người Bên-gia-min nên tìm sự an toàn bằng cách trốn khỏi thành Giê-ru-sa-lem?

Vì Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 6:4

Khi nào kẻ thù sẽ tấn công?

Họ sẽ tấn công vào buổi trưa và ban đêm.

Jeremiah 6:5

Khi nào kẻ thù sẽ tấn công?

Họ sẽ tấn công vào buổi trưa và ban đêm.

Jeremiah 6:6

Tại sao Đức Giê-hô-va muốn kẻ thù tấn công Giê-ru-sa-lem?

Ngài muố kẻ ác tấn công họ bởi vì thành phố này đầy u ám và gian ác.

Jeremiah 6:8

Điều gì sẽ xảy ra nếu Giê-ru-sa-lem không chấp nhận sự sửa dạy?

Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt họ.

Jeremiah 6:9

Tại sao Đức Giê-hô-va không cảnh báo người Y-swo-ra-ên?

Vì họ không chú ý.

Jeremiah 6:12

Điều gì sẽ xảy ra với nhà ở, ruộng vườn và những phụ nữ?

Sẽ được nhượng sang kẻ khác.

Jeremiah 6:15

Người dân cảm thấy như thế nào khi họ phạm những tội gớm ghiếc?

Họ không hề xấu hổ chút nào.

Jeremiah 6:19

Tại sao Đức Giê-hô-va lại khiến tai vạ đến trên dân nầy?

Vì họ không nghe lời Ngài và bỏ luật pháp của Ngài.

Jeremiah 6:20

Của lễ thêu và của tế lễ có ý nghĩa gì đối với Đức Giê-hô-va?

Chúng không có nghĩa gì với Ngài, Ngài chẳng đẹp lòng những thứ đó.

Jeremiah 6:21

Chướng ngại vật sẽ làm gì dân chúng?

Nó sẽ tiêu diệt họ.

Jeremiah 6:22

Những người nào đang đến?

Những người dữ tợn, những người lính chiến đang đến.

Jeremiah 6:26

Tại sao con gái của dân Ngài phải mặc bao gai thực hiện một đám tang đầy đắng cay cho chính mình?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ nên làm điều này vì kẻ thù sẽ tiêu diệt họ.
Jeremiah 6:27
Giê-rê-mi sẽ làm gì như một nhà tinh luyện của dân Đức Chúa Trời?
Ông sẽ kiểm tra và thử nghiệm đường lối của họ.
Jeremiah 6:28
Dân chúng giống như thế nào?
Họ cứng đầu như đồng và sắt cứng.

Chapter 7
Jeremiah 7:1
Đây là lời từ Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi
"Đây là sứ điệp Đức Giê-hô-va ban cho Giê-rê-mi"
Lời này
Sứ điệp mà Đức Giê-hô-va sắp ban cho Giê-rê-mi
Đứng ... nói
Đức Giê-hô-va đang truyền phán cho Giê-rê-mi.
thờ phượng Đức Giê-hô-va
"để thờ phượng Đức Giê-hô-va"
Jeremiah 7:3
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là sứ điệp Đức Giê-hô-va muốn Giê-rê-mi truyền cho dân Giu-đa.
Hãy làm cho đường lối và việc làm của các ngươi ra ngay thẳng
"Hãy sống ngay thẳng và làm điều lành"
Nơi này
Chỉ về vùng đất của Y-sơ-ra-ên, có đền thờ ở trung tâm.
Đừng tin cậy vào những lời dối trá mà nói rằng
"Đừng để mình tin vào những lời giả dối mà nói rằng"
Đền thờ của Đức Giê-hô-va! Đền thờ của Đức Giê-hô-va! Đền thờ của Đức Giê-hô-va!
Dân chúng lặp lại cụm từ này ba lần để nhấn mạnh, ngụ ý rằng vì đền thờ thuộc về Đức Giê-hô-va nên Ngài có thể bảo vệ nó và dân Giu-đa sẽ được an toàn. Gợi ý dịch: "Đây là đền thờ của Đức Giê-hô-va nên chắc chắn không ai có thể phá hủy nó và chúng sẽ được an toàn"
Jeremiah 7:5
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa.
Nếu các ngươi hoàn toàn
"nếu các ngươi thật sự"
làm cho đường lối và việc làm của các ngươi ra ngay thẳng
Xem cách đã dịch ở JER07:03
Nếu ngươi hoàn toàn làm điều công chính
"nếu ngươi đối xử công bình với người khác"
Nếu ngươi không bóc lột kẻ kiều ngụ
"đối xử công bằng với ngoại kiều"
trẻ mồ côi
Trẻ mất cha
không làm đổ máu vô tội
Gợi ý dịch: "không giết người vô tội"
Không đi theo
Gợi ý dịch: "không thờ phượng"
để rước họa vào thân
"để điều tai hại xảy ra cho ngươi"
Nơi này
Ở đây chỉ về xứ của Y-sơ-ra-ên, có đền thờ ở trung tâm.
Sẽ cho các ngươi ở
"sẽ cho các ngươi sống"
Và đời đời
"và đời đời trong tương lai"
Jeremiah 7:8
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Giu-đa qua tiên tri Giê-rê-mi.
Nầy!
Từ “nầy” cho biết những câu hỏi theo sau rất quan trọng.
các ngươi lại tin cậy những lời dối trá chẳng giúp ích cho các ngươi.
"Các ngươi nghĩ rằng ta sẽ giải cứu Giê-ru-sa-lem vì ta bảo vệ đền thờ ta. Nhưng đó là lời dối trá!"
Chẳng phải các ngươi trộm cắp, giết người, phạm tội tà dâm sao?
"Các ngươi trộm cắp, giết người, phạm tội tà dâm"
Chẳng phải các ngươi thề dối, dâng hương cho Ba-anh và chạy theo các thần khác, là các thần mà các ngươi không biết đó sao?
"Các ngươi dối trá trong lời thề, thờ phượng Ba-anh và các thần mới lạ khác"
Thế mà các ngươi đi vào đứng trước mặt ta tại nhà nầy, là nơi được gọi bằng danh ta và nói: “Chúng con được giải cứu rồi!” Các ngươi làm vậy để có thể vi phạm mọi điều ghê tởm kia sao?
"Rồi các ngươi đến nhà ta và nói “Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu chúng con” để các ngươi có thể tiếp tục phạm tội trọng.
Các ngươi xem nhà nầy, nơi được gọi bằng danh ta, là hang trộm cướp sao?
"Các ngươi xem nhà nầy ... là hang trộm cướp!" hoặc "Các ngươi hành động như thể cho rằng nhà ta ... là nơi cho trộm cướp vào ẩn trốn!”
Trộm cướp
"kẻ cướp" hoặc "kẻ ăn cắp đồ của người khác"
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 7:12
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giu-đa qua tiên tri Giê-rê-mi.
Vậy hãy đi đến
Gợi ý dịch: "Vậy hãy nhớ" hoặc "Vậy hãy suy nghĩ về"
Vì tất cả những việc các ngươi đã làm
"vì các ngươi đã làm tất cả những việc ấy"
Hết lần này đến lần khác
"lặp đi lặp lại"
Jeremiah 7:16
con đừng cầu nguyện cho dân nầy, đừng cất tiếng kêu than hay cầu khẩn cho chúng, cũng đừng nài xin với Ta
Bốn câu này nói cùng một ý. Gợi ý dịch: "đừng cầu xin ta ban phước cho chúng"
đừng cất tiếng kêu than
"đừng kêu khóc buồn bã"
Cho chúng
"cho ích lợi của chúng" hoặc "cho lợi ích của chúng"
Đừng nài xin với ta
"đừng cầu xin ta"
Sẽ chọc giận ta
"sẽ chọc tức ta"
Jeremiah 7:19
Thật sự chọc giận ta không? ... chúng chọc giận
"thật sự gây phiền muộn cho ta không? ... chúng gây phiền

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

muộn"
Có phải chúng chọc tức ta không?
Gợi ý dịch: "Chúng không thật sự làm ta phiền muộn"
Chẳng phải chúng tự làm tổn thương, chuốc lấy điều tủi nhục cho mình đó sao?
Gợi ý dịch: "Chúng tự gây phiền muộn cho mình bởi những hành vi xấu hổ của chúng".
Nầy
Từ này kêu gọi sự chú ý vào điều theo sau. Gợi ý dịch: "Hãy lắng nghe cẩn thận vì đây là điều quan trọng"
cơn giận của ta và cơn thịnh nộ của ta sẽ đổ ra trên nơi này
Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt dân của nơi này"
Cơn giận và cơn thịnh nộ
Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài.
Nó sẽ cháy
Từ “nó” chỉ về “cơn giận và cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va".
Không bao giờ dập tắt được
"không bao giờ ngừng cháy" hoặc "không bao giờ ngừng tức giận"
Jeremiah 7:21
Hãy thêm tế lễ thiêu vào các sinh tế của các ngươi và ăn thịt chúng đi.
Mặc dù Đức Giê-hô-va đòi hỏi các của tế lễ nhưng Ngài không còn muốn của tế lễ của họ nữa vì họ cứ không vâng lệnh Ngài sau khi đến đền thờ.
Jeremiah 7:24
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục nhắc lại cho dân Giu-đa về đường lối phản nghịch của dân Y-sơ-ra-ên.
Theo toan tính ương ngạnh của lòng gian ác họ
"theo toan tính của riêng mình vì họ gian ác và ương ngạnh"
Vì thế họ lùi lại chứ không tiến tới
"Và vì thế họ quay lưng chứ chẳng hướng mặt cùng ta". Gợi ý dịch: "và vì thể thay vì sốt sắng vâng lời ta, chúng không chịu tập chú vào ta".
Hết thảy đầy tớ ta
"tất cả các đầy tớ ta"
Kiên trì sai họ
"sốt sắng sai họ mỗi ngày"
các nhà tiên tri của ta, đến với các ngươi
Từ “các ngươi” chỉ về dân Giu-đa và hết thảy tổ phụ của họ.
họ không nghe
Từ “họ” chỉ về hết thảy dân Y-sơ-ra-ên sống từ thời tổ phụ họ ra khỏi Ai Cập.
Cứng cổ
Gợi ý dịch: "ương ngạnh không chịu nghe"
Chúng càng xấu xa hơn
"Mỗi thế hệ lại càng xấu xa hơn"
Jeremiah 7:27
Vậy, con hãy nói với họ mọi lời nầy, nhưng họ sẽ không nghe con. Hãy nói những điều này cho họ, nhưng họ sẽ không trả lời con.
Hai câu này nói cùng một ý, câu thứ hai nhấn mạnh cho thông điệp của câu thứ nhất. Gợi ý dịch: "Hãy nói cùng ta sứ điệp của ta nhưng họ sẽ không nghe và không thay đổi lối ác của mình"
Tiếng của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER03:23
Sự chân thật bị tiêu diệt và biến mất khỏi miệng chúng
Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý của vế thứ nhất. Gợi ý dịch: "Họ chỉ nói lời dối trá"
Jeremiah 7:29
Con cháu Giu-đa
"dòng dõi của Giu-đa"
Từ chối và lìa bỏ
Hai từ này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va không còn gì với họ nữa.
Lìa bỏ
"bỏ rơi" hoặc "phớt lờ"
Trước mắt ta
"trước mặt ta" hoặc "với ý tưởng ta"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 7:31
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục mô tả những điều gian ác dân Giu-đa đã làm.
nơi cao của Tô-phết
Đây là một địa danh, tại đó dân Y-sơ-ra-ên dâng con mình cho ta thần bằng cách thiêu nó trên lửa.
thung lũng Ben Hi-nôm
Đây là tên của thung lũng phía nam thành Giê-ru-sa-lem, nơi người ta dâng tế lễ cho tà thần.
Trong lửa
Gợi ý dịch: "trong lửa làm của tế lễ."
Ta cũng chẳng hề nghĩ đến
Gợi ý dịch: "ta thậm chí không hề nghĩ đến việc truyền ra mạng lệnh đó"
Nầy
Từ “nầy” thêm nhấn mạnh cho câu theo sau. Gợi ý dịch: "Thật vậy"
những ngày đến
Gợi ý dịch: "một ngày trong tương lai"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Nó không còn được gọi
Gợi ý dịch: "người ta sẽ không còn gọi nó"
thung lũng Tàn Sát
"thung lũng Giết Chóc"
người ta sẽ chôn xác
"dân Giu-đa chôn người chết"
Không còn chỗ
"không còn chỗ nữa"
Jeremiah 7:33
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Thi hài
"Xác chết"
Dân này
Dân Giu-đa
chim trời
Xem cách đã dịch cụm từ tượng tự ở JER04:23
Thú vật của đất
"thú hoang của đất"
xua đuổi chúng đi
"xua chúng đi"
Ta sẽ làm dứt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Ta sẽ cất đi"

tiếng reo vui và mừng rỡ

"tiếng người hớn hở vui mừng". Gợi ý dịch: "những người vui mừng ở đó"

tiếng của chú rể và cô dâu

Gợi ý dịch: "người kết hôn

Translation Questions

Jeremiah 7:3

Đức Giê-hô-va hứa sẽ làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên nếu họ sửa lại đường lối và việc làm của mình?

Ngài sẽ tiếp tục cho họ sống ở trong xứ mà họ đang ở.

Jeremiah 7:4

Đức Giê-hô-va hứa sẽ làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên nếu họ sửa lại đường lối và việc làm của mình?

Ngài sẽ tiếp tục cho họ sống ở trong xứ mà họ đang ở.

Jeremiah 7:5

Mọi người phải làm gì để Đức Giê-hô-va để họ ở lại đó?

Họ phải sửa lại đường lối và việc làm của họ bằng sự công bình.

Mọi người phải làm gì nếu họ muốn Đức Giê-hô-va để họ ở trong xứ mình?

Họ không được hà hiếp khách lạ, kẻ mồ côi, người góa bụa và không làm đổ máu người vô tội và không thờ lạy thần tượng.

Jeremiah 7:7

Mọi người phải làm gì để Đức Giê-hô-va để họ ở lại đó?

Họ phải sửa lại đường lối và việc làm của họ bằng sự công bình.

Mọi người phải làm gì nếu họ muốn Đức Giê-hô-va để họ ở trong xứ mình?

Họ không được hà hiếp khách lạ, kẻ mồ côi, người góa bụa và không làm đổ máu người vô tội và không thờ lạy thần tượng.

Jeremiah 7:10

Mọi người nói gì sau khi họ làm những điều mà họ biết là Đức Chúa Trời ghét?

Họ đi đến đền thờ và nói họ đã được cứu.

Jeremiah 7:12

Tại sao Đức Giê-hô-va muốn mọi người nghĩ đến Si-lô?

Ngài muốn họ nhớ rằng Ngài sẽ làm với họ những gì mà Ngài đã làm với Si-lô bởi tội lỗi của họ cùng những tội lỗi mà Si-lô đã phạm với Ngài.

Jeremiah 7:14

Tại sao Đức Giê-hô-va muốn mọi người nghĩ đến Si-lô?

Ngài muốn họ nhớ rằng Ngài sẽ làm với họ những gì mà Ngài đã làm với Si-lô bởi tội lỗi của họ cùng những tội lỗi mà Si-lô đã phạm với Ngài.

Jeremiah 7:16

Tại sao Đức Giê-hô-va không nghe lời cầu nguyện của Giê-rê-mi?

Ngài không nghe vig Ngài quyết định sẽ tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên.

Jeremiah 7:18

Tại sao Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên?

Bởi vì họ đang thờ lạy các tà thần.

Jeremiah 7:23

Đức Giê-hô-va đã ban cho dân Ngài điều gì khi họ rời khỏi Ê-díp-tô?

Ngài truyền cho họ phải lắng nghe tiếng Ngài và đi theo đường lối Ngài.

Jeremiah 7:26

Dân sự làm gì khi Đức Giê-hô-va sai các tiên tri đến với họ?

Họ không nghe cũng chẳng chú ý đến, càng ngày càng xấu xa hơn.

Jeremiah 7:28

Tiên tri đã nói gì với họ?

Ông nói với họ rằng họ là một dân cứng cổ không nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ.

Jeremiah 7:29

Tại sao Đức Giê-hô-va bảo Giê-rê-mi hãy cắt tóc đi?

Vì để Giê-rê-mi đã tỏ bày rằng Đức Giê-hô-va đã chê chối lìa bỏ dòng dõi Y-sơ-ra-ên.

Jeremiah 7:31

Tại sao dân sự lại xây các nơi cao của Tô-phết trong trũng Hi-nôm?

Họ xây để họ có thể thêu đốt con trai con gái của họ trong lửa ở đó.

Jeremiah 7:33

Xác chết của mọi người sẽ trở nên như thế nào?

Chim trời và thú vật sẽ ăn.

Jeremiah 7:34

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với các thành của Giu-đa và các đường phố của Giê-ru-sa-lem?

Ngài sẽ làm cho hoang vu, không có ai hạnh phúc khi ở đó.

Chapter 8

Jeremiah 8:1

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi vừa nói cho dân Giu-đa biết điều gì sẽ xảy ra cho xứ.

Lúc đó

Thời điểm những sự kiện ở câu JER07:31

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chúng sẽ đem

Từ “chúng” chỉ về những người sẽ tiêu diệt Giê-ru-sa-lem.

Các quan tướng của nó

"các vua của Giu-đa"

Sẽ phơi chúng ra

Từ “chúng” chỉ về xương của dân Giu-da.

Những thứ trên trời mà chúng đi theo và phục vụ

"Những thứ trên trời mà chúng yêu mến và phục vụ". Từ “chúng” ở đây chỉ về dân Giu-đa.

Chúng bước theo

Gợi ý dịch: "chúng trung thành vâng phục". Xem cách đã dịch ở JER02:23

Và tìm kiếm

"và chúng cầu hỏi"

Các xương ấy sẽ chẳng được gom lại hay chôn cất

Gợi ý dịch: "Sẽ không ai gom xương họ lại và chôn cất"

Chúng sẽ như phân

Đức Giê-hô-va cho thấy chúng sẽ thê lương thế nào.

như phân

"như phân bón"

trên mặt đất

"khắp mặt đất"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nơi mà ta đuổi chúng
Từ “chúng” chỉ về dân Giu-đa.
Mọi kẻ sống sót của gia tộc gian ác này sẽ chọn chết hơn là sống
"những người còn sót lại từ gia tộc gian ác này muốn chết hơn là sống"
Jeremiah 8:4
Vậy hãy nói
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi.
Với chúng
"với dân Giu-đa"
Có ai vấp ngã mà không đứng dậy?
Gợi ý dịch: "Các ngươi biết rằng khi vấp ngã người ta sẽ đứng dậy." .
Có ai lạc lối mà không tìm cách quay về?
Gợi ý dịch: "Khi lạc lối người ta tìm cách trở về đúng đường".
Vì sao dân Giê-ru-sa-lem này cứ quay đi phản bội mãi?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng hành động của dân Giu-đa thật khó hiểu. Gợi ý dịch: "Thật khó hiểu khi dân Giê-ru-sa-lem cứ quay đi phản bội mãi".
Giê-ru-sa-lem
Từ “Giê-ru-sa-lem” chỉ về dân Giu-đa.
Bám lấy sự phản bội
"tiếp tục thờ tà thần" hoặc "bám lấy những lời dối trá"
Jeremiah 8:6
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va đang phán về dân Giu-đa.
không nói thật
"không nói điều chân thật"
Cho sự gian ác của nó
"vì sự gian ác của nó"
Tôi đã làm gì vậy
Gợi ý dịch: "Tôi đã làm điều tồi tệ"
Tất cả chúng đi theo đường mình muốn
"Hết thảy chúng tiếp tục chạy". Đức Giê-hô-va ví họ nôn nả làm điều ác giống như họ đang chạy. Gợi ý dịch: "Hết thảy chúng tiếp tục nôn nả làm điều ác như xưa".
Như ngựa xông vào trận mạc
Người ưa thích làm điều ác giống như ngựa xông vào trận mạc vì nó rất hăm hở ra trận.
Ngựa
Từ này chỉ về ngựa đực.
Ngay cả chim hạc trên trời còn biết thời điểm; chim bồ câu, én và sếu
"những con chim biết khi nào chúng nên rời khỏi vùng lạnh lẻo để đến vùng ấm áp.
Chim hạc ... chim bồ câu, én và sếu
Chúng là những loại chim khác nhau bay đến chỗ ấm áp trước khi nơi chúng ở trở nên quá lạnh.
Đi di trú
"đi từ xứ lạnh đến xứ ấm áp"
Jeremiah 8:8
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là những lời Đức Giê-hô-va phán về dân Giu-đa.
Sao các ngươi dám nói “Chúng tôi khôn ngoan! Luật pháp của Đức Giê-hô-va ở cùng chúng tôi”?
"Vì sao các ngươi dám nói rằng chúng tôi khôn ngoan! Và chúng tôi có luật pháp của Đức Giê-hô-va?” Gợi ý dịch: "Các ngươi không nên nói rằng các ngươi khôn ngoan và các ngươi có luật pháp của Đức Giê-hô-va."
Sao các ngươi dám nói
Từ “các ngươi” chỉ về dân Giu-đa.
Ngòi bút giả dối của các thầy thông giáo đã làm ra sự dối trá
Ngòi bút tượng trưng cho những điều các thầy thông giáo viết ra. Gợi ý dịch: "Những điều sai trái do các thầy thông giáo viết đã cho các ngươi những điều giả dối về luật pháp của Đức Giê-hô-va."
Kẻ khôn ngoan sẽ bị xấu hổ
"Những người nghĩ họ khôn ngoan sẽ bị xấu hổ"
Họ mất tinh thần và bị mắc bẫy
"Kẻ thù sẽ đánh bại họ và bắt họ đi"
Vậy sự khôn ngoan của chúng có ích gì?
Gợi ý dịch: "Vậy cái gọi là khôn ngoan của chúng chẳng giúp ích được gì cho chúng."
Những kẻ sẽ sở hữu chúng
"Những người sẽ quản lí đất của chúng"
từ người nhỏ nhất ... tất cả chúng đều sống giả dối
Xem cách đã dịch ở JER06:13
Jeremiah 8:11
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là lời phán của Đức Giê-hô-va về dân Giu-đa.
Vì chúng chữa vết thương con gái dân ta ... Đức Giê-hô-va phán
Xem cách đã dịch ở JER06:13
Lá sẽ héo
"lá sẽ khô"
Những gì ta đã ban cho chúng sẽ không còn nữa
Không rõ ý nghĩa của câu này trong bản Hê-bơ-rơ là gì. Có thể là 1) “Ta ban những mạng lệnh cho dân ta nhưng chúng không vâng theo” hoặc 2) “vì thế, ta đã phó chúng cho kẻ thù giày xéo”.
Jeremiah 8:14
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục sứ điệp và cho biết dân Giu-đa sẽ nói gì lúc chúng bị trừng phạt.
Sao chúng ta cứ ngồi ở đây
Gợi ý dịch: "Chúng ta không nên cứ ở đây."
Hãy tập trung lại, cùng chạy vào các thành kiên cố
Xem cách đã dịch ở JER04:04
các thành kiên cố
"các thành có tường cao và binh lính bảo vệ"
Và tại đó chúng ta sẽ im lặng trong cái chết
Gợi ý dịch: "và chúng ta sẽ chết tại đó."
Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta sẽ khiến cho chúng ta im lặng
Gợi ý dịch: "vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta sẽ diệt chúng ta."
Ngài sẽ cho chúng ta uống thuốc độc
"Ngài sẽ cho chúng ta uống thuốc độc" chỉ về sự phán xét của Đức Chúa Trời.
Nhưng nầy, sẽ chẳng có
"nhưng hãy hiểu rằng sẽ chẳng có"
Nhưng sẽ chẳng có điều tốt đẹp nào
"nhưng chẳng có điều tốt đẹp nào sẽ xảy đến"
Jeremiah 8:16
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục sứ điệp về sự trừng phạt đến trên Giu-đa.
Từ thành Đan có tiếng hét của ngựa
Gợi ý dịch: "Dân thành Đan nghe tiếng quân thu đang đến tấn công Giu-đa".

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngựa
Ngựa đực
Cả đất rung chuyển
Gợi ý dịch: "Dân của xứ run sợ"
vì tiếng hí của những con ngựa dũng mãnh
"khi họ nghe tiếng ngựa dũng mãnh của kẻ thù"
Hí
Tiếng của ngựa
Vì chúng sẽ đến
Từ “chúng” chỉ về đội quân xâm lược.
Và nuốt xứ
"và hủy diệt xứ."
Ta sẽ sai rắn đến giữa các ngươi
Rắn tượng trưng cho quân thù. Gợi ý dịch: "Ta sẽ sai quân thù đến đánh các ngươi."
Loài rắn độc các ngươi chẳng thể ếm chú được
Gợi ý dịch: "loài rắn độc các ngươi không thể dùng phù phép đuổi đi”.
Rắn độc
Một loài rắn có nọc độc và có răng nanh lớn.
Chúng sẽ cắn các ngươi
Gợi ý dịch: "Chúng sẽ tấn công các ngươi" hoặc "Chúng sẽ tiêu diệt các ngươi."
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 8:18
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi và Đức Giê-hô-va trò chuyện về dân Giu-đa.
Nỗi buồn tôi không chấm dứt và lòng tôi mỏi mệt
Đây là một câu khó hiểu trong tiếng Hê-bơ-rơ được các bản hiện đại dịch theo nhiều cách khác nhau.
Nỗi buồn tôi không chấm dứt
Từ “tôi” chỉ về Giê-rê-mi. Gợi ý dịch: "Tôi rất buồn."
Và lòng tôi mỏi mệt
Từ “tôi” chỉ về Giê-rê-mi. Gợi ý dịch: "Tôi cảm thấy mỏi mệt từ tận bên trong."
Nầy, có tiếng hét của con gái dân tôi từ miền đất xa xăm!
Giê-rê-mi đang nói về dân Giu-đa. Có thể là 1) “Dân Giu-đa kêu lên từ cảnh lưu đày ở vùng đất xa xăm” hoặc 2) “Dân Giu-đa kêu lên từ khắp đất Y-sơ-ra-ên”.
Con gái dân tôi
Y-sơ-ra-ên được gọi là con gái.
Đức Giê-hô-va không còn ở trong Si-ôn sao
Giê-ru-sa-lem được gọi là Si-ôn.
Đức Giê-hô-va không còn ở trong Si-ôn sao? Vua Si-ôn không còn ngự trong thành sao?
Giê-rê-mi thuật lại lời dân Giu-đa nói. Hai câu hỏi song song này cho thấy dân Giu-đa thắc mắc vì sao Đức Giê-hô-va không cứu họ. Gợi ý dịch: "Vì sao Đức Giê-hô-va không cứu chúng ta nếu Ngài là vua Giê-ru-sa-lem?"
Vì sao chúng xúc phạm ta bằng những hình tượng chạm khắc
Từ “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Nếu chúng muốn ta giải cứu chúng thì chúng không được xúc phạm ta bằng cách thờ thần tượng của chúng”.
Jeremiah 8:20
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói về dân Giu-đa.
Mùa gặt đã qua
"Mùa gặt đã hết"
Nhưng chúng tôi chưa được cứu
Giê-rê-mi thuật lại lời dân Giu-đa nói. Từ “chúng tôi” chỉ về dân Giu-đa. Gợi ý dịch: "Nhưng Đức Giê-hô-va chưa cứu chúng ta."
Tôi đau xót vì vết thương của con gái dân tôi
Từ “tôi” chỉ về Giê-rê-mi. Gợi ý dịch: "Tôi rất buồn rầu vì dân Giu-đa đang trải qua những điều tồi tệ."
Trong Ga-la-át không có thuốc men sao? Ở đó không có thầy thuộc sao?
Gợi ý dịch: "Trong Ga-la-át có thuốc! Ở đó có thầy thuốc!”
Vì sao con gái dân tôi không được chữa lành
Gợi ý dịch: "Nhưng dân tôi có vết thương thuộc linh mà thuốc và thầy thuốc không thể chữa lành được."

Translation Questions

Jeremiah 8:1
Chuyện gì xảy ra với xương của mọi người?
Xương của mọi người sẽ rải khắp mặt đất.
Jeremiah 8:3
Liệu những người còn sống họ muốn mình có thể sống hay ước họ được chết?
Họ ước rằng mình có thể chết.
Jeremiah 8:4
Những người bị lạc họ cố gắng làm gì?
Họ cố tìm cách để trở lại.
Jeremiah 8:6
Dân sự cảm thấy như thế nào về sự gian tà của chính họ?
Không ai tiếc cho sự gian tà của chính mình.
Jeremiah 8:7
Dân của Đức Giê-hô-va khác với các loài chim như thế nào?
Các giống loài chim tự biết chúng phải làm gì, nhưng dân của Ngài không biết luật pháp của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 8:8
Các thầy thông giáo đã làm gì?
Họ đã viết những điều giả dối để đánh lừa người dân.
Jeremiah 8:10
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với vợ và ruộng vườn của họ?
Ngài sẽ ban vợ và đồng ruộng của họ cho kẻ khác.
Jeremiah 8:12
Dân sự có xấu hổ vì tội lỗi của họ không?
Không, họ không xấu hổ.
Jeremiah 8:13
Bởi vì họ không biết xấu hổ nên Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?
Ngài sẽ dấy kẻ thù nghịch họ tiêu diệt họ.
Jeremiah 8:14
Dân sự quyết định làm gì?
Họ quyết định đi đến các thành phố và chết.
Jeremiah 8:16
Những con ngựa chiến của Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?
Chúng sẽ đến, nuốt đất và mọi thứ trong đó, nuốt thành phố và những người sống trong đó.
Jeremiah 8:17
Đức Giê-hô-va sai cái gì đến để làm hại họ?
Ngài sai rắn và bò cạp đến để làm hại họ.
Jeremiah 8:18
Những người đang la hét họ ở đâu?
Họ ở trong một vùng đất rất xa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 8:19
Đức Giê-hô-va ở đâu?

Đức Giê-hô-va ở tại Si-ôn.

Chapter 9
Jeremiah 9:1
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va và Giê-rê-mi tiếp tục nói về dân Giu-đa.
Giá mà đầu tôi là suối nước, mắt tôi là nguồn lệ
Giê-rê-mi đang nói. Gợi ý dịch: "Ước gì tôi có thêm nước mắt!"
Ngày và đêm
Gợi ý dịch: "luôn luôn."
con gái dân tôi
Xem cách đã dịch ở JER04:11
những người bị giết
Gợi ý dịch: "những người bị kẻ thù giết."
Giá mà ai đó cho tôi
Giê-rê-mi vẫn đang nói. "Ước gì ai đó cho tôi"
Một nơi cho lữ khách trong hoang mạc
Ở đây chỉ về một ngôi nhà cho người đi đường trong hoang mạc có thể dừng lại ngủ qua đêm.
Bỏ dân tôi
"rời bỏ dân tôi"
Bọn phản bội
"một nhóm người phản bội"
Đức Giê-hô-va phán
Xem cách đã dịch câu tương tự ở JER01:07
Chúng lấy lưỡi mình giẫm lên cây cung lừa dối
Nói dối được gọi là việc của lưỡi kẻ ác. Vì lời nói dối không thể lấy lại được nên nói dối được ví như bắn tên. Người bắn cung phải giẫm lên cung để căng dây cung, ở đây kẻ nói dối được nói như thể đang dùng lưỡi để căng dây cung.
Không phải vì sự trung tín nào của chúng
Câu này ngụ ý rằng họ không trung tín với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "chúng không trung tín với Đức Giê-hô-va".
Không phải vì sự trung tín nào của chúng
Câu này trong tiếng Hê-bơ-rơ được một số bản hiện đại dịch là “chúng không mạnh mẽ trong sự thật”.
Chúng đi từ việc ác này đến việc ác khác
Phạm hết tội ác này đến tội ác khác được nói như thể kẻ làm ác đang đi từ hành động này sang hành động khác. Gợi ý dịch: "Chúng cứ làm điều ác"
Jeremiah 9:4
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Giê-rê-mi về dân Giu-đa.
Mỗi người các ngươi
Từ “các ngươi” chỉ về dân Giu-đa.
Phải thận trọng với người lân cận, cũng đừng tin tưởng một anh em nào
"phải cẩn thận đừng tin người Y-sơ-ra-ên nào cũng đừng tin anh em nào của mình"
Mỗi người lân cận đi vu khống
Thường xuyên nói dối về người khác được gọi là đi vu khống.
Mỗi người lừa gạt người lân cận, không nói sự thật
"Người nào cũng lừa gạt người lân cận, chúng không nói sự thật"
Lưỡi chúng dạy điều dối trá
Gợi ý dịch: "Chúng dạy dỗ điều sai trật."
Chúng kiệt sức vì phạm tội
"Chúng đến mệt vì phạm quá nhiều tội"
Con đang sống giữa cảnh dối trá
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi. Sống giữa những kẻ dối trá được gọi là sống giữa cảnh dối trá.
Trong sự dối trá đó chúng từ chối nhận biết ta
"Bằng cách nói những lời dối trá đó, dân Giu-đa đã từ chối vâng phục ta là Đức Chúa Trời”.
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 9:7
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Giu-đa.
con gái dân ta
Xem cách đã dịch ở JER04:11
Lưỡi của chúng là mũi tên mài nhọn
Lưỡi lấy lời dối trá hại người khác cũng giống như mũi tên nhọn làm người khác bị thương.
Miệng thì chúc bình an cho người lân cận
Gợi ý dịch: "Chúng nói miệng rằng muốn người lân cận được bình an."
Nhưng trong lòng thì chúng phục kích họ
Gợi ý dịch: "nhưng điều chúng muốn là diệt trừ người lân cận."
Ta không trừng phạt chúng về những điều đó sao ... ta không báo trả một dân tộc như thế sao?
Xem cách đã dịch câu tương tự ở JER05:07
Jeremiah 9:10
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục nói về dân Giu-đa. Ở câu 12, Giê-rê-mi đưa ra một lời bình.
Ta sẽ hát ... cho các đồng cỏ
Đức Giê-hô-va đang thương tiếc cho vùng đất của Y-sơ-ra-ên như thể cho người chết.
các đồng cỏ
"những cánh đồng cho động vật ăn cỏ"
Vì chúng bị đốt cháy
"Vì ai đó đã đốt những cánh đồng cỏ."
Chúng sẽ chẳng nghe tiếng súc vật nữa
"Sẽ không ai nghe tiếng súc vật nữa"
Nơi trú ẩn cho chó rừng
"nơi cho chó rừng ẩn trốn"
Chó rừng
Chó hoang dữ tợn
Nơi không người cư ngụ
"nơi không có người ở"
Ai là người khôn ngoan hiểu được những điều này?
Gợi ý dịch: "Nếu những tiên tri của các ngươi thật sự khôn ngoan thì họ phải biết vì sao xứ nầy tiêu tàn".
Miệng Đức Giê-hô-va phán gì với người để người truyền lại?
Gợi ý dịch: "Nếu Đức Giê-hô-va thật sự phán cùng những tiên tri của các ngươi thì họ phải nói được Đức Giê-hô-va đã phán gì về sự hủy diệt xứ này."
Tại sao xứ sở điêu tàn?
Gợi ý dịch: "Nhưng những tiên tri của các ngươi không khôn ngoan và Đức Giê-hô-va không phán cùng họ vì thế họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không biết vì sao xứ tiêu tàn."
Jeremiah 9:13
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Giu-đa.
Vì chúng đã bỏ
"Xứ bị phá hủy vì dân Giu-đa không vâng giữ"
Chúng không nghe tiếng ta
Gợi ý dịch: "chúng không chú ý đến những điều ta phán cùng chúng."
Hay bước theo
Gợi ý dịch: "hay sống theo đường lối ta truyền phán."
Chúng đi theo lòng ương ngạnh của mình
Gợi ý dịch: "chúng ương ngạnh và sống theo đường lối mình muốn."
đi theo các thần Ba-anh
"thờ lạy các tà thần"
Jeremiah 9:15
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Giu-đa.
ngải cứu
Một loại cây có vị đắng
Ta sẽ rải chúng ra giữa các dân
"Ta sẽ bắt chúng rời khỏi đây và sống ở nhiều nước khác nhau"
Ta sẽ sai gươm giáo đuổi theo chúng
Gợi ý dịch: "Ta sẽ sai quân lính chiến đấu với chúng."
Jeremiah 9:17
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán cho dân Giu-đa hãy than khóc vì sự hủy diệt sắp đến trên xứ.
Hãy tụ tập những người hát tang lễ, hãy gọi họ đến. Hãy sai tìm những phụ nữ khéo than van về, hãy gọi họ đến
Gợi ý dịch: "Hãy tìm những phụ nữ chuyên than khóc và đưa họ về đây."
những người hát tang lễ
"Hãy gọi những phụ nữ chuyên hát tang lễ"
Hãy gọi họ đến
Gợi ý dịch: "hãy bảo những phụ nữ đó đến."
sai tìm những phụ nữ khéo than van
Gợi ý dịch: "Sai người đi tìm những phụ nữ khéo than khóc."
Bảo chúng hãy mau lên và hát bài than khóc cho chúng tôi
Đức Giê-hô-va cho biết điều dân Giu-đa sẽ nói khi sự hủy diệt đến. Gợi ý dịch: "Hãy nói những phụ nữ ấy nhanh lên và hát bài than khóc cho chúng tôi."
Để mắt chúng tôi rơi lệ, mi chúng tôi đầm đìa nước mắt
Gợi ý dịch: "để chúng tôi khóc thảm thiết."
Jeremiah 9:19
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là lời Đức Giê-hô-va phán về dân Giu-đa.
có tiếng khóc than ở Si-ôn
Gợi ý dịch: "Ngươi ta khóc lớn ở Giê-ru-sa-lem."
Chúng tôi bị tàn phá dường nào
Đức Giê-hô-va cho biết điều dân Giu-đa sẽ nói khi xứ bị tàn phá. Gợi ý dịch: "Chúng tôi rất buồn rầu."
Chúng tôi tủi nhục vô cùng, chúng tôi đã phải lìa xứ sở vì chúng phá sập nhà cửa chúng tôi
"Chúng tôi tủi nhục vô cùng vì kẻ thù hủy phá nhà chúng tôi và chúng tôi phải rời bỏ đất Y-sơ-ra-ên"
hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va; hãy chú ý sứ điệp ra từ miệng Ngài
Hai câu này có nghĩa như nhau, nhấn mạnh mạng lệnh phải lắng nghe điều Đức Giê-hô-va phán.
Hãy dạy cho con gái mình bài ca sầu thảm và dạy cho những người nữ lân cận bài hát tang thương
Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng phản ứng thích hợp trước sứ điệp phán xét của Đức Giê-hô-va là than khóc. Gợi ý dịch: "Hãy dạy cho người khác biết than khóc thế nào."
Jeremiah 9:21
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là lời phán của Đức Giê-hô-va về dân Giu-đa.
Vì sự chết đã leo qua cửa sổ chúng ta
Đức Giê-hô-va cho biết điều dân Giu-đa sẽ nói khi Ngài hủy diệt xứ. Dân Giu-đa sẽ ví sự chết như người treo qua cửa sổ để tấn công người ở trong nhà.
Lâu đài
Nhà lớn nơi vua ở. Sự chết đến trên người giàu, kẻ nghèo như nhau.
Nó giết hại trẻ con ngoài đường phố
"Sự chết giết hại trẻ con trên đường phố."
Và thanh niên ở các quảng trường thành phố
"và sự chết giết những thanh niên ở các quảng trường thành phố."
Quảng trường thành phố
Nơi phố chợ
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Thây người sẽ ngã xuống như phân ... như gié lúa sau lưng con gặt
"Thây người sẽ ngã xuống khắp nơi."
Thây người sẽ ngã xuống như phân ngoài đồng ruộng
"Thây người sẽ ngã xuống khắp nơi như phân thú vật đầy ngoài đồng ruộng."
như gié lúa sau lưng con gặt
"và như gié lúa ngã rạp khắp nơi sau khi người nông dân cắt lúa."
Và chẳng ai thu gom chúng lại
"và sẽ chẳng ai gom xác chết lại"
Jeremiah 9:23
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là lời phán của của Đức Giê-hô-va.
Đừng để người khôn tự hào về sự khôn ngoan mình
"Người khôn đừng tự hào vì mình khôn ngoan"
Đừng để người giàu tự hào về sự giàu có mình
"Người giàu đừng tự hào vì mình giàu có"
Vì mình thấu hiểu và nhận biết ta
"vì mình hiểu biết ta là ai và sống theo đường lối làm ta đẹp lòng"
Vì ta là Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "Vì người ta phải hiểu biết rằng ta là Đức Giê-hô-va."
Vì Ta ưa thích những điều ấy
"Và ta ưa thích khi dân chúng sống trung tín theo giao ước, ngay thẳng và công chính"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 9:25
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là lời phán của Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những ngày đến
Gợi ý dịch: "Sẽ đến lúc"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Khi ta trừng phạt tất cả những ai chỉ chịu cắt bì trên thân thể
Ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, là những người đã bước vào giao ước của Đức Giê-hô-va bằng cách nhận phép cắt bì trên thể xác nhưng lại không vâng theo luật pháp của Ngài.
Và tất cả những người cắt tóc rất ngắn
Ở đây có thể chỉ về dân cắt tóc ngắn để tôn thờ một vị thần ngoại giáo.
Và tất cả những người cắt tóc rất ngắn
Một số bản hiện đại dịch câu này từ tiếng Hê-bơ-rơ là “và tất cả những người sống ở bìa hoang mạc.”
Vì tất cả các dân tộc nầy đều không cắt bì
Dân ngoại không được cắt bì là dấu hiệu họ không ở trong giao ước của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Vì các nước này không bước vào giao ước cùng Đức Giê-hô-va qua phép cắt bì."
còn cả nhà Y-sơ-ra-ên thì không cắt bì trong lòng
Lòng không cắt bì tượng trưng cho đặc tính của người không vâng giữ luật pháp của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "và hết thảy dân Y-sơ-ra-ên không giữ giao ước với Đức Giê-hô-va qua việc vâng phục Ngài."

Translation Questions

Jeremiah 9:1
Tại sao tiên tri Giê-rê-mi lại muốn khóc?
Ông muốn khóc vì rất nhiều người trong dân sự đã bị giết.
Jeremiah 9:2
Tại sao ông lại muốn bỏ lại dân sự?
Ông muốn từ bỏ vì họ là những kẻ ngoại tình và những kẻ phản bội.
Jeremiah 9:3
Những người tội lỗi nói gì?
Họ nói những điều dối.
Jeremiah 9:4
Tại sao mỗi người nên đề phòng những hàng xóm và anh em của họ?
Họ nên canh chừng lẫn nhau vì mỗi anh em và những hàng xóm là những kẻ lừa dối.
Jeremiah 9:5
Tại sao mọi người lại kiệt sức?
Họ mệt mỏi kiệt sức vì họ phạm tội ác.
Jeremiah 9:6
Tại sao Đức Giê-hô-va trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên?
Ngài phạt dân Y-sơ-ra-ên bởi vì họ chỉ chịu phép cắt bì trong thân thể chứ không phải ở trong lòng.
Jeremiah 9:8
Tại sao Đức Giê-hô-va muốn thử nghiệm dân Ngài?
Ngài muốn thử họ vì họ nói dối với người lân cận họ.
Jeremiah 9:10
Tiên tri Giê-rê-mi hát gì?
Ông sẽ hát những bài ca sầu não và những bài hát tang cho những ngọn núi và những cánh đồng.
Jeremiah 9:11
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì Giê-ru-sa-lem và Giu-đa?
Ngài sẽ biến chúng thành nơi đổ nát.
Jeremiah 9:12
Đất sẽ ra sao khi nó đã bị diệt?
Nó sẽ giống như đồng vắng, đến nỗi không ai qua lại.
Jeremiah 9:13
Dân sự đã làm gì trái lòng Đức Giê-hô-va?
Họ đã từ bỏ luật pháp của Ngài và không vâng theo tiếng Ngài.
Jeremiah 9:16
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ làm cho họ tan lạc trong các dân tộc mà họ và tổ phụ của họ không biết, họ sẽ không được hạnh phúc và chẳng có gì ngoài cay đắng. Rồi Ngài sẽ đuổi họ khỏi nhà của họ và giết họ.
Jeremiah 9:17
What should the women who are skilled at lamenting do?
Họ hát những bài hát buồn để cho mọi người khóc.
Jeremiah 9:18
What should the women who are skilled at lamenting do?
They should sing sad songs so that the people will cry.
Jeremiah 9:19
Những người than khóc ở SI-ôn cảm thấy như thế nào?
Họ rất xấu hổ.
Jeremiah 9:20
Phụ nữ nên dạu các con gái họ điều gì?
Họ nên dạy con gái mình bài khóc than sầu thảm.
Jeremiah 9:21
Tiên tri Giê-rê-mi nói ai sẽ chết?
Trẻ em và thanh niên sắp chết.
Jeremiah 9:22
Những xác chết giống như phân và nắm lúa lép sẽ ra sao?
Sẽ không có ai chôn chúng.
Jeremiah 9:23
Mọi người nên tự hào về điều gì?
Họ nên tự hào vì họ biết Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 9:24
Đức Giê-hô-va nói gì về chính Ngài?
Ngài là Đấng làm ra sự thương xót, chánh trực, và công bình trên đất.
Jeremiah 9:25
Tại sao Đức Giê-hô-va hành phạt dân Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ phạt dân Y-sơ-ra-ên bởi vì họ chỉ chịu cắt bì trong thân thể họ chứ không phải trong lòng họ.
Jeremiah 9:26
Tại sao Đức Giê-hô-va trừng phạt những dân tộc khác?
Ngài sẽ phạt họ bởi vì họ đều không chịu cắt bì.

Chapter 10

Jeremiah 10:1
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va vừa nhắc nhỡ dân Giu-đa cũng như Ai Cập, Ê-đôm, A-môn, Mô-áp và tất cả các dân rằng họ sẽ bị trừng phạt.
Đừng học theo lối sống của các dân
Đừng đi theo điều các nước ngoại giáo tin thờ.
Run sợ
"lo ngại" hoặc "sợ hãi"
các điềm trên trời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"những điều kỳ lạ trên trời"

Vì các dân run sợ những điều đó

"vì dân các nước sợ những điềm lạ chúng thấy trên trời"

Jeremiah 10:3

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va vừa nhắc nhỡ họ đừng học theo lối sống của các dân cũng đừng lo sợ những điềm trên trời.

Thợ thủ công

Một người lành nghề

Bù nhìn

Bù nhìn là vật có hình giống con người được làm ra để xua đuổi chim, không cho chúng ăn mùa màng.

Dưa leo

Một loại rau quả dài, có vỏ màu xanh, thịt màu trắng và có nhiều nước

Jeremiah 10:6

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi vừa nói về việc thờ lạy thần tượng.

Lạy vua các nước! Ai mà không kính sợ Ngài?

Giê-rê-mi không cần có câu trả lời, câu hỏi này giống như một câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Mọi người phải kính sợ Ngài là vua của các nước"

Điều Ngài đáng được

"điều Ngài có được"

Jeremiah 10:8

Tất cả chúng đều như nhau, chúng u mê và khờ dại

“U mê” và “khờ dại” căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh những kẻ thờ thần tượng thật khờ dại. Gợi ý dịch: "Tất cả họ đều rất khờ dại."

Sự dạy dỗ của các tượng thần chẳng hơn gì một khúc gỗ.

"chúng cố gắng học biết từ bức tượng thần chỉ là một khúc gỗ"

Thợ khéo

"thợ lành nghề"

Ta-rê-si ... U-pha

Những nơi khai thác bạc và vàng.

Vàng từ U-pha, tác phẩm của thợ chạm và đôi tay của thợ tinh chế

"Vàng từ U-pha do thợ thủ công lành nghề và thợ tinh chế làm ra"

Chúng mặc chiếc áo màu xanh và tím

"Người ta cho hình tượng mặc chiếc áo đẹp đẽ"

Rúng động

"rung lắc"

Jeremiah 10:11

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời phán với Giê-rê-mi.

Đấng tạo dựng địa cầu bằng quyền năng Ngài, lập nên đất khô bởi sự khôn ngoan Ngài, trải rộng các tầng trời bởi sự hiểu biết của Ngài.

Gợi ý dịch: "Đấng Tạo Hóa mạnh mẽ và khôn ngoan. Ngài dựng nên trời và đất."

Tiếng Ngài khiến các nguồn nước trên trời vang động

Gợi ý dịch: "Ngài điều khiển gió bão trên trời bằng lời phán"

Ngài khiến hơi nước bốc lên từ tận cùng trái đất

Gợi ý dịch: "Ngài tạo mây khắp mọi nơi trên đất."

kho tàng

Nhà cất giữ đồ đạc

Jeremiah 10:14

Trở nên khờ dại

"thiếu hiểu biết" hoặc "không hiểu biết"

Phần dành cho Gia-cốp

"Đấng dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng"

Đấng tạo nên mọi vật

"Đấng sáng tạo nên mọi vật" hoặc "Đấng dựng nên mọi vật"

Jeremiah 10:17

Gom đồ đạc

"Thu gom tài sản"

Kìa

Từ “kìa” nhấn mạnh cho câu nói theo sau.

Lần nầy ta sẽ ném dân cư của đất nầy đi

Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến dân cư của đất này rời khỏi xứ."

dân cư của đất nầy

"dân sống trong đất nầy"

khốn đốn

"rất đau đớn hay khổ sở"

Jeremiah 10:19

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi nói như thể ông là toàn thể dân Y-sơ-ra-ên.

Khốn khổ cho tôi vì xương tôi gãy, vết thương tôi nhiễm trùng

Gợi ý dịch: "Chúng tôi thật sự khốn khổ như người bị gãy xương và nhiễm trùng."

Lều của tôi bị phá hủy và hết thảy dây căng lều của tôi đều bị cắt làm hai

Kẻ thù tiêu hủy thành của tôi hoàn toàn"

Chúng đã lấy

"kẻ thù đã lấy"

Không còn ai giương trại tôi ra hay căng màn tôi

Gợi ý dịch: Không còn ai xây lại thành chúng tôi."

Jeremiah 10:21

Bị tan lạc

"bị chia cắt và đi ra nhiều hướng khác nhau"

Chó rừng

Một loại chó hoang ở Châu Phi

Jeremiah 10:23

Xin đổ cơn thịnh nộ Ngài trên các nước

Gợi ý dịch: "Xin trừng phạt dân các nước thật nặng nề"

nuốt Gia-cốp và thiêu đốt ông cho đến khi tuyệt diệt ông

Ở đây “nuốt” và “thiêu đốt” đều có nghĩa như nhau là “hoàn toàn tiêu diệt”. Giê-rê-mi lặp lại ý này ba lần để nhấn mạnh sự hủy diệt hoàn toàn của Y-sơ-ra-ên.

Phá tan chỗ ở của ông

"phá hủy đất ông sống"

Translation Questions

Jeremiah 10:1

Đức Giê-hô-va không muốn dân Y-sơ-ra-ên làm gì?

Ngài không muốn họ học theo tập tục của các dân ngoại.

Jeremiah 10:2

Đức Giê-hô-va không muốn dân Y-sơ-ra-ên làm gì?

Ngài không muốn họ học theo tập tục của các dân ngoại.

Jeremiah 10:3

Điều nào chỉ là vô ích?

Làm thần tượng chỉ là vô ích.

Jeremiah 10:5

Điều nào chỉ là vô ích?

Làm thần tượng chỉ là vô ích.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao dân sự không cần phải sợ thần tượng?
Vì thần tượng không thể làm được bất cứ gì cả tốt lẫn xấu.
Jeremiah 10:6
Ai giống như Đức Giê-hô-va?
Chẳng ai giống như Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 10:11
Điều gì sẽ xảy ra với các thần tượng không tạo nên trái đất?
Họ sẽ bị tiêu diệt.
Jeremiah 10:12
Đức Chúa Trời chân thật, Ngài làm gì?
Ngài đã tạo dựng trái đất và các từng trời bởi quyền năng Ngài.
Jeremiah 10:14
Các thần tượng khác gì với Đức Chúa Trời chân thật?
Các thần tượng không sống được, nhưng Đức Chúa Trời làm được mọi điều.
Jeremiah 10:15
Các thần tượng khác gì với Đức Chúa Trời chân thật?
Các thần tượng không sống được, nhưng Đức Chúa Trời làm được mọi điều.
Jeremiah 10:17
Những người bị bao vây thì nên làm gì?
Họ nên lấy của cải của họ để lìa khỏi đất.
Jeremiah 10:20
Why is there no longer anyone to spread out the prophet's tent?
They have taken his children away from him.
Jeremiah 10:21
Tại sao những kẻ chăn chiên trở nên ngu dại?
Vì họ không tìm kiếm Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 10:22
Điều gì sẽ xảy ra khi động đất xảy đến?
Các thành của Giu-đa sẽ trở nên điêu tàn.
Jeremiah 10:24
Giê-rê-mi cầu xin Đức Giê-hô-va sửa trị ông như thế nào?
Ông xin Đức Giê-hô-va sửa trị ông các công bình, không phải trong cơn thịnh nộ.
Jeremiah 10:25
Tiên tri Giê-rê-mi đã xin Đức Giê-hô-va giáng cơn thịnh nộ của Ngài trên ai?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va đổ cơn thịnh nộ của Ngài trên các dân tộc không nhìn biết Ngài.
Tại sao họ phải nhận cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va?
Họ sẽ nhận lấy cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va bởi vì họ đã diệt nhà Gia-cốp và nuốt đất của Gia-cốp.

Chapter 11
Jeremiah 11:1
Dân cư Giê-ru-sa-lem
"dân sống ở Giê-ru-sa-lem"
Jeremiah 11:3
Luyện
Đốt nóng sắt thành chất lỏng
Xứ đượm sữa và mật
Có nghĩa là xứ sẽ giàu có và được mùa, có đủ thức ăn cho mọi người. Gợi ý dịch: "Xứ rất thuận lợi để chăn nuôi và trồng trọt”
Jeremiah 11:6
Nghiêm nghị
"nghiêm túc"
Mỗi người bước đi theo sự ương ngạnh của lòng gian ác mình.
"Mỗi người không chịu thay đổi mà tiếp tục làm điều gian ác mình muốn"
Jeremiah 11:9
Âm mưu
Kế hoạch bí mật gây tai họa hoặc làm điều bất hợp pháp.
dân cư Giê-ru-sa-lem
"những người sống ở Giê-ru-sa-lem"
Jeremiah 11:11
Nầy
Gợi ý dịch: "Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ phán cùng ngươi"
Jeremiah 11:14
Về phần con ... thay cho chúng
Dịch tương tự câu JER07:16
Con không được kêu van
"Con không được khóc lóc buồn rầu"
Người ta yêu dấu mà lòng chứa nhiều ý định xấu xa còn vào nhà ta để làm gì nữa?
Có thể chuyển câu hỏi này thành câu khẳng định mang ý quở trách. Gợi ý dịch: "Người ta yêu dấu mà trong lòng chứa nhiều ý định gian ác thì đừng vào nhà ta."
Người ta yêu dấu mà lòng chứa nhiều ý định xấu xa còn vào nhà ta để làm gì nữa?
Câu này trong bản Hê-bơ-rơ rất khó hiểu, nhiều bản dịch câu này theo nhiều cách khác nhau.
Nhà
Đền thờ
Người ta yêu dấu
Dân Y-sơ-ra-ên được ví như một người phụ nữ được yêu mến.
Ngày xưa, Đức Giê-hô-va đã từng gọi ngươi là cây ô-liu sum suê
Trong Cựu Ước, con người thường được ví với cây cối.
Sẽ châm lửa đốt nó
Câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ về cây cối. Lửa tượng trưng cho sự tiêu diệt trên dân chúng.
Jeremiah 11:17
Đấng đã trồng ngươi
Gợi ý dịch: "Đấng đã đặt ngươi sống ở xứ của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa"
Jeremiah 11:18
Bị dắt đến lò làm thịt
Gợi ý dịch: "kẻ thủ dẫn đến lò giết thịt"
Tên nó không còn được nhớ đến nữa
Gợi ý dịch: "Người ta sẽ không còn nhờ đến tên nó nữa"
Jeremiah 11:21
A-na-tốt
Thành đặc biệt cho các thầy tế lễ ở
Người trai tráng
Người ở trong độ tuổi mạnh khỏe nhất
không còn một ai sống sót
Gợi ý dịch: "Ta sẽ không chừa lại một người nào"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 11:1

Đức Giê-hô-va nói với GIê-rê-mi phán bảo những lời giao ước nầy cho ai?

Đức Giê-hô-va phán bảo cho người Giu-đa và dân ở thành Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 11:3

Tại sao mọi người bị rủa sả?

Họ sẽ bị rủa sả nếu họ không nghe theo lời của giao ước.

Jeremiah 11:4

Giao ước này được trao cho ai?

Giao ước này được trao cho các tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên.

Giao ước được truyền khi nào?

Ngày mà Đức Giê-hô-va đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô.

Jeremiah 11:5

Đức Chúa Trời đã thề điều gì với các tổ phụ Y-sơ-ra-ên?

Ngài đã thề rằng Ngài sẽ cho họ vùng đất đầy sữa và mật.

Jeremiah 11:7

Tại sao Đức Chúa Trời đem tất cả mọi lời rủa sả trong giao ước mà nghịch cùng dân sự?

Ngài làm vậy bởi vì dân sự đã không vân theo giao ước với Ngài.

Jeremiah 11:8

Tại sao Đức Chúa Trời đem tất cả mọi lời rủa sả trong giao ước mà nghịch cùng dân sự?

Ngài làm vậy bởi vì dân sự đã không vân theo giao ước với Ngài.

Jeremiah 11:10

Điểm giống nhau của dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem là gì?

Họ khước từ Đức Giê-hô-va mà thờ lay các tượng thần khác.

Jeremiah 11:11

Khi Đức Giê-hô-va giáng tai họa trên dân sự, họ kêu cầu Ngài =, thì Ngài sẽ trả lời như thế nào?

Ngài sẽ không nghe lời họ.

Jeremiah 11:13

Có bao nhiêu bàn thờ đốt hương cho Ba-anh được lập ở tại Giê-ru-sa-lem?

Dân chúng làm một bàn thờ trên mỗi con đường.

Jeremiah 11:14

Tại sao Đức Giê-hô-va truyền cho Giê-rê-mi đừng cầu thay cho dân sự?

Ông không cần phải cầu nguyện bởi vì Đức Giê-hô-va sẽ không nghe.

Jeremiah 11:15

Tại sao dân sự hy sinh đã không giúp được gì cho họ?

Những sự hy sinh không thể giúp họ bởi vì họ đã làm điều ác và sau đó vui vẻ về điều đó.

Jeremiah 11:17

Hành động tội lỗi của dân sự là gì?

Họ đã thờ cúng và dâng hương cho Ba-anh.

Jeremiah 11:20

Đức Giê-hô-va sẽ dò xét một phần nào của con người?

Ngài dò xét lòng và trí.

Jeremiah 11:21

Người A-na-tốt nói với Giê-rê-mi rằng họ sẽ làm gì nếu ông cứ nói tiên tri bởi danh Đức Giê-hô-va?

Họ nói rằng họ sẽ giết ông.

Jeremiah 11:22

Đức Giê-hô-va phán điều gì xảy đến cho những kẻ muốn giết Giê-rê-mi?

Ngài nói rằng Ngài sẽ giết những con trai con gái của họ bằng chiến tranh và đói kém.

Chapter 12

Jeremiah 12:1

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Lòng chúng xa cách Ngài

"Chúng không yêu mến hay tôn kính Ngài"

Jeremiah 12:3

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi tiếp tục thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Đem chúng đi như chiên đến lò giết thịt

"Chuẩn bị trừng phạt những kẻ gian ác"

Xứ sở khô hạn cho đến bao giờ ... vì sự gian ác của dân cư?

"Cơn hạn hán do sự gian ác của dân cư đã kéo dài quá lâu."

thú rừng và chim chóc bị quét sạch

Thú rừng và chim chóc chết do cơn hạn hán.

Héo

"khô héo"

Đức Chúa Trời không biết điều gì sẽ xảy ra cho chúng ta đâu.

"Đức Chúa Trời không thấy tội lỗi chúng ta đâu."

Jeremiah 12:5

Làm sao con đua với ngựa được? ... làm sao con đối phó với rừng rậm Giô-đanh?

Hai câu hỏi này ngụ ý là hai câu khẳng định. Gợi ý dịch: "con sẽ không thể đua với ngựa ... con sẽ vấp ngã trong rừng rậm Giô-đanh".

Nếu ở trong đất an ổn mà con còn vấp ngã

Một số bản hiện đại dịch câu này từ tiếng Hê-bơ-rơ là “Nếu con thấy an ninh trong vùng đất yên ổn."

đất an ổn

Ở đây chỉ về vùng đất khoảng khoát, di chuyển nhanh chóng dễ dàng, trái ngược với rừng rậm dọc sông Giô-đanh, rất khó đi lại.

Bụi rậm

Nhiều bụi cây và những cây nhỏ mọc cạnh nhau

Jeremiah 12:7

Ta đã lìa bỏ nhà ta, bỏ rơi sản nghiệp ta; phó những người mà ta yêu mến vào tay kẻ thù

Ba câu này có ý nhĩa như nhau. Câu thứ nhất và thứ hai củng cố cho ý ở câu thứ ba. (Xem" Parallelism) Gợi ý dịch: "Ta đã để kẻ thù dân ta chế ngự trên họ."

Linh cẩu

Một loại chó ở Châu Á và Châu Phi ăn thịt xác chết.

chim săn mồi

Chim tấn công và ăn thịt các con vật

Jeremiah 12:10

Chúng đã giày đạp hết

"chúng đã đạp dưới chân" hoặc "chúng đã hủy phá"

Phần đất của ta

"đất ta trồng"

Chúng làm cho nó

Từ “nó” chỉ về miền đất hứa.

Nó hoang vu

Từ “nó” chỉ về miền đất hứa.

Để tâm

"quan tâm" hoặc "chú ý"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 12:12
Trọc
"không được che phủ" hoặc "trống"
Lưỡi gươm của Đức Giê-hô-va nuốt
Đức Giê-hô-va dùng những đội quân đó để trừng phạt dân Ngài
Từ đầu nầy đến đầu kia của đất
Ở đây chỉ về toàn bộ đất hứa
Chúng
"Dân ta"
Bụi gai
Loại cây lớn có gai bao quanh
Kiệt sức
"hao mòn" hoặc "mệt lả"
Jeremiah 12:14
Đánh vào
Tấn công và bắt giữ
Cho dân Y-sơ-ra-ên của ta thừa hưởng
Gợi ý dịch: "ban cho dân Y-sơ-ra-ên ta làm cơ nghiệp"
Bứng
Xem cách đã dịch ở JER01:09
bứng nhà Giu-đa ra khỏi chúng
Cho dân Giu-đa ra khỏi đất của kẻ thù và trở về Giu-đa
Bứng
Hoặc "nhổ lên"
Ta bứng những nước đó
Gợi ý dịch: "Ta khiến những nước đó rời khỏi xứ của chúng và đi đến nơi khác"
Jeremiah 12:16
Thông Tin Tổng Quát:
Lời của Đức Chúa Trời về các dân lân cận của Giu-đa.
Nếu ... Ba-anh, thì chúng
"Điều này sẽ xảy ra ... Ba-anh: chúng" hoặc "Nếu .. Ba-anh, thì điều này sẽ xảy ra: chúng"
Giữa
ở giữa
chúng sẽ được vững lập giữa dân ta
"Ta sẽ khiến chúng thịnh vượng và chúng sẽ sống giữa dân ta"
Ta sẽ bứng dân tộc đó đi. Nó chắc chắn sẽ bị bứng lên và tiêu diệt
"Ta chắc chắn sẽ cho lưu đày và tiêu diệt dân ấy hoàn toàn"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Translation Questions

Jeremiah 12:1
Lời than phiền của Giê-rê-mi đối với những người gian ác là gì?
Những điều tốt cho họ.
Jeremiah 12:2
Những lời than của Giê-rê-mi đối với những người gian tà là gì?
Những điều tốt cho họ.
Jeremiah 12:3
Giê-rê-mi muốn Đức Giê-hô-va làm gì cho dân sự?
Ông muốn Đức Giê-hô-va đưa dân sự đi.
Jeremiah 12:4
Tại sao cây cỏ đều khô héo?
Cây cỏ khô héo vì sự gian ác của dân sự.
Jeremiah 12:6
Ai đã phản bội Giê-rê-mi?
Anh em của GIê-rê-mi và gia đình của cha của ông đã phản bội ông.
Jeremiah 12:7
Tại sao Đức Chúa Trời lại ghét dân Ngài?
Vì họ đã tự mình chống lại Ngài.
Jeremiah 12:10
Những người chăn chiên đã làm gì ở chỗ đất vui thích của Đức Giê-hô-va?
Họ đã làm cho nó trở nên hoang vu.
Jeremiah 12:11
Những người chăn chiên đã làm gì ở chỗ đất vui thích của Đức Giê-hô-va?
Họ đã làm cho nó trở nên hoang vu.
Jeremiah 12:12
Vùng đất an toàn cho những loài xác thịt là ở đâu?
Không có nơi nào an toàn trên đất.
Jeremiah 12:13
Vì sao các nông dân nên hổ thẹn về nông sản của họ?
Họ nên hổ thẹn vì cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 12:15
Điều gì sẽ xảy ra cho nhà Giu-đa khi Đức Giê-hô-va thương xót họ?
Đức Giê-hô-va sẽ dẫn họ về xứ của họ.
Jeremiah 12:16
Lời hứa của Đức Giê-hô-va đối với những dân tộc nhân danh Chúa mà thề "Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống!" là gì?
Họ sẽ được vững lập giữa dân của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 12:17
Điều gì sẽ xảy ra nếu các dân tộc đó không nghe?
Đức Giê-hô-va sẽ nhổ họ.

Chapter 13
Jeremiah 13:1
Vải gai
Một loại vải tốt
Quần áo trong
Quần áo người ta mặc bên trong; đồ lót
Thắt lưng
Phần ở giữa thân người, thường là chỗ eo nhất, ở giữa ngực và hông
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
kẽ đá
Chỗ trống giữa những tảng đá hoặc vết nứt trên đá, đủ lớn để cho vật gì vào.
Jeremiah 13:8
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Kiêu ngạo
"tự kiêu"
Của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem
"dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem"
Bước đi theo sự ương ngạnh của lòng mình
"luôn ương ngạnh"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cả nhà
"hết thảy dân"
Thắt chặt vào ta
"ở gần ta"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 13:12
Đổ sự say sưa vào tất cả dân cư trên đất nầy
Gợi ý dịch: "khiến hết thảy dân của đất này say sưa"
các vua ngồi trên ngai Đa-vít
"các vua của dân Giu-đa"
Đập mỗi người vào nhau, cha lẫn con
Gợi ý dịch: "mỗi người sẽ đánh nhau, cả cha mẹ và con cái cũng sẽ đánh nhau"
Ta sẽ không thương xót
"Ta sẽ không thương tiếc"
Sẽ không tha cho nó khỏi bị hủy diệt
Gợi ý dịch: "sẽ không giữ lại sự trừng phạt" hoặc "sẽ để chúng bị hủy diệt" hoặc "sẽ để chúng đối mặt với sự hủy diệt"
Jeremiah 13:15
Đừng kiêu ngạo
"Đừng nghĩ mình tốt hơn, khôn ngoan hơn và quan trọng hơn người khác"
Ngài đem bóng tối đến
"Ngài khiến bóng tối kéo đến". Bóng tối tượng trưng cho sự hoạn nạn và tuyệt vọng vô cùng. Gợi ý dịch: "Ngài đem đến hoạn nạn lớn "
Trước khi Ngài khiến chân các người vấp ngã
Gợi ý dịch: "trước khi Ngài khiến chân các ngươi vấp ngã khi đang đi hay đang chạy"
Ngài sẽ biến nơi này ra tối tăm mịt mù
"Ngài sẽ khiến nơi này hoàn toàn tối tăm". Gợi ý dịch: "Ngài sẽ khiến các ngươi sầu thảm"
Jeremiah 13:18
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giê-rê-mi. Ngài cho Giê-rê-mi biết phải nói gì với vua Giu-đa và mẹ của vua.
Vì vương miện rực rỡ và khiêu hãnh trên đầu các ngươi đã rơi ra
"Các ngươi sẽ không còn là vua và mẫu hậu nữa " (Xem symbolic action)
Thái hậu
Mẹ của vua.
Các thành ở Nê-ghép sẽ bị đóng
"Kẻ thù các ngươi sẽ đóng chặt các thành ở Nê-phép"
Giu-đa sẽ bị bắt
"Kẻ thù sẽ bắt Giu-đa"
Jeremiah 13:20
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán cùng dân Giê-ru-sa-lem.
Hãy ngước mắt lên
"hãy hiểu biết điều sẽ xảy ra cho ngươi"
Bầy chiên đã giao cho ngươi, là bầy chiên đẹp đẽ cho ngươi đâu rồi?
"Hết thảy dân chúng đều bị bắt đi."
Ngươi sẽ nói gì khi Đức Chúa Trời lập những người mà ngươi dạy làm bạn ngươi lên cai trị ngươi?
Gợi ý dịch: "Những người ngươi nghĩ là bạn ngươi sẽ chinh phục và cai trị ngươi."
Đây chẳng phải là khởi đầu của cơn đau sẽ bắt lấy ngươi như người phụ nữ lúc sinh con sao?
Đức Giê-hô-va đang nói rằng việc họ bị bắt giữ chỉ mới là khởi đầu của cơn đau họ phải trải qua.
Jeremiah 13:22
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giê-rê-mi. Ngài cho Giê-rê-mi biết phải nói gì với vua Giu-đa và mẹ của vua.
Váy ngươi bị tốc lên
Gợi ý dịch: "binh lính của quân xâm lược sẽ tốc váy những người phụ nữ của các ngươi lên". Áo quần của phụ nữ Giu-đa sẽ bị xé toạc để quân lính Ba-by-lôn hãm hiếp và ngủ với họ.
Người Cút có thể đổi được màu da không
Gợi ý dịch: "Người Cút không thể đổi được màu da"
con beo đổi được đốm nó không
Gợi ý dịch: "Con beo không thể đổi được đốm nó"
Nếu được, thì các ngươi vốn quen làm điều ác sẽ làm được điều thiện.
Gợi ý dịch: "Các ngươi không thể làm điều thiện vì sự gian ác của các ngươi."
rải chúng như rơm rạ tan tác trong gió hoang mạc
Đức Giê-hô-va đang phán rằng Ngài sẽ khiến dân Ngài tan lạc khắp thế giới.
Jeremiah 13:25
Đó là điều ta ban cho ngươi, là phần ta đã định cho ngươi
Gợi ý dịch: "Đó là điều ta sẽ khiến xảy ra cho ngươi"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Chính ta sẽ tốc váy ngươi lên và phơi trần ngươi.
Gợi ý dịch: "Ta sẽ phơi bày sự gian ác ngươi."
Hí
Đây là tiếng ngựa đực đòi ngựa cái. Gợi ý dịch: "ham muốn."
Việc này còn tiếp diễn cho đến bao giờ?
Đến khi nào ngươi mới thanh sạch trở lại?

Translation Questions

Jeremiah 13:1
Đức Giê-hô-va nói với Giê-rê-mi làm gì với cái đai gai?
Ngài bảo Giê-rê-mi hãy thắt vào lưng và đi đến Ơ-phơ-rát và giấu nó đi.
Jeremiah 13:4
Đức Giê-hô-va nói với Giê-rê-mi làm gì với cái đai gai?
Ngài bảo Giê-rê-mi hãy thắt vào lưng và đi đến Ơ-phơ-rát và giấu nó đi.
Jeremiah 13:7
Chất lượng của đai gai ra sao khi Giê-rê-mi đào nó ra từ nơi mà ông đã giấu?
Nó không còn tốt chút nào.
Jeremiah 13:10
Dân sự đã làm những điều gian ác như thế nào như cái đai gai?
Họ không có ích lợi vì họ đã từ chối lắng nghe lời của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 13:11
Ba điều nào Đức Giê-hô-va muốn dân sự mang đến cho Ngài?
Ngài muốn họ mang lại cho Ngài danh tiếng, sự ngợi khen và vinh hiển.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 13:14
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với tất cả mọi người?
Ngài sẽ làm cho họ say sưa.
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì sau khi Ngài làm cho dân chúng say sưa?
Ngài sẽ tiêu diệt họ.
Jeremiah 13:16
Điều gì sẽ xảy ra nếu dân sự không dâng vinh hiển cho Đức Giê-hô-va?
Ngài sẽ mang sự tối tăm.
Jeremiah 13:18
Tại sao vua và thái hậu phải hạ mình?
Vì mão triều của họ đã rớt xuống rồi.
Jeremiah 13:21
Đức Chúa Trời sẽ đặt ai trên dân sự?
Ngài sẽ đặt những người mà họ đã dạy làm bạn hữu của họ trên họ.
Jeremiah 13:22
Tại sao những điều tồi tệ xảy ra với mọi người?
Những điều tồi tệ xảy ra vì mọi người đã phạm nhiều tội lỗi.
Jeremiah 13:27
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì về những điều xấu xa mà dân sự đã làm trong nơi kín đáo?
Ngài sẽ tỏ cho tất cả mọi người.

Chapter 14
Jeremiah 14:1
Thông Tin Tổng Quát:
Qua tiên tri Giê-rê-mi, Đức Giê-hô-va vừa phán về sự tà dâm của dân sự.
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
"Sứ điệp Đức Chúa Trời phán cùng". Xem cách đã dịch ở JER01:01
Tiêu tan
"thành từng mảnh"
Tiếng kêu khóc cho Giê-ru-sa-lem vang lên
"Chúng kêu la lớn tiếng, cầu nguyện cho Giê-ru-sa-lem".
Jeremiah 14:4
Thông Tin Tổng Quát:
Qua tiên tri Giê-rê-mi, Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cho dân sự về cơn hạn hán.
Nai cái để con mình ở ngoài đồng và bỏ rơi nó
Gợi ý dịch: "Con nai bỏ con mình lại ngoài đồng"
Chó rừng
Loài chó hoang, hung dữ
Jeremiah 14:7
Thông Tin Tổng Quát:
Qua tiên tri Giê-rê-mi, Đức Giê-hô-va vừa phán cho dân sự về cơn hạn hán.
vì danh Ngài
"để mọi người có thể thấy Ngài rất vĩ đại và giữ lời hứa. "
Hy Vọng của Y-sơ-ra-ên
Đây là một danh khác của Đức Giê-hô-va.
Đấng cứu người
"Cứu Chúa" hoặc "Đấng giải cứu người"
Sao Ngài như ... như một dũng sĩ không thể giải cứu ai?
Từ “như” ở đây có nghĩa là “giống như”. .
Bối rối
Không thể hiểu hay suy nghĩ thông được.
Jeremiah 14:10
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi vừa cầu nguyện và cầu xin Đức Giê-hô-va đừng bỏ mặc họ.
Chúng thích đi lang thang
"chúng thích hành động chống nghịch ý muốn của Đức Chúa Trời"
nhớ về
"nhớ đến" hoặc "nhớ lại"
Thay cho
"giúp cho" hoặc "giúp ích cho"
Kêu van
Xem cách đã dịch ở JER14:01
Jeremiah 14:13
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va vừa bảo Giê-rê-mi đừng cầu nguyện cho dân Giu-đa.
Các ngươi sẽ không thấy gươm đao
“Gươm đao” tượng trưng cho chiến tranh, và “thấy” tức là “trải qua” hay “chịu đựng”. Gợi ý dịch: "Các ngươi sẽ không trải qua chiến tranh"
An ninh
Sống thịnh vượng, không bị kẻ thù ngăm đe được ví như một đồ vật có thể được đem cho.
Nói tiên tri dối trá
Bản chất lời tiên tri giả dối được nói như thể chính nó là lời tiên tri. Gợi ý dịch: "nói tiên tri cách giả dối"
Ta không hề sai phái chúng
Người dịch có thể thêm vào đối tượng và mục đích được ngầm hiểu của hành động này. Gợi ý dịch: "Ta không sai chúng nói tiên tri cho người khác"
Khải tượng giả dối, lời bói toán hão huyền và dối gạt ra từ tâm trí của chúng
Ở đây khải tượng và lời bói toán được nói như những đồ vật có thể di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Gợi ý dịch: "Khải tượng giả dối, lời bói toán hão huyền và dối gạt mà những tiên tri này tự mình tưởng tượng ra"
khải tượng ... lời bói toán
Các từ này nói về những hành động được ví như đồ vật.
tâm trí của chúng
Ở đây tâm trí được nói như một nơi chứ không phải khả năng suy nghĩ.
Jeremiah 14:15
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi vừa thưa cùng Đức Giê-hô-va về những điều các tiên tri giả nói tiên tri.
nhân danh Ta nói tiên tri
“Danh” ở đây mang ý nghĩa là thẩm quyền. Gợi ý dịch: "lấy thẩm quyền của ta mà nói tiên tri" (Xem:)
Sẽ không có gươm đao
“Gươm đao” ở đây chỉ về chiến tranh. Gợi ý dịch: "Sẽ không có chiến tranh"
Ta sẽ đổ sự gian ác của chúng trở lại trên chúng
Trong ngôn ngữ Hê-bơ-rơ, những phẩm chất đạo đức như là gian ác thường được nói như thể chúng là chất lỏng. Phẩm chất gian ác ở đây chỉ về sự trừng phạt mà kẻ ác đáng phải chịu. Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt chúng cách đích đáng".

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 14:17
Vết thương không thể cứu chữa
Vết cắt hay vết thương trên da không thể cứu chữa được.
Lang thang
Đi vòng quanh không có mục đích
Jeremiah 14:21
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.

Translation Questions

Jeremiah 14:3
Điều gì xảy ra khi những đầy tớ đi tìm nước?
Họ không tìm thấy bất kỳ thứ gì.
Jeremiah 14:4
Điều gì xảy ra khi không có mưa?
Không có cỏ cây hay thực vật gì.
Jeremiah 14:6
What happens when there is no rain?
There is no grass or vegetation.
Jeremiah 14:8
Khi nào Đức Giê-hô-va giải cứu Y-sơ-ra-ên?
Ngài cứu dân Y-sơ-ra-ên trong khi hoạn nạn.
Jeremiah 14:11
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi đừng làm gì cho dân sự?
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi rằng Chớ cầu sự lành cho dân sự.
Jeremiah 14:14
Từ đâu mà những lời giả dối của các tiên tri giả đến?
Họ đến bởi lòng riêng của các vị tiên tri giả.
Jeremiah 14:16
Chuyện gì xảy ra với các tiên tri giả?
Họ sẽ chết bởi chiến tranh và đói kém.
Jeremiah 14:18
Những người chết vì chiến tranh ở đâu?
Họ sẽ chết vì chiến trong đồng ruộng.
Những người chết vì nạn đói ở đâu?
Họ sẽ chết đói ở trong thành.
Jeremiah 14:20
Giê-rê-mi thưa với Đức Giê-hô-va điều gì về sự gian ác của các tổ phụ?
Họ đã phạm tội chống nghịch cùng Ngài.
Jeremiah 14:22
Tại sao dân sự có niềm hy vọng nơi Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời đất và ban mưa mùa xuân cho dân Ngài.

Chapter 15
Jeremiah 15:1
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi đang cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.
Hãy đuổi chúng đi khuất mắt ta, cho chúng đi đi
"Hãy đuổi chúng đi khỏi ta! Cho chúng đi đi!" Ngài lặp lại ý này để nhấn mạnh.
Những kẻ được định cho sự chết
Gợi ý dịch: "Những kẻ Đức Chúa Trời phán phải chết" hoặc "những kẻ chắc chắn phải chết"
Jeremiah 15:3
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va vừa phán rằng Ngài sẽ cho một số người họ phải chết, một số chết do gươm, một số chết vì đói kém và số khác bị tù đày.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Ta sẽ khiến chúng trở thành nỗi kinh hoàng cho mọi vương quốc trên đất vì những gì Ma-na-se, con trai Ê-xê-chia, vua Giu-đa, đã làm tại Giê-ru-sa-lem.
Gợi ý dịch: "Và ta sẽ khiến chúng trở nên điều kinh khủng cho hết thảy các vương quốc trên đất vì điều Ma-na-se, con trai Ê-xê-chia, vua Giu-đa, đã làm tại Giê-ru-sa-lem."
Ta sẽ phân chúng thành bốn nhóm
Gợi ý dịch: "Ta sẽ định cho chúng thành bốn nhóm"
Jeremiah 15:5
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va vừa phán cùng họ rằng Ngài sẽ chia họ thành bốn nhóm để giết họ - gươm đao, chó, chim trời và thú vật.
Hỡi Giê-ru-sa-lem, ai sẽ thương xót ngươi? Ai sẽ tiếc thương ngươi? Ai sẽ quay lại Để thăm hỏi ngươi?
Gợi ý dịch: "Hỡi cư dân Giê-ru-sa-lem, không ai nên thương xót ngươi. Không ai nên thương tiếc cho sự tàn phá của ngươi. Không ai nên hỏi vì sao ngươi trở nên khốn khổ như thế."
Ngươi đã từ bỏ ta ... ngươi đã lui ra khỏi ta
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng dân chúng thật sự đã từ bỏ Đức Giê-hô-va.
chĩa ba
Một dụng cụ làm nông có cán dài và những chĩa kim loại sắc nhọn, thường được dùng để xốc và trở thân lúa trong lúc quạt thóc.
Ta sẽ cướp đi chúng
"Ta sẽ khiến con cái chúng chết đi" hoặc "Ta sẽ cho kẻ thù giết con cái chúng"
Jeremiah 15:8
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va vừa phán rằng sẽ không có ai quan tâm đến họ và Ngài sẽ tiêu diệt dân Ngài vì họ sẽ không xoay bỏ con đường gian ác của mình.
Các góa phụ
Những phụ nữ mất chồng
Nhiều hơn cát bờ biển
Gợi ý dịch: "không thể đếm được"
Giáng trên chúng
"xảy ra cho chúng"
Bà sẽ xấu hổ và tủi nhục
“Xấu hổ” và “tủi nhục” căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh mức độ xấu hổ. Gợi ý dịch: "Bà sẽ vô cùng xấu hổ" ulb_jer/15_10/notes/0
Jeremiah 15:10
Mẹ ơi, khốn khổ cho con
Giê-rê-mi làm như đang nói chuyện với mẹ mình để nhấn mạnh ông buồn rầu thể nào.
Người tranh cãi và biện luận
“Tranh cãi” và “biện luận” căn bản có nghĩa như nhau để nhấn mạnh Giê-rê-mi đang phải tranh cãi. Gợi ý dịch: "người bị mọi người tranh cãi mọi lúc."
Cho vay

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cho ai đó vay nợ

Ta sẽ không giải cứu con vì mục đích tốt đẹp sao?

Câu trả lời ngầm hiểu cho câu hỏi này là “có”. Gợi ý dịch: "Ta chắc chắn sẽ giải cứu con vì mục đích tốt đẹp!"

Kẻ thù của con

Kẻ thù của Giê-rê-mi là những người phản đối lời tiên tri của ông.

Trong lúc tai họa và khốn cùng

“Tai họa” và “khốn cùng” căn bản có nghĩa như nhau để nhấn mạnh số lượng hay mức độ của tai họa. Gợi ý dịch: "Trong cơn hoạn nạn lớn."

Người ta có thể đập vỡ sắt sao?

Câu trả lời được ngầm hiểu là “không”. Sắt tượng trưng cho sự kiên quyết trong hình phạt của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Sự phán xét của ta không thể bị phá vỡ giống như sắt không thể bị đập nát"

Đắc biệt là sắt từ phương bắc trộn với đồng?

Câu hỏi thứ hai này làm cho câu hỏi thứ nhất đanh thép hơn, sử dụng loại sắt cứng hơn làm hình ảnh ẩn dụ. Gợi ý dịch: "Hơn thế nữa, sự phán xét của ta giống như sắt siêu bền"

Jeremiah 15:13

Thông Tin Tổng Quát:

Trong những câu này, Đức Giê-hô-va phán với dân Y-sơ-ra-ên như phán với một người.

Của cải và châu báu

“Của cải” và “châu báu” có ý nghĩa như nhau, chỉ về bất kì vật gì con người xem là giá trị.

Của cướp

Vật cướp được từ một thành phố sau khi chinh phục thành phố đó.

một xứ mà ngươi không biết

"một xứ xa lạ với ngươi"

Vì một ngọn lửa sẽ bùng lên, hừng hực trong cơn thạnh nộ của ta nổi lên cùng ngươi

Cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời được ví như một ngọn lửa hủy diệt. Gợi ý dịch: "Ta sẽ hủy diệt ngươi vì ta rất tức giận cùng ngươi"

Jeremiah 15:15

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Nhớ đến con

Gợi ý dịch: "Nhớ về con" hoặc "Đoái xem con và tình cảnh của con"

Những kẻ đuổi bắt con

"những kẻ săn đuổi con để hại con"

Trong sự nhẫn nại của Chúa, xin đừng cất con đi.

Gợi ý dịch: "Xin đừng tiếp tục nhẫn nại với chúng và đừng để con phải chết bây giờ."

Lời Ngài đã được tìm thấy

Gợi ý dịch: "Con đã nghe sứ điệp của Ngài."

Con đã ăn nuốt chúng

"Con hiểu sứ điệp của Ngài"

con được xưng bằng danh Ngài

"Dân chúng nhìn biết con là người thuộc về Ngài"

Jeremiah 15:17

Con không ngồi trong vòng

Gợi ý dịch: "Con không dành thời gian với"

Sao nỗi đau của con không dứt, vết thương của con không chữa được và không chịu lành?

Gợi ý dịch: "nỗi đau của con không dứt, vết thương của con không chữa được. Con không thể được lành."

Chẳng lẽ đối với con, Ngài như con suối giả dối, như dòng nước khô cạn?

Gợi ý dịch: "Những lời hứa của Chúa như dòng suối cho con đến uống nước mà chỉ thấy nó khô cạn sao?"

Jeremiah 15:19

con sẽ như miệng Ta

Giê-rê-mi được ví như miệng của Đức Giê-hô-va vì ông sẽ được dùng để rao truyền sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con sẽ nói cho ta"

Chính con

Đại từ “chính” được dùng để nhấn mạnh mạng lệnh này đặc biệt dành cho Giê-rê-mi.

Như tường đồng kiên cố cho dân nầy

Đức Giê-hô-va ví Giê-rê-mi như bức tường vì dân chúng sẽ không thể hạ gục ông. (Xem:

Chúng sẽ gây chiến cùng con. Nhưng chúng sẽ không đánh bại con

Gợi ý dịch: "Chúng sẽ đánh con nhưng sẽ không hạ được con."

Cứu và giải thoát

“Cứu” và “giải thoát” có nghĩa như nhau để nhấn mạnh sự an ninh Đức Chúa Trời hứa bạn.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Giải thoát con khỏi ... và chuộc con khỏi

Những cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, được dùng chung để nhấn mạnh sự an ninh Đức Chúa Trời ban cho.

kẻ bạo chúa

Kẻ cai trị đòi hỏi phục tùng hoàn toàn, không hiền hòa với những người ở dưới quyền cai trị của mình.

Translation Questions

Jeremiah 15:1

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ không thay đổi điều gì thậm chí Môi-se hay Sa-mu-ên cầu xin cho dân sự?

Ngài cũng sẽ chẳng hướng về dân này.

Jeremiah 15:2

Điều gì sẽ xảy ra với dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?

Một số sẽ chết, một số sẽ bị giết, một số sẽ chết vì đói, và một số sẽ bị phu tù.

Jeremiah 15:3

Bốn điều nào sẽ xảy ra cho dân sự?

Một số sẽ chết bởi chiến tranh, chó sẽ kéo một số đi, chim trời sẽ đến ăn một số và các loài thú sẽ ăn một số.

Jeremiah 15:5

Ai sẽ thương xót Giê-ru-sa-lem?

Không ai sẽ thương xót Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 15:6

Đức Giê-hô-va đã chán khi Ngài làm điều gì cho Giê-ru-sa-lem?

Ngài mệt mỏi vì thương xót Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 15:9

Điều gì sẽ làm cho mẹ của bảy đứa trẻ bị sỉ nhục và hổ thẹn?

Đức Giê-hô-va sẽ phó những con cái của họ cho gươm của kẻ thù.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 15:11
Khi nào Đức Giê-hô-va sẽ làm cho kẻ thù của Giê-rê-mi cầu xin sự giúp đỡ của ông?
Ngài sẽ làm họ phải cầu xin sự giúp đỡ của ông trong khi gặp tai vạ hoạn nạn.
Jeremiah 15:13
Tại sao Đức Giê-hô-va ban sự giàu có cho kẻ thù của dân sự?
Ngài sẽ ban cho bởi vì mọi tội lỗi của dân sự.
Jeremiah 15:16
Giê-rê-mi đã làm gì với lời của Đức Giê-hô-va?
Ông đã ăn chúng.
Jeremiah 15:19
Giê-rê-mi cần làm gì để được phục hồi?
Ông cần phải ăn năn.
Jeremiah 15:21
Đức Giê-hô va sẽ giải cứu Giê-rê-mi thoát khỏi những người nào?
Ngài sẽ giải cứu ông khỏi kẻ ác và kẻ bạo tàn.

Chapter 16
Jeremiah 16:1
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Chúng sẽ như phân trên đất
Các con trai con gái sinh ra trong xứ được ví như phân vì chúng sẽ không được chôn sau khi chết.
Vì chúng sẽ kết thúc
Đây là cách giảm nhẹ để nói rằng chúng sẽ chết.
Bởi gươm đao
Từ “gươm đao” ở đây chỉ về quân thù.
Jeremiah 16:5
Ta đã rút sự bình an, sự thành tín theo giao ước và những việc làm của lòng thương xót
Đức Giê-hô-va rút lại những phương cách khác nhau mà Ngài dùng để ban phước cho dân Y-sơ-ra-ên để thể hiện rằng Ngài sẽ không ban phước cho họ nữa.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Người lớn và kẻ nhỏ
Ở đây chỉ về hết thảy mọi người và dùng kích thước lớn nhỏ để chỉ họ quyền thế mực nào. Dù thế lực lớn hay nhỏ.
Sẽ không ai than khóc cho chúng. Không ai tự rạch mình hay cạo đầu vì chúng
Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Câu thứ hai củng cố cho ý của câu thứ nhất. Gợi ý dịch: "Sẽ không ai than khóc cho chúng bất kì hình thức nào."
tự rạch mình hay cạo đầu vì chúng
Đây là tục lệ người ta thường dùng để thể hiện họ rất buồn rầu.
Jeremiah 16:7
Không ai buồn rầu bẻ bánh để an ủi họ về người đã chết ... cũng không ai trao chén chia buồn cho cha mẹ người
Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Người ta thường đem thức ăn và rượu cho người có người thân qua đời. Đức Giê-hô-va đã cất hết mọi niềm an ủi cho họ vì tội lỗi của họ. Gợi ý dịch: "Đừng an ủi chúng khi người thân chúng qua đời"
Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Xem cách đã dịch ở JER07:03
Nầy
Gợi ý dịch: "Nghe này" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói cùng các ngươi"
trước mắt các ngươi
Ở đây “các ngươi” ở dạng số nhiều, chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "trước mặt các ngươi" hoặc "nơi ngươi có thể nhìn thấy"
Trong những ngày của các ngươi
Gợi ý dịch: "trong đời các ngươi"
tiếng của chú rể cô dâu
Ở đây chỉ về việc người ta ăn mừng đám cưới.
Jeremiah 16:10
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Thờ phượng và quỳ lạy chúng
“Quỳ lạy” và “thờ phượng” căn bản có ý nghĩa như nhau, mô tả tư thế của họ khi thờ phượng.
Jeremiah 16:12
Nầy
Từ “nầy” thêm phần nhấn mạnh cho câu sau. Gợi ý dịch: "Thật vậy"
Sự ương ngạnh của lòng gian ác nó
Xem cách đã dịch ở JER11:06
Người nghe lời ta
"người làm theo điều ta phán"
Ném các ngươi khỏi đất này
"khiến các ngươi phải rời khỏi đất này"
Ngày và đêm
Gợi ý dịch: "luôn luôn" hoặc "liên tục"
Jeremiah 16:14
Nầy!
Từ “nầy” thêm ý nhấn mạnh cho câu sau. Gợi ý dịch: "Thật vậy"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Khi không còn ai nói
Gợi ý dịch: "khi người ta không còn nói"
Như Đức Giê-hô-va hằng sống
Xem cách đã dịch ở JER12:16
Jeremiah 16:16
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
nhiều tay đánh cá ... nhiều thợ săn
Đức Giê-hô-va ví những người sẽ bắt dân Y-sơ-ra-ên làm phu tù như những người khéo bẫy con mồi.
mắt ta theo dõi mọi đường lối chúng
Gợi ý dịch: "Ta theo dõi mọi việc chúng làm"
Chúng không thể trốn khỏi mặt ta
Từ “chúng” ở đây có thể chỉ về dân chúng hoặc những việc làm của họ. Gợi ý dịch: "Chúng không thể giấu đường lối chúng khỏi ta" hoặc "Ta thấy mọi việc chúng làm"
tội lỗi của chúng cũng không che đậy được trước mắt ta
Gợi ý dịch: "Ta thấy mọi tội lỗi của chúng"
Chúng làm sản nghiệp ta đầy dẫy những hình tượng gớm ghiếc
Câu này mô tả “sự gian ác và tội lỗi” họ đã phạm.
sản nghiệp ta
Ở đây chỉ về vùng đất của Y-sơ-ra-ên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 16:19
Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài là đồn lũy của con
Ở đây Giê-rê-mi bắt đầu thưa cùng Đức Giê-hô-va.
đồn lũy của con, nơi ẩn náu của con, nơi an ninh của con
Giê-rê-mi ví Đức Giê-hô-va như một nơi kẻ thù không thể tấn công được ông. Ý này được ông lặp lại ba lần.
tận cùng trái đất
Gợi ý dịch: "mọi nơi trên đất"
Tổ phụ chúng con thừa hưởng sự giả dối
Từ “sự giả dối” ở đây chỉ về các tà thần.
Chúng hư không, và chẳng được ích lợi gì.
Từ “chúng” chỉ về các tà thần mà tổ phụ dạy họ tin theo. Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, vế thứ hai giải thích chúng “hư không” như thế nào.
Loài người có thể tự tạo các thần cho mình được sao?
Giê-rê-mi hỏi câu này để nhấn mạnh rằng loài người không thể tự tạo các thần cho mình. Gợi ý dịch: "Loài người không thể tự tạo các thần cho mình."
Vì thế, nầy!
Đến đây Đức Giê-hô-va bắt đầu phán. Từ “nầy” thêm ý nhấn mạnh cho câu sau. Gợi ý dịch: "Cho nên, thật vậy,"
Ta sẽ khiến chúng biết
Từ “chúng” chỉ về dân của các nước. Đức Giê-hô-va lặp lại câu này để nhấn mạnh.
tay ta và quyền năng ta
“Tay” chỉ về quyền năng và thẩm quyền. Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh quyền năng vĩ đại của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Quyền năng rất lớn của ta".
chúng sẽ biết danh Ta là Giê-hô-va
Ở đây từ “danh” chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "chúng sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời chân thật"

Translation Questions

Jeremiah 16:2
Đức Giê-hô-va truyền cho Giê-rê-mi điều gì?
Đức Giê-hô-va truyền cho Giê-rê-mi không được cưới vợ.
Jeremiah 16:3
Điều gì xảy ra với trẻ em được sinh ra ở đấy này?
Tất cả chúng sẽ chết.
Jeremiah 16:4
Điều gì xảy ra với trẻ em được sinh ra ở đấy này?
Tất cả chúng sẽ chết.
Điều gì xảy ra với xác chết của chúng?
Xác chết của chúng sẽ giống như phân ở trên đất và sẽ là thức ăn cho chim và thú vật.
Jeremiah 16:5
Tại sao Đức Giê-hô-va truyền cho Giê-rê-mi không được đi vào những nhà mà mọi người đang than khóc?
Ngài truyền cho Giê-rê-mi bởi vì cả những người lớn và những người nhỏ đều sẽ chết, nhưng sẽ không ai thương tiếc đến họ.
Jeremiah 16:6
Tại sao Đức Giê-hô-va truyền cho Giê-rê-mi không được đi vào những nhà mà mọi người đang than khóc?
Ngài truyền cho Giê-rê-mi bởi vì cả những người lớn và những người nhỏ đều sẽ chết, nhưng sẽ không ai thương tiếc đến họ.
Jeremiah 16:9
Tại sao Đức Giê-hô-va truyền cho Giê-rê-mi đừng đi vào những ngôi nhà mà người ta đang mở tiệc?
Đức Giê-hô-va đã phán dặn ông bởi vì Ngài sẽ kết thúc buổi tiệc của họ.
Jeremiah 16:10
Dân sự sẽ hỏi những câu hỏi nào khi Giê-rê-mi cảnh báo lời của Ngài cho họ?
Dân sự sẽ hỏi Giê-rê-mi tại sao Đức Giê-hô-va giáng những thảm họa này đến với họ.
Jeremiah 16:12
Ai là người xấu xa hơn, dân này hay tổ phụ của họ?
Dân này xấu xa hơn so với tổ tiên của họ.
Jeremiah 16:18
Tại sao Đức Giê-hô-va trả lại gấp đôi những tội lỗi và sự ác của dân Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ làm điều đó bởi vì họ đã làm ô uế đất với những thần tượng của họ.
Jeremiah 16:19
Các nước sẽ nói gì về tổ phụ của họ khi họ đến với Đức Giê-hô-va?
Họ sẽ nói rằng tổ phụ của họ thừa hưởng sự giả dối.

Chapter 17
Jeremiah 17:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and
Tội lỗi của Giu-đa được ghi ... trên sừng các bàn thờ của chúng
Dân chúng không ngừng phạm cùng các tội lỗi cũ như thể chúng đã được khắc trong lòng họ và trên bàn thờ các thần tượng của họ.
Tội lỗi của Giu-đa được ghi
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Dân Giu-đa đã viết tội lỗi họ"
Nó được khắc
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Họ đã khắc nó"
Khắc trên bia lòng họ
Thói quen phạm tội đã ăn sâu trong dân chúng được nói như thể tội lỗi họ được khắc vào lòng và tâm trí họ. Từ “lòng” chỉ về cả con người, tư tưởng, cảm xúc và hành động của họ. Gợi ý dịch: "khắc vào con người của họ"
trên sừng các bàn thờ của các ngươi
Từ “sừng” chỉ về chỗ nhô ra ở góc bàn thờ.
Trên các đồi cao
Một số bản hiện đại thêm vế đầu của câu sau vào câu này, dịch là “trên các đồi cao và những ngon núi ở ngoài đồng”.
Jeremiah 17:3
Mọi của cải và châu báu ngươi
“Của cải” và “châu báu” có ý nghĩa như nhau, chỉ về bất kì vật gì họ xem là giá trị.
Của cướp
Ở đây chỉ về những thứ người ta ăn trộm hay cướp được.
Tội lỗi khắp bờ cõi ngươi
Gợi ý dịch: "Ngươi đã phạm tội khắp nơi"
Cơ nghiệp
Chỉ về đất của Y-sơ-ra-ên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ngươi đã nhen lửa giận ta lên, nó sẽ thiêu đốt
Đức Giê-hô-va ví sự phán xét của Ngài như lửa thiêu đốt. Gợi ý dịch: "Ngươi khiến ta tức giận giống như ngươi đã nhen lên ngọn lửa sẽ thiêu đốt ngươi"
Jeremiah 17:5
Đáng nguyền rủa cho kẻ nhờ cậy loài người
Gợi ý dịch: "Ta sẽ nguyền rủa kẻ nào nhờ cậy loài người"
Ngài lấy loài xác thịt làm cánh tay
Từ “loài xác thịt” chỉ về loài người. Gợi ý dịch: "Ngài dựa vào loài người làm sức mạnh"
Xoay lòng mình khỏi Đức Giê-hô-va
Từ “lòng” ở đây chỉ về tư tưởng và cảm xúc. Gợi ý dịch: "xoay lòng nhiệt thành mình khỏi Đức Giê-hô-va"
như thạch thảo
Người trông cậy nơi loài người thay vì Đức Giê-hô-va sẽ giống như cây phải gắng gượng để tồn tại nơi đất khô cằn.
Đất cằn cỗi
Gợi ý dịch: "Người ấy sẽ trở nên vô dụng như bụi gai nơi hoang mạc"
Jeremiah 17:7
Người ấy như cây trồng bên dòng nước
Người nhờ cậy Đức Giê-hô-va sẽ luôn thịnh vượng giống như cây được trồng gần con sông. Nó không bị ảnh hưởng khi trời không mưa.
Người ấy sẽ không thấy nóng bức
"Người ấy sẽ không sợ khi mùa nóng đến"
Người ấy sẽ chẳng lo sợ
"người ấy sẽ chẳng lo lắng"
Jeremiah 17:9
Lòng người ta là dối trá hơn
Từ “lòng” ở đây chỉ về tâm trí và tư tưởng của con người. Gợi ý dịch: "Tư tưởng của con người dối trá hơn"
Ai có thể hiểu được?
Người nói dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng không ai có thể hiểu được lòng người. Gợi ý dịch: "không ai có thể hiểu được nó."
Đấng thử nghiệm tâm can
Cảm xúc được ví như được đặt giữa tâm can. Gợi ý dịch: "Đấng thử nghiệm ước muốn của con người"
Con đường của người đó
Ở đây hành vi của một người được ví như con đường người đó thường đi theo.
Bông trái công việc họ làm
Ở đây kết quả việc làm của một người được ví như bông trái của cây. Gợi ý dịch: "việc người đã làm"
Gà gô ấp trứng ... giàu bất chính
Hình ảnh tương đồng của một con chim ấp trứng con chim khác minh họa cho người giàu có kiếm tiền bằng cách cướp bóc của người khác.
Khi nửa số ngày của nó qua rồi
“Số ngày” ở đây chỉ về toàn bộ cuộc đời của một người. Gợi ý dịch: "khi nó sống đến nửa cuộc đời"
Sự giàu có sẽ bỏ nó đi
Sự giàu có được ví như những người đầy tớ sẽ bỏ chủ mình đi. Gợi ý dịch: "nó sẽ mất sự thịnh vượng của mình"
Cuối cùng
"cuối đời"
Nó sẽ là kẻ ngu dại
"Nó hóa ra là kẻ ngu dại"
Jeremiah 17:12
Nơi tọa lạc đền thờ của chúng con là ngôi vinh quang
Giê-rê-mi ví đền thờ là “ngôi vinh quang” vì Đức Giê-hô-va ngự và cai trị tại đó.
Nơi tọa lạc đền thờ của chúng con
Ở đây chỉ về Si-ôn ở Giê-ru-sa-lem.
Kẻ nào chối bỏ Ngài
Từ “Ngài” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.
Kẻ nào trong xứ xoay bỏ Ngài sẽ bị cắt bỏ
Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cắt bỏ kẻ nào trong xứ xoay bỏ Ngài"
nguồn nước sống
Giê-rê-mi ví Đức Giê-hô-va như suối nước tươi mát. Gợi ý dịch: "Nguồn nước chảy tươi mới” hoặc “nguồn của mọi sự sống”.
Con sẽ được chữa lành ... Con sẽ được giải cứu
Gợi ý dịch: "Ngài thật sẽ chữa lành con ... Ngài thật sẽ gải cứu con"
Bài hát ca ngợi của con
"Đấng con ca ngợi"
Jeremiah 17:15
Nầy
Gợi ý dịch: "Kìa" hoặc "Xin hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý điều con sẽ nói"
chúng nói với con
Từ “con” chỉ về Giê-rê-mi và từ “chúng” chỉ về kẻ thù của ông.
Lời phán của Đức Giê-hô-va ở đâu?
Chúng dùng câu hỏi này để chế nhạo Giê-rê-mi vì điều ông nói vẫn chưa xảy ra. Gợi ý dịch: "Những điều Đức Giê-hô-va bảo ngươi sẽ xảy ra đâu?" hoặc "Những điều Đức Giê-hô-va bảo ngươi sẽ xảy ra vẫn chưa xảy ra."
Hãy xảy đến đi
Gợi ý dịch: "Hãy xảy ra đi"
Người chăn đi theo Ngài
Đức Giê-hô-va kêu gọi Giê-rê-mi dẫn dắt dân chúng như người chăn dẫn bầy chiên mình.
Con không trông mong
"Con không mong muốn"
Lời rao truyền từ môi con
Gợi ý dịch: "lời con rao truyền" hoặc "điều con rao truyền"
Chúng được nói
Gợi ý dịch: "Con nói"
Jeremiah 17:17
trong ngày hoạn nạn
"Ngày" chỉ về khoảng thời gian diễn ra sự phán xét của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "trong thời gian hoạn nạn"
Nguyện kẻ đuổi theo con phải xấu hổ, nhưng xin đừng để con bị hổ thẹn
Gợi ý dịch: "Xin giáng sự hổ thẹn trên những kẻ đuổi theo con, nhưng đừng đem sự xấu hổ trên con"
Nguyện chúng bị khiếp sợ, nhưng chớ để con kinh hãi
Câu này căn bản có ý nghĩa giống với câu trước, được lặp lại để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Xin khiến chúng sợ hãi, nhưng chớ làm con run sợ"
Tàn phá chúng gấp đôi
Gợi ý dịch: "đập vỡ chúng hoàn toàn" hoặc "hủy hoại chúng gấp đôi"
Jeremiah 17:21
vì mạng sống các ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gợi ý dịch: "để bảo vệ mạng sống các ngươi" hoặc "nếu các ngươi coi trọng mạng sống mình"
Họ chẳng nghe, chẳng chú ý
Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh rằng họ không chịu lắng nghe. Gợi ý dịch: "Họ không chịu nghe" hoặc "Họ không chịu vâng phục."
Jeremiah 17:24
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Ngồi trên ngai Đa-vít
Xem cách đã dịch ở JER13:12
Thành ấy sẽ mãi mãi có người ở
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta sẽ ở thành ấy đến đời đời"
Jeremiah 17:26
Ta sẽ đốt lửa ở cổng
"Ta sẽ nhen lửa tại cổng thành Giê-ru-sa-lem"
Sẽ không bị dập tắt
Gợi ý dịch: "người ta không thể dập tắt"

Translation Questions

Jeremiah 17:1
Tội lỗi của Giu-đa đã được chạm khắc ở đâu?
Nó được chạm khắc trong lòng của họ.
Jeremiah 17:2
Các trụ thờ A-sê-ra của dân sự ở đâu?
Các trụ thời A-sê-ra ở gần các lùm cây rậm lá trên các đồi cao.
Jeremiah 17:4
Dân Giu-đa sẽ bị lưu đày ở đâu?
Giu-đã sẽ bị lưu đày ở trong vùng đất mà họ chưa từng biết.
Jeremiah 17:5
Ai là người mà Đức Giê-hô-va nói là bị rủa sả?
Đức Giê-hô-va nói rằng kẻ nhờ cậy nơi loài người là đáng bị rủa sả.
Jeremiah 17:9
Lòng người là như thế nào?
Lòng người là dối trá hơn mọi vật, nó là tật bệnh, và không ai có thể hiểu được.
Jeremiah 17:13
Điều gì sẽ xảy ra với những người từ bỏ Đức Giê-hô-va?
Hết thảy những kẻ nào bỏ Đức Giê-hô-va đều sẽ bị hổ thẹn và bị xóa nhòa.
Jeremiah 17:16
Giê-rê-mi đã không chạy trốn từ công việc nào?
Giê-rê-mi không chạy trốn từ một người chăn chiên theo Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 17:19
Đức Giê-hô-va muốn Giê-rê-mi làm gì khi ông đứng tại cổng?
Đức Giê-hô-va muốn Giê-rê-mi nói cho dân sự nghe về lời của Ngài.
Jeremiah 17:21
Đức Giê-hô-va muốn dân sự ngừng làm gì?
Ngài muốn họ ngừng khiêng gánh trong ngày Sa-bát.
Jeremiah 17:25
Điều gì sẽ xảy ra cho thành phố nếu dân sự chịu lắng nghe và không làm bất kỳ việc gì vào ngày Sa-bát?
Nếu họ lắng nghe và vân lời thì thành phố sẽ trường tồn mãi mãi.
Jeremiah 17:27
Điều gì xảy ra nếu dân sự không nghe?
Nếu dân sự không nghe, Đức Giê-hô-va sẽ từ bỏ Giê-ru-sa-lem.

Chapter 18
Jeremiah 18:1
Đây là lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
nhà của người thợ gốm
Thợ gốm là người làm ra bình, lọ và những vật nhỏ gọn, ích lợi khác từ đất sét. Gợi ý dịch: "xưởng của thợ gốm"
Nầy!
Từ “nầy” hướng sự chú ý vào nhân vật mới của câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt điều này.
Bàn quay của thợ gốm
Bàn quay của thợ gốm là một cái bàn nhỏ xoay tròn, thợ gốm dùng nó để nắn các đồ vật. Gợi ý dịch: "tại bàn của người" hoặc "để làm đồ gốm"
Nắn
"làm nên" hoặc "nặn nên"
Bị hỏng trong tay mình
Gợi ý dịch: "bị vỡ trong tay mình"
Thì người đổi ý
Gợi ý dịch: "thì người đưa ra lựa chọn khác"
Vừa mắt mình
Mắt chỉ về chính người thợ gốm. Gợi ý dịch: "vừa ý mình"
Jeremiah 18:5
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, ta không thể đối xử với ngươi như người thợ gốm nầy hay sao?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh Ngài có thẩm quyền làm điều gì Ngài muốn với Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, ta có thể đối xử với ngươi như người thợ gốm đối xử với đất sét"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Nầy!
Từ "nầy" thêm phần nhấn mạnh cho câu sau. Gợi ý dịch: "Thật vậy!"
Các ngươi ở trong tay ta như đất sét trong tay người thợ gốm
Câu này lặp lại ẩn ý trong câu trước ở dạng câu so sánh.
Ta có thể công bố
Gợi ý dịch: "có thể ta công bố" hoặc "chẳng hạn, ta công bố"
Đánh sập hay tiêu diệt nó
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh sự trừng phạt của Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt đến mức nào.
Đổi ý
"giữ lại". Gợi ý dịch: "không giáng"
Jeremiah 18:9
xây dựng hay vun trồng nó
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh ơn phước của Đức Chúa Trời.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vun trồng nó
Cụm từ này ví phước lành của Đức Chúa Trời với việc cẩn thận trồng cây trong vườn.
điều ác dưới mắt ta
Mắt của Đức Giê-hô-va chỉ về chính Ngài. Gợi ý dịch: "điều ta xem là gian ác" hoặc "gian ác đối với ta".
không lắng nghe tiếng ta
Gợi ý dịch: "không vâng theo mạng lệnh ta" hoặc "không chú ý điều ta phán"
Jeremiah 18:11
Nầy
Gợi ý dịch: "Kìa" hoặc "Nghe đây" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói"
Ta dự định tạo nên tai họa cho các ngươi, ta lên kế hoạch chống lại các ngươi
Cả hai câu này đều nói cùng một ý nhằm nhấn mạnh mức độ nguy hiểm của lời cảnh báo.
Tạo nên tai họa
Đức Giê-hô-va nói như thể tai họa là điều Ngài làm nên giống như người ta nặn đất sét. Gợi ý dịch: "nắn nên" hoặc "tạo nên"
Nghĩ ra
"suy nghĩ" hoặc "lên kế hoạch" hoặc "tạo ra"
con đường gian ác của mình
Gợi ý dịch: "lối sống gian ác của mình"
đường lối và các công việc các ngươi
Từ “đường lối” và “các công việc” căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh toàn bộ lối sống của họ phải thay đổi.
Nhưng chúng sẽ nói
Từ “chúng” chỉ về cư dân của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.
Vô ích
Gợi ý dịch: "Chúng ta không có hy vọng gì đâu"
Điều lòng gian ác, ương ngạnh chúng mong muốn
Những người này được đề cập đến bằng bộ phận gắn liền với cảm xúc trong cơ thể. Gợi ý dịch: "bởi ước muốn gian ác của mình"
Jeremiah 18:13
Hãy hỏi các nước, có ai từng nghe sự việc như thế chưa?
Câu hỏi này ngụ ý là một lời khẳng định. Gợi ý dịch: "Không nơi nào trên đất có ai từng nghe sự việc như vậy."
Trinh nữ Y-sơ-ra-ên
Các nước thường được ví như những người nữ. Tuy nhiên, “trinh nữ” khiến người ta nghĩ đến một cô gái trẻ chưa kết hôn và vì thế không thể nào có thể phản bội chồng. Do đó, gọi Y-sơ-ra-ên là trinh nữ là một cách nói châm biếm. Gợi ý dịch: "Hỡi Y-sơ-ra-ên, kẻ giả vờ hết lòng tận hiến cho Đức Chúa Trời"
Có bao giờ tuyết của Li-ban lìa bỏ đỉnh núi chăng?
Câu hỏi này ngụ ý là một lời khẳng định. Gợi ý dịch: "Tuyết của Li-ban rõ ràng không bao giờ lìa bỏ đỉnh núi"
Những dòng suối đá từ xa chảy đến có bị phá hủy?
Câu hỏi này ngụ ý là một lời khẳng định. Gợi ý dịch: "Không gì có thể phá hủy những dòng suối đá từ xa chảy đến."
Jeremiah 18:15
vấp ngã trên đường chúng
Từ “chúng” ở đây chỉ về “dân ta”.
Sẽ trở nên sự kinh khiếp
Gợi ý dịch: "sẽ trở nên điều làm người ta kinh khiếp"
Xuỵt
Đây là âm thanh thể hiện sự chê bai nặng nề.
Đi qua nó
Từ “nó” chỉ về “đất nước chúng”.
Ta sẽ làm cho chúng tan tác trước mặt kẻ thù như trận gió đông thổi qua
Đức Giê-hô-va ví Ngài như gió từ phương đông làm bụi và vôi gạch bay tán loạn.
sẽ làm cho chúng tan tác
Từ “chúng” ở đây chỉ về “dân ta”.
Ta sẽ quay lưng ngoảnh mặt với chúng
Hành động này mang tính tượng trưng rằng Đức Chúa Trời sẽ không giúp đỡ dân Ngài.
Jeremiah 18:18
Chúng ta hãy lập mưu chống lại Giê-rê-mi
"Chúng ta hãy lập mưu làm hại Giê-rê-mi"
Luật pháp sẽ không bao giờ mất đi khỏi các thầy tế lễ hay lời khuyên mất đi khỏi những người khôn ngoan và lời rao báo mất đi khỏi các tiên tri
Gợi ý dịch: "các thầy tế lễ sẽ luôn có luật pháp, người khôn ngoan luôn đưa ra lời khuyên và các tiên tri sẽ luôn rao truyền"
Dùng lời nói mình mà công kích nó
"nói những điều làm hãm hại nó"
Xin để ý đến con
Ở đây Giê-rê-mi bắt đầu thưa cùng Đức Giê-hô-va.
Chẳng lẽ tai họa của chúng là sự báo đáp cho điều tốt lành con đối đãi với chúng?
Giê-rê-mi hỏi câu này để nhấn mạnh rằng không thể lấy oán báo ơn. Gợi ý dịch: "Tai họa của chúng không thể là sự báo đáp cho điều tốt lành con đối đãi với chúng"
đào hố cho con
Gợi ý dịch: "đào hố để bẫy con và giết con"
Khiến cơn giận chúa xoay khỏi chúng
Gợi ý dịch: "để Chúa không trừng phạt chúng trong cơn tức giận Ngài"
Jeremiah 18:21
trao chúng cho quyền lực của gươm đao
"Gươm đao" chỉ về chiến tranh. Gợi ý dịch: "khiến chúng chết trong chiến trận"
Để phụ nữ của chúng mất con và trở nên góa bụa
"Để con cái và chồng của phụ nữ chúng nó chết đi"
Đàn ông của chúng bị giết và thanh niên bị giết bởi gươm
Gợi ý dịch: "Người ta giết những người đàn ông của họ và giết những thanh niên của họ bằng gươm”
Có tiếng kêu vang buồn thảm
Gợi ý dịch: "người ta nghe thấy tiếng kêu buồn thảm"
Vì chúng đã đào hố để bắt con và đã giăng bẫy dưới chân con
Kẻ thù của Giê-rê-mi tìm cách bắt ông như người ta bắt thú vật. Giê-rê-mi lặp lại cùng một ý hai lần để nhấn mạnh.
chúng đã đào hố
Xem cách đã dịch ở JER18:18
Đừng xóa tội lỗi chúng khỏi mặt Ngài
Câu này có ý giống với câu trước.
Cho chúng bị vấp ngã trước mặt Ngài
Gợi ý dịch: "để người ta lật đổ chúng trước mặt Ngài"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 18:2
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi đi đến nơi nào để nghe lời của Ngài?
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi hãy đi đến nhà của người thợ gốm.
Jeremiah 18:4
Điều gì xảy ra với vật bằng đất sét mà người thợ gốm đã nắn trong khi Giê-rê-mi đang theo dõi?
Nó bị hỏng trong tay người thợ.
Jeremiah 18:8
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho một nước nếu nước đó xây bỏ điều ác sau khi nghe lời cảnh báo của Ngài?
Ngài sẽ đổi ý về sự toan giáng tai họa cho họ.
Jeremiah 18:10
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với một dân tọc không lắng nghe tiếng Ngài?
Ngài sẽ không xuống phước cho như Ngài đã định ý sẽ làm cho họ.
Jeremiah 18:11
Tại sao Đức Giê-hô-va sẽ khiến tai họa xảy đến cho dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?
Vì họ đang làm những điều xấu xa.
Jeremiah 18:12
Người Giu-đa và Giê-ru-sa-lem sẽ làm gì sau khi Giê-rê-mi cảnh báo họ?
Họ sẽ không lắng nghe hoặc ngưng làm những điều ác.
Jeremiah 18:15
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên lại trở nên gớm ghiếc?
Dân Y-sơ-ra-ên đã quên Đức Giê-hô-va và họ đốt hương cho thần tượng.
Jeremiah 18:16
Tại sao những người đi qua phải sững sờ và lắc đầu?
Họ làm điều đó bởi vì Đức Giê-hô-va làm cho đất ra hoang tàn đáng sợ.
Jeremiah 18:18
Kế hoạch của dân sự chống lại Giê-rê-mi là gì?
Họ có kế hoạch chống lại ông bằng lời nói của họ và hông hề chú ý đến bất cứ điều gì mà ông nói.
Jeremiah 18:20
Giê-rê-mi cầu xin Đức Giê-hô-va điều gì để Ngài nhớ đến ông?
Giê-rê-mi đã cầu xin Đức Giê-hô-va nhớ rằng Giê-rê-mi đã từng cầu xin thay cho dân sự.
Jeremiah 18:21
Giê-rê-mi cầu xin Đức Giê-hô-va làm gì với kẻ thù của ông?
Ông cầu xin Đức Giê-hô-va giết tất cả mọi người và không tha cho họ.

Chapter 19
Jeremiah 19:1
thung lũng Ben Hi-nôm
Xem cách đã dịch ở JER07:31
Nầy
Gợi ý dịch: "Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói"
Tai của mọi người nghe đến nó đều lùng bùng
Gợi ý dịch: "nó sẽ khiến cho mọi người nghe đến phải sửng sốt"
Jeremiah 19:4
chúng đã lìa bỏ ta
Từ “chúng” ở đây chỉ về dân Giu-đa.
làm cho nơi nầy đầy máu vô tội
Gợi ý dịch: "giết nhiều người vô tội ở nơi này"
điều ta không hề truyền bảo
Gợi ý dịch: "điều ta nghiêm cấm chúng làm"
Cũng không có trong tư tưởng ta
Ở đây “tư tưởng” chỉ về suy nghĩ của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "ta cũng chưa hề nghĩ đến"
Jeremiah 19:6
Nầy
Gợi ý dịch: "nghe này" hoặc "hãy chú ý vào điều ta sẽ nói"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
nơi nầy sẽ không còn được gọi
Gợi ý dịch: "người ta sẽ không còn gọi nơi này"
Tô-phết ... thung lũng Ben Hi-nôm ... thung lũng Tàn Sát
Xem cách đã dịch những tên này ở JER07:31
Ta sẽ làm cho chúng ngã gục bởi gươm trước kẻ thù
Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến kẻ thù dùng gươm giết chúng"
Và tay của những kẻ tìm hại mạng sống chúng
Câu này căn bản có ý nghĩa giống như câu trước. Gợi ý dịch: "và ta sẽ để cho những kẻ muốn giết chúng giết chúng"
Xuyt
Âm “x” thể hiện sự chê bai nặng nề.
Ta sẽ khiến chúng ăn
"Ta sẽ khiến dân cư tại Giê-ru-sa-lem ăn"
Jeremiah 19:10
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Không thể sửa chữa được
Gợi ý dịch: "không ai có thể sửa chữa lại được"
Jeremiah 19:12
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Và của các vua Giu-đa
Gợi ý dịch: "và nhà của các vua Giu-đa"
Jeremiah 19:14
Nầy
Gợi ý dịch: “Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý điều ta sẽ nói”
cứng cổ không chịu nghe
“Không chịu nghe” căn bản có ý nghĩa giống như “cứng cổ” và giải thích họ cứng cổ là như thế nào.

Translation Questions

Jeremiah 19:1
Đức Giê-hô-va phán bảo Giê-rê-mi hãy mua cái gì?
Ngài bảo Giê-rê-mi hãy đi mua một bình bằng đất của người thợ gốm.
Jeremiah 19:3
Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi rằng ngài sẽ đem điều gì đến cho các vua Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ giáng tai vạ đến nơi đó.
Jeremiah 19:4
Tại sao Đức Chúa Trời giáng tai vạ trên Giê-ru-sa-lem?
Ngài đã giáng tai vạ vì dân sự đã bỏ rơi Đức Chúa Trời, làm ô uế nơi thánh của Ngài mà thờ phượng các tà thần khác, và họ đã làm cho đất này đỗ đầy máu vô tội.
Jeremiah 19:5

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao dân sự lại xây đền thờ Ba-anh?
Họ xây đền thờ Ba-anh để đốt các con trai mình trên lửa như của lễ thêu.
Jeremiah 19:6
Thung lũng Bên-hi-nôm sẽ được gọi là gì?
Nó sẽ được gọi là thung lũng giết chóc.
Jeremiah 19:10
Giê-rê-mi làm gì với cáu bình đất?
Ông đập vỡ cái bình trước mặt những người đi cùng với ông.
Jeremiah 19:13
Những người ô uế họ làm gì trên mái nhà?
Những người ô uế đã thờ lạy các ngôi sao trên những mái nhà và đổ rượu làm của lễ cho các thần khác.
Jeremiah 19:14
Tại sao Đức Giê-hô-va giáng tai họa trên thành phố và các thành nào thuộc về nó?
Đức Chúa Trời đã giáng tai họa cho họ bởi vì họ cứng cổ và chẳng nghe lời Đức Chúa Trời.
Jeremiah 19:15
Tại sao Đức Giê-hô-va giáng tai họa trên thành phố và các thành nào thuộc về nó?
Đức Chúa Trời đã giáng tai họa cho họ bởi vì họ cứng cổ và chẳng nghe lời Đức Chúa Trời.

Chapter 20
Jeremiah 20:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and
Ông ấy là tổng quan đốc
Từ “ông ấy” ở đây chỉ về Pha-su-rơ.
Pha-su-rơ đánh Giê-rê-mi
Có thể là 1) chính Pha-su-rơ đánh Giê-rê-mi hoặc 2) Pha-su-rơ cho người đánh Giê-rê-mi.
Cùm
Cùm là khung gỗ có lỗ để khóa tay, chân và đầu của tù nhân.
cổng thượng Bên-gia-min
Cổng này khác với cổng của tường thành có cùng tên.
Jeremiah 20:3
Xảy khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu một hành động bắt đầu. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Ông là Ma-go Mít-sa-bíp
Tên này có nghĩa là “kinh hãi tứ phía” hay “kinh hãi vây quanh”.
Nầy
Gợi ý dịch: "Hãy lưu ý điều ta sắp nói"
Chúng sẽ ngã gục bởi gươm của quân thù
Gợi ý dịch: "kẻ thù của chúng sẽ dùng gươm giết chúng"
mắt ngươi sẽ chứng kiến điều đó
Gợi ý dịch: "ngươi sẽ chứng kiến điều đó"
Ta sẽ phó toàn dân Giu-da vào tay vua Ba-by-lôn
Từ “tay” ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "Ta sẽ cho vua Ba-by-lôn chinh phục toàn bộ Giu-đa"
Jeremiah 20:5
Ta sẽ cho vua ấy
Từ “vua ấy” chỉ về vua Ba-by-lôn.
mọi của cải ... tất cả các sản vật, mọi vật quý giá, cũng như tất cả các kho báu
Đức Giê-hô-va lặp lại bốn lần cùng một ý chính để nhấn mạnh. Chính Ba-by-lôn sẽ lấy đi mọi của cải của Y-sơ-ra-ên, kể cả tài sản của vua.
Ta sẽ đặt những vật đó vào tay kẻ thù các ngươi
Từ “tay” ở đây chỉ về sự sở hữu. Gợi ý dịch: "Ta sẽ cho kẻ thù các ngươi chiếm lấy những vật đó” hoặc “Ta sẽ phó những vật đó cho kẻ thù các ngươi”
Ông và hết thảy những người yêu quý của ông đã nói tiên tri giả dối đều sẽ bị chôn tại đó
Gợi ý dịch: "Tại đó, người ta sẽ chôn ông và hết thảy những người yêu quý của ông đã nói tiên tri giả dối"
Jeremiah 20:7
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi thưa cùng Đức Giê-hô-va
Con thật đã bị lừa
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa thật đã lừa dối con"
Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã lừa dối con. Con thật đã bị lừa
Một số bản hiện đại dịch câu này từ tiếng Hê-bơ-rơ là “Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã thuyết phục con. Con thật đã bị thuyết phục”.
Trò cười
Đây là người bị người khác cười chê và chế nhạo.
Người ta chế nhạo con suốt ngày
Câu này căn bản có ý nghĩa giống như câu trước.
Gọi to và tuyên bố
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh ông tuyên bố sự điệp của Đức Giê-hô-va cách mạng dạn. Gợi ý dịch: "tuyền bố mạnh mẽ" hoặc "lớn tiếng tuyên bố"
Lời của Đức Giê-hô-va đã trở nên sự sỉ nhục và chế giễu cho con mỗi ngày
Ở đây từ “lời” chỉ về sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Người ta sỉ nhục và chế giễu con mỗi ngày vì con rao truyền sứ điệp của Đức Giê-hô-va."
sự sỉ nhục và chế giễu cho con
Từ “sự sỉ nhục” và “chế giễu” căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh ngươ ta nhạo báng Giê-rê-mi vì rao truyền sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "một lí do cho người ta chế giễu con"
Tôi sẽ không rao truyền danh Ngài nữa
Có thể là 1) “Tôi sẽ không nói gì về Ngài nữa” (bản UDB) hoặc 2) "Tôi sẽ không rao truyền sứ điệp của Ngài nữa"
Nó như ngọn lửa trong lòng con, âm ỉ trong xương con
Giê-rê-mi nói như thể sứ điệp của Đức Giê-hô-va là một ngọt lửa không kiểm soát được. Gợi ý dịch: "Lời của Đức Giê-hô-va giống như ngọn lửa đốt cháy sâu bên trong con"
Jeremiah 20:10
Tố cáo. Chúng ta phải tố cáo
Đây là lời của kẻ thù Giê-rê-mi.
Biết đâu nó sẽ bị mắc lừa ... trả thù nó.
Đây là lời của kẻ thù Giê-rê-mi.
Biết đâu nó sẽ bị mắc lừa
"Biết đâu chúng ta có thể lừa nó"
Đức Giê-hô-va ở với con như một dũng sĩ mạnh bạo
Đức Giê-hô-va như một dũng sĩ mạnh bạo bảo vệ cho Giê-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

rê-mi và hạ gục kẻ thù của ông.
Không bao giờ quên được
"người ta sẽ không bao giờ quên"
Jeremiah 20:12
Đấng nhìn thấy lòng dạ và tâm trí
Gợi ý dịch: "Đấng biết điều người ta suy nghĩ và mong ước"
giải cứu mạng sống của những người bị áp bức
Gợi ý dịch: "giải cứu những người bị áp bức"
Khỏi tay những kẻ làm ác
Ở đây từ tay chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "khỏi quyền lực của kẻ làm ác"
Jeremiah 20:14
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục thưa cùng Đức Giê-hô-va.
Nguyện ngày tôi sinh ra bị rủa sả
Gợi ý dịch: "Đáng nguyền rủa cho cái ngày tôi sinh ra"
Chớ để ngày mẹ tôi sinh tôi ra được phước
Gợi ý dịch: "Chớ chúc phước cho ngày mẹ tôi sinh tôi ra."
Nguyện người báo tin cho cha tôi bị rủa sả
Gợi ý dịch: " Đáng nguyền rủa cho người báo tin cho cha tôi"
Jeremiah 20:16
Người đó
Ở đây chỉ về người báo tin cho cha của Giê-rê-mi biết về sự ra đời của Giê-rê-mi.
các thành mà Đức Giê-hô-va đã phá đổ
Ở đây chỉ về Sô-đôm và Gô-mô-rơ.
Ngài không chút thương xót
Từ “Ngài” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.
Nguyện người nghe tiếng kêu cứu
Từ “người” ở đây chỉ về “người đó”.
Khiến mẹ tôi làm mồ cho tôi
Bụng của mẹ Giê-rê-mi giữ lấy xác của ông như mộ giữ xác người chết.
Vì sao tôi phải lọt lòng mẹ để thấy cảnh cực nhọc lo buồn ... sỉ nhục?
Giê-rê-mi dùng câu hỏi này để phàn nàn rằng chẳng có lí do tốt đẹp nào cho ông được sinh ra. Gợi ý dịch: "Tôi được sinh ra chỉ để thấy cảnh cực nhọc lo buồn ... sỉ nhục."
để thấy cảnh cực nhọc lo buồn
“Cực nhọc” và “lo buồn” căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh số lượng và mức độ trầm trọng của sự khốn khổ. Gợi ý dịch: "để trải qua nhiều sự khốn khổ."
Các ngày của con đầy tủi nhục
Gợi ý dịch: "cả đời con mang sỉ nhục"

Translation Questions

Jeremiah 20:1
Tại sao Pha-su-rơ đánh đòn Giê-rê-mi và cùm ông lại?
Ông đã trừng phạt Giê-rê-mi vì Giê-rê-mi nói tiên tri những lời này trước nhà Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 20:2
Tại sao Pha-su-rơ đánh đòn Giê-rê-mi và cùm ông lại?
Ông đã trừng phạt Giê-rê-mi vì Giê-rê-mi nói tiên tri những lời này trước nhà Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 20:4
Đức Giê-hô-va sẽ ban cho vua Ba-by-lôn những điều gì?
Đức Giê-hô-va sẽ ban cho người mọi sự giàu có của thành nầy, hết thảy mọi của cải, hết thảy vật quí báu và đồ châu báu của các vua Giu-đa.
Jeremiah 20:5
Chuyện gì xảy ra với Pha-su-rơ và tất cả những người ở trong nhà người?
Họ sẽ đi làm phu tù sang Ba-by-lôn và chết ở đó.
Jeremiah 20:7
Chuyện gì xảy ra khi Giê-rê-mi cố gắng không nói đến danh Đức Giê-hô-va nữa?
Lời của Ngài giống như lửa đốt cháy trong lòng Giê-rê-mi, thiêu đốt các xương của ông và ông phải đè nén nó.
Jeremiah 20:8
Thông điệp gì mà Giê-rê-mi đã kêu gọi và tuyên bố?
Ông kêu gọi và tuyên bố: "bạo lực và hủy diệt".
Jeremiah 20:9
Chuyện gì xảy ra khi Giê-rê-mi cố gắng không nói đến danh Đức Giê-hô-va nữa?
Lời của Ngài giống như lửa đốt cháy trong lòng Giê-rê-mi, thiêu đốt các xương của ông và ông phải đè nén nó.
Jeremiah 20:10
Điều gì sẽ xảy ra cho những người đã xem thấy Giê-rê-mi bị vấp ngã?
Họ sẽ vấp ngã, sẽ chẳng thắng hơn và họ sẽ chịu sỉ nhục rất lớn.
Jeremiah 20:11
Điều gì sẽ xảy ra cho những người đã xem thấy Giê-rê-mi bị vấp ngã?
Họ sẽ vấp ngã, sẽ chẳng thắng hơn và họ sẽ chịu sỉ nhục rất lớn.
Jeremiah 20:12
Tại sao Giê-rê-mi nói hãy hát và ngợi khen Đức Giê-hô-va?
Mọi người hãy hát và ngợi khen Đức Giê-hô-va, vì Ngài là Đấng thử người công bình, xem thấu trong lòng trong trí, và sẽ báo thù, cứu kẻ bị áp bức.
Jeremiah 20:13
Tại sao Giê-rê-mi nói hãy hát và ngợi khen Đức Giê-hô-va?
Mọi người hãy hát và ngợi khen Đức Giê-hô-va, vì Ngài là Đấng thử người công bình, xem thấu trong lòng trong trí, và sẽ báo thù, cứu kẻ bị áp bức.
Jeremiah 20:14
Giê-rê-mi nói về ngày ông được sinh ra như thế nào?
Ông rủa sả ngày mà ông sinh ra và nguyền cho ngày đó đừng được phước.

Chapter 21
Jeremiah 21:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem:
Pha-su-rơ
Đây không phải là Pha-su-rơ được nhắc đến ở câu JER20:01
Xin ông cầu hỏi Đức Giê-hô-va thay chúng tôi
Gợi ý dịch: "Xin thưa cùng Đức Giê-hô-va cho chúng tôi. Cầu xin Ngài giúp chúng tôi"
Như ngày xưa
Gợi ý dịch: "như Ngài đã làm trong quá khứ"
Sẽ khiến vua ấy rút lui khỏi chúng ta
Gợi ý dịch: "sẽ khiến vua ấy bỏ đi"
Jeremiah 21:3
vũ khí trong tay các ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gợi ý dịch: "các binh lính ngươi chỉ huy"
Bao vây các ngươi
"đến gần các ngươi"
Với bàn tay đưa lên và cánh tay mạnh mẽ
Cả hai cụm từ này đều chỉ về quyền năng vĩ đại. Gợi ý dịch: "với quyền năng rất lớn."
cơn nóng nảy, tức giận và phẫn nộ mãnh liệt
Những từ này căn bản đều có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mức độ gay gắt của cơn tức giận Ngài. Gợi ý dịch: "cơn tức giận cùng cực."
Jeremiah 21:6
Thông Tin Tổng Quát:
Xem:
dân cư thành nầy
Gợi ý dịch: "những người sống ở Giê-ru-sa-lem"
Jeremiah 21:8
Dân này
Gợi ý dịch: "dân Giê-ru-sa-lem"
Ta sẽ đặt trước mặt các ngươi con đường dẫn đến sự sống và con đường dẫn đến sự chết
Đức Giê-hô-va đưa ra cho dân Giê-ru-sa-lem một lựa chọn quyết định họ sẽ sống hay chết.
Quỳ gối trước
Gợi ý dịch: "đầu hàng"
Bao vây
Gợi ý dịch: "tấn công từ mọi phía"
Ta đã hướng mặt Ta nghịch cùng
Gợi ý dịch: "Ta đã quyết định chống lại" hoặc "Ta đã xoay hướng nghịch cùng"
Người đó sẽ thoát mạng
Người đầu hàng quân Ba-by-lôn sẽ được thoát mạng mặc dù mất hết tài sản.
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 21:11
Về nhà của vua Giu-đa, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va phán về vua Giu-đa, gia đình và các đầy tớ của vua."
Hãy thực thi công lý vào buổi sáng
Gợi ý dịch: "Luôn đối xử công bằng với những người ngươi cai trị"
tay kẻ hà hiếp
Gợi ý dịch: "thế lực của kẻ hà hiếp"
cơn giận ta sẽ bừng lên như lửa và đốt cháy
Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt và tiêu diệt ngươi hoàn toàn và mau chóng trong cơn tức giận của ta"
Jeremiah 21:13
Hỡi vầng đá trong đồng bằng kia, ta chống lại các ngươi
Gợi ý dịch: "Hỡi Giê-ru-sa-lem, ta chống lại ngươi" hoặc "Hỡi dân Giê-ru-sa-lem, ta sẽ trừng phạt ngươi"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Ai sẽ xuống tấn công chúng ta? ... Ai sẽ vào nhà chúng ta?
Gợi ý dịch: "Sẽ không ai tấn công chúng ta và không ai vào nhà chúng ta"
Ta đã định cho kết quả của việc làm các ngươi đến chống lại các ngươi
Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt các ngươi đích đáng theo việc các ngươi đã làm". Xem: (
kết quả của việc làm các ngươi
Gợi ý dịch: "kết quả của việc làm các ngươi"

Translation Questions

Jeremiah 21:1
Pha-su-rơ và Sô-phô-ni đã yêu cầu Giê-rê-mi điều gì?
Họ yêu cầu ông hãy cầu hỏi Đức Giê-hô-va.
Tại sao họ muốn Giê-rê-mi tìm cầu ý của Đức Giê-hô-va?
Họ hy vọng Đức GIê-hô-va sẽ làm phép lạ cho họ.
Jeremiah 21:2
Pha-su-rơ và Sô-phô-ni đã yêu cầu Giê-rê-mi điều gì?
Họ yêu cầu ông hãy cầu hỏi Đức Giê-hô-va.
Tại sao họ muốn Giê-rê-mi tìm cầu ý của Đức Giê-hô-va?
Họ hy vọng Đức GIê-hô-va sẽ làm phép lạ cho họ.
Jeremiah 21:3
Thông điệp mà Giê-rê-mi đến Sê-đê-kia là gì?
Thông điệp là Đức Giê-hô-va sẽ chống nghịch cùng Sê-đê-kia.
Jeremiah 21:5
Thông điệp mà Giê-rê-mi đến Sê-đê-kia là gì?
Thông điệp là Đức Giê-hô-va sẽ chống nghịch cùng Sê-đê-kia.
Jeremiah 21:6
Đức Giê-hô-va sẽ đánh nghịch cùng vua Sê-đê-kia như thế nào?
Đức Giê-hô-va sẽ đánh trận nghịch cùng vùa Sê-đê-kia với bệnh tật, chiến tranh và đói kém.
Jeremiah 21:7
Đức Giê-hô-va sẽ đánh nghịch cùng vua Sê-đê-kia như thế nào?
Đức Giê-hô-va sẽ đánh trận nghịch cùng vùa Sê-đê-kia với bệnh tật, chiến tranh và đói kém.
Jeremiah 21:8
Những người muốn sống sót thì cần làm gì?
Họ cần phải ra khỏi thành và đầu hàng với người Canh-đê.
Điều gì sẽ xảy ra với những người ở lại trong thành?
Họ sẽ chết.
Jeremiah 21:9
Những người muốn sống sót thì cần làm gì?
Họ cần phải ra khỏi thành và đầu hàng với người Canh-đê.
Jeremiah 21:10
Điều gì sẽ xảy ra với những người ở lại trong thành?
Họ sẽ chết.
Jeremiah 21:11
Đức Giê-hô-va muốn vua Giu-đa làm gì?
Ngài muốn vua nghe lời của Đức Giê-hô-va, làm sự công bình, cứu người bị ức hiếp.
Jeremiah 21:12
Đức Giê-hô-va muốn vua Giu-đa làm gì?
Ngài muốn vua nghe lời của Đức Giê-hô-va, làm sự công bình, cứu người bị ức hiếp.
Jeremiah 21:13
Đức Giê-hô-va sẽ chống nghịch cùng ai?
Đức GIê-hô-va chống nghịch cùng dân ở trong trũng và nơi đồng bằng.
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì vì những điều mà dân sự đã làm?
Ngài sẽ đốt lửa trong rừng, lửa sẽ thiêu nuốt hết mọi vật chung quanh nó.
Jeremiah 21:14
Đức Giê-hô-va sẽ chống nghịch cùng ai?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức GIê-hô-va chống nghịch cùng dân ở trong trũng và nơi đồng bằng.

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì vì những điều mà dân sự đã làm?

Ngài sẽ đốt lửa trong rừng, lửa sẽ thiêu nuốt hết mọi vật chung quanh nó.

Chapter 22

Jeremiah 22:1

Ngồi trên ngai Đa-vít

Ở đây chỉ về việc có vương quyền giống như Đa-vít. Gợi ý dịch: "cai trị làm vua như Đa-vít đi trước ngươi"

hãy lắng nghe lời của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "hãy chú ý lời của Đức Giê-hô-va"

Hỡi các triều thần và thần dân của người

Gợi ý dịch: "hỡi các triều thần của vua và dân trong nước vua"

những người vào ra các cổng nầy

Đây là các cổng lâu đài của vua. Gợi ý dịch: "những người đến thăm vua"

Tay của kẻ hà hiếp

Từ “tay” chỉ về thế lực hay quyền kiểm soát của một người.

Chớ ngược đãi

Chớ xử tệ

Trẻ mồ côi

Đứa trẻ không có cha mẹ

Đừng làm đổ máu vô tội ...

Gợi ý dịch: "Đừng ... giết người vô tội"

tại nơi này

"Nơi này" chỉ về Giê-ru-sa-lem hoặc thậm chí là cả đất nước Giu-đa. Ở đây không có ngụ ý là có thể giết người ở những nơi khác.

Jeremiah 22:4

các vua ngồi trên ngai Đa-vít

Ở đây chỉ về các vua có thẩm quyền như Đa-vít. Gợi ý dịch: "Các vua cai trị như Đa-vít đi trước họ"

ngồi trên xe và cưỡi trên ngựa

Câu này mô tả những vị vua quyền thế và thịnh vượng.

Người, các triều thần và thần dân người

Câu này liệt kê tất cả những người sẽ trở nên quyền lực và giàu có. Gợi ý dịch: "Người, các triều thần và thần dân người sẽ cưỡi trên xe và ngựa tiến vào cung"

nếu các ngươi không lắng nghe

Gợi ý dịch: "nếu các ngươi không chú ý" (bản UDB) hoặc "nếu các ngươi không vâng theo"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 22:6

cung điện của vua Giu-đa

Câu này còn được dịch là “nhà của vua Giu-đa”, chỉ về gia đình cùng dòng dõi của vua Giu-đa.

Ngươi như Ga-la-át, như đỉnh núi Li-ban

Đức Giê-hô-va đang mô tả thiện cảm của Ngài về gia đình và dòng dõi của vua Giu-đa.

biến ngươi ra hoang mạc

Gợi ý dịch: "khiến các thành của ngươi trở nên hoang vu, không có người ở"

Jeremiah 22:8

Nhiều dân sẽ đi ngang qua thành này.

Gợi ý dịch: "nhiều người từ các nước sẽ đi ngang qua thành này."

Cúi lạy các thần khác và thờ phượng chúng

Hai vế này có nghĩa như nhau. Cụm từ “cúi lạy” mô tả tư thế khi người ta thờ phượng.

Jeremiah 22:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va chuyển từ phán cùng vua Giu-đa sang phán với người nghe nói chung.

Thấy lại vùng đất nơi mình sinh ra

Gợi ý dịch: "Thấy lại đất Y-sơ-ra-ên" hoặc "thấy lại quê hương mình"

Jeremiah 22:11

Giô-a-cha

Tên trong tiếng Hê-bơ-rơ là “Sa-lum” nhưng được biết đến nhiều hơn là Giô-a-cha.

Jeremiah 22:13

Nhà

Nhà được dùng ở đây để mô tả Giê-hô-gia-kim và gia đình của ông.

Jeremiah 22:15

Có phải ngươi trở thành vị vua tốt vì ngươi tranh đua gỗ bá hương không?

Gợi ý dịch: "Có lâu đài bằng gỗ bá hương không khiến ngươi trở thành vị vua tốt"

Chẳng phải cha ngươi đã ăn uống ... công chính sao?

Gợi ý dịch: "Vua Giô-si-a vui hưởng cuộc sống ... công chính."

Chẳng phải như vậy là nhận biết ta đó sao?

Gợi ý dịch: "Như vậy chính là nhận biết ta."

Jeremiah 22:17

Chẳng có điều gì trong mắt và lòng ngươi

"chẳng có điều gì trong tư tưởng và cảm xúc của ngươi"

Lợi bất chính

Tức là kiếm tiền bằng cách lừa đảo hoặc gian lận.

đổ máu vô tội

"giết người vô tội"

Áp bức người khác

"hung bạo với người khác để lấy tiền"

Than ôi, anh của tôi!’ ... ‘Than ôi, chị của tôi!’ ... Than ôi, chúa tôi!’ ... ‘Than ôi, đức vua!’

Đức Giê-hô-va lặp lại từ “than ôi” nhiều lần để nhấn mạnh. Ngài nói về những người thường thể hiện sự đau buồn khi có người qua đời.

Người sẽ bị chôn với một con lừa, bị kéo đi và vứt ra ngoài

"Họ sẽ chôn xác người như chôn một con lừa, họ sẽ kéo nó đi và vứt ra ngoài"

Jeremiah 22:20

Cất tiếng

Gợi ý dịch: "kêu la ở Ba-san"

Các núi A-ba-rim

Ta đã nói với ngươi khi ngươi đang yên ổn

Gợi ý dịch: "Ta đã nói với ngươi khi ngươi đang hanh thông"

Đó là thói quen của ngươi

Gợi ý dịch: "Đó là lối sống của ngươi"

Ngươi chẳng bao giờ nghe tiếng ta

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gợi ý dịch: "Ngươi chẳng bao giờ vâng lời Ta"
Jeremiah 22:22
Gió sẽ lùa mọi kẻ chăn của ngươi
Gợi ý dịch: "Những người lãnh đạo của ngươi sẽ bị cất đi"
Nhà của rừng Li-ban mà ngươi làm tổ giữa những cây bá hương
Gợi ý dịch: "lâu đài làm từ cây bá hương của Li-ban"
Ngươi sẽ đáng thương thể nào khi cơn đau đớn giáng trên ngươi như cơn đau chuyển dạ
Gợi ý dịch: "ngươi sẽ rất đáng thương vì cơn đau đớn của mình"
Jeremiah 22:24
như Ta hằng sống
Gợi ý dịch: "Chắc chắn"
Kể cả ngươi, Giê-hô-gia-kin ... là dấu ấn trên tay phải ta, ta cũng sẽ lột ngươi ra
Gợi ý dịch: "kể cả ngươi, Giê-hô-gia-kin ... là dấu ấn trên tay phải ta, ta cũng sẽ lột ngươi ra khỏi tay ta" hoặc "Giê-hô-gia-kin ... dù ngươi là vua mà ta đã lựa chọn để bày tỏ quyền năng ta, ta cũng sẽ trừng phạt ngươi"
Ta đã phó ngươi vào tay những kẻ muốn hại mạng sống ngươi
Gợi ý dịch: "Ta đã cho kẻ tìm hại mạng sống ngươi bắt được ngươi"
Jeremiah 22:27
Đất mà chúng muốn được trở về
Chỉ về đất của Giu-đa
Đây có phải là chiếc bình vỡ nát bị khinh thường không? Giê-hô-gia-kin này có phải là chiếc bình không ai ưa thích không?
Gợi ý dịch: "Giê-hô-gia-kin vô dụng và chẳng ai ưa thích."
Vì sao họ ném người và dòng dõi người ra và đổ chúng vào vùng đất chúng không biết?
Gợi ý dịch: "Người ta lẽ ra phải loại bỏ Giê-hô-gia-kin và gia đình người ra khỏi xứ"
Jeremiah 22:29
đất, đất, đất
Đức Giê-hô-va truyền phán sứ điệp của Ngài cho mọi dân trên đất bằng cách gọi nơi họ sống.
Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "hãy vâng theo lời của Đức Giê-hô-va"

Translation Questions

Jeremiah 22:1
Đức Giê-hô-va phán cùng vua Giu-đa, tôi tớ và dân Ngài làm điều gì?
Họ phải nghe lời của Đức Giê-hô-va, hành động công bình, giúp đỡ những người bị ức hiếp. Họ cũng không được ngược đãi dân ngoại, người mồ côi, người góa bụa. Cũng không được hiếp đáp người khác hay làm đổ máu người vô tội.
Jeremiah 22:3
Đức Giê-hô-va phán cùng vua Giu-đa, tôi tớ và dân Ngài làm điều gì?
Họ phải nghe lời của Đức Giê-hô-va, hành động công bình, giúp đỡ những người bị ức hiếp. Họ cũng không được ngược đãi dân ngoại, người mồ côi, người góa bụa. Cũng không được hiếp đáp người khác hay làm đổ máu người vô tội.
Jeremiah 22:5
Điều gì sẽ xảy ra nếu họ không nghe lời phán của Đức Giê-hô-va?
Cung vua sẽ trở thành một đống hoang tàn đổ nát.
Jeremiah 22:6
Các cung điện sẽ trở thành một nơi hoang vu như thế nào?
Đức Giê-hô-va sẽ chọn những kẻ tàn hại đến và tiêu diệt nó.
Jeremiah 22:7
Các cung điện sẽ trở thành một nơi hoang vu như thế nào?
Đức Giê-hô-va sẽ chọn những kẻ tàn hại đến và tiêu diệt nó.
Jeremiah 22:8
Tại sao Đức Giê-hô-va làm những việc này cho thành lớn?
Ngài đã làm bởi vì dân sự sự đã từ bỏ giao ước mà thờ lạy và hầu việc các thần khác.
Jeremiah 22:9
Tại sao Đức Giê-hô-va làm những việc này cho thành lớn?
Ngài đã làm bởi vì dân sự sự đã từ bỏ giao ước mà thờ lạy và hầu việc các thần khác.
Jeremiah 22:10
Tại sao mọi người nên khóc cho những người bị bắt giam?
Họ nên khóc vì những kẻ bị giam không thể trở về hay nhìn thấy đất nhà nữa.
Jeremiah 22:15
Một vị vua tốt nên làm gì?
Vua phải làm những việc công chính kể cả cho những người nghèo khó, và nhìn biết Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 22:16
Một vị vua tốt nên làm gì?
Vua phải làm những việc công chính kể cả cho những người nghèo khó, và nhìn biết Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 22:17
Tại sao mọi người sẽ không than tiếc gì về vua Giê-hô-gia-kim?
Họ sẽ không than tiếc vì ông đã cướp, giết những người vô tội và áp bức mọi người.
Jeremiah 22:19
Họ sẽ chôn vua Giê-hô-gia-kim như thế nào?
Họ sẽ chôn người như chôn con lừa.
Jeremiah 22:21
Phong tục của dân sự là gì từ khi họ còn trẻ?
Họ sẽ không nghe tiếng của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 22:22
Điều gì sẽ xảy ra với họ khi họ không lắng nghe?
Họ sẽ đánh mất người chăn của mình, bạn bè của họ sẽ phải bị lưu đày, họ sẽ bị xấu hổ và sỉ nhục.
Jeremiah 22:24
Chuyện gì sẽ xảy ra với Giê-hô-gia-kin?
Đức Giê-hô-va sẽ phó Giê-hô-gia-kin cho vua Ba-by-lôn, và ông sẽ chết ở một xứ khác.
Jeremiah 22:26
Chuyện gì sẽ xảy ra với Giê-hô-gia-kin?
Đức Giê-hô-va sẽ phó Giê-hô-gia-kin cho vua Ba-by-lôn, và ông sẽ chết ở một xứ khác.
Jeremiah 22:30
Đức Giê-hô-va nói gì về Giê-hô-gia-kin?
Giê-hô-gia-kin sẽ không có con và sẽ không thạnh vượng.

Chapter 23
Jeremiah 23:1
những kẻ chăn bầy tiêu diệt và làm tan tác bầy chiên của đồng cỏ ta
Đức Giê-hô-va gọi Y-sơ-ra-ên là đồng cỏ Ngài, dân Y-sơ-ra-ên là chiên của Ngài và những người lãnh đạo họ trong Y-sơ-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ra-ên là người chăn.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
làm tan lạc bầy chiên của ta và xua đuổi chúng
Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý ở vế thứ nhất.
Trả lại các việc ác cho các ngươi
Đức Giê-hô-va gọi những việc ác như món nợ có thể trả lại. Gợi ý dịch: "báo thù các việc ác"
Jeremiah 23:3
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Y-sơ-ra-ên như bầy chiên và những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên là người chăn.
Đến nơi ăn cỏ
Gợi ý dịch: "đến nơi mọi nhu cầu của chúng được cung ứng"
Chúng sẽ sinh sôi và gia tăng
Từ “gia tăng” giải thích họ sẽ “sinh sôi” như thế nào. Gợi ý dịch: "chúng sẽ gia tăng thêm nhiều."
chúng sẽ chẳng còn sợ hãi hay kinh khiếp nữa
Từ “kinh khiếp” có nghĩa là ai đó khiến họ hoảng sợ và căn bản có ý nghĩa giống như “sợ hãi”.
Gợi ý dịch: "sẽ không ai khiến chúng sợ hãi nữa."
Không ai trong chúng
"Không ai trong dân ta"
Jeremiah 23:5
những ngày đến
Một thời điểm trong tương lai được nói như thể một vật đang tiến về phía tác giả hay người nghe. Gợi ý dịch: "thời điểm sẽ xảy đến"
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
"điều Đức Giê-hô-va đã truyền" hoặc “điều Đức Giê-hô-va đã phán”. Xem cách đã dịch ở JER01:07
Một nhánh công chính
Vị vua tương lai từ dòng dõi Đa-vít này được ví như một nhánh mọc trên cây. Gợi ý dịch: "một hậu tự công chính"
Một nhánh công chính
Một số bản hiện đại dịch là “một người nối ngôi chính đáng."
Thực thi điều công minh chính trực trong xứ
“Công minh” và “chính trực” chỉ về việc dân chúng hành động ngay thẳng và công chính. Gợi ý dịch: "khiến dân chúng hành động ngay thẳng và công chính"
Trong xứ
“Xứ” ở đây chỉ về mọi người dân trong nước. Gợi ý dịch: "cho mọi người dân trong nước"
Giu-đa sẽ được cứu; Y-sơ-ra-ên sẽ sống yên ổn
Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau.
Giu-đa sẽ được cứu
Có thể viết ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ giải cứu Giu-đa khỏi kẻ thù của họ"
Jeremiah 23:7
Như Đức Giê-hô-va hằng sống
Cụm từ này được dùng để thề.
vùng đất phương bắc và mọi đất nước họ bị đuổi đi
Ở đây chỉ về việc mười chi phái Y-sơ-ra-ên phía bắc bị bắt giữ và tản lạc sang các nước xung quanh.
Jeremiah 23:9
Thông Tin Tổng Quát:
Người nói đã chuyển từ Đức Giê-hô-va sang Giê-rê-mi.
Về các tiên tri, lòng tôi tan nát trong tôi, hết thảy xương cốt tôi run rẩy
Lòng của tá giả tan nát và xương run rẩy vì sợ sự trừng phạt do những lời dối trá của các tiên tri giả. Gợi ý dịch: "Tôi lo sợ về điều sẽ xảy ra vì các tiên tri giả"
lòng tôi tan nát trong tôi
Cảm xúc của tác giả được ví như là lòng của ông. Gợi ý dịch: "Tôi rất buồn rầu"
hết thảy xương cốt tôi run rẩy
Ở đây cảm xúc lo sợ được nói như thể xương của tác giả đang run rẩy. Gợi ý dịch: "Tôi rất lo sợ"
Tôi trở nên như người say xẩm, như người bị rượu chế ngự
Ở đây buồn rầu và lo sợ được nói như thể người đang chịu đựng là người say rượu. Gợi ý dịch: "Tôi giống như người say rượu không thể kiểm soát được bản thân"
Xứ sở đầy dẫy bọn tà dâm
Phép cường điệu được dùng ở đây để cho thấy mức độ tội lỗi hiện tại trong thời của Giê-rê-mi.
bọn tà dâm
Từ này có thể chỉ về cả nghĩa đen, tức là hầu hết những người nam đều phạm tội ngoại tình, lẫn ý nghĩa thông thường theo ngôn ngữ Kinh Thánh, tức là họ đã bỏ Đức Giê-hô-va để thờ thần tượng.
Xứ sở khô cằn
Một số bản hiện đại dịch câu này từ tiếng Hê-bơ-rơ là “xứ sở than khóc”.
Jeremiah 23:11
Thông Tin Tổng Quát:
Người nói đã chuyển từ Giê-rê-mi sang Đức Giê-hô-va.
Các thầy tế lễ đều bại hoại
Gợi ý dịch: "các thầy tế lễ đầy tội lỗi"
Trong nhà ta
Ở đây đền thờ của Đức Giê-hô-va được ví như một ngôi nhà, nơi được nói là Đức Giê-hô-va ngự giữa dân Ngài.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
"điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán" hoặc "điều Đức Giê-hô-va đã phán"
như chỗ trơn trợt trong tối tăm
Gợi ý dịch: "không vững vàng hay nguy hiểm"
Đến năm trừng phạt của chúng
Gợi ý dịch: "khi thời điểm trừng phạt của chúng đến"
Jeremiah 23:13
Bước đi trong dối trá
"sống không ngay thật"
Làm vững tay kẻ làm ác
"chúng tăng cường sức mạnh cho kẻ làm ác"
không ai từ bỏ gian ác mình
"Chúng tiếp tục trong tội lỗi mình"
Tất cả bọn chúng như Sô-đôm ... như Gô-mô-rơ.
"Chúng trở nên rất gian ác"
Ta sẽ cho chúng ăn ngải cứu và uống nước độc
Ngải cứu là vật đắng và rất khó ăn. Cụm từ này mô tả sự trừng phạt mà Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên những tiên tri gian ác. Tương tự như ngải cứu đắng và nước có độc, sự phán xét của Đức Giê-hô-va trên kẻ ác cũng sẽ như vậy.
Sự bại hoại từ các tiên tri mà ra
"sự gian ác từ các tiên tri mà ra"
Jeremiah 23:16
Chúng đã lừa các ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gợi ý dịch: "Các tiên tri đã khiến các ngươi tin vào điều giả dối!"

những khải tượng từ tâm trí của chúng

Gợi ý dịch: "những khải tượng chúng tưởng tượng ra"

không bởi miệng Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "không bởi Đức Giê-hô-va"

Nhưng ai được đứng trong cuộc họp của Đức Giê-hô-va? Ai ngắm xem và nghe lời Ngài? Ai chú ý vào lời Ngài và nghe theo?

Gợi ý dịch: "Không có ai cố vấn cho Đức Giê-hô-va. Không ai hiểu điều Đức Giê-hô-va phán, Không ai vâng theo mạng lệnh Ngài."

Jeremiah 23:19

Một cơn bão quay cuồng

Gợi ý dịch: "như một cơn bão lớn"

Nó xoáy quanh đầu kẻ ác

Gợi ý dịch: "Nó giáng trên kẻ ác"

Nó thực thi và hoàn tất mọi ý định trong lòng Ngài

Gợi ý dịch: "Cơn thạnh nộ của Đức Giê-hô-va sẽ thực thi mọi sự trừng phạt Ngài đã định"

Jeremiah 23:21

Nếu chúng đứng trong cuộc họp của Ta

Gợi ý dịch: "nếu chúng đã thật sự nghe ta"

Jeremiah 23:23

Có phải ta chỉ là Đức Chúa Trời ở gần ... mà không phải là Đức Chúa Trời ở xa sao?"

Gợi ý dịch: "Ta là Đức Chúa Trời cả ở gần lẫn ở xa."

Ai có thể ẩn nấp trong nơi bí mật để ta không thể nhìn thấy?

"Không ai có thể ẩn nấp trong nơi bí mật để ta không thể nhìn thấy."

Và ta chẳng hiện diện khắp trời và đất sao?

"Và ta ở khắp mọi nơi cả trên trời và dưới đất".

Jeremiah 23:25

Việc này sẽ còn tiếp tục cho đến bao giờ, những kẻ tiên tri nói điều dối trá theo tâm trí mình và nói tiên tri từ sự giả dối trong lòng chúng?

Gợi ý dịch: "Việc này không nên được tiếp tục, những kẻ tiên tri rao truyền điều giả dối mà chúng tự nghĩ ra"

làm cho dân Ta quên danh Ta ... ưa thích danh Ba-anh

"dẫn dân ta thờ phượng Ba-anh thay vì thờ phượng ta"

Jeremiah 23:28

Rơm rạ có thể xen vào lúa mì sao?

Gợi ý dịch: "Rơm rạ và lúa mì là hai thứ hoàn toàn khác nhau."

Lời ta chẳng như lửa sao?—Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va—và như búa đập vỡ đá sao?

Gợi ý dịch: Đức Giê-hô-va phán "lời ta giống như lửa và như búa đập vỡ đá".

như búa đập vỡ đá

"mạnh mẽ như búa có thể đập vỡ đá"

Jeremiah 23:31

Những kẻ chiêm bao giả dối

"những kẻ xưng mình có chiêm bao từ Đức Chúa Trời nhưng nó chẳng đến từ Ngài.

Jeremiah 23:33

Sứ điệp gì?

Câu hỏi này mang ý nghĩa là một lời khẳng định. Gợi ý dịch: "Chẳng có sứ điệp gì."

Jeremiah 23:35

các ngươi đã xuyên tạc lời của Đức Chúa Trời hằng sống

Gợi ý dịch: "các ngươi đã thay đổi lời của Đức Chúa Trời để họ nói theo ý các ngươi muốn"

Jeremiah 23:37

Thông Tin Tổng Quát:

Xem:

Đức Giê-hô-va đã bày tỏ điều gì?

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã phán điều gì"

Vì thế, nầy

Gợi ý dịch: "Vì thế hãy chú ý"

Ta sẽ nhấc các ngươi lên và ném các ngươi ra xa khỏi ta

Gợi ý dịch: "Ta sẽ đuổi các ngươi ra xa khỏi ta"

không bao giờ quên được

Gợi ý dịch: "sẽ tồn tại mãi mãi"

Translation Questions

Jeremiah 23:1

Những kẻ chăn chiên làm gì với bầy chiên của Giê-rê-mi?

Những kẻ chăn chiên phá hủy và làm tan lạc bầy, đã đuổi đi và không chăm nom đến chúng.

Jeremiah 23:2

Những kẻ chăn chiên làm gì với bầy chiên của Giê-rê-mi?

Những kẻ chăn chiên phá hủy và làm tan lạc bầy, đã đuổi đi và không chăm nom đến chúng.

Jeremiah 23:3

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì với bầy chiên của Ngài?

Ngài sẽ nhóm chúng, đặt vào chuồng và ban cho chúng những kẻ chăn nuôi tốt.

Jeremiah 23:4

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì với bầy chiên của Ngài?

Ngài sẽ nhóm chúng, đặt vào chuồng và ban cho chúng những kẻ chăn nuôi tốt.

Jeremiah 23:5

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trong những ngày đến?

Ngài sẽ dấy lên một vị vua công bình chánh trực.

Jeremiah 23:6

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trong những ngày đến?

Ngài sẽ dấy lên một vị vua công bình chánh trực.

Jeremiah 23:7

Dân sự sẽ nói Đức Giê-hô-va đã làm gì cho họ?

Họ sẽ nói rằng Đức Giê-hô-va đã đem họ từ các xứ khác về sống trong xứ mình.

Jeremiah 23:8

Dân sự sẽ nói Đức Giê-hô-va đã làm gì cho họ?

Họ sẽ nói rằng Đức Giê-hô-va đã đem họ từ các xứ khác về sống trong xứ mình.

Jeremiah 23:9

Tại sao lòng Giê-rê-mi tan vỡ?

Lòng của ông tan vỡ vì lời của Đức Giê-hô-va là thánh, nhưng các đấng tiên tri là những kẻ nói dối, và đất đầy những kẻ ngoại tình.

Jeremiah 23:11

Điều gì sẽ xảy ra với các tiên tri và thầy tế lễ?

Đức Giê-hô-va sẽ đẩy họ vào nơi tăm tối và tai họa sẽ đến cùng họ.

Jeremiah 23:12

Điều gì sẽ xảy ra với các tiên tri và thầy tế lễ?

Đức Giê-hô-va sẽ đẩy họ vào nơi tăm tối và tai họa sẽ đến

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cùng họ.
Jeremiah 23:13
Những sự chống nghịch của các tiên tri là gì?
Họ đã nói tiên tri bởi Ba-anh, dẫn dân của Đức Giê-hô-va ra khỏi đường ngay thẳng, phạm tội tà dâm, lừa dối dân chúng và kéo dân sự làm điều gian ác.
Jeremiah 23:14
Những sự chống nghịch của các tiên tri là gì?
Họ đã nói tiên tri bởi Ba-anh, dẫn dân của Đức Giê-hô-va ra khỏi đường ngay thẳng, phạm tội tà dâm, lừa dối dân chúng và kéo dân sự làm điều gian ác.
Jeremiah 23:15
Đức Giê-hô-va khiến những tiên tri đó làm điều gì?
Ngài khiến họ ăn ngải cứu và uống mật đắng.
Jeremiah 23:16
Tại sao Đức Giê-hô-va lại nói: "Chớ nghe những lời của các tiên tri"?
Vì họ đã nói dối dân sự.
Jeremiah 23:17
Tại sao Đức Giê-hô-va lại nói: "Chớ nghe những lời của các tiên tri"?
Vì họ đã nói dối dân sự.
Jeremiah 23:19
Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va như thế nào?
Cơn thịnh nộ của Ngài giống như cuồng phong.
Jeremiah 23:21
Điều gì không đúng với những vị tiên tri?
Đức Giê-hô-va đã không sai họ.
Jeremiah 23:22
Điều gì không đúng với những vị tiên tri?
Đức Giê-hô-va đã không sai họ.
Jeremiah 23:23
Mọi người có thể giấu mình ở đâu để tránh khỏi Đức Giê-hô-va?
Không có nơi nào mọi người có thể tránh khỏi Ngài. Ngài ở gần và ở xa, Ngài có thể nhìn thấy ở những nơi kín, và Ngài ở khắp mọi nơi trên trời dưới đất.
Jeremiah 23:24
Mọi người có thể giấu mình ở đâu để tránh khỏi Đức Giê-hô-va?
Không có nơi nào mọi người có thể tránh khỏi Ngài. Ngài ở gần và ở xa, Ngài có thể nhìn thấy ở những nơi kín, và Ngài ở khắp mọi nơi trên trời dưới đất.
Jeremiah 23:25
Các tiên tri muốn dân sự làm điều gì?
Họ muốn dân sự ngừng thờ phượng Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 23:27
Các tiên tri muốn dân sự làm điều gì?
Họ muốn dân sự ngừng thờ phượng Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 23:28
Tiên tri của Đức Giê-hô-va tuyên bố những gì người đã nghe từ Đức Giê-hô-va như thế nào?
Người ấy phải tuyên bố lời của Đức Giê-hô-va một cách trung thực và không xen lẫn hay ăn cắp vào những lời của kẻ khác.
Jeremiah 23:29
Tiên tri của Đức Giê-hô-va tuyên bố những gì người đã nghe từ Đức Giê-hô-va như thế nào?
Người ấy phải tuyên bố lời của Đức Giê-hô-va một cách trung thực và không xen lẫn hay ăn cắp vào những lời của kẻ khác.
Jeremiah 23:31
Tại sao Đức Giê-hô-va nghịch cùng các tiên tri?
Ngài nghịch cùng họ bởi vì họ lừa dối mọi người rằng những tư tưởng của họ là những lời của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 23:32
Tại sao Đức Giê-hô-va nghịch cùng các tiên tri?
Ngài nghịch cùng họ bởi vì họ lừa dối mọi người rằng những tư tưởng của họ là những lời của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 23:33
Đức Giê-hô-va muốn Giê-rê-mi nói gì với những người nào hỏi ông về lời của Đức Giê-hô-va?
Ông nói rằng không có lời nào của Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã từ bỏ dân sự.
Jeremiah 23:34
Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt ai?
Ngài sẽ trừng phạt những ai nói rằng họ có một sự điệp từ Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 23:35
Tại sao dân sự không nói với nhau về lời phán của Đức Giê-hô-va?
Họ không được làm điều đó bởi vì mỗi người đều nói lời của mình, và họ đã sống sai lạc với lời của Đức Chúa Trời hằng sống.
Jeremiah 23:36
Tại sao dân sự không nói với nhau về lời phán của Đức Giê-hô-va?
Họ không được làm điều đó bởi vì mỗi người đều nói lời của mình, và họ đã sống sai lạc với lời của Đức Chúa Trời hằng sống.
Jeremiah 23:37
Giê-rê-mi đã thử bất kỳ vi tiên tri như thế nào?
Ông đặt câu hỏi để xem liệu họ có nói sai rằng họ đã nhận lời phán của Đức Giê-hô-va hay không.
Jeremiah 23:38
Giê-rê-mi đã thử bất kỳ vi tiên tri như thế nào?
Ông đặt câu hỏi để xem liệu họ có nói sai rằng họ đã nhận lời phán của Đức Giê-hô-va hay không.
Jeremiah 23:39
Điều gì xảy ra với các tiên tri rao truyền lời giả dối?
Đức Giê-hô-va sẽ ném họ ra xa và họ sẽ chịu sự hổ thẹn đời đời.
Jeremiah 23:40
Điều gì xảy ra với các tiên tri rao truyền lời giả dối?
Đức Giê-hô-va sẽ ném họ ra xa và họ sẽ chịu sự hổ thẹn đời đời.

Chapter 24
Jeremiah 24:1
Nầy
Từ “nầy” cho thấy Giê-rê-mi nhìn thấy điều gì đó thú vị.
Khải tượng này xảy ra ... chúng đến Ba-by-lôn
Phần này của câu chuyện đưa ra thông tin lịch sử cho sự kiện xảy ra.
thợ thủ công
Người khéo chế tạo.
thợ rèn
Người khéo chế tạo vật kim loại.
Jeremiah 24:4
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Giống như những trái vả tốt nầy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những trái vả tốt là những người Giu-đa bị lưu đày sang xứ Canh-đê.

Ta sẽ dõi mắt theo chúng vì ích lợi của chúng

Gợi ý dịch: "Ta sẽ chúc phước cho chúng."

Ta sẽ xây dựng chúng chứ không phá đổ chúng. Ta sẽ vun trồng chúng chứ không nhổ chúng đi

Hai câu này có ý nghĩa như nhau. Câu thứ hai củng cố ý tưởng cho câu thứ nhất.

Gợi ý dịch: "Ta sẽ giúp chúng thịnh vượng ở Canh-đê."

Ta sẽ xây dựng chúng chứ không phá đổ chúng

Câu này ví những người bị lưu đày như một tòa nhà mà Đức Giê-hô-va sẽ xây dựng chứ không phá đổ. Gợi ý dịch: "Ta sẽ giúp chúng hưng thịnh trong xứ chứ không khiến chúng suy tàn."

Ta sẽ vun trồng chúng chứ không nhổ chúng đi

Gợi ý dịch: "Ta sẽ vững lập chúng trong xứ chứ không diệt trừ chúng."

Chúng sẽ hết lòng xoay hướng về ta

Gợi ý dịch: "chúng sẽ hết mình xoay hướng về ta"

Jeremiah 24:8

Nhưng như trái vả xấu đến mức không thể ăn được

Câu này ví trái vả xấu như những người xấu. Trái vả xấu không thể ăn được và trở nên vô dụng, còn người xấu không đi theo Đức Giê-hô-va và cũng trở nên vô dụng.

Ta sẽ làm cho chúng trở thành điều kinh hoàng, một tại họa

Đức Giê-hô-va ví sự phán xét sẽ đến trên dân Giê-ru-sa-lem như thứ gì đó khiến người ta phải kinh sợ khi nhìn thấy nó. Xem:

Ta sẽ sai gươm đao, đói kém, dịch bệnh hành hại chúng

Gợi ý dịch: "Ta sẽ giết chúng bằng chiến tranh, đói kém và bệnh tật."

Ta sẽ sai gươm đao

Gợi ý dịch: "Ta sẽ sai quân thù"

Translation Questions

Jeremiah 24:1

Khải tượng mà Đức Giê-hô-va đã ban cho Giê-rê-mi là gì?

Đức Giê-hô-va tỏ cho ông xem một giỏ trái vả rất tốt và một giỏ đựng những trái vả rất xấu.

Jeremiah 24:3

Khải tượng mà Đức Giê-hô-va đã ban cho Giê-rê-mi là gì?

Đức Giê-hô-va tỏ cho ông xem một giỏ trái vả rất tốt và một giỏ đựng những trái vả rất xấu.

Jeremiah 24:4

Đức Giê-hô-va nói những người nào giống như những trái vả tốt?

Đức Giê-hô-va phán rằng những kẻ phu tù giống như những trái vả tốt.

Jeremiah 24:5

Đức Giê-hô-va nói những người nào giống như những trái vả tốt?

Đức Giê-hô-va phán rằng những kẻ phu tù giống như những trái vả tốt.

Jeremiah 24:6

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho những người giống như những trái vả tốt?

Ngài sẽ đem họ trở về xứ.

Jeremiah 24:8

Đức Giê-hô-va ví ai giống như những trái vả xấu?

Sê-đê-kia, dân sự còn sót lại ở trong xứ, và những người đi đến Ê-díp-tô giống như những trái vả xấu.

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì những người mà Ngài ví như những trái vả xấu?

Ngài sẽ khiến những điều tệ hại xảy đến với họ, và giết họ bởi chiến tranh, đói kém và bệnh tật.

Jeremiah 24:10

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì những người mà Ngài ví như những trái vả xấu?

Ngài sẽ khiến những điều tệ hại xảy đến với họ, và giết họ bởi chiến tranh, đói kém và bệnh tật.

Chapter 25

Jeremiah 25:1

thứ tư ... thứ nhất

toàn dân Giu-đa và tất cả cư dân Giê-ru-sa-lem

Đây là những người Y-sơ-ra-ên cuối cùng. Vương quốc phía bắc đã sụp đổ rồi.

Jeremiah 25:3

A-môn

Cho đến ngày này

Xem cách đã dịch ở JER07:24

Lời của Đức Giê-hô-va đã đến cùng tôi

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã ban cho tôi những lời để nói cho các ngươi"

Chúng nhiệt huyết đi ra

Gợi ý dịch: "Chúng nhiệt huyết chia sẻ lời của Đức Chúa Trời với các ngươi"

Lắng nghe hay để ý đến

Xem cách đã dịch ở JER11:06

Jeremiah 25:5

đường lối gian ác và sự bại hoại của việc làm mình

“Đường lối gian ác” và “sự bại hoại của việc làm mình” căn bản có ý nghĩa như nhau, chỉ về việc tội lỗi họ làm.

Trở về xứ mà ngày xưa Đức Giê-hô-va đã ban cho tổ phụ các ngươi và cho các ngươi cho đến đời đời

Gợi ý dịch: "để các ngươi có thể trở về xứ Đức Giê-hô-va đã hứa cho các ngươi và ở đó cho đến đời đời"

Đừng lấy việc làm của tay mình chọc giận Ngài để Ngài làm hại các ngươi

Gợi ý dịch: "đừng lấy việc làm gian ác của mình chọc giận Đức Giê-hô-va để Ngài trừng phạt các ngươi"

Jeremiah 25:7

các ngươi chẳng nghe ta

Gợi ý dịch: "các ngươi chẳng vâng phục ta"

Và đem chúng đến nghịch cùng xứ này

Đức Chúa Trời hoạch định dùng Nê-bu-cát-nết-sa và cánh tay của Ngài để trừng phạt Y-sơ-ra-ên cùng các nước xung quanh phản nghịch Đức Giê-hô-va.

Nầy

Xem cách đã dịch ở JER01:17

Xuyt

Xem cách đã dịch ở JER18:15

Jeremiah 25:10

cối xay

Đây là hai tảng đá tròn, lớn được dùng để xay lúa.

Ta sẽ làm cho những điều đó biến mất khỏi các dân này

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu này chỉ về việc các nước bị tiêu diệt.
các dân tộc nầy sẽ phải phục dịch vua Ba-by-lôn
Buộc phải nộp cống và bị bán làm nô lệ.
Jeremiah 25:12
Đã hoàn tất
Gợi ý dịch: "khi sự trừng phạt của chúng đã hoàn tất"
biến nó trở thành một nơi hoang tàn vĩnh viễn
Đức Chúa Trời thề sẽ biến Ba-by-lôn thành sa mạc hoang vu.
Ta sẽ báo trả chúng tùy theo các hành vi và công việc tay chúng đã làm
Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng nhận lấy chính sự trừng phạt mà chúng giáng trên các nước bị chinh phục.
các hành vi và công việc tay chúng
Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đang nói đến mọi điều chúng đã làm cho các dân khác. Gợi ý dịch: "mọi điều chúng đã làm."
Jeremiah 25:15
Chén rượu thịnh nộ nầy khỏi tay ta, và bắt tất cả các nước mà ta sai con đến uống chén ấy
Đức Giê-hô-va truyền lệnh bắt đầu sự trừng phạt.
bắt tất cả các nước mà ta sai con đến uống chén ấy
Gợi ý dịch: "khiến các nước phải nếm trải nó"
Chúng sẽ uống, sẽ đi lảo đảo và điên cuồng trước khi lời ta được sai đến giữa chúng
Những kẻ nhận lấy hậu quả từ sự trừng phạt nghiêm khắc của Đức Giê-hô-va sẽ hành động như người điên.
Jeremiah 25:17
Thông Tin Tổng Quát:
Phần này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ cơn thạnh nộ của Đức Giê-hô-va như nước uống đổ ra.
Tôi bắt tất cả các nước mà Đức Giê-hô-va sai tôi đến phải uống chén ấy
Hành động uống chén rượu tượng trưng cho sự trừng phạt của Đức Chúa Trời.
Để biến chúng ra hoang tàn và điều kinh tởm
Gợi ý dịch: "để tiêu diệt chúng"
huýt gió cười chê và nguyền rủa
Gợi ý dịch: "bị khinh miệt hay nguyền rủa"
như ngày nay
Dường như giữa lúc những lời này được viết ra và lúc nó thật sự xảy ra cách nhau một khoảng thời gian.
Jeremiah 25:19
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi liệt kê tất cả các dân sẽ bị xét đoán.
dân hỗn tạp
Ở đây chỉ về những người có cha mẹ từ hai dân tộc khác nhau. Gợi ý dịch: "dân pha trộn"
Jeremiah 25:22
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục liệt kê tất cả các nước ở dưới sự phán xét của Đức Chúa Trời.
Biển
Ở đây chỉ về biển Địa Trung Hải.
những dân cạo tóc hai bên
Đây có thể chỉ về dân Ả-rập sống trong sa mạc, họ cắt tóc ngắn để thờ một vị thần ngoại đạo.
Jeremiah 25:24
Uống nó
Ở đây chỉ về chén rượu trong khải tượng của Giê-rê-mi là hình ảnh tượng trưng cho sự phán xét của Đức Chúa Trời.
Xim-ri
Các vua của phương bắc
Gợi ý dịch: "các vua từ phương bắc"
Jeremiah 25:27
Thông Tin Tổng Quát:
Tiếp tục khải tương của Đức Chúa Trời ban cho tiên tri Giê-rê-mi.
Hãy uống cho say đi và mửa ra, ngã xuống và đừng trỗi dậy trước gươm đao mà ta sai đến giữa các ngươi.
Câu này cho thấy tính chắc chắn của sự trừng phạt sẽ đến và cố gắng thoát khỏi nó là điều vô ích.
chén từ tay con để uống
Gợi ý dịch: "sự trừng phạt của chúng"
Các ngươi chắc chắn phải uống
Các dân không thể từ chối uống chén này. Các dân không thể từ chối sự trừng phạt của Đức Chúa Trời là chiến tranh và thiên tai.
Uống nó
Gợi ý dịch: bị trừng phạt"
thành được gọi bằng danh ta
Gợi ý dịch: "dân thành Giê-ru-sa-lem"
các ngươi có thể tự thoát khỏi hình phạt sao?
Gợi ý dịch: "các ngươi sẽ bị trừng phạt."
Ta sẽ sai gươm đao đến trên mọi cư dân trong xứ
Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt những kẻ ở trong xứ"
Jeremiah 25:30
Kiện
Gợi ý dịch: "kết án các dân" hoặc "phán xét và trừng phạt các dân"
Ngài sẽ phán xét mọi xác thịt
Mọi dân sẽ nếm trải sự phán xét của Đức Chúa Trời.
mọi xác thịt
Gợi ý dịch: "hết thảy loài người" hoặc "mọi người"
Phó kẻ ác cho gươm đao
Gợi ý dịch: "giết những kẻ gian ác"
Jeremiah 25:32
Nầy
Gợi ý dịch: "Hãy chú ý điều này!" Xem cách đã dịch ở JER05:14
Một trận bão dữ dội nổi lên từ các miền xa xăm của đất
Gợi ý dịch: "sự hủy diệt đang đến"
Ngày đó sẽ lan tràn từ đầu này đến đầu kia của đất
Gợi ý dịch: "ngày đó sẽ bao phủ cả trái đất"
Chúng sẽ giống như phân bón trên mặt đất
Có thể là 1) Rất ít người hoặc không ai còn sót lại để chôn những người Đức Giê-hô-va đã giết hoặc 2) hoàn toàn không ai quan tâm đến những xác của người chết.
Jeremiah 25:34
những người chăn
Ở đây chỉ về những người lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên.
lăn trên đất
Đây là biểu hiện của sự buồn rầu, than khóc hay đau buồn.
Vì ngày các ngươi
Gợi ý dịch: Vì thời các ngươi” hoặc “thời gian dành cho các ngươi”.
Các ngươi sẽ ngã xuống như chiên đực được chọn lọc.
Gợi ý dịch: "Các ngươi sẽ bị tiêu diệt dễ dàng"
Người chăn không còn nơi ẩn náu
Không có chỗ trú ẩn để thoát khỏi sự trừng phạt hay hủy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

diệt này.

Đức Giê-hô-va phá tan đồng cỏ của chúng

Sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên cả những người lãnh đạo lẫn dân chúng, không chừa một ai.

Jeremiah 25:37

Vì thế những đồng cỏ yên bình sẽ bị tàn phá

“Đồng cỏ” ở đây chỉ về toàn bộ dân tộc.

sẽ bị tàn phá

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ phá hủy toàn thể dân tộc"

Cơn thịnh dữ dội

Việc Đức Giê-hô-va tức giận được nói như thể một đồ vật.

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va tức giận"

Như sư tử tơ đã rời khỏi hang, vì đất của chúng sẽ trở nên ghê tởm

Không như những chỗ khác ví Đức Chúa Trời như sư tử bảo vệ Y-sơ-ra-ên, ở câu này Đức Chúa Trời như sư tử trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đến như sư tử tơ làm cho xứ của chúng trở nên ghê tởm"

đất của chúng sẽ trở nên ghê tởm

Ở đây “ghê tởm” chỉ về tính chất. Gợi ý dịch: "đất của chúng sẽ trở nên kinh khủng" hoặc "đất của chúng sẽ trở nên vật đáng sợ khi nhìn thấy"

Cơn tức giận của kẻ áp bức

Ở đây chỉ về cơn tức giận của kẻ thù của Y-sơ-ra-ên.

Translation Questions

Jeremiah 25:1

Giê-rê-mi đã rao truyền lời tiên tri này cho ai?

Ông đã rao truyền lời nầy cho hết thảy dân Giu-đa và hết thảy dân cư Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 25:2

Giê-rê-mi đã rao truyền lời tiên tri này cho ai?

Ông đã rao truyền lời nầy cho hết thảy dân Giu-đa và hết thảy dân cư Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 25:3

Giê-rê-mi đã rao truyền những lời của Đức Giê-hô-va bao lâu?

Ông đã rao truyền cho họ trong 23 năm.

Những người nhận được lời của Giê-rê-mi rao truyền như thế nào?

Họ không lắng nghe.

Jeremiah 25:4

Giê-rê-mi đã rao truyền những lời của Đức Giê-hô-va bao lâu?

Ông đã rao truyền cho họ trong 23 năm.

Jeremiah 25:5

Các tiên tri bảo với mọi người điều gì?

Họ bảo mỗi người hãy lánh khỏi con đường xấu xa của mình, đừng thờ lạy các tà thần khác và đừng chọc giận Đức Giê-hô-va bằng những việc họ làm.

Jeremiah 25:6

Các tiên tri bảo với mọi người điều gì?

Họ bảo mỗi người hãy lánh khỏi con đường xấu xa của mình, đừng thờ lạy các tà thần khác và đừng chọc giận Đức Giê-hô-va bằng những việc họ làm.

Jeremiah 25:7

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì vì họ không lắng nghe?

Đức Giê-hô-va đã khiến các dân phương bắc cùng Nê-bu-cát-nết-sa đến diệt hết tất cả dân sự.

Jeremiah 25:9

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì vì họ không lắng nghe?

Đức Giê-hô-va đã khiến các dân phương bắc cùng Nê-bu-cát-nết-sa đến diệt hết tất cả dân sự.

Jeremiah 25:10

Những âm thanh nào sẽ biến mất khỏi cả đất nước này khi họ phục sự vua Ba-by-lôn trong bảy mươi năm?

Âm thanh của những buổi tiệc và âm thanh của những cối xay sẽ biến mất.

Jeremiah 25:11

Những âm thanh nào sẽ biến mất khỏi cả đất nước này khi họ phục sự vua Ba-by-lôn trong bảy mươi năm?

Âm thanh của những buổi tiệc và âm thanh của những cối xay sẽ biến mất.

Jeremiah 25:12

Chuyện gì sẽ xảy ra sau bảy mươi năm?

Đức Giê-hô-va sẽ phạt dân Ba-by-lôn vì sự gian ác của họ.

Jeremiah 25:14

Chuyện gì sẽ xảy ra sau bảy mươi năm?

Đức Giê-hô-va sẽ phạt dân Ba-by-lôn vì sự gian ác của họ.

Jeremiah 25:15

Các nước sẽ làm gì khi Đức Giê-hô-va chén rượu của sự thạnh nộ của Ngài?

Họ sẽ uống rồi say sưa và hành động điên dại.

Jeremiah 25:16

Các nước sẽ làm gì khi Đức Giê-hô-va chén rượu của sự thạnh nộ của Ngài?

Họ sẽ uống rồi say sưa và hành động điên dại.

Jeremiah 25:17

Chuyện gì xảy ra sau khi Giê-ru-sa-lem, các thành của Giu-đa, các vua của họ và các quan trưởng uống chén mà Giê-rê-mi trao cho họ?

Họ sẽ biến thành tàn tích.

Jeremiah 25:18

Chuyện gì xảy ra sau khi Giê-ru-sa-lem, các thành của Giu-đa, các vua của họ và các quan trưởng uống chén mà Giê-rê-mi trao cho họ?

Họ sẽ biến thành tàn tích.

Jeremiah 25:26

Nước cuối cùng nào sẽ uống chén thịnh nộ của Đức Giê-hô-va?

Ba-by-lôn sẽ là nước cuối cùng uống chén thịnh nộ của Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 25:27

Điều gì sẽ xảy ra nếu các nước không uống chén từ tay của Giê-rê-mi?

Họ sẽ bị trừng phạt.

Jeremiah 25:29

Điều gì sẽ xảy ra nếu các nước không uống chén từ tay của Giê-rê-mi?

Họ sẽ bị trừng phạt.

Jeremiah 25:32

Thảm họa của Đức Giê-hô-va sẽ giết ai?

Thảm họa sẽ giết tất cả mọi người từ đầu trái đất này sang trái đất kia.

Jeremiah 25:33

Whom will the disaster from Yahweh kill?

It will kill everyone from one end of the earth to the other.

Jeremiah 25:34

Tại sao những người chăn than khóc?

Vì đó là ngày chết của họ.

Jeremiah 25:36

Tại sao những người chăn than khóc?

Vì đó là ngày chết của họ.

Jeremiah 25:37

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao những đồng cỏ thanh bình bị phá hủy?
Vì Đức Giê-hô-va nổi giận.
Jeremiah 25:38

Tại sao những đồng cỏ thanh bình bị phá hủy?
Vì Đức Giê-hô-va nổi giận.

Chapter 26
Jeremiah 26:1
các thành của Giu-đa
Gợi ý dịch: "dân từ các thành của Giu-đa"
Không được bớt một từ nào!
Gợi ý dịch: "Đừng bỏ bớt điều nào ta đã phán cùng ngươi!"
Thì ta sẽ đổi ý về tai họa
Đây là sự hủy diệt có điều kiện. Nếu Giu-đa ăn năn thì Đức Chúa Trời sẽ không tiêu diệt mà chữa lành cho họ.
Jeremiah 26:4
'Nếu các ngươi không chịu nghe ta để bước đi theo luật pháp ta đã đặt trước mặt các ngươi
Gợi ý dịch: "Nếu các ngươi không vâng lời ta và luật pháp ta đã ban cho các ngươi"
Thì ta sẽ khiến nhà nầy như Si-lô
"thì ta sẽ hủy phá đền thờ"
Ta sẽ khiến thành nầy trở nên lời nguyền rủa
Ở đây chỉ về sự trừng phạt Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên Giê-ru-sa-lem.
Trước mặt mọi dân trên đất
Gợi ý dịch: "cho mọi dân chứng kiến"
Jeremiah 26:7
Nhà của Đức Giê-hô-va
"đền thờ"
toàn thể dân chúng đều túm lấy ông và nói: "Ngươi chắc chắn sẽ chết!
Có thể là 1) những người chọn tin theo lời nói dối về sự bình an giả dối và không muốn đối diện với sự thật hoặc 2) những người tin vào các tiên tri rao truyền sự bình an và xem Giê-rê-mi là tiên tri giả phải bị ném đá vì dẫn người ta đi sai lạc.
Vì sao ngươi dám nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói tiên tri rằng nhà nầy sẽ trở nên như Si-lô và thành nầy sẽ hoang tàn, không dân ở?
Đây là một lời quở trách. Gợi ý dịch: "Lẽ ra ngươi không nên nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói tiên tri rằng đền thờ của Ngài sẽ bị phá hủy".
Jeremiah 26:10
Các quan trưởng
Quan trưởng là người có địa vị quyền thế.
Cổng Mới
Đây là lối riêng biệt vào đền thờ.
chính tai các ông đã nghe
Gợi ý dịch: "các ông đã nghe"
Nhà này và thành này
"những người trong đền thờ của Đức Giê-hô-va và thành Giê-ru-sa-lem"
Jeremiah 26:13
Vậy, bây giờ các ông hãy sửa lại đường lối và việc làm của mình đi
Dân chúng đã trở lại dâng của tế lễ cho Đức Giê-hô-va để Ngài nguôi giận. Nhưng họ không quan tâm đến việc vâng theo luật pháp của Ngài hay nhận biết Ngài.
Hãy nghe tiếng của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "hãy vâng lời Đức Giê-hô-va"
Hãy cứ xử tôi theo điều các ông cho là phải và đáng làm.
Từ "phải" và "đáng làm" có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "Hãy cứ xử tôi theo điều các ông cho là phải."
Vào tai các ông
Gợi ý dịch: "cho các ông nghe"
Jeremiah 26:16
Người nầy không đáng chết
Các trưởng lão thừa nhận rằng sứ điệp của Giê-rê-mi đến từ Đức Chúa Trời và có hành động phù hợp.
nhân danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta
"với thẩm quyền của Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta"
Jeremiah 26:18
Thông Tin Tổng Quát:
Xem:
Si-ôn sẽ bị cày như ruộng
Gợi ý dịch: "Si-ôn sẽ bị hủy diệt"
Núi của đền thờ
Ở đây chỉ về ngọn núi nơi đền thờ tọa lạc.
Bụi rậm
Từ này chỉ về một nhóm cây bụi rậm hoặc cây nhỏ mọc gần nhau.
Ê-xê-chia, vua Giu-đa, và cả Giu-đa có tử hình ông ấy không?
Gợi ý dịch: "Ê-xê-chia, vua Giu-đa, và dân Giu-đa không tử hình Mi-chê."
Chẳng phải vua đã kính sợ Đức Giê-hô-va và nài xin ơn Đức Giê-hô-va để Đức Giê-hô-va đổi ý không giáng tai họa mà Ngài đã báo trước cho họ sao?
Gợi ý dịch: "Vua đã kính sợ Đức Giê-hô-va và làm cho Đức Giê-hô-va bớt giận để Đức Giê-hô-va đổi ý về tai họa Ngài đã báo trước".
Nài xin ơn Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "làm Đức Giê-hô-va bớt giận"
Vậy chúng ta sẽ làm điều tai hại lớn hơn cho mình sao?
Gợi ý dịch: "Nếu chúng ta giết Giê-rê-mi thì chúng ta sẽ rước tai họa lớn hơn cho mình."
Jeremiah 26:20
Thông Tin Tổng Quát:
Vị tiên tri thứ hai là U-ri, khẳng định lời của Giê-rê-mi
nhân danh Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER26:16
các thủ lĩnh nghe lời ông
Gợi ý dịch: "các thủ lĩnh nghe điều U-ri nói"
Jeremiah 26:22
Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri U-ri chết tại Giê-ru-sa-lem.
Thi thể
"xác"
Tay của A-hi-cam
A-hi-cam giúp đỡ cho Giê-rê-mi và bảo vệ ông.
Ên-na-than, con trai Ạc-bồ ... A-hi-cam, con trai Sa-phan Elnathan
Đây là tên của những người nam.
Vì thế ông không bị phó vào tay dân chúng để họ giết ông
"vì thế dân chúng không thể giết ông."

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 26:1
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi rằng: Hãy đứng trong hành lang và tuyên bố điều gì?
Ngài bảo ông tuyên bố tất cả mọi lời của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 26:2
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi rằng: Hãy đứng trong hành lang và tuyên bố điều gì?
Ngài bảo ông tuyên bố tất cả mọi lời của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 26:3
Mọi người có thể làm gì để làm cho Đức Giê-hô-va không mang tai họa cho họ?
Nếu dân sự nghe và từ bỏ đường ác của họ thì Đức Giê-hô-va sẽ không gây tai họa cho họ.
Jeremiah 26:4
Nếu dân sự không nghe lời của Đức Giê-hô-va, thì Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trên thành phố của họ?
Đức Giê-hô-va sẽ biến thành phố của họ nên sự rủa sả.
Jeremiah 26:6
Nếu dân sự không nghe lời của Đức Giê-hô-va, thì Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trên thành phố của họ?
Đức Giê-hô-va sẽ biến thành phố của họ nên sự rủa sả.
Jeremiah 26:7
Điều gì sẽ xảy ra với Giê-rê-mi sau khi ông tuyên bố lời của Đức GIê-hô-va?
Các thầy tế lễ, các tiên trti và cả dân sự bắt ông và nói với ông rằng ông chắc sẽ chết.
Jeremiah 26:9
Điều gì sẽ xảy ra với Giê-rê-mi sau khi ông tuyên bố lời của Đức GIê-hô-va?
Các thầy tế lễ, các tiên trti và cả dân sự bắt ông và nói với ông rằng ông chắc sẽ chết.
Jeremiah 26:10
Dân sự đưa ông đến nơi nào để xét xử ông?
Họ đem ông đến cửa mới của đền thờ.
Jeremiah 26:12
Dân sự đưa ông đến nơi nào để xét xử ông?
Họ đem ông đến cửa mới của đền thờ.
Jeremiah 26:13
Điều gì sẽ xảy ra nếu các quan trưởng giết Giê-rê-mi?
Nếu họ giết ông, họ sẽ phạm tội giết người vô tội.
Jeremiah 26:15
Điều gì sẽ xảy ra nếu các quan trưởng giết Giê-rê-mi?
Nếu họ giết ông, họ sẽ phạm tội giết người vô tội.
Jeremiah 26:16
Các thầy tế lễ, dân sự và các trưởng lão sẽ nói gì về việc giết Giê-rê-mi?
Họ nói rằng người này không đáng chết.
Jeremiah 26:17
Các thầy tế lễ, dân sự và các trưởng lão sẽ nói gì về việc giết Giê-rê-mi?
Họ nói rằng người này không đáng chết.
Jeremiah 26:18
Tiên tri Mi-chê đã nói gì?
Mi-chê đã nói tiên tri rằng Si-ôn, Giê-ru-sa-lem và đền thờ sẽ trở nên hoang vu.
Jeremiah 26:20
Nhà vua đã cố làm gì với U-ri?
Nhà vua cố giết U-ri.
Jeremiah 26:21
U-ri đã làm gì?
Ông đã đi đến Ai-cập.
Jeremiah 26:22
Giê-hô-gia-kim có thể giết được U-ri như thế nào?
Giê-hô-gia-kim đã phái người đến Ê-díp-tô để đưa U-ri trở lại, rồi Giê-hô-gia-kim giết Giu-đa bằng thanh gươm.
Jeremiah 26:23
Giê-hô-gia-kim có thể giết được U-ri như thế nào?
Giê-hô-gia-kim đã phái người đến Ê-díp-tô để đưa U-ri trở lại, rồi Giê-hô-gia-kim giết Giu-đa bằng thanh gươm.
Jeremiah 26:24
Ai giữ GIê-rê-mi khỏi bị giết?
A-hi-cam, con trai Sa-phan binh vực Giê-rê-mi khỏi bị giết.

Chapter 27
Jeremiah 27:1
Cùm
Đây là vật để giữ một người không thể tự do di chuyển.
Rồi gửi chúng đi
Giê-rê-mi phải gửi một cặp cùm và ách đến mỗi vị vua được liệt kê.
bởi tay các sứ thần của những vị vua đó
“Tay” ở đây chỉ về sự trung gian của các sứ thần này.
dặn họ tâu cùng chủ mình
Giê-rê-mi được truyền phải gửi một cặp cùm và ách cho mỗi sứ thần cùng với thông điệp cho mỗi vị vua về cùm và xiềng đó.
Jeremiah 27:5
Bởi quyền năng lớn lao và cánh tay dang ra
Cụm từ “cánh tay dang ra” chỉ về quyền năng lớn lao, nhấn mạnh thêm cho cụm từ thứ nhất. Gợi ý dịch: "bởi quyền năng rất lớn của ta."
Ta ban nó cho ai vừa mắt ta
"Ta ban nó cho người nào ta muốn."
Chinh phục nó
Sẽ trở nên mạnh mẽ và đánh bại Ba-by-lôn.
Jeremiah 27:8
không mang ách của vua vào cổ
Những người không thề trung thành với vua Nê-bu-cát-nết-sa và không nộp cống hay thuế cho vua.
Bởi tay người
Cụm từ này chỉ về Nê-bu-cát-nết-sa và quân đội người.
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "Đây là điều Đức Giê-hô-va phán sẽ xảy ra"
Jeremiah 27:9
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán vời dân Giu-đa qua Giê-rê-mi
thầy bói
Thầy bói là người tiên đoán về tương lai.
Nhưng dân nào mang ách vua Ba-by-lôn vào cổ
Gợi ý dịch: "Nhưng dân nào phục dịch vua"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Cày cấy
Có nghĩa là cày xới đất và dùng để trồng trọt
Lập nhà mình tại đó
Gợi ý dịch: "xem Ba-by-lôn là nhà của mình "
Jeremiah 27:12
Thông Tin Tổng Quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với vua Giu-đa qua Giê-rê-mi.
Hãy mang ách của vua Ba-by-lôn vào cổ
Đức Chúa Trời yêu cầu Giu-đa phục tùng và phục dịch Ba-by-lôn làm vua của mình.
Vì sao ngươi và dân ngươi lại muốn chết bởi gươm đao, đói kém, dịch bệnh, như lời ta đã phán với dân tộc nào không phục dịch vua Ba-by-lôn?
Gợi ý dịch: "Ngươi và dân ngươi sẽ chết bởi gươm đao, đói kém, dịch bệnh, như lời ta đã phán nếu ngươi không phục dịch vua Ba-by-lôn"
Jeremiah 27:14
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với vua và dân Giu-đa qua Giê-rê-mi.
Đừng nghe lời
Đức Giê-hô-va cảnh báo dân chúng về tất cả những tiên tri giả mà Ngài không sai phái đang lừa dối họ.
Vì ta chẳng hề sai phái chúng
"Vì tả chẳng sai chúng"
Nhân danh ta
Cụm từ này có nghĩa là nói với quyền năng và thẩm quyền của Đức Giê-hô-va hoặc là đại diện cho Ngài.
Ta sẽ đuổi các ngươi đi
"Ta sẽ đuổi các ngươi khỏi quê hương mình"
Jeremiah 27:16
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục rao truyền lời của Đức Giê-hô-va.
Các dụng cụ trong nhà Đức Giê-hô-va đang được mang trở về từ Ba-by-lôn!
"Dân của Ba-by-lôn đang đem trở về hết thảy những vật dụng bằng vàng mà họ lấy từ đền thờ của Đức Giê-hô-va!"
Tại sao thành nầy phải bị hoang tàn?
"Cả thành này sẽ bị tàn phá."
Nếu chúng là các nhà tiên tri
Nếu điều chúng nói là đúng thì chúng phải cầu nguyện cho lời ta phán không trở thành hiện thực và các vật dụng đền thờ cùng những người lãnh đạo được ở lại Giê-ru-sa-lem.
Jeremiah 27:19
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục rao truyền sứ điệp của Đức Giê-hô-va.
các cột, biển, các đế
Đây là những vật dụng trong đền thờ. “Biển” tức là cái chậu bằng đồng.
Giê-hô-gia-kim
Bản Hê-bơ-rơ viết là “Giê-cô-nia”, một tên gọi khác của “Giê-hô-gia-kim”. Nhiều bản hiện đại chép là “Giê-hô-gia-kim” để làm rõ ở đây đang nói đến cùng một vị vua.
Jeremiah 27:21
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục rao truyền lời của Đức Giê-hô-va.
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Translation Questions

Jeremiah 27:1
Giê-rê-mi nhận lấy lời của Đức Giê-hô-va cho những vị vua nào??
Ông nhận sứ điệp cho những vị vua của Ê-đôm, Mô-áp, Am-môn, Ty-rơ và Si-đôn.
Jeremiah 27:2
Giê-rê-mi nhận lấy lời của Đức Giê-hô-va cho những vị vua nào??
Ông nhận sứ điệp cho những vị vua của Ê-đôm, Mô-áp, Am-môn, Ty-rơ và Si-đôn.
Jeremiah 27:5
Các thông điệp cho các vị vua là gì?
Các nước của họ sẽ phục sự Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn.
Jeremiah 27:7
Các thông điệp cho các vị vua là gì?
Các nước của họ sẽ phục sự Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn.
Jeremiah 27:8
Điều gì sẽ xảy ra với các quốc gia không phục vụ Nê-bu-cát-nết-sa?
Đức Giê-hô-va sẽ phạt các dân tộc không phục vụ Nê-bu-cát-nết-sa bằng gươm dao, đói kém và dịch hạch.
Jeremiah 27:9
Điều gì sẽ xảy ra cho những người nghe lời tiên tri giả dối?
Đức Giê-hô-va sẽ sai họ đi khỏi đất mình, và họ sẽ chết.
Jeremiah 27:10
Điều gì sẽ xảy ra cho những người nghe lời tiên tri giả dối?
Đức Giê-hô-va sẽ sai họ đi khỏi đất mình, và họ sẽ chết.
Jeremiah 27:11
Quốc gia đặt cổ mình dưới cái ách của vua Ba-by-lôn sẽ được điều gì?
Họ sẽ ở lại trong xứ mình, cày cấy và ở đó.
Jeremiah 27:12
Vua Sê-đê-kia cần phải làm gì nếu ông muốn được sống?
Ông cần phục vụ vua Ba-by-lôn.
Jeremiah 27:14
Điều gì sẽ xảy ra với Sê-đê-kia nếu ông lắng nghe theo lời từ những tiên tri của ông?
Đức Giê-hô-va sẽ đuổi ông và ông sẽ chết.
Jeremiah 27:15
Điều gì sẽ xảy ra với Sê-đê-kia nếu ông lắng nghe theo lời từ những tiên tri của ông?
Đức Giê-hô-va sẽ đuổi ông và ông sẽ chết.
Jeremiah 27:16
Giê-rê-mi nói gì với các thầy tế lễ và cả dân sự?
Họ không được lắng nghe lời các tiên tri. Họ hãy phục sự va Ba-by-lôn thì được sống.
Jeremiah 27:17
Giê-rê-mi nói gì với các thầy tế lễ và cả dân sự?
Họ không được lắng nghe lời các tiên tri. Họ hãy phục sự va Ba-by-lôn thì được sống.
Jeremiah 27:19
Nê-bu-cát-nết-sa đã lấy gì ở Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?
Ông đã bắt lấy Giê-hô-gia-kin và tất cả những người quyền quý.
Jeremiah 27:20
Nê-bu-cát-nết-sa đã lấy gì ở Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?
Ông đã bắt lấy Giê-hô-gia-kin và tất cả những người quyền quý.
Jeremiah 27:21
Điều gì sẽ xảy ra với các đồ vật trong đền thờ?
Nê-bu-cát-nết-sa sẽ đem chúng sang Ba-by-lôn.
Jeremiah 27:22
Điều gì sẽ xảy ra với các đồ vật trong đền thờ?
Nê-bu-cát-nết-sa sẽ đem chúng sang Ba-by-lôn.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 28

Jeremiah 28:1

Thông Tin Tổng Quát:

Ha-na-nia tuyên bố mình rao truyền lời Đức Chúa Trời.

vào năm thứ tư và tháng thứ năm

Tháng thứ năm trong lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào mùa khô, khoảng cuối tháng bảy và đầu tháng tám theo lịch phương tây. Gợi ý dịch: "vào tháng thứ năm nhằm năm thứ tư của vua

A-xua

Ta đã bẻ ách của vua Ba-by-lôn

Gợi ý dịch: "Ta đã chấm dứt sự kiểm soát của vua Ba-by-lôn"

Jeremiah 28:3

Thông Tin Tổng Quát:

Ha-na-nia tiếp tục nói.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Giê-hô-gia-kim

Bản Hê-bơ-rơ viết là “Giê-cô-nia”, một tên gọi khác của “Giê-hô-gia-kim”. Nhiều bản hiện đại chép là “Giê-hô-gia-kim” để làm rõ ở đây đang nói đến cùng một vị vua.

Jeremiah 28:8

các nhà tiên tri trước tôi và ông

Gợi ý dịch: "Các tiên tri sống trước ông và tôi nhiều năm"

thì sẽ biết người đó thật sự là tiên tri do Đức Giê-hô-va sai đến

Gợi ý dịch: "thì các ông sẽ biết người đó là tiên tri thật của Đức Giê-hô-va"

Jeremiah 28:12

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở JER01:01

Ngươi đã bẻ chiếc ách bằng gỗ nhưng ta sẽ thế vào chiếc ách bằng sắt

Gợi ý dịch: "Ngươi đã bẻ chiếc ách yếu kém còn ta sẽ làm nên một chiếc ách không thể bẻ được"

Jeremiah 28:15

Vào tháng thứ bảy

Đây là tháng thứ bảy trong lịch Hê-bơ-rơ, khoảng cuối tháng chín và đầu tháng mười của lịch phương tây.

Translation Questions

Jeremiah 28:1

Tóm lại, Ha-na-nia đã nói gì với Giê-rê-mi ở trước mặt các thầy tế lễ và cả dân sự?

Ha-na-nia nói rằng Đức Giê-hô-va đã bẻ ách của vua Ba-by-lôn.

Jeremiah 28:2

Tóm lại, Ha-na-nia đã nói gì với Giê-rê-mi ở trước mặt các thầy tế lễ và cả dân sự?

Ha-na-nia nói rằng Đức Giê-hô-va đã bẻ ách của vua Ba-by-lôn.

Jeremiah 28:9

Làm thế nào để biết được nếu một tiên tri nói tiên tri chân thật đã nhận bởi Đức Giê-hô-va?

Lời tiên tri đó sẽ trở thành sự thật.

Jeremiah 28:10

Tại sao Ha-na-nia bẻ ách khỏi cổ Giê-rê-mi?

Ông muốn mọi người tin rằng họ sẽ được tự do khỏi Ba-by-lôn.

Jeremiah 28:11

Tại sao Ha-na-nia bẻ ách khỏi cổ Giê-rê-mi?

Ông muốn mọi người tin rằng họ sẽ được tự do khỏi Ba-by-lôn.

Jeremiah 28:12

Những lời của Ha-na-nia có đúng không?

Không, mọi người sẽ không được tự do khỏi Ba-by-lôn.

Jeremiah 28:14

Những lời của Ha-na-nia có đúng không?

Không, mọi người sẽ không được tự do khỏi Ba-by-lôn.

Jeremiah 28:15

Thông điệp mà Đức Giê-hô-va cho Ha-na-nia qua Giê-rê-mi là gì?

Đức Giê-hô-va sẽ diệt Ha-na-nia trong năm nay, bởi vì Ha-na-nia đã bảo dân sự nổi loạn nghịch cùng Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 28:17

Thông điệp mà Đức Giê-hô-va cho Ha-na-nia qua Giê-rê-mi là gì?

Đức Giê-hô-va sẽ diệt Ha-na-nia trong năm nay, bởi vì Ha-na-nia đã bảo dân sự nổi loạn nghịch cùng Đức Giê-hô-va.

Chapter 29

Jeremiah 29:1

gửi từ Giê-ru-sa-lem

Gợi ý dịch: "rao truyền từ Giê-ru-sa-lem"

Giê-hô-gia-kim

Bản Hê-bơ-rơ viết là “Giê-cô-nia”, một tên gọi khác của “Giê-hô-gia-kim”. Nhiều bản hiện đại chép là “Giê-hô-gia-kim” để làm rõ ở đây đang nói đến cùng một vị vua.

Thái hậu

Đây là danh hiệu thường được dùng cho mẹ của vua.

các quan lớn

Gợi ý dịch: "các quan có thế lực"

Ê-lê-a-sa, con trai Sa-phan, và Ghê-ma-ria, con trai Hinh-kia

Đây là tên của những người nam.

Jeremiah 29:4

những người mà ta khiến

Gợi ý dịch: "những người mà Ngài khiến" hoặc "những người mà Đức Giê-hô-va khiến"

Hãy xây nhà mà ở; hãy trồng vườn cây mà ăn trái

Đức Giê-hô-va đang nói cho họ biết rằng họ sẽ ở đó một thời gian dài.

Jeremiah 29:6

Hãy cưới vợ cho con trai các ngươi

Gợi ý dịch: "hãy cho con trai các ngươi kết hôn"

Gả chồng cho con gái các ngươi

Gợi ý dịch: "để con gái các ngươi kết hôn"

Của nó ... nó

Ở đây chỉ về thành Ba-by-lôn.

Hãy tìm sự bình an cho thành

Hãy tìm cách sống hòa bình với mọi người. Câu này ngụ ý là đừng gây tai họa hay chống nghịch các nhà cầm quyền.

Jeremiah 29:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên bị phu tù.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 29:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho người chịu phu tù của Y-sơ-ra-ên.

Các con

Ở đây chỉ về những người Y-sơ-ra-ên chịu phu tù.

bảy mươi năm

Gợi ý dịch: " 70 năm"

Jeremiah 29:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho những phu tù của Y-sơ-ra-ên.

kêu cầu ta ... cầu nguyện ta

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ đáp lời cầu nguyện của họ. Gợi ý dịch: "cầu nguyện cùng ta."

Ta sẽ lắng nghe các con

Câu này ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ điều họ muốn.

Ta sẽ đem sự thịnh vượng của con trở lại

Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến mọi điều tốt đẹp với con trở lại"

Jeremiah 29:15

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi nói cùng dân Y-sơ-ra-ên bị phu tù.

Người ngồi trên ngai Đa-vít

Ở đây chỉ về vua Giu-đa, một trong những con cháu của Đa-vít.

Nầy

Gợi ý dịch: "Kìa" hoặc "hãy nghe" hoặc "hãy chú ý"

Ta sẽ sai gươm đao, đói kém, và dịch bệnh đến trên chúng

"Gươm đao" tượng trưng cho chiến tranh. Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt chúng"

Vì ta sẽ làm cho chúng giống như những trái vả thối rữa, hư hoại đến nỗi không thể ăn được

Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt chúng nặng nề" hoặc "Ta sẽ làm cho cuộc sống của chúng tồi tệ"

Jeremiah 29:18

Một nỗi kinh hoàng, một vật bị nguyền rủa và xuýt xoa, một điều đáng xấu hổ

Những từ này có ý nghĩa như nhau, mô tả dân của các nước sẽ phản ứng thế nào khi họ thấy điều Đức Giê-hô-va làm cho dân Giu-đa.

Nguyền rủa và xuýt xoa

Từ "xuýt xoa" chỉ về âm thanh thể hiện sự chê bai khi người ta nói xấu về người khác. Cụm từ này căn bản có ý nghĩa giống như "nguyền rủa".

Nghe

Gợi ý dịch: "vâng lời"

Jeremiah 29:20

Cô-la-gia ... Ma-a-xê-gia

Đây là tên của những người nam.

Nầy

Gợi ý dịch: "Kìa" hoặc "Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói".

Ta sẽ phó chúng vào tay Nê-bu-cát-nết-sa

Gợi ý dịch: "Ta sẽ để Nê-bu-cát-nết-sa chinh phục chúng"

Jeremiah 29:22

Sẽ có lời nguyền rủa về những người này

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Những phu tù của Giu-đa sẽ có câu nguyền rủa về những người này"

quay trong lửa

Gợi ý dịch: "thiêu chết"

Ta là Đấng biết rõ; ta làm chứng

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, Đức Giê-hô-va lặp lại như vậy để nhấn mạnh.

Jeremiah 29:24

Sê-ma-gia ... Ma-a-xê-gia ... Giê-hô-gia-đa

Đây là tên của những người nam.

Nê-hê-lam

Đây là tên của một nhóm người.

nhân danh mình

"Danh" chỉ về thẩm quyền và danh tiếng của một người.

Gợi ý dịch: "dựa vào thẩm quyền và danh tiếng của mình"

Gông

Đây là một khung gỗ dùng để trừng phạt một người bằng cách khóa tay, chân và đầu của người đó.

Jeremiah 29:27

Thông Tin Tổng Quát:

Phần này kết thúc bức thư của Sê-ma-gia gửi cho dân chúng ở Giê-ru-sa-lem.

Tại sao ông không khiển trách Giê-rê-mi người A-na-tốt đang nói tiên tri chống lại các ông?

Gợi ý dịch: "lẽ ra ông nên quở trách Giê-rê-mi người A-na-tốt đang nói tiên tri chống lại các ông."

Hãy xây nhà mà ở, hãy trồng vườn cây mà ăn trái

Xem cách đã dịch ở JER29:04

Jeremiah 29:30

Sê-ma-gia, người Nê-hê-lam

Xem cách đã dịch ở JER29:24

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở JER01:01

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Translation Questions

Jeremiah 29:1

Giê-rê-mi đã gởi cuộn sách của mình đến ai?

Nó được gởi đến cho tất cả dân sự bị lưu đày đến Ba-by-lôn.

Jeremiah 29:7

Tại sao Đức Giê-hô-va phán bảo những kẻ bị bắt làm phu tù hãy tìm sự bình an trong thành, là nơi họ bị lưu đày, và hãy cầu thay cho thành đó cùng Đức GIê-hô-va?

Ngài nói với họ phải làm điều này bởi vì những người lưu đày sẽ có được sự bình an nếu thành phố được hòa bình.

Jeremiah 29:8

Lời cảnh báo của Đức Giê-hô-va qua Giê-rê-mi với những người bị phu tù là gì?

Ngài cảnh báo họ đừng nghe những điềm chiêm bao hay những tiên tri mà Đức Giê-hô-va không sai đến.

Jeremiah 29:9

Lời cảnh báo của Đức Giê-hô-va qua Giê-rê-mi với những người bị phu tù là gì?

Ngài cảnh báo họ đừng nghe những điềm chiêm bao hay những tiên tri mà Đức Giê-hô-va không sai đến.

Jeremiah 29:10

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Kế hoạch của Đức Giê-hô-va dành cho những kẻ bị phu tù sau bảy mươi năm là gì?
Ngài sẽ đem họ về Giu-đa và ban sự bình an cho họ.
Jeremiah 29:11
Kế hoạch của Đức Giê-hô-va dành cho những kẻ bị phu tù sau bảy mươi năm là gì?
Ngài sẽ đem họ về Giu-đa và ban sự bình an cho họ.
Jeremiah 29:12
Khi nào họ sẽ tìm được Đức Giê-hô-va?
Họ sẽ tìm thấy Ngài khi họ kêu cầu Ngài, cầu nguyện với Ngài, tìm kiếm Ngài với tất cả trái tim của họ.
Jeremiah 29:14
Khi nào họ sẽ tìm được Đức Giê-hô-va?
Họ sẽ tìm thấy Ngài khi họ kêu cầu Ngài, cầu nguyện với Ngài, tìm kiếm Ngài với tất cả trái tim của họ.
Jeremiah 29:16
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho những kẻ ở lại trong thành và không bị đem đi làm phu tù?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ sai gươm dao, đói kém và bệnh tật đến trên họ.
Jeremiah 29:17
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho những kẻ ở lại trong thành và không bị đem đi làm phu tù?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ sai gươm dao, đói kém và bệnh tật đến trên họ.
Jeremiah 29:20
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì A-háp và Sê-đê-kia?
Ngài sẽ phó họ trong tay Nê-bu-cát-nết-sa, người sẽ giết họ.
Jeremiah 29:21
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì A-háp và Sê-đê-kia?
Ngài sẽ phó họ trong tay Nê-bu-cát-nết-sa, người sẽ giết họ.
Jeremiah 29:22
Những người phu tù Giu-đa tại Ba-by-lôn đã nguyền rủa ra sao?
Họ sẽ nói: "Nguyện Đức Giê-hô-va làm cho ngươi giống như Sê-đê-kia và A-háp, mà vua Ba-by-lôn đã quay trong lửa!"
Jeremiah 29:23
Tại sao Đức GIê-hô-va giết A-háp và Sê-đê-kia?
Ngài sẽ giết họ vì những điều đáng xấu hổ mà họ đã làm.
Jeremiah 29:24
Sê-ma-gia ở đâu khi ông viết những lá thư?
Ông ở Ba-by-lôn.
Jeremiah 29:25
Những người mà Sê-ma-gia viết thơ gởi cho ở tại đâu?
Họ ở tại Giê-ru-sa-lem.
Jeremiah 29:26
Sê-ma-gia muốn Sô-phô-ni làm gì?
Ông muốn Sô-phô-ni làm người cai ngục các kẻ tiên tri.
Jeremiah 29:28
Tại sao Sê-ma-gia muốn Sô-phô-ni khiển trách Giê-rê-mi?
Giê-rê-mi đã nói rằng mọi người sẽ ở Ba-by-lôn trong thời gian dài.
Jeremiah 29:31
Tại sao Đức Giê-hô-va trừng phạt Sê-ma-gia và dòng dõi hắn?
Ngài sẽ làm điều đó vì Sê-ma-gia đã nói tiên tri giả dối với dân sự để họ nổi loạn chống nghịch lại với Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 29:32
Tại sao Đức Giê-hô-va trừng phạt Sê-ma-gia và dòng dõi hắn?
Ngài sẽ làm điều đó vì Sê-ma-gia đã nói tiên tri giả dối với dân sự để họ nổi loạn chống nghịch lại với Đức Giê-hô-va.

Chapter 30
Jeremiah 30:1
Hãy chép mọi lời ta đã phán với con vào một cuộn sách
"Hãy viết vào một cuộn sách sứ điệp ta đã phán với con"
Kìa
"Hãy lắng nghe cẩn thận." Cụm từ này hướng sự chú ý vào điều Đức Giê-hô-va sắp sửa nói.
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Ta sẽ tái lập vận mạng của dân ta
"Ta sẽ khiến mọi điều lại trở nên tốt đẹp với dân ta".
Jeremiah 30:4
Chúng ta đã nghe
Từ “chúng ta” chỉ về Đức Giê-hô-va. Ngài thường gọi chính mình là “chúng ta”.
tiếng run rẩy sợ hãi, chẳng phải tiếng bình an
Gợi ý dịch: Có thể là 1) “dân chúng kêu khóc sợ hãi vì không có sự bình an” hoặc 2) “các ngươi kêu khóc … bình an”.
Jeremiah 30:6
Hãy dò hỏi và xem xét đàn ông có sinh đẻ được không?
Gợi ý dịch: "Không có người đàn ông nào từng sinh đẻ"
Vì sao ta thấy mọi người trai trẻ ai tahy ôm bụng? Như đàn bà mang thai, vì sao mặt chúng đều tái xanh?
Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh những người nam này sợ hãi đến thế nào. Gợi ý dịch: "Nhưng, những người trai trẻ ôm bụng mình hư đàn bà sinh con, trông họ yếu mòn vì quá sợ hãi”
cho Gia-cốp! Nhưng nó sẽ được giải cứu khỏi ngày ấy
Gợi ý dịch: "cho dòng dõi của Gia-cốp, nhưng ta sẽ giải cứu nó khỏi ngày ấy"
Jeremiah 30:8
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.
Ta sẽ bẻ ách khỏi cổ con; bứt dây trói cho con
Cả hai vế này đều chỉ về việc Đức Giê-hô-va giải phóng dân Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô lệ.
chúng sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va
Từ “chúng” chỉ về dòng dõi của Gia-cốp. Gợi ý dịch: "các ngươi sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va"
Phục vụ Đa-vít là vua của mình
Ở đây chỉ về một trong những hậu tự của Đa-vít.
Jeremiah 30:10
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Hỡi Gia-cốp, đầy tớ Ta, đừng sợ … Hỡi Y-sơ-ra-ên, chớ kinh hãi
Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý của vế thứ nhất.
chớ kinh hãi
"chớ lo lắng"
Nầy
"Hãy lắng nghe"
Ta sẽ đem con trở về từ miền xa xăm và dòng dõi con từ chốn lưu đày
Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý ở vế thứ nhất.
từ chốn lưu đày

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"từ nơi con bị lưu đày"

Gia-cốp sẽ trở về

"dân chúng sẽ trở về vùng đất của mình"

Người sẽ được yên lành

"dân chúng sẽ được an toàn"

Nơi ta đã tản lạc con

"nơi ta đã đưa con đi"

Nhưng với con thì ta không diệt hết

"Nhưng ta sẽ không hủy diệt con hoàn toàn"

Và chắc chắn sẽ không để con khỏi bị hình phạt

"và chắc chắn sẽ trừng phạt con"

Jeremiah 30:12

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi đang rao truyền sứ điệp của Đức Giê-hô-va cho dân Y-sơ-ra-ên.

Thương tích con không thể chữa được ... để vết thương con được chữa lành

Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã trừng phạt họ quá nặng nề đến nỗi không ai có thể giúp họ được.

Không có ai biện hộ cho con

"Không ai cầu xin ta thương xót con"

Jeremiah 30:14

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Tất cả người yêu của con

Đức Giê-hô-va mô tả dân Y-sơ-ra-ên như một người vợ không chung thủy có nhiều người yêu bên ngoài. “Người yêu” ở đây chỉ về các dân khác. Dân Y-sơ-ra-ên liên minh với họ và thờ phượng các thần của họ thay vì nương dựa vào Đức Giê-hô-va.

Chúng sẽ không tìm kiếm con

"Chúng không còn muốn làm bạn với con nữa"

Ta đã đánh con bị thương như kẻ thù đánh

Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va đối xử với dân Ngài như với kẻ thù.

Sao con còn kêu cứu vì vết thương mình?

Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi này để khiến dân sự suy nghĩ vì sao bây giờ họ cầu xin Ngài giúp đỡ. Gợi ý dịch: "Đừng kêu cứu vì vết thương của mình."

Tội lỗi vô số của con

"Tội lỗi của con quá nhiều không thể đếm được"

Jeremiah 30:16

Vì vậy, mọi kẻ nuốt con sẽ bị nuốt và mọi kẻ thù địch con sẽ bị lưu đày

Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Câu thứ hai củng cố cho ý của câu thứ nhất. Gợi ý dịch: "Tất cả các nước đã bắt con làm nô lệ sẽ bị làm nô lệ."

Vì vậy, mọi kẻ nuốt con sẽ bị nuốt

Gợi ý dịch: "Vì vậy những kẻ tiêu diệt con sẽ bị kẻ thù của chúng tiêu diệt lại"

Vì những kẻ cướp bóc con sẽ bị cướp bóc và ta sẽ khiến mọi kẻ cướp giật con bị cướp giật.

Hai câu này có ý nghĩa như nhau. Câu thứ hai củng cố cho ý của câu thứ nhất. Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến cho kẻ thù của những kẻ đã cướp bóc con trong trận chiến cướp bóc lại của chúng"

Chúng gọi con là: kẻ bị ruồng bỏ

Kẻ bị ruồng bỏ là người không được người khác chấp nhận hay cho phép kết giao với họ. Gợi ý dịch: "Chúng gọi con là: ‘kẻ bị từ bỏ’" hoặc “chúng nói: ‘chẳng ai cần ngươi’".

chẳng ai ngó ngàng đến Si-ôn này

Gợi ý dịch: "Chẳng ai ngó ngàng đến dân Si-ôn"

Jeremiah 30:18

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Nầy

"Hãy lắng nghe"

Ta sẽ đem vận mệnh của lều trại Gia-cốp trở lại và thương xót nhà người

Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến dòng dõi của Gia-cốp thịnh vượng và ta sẽ thương xót chúng"

Rồi một thành sẽ được xây lại trên đống hoang tàn

Gợi ý dịch: "Rồi chúng sẽ xây lại Giê-ru-sa-lem trên đống đổ nát của nó"

Từ chúng sẽ có bài hát ngợi khen và tiếng vui mừng

"Chúng sẽ hát ngợi khen và vui mừng"

Vì ta sẽ làm cho chúng gia tăng chứ không giảm bớt

Cả hai cụm từ này đều có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ khiến cho Y-sơ-ra-ên gia tăng dân số.

Vì thế chúng sẽ không còn bị hạ nhục

Gợi ý dịch: "để không ai sỉ nhục chúng"

Jeremiah 30:20

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Hội của chúng sẽ được lập vững trước mặt ta

Gợi ý dịch: "Ta sẽ lập chúng thành một dân trước mặt ta"

Thủ lĩnh của chúng sẽ đến từ chúng. Người xuất hiện từ giữa họ.

Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Câu thứ hai củng cố cho ý trong câu thứ nhất. Gợi ý dịch: "Thủ lĩnh của chúng sẽ được chọn ra từ trong dân chúng."

Người nào dám đến gần ta?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng không ai có can đảm đến gần Ngài trừ khi Ngài mời gọi người đó.

Jeremiah 30:23

Nầy, cơn bão của Đức Giê-hô-va, cơn giận của Ngài đã tắt

Câu này ví cơn tức giận và sự trừng phạt của Đức Chúa Trời như cơn bão. Điều này nhấn mạnh quyền năng và khả năng tiêu diệt kẻ ác của Ngài.

Translation Questions

Jeremiah 30:1

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân của Ngài?

Ngài sẽ phục hồi vận mạng của họ và đưa họ trở về xứ mình.

Jeremiah 30:3

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân của Ngài?

Ngài sẽ phục hồi vận mạng của họ và đưa họ trở về xứ mình.

Jeremiah 30:4

Ai sẽ nghe "tiếng run rẩy sợ hãi"?

Đức Giê-hô-va, Ngài tự nói về chính Ngài là "chúng tôi", là người đã nghe tiếng.

Jeremiah 30:5

Ai sẽ nghe "tiếng run rẩy sợ hãi"?

Đức Giê-hô-va, Ngài tự nói về chính Ngài là "chúng tôi", là người đã nghe tiếng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 30:6
Tại sao những người nam trẻ tuổi lấy tay đỡ lưng mình và có khuôn mặt nhợt nhạt?
Vì con cháu Gia-cốp sẽ có thời gian lo lắng.
Jeremiah 30:7
Tại sao những người nam trẻ tuổi lấy tay đỡ lưng mình và có khuôn mặt nhợt nhạt?
Vì con cháu Gia-cốp sẽ có thời gian lo lắng.
Jeremiah 30:8
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn mừng như thế nào khi họ được giải phóng khỏi nô lệ?
Họ sẽ thờ phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, và hầu việc Đa-vít là vua của họ.
Jeremiah 30:9
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn mừng như thế nào khi họ được giải phóng khỏi nô lệ?
Họ sẽ thờ phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, và hầu việc Đa-vít là vua của họ.
Jeremiah 30:10
Tại sao con cháu của Gia-cốp chớ nên kinh hãi?
Vì Đức Giê-hô-va sẽ dẫn họ trở về từ những nơi Ngài đã phân rải họ đi phu tù.
Jeremiah 30:12
Vết thương của Y-sơ-ra-ên có thể chữa như thế nào?
Nó không thể chữa lành được.
Jeremiah 30:13
Vết thương của Y-sơ-ra-ên có thể chữa như thế nào?
Nó không thể chữa lành được.
Jeremiah 30:14
Tại sao Đức Giê-hô-va sửa phạt Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phạt người Y-sơ-ra-ên bởi vì tội lội và sự gian ác của họ.
Jeremiah 30:15
Tại sao Đức Giê-hô-va sửa phạt Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phạt người Y-sơ-ra-ên bởi vì tội lội và sự gian ác của họ.
Jeremiah 30:16
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho những kẻ làm ại đến Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ khiến kẻ thù của họ nuốt, bắt và cướp họ.
Jeremiah 30:17
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho những kẻ làm ại đến Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ khiến kẻ thù của họ nuốt, bắt và cướp họ.
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va sẽ chữa lành các vết thương của Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 30:19
Dân sự sẽ làm gì sao khi thành phố được xây dựng lại?
Hộ sẽ hát những bài hát ngợi ca, dân số họ sẽ đông đảo và Đức Giê-hô-va sẽ tôn trọng họ.
Jeremiah 30:20
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì sau khi Ngài lập hội Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ chỉ định một nhà lãnh đạo cho Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 30:21
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì sau khi Ngài lập hội Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ chỉ định một nhà lãnh đạo cho Y-sơ-ra-ên.

Chapter 31
Jeremiah 31:1
Lúc đó
Ở đây chỉ về lúc Đức Chúa Trời trừng phạt kẻ ác.
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Đức Giê-hô-va đã hiện ra với tôi
Từ “tôi” ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 31:4
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.
Ta sẽ xây con lên và con sẽ được dựng lại
Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến con vững mạnh trở lại" hoặc "Ta sẽ khiến con thịnh vượng trở lại"
trinh nữ Y-sơ-ra-ên
Xem cách đã dịch ở JER18:13
Trống cơm
Loại nhạc cụ có hai đầu giống như trống để đánh với những miếng kim loại xung quanh để tạo ra âm thanh khi rung lắc nhạc cụ.
Jeremiah 31:7
Hãy trỗi tiếng ngợi khen
Gợi ý dịch: "Để mọi người nghe tiếng ngợi khen của ngươi"
dân sót lại của Y-sơ-ra-ên
"những người con sống" (UDB)
Jeremiah 31:8
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Nầy
"Hãy nghe" hoặc "hãy chú ý"
Đem chúng
Từ “chúng” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Đối với Y-sơ-ra-ên, ta là cha và Ép-ra-im sẽ là con đầu lòng của ta
Ở đây “Ép-ra-im” là tên gọi khác cho “Y-sơ-ra-ên”. Gợi ý dịch: "Ta sẽ giống như cha của dân Y-sơ-ra-ên và chúng sẽ giống như con đầu lòng của ta"
con đầu lòng của ta
Con đầu lòng là người có vinh dự và trách nhiệm đặc biệt.
Jeremiah 31:10
Đấng làm tan lạc Y-sơ-ra-ên sẽ tập trung chúng lại
Gợi ý dịch: "Ta đã khiến dân ta tản lạc giữa các nước nhưng bây giờ ta sẽ đem chúng về lại quê nhà."
như người chăn canh giữ bầy chiên
Có nghĩa là Đức Chúa Trời chăm sóc và bảo vệ dân Ngài như người chăn đối với bầy chiên của mình.
Vì Đức Giê-hô-va đã chuộc Gia-cốp và cứu người khỏi tay kẻ quá mạnh đối với ông
Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng chính Đức Giê-hô-va đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Vì Đức Giê-hô-va đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi kẻ thù của họ, là những kẻ quá mạnh đối với họ"
Jeremiah 31:12
Như khu vườn được tưới nước
Có nghĩa là họ sẽ mạnh mẽ, khỏe mạnh và họ sẽ thịnh vượng.
Họ sẽ không bao giờ buồn rầu nữa
Đây là cách nói cường điệu về niềm vui mà dân Y-sơ-ra-ên sẽ có được.
Jeremiah 31:13
Ta sẽ đổi
“Ta” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân ta sẽ được đầy dẫy ơn lành của ta
"Ơn lành của ta sẽ cho dân ta được thỏa mãn"
Jeremiah 31:15
Có tiếng tại Ra-ma
Gợi ý dịch: "Ta nghe tiếng ở Ra-ma"
Đó là Ra-chên khóc con cái mình
“Ra-chên” ở đây chỉ về những người phụ nữa của Y-sơ-ra-ên đang khóc con cái mình.
Nàng không chịu an ủi về chúng vì chúng không còn nữa
Gợi ý dịch: "Nàng sẽ không để ai an ủi mình vì con cái nàng đã chết"
Jeremiah 31:18
Ngài đã sửa phạt con, và con bị sửa phạt
Câu này được lặp lại thể hiện sự sửa phạt nghiêm khắc của Đức Giê-hô-va hoặc là hiệu quả của sự sửa phạt đó. Gợi ý dịch: "Ngài sửa phạt con nặng nề"
Xin đem con trở về như bò tơ chưa quen ách
Ép-ra-im cầu xin Đức Chúa Trời làm cho ông dễ dạy dỗ như bò tơ chưa được huấn luyện.
Con xấu hổ và nhục nhã
Từ “xấu hổ” và “nhục nhã” căn bản có ý nghĩa như nhau, để nhấn mạnh cùng một ý. Gợi ý dịch: "Con vô cùng xấu hổ."
Chẳng phải Ép-ra-im là con yêu quý của ta sao? Nó chẳng phải là đứa con trai yêu dấu, vui thích của ta sao?
Gợi ý dịch: "Ép-ra-im là con yêu quý của ta. Nó là đứa con trai yêu dấu, vui thích của ta.
Jeremiah 31:21
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán từ câu 7.
Hãy cắm biển báo ... Dựng bảng chỉ đường ... Chú ý ... Trở về
Đây là những mệnh lệnh cho “trinh nữ Y-sơ-ra-ên”.
Chú ý vào con đường đúng con phải đi.
Gợi ý dịch: "Cố gắng ghi nhớ con đường con đã đi khi con bị bắt đi lưu đày."
Hỡi trinh nữ Y-sơ-ra-ên, hãy trở về!
Đức Chúa Trời đang chỉ về một Y-sơ-ra-ên đổi khác.
Hỡi con gái bất trung, con còn lang thang đây đó cho đến bao giờ?
Đức Chúa Trời đang hỏi dân Ngài sẽ không vâng phục Ngài cho đến bao giờ. Gợi ý dịch: "Đừng chần chờ để vâng theo lời ta"
Jeremiah 31:23
Người ta
Ở đây chỉ về dân Giu-đa.
Hỡi nơi công chính Ngài ngự, hỡi núi thánh, nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho ngươi.
Giê-ru-sa-lem nằm trên đỉnh đồi và đền thờ được xây dựng tại địa điểm cao nhất của Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va chúc phước cho những ai ở tại Giê-ru-sa-lem cùng với Đức Giê-hô-va, nơi đặt đền thờ của Ngài"
Jeremiah 31:27
Ta sẽ lấy giống người và giống thú vật mà gieo nhà Y-sơ-ra-ên và nhà Giu-đa
"Ta sẽ gia tăng người và thú vật như người nông dân trồng trọt” hoặc “Ta sẽ gia tăng dân số của cả người và thú vật trong vương quốc Y-sơ-ra-ên và Giu-đa”.
Ta đã canh chừng chúng để bứng gốc chúng
"tìm cách bứng gốc chúng"
Bứng gốc ... phá sập ... lật đổ ... tiêu diệt
Xem cách đã dịch những ý này ở JER01:09
Jeremiah 31:31
Kìa
"Hãy nghe" hoặc "hãy chú ý điều ta sẽ phán."
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 31:33
Ta sẽ đặt luật pháp ta trong họ và sẽ viết nó lên lòng họ
Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau, nhấn mạnh rằng luật pháp của Đức Giê-hô-va sẽ trở nên một phần trong họ chứ nó không chỉ được viết trên đá. Ở đât “lòng” chỉ về “cảm xúc” và “tâm trí”. Gợi ý dịch: "Luật pháp của ta sẽ nằm trong tư tưởng và cảm xúc của họ."
từ người nhỏ nhất đến người lớn nhất
Ở đây chỉ về mọi người không phân biệt quyền thế trong xã hội. Gợi ý dịch: "mỗi một người trong số họ."
Jeremiah 31:37
các tầng trời cao nhất ... nền của đất
Những cụm từ này chỉ về hết thảy tạo vật.
Jeremiah 31:38
Nầy, những ngày đến
"Hãy chú ý! Điều ta sắp nói sẽ sớm xảy ra."
tháp Ha-na-nê-ên ... Cổng Góc ... đồi Ga-rép ... Gô-a ... thung lũng Kít-rôn ... Cổng Ngựa
Đây là những địa danh.
Biệt riêng
"làm nên thánh"

Translation Questions

Jeremiah 31:1
Đức Giê-hô-va sẽ là Đức Chúa Trời của ai?
Ngài sẽ là Đức Chúa Trời của mọi chi tộc Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 31:2
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên còn sót lại thoát khỏi gươm dao lại thấy ơn của Đức Giê-hô-va?
Họ được ơn bởi vì Đức Giê-hô-va yêu thương họ với tình yêu đời đời.
Jeremiah 31:3
Tại sao dân Y-sơ-ra-ên còn sót lại thoát khỏi gươm dao lại thấy ơn của Đức Giê-hô-va?
Họ được ơn bởi vì Đức Giê-hô-va yêu thương họ với tình yêu đời đời.
Jeremiah 31:4
Những người nữ dồng trinh Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì sau khi Đức Giê-hô-va dựng lại nàng?
Nàng sẽ đi ra nhảy múa vui vẻ và có được hưởng hoa lợi tốt.
Jeremiah 31:5
Những người nữ dồng trinh Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì sau khi Đức Giê-hô-va dựng lại nàng?
Nàng sẽ đi ra nhảy múa vui vẻ và có được hưởng hoa lợi tốt.
Jeremiah 31:7
Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu ai?
Ngài sẽ giải cứu những người còn sót lại của Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 31:8
Đức Giê-hô-va sẽ đem dân Y-sơ-ra-ên về từ nơi nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài sẽ đem họ về từ các xứ phương bắc và những nơi đầu cùng đất.
Jeremiah 31:10
Ai là "người phân tán dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phân tán Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 31:11
Ai là "người phân tán dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phân tán Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 31:12
Những dấu hiệu của ơn phước từ Đức Giê-hô-va là gì?
Dân sự sẽ có nhiều thức ăn, rượu, dầu và súc vật.
Jeremiah 31:13
Dân sự sẽ làm gì khi họ không còn sầu thảm?
Họ sẽ ăn mừng.
Jeremiah 31:15
Tại sao có tiếng thang thở, khóc lóc đắng cay tại Ra-ma?
Có tiếng than thở, khóc lóc bởi vì con của Ra-chên đã chết.
Jeremiah 31:16
Tại sao mọi người ngừng than khóc?
Vì Đức Giê-hô-va sẽ đưa dòng dõi của họ trở về từ xứ của kẻ thù.
Jeremiah 31:17
Tại sao mọi người ngừng than khóc?
Vì Đức Giê-hô-va sẽ đưa dòng dõi của họ trở về từ xứ của kẻ thù.
Jeremiah 31:18
Tại sao Đức Giê-hô-va thương xót dân Ép-ra-im?
Ngài sẽ thương xót vì Ép-ra-im cảm thấy xấu hổ về tội lỗi của mình.
Jeremiah 31:20
Tại sao Đức Giê-hô-va thương xót dân Ép-ra-im?
Ngài sẽ thương xót vì Ép-ra-im cảm thấy xấu hổ về tội lỗi của mình.
Jeremiah 31:24
Tại sao mọi người nói rằng: "Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho ngươi?"
Họ sẽ nói như vậy bởi vì họ sẽ sống ở các thành phố, những người nông dân và những kẻ chăn bầy sẽ ở chung tại đó.
Jeremiah 31:27
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa mà Ngài đã đuổi họ và diệt đi?
Đức Giê-hô-va sẽ canh giữ họ để Ngài có thể dựng và trồng họ.
Jeremiah 31:28
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa mà Ngài đã đuổi họ và diệt đi?
Đức Giê-hô-va sẽ canh giữ họ để Ngài có thể dựng và trồng họ.
Jeremiah 31:29
Câu nói mà dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa sẽ không còn sử dụng nữa là gì?
Câu nói là: "Ông cha ăn trái nho chua mà con cháu phải ghê răng."
Jeremiah 31:30
Câu nói mà dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa sẽ không còn sử dụng nữa là gì?
Câu nói là: "Ông cha ăn trái nho chua mà con cháu phải ghê răng."
Tại sao mọi người lại không sử dụng câu nói đó nữa?
Bởi vì mỗi người sẽ chết vì sự gian ác mình.
Jeremiah 31:33
Giao ước mới mà Đức Giê-hô-va sẽ lập với nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa là gì?
Giao ước mới là: Đức Giê-hô-va sẽ viết điều răn của Ngài vào lòng họ.
Jeremiah 31:34
Giao ước mới mà Đức Giê-hô-va sẽ lập với nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa là gì?
Giao ước mới là: Đức Giê-hô-va sẽ viết điều răn của Ngài vào lòng họ.
Jeremiah 31:35
Y-sơ-ra-ên sẽ là một nước miễn là những điều gì không biến mất?
Họ sẽ là một nước miễn là mặt trời, mặt trăng, ngôi sao và biển không biết mất.
Jeremiah 31:36
Y-sơ-ra-ên sẽ là một nước miễn là những điều gì không biến mất?
Họ sẽ là một nước miễn là mặt trời, mặt trăng, ngôi sao và biển không biết mất.
Jeremiah 31:37
Đức Giê-hô-va sẽ chối bỏ dòng dõi Y-sơ-ra-ên chỉ khi hai điều nào xảy ra?
Họ sẽ là một nước chỉ khi không ai đo được tầng trời cao nhất hoặc dò thấu các nền móng địa cầu bên dưới đất.
Jeremiah 31:38
Khi thành phố được dựng lại, thì nó to hơn hay nhỏ hơn?
Nó sẽ lớn hơn.
Jeremiah 31:40
Khi thành phố được dựng lại, thì nó to hơn hay nhỏ hơn?
Nó sẽ lớn hơn.

Chapter 32
Jeremiah 32:1
Đây là lời của Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi
"Đây là điều Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi"
bị giam trong sân vệ binh
"Họ giam ông vào ngục ở sân vệ binh"
sân vệ binh tại nhà của vua Giu-đa
Đây là khu vực rộng gắn liền với cung điện của nhà vua.
Jeremiah 32:3
sao ngươi dám nói tiên tri
Sê-đê-kia dùng một câu hỏi để quở trách Giê-rê-mi. Gợi ý dịch: "Người thật sai quấy khi cứ nói tiên tri"
vào tay vua Ba-by-lôn và vua ấy sẽ chiếm thành ấy
Từ “tay” ở đây chỉ về quyền lực và sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "cho vua Ba-by-lôn và quân đội của ông sẽ chiếm lấy thành ấy"
Vì người thật sự đã bị phó
Gợi ý dịch: "vì ta thật đã phó người"
Người sẽ nói cùng vua ấy miệng đối miệng, mắt nhìn mắt
Gợi ý dịch: "Chính Sê-đê-kia sẽ gặp mặt và nói chuyện trực tiếp với Nê-bu-cát-nết-sa"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Các ngươi kháng cự
Ở đây “các ngươi” ở dạng số nhiều, chỉ về những người ở

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-ru-sa-lem.
Jeremiah 32:6
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Ha-na-mê-ên ... Sa-lum
Đây là tên của những người nam.
A-na-tốt
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Jeremiah 32:8
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói.
mười bảy sê-ken
"17 sê-ken." Một sê-ken là 11 gam.
Jeremiah 32:10
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói.
Trong một cuộn sách và niêm phong nó lại, có những nhân chứng làm chứng cho
Ở đây chỉ về việc một người kí vào tờ mua bán đất. Những người khác sẽ làm chứng để xác nhận rằng người đó đã mua mảnh đất ấy.
có những nhân chứng làm chứng cho
"có những nhân chứng ở đó để chứng kiến tôi đã mua mảnh đất ấy"
Được niêm phong
"mà ta niêm phong"
Khế ước không niêm phong
"bản sao mở ra" hoặc "khế ước không có dấu niêm phong"
Ba-rúc ... Nê-ri-a ... Ma-a-sê-gia
Đây là tên của những người nam.
Sân vệ binh
Xem cách đã dịch ở JER32:01
Jeremiah 32:13
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói.
Trước mặt họ
Từ “họ” ở đây chỉ về Ha-na-mê-ên, là những nhân chứng, và những người Giu-đa.
Hãy lấy các cuộn sách này với biên nhận mua bán đã được niêm phong lẫn không niêm phong
"Hãy lấy cuộn sách đã niêm phong và cuộn sách chưa niêm phong"
Nhà cửa, ruộng đất và vườn nho sẽ còn được mua bán trong xứ này
Gợi ý dịch: "Dân Y-sơ-ra-ên sẽ còn mua nhà cửa, vườn nho và ruộng đất trong xứ này"
Jeremiah 32:16
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói.
biên nhận mua bán
Có nghĩa là cuộn sách được niêm phong và cuộn sách không được niêm phong.
Than ôi
"Ôi"
quyền năng vĩ đại và cánh tay dang ra
Cụm từ “cánh tay dang ra” là cách nói chỉ về sự quyền năng. Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh quyền năng vĩ đại của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "bởi quyền năng rất lớn của Chúa."
Ngài bày tỏ sự thành tín theo giao ước
"Ngài giữ lời hứa của mình và bày tỏ tình yêu thương thành tín của Ngài"
Và đổ tội lỗi của con người vào lòng của con cháu họ
"và Ngài trừng phạt con cháu vì tội lỗi của cha ông họ"
Jeremiah 32:19
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.
Vì mắt Chúa mở soi trên mọi đường lối của loài người
Gợi ý dịch: "Chúa quan sát mọi việc con người làm"
để ban thưởng cho mỗi người tùy theo lối sống và việc làm của họ
"và sẽ thưởng cho mỗi người tùy theo những việc họ làm"
Ngài đã thực hiện các dấu kỳ phép lạ trong đất Ai Cập
Ở đây chỉ về sự kiện trong quá khứ khi Đức Chúa Trời dùng quyền năng của Ngài giải phóng dân Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô lệ tại Ai Cập.
Đến ngày hôm nay
"Đến ngày nay"
Và giữa loài người
"và giữa mọi người"
Ngài đã làm cho danh Ngài nổi tiếng
“Danh” ở đây chỉ về danh tiếng của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ngài đã làm cho Ngài nổi tiếng"
Với bàn tay mạnh mẽ và cánh tay dang ra
Cả hai cụm từ này đều chỉ về sự quyền năng, nhấn mạnh quyền năng vĩ đại của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "với quyền năng vĩ đại của Ngài."
Jeremiah 32:22
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.
ban cho chúng
"ban cho dân Y-sơ-ra-ên"
một miền đất đượm sữa và mật
Xem cách đã dịch ở JER11:03
nhưng chúng không vâng theo tiếng Ngài
Gợi ý dịch: "Nhưng chúng không vâng theo điều Ngài phán"
Jeremiah 32:24
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.
Để chiếm lấy nó
"để quân thù có thể chiếm lấy nó"
Vì gươm đao
Gươm đao ở đây có nghĩa là chiến tranh hay chiến đấu.
thành bị phó vào tay người Canh-đê
“Tay” ở đây có nghĩa là quyền lực hay sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "Ngài đã phó Giê-ru-sa-lem cho quân Canh-đê"
Và có các nhân chứng làm chứng
"và cho những người khác làm chứng"
thành này đã rơi vào
Gợi ý dịch: "Ta đã phó thành này"
Jeremiah 32:26
Đây là lời của Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi mà rằng
"Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi"
có việc gì khó quá cho Ta chăng?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài có thể làm được mọi điều.
vào tay người Canh-đê
“Tay” ở đây chỉ về quyền lực hay sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "cho người Canh-đê"
Jeremiah 32:29

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Giê-rê-mi.
để chọc giận ta
"khiến ta tức giận"
làm điều gian ác trước mắt ta
Gợi ý dịch: "làm điều ta xem là gian ác"
Từ khi còn trẻ
"từ lúc chúng trở nên một nước" (UDB)
việc làm của tay chúng
Gợi ý dịch: "những điều gian ác chúng đã làm"
Jeremiah 32:31
Câu nối tiếp:
Câu này tiếp nối từ đoạn trước.
Thành nầy đã làm cho ta bực tức và giận dữ từ ngày chúng xây nó lên.
Từ “bực tức” và “giận dữ” căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài.
Gợi ý dịch: "dân Giê-ru-sa-lem khiến ta rất tức giận từ ngày chúng xây lên thành mình."
Cho đến ngày nay
Gợi ý dịch: "Chúng tiếp tục khiến ta tức giận cho đến bây giờ"
Khỏi mặt ta
Gợi ý dịch: "khỏi sự hiện diện của ta" hoặc "hoàn toàn"
Jeremiah 32:33
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Giê-rê-mi.
Chúng không quay mặt mà quay lưng lại với ta
Gợi ý dịch: "Dân ta phớt lờ ta"
tiếp nhận sự sửa dạy
"học từ ta"
Những vật ghê tởm của chúng
"những thần tượng của chúng mà ta căm ghét"
Nhà được gọi bằng danh ta
Gợi ý dịch: "nhà thuộc về ta"
thung lũng Ben Hi-nôm
Xem cách đã dịch ở JER07:31
Nó chưa bao giờ bước vào tâm trí ta
“Tâm trí” ở đây chỉ về suy nghĩ của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Điều ta chưa bao giờ nghĩ đến"
Jeremiah 32:36
mà các ngươi nói
“Các ngươi” ở dạng số nhiều. Có thể là 1) chỉ về Giê-rê-mi và những người ở cùng ông, hoặc 2) chỉ về tất cả mọi người.
Nó bị rơi vào tay vua Ba-by-lôn
“Tay” ở đây có nghĩa là quyền lực hoặc sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã phó nó cho vua Ba-by-lôn"
tập hợp chúng
"tập hợp dân ta"
Cơn thịnh nộ, giận dữ và tức tối
Cả ba từ này đều có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài. Gợi ý dịch: "vô cùng tức giận"
Jeremiah 32:38
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
một tấm lòng và một đường lối để kính sợ ta
Câu này có nghĩa là sẽ có sự hiệp một trong dân Y-sơ-ra-ên và họ sẽ thờ phượng chỉ một mình Đức Giê-hô-va.
một giao ước đời đời
"một giao ước bất diệt"
Ta sẽ không ngừng ban phước cho chúng
Gợi ý dịch: "Ta sẽ luôn ban phước cho họ"
để chúng sẽ không bao giờ lìa bỏ ta
Gợi ý dịch: "để chúng sẽ luôn vâng phục và thờ phượng ta"
Jeremiah 32:41
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.
Ban phước cho chúng
Từ “chúng” ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Ta sẽ thành tín trồng chúng trong đất này
Gợi ý dịch: "Ta sẽ cho dân Y-sơ-ra-ên an cư trong đất này luôn luôn"
Hết lòng, hết sức
Hai cụm từ này đi chung chỉ về toàn bộ một con người. Gợi ý dịch: "hết mình ta" hoặc "hết lòng ta."
Jeremiah 32:43
Ruộng sẽ được mua trong xứ này
Gợi ý dịch: "Rồi người ta sẽ mua ruộng trong xứ này"
các con bảo
“Các con” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Nó đã rơi vào tay người Canh-đê
“Tay” ở đây có nghĩa là quyền lực hoặc sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã phó nó cho người Canh-đê"
Viết trong cuộn giấy được niêm phong. Chúng sẽ tập hợp người làm chứng
Ở đây chỉ về việc một người ký mua đất. Những người khác sẽ là nhân chứng để xác nhận việc mua bán này.
Vì ta sẽ đem vận mệnh của chúng trở lại
"Vì ta sẽ khiến chúng hưng thịnh trở lại"

Translation Questions

Jeremiah 32:1
Khi Đức Giê-hô-va truyền lời của Ngài cho Giê-rê-mi, ông ở đâu?
Ông bị bỏ tù trong hành lang của vua Giu-đa.
Jeremiah 32:2
Khi Đức Giê-hô-va truyền lời của Ngài cho Giê-rê-mi, ông ở đâu?
Ông bị bỏ tù trong hành lang của vua Giu-đa.
Đạo quân Ba-by-lôn đang làm gì?
Họ đang tấn công Giê-ru-sa-lem.
Jeremiah 32:3
Tại sao Sê-đê-kia giam giữ Giê-rê-mi?
Sê-đê-kia giam giữ ông bởi vì Giê-rê-mi nói tiên tri rằng Giê-rê-mi và Sê-đê-kia sẽ bị bắt bởi dân Ba-by-lôn.
Jeremiah 32:5
Tại sao Sê-đê-kia giam giữ Giê-rê-mi?
Sê-đê-kia giam giữ ông bởi vì Giê-rê-mi nói tiên tri rằng Giê-rê-mi và Sê-đê-kia sẽ bị bắt bởi dân Ba-by-lôn.
Jeremiah 32:6
Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi điều gì sẽ xảy ra?
Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi rằng Ha-na-mê-ên, con của Sa-lum là chú ông, sẽ đến cùng ông và nói rằng: Hãy mua ruộng của ta tại A-na-tốt, vì quyền mua nó thuộc về ngươi.
Jeremiah 32:7
Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi điều gì sẽ xảy ra?
Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi rằng Ha-na-mê-ên, con của Sa-lum là chú ông, sẽ đến cùng ông và nói rằng: Hãy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mua ruộng của ta tại A-na-tốt, vì quyền mua nó thuộc về ngươi.
Jeremiah 32:10
Giê-rê-mi làm thế nào để mua ruộng?
Giê-rê-mi đã ký tên và niêm phong việc mua ruộng, cân bạc trong các cân, và đưa cuộn niêm phong cho Ba-rúc trước mặt các nhân chứng.
Jeremiah 32:12
Giê-rê-mi làm thế nào để mua ruộng?
Giê-rê-mi đã ký tên và niêm phong việc mua ruộng, cân bạc trong các cân, và đưa cuộn niêm phong cho Ba-rúc trước mặt các nhân chứng.
Jeremiah 32:13
Giê-rê-mi nói với Ba-rúc làm gì với cuộn kín?
Giê-rê-mi nói với Ba-rúc lấy các cuộn trong việc mua bán đặt chúng trong một cái lọ mới.
Jeremiah 32:14
Giê-rê-mi nói với Ba-rúc làm gì với cuộn kín?
Giê-rê-mi nói với Ba-rúc lấy các cuộn trong việc mua bán đặt chúng trong một cái lọ mới.
Jeremiah 32:15
Thông điệp mà Đức GIê-hô-va muốn mang đến thông qua việc mua bán đất là gì?
Đức Giê-hô-va muốn tất cả dân sự biết rằng người ta sẽ mua nhà, ruộng và vườn nho trong đất này.
Jeremiah 32:16
Đức Giê-hô-va tạo nên trời và đất như thế nào?
Ngài tạo nên trời và đất bằng sức mạnh lớn lao và bằng cánh tay giơ ra của Ngài.
Jeremiah 32:17
Đức Giê-hô-va tạo nên trời và đất như thế nào?
Ngài tạo nên trời và đất bằng sức mạnh lớn lao và bằng cánh tay giơ ra của Ngài.
Jeremiah 32:21
Đức Giê-hô-va đã làm cho danh Ngài nổi trội như thế nào?
Ngài đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô.
Jeremiah 32:23
Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì sau khi Đức Giê-hô-va ban đất cho họ làm sản nghiệp?
Họ không vâng lời Ngài.
Jeremiah 32:25
Đức Giê-hô-va bảo Giê-rê-mi làm gì khi thành Giê-ru-sa-lem nộp trong tay dân Ba-by-lôn?
Ngài bảo mua một đám ruộng.
Jeremiah 32:28
Tại sao Nê-bu-cát-nết-sa có khả năng chiếm được thành?
Vì Đức Giê-hô-va đã ban thành cho ông.
Jeremiah 32:31
Thành Giê-ru-sa-lem đã chọc giận Đức Giê-hô-va đã bao lâu?
Giê-ru-sa-lem đã là một sự khiêu khích cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va kể từ ngày họ được xây dựng.
Jeremiah 32:32
Thành Giê-ru-sa-lem đã chọc giận Đức Giê-hô-va đã bao lâu?
Giê-ru-sa-lem đã là một sự khiêu khích cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va kể từ ngày họ được xây dựng.
Jeremiah 32:33
Dân Y-sơ-ra-ên đã làm điều gì chọc giận Đức Giê-hô-va?
Họ quay lưng lại với Đức Giê-hô-va, đặt những vật gớm ghiếc trong đền thờ, dựng các bàn thờ cho Ba-anh và dâng con cái mình cho Mo-lóc.
Jeremiah 32:35
Dân Y-sơ-ra-ên đã làm điều gì chọc giận Đức Giê-hô-va?
Họ quay lưng lại với Đức Giê-hô-va, đặt những vật gớm ghiếc trong đền thờ, dựng các bàn thờ cho Ba-anh và dâng con cái mình cho Mo-lóc.
Jeremiah 32:36
Đức GIê-hô-va hứa sẽ làm gì cho dân Giu-đa thậm chí họ rất xấu xa?
Ngài hứa Ngài sẽ nhóm hợp họ từ mọi nước và đem họ trở về xứ.
Jeremiah 32:37
Đức GIê-hô-va hứa sẽ làm gì cho dân Giu-đa thậm chí họ rất xấu xa?
Ngài hứa Ngài sẽ nhóm hợp họ từ mọi nước và đem họ trở về xứ.
Jeremiah 32:38
Đức Giê-hô-va sẽ ban cho dân Giu-đa ra sao?
Ngài sẽ ban cho họ một tấm lòng và một đường lối để thờ phượng Ngài, và Ngài sẽ lập giao ước đời đời với họ.
Jeremiah 32:40
Đức Giê-hô-va sẽ ban cho dân Giu-đa ra sao?
Ngài sẽ ban cho họ một tấm lòng và một đường lối để thờ phượng Ngài, và Ngài sẽ lập giao ước đời đời với họ.
Jeremiah 32:42
Như Đức Giê-hô-va đã đem mọi tai họa giáng trên dân Ngài, thì Ngài cũng sẽ làm gì với họ trong tương lai?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ đem lại cho họ tất cả mọi ơn lành mà Ngài đã hứa sẽ làm cho họ.

Chapter 33
Jeremiah 33:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and
Jeremiah 33:4
trong cơn bực tức và giận dữ ta
“Bực tức” và “giận dữ” căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài. Gợi ý dịch: "trong cơn tức giận vô cùng của ta."
Giấu mặt ta
Cụm từ này cho thấy sự bất mãn của Đức Giê-hô-va với thành này. Gợi ý dịch: "Ta đã xoay khỏi chúng" hoặc "ta không quan tâm đến ngươi nữa"
Jeremiah 33:6
Đem vận mệnh của chúng trở lại
Gợi ý dịch: "đem sự thịnh vượng của chúng trở lại"
Jeremiah 33:10
Không có người hay con thú nào trong các thành của giu-đa, và các đường phố của Giê-ru-sa-lem không dân cư, cả người và thú
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Giu-đa trở nên hoang tàn.
Nhà ta
Đền thờ ở Giê-ru-sa-lem
Vận mệnh
Gợi ý dịch: "sự thịnh vượng"
Jeremiah 33:12
Nơi chăn thả súc vật
Gợi ý dịch: "những cánh đồng cho bầy chiên của chúng ăn cỏ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 33:14
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Trong những ngày đó và thời giờ đó
Cụm từ “trong thời giờ đó” có cùng nghĩa và nhấn mạnh thêm cho cụm từ “trong những ngày đó”. Gợi ý dịch: "Trong những ngày đó" hoặc "chính thời điểm đó."
Nhánh công chính mọc lên cho Đa-vít
Một hậu tự công chính của Đa-vít. Gợi ý dịch: "một người công chính sẽ ra từ dòng dõi của Đa-vít như một nhánh mọc ra từ cây."
Đất này
Đất nước Y-sơ-ra-ên
Jeremiah 33:17
Một người từ dòng Đa-vít
Gợi ý dịch: "Một hậu tự của vua Đa-vít"
Jeremiah 33:19
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
giao ước của Ta với ngày và đêm ... giao ước của ta với Đa-vít, đầy tớ Ta
Đức Giê-hô-va ví sánh giao ước của Ngài với Đa-vít như giao ước của Ngài với ngày và đêm. Vì con người không thể thay đổi ngày và đêm nên con người cũng không thể thay đổi giao ước của Đức Chúa Trời với Đa-vít.
Ngồi trên ngai người
"cai trị vương quốc được ban cho người",
Như các cơ binh trên trời không thể đếm hết và cát bờ biển không thể đo lường thì ta cũng sẽ gia tăng dòng dõi của Đa-vít, đầy tớ ta và người Lê-vi, kẻ hầu việc ta như vậy
Hai câu này căn bản nói về cùng một ý, được dùng chung để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Không ai có thể đếm được các ngôi sao trên trời và cát dưới biển, cũng vậy không ai có thể đếm được con cháu của Đa-vít và Lê-vi là những người hầu việc Đức Giê-hô-va"
Jeremiah 33:23
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Con không để ý đến những gì dân nầy nói sao? Chúng nói:‘Đức Giê-hô-va đã từ bỏ hai gia tộc mà Ngài đã chọn'?
Câu hỏi này được dùng để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Lẽ ra con phải để ý thấy dân chúng đang nói rằng ta đã từ bỏ hai gia tộc ta đã chọn."

Translation Questions

Jeremiah 33:1
Đức Giê-hô-va bảo Giê-rê-mi làm gì?
Đức Giê-hô-va bảo Giê-rê-mi rằng hãy kêu cầu Ngài.
Jeremiah 33:3
Đức Giê-hô-va bảo Giê-rê-mi làm gì?
Đức Giê-hô-va bảo Giê-rê-mi rằng hãy kêu cầu Ngài.
Jeremiah 33:4
Người Canh-đê (người Ba-by-lôn) sẽ làm gì ở trong các nhà cửa của thành phố?
Họ sẽ lấp đầy những ngôi nhà bằng xác chết.
Jeremiah 33:5
Người Canh-đê (người Ba-by-lôn) sẽ làm gì ở trong các nhà cửa của thành phố?
Họ sẽ lấp đầy những ngôi nhà bằng xác chết.
Jeremiah 33:6
Giê-rê-mi chia sẻ tin mừng gì với dân Giu-đa?
Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ mọi tội ác của dân sự, chữa lành cho họ và ban cho họ sự bình an.
Jeremiah 33:8
Giê-rê-mi chia sẻ tin mừng gì với dân Giu-đa?
Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ mọi tội ác của dân sự, chữa lành cho họ và ban cho họ sự bình an.
Jeremiah 33:9
Thành Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành điều gì cho Đức Giê-hô-va?
Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành một danh biểu của sự vui mừng cho Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 33:12
Các thành của Giu-đa sẽ thay đổi như thế nào?
Các thành hiện là nơi hoang vu, nhưng những kẻ chăn chiên sẽ dẫn bầy của họ đến trong thành.
Jeremiah 33:13
Các thành của Giu-đa sẽ thay đổi như thế nào?
Các thành hiện là nơi hoang vu, nhưng những kẻ chăn chiên sẽ dẫn bầy của họ đến trong thành.
Jeremiah 33:14
Đức Giê-hô-va hứa Ngài sẽ làm gì cho dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va hứa rằng Ngài sẽ khiến một nhánh của con cháu vua Đa-vít, Người sẽ thi hành sự công bình và chánh trực trên đất.
Jeremiah 33:16
Đức Giê-hô-va hứa Ngài sẽ làm gì cho dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va hứa rằng Ngài sẽ khiến một nhánh của con cháu vua Đa-vít, Người sẽ thi hành sự công bình và chánh trực trên đất.
Jeremiah 33:17
Đức Giê-hô-va hứa điều gì với Giê-rê-mi?
Ngài hứa rằng sẽ luôn có một người nam từ nhà Đa-vít cai trị dân Y-sơ-ra-ên và một tế lễ nhà Lê-vi để dâng của lễ.
Jeremiah 33:18
Đức Giê-hô-va hứa điều gì với Giê-rê-mi?
Ngài hứa rằng sẽ luôn có một người nam từ nhà Đa-vít cai trị dân Y-sơ-ra-ên và một tế lễ nhà Lê-vi để dâng của lễ.
Jeremiah 33:20
Khi nào Đức GIê-hô-va sẽ phá bỏ giao ước của Ngài với Đa-vít?
Ngài sẽ không bao giờ phá vỡ nó.
Jeremiah 33:21
Khi nào Đức GIê-hô-va sẽ phá bỏ giao ước của Ngài với Đa-vít?
Ngài sẽ không bao giờ phá vỡ nó.
Jeremiah 33:22
Dòng dõi của vua Đa-vít là bao nhiêu?
Đa-vít sẽ có hậu tự nhiều đến đỗi không một ai có thể đếm được.
Jeremiah 33:23
Dân sự đã nói điều gì về sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va?
Dân sự đã nói rằng Đức Giê-hô-va đã chối bỏ hai dân tộc mà Ngài đã chọn, vì vậy họ không còn đáng để gọi là một dân tộc nữa.
Jeremiah 33:24
Dân sự đã nói điều gì về sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va?
Dân sự đã nói rằng Đức Giê-hô-va đã chối bỏ hai dân tộc mà Ngài đã chọn, vì vậy họ không còn đáng để gọi là một dân tộc nữa.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 33:25
Khi nào Đức Giê-hô-va sẽ loại bỏ dòng dõi nhà Gia-cốp?
Ngài sẽ không bao giờ từ bỏ họ.

Jeremiah 33:26
Khi nào Đức Giê-hô-va sẽ loại bỏ dòng dõi nhà Gia-cốp?
Ngài sẽ không bao giờ từ bỏ họ.

Chapter 34

Jeremiah 34:1
Lời từ Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi
Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va phán lời Ngài cùng" (Xem:
Gây chiến
Gợi ý dịch: "tiến đánh"
Và tất cả các thành của nó
Ở đây chỉ về tất cả các thành ở xung quanh Giê-ru-sa-lem.
Phó thành này
Dịch như ở JER32:26
vào tay vua Ba-by-lôn
“Tay” ở đây chỉ về sự cai trị. Gợi ý dịch: vào sự cai trị của vua Ba-by-lôn."
ngươi sẽ không thoát khỏi tay vua ấy
"Ngươi sẽ không thoát khỏi sự cai trị của vua ấy"
Mắt ngươi sẽ nhìn vào mắt vua Ba-by-lôn, vua ấy sẽ nói chuyện trực tiếp với ngươi khi ngươi đến Ba-by-lôn
Cả hai vế này đều có nghĩa như nhau đó là vua sẽ gặp vua Ba-by-lôn cách riêng tư.
Jeremiah 34:4
Ngươi sẽ không chết vì gươm. Ngươi sẽ chết trong yên bình
Gợi ý dịch: "Ngươi sẽ không chết trong chiến trận, nhưng ngươi sẽ chết yên bình.
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 34:6
La-ki và A-xê-ca
Đây là tên các thành.
Những thành này của Giu-đa còn sót lại là những thành kiên cố
Gợi ý dịch: "Chỉ những thành kiên cố của Giu-đa chưa bị chiếm lấy"
Jeremiah 34:8
Đây là lời từ Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi
Sau cụm từ này, dĩ nhiên người đọc mong đợi sẽ là sứ điệp từ Đức Giê-hô-va. Tuy nhiên, sứ điệp không bắt đầu mãi cho đến câu JER34:12
Lời
"sứ điệp"
Jeremiah 34:12
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
mỗi người phải trả tự do cho người anh em Hê-bơ-rơ đã bán mình cho ngươi và phục vụ ngươi
Gợi ý dịch: "mỗi người trong các ngươi phải trả tự do cho người anh em Hê-bơ-rơ nào đã bán mình cho ngươi và làm nô lệ ngươi"
Trả tự do
Gợi ý dịch: "Ngươi phải cho họ tự do khỏi việc phục dịch ngươi"
không nghe lời ta hay không để tâm
Cả hai cụm từ này căn bản nói cùng một ý, được dùng chung để nhấn mạnh.
Jeremiah 34:15
Ngay thẳng trong mắt ta
"đúng đắn" hoặc "được chấp nhận"
Đổi ý và làm ô danh ta
Gợi ý dịch: "không làm điều ngay thẳng nữa mà làm điều gian ác khiến người ta nghĩ rằng ta là Đấng gian ác"
Jeremiah 34:17
Vì thế, nầy! Ta sẽ công bố tự do cho các ngươi .... tự do sa vào gươm đao, dịch lệ và đói kém
Gợi ý dịch: "Cho nên vì ngươi không vâng lời ta nên ta sẽ để ngươi bị trừng phạt bởi gươm đao, dịch lệ và đói kém"
Vì thế, nầy!
"Hãy nghe!” hoặc “Hãy chú ý vào điều quan trọng ta sẽ phán cùng ngươi!"
đã lập trước mặt ta
Gợi ý dịch: "đã đồng ý với ta"
Jeremiah 34:20
Tìm hại mạng sống chúng
Gợi ý dịch: "Tìm cách giết chúng"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Dấy lên
"đến giao chiến"
Và sẽ đem chúng trở lại
Từ “chúng” ở đây chỉ về quân đội của nước Ba-by-lôn. Gợi ý dịch: "và sẽ đem quân Ba-by-lôn trở lại"

Translation Questions

Jeremiah 34:1
Khi nào Giê-rê-mi nhận được lời của Đức Giê-hô-va?
Giê-rê-mi tiếp nhận lời của Đức Giê-hô-va khi Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn và toàn đạo binh của người, đánh thành Giê-ru-sa-lem và các thành khác thuộc về nó.
Jeremiah 34:2
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi điều gì?
Ngài phán rằng Ngài sẽ phó thành cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Jeremiah 34:3
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi điều gì?
Ngài phán rằng Ngài sẽ phó thành cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Jeremiah 34:4
Đức Giê-hô-va phán với Sê-đê-kia, vua Giu-đa điều gì?
Ngài nói với Sê-đê-kia rằng ông sẽ chết trong hòa bình.
Jeremiah 34:5
Đức Giê-hô-va phán với Sê-đê-kia, vua Giu-đa điều gì?
Ngài nói với Sê-đê-kia rằng ông sẽ chết trong hòa bình.
Jeremiah 34:10
Điều gì sẽ xảy ra sau khi những quan trưởng và cả dân Giê-ru-sa-lem thả các đầy tớ Y-sơ-ra-ên được tự do?
Mọi người giải phóng tất cả các đầy tớ của họ, nhưng sau đó họ đổi ý, họ bắt nô lệ của mình trở lại lần nữa.
Jeremiah 34:11
Điều gì sẽ xảy ra sau khi những quan trưởng và cả dân Giê-ru-sa-lem thả các đầy tớ Y-sơ-ra-ên được tự do?
Mọi người giải phóng tất cả các đầy tớ của họ, nhưng sau đó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

họ đổi ý, họ bắt nô lệ của mình trở lại lần nữa.
Jeremiah 34:12
Đức Giê-hô-va đã truyền điều gì cho tổ phụ của Y-sơ-ra-ên phải làm mỗi bảy năm?
Ngài ra lệnh cho họ phải giải phóng đầy tớ của mình mỗi bảy năm.
Jeremiah 34:14
Đức Giê-hô-va đã truyền điều gì cho tổ phụ của Y-sơ-ra-ên phải làm mỗi bảy năm?
Ngài ra lệnh cho họ phải giải phóng đầy tớ của mình mỗi bảy năm.
Jeremiah 34:15
Dân Giu-đa đã làm những việc xấu nào?
Họ giải phóng những đầy tớ của họ, nhưng sau đó họ ép buộc những đầy tớ trở về một lần nữa.
Jeremiah 34:16
Dân Giu-đa đã làm những việc xấu nào?
Họ giải phóng những đầy tớ của họ, nhưng sau đó họ ép buộc những đầy tớ trở về một lần nữa.
Jeremiah 34:17
Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ như thế nào?
Họ sẽ chết bởi gươm dao, ôn dịch và đói kém.
Jeremiah 34:18
Người ta sẽ thể hiện sự chấp thuận giao ước với nhau như thế nào?
Họ sẽ mổ bò tơ ra làm đôi và đi qua giữa hai phần nửa nó.
Jeremiah 34:19
Người ta sẽ thể hiện sự chấp thuận giao ước với nhau như thế nào?
Họ sẽ mổ bò tơ ra làm đôi và đi qua giữa hai phần nửa nó.
Jeremiah 34:20
Đức Giê-hô-va bày tỏ sự giận của Ngài với dân cư Giu-đa như thế nào?
Ngài sẽ phó họ cho kẻ thù, là kẻ sẽ giết chết họ.
Jeremiah 34:21
Điều gì sẽ xảy ra với thành Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va sẽ dẫn đội quân của vua Ba-by-lôn trở lại đánh nghịch cùng Giê-ru-sa-lem, lấy lửa đốt đi, vì vậy thành trở nên hoang vu không có dân ở.
Jeremiah 34:22
Điều gì sẽ xảy ra với thành Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va sẽ dẫn đội quân của vua Ba-by-lôn trở lại đánh nghịch cùng Giê-ru-sa-lem, lấy lửa đốt đi, vì vậy thành trở nên hoang vu không có dân ở.

Chapter 35
Jeremiah 35:1
Người Rê-cáp
Đây là một nhóm người.
Nhà ta
Cụm từ này chỉ về đền thờ của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 35:3
Gia-a-xa-nia ... Ha-bát-si-nia ... Ha-nan ... Gi-đa-lia ... Ma-a-xê-gia ... Sa-lum
Đây là tên của những người nam.
Jeremiah 35:5
Rê-cáp
Xem cách đã dịch ở JER35:01
Giô-na-đáp ... Rê-cáp
Đây là tên của những người nam.
Sống nhiều ngày trong xứ
"Ngày" ở đây chỉ về khoảng thời gian.
Jeremiah 35:8
Tiếng của Giô-na-đáp
Từ “tiếng” ở đây chỉ về “mệnh lệnh”. Gợi ý dịch: "mệnh lệnh của Giô-na-đáp"
Trọn các ngày chúng tôi
"Ngày" ở đây chỉ về khoảng thời gian.
Jeremiah 35:12
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Các ngươi không tiếp nhận sự sửa dạy, và không nghe lời ta sao?
Câu hỏi này được dùng để quở trách dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Các ngươi sẽ không tiếp nhận sự sửa dạy và lắng nghe lời ta."
Giô-na-đáp ... Rê-cáp
Đây là tên của những người nam.
Lời của Giô-na-đáp, con trai Rê-cáp, truyền dạy con cháu không được uống rượu đã được tuân giữ
Gợi ý dịch: "Các con cháu của Giô-na-đáp, con trai Rê-cáp, đã tuân giữ mạng lệnh của cha mình mà không uống rượu."
Jeremiah 35:15
xoay bỏ con đường xấu xa và làm điều lành
Hai vế này có ý tương tự nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.
Đi theo các thần khác và thờ phượng chúng
Hai vế này có cùng một ý, được dùng chung để nhấn mạnh.
Các ngươi sẽ chẳng nghe ta hay để tâm đến ta
Hai vế này có cùng một ý, được dùng chung để nhấn mạnh.
Jeremiah 35:17
Nầy
Từ này hướng chúng ta đặc biệt chú ý vào câu sau.
Jeremiah 35:18
Rê-cáp
Đây là tên của một nhóm người. Xem cách đã dịch ở JER35:01
Giô-na-đáp ... Rê-cáp
Đây là tên của những người nam. Xem cách đã dịch ở JER35:05

Translation Questions

Jeremiah 35:1
Đức Giê-hô-va bảo Giê-rê-mi làm gì?
Đức GIê-hô-va bảo Giê-rê-mi đưa người Rê-cáp vào đền thờ và cho họ uống rượu.
Jeremiah 35:2
Đức Giê-hô-va bảo Giê-rê-mi làm gì?
Đức GIê-hô-va bảo Giê-rê-mi đưa người Rê-cáp vào đền thờ và cho họ uống rượu.
Jeremiah 35:5
Gia tộc Rê-cáp trả lời như thế nào khi họ được mời uống rượu?
Khi được mời rượu, người Rê-cáp không uống nó.
Jeremiah 35:6
Gia tộc Rê-cáp trả lời như thế nào khi họ được mời uống rượu?
Khi được mời rượu, người Rê-cáp không uống nó.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao người Rê-cáp từ chối uống rượu?
Người Rê-cáp không chịu uống bất kì rượu nào, vì tổ phụ của họ là Giô-na-đáp, con trai Rê-cáp đã truyền lệnh cho họ rằng: Không được uống bất kỳ loại rượu nào, cả ngươi và con cháu các ngươi, cũng vậy.
Jeremiah 35:7
Tại sao Giô-na-đáp truyền lệnh cho người Rê-cáp không xây nhà, gieo hạt hoặc trồng vườn nho?
Giô-na-đáp ra lệnh cho họ bởi vì họ sống trong lều.
Jeremiah 35:8
Người Rê-cáp đáp trả lệnh truyền của Giô-na-đáp như thế nào?
Người Rê-cáp chưa bao giờ uống rượu hay xây nhà.
Jeremiah 35:11
Người Rê-cáp đáp trả lệnh truyền của Giô-na-đáp như thế nào?
Người Rê-cáp chưa bao giờ uống rượu hay xây nhà.
Tại sao người Rê-cáp lại sống tại Giê-ru-sa-lem?
Vì họ trốn khỏi đạo binh của người Canh-đê và đạo binh của A-ram.
Jeremiah 35:12
Đức Giê-hô-va dùng người Rê-cáp như một ví dụ tích cực cho người GIu-đa như thế nào?
Đức Giê-hô-va muốn những người Giu-đa vâng theo lời Ngài giống như người Rê-cáp đã vâng theo lời của Giô-na-đáp.
Jeremiah 35:14
Đức Giê-hô-va dùng người Rê-cáp như một ví dụ tích cực cho người GIu-đa như thế nào?
Đức Giê-hô-va muốn những người Giu-đa vâng theo lời Ngài giống như người Rê-cáp đã vâng theo lời của Giô-na-đáp.
Jeremiah 35:15
Các tiên tri nói với người Giu-đa điều gì?
Các tiên tri bảo họ đừng làm điều ác nữa, bắt đầu làm điều có ích, đừng thờ lạy tà thần và trở lại xứ mình.
Jeremiah 35:17
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì bởi vì dân Giu-đa đã không vâng lời Ngài?
Đức Giê-hô-va sẽ giáng mọi tai vạ mà Ngài đã cảnh báo nghịch cùng họ.
Jeremiah 35:18
Đức Giê-hô-va đã hứa điều gì với gia đình Rê-cáp thông qua Giê-rê-mi?
Đức Giê-hô-va hứa rằng sẽ luôn luôn có một người từ gia đình họ hầu việc Ngài.
Jeremiah 35:19
Đức Giê-hô-va đã hứa điều gì với gia đình Rê-cáp thông qua Giê-rê-mi?
Đức Giê-hô-va hứa rằng sẽ luôn luôn có một người từ gia đình họ hầu việc Ngài.

Chapter 36
Jeremiah 36:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and
Xảy khi
"Xảy ra khi." Cụm từ này được dùng để đánh dấu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Vào năm thứ tư đời Giê-hô-gia-kim, con trai Giô-si-a, vua Giu-đa
Xem cách đã dịch ở JER25:01
Thì lời này
Cụm từ “lời này” chỉ về sứ điệp theo sau.
Mọi nước
"tất cả các nước"
Ta đã phán từ
"Ta đã phán với con từ"
Từ các ngày của Giô-si-a cho đến ngày nay
Gợi ý dịch: "từ thời Giô-si-a cho đến ngày nay"
Có lẽ dân Giu-đa
"Có lẽ người Giu-đa"
Ta định giáng trên chúng
"Ta sắp sửa làm cho chúng"
Có lẽ mọi người
"Để mỗi người"
Khỏi đường xấu xa của mình
Xem cách đã dịch ở JER18:11
Jeremiah 36:4
Ba-rúc ghi chép vào cuộn sách theo lời của Giê-rê-mi về mọi lời Đức Giê-hô-va phán với ông
"Trong khi Giê-rê-mi nói thì Ba-rúc chép vào cuộn sách mọi lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi"
Đọc từ cuộn sách
"đọc lớn từ cuộn sách" hoặc "công bố từ cuộn sách"
Theo lời tôi
"theo điều tôi nói"
Phải đọc
"Phải đọc lớn" hoặc "phải công bố"
Trước sự lắng nghe của mọi người trong nhà Ngài
"cho mọi người trong nhà Đức Giê-hô-va nghe"
Trước sự lắng nghe của hết thảy người Giu-đa đến từ các thành của họ
"để mọi người Giu-đa đến từ các thành của họ cũng nghe được"
Jeremiah 36:7
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục chỉ dẫn Ba-rúc.
Có lẽ
"Có thể"
Lời nài xin của họ
Từ “họ” chỉ về những người trong nhà Đức Giê-hô-va và người Giu-đa đến nhà Đức Giê-hô-va từ các thành của họ.
Lời nài xin của họ sẽ đến trước mặt Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ lưu tâm đến lời nài xin của họ."
Có lẽ mỗi người sẽ xoay bỏ đường lối xấu xa của mình
"Có thể họ sẽ ăn năn, mỗi người từ bỏ đường lối xấu xa của mình"
đường lối xấu xa của mình
Xem cách đã dịch ở JER18:11
Cơn thịnh nộ và tức giận
"cơn tức giận và thịnh nộ"
Jeremiah 36:9
Xảy khi
Xem cách đã dịch ở JER36:01
Vào năm thứ năm, tháng thứ chín
Đây là tháng thứ chín của lịch Hê-bơ-rơ, tức là vào cuối tháng mười một và đầu tháng mười hai của lịch phương Tây. Gợi ý dịch: "vào tháng thứ chín, năm thứ năm."
Giê-hô-gia-kim, con trai Giô-si-a, vua Giu-đa
Xem cách đã dịch ở JER25:01

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

công bố kỳ kiêng ăn
"kêu gọi mọi người tham dự kỳ kiêng ăn"
Ghê-ma-ria, con trai Sa-phan
Đây là tên của một người.
Thư ký
"là một thư ký"
Cổng dẫn vào nhà Đức Giê-hô-va
"lối vào qua cổng mới của nhà Đức Giê-hô-va"
Ông làm như vậy
Ông đọc lớn lời của Giê-rê-mi.
Trước sự lắng nghe của
Xem cách đã dịch cụm từ “trong tai của Giê-ru-sa-lem” ở JER02:01
Jeremiah 36:11
Mi-chê
Đây là tên người.
Mi-chê, con trai Ghê-ma-ria, con trai Sa-phan
"Mi-chê là con trai Ghê-ma-ria, con trai của Sa-phan"
phòng thư ký
"phòng của người thư ký"
Nầy
Từ “nầy” thêm nhấn mạnh cho câu theo sau.
Ê-li-sa-ma ... Đê-la-gia
Đây là tên người.
Sê-ma-gia
Xem cách đã dịch ở JER26:20
Ên-na-than con trai Ạc-bồ
Xem cách đã dịch ở JER26:22
Ghê-ma-ria con trai Sa-phan
Xem cách đã dịch ở JER36:09
Sê-đê-kia
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Ha-na-nia
Xem cách đã dịch ở JER28:01
và hết thảy các quan trưởng
"và hết thảy các quan trưởng khác"
Jeremiah 36:13
Mi-chê
Xem cách đã dịch ở JER36:11
thuật cho họ
Từ “họ” chỉ về các quan trưởng ở JER36:11
Trước sự lắng nghe của dân chúng
"để dân chúng nghe"
Giê-hu-đi ... Nê-tha-nia ... Sê-lê-mia ... Cu-si
Đây là tên người.
Đọc cuộn sách
"đọc cuộn sách lớn tiếng"
Jeremiah 36:16
Xảy khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Khi họ nghe
Từ “họ” ở đây chỉ về các quan trưởng.
tất cả những lời này
Những lời Ba-rúc đọc lên từ cuộn sách
làm sao ông chép được
"ông đã chép như thế nào"
Theo lời của Giê-rê-mi
Xem cách đã dịch ở JER36:04
Đọc
Giê-rê-mi nói lớn để Ba-rúc chép xuống.
Chép bằng mực
"dùng mực chép chúng"
Mực
Loại thuốc nhuộm màu tối được dùng để viết
Và cả Giê-rê-mi
Gợi ý dịch: "và Giê-rê-mi cũng hãy trốn đi."
Nơi các ông ở
Từ “các ông” chỉ về Ba-rúc và Giê-rê-mi.
Jeremiah 36:20
Rồi họ
Từ “họ” chỉ về các quan trưởng.
Gửi cuộn sách ở phòng Ê-li-sa-ma
"để cuộn sách an toàn ở phòng Ê-li-sa-ma"
thư ký Ê-li-sa-ma
Xem cách đã dịch ở JER36:11
Những lời này
Những lời trong cuộn sách mà Giê-rê-mi đã đọc cho Ba-rúc
Giê-hu-đi
Xem cách đã dịch ở JER36:13
Vào tháng thứ chín
Đây là tháng thứ chín trong lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối mùa gieo hạt và bắt đầu mùa lạnh, tức là cuối tháng mười một và đầu tháng mười hai của lịch phương Tây.
Và một lò sưởi đốt cháy ở trước mặt vua
"và một lò sưởi cháy rực trước mặt vua"
một lò sưởi
Một lò sưởi mà người ta có thể di chuyển được
Jeremiah 36:23
Xảy khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Giê-hu-đi
Xem cách đã dịch ở JER36:13
cột
Đây là những cột chữ trong cuộn sách
Cắt nó đi
"cắt rời phần đó ra"
Dùng dao
"dùng dao của thư ký" hoặc "dùng loại dao mà người thư ký dùng"
Lò sưởi
Xem cách đã dịch ở JER36:20
Đến khi toàn bộ cuộn sách bị thiêu hủy
"đến khi cuộn sách hoàn toàn bị thiêu rụi"
tất cả những lời đó
Những lời từ cuộn sách mà Ba-rúc viết theo lời Giê-rê-mi đọc
Họ cũng không xé áo mình
Người ta xé áo khi họ vô cùng buồn rầu. Gợi ý dịch: "họ cũng không than khóc mà xé áo mình."
Jeremiah 36:25
Ên-na-than, Đê-la-gia và Ghê-ma-ria
Xem cách đã dịch ở JER36:11
Nài xin vua
"cầu xin vua" hoặc "khẩn nài vua"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-rác-mê-ên ... Sê-ra-gia ... Át-ri-ên ... Sê-lê-mia ... Áp-đê-ên
Đây là tên của những người nam.
Bà con
"bà con của vua"
Jeremiah 36:27
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Theo lời Giê-rê-mi
Xem cách đã dịch ở JER36:04
Hãy trở lại, lấy một cuộn sách khác
"Hãy lấy lại một cuộn sách khác"
Cuộn sách ban đầu
"cuộn sách thứ nhất"
Sao ngươi dám chép
Giê-hô-gia-kim dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng lẽ ra Giê-rê-mi không nên viết rằng vua Ba-by-lôn sẽ đến và tấn công. Gợi ý dịch: "Lẽ ra ngươi không nên viết" hoặc "Ngươi thật xằng bậy khi viết."
Vì vua ấy sẽ tiêu diệt
"và vua ấy sẽ tiêu diệt"
Jeremiah 36:30
Sẽ ngồi trên ngai Đa-vít
Gợi ý dịch: "sẽ cai trị như người thừa kế của Đa-vít." Xem cách đã dịch cụm từ “ngồi trên ngai Đa-vít” ở JER29:15
xác ngươi sẽ bị ném ra
Gợi ý dịch: "người ta sẽ ném xác ngươi ra ngoài."
xác ngươi
"xác chết của ngươi"
Cho cái nóng ban ngày
"để nó bị phơi ra dưới cái nóng khô ban ngày"
Hết thảy các ngươi
"tất cả các ngươi"
Jeremiah 36:32
Theo lời Giê-rê-mi
Xem cách đã dịch ở JER36:04
Bị Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa đốt
"mà Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa đã đốt trong lửa"
Hơn nữa còn có nhiều lời tương tự được thêm vào cuộn sách này
Gợi ý dịch: "Hơn nữa, Giê-rê-mi và Ba-rúc còn thêm nhiều lời khác tương tự những lời đã được viết trong cuộn sách thứ nhất."

Translation Questions

Jeremiah 36:1
Tại sao Đức Giê-hô-va muốn Giê-rê-mi viết những lời của Ngài vào một cuốn sách?
Đức Giê-hô-va muốn Giê-rê-mi viết những lời của Ngài vào một cuốn sách để dân Giu-đa được nghe lời của Đức Giê-hô-va và Đức Giê-hô-va có thể tha tội cho họ.
Jeremiah 36:3
Tại sao Đức Giê-hô-va muốn Giê-rê-mi viết những lời của Ngài vào một cuốn sách?
Đức Giê-hô-va muốn Giê-rê-mi viết những lời của Ngài vào một cuốn sách để dân Giu-đa được nghe lời của Đức Giê-hô-va và Đức Giê-hô-va có thể tha tội cho họ.
Jeremiah 36:4
Giê-rê-mi truyền cho Ba-rúc làm gì?
Giê-rê-mi chỉ thị cho Ba-rúc lấy quyển sách bằng lời của Giê-rê-mi và đọc nó cho gia đình của Ba-rúc và cho dân Giu-đa nghe.
Jeremiah 36:6
Giê-rê-mi truyền cho Ba-rúc làm gì?
Giê-rê-mi chỉ thị cho Ba-rúc lấy quyển sách bằng lời của Giê-rê-mi và đọc nó cho gia đình của Ba-rúc và cho dân Giu-đa nghe.
Jeremiah 36:7
Tại sao Giê-rê-mi muôn Ba-rúc đọc cuốn sách?
Giê-rê-mi hy vọng rằng mọi người sẽ lắng nghe và từ bỏ con đường tội ác của họ.
Jeremiah 36:8
Tại sao Giê-rê-mi muôn Ba-rúc đọc cuốn sách?
Giê-rê-mi hy vọng rằng mọi người sẽ lắng nghe và từ bỏ con đường tội ác của họ.
Jeremiah 36:9
Điều gì xảy ra trong thời gian ngắn để rao sự kiêng ăn tôn vinh Đức Giê-hô-va?
Ba-rúc đọc những lời của Giê-rê-mi tại đền thờ để mọi người có thể nghe chúng.
Jeremiah 36:10
Điều gì xảy ra trong thời gian ngắn để rao sự kiêng ăn tôn vinh Đức Giê-hô-va?
Ba-rúc đọc những lời của Giê-rê-mi tại đền thờ để mọi người có thể nghe chúng.
Jeremiah 36:12
Mi-chê đã làm gì khi nghe Ba-rúc đọc những lời từ cuốn sách?
Ông đến phòng thư ký trong cung vua.
Jeremiah 36:13
Các quan trưởng làm gì khi họ nghe lời báo cáo của Mi-chê?
Họ sai Giê-hu-đi gọi Ba-rúc đến với họ, và Ba-rúc đọc cuốn sách cho họ.
Jeremiah 36:14
Các quan trưởng làm gì khi họ nghe lời báo cáo của Mi-chê?
Họ sai Giê-hu-đi gọi Ba-rúc đến với họ, và Ba-rúc đọc cuốn sách cho họ.
Jeremiah 36:16
Điều gì xảy ra sau khi Ba-ruc đọc từ cuốn sách?
Những người nghe tiếng Ba-rúc đọc thì sợ hãi và quyết định phải báo những lời này cho vua.
Jeremiah 36:17
Các quan trưởng khuyên Ba-rúc điều gì sau khi ông nói với họ rằng ông đã viết những lời của Giê-rê-mi vào quyển sách?
Họ bảo ông rằng ông và Giê-rê-mi cần ẩn đi và đừng cho ai biết mình đang ở đâu.
Jeremiah 36:19
Các quan trưởng khuyên Ba-rúc điều gì sau khi ông nói với họ rằng ông đã viết những lời của Giê-rê-mi vào quyển sách?
Họ bảo ông rằng ông và Giê-rê-mi cần ẩn đi và đừng cho ai biết mình đang ở đâu.
Jeremiah 36:23
Nhà vua đáp ứng việc đọc sách của Giê-hu-đi như thế nào?
Nhà vua cắt cuốn sách mà Giê-hu-đi đã đọc và ném chúng vào lửa cho đến khi sách cháy hết và bị phá hủy.
Jeremiah 36:24
Nhà vua và các đầy tớ của người cho thấy họ sẽ không tuân theo những lời trong cuốn sách như thế nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ không sợ hãi, cũng không xé quần áo.
Jeremiah 36:25
Nhà vua làm gì khi những người đầy tớ can gián vua đừng đốt cuốn sách?
Ông không nghe họ.
Jeremiah 36:27
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi điều gì sau khi vua đốt xong cuốn sách?
Ngài phán với Giê-rê-mi rằng Ba-rúc hãy viết một cuốn sách khác tất cả những gì đã chép trong quyển sách trước.
Jeremiah 36:29
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi điều gì sau khi vua đốt xong cuốn sách?
Ngài phán với Giê-rê-mi rằng Ba-rúc hãy viết một cuốn sách khác tất cả những gì đã chép trong quyển sách trước.
Jeremiah 36:30
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì Giê-hô-gia-kim?
Ngài phán rằng Ngài sẽ không để bất cứ ai trong dòng dõi Giê-hô-gia-kim lên làm vua và chắc chắn rằng sẽ không có ai chôn xác của Giê-hô-gia-kim.
Jeremiah 36:31
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì Giê-hô-gia-kim?
Ngài phán rằng Ngài sẽ không để bất cứ ai trong dòng dõi Giê-hô-gia-kim lên làm vua và chắc chắn rằng sẽ không có ai chôn xác của Giê-hô-gia-kim.

Chapter 37
Jeremiah 37:1
Giê-hô-gia-kin
Bản Hê-bơ-rơ viết là “Cô-nia”, là một cách gọi khác của “Giê-hô-gia-kin”. Nhiều bản hiện đại dùng “Giê-hô-gia-kin” để cho biết đó là cùng một bị vua được nhắc đến.
Của xứ
"của xứ Giu-đa"
Ngài phán
"Đức Giê-hô-va phán"
Bởi tay tiên tri Giê-rê-mi
Gợi ý dịch: "qua Giê-rê-mi là tiên tri."
Jeremiah 37:3
Giê-hu-can
Đây là tên của một người.
Sê-lê-mia
Xem cách đã dịch ở JER36:13
Sô-phô-ni, con trai thầy tế lễ Ma-a-sê-gia
Xem cách đã dịch ở JER21:01
Vì chúng tôi
"cho chúng tôi" hoặc "vì ích lợi cho chúng tôi." Từ “chúng tôi” chỉ về vua Sê-đê-kia và toàn bộ dân Giu-đa.
Giê-rê-mi còn đang đi lại giữa dân chúng
Gợi ý dịch: "Giê-rê-mi có thể đi bất kì đâu ông muốn với bất kì ai."
Vì ông chưa bị bỏ tù
"vì không ai bỏ tù ông"
Kéo ra
"xuất chinh"
Bao vây
Xem cách đã dịch ở JER32:01
Jeremiah 37:6
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
Các ngươi hãy nói
Từ “các ngươi” chỉ về hai người vua Sê-đê-kia sai đến gặp Giê-rê-mi, đó là Giê-hu-can, con trai Sê-lê-mia, và Sô-phô-ni, con trai thầy tế lễ Ma-a-sê-gia.
Thỉnh vấn ta
Từ “ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.
Nầy
Từ này nhấn mạnh cho câu theo sau. Gợi ý dịch: "Thật"
Chúng sẽ đánh, chiếm và đốt thành
So sánh với cách đã dịch cụm từ “gây chiến, chiếm và đốt thành” ở JER34:20
Jeremiah 37:9
đừng tự dối mình
Từ “mình” chỉ về vua Sê-đê-kia và toàn bộ dân Giu-đa.
Quân Canh-đê chắc chắn sẽ rút khỏi chúng ta
Dân Giu-đa nghĩ họ sẽ được an toàn vì người Canh-đê đã rút đi. Gợi ý dịch: "Chắc chắn người Canh-đê sẽ rút quân, vì thế chúng ta sẽ được an toàn."
Chúng sẽ trỗi dậy
"những người bị thương sẽ đứng dậy"
Jeremiah 37:11
Lúc ấy
"Xảy khi." Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Vùng đất
"miếng đất" hoặc "một số đất”
Giữa dân mình
"giữa các bà con mình”. Giê-rê-mi xuất thân từ A-na-tốt trong đất Bên-gia-min. (Xem: JER01:01
cổng Bên-gia-min
Đây là tên cổng.
Gi-rê-gia
Đây là tên người.
Sê-lê-mia
Xem cách đã dịch ở JER36:13
Ha-na-nia
Xem cách đã dịch ở JER28:01
Bỏ trốn sang quân Canh-đê
"trốn chạy sang quân Canh-đê"
Jeremiah 37:14
Không phải
"Láo" hoặc "Nói láo"
Không bỏ trốn
"không trốn chạy"
Gi-rê-gia
Xem cách đã dịch ở JER37:11
Các quan trưởng
Xem cách đã dịch ở JER01:17
Tức giận
"vô cùng tức giận" hoặc "tức tối"
thư ký Giô-na-than
"Giô-na-than là thư ký." Đây là tên một người.
Jeremiah 37:16
Giê-rê-mi bị nhốt dưới hầm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gợi ý dịch: "các quan trưởng nhốt Giê-rê-mi vào một căn phòng ở dưới hầm"

Đem ông

"đem Giê-rê-mi"

Nhà mình

"cung điện của vua Sê-đê-kia"

Vua sẽ bị nộp

Từ “vua” chỉ về vua Sê-đê-kia và dân chúng của vua.

nộp vào tay vua Ba-by-lôn

Xem cách đã dịch ở JER32:03

Jeremiah 37:18

Tôi đã phạm tội gì cùng vua ... tù?

Giê-rê-mi dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông không làm gì sai trái cả. Gợi ý dịch: "Tôi không làm gì sai trái cùng vua ... tù."

dân này

Dân của vương quốc Giu-đa

Đã bỏ

"đã tống"

Các nhà tiên tri của vua đã nói tiên tri rằng ... đánh đất nầy,' ở đâu rồi?

Giê-rê-mi dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng các tiên tri khác nói dối còn ông thì không làm gì sai cả vì ông đã nói sự thật. Gợi ý dịch: "các nhà tiên tri của vua đã nói tiên tri rằng ... đánh đất nầy rõ ràng là xăng bậy, nhưng bây giờ đã rõ là tôi nói sự thật”.

Các nhà tiên tri của vua

Từ “của vua” chỉ về vua Sê-đê-kia và những người khác trong vương quốc Giu-đa.

sẽ không đến đánh các ngươi hay đánh đất nầy

"sẽ không tấn công các ngươi hay tấn công đất này"

lời nài xin của tôi đến trước mặt vua

So sánh với cách đã dịch câu “sự nài xin của họ sẽ đến trước mặt Đức Giê-hô-va” ở JER36:07

nhà thư ký Giô-na-than

Xem cách đã dịch ở JER37:14

Jeremiah 37:21

Của vệ binh

"của những người vệ binh"

Một ổ bánh mì cho ông

"các đầy tớ của vua cũng cho Giê-rê-mi một ổ bánh mì"

từ phố hàng bánh

"từ phố những thợ làm bánh làm việc"

Translation Questions

Jeremiah 37:1

Ai lập Sê-đê-kia lên làm vua?

Nê-bu-cát-nết-sa lập người lên làm vua.

Vua Sê-đê-kia phản ứng lại cùng Giê-rê-mi như thế nào khi ông tuyên bố về những lời của Đức Giê-hô-va?

Sê-đê-kia không nghe những lời của Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 37:2

Vua Sê-đê-kia phản ứng lại cùng Giê-rê-mi như thế nào khi ông tuyên bố về những lời của Đức Giê-hô-va?

Sê-đê-kia không nghe những lời của Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 37:3

Vua Sê-đê-kia và Sô-phô-ni xin Giê-rê-mi làm gì cho họ?

Họ xin Giê-rê-mi vì họ mà cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 37:5

Tại sao người Canh-đê (người Ba-by-lôn) rời khỏi Giê-ru-sa-lem?

Họ muốn tránh khỏi đạo quân của Pha-ra-ôn, họ đã tiến ra khỏi Ai-cập.

Jeremiah 37:6

Đức Giê-hô-va phán bảo Giê-rê-mi sẽ xảy ra điều gì sau khi đạo quân Pha-ra-ôn trở về xứ Ê-díp-tô.

Ngài phán rằng người Canh-đê sẽ trở lại, đánh thành, chiếm lấy và đốt đi.

Jeremiah 37:7

Tại sao đạo quân Pha-ra-ôn lại ra khỏi Ai-cập?

Vì họ đến để giúp dân Giu-đa chiến đấu với người Canh-đê.

Jeremiah 37:8

Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi điều gì sẽ xảy ra sau khi đạo quân Pha-ra-ôn trở về xứ Ê-díp-tô?

Ngài phán rằng người Canh-đê sẽ trở lại, đánh thành, chiếm lấy và đốt đi.

Jeremiah 37:11

Tại sao Giê-rê-mi rời khỏi Giê-ru-sa-lem?

Ông rời khỏi để nhận lấy phần đất đai.

Jeremiah 37:12

Tại sao Giê-rê-mi rời khỏi Giê-ru-sa-lem?

Ông rời khỏi để nhận lấy phần đất đai.

Jeremiah 37:13

Gi-rê-gia nghĩ Giê-rê-mi sẽ làm gì?

Gi-rê-gia nghĩ rằng Giê-rê-mi đang định họ họ để đi theo người Canh-đê (người Ba-by-lôn).

Jeremiah 37:14

Gi-rê-a làm gì khi Giê-rê-mi nói với ông ta rằng Giê-rê-mi không đầu hàng người Canh-đê?

Gi-rê-a đưa Giê-rê-mi đến các quan trưởng, họ đánh đòn ông và giam ông trong ngục.

Jeremiah 37:15

Gi-rê-a làm gì khi Giê-rê-mi nói với ông ta rằng Giê-rê-mi không đầu hàng người Canh-đê?

Gi-rê-a đưa Giê-rê-mi đến các quan trưởng, họ đánh đòn ông và giam ông trong ngục.

Jeremiah 37:16

Giê-rê-mi đáp lời vua Sê-đê-kia như thế nào khi Sê-đê-kia hỏi Giê-rê-mi về lời của Đức Giê-hô-va.

Giê-rê-mi đáp lời vua Sê-đê-kia rằng Đức Giê-hô-va sẽ phó Sê-đê-kia cho vua Ba-by-lôn.

Jeremiah 37:17

Giê-rê-mi đáp lời vua Sê-đê-kia như thế nào khi Sê-đê-kia hỏi Giê-rê-mi về lời của Đức Giê-hô-va.

Giê-rê-mi đáp lời vua Sê-đê-kia rằng Đức Giê-hô-va sẽ phó Sê-đê-kia cho vua Ba-by-lôn.

Jeremiah 37:18

Tại sao Giê-rê-mi không muốn trở lại nhà thơ ký Giô-na-than?

Ông sợ rằng ông sẽ chết ở đó.

Jeremiah 37:20

Tại sao Giê-rê-mi không muốn trở lại nhà thơ ký Giô-na-than?

Ông sợ rằng ông sẽ chết ở đó.

Jeremiah 37:21

Vua Sê-đê-kia đáp trả lời khẩn xin của Giê-rê-mi như thế nào?

Ông đã để các đầy tớ của mình đưa Giê-rê-mi vào trong hành lang của lính canh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 38

Jeremiah 38:1

Sê-pha-tia ... Manh-ki-gia

Tất cả những tên gọi trong danh sách này đều chỉ về những người nam.

sẽ bị giết bởi gươm đao, đói kém và dịch bệnh

"sẽ chết bởi gươm đao, đói kém và dịch bệnh"

Người sẽ thoát mạng

Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở JER21:08

Thành nầy sẽ rơi vào tay đạo quân của vua Ba-by-lôn

"Ta sẽ để quân đội của vua Ba-by-lôn xâm chiếm Giê-ru-sa-lem"

vua ấy sẽ chiếm thành

"quân đội của vua ấy sẽ chiếm thành"

Jeremiah 38:4

Ông ta làm cho tay của lính chiến ở lại trong thành và của cả dân sự ra yếu đuối

Gợi ý dịch: "ông ta khiến quân lính và hết thảy dân chúng trong thành nản lòng"

vì người nầy không tìm sự an ninh cho dân này, nhưng tìm sự tai họa.

Gợi ý dịch: "vì Giê-rê-mi không tìm cách giúp đỡ dân này mà tìm cách hại dân này"

Nầy, nó đang ở trong tay các ngươi

Từ “nầy” thêm nhấn mạnh cho câu theo sau. Gợi ý dịch: "Kìa, các ngươi có quyền trên nó"

Jeremiah 38:6

Thả ông xuống hố

Đây là một cái hố sâu ở dưới đất được dùng để thâu trữ nước mưa. Gợi ý dịch: "cho ông xuống hố"

Họ dùng dây thả Giê-rê-mi xuống

Câu này cho biết họ “thả” ông xuống hố như thế nào.

Jeremiah 38:7

Ê-bết Mê-lết, người Cút

Đây là tên của một người nam từ xứ Cút.

Bấy giờ vua

Ở đây từ “bấy giờ” đánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện chính để người kể đưa ra bối cảnh vua đang làm gì.

ngồi tại cổng Bên-gia-min

Có thể Sê-đê-kia đang nghe và xử các vụ kiện.

cổng Bên-gia-min

Đây là lối vào thành Giê-ru-sa-lem được đặt theo tên của Bên-gia-min, con trai Gia-cốp.

Jeremiah 38:10

Ba mươi người

Gợi ý dịch: "30 người"

Đưa chúng xuống bằng dây thừng

"dùng dây thừng thả chúng xuống"

Jeremiah 38:12

Và ở đầu dây thừng

"và vòng quanh dây thừng"

Họ kéo Giê-rê-mi

Từ “họ” ở đây chỉ về một số người trong số ba mươi người đi với Ê-bết Mê-lết.

Jeremiah 38:14

Nếu tôi trả lời cho vua biết, liệu vua không giết tôi sao?

Giê-rê-mi dùng câu hỏi này để thể hiện ông tin rằng vua sẽ giết ông nếu ông trả lời trung thực. Gợi ý dịch: "Nếu tôi nói cho vua biết sự thật, vua chắc chắn sẽ giết tôi"

Như Đức Giê-hô-va hằng sống, là Đấng tạo dựng chúng ta

Vua nói như vậy để nhấn mạnh rằng điều vua sắp nói là thật. Gợi ý dịch: "Thật như Đức Giê-hô-va, Đấng tạo dựng chúng ta, hằng sống, thật”

ta sẽ không ... phó ngươi vào tay những kẻ đó

Từ “tay” ở đây chỉ về sự kiểm soát và thế lực của những người đó. Gợi ý dịch: "Ta sẽ không ... để những kẻ đó bắt ngươi"

tìm hại mạng sống ngươi

Gợi ý dịch: "tìm cách giết ngươi"

Jeremiah 38:17

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên"

thành nầy sẽ không bị thiêu hủy

Gợi ý dịch: "quân Ba-by-lôn sẽ không thiêu hủy thành này"

thành nầy sẽ rơi vào tay người Canh-đê

Gợi ý dịch: "Ta sẽ để người Canh-đê xâm chiếm thành này"

ngươi sẽ không thoát khỏi tay chúng

Gợi ý dịch: "ngươi sẽ không thoát khỏi sức mạnh của chúng"

Jeremiah 38:19

Ta sẽ bị nộp vào tay chúng

Từ “tay” ở đây có nghĩa là “sự kiểm soát” và “thế lực”. Gợi ý dịch: "người Canh-đê sẽ nộp ta cho người giu-đa"

Để chúng ngược đãi ta

Từ “chúng” ở đây chỉ về người Giu-đa.

Jeremiah 38:20

Họ sẽ không nộp vua cho chúng đâu

"Người Canh-đê sẽ không nộp vua cho người giu-đa đâu." Ở đây “vua” chỉ về vua Sê-đê-kia.

đây là điều Đức Giê-hô-va tỏ cho tôi

Từ “đây” chỉ về điều Giê-rê-mi sẽ nói sau đó.

Jeremiah 38:22

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi tiếp tục nói với vua Sê-đê-kia.

Tất cả phụ nữ còn lại ... sẽ bị đem ra cho các tướng lãnh của vua Ba-by-lôn

Gợi ý dịch: "Các binh lính sẽ đem tất cả những phụ nữ còn lại ... ra cho các tướng lãnh của vua Ba-by-lôn"

Vua đã bị bạn bè lừa gạt

Gợi ý dịch: "Bạn bè vua đã lừa gạt vua"

chân vua đã lún sâu trong bùn

Có nghĩa là vua lâm vào tình thế khó khăn hay vô vọng.

Tất cả vợ con của vua sẽ bị giải nộp cho người Canh-đê

Gợi ý dịch: "Quân lính sẽ đem vợ con vua ra cho người Canh-đê"

sẽ không thoát khỏi tay chúng

Gợi ý dịch: "sẽ không thoát khỏi quyền lực của chúng"

Vua sẽ bị bắt bởi tay vua Ba-by-lôn và thành này sẽ bị thiêu hủy

Từ “tay” ở đây chỉ về quyền lực hay quân đội của vua. Gợi ý dịch: "Quân đội của vua Ba-by-lôn sẽ bắt vua và đốt thành"

Jeremiah 38:24

Giô-na-than

Xem cách đã dịch ở JER37:14

Jeremiah 38:27

Cho đến ngày Giê-ru-sa-lem thất thủ

Gợi ý dịch: "cho đến ngày quân Ba-by-lôn chiếm được Giê-ru-sa-lem"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Jeremiah 38:2

Điều gì sẽ xảy ra với những người ở ai trong thành?

Họ sẽ chết bởi gươm dao, đói kém và ôn dịch.

Mọi người muốn được sống thì có thể làm gì?

Họ có thể giữ mạng sống bằng cách đi đến cùng người Canh-đê.

Jeremiah 38:3

Chuyện gì sẽ xảy ra với thành phố?

Người Canh-đê (người Ba-by-lôn) sẽ chiếm lấy nó.

Jeremiah 38:4

Tại sao các quan trưởng muốn Giê-rê-mi chết?

Họ muốn Giê-rê-mi chết bởi vì ông đã nói với những người lính hãy đầu hàng người Canh-đê.

Jeremiah 38:6

Các quan trưởng đã làm gì Giê-rê-mi?

Họ đặt ông vào trong một cái hố.

Jeremiah 38:7

Ê-bết-Mê-lết đã nói với nhà vua điều gì về Giê-rê-mi?

Ông nói với nhà vua rằng các quan chức đã làm điều ác theo cách mà họ đối xử với tiên tri Giê-rê-mi. Họ ném ông vào một cái hố để ông chết vì đói.

Jeremiah 38:8

What did Ebed Melech tell the king concerning Jeremiah?

He told the king, the officials had done evil with the way they treated Jeremiah the prophet. They threw him into a cistern for him to die in it from hunger.

Jeremiah 38:10

Vua Sê-đê-kia đã truyền điều gì cho Ê-bết-Mê-lết về Giê-rê-mi?

Vua Sê-đê-kia truyền cho Ê-bêt-Nê-lết đem theo ba mươi người mang Giê-rê-mi ra khỏi hố trước khi Giê-rê-mi chết.

Jeremiah 38:15

Giê-rê-mi nghĩ rằng vua Sê-dê-kia sẽ làm gì nếu Giê-rê-mi nói với ông sự thật?

Ông nghĩ vua Sê-đê-kia sẽ giết ông.

Jeremiah 38:16

Vua Sê-đê-kia thuyết phục Giê-rê-mi cho ông biết câu trả lời bằng cách nào?

Sê-đê-kia thề bởi Đức Giê-hô-va rằng ông sẽ không giết GIê-rê-mi.

Jeremiah 38:17

Giê-rê-mi đã nói gì với cua Sê-đê-kia?

Giê-rê-mi nói với Sê-đê-kia rằng nếu ông đầu hàng người Canh-đê thì ông sẽ sống, nhưng nếu ông không làm như vậy, thì ông và thành phố sẽ bị phá hủy.

Jeremiah 38:18

Giê-rê-mi đã nói gì với cua Sê-đê-kia?

Giê-rê-mi nói với Sê-đê-kia rằng nếu ông đầu hàng người Canh-đê thì ông sẽ sống, nhưng nếu ông không làm như vậy, thì ông và thành phố sẽ bị phá hủy.

Jeremiah 38:19

Tại sao vua Sê-đê-kia sợ dân Giu-đa, họ đã đầu hàng người Canh-đê?

Ông sợ rằng Nê-bu-cát-nết-sa sẽ cho phép họ làm điều ác với ông.

Jeremiah 38:20

Giê-rê-mi cho cua Sê-đê-kia sự bảo đảm gì?

Ông nói với vua Sê-đê-kia rằng nếu Sê-đê-kia vâng theo tiếng của Đức Giê-hô-va thì Nê-bu-cát-nết-sa sẽ không để cho dân sự làm điều xấu với Sê-đê-kia.

Jeremiah 38:22

Những người phụ nữ sẽ làm gì nếu Sê-đê-kia từ chối đi ra ngoài?

Họ sẽ khiển trách và chế giễu ông.

Jeremiah 38:23

Những người phụ nữ sẽ làm gì nếu Sê-đê-kia từ chối đi ra ngoài?

Họ sẽ khiển trách và chế giễu ông.

Jeremiah 38:24

Sê-đê-kia đã nói gì Giê-rê-mi để ông nói với bất kì ai hỏi ông về điều mà ông và Sê-đê-kia đã nói đến?

Ông nói với Giê-rê-mi phải nói với họ rằng Giê-rê-mi đã nài xin ông đừng để Giê-rê-mi chết ở nhà của Giô-na-than.

Jeremiah 38:26

Sê-đê-kia đã nói gì Giê-rê-mi để ông nói với bất kì ai hỏi ông về điều mà ông và Sê-đê-kia đã nói đến?

Ông nói với Giê-rê-mi phải nói với họ rằng Giê-rê-mi đã nài xin ông đừng để Giê-rê-mi chết ở nhà của Giô-na-than.

Jeremiah 38:27

Điều gì sẽ xảy ra khi các quan trưởng đến nhà Giu-đa để tra hỏi Giê-rê-mi?

Giê-rê-mi kể cho họ nghe điều mà Sê-đê-kia nói với ông.

Jeremiah 38:28

Điều gì sẽ xảy ra khi các quan trưởng đến nhà Giu-đa để tra hỏi Giê-rê-mi?

Giê-rê-mi kể cho họ nghe điều mà Sê-đê-kia nói với ông.

Chapter 39

Jeremiah 39:1

Vào năm thứ chín, tháng thứ mười của triều Sê-đê-kia, vua Giu-đa

Đây là tháng thứ mười trong lịch Hê-bơ-rơ, tức là cuối tháng mười hai, đầu tháng một của lịch phương Tây. Gợi ý dịch: "Vào tháng thứ mười, năm thứ chín Sê-đê-kia làm vua Giu-đa."

Thứ chín ... thứ mười ... thứ mười một ... thứ tư

Xem:

Vào năm thứ mười một, tháng thứ tư của Sê-đê-kia, vào ngày thứ chín của tháng

Đây là tháng thứ tư của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ mười một nhằm vào gần đầu tháng bảy của lịch phương Tây. Gợi ý dịch: "Vào ngày thứ chín, tháng thứ tư, năm thư mười một Sê-đê-kia làm vua."

Nẹt-gan Sa-rết-sê, Sam-ga Nê-bô và Sa-sê-kim

Đây là tên của những người nam.

ở cổng giữa

"ở lối giữa dẫn vào thành." Các nhà lãnh đạo thường ngồi tại cổng thành để thảo luận những vấn đề quan trọng.

Jeremiah 39:4

Đang đêm họ ra khỏi thành theo con đường vườn vua

"Đang đêm họ rời khỏi thành theo con đường trong vườn vua"

Đồng bằng của thung lũng sông Giô-đanh

Đây là đồng bằng ở cuối thung lũng về phía nam.

tại Líp-la trong đất Ha-mát

Líp-la là một thành trong địa phận Ha-mát, thuộc Sy-ri.

đuổi theo họ và bắt

"đi theo và bắt"

xét xử vua

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"quyết định trừng phạt vua thế nào"
Jeremiah 39:6
Trước mắt vua ấy
Gợi ý dịch: "vua chứng kiến họ làm việc đó"
Vua móc mắt Sê-đê-kia
"người của vua làm cho Sê-đê-kia bị mù" hoặc "người của vua làm mù mắt Sê-đê-kia"
Jeremiah 39:8
Nê-bu-xa-a-dan
Đây là tên người.
Các vệ binh của vua
"Các vệ binh của Nê-bu-cát-nết-sa"
dân còn sót lại trong thành
"dân còn lại trong thành"
Jeremiah 39:11
Nê-bu-sa-ban ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam ... Sa-phan
Đây là tên của những người nam.
Sai người đi
"sai người đưa Giê-rê-mi"
giữa dân chúng
"giữa dân còn sót lại ở Giu-đa"
Jeremiah 39:15
Thông Tin Tổng Quát:
Câu chuyện này xảy ra trước các sự kiện ở đầu chương.
Bấy giờ
Từ này đánh dấu một phần mới của câu chuyện.
lời Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi ... Ngài phán
"Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi. Ngài phán"
Ê-bết Mê-lết, người Cút
Xem cách đã dịch ở JER38:07
Ta sắp thực hiện lời ta phán về thành nầy để giáng họa chứ không phải ban phước
"Ta sắp đem tai họa giáng trên thành này như ta đã phán"
Vì chúng sẽ thành sự thật trước mặt ngươi vào ngày đó
"Vì ngươi sẽ thấy chúng đều sẽ xảy ra vào ngày đó"
Jeremiah 39:17
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Giê-rê-mi.
Ngày đó
Chỉ về ngày quân Ba-by-lôn chọc thủng tường thành Giê-ru-sa-lem để tiêu diệt thành phố.
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
ngươi sẽ không bị nộp vào tay những kẻ ngươi sợ
“Tay” ở đây chỉ về thế lực và sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "những người ngươi sợ sẽ không làm hại ngươi"
ngươi sẽ không ngã dưới lưỡi gươm
Gợi ý dịch: "Sẽ không ai dùng gươm giết ngươi"
Ngươi sẽ thoát mạng vì ngươi tin cậy ta
"Phần thưởng cho ngươi vì tin cậy ta là không bị giết"

Translation Questions

Jeremiah 39:1
Ai đã đến với đội quân của mình để chống lại Giê-ru-sa-lem và tấn công thành?
Nê-bu-cát-nết-sa đã làm.
Jeremiah 39:2
Thành phố nào đã bị phá hủy?
Thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy.
Jeremiah 39:3
Ai đến và ngồi ở cổng giữa?
Tất cả các quan trưởng của vua Ba-by-lôn đến và ngồi ở cổng giữa.
Jeremiah 39:4
Sê-đê-kia và các chiến binh của ông làm gì khi họ thấy các quan trưởng của vua Ba-by-lôn ở cửa giữa?
Họ chạy trốn khỏi thành vào ban đêm.
Jeremiah 39:5
Đạo quân người Canh-đê (người Ba-by-lôn) làm gì khi họ bắt kịp Sê-đê-kia?
Họ bắt ông và đưa ông về cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Jeremiah 39:6
Nê-bu-cát-nết-sa đã làm gì khi Sê-đê-kia được mang về cho ông?
Ông đã giết các ông của Sê-đê-kia và giết hết thảy những người Giu-đa.
Jeremiah 39:7
Vua Ba-by-lôn làm gì Sê-đê-kia?
Ông móc mắt Sê-đê-kia và xiềng lại để đưa Sê-đê-kia về Ba-by-lôn.
Jeremiah 39:8
Người Canh-đê (người Ba-by-lôn) đã làm gì với các nhà cửa và tường thành Giê-ru-sa-lem?
Họ đốt cháy nó.
Jeremiah 39:9
Nê-bu-xa-ra-đan đã bắt ai đi lưu đày?
Ông bắt những người dân còn sót lại ở trong thành và những người đầu hàng người Canh-đê.
Jeremiah 39:10
Nê-bu-xa-ra-đan đã cho phép những người nào ở lại trong đất Giu-đa?
Ông cho phép những người nghèo khó nhất ở lại.
Nê-bu-xa-ra-đan đã làm gì cho những người ở lại?
Nê-bu-xa-ra-đan cấp cho họ những vườn nho và đồng ruộng.
Jeremiah 39:11
Nê-bu-cát-nết-xa đã ra lệnh cho Nê-bu-xa-ra-đan làm gì với Giê-rê-mi?
Nê-bu-cát-nết-xa truyền cho Nê-bu-xa-ra-đan chăm sóc Giê-rê-mi và làm mọi điều mà Giê-rê-mi bảo ông làm.
Jeremiah 39:12
Nê-bu-cát-nết-xa đã ra lệnh cho Nê-bu-xa-ra-đan làm gì với Giê-rê-mi?
Nê-bu-cát-nết-xa truyền cho Nê-bu-xa-ra-đan chăm sóc Giê-rê-mi và làm mọi điều mà Giê-rê-mi bảo ông làm.
Jeremiah 39:14
Nê-bu-xa-ra-đan, Nẹt-gan-Sa-rết-sê, và các quan tướng quan trọng nhất của Ba-by-lôn đã làm gì Giê-rê-mi?
Họ đưa Giê-rê-mi đi từ hành lang lính canh và giao cho Ghê-đa-lia để đưa Giê-rê-mi về nhà.
Jeremiah 39:15
Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi hãy đi nói với Ê-bết-Mê-lết người Cút điều gì?
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi hãy đến nói với Ê-bết-Mê-lết người Cút rằng Đức Giê-hô-va sẽ mang tai họa cho thành.
Jeremiah 39:16
Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi hãy đi nói với Ê-bết-Mê-lết người Cút điều gì?
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi hãy đến nói với Ê-bết-Mê-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lết người Cút rằng Đức Giê-hô-va sẽ mang tai họa cho thành.
Jeremiah 39:17
Đức Giê-hô-va phán rằng sẽ xảy đến cho Ê-bết-Mê-lết điều gì trong ngày mà Đức Giê-hô-va sẽ làm ra mọi lời mà Ngài đã phán nghịch cùng thành?
Ngài phán Ngài sẽ giải cứu Ê-bết-Mê-lết.
Jeremiah 39:18
Vì lý do gì mà Đức GIê-hô-va giải cứu Ê-bết-Mê-lết khỏi lưỡi gươm?
Ngài sẽ giải cứu Ê-bết-Mê-lết vì ông đã tin cậy nơi Đức GIê-hô-va

---

Chapter 40
Jeremiah 40:1
Đây là lời từ Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi
"Đây là điều Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi"
Nê-bu-xa-a-đan, chỉ huy trưởng vệ binh của vua
Xem cách đã dịch ở JER30:08
Đó là nơi Giê-rê-mi bị giải đến và bị xiềng
Gợi ý dịch: "Đó là nơi quân lính Ba-by-lôn bắt Giê-rê-mi và xiềng ông lại"
Những người sắp bị đày qua Ba-by-lôn
Gợi ý dịch: "những người quân lính sắp giải sang Ba-by-lôn"
Jeremiah 40:3
Đức Giê-hô-va đã thực hiện việc đó. Ngài làm như Ngài đã phán
Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va làm điều Ngài đã phán"
Vì các người phạm tội chống lại Ngài và không vâng theo tiếng Ngài
Gợi ý dịch: "vì người Giu-đa các người phạm tội cùng Đức Giê-hô-va và không vâng theo mạng lệnh Ngài"
việc nầy đã xảy đến
"tai họa này đã xảy đến"
Nhưng bây giờ, hãy xem!
Nê-bu-xa-a-đan nói như vậy để khiến Giê-rê-mi chú ý.
Tốt theo mắt ông
Gợi ý dịch: "ông muốn"
Jeremiah 40:5
Ghê-đa-lia ... A-hi-cam ... Sa-phan
Xem cách đã dịch ở JER39:11
giữa dân chúng
"giữa dân Giu-đa"
Tốt theo mắt ông
"ông cho là tốt"
Con sót lại trong xứ
"ở lại Giu-đa"
Jeremiah 40:7
Bấy giờ
Từ này đánh dấu một phần mới của câu chuyện.
Những người chưa bị lưu đày qua Ba-by-lôn
"những người quân thù chưa giải sang Ba-by-lôn"
Ích-ma-ên ... và Giê-xa-nia
Trong đoạn 40:8 thì đây là tên của những người nam.
con trai người Ma-a-ca
Chỉ về một người từ vùng Ma-a-ca.
Jeremiah 40:9
Thề cùng họ
"thề cùng các viên chỉ huy của Giu-đa"
hoa quả mùa hạ
Ở đây chỉ về các vụ mùa.
Hãy sống trong các thành mà anh em đã chiếm đóng
"Hãy sống trong các thành của anh em"
Jeremiah 40:11
tất cả những người Giu-đa
Xem cách đã dịch ở JER32:10
Giữa dân
Gợi ý dịch: "hết thảy người Giu-đa ở giữa dân Am-môn."
Phần sót lại của Giu-đa
"Phần sót lại của dân Giu-đa"
Đã lập ... trên họ
"đã đặt ... quản lí họ"
Ghê-đa-lia, con trai A-hi-cam, con trai Sa-phan
Xem cách đã dịch ở JER39:11
Trên họ
"trên dân Giu-đa"
nơi mà họ bị tản lạc
"nơi họ chạy trốn" hoặc Gợi ý dịch: "nơi người Ba-by-lôn đã đuổi họ đến".
rượu và trái mùa hạ dự dật
"rất nhiều nho và trái mùa hạ"
trái mùa hạ
Xem cách đã dịch ở JER40:09
Jeremiah 40:13
Giô-ha-nan ... Ca-rê-át
Xem cách đã dịch ở JER40:07
Ghê-đa-lia
Xem cách đã dịch ở JER39:11
Ông có biết Ba-a-lít, vua Am-môn, đã sai Ích-ma-ên, con trai của Nê-tha-nia, đến giết ông không?
"Nhất định ông phải biết rằng Ba-a-lít, vua Am-môn, đã sai Ích-ma-ên, con trai của Nê-tha-nia, đến giết ông!"
Ba-a-lít
Đây là tên của một vị vua.
Ích-ma-ên, con trai của Nê-tha-nia
Xem cách đã dịch ở JER40:07
A-hi-cam
Xem cách đã dịch ở JER26:22
Jeremiah 40:15
Giô-ha-nan ... Ca-rê-át
Xem cách đã dịch ở JER40:07
Nói riêng với Ghê-đa-lia
"bí mật nói với Ghê-đa-lia"
Ghê-đa-lia
Xem cách đã dịch ở JER39:11
Ích-ma-ên, con trai Nê-tha-nia
Xem cách đã dịch ở JER40:07
Sẽ không ai nghi ngờ cả
"sẽ không ai biết cả"
Làm sao để nó giết ông
"Ông không nên để nó giết ông."
Làm sao để cho toàn thể Giu-đa
"Chớ để cho nhiều người Giu-đa như thế"
toàn thể Giu-đa họp quanh ông
"những người Giu-đa đã đến cùng ông"
Bị tản lạc
"phải chạy trốn đến nhiều xứ khác."
và dân sót của Giu-đa bị tiêu diệt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"và để cho dân sót của Giu-đa phải diệt vong."
dân sót của Giu-đa
Xem cách đã dịch ở JER40:11

A-hi-cam
Xem cách đã dịch ở JER26:22

Translation Questions

Jeremiah 40:1
Điều gì xảy đến với Giê-rê-mi sau khi Nê-bu-xa-ra-đan tha cho Giê-rê-mi tại Ra-ma.
Lời của Đức Giê-hô-va đến với Giê-rê-mi, sau khi Nê-bu-xa-ra-đan tha cho Giê-rê-mi tại Ra-ma.
Jeremiah 40:2
Nê-bu-xa-ra-đam làm gì tới người dân của Giê-ru-sa-lem và Giu-đa?
Ông sai họ đến Ba-by-lôn.
Người làm đầu thị vệ nói gì với Giê-rê-mi về phán quyết của Đức Giê-hô-va và Giê-ru-sa-lem?
Người làm đậu thị vệ nói rằng Đức Giê-hô-va đã quyết tai nạn tại nơi đó.
Jeremiah 40:4
Người làm đầu thị vệ bảo Giê-rê-mi có thể đi đâu?
Ông nói rằng Giê-rê-mi có thể đi với ông đến Ba-by-lôn hoặc đi đến một nơi nào mà ông muốn.
Jeremiah 40:5
Người làm đầu thị vệ đã nói rằng Giê-rê-mi nên đi đến chỗ ai?
Ông nói rằng Giê-rê-mi nên đi đến Ghê-đa-lia, người tổng đốc các thành Giu-đa.
Jeremiah 40:6
Giê-rê-mi đã đi đâu và sống ở đâu?
Giê-rê-mi đi đến Ghê-đa-lia và sống giữa những người còn sót lại trong dân sự.
Jeremiah 40:7
Có lệnh truyền nào của những người làm tổng đốc Giu-đa khi họ nghe nói rằng Ghê-đa-lia đã chịu trách nhiệm về những người không bị lưu đày ở Ba-by-lôn?
Họ đi đến Ghê-đa-lia ở Mích-ba.
Jeremiah 40:8
Có lệnh truyền nào của những người làm tổng đốc Giu-đa khi họ nghe nói rằng Ghê-đa-lia đã chịu trách nhiệm về những người không bị lưu đày ở Ba-by-lôn?
Họ đi đến Ghê-đa-lia ở Mích-ba.
Jeremiah 40:9
Ghê-đa-lia đã nói với các tổng đốc của những người lính Giu-da và người của họ làm gì?
Ông đã nói rằng nếu họ phụ vụ cho người Canh-đê và vua Ba-by-lôn thì họ sẽ được sống trong xứ mà họ có thể đi làm ích lợi cho họ.
Jeremiah 40:10
Ghê-đa-lia nói với các tổng đốc của những người lính Giu-đa và những người của họ làm điều gì mà như vật họ có thể thu hoạch được rượu vang, hoa quả mùa hè và dầu?
ông nói với họ rằng họ nên sống trong nhwaxng thành phố mà họ đã chiếm đóng.
Jeremiah 40:11
Người Giu-đa làm gì khi họ nghe rằng vua Ba-by-lôn chấp thuận để những người Giu-đa ở lại?
Người Giu-đa trở về Giu-đa từ mọi nơi mà họ đã bị phân tán, và họ thu hoạch rươu và trái cây mùa hạ nhiều lắm.
Jeremiah 40:12
Người Giu-đa làm gì khi họ nghe rằng vua Ba-by-lôn chấp thuận để những người Giu-đa ở lại?
Người Giu-đa trở về Giu-đa từ mọi nơi mà họ đã bị phân tán, và họ thu hoạch rươu và trái cây mùa hạ nhiều lắm.
Jeremiah 40:13
Giô-na-than và tất cả các chỉ huy quân đội đã hỏi Ghê-đa-lia ở Mích-ba điều gì?
Họ hỏi rằng ông có hay rằng Ba-a-lít, vua Am-môn đã sai Ích-ma-ên đến giết ông.
Jeremiah 40:14
Giô-na-than và tất cả các chỉ huy quân đội đã hỏi Ghê-đa-lia ở Mích-ba điều gì?
Họ hỏi rằng ông có hay rằng Ba-a-lít, vua Am-môn đã sai Ích-ma-ên đến giết ông.
Ghê-đa-lia đã nghĩ gì về Giô-na-than và các tổng đốc nói với ông?
Ông không tin lời họ.
Jeremiah 40:15
Giô-na-than nói với Ghê-đa-lia rằng ông muốn làm gì?
Ông muốn giết Ích-ma-ên.
Jeremiah 40:16
Ghê-đa-lia nghĩ gì về những lời của Giô-na-than về Ích-ma-ên?
Ghê-đa-lia nghĩ rằng Giô-na-than đã nói dối về Ích-ma-ên.

Chapter 41

Jeremiah 41:1
Xảy khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Vào tháng thứ bảy
Đây là tháng thứ bảy trong lịch Hê-bơ-rơ, khoảng cuối tháng chín và đầu tháng mười của lịch phương tây.
Ích-ma-ên ... Nê-tha-nia ... Ê-li-sa-ma ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam
Đây là tên của những người nam.
Jeremiah 41:4
Tám mươi người
"80 người"
Trong tay họ
Từ "tay" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "họ có"

Jeremiah 41:6
Khi ông gặp họ
Gợi ý dịch: "khi Ích-ma-ên lại gần 80 người đó"
Xảy khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Ích-ma-ên, con trai Nê-tha-nia, cùng các thuộc hạ đã giết họ và quăng xác xuống hố
Gợi ý dịch: "Ích-ma-ên, con trai Nê-tha-nia, cùng các thuộc hạ đã giết gần hết 80 người đó và quang xác xuống hố"
Jeremiah 41:8
mười người trong số họ
Từ “họ” chỉ về 80 người kia.
Đồ dự trữ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nguồn dự trữ để dành cho sau này.
Jeremiah 41:10
Ích-ma-ên ... Nê-bu-xa-a-đan ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam ... Nê-tha-nia
Đây là tên của những người nam.
Jeremiah 41:11
Giô-ha-nan ... Ca-rê-át
Đây là tên của những người nam.
Họ tìm được ông
"Họ tìm được Ích-ma-ên và người của ông"
Jeremiah 41:13
Xảy khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Ích-ma-ên ... Giô-ha-nan ... Ca-rê-át
Đây là tên của những người nam.
Jeremiah 41:15
Ích-ma-ên ... Nê-tha-nia ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam
Xem cách đã dịch ở JER41:01
Giô-ha-nan ... Ca-rê-át
Xem cách đã dịch ở JER41:11
được giải cứu khỏi Ích-ma-ên
"ông và đội quân của mình đã giải cứu khỏi Ích-ma-ên"
Sau khi Ích-ma-ên giết Ghê-đa-lia, con trai A-hi-cam
Tác giả tạm ngừng câu chuyện để nhắc đến một sự kiện trước đó nhằm làm rõ trật tự của các sự kiện.
Jeremiah 41:17
Ghê-rút Kim-ham
Đây là một địa danh.
Vì người Canh-đê
Gợi ý dịch: "vì họ nghĩ người Canh-đê sẽ tấn công họ"
Trông coi xứ
Gợi ý dịch: "trông coi xứ Giu-đa"

Translation Questions

Jeremiah 41:1
Tại sao Ích-ma-ên và mười người cùng đi với ông đến ăn với nhau tại Ghê-đa-lia?
Họ muốn giết Ghê-đa-lia.
Jeremiah 41:2
Ích-ma-ên và những người của ông đã giết những ai?
Họ giết Ghê-đa-lia, hết thảy những người Giu-đa đương ở với người và những những lính Canh-đê ở đó.
Jeremiah 41:3
Tại sao Ích-ma-ên và mười người cùng đi đến ăn với Ghê-đa-lia?
Họ muốn giết Ghê-đa-lia.
Ích-ma-ên và người của ông đã giết chết ai?
Họ giết Ghê-đa-lia, hết thảy những người Giu-đa đương ở với người và những những lính Canh-đê ở đó.
Jeremiah 41:4
Ai đến vào ngày thứ hai sau khi Ích-ma-ên đã giết Ghê-đa-lia?
Tám mươi người từ Si-chem, Si-lô và Sa-ma-ri.
Jeremiah 41:5
Ai đến vào ngày thứ hai sau khi Ích-ma-ên đã giết Ghê-đa-lia?
Tám mươi người từ Si-chem, Si-lô và Sa-ma-ri.
Họ sẽ đi đâu?
Họ đi đến đền thờ.
Jeremiah 41:6
Ích-ma-ên đã nói gì với tám mươi người đàn ông?
Ông đã mời họ đi đến thăm Ghê-đa-lia.
Jeremiah 41:7
Ích-ma-ên và người của ông đã làm gì với tám mươi người khi họ bước vào thành?
Họ đã giết những người đàn ông và ném họ xuống hố.
Jeremiah 41:8
Tại sao họ không giết mười trong số tám mươi người đàn ông?
Mười người đàn ông bảo họ rằng họ có kho dự trữ.
Jeremiah 41:9
Ích-ma-ên ném thi thể của tất cả những người mà họ đã giết ở đâu?
Ông ném họ vào hố mà vua A-sa đã đào.
Jeremiah 41:10
Ích-ma-ên đã làm gì với tất cả những người khác ở Mích-ba?
Ích-ma-ên bắt tất cả những người khác ở Mích-ba và bắt đầu đưa họ đến Am-môn.
Jeremiah 41:11
Giô-ha-nan và tất cả các người đầu đảng làm gì khi nghe những điều mà Ích-ma-ên đã làm?
Họ hiệp những người của họ đánh Ích-ma-ên.
Jeremiah 41:12
Giô-ha-nan và tất cả các người đầu đảng làm gì khi nghe những điều mà Ích-ma-ên đã làm?
Họ hiệp những người của họ đánh Ích-ma-ên.
Jeremiah 41:13
Tất cả mọi người đi cùng với Ích-ma-ên đã làm gì khi họ nhìn thấy Giô-ha-nan và tất cả các tướng đầu đảng ở cùng với ông?
Họ vui mừng và đến Giô-ha-nan.
Jeremiah 41:14
Tất cả mọi người đi cùng với Ích-ma-ên đã làm gì khi họ nhìn thấy Giô-ha-nan và tất cả các tướng đầu đảng ở cùng với ông?
Họ vui mừng và đến Giô-ha-nan.
Jeremiah 41:15
Ích-ma-ên và những người của ông trốn khỏi Giô-ha-nan?
Họ đi đến nơi Am-môn.
Jeremiah 41:17
Giô-ha-nan và người đi theo đã đi đâu sau khi họ rời khỏi Mích-ba?
Họ đi đến Ghê-rút Kim-ham, gần Bết-lê-hem.
Giô-ha-nan và mọi người muốn đi đâu?
Họ muốn đến Ai-cập.
Tại sao họ muốn đi đến Ai-cập?
Họ sợ người Canh-đê.
Jeremiah 41:18
Tại sao Giô-ha-nan và người dân sợ người Canh-đê?
Họ sợ hãi và bởi vì Ích-ma0een đã giết Ghê-đa-lia.

Chapter 42

Jeremiah 42:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and
Giô-ha-nan ... con trai Ca-rê-át ... Giê-xa-nia ... Hô-sa-gia
Đây là tên của những người nam.
toàn dân từ người thấp kém nhất đến người quyền thế nhất
Đây là cách chỉ về mọi người ở mọi tầng lớp xã hội. Gợi ý dịch: "toàn dân từ mọi tầng lớp xã hội"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Xin lời thỉnh cầu của chúng tôi đến trước mặt ông
Gợi ý dịch: "Xin cho chúng tôi trình bày lời thỉnh cầu cấp bách với ông"
Jeremiah 42:4
Nầy
Gợi ý dịch: "Hãy chú ý điều tôi sắp nói đây"
không giữ lại điều gì cả
Gợi ý dịch: "Tôi sẽ nói mọi điều Chúa phán cùng tôi"
chân thật và thành tín
Những từ này có ý nghĩa như nhau trong ngữ cảnh này. Họ mô tả Đức Giê-hô-va như một nhân chứng mà không ai có thể chối cãi. Gợi ý dịch: "đáng tin cậy."
Dù lành hay dữ
Dân chúng nhắc đến hai thái cực này để nhấn mạnh rằng họ sẽ vâng theo bất kể câu trả lời của Đức Giê-hô-va là gì. Gợi ý dịch: "Dù Ngài trả lời thế nào."
tiếng Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi
Ở đây tiếng Đức Giê-hô-va đáp lại cho lời cầu hỏi của họ chỉ về chính Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 42:7
Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01
toàn dân từ người thấp kém nhất đến người quyền thế nhất
Xem cách đã dịch ở JER42:01
Tôi dâng lời cầu xin của anh em lên trước mặt Ngài
"Tôi trình bày lời khẩn cầu của anh em cho Ngài"
Ta sẽ xây dựng và không phá đổ các ngươi
Đức Giê-hô-va nói về dân Y-sơ-ra-ên như một bức tường có thể xây dựng hoặc phá đổ. Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến các ngươi được thịnh vượng và không bị tiêu diệt"
Ta sẽ vun trồng các ngươi và không nhổ các ngươi đi
Đức Giê-hô-va dùng một ví dụ khác để bày tỏ Ngài sẽ khiến dân Y-sơ-ra-ên thịnh vượng và không bị tiêu diệt. Ngài nói về họ như một cái cây giống như Ngài đã ví họ như một bức tường.
Ta sẽ xoay chuyển tai họa đã đặt trên ngươi
Tai họa ở đây được nói đến như một vật có thể đặt lên người ai đó. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ngăn chặn tai họa mà ta đã giáng trên các ngươi"
Jeremiah 42:11
để cứu vớt và giải thoát các ngươi
“cứu vớt” và “giải thoát” có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va thực sự sẽ giải cứu họ. Gợi ý dịch: "giải cứu các ngươi hoàn toàn."
giải thoát các ngươi khỏi tay vua ấy
“Tay” ở đây chỉ về thế lực và thẩm quyền. Gợi ý dịch: "giải thoát các ngươi khỏi quyền lực của vua ấy."
Jeremiah 42:13
Nếu các ngươi không nghe tiếng ta, là tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi
Không vâng lời giống như người đó không nghe thấy mang lệnh của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "nếu các ngươi không vâng theo mạng lệnh ta dù ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các ngươi”.
nơi chúng tôi sẽ không thấy chiến tranh nữa, không nghe tiếng tù và nữa
Cả hai vế này đều mô tả tình trạng chiến tranh qua khả năng thấy và nghe. Gợi ý dịch: "nơi chúng tôi sẽ không phải chịu cảnh khó khăn của chiến tranh"
Chúng tôi sẽ không bị đói
Bị đói ở đây được dùng để chỉ về nạn đói.
Jeremiah 42:15
gươm đao mà các ngươi sợ hãi sẽ đuổi kịp các ngươi
Gợi ý dịch: "Các ngươi sẽ chịu hậu quả kinh khiếp của chiến tranh tại đó."
đói kém mà các ngươi kinh khiếp cũng sẽ bám theo các ngươi đến Ai Cập
Nạn đói được nói như có thể đuổi theo ai đó. Gợi ý dịch: "Các ngươi lo lắng về nạn đói ở Y-sơ-ra-ên nhưng nếu các ngươi đi đến Ai Cập thì các ngươi cũng sẽ chịu nạn đói tại đó"
Tất cả những người nam
Người nam ở đây chỉ về tất cả mọi người vì họ là những người lãnh đạo của gia đình. Gợi ý dịch: "mọi người"
Jeremiah 42:18
Cơn giận và thịnh nộ của ta được đổ ra
Gợi ý dịch: "Ta đã trút cơn giận và thịnh nộ"
Cơn giận và thịnh nộ của ta
“Cơn giận” và “thịnh nộ” căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài. Gợi ý dịch: "cơn thịnh nộ khủng khiếp của ta."
cơn thịnh nộ ta sẽ đổ trên các ngươi
Gợi ý dịch: "Ta sẽ đổ cơn thịnh nộ ta trên các ngươi"
Vật nguyền rủa và nỗi kinh hoàng, lời rủa sả và nỗi sỉ nhục.
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh các nước sẽ đối xử tệ hại với dân Giu-đa thể nào sau khi Đức Giê-hô-va trừng phạt họ. Xem cách đã dịch những cụm từ tương tự ở JER25:17
Ta là nhân chứng
Đức Giê-hô-va là Đấng đảm bảo dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị trừng phạt nếu họ không giữ lời hứa vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 42:20
thì chúng tôi sẽ thực hiện
Gợi ý dịch: "thì chúng tôi sẽ làm theo"
anh em sẽ chết bởi gươm đao
Chiến tranh được ám chỉ bằng một loại vũ khí chiến tranh. Gợi ý dịch: "Anh em sẽ chết trong chiến tranh."
nơi mà anh em muốn đến trú ngụ
Gợi ý dịch: "tại Ai Cập, nơi anh em nghĩ mình sẽ được an toàn"

Translation Questions

Jeremiah 42:1
Các chỉ huy quân đội và tất cả mọi người đã làm gì với Giê-rê-mi?
Họ xin ông cầu nguyện cho họ và nói cho họ biết họ nên đi và nên làm gì.
Jeremiah 42:3
Các chỉ huy quân đội và tất cả mọi người đã làm gì với Giê-rê-mi?
Họ xin ông cầu nguyện cho họ và nói cho họ biết họ nên đi và nên làm gì.
Jeremiah 42:4
Giê-rê-mi đã trả lời họ như thế nào?
Ông nói rằng ông sẽ cầu nguyện cho họ và nói với họ những gì Đức Giê-hô-va đáp lời.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 42:5

Giê-rê-mi đã trả lời họ như thế nào?

Ông nói rằng ông sẽ cầu nguyện cho họ và nói với họ những gì Đức Giê-hô-va đáp lời.

Jeremiah 42:6

Vậy mọi người nói gì với Giê-rê-mi?

Họ nói họ sẽ làm mọi điều Đức Giê-hô-va phán bảo họ làm.

Jeremiah 42:7

Chuyện gì đã xảy ra sau mười ngày?

Sau mười ngày, lời của Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi.

Jeremiah 42:11

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì bởi vì Ngài ở với họ?

Ngài nói rằng Ngài sẽ cứu họ, ban cho họ lòng thương xót và cho họ trở về đất mình.

Jeremiah 42:12

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì bởi vì Ngài ở với họ?

Ngài nói rằng Ngài sẽ cứu họ, ban cho họ lòng thương xót và cho họ trở về đất mình.

Jeremiah 42:15

Đức Giê-hô-va phán rằng sẽ xảy ra điều gì nếu mọi người thực sự đến Ai-cập và ở đó?

Nếu họ đến sống ở Ai-cập, Đức Giê-hô-va phán rằng họ sẽ chết ở đó bởi gươm dao, đói kém và bệnh tật.

Jeremiah 42:17

Đức Giê-hô-va phán rằng sẽ xảy ra điều gì nếu mọi người thực sự đến Ai-cập và ở đó?

Nếu họ đến sống ở Ai-cập, Đức Giê-hô-va phán rằng họ sẽ chết ở đó bởi gươm dao, đói kém và bệnh tật.

Jeremiah 42:18

Họ sẽ trở thành cái gì nếu họ đi đến Ai-cập?

Họ sẽ trở thành cớ cho người ta nguyền rủa, và họ sẽ không bao giờ được trở về.

Jeremiah 42:19

Tại sao mọi người sẽ không bao giờ nhìn thấy xứ mình nữa?

Đức Giê-hô-va đã bảo họ đừng đi đến xứ Ê-díp-tô, và Ngài sẽ nổi giận nếu họ đi đến đó.

Jeremiah 42:20

Tại sao người ta phải trả giá bằng mạng sống của họ để họ đi đến Ai-cập?

Họ sẽ trả giá bằng mạng sống mình vì họ đã hỏi Giê-rê-mi để họ được nhận thông điệp của Đức Giê-hô-va, nhưng họ không làm theo những gì Đức Giê-hô-va bảo họ làm.

Jeremiah 42:22

Tại sao người ta phải trả giá bằng mạng sống của họ để họ đi đến Ai-cập?

Họ sẽ trả giá bằng mạng sống mình vì họ đã hỏi Giê-rê-mi để họ được nhận thông điệp của Đức Giê-hô-va, nhưng họ không làm theo những gì Đức Giê-hô-va bảo họ làm.

Chapter 43

Jeremiah 43:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: and

Xảy khi

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Hô-sa-gia ... Giô-ha-nan ... Ca-rê-át ... Nê-ri-gia

Đây là tên của những người nam.

Xúi giục

Làm cho ai đó muốn làm hại người khác.

Jeremiah 43:4

Không nghe theo tiếng của Đức Giê-hô-va

"không vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va"

Nơi họ bị tản lạc

"nơi Đức Giê-hô-va khiến họ ra đi và phân tán"

Nê-ba-xa-a-đan ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam ... Sa-phan

Đây là tên của những người nam.

Tác-pha-nết

Đây là tên của một thành phố.

Jeremiah 43:8

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở JER01:01

Ta sẽ đặt ngai vua ấy trên những tảng đá ... lều lên trên

Cả hai từ “ngai” và “lều” của vua đều được dùng để chỉ về vương quyền. Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến nó làm vua cai trị trên dân Ai Cập.

Lều

Một chiếc lều rất lớn.

Jeremiah 43:11

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền phán sứ điệp của Ngài.

Vua ấy sẽ đến

Gợi ý dịch: " Nê-bu-cát-nết-sa sẽ đến"

Kẻ nào phải chết thì chết

Gợi ý dịch: "Mọi kẻ ta định phải chết thì sẽ chết"

Kẻ nào phải bị lưu đày thì lưu đày

Gợi ý dịch: "Những kẻ ta định phải bị lưu đày sẽ bị quân Ba-by-lôn bắt đi lưu đày"

Kẻ nào phải bị gươm chém thì bị gươm chém

Gợi ý dịch: "Mọi kẻ ta định phải chết trong chiến trận thì sẽ chết trong chiến trận"

Vua ấy sẽ dẹp sạch đất Ai Cập như người chăn bắt sạch rận trong áo mình

"Vua ấy sẽ lấy mọi vật giá trị khỏi Ai Cập như người chăn cẩn thận bắt rận ra khỏi áo mình"

Hia-rô-bô-li

Tên một thành phố “Thành Mặt Trời”

Translation Questions

Jeremiah 43:1

Giê-rê-mi đã thuật hết tất cả điều gì cho dân sự?

Ông đã thuật hết tất cả mọi lời mà Đức Giê-hô-va đã phán bảo ông làm.

Jeremiah 43:3

A-xa-ria, Giô-ha-nan và những người kiêu ngạo đã tố cáo Giê-rê-mi điều gì?

Họ cáo buộc ông đã nói dối, và Giê-rê-mi có thể khiến người Canh-đê đến giết họ và bắt họ về Ba-by-lôn.

Jeremiah 43:4

Giô-ha-nan và những người khác làm gì thay vì Đức Giê-hô-va đã bảo họ làm?

Tất cả họ đều đến Ai-cập.

Jeremiah 43:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giô-ha-nan và những người khác làm gì thay vì Đức Giê-hô-va đã bảo họ làm?
Tất cả họ đều đến Ai-cập.
Jeremiah 43:8
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi làm gì với những cục đá lớn?
Ngài bảo ông chôn giấu ở gần nhà Pha-ra-ôn ở Tác-pha-nết để cho thấy rằng Nê-bu-cát-nết-sa sẽ ngồi trên đó tại đó.
Jeremiah 43:10
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi làm gì với những cục đá lớn?
Ngài bảo ông chôn giấu ở gần nhà Pha-ra-ôn ở Tác-pha-nết để cho thấy rằng Nê-bu-cát-nết-sa sẽ ngồi trên đó tại đó.
Jeremiah 43:11
Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xảy ra với dân sự khi Nê-bu-cát-nết-sa đến và tấn công Ê-díp-tô?
Đức Giê-hô-va nói rằng Nê-bu-cát-nết-sa sẽ giết vài người và bắt họ làm phu tù.
Jeremiah 43:12
Đức Giê-hô-va phán rằng Nê-bu-cát-nết-sa sẽ làm gì với các đền thờ tà thần của Ê-díp-tô?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ đốt và hủy diệt chúng.
Jeremiah 43:13
Đức Giê-hô-va phán rằng Nê-bu-cát-nết-sa sẽ làm gì với các đền thờ tà thần của Ê-díp-tô?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ đốt và hủy diệt chúng.

Chapter 44
Jeremiah 44:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and
Đây là lời đến cùng Giê-rê-mi
"Đây là sứ điệp Đức Giê-hô-va truyền cho Giê-rê-mi"
Mít-đôn ... Tác-pha-nết ... Mem-phít ... Pha-trốt
Đây là tên của các thành phố.
Chính các ngươi đã thấy
Từ “chính” được dùng để nhấn mạnh đến những người Giu-đa sống trong đất Ai Cập.
Kìa
"Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý" hoặc "Hãy đảm bảo các ngươi hiểu điều này"
chúng đã phạm để chọc giận ta
"dân Giê-ru-sa-lem và tất cả các thành của Giu-đa đã làm để chọc giận ta"
Chính chúng
"những người từ các thành đã đổ nát"
Jeremiah 44:4
Vì thế ta đã liên tục sai
Từ “ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.
cơn thịnh nộ và giận dữ ta đổ ra
Câu này mô tả sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va có thể được chứa đựng như nước trong bình chứa, sau đó được đổ ra khi cơn tức giận của Ngài khiến Ngài trừng phạt những kẻ chọc giận Ngài. Gợi ý dịch: "Ta trút cơn thịnh nộ và giận dữ ta xuống."
cơn thịnh nộ và giận dữ ta
“Cơn thịnh nộ” và “giận dữ” căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài. Gợi ý dịch: "cơn giận dữ kinh khiếp của ta."
chúng trở nên hoang tàn và đổ nát
“Hoang tàn” và “đổ nát” căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh sự đổ nát hoàn toàn của giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "chúng trở nên đổ nát hoàn toàn."
Jeremiah 44:7
Tại sao các ngươi lại gây cho mình tội ác nghiêm trọng? Tại sao các ngươi làm cho mình bị diệt khỏi giữa Giu-đa, từ đàn ông, đàn bà, trẻ con, đến trẻ thơ?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để bày tỏ với dân Y-sơ-ra-ên rằng họ phải ngừng làm những điều khiến họ bị trừng phạt.
Việc làm của tay các ngươi
Dân chúng được gọi bằng bộ phận trên cơ thể của họ dùng để thắp hương. Gợi ý dịch: "điều các ngươi đã làm"
Các ngươi sẽ bị tiêu diệt
Gợi ý dịch: "khiến ta tiêu diệt các ngươi"
Jeremiah 44:9
Phải chăng các ngươi đã quên điều gian ác của tổ phụ các ngươi, điều gian ác của các vua Giu-đa và các hoàng hậu?
Đức Giê-hô-va quở trách dân chúng bằng câu hỏi này. “Các ngươi đã quên sự gian ác mà tổ phụ các ngươi đã phạm! Các ngươi đã quên sự gian ác mà các vua Giu-đa và vợ của họ đã phạm."
Phải chăng các ngươi đã quên điều gian ác của chính các ngươi và vợ các ngươi ... Giê-ru-sa-lem?
Gợi ý dịch: "các ngươi đã quên điều gian ác của chính các ngươi và vợ các ngươi ... Giê-ru-sa-lem."
các đường phố của Giê-ru-sa-lem
Giê-ru-sa-lem được gọi bằng một bộ phận của thành phố cho người ta qua lại. Điều này có nghĩa là dân chúng làm điều ác ngay những nơi công cộng.
Jeremiah 44:11
để mặt ta nghịch cùng các ngươi
Sự quyết định được mô tả bằng việc một người không lay chuyển hướng nhìn của mình. Gợi ý dịch: "quyết định chống lại các ngươi"
chúng sẽ ngã
Đây là cách giảm nhẹ để nói chúng sẽ chết.
bởi gươm đao
Chiến tranh được mô tả bằng loại vũ khí được phần lớn các binh lính sử dụng.
Từ người thấp hèn đến người cao trọng nhất
Người thấp hèn và người được tôn trọng trong xã hội được dùng để chỉ về tất cả mọi người.
Jeremiah 44:13
gươm đao, đói kém, và dịch bệnh
Từ “gươm đao” được dùng để chỉ về chiến tranh.
Kẻ trốn thoát hoặc sống sót
Cả hai từ này đều chỉ về cùng một đối tượng. Kẻ trốn thoát là người thoát khỏi người muốn giết hay bắt người đó làm phu tù.
Jeremiah 44:15
Pha-trốt
Đây là tên một vùng của Ai Cập.
Điều ông vừa nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói với chúng tôi, chúng tôi không nghe đâu
Gợi ý dịch: "Chúng tôi sẽ không vâng theo mạng lệnh ông đã truyền cho chúng tôi dưới thẩm quyền của Đức Giê-hô-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

va đâu"

Nữ vương trên trời

Đây là tên hay danh hiệu được của mặt trăng do những người Giu-đa ở Ai Cập thờ phượng nó như một nữ thần đặt cho.

Rồi chúng tôi sẽ có thức ăn dư dật, sống sung túc, không gặp tai họa gì

Gợi ý dịch: "Trong những ngày đó chúng tôi đã có thức ăn dư dật, sống sung túc, không thấy tai họa gì"

chúng tôi sẽ có thức ăn dư dật

"chúng tôi sẽ được ăn no nê"

Rồi chúng tôi sẽ có thức ăn dư dật, sống sung túc, không gặp tai họa gì

Dân Giu-đa nghĩ rằng họ sẽ thịnh vượng vì nữ vương trên trời sẽ ban phước cho họ nếu họ thờ phượng bà.

Jeremiah 44:18

Thông Tin Tổng Quát:

Dân còn sót lại sống ở Ai Cập tiếp tục nói. Bắt đầu ở câu 19, những người phụ nữ nói với Giê-rê-mi.

nữ vương trên trời

Xem thông tin tổng quát ở JER44:15.

Chúng tôi có làm những điều đó mà chồng chúng tôi không biết sao?

Những phụ nữ tuyên bố mình vô tội vì đã được chồng mình biết và cho phép. Gợi ý dịch: "chồng của chúng tôi biết việc chúng tôi đang làm."

Jeremiah 44:20

Chẳng phải Đức Giê-hô-va ghi nhớ

"Đức Giê-hô-va ghi nhớ"

Nhớ lại

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va chú ý hay nhớ đến.

Jeremiah 44:22

không còn chịu được nữa

"không thể khoan nhượng được nữa"

Không còn người ở như ngày nay

Gợi ý dịch: "không ai sống tại đó như ngày nay."

Đốt hương

Có thể nói rõ người ta đốt hương để làm gì. Gợi ý dịch: "đốt hương cho tà thần"

Các ngươi không nghe theo tiếng Ngài

Từ “tiếng” ở đây chỉ về mạng lệnh của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "các ngươi không vâng theo mạng lệnh Ngài"

Jeremiah 44:24

Miệng nói tay làm

Gợi ý dịch: "nói và làm như các ngươi đã hứa"

nữ vương trên trời

Xem thông tin tổng quát ở JER44:15.

Jeremiah 44:26

Đức Giê-hô-va phán: Nầy ta lấy danh vĩ đại của ta mà thề

“Danh vĩ đại” của Đức Giê-hô-va chỉ về chính Ngài và thanh danh của Ngài.

tất cả người Giu-đa ... sẽ diệt vong

Gợi ý dịch: "Rất nhiều người từ Giu-đa ... sẽ diệt vong"

bởi gươm đao và đói kém

Từ “gươm đao” chỉ về những người sẽ chết trong chiến tranh và “đói kém” chỉ về những người sẽ chết đói.

Jeremiah 44:29

Lời ta chắc chắn sẽ giáng tai họa trên các ngươi

Gợi ý dịch: "điều ta phán sẽ xảy ra và các ngươi sẽ gặp tai họa."

Ta sẽ phó Pha-ra-ôn Hốp-ra, vua Ai Cập, vào tay kẻ thù nó

Gợi ý dịch: "Ta sẽ để kẻ thù của Pha-ra-ôn Hốp-ra bắt lấy nó"

Hốp-ra

Đây là tên người.

Và những kẻ đòi mạng sống nó

Gợi ý dịch: "và những kẻ muốn giết nó."

Translation Questions

Jeremiah 44:2

Tại sao Giê-rê-mi nói rằng Đức Giê-hô-va giáng tai học cho Giê-ru-sa-lem và các thành của Giu-đa?

Giê-rê-mi nói điều đó bởi vì dân sự đã thời lạy tà thần.

Jeremiah 44:3

Tại sao Giê-rê-mi nói rằng Đức Giê-hô-va giáng tai học cho Giê-ru-sa-lem và các thành của Giu-đa?

Giê-rê-mi nói điều đó bởi vì dân sự đã thời lạy tà thần.

Jeremiah 44:4

Những tiên tri của Đức Giê-hô-va nói điều gì với dân sự?

Những tiên tri phán bảo dân sự đừng làm những điều Đức Giê-hô-va ghét.

Jeremiah 44:5

Dân sự làm gì sau khi những tiên tri phán bảo với họ?

Họ không lắng nghe.

Jeremiah 44:6

Đức Giê-hô-va làm gì sau khi Giu-đa không lắng nghe các tiên tri?

Đức Giê-hô-va đã khiến cơn giận và cơn thạnh nộ của Ngài rúng động, và hủy diệt Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 44:7

Có bao nhiêu người đi đến Ê-díp-tô mà Đức Giê-hô-va để cho sống?

Ngài sẽ không để một ai trong số họ được sống.

Jeremiah 44:8

Họ xúc phạm Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ đã xúc phạm Đức Giê-hô-va bằng những việc làm của họ, đốt hương cho các thần khác trong đất Ê-díp-tô.

Đức Giê-hô-va phán rằng sẽ có điều gì xảy ra cho họ ở xứ Ê-díp-tô?

Ngài nói rằng Ngài sẽ tiêu diệt họ.

Jeremiah 44:10

Đức Giê-hô-va nói rằng ai đã làm những điều ác?

Ngài nói rằng dân sự và tổ phụ của họ đã phạm những điều ác.

Jeremiah 44:11

Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xảy ra với những người đi đến xứ Ê-díp-tô?

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ để mặt Ngài nghịch cùng họ mà giáng tai họa cho, tiêu diệt hết thảy họ như Ngài đã phạt Giê-ru-sa-lem bằng gươm dao, đói kém và ôn dịch.

Jeremiah 44:12

Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xảy ra với những người đi đến xứ Ê-díp-tô?

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ để mặt Ngài nghịch cùng họ mà giáng tai họa cho, tiêu diệt hết thảy họ như Ngài đã phạt Giê-ru-sa-lem bằng gươm dao, đói kém và ôn dịch.

Jeremiah 44:14

Đức Giê-hô-va phán điều gì về những người Giu-đa còn sót lại?

Ngài nói rằng không ai trong số họ muốn trở về đất Giu-đa như điều họ ao ước, trừ những người đã thoát khỏi Ê-díp-tô mà thôi.

Jeremiah 44:17

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân sự nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu họ tiếp tục đốt hương và dâng lễ quán cho nữ vương trên trời?

Dân sự nghĩ rằng họ sẽ đầy thức ăn và sẽ được thịnh vượng mà không có tai họa gì nếu họ đốt hương và làm lễ quán cho nữ vương trên trời.

Jeremiah 44:22

Đức GIê-hô-va không chịu đựng nổi điều gì?

Ngài không thể chịu đựng nổi những gì mà dân sự đã làm.

Điều gì xảy ra với đất của họ sau khi Đức Giê-hô-va không thể chịu đựng nổi vì những điều mà họ đã làm?

Đất của họ trở nên hoang vu điêu tàn và nguyền rủa.

Jeremiah 44:23

Tại sao tai họa lại xảy ra vợi họ?

Bởi vì họ đã thờ lạy thần tượng và phạm tội cùng Đức Giê-hô-va, và vì họ không nghe lời Ngài.

Jeremiah 44:25

Giê-rê-mi nói gì nói với những người muốn làm những điều họ đã khấn nguyện với nữ vương trên trời?

Ông bảo họ phải làm trọn lời khấn của họ.

Jeremiah 44:26

Giê-rê-mi nói dân sự sẽ làm gì sau khi họ thực hiện lời khấn của họ?

Ông bảo rằng họ sẽ không bao giờ thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa, nhưng họ sẽ bị tiêu diệt bởi gươm dao và đói kém.

Jeremiah 44:27

Giê-rê-mi nói dân sự sẽ làm gì sau khi họ thực hiện lời khấn của họ?

Ông bảo rằng họ sẽ không bao giờ thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa, nhưng họ sẽ bị tiêu diệt bởi gươm dao và đói kém.

Jeremiah 44:28

Điều gì sẽ xảy ra với những người không chết bởi gươm?

Họ sẽ trở về xứ Ê-díp-tô và Giu-đa.

Jeremiah 44:29

Dân sự sẽ hiểu điều gì khi Hốp-ra chết?

Họ sẽ hiểu được rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm cho họ mọi điều mà Ngài nói rằng Ngài sẽ làm.

Jeremiah 44:30

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì với Pha-ra-ôn Hốp-ra?

Ông nói rằng Ngài sẽ trao Pha-ra-ôn-Hóp-ra cho kẻ thù của hắn.

Chapter 45

Jeremiah 45:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: and

Ba-rúc ... Nê-ri-gia

Đây là tên của những người nam.

Theo lời Giê-rê-mi

Ba-rúc viết xuống lời Giê-rê-mi nói.

vào năm thứ tư của Giê-hô-gia-kim

"lúc Giê-hô-gia-kim cai trị Giu-đa vào năm thứ tư"

Ông nói

"Giê-rê-mi nói cùng Ba-rúc"

thêm khổ não cho nỗi đau của tôi

"khiến tôi vô cùng đau đớn"

Sự than van khiến tôi mệt mỏi

"Tôi mệt mỏi vì than khóc"

Jeremiah 45:4

Đây là điều con phải nói với anh ta

Đức Giê-hô-va cho Giê-rê-mi biết phải nói gì với Ba-rúc.

Điều này xảy ra trên cả đất

Gợi ý dịch: "Việc này sẽ xảy ra trên khắp đất"

Còn ngươi hy vọng những việc to tát cho mình hay sao?

Gợi ý dịch: "Ngươi hy vọng những việc to tát cho mình"

Vì nầy

Gợi ý dịch: "hãy nhận biết"

Của cướp

Vật bị lấy đi từ một nơi bằng vũ lực

mạng sống ngươi làm của cướp cho ngươi

Gợi ý dịch: "Ta sẽ cho ngươi sống. Đó là điều tốt nhất ngươi có thể hy vọng." Xem:

Translation Questions

Jeremiah 45:1

Tại sao Đức Giê-hô-va truyền Giê-rê-mi trao sứ điệp cho Ba-rúc?

Ngài làm như vậy vì Ba-rúc nói rằng Đức Giê-hô-va đã làm cho ông buồn.

Jeremiah 45:3

Tại sao Đức Giê-hô-va truyền Giê-rê-mi trao sứ điệp cho Ba-rúc?

Ngài làm như vậy vì Ba-rúc nói rằng Đức Giê-hô-va đã làm cho ông buồn.

Jeremiah 45:4

Đức Giê-hô-va có ý định làm gì với dân tộc của Ba-rúc?

Ngài có ý định tiêu diệt họ.

Jeremiah 45:5

Ba-rúc không nên đòi hỏi điều gì?

Ông không nên đòi hỏi dân sự tôn trọng ông một cách đặc biệt.

Đức Giê-hô-va hứa sẽ làm gì cho Ba-rúc?

Ngài hứa sẽ bảo vệ Ba-rúc bất cứ nơi nào ông đi.

Chapter 46

Jeremiah 46:1

Về Ai Cập

Cụm từ này cho biết sứ điệp này dành cho dân Ai Cập.

Cạt-kê-mít

Cạt-kê-mít là thành phố ở bờ tây của Ơ-phơ-rát.

Đóng yên cương

Có nghĩa là chuẩn bị ngựa để kéo xe: xe hai bánh dùng trong chiến tranh.

Mũ sắt

Mũ sắt là giáp bảo vệ đầu trong chiến trận.

Đánh bóng mũi giáo

Cụm từ này có nghĩa là “mài” mũi giáo.

Jeremiah 46:5

Thông Tin Tổng Quát:

Khải tượng của Giê-rê-mi về Ai Cập tiếp tục.

Ta thấy gì ở đây?

Từ “ta” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va đưa ra câu hỏi châm biếm này để nhấn mạnh rằng điều Ngài phán về nước Ai Cập đã trở thành hiện thực.

Người nhanh chân không thể chạy khỏi, các chiến sĩ không thể trốn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thoát
Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng không ai có thể trốn thoát được, kể cả người mạnh nhất và nhanh nhất,. Gợi ý dịch: "cả chiến sĩ nhanh nhất cũng không thể thoát khỏi."
Jeremiah 46:7
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục thuật lại lời truyền phán của Đức Giê-hô-va về dân Ai Cập.
Kẻ dấy lên như sông Nin là ai?
Gợi ý dịch: "Ai Cập dấy lên như Sông Nin." Đức Giê-hô-va hỏi câu này để hướng sự chú ý của người nghe vào Ai Cập.
Ai Cập dấy lên như Sông Nin
Quân đội Ai Cập được ví với sự tàn phá do cơn lụt từ sông Nin gây ra.
Nó nói
Ở đây Ai Cập nói giống như một con người.
'Ta sẽ dâng lên, ta sẽ bao phủ khắp đất. Ta sẽ tiêu diệt các thành và dân cư của chúng.'
"Ta" là nước Ai Cập đang tự hào tuyên bố rằng quân đội của nó sẽ tàn phá đất như một cơn nước lụt.
Ngựa chiến, hãy xông tới; Chiến xa, hãy nổi giận.
Đức Giê-hô-va ra lệnh cho ngựa và chiến xa như thể chúng là con người. Cả hai từ “ngựa chiến” và “chiến xa” đều chỉ về những chiến xa trong trận mạc. Những câu này là mệnh lệnh xung trận cho những người cưỡi xe.
Cút ... Phút ... Lu-đim
Đây là tên trong Kinh Thánh cho các nước Ê-thi-ô-pi, Li-bi và Ly-đi.
giương cung
Cụm từ này có nghĩa là sử dụng cung bằng cách kéo dây cung và mũi tên ra sau.
Jeremiah 46:10
Thông Tin Tổng Quát:
Tiếp tục lời Giê-rê-mi thuật lại lời phán của Đức Giê-hô-va về Ai Cập.
Ngày ấy
Cụm từ này chỉ về ngày quân Ai Cập thua trận trước quân Ba-by-lôn.
Kẻ thù nghịch Ngài
Từ này chỉ về kẻ thù của Đức Giê-hô-va.
Gươm sẽ nuốt đến no nê, uống huyết chúng cho đầy say sưa
Ở đây gươm ăn nuốt giống như người. Cả hai vế này đều nói về cùng một điều, được kết hợp để nhấn mạnh rằng sẽ có sự hủy diệt hoàn toàn.
Gươm sẽ nuốt
Từ “gươm” ở đây tượng trưng cho quân đội Ba-by-lôn.
Của tế lễ cho Chúa Giê-hô-va
“Của tế lễ” ở đây là nước Ai Cập. Gợi ý dịch: "Ai Cập sẽ là của tế lễ cho Chúa Giê-hô-va."
Jeremiah 46:11
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va ngừng truyền phán với Ai Cập.
Con gái đồng trinh của Ai Cập
Gợi ý dịch: "Dân Ai Cập chưa bị cướp phá".
Nỗi nhục
Từ này chỉ về tình trạng cảm thấy xấu hổ hay mất sự tôn trọng.
Đất đầy dẫy tiếng rên siết của ngươi
Gợi ý dịch: mọi người có thể nghe thấy tiếng than khóc của ngươi.
Jeremiah 46:13
Mít-đôn ... Mêm-phít ... Tác-pha-nết
Đây là những thành phố quân sự quan trọng của Ai Cập. Mêm-phít là thủ đô của Ai Cập.
gươm đang nuốt chung quanh ngươi
Từ “gươm” ở đây tượng trưng cho quân Ba-by-lôn. Cụm từ “gươm đang nuốt” có nghĩa là “đang tàn phá”. Gợi ý dịch: "quân Ba-by-lôn đang tàn phá."
Jeremiah 46:15
Tại sao thần A-pít của ngươi bỏ trốn?
Gợi ý dịch: "thần A-pít của ngươi bỏ trốn."
A-pít
Đây là một trong các thần lớn của Ai Cập. “A-pít” ở đây đại diện cho “thế lực ngươi tin cậy”
Tại sao thần bò của ngươi không đứng nổi?
Thần không đứng nổi?** -
Gợi ý dịch: "Thần bò của ngươi không đứng nổi." A-pít được tượng trưng bằng hình tượng một con bò.
Đức Giê-hô-va đã ném nó xuống
Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã đánh bại A-pít, thần bò của ngươi."
Gươm giáo đang đánh bại chúng ta
“Gươm giáo” ở đây chỉ về quân đội Ba-by-lôn.
Pha-ra-ôn vua Ai Cập chỉ là kẻ ồn ào, đánh mất cơ hội
Hai cụm từ này muốn nói rằng nước Ai Cập trở nên yếu thế. Gợi ý dịch: "Pha-ra-ôn khoác lác nhiều mà chẳng làm được gì".
Jeremiah 46:18
Có kẻ sẽ đến như núi Tha-bô và núi Cạt-mên ngoài biển
Ở đây chỉ về nước Ba-by-lôn sẽ lấn áp nước Ai Cập giống như hai ngọn núi này đối với những đồng bằng quanh chúng.
Thu xếp hành trang
Gợi ý dịch: "chuẩn bị lên đường"
Jeremiah 46:20
Ai Cập là một con bò tơ xinh đẹp
Nước Ai Cập được ví như một con bò cái tơ xinh đẹp. Có thể là phép so sánh này có ý muốn chỉ ra rằng Ai Cập là bạn tình của thần bò A-pít. Gợi ý dịch: "Ai Cập giống như một con bò cái tơ xinh đẹp."
Côn trùng châm chích
Ở đây chỉ về quân đội Ba-by-lôn. Côn trùng châm chích có thể gây ra vết thương đau nhức nhưng không gây thiệt hại lâu dài cho con vật bị chích.
những tên lính ở giữa nó như những con bò béo tốt
Tác giả ví những tên lính như “những con bò béo tốt” vì những tên lính được chăm sóc kỹ lưỡng và chuẩn bị sẵn sàng để bị giết.
Chúng sẽ không đứng cùng nhau
Tác giả đang nói rằng quân lính sẽ không hiệp một chiến đấu mà bỏ chạy, chỉ lo cứu mạng mình.
Ai Cập khè như rắn và bò đi
Tác giả đang nói rằng Ai Cập chẳng thể làm gì, chỉ biết khè và sợ hãi bò đi khi người đốn củi phá tổ của chúng.
Jeremiah 46:23
Chúng sẽ đốn phá rừng
Quân xâm lược sẽ giống như người đốn củi đốn phá cả khu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

rừng. Gợi ý dịch: "Quân Ba-by-lôn sẽ đốn hạ các thành của Ai Cập."

Chúng
Ở đây chỉ về quân đội Ba-by-lôn xâm lược Ai Cập.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "Đây là điều Đức Giê-hô-va phán" (Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chúng rất đông
ở đây nói về rất nhiều những thành phố gần sát nhau của Ai Cập.

Cào cào
Đây là một loại côn trùng đi thành những đàn lớn, có thể gây tàn hại nặng nề bằng cách cắn phá mùa màng.

Con gái ... sẽ bị mang xấu hổ
Giê-rê-mi đang nói rằng dân Ai cập sẽ bị xấu hổ trước các nước, đặc biệt là vì những người con gái và phụ nữ sẽ bị xâm hại bởi quân lính Ba-by-lôn.

tay của dân phương bắc
Ở đây câu này có nghĩa là “sức mạnh của Ba-by-bôn đến từ phương bắc”.

Jeremiah 46:25

A-môn ở Thê-bê
"A-môn" là vua của các thần Ai Cập. “Thê-bê” là thủ đô của Ai Cập, ở đây nó tượng trưng cho toàn bộ đế quốc Ai Cập. Gợi ý dịch: "A-môn, thần của cả Ai Cập"

Ta sẽ phó chúng ... vào tay Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn
Ở đây Nê-bu-cát-nết-sa đại diện cho cả đất nước Ba-by-lôn, và “tay” của vua tượng trưng cho “sự cai trị”. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giao quyền cai trị Ai Cập cho Ba-by-lôn."

về sau Ai Cập sẽ còn có dân ở như ngày xưa
Gợi ý dịch: "Sau sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va, nước Ai Cập sẽ trở lại là đất nước độc lập."

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:09

Jeremiah 46:27

Hỡi đầy tớ ta là Gia-cốp, đừng sợ! Hỡi Y-sơ-ra-ên, chớ kinh hãi!
Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh sự khích lệ cho dân Giu-đa chớ sợ hãi.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chắc chắn sẽ không để con khỏi bị trừng phạt
"chắc chắn sẽ trừng phạt con."

Translation Questions

Jeremiah 46:1

Đức Giê-hô-va nói đạo quân Ê-díp-tô làm gì?
Ngài bảo rằng họ lấy thuẫn, ngựa, giáo và áo giáp sẵn sàng và chiến đấu.

Jeremiah 46:2

Hai vị vua nào đang chiến tranh với nhau?
Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn và Nê-cô, vua Ê-díp-tô đang chiến tranh.

Jeremiah 46:4

Đức Giê-hô-va nói đạo quân Ê-díp-tô làm gì?
Ngài bảo rằng họ lấy thuẫn, ngựa, giáo và áo giáp sẵn sàng và chiến đấu.

Jeremiah 46:5

Đức Giê-hô-va thấy đạo quân Ê-díp-tô đang làm gì?
Ngài thấy những người lính Ê-díp-tô đang chạy đến nơi an toàn, nhưng họ bị đánh bại tại sông Ơ-phơ-rát.

Jeremiah 46:6

Đức Giê-hô-va thấy đạo quân Ê-díp-tô đang làm gì?
Ngài thấy những người lính Ê-díp-tô đang chạy đến nơi an toàn, nhưng họ bị đánh bại tại sông Ơ-phơ-rát.

Jeremiah 46:7

Đức Giê-hô-va so sánh đạo quân Ê-díp-tô với gì?
Đạo quân Ê-díp-tô giống như sông Ni-lơ khi nó sôi bọt và hủy phá các thành phố và dân cư.

Jeremiah 46:8

Đức Giê-hô-va so sánh đạo quân Ê-díp-tô với gì?
Đạo quân Ê-díp-tô giống như sông Ni-lơ khi nó sôi bọt và hủy phá các thành phố và dân cư.

Jeremiah 46:10

Đức Giê-hô-va sẽ báo thù như thế nào?
Ngài sẽ báo thù khi gươm nuốt và no. Đó sẽ là tế lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 46:11

Đức Giê-hô-va phán rằng Người Ê-díp-tô làm gì?
Họ sẽ đến Da-la-át để lấy thuốc, nhưng sẽ chẳng chữa lành cho họ được.

Jeremiah 46:12

Đức Giê-hô-va phán rằng Người Ê-díp-tô làm gì?
Họ sẽ đến Da-la-át để lấy thuốc, nhưng sẽ chẳng chữa lành cho họ được.

Jeremiah 46:13

Đức Giê-hô-va nói với dân Mít-đôn bà Mem-phít làm gì?
Ngài nói với họ đi đến Tác-pha-nết và đánh nhau tại đó.

Jeremiah 46:14

Đức Giê-hô-va nói với dân Mít-đôn bà Mem-phít làm gì?
Ngài nói với họ đi đến Tác-pha-nết và đánh nhau tại đó.

Jeremiah 46:15

Có chuyện gì xảy ra với các tà thần của Ai-cập?
A-bít, thần bò đã chạy trốn và Đức Giê-hô-va đã đuổi chúng nó.

Jeremiah 46:16

Những người lính muốn làm gì?
Họ muốn đi về nhà.

Jeremiah 46:17

Những người lính muốn làm gì?
Họ muốn đi về nhà.

Jeremiah 46:19

Đức Giê-hô-va nói rằng Ê-díp-tô cần chuẩn bị điều gì?
Ngài nói rằng Ê-díp-tô cần phải chuẩn bị cho việc phu tù.

Jeremiah 46:20

Tác giả ví Ê-díp-tô trước chiến trận giống như loài động vật nào?
Ê-díp-tô là một con bò cái tơ đẹp đẽ, và những người lính thuê giống như con bò béo.

Jeremiah 46:21

Tác giả ví Ê-díp-tô trước chiến trận giống như loài động vật nào?
Ê-díp-tô là một con bò cái tơ đẹp đẽ, và những người lính thuê giống như con bò béo.

Tác giả ví Ê-díp-tô sau chiến trận giống như loài động vật nào?
Ngài nói rằng Ê-díp-tô giống như một con rắn.

Jeremiah 46:23

Ai sẽ giết những người lính Ê-díp-tô?
Những người từ phía bắc sẽ chặt họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 46:24
Ai sẽ giết những người lính Ê-díp-tô?
Những người từ phía bắc sẽ chặt họ.
Jeremiah 46:25
Đức Giê-hô-va sẽ phó Ê-díp-tô cho ai?
Ngài sẽ phó Ê-díp-tô cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Jeremiah 46:26
Đức Giê-hô-va sẽ phó Ê-díp-tô cho ai?
Ngài sẽ phó Ê-díp-tô cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Jeremiah 46:27
Đức Giê-hô-va nói rằng Ngài sẽ làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ đem họ ra khỏi lưu đày, đem họ trở lại xứ mình là nơi họ sẽ được bình an và an toàn, và Ngài sẽ diệt hết các nước mà họ bị phân tán đến đó, kỷ luật họ một cách công bình, những sẽ không tiêu diệt hoàn toàn.
Jeremiah 46:28
Đức Giê-hô-va nói rằng Ngài sẽ làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên?
Ngài sẽ đem họ ra khỏi lưu đày, đem họ trở lại xứ mình là nơi họ sẽ được bình an và an toàn, và Ngài sẽ diệt hết các nước mà họ bị phân tán đến đó, kỷ luật họ một cách công bình, những sẽ không tiêu diệt hoàn toàn.

Chapter 47
Jeremiah 47:1
Kìa
Từ “kìa” hướng chúng ta chú ý vào điều sắp được nói.
Nước lụt dâng lên từ phương bắc. Chúng sẽ giống như một dòng sông lan tràn!
Hai câu này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. “Nước” và “sông” đều chỉ về quân đội đến từ phương bắc
Chúng sẽ tràn ngập khắp đất
"chúng" chỉ về quân đội từ phương bắc.
Jeremiah 47:3
Tiếng vó ngựa dồn dập, tiếng chiến xa huyên náo, tiếng bánh xe rầm rập
Những vế này cùng tượng trưng cho tiếng quân đội đang kéo đến.
tiếng chiến xa huyên náo, tiếng bánh xe rầm rập
Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.
Cáp-tô
Đây là tên của một hòn đảo ở phía bắc của Phi-li-tin.
Jeremiah 47:5
Trọc đầu
Cạo hết đầu hoặc một phần là dấu hiệu bày tỏ sự buồn rầu của những người thờ thần tượng ở các nước như Phi-li-tin.
Dân chúng ... sẽ bị yên lặng.
Gợi ý dịch: "Dân chúng ... sẽ bị giết."
các ngươi tự cắt thịt mình mà than khóc cho đến bao giờ?
Cắt vào da mình là một nghi thức nữa của người thờ thần tượng khi than khóc người chết.
gươm của Đức Giê-hô-va
Ở đây chỉ về quân đội đến từ phía bắc mà Đức Giê-hô-va dùng để trừng phạt người Phi-li-tin.
Cho đến bao giờ ngươi mới yên lặng
Người Phi-li-tin dùng câu hỏi này để thể hiện sự tuyệt vọng sâu sắc của mình về sự tàn phá do kẻ thù gây ra.
ngươi
Chỉ về gươm của Đức Giê-hô-va như thể nó là một con người.
Bao gươm
Vỏ dùng để bảo vệ lưỡi gươm.
Làm sao ngươi yên lặng được, vì Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh cho ngươi
Từ “ngươi” chỉ về “gươm của Đức Giê-hô-va”.

Translation Questions

Jeremiah 47:1
Đức Giê-hô-va nói rằng điều gì sẽ xảy ra cho dân Phi-li-tin?
Họ sẽ bị tấn công từ phía bắc và họ sẽ than thở sẽ than thở (khóc).
Jeremiah 47:2
Đức Giê-hô-va nói rằng điều gì sẽ xảy ra cho dân Phi-li-tin?
Họ sẽ bị tấn công từ phía bắc và họ sẽ than thở sẽ than thở (khóc).
Jeremiah 47:3
Người Phi-li-tin biết kẻ thù sẽ tiêu diệt họ như thế nào?
Họ sẽ nghe tiếng vó ngựa và tiếng xe cộ ầm ạc. Đàn ông sẽ chạy trốn, họ sẽ không dừng lại để giúp con cái, và họ sẽ yếu đuối và bất lực.
Jeremiah 47:4
Người Phi-li-tin biết kẻ thù sẽ tiêu diệt họ như thế nào?
Họ sẽ nghe tiếng vó ngựa và tiếng xe cộ ầm ạc. Đàn ông sẽ chạy trốn, họ sẽ không dừng lại để giúp con cái, và họ sẽ yếu đuối và bất lực.
Jeremiah 47:6
Dân Phi-li-tin hỏi Đức Giê-hô-va làm gì?
Họ đang yêu cầu Ngài đừng giết họ.
Jeremiah 47:7
Dân Phi-li-tin hỏi Đức Giê-hô-va làm gì?
Họ đang yêu cầu Ngài đừng giết họ.
Tại sao Đức Giê-hô-va không ngừng giết họ?
Bởi vì Ngài có ý định tấn công tất cả mọi người sống ở Ách-ca-lôn và bờ biển.

Chapter 48
Jeremiah 48:1
Nê-bô
Đây là tên một ngọn núi ở Mô-áp.
Ki-ri-a-ta-im
Đây là tên của một thành ở Mô-áp.
Ki-ri-a-ta-im đã bị chiếm đóng và xấu hổ.
"Kẻ thù đã chiếm thành Ki-ri-a-ta-im và dân chúng của nó không thể tự hào về nó được nữa."
Vinh quang của Mô-áp không còn nữa
Câu này có nghĩa là sự tôn trọng mà Mô-áp vui thích trước đây sẽ không còn nữa.
Hết-bôn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là tên hoàng thành của vua dân A-mô-rít.
Mát-mên cũng sẽ suy tàn
"Mát-mên" là một thành của Mô-áp. “Kẻ thù của chúng sẽ phá hủy thành Mát-mên”.
Gươm đao sẽ đuổi theo ngươi
Có nghĩa là một đội quân sẽ xâm chiếm Mô-áp.
Jeremiah 48:3
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói về sự hủy diệt của Mô-áp.
Hô-rô-na-im
Đây là tên của một thành ở phía nam Mô-áp.
Tàn phá và hủy diệt lớn
Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh sự hủy diệt hoàn toàn.
Những con trẻ nó
Ở đây chỉ về dân Mô-áp.
Lu-hít
Đây là một địa danh ở Mô-áp.
Vì sự hủy diệt
Gợi ý dịch: "vì sự hủy diệt của thành".
Jeremiah 48:6
Cứu lấy mạng mình
Từ “mình” ở đây chỉ về dân Mô-áp.
Hãy trở nên như cây thạch thảo
Những người thoát khỏi sự hủy diệt của thành phố được ví như bụi cây sống sót trong môi trường khắc nghiệt ở hoang mạc, có lá xanh quanh năm.
Trông cậy vào những tập tục của mình
Gợi ý dịch: "sống theo tập quán và sự dạy dỗ của tôn giáo mình"
Kê-mốt
"Kê-mốt" là vị thần đứng đầu của dân Mô-áp. Ở đây, “Kê-mốt” đại diện cho dân Mô-áp.
Jeremiah 48:8
Vì thế thung lũng sẽ tiêu tan và đồng bằng sẽ bị tàn phá
Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng toàn bộ xứ sẽ bị tàn phá. Gợi ý dịch: "Vì thế kẻ hủy diệt sẽ tàn phá mọi thành phố trong các thung lũng và đồng bằng."
Hãy ban cánh cho Mô-áp
Mệnh lệnh này là phép cường điệu vì không ai có thể chắp thêm cánh cho một người. Đồng thời, việc bay đi tượng trưng cho việc vội vã bỏ chạy. Gợi ý dịch: "Hãy giúp dân Mô-áp trốn thoát”, “Nếu dân Mô-áp có cánh để bay đi thì thật là tốt”.
Đổ máu
Gợi ý dịch: "giết người"
Jeremiah 48:11
Mô-áp được an ninh từ khi nó còn trẻ
“Nó” ở đây chỉ về toàn bộ nước Mô-áp.
Nó như rượu chưa được rót từ bình nầy sang bình khác
Từ “nó” chỉ về nước Mô-áp chưa từng bị lưu đày khỏi xứ và được ví như rượu.
Cho nên vị của nó còn nguyên và mùi của nó chưa đổi
Hai vế này có ý nghĩa như nhau.
Vậy nên, nầy, những ngày đến
"Hãy chú ý lắng nghe vì sắp đến"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Dốc ngược nó và đổ hết bình nó, đập vỡ bình
Hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Cả hai đều chỉ về sự hủy diệt đang đến trên Mô-áp.
Jeremiah 48:13
sao các ngươi nói
Từ “các ngươi” chỉ về những quân lính Mô-áp.
Sao các ngươi nói ‘chúng tôi là chiến sĩ, những binh sĩ mạnh mẽ’?
Gợi ý dịch: "Các ngươi không còn nói được rằng ‘chúng tôi là chiến sĩ, những binh sĩ mạnh mẽ’"
Jeremiah 48:15
Các thanh niên ưu tú nhất của nó đã đi xuống chỗ bị giết.
Gợi ý dịch: "Các thanh niên ưu tú nhất của chúng sẽ bị giết."
Tai ương của Mô-áp sắp xảy đến, hoạn nạn sẽ đến mau chóng
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh sự hủy diệt của Mô-áp đã cận kề. Gợi ý dịch: "Kẻ thù của Mô-áp sắp sửa tiêu diệt nó”.
Cây trượng cứng mạnh, cây gậy vinh quang đã gãy
Ở đây từ “cây trượng” và “cây gậy” đều chỉ về sức mạnh và sự hổ trợ chính trị của Mô-áp cho các nước khác. Gợi ý dịch: "Kẻ thù của Mô-áp đã phá vỡ quyền lực rất lơn của nó."
Jeremiah 48:18
Ngồi trên nền đất khô, con gái ngươi sống ở Đi-bôn
Từ “con gái” chỉ về dân Đi-bôn.
kẻ sẽ hủy diệt Mô-áp
Gợi ý dịch: "kẻ thù của dân Mô-áp"
Hãy hỏi những người
Gợi ý dịch: "hãy hỏi người" hoặc "hãy hỏi những đàn ông và đàn bà"
Hãy kêu la và than khóc
Gợi ý dịch: "hãy khóc lớn tiếng trong đau đớn và tức giận"
Jeremiah 48:21
Hô-lôn, Gia-sa và Mê-phát ... Bốt-ra lon
Đây là những thành phố ở Mô-áp.
Sừng của Mô-áp bị chặt rồi, cánh tay nó đã gãy
“Sừng” và “cánh tay” có ý nghĩa như nhau, đó là Mô-áp đã bị thương.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 48:26
Hãy làm cho nó say sưa
Sự trừng phạt Đức Chúa Trời giáng trên Mô-áp sẽ để cho đất nước chúng bị kẻ thù khinh miệt giống như người say rượu làm đối tượng cho người ta chế nhạo và cười chê.
Bấy giờ Mô-áp vỗ tay kinh tởm đồ nó mửa ra, vì thế nó trở thành trò cười cho thiên hạ
Đức Chúa Trời tiếp tục ví Mô-áp như người say rượu.
Chẳng phải Y-sơ-ra-ên từng là trò cười cho ngươi sao?
Gợi ý dịch: "Vì ngươi từng cười nhạo và chế giễu dân ta trong vương quốc Y-sơ-ra-ên."
Có phải nó bị bắt giữa những kẻ trộm mà mỗi lần nhắc đến nó thì ngươi lắc đầu không?
Gợi ý dịch: "Mặc dù chúng là những kẻ trộm nhưng chúng chẳng bao giờ bị bắt. Ngươi lắc đầu khinh miệt và xem thường chúng.
Jeremiah 48:28
Vách đá
Vách đá là một mặt dốc của núi.
Hốc đá
Ở đây chỉ về một chỗ hở ra trong tảng đá, chẳng hạn như

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lối vào hang động.
thói xấc xược ... kiêu căng ... ngạo mạn ... tự cao ... tự đại trong lòng nó
tự cao ... tự đại trong lòng nó** - Tất cả những từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh sự kiêu ngạo tột bực của dân Mô-áp.
Jeremiah 48:30
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Ngang ngạnh
Không chịu vâng theo ai đó hay lời chỉ dạy, đôi khi là vì kiêu ngạo.
Ta sẽ kêu la than khóc cho Mô-áp và ta sẽ kêu than cho toàn Mô-áp
Giê-rê-mi lặp lại một ý hai lần để nhấn mạnh.
kêu la
Tiếng khóc lớn và buồn thảm của một người khi chịu đau đớn hay sầu não.
Kiệt Hê-rết
Đây là tên cố đô của Mô-áp.
Gia-xe ... Síp-ma
Đây là tên hai thành phố của Mô-áp.
Jeremiah 48:33
Niềm hân hoan và vui vẻ đã bị cất đi
Gợi ý dịch: "Bây giờ sẽ không ai hân hoan hay vui vẻ trong Mô-áp;"
Ta đã làm chấm dứt
"Ta đã làm ngưng"
Chúng sẽ không đạp
"Họ sẽ không đạp." Từ “chúng” chỉ về những người làm rượu trong Mô-áp.
Jeremiah 48:34
Hết-bôn
Đây là tên hoàng thành của vua Mô-áp.
Ê-lê-a-lê ... Gia-hát ... Xoa ... Hô-rô-na-im ... Ê-lát Sê-li-sia
Đây là tên các thành phố khác của Mô-áp.
Nim-rim
Đây là tên của một dòng suối hoặc con sông gần Biển Chết.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 48:36
Lòng ta rên rỉ cho Mô-áp như tiếng sáo
Giê-rê-mi đang ví sánh cảm xúc của mình như một bài hát buồn.
Lòng ta rên rỉ
Từ “lòng” chỉ về những cảm xúc sâu sắc của Giê-rê-mi. Gợi ý dịch: "Ta hết sức buồn rầu cho".
Kiệt Hê-rết
Kiệt Hê-rết là cố đô xưa của Mô-áp, khoảng 18km
Đầu nào cũng cạo trọc, râu nào cũng cạo nhẵn; bàn tay nào cũng có dấu cắt, lưng nào cũng quấn vải sô
Đây là những điều dân Mô-áp làm khi họ than khóc hay bày tỏ nỗi buồn rầu.
Dấu cắt
Vết cắt trên da
Jeremiah 48:38
Mọi mái bằng
"mọi mái nhà"
các quảng trường
Khu vực công cộng rộng rãi chẳng hạn như nơi phố chợ.
vì ta đã tiêu diệt
Từ “ta” chỉ về Đức Giê-hô-va
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
đập vỡ
Phá hủy hay tiêu diệt
Kêu la
Tiếng khóc lớn và buồn thảm của một người khi chịu đau đớn
Mô-áp sẽ trở nên trò cười
Gợi ý dịch: "Mô-áp sẽ trở nên một nước cho các dân lân cận cười nhạo"
Jeremiah 48:40
kẻ thù sẽ lướt nhanh như đại bàng, xòe cánh ra
Những cụm từ này ví đội quân hùng mạnh sẽ tấn công Mô-áp và xâm chiếm nó như đại bàng sà xuống bắt con mồi.
Kê-ri-giốt
Một thành của Mô-áp.
Kê-ri-giốt thất thủ, các chiến lũy của nó bị chiếm giữ
"Kẻ thù đã chiếm Kê-ri-giốt và chiếm các chiến lũy của nó"
Trong ngày đó, lòng các chiến sĩ Mô-áp ... đàn bà chuyển dạ
Cụm từ này ví nỗi sợ hãi sẽ bao trùm các chiến sĩ Mô-áp như nỗi sợ của người đàn bà khi sắp sinh con.
Jeremiah 48:42
Vì thế Mô-áp sẽ bị tiêu diệt
Gợi ý dịch: "Vì thế kẻ thù sẽ tiêu diệt dân Mô-áp"
Vào năm
Ở đây “năm” có thể được dịch là “thời điểm”, “mùa” hay “khoảng thời gian”.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 48:45
Những kẻ chạy trốn
Ở đây chỉ về những người có thể chạy thoát khi Mô-áp bị hủy diệt.
bóng Hết-bôn
Một nơi an toàn trong thành Hết-bôn.
vì có lửa phát ra từ Hết-bôn, ngọn lửa từ giữa Si-hôn
Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng sự hủy diệt của Mô-áp sẽ bắt đầu và lan ra từ Hết-bôn. Hết-bôn là thủ đô của vua A-mô-rít, tức là Si-hôn.
trán của Mô-áp và sọ của những kẻ khoe khoang
Những cụm từ này chỉ về dân Hết-bôn và các nhà lãnh đạo nổi bật của nó.
Trán
Một phần của khuôn mặt, bên trên mắt và bên dưới đường tóc, là biểu tượng của sự kiêu ngạo.
sọ của những kẻ khoe khoang
Ở đây chỉ về những người nổi bật của Mô-áp, chẳng hạn như vua chúa và các nhà lãnh đạo. Đây cũng là biểu tượng của sự kiêu ngạo.
Jeremiah 48:46
Dân của Kê-mốt bị diệt vong
Gợi ý dịch: "Dân của Kê-mốt bị kẻ thù tiêu diệt" hoặc "Kẻ thù của dân Kê-mốt tiêu diệt chúng".
Kê-mốt
Xem cách đã dịch ở JER48:06
những ngày sau
Ở đây chỉ về một khoảng thời gian trong tương lai, được gọi là “những ngày cuối cùng”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Jeremiah 48:1

Đức Giê-hô-va nói gì về Mô-áp?

Sự tàn phá sẽ xảy ra với các thành , sẽ không có oi khen ngợi Mô-áp và kẻ thù của họ sẽ cố gắng tiêu diệt và họ sẽ không còn là một nước.

Jeremiah 48:2

Đức Giê-hô-va nói gì về Mô-áp?

Sự tàn phá sẽ xảy ra với các thành , sẽ không có oi khen ngợi Mô-áp và kẻ thù của họ sẽ cố gắng tiêu diệt và họ sẽ không còn là một nước.

Jeremiah 48:3

Tại sao mọi người lại la hét, kêu la và than khóc?

Họ làm như vậy vì Mô-áp bị phá hủy.

Jeremiah 48:5

Tại sao mọi người lại la hét, kêu la và than khóc?

Họ làm như vậy vì Mô-áp bị phá hủy.

Jeremiah 48:7

Tại sao Kê-mốt cùng các thầy tế lễ và các quan trưởng mình đi làm phu tù?

Vì họ đã đặt niềm tin của họ vào thực tiễn và sự giàu có của họ.

Jeremiah 48:8

Đức Giê-hô-va phán rằng điều gì sẽ xảy đến với các thị trấn Mô-áp?

Tất cả họ sẽ bị phá hủy, không ai trong số họ sẽ trốn thoát được.

Jeremiah 48:9

Điều gì xảy ra với các thành phố của họ?

Chúng sẽ trở thành một vùng đất hoang vu, không còn ai ở đó.

Jeremiah 48:10

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với những kẻ nào không giết người Mô-áp?

Đức Giê-hô-va sẽ rủa sả kẻ đó.

Jeremiah 48:11

Đức Giê-hô-va phán rằng sẽ xảy ra chuyện gì với Mô-áp?

Ngài phán rằng Ngài sẽ khiến kẻ thù tấn công họ và loại bỏ họ.

Jeremiah 48:12

Đức Giê-hô-va phán rằng sẽ xảy ra chuyện gì với Mô-áp?

Ngài phán rằng Ngài sẽ khiến kẻ thù tấn công họ và loại bỏ họ.

Jeremiah 48:15

Đức Giê-hô-va phán rằng sẽ có điều gì xảy đến cùng xứ Mô-áp?

Nó sẽ sớm bị phá hủy.

Jeremiah 48:16

Đức Giê-hô-va phán rằng sẽ có điều gì xảy đến cùng xứ Mô-áp?

Nó sẽ sớm bị phá hủy.

Jeremiah 48:17

Những người sống gần Mô-áp nên làm gì sau khi Mô-áp bị hủy diệt?

Họ nên than khóc cho Mô-áp vì sức mạnh của họ bị bẻ gãy.

Jeremiah 48:18

Người dân ở thành Đi-bôn và A-rô-e nên làm gì thay vì họ tự hào?

Họ nên nhận thấy họ đang bị tấn công, và để ý hỏi han đế những người đang chạy trốn. Họ phải than thở, xấu hổ và kêu cứu vì Mô-áp đã bị tàn phá.

Jeremiah 48:20

Người dân ở thành Đi-bôn và A-rô-e nên làm gì thay vì họ tự hào?

Họ nên nhận thấy họ đang bị tấn công, và để ý hỏi han đế những người đang chạy trốn. Họ phải than thở, xấu hổ và kêu cứu vì Mô-áp đã bị tàn phá.

Jeremiah 48:21

Tất cả các thành phố đã chịu những sự trừng phạt gì?

Đức Giê-hô-va đã trừng phạt rất nhiều thành phố. Sừng của Mô-áp đã bị chặt, cánh tay nó đã gãy.

Jeremiah 48:25

Tất cả các thành phố đã chịu những sự trừng phạt gì?

Đức Giê-hô-va đã trừng phạt rất nhiều thành phố. Sừng của Mô-áp đã bị chặt, cánh tay nó đã gãy.

Jeremiah 48:26

Người Mô-áp nghĩ rằng họ rất mạnh mẽ có thể chống lại Đức Giê-hô-va, nhưng Đức Giê-hô-va sẽ làm gì họ?

Đức Giê-hô-va sẽ xét đoán Mô-áp và kẻ thù của họ sẽ nghịch cười họ.

Jeremiah 48:27

Người Mô-áp nghĩ rằng họ rất mạnh mẽ có thể chống lại Đức Giê-hô-va, nhưng Đức Giê-hô-va sẽ làm gì họ?

Đức Giê-hô-va sẽ xét đoán Mô-áp và kẻ thù của họ sẽ nghịch cười họ.

Jeremiah 48:28

Dân sự phải làm gì bởi vì sự cậy mình của họ?

Họ nên lìa bỏ các thành và đi ở trong vầng đá.

Jeremiah 48:29

Dân sự phải làm gì bởi vì sự cậy mình của họ?

Họ nên lìa bỏ các thành và đi ở trong vầng đá.

Jeremiah 48:30

Tại sao Đức Giê-hô-va kêu la trong nỗi buồn, và khóc thương cho dân Mô-áp?

Đức Giê-hô-va than khóc vì Ngài biết sự kiêu ngạo xấc xược của Mô-áp, sjw khoe khoang của họ là vô ích.

Jeremiah 48:32

Tại sao Đức Giê-hô-va kêu la trong nỗi buồn, và khóc thương cho dân Mô-áp?

Đức Giê-hô-va than khóc vì Ngài biết sự kiêu ngạo xấc xược của Mô-áp, sjw khoe khoang của họ là vô ích.

Jeremiah 48:33

Đức Giê-hô-va đã làm gì Mô-áp?

Ngài đã cất đi tiệc mừng hớp hở của họ

Jeremiah 48:35

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì dân Mô-áp với những ai dâng tế lễ và đốt hương cho thần của họ?

Ngài sẽ cất khỏi những kẻ đó.

Jeremiah 48:36

Dân Kiệt-Hê-re thể hiện nỗi buồn của họ như thế nào vì sự giàu có của họ đã mất hết?

Họ cạo đầu, râu đều cắt hết, họ cắt tay và mặc bao gai.

Jeremiah 48:37

Dân Kiệt-Hê-re thể hiện nỗi buồn của họ như thế nào vì sự giàu có của họ đã mất hết?

Họ cạo đầu, râu đều cắt hết, họ cắt tay và mặc bao gai.

Jeremiah 48:38

Tại sao có tang chế khắp mọi nơi trên mái nhà và trong các đường phố?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bởi vì Đức Giê-hô-va đã hủy diệt Mô-áp như đã đập bể cái bình chẳng ai ưa thích.
Jeremiah 48:39
Tại sao có tang chế khắp mọi nơi trên mái nhà và trong các đường phố?
Bởi vì Đức Giê-hô-va đã hủy diệt Mô-áp như đã đập bể cái bình chẳng ai ưa thích.
Jeremiah 48:40
Đức Giê-hô-ca phán rằng các đồn lũy Kê-ri-giốt sẽ như thế nào?
Nó sẽ xảy ra nhanh chóng, giống như khi một con chim ưng tóm được con mồi của nó. Kẻ thù sẽ nắm giữ các đồn lũy và những người lính sẽ kinh hãi.
Jeremiah 48:41
Đức Giê-hô-ca phán rằng các đồn lũy Kê-ri-giốt sẽ như thế nào?
Nó sẽ xảy ra nhanh chóng, giống như khi một con chim ưng tóm được con mồi của nó. Kẻ thù sẽ nắm giữ các đồn lũy và những người lính sẽ kinh hãi.
Jeremiah 48:42
Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt Mô-áp ra sao?
Đức Giê-hô-va sẽ làm cho dân sự sợ hãi và rơi vào bẫy.
Jeremiah 48:44
Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt Mô-áp ra sao?
Đức Giê-hô-va sẽ làm cho dân sự sợ hãi và rơi vào bẫy.
Jeremiah 48:45
Tại sao mọi người chỉ chạy trốn thành Hết-bôn?
Bởi vì lửa cháy trong Hết-bôn, nó sẽ thiêu nuốt dân Mô-áp, là những kẻ khoe khoang.
Jeremiah 48:46
GIê-rê-mi nói rằng điều gì sẽ xảy ra với người Mô-áp?
Người Mô-áp sẽ bị tiêu diệt, con trai và con gái của họ sẽ bị bắt và bị đem đi phu tù, nhưng một ngày nào đó, Đức Giê-hô-va sẽ cho phép họ trở về xứ mình.
Jeremiah 48:47
GIê-rê-mi nói rằng điều gì sẽ xảy ra với người Mô-áp?
Người Mô-áp sẽ bị tiêu diệt, con trai và con gái của họ sẽ bị bắt và bị đem đi phu tù, nhưng một ngày nào đó, Đức Giê-hô-va sẽ cho phép họ trở về xứ mình.

Chapter 49
Jeremiah 49:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and
Phải chăng Y-sơ-ra-ên không có con cái? Phải chăng trong Y-sơ-ra-ên không có người thừa kế? Tại sao thần Minh-côm xâm chiếm Gát, và dân nó định cư trong các thành của Gát?
Gợi ý dịch: "Dân Y-sơ-ra-ên rất đông đảo để thừa hưởng đất Y-sơ-ra-ên. Những kẻ thờ phượng tà thần Minh-côm không được cư ngụ ở Gát."
Vì thế, kìa
Cụm từ này thêm nhấn mạnh cho câu theo sau. Gợi ý dịch: "Hãy nhìn xem và lắng nghe".
những ngày đến
Xem cách đã dịch ở JER07:31
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 49:3
Kêu la
Khóc lớn tiếng
Các con gái Ráp-bát
Những phụ nữ trong thành Ráp-bát
Sao ngươi khoe khoang về sức mạnh mình?
Gợi ý dịch: "Ngươi không nên kiêu ngạo vì thực sự ngươi chẳng hề mạnh mẽ."
Ai sẽ đến tấn công ta?
"Ngươi đã lầm tưởng rằng không ai có thể đánh bại ngươi."
Jeremiah 49:5
Ngươi
Từ “ngươi” chỉ về dân Am-môn.
Bị tản lạc
Gợi ý dịch: "đi ra nhiều hướng khác nhau".
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 49:7
Chẳng lẽ mưu luận ... những kẻ hiểu biết? Trí khôn của họ đã biến mất rồi sao?
Cùng một ý được diễn đạt bằng hai cách khác nhau.
Chẳng lẽ mưu luận đã biến mất khỏi những kẻ hiểu biết?
"Dường như chẳng còn người khôn ngoan nào trong vùng Thê-man của Ê-đôm!"
Trí khôn của họ đã biến mất rồi sao?
"Lời khuyên của họ không còn khôn ngoan nữa."
Jeremiah 49:9
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-đôm.
Nếu thợ hái nho đến
"Những người hái nho luôn chừa lại một ít trên cành."
Nếu kẻ trộm đến
"Khi kẻ trộm đến lúc ban đêm, chắc chắn chúng chỉ cướp đi những gì chúng muốn." (UDB) (Xem: j
Jeremiah 49:12
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-đôm.
Nầy
Gợi ý dịch: "Hãy xem, hãy nghe hay hãy chú ý"
uống chén
Gợi ý dịch: "bị trừng phạt"
Ngươi nghĩ mình sẽ thoát khỏi hình phạt sao?
Gợi ý dịch: "Chắc hẳn ngươi phải biết rằng chính ngươi sẽ phải chịu sự trừng phạt của ta cho tội lỗi của mình.
Ngươi ... mình
Từ “ngươi” và “mình” chỉ về Ê-đôm. (Xem:
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 49:14
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi đang nói cùng dân Ê-đôm.
tôi nghe được
Từ “tôi” chỉ về Giê-rê-mi.
tấn công nó
Từ “nó” chỉ về Ê-đôm.
Ta đã làm
Từ “ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.
Ngươi
Từ “ngươi” chỉ về Ê-đôm.
Jeremiah 49:16
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-đôm.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tổ trên cao như đại bàng
Gợi ý dịch: "an toàn như chim đại bàng trên núi cao"
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 49:17
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Ê-đôm.
Run rẩy và xuýt xoa
Gợi ý dịch: "run sợ và chê bai"
Như sự sụp đổ của Sô-đôm và Gô-mô-rơ
Gợi ý dịch: "giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ bị tiêu diệt"
sẽ không có người ở đó, chẳng một người nào sẽ ở tại đó
Đức Giê-hô-va lặp lại một ý hai lần để nhấn mạnh rằng Ê-đôm sẽ hoàn toàn bị bỏ hoang.
Jeremiah 49:19
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-đôm.
Nầy
Gợi ý dịch: "Hãy xem, hãy nghe, hãy chú ý".
Như sư tử
Đây là một cách khác để nói sự tấn công sẽ rất dữ dội và bất ngờ.
Vì có ai giống như ta, và ai sẽ ra lệnh cho ta?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để chỉ ra sự nhỏ bé của loài người. Gợi ý dịch: "Không có ai giống như ta, không ai ra lệnh cho ta được".
Ra lệnh
"lệnh cho ai đó đến"
Người chăn có thể làm gì để chống lại ta?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để cho thấy không ai có thể đánh bại Ngài. “Người chăn” ở đây là một phép ẩn dụ chỉ về “vua”, “nhà cai trị”.
Jeremiah 49:20
dân cư Thê-man
Những người sống ở Thê-man
Chúng sẽ bị kéo đi, kể cả bầy vật nhỏ nhất
Gợi ý dịch: "Ngài sẽ kéo chúng đi, kể cả bầy vật nhỏ nhất"
đồng cỏ của chúng trở nên hoang tàn
Gợi ý dịch: "Ngài sẽ khiến đồng cỏ của chúng trở thành nơi hoang tàn"
đồng cỏ
Đồng cỏ là vùng đất phủ đầy cỏ, nơi cho các thú vật ăn.
Jeremiah 49:21
của chúng
Từ “của chúng” chỉ về Ê-đôm.
Tiếng sụp đổ của chúng làm đất rúng động, tiếng kêu la của chúng thấu đến Biển Đỏ.
Phép cường điệu này nhằm cho thấy sự thất bại của Ê-đôm sẽ rất nặng nề.
Nầy
Gợi ý dịch: "Hãy xem, hãy nghe, hãy chú ý".
Tấn công như đại bàng, sà xuống và xòe cánh
Sự tấn công sẽ rất dữ dội và đột ngột.
Bốt-ra
Một thành phố
Trở nên như lòng đàn bà lúc chuyển dạ
"cảm thấy bị áp chế và đầy kinh hãi"
Jeremiah 49:23
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán về điều sẽ xảy ra cho dân Đa-mách.
Ạt-bát
Đây là thành của người Sy-ri.
Chúng tan chảy
Gợi ý dịch: "Chúng kinh sợ!"
Chúng trở nên bối rối như biển động
Cảm xúc của chúng được ví như biển động.
Như cơn đau của đàn bà chuyển dạ.
Sự đau khổ của thành được ví như cơn đau của đàn bà chuyển dạ.
Tại sao thành phố nổi tiếng ấy, thành phố mà ta lấy làm vui thích, lại không bị hoang vắng?
Gợi ý dịch: "Chẳng thể nào thành nổi tiếng, thành có nhiều niềm vui và hạnh phúc mà vẫn còn người ở."
Jeremiah 49:26
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Đa-mách.
Của nó
Từ “của nó” chỉ về Đa-mách.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Bên Ha-đát
Đây là tên của vua.
Jeremiah 49:28
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi nói về điều sẽ xảy ra cho Kê-đa.
Kê-đa
Tên của một nhóm người.
Hát-so
Một địa danh của Y-sơ-ra-ên vào thời Kinh Thánh và thời nay.
Jeremiah 49:30
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Kê-đa.
ở trong các hố sâu
"Hãy ẩn nấp"
cư dân Hát-so
"những người sống ở Hát-so"
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Lập kế hoạch
"lên kế hoạch"
Chúng ... chúng
Những từ “chúng” ở đây chỉ về những người cảm thấy an toàn và an ninh.
Jeremiah 49:32
rải theo mọi hướng gió
"đi theo mọi hướng khác nhau"
Rồi ta sẽ rải theo mọi hướng gió những kẻ cạo tóc hai bên thái dương
Gợi ý dịch: "Rồi ta sẽ sai ra mọi hướng những kẻ không vâng theo mạng lệnh ta"
Sẽ không ai sống ở đó, không có người nào ở tại đó
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Hát-so sẽ hoàn toàn bị bỏ hoang.
Jeremiah 49:34
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va đang phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-lam.
Cung thủ
Những người sử dụng cung tên thành thạo

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bốn ngọn gió từ bốn góc trời
"4 ngọn gió từ 4 góc trời".
bốn góc trời
Gợi ý dịch: "mọi hướng, mọi nơi".
không nước nào mà không có những kẻ bị tan lạc khỏi Ê-lam.
Gợi ý dịch: "Những người lánh nạn khỏi Ê-lam buộc phải tìm nơi trú ẩn ở khắp mọi nơi trên thế giới."
Jeremiah 49:37
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-lam.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
sai gươm đao
Gợi ý dịch: "sai kẻ thù của chúng giết chúng"
Ta sẽ đặt ngai ta
Gợi ý dịch: "Ta sẽ lập sự cai trị ta"

Translation Questions

Jeremiah 49:1
Tại sao Minh-côm không chiếm đất Gát?
Minh-côm không nên chiếm Gát vì nó thuộc về dân Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 49:2
Chuyện gì sẽ xảy ra với Ráp-pát?
Nó sẽ trở thành một đống đổ nát.
Jeremiah 49:3
Chuyện gì sẽ xảy ra với Minh-côm?
Các thành phố sẽ bị tiêu diệt và dân sự sẽ bị lưu đày.
Jeremiah 49:4
Các cô gái có sự tin tưởng vào điều gì?
Cô ấy tin tưởng vào sự giàu có của mình.
Jeremiah 49:5
Tại sao mọi người lại sợ hãi?
Họ sẽ rẩ sợ hãi bởi vì họ sẽ bị đuổi bởi kẻ thù bao vây và họ phải li tán.
Jeremiah 49:6
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân Am-môn trong tương lai?
Đức Giê-hô-va sẽ phục hồi vận may của họ.
Jeremiah 49:7
Điều gì diễn ra với những người khôn ngoan Ê-đôm?
Những người khôn ngoan của Ê-đôm đã đi mất.
Jeremiah 49:8
Dân Ê-đôm nên làm gì khi những người khôn ngoan của họ đã mất?
Họ nên chạy trốn và sống trong các chỗ sâu.
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho Ê-sau?
Ngài sẽ gây tai họa cho Ê-sau.
Jeremiah 49:11
Đức Giê-hô-va nói gì về những đứa trẻ mồ côi và góa bụa ở Ê-đôm?
Ngài nói rằng Ngài sẽ chăm sóc trẻ mồ côi và góa bụa.
Jeremiah 49:12
Tại sao dân Ê-đôm biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ phạt họ?
Họ đã thấy rằng những kẻ mà Đức Giê-hô-va không phải là kẻ trừng phạt đã chịu khổ.
Jeremiah 49:13
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì Bốt-ra?
Ngài sẽ tiêu diệt họ.
Jeremiah 49:14
Sứ giả của Đức GIê-hô-va sẽ nói với các nước làm gì?
Các sứ giả đưa tin với các nước rằng họ nên chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến tấn công Ê-đôm.
Jeremiah 49:15
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì dân Ê-đôm?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài đã làm cho dân tộc của Ê-đôm nhỏ mọn giữa các nước và mọi người sẽ khinh dể họ.
Jeremiah 49:16
Bởi vì dân Ê-đôm lừa dối mình và nghĩ rằng họ có sự an toàn trong bộng đá, Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho họ?
Ngài sẽ đẩy họ xuống.
Jeremiah 49:17
Đức Giê-hô-va so sánh sự kinh tởm của Ê-đôm với điều gì?
Ngài so sánh với Sô-đôm và Gô-mô-rơ và các thành lân cận, nơi mà không có ai sống.
Jeremiah 49:18
Đức Giê-hô-va so sánh sự kinh tởm của Ê-đôm với điều gì?
Ngài so sánh với Sô-đôm và Gô-mô-rơ và các thành lân cận, nơi mà không có ai sống.
Jeremiah 49:19
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho người Ê-đôm sau khi người ta đem họ ra khỏi đất của họ?
Ngài sẽ chọn một người để cai trị họ.
Jeremiah 49:20
Đức Giê-hô-va có ý định gì nghịch cùng Ê-đôm?
Ngài có ý định kéo người THê-man và biến những đồng cỏ của họ thành ra hoang vu.
Jeremiah 49:21
Khi Ê-đôm bị hủy diệt, nó sẽ ra sao?
Trái đất sẽ rung chuyển, tiếng kêu của họ sẽ nghe thấu đến Biển Đỏ. Ngay cả những chiến binh mạnh nhất cũng phải sợ hãi.
Jeremiah 49:22
Khi Ê-đôm bị hủy diệt, nó sẽ ra sao?
Trái đất sẽ rung chuyển, tiếng kêu của họ sẽ nghe thấu đến Biển Đỏ. Ngay cả những chiến binh mạnh nhất cũng phải sợ hãi.
Jeremiah 49:23
Đức Giê-hô-va nói rằng sẽ có điều gì xảy đến với dân Đa-mách?
Họ sẽ bị hổ thẹn và yếu đuối. Họ sẽ quay lưng đi và chạy trốn trong đau đớn.
Jeremiah 49:24
Đức Giê-hô-va nói rằng sẽ có điều gì xảy đến với dân Đa-mách?
Họ sẽ bị hổ thẹn và yếu đuối. Họ sẽ quay lưng đi và chạy trốn trong đau đớn.
Jeremiah 49:26
Điều gì sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va khiến lửa trên tường thành Đa-mách?
Ngọn lửa sẽ thiêu hủy các thành trì của Bê-Ha-đát, những người trai trẻ và những trai trẻ và những người chiến sĩ sẽ chết.
Jeremiah 49:27
Điều gì sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va khiến lửa trên tường thành Đa-mách?
Ngọn lửa sẽ thiêu hủy các thành trì của Bê-Ha-đát, những người trai trẻ và những trai trẻ và những người chiến sĩ sẽ chết.
Jeremiah 49:28
Đức Giê-hô-va phán rằng Nê-bu-cát-nết-sa sẽ làm gì Kê-đa?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài nói rằng Nê-bu-cát-nết-sa tấn công dân sự, tiêu diệt họ và lấy tài sản của họ.
Jeremiah 49:29
Đức Giê-hô-va phán rằng Nê-bu-cát-nết-sa sẽ làm gì Kê-đa?
Ngài nói rằng Nê-bu-cát-nết-sa tấn công dân sự, tiêu diệt họ và lấy tài sản của họ.
Jeremiah 49:30
Tại sao điều này sẽ là một cuộc tấn công dễ dàng với Nê-bu-cát-nết-sa?
Sẽ dễ dàng cho ông bởi vì dân sự không có cửa đóng, không có then chốt và cũng ở một mình.
Dân Kê-đa sẽ sống ở đâu sau khi Nê-bu-cát-nết-sa tấn công họ?
Họ sẽ sống trong các chỗ sâu trên mặt đất.
Jeremiah 49:31
Tại sao điều này sẽ là một cuộc tấn công dễ dàng với Nê-bu-cát-nết-sa?
Sẽ dễ dàng cho ông bởi vì dân sự không có cửa đóng, không có then chốt và cũng ở một mình.
Jeremiah 49:32
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân Hát-so khi Nê-bu-cát-nết-sa bị mất lạc đà và tài sản của mình như của cướp chiến tranh?
Ngài sẽ phân tán họ và tai họa sẽ đến trên họ.
Jeremiah 49:33
Ai sẽ sống trong thành phố sau khi Nê-bu-cát-nết-sa tấn công thành?
Chỉ những con chó rừng sống tại đó.
Jeremiah 49:34
Giê-rê-mi nhận được lời tiên tri về Ê-am khi nào?
Ông đã nhận nó khi vua Sê-đê-kia cai trị Giu-đa.
Đức Giê-hô-va phá hủy các cung của Ê-lam khi nào, và người dân sẽ đi đâu?
Dân sự sẽ đi đến mọi nơi trên trái đất.
Jeremiah 49:36
Đức Giê-hô-va phá hủy các cung của Ê-lam khi nào, và người dân sẽ đi đâu?
Dân sự sẽ đi đến mọi nơi trên trái đất.
Jeremiah 49:37
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì bởi sự thạnh nộ của Ngài trên dân Ê-lam?
Đức Giê-hô-va sẽ cho phép kẻ thù đập phá họ, gây tai họa trên họ, giết họ và diệt hết tất cả họ.
Jeremiah 49:38
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì bởi sự thạnh nộ của Ngài trên dân Ê-lam?
Đức Giê-hô-va sẽ cho phép kẻ thù đập phá họ, gây tai họa trên họ, giết họ và diệt hết tất cả họ.
Jeremiah 49:39
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân Ê-lam trong ngày đó?
Ngài sẽ cho phép họ trở về xứ của họ.

Chapter 50
Jeremiah 50:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and
Bởi tay của Giê-rê-mi
"qua việc làm của Giê-rê-mi"
Khiến chúng nghe ... khiến chúng nghe
Cụm từ này được lặp lại để nhấn mạnh tầm quan trọng của mệnh lệnh.
Bên bị hổ thẹn. Mê-rô-đác kinh hãi. Hình tượng nó phải xấu hổ, tượng thần nó bị kinh hãi.
Những câu này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đã làm cho các thần của Ba-by-lôn phải xấu hổ.
Bên ... Mê-rô-đác
Đây là hai tên gọi của vị thần lớn của Ba-by-lôn.
Jeremiah 50:3
Trỗi dậy tấn công nó
Từ “nó” chỉ về Ba-by-lôn.
Đất nó
Từ “nó” chỉ về Ba-by-lôn.
Sống ở đó
“Ở đó” chỉ về đất Ba-by-lôn.
Trong những ngày đó, vào thời điểm đó
Xem cách đã dịch ở JER33:14
Chúng sẽ hỏi
Từ “chúng” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên hoặc dân Giu-đa.
Kết hiệp với Đức Giê-hô-va
Đây là cách nói biểu tượng được dùng để giải thích sự nối kết thuộc linh với Đức Giê-hô-va.
Sẽ không bao giờ quên lãng
Câu này nói rằng giao ước sẽ được vâng giữ đời đời. Gợi ý dịch: "sẽ không ai lãng quên"
Jeremiah 50:6
bầy chiên lạc
Câu này ví dân Y-sơ-ra-ên như một bầy chiên đi lạc.
nuốt chúng
Ở đây ví việc tiêu diệt và lấy đi mọi thứ của chúng giống như ăn ngấu nghiến.
chúng đã phạm tội
Từ “chúng” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 50:8
như dê đực đi
Câu này ví những người Đức Giê-hô-va khuyên mau chóng rời khỏi Ba-by-lôn giống như dê đực muốn đi khỏi bầy.
Ba-by-lôn sẽ bị chiếm lấy từ đó
"Các nước sẽ chiếm lấy Ba-by-lôn"
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Jeremiah 50:11
Các ngươi chạy nhảy tung tăng như bò tơ giẫm trên bãi cỏ
Câu này ví dân Ba-by-lôn như bò tơ hớn hở chạy vòng quanh trên đồng.
Giẫm
Xem cách đã dịch ở Giê-rê-mi JER47:03
Các ngươi hí như ngựa mập mạnh
Câu này ví sự vui mừng của họ như sự vui mừng của ngựa đực đang hí – tạo ra âm thanh ồn ào.
Nên mẹ các ngươi sẽ vô cùng xấu hổ, người sinh ra các ngươi sẽ nhục nhã
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ nhục nhã của họ. Từ “mẹ” và “người sinh ra các ngươi” chỉ về dân Ba-by-lôn hoặc thành Ba-by-lôn.
Một hoang mạc, một xứ cằn cỗi, một nơi sa mạc
Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh sự cằn cỗi trầm trọng của xứ.
Rùng mình
Run rẩy vì sợ hãi
Xuyt
Giống tiếng rắn, mang ý nghĩa chê bai nặng nề.
Jeremiah 50:14
Thông Tin Tổng Quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va phán với kẻ thù của Ba-by-lôn cách để chiến thắng.

Hỡi tất cả những kẻ giương cung

Ở đây chỉ về các binh lính sử dụng cung tên.

Hãy bắn nó

Từ “nó” chỉ về Ba-by-lôn.

Các tường thành nó bị phá sập

Gợi ý dịch: "Các nước đã phá sập tường thành nó"

Jeremiah 50:16

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán với kẻ thù của Ba-by-lôn cách để chiến thắng.

kẻ cầm liềm trong mùa gặt

“Liềm” là một đồ dùng nông nghiệp dung để gặt lúa. Cùng với câu trước, Đức Giê-hô-va đang phán rằng mọi việc trồng trọt và thu gặt ở Ba-by-lôn sẽ chấm dứt.

ai nấy hãy trở về với dân tộc mình ... hãy trốn về quê hương mình

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mạng lệnh cho những người ngoại quốc hãy chạy trốn khỏi Ba-by-lôn.

Khỏi gươm của kẻ ức hiếp

Từ “gươm” ở đây chỉ về các quân đội sẽ tấn công Ba-by-lôn.

Jeremiah 50:17

Y-sơ-ra-ên là con chiên lạc bầy bị sư tử rượt đuổi

Gợi ý dịch: "Y-sơ-ra-ên là con chiên bị sư tử đuổi chạy tán loạn" Đức Giê-hô-va ví Y-sơ-ra-ên như chiên và kẻ thù của họ là sư tử.

nuốt nó

Câu này ví Y-sơ-ra-ên bị A-si-ri tàn diệt như bị ăn nuốt.

Đập vỡ xương nó

Câu này ví Y-sơ-ra-ên bị Nê-bu-cát-nết-sa tàn diệt như bị đập vỡ xương. Gợi ý dịch: "tiêu diệt Y-sơ-ra-ên".

Nầy, ta sẽ

Từ “nầy” có nghĩa là hãy chú ý đặc biệt vào điều sau đó.

Jeremiah 50:19

Ta sẽ phục hồi

Từ “ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

nó sẽ ăn cỏ trên Cạt-mên và Ba-san

"Y-sơ-ra-ên sẽ ăn thức ăn của Cạt-mên và Ba-san."

Trong những ngày đó, vào thời điểm đó

Xem cách đã dịch ở JER33:14

Người ta sẽ tìm tội ác của Y-sơ-ra-ên, mà không thấy. Ta sẽ tra xét về tội lỗi của Giu-đa nhưng không tìm thấy.

Hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ tội lỗi cho dân Y-sơ-ra-ên hoàn toàn.

Người ta sẽ tìm tội ác của Y-sơ-ra-ên, mà không thấy

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tìm kiếm tội ác trong dân Y-sơ-ra-ên nhưng không thấy"

Jeremiah 50:21

Mê-ra-tha-im

Đây là một tên gọi khác của Ba-by-lôn, có nghĩa là “sự nổi loạn gấp đôi”.

Phê-cốt

Đây là một tên gọi khác của người Canh-đê, có ý nghĩa là “sự trừng phạt”.

Phó chúng cho gươm đao

Câu này chỉ về việc cho gươm đao giáng trên dân chúng để giết họ. Gợi ý dịch: "giết chúng"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 50:23

Cái búa của cả đất đã bị bẻ gãy và tan nát

“Cái búa của cả đất” ở đây là quân đội hùng mạnh sắp bị tiêu diệt của Ba-by-lôn.

kinh hoàng

Cảm giác kinh hãi, khiếp sợ và kích động

Hỡi Ba-by-lôn, ngươi đã bị bắt

Gợi ý dịch: "Hỡi Ba-by-lôn, ta đã bắt ngươi"

Ngươi đã bị phát hiện và bị bắt

Gợi ý dịch: "Ta đã tìm và bắt ngươi"

Jeremiah 50:25

Kho thóc

Nhà chứa thóc

Chất đống lến như đống lúa

Gợi ý dịch "chất những gì còn lại của nó thành đống như chất lúa"

Jeremiah 50:27

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về cách thức tiêu diệt dân Ba-by-lôn và Canh-đê.

giết tất cả bò đực của nó

Những chiến binh trẻ được ví như bò đực vì sức mạnh của họ.

bò đực của nó

Từ “của nó” chỉ về Ba-by-lôn.

Chúng ... của chúng

Từ “chúng” và “của chúng” chỉ về dân Ba-by-lôn.

Những người đó ... những người này

Từ “những người đó” và “những người này” chỉ về những người sống sót từ Ba-by-lôn, họ sẽ thuật cho người khác biết về sự báo thù của Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 50:29

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về cách thức tiêu diệt dân Ba-by-lôn và Canh-đê.

Của nó ... nó

Từ “của nó” và “nó” chỉ về Ba-by-lôn.

các chiến sĩ nó sẽ bị tiêu diệt

Gợi ý dịch: "Ta sẽ tiêu diệt các chiến sĩ nó"

Jeremiah 50:31

Nầy

Từ này giới thiệu một điều cần chú ý đặc biệt.

Kẻ kiêu ngạo

Đây là mô tả của Đức Giê-hô-va về Ba-by-lôn.

Vì ngày của ngươi đã đến ... thời điểm ta trừng phạt ngươi

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai làm rõ “ngày” được nhắc đến ở vế thứ nhất. Gợi ý dịch: "vì ngày ta trừng phạt ngươi đã đến."

ngày của ngươi

Ở đây chỉ về khoảng thời gian sự trừng phạt kinh khiếp sẽ giáng trên Ba-by-lôn.

Ta sẽ đốt

Từ “ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

Lửa trong các thành nó

Câu này cho biết sự hủy diệt sẽ đến như thế nào.

Jeremiah 50:33

Dân Y-sơ-ra-ên bị ức hiếp

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gợi ý dịch: "Dân Ba-by-lôn ức hiếp dân Y-sơ-ra-ên"
bắt chúng
Từ “chúng” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Chúng không chịu
Từ “chúng” chỉ về dân Ba-by-lôn.
Thả họ đi
Từ “họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 50:35
Gươm đao nghịch cùng người Canh-đê
"Gươm đao" chỉ về những người điều khiển chúng. Gợi ý dịch: "quân thù cầm gươm kéo đến nghịch cùng người Canh-đê"
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07
Phơi bày chúng là những kẻ dại dột
Từ “phơi bày” cho thấy những hành động của chúng là dại dột và sẽ bị lộ ra cho mọi người đều thấy.
chúng sẽ đầy kinh hãi
Gợi ý dịch: "sự kinh hãi đầy dẫy chúng"
chúng nó sẽ trở nên như đàn bà
"chúng đều sẽ trở nên yếu đuối như đàn bà"
kho tàng
kho tàng là nơi cất giữ những vật giá trị.
chúng sẽ bị cướp phá
Gợi ý dịch: "quân thù sẽ cướp phá chúng"
Jeremiah 50:38
các dòng nước của nó
"Các dòng nước" chỉ về mọi nguồn nước và những điều thiết yếu khác cần cho sự sống, đặc biệt là con sông chảy qua thành phố.
Chó rừng jackals
Chó rừng là một loại chó hoang ở Châu Á và Châu Phi.
đà điểu sẽ đến sống ở đó
"Đà điểu" là một loại chim lớn của Châu Phi chạy rất nhanh nhưng không thể bay. Từ “ở đó” chỉ về Ba-by-lôn.
Không bao giờ còn có dân cư ngụ ở đó nữa. Từ đời nầy đến đời kia không ai đến định cư ở đó.
Hai câu này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Ba-by-lôn sẽ bị bỏ hoang hoàn toàn.
không ai đến định cư ở đó
Gợi ý dịch: "sẽ không có ai sống ở đó"
không còn ai đến sinh sống, hay một người nào cư ngụ tại đó
Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Ba-by-lôn sẽ bị bỏ hoang hoàn toàn.
Jeremiah 50:41
Nầy
Từ này cho biết cần đặc biệt chú ý vào điều Đức Giê-hô-va sẽ phán.
Một cường quốc và nhiều vua
Cụm từ này chỉ về lúc người Mê-đi và Phe-rơ-sơ chinh phục Ba-by-lôn vào năm 539 TC.
Chiến sĩ dàn trận
Cách các đội quân xếp hàng trong chiến trận
con gái Ba-by-lôn
Cụm từ này chỉ về người Ba-by-lôn.
Jeremiah 50:44
Nầy
Từ “nầy” ở đây thêm phần nhấn mạnh cho câu theo sau.
Nó đi lên
Từ “nó” chỉ về quân xâm lược từ phương bắc. (Xem: JER50:41
như sư tử
Đây là một cách khác để cho biết sự tấn công sẽ rất ác liệt và thình lình.
Ta sẽ khiến chúng mau chạy ra khỏi đó
Từ “chúng” chỉ về dân Ba-by-lôn, từ “đó” chỉ về sự xâm lược.
Người sẽ được chọn
Gợi ý dịch: người ta sẽ chọn"
Có ai giống như ta, ai sẽ ra lệnh cho ta?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để chỉ ra sự nhỏ bé của loài người. Gợi ý dịch: "Không ai giống như ta, không ai ra lệnh cho ta được."
Ra lệnh
Lệnh cho ai đó đến
Người chăn có thể làm gì để chống lại ta?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để cho thấy không người lãnh đạo nào có thể đến nghịch cùng Ngài hay đánh bại Ngài.
Jeremiah 50:45
kế hoạch Đức Giê-hô-va đã định ra để chống lại Ba-by-lôn, kế hoạch Ngài đã lập để chống lại đất Canh-đê
Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "kế hoạch Đức Giê-hô-va đã định cho dân Ba-by-lôn và người Canh-đê".
Chúng chắc chắn sẽ bị kéo đi
Câu này có nghĩa là dân Ba-by-lôn sẽ bị đem đi khỏi quê hương mình dù họ có thích hay không.
Đồng cỏ của chúng sẽ trở nên nơi đổ nát
"Ta sẽ biến đồng cỏ chúng thành nơi đổ nát"
Đất rúng động khi Ba-by-lôn thất thủ
Câu này ví sự sụp đổ của nước Ba-by-lôn hùng mạnh với tiếng ồn lớn và động đất.
Đau khổ
Đau đớn hay khốn khổ
Tiếng kêu là đau khổ của chúng
"tiếng kêu là đau đớn của chúng"

Translation Questions

Jeremiah 50:2
Chuyện gì sẽ cảy ra với Ba-by-lôn?
Ba-by-lôn bị bắt. Bên và các thần tượng xấu hổ và hổ thẹn.
Jeremiah 50:3
Ai sẽ nổi lên chống lại Ba-by-lôn?
Một quốc gia từ phía bắc.
Jeremiah 50:4
Người Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì khi Ba-by-lôn bị tấn công?
Dân sự sẽ đến cùng nhau khóc lóc và tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Họ hướng về Si-ôn và lập giao ước đời đời giữa họ với Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 50:5
Người Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì khi Ba-by-lôn bị tấn công?
Dân sự sẽ đến cùng nhau khóc lóc và tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Họ hướng về Si-ôn và lập giao ước đời đời giữa họ với Đức Giê-hô-va.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Jeremiah 50:6

Tại sao Đức Giê-hô-va ví sánh dân Ngài như một bầy chiên bị mất?

Ngài ví sánh họ như một bầy chiên bị mất vì những kẻ chăn của họ đã dẫn họ đi lạc đường, và họ đã quên quê hương của mình.

Jeremiah 50:7

Những kẻ nghịch của họ đã nói gì về việc họ có thể nuốt dân của Đức Giê-hô-va?

Những kẻ nghịch nói rằng đó là vì dân Y-sơ-ra-ên phạm tội cùng Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 50:8

Tại sao người Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ba-by-lôn trước khi Ba-by-lôn bị cướp lấy?

Họ rời đi bởi vì các quốc gia hùng mạnh từ phía bắc đang đến để cướp lấy Ba-by-lôn.

Jeremiah 50:10

Tại sao người Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ba-by-lôn trước khi Ba-by-lôn bị cướp lấy?

Họ rời đi bởi vì các quốc gia hùng mạnh từ phía bắc đang đến để cướp lấy Ba-by-lôn.

Jeremiah 50:11

Điều gì sẽ xảy ra với Ba-by-lôn vì cớ họ đã lấy tài sản của Đức Giê-hô-va như của cướp?

Ba-by-lôn sẽ trở thành quốc gia nhỏ yếu nhất, như một vùng hoang dã không có người ở.

Jeremiah 50:13

Điều gì sẽ xảy ra với Ba-by-lôn vì cớ họ đã lấy tài sản của Đức Giê-hô-va như của cướp?

Ba-by-lôn sẽ trở thành quốc gia nhỏ yếu nhất, như một vùng hoang dã không có người ở.

Jeremiah 50:14

Bởi vì Ba-by-lôn đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va, điều gì sẽ xảy ra với thành ấy?

Mọi người sẽ bắn Ba-by-lôn, Ba-by-lôn sẽ đầu hàng với sức mạnh của mình, tháp nó sẽ đổ xuống, tường thành sẽ bị phá hủy, và những người khác sẽ làm cho nó như nó đã làm với những nước khác.

Jeremiah 50:15

Bởi vì Ba-by-lôn đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va, điều gì sẽ xảy ra với thành ấy?

Mọi người sẽ bắn Ba-by-lôn, Ba-by-lôn sẽ đầu hàng với sức mạnh của mình, tháp nó sẽ đổ xuống, tường thành sẽ bị phá hủy, và những người khác sẽ làm cho nó như nó đã làm với những nước khác.

Jeremiah 50:16

Những người đến từ các nước khác nên làm gì khi Ba-by-lôn bị tấn công?

Tất cả họ sẽ chạy trốn về nước mình.

Jeremiah 50:17

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì với các nước A-sy-ri và Ba-by-lôn?

Ngài nói rằng Ngài sẽ trừng phạt vua Ba-by-lôn và dân sự của ông như Ngài đã trừng phạt vua A-sy-ri.

Jeremiah 50:18

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì với các nước A-sy-ri và Ba-by-lôn?

Ngài nói rằng Ngài sẽ trừng phạt vua Ba-by-lôn và dân sự của ông như Ngài đã trừng phạt vua A-sy-ri.

Jeremiah 50:19

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với những người còn sót lại mà Ngài đã chừa lại?

Đức Giê-hô-va sẽ đem Y-sơ-ra-ên trở về quê hương của họ, và Ngài sẽ tha thứ các tội lỗi của họ.

Jeremiah 50:20

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với những người còn sót lại mà Ngài đã chừa lại?

Đức Giê-hô-va sẽ đem Y-sơ-ra-ên trở về quê hương của họ, và Ngài sẽ tha thứ các tội lỗi của họ.

Jeremiah 50:21

Đức Giê-hô-va khuyến khích kẻ thù của Ba-by-lôn làm gì?

Đức Giê-hô-va muốn họ la lớn tiếng về chiến trận và mang tai vạ lớn trên Ba-by-lôn.

Jeremiah 50:22

Đức Giê-hô-va khuyến khích kẻ thù của Ba-by-lôn làm gì?

Đức Giê-hô-va muốn họ la lớn tiếng về chiến trận và mang tai vạ lớn trên Ba-by-lôn.

Jeremiah 50:23

Tại sao đạo quân Ba-by-lôn bị bắt?

Chúng nó bị bắt bởi vì chúng đã thách thức Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 50:24

Tại sao đạo quân Ba-by-lôn bị bắt?

Chúng nó bị bắt bởi vì chúng đã thách thức Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 50:25

Đức Giê-hô-va đã làm gì?

Đức Giê-hô-va mở kho vũ khí của Ngài, mang những binh khí và khuyến khích những kẻ thù tấn công Ba-by-lôn, mở các kho tàng của hó và mang nó đến nơi hủy diệt và không để lại bất kỳ chút gì.

Jeremiah 50:26

Đức Giê-hô-va đã làm gì?

Đức Giê-hô-va mở kho vũ khí của Ngài, mang những binh khí và khuyến khích những kẻ thù tấn công Ba-by-lôn, mở các kho tàng của hó và mang nó đến nơi hủy diệt và không để lại bất kỳ chút gì.

Jeremiah 50:27

Dân Y-sơ-ra-ên còn sót lại của Ba-by-lôn sẽ nói về điều gì?

Họ sẽ nói về việc Đức Giê-hô-va đã phạt Ba-by-lôn bằng cách giết các chiến sĩ bởi những điều mà họ đã làm với đền thờ của Ngài tại Si-ôn.

Jeremiah 50:28

Dân Y-sơ-ra-ên còn sót lại của Ba-by-lôn sẽ nói về điều gì?

Họ sẽ nói về việc Đức Giê-hô-va đã phạt Ba-by-lôn bằng cách giết các chiến sĩ bởi những điều mà họ đã làm với đền thờ của Ngài tại Si-ôn.

Jeremiah 50:29

Điều gì sẽ xảy ra vì cớ Ba-by-lôn đã thách thức Đức Giê-hô-va?

Không ai thoát khỏi được sự tàn phá mà kẻ thù của Ba-by-lôn đã mang đến cho nàng. Kẻ thù sẽ tiêu diệt tất cả những người lính chiến của nàng vì những điều mà nàng đã làm với Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 50:30

Điều gì sẽ xảy ra vì cớ Ba-by-lôn đã thách thức Đức Giê-hô-va?

Không ai thoát khỏi được sự tàn phá mà kẻ thù của Ba-by-lôn đã mang đến cho nàng. Kẻ thù sẽ tiêu diệt tất cả những người lính chiến của nàng vì những điều mà nàng đã làm với Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 50:31

Đức Giê-hô-va tuyên bố sẽ xảy ra điều gì với những kẻ kiêu ngạo?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài tuyên bố rằng họ sẽ bị vấp và ngã nhào.
Jeremiah 50:32
Đức Giê-hô-va tuyên bố sẽ xảy ra điều gì với những kẻ kiêu ngạo?
Ngài tuyên bố rằng họ sẽ bị vấp và ngã nhào.
Jeremiah 50:33
Ai sẽ cứu những người bị áp bức của Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ giải cứu Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 50:34
Ai sẽ cứu những người bị áp bức của Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ giải cứu Y-sơ-ra-ên.
Jeremiah 50:35
Những binh lính của kẻ thù sẽ làm gì với dân cư Ba-by-lôn?
Họ sẽ đánh những người dân, những quan trưởng, những người khôn ngoan và tất cả dân sự. Họ sẽ đánh những tiên tri giả, những chiến binh mạnh nhất cùng với ngựa và xe cộ của họ.
Jeremiah 50:37
Những binh lính của kẻ thù sẽ làm gì với dân cư Ba-by-lôn?
Họ sẽ đánh những người dân, những quan trưởng, những người khôn ngoan và tất cả dân sự. Họ sẽ đánh những tiên tri giả, những chiến binh mạnh nhất cùng với ngựa và xe cộ của họ.
Jeremiah 50:38
Ba-by-lôn sẽ trở nên như thế nào?
Ba-by-lôn sẽ trở nên giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ.
Jeremiah 50:40
Ba-by-lôn sẽ trở nên như thế nào?
Ba-by-lôn sẽ trở nên giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ.
Jeremiah 50:41
Vua Ba-by-lôn nghe điều gì về những người ở phương bắc?
Vua nghe rằng họ rất tàn ác và không có lòng thương xót.
Jeremiah 50:42
Vua Ba-by-lôn nghe điều gì về những người ở phương bắc?
Vua nghe rằng họ rất tàn ác và không có lòng thương xót.
Jeremiah 50:43
Vua Ba-by-lôn cảm thấy như thế nào sau khi nghe tin từ Giê-rê-mi báo rằng có một đội quân từ phương bắc sẽ đến và chiếm lấy Ba-by-lôn?
Sau khi nghe báo cáo, nhà vua cảm thấy như một người đàn bà đẻ.
Jeremiah 50:44
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì Ba-by-lôn?
Ngài sẽ đuổi dân ra khỏi Ba-by-lôn và chọn một người để cai trị nó.
Jeremiah 50:45
Đức Giê-hô-va đinh làm gì với dân Ba-by-lôn?
Đức Giê-hô-va có ý định phá hủy hoàn toàn dân cư của Ba-by-lôn.
Jeremiah 50:46
Đức Giê-hô-va đinh làm gì với dân Ba-by-lôn?
Đức Giê-hô-va có ý định phá hủy hoàn toàn dân cư của Ba-by-lôn.

Chapter 51
Jeremiah 51:1
ngọn gió hủy diệt
Gợi ý dịch: "cơn hủy diệt không thể ngăn chặn"
Lếp Ca-mai
Đây là một từ khác chỉ về Ba-by-lôn.
Làm tan lạc
Làm tản lạc tức là phân tán và đuổi đi nhiều hướng khác nhau.
trong ngày hoạn nạn
Cụm từ “trong ngày” là lối nói trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “khi”.
Gợi ý dịch: "khi nó bị tiêu diệt"
Jeremiah 51:3
Đừng để người bắn cung kịp giương cung
"Đừng để người bắn cung kịp có cơ hội bắn cung"
Jeremiah 51:7
Ba-by-lôn vốn là cái chén vàng
Gợi ý dịch: "Ba-by-lôn vốn là một quốc gia hùng mạnh được sử dụng cho sự trừng phạt"
điên cuồng
Gợi ý dịch: "không thể suy nghĩ sáng suốt"
Than khóc
Đây là tiếng khóc dài và lớn đầy đau buồn.
Jeremiah 51:9
Vì tội lỗi nó thấu đến tận trời, chất đống đến tận mây xanh
Gợi ý dịch: "Ba-by-lôn đầy tội lỗi"
Đức Giê-hô-va đã tuyên bố chúng ta vô tội
Đức Giê-hô-va đã trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên vì tội lỗi của họ, nhưng bây giờ đã cho họ trở về với Ngài.
Jeremiah 51:11
Dân cư
Từ này chỉ về những người sống ở một nơi cụ thể.
Jeremiah 51:13
sống bên những dòng suối
"vui vẻ và thịnh vượng"
Dòng ... ngắn
"Đời ngươi sẽ chóng tàn.
Như tại vạ cào cào
"với đông đảo binh lính"
Tiếng hò chiến trận
Đây là tiếng la của binh lính trong chiến trận.
Jeremiah 51:15
Khi Ngài nổi sấm thì có tiếng các nguồn nước trên trời náo động
Câu này ví tiếng của Đức Giê-hô-va như tiếng lớn của sấm và mưa.
kho
Kho là nơi cất giữ đồ để dùng trong tương lai.
Jeremiah 51:17
Mọi người đều trở nên như con vật không hiểu biết
Câu này cho thấy Giê-rê-mi cảm thấy những người tin thờ thần tượng là rất ngu ngốc!
Lừa dối
Gợi ý dịch: "nói dối để lừa đảo"
Jeremiah 51:20
Ngươi
Gợi ý dịch: "Quân đội Ba-by-lôn"
Jeremiah 51:22
Ngươi
Gợi ý dịch: "Quân đội Ba-by-lôn."
Jeremiah 51:24
trước mắt các ngươi
Gợi ý dịch: "Các ngươi là dân Ba-by-lôn chắc chắn sẽ thấy"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "điều Đức Giê-hô-va nghiêm trang phán"
Jeremiah 51:25
Núi
Đức Giê-hô-va phán với Ba-by-lôn như thể nó là ngọn núi mà Ngài xem nó như một con người. Vì đôi khi núi là nơi trú ngụ của kẻ cướp nên có thể ở đây Giê-rê-mi có hàm ý này. Xem bản UDB. Gợi ý dịch: "đất nước hùng mạnh"
Kẻ khác
Ở đây chỉ về mọi dân Ba-by-lôn đã tấn công.
Vách đá
Vách đá là mặt dốc của một ngọn núi hay đồi.
Jeremiah 51:27
Cờ
Lá cờ lớn để các binh lính đi theo trong trận chiến. Gợi ý dịch: "cờ xí"
nó
Gợi ý dịch: "Ba-by-lôn"
Min-ni ... Ách-kê-na
Đây là tên của các nước hoặc các nhóm dân.
Sai ngựa xông lên như cào cào nhung nhúc
Đức Giê-hô-va ví số ngựa nhiều như đàn cào cào. Gợi ý dịch: "mau sai nhiều ngựa và binh lính."
Jeremiah 51:29
Đất sẽ rúng động
Đức Giê-hô-va phán hứa về một sự chấn động lớn đến nỗi cả nước sẽ rúng động. “Đất” tượng trưng cho dân Ba-by-lôn sống ở đó.
Chịu đau đớn
Ba-by-lôn sẽ chịu hoạn nạn lớn.
Jeremiah 51:30
Thành nó bị chiếm
"Kẻ thù chiếm cả thành phố."
Những chỗ cạn trên sông bị chiếm
Kẻ thù kiểm soát mọi chỗ vượt trên sông.
chỗ cạn
Chỗ cạn là phần cạn của sông, người ta có thể đi qua đó dễ dàng.
Bối rối
Gợi ý dịch: "Không thể suy nghĩ sáng suốt"
Jeremiah 51:33
Con gái Ba-by-lôn
"Con gái Ba-by-lôn" là một tên gọi khác cho cư dân của Ba-by-lôn.
như sân đập lúa
Đức Giê-hô-va ví việc đập lúa với thời gian bị áp bức nghiêm trọng của Ba-by-lôn.
mùa gặt sẽ đến cho nó
Mùa gặt là kết quả của những việc người ta đã làm trước đó. Hậu quả cho tội lỗi của Ba-by-lôn sẽ đến. Gợi ý dịch: "Ba-by-lôn sẽ bị trừng phạt."
Jeremiah 51:34
Vua ấy đã khiến tôi cạn kiệt và làm cho tôi thành chiếc bình trống
Ba-by-lôn đã lấy mọi thứ của Y-sơ-ra-ên.
Vua ấy đã nuốt tôi
Giê-ru-sa-lem ví sự hủy diệt của mình giống như bị nuốt chửng.
Như con rồng
Câu này ví Ba-by-lôn như một con rồng.
Vua ấy làm no bụng mình bằng thức ăn ngon của tôi.
Câu này là cách diễn đạt khác cho ý trước đó, tức là Ba-by-lôn lấy mọi thứ của Y-sơ-ra-ên. “Thức ăn” tượng trưng cho những điều tốt lành tại đó.
Vua ấy đã đùa tôi ra.
Sau khi lấy mọi thứ, Ba-by-lôn ném đi những gì mình không thích giống như rửa sạch thức ăn cũ khỏi nồi.
Dân cư của Canh-đê
Gợi ý dịch: "Những người sống ở Canh-đê."
Jeremiah 51:36
Thông Tin Tổng Quát:
Câu này bắt đầu lời đáp của Đức Giê-hô-va cho lời kêu cầu của Giê-ru-sa-lem trong câu 34 và 35.
đống đổ nát
Ở đây chỉ về những tòa nhà trở thành đống phế thải.
hang chó rừng
Gợi ý dịch: "nhà của chó hoang"
chốn kinh tởm
Điều làm người ta kinh hãi khi nhìn vào. Gợi ý dịch: "một nơi kinh tởm không thể ở được"
xuýt
Đây là âm thanh thể hiện sự chê bai thậm tệ.
Jeremiah 51:38
Gầm
Tiếng kêu lớn của sư tử.
Gừ
Đây là tiếng đe dọa của động vật.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "điều Đức Giê-hô-va nghiêm nghị phán"
Jeremiah 51:41
Biển ... Những cơn sóng gầm thét
Kẻ thù của Ba-by-lôn đã xâm chiếm nó. “Những cơn sóng” tượng trưng cho nhiều nhóm dân xâm chiếm Ba-by-lôn. Từ “biển” và “nước” thường tượng trưng cho các nước.
Jeremiah 51:43
Các thành của nó
Gợi ý dịch: "Các thành của Ba-by-lôn"
Ta sẽ trừng phạt Bên
Bên là vị thần chính của người Ba-by-lôn, tượng trưng cho toàn bộ đất nước và những người thờ phượng nó.
Ra khỏi miệng nó những gì nó đã nuốt
Đức Giê-hô-va ví mọi của tế lễ và của cúng cho thần Bên là những thứ nó đã ăn.
Các dân tộc sẽ chẳng chảy về
Đức Giê-hô-va ví nhiều dân tộc đến Ba-by-lôn để cúng cho thần Bên giống như con sông đang chảy.
Jeremiah 51:45
Tin đồn
Tin tức người ta nghe được.
Kẻ cai trị nghịch cùng kẻ cai trị.
Kẻ cai trị tượng trưng cho các dân ở dưới sự cai trị của họ.
Jeremiah 51:47
Nầy
Gợi ý dịch: "hãy chú ý"
Toàn xứ sở nó
Gợi ý dịch: "Toàn thể dân Ba-by-lôn"
các từng trời và đất
Trời và đất được xem như con người.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gợi ý dịch: "điều Đức Giê-hô-va nghiêm nghị phán"
Người bị tàn sát
Gợi ý dịch: "người bị giết"
Jeremiah 51:50
Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi nói với dân Y-sơ-ra-ên ở câu 50.
lời lăng nhục
Gợi ý dịch: "những lời tiêu cực, gây tổn thương"
Jeremiah 51:52
rên xiết
Kêu lên vì đau đớn hay buồn rầu
Vì thậm chí ... cùng nó
Từ "nó" chỉ về Ba-by-lôn. Đây là cách nói rằng Ba-by-lôn không thể nào thoát khỏi sự phán xét của Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 51:54
Tiếng kêu than từ Ba-by-lôn, sự sụp đổ nghiêm trọng từ xứ của người Canh-đê
Một ý được thể hiện qua hai cách để mang ý nhấn mạnh.
Kẻ thù gầm thét như những cơn sóng của nhiều dòng nước
Tiếng kẻ thù kéo đến sẽ rất ồn ào.
Các dũng sĩ của nó đều bị bắt
Câu này có thể chuyển thành câu chủ động. Gợi ý dịch: "chúng bắt các dũng sĩ của nó."
Jeremiah 51:57
Nó ... chúng
Những từ này chỉ về ba-by-lôn.
Jeremiah 51:59
Sê-ra-gia ... Nê-ri-gia ... Ma-ha-sê-gia
Đây là tên của những người nam.
Jeremiah 51:61
Nó sẽ không có cư dân nào, dù người hay vật
Đây là những con vật thường ở với con người vì Giê-rê-mi 51:37 nói rằng Ba-by-lôn sẽ là chỗ ở cho chó rừng và thú hoang.
Jeremiah 51:63
Ba-by-lôn sẽ chìm xuống như vậy
Gợi ý dịch: "Ba-by-lôn sẽ biến mất như cục đá này biến mất."

Translation Questions

Jeremiah 51:1
Những người dân ngoại sẽ làm gì Ba-by-lôn?
Họ sẽ đến và tiêu diệt Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:2
Những người dân ngoại sẽ làm gì Ba-by-lôn?
Họ sẽ đến và tiêu diệt Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:3
Kiểu tấn công nào sẽ đến với đạo quân của Ba-by-lôn?
Một cuộc tấn công bất ngờ sẽ đến nhanh chóng mà binh lính Ba-by-lôn sẽ không có thời gian để mặc áo giáo vào. Những kẻ tấn công sẽ tiêu diệt toàn bộ đạo quân và dân cư.
Jeremiah 51:4
Kiểu tấn công nào sẽ đến với đạo quân của Ba-by-lôn?
Một cuộc tấn công bất ngờ sẽ đến nhanh chóng mà binh lính Ba-by-lôn sẽ không có thời gian để mặc áo giáo vào. Những kẻ tấn công sẽ tiêu diệt toàn bộ đạo quân và dân cư.
Jeremiah 51:5
Đức Giê-hô-va nhắc nhở dân sự của Ngài về điều gì?
Đức Giê-hô-va nhắc họ rằng dù dân của Ngài đã phạm tội nhưng Ngài vẫn sẽ là Đức Chúa Trời của họ và Ngài sẽ không từ bỏ họ.
Jeremiah 51:6
Đức Giê-hô-va phán bảo dân Y-sơ-ra-ên làm gì?
Đức Giê-hô-va bảo dân của Ngài hãy chạy, để họ trốn khỏi những hình phạt xảy đến trên Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:7
Đức Giê-hô-va đã dùng Ba-by-lôn để làm gì với các nước?
Ngài sử dụng họ để làm cho họ say rượu.
Chuyện gì sẽ xảy ra với Ba-by-lôn?
Họ sẽ bị vấp ngã và bị tiêu diệt
Jeremiah 51:8
Chuyện gì sẽ xảy ra với Ba-by-lôn?
Họ sẽ bị vấp ngã và bị tiêu diệt
Jeremiah 51:9
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì vì cớ Ba-by-lôn sẽ không được chữa lành?
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ rời khỏi và đi về xứ của họ, và nói với những người tại Si-ôn rằng Đức Giê-hô-va đã tha thứ những tội lỗi của họ.
Jeremiah 51:10
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm gì vì cớ Ba-by-lôn sẽ không được chữa lành?
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ rời khỏi và đi về xứ của họ, và nói với những người tại Si-ôn rằng Đức Giê-hô-va đã tha thứ những tội lỗi của họ.
Jeremiah 51:11
Ai sẽ đi đánh trận cho Ba-by-lôn vì cớ Ba-by-lôn đã phá hủy đền thờ của Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem?
Đạo quân của Mê-đi và Phe-rơ-sơ sẽ tiêu diệt Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:13
Đức Giê-hô-va đã thề rằng Ngài sẽ làm gì với những người giàu của Ba-by-lôn?
Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên những trận chiến nghịch cùng họ. Sự cuối cùng của họ đã đến.
Jeremiah 51:14
Đức Giê-hô-va đã thề rằng Ngài sẽ làm gì với những người giàu của Ba-by-lôn?
Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên những trận chiến nghịch cùng họ. Sự cuối cùng của họ đã đến.
Jeremiah 51:15
Đức Giê-hô-va đã làm gì bởi quyền năng. sự khôn ngoan và tri thức của Ngài?
Ngài đã dựng nên trái đất, đặt nó vào chỗ và giăng các tầng trời.
Điều gì xảy ra khi Đức Giê-hô-va phán?
Ngài khiến sấm sét, mưa, sấm chớp và gió đến trên trái đất.
Jeremiah 51:16
Điều gì xảy ra khi Đức Giê-hô-va phán?
Ngài khiến sấm sét, mưa, sấm chớp và gió đến trên trái đất.
Jeremiah 51:17
Thần tượng có làm cho mọi người hài lòng được không?
Không, thần tượng không thể làm gì cho họ. Chúng là vật không có giá trị.
Jeremiah 51:18
Thần tượng có làm cho mọi người hài lòng được không?
Không, thần tượng không thể làm gì cho họ. Chúng là vật không có giá trị.
Jeremiah 51:19

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là ai?
Ngài là Đấng đã sáng tạo mọi vật. Danh Ngài là Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 51:20
Đức Chúa Trời đã nói rằng Y-sơ-ra-ên là cái gì?
Đức Chúa Trời nói rằng Y-sơ-ra-ên là cái búa đánh trận, là vũ khí chiến đấu của Ngài.
Jeremiah 51:24
Đức Giê-hô-va phán bảo điều gì về dân Ba-by-lôn?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ báo trả lại cho dân sự nọi điều ác mà họ đã làm ở Giê-ru-sa-lem.
Jeremiah 51:25
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trên Ba-by-lôn vì cớ họ đã tàn phá cướp bóc dân chúng trên khắp đất?
Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt Ba-by-lôn, và sẽ chẳng có ai ở đó nữa.
Jeremiah 51:26
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trên Ba-by-lôn vì cớ họ đã tàn phá cướp bóc dân chúng trên khắp đất?
Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt Ba-by-lôn, và sẽ chẳng có ai ở đó nữa.
Jeremiah 51:27
Giê-rê-mi nói gì về cái nước Mê-đi và Phe-rơ-sơ?
Những nước này đang triệu tập quân đội của họ và họ chuẩn bị tấn công Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:28
Giê-rê-mi nói gì về cái nước Mê-đi và Phe-rơ-sơ?
Những nước này đang triệu tập quân đội của họ và họ chuẩn bị tấn công Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:29
Kế hoạch của Đức Giê-hô-va chống lại Ba-by-lôn là gì?
Kế hoach của Đức Giê-hô-va là làm cho đất Ba-by-lôn trở nên hoang vu và không có người ở.
Jeremiah 51:30
Những chiến binh của Ba-by-lôn sẽ phản ứng như thế nào với cuộc chiến chống lại họ?
Các chiến binh sẽ bị hoảng loạn trong thành trì của họ, bởi vì những nơi thoát thân đã bị chặn, và thành phố bị đốt cháy bằng lửa.
Jeremiah 51:32
Những chiến binh của Ba-by-lôn sẽ phản ứng như thế nào với cuộc chiến chống lại họ?
Các chiến binh sẽ bị hoảng loạn trong thành trì của họ, bởi vì những nơi thoát thân đã bị chặn, và thành phố bị đốt cháy bằng lửa.
Jeremiah 51:33
Đức Giê-hô-va nói Ba-by-lôn giống như cái gì?
Ba-by-lôn giống như một cái sân đạp lúa trong thời gian thu hoạch.
Jeremiah 51:34
Dân Giê-ru-sa-lem muốn Đức Giê-hô-va làm gì trên dân Ba-by-lôn?
Họ muốn Đức Giê-hô-va khiến dân Ba-by-lôn đau đớn như thể họ ở dưới thời vua Nê-bu-cát-nết-sa.
Jeremiah 51:35
Dân Giê-ru-sa-lem muốn Đức Giê-hô-va làm gì trên dân Ba-by-lôn?
Họ muốn Đức Giê-hô-va khiến dân Ba-by-lôn đau đớn như thể họ ở dưới thời vua Nê-bu-cát-nết-sa.
Jeremiah 51:36
Phản hồi của Đức Giê-hô-va đối với dân Y-sơ-ra-ên là gì?
Ngài sẽ bên vực cho họ và trả thù Ba-by-lôn. Ngài sẽ làm cho dòng sông nó khô cạn và nó trở thành một vùng đất hoang, không có ai sống ở đó.
Jeremiah 51:37
Phản hồi của Đức Giê-hô-va đối với dân Y-sơ-ra-ên là gì?
Ngài sẽ bên vực cho họ và trả thù Ba-by-lôn. Ngài sẽ làm cho dòng sông nó khô cạn và nó trở thành một vùng đất hoang, không có ai sống ở đó.
Jeremiah 51:39
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân Ba-by-lôn?
Ngài sẽ chuẩn bị một bữa tiệc khác và làm cho họ say rượu và sau đó tất cả họ đều bị giết.
Jeremiah 51:40
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho dân Ba-by-lôn?
Ngài sẽ chuẩn bị một bữa tiệc khác và làm cho họ say rượu và sau đó tất cả họ đều bị giết.
Jeremiah 51:41
Ba-by-lôn sẽ trở thành một nơi như thế nào?
Ba-by-lôn sẽ trở thành một nơi hoang vu giữa các dân.
Jeremiah 51:43
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì thần Bên?
Đức GIê-hô-va sẽ trừng phạt Bên và khiến cho dân Ba-by-lôn trả lại những lễ vật mà họ đã dâng lên cho thần Bên, và tường thành Ba-by-lôn sẽ đổ xuống.
Jeremiah 51:44
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì thần Bên?
Đức GIê-hô-va sẽ trừng phạt Bên và khiến cho dân Ba-by-lôn trả lại những lễ vật mà họ đã dâng lên cho thần Bên, và tường thành Ba-by-lôn sẽ đổ xuống.
Jeremiah 51:45
Đức Giê-hô-va phán bảo cùng dân của Ngài ở tại Ba-by-lôn làm gì?
Ngài nói với họ hãy chạy và cứu mạng sống mình từ tất cả những cơn bạo lực trên mặt đất.
Jeremiah 51:46
Đức Giê-hô-va phán bảo cùng dân của Ngài ở tại Ba-by-lôn làm gì?
Ngài nói với họ hãy chạy và cứu mạng sống mình từ tất cả những cơn bạo lực trên mặt đất.
Jeremiah 51:48
Điều gì sẽ xảy ra khiến cho trời đất vui mừng?
Các tầng trời và đất sẽ vui mừng bởi vì Ba-by-lôn đã bị tiêu diệt bởi một đạo quân từ phía bắc.
Jeremiah 51:49
Điều gì sẽ xảy ra khiến cho trời đất vui mừng?
Các tầng trời và đất sẽ vui mừng bởi vì Ba-by-lôn đã bị tiêu diệt bởi một đạo quân từ phía bắc.
Jeremiah 51:50
Giê-rê-mi nói dân Y-sơ-ra-ên làm điều gì?
Họ phải chạy ra khỏi Ba-by-lôn, trở về GIê-ru-sa-lem và trở lại với Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 51:51
Dân Y-sơ-ra-ên nghe điều gì về nhà của Đức Giê-hô-va?
Họ nghe nói rằng dân ngoại đã vào trong nơi thánh của nhà Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 51:52
Đức Giê-hô-va phán cùng dân sự rằng Ngài sẽ làm gì?
Ngài nói với họ rằng Ngài sẽ sai quân nghịch để tiêu diệt Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:53
Đức Giê-hô-va phán cùng dân sự rằng Ngài sẽ làm gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài nói với họ rằng Ngài sẽ sai quân nghịch để tiêu diệt Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:54
Dân sự nghe điều gì từ Ba-by-lôn?
Họ nghe tiếng hỗn loạn vì Đức Giê-hô-va hủy diệt Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:56
Dân sự nghe điều gì từ Ba-by-lôn?
Họ nghe tiếng hỗn loạn vì Đức Giê-hô-va hủy diệt Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:58
Điều gì sẽ xảy ra cho tất cả mọi thứ mà các nước cố gắng làm cho Ba-by-lôn?
Tất cả sẽ vô dụng.
Jeremiah 51:59
Ai là quan đại thần của vua Sê-đê-kia?
Sê-ra-gia là quan đại thần của ông.
Jeremiah 51:60
Giê-rê-mi đã viết gì trong cuốn sách?
Giê-rê-mi đã viết tất cả những tai họa xảy đến trên Ba-by-lôn.
Jeremiah 51:61
Các lời chỉ dẫn của Giê-rê-mi cho Sê-ra-gia là gì?
Giê-rê-mi nói với Sê-ra-gia rằng khi ông đến Ba-by-lôn, ông phải đọc tất cả các từ trong quyển sách, rồi cột nó vào một hòn đá và ném xuống giữa sông Ơ-phơ-rát.
Jeremiah 51:62
Trên cuốn sách đã viết những gì?
Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ba-by-lôn sẽ bị phá hủy, không có dân cư và trở thành một vùng đất hoang vu đời đời.
Jeremiah 51:63
Các lời chỉ dẫn của Giê-rê-mi cho Sê-ra-gia là gì?
Giê-rê-mi nói với Sê-ra-gia rằng khi ông đến Ba-by-lôn, ông phải đọc tất cả các từ trong quyển sách, rồi cột nó vào một hòn đá và ném xuống giữa sông Ơ-phơ-rát.
Tại sao Sê-ra-gia ném cuộn sách xuống sông?
Khi ông ném cuộn sách xuống sông, dân chúng sẽ hiểu rằng Ba-by-lôn sẽ chìm xuống giống như cuộn sách, vì cớ những thiên tai mà Đức Giê-hô-va đã giáng trên nó.
Jeremiah 51:64
Tại sao Sê-ra-gia ném cuộn sách xuống sông?
Khi ông ném cuộn sách xuống sông, dân chúng sẽ hiểu rằng Ba-by-lôn sẽ chìm xuống giống như cuộn sách, vì cớ những thiên tai mà Đức Giê-hô-va đã giáng trên nó.

Chapter 52
Jeremiah 52:1
Ha-mu-ta
Đây là tên của một người nữ.
Líp-na
Đây là một địa danh.
Giê-rê-mi
Ở đây chỉ về một người khác tên là Giê-rê-mi, không phải tiên tri Giê-rê-mi, là tác giả của sách này.
Vua ấy
Ở đây chỉ về Sê-đê-kia.
Jeremiah 52:4
Xảy khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện.
Vào năm thứ chín
"năm thứ chín"
Vào tháng thứ mười, ngày mười của tháng
Đây là tháng mười của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mười gần vào đầu tháng một của lịch Phương Tây.
Chúng đóng quân đối diện nó
"Quân đội của Nê-by-cát-nết-sa đóng đối diện Giê-ru-sa-lem"
Cho đến năm thứ mười một
"cho đến năm mười một"
Jeremiah 52:6
Vào tháng thứ tư, ngày thứ chín năm đó
Đây là tháng thứ tư của lịch Hê-bơ-rơ, vào mùa khô. Ngày thứ chín gần vào đầu tháng bảy của lịch phương Tây.
Thành
Ở đây chỉ về Giê-ru-sa-lem.
bị chọc thủng
Người Ba-by-lôn chọc thủng tường thành.
giữa hai bức tường
Ở đây chỉ về bức tường của vườn vua và tường thành.
đồng bằng
"vùng đất bằng phẳng"
Jeremiah 52:9
Líp-la
Đây là một thành phố.
trước mắt vua ấy
Gợi ý dịch: "trước vua ấy"
Jeremiah 52:12
Vào tháng thứ năm, ngày thứ mười của tháng
Đây là tháng thứ năm của lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào mùa khô. Ngày thứ mười gần vào đầu tháng tám của lịch phương Tây.
năm thứ mười chín
"vào năm thứ mười chín"
Nê-bu-xa-a-đan
Đây là tên của một người nam.
Cận vệ
Ở đây chỉ về người có công việc là bảo vệ ai đó.
Jeremiah 52:15
những thợ thủ công
Ở đây chỉ về những người làm ra các vật dụng đẹp đẽ để dùng trong việc thờ phượng Đức Giê-hô-va.
Nê-bu-xa-a-đan
Đây là tên của một người nam.
người nghèo khó nhất của xứ
Gợi ý dịch: "người nghèo nhất của xứ"
Jeremiah 52:17
Biển
Đây là chậu nước được dùng trong việc thờ phượng Đức Giê-hô-va.
Jeremiah 52:20
Cu-bít
Cu-bít là đơn vị đo độ dài hay khoảng cách.
rỗng
Có nghĩa là những cột trụ có khoảng trống ở giữa.
Jeremiah 52:22
Đầu cột
Đây là phần đỉnh của mỗi cột.
Jeremiah 52:24

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sê-ra-gia
Xem cách đã dịch ở JER36:25
người canh cửa
Người canh cửa là người canh gác cổng thành.
Tuyển quân
Gợi ý dịch: "nhập ngũ" tức là đưa vào quân dịch.
Jeremiah 52:26
Nê-bu-xa-a-đan
Xem cách đã dịch ở JER39:08
Ríp-la
Đây là tên thành.
Jeremiah 52:28
Thứ bảy ... thứ mười tám ... thứ hai mươi ba
Thứ ba** - Xem:
Nê-bu-xa-a-đan
Xem cách đã dịch ở JER39:08
3,023 ... 832 ... 745 ... 4,600
Jeremiah 52:31
Vào năm thứ ba mươi bảy
Năm thứ bảy** -
Vào tháng thứ mười hai, ngày hai mươi lăm của tháng
Ngày thứ năm của tháng** - Đây là tháng thứ mười hai, tháng cuối cùng của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ hai mươi lăm nhằm vào gần giữa tháng ba của lịch phương Tây.
Xảy khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện.
Ê-vinh Mê-rô-đác
Ông trở thành vua của Ba-by-lôn sau Nê-bu-cát-nết-sa.
Jeremiah 52:32
Vua nói năng nhã nhặn với người
Gợi ý dịch: "Ê-vinh Mê-rô-đác nói năng nhã nhặn với Giê-hô-gia-kin"
Chỗ ngồi tôn trọng hơn
Gợi ý dịch: "chỗ ngồi tại bàn gần với chỗ vua Ê-vinh Mê-rô-đác ngồi hơn."

Translation Questions

Jeremiah 52:1
Sê-đê-kia là vị vua như thế nào?
Sê-dê-kia là một vị vua tà ác giống như Giê-hô-gia-kim.
Jeremiah 52:2
Sê-đê-kia là vị vua như thế nào?
Sê-dê-kia là một vị vua tà ác giống như Giê-hô-gia-kim.
Jeremiah 52:4
Vua Nê-bu-cát-nết-sa làm gì khi ông ở gần Giê-ru-sa-lem?
Ông cắm trại đối diện nó và tấn công thành phố trong hai năm.
Jeremiah 52:5
Vua Nê-bu-cát-nết-sa làm gì khi ông ở gần Giê-ru-sa-lem?
Ông cắm trại đối diện nó và tấn công thành phố trong hai năm.
Jeremiah 52:6
Người Canh-đê (người Ba-by-lôn) bắt Sê-đê-kia và những người của ông ở đâu?
Họ bắt người ở vùng đồng bằng sông Giô-đanh gần Giê-ri-cô.
Jeremiah 52:8
Người Canh-đê (người Ba-by-lôn) bắt Sê-đê-kia và những người của ông ở đâu?
Họ bắt người ở vùng đồng bằng sông Giô-đanh gần Giê-ri-cô.
Jeremiah 52:9
Vua Ba-by-lôn làm gì vua Sê-dê-kia và các con trai của ông?
Vua giết chết các con trai của Sê-đê-kia trước mắt ông và sau đó móc mắt Sê-dê-kia, xiềng ông lại và đem về Ba-by-lôn.
Jeremiah 52:11
Vua Ba-by-lôn làm gì vua Sê-dê-kia và các con trai của ông?
Vua giết chết các con trai của Sê-đê-kia trước mắt ông và sau đó móc mắt Sê-dê-kia, xiềng ông lại và đem về Ba-by-lôn.
Jeremiah 52:12
Nê-bu-cát-nết-sa làm gì ở Giê-ru-sa-lem?
Ông đốt nhà của Đức Giê-hô-va, cung điện của vua, và tất cả những ngôi nhà và tòa nhà quan trọng, và ông phá hủy tường thành chung quanh Giê-ru-sa-lem.
Jeremiah 52:14
Nê-bu-cát-nết-sa làm gì ở Giê-ru-sa-lem?
Ông đốt nhà của Đức Giê-hô-va, cung điện của vua, và tất cả những ngôi nhà và tòa nhà quan trọng, và ông phá hủy tường thành chung quanh Giê-ru-sa-lem.
Jeremiah 52:15
Nê-bu-xa-ra-đan đã làm gì với những người nghèo nhất ở Giê-ru-sa-lem?
Một số ông bắt đem đi làm phu tù, và để lại một số để trồng vườn nho và làm ruộng.
Jeremiah 52:16
Nê-bu-xa-ra-đan đã làm gì với những người nghèo nhất ở Giê-ru-sa-lem?
Một số ông bắt đem đi làm phu tù, và để lại một số để trồng vườn nho và làm ruộng.
Jeremiah 52:17
Điều gì xảy ra với những vật bằng đồng, vàng và bạc trong nhà Đức Giê-hô-va?
Người Canh-đê (người Ba-by-lôn) đã lấy đi tất cả.
Jeremiah 52:19
Điều gì xảy ra với những vật bằng đồng, vàng và bạc trong nhà Đức Giê-hô-va?
Người Canh-đê (người Ba-by-lôn) đã lấy đi tất cả.
Jeremiah 52:24
Nê-bu-xa-ra-đan đã làm gì với Sô-phô-ni và các quan chức trong các thành khác?
Ông đưa họ vào tù.
Jeremiah 52:25
Nê-bu-xa-ra-đan đã làm gì với Sô-phô-ni và các quan chức trong các thành khác?
Ông đưa họ vào tù.
Jeremiah 52:26
Vua Ba-by-lôn làm gì với các tù binh mà Nê-bu-xa-ra-đan đã mang đến cho ông?
Ông đã giết chết họ.
Jeremiah 52:27
Vua Ba-by-lôn làm gì với các tù binh mà Nê-bu-xa-ra-đan đã mang đến cho ông?
Ông đã giết chết họ.
Jeremiah 52:28
Có bao nhiêu người Giu-đa bị lưu đày?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có khoảng 4,600 người bị lưu đày từ Giê-ru-sa-lem.
Jeremiah 52:30
Có bao nhiêu người Giu-đa bị lưu đày?
Có khoảng 4,600 người bị lưu đày từ Giê-ru-sa-lem.
Jeremiah 52:31
Ai đã giải thoát vua Giê-hô-gia-kin, vua Giu-đa khỏi nhà ngục?
Ê-ving-Mê-rô-đác, vua Ba-by-lôn đã thả ông ra.
Jeremiah 52:32
E-vinh-Mê-rô-đác đã đối xử với Giê-hô-gia-kin khi ông được thả ra khỏi ngục như thế nào?
Ông đã nói chuyện tử tế với ông, và ban cho ông chiếc ghế danh dự. Ông đã lột bỏ áo tù của Giê-hô-gia-kin và cho ông ăn ở bàn của ông và cung cấp cho Giê-hô-gia-kin lương thực hằng ngày cho ông trong cuộc đời.
Jeremiah 52:34
E-vinh-Mê-rô-đác đã đối xử với Giê-hô-gia-kin khi ông được thả ra khỏi ngục như thế nào?
Ông đã nói chuyện tử tế với ông, và ban cho ông chiếc ghế danh dự. Ông đã lột bỏ áo tù của Giê-hô-gia-kin và cho ông ăn ở bàn của ông và cung cấp cho Giê-hô-gia-kin lương thực hằng ngày cho ông trong cuộc đời.

Chapter 1
Lamentations 1:1
Thông tin chung:
Xem và và.
Nàng
Tác giả của sách Ca Thương viết về thành Giê-ru-sa-lem như thể nó là một người nữ.
như một góa phụ
Cụm từ nầy so sánh Giê-ru-sa-lem với một người nữ không được che chở vì chồng nàng đã chết.
Xưa là công chúa giữa các nước
Tham khảo cách dịch: “Các nước khác tôn kính Giê-ru-sa-lem như thể tôn kính con gái của vua vậy”
bắt làm nô lệ
Tham khảo cách dịch: “bắt trở thành nô lệ”
Nàng khóc than
Tác giả đang mô tả Giê-ru-sa-lem có những cảm xúc như con người. Thành Giê-ru-sa-lem cũng đại diện cho những dân cư sống trong đó. Tham khảo cách dịch: “Những kẻ sống trong nó khóc than”
khóc lóc nức nở
Từ "nức nở” chỉ về những âm thanh phát ra khi người ta “khóc” lớn. Tham khảo cách dịch: “than khóc lớn tiếng”
Lamentations 1:3
Giu-đa đã bị lưu đày
Tham khảo cách dịch: “dân Giu-đa đã bị bắt sang nước khác”
Nàng
Nàng ở đây chính là nước Giu-đa, được mô tả như một người nữ. Từ nầy cũng đại diện cho những cư dân thành Giu-đa.
không tìm được sự an nghỉ
"không tìm được chút nghỉ ngơi”. Tham khảo cách dịch: “luôn nơm nớp lo sợ”
Những kẻ truy đuổi đã bắt được nàng
Tham khảo cách dịch: “Những kẻ đuổi theo nàng đã bắt được nàng” hoặc “Những kẻ săn đuổi nàng đã tìm thấy nàng”
trong cơn tuyệt vọng của nàng
Tham khảo cách dịch: “lúc nàng tuyệt vọng”
Lamentations 1:4
Các đường phố Si-ôn than khóc
Tác giả nói đến những con đường dẫn đến Si-ôn than khóc như thể con người.
những bữa tiệc đã định
"những bữa tiệc Đức Chúa Trời phán dặn chúng phải làm”
cổng của nàng... những thầy tế lễ của nàng
Từ "nàng” chỉ về Si-ôn.
toàn toàn tuyệt vọng
"cay đắng hơn” hoặc “tuyệt vọng”
Kẻ thù nàng trở thành chúa nàng
"Kẻ thù của Si-ôn cai trị nó”
kẻ thù của nàng được thịnh vượng
"kẻ thù của nàng trở nên giàu có” hoặc “kẻ thù của nàng đang lớn mạnh”
Lamentations 1:6
sắc đẹp đã lìa khỏi con gái Si-ôn
Tham khảo cách dịch: “mọi điều xinh đẹp của con gái Si-ôn bị phá hủy”
con gái Si-ôn
Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.
như đàn nai không tìm ra đồng cỏ
Những quan tước nầy được so sánh như đàn nai không có gì để ăn.
nai
Nai là loại động vật ăn cỏ, có kích cỡ trung bình, thường bị con người săn bắt để làm thức ăn. Đây cũng là loài động vật xinh đẹp.
không còn sức lực trước
Tham khảo cách dịch: “nhưng không còn sức để chạy thoát khỏi”
những kẻ săn đuổi chúng
Tham khảo cách dịch: “người đang truy đuổi chúng”
Lamentations 1:7
Trong những ngày khốn khổ lang thang của mình
Tham khảo cách dịch: “trong cơn khốn khổ và không nhà cửa của mình” hoặc “Khi Giê-ru-sa-lem chịu khổ sở và không còn nhà cửa”
Giê-ru-sa-lem sẽ nhớ đến
Tham khảo cách dịch: “Giê-ru-sa-lem sẽ nhớ lại”
những báu vật
"sự giàu có”
trong những ngày trước
Tham khảo cách dịch: “xưa kia” hoặc “trước khi tai vạ nầy xảy đến”
Khi dân nàng rơi vào tay kẻ thù
Ở đây, từ "tay” chỉ về quân đội kẻ thù. Tham khảo cách dịch: “Khi kẻ thù đánh chiếm và bắt lấy dân nàng”
chẳng một ai giúp đỡ nàng
"chẳng có ai giúp đỡ mình”
nhìn nàng và cười nhạo sự sụp đổ nàng
Vế nầy có nghĩa là chúng hả hê và chế nhạo Giê-ru-sa-lem

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khi thành nầy bị tiêu diệt.
trước sự sụp đổ của nàng
Tham khảo cách dịch: “bởi vì nàng đã bị phá hủy” hoặc “trong khi chúng hủy diệt nàng”
Lamentations 1:8
Giê-ru-sa-lem đã phạm tội rất lớn
Cụm từ nầy mô tả Giê-ru-sa-lem như một người đã phạm tội, còn thành Giê-ru-sa-lem đại diện cho những cư dân trong thành đó.
bị khinh rẻ như một đồ dơ dáy
Theo luật Cựu Ước, một người đang trong kỳ kinh nguyệt thì bị xem là ô uế. “tội lỗi của Giê-ru-sa-lem khiến nó trở nên dơ dáy và ô uế, và vì vậy mà nàng là không thể chấp nhận được trước mặt Đức Chúa Trời”
sự trần truồng của nàng
Giê-ru-sa-lem đang được mô tả như một người nữ mà những phần nhạy cảm đã bị phô bày trước mọi người để khiến nàng bị nhục nhã, xấu hổ. Tham khảo cách dịch: “sự trần trụi của nàng”
Nàng đã sa sút thậm tệ
Tham khảo cách dịch: “Nàng đã sa sút khác thường” hoặc “những kẻ thấy sự sụp đổ của nàng rất kinh ngạc”
Lạy Đức Giê-hô-va, xin đoái xem nỗi ưu phiền của con
Những ý nghĩa có thể hiểu là 1) lúc nầy tác giả sách Ca Thương đang thưa chuyện trực tiếp cùng Đức Giê-hô-va hoặc 2) Giê-ru-sa-lem đang được mô tả như một người đang thưa chuyện cùng Đức Giê-hô-va.
xin đoái xem
Tham khảo cách dịch: “Xin hãy chú ý đến”
Lamentations 1:10
đã đặt tay mình trên
Tham khảo cách dịch: “đã chiếp đoạt của cải của” hoặc “đã cướp”
báu vật
"của cải"
Nàng đã thấy
Từ "nàng” chỉ về Giê-ru-sa-lem.
Ngài đã lệnh
Từ “Ngài” chỉ về Đức Giê-hô-va. Cụm từ nầy có nghĩa là tác giả hoặc thành nầy vẫn còn đang nói, sau phần bắt đầu trong LAM01:08
Lamentations 1:11
dân của nàng
Từ "nàng” chỉ về Giê-ru-sa-lem, là thành được mô tả như một người nữ. Tham khảo cách dịch: “dân cư của nàng” hoặc “dân thành”
báu vật
"của cải"
để lấy lại mạng sống mình
Tham khảo cách dịch: “để cứu lấy mạng sống mình” hoặc “để lấy lại sức”
Lạy Đức Giê-hô-va, xin đoái xem con
Ở đây, Giê-ru-sa-lem bắt đầu thưa chuyện trực tiếp cùng Đức Giê-hô-va.
Hỡi tất cả những ai đi qua đây, sự kiện nầy đối với các ngươi chẳng đáng gì sao?
Đây là lời buộc tội những người đi qua Giê-ru-sa-lem nhưng không quan tâm gì đến nó. Câu này có dạng một câu hỏi để quở trách họ một cách đanh thép. Tham khảo cách dịch: “Tất cả những ai đi qua đây, các ngươi nên quan tâm đến sự khốn khổ của chúng tôi hơn!"
sự kiện nầy đối với các người chẳng đáng gì
Ở đây, Giê-ru-sa-lem nói tiếp, nhưng bây giờ là nói với những người đi ngang qua đó.
Hãy nhìn và xem liệu có nỗi buồn nào của ai sánh được với nỗi buồn đã giáng trên tôi
Ẩn ý ở đây là chẳng có ai chịu khốn khổ nhiều như thế.
Hãy nhìn và xem
Những từ nầy có nghĩa tương tự nhau. Hai từ nầy mời gọi người đọc hiểu bằng cách nhìn biết rằng chẳng có ai phải chịu khổ nhiều như thế.
nỗi buồn đã giáng trên tôi
Tham khảo cách dịch: “nỗi buồn mà Đức Giê-hô-va giáng trên tôi”
trong ngày nổi giận phừng phừng của Ngài
Tham khảo cách dịch: “trong ngày Ngài nổi giận phừng phừng”
Lamentations 1:13
Ngài giáng lửa xuống trên xương cốt tôi
Trong đoạn nầy, "Ngài” chỉ về Đức Chúa Trời và “tôi” chỉ về Giê-ru-sa-lem, đóng vai trò người đang nói với những người khác như một người thực thụ.
đã giáng lửa xuống thiêu đốt xương cốt tôi
Tham khảo cách dịch: “đã giáng một hình phạt đau đớn đến trong thân thể tôi và hủy hoại tôi” hoặc “đã giáng một hình phạt đến đã tàn phá giữa Giê-ru-sa-lem”
đã phó tôi vào tay chúng
Tham khảo cách dịch: “để kẻ thù của tôi đánh bại tôi”
Lamentations 1:15
những dũng sĩ bảo vệ tôi
Trong phần nầy, Giê-ru-sa-lem vẫn còn đang được mô tả như một người nữ đang nói về mình.
những dũng sĩ
"những người lính mạnh nhất”
một cuộc hội họp
Ở đây, quân đội kẻ thù tấn công Giê-ru-sa-lem được nói đến như thể đó là một cuộc hội họp của nhiều người, họ đến để buộc tội và kết án người nào đó. Tham khảo cách dịch: “đội quân”
các thanh niên trai tráng
những nam thanh niên trong thời kỳ mạnh sức nhất của đời họ
Chúa đã giày đạp... trong hầm ép nho
Ở đây hình phạt của Đức Chúa Trời được mô tả như thể Giê-ru-sa-lem là nho mà Ngài đạp lên để ép thành nước nho.
các trinh nữ của Giu-đa
Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ. Từ "trinh nữ” cho thấy người nữ nầy còn trinh trắng.
Lamentations 1:16
tôi khóc
Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp tục nói như thể nó là một người nữ, bấy giờ nó có những cảm xúc buồn bã.
Si-ôn đã giang rộng tay ra
Si-ôn giống như con người, đưa tay mình ra để cầu cứu. Chỗ này, Giê-ru-sa-lem không còn nói nữa, nhưng tác giả đang mô tả Giê-ru-sa-lem.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những người quanh Gia-cốp
Tham khảo cách dịch: “những dân quanh Gia-cốp” hoặc “những nước quanh Gia-cốp”
trở thành kẻ thù của người
Ở đây, từ "người” chỉ về Gia-cốp.
Lamentations 1:18
tôi đã chống đối
Ở đây Giê-ru-sa-lem bắt đầu nói lại, như một người nữ.
nhìn thấy nỗi buồn rầu của tôi
Tham khảo cách dịch: “xem tôi đang cực kỳ buồn rầu ra sao”
Các thanh niên thiếu nữ của tôi
Tham khảo cách dịch: “rất nhiều người trong dân của tôi”
thanh niên
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong LAM01:15
họ đã lừa dối tôi
Tham khảo cách dịch: “họ đã phản bội tôi”
để lấy lại mạng sống của mình
Tham khảo cách dịch: “để cứu mạng mình” hoặc “để lấy lại sức”
Lamentations 1:20
vì con đang khốn khổ
Giê-ru-sa-lem tiếp tục nói về mình như thể nó là một người nữ, nhưng ở đây thì nó đang thưa chuyện trực tiếp cùng Đức Giê-hô-va.
bụng dạ con sôi lên
Từ "sôi” có nghĩa là di chuyển dữ dội, thường là theo hình tròn. Nhưng ở đây nó không được hiểu theo nghĩa đen, nhưng là cảm giác ra sao.
lòng con rối bời
Tham khảo cách dịch: “lòng con tan vỡ” hoặc “con rất buồn”
gươm đao cướp đi
Gươm đại diện cho kẻ thù, và “cướp đi” có nghĩa là “giết”.
Tham khảo cách dịch: “kẻ thù giết”
trong nhà chỉ có chết chóc
Có thể hiểu: 1) trong nhà, mọi người đều chết hoặc 2) ngôi nhà như một ngôi mộ.
Lamentations 1:21
Chúng nghe tiếng con rên rỉ
Giê-ru-sa-lem tiếp tục nói như con người.
Ngài làm thế
Ở đây, từ “Ngài” chỉ về Đức Giê-hô-va.

Translation Questions

Lamentations 1:1
Thành phố Giê-ru-sa-lem đã trở nên như thế nào dù trước kia từng là một thành lớn hùng mạnh?
Thành phố đã trở nên như một góa phụ.
Lamentations 1:3
Giu-đa sẽ chẳng tìm được điều gì dù nàng sống ở giữa các nước?
Giu-đa sẽ chẳng tìm được nơi yên nghỉ dù nàng sống ở giữa các nước.
Lamentations 1:5
Tại sao Đức Giê-hô-va hình phạt thành Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va đã làm cho thành Giê-ru-sa-lem bị khốn khổ vì cớ tội lỗi nó nhiều quá.
Lamentations 1:6
Con gái Si-ôn đã mất điều gì?
Mọi vẻ đẹp của con gái Si-ôn đã tan biến.
Lamentations 1:7
Giê-ru-sa-lem nhớ lại những gì mà trước kia đã từng có được?
Giê-ru-sa-lem nhớ lại tất cả những kho tàng quý báu mà nàng đã có trong những ngày trước.
Lamentations 1:8
Vì cớ Giê-ru-sa-lem đã phạm tội quá nhiều, nên nàng trở nên như thế nào?
Giê-ru-sa-lem trở nên như một tấm giẻ rách dơ dáy.
Lamentations 1:10
Giê-ru-sa-lem đã thấy điều gì ở nơi thánh của nàng mặc dù Đức Giê-hô-va đã ngăn cấm?
Giê-ru-sa-lem đã nhìn thấy các dân ngoại đi vào nơi thánh.
Lamentations 1:11
Mọi người làm gì khi họ tìm kiếm bánh?
Mọi người than thở khi họ tìm kiếm thức ăn.
Lamentations 1:13
Đức Giê-hô-va đã làm gì dưới chân Giê-ru-sa-lem mà khiến nàng phải quay ngược lại phía sau?
Đức Giê-hô-va đã giăng lưới dưới chân Giê-ru-sa-lem.
Lamentations 1:14
Điều gì của Giê-ru-sa-lem đã thất bại vì cái ách tội lỗi đã cột chặt vào cổ nàng?
Sức mạnh của Giê-ru-sa-lem đã thất bại vì cái ách của tội lỗi đã cột chặt vào cổ nàng.
Lamentations 1:15
Chúa đã giày đạp con gái đồng trinh của Giu-đa như thế nào?
Chúa đã giày đạp con gái đồng trinh của Giu-đa như bồn ép nho làm rượu.
Lamentations 1:16
Tại sao con cái Giê-ru-sa-lem bị bơ vơ?
Con cái Giê-ru-sa-lem đang hoang vu bởi vì kẻ thù đã thắng trận.
Lamentations 1:18
Vì cớ Giê-ru-sa-lem đã nổi loạn chống lại điều răn của Đức Giê-hô-va, cho nên ai đã bị bắt làm phu tù?
Những người nữ đồng trinh và những người trai tráng khỏe mạnh của Giê-ru-sa-lem bị bắt làm phu tù.
Lamentations 1:19
Ai đã chết trong thành trong khi họ tìm thức ăn để phục hồi sức lực?
Các thầy tế lễ và trưởng lão của Giê-ru-sa-lem.
Lamentations 1:20
Có gì đang chuyển động trong Giê-ru-sa-lem vì cớ sự phản loạn của nàng?
Trái tim của Giê-ru-sa-lem đang thổn thức bồi hồi.
Lamentations 1:21
Những kẻ thù của Giê-ru-sa-lem làm gì khi họ nghe tin nàng gặp hoạn nạn?
Những kẻ thù của Giê-ru-sa-lem vui mừng.
Lamentations 1:22
Giê-ru-sa-lem xin Đức Giê-hô-va làm gì kẻ thù nghịch nàng khi họ đến trước mặt Ngài?
Giê-ru-sa-lem cầu xin Đức Giê-hô-va đánh kẻ thù nghịch nàng như Ngài đã hình phạt vì tội lỗi nàng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 2

Lamentations 2:1

Thông tin chung:

Bắt đầu một bài thơ mới. Tác giả của sách Ca Thương dùng nhiều cách khác nhau để cho thấy rằng dân Y-sơ-ra-ên đã mất đi sự che chở của Đức Chúa Trời

đám mây cơn giận của Ngài

Có thể hiểu: 1) Đức Chúa Trời đang đe họa sẽ làm tổn hại đến dân Giê-ru-sa-lem hoặc 2) Đức Chúa Trời đã làm tổn hại đến dân sự rồi .

con gái Si-ôn ... con gái Giu-đa

Đây là những tên gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ văn, thành nầy ở đây đang được nói đến như một người nữ.

Ngài đã ném vẻ huy hoàng của Y-sơ-ra-ên từ trời cao xuống đất

"Giê-ru-sa-lem đã mất tất cả sự ưu ái của Chúa” .

không nhớ đến

"không đếm xỉa đến”, “không để ý đến” .

bệ chân của Ngài

Ở đây "bệ chân’ tượng trưng cho nơi Đức Chúa Trời hành động nhân từ đủ để nó hiện diện. Ý nghĩa khả thi: 1) “thành Giê-ru-sa-lem yêu quý của Ngài” hoặc 2) “giao ước của Ngài với Y-sơ-ra-ên” .

ngày thịnh nộ của Ngài

một khoảng thời gian chung chung, không phải một ngày 24 giờ. Tham khảo cách dịch: “vào thời kỳ Ngài thực hiện cơn giận của mình”

nuốt chửng

"tận diệt" giống như loài thú chẳng chừa lại gì khi ăn

những thành kiên cố của các con gái Giu-đa

Có thể hiểu: 1) những thành kiên cố khắp Giu-đa hoặc 2) những bức tường thành kiên cố của Giê-ru-sa-lem.

Lamentations 2:3

Thông tin chung:

Tác giả tiếp tục sử dụng những hình ảnh ẩn dụ để thể hiện sự chống đối của Đức Chúa Trời với Giu-đa.

Ngài chặt hết sừng của Y-sơ-ra-ên

Ở đây "sừng”

rút bàn tay phải lại

"không bảo vệ chúng con khỏi kẻ thù mình nữa”

Ngài giương cung về phía chúng con

Một người lính giương cung mình lên để bắn nó ra. Tham khảo cách dịch: “Ngài giương cung ngắm bắn chúng con”

trại của thiếu nữ Si-ôn

Tham khảo cách dịch: “nhà của dân sự tại Giê-ru-sa-lem”

con gái Si-ôn

Đây là tên gọi của Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, thành nầy ở đây được nói đến như một người nữ.

trút cơn giận của Ngài ra như lửa

"tỏ ra cơn giận của Ngài khi phá hủy mọi thứ giống như khi người ta đốt lửa lên sẽ thiêu sạch”

Lamentations 2:5

nuốt chửng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong LAM02:01

Ngài đã gia tăng khóc lóc và than van

Tham khảo cách dịch: “Ngài khiến dân sự khóc lóc đau thương thêm nhiều”

con gái Giu-đa

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

túp lều của một khu vườn

một ngôi nhà rất nhỏ để cất những dụng cụ làm vườn hoặc để làm chỗ trú ngụ cho người canh giữ khu vườn

khiến cả những ngày hội trọng thể và ngày sa-bát bị lãng quên tại Si-ôn

Tham khảo cách dịch: “khiến dân tại Si-ôn quên cả ngày lễ trọng thể và ngày sa-bát”

Lamentations 2:7

Ngài đã phó... vào tay kẻ thù

"Ngài đã giao... cho kẻ thù”

những vách cung điện nàng

Ở đây, từ "nàng” có thể chỉ về Giê-ru-sa-lem hoặc về đền thờ. Cách dịch khác: 1) “cách tường các cung điện Giê-ru-sa-lem” hoặc 2) “vách đền thờ”

Chúng reo hò trong nhà Đức Giê-hô-va như trong ngày lễ hội

Đây là cách so sánh mỉa mai giữa những lễ hội đông đúc, ồn ào của Y-sơ-ra-ên với tiếng reo hò chiến thắng của người Ba-by-lôn.

Lamentations 2:8

con gái Si-ôn

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

Ngài đã giăng dây đo

Tham khảo cách dịch: “Ngài đã đo chiều dài các vách tường” vì vậy Ngài biết chính xác sẽ hủy diệt bao nhiêu.

hủy diệt không chút nương tay

Tham khảo cách dịch: “Ngài đã dốc toàn lực để hủy diệt”

nương tay

"giữ tay mình lại”

Ngài làm cho tường và lũy sầu thảm, cùng nhau hao mòn tàn tạ

"bởi vì Ngài đã hủy diệt các tường và lũy, nên trông chúng giống như người ta sầu thảm, không còn chút sức lực”

lũy

Những thành cổ xưa có “tường” chính để ngăn giữ kẻ thù ở bên ngoài thành, và có “lũy” bao bọc bên ngoài để ngăn không cho những kẻ thù tấn công thành.

Lamentations 2:10

con gái Si-ôn

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

ngồi trên đất

để tỏ ra rằng họ đang than khóc

Lamentations 2:11

Thông tin chung:

Tác giả chuyển từ việc mô tả Giê-ru-sa-lem sang mô tả những kinh nghiệm riêng của mình.

Mắt tôi hao mòn vì tuôn tràn giọt lệ

Tham khảo cách dịch: “Tôi đã khóc đến nỗi tôi không thể khóc thêm được nữa”

Lòng dạ tôi đổ ra trên đất

Tham khảo cách dịch: “lòng dạ tôi đau buồn thống thiết”

Vì con gái dân tôi bị hủy diệt

"con gái dân tôi” là một tên của Y-sơ-ra-ên trong thơ ca, thành nầy được nói đến như một người phụ nữ. Tham khảo cách dịch: “bởi vì dân tôi đã bị giày đạp”

Lúa mì và rượu ở đâu?

Cụm từ “lúa mì và rượu” là các nói chung để chỉ về “đồ ăn và thức uống”. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy cho chúng con đồ ăn và thức uống”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lamentations 2:13

Thông tin chung:

Tác giả bắt đầu hướng đến Giê-ru-sa-lem.

Ta có thể nói gì... Giê-ru-sa-lem?

"Tôi chẳng thể nói gì... Giê-ru-sa-lem."

con gái Giê-ru-sa-lem

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

Ta có thể lấy gì để so sánh với ngươi... Si-ôn?

"Chẳng có gì để ta có thể so sánh với ngươi... Si-ôn."

Ai có thể chữa lành ngươi?

"Chẳng ai có thể chữa lành ngươi"

Lamentations 2:15

vỗ tay... huýt sáo và lắc đầu

những cách mà người ta dùng để chế nhạo và sỉ nhục người khác

con gái Giê-ru-sa-lem

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

Có phải đây là thành phố mà người ta gọi là: 'Vẻ đẹp toàn hảo", "Niềm vui của cả địa cầu' không?

Câu hỏi nầy được dùng để thể hiện sự châm biếm mỉa mai. "Thành mà chúng gọi là "Vẻ đẹp toàn hảo", "Niềm vui của cả địa cầu" chẳng đẹp để hay vui vẻ nữa!"

Chúng ta đã nuốt trọn nó

"Chúng ta đã tận diệt Giê-ru-sa-lem" giống như một con thú nuốt trọn thức ăn của nó.

Lamentations 2:17

Ngài đã giương cao sừng kẻ thù ngươi

Ở đây "sừng"

Lamentations 2:18

Lòng họ kêu khóc

Có thể hiểu: 1) "Dân thành Giê-ru-sa-lem kêu khóc từ trong lòng" hoặc 2) người nói muốn các vách thành kêu khóc cùng Đức Giê-hô-va.

tường thành của con gái Si-ôn ... mọi đường phố

Tác giả nói về tường thành Giê-ru-sa-lem. Ngài muốn dân Giê-ru-sa-lem làm những điều Ngài đang phán bảo các tường thành phải làm.

con gái Si-ôn

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

Hãy để cho nước mắt ngươi tuôn chảy như dòng sông!

"Hãy khóc lóc thảm thiết"

ngày và đêm

"trọn thời gian"

Đừng khi nào nghỉ ngơi

" Đừng để mình nghỉ ngơi"

vào đầu canh gác đêm

"nhiều lần trong đêm" nghĩa là mỗi lần người tuần canh đi làm nhiệm vụ.

Hãy giơ tay ngươi

Đây là một hành động trước khi cầu nguyện.

ở góc phố

"đầu đường góc phố" hoặc "bên đươòng"

Lamentations 2:20

Làm sao người đàn bà đành ăn trái của ruột mình...?

Tham khảo cách dịch: "Người đàn bà không ăn con cái mình...!"

trái của ruột mình

"con trẻ còn nhỏ"

Lamentations 2:21

trẻ thơ và người già

những người yếu nhất và người mạnh nhất.

nỗi kinh hoàng của con

"những kẻ tấn công mà con sợ hãi"

khi Ngài gọi chúng đến ngày yến tiệc

"như thể chúng để dự yến tiệc"

Translation Questions

Lamentations 2:1

Chúa biểu lộ sự tức giận vì sự nổi loạn của Giê-rê-mi như thế nào?

Ngài đã cất đi vẻ đẹp của Y-sơ-ra-ên, chẳng thương xót các thành của Gia-cốp, và đạp đổ các thành lũy vững chắc của Giu-đa.

Lamentations 2:2

Chúa biểu lộ sự tức giận vì sự nổi loạn của Giê-rê-mi như thế nào?

Ngài đã cất đi vẻ đẹp của Y-sơ-ra-ên, chẳng thương xót các thành của Gia-cốp, và đạp đổ các thành lũy vững chắc của Giu-đa.

Lamentations 2:3

Sự nóng giận của Ngài ảnh hưởng đến Y-sơ-ra-ên và Si-ôn như thế nào?

Chúa đã đập tan sức mạnh của Y-sơ-ra-ên và đổ cơn thạnh nộ của Ngài trên Si-ôn.

Lamentations 2:4

Sự nóng giận của Ngài ảnh hưởng đến Y-sơ-ra-ên và Si-ôn như thế nào?

Chúa đã đập tan sức mạnh của Y-sơ-ra-ên và đổ cơn thạnh nộ của Ngài trên Si-ôn.

Lamentations 2:5

Sự giận dữ của Chúa đã biểu lộ như thế nào?

Chúa trở nên như một kẻ thù, tiêu diệt các cung điện và thành lũy, Ngài truất bỏ vua và thầy tế lễ.

Lamentations 2:6

Sự giận dữ của Chúa đã biểu lộ như thế nào?

Chúa trở nên như một kẻ thù, tiêu diệt các cung điện và thành lũy, Ngài truất bỏ vua và thầy tế lễ.

Lamentations 2:7

Tại sao quân thù lại cảm thấy họ được chiến thắng?

Họ cảm thấy chiến thắng vì Chúa đã từ bỏ bàn thờ và nơi thánh, Ngài đã trao tường thành cung điện Si-ôn cho quân nghịch.

Lamentations 2:9

Điều gì đã xảy ra với các cửa và tường thành của Si-ôn?

Các cổng thành bị sụp trong đất, Đức Giê-hô-va đã hủy phá và bẻ gãy các chốt cửa ra vào.

Lamentations 2:10

Các trưởng lão và những thiếu nữ đã đau buồn như thế nào?

Các trưởng lão ngồi dưới đất, mình mặc bao gai, đầu đổ tro bụi. Những thiếu nữ gục đầu sát đất.

Lamentations 2:11

Tại sao Giê-rê-mi than thở?

Bởi vì chẳng có gì cho mọi người ăn hoặc uống.

Lamentations 2:12

Tại sao Giê-rê-mi than thở?

Bởi vì chẳng có gì cho mọi người ăn hoặc uống.

Lamentations 2:15

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những kẻ đi đường làm gì khi họ đi qua thành phố?
Họ nhạo báng và vỗ tay, huýt sáo và lắc đầu, cười nhạo và nghiến răng.
Lamentations 2:16
Những kẻ đi đường làm gì khi họ đi qua thành phố?
Họ nhạo báng và vỗ tay, huýt sáo và lắc đầu, cười nhạo và nghiến răng.
Lamentations 2:18
Mọi người bày tỏ sự hối tiếc của họ như thế nào?
Họ kêu cầu Chúa, giơ tay hướng về Chúa vì con cái họ.
Lamentations 2:19
Mọi người bày tỏ sự hối tiếc của họ như thế nào?
Họ kêu cầu Chúa, giơ tay hướng về Chúa vì con cái họ.
Lamentations 2:20
Tại sao mọi người cầu xin sự thương xót của Đức Giê-hô-va?
Bởi vì Ngài đã đối xử với họ rất nghiêm khắc, họ bị đói, các thầy tế lễ và các tiên tri thì bị giết.
Lamentations 2:21
Giê-rê-mi mô tả ngày thạnh nộ của Đức Giê-hô-va như thế nào?
Vào ngày thạnh nộ của Đức Giê-hô-va, Ngài giết người trẻ và già, trai và gái, tàn diệt chúng chẳng chút xót thương.
Lamentations 2:22
Giê-rê-mi mô tả ngày thạnh nộ của Đức Giê-hô-va như thế nào?
Vào ngày thạnh nộ của Đức Giê-hô-va, Ngài giết người trẻ và già, trai và gái, tàn diệt chúng chẳng chút xót thương.

Chapter 3
Lamentations 3:1
Câu nối:
Bắt đầu một bài thơ mới
dưới cây gây thịnh nộ của Đức Giê-hô-va
Cây gậy nầy là cây gậy mà người ta dùng để đánh và phạt ái đó. Tham khảo cách dịch: “bởi vì Đức Giê-hô-va đang đánh tôi cách giận dữ”
đi trong tối tăm hơn là ánh sáng
Cụm từ nầy có nghĩa sống trong sự hỗn loạn và u ám.
Ngài trở tay nghịch cùng tôi
Tham khảo cách dịch: “Ngài đã trở thành kẻ thù của tôi” hoặc “Ngài dùng quyền năng mình để trừng phạt tôi”
Lamentations 3:5
Ngài đắp ụ đất bao vây tôi
Ụ đất là những bờ dốc đắp từ đất để có thù có thể leo lên đó mà vượt qua tường thành để chiếm lấy thành. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã vây phủ tôi như thể tôi là thành đang bị tấn công”.
vây lấy tôi bằng cay đắng nhọc nhằn
Tham khảo cách dịch: “vây lấy tôi bằng những điều đau đớn và khó lòng chịu được”
Ngài để ngoài tai lời cầu nguyện của tôi
Tham khảo cách dịch: “Ngài không chịu nghe lời cầu nguyện của tôi”
Lamentations 3:9
chặn đường tôi
"ngăn không cho tôi trốn thoát khỏi Ngài”
đá đẽo
những viên đá mà người ta đã đẽo thành những hình dạng cân đối để chúng có thể khớp với nhau đắng khiến bức tường được vững chắc.
đá, Ngài khiến đường tôi đi khúc khuỷu
Có thể hiểu: 1) "đá, vậy nên tôi không thể đi đâu được” hoặc 2) “đá, mọi đường tôi đi đều không đến được đâu cả”
Ngài đã đổi hướng đường đi của tôi
Có thể hiểu: 1) "Ngài kéo tôi ra khỏi đường” hoặc 2) “Ngài khiến đường tôi đi sai hướng”
Lamentations 3:12
Ngài đã giương cung
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong LAM02:03
bao tên
bao đeo sau lưng để dựng cung tên
thận
Cơ quan ở bụng, đào thải U-rê đến bàng quang. Tham khảo cách dịch: “sâu vào người tôi”
trò cười cho cả dân tôi
Có thể hiểu: 1) "người cho cả dân Y-sơ-ra-ên cười nhạo” hoặc 2) “người cho mọi dân trên đất cười nhạo”
Ngài khiến tôi đầy cay đắng
"Dường như Ngài bắt tôi phải ăn những thảo dược đắng ngắt”
ngải cứu
loài nước đắng làm từ lá và hoa của một loại cây.
Lamentations 3:16
Ngài đã nghiền... Ngài đã xô tôi
là hai cách diễn đạt về việc Đức Chúa Trời hạ thấp tác giả.
Linh hồn tôi bị tước mất sự bình an
Tác giả không còn cảm nhận được niềm vui vẻ hay vui thú trong đời mình nữa.
Sức chịu đựng của tôi đã hết
Một số bản dịch khác ghi rằng: “Vinh quang của tôi đã tiêu tan”, nhưng ở đây “vinh quang” tượng trưng cho sức chịu đựng hoặc sức mạnh.
Lamentations 3:19
ngải cứu và mật đắng
Ngải cứu là một lại cây làm ra loại chất lỏng, uống rất đắng. “ngải cứu” và “mật đắng” có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng đây là một thứ rất đắng.
Lòng con chùng xuống
Cách diễn đạt nầy chỉ về tình trạng suy sụp và sự thất vọng. Tham khảo cách dịch: “linh hồn con mòn mỏi trong con” hoặc “Con cảm thấy thất vọng”
Nhưng con nhớ lại điều nầy
Tác giả chuẩn bị cho người đọc biết điều mình hi vọng là gì.
Lamentations 3:22
sự thành tín của Ngài
Tác giả đang nói với Đức Giê-hô-va.
Đức Giê-hô-va là cơ nghiệp tôi
"Bởi vì Đức Giê-hô-va ở cùng tôi, nên tôi có mọi thứ tôi cần”
Lamentations 3:25
những ai trông đợi Ngài
Có thể hiểu: 1) "tất cả những ai nương dựa nơi Ngài” (UDB) hoặc 2) “những ai kiên nhẫn chờ đợi Ngài hành động”
người tìm kiếm Ngài
Tham khảo cách dịch: “người tìm kiếm Ngài”
mang ách
"chịu đau đớn"
nó được đặt trên người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"cái ách được đặt trên người”
để miệng nó trong đất
Tham khảo cách dịch: “sấp mình xuống miệng chạm đất”
Lamentations 3:30
Thông tin chung:
Tác giả nói về người trông đợi Đức Giê-hô-va. (LAM03:25
Nó cứ đưa má cho người ta vả
"Nó để có người ta đánh mình” hoặc
dù Ngài gây
"dù Đức Giê-hô-va gây”
con cái loài người
Tham khảo cách dịch: “loài người” hoặc “người ta”
Lamentations 3:34
Đạp dưới chân
"Sỉ nhục’ hoặc “giết”
Lamentations 3:37
Há chẳng phải từ miệng Đấng Tối Cao mà ra cả tai họa lẫn phước lành sao?
Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời lệnh cho cả tai họa và thành công xảy đến cho mỗi người”
Lamentations 3:40
Chúng ta khá giơ cả lòng và tay mình lên
Người Y-sơ-ra-ên thường giơ tay mình lên khi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta hãy giơ tay mình lên và cầu nguyện cách chân thành”
Chúng con đã phạm tội và bội nghịch
Từ "phạm tội” và “bội nghịch” có nghĩa tương tự nhau. Chúng được dùng chung để cho thấy rằng hành động phạm tội cũng giống như bội nghịch cùng Đức Giê-hô-va.
Ngài bao phủ mình trong cơn thịnh nộ
Ở đây cơn thịnh nộ được nói đến như thể nó là một cái áo choàng mà Đức Chúa Trời mặt lên người. Người Hê-bơ-rơ thường nói về cảm xúc như quần áo. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã giận dữ”
Lamentations 3:44
Thông tin chung:
Lời cầu nguyện đã bắt đầu trong LAM03:40
Ngài ẩn mình trong mây để không lời cầu nguyện nào thấu qua được
Tham khảo cách dịch: “Ngài dùng đám mây như cái khiên cản những lời cầu nguyện của chúng con ra xa”
Ngài biến chúng con thành rác rến và vật phế thải
Những từ “rác rến” và “phế thải” chỉ về những thứ mà người ta bỏ đi và vứt đi. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã vứt chúng con đi như rác”
giữa các dân
Có thể hiểu: 1) các nước khác xem chúng như rác rưởi (UDB) hoặc 2) Đức Giê-hô-va đã xem chúng như rác rưởi giữa các dân.
hoang toàn và đổ nát
Hai từ nầy có nghĩa tương tự nhau và chỉ về sự hoang toàn của Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “hoàn toàn đổ nát”
Lamentations 3:48
Mắt tôi tuôn chảy lệ như suối
"Nước mắt tôi tuôn chảy như dòng suối” bởi vì tôi đang khóc.
vì dân tôi đã bị hủy diệt
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong LAM02:11
Lamentations 3:51
Mắt tôi khiến tôi đai xót
Tham khảo cách dịch: “Những điều tôi thấy khiến tôi đau đớn”
các thiếu nữ trong thành tôi
Có thể hiểu: 1) những người nữ của Giê-ru-sa-lem hoặc 2) toàn bộ dân của Giê-ru-sa-lem.
Chúng ném tôi xuống hố
Tham khảo cách dịch: “Chúng dìm chết tôi trong giết”
ném đá vào tôi
Có thể hiểu: 1) "đã ném đá vào tôi” hoặc “đã lấy đá lấp giếng lại”
Tôi đã bị loại bỏ
Tham khảo cách dịch: “Tôi đã bị giết” hoặc “Tôi đang chìm”
Lamentations 3:55
Con kêu cầu danh Ngài
Tham khảo cách dịch: “Con kêu cầu Ngài giúp đỡ”
từ hố sâu thẳm
Có thể hiểu: 1) "từ dưới giếng rất sâu” hoặc 2) “từ dưới phần mộ”
Ngài nghe tiếng tôi
Tham khảo cách dịch: “Ngài nghe lời con nói”
Xin đừng bịt tai
Tham khảo cách dịch: “Xin đừng từ chối nghe”
Lamentations 3:58
Ngài đã bênh vực trường hợp của con, Ngài đã cứu chuộc mạng sống con!
Câu nầy giới thiệu cảnh ở phòng xét xử. Trong hình ảnh nầy, Đức Chúa Trời đang biện hộ cho ông, như một luật sư bào chữa cho thân chủ của mình. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã biện hộ trong con trước tòa”
xét xử trường hợp của con
Ở đây Đức Chúa Trời không được hình dung như một luật sư nữa, nhưng như một thẩm phán.
những lời lăng mạ, mọi âm mưu của chúng chống lại con
Hai cụm từ nầy có nghĩa tương tự nhau và được kết hợp để nhấn mạnh.
nghe mọi lời sỉ nhục của chúng
Tham khảo cách dịch: “nghe chúng chế nhạo con”
Lamentations 3:62
Môi miệng của những kẻ nổi lên chống lại con
Tham khảo cách dịch: “Lời của những kẻ nổi lên chống lại tôi”
những kẻ nổi lên chống lại tôi
Tham khảo cách dịch: “những kẻ tấn công tôi”
chúng ngồi rồi đứng dậy ra sao
Tham khảo cách dịch: “mọi việc chúng làm”
Lamentations 3:64
Lạy Đức Giê-hô-va, xin báo trả chúng tùy theo những việc chúng đã làm
Tham khảo cách dịch: “Lạy Đức Giê-hô-va, chúng đã khiến con khốn khổ nên bây giờ xin hãy khiến chúng đau khổ”
xin khiến lòng chúng trơ trọi, không biết xấu hổ
Tham khảo cách dịch: “khiến chúng không thấy xấu hổ”
khỏi dưới bầu trời
Tham khảo cách dịch: “chỗ của chúng trên đất”

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lamentations 3:3
Tác giả đã viết cái gì của Đức Giê-hô-va đã chống nghịch ông cả ngày?
Tay của Đức Giê-hô-va.
Lamentations 3:7
Đức Giê-hô-va đã xây cái gì quanh Giê-rê-mi khiến ông không thể trốn thoát được?
Đức Giê-hô-va đã xây một cái tường quanh ông.
Lamentations 3:10
Tác giả sánh Đức Giê-hô-va giống như gì đang ẩn mình chờ phục kích ông?
Tác giả mô tả Đức Giê-hô-va như một con gấu đang ẩn mình chờ ông.
Lamentations 3:14
Tác giả đã trở nên như thế nào đối với mọi người?
Ông trở thành trò cười với tất cả mọi người.
Lamentations 3:17
Tác giả còn nhớ điều gì khi Đức Giê-hô-va đã cứu sự sống ông?
Tác giả đã không còn nhớ về một sự phước hạnh nào.
Lamentations 3:19
Tâm trạng của tác giả khi ông nhắc đến sự khốn khổ của mình là gì?
Tâm trạng của ông là nỗi tuyệt vọng khi ông nhắc đến sự phiền muộn của mình.
Lamentations 3:20
Tâm trạng của tác giả khi ông nhắc đến sự khốn khổ của mình là gì?
Tâm trạng của ông là nỗi tuyệt vọng khi ông nhắc đến sự phiền muộn của mình.
Lamentations 3:23
Tác giả nói gì về mỗi buổi sáng tươi mới?
Tác giả nói rằng: mỗi buổi sáng Chúa thương một cách mới và sự thành tín của Đức Giê-hô-va là vô hạn.
Lamentations 3:25
Đức Giê-hô-va đã làm gì đối với kẻ trông đợi Ngài và những kẻ trông mong yên lặng đợi chờ sự cứu rỗi của Ngài?
Đức Giê-hô-va ban sự nhân từ cho những kẻ trông đợi Ngài, và đợi chờ cứu rỗi của Đức Giê-hô-va.
Lamentations 3:26
Đức Giê-hô-va đã làm gì đối với kẻ trông đợi Ngài và những kẻ trông mong yên lặng đợi chờ sự cứu rỗi của Ngài?
Đức Giê-hô-va ban sự nhân từ cho những kẻ trông đợi Ngài, và đợi chờ cứu rỗi của Đức Giê-hô-va.
Một người phải ngồi bởi vì Đức Giê-hô-va đã đặt ách lên người như thế nào?
Một người phải ngồi một mình và làm thinh, vì Đức Giê-hô-va đã gán ách trên mình.
Lamentations 3:28
Một người phải ngồi bởi vì Đức Giê-hô-va đã đặt ách lên người như thế nào?
Một người phải ngồi một mình và làm thinh, vì Đức Giê-hô-va đã gán ách trên mình.
Lamentations 3:32
Đức Giê-hô-va vẫn sẽ bày tỏ điều gì dù Ngài làm cho đau buồn?
Đức Giê-hô-va bày tỏ sự thương xót và nhân từ của Ngài dù Ngài có làm cho đau buồn.
Lamentations 3:33
Từ đâu mà Đức Giê-hô-va không muốn gây khổ đau hoặc buồn bã cho con cái loài người?
Từ trong tim của NGài, Ngài không muốn gây khổ đau hoặc buồn rầu cho con cái loài người.
Lamentations 3:38
Hai điều gì ra khỏi miệng của Đấng Rất Cao?
Tai họa và phước hạnh ra từ miệng Đấng Rất Cao.
Lamentations 3:40
Mọi người giơ cái gì lên cho Đức Chúa Trời trên trời khi họ tự xét lại chính họ và đường lối của họ, và họ quay trở về với Ngài?
Mọi người giơ lòng và tay lên Đức Chúa Trời trên trời.
Lamentations 3:41
Mọi người giơ cái gì lên cho Đức Chúa Trời trên trời khi họ tự xét lại chính họ và đường lối của họ, và họ quay trở về với Ngài?
Mọi người giơ lòng và tay lên Đức Chúa Trời trên trời.
Lamentations 3:42
Mọi người phải thừa nhận điều gì khi họ chống lại Đức Giê-hô-va khi họ cầu nguyện?
Họ phải thừa nhận rằng họ đã phạm tội nổi loạn chống lại Đức Giê-hô-va.
Lamentations 3:45
Tác giả đã nói Đức Giê-hô-va đã làm họ trở nên ra sao giữa các dân?
Đức Giê-hô-va đã làm cho họ trở nên rác rưởi và vật phế thải giữa các dân.
Lamentations 3:48
Tác giả mô tả nước mắt của ông như thế nào?
Những giọt nước mắt của ông là những dòng nước chảy ra từ đôi mắt ông.
Lamentations 3:49
Tác giả mô tả nước mắt của ông như thế nào?
Những giọt nước mắt của ông là những dòng nước chảy ra từ đôi mắt ông.
Lamentations 3:52
Tác giả nói gì khi những kẻ thù của ông săn đuổi ông, muốn giết ông nơi ngục tối và muốn giết ông?
Ông nói: "Tôi bị chết mất!"
Lamentations 3:54
Tác giả nói gì khi những kẻ thù của ông săn đuổi ông, muốn giết ông nơi ngục tối và muốn giết ông?
Ông nói: "Tôi bị chết mất!"
Lamentations 3:55
Đức Giê-hô-va đã phán với tác giả điều gì khi ông kêu cầu danh Ngài và xin Đức Giê-hô-va nghe tiếng kêu cầu của ông?
Đức Giê-hô-va phán với ông: "Đừng sợ!"
Lamentations 3:57
Đức Giê-hô-va đã phán với tác giả điều gì khi ông kêu cầu danh Ngài và xin Đức Giê-hô-va nghe tiếng kêu cầu của ông?
Đức Giê-hô-va phán với ông: "Đừng sợ!"
Lamentations 3:59
Tác giả xin Đức Giê-hô-va đoán xét việc của ông như thế nào?
Ông xin Ngài đoán xét cách công bình.
Lamentations 3:63
Tác giả là gì của kẻ thù nghịch ông, dù cho họ ngồi hay đứng lên?
Ông là bài hát nhạo báng của họ.
Lamentations 3:64
Tác giả xin Đức Giê-hô-va làm gì trên kẻ thù nghịch mình?
Ông xin Đức Giê-hô-va báo trả chúng tùy theo tội chúng đã làm.
Lamentations 3:66
Tác giả xin Đức Giê-hô-va làm gì trên kẻ thù nghịch mình?
Ông xin Đức Giê-hô-va đuổi theo kẻ thù nghịch mình và hủy diệt họ hỏi bầu trời của Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 4

Lamentations 4:1

Thông tin chung:

Bắt đầu một bài thơ mới. Xem và và.

những hòn đá thánh

đá xây dựng đền thờ

mọi góc đường

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong LAM02:18

các con trai của Si-ôn

Có thể hiểu: 1) Những người trai trẻ của Giê-ru-sa-lem hoặc 2) hết thảy dân tại Giê-ru-sa-lem.

chúng bị xem như các bình đất do tay thợ gốm làm ra!

Tham khảo cách dịch: “người ta xem chúng không có giá trị như các bình đất do thợ gốm làm ra!”

Lamentations 4:3

chó rừng còn đưa vú cho con bú

Vế nầy có nghĩa là chó rừng mẹ cho con mình bú một cách tự nhiên.

chó rừng

loài chó hoang hung dữ, loài vật được cho là xấu xa nhất

con gái dân tôi

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong LAM02:11

Lamentations 4:4

Những kẻ lớn lên trong nhung lụa

Mặc trang phục màu tím là dấu hiệu cho thấy người đó giàu có.

Lamentations 4:6

hình phạt

Có thể hiểu: 1) "hình phạt cho tội lỗi” hoặc 20 “tội lỗi”

con gái dân tôi

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

nó bị sụp đổ trong phút chốc

"Đức Chúa Trời đã phá hủy nó trong phút chốc”

chẳng ai đưa tay giúp đỡ nó

“nhưng chẳng ai giúp đỡ nó”

Lamentations 4:7

Các nhà lãnh đạo của nó tinh sạch hơn tuyết, và trắng hơn sữa

Có thể hiểu: 1) "Các nhà lãnh đạo của chúng ta trước đây trông thật đẹp đẽ”

Các nhà lãnh đạo của nó

Các nhà lãnh đạo của Giê-ru-sa-lem.

hồng hào

bề ngoài nhìn khỏe mạnh

san hô

một loại sinh vật cứng như đá, có màu đỏ, ở ngoài biển, thường dùng để làm đồ nữ trang

bích ngọc

loại đá quý màu xanh, được dùng để làm dồ trang sức.

Nay bề ngoài họ còn đen hơn cả bồ hóng

Câu nầy có nghĩa là 1) mặt trời đã làm cho da của các nhà lãnh đạo cháy sạm đen hoặc 2) từ những đám lửa thiêu rụi Giê-ru-sa-lem, bồ hóng từ đó bám đầy mặt họ.

không ai nhận ra họ

Tham khảo cách dịch: “chẳng ai có thể nhận ra họ”

khô đét như khúc gỗ

bởi vì họ không có đủ đồ ăn và nước uống

Lamentations 4:9

Những kẻ bị giết bởi gươm

Tham khảo cách dịch: “Những kẻ đã bị quân đội kẻ thù giết chết”

những người chết vì đói

Tham khảo cách dịch: “những chết đói”

chết dần chết mòn

Tham khảo cách dịch: “những kẻ nầy trở nên ốm yếu bởi vì họ đang chết dần chết mòn vì đói”

bị thương tích vì thiếu sản vật ngoài đồng

Việc thiếu thức ăn được nói đến ở đây như thể nó là một thanh gươm. Tham khảo cách dịch: “những người bị chết vì đói”

Đôi tay của những người nữ đầy lòng thương xót

Tham khảo cách dịch: “Những người nữ đầy lòng thương xót”

Lamentations 4:11

Đức Giê-hô-va đã đổ cơn giận dữ của mình ra, Ngài đã trút đổ cơn thịnh nộ của Ngài ra

Đức Giê-hô-va rất giận, và Ngài đã làm mọi điều mình muốn để tỏ ra rằng Ngài đang giận”

Đức Giê-hô-va đã đổ cơn giận dữ của mình ra

Cơn giận của Đức Chúa Trời giống như loại chất lỏng nóng chảy mà Ngài đang đổ ra.

Ngài đã nhen lửa tại Si-ôn

Cụm từ nầy có nghĩa là: 1) cơn giận của Đức Chúa Trời giống như ngọn lửa phá hủy Giê-ru-sa-lem hoặc 2) Đức Chúa Trời khiến kẻ thù dùng lửa thiêu luwary Giê-ru-sa-lem.

Lamentations 4:12

Các vua trên đất không tin, cũng không một người nào trên đất tin

"Chẳng có người nào ở bất cứ nơi nào tin”

kẻ thù và đối thủ

Hai từ nầy về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng đây là những kẻ muốn hãm hại Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “mọi loại kẻ thù”

tội lỗi của các nhà tiên tri và gian ác của các thầy tế lễ

Hai dòng nầy có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng những người lãnh đạo thuộc linh nầy có trách nhiệm rất lớn về sự sa ngã của Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “những tội lỗi kinh khiếp của các nhà tiên tri và các thầy tế lễ của nó”

những kẻ đã làm đổ máu người công chính

Cả thầy tế lễ và các nhà tiên tri đều phạm tội giết người. Tham khảo cách dịch: “những kẻ đã giết người công chính”

Lamentations 4:14

Chúng bị ô uế vì máu đó

Bởi vì họ phạm tội giết người nên họ bị coi là ô uế về mặt nghi thức, không thể thờ phượng Đức Chúa Trời hoặc ở cùng những người bình thường khác được.

Lamentations 4:16

làm tản lạc chúng

làm tản lạc các nhà tiên tri và các thầy tế lễ.

không đoái xem chúng nữa

"không còn chấp nhận chúng nữa” hoặc “không còn bằng lòng với chúng nữa”

Lamentations 4:17

Mắt chúng tôi đã mòn mỏi, vô vọng chờ mong sự cứu giúp

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể hiểu: 1) họ đã tìm kiếm mọi người để giúp mình, nhưng chẳng có sự giúp đỡ nào cả hoặc 2) họ cứ tiếp tục tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người không bao giờ có thể giúp họ.

Chúng theo bước tôi

Tham khảo cách dịch: “Kẻ thù bám sát chúng tôi mọi nơi chúng tôi đi”

Sự cuối cùng của chúng tôi

Tham khảo cách dịch: “Thởi điểm chúng tôi chết”

Lamentations 4:19

Hơi thở trong lỗ mũi chúng tôi

Đây là danh hiệu cho vua, người đem sự sống đến cho dân mình giống như hơi thở giữ cho thân thể sống động.

mắc bẫy chúng

Ở đây "bẫy” chỉ về bẫy của kẻ thù, tức là kế hoạch của họ để bắt lấy vua. Tham khảo cách dịch: “kẻ thù lập mưu bắt vua chúng tôi và chúng đã bắt được”

Lamentations 4:21

Hãy cứ vui mừng và hớn hở

Hai từ nầy về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh cường độ của niềm vui mừng đó. Tác giả dùng những từ nầy một cách mỉa mai, châm biếm. Tham khảo cách dịch: “Hãy vui mừng hớn hở”

Con gái Si-ôn ... con gái Ê-đôm

Đây là tên gọi trong thơ văn dành cho dân ở Giê-ru-sa-lem và tại đất Ê-đôm, là những nước được nói đến như những người nữ.

chén thịnh nộ cũng sẽ đến được chuyển đến tay ngươi

Rượu mà người ta uống từ chén đó là hình ảnh tượng trưng cho cơn giận của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va cũng sẽ trừng phạt ngươi”

Ngài sẽ không kéo dài sự lưu đày của ngươi nữa

Ở đây, từ “Ngài” chỉ về Đức Giê-hô-va.

phơi bày các tội lỗi ngươi

"vạch trần các tội lỗi ngươi”

Translation Questions

Lamentations 4:1

Vàng và đá ở nơi thánh đã trở nên ra sao?

Vàng đã mất vẻ sáng, vàng ròng cũng bị biến đổi, đá nơi thánh nằm rải rác khắp mọi góc đường phố.

Lamentations 4:2

Các con trai của Si-ôn ngày trước và bây giờ được đánh giá như thế nào?

Các con trai của Si-ôn quí báu khác nào vàng ròng, nhưng giờ đây coi như bình đất sét được làm bằng tay của thợ gốm.

Lamentations 4:3

Con gái trong dân của họ thì như thế nào?

Họ cũng độc ác như đà điểu trong sa mạc.

Lamentations 4:4

Điều gì xảy ra với lưỡi của trẻ mới sinh, và những trẻ nhỏ xin nài cái gì?

Trẻ mới sinh khát sữa, lưỡi nó dính với cuống họng, và những trẻ nhỏ đòi đánh mà chẳng ai cho.

Lamentations 4:5

Chuyện gì xảy ra với những người từng ăn đồ ăn đắt tiền và những người mặt áo quần tơ lụa?

Những người từng ăn cao lương mỹ vị bây giờ bị chết đói nơi phố chợ, những người mặc áo quần nhung lụa phải ôm đống phân tro.

Lamentations 4:6

Sự gian ác của con gái dân Ngài lớn như thế nào?

Sự gian ác của con gái dân Ngài lớn hơn tội lỗi của Sô-đôm.

Lamentations 4:7

Những nhà lãnh đạo của họ ngày trước và bây giờ như thế nào?

Các nhà lãnh đạo của họ tinh hơn tuyết, trắng hơn sữa, da đỏ hồng hơn san hô, mình mẩy sáng ngời như bích ngọc. Nay mặt đen hơn than mà chẳng ai nhận biết trong đường phố, còn xương bọc da, khô héo như khúc gỗ.

Lamentations 4:8

Những nhà lãnh đạo của họ ngày trước và bây giờ như thế nào?

Các nhà lãnh đạo của họ tinh hơn tuyết, trắng hơn sữa, da đỏ hồng hơn san hô, mình mẩy sáng ngời như bích ngọc. Nay mặt đen hơn than mà chẳng ai nhận biết trong đường phố, còn xương bọc da, khô héo như khúc gỗ.

Lamentations 4:9

Giê-rê-mi nói gì về nwhxng người đã chết bởi đói và chết bởi bị giết bởi gươm?

Ông nói những người bị gươm giết thì may mắn hơn người bị chết đói.

Lamentations 4:10

Những người đàn bà có lòng xót thương đã làm gì với con của họ?

Họ nấu chín con cùa mình và dùng làm thức ăn.

Lamentations 4:11

Đức Giê-hô-va làm trọn cơn giận của Ngài như thế nào?

Đức Giê-hô-va đã làm trọn sự giận của Ngài, đổ con thạnh nộ Ngài ra, Ngài đã đốt lửa tại Si-ôn, thiêu nuốt nền nó.

Lamentations 4:12

Điều gì ở Giê-ru-sa-lem khiến cho các vua và các dân trên đất không thể ngờ được sẽ xảy đến?

Họ không tin rằng kẻ thù nghịch của họ có thể vào được cổng thành Giê-ru-sa-lem.

Lamentations 4:13

Kẻ thù đã làm điều gì vì tội lỗi của các tiên tri và thầy tế lễ?

Họ đã vào thành Giê-ru-sa-lem.

Lamentations 4:14

Điều gì xảy ra với các tiên tri và thầy tế lễ?

Họ lang thang như người mù trên đường và bị máu làm ô uế, đến nỗi không ai có thể rờ đến áo quần của họ.

Lamentations 4:15

Các tiên tri và thầy tế lễ đã làm gì?

Các tiên tri và thầy tế lễ kêu la lớn tiếng về sự ô uế của họ, họ chạy trốn để mọi người không đụng đến họ.

Các tiên tri và thầy tế lễ đã đi đâu?

Họ đi lang thang ở đất dân ngoại nơi mà dân ngoại nói rằng họ sẽ không thể sống được ở đó.

Lamentations 4:16

Đức Giê-hô-va đã làm gì với các tiên tri và các thầy tế lễ?

Đức Giê-hô-va đã làm tan lạc họ và Ngài chẳng đoái xem họ nữa.

Các thầy tế lễ và các trưởng lão nhận đc như thế nào?

Các thầy tế lễ không được tôn trọng và các trưởng lão chẳng được tôn kính.

Lamentations 4:17

Cái gì của họ mong chwof sự cứu giúp vô ích?

Mắt của họ mong chờ sự cứu giúp không bao giờ đến.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lamentations 4:18
Kẻ thù đã làm gì với họ?
Kẻ thù săn lùng các bước đi của họ, đến nỗi họ không thể bước ra đường.
Mọi người nói gì về sự kết thúc của họ?
Sự cuối cùng của họ đã gần, ngày của họ đã hết, kết cục của họ đã đến.
Lamentations 4:19
Những kẻ đuổi theo họ được miêu tả như thế nào, những kẻ đó đã làm gì với họ?
Những kẻ theo đuổi nhanh hơn chim đại bàng, đuổi theo họ trên các núi, rình rập họ trong đồng vắng.
Lamentations 4:20
Chuyện gì xảy ra với vua của họ?
Vua của họ bị bắt trong bẫy của kẻ thù.
Lamentations 4:21
Vì sao các con gái Ê-đôm được bảo rằng hãy vui mừng và hân hoan?
Họ được thúc giục hãy cứ vui mừng hớn hở vì chén cũng sẽ trao đến họ, họ sẽ bị say và trần truồng.
Lamentations 4:22
Những con gái Si-ôn được bảo về điều gì?
Họ được bảo rằng hình phạt tội lỗi của họ đã không còn, Đức Giê-hô-va sẽ không bắt họ đi lưu đày nữa.
Những con gái Ê-đôm được bảo về điều gì?
Họ được bảo rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ và vạch trần tội lỗi xấu xa của họ.

Chapter 5
Lamentations 5:1
Thông tin chung:
Bắt đầu một bài thơ mới. Xem và và.
Xin nhớ đến
"Xin nghĩ đến"
Hãy nhìn xem sự sỉ nhục của chúng con
"hãy xem tình trạng đáng xấu hổ của chúng tôi"
Sản nghiệp chúng tôi đã bị trao cho kẻ lạ
"Ngài đã để dân ngoại chiếm lấy tài sản chúng tôi làm tài sản của chúng"
nhà của chúng con thuộc về kẻ xa lạ
"Ngài đã để cho kẻ xa lạ chiếm lấy nhà cửa chúng tôi"
Chúng con trở thành kẻ mồ côi... mẹ chúng con thành góa phụ
Dân Giê-ru-sa-lem chẳng còn ai để bảo vệ mình vởi vì những người nam hoặc đã chết trên chiến trận hoặc đã bị lưu đày.
Chúng con phải nộp bạc để có nước uống
"Chúng con phải trả bạc cho kẻ thù mình mới có thể uống chính nước của mình"
Chúng con phải nộp bạc để mua củi của mình
"kẻ thù bán củi của chúng con cho chúng con"
Lamentations 5:5
Những kẻ đuổi kịp chúng con
Quân đội Ba-by-lôn
nộp mình cho
Tham khảo cách dịch: “lập hiệp ước với” hoặc “đầu hàng”
để có đủ thức ăn
Tham khảo cách dịch: “để chúng con có thức ăn để ăn”
họ không còn nữa
Tham khảo cách dịch: “họ đã qua đời”
Chúng con phải gánh chịu gian ác của họ
Tham khảo cách dịch: “chúng con chịu hình phạt cho những tội lỗi của họ”
Lamentations 5:8
Nô lệ cai trị chúng con
Có thể hiểu: 1) "Những kẻ vốn là nô lệ cho chủ của chúng tại Ba-by-lôn bấy giờ lại cai trị trên chúng con” (UDB) hoặc 2) “Những kẻ từng là nô lệ tại Ba-by-lôn lại đang cai trị trên chúng con”
giải cứu chúng con khỏi tay chúng
Ở đây, từ "tay” chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “để giải cứu chúng con khỏi quyền lực của chúng”
vì gươm đao trong hoang mạc
Tham khảo cách dịch: “bởi vì trong hoang mạc có những kẻ dùng gươm chém giết người khác”
Lamentations 5:11
Phụ nữ tại Si-ôn bị cưỡng hiếp... các trinh nữ trong các thành Giu-đa
Tham khảo cách dịch: “Toàn bộ phụ nữ, cả trẻ lẫn già, tại Giê-ru-sa-lem và các thành Giu-đa đều bị cưỡng hiếp”
Các thủ lĩnh bị treo lên bởi tay chúng
Có thể hiểu: 1) "Chính tay chúng đã treo các thủ lĩnh” hoặc 2) chúng đã cột tay các thủ lĩnh lại với nhau ở đầu dây thừng và cột đầu dây kia lên sao cho chân các thủ lĩnh đó không chạm đất.
Lamentations 5:13
những người già cả
những người nam không còn là “những trai tráng nữa”
cổng thành
nơi các trưởng lão đưa ra những lời khuyên bảo về mặt luật pháp, nhưng đều cũng là nơi người ta gặp gỡ nhau.
nhạc của chúng
một phần của đời sống sinh hoạt xã hội tại cổng thành
Lamentations 5:15
Mão miện rơi xuống khỏi đầu chúng tôi
Có thể hiểu: 1) "Chúng tôi không còn đeo hoa trên đầu trong những dịp lễ hội nữa” hoặc 2) “Chúng tôi không còn có vua nữa.”
Lamentations 5:17
Mắt chúng con mờ đi
Tham khảo cách dịch: “Chúng con không còn thấy rõ vì cớ nước mắt mình”
chó rừng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong LAM04:03
Lamentations 5:19
Ngai Ngài
"quyền lực và thẩm quyền cai trị như một vị vua của Ngài”
từ đời này sang đời kia
Tham khảo cách dịch: “luôn luôn”
Sao Ngài quên chúng con mãi mãi? Sao Ngài lại lìa bỏ chúng con lâu ngày như vậy?
Tham khảo cách dịch: “Dường như Ngài sẽ quên chúng con đời đời hoặc không trở lại cùng chúng con trong một thời gian rất dài!”
xin hãy làm mới lại những ngày chúng con như trước
Tham khảo cách dịch: “Xin khiến đời chúng con tốt đẹp trở lại, như trước đây” hoặc “Xin khiến chúng con lại lớn mạnh như trước đây”
Trừ phi Ngài hoàn toàn loại bỏ chúng con và giận chúng con quá đổi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể hiểu: 1) tác giả lo sợ rằng Đức Giê-hô-va quá giận đến nỗi Ngài sẽ không phục hồi lại họ hoặc 2) ông đang cho rằng Đức Giê-hô-va đang quá giận đến nỗi không phục hồi lại họ

Translation Questions

Lamentations 5:1

Giê-rê-mi cầu xin Đức Giê-hô-va để làm gì?

Giê-rê-mi cầu xin Đức Giê-hô-va nhớ lại những gì đã xảy đến với họ và những sự xấu hổ của họ.

Lamentations 5:2

Giê-rê-mi đã nói với Đức Giê-hô-va về sản nghiệp của họ ra sao?

Giê-rê-mi đã nói với Đức Giê-hô-va rằng sản nghiệp của họ đã bị chuyển cho người lạ, và nhà cửa của họ thuộc về dân ngoại.

Lamentations 5:5

Giê-rê-mi mô tả những điều đang xảy ra với họ như thế nào?

Kẻ thù của họ đuổi theo họ, họ mệt mỏi và chẳng được nghỉ ngơi. Và họ đến cùng người Ê-díp-tô và A-sy-ri để sinh sống.

Lamentations 5:6

Giê-rê-mi mô tả những điều đang xảy ra với họ như thế nào?

Kẻ thù của họ đuổi theo họ, họ mệt mỏi và chẳng được nghỉ ngơi. Và họ đến cùng người Ê-díp-tô và A-sy-ri để sinh sống.

Lamentations 5:7

Mọi người nói gì về tội lỗi?

Họ nói rằng tổ phụ của họ đã phạm tội và họ đang chịu đựng hậu quả của những tội lỗi từ tổ phụ của họ.

Lamentations 5:8

Mọi người nói gì về nô lệ?

Họ nói rằng những nô lệ của họ cai trị họ và không một ai cứu họ.

Lamentations 5:9

Họ diễn tả mình như thế nào khi họ đi tìm thức ăn?

Họ phải liều mạng mới có bánh để ăn, bất chấp gươm đao trong hoang mạc.

Lamentations 5:10

Da của họ được mô thả như thế nào?

Da của họ nóng như lò lửa, vì cơn đói thiêu đốt họ.

Lamentations 5:11

Chuyện gì đã xảy ra với các đàn bà và các thiếu nữ?

Đàn bà tại Si-ôn và các thiếu nữ của các thành Giu-đa bị hãm hiếp.

Lamentations 5:12

Chuyện gì đã xảy ra với những hoàng tử và các trưởng lão?

Những hoàng tử bị treo cổ, các trưởng lão không được tôn trọng.

Lamentations 5:13

Điều gì đã xả ra với những kẻ trai tráng và trẻ con?

The vigorous men were brought up to the grinding house and the youthful men staggered beneath logs.

Lamentations 5:14

Điều gì đã xảy ra với các trưởng lão và các thanh niên?

Các trưởng lão đã rời cổng thành và các thanh niên không còn chơi đàn hát.

Lamentations 5:15

Họ mô tả niềm vui trong lòng của họ như thế nào?

Niềm vui trong lòng họ đã chấm dứt, những cuộc nhảy múa của họ đã biến thành tang chế, mão miện rơi xuống khỏi đầu của họ.

Lamentations 5:16

Họ mô tả niềm vui trong lòng của họ như thế nào?

Niềm vui trong lòng họ đã chấm dứt, những cuộc nhảy múa của họ đã biến thành tang chế, mão miện rơi xuống khỏi đầu của họ.

Lamentations 5:17

Họ nói gì về lòng và đôi mắt của họ?

Lòng của họ mòn mỏi, đôi mắt của họ đã mờ.

Lamentations 5:19

Họ nói gì về triều đại và ngôi của Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va vẫn còn đời đời, ngôi Ngài còn từ đời này sang đời kia.

Lamentations 5:20

Họ đã hỏi Đức Chúa Trời điều gì?

Họ hỏi Đức Giê-hô-va rằng sao Ngài đã quên họ, và nếu Ngài kéo chúng tôi lại thì chúng tôi sẽ trở về cùng Ngài.

Lamentations 5:21

Họ đã hỏi Đức Chúa Trời điều gì?

Họ hỏi Đức Giê-hô-va rằng sao Ngài đã quên họ, và nếu Ngài kéo chúng tôi lại thì chúng tôi sẽ trở về cùng Ngài.

Chapter 1

Daniel 1:1

Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn

Ở đây chỉ về Nê-bu-cát-nết-sa và binh lính của ông chứ không phải chỉ mình ông. Cách dịch khác: "Binh lính của Nê-bu-cát-nết-sa" hoặc "Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn và binh lính của ông"

Cắt mọi nguồn cung cấp

"không cho người dân nhận bất cứ nguồn cung cấp nào"

Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa

Ở đây chỉ về Giê-hô-gia-kim và binh lính của ông, không phải chỉ mình ông. Cách dịch khác: "quân đội của Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa"

Người trao cho vua ấy

Giê-hô-gia-kim trao cho Nê-bu-cát-nết-sa

Vua nầy đem ... vua để

Mặc dù Nê-bu-cát-nết-sa không tự làm những việc này nhưng người đọc sẽ dễ hiểu hơn khi giữ theo đại từ số ít.

Vua nầy đem chúng

“Chúng” ở đây có thể chỉ về Giê-hô-gia-kim và các tù nhân khác cũng như các vật dụng thánh.

trong kho của thần mình

Đây là việc dâng hiến cho thần của mình.

Daniel 1:3

Vua truyền

Ở đây chỉ về Nê-bu-cát-nết-sa

Át-bê-na

Đây là vị quan trưởng.

Quý tộc

Đây là tầng lớp xã hội cao nhất.

không khuyết tật

Hai từ phủ định này nhấn mạnh ý khẳng định. Cách dịch khác: "diện mạo toàn hảo"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đầy tri thức và hiểu biết
Đây là một lối nói, có nghĩa là họ hiểu biết rộng, có thể sắp xếp và sử dụng những hiểu biết đó.
cung vua
Đây là căn nhà hay tòa nhà lớn, nơi vua ở.
Ông phải dạy cho họ
"Át-bê-na phải dạy cho họ"
Vua định cho họ
Các quan chức của vua làm việc này cho vua. Cách dịch khác: "Các quan chức của vua định cho họ"
Đồ ăn ngon của vua
Thức ăn ngon, đặc biệt và hiếm có của vua ăn
Các thanh niên này phải được huấn luyện
Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Át-bê-na phải huấn luyện những thanh niên này"
Huấn luyện
"dạy các kỹ năng"
Daniel 1:6
Trong số các thanh niên ấy
"Trong số các thanh niên từ Y-sơ-ra-ên"
Quan đứng đầu
Ở đây chỉ về Át-bê-na, là quan chức cao nhất của vua Nê-bu-cát-nết-sa.
Bên-tơ-xát-sa ... Sa-đơ-rắc ... Mê-sác ... A-bết-nê-gô
Đây là tên của nam giới.
Daniel 1:8
Đa-ni-ên định trong trí
“Trí” ở đây chỉ về chính Đa-ni-ên. Cách dịch khác: "Đa-ni-ên quyết định"
Làm cho mình ô uế
“Làm ô uế” là làm cho dơ bẩn. Một số thức ăn và đồ uống của người Ba-by-lôn sẽ làm cho Đa-ni-ên ô uế về nghi lễ theo luật pháp của Đức Chúa Trời. Có thể dịch rõ ý này. Cách dịch khác: "làm cho mình ô uế theo luật pháp của Đức Chúa Trời"
Đồ ăn ngon
Thức ăn ngon, đặc biệt và hiếm có của vua ăn. Xem cách đã dịch ở DAN01:01
Lẽ nào vua sẽ thấy các ngươi tiều tụy hơn những thanh niên khác cùng tuổi?
Vị quan dùng câu hỏi này để giải thích điều ông nghĩ sẽ xảy ra. Câu này có thể là câu khẳng định. Cách dịch khác: "Vua không muốn nhìn thấy các ngươi tiều tụy hơn những thanh niên khác cùng tuổi"
Vua sẽ lấy đầu ta
Đây là một lối nói. Cách dịch khác: "Vua sẽ chém đầu ta" hoặc "Vua sẽ giết ta"
Daniel 1:11
So sánh diện mạo của chúng tôi với diện mạo
Đa-ni-ên cầu xin người quản lí chờ xem liệu ông và các bạn của ông có trông tiều tụy hơn những thanh niên khác không. Cách dịch khác:"So sánh diện mạo của chúng tôi xem có tiều tụy hơn diện mạo"
Daniel 1:14
thử họ ... diện mạo của họ ... họ ... thức ăn ngon của họ ... rượu của họ
Tất cả các đại từ ở đây đều chỉ về Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria.
Nuôi dưỡng
Có nghĩa là được làm cho mạnh khỏe nhờ thức ăn ăn vào.
Daniel 1:17
Đức Chúa Trời ban cho họ sự hiểu biết và khôn sáng
Có thể viết những danh từ trừu tượng “sự hiểu biết” và “khôn sáng” thành các động từ “học biết” và “thông hiểu”. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời ban cho họ khả năng học biết và thông hiểu tận tường"
mọi thứ văn chương cùng sự khôn ngoan
Đây là phép cường điệu cho thấy họ được học và hiểu biết rất sâu rộng.
Daniel 1:19
Vua nói chuyện với họ
Vua nói chuyện với “bốn thanh niên” đó (DAN01:17
trong cả nhóm không có ai bằng Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria
Có thể dịch thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria làm vua hài lòng hơn hết những người khác trong cả nhóm"
Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria
Đây là tên những người nam. Xem cách đã dịch ở DAN01:06
gấp mười lần
“Mười lần” là phép cường điệu tượng trưng cho năng lực ưu tú. Cách dịch khác: "giỏi hơn nhiều"
năm thứ nhất triều vua Si-ru
"năm thứ nhất vua Si-ru cai trị Ba-by-lôn"

Translation Questions

Daniel 1:1
Khi nào vua Nê-bu-cát-nết-sa của Ba-by-lôn đến thành Giê-ru-sa-lem để bao vây và cắt trợ cấp?
Nê-bu-cát-nết-sa đến Giê-ru-sa-lem vào năm thứ ba của triều đại vua Giê-hô-gia-kim xứ Giu-đa.
Daniel 1:2
Ai ban cho Nê-bu-cát-nết-sa chiến thắng trên vua Giê-hô-gia-kim xứ Giu-đa?
Chúa ban cho Nê-bu-cát-nết-sa chiến thắng trên Giê-hô-gia-kim.
Daniel 1:3
Vua truyền cho Át-bê-na làm điều gì?
Vua truyền cho Át-bê-na đem vài người Y-sơ-ra-ên, cả gia đình hoàng tộc và của quý tộc.
Daniel 1:4
Các loại trai trẻ nào mà vua muốn đem vào trong Ba-by-lon?
Vua muốn những trai trẻ không tật, bề ngoài thu hút, tài giỏi trong mọi điều khôn ngoan, hiểu biết đầy đủ và thông minh, đủ điều kiện phục vụ trong cung điện của vua.
Daniel 1:5
Những người trai trẻ được cho ăn gì?
Họ được chia phần thức ăn mỗi ngày từ cao lương mỹ vị của vua và rượu của vua.
Daniel 1:6
Tên của những chàng trai từ Y-sơ-ra-ên là gì và họ được viên quan trưởng đặt tên ra sao?
Đây là tên của vài chàng trai và họ được viên quan trưởng đặt lại thành: Đa-ni-ên tên là Bên-tơ-sát-xa, Ha-na-nia tên là Sa-đơ-rắc, Mi-sa-ên tên là Mê-sác, và A-xa-ria được gọi là A-bết-nê-gô.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Daniel 1:7

Tên của những chàng trai từ Y-sơ-ra-ên là gì và họ được viên quan trưởng đặt tên ra sao?

Đây là tên của vài chàng trai và họ được viên quan trưởng đặt lại thành: Đa-ni-ên tên là Bên-tơ-sát-xa, Ha-na-nia tên là Sa-đơ-rắc, Mi-sa-ên tên là Mê-sác, và A-xa-ria được gọi là A-bết-nê-gô.

Daniel 1:8

Đa-ni-ên có ý định gì trong lòng?

Đa-ni-ên có ý định rằng anh không muốn làm ô uế chính mình bởi cao lương mỹ vị và rượu của vua.

Daniel 1:10

Viên quan trưởng trưởng đáp lời thế nào khi Đa-ni-ên thỉnh cầu ông cho phép mình không bị ô uế bởi cao lương mỹ vị và rượu của vua?

Viên quan trưởng đáp lời Đa-ni-ên rằng ông sợ Vua, điều vua đã truyền những thức ăn và thức uống gì Đa-ni-ên phải có, và vua sẽ lấy đầu viên quan trưởng nếu vua thấy Đa-ni-ên trông tệ hơn những người trẻ cùng trang lứa của Đa-ni-ên.

Daniel 1:11

Đa-ni-ên đã thỉnh cầu viên quan đã được phân công trên Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-xa-ria điều gì?

Đa-ni-ên thỉnh cầu viên quan thử họ trong mười ngày cho họ chỉ cho họ rau củ để ăn và nước để uống và sau mười ngày đó so sánh họ với những người trai trẻ ăn cao lương mỹ vị của vua và sau đó đối xử với họ dựa trên những gì ông thấy.

Daniel 1:13

Đa-ni-ên đã thỉnh cầu viên quan đã được phân công trên Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-xa-ria điều gì?

Đa-ni-ên thỉnh cầu viên quan thử họ trong mười ngày cho họ chỉ cho họ rau củ để ăn và nước để uống và sau mười ngày đó so sánh họ với những người trai trẻ ăn cao lương mỹ vị của vua và sau đó đối xử với họ dựa trên những gì ông thấy.

Daniel 1:14

Sau khi viên quan chức đồng ý để thử, ông quan sát gì sau khi mười ngày khi ông so sánh Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-xa-ria với những chàng trai khác?

Viên quan chức quan sát rằng sự xuất hiện của Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria ngày càng khỏe mạnh, và họ được nuôi tốt hơn mọi chàng trai ăn cao lương mỹ vị của vua.

Daniel 1:15

Sau khi viên quan chức đồng ý để thử, ông quan sát gì sau khi mười ngày khi ông so sánh Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-xa-ria với những chàng trai khác?

Viên quan chức quan sát rằng sự xuất hiện của Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria ngày càng khỏe mạnh, và họ được nuôi tốt hơn mọi chàng trai ăn cao lương mỹ vị của vua.

Daniel 1:17

Chúa đã ban cho Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-sa-ria điều gì?

Chúa ban cho họ sự hiểu biết và sự thấu hiểu mọi văn chương và khôn ngoan, và Đa-ni-ên hiểu biết mọi khải tượng và giấc mộng.

Daniel 1:19

Vua thấy điều gì khi ông nói chuyện với toàn bộ nhóm trai trẻ?

Vua thấy rằng không gì có thể so sánh với Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-sa-ria. Trong mỗi câu hỏi về sự khôn ngoan và hiểu biết mà vua hỏi họ, vua thấy họ giỏi hơn mười lần so với mọi thuật sĩ và những kẻ đồng bóng, là người ở trong toàn cõi vương quốc của ông.

Daniel 1:20

Vua thấy điều gì khi ông nói chuyện với toàn bộ nhóm trai trẻ?

Vua thấy rằng không gì có thể so sánh với Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-sa-ria. Trong mỗi câu hỏi về sự khôn ngoan và hiểu biết mà vua hỏi họ, vua thấy họ giỏi hơn mười lần so với mọi thuật sĩ và những kẻ đồng bóng, là người ở trong toàn cõi vương quốc của ông.

Daniel 1:21

Đa-ni-ên ở lại Ba-by-lon trong bao lâu?

Ông ở lại đó đến năm đầu của vua Si-ru.

Chapter 2

Daniel 2:1

Năm thứ hai

"Vào năm thứ hai"

vua thấy chiêm bao

"Nê-bu-cát-nết-sa thấy chiêm bao"

Tâm trí vua bối rối

“Tâm trí” ở đây chỉ về tư tưởng của vua. Cách dịch khác: "tư tưởng của vua làm vua bối rối"

Và vua không thể ngủ được

Tư tưởng vua bối rối khiến vua không ngủ được. Cách dịch khác: "vì thế vua không thể ngủ được"

Sau đó, vua cho triệu tập các thuật sĩ

"Sau đó vua gọi các thuật sĩ"

Ngươi chết

"người đã chết"

Họ vào

"họ vào cung điện"

Đứng trước

"chầu trước"

Daniel 2:3

tâm trí trằm bối rối

“Tâm trí” ở đây chỉ về chính đức vua. Cách dịch khác: "Ta bối rối"

Bối rối

"phiền muộn"

Tiếng A-ram

Đây là ngôn ngữ của dân Ba-by-lôn.

Bệ hạ vạn tuế!

Có thể họ nói điều này để thể hiện họ trung thành với đức vua. Cách dịch khác: "chúng thần mong bệ hạ sống đời đời!"

Chúng thần, là các đầy tớ của bệ hạ

Họ gọi mình là đầy tớ của vua để thể hiện sự tôn trọng với đức vua.

chúng tôi sẽ giải nghĩa

Từ “chúng tôi” ở đây chỉ về những người đang thưa chuyện với đức vua, không bao gồm đức vua.

Daniel 2:5

Việc này đã được quyết định

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta đã quyết định phải làm gì trong việc này"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

các ngươi sẽ bị xé ra từng mảnh, nhà các ngươi sẽ thành đống phế thải
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta sẽ lệnh cho quân lính xé các ngươi ra từng mảnh và khiến nhà các ngươi thành đống phế thải"
Các ngươi sẽ nhận được phần thưởng từ ta
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta sẽ ban phần thưởng cho các ngươi"
Daniel 2:7
“Xin bệ hạ thuật lại cho chúng thần
Các nhà thông thái gọi đức vua ở ngôi thứ ba để thể hiện sự tôn trọng.
Các ngươi biết quyết định của ta về việc này là rất chắc chắn
Quyết định sẽ không thay đổi được gọi là chắc chắn. Cách dịch khác: "các ngươi biết ta sẽ không thay đổi quyết định về việc này"
chỉ có một án lệnh dành cho các ngươi thôi
"chỉ có một sự trừng phạt dành cho các ngươi"
lời giả dối bậy bạ
Hai từ này có ý nghĩa gần như nhau, nhấn mạnh rằng đó là “những lời nói dối để lừa gạt”.
Daniel 2:10
uy quyền vĩ đại
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh uy quyền lớn lao của vua. Cách dịch khác: "uy quyền nhất"
không ai có thể tỏ cho bệ hạ được ngoại trừ các thần
Câu này được nói ở dạng phủ định để mang ý nhấn mạnh. Có thể nói ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "chỉ có các thần mới có thể tỏ được cho bệ hạ"
Daniel 2:12
Tức giận và đầy phẫn nộ
Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tức giận của vua. Cách dịch khác: "vô cùng tức giận"
Tất cả các nhà thông thái ở Ba-by-lôn
"Hết thảy các nhà thông thái ở Ba-by-lôn"
Thế là sắc lệnh truyền ra
Sắc lệnh được nói như thể một vật sống có thể tự đi ra. Cách dịch khác: "Vì thế vua ra lệnh" hay "Vì thế vua truyền lệnh"
Hết thảy những ai là người thông thái đều phải bị xử tử
Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Các binh lính phải giết hết thảy những ai là người thông thái"
Để họ bị xử tử
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "để giết họ"
Daniel 2:14
Khôn khéo và thận trọng
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh ông rất thận trọng. Cách dịch khác: "xem xét thận trọng và cẩn thận"
A-ri-ốc
Đây là tên quan chỉ huy của vua.
Vệ binh
Đây là một nhóm người có nhiệm vụ bảo vệ đức vua.
Người đến để giết
"người vua sai đến để giết"
Đa-ni-ên đi vào
Có thể Đa-ni-ên đã đi vào cung điện. Cách dịch khác: "Đa-ni-ên đi vào cung điện" hoặc "Đa-ni-ên vào thưa với vua"
Xin hẹn một buổi yết kiến vua
"xin hẹn thời gian được gặp vua"
Daniel 2:17
Nhà mình
Ở đây chỉ về nhà của Đa-ni-ên.
Việc đã xảy ra
"về sắc lệnh của vua"
Ông giục họ cầu xin ơn thương xót
"Ông xin họ cầu ơn thương xót"
Để ông và họ không bị giết
Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "để vua không giết họ" hoặc "để vệ binh của vua không giết họ"
Daniel 2:19
Đêm ấy, điều bí nhiệm được bày tỏ
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đêm đó Đức Chúa Trời bày tỏ điều bí nhiệm"
điều bí nhiệm
Ở đây chỉ về giấc mơ của vua và ý nghĩa của nó.
ca ngợi danh Đức Chúa Trời
“Danh” ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "Ngợi khen Đức Chúa Trời"
Daniel 2:21
Thông tin tổng quát:
Những câu này cũng nằm trong lời cầu nguyện của Đa-ni-ên.
Ngài phế bỏ các vua
"Ngài cất đi thẩm quyền cai trị của các vua"
Đặt các vua lên ngôi của họ
Ở đây được ngồi trên “ngôi” chỉ về việc cai trị một vương quốc. Cách dịch khác: "lập các vua mới lên cai trị vương quốc của họ"
sự sáng ở với Ngài
"sự sáng đến từ nơi Đức Chúa Trời"
Daniel 2:23
Thông tin tổng quát:
Câu này cũng nằm trong lời cầu nguyện của Đa-ni-ên. Ông không gọi Đức Chúa Trời ở ngôi thứ ba mà chuyển sang ngôi thứ hai một cách cá nhân hơn.
tỏ cho con biết điều chúng con cầu hỏi Ngài
"tỏ cho con điều con và các bạn con cầu hỏi Ngài" (bản UDB)
tỏ cho chúng con biết điều bận tâm của vua
"tỏ cho chúng con điều vua muốn biết"
Daniel 2:24
A-ri-ốc
Đây là tên quan chỉ huy của vua. Xem cách đã dịch ở DAN02:14
Hết thảy người khôn ngoan
"các nhà thông thái"
Daniel 2:25
Bên-tơ-xát-sa
Đây là tên người Ba-by-lôn đặt cho Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN01:06
Daniel 2:27
Điều bí nhiệm mà vua đã hỏi ... không bởi các nhà chiêm tinh
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Những người có sự khôn ngoan, những người nói mình có thể nói chuyện với người chết, các thuật sĩ và các nhà chiêm tinh không thể bày tỏ điều bí nhiệm mà vua đã hỏi"
Điều bí nhiệm mà vua đã hỏi
Cụm từ này chỉ về giấc mơ của vua.
Daniel 2:29

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục thưa với vua.

Đấng bày tỏ điều bí nhiệm

Cụm từ này chỉ về Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời, Đấng bảy tỏ điều bí nhiệm" hoặc "Đức Chúa Trời, Đấng tỏ ra điều bí nhiệm"

điều bí nhiệm này không được tỏ ra cho tôi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời không bày tỏ điều bí nhiệm này cho tôi"

điều bí nhiệm này được tỏ ra cho tôi để vua

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ngài bày tỏ điều bí nhiệm cho tôi để vua"

biết những ý tưởng sâu bên trong vua

Vế này dùng từ "vua" để chỉ về tâm tưởng của vua. Cách dịch khác: "biết tư tưởng sâu bên trong tâm trí vua"

Daniel 2:31

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Làm bằng vàng ròng

"bằng vàng ròng" hoặc "là vàng ròng"

Được làm một phần bằng sắt một phần bằng đất sét

"một phần bằng sắt một phần bằng đất sét" hoặc "phần bằng sắt và phần bằng đất sét"

Daniel 2:34

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

hòn đá được đục ra, dù chẳng phải bởi bàn tay loài người, và nó

Câu này được nói ở dạng chủ đông nếu nó được chia thành hai câu. Cách dịch khác: "ai đó đã đục một hòn đá ra từ núi, nhưng không phải loài người. Hòn đá"

như trấu trên sân đập lúa mùa hạ

Cụm từ này ví những mảnh vụn của bức tượng như những vật nhỏ và nhẹ có thể bị gió thổi bay đi. Cách dịch khác: "như những mẩu cỏ khô thổi bay trong gió"

không để lại một dấu vết nào của chúng cả

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "chúng biến mất hoàn toàn"

đầy dẫy khắp cả đất

"lan ra khắp cả đất"

Daniel 2:36

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Bây giờ, chúng tôi xin tâu với vua

Từ "chúng tôi" ở đây chỉ chỉ về Đa-ni-ên. Có thể ông dùng dạng số nhiều để khiêm nhường, tránh nhận công trạng giải nghĩa giấc mơ mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho mình.

vua của các vua

"Vị vua uy quyền nhất" hoặc "vị vua cai trị trên các vua khác" (bản UDB)

quyền uy, sức mạnh

Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau.

Ngài đã trao vào tay vua

Từ "tay" ở đây chỉ về sự cai trị. Cách dịch khác: "Ngài đã cho vua cai trị"

Nơi loài người sinh sống

Địa điểm được dùng để chỉ về những người sống tại đó. Cách dịch khác: "dân cư của đất"

Ngài đã trao các thú vật ... vào tay vua

Từ "tay" ở đây chỉ về sự cai trị. Cách dịch khác: "Ngài đã cho vua cai trị trên các thú vật ngoài đồng và chim trên trời"

chim trên trời

"Trời" ở đây chỉ về "bầu trời".

vua là cái đầu bằng vàng của bức tượng

Trong giấc mơ của vua, đầu của bức tượng tượng trưng cho vua. Cách dịch khác: "Cái đầu bằng vàng tượng trưng cho vua" hoặc "Cái đầu bằng vàng là biểu tượng cho vua và quyền lực của vua"

Daniel 2:39

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Một vương quốc khác sẽ dấy lên

Trong giấc mơ của vua, vương quốc của vua bằng vàng nên vương quốc kém hơn sẽ bằng bạc. Cách dịch khác: "một vương quốc khác bằng bạc sẽ dấy lên" hoặc "một vương quốc khác, được tượng trưng bằng phần bằng bạc của bức tượng, sẽ dấy lên"

Rồi vương quốc thứ ba bằng đồng

"nhưng vương quốc thứ ba, là vương quốc bằng đồng" hoặc "vẫn còn một vương quốc khác, được tượng trưng bằng phần bằng đồng của bức tượng"

Daniel 2:40

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Sẽ có một vương quốc thứ tư

"Sẽ có vương quốc số bốn"

mạnh như sắt

Vương quốc thứ tư được ví cứng mạnh như sắt.

Nó sẽ đập nát mọi thứ đó và phá tan chúng

Cách nói hình tượng này có nghĩa là vương quốc thứ tư sẽ đánh bại và thay thế các vương quốc khác.

Mọi thứ đó

"các vương quốc trước" (bản UDB)

Daniel 2:41

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Như vua đã thấy

Nê-bu-cát-nết-sa thấy bàn chân có đất sét và sắt. Ông không thấy quá trình hình thành nên bàn chân.

một phần bằng đất sét một phần bằng sắt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "được trộn đất sét nung với sắt"

Chúng sẽ không dính cùng nhau

"chúng sẽ không giữ được sự hiệp nhất"

Daniel 2:44

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Trong đời các vua đó

Từ "các vua đó" chỉ về những người cai trị các vương quốc, tượng trưng bằng các phần khác nhau của bức tượng.

không bao giờ bị tiêu diệt, cũng không bị chinh phục bởi một dân tộc nào khác

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "sẽ không ai tiêu diệt và dân tộc khác không thể chinh phục.

Một hòn đá đục ra từ núi, nhưng không phải bởi bàn tay loài người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "ai đó đục một hòn đá từ núi, nhưng không phải loài người"

Chắc chắn

Đáng tin cậy và chính xác

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Daniel 2:46

sấp mặt xuống

Hành động này thể hiện vua đang tôn vinh Đa-ni-ên. Cách dịch khác: "sấp mình xuống, mặt cúi xuống đất"

Lễ vật được chuẩn bị và dâng hương cho ông

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người hầu của vua chuẩn bị lễ vật và dâng hương cho Đa-ni-ên"

Thật, Đức Chúa Trời của các ngươi

"Thật là Đức Chúa Trời của các ngươi"

Đức Chúa Trời của các thần, là Chúa của các vua

"vĩ đại hơn tất cả các thần khác, và là Vua trên mọi vua"

(bản UDB)

Đấng mặc khải những điều bí nhiệm

Xem cách đã dịch ở DAN02:29

bày tỏ điều bí nhiệm này

"bày tỏ điều bí nhiệm trong giấc mơ của ta"

Daniel 2:48

Vua lập ông cai trị

"Vua lập Đa-ni-ên cai trị"

Sa-đơ-rắc ... Mê-sác ... A-bết-nê-gô

Đây là tên Ba-by-lôn của ba người Do Thái bị đem qua Ba-by-lôn cùng với Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN01:06

Translation Questions

Daniel 2:1

Khi nào Nê-bu-cát-nết-sa nằm mơ thì tâm thần bối rối mà không ngủ được?

Điều này xảy ra trong năm thứ hai trị vì của vua.

Daniel 2:2

Vua triệu tập các thuật sĩ, thầy phù thủy, người khôn ngoan và những kẻ đồng bóng?

Vua muốn những người này nói cho vua biết về giấc mơ của mình.

Daniel 2:5

Vua muốn những người khôn ngoan làm rõ điều gì?

Vua muốn những người khôn ngoan làm sáng tỏ giấc mơ của ông và cũng giải thích giấc mơ cho ông.

Vua nói điều gì sẽ xảy ra nếu những người khôn ngoan nói sai hoặc giải thích sai nó cho ông?

Vua nói rằng nếu họ sai, thì họ sẽ bị xé ra thành từng mảnh và nhà của họ thành gò phân.

Daniel 2:6

Vua đã phán vua sẽ làm gì cho người hoặc nhóm người nào giải mộng cho ông và làm sáng tỏ nó?

Vua phán rằng ông sẽ ban cho người hoặc nhóm người được quà tặng, phần thưởng, và danh vọng cao lớn.

Daniel 2:10

Những người khôn ngoan nói ai có thể làm những việc mà vua đòi hỏi về giấc mơ của vua?

Những người khôn ngoan nói rằng không ai trên đất có thể đáp ứng mệnh lệnh của vua, chỉ có thần mới có thể làm điều đó.

Daniel 2:11

Những người khôn ngoan nói ai có thể làm những việc mà vua đòi hỏi về giấc mơ của vua?

Những người khôn ngoan nói rằng không ai trên đất có thể đáp ứng mệnh lệnh của vua, chỉ có thần mới có thể làm điều đó.

Daniel 2:13

Sau câu trả lời của những người khôn ngoan với Nê-bu-cát-nết-sa, vua đã ra sắc lệnh gì?

Vua ra sắc lệnh rằng hết thảy những người thông thái bị xử tử.

Daniel 2:14

A-ri-ốc là ai?

Ông là trưởng quan thị vệ của vua, người vua chỉ định giết mọi người thông thái ở Ba-by-lôn.

Làm thế nào Đa-ni-ên tiếp xúc với A-ri-ốc, khi ông đến với Đa-ni-ên?

Đa-ni-ên đáp trả khôn ngoan và thận trọng với A-ri-ốc. Chàng hỏi A-ri-ốc tại sao sắc lệnh của vua cấp bách như vậy.

Daniel 2:15

Làm thế nào Đa-ni-ên tiếp xúc với A-ri-ốc, khi ông đến với Đa-ni-ên?

Đa-ni-ên đáp trả khôn ngoan và thận trọng với A-ri-ốc. Chàng hỏi A-ri-ốc tại sao sắc lệnh của vua cấp bách như vậy.

Daniel 2:16

Đa-ni-ên thỉnh cầu điều gì sau khi chàng nói với A-ri-ốc?

Đa-ni-ên vào trong và thỉnh cầu gặp vua vì chàng có thể trình sự giải tỏ cho vua.

Daniel 2:19

Đa-ni-ên làm gì sau khi điều bí mật được bày tỏ với chàng?

Đa-ni-ên ca ngợi Chúa trên trời.

Daniel 2:23

Đa-ni-ên cảm tạ Chúa của tổ phụ chàng điều gì?

Đa-ni-ên cảm tạ Chúa của tổ phụ chàng vì sự khôn ngoan và năng lực mà Ngài đã ban cho chàng.

Daniel 2:24

Ai là người Đa-ni-ên đến gặp sau khi điều bí mật được bày tỏ với chàng?

Đa-ni-ên đến gặp A-ri-ốc.

Đa-ni-ên đã nói với A-ri-ốc điều gì?

Đa-ni-ên nói với A-ri-ốc đừng giết người thông thái ở Ba-by-lon. Đa-ni-ên nói với A-ri-ốc hộ tống chàng đến trước vua để Đa-ni-ên có thể tâu với vua ý nghĩa của giấc mơ.

Daniel 2:28

Khi Đa-ni-ên được đem tới nhà vua, Đa-ni-ên đã nói ai có thể giải tỏ bí mật mà vua đã ra lệnh?

Đa-ni-ên bẩm rằng có một Đức Chúa Trời sống trên trời, là Đấng bày tỏ mọi bí mật.

Đa-ni-ên nói khái quát gì về giấc mơ của nhà vua?

Đa-ni-ên bẩm rằng giấc mơ là những gì xảy ra trong tương lai sẽ đến.

Daniel 2:30

Tại sao giấc mơ bày tỏ cho Đa-ni-ên?

Giấc mơ được bày từ Đa-ni-ên để vua có thể hiểu ý nghĩa và biết những ý tưởng sâu nhiệm bên trong ông.

Daniel 2:31

Tượng mà Vua đã thấy trong giấc mơ như thế nào?

Bức tượng lớn và có đầu bằng vàng, ngực và tay, ở thắt lưng và bắp đùi bằng đồng, chân nó bằng sắt và bàn chân nó phân nửa là sắt, phân nửa là đất sét.

Daniel 2:32

Tượng mà Vua đã thấy trong giấc mơ như thế nào?

Bức tượng lớn và có đầu bằng vàng, ngực và tay, ở thắt lưng và bắp đùi bằng đồng, chân nó bằng sắt và bàn chân nó phân nửa là sắt, phân nửa là đất sét.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Daniel 2:34
Điều gì xảy ra với bức tượng mà vua thấy trong mơ?
Vua thấy một viên đá cắt ra, nhưng không do tay người làm. Viên đá đập vào chân bức tượng và toàn bộ bức tượng vỡ ra thành từng mảnh bị gió cuốn đi.
Daniel 2:35
Điều gì xảy ra với bức tượng vua thấy trong mơ?
Bức tượng lớn và có đầu bằng vàng, ngực và tay, ở thắt lưng và bắp đùi bằng đồng, chân nó bằng sắt và bàn chân nó phân nửa là sắt, phân nửa là đất sét.
Điều gì xảy ra với viên đá làm vỡ bức tượng?
Viên đá làm vỡ bức tượng trở nên núi lớn và đầy khắp đất.
Daniel 2:38
Ai là cái đầu bằng vàng?
Vua Nê-bu-cát-nết-sa là cái đầu bằng vàng.
Daniel 2:44
Đức Chúa Trời sẽ làm gì trong những ngày mà vương quốc có một nửa sắt và một nửa đất sét?
Trong những ngày đó, Chúa từ trời sẽ lập một vương quốc không bao giờ bị hủy diệt hoặc bị chinh phục bởi dân khác.
Daniel 2:46
Vua Nê-bu-cát-nết-sa đã ra lệnh làm gì cho Đa-ni-ên sau khi chàng thuật với vua về giấc mơ và làm sáng tỏ nó?
Nhà vua ra lệnh dâng lễ vật và trầm hương lên cho Đa-ni-ên.
Daniel 2:47
Vua Nê-bu-cát-nết-sa nói điều gì liên quan đến Chúa của Đa-ni-ên?
Vua Nê-bu-cát-nết-sa nói Chúa của Đa-ni-ên là Chúa của các thần, Chúa của các vua và là Đấng giải bày mọi bí mật.
Daniel 2:49
Vua Nê-bu-cát-nết-sa đã làm gì sau khi Đa-ni-ên thực hiện yêu cầu của vua?s
Vua chỉ định Sa-đơ-rắc, Mê-sác, và A-bết-nê-gô làm người quản lý trên các tỉnh của Ba-by-lon.

Chapter 3
Daniel 3:1
Cao sáu mươi cu-bít và bề ngang sáu cu-bít
"cao khoảng 27 mét, bề ngang gần ba mét"
đồng bằng Đu-ra
Đây là địa điểm nằm trong vương quốc Ba-by-lôn.
Thống đốc tỉnh ... Thống đốc khu vực ... Thống đốc địa phương
Đây là các cấp bậc thẩm quyền đối với các quy mô lãnh thổ khác nhau.
thủ kho
Các quan chức này chịu trách nhiệm về tiền bạc.
tượng mà vua đã dựng lên
Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng Nê-bu-cát-nết-sa sai người dựng nên"
Daniel 3:3
Thống đốc tỉnh, thống đốc khu vực, ... các quan chức cấp tỉnh
Xem cách đã dịch danh sách này ở DAN03:01
pho tượng mà vua Nê-bu-cát-nết-sa đã dựng lên
Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng Nê-bu-cát-nết-sa sai người dựng nên"
sứ giả
Người này là quan làm sứ giả cho vua.
Các ngươi được lệnh
Có thể nói ở dạng chủ động. "Vua truyền lệnh cho các ngươi"
đàn tam thập lục
Đây là loại nhạc cụ tương tự như đàn hạc. Nó có hình tam giác và có bốn dây.
Quỳ xuống và sấp mình xuống
Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "mau nằm sải dài trên đất mà thờ lạy"
Daniel 3:6
Ai không sấp mình xuống thờ lạy thì lập tức bị ném vào giữa lò lửa hực
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Các binh lính sẽ ném vào lò lửa hực kẻ nào không sấp mình xuống thờ lạy bức tượng ngay khi nghe thấy tiếng nhạc"
sấp mình xuống
Đây là hành động thờ lạy.
lò lửa hực
Đây là một căn phòng lớn đầy lửa.
mọi dân tộc, quốc gia, và ngôn ngữ
ở đây chỉ về một nhóm đông đảo các quan chức từ các khu vực khác nhau đang có mặt tại đó.
tiếng tù và, tiếng sáo ... và toàn bộ các nhạc khí
Đây là các nhạc cụ. Xem cách đã dịch danh sách này ở DAN03:03
Quỳ xuống và sấp mình
Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "mau nằm sải dài trên đất mà thờ lạy"
pho tượng vàng mà vua Nê-bu-cát-nết-sa đã dựng
Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng Nê-bu-cát-nết-sa sai người dựng nên"
Daniel 3:8
Bấy giờ
Từ này được dùng để đánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện chính. Ở đây tác giả nói về một số nhân vật mới trong câu chuyện.
Bệ hạ vạn tuế!
Đây là lời chào thông thường trước đức vua.
tiếng tù và, tiếng sáo ... và toàn bộ các nhạc khí
Xem cách đã dịch danh sách này ở DAN03:03
Quỳ xuống và sấp mình
Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "mau nằm sải dài trên đất mà thờ lạy"
Daniel 3:11
Kẻ nào không sấp mình xuống thờ lạy phải bị ném vào giữa lò lửa hực
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Các binh lính phải ném vào lò lửa hực kẻ nào không nằm xuống thờ lạy"
sấp mình xuống
Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "nằm xuống đất"
lò lửa hực
Đây là một căn phòng lớn đầy lửa hực.
Việc
"vấn đề" hoặc "công việc"
Sa-đơ-rắc ... Mê-sác ... A-bết-nê-gô

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là tên Ba-by-lôn của ba bạn Do Thái của Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN01:06

Không để tâm đến bệ hạ

"chẳng để tâm đến bệ hạ"

Sấp mình

Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "nằm sải dài trên đất"

tượng vàng bệ hạ đã dựng

Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng bệ hạ sai người dựng nên"

Daniel 3:13

Đầy tức giận và phẫn nộ

Sự tức giận và phẫn nộ của Nê-bu-cát-nết-sa quá gay gắt, được nói như thể nó đầy dẫy trong ông. “Tức giận” và “phẫn nộ” có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh vua bực tức đến mức nào. Cách dịch khác: "vô cùng tức giận"

Sa-đơ-rắc, Mê-sác và A-bết-nê-gô

Đây là tên Ba-by-lôn của ba người bạn Do Thái của Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN 1:7.

có phải các ngươi định trí

Từ “trí” ở đây chỉ về việc quyết định. “Định trí” có nghĩa là quyết định cách chắc chắn. Cách dịch khác: "Có phải các ngươi quyết tâm"

Sấp mình

Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "sải người trên đất".

tượng vàng mà trẫm đã dựng lên

Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng vàng ta đã sai người dựng nên"

Daniel 3:15

tiếng tù và, tiếng sáo ... và toàn bộ các nhạc khí

Đây là các dụng cụ âm nhạc. Xem cách đã dịch danh sách này ở DAN03:03

Quỳ xuống và sấp mình

Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "mau sải người trên đất mà thờ lạy"

Tất cả sẽ bình yên

"không có vấn đề gì nữa" hoặc "các ngươi sẽ được cho đi"

pho tượng trẫm đã làm nên

Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng vàng ta đã sai người dựng nên"

lập tức các ngươi sẽ bị ném vào lò lửa hực

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Các binh lính của ta sẽ lập tức ném các ngươi vào lò lửa hực"

lò lửa hực

Đây là căn phòng lớn đầy lửa.

Thần nào ... tay trẫm?

Vua không mong nhận được câu trả lời ở đây mà ông đang đe dọa ba thanh niên này. Cách dịch khác: "Không thần nào có thể giải cứu các ngươi khỏi quyền lực của ta"

Khỏi tay trẫm

“Tay” ở đây chỉ về quyền lực trừng phạt. Cách dịch khác: "khỏi sự trừng phạt của trẫm"

Daniel 3:16

Hỡi Nê-bu-cát-nết-sa, chúng tôi không cần

Ở đây ba người này gọi vua mà không dùng danh hiệu của vua. Đây là cách thể hiện sự bất tuân thẩm quyền của vua.

Còn nếu không, thì xin đức vua biết cho rằng

"Nhưng đức vua, xin hãy biết rằng thậm chí nếu Đức Chúa Trời không giải cứu chúng tôi"

pho tượng vàng mà vua đã dựng

Từ “vua” trong trường hợp này không nói đức vua dựng nên pho tượng nhưng là đức vua cho người dựng nên nó. Cách dịch khác: "pho tượng vàng mà người của vua đã dựng"

Daniel 3:19

Nê-bu-cát-nết-sa đầy phẫn nộ

Ở đây vua quá đỗi tức giận nên cơn giận của vua được nói như thể nó đầy dẫy trong ông. Cách dịch khác: "Nê-bu-cát-nết-sa trở nên vô cùng tức giận"

Daniel 3:21

khăn xếp

Khăn xếp là khăn vải để quấn đầu.

Vì lệnh vua được tuân theo nghiêm ngặt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vì các binh lính mau chóng tuân theo lệnh vua"

Daniel 3:24

Chẳng phải chúng ta đã ném ba người bị trói vào lửa sao?

"Chúng ta đã ném ba người bị trói vào lửa đúng không?"

Ánh sáng chói lóa của bốn người

"Bốn người phát ra ánh sáng lớn"

như con trai của các thần

Người ta tin rằng các thần phát ra ánh sáng. Cách dịch khác: "Bốn người chiếu sáng như con trai của các thần"

Daniel 3:26

Thống đốc tỉnh, thống đốc khu vực, các thống đốc khác

Đây là các cấp bậc thẩm quyền đối với các quy mô lãnh thổ khác nhau. Xem cách đã dịch ở DAN03:01

Tóc trên đầu họ không bị cháy sém

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "lửa không đốt cháy tóc trên đầu họ"

Bị cháy sém

"bị cháy nhẹ"

Áo choàng của họ chẳng hề gì

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "lửa không làm thiệt hại áo choàng của họ"

Không có mùi lửa trên người họ

"họ không có mùi lửa"

Daniel 3:28

Họ bỏ qua lệnh ta

Không vâng theo lệnh vua được nói như thể họ đem nó ra khỏi mình theo nghĩa đen. Cách dịch khác: "họ phớt lờ lệnh ta"

Họ từ bỏ thân mình

Ở đây chỉ về việc ba người này sẵn sàng chết cho điều họ tin. Cách dịch khác: "họ sẵn sàng chết"

Sấp mình

Cụm từ này có nghĩa là nằm xuống đất, úp mặt xuống để thờ lạy.

Bất kì thần nào ngoài Đức Chúa Trời của họ

"Bất kì thần nào khác ngoài Đức Chúa Trời của họ"

Daniel 3:29

Bất kỳ dân tộc nào, quốc gia nào, ngôn ngữ nào ... sẽ bị xé ra từng mảnh, và nhà nó sẽ trở thành đống phế thải

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "các đầy tớ của ta sẽ xé ra từng mảnh dân tộc nào, quốc gia nào, ngôn ngữ nào ... và làm cho nhà chúng trở thành đống rác"

Nói điều gì nghịch cùng Đức Chúa Trời

"nói những lời thiếu tôn trọng Đức Chúa Trời"

Sẽ bị xé ra từng mảnh

"sẽ bị xé xác"

không có thần nào khác có thể giải cứu được như thế

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "chỉ có Đức Chúa Trời của họ mới có thể giải cứu được như vậy"

Translation Questions

Daniel 3:1

Kích cỡ của tượng vàng mà vua Nê-bu-cát-nết-sa làm và dựng trên đồng bằng Đu-ra là gì?

The statue was sixty cubits tall and six cubits wide. Bức tượng là cao sáu mươi cu-bít, và rộng sáu mươi cu-bít.

Daniel 3:3

Ai đến dự lễ dâng hiến bức tượng mà vua Nê-bu-cát-nết-sa đã làm ra?

Thống đốc các tỉnh, các thủ lĩnh, các , tổng trấn, cùng với cố vấn, thủ quỹ, thẩm phán, quan tòa, và tất cả các viên chức cao cấp của các tỉnh đến dự lễ dâng hiến.

Daniel 3:4

Vua Nê-bu-cát-nết-sa muốn những kẻ có mặt ở lễ dâng hiến làm gì?

Ông muốn những kẻ tham dự sấp mình xuống và quỳ lạy tượng vàng khi họ nghe tiếng tù, tiếng sáo, đàn thập lục, đàn lia, đàn hạc, tiếng kèn và mọi loại nhạc khí.

Daniel 3:5

Vua Nê-bu-cát-nết-sa muốn những kẻ có mặt ở lễ dâng hiến làm gì?

Ông muốn những kẻ tham dự sấp mình xuống và quỳ lạy tượng vàng khi họ nghe tiếng tù, tiếng sáo, đàn thập lục, đàn lia, đàn hạc, tiếng kèn và mọi loại nhạc khí.

Daniel 3:6

Vua ra lệnh rằng chuyện gì xảy ra cho những kẻ không phủ phục và thờ lạy bức tượng khi họ nghe tiếng các nhạc cụ?

The king said that those who wouldn't fall down and worship, at that very moment, would be thrown into a blazing furnace.

Daniel 3:8

Ai đến buộc tội Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, và A-bết-nê-gô?

Có vài người Canh-đê nào đó và đến buộc tội Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, và A-bết-nê-gô.

Daniel 3:12

Ai không không phủ phục và thờ lạy tượng?

Có vài người Giu-đa, tên của họ là Sa-đơ-rắc, Mê-sác, và A-bết-nê-gô, không phủ phục và thờ lạy tượng.

Daniel 3:17

Sự đáp trả của Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, và A-bết-nê-gô với vua là gì khi ông lập lại mệnh lệnh quỳ xuống và thờ lạy tượng, và hậu quả được định sẵn nếu ai không theo mệnh lệnh vua là gì?

Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, và A-bết-nê-gô đáp lại rằng Chúa của họ sẽ giữ họ an toàn và giải cứu họ khỏi lò lửa hừng. Nhưng nếu không, họ cũng sẽ không thờ phượng thần của Nê-bu-cát=nết-sa hoặc quỳ lạy tượng.

Daniel 3:18

Sự đáp trả của Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, và A-bết-nê-gô với vua là gì khi ông lập lại mệnh lệnh quỳ xuống và thờ lạy tượng, và hậu quả được định sẵn nếu ai không theo mệnh lệnh vua là gì?

Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, và A-bết-nê-gô đáp lại rằng Chúa của họ sẽ giữ họ an toàn và giải cứu họ khỏi lò lửa hừng. Nhưng nếu không, họ cũng sẽ không thờ phượng thần của Nê-bu-cát=nết-sa hoặc quỳ lạy tượng.

Daniel 3:19

Nê-bu-cát-nết-sa ra lệnh gì về việc Sa-đơ-rắc, Mê-sác, và A-bết-nê-gô?

Nê-bu-cát-nết-sa ra lệnh nung nóng lò gấp bảy lần so với bình thường, và để Sa-đơ-rắc, Mê-sác, A-bết-nê-gô bị trói và ném vào trong lò.

Daniel 3:20

Nê-bu-cát-nết-sa ra lệnh gì về việc Sa-đơ-rắc, Mê-sác, và A-bết-nê-gô?

Nê-bu-cát-nết-sa ra lệnh nung nóng lò gấp bảy lần so với bình thường, và để Sa-đơ-rắc, Mê-sác, A-bết-nê-gô bị trói và ném vào trong lò.

Daniel 3:22

Điều gì xảy ra với Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, A-bết-nê-gô, và những kẻ bắt họ quăng vào lò hừng?

Những kẻ bắt Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, A-bết-nê-gô bị giết bởi lửa hừng từ lò và Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, A-bết-nê-gô bị quăng vào lò lửa.

Daniel 3:23

Điều gì xảy ra với Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, A-bết-nê-gô, và những kẻ bắt họ quăng vào lò hừng?

Những kẻ bắt Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, A-bết-nê-gô bị giết bởi lửa hừng từ lò và Sa-đơ-rắc, Mê-sắc, A-bết-nê-gô bị quăng vào lò lửa.

Daniel 3:25

Điều gì khiến Nê-bu-cát-nết-sa kinh ngạc và vội vã đứng dậy?

Nê-bu-cát-nết-sa kinh ngạc bởi vì ông nhìn thấy có bốn người đàn ông, không bị cột, đi vòng quanh bên trong lửa và họ không bị thương và ánh sáng chói lóa từ người thứ tư như con của thần.

Daniel 3:27

Những kẻ có mặt thấy điều gì về Sa-đơ-rắc, Mê-sác, và A-bết-nê-gô sau khi họ rời khỏi đám lửa?

Những kẻ có mặt thấy rằng lửa không gây hại đến thân thể họ, tóc trên đầu họ không bị cháy sém; áo choàng của họ không bị hư hại; và không có mùi khét trên họ.

Daniel 3:29

Nê-bu-cát-nết-sa đã ban ra chiếu chỉ gì sau sự kiện của Sa-đơ-rắc, Mê-sác, A-bết-nê-gô và lò lửa hừng?

Nê-bu-cát-nết-sa ban ra rằng người nào, dân tộc hay ngôn ngữ nào chống lại Chúa của Sa-đơ-rắc, A-bết-nê-gô sẽ bị xé xác, nhà của họ sẽ biến thành đống rác vì không có thần nào khác có thể giải cứu như vậy.

Daniel 3:30

Vua đã làm gì cho Sa-đơ-rắc, Mê-sác, và A-bết-nê-gô?

Nê-bu-cát-nết-sa, nhà vua, thăng chức cho Sa-đơ-rắc, Mê-sác, A-bêt-nê-gô trong các tỉnh của Ba-by-lon.

Chapter 4

Daniel 4:1

Thông tin tổng quát:

Trong chương này, Nê-bu-cát-nết-sa nói về điều Đức Chúa Trời đã làm cho ông. Từ câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khải tượng từ Đức Chúa Trời cho ông theo ngôi thứ nhất. Câu 19-33 chuyển sang ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa. Câu 34-37 trở lại ngôi thứ nhất khi Nê-bu-cát-nết-sa mô tả đáp ứng của mình với Đức Chúa Trời.

Vua Nê-bu-cát-nết-sa gửi

Ở đây chỉ sứ giả của vua giống như chính đức vua. Cách dịch khác: "Nê-bu-cát-nết-sa sai sứ giả"

tất cả các dân tộc, các quốc gia, các ngôn ngữ

"mọi dân của mọi nước và ngôn ngữ"

Sinh sống trên đất

Các vua chúa thường cường điệu hóa mức độ rộng lớn của vương quốc mình. Nê-bu-cát-nết-sa thật sự cai trị hầu hết thế giới được biết đến trong thời điểm viết sách này. Cách dịch khác: "sống ở vương quốc Ba-by-lôn"

Nguyền cho sự bình an các ngươi được thêm lên

Đây là một lời chào thông dụng.

dấu lạ phép mầu

Hai từ này có ý nghĩa như nhau, chỉ về những điều kỳ diệu Đức Chúa Trời đã làm.

Những dấu lạ của Ngài thật lớn lao và những phép mầu của Ngài quyền năng làm sao!

Cả hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh các dấu lạ, phép mầu của Đức Chúa Trời lớn lao dường nào.

Vương quốc của Ngài là ... từ thế hệ nầy sang thế hệ khác

Cả hai vế này có ý nghĩa như nhau, được lặp lại để nhấn mạnh sự cai trị đời đời của Đức Chúa Trời.

Daniel 4:4

Thông tin tổng quát:

Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khải tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

Đang sống an vui ... hưởng sự thịnh vượng

Hai cụm từ này song song với nhau và có ý nghĩa như nhau.

Nhà ta ... cung điện ta

Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau.

một giấc chiêm bao ... những hình ảnh ... những khải tượng

Những cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau.

khiến ta kinh hãi ... làm ta bối rối

Hai cụm từ này song song với nhau và có ý nghĩa như nhau.

tất cả những người Ba-by-lôn khôn ngoan

"tất cả các nhà thông thái của Ba-by-lôn"

Daniel 4:7

Thông tin tổng quát:

Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khải tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

gọi là Bên-tơ-xát-sa

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người ta đặt tên là Bên-tơ-xát-sa"

Bên-tơ-xát-sa

Đây là tên người Ba-by-lôn đặt cho Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN01:06

linh của các thần thánh

Nê-bu-cát-nết-sa tin rằng năng lực của Đa-ni-ên đến từ các tà thần mà Nê-bu-cát-nết-sa thờ phượng.

không có một điều bí nhiệm nào là khó cho ngươi cả

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "ngươi hiểu ý nghĩa của mọi điều bí nhiệm"

Daniel 4:10

Thông tin tổng quát:

Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khải tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

Sự hiện thấy

Những điều nhìn thấy

Nó rất cao

"nó rất cao lớn"

Ngọn cây chạm đến trời ... nơi cuối cùng khắp đất đều trông thấy

Đây là cách nói cường điệu về độ cao và sự nổi tiếng của cây này. Cách dịch khác: "Dường như ngọn nó chạm đến trời và mọi người trên thế giới đều nhìn thấy"

Nó rất sai trái

"có rất nhiều trái trên cây"

Là thức ăn cho mọi loài

"là thức ăn cho hết thảy người và thú vật"

Daniel 4:13

Thông tin tổng quát:

Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khải tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

Ta nhìn thấy trong đầu

Ở đây chỉ về việc thấy chiêm bao hay khải tưởng. Cách dịch khác: "Ta nhìn thấy trong giấc mơ"

Người kêu lớn tiếng rằng

Có thể làm rõ vị sứ thánh này không chỉ đang nói với một người. Cách dịch khác: "Người kêu lớn tiếng với một số người rằng"

Hãy cho thú vật chạy đi ... khỏi các cành nó

"Các thú vật sẽ chạy khỏi nó và chim chóc sẽ bay khỏi các cành nó"

Daniel 4:15

Thông tin tổng quát:

Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khải tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

Thông tin tổng quát:

Sứ thánh trong khải tượng tiếp tục kêu lớn với một số người.

gốc của rễ nó

Đây là phần của cây còn chừa lại trên mặt đất sau khi nó bị chặt.

Sương

Hơi nước trên đất vào buổi sáng

Hãy thay đổi tâm trí nó ... qua suốt bảy năm

Vì cái cây tượng trưng cho Nê-bu-cát-nết-sa nên đại từ giống đực “nó” trong câu 16 cũng chỉ về cùng một cây được gọi bằng đại từ trung tính “nó” ở câu 15. Cách dịch khác: "Tâm trí của người sẽ đổi từ tâm trí người ra tâm trí của thú vật trong khoảng thời gian bảy năm"

Daniel 4:17

Thông tin tổng quát:

Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khải tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

Đó là quyết định từ các đấng thánh

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Các đấng thánh đã đưa ra quyết định này"

các đấng thánh

Cụm từ này có thể chỉ về các thiên sứ. Cách dịch khác: "các thiên sứ thánh"

Những kẻ sống

"mọi người đang sống động" hoặc "mọi người"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cho chúng
"ban các vương quốc"
Bên-tơ-xát-sa
Đây là tên người Ba-by-lôn đặt cho Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN01:06
Ngươi có thể làm được
"ngươi có thể giải nghĩa nó"
linh của các thần thánh
Nê-bu-cát-nết-sa tin rằng năng lực của Đa-ni-ên đến từ các tà thần mà Nê-bu-cát-nết-sa thờ phượng. Đây không phải là "các đấng thánh" ở câu 17. Xem cách đã dịch ở DAN04:07
Daniel 4:19
Thông tin tổng quát:
Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.
cũng gọi là Bên-tơ-xát-sa
Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "ta còn gọi là Bên-tơ-xát-sa"
Vô cùng bối rối trong giây lát và tư tưởng của ông khiến ông sợ hãi
Đa-ni-ên sợ hãi khi hiểu được ý nghĩa của khải tượng. Có thể nói rõ điều này. Cách dịch khác: "nín lặng một lúc vì ông rất lo lắng về ý nghĩa của chiêm bao"
Nguyện chiêm bao này đến với những kẻ ghét ngài, và lời giải nghĩa dành cho kẻ thù ngài
Đa-ni-ên đang bày tỏ mong ước của ông rằng giấc mơ này không nói về Nê-bu-cát-nết-sa, mặc dù ông biết rằng nó thật sự đang chỉ về đức vua.
Daniel 4:20
Thông tin tổng quát:
Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Thông tin tổng quát:
Nhiều cụm từ trong các câu này hầu như giống ở DAN04:10
Dư dật
"rất nhiều"
Tâu đức vua, cây này là ngài
"Tâu đức vua, cây này tượng trưng cho ngài"
Vua đã trở nên lớn mạnh ... uy quyền của vua vương ra
Hai vế này có ý nghĩa như nhau.
Vua đã trở nên lớn mạnh
Cụm từ này dùng từ "lớn mạnh" để nói rằng sự vĩ đại của vua gia tăng. Cách dịch khác: "sự vĩ đại của vua gia tăng"
Đến trời ... đến tận cùng trái đất
Những cụm từ này mang ý cường điệu rằng mọi người ở mọi nơi đều biết Nê-bu-cát-nết-sa vĩ đại thế nào.
Daniel 4:23
Thông tin tổng quát:
Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Thông tin tổng quát:
Những câu này gần như giống với câu DAN04:13
Gốc của rễ nó
Đây là phần của cây còn chừa lại trên mặt đất sau khi nó bị chặt.
giữa đám cỏ xanh trong đồng ruộng
"bao quanh bởi cỏ xanh trong đồng ruộng"
Sương
Hơi nước đọng trên mặt đất vào buổi sáng
Daniel 4:24
Thông tin tổng quát:
Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Thông tin tổng quát:
Nhiều cụm từ trong các câu này hầu như giống trong câu DAN04:15
Đã truyền đến vua
"vua đã nghe"
Vua sẽ bị đuổi khỏi loài người
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ đuổi vua khỏi họ"
Vua sẽ bị buộc phải ăn cỏ
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vua sẽ ăn cỏ"
Daniel 4:26
Thông tin tổng quát:
Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Tầng trời cai trị
"Tầng trời" ở đây chỉ về Đức Chúa Trời, là Đấng ở trên trời. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời trên trời là Đấng cai trị mọi loài"
Xin lời khuyên của tôi được vua chấp nhận
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "xin hãy chấp nhận lời khuyên của tôi"
Xoay bỏ tội lỗi của vua
Ở đây từ bỏ tội lỗi được nói như thể xoay khỏi tội lỗi đó. Cách dịch khác: "Từ bỏ tội lỗi của vua"
Kẻ bị áp bức
Tính từ đóng vai trò danh từ này chỉ về những người bị áp bức. Cách dịch khác: "người bị áp bức"
Có thể sự thịnh vượng của vua sẽ được kéo dài
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Có thể Đức Chúa Trời sẽ kéo dài sự thịnh vượng của vua"
Daniel 4:28
Thông tin tổng quát:
Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Tất cả những việc đó ... ở Ba-by-lôn
Các ý trong câu DAN04:28
Mười hai tháng
"12 tháng"
Đây chẳng phải là Ba-by-lôn vĩ đại ... cho vinh quang rạng rỡ của ta đó sao?
Nê-bu-cát-nết-sa hỏi câu này để nhấn mạnh vinh quang của chính mình. Có thể nói ở dạng câu khẳng định. Cách dịch khác: "Ba-by-lôn vĩ đại ... cho vinh quang rạng rỡ của ta!"
cho vinh quang rạng rỡ của ta
"để cho mọi người thấy sự vinh quang và vĩ đại của ta" (bản UDB)
Daniel 4:31
Thông tin tổng quát:
Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.
Khi những lời ấy vẫn con trên môi vua
Câu này có nghĩa là khi vua còn đang nói. Cách dịch khác: "khi vua còn đang nói"
có tiếng từ trên trời
"vua nghe thấy tiếng từ trời"
Hỡi vua Nê-bu-cát-nết-sa ... đã bị cất khỏi ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Hỡi vua Nê-bu-cát-nết-sa, án lệnh đã được ban ra cho ngươi, vương quốc này sẽ không thuộc về ngươi nữa"

Ngươi sẽ bị đuổi khỏi loài người

Có thể nói ở thể chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ đuổi ngươi đi"

Bất kì ai Ngài muốn

"bất kì ai Ngài chọn"

Daniel 4:33

Thông tin tổng quát:

Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.

Án lệnh cho Nê-bu-cát-nết-sa tức thì được thi hành

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Án lệnh cho Nê-bu-cát-nết-sa xảy ra tức khắc"

Vua bị đuổi khỏi loài người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta đuổi vua đi"

móng tay móng chân vua giống như móng chim

"Móng tay vua nhìn như móng chim"

Daniel 4:34

Thông tin tổng quát:

Trong câu 34-37 Nê-bu-cát-nết-sa nói ở ngôi thứ nhất để mô tả đáp ứng của ông với Đức Chúa Trời.

Cuối những ngày đó

Chỉ về bảy năm ở DAN04:31

Tâm trí ta được phục hồi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "tâm trí ta trở lại cùng ta" hoặc "ta trở nên minh mẫn trở lại"

Ta ca ngợi ... và tôn vinh

Hai cụm từ này chỉ về cùng một hành động.

Vì sự cai trị của Ngài đến đời đời ... vương quốc Ngài từ thế hệ nầy đến thế hệ kia

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh sự cai trị của Đức Chúa Trời sẽ không chấm dứt. Cách dịch khác: "Ngài cai trị đời đời và vương quốc Ngài không bao giờ tàn lụi."

Daniel 4:35

Thông tin tổng quát:

Trong câu 34-37 Nê-bu-cát-nết-sa nói ở ngôi thứ nhất để mô tả đáp ứng của ông với Đức Chúa Trời.

Mọi cư dân trên đất với Ngài đều như không

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ngài xem mọi cư dân trên đất như không"

Mọi cư dân trên đất

"Mọi người trên đất"

Đạo binh trên trời

"đạo binh thiên sứ trên trời" (bản UDB)

Điều gì vừa ý Ngài

"điều gì thỏa mãn mục đích của Ngài" hoặc "điều gì Ngài muốn làm"

Không ai cản được Ngài

Có thể bổ sung thêm thông tin chi tiết. Cách dịch khác: "Không ai có thể cản dược Ngài làm điều Ngài đã định"

Không ai có thể nói với Ngài rằng “Vì sao Ngài làm vậy?”

Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Cách dịch khác: "Không ai có thể chất vấn việc Ngài làm"

Daniel 4:36

Thông tin tổng quát:

Trong câu 34-37 Nê-bu-cát-nết-sa nói ở ngôi thứ nhất để mô tả đáp ứng của ông với Đức Chúa Trời.

Tâm trí ta trở lại cùng ta

Ở đây nói như thể tâm trí có thể tự mình quay trở lại. Cách dịch khác: "Ta trở nên tỉnh táo trở lại"

uy nghi và rực rỡ ta trở lại với ta

Câu này nói như thể uy nghi và rực rỡ có thể tự mình quay trở lại. Cách dịch khác: "Ta lấy lại được sự uy nghi và rực rỡ ta"

uy nghi và rực rỡ

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh vinh quang vĩ đại của vua.

my noblemen sought my favor

"my noblemen requested my help again"

Ta được lập ... sự cao trọng được ban cho ta.

Từ “ngôi” ở đây chỉ về thẩm quyền cai trị. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta trở lại cai trị vương quốc ta và được cao trọng hơn trước"

ca ngợi, tôn vinh và tán dương

Cả ba từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh ông ngợi khen Chúa đến mức nào.

Kẻ nào bước đi trong sự kiêu ngạo mình

Ở đây dùng từ “bước đi” để chỉ về người có hành động kiêu ngạo. Cách dịch khác: "kẻ kiêu ngạo"

Translation Questions

Daniel 4:1

Nê-bu-cát-nết-sa ban bố chiếu chỉ đến ai?

Nê-bu-cát-nết-sa ban bố chiếu chỉ cho mọi dân, mọi nước, và mọi ngôn ngữ sống trên đất.

Daniel 4:2

Tại sao Nê-bu-cát-nết-sa ban bố chiếu chỉ?

Nê-bu-cát-nết-sa ban chiếu chỉ cho mọi người về những dấu hiệu và điều kỳ lạ Đấng Chí Cao đã làm cho ông.

Daniel 4:3

Nê-bu-cát-nết-sa nói gì Đấng Chí Cao?

Nê-bu-cát-nết-sa nói về Đấng Chí Cao thế này, "Các dấu lạ của Ngài là vĩ đại, các điều kỳ lạ của Ngài là lớn lao! Nước của Ngài là vương quốc đời đời, và quyền cai trị của Ngài còn mãi từ đời nay sang đời khác."

Daniel 4:5

What made Nebuchadnezzar afraid? Điều gì làm Nê-bu-cát-nết-sa sợ hãi?

A dream Nebuchadnezzar made him afraid. Giấc mơ Nê-bu-cát-nết-sa trãi qua khiến ông sợ hãi.

Daniel 4:6

Tại sao Nê-bu-cát-nết-sa ban bố sắc lệnh đem mọi nhà thông thái của Ba-by-lon tới trước mặt ông?

Nê-bu-cát-nết-sa muốn mọi nhà thông thái ở Ba-by-lon đến và giải thích giấc mơ của ông.

Daniel 4:8

Tên Ba-by-lôn của Đa-ni-ên là gì và vị trí của Đa-ni-ên trong vương quốc của vua Nê-bu-cát-nết-sa là gì?

Tên Ba-by-lôn của Đa-ni-ên là Bên-tơ-xát-sa và chàng nắm vị trí của "thủ lĩnh của thuật sĩ".

Nê-bu-cát-nết-sa nghĩ rằng ai có khả năng giải thích giấc mộng của ông?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nê-bu-cát-nết-sa nghĩ rằng Đa-ni-ên có thể giải thích giấc mộng cho ông, vì Nê-bu-cát-nết-sa nói với Đa-ni-ên rằng, "...Thần linh của Đức Chúa Trời ở trong ngươi và không bí ẩn nào quá khó với người."

Daniel 4:9

Tên Ba-by-lôn của Đa-ni-ên là gì và vị trí của Đa-ni-ên trong vương quốc của vua Nê-bu-cát-nết-sa là gì?

Tên Ba-by-lôn của Đa-ni-ên là Bên-tơ-xát-sa và chàng nắm vị trí của "thủ lĩnh của thuật sĩ".

Nê-bu-cát-nết-sa nghĩ rằng ai có khả năng giải thích giấc mộng của ông?

Nê-bu-cát-nết-sa nghĩ rằng Đa-ni-ên có thể giải thích giấc mộng cho ông, vì Nê-bu-cát-nết-sa nói với Đa-ni-ên rằng, "...Thần linh của Đức Chúa Trời ở trong ngươi và không bí ẩn nào quá khó với người."

Daniel 4:10

Nê-bu-cát-nêt-sa đã thấy gì đầu tiên trong giấc mơ của ông?

Nê-bu-cát-nết-sa thấy một cây to lớn, vững chắc và đẹp đẽ vươn tới trời. Nó cung cấp bóng mát cho các con vật và nơi ở cho của các loại chim. Trái của nó dư dật nuôi sống mọi loài sinh vật sống.

Daniel 4:12

Nê-bu-cát-nêt-sa đã thấy gì đầu tiên trong giấc mơ của ông?

Nê-bu-cát-nết-sa thấy một cây to lớn, vững chắc và đẹp đẽ vươn tới trời. Nó cung cấp bóng mát cho các con vật và nơi ở cho của các loại chim. Trái của nó dư dật nuôi sống mọi loài sinh vật sống.

Daniel 4:13

Sứ giả từ trời đã nói làm gì với cây?

Sứ giả từ trời nói rằng đốn cái cây xuống, chặt nhánh của nó, ngắt trụi lá và rải trái nó ra.

Daniel 4:14

Sứ giả từ trời đã nói làm gì với cây?

Sứ giả từ trời nói rằng đốn cái cây xuống, chặt nhánh của nó, ngắt trụi lá và rải trái nó ra.

Daniel 4:15

Điều gì được làm với gốc cây?

Gốc cây còn lại trong đất được cột với dây bằng sắt và đồng thau. Hãy để nó bị ướt sương. Hãy để tâm trí của nó thành của con vật mà không phải con người trong bảy năm.

Daniel 4:16

Điều gì được làm với gốc cây?

Gốc cây còn lại trong đất được cột với dây bằng sắt và đồng thau. Hãy để nó bị ướt sương. Hãy để tâm trí của nó thành của con vật mà không phải con người trong bảy năm.

Daniel 4:17

Mục dích của sự việc này với cây trong giấc mơ của Nê-bu-cát-nết-sa là gì?

Mục đích này để những kẻ còn sống biết rằng Đấng Chí Cao cai trị các vương quốc loài người và ban cho bất kì ai Ngài muốn để cai trị.

Daniel 4:22

Đa-ni-ên nói cái cây là ai trong giấc mơ của Nê-bu-cát-nết-sa?

Đa-ni-ên nói cái cây là Nê-bu-ca-nết-sa.

Daniel 4:25

Điều gì xảy ra với Nê-bu-cát-nết-sa cho đến khi vua nhận thấy Đấng Chí Cao cai trị trên các vương quốc loài người và Ngài ban chúng cho bất cứ ai Ngài muốn?

Nê-bu-cát-nết-sa bị đuổi khỏi loài người. Ông ta sẽ sống trong đồng cùng với thú hoang và ăn cỏ như bò và bị ướt sương trời.

Nó diễn ra bao lâu trước khi Nê-bu-cát-nết-sa thừa nhận Đấng Chí Cao cai trị các vương quốc loài người và Ngài ban chúng cho bất kì ai Ngài muốn?

Bảy năm trôi qua đến khi Nê-bu-cát-nết-sa nhận biết rằng Đấng Chí Cao cai trị các vương quốc loài người và Ngài ban chúng cho bất kì ai Ngài muốn.

Daniel 4:27

Sau khi giải mộng cho Nê-bu-cát-nết-sa thì lời khuyên của Đa-ni-ên với vua là gì?

Đa-ni-ên khuyên vua hãy ngưng việc tội lỗi và làm những điều thiện. Ông cũng nói Nê-bu-cát-nêt-sa hãy quay lưng với tội lỗi bằng hành động thương xót với người bị áp bức.

Daniel 4:28

Những điều đó xảy ra bao lâu trước khi sự giải mộng cho Nê-bu-cát-nết-sa bắt đầu?

Mọi điều này bắt đầu xảy ra mười hai tháng sau giấc mơ của ông.

Daniel 4:34

Nê-bu-cát-nết-sa đã làm gì sau khi sự ôn hòa của ông phục hồi?

Nê-bu-cát-nết-sa ca ngợi và tôn vinh Đấng Chí Cao cai trị mãi mãi.

Daniel 4:36

Điều gì xảy ra với vương quốc của Nê-bu-cát-nết-sa?

Vương quốc được trao lại cho ông.

Daniel 4:37

Lời tuyên bố cuối cùng của Nê-bu-cát-nết-sa về việc Vua trên trời là gì?

Lời tuyên bố của ông là: "Bấy giờ Ta, Nê-bu-cát-nết-sa, ca ngợi, tán dương, và tôn vinh Vua trên trời, vì mọi công việc của Ngài là thiện, và mọi đường lối của Ngài là công bằng. Ngài sẽ hạ những kẻ bước trong sự kiêu ngạo."

Chapter 5

Daniel 5:1

Bên-xát-sa

Đây là con trai của Nê-bu-cát-nết-sa lên nối ngôi cha mình.

Cho một nghìn

"cho 1,000"

Vua uống rượu trước

"Vua uống rượu trước mặt"

ly tách bằng vàng và bạc

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "ly tách vàng và bạc mà người Y-sơ-ra-ên đã làm"

Ly tách

Đây là những chiếc tách và các đồ vật khác nhỏ vừa đủ để người ta cầm và dùng để uống.

Phụ vương Nê-bu-cát-nết-sa đã lấy

Câu này dùng tên Nê-bu-cát-nết-sa để chỉ về quân đội của ông. Cách dịch khác: "quân đội của Nê-bu-cát-nết-sa là cha của vua đã lấy"

Daniel 5:3

ly tách bằng vàng được lấy từ đền thờ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "ly tách bằng vàng mà quân đội của Nê-bu-cát-nết-sa đã lấy từ đền thờ"

Từ đền thờ, tức là nhà của Đức Chúa Trời

Cụm từ “nhà của Đức Chúa Trời” cung cấp thêm thông tin về đền thờ. Cách dịch khác: "từ đền thờ của Đức Chúa Trời"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Daniel 5:5

Ngay lúc đó

"Ngay khi họ làm như vậy" hoặc "Thình lình" (bản UDB)

Vôi

Xi măng hoặc bùn được trét trên tường hay trần nhà để tạo ra bề mặt cứng mịn khi khô lại

mặt vua biến sắc

Vì vua quá sợ hãi. Cách dịch khác: "mặt vua tím tái" (bản UDB)

Tay chân vua

"chân vua"

đầu gối run lập cập

Do vua quá sợ hãi.

Daniel 5:7

Những người có tiếng khôn ngoan ở Ba-by-lôn

Ở đây chỉ về những người thông thái, các nhà chiêm tinh và những người nói mình có thể nói chuyện được với người chết.

Ai giải thích được những chữ nầy và ý nghĩa của nó thì sẽ được mặc áo tía, được đeo vòng vàng vào cổ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta sẽ ban áo tía và vòng đeo cổ bằng vàng cho ai giải thích được những chữ nầy và ý nghĩa của nó"

mặc áo tía

Vải tía rất hiếm và dành riêng cho quan chức của hoàng gia. Cách dịch khác: "mặc đồ hoàng gia"

Người cai trị bậc thứ ba

"người cai trị đứng thứ ba"

Daniel 5:8

Bên-xát-sa

Đây là tên con trai vua Nê-bu-cát-nết-sa, người nối ngôi ông. Xem cách đã dịch ở DAN05:01

Nét mặt vua đổi khác

Mặt vua càng tím tái hơn ở DAN05:05

Bối rối

"rối ren"

Daniel 5:10

Hoàng hậu

Một số bản hiện đại cho rằng đây là hoàng thái hậu, tức là mẹ của vua. Hoàng thái hậu rất được tôn trọng vào thời Ba-by-lôn xưa.

Hoàng thượng vạn tuế!

Đây là cách chào thông thường đối với vua.

Đừng để sắc mặt vua biến đổi

"Không cần phải tái mặt"

Daniel 5:11

Linh của các thần thánh

Hoàng hậu cho rằng năng lực của Đa-ni-ên đến từ các tà thần mà Nê-bu-cát-nết-sa thờ phượng. Xem cách đã dịch ở DAN04:07

Trong thời phụ vương của ngài

"Khi phụ vương của Ngài còn cai trị"

ánh sáng, thông hiểu và khôn ngoan, như sự khôn ngoan của các thần ở trong người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người có ánh sáng, thông hiểu và khôn ngoan như sự khôn ngoan của các thần"

Vua Nê-bu-cát-nết-sa, phụ vương của ngài

"Phụ vương ngài là Nê-bu-cát-nết-sa"

Những phẩm chất ấy có trong Đa-ni-ên này, là người mà vua đã đặt tên là Bên-tơ-xát-sa

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đa-ni-ên này, là người vua đã đặt tên là Bên-tơ-xát-sa, có mọi phẩm chất ấy"

Điều được viết

"điều được viết trên tường"

Daniel 5:13

Sau đó Đa-ni-ên được đem đến trước mặt vua

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Sau đó họ đem Đa-ni-ên đến trước mặt vua" hoặc "Sau đó binh lính đem Đa-ni-ên đến trước mặt vua"

Người cha ta đã giải về từ Giu-đa

Câu này dùng từ “cha” để tượng trưng cho hết thảy các binh lính. Cách dịch khác: "người các binh lính của cha ta đã giải về từ Giu-đa"

linh của các thần

Bên-xát-sa cho rằng năng lực của Đa-ni-ên đến từ các tà thần mà Bên-xát-sa thờ phượng. Xem cách đã dịch ở DAN04:07

ánh sáng, sự thông hiểu và khôn ngoan lạ thường ở trong ngươi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "ngươi có ánh sáng, sự thông hiểu và khôn ngoan lạ thường"

Daniel 5:15

Bây giờ những người ... đã được đem đến trước mặt trẫm

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "bây giờ những người ... đã đến trước mặt trẫm"

Cho ta biết

"nói cho ta"

Ngươi sẽ được mặc áo tía và đeo vòng vàng quanh cổ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta sẽ ban cho ngươi áo tía và vòng đeo cổ bằng vàng"

mặc áo tía

Vải tía rất hiếm và dành riêng cho quan chức của hoàng gia. Cách dịch khác: "mặc đồ hoàng gia"

Người cai trị bậc thứ ba

"người cai trị đứng thứ ba"

Daniel 5:17

Xin vua giữ lại các quà tặng của vua, và

"Tôi không muốn các quà tặng của vua, vì thế"

tất cả các dân tộc, các quốc gia, các ngôn ngữ

Câu này dùng từ “tất cả” để chỉ về một số lượng lớn. Cách dịch khác: "rất nhiều dân tộc, quốc gia, ngôn ngữ khác nhau"

run rẩy và sợ hãi

Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh mức độ sợ hãi. Cách dịch khác: "rất sợ vua ấy"

Vua muốn giết ai thì giết

Câu này không có nghĩa là chính tay vua Nê-bu-cát-nết-sa giết họ mà là những người vua ra lệnh cho. Cách dịch khác: "Nê-bu-cát-nết-sa ra lệnh cho quân lính giết những ai vua muốn"

Vua cất nhắc người nào vua muốn

"Vua cất nhắc người nào vua muốn cất nhắc"

Muốn ... ưa muốn

Những từ này có ý nghĩa như nhau.

Vua hạ ai xuống tùy ý

"vua hạ xuống những người nào vua muốn"

Daniel 5:20

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lòng người kiêu căng
“Lòng” ở đây chỉ về chính đức vua. Cách dịch khác: "vua kiêu căng"
tâm linh người cứng cỏi
“Tâm linh” ở đây chỉ về chính đức vua. Sự cứng cỏi của vua được nói như thể vua bị làm cho cứng lại. Cách dịch khác: "vua trở nên cứng cỏi"
kiêu ngạo
Tự tin quá mức và thô lỗ
vua đã bị truất khỏi ngôi vua
“Ngôi” ở đây chỉ về thẩm quyền cai trị. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta đoạt lấy vương quốc của vua"
Vua đã bị đuổi khỏi loài người
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta đuổi vua đi"
Vua có tâm trí của loài vật
“Tâm trí” ở đây chỉ về suy nghĩ của vua. Cách dịch khác: "vua suy nghĩ như một con vật"
sương
Hơi nước trên mặt đất vào buổi sáng
Ai Ngài muốn
"bất kì ai Ngài chọn"
Daniel 5:22
Bên-xát-sa
Đây là tên con trai vua Nê-bu-cát-nết-sa, người nối ngôi ông. Xem cách đã dịch ở DAN05:01
Lòng vua vẫn không chịu nhún nhường
“Lòng” ở đây chỉ về chính Bên-xát-sa himself. Cách dịch khác: "vua vẫn không chịu nhún nhường"
vua đã tự cao chống lại Chúa
Chống nghịch Đức Chúa Trời được nói như thể nâng mình lên nghịch cùng Ngài. Cách dịch khác: "Vua đã chống nghịch Chúa"
Từ nhà Ngài
Có thể nói rõ “nhà Ngài” là gì và ở đâu. Cách dịch khác: "Từ đền thờ của Ngài tại Giê-ru-sa-lem"
Đức Chúa Trời nắm hơi thở của vua trong tay Ngài
“Hơi thở” ở đây chỉ về mạng sống và “tay” chỉ về quyền lực hay sự cai trị. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời là Đấng ban cho vua hơi thở" hay "Đức Chúa Trời là Đấng kiểm soát sự sống của vua hoàn toàn"
mọi đường lối của vua
"mọi việc vua làm"
Hàng chữ này được viết
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "nó viết thông điệp này"
Daniel 5:25
Đây là chữ đã được viết
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đây là thông điệp mà bàn tay ấy đã viết"
Mê-nê, Mê-nê, Tê-ken, và Phác-sin
Đây là những từ tiếng A-ram được viết lên tường. Viết những từ này sao cho phù hợp với ngôn ngữ của bạn.
‘Mê-nê’, ‘Đức Chúa Trời đã đếm
“‘Mê-nê’ nghĩa là: ‘Đức Chúa Trời đã đếm”
‘Tê-ken’, ‘vua đã bị đặt trên bàn cân
“‘Tê-ken’ nghĩa là: ‘vua đã bị đặt trên bàn cân”
‘Phê-rết’ là: ‘vương quốc của vua
“‘Phê-rết’ nghĩa là ‘vương quốc của vua”
Vua đã bị đặt trên bàn cân và thấy kém thiếu
Xét xem vị vua có xứng đáng được cai trị hay không được nói như thể đặt vua trên bàn cân. Câu này có nghĩa là vua không xứng đáng được cai trị. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã xét xem vua có xứng đáng được cai trị không, và Ngài thấy rằng vua không xứng đáng"
Vương quốc của vua bị phân chia và phó cho người Mê-đi và người Phe-rơ-sơ
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã phân chia vương quốc của vua và phó cho người Mê-đi và người Phe-rơ-sơ"
Daniel 5:29
vòng vàng được đeo vào cổ ông
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Họ đeo vòng vàng vào cổ ông"
Người cai trị đứng thứ ba
"người cai trị số ba"
Nhận lấy vương quốc
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "trở thành người cai trị vương quốc"
Khi vua sáu mươi hai tuổi
Hai tuổi** - "khi vua khoảng 62 tuổi"

Translation Questions

Daniel 5:1
Vua Bên-xát-sa đã làm yến tiệc long trọng cho ai?
Ông tổ chức yến tiệc long trọng cho một nghìn quý tộc của ông.
Daniel 5:2
Bên-xát-sa này là ai?
Ông là con trai của Nê-bu-cát-nết-sa.
Daniel 5:3
Người ta lấy từ đâu ra các đồ đựng để uống rượu ở trong yến tiệc này?
Họ dùng các ly vàng đã được lấy từ đền thờ, nhà của Chúa, ở Giê-ru-sa-lem.
Daniel 5:4
Những người ở buổi tiệc đã làm gì khi họ uống rượu?
Họ ca ngợi thần tượng của họ bằng vàng, bạc, đồng, sắt, gỗ, và đá.
Daniel 5:5
Khi người ta đang uống rượu và ca ngợi thần tượng của họ thì chuyện gì xảy ra?
Các ngón tay của bàn tay người xuất hiện phía trước chân đèn và viết trên vách tường của cung điện nhà vua.
Daniel 5:6
Phản ứng tức thì của vua là gì khi ông thấy bàn tay?
Nét mặt của vua thay đổi và các ý tưởng làm vua khiếp sợ, chân tay của vua bủn rủn, và đầu gối ông đang va vào nhau.
Daniel 5:7
Nhà vua đã hứa gì cho người có thể giải thích chữ viết trên tường và ý nghĩa của nó?
Vua hứa rằng ai giải thích được chữ viết và ý nghĩa của nó sẽ được mặc quần áo vải tía, đeo vòng vàng quanh cổ, có

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

quyền lực cai trị thứ ba trong nước.
Daniel 5:13
Theo như những phẩm chất gì mà vua đã được nghe nói về Đa-ni-ên?
Vua nói với Đa-ni-ên rằng ông nghe về Đa-ni-ên có Linh của các thần ở trong, vì thế Đa-ni-ên có ánh sáng, hiểu biết và khôn ngoan vượt trội.
Daniel 5:17
Sự đáp trả của Đa-ni-ên là gì khi ông nói về những phần thưởng ông sẽ nhận được khi đọc và giải thích nghĩa của nó?
Đa-ni-ên nói với vua, "Hãy giữ lại những phần thưởng của vua và ban nó cho người khác. Dù thế, tôi sẽ đọc những chữ viết cho vua, và sẽ nói với người nghĩa của nó."
Daniel 5:20
Tại sao Nê-bu-cát-nết-sa bị đem xuống khỏi ngai vàng đế vương và tại sao vẻ oai nghiêm của ông bị lấy đi khỏi ông?
Nê-bu-cát-nết-sa mất vẻ oai nghi và ngai vàng của ông bởi vì lòng của ông trở nên tự phụ và tâm thần của ông cứng cỏi, ông làm điều kiêu ngạo.
Daniel 5:22
Lời buộc tội của Đa-ni-ên với Bên-xát-sa là gì?
Đa-ni-ên nói Bên-xát-sa đã không nhún nhường, ông tự nâng mình lên chống lại Chúa trên trời và không tôn vinh Chúa là Đấng giữ hơi thở của ông trong tay và Đấng biết mọi đường lối của ông.
Daniel 5:23
Lời buộc tội của Đa-ni-ên với Bên-xát-sa là gì?
Đa-ni-ên nói Bên-xát-sa đã không nhún nhường, ông tự nâng mình lên chống lại Chúa trên trời và không tôn vinh Chúa là Đấng giữ hơi thở của ông trong tay và Đấng biết mọi đường lối của ông.
Daniel 5:26
Ý nghĩa của chữ viết trên tường là gì?
Ý nghĩa như sau: Chúa đã đếm số vương quốc của Bên-xát-sa và đem nó đến sự cuối cùng. Bên-xét-sa được đem cân và thấy còn thiếu. Vương quốc của Bên-xát-sa bị chia ra và được chia cho người Mê-đi và người Ba Tư.
Daniel 5:28
Ý nghĩa của chữ viết trên tường là gì?
Ý nghĩa như sau: Chúa đã đếm số vương quốc của Bên-xát-sa và đem nó đến sự cuối cùng. Bên-xét-sa được đem cân và thấy còn thiếu. Vương quốc của Bên-xát-sa bị chia ra và được chia cho người Mê-đi và người Ba Tư.
Daniel 5:30
Điều gì xảy ra đêm đó sau khi Đa-ni-ên giải thích dòng chữ cho Bên-xát-sa?
Đêm đó Bên-xát-sa, vua của Ba-by-lon, bị giết, và Đa-ri-út người Mê-đi nhận được nước.
Daniel 5:31
Điều gì xảy ra đêm đó sau khi Đa-ni-ên giải thích dòng chữ cho Bên-xát-sa?
Đêm đó Bên-xát-sa, vua của Ba-by-lon, bị giết, và Đa-ri-út người Mê-đi nhận được nước.
Đa-ri-út nhận được nước khi ông bao nhiêu tuổi?
Đa-ri-út người Mê-đi khoãng sáu mươi hai tuổi khi ông nhận được nước.

Chapter 6
Daniel 6:1
Lời dẫn:
Những sự kiện trong chương này diễn ra sau khi người Phe-rơ-sơ chinh phục Ba-by-lôn và Đa-ri-út người Mê-đi bắt đầu cai trị Ba-by-lôn.
Vua Đa-ri-út lấy làm hài lòng
"Vua Đa-ri-út quyết định"
120 thống đốc
"một trăm hai mươi thống đốc"
Trên họ
Từ “họ” chỉ về 120 thống đốc.
để nhà vua không bị thiệt hại
"để không vật gì của vua bị trộm mất" hoặc "để không ai trộm lấy bất kì thứ gì của vua"
Ưu tú hơn
"xuất sắc hơn" hoặc "tài giỏi hơn"
ông có tâm trí siêu phàm
“Tâm trí” ở đây chỉ về Đa-ni-ên, có nghĩa là ông có tài năng khác thường. Cách dịch khác: "ông là một người hiếm có"
siêu phàm
"ấn tượng" hoặc "xuất sắc"
lập ông trên
"ban cho ông thẩm quyền trên" hoặc "đặt ông quản lý"
Daniel 6:4
Vì thế các thượng thư và tổng trấn khác ... về việc nước
Các vị quan khác đố kỵ với Đa-ni-ên. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "Sau đó các thượng thư và tổng trấn khác trở nên đố kỵ. Vì thế họ tìm những lỗi lầm của Đa-ni-ên trong việc nước"
Không một lỗi lầm hay sơ suất nào tìm thấy ở ông
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Họ không thể tìm thấy lỗi lầm hay sơ suất nào trong công việc của ông."
Sơ suất
Lo lắng thái quá cho trách nhiệm của mình
Phiền trách Đa-ni-ên
"phàn nàn về Đa-ni-ên"
Daniel 6:6
Đưa ra kế hoạch trước vua
"trình bày một kế hoạch với vua"
Đức vua vạn tuế!
Đây là cách thông thường để chào đức vua.
trong ba mươi ngày
"trong 30 ngày"
ai kêu cầu
"ai cầu xin"
kẻ ấy phải bị quăng vào hang sư tử
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "quân lính của vua phải ném người đó vào hang sử tử"
hang sư tử
ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó.
Daniel 6:8
Lời dẫn:
Trong câu 8, các vị quan tiếp tục thưa với vua.
Như luật pháp quy định
"theo luật"
Không thể bị bãi bỏ
"không thể bị hủy bỏ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lập sắc lệnh này thành luật
"lập lệnh này thành luật"
Daniel 6:10
Khi Đa-ni-ên hay tin rằng văn kiện đó đã được ký duyệt thành luật
Điểm quan trọng cần nói rõ là Đa-ni-ên đã biết về điều luật mới trước khi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời.
Bấy giờ các cửa sổ trên phòng cao của ông mở ra hướng về Giê-ru-sa-lem
Đây là thông tin bối cảnh cho biết vì sao kẻ thù của Đa-ni-ên biết ông đang cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời.
Cảm tạ trước mặt Đức Chúa Trời mình
"cảm tạ Đức Chúa Trời mình"
Âm mưu
Kế hoạch với mục đích gian ác
Daniel 6:12
chẳng phải bệ hạ đã lập sắc lệnh ... sử tử sao?
Họ hỏi câu này để vua phải xác nhận rằng vua đã lập sắc lệnh đó.
ai kêu cầu
"ai cầu xin"
Hang sư tử
ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở DAN06:06
Như luật định
"theo luật"
Daniel 6:13
Đa-ni-ên đó
Đây không phải là cách gọi tôn trọng với Đa-ni-ên. Họ cố ý dùng cụm từ này để tránh thể hiện sự tôn trọng đối với Đa-ni-ên như một vị quan trưởng.
Một trong những người lưu đày từ Giu-đa
"người nhập cư từ Giu-đa"
Không để tâm đến vua
Lối nói này có nghĩa là phớt lờ vua. Cách dịch khác: "không vâng lời vua"
Nó dụng tâm
Từ “tâm” ở đây chỉ về suy nghĩ của ông. Cách dịch khác: "nó rất cương quyết về"
Vua đau đớn
Ở đây chỉ về đau đớn tinh thần chứ không phải thể xác.
Daniel 6:15
Không có sắc lệnh nào ... có thể được thay đổi
Có thể thêm vào một câu nữa để làm cho dễ hiểu. Cách dịch khác: "không có sắc lệnh nào ... có thể được thay đổi. Họ phải ném Đa-ni-ên vào hang sư tử."
Daniel 6:16
Họ đem Đa-ni-ên
"các quân lính của vua đi bắt Đa-ni-ên"
Hang sư tử
Ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở DAN06:06
Nguyện Đức Chúa Trời của ngươi ... giải cứu ngươi
Đức vua đang bày tỏ mong ước Đức Chúa Trời sẽ giải cứu Đa-ni-ên.
giải cứu ngươi
"cứu ngươi khỏi sư tử"
Daniel 6:17
Hang
Ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở DAN06:06
Vua đóng dấu trên đó bằng chiếc nhẫn đóng ấn của mình và của các đại thần ... về Đa-ni-ên
Có thể nói rõ chức năng của chiếc nhẫn đóng ấn. Vua và các đại thần ấn nhẫn của mình vào dấu niêm phong bằng sáp. Cách dịch khác: "Vua ấn nhẫn đóng ấn của mình vào dấu niêm phong bằng sáp. Các đại thần cũng làm như vậy. Không ai được phép phá dấu niêm phong để giúp Đa-ni-ên"
Không gì có thể thay đổi được về Đa-ni-ên
"không ai có thể giúp được cho Đa-ni-ên"
Cả đêm vua không ăn uống
Hành động này cho thấy vua lo lắng về Đa-ni-ên.
Không thú tiêu khiển nào được đem đến trước mặt vua
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vua không đem đến người nào để tiêu khiển"
Giấc ngủ chạy trốn khỏi vua
Giấc ngủ được nói như thể nó có thể chạy khỏi đức vua. Cách dịch khác: "cả đêm đó vua không ngủ"
Daniel 6:19
Hang sư tử
Ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở DAN06:06
Daniel 6:21
Vì tôi được nhận là vô tội
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vua biết rằng tôi không làm gì sai"
Tôi không làm gì hại đến đức vua
"Tôi không làm hại vua chút nào"
Daniel 6:23
Hang
Ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở DAN06:06
trên thân thể ông không có một thương tích nào cả
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Họ không thấy một vết thương nào trên người Đa-ni-ên cả"
Daniel 6:24
Hang sư tử
Ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở DAN06:06
Trước khi họ chạm đến đáy
"Trước khi họ chạm đến đáy hang sư tử"
xé hết xương họ ra từng mảnh
"nghiền nát xương họ" (bản UDB)
tất cả các dân tộc, các quốc gia và các ngôn ngữ
"dân của mọi nước và ngôn ngữ"
trên khắp đất
Vua Đa-ri-út viết thông điệp của mình cho toàn bộ vương quốc rộng lớn của ông. Ở đây dùng cụm từ “khắp đất” để nhấn mạnh vương quốc của vua rộng lớn thế nào mặc dù nó không bao gồm tất cả mọi người trên đất. Cách dịch khác: "trong vương quốc của ta"
Nguyện sự bình an gia tăng cho các ngươi
Đây là cách chào được dùng để chúc cho ai đó được thịnh vượng trong mọi lĩnh vực của đời sống.
Daniel 6:26
Lời dẫn:
Câu này tiếp tục thông điệp Đa-ri-út gửi cho mọi người trong vương quốc của mình.
Run rẩy và sợ hãi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hai từ này tương tự nhau, có thể được gọp làm một. Cách dịch khác: "run sợ"

Đức Chúa Trời của Đa-ni-ên

"Đức Chúa Trời mà Đa-ni-ên thờ phượng" (bản UDB)

Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống và sống đời đời

Cụm từ “Đức Chúa Trời hằng sống” và “sống đời đời” đều có ý nghĩa như nhau là Đức Chúa Trời sống đời đời.

Vương quốc Ngài sẽ ... quyền cai trị của Ngài sẽ

Hai cụm từ này song song với nhau, nhấn mạnh rằng vương quốc của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ tàn.

Vương quốc của Ngài không bao giờ bị tiêu diệt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "sẽ không ai tiêu diệt vương quốc của Ngài" hoặc "vương quốc của Ngài sẽ còn đến đời đời"

Quyền cai trị của Ngài sẽ còn đến cuối cùng

"Ngài sẽ cai trị đời đời"

Ngài đã giữ cho Đa-ni-ên được an toàn khỏi mãnh lực của sư tử

"Ngài không cho sư tử dũng mãnh làm hại đến Đa-ni-ên"

Daniel 6:28

Suốt thời cai trị của vua Đa-ri-út và vua Si-ru người Phe-rơ-sơ

Si-ru người Phe-rơ-sơ là vua cai trị sau vua Đa-ri-út.

Translation Questions

Daniel 6:1

Đa-ri-út đã chỉ định ai coi nước?

Ông chỉ định 120 thống đốc tỉnh cùng với ba quan thượng thư trên họ.

Daniel 6:2

Đa-ri-út đã chỉ định ai coi nước?

Ông chỉ định 120 thống đốc tỉnh cùng với ba quan thượng thư trên họ.

Ai là một trong ba thượng thư?

Đa-ni-ên là một trong ba thượng thư.

Tại sao có ba thượng thư được chỉ định?

Họ được chỉ định để giám sát các thống đốc tỉnh, để mà vua không phải chịu tổn thất.

Daniel 6:3

Ai là người vua đặt coi sóc trên toàn vương quốc?

Vua dự định đặt Đa-ni-ên coi trên toàn vương quốc.

Daniel 6:4

Tại sao các thượng thư khác, và thống đốc tỉnh không thấy tham nhũng, không sự thiếu xót trong trách nhiệm, không lỗi hay lơ đễnh trong công việc của Đa-ni-ên?

Họ không thấy điều gì bởi vì Đa-ni-ên là người trung thành.

Daniel 6:5

Khía cạnh nào trong đời sống Đa-ni-ên mà các thượng thư khác và thống đốc tỉnh cho rằng họ sẽ tìm thấy để kêu kiện Đa-ni-ên?

Họ nghĩ họ sẽ tìm thấy điều gì chống lại Đa-ni-ên về luật pháp của Đức Chúa Trời của ông.

Daniel 6:7

Các thống đốc tỉnh và thượng thư khác đã khuyên Vua Đa-ri-út làm gì?

Họ khuyên Đa-ri-út ban bố chiếu chỉ và bắt tuân theo nó, rằng bất kì ai cầu xin Thần hoặc người nào ngoại trừ vua Đa-ri-út trong ba mươi ngày, thì người đó phải bị ném vào hang sư tử.

Daniel 6:10

Đa-ni-ên đã làm gì sau khi ông biết được chiếu chỉ đã ban ra và văn kiện đó được ký thành luật?

Đa-ni-ên đi vào trong nhà của mình, quỳ xuống và cầu nguyện cảm tạ Chúa vì những điều Ngài đã làm.

Daniel 6:13

Những người đàn ông đã làm gì chống lại Đa-ni-ên khi họ thấy ông thỉnh cầu và tìm kiếm sự giúp đỡ từ Chúa?

Những người đó đi đến gặp vua và thuật lại rằng Đa-ni-ên không chú ý tới vua và chiếu chỉ của vua, Đa-ni-ên đã cầu nguyện với Chúa ba ngày một lần.

Daniel 6:14

Vua đã làm gì khi ông nghe nói Đa-ni-ên đã bất tuân theo chiếu chỉ của vua?

The king became terribly distressed and he applied his mind to rescue Daniel from his ruling. Vua trở nên rất đau buồn và ông chuyên tâm để giải cứu Đa-ni-ên khỏi lệnh của mình.

Daniel 6:17

Sau khi Đa-ni-ên bị ném vào hang sư tử, vua đã làm gì?

Nhà vua bịt kín lối ra vào hang bằng nhẫn ấn của mình. Rồi vua đến cung điện nhịn ăn suốt đêm, và không ngủ.

Daniel 6:18

Sau khi Đa-ni-ên bị ném vào hang sư tử, vua đã làm gì?

Nhà vua bịt kín lối ra vào hang bằng nhẫn ấn của mình. Rồi vua đến cung điện nhịn ăn suốt đêm, và không ngủ.

Daniel 6:20

Những ngày sau khi Đa-ni-ên bị ném vào hang sư tử, khi nhà vua đến hang, ông đã hỏi Đa-ni-ên điều gì?

Nhà vua hỏi Đa-ni-ên rằng Chúa của Đa-ni-ên luôn phụng sự có cứu ông khỏi đám sư tử.

Daniel 6:21

Đa-ni-ên đã đáp lời vua thế nào?

Đa-ni-ên đáp lời vua rằng, "Chúc vua sống đời đời! Chúa đã gửi sứ giả của Ngài và khóa miệng đám sư tử, và chúng không làm hại tôi. Vì tôi vô tội trước Ngài cũng như trước vua, tôi chưa từng làm điều gây hại."

Daniel 6:22

Đa-ni-ên đã đáp lời vua thế nào?

Đa-ni-ên đáp lời vua rằng, "Chúc vua sống đời đời! Chúa đã gửi sứ giả của Ngài và khóa miệng đám sư tử, và chúng không làm hại tôi. Vì tôi vô tội trước Ngài cũng như trước vua, tôi chưa từng làm điều gây hại."

Daniel 6:23

Mệnh lệnh đầu tiên Vua ban ra là gì sau khi thấy Đa-ni-ên còn sống trong hang sư tử?

Mệnh lệnh đầu tiên vua ban ra sau khi thấy Đa-ni-ên còn sống là họ phải đem Đa-ni-ên lên khỏi hang.

Daniel 6:24

Mệnh lệnh thứ hai mà vua ban ra sau khi thấy Đa-ni-ên còn sống trong hang sư tử là gì?

Mệnh lệnh thứ hai là đem những kẻ đã buộc tội Đa-ni-ên và ném chúng vào hang sư tử cùng với vợ con chúng.

Daniel 6:26

Đa-ri-út đã nói gì về Chúa trong chiếu chỉ của ông, về Chúa của Đa-ni-ên?

Đa-ri-út nói Chúa của Đa-ni-ên "...Ngài là Chúa hằng sống và sống đời đời, vương quốc Ngài không bị hủy diệt; quyền cai trị Ngài đến cuối cùng. Ngài giữ chúng ta an toàn và giải cứu chúng ta, Ngài làm các dấu lạ và phép dạ trên trời,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cũng như trên đất; Ngài giữ Đa-ni-ên an toàn khỏi sức lực của đám sư tử.

Daniel 6:27

Đa-ri-út đã nói gì về Chúa trong chiếu chỉ của ông, về Chúa của Đa-ni-ên?

Đa-ri-út nói Chúa của Đa-ni-ên "...Ngài là Chúa hằng sống và sống đời đời, vương quốc Ngài không bị hủy diệt; quyền cai trị Ngài đến cuối cùng. Ngài giữ chúng ta an toàn và giải cứu chúng ta, Ngài làm các dấu lạ và phép dạ trên trời,

cũng như trên đất; Ngài giữ Đa-ni-ên an toàn khỏi sức lực của đám sư tử.

Daniel 6:28

During whose reign did Daniel prosper? Đa-ni-ên cứ thịnh vượng trong suốt triều đại của ai?

Daniel prospered during the reign of Darius and during the reign of Cyrus the Persian. Đa-ni-ên cứ thịnh vượng trong suốt triều đại của Đa-ri-út và trong suốt triều đại của vua Si-ru người Ba Tư.

Chapter 7

Daniel 7:1

Thông tin tổng quát:

Chương 7 và 8 không nằm theo thứ tự thời gian. Chúng xảy ra khi Bên-xát-sa còn làm vua, trước khi Đa-ri-út và Si-ru cai trị được nhắc đến ở chương 6.

Thông tin tổng quát:

Trong khải tượng của mình, Đa-ni-ên nhìn thấy những con vật là biểu tượng cho những điều khác nữa. Phần sau của khải tượng giải thích ý nghĩa của những biểu tượng đó.

Bên-xát-sa

Đây là tên con trai vua Nê-bu-cát-nết-sa, người nối ngôi ông. Xem cách đã dịch ở DAN05:01

chiêm bao và những khải tượng

Từ “chiêm bao” và “những khải tượng” đều chỉ về cùng một giấc mơ được mô tả trong chương này. Cách dịch khác: "những khải tượng khi ông nằm mơ"

Bốn ngọn gió từ trời

"gió từ khắp nơi" hoặc "gió mạnh từ bốn phương" (bản UDB)

khuấy động

"làm bật lên" hoặc "làm rung động" hoặc "làm dậy lên những con sóng cao"

Daniel 7:4

Con thứ nhất giống như sư tử nhưng mang cánh đại bàng

Đây là sinh vật mang tính biểu tượng, không phải là một con vật có thật. (Xem:

những cánh nó bị xé rách, nó bị nhấc lên khỏi đất và đứng trên hai chân như người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người ta xé cánh nó và nhấc lên khỏi đất, khiến nó đứng trên hai chân như người" (Xem:

nó được ban cho tâm trí của loài người

“Tâm trí” ở đây chỉ về việc suy nghĩ. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ngươi ta cho nó khả năng suy nghĩ như loài người" (Xem:

con thú thứ hai, giống như con gấu

Đây không phải là con gấu thật nhưng là con vật mang tính biểu tượng giống như con gấu. (Xem:

xương sườn

Phần xương cong lớn ở ngực, nối với xương sống

Nó được bảo rằng

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta bảo nó" (Xem:

Daniel 7:6

một con thú khác trông giống như con beo

Đây không phải là con beo thật nhưng là con vật mang tính biểu tượng giống như con beo.

Bốn cánh ... bốn đầu

Bốn cánh và bốn đầu là những biểu tượng, không rõ ý nghĩa là gì.

Nó có bốn đầu

"con thú có bốn đầu"

Nó được trao quyền cai trị

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta trao cho nó quyền cai trị"

con thú thứ tư ... nó có mười cái sừng

Đây cũng không phải là con vật có thật mà là sinh vật mang tính biểu tượng.

giày đạp dưới chân

"giẫm lên và đè nát"

Daniel 7:8

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục mô tả khải tượng của ông về con thú thứ tư ông nhìn thấy ở DAN07:06

Sừng

Người dịch có thể chú thích như sau: “Sừng là biểu tượng của sức mạnh và tượng trưng cho những người lãnh đạo quyền lực."

ba cái trong những sừng trước bị nhổ tận gốc

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "cái sừng nhỏ nhổ ba cái sừng trước ra"

một cái miệng khoe khoang những điều ngạo mạn

Ở đây cái sừng đang lấy miệng mình mà khoe khoang. Cách dịch khác: "cái sừng có một cái miệng và nó khoe khoang về những điều ngạo mạn"

Daniel 7:9

Thông tin tổng quát:

Phần lớn câu 9-14 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng có cấu trúc song song và ý nghĩa tương tự nhau. Vì thế bản ULB và UDB trình bày chúng theo thể thơ ca.

Các ngai được sắp đặt hẳn hoi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người ta đặt các ngai vào vị trí của chúng"

Đấng Thượng Cổ

Đây là danh hiệu dành cho Đức Chúa Trời có nghĩa là Ngài là Đấng đời đời. Cách dịch khác: "Đấng Sống Đời Đời” hoặc “Đấng Hằng Sống”

Ngồi ... áo Ngài ... tóc trên đầu Ngài

Phần này mô tả Đức Chúa Trời đang ngồi, có áo và tóc như một con người. Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời thật sự có hình ảnh như vậy, nhưng đó là những gì Đa-ni-ên nhìn thấy về Đức Chúa Trời trong khải tượng.

Ngồi

Tức là Ngài ngồi xuống. Cách dịch khác: "ngồi trên ngai mình"

Áo Ngài trắng như tuyết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Áo Ngài được ví như tuyết để cho thấy nó rất trắng. Cách dịch khác: "Áo Ngài rất trắng"

Tóc trên đầu Ngài như lông chiên tinh sạch

Tóc của Đức Chúa Trời giống như lông chiên. Có thể là 1) nó rất trắng

lông chiên tinh sạch

"lông chiên sạch sẽ" hoặc "lông chiên được rửa sạch"

Ngai Ngài là những ngọn lửa ... bánh xe nó như lửa cháy hừng hực

Câu này mô tả ngôi Đức Chúa Trời và bánh xe của nó như thể chúng được làm bằng lửa. Từ “lửa” và “lửa cháy hừng hực” căn bản có ý nghĩa như nhau, có thể dịch giống nhau.

bánh xe nó its wheels

Không rõ vì sao ngôi của Đức Chúa Trời lại được mô tả là có bánh xe. Thông thường ngôi không có bánh xe nhưng bản văn ở đây nói rõ ngôi của Ngài có loại bánh xe nào đó. Có thể dùng một từ tổng quát cho từ “bánh xe” nếu có.

Daniel 7:10

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục mô tả khải tượng của ông về những động thái trên trời trước con thú thứ tư ông nhìn thấy ở DAN07:06

Thông tin tổng quát:

Phần lớn câu 9-14 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng có cấu trúc song song và ý nghĩa tương tự nhau. Vì thế bản ULB và UDB trình bày chúng theo thể thơ ca.

Trước mặt Ngài, một dòng sông lửa chảy ra

Lửa phát ra rất nhanh từ sự hiện diện của Đức Chúa Trời được nói như thể nó là nước chảy trên dòng sông. Cách dịch khác: "Lửa đổ ra trước mặt Ngài như nước trên dòng sông"

Trước mặt Ngài

Từ “Ngài” chỉ về Đức Chúa Trời, là Đấng Thượng Cổ ở câu DAN07:09

Hàng triệu

Ở đây có thể chỉ về một nhóm đông đảo chứ không phải một số lượng chính xác. Cách dịch khác: "ngàn ngàn" hoặc "rất đông người"

Một trăm triệu

Ở đây có thể chỉ về một nhóm đông đảo chứ không phải một số lượng chính xác. Cách dịch khác: "vạn vạn" hoặc "số người không thể đếm được"

Tòa án đã triệu tập

Có nghĩa là Đức Chúa Trời, là thẩm phán, đã sẵn sàng để điều tra các chứng cứ và đưa ra xét xử. Cách dịch khác: "Thẩm phán đã sẵn sàng xét xử" hoặc "Thẩm phán đã an tọa"

Sổ sách đã được mở ra

Đây là những sổ sách ghi bằng chứng được dùng trước tòa. Cách dịch khác: "những sổ sách ghi lại chứng cứ được mở ra"

Daniel 7:11

Thông tin tổng quát:

Đa-ni-ên tiếp tục mô tả khải tượng của ông về phiên tòa trên trời trước con thú thư tư ông đã nhìn thấy ở DAN07:06

con thú bị giết ... để bị thiêu đốt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "họ giết con thú thứ tư, hủy diệt xác nó và giao cho người ta thiêu đốt nó"

X

Con thú bị giết vì thẩm phán định nó có tội. Cách dịch khác: "họ xử tử con thú" hoặc "quan án truyền lệnh và họ giết con thú"

con thú

Ở đây chỉ về con thú thứ tư có mười sừng và cái sứng nói lời khoác lác. Cách dịch khác: "con thú đáng sợ nhất" hoặc "con thú có cái sừng khoác lác"

Số còn lại của bốn con thú

Có thể nói rõ là “ba con thú kia”.

Quyền thống trị của chúng bị tước đi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "thẩm phán tước đi quyền thống trị của chúng" hoặc "quyền thống trị của chúng chấm dứt"

đời chúng được kéo dài thêm một thời gian

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "chúng tiếp tục sống một thời gian nữa" hoặc "thẩm phán cho chúng sống thêm ít lâu nữa"

Daniel 7:13

Thông tin tổng quát:

Phần lớn câu 9-14 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng có cấu trúc song song và ý nghĩa tương tự nhau. Vì thế bản ULB và UDB trình bày chúng theo thể thơ ca.

Tôi thấy một vị đi đến ... như con người

Người Đa-ni-ên nhìn thấy không phải là một con người như bình thường, nhưng lại có hình dáng như con người. “Đêm ấy tôi cũng thấy ai đó đi đến giống như con người, tức là có hình dáng của con người”

với những đám mây trời

" với những đám mây trên trời"

Đấng Thượng Cổ

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời là Đấng đời đời. Xem cách đã dịch ở DAN07:09

Được đưa đến trước mặt Ngài

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "họ đưa con người này đến trước mặt Đấng Thượng Cổ" hoặc "người đứng trước mặt Ngài"

Quyền thống trị, vinh quang và vương quyền được trao cho vị ấy

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vị trông giống như con người đó nhận lấy thẩm quyền cai trị, vinh quang và vương quyền"

Vương quyền

Ở đây chỉ về “thẩm quyền”.

Sẽ không qua đi ... sẽ không bao giờ bị hủy phá

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau.

Sẽ không bao giờ bị hủy phá

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "sẽ không ai hủy phá được"

Daniel 7:15

tâm linh tôi rầu rĩ trong tôi ... những khải tượng tôi nhìn thấy trong tâm trí làm tôi bối rối

Hai vế này mô tả cảm xúc của Đa-ni-ên. Vế thứ hai cho biết thêm thông tin về vế thứ nhất, giải thích về tâm linh rầu rĩ của ông.

tâm linh tôi rầu rĩ trong tôi

“Tâm linh tôi” ở đây chỉ về chính Đa-ni-ên. Cách dịch khác: "Tôi rất buồn rầu từ bên trong"

một trong những người đứng đó

Đây là một trong những loài trên trời đứng trước ngôi Đức Chúa Trời (bản UDB). Có thể là 1) đây là các thiên sứ, các linh phục vụ Đức Chúa Trời 2) đây là những người đã chết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

và hiện đang ở thiên đàng.

Tỏ cho tôi

"nói cho tôi" (bản UDB) hoặc "giải thích cho tôi"

Những điều đó

"những điều tôi đã thấy"

Daniel 7:17

Những con thú lớn đó, là bốn con

"Bốn con thú lớn đó"

là bốn vua

"tượng trưng cho bốn vua"

bốn vua sẽ dấy lên trên đất

Từ “trên đất” ở đây có nghĩa là họ là những con người thật. Cách dịch khác: "bốn vua cầm quyền trên đất"

Họ sẽ nắm giữ nó

"họ sẽ cai trị nó"

đời đời vô cùng

Một ý được lặp lại hai lần để nhấn mạnh rằng vương quốc này sẽ không bao giờ chấm dứt.

Daniel 7:19

Rất khủng khiếp

"rất đáng sợ"

giày đạp

"bước lên và nghiền nát"

mười cái sừng ở trên đầu nó

"mười cái sừng ở trên đầu của con thú thứ tư"

mọc lên và ba cái sừng rụng xuống trước nó

"mọc lên, và về ba cái sừng rụng xuống trước nó” hoặc “mọc lên, và về ba cái sừng vì nó mà rụng xuống”

ba cái sừng rụng xuống trước nó

“Rụng xuống” là phép chuyển ngữ mang ý nghĩa là nó bị diệt đi”. Cách dịch khác: "tiêu diệt ba cái sừng kia"

Cái miệng khoác lác

"miệng nó khoác lác" hoặc "miệng của cái sừng mới khoác lác"

có vẻ mạnh bạo hơn những sừng khác

Cái sừng có mắt và miệng dường như mạnh bạo hơn những cái sừng khác

Daniel 7:21

Cái sừng này

"cái sừng thứ tư này." Ở đây chỉ về cái sừng được mô tả ở DAN07:19

cho đến khi Đấng Thượng Cổ ngự đến, và sự phán xét được ban ra

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "cho đến khi Đấng Thượng Cổ ngự đến, đem sự phán xét"

Đấng Thượng Cổ

Danh hiệu này chỉ về Đức Chúa Trời để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng đời đời. Xem cách đã dịch ở DAN07:09

Những người thánh được nhận vương quốc

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời ban vương quốc của Ngài cho những người thánh của Ngài"

Daniel 7:23

Thông tin tổng quát:

Phần lớn câu 23-27 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng. Vì thế bản ULB trình bày chúng theo thể thơ ca.

Đây là điều người đó nói

Đây là người mà Đa-ni-ên lại gần DAN07:15

người đó nói

"người đó đáp"

Về con thú thứ tư ... về mười cái sừng

"Với con thú thứ tư ... Với mười cái sừng" hoặc "Bây giờ, về con thú thứ tư ... Bây giờ, về mười cái sừng"

Nó sẽ ăn nuốt ... thành từng mảnh

Câu này không có nghĩa là vương quốc thứ tư sẽ tiêu diệt trái đất mà nó sẽ tấn công cách hung bạo, chế ngự và tiêu diệt hết các vương quốc khác trên đất.

mười vua sẽ ra từ vương quốc đó

Họ sẽ lần lượt cai trị. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "mười vua sẽ lần lượt cai trị vương quốc thứ tư này"

sẽ có một vua khác nổi lên sau họ

Đây là một vị vua khác không nằm trong số mười vị vua kia. Có thể gọi là “vị vua thứ mười một”. Cách dịch khác: "sau đó vị vua thứ mười một sẽ trở nên hùng mạnh"

Vua ấy sẽ khác hẳn các vua trước

"Vua ấy sẽ khác hẳn mười vua kia"

Vua ấy sẽ đánh đổ ba vua

Vua ấy sẽ đánh đổ ba trong số mười vị vua ban đầu. Có thể nói rõ ba vua đó được tượng trưng bằng ba cái sừng bị rụng ra. Cách dịch khác: "vua ấy sẽ đánh bại ba vua được tượng trưng bằng ba cái sừng bị rụng ra" (bản UDB)

Daniel 7:25

Thông tin tổng quát:

Người trong khải tượng của Đa-ni-ên tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Thông tin tổng quát:

Phần lớn câu 23-27 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng. Vì thế bản ULB trình bày chúng theo thể thơ ca.

Vua nầy sẽ nói những lời xúc phạm Đấng Chí Cao

Câu này có nghĩa là vị vua mới sẽ công khải phản đối và nói xấu về Đấng Chí Cao.

Vua sẽ cố ... vào tay vua ấy

Từ “vua ấy” chỉ về vị vua mới chứ không phải Đấng Chí Cao.

Những người thánh

"Những người thánh của Đức Chúa Trời"

Thay đổi các kỳ lễ và luật pháp

Cả hai từ này đều chỉ về luật pháp Môi-se. Các kỳ lễ là phần quan trọng trong tôn giáo của Y-sơ-ra-ên thời Cựu Ước.

Những điều này sẽ bị phó vào tay vua ấy

“Tay vua ấy” chỉ về sự kiểm soát của vua. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vị vua mới sẽ kiểm soát các kỳ lễ tôn giáo và luật pháp"

Một năm, hai năm, và nữa năm

Có nghĩa là "ba năm rưỡi" (bản UDB). Đây không phải là cách tính thông thường của người Y-sơ-ra-ên. Cố gắng dịch sao cho giữ được cách tính này. Cách dịch khác: "một năm công hai năm cộng sáu tháng"

Tòa án sẽ được triệu tập

Có nghĩa là thẩm phán sẽ sẵn sàng điều tra chứng cứ và đưa ra xét xử. Cách dịch khác: "thẩm phán sẽ xét xử" hoặc "thẩm phán sẽ an tọa"

Họ sẽ tước đi vương quyền của nó

"các thành viên của tòa án sẽ tước đi vương quyền của vị vua mới"

Vương quyền

Ở đây chỉ về “thẩm quyền”. Xem cách đã dịch ở DAN07:13

Bị thiêu nuốt và hủy diệt đến cuối cùng

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "thiêu nuốt và hủy diệt nó đến cuối cùng" hoặc "và cuối cùng hủy diệt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vương quyền của nó hoàn toàn"

Daniel 7:27

Thông tin tổng quát:

Người trong khải tượng của Đa-ni-ên tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Thông tin tổng quát:

Phần lớn câu 23-27 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng. Vì thế bản ULB trình bày chúng theo thể thơ ca.

vương quốc và quyền thống trị ... sẽ được ban cho dân

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ ban vương quốc và quyền thống trị ... cho dân"

vương quốc và quyền thống trị

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng ở đây chỉ về mọi thẩm quyền chính thức.

sự vĩ đại của các vương quốc

Danh từ trừu tượng “sự vĩ đại” có thể được dịch thành tính từ “vĩ đại”. Cách dịch khác: "mọi điều vĩ đại về các vương quốc"

của các vương quốc ở dưới trời

Cụm từ “ở dưới trời” chỉ về các vương quốc trên đất. Cách dịch khác: "hết thảy các vương quốc trên đất"

Vương quốc của Ngài

"Vương quốc của Đấng Chí Cao"

vương quốc vĩnh cửu

"vương quốc tồn tại đời đời" hoặc "vương quốc không bao giờ tàn lụi"

Sự việc kết thúc tại đây

Câu này có nghĩa là Đa-ni-ên dừng phần mô tả về khải tượng ở đây. Cách dịch khác: "Đó là điều tôi nhìn thấy trong khải tượng của mình" (bản UDB) hoặc "Phần mô tả về điều tôi nhìn thấy trong khải tượng kết thúc ở đây"

Mặt tôi biến sắc

"mặt tôi tái nhợt"

Translation Questions

Daniel 7:1

Khi nào Đa-ni-ên nằm mơ và những cảnh tượng xảy ra trong tâm trí ông?

Đa-ni-ên nằm mơ và thấy những cảnh tượng khi nằm trên giường của ông vào năm thứ nhất Vua Bên-xát-sa xứ Ba-by-lôn.

Daniel 7:2

Đa-ni-ên thấy cảnh tượng gì đang khuấy động trên biển lớn?

Bốn cơn gió từ trời đang khuấy động trên biển lớn.

Daniel 7:3

Thứ gì đi lên từ biển?

Bốn con vật lớn, con này khác con kia đi lên từ biển.

Daniel 7:4

Con thú giống sư tử được ban cho điều gì?

Tâm trí con người được ban cho nó.

Daniel 7:5

Con vật giống con gấu đã nói làm gì?

Nó được nói là thức dậy và ăn nuốt nhiều người.

Daniel 7:6

Con vật như con báo được cho điều gì?

Nó được cho quyền cai trị.

Daniel 7:7

Con vật thứ tư đã làm gì?

Con vật thứ tư ngấu nghiến, cắn thành từng mãnh, và dẫm chân trên những gì còn lại.

Daniel 7:8

Đa-ni-ên thấy điều gì xảy ra với con vật thứ tư khi ông thấy sừng nó?

Đa-ni-ên thấy cái sừng nhỏ khác mọc giữa mười cái sừng khác. Ba cái sừng đầu tiên bị nhổ tận gốc. Đa-ni-ên thấy rằng cái sừng nhỏ có mắt như người và có miệng nói những điều khoác lác vô cùng.

Daniel 7:9

Ai ngồi trên một trong những ngai dựng sẵn?

Đấng Thượng cổ ngồi trên một trong những ngay.

Daniel 7:10

Đấng Thượng cổ đang chỉ đạo công việc gì?

Tòa bắt đầu phiên xử và các sách đều mở ra.

Daniel 7:11

Điều gì xảy ra với bốn con vật?

Con vật có sừng thích nói lời khoe khoang bị giết, xác nó bị hủy diệt và nó bị phó cho lửa đốt sạch. Ba con còn lại bị lấy đi quyền cai trị nhưng đời sống của chúng được kéo dài thêm một thời nữa.

Daniel 7:12

Điều gì xảy ra với bốn con vật?

Con vật có sừng thích nói lời khoe khoang bị giết, xác nó bị hủy diệt và nó bị phó cho lửa đốt sạch. Ba con còn lại bị lấy đi quyền cai trị nhưng đời sống của chúng được kéo dài thêm một thời nữa.

Daniel 7:13

Trong cảnh mộng của Đa-ni-ên, ai có mặt trong với Đấng Thượng cổ.

Một người đi tới đám mây trên trời như con người đến tới Đấng Thượng cổ.

Daniel 7:14

Điều gì được ban cho người này, là người "giống như con của con người?"

Quyền cai trị đời đời, vương quốc sẽ không bao giờ bị hủy diệt, vinh hiển và quyền uy được ban chi người này, là người "giống như con của con người".

Daniel 7:17

Đa-ni-ên nói bốn con vật trong cảnh mộng của ông tượng trưng cho điều gì?

Đa-ni-ên nói rằng bốn con vật là bốn vị vua nổi dậy từ đất.

Daniel 7:18

Ai nhận được nước và sở hữu nó mãi mãi?

The saints of the Most High will receive the kingdom and possess it forever and ever. Các Thánh của Đấng Chí Cao sẽ nhận nước và sở hữu nó mãi mãi muôn đời.

Daniel 7:23

Khi Đa-ni-ên hỏi người đang đứng ở đó về bốn con vật, người đó đã nói gì về bốn con vật và sẽ làm gì với trái đất?

Người đó nói rằng bốn con vật thứ tư là một vương quốc thứ tư và nó sẽ nuốt trọn trái đất, giẫm đạp và phá nó thành từng mảnh.

Daniel 7:24

Người đang đứng ở đó đã nói gì về mười cái sừng?

Người đang đứng gần đó nói rằng mười vị vua sẽ nổi dậy từ vương quốc thứ tư.

Daniel 7:25

Kẻ xúc phạm lại Đấng Chí Cao sẽ làm gì và điều gì sẽ kết thúc nó?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nó sẽ đàn áp dân thánh của Đấng Chí Cao. Nó sẽ cố thay đổi các ngày lễ và luật pháp. Nó sẽ cai trị trên những thứ này trong một, hai năm, và nửa năm nhưng uy quyền nó sẽ bị lấy đi để tiêu diệt và hủy hoại đến cuối cùng.
Daniel 7:26
Kẻ xúc phạm lại Đấng Chí Cao sẽ làm gì và điều gì sẽ kết thúc nó?
Nó sẽ đàn áp dân thánh của Đấng Chí Cao. Nó sẽ cố thay đổi các ngày lễ và luật pháp. Nó sẽ cai trị trên những thứ này trong một, hai năm, và nửa năm nhưng uy quyền nó sẽ bị lấy đi để tiêu diệt và hủy hoại đến cuối cùng.
Daniel 7:27
Nước và quyền cai trị dưới trời sẽ thuộc về ai?
Nó sẽ được ban cho những người thuộc về Đấng Chí Cao.
Daniel 7:28
Sự đáp lời của Đa-ni-ên với những cảnh mộng này là gì?
Đa-ni-ên hoảng hốt vô cùng và sự biến sắc thay đổi trên mặt ông, nhưng ông giữ gìn các cảnh mộng cho mình.

Chapter 8
Daniel 8:1
Thông tin tổng quát:
Chương 7 và 8 không nằm theo trật tự thời gian. Chúng xảy ra khi Bên-xát-sa còn làm vua, trước khi Đa-ri-út và Si-ru cai trị được nhắc đến ở chương 6.
Thông tin tổng quát:
Trong khải tượng của mình, Đa-ni-ên nhìn thấy những con vật là biểu tượng cho những điều khác nữa. Phần sau của khải tượng giải thích ý nghĩa của những biểu tượng đó.
Vào năm thứ ba
"Vào năm số ba"
Có một khải tượng hiện ra cho tôi (sau cái thứ nhất ... đầu tiên)
Đây là thông tin bối cảnh nhắc độc giả nhớ rằng đây là khải tượng thứ hai của Đa-ni-ên. Cách dịch khác: "có khải tượng thứ hai hiện ra cho tôi"
Bên-xát-sa
Đây là tên con trai vua Nê-bu-cát-nết-sa, người nối ngôi ông. Xem cách đã dịch ở DAN05:01
Kiên cố
Được canh gác và bảo vệ
Su-sơ ... Ê-lam ... kênh U-lai
Đây là những địa danh.
Kênh
Kênh là đường hẹp dẫn nước do con người tạo ra.
Daniel 8:3
một con chiên đực có hai sừng
 một con chiên đực có hai sừng Chiên đực thường có hai sừng. Tuy nhiên, những sừng này mang ý nghĩa biểu tượng.
Nhưng cái cao hơn ... vượt cao hơn
"nhưng cái dài hơn mọc chậm hơn cái ngắn, và từ cái ngắn hơn nó trở nên dài hơn cái kia"
tôi thấy con chiên đực tấn công
"Tôi thấy con chiên đực xông tới " hoặc "Tôi thấy con chiên đức chạy rất nhanh"
Giải thoát bất kì ai khỏi tay nó
Chiên đức không có tay. “Tay” ở đây chỉ về sức mạnh của con chiên đực. Cách dịch khác: "giải cứu bất kì ai khỏi nó" hoặc "giải cứu bất kì ai khỏi sức mạnh của nó"
Daniel 8:5
Băng qua khắp mặt đất
“Mặt” ở đây chỉ về bề mặt trái đất. Từ “khắp đất” là phép nói cường điệu có nghĩa là nó đến từ rất xa. Cách dịch khác: "từ rất xa, băng qua mặt đất"
Con dê đó có một cái sừng lớn giữa hai con mắt
Dê thường có hai sừng ở hai bên đầu. Cần phải giải thích hình ảnh ở đây. Cách dịch khác: "Con dê đó chỉ có một cái sừng lớn ở ngay giữa đầu"
tôi đã thấy con chiên đực đứng cạnh bờ kênh
Cụm từ này được thêm vào làm bối cảnh cho biết con chiên đực đang ở đâu.
Trong cơn thịnh nộ dữ dội
"vô cùng tức giận"
Daniel 8:7
giày đạp
Nghiền nát vật gì đó bằng cách giẫm lên nó
con chiên đực khỏi sức mạnh của nó
"con chiên đực khỏi con dê vì sức mạnh của nó"
Con dê trở nên cực kỳ to lớn
"con dê trở nên vô cùng lớn mạnh"
cái sừng lớn của nó bị gãy
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "điều gì đó đã bẻ gãy cái sừng lớn"
theo bốn ngọn gió trên trời
“Bốn ngọn gió trên trời” ở đây là lối nói chỉ về bốn hướng chính
Daniel 8:9
Nhưng trở nên rất lớn
"nhưng nó trở nên rất lớn"
phía nam, phía đông và miền đất xinh đẹp
Ở đây có thể là nó chỉ về những hướng đó. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "và chỉ về phía nam, rồi phía đông và về vùng đất xinh đẹp của Y-sơ-ra-ên" (bản UDB)
miền đất xinh đẹp
Đây là cách nói chỉ về vùng đất Y-sơ-ra-ên.
Nó trở nên quá lớn đến nỗi tham chiến
Ở đây cái sừng được nói như con người, tham gia vào chiến tranh.
một phần đạo quân ... bị ném xuống đất
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: Cái sừng ném một phần đạo quân và một số ngôi sao xuống đất"
Nó giày đạp lên chúng
Ở đây cái sừng được nói như con người giẫm đạp lên những ngôi sao và đạo quân.
Daniel 8:11
Nó trở nên rất lớn, đến nỗi như
Ở đây sừng của con dê được nói như thể một thủ lĩnh trở nên uy quyền. Cách dịch khác: "Cái sừng con dê trở thành thủ lĩnh uy quyền như"
tế lễ thiêu hằng hiến bị dẹp bỏ khỏi Ngài
“Dẹp bỏ” có nghĩa là không dâng nữa. Cái sừng được nói đến như một người cai trị. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Cái sừng ngăn không cho vua dâng tế lễ thiêu hằng hiến"
nơi thánh của Ngài bị ô uế
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "nó làm ô uế

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nơi thánh của Ngài"

Cái sừng đó sẽ quăng chân lý xuống đất

Có nghĩa là cái sừng sẽ phớt lờ chân lý và sự tin kính. Cái sừng được nói như một người cầm quyền. Cách dịch khác: "Cái sừng sẽ chối bỏ chân lý"

Daniel 8:13

đấng thánh

"thiên sứ"

Việc phó nơi thánh

"việc giao nộp nơi thánh"

Đạo quân trên trời bị giày đạp

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "cái sừng giày đạp đội quân trên trời"

2,300 buổi tối và buổi sáng

Ở đây “buổi tối và buổi sáng” là lối nói chỉ về toàn bộ khoảng thời gian ở giữa, có nghĩa là cả ngày. Cách dịch khác: "2,300 lúc mặt trời lặn và mặt trời mọc" hoặc "2,300 ngày"

nơi thánh sẽ được phục hồi

"đền thờ sẽ được thanh tẩy và lập lại trật tự" (bản UDB)

Daniel 8:15

Kênh U-lai

Kênh là cái mương do con người đào để giữ nước. Xem cách đã dịch ở DAN08:01

Tiếng của một người nam gọi

Ở đây người nam được chỉ đến bằng tiếng gọi của người đó. Cách dịch khác: "một người nam gọi từ kênh U-lai" (Xem:

Sấp mình xuống đất

Đây là hành động thờ phượng, người đó nằm dài trên đất.

thời kỳ cuối cùng

"Những ngày cuối cùng" hoặc "tân thế". Ở đây không chỉ về thời điểm cuối cùng nhưng chỉ về những sự kiện xảy ra ngay trước đó.

Daniel 8:18

giấc ngủ mê

Đây là giấc ngủ mê man, khó thức dậy.

kỳ thịnh nộ

Ở đây chỉ về thời điểm Đức Chúa Trời sẽ phán xét. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "thời kỳ Đức Chúa Trời phán xét trong tức giận"

Thời kỳ được ấn định cho sự cuối cùng

"thời kỳ thế giới kết thúc"

Daniel 8:20

Thông tin tổng quát:

Trong những câu này, thiên sứ giải thích cho Đa-ni-ên ý nghĩa biểu tượng của những điều ông nhìn thấy trong khải tượng. Những con thú và cái sừng tượng trưng cho các vua loài người hoặc các vương quốc.

hai sừng – chúng là

"hai sừng – chúng đại diện cho"

Các vua của Mê-đi và Phe-rơ-sơ

Có thể là 1) ở đây chỉ về các vua của Mê-đi và Phe-rơ-sơ hoặc 2) đây là phép hoán dụ, các vua tượng trưng cho vương quốc Mê-đi và Phe-rơ-sơ. Cách dịch khác: "các vương quốc Mê-đi và Phe-rơ-sơ"

Vua Gờ-réc

Có thể là 1) ở đây chỉ về vua Gờ-réc hoặc 2) đây là phép hoán dụ, vua tượng trưng cho vương quốc Gờ-réc. Cách dịch khác: "vương quốc Gờ-réc"

cái sừng lớn giữa hai con mắt là

"cái sừng lớn giữa hai con mắt tượng trưng cho"

Daniel 8:22

Thông tin tổng quát:

Trong những câu này, thiên sứ giải thích cho Đa-ni-ên ý nghĩa biểu tượng của những điều ông nhìn thấy trong khải tượng. Những cái sừng tượng trưng cho các vua loài người hoặc các vương quốc.

Về cái sừng bị gãy ... bốn cái khác mọc lên

"Chỗ cái sừng lớn bị gãy thì bốn cái khác mọc lên"

bốn vương quốc sẽ nổi lên từ quốc gia đó

Bốn cái sừng tượng trưng cho bốn vương quốc mới. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "chúng tượng trưng cho bốn vương quốc được chia ra từ vương quốc của vị vua thứ nhất"

nhưng không có sức mạnh lớn của vua đó

"nhưng chúng sẽ không có sức mạnh lớn như vị vua được đại diện bằng cái sừng dài"

Vào thời kỳ sau cùng của những vương quốc này

"Khi các vương quốc này đến hồi kết"

Đạt đến giới hạn

"đạt đến tột đỉnh" hoặc "đến mức cuối cùng"

mặt hung dữ

Mặt** - Ở đây có nghĩa là một người trông ngang ngạnh hay có vẻ sẽ không vâng phục.

Daniel 8:24

Thông tin tổng quát:

Trong những câu này, thiên sứ giải thích cho Đa-ni-ên ý nghĩa biểu tượng của những điều ông nhìn thấy trong khải tượng. Những con thú và cái sừng tượng trưng cho các vua loài người hoặc các vương quốc.

nhưng không bởi sức riêng của mình

Có thể nói ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "nhưng một người nào đó sẽ cho vua ấy sức mạnh"

Vua ấy làm các mưu gian dối được thịnh vượng

“Các mưu gian dối” được nói như một người được thịnh vượng. Cách dịch khác: "sự dối gạt sẽ gia tăng"

Dưới tay vua

Từ “tay” ở đây chỉ về sự cai trị của vua. Cách dịch khác: "dưới sự cai trị của vua"

Vua của các vua

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời.

Vua sẽ bị bẻ gãy

Từ “vua” ở đây chỉ về quyền lực của vua. Cách dịch khác: "sự cai trị của vua sẽ chấm dứt"

không bởi tay loài người

Từ “tay” chỉ về quyền lực. Có thể nói ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "không bởi quyền lực của con người" hay “bởi quyền lực thiên thượng”

Daniel 8:26

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục chỉ dẫn Đa-ni-ên về những khải tượng ông nhìn thấy.

Niêm phong khải tượng đó

Thiên sứ nói như thể khải tượng là cuộn sách có thể được đóng lại bằng dấu niêm phong bằng sáp. Việc này nhằm không cho ai nhìn thấy nội dung bên trong cho đến khi dấu niêm phong được mở ra. Cách dịch khác: "hãy đóng và niêm phong điều con đã viết về khải tượng này” hoặc “bây

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

giờ đừng nói cho ai biết về khải tượng này"

Daniel 8:27

kiệt sức và đau ốm trong nhiều ngày

"kiệt quệ và nằm trên giường bệnh nhiều ngày"

làm công việc cho vua

"làm công việc vua giao cho tôi"

Tôi rất bàng hoàng về khải tượng ấy

"Tôi kinh hoàng về khải tượng ấy" hoặc "Tôi rất bối rối về khải tượng đó"

Translation Questions

Daniel 8:1

Đa-ni-ên thấy cảnh mộng của mình vào lúc nào?

Đa-ni-ên thấy cảnh mộng thứ hai của mình vào năm thứ ba triều đại vua Bên-sát-xa.

Daniel 8:2

Đa-ni-ên thấy những cảnh mộng của mình ở đâu?

Đa-ni-ên ở trong thành kiên cố của Su-sơ, thuộc thành phố Ê-lam, cạnh kênh U-lai.

Daniel 8:3

Hai con vật gì mà Đa-ni-ên thấy trong cảnh mộng này?

Đa-ni-ên thấy một con cừu đực và một con dê đực trong cảnh tượng này.

Sừng của con cừu đực giống gì?

Một sừng của cừu đực dài hơn cái còn lại nhưng cái sừng ngắn hơn mọc lên trước cái sừng dài.

Daniel 8:4

Con cừu đực mạnh như thế nào?

Không con vật nào đứng trước con cừu đực. Cũng không gì giải cứu khỏi tay con cừu đực. Nó muốn làm điều gì nó muốn, và nó trở nên lớn mạnh.

Daniel 8:5

Con dê có kiểu sừng ra sao?

Con cừu chỉ có một cái sừng lớn ở giữa mắt nó.

Daniel 8:7

Con dê đã làm gì con cừu?

Con dê húc con cừu và bẻ gãy hai sừng của nó, hạ con cừu xuống đất và dẫm lên nó.

Daniel 8:8

Khi nào cái sừng lớn của con dê bị bẻ gãy, và cái gì mọc lên thay thế nó?

Bốn cái sừng lớn khác hướng theo gió bốn phương trời mà mọc thay thế cái đã bị gãy.

Daniel 8:9

Điều gì xảy ra với một trong bốn cái sừng của dê đực?

Từ một cái sừng mọc cái sừng khác, nhỏ hơn cái đầu, nhưng trở nên lớn ở phía nam, phía đông, và ở nơi đất vinh hiển của Y-sơ-ra-ên.

Daniel 8:10

Cái sừng này đã làm gì khi nó trở nên lớn?

Khi nó trở nên lớn thì nó gây chiến với đội quân trên trời.

Daniel 8:12

Tại sao đội quân bỏ qua sừng của con dê và của lễ thiêu ngừng lại?

Điều này sẽ xảy ra bởi vì cuộc nổi loạn.

Daniel 8:14

Những điều này còn lại bao lâu. cảnh tượng này về của lễ thiêu, tội lỗi đem đến sự hủy diệt, sự phó cho nơi thánh và đội quân trên trời đang dẫm lên?

INó sẽ còn lại trong 2,300 đêm và ngày.

Điều gì sẽ xảy ra sau 2,300 đêm và ngày?

Nơi thánh sẽ được sắp đặt.

Daniel 8:16

Ai đã nói để giúp Đa-ni-ên hiểu cảnh mộng?

Gáp-ri-ên đã nói để giúp Đa-ni-ên hiểu cảnh tượng.

Daniel 8:19

Cảnh mộng có vào lúc nào? Thời kỳ đó liên quan đến điều gì?

Cảnh mộng có vào thời kỳ của cơn thịnh nộ. Nó liên quan đến thời kỳ định trước cho tận thế.

Daniel 8:20

Con cừu đực hai sừng và con dê đực tượng trưng cho điều gì trong cảnh mộng của Đa-ni-ên?

Con cừu đực hai sừng là vua của Mê-đi và Ba Tư. Con dê đực là vua của Hy Lạp.

Daniel 8:21

Con cừu đực hai sừng và con dê đực tượng trưng cho điều gì trong cảnh mộng của Đa-ni-ên?

Con cừu đực hai sừng là vua của Mê-đi và Ba Tư. Con dê đực là vua của Hy Lạp.

Daniel 8:22

Bốn sừng tượng trưng cho điều gì, những cái sừng mọc xuất hiện ở chỗ sừng bị bẻ gãy?

Bốn cái sừng tượng trưng cho bốn nước sẽ nổi dậy từ các dân, tượng trưng cho cái sừng bị gãy.

Daniel 8:24

Vua có gương mặt dữ tợn và khôn lanh sẽ làm gì?

Ông sẽ gây ra sự phá hủy rộng lớn và thành công trong chuyện gì ông ta làm. ông sẽ hủy hoại dân có quyền, dân thánh.

Daniel 8:25

Vua có gương mặt dữ tợn và khôn lanh sẽ làm gì?

Ông sẽ gây ra sự phá hủy rộng lớn và thành công trong chuyện gì ông ta làm. ông sẽ hủy hoại dân có quyền, dân thánh. Ông sẽ khiến sự dối trá thành công dưới tay ông. Ông sẽ nổi dậy chống đối vua của các vua.

Điều gì sẽ xảy ra sau cùng với vua có mặt khôn lanh, dữ tợn?

He will be broken, but not by human power. Ông sẽ bị bẻ gãy, nhưng không do quyền lực con người.

Daniel 8:27

Cảnh mộng này ảnh hưởng tới Đa-ni-ên thế nào?

Đa-ni-ên bị kiệt sức và đau yếu trong nhiều ngày và vẫn thất kinh bởi cảnh mộng.

Chapter 9

Daniel 9:1

Thông tin tổng quát:

Chương 7 và 8 không nằm theo trật tự thời gian. Chúng xảy ra khi Bên-xát-sa còn làm vua. Đến đây chương 8 trở lại với những sự kiện dưới triều đại của Đa-ri-út, người lên làm vua ở chương 6.

Là A-suê-ru, người được lập làm vua cai trị vương quốc Ba-by-lôn

Đây là thông tin về bối cảnh cho biết vua A-suê-ru là ai. Bản UDB đặt phần này trong dấu ngoặc đơn để thể hiện điều này.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người được lập làm vua trên vương quốc người Ba-by-lôn
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người làm vua trên vương quốc người Ba-by-lôn" hoặc "người chinh phục Ba-by-lôn"
trên vương quốc
"trên đất nước" hoặc "trên xứ sở"
Phải mất bảy mươi năm cho đến lúc chấm dứt thời kỳ Giê-ru-sa-lem bị bỏ
"từ lúc Giê-ru-sa-lem bị hủy phá, nó sẽ hoang tàn suốt 70 năm"
Bị bỏ
Có nghĩa là không ai giúp đỡ hay xây lại Giê-ru-sa-lem trong thời gian đó
Daniel 9:3
Tôi hướng mặt về Chúa là Đức Chúa Trời
“Mặt” ở đây chỉ về sự tập chú của Đa-ni-ên. Cách dịch khác: "Tôi tập chú vào Chúa là Đức Chúa Trời" hoặc "Tôi hướng suy tư mình về Chúa là Đức Chúa Trời"
Để tìm kiếm Ngài
Những người muốn biết về Đức Giê-hô-va và làm vui lòng Ngài được nói như thể họ tìm kiếm Ngài theo nghĩa đen.
kiêng ăn, mặc áo tang và ngồi trong tro bụi
Đây là những hành động biểu tượng cho sự ăn năn và buồn rầu.
Tôi xưng ra tội chúng tôi
"Tôi xưng ra tội lỗi chúng tôi"
giữ giao ước và thành tín yêu thương những ai
"làm điều Ngài đã phán trong giao ước và Ngài giữ lời hứa sẽ yêu thương những ai"
Daniel 9:5
Thông tin tổng quát:
Đa-ni-ên tiếp tục cầu nguyện với Chúa về dân Y-sơ-ra-ên.
Chúng con đã phạm tội, làm điều sai quấy
Hai vế này diễn đạt cùng một ý bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh.
Chúng con đã ăn ở gian ác và chúng con đã phản loạn
Hai vế này diễn đạt cùng một ý bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh.
Các điều răn và luật lệ Ngài
“Điều răn” và “luật lệ” có ý nghĩa như nhau, chỉ về toàn bộ luật pháp.
Chúng con đã không nghe các đầy tớ Ngài
“Không nghe” có nghĩa là không vâng theo sứ điệp của họ. Cách dịch khác: "Chúng con đã không vâng theo sứ điệp của các tiên tri Ngài"
nhân danh Ngài mà nói
“Danh” ở đây chỉ về thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "nói với thẩm quyền của Ngài" hoặc "đại diện cho Ngài mà nói"
dân trong xứ
“Xứ” ở đây chỉ về Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "dân Y-sơ-ra-ên" (bản UDB)
Daniel 9:7
Thông tin tổng quát:
Đa-ni-ên tiếp tục cầu nguyện với Chúa về dân Y-sơ-ra-ên.
Lạy Chúa, sự công chính thuộc về Ngài
Danh từ trừu tượng “sự công chính” có thể được dịch thành một hành động. Cách dịch khác: "Lạy Chúa, Ngài hành động cách công chính"
Nhưng ngày nay, sự hổ mặt thuộc về chúng con – vì
Danh từ trừu tượng “sự hổ mặt” có thể dịch thành một động từ. Cách dịch khác: "Nhưng với chúng con, chúng con hổ thẹn về việc chúng con đã làm —"
Thuộc về chúng con
Từ “chúng con” bao gồm Đa-ni-ên và Y-sơ-ra-ên, không bao gồm Đức Chúa Trời.
sự hổ mặt thuộc về
Cách nói này có nghĩa là mọi người đều thấy sự hổ thẹn của họ.
Thuộc về
Có đặc điểm đó được nói như thể nó thuộc về người thể hiện đặc điểm đó.
Vì sự phản nghịch lớn chúng con đã phạm
"vì chúng con đã bội nghịch Chúa" hoặc "vì chúng con đã rất bất trung với Chúa" (bản UDB)
Daniel 9:9
Thông tin tổng quát:
Đa-ni-ên tiếp tục cầu nguyện với Chúa về dân Y-sơ-ra-ên.
Sự thương xót và tha thứ đều thuộc về Chúa là Đức Chúa Trời chúng con
Chúa có những đặc tính này được nói như thể chúng thuộc về Chúa. Cách dịch khác: "Chúa là Đức Chúa Trời chúng con đầy thương xót và tha thứ"
Chúng con đã không vâng theo tiếng Đức Giê-hô-va
“Tiếng” ở đây chỉ về mạng lệnh Đức Giê-hô-va truyền phán. Cách dịch khác: "Chúng con không vâng theo điều Đức Giê-hô-va phán chúng con phải làm"
Quay đi
“Quay đi” có nghĩa là Y-sơ-ra-ên không vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời nữa.
Được chép trong luật pháp Môi-se
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "mà Môi-se viết trong luật pháp"
đã đổ trên chúng con
Đầy dẫy lời nguyền rủa và thề nguyện được mô tả là chảy ra như nước. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Chúa đã giáng trên chúng con"
Daniel 9:12
Thông tin tổng quát:
Đa-ni-ên tiếp tục cầu nguyện với Chúa về dân Y-sơ-ra-ên.
Khắp dưới trời ... điều đã xảy ra cho Giê-ru-sa-lem
Đa-ni-ên đang cường điệu hóa để thể hiện sự đau buồn khôn xiết của ông về Giê-ru-sa-lem. Có nhiều thành phố cũng đã bị tiêu diệt hoàn toàn.
Chưa từng làm điều gì
"chưa từng có điều gì"
Việc đã xảy ra cho Giê-ru-sa-lem
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "việc Chúa đã làm cho Giê-ru-sa-lem"
Như đã được chép trong luật pháp Môi-se
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Như Môi-se đã chép trong luật pháp"
Xoay bỏ sự gian ác mình
Ngừng làm việc ác được nói như thể xoay khỏi chúng. Cách dịch khác: "ngừng làm việc ác"
Đức Giê-hô-va đã giữ sẵn tai họa ấy
"Đức Giê-hô-va đã chuẩn bị tai họa này"
chúng con không chịu vâng theo tiếng Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“Tiếng” ở đây chỉ về những điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán. Cách dịch khác: "chúng con không làm điều Ngài phán dặn chúng con"
Daniel 9:15
dùng bàn tay quyền uy
“Bàn tay quyền uy” là phép hoán dụ chỉ về quyền năng. Cách dịch khác: "dùng quyền năng lớn"
Ngài đã làm cho danh Ngài lừng lẫy như ngày nay
"Ngài đã làm cho muôn dân biết Ngài vĩ đại thế nào, cũng như ngày nay"
Chúng con vấn phạm tội; chúng con đã làm những điều gian ác
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh tội lỗi tệ hại thế nào.
chúng con đã phạm tội, chúng con đã làm điều gian ác
Đa-ni-ên và Y-sơ-ra-ên phạm tội, làm những điều gian ác, từ “chúng con” không bao gồm Đức Chúa Trời.
Cơn tức giận và thịnh nộ của Ngài
“Tức giận” và “thịnh nộ” căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh cơn giận kinh khiếp của Đức Chúa Trời khi Ngài nổi giận.
núi thánh Ngài
Có thể đây là núi thánh vì đền thờ của Đức Chúa Trời ở tại đó. Cách dịch khác: "núi đặt đền thờ thánh của Ngài"
tội lỗi của chúng con ... tổ phụ chúng con
Từ “của chúng con” chỉ về Đa-ni-ên và Y-sơ-ra-ên, không bao gồm Đức Chúa Trời.
Đối tượng để khinh miệt
"nỗi sỉ nhục"
Daniel 9:17
Bây giờ
Ở đây không có nghĩa là “ngay lúc này” nhưng là một cách để thể hiện phần tiếp theo trong lời cầu nguyện của Đa-ni-ên sắp bắt đầu.
đầy tớ Ngài ... lời khẩn nguyện người
Từ “đầy tớ Ngài” và “người” chỉ về Đa-ni-ên. Ông nói về mình ở ngôi thứ ba để thể hiện sự tôn trọng đối với Đức Chúa Trời.
lời khẩn nguyện
"lời cầu xin ơn thương xót"
xin chiếu sáng mặt Ngài trên
Tác giả gọi việc Đức Giê-hô-va ban ơn là mặt Ngài chiếu ra ánh sáng. Cách dịch khác: "nhân lành cho"
Nơi thánh của Ngài
Ở đây chỉ về đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.
Xin mở tai Ngài và nghe
“Mở tai” có nghĩa là lắng nghe. Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mong ước của Đa-ni-ên muốn Đức Chúa Trời lắng nghe lời cầu nguyện của ông. Cách dịch khác: "xin hãy lắng nghe"
Xin mở mắt Ngài và xem
“Mở mắt” có nghĩa là nhìn xem. Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mong ước của Đa-ni-ên muốn Đức Chúa Trời chú ý đến lời cầu nguyện của ông. Cách dịch khác: "xin chú ý đến chúng con" hoặc "xin lưu tâm"
Được gọi bằng danh Ngài
“Danh” ở đây tượng trưng cho quyền làm chủ. Cách dịch khác: "là thành của Ngài" hoặc "thuộc về Ngài"
xin chớ trì hoãn
Có thể nói ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "xin mau hành động"
Daniel 9:20
dân Y-sơ-ra-ên tôi
"dân Y-sơ-ra-ên mà tôi thuộc về"
núi thánh của Đức Chúa Trời
Có thể nhờ đền thờ mà đây là núi thánh. Cách dịch khác: "núi đặt đền thánh của Đức Chúa Trời"
Gáp-ri-ên, là người
Đây cũng chính là thiên sứ Gáp-ri-ên hiện ra trong hình người ở DAN08:15
trong khải tượng đầu tiên
Ở đây chỉ về khải tượng đầu tiên Đa-ni-ên nhìn thấy trong lúc ông đang thức. Cách dịch khác: "trong khải tượng trước" hoặc "trong khải tượng tôi nhìn thấy trước đó" hoặc "trong một khải tượng trước đó"
bay nhanh đến bên tôi
"bay nhanh xuống chỗ tôi"
vào giờ dâng sinh tế buổi chiều
Người Do Thái dâng sinh tế cho Đức Chúa Trời vào mỗi buổi chiều ngay trước khi mặt trời lặn.
Daniel 9:22
Thông sáng và hiểu biết
“Thông sáng” và “hiểu biết” có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh Gáp-ri-ên sẽ giúp Đa-ni-ên hiểu rõ sứ điệp.
Lệnh được ban ra
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã truyền lệnh"
Xem xét lời này
Từ “lời” chỉ về toàn bộ sứ điệp. Cách dịch khác: "nghĩ về sứ điệp này"
khải tượng
Ở đây chỉ về lời tiên tri của Giê-rê-mi ở DAN09:01
Daniel 9:24
Bảy mươi nhân bảy năm được ấn định cho dân ngươi và thành thánh ngươi để
Đức Chúa Trời ấn định Ngài sẽ làm những điều trong câu này cho dân chúng và thành thánh.
Bảy mươi nhân bảy năm ... bảy nhân bảy ... và sáu mươi hai nhân bảy
Hai tuần lễ** - Đây không phải là cách tính thông thường của Y-sơ-ra-ên. Cố gắng dịch sao cho giữ được cách dùng số bảy ở đây. Cách dịch khác: "Bảy mươi lần bảy năm ... bảy lần bảy năm ... và sáu mươi hai lần bảy năm"
dân ngươi và thành thánh ngươi
Từ “ngươi” ở đây chỉ về Đa-ni-ên. Dân ở đây là dân Y-sơ-ra-ên và thành thánh là thành Giê-ru-sa-lem.
chấm dứt sự vi phạm và tiêu trừ tội lỗi
Cùng một ý được lặp lại để nhận mạnh điều này chắc chắn sẽ xảy ra.
Làm khải tượng được ứng nghiệm
“Làm ứng nghiệm” là làm hoàn tất. Cách dịch khác: "làm thành khải tượng"
khải tượng và lời tiên tri
Trong ngữ cảnh ở đây thì hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau. Chúng chỉ rõ cho Đa-ni-ên biết rằng khải tưởng của Giê-rê-mi thực chất là một lời tiên tri.
biết và hiểu
Hai từ này được dùng chung để nhấn mạnh tính quan trọng. Cách dịch khác: "Ngươi phải hiểu rõ" hoặc "Ngươi phải biết chắc"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đấng chịu xức dầu
Xức dầu là hành động mang tính biểu tượng cho thấy người đó được chọn. Cách dịch khác: "Đấng Đức Chúa Trời xức dầu" hoặc "người Đức Chúa Trời chọn"
Bảy nhân bảy ... và sáu mươi hai nhân bảy
Hai nhân bảy** - Cộng lại là 69 trong số 70 nhân bảy được nói ở câu 24.
Giê-ru-sa-lem sẽ được xây lại
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ xây lại Giê-ru-sa-lem"
chiến hào
Một cái hào sâu xung quanh thành phố hay tòa nhà, thường có nước ở trong
Thời kỳ khó khăn
"thời kỳ hoạn nạn lớn"
Daniel 9:26
sáu mươi hai nhân bảy
Hai nhân bảy** - Đây không phải là cách tính thông thường của Y-sơ-ra-ên. Cố gắng dịch sao cho giữ được cách dùng số bảy ở đây. Xem cách đã dịch ở DAN09:24
Đấng chịu xức dầu sẽ bị giết hại và sẽ không có gì cả
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người ta sẽ giết Đấng chịu xức dầu và ngài sẽ không có gì cả"
Đấng chịu xức dầu
Xức dầu là hành động mang tính biểu tượng cho thấy người đó được chọn. Xem cách đã dịch ở DAN09:24
một thủ lĩnh sắp đến
Đây là một thủ lĩnh ngoại quốc, không phải “Đấng được xức dầu”. Cách dịch khác: "một thủ lĩnh ngoại quốc" hoặc "một thủ lĩnh hùng mạnh sẽ đến"
Sự cuối cùng sẽ đến như nước lụt
Đội quân sẽ phá hủy thành và nơi thánh giống như một cơn lụt phá hủy mọi thứ.
cảnh hoang tàn đã được ấn định
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã định sự hoang tàn cho thành và nơi thánh" hoặc "Đức Chúa Trời đã ấn định rằng quân thù sẽ phá hủy mọi thứ"
Daniel 9:27
Người sẽ ... người sẽ
Ở đây chỉ về người thủ lĩnh sắp đến, là người sẽ giết Đấng được xức dầu.
Một nhân bảy ... nửa chừng
“Bảy” ở đây được dùng để chỉ về một khoảng thời gian là bảy năm. Cách dịch khác: "bảy năm ... giữa chừng của khoảng thời gian bảy năm"
Dừng
"ngừng" hoặc "tạm nghỉ"
sinh tế và tế lễ
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Việc lặp lại này cho thấy người thủ lĩnh sẽ ngăn chặn mọi hình thức tế lễ. Cách dịch khác: "mọi loại tế lễ" hoặc "mọi loại của dâng"
cánh của những điều ghê tởm
Ở đây có thể chỉ về những thiết kế phòng thủ đặt phía trên bờ tường của đền thờ, nó được gọi là “những điều ghê tởm” vì trên đó đầy những hình tượng. Cách dịch khác: "những bức tường của đền thờ đầy những sự ghê tởm"
kẻ gây nên cảnh hoang tàn
"kẻ phá hủy hoàn toàn"
Kỳ cuối cùng và hủy diệt được ấn định đổ xuống trên
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã ấn định sẽ đổ xuống kỳ cuối cùng và hủy diệt"
Kỳ cuối cùng và hủy diệt
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Chúng nhấn mạnh sự hủy diệt sẽ nghiêm trọng và tàn phá hoàn toàn. Cách dịch khác: "Sự hủy phá hoàn toàn"
kẻ gây nên cảnh hoang tàn
"kẻ gây ra sự phá hủy"

Translation Questions

Daniel 9:1
A-suê-ru là vua cai trị trên vương quốc nào?
Ông là vua cai trị trên vương quốc của Ba-by-lon.
Daniel 9:2
Đa-ni-ên đã quan sát thấy gì từ việc học lời Chúa phán với tiên tri Giê-rê-mi?
Ông quan sát rằng sự từ bỏ Giê-ru-sa-lem sẽ chấm dứt sau bảy mươi năm.
Daniel 9:3
Đa-ni-ên đã tìm kiếm Chúa như thế nào?
Đa-ni-ên tìm kiếm Chúa bằng sự cầu nguyện và nài xin, kiêng ăn, mặc vải gai, ngồi chỗ tro.
Daniel 9:4
Đa-ni-ên thấy điều gì đầu tiên khi ông đi đến với Chúa bằng sự cầu nguyện?
Đa-ni-ên xưng tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên.
Daniel 9:6
Các tiên tri nhân danh Chúa mà nói về ai?
Các tiên tri nói về các vua, các lãnh đạo, các tổ phụ, và mọi dân trên đất.
Daniel 9:8
Tại sao sự xấu hổ thuộc về vẻ mặt của dân Y-sơ-ra-ên?
Sự xấu hổ thuộc về mặt họ bởi vì họ phạm tội chống nghịch Chúa.
Daniel 9:11
Điều gì đã đổ ra trên dân Y-sơ-ra-ên bởi tội lỗi của họ?
Sự rủa sả và thề nguyện được viết trong Luật Môi-se, đầy tớ của Chúa, đã đổ ra trên họ.
Daniel 9:12
Đức Giê-hô-va chứng thực những lời Ngài phán nghịch cùng Y-sơ-ra-ên và những kẻ cai trị như thế nào?
Đức Giê-hô-va chứng thực những lời của Ngài và đem trên Y-sơ-ra-ên và những kẻ cai trị của họ tai họa lớn.
Daniel 9:13
Đa-ni-ên nói gì khi dân Y-sơ-ra-ên đã không cầu xin Chúa tỏ lòng thương xót?
Đa-ni-ên nói rằng họ đã không từ bỏ tội lỗi của họ và đã không chú ý đến lẽ thật của Chúa.
Daniel 9:16
What did Daniel say was the reason the Lord God should forgive Israel?
Đa-ni-ên nói lý do Chúa hãy tha thứ cho dân Y-sơ-ra-ên là gì?
Daniel said the Lord should forgive Israel because of the Lord's righteous deeds. Đa-ni-ên nói Chúa hãy tha thứ cho dân Y-sơ-ra-ên bởi vì những việc công chính của Chúa.
Daniel 9:21
Gáp-ri-ên đến với Đa-ni-ên vào lúc nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Gáp-ri-ên đến với Đa-ni-ên vào lúc dâng lễ buổi chiều khi ông đang cầu nguyện.
Daniel 9:22
Tại sao Gáp-ri-ên đến gặp Đa-ni-ên?
Gáp-ri-ên đến ban cho Đa-ni-ên sự sáng suốt và sự hiểu biết.
Daniel 9:24
Tại sao bảy mươi bảy năm lại được ấn định cho dân của Đa-ni-ên và thành thánh của ông?
Bảy mươi bảy năm được ấn định để kết thúc tội lỗi, định tội, chuộc tội, đem đến sự công bình đời đời, ứng nghiệm khải tượng và sự tiên tri.
Daniel 9:25
Bao nhiêu lâu giữa việc ban ra mệnh lệnh và tu sửa Giê-ru-sa-lem đến việc xuất hiện của người được xức dầu thánh?
Bảy lần bảy và sáu mươi hai lần bảy sẽ trôi qua giữa hai sự kiện..
Daniel 9:26
Khi nào người xức dầu bị diệt?
Người sẽ bị diệt sau sáu mươi hai lần bảy năm.
Daniel 9:27
Kẻ sẽ sắp cai trị sẽ làm gì?
Ông ta sẽ lập giao ước với nhiều người trong một tuần. Trong giữa tuần thứ bảy, ông ta sẽ chấm dứt đồ cúng và của lễ.
Điều gì sẽ diễn ra cho kẻ tàn phá?
Kết thúc trọn vẹn và sự hủy diệt được ấn định cho kẻ đó.

Chapter 10
Daniel 10:1
Năm thứ ba đời vua Si-ru
"Năm thứ 3 triều vua Si-ru"
Một sứ điệp được mặc khải cho Đa-ni-ên
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời mặc khải sứ điệp của Ngài cho Đa-ni-ên"
Sự thông sáng
"sự hiểu biết"
Daniel 10:2
Không ăn cao lương mỹ vị
Không ăn những thức ăn đắc tiền và hiếm có. Cách dịch khác: "không ăn những món ưa thích"
Cho đến trọn ba tuần lễ
"cho đến hết ba tuần lễ"
Daniel 10:4
Ngày thứ hai mươi bốn tháng thứ nhất
bốn tháng thứ nhất** - Đây là tháng thứ nhất của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ hai mươi bốn nhằm vào giữa tháng tư của lịch phương Tây.
Đai thắt quanh lưng
"và người đeo thắt lưng"
U-pha
U-pha là một địa danh chưa xác định được vị trí
Mình người như hoàng ngọc
Mình người lấp lánh ánh xanh dương hay vàng như thể được làm bằng hoàng ngọc. Cách dịch khác: "mình người lấp lánh như hoàng ngọc"
hoàng ngọc
Đá quý màu xanh dương hay vàng, còn được gọi là lục ngọc thạch, ngọc thạch vàng lục hay kim lục thạch.
mặt người như ánh chớp
Mặt người sáng chói như tia chớp phát sáng. Cách dịch khác: "mặt người phát sáng như ánh chớp"
đôi mắt người như ngọn đuốc cháy rực
Đối mắt người phát sáng như ngọn đuốc cháy rực. Cách dịch khác: "đôi mắt người sáng như có ngọn đuốc trong đó"
đôi tay và đôi chân người như đồng đánh bóng
Đôi tay và đôi chân người sáng bóng như được làm bằng đồng đánh bóng. Cách dịch khác: "Đôi tay và đôi chân người sáng bóng như đồng đánh bóng phản chiếu ánh sáng"
Tiếng người nói như tiếng đám đông lớn
Tiếng người lớn như thể một đám đông đang nói ồn ào. Cách dịch khác: "tiếng người lớn như một đám đông lớn cùng la lên"
Daniel 10:7
Tôi chỉ có một mình và nhìn thấy
"Không có ai ở cạnh tôi và tôi thấy"
Vẻ tươi tỉnh của tôi hóa ra tàn tạ
Có thể nói ở dạng chủ động. "vẻ tươi tỉnh của tôi trở nên tàn tạ"
Vẻ tươi tỉnh của tôi
Câu này mô tả gương mặt tươi tỉnh của một người. Cách dịch khác: "mặt mày tươi tỉnh của tôi"
Tàn tạ
Mặt tái xanh, phờ phạc được ví như một tòa nhà đổ nát. Cách dịch khác: "tái xanh"
Tôi nghe những lời của người
Câu này ngụ ý rằng có người nói trong khải tượng. Có thể nói rõ điều này. Cách dịch khác: "Tôi nghe những lời của ai đó đang nói."
Tôi ngủ mê đi, nằm sấp mặt xuống đất
Đa-ni-ên sợ hãi trước điều ông nhìn thấy đến nỗi có lẽ ông cố ý nằm xuống đất, sau đó ông ngất đi. Hoặc có thể là ông ngất đi rồi sau đó ngã xuống đất.
Daniel 10:10
một bàn tay chạm vào tôi
Đây là phép hoán dụ, tay của một người tượng trưng cho chính người đó, có thể là người mà Đa-ni-ên nhìn thấy ở DAN10:04
Hỡi Đa-ni-ên, người rất được yêu quý
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Hỡi Đa-ni-ên, người Đức Chúa Trời rất yêu quý"
rất được yêu quý
Rất được quý trọng và yêu mến
Daniel 10:12
Hãy cố hiểu
"hãy chú tâm để hiểu khải tượng"
Những lời ngươi đã được lắng nghe
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã nghe lời của ngươi"
Thống lĩnh
Ở đây chỉ về một thần linh có thẩm quyền trên một vương quốc loài người. Cách dịch khác: "thần linh thống lĩnh"
các vua Phe-rơ-sơ
Ở đây có thể chỉ về các vua khác nhau cai trị trên các nước

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thuộc đế quốc Phe-rơ-sơ và phải vâng phục vua Phe-rơ-sơ.
Daniel 10:14
Thông tin tổng quát:
Thiên sứ tiếp tục nói cùng Đa-ni-ên.
tôi cúi mặt xuống đất
"Tôi nhìn xuống đất." Có thể là Đa-ni-ên làm như vậy để thể hiện sự hạ mình tôn kính hoặc là vì ông sợ hãi.
Daniel 10:16
Một vị giống như các con trai loài người
Câu này có thể chỉ về vị vừa nói với Đa-ni-ên. Tuy nhiên, có một số bản dịch là chỉ về một người khác. Cách dịch khác: "Vị này trông giống như con người"
giống như các con trai loài người
Ở đây câu này chỉ về loài người nói chung. Cách dịch khác: "giống như con người"
đau đớn
Cảm giác rất đau đớn
Tôi là đầy tớ của chúa. Làm thế nào tôi có thể thưa chuyện với chủ tôi được?
Đa-ni-ên hỏi câu này có ý muốn nói rằng ông không thể thưa chuyện cùng thiên sứ vì ông không ngang bằng với thiên sứ. Có thể gộp hai câu này làm một. Cách dịch khác: "Tôi không thể đáp lời chúa vì tôi chỉ là đầy tớ của chúa"
Chẳng còn hơi thở nào trong tôi nữa
Câu này chỉ về việc hít thở. Cách dịch khác: "Tôi không thể thở nổi" hoặc "Tôi rất khó thở" .
Daniel 10:18
vị có hình dạng người nam
"một vị trông giống như con người"
Bây giờ hãy mạnh mẽ, hãy mạnh mẽ
Từ “hãy mạnh mẽ” được lặp lại để nhấn mạnh.
người rất được yêu quý
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người Đức Chúa Trời rất yêu quý"
Tôi được mạnh sức
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Tôi trở nên mạnh mẽ"
Daniel 10:20
Thống lĩnh của Phe-rơ-sơ
"Thống lĩnh" chỉ về một thần linh cai trị và canh giữ một vương quốc loài người. Cách dịch khác: "thần linh thống lĩnh của Phe-rơ-sơ." Xem cách đã dịch ở DAN10:12
Nhưng ta sẽ báo cho ngươi biết
Câu này ngụ ý rằng thiên sứ sẽ nói ngay cho Đa-ni-ên biết điều này, trước khi rời đi. Cách dịch khác: "Nhưng trước tiên ta sẽ nói cho ngươi biết"
những gì đã được chép trong Sách Chân Lý
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "những gì Sách Chân Lý chép" hoặc "những gì người ta chép trong Sách Chân Lý"
Tỏ ra mạnh mẽ
"chứng tỏ mình mạnh mẽ"
ngoại trừ Mi-ca-ên, thống lĩnh của các ngươi
Vế này có thể được nói thành một câu riêng. Cách dịch khác: "Mi-ca-ên, thống lĩnh của các ngươi là người duy nhất làm việc đó"
trừ Mi-ca-ên, thống lĩnh của các ngươi
Từ “của các ngươi” ở dạng số nhiều, chỉ về Đa-ni-ên và toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Mi-ca-ên, thống lĩnh của dân ngươi"
thống lĩnh
Xem cách đã dịch từ này khi chỉ về Mi-ca-ên ở DAN10:12

Translation Questions

Daniel 10:1
Sứ điệp được bày tỏ cho Đa-ni-ên trong năm thứ ba của Vua Si-ru, xứ Ba Tư là gì?
Sứ điệp này nói về chiến tranh lớn.
Làm thế nào Đa-ni-ên hiểu được sứ điệp?
Đa-ni-ên hiểu được sứ điệp bởi vì ông đã thông suốt từ khải tượng.
Daniel 10:5
Đa-ni-ên đã thấy ai trong cảnh mộng?
Ông đã thấy một người mặc vải lanh có thắt vàng quanh lưng.
Daniel 10:6
Người đàn ông trong khải tượng của Đa-ni-ên giống điều gì?
Thân thể của người như hoàng ngọc, mặt của người như tia chớp, mắt của người, tay và chân của ông như đồng sáng bóng, và tiếng nói của người như tiếng đám đông.
Daniel 10:8
Đa-ni-ên đã đáp lời thế nào khi ông thấy khải tượng lớn và nghe những lời của người đàn ông?
Nét mặt hớn hở của Đa-ni-ên thay đổi thành sợ hãi, và không sức mạnh nào còn lại trong ông. Ông ngã sắp mặt xuống đất.
Daniel 10:9
Đa-ni-ên đã đáp lời thế nào khi ông thấy khải tượng lớn và nghe những lời của người đàn ông?
Nét mặt hớn hở của Đa-ni-ên thay đổi thành sợ hãi, và không sức mạnh nào còn lại trong ông. Ông ngã sắp mặt xuống đất.
Daniel 10:12
Thiên sứ được sai đến với Đa-ni-ên khi nào?
Thiên sứ được sai đến vào ngày đầu Đa-ni-ên chuyên tâm để hiểu và hạ mình trước Chúa.
Daniel 10:13
Tại sao thiên sứ mất hai mươi mốt ngày mới đến với Đa-ni-ên?
The angel was detained by the prince of the kingdom of Persia who resisted him. Thiên sứ bị ngăn trở bởi hoàng tử nước Ba Tư, Người chống lại ông.
Daniel 10:14
Khi nào những sự kiện của khải tượng xảy ra?
Khải tượng xảy ra vào những ngày cuối, những ngày sắp tới.
Daniel 10:16
Đa-ni-ên nói gì khi khải tượng đã đến với ông?
Đa-ni-ên nói khải tượng đã đem lại nỗi thống khổ cho ông và ông không còn sức và không còn hơi thở.
Daniel 10:17
Đa-ni-ên nói gì khi khải tượng đã đến với ông?
Đa-ni-ên nói khải tượng đã đem lại nỗi thống khổ cho ông và ông không còn sức và không còn hơi thở.
Daniel 10:18
Kẻ xuất hiện như con người đã làm gì để thêm sức cho Đa-ni-ên?
Kẻ giống như con người chạm vào Đa-ni-ên để thêm sức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cho ông.

Daniel 10:20

Kẻ trông giống như con ngươi nói rằng ông làm gì sau khi ông rời khỏi Đa-ni-ên?

Ông nói rằng ông trở lại chiến đấu với hoàng tử Ba Tư.

Daniel 10:21

Kẻ trông như con người nói với Đa-ni-ên những gì ông sắp nói?

Ông nói ông sẽ cho Đa-ni-ên biết những điều được viết trong sách sự thật.

Chapter 11

Daniel 11:1

Thông tin tổng quát:

Từ Đa-ni-ên 11:1 đến 12:4, vị đang nói với Đa-ni-ên ở chương 10 tiếp tục nói cho ông biết điều được viết trong sách chân lý. Đây là việc vị ấy đã nói ở DAN10:20

năm thứ nhất đời vua Đa-ri-út

Đa-ri-út là vua của Mê-đi. “Năm thứ nhất” chỉ về năm đầu tiên ông làm vua. Cách dịch khác: "Vào năm thứ nhất triều vua Đa-ri-út"

Ba vua sẽ dấy lên ở Phe-rơ-sơ

"Ba vua sẽ cai trị trên Phe-rơ-sơ"

Vua thứ tư sẽ giàu có hơn tất cả các vua khác

"sau họ vị vua thứ tư sẽ nắm quyền, có nhiều tiền của hơn ba vua trước"

Quyền

Có thể là 1) thẩm quyền hoặc 2) quyền lực quân sự

Vua ấy sẽ xúi dục mọi người

"sẽ làm cho mọi người muốn gây chiến"

Daniel 11:3

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

một vua hùng mạnh sẽ dấy lên

Cách nói dấy lên hay đứng lên được dùng cho những người trở nên hùng mạnh. Cách dịch khác: "Một vua hùng mạnh sẽ bắt đầu cai trị"

Sẽ cai trị một vương quốc rất lớn

Có thể là 1) phạm vi vương quốc sẽ rất lớn hoặc 2) vua sẽ cai trị vương quốc người với quyền lực hùng cường.

Vương quốc của vua sẽ bị tan rã và phân chia

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vương quốc của vua sẽ tan rã và phân chia" hoặc "Vương quốc của vua sẽ tan rã"

Bốn ngọn gió từ trời

Xem cách đã dịch ở DAN07:01

chứ không được truyền lại cho con cháu

Tức là không được phân chia lại. Cách dịch khác: "chứ không được phân chia cho con cháu của người" hoặc "chứ không được chia bởi con cháu người"

Vương quốc vua sẽ bị nhổ tận gốc và trao cho những người khác không thuộc dòng dõi vua

Vương quốc này được ví như một cái cây bị người ta diệt đi bằng cách nhổ gốc lên. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "một thế lực khác sẽ nhổ tận gốc và hủy diệt vương quốc của vua, và những người khác không thuộc dòng dõi vua sẽ lên cai trị"

Daniel 11:5

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

một trong các tướng lãnh của vua sẽ lớn mạnh hơn vua và sẽ cai trị vương quốc với sức mạnh lớn

Một tướng lãnh của vua phương Nam sẽ trở thành vua phương Bắc.

Họ sẽ liên minh với nhau

Vua phương Nam sẽ liên minh với vua phương Bắc. Sự liên minh này có thể là một hiệp ước mà cả hai phải tuân theo. Cách dịch khác: "vua phương Nam và vua phương Bắc hứa hẹn sẽ liên kết với nhau."

Con gái của vua phương Nam sẽ đến ... để xác nhận hiệp ước

Vua phương Nam sẽ gả con gái cho vua phương Bắc. Hôn nhân này sẽ xác nhận cho hiệp ước giữa hai vua.

Sức lực của tay nàng ... tay nàng

“Tay” ở đây chỉ về quyền lực.

Nàng sẽ bị phế bỏ

Ở đây có vẻ chỉ về âm mưu giết nàng và bên liên minh. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Họ sẽ phế bỏ nàng."

Daniel 11:7

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Một chồi cùng gốc với công chúa

Gia đình này được ví như một cái cây. Rễ tượng trưng cho các tổ phụ và chồi tượng trưng cho một hậu tự. Cách dịch khác: "một hậu tự của tổ phụ nàng" hoặc "một trong số các con cháu nàng"

gốc với công chúa

Từ “công chúa” ở đây chỉ về con gái của vua phương Nam ở DAN11:05

Vua ấy sẽ tấn công quân đội

Từ “vua ấy” chỉ về hậu tự của công chúa, ở đây cũng chỉ về quân đội của vua ấy. Cách dịch khác: "Vua ấy và quân đội của người sẽ tấn công quân đội của vua phương Bắc"

Vua ấy sẽ đánh họ

Từ “họ” ở đây chỉ về quân lính của quân thù. Cách dịch khác: "Vua ấy sẽ đánh quân thù"

Nhưng vua ấy sẽ rút về

Từ “vua ấy” chỉ về vua phương Bắc.

Daniel 11:10

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Các con trai của vua

"Các con trai của vua phương Bắc"

Tập hợp một quân đội lớn

"triệu tập nhiều người có thể chiến đấu"

Sẽ làm ngập lụt mọi thứ

Quân đội lớn sẽ tràn khắp xứ như nước lụt. Cách dịch khác: "sẽ rất đông đảo đến nỗi phủ sắp xứ"

Daniel 11:11

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Sẽ dấy lên một đội quân lớn

"sẽ tập hợp một đội quân lớn"

Quân đội sẽ bị rơi vào tay vua

“Tay” ở đây chỉ về sự kiểm soát của vua phương Nam.

X

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Phương Nam. Cách dịch khác: "vua sẽ đầu hàng quân đội của vua phương Nam"

Đội quân sẽ bị đem đi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vua phương Nam sẽ bắt lấy quân đội của phương Bắc"

Sẽ được cất lên

Được cất lên chỉ về việc trở nên rất kiêu ngạo. Cách dịch khác: "sẽ trở nên rất kiêu ngạo"

Sẽ khiến hàng vạn quân ngã xuống

Ngã xuống ở đây chỉ về việc chết trong chiến trận. Cách dịch khác: "sẽ cho quân lính giết hàng ngàn quân thù" hoặc "sẽ giết hàng ngàn quân thù"

Hàng vạn

"hàng ngàn"

Daniel 11:13

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

một đoàn quân hùng hậu được trang bị rất đầy đủ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "đội quân hùng hậu, trang bị rất đầy đủ"

Daniel 11:14

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

nhiều người nổi lên chống lại vua

Ở đây việc nổi lên chỉ về việc dấy loạn. Cách dịch khác: "nhiều người sẽ dấy loạn cùng vua"

Các con cái của kẻ hung bạo

Ở đây chỉ về những người hung bạo.

Chúng sẽ vấp ngã

Ở đây vấp ngã chỉ về việc thất bại. Cách dịch khác: "họ sẽ không thành công"

Daniel 11:15

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Vua phương Bắc sẽ đến

Ở đây từ “vua phương Bắc” bao gồm cả quân đội của ông. Cách dịch khác: "Đội quân của vua phương Bắc sẽ đến"

Đổ đất đắp gò bao vây

Ở đây chỉ về việc tạo ra những đống đất cho quân lính lên tới bờ tường thành để tấn công vào. Quân lính và các nô lệ sẽ đổ đất vào giỏ, đem đến đúng vị trí rồi đổ nó ra đắp thành những gò đất.

Vua phương Bắc sẽ ... đổ đất

"Vua phương Bắc" ở đây chỉ về những quân lính trong quân đội của vua, họ là những người thật sự làm việc để đắp gò bao vây. Cách dịch khác: "Các quân lính của vua phương Bắc sẽ đổ đất đắp gò bao vây."

Công sự

Tường và những công trình khác được xây dựng để bảo vệ cho thành phố hay phòng thủ trước quân thù.

Sẽ không thể đứng nổi

Đứng ở đây chỉ về khả năng chiến đấu. Cách dịch khác: "sẽ không thể đủ sức chiến đấu lại chúng"

Người sẽ làm theo ý mình nghịch cùng vua kia

"vua xâm lược sẽ làm những gì mình muốn nghịch cùng vua kia"

Vua sẽ đứng trong

Đứng ở đây chỉ về sự cai trị. Cách dịch khác: "Vua sẽ bắt đầu cai trị"

Vùng đất xinh đẹp

Ở đây chỉ về vùng đất của Y-sơ-ra-ên. Xem cách đã dịch ở DAN08:09

Sự phá hủy sẽ ở trong tay vua ấy

Ở đây “sự phá hủy” chỉ về sức mạnh để phá hủy. Ở đây sức mạnh phá hủy được nói như thể một vật mà người ta có thể nắm trong tay. Cách dịch khác: "vua ấy sẽ có sức mạnh phá hủy mọi thứ"

Daniel 11:17

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Định tâm

"quyết định"

Đến với sức mạnh

Có thể ở đây chỉ về sức mạnh quân sự. Cách dịch khác: "đến với toàn bộ lực lượng quân đội của mình"

con gái của một phụ nữ

Đây là cách lịch sự để nói “một phụ nữ”. Xem:

sẽ chấm dứt thái độ kiêu căng của vua

"sẽ làm cho vua phương Bắc thôi kiêu căng"

Sẽ làm cho tính kiêu căng của vua đổ lại trên vua

"sẽ làm cho vua phương Bắc phải chịu khổ vì đã kiêu ngạo với người khác"

Vua sẽ chú ý

"vua phương Bắc sẽ chú ý"

Vua sẽ chẳng được tìm thấy

Đây là cách nói vua sẽ chết. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "vua sẽ biến mất" hoặc "vua sẽ chết"

Daniel 11:20

Có người sẽ dấy lên vào vị trí của vua ấy

Dấy lên vào vị trí của vua chỉ về việc lên ngôi thay cho vua trước. Cách dịch khác: "một người khác sẽ trở thành vua phương Bắc thay cho vua đó"

Sẽ sai người thu thuế đi khắp

Người thu thuế sẽ đi khắp xứ, bắt người ta phải đóng thuế. Cách dịch khác: "sẽ sai người bắt người ta đóng thuế"

Một kẻ bị khinh miệt mà người ta không trao vương quyền

Người ta sẽ không thừa nhận người làm vua vì không thuộc dòng dõi nhà vua. Cách dịch khác: "một người mà người ta sẽ khinh thường và không tôn làm vua"

Người sẽ bị đập vỡ

Ở đây từ “người” chỉ về vị vua mới. Bị đập vỡ tức là bị chết. Cách dịch khác: "vị vua mới sẽ chết"

Nhưng không vì oán giận

Có thể là 1) không ai oán giận vua, hoặc 2) nguyên do cái chết của vua được giữ kín.

Một đội quân sẽ bị cuốn đi như nước lụt trước mặt vua ấy

Bị cuốn đi tượng trưng cho việc bị tiêu diệt. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Quân đội của vua ấy sẽ tiêu diệt hoàn toàn một đạo quân lớn như nước lụt phá hủy mọi thứ chắn đường nó" .

Cả đội quân ấy và thủ lĩnh của giao ước đều sẽ bị tiêu diệt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "vua ấy sẽ tiêu diệt đội quân đó và thủ lĩnh của giao ước"

thủ lĩnh của giao ước

Cụm từ này chỉ về người giữ vị trí quan trọng nhất trong tôn giáo mà Đức Chúa Trời đòi hỏi trong giao ước của Ngài, đây là thầy tế lễ thượng phẩm

Daniel 11:23

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ lúc liên minh được lập cùng vua ấy
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Khi những thống lĩnh khác lập hòa ước cùng vua ấy"
Sẽ chia nhau giữa các thuộc hạ
"sẽ phân phát cho các thuộc hạ"
chiến lợi phẩm, những đồ vật đã cướp được và của cải
"những thứ giá trị mà vua và đội quân của vua lấy được từ dân họ đã đánh bại"
Daniel 11:25
Vua sẽ đánh thức sức mạnh và lòng mình
Sức mạnh và lòng
Lòng
Ở đây tượng trưng cho sự can đảm.
sẽ nghênh chiến
"sẽ đánh lại vua đó"
bằng một dạo quân đông đúc
"bằng một dạo quân đông đúc mà vua triệu tập"
Vua ấy sẽ không đứng nỗi
Không đứng nỗi trượng trưng cho việc bị đánh bại. Cách dịch khác: "Vua phương Nam sẽ bị đánh bại" hoặc "quân đội của vua ấy sẽ bị đánh bại"
những kẻ ăn đồ ngon của vua
Ở đây chỉ về những cố vấn của vua. Những cố vấn đáng tin tưởng nhất của vua thường được ăn cùng với vua. Cách dịch khác: "những cố vấn thân tín nhất của vua"
Đạo quân của vua sẽ bị quét sạch như cơn nước lụt
Ở đây ví việc một đội quân bị đánh bại như thể nước lụt quét sạch họ đi. Cách dịch khác: "Kẻ thù sẽ tiêu diệt đội quân của vua hoàn toàn" hoặc "Kẻ thù sẽ tiêu diệt đội quân của vua hoàn toàn như nước lụt phá hủy mọi thứ cản đường nó"
Nhiều người ngã xuống và bị giết
“Ngã xuống” chỉ về việc chết trong chiến trận, vì thế “ngã xuống” và “bị giết” căn bản có ý nghĩa như nhau. Cách dịch khác: "nhiều binh lính của vua sẽ chết trong chiến trận"
Lòng toan mưu ác hại nhau
Ở đây “lòng” chỉ về ước muốn. Ước muốn được ví như một đồ vật mà người ta có thể đặt vào một chỗ. Cách dịch khác: "mỗi vua đều quyết làm điều ác hại nhau"
Sẽ ngồi cùng một bàn
Ngồi cùng một bàn chỉ về việc nói chuyện với nhau.
Nhưng không ích gì
"nhưng cuộc nói chuyện chẳng giúp ích gì cho họ"
vì sự cuối cùng sẽ đến vào thời điểm đã được ấn định
Câu này cho biết vì sao cuộc gặp gỡ của họ không thành công. Cách dịch khác: "Kết quả cho việc làm của họ chỉ đến vào thời điểm Đức Chúa Trời đã ấn định"
Daniel 11:28
lòng vua quyết định chống lại giao ước thánh
Ở đây chỉ về ước muốn của vua chống lại giao của Đức Chúa Trời giữa Y-sơ-ra-ên. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "vua sẽ quyết tâm chống lại giao ước thánh"
Lòng vua
Chỉ về mong muốn của vua.
Giao ước thánh
Từ “thánh” mô tả về giao ước của Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên. Điều này ngụ ý rằng giao ước phải được tôn trọng và vâng giữ vì nó đến từ chính Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "Giao ước của Đức Chúa Trời mà cả dân Y-sơ-ra-ên phải vâng giữ"
chống lại giao ước thánh
Lòng vua muốn nghịch cùng giao ước chỉ về việc ông muốn ngăn chặn việc Y-sơ-ra-ên vâng giữ giao ước. Cách dịch khác: "ngăn chặn việc Y-sơ-ra-ên vâng giữ giao ước thánh"
Vua sẽ hành động
Câu này ngụ ý rằng vua sẽ có những hành động cụ thể trong Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Vua sẽ làm điều mình muốn ở Y-sơ-ra-ên"
Daniel 11:29
Tàu bè từ Kít-tim sẽ đến nghịch cùng vua
Tàu bè tượng trưng cho đội quân kéo đến trên những tàu bè đó. Cách dịch khác: ""một đội quân từ Kit-tim sẽ đi tàu đến đánh đội quân của vua" "
Kít-tim
Ở đây có thể chỉ về một vùng trên đảo Chíp-rơ ở Biển Địa Trung Hải.
Vua sẽ phẫn nộ
"Vua sẽ trở nên vô cùng giận dữ"
Sẽ ưu ái những kẻ
"sẽ thiên vị những kẻ" hoặc "sẽ giúp đỡ những kẻ"
Daniel 11:31
Đội quân của vua sẽ dấy lên
"Đội quân của vua sẽ xuất hiện" hoặc "Đội quân của vua sẽ đến." Từ “của vua” chỉ về vua phương Bắc.
Nơi thánh là thành lũy
"nơi thánh người ta dùng làm thành lũy"
Chúng sẽ dẹp bỏ tế lễ thiêu hằng hiến
Dẹp bỏ tế lễ chỉ về việc ngăn cản dân chúng dâng tế lễ. Cách dịch khác: "Chúng sẽ ngăn các thầy tế lễ dâng tế lễ thiêu hằng hiến"
điều ghê tởm gây ra cảnh hoang vu
Ở đây chỉ về một hình tượng sẽ khiến cho đền thờ hoang vu, tức là nó sẽ khiến cho Đức Chúa Trời lìa bỏ đền thờ. Cách dịch khác: "hình tượng ghê tởm sẽ khiến Đức Chúa Trời lìa bỏ đền thờ" hoặc "vật ghê tởm sẽ khiến đền thờ bị ô uế"
Làm ác nghịch cùng giao ước
"gian ác không vâng giữ giao ước"
Quyến dụ họ
"thuyết phục họ làm ác"
những người nhận biết Đức Chúa Trời
Ở đây “nhận biết” có nghĩa là “trung tín”. Cách dịch khác: "những người trung tín với Đức Chúa Trời của mình"
Sẽ mạnh mẽ và hành động
"sẽ vững vàng và chống lại chúng"
Daniel 11:33
Họ sẽ vấp ngã
“Vấp ngã” ở đây chỉ về việc trải qua một tai họa nào đó, kể cả là cái chết.
Họ
Ở đây chỉ về những người khôn ngoan trong Y-sơ-ra-ên.
gươm đao
“Gươm đao” ở đây chỉ về những cuộc chiến và chiến tranh. Cách dịch khác: "họ sẽ chết trong chiến trận."
Và bởi ngọn lửa
“Ngọn lửa” tượng trưng lửa. Cách dịch khác: "và bị thiêu đến chết"
Bị tù đày

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"bị làm nô lệ"

Bị cướp bóc

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "kẻ thù của họ sẽ cướp lấy tài sản của họ"

Họ được giúp đỡ rất ít

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "những người khác sẽ giúp đỡ họ rất ít"

Nhiều người sẽ giả hình mà theo họ

Ở đây chỉ về những người sẽ giả vờ giúp đỡ những người khôn ngoan, nhưng họ không thật lòng muốn làm vậy.

Theo

“Theo” ở đây tượng trưng cho việc “đến giúp đỡ”. Cách dịch khác: "sẽ đến giúp đỡ họ"

Một số người khôn ngoan sẽ vấp ngã

“Vấp ngã” ở đây chỉ về việc trải quả một tai họa nào đó, kể cả cái chết.

Để sự luyện lọc sẽ xảy ra cho họ

Từ “để” có nghĩa là “dẫn đến kết quả”. Cách dịch khác: "dẫn đến kết quả là sự luyện lọc sẽ xảy ra cho họ"

sự luyện lọc sẽ xảy ra cho họ, thanh tẩy và tinh chế

Ba việc này được nói ở đây như thể những đồ vật. Tuy nhiên có thể diễn đạt chúng thành những hành động ở thể chủ động hoặc bị động. Cách dịch khác: "họ sẽ được luyện lọc, thanh tẩy và tinh chế” hoặc “sự chịu khổ của họ sẽ luyện lọc, thanh tẩy và tinh chế họ"

Một số người khôn ngoan sẽ vấp ngã ... cho đến lúc chấm dứt

Sự đau khổ này sẽ tiếp tục cho đến lúc Đức Chúa Trời quyết định nó được chấm dứt.

Luyện lọc

Ở đây chỉ về việc tinh chế kim loại bằng cách đun chảy nó trong lửa. Khi Đức Chúa Trời làm cho dân Ngài trung thành hơn với Ngài thì nó được nói như thể họ là những kim loại được người thợ làm cho tinh luyện hơn bằng cách cho vào lửa.

Thanh tẩy

Ở đây chỉ về việc làm cho một người, địa điểm hay đồ vật phù hợp cho Đức Chúa Trời sử dụng bằng cách tách chúng ra khỏi tội lỗi và những điều xấu xa khác. Nó ví tội lỗi như sự dơ bẩn về vật lý cần phải được loại bỏ bằng cách rửa sạch.

Tinh chế

Ý này cũng tương tự như luyện lọc, đã được nói ở trên. Kim loại được luyện lọc cũng có thể gọi là được tinh chế.

Thời kỳ cuối cùng

"những ngày cuối cùng" hoặc "tân thế." Xem cách đã dịch ở DAN08:15

Thời kỳ được ấn định sẽ đến

“Thời ký ấn định” ở đây ngụ ý rằng Đức Chúa Trời đã ấn định thời gian đó. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va đã ấn định thời gian trong tương lai"

Daniel 11:36

Vua ấy sẽ làm theo ý mình

"Vua ấy sẽ làm điều mình muốn"

Vua

Ở đây chỉ về vua phương Bắc.

Tự cao tự đại và tôn mình

Cụm từ “tự cao tự đại” và “tôn mình” có ý nghĩa như nhau, cho thấy rằng vua sẽ trở nên rất kiêu ngạo.

Tự cao tự đại

Ở đây chỉ về việc trở nên rất kiêu ngạo.

Tôn mình

Ở đây chỉ về việc tở ra mình rất quan trọng và quyền lực.

Những điều kinh ngạc

"những điều ghê tởm" hoặc "những điều không thể ngờ"

cho đến khi cơn thịnh nộ được đầy đủ

Cụm từ này mô tả Đức Chúa Trời chất chứa cơn thịnh nộ của Ngài cho đến khi nhà kho đầy kín và Ngài sẽ theo đó mà hành động. Cách dịch khác: "cho đến khi Đức Chúa Trời vô cùng tức giận với vua ấy" hoặc "cho đến khi Đức Chúa Trời đủ tức giận để ra tay nghịch cùng vua ấy"

Đức Chúa Trời của các thần

Ở đây chỉ về một Đức Chúa Trời chân thật. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời tối cao" hoặc "Đức Chúa Trời duy nhất chân thật"

thần mà phụ nữ sùng bái

Ở đây có vẻ chỉ về thần ngoại giáo tên là Tham-mu.

Daniel 11:38

thần của các thành lũy

Có thể vua tin rằng vị tà thần này có thể giúp ông tấn công vào thành lũy của người khác mà giữ được thành lũy của mình. Cách dịch khác: "thần kiểm soát các thành lũy"

Thay vào đó

Từ “đó” chỉ về các thần được nhắc đến ở DAN11:36

Vua sẽ phân chia đất đai làm của thưởng

Có thể là 1) “vua sẽ ban đất làm phần thưởng cho những ai theo mình” hoặc 2) “vua sẽ bán đất cho những người theo mình”

Daniel 11:40

thời kỳ cuối cùng

"những ngày cuối cùng” hoặc “tận thế”. Xem cách đã dịch ở DAN08:15

Vua phương Nam ... vua phương Bắc

Những cụm từ này chỉ về các vua và đội quân của họ. Cách dịch khác: "vua phương Nam và đội quân của ông ... vua phương Bắc và đội quân của ông"

Sẽ tấn công ồ ạt

Tấn công dữ dội với một đạo quân được ví như một trận bão ấp đến. Cách dịch khác: "sẽ tấn công vua ấy như bão dữ tợn" hoặc "sẽ tấn công vua ấy kịch liệt"

Ngập lụt họ

Một đạo quân càng quét qua một đất nước được nói như thể một trận lụt kéo đến. Xem cách đã dịch ở DAN11:10

Càng quét qua

Không gì có thể ngăn được đạo quân. Cách dịch khác: "sẽ càng quét qua xứ mà không ai ngăn được"

Vùng đất xinh đẹp

Ở đây chỉ về vùng đất của Y-sơ-ra-ên. Xem cách đã dịch ở DAN08:09

Sẽ ngã xuống

Ngã xuống tức là chết. Cách dịch khác: "sẽ chết"

Nhưng những dân này sẽ thoát khỏi tay vua ấy

“Tay” chỉ về quyền lực. Cách dịch khác: "Nhưng những dân này sẽ thoát khỏi quyền lực của vua ấy" hoặc "Nhưng vua ấy sẽ không thể tiêu diệt được những nước này"

Daniel 11:42

Thông tin tổng quát:

Ở đây vẫn đang nói về vua phương Bắc.

Vua ấy sẽ dang tay trên các xứ sở

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“Tay” chỉ về quyền lực và sự kiểm soát. Cách dịch khác: "Vua sẽ mở rộng sự kiểm soát của mình trên những xứ sở khác nhau"

trên các xứ sở

Tức là nhiều vùng đất hay những xứ sở khác nhau.

Đất Ai Cập sẽ không được cứu thoát

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đất Ai Cập sẽ không thoát khỏi"

Dân Li-by và Ê-thi-ô-pi sẽ theo bước chân vua ấy

“Bước chân” ở đây chỉ về sự phục tùng. Cách dịch khác: "Dân Li-by và Ê-thi-ô-pi sẽ phải phục vụ vua ấy"

Dân Li-by và Ê-thi-ô-pi

"Dân của Li-by và Ê-thi-ô-pi." Li-by là đất nước ở phía tây của Ai Cập, Ê-thi-ô-pi là đất nước ở phía nam của Ai Cập.

Daniel 11:44

Thông tin tổng quát:

Ở đây vẫn tiếp tục nói về vua phương Bắc.

Vua sẽ phẫn nộ đi ra

Danh từ trừu tượng “phẫn nộ” có thể được thể hiện bằng từ “tức giận”. Có thể nói rõ vua sẽ đi ra với quân đội của mình. Cách dịch khác: "vua sẽ rất tức giận và đi ra" hoặc "vua sẽ rất tức giận và sẽ đem quân đi ra"

Đi ra

Ở đây tượng trưng cho việc tấn công kẻ thù.

Đem nhiều người ra tiêu diệt

"tiêu diệt nhiều người"

lều trại hoàng gia

Ở đây chỉ về lều sang trọng của vua khi vua đóng trại cùng với quân đội của mình trong thời chiến.

giữa biển và núi thánh vinh quang

Ở đây có thể chỉ về khu vực nằm giữa biển Địa Trung Hải và núi nơi đền thờ được xây dựng ở Giê-ru-sa-lem.

núi thánh vinh quang

Ở đây chỉ về ngọn đồi ở Giê-ru-sa-lem, nơi đặt đền thờ của Đức Chúa Trời. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở DAN09:15

Translation Questions

Daniel 11:2

Làm thế nào vị vua thứ tư ở Ba Tư có quyền lực?

Ông ta sẽ có quyền lực nhờ sự giàu có.

Vị vua Ba Tư thứ tư khích động mọi người chống lại vương quốc nào?

Ông ta khiêu khích mọi người chống lại nước Hy Lạp.

Daniel 11:4

Vương quốc của vua quyền năng sẽ không được ban cho ai?

Vương quốc đó sẽ không được trao cho chính dòng dõi của vua đó.

Daniel 11:5

Who will make an alliance? Ai sẽ lập sự liên minh?

The king of the South and one of his commanders who will become a king of the North will make an alliance. Vua ở phía Nam và một trong những chỉ huy sẽ thành một vị vua phía Bắc sẽ lập sự liên minh.

Daniel 11:6

Ai sẽ lập sự liên minh?

Vua ở phía Nam và một trong những chỉ huy sẽ thành một vị vua phía Bắc sẽ lập sự liên minh.

Ai sẽ đến xác nhận sự liên minh giữa vua phía Nam và vua phía Bắc?

Con gái của vị vua phía Nam sẽ đến gặp vua phía Nắc để xác nhận hiệp định.

Daniel 11:7

What will the branch from the daughter of the king of the South do to the king of the North? Dòng họ của công chúa ở phía Nam sẽ làm gì với vua phía Bắc?

He will attack the army and enter the fortress of the king of the North and conquer them. Họ sẽ tấn công đội quân và vào trong pháo đài của vua phía Bắc để xâm chiếm.

Daniel 11:10

What will the sons of the king of the North do? Con trai của vị vua phía Bắc sẽ làm gì?

They will wage war and assemble a great army. They will overflow like a flood, pass through, and repeat the assault all the way to the fortress of the king of the South. Họ sẽ tiến hành cuộc chiến tranh và tụ họp thành đội quân lớn. Họ sẽ tràn qua như cơn lũ, băng qua, quay lại tổng công kích bằng mọi cách vào các pháo đài của vua phía Bắc.

Daniel 11:11

Vua phía Nam làm gì để đáp trả cuộc tấn công của hai con trai của vua phía Bắc?

Vua phía Nam sẽ giận dữ bước ra và đánh nhay với vua phía Bắc.

Ai chiến thắng trận này giữa phía Bắc và phía Nam?

Vua phía Nam thắng trận chiến đó.

Daniel 11:12

Ai thắng trận chiến này giữa phía Bắc và phía Nam?

Vua phía Nam thắng trận chiến đó.

Daniel 11:13

Vài năm sau, vua phía Bắc sẽ làm gì?

Ông ta chắc sẽ đến chiêu mộ đội quân lớn khác được trang bị nhiều thiết bị.

Daniel 11:14

Trong thời gian đó ai nổi lên chống lại vị vua phía Nam?

Trong thời gian đó nhiều người nổi dậy chống lại vua phía Nam kể cả những người dữ tợn nhất của Đa-ni-ên.

Daniel 11:15

Điều gì xảy ra lần này khi vua phía Bắc tấn công vua phía Nam?

Vua phía Nam sẽ không thể chống lại lại ông ta. Vua phía Bắc sẽ làm mọi điều ông ta muốn để chống lại vị vua phía Nam.

Daniel 11:16

Điều gì xảy ra lần này khi vua phía Bắc tấn công vua phía Nam?

Vua phía Nam sẽ không thể chống lại lại ông ta. Vua phía Bắc sẽ làm gì ông ta muốn chống lại vị vua phía Nam.

Daniel 11:17

Tại sao vua phía Bắc cưới con gái của vua phía Nam?

Vua phía Bắc sẽ làm điều này để hủy diệt vương quốc phía Nam.

Daniel 11:18

Điều gì xảy ra với vua phía Bắc này?

Một người chỉ huy sẽ chấm dứt sự láo xược của vua phía Bắc và sẽ khiến sự láo xược của ông ta không thể chống lại. Ông ta sẽ sẩy chân và té ngã; và sẽ không tìm thấy.

Daniel 11:19

Điều gì xảy ra với vua phía Bắc này?

Một người chỉ huy sẽ chấm dứt sự láo xược của vua phía Bắc và sẽ khiến sự láo xược của ông ta không thể chống lại.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ông ta sẽ sẩy chân và té ngã; và sẽ không tìm thấy.
Daniel 11:20
Kẻ nổi dậy trong nơi của vua phía Bắc sẽ làm gì?
Ông ta sẽ ép đóng thuế để cung cấp cho sự huy hoàng của vương quốc.
Điều gì sẽ xảy ra cho người ép đóng thuế này?
Chỉ trong vài ngày ngắn thì kẻ đó sẽ bị hủy diệt, nhưng không ở trong cơn giận hoặc trong chiến trận.
Daniel 11:21
Một người bị xem thường đã không được trao vinh dự hoàng gia để có quyền lực sẽ thế nào?
Ông ta đợi đến lúc yên ổn và sẽ tiếp quản vương quốc bằng sự xu nịnh.
Daniel 11:23
Vua bị xem thường này sẽ làm gì một khi khối liên minh được ông ta tạo ra?
Trong lúc khối liên minh được dựng nên, ông ta sẽ làm việc dối trá.
Daniel 11:25
Điều gì xảy ra khi vua gian dối này tiến đánh vua miền Nam?
Vua miền Nam sẽ không chống lại vua gian dối bởi vì mọi âm mưu chống nghịch lại ông.
Daniel 11:27
Tại sao vua phía Bắc và vua phía Nam ngồi cùng bàn và nói dối với nhau?
Họ sẽ dối trá với nhau bởi vì điều ác xúi giục chống lại nhau.
Daniel 11:28
Lòng của vua phía Bắc chống lại điều gì?
Lòng của ông sẽ chống lại giao ước thánh.
Daniel 11:30
Cơn thịnh nộ của vua phía Bắc chống lại giao ước thánh tự tỏ ra thế nào?
Vua phía Bắc sẽ nổi cơn thịnh nộ của mình chống lại giao ước thánh bằng cách bày tỏ đặc ân cho những kẻ từ bỏ giao ước thánh.
Daniel 11:33
Điều gì xảy ra với người khôn ngoan?
Những ngày đó người khôn sẽ ngã xuống bởi gươm kiếm và lửa, họ sẽ bị bắt làm tù nhân và cướp của cải. Khi họ vấp ngã sẽ nhận được vài sự giúp đỡ.
Daniel 11:34
Điều gì xảy ra với người khôn ngoan?
Những ngày đó người khôn sẽ ngã xuống bởi gươm kiếm và lửa, họ sẽ bị bắt làm tù nhân và cướp của cải. Khi họ vấp ngã sẽ nhận được vài sự giúp đỡ.
Daniel 11:35
Tại sao một số người khôn ngoan ngã xuống?
Một số người sẽ ngã xuống để họ được tinh luyện, thanh lọc và thánh khiết đến khi thời hạn kết thúc.
Daniel 11:36
Ai sẽ tâng bốc vị vua gian trá phía Nam này?
Ông ta tự tâng bốc và tán dương chính mình trên các thần; kể cả Đức Chúa Trời của các thần, các thần của tổ phụ ông ta, các thần phụ nữ sùng bái.
Daniel 11:37
Ai sẽ tâng bốc vị vua gian trá phía Nam này?
Ông ta tự tâng bốc và tán dương chính mình trên các thần; kể cả Đức Chúa Trời của các thần, các thần của tổ phụ ông ta, các thần phụ nữ sùng bái.
Daniel 11:39
Vua gian trá phía Bắc này sẽ làm gì với những người biết ông ta?
Ông ta sẽ ban vinh hiển cho những kẻ biết ông ta. Ông ta sẽ khiến họ cai trị trên nhiều người.
Daniel 11:41
Vào thời kì cuối điều gì sẽ xảy ra khi vua phía Bắc đi vào đất thành?
Vào lúc đó hàng ngàn người Y-sơ-ra-ên sẽ sẩy chân và ngã.
Ai sẽ thoát khỏi tay của vị vua phía Bắc?
Những người từ Ê-đôm và Mô-áp, và những người còn lại cũa Am-môn sẽ thoát khỏi tay ông ta.
Daniel 11:42
Vua phía Bắc này sẽ mở rộng quyền lực trên những nước nào?
Vua phía Bắc này sẽ mở rộng quyền lực trên Ai Cập, Li-by, và Ê-thi-ô-pi.
Daniel 11:43
Vua phía Bắc này sẽ mở rộng quyền lực trên những nước nào?
Vua phía Bắc này sẽ mở rộng quyền lực trên Ai Cập, Li-by, và Ê-thi-ô-pi.
Daniel 11:44
Vua phía Bắc này sẽ làm gì khi có tin từ phương đông và phương Bắc cấp báo?
Ông ta sẽ đi ra cùng cơn thịnh nộ khủng khiếp và trút xuống nhiều sự hủy diệt.
Daniel 11:45
Vua phía Bắc này sẽ dựng lều trại cho cung điện mình ở đây?
Ông ta sẽ dựng lều trại cho cung điện mình ở giữa biển và nơi núi thánh xinh đẹp.
Ai sẽ giúp vua phía Bắc vào lúc cuối?
Vua phía Bắc đi đến sự cuối cùng và không còn ai giúp ông ta.

Chapter 12
Daniel 12:1
Thông tin tổng quát:
Thiên sứ tiếp tục chỉ dẫn cho Đa-ni-ên. Được bắt đầu ở DAN10:20
đại thân vương Mi-ca-ên
Mi-ca-ên là thiên sứ trưởng. Ở đây Mi-ca-ên còn được trao danh hiệu là “đại thân vương”.
Dân ngươi sẽ được cứu
Đức Chúa Trời hành động cứu dân chúng. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ cứu dân ngươi"
Những ai có tên được chép trong sách
Đức Chúa Trời chép vào sách. Cách dịch khác: "những ai có tên Đức Chúa Trời đã chép trong sách" hoặc "những ai có tên trong sách"
Dân ngươi sẽ được cứu
Ở đây chỉ về sự kiện thuộc linh quan trọng, khi đó dân của Đức Chúa Trời sẽ được ban cho sự sống mới, cả người đã chết lẫn người còn sống, còn kẻ gian ác sẽ bị cất đi để chịu hình phạt đời đời.
Daniel 12:3
Sẽ chiếu sáng như sự chói sáng trên bầu trời
Ở đây chỉ về việc con dân của Đức Chúa Trời sẽ được đầy vinh hiển để họ chói sáng như bầu trời khi có mặt trời chiếu rọi"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những người khiến nhiều người trở nên công chính
Những người giúp người khác hiểu rằng họ bị ngăn cách khỏi Đức Chúa Trời như thể họ đang đổi hướng đi của những người đó. Cách dịch khác: "những người dạy người khác sống công chính"
Như các ngôi sao đời đời mãi mãi
Họ sẽ chiếu sáng như những ngôi sao. Ở đây chỉ về việc được đầy dẫy vinh hiển của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "sẽ chiếu sáng như các ngôi sao đời đời mãi mãi"
Đóng những lời nầy lại, niêm phong cuốn sách
Có những điều Đa-ni-ên được bày tỏ nhưng được dặn không nói ra trong sách này.
Thời kỳ cuối cùng
"những ngày cuối cùng" hoặc "tân thế." Xem cách đã dịch ở DAN08:15
Nhiều người sẽ đi đây đi đó và sự hiểu biết sẽ gia tăng
Việc này có vẻ xảy ra vào khoảng thời gian sách được niêm phong. Có thể nói rõ điều này. Cách dịch khác: "Trước khi chúng xảy ra thì nhiều người sẽ đi đây đi đó, học biết ngày càng nhiều"
Daniel 12:5
Thông tin tổng quát:
Thiên sứ đã nói xong, Đa-ni-ên tiếp tục thuật lại điều ông tiếp tục nhìn thấy trong khải tượng bắt đầu từ DAN10:04
có hai người khác đang đứng
"Có hai thiên sứ khác đang đứng" (bản UDB)
người mặc vải gai
Ở đây chỉ về người nói với Đa-ni-ên lúc nãy, không phải một trong những người đang đứng bên sông.
thượng nguồn dòng sông
Có thể là 1) thiên sứ ở phía trên dòng sông hoặc 2) thiên sứ ở tận thượng nguồn dòng sông.
Đến bao giờ những điều kỳ lạ nầy mới chấm dứt?
"Những điều kỳ lạ này sẽ kéo dài bao lâu?" Ở đây chỉ về từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc những điều đó.
những điều kỳ lạ nầy
Lúc thiên sứ nói với Đa-ni-ên thì chưa có sự kiện nào trong khải tưởng này xảy ra cả. Ở đây chỉ rõ về những sự kiện trong DAN12:01
Daniel 12:7
người mặc vải gai
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người đang mặc đồ bằng vải gai"
thượng nguồn dòng sông
Có thể là 1) thiên sứ ở phía trên dòng sông hoặc 2) thiên sứ ở tận thượng nguồn dòng sông.
Đấng sống đời đời
"Đức Chúa Trời, Đấng sống đời đời"
sẽ phải trải qua một kỳ, những kỳ, và nửa kỳ
Tốt nhất nên để nó không rõ nghĩa cũng như không rõ lúc nào nó bắt đầu. Nếu bạn phải chọn một thời điểm bắt đầu thì ba năm rưỡi có thể bắt đầu từ những sự kiện ở DAN12:01
một kỳ, những kỳ, và nửa kỳ
"ba năm rưỡi" (bản UDB). Những “kỳ” này thường được hiểu là năm. Một, hai và nữa năm bằng ba năm rưỡi.
Những điều này sẽ được hoàn tất
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "tất cả những điều này đều sẽ xong"
Những điều này
Lúc thiên sứ nói với Đa-ni-ên thì chưa có sự kiện nào trong khải tượng này xảy ra cả. Ở đây chỉ rõ về những sự kiện ở DAN12:01
Daniel 12:8
các việc nầy
Lúc thiên sứ nói với Đa-ni-ên thì chưa có sự kiện nào trong khải tượng này xảy ra cả. Ở đây chỉ rõ về những sự kiện ở DAN12:01
Những lời này được đóng lại và niêm phong
Khải tượng mà Đa-ni-ên nhìn thấy không được giải thích như thể quyển sách đã được đóng chặt và không ai có thể biết được. Cách dịch khác: "ngươi phải đóng lại và niêm phong những lời ngươi đã viết"
Thời kỳ cuối cùng
“những ngày cuối cùng” hoặc “tân thế.” Xem cách đã dịch ở DAN08:15
Daniel 12:10
Thông tin tổng quát:
Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.
Nhiều người sẽ được thanh tẩy, phiếu trắng và tinh luyện
Chính Đức Giê-hô-va sẽ thanh tẩy. Cả ba tư này căn bản có ý nghĩa như nhau. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ thanh tẩy, phiếu trắng và tinh luyện nhiều người"
Tinh luyện
Làm sạch bằng cách loại bỏ những thứ không thuộc về nó
Nhưng những kẻ ác sẽ hành động gian ác
Những kẻ ác sẽ làm điều gian ác và tội lỗi.
Không kẻ ác nào hiểu được
Kẻ ác không thể hiểu được những hiểu biết thuộc linh.
Nhưng những người khôn sáng sẽ hiểu
Ở đây chỉ về những người khôn ngoan trong việc vâng theo Đức Giê-hô-va thì sẽ hiểu.
tế lễ thiêu hằng hiến ... được lập lên
Vua phương bắc là người chấm dứt việc dâng tế lễ đền thờ. Cách dịch khác: "vua phương Bắc dẹp tế lễ thiêu hằng hiến và lập lên điều ghê tởm gây ra cảnh hoan vu"
điều ghê tởm gây ra cảnh hoan vu
Ở đây chỉ về hình tượng làm cho đền thờ hoan vu, tức là nó sẽ làm cho Đức Chúa Trời lìa bỏ đền thờ. Xem cách đã dịch ở DAN11:31
1,290 ngày
“Ngày” ở đây chỉ về một khoảng thời gian, thường chỉ về ngày nhưng cũng có thể chỉ về năm.
Daniel 12:12
Thông tin tổng quát:
Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.
Phước cho người chờ đợi
"Phước cho người nào chờ đợi" hoặc "Phước cho ai chờ đợi"
Chờ đợi
"chịu đựng" hoặc "giữ trung tín" (bản UDB)
1,335 ngày
“Ngày” ở đây chỉ về một khoảng thời gian, thường chỉ về ngày nhưng cũng có thể chỉ về năm.
Ngươi phải đi
"Đa-ni-ên, ngươi phải đi". Ở đây chỉ về việc Đa-ni-ên tiếp tục sống và phục vụ vua cho đến lúc ấn định ông phải qua đời.
Ngươi sẽ được an nghỉ
Đây là cách tế nhị để nói “ngươi sẽ chết”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ngươi sẽ đứng dậy
Ở đây chỉ về sự sống lại thứ nhất của những người đã chết, khi đó những người công chính được sống lại.

Nơi được dành cho ngươi
"nơi Đức Chúa Trời đã dành cho ngươi"

Translation Questions

Daniel 12:1

Ai sẽ là người bảo vệ dân của Đa-ni-ên?
Mi-ca-ên, hoàng tử tối cao bảo vệ dân của Đa-ni-ên.
Thời kỳ tai họa được viết ở đây kinh khủng thế nào?
Đó là một thời kỳ tai họa chưa từng có từ trước đến bấy giờ.
Vào lúc đó ai sẽ được cứu?
Vào lúc đó dân của Đa-ni-ên sẽ được cứu, mỗi người có tên được ghi trong sách.

Daniel 12:2

Điều gì xảy ra cho những kẻ ngủ trong bụi đất?
Những kẻ ngủ trong bụi đất sẽ sống dậy để sống đời đời và cũng có kẻ sẽ sống dậy để bị nhục nhã và coi thường đời đời.

Daniel 12:3

Điều gì xảy ra với những kẻ khôn ngoan và những kẻ nhiều người về sự công chính?
Những kẻ khôn ngoan sẽ sáng như bầu trời rực rỡ, và những kẻ đem nhiều người về sự công chính như ngôi sao đời đời và mãi mãi.

Daniel 12:4

Đa-ni-ên nói sẽ giữ cuốn sách niêm phong lại trong bao lâu?
Ông nói sẽ giữ cuốn sách niêm phong cho đến thời kỳ vô cùng.

Daniel 12:7

Người đàn ông mặc vải gai nói rằng bao lâu sẽ kết thúc những sự kiện kỳ lạ này?
Người đàn ông mặc vải gai nói rằng nói sẽ xảy ra trong một kỳ, nhiều kỳ, và nửa kỳ. Khi sự đổ gãy quyền năng của dân thánh chấm dứt, mọi điều này sẽ trọn vẹn.

Daniel 12:9

Người đàn ông mặc vải gai đã đưa ra lý lẽ gì khiến Đa-ni-ên không hiểu?
Người đàn ông mặc vải gai nói với Đa-ni-ên, "Hãy đi, Đa-ni-ên, vì những lời đóng kín và niêm phong cho đến thời kỳ cuối cùng.

Daniel 12:10

Vào thời kỳ cuối cùng ai sẽ hiểu và ai sẽ không hiểu những lời tiên tri?
Không kẻ ác nào có thể hiểu, nhưng những ai khôn ngoan sẽ hiểu.

Daniel 12:11

Mất bao lâu giữa thời kỳ mà của lễ hằng thiêu được lấy đi và sự kinh tởm làm cho hoang tàn được dựng lên?
Có khoảng 1,290 ngày giữa hai hai sự kiện đó.

Daniel 12:12

Người đàn ông mặc vải gai nói rằng ai là người sẽ được chúc phước lúc đó?
Người đàn ông mặc vải gai nói. "Phước cho người nào chờ đợi đến thời kỳ cuối của 1,335 ngày."

Daniel 12:13

Người đàn ông mặc vải gai nói điều gì xảy ra cho Đa-ni-ên?
Ông nói rằng Đa-ni-ên sẽ an nghỉ và ông sẽ đứng dậy vào nơi được giao ông cho đến ngày cuối cùng.

Chapter 1

Hosea 1:1

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Đây là một lối nói. Cách dịch khác: "lời Đức Giê-hô-va phán với"
Bê-ê-ri
Đây là tên một người đàn ông.
Ô-xia ... Giô-tham ... A-cha ... Ê-xê-chia ... Giê-rô-bô-am ... Giô-ách
Những sự kiện trong sách này xảy ra vào thời của các vua này.
Ngoại tình nghiêm trọng
Ở đây “ngoại tình” chỉ về việc dân chúng không trung thành với Đức Chúa Trời.

Hosea 1:3

Gô-me ... Đíp-la-im
Đây là tên người.
nhà Giê-hu
“Nhà” ở đây có nghĩa là “gia đình”, bao gồm cả con cháu của Giê-hu.
nhà Y-sơ-ra-ên
Cách nói này chỉ về vương quốc Y-sơ-ra-ên.
cung của Y-sơ-ra-ên
“Cung” ở đây chỉ về sức mạnh quân đội. Cách dịch khác: "sức mạnh quân sự của Y-sơ-ra-ên"

Hosea 1:6

Lô Ru-ha-ma
Có nghĩa là “không thương xót”. Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: "Không Thương Xót"

Hosea 1:8

Lô Ru-ha-ma
Tên gọi này có nghĩa là “không thương xót”. Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: "Không Thương Xót". Xem cách đã dịch ở HOS01:06
Lô Am-mi
Tên gọi này có nghĩa là “không phải dân ta”. Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: "Không Phải Dân Ta"

Hosea 1:10

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.
như cát bờ biển
Cụm từ này nhấn mạnh số lượng đông đảo của Y-sơ-ra-ên.
không thể đo lường hay đếm được
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "không ai có thể đo lường hay đếm được"
Tại chính nơi chúng nghe phán
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Nơi Đức Chúa Trời phán với chúng"
nơi chúng nghe phán
Có thể câu này chỉ về Gít-rê-ên, thành phố mà vua Y-sơ-ra-ên đã phạm tội và là biểu tượng cho sự trừng phạt của Đức Chúa Trời dành cho họ.
chúng sẽ nghe

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ phán với chúng"

sẽ được tụ họp lại

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ tụ họp chúng lại"

vươn lên từ đất nầy

Ở đây có thể chỉ về xứ mà dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày. (xem bản UDB).

ngày của Gít-rê-ên

Ở đây chỉ về thời điểm Đức Chúa Trời sẽ cho dân chúng trở về đất Y-sơ-ra-ên. Có thể nói rõ ra ý này.

Translation Questions

Hosea 1:2

Loại vợ gì mà Đức Giê-hô-va phán với Ô-sê cưới cho chính ông?

Đức Giê-hô-va phán với ông cưới cho mình người vợ làm điếm đĩ.

Hosea 1:4

Tại sao Ô-sê gọi con trai đầu lòng của mình là Gít-rê-ên?

Ô-sê phải gọi tên nó là Gít-rê-ên. Vì trong ít lâu Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt nhà của Giê-hu vì sự đổ máu của Gít-rê-ên.

Hosea 1:7

Đức Giê-hô-va sẽ bày tỏ lòng thương xót trên ai?

Đức Giê-hô-va sẽ bày tỏ lòng thương xót trên nhà Giu-đa.

Hosea 1:9

Tại sao Ô-se gọi đứa con trai thứ hai là Lô Am-mi?

Ô-sê phải gọi tên nó là Lô Am-mi, vì dân Y-sơ-ra-ên không còn là dân của nó.

Hosea 1:10

Điều gì được nói với những người trước đây không phải là dân của Đức Giê-hô-va?

Điều đó được nói với họ rằng họ là dân của Đức Chúa Trời hằng sống.

Chapter 2

Hosea 2:1

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

Dân ta!

Câu cảm thán này có thể được thể hiện thành lời tuyên bố. Cách dịch khác: "Các ngươi là dân ta!"

Các ngươi đã được thương xót

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã tỏ lòng thương xót các ngươi"

Thương xót

"nhân từ" hoặc "khoan dung"

Hosea 2:2

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

Tố cáo

Đây là việc kiện người khác trước tòa án.

mẹ các ngươi

Ở đây “mẹ” chỉ về nước Y-sơ-ra-ên.

vì nó chẳng phải là vợ ta

Đức Giê-hô-va đang nói Y-sơ-ra-ên như một người nữ đã không còn cư xử như vợ của Ngài nữa. Thay vào đó Y-sơ-ra-ên từ bỏ không đi theo và thờ phượng Ngài.

Ta cũng chẳng phải là chồng nó

Đức Giê-hô-va không thể ở trong mối liên với dân Y-sơ-ra-ên như chồng với vợ nữa.

Và việc ngoại tình của nó

Người vợ ngoại tình là người bỏ chồng mình, đi ngủ với một người đàn ông khác. Đây là cách Y-sơ-ra-ên cư xử với Đức Giê-hô-va.

Khỏi giữa ngực nó

Hình ảnh này cho thấy Y-sơ-ra-ên nhờ cậy những thần tượng của họ chứ không phải nhờ cậy Đức Giê-hô-va.

Ta sẽ lột trần nó ra, để nó như ngày mới sanh ra

Đức Giê-hô-va sẽ không còn bảo vệ và chu cấp cho Y-sơ-ra-ên nữa vì họ đã xoay bỏ Ngài. Ở Y-sơ-ra-ên, luật pháp quy định người chồng phải chu cấp quần áo cho người vợ, nếu không làm như vậy thì đó là một dấu hiệu cho thấy người đàn ông đang từ bỏ vợ mình. Có thể nói rõ ý nghĩa này.

Ta sẽ làm cho nó ra như hoang mạc

Đức Giê-hô-va sẽ khiến Y-sơ-ra-ên giống như hoang mạc, là vùng trơ trụi và cằn cỗi.

Và ta sẽ khiến nó chết khát

“Khát” ở đây chỉ về nhu cầu thờ phượng và phụ thuộc vào Đức Giê-hô-va chứ không phải là thần tượng, hoặc là Y-sơ-ra-ên sẽ không thể tồn tại được như một quốc gia.

Hosea 2:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

Vì chúng là những đứa con ngoại tình

Dân Y-sơ-ra-ên hành động như thể họ không thuộc về Đức Giê-hô-va. Cũng như cha mẹ họ không thờ phượng Đức Chúa Trời thì họ cũng vậy.

Vì mẹ chúng nó là một kỹ nữ

Thế hệ trước đã tìm kiếm các thần khác và được xem là những kỹ nữ vì họ không trung thành với Đức Giê-hô-va.

Tôi sẽ đi theo các tình nhân của tôi, vì họ sẽ cho tôi bánh và nước, lông chiên và vải, dầu và thức uống

Ở đây “các tình nhân của tôi” chỉ về Ba-anh và các tà thần khác mà Y-sơ-ra-ên đã chọn để thờ phượng thay vì Đức Giê-hô-va. Danh sách này là những vật thiết yếu cần cho cuộc sống.

Hosea 2:6

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán cùng Ô-sê.

Vì vậy, ta sẽ lấy gai gốc dựng rào chận đường nó. Ta sẽ xây một bức tường ngăn nó lại để nó không thể tìm được lối đi

Phần này muốn nói Đức Giê-hô-va sẽ ngăn không cho dân chúng tìm được thành công và thịnh vượng, vì họ tiếp tục thờ hình tượng.

Bấy giờ, nó sẽ nói: “Ta sẽ quay về với người chồng đầu tiên, vì hồi đó ta sung sướng hơn bây giờ”.

Y-sơ-ra-ên sẽ trở về với Đức Giê-hô-va không phải vì yêu Ngài nhưng vì họ thất vọng khi thờ lạy Ba-anh.

Hosea 2:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

Ta sẽ lấy lại len và vải vốn che sự trần truồng nó

Câu này có thể có nghĩa là mùa gặt và bầy gia súc sẽ hư hại.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va sẽ cất đi phước hạnh của Ngài khỏi Y-sơ-ra-ên, và dân chúng sẽ bị bỏ mặc trong nguy cơ bị tấn công.

vốn che sự trần truồng nó

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "mà dân chúng dùng để mặc"

Hosea 2:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

Bấy giờ ta sẽ phơi trần nó trước mặt các tình nhân nó

Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm nhục dân Y-sơ-ra-ên trước các nước lân cận. Xem cách đã dịch ở HOS02:02

chẳng ai cứu được nó khỏi tay ta

Sẽ không ai cố gắng giúp đỡ Y-sơ-ra-ên. “Tay” ở đây chỉ về sức mạnh trừng phạt của Đức Chúa Trời.

Hosea 2:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê về điều Ngài sẽ làm với Y-sơ-ra-ên.

Nầy là tiền công mà các tình nhân trả cho tôi

Ở đây chỉ về tiền công mà Y-sơ-ra-ên nhận được từ các tà thần hay Ba-anh. Câu tường thuật trực tiếp này có thể được nói thành câu tường thuật gián tiếp. Cách dịch khác: "rằng đó là tiền công mà các tình nhân trả cho nó"

Ta sẽ biến chúng thành rừng

Đức Giê-hô-va sẽ phá hủy vườn nho và cây trái bằng cách cho các loại cây khác và cỏ dại mọc giữa chúng.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

"điều Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc "điều Đức Giê-hô-va uy nghiêm phán"

Hosea 2:14

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Vì thế ta sẽ đem nó về

"Ta, Đức Giê-hô-va, sẽ đem nó về cùng ta"

thung lũng A-cô thành cánh cửa hi vọng

Khi Đức Giê-hô-va dẫn Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, Ngài sẽ dẫn họ đến thung lũng A-cô để Y-sơ-ra-ên sẽ được hy vọng trở lại nơi Đức Giê-hô-va. Thung lũng A-cô là nơi dân Y-sơ-ra-ên ném đá A-can đến chết theo lệnh truyền của Đức Chúa Trời vì A-can không vâng theo chỉ dẫn của Ngài. Có thể nói rõ nghĩa của câu này.

Tại đó, nó sẽ đáp ứng với ta như trong ngày trẻ tuổi, như trong ngày nó ra khỏi Ai Cập

Đức Giê-hô-va hy vọng dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn năn và trở lại thờ phượng Ngài là Đức Chúa Trời của họ.

Nó sẽ đáp ứng

Một số bản hiện đại hiểu từ Hê-bơ-rơ này là “Nó sẽ hát”.

Hosea 2:16

Trong ngày đó

Ở đây chỉ về ngày Y-sơ-ra-ên lựa chọn thờ phượng một mình Đức Giê-hô-va.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

“điều Đức Giê-hô-va truyền phán” hoặc “điều Đức Giê-hô-va uy nghiêm phán”. Xem cách đã dịch ở HOS02:12

chồng tôi

Có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên sẽ yêu mến và trung thành với Đức Giê-hô-va như người vợ đối với chồng mình.

Ba-anh của tôi

"Ba-anh" có nghĩa là “ông chủ”, đồng thời cũng chỉ về tà thần mà dân Ca-na-an thờ lạy.

Vì ta sẽ cất tên của Ba-anh khỏi miệng nó

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ không gọi tên Ba-anh và các thần tượng nữa.

Hosea 2:18

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê về điều Ngài sẽ làm với Y-sơ-ra-ên.

Trong ngày đó On that day

Cụm từ này được dùng để nói về sự phục hồi trong tương lai giữa Y-sơ-ra-ên và Đức Giê-hô-va.

Ta sẽ lập một giao ước cho họ

Giao ước mới của Đức Giê-hô-va sẽ bao gồm cả sự bình an cho các thú vật.

Ta sẽ đuổi cung tên, gươm giáo và chiến tranh khỏi xứ, ta sẽ cho các ngươi nằm xuống yên ổn

Đức Giê-hô-va sẽ giữ kẻ thù của Y-sơ-ra-ên tránh xa khỏi họ, sẽ không có chiến tranh, dân chúng sẽ được yên ổn.

nằm xuống yên ổn

Câu này chỉ về việc sống trong sự an ninh.

Hosea 2:19

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê về điều Ngài sẽ làm cho Y-sơ-ra-ên.

Ta hứa sẽ làm chồng ngươi đời đời

Đức Giê-hô-va sẽ giống như chồng còn Y-sơ-ra-ên sẽ giống như vợ của Đức Giê-hô-va.

Ta hứa sẽ là người chồng thành tín của ngươi

Đức Giê-hô-va sẽ thành tín trong giao ước của Ngài với Y-sơ-ra-ên.

Người chồng thành tín

"người chồng chung thủy"

Và ngươi sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va

“Biết” ở đây có nghĩa là thừa nhận Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của họ và trung thành với Ngài.

Hosea 2:21

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê về điều Ngài sẽ làm cho Y-sơ-ra-ên.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

“điều Đức Giê-hô-va truyền phán” hoặc “điều Đức Giê-hô-va uy nghiêm phán”. Xem cách đã dịch ở HOS02:12

Đất sẽ đáp lời lúa mì, rượu mới, và dầu; và chúng sẽ đáp lời Gít-rê-ên

Đất đai sẽ đáp ứng nhu cầu về lúa mì, rượu mới và dầu ô-liu. Những thứ này cũng sẽ đáp ứng nhu cầu của Gít-rê-ên. Đất và những sản vật này được ví như con người có thể đáp ứng nhu cầu của người khác.

Gít-rê-ên

Ở đây tên thung lũng này tượng trưng cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên.

Hosea 2:23

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê về điều Ngài sẽ làm cho Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ gieo trồng nó trong đất cho ta

Đức Chúa Trời cho dân Ngài được an ninh và thịnh vượng trở lại trong xứ được nói như thể họ là cây nông nghiệp. Cách dịch khác: "Ta sẽ chăm sóc cho dân Y-sơ-ra-ên như một người nông dân trồng cây và chăm sóc cho chúng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lô Ru-ha-ma
Tên gọi này có nghĩa là “không thương xót”. Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: "Không Thương Xót". Xem cách đã dịch ở HOS01:06
Lô Am-mi
Tên gọi này có nghĩa là “không phải dân ta”. Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: "Không Phải Dân Ta". Xem cách đã dịch ở HOS01:08
Am-mi Át-ta
Có nghĩa là “ngươi là dân ta”. Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: "Ngươi Là Dân Ta"

Translation Questions

Hosea 2:2
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu dân Y-sơ-ra-ên không tránh xa khỏi sự tà dâm của nó?
Nếu Y-sơ-ra-ên không tránh xa khỏi sự tà dâm của nó, Đức Giê-hô-va sẽ lột trần nó và tỏ sự trần truồng của nó như ngày nó sanh ra.
Hosea 2:3
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì nếu dân Y-sơ-ra-ên không tránh xa khỏi sự tà dâm của nó?
Nếu Y-sơ-ra-ên không tránh xa khỏi sự tà dâm của nó, Đức Giê-hô-va sẽ lột trần nó và tỏ sự trần truồng của nó như ngày nó sanh ra.
Hosea 2:4
Tại sao Đức Giê-hô-va không tỏ lòng thương xót trên con của Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va sẽ không tỏ lòng thương xót trên con của nó, vì chúng là con của sự gian dâm.
Hosea 2:7
Tại sao Y-sơ-ra-ên trở lại với người chồng đầu của nó?
Y-sơ-ra-ên sẽ trở lại với người chồng đầu của nó, vì lúc đó tốt hơn cho nó hơn là bây giờ.
Hosea 2:8
Ai ban phát bạc vàng rộng rãi trên Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va ban phát vàng bạc rộng rãi cho cô ta.
Hosea 2:10
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì Y-sơ-ra-ên trước mặt người yêu của nó?
Đức Giê-hô-va sẽ lột trần truồng nó trước mặt người yêu của nó.
Hosea 2:12
Tiền công mà người yêu của Y-sơ-ra-ên trả cho nàng là gì?
Người yêu của Y-sơ-ra-ên trả cho nàng rượu và cây sung.
Hosea 2:15
Kẻ đĩ điếm đáp lời Đức Giê-hô-va thế nào sau khi Ngài đem chiến thắng lại cho nó?
Nó sẽ đáp lời Ngài như nó đã làm trong những ngày thanh xuân, như trong những mà nó ra khỏi xứ Ai Cập.
Hosea 2:16
Trong ngày đó, Y-sơ-ra-ên sẽ gọi Y-sơ-ra-ên là gì?
Cô ta sẽ gọi Ngài 'Chồng của tôi,' va không còn gọi, 'Ba-anh của tôi.'
Hosea 2:18
Đức Giê-hô-va thực hiện điều gì với dân Ngài?
Ngài sẽ khiến họ nằm nghỉ yên ổn.
Hosea 2:19
Đức Giê-hô-va giữ lời hứa với những người chồng của dân Ngài trong bao lâu?
Đức Giê-hô-va sẽ hứa với người chồng của họ mãi mãi.
Hosea 2:22
Rượu mới và dầu trả lời thế nào?
Rượu mới và dầu sẽ trả lời Gít-rê-ên.
Hosea 2:23
Đức Giê-hô-va nói gì về những kẻ không thuộc dân của Ngài?
Đức Giê-hô-va sẽ nói với những kẻ không phải dân của Ngài, 'Các ngươi của dân ta.'

Chapter 3

Hosea 3:1
Một lần nữa hãy đi yêu một người phụ nữ được chồng yêu nhưng là người ngoại tình
Ở đây muốn ám chỉ trở lại câu HOS01:01
Hãy yêu nàng như ta, là Đức Giê-hô-va yêu dân Y-sơ-ra-ên
Bằng cách yêu người phụ nữ ngoại tình, Ô-sê sẽ là một ví dụ cho tình yêu của Đức Giê-hô-va đối với Y-sơ-ra-ên.
chúng nó hướng về các thần khác và ưa thích bánh nho khô
Dân chúng ăn bánh nho khô và bánh trái vả vào những dịp lễ tại nơi họ thờ các tà thần.
mười lăm miếng bạc và một hô-me rưỡi lúa mạch
Đây là giá để mua một nô lệ.
mười lăm miếng
"15 miếng"
một hô-me rưỡi
"một hô-me và một nữa hô-me"
Hosea 3:4
Vì dân Y-sơ-ra-ên sẽ sống một thời gian dài mà không có vua, thủ lĩnh, không có sinh tế, không có trụ đá, không có ê-phót hay hình tượng trong nhà
Giống như Ô-sê sống không có vợ vì bà đã ngoại tình thì Y-sơ-ra-ên cũng sẽ không có vua và không thờ phượng Đức Chúa Trời, vì họ phạm tội thờ thần tượng.
tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình
Ở đây “tìm kiếm” có nghĩa là cầu xin Đức Chúa Trời chấp nhận họ và sự thờ phượng của họ.
Đa-vít vua mình
Ở đây “Đa-vít” chỉ về toàn bộ dòng dõi của Đa-vít. Cách dịch khác: "một hậu tự của Đa-vít sẽ làm vua của mình"
Trong những ngày cuối cùng
“Những ngày cuối cùng” chỉ về một khoảng thời gian trong tương lai. Cách dịch khác: "trong tương lai"
chúng sẽ run sợ trước Đức Giê-hô-va và sự tốt lành của Ngài
“Run sợ” ở đây chỉ về cảm giác kính sợ và hạ mình. Cách dịch khác: "họ sẽ trở về với Đức Giê-hô-va và hạ mình, tôn vinh Ngài và cầu xin ơn phước của Ngài"

Translation Questions

Hosea 3:1
Ô-sê phải yêu vợ của mình như thế nào?
Ô-sê phải yêu vợ mình cũng như Đức Giê-hô-va yêu dân Y-sơ-ra-ên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hosea 3:2

Đức Giê-hô-va mua Y-sơ-ra-ên bao nhiêu?

Ngài mua cô ta bằng mười lăm miếng bạc và một hô-me rưỡi lúa mạch.

Hosea 3:4

Sau khi nhiều ngày dân Y-sơ-ra-ên sống không có vua, thì họ tìm thấy ai?

Sau khi nhiều ngày dân Y-sơ-ra-ên sống không có vua, họ sẽ thấy Đức Giê-hô-va Chúa của họ và Đa-vít vua của họ.

Hosea 3:5

Sau khi nhiều ngày dân Y-sơ-ra-ên sống không có vua, thì họ tìm thấy ai?

Sau khi nhiều ngày dân Y-sơ-ra-ên sống không có vua, họ sẽ thấy Đức Giê-hô-va Chúa của họ và Đa-vít vua của họ.

Chapter 4

Hosea 4:1

Thông Tin Tổng Quát:

Chương này bắt đầu lời của Đức Giê-hô-va nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên bất trung.

Đức Giê-hô-va buộc tội dân cư xứ nầy

Đức Giê-hô-va khẳng định dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội với Ngài và phá vỡ giao ước của Ngài như thể Đức Giê-hô-va đang buộc tội họ trước tòa.

Buộc tội

Đây là việc kiện một người khác tại tòa án. Xem cách đã dịch ở HOS02:02

Dân chúng đã phá vỡ mọi ranh giới

“Ranh giới” ở đây chỉ về giới hạn mà luật pháp cho phép. Cách dịch khác: "Dân chúng đã không vâng giữ luật pháp theo mọi cách"

hết cảnh đổ máu nầy đến cảnh đổ máu khác

“Cảnh đổ máu” ở đây chỉ về “tội giết người” thường làm cho nạn nhân phải đổ máu. Cách dịch khác: "các ngươi phạm tội giết người hết lần này đến lần khác"

Hosea 4:3

Vì thế đất đai khô hạn

Ở đây chỉ vệ nạn hạn hán khi trời không mưa một thời gian dài.

Hao mòn

Trở nên yếu ớt và chết vì đau ốm hoặc thiếu thức ăn

bị lấy đi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "chết"

Hosea 4:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Buộc tội

Lời kiện một người khác tại tòa án

Đừng ai buộc tội người nào

Không ai nên buộc tội người khác bất kì điều gì vì mọi người đều phạm tội nào đó.

Thầy tế lễ các ngươi sẽ vấp ngã

“Vấp ngã” ở đây có nghĩa là không vâng theo Đức Chúa Trời hay thậm chí là không tin cậy Ngài nữa.

Ta sẽ tiêu diệt mẹ ngươi

“Mẹ” ở đây chỉ về nước Y-sơ-ra-ên. Xem cách đã dịch ở HOS02:02

Hosea 4:6

Thông Tin Tổng Quát:

Ở câu 4:6, Đức Giê-hô-va đang phán với các thầy tế lễ về dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng ở câu 4:7, Ngài phán về các thầy tế lễ chứ không phải phán với họ. Người dịch cũng có thể dịch theo bản UDB, mô tả Đức Giê-hô-va cũng đang phán với các thầy tế lễ ở câu 4:7.

Dân Ta bị tiêu diệt vì thiếu hiểu biết

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Dân ta bị diệt vong vì các ngươi, là những thầy tế lễ, không dạy dỗ họ phải lẽ về ta để họ vâng phục ta"

Hiểu biết

Ở đây “hiểu biết” nói đến hiểu biết về Đức Chúa Trời.

Chúng đổi vinh quang của chúng ra ô nhục

Có thể là 1) “vinh quang” là phép hoán dụ tượng trưng cho Đức Giê-hô-va, và “ô nhục” là phép hoán dụ tượng trưng cho các thần tượng. Cách dịch khác: "Chúng đã không thờ phượng ta là Đức Chúa Trời vinh hiển của chúng nữa mà nay thờ lạy các thần tượng ô nhục" hoặc 2) một số bản Kinh Thánh dịch là “ta sẽ đổi vinh quang của chúng ra ô nhục”. Ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ cất đi những điều các thầy tế lễ tôn kính và khiến họ phải hổ thẹn.

Hosea 4:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về các thầy tế lễ.

Chúng ăn nhờ tội lỗi của dân ta

Khi dân chúng phạm tội, họ phải dâng của tế lễ để Đức Chúa Trời tha thứ cho họ và các thầy tế lễ được phép ăn các của tế lễ này.

chúng tham lam sự gian ác của dân chúng

Các thầy tế lễ muốn dân chúng phạm tội nhiều thêm để dâng nhiều tế lễ hơn cho họ được ăn.

dân thể nào thì thầy tế lễ cũng sẽ thể ấy

"Dân chúng và thầy tế lễ sẽ bị trừng phạt như nhau"

Lối sống của chúng

"thói quen của chúng" hoặc "cách hành xử của chúng"

Hosea 4:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Nhưng không gia tăng

"nhưng không có con cái"

chúng đã lìa bỏ

Dân chúng đã không thờ phượng và vâng theo Đức Chúa Trời nữa.

Bỏ Đức Giê-hô-va

Người dịch có thể đổi “Đức Giê-hô-va” thành “ta” vì Đức Giê-hô-va là người phán. Tham khảo bản UDB.

Hosea 4:11

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Sự dâm dục, rượu cũ và rượu mới đã cất lấy hết trí khôn chúng nó

Dân Y-sơ-ra-ên theo đuổi tình dục ngoài hôn nhân và say sưa rượu chè. Bởi những việc đó họ đã quên đi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va. Chúng được nói đến ở đây như là những con người có thể ngăn cản người ta không hiểu được tầm quan trọng của việc vâng theo Đức Giê-hô-va.

Cây gậy của chúng cho chúng lời tiên tri

Những người thờ thần tượng dùng gậy để giúp họ tiên đoán tương lai. Cây gậy ở đây được nói như là con người có thể

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nói tiên tri.

Tâm trí dâm ô đã làm chúng lầm lạc

Thờ thần tượng và ngủ với các kỹ nữ ở đền thờ đã làm phát triển xu hướng trong dân Y-sơ-ra-ên muốn phạm tội cùng Đức Giê-hô-va theo con đường này. “Tâm trí” ở đây được nói như thể một con người riêng biệt có thể dụ dỗ dân chúng bất tuân cùng Đức Giê-hô-va.

Đã làm cho lầm lạc

Đã dẫn dụ dân chúng phạm tội

Hosea 4:13

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

trên các đỉnh núi ... trên các đồi

Người ta thường dựng hình tượng ở những nơi này và thường được gọi là “những nơi cao” trong Cựu Ước.

Những kỹ nữ thiêng liêng

Đây là những người nữ quan hệ tình dục với những người nam đến thờ lạy các thần tượng nhất định. Đây được xem là một hành động thiêng liêng để tôn vinh các tà thần.

Vì thế dân không hiểu biết này sẽ bị ném xuống

Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên vì họ không hiểu biết hay không vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời.

Hosea 4:15

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Nguyện Giu-đa không phạm tội

Đức Chúa Trời biết dân Y-sơ-ra-ên đầy dẫy tội lỗi như thế nào và Ngài không muốn Giu-đa cũng như vậy.

Chớ vào Ghinh-ganh, đừng lên Bết A-ven

Dân Giu-đa được cảnh báo đừng đi vào các thành của Ghinh-ganh hay Bết A-ven để thờ lạy các hình tượng ở những nơi đó. Ghinh-ganh từng là nơi thờ phượng Đức Giê-hô-va nhưng nó đã trở thành nơi thờ thần tượng.

Bết A-ven

Đây là một thành phố giáp ranh giữa vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên và chi phái Bên-gia-min ở vương quốc phía nam.

Như bò cái tơ ương bướng

Y-sơ-ra-ên được ví như con bò cái tơ không vâng lời chủ.

Làm sao Đức Giê-hô-va đem nó vào đồng cỏ như chiên trong bãi cỏ được?

Đây là một câu tu từ. Đức Giê-hô-va không thể chăn dắt dân chúng như chiên con khi họ phản nghịch được.

Hosea 4:17

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Ép-ra-im thỏa hiệp với thần tượng, hãy để mặc nó

“Ép-ra-im” chỉ về dân ở vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Chúng chọn thờ lạy thần tượng thay vì thờ phượng Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va truyền cho Ô-sê không được tìm cách sửa dạy họ. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ không nghe.

Những người lãnh đạo chúng yêu thích sự sỉ nhục

Những người lãnh đạo không hổ thẹn về việc họ làm khi thờ lạy thần tượng và xoay bỏ Đức Giê-hô-va.

Gió sẽ cuốn chúng đi trong cánh nó

“Gió” ở đây tượng trưng cho sự phán xét và tức giận của Đức Chúa Trời trên đất nước Y-sơ-ra-ên. Đức Giê-hô-va sẽ để cho quân thù đánh bại dân Y-sơ-ra-ên và bắt chúng làm phu tù.

Translation Questions

Hosea 4:1

Đức Giê-hô-va có việc kiện cáo với ai?

Đức Giê-hô-va có việc kiện tụng với người ở trên đất.

Hosea 4:3

Điều gì đang xảy ra với người đang sống trên đất?

Mỗi người đang sống trong đó đang hao mòn đi.

Hosea 4:5

Ai sẽ sẩy chân trong đêm?

Các tiên tri sẽ sẩy chân trong đêm.

Hosea 4:6

Tại sao Đức Giê-hô-va quên con trẻ của dân sự Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va sẽ quên con cái của dân Y-sơ-ra-ên vì họ quên Luật pháp của Chúa.

Hosea 4:9

Dân sự sẽ làm như thế nào?

Họ sẽ làm như các thầy tế lễ.

Hosea 4:11

Những điều gì cất đi sự hiểu biết của dân sự?

Tình dục luông tuồng, rượu, và rượu mới cất đi sự hiểu biết của họ.

Hosea 4:14

Tại sao Đức Giê-hô-va không trừng phạt con gái của dân sự khi họ phạm tội tà dâm?

Đức Giê-hô-va sẽ không trừng phạt con gái của dân sự khi họ phạm tội tà dâm, vì bọn đàn ông cũng qua lại với đĩ điếm.

Hosea 4:15

Dân sự không nên đi đâu?

Họ không nên đi đến Ghi-ganh hoặc Bết-A-ven.

Hosea 4:18

Ép-ra-im đã làm gì dù rượu mạnh của chúng đã hết?

Ép-ra-im tiếp tục phạm tội dù cho rượu mạnh của họ đã hết.

Chapter 5

Hosea 5:1

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Các ngươi đã thành cái bẫy ở Mích-pa và cái lưới bủa trên Tha-bô

Cái bẫy và cái lưới đều là những đồ vật để bắt con mồi. Trong trường hợp này, các thầy tế lễ và hoàng gia đã tìm cách để khiến dân chúng xa cách với Đức Giê-hô-va, đồng thời dụ dỗ họ vào việc thờ thần tượng. Mích-pa và Tha-bô là những nơi thờ thần tượng trong đất Y-sơ-ra-ên.

Những kẻ phản loạn lún sâu trong sự tàn sát

“Những kẻ phản loạn” ở đây chỉ về hết thảy những người xoay bỏ Đức Giê-hô-va, “lún sâu trong sự tàn sát” có thể chỉ về việc giết hại những người vô tội hoặc chỉ về việc giết những con vật để cúng cho các hình tượng tà giáo.

Những kẻ phản loạn

Người dịch có thể thay bằng “Hỡi những kẻ phản loạn”, vì Đức Chúa Trời đang nói với dân Y-sơ-ra-ên phản nghịch.

trong sự tàn sát

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một số bản hiện đại dịch câu Hê-bơ-rơ ở đây là đứng trong sự gian ác.

Ta sẽ trừng phạt tất cả bọn chúng

Người dịch có thể thay bằng “Ta sẽ trừng phạt tất cả các ngươi”.

Hosea 5:3

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Ta biết Ép-ra-im, và Y-sơ-ra-ên không che giấu với ta được

Ở đây, “Ép-ra-im” và “Y-sơ-ra-ên” đều chỉ về những người sống ở vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Ở đây Đức Chúa Trời phán rằng Ngài biết họ như thế nào và họ đang làm gì.

Hỡi Ép-ra-im, bây giờ ngươi đã trở nên như gái mại dâm

Hỡi Ép-ra-im được gọi là gái mại dâm vì họ trở nên bất trung với Đức Chúa Trời, giống như gái mại dâm không chung thủy với một người đàn ông nào cả.

Vì tư tưởng dâm dục ở trong chúng nó

Câu này có nghĩa là họ luôn có khao khát muốn bất trung với Đức Chúa Trời. Họ muốn thờ các thần tượng.

Trở về với Đức Chúa Trời ... chúng không nhận biết Đức Giê-hô-va

Người dịch có thể thay bằng “trở về với ta ... chúng không nhận biết ta” hoặc “trở về với ta ... chúng không nhận biết ta, là Đức Giê-hô-va”.

Và chúng không nhận biết Đức Giê-hô-va

Y-sơ-ra-ên không còn vâng theo Đức Giê-hô-va một chút nào. Họ không thừa nhận Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của họ.

Hosea 5:5

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên làm chứng nghịch cùng nó lại chúng

Câu này mô tả “sự kiêu ngạo” như một con người làm chứng chống lại dân Y-sơ-ra-ên trước tòa. Hành vi và thái độ kiêu ngạo của họ cho thấy họ phạm tội không vâng phục Đức Giê-hô-va.

Vì thế Y-sơ-ra-ên và Ép-ra-im sẽ vấp ngã trong tội ác mình; và Giu-đa cùng sẽ vấp ngã với chúng

Hai vương quốc sẽ trở nên hoàn toàn không vâng phục Đức Chúa Trời vì sự kiêu ngạo và tội lỗi của họ.

Chúng bất trung với Đức Giê-hô-va vì chúng đã sinh ra những đứa con hoang

Có thể là 1) dân Y-sơ-ra-ên kết giao với dân nước khác và có con với họ hoặc 2) những cha mẹ Y-sơ-ra-ên bất trung với Đức Giê-hô-va và dạy các con mình thờ thần tượng. .

Bây giờ, ngày hội trăng mới sẽ nuốt chúng cùng với sản nghiệp mình.

Dân Y-sơ-ra-ên thường ăn mừng suốt những ngày trăng mới. Ở đây câu này dường như mô tả lễ hội trăng mới như một con thú sẽ ăn lấy dân chúng và đồng ruộng của họ. Tuy nhiên, câu này rất khó diễn đạt, nhiều bản dịch không thoát được nghĩa. Nhưng ý nghĩa chung chắc chắn là Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt dân chúng vì họ bất trung với Ngài.

Hosea 5:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Hãy thổi tù và ở Ghi-bê-a, và thổi kèn ở Ra-ma

“Tù và” và “kèn” có ý nghĩa như nhau. Mạng lệnh này được truyền cho dân chúng của Ghi-bê-a và Ra-ma để nhấn mạnh rằng kẻ thù đang đến.

Tiếng kêu xông trận ở Bết A-ven: ‘Hỡi Bên-gia-min, chúng tôi sẽ theo các ông!’

Đây có thể là lời đề nghị rằng các binh lính trong chi phái Bên-gia-min sẽ dẫn dắt dân chúng xông trận. Nhưng các bản hiện đại có nhiều cách dịch khác nhau.

Bết A-ven

Đây là một thành phố giáp ranh giữa vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên và chi phái Bên-gia-min ở vương quốc phía nam. Xem cách đã dịch ở HOS04:15

Giữa các bộ tộc Y-sơ-ra-ên ta đã loan báo việc chắc chắn sẽ xảy đến

"Ta sẽ làm cho các bộ tộc Y-sơ-ra-ên điều ta đã loan báo"

Hosea 5:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Các thủ lĩnh Giu-đa giống như kẻ dời mộc giới

“Dời mộc giới” chỉ về việc dời mốc ranh giới đánh dấu đường biên của một số tài sản, theo luật pháp Y-sơ-ra-ên thì đây là tội.

Ta sẽ đổ cơn thịnh nộ ta trên chúng như trút nước

Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nghịch cùng Giu-đa sẽ giống như một dòng suối lớn tiêu diệt họ. Trong Kinh Thánh, những cảm xúc và phẩm chất đạo đức thường được ví như chất lỏng.

Ép-ra-im bị nghiền nát, nó bị nghiền nát trong sự phán xét

Có thể nói ở dạng chủ động. Câu này lặp lại hai lần để nhấn mạnh. “Ép-ra-im” ở đây chỉ về dân chúng ở vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Ta sẽ trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên cách nặng nề"

Đi theo các thần tượng

“Đi” ở đây chỉ về việc thờ lạy.

các thần tượng

Từ Hê-bơ-rơ được dịch là “các thần tượng” ở đây chưa rõ ý nghĩa là gì, các bản hiện đại dịch nó theo nhiều cách khác nhau.

Hosea 5:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ giống như con nhậy cho Ép-ra-im, và như sự mục nát cho nhà Giu-đa.

Con nhậy trong vải len và sự mục nát trong gỗ đều là sự hủy hoại. Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt cả hai đất nước.

Con nhậy ... sự mục nát

Hai cụm từ này được dịch theo nhiều cách khác nhau vì ý nghĩa của từ Hê-bơ-rơ này rất rộng hoặc là không được xác định rõ.

Khi Ép-ra-im thấy bệnh tật mình và Giu-đa thấy vết thương mình

Cả Ép-ra-im

Ép-ra-im đi đến cùng A-si-ri, còn Giu-đa sai sứ giả đến vua vĩ đại

Ép-ra-im và Giu-đa cầu cứu A-si-ri thay vì cầu khẩn Đức Giê-hô-va. “Vua vĩ đại” là một danh hiệu chỉ về vua A-si-ri.

Nhưng vua ấy không thể

Từ “vua ấy” chỉ về vua A-si-ri.

Hosea 5:14

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Vì Ta sẽ như một con sư tử với Ép-ra-im

Đức Giê-hô-va sẽ đuổi theo và tấn công Ép-ra-im như một con sư tử.

Và như một sư tử tơ cho nhà Giu-đa

Đức Giê-hô-va sẽ đối xử tương tự với Giu-đa. Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đang thể hiện sự tức giận của Ngài với cả vương quốc phía bắc và phía nam.

Ta, chính ta

Đức Giê-hô-va đang nhấn mạnh rằng chính Ngài là Đấng phán xét hết thảy dân Ngài.

Sẽ xé will tear

Như sư tử xé mồi, Đức Giê-hô-va cũng sẽ xé dân Ngài khỏi chỗ ở và đất nước của họ.

Ta sẽ đi và trở về nơi ta

Đức Giê-hô-va sẽ lìa bỏ dân phản nghịch của Ngài.

và tìm kiếm mặt ta

Cố gắng bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời bằng cách thờ phượng và dâng tế lễ. Cách dịch khác: "và cầu xin ta chú ý đến chúng"

Translation Questions

Hosea 5:2

Những kẻ nổi loạn đứng ở đâu?

Những kẻ nổi loạn lún sâu vào sự chém giết.

Hosea 5:4

Điều gì không cho phép Ép-ra-im trở lại với Chúa của họ.

Những việc làm của Ép-ra-im không cho phép họ quay trở lại với Chúa.

Hosea 5:6

Tại sao Y-sơ-ra-ên, Ép-ra-im và Giu-đa sẽ không tìm thấy Đức Giê-hô-va?

Y-sơ-ra-ên, Ép-ra-im, và Giu-đa sẽ không thấy Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã rút khỏi chúng.

Hosea 5:9

Ai công bố rằng Ép-ra-im sẽ trở nên nơi hoang vu?

Đức Giê-hô-va công bố rằng Ép-ra-im sẽ trở thành nơi hoang vu.

Hosea 5:10

Đức Giê-hô-va sẽ trút cơn thịnh nộ trên ai?

Đức Giê-hô-va sẽ trút cơn thịnh nộ của Ngài trên các lãnh đạo của Giu-đa.

Hosea 5:13

Ép-ra-im đã đi đến A-si-ri khi nào?

Khi Ép-ra-im thấy bệnh tật của mình, rồi ông đi đến A-si-ri.

Hosea 5:15

Đức Giê-hô-va sẽ đi và trở lại nơi của Ngài trong bao lâu?

Đức Giê-hô-va sẽ đi và trở lại nơi của Ngài đến khi Ép-ra-im và Giu-đa nhận biết tội lỗi của mình và tìm kiếm mặt Ngài; cho đến khi họ thật lòng tìm kiếm Ngài trong cơn hoạn nạn của họ.

Chapter 6

Hosea 6:1

Lời Dẫn:

Dân Y-sơ-ra-ên xưng nhận họ cần phải ăn năn.

Ngài đã xé chúng ta ... Ngài đã làm chúng ta bị thương

Đức Chúa Trời đã trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên vì họ không vâng theo Ngài và thờ lạy thần tượng.

Ngài sẽ chữa lành chúng ta ... Ngài sẽ băng bó vết thương chúng ta

Dân Y-sơ-ra-ên tin rằng Đức Chúa Trời sẽ thương xót họ khi họ ăn năn và Ngài sẽ giải cứu họ khỏi hoạn nạn.

Sau hai ngày Ngài sẽ khiến chúng ta tỉnh lại, Ngài sẽ nâng chúng ta dậy vào ngày thứ ba

Ở đây tượng trưng cho một khoảng thời gian ngắn. Y-sơ-ra-ên tin rằng Đức Chúa Trời sẽ mau đến giải cứu họ khỏi kẻ thù.

Hai ngày ... ngày thứ ba

"2 ngày ... ngày thứ 3"

Chúng ta hãy nhận biết Đức Giê-hô-va

“Nhận biết” ở đây không chỉ là học biết về bản tính và luật pháp của Đức Chúa Trời mà còn là trung thành với Ngài. (Xem bản UDB)

Sự hiện đến của Ngài chắc chắn như hừng đông đến

Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ đến giúp đỡ dân Ngài giống như mặt trời mọc vào mỗi buổi sáng.

Hosea 6:4

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va phán.

Ta phải làm gì với ngươi?

Đức Chúa Trời bày tỏ rằng sự kiên nhẫn của Ngài đã hết, chỉ còn lại sự phán xét. Cách dịch khác: "Thật khó biết phải làm gì với ngươi!"

Vì vậy, ta đã dùng các nhà tiên tri cắt chúng ra

Qua các nhà tiên tri, Đức Giê-hô-va đã tuyên bố sự hủy diệt trên dân tộc phản nghịch. Sự hủy diệt hay được gọi ở đây là “cắt ra”, là lời kết án chắc chắn.

Sắc lệnh của Ngài như ánh sáng lóe lên

Ở đây tiên tri Ô-sê đang thưa cùng Đức Chúa Trời. Có thể ông muốn nói rằng khi Đức Chúa Trời ban lệnh cho ai đó phải chịu hình phạt là sự chết thì điều đó giống như sét đánh

Sắc lệnh của Ngài

"Mạng lệnh của Đức Giê-hô-va"

Hosea 6:6

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Vì ta muốn lòng trung thành chứ không phải sinh tế

Cấu trúc ngữ pháp này trong tiếng Hê-bơ-rơ thể hiện ý “nhiều hơn là”, giống như được thể hiện ở câu tiếp theo (“và sự nhận biết Đức Chúa Trời hơn là tế lễ thiêu”). Cách dịch khác: "Vì ta muốn lòng trung thành hơn là sinh tế"

như A-đam

Có thể là 1) ở đây chỉ về A-đam, người nam đầu tiên hoặc 2) đây là phép hoán dụ chỉ về những người sống trong một thành phố của Y-sơ-ra-ên gọi là A-đam. Cách dịch khác: "Giống như dân thành A-đam" hoặc 3) ở đây chỉ về con người nói chung. Từ “A-đam” có nghĩa là “con người” hay “loài người”. Cách dịch khác: "như hết thảy loài người"

Hosea 6:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Ga-la-át là thành ... với dấu chân đầy máu

"Dấu chân đầy máu" có thể chỉ về những kẻ làm ác và việc họ giết người.

Các thầy tế lễ hội hiệp cùng nhau để giết người trên con đường đi đến Si-chem

Chúng ta không biết câu này có ý nghĩa gì. Các thầy tế lễ có thật sự phạm tội xâm hại người khác trên đường đến Si-chem, một trung tâm tôn giáo và chính trị quan trọng hay không? Hay nhà tiên tri đang nói rằng các thầy tế lễ đã

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“giết” sự nhận biết chân thật và sự thờ phượng Đức Giê-hô-va? Tốt nhất nên dịch câu này đơn giản nhất có thể.

Hosea 6:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Sự dâm loạn của Ép-ra-im

“Sự dâm loạn” ở đây chỉ về việc Ép-ra-im thờ lạy tà thần.

Y-sơ-ra-ên đã trở nên ô uế

Y-sơ-ra-ên đã trở nên không thể chấp nhận được với Đức Chúa Trời vì những việc làm của họ.

Hỡi Giu-đa, ngươi cũng vậy, một mùa gặt đã định cho ngươi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Hỡi Giu-đa, ta định một mùa gặt cho ngươi"

Mùa gặt

“Mùa gặt” ở đây chỉ về sự phán xét cuối cùng của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

Vận mạng

Sự thịnh vượng và an ninh

Translation Questions

Hosea 6:1

Dù Đức Giê-hô-va xé dân của Ngài thành từng mảnh, Ngài sẽ làm gì sau đó?

Dù Ngài xé họ thành từng mảnh, Ngài sẽ chữa lành họ.

Hosea 6:2

Khi nào Ngài nâng đỡ dân của Ngài lên?

Ngài sẽ nâng đỡ họ vào ngày thứ ba.

Hosea 6:4

Sự thành tín của Ép-ra-im và Giu-đa như thế nào?

Sự thành tín của họ là đám mây sớm, như sương sớm tan ra.

Hosea 6:6

Chúa mong muốn điều gì?

Chúa mong muốn lòng thành tín và phải hy sinh, sự nhận biết Ngài hơn là của lễ thiêu.

Hosea 6:9

Bọn thầy tế lễ tụ họp với nhau để giết người đi đến Si-chem thế nào?

Như lũ cướp đợi người đến, bọn thầy tế lễ tụ họp với nhau để giết người đi đến Si-chem.

Hosea 6:11

Điều gì được chỉ định cho Giu-đa khi Đức Giê-hô-va phục hồi sự thịnh vượng cho dân Ngài?

Một mùa gặt được chỉ định, khi đó Đức Giê-hô-va sẽ phục hồi sự thịnh vượng cho dân Ngài.

Chapter 7

Hosea 7:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Ta muốn chữa lành cho Y-sơ-ra-ên

Khiến cho Y-sơ-ra-ên trở lại vâng phục Đức Chúa Trời và nhận lấy ơn phước của Ngài được gọi là chữa lành.

Vì chúng làm điều giả dối

Dân chúng mua bán gian dối.

Băng cướp

Đây là một nhóm người tấn công ngươi khác vô cớ.

hành vi của chúng bao vây chúng

Những việc gian ác của dân chúng được nói ở đây như thể là những người sẵn sàng buộc tội họ.

Chúng ở trước mặt ta

"Mặt" chỉ về sự hiện diện của Đức Chúa Trời hay sự nhận biết của Đức Chúa Trời. Những “nhân chứng” là những việc làm gian ác của chúng ở trước mặt Đức Chúa Trời để buộc tội chúng.

Hosea 7:3

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán. Bản Hê-bơ-rơ không được rõ ràng ở nhiều chỗ. Tuy nhiên, nhiều người dịch thành những mô tả về các quan quyền bất trung với Đức Chúa Trời, âm mưu ám sát đức vua và sau đó thực hiện kế hoạch của chúng. Những tội lỗi được nhắc đến minh họa cho sự gian ác mà đất nước đang lún sâu vào.

chúng đều là kẻ ngoại tình

Dân chúng phạm tội ngoại tình thuộc linh bằng việc thờ lạy thần tượng và bất trung với Đức Giê-hô-va. Có lẽ họ cũng phản bội chồng hay vợ của mình mà đi ngủ với người khác.

Như lò nướng bánh do người nướng bánh khơi lửa

Có thể nói ở dạng chủ động. Ở đây có nghĩa là dân chúng rất muốn làm điều ác. Cách dịch khác: "như cái lò mà người nướng bánh chụm lửa"

nhồi bột

Đây là một bước trong quá trình làm bánh.

Trong ngày của vua chúng ta

Đây có lẽ là một lễ hội do vua tổ chức.

Vua giơ tay ra

Câu này có thể có nghĩa là kết hiệp hay tham gia cùng với ai đó. Có thể là vua hiệp với các quan thần chế nhạo những điều hay những ngươi không nên chế nhạo, thẩm chí là chính Đức Chúa Trời.

Hosea 7:6

Thông Tin Tổng Quát:

Âm mưu của các quan thần được mô tả ở đây. Sự tức giận của họ thôi thúc họ ám sát vua.

Lòng như cái lò

Có nghĩa là giống lửa cháy trong lò, những người này có những khát khao gian ác trong lòng.

Sự tức giận của họ âm ỉ

Từ “âm ỉ” có nghĩa là một thứ gì đó cháy từ từ trong lửa. Cách dịch khác: "Sự tức giận của họ phát triển dần dần và âm thầm"

Nó bốc cháy lên cao như ngọn lửa hừng

Mức độ tức giận của họ được ví như ngọn lửa vô cùng nóng. Cách dịch khác: "nó trở nên rất mãnh liệt"

chúng đều nóng như lò lửa

Câu này so sánh sự tức giận của họ với sức nóng ra từ lò lửa.

Chúng nuốt những ai cai trị trên chúng

Câu này dường như có nghĩa là những quan thần giết đi các vua của họ.

Hosea 7:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Ép-ra-im pha trộn với các dân

Câu này có thể chỉ về nổ lực của các vua vương quốc phía

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bắc muốn liên minh với các nước khác để được bảo vệ khỏi những sự tấn công.

Ép-ra-im là chiếc bánh dẹp không trở

Có thể nói ở dạng chủ động. Ở đây “Ép-ra-im” chỉ về vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Đất nước suy yếu như chiếc bánh dẹp không được người nướng bánh trở mặt trong lò để được cứng mạnh hơn. Cách dịch khác: "Người Ép-ra-im như chiếc bánh không ai trở"

Tóc bạc nó lốm đốm

Ở đây “tóc bạc” chỉ về tuổi già.

Mà nó không biết

Tuy nhiên, “tuổi già” là cách nói muốn chỉ rõ vương quốc phía bắc đang yếu dần vì họ không biết mình đã “già”.

Hosea 7:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên làm chứng nghịch cùng nó

Câu này mô tả “sự kiêu ngạo” như một người làm chứng chống lại dân Y-sơ-ra-ên trước tòa. Câu này có nghĩa là thái độ và hành vi kiêu ngạo của họ cho thấy họ đã phạm tội khi không còn vâng phục Đức Giê-hô-va.

Họ cũng chẳng tìm kiếm Ngài

Y-sơ-ra-ên không ham mến Đức Giê-hô-va được nói như thể họ đã lạc mất nhưng không cố gắng tìm kiếm Ngài. Cách dịch khác: "họ cũng không cố gắng khiến Ngài lưu tâm đến họ"

Dù vậy

“Vậy” ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời để cho dân ngoại đánh bại họ và khiến họ suy yếu.

Ép-ra-im giống như chim bồ câu khờ khạo, thiếu khôn ngoan

Chim bồ câu được xem là loài chim dại dột.

Ai Cập ... A-si-ri

Đây là những đất nước hùng mạnh mà Y-sơ-ra-ên cầu cứu.

Hosea 7:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Ta sẽ giăng lưới ta trên chúng

Đây là cách bắt chim. Đức Giê-hô-va tiếp tục so sánh dân Y-sơ-ra-ên như chim bồ câu. Khi họ đi đến Ai Cập hay A-si-ri cầu cứu thì Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ.

Ta sẽ làm cho chúng rơi xuống như chim trời

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ phán xét Y-sơ-ra-ên như thể họ là những con chim sẽ bị sa lưới. Cách dịch khác: "Ta sẽ săn bắt chúng như chim" hoặc "Ta sẽ bắt chúng như thợ săn bắt chim"

Trong bầy của chúng

Câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ về những con chim.

Hosea 7:14

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Chúng than vãn trên giường mình

Những người thờ thần tượng thường ăn tiệc khi nằm trên ghế dài hay giường ngủ.

Và chúng xoay bỏ ta

Không thờ phượng Đức Chúa Trời nữa được gọi là xoay bỏ Ngài. Cách dịch khác: "và họ không thờ phượng ta nữa"

Dù chính ta đã tập luyện và làm cho cánh tay chúng mạnh mẽ

Đây có thể là phép ẩn dụ về quân sự, trong đó Đức Chúa Trời tập luyện cho Y-sơ-ra-ên yêu mến Ngài và vâng phục Ngài được nói như thể Ngài đã tập luyện họ cho chiến trận.

Hosea 7:16

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Chúng như cây cung lỏng lẻo

Tức là cây cung không có dây cung hoặc là không căng

Vì sự xấc xược của lưỡi chúng

“Lưỡi” ở đây chỉ về lời nói của các quan thần. Cách dịch khác: "vì chúng xúc phạm ta" hoặc "vì chúng báng bổ ta".

Điều này sẽ trở thành sự nhạo báng trong đất Ai Cập

"Đó là lí do vì sao Ai Cập sẽ chế giễu và cười nhạo Y-sơ-ra-ên"

Translation Questions

Hosea 7:2

Đức Giê-hô-va nhớ lại điều gì?

Đức Giê-hô-va nhớ lại mọi việc làm ác của họ.

Hosea 7:3

Dân sự khiến bọn quan chức vui thế nào?

Bởi sự dối trá của họ khiến bọn quan chức vui.

Hosea 7:6

Lòng của dân sự như thế nào?

Their hearts were like an oven. Lòng của họ như cái lò.

Hosea 7:9

Ép-ra-im không biết điều gì?

Ép-ra-im không biết rằng dân ngoại nuốt hết sức mạnh của ông hoặc tóc bạc lác đác trên đầu.

Hosea 7:11

Ép-ra-im như con bồ câu thế nào?

Ép-ra-im như con bồ câu, dễ mắc lừa mà không ý thức.

Hosea 7:13

Tại sao Đức Giê-hô-va không giải cứu dân sự?

Đức Giê-hô-va không giải cứu dân sự bởi vì họ nói lời phản nghịch cùng Ngài.

Hosea 7:14

Dân sự làm gì để kiếm được lúa mì và rượu mới?

Họ cắt mình để kiếm được lúa mì và rượu mới.

Hosea 7:16

Tại sao các quan chức sụp đổ?

Các quan chức sẽ sụp đổ bởi vì sự độc ác của lưỡi chúng.

Chapter 8

Hosea 8:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán về việc quân A-si-ri kéo đến tấn công vương quốc phía bắc.

Chim đại bàng đáp xuống trên nhà Đức Giê-hô-va

Chim đại bàng, một loại chim săn mồi, đôi khi được dùng để tượng trưng cho kẻ thù của Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Giống như chim đại bàng săn những con vật khác, kẻ thù của Y-sơ-ra-ên đang đến bắt lấy dân ta giống như vậy"

Phá vỡ giao ước ta

“Phá vỡ” ở đây chỉ về việc “không vâng theo”, “vi phạm”.

nhận biết Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tức là “trung tín với Ngài”.

Hosea 8:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Nhưng chỉ để chúng bị cắt bỏ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "nhưng kết quả là ta sẽ tiêu diệt dân chúng"

Cắt bỏ

Tức là tiêu diệt

Hỡi Sa-ma-ri, bò con của ngươi đã bị bỏ rồi

Có thể là 1) đây là lời của nhà tiên tri

bò con của ngươi

Vua Giê-rô-bô-am thứ hai của Y-sơ-ra-ên

Cơn giận của ta bùng lên nghịch cùng chúng

Cơn giận được ví như ngọn lửa. Cách dịch khác: "Ta rất tức giận với dân này"

Chúng sẽ phạm tội cho đến bao giờ?

Đức Giê-hô-va hỏi câu này để thể hiện cơn tức giận của Ngài về sự ô uế của dân chúng. “Ta tức giận với dân này vì chúng không muốn được trong sạch”.

Hosea 8:6

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Vì chúng gieo gió và gặt bão

Gieo hay gặt gió là hành động vô ích hoặc là phá hoại. Gặt bão tức là chịu lấy tai họa từ chính hành động của mình.

Cây lúa đứng không có đầu

Ở đây “đầu” chỉ về phần kết hạt của cây. Thân lúa không có đầu thì không đem lại mùa màng cho người nông dân. Cũng vậy, những việc làm của Y-sơ-ra-ên sẽ không đem lại kết quả gì tốt đẹp.

Nếu nó có hạt đi nữa thì dân ngoại cũng sẽ nuốt lấy

Nếu việc làm nào của Y-sơ-ra-ên có đem lại kết quả gì tốt lành thì kẻ thù của Y-sơ-ra-ên cũng sẽ đến và cướp khỏi họ.

Hosea 8:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Y-sơ-ra-ên bị nuốt lấy

"Bị nuốt" có nghĩa là bị đánh bại và bị bắt làm phu tù. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Kẻ thù của Y-sơ-ra-ên đã bắt dân Y-sơ-ra-ên sang xứ khác"

Như con lừa hoang lẻ loi

Người ta thường cho con lừa là cứng đầu. Câu này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên không chịu nghe theo Đức Giê-hô-va mà đi đến cầu cứu dân A-si-ri.

Ép-ra-im đã thuê người yêu cho mình

Những phe liên minh với Ép-ra-im được nói như thể họ được trả tiền để làm gái mại dâm cho Ép-ra-im. Cách dịch khác: "Dân Y-sơ-ra-ên cố gắng trả tiền cho các nước để được họ bảo vệ”

Vì sự áp bức của vua và các thủ lĩnh

Tức là vì vua A-si-ri, còn được gọi là “Vua vĩ đại”, sẽ làm cho dân chúng phải khốn khổ.

Hosea 8:11

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Ta đã chép luật pháp ta cho chúng hàng vạn lần

Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã rất nhiều lần ban cho Y-sơ-ra-ên luật pháp của Ngài qua các tiên tri và cho họ biết điều Ngài mong muốn ở họ.

Vạn

"10,000"

Hosea 8:13

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Chúng sẽ trở về Ai Cập

Vì tội lỗi của họ, Đức Chúa Trời sẽ bắt dân Ngài làm nô lệ cho Ai Cập.

Translation Questions

Hosea 8:1

Tại sao con đại bàng đáp xuống nhà của Đức Giê-hô-va?

Tại sao chim đại bàng đáp xuống nhà của Đức Giê-hô-va bởi vì dân phá vỡ giao ước với Ngài và nổi loạn chống lại luật của Ngài.

Hosea 8:4

Dân sự làm thần tượng bằng gì cho họ?

Bằng bạc và vàng, họ đã làm cho mình các thần tượng.

Hosea 8:7

Điều gì xảy ra khi dân sự gieo gió?

Dân sự gieo gió và gặt lốc xoáy.

Hosea 8:10

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì dù dân sự thuê đồng minh trong số các dân?

Dù họ thuê đồng minh trong số các nước, Đức Giê-hô-va sẽ gom chúng lại với nhau.

Hosea 8:12

Nếu Đức Giê-hô-va viết luật pháp của ngài xuống một nghìn lần, thì họ sẽ thấy bao nhiêu lần?

Nếu Đức Giê-hô-va viết luật pháp của Ngài xuống một nghìn lần, họ chỉ thấy nó như một điều xa lạ với họ.

Hosea 8:13

Đức Giê-hô-va trừng phạt tội lỗi của dân sự Ngài thế nào?

Ngài sẽ trừng phạt tội lỗi của họ bằng việc đem họ trở lại Ê-díp-tô.

Chapter 9

Hosea 9:1

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Nhưng sân đạp lúa và hầm ép rượu sẽ chẳng nuôi chúng nó

Câu này nói như thể sân đạp lúa và hầm ép rượu là người có thể nuôi ai đó. Câu này có ý nghĩa là vụ mùa sẽ không cung cấp đủ lúa cho nhu cầu của dân chúng và không có nho ép cho đủ rượu.

sân đạp lúa

Đây là những khu vực rộng, không chỉ dùng để đạp lúa mà còn được dùng cho những nghi lễ của tôn giáo và cộng đồng. Những gái mại dâm của đền thờ sẽ đến đây để giúp các người nam tổ chức lễ hội mùa gặt cho các thần tượng.

Rượu mới sẽ làm cho chúng thất vọng

Sẽ không có đủ nước nho để làm rượu.

Hosea 9:3

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đất của Đức Giê-hô-va

Câu này cho thấy Đức Giê-hô-va vẫn tiếp tục xem đất của Y-sơ-ra-ên là tài sản của Ngài, không phải là tài sản của dân Y-sơ-ra-ên.

thức ăn ô uế

Đây là những thức ăn mà dân Y-sơ-ra-ên thường không ăn vì chúng khiến cho họ không được Đức Chúa Trời chấp nhận.

Các sinh tế của chúng sẽ giống như thức ăn của kẻ có tang

“Thức ăn của kẻ có tang” chỉ về thức ăn người ta ăn khi than khóc vì họ bị ô uế và không được Đức Chúa Trời chấp nhận. Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ xem các sinh tế của dân chúng là ô uế và sẽ không chấp nhận chúng.

Vì thức ăn của chúng chỉ dành cho chúng, nó sẽ không được vào nhà Đức Giê-hô-va

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ có thức ăn nhưng Đức Giê-hô-va sẽ không nhận chúng làm của lễ.

nó sẽ không được vào nhà Đức Giê-hô-va

Thức ăn ô uế được nói như thể chúng có thể tự mình đi đến đâu đó. Nhưng dĩ nhiên là con người phải đem chúng đi.

Hosea 9:5

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Các ngươi sẽ làm gì trong ngày lễ đã định, trong ngày lễ của Đức Giê-hô-va?

Ô-sê dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng dân chúng sẽ không còn được tổ chức các kỳ lễ hội nữa khi kẻ thù đánh bại họ và bắt họ đi phu tù. Cách dịch khác: "Các ngươi sẽ không thể tổ chức các lễ hội mà Đức Giê-hô-va đã lập cho các ngươi"

ngày lễ đã định ... trong ngày lễ của Đức Giê-hô-va

Cả hai cụm từ này đều có nghĩa như nhau.

Nếu chúng thoát khỏi

“Chúng” ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Bạn có thể tiếp tục nói câu này ở ngôi thứ hai. Cách dịch khác: "nếu các ngươi thoát khỏi"

Ai Cập sẽ tập trung chúng lại và Mem-phi sẽ chôn chúng

Ai Cập và Mem-phi chỉ về dân chúng sống ở đó. Cách dịch khác: "quân đội Ai Cập sẽ bắt lấy các ngươi. Các ngươi sẽ chết ở đó và dân chúng trong thành Mem-phi sẽ chôn các ngươi"

Còn của cải bằng bạc – bụi rậm sẽ chiếm lấy chúng

Bụi rậm mọc lên trong chỗ dân Y-sơ-ra-ên cất những đồ bằng bạc của họ được nói như thể bụi rậm là kẻ thù sẽ đoạt lấy tài sản quý giá của Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Bụi rậm sẽ mọc ở nơi chúng cất của cải bằng bạc của mình"

Bụi rậm sẽ chiếm lấy chúng và gai gốc sẽ mọc đầy lều trại chúng

Ở đây “bụi rậm” và “gai gốc” có ý nghĩa như nhau. Bụi rậm và gai gốc mọc chỉ về vùng đất trở nên tan hoang như một hoang mạc.

lều trại chúng

“Lều trại” ở đây chỉ về nhà ở của dân Y-sơ-ra-ên.

Hosea 9:7

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Những ngày trừng phạt đã đến, những ngày báo trả đã tới rồi

Ô-sê nói hai vế như nhau để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ sớm phán xét dân Y-sơ-ra-ên vì những việc làm gian ác của họ.

Kẻ tiên tri là khờ dại, người được linh hứng là điên cuồng

Những vế này có ý nghĩa như nhau. Có thể là 1) dân chúng xem các tiên tri là người điên cuồng hoặc 2) các nhà tiên tri trở nên điên cuồng vì những tội lỗi mà dân chúng đã phạm.

Kẻ tiên tri là khờ dại, người được linh hứng là điên cuồng

“Kẻ tiên tri” và “người được linh hứng” đều chỉ về người xưng mình nhận được sứ điệp từ Đức Chúa Trời. Câu này ngụ ý rằng họ là tiên tri giả và chỉ tự nghĩ mình nhận được sứ điệp từ Đức Chúa Trời.

Vì tội ác tày trời của ngươi và lòng thù nghịch quá lớn của ngươi

“Tội ác tày trời” và “lòng hận thù quá lớn” có ý nghĩa như nhau. Tội lỗi của dân chúng thể hiện ở thái độ thù nghịch với Đức Giê-hô-va và các tiên tri của Ngài.

Hosea 9:8

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Nhà tiên tri là người canh gác Ép-ra-im cho Đức Chúa Trời ta

“Người canh gác” trông chừng ở bên ngoài thành phố xem có nguy hiểm nào đang đến hay không. Nhà tiên tri cảnh báo cho dân chúng khi họ phạm tội và nằm trong mối nguy hiểm bị Đức Chúa Trời trừng phạt được nói như thể ông là người canh gác cho thành phố. Cách dịch khác: "Nhà tiên tri giống như người canh gác Ép-ra-im cho Đức Chúa Trời"

Nhà tiên tri là người canh gác Ép-ra-im cho Đức Chúa Trời ta

Một số bản dịch phân đoạn này là “Nhà tiên tri cùng với Đức Chúa Trời ta là người canh gác Ép-ra-im."

Nhà tiên tri là

Ở đây chỉ về những nhà tiên tri nói chung mà Đức Chúa Trời đã lập lên. Cách dịch khác: "Các nhà tiên tri là" hoặc "Các nhà tiên tri thật là"

Ép-ra-im

Ở đây “Ép-ra-im” đại diện cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên.

bẫy lưới giăng bủa mọi lối của ông

“Bẫy lưới” là cái bẫy được dùng để bắt chim. Câu này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên làm mọi cách có thể để ngăn chặn tiên tri của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "dân chúng đặt bẫy ông bất cứ nơi nào ông đi" hoặc "dân chúng làm mọi cách để hãm hại ông"

Chúng chìm sâu trong bại hoại như những ngày của Ghi-bê-a

"Dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội và trở nên vô cùng bại hoại như đã làm ở Ghi-bê-a ngày xưa”. Ở đây có thể chỉ về những việc làm kinh tởm của chi phái Bên-gia-min được thuật lại trong Các Quan Xét 19-21.

Hosea 9:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Khi ta tìm được Y-sơ-ra-ên

Ở đây chỉ về lúc Đức Giê-hô-va bắt đầu mối quan hệ với dân Y-sơ-ra-ên khi tuyên bố họ là dân tộc đặc biệt của Ngài.

giống như tìm được nho trong sa mạc. Như trái đầu mùa trên cây vả

Cả hai câu này nhấn mạnh những hoàn cảnh làm hài lòng. Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va rất vui khi bắt đầu mối quan hệ của Ngài với dân Y-sơ-ra-ên.

Ba-anh Phê-ô

Đây là tên của một ngọn núi trong đất Mô-áp nơi thờ thần Ba-anh.

Hosea 9:11

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vinh quang của chúng sẽ bay đi như chim

Dân Ép-ra-im hay vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên sẽ mất hết những thứ khiến các nước khác tôn trọng chúng. Vinh quang chúng sẽ nhanh chóng biến mất như chim bay đi. Cách dịch khác: "vinh quang chúng sẽ giống như chim bay đi khỏi chúng"

Khi ta lìa bỏ chúng

Khi Đức Chúa Trời không giúp đỡ vương quốc phía bắc nữa thì như thể Ngài đã xoay khỏi họ theo nghĩa đen.

Hosea 9:13

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Ta đã thấy Ép-ra-im, như thành Ty-rơ, được trồng trong đồng cỏ

"Được trồng" chỉ về việc được ở trong nơi an toàn. Cách dịch khác: "Nước Y-sơ-ra-ên từng xinh đẹp và êm đềm như thành Ty-rơ, như cái cây trồng trong đồng cỏ"

Nhưng Ép-ra-im sẽ đem con cái mình ra

"con cái" là dân của nước đó. Cách dịch khác: "nhưng dân Y-sơ-ra-ên sẽ đem con cái chúng ra"

Lạy Đức Giê-hô-va, xin ban cho chúng - Ngài sẽ ban cho chúng điều gì?

Xin ban cho chúng

Ô-sê dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông muốn Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên điều họ đáng phải nhận.

Cách dịch khác: "Đây là điều con cầu xin Ngài ban cho chúng, lạy Đức Giê-hô-va, xin ban cho chúng"

Dạ sẩy thai

“Sẩy thai” có nghĩa là chu kỳ mai thai kết thúc quá sớm làm đứa bé phải chết. Ô-sê cầu xin cho hết thảy phụ nữ trong dân đều bị như vậy.

Hosea 9:15

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Ta sẽ đuổi chúng khỏi nhà ta

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ buộc dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ của Ngài là xứ Ca-na-an.

Các quan chức của họ

Những người lo việc vua

Hosea 9:16

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán ở câu 16. Ô-sê bắt đầu nói ở câu 17.

Ép-ra-im mắc bệnh, rễ chúng khô héo, chúng không ra trái nữa

Đức Giê-hô-va nói như thể dân Y-sơ-ra-ên là cái cây mắc bệnh không ra trái, sẵn sàng để bị chặt đi. Câu này cho thấy dân Y-sơ-ra-ên đã trở nên suy yếu, kẻ thù của họ sẽ sớm đến đánh bại họ.

Translation Questions

Hosea 9:1

Dân Y-sơ-ra-ên yêu thích điều gì?

Y-sơ-ra-ên yêu thích tiền công của đĩ điếm trên tất cả các sân đập lúa.

Hosea 9:4

Của lễ mà Ép-ra-im đối với họ như thế nào?

Của lễ của chúng sẽ như đồ ăn của người đưa tang: tất cả ai ăn chúng sẽ ô uế.

Hosea 9:6

Nếu dân sự trốn khỏi sự húy diệt, điều gì sẽ xảy ra?

Nếu dân sự thoát khỏi sự hủy diệt, Ê-díp-tô sẽ gom chúng lại, và Mem-phi sẽ chôn họ.

Hosea 9:7

Những ngày gì đang đến?

Những ngày để trừng phạt đang đến. Những ngày để báo thù đang đến.

Hosea 9:8

Đường lối của các tiên tri là điều gì?

Bẫy chim là các đường lối họ.

Hosea 9:10

Sau khi tổ phụ đi đến Ba-anh Phê-ô, họ trở nên như thế nào?

Sau khi tổ phụ đi lên Ba-anh Phê-ô, họ trở nên đáng ghê tởm như các thần tượng họ ưa thích.

Hosea 9:11

Điều gì xảy ra với vinh hiển của Ép-ra-im?

Vinh hiển của Ép-ra-im sẽ bay đi như chim.

Hosea 9:14

Đức Giê-hô-va sẽ trao cho Ép-ra-im điều gì?

Đức Giê-hô-va sẽ cho họ dạ sẩy thai và vú không có sữa.

Hosea 9:15

Tại sao Đức Giê-hô-va đuổi Ép-ra-im khỏi nhà của Ngài?

Bởi vì những việc làm tội lỗi của họ, Đức Giê-hô-va sẽ đuổi họ ra khỏi nhà của Ngài.

Hosea 9:16

Điều gì xảy ra dù cho Ép-ra-im có con cái?

Dù cho chúng có con, Đức Giê-hô-va sẽ xử tử các đứa trẻ.

Chapter 10

Hosea 10:1

Thông Tin Tổng Quát:

Ô-sê nói về Y-sơ-ra-ên.

Y-sơ-ra-ên là cây nho sum sê sinh ra trái nó

Y-sơ-ra-ên được ví như cây nho rất sai trái. Dân tộc được thịnh vượng và hùng mạnh trong một thời gian.

cây nho sum sê

Cây nho sinh ra nhiều trái hơn bình thường.

Trái nó càng sai chừng nào ... đất nó càng sinh ra nhiều

Cả hai vế này đều có nghĩa là dân tộc được thịnh vượng và trở nên hùng mạnh, giàu có hơn.

Lòng chúng giả dối

"Lòng" chỉ về con người bên trong. "Chúng giả dối"

Bây giờ chúng phải gánh lấy tội lỗi mình

"Đã đến lúc Đức Giê-hô-va trừng phạt tội lỗi chúng"

Hosea 10:3

Thông Tin Tổng Quát:

Ô-sê nói về Y-sơ-ra-ên.

và một vị vua - vua có thể làm gì cho chúng ta?

Dân chúng sẽ nói rằng vua của họ không giúp ích gì cho họ. Cách dịch khác: "Thậm chí bây giờ chúng ta có vua thì vua ấy cũng không giúp gì cho chúng ta."

Chúng nói những lời trống rỗng

“Lời trống rỗng” ở đây chỉ về những lời dối trá. Cách dịch khác: "Chúng nói dối"

sự công bình sẽ nẩy nở như cỏ độc trong các luống cày ngoài đồng ruộng

Điều họ gọi là công bình trong luật pháp và phán quyết của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mình được ví như cây cỏ nẩy nở. Cách dịch khác: "Vì thế những phán quyết của chúng không công bình mà đầy tai hại"

như cỏ độc trong các luống cày ngoài đồng ruộng

Sự dối trá và bất công của chúng lan khắp đất nước và gây hại cho mọi người như cỏ độc.

Hosea 10:5

Thông Tin Tổng Quát:

Ô-sê nói về Y-sơ-ra-ên.

Bết A-ven

Đây là một thành phố giáp ranh giữa vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên và chi phái Bên-gia-min ở vương quốc phía nam. Xem cách đã dịch ở HOS04:15

Chúng sẽ bị đem qua A-si-ri

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người A-si-ri sẽ bắt chúng đi"

Ép-ra-im sẽ xấu hổ, Y-sơ-ra-ên sẽ hổ thẹn về thần tượng của nó

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Dân Y-sơ-ra-ên sẽ rất xấu hổ vì đã thờ lạy thần tượng"

thần tượng của nó

Nhiều bản dịch từ Hê-bơ-rơ này là “lời khuyên”, “mưu đồ” hay “ý định”.

Hosea 10:7

Vua Sa-ma-ri sẽ bị diệt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người A-si-ri sẽ diệt vua Sa-ma-ri"

như mảnh gỗ trên mặt nước

Câu này có nghĩa là vua Sa-ma-ri sẽ tuyệt vọng như mảnh gỗ nhỏ bị sóng nước dập dềnh xô đẩy.

Các nơi cao của sự gian ác sẽ bị hủy diệt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người A-si-ri sẽ hủy diệt các nơi cao của Y-sơ-ra-ên, nơi họ đã làm những điều gian ác"

Dân chúng sẽ nói với các núi rằng: “Hãy bao phủ chúng tôi!” Và nói với các đồi rằng: “Hãy đổ xuống trên chúng tôi!”

Bình thường người ta không nói với những vật không có suy nghĩ hay biết lắng nghe. Người dịch có thể chọn hình thức dịch khác cho phần này nếu ngôn ngữ của họ không cho phép nói như vậy. Cách dịch khác: "Dân chúng sẽ nói ‘Chúng tôi ước gì các núi bao phủ chúng tôi!’ và ‘Chúng tôi ước những ngọn đồi sẽ đổ xuống trên chúng tôi!’"

Hosea 10:9

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Ngày của Ghi-bê-a

Ở đây có thể chỉ về những việc làm kinh tởm của chi phái Bên-gia-min được thuật lại trong Các Quan Xét 19-21. Xem cách đã dịch ở HOS09:08

Các ngươi vẫn còn ở đó

Câu này có thể có nghĩa là dân chúng thời bấy giờ tiếp tục hành động giống như tổ phụ của họ ở Ghi-bê-a. Cách dịch khác: "và các ngươi cũng suy nghĩ như họ"

Lẽ nào chiến tranh không đuổi kịp con cái của sự gian ác trong Ghi-bê-a sao?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng những người ở Ghi-bê-a làm điều sai trái chắc chắn sẽ phải chịu cảnh chiến tranh. Câu này ví việc dân chúng sẽ ở trong cảnh chiến tranh khi kẻ thù họ kéo đến như thể chiến tranh là một người có thể đuổi bắt họ. Cách dịch khác: "Chiến tranh chắc chắn sẽ ập đến trên những ai làm điều gian ác trong Ghi-bê-a" hoặc "Kẻ thù chắc chắn sẽ tấn công những ai làm điều gian ác trong Ghi-bê-a."

con cái của sự gian ác

“Con cái của” là cách nói mang ý nghĩa là “có bản tính của”. Cách dịch khác: "những kẻ làm điều sai trái" hoặc "những kẻ làm ác"

Hosea 10:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Tội lỗi gấp đôi

Ở đây chỉ về rất nhiều tội lỗi của Y-sơ-ra-ên.

Ép-ra-im là bò cái tơ thuần thục ưa thích đạp lúa

Bò cái tơ thích đạp lúa vì chúng có thể đi tự do mà không mang ách. Đức Giê-hô-va muốn nói là Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên được tự do sống dễ dãi.

Ta sẽ đặt cái ách vào cổ nó. Ta sẽ đặt cái ách trên Ép-ra-im

“Ách” ở đây chỉ về sự khổ nhọc và ách nô lệ. Đức Giê-hô-va nhân từ với dân Y-sơ-ra-ên nhưng họ không trung tín với Ngài. Vì thế Ngài sẽ trừng phạt họ và bắt họ làm nô lệ.

Giu-đa sẽ cày và Gia-cốp sẽ tự kéo bừa

Ở đây “Giu-đa” chỉ về dân cư của vương quốc phía nam và “Gia-cốp” là dân cư của vương quốc phía bắc. Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ khiến cả hai nước trải qua những thời kỳ khó khăn..

Bừa

Một dụng cụ được dùng để làm tơi đất và phủ đất lên các hạt giống sau khi cày

Hosea 10:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Hãy gieo cho mình sự công chính, và gặt trái của sự thành tín theo giao ước

Sự công chính và thành tín theo giao ước được ví như là cây trồng có thể được gieo và gặt.

Hãy vỡ đất chưa được cày xới

Đất “chưa cày xới” chưa sẵn sàng để trồng trọt. Đức Giê-hô-va muốn nói là Ngài muốn dân chúng ăn năn để có thể bắt đầu làm điều đúng đắn.

Các ngươi đã cày sự gian ác, gặt sự bất công

Sự gian ác và sự bất công được ví như cây trồng có thể được gieo và gặt.

Các ngươi ăn trái của sự dối trá

Kết quả là sự dối trá được ví như thức ăn có thể ăn được. Cách dịch khác: "Bây giờ các ngươi chịu lấy hậu quả của việc lừa dối lẫn nhau"

Hosea 10:14

Như San-man đã hủy phá Bết Ạt-bên trong ngày tranh chiến

Cuộc chiến tranh sắp đến được ví sánh với một cuộc chiến tranh ngày xưa.

San-man

Đây là tên của vị vua đã tiêu diệt thành Bết Ạt-bên vào khoảng năm 740 TC. Quân đội của vua giết cả đàn bà và trẻ con trong cuộc tấn công này.

Bết Ạt-bên

Đây có vẻ là tên thành phố của chi phái Nép-ta-li.

Hỡi Bê-tên, nó sẽ xảy ra cho các ngươi vì những sự gian ác quá nặng của các ngươi

Ở đây “Bê-tên” chỉ về dân cư ở đó. Vị tiên tri gọi dân Bê-tên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

như thể họ đang lắng nghe ông nói.

Translation Questions

Hosea 10:1

Điều gì xảy ra khi cây trái của Y-sơ-ra-ên tăng thêm?

Khi cây trái của chúng tăng thêm, bàn thờ chúng dựng càng nhiều.

Hosea 10:4

Y-sơ-ra-ên lập giao ước thế nào?

Y-sơ-ra-ên lập giao ước bằng lời thề dối trá.

Hosea 10:6

Tại sao người dân của Sa-ma-ri bị đem qua A-si-ri?

Họ sẽ bị đem qua A-si-ri làm quà cho vua lớn.

Hosea 10:8

Thứ gì sẽ mọc trên bàn thờ?

Bụi cây và cúc gai sẽ mọc trên bàn thờ.

Hosea 10:11

Tại sao Đức Giê-hô-va đặt cái ách trên cổ Ép-ra-im?

Bởi vì Ép-ra-im là con bò cái thuần phục ưa thích đập lúa, Đức Giê-hô-va sẽ đặt cái ách trên cổ nó.

Hosea 10:12

Dân sự nên tìm kiếm Đức Giê-hô-va trong bao lâu?

Họ sẽ tìm kiếm Đức Giê-hô-va đến khi Ngài đến và trút mưa công bình trên họ.

Hosea 10:14

Điều gì xảy ra cho các người mẹ cùng con họ khi San-man hủy diệt Bết-Ạt-bên?

Khi San-man hủy diệt Bết-Ạt-bên, các người mẹ bị đập nát cùng con họ.

Chapter 11

Hosea 11:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va nói Ngài chăm sóc cho Y-sơ-ra-ên như cha mẹ chăm sóc cho con.

Khi Y-sơ-ra-ên còn trẻ

Đức Giê-hô-va phán về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là những thanh niên. Đức Giê-hô-va đang nói về lúc Ngài mới bắt đầu mối quan hệ với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta gọi con trai Ta ra khỏi Ai Cập

"Con trai" chỉ về dân của Đức Chúa Cha. Cách dịch khác: "Ta dẫn con trai ta ra khỏi Ai Cập"

Càng được gọi chừng nào, chúng càng chạy xa khỏi ta chừng đó

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta càng gọi chúng làm dân ta chừng nào, chúng càng từ chối ta chừng đó"

Hosea 11:3

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va nói Ngài đã chăm sóc cho Y-sơ-ra-ên thể nào.

Chính ta đã dạy Ép-ra-im bước đi

Đức Giê-hô-va ví Y-sơ-ra-ên như một đứa bé mà Ngài đã dạy nó bước đi.

Lấy cánh tay ta mà nâng đỡ chúng nó

Câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ. Cách dịch khác: "chăm sóc cho chúng"

Ta đã dùng dây nhân từ, dùng xích yêu thương mà dẫn chúng đi

Đức Giê-hô-va yêu thương dân Ngài theo cách mà họ là con người có thể hiểu được và nhận thức được.

Ta đã như người cởi ách khỏi hàm chúng

Đức Giê-hô-va phán như thể dân Y-sơ-ra-ên là con vật làm việc quần quật được Ngài làm cho công việc nhẹ nhàng hơn.

Ta cúi xuống để cho chúng ăn

Câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ mà Y-sơ-ra-ên được mô tả như một đứa bé. Câu này có thể có nghĩa là Đức Giê-hô-va chu cấp cho mọi nhu cầu thuộc thể của họ.

Hosea 11:5

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Chúng sẽ không trở về đất Ai Cập nữa sao?

Câu hỏi này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên sẽ một lần nữa làm nô lệ như khi họ ở Ai Cập.

Người A-si-ri sẽ không làm vua của chúng vì chúng không chịu trở lại cùng ta sao?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm phu tù cho A-si-ri vì họ đã không giữ lòng trung tín với Đức Giê-hô-va.

Gươm đao sẽ giáng trên các thành của chúng

Ở đây "gươm đao" chỉ về kẻ thù của Y-sơ-ra-ên, họ sẽ phá hủy các thành của Y-sơ-ra-ên.

Phá hủy các then cổng

Cổng giữ cho cư dân trong thành được an toàn khỏi kẻ thù, then để đảm bảo cửa được đóng chặt. Phá hủy các then cổng có nghĩa là lấy đi sự an toàn của dân chúng.

Dù chúng kêu cầu Đấng Chí Cao

Ở đây Đức Chúa Trời nói về chính mình ở ngôi thứ ba. Có thể nói ở ngôi thứ nhất. Cách dịch khác: "Dù chúng kêu cầu ta, là Đấng Chí Cao" .

Sẽ không ai giúp đỡ chúng

Đức Giê-hô-va sẽ không cho ai giúp đỡ Y-sơ-ra-ên vì chúng đã xoay bỏ Ngài.

Hosea 11:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Hỡi Ép-ra-im, làm sao ta bỏ ngươi được? Hỡi Y-sơ-ra-ên, làm sao ta đành giao nộp ngươi?

Đức Giê-hô-va yêu thương dân Ngài đến nỗi Ngài sẽ không tiêu diệt họ hoàn toàn. Những câu hỏi này có thể được dịch thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Hỡi Ép-ra-im, ta sẽ không từ bỏ ngươi. Hỡi Y-sơ-ra-ên, ta sẽ không giao nộp ngươi".

Làm sao ta có thể đối xử với ngươi như Át-ma được? Làm sao ta có thể làm cho ngươi như Sê-bô-im được?

Đức Giê-hô-va yêu thương dân Ngài đến nỗi Ngài sẽ không tiêu diệt họ hoàn toàn. Những câu hỏi này có thể được dịch thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Ta không muốn đối xử với ngươi như với Át-ma hay làm cho ngươi như Sê-bô-im – là thành mà ta đã hủy diệt cùng với Sô-đôm" (Bản UDB)

Vì Ta là Đức Chúa Trời chứ không phải là người

Đức Chúa Trời không giống như con người thường nóng vội trả thù.

Lòng ta đã thay đổi trong ta

Ở đây "lòng" chỉ về ý muốn và quyết định của Đức Chúa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trời.

Ta sẽ không đến trong cơn thịnh nộ

Danh từ trừu tượng “cơn thịnh nộ” có thể được dịch thành tính từ “tức giận”. Cách dịch khác: "Ta sẽ không đến với các ngươi và tức giận với các ngươi"

Hosea 11:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán về thời điểm Ngài sẽ phục hồi dân Ngài.

Chúng sẽ bước theo ta, là Đức Giê-hô-va

Thờ phượng và tôn vinh Đức Chúa Trời được nói như thể bước đi theo Ngài

Ta sẽ gầm thét như sư tử

Đức Giê-hô-va cho dân Ngài có thể trở về trong đất của Ngài được nói như thể Ngài đang kêu gọi dân Ngài.

Chúng sẽ run rẩy mà đến như chim ... như chim bồ câu

Chúng sẽ mau chóng về nhà như chim về tổ. “Run rẩy” có thể chỉ về động tác vỗ cánh của chim (Xem bản UDB). Nó cũng có thể bày tỏ cảm xúc khiêm nhường và tôn kính đối với Đức Chúa Trời

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

“điều Đức Giê-hô-va truyền phán” hoặc “điều Đức Giê-hô-va uy nghiêm phán”. Xem cách đã dịch ở HOS02:12

Hosea 11:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

Ép-ra-im bao bọc ta bằng lời dối trá và nhà Y-sơ-ra-ên vây quanh ta với mưu lừa gạt

Việc làm dối trá và lừa gạt được ví như những đồ vật mà dân cư vương quốc phía bắc đem đặt quanh Ngài.

Nhưng Giu-đa vẫn đi cùng ta

Dân cư của vương quốc phía nam vẫn trung thành với Đức Chúa Trời. Ở đây “đi cùng” chỉ về việc ở cùng với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, nhiều bản dịch có cách dịch khác nhau cho phần Kinh Thánh khó hiểu này.

Translation Questions

Hosea 11:1

Từ đâu Đức Giê-hô-va gọi Y-sơ-ra-ên khi nó còn nhỏ?

Khi Y-sơ-ra-ên còn nhỏ, Đức Giê-hô-va đã gọi nó từ Ê-díp-tô.

Hosea 11:3

Ai nâng Ép-ra-im bởi tay của họ?

Đức Giê-hô-va nâng họ lên bởi tay họ.

Hosea 11:7

Dân của Đức Giê-hô-va được định làm gì?

Dân của Đức Giê-hô-va được định để ngoảnh mặt với Ngài.

Hosea 11:9

Why will Yahweh not again destroy Ephraim? Tại sao Đức Giê-hô-va không hủy diệt Ép-ra-im lần nữa?

Yahweh will not again destroy Ephraim, for he is God and not a man. Đức Giê-hô-va sẽ không hủy diệt Ép-ra-im lần nữa, vì Ngài là Chúa, không phải con người.

Hosea 11:10

Điều gì xảy đến với dân sự?

Dân sự sẽ thấy run sợ từ phương Tây như con chim xứ Ê-díp-tô, như chim bồ câu xứ A-si-ri.

Hosea 11:11

Điều gì xảy đến với dân sự?

Dân sự sẽ thấy run sợ từ phương Tây như con chim xứ Ê-díp-tô, như chim bồ câu xứ A-si-ri.

Hosea 11:12

Ai vẫn trung thành với Chúa?

Giu-đa vẫn trung thành với Chúa.

Chapter 12

Hosea 12:1

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Ép-ra-im ăn gió

Ở đây “Ép-ra-im” tượng trưng cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên. Còn “gió” tượng trưng cho những thứ vô ích hay tạm thời. Dân Y-sơ-ra-ên làm những điều không ích lợi gì cho họ được nói như thể họ ăn gió.

đuổi theo ngọn gió đông

Gió đông rất nóng và gây tàn hại cho xứ sở. Ở đây nó tượng trưng cho bất kì điều gì mang tính phá hoại. Dân chúng làm những việc sẽ hủy diệt chính mình được nói như thể họ đang chạy theo gió đông.

đem dầu sang Ai Cập

Dân Y-sơ-ra-ên gửi dầu làm quà cho vua Ai Cập để cố gắng thuyết phục vua giúp đỡ họ.

Đức Giê-hô-va cũng lên án Giu-đa

Đức Giê-hô-va nói rằng dân Giu-đa đã phạm tội cùng Ngài và phá vỡ giao ước Ngài được nói như thể Đức Giê-hô-va đang buộc tội họ trước tòa. Xem cách đã dịch câu tương tự ở HOS04:01

Nghịch cùng Giu-đa ... trừng phạt Gia-cốp vì những điều nó đã làm ... báo trả công việc nó

Ở đây “Giu-đa” và “Gia-cốp” tượng trưng cho dân Giu-đa. Cách dịch khác: "nghịch cùng dân Giu-đa .. trừng phạt chúng vì những điều chúng đã làm ... báo trả công việc chúng"

Lên án

Ở đây là kiện người khác ở trước tòa. Xem cách đã dịch ở HOS02:02

Hosea 12:3

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói về Gia-cốp, tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên.

Trong bụng mẹ Gia-cốp đã nắm gót anh mình

Gia-cốp muốn lấy vị trí trưởng nam của anh mình vì thế cố giữ cho anh mình không được sinh ra trước.

Nó vật lộn với thiên sứ và thắng cuộc

Gia-cốp đánh nhau với thiên sứ để thiên sứ ban phước cho ông.

Hosea 12:5

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Danh Ngài được kêu cầu

Có thể nói ở dạng chủ động. “Danh” ở đây chỉ về toàn bộ bản tính của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "chúng con cầu nguyện trong danh Ngài" hoặc "là danh chúng con thờ phượng Ngài”

Giữ sự thành tín trong giao ước và sự công chính

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây chỉ về việc vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời và làm điều đúng đắn.
Hosea 12:7
Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri Ô-sê nói về Y-sơ-ra-ên.
cân giả
Các thương gia dùng cân để đo chính xác trọng lượng tiền hay sản phẩm họ mua bán.
Ho thích lừa gạt
Những thương nói dối với khách hàng và lấy nhiều tiền hơn.
Ta đã giàu rồi; Ta đã có nhiều của cải cho mình
Hai vế này có ý nghĩa như nhau đó là dân Ép-ra-im xem mình rất giàu có.
Ta đã có nhiều của cải
Trở nên thịnh vượng bằng việc buôn bán được nói như thể tìm được của cải. Cách dịch khác: "Ta đã làm ra nhiều tiền"
Họ sẽ không tìm được một tội lỗi nào trong ta, hay một việc nào để gọi là tội
Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng dân Ép-ra-im xem họ là vô tội. Biết được ai đó phạm tội được nói như thể tìm ra tội lỗi ở người đó. Cách dịch khác: "họ sẽ không tìm thấy ta đã làm điều gì tội lỗi"
Hosea 12:9
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi từ đất Ai Cập
Có thể là 1) “Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng đem tổ phụ các ngươi ra khỏi đất Ai Cập” hoặc 2) “Ta là Đức Chúa Trời của ngươi kể từ khi ngươi còn ở trong đất Ai Cập” hoặc 3) “Ta trở thành Đức Chúa Trời của ngươi khi ngươi còn ở trong đất Ai Cập”
Ta sẽ lại cho ngươi ở trong lều trại I will again make you live in tents
Có thể là 1) Đức Giê-hô-va đang đe dọa sẽ buộc dân Y-sơ-ra-ên phải ra khỏi quê hương mình và họ phải ở trong các lều trại. Như vậy ở đây “ở trong lều trại” tượng trưng cho việc bị lưu đày, hoặc 2) đó là lời hứa rằng sau khi lưu đày họ lại sẽ ở trong những lều trại và Đức Giê-hô-va sẽ chăm sóc cho họ như khi họ rời khỏi Ai Cập. Như vậy ở đây “ở trong lều trại” chỉ về việc trở lại với hoàn cảnh lí tưởng khi Đức Giê-hô-va chăm sóc cho dân Ngài.
Bởi tay các nhà tiên tri
“Tay” ở đây tượng trưng cho người thực hiện một hành động nào đó. Cách dịch khác: "Qua các nhà tiên tri"
Hosea 12:11
Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri Ô-sê nói.
Các bàn thờ của chúng sẽ giống như những đống đá trên các luống cày ngoài đồng ruộng
Bàn thờ là nơi để người ta thờ lạy sẽ bị ném xuống, chất thành đống đá.
Gia-cốp trốn sang đất A-ram; Y-sơ-ra-ên làm tôi để được vợ
Ở đây “Gia-cốp” và “Y-sơ-ra-ên” chỉ về cùng một đối tượng. Tên Gia-cốp sau này được đổi thành Y-sơ-ra-ên.
Hosea 12:13
Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri Ô-sê nói.
Bởi một nhà tiên tri
Đó là Môi-se.
Cách đắng cay
Dân chúng khiến Đức Giê-hô-va vô cùng tức giận.
Vì thế Chúa sẽ để huyết nó lại trên nó
Ở đây “huyết” chỉ về tội lỗi của những kẻ giết người. Đức Chúa Trời sẽ không tha tội cho chúng.
sẽ báo trả sự nhục mạ của nó
Khiến ai đó phải gánh chịu hậu quả của việc mình đã làm được nói như thể những hành động đó là một đồ vật có thể ném lại vào người đó. Cách dịch khác: "sẽ khiến nó khốn khổ vì những việc làm ô nhục của nó"

Translation Questions

Hosea 12:2
Đức Giê-hô-va đã làm gì với Giu-đa?
Đức Giê-hô-va có việc kiện cáo Giu-đa.
Hosea 12:3
Gia-cốp đã làm gì trong dạ tử cung?
Trong dạ tử cung, Gia-cốp chộp lấy gót chân của anh trai.
Hosea 12:6
For what should the people wait? Dân sự phải chờ điều gì?
They should wait continually for their God. Họ phải luôn luôn chờ đợi Chúa của họ.
Hosea 12:8
Không ai tìm thấy điều gì trong công việc của Ép-ra-im?
Trong mọi công việc của Ép-ra-im, không ai tìm thấy tội lỗi trong nó, bất cứ điều gì tội lỗi.
Hosea 12:9
Đức Giê-hô-va ở cùng dân sự trong bao lâu?
Đức Giê-hô-va đã ở cùng họ từ khi ở xứ Ê-díp-tô.
Hosea 12:11
Các bàn thờ của Ghinh-ganh giống thứ gì?
Các bàn thờ của Ghinh-ganh sẽ như đống đá trên các luống đất ngoài đồng ruộng.
Hosea 12:13
Đức Giê-hô-va đã làm gì qua một tri?
Đức Giê-hô-va đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ê-díp-tô qua một tiên tri, và bởi tiên tri Ngài chăm sóc họ.

Chapter 13
Hosea 13:1
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán.
Khi Ép-ra-im nói
Ô-sê dùng từ “Ép-ra-im” để chỉ về toàn bộ vương quốc phía bắc mặc dù đó cũng là tên của một trong mười chi phái. Có vẻ Ô-sê đang nói về một thời điểm rất lâu trong quá khứ, khi vương quốc phía bắc còn hùng mạnh, được nể trọng, không giống như trong thời điểm hiện tại.
Có sự run rẩy
Có thể ngầm hiểu cụm từ “giữa các dân”. Các dân khác cảm thấy thấp bé trước vương quốc phía bắc. Cách dịch khác: "có sự run rẩy giữa các dân"
Nó đã tôn mình lên trong Y-sơ-ra-ên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“Tôn lên” ở đây có nghĩa là làm cho ai đó trở nên quan trọng.

Nhưng nó phạm tội vì thờ Ba-anh và nó chết

Khi dân Ép-ra-im bắt đầu thờ Ba-anh thì họ trở nên suy yếu và kẻ thù đánh bại họ. “Chết” ở đây chỉ về việc đất nước trở nên suy yếu.

Bây giờ, chúng phạm tội ngày càng thêm

Từ “chúng” ở đây chỉ về chi phái Ép-ra-im và toàn bộ đất nước Y-sơ-ra-ên, là những người đi theo gương của Ép-ra-im.

Những kẻ cúng tế hôn bò con

Một phần trong việc thờ lạy thần tượng là hôn bức tượng có hình bò con.

Hosea 13:3

Vì thế chúng sẽ giống như mây buổi sáng ... như sương ... như rơm rác ... như khói bay ra từ ống khói

Những câu này cho biết Y-sơ-ra-ên chỉ là tạm thời và sẽ sớm biến mất nếu họ tiếp tục thờ lạy thần tượng thay vì đi theo Đức Giê-hô-va.

Bị gió cuốn đi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "gió cuốn đi"

Hosea 13:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán như thể dân Ngài là đàn chiên mà Ngài tìm gặp đang lang thang trong đồng vắng. Ngài nói rằng Ngài nhận họ cho riêng Ngài.

Ta đã biết ngươi trong hoang mạc

Đức Giê-hô-va nhận người Hê-bơ-rơ làm dân đặc biệt của Ngài và Ngài chăm sóc cho họ ở đó.

Khi ngươi có đồng cỏ thì ngươi được no nê

Câu này tiếp tục với hình ảnh con chiên.

Lòng ngươi trở nên tự cao

“Lòng” ở đây tượng trưng cho con người bên trong. Cách dịch khác: "ngươi trở nên tự cao"

Tự cao

Trở nên kiêu ngạo được nói như thể được nâng lên.

Hosea 13:7

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Như sư tử ... như con beo ... như gấu ... như sư tử ... như thú hoang

Đây là những con thú hoang tấn công và giết các con vật khác. Đức Giê-hô-va tiếp tục nói rằng Ngài sẽ tiêu diệt dân Ngài vì tội lỗi của họ.

như gấu bị cướp mất con

Câu này lược bỏ từ “tấn công” vì nó được ngầm hiểu ở đây. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "như con gấu tấn công con vật cướp con nó"

Như sư tử

Câu này lược bỏ từ “sẽ nuốt lấy chúng” vì nó được ngầm hiểu ở đây. Cách dịch khác: "như sư tử nuốt lấy chúng"

Hosea 13:9

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Ai có thể giúp ngươi được?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng sẽ không ai giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "sẽ không ai có thể giúp đỡ ngươi được."

Bây giờ vua ngươi đâu rồi, để người giải cứu ngươi trong tất cả các thành? Các nhà lãnh đạo là những kẻ mà ngươi đã đòi ta rằng ‘Hãy cho tôi một vua và các nhà lãnh đạo’ ở đâu?

Đức Giê-hô-va hỏi những câu này để nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng khi họ phản nghịch Ngài thì không có vua hay người lãnh đạo nào có thể giúp đỡ họ. Chỉ có Đức Giê-hô-va mới cứu được họ khỏi sự hủy diệt.

Hosea 13:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Sự gian ác của Ép-ra-im được cất giữ, tội lỗi của nó được chất chứa

Hai vế này tương tự nhau và căn bản có ý nghĩa như nhau.

được cất giữ

Sự gian ác và tội lỗi của vương quốc phía bắc được ví như những đồ vật có thể được cất giữ để làm gì đó.

Cơn đau chuyển dạ sẽ đến trên nó

Ở đây Đức Giê-hô-va ví sự khốn khổ mà dân Y-sơ-ra-ên phải chịu giống như cơn đau lúc sinh con.

Nhưng nó là đứa con không khôn ngoan; Vì đã đến lúc chào đời mà nó không chịu ra khỏi lòng mẹ

Ở đây Đức Giê-hô-va mô tả dân Y-sơ-ra-ên như đứa bé được mẹ sinh ra. Đứa bé không khôn ngoan vì nó không muốn được sinh ra. Dân chúng không muốn ăn năn và vâng phục Đức Giê-hô-va.

Hosea 13:14

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Ta sẽ giải cứu chúng khỏi tay âm phủ sao? Ta sẽ giải cứu chúng khỏi sự chết sao?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi này để nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng Ngài sẽ không cứu họ khỏi sự chết. Ngài chắc chắn sẽ trừng phạt họ. Cách dịch khác: "Ta chắc chắn sẽ không giải cứu họ khỏi sự chết và khỏi đi xuống âm phủ."

Hỡi sự chết, tai họa mầy ở đâu? Hỡi âm phủ, sự hủy diệt mầy ở đâu?

Đức Giê-hô-va phán với “sự chết” và “âm phủ” như thể chúng là người. Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi này để nói rằng Ngài sẽ sớm tiêu diệt dân tộc. Cách dịch khác: "Bây giờ ta sẽ gây nên tai họa và để cho dân Y-sơ-ra-ên phải chết. Ta sẽ tiêu diệt chúng và cho chúng xuống âm phủ."

Sự thương xót bị giấu đi

Khả năng có sự thương xót được ví như một vật thể.

Sự thương xót bị giấu đi khỏi mắt ta

Không nghĩ đến việc sẽ thương xót được ví như sự thương xót đã bị giấu đi, không thể nhìn thấy được. Cách dịch khác: "Ta không thương xót chúng"

Hosea 13:15

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

anh em nó

Câu này dường như chỉ về các nước xung quanh vương quốc phía bắc, đặc biệt là Giu-đa, là vương quốc phía nam.

một ngọn gió đông sẽ thổi đến, tức là gió của Đức Giê-hô-va

Gió từ phía đông rất nóng và gây tàn hại. Ở đây nó chỉ về những đội quân từ phương đông mà Đức Giê-hô-va sẽ sai đến để tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên.

Suối của Ép-ra-im sẽ khô cạn và giếng của nó sẽ không có nước

Ô-sê tiếp tục mô tả Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên như thế nào. Ở đây nước tượng trưng cho sự sống, sức sống và sức mạnh.

kho tàng của nó

Ở đây chỉ về tất cả tài sản của dân tộc.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hosea 13:16

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Sa-ma-ri sẽ mang tội vì nó đã dấy loạn nghịch cùng Đức Chúa Trời mình

Ở đây “Sa-ma-ri” chỉ về cư dân của Sa-ma-ri là những người phạm tội chống nghịch Đức Chúa Trời.

Chúng sẽ ngã

Chúng sẽ chết.

Bởi gươm

Trong chiến tranh

Các con trẻ của chúng sẽ bị đập nát, và những đàn bà có thai của chúng sẽ bị mổ bụng

Những vế này có thể được nói ở thể chủ động. Cách dịch khác: "kẻ thù sẽ đập nát các con trẻ của họ, và chúng sẽ mổ bụng những đàn bà có thai"

Translation Questions

Hosea 13:1

Tại sao Ép-ra-im trở nên tội lỗi?

Ông ta trở nên tội lỗi bởi vì thờ phượng Ba-anh.

Hosea 13:3

Điều gì xảy ra với vỏ trấu?

Vỏ trấu bị gió cuốn khỏi sân đập lúa.

Hosea 13:6

Điều gì xảy ra khi dân của Đức Giê-hô-va được no nê?

Khi dân sự của Đức Giê-hô-va được no nê, lòng họ trở nên tự cao và họ quên Ngài.

Hosea 13:8

Đức Giê-hô-va tấn công dân của Ngài như điều gì?

Ngài sẽ tấn công họ như con gấu cái bị cướp mất con.

Hosea 13:9

Tại sao sự hủy diệt lại đến?

Sự hủy diệt của Y-sơ-ra-ên đang đến bởi vì họ đang chống lại Đức Giê-hô-va, Đấng giúp họ.

Hosea 13:13

When it was time for Ephraim to be born, what happened? Khi đến kỳ vì Ép-ra-im được sinh ra, điều gì xảy ra?

When it was time for Ephraim to be born, he did not come out of the womb. Khi đến kỳ Ép-ra-im được sinh ra, nó không sinh ra từ dạ tử cung.

Hosea 13:14

What did Yahweh want brought to him? Đức Giê-hô-va muốn làm gì cho Ngài?

Yahweh wanted death's plagues and Sheol's destruction brought to him. Đức Giê-hô-va muốn tai họa của cái chết và sự hủy diệt của âm phủ đem đến cho Ngài.

Hosea 13:15

What will Ephraim's enemy plunder? Kẻ thù của Ép-ra-im sẽ cướp thứ gì?

His enemy will plunder the storehouse of every precious object. Kẻ thù của ông cướp nhà kho với mọi vật quý giá.

Hosea 13:16

Điều gì sẽ xảy ra cho các đứa con của Sa-ma-ri?

Các con trẻ của họ sẽ bị đập nát.

Chapter 14

Hosea 14:1

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Vì ngươi đã ngã xuống vì tỗi lỗi ngươi

Ở đây phạm tội được gọi là ngã xuống.

đem lời nói

Ở đây có thể là lời xưng tội và ngợi khen. "Xưng tội mình"

Bông trái của môi miệng chúng con

Điều một người nói ra được gọi là bông trái của môi miệng. Cách dịch khác: "lời nói và bài hát ca ngợi của chúng con." Những bản hiện đại có cách dịch khác nhau cho phần khó hiểu này.

Hosea 14:3

Thông Tin Tổng Quát:

Ô-sê nói.

Việc của tay chúng con

"Tay" chỉ về người làm ra vật đó. Cách dịch khác: "thần tượng chúng con làm ra"

Kẻ mồ côi cha

Từ này có thể chỉ về toàn bộ đất nước, cho thấy lòng thương xót lớn lao của Đức Chúa Trời dành cho dân Ngài.

Tìm được ơn thương xót

Ở đây việc Đức Chúa Trời có lòng thương xót được ví như một đồ vật mà người được thương xót đã tìm thấy.

Hosea 14:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Ta sẽ chữa lành sự xoay bỏ của chúng

Khiến cho dân chúng không xoay bỏ Ngài nữa được nói như thể Ngài sẽ chữa lành cho họ.

sự bội nghịch của chúng

Sự thất bại của dân chúng trong việc vâng lời Đức Chúa Trời được ví như thể họ xoay khỏi Ngài theo nghĩa đen.

Ta sẽ như sương móc cho Y-sơ-ra-ên; nó sẽ trổ hoa như cây hoa huệ

Đức Chúa Trời được ví như sương móc đem độ ẩm cần thiết cho cây cối còn Y-sơ-ra-ên giống như một người, và người đó như hoa nở.

Và đâm rễ như cây bách hương ở Li-ban

Hình ảnh Y-sơ-ra-ên như một cái cây được tiếp tục ở đây, nhưng lần này là một cây bách hương cao lớn ở Li-ban, là nơi nổi tiếng với loại cây này.

Các cành của nó sẽ vươn ra ... như cây bách hương ở Li-ban

Phần này tiếp tục hình ảnh đó.

Hosea 14:7

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Những người ở dưới bóng nó sẽ trở về

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ lại sống trong sự bảo vệ của Đức Chúa Trời. Y-sơ-ra-ên được ví như đang ở dưới bóng của Ngài.

Chúng sẽ hồi sinh như cây lúa và trổ hoa như cây nho

Sự thịnh vượng mới mẻ của Y-sơ-ra-ên được nói theo ngôn ngữ nông nghiệp.

Danh tiếng của chúng sẽ như rượu của Li-ban

Như rượu của Li-ban rất nổi tiếng thì Y-sơ-ra-ên cũng sẽ nổi tiếng như vậy. Cách dịch khác: "Dân muôn nơi sẽ biết về dân Y-sơ-ra-ên"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ta có liên hệ gì với các tượng thần?
Câu này cho biết rằng Đức Chúa Trời sẽ ngăn chặn dân Y-sơ-ra-ên không để cho họ thờ thần tượng nữa.
Cây bách có lá luôn xanh tươi
Cây bách là loại cây có là xanh quanh năm. Ở đây tượng trưng cho Đức Giê-hô-va và ơn phước của Ngài trên Y-sơ-ra-ên.
bởi ta mà sanh ra bông trái ngươi
Ở đây “bông trái” tượng trưng cho mọi điều tốt lành đến từ Đức Chúa Trời.
Hosea 14:9
Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri Ô-sê nói.
Ai là người khôn ngoan để hiểu những điều nầy? Ai hiểu những điều này để nhận biết chúng?
Nhà tiên tri dùng những câu hỏi này để nói rằng người khôn ngoan sẽ hiểu và nghe điều đã nói với họ.
Vì các đường lối của Đức Giê-hô-va là ngay thẳng; những người công chính sẽ bước đi trong đó
Điều răn của Đức Giê-hô-va được ví như đường lối để bước đi. (See:
vấp ngã
Không vâng theo Đức Giê-hô-va được ví như vấp ngã khi bước đi. (See:

Translation Questions

Hosea 14:1
Why did Israel fall? Tại sao Y-sơ-ra-ên sa ngã?
Israel fell because of their sin. Y-sơ-ra-ên sa ngã bởi vì tội lỗi của họ.
Hosea 14:3
Tại sao Y-sơ-ra-ên không nói gì với đồ do vật do tay họ làm, "Các Ngài là thần của tôi?"
Y-sơ-ra-ên sẽ không nói về các đồ vật do tay họ làm, "Các Ngài là Thần của tôi," vì trong Đức Giê-hô-va thì kẻ mồ côi tìm thấy lòng trắc ẩn.
Hosea 14:4
Khi nào Đức Giê-hô-va sẽ chữa lành Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va sẽ chữa lành họ khi họ trở về với Ngài.
Hosea 14:7
Danh tiếng của dân sự như thế nào?
Danh tiếng của họ sẽ như rượu Li-ban.
Hosea 14:9
Ai sẽ sẩy chân trong các đường lối của Đức Giê-hô-va?
Kẻ chống đối sẽ sẩy chân trong đó.

Chapter 1
Joel 1:1
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời phán với dân Y-sơ-ra-ên qua Giô-ên theo lối văn thơ.
Lời của Đức Giê-hô-va đến
"lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán"
Phê-thu-ên
Cha của Giô-ên
Có bao giờ xảy ra điều nầy trong thời các ngươi hay trong thời tổ phụ các ngươi chưa?
Cách dịch khác: "Điều này chưa bao giờ từng xảy ra cho các ngươi hay tổ phụ các ngươi"
Joel 1:4
Châu chấu đông đúc
Một nhóm côn trùng đông đảo giống như châu chấu bay cùng nhau, ăn phá cây cối mùa màng
Châu chấu đông đúc ... châu chấu lớn ... cào cào ... sâu bướm
Ở đây lần lượt là châu chấu lớn biết bay, châu chấu quá to không thể bay nỗi, châu chấu có cánh còn quá nón chưa thể bay được và châu chấu non chưa có cánh. Hãy dùng những cách gọi có thể hiểu được trong ngôn ngữ của bạn.
Joel 1:5
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời cảnh báo dân Y-sơ-ra-ên về đội quân châu chấu đang đến.
Hỡi những kẻ say sưa hãy khóc lóc! Hỡi mọi kẻ nghiện rượu, hãy khóc than
Nếu ngôn ngữ của bạn chỉ có một từ cho từ “khóc lóc” và “khóc than” thì có thể gọp lại thành một câu: “hỡi những kẻ yêu thích rượu hãy khóc than”.
Một dân
Đàn châu chấu giống như quân đội xâm lược.
Răng nó ... nó có răng ... nó đã lột sạch
Châu chấu giống như một dân, giống như một người. Có thể gọi dân này là “nó”, hoặc gọi châu châu là “chúng”, hoặc gọi quân xâm lược giống như một người (ULB).
Răng nó là răng của sư tử và nó có răng của sư tử cái
Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Ở đây nói răng của “châu chấu” sắc nhọn như răng sư tử để nhấn mạnh tính hung bạo của chúng khi cắn nuốt hết tất cả mùa màng của xứ.
Đất ta ... vườn nho ta ... cây vả ta
Đất, vườn nho và cây vả của Đức Giê-hô-va
Kinh khiếp
Những ai nhìn thấy vùng đất ấy đều kinh hoàng hay khiếp sợ vì nó bị hủy diệt hoàn toàn.
Joel 1:8
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Đất đai yếu mòn
Ở đây đất đai được nói như thể một người. Tuy nhiên, một số bản dịch câu này thành một ẩn dụ khác: “đất đai than khóc”.
Joel 1:11
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Lúa mạch
Một loại cây giống như lúa mì, có hạt có thể dùng làm bánh mì
Khô héo
Khô đi và chết
vả ... lựu ... táo
Những loại trái cây khác nhau
Joel 1:13
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời phán với các thầy tế lễ ở Y-sơ-ra-ên
Hỡi các thầy tế lễ, hãy mặc áo sô và than khóc! Hỡi những người phục

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vụ nơi bàn thờ, hãy khóc than. Hỡi những người phục vụ Đức Chúa Trời tôi, hãy đến mặc áo sô mà nằm cả đêm
Đức Chúa Trời nói các thầy tế lễ phải khiêm nhường và kêu khóc buồn thảm. Cách dịch khác: "Hết thảy các thầy tế lễ các ngươi hãy kêu khóc và than van, cả đêm mặc áo sô"
tế lễ chay và lễ quán
Những tế lễ thường lệ trong đền thờ
Nhà của Đức Chúa Trời các ngươi
Đền thờ tại Giê-ru-sa-lem
Joel 1:15
Thông Tin Tổng Quát:
Đây là điều Đức Chúa Trời bảo các thầy tế lễ phải nói.
Chẳng phải lương thực đã bị cất khỏi trước mắt chúng ta và niềm vui mừng hân hoan đã dứt khỏi nhà Đức Chúa Trời chúng ta sao?
Cách dịch khác: "Chúng ta đã thấy kho lương thực cạn kiệt và chúng đã cất đi niềm vui mừng hân hoan khỏi nhà của Đức Chúa Trời chúng ta."
Khỏi trước mắt chúng ta
"khỏi chúng ta." Ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
vui mừng hân hoan
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh rằng không có hoạt động vui vẻ nào diễn ra ở đền thờ.
Cục đất
Những mảng đất
Joel 1:18
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục bảo các thầy tế lễ cần phải cầu nguyện thế nào cho dân Y-sơ-ra-ên.
rên rỉ
Phát ra tiếng rên vì đau đớn
lửa đã thiêu nuốt ... ngọn lửa đã đốt
Hai câu tương tự được dùng chung để cho thấy toàn bộ đất đai, cả được trồng trọt và không trồng trọt đều bị tàn phá.
Các suối
Những con suối nhỏ

Translation Questions

Joel 1:1
Lời của ai đến với Giô-ên?
Lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-ên.
Joel 1:3
Những người lớn tuổi kể lại lời Đức Giê-hô-va cho ai?
Họ phải kể lại cho con cái của họ, con cái của họ phải kể lại cho con của con cái họ.
Joel 1:4
Điều gì xảy ra với những gì mà sâu keo đã để lại?
Cào cào đã ăn những gì mà sâu keo để lại.
Joel 1:5
Tại sao những kẻ nghiện rượu lại khóc?
Họ khóc vì cớ rượu ngọt đã bị cất đi.
Joel 1:7
Kẻ địch đã vào vườn nho để làm gì?
Chúng đã làm cho vườn nhơ trở thành một nơi đáng sợ.
Joel 1:8
Lý do gì mà nữ đồng trinh than khóc?
Nữ đồng trinh than khóc vì cái chết của người chồng trẻ.
Joel 1:10
Điều gì xảy ra với lúa mì?
Lúa mì đã bị hủy phá.
Joel 1:13
Thứ gì không còn được đem vào trong nhà Đức Chúa Trời nữa?
Của lễ chay và lễ quán không được vào trong nhà Đức Chúa Trời.
Joel 1:15
Khi nào đến ngày của Đức Giê-hô-va?
Ngày của Đức Giê-hô-va đã gần.
Joel 1:17
Cái gì đã bị hủy phá?
Các kho điền đã bị hủy phá.
Joel 1:18
Tại sao bầy súc vật lại thảm thương?
Các bầy gia súc thảm thương bị chúng không có đồng cỏ.
Joel 1:19
Giô-ên đã gọi ai?
Giô-ên đã kêu cầu Đức Giê-hô-va.
Joel 1:20
Những con vật nào đang thở dốc cho ai?
Những con thú trong đồng ruộng thở dốc cho Đức Giê-hô-va.

Chapter 2

Joel 2:1
Thông Tin Tổng Quát:
Giô-ên tiếp tục bài thơ được bắt đầu từ chương trước.
Hãy thổi kèn ... vang tiếng báo động
Giô-ên đang nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên tụ họp lại chuẩn bị cho sự hủy diệt sắp đến.
ngày tối tăm u ám
“Tối tăm” và “u ám” có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tối tăm. Cả hai từ chỉ về thời kỳ tai họa hay chịu phán xét từ thiên thượng. Cách dịch khác: "ngày đầy tăm tối" hoặc "ngày phán xét kinh khiếp."
U ám
Tối tăm hoàn toàn hoặc tối tăm một phần
Ngày của mây và bóng tối dày đặc
Câu này có ý nghĩa giống như câu trước và nhấn mạnh thêm cho câu trước. Tương tự, “mây” và “bóng tối dày đặc” đều chỉ về sự phán xét thiên thượng. Cách dịch khác: "ngày đầy mây bão đen tối."
Một đội quân lớn và hùng mạnh đang kéo đến như bình minh tỏa ra trên núi
Cách dịch khác: "Một đội quân lớn, hùng mạnh đến trên núi kéo vào xứ. Chúng tỏa ra khắp đất như ánh sáng từ mặt trời mọc"
đội quân lớn và hùng mạnh
“Lớn” và “hùng mạnh” ở đây có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh sức mạnh của đội quân. Cách dịch khác: "Một đàn châu chấu lớn"
Joel 2:3
Thông Tin Tổng Quát:
Tiếp tục phần mô tả của Giô-ên về đội quân sẽ đến.
đất đai như vườn Ê-đen
Vườn Ê-đen là một nơi xinh đẹp.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trước nó đất đai như vườn Ê-đen nhưng sau nó là hoang mạc điêu tàn
Câu này cho thấy sự tương phản làm nổi bậc sự tàn phá của lửa.
Joel 2:4
Thông Tin Tổng Quát:
Phần mô tả tiếp tục với tiếng ồn của đoàn chiến mã.
Ngựa
Một con vật lớn, chạy nhanh, có bốn chân.
Hình dạng của đội quân như đàn ngựa
Đầu của châu chấu trông như đầu ngựa nhỏ, quân đội mạnh mẽ và chạy nhanh như ngựa.
Chúng chạy như kỵ binh
Đội quân chạy nhanh như người cưỡi ngựa.
Nhảy
Ngựa thường nhảy khi chúng chạy nhanh.
Tiếng như tiếng chiến xa ... như tiếng lửa cháy ... như đội quân hùng mạnh sẵn sàng chiến đấu
Những câu này đang ví sánh tiếng của đội quân châu chấu.
Joel 2:6
Thông Tin Tổng Quát:
Giô-ên tiếp tục mô tả đội quân châu chấu của Đức Giê-hô-va.
Chúng chạy như những dũng sĩ ... trèo lên tường như các chiến binh
Đội quân châu chấu được mô tả như những chiến binh thực sự.
Tường
Tường bao quanh thành
Joel 2:8
Thông Tin Tổng Quát:
Tiếp tục mô tả về đội quân châu chấu của Đức Giê-hô-va.
Chúng chọc thủng hàng phòng vệ
Cách dịch khác: chúng chiến thắng các binh lính bảo vệ thành phố.
Joel 2:10
Đất rúng động trước chúng, các tầng trời rung chuyển, mặt trời, mặt trăng trở nên tối tăm, các ngôi sao ngừng chiếu sáng
Có rất nhiều châu chấu đến nỗi đất và bầu trời rung chuyển, không thể nhìn thấy bất kì thứ gì trên bầu trời.
Đức Giê-hô-va cất tiếng
Đức Giê-hô-va thể hiện sức mạnh và quyền chỉ huy của Đức Chúa Trời trên đội quân. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va điều khiển"
Lớn lao và rất kinh khiếp
Cả hai từ căn bản có ý nghĩa như nhau. Cách dịch khác: "kinh khiếp vô cùng"
Ai có thể chịu nổi?
Cách dịch khác: "Sẽ không có ai đủ mạnh mẽ mà chịu nổi sự phán xét của Đức Giê-hô-va."
Joel 2:12
hãy hết lòng trở về cùng ta
Cách dịch khác: "Hãy xoay bỏ tội lỗi mà tận hiến hoàn toàn cho ta" .
Hãy xé lòng các con, đừng chỉ xé áo
Xé áo là hành động bên ngoài thể hiện sự hổ thẹn hay ăn năn. “Xé lòng” chỉ về việc có thái độ ăn năn từ bên trong.
Xoay khỏi
Ngừng
Joel 2:14
Biết đâu Ngài sẽ xoay khỏi ... Đức Chúa Trời?
"Có thể Đức Giê-hô-va sẽ xoay khỏi cơn tức giận của Ngài ... Đức Chúa Trời."
Joel 2:15
Buồng cô dâu
Đây là căn phòng thường là ở trong nhà của cha mẹ, cô dâu sẽ ngồi ở đó để đợi làm lễ cưới
Joel 2:17
Cơ nghiệp Ngài
Dân Y-sơ-ra-ên là dân đặc biệt của Đức Chúa Trời
Sao để người ta nói giữa các dân rằng: ‘Đức Chúa Trời chúng nó ở đâu?’
Cách dịch khác: "Các dân khác không thể nói rằng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã từ bỏ dân Ngài." .
Joel 2:18
Xứ Ngài
"nước Y-sơ-ra-ên"
Dân Ngài
"dân Y-sơ-ra-ên"
Nầy
"Hãy chú ý điều ta sắp nói"
Sỉ nhục
"không đáng tôn trọng"
Joel 2:20
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục lời hứa của Ngài với Y-sơ-ra-ên.
Phương bắc ... phương đông ... phương tây
Đây là phương hướng theo những người sống trong đất Y-sơ-ra-ên.
Joel 2:21
Hỡi đất, đừng sợ
"Hỡi những dân cư của đất, chớ sợ hãi"
Hoang mạc sẽ nảy mầm
Cây lương thực sẽ mọc trên đất
Mưa mùa thu và mưa mùa xuân
Những cơn mưa đầu tiên của mùa mưa vào đầu tháng mười hai và những cơn mưa cuối cùng vào tháng bốn và năm.
Joel 2:24
Thùng
Những vật chứa lớn để đựng chất lỏng
những năm mùa màng mà đàn châu chấu đã ăn phá
"mùa màng các ngươi chăm sóc nhiều năm mà đàn châu chấu đã ăn phá"
Châu chấu đông đúc ... châu chấu lớn, châu chấu tàn phá và châu chấu phá hoại
Xem cách đã dịch ở JOL01:04
Joel 2:26
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục hứa những điều tốt lành cho dân Y-sơ-ra-ên.
Joel 2:28
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục hứa những điều tốt lành cho dân Y-sơ-ra-ên.
Ta sẽ đổ Thần ta
"Ta sẽ ban cho cách rộng rãi giống như đổ nước"
mọi xác thịt
"mọi người"
Joel 2:30
Thông Tin Tổng Quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói về những điều Ngài sẽ làm trong tương lai.

Máu, lửa và các trụ khói

"máu" tượng trưng cho sự chết. Cách dịch khác: "sự chết, lửa và các trụ khói"

Mặt trăng thành máu

“Máu” ở đây chỉ về màu đỏ. Có thể thêm động từ vào câu này. Cách dịch khác: "mặt trăng sẽ hóa đỏ như máu"

ngày lớn và kinh khiếp

Ở đây từ “lớn” bổ nghĩa cho từ “kinh khiếp”. Cách dịch khác: "ngày vô cùng kinh khiếp."

Joel 2:32

trên núi Si-ôn và trong Giê-ru-sa-lem

Ở đây chỉ về cùng một địa điểm. Cách dịch khác: "trên núi Si-ôn ở Giê-ru-sa-lem"

trong số những người sống sót có những người Đức Giê-hô-va kêu gọi

Cách dịch khác: "những người Đức Giê-hô-va kêu gọi sẽ là những người sống sót"

Những người sống sót

Những người còn sống qua một sự kiện kinh khiếp như chiến tranh hay thảm họa

Translation Questions

Joel 2:1

Tại sao tất cả dân cư trong đất đều sợ hãi và run rẩy?

Họ sợ hãi và run rẩy vì ngày của Đức Giê-hô-va đã đến gần.

Joel 2:2

Khi nào một đạo quân như vậy nữa?

Chưa bao giờ có một đạo quân như thế, và sẽ không bao giờ có nữa.

Joel 2:3

Đất ở phía sau đạo binh là gì?

Vùng đất phía sau đạo binh là một vùng hoang vu đã bị hủy phá.

Joel 2:4

Đạo binh trông như thế nào và hành động ra sao?

Đạo binh trông giống như đàn ngựa rất đông và chạy nhanh như chiến mã.

Joel 2:9

Đạo binh đi vào thành phố như thế nào?

Họ ùa vào thành, chạy trên tường, leo vào trong nhà, và đi qua cửa sổ như những tên trộm.

Joel 2:11

Đạo bình này là của ai?

Đây là đạo binh của Đức Giê-hô-va.

Joel 2:13

Hai thứ gì mà mọi người nên xé?

Họ nên xé lòng và quần áo của họ.

Tại sao mọi người phải trở về cùng Đức Giê-hô-va?

Ngài là Đấng nhân từ và hay thương xót, chậm giận và giàu ơn, và Ngài đổi ý về sự tai vạ.

Joel 2:15

Tại sao mọi người phải thổi kèn trong Si-ôn?

Họ thổi kèn để định sự kiêng ăn, gọi một hội đồng trọng thể.

Joel 2:19

Dân của Đức Giê-hô-va làm sao giữa các dân?

Dân của Đức Giê-hô-va xấu hổ giữa các dân.

Joel 2:21

Tại sao đất không sợ hãi?

Đất không nên sợ vì Đức Giê-hô-va đã làm những việc lớn.

Joel 2:25

Ai đã gởi đạo binh lớn đến?

Đức Giê-hô-va đã sai đạo binh hùng mạnh đến.

Joel 2:26

Đức Giê-hô-va có làm cho dân Y-sơ-ra-ên xấu hổ nữa không?

Không, Ngài sẽ không bao giờ mang lại xấu hổ cho dân của Ngài một lần nữa.

Joel 2:27

Đức Giê-hô-va có làm cho dân Y-sơ-ra-ên xấu hổ nữa không?

Không, Ngài sẽ không bao giờ mang lại xấu hổ cho dân của Ngài một lần nữa.

Joel 2:28

Điều gì sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va đổ Thần của Ngài?

Các con trai và con gái họ sẽ nói tiên tri, những người già cả của họ sẽ mơ những giấc mơ và những kẻ trai trẻ của họ sẽ thấy sự hiện thấy.

Joel 2:29

Điều gì sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va đổ Thần của Ngài?

Các con trai và con gái họ sẽ nói tiên tri, những người già cả của họ sẽ mơ những giấc mơ và những kẻ trai trẻ của họ sẽ thấy sự hiện thấy.

Joel 2:30

Đức Giê-hô-va sẽ tỏ những điều gì trong các từng trời và trên đất?

Đức Giê-hô-va sẽ tỏ những sự lạ ra trong các từng trời và trên đất?

Joel 2:31

Mặt trời sẽ trở nên ra sao?

Mặt trời sẽ trở nên tối tăm.

Joel 2:32

Ai sẽ được cứu vào lúc đó?

Ai kêu cầu danh Đức Giê-hô-va sẽ được cứu.

Chapter 3

Joel 3:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục nói về những sự kiện trong tương lai.

Nầy

Từ “nầy” thêm nhấn mạnh cho điều theo sau.

trong những ngày ấy, vào thời kỳ

Cụm từ “vào thời kỳ” có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh thêm cho cụm từ “trong những ngày ấy”. Cách dịch khác: "trong chính những ngày đó" hoặc "vào chính thời kỳ ấy."

Khi ta đem những người bị lưu đày của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trở về

Cách dịch khác: "Khi ta cho những người bị lưu đày trở về Giu-đa và Giê-ru-sa-lem"

dân ta và sản nghiệp ta là Y-sơ-ra-ên

Hai cụm từ này nhấn mạnh Đức Giê-hô-va xem Y-sơ-ra-ên là dân quý báu của Ngài. Cách dịch khác: "dân Y-sơ-ra-ên, là sản nghiệp ta."

Chúng đã đổi con trai mà lấy gái mại dâm, và bán con gái để lấy rượu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mà uống
Đây là ví dụ cho những việc họ đã làm chứ không phải muốn nói rằng họ đã làm như vậy với hai đứa trẻ nào đó. Cách dịch khác: "và làm những việc như đổi con trai mà lấy gái mại dâm, và bán con gái để lấy rượu mà uống"
Joel 3:4
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời phán với dân của các nước xung quanh Y-sơ-ra-ên.
Sao các ngươi tức giận cùng ta
Đức Chúa Trời dùng câu hỏi này để quở trách dân Ty-rơ, Si-đôn và Phi-li-tin. Cách dịch khác: "Các ngươi không có quyền tức giận với ta" .
Các ngươi sẽ báo thù ta sao?
"Các ngươi sẽ trả thù ta sao?" Đức Chúa Trời dùng câu hỏi này để khiến họ suy nghĩ về điều họ đang làm. Cách dịch khác: "Các ngươi nghĩ mình có thể trả thù ta" .
Ta sẽ khiến sự báo thù của các ngươi lập tức đổ lại trên đầu các ngươi
Ở đây từ “đầu” chỉ về chính người đó. Đức Giê-hô-va sẽ khiến sự báo thù mà họ muốn nhằm vào Ngài xảy ra cho họ. Cách dịch khác: "Ta sẽ khiến các ngươi chịu sự báo thù mà các ngươi cố gắng giáng lên ta"
Sự báo thù
"trả thù" hoặc "báo trả"
Joel 3:7
từ nơi mà các ngươi đã bán họ
Dân Y-sơ-ra-ên sẽ rời khỏi nơi họ làm nô lệ và trở về xứ mình.
Báo trả
Cách dịch khác: "trả lại điều ngươi đáng phải nhận"
Vào tay của dân Giu-đa
Cách dịch khác: "cho quyền lực của dân Giu-đa" hoặc "cho dân Giu-đa"
người Sa-bê
Dân của Sa-bê hay còn gọi là Sê-ba. Những người này sống ở phía nam Y-sơ-ra-ên.
Joel 3:9
Hãy chuẩn bị cho chiến tranh ... động viên các dũng sĩ
Cả hai vế này đều chỉ về việc chuẩn bị binh sĩ cho chiến tranh.
Hãy động viên các dũng sĩ
"khiến các dũng sĩ sẵn sàng hành động"
Hãy lấy lưỡi cày rèn gươm, lấy lưỡi liềm rèn giáo
Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau, chỉ thị cho mọi người biến nông cụ thành vũ khí.
Lưỡi cày
Dụng cụ được dùng để vỡ đất trồng cây.
Lưỡi liềm
Loại dao dùng để cắt những nhánh nhỏ
Joel 3:11
tập hợp lại
"tập hợp lại để chiến đấu."
Lạy Đức Giê-hô-va, xin đem các dũng sĩ của Ngài xuống
Ở giữa phần thông điệp gửi cho kẻ thù của Y-sơ-ra-ên thì câu này lại nói với Đức Giê-hô-va. Có lẽ là để làm cho kẻ thù của họ phải sợ đội quân của Đức Giê-hô-va.
Joel 3:12
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng các nước.
Các nước hãy dậy ... tất cả các dân tộc chung quanh
Cụm từ “các nước” và “các dân tộc chung quanh” cùng chỉ về các nước xung quanh Giu-đa. Đức Giê-hô-va sẽ phán xét họ trong thung lũng của Giô-sa-phát về việc họ đã làm cho Giê-ru-sa-lem.
Hãy tra lưỡi hái vào ... hầm ép nho đã đầy
Có thể là 1) sự tấn công vào các dân tộc tội lỗi giống như gặt lúa và ép nho, hoặc 2) sự gấp rút của việc phán xét các dân tộc tội lỗi cũng giống như phải gấp rút gặt lúa và ép nho.
Hãy tra lưỡi hái vào vì mùa gặt đã chín
Đức Giê-hô-va nói về các dân như thể họ là cánh đồng đã chín vàng cho mùa gặt. Cách dịch khác: "Hãy tra lưỡi hái vào vì các dân như mùa gặt chín vàng"
Hãy tra lưỡi hái vào
"Hãy vung lưỡi hái để gặt lúa"
Lưỡi hái
Một loại dao dài và cong dùng để gặt lúa
mùa gặt đã chín
"lúa đã sẵn sàng để gặt"
Hãy đến đạp nho vì hầm ép đã đầy
Đức Giê-hô-va nói như thể các dân là nho trong hầm ép, đã sẵn sàng cho người đạp nho. Cách dịch khác: "Hãy đến đạp các dân vì chúng như nho trong hầm ép"
thùng đã tràn, vì tội ác của chúng lớn lắm
Đức Giê-hô-va nói như thể tội ác của các dân là nước ép từ hầm ép nho chảy ra cho những thùng chứa. Chum không đủ lớn để đựng sự gian ác chảy xuống cho chúng.
Joel 3:14
huyên náo, huyên náo
Huyên náo là tiếng ồn của một đám đông, được lặp lại để cho thấy các dân sẽ rất ồn ào.
Thung lũng Phán Xét ... thung lũng Phán Xét
Cụm từ này được lặp lại để cho thấy sự phán xét chắc chắn sẽ xảy ra.
Joel 3:16
Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét từ Si-ôn và cất tiếng từ Giê-ru-sa-lem
Cả hai vế đều có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ cất tiếng lớn, rõ ràng và đầy uy lực từ Giê-ru-sa-lem. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ nói lớn từ Giê-ru-sa-lem"
Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét
Có thể là 1) “Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét như sư tử” hoặc 2) “Đức Giê-hô-va sẽ gấm thét như sấm”
Các từng trời và đất đều sẽ rúng động
Tiếng gầm thét của Đức Giê-hô-va uy quyền đến nỗi khiến cho trời đất đều rúng động.
Đức Giê-hô-va là nơi ẩn náu cho dân Ngài, là đồn lũy cho con dân Y-sơ-ra-ên
Cả hai vế này đều có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ dân Ngài. Đồn lũy là một nơi ẩn náu kiên cố để bảo vệ người dân trong lúc chiến tranh. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ là nơi ẩn náu kiên cố cho dân Ngài"
Joel 3:18
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán về ngày của Chúa.
các núi nhỏ ra rượu ngọt
"Rượu ngọt sẽ nhỏ từ các núi." Đây là cách nói cường điệu cho thấy vùng đất rất màu mỡ. Cách dịch khác: "Trên các núi sẽ có những vườn nho làm ra nhiều rượu ngọt"
Các đồi sẽ tuôn chảy sữa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"sữa sẽ chảy từ các đồi." Cách dịch khác: "trên các đồi, gia súc và dê của các con sẽ cho rất nhiều sữa"

Tất cả các suối của Giu-đa sẽ có nước chảy

"nước sẽ chảy qua mọi suối của Giu-đa"

Tưới thung lũng Si-tim

“Sẽ dẫn nước đến thung lũng cây keo”. “Si-tim” là một địa danh nằm ở phía đông của sông Giô-đanh, có nghĩa là “cây keo”.

Ai-cập sẽ thành hoang địa

Cách dịch khác: "Ai Cập sẽ bị hủy diệt và dân chúng sẽ bỏ đi” hoặc “Các kẻ thù sẽ hủy diệt Ai Cập và dân Ai Cập sẽ rời khỏi đất nước mình”.

Ê-đôm sẽ trở thành hoang mạc tiêu điều

"Ê-đôm sẽ trở thành hoang mạc và người ta sẽ lìa bỏ nó"

Vì sự bạo ngược đã làm cho dân Giu-đa

"vì những điều bạo ngược mà Ai Cập và Ê-đôm đã làm cho dân Giu-đa"

Vì chúng đã làm đổ máu vô tội trong đất họ

"Máu vô tội" chỉ về những người vô tội bị giết. Cách dịch khác: "vì Ai Cập và Ê-đôm đã giết những người vô tội trong đất của dân Giu-đa"

Joel 3:20

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về ngày của Chúa.

Giu-đa sẽ mãi mãi có người cư trú

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ cư trú ở Giu-đa mãi mãi"

Giê-ru-sa-lem sẽ có người ở từ đời này qua đời kia

Cách dịch khác: "Từ đời này qua đời kia, người ta sẽ cư trú tại Giê-ru-sa-lem"

Ta sẽ báo thù cho máu mà ta chưa báo thù

Cách dịch khác: "Ta sẽ trừng phạt kẻ thù đã giết dân Y-sơ-ra-ên mà vẫn chưa bị trừng phạt"

Translation Questions

Joel 3:2

Đức Gê-hô-va sẽ dẫn ai đến trũng Giô-sa-phát?

Đức Giê-hô-va sẽ dẫn đưa các dân các nước xuống trong trũng Giô-sa-phát.

Ai đã làm phân tán các nước?

Các nước đã phân chia đất và dân của Đức Giê-hô-va.

Joel 3:4

At whom are Tyre, Sidon and all the regions of Philistia angry?

Ty-rơ, Si-đôn và tất cả các vùng của Phi-li-tin đang căm phẫn Đức Giê-hô-va.

Joel 3:5

Dân Ty-rơ, Sy-đôn và Phi-li-tin làm gì với kho báu của Đức Giê-hô-va?

Họ đã mang những kho báu của Ngài vào trong đền miếu của họ.

Joel 3:6

Dân Ty-rơ, Sy-đôn và Phi-li-tin đã làm gì với con cái Giu-đa và Giê-ru-sa-lem?

Họ đã bán cho người Gờ-réc để xóa họ khỏi lãnh thổ của mình.

Joel 3:8

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì với con cháu của dân Ty-rơ, Sy-đôn và Phi-li-tin?

Đức Giê-hô-va sẽ bán con cháu của họ cho người Sa-bê bởi tay dân Giu-đa.

Joel 3:10

Họ sẽ rèn lưỡi cày của mình thành ra cái gì?

Họ sẽ rèn lưỡi cày thành gươm.

Joel 3:12

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho mọi dân tộc xung quanh?

Đức Giê-hô-va sẽ ngồi đặng phát xét hết thảy các dân tộc xung quanh.

Joel 3:14

Điều gì sẽ xảy ra với mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao?

Mặt trời, mặt trăng sẽ tối tăm, các ngôi sao sẽ thâu sự sáng lại.

Joel 3:16

Hai điều gì mà Đức Giê-hô-va sẽ làm cho dân của Ngài?

Đức Giê-hô-va sẽ là nơi ẩn náu và đồn lũy cho dân của Ngài.

Joel 3:17

Ai sống tại Si-ôn?

Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên ở tại Si-ôn.

Joel 3:18

Những ngọn đồi sẽ chảy ra cái gì?

Sữa chảy ra từ các đồi.

Joel 3:19

Ai sẽ bị tàn phá vì những điều mà họ đã làm với dân Giu-đa?

Dân Ai-cập và Ê-đôm sẽ bị tàn diệt.

Chapter 1

Amos 1:1

những điều... mà A-mốt... nhận được trong sự mặc khải

Mọi điều mà Đức Chúa Trời khiến A-mốt hiểu được qua những điều ông đã thấy hoặc nghe được.

Từ Si-ôn, Đức Giê-hô-va gầm thét; Ngài cất tiếng từ Giê-ru-sa-lem

Hai dòng nầy có nghĩa tương tự nhau. Cùng với nhau, chúng nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va thét lớn khi Ngài chuẩn bị trừng phạt nước nầy.

Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét

giống như 1) một con sư tử hoặc 2) tiếng sấm

Amos 1:3

Vì ba tội.... thậm chí đến bốn

"Vì nhiều tội lỗi... vì quá nhiều tội lỗi” hoặc “Bởi vì... đã phạm tội rất nhiều, quá mức mà Ta có thể chấp nhận được"

Ta sẽ không xây bỏ án phạt

"Chắc chắn Ta sẽ trừng phạt dân đó”

Amos 1:5

loại bỏ những kẻ

Ở đây, “loại bỏ” vừa có nghĩa hoặc là “hủy diệt” hoặc “đuổi”

kẻ cầm cây trượng ở Bết Ê-đen

Một số bản dịch hiện đại dịch cụm từ nầy là cùng một người, tức là người sống ở tại thung lũng A-ven

kẻ sống tại thung lũng A-ven

Một số bản dịch hiện đại dịch vế nầy thành, "Những kẻ sống tại thung lũng A-ven”. Những bản dịch có từ “kẻ” (một người) thì thường dịch cách nói đó thành nghĩ chỉ về một vị vua.

trũng A-ven.. Bết Ê-đen... Ki-rơ

tên của các thành phố

Ê-đen

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khác với vườn Ê-đen ban đầu
kẻ cầm cây trượng
vua hoặc thủ lĩnh
Amos 1:6
Dầu tội lỗi đến gấp ba bốn lần, Ta sẽ không xay bỏ hình phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong AMO01:03
Amos 1:8
loại bỏ
Ở đây, “loại bỏ”có nghĩa hoặc là “hủy diệt” hoặc “đuổi”
kẻ ở tại Ách-đốt
Một số bản dịch hiện đại dịch vế nầy thành, "Những kẻ sống tại Ách-đốt”. Những bản dịch có từ “kẻ” (một người) thì thường dịch cách nói đó thành nghĩ chỉ về một vị vua.
kẻ cầm cây trượng khỏi Ách-ca-lôn
Một số bản dịch hiện đại dịch cụm từ nầy là cùng một người, tức là người sống ở Ách-đốt.
Ta sẽ trở tay Ta chống lại Éc-rôn
hoặc ‘Ta sẽ đánh Éc-rôn”
Amos 1:9
Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khỏi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong AMO01:03
giao ước anh em của họ
"thỏa thuận mà chúng đã lập ra đặng đối xử với ngươi như anh em”
Amos 1:11
Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khỏi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong AMO01:03
cơn thịnh nộ của nó còn đến đời đời
"cơn thịnh nộ của nó kéo dài cho đến bây giờ”
Bốt-ra
Xem:
Amos 1:13
Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khỏi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong AMO01:03
Amos 1:14
giữa cơn gió lốc trong ngày bão lớn
"khi nhiều chuyện tồi tệ xảy ra cùng một lúc”
gió lốc... bão lớn
hai loại bão dữ dội
gió lốc
cơn bão có xuất hiện gió lốc xoáy theo hình tròn

Translation Questions

Amos 1:1
A-mốt nhận được những điều ông nói về Y-sơ-ra-ên như thế nào?
A-mốt nhận được những điều ông nói về Y-sơ-ra-ên trong sự mặc khải.
Nghề nghiệp của A-mốt là gì?
A-mốt là một người chăn chiên.
Amos 1:3
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ hành phạt Đa-mách?
Đức Giê-hô-va đã lên án sẽ hành phạt Đa-mách bởi vì họ đã lấy đồ đập lúa bằng sắt mà giết Ga-la-át.
Amos 1:6
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ hành phạt Ga-xa?
Đức Giê-hô-va đã lên án sẽ hành phạt Ga-xa bởi vì họ bắt cả dân sự đi làm phu tù mà nộp cho Ê-đôm.
Amos 1:7
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì với các đền đài của Bên-Ha-đát, Ga-xa và Ty-rơ?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ tiêu diệt các đền đài của Bên-Ha-đát, Ga-xa và Ty-rơ.
Amos 1:9
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ hành phạt Ty-rơ?
Đức Giê-hô-va đã lên án sẽ hành phạt Ty-rơ bởi vì họ đã giao nộp cả dân sự cho Ê-đôm và phá bỏ giao ước giữa hai bên.
Amos 1:11
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ hành phạt Ê-đôm?
Đức Giê-hô-va đã lên án sẽ hành phạt Ê-đôm bởi vì họ đã dùng gươm đuổi theo anh em mình không thương xót.
Amos 1:13
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ hành phạt Am-môn?
Đức Giê-hô-va đã lên án sẽ hành phạt Am-nôm bởi vì họ đã mổ bụng những phụ nữ mang thay của Ga-la-át.
Amos 1:14
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì trong các đền đài của Ráp-ba?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ thiêu nuốt những đền đài của Ráp-ba.
Amos 1:15
Đức Giê-hô-va phán rằng điều gì sẽ xảy đến với cua Am-môn?
Đức Giê-hô-va phán rằng vua Am-môn sẽ bị bắt.

Chapter 2

Amos 2:1
Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khỏi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong AMO01:03
vôi
những tro tàn còn lại khi người ta thiêu rụi những vỏ sò hoặc một vài loại đá.
Amos 2:2
Kê-ri-ốt
Xem:
Mô-áp sẽ chết
"Dân Mô-áp sẽ chết”
Amos 2:4
Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khỏi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong AMO01:03
Sự giả dối của chúng
Cách nói nầy ở đây có nghĩa là “Các tà thần” hoặc “Thần tượng”
đi lầm đường... đi
Sự thờ phượng tà thần được nói đến như thể người ta bước đi theo sau những tà thần đó.
Amos 2:6
Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khỏi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong AMO01:03
Amos 2:7
giẫm đạp
làm hại người khác bằng cách liên tục cố ý giậm chân lên người đó
chúng xô kẻ bị áp bức ra khỏi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"chúng chẳng chịu nghe những người bị áp bức khi những người đó lên tiếng cho rằng mình đang bị đối xử bất công”
Amos 2:9
người cao như cây bá hương và mạnh như cây sồi
"người cao lớn như loại cây cao nhất mà ngươi biết và mạnh như loại gỗ chắc nhất mà người biết”
Amos 2:11
lời phán của Đức Giê-hô-va
Cố gắng dùng cùng một cách để dịch những từ nầy mỗi khi chúng xuất hiện trong sách.
Amos 2:13
Kìa
Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý đến những điều Ta sắp phán cùng ngươi.”
Amos 2:15
Người bắn cung sẽ không chống cự
"Người bắn cung sẽ bỏ chạy”
người nhanh chân sẽ không khoát khỏi
"người nhanh chân sẽ bị bắt giữ”
người cưỡi ngựa sẽ không cứu được mình
"người cưỡi ngựa sẽ chết”
trần truồng mà chạy trốn
Ý nghĩa khả thi: 1) "bỏ vũ khí mà chạy” hoặc 2) “không mặc quần áo mà bỏ chạy”
lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO02:11

Translation Questions

Amos 2:1
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ hành phạt Mô-áp?
Đức Giê-hô-va đã lên án sẽ hành phạt Mô-áp bởi vì họ đã đốt hài cốt của vua Ê-đôm.
Amos 2:4
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ hành phạt Giu-đa?
Đức Giê-hô-va đã lên án sẽ hành phạt Giu-đa bởi vì Giu-đa đã chối bỏ luật pháp của Đức Giê-hô-va.
Amos 2:5
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì với các đền đài của Mô-áp và Giu-đa?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ thiêu nuốt những đền đài của Mô-áp và Giu-đa.
Amos 2:7
Tại sao Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ hành phạt Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va đã lên án sẽ hành phạt Y-sơ-ra-ên bởi vì Y-sơ-ra-ên đã giẫm lên đầu những người nghèo khó.
Amos 2:9
Làm thế nào để dân Y-sơ-ra-ên có thể đánh bại được dân A-mô-rít?
Dân Y-sơ-ra-ên có thể chiến thắng được dân A-mô-rít bởi vì Đức Giê-hô-va đã tiêu diệt dân A-mô-rít trước mặt họ.
Amos 2:12
Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì với những tiên tri mà Đức Giê-hô-va đã dấy lên ở giữa họ?
Dân Y-sơ-ra-ên đã ra lệnh cấm các tiên tri không được nói tiên tri.
Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì với những người Na-xi-rê mà Đức Giê-hô-va đã dấy lên ở giữa họ?
Dân Y-sơ-ra-ên đã đưa rượu cho người Na-xi-rê uống.
Amos 2:14
Người lẹ làng và người mạnh mẽ không thể làm được điều gì?
Người lẹ làng sẽ không tìm được lối thoát và người mạnh mẽ sẽ không còn sức lực nào.
Amos 2:15
Đức Giê-hô-va đã phán điều gì về quân xạ tiễn, các chiến sĩ chạy nhanh, những kỵ binh cỡi chiến mã hay những kẻ can trường dũng cảm trong quân đội?
Đức Giê-hô-va phán rằng quân xạ tiễn sẽ không đứng vững được, các chiến sĩ chạy nhanh nhất cũng không chạy thoát được, những kỵ binh cỡi các chiến mã cũng không thoát chết ngay cả những kẻ can trường nhất trong quân đội cũng phải trần truồng mà chạy trốn trong ngày đó.
Amos 2:16
Đức Giê-hô-va đã phán điều gì về quân xạ tiễn, các chiến sĩ chạy nhanh, những kỵ binh cỡi chiến mã hay những kẻ can trường dũng cảm trong quân đội?
Đức Giê-hô-va phán rằng quân xạ tiễn sẽ không đứng vững được, các chiến sĩ chạy nhanh nhất cũng không chạy thoát được, những kỵ binh cỡi các chiến mã cũng không thoát chết ngay cả những kẻ can trường nhất trong quân đội cũng phải trần truồng mà chạy trốn trong ngày đó.

Chapter 3

Amos 3:3
Thông tin chung:
Đức Chúa Trời sẽ trả lời những câu hỏi trong AMO03:07
Amos 3:5
Thông tin chung:
Đức Chúa Trời sẽ trả lời những câu hỏi trong AMO03:07
Amos 3:7
Chắc chắn Chúa Giê-hô-va sẽ không làm gì trừ khi Ngài bày tỏ... các nhà tiên tri
"Trước tiên, Chúa Giê-hô-va sẽ bày tỏ... các đấng tiên tri trước khi Ngài làm bất cứ việc gì”
Amos 3:9
lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO02:11
Amos 3:11
trường kỷ
loại ghế mềm, đủ lớn để người ta nằm lên trên
với chỉ một góc của trường kỷ hoặc chỉ một góc giường
Phân đoạn nầy trong tiếng Hê-bơ-rơ rất khó hiểu, và một số bản dịch hiện đại thì dịch nó một cách khác. Cách giải thích của bản tiếng Anh UDB, được thông qua bởi một số bản dịch khác, thì sử dụng phép so sánh. Giải thích rằng câu nầy ngụ ý rằng chỉ một số ít người Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu, giống như khi cháy nhà, người chủ nhà chỉ có thể đem ra được một số bộ phận của những vật dụng trong nhà.
Amos 3:13
lời phán của Chúa Giê-hô-va
Cố gắng dùng cùng một cách để dịch những từ nầy mỗi khi chúng xuất hiện trong sách.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

các sừng của bàn thờ
Những phần có hình dạng giống như sừng bò đực, nhô ra ở bốn góc của phần mặt trên cùng của bàn thờ, là biểu tượng về sức mạnh của Đức Chúa Trời.
Amos 3:15
nhà mùa đông và nhà mùa hạ
"mọi nhà”
ngà voi
răng và sừng của những loài động vật lớn
lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã dịch trong AMO02:11

Translation Questions

Amos 3:1
Lời của Đức Giê-hô-va phán nghịch cùng ai?
Lời Đức Giê-hô-va phán nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên, là toàn dân tộc mà Ngài đã đem ra khỏi xứ Ê-díp-tô.
Amos 3:2
Đức Giê-hô-va đã chọn ai từ khắp các miền trên đất?
Đức Giê-hô-va đã chon Y-sơ-ra-ên từ khắp các miền trên đất.
Amos 3:3
Hai người phải làm gì để đi cùng nhau?
Hai người phải đồng ý với nhau để cùng đi với nhau.
Amos 3:6
Khi tai họa xảy ra trong một thành phố thì ai đã làm?
Khi tai họa xảy ra trong một thành phố thì bởi Đức Giê-hô-va giáng xuống.
Amos 3:7
Đức Giê-hô-va làm gì trước khi Ngài làm thành ý định Ngài?
Đức Giê-hô-va bày tỏ ý định Ngài cho các tiên tri của Ngài trước khi Ngài thực hiện.
Amos 3:9
Dân Ê-díp-tô sẽ thấy điều gì nếu họ nhìn thấy những gì xảy ra ở Sa-ma-ri?
Dân Ê-díp-tô sẽ thấy nhiều sự rối loạn lớn lao và những sự áp bức ở Sa-ma-ri.
Amos 3:10
Dân Y-sơ-ra-ên đã chất chứa cái gì trong các đền đài của họ?
Dân Y-sơ-ra-ên đã chất chứa đầy của cải do bạo hành và cướp giật ở trong cái đền đài của họ.
Amos 3:11
Sự phán xét của Đức Giê-hô-va đối với dân Y-sơ-ra-ên là gì?
Đức Giê-hô-va phán rằng kẻ thù sẽ đến cướp phá những đền đài của Y-sơ-ra-ên.
Amos 3:12
Ai sẽ thoát khỏi sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va?
Chỉ có một số ít người được thoát khỏi án phạt của Đức Giê-hô-va.
Amos 3:13
Trong ngày Đức Giê-hô-va trừng phạt tội lỗi của Y-sơ-ra-ên, ai sẽ bị phạt?
Đức Giê-hô-va cũng sẽ trừng phạt các bàn thờ của Bê-tên, trong nhà Gia-cốp.
Amos 3:14
Trong ngày Đức Giê-hô-va trừng phạt tội lỗi của Y-sơ-ra-ên, ai sẽ bị phạt?
Đức Giê-hô-va cũng sẽ trừng phạt các bàn thờ của Bê-tên, trong nhà Gia-cốp.

Chapter 4

Amos 4:1
dùng móc bắt lấy các ngươi, dùng lưỡi câu mà bắt những kẻ cuối cùng của các ngươi
Về cơ bản, cả hai ông nầy đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng kẻ thù sẽ bắt lấy dân đó như người ta bắt cá vậy. Tham khảo cách dịch: “đánh bại hết thảy các ngươi và bắt các ngươi phải đi cùng họ” hoặc “móc các ngươi như cá rồi đem đi”
Amos 4:3
những lỗ thủng trên tường thành
những chỗ trên tường thành mà kẻ thù đã phá đổ để có thể vào thành
các ngươi sẽ bị ném vào Ha-môn
"chúng sẽ ném các ngươi vào Ha-môn” hoặc “kẻ thù của các ngươi sẽ bắt các ngươi rời khỏi thành mà đi đến Ha-môn”
Ha-môn
Đây là tên một địa danh mà chúng ta không biết. Hoặc nó chỉ về núi Hẹt-môn, và một số bản dịch hiện đại cũng dịch từ nầy theo cách đó.
nầy là lời phán của Đức Giê-hô-va
Cụm từ nầy được dùng để đưa ra những điều Đức Chúa Trời đã phán chắc chắn sẽ xảy ra. Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO02:11
Amos 4:4
Hãy đi đến Bê-tên mà phạm tội; hãy đi đến Ghinh-ganh mà phạm tội thêm đi!
"Bởi vì các ngươi không chịu ăn năn nên những của lễ mà các ngươi dâng tại Bê-tên và Ghinh-ganh chỉ khiến Ta thêm giận dữ”
đem sinh tế của các ngươi… các phần mười của các ngươi… Hãy dâng tế lễ tạ ơn… rao ra những của lễ lạc hiến, hãy công bố
Nếu ngôn ngữ của bạn có cách cho thấy dân đó không chịu hiểu rằng làm những việc như vậy cũng chẳng đem lại lợi ích gì cho họ nhưng họ vẫn không chịu dừng lại, bạn có thể dùng nó ở đây.
các phần mười của các ngươi cứ mỗi ba ngày
Thay vì “cứ mỗi ba ngày” thì một số bản dịch lại ghi rằng “cứ mỗi ba năm”. Ấy là bởi vì dân Y-sơ-ra-ên được cho là cứ ba năm thì dâng phần mười của mình lên cho Đức Chúa Trời.
lời phán của Chúa Giê-hô-va
Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã dịch trong AMO03:13
Amos 4:6
sự sạch sẽ của răng
"cơn đói” hoặc “chết đói”
các ngươi cũng không trở lại cùng Ta
Tham khảo cách dịch: “các ngươi cũng không ngừng việc phạm tội nghịch cùng Ta”
lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO02:11
Amos 4:8

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ta dùng sâu rệp và nấm mốc khiến các ngươi khốn khổ
"Đôi lúc, Ta ban cho các ngươi rất ít mưa nhưng đôi khi lại quá mức"
sâu rệp
loại bệnh khiến cây cối héo khô và chết đi.
nấm mốc
những thứ tồi tệ phát triển trên những thứ bị ẩm ướt quá lâu
các ngươi chẳng trở về cùng Ta
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO04:06
lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO02:11
Amos 4:10
đã làm cho mùi hôi thối từ trại quân các ngươi bay lên lỗ mũi các ngươi
Tham khảo cách dịch: "khiến không khí đầy mùi hôi thối từ trại quân của ngươi" hoặc "các ngươi chẳng thể nào tránh khỏi mùi hôi thối từ trại quân của mình"
mùi hôi thối
mùi rất hôi, đặc biệt là mùi của người chết
Các ngươi giống như que củi đang cháy bị rút ra khỏi lửa
Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ nhanh chóng kéo các ngươi ra khỏi lửa như thể các ngươi là que củi đang cháy" hoặc "Ta sẽ để các ngươi cháy xém trước khi nhanh chóng rút ca ngươi ra khỏi lửa"
các ngươi chẳng trở về cùng Ta
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO04:06
lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO02:11

Translation Questions

Amos 4:1
Biệt hiệu mà Đức Giê-hô-va cho những bà vợ của những kẻ giàu có ở trong xứ Sa-ma-ri là gì?
Đức Giê-hô-va gọi những bà vợ của những kẻ giàu có là: "những bò cái của Ba-san".
Các bà vợ của những kẻ giàu có ở tại Sa-ma-ri đã làm gì những người nghèo?
Các bà vợ của những kẻ giàu hiếp đáp những kẻ nghèo và hành hạ họ.
Amos 4:2
Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xảy ra với vợ của những kẻ giàu có ở Sa-ma-ri?
Đức Giê-hô-va phán rằng những bà vợ đó sẽ bị bắt và bị quăng ra khỏi thành.
Amos 4:4
Điều gì làm vui lòng dân Y-sơ-ra-ên?
Dân Y-sơ-ra-ên rất vui lòng phạm tội tại Bê-tên và tội càng thêm ở Ghinh-ganh, họ dâng lễ vật, tế lễ thù ân, lễ lạc hiến, tế lễ tạ ơn.
Amos 4:5
Điều gì làm vui lòng dân Y-sơ-ra-ên?
Dân Y-sơ-ra-ên rất vui lòng phạm tội tại Bê-tên và tội càng thêm ở Ghinh-ganh, họ dâng lễ vật, tế lễ thù ân, lễ lạc hiến, tế lễ tạ ơn.
Amos 4:7
Đức Giê-hô-va đã làm gì mưa để dân Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Ngài?
Đức Giê-hô-va đã không xuống mưa cho dân Y-sơ-ra-ên để họ trở lại cùng Ngài.
Amos 4:9
Đức Giê-hô-va đã làm gì trên vườn rau, vườn nho, cây cối để dân Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Ngài?
Đức Giê-hô-va đã làm cho vườn rau, vườn nho, cây cối bị tàn phá và meo mốc bởi sâu keo và châu chấu.
Amos 4:10
Đức Giê-hô-va đã làm gì những kẻ trai trẻ để dân Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Ngài?
Đức Giê-hô-va đã giết những kẻ trai trẻ bằng gươm để dân Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Ngài.
Amos 4:11
Đức Giê-hô-va đã làm gì các thành để dân Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Ngài?
Đức Giê-hô-va lật đổ các thành để dân Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Ngài.
Dân Y-sơ-ra-ên đáp lại những điều mà Đức Giê-hô-va làm để họ trở lại với Ngài như thế nào?
Dân Y-sơ-ra-ên không trở lại cùng Đức Giê-hô-va.
Amos 4:12
Đức Giê-hô-va phán cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng họ phải chuẩn bị để làm gì?
Đức Giê-hô-va phán cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng họ phải chuẩn bị để gặp Đức Chúa Trời của họ.
Amos 4:13
Ai đã tạo nên các núi và làm cho người ta biết ý tưởng của mình?
Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân đã làm nên các núi và bày tỏ ý tưởng của mình cho loài người.

Chapter 5

Amos 5:1
trinh nữ của Y-sơ-ra-ên đã ngã xuống... nó sẽ... nó bị... đỡ nó dậy
"dân Y-sơ-ra-ên đã chết cách tàn khốc... chúng sẽ... chúng nó bị... đỡ chúng nó dậy"
Amos 5:4
Hãy tìm kiếm Ta
"Hãy đến cùng Ta để được cứu giúp"
Bê-tên sẽ không còn gì
"Bê-tên sẽ bị tiêu diệt". Tham khảo cách dịch: "người ta sẽ đến và tận diệt Bê-tên"
Amos 5:6
Ngài sẽ như một ngọn lửa bùng lên
"Ngài sẽ như một ngọn lửa thình lình bùng cháy và hủy diệt mọi thứ"
đổi sự công bằng ra điều cay đắng và ném bỏ sự chính trực xuống đất
gọi những điều gian ác là thiện lành và coi những điều thiện như không quan trọng
đổi sự công bằng ra điều cay đắng
hoặc "xoay điều công bình" hoặc "làm những bất chính như lại nói rằng đó là điều công chính"
ném bỏ sự chính trực xuống đất
hoặc "xem sự chính trực vô ích như cát bụi"
Amos 5:8
chòm sao Thất Tinh và sao Thiên Lang

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những chòm sao
Amos 5:10
chà đạp
"áp bức dữ dội”
Amos 5:12
gạt bỏ những người khốn khó ở cổng thành
"không để những kẻ nghèo khó thưa kiện cùng tòa án”
người khôn ngoan sẽ làm thinh
Những người không muốn kẻ gian ác hãm hại mình sẽ không lên tiếng chống lại những việc làm gian ác.
Amos 5:14
thiết lập công lý nơi cổng thành
hoặc “thấy công lý được thực thi trong các tòa án nơi cổng thành”
Amos 5:16
Than khóc
tiếng khóc lớn, kéo dài, buồn rầu
Amos 5:18
Các ngươi trông mong ngày của Đức Giê-hô-va làm gì?
Tham khảo cách dịch: “Các ngươi chẳng nên trông mong ngày của Đức Giê-hô-va!”
Đó sẽ là ngày tối tăm chứ không phải là ngày tươi sáng
"Những việc tồi tệ sẽ xảy đến trong ngày đó, chẳng phải điều tốt lành”
Chẳng phải ngày của Đức Giê-hô-va là ngày tối tăm, không ánh sáng đó sao?
Tham khảo cách dịch: “Ngày của Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ là ngày tối tăm, chẳng phải ánh sáng!” hoặc “Trong ngày của Đức Giê-hô-va, những việc tội tệ chắc chắn sẽ xảy đến, chẳng phải điều tốt lành”
Amos 5:21
Ta chán ghét, Ta khinh thường những kỳ lễ của các ngươi
Từ “khinh thường” là một từ mạnh bạo cho từ “chán ghét”. Cùng với nhau, hai từ nầy nhấn mạnh mức độ ghét bỏ của Đức Giê-hô-va về những lễ hội tôn giáo của dân đó. Tham khảo cách dịch: “Ta chán ghét những kỳ lễ của các ngươi”
Amos 5:23
tiếng ồn ào
những âm thanh khó chịu
Amos 5:25
Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, các ngươi có dâng cho Ta sinh tế….?
Có thể hiểu: 1) “Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, Ta không hề lệnh cho các ngươi phải dâng cho Ta những tế lễ…” hoặc 2) “Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, các ngươi không dâng sinh tế…. cho Ta”
Si-kút… Kai-quan
các tà thần
Kai-quan
hoặc “Ky-giun”

Translation Questions

Amos 5:1
Ai đã rơi vào tình trạng ca thương này?
Gái đồng trinh của Y-sơ-ra-ên đã rơi vào ca thương này.
Amos 5:2
Ai đã rơi vào tình trạng ca thương này?
Gái đồng trinh của Y-sơ-ra-ên đã rơi vào ca thương này.
Amos 5:4
Đức Giê-hô-va phán cùng nhà Y-sơ-ra-ên điều gì?
Đức Giê-hô-va phán cùng nhà Y-sơ-ra-ên hãy tìm kiếm Ngài thì sẽ được sống.
Amos 5:9
Đức Giê-hô-va khiến kẻ mạnh sẽ như thế nào?
Đức Giê-hô-va làm cho kẻ mạnh thình lình bị diệt vong.
Amos 5:10
Kẻ mạnh ghét và gớm ghiết những ai?
Những kẻ mạnh ghét người trách móc và gớm ghiết những ai nói sự thật.
Amos 5:11
Kẻ mạnh đã làm gì mà vì điều đó Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ?
Những kẻ mạnh chà đạp và hiếp đáp kẻ nghèo, vì vậy mà Đức Giê-hô-va- sẽ trừng phạt họ.
Amos 5:13
Một người khôn ngoan sẽ làm gì trong thời kỳ tồi tệ?
Một người khôn ngoan sẽ làm thinh trong thời kỳ tồi tệ.
Amos 5:14
What should the people do so that Yahweh is really with them?
Dân sự nên tìm điều lành chứ đừng tìm điều dữ, hầu cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân ở cùng họ.
Amos 5:16
Những điều gì sẽ được nghe trên mọi đường phố khi Đức Giê-hô-va đi qua giữa đoàn dân?
Sự than khóc và tai họa sẽ được nghe trên mọi đường phố khi Đức Giê-hô-va đi qua giữa đoàn dân.
Amos 5:17
Những điều gì sẽ được nghe trên mọi đường phố khi Đức Giê-hô-va đi qua giữa đoàn dân?
Sự than khóc và tai họa sẽ được nghe trên mọi đường phố khi Đức Giê-hô-va đi qua giữa đoàn dân.
Amos 5:20
Ngày của Đức Giê-hô-va sẽ như thế nào?
Ngày của Đức Giê-hô-va sẽ tối tăm và mù mịt.
Amos 5:21
Đức Giê-hô-va nghĩ gì về những hội đồng trọng thể của dân chúng?
Đức Giê-hô-va không đẹp lòng về những hội đồng trọng thể của dân chúng.
Amos 5:24
Đức Giê-hô-va muốn thấy điều gì chảy ra của dân sự?
Đức Giê-hô-va muốn thấy sự công bình và sự chánh trực chảy ra từ dân sự.
Amos 5:26
Dân sự đã làm gì cho chính họ?
Dân sự đã làm thần tự cho chính họ.
Amos 5:27
Đức Giê-hô-va sẽ đày dân sự đi đâu?
Đức Giê-hô-va sẽ lưu đày dân sự qua bên kia Đa-mách.

Chapter 6

Amos 6:1
yên ổn
thỏa mái và không hề quan tâm rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ
Những thành ấy không tốt hơn hai vương quốc của các ngươi sao?
Tham khảo cách dịch: “Chúng chẳng tốt hơn hai vương

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

quốc của các ngươi”
Bờ cõi của chúng có rộng lớn hơn bờ cõi các ngươi không?
"Bờ cõi của chúng nhỏ hơn của các ngươi” hoặc “Những nước đó nhỏ hơn Giu-đa và Sa-ma-ri”
Amos 6:3
khiến ngôi bạo ngược đến gần
"sống theo cách khiến Đức Chúa Trời đem những người hung tàn đến trừng phạt các ngươi”
ngôi bạo ngược
"một nước thù nghịch hung bạo”
nằm... nằm ườn
Người Y-sơ-ra-ên thời bấy giờ thường nằm trên tấm thảm dưới sàn hoặc một cái ghế đơn giản
giường ngà
"giường cẩn ngà để nhìn đẹp hơn” hoặc “giường xa hoa”
ngà
răng và sừng của những loài thú lớn
nằm dài
"nằm ườn ra như những kẻ không muốn làm việc”
trường kỷ
chỗ êm, đủ lớn để nằm xuống
Amos 6:5
chúng sáng chế nhạc cụ
Ý nghĩa khả thi: 1) họ nghĩa ra những bài hát mới và những cách mới để chơi nhạc cụ hoặc 2) họ tạo ra những nhạc cụ mới.
chén lớn
những chén được dùng trong sự thờ phượng trong đền thờ, lớn hơn những chén ăn bình thường
chúng không đau buồn
"chúng chẳng buồn rầu cũng chẳng hành động mặc dầu người mình yêu mến đã chết”
Amos 6:7
lời phán của Chúa Giê-hô-va
Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã dịch trong AMO03:13
Ta ghét những pháo đài của nó
"Ta ghét dân Y-sơ-ra-ên bởi vì chúng cậy nơi các pháo đài sẽ bảo vệ chúng, chẳng phải cậy nơi Ta”
pháo đài
những bức tường được xây dựng quanh thành để bảo vệ họ khỏi những kẻ tấn công
Amos 6:9
một người bà con của người chết đến để đem xác của họ đi- người nầy sẽ hỏa táng những xác đó sau khi đã đem chúng ra khỏi nhà đó- nếu người hỏi kẻ trong nhà rằng: “Có... con không?
Ý nghĩa của những từ nầy còn mơ hồ. Có thể hiểu: 1) “bà con của người chết đó” chính là người sẽ “đem xác của họ đi” và “hỏa táng... những cái xác đó”, rồi người bà con đó nói với kẻ đang nấp trong nhà kia sau khi cả mười thành viên trong nhà đã chết. 2) Người “bà con của người chết” là người “đến để đem xác của họ đi” là một người khác, không phải người “sẽ hỏa táng những xác đó”, và những người đó nói chuyện với nhau trong ngôi nhà: “bà con của người chết đến để đem xác của họ đi cùng với những người sẽ hỏa táng những xác đó sau khi đã dời chúng khỏi nhà đó- nếu trong lúc chúng con ở trong nhà, người bà con kia nói với người sẽ hỏa táng rằng: “Có... ngươi không?”
hóa táng
thiêu rụi xác chết
xác chết
tử thi
Amos 6:11
Kìa
"Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý đến những điều ta sắp phán cùng ngươi”
Nhà lớn sẽ bị đập thành từng mảnh, nhà nhỏ thành những mảnh vụn
Hai vế nầy có nghĩa tương tự nhau. Sự tương phản giữa “nhà lớn” và “nhà nhỏ” để chỉ về mọi loại nhà. Có thể hiểu: 1) Đức Giê-hô-va sẽ ra lệnh cho những người khác tàn phá mọi nhà hoặc 2) Chính Đức Giê-hô-va sẽ dùng lời phán để phá hủy mọi nhà.
nhà lớn sẽ bị đập thành từng mảnh
Tham khảo cách dịch: “kẻ thù sẽ đập nhà lớn thành từng mảnh”
thành từng mảnh... thành những mảnh vụn
Bạn có thể sử dụng một từ cho cả hai vế nầy
nhà nhỏ thành những mảnh vụn
Tham khảo cách dịch: “nhà nhỏ sẽ bị đập ra thành từng mảnh”
Amos 6:12
Thông tin chung:
A-mốt đang sử dụng hai câu hỏi tu từ để hướng sự chú ý đến lời quở trách theo sau đó.
Ngựa có phi được trên các vách đá không?
Ngựa không thể chạy trên các vách đá mà không bị thương. A-mốt dùng câu hỏi tu từ nầy để quở trách họ vì những hành động của họ.
Người ta có đem bò ra cày ở đó không?
Người ta không hề đem bò ra cày trên nền đá. A-mốt dùng câu hỏi tư từ nầy để quở trách họ về những việc làm của họ.
Nhưng các ngươi đã đổi công lý thành thuốc độc
"Nhưng các ngươi khiến luật pháp làm tổn hại đến người vô tội”
và đổi quả công chính ra nỗi đắng cay
"và các ngươi trừng phạt những người làm điều phải lẽ”
Lô Đe-ba... Kác-na-im
Chẳng ai biết những thành nầy hiện nằm ở đâu.
Amos 6:14
Kìa
Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý đến những điều Ta sắp phán cùng ngươi.”
lời phán của Chúa Giê-hô-va
Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã dịch trong AMO03:13
từ Lê-bô Ha-mát đến suối A-ra-ba
Tham khảo cách dịch: “từ biên giới phía bắc nước ngươi cho đến biên giới phía nam”
suối
con sông nhỏ chỉ chảy vào mùa ẩm ướt

Translation Questions

Amos 6:1
Đức Giê-hô-va phán rằng khốn cho những người nào?
Đức Giê-hô-va phán: khốn cho những kẻ sống an cư trong Si-ôn, và những kẻ ở tại Sa-ma-ri.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Amos 6:5
Những người nhận lấy sự khốn nạn của Đức Giê-hô-va làm gì với thời gian của họ?
Những người nhận lấy sự khốn nạn của Đức Giê-hô-va đang dùng thì giờ của họ để ăn chay, hát bài bậy bạ và uống rượu.
Amos 6:6
Những người nhận lấy sự khốn nạn của Đức Giê-hô-va làm gì với thời gian của họ?
Những người nhận lấy sự khốn nạn của Đức Giê-hô-va đang dùng thì giờ của họ để ăn chay, hát bài bậy bạ và uống rượu.
What are those receiving Yahweh's woe not doing with their time?
Những người nhận lấy sự khốn nạn của Đức Giê-hô-va không dùng thời gian của họ để đau xót buồn rầu vì họa diệt vong của Giô-sép.
Amos 6:7
Những người nhận lấy sự khốn nạn của Đức Giê-hô-va bây giờ đi đâu?
Những người nhận lấy sự khốn nạn của Đức Giê-hô-va đang bị lưu đày.
Amos 6:8
Đức Giê-hô-va ghét điều gì của nhà Gia-cốp?
Đức Giê-hô-va ghét sự kiêu ngạo của nhà Gia-cốp.
Amos 6:11
Điều gì sẽ xảy ra với nhà của Gia-cốp?
Nhà của họ sẽ bị đổ nát.
Amos 6:12
Nhà của Gia-cốp đã làm gì với sự công bình và chánh trực?
Người nhà Gia-cốp đã đổi sự chánh trực thành chất độc, đổi trái công bình thành ra mật đắng.
Amos 6:14
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì để chống lại nhà Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ dấy lên một nước chống lại nhà Y-sơ-ra-ên.
Nước này sẽ làm gì đối với nhà Y-sơ-ra-ên?
Nước này sẽ nghịch cùng nhà Y-sơ-ra-ên.

Chapter 7
Amos 7:1
Kìa ... Kìa
Tác giả đang cho người đọc biết rằng ông sắp đưa ra một vài thông tin thú vị. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách để làm điều nầy.
Làm sao Gia-cốp sống nổi?
"Gia-cốp không thể sống sót!"
Amos 7:4
Kìa
Tác giả đang cho người đọc biết rằng sẽ có thông tin đáng ngạc nhiên theo sau. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt ý nầy.
làm sao Gia-cốp sống nổi?
Tham khảo cách dịch: “Gia-cốp chắc chắn sẽ không sống nổi!” hoặc “làm ơn hãy nói cho Gia-cốp biết những điều cần làm để có thể sống sót”
Amos 7:7
dây chì
sợi dây mỏng có một vật nặng ở một đầu, được dùng trong xây dựng để đảm bảo rằng tường được xây thẳng đứng từ trên xuống dưới.
Amos 7:9
Y-sác...Y-sơ-ra-ên
dân thuộc về vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên.
Amos 7:10
thầy tế lễ
Có thể hiểu: 1) A-ma-xia là thầy tế lễ duy nhất tại Bê-tên hoặc 2) A-ma-xia là lãnh đạo của các thầy tế lễ tại Bê-tên.
A-mốt âm mưu chống lại vua ở giữa nhà Y-sơ-ra-ên
Tham khảo cách dịch: “A-mốt đang ở trong đất Y-sơ-ra-ên, và nó đang mưu tính làm điều tệ hại cho bệ hại”
đất chẳng chịu nổi mọi lời của nó
"Dân sự tin lời hắn rồi làm những việc tàn phá đất nước”
Amos 7:12
ở đó mà kiếm ăn và nói tiên tri
"xem liệu người có khiến những người ở đó trả công cho người vì đã nói tiên tri”
Amos 7:14
người chăn bầy
Cụm từ nầy ở đây có nghĩa là: “người chăn chiên” bởi vì ông được gọi là “người chăn” ở trong AMO01:01
Amos 7:16
một xứ ô uế
Cách nói nầy chỉ về mọi đất ngoại bang, nơi người ta không được Đức Chúa Trời chấp nhận.

Translation Questions

Amos 7:1
Trong khải tượng, A-mốt thấy Đức Giê-hô-va làm gì để hình thành mùa xuân?
A-mốt thấy Đức Giê-hô-va làm nên những cào cào vào mùa xuân để để ăn thực vật trên đất.
Amos 7:2
Sau khi A-mốt kêu cầu Đức Giê-hô-va tha tội cho nhà Gia-cốp và không gây tai họa cho họ, thì Đức Giê-hô-va trả lời như thế nào?
Đức Giê-hô-va đáp rằng thảm họa này sẽ không xảy ra.
Amos 7:3
Sau khi A-mốt kêu cầu Đức Giê-hô-va tha tội cho nhà Gia-cốp và không gây tai họa cho họ, thì Đức Giê-hô-va trả lời như thế nào?
Đức Giê-hô-va đáp rằng thảm họa này sẽ không xảy ra.
Amos 7:4
Trong khải tượng, A-mốt đã nhìn thấy Đức Giê-hô-va làm gì?
A-mốt thấy Đức Giê-hô-va khiến lửa thiêu nuốt.
Amos 7:5
Khi A-mốt kêu cầu Đức Giê-hô-va tha tội cho nhà Gia-cốp và không giáng tai họa cho họ, Đức Giê-hô-va nói gì?
Đức Giê-hô-va đáp rằng thảm họa nà cũng sẽ không xảy ra.
Amos 7:6
Khi A-mốt kêu cầu Đức Giê-hô-va tha tội cho nhà Gia-cốp và không giáng tai họa cho họ, Đức Giê-hô-va nói gì?
Đức Giê-hô-va đáp rằng thảm họa nà cũng sẽ không xảy ra.
Amos 7:7
Trong khải tượng, A-mốt thấy Chúa đang đứng và làm gì?
A-mốt thấy Chúa đang đứng trên một bức tường thẳng đứng và tay cầm một dây chuẩn mực.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Amos 7:8
Chúa nói gì về ý nghĩa của dây chuẩn mực?
Chúa nói rằng dây chuẩn mực có nghĩa là Y-sơ-ra-ên sẽ không còn nữa.
Amos 7:9
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì nhà Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ tiêu diệt các nơi cao và các nơi thánh của Y-sơ-ra-ên.
Amos 7:10
A-mốt đã bị buộc tội gì bởi A-ma-xia, thầy tế lễ Bê-tu-ên?
A-mốt bị buộc tội âm mưu chống lại GIê-rô-bô-am là vua của Y-sơ-ra-ên.
Amos 7:11
A-mốt đã nói tiên tri điều gì về Giê-rô-bô-am?
A-mốt đã tiên tri rằng Giê-rô-bô-am sẽ chết bởi gươm.
Amos 7:12
A-mốt được bảo rằng ông nên đến nơi nào để nói tiên tri?
A-mốt được bảo rằng ông nên trở về đất Giu-đa và nói tiên tri tại đó.
Amos 7:14
A-mốt làm gì trước khi Đức Giê-hô-va chọn ông trở thành một tiên tri của Ngài?
A-mốt là một người chăn bầy và chăm sóc vườn sung.
Amos 7:15
A-mốt làm gì trước khi Đức Giê-hô-va chọn ông trở thành một tiên tri của Ngài?
A-mốt là một người chăn bầy và chăm sóc vườn sung.
Amos 7:17
Đức Giê-hô-va phán điều gì nghịch cùng A-ma-xia, thầy tế lễ của Bê-tên?
Đức Giê-hô-va phán rằng A-ma-xia sẽ chết trong một đất ô uế, vợ hắn sẽ trở thành một gái điếm, con trai và con gái hắn sẽ bị giết, đất đai của hắn sẽ bị chia cắt.
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm gì dân Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ đuổi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi đất của họ.

Chapter 8
Amos 8:1
Kìa
Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý đến những điều Ta sắp phán cùng ngươi.”
lời phán của Chúa Giê-hô-va
Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã dịch trong AMO03:13
trong mọi nơi
"trong nhiều nơi”
Amos 8:4
các ngươi là kẻ chà đạp… và xua đuổi
A-mốt đang nói với những người “bán” và “buôn” (8:5).
chà đạp
Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong AMO02:07
Chúng than thở: ‘Bao giờ mới hết ngày trăng mới, để chúng tôi lại có thể bán thóc? Và bao giờ mới hết ngày Sa-bát, để chúng tôi có thể buôn bán lúa mì? … dép.
"Chúng luôn hỏi xem khi nào thì hết ngày trăng mới để có thể mở lại việc bán thóc, cũng như khi nào thì hết ngày Sa-bát để họ có thể buôn bán lúa mì… dép.”
Chúng tôi sẽ làm cho cái đấu nhỏ lại, còn quả cân thì nặng thêm, dùng cân giả dối để lường gạt
Những thương buôn dùng những loại cân gian lận để khiến cho số cân nặng của lúa mì lớn hơn so với số cân nặng thật sự của số lúa đó, còn bên cân nặng của số tiền phải trả thì lại nhỏ hơn so với trọng lượng thật của số tiền đó.
kẻ thiếu thốn một đôi dép
Tham khảo cách dịch: “và mua cho kẻ thiếu thốn một đôi dép”
Amos 8:7
Đức Giê-hô-va đã chỉ niềm kiêu hãnh của Gia-cốp mà thề
"Đức Giê-hô-va chỉ mình mà thề rằng” hoặc “Đức Giê-hô-va, là Đấng mà Gia-cốp tự hào, đã thề”
sông của Ai Cập
một tên gọi khác của sông Nin
Amos 8:9
lời phán của Chúa Giê-hô-va
Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã dịch trong AMO03:13
Amos 8:11
lời phán của Chúa Giê-hô-va
Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã dịch trong AMO03:13
Chúng sẽ đi lảo đảo… chúng sẽ chạy
Một số người sẽ đi chậm rãi và rất dễ ngã gục, giống như một người đang lả đi vì đói; còn những kẻ khác thì sẽ nhanh chóng dời đi đây đó
từ biển nầy đến biển khác, chúng sẽ chạy từ phương bắc đến phương đông để tìm kiếm lời của Chúa
Có thể hiểu: 1) xem bản dịch UDB, hoặc 2) “từ biển nầy đến biển khác và từ phương bắc đến phương đông. Chúng sẽ chạy để tìm tiếm lời của Chúa”
từ biển nầy đến biển khác… từ phương bắc đến phương đông
Vì người nầy đang đứng ở tại Bê-tên, thì hành trình nầy sẽ theo một vòng tròn: Biển Chết (phước nam) đến biển Địa Trung Hải (phương tây) rồi đến phương bắc rồi đến phương đông.
Amos 8:13
ngất xỉu
mất hết sức lực
Thật như đường dẫn đến Bê-e Sê-ba tồn tại
Đây là cách nói ám chỉ để đến những con đường mà những người hành hương dùng để đi đến Bê-e Sê-ba đặng thờ lạy các thần tượng tại đó.

Translation Questions

Amos 8:1
Đức Giê-hô-va tỏ cho A-mốt thấy gì?
Đức Giê-hô-va tỏ cho A-mốt thấy một giỏ trái mùa hè.
Amos 8:2
Đức Giê-hô-va tỏ cho A-mốt thấy gì?
Đức Giê-hô-va tỏ cho A-mốt thấy một giỏ trái mùa hè.
Đức Giê-hô-va phán điều gì sẽ xảy đến với dân Ngài là Y-sơ-ra-ên?
Đức Giê-hô-va phán rằng sự cuối cùng đã đến trên dân Y-sơ-ra-ên của Ngài.
Amos 8:4
Dân Y-sơ-ra-ên đã phạm những tội lỗi nào?
Dân Y-sơ-ra-ên đã chà đạp người khốn cùng, và tiêu diệt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những người nghèo trong xứ.
Amos 8:5
Tại sao mọi người lại trông chờ cho ngày trăng mới và ngày sa-bát qua đi?
Mọi người trông chờ vì họ muốn bán lúa mì và lừa dối người nghèo.
Amos 8:6
Tại sao mọi người lại trông chờ cho ngày trăng mới và ngày sa-bát qua đi?
Mọi người trông chờ vì họ muốn bán lúa mì và lừa dối người nghèo.
Amos 8:7
Đức Giê-hô-va phán rằng ngài sẽ không bao giờ như thế nào đối với hành động của dân sự?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ không bao giờ quên những việc làm của dân sự.
Amos 8:9
Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì trên mặt trời?
Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm cho mặt trời lặn đi lúc giữa trưa.
Amos 8:10
Dân sự sẽ mặc gì trong ngày đó?
Trong ngày đó, dân sự sẽ mặc bao gai.
Amos 8:11
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ làm gì ở đất?
Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ khiến sự đói kém đến trong đất về sự khao khát được nghe lời Đức Giê-hô-va.
Amos 8:13
Trong ngày đó, ai sẽ ngất đi vì khát?
Trong ngày đó, những gái đồng trinh và những trai trẻ sẽ ngất đi vì khát.
Amos 8:14
Đức Giê-hô-va phán rằng ai sẽ không bao giờ trỗi dậy được nữa?
Tất cả những người thờ lạy thần tượng của Sa-ma-ri sẽ không bao giờ trỗi dậy được nữa.

Chapter 9
Amos 9:1
Hãy đập chúng
Có thể hiểu: 1) hãy dập các mảnh đền thờ hoặc 2) hãy đập những đỉnh cột trụ
Dù họ đào đất chui xuống âm phủ, ở đó tay Ta cũng sẽ lôi họ lên. Dù họ trèo lên trên trời , ở đó Ta cũng sẽ kéo họ xuống
Tham khảo cách dịch: “Cho dù họ cố gắng chạy đến bất cứ nơi nào, Ta cũng sẽ ở đó để bắt họ”
Amos 9:3
rắn
một loại sinh vật biển lạ, rất hung dữ, không phải con rắn trong vườn Ê-đen cũng không phải loài rắn thường thấy.
Thật mắt Ta theo dõi họ
Nếu ngôn ngữ của bạn có những từ ngữ nào thường dùng với ý nghĩa là người nói muốn làm điều tốt cho những người khác, nhưng cũng được dùng trong trường hợp người nói muốn làm tổn hại đến họ thì bạn có thể sử dụng ở đây.
chứ chẳng phải để ban phước đâu
những từ nầy để đảm bảo người nghe hiểu được cụm từ “để làm hại”
Amos 9:5
Chúa là Đấng xây các bậc thang trên các tầng trời
Đây là những bậc thang mà người xưa dùng để liên tưởng đến cung đền của Đức Chúa Trời trên các tầng trời. Tuy nhiên, một số bản dịch hiện đại thì muốn đọc từ Hê-bơ-rơ đó với nghĩa là “cung đền” hoặc “phòng”. Ở đây, “các bậc thang của Ngài” là hoán dụ chỉ về cung đền của Đức Chúa Trời.
đã thiết lập vòm trời trên đất
Một số bản dịch thì ghi là “đã lập các cột trụ của Ngài trên đất, nghĩa là những công trình kiến trúc chống đỡ đất.
Amos 9:7
lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO02:11
Amos 9:9
người ta sàng sảy lúa mì trên cái sàng, để không một hòn sỏi nào rời xuống đất
Hình ảnh nầy ở đây là hình ảnh lúa mì bị rớt khỏi cái sàng và sỏi thì bị giữ bên ngoài. Một bản dịch thì hiểu là “không một hỏi sỏi nhỏ nhất nào bị rơi” để chỉ về ý những hạt lúa mì chắc sẽ không bị lọt xuống đất cùng với những thứ vô ích khác.
cái sàng
bề mặt có nhiều lổ nhỏ, để các vật nhỏ có thể lọt qua và giữ những vật lớn hơn ở lại trên sàng.
Amos 9:11
lều... ... những chỗ thủng... nhưng nơi đổ nát
Sau khi Đức Giê-hô-va hủy diệt vương quốc Y-sơ-ra-ên. Nó sẽ giống như một cái lều tạm mà các trụ gỗ của nó thì đã sập, một bức tường bị đổ nát vài chỗ, và một ngôi nhà đã bị kéo sập.
những chỗ thủng
các thần đã bị sụp của bức tường
những nơi đổ nát
những thứ còn lại của một công trình đã bị phá hủy
phần còn sót lại của Ê-đôm
Có thể đây là phần đất hoặc những người dân còn sót lại ở Ê-đôm mà Y-sơ-ra-ên chưa đánh chiếm được.
Amos 9:13
Kìa
Tác giả đang cho người đọc biết rằng sẽ có thông tin đáng ngạc nhiên theo sau. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt ý nầy rằng ông sắp đưa ra một ý gì đó lạ lùng.
Các núi sẽ nhỏ rượu ngọt ra, và mọi đồi sẽ tuôn chảy
Về cơ bản, cả hai ông nầy đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng xứ nầy sẽ rất thịnh vượng.
Amos 9:14
họ sẽ không hề bị bứng gốc khỏi đất
Tham khảo cách dịch: “sẽ không ai lại nhổ họ khỏi đất đó” "họ sẽ sống trong đất đó đời đời giống như cây xanh đâm rễ mãi trong đất đó”
bứng gốc
nhổ cân lẫn rễ ra khỏi đất

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Amos 9:1

Ai sẽ thoát được sự phán xét của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên?

Không một người ngào trong số họ thoát khỏi được sự phát xét của Chúa.

Amos 9:3

Chúa sẽ làm gì với những người ẩn trốn nơi đáy biển?

Chúa sẽ ra lệnh cho rắn để cắn họ.

Amos 9:4

Chúa để mắt đến dân Y-sơ-ra-ên với mục đích gì?

Chúa sẽ dõi theo dân Y-sơ-ra-ên để giáng họa trên họ.

Amos 9:5

Dân sự làm gì khi Đức Giê-hô-va chạm vào đất để đất tan chảy?

Dân sự than khóc khi Đức Giê-hô-va chạm vào đất làm đất tan chảy.

Amos 9:7

Đức Giê-hô-va đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi nơi nào?

Đức Giê-hô-va đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô.

Đức Giê-hô-va đưa dân Phi-li-tin ra khỏi nơi nào?

Đức Giê-hô-va đã đưa dân Phi-li-tin ra khỏi Cáp-tô.

Amos 9:8

Có phải Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ tiêu diệt toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên không?

Không, Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ không diệt sạch nhà Y-sơ-ra-ên.

Amos 9:10

Những kẻ có tội ở Y-sơ-ra-ên, là những kẻ mà Đức Giê-hô-va giết đã nói gì?

Những kẻ có tội nói rằng hoạn nạn sẽ không đến gần họ.

Amos 9:11

Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ dựng lại điều gì?

Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ dựng lại nhà tạm của Đa-vít.

Amos 9:13

Đức Giê-hô-va phán các núi sẽ nhỏ cái gì và mọi đồi núi sẽ tan chảy theo trong những ngày sắp đến?

Trong những ngày sắp đến, các núi sẽ nhỏ rượu ngọt ra và mọi đồi sẽ tan chảy theo rượu ngọt đó.

Amos 9:14

Đức Giê-hô-va hứa rằng Ngài sẽ đem dân Y-sơ-ra-ên trở về từ cái gì?

Đức Giê-hô-va hứa Ngài sẽ đem phu tù của dân Y-sơ-ra-ên trở về.

Amos 9:15

Sau khi Đức Giê-hô-va đem dân Y-sơ-ra-ên trở lại, Y-sơ-ra-ên sẽ ở trên đất bao lâu?

Sau khi Đức Giê-hô-va đem dân Y-sơ-ra-ên trở về, Y-sơ-ra-ên sẽ ở trong đất đời đời.

Chapter 1

Obadiah 1:1

Đức Giê-hô-va

Đây là danh xưng của Đức Chúa Trời mà Ngài đã tỏ ra cho dân sự của Ngài trong thời Cựu Ước.

sứ giả được sai đến

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã sai sứ giả đến”

Hãy nổi dậy

"Hãy vùng dây”. Cụm từ nầy được dùng để hô hào dân chúng phải sẵn sàng.

Nầy

Tham khảo cách dịch: “Kìa” hoặc “Hãy nghe đây!” hoặc “Hãy chú ý đến những điều Ta sắp phán cùng ngươi”

ngươi sẽ bị khinh thường lắm

"dân các nước khác sẽ căm ghét các ngươi”

Obadiah 1:3

Thông tin chung:

Tiếp tục khải tượng của Áp-đia về Ê-đôm.

Sự kiêu ngạo của lòng ngươi

Đức Giê-hô-va đang dùng một bộ phận trong cơ thể con người, liên quan đến những cảm xúc của họ để chỉ về những người dân Ê-đôm đang cảm thấy kiêu ngạo.

trong các gành đá

"trong các khe đá”

trong chỗ ở cao ngất của ngươi

"trong chỗ ở được xây trên nơi cao của ngươi”

Ai có thể xô ta xuống đất?

Câu hỏi nầy đang cho thấy người dân Ê-đôm kiêu ngạo và cảm thấy an toàn. Tham khảo cách dịch: “Ta được an toàn khỏi mọi kẻ tấn công”

Dù ngươi bay cao như chim ưng, dù ngươi lót ổ giữa các ngôi sao

Cả hai cụm từ nầy đều đang nói rằng Ê-đôm được xây dựng cao không thể tưởng, để nói rằng nó được xây dựng ở một nơi rất cao.

Ta sẽ đem ngươi xuống khỏi đó

Sự kiêu ngạo được liên tưởng với đỉnh cao nhất và địa vị thấp hèn được liên tưởng với việc ở vị trí thấp. Đức Giê-hô-va nói rằng Ngài sẽ đem Ê-đôm xuống để nói rằng Ngài sẽ hạ thấp nước đó. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ hạ thấp các ngươi”

Obadiah 1:5

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục ban cho Áp-đia sứ điệp mà Ngài dành cho Ê-đôm.

Nếu kẻ trộm ban đêm đến

"hoặc nếu kẻ trộm đến lúc ban đên”

kẻ trộm

những kẻ trộm đồ bằng cách tỏ ra hung bạo với những người khác.

ngươi sẽ bị loại bỏ ra sao

Đức Giê-hô-va thêm cụm từ nầy vào giữa một câu khác để nói rằng hình phạt của Ê-đôm rất bất ngờ. Tham khảo cách dịch: “Chà, ngươi sẽ bị tận diệt.”

Chẳng lẽ chúng chỉ cướp vừa đủ thôi sao?

Tham khảo cách dịch: “Chúng chỉ cướp vừa đủ cho mình.”

Ê-sau sẽ bị lục soát là thể nào, và những đồ châu báu giấu kín của nó sẽ bị khám xét là thể nào!

Tham khảo cách dịch: “Chà, kẻ thù đã lục soát Ê-sau; chúng đã tìm kiếm những châu báu giấu kín của nó”

lục soát

tìm kiếm những đồ vật để cướp chúng

Obadiah 1:7

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục ban cho Áp-đia sứ điệp mà Ngài dành cho Ê-đôm.

đồng minh của ngươi

Từ “ngươi” chỉ về nước Ê-đôm.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sẽ đuổi ngươi đến tận biên giới
"sẽ đuổi ngươi ra khỏi đất của chúng". Dân Ê-đôm sẽ cố gắng tìm nơi ẩn náu trong xứ mình cho đồng minh của họ, nhưng những đồng minh đó lại chẳng để dân Ê-đôm ở trong xứ của mình."
Trong nó chẳng có sự hiểu biết
"Ê-đôm không thể hiểu được"
Đức Giê-hô-va phán: "Trong ngày đó, chẳng phải Ta sẽ hủy diệt... núi Ê-sau sao?"
"Đức Giê-hô-va phán: "Trong ngày đó, chắc chắn Ta sẽ hủy diệt... núi Ê-sau"
những dũng sĩ của ngươi sẽ thất kinh
"những lính chiến mạnh mẽ của ngươi sẽ sợ hãi"
Thê-man
tên của xứ trong đất Ê-đôm.
như vậy mọi người đều bị tàn sát và tiêu diệt khỏi núi Ê-sau
Tham khảo cách dịch: "như vậy sẽ không còn người nào trên núi Ê-sau bởi vì kẻ thù đã tàn sát chúng"
núi Ê-sau
Hầu hết đất Ê-sau là đồi núi, vì vậy đây là một cách để nói đến đất Ê-sau.
Obadiah 1:10
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục ban cho Áp-đia sứ điệp mà Ngài dành cho Ê-đôm.
anh em ngươi là Gia-cốp
Tham khảo cách dịch: "bà con ngươi, tức là con cháu Gia-cốp"
sự hổ thẹn sẽ che lấp ngươi
" ngươi sẽ bị hổ thẹn"
sẽ bị hủy diệt đời đời
"sẽ không bao giờ tồn tại nữa"
đứng nhìn
"nhìn và không giúp đỡ gì"
quân ngoại xâm
những người từ các nước khác
của cải nó
Từ "nó" chỉ về "Gia-cốp", là một cách khác để chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
bắt thăm chia thành Giê-ru-sa-lem
Cụm từ nầy có nghĩa là "chúng bắt thăm để quyết định xem ai sẽ là người được nhận những phần có giá trị mà chúng đã lấy từ Giê-ru-sa-lem"
ngươi giống như một người trong bọn chúng
"như thể ngươi là một trong số những kẻ lạ mặt và bọn ngoại xâm đó"
Obadiah 1:12
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục ban cho Áp-đia sứ điệp mà Ngài dành cho Ê-đôm.
đừng hả hê
"đừng vui mừng vì" hoặc "đừng lấy làm hài lòng về"
của anh em ngươi
Đây là cách nói đến dân Y-sơ-ra-ên, bởi vì Ê-sau và Gia-cốp là anh em với nhau.
ngày
Tham khảo cách dịch: "ngày xét đoán" hoặc "kỳ xét đoán"
bất hạnh
"tai họa" hoặc "hoạn nạn"
trong ngày hủy diệt của chúng
"trong ngày kẻ thù hủy diệt chúng"
trong ngày khốn khổ của nó
"vì cớ kỳ chúng chịu khốn khổ"
tai ương... tại họa... đổ nát
Đây là toàn bộ những cách dịch khác nhau cho cùng một từ. Dịch giả nên dùng một từ để dịch ba từ nầy.
tai họa của chúng
"vì những điều tồi tệ xảy đến với chúng"
chớ nên cướp lấy của cải của chúng
"chớ chiếm lấy của cải của chúng" hoặc "chớ cướp của cải của chúng"
ngã ba đường
nơi giao ngau của hai con đường
để diệt những kẻ chạy trốn của nó
"để giết những người Y-sơ-ra-ên đang cố gắng chạy trốn" hoặc "để bắt lấy những kẻ đang cố gắng chạy trốn" (UDB)
đừng nộp những kẻ còn sống sót của nó
"đừng bắt những kẻ còn sống rồi nộp cho kẻ thù của chúng"
Obadiah 1:15
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục ban cho Áp-đia sứ điệp mà Ngài dành cho Ê-đôm.
Vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần trên tất cả các nước
"Thời kỳ Đức Giê-hô-va sẽ tỏ cho các nước biết Ngài là Chúa sẽ sớm đến"
Bấy giờ, điều gì ngươi đã làm sẽ làm lại cho ngươi
"Ta sẽ làm cho ngươi điều ngươi đã làm cho kẻ khác"
những việc làm của ngươi sẽ đổ lại trên đầu ngươi
Tham khảo cách dịch: "ngươi sẽ chịu hậu quả cho những việc mình đã làm"
Vì như các ngươi
Từ "các ngươi" chỉ về dân Ê-đôm.
như các ngươi đã uống
Các tiên tri mô tả những người mà Đức Giê-hô-va đã trừng phạt như thể họ đang uống sự đoán phạt từ Đức Giê-hô-va.
Tham khảo cách dịch: "như Ta đã trừng phạt các ngươi"
núi thánh Ta
Đây là cách nói đến Giê-ru-sa-lem.
tất cả các nước cũng sẽ cứ uống thể ấy
Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ cứ trừng phạt các nước mà không ngừng nghỉ". Đức Giê-hô-va đã trừng phạt Giê-ru-sa-lem, nhưng Ngài đã dừng lại trước khi hủy diệt toàn bộ dân đó. Tuy nhiên, Ngài sẽ trừng phạt những dân còn lại cho đến khi chúng không tồn tại nữa.
Obadiah 1:17
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục ban sứ điệp của Ngài cho Áp-đia.
trốn thoát
"trốn thoát khỏi sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va". Đây là những người vẫn còn sống sót sau khi Đức Giê-hô-va đã trừng phạt họ.
và nó
Từ "nó" chỉ về "núi Si-ôn".
nhà Gia-cốp ... Giô-sép ngọn lửa
Đức Giê-hô-va đang so sánh nhà Gia-cốp và Giô-sép với lửa bởi vì họ sẽ hủy diệt Ê-sau như lửa nhanh chóng thiêu rụi rơm rạ.
gốc rạ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"rơm" hoặc “vỏ trấu”. Những miếng cỏ cây khô còn lại sau khi đã thu hoạch lúa mì.

và chúng

Từ "chúng” chỉ về nhà Gia-cốp và nhà Giô-sép.

sẽ thiêu chúng

Từ "chúng” chỉ về dòng dõi Ê-sau, là những người dân nước Ê-đôm.

Nhà Ê-sau sẽ không còn ai sống sót

"Sẽ không một người nào trong nhà Ê-sau sống sót”

Obadiah 1:19

Bên-gia-min

"chi tộc Bên-gia-min” hoặc “dân Bên-gia-min”

Obadiah 1:20

Những kẻ bị lưu đày của quân đội Y-sơ-ra-ên

"Những người Y-sơ-ra-ên đang bị lưu đày”

quân đội

một nhóm người rất đông

Sa-rép-ta

Đây là tên của thành Phoenician ở bờ biển Địa Trung Hải, nằm giữa Ty-rơ và Si-đôn

Sê-pha-rát

Đây là tên của một nơi, không rõ vị trí.

những người được giải cứu

Cụm từ nầy chỉ về những người lãnh đạo quân đội Y-sơ-ra-ên mà Đức Chúa Trời sẽ sử dùng để đánh bại nước Ê-đôm.

Translation Questions

Obadiah 1:1

Đức Giê-hô-va sai một sứ giả đến giữa các dân vì mục đích gì?

Đức Giê-hô-va sai sứ giả đến giữa các dân nhằm khiến các dân đó nổi lên đánh trận chống lại Ê-đôm.

Obadiah 1:3

Một trong các tội của dân Ê-đôm là gì?

Dân Ê-đôm kiêu ngạo trong lòng và tin rằng không ai có thể xô họ xuống đất.

Obadiah 1:7

Ai sẽ dối gạt và chiếm ưu thế hơn Ê-đôm?

Những kẻ đồng minh với Ê-đôm sẽ dối gạt và phản bội Ê-đôm.

Obadiah 1:10

Why will Edom be covered with shame and cut off forever? #Tại sao Ê-đôm sẽ mang sự xấu hổ, và bị diệt đời đời?

Ê-đôm sẽ mang sự xấu hổ, và bị diệt đời đời vì cớ sự bạo ngược mà Ê-đôm đã làm đối với em mình là Gia-cốp.

Obadiah 1:11

Điều gì xảy ra trong ngày Ê-đôm đứng cách xa Gia-cốp?

On that day, strangers entered the gates of Jerusalem and carried away its wealth. Trong ngày đó, dân ngoại quốc vào các cửa thành Giê-ru-sa-lem và cướp của cải nó.

Obadiah 1:12

Đức Giê-hô-va bảo Ê-đôm không làm gì trên Giu-đa trong ngày Giu-đa gặp tai họa?

Đức Giê-hô-va bảo Ê-đôm chớ nên hả hê, vui mừng, hoặc cướp bóc của cải của Giu-đa trong ngày Giu-đa gặp tai họa.

Obadiah 1:13

Đức Giê-hô-va bảo Ê-đôm không làm gì trên Giu-đa trong ngày Giu-đa gặp tai họa?

Đức Giê-hô-va bảo Ê-đôm chớ nên hả hê, vui mừng, hoặc cướp bóc của cải của Giu-đa trong ngày Giu-đa gặp tai họa.

Obadiah 1:15

Đức Giê-hô-va nói điều gì sẽ đổ lại trên đầu Ê-đôm?

Đức Giê-hô-va nói rằng việc ác họ làm cho người khác sẽ đổ lại trên đầu họ.

Obadiah 1:17

Một số người ở Núi Si-ôn sẽ có thể làm gì mặc dù Giu-đa bị tai họa?

Một số người ở Núi Si-ôn sẽ có thể trốn thoát mặc dù Giu-đa gặp tai họa.

Obadiah 1:18

Bao nhiêu người Ê-đôm sẽ thoát khỏi sự đoán xét của Đức Giê-hô-va?

Sẽ không còn một ai sống sót ở Ê-đôm sau khi Đức Giê-hô-va đã đoán xét.

Obadiah 1:19

Ai sẽ chiếm núi Ê-sau?

Những kẻ đến từ Nê-ghép sẽ chiếm ngự núi của Ê-sau.

Obadiah 1:21

Núi của Ê-sau sẽ bị đoán xét từ nơi nào?

Núi của Ê-sau sẽ bị đoán xét từ núi Si-ôn.

Chapter 1

Jonah 1:1

lời của Đức Giê-hô-va đến

Đây là cách diễn đạt với ý nghĩa là Đức GIê-hô-va phán.

"Đức Giê-hô-va phán truyền sứ điệp của Ngài"

lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây, “lời” tượng trưng cho sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “sứ điệp của Đức Giê-hô-va”

Đức Giê-hô-va

Đây là danh xưng của Đức Chúa Trời mà Ngài đã tỏ ra cho dân sự của Ngài trong thời Cựu Ước.

A-mi-tai

Đây là tên cha của Giô-na.

Hãy trỗi dậy và đi đến thành lớn Ni-ni-ve kia

"Hãy đi đến thành Ni-ni-ve đầy quyền thế kia”

Hãy chỗi dậy và đi đến

Đây là cách nói thông thường về việc đi đến một nơi xa xôi.

nói nghịch cùng nó

"cảnh báo dân đó” (UDB). Đức Chúa Trời đang nói đến dân thành đó.

sự gian ác chúng đã lên thấu trước mặt Ta

"Ta biết chúng vẫn còn đang tiếp tục phạm tội”

đứng dậy chạy trốn khỏi mặt Đức Giê-hô-va

"chạy trốn khỏi Đức Giê-hô-va”. “vùng dậy” nói đến việc Giô-na rời khỏi nơi mình đang ở.

trước mặt Đức Giê-hô-va

Giô-na đang cố gắng trốn chạy khỏi Đức Giê-hô-va.

và đi qua Ta-rê-si

"và đi đến Ta-rê-si”. Ta-rê-si là nằm ở hướng ngược lại so với Ni-ni-ve. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “và đi về hướng ngược lại, hướng đến Ta-rê-si.”

Ông xuống đến Giốp-ba

"Giô-na đi đến Giốp-ba”

tàu

“Tàu” là một loại thuyền rất lớn, có thể vượt biển, chở theo

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhiều hành khách hoặc hàng hóa nặng.
Vậy ông trả tiền đi tàu
"Ở đó, Giô-na trả tiền đi tàu”
rồi lên tàu
"rồi xuống tàu”
với họ
Từ "họ” chỉ về những người khác cùng đi trên chiếc tàu đó.
lánh mặt Đức Giê-hô-va
Giô-na đã hi vọng rằng Đức Giê-hô-va không có mặt ở Ta-ra-si.
Jonah 1:4
Chẳng bao lâu, dường như
Có thể làm rõ người nào cho rằng chiếc tàu sẽ bị vỡ. Tham khảo cách dịch: “Những người trên tàu nghĩ”
sắp bị vỡ tan
Có thể dịch vế nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sẽ vỡ tan”
các thủy thủ
những người làm việc trên tàu
thần của mình
Ở đây, “thần” chỉ về những tà thần và các thần tượng mà người ta thờ phượng.
Họ ném đồ đạc trong tàu xuống
"Những người đó ném các đồ vật nặng ra khỏi tàu”. Họ làm như vậy để giữ tàu khỏi chìm.
để nhẹ tàu
Làm cho tàu nhẹ hơn sẽ khiến cho nó nổi tốt hơn. Tham khảo cách dịch: “để làm cho tàu nổi nhiều hơn”
Nhưng Giô-na đã xuống dưới lòng tàu
Giô-na đã xuống đó trước khi cơn bão nổi lên.
xuống dưới lòng tàu
"vào trong tàu”
nằm ngủ mê
"nằm đó rồi nhanh chóng ngủ thiếp đi” hoặc “nằm dưới đỏ ngủ mê man”. Vì lí do nầy mà cơn bão đã không đánh thức ông dậy được.
Jonah 1:6
Vậy thuyền trưởng đến gần ông và bảo
"Người chịu trách nhiệm về con tàu đến chỗ Giô-na và bảo”
Anh còn ngủ được sao?
"Sao anh có thể ngủ như vậy?”. Ông đang dùng một câu hỏi tư từ để trách mắng Giô-na. Tham khảo cách dịch: “Đừng có ngủ nữa!”
Hãy dậy mau!
Cụm từ nầy nói đến việc phải làm hành động nào đó. Đối với Giô-na, vị thuyền trưởng nầy đang bảo ông phải thức dậy mà cầu nguyện cùng thần của mình để chuyến đi được an toàn.
Hãy kêu cầu thần của anh!
"Hãy cầu nguyện cùng thần của anh!”. “Kêu cầu” chỉ về việc thu hút sự chú ý của một người nào đó.
Có lẽ thần của anh sẽ để ý đến chúng ta thì chúng ta khỏi chết
Có thể nói rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây là thần của Giô-na sẽ giải cứu họ. Tham khảo cách dịch: “Có lẽ thần của anh sẽ nghe thấy và cứu chúng ta, như vậy chúng sẽ không chết"
Chúng bảo với nhau
"Các thủy thủ bảo với nhau”
Hãy đến, chúng ta hãy bắt thăm để cho biết vì ai mà tai vạ nầy xảy đến cho chúng ta
"Chúng ta nên bắt thăm để biết ai đã gây ra rắc rối nầy.”. Những người nầy tin rằng các vị thần sẽ kiểm soát các lá thăm đó để cho họ biết điều họ muốn biết. Đây là một dạng của sự tiên đoán hoặc bói toán.
tai họa nầy
Cụm từ nầy chỉ về cơn bão dữ tợn đó.
thăm rơi nhằm Giô-na
"lá thăm tỏ ra rằng Giô-na chính là người có tội”
Jonah 1:8
Bấy giờ, họ nói với Giô-na
"Bấy giờ, các thủy thủ nói với Giô-na”
Xin hãy cho chúng tôi biết ai là nguyên nhân khiến tai họa nầy xảy ra cho chúng tôi
"Ai đã khiến điều tồi tệ nầy xảy đến cho chúng tôi?”
kính sợ Đức Giê-hô-va
Từ "kính sợ” chỉ về việc Giô-na có lòng tôn kính rất lớn đối với Đức Chúa Trời.
Ông đã làm điều gì vậy?
Những người trên tàu dùng câu hỏi tu từ nầy để cho thấy họ đang khó chịu với Giô-na ra sao. Tham khảo cách dịch: “Ông đã làm chuyện khủng khiếp."
ông đã trốn khỏi mặt Đức Giê-hô-va
"Giô-na đã chạy trốn khỏi Đức Giê-hô-va”. Giô-na đang cố gắng trốn chạy khỏi Đức Giê-hô-va như thể Đức Giê-hô-va chỉ hiện diện ở đất Y-sơ-ra-ên mà thôi.
bởi vì ông đã khai với họ
Có thể nói rõ ông đã khai với họ những gì. Tham khảo cách dịch: “bởi vì ông đã khai rõ với họ rằng “tôi đang cố gắng chạy trốn khỏi Đức Giê-hô-va”
Jonah 1:11
họ hỏi Giô-na
"những người trên tàu hỏi Giô-na” hoặc “các thủy thủ hỏi Giô-na”
làm gì với ông để cho biển yên lặng
"làm gì với ông để khiến biển yên lặng” (UDB)
biển càng lúc càng động dữ dội
Đây là lí do khiến những người nầy hỏi Giô-na họ phải làm gì. Có thể tìm thấy lí do nầy trong phần đầu của câu 11 trong bản dịch tiếng Anh UDB.
vì tôi biết chính vì tôi mà trận bão kinh khiếp nầy mới xảy đến cho các anh
"bởi vì tôi biết trận bão khủng khiếp nầy là lỗi của tôi”
Tuy nhiên, những người ấy ra sức chèo vào bờ
Những người nầy không muốn ném Giô-na xuống biển, chính vì vậy nên họ mới ráng sức chèo để quay trở ngược vào bờ.
biển càng lúc càng động dữ dội hơn
"cơn bão dữ dội hơn và sóng biển ngày càng lớn”
Jonah 1:14
Chính vì vậy
Cơn bão ngày càng dữ dội đã gây ra phán ứng tiếp theo nầy. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì biển động dữ dội hơn”
họ kêu khóc cùng Đức Giê-hô-va
"những người nầy đã cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va”
xin đừng để chúng tôi phải chết vì cớ mạng sống của người nầy
"Xin đừng giết chúng tôi vì chúng tôi đã bắt người nầy phải chết” hoặc “Chúng tôi sắp khiến người nầy phải chết. Nhưng xin đừng giết chúng tôi”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

và đừng đặt trên chúng tôi tội giết người
"và xin đừng bắt chúng tôi chịu trách nhiệm về cách chết của người" hoặc "xin đừng coi chúng tôi là có tội khi người nầy chết đi". Tác giả đang nói về "tội" như một một vật thể có thể đặt để trên người khác. Cụm từ nầy nói về việc một người phải chịu trách nhiệm về hành động của mình.
biển liền nguôi cơn giận
"biển không động dữ dội nữa" hoặc "biển liền yên lặng" (UDB)
rất kính sợ Đức Giê-hô-va
"trở nên rất kinh hãi năng quyền của Đức Giê-hô-va" (UDB)

Translation Questions

Jonah 1:2
Đức Giê-hô-va đã bảo Giô-na đi đâu và làm gì?
Đức Giê-hô-va truyền bảo Giô-na phải đi đến thành lớn Ni-ni-ve, và kêu la nghịch cùng nó.
Jonah 1:3
Giô-na đã làm gì sau khi nghe lệnh truyền của Đức Giê-hô-va?
Giô-na chổi dậy đặng trốn qua Ta-rê-si, để lánh khỏi mặt Đức Giê-hô-va
Jonah 1:4
Đức Giê-hô-va đã làm gì với chiếc tàu mà Giô-na đã lên?
Đức Giê-hô-va khiến gió lớn thổi trên biển; trên biển có trận bão lớn, chiếc tàu hầu vỡ
Jonah 1:5
Các thủy thủ đã làm gì khi gặp bão?
Những thủy thủ đều sợ hãi, ai nầy kêu cầu thần của mình.
Jonah 1:7
Làm thế nào mà các thủy thủ xác định được ai là nguyên nhân của tai vạ đó, và kết quả là gì?
Các thủy thủ bắt thăm, và thăm trúng nhằm Giô-na.
Jonah 1:10
Giô-na cho biết nguyên nhân nào dẫn đến tai vạ trên họ?
Giô-na bảo họ rằng ông trốn khỏi mặt Đức Giê-hô-va.
Jonah 1:11
Giô-na bảo các thủy thủ làm gì để ngăn cơn bão lại?
Giô-na bảo họ ném ông xuống biển thì biển sẽ yên lặng.
Jonah 1:12
Giô-na bảo các thủy thủ làm gì để ngăn cơn bão lại?
Giô-na bảo họ ném ông xuống biển thì biển sẽ yên lặng.
Jonah 1:14
Hai lời cầu xin mà các thủy thủ nói với Đức Giê-hô-va là gì?
Họ xin Đức Giê-hô-va chớ làm họ chết và chớ khiến máu vô tội đổ lại trên họ vì cớ cái chết của Giô-na.
Jonah 1:15
Khi các thủy thủy quăng Giô-na xuống biển thì điều gì xảy ra?
Khi họ bắt Giô-na, quăng xuống biển, thì sự giận dữ của biển yên lặng.
Jonah 1:17
Điều gì đã xảy ra với Giô-na khi họ quăng ông xuống biển?
Một con cá lớn nuốt Giô-na; Giô-na ở trong bụng cá ba ngày ba đêm

Chapter 2
Jonah 2:1
Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của mình
Cụm từ nầy có nghĩa là "Đức Giê-hô-va, tức là Đức Chúa Trời mà ông thờ phượng". Từ "của mình" không có nghĩa là Giô-na sở hữu Đức Chúa Trời.
Ông nói
"Giô-na nói"
Con kêu cầu Đức Giê-hô-va về cảnh khốn cùng của con
"Con đã cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời về sự khó nhọc rất lớn của mình". Mặc dầu Giô-na đang cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, ông đã sử dụng danh xưng Đức Giê-hô-va, chứ không dừng từ "Ngài". Tham khảo cách dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, con kêu cầu cùng Ngài về cảnh khốn cùng của mình"
Ngài đã trả lời con
"Đức Giê-hô-va đã đáp lời con" hoặc "Ngài đã giúp đỡ con"
từ bụng Âm Phủ
"từ giữa âm phủ" hoặc "từ sâu thẩm nơi Âm Phủ". Có thể hiểu: 1) Giô-na đang nói về việc ông đang ở trong bụng cá voi là ở Âm Phủ hoặc 2) Giô-na tin rằng ông sắp chết và sẽ đi xuống Âm Phủ hoặc 3) ông nói như thể mình đã chết và đã đi đến đó.
Jonah 2:3
Thông tin chung:
Đây là phần tiếp theo trong lời cầu nguyện mà Giô-na đã bắt đầu trong JON 2:2. Trong câu 4, Giô-na nói về điều ông đã cầu nguyện trước lời cầu nguyện nầy.
vào vực sâu, trong lòng biển cả
Cụm từ nầy nói đến tính chất bao la rộng lớn của biển mà Giô-na đang ở trong đó.
trong lòng biển cả
"xuống đáy biển"
các dòng nước vây lấy tôi
"nước biển vây quanh tôi"
những lượn sóng và ba đào
Những sự khuấy động trên mặt biển.
Con bị cuốn đi
Có thể dịch vế nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ngài đã đuổi con" hoặc "Ngài đã xua con đi"
khỏi trước mắt Ngài
"khỏi Ngài". Khi Giô-na nói rằng "mắt Ngài", ông đang nói về Đức Giê-hô-va
Dù vậy, con sẽ lại nhìn về phía đền thánh của Ngài
Giô-na đã hi vọng rằng ông sẽ nhìn thấy đền thánh, mặc cho tất cả những chuyện mà ông đang trải qua.
Jonah 2:5
Thông tin chung:
Đây là phần tiếp theo trong lời cầu nguyện mà Giô-na đã bắt đầu trong JON 2:2.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nước
"Nước” ở đây chỉ về biển
cổ con
Một số bản dịch hiểu từ Hê-bơ-rơ trong cách diễn đạt nầy có nghĩa là “mạng sống con”. Trong cách dịch đó, nước sẽ lấy mạng của Giô-na.
vực sâu ở quanh con
"vực nước sâu đều ở quanh con”
rong rêu
"rong rêu mọc trong biển”
đất đã cài then nó trên con đời đời
Giô-na đã dùng một ẩn dụ để so sánh đất như một nhà tù. Tham khảo cách dịch: “đất như nhà tù sắp sửa bắt nhốt con đến đời đời”
nhưng Ngài đã đem mạng sống con lên khỏi hầm hố
Giô-na nói đến nơi của những kẻ chết như thể nó là một cái hố sâu. Tham khảo cách dịch: “Nhưng Ngài đã cứu mạng sống con khỏi chốn người chết” hoặc ‘Nhưng Ngài đã cứu con khỏi nơi của những người chết”
Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con
Trong một số ngôn ngữ, câu văn nghe sẽ tự nhiên hơn nếu đặt cụm từ nầy ở đầu câu hoặc ngay cạnh từ “Ngài”
Jonah 2:7
Thông tin chung:
Đây là phần tiếp theo trong lời cầu nguyện mà Giô-na đã bắt đầu trong JON 2:2.
Con nhớ đến Đức Giê-hô-va
Bởi vì Giô-na đang cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, nên có lẽ trong một số ngôn ngữ, câu sẽ rõ nghĩa hơn nếu nói: “Lạy Đức Giê-hô-va, con nhớ đến Ngài” hoặc “Con nhớ đến Ngài, thưa Đức Giê-hô-va” (UDB)
và lời cầu nguyện của con thấu đến Ngài, vào tận trong đền thánh Ngài
Giô-na nói như thể những lời cầu nguyện của ông có thể đi đến cùng Đức Chúa Trời và đến trong đền thờ của Ngài. Tham khảo cách dịch: “và Ngài trong đền thánh của mình nghe lời cầu nguyện của con”
Những kẻ chăm về các thần tượng vô ích
"Những kẻ chú ý đến các thần vô ích”
chối bỏ sự thành tín của Ngài đối cùng chúng
"đang chối bỏ Ngài, là Đấng thành tín với chúng”
Jonah 2:9
Thông tin chung:
Đây là phần tiếp theo trong lời cầu nguyện mà Giô-na đã bắt đầu trong JON 2:2.
Nhưng về phần con, con
Cách diễn đạt nầy trong tiếng Anh cho thấy có sự tương phản giữa dân mà Giô-na đang vừa nhắc đến và bản thân ông. Họ chú ý đến các thần tượng vô ích, còn ông thì thờ phượng Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Nhưng con”
Con sẽ dùng tiếng cảm tạ mà dâng tế lễ cho Ngài
Vế nầy có nghĩa là Giô-na sẽ cảm tạ Đức Chúa Trời khi dâng của lễ cho Ngài. Không rõ là Giô-na định ngợi khen Đức Chúa Trời bằng cách hát hay la lớn tiếng.
Sự cứu rỗi đến từ Đức Giê-hô-va
Có thể thay đổi trật tự trong câu để đổi danh từ trừu tượng “sự cứu rỗi” thành động từ “cứu”. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va là Đấng cứu rỗi nhân loại”
trên đất khô
"trên mặt đất” hoặc “trên bờ biển”

Translation Questions

Jonah 2:1
Từ trong bụng cá, Giô-na đã làm gì?
Giô-na kêu cầu Đức Giê-hô-va giúp đỡ.
Jonah 2:2
Từ trong bụng cá, Giô-na đã làm gì?
Giô-na kêu cầu Đức Giê-hô-va giúp đỡ.
Jonah 2:4
Giô-na đã nghĩ rằng ông sẽ không bao giờ lại có thể làm được điều gì?
Giô-na nghĩ rằng ông sẽ không bao giờ có thể nhìn lên đền thánh của Đức Giê-hô-va nữa.
Jonah 2:6
Đức Giê-hô-va đã đem mạng sống của Giô-na lên khỏi đâu?
Đức Giê-hô-va đã đem mạng sống ông lên khỏi hầm hố.
Jonah 2:8
Điều gì xảy ra với những người cầu vấn những thần giả dối?
Những người chăm những thần giả dối từ bỏ sự thành tín của Đức Giê-hô-va dành cho họ.
Jonah 2:9
Từ trong bụng cá, Giô-na đã hứa gì?
Giô-na hứa sẽ trả sự hứa nguyện.
Giô-na nói rằng sự cứu rỗi đến từ đâu?
Giô-na nói rằng sự cứu rỗi đến từ Đức Giê-hô-va.
Jonah 2:10
Đức Giê-hô-va khiến con cá làm gì?
Đức Giê-hô-va khiến con cá phải mửa Giô-na ra trên đất khô.

Chapter 3

Jonah 3:1
Lời của Đức Giê-hô-va đến
Đây là cách diễn đạt với ý nghĩa là Đức GIê-hô-va phán. "Đức Giê-hô-va phán truyền sứ điệp của Ngài." Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [JON 1:1]
lời của Đức Giê-hô-va
Ở đây, “lời” tượng trưng cho sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “sứ điệp của Đức Giê-hô-va”
Hãy dậy, đi đến thành lớn Ni-ni-ve
"Hãy đi đến thành lớn Ni-ni-ve”
Hãy dậy
Cụm từ nầy chỉ về việc rời khỏi nơi người đó đang ở.
rao cho nó sứ điệp mà Ta đã lệnh cho con phải truyền cho họ
"cho dân thành đó biết những điều Ta đã phán dạy con”
Vậy, Giô-na đứng dậy mà đi đến Ni-ni-ve, vâng theo lời của Đức Giê-hô-va
"Lúc bấy giờ, Giô-na vâng lời Đức Giê-hô-va mà đi đến Ni-ni-ve”
Vậy, Giô-na đứng dậy
"Vậy, Giô-na rời khỏi bãi biển”. “đứng dậy” chỉ về việc rời khỏi nơi mà Giô-na đang ở lúc đó.
Bây giờ
Ở đây, từ nầy được dùng để thay đổi từ diễn biến câu chuyện sang phần thông tin về Ni-ni-ve.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

một trong chuyến hành trình ba ngày
"một thành trong chuyến hành trình ba ngày". Một người phải mất ba ngày mới đi hết thành đó.
Jonah 3:4
hết một ngày đường, ông la lớn
Có thể hiểu: 1) "sau khi Giô-na đi hết một ngày đường, ông kêu lớn tiếng" hoặc 2) “trong ngày thứ nhất, ông vừa đi vừa la lớn”
sau một ngày đường
"đi hết một ngày". Một ngày đi đường là khoảng cách mà một người thường đi được trong một ngày. Tham khảo cách dịch: “sai khi Giô-na đã đi được một ngày”
ông la lớn tiếng rằng
"ông rao giảng" hoặc “ông la lớn”
bốn mươi ngày
"40 ngày”
Họ đều mặc áo sô tang
Có thể nói rõ hơn lí do tại sao người ta lại mặc áo sô tang. Tham khảo cách dịch: “Họ cũng mặc áo sô để bày tỏ sự hối tiếc vì đã phạm tội”
từ những người lớn nhất cho đến những kẻ nhỏ nhất
"từ người quyền thế nhất cho đến người thấp hèn nhất” hoặc “cả người quyền thế lẫn thấp hèn” (UDB)
Jonah 3:6
tin ấy
"Sứ điệp của Giô-na”
Vua đứng dậy khỏi ngai
"Vua đứng dậy khỏi ngai” hoặc “Vua đứng lên khỏi ngai”. Vị vua rời khỏi ngại của mình để cho thấy rằng ông đang hành động cách hạ mình.
ngai
Ngai là ghế mà vua ngồi trên đó. Nó chứng tỏ người ấy chính là vua.
Vua truyền lệnh rằng
"Vua truyền sắc lệnh rằng” hoặc “Vua sai người đi thông báo cho dân Ni-ni-ve”
quan đại thần
"người cố vấn" (UDB). Đây là những nhân vật quan trọng phụ giúp vua cai trị thành.
súc vật hay bầy chiên
Cụm từ nầy chỉ về hai loại động vật mà người ta chăm sóc. Tham khảo cách dịch: “gia súc hoặc chiên”
Không được cho chúng ăn, hoặc uống nước
"Chúng không được ăn hoặc uống bất cứ thứ gì.”. Có thể làm rõ những lí do tại sao chúng không ăn hoặc uống bất cứ thứ gì bằng cách thêm vào vế “để tỏ ra rằng mình hối tiếc vì những tội lỗi của mình”.
Jonah 3:8
Thông tin chung:
Phần tiếp nối những lời vua truyền cùng dân chúng Ni-ni-ve.
Nhưng cả
"Cả”
cả người và súc vật đều phải quấn vải sô
Có thể dịch vế nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “cả người và súc vật đều phải mặc vải sô” hoặc “dân sự phải lấy vải sô để trùm mình và trùm súc vật của họ lại”
súc vật
Từ "súc vật chỉ về những gia súc mà người đó có
kêu khóc lớn tiếng cùng Đức Chúa Trời
"cầu nguyện thành khẩn cùng Đức Chúa Trời”. Có thể nói rõ nội dung lời cầu nguyện của họ. Tham khảo cách dịch: “kêu khóc lớn tiếng để xin Đức Chúa Trời thương xót”
những việc làm hung dữ của tay mình
Vế nầy có nghĩa là "những điều hung bạo mà mình đã làm”
Ai mà biết được?
Vua dùng câu hỏi tu từ nầy để khiến dân sự nghĩ đến những điều mà họ cho rằng bất khả thi; rằng nếu họ không phạm tội nữa thì Đức Chúa Trời sẽ không giết họ. Có thể dịch câu nầy thành câu khẳng định: “Chúng ta không biết được.”. Hoặc có thể dịch thành một từ hoặc một phần của câu tiếp theo: “Có lẽ”
Đức Chúa Trời sẽ mủi lòng mà thay đổi ý định
"Đức Chúa Trời quyết định làm điều gì đó khác” hoặc “Đức Chúa Trời sẽ không thực hiện những việc mà Ngài đã phán là Ngài sẽ làm”
chúng không bị hủy diệt
"chúng ta không chết”. Ở đây, bị hủy diệt tương đương với việc bị chìm dưới biển.
Jonah 3:10
Đức Chúa Trời thấy những việc họ đã làm
"Đức Chúa Trời hiểu rằng họ đã ngưng không làm những việc gian ác nữa’
họ đã từ bỏ đường lối gian ác của mình
Tác giả nói về việc dân Ni-ni-ve không phạm tội nữa như thể họ đã xây lưng khỏi một vật nào đó.
Đức Chúa Trời đã thay đổi ý định về hình phạt mà Ngài đã phán sẽ giáng trên họ
"Đức Chúa Trời đã thay đổi ý định của mình về hình phạt mà Ngài đã phán sẽ giáng trên họ” hoặc “Đức Chúa Trời quyết định không trừng phạt họ như Ngài đã phán nữa”
và Ngài đã không làm điều đó
Có thể làm rõ những điều Đức Chúa Trời định sẽ làm. Tham khảo cách dịch: “và Ngài đã không trừng phạt họ” hoặc “và Ngài đã không hủy diệt họ”

Translation Questions

Jonah 3:1
Mệnh lệnh Đức Giê-hô-va truyền cho Giô-na lần thứ hai là gì?
Đức Giê-hô-va bảo Giô-na phải đến thành Ni-ni-ve và công bố sứ điệp của Đức Giê-hô-va.
Jonah 3:2
Mệnh lệnh Đức Giê-hô-va truyền cho Giô-na lần thứ hai là gì?
Đức Giê-hô-va bảo Giô-na phải đến thành Ni-ni-ve và công bố sứ điệp của Đức Giê-hô-va.
Jonah 3:3
Lần này Giô-na đáp ứng thế nào với mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va?
Giô-na vâng phục và đi đến Ni-ni-ve.
Jonah 3:4
Giô-na công bố sứ điệp gì tại Ni-ni-ve?
Giô-na công bố rằng còn bốn mươi ngày nữa Ni-ni-ve sẽ bị đổ xuống.
Jonah 3:8
Dân thành Ni-ni-ve đáp ứng thế nào về sứ điệp của Đức Giê-hô-va mà Giô-na đã rao giảng?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân thành Ni-ni-ve sợ hãi và quấn bao gao, từ bỏ đường xấu và kêu cầu Đức Chúa Trời.
Jonah 3:9
Vua Ni-ni-ve vẫn hy vọng gì cho người dân và thành phố?
Vua Ni-ni-ve vẫn hy vọng rằng Đức Chúa Trời có thể bớt nghiêm khắc và từ bỏ cơn nóng giận của Ngài.
Jonah 3:10
Đức Chúa Trời đáp lại sự ăn năn của dân Ni-ni-ve thế nào?
Đức Chúa Trời đổi ý về sự trừng phạt mà Ngài đã phán sẽ làm cho họ, và Ngài không làm sự đó.

Chapter 4
Jonah 4:1
Ôi, lạy Đức Giê-hô-va
Từ "Ôi" thể hiện tâm trạng thất vọng của Giô-na.
chẳng phải đây là điều mà con đã thưa khi con ở trong xứ của con sao?
Giô-na dùng câu hỏi nầy để cho Đức Chúa Trời thấy ông đang tức giận như thế nào. Bạn cũng có thể nói rõ những điều Giô-na đã nói khi ông còn ở trong xứ của mình. Tham khảo cách dịch: “Khi con còn ở trong xứ của mình, con đã biết rằng nếu như con cảnh báo dân Ni-ni-ve thì họ sẽ ăn năn và Ngài sẽ không hủy diệt họ”
Con đã cố trốn qua Ta-rê-si
Có thể hiểu: 1) "Con đã cố gắng ngăn chặn việc nầy bằng cách trốn qua Ta-rê-si” hoặc 2) “Con nhanh chóng tìm cách trốn qua Ta-rê-si” hoặc 3) “Con đã làm mọi việc có thể để trốn qua Ta-rê-si”
rất thành tín
"rất thành tín” hoặc “Ngài rất yêu dân mình” (UDB)
Ngài đã đổi ý không giáng tai họa nữa
Vế nầy có nghĩa là "Ngài phán rằng Ngài sẽ giáng tai họa trên tội nhân, nhưng rồi lại không làm như vậy”. Tham khảo cách dịch: “Ngài quyết định không trừng phạt những kẻ phạm tội”
cất lấy mạng sống con
Có thể nói rõ lí do Giô-na muốn chết. Tham khảo cách dịch: “bởi vì Ngài sẽ không hủy diệt Ni-ni-ve như lời Ngài đã phán, thì xin hãy để cho con chết đi”
vì về phần con, sống còn hơn chết
"Con muốn chết hơn là sống” hoặc “vì con muốn chết, chứ không muốn sống nữa”
Jonah 4:4
Con giận vậy có đúng không?
Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ nầy để quở trách Giô-na vì đã tức giận về điều mà lẽ ra ông không nên tức giận như vậy. Tham khảo cách dịch: “Sự tức giận của con thật không đúng.”
ra khỏi thành
"rời khỏi thành Ni-ni-ve”
thành ấy sẽ ra sao
"điều sẽ xảy đến cho thành ấy” (UDB). Giô-na muốn xem xem liệu Đức Chúa Trời có hủy diệt thành ấy hay là không.
Jonah 4:6
phía trên chỗ Giô-na để phủ bóng che trên đầu ông
"phía trên đầu Giô-na để che mát”
để khiến ông hết khó chịu
"để bảo vệ Giô-na khỏi sức nóng của mặt trời”
Nhưng Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một con sâu
"Đức Chúa Trời sai một con sâu” (UDB)
Nó cắn dây ấy
"Con sâu cắn dây ấy”
cây đó héo đi
Cây đó trở nên khô héo và chết đi. Tham khảo cách dịch: “cây đó chết đi”
Jonah 4:8
Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một cơn gió đông oai bức
Đức Chúa Trời khiến một cơn gió nóng thổi từ phương đôn đến thổi vào Giô-na. Nếu gió chỉ có thể lạnh hoặc mát thì bạn có thể thử cách nầy. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời khiến hơi nóng từ phương đông thổi đến Giô-na”
mặt trời giọt xuống
"mặt trời rất oai bức”
trên đầu Giô-na
Có thể Giô-na thấy nóng nhất là trên đầu mình. Tham khảo cách dịch: “trên Giô-na”
ông ngất đi
"ông yếu sức đi” hoặc “ông mất hết sức”
Về phần con, chết còn hơn sống
"Con thà chết hơn là sống” hoặc “Bởi vì còn chỉ muốn chết, chứ không muốn sống”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong JON 4:3.
Con nổi giận vì cớ dây nầy có đúng không?
Đức Chúa Trời đặt vấn đề với Giô-na vì ông nổi giận vì cái cây đã chết, nhưng ông lại muốn Đức Chúa Trời giết dân Ni-ni-ve. Tham khảo cách dịch: “Cơn giận của con về cái cây đã chết thật chẳng đúng"
Con nổi giận như thế vì cớ dây leo nầy có đúng không?
có thể nếu rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “Con phải quan tâm đến những người Ni-ni-ve đang chết dần hơn là cái cây đã khô héo kia”
Con giận là đúng lắm, giận đến nỗi muốn chết
"Con giận là phải lắm. Hiện con giận đến nỗi muốn chết! (UDB)
Jonah 4:10
Đức Giê-hô-va phán
"Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-na”
Ta lại chẳng thương xót Ni-ni-ve, là thành lớn.... súc vật sao?
Đức Chúa Trời dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh ý Ngài muốn nói rằng Ngài phải thương xót Ni-ni-ve. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn ta phải thương xót Ni-ni-ve, là thành có thế lực... súc vật”
trong đó có hơn
Cụm nầy cũng có thể là phần bắt đầu của một câu mới. Tham khảo cách dịch: “Có hơn” hoặc “Nó có hơn”
một trăm hai mươi nghìn người
120.000 người
là những kẻ không phân biệt được tay trái và tay phải
Đây là một cách để nói rằng: “họ không thể phân biệt được đúng sai”
cùng với nhiều súc vật
Tác giả đang chỉ ra sự ăn năn sâu sắc của dân Ni-ni-ve tới độ Đức Giê-hô-va phải ghi nhận cả sự tham dự của các con vật trong hành động ăn năn đó.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Jonah 4:1

Điều gì dường như cực kỳ tồi tệ với Giô-na?

Giô-na rất không đẹp lòng và giận dữ vì Đức Giê-hô-va đã đổi ý và không trừng phạt dân Ni-ni-ve.

Jonah 4:2

Tại sao Giô-na nói rằng ông lật đật trốn qua Ta-rê-si?

Giô-na nói là ông biết rằng Đức Giê-hô-va nhơn từ, thương xót, chậm giận, giàu ơn, và đổi ý không xuống tai vạ.

Jonah 4:3

Giô-na xin Đức Giê-hô-va làm gì trên ông?

Giô-na muốn Đức Giê-hô-va cất lấy sự sống mình.

Jonah 4:4

Đức Giê-hô-va hỏi Giô-na về điều gì?

Đức Giê-hô-va hỏi Giô-na rằng liệu việc ông giận có tốt không.

Jonah 4:5

Tại sao Giô-na ra khỏi thành Ni-ni-ve và ngồi xuống?

Giô-na muốn xem điều gì sẽ xảy đến cho thành ấy.

Jonah 4:6

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Giô-na khi ông ngồi bên ngoài thành?

Trước tiên, Đức Giê-hô-va chuẩn bị một dây dưa cao lên bên trên Giô-na đặng phủ bóng cho ông, qua hôm sau Ngài khiến một con sâu đến chích cho dây ấy héo, và rồi Ngài sắm một cơn gió cháy thổi từ phương đông khiến cho Giô-na ngất đi.

Jonah 4:7

Đức Giê-hô-va đã làm gì cho Giô-na khi ông ngồi bên ngoài thành?

Trước tiên, Đức Giê-hô-va chuẩn bị một dây dưa cao lên bên trên Giô-na đặng phủ bóng cho ông, qua hôm sau Ngài khiến một con sâu đến chích cho dây ấy héo, và rồi Ngài sắm một cơn gió cháy thổi từ phương đông khiến cho Giô-na ngất đi.

Jonah 4:9

Đức Giê-hô-va đã hỏi Giô-na về điều gì?

Đức Giê-hô-va hỏi Giô-na rằng việc ông giận vì cớ dây ấy có nên không.

Jonah 4:10

Giô-na cảm thấy thế nào về dây dưa phủ bóng mát?

Giô-na tiếc về dây đó.

Jonah 4:11

Đức Giê-hô-va thương xót về điều gì?

Đức Giê-hô-va tỏ lòng thương xót dân Ni-ni-ve và bầy gia súc trong thành đó.

Chapter 1

Micah 1:1

lời của Đức Giê-hô-va đến

"lời mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã phán”

Đức Giê-hô-va

Đây là danh của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra cho dân sự của Ngài trong thời Cựu Ước. Xem lại các bản dịch văn bản về Đức Giê-hô-va có liên quan đến cách dịch này.

người Mô-rê-sết

Cụm từ này có nghĩa là ông đến từ Mô-rê-sết, là một thành ở Giu-đa.

trong thời các vua của Giu-đa là Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia

"khi Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia làm vua Giu-đa”

lời mà ông đã thấy về Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem

Tham khảo cách dịch: “khải tượng mà ông đã thấy về dân tại Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem”

Micah 1:2

Thông tin chung:

Mi-chê 1:2-7 nói về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên Sa-ma-ri.

Hỡi tất cả các dân, hãy nghe! Hỡi đất và mọi vật trên đất

Câu nầy bắt đầu cho lời tiên tri của Mi-chê. Cả hai cầu nầy đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng mọi người trên đất phải lắng nghe. Mi-chê nói như thể tất cả mọi dân trên đất đều có mặt tại đó để nghe ông nói. (Xem: và)

Ngài sẽ Ngự xuống và đạp trên các nơi cao của đất

Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ phá hủy sạch các nơi cao trên đất như thể Ngài lấy chân chà đạp chúng”

Các núi sẽ tan chảy dưới Ngài; các thung lũng sẽ nứt ra như sáp ở trước lửa, như nước chảy xuống dốc

Vế nầy có nghĩa là khi Đức Chúa Trời đến để hủy diệt các đền thờ tà thần thì không gì có thể ngăn cản Ngài.

Micah 1:5

Tất cả điều đó là do sự nổi loạn của Gia-cốp và vì tội lỗi của nhà Y-sơ-ra-ên

Tất cả những cụm từ nầy về cơ bản đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va làm như vậy là vì cớ tội lỗi của các vương quốc phía bắc và phía nam.

Tất cả điều đó là

"Chúa sẽ đến và xét đoán”

Ai đã gây nên sự nổi loạn của Gia-cốp? Chẳng phải là Sa-ma-ri sao?

Ở đây, “Gia-cốp” là chỉ về vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Mi-chê dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng dân Sa-ma-ri chính là nguyên nhân khiến Đức Chúa Trời sẽ đến mà xét đoán vương quốc Y-sơ-ra-ên.

Đâu là nguyên nhân cho các nơi cao của Giu-đa? Chẳng phải Giê-ru-sa-lem sao?

Mi-chê dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng dân Giê-ru-sa-lem chính là nguyên nhân Đức Chúa Trời đến để xét đoán vương quốc Giu-đa.

Micah 1:6

Ta sẽ khiến

Ở đây, từ “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

sẽ bị nghiền nát thành từng mảnh… sẽ bị thiêu rụi

"Ta sẽ nghiền thành từng mảnh…. Ta sẽ thiêu rụi”

Ta sẽ kéo đổ các tảng đá xây thành của nó

Ở đây, từ “nó” chỉ về thành Sa-ma-ri.

Vì nó đã thu góp những thứ đó từ của lễ của gái mại dâm, thì chúng sẽ bị thành ra tiền công cho gái mại dâm khác

Thường thì việc thờ phượng các thần tượng đó sẽ bao gồm cả việc ăn nằm với gái mại dâm trong đền thờ tà thần đó.

Micah 1:8

Thông tin chung:

Mi-chê 1:8-16 nói về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên Giu-đa.

Tôi sẽ than khóc

Ở đây, từ “tôi” chỉ về Mi-chê.

Tôi sẽ đi chân đất và trần truồng

Đây là dấu hiệu chỉ về sự than khóc và đau đớn tột cùng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trần truồng

Mi-chê không hoàn toàn trần truồng, ông có quấn khố

Tôi sẽ rên rỉ như chó rừng và khóc than như chim cú

Đây là những loài vật được đến vì tiếng kêu khóc lớn và chói tai của chúng. Và người ta thường thấy chúng ở những chỗ đất hoang tàn. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi nên khóc lóc và rên rỉ như những loài thú lúc ban đêm”

Vì vết thương của nó không thể chữa được

Ở đây, từ “nó” chỉ về thành Sa-ma-ri. Vế nầy có nghĩa không gì có thể cản được quân đội kẻ thù hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên.

vì nó đã lan đến Giu-đa

Ở đây, “nó” chỉ về “vết thương”, nghĩa là đội quân mà Đức Chúa Trời sẽ dùng để trừng phạt Sa-ma-ri.

Bết Lê-áp-ra

Nếu muốn, bạn có thể thêm phần ghi chú với nội dung: "Tên của thành nầy có nghĩa là “nhà bụi”

Ta lăn lóc trong bụi đất

Dân chịu hình phạt của Đức Chúa Trời sẽ thể hiện nỗi đau buồn của mình một cách mãnh liệt.

Micah 1:11

Thông tin chung:

Về ý nghĩa của các tên gọi của các làng mạc và thành trì, thì bạn có thể thêm vào ở phần ghi chú chân.

Sa-phi-rơ

Tên gọi của thành nầy nghe có vẻ giống như một từ có nghĩa là “đẹp dẽ”. Nó trái ngược với “sự trần truồng và xấu hổ”

ở trần truồng và xấu hổ

Quân đội thù địch thường sẽ bắt tù binh của mình trần truồng mà đi bộ. và đó là một nỗi xấu hổ khi ở vị trị là dân bại trận.

Xa-a-nan

Tên gọi của thành nầy có nghĩa là “đi ra”. Họ quá sợ hãi để có thể đi ra và viện trợ.

Bết Ê-xên

Tên gọi của thành nầy có nghĩa là "nhà bị cất đi”

vì họ đã mấy đi chỗ nương tựa

Tham khảo cách dịch: “vì Ta đã lấy đi mọi thứ có thể bảo vệ chúng”

Ma-rốt

Tên gọi của thành nầy có nghĩa là “sự cay đắng”.

vì tai vạ từ Đức Giê-hô-va giáng xuống

"tai vạ” là một quan trọng mà Mi-chê sẽ lặp đi lặp lại.

Micah 1:13

La-kích

Đây là cách chơi chữ, vì La-kích đọc gần giống với từ “xe ngựa” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Dân đó đang thắng ngựa chạy trốn, chứ không đánh trận. Ở Giu-đa, La-kích là thành quan trọng thứ hai sau Giê-ru-sa-lem.

con gái Si-ôn

“Con gái” của một thành có nghĩa là chính dân của thành đó. Cách dịch khác: “dân Si-ôn” hoặc “những người sống tại Si-ôn”

vì tội ác của Y-sơ-ra-ên đã được tìm thấy trong ngươi

Tham khảo cách dịch: “vì người đã bất tuân giống như dân Y-sơ-ra-ên đã làm”

Mô-rê-sết Gát

Bạn có thể thêm phần ghi chú với nội dung: "Tên gọi “Mô-rê-sết Gát có nghĩa là “rời đi” và đọc giống với từ “vợ sắp cưới”. Giống như thể Mô-rê-sết là cô dâu mà A-sy-si đã cướp đi và “quà tiễn biệt” là của hồi môn. Mô-rê-sết Gát là làng quê nhà của Mi-chê”

Ạc-xíp

Bạn có thể thêm phần ghi chú với nội dung: "Tên gọi của thành nầy nghe gần giống với từ chỉ “điều giả dối” trong tiếng Hê-bơ-rơ.

Micah 1:15

Ta lại sẽ đem

Ở đây, từ “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

Ma-rê-sa

Nếu muốn, bạn có thể thêm phần ghi chú với nội dung: "Tên gọi của ngôi làng nầy là một cách chơi chữ, vì theo tiếng Hê-bơ-rơ từ nầy có nghĩa là “kẻ chinh phục”. Từ nầy được sử dụng khi Y-sơ-ra-ên chinh phục Ca-na-an, và bây giờ Y-sơ-ra-ên sẽ bị đánh bại. Làng nầy gần với làng quê của Mi-chê ở Mô-rê-sết Gát.

A-đu-lam

Chỉ về một thành phố của người Phi-li-tin.

Hãy cạo đầu và cắt tóc của ngươi

Cạo đầu là một biểu tượng cho sự than khóc của Y-sơ-ra-ên.

Translation Questions

Micah 1:1

Các vua Giu-đa là ai khi có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Mi-chê?

Giô-tham, A-cha, và Ê-xê-chia là các vua của Giu-đa khi có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Mi-chê.

Micah 1:3

Đức Giê-hô-va sẽ xuống và đạp trên nơi đâu?

Đức Giê-hô-va sẽ xuống và đạp trên các miếu thờ tà thần trên đất.

Micah 1:5

Tại sao Đức Giê-hô-va phán xét?

Đức Giê-hô-va sẽ phán xét vì cớ sự phạm pháp của Gia-cốp và vì cớ tội lỗi của nhà Y-sơ-ra-ên.

Micah 1:7

Sa-ma-ri thu gom các tượng chạm, của hối lộ, và thần tượng như thế nào?

Sa-ma-ri thu gom các tượng chạm, của hối lộ, và thần tự từ tiền công của nghề điếm đĩ.

Micah 1:8

Mi-chê thể hiện sự đau buồn của ông về tội lỗi của Y-sơ-ra-ên và Gia-cốp thế nào?

Mi-chê khóc lóc và thở than, cởi áo và đi trần truồng.

Micah 1:11

Tại sao người Bết-Hê-xen khóc than?

Người Bết-Hê-xen khóc than, vì sự bảo vệ của họ đã bị cất đi mất.

Micah 1:13

Thành phố nào bắt đầu làm cho con gái Si-ôn phạm tội?

La-ki là nơi bắt đầu làm cho con gái Si-ôn phạm tội.

Micah 1:16

Tại sao người Y-sơ-ra-ên nên cạo đầu?

Họ nên cạo đầu, vì con cái họ sẽ bị bắt làm phu tù khỏi họ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 2

Micah 2:1

Thông tin chung:

Ở đây, trong Mi-chê 2:1-11, trọng tâm được nói đến được chuyển từ những thành bị đoán phạt sang những người lãnh đạo trong Y-sơ-ra-ên, là những người bóc lộc những người nghèo và không hề vâng theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời.

Micah 2:3

gia tộc nầy

Từ “gia tộc” chỉ về cả cộng đồng Y-sơ-ra-ên, nơi người giàu áp bức những người nghèo. Tội lỗi của những người lãnh đạo đang quay trở lại trên toàn dân.

mà các ngươi không thể cởi nó khỏi cổ mình

Đức Giê-hô-va muốn nói rằng sự đoán phạt của Ngài giống như một cái ách vòng quanh cổ họ. Đó là điều sẽ đem sự kiêu ngạo của những kẻ giàu có xuống thấp.

than khóc

"chúng sẽ kêu khóc lớn tiếng”

Sao Ngài cất nó khỏi tôi?

Kẻ thù dùng câu hỏi nầy trong bài hát của mình để thể hiện sự kinh ngạc của những nhà lãnh đạo giàu có trong Y-sơ-ra-ên vì Đức Chúa Trời đã lấy đất của họ mà ban nó cho một người khác, giống y như cách họ đã cướp đất đó từ những người nghèo. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã cất nó khỏi tôi!”

Vì vậy, những kẻ giàu có các ngươi sẽ không có con cháu để bắt thăm chia đất trong hội của Đức Giê-hô-va

Những kẻ cướp đất đai từ những người nghèo khó sẽ không nhận được cơ nghiệp mà họ đã không cho những người khác.

Micah 2:6

Thông tin chung:

Mi-chê 2:6-11 chỉ ra những tiên tri giảng dạy sai trật, là những người chối bỏ Mi-chê, và những cách lạm dục quyền lực khác nữa của những kẻ giàu có.

chúng nói

"dân Y-sơ-ra-ên nói”

Chúng không nên nói tiên tri

"Các tiên tri đó không được nói tiên tri”

Lẽ nào Thần của Đức Giê-hô-va lại nổi giận sao? Lẽ nào Ngài lại làm những điều đó sao?

Dân sự dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng họ đã hiểu sai và không tin rằng Đức Chúa Trời thực sự sẽ trừng phạt mình. s

Lẽ nào lời Ta không đem ích lợi gì cho những kẻ bước đi ngay thẳng sao?

Mi-chê dùng một câu hỏi để dạy dỗ dân sự. Tham khảo cách dịch: “Sứ điệp của Ta đem ích lợi cho những người quan tâm đến việc làm những điều phải lẽ”

dân Ta

Ở đây, từ “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

Các ngươi lột áo choàng, áo dài của những người ung dung đi ngang qua

Có thể hiểu: 1) Mi-chê muốn nói rằng những kẻ giàu có gian ác thực sự đã cướp lấy áo choàng từ những người nghèo, nhưng có vẻ không chắc chắn. Hoặc 2) Mi-chê đang nói đến những người chủ nợ giữ lại áo choàng của những người nghèo khó đến để mượn tiền và lấy áo choàng đó để làm đồ cầm cố nhằm bảo đảm rằng người mượn sẽ hoàn trả lại số tiền. Theo như luật pháp trong Xuất, họ sẽ phải trả lại áo choàng đó trước khi trời tối bởi vì có thể áo đó là vật duy nhất mà người nghèo đó có để giữ ấm lúc ban đêm.

Micah 2:9

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người giàu gian ác trong Y-sơ-ra-ên.

các ngươi đã cướp lấy phước lành Ta khỏi con trẻ họ đời đời

Nhìn chung, câu này nói đến những phước lành mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân Ngài. Nó có thể chỉ về 1) vai trò làm chủ đất trong Y-sơ-ra-ên, 2) một tương lai đầy hứa hẹn hoặc 3) cho con cái cái của những người nông dân đã làm việc cực nhọc để thiết lập đất nước.

nó bị tàn phá hoàn toàn

Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ hủy diệt nó hoàn toàn”

kẻ ấy sẽ được xem là

Tham khảo cách dịch: “các ngươi sẽ xem kẻ ấy”

Micah 2:12

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va nói tiếp. Ở cuối chương, Đức Giê-hô-va tỏ chính mình Ngài là một người chăn chiên bảo vệ dân của mình. Ngài đặc biệt nói đến những người ở Y-sơ-ra-ên, tức là những người đã trở về từ A-sy-ri.

Người mở đường.... Đức Chúa Trời sẽ ở trước mặt họ

Đây là hình ảnh về một Vị Vua sẽ dẫn dắt dân sự của mình ra khỏi một thành đã bị rào chung quanh.

Translation Questions

Micah 2:1

#Người ta mưu toan làm gian ác ở đâu?

Họ mưu toan làm gian ác trên giường mình.

Micah 2:4

Tại sao người giàu sẽ không có con cháu để được chia lãnh thổ?

Đức Giê-hô-va sẽ thay đổi lãnh thổ của họ và dời khỏi họ. Vì vậy người giàu sẽ không có con cháu để phân chia lãnh thổ.

Micah 2:5

Tại sao người giàu sẽ không có con cháu để được chia lãnh thổ?

Đức Giê-hô-va sẽ thay đổi lãnh thổ của họ và dời khỏi họ. Vì vậy người giàu sẽ không có con cháu để phân chia lãnh thổ.

Micah 2:8

Dân sự của Đức Giê-hô-va sẽ lột áo dài của ai?

Họ lột áo dài của những kẻ đi qua cách yên ổn, chẳng ưa chiến đấu.

Micah 2:10

Tại sao dân sự của Đức Giê-hô-va nên đứng dậy và rời đi?

Họ nên đứng dậy và rời đi vì đây không phải là nơi ở của họ, vì cớ sự ô uế tại nơi đó.

Micah 2:12

Ai sẽ thâu góp phần còn lại của Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va sẽ thâu góp phần còn lại của Y-sơ-ra-ên

Chapter 3

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Micah 3:1

Thông tin chung:

Chương 3 tập trung vào những người lãnh đạo bại hoại của Y-sơ-ra-ên.

Tôi nói

Ở đây, từ “tôi” chỉ về Mi-chê.

Chẳng lẽ các ông không hiểu biết công lý sao?

Mi-chê dùng một câu hỏi để quở trách các nhà lãnh đạo bởi vì họ đã không bảo vệ dân sự hoặc đối xử công bằng với dân sự của mình.

các ngươi lột da họ, lóc thịt họ khỏi xương của họ… giống như thịt trong chảo

Mi-chê dùng hình ảnh khủng khiếp về một người hàng thịt xẻ thịt con vật để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời thất vọng và buồn ra sao về những nhà lãnh đạo nầy bởi vì sự tàn ác của họ với những người mà đáng lẽ ra họ phải bảo vệ.

Micah 3:4

Thông tin chung:

Mi-chê tiếp tục nói.

kêu khóc cùng Đức Giê-hô-va

"kêu cầu Đức Giê-hô-va cứu giúp”

Ngài sẽ giấu mặt khỏi họ

Vế nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ không nghe lời kêu khóc của họ. Họ đã không nghe lời kêu khóc của những người nghèo, vậy nên họ sẽ bị Đức Chúa Trời đối xử y như vậy.

Micah 3:5

Thông tin chung:

Mi-chê tiếp tục nói về hình phạt cho các tiên tri giả.

ban đêm sẽ ở trên các ngươi… ngày sẽ thành ra tối tăm trên họ

Đức Giê-hô-va đang phán trong 3:6 những người tiên tri giả sẽ không nhận được sứ điệp từ Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên nữa. Đôi khi, các đấng tiên tri nhận được sứ điệp từ Đức Chúa Trời qua các khải tượng hoặc các giấc chiêm bao vào ban đêm.

Những kẻ tiên kiến sẽ phải xấu hổ, và những kẻ tiên đoán sẽ bị hổ thẹn

"Ta sẽ khiến kẻ tiên kiến bị xấu hổ, và làm những kẻ tiên đoán bị rối trí”

Tất cả đều che miệng mình lại

"Chúng sẽ không nói nữa” `

vì chẳng có sự đáp lời nào từ Ta

Vế nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ yên lặng, và ấy là một phần trong hình phạt của họ.

Micah 3:8

Nhưng về phần tôi

Từ “tôi” ở đây chỉ về Mi-chê, là tiên tri thật, biệt mình riêng ra khỏi các tiên tri giả kia.

tôi được đầy dẫy năng quyền của Thần Đức Giê-hô-va, và đầy dẫy sự công bình và sức mạnh

Thần Đức Giê-hô-va đã quyết định ban cho Mi-chê năng quyền, sự công chính và sức mạnh theo một cách đặc biệt, mạnh mẽ. Tham khảo cách dịch: "Thần Đức Giê-hô-va đã đổ đầy năng quyền, sự công chính và sức mạnh trong tôi” hoặc “Thần Đức Giê-hô-va đã ban cho tôi năng quyền, sự công bình và sức mạnh”

để công bố cho Gia-cốp biết sự phản nghịch của nó, và cho Y-sơ-ra-ên biết tội lỗi nó

Cả hai cụm nầy đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng cả dân sự ở vương quốc phía bắc và phía nam đều phạm tội.

Micah 3:9

Các ngươi lấy máu xây thành Si-ôn và lấy gian ác mà xây thành Giê-ru-sa-lem

Những người giàu có thường xây dựng cho mình những ngôi nhà khang trang đẹp đẽ bằng phí tổn và sự ngược đãi những người nghèo.

máu

Ở đây, “máu” chỉ về sự giết người. (Xem:)

Chẳng phải Đức Giê-hô-va đang ở với chúng ta sao? Tai họa sẽ chẳng đến trên chúng ta đâu!

Mi-chê trích dẫn lời của những lãnh đạo của hiểu sai rằng Đức Giê-hô-va sẽ không trừng phạt họ vì những việc làm tội lỗi của họ. Từ Hê-bơ-rơ dùng cho từ “tai họa” ở đây cũng là từ “tai vạ” trong in 2:3, là một từ khóa của sách.

Micah 3:12

vì các ngươi

Ở đây, “các ngươi” chỉ về các thầy tế lễ, các đấng tiên tri, và những nhà lãnh đạo ở các câu trước.

Si-ôn sẽ bị cày như ruộng; Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành đống đổ nát, và núi của đền thờ sẽ trở nên như đồi cây rậm rạp!

Mi-chê muốn nói rằng Giê-ru-sa-lem sẽ bị phá hủy hoàn toàn. Một thành phố lớn với nhiều dân sinh sống ở đó sẽ bị bỏ hoang và phát triển như một đồng ruộng hoặc một khu rừng.

Si-ôn sẽ bị cày như ruộng

Sau khi bị phá hủy, người ta có thể cày ruộng trên Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “Dân khác sẽ cày trên Si-ôn như ruộng”

và núi của đền thờ sẽ trở nên như đồi cây rậm rạp!

Kể cả khu vực đền thờ cũng sẽ không bị bỏ qua. Các nhà lãnh đạo đã làm hư hoại nó, và nó cũng bị phá hủy luôn.

Translation Questions

Micah 3:3

Ai ăn thịt dân sự của Đức Giê-hô-va?

Những người cai trị của Gia-cốp ăn thịt dân sự của Đức Giê-hô-va.

Micah 3:4

Tại sao Đức Giê-hô-va sẽ giấu mặt khỏi những nhà lãnh đạo của Gia-cốp?

Đức Giê-hô-va sẽ giấu mặt khỏi các lãnh đạo của Gia-cốp theo như những việc dữ họ đã làm

Micah 3:6

Tại sao các tiên tri sẽ không tiên đoán?

Trời sẽ tối tăm đến nỗi các tiên tri sẽ không tiên đoán.

Micah 3:11

Các quan trưởng xét đoán vì điều gì?

Các quan trưởng xét đoán vì của hối lộ.

Chapter 4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Micah 4:1

núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ được lập lên

Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ thiết lập núi mà Ngài xây dựng đền thờ của Ngài trên đó”

hơn các núi khác

Vế nầy có nghĩa là núi Si-ôn sẽ là núi quan trọng hơn hẳn các núi khác. Cụm từ nầy cũng có thể có nghĩa là ngọn núi nầy sẽ là ngọn núi cao nhất trên thế giới, chứ không chỉ là trong khu vực đó mà thôi.

sẽ được thiết lập vượt trên các núi khác

Tham khảo cách dịch: “sẽ được tôn trọng hơn các núi khác”

các dân tộc sẽ đổ dồn về nó

Dân các nước sẽ kéo đến núi của Đức Giê-hô-va như suối chảy. Cụm từ nầy có nghĩa là nhiều người sẽ đi. Tham khảo cách dịch: “dân các nước sẽ đổ về đó như suối” hoặc “dân các nước sẽ đi đến đó”

Micah 4:2

chúng ta hãy lên núi của Đức Giê-hô-va, đến nhà của Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Cả núi và nhà đều cách nói đến đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.

Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối Ngài và chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài

Ở đây "đường lối Ngài” và “các nẻo Ngài” chỉ về những việc Đức Chúa Trời muốn dân đó phải làm. Cũng vậy, “bước đi” có nghĩa là họ sẽ làm theo những điều Ngài phán.

Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, lời của Đức Giê-hô-va đến từ Giê-ru-sa-lem

Ở đây từ “luật pháp” và “lời” đang nói về cùng một thứ. Các nước trên thế giới sẽ nghe đến luật pháp của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem.

lưỡi cày

Lưỡi cày là loại lưỡi dao lớn mà người ta dùng để cày sâu vào đất để có thể gieo trồng.

Họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm

Cả hai cụm nầy có nghĩa là họ sẽ rèn những vũ khí dùng trong chiến tranh trở thành những nông cụ dùng để cung cấp thực phẩm.

lưỡi liềm

Lưỡi liềm được dùng để cắt tỉa các cành nhánh hoặc cuống lá để cho cây nhìn trông gọn gẽ hơn.

Micah 4:4

Thông tin chung:

Mi-chê tiếp tục mô tả “những ngày cuối cùng” khi người ta học biết và vâng phục luật pháp của Đức Giê-hô-va.

dưới cây nho mình và dưới cây vả mình

Đây là hình ảnh người sống trong an bình.

Vì miệng Đức Giê-hô-va vạn quân đã phán

Tham khảo cách dịch: “vì Đức Giê-hô-va đã phán”

bước đi… trong danh của

Cụm từ nầy nói về việc thờ phượng và vâng phục.

Micah 4:6

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va đang mô tả “những ngày cuối cùng” khi người ta học biết và vâng giữ luật pháp của Đức Giê-hô-va.

Vào ngày đó

"Trong tương lai”

Ta sẽ nhóm người què lại

"Ta sẽ nhóm những kẻ yếu ớt lại”

và tập hợp kẻ bị đuổi lại

"và tập hợp lại những kẻ Ta đã khiến cho bị đuổi”

và những kẻ bị bỏ làm thành một nước hùng mạnh

Tham khảo cách dịch: “và những kẻ Ta đã đuổi thì Ta sẽ khiến chúng trở nên một nước hùng mạnh”

tháp chăn bầy

Đức Giê-hô-va dùng cụm từ nầy để nhấn mạnh rằng dân Giê-ru-sa-lem được cho là phải canh giữ và chăm sóc những người Y-sơ-ra-ên khác.

đồi của các con gái Si-ôn

“Con gái” của một thành có nghĩa là chính dân của thành đó. Tham khảo cách dịch: “ngọn đồi nơi dân Si-ôn sinh sống”

đồi

Một vài bản dịch hiện đại hiểu từ Hê-bơ-rơ nầy có nghĩa là “pháo đài” hoặc “đồn lũy”.

Micah 4:9

Nhưng tại sao bây giờ ngươi kêu gào than khóc?

Mi-chê đang chế nhạo dân sự, cố gắng khiến họ suy nghĩ về việc tại sao Đức Chúa Trời lại đối xử với họ như vậy. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ, các ngươi lại kêu gào than khóc”

Không có vua giữa ngươi sao? Hay là mưu sĩ ngươi đã chết? Có phải vì thế mà ngươi quặn thắt như phụ nữ đang chuyển dạ?

Mi-chê tiếp tục nhắm đến dân sự với giọng điệu mỉa mai. Câu trả lời cho những câu hỏi nầy là không. Vua và mưu sĩ vẫn còn đó, nhưng họ đều vô dụng và không giúp ích được gì. Tham khảo cách dịch: “Vậy tại sao bây giờ người lại than khóc? Ấy là vì các ngươi không có vua sao? Những người thông thái của ngươi chết hết rồi sao? Các ngươi than khóc om sòm như người nữ sắp sinh."

Hỡi con gái Si-ôn, hãy đau đớn quặn thắt như phụ nữ đang chuyển dạ

Mi-chê dùng hình ảnh người nữ đang chuyển dạ để nhấn mạnh những sự đau đớn cực độ về thể xác khi bị lưu đày. Ông muốn nói rằng họ phải bị đau đớn bởi vì Đức Chúa Trời đang trừng phạt họ bằng cách đem họ đi khỏi Y-sơ-ra-ên. Nhiều người trong số họ sẽ không bao giờ có thể trở về nhà nữa.

Ở đó, ngươi sẽ được giải cứu. Tại đó, Đức Giê-hô-va sẽ chuộc ngươi

Tham khảo cách dịch: “Tại đó, Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu ngươi”

Micah 4:11

Thông tin chung:

Giê-ru-sa-lem sẽ đánh bại kẻ thù của mình.

Hãy để nó bị ô uế và mắt chúng ta khoái chí mà nhìn Si-ôn!

Tham khảo cách dịch: ‘Chúng ta hãy phá hủy thành Giê-ru-sa-lem và hủy diệt dân của nó để chúng ta có thể vui mừng trước sự sụp đổ của chúng”

vì Ngài đã nhóm chúng lại như những bó lúa đưa về sân đập lúa

Vế nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời cũng sắp sửa trừng phạt dân các nước.

Micah 4:13

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va đang đưa ra hình ảnh sân đập lúa. (Xem: MIC 4:12)

hỡi con gái Si-ôn, hãy trỗi dậy và giày đạp!

Đức Chúa Trời sẽ dùng dân Si-ôn để trừng phạt dân các nước.

Vì Ta sẽ làm cho sừng ngươi cứng như sắt, và Ta sẽ khiến móng ngươi như đồng

Đức Giê-hô-va đang so sánh dân Si-ôn với con bò đực mạnh sức sẽ giẫm trên lúa mì. Vế nầy có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khiến dân Y-sơ-ra-ên được mạnh mẽ trở lại để họ có thể đánh bại các nước khác.

Translation Questions

Micah 4:1

Khi nào thì núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ được lập lên trên chót các núi khác?

In the last days the mountain of Yahweh's house will be established over the other mountains. Trong những ngày sau rốt, núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ lập lên trên chót các núi.

Micah 4:2

Tại sao nhiều nước sẽ muốn đến núi của Đức Giê-hô-va?

Nhiều nước sẽ đi đến núi của Đức Giê-hô-va, để Ngài dạy dỗ cho họ đường lối Ngài, và họ sẽ đi trong các nẻo Ngài.

Micah 4:5

Mọi dân tộc bước đi theo điều gì?

Mọi dân tộc ai nấy bước theo danh của thần mình.

Micah 4:6

Đức Giê-hô-va sẽ nhóm ai?

Đức Giê-hô-va sẽ nhóm kẻ què lại, và thâu kẻ đã bị đuổi, kẻ mà Ngài đã làm cho buồn rầu.

Micah 4:10

Con gái Si-ôn sẽ được cứu tại đâu?

Con gái Si-ôn sẽ được cứu tại Ba-by-lôn.

Micah 4:12

Theo vị tiên tri, ai không biết ý tưởng của Đức Giê-hô-va?

Các nước không biết ý tưởng của Đức Giê-hô-va.

Micah 4:13

Đức Giê-hô-va sẽ dâng của cải bất chính của nhiều dân cho ai?

Đức Giê-hô-va sẽ dâng của cải bất chính của họ cho chính Ngài.

Chapter 5

Micah 5:1

nhóm dân, dân tộc, nhóm người, một người

Từ ngữ "nhóm dân" hay "dân tộc" là tập hợp những người có chung một ngôn ngữ và nền văn hóa. từ ngữ "đám đông " thường được dùng để chỉ tập hợp những người ở một nơi hay tại một sự kiện cụ thể nào đó.

Khi Đức Chúa Trời biệt riêng "một dân tộc" cho Ngài, nó đồng nghĩa với việc Ngài chọn người đó để người đó thuộc Ngài và phục vụ Ngài. Trong thời kì Kinh Thánh, những công dân trong một dân tộc thường có cùng tổ tiên, sống chung với nhau trong một quốc gia hoặc một khu vực cụ thể nào đó. Tùy hoàn cảnh, từ "nhóm người" có nghĩa là "nhóm bạn" hay "gia đình" hoặc "người thân"

Từ ngữ "dân tộc" thường được dùng để diễn tả nhóm người trên trái đất. Trừ dân Do Thái ra, nó được đề cập cụ thể hơn khi nói đến người dân hoặc người phục vụ Đức Giê-hô-va.

Một số bản dịch có thể sử dụng từ "quốc gia".

Gợi ý:

Từ "nhóm dân" có thể dịch theo cụm từ có nghĩ như "đại gia đình" hoặc "gia tộc" hay "dân tộc". Cụm từ "dân tộc" có thể dịch là 'những người thân" hoặc "đồng bào tôi là dân Do Thái" hoặc "gia đình" hoặc "nhóm dân", tùy vào ngữ cảnh. Khái niệm "phân bố dân cư" còn có thể dịch là "làm cho dân chúng tản lạc và sống với nhiều dân tộc khác nhau" hoặc "khiến dân chúng phân bố sống rải rác ở các vùng khác nhau trên thế giới". Từ "dân tộc" hay "nhóm dân" cũng có thể được dịch là "các nước trên thế giới" hoặc " nhóm người", tùy theo hoàn cảnh. Các cụm từ, "những người" có thể được dịch là "những người sống" hay "những người có nguồn gốc từ" hay "gia đình" tùy thuộc vào việc nó tiếp theo là tên của một nơi hoặc một người. -"Tất cả các dân tộc của trái đất" có thể được dịch là "tất cả mọi người sống trên trái đất" hoặc "mọi người trên thế giới" hoặc "tất cả mọi người." -Cụm từ "người" cũng có thể được dịch là, "một nhóm người" hay "những người nhất định" hoặc "một cộng đồng của những người" hay "một gia đình".

Tham khảo thêm:

Hậu duệ, dòng dõi Các nước Các bộ lạc Thế gian, thế giới

Giê-ru-sa-lem

Giê-ru-sa-lem bắt nguồn từ thành phố cổ Ca-na-an mà về sau nó trở thành thủ đô của nước Y-sơ-ra-ên. Nó cách phía tây Biển Muối khoảng 34km và phía bắc Bết-lê-hem. Nó vẫn là thủ đô của nước Y-sơ-ra-ên cho đến ngày nay.

Tên gọi, "Giê-ru-sa-lem" được đề cập đầu tiên trong sách Giô-suê. Trong Cựu Ước nó có tên là thành phố "Sa-lem", thành phố "Giê-bu" và "Si-ôn". "Giê-ru-sa-lem" và "Sa-lem" có nghĩa là "hòa bình". Giê-ru-sa-lem vốn là một pháo đài của người Giê-bu-sít được gọi là Si-ôn, vua Đa-vít bị bắt và được đưa vào thủ đô của mình. Con trai của Đa-vít là Sa-lô-môn xây dựng đền thờ đầu tiên tại Giê-ru-sa-lem, trên núi Mô-ri-a, là nơi Áp-ra-ham dâng con mình là Y-sác lên cho Đức Chúa Trời. Bởi vì đền thờ nằm tại Giê-ru-sa-lem, nên các ngày lễ của dân Do Thái được tổ chức tại đó. Mọi người thường đi "lên" Giê-ru-sa-lem từ khi nó còn nằm trong dãy núi.

Tham khảo thêm:

Ba-by-lôn, thuộc Ba-by-lôn Đấng Christ, Đấng mê-si Đa-vít Thành Giê-bu, Giê-bu Chúa Giê-su, Chúa Giê-su Christ Sa-lô-môn Đền thờ Si-ôn, núi Mô-ra-a

Y-sơ-ra-ên, dân Y-sơ-ra-ên, dân tộc Y-sơ-ra-ên

Từ "Y-sơ-ra-ên" là tên gọi mà Thiên Chúa đã đặt cho Gia-cốp. Nó nghĩa là, "ông đã vật lộn cũng Thiên Chúa".

Dòng dõi của Gia-cốp đã trở thành "dân Y-sơ-ra-ên", dân tộc Y-sơ-ra-ên hoặc quốc gia Y-sơ-ra-ên. Thiên Chúa đã lập giao ước cùng dân Y-sơ-ra-ên. Họ là tuyển dân được chọn của Ngài. Dân Y-sơ-ra-ên có mười hai chi phái. Ngay sau khi vua Sa-lô-môn chết, Y-sơ-ra-ên được chia thành hai vương quốc: vương quốc phía Nam, được gọi là "Giu-đa" và vương quốc phía Bắc, được gọi là "Y-sơ-ra-ên". Thương thì từ "Y-sơ-ra-ên" được dịch là "dân sự Y-sơ-ra-ên" hay "dân tộc Y-sơ-ra-ên", tùy theo hoàn cảnh.

Tham khảo thêm:

Gia-cốp, Y-sơ-ra-ên Vương quốc Y-sơ-ra-ên Giu-đa, vương quốc Giu-đa Dân tộc Mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên

Cây gậy

Từ "cây gậy" là một thanh dài, cứng và rắn, được sử dụng cho nhiều việc khác nhau. Chiều dài tối thiểu của nó là một mét.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một cây gậy gỗ dùng để chăn chiên khỏi những con thú khác. Nó còn dùng để làm dấu cho những con chiên đi lạc tìm đường trở về đàn của mình. Trong Thi thiên 23, vua Đa-vít sử dụng cụm từ, "cây gậy" và "cây trượng" như hình ảnh ẩn dụ để làm phương tiện chỉ dẫn và kĩ cương mà Thiên Chúa dành cho dân sự của Ngài. Cây gậy của người chăn được dùng để đếm những con chiên, khi họ chăn giữ nó. Hình ảnh ẩn dụ, "cây gậy sắt" đề cập đến việc Thiên Chúa trừng phạt những kẻ nổi loạn chống lại Ngài và làm điều gian ác. Vào thời xưa, gậy bằng kim loại, goõ hoặc đá được sử dụng để đo chiều dài của nhà hoặc vật gì đó. Trong Kinh Thánh, cây gậy còn được dùng để kỷ luật trẻ con.

Tham khảo thêm:

Cây trượng.

Micah 5:2

Nhưng Ép-ra-im Ép-ra-ta, ngươi

Đức Giê-hô-va phán với dân thành đó như thể họ đang có mặt tại đó để nghe.

Ép-ra-ta

Đây là tên của một khu vực mà Bết-lê-hem nằm tại đó hoặc đây chỉ là tên gọi khác của Bết-lê-hem hoặc nó phân biệt sự khác nhau giữa Bết-lê-hem nầy với Bết-lê-hem khác. Bết-lê-hem nằm khoảng sáu dặm về phía nam của Giê-ru-sa-lem. Đây là quê hương của vua Đa-vít. Dịch giả có thể thêm phần ghi chú với nội dung: "Tên gọi “Ép-ra-ta” có nghĩa là “sẽ sinh sản nhiều”

mặc dầu ngươi nhỏ bé trong vòng các chi tộc của Giu-đa

Vế nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm những điều lớn lao qua một thành nhỏ bé và tầm thường.

sẽ đến cùng Ta

Ở đây "Ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Đấng có từ đời xưa, từ trước vô cùng

Vế nầy chỉ về người cai trị là con cháu của dòng dõi vua Đa-vít xưa. Cụm từ “từ đời xưa” và “từ trước vô cùng” về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh dòng dõi gia đình nầy lâu đời ra sao.

Chính vì vậy, Đức Chúa Trời sẽ phó chúng

"Chính vì vậy, Đức Chúa Trời sẽ bỏ mặc dân Y-sơ-ra-ên”

cho đến lúc người đàn bà chuyển dạ đã sinh con

Vế nầy chỉ về thời điểm khi người trị vì được sinh ra, thời gian giới hạn.

những anh em khác của người

"những người Y-sơ-ra-ên anh em người”. Đây là những người Y-sơ-ra-ên trong cuộc lưu đày, “người” chỉ về đứa trẻ sẽ trở nên người cai trị.

Micah 5:4

Thông tin chung:

Những câu nầy tiếp túc mô tả người cai trị ra từ Bết-lê-hem.

Ngài sẽ đứng vững và chăn bầy mình nhờ sức mạnh của Đức Giê-hô-va

Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ dẫn dắt dân sự mình bằng sức mạnh của Đức Giê-hô-va”

với oai phong của danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình

Tham khảo cách dịch: “trong thẩm quyền mạnh mẽ của Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình”

Chúng sẽ ở

Ở đây "chúng” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Từ “Y-sơ-ra-ên” hoặc “Giê-ru-sa-lem” là cách nói ám chỉ. Tham khảo cách dịch: “Dân đó sẽ ở trong Y-sơ-ra-ên” hoặc “Dân đó sẽ ở tại Giê-ru-sa-lem”

vì bây giờ Ngài sẽ trở nên vĩ đại cho đến tận cùng trái đất

Vế nầy có nghĩa là trong tương lai, tất cả dân đến từ mọi nước sẽ tôn kính người lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên.

Chính Ngài sẽ là sự bình an của chúng ta

Ở đây "chúng ta” chỉ về Mi-chê và dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ là người của sự bình an”

bảy người chăn và tám thủ lĩnh của dân

Ở đây "người chăn” có nghĩa là “người lãnh đạo”. Bạn cũng có thể thêm phần ghi chú với nội dung, "Con số “bảy” và “tám” kết hợp để chỉ rằng sẽ có dư dật những người lãnh đạo để đáp ứng nhu cầu”

Micah 5:6

Chúng sẽ chăn bầy trong đất A-sy-ri

Ở đây việc đánh bại dân A-sy-ri được nói đến như thể đang chăn chiên.

đất Nim-rốt

Đây là cách gọi khác của đất A-sy-ri. Nim-rốt là một kẻ đi săn và trước đó là người lãnh đạo. Dịch giả có thể thêm phần ghi chú với nội dung: "Tên gọi “Nim-rốt” có nghĩa là “sự nổi loạn”

tại cửa ngỏ của nó

Cách diễn đạt nầy có thể được hiểu như “tại cổng của nó”. Cổng thành tức là những nơi công cộng, nơi các nhà lãnh đạo thường đưa ra những quyết định quan trọng.

Ngài sẽ giải cứu

"Đấng lãnh đạo sẽ giải cứu

như giọt sương đến từ Đức Giê-hô-va, như mưa rào sa xuống trên cỏ

Câu nầy nhấn mạnh rằng dân Giu-đa sẽ là một sự làm tươi mới, một phước lành cho các nước.

chẳng đợi người ta, và chúng cũng không mong gì ở con trai loài người

Tham khảo cách dịch: “và chúng sẽ trông đợi và nương cậy nơi Đức Chúa Trời”

Micah 5:8

giữa các nước, giữa nhiều dân

Hai cụm từ nầy về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng “phần còn lại của Gia-cốp” sẽ sống ở nhiều nước khác nhau.

như sư tử ở giữa các muôn thú trong rừng, như sư tử tơ ở giữa bầy chiên. Khi nó đi qua chúng thì chà đạp và cắn xé chúng thành từng mảnh

Câu nầy nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ có được sức mạnh và lòng can đảm trong khi bị lưu đày để xét đoán và hủy diệt kẻ thù của mình.

Micah 5:10

Trong ngày ấy

Vế nầy chỉ về thời gian không rõ ràng trong tương lai, chắc chắn là trong cuộc lưu đày.

Ta sẽ diệt trừ ngựa chiến khỏi giữa các ngươi và sẽ phá hủy phá các xe ngựa của các ngươi

Dân Y-sơ-ra-ên chỉ dùng ngựa chiến và chiến xa trong chiên trận. Nó cũng bao gồm các khối liên minh với những nước ngoại bang, vô thần. Đức Chúa Trời không muốn dân sự tin cậy nơi các vũ khí chiến tranh sẽ bảo về mình hơn là tin cậy nơi Ngài.

Micah 5:12

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Micah 5:1

Kẻ thù sẽ đánh quan xét của Y-sơ-ra-ên bằng gì?

Chúng sẽ dùng roi đánh trên má của quan xét Y-sơ-ra-ên.

Micah 5:3

Đức Chúa Trời sẽ phó các thị tộc của Giu-đa trong bao lâu?

Đức Chúa Trời sẽ phó họ cho đến lúc người đờn bà phải sanh đẻ đã sanh đẻ

Micah 5:4

Ai sẽ chăn bầy mình bằng sức mạnh của Đức Giê-hô-va?

Con trẻ sẽ chăn bầy mình bằng sức mạnh của Đức Giê-hô-va.

Micah 5:7

Phần sót lại của Gia-cốp không muốn trông đợi điều gì?

Phần sót lại của Gia-cốp không muốn trông đợi con người.

Micah 5:9

Điều gì sẽ xảy ra khi tay của người Y-sơ-ra-ên dấy lên trên những kẻ thù của họ?

Khi tay của người Y-sơ-ra-ên dấy lên trên kẻ thù của họ, nó sẽ hủy diệt chúng.

Micah 5:15

Đức Giê-hô-va sẽ báo thù trên ai?

Đức Giê-hô-va sẽ báo thù trên những nước không nghe theo Ngài.

Chapter 6

Micah 6:1

Ngươi hãy trỗi dậy trình bày trường hợp của mình.... Ngài sẽ tranh luận với Y-sơ-ra-ên tại tòa

Trong 6:1-5, Mi-chê sử dụng hình ảnh phòng xử án. Đức Giê-hô-va phán dạy trước các nhân chứng để biết lí do tại sao dân Y-sơ-ra-ên lại từ bỏ Đức Chúa Trời để đi thờ phượng thần tượng.

các núi... các đồi... các nền vững chắc của đất

Mi-chê đang nói với những điều nầy như thể chúng là con người. Mi-chê đang dùng các núi, đồi và các nền của đất như một nhân chứng đời đời chống lại sự thờ hình tượng của dân sự mình

Micah 6:3

Thông tin chung:

Phân đoạn nầy tiếp tục lời tố cáo của Đức Giê-hô-va nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên. (Xem: MIC06:01)

Hỡi dân Ta, Ta đã làm gì cho ngươi? Ta đã làm mệt nhọc ngươi nỗi gì? Hãy làm chứng nghịch cùng Ta!

Đức Chúa Trời sử dụng câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài là Đức Chúa Trời tốt lành, và Ngài không hề làm bất cứ điều gì để khiến dân sự không chịu thờ phượng Ngài nữa. Tham khảo cách dịch: “Hỡi dân Ta, Ta đã đối tốt cùng ngươi. Ta không hề làm gì khiến các ngươi phải chán bỏ Ta. Nếu các ngươi cho rằng Ta thật có làm những việc như thế thì bây giờ hãy nói cho Ta biết!”

nhà nô lệ

Tham khảo cách dịch: “nơi các ngươi làm nô lệ”

nhớ lại

"nhớ đến”

Ba-lác, vua Mô-áp đã bày mưu, và lời của Ba-la-am, con trai Bê-ô trả lời với nó

Vế nầy chỉ về một sự kiện trong quá khứ, khi vua Ba-lác thuê Ba-la-am đi rủa sả dân Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời chỉ cho phép Ba-la-am chúc phước cho dân sự Ngài.

Bê-ô

Đây là tên của cha Ba-la-am.

Si-tim

Đây là tên gọi một nơi ở Mô-áp.

để ngươi biết những việc làm công chính của Ta, là Đức Giê-hô-va

"để ngươi nhớ lại Ta là ai cùng những điều Ta đã làm cho ngươi”

Micah 6:6

Tôi sẽ đem vật gì đến cho Đức Giê-hô-va, khi tôi quỳ lạy trước mặt Đức Chúa Trời cao cả? Tôi có nên đem những tế lễ thiêu và những con bê một tuổi mà đến cùng Ngài không? Liệu Đức Giê-hô-va có vui lòng với hàng ngàn chiên đực hoặc với hàng vạn sông dầu không? Tôi có nên dâng con đầu lòng của tôi vì sự vi phạm tôi, bông trái của thân thể tôi vì tội lỗi của tôi không?

Mi-chê dùng những câu hỏi nầy để dạt dỗ dân Y-sơ-ra-ên về những điều thực sự làm vui lòng Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn ngươi không cho rằng mình có thể làm vui lòng Đức Chúa Trời bằng cách dâng cho Ngài con bê một tuổi, 1.000 chiên đực, 10.000 sông dầu, hoặc thậm chỉ cả con đầu lòng mình làm của tế lễ cho những tội lỗi của mình.”

con đầu lòng của tôi vì sự vi phạm tôi, bông trái của thân thể tôi vì tội lỗi của tôi

Hai cụm từ nầy cùng nói về một ý.

Ngài đã tỏ cho ngươi

"Đức Giê-hô-va đã tỏ cho ngươi”

Micah 6:9

Tiếng của Đức Giê-hô-va đang rao truyền cho thành nầy

Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đang đưa ra lời phán truyền cùng dân tại Giê-ru-sa-lem”

kể cả bây giờ người khôn ngoan phải thừa nhận danh Ngài

Tham khảo cách dịch: “và người khôn ngoan sẽ kính sợ Đức Giê-hô-va” hoặc “và người khôn ngoan sẽ vâng giữ điều Đức Giê-hô-va truyền phán”

Hãy nghe cây gậy và Đấng đã chỉ định nó

Ở đây "cây gậy” chỉ về quân đội kẻ thù mà Đức Giê-hô-va sẽ dùng để trừng phạt dân Ngài.

cân giả dối

Vế nầy chỉ về những cái cân không đúng trọng lượng hàng hóa để người cân sẽ lừa dối người khác và kiếm thêm tiền cho mình.

Micah 6:11

Ta có nên xem kẻ đó là vô tội nếu nó dùng những cái cân gian lận với những trái cân giả dối trong bao không?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài đang định những kẻ lừa dối người khác để lấy thêm tiền là có tội. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn Ta sẽ xem kẻ đó là có tội nếu nó sử dụng những cái cân và trái cân giả dối để lừa kẻ khác hòng kiếm thêm tiền cho mình”

Người giàu trong thành đầy dẫy sự bạo ngược

"Những kẻ giàu có lợi dụng người nghèo khó”

dân cư nó nói điều dối trá, và lưỡi giả dối ở trong miệng chúng

Cả hai vế nầy đều cùng nói về một ý và được dùng chung để

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: “hết thảy các ngươi đều là kẻ dối trá”. Những vế nầy để tạo ra những tác động về mặt cảm xúc trên người đọc.

Micah 6:13

Vì vậy, Ta đánh ngươi, làm cho ngươi bị thương nặng… không được uống rượu

Đức Giê-hô-va đang mô tả hình phạt của Ngài trên dân Ngài khi để cho quân đội kẻ thù đến và cướp đi mọi thứ mà họ đã trồng, chuẩn bị và thâu trữ cho mình.

Micah 6:16

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Những luật lệ của Ôm-ri được vâng giữ

"Ngươi đã làm những luật lệ mà vua Ôm-ri yêu cầu”

Ôm-ri… A-háp

Cả hai người nầy đều là vua cai trị vương quốc Y-sơ-ra-ên ở phía Bắc. Đức Chúa Trời đều xem cả hai vị vua nầy là gian ác.

Ngươi đi theo các lời khuyên của chúng

"ngươi đã làm những điều gian ác mà Ôm-ri và A-háp đã bảo dân sự phải làm”

đề tài bị chế giễu

Nghĩa là, điều gì đó để người ta chế nhạo bằng cách huýt sáo giễu cợt nó.

Translation Questions

Micah 6:2

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì đối với Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va sẽ đối nại với Y-sơ-ra-ên.

Micah 6:3

Đức Giê-hô-va đã bảo dân sự Ngài làm gì đối cùng Ngài?

Ngài bảo họ làm chứng nghịch cùng Ngài.

Micah 6:8

Đức Giê-hô-va đòi dân sự Ngài điều gì?

Đức Giê-hô-va yêu cầu dân sự Ngài làm sự công bình, ưa sự nhơn từ và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời của họ.

Micah 6:12

Miệng lưỡi ai phỉnh phờ?

Miệng lưỡi của những cư dân nói lời phỉnh phờ.

Micah 6:13

Tại sao Đức Giê-hô-va khiến thành trở nên hoang vu?

Đức Giê-hô-va khiến thành trở nên hoang vu vì cớ tội lỗi của nó.

Micah 6:16

Dân cư thành phố giữ lời khuyên của ai?

Dân cư trong thành giữ lời khuyên của Ôm-ri và A-háp.

Chapter 7

Micah 7:1

Đối với tôi, nó như lúc thu hoạch trái cây mùa hạ… những trái vả đầu mùa

Mi-chê nhấn mạnh rằng không còn người nào trung thành với Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên nữa. Tham khảo cách dịch: “Đối với tôi, dân Y-sơ-ra-ên giống như vườn nho sau khi đã được thu hoạch và lượm mót. Những cây nho trơ trụi. Tôi không tìm được bất cứ trái nào, nhưng tôi vẫn ao ước được ăn trái vả chín mọng”

Người tin kính đã biến mất … dùng lưới

Mi-chê đang phóng đại để cho thấy tình huống nầy tồi tệ ra sao. Ông cảm thấy như chẳng còn người tốt lành nào trong Y-sơ-ra-ên nữa.

Micah 7:3

Thông tin chung:

Mi-chê tiếp tục nói về dân Y-sơ-ra-ên.

Tay chúng thành thạo

Tham khảo cách dịch: “Dân sự rất thành thạo”

Người tốt nhất của chúng giống như cây tầm xuân, còn kẻ ngay thẳng nhất của chúng như hàng rào gai gốc

Vế nầy có nghĩa là kể cả những người lãnh đạo tốt nhất trong Y-sơ-ra-ên cũng gây ra những tổn hại và họ đều vô dụng.

Ngày mà báo trước bởi kẻ canh giữ của ngươi, tức là ngày trừng phạt ngươi

Ở đây "của ngươi” vẫn chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Các tiên tri của họ đã báo trước rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ”

Bây giờ là lúc chúng bối rối

Cụm từ nầy chỉ về sự thua trận của quân đội. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ nó đã đến, và chúng sẽ hiểu được chuyện gì đang diễn ra”

Micah 7:5

Thông tin chung:

Mi-chê tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Chớ tin người lân cận nào… người nhà mình

Mi-chê tiếp tục cho thấy không còn người nào tốt lành, ngay thật và trung thành với Đức Chúa Trời trong dân Ngài nữa. Ở đây, ông nhấn mạnh rằng họ không thể tin tưởng cả bạn bè hay gia đình mình.

Micah 7:7

Nhưng về phần tôi

Ở đây "tôi" chỉ về Mi-chê.

Chớ vui mừng vì cớ tôi

Mi-chê không chỉ nói về chính mình ông. Ông muốn nói rằng kẻ thù không nên vui mừng vì những chuyện đang xảy ra cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên.

Khi tôi ngồi trong bóng tối, Đức Giê-hô-va sẽ là ánh sáng của tôi

Mi-chê chỉ về tai họa đang xảy đến cho dân Y-sơ-ra-ên như “bóng tối”. Ông muốn nói rằng mặc dầu Đức Chúa Trời sẽ để cho kẻ thù đến tiêu diệt họ lúc nầy, nhưng Ngài sẽ đến và giải cứu họ trong tương lai.

Micah 7:9

Bởi vì tôi đã phạm tội

Mi-chê không chỉ nói về một mình mình. Ông còn nói đến cả dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội.

cho đến khi Ngài biện hộ cho lí lẽ tôi, và thực thi phán xét cho tôi

Vế nầy chỉ về lúc khi Đức Chúa Trời quyết định Ngài đã trừng phạt dân sự Ngài đủ rồi. Kế đến, Ngài sẽ trừng phạt các dân khác đã làm hại dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài sẽ đem tôi đến ánh sáng

Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ đến và giải cứu chúng tôi khỏi kẻ thù chúng tôi. Việc ấy sẽ như đem một người từ tối và trong ánh sáng”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Micah 7:10

Thì kẻ thù của tôi

Mi-chê không chỉ nói về một mình ông. Ông muốn nói đến kẻ thù của toàn thể dân Y-sơ-ra-ên.

Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi ở đâu?

Kẻ thù dùng một câu hỏi để chế nhạo dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ngươi chẳng thể giúp được ngươi”

Mắt tôi

Tham khảo cách dịch: “Tôi” hoặc “Chúng tôi”

sẽ nhìn nó

Ở đây "nó" chỉ về các kẻ thù hãm hại dân Y-sơ-ra-ên.

nó sẽ bị giày đạp xuống

Tham khảo cách dịch: “kẻ thù của chúng sẽ giày đạp chúng”

Micah 7:11

Ngày xây dựng lại tường thành sẽ đến

Ở đây "tường thành” chỉ về các bức tường thành vây quanh các thành của chúng, là thứ đảm bảo cho họ được an toàn và yên ổn khỏi kẻ thù của mình.

các biên giới sẽ được mở rộng

Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ mở rộng các biên giới của đất ngươi” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ gia tăng diện tích vương quốc ngươi”

Và các đất ấy sẽ bị hoang vu

Tham khảo cách dịch: “Và các đất ấy sẽ ra trống không” hoặc “Và sẽ không còn ai sống trong những đất ấy”

Micah 7:14

Xin chăn dắt dân Ngài bằng cây gậy của Ngài; đây là đàn chiên về cơ nghiệp của Ngài

Mi-chê đang cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, cầu xin Ngài lại bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên. Ở đây, “cây gậy” chỉ về sự lãnh đạo và hướng dẫn của Đức Chúa Trời, như một người chăn dùng cây gậy để lùa và bảo về bầy chiên của mình.

Chúng sống một mình trong rừng

Mi-chê muốn nói rằng một số trong dân sự hiện đang sống ở những nơi đất cằn cỗi, và họ bị cô lập, không thể có được những hàng hóa cần thiết..

Hãy cho chúng ăn cỏ ở Ba-san và Ga-la-át

Những vùng đất nầy được biết đến là vùng đất màu mỡ để trồng lương thực. Vậy nên, Mi-chê đang cầu xin sự mở rộng lãnh thổ, một quốc gia đã bị những kẻ xâm lược đánh chiếm nhiều năm trước.

như trong những ngày thuở xưa

Cụm từ này chỉ về thời điểm khi Sa-lô-môn làm vua.

Ta sẽ bày tỏ

Ở đây, từ “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

Micah 7:16

Chúng sẽ đặt tay trên miệng mình, và tai chúng sẽ điếc

Câu nầy cho thấy họ đang mất tinh thần ra sao, đến nỗi họ không thể phản ứng lại được. Xem bản dịch UDB.

Chúng sẽ liếm bụi như rắn, như loài bò sát trên đất

Cả hai cụm đều cùng nói về một ý. Kẻ thù của Đức Chúa Trời sẽ bị nhục nhã ê chề, và sẽ sợ hãi mà đến cùng Ngài sau khi họ nhìn thấy những việc đầy quyền lực mà Ngài đang làm.

Micah 7:18

Ai là Đức Chúa Trời giống như Ngài?

Mi-chê dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng chẳng có người nào khác làm những việc mà Đức Giê-hô-va đang làm.

phần còn sót lại của cơ nghiệp Ngài

"những người chúng tôi là dân được chọn của Ngài, tức là những người đã sống sống khỏi những hình phạt của Ngài”

Micah 7:19

Ngài sẽ

Ở đây "Ngài” chỉ về Đức Giê-hô-va.

trên chúng tôi

Ở đây "chúng tôi” chỉ về Mi-chê và dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài sẽ giày đạp sự gian ác chúng tôi dưới chân Ngài. Ngài sẽ ném tất cả tội lỗi chúng tôi xuống vực sâu dưới đáy biển

Vế nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn tha thứu cho những tội lỗi của dân sự và sẽ không còn trừng phạt dân sự vì những tội lỗi đó nữa.

Ngài sẽ ban sự chân thật cho Gia-cốp và sự thành tính của giao ước cho Áp-ra-ham

Ở đây "Gia-cốp” và Áp-ra-ham, đây là các tổ phụ của nước Y-sơ-ra-ên, dùng để chỉ về dân Y-sơ-ra-ên hiện nay.

với tổ phụ chúng tôi

Vế nầy chỉ về Áp-ra-ham và Gia-cốp, và có thể là những người còn sống khi Đức Chúa Trời lập giao ước của Ngài với Y-sơ-ra-ên.

Translation Questions

Micah 7:2

Ai đã mất đi khỏi đất?

Người tin kính đã mất đi khỏi đất.

Micah 7:4

Ai đã nói trước về ngày đoán phạt trên dân còn sót lại?

Người canh giữ đã nói trước về sự đoán phạt trên dân còn sót lại.

Micah 7:6

Ai là những kẻ thù của người nam?

Kẻ thù của người nam là những người trong gia đình của họ.

Micah 7:8

Điều gì sẽ xảy ra sau khi Mi-chê bị ngã?

Sau khi Mi-chê ngã, ông sẽ đứng dậy.

Micah 7:9

Mi-chê sẽ chịu lấy cơn thạnh nộ của Đức Giê-hô-va trong bao lâu?

Mi-chê sẽ chịu lấy cơn thạnh nộ của Đức Giê-hô-va cho đến chừng Ngài đã bênh vực và phán xét cho ông.

Micah 7:10

Mắt Mi-chê sẽ nhìn ai?

Mắt Mi-chê sẽ thấy kẻ thù của ông.

Micah 7:11

Điều gì sẽ xảy ra khi đến ngày xây các tường thành?

Khi đến ngày xây các tường thành, các luật định sẽ bị dời nơi xa.

Micah 7:12

Điều gì sẽ xảy ra khi đến ngày xây các tường thành?

Khi đến ngày xây các tường thành, các luật định sẽ bị dời nơi xa.

Micah 7:14

Mi-chê cầu xin Đức Giê-hô-va chăn dắt dân sự Ngài như thế nào?

Mi-chê xin Đức Giê-hô-va chăn dắt dân sự Ngài bằng cây

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

gậy.
Micah 7:15
Đức Giê-hô-va sẽ tỏ cho dân Ngài điều gì?
Đức Giê-hô-va sẽ tỏ cho dân Ngài những sự lạ.
Micah 7:16
Các nước sẽ thấy gì và bị xấu hổ về điều gì?
Họ sẽ thấy và bị xấu hổ về sức mạnh mình.
Micah 7:17
Các nước sẽ đến và sợ hãi ai?
Các nước sẽ đến cùng Đức Giê-hô-va và vì Ngài mà khiếp sợ.
Micah 7:18
Tại sao Đức Giê-hô-va không cưu giận đời đời?
Đức Giê-hô-va sẽ không cưu giận đời đời, vì Ngài thích bày tỏ sự thành tín theo giao ước của Ngài.
Micah 7:19
Đức Giê-hô-va sẽ ném hết thảy tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên vào đâu?
Đức Giê-hô-va sẽ ném hết thảy tội lỗi họ xuống đáy biển.

Chapter 1
Nahum 1:1
Thông tin chung:
Na-hum đang mô tả sự hủy diệt thành Ni-ni-ve bằng thơ ca.
Lời tuyên bố về Ni-ni-ve
"Một sứ điệp từ Đức Chúa Trời về thành Ni-ni-ve”
người Ên-cốt
Một người đến từ làng Ên-cốt.
Nahum 1:2
Đức Giê-hô-va
Đây là danh của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra cho dân sự của Ngài trong thời Cựu Ước. Xem lại các bản dịch văn bản về Đức Giê-hô-va có liên quan đến cách dịch này.
Ngài sẽ chẳng không bao giờ tuyên bố kẻ thù mình vô tội
Câu nầy có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ xét xử và trừng phạt kẻ thù của Ngài khi họ không vâng phục Ngài.
rẽ lối Ngài trong gió lốc và bảo tố
Giống như gió mạnh và bão tố, Đức Giê-hô-va di chuyển mạnh mẽ. Tham khảo cách dịch: “ngự đến trong năng quyền” .
bụi dưới chân Ngài
"bụi mà chân Ngài đá lên”
Nahum 1:4
Thông tin chung:
Na-hum tiếp tục mô tả quyền năng của Đức Giê-hô-va trên toàn thế giới.
Các núi rúng động trong sự hiện diện của Ngài, và các đồi tan chảy; đất sụp đổ trước mặt Ngài
Tham khảo cách dịch: “Các núi, đồi, và thậm chí đất đều sợ hãi Đức Giê-hô-va”
rúng động
giống như một người đang sợ hãi
sụp đổ
"ngã nhào xuống đất trong sợ hãi”
Nahum 1:6
Thông tin chung:
Na-hum nói về năng quyền của Đức Giê-hô-va.
cơn nóng giận của Ngài
"sự dữ dội trong cơn giận của Ngài” hoặc “mức độ giận dữ của Ngài”
Cơn giận của Ngài đổ ra như lửa, và các tảng đá phải vỡ ra bởi Ngài
Cách dịch khác: "Ngài đổ cơn giận mình ra như lửa và đập vỡ các tảng đá ra”
Nahum 1:7
thành lũy
một nơi an toàn để được bảo vệ khỏi kẻ thù.
ngày hoạn nạn
khi kẻ thủ tấn công. Tham khảo cách dịch: “khi những chuyện tồi tệ xảy ra”
Nahum 1:9
Thông tin chung:
Na-hum cho dân thành Ni-ni-ve biết Đức Giê-hô-va sẽ giải quyết họ ra sao.
tận diệt nó
"ngưng hẳn những việc ngươi đang làm lại”
sự khốn khổ sẽ không xảy ra lần thứ hai
Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ không đánh các ngươi lần thứ hai”
chúng... chúng... của chúng... chúng
Na-hum đang nói ngắn gọn với dân Y-sơ-ra-ên về dân Ni-ni-ve.
có đan xen nhau như những bụi gai
"đối diện với nhiều vấn đề ngăn không để chúng tấn công” .
chúng sẽ hoàn toàn bị thiêu rụi
Đức Giê-hô-va sẽ hoàn toàn hủy diệt Ni-ni-ve.
khuyến khích điều ác
khuyến khích người ta làm điều gian ác.
Nahum 1:12
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va phán với dân Y-sơ-ra-ên về Ni-ni-ve.
chúng... chúng... của chúng
dân Ni-ni-ve
chúng vẫn sẽ bị diệt trừ
"Chúng sẽ bị cắt bỏ”. Đức Giê-hô-va dùng hình ảnh hớt lông chiên để cho thấy Ngài sẽ loại bỏ quân đội Ni-ni-ve, cho dù họ có rất nhiều người. Tham khảo cách dịch: “chúng sẽ bị tiêu diệt”
bẻ gãy ách của dân đó khỏi các con
Tham khảo cách dịch: “Ta đã giải phóng con khỏi làm nô lệ cho dân đó”
đập tan xiềng xích
"đập tan xiềng xích mà chúng đã trói buộc ngươi làm nô lệ”
Nahum 1:14
Đức Giê-hô-va
Danh xưng "Đức Giê-hô-va" là danh của Đức Chúa Trời, danh Ngài được bày tỏ khi Ngài nói chuyện cùng Môi-se tại bụi gai cháy

Danh "Đức Giê-hô-va" là một từ ngữ có nghĩ là "có" hoặc "hằng hữu" Cũng có thể nghĩa của danh xưng “Đức Giê-hô-va” được hiểu theo từ “Ngài là” hoặc “Ta là” hay “Đấng công bình”. Danh xưng này cho biết rằng Đức Chúa Trời đã có và hằng còn mãi mãi. Nó cũng có nghĩa là Ngài sự hiện diện mãi mãi. Theo truyền thống, nhiều bản dịch Kinh Thánh đã sử dụng danh xưng “Chúa” hay “Chúa Trời” để chỉ về danh “Đức Giê-hô-va”. Truyền thống này là kết quả của sự kiện lịch sử, người Do Thái rất kinh khiếp khi nghe đến danh Đức Giê-hô-va nên đã thay bằng danh “Chúa” mỗi khi nói

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đến danh “Đức Giê-hô-va”. Kinh Thánh hiện đại danh “Chúa” được viết in hoa để tỏ lòng tôn kính đối với danh xưng của Thiên Chúa, để phân biệt từ “Chúa” khác của tiếng Hê-bơ-rơ. Văn bản ULB và UDB luôn dịch ra danh xưng “ Đức Giê-hô-va”, vì nó theo nghĩa đen được dùng cho văn bản Hê-bơ-rơ trong thời Cựu Ước. Danh xưng “Đức Giê-hô-va” không còn xảy ra trong thời Tân Ước nữa, nhưng là danh “Chúa” theo tiếng Hy Lạp, được dùng trong dấu ngoặc kép từ thời Cựu Ước.
Gợi ý:

“Đức Giê-hô-va” có thể được dịch bằng một từ hay một cụm từ, với nghĩa là “Ta” hoặc “Đấng sống” hoặc “Ngài là Đấng sống” Danh xưng này cũng có thể được viết tương tự như danh “Đức Giê-hô-va”. Một số hệ phái không muốn dùng danh xưng “Đức Giê-hô-va” và thay vào đó họ dùng danh xưng truyền thống đó là “Đức Chúa Trời”. Điều quan trọng là việc này có thể gây nhầm lẫn khi đọc bởi vì âm nghe giống như danh “Chúa”. Một số ngôn ngữ khác có thể có hoặc không đánh dấu để phân biệt “Chúa” là một danh xưng riêng.
Tham khảo thêm:

Đức Chúa Trời Chúa, Thầy, Ngài Chúa Môi-se Bày tỏ, mặc khải.

Lệnh, mệnh lệnh, điều răn

Từ ngữ “lệnh” nghĩa là bắt buộc ai đó làm một việc gì đó. “Lệnh” hoặc “mệnh lệnh” được người đưa ra yêu cầu thực hiện.

Mặc dù nghĩa căn bản của nó là như nhau, nhưng “điều răn” thường được dùng để nói đến mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, một cách chính thức rõ ràng và vĩnh viễn, chẳng hạn như “Mười điều răn”. “Mệnh lệnh” có thể dùng để chỉ những điều tích cực (“Hiếu kính cha mẹ”) hoặc tiêu cực (“Không trộm cướp”) “Mệnh lệnh” có ý nghĩa “bắt buộc” hoặc “có trách nhiệm” với một cái gì đó hoặc với một ai đó.
Gợi ý:

Cách diễn nghĩa tốt nhất đó là dùng nghĩa của từ “luật lệ”. Ngoài ra, cũng có thể so sánh nghĩa với của “nghị định” và “qui tắt”. Một số dịch giả khác có thể dịch là “chỉ huy” và “điều răn” với cùng một thứ tiếng của họ. Một số người khác có thể sử dụng từ đặc biệt để chỉ điều răn lâu bền và chính thức mà Đức Chúa Trời đã ban.

Ni-ni-ve, dân Ni-ni-ve

Ni-ni-ve là một thủ đô của A-si-ry. “Dân thành Ni-ni-ve” là những người sống tại Ni-ni-ve.

Đức Chúa Trời đã sai tiên tri Giô-na cảnh báo dân Ni-ni-ve về tội ác của chúng. Để họ ăn năn và Đức Chúa Trời không còn tiêu diệt chúng nữa. Người A-si-ry sau khi không thờ phượng Đức Chúa Trời nữa thì họ chinh phục nước Y-sơ-ra-ên và mang họ đến Ni-ni-ve.
Tham khảo thêm: A-si-ry, dân A-si-ry, Đế quốc A-si-ry Giô-na Ăn năn, hối cải Xoay, quay đi, quay trở lại

con cháu, từ dòng dõi

“con cháu” là người một người ở hiện tại có huyết thống trực tiếp với người khác trong quá khứ.

Ví dụ như, Áp-ra-ham là con cháu của Nô-ê. Dòng dõi của một người thì được gọi là con mình, cháu, chắt chít, và vân vân. Dòng dõi của Gia-cốp là mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên. Cụm “dòng dõi từ” là cụm cách khác để nói “dòng dõi của”, như câu “Áp-ra-ham là dòng dõi của Nô-ê”. Cũng có thể dịch là “dòng họ từ”.
Tham khảo thêm:

Áp-ra-ham, Áp-ram Tổ tiên, cha, tổ phụ Gia-cốp, Y-sơ-ra-ên Nô-ê Mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên

tên

Trong Kinh Thánh, “tên” được sử dụng một cách tượng trưng

Trong một số ngữ cảnh, “tên” có thể hiểu là danh tiếng của một người, như “hãy để chúng tôi tạo dựng tên tuổi cho chính mình” “Tên” có thể được xem để nhớ đến một cái gì đó. Ví dụ, “cắt đứt danh của các thần tượng”, nghĩa là phá hủy những thần tượng vì vậy mà họ không nhớ đến cũng không thờ phượng nó nữa. Cách gọi “danh của Đức Chúa Trời” có nghĩa là nói đến quyền hạn và quyền lực của Ngài, hoặc đại diện cho Ngài “tên” của một ai đó có thể đề cập đến toàn bộ người, như trong câu “không có danh nào khác dưới trời này làm cho chúng ta được cứu rỗi”. (See:
Gợi ý dịch:

Một cách diễn đạt, “danh tốt của Ngài” có thể được dịch như “danh tiếng tốt của Ngài” Làm điều gì đó “trong danh của”, có thể được dịch như “với thẩm quyền của” hoặc “với sự cho phép của” hoặc “người đại diện của” một ai đó. Cách diễn đạt, “tạo dựng tên tuổi cho chính mình” có thể được hiểu như, “để cho nhiều người biết đến chúng ta” hoặc “hãy để mọi người nghĩ rằng chúng ta là quan trọng”. Khái niệm “đặt tên” có thể dịch ra là “đặt tên gọi cho nó” hoặc “cho nó một cái tên” Khái niệm “những người yêu mến danh Ngài” có thể được dịch là “những người yêu mến Ngài” Khái niệm “phá bỏ thần tượng” có thể được dịch “loại bỏ thần tượng ngoại giáo để họ không còn nhớ tới nữa” hoặc “khiến họ không còn thờ lạy thần tượng” hay “tiêu diệt hoàn toàn các thần tượng để mọi người không còn nghĩ về nó nữa”.
Tham khảo thêm:

Kêu, kêu gọi, gọi là, gọi ra

cất lấy

Khái niệm “cất lấy” là một khái niệm mang ý nghĩa loại trừ, bị lưu đày hoặc bị cô lập từ nhóm chính. Nó cũng có thể được xem như bị giết chết vì hậu quả của việc phạm tội.

Trong cựu ước, không vâng giữ mạng lệnh của Đức Chúa Trời sẽ bị cất đi, hoặc tách ra hay lấy ra khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cũng phán rằng Ngài sẽ “cất lấy” hoặc sẽ tiêu diệt dân ngoại cảu Y-sơ-ra-ên, bởi vì đã không thờ phượng và vâng giữ lời Ngài cùng những kẻ thù nghịch Y-sơ-ra-ên. Khái niệm “cất lấy” cũng được dùng để nói đến việc Y-sơ-ra-ên khiến nước sông ngừng chảy.
Gợi ý:

Khái niệm “bị cất lấy” có thể được hiểu như “bị trục xuất” hoặc “bị lấy đi” hay “chết”, cũng có thể là “bị hủy diệt”. Tùy vào bối cảnh, “bị cất lấy” có thể được dịch theo nghĩ như “bị tiêu diệt”, hoặc “gửi đi”, hay “bị tách ra khỏi”, cũng có khi là “bị hủy hoại” Trong bối cảnh dòng nước bị phân rẽ, thì có thể hiểu là “bị ngăn chặn lại” hoặc “làm ngưng dòng chảy”, hay là “bị phân rẽ”. Nghĩa đen của từ cắt dùng để cắt một cái gì đó bằng một con dao, và nó được phân biệt với cách dùng tượng trưng cho thuật ngữ này.

hình tượng, tượng chạm, tượng chạm khắc, tượng đúc kim loại

Những từ này dùng để đề cập đến các thần tượng được làm ra để thờ lạy cho một vị thần giả dối. Trong khi thờ lạy các thần tượng, thì từ “hình tượng” được dùng cho việc thờ lạy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

các “tượng chạm”.

“Tượng chạm” hoặc “tượng khắc” là những vật được làm bằng gỗ trông giống như một con vật hay một người hoặc một thứ gì đó. “Tượng đúc kim loại” là một vật được làm ra từ kim loại nóng chảy rồi đổ vào mẫu khuôn có hình dạng một con vật, một người hay một thứ gì đó. Tượng gỗ và tượng đúc kim loại được dùng để thờ lạy các vị thần giả dối. Thuật ngữ “hình tượng” được dùng khi đề cập đến một vị thần có thể bằng gỗ hoặc bằng kim loại

Gợi ý:

Khi đề cập đến một thần tượng, thì từ ngữ “hình tượng” cũng có thể hiểu như “bức tượng” hoặc “tượng chạm khắc” Nó cũng có thể hiểu rõ hơn trong một số tiếng dùng để mô tả, chẳng hạn như “tượng chạm khắc” hoặc “tượng đúc kim loại”, thậm chí có chỗ trong văn bản gốc còn dịch là “hình tượng” hoặc “tượng đúc”. Để đảm bảo nghĩa của nó rõ ràng thì thuật ngữ này hoàn toàn tách biệt với các thuật ngữ dùng để nói vè hình ảnh của Thiên Chúa.

Tham khảo thêm:

Thần giả dối, thần ngoại bang, thần, nữ thần. Đức Chúa Trời Tượng thần, thờ lạy thần tượng Hình ảnh của Thiên Chúa, hình ảnh

mộ, mồ mả, nơi chôn cất

Thuật ngữ “mộ” và “mồ mả” đề cập đến chỗ để đặt xác của người chết vào. “nơi chôn cất” là một cụm từ khái quát hơn dùng để nói đến vấn đề này.

Người Do Thái thường lấy hang đá tự nhiên làm phần mộ, nhưng đôi khi họ cũng đào hang đá bên trong một ngọn đồi. Trong Tân ước, hòn đá lớn cuộn lại được dùng phổ biến, đá to được đặt trước miệng hang dùng để đóng cửa mộ lại. Nếu từ mộ hay mồ mả dùng để chỉ thân xác được đặt trong một cái hang, cũng có thể dịch là “hang động” hoặc “lõm nhỏ bên trong ngọn đồi”. Cụm từ “mộ” thường được dùng chung hay ẩn dụ khi đề cập đến trạng của một nơi hoặc một linh hồn con người bị chết.

Tham khảo thêm:

Chôn, chôn cất, an táng Tử vong, chết, đã chết

Nahum 1:15

trên các núi đồi có bàn chân của sứ giả báo tin lành

"người đem đến tin lành”

kẻ gian ác... nó

Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ là một người.

nó hoàn toàn bị tiêu diệt

Na-hum đang nói về một sự kiện trong tương lai như thể nó đã xảy ra rồi.

Translation Questions

Nahum 1:2

Đức Giê-hô-va đầy sự gì?

Đức Giê-hô-va đầy sự thạnh nộ.

Đức Giê-hô-va sẽ báo thù những ai?

Đức Giê-hô-va báo thù kẻ cừu địch.

Nahum 1:3

Đức Giê-hô-va đi trong nơi đâu?

Đức Giê-hô-va đi trong gió lốc và bão tố.

Nahum 1:4

Điều gì xảy ra với hoa của Li-ban?

Hoa của Li-ban đều héo rụng.

Nahum 1:5

Điều gì xảy ra với thế gian trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va?

Đất và thế gian cũng dân cư trên đất đều dậy lên trước mặt Ngài.

Nahum 1:7

Chúng ta có thể so sánh Đức Giê-hô-va với điều gì trong ngày hoạn nạn?

Đức Giê-hô-va là đồn lũy trong ngày hoạn nạn.

Nahum 1:8

Đức Giê-hô-va sẽ đuổi kẻ thù nghịch Ngài vào đâu?

Đức Giê-hô-va sẽ đuổi kẻ thù nghịch mình vào sự tối tăm.

Nahum 1:13

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì đối với ách của dân sự?

Ngài sẽ bẻ gãy ách khỏi họ.

Nahum 1:14

Tại sao Đức Giê-hô-va đào mồ mả cho dân Ni-ni-ve?

Ngài sẽ sẽ làm mồ mả cho họ, vì họ là hèn mạt.

Nahum 1:15

Chân của người đem tin lành ở đâu?

Trên các núi có chơn của kẻ đem tin lành.

Tại sao Giu-đa nên tổ chức các kỳ lễ hội và giữ lời thề?

Giu-đa nên tổ chức các kỳ lễ hội và giữ lời thề, vì kẻ gian ác sẽ không còn xâm chiếm họ nữa.

Chapter 2

Nahum 2:1

Thông tin chung:

Na-hum tiếp tục mô tả sự hủy diệt Ni-ni-ve bằng thơ ca mà ông đã bắt đầu trong [NAM 1:1]

Kẻ sẽ đập ngươi tan tành

Hình ảnh một người đập bể cái bình. Cách dịch khác: "Kẻ sẽ hủy diệt ngươi” .

Kẻ sẽ đập

Không rõ, “kẻ” ở đây là ai, vậy nên hãy dùng từ phổ quát để dịch từ nầy. “Kẻ sẽ đập ngươi thành từng mảnh”

Hãy thêm người trên tường thành, hãy canh phòng đường sá, hãy làm cho mình mạnh mẽ và củng cố lực lượng

chuẩn bị cho chiến tranh

Hãy thêm người trên tường thành

"Hãy cắt đặt lính canh bảo vệ trên tường thành”

Vì Đức Giê-hô-va sẽ phục hồi vẻ oai nghi của Gia-cốp, như vinh quang của Y-sơ-ra-ên

Câu nầy có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên lớn mạnh, rồi người ta sẽ lại ngưỡng mộ họ.

những kẻ cướp phá

người ta dùng vũ lực để cướp bóc, thường là trong chiến tranh.

tàn phá chúng

hủy diệt mọi thứ

phá hoại những cành nho của họ

Quốc gia được nói đến ở đây như thể nó là vườn nho được trồng lên. Tham khảo cách dịch: “và nhổ bỏ nước ngươi như một vườn nho.” .

Nahum 2:3

dũng sĩ của chúng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lính chiến của người “kẻ đánh đổ” Ni-ni-ve thành “từng mảnh” (NAM 2:1).

cây bách

một loại cây cho gỗ tốt để làm ra vũ khí.

Các chiến xa chạy loạn xạ trong các đường phố

"Những người lái chiến xa chạy loạn xạ trong cách đường phố”

Chúng trông như những ngọn đuốc

Cụm từ nầy chỉ về độ sáng bóng của các chiến xa khi chúng bị phản chiếu ánh nắng mặt trời.

Nahum 2:5

đập tan ngươi thành từng mảnh

Hãy dịch cụm từ nầy như bạn đã làm trong NAM 2:1.

triệu tập các quan chức của nó

Có thể hiểu: 1) "triệu tập quan chức của nó” hoặc 2) “nghĩ về quan chức của nó”

họ... của họ... họ

những lính chiến sẽ tấn công Ni-ni-ve

trong cuộc hành quân của họ

"khi họ hành quân”

Nahum 2:6

Hu-xáp

Đây là tên của hoàng hậu A-sy-ri hoặc tên của một thần tượng người A-sy-ri. Nếu đây là tên của nữ hoàng, thì đoạn văn nầy có nghĩa là quân lính tấn công lột bỏ quần áo của nàng nhằm hạ nhục nàng. Còn nếu đây là tên của một thần tượng, thì đoạn văn nầy nói đến những kẻ tấn công lột bỏ vàng và bạc khỏi thần tượng đó.

các nữ tì của nó rên rĩ như chim bồ câu

"các nữ tì của hoàng hậu khi rên rỉ thì nghe như chim bồ câu” để than khóc cho hoàng hậu vì đã mất quyền lực.

Nahum 2:8

chiến lợi phẩm

Những vật bị cướp bằng vũ lực, thường ở trong chiến tranh.

nó nhiều vô tận

Đây là một cách để nói rằng thứ gì đó có số lượng rất lớn. Tham khảo cách dịch: “nó nhiều vô số kể”

sự lộng lẫy của các vật đẹp đẽ ở Ni-ni-ve

Có thể hiểu: 1) "rất nhiều vật đẹp đẽ” hoặc “số lượng các vật đẹp đẽ”

Lòng ai ấy đều nao núng

"Mọi người đều mất hết can đảm”

Nahum 2:11

hang sư tử

Ni-ni-ve được ví sánh với hang sư tử bởi vì nó là nơi những kẻ giết người sống và là nơi chúng đem cất giấu những đồ cướp được từ những kẻ mình đã giết

bóp chết

"làm chết ngạt." Sư tử cắn cổ họng con mồi của chúng để khiến con mồi không thở được.

hang nó đầy mồi, ổ nó đầy những con vật bị cắn xé

Hai cụm từ nầy đang dùng những cách khác nhau để diễn đạt cùng một ý. Hang sư tử, nơi ẩn náu của nó, thường là ở trong hang động.

Nahum 2:13

Nầy

"Hãy hiểu điều nầy”

Gươm sẽ ăn nuốt các sư tử tơ của ngươi

"các lính chiến của ngươi sẽ chết tàn khốc”

gươm

"lính cầm gươm”

ăn nuốt

"ăn trọn”

các sư tử tơ của ngươi

"những người trẻ ưu tú của ngươi”

Ta sẽ dứt bỏ chiến lợi phẩm khỏi đất của ngươi

Từ ‘chiến lợi phẩm” chỉ về sự giàu có mà Ni-ni-ve đã cướp được từ các xứ khác. Câu nầy có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt khả năng cướp bóc từ các nước khác của Ni-ni-ve.

Translation Questions

Nahum 2:2

Đức Giê-hô-va sẽ khôi phục điều gì?

Đức Giê-hô-va sẽ khôi phục sự vinh hiển của Gia-cốp.

Nahum 2:3

Thuẫn của những người mạnh có màu gì?

Thuẫn của những người mạnh là đỏ.

Nahum 2:4

Cái gì đi hỗn độn trong đường phố?

Những xe ngựa lửa đi hỗn độn trong đường phố.

Nahum 2:7

Điều gì đã được ra sắc lệnh?

Đã nhứt định: hoàng hậu bị bóc lột và bị bắt đi; các nàng hầu hạ người đi theo, rên siết như bồ câu, và đấm ngực mình.

Nahum 2:8

Dân Ni-ni-ve sẽ làm gì?

Họ sẽ chạy trốn như nước chảy ào ạt.

Nahum 2:11

Sư tử sợ hãi điều gì?

Chúng không sợ gì cả.

Nahum 2:12

Sư tử làm cho hang ổ nó đầy những gì?

Hang sư tử đầy nạn nhân và ổ nó đầy của đã bắt được.

Nahum 2:13

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì đối với Ni-ni-ve?

Đức Giê-hô-va sẽ đốt xe cộ họ, và làm cho tan ra khói; gươm sẽ nuốt những sư tử con của họ, và Ngài sẽ dứt mồi họ khỏi đất.

Chapter 3

Nahum 3:1

Thông tin chung:

Na-hum tiếp tục mô tả sự hủy diệt Ni-ni-ve bằng thơ ca mà ông đã bắt đầu trong [NAM 1:1]

thành vấy máu

Lính chiến của Ni-ni-ve đã giết chết rất nhiều người. Tham khảo cách dịch: “thành chịu trách nhiệm trước cái chết của nhiều người”

Nahum 3:3

thây chất thành những đống lớn. Xác chết nhiều vô số!

Tác giả đang nhấn mạnh lên án tội trọng giết người của Ni-in-ve bởi vì nó được lặp lại 3 lần.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

xác chết
xác của người đã chết
Xác chết nhiều vô số kể
"Có rất nhiều xác chết
gái mại dâm xinh đẹp... thành thạo ma thuật
Những gái mại dâm bán thân để mua vui, còn những phù thủy bán sự hiểu biết và quyền lực có được nhờ ma thuật ra sao thì dân Ni-ni-ve cũng bán những người mà mình đã bắt được trogn chiến tranh và kiếm lợi bằng tội lỗi của mình như vậy.
Nahum 3:5
Kìa
Từ nầy được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc đến ý tiếp theo.
Ai sẽ than khóc cho nó? Ta tìm đâu những người an ủi ngươi?
Cách dịch khác: "sẽ chẳng ai than khóc cho nó" và ta không thể tìm được ai để an ủi nó."
Nahum 3:8
Thông tin chung:
Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ chính là thành đó.
ngươi có khá hơn Thê-be.... nó không?
Tham khảo cách dịch: "ngươi chẳn khá hơn Thê-be... nó"
Thê-be
thủ đô trước đó của Ai-cập, là thành mà dân A-sy-ri đã chiếm được.
lấy đại dương làm đồn lũy, lấy biển làm tường thành
Hai cụm từ nầy nói về cùng một ý tương tự nhau. Từ "biển" và "đại dương" cùng chỉ về sông Nin, chảy gần thành đó và khiến kẻ thù khó lòng tấn công nó.
đồn lũy... tường thành
Những thành xưa cổ có "tường thành" chính để giữ không cho kẻ thù tấn công, và "đồn lũy" chạy dọc xung quang để ngăn không cho kẻ thù tấn công tường thành đó.
Nahum 3:10
Thông tin chung:
Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ chính là thành đó.
Nhưng
Từ nầy tiếp tục phần so sánh Ni-ni-ve và Thê-be trong NAM 3:8-9. Có thể hiểu: "tuy nhiên" (UDB) hoặc "kể cả như thế"
Thê-be
thủ đô trước kia của Ai Cập, là thành mà dân A-sy-ri đã chiếm được.
nó... nó
Thê-be.
bị nghiền nát
Những kẻ xâm lược đã giết chết trẻ con tại Thê-be dễ dàng như người ta đập bể một cái bình gốm.
bị mang xiềng
bị đặt vào chế độ nô lệ. Tham khảo cách dịch: "trở thành nô lệ"
Nahum 3:12
Thông tin chung:
Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ chính là thành đó.
pháo đài
Từ nầy, cũng có thể được nói đến như "đồn lũy" chỉ về toàn bộ đế chế Ni-ni-ve và A-sy-ri.
Tất cả đồn lũy ngươi sẽ như những cây vả đầy trái chín đầu mùa; nếu chúng bị rung thì trái rụng xuống, rơi ngay vào miệng người ăn
Thành Ni-ni-ve sẽ dễ dàng bị chiếm giống như trái trên cây.
ở giữa các ngươi là những người đàn bà
"dân ngươi yếu đuối và chẳng thể tự bảo vệ mình"
then cài của chúng
những thanh gỗ lớn chặn ngang cổng để không để người bên ngoài thành có thể mở cổng đó. Thiêu cháy những then cài nầy để người ta không thể đóng thành đó lại nữa.
Nahum 3:14
Thông tin chung:
Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ chính là thành đó.
lửa sẽ ăn nuốt các ngươi như cào cào con ăn nuốt mọi thứ
Nó sẽ hủy hoại như cào cào ăn sạch mọi thứ trên đường đi của chúng. Xem:
Nó
"lửa" và "gươm"
Hãy tăng quân số nhiều như cào cào non, như châu chấu trưởng thành!
"Hãy gia tăng thêm nhiều như cào cào non! Hãy gia tăng thêm nhiều như châu chấu trưởng thành!" Những từ nầy để bắt đầu một đoạn mới.
Hãy tăng quân số như cào cào
Câu nầy có nghĩa là họ sẽ trở nên một thành rất lớn với rất nhiều dân và hủy hoại nhiều xứ.
Nahum 3:16
Thông tin chung:
Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ chính là thành đó.
Ngươi đã gia tăng số thương nhân mình nhiều hơn sao trên trời
Các thương nhân của Ni-ni-ve nhiều đến nỗi không đếm được như sao trên trời. Tham khảo cách dịch: "Ngươi có số thương nhân nhiều đến nỗi không ai đếm được"
thương nhân
"những lái buôn" hoặc "những người buôn bán hàng hóa"
các quan chức
Dùng từ nầy để chỉ "các nhà lãnh đạo" chính trị (UDB).
các tướng lĩnh
Dùng một từ để chỉ "các nhà lãnh đạo" quân đội hoặc những viên chức chính phủ khác.
Nahum 3:18
những người chăn
"Nhưng người chăn" ở đây chỉ về những kẻ thống trị dân A-sy-ri.
Có ai thoát khỏi sự tàn ác triền miên của ngươi đâu?
Tham khảo cách dịch: "Những việc làm gian ác triền miên của ngươi đã làm tổn hại đến nhiều dân và nhiều nước"

Translation Questions

Nahum 3:1
Thành đầy những gì?
Thành đầy máu, những sự dối trá và cướp bóc.
Nahum 3:3
Bao nhiêu người sẽ bị giết bởi những kỵ sĩ sắn tới?
Sẽ có đoàn đông kẻ bị giết, có từng đống thây lớn, xác chết nhiều vô số.
Nahum 3:4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao những điều này xảy ra?
Điều này xảy ra vì cớ rất nhiều sự dâm đãng của con đĩ tốt đẹp khéo làm tà thuật ấy.
Nahum 3:5
Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm gì nghịch cùng đĩ điếm?
Đức Giê-hô-va sẽ lột áo xống họ, phô bày sự trần truồng họ ra cho các dân tộc, và tỏ sự xấu hổ họ ra cho các nước.Ngài sẽ ném sự ô uế gớm ghiếc của họ trên họ, làm cho họ nên khinh hèn, làm trò cho mọi người xem.
Nahum 3:6
Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm gì nghịch cùng đĩ điếm?
Đức Giê-hô-va sẽ lột áo xống họ, phô bày sự trần truồng họ ra cho các dân tộc, và tỏ sự xấu hổ họ ra cho các nước.Ngài sẽ ném sự ô uế gớm ghiếc của họ trên họ, làm cho họ nên khinh hèn, làm trò cho mọi người xem.
Nahum 3:8
Biển là vách thành của ai?
Biển là vách thành của Thê-be.
Nahum 3:10
Ai đã ném thăm trên những người danh dự của Thê-be?
Kẻ thù của Thê-be đã ném thăm trên những người danh dự của họ.
Nahum 3:12
Nếu đồn lũy của Ni-ni-ve bị lung lay, điều gì xảy ra?
Nếu đồn lũy của Ni-ni-ve bị lung lay, chúng sẽ rụng xuống trong miệng của kẻ muốn ăn nó.
Nahum 3:17
Có bao nhiêu quan trưởng?
Các quan trưởng đông như cào cào.
Nahum 3:19
Những người nghe nói về ngươi sẽ làm gì?
Phàm kẻ nghe nói về ngươi đều vỗ tay trên ngươi.

Chapter 1
Habakkuk 1:1
Sứ điệp mà nhà tiên tri Ha-ba-cúc nhận được
Những từ nầy giới thiệu hai chương đầu tiên của sách. Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải có một câu hoàn chỉnh ở đây thì có thể dịch: “Nầy là sứ điệp mà nhà tiên tri Ha-ba-cúc đã nhận được từ Đức Chúa Trời.”
Tôi sẽ kêu khóc xin cứu giúp, và Ngài sẽ không nghe tôi cho đến chừng nào?
Tham khảo cách dịch: “Trong một quãng thời gian dài, tôi đã kêu khóc xin cứu giúp, nhưng Ngài làm như thể không nghe thấy tôi!”
Habakkuk 1:3
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc tiếp tục lời cầu nguyện của mình cùng Đức Chúa Trời.
sự tranh chấp nổi lên
"sự tranh chiến trong vòng người dân càng trở nên phổ biến”
kẻ hung ác bao vây người công chính
Câu nầy có thể hiểu là người công chính chịu đựng sự bất công bởi vì: 1) “kẻ hung ác có quyền lực hơn người công chính” hoặc 2) “kẻ gian ác nhiều hơn người công chính”
công lý sai lệch đang diễn ra
Tham khảo cách dịch: “sự gian ác xảy ra thay vì sự công chính” hoặc “sự bất công gia tăng”
Habakkuk 1:5
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va đang đáp lời cầu nguyện của Ha-ba-cúc.
Hãy nhìn vào các nước và xem xét chúng
"Hãy xem việc gì đang xảy ra ở các nước khác”
bề ngang của đất
Có thể hiểu cụm từ nầy là 1) mọi nơi trên đất Giu-đa hoặc 2) mọi nơi trên thế giới
chiếm
dùng vũ lực để chiếm hoặc cướp đi từ người chủ hợp pháp
nhà
"nhà”
chúng… chúng… chúng
Lính chiến người Canh-đê. Đức Chúa Trời sẽ dấy nước Canh-đê lên và lính Canh-đê sẽ xâm chiếm Giu-đa.
Chúng thật đáng khiếp sợ và đáng kinh hãi
Những từ “đáng khiếp sợ” và “đáng kinh hãi” về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng chúng khiến cho những người khác rất sợ hãi. Tham khảo cách dịch: “Chúng khiến những kẻ khác rất sợ hãi”
xuất phát từ
"đến"
Habakkuk 1:8
Ngựa chiến của chúng… Ngựa chiến của chúng
Ngựa chiến của lính Canh-đê
nhanh nhẹn hơn cả loài soái đêm
Ngựa chiến của dân Canh-đê được so sánh với loài sói hung hãn, ban đêm rượt đuổi theo con mồi của chúng bởi vì chúng đói lả do cả ngày đã không ăn gì.
kỵ binh của chúng
Lính Canh-đê đang cưỡi ngựa chiến.
loài báo
loài mèo lớn, nhanh nhẹn
chúng phóng nhanh như đại bàng
"kỵ binh cưỡi ngựa phi nhanh như đại bàng bay lượn”
Tất cả bọn chúng kéo đến như gió bão sa mạc và chúng dồn tù binh lại như cát.
Dân Canh-đê rất đông, giống như cát biển bị gió cuốn lên trong một cơn bão, nhiều vô số kể, cũng vậy, không ai có thể đếm được số người họ đã bắt làm tù binh.
Habakkuk 1:10
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục mô tả lính chiến người Canh-đê.
gió sẽ ùa đến
Đội quân Canh-đê xâm lược được so sánh với ngọn gió ập đến, hoành hoành một vùng rồi nhanh chóng ập đến nơi kế tiếp.
Habakkuk 1:12
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc thưa cùng Đức Giê-hô-va về dân Canh-đê.
Hỡi Giê-hô-va, Đức Chúa Trời tôi, Đấng Thánh của tôi! Ngài há chẳng phải là từ đời đời vô cùng sao?
Tham khảo cách dịch: “Hỡi Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi, Đấng Thánh của tôi, Ngài là hằng hữu”
chúng… chúng
Dân Canh-đê
Vầng Đá

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đấng bảo vệ Y-sơ-ra-ên
đã lập chúng để trừng phạt
"đã lập chúng vì mục đích sửa phạt Y-sơ-ra-ên’
Habakkuk 1:13
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc tiếp tục thưa chuyện cùng Đức Giê-hô-va về dân Canh-đê.``
kẻ phản bội
"Dân Canh-đê, là kẻ không ai có thể tin tưởng”
nuốt chửng
"hủy diệt” (UDB)
như loài cá biển... như loài côn trùng
Hai cụm từ nầy cùng nói về một ý rằng Đức Chúa Trời đã để cho dân Canh-đê đối xử với người Y-sơ-ra-ên như những loài sinh vật chẳng mấy giá trị, chứ chẳng được đối xử như con người.
Habakkuk 1:15
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc tiếp tục thưa chuyện cùng Đức Giê-hô-va về dân Canh-đê.
lưỡi câu... lưới cá
những công cụ đánh bắt cá
lưới
công cụ để bẫy bắt những “loài bò sát” (HAB 1:14)
những con thú béo tốt là phần của chúng, và những đồ ăn béo bở là thức ăn của chúng
Cách dịch khác: "những con thú béo tốt và phần thịt ngon nhất là phần thức ăn của chúng”
phần
một phần nhỏ của một thứ lớn hơn được chia cho nhiều người
giữ sạch lưới cá của mình
Người ngư phủ giữ sạch lưới cá của mình để quăng lưới trở lại và bắt thêm nhiều cá.

Translation Questions

Habakkuk 1:2
#Ha-ba-cúc hỏi Đức Giê-hô-va điều gì khi ông bắt đầu kêu van?
Ha-ba-cúc hỏi tại sao Đức Giê-hô-va không nghe hoặc cứu ông, ngay cả dù ông kêu van Ngài giúp ông.
Habakkuk 1:3
Chúa khiến Ha-ba-cúc thấy điều gì?
Ha-ba-cúc được thấy sự gian ác, sự ngang trái, sự tàn hại bạo ngược, sự tranh đấu cãi lẫy.
Habakkuk 1:4
Sự chánh trực sẽ trở nên thế nào?
Sự chánh trực sẽ trở nên trái ngược.
Habakkuk 1:6
Đức Giê-hô-va phán với Ha-ba-cúc rằng ông sẽ thấy điều gì trong ngày của ông?
Đức Giê-hô-va nói rằng Ha-ba-cúc sẽ thấy người Canh-đê đi khắp đất được chiếm lấy những chỗ ở không thuộc về mình.
Habakkuk 1:7
Dân Canh-đê là dân thế nào?
Dân Canh-đê thật là đáng sợ và đáng ghê.
Habakkuk 1:9
Người Canh-đê đến với sự bạo ngược đặng làm gì?
Người Canh-đê dồn phu tù lại như cát bằng sự bạo ngược.
Habakkuk 1:10
Người Canh-đê có thái độ gì đối với các vua và quan trưởng khác?
Người Canh-đê nhạo cười các vua và quan trưởng.
Habakkuk 1:12
Ai đã ra lệnh dân Canh-đê đến và làm sự xét đoán?
Đức Giê-hô-va đã ra lệnh dân Canh-đê đến và làm sự xét đoán.
Ha-ba-cúc dùng những danh hiệu nào để chỉ về Đức Giê-hô-va?
Ha-ba-cúc dùng những danh xưng "Đức Chúa Trời tôi," "Đấng Thánh của tôi," và "Vầng đá" để chỉ về Đức Giê-hô-va.
Habakkuk 1:13
Ha-ba-cúc hỏi hoặc than phiền với Đức Giê-hô-va về điều gì?
Ha-ba-cúc hỏi Đức Giê-hô-va lý do Ngài im lặng đang khi kẻ dữ nuốt người công bình hơn nó.
Habakkuk 1:15
Những kẻ giết các dân lấy làm vui thích về điều gì?
Họ vui mừng khi họ nhóm lại và kéo người ta đi chỗ khác.
Ha-ba-cúc nói việc họ tập hợp người khác để đoán xét giống như nghề gì?
Ha-ba-cúc nói việc họ tập hợp người khác để đoán xét giống như dùng lưỡi câu móc lấy cả, thâu góp trong chài mình, và nhóm lại trong lưới mình.
Habakkuk 1:17
Những kẻ giết các dân không có cảm xúc gì?
Những kẻ giết các dân không có lòng thương xót.

Chapter 2
Habakkuk 2:1
Tôi... của tôi... tôi
Ha-ba-cúc
Ngài
Đức Giê-hô-va
Tôi sẽ đứng nơi vọng canh, và chôn chân nơi thành lũy
Những cụm từ nầy dùng những cách khác nhau để cùng nói về một ý. “Tôi sẽ đứng tại bốt của mình nơi vọng canh”. Ha-ba-cúc dùng những cụm từ nầy để so sánh cảnh mình đứng đợi nghe lời phán từ Đức Chúa Trời với hình ảnh người lính đứng gác ở tháp canh.
Tôi nên từ bỏ các lời than phiền của mình
Từ "từ bỏ” nói đến việc thay đổi ý định như thể đang bỏ từ một điều nầy sang một điều khác. Tham khảo cách dịch:
“Tôi nên dừng việc phàn nàn lại mà đồng ý cùng Đức Chúa Trời”
Habakkuk 2:2
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va đang đáp lời Ha-ba-cúc.
Hãy chép lấy khải tượng nầy, và ghi nó rõ ràng trên bảng
Cả hai vế nầy dùng những cách khác nhau để nói về cùng một ý. Cách dịch khác: "Hãy viết rõ ràng trên bảng những điều Đức Chúa Trời sắp phán cùng người”
bảng
Đây là những tấm bảng đá hoặc bảng đất sét phẳng được dùng để viết lên đó.
người đọc chúng có thể chạy được
Có thể hiểu cụm từ nầy là 1) người ta sẽ cầm những bảng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đó mà chạy và đọc chúng cho mọi người nghe hoặc 2) người đọc chúng sẽ có thể dễ dàng đọc được
và cuối cùng sẽ khẳng định
Những điều được viết sẽ xảy ra hoặc trở thành hiện thực.
và sẽ không chậm trễ
Có thể hiểu: 1) "và sẽ không đợi" hoặc 2) “và sẽ không đến chậm chạp”
Habakkuk 2:4
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục trả lời Ha-ba-cúc.
Kìa!
Từ "Kìa!" ở đây đang nhấn mạnh cho những ý tiếp theo.
Kẻ thèm muốn không có sự ngay thẳng trong nó… những kẻ trai trẻ ngạo mạn…. nó sẽ
Đức Giê-hô-va phán với dân Canh-đê như thể họ là một người.
Hắn tập trung mọi nước và quy tụ muôn dân về cho mình
Câu nầy dùng hai cách khác nhau để nói về cùng một ý. “Hắn tập trung mọi dân từ mọi nước lại” "Hắn” chỉ về dân Canh-đê như một người.
tập trung
"tập hợp”
mọi… mọi
một số rất lớn
Habakkuk 2:6
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục trả lời Ha-ba-cúc. Ngài đang nói đến Canh-đê như thể họ là một người.
Ngươi sẽ cứ thu góp cho mình của cải cầm cố cho đến chừng nào?
"Đến một lúc nào đó, ngươi sẽ chẳng thể nào có thể lấy của cầm cố từ người khác nữa”. Có thể hiểu cụm từ nầy là 1) Dân Canh-đê giống như kẻ cướp đang mang theo của cải cầm cố mà chúng đã bắt kẻ khác phải nộp cho mình hoặc 2) Đức Giê-hô-va ghi nhớ những thứ mà dân Canh-đê đã cướp được và một ngày nào đó sẽ bắt họ phải trả lại toàn bộ.
của cầm cố
giấy cam kết trả nợ đã mượn, thường được ghi trên đất sét.
Chẳng phải những kẻ cắn ngươi sẽ thình lình nổi lên; những kẻ khiến ngươi kinh hãi sẽ thức giấc
Câu hỏi nầy được hỏi để khiến dân Canh-đê suy nghĩ về câu trả lời. “Những kẻ nổi giận cùng ngươi sẽ đến chống lại ngươi, những kẻ mà ngươi khiếp sợ sẽ bắt đầu tấn công”
những kẻ cắn ngươi
Đây là một cách nói có nghĩa là những con nợ sẽ phải trả nợ. Tuy nhiên, một số bản dịch hiện đại lại dịch cụm từ nầy thành các chủ nợ, không phải con nợ.
những kẻ khiến ngươi khiếp sợ
Cụm từ nầy chỉ về cùng con nợ đó. Họ sẽ khiến dân Canh-đê phải kinh hãi bằng cách tấn công chúng để trả thù cho những món nợ bất công mà họ bị buộc phải gánh lấy.
trỗi dậy
"trở nên đông vô số kể” hoặc “trở nên mạnh mẽ hơn”
cướp bóc
cướp hoặc dùng vũ lực để lấy đi.
Habakkuk 2:9
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục trả lời Ha-ba-cúc. Ngài đang nói đến Canh-đê như thể họ là một người.
kẻ thu lợi bất nghĩa cho nhà mình
"kẻ thu lợi bất lương cho nhà mình”
lót ổ mình trên cao
"xây nhà mình tránh khỏi rắc rối”
bàn tay kẻ ác
Tham khảo cách dịch: “tay của kẻ ác”, xem “sự gian ác” như một người hoặc “kẻ gian ác” .
Ngươi đã đem đến sự sỉ nhục cho nhà mình khi tiêu diệt nhiều người
"Vì ngươi đã tiêu diệt người người nên nhà người sẽ chịu sự sỉ nhục”
Ngươi
số ít
tiêu diệt
hủy diệt
đã phạm tội ngịch cùng chính mình
"làm tổn hại chính mình”
đá… rường gỗ
“đá” và “rường gỗ” tượng trưng cho những người bị thương trong việc xây dựng ngôi nhà đó, là những người lần lượt tượng trưng cho nhưng người bị dân Canh-đê hủy diệt.
kêu khóc
kết tội những người xây nhà cùng Đức Chúa Trời.
đáp lời họ
đồng ý với lời buộc tội
Habakkuk 2:12
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục trả lời Ha-ba-cúc. Ngài đang nói đến Canh-đê như thể họ là một người.
Khốn cho kẻ lấy máu xây thành, và kẻ lấy sự gian ác dựng phố!
Hai cụm từ nầy dùng những cách khác nhau để cùng nói về một ý. Cách dịch khác: "Một lời cảnh báo cho dân Canh-đê, là những kẻ xây dựng thành trì của mình bằng những thứ chúng cướp được từ những người mà mình đã giết hại”
lấy máu
bằng cách giết chết người khác . Cách dịch khác: "kẻ giết hại người khác rồi cướp lấy của cải của họ để xây thành”
và kẻ lấy sự gian ác dựng phố
"Kẻ dùng những việc làm gian ác để xây thành’. Dân Canh-đê dùng của cải cướp được từ những người mình đã giết để xây dựng các thành của mình.
Kìa, chẳng phải là do Đức Giê-hô-va vạn quân mà các dân làm việc cực nhọc để làm mồi cho lửa, và các nước khác nhọc nhằn cho sự hư không hay sao?
Đức Chúa Trời đã gây ra sự tàn phá cho những thứ mà dân đó đã xây nên. Ý nầy được diễn đạt bằng hai cách khác nhau để khiến nó rõ ràng hơn. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va là Đấng khiến điều các dân cực nhọc để xây lên bị hủy diệt bởi lửa và kết quả của họ thành ra hư không.”
Habakkuk 2:15
Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục trả lời Ha-ba-cúc. Ngài đang nói đến Canh-đê như thể họ là một người.
bỏ chất độc của mình
"bỏ độc của mình vào đồ uống của họ”
Ngươi sẽ no đầy sự sỉ nhục thay vì vinh quang
"Khi ngươi tìm kiếm vinh quang rất lớn, Đức Chúa Trời lại khiến người nhục nhã ê chề”
Ngươi
số ít
Hãy uống nó đi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Hãy uống chén độc dược đó đi”
Chén của Đức Giê-hô-va cầm trong tay phải sẽ đến phiên trao cho ngươi
"Vì Đức Giê-hô-va đã dùng toàn bộ sức lực của Ngài để trừng phạt các nước khác, vậy nên Ngài cũng sẽ dốc toàn lực mà trừng phạt ngươi”
Chén
"Chén rượu độc”
tay phải
tay mạnh mẽ hơn
sẽ đến lượt trao cho ngươi
"sẽ trao cho người như đã trao cho những người khác”
sự xấu hổ sẽ bao trùm sự vinh hiển của ngươi
"mọi dân sẽ thấy sự ô nhục ngươi mà chẳng ai thấy sự vinh hiển của ngươi”
Habakkuk 2:17
Thông tin chung:
Đức Chúa Trời tiếp tục phán về cách thức Ngài sẽ trừng phạt dân Canh-đê.
sự tàn hại các loài thú sẽ làm cho ngươi kinh hãi
"cái chết của các loài thú sẽ khiến ngươi kinh hãi”
Habakkuk 2:18
ngươi
Từ "ngươi” chỉ về dân Canh-đê
đúc tượng
Đây là tiến trình đúc một bức tượng bằng cách rót kim loại nóng chảy vào một vật gì đó được chạm khắc theo hình dạng mong muốn. Kim loại sẽ có hình dạng của khuôn đúc và rồi cứng lại thành một bức tượng hoặc một hình dạng nào đó.
nấu chảy
Đây là từ dùng cho kim loại ở trong hình dạng đã bị nấu chảy của nó.
thầy giả dối
Cụm từ nầy chỉ về một người tạc hoặc đúc ra một bức tượng. Khi làm ra một thần tượng giả dối, người ấy đang dạy sự dối trá.

Translation Questions

Habakkuk 2:1
Ha-ba-cúc cần thận xem vì điều gì?
Ha-ba-cúc cần thận nhìn xem Đức Giê-hô-va sẽ phán gì với ông.
Habakkuk 2:2
Đức Giê-hô-va bảo Ha-ba-cúc làm gì với sự hiện thấy?
Đức Giê-hô-va bảo Ha-ba-cúc chép lại sự hiện thấy ra trên bảng.
Habakkuk 2:3
Đức Giê-hô-va đảm bảo với Ha-ba-cúc điều gì về sự hiện thấy liên quan đến tương lai?
Đức Giê-hô-va đảm bảo với Ha-ba-cúc rằng sự hiện thấy này sẽ ứng nghiệm dù nó đến chậm.
Habakkuk 2:4
Đức Giê-hô-va nói người công bình sẽ sống như thế nào?
Đức Giê-hô-va nói người công bình sẽ sống bởi đức tin.
Habakkuk 2:5
Ba điều nào mà Đức Giê-hô-va nói rằng chúng sẽ không hề được thỏa mãn?
Đức Giê-hô-va nói rằng sự khao khát của kẻ kiêu ngạo, mồ mả, và sự chết chẳng bao giờ được thỏa mãn.
Habakkuk 2:8
Đức Giê-hô-va nói rằng điều gì sẽ xảy đến với kẻ kiêu ngạo là kẻ cướp nhiều nước?
Đức Giê-hô-va nói rằng kẻ kiêu ngạo sẽ bị cướp bởi số dân còn lại.
Habakkuk 2:9
Đầu tiên Đức Giê-hô-va công bố tai họa trên ai?
Đức Giê-hô-va công bố tai họa trên những kẻ lót ổ mình trong nơi cao, để được cứu khỏi tay hung ác.
Habakkuk 2:11
Đức Giê-hô-va nói rằng cái gì sẽ kêu lên vì cớ sự xấu hổ và tội lỗi?
Đức Giê-hô-va nói rằng đá sẽ kêu lên vì cớ sự xấu hổ và tội lỗi.
Habakkuk 2:12
Ai là người thứ nhì mà Đức Giê-hô-va công bố tai họa?
Đức Giê-hô-va công bố tai họa trên những kẻ lấy huyết dựng ấp, và lấy sự gian ác xây thành.
Habakkuk 2:14
Đức Giê-hô-va hứa rằng điều gì sẽ xảy ra khắp đất trong tương lai?
Đức Giê-hô-va hứa rằng khắp đất sẽ đầy dẫy sự nhận biết vinh quang Đức Giê-hô-va.
Habakkuk 2:15
Ai là người thứ ba mà Đức Giê-hô-va công bố tai họa?
Đức Giê-hô-va công bố tai họa trên kẻ pha đồ độc cho người lân cận mình uống, làm cho nó say, đặng xem sự lõa lồ nó.
Habakkuk 2:16
Kẻ pha đồ độc cho người lân cận mình uống sẽ nhận điều gì?
Chén của Đức Giê-hô-va cầm trong tay hữu sẽ đến phiên trao cho chúng, và sự nhuốc nha sẽ đổ ra trên sự vinh hiển chúng.
Habakkuk 2:18
Thợ làm tượng chạm đặt lòng tin cậy ở điều gì?
Họ đặt lòng tin nơi việc mình làm khi làm ra những thần câm nín.
Habakkuk 2:20
Điều gì phải được thực thi trước mặt Đức Giê-hô-va, là Đấng ngự trong đền thánh của Ngài?
All must be silent before Yahweh in his holy temple. Trước mặt Đức Giê-hô-va trong đền thánh Ngài, cả đất phải làm thinh.

Chapter 3

Habakkuk 3:1
Con đã nghe danh tiếng Ngài
Có thể hiểu cụm từ nầy là 1) "Con đã nghe người ta nói về những việc Ngài đã làm” hoặc 2) “Con đã nghe những điều Ngài vừa phán”
phục hưng công việc Ngài
"khiến công việc Ngài sống động trở lại” hoặc “lặp lại những điều Ngài đã làm trước đây”
khiến nó được biết
" khiến công việc Ngài được biết đến”
Habakkuk 3:3
Đức Chúa Trời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong Kinh Thánh, thuật ngữ “Đức Chúa Trời” nhắc đến sự sống đời đời là Đấng tạo dựng vũ trụ từ lúc không có gì. Đức Chúa Trời hiện có Cha, Con, và Đức Thánh Linh. Tên riêng của Đức Chúa Trời là “Đức Giê-hô-va.”

Chúa luôn hằng tồn tại, Ngài tồn tại trước mọi điều khác, và Ngài sẽ luôn hằng tồn tại mãi mãi. Ngài là Đức Chúa Trời chân thật duy nhất và có quyền năng trên khắp mọi thứ trong vũ trụ. Đức Chúa Trời là hoàn toàn công bình, vô cùng khôn ngoan, thánh khiết, vô tội, công chính, thương xót, và yêu thương. Ngài là Đức Chúa Trời hằng giữ giao ước, là Đấng luôn giữ trọn giao ước của mình. Mọi người được tạo dựng để thờ phượng Đức Chúa Trời và Ngài là Đấng duy nhất chúng ta sẽ thờ phượng. Chúa bày tỏ danh của Ngài là “Đức Giê-hô-va” điều đó nghĩa là, “Ngài là” hoặc “Ta là” hoặc “Đấng luôn tồn tại.” Kinh Thánh luôn dạy về các thần giả, tức là các thần tượng không sống mà người ta thờ phượng.

Bản dịch gợi ý

Những các dịch “Đức Chúa Trời” có thể bao gồm, “Vị Thần” hoặc “Đấng Sáng tạo” hoặc là “Đấng sống tối cao.” Những cách dịch khác có thể là, “Đấng Sáng tạo chí cao” hoặc "Chúa Chí cao đời đời" hoặc là “Sự sống Chí cao vĩnh hằng.” Có thể xem xét Đức Chúa Trời được nhắc đến trong ngôn ngữ địa phương hoặc ngôn ngữ quốc tế. Chúng có thể cũng là một từ “Đức Chúa Trời” trong ngôn ngữ phiên dịch hiện nay. Có nhiều ngôn ngữ viết hoa chữ cái đầu tiên của từ Đức Chúa Trời, để phân biệt với các thần giả. Cách khác để phân biệt là dùng hai từ thuật ngữ khác nhau cho “Chúa” và “chúa.” Cụm từ, “Ta sẽ là Thần của chúng nó và chúng sẽ là dân của ta” cũng có thể dịch thành, “Ta, Đức Chúa Trời, sẽ cai trị dân này và chúng sẽ thờ phượng ta.”

Đấng Thánh

Thuật ngữ “Đấng thánh” là danh hiệu trong Kinh Thánh mà gần như nhắc đến Đức Chúa Trời.

Trong sách Cựu Ước, danh hiệu này thường xuất hiện trong câu “Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.” Trong sách Tân Ước, Chúa Giê-su cũng thường được nhắc đến như “Đấng Thánh.” Thuật ngữ “Đấng Thánh” thường được dùng trong Kinh Thánh để kể đến thiên sứ.

Bản dịch gợi ý

Thuật ngữ nghĩa đen, “Đấng Thánh

vinh quang, vinh hiển

Trong nghĩa chung, thuật ngữ “vinh quang” nghĩa là tôn vinh, sáng chói, và vô cùng to lớn. Một thứ đã được vinh quang thì được gọi là “vinh hiển.”

Thỉnh thoảng “vinh quanh” được kể đến là một thứ có giá trị lớn và quan trọng. Trong ngữ cảnh khác nó có nghĩa chung như huy hoàng, rực rỡ, hoặc uy quyền. Lấy ví dụ, thành ngữ “vinh quang của bầy chiên” được kể đến như đồng cỏ tươi tốt là nơi bầy chiên của họ có đầy dẫy cỏ tươi để ăn. Vinh quang được đặt biệt dùng diễn tả Đức Chúa Trời, là Đấng nhiều vinh quang hơn ai hay thứ gì trong vũ trụ. Mọi thứ trong thần tính của Ngài bày tỏ vinh quang và sự huy hoàng của Ngài. Thành ngữ “được vinh quang trong” nghĩa là ngạo mạn về đều gì hay tự phụ trong điều gì.

Bản dịch gợi ý

Phụ thuộc vào ngữ cảnh, có nhiều cách khác nhay để dịch “vinh quang” có thể bao gồm, “huy hoàng” hay “rực rỡ” hoặc “oai vệ”, hoặc “sự to lớn tuyệt vời” hoặc “vô cùng giá trị.” Thuật ngữ “vinh hiển” có thể dịch thành “đầy sự vinh quang” hoặc “vô cùng quý giá” hoặc “sáng chói huy hoàng”, hoặc là “oai nghiêm đáng sợ.” Cách nói, “dâng vinh quang lên Chúa” có thể dịch thành “vinh dự của Chúa cao lớn” hoặc “ngợi khen Chúa vì sự huy hoàng của Ngài” hay “nói cho người khác Chúa cao cả thế nào.” Cách nói “vinh quang trong” có thể dịch thành, “ca tụng” hoặc “kiêu ngạo về” hoặc “ khoái chí trong.”

trên trời, bầu trời, tầng trời, thiên đàng

Thuật ngữ đó được dịch thành “trên trời” kể đến nơi Đức Chúa Trời sống. Từ tương tự cũng có thể mang nghĩa “bầu trời,” tùy thuộc vào ngữ cảnh.

Thuật ngữ “tầng trời” kể đến mọi thứ chúng ta thấy bên trên trái đất, bao gồm mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Nó cũng bao gồm phần thân của trên trời, cũng như cách xa các hành tinh, mà chúng ta không thể nhìn trực tiếp từ trái đất. Thuật ngữ “bầu trời” cũng kể đến bầu trời xanh bao la bên trái đất, có mây và không khí chúng ta thở. Thường thì mặt trời và mặt trăng cũng được nói thành “ở trên trời.” Trong một vài ngữ cảnh trong Kinh Thánh, từ “trên trời” có thể kể đến bầu trời hoặc nơi Đức Chúa Trời sống. Khi “trên trời” được dùng cách bóng bảy, nó là một cách đề cập đến Đức Chúa Trời. Ví dụ, khi Ma-thi-ơ viết về “vương quốc trên trời” thì ông đang đề cập đến vương quốc của Đức Chúa Trời.

Bản dịch gợi ý

Khi “trên trời” được dùng cách bóng bảy, nó có thể dịch thành “Đức Chúa Trời.” For "kingdom of heaven" in the book of Matthew, it is best to keep the word "heaven" since this is distinctive to Matthew's gospel. Để “vương quốc trên trời” trong sách của Ma-thi-ơ là cách tốt nhất để giữ từ “trời”, vì đây là điểm đặc biệt trong sách phúc âm Ma-thi-ơ. Thuật ngữ “thiên đàng” hoặc “phần thân thiên đàng” có thể dịch thành, “mặt trời, mặt trăng, và các vì sao” hoặc “mọi vì tinh tú trong vũ trụ.” Cụm từ, “các tinh tú trên trời” có thể dịch thành “các tinh tú trong bầu trời” hoặc “các tinh tú trong ngân hà” hoặc là “các tinh tú trong vũ trụ.”

ngợi khen

Để ngợi khen ai đó là cách diễn tả sự ngưỡng mộ và tôn trọng người đó.

Mọi người ngợi khen Chúa bởi vì sự vĩ đại của Ngài là thể nào và bởi vì mọi thứ đáng kinh ngạc mà Ngài đã làm như là Đấng Sáng tạo và Đấng giải cứu thế gian. Ngợi khen Chúa thường bao gồm việc đang cảm tạ những điều Ngài đã làm. Music and singing is often used as a way to praise God. Âm nhạc và ca hát thường được dùng là một cách ngợi khen Đức Chúa Trời. Việc ngợi khen Đức Chúa Trời là phần ý nghĩa để thờ phượng Ngài. Thuật ngữ “hãy ngợi khen” cũng có thể dịch thành, “nói tốt về” hoặc “tôn cao bằng những lời” hoặc “hãy nói những điều hay về.” Danh từ “ngợi khen” có thể dịch thành, “nói lên lòng tôn kính” hoặc “phát biểu những điều tôn kính” hoặc là “nói những điều tốt về.”

Habakkuk 3:4

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc tiếp tục mô tả khải tượng của Ngài về Đức Giê-hô-va.

tia sáng

Đây là những đường ánh sáng phát ra từ những nguồn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sáng, chẳng hạn như mặt trời.
của Ngài... của Ngài... của Ngài
của Đức Giê-hô-va
Habakkuk 3:6
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc tiếp tục mô tả khải tượng của Ngài về Đức Giê-hô-va.
đo lường địa cầu
Có thể hiểu cụm từ nầy là 1) Ngài quan sát, nghiên cứu nó như cách một người đi xâm lược sẽ làm trước khi chia phần cho bậc thống trị mình hoặc 2) Ngài khiến đất rúng động.
các núi đời đời... các đồi nghìn thu
"các núi đã có từ lúc bắt đầu... các đồi sẽ tồn tại cho đến kỳ cuối cùng". Nếu ngôn ngữ của bạn có những từ khác dùng cho "núi" và "đồi" hoặc "đời đời" và "nghìn thu" thì bạn có thể kết hợp chúng như bản dịch UDB đã làm.
cúi xuống
để thờ phượng Đức Chúa Trời. "bị san bằng xuống đất"
Habakkuk 3:7
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc tiếp tục mô tả khải tượng của Ngài về Đức Giê-hô-va.
các lều của Cu-san bị hoạn nạn, và các màn trại... của đất Ma-đi-an lung lay
Người dân Ma-đi-an và Cu-san đang run rẩy hoặc sửng sốt lo sợ giống như những tấm vải lều rung bần bật trước gió.
Cu-san
Có thể là 1) tên của một nhóm dân không được biết đến hoặc 2) giống như Cút
Phải chăng Đức Giê-hô-va nổi giận với các sông? Phải chăng cơn thịnh nộ Ngài nghịch với các sông hay sự giận dữ Ngài nổi lên nghịch với biển... các xe ngựa chiến thắng?
Nếu ngôn ngữ của bạn không có những từ riêng biệt dùng cho "nổi giận" và "cơn thình nộ" cũng như "sự giận dữ" thì bạn có thể gộp những dòng nầy lại: "Phải chẳng Đức Giê-hô-va nổi giận với các sông? Phải chăng cơn thịnh nộ của Ngài nghịch với biển... các xe ngựa chiến thắng?" Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời không hề nổi giận với các sông. Cơn thịnh nộ của Ngài chẳng nổi lên ngịch cùng các sông và sự giận dữ của Ngài cũng chẳng nổi lên nghịch cùng biển... các xe ngựa chiến thắng."
Ngài cưỡi ngựa và các xe ngựa chiến thắng
Vì một người lính sẽ cưỡi ngựa hoặc xe ngựa vào chiến trận, thì Đức Giê-hô-va cũng sẽ đến giải cứu dân Y-sơ-ra-ên như vậy.
Habakkuk 3:9
Sê-la
This term means "stop and reflect" or "lift up, exalt." (See: translate_unknown)
Các núi thấy Ngài đều quằn quại trong đau đớn
Khi Đức Chúa Trời xẻ đất, các núi đồi rúng động, như thể chúng có thể nhìn thấy được những hành động của Đức Chúa Trời và phản ứng bằng cách xoay lưng khỏi nơi đất bị xẻ ra.
Vực sâu gào thét!
tiếng những đợt sóng lớn trên biển
Nó dậy sóng!
mực nước dâng cao
Habakkuk 3:11
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc tiếp tục mô tả khải tượng của Ngài về Đức Giê-hô-va.
tại chỗ sự chói sáng của những mũi tên Ngài
bởi vì ánh sáng của các mũi tên của Đức Giê-hô-va quá rực rỡ
Trong cơn giận, Chúa tuần hành trên đất. Trong cơn thịnh nộ, Ngài giày đạp các dân
Hai câu nầy cùng nói về những ý giống nhau. Cùng với nhau, chúng nói về việc Đức Giê-hô-va trừng phạt các nước vì sự gian ác của chúng.
cơn giận
giận vì một điều gì đó sai trái
Habakkuk 3:13
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc đang mô tả Đức Giê-hô-va.
người được xức dầu của Ngài
Cụm từ nầy cũng có thể hiểu là "Đấng Mê-si-a của Ngài", nhưng các tài liệu tham khảo chỉ rõ là "dân Ngài" nên bạn có thể sử dụng một danh từ chung chung ở đây, chứ không phải là một tên gọi chính xác.
Ngài đập nát đầu của nhà kẻ ác
"Ngài tiêu diệt thủ lĩnh của những kẻ ác"
Habakkuk 3:14
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc đang mô tả Đức Giê-hô-va đang hủy diệt dân Canh-đê.
chúng kéo đến như giông bão
Sức mạnh và sự nhanh lẹ của dân Canh-để khi họ tấn công dân Y-sơ-ra-ên được ví sánh như một cơn bão thình lình ập đến.
hả hê
"khoe khoang khoác lác"
ăn nuốt kẻ nghèo khó trong nơi ẩn trốn
tìm những người nghèo khó, là những người đang ẩn nấp, để giết và chiếm đoạt mọi của cải của họ.
ăn nuốt
năn nuốt mọi thứ cách nhanh chóng, mau lẹ.
Habakkuk 3:16
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc đang mô tả nỗi sợ của mình khi ông nghĩ về cách thức Đức Giê-hô-va trừng phạt dân Canh-đê.
người con run rẩy! Môi con run cầm cập... Xương cốt con như mục nát... chân con lảo đảo
Những vế nầy nói đến nỗi sợ hãi khi nghĩ về những sự kiện sắp xảy đến. Ha-ba-cúc đang dùng một vài bộ phận trên người mình để cho rằng cả người ông chỗ nào cũng đầy sợ hãi.
Mục nát
sự thối rửa
Habakkuk 3:17
cây vả... cây nho... cây ô-liu... ruộng đồng... bầy gia súc
không hề có thức ăn. Đây gần như là toàn bộ các nguồn thức ăn được tìm thấy trong đất Y-sơ-ra-ên.
Habakkuk 3:18
Thông tin chung:
Ha-ba-cúc đang ngợi khen Đức Giê-hô-va.
vui mừng... hân hoan
Cả hai từ đều nói về việc "vui mừng", nhưng nếu ngôn ngữ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của bạn có từ đặc biệt để diễn tả niềm vui sau khi thắng trận, thì có thể sử dụng từ “hớn hở” ở đây.

làm cho chân con giống như chân hươu, Ngài dẫn con lên các nơi cao của mình

Chân như chân hươu sẽ giúp Ha-ba-cúc có thể trèo lên các cách núi dốc đứng. Từ “các nơi cao” chỉ về những nơi mà nguy hiểm không với tới được. Ông đang nói rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho ông khả năng tìm thấy một nơi an toàn.

Translation Questions

Habakkuk 3:2

Sau khi nghe Đức Giê-hô-va phán, sự hưởng ứng đầy cảm xúc của Ha-ba-cúc là gì?

Sau khi nghe Đức Giê-hô-va phán, Ha-ba-cúc sợ hãi.

Ha-ba-cúc xin Đức Giê-hô-va nhớ điều gì?

Ha-ba-cúc xin Đức Giê-hô-va nhớ lại sự thương xót đương cơn giận.

Habakkuk 3:5

Khi Đức Chúa Trời đến, cái gì đi trước và theo sau Ngài?

Khi Đức Chúa Trời đến, bệnh dịch đi trước và tai họa theo sau Ngài.

Habakkuk 3:6

Đức Giê-hô-va làm gì với các nước trong cơn thạnh nộ của Ngài?

Đức Giê-hô-va làm tan tác các dân.

Habakkuk 3:13

Tại sao Đức Giê-hô-va đi ra một cách căm phẫn?

Đức Giê-hô-va đi ra một cách căm phẫn đặng cứu dân Ngài và Đấng chịu xức dầu của Ngài.

Đức Giê-hô-va làm tan tác những ai trong cơn căm phẫn của Ngài?

Đức Giê-hô-va đánh tan đầu của nhà của kẻ gian ác.

Habakkuk 3:14

Các lính chiến gian ác làm gì khi chúng làm tan tác dân sự của Đức Giê-hô-va?

Lính chiến nhìn hả hê trên dân sự của Đức Giê-hô-va.

Habakkuk 3:16

Ha-ba-cúc nín lặng chờ đợi điều gì?

Ha-ba-cúc nín lặng chờ đợi ngày hoạn nạn đến trên dân xâm chiếm dân sự của Đức Giê-hô-va.

Habakkuk 3:17

Dân sự của Đức Giê-hô-va chịu đựng những gian khổ gì?

Cây vả và cây ô-li-ve không sanh sản, đồng ruộng không sanh ra đồ ăn; và không có bầy bò trong chuồng nữa.

Habakkuk 3:18

Dù gặp gian khổ, Ha-ba-cúc vẫn sẽ làm gì?

Dù gặp gian khổ, Ha-ba-cúc vẫn sẽ hớn hở trong Đức Giê-hô-va.

Habakkuk 3:19

Đức Giê-hô-va dẫn Ha-ba-cúc đến đâu?

Đức Giê-hô-va dẫn Ha-ba-cúc đến những nơi cao.

Chapter 1

Zephaniah 1:1

có lời của Đức Giê-hô-va đến

"lời Đức Giê-hô-va phán"

Ta sẽ quét sạch tất cả khỏi mặt đất… Ta sẽ quét sạch loài người khỏi mặt đất

Đây là những cách nói quá cố ý của Đức Giê-hô-va nhằm thể hiện sự giận dữ của Ngài trước tội lỗi của dân sự.

loại bỏ

Việc hủy diệt được nói đến nhưng thể cắt bỏ một phần của một thứ gì đó.

Đức Giê-hô-va

Đây là danh xưng của Đức Chúa Trời khi Ngài bày tỏ với con người trong Cựu ước.

Zephaniah 1:4

Minh-com

"Minh-côm” có lẽ là một cách gọi khác cho thần tượng “Mô-lóc”

Zephaniah 1:7

Đức Giê-hô-va đã chuẩn bị một sinh tế và biệt riêng các khách Ngài đã mời

Ngôn ngữ nầy đang cho thấy kế hoạch lớn nhất của Đức Chúa Trời và cách Ngài dùng các kẻ thù của dân Ngài để hoàn thành các mục đích của Ngài. .

tất cả những kẻ mặc y phục ngoại bang

Cụm từ nầy đưa ra giả thuyết rằng dân Y-sơ-ra-ên mặc những y phục giống những dân ngoại bang để tỏ ra thông cảm với những phong tục của họ và để thờ phượng các thần tượng ngoại bang của họ. .

Trong ngày đó

"Trong ngày của Đức Giê-hô-va”

tất cả những kẻ nhảy qua ngưỡng cửa

Đây là cách nói chỉ những người đã thờ phượng một thần đặc biệt gọi là Đa-gan. Tham khảo cách dịch: “tất cả những kẻ thờ phượng Đa-gan” .

Zephaniah 1:10

Lời phán của Đức Giê-hô-va

Tham khảo cách dịch: “những điều Đức Giê-hô-va đã phán” hoặc “những điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán”

Cổng Cá

Cổng Cá là một trong số những cổng trên tường thành.

tiếng thét gào ở Quận Nhì

Tham khảo cách dịch: “Tiếng than khóc lớn tiếng từ Quận Nhì”. Quận Nhì là một phần mới của Giê-ru-sa-lem.

từ các đồi

Cụm từ nầy chỉ về các đồi vây quanh Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “từ các đồi chung quanh Giê-ru-sa-lem”

vì mọi kẻ buôn bán sẽ bị tiêu diệt; và mọi kẻ cân bạc sẽ không còn nữa

Tham khảo cách dịch: “vì những kẻ mua bán hàng hóa, tức là những kẻ buôn bán, sẽ bị giết”

Zephaniah 1:12

Ta sẽ dùng đèn đuốc lục soát Giê-ru-sa-lem

Sẽ không ai có thể trốn khỏi Đức Chúa Trời.

chìm ngập trong rượu của mình

Họ cảm thấy an toàn, không lo lắng hay bất an.

và tự nhủ

Họ nói một cách chắc chắn.

Zephaniah 1:14

đến gần, gần rồi và đến rất nhanh

Việc lặp đi lặp lại từ “gần” cùng với cụm từ “rất nhanh” nhấn mạnh rằng ngày Đức Giê-hô-va trừng phạt dân sự sẽ sớm đến. Tham khảo cách dịch: “gần và sẽ sớm xảy ra”

Ngày ấy là ngày thịnh nộ… tường thành

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu nầy nhấn mạnh sự đoán phạt của Đức Chúa Trời sẽ khủng khiếp như thế nào. Có rất nhiều phép tu từ khác nhau được sử dụng và cho thấy bản chất hủy diệt trong phán quyết cuối cùng của Đức Chúa Trời. Nó tạo ra sự nhấn mạnh.

ngày đau buồn và khốn khổ

Từ "đau buồn" và “khốn khổ” cùng nói về một ý và nhấn mạnh cường độ đau buồn của dân sự. Tham khảo cách dịch: “ngày người ta cảm thấy đau buồn kinh khiếp”

ngày bão tố và tàn phá

Ở đây, từ “bão tố” chỉ về sự đoán phạt thiêng liêng. Từ “tàn phá” mô tả những tác động của sự đoán phạt đó. Tham khảo cách dịch: “ngày giông bão tàn phá” hoặc “ngày đoán phạt hủy diệt”

ngày tối tăm và ảm đạm

Từ "tối tăm" và “ảm đạm” có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh cường độ của bóng tối. Cả hai từ nầy đều cùng chỉ về thời gian khi thảm họa hoặc sự đoán phạt thiêng liên xảy ra. Tham khảo cách dịch: “ngày đầy tối tăm” hoặc “ngày đoán phạt kinh khiếp”

ngày mây mù và bóng tối âm u

Cụm từ nầy cùng nói về một ý, ý sau tăng cường nhấn mạnh cho ý của vế trước. Giống như những cụm từ trước, cả hai từ “mây mù” và “bóng tối âm u” đều cùng chỉ về sự đoán phạt của Chúa. Tham khảo cách dịch: “một ngày đầy mây mù”

ngày với tiếng kèn và báo động

Từ "tiếng kèn" và “tiếng báo động” về cơ bản cùng nói về một ý ở đây. Cả hai đều cùng chỉ về việc kêu gọi, triệu tập những người lính chuẩn bị cho chiến trận. Tham khảo cách dịch: “ngày người tan thổi kèn báo động cho chiến trận”

các thành kiên cố và các tường thành cao

Cả hai cụm từ nầy đều cùng cihr về những đồn lũy chiến trận. Tham khảo cách dịch: “những thành trì kiên cố”

Zephaniah 1:17

bước đi như người mù... đổ ra như bụi... ruột họ như phân

Ba cụm từ nầy là những phép so sánh để cho thấy những điểm chung mà họ đều có.

lửa ghen tuông của Ngài

Cụm từ nầy chỉ về quyền lực trong cơn giận của Đức Giê-hô-va.

Translation Questions

Zephaniah 1:1

Đức Chúa Trời nói với Sô-phô-ni rằng Ngài sẽ làm gì đối với các loài chim trời, cá biển và con người?

Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ hủy diệt và trừ tiệt khỏi mặt đất.

Zephaniah 1:2

Đức Chúa Trời nói với Sô-phô-ni rằng Ngài sẽ làm gì đối với các loài chim trời, cá biển và con người?

Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ hủy diệt và trừ tiệt khỏi mặt đất.

Zephaniah 1:4

Thần mà Đức Chúa Trời nói rằng Ngài sẽ trừ tiệt từng phần sót lại tên gì?

Ngài sẽ trừ tiệt phần sót lại của Ba-anh.

Zephaniah 1:5

Những kẻ trên nóc nhà thờ lạy gì?

Những kẻ trên nóc nhà thờ lạy các cơ binh trên trời.

Zephaniah 1:7

Dân sự phải làm gì trước mặt Đức Giê-hô-va?

Họ phải im lặng trước mặt Đức Giê-hô-va.

Zephaniah 1:9

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ phạt ai trong ngày tế lễ?

Đức Giê-hô-va sẽ phạt các quan trưởng và các con trai của vua, và hết thảy những kẻ mặc áo lạ, những kẻ nhảy qua ngạch cửa, và những kẻ làm đầy dẫy sự bạo ngược và sự quỷ quyệt trong nhà chủ mình.

Zephaniah 1:10

Tư nơi Cửa Cá và Phố Thứ hai sẽ có tiếng gì trong ngày đó?

Trong ngày đó sẽ có một tiếng kêu đau buồn và than khóc.

Zephaniah 1:11

Điều gì sẽ xảy đến với những người buôn bán trong ngày đó?

Họ sẽ bị mòn mỏi, và mọi kẻ chở bạc sẽ bị diệt mất.

Zephaniah 1:12

Một số người ở Giê-ru-sa-lem nói gì về Đức Giê-hô-va?

Họ nói, "Đức Giê-hô-va sẽ chẳng xuống phước cũng chẳng xuống họa."

Zephaniah 1:14

Ngày thạnh nộ, thống khổ, và tăm tối sẽ là ngày gì?

Ngày lớn của Đức Giê-hô-va sẽ là ngày thạnh nộ, thống thổ, và tăm tối.

Zephaniah 1:15

Ngày thạnh nộ, thống khổ, và tăm tối sẽ là ngày gì?

Ngày lớn của Đức Giê-hô-va sẽ là ngày thạnh nộ, thống thổ, và tăm tối.

Zephaniah 1:17

Máu của ai sẽ đổ ra như bụi trong ngày của Đức Giê-hô-va?

Những kẻ đã phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời.

Zephaniah 1:18

Trong ngày đó, điều gì sẽ không thể cứu được họ?

Bạc và vàng của họ sẽ không thể cứu họ.

Chapter 2

Zephaniah 2:1

Hãy tập hợp lại, hãy nhóm họp lại

Cả hai cụm từ nầy cùng nói về một ý. Cùng với nhau, chúng nhấn mạnh mệnh lệnh truyền cho dân chúng phải tập hợp lại với nhau để ăn năn tội lỗi của mình. Tham khảo cách dịch: “hãy tập hợp lại”

dân chẳng biết xấu hổ

Dân không hề thấy hối lỗi.

ngày ấy trôi qua như trấu

Trấu là một phần vô nghĩa của cây, bị quăng bỏ; vậy nên ngày nầy cũng sẽ trôi qua nhanh chóng. .

trước khi cơn nóng giận của Đức Giê-hô-va đến trên các ngươi; trước khi ngày thịnh nộ của Đức Giê-hô-va Đến trên các ngươi

Vị tiên tri lặp lại cùng một cụm từ gần như là như nhau để nhấn mạnh sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va sẽ kinh khủng ra sao và nhấn mạnh tính cấp bách cho việc dân sự phải ăn năn. .

cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ nầy chỉ về ý định trừng phạt của Đức Chúa Trời.
Zephaniah 2:4
Người ta sẽ đuổi Ách-đốt ra đi giữa trưa, và họ sẽ nhổ bỏ Éc-rôn
Dân chúng sẽ bị đuổi khỏi các thành đó một cách nhanh chóng và hoàn toàn.
cho đến khi không còn dân cư nào sót lại
Tham khảo cách dịch: “cho đến khi không còn ai ở đó”
Zephaniah 2:6
Vậy, miền ven biển sẽ trở thành… làm chuồng cho bầy chiên
Phần nghĩa của câu nầy không rõ ràng và trong các bản dịch hiện đại, chúng được dịch theo những cách khác nhau.
chuồng cho bầy chiên
Chuồng chiên là một khu vực nhỏ có hàng rào bao quanh để gom giữ bầy chiên lại.
nằm nghỉ
nghĩa là ngủ trên giường
Zephaniah 2:8
lời phán của Đức Giê-hô-va vạn quân
"những lời Đức Giê-hô-va vạn quân phán” hoặc “những điều Đức Giê-hô-va vạn quân truyền phán”
Zephaniah 2:10
lòng kiêu ngạo
dùng để chỉ một người nghĩ bản thân mình quá cao trọng, hơn thế nữa nghĩ rằng mình cao trọng hơn người khác.

Một người kiêu ngạo thường không chấp nhận những lỗi lầm của chính mình. Người đó thường không khiêm nhường. Kiêu ngạo có thể dẫn đến việc không tôn thờ Chúa trong những cách khác nhau. Từ này cũng được sử dụng với nghĩa tích cực là "tự hào" về thành tựu mà ai đó đạt được và tự hào về con cái của bạn. Thành ngữ "tự hào về những gì mình làm được" có nghĩa là tìm thất niềm vui khi mình làm tốt công việc. Vài người có thể tự hào về việc người đó đã làm được mà không quá tự phụ vì nó. Vài ngôn ngữ có những từ khác nhau cho hai nghĩa khác nhau của từ này. Từ " tự phụ" luôn mang ý nghĩa tiêu cực như" kiêu căng", "ngạo mạn" hay "tự cao tự đại".
chế nhạo
Từ này chỉ việc dem người khác ra làm trò cười, theo một cách ác ý.

Chế nhạo thường là việc bắt chước từ ngữ hay hành động của người đó nhằm làm họ xấu hổ hay bày tỏ sự khinh bỉ họ. Lính La Mã chế nhạo Chúa Giê-xu khi họ đội một cái mão gai lên đầu Ngài với ý định vinh danh Ngài như một vị vua. Một đám trẻ cười cợt và chế nhạo tiên tri Ê-li-sê khi gọi ông là tên hói đầu. Từ "chế giễu" có thể chỉ việc giễu cợt một ý tưởng mà mà nó dường như không đáng tin hay quan trọng. " Một người hay nhạo báng" là người luôn luôn chế nhạo và giễu cợt.
nỗi sợ Đức Giê-hô-va
Từ " sợ hãi" chỉ về một cảm xúc không vui của con người khi có một mối đe dọa hay sự hãm hại xảy đến cho người đó hay người khác.

Từ "sợ" cũng dùng để chỉ sự tôn kính sâu sắc cho một người có uy quyền. Cụm từ "nỗi sợ Đức Giê-hô-va" cũng như " nỗi sợ Chúa" chỉ về sự kính sợ Chúa và bày tỏ điề đó bằng việc thờ lạy Ngài. Nỗi sợ đó xuất phát từ việc biết rằng Chúa là thánh và ghét tội lỗi. Kinh Thánh dạy rằng một người kính sợ Chúa sẽ trở nên khôn ngoan. Dựa vào ngữ cảnh, "sợ" có thể được dịch là "kinh sợ" hay "tôn trọng sâu sắc" hay "sùng kính". Từ " sợ" có thể được dịch là "kinh hãi" hay " sợ hãi" Câu " Sự kinh hãi Chúa xông vào tất cả họ" có thể dịch là "Thình lình tất cả họ kinh sợ và tôn kính Chúa" hay "Lập tức, họ kinh ngạc và sùng kính Chúa" hoặc là "Ngay sau đó, họ cảm thấy rất kinh sợ Chúa".
thần trên đất
Những thần giả là những thứ con người thờ phượng thay thế cho Chân Chúa duy nhất.Từ "nữ thần" đặc biệt chỉ về những vị thần giả là phái nữ.

Những vị thần hay nữ thần giả này không tồn tại. Đức Giê-hô-va là Chân Chúa duy nhất. Người ta thỉnh thoảng làm những hình tượng những vị thần để thờ lạy như một biểu tượng của những vị thần giả. Trong KInh Thánh, người của Chúa thường xuyên quay khỏi việc thờ lạy Ngài để thờ lạy những thần không thật. Ma quỷ thường dối gạt rằng những vị chúa và thần tượng không có thật có năng quyền, để con người tin vào. Ba-anh, Da-gon và Mo-loc là ba trong số những vị thần giả mà con người thờ phượng trong thời Kinh Thánh. A-sê-ra và Ác-tê-mít (Diana) là hai vị nữ thần mà người xưa tôn thờ. Có thể chỉ dùng chung một từ để chỉ cả "Chúa" và "chúa giả" trong một vài ngôn ngữ. Từ "thần tượng" được dùng để chỉ những vị chúa giả. Trong tiếng Anh, chữ cái "g" viết thường dùng để chỉ những vị chúa giả và "G" viết hoa để chỉ Chân Chúa thật duy nhất. Những ngôn ngữ khác cũng làm như vậy. Một giải pháp khác là sử dụng một từ khác hoàn toàn để chỉ những vị chúa giả. Vài ngôn ngữ thường thêm một từ vào để xác định thần giả đó là nam hay nữ.
đất
Từ "đất" chỉ về thế giới nơi con người sinh sống cùng với mọi sinh vật khác.

"Đất" cũng dùng để chỉ về mặt đất hay bụi đất trải trên đất liền. Từ này cũng mang nghĩa biểu trưng ám chỉ con người sống trên trái đất. Thành ngữ " hãy để trái đất chung vui" và " Chúa sẽ phán xét trái đất" là ví dụ về cách dùng tượng trưng của từ này. Từ "trần tục" thường ám chỉ những thứ thuộc về vật chất ngược với những thứ thuộc về tinh thần. Từ này cũng thường ám chỉ về hành tinh trái đất, nơi con người đang sinh sống. Tùy vào ngữ cảnh, "trái đất" có thể được dịch là "thế giới" hay "mặt đất" hay "bụi đất" Khi sử dụng theo nghĩa biểu tượng, "trái đất" có thể được dịch là "con người sống trên trái đất" hay "mọi thứ trên trái đất" Dịch từ "trần tục" có thể bao gồm cả nghĩa "thuộc về vật chất" hay "những thứ trên trái đất" hoặc là " có thể thấy được bằng mắt trần".
thờ phượng
nghĩa là tôn vinh, ca ngợi, thờ lạy ai đó, đặc biệt là Chúa.

Theo nghĩa đen là "quỳ xuống", "nằm phủ phục" để tôn thờ ai đó cách khiêm nhường. Chúng ta tôn thờ Chúa khi chúng ta phục vụ và tôn kính Ngài bằng việc ca tụng và thờ phượng Ngài. Khi dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng Chúa, thường đi kèm việc hiến tế một con vật trên bàn thờ. Nhiều người thờ lạy những vị thần giả. Từ "thờ phượng" có thể được dịch là "cúi xuống" hay "ca ngợi và phục vụ" hoặc "ca ngợi và thờ lạy". Trong vài trường hợp, nó có thể được dịch là "khiêm cung ca ngợi" hay " khen ngợi và tôn vinh".
Zephaniah 2:12
những đầu cột của nó
Khi các công trình nhà cửa bị phá hủy và đổ sụp xuống, thì

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những cột trụ chống đỡ hoặc chỉ để làm trang trí thường sẽ còn đứng vững lại.

xà gỗ

Xà gỗ là những cây gỗ dài và dày, được dùng để khiến cấu trúc ngôi nhà được vững chãi.

Zephaniah 2:15

huýt sáo và khua cao nắm đấm của mình lên

Huýt sáo là âm thanh giận dữ. Cụm từ nầy chỉ về cơn giận tột độ của dân chúng với Ni-ni-ve.

Translation Questions

Zephaniah 2:2

Người ta phải làm gì để tránh cơn thạnh nộ dữ dội của Giê-hô-va Đức Chúa Trời.

Dân chúng phải tìm kiếm sự công bình và khiêm nhường để tránh sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va.

Zephaniah 2:3

Người ta phải làm gì để tránh cơn thạnh nộ dữ dội của Giê-hô-va Đức Chúa Trời.

Dân chúng phải tìm kiếm sự công bình và khiêm nhường để tránh sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va.

Zephaniah 2:4

Những kẻ không chú ý đến lời cảnh báo của Đức Giê-hô-va sẽ gặp điều gì?

Người nào không chú ý về lời cảnh báo của Đức Giê-hô-va sẽ bị nhổ rễ và tiêu diệt.

Zephaniah 2:5

What will happen to those who will not heed the warning of Yahweh?

All peoples who will not heed the warning of Yahweh will be uprooted and destroyed.

Zephaniah 2:9

Mô-áp và Am-môn sẽ trở nên giống như những thành nào?

Mô-áp sẽ giống như Sô-đôm, và dân Am-môn sẽ giống như Gô-mô-rơ.

Zephaniah 2:14

Loài chim nò sẽ làm tổ trên đầu các cột của A-si-ri?

Loài cú sẽ làm tổ trên đầu các cột của A-si-ri.

Zephaniah 2:15

Thành phố hoan hỉ sẽ trở nên thế nào?

Thành phố hoan hỉ sẽ trở nên một nỗi ghê rợn, ột nơi cho các loài thú nằm nghỉ.

Chapter 3

Zephaniah 3:1

Nó chẳng chịu nghe tiếng Đức Chúa Trời

Dân Giê-ru-sa-lem không chịu vâng theo những điều mà Đức Chúa Trời sau các tiên tri của Ngài truyền dạy họ.

và sẽ không đến gần Đức Chúa Trời mình

Dân chúng không mong muốn thờ phượng cũng như không muốn vâng phục Đức Chúa Trời

Zephaniah 3:3

Các quan chức của nó như sư tử gầm thét giữa nó

Tham khảo cách dịch: “những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên rất hung bạo”

Các thẩm phán nó như muông sói ban đêm, chúng không chừa lại gì đến sáng

Tham khảo cách dịch: “Các thẩm phán nó là những kẻ gian ác cướp bóc tài sản của người khác”. Đây là một hình ảnh ẩn dụ.

Các kẻ tiên tri nó đều ngạo mạn và xảo trá

Tham khảo cách dịch: “Các tiên tri củ nó đều phản nghịch và bất tuân”

Zephaniah 3:5

Nó sẽ chẳng bị giấu đi trong ánh sáng

Tham khảo cách dịch: “công lý Ngài sẽ được công khai rõ ràng cho hết thảy mọi người”

Zephaniah 3:6

Ta làm cho đường phố nó ra tan hoang, đến nỗi không còn ai qua lại đó.

Các thành của chúng đã bị tiêu diệt, đến nỗi không còn một người nào cư ngụ tại đó

Đức Giê-hô-va đang dùng hai cách nói khác nhau để nói về cùng một ý và nhằm nhấn mạnh sự tàn phá những thành đó.

Zephaniah 3:8

Lời phán của Đức Giê-hô-va

Cụm từ nầy có nghĩa là những điều Đức Giê-hô-va truyền phán

Ta nổi dậy vì những con mồi đó

"Ta đứng lên hủy diệt những con mồi đó”

để tập hợp các dân tộc và quy tụ các vương quốc

Cả hai cụm từ nầy cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt mọi nước.

cơn giận, tức là tất cả cơn thịnh nộ bừng bừng của Ta

Từ "cơn giận” và “cơn thịnh nộ bừng bừng’ về cơ bản cùng nói về một ý nhấn mạnh mức độ trong cơn giận của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “cơn giận kinh khiếp của Ta”

để mọi đất sẽ bị nuốt bởi lửa trong cơn giận dữ của Ta

Cụm từ nầy có thể viết lại ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “như vậy lửa trong cơn giận của Ta sẽ nuốt chửng mọi đất”

bị nuốt chửng bởi lửa trong cơn giận của Ta

Ở đây, cơn giận được nói đến như thể nó là một ngọn lửa thiêu rụi thứ gì đó.

Zephaniah 3:9

Ta sẽ ban môi miệng tinh sạch cho các dân

Đây là một cách khác để nói rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến dân Ngài nói những điều phải lẽ.

kề vai sát cánh phục sự Ta

Dân sự sẽ hiệp một trong ước muốn phục vụ Đức Chúa Trời, như thể họ hiệp lại trong thân thể khi họ đứng cạnh nhau, vai kề vai.

Zephaniah 3:12

lưỡi giả dối sẽ chẳng thấy trong miệng họ

Tham khảo cách dịch: “sẽ không ai tìm thấy lưỡi giả dối trong miệng họ” hoặc “họ sẽ chẳng nói điều chi giả dối”

chúng sẽ gặm cỏ và nằm nghỉ

Đức Giê-hô-va nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là bầy chiên đang gặm cỏ và nghỉ ngơi trong an toàn.

Zephaniah 3:14

con gái Si-ôn

Cụm từ nầy chỉ về hết thảy những người dân tại Giê-ru-sa-lem.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đừng để tay ngươi bủn rủn
Cụm từ nầy có nghĩa là không cảm thấy yếu đuối hay vô dụng như thể tay trở nên yếu ớt, bủn rủn.
Zephaniah 3:17
quyền năng
đề cập đến việc có sức mạnh và năng lực vĩ đại. Từ "quyền năng" cũng có nghĩa như là "sức mạnh". Khi nói về Chúa, nó có nghĩa là " năng quyền". Cụm từ " những người đàn ông có sức mạnh" thường đề cập đến những người đàn ông dũng cảm và chiến thắng trong chiến trận. Những người đàn ông trung thành tập họp trong nhóm quân của vua Đa-vít đã bảo vệ ông cũng thường được gọi là " những người đàn ông của sức mạnh". Chúa cũng được gọi là "Đấng quyền năng". Cụm từ " những công việc quyền năng" thường dùng để gọi những điều kỳ diệu Đức Chúa Trời làm, nhất là những phép lạ. Thuật ngữ này cũng liên quan đến từ " toàn năng", thường dùng để mô tả về Đức Chúa Trời, nghĩa là Đấng có năng lực hoàn toàn. Dựa vào ngữ cảnh, từ " năng quyền" có thể được dịch là " có quyền lực lớn" hay " kì diệu" hay là " rất mạnh". Cụm từ " sức lực của anh ấy" có thể được dịch là " sức mạnh của anh ấy" hay " quyền lực của anh ấy". Trong sách Công vụ đoạn 7, Môi-se được miêu tả như một người đàn ông có " tài năng cả trong lời nói và việc làm". Điều này cũng có thể được dịch là " Môi-se nói và làm những việc phi thường nhờ Chúa" hay "Môi-se nói những lời của Chúa một cách đầy năng quyền và đã làm những việc kì diệu". Tùy vào văn cảnh, "những công việc năng quyền" có thể được dịch là " những điều vĩ đại Chúa làm" hay "những phép lạ" hoặc là " Chúa làm mọi sự bằng năng quyền của Ngài". Từ " sức mạnh" có thể được dịch là " năng lực" hay "sức mạnh vĩ đại". Đừng nhầm lẫn từ này với từ tiếng Anh có nghĩa là một khả năng, ví như " Trời có thể mưa".
giải cứu
Từ " giải cứu" có nghĩa là giữ ai đó khỏi phải chịu những việc xấu hay bị hại. " Được an toàn" có nghĩa là được bảo vệ khỏi bị hại hay nguy hiểm. Về ý nghĩa thuộc thể, người ta có thể được cứu khỏi bị hại, nguy hiểm hay sự chết. Về mặt thuộc linh, một người được cứu, có nghĩa là thông qua sự chết của Chúa Jesus trên cây thập tự, Đức Chúa Trời tha thứ và giải cứu người đó khỏi hình phạt nơi hỏa ngục vì tội lỗi của người đó. Con người có thể giải cứu con người khỏi nguy hiểm nhưng chỉ có Chúa mới có thể cứu con người khỏi hình phạt vì tội lỗi của họ mãi mãi. Từ "cứu" còn có thể dịch là "giải thoát" hay "giữ khỏi nguy hiểm" hoặc là " đưa ra khỏi chỗ hiểm nguy" hay " giữ khỏi sự chết". Trong câu "bất cứ ai muốn cứu mạng sống mình" (Mat 16:25) , từ " cứu" có thể được dịch là "giữ gìn" hay "bảo vệ". Từ " an toàn" có thể được dịch là " được bảo vệ khỏi nguy hiểm" hay " ở trong nơi không thể bị hại".
niềm vui
Niềm vui là một cảm xúc vui mừng, hoàn toàn thỏa mãn đến từ Chúa. Từ " đầy sự vui vẻ" mô tả một người cảm thấy rất vui mừng và tràn ngập hạnh phúc. Một người cảm nhận niềm vui khi người ấy có một cảm giác sâu sắc rằng người ấy đang trải qua và kinh nghiệm những điều thật tốt đẹp. Chúa là Đấng đem đến niềm vui thật sự cho con người. Sống trong niềm vui thật không phụ thuộc vào thuận cảnh. Chúa ban cho con người niềm vui thật dẫu khi người đó phải trải qua những nghịch cảnh trong cuộc đời. Đôi khi có những nơi như nhà hay thành phố được mô tả như một nơi đầy niềm vui, có nghĩa là những con người sống trong đó có đầy niềm vui. Từ " niềm vui" có thể được dịch là "sự hân hoan", "sự vui thích" hay "niềm hạnh phúc lớn lao". Cụm từ " đầy vui vẻ" có thể dịch là "làm vui lòng" hay " rất vui vẻ" hay một cụm từ có nghĩa là " rất hạnh phước trong sự tốt lành của Chúa". Một người đầy vui mừng có thể được mô tả là "rất hạnh phúc" hay là " vui mừng sâu sắc". Cụm từ " cất tiếng reo mừng" có thể được dịch là " reo hò khi bạn đang rất hạnh phúc". "Thành phố đầy vui mừng" hay " ngôi nhà đầy niềm vui" có thể hiểu là " một thành phố nơi cư dân có đầy sự vui mừng" hay " ngôi nhà của những người vui mừng" hoặc là " thành của những cư dân hạnh phúc".
tình yêu của Ngài
Yêu người khác là chăm sóc cho người đó và làm mọi điều đem lại ích lợi cho người đó. Có nhiều ý nghĩa khác nhau cho từ " tình yêu" trong nhiều ngôn ngữ khác nhau có thể diễn đạt bằng những từ khác nhau.

Tình yêu đến từ Chúa chú trọng vào việc làm những việc tốt cho người khác, thậm chí cả khi việc đó không đem lại lợi ích cho bản thân.Đó là loại tình yêu luôn quan tâm đến người khác, bất kể việc họ làm. Chính Chúa là tình yêu và là nguồn của tình yêu đích thực. Chúa Giê-xu bày tỏ tình yêu đó bằng việc hy sinh mạng sống của Ngài để cứu chúng ta khỏi tội lỗi và sự chết. Ngài cũng dạy những môn đệ của Ngài rằng hãy yêu người khác một cách đầy hy sinh. Khi người ta yêu người khác bằng loại tình yêu đó, những hành động của người đó sẽ bày tỏ rằng họ luôn muốn cho người kia trở nên tốt hơn, phát triển hơn. Điều đặc biệt trong loại tình yêu này là luôn tha thứ cho người khác. Theo Kinh Thánh bản ULB, từ " tình yêu" nói về loại tình yêu hy sinh, mặc dù Translation Note chỉ ra một ý nghĩa khác.
Từ khác trong Kinh Thánh Tân Ước đề cập đến tình yêu thương anh em hay tình bạn hữu hay tình thân trong gia đình.

Từ này đề cập đến tình yêu con người tự nhiên giữa bạn bè hay họ hàng. Nó cũng được sử dụng trong ngữ cảnh như " Họ ưa thích ngồi đầu trong đám tiệc". Điều đó có nghĩa là " rất thích" hay " rất khao khát" làm điều đó.
Từ " tình yêu" cũng chỉ mối quan hệ lãng mạn giữa nam và nữ.
Trong câu " Ta yêu Gia-cốp và ghét Ê-sau", từ "yêu" chỉ Chúa chọn Gia-cốp để ở trong mối quan hệ giao ước với Ngài. Đó cũng có thể được dịch là "được chọn". Mặc dù, Ê-sau cũng được Chúa chúc phước nhưng không có đặc ân được ở trong mối giao ước với Chúa. Từ "ghét" ở đây mang ý nghĩa "bị từ chối" hay "không được chọn".

Nếu không chỉ nghĩa khác trong Translation Note, từ "tình yêu" trong UBL đề cập đến tình yêu hy sinh đến từ Chúa. Một vài ngôn ngữ có thể có từ để chỉ loại tình yêu hy sinh, không vị kỷ của Chúa. Có những cách dịch khác như là " quan tâm cách chân thành, hết lòng" hay là "quan tâm cách không tính toán" hoặc " tình yêu từ Chúa". Chắc chắn rằng từ để chỉ tình yêu của Chúa nghĩa phải bao gồm việc từ bỏ những ích lợi của chính mình vì lợi ích của người khác và yêu người khác không dựa vào việc họ làm. Thỉnh thoảng từ Tiếng anh "tình yêu" miêu tả sự quan tâm sâu sắc mà con người dành cho bạn bè hay gia đình. Một vài ngôn ngữ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

có thể dịch từ này với nghĩa "thích rất nhiều" hay "lo lắng cho" hoặc "có tình cảm lớn cho". Trong ngữ cảnh nơi từ "tình yêu" được diễn tả như một sự yêu thích sâu sắc cho cái gì đó, , từ này có thể được dịch là " sự yêu thích mạnh mẽ" hay " thích rất nhiều" hoặc là " khao khát mãnh liệt". Một vài ngôn ngữ có lẽ cũng có một từ riêng biệt để chỉ về loại tình yêu lãng mạn hay tình yêu thể xác giữa chồng và vợ. Nhiều ngôn ngữ diễn tả "tình yêu" như là một hành động. Ví dụ, họ có thể dịch "tình yêu là sự kiên nhẫn, tình yêu là sự tử tế" khi " một người yêu ai đó, người đó kiên nhẫn và đối xử tốt với người mình yêu".

lễ hội
Từ " lễ hội" chỉ một sự kiện nơi một nhóm người tham gia một bữa ăn thịnh soạn cùng nhau, thường vì mục đích chúc mừng cho điều gì đó. Hành động "dự tiệc" có nghĩa là ăn một lượng lớn thức ăn hay tham gia vào một bữa tiệc.

Thông thường sẽ có nhiều loại thức ăn đặc biệt được ăn ngon một bữa tiệc. Những lễ hội tôn giáo mà Đức Chúa Trời ra lệnh cho dân Do Thái kỷ niệm thường đi kèm một buổi tiệc thông công với nhau. Vì lý do đó mà những lễ hội thường được gọi là "những buổi yến tiệc". Trong thời đại Kinh Thánh, những vị vua và người giàu có, quyền lực thường tổ chức tiệc để thiết đãi gia đình hay bạn bè. Trong câu chuyện về người con trai hoang đàng, người cha đã chuẩn bị một buổi tiệc đặc biệt để chúc mừng sự trở về của đứa con. Một buổi tiệc thỉnh thoảng có thể kéo dài vài ngày hay nhiều hơn. Từ " dự tiệc" có thể cũng được dịch là "ăn uống một cách quá hoang phí" hay " chúc mừng bằng nhiều thức ăn" hoặc " ăn một bữa ăn thịnh soạn". Dựa vào văn cảnh, "tiệc" có thể được dịch là "cùng nhau ăn mừng bằng một bữa ăn thịnh soạn" hay " một bữa ăn với rất nhiều thức ăn" hoặc là "một bữa ăn mừng".

Zephaniah 3:19
Ta sẽ cứu chữa người què và tập hợp những kẻ bị xua đuổi lại
Dường như cụm từ nầy chỉ về những con chiên bị què và bị xua đuổi, đây là hình ảnh chỉ về dân Y-sơ-ra-ên chịu khốn khổ trong khi bị lưu đày.
Ta sẽ làm cho chúng được nổi danh
Ý nghĩa đầy đủ là “Ta sẽ khiến chúng trở thành đề tài được khen ngợi”, nghĩa là “Ta sẽ khiến chúng được kẻ khác khen ngợi”
Khi ấy, Ta sẽ dẫn dắt các con, đó là lúc Ta tập hợp các con lại
Hai dòng nầy về cơ bản cùng nói về một ý và ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va sẽ đem những người bị lưu đày trở về quê hương của họ. Tham khảo cách dịch: “Khi ấy, Ta sẽ tập hợp các con lại và dẫn các con về nhà”

Translation Questions

Zephaniah 3:3
#Những quan trưởng của thành bạn nghịch là những người thế nào?
Các quan trưởng của thành bạn nghịch giống như sư tử rống.
Zephaniah 3:5
Khi nào Đức Giê-hô-va sẽ miễn công lý?
Đức Giê-hô-va sẽ miễn trừ công lý từ sáng này qua sáng kia.
Zephaniah 3:7
Đức Giê-hô-va hy vọng dân sự sẽ làm gì?
Đức Giê-hô-va hy vọng dân sự sẽ kính sợ Ngài và chấp nhận sự sửa đổi.
Zephaniah 3:8
Đức Giê-hô-va quyết định gì về các nước?
Đức Giê-hô-va quyết định sẽ nhóm lại các dân và đổ cơn giận và thạnh nộ của Ngài trên họ.
Zephaniah 3:9
Sau đó Đức Giê-hô-va kêu gọi dân sự làm gì?
Đức Giê-hô-va sẽ kêu gọi dân sự sát vai phục vụ Ngài.
Zephaniah 3:13
Sau việc này, phần sót lại của Y-sơ-ra-ên sẽ thay đổi thế nào?
Phần còn sót lại của Y-sơ-ra-ên sẽ không còn phạm tội bất chính nhiều và nói dối nữa.
Zephaniah 3:14
Tại sao Y-sơ-ra-ên nên ca hát và phấn khởi?
Y-sơ-ra-ên nên ca hát và phấn khởi vì Đức Giê-hô-va đã cất sự trừng phạt khỏi họ.
Zephaniah 3:15
Tại sao Y-sơ-ra-ên nên ca hát và phấn khởi?
Y-sơ-ra-ên nên ca hát và phấn khởi vì Đức Giê-hô-va đã cất sự trừng phạt khỏi họ.
Zephaniah 3:19
Đức Giê-hô-va sẽ cứu ai khỏi những kẻ ngược đãi Y-sơ-ra-ên.
Đức Giê-hô-va sẽ cứu kẻ què và nhóm lại người bị xã hội ruồng bỏ.
Zephaniah 3:20
Why will all the nations respect and praise Israel?
Tại sao tất cả các dân sẽ tôn trọng và khen Y-sơ-ra-ên?
All the nations will respect and praise Israel when they see that Yahweh has restored them.
Tất cả các nước sẽ tôn trọng và ngợi khen Y-sơ-ra-ên khi họ thấy rằng Đức Giê-hô-va đã thật sự phục hồi họ.

Chapter 1
Haggai 1:1
năm thứ hai triều vua Đa-ri-út
"năm trị vì thứ hai của vua Đa-ri-út”
Đa-ri-út ... A-ghê ... Xô-rô-ba-bên ... Sa-anh-thi-ên ... Giê-hô-xa-đác
Toàn bộ là tên của nam.
vào ngày mồng một tháng sáu
vào ngày đầu tiên của tháng thứ sáu”. Đây là tháng thứ sáu theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mồng một tháng nầy gần với giữa tháng Tám theo lịch Tây. $
có lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va có lời phán"
Đức Giê-hô-va
Đây là danh của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra cho dân sự của Ngài trong thời Cựu Ước. Xem lại các bản dịch văn bản về Đức Giê-hô-va có liên quan đến cách dịch này.
đến nhờ tay A-ghê
A-ghê là sứ giả của Đức Chúa Trời.
Haggai 1:3
có lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va có lời phán." Xem cách bạn đã dịch cụm từ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nầy trong [HAG 1:1]
tay A-ghê
Tham khảo cách dịch: “đến qua lời nói .
Nay có phải là lúc các ngươi ở trong nhà đã được sửa sang hoàn tất
Tham khảo cách dịch: xem bản dịch UDB .
trong khi nhà này thì lại hoang tàn không
Từ "nhà” chỉ về đền thờ của Đức Chúa Trời. .
những không thể say
Đoạn văn không khẳng định hay ngụ ý rằng say sưa là một việc tốt. Đúng hơn là, chẳng có đủ rượu để thỏa mãn cơn khát của những người đó và cũng không đủ để làm họ say.
kẻ làm thuê thì đựng tiền công mình trong túi lủng
Tham khảo cách dịch: “tiền bạc làm ra không đủ để ngươi mua sắm” .
Haggai 1:7
đem gỗ
Cụm từ nầy nầy chỉ tượng trưng cho một phần trong số những thứ họ cần để xây dựng Đền thờ. .
lời phán của Đức Giê-hô-va vạn quân
"những điều Đức Giê-hô-va đã phán” hoặc “những điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán”
Haggai 1:10
các tầng trời
Tham khảo cách dịch: “bầu trời”
giữ sương móc lại
Tham khảo cách dịch: “giữ mưa lại” .
hạn hán
Sự khô hạn sẽ gây cản trở hoặc khiến cây cối không thể phát triển được, cũng như khiến nước uống của động vật hoặc người trong vùng đó bị khô cạn.
trên rượu mới, trên dầu
Rượu chỉ về nho và dầu chỉ về ô-liu. .
công việc tay các ngươi!
"mọi công việc mà ngươi đã làm!” và UDB .
Haggai 1:12
và lời của nhà tiên tri A-ghê
"khi chúng nghe những lời tiên tri A-ghê nói” .
mặt Đức Gi-hô-va
Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va” .
lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
"những điều Đức Giê-hô-va đã phán” hoặc “những điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán”
Haggai 1:14
giục lòng
Cụm từ nầy có nghĩa là thúc đẩy hoặc ảnh hưởng. .
còn sót lại
Từ "còn sót lại” chỉ về những người vẫn còn sống sót sau khi họ trở về từ cuộc lưu đày ở Ba-by-lôn và bắt đầu xây dựng lại Giê-ru-sa-lem.
vào ngày hai mươi bốn tháng sáu
Chỉ 23 ngày sau khi ông nhận được khải tượng. Đây là tháng thứ sáu theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi bốn tháng nầy gần với giữa tháng Chín theo lịch Tây.
năm thứ hai, triều vua Đa-ri-út
"năm trị vì thứ hai của vua Đa-ri-út”

Translation Questions

Haggai 1:1
Đức Giê-hô-va cậy tiên tri A-ghê mà phán khi nà?
Năm thứ hai đời vua Đa-ri-út, ngày mồng một tháng sáu, có lời của Đức Giê-hô-va cậy đấng tiên tri A-ghê phán.
Có lời của Đức Giê-hô-va phán cho ai?
Có lời phán cho Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua quan trấn thủ xứ Giu-đê.
Haggai 1:2
Đức Giê-hô-va tuyên bố rằng dân đó nói gì?
Ngài tuyên bố rằng họ nói thì giờ chưa đến, tức là thì giờ xây lại nhà Đức Giê-hô-va.
Haggai 1:4
Tình trạng nhà của Đức Giê-hô-va như thế nào khi họ ở trong nhà có trần ván?
Nhà của Đức Giê-hô-va hoang vu.
Haggai 1:6
Mặc dù dân sự gieo nhiều và tìm kiếm nhiều, tại sao Đức Giê-hô-va đánh tan và khiến có sự khô hạn trên công sức lao động của họ?
Đức Giê-hô-va đánh tan và khiến có sự khô hạn vì nhà của Đức Giê-hô-va hoang vu trong khi ai nấy đều hài lòng ở trong nhà mình.
Haggai 1:8
Đức Giê-hô-va bảo dân sự phải làm gì?
Đức Giê-hô-va bảo họ xây nhà của Ngài để Ngài sẽ lấy nó làm vui lòng, và Ngài sẽ được sáng danh,
Haggai 1:12
Quan trấn thủ Xô-rô-ba-bên, thầy tế lễ cả Giê-hô-sua, cùng cả dân sót lại đáp ứng theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, và lời của đấng tiên tri A-ghê mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình đã sai đến như thế nào?, thì dân sự đều sợ sệt trước mặt Đức Giê-hô-va.
They obeyed Yahweh's voice and Haggai's words and feared the face of Yahweh. Họ vâng theo tiếng của Đức Giê-hô-va và lời của đấng tiên tri A-ghê và sợ sệt trước mặt Đức Giê-hô-va.
Haggai 1:13
Đức Giê-hô-va đáp ứng với sự vâng phục của dân sự như thế nào?
Ngài ban một sứ điệp cho A-ghê, sứ giả của Ngài, để nói với họ rằng, "Ta ở cùng các ngươi!"
Haggai 1:14
Khi nào Đức Giê-hô-va giục lòng quan trấn thủ Xô-rô-ba-bên và thầy tế lễ cả Giê-hô-sua, cùng cả dân sự sót lại đến, làm việc nơi nhà Đức Giê-hô-va vạn quân, là Đức Chúa Trời mình?
Ngài giục lòng họ vào ngày hai mươi bốn tháng sáu về năm thứ hai đời vua Đa-ri-út.
Haggai 1:15
Khi nào Đức Giê-hô-va giục lòng quan trấn thủ Xô-rô-ba-bên và thầy tế lễ cả Giê-hô-sua, cùng cả dân sự sót lại đến, làm việc nơi nhà Đức Giê-hô-va vạn quân, là Đức Chúa Trời mình?
Ngài giục lòng họ vào ngày hai mươi bốn tháng sáu về năm thứ hai đời vua Đa-ri-út.

Chapter 2
Haggai 2:1
Vào ngày hai mươi mốt tháng bảy
Đây là tháng thứ bảy theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi mốt tháng nầy gần với giữa tháng Mười theo lịch Tây. .

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

có lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va có lời phán." Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [HAG 1:1]
đến nhờ tay A-ghê
.
A-ghê ... Xô-rô-ba-bên ... Sa-anh-thi-ên ... Giê-hô-xa-đác
.
Haggai 2:3
Chẳng phải là dưới mắt các con, nó chẳng còn gì cả đó sao?
"Chắc chắc các con cho rằng nó chẳng quan trọng chút nào" (Xem: và
Bây giờ, hãy mạnh mẽ lên
"Kể từ giờ trở đi, hãy mạnh mẽ lên"
Haggai 2:6
làm rúng động các tầng trời và trái đất
một sự xáo trộn, nhiễu loạn rất lớn
Haggai 2:8
Bạc và vàng là của Ta!
Từ "bạc" và "vàng" chỉ về những kho báu được đem đến đền thờ.
Haggai 2:10
Vào ngày hai mươi bốn tháng chín
Đây là tháng thứ chín trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi bốn tháng nầy gần với giữa tháng mười hai theo lịch Tây.
năm thứ hai của triều Đa-ri-út
"vào năm thứ trị vì thứ hai của Đa-ri-út"
Đa-ri-út ... A-ghê
có lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va có lời phán." Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [HAG 1:1]
Haggai 2:13
Trước mặt Ta, dân nầy, nước nầy cũng vậy!
"Dân Y-sơ-ra-ên nầy cũng vậy!" hoặc "Luật lệ nầy cũng đúng với dân Y-sơ-ra-ên!"
Haggai 2:15
hai mươi lường
"lường" là một lượng không xác định được. .
năm mươi lường
"lường" là một lượng không xác định được. (Xem:
Ta đã khiến các ngươi và mọi việc của tay các ngươi phải khốn khổ
"Ta đã rủa sả công việc của các ngươi cùng toàn bộ mùa màng của các ngươi" .
Haggai 2:18
ngày hai mươi bốn tháng chín
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong HAG 2:10.
Vẫn còn hạt giống trong vựa sao?
Câu trả lời được mong chờ là "không". Câu hỏi nầy được dùng để nhấn mạnh thêm những điều độc giả đã biết sẵn. .
cây vả, cây lựu và cây ô-liu
Đây là những loại cây ăn trái mọc trong vùng đó.
Haggai 2:20
có lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va có lời phán." Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [HAG 1:1]
A-ghê ... Xô-rô-ba-bên
Đây đều là tên của nam.
Vào ngày hai mươi bốn tháng ấy
Tham khảo cách dịch: "vào ngày hai mươi bốn tháng chín"
Ta sẽ làm rung chuyển các tầng trời và đất
Đức Giê-hô-va sẽ khiến thế giới của họ sụp đổ.
các tầng trời và trái đất
Tham khảo cách dịch: "cả vũ trụ"
Vì Ta sẽ lật đổ ngai của các nước
Các bộ máy chính quyền sẽ tan rã trong mớ hỗn loạn đó.
ngai của các nước
Tham khảo cách dịch: "chính quyền do các vua cai trị"
gươm của anh em
Tham khảo cách dịch: "gươm của đồng đội"
Haggai 2:23
Xô-rô-ba-bên ... Sa-anh-thi-ên

Translation Questions

Haggai 2:1
Khi nào có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng tiên tri A-ghê?
Có lời Đức Giê-hô-va phán vào ngày hai mươi mốt tháng bảy.
Haggai 2:3
Mặc dù nhà của Đức Giê-hô-va chẳng là gì dưới mắt những kẻ đã xem thấy vinh quang của nó trước kia, tại sao Đức Giê-hô-va công bố rằng quan trấn thủ Xô-rô-ba-bên, thầy tế lễ cả Giê-hô-sua, và cả dân sự phải mạnh mẽ và làm việc?
Đức Giê-hô-va công bố rằng họ phải can đảm và làm việc vì Ngài ở cùng họ.
Haggai 2:4
Mặc dù nhà của Đức Giê-hô-va chẳng là gì dưới mắt những kẻ đã xem thấy vinh quang của nó trước kia, tại sao Đức Giê-hô-va công bố rằng quan trấn thủ Xô-rô-ba-bên, thầy tế lễ cả Giê-hô-sua, và cả dân sự phải mạnh mẽ và làm việc?
Đức Giê-hô-va công bố rằng họ phải can đảm và làm việc vì Ngài ở cùng họ.
Haggai 2:5
Theo giao ước đã lập của Đức Giê-hô-va, Xô-rô-ba-bên, Giê-hô-sua và cả dân sự không được làm gì?
Họ không được sợ hãi.
Haggai 2:6
Khi Đức Giê-hô-va làm rúng động các từng trời, đất, mọi nước, và họ đem những của quý báu của họ đến cho Ngài, Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?
Ngài sẽ làm cho nhà ấy đầy dẫy vinh quang và ban sự bình an trong nơi đó.
Haggai 2:7
Khi Đức Giê-hô-va làm rúng động các từng trời, đất, mọi nước, và họ đem những của quý báu của họ đến cho Ngài, Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?
Ngài sẽ làm cho nhà ấy đầy dẫy vinh quang và ban sự bình an trong nơi đó.
Haggai 2:11
Theo các thầy tế lễ, nếu có kẻ gói thịt thánh trong chéo áo, thì đồ ăn khác có nên thánh không?
Theo các thầy tế lễ, thịt thánh được gói trong chéo áo thì không trở nên thánh.
Haggai 2:12
Theo các thầy tế lễ, nếu có kẻ gói thịt thánh trong chéo áo, thì đồ ăn khác có nên thánh không?
Theo các thầy tế lễ, thịt thánh được gói trong chéo áo thì không trở nên thánh.
Haggai 2:13
Theo các thầy tế lễ, nếu ai bị ô uế vì thây chết đụng đến bất cứ đồ ăn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nào, thì đồ ăn đó có trở nên ô uế không?
ATheo các thầy tế lễ, nếu ai bị ô uế vì thây chết đụng đến bất cứ đồ ăn nào, thì đồ ăn đó trở nên ô uế
Haggai 2:14
Của lễ mà dân sự và quốc gia dâng trước mặt Đức Giê-hô-va như thế nào?
Chúng ô uế như thức ăn bị người nào ô uế đụng vào vì cớ sự chết.
Haggai 2:15
Khi chưa đặt hòn đá nầy trên hòn đá kia nơi đền thờ Đức Giê-hô-va, điều gì xảy ra?
Một đống lúa đáng được hai mươi lường, chỉ được có mười; và khi người ta đến bàn ép rượu, đáng được năm mươi lường, chỉ được có hai mươi, và Đức Giê-hô-va khiến mọi công việc của họ bị khổ sở.
Haggai 2:17
Khi chưa đặt hòn đá nầy trên hòn đá kia nơi đền thờ Đức Giê-hô-va, điều gì xảy ra?
Một đống lúa đáng được hai mươi lường, chỉ được có mười; và khi người ta đến bàn ép rượu, đáng được năm mươi lường, chỉ được có hai mươi, và Đức Giê-hô-va khiến mọi công việc của họ bị khổ sở.
Khi Đức Giê-hô-va khiến dân sự đau buồn trước khi có hòn đá này đặt trên hòn đá kia trong đền thờ của Đức Giê-hô-va, dân sự có quay lại với Ngài không?
Không, dân sự không quay về bên Đức Giê-hô-va.
Haggai 2:18
Dân sự phải suy nghĩ gì từ ngày hai mươi bốn tháng chín, từ ngày đặt nền của đền thờ Đức Giê-hô-va?
Họ phải suy nghĩ rằng không có hột giống trong hầm vựa, cây nho, cây vả, cây lựu, cây ô-li-ve, cũng không có cây nào ra trái.
Haggai 2:19
Dân sự phải suy nghĩ gì từ ngày hai mươi bốn tháng chín, từ ngày đặt nền của đền thờ Đức Giê-hô-va?
Họ phải suy nghĩ rằng không có hột giống trong hầm vựa, cây nho, cây vả, cây lựu, cây ô-li-ve, cũng không có cây nào ra trái.
Đức Giê-hô-va hứa rằng điều gì sẽ xảy ra từ ngày đó?
Đức Giê-hô-va hứa rằng Ngài sẽ ban phước cho họ từ ngày đó trở đi.
Haggai 2:23
Tại sao Đức Giê-hô-va đặt Xô-rô-ba-bên như ấn tín?
Đức Giê-hô-va đặt ông như ấn tín vì Đức Giê-hô-va đã chọn ông.

Chapter 1
Zechariah 1:1
Vào tháng tám
Đây là tháng tám của lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối tháng mười và đầu tháng mười một của lịch phương Tây.
Năm thứ hai của triều Đa-ri-út
"năm thứ hai kể từ khi Đa-ri-út làm vua"
Lời Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va phán"
Ba-ra-chi ... Y-đô
Đây là tên của nam giới.
Vô cùng tức giận với tổ phụ các con
"rất tức giận với tổ phụ các con"
Trở lại cùng ta
Từ “trở lại” được dùng để chỉ về sự thay đổi. Đức Giê-hô-va đang kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên thay đổi từ không vâng phục sang vâng phục Ngài.
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Ta sẽ trở lại với các con
Bằng cách nói rằng Ngài sẽ trở lại cùng dân Y-sơ-ra-ên, Đức Giê-hô-va đang nói rằng họ sẽ gặp được những điều tốt lành vì Ngài giúp đỡ họ. Cách dịch khác: "Ta sẽ ban phước cho các con."
Zechariah 1:4
Kêu gọi
"kêu gào"
Xoay bỏ
"thay đổi"
Nhưng họ không nghe, cũng chẳng chú ý đến ta
Cả hai vế đều có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên không vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "Nhưng họ không nghe theo mạng lệnh ta"
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Nào, tổ phụ các con ở đâu? Còn những nhà tiên tri, họ có sống đời đời chăng?
Cả hai câu đều chỉ ra thực tế là con người đều chết. Cách dịch khác: "Tổ phụ các con đã chết. Những nhà tiên tri cũng sẽ chết."
Nhưng lời ta và luật lệ ta đã truyền cho đầy tớ ta là các nhà tiên tri chẳng phải đã bắt kịp tổ phụ các con sao?
Câu hỏi này được dùng để cho dân Y-sơ-ra-ên thấy rằng tất cả những điều Chúa truyền cho các nhà tiên tri cảnh báo tổ phụ của họ đều đã xảy ra.
lời ta và luật lệ ta
Đây là hai cách chỉ về điều Đức Chúa Trời đã phán với các tiên tri.
bắt kịp tổ phụ các con
Đức Giê-hô-va nói như thể các lời tiên tri của Ngài đang đuổi theo để bắt kịp và vượt qua các tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên. Từ “bắt kịp” có nghĩa là vượt qua.
đường lối và việc làm của chúng tôi
"cách cư xử và hành động của chúng tôi"
Zechariah 1:7
Ngày hai mươi bốn, tháng mười một, tức là tháng Sê-bát
Ngày hai mươi bốn, tháng mười một, tức là tháng Sê-bát** - "Sê-bát" là tháng mười một của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi bốn nhằm vào gần giữa tháng hai của lịch phương Tây.
lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va phán." Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:1]
Ba-ra-chi ... Y-đô

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là tên của nam giới.

Cây sim

Một loại cây nhỏ có hoa sặc sỡ.

Zechariah 1:10

Đây là ... họ đáp

Từ “đây” và “họ” chỉ về những con ngựa ở giữa những cây sim.

đi khắp đất

Có thể là 1) “đi tuần khắp địa cầu” hoặc 2) “đi khắp cõi đất”

giữa những cây sim

Xem cách đã dịch ở ZEC 1:8.

Cả đất đều yên bình và thư thái

Cách dịch khác: "mọi người trên thế giới đều bình yên"

yên bình và thư thái

Cả hai cụm từ này đều chỉ về việc có thể thư thả không phải lo lắng gì.

Zechariah 1:12

Đã chịu phẫn nộ

Có thể là 1) “Ngài đã nổi giận với" (bản UBD) hoặc 2) "đã bị khinh khi"

dùng những lời lành, lời đầy an ủi nói cùng tôi

Những từ này mô tả những lời vừa tốt lành vừa an ủi. Cách dịch khác: "khích lệ tôi"

Zechariah 1:14

Ta rất tức giận với các dân đang sống an nhàn

Cách dịch khác: "Ta rất tức giận với các dân đang vui hưởng hòa bình và an ninh"

Ta chỉ giận chút ít

Cách dịch khác: "Ta chỉ giận dân Giu-đa chút ít"

Zechariah 1:16

Ta đã lấy lòng thương xót trở về cùng Giê-ru-sa-lem

Trở về cùng Giê-ru-sa-lem chỉ về việc một lần nữa chăm sóc cho dân Y-sơ-ra-ên như vị vua trở lại dẫn dắt dân mình ra khỏi khó khăn.

nhà ta sẽ được xây trong nó

Cách dịch khác: "Đền thờ ta sẽ được xây tại Giê-ru-sa-lem"

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân|

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

dây đo sẽ được giăng trên Giê-ru-sa-lem!

Cách dịch khác: "Giê-ru-sa-lem sẽ được tra xét trước khi xây lại"

Các thành của ta sẽ lại tràn đầy ơn lành

Đức Giê-hô-va nói như thể những điều tốt lành Ngài sẽ làm cho dân Y-sơ-ra-ên là chất lỏng có thể đổ đầy các thành phố và tràn qua vách thành. Cách dịch khác: "Các thành của Y-sơ-ra-ên sẽ lại được thịnh vượng"

Đức Giê-hô-va sẽ lại an ủi Si-ôn

Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ khích lệ dân Y-sơ-ra-ên"

Zechariah 1:18

Thông Tin Tổng Quát:

Xa-cha-ri tiếp tục mô tả khải tượng của mình.

tôi ngước mắt lên

Câu này chỉ về việc xoay đầu nhìn lên.

những sừng đã làm tan tác Giu-đa

Các sừng này tượng trưng cho những đội quân tấn công dân Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Các sừng này tượng trưng cho các nước" (bản UDB).

Zechariah 1:20

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục diễn giải cho Xa-cha-ri về khải tượng của ông.

Thợ rèn

Người làm ra những đồ bằng kim loại. Ở đây dùng để chỉ về những thanh gươm của một đội quân.

Những sừng đã làm tan tác Giu-đa

Xem chú thích ở ZEC 1:18.

không ai ngóc đầu lên được

Câu này mô tả những người quá sợ hãi không dám nhìn vào thứ làm họ khiếp sợ. Cách dịch khác: "không người nào còn can đảm"

Đuổi chúng ra

"đuổi các nước đó ra"

Ném các sừng xuống

"đánh bại các đội quân"

giương sừng lên

Ở đây chỉ về việc thổi tù và để truyền lệnh cho đội quân.

Translation Questions

Zechariah 1:1

Xa-cha-ri nói tiên tri vào triều đại của vua nào?

Xa-cha-ri nói tiên tri trong thời trị vì của Đa-ri-út.

Xa-cha-ri là ai?

Xa-cha-ri là con trai Ba-ra-chi, cháu tiên tri Y-đô.

Zechariah 1:3

Đức Giê-hô-va vạn quân phán rằng Ngài sẽ làm gì nếu dân sự trở lại với Ngài?

Đức Giê-hô-va vạn quân phán rằng nếu dân sự trở lại cùng Ngài, Ngài sẽ trở lại cùng họ.

Zechariah 1:4

Tổ phụ của họ đã làm gì khi Đức Giê-hô-va bảo họ phải xây bỏ đường dữ và việc làm dữ của họ?

Tổ phụ họ không lắng nghe và không chú ý đến Đức Giê-hô-va.

Zechariah 1:6

Dân sự nói gì khi họ ăn năn?

Khi ăn năn, dân sự nói, "Mọi điều mà Đức Giê-hô-va vạn quân đã định làm cho chúng ta theo như đường lối và việc làm của chúng ta, thì đã làm cho chúng ta như vậy."

Zechariah 1:8

Xa-cha-ri đã thấy gì khi có lời của Đức Giê-hô-va đến cùng ông vào ban đêm?

Xa-cha-ri thấy một người cỡi ngựa hồng đứng trong những cây sim ở nơi thấp, và đằng sau người có những ngựa hồng, ngựa xám, ngựa trắng.

Zechariah 1:10

Xa-cha-ri thấy những con ngựa gì?

Đó là những con ngựa mà Đức Giê-hô-va đã sai đi tới đi lui khắp thế gian.

Zechariah 1:11

Những con ngự đi tới đi lui khắp thế gian tìm thấy gì?

Các con ngựa thấy cả thế gian đều yên tĩnh và an ổn.

Zechariah 1:12

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va hỏi gì về Giê-ru-sa-lem và các thành của Giu-đa?
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va hỏi Đức Giê-hô-va rằng Ngài sẽ không thương xót Giê-ru-sa-lem và các thành của Giu-đa cho đến chừng nào.
Zechariah 1:16
Đức Giê-hô-va vạn quân nói gì về Giê-ru-sa-lem và các thành của Giu-đa?
Đức Giê-hô-va nói rằng Ngài đã lấy lòng thương xót trở về cùng Giê-ru-sa-lem; nhà Ngài sẽ xây lại trong nó, dây mực sẽ giăng trên Giê-ru-sa-lem. Đức Giê-hô-va cũng phán rằng các thành của Ngài sẽ lại tràn đầy sự thịnh vượng và Đức Giê-hô-va sẽ lại an ủi Si-ôn và lại chọn Giê-ru-sa-lem.
Zechariah 1:17
Đức Giê-hô-va vạn quân nói gì về Giê-ru-sa-lem và các thành của Giu-đa?
Đức Giê-hô-va nói rằng Ngài đã lấy lòng thương xót trở về cùng Giê-ru-sa-lem; nhà Ngài sẽ xây lại trong nó, dây mực sẽ giăng trên Giê-ru-sa-lem. Đức Giê-hô-va cũng phán rằng các thành của Ngài sẽ lại tràn đầy sự thịnh vượng và Đức Giê-hô-va sẽ lại an ủi Si-ôn và lại chọn Giê-ru-sa-lem.
Zechariah 1:19
Bốn cái sừng mà Xa-cha-ri thấy là gì?
Bốn cái sừng chính là những sừng đã làm tan tác Giu-đa, Y-sơ-ra-ên, và Giê-ru-sa-lem.
Zechariah 1:20
Ai là bốn người thợ rèn mà Xa-cha-ri đã thấy, và họ sẽ làm gì?
Những người thợ rèn chính là những kẻ sẽ đến để làm kinh hãi chúng nó, và để ném xuống những sừng của các nước đã cất sừng lên nghịch cùng đất Giu-đa đặng làm tan tác nó.
Zechariah 1:21
Ai là bốn người thợ rèn mà Xa-cha-ri đã thấy, và họ sẽ làm gì?
Những người thợ rèn chính là những kẻ sẽ đến để làm kinh hãi chúng nó, và để ném xuống những sừng của các nước đã cất sừng lên nghịch cùng đất Giu-đa đặng làm tan tác nó.

Chapter 2
Zechariah 2:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xa-cha-ri tiếp tục mô tả khải tượng của mình.
Tôi ngước mắt lên
Cách dịch khác: "Tôi nhìn lên"
Dây đo
Dây thừng có độ dài nhất định dùng để đo những đồ vật lớn.
Người nói với tôi
"Người cầm dây đo nói với tôi"
Zechariah 2:3
một thiên sứ khác đến đón người
Thiên sứ này là một nhân vật mới chưa từng xuất hiện trước đó cho nên cần nói rõ đây là một người mới. Cách dịch khác: "một thiên sứ mới đi ra đón người"
Thiên sứ thứ hai bảo cùng người “Hãy chạy đi nói với chàng trai ấy rằng
"Thiên sứ thứ hai bảo thiên sứ đã nói chuyện với Xa-cha-ri rằng “Hãy đi nhanh nói với người có dây đo rằng"
Giê-ru-sa-lem sẽ như làng mạc không có tường thành
Câu này có nghĩa là Giê-ru-sa-lem sẽ không có tường thành bao bọc xung quanh.
Trở thành bức tường bằng lửa bao quanh nó
Đức Giê-hô-va đang phán rằng Ngài sẽ bảo vệ Giê-ru-sa-lem và ví sự bảo vệ của Ngài như bức tường lửa.
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Zechariah 2:6
Nào! Nào!
Từ này được lặp lại để cho thấy sự cấp bách và tầm quan trọng của sứ điệp theo sau.
đất phương bắc
Ở đây chỉ về Ba-by-lôn.
Ta đã rải các con ra như bốn ngọn gió từ trời
Câu này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên phải xa cách nhau. Bốn ngọn gió chỉ về những vùng khác nhau của trái đất.
con gái Ba-by-lôn
Ở đây chỉ về thủ đồ của Ba-by-lôn.
Zechariah 2:8
Thông Tin Tổng Quát:
Xa-cha-ri thuật lại thể nào Đức Giê-hô-va đã sai ông phán xét các dân cướp bóc Giê-ru-sa-lem.
cướp bóc anh em
"cướp của từ Giê-ru-sa-lem sau khi nó bị tấn công"
ai đụng đến anh em
Từ “đụng” có nghĩa là làm hại. Cách dịch khác: "vì ai làm hại đến anh em"
Con ngươi của mắt Đức Chúa Trời
Con ngươi của mắt là phần đen trong nhãn cầu giúp người ta thấy được. Đây là bộ phận rất quan trọng và nhạy cảm của cơ thể. Câu này được dùng để nói rằng Giê-ru-sa-lem rất quan trọng với Đức Chúa Trời và Ngài sẽ bảo vệ nó.
Vung tay qua chúng
Đây là động tác thể hiện Đức Chúa Trời đã quyết định tiêu diệt điều gì đó. Cách dịch khác: "ra dấu chúng sắp bị tiêu diệt"
Và chúng sẽ bị cướp bóc
Các thành của chúng đã bị hủy diệt và để đó cho người ta cướp bóc những gì họ thích.
Zechariah 2:10
Con gái của Si-ôn
Đây là tên gọi khác cho Giê-ru-sa-lem, ở đây gọi thành như là con gái của thành Si-ôn trên trời.
Cắm trại
Dựng trại
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Các nước sẽ quy phục Đức Giê-hô-va
"các nước sẽ trở nên trung thành với Đức Giê-hô-va"
Trong ngày đó
Cách dịch khác: "khi đó"
Zechariah 2:12
Đức Giê-hô-va sẽ thừa hưởng ... trong đất thánh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Đức Giê-hô-va sẽ lấy Giu-đa làm phần riêng của Ngài trong đất thánh.

Mọi xác thịt

Đức Giê-hô-va nói với mọi loài sống bằng cách gọi chúng là xác thịt. Thịt là đặc điểm chung của mọi loài sống.

Bị khuấy động từ nơi thánh của Ngài!

Câu này muốn nói điều gì đó đã khiến Đức Giê-hô-va phải hành động trên đất.

Bị khuấy động

Bị đánh thức hay cảnh báo

Translation Questions

Zechariah 2:2

Người cầm cái thước dây trong tay sẽ làm gì?

Ông ấy sẽ đo Giê-ru-sa-lem, xem nó rộng bao nhiêu và dài bao nhiêu.

Zechariah 2:4

Tại sao thiên sứ thứ gì nói rằng Giê-ru-sa-lem sẽ có dân cư và như làng không có tường thành?

Vị thiên sứ thứ nhì nói như vậy vì cớ rất đông người và súc vật ở giữa nó.

Zechariah 2:5

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ là gì đối với Giê-ru-sa-lem?

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ là bức tường lửa bao quanh nó, và Ngài sẽ là vinh quang ở giữa nó.

Zechariah 2:7

Đức Giê-hô-va tuyên bố gì với những ai sống cùng con gái Ba-by-lôn?

Đức Giê-hô-va bảo họ trốn đến Si-ôn.

Zechariah 2:9

Làm thế nào mà họ biết rằng Đức Giê-hô-va vạn quân đã sai phái thiên sứ thứ nhì?

Vị thiên sứ thứ nhì nói Giu-đa và Y-sơ-ra-ên sẽ biết Đức Giê-hô-va đã sai phái thiên sứ đó đến khi thiên sứ đưa tay ra trên những dân đã cướp bóc họ và khi những dân đã cướp bóc Giu-đa và Y-sơ-ra-ên trở thành chiến lợi phẩm cho những kẻ bị chúng bắt làm nô lệ.

Zechariah 2:11

Điều gì sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va đến và cắm trại tại Si-ôn?

Khi điều đó xảy ra, nhiều nước sẽ quy phục Đức Giê-hô-va và những người ở sẽ trở nên dân Ngài.

Zechariah 2:13

Tại sao mọi xác thịt phải nín lặng trước Đức Giê-hô-va?

Mọi loài xác thịt phải nín lặng trước mặt Đức Giê-hô-va vì Đức Giê-hô-va đã thức dậy từ nơi thánh của Ngài.

Chapter 3

Zechariah 3:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va cho Xa-cha-ri nhìn thấy một khải tượng.

Đây chẳng phải là que củi đang cháy kéo ra khỏi lửa sao?

Cách dịch khác: "Giê-hô-sua giống như que củi được kéo ra khỏi lửa"

que củi đang cháy kéo ra khỏi lửa

Que củi đang cháy là một miếng gỗ đang cháy được lấy ra khỏi lửa trước khi nó cháy rụi. Ở đây chỉ về Giê-hô-sua, người được cứu khỏi ách phu tù ở Ba-by-lôn để trở về Giê-ru-sa-lem.

áo bẩn

Trong khải tượng này, áo bẩn tượng trưng cho tội lỗi.

Zechariah 3:4

mặc lễ phục tốt đẹp cho ngươi

Ở đây lễ phục tốt đẹp tượng trưng cho sự công bình.

Khăn vành

Một miếng vải dài quấn quanh đầu

Zechariah 3:6

Nghiêm phán với Giê-hô-sua

"phán với Giê-hô-sua cách nghiêm nghị"

Bước đi trong đường lối ta

Bước đi trên cùng con đường có nghĩa là làm cùng một việc.

Nếu con giữ các mạng lệnh ta

Cách dịch khác: "nếu con ghi nhớ và vâng theo các mạng lệnh ta"

canh giữ sân ta

"chịu trách nhiệm cho sân ta"

Zechariah 3:8

Thông Tin Tổng Quát:

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Giê-hô-sua.

các đồng sự ở với con

Cách dịch khác: "các thầy tế lễ khác ở với con"

Đầy tớ ta là Nhánh

Danh hiệu “Nhánh” nên được dịch giống như nhánh cây. Câu này có nghĩa là đầy tớ của Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Đức Giê-hô-va như một nhánh mọc ta từ cây.

Bảy mắt

Tức là bảy phía.

Khắc

"chạm"

Câu khắc

Những lời được viết hay khắc lên vật gì đó

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri

Zechariah 3:10

Vào ngày đó

Cách dịch khác: "Khi đó"

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Translation Questions

Zechariah 3:1

Ai đứng gần thầy tế lễ cả Giê-hô-sua?

Giê-hô-sua đang đứng trước mặt Đức Giê-hô-va, và sa-tan đang đứng bên tay hữu người.

sa-tan đang làm gì bên hữu Giê-hô-sua?

sa-tan kiện cáo Giê-hô-sua.

Zechariah 3:3

Giê-hô-sua mặc gì khi ông đứng trước mặt thiên sứ?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-hô-sua mặc áo bẩn.
Zechariah 3:4
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói mình đã làm gì cho Giê-hô-sua?
Thiên sứ nói là đã bỏ sự gian ác khỏi Giê-hô-sua.
Điều gì xảy ra với quần áo của Giê-hô-sua?
Vị thiên sứ ra lệnh phải lột bỏ áo bẩn khỏi Giê-hô-sua và Giê-hô-sua phải được mặc quần áo sách; đội mũ sạch và mặc áo xống sạch.
Zechariah 3:5
Điều gì xảy ra với quần áo của Giê-hô-sua?
Vị thiên sứ ra lệnh phải lột bỏ áo bẩn khỏi Giê-hô-sua và Giê-hô-sua phải được mặc quần áo sách; đội mũ sạch và mặc áo xống sạch.
Zechariah 3:7
Đức Giê-hô-va hứa gì với thầy tế lễ cả Giê-hô-sua, nếu ông bước đi theo đường lối của Đức Giê-hô-va và giữ điều răn của Ngài?
Đức Giê-hô-va hứa với Giê-hô-sua rằng ông sẽ sẽ được xét đoán nhà Ngài, và canh giữ hiên cửa Ngài, Ngài sẽ cho ông bước đi trong hàng những kẻ đứng chầu trước mặt Ngài.
Zechariah 3:8
Đầy tớ mà chính Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên tên là gì?
Đầy tớ đó được gọi là "Chồi mống."
Zechariah 3:9
Phần đầu của sứ điệp phải được khắc chữ lên hòn đá bảy cạnh có nội dung gì?
Phần đầu của sứ điệp đó chính là Đức Giê-hô-va sẽ cất sự gian ác khỏi xứ đó trong một ngày.
Zechariah 3:10
Theo Đức Giê-hô-va, khi nào thì mỗi người sẽ mời kẻ lân cận mình đến dưới cây nho và cây vả mình?
Đức Giê-hô-va nói rằng việc này sẽ xảy đến "trong ngày đó."

Chapter 4
Zechariah 4:1
đánh thức tôi như một người bị đánh thức khỏi giấc ngủ
"khiến tôi cảnh giác hơn như một người thức tỉnh khỏi giấc ngủ"
Tim đèn
Phần để thắp lửa của cây đèn
Bên trái
Cách dịch khác: "bên trái bình dầu"
Zechariah 4:4
thiên sứ, tổng thiên sứ
Thiên sứ có quyền năng thánh linh tồn tại từ Đức Chúa Trời tạo dựng. Các thiên sứ tồn tại để phục vụ Đức Chúa Chúa bằng việc làm bất cứ điều gì Ngài sai họ làm. Thuật ngữ “tổng thiên sứ” kể đến thiên sứ cai trị hoặc lãnh đạo mọi thiên sứ khác.

Từ “thiên sứ” nghĩa đen có nghĩa là “sứ giả.” Thuật ngữ “tổng thiên sứ” nghĩa đen là “sứ giả tưởng.” Thiên sứ duy nhất được đề cập trong Kinh Thánh như “Thiên sứ trưởng” là Mi-ca-ên. Trong Kinh Thánh, các thiên sứ đưa tin cho mọi người từ Đức Chúa Trời. Các sứ điệp bao gồm sự dạy dỗ về những điều Chúa muốn dân sự làm. Các thiên sứ cũng nói với dân sự về những sự kiện sắp diễn ra trong tương lai hoặc các sự kiện đã xảy ra. Các thiên sứ có quyền năng của Đức Chúa khi đại diện cho Ngài và thỉnh thoảng trong Kinh Thánh họ được kể như thể chính Đức Chúa Trời đang nói. Những cách khác mà các thiên sứ hầu việc Đức Chúa Trời là qua việc bảo vệ và thêm sức cho dân sự. Một cụm từ đặc biệt, “thiên sứ của Đức Giê-hô-va” có nhiều hơn một nghĩa: 1) Nó có thể mang nghĩa “thiên sứ đại diện cho Đức Giê-hô-va hoặc "sứ giả hầu việc Đức Giê-hô-va." 2) Nó có thể đề cập tới chính Đức Giê-hô-va, Đấng trông giống thiên sứ khi Ngài nói với một người. Cùng một nghĩa tương tự giải thích cách dùng của thiên sứ “Ta” như thể chính Đức Giê-hô-va đang nói.
Bản dịch gợi ý

Các cách dịch “thiên sứ” có thể bao gồm, “sứ giả từ Đức Chúa Trời” hoặc “tôi tớ trên trời của Đức Giê-hô-va" hoặc "Sứ giả thần thánh của Đức Chúa Trời." Thuật ngữ “Tổng thiên sứ” có thể dịch thành “thiên sứ trưởng” hoặc “người đứng đầu cai trị thiên sứ” hoặc “Người lãnh đạo các thiên sứ.” Cũng có thể xét các thuật ngữ được dịch thế nào trong một ngôn ngữ quốc tế hoặc ngôn ngữ địa phương khác. Cụm từ “thiên sứ của Đức Giê-hô-va” có thể được dịch bằng việc dùng các từ “thiên sứ” và “Đức Giê-hô-va” Điều này sẽ cho phép diễn giải khác nhau của cụm từ đó. Có thể các bản dịch gồm có, “thiên sứ từ Đức Giê-hô-va” hoặc “thiên sứ được sai bởi Đức Giê-hô-va” hoặc là “Đức Giê-hô-va trông giống một thiên sứ.”
Chúa, Chủ, Ngài
Thuật ngữ “Chúa” kể đến một ai có quyền sở hữu hoặc quyền lực trên người khác.

Các từ này thỉnh thoảng được dịch thành “chủ” khi xưng hô Chúa Giê-xu hoặc khi đang kể đến một ai sở hữu các nô lệ. Một vài bản tiếng anh dịch thành “Ngài” trong vài ngữ cảnh ở nơi xưng hô trang trọng một ai có địa vị cao quý.
Bản dịch gợi ý

Thuật ngữ này có thể dịch thành “chủ” khi nó đề cập đến một người sở hữu các nô lệ. Nó có thể được dùng bởi một đầy tớ xưng hô với người mà anh ta làm thuê. Khi nó kể đến Chúa Giê-xu, nó có thể được dịch thành “chủ” nếu ngữ cảnh tỏ ý nghĩa “thầy dạy đạo.” Nếu một người đang xưng hô Chúa Giê-xu mà không biết Ngài, “Chúa” có thể dịch thành “Ngài.” Cách dịch này sẽ được dùng cho các ngữ cảnh khác trang trọng để gọi một người nam. Khi kể đến Đức Chúa Cha hoặc với Chúa Giê-xu, thuật ngữ này được viết thành “Chúa”
Xem thêm: Chúa, Chủ, Ngài
biết, sự nhận biết, làm cho biết
Để “biết” nghĩa là để hiểu một điều hoặc được nhận thấy một sự việc.

Thuật ngữ “sự nhận biết” kể đến thông tin mà mọi người biết. Nó có thể áp dụng cho hiểu biết những điều trong thế giới vật chất và thế giới tâm linh. Để “hiểu về” Đức Chúa Trời nghĩa là biết những sự việc về Ngài bởi vì những điều Ngài đã bày tỏ cho chúng ta. Để “hiểu” Đức Chúa Trời nghĩa là có mối quan hệ với Ngài. Điều này cũng được dùng cho người có hiểu biết. Để biết ý định của Đức Chúa Trời nghĩa là nhận thấy những gì Ngài đã truyền, hoặc để hiểu những điều Ngài muốn một người làm. Để “biết Luật pháp” nghĩa là nhận thấy những gì Đức Chúa Trời đã làm hoặc để hiểu những điều Chúa đã dạy dỗ trong luật pháp mà Ngài đã truyền cho Môi-se. Thỉnh thoảng “sự nhận biết” được dùng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

như từ đồng nghĩa với “sự khôn ngoan,” nó bao gồm việc sống trong theo cách đẹp lòng Đức Chúa Trời. “Sự nhận biết Đức Chúa Trời” thường được dùng như từ đồng nghĩa “kính sợ Đức Giê-hô-va.”

Bản dịch gợi ý

Phụ thuộc vào ngữ cảnh, các cách dịch “biết” có thể bao gồm, “hiểu biết” hoặc “quen với” hoặc “nhận thấy” hoặc là “quen thuộc với”, “ở trong mối quan hệ cùng” Vài ngôn ngữ có những từ khác nhau về “biết” phụ thuộc vào nó kể đến việc biết sự việc hay là việc hiểu biết một người và có một mối liên hệ với người đó. Thuật ngữ “làm cho biết” có thể dịch thành “khiến mọi người được biết” hoặc “bày tỏ”, “nói về” hay là “giải thích.” Để “biết về” một điều có thể dịch thành “nhận thấy” hay “quen với” Cách diễn tả “biết thế nào” nghĩa là hiểu biết một quy trình, phương thức quen làm. Nó có thể được dịch thành, “có khả năng” hoặc “có kĩ năng để.” Thuật ngữ “sự nhận biết” có thể dịch thành, “sự nhận biết những điều” hoặc “khôn ngoan”, hay “sự am hiểu,” tùy thuộc vào ngữ cảnh.

Xem thêm: luật, luật pháp của Môi-se, luật của Đức Chúa Trời, luật của Đức Giê-hô-va. bày tỏ, sự bày tỏ. am hiểu, sự am hiểu khôn ngoan, sự khôn ngoan

Zechariah 4:6

Lời Dẫn:

Vị thiên sứ nói chuyện với Xa-cha-ri tiếp tục giải thích khải tượng.

Xô-rô-ba-bên

Đây là tên của nam giới.

chẳng phải bởi quyền thế, cũng chẳng phải bởi năng lực

Có thể là 1) từ “quyền thế” và “năng lực” căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh năng lực lớn mạnh của Xô-rô-ba-bên, hoặc 2) từ “quyền thế” chỉ về sức mạnh quân sự và từ “năng lực” chỉ về sức mạnh thể chất của Xô-rô-ba-bên. Cách dịch khác: "Chẳng phải bởi sức lực riêng của ngươi” hoặc “Chẳng phải bởi sức mạnh quân sự hay năng lực riêng của ngươi”.

Hỡi núi lớn kia, ngươi là ai?

Đức Giê-hô-va hỏi câu này để chỉ ra rằng bởi Thánh Linh của Đức Giê-hô-va thì đến cả núi cũng không đủ mạnh để thắng được Xô-rô-ba-bên. Cách dịch khác: "Hỡi núi lớn kia, cả ngươi cũng yếu sức so với Xô-rô-ba-bên."

Người sẽ đem đá chót đỉnh ra

Đá chót đỉnh là hòn đá được đặt vào cuối cùng khi xây dựng thứ gì đó.

Zechariah 4:8

Lời Dẫn:

Vị thiên sứ nói chuyện với Xa-cha-ri tiếp tục giải thích khải tượng.

Lời của Đức Giê-hô-va đến

Đức Giê-hô-va phán." Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:1]

Tay của Xô-rô-ba-bên ... tay người sẽ hoàn thành nó

Xô-rô-ba-bên giám sát việc xây dựng đền thờ. Việc xây dựng được gọi là “tay người” mặc dù có thể không phải chính tay ông đặt hòn đá lên. $

lập nền móng

Nền móng là cơ sở cho một ngôi nhà và là phần đầu tiên của một công trình xây dựng. Cách dịch khác: "bắt đầu xây dựng"

Ai coi thường ... các việc nhỏ mọn?

Câu hỏi này không phải để nhận câu trả lời nhưng để bảo mọi người chớ coi thường “ngày của những điều nhỏ mọn”.

ngày của những điều nhỏ mọn

Cụm từ này là tên gọi cho giai đoạn thực hiện những công việc đơn giản. Đền thờ được xây dựng từ nhiều việc nhỏ gọp lại. Toàn bộ khoảng thời gian xây dựng được nói như thể là một ngày mặc dù phải mất rất nhiều năm để hoàn thành.

Đá có dây dọi

Đá có cột dây, được dùng để kiểm tra xem tường xây có thẳng không.

|Bảy ngọn đèn là mắt của Đức Giê-hô-va

Bảy ngọn đèn là biểu tượng cho mắt của Đức Giê-hô-va.

mắt của Đức Giê-hô-va

Từ “mắt” có ý muốn nói là Đức Chúa Trời nhìn thấy vì mắt dùng để nhìn.

Zechariah 4:12

Hai ống bằng vàng

"hai vòi bằng vàng"

Ngươi không biết những điều ấy là gì sao?

"Ngươi nên biết những điều ấy là gì, nhưng ngươi lại không biết."

Zechariah 4:14

Các con trai của dầu ô-liu tươi

Đây là cách nói văn chương có ý nghĩa là “người được xức dầu

Đứng trước

Cụm từ này có nghĩa là phục vụ. Cách dịch khác: "phục vụ Chúa"

Translation Questions

Zechariah 4:2

Xa-cha-ri thấy gì khi ông bị đánh thức?

Xa-cha-ri thấy một cái chơn đèn bằng vàng cả, và một cái chậu trên chót nó, nó có bảy ngọn đèn và hai cây ô-li-ve ở kề bên.

Zechariah 4:3

Xa-cha-ri thấy gì khi ông bị đánh thức?

Xa-cha-ri thấy một cái chơn đèn bằng vàng cả, và một cái chậu trên chót nó, nó có bảy ngọn đèn và hai cây ô-li-ve ở kề bên.

Zechariah 4:4

Xa-cha-ri có hiểu ý nghĩa của những điều trong sự hiện thấy không?

Không, Xa-cha-ri nói với vị thiên sứ đang nói với ông rằng ông không hiểu ý nghĩa của những điều trong sự hiện thấy đó.

Zechariah 4:5

Xa-cha-ri có hiểu ý nghĩa của những điều trong sự hiện thấy không?

Không, Xa-cha-ri nói với vị thiên sứ đang nói với ông rằng ông không hiểu ý nghĩa của những điều trong sự hiện thấy đó.

Zechariah 4:6

Đức Giê-hô-va phán gì với Xô-rô-ba-bên về cách thức sự việc sẽ được thực hiện?

The word of Yahweh to Zerubbabel was, "Not by might nor by power, but only by my Spirit."

Đức Giê-hô-va phán cùng Xô-rô-ba-bên rằng, "Ấy chẳng phải

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

là bởi quyền thế, cũng chẳng phải là bởi năng lực, bèn là bởi Thần ta."
Zechariah 4:7
Sẽ có tiếng reo hò gì khi Xô-rô-ba-bên đem đá chóp ra?
Sẽ có tiếng reo hò, "Phước thay! Phước thay cho đền thánh!"
Zechariah 4:9
Làm sao dân sự biết rằng Đức Giê-hô-va đã sai Xa-cha-ri đến với họ?
ân sự sẽ biết khi họ thấy lời tiên tri được ứng nghiệm; tay của Xô-rô-ba-bên lập nền của nhà đó và tay ông sẽ làm xong.
Zechariah 4:10
Dân sự sẽ thấy gì ở tay của Xô-rô-ba-bên?
Dân sự sẽ thấy quả dọi trong tay của Xô-rô-ba-bên.
Bảy ngọn đèn có ý nghĩa gì?
Bảy ngọn đèn ấy tiêu biểu cho mắt của Chúa nhìn tới nhìn lui khắp cả thế gian.
Zechariah 4:14
Hai nhánh ô-li-ve là gì?
Hai nhánh ô-li-ve là hai người chịu xức dầu, đứng bên Chúa của cả đất.

Chapter 5
Zechariah 5:1
Rồi tôi quay qua
Từ “tôi” chỉ về Xa-cha-ri.
ngước mắt lên
Có thể là ngước lên nhìn vào thứ gì đó. Ông nói “tôi ngước mắt lên” vì mắt là bộ phận trong cơ thể dùng để nhìn. Cách dịch khác: "nhìn lên"
Nầy
Từ “nầy” ở đây cho thấy Xa-cha-ri rất ngạc nhiên trước điều ông nhìn thấy.
cubit
Một cubit bằng 46 cm.
Zechariah 5:3
Thông Tin Tổng Quát:
Thiên sứ tiếp tục nói với Xa-cha-ri.
Ra cho khắp mặt
Cụm từ này chỉ về sự nguyền rủa như một đám mây lan ra che phủ mặt đất. Từ “mặt” chỉ về bề mặt của đất giống như mặt của con người nằm trên bề mặt của đầu người. Cách dịch khác: "có hiệu lực"
Chiếu theo một mặt
"Dựa vào điều cuộn sách chép trên một mặt"
Điều trong mặt kia
"điều cuộn sách chép ở mặt kia"
Theo lời họ
Cụm từ “lời của họ” chỉ về điều họ thề. Cách dịch khác: "theo điều họ đã nói"
Ta sẽ ban nó ra
Từ “nó” chỉ về lời rủa sả.
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Nhà
Ở đây chỉ về gia đình của người đó và tất cả mọi thứ họ sở hữu.
Của người thề
"của người đưa ra lời thề"
Gỗ làm nhà
Gỗ dùng cho xây dựng
Zechariah 5:5
Hãy ngước mắt lên
Cụm từ này truyền khiến một người nhìn lên bằng cách nói đến mắt của người đó.
Một cái nắp bằng chì
Ở đây chỉ về một cái nắp nặng. Chì là một loại kim loại nặng.
có một người đàn bà ngồi dưới đó
Một người phụ nữ không thể nào ngồi vừa bên trong một cái giỏ. Nhưng trong khải tượng của Xa-cha-ri thì lại vừa. Trong những khải tượng thì kích thước của các đồ vật thường được phóng đại lên. Cả cái giỏ và người phụ nữ đều là hình ảnh biểu tượng cho những điều khác.
Zechariah 5:8
Đó là sự gian ác
Người đàn bà tượng trưng cho sự gian ác. Cách dịch khác: "Tên bà ta là Sự Gian Ác"
Gió ở trong cánh họ
Câu này mô tả những người đàn bà dùng cánh để gió mang lên và bay đi.
Họ có cánh như cánh cò
Người đàn bà có cánh trông như cánh cò. Cò là một loài chim lớn, sải cánh dài từ 2 đến 4m.
giữa đất và trời
Cái giỏ được nhấc lên trời. Ở đây nói “giữa đất và trời” để thu hút sự chú ý vào trời và đất, cho thấy vị trí của chiếc giỏ so với chúng.
Zechariah 5:10
Họ đem cái giỏ đi đâu vậy?
"Những người đàn bà đem cái thùng đi đâu vậy?"
Để khi đến thờ đã sẵn sàng ... trên cái bệ sẵn có cho nó
"và khi đến thờ đã sẵn sàng thì chiếc thùng sẽ được đặt lên chỗ đã chuẩn bị sẵn cho nó"

Translation Questions

Zechariah 5:2
Cuộn sách mà Xa-cha-ri thấy lớn cỡ nào?
Cuộn sách dài mười mét và rộng năm mét.
Zechariah 5:3
Vị thiên sứ nói gì về cuộn sách bay?
Vị thiên sứ nói cuộn sách bay là lời nguyền rủa truyền ra khắp mặt đất.
Cuộn sách nguyền rủa ai?
Cuộn sách là lời nguyền rủa dành cho mọi tên trộm cắp và những kẻ thề dối.
Zechariah 5:4
Lời nguyền rủa đã làm gì với tên trộm cướp và những kẻ nhân dân Đức Giê-hô-va mà thề dối?
Lời rủa ấy sẽ vào trong nhà của chúng và ở tại đó và thiêu nhà đi cả gỗ lẫn đá.
Zechariah 5:6

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Xa-cha-ri thấy gì trong giỏ và thiên sứ nói đó là gì?
Trong giỏ mà Xa-cha-ri thấy có một cái ê-pha, và vị thiên sứ nói cái ê-pha chính "là tội lỗi của người ta trên khắp đất."
Zechariah 5:8
Vị thiên sứ nói người đàn bà trong giỏ là ai?
Vị thiên sứ nói về người đàn bà trong giỏ, "Ấy đó là sự hung ác!"
Zechariah 5:9
Hai người đàn bà có cánh như cánh con cò đã làm gì với cái giỏ?
Hai người đàn bà cất cái giỏ lên giữa khoảng trời và đất.
Zechariah 5:11
Hai người đàn bà đem cái giỏ đi đâu và nhằm mục đích gì?
Hai người đàn bà đem cái giỏ đi để xây cho nó một đền thờ ở Si-nê-a, để khi nhà ấy xây xong, họ sẽ đặt nó trên bệ của nó.

Chapter 6
Zechariah 6:1
ngước mắt lên
Có nghĩa là nhìn lên thứ gì đó. Cách dịch khác: "nhìn lên"
Hai ngọn núi làm bằng đồng
"hai ngọn núi bằng đồng"
Cỗ xe thứ nhất ... cỗ xe thứ nhì
"xe ngựa 1 ... xe ngựa 2"
Zechariah 6:5
Đó là bốn cơn gió trên trời
Thiên sứ giải thích xe ngựa là hình ảnh tượng trưng cho 4 cơn gió trên trời.
bốn cơn gió
Từ “gió” chỉ về bốn hướng: đông, tây, nam, bắc. Tuy nhiên, một số bản hiện đại giải nghĩa cụm từ Hê-bơ-rơ này là “bốn thần linh”.
Ngựa bạch tiến về xứ phương tây
Một số bản hiện đại giải nghĩa câu này có nghĩa là “ngựa bạch tiến theo sau”.
Zechariah 6:7
Hãy xem những con ngựa
"Hãy xem những con ngựa ô"
Zechariah 6:9
lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va phán." Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:1]
Heldai, Tobijah, and Jedaiah ... Jehozadak
These are the names of men.
Lấy số bạc và vàng ấy mà làm mão miện
Cách dịch khác: Hãy dùng số bạc và vàng ấy để làm mão miện.
Giê-hô-sua, con trai Giô-xa-đác
Đây không phải là người giúp đỡ của Môi-se, đây là thầy tế lễ thượng phẩm trong sách A-ghê.
Zechariah 6:12
Nói với người rằng
Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va bảo thiên sứ nói cùng Xa-cha-ri rằng"
Tên người là Nhánh
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đặt tên này cho vị vua mới là Giê-hô-sua. Dịch giống ở câu ZEC 3:8.
Người sẽ đâm chồi
“Đâm chồi” là từ mô tả một nhánh cây bắt đầu mọc ra. Cách dịch khác: "người sẽ mọc ra"v
Tôn lên sự vinh quang
Có thể là: 1) "làm tăng lên vinh quang của đền thờ" hoặc 2) "nhấc lên và mặc vinh quang của đền thờ vào giống như một người mặc áo"
Sự hòa hợp giữa hai chức vị.
Cách dịch khác: "vai trò vua và thầy tế lễ của người sẽ được hiệp nhất"
Zechariah 6:14
Mão miện sẽ được đặt trong đền thờ của Đức Giê-hô-va
Cách dịch khác: "Ta sẽ đặt mão miện trong đền thờ ta"
Mão miện
Từ “mão miện” chỉ về một vị vua vì vua mới đội vương miện.
đặt trong đền thờ của Đức Giê-hô-va
Cụm từ này chỉ về vị vua cũng là thầy tế lễ, vì thầy tế lễ phục vụ trong đền thờ.
Hen-đai, Tô-bi-gia và Giê-đa-gia
Xem cách dịch các tên này ở ZEC 6:10.
Như kỷ vật cho sự rộng rãi của con trai Sô-phô-ni
Một số bản hiện đại giải nghĩa câu này là “như một kỷ vật cho Hên, con trai của Sô-phô-ni” hoặc “như một kỷ vật cho người rộng lượng, là con trai của Sô-phô-ni”. Cũng có một số bản hiện đại giải nghĩa tên “Hên” tức là “Giô-si-a”.
Những người ở xa
Ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên còn ở tại Ba-by-lôn.
Vì thế anh em sẽ biết
"cẩn thận lắng nghe"

Translation Questions

Zechariah 6:1
Xa-cha-ri thấy cái gì đi ra từ giữa hai hòn núi bằng đồng?
Xa-cha-ri thấy bốn cỗ xe đi ra từ giữa hai hòn núi bằng đồng?
Zechariah 6:2
Ngựa của mỗi cỗ xe có màu gì?
Cỗ xe thứ nhứt có những ngựa hồng; cổ xe thứ nhì ngựa ô; cỗ xe thứ ba, ngựa trắng; cỗ xe thứ tư, ngựa xám vá.
Zechariah 6:3
Ngựa của mỗi cỗ xe có màu gì?
Cỗ xe thứ nhứt có những ngựa hồng; cổ xe thứ nhì ngựa ô; cỗ xe thứ ba, bạch mã; cỗ xe thứ tư, ngựa xám vá.
Zechariah 6:5
Vị thiên sứ nói những cỗ xe đó là gì?
Vị thiên sứ nói rằng những cỗ xe đó là bốn gió trên trời.
Bốn cỗ xe này đã ở đâu?
Bốn cỗ xe này đã đứng trước mặt Chúa của khắp đất.
Zechariah 6:6
Ba cỗ xe có ngựa ô, bạch mã và ngựa xám vá đi đâu?
Cỗ xe có ngựa ô đi đến xứ phương bắc. Cỗ xe có bạch mã đi đến xứ phương tây. Cỗ xe có ngựa xám vá đi đến xứ phương nam.
Zechariah 6:8
Cỗ xe có ngựa ô đi đến phương bắc sẽ làm gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cỗ xe có ngựa ô sẽ làm cho khuây khỏa thần của thiên sứ ở phương bắc.

Zechariah 6:10

Xa-cha-ri phải làm gì với lễ vật mà ông nhận từ Hên-đai, Tô-bi-gia, và Giê-đa-gia?

Xa-cha-ri được bảo phải đem lễ vật vào nhà của Giô-si-a con của Sô-phô-ni. Xa-cha-ri phải lấy vàng và bạc làm một vương miện, rồi đội lên đầu của thầy tế lễ cả Giê-hô-sua con của Giô-xa-đát

Zechariah 6:11

Xa-cha-ri phải làm gì với lễ vật mà ông nhận từ Hên-đai, Tô-bi-gia, và Giê-đa-gia?

Xa-cha-ri được bảo phải đem lễ vật vào nhà của Giô-si-a con của Sô-phô-ni. Xa-cha-ri phải lấy vàng và bạc làm một vương miện, rồi đội lên đầu của thầy tế lễ cả Giê-hô-sua con của Giô-xa-đát

Zechariah 6:12

Đức Giê-hô-va vạn quân nói rằng Giê-hô-sua, con trai Giô-xa-đác sẽ làm gì?

Đức Giê-hô-va nói Giê-hô-sua sẽ nứt ra từ chỗ của người và xây đền thờ Đức Giê-hô-va, và chính người sẽ được sự oai nghiêm, ngồi cai trị trên ngôi mình.

Zechariah 6:13

Đức Giê-hô-va vạn quân nói rằng Giê-hô-sua, con trai Giô-xa-đác sẽ làm gì?

Đức Giê-hô-va nói Giê-hô-sua sẽ nứt ra từ chỗ của người và xây đền thờ Đức Giê-hô-va, và chính người sẽ được sự oai nghiêm, ngồi cai trị trên ngôi mình.

Zechariah 6:14

Tại sao trong đền thờ Đức Giê-hô-va phãi đặt một vương miện?

Vương miện sẽ được đặt trong đền thờ của Đức Giê-hô-va, và ghi nhớ lòng dâng hiến rộng rãi của Hên-đai, Tô-bi-gia, Giê-đa-gia, và Giô-si-a con của Sô-phô-ni.

Zechariah 6:15

Dân sự phải làm gì để những sự kiện tiên tri này ứng nghiệm?

Đức Giê-hô-va nói những sự kiện này sẽ xảy đến "nếu các ngươi siêng năng vâng theo tiếng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình."

Chapter 7

Zechariah 7:1

Khi vua Đa-ri-út cai trị được bốn năm

"vào năm thứ tư kể từ khi Đa-ri-út làm vua"

Vào ngày thứ tư của tháng Kít-lêu (tức là tháng chín)

"Kít-lêu" là tháng thứ chín trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ tư nhằm vào cuối tháng mười một của lịch phương Tây.

lời của Đức Giê-hô-va đến

"Đức Giê-hô-va phán." Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:1]

Sa-rết-se và Rê-ghem Mê-léc

Đây là tên của nam giới. .

Họ nói rằng “Tôi có nên khóc lóc ... nhiều năm chăng?

Từ “họ” chỉ về Sa-rết-se và Rê-ghem Mê-léc.

vào tháng thứ năm

Người Do Thái kiêng ăn một phần tháng năm của lịch Hê-bơ-rơ vì đó là lúc người Ba-by-lôn phá hủy đền thờ ở Giê-ru-sa-lem. Tháng thứ năm nhằm vào cuối tháng bảy và đầu tháng tám của lịch phương Tây.

Zechariah 7:4

Trong tháng năm

Cách dịch khác: "trong tháng thứ năm"

Trong tháng bảy

Người Do Thái than khóc một phần tháng bảy của lịch Hê-bơ-rơ vì trong tháng này những người Do Thái còn sót lại ở Giê-ru-sa-lem chạy trốn sang Ai Cập sau vụ ám sát Ghê-đa-lia, người được vua Ba-by-lôn lập làm thống đốc của Giu-đa. Tháng thứ bảy nhằm vào cuối tháng chín và đầu tháng mười của lịch phương Tây.

Trong bảy mươi năm

Dân Y-sơ-ra-ên phải chịu nô lệ tại Ba-by-lôn 70 năm.

Khi các ngươi ăn uống

Ở đây chỉ về lúc họ ăn uống trong bữa tiệc ngợi khen Đức Giê-hô-va đã chu cấp cho họ.

Các ngươi có thật sự kiêng ăn vì ta không?

Câu hỏi này được dùng để buộc tội dân Y-sơ-ra-ên vì không tôn cao Đức Giê-hô-va khi họ kiêng ăn. Cách dịch khác: "các ngươi không kiêng ăn để tôn cao ta"

Chẳng phải các ngươi ăn uống vì mình sao?

Câu hỏi này được dùng để lên án dân Y-sơ-ra-ên, là những người tổ chức những buổi tiệc không phải để ca ngợi Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "các ngươi ăn uống vì chính mình"

Đức Giê-hô-va kêu gọi bởi miệng của các nhà tiên tri thời xưa

Xa-cha-ri gọi các tiên tri thời xưa bằng bộ phận trên cơ thể họ dùng để nói ra sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va kêu gọi qua các nhà tiên tri thời xưa"

Đây chẳng phải cũng là lời ... cho phương tây sao?

Có thể viết câu này thành câu khẳng định. “Đây chính xác là những lời ... cho phương tây”.

Cư ngụ

"sống trong"

Vùng đồi núi

Đây là những đồi nhỏ trước khi lên đến núi.

Zechariah 7:8

Lời của Đức Giê-hô-va đến

"Đức Giê-hô-va phán." Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:1]

Ai nấy hãy làm điều đó

Từ “điều đó” chỉ về việc một người nên phán xét như thế nào.

người góa bụa

Người phụ nữ đã mất chồng

Trẻ mồ côi

Trẻ em mất cha mẹ

Người ngoại quốc

Người đi từ xứ mình sang xứ khác

Không người nào được âm mưu trong lòng để hại người khác

"các ngươi không được âm mưu làm ác"

Zechariah 7:11

Vai ương ngạnh

Cách dịch khác: "chúng như con vật không chịu mang ách" hoặc "chúng như con vật không chịu vâng lời"

Chúng bịt tai lại

"Chúng bịt lỗ tai lại"

Chúng làm cho lòng mình cứng như đá

Cách dịch khác: "Chúng khiến tâm trí mình chối bỏ sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

Bởi miệng của các nhà tiên tri

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cách dịch khác: "qua lời của các tiên tri"
Zechariah 7:13
Ta sẽ dùng gió lốc làm chúng tan lạc
Cách dịch khác: "Ta sẽ làm chúng tan lạc như gió lốc thổi bay lá cây"
Gió lốc
Gió rất mạnh, xóay tròn khi di chuyển và làm mọi thứ xáo trộn.

Translation Questions

Zechariah 7:2
Tại sao những người ở Bê-tên sai Sa-rết-se và Rê-ghem-Mê-léc?
Những người ở Bê-tên sai họ đi đặng nài xin ơn Đức Giê-hô-va.
Zechariah 7:3
Sa-rết-se và Rê-ghem-Mê-léc cùng những kẻ theo họ hỏi thầy tế lễ và các tiên tri về điều gì?
Họ hỏi, "Tôi có nên khóc lóc và biệt mình riêng ra trong tháng năm như tôi đã làm trong nhiều năm chăng?"
Zechariah 7:5
Hai câu hỏi mà Đức Giê-hô-va hỏi dân sự trong đất và cùng các thầy tế lễ qua Xa-cha-ri về việc kiêng ăn, ăn uống là gì?
Câu hỏi thứ nhất mà Đức Giê-hô-va hỏi là, "Các ngươi kiêng ăn và khóc lóc trong tháng năm tháng bảy đã bảy mươi năm nay, có phải các ngươi vì ta, thật là vì ta, mà giữ lễ kiêng ăn đó chăng?" Câu hỏi thứ nhì là, "Khi các ngươi uống và ăn, há chẳng phải vì mình mà ăn, vì mình mà uống hay sao?"
Zechariah 7:6
Hai câu hỏi mà Đức Giê-hô-va hỏi dân sự trong đất và cùng các thầy tế lễ qua Xa-cha-ri về việc kiêng ăn, ăn uống là gì?
Câu hỏi thứ nhất mà Đức Giê-hô-va hỏi là, "Các ngươi kiêng ăn và khóc lóc trong tháng năm tháng bảy đã bảy mươi năm nay, có phải các ngươi vì ta, thật là vì ta, mà giữ lễ kiêng ăn đó chăng?" Câu hỏi thứ nhì là, "Khi các ngươi uống và ăn, há chẳng phải vì mình mà ăn, vì mình mà uống hay sao?"
Zechariah 7:7
Tóm lại, câu hỏi cuối cùng mà Đức Giê-hô-va hỏi các tiên tri và dân sự trong xứ là gì?
Tóm lại, Đức Giê-hô-va hỏi há chẳng phải những lời mà Đức Giê-hô-va rao ra, khi Giê-ru-sa-lem và những thành chung quanh nó có dân cư được thạnh vượng, và khi phương nam và đồng bằng có dân cư hay không.
Zechariah 7:8
Đức Giê-hô-va cậy Xa-cha-ri phán với dân sự điều gì?
Đức Giê-hô-va bảo phải đoán xét bằng sự công bình, nhân từ và thương xót. Ngài bảo họ chớ ức hiếp đờn bà góa, hoặc kẻ mồ côi, hoặc người trú ngụ, hay là kẻ nghèo khó, và ai nấy chớ mưu một sự dữ nào trong lòng nghịch cùng anh em mình.
Zechariah 7:10
Đức Giê-hô-va cậy Xa-cha-ri phán với dân sự điều gì?
Đức Giê-hô-va bảo phải đoán xét bằng sự công bình, nhân từ và thương xót. Ngài bảo họ chớ ức hiếp đờn bà góa, hoặc kẻ mồ côi, hoặc người trú ngụ, hay là kẻ nghèo khó, và ai nấy chớ mưu một sự dữ nào trong lòng nghịch cùng anh em mình.
Zechariah 7:11
Dân sự đáp ứng với lời dạy của Đức Giê-hô-va như thế nào?
Dân sự từ chối không nghe theo lời của Đức Giê-hô-va.
Zechariah 7:13
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì khi những kẻ trước kia không chịu nghe Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ không nghe họ, và hơn nữa, Ngài sẽ làm tan tác chúng nó như bởi một cơn gió lốc trong khắp các nước mà chúng nó chưa từng biết.
Zechariah 7:14
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì khi những kẻ trước kia không chịu nghe Đức Giê-hô-va?
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ không nghe họ, và hơn nữa, Ngài sẽ làm tan tác chúng nó như bởi một cơn gió lốc trong khắp các nước mà chúng nó chưa từng biết.

Chapter 8
Zechariah 8:1
Lời của Đức Giê-hô-va vạn quân đến cùng tôi rằng
Đức Giê-hô-va vạn quân phán cùng tôi rằng
Ta vô cùng tức giận vì Si-ôn
Cách dịch khác: "Ta đầy giận dữ vì Si-ôn"
Núi của Đức Giê-hô-va vạn quân
Ở đây chỉ về núi Si-ôn.
Núi Thánh
Ở đây “Thánh” có nghĩa là “Thuộc về Đức Giê-hô-va”.
Zechariah 8:4
ở trong các đường phố của Giê-ru-sa-lem
"sống ở Giê-ru-sa-lem"
Trong tay vì đã cao tuổi
Có cơ hội già đi là dấu hiệu của hòa bình và thịnh vượng.
Và các đường phố sẽ đầy
Những khu vực công cộng của thành phố sẽ đầy người với những sinh hoạt thường ngày.
Zechariah 8:6
Nếu điều gì đó có vẻ không thể trong mắt của
Nếu điều gì đó có vẻ không thể trong mắt của
Dân sót lại
Cách dịch khác: "dân Giu-đa còn sống sót"
Nó còn là không thể trong mắt ta sao?
Đức Chúa Trời hỏi câu này để thuyết phục dân Ngài tin cậy vào lời hứa của Ngài. Cách dịch khác: "điều đó chắc chắn khả thi với ta!"
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Ta sẽ giải cứu dân ta
"Ta sẽ giải cứu dân Giu-đa của ta, là những người phải đi lưu đày"
Zechariah 8:9
Khi nhà ta được lập nền
Cách dịch khác: "khi nền của đền thờ ta được lập” hoặc “khi các con lập nền cho nhà ta”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hãy làm tay mình mạnh mẽ
Cách dịch khác: "Hãy làm cật lực"
Vì trước những ngày ấy
Cách dịch khác: "Trước khi các con bắt đầu xây đền thờ"
Không có mùa màng để thu gom
Cách dịch khác: "không có mùa màng để thu hoạch"
Không có ích gì cho người hay thú vật
Người và thú vật cày cấy đất thật là vô ích vì chúng chẳng sinh ra lương thực.
Zechariah 8:11
Như những ngày trước kia
"như trong quá khứ;"
Ta sẽ ở cùng dân sót này
Cách dịch khác: "Bây giờ ta sẽ ban phước cho những người này" hoặc "Bây giờ ta sẽ đối xử nhân lành với những người này"
hạt giống bình an sẽ được gieo ra
Cách dịch khác: "Ta sẽ làm cho dân chúng được bình an."
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Đất sẽ sinh hoa lợi
Cách dịch khác: "những cánh đồng sẽ được mùa màng tươi tốt"
Các tầng trời sẽ giáng sương móc
Sương thường là biểu tượng cho sự thịnh vượng. Cách dịch khác: "sẽ có nhiều mưa"
Thừa hưởng mọi điều này
Cách dịch khác: "có mọi thứ này luôn luôn"
Zechariah 8:13
Các con là ví dụ cho các dân khác biết về sự rủa sả
Cách dịch khác: "Khi ta trừng phạt các con thì các dân khác biết được rằng ta rủa sả một ai đó là như thế nào"
Nhà Giu-đa và nhà Y-sơ-ra-ên
"dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên"
hãy làm cho tay mình mạnh mẽ!
Cách dịch khác: "hãy làm cật lực"
giáng tai họa cho các con
"trừng phạt các con"
Chọc giận ta
"chọc tức ta"
Không dịu lại
"không quyết định trừng phạt họ ít hơn"
Zechariah 8:16
Mà các con phải làm
"Các con" chỉ về dân Giu-đa.
Mỗi người phải nói thật với người lân cận mình
Cách dịch khác: "Hãy nói thật với mọi người"
tại cổng thành, hãy xét xử chân thật, công minh và ôn hòa
Cách dịch khác: "Hãy xét xử những tranh chấp cách ngay thẳng tại nơi xét xử để dân chúng có thể sống yên ổn cùng nhau"
Cũng đừng ưa thích việc thề dối
Cách dịch khác: "đừng tán thành khi người ta nói dối trước tòa"
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Zechariah 8:18
Sau đó lời của Đức Giê-hô-va vạn quân đến cùng tôi
"Tôi" chỉ về Xa-cha-ri.
Các kỳ kiêng ăn vào tháng tư
Người Do Thái than khóc một phần tháng tư của lịch Hê-bơ-rơ vì đây là lúc người Ba-by-lôn chọc thủng tường thành Giê-ru-sa-lem. Tháng thứ tư nhằm vào cuối tháng sáu và đầu tháng bảy của lịch phương tây.
Tháng năm
Xem cách đã dịch ở ZEC 7:3.
Tháng bảy
Xem cách đã dịch ở ZEC 7:5.
Tháng mười
Người Do Thái than khóc một phần tháng mười của lịch Hê-bơ-rơ vì đó là lúc người Ba-by-lôn bắt đầu vây hãm Giê-ru-sa-lem. Tháng thứ mười nhằm vào cuối tháng mười hai và đầu tháng một của lịch phương Tây.
Zechariah 8:20
Người ta lại sẽ đến
"Người ta sẽ lại đến Giê-ru-sa-lem"
Nhiều người và các cường quốc sẽ đến
"Nhiều người sẽ đến, cả những người từ các nước lớn"
Zechariah 8:23
Sẽ nắm lấy vạt áo các con
"sẽ níu lấy áo các con để được chú ý đến"
Xin cho chúng tôi đi với anh
"Xin cho chúng tôi đi đến Giê-ru-sa-lem với anh"
Đức Chúa Trời ở với các anh
"Đức Chúa Trời ở với dân tộc các anh"

Translation Questions

Zechariah 8:2
Đức Giê-hô-va bày tỏ sự giận dữ của Ngài đối với Si-ôn như thế nào?
Đức Giê-hô-va bày tỏ sự giận dữ của Ngài đối với Si-ôn bằng một cơn ghen và tức giận lớn.
Zechariah 8:3
Giê-ru-sa-lem và núi của Đức Giê-hô-va sẽ được gọi là gì khi Đức Giê-hô-va trở lại đặng ngự giữa Giê-ru-sa-lem?
Giê-ru-sa-lem sẽ được gọi là thành chơn thật; núi của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ được gọi là "núi thánh" khi Đức Giê-hô-va trở lại đặng ngự giữa Giê-ru-sa-lem.
Zechariah 8:4
Ai lại sẽ được tìm thấy trên các đường phố Giê-ru-sa-lem?
Những ông già, bà già ở trong các đường phố Giê-ru-sa-lem, các đường phố trong thành sẽ đầy những con trai con gái vui chơi trong đó.
Zechariah 8:5
Ai lại sẽ được tìm thấy trên các đường phố Giê-ru-sa-lem?
Những ông già, bà già ở trong các đường phố Giê-ru-sa-lem, các đường phố trong thành sẽ đầy những con trai con gái vui chơi trong đó.
Zechariah 8:7
Đức Giê-hô-va sẽ cứu dân sự Ngài khỏi đâu?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va sẽ cứu dân sự Ngài khỏi phương đông và phương tây.
Zechariah 8:9
Tại sao Đức Giê-hô-va muốn dân sự làm tay mình nên mạnh?
Đức Giê-hô-va muốn dân sự làm mạnh tay mình để đền thờ có thể được tái xây dựng.
Zechariah 8:10
Điều gì xảy ra trước khi nền nhà của Đức Chúa Trời được lập?
Trong những ngày đó, chẳng có vụ mùa, chẳng có tiền công, và chẳng có sự bình an vì cớ kẻ thù. Đức Giê-hô-va đã khiến mọi người ai nầy nghịch cùng kẻ lân cận mình.
Zechariah 8:11
Đức Giê-hô-va nói việc đó sẽ như thế nào trong thời của Xa-cha-ri?
Đức Giê-hô-va nói việc đó sẽ không giống như trước. Ngài nói hạt giống bình an sẽ được gieo ra. Cây nho sẽ sanh trái, và đất sẽ sanh hoa lợi, các từng trời sẽ sa móc xuống, Đức Giê-hô-va sẽ làm cho những kẻ sót lại của dân đó được hưởng mọi sự đó.
Zechariah 8:12
Đức Giê-hô-va nói việc đó sẽ như thế nào trong thời của Xa-cha-ri?
Đức Giê-hô-va nói việc đó sẽ không giống như trước. Ngài nói hạt giống bình an sẽ được gieo ra. Cây nho sẽ sanh trái, và đất sẽ sanh hoa lợi, các từng trời sẽ sa móc xuống, Đức Giê-hô-va sẽ làm cho những kẻ sót lại của dân đó được hưởng mọi sự đó.
Zechariah 8:16
Đức Giê-hô-va truyền cho dân sự phải cư xử thế nào và tại sao?
Đức Giê-hô-va bảo dân sự phải lấy điều thật nói cùng kẻ lân cận mình; hãy làm sự chơn thật và sự phán xét bình an trong cửa thành họ. Ngài nói ai nấy chớ toan sự dữ trong lòng nghịch cùng kẻ lân cận; và chớ ưa sự thề dối, vì ấy đó là những điều mà Đức Giê-hô-va ghét.
Zechariah 8:17
Đức Giê-hô-va truyền cho dân sự phải cư xử thế nào và tại sao?
Đức Giê-hô-va bảo dân sự phải lấy điều thật nói cùng kẻ lân cận mình; hãy làm sự chơn thật và sự phán xét bình an trong cửa thành họ. Ngài nói ai nấy chớ toan sự dữ trong lòng nghịch cùng kẻ lân cận; và chớ ưa sự thề dối, vì ấy đó là những điều mà Đức Giê-hô-va ghét.
Zechariah 8:19
Liên quan đến việc sự kiêng ăn về tháng tư, sự kiêng ăn về tháng năm, sự kiêng ăn về tháng bảy, sự kiêng ăn về tháng mười sẽ làm sự vui mừng hớn hở, và ngày lễ vui chơi cho nhà Giu-đa, Đức Giê-hô-va bảo họ phải làm gì?
Họ được bảo phải ưa sự chơn thật và bình an.
Zechariah 8:20
Đức Giê-hô-va nói ai sẽ đến tìm Ngài và nài xin ơn Ngài?
Đức Giê-hô-va nói nhiều người từ nhiều thành phố khác nhau và các nước hùng mạnh sẽ đến tìm kiếm Đức Giê-hô-va và nài xin ơn Ngài.
Zechariah 8:22
Đức Giê-hô-va nói ai sẽ đến tìm Ngài và nài xin ơn Ngài?
Đức Giê-hô-va nói nhiều người từ nhiều thành phố khác nhau và các nước hùng mạnh sẽ đến tìm kiếm Đức Giê-hô-va và nài xin ơn Ngài.
Zechariah 8:23
Trong những ngày đó, tại sao mười người từ mỗi thứ tiếng và đất nước sẽ đi lên đền thờ của Đức Giê-hô-va?
Họ sẽ đòi đi lên Giê-ru-sa-lem với dân sự của Đức Giê-hô-va vì họ sẽ nghe rằng Đức Chúa Trời ở với họ.

Chapter 9
Zechariah 9:1
Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va về
Cách dịch khác: "Đây là sứ điệp của Đức Giê-hô-va về"
đất Ha-đơ-rắc và Đa-mách
Cách dịch khác: "dân của xứ Ha-đơ-rắc và thành Đa-mách”
Vì mắt của Đức Giê-hô-va ở trên hết thảy loài người
Cách dịch khác: "Vì Đức Giê-hô-va dõi xem hết thảy loài người”. Tuy nhiên, nhiều bản hiện đại dịch câu này là “mắt loài người và hết thảy các chi phái Y-sơ-ra-ên đều hướng lên Đức Giê-hô-va"
Ha-mát
Cách dịch khác: "dân xứ Ha-mát"
Ty-rơ và Si-đôn
Cách dịch khác: "dân Ty-rơ và Si-đôn"
Dù chúng rất khôn ngoan
Có thể Xa-cha-ri không thật sự có ý muốn nói dân Ha-mát rất khôn ngoan. Cách dịch khác: "mặc dù họ nghĩ mình rất khôn ngoan"
Zechariah 9:3
Xây đồn lũy cho mình
Ở đây thành Ty-rơ được mô tả như một người nữ. Cách dịch khác: "xây một pháo đài vững chắc" hoặc "xây một bức tường cao"
Thu chứa bạc nhiều như bụi, và vàng như bùn đất ngoài đường
Cách dịch khác: "thu góp bạc và vàng nhiều như đất ngoài đường"
Kìa! Chúa sẽ tước khỏi nó
Cách dịch khác: "Hãy chú ý! Chúa sẽ cất đi tài sản của Ty-rơ"
Và tiêu diệt sức lực nó trên biển
Cách dịch khác: "và hủy diệt các tàu của Ty-rơ mà họ dùng để chiến đấu trên biển"
Nó sẽ bị lửa thiêu nuốt
Cách dịch khác: "và đốt trụi thành"
Zechariah 9:5
Sẽ thấy
"sẽ thấy Ty-rơ bị tiêu diệt"
Những dân khác sẽ định cư tại Ách-đốt
Cách dịch khác: "Người ngoại quốc sẽ chiếm Ách-đốt và sống ở đó"
Ta sẽ diệt trừ sự kiêu ngạo của người Phi-li-tin
Cách dịch khác: "Ta sẽ khiến người Phi-li-tin không còn tự hào về bản thân mình được nữa”
Ta sẽ xóa sạch máu khỏi miệng chúng và lấy đồ ghê tởm ra khỏi răng chúng |
Ở đây chỉ về thịt còn máu và thịt cúng cho thần tượng. Bản UDB nói rõ ý này. Cách dịch khác: "Ta sẽ không cho chúng ăn thịt còn máu nữa và ta sẽ cấm chúng ăn thức ăn mà chúng đã cúng cho thần tượng"
Zechariah 9:8
Ta sẽ đóng trại quanh xứ ta
Đức Chúa Trời nói như thể Ngài là một đội quân. Cách dịch khác: "Ta sẽ bảo vệ xứ ta"
Zechariah 9:9

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hỡi con gái Si-ôn, hãy reo lên vui mừng! Hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, hãy reo hò mừng rỡ!

Hai câu này có ý nghĩa như nhau và nhấn mạnh cho mệnh lệnh hãy vui mừng.

Con gái Si-ôn ... con gái Giê-ru-sa-lem

"Si-ôn" cũng chính là “Giê-ru-sa-lem”. Vị tiên tri nói như thể thành này là con gái. Xem cách đã dịch ở ZEC 2:10.

cưỡi lừa, một con lừa con

Hai cụm từ này căn bản như nhau, cùng chỉ về một con vật. Cụm từ thứ hai làm rõ đây là con lừa con. Cách dịch khác: "cưỡi lừa con."

diệt trừ chiến xa khỏi Ép-ra-im

Cách dịch khác: "phá hủy những chiến xa Y-sơ-ra-ên dùng cho chiến trận"

Ngựa khỏi Giê-ru-sa-lem

Cách dịch khác: "ngựa chiến trong Giê-ru-sa-lem"

Cung tên sẽ bị loại bỏ khỏi chiến trận

Ở đây cung tên đại diện cho tất cả các loại vũ khí được dùng trong chiến tranh. Cách dịch khác: "mọi loại vũ khí trong chiến tranh sẽ bị loại bỏ"

Vì Ngài sẽ công bố hòa bình cho các nước

Ở đây công bố hòa bình tượng trưng cho việc giảng hòa. Cách dịch khác: "vì vua các con sẽ đem hòa bình đến cho các nước" (See:}

Quyền cai trị của Ngài sẽ trải suốt từ biển này đến biển kia, từ Sông cho đến tận cùng cõi đất!

"vương quốc Ngài sẽ trải khắp đất!"

Zechariah 9:11

Về phần con

Ở đây từ “con” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Hố không có nước

Hố ở đây tượng trưng cho sự lưu đày.

Hãy trở về đồn lũy

Cách dịch khác: "Hãy trở về đất nước mình, nơi các con sẽ được an toàn"

Các tù nhân có hi vọng

Câu này chỉ về dân Y-sơ-ra-ên trong cơn lưu đày vẫn tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giải cứu họ.

giương Giu-đa ra như cái cung của ta

Dân Giu-đa được ví như cái cùng Đức Chúa Trời đem ra chiến trận. Cách dịch khác: "Ta sẽ dùng dân Giu-đa để đánh dân Huy Lạp"

Đựng Ép-ra-im đầy bao tên

Dân Y-sơ-ra-ên, tức là vương quốc phía bắc được ví như mũi tên Đức Chúa Trời sẽ bắn vào quân thù. Bao tên là túi đựng mũi tên của một người lính.

Hỡi Si-ôn, ta đã khuấy động con trai các con để nghịch cùng con trai các ngươi, hỡi Hy Lạp

Đức Chúa Trời đang phán cùng lúc với dân của hai nước khác nhau.

Zechariah 9:14

Thông Tin Tổng Quát:

Lời tiên tri ở đây tiếp tục lời của Ô-sê thay vì lời của Đức Giê-hô-va phán qua ông.

Sẽ hiện ra cho họ

Từ “họ” chỉ về dân của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "dân Ngài sẽ nhìn thấy trên trời" hoặc "sẽ đến cùng dân Ngài"

sẽ phóng đi như tia chớp!

Người Y-sơ-ra-ên đôi khi cho rằng tia chớp là mũi tên do Đức Chúa Trời bắn.

thổi tù và

Tù và là sừng chiên. Người ta thổi để ra hiệu trong chiến trận và trong những dịp khác nữa.

Sẽ tiến tới trong gió bão từ Thê-man

Dân Y-sơ-ra-ên đôi khi nghĩ rằng Đức Chúa Trời đi ra từ phương nam trong cơn bão lớn.

Sẽ ăn nuốt

Cách dịch khác: "sẽ đánh bại hoàn toàn"

Hạ gục những viên đá dùng ná bắn

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ đánh bại quân lính dùng ná. Những quân lính này tượng trưng cho hết thảy kẻ thù của Y-sơ-ra-ên bất kể họ mang vũ khí nào.

Họ sẽ uống và reo hò như người say rượu

Cách dịch khác: "Họ sẽ reo hò và ăn mừng chiến thắng ồn ào như thể say rượu."

Họ sẽ được đầy rượu như cái bát

Ở đây có thể chỉ về cái bát mà thầy tế lễ dùng để đem máu động vật đến bàn thờ. Cách dịch khác: "họ sẽ đầy rượu như cái chậu thầy tế lễ dùng để đem huyết đến đền thờ"

Như các góc bàn thờ

Bàn thờ có các góc nhô ra để máu con vật tụ lại ở đó. Cách dịch khác: "như các góc bàn thờ đầy máu"

Zechariah 9:16

Thông Tin Tổng Quát:

Xa-cha-ri tiếp tục nói với dân chúng.

Vì họ sẽ là những viên đá quý trên vương miện

Cách dịch khác: "trong đất ta họ sẽ như những viên đá xinh đẹp trên vương miện"

Thanh niên sẽ lớn lên nhờ lúa gạo

Thanh niên sẽ sống nhờ thức ăn họ có được từ mùa màng.

Và trinh nữ nhờ rượu ngọt

Những thiếu nữ sẽ vui thích rượu mới. Thanh niên và thiếu nữ ở đây tượng trưng cho toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên.

Translation Questions

Zechariah 9:1

Lời phán của Đức Giê-hô-va liên quan đến gì?

Lời phán của Đức Giê-hô-va liên quan đến xứ Ha-đơ-rắc và Đa-mách, Ha-mát, Ty-rơ và Si-đôn.

Zechariah 9:2

Lời phán của Đức Giê-hô-va liên quan đến gì?

Lời phán của Đức Giê-hô-va liên quan đến xứ Ha-đơ-rắc và Đa-mách, Ha-mát, Ty-rơ và Si-đôn.

Zechariah 9:4

Đức Giê-hô-va nói rằng Chúa sẽ làm gì với Ty-rơ?

Đức Giê-hô-va phán, "Chúa sẽ cất lấy của cải nó, xô quyền thế nó xuống biển, nó sẽ bị lửa thiêu nuốt."

Zechariah 9:6

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì với dân Phi-li-tin và họ sẽ trở nên thế nào?

Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ diệt sự kiêu ngạo của dân Phi-li-tin. Đức Giê-hô-va cũng nói rằng họ sẽ trở thành một phần còn sót lại cho Đức Chúa Trời như một thị tộc ở Giu-đa.

Zechariah 9:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì với dân Phi-li-tin và họ sẽ trở nên thế nào?
Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ diệt sự kiêu ngạo của dân Phi-li-tin. Đức Giê-hô-va cũng nói rằng họ sẽ trở thành một phần còn sót lại cho Đức Chúa Trời như một thị tộc ở Giu-đa.
Zechariah 9:8
Lý do Đức Giê-hô-va không đóng trại quanh xứ của Ngài là gì?
Ngài nói Ngài sẽ đóng trại quanh xứ Ngài nghịch cùng kẻ thù, để không ai có thể qua lại. Kẻ hà hiếp sẽ chẳng đi qua trong chúng nó nữa.
Zechariah 9:9
Tại sao con gái Si-ôn phải trỗi tiếng reo vui và con gái Giê-ru-sa-lem phải mừng rỡ?
Vua của họ sẽ đến với họ như thế nào?
Vua của họ sẽ khiêm nhường, cưỡi lừa, tức là con của lừa cái.
Zechariah 9:10
Vua này sẽ nói gì với các dân?
Vua đó sẽ ban lịnh sống hòa bình cho các dân các nước
Quyền bính của vua đó sẽ như thế nào?
Quyền bính của Ngài bao trùm từ đại dương nầy đến đại dương kia, từ Sông Cả cho đến tận cùng trái đất.
Zechariah 9:11
Tại sao Đức Giê-hô-va giải thoát những kẻ bị tù của họ khỏi hố sâu không nước?
Đức Giê-hô-va nói Ngài đã làm vậy vì cớ máu giao ước Ngài đã lập với họ.
Zechariah 9:13
Đức Giê-hô-va đã khuấy động các con trai của Si-ôn chống lại ai?
Đức Giê-hô-va đã khuấy động các con trai của Si-ôn chống lại các con trai của Hy Lạp.
Đức Giê-hô-va biến Si-ôn trở nên giống như cái gì?
Đức Giê-hô-va biến Si-ôn trở nên giống như thanh gươm của chiến sĩ.
Zechariah 9:16
Trong ngày đó Si-ôn sẽ ra sao khi mà Giê-hô-va, Đức Chúa Trời họ, giải cứu họ?
Trong ngày đó, Si-ôn sẽ như những viên ngọc lấp lánh trên vương miện trong xứ của Đức Giê-hô-va.

Chapter 10
Zechariah 10:1
Thông Tin Tổng Quát:
Xa-cha-ri tiếp tục nói với dân chúng.
làm sấm chớp
| "làm mây bão"
các thần tượng nói điều dối gạt
Cách dịch khác: "các thần tượng rao sứ điệp giả dối"
Các thầy bói chỉ thấy điều gian trá
Cách dịch khác: "các thầy bói thấy những khải tượng giả dối"
Chúng rêu rao những chiêm bao giả dối
Cách dịch khác: "các thầy bói nói dối về những giấc mơ của mình để lừa gạt người ta"
Chúng lan than như chiên
Cách dịch khác: "người ta không biết đi đường nào"
Zechariah 10:3
Cơn thịnh nộ của ta cháy phừng lên chống lại những kẻ chăn
"Những kẻ chăn" đại diện cho những người lãnh đạo dân Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "Cơn giận ta cùng những kẻ chăn dắt dân ta rất mãnh liệt" hoặc “Ta rất tức giận cùng những người lãnh đạo dân ta”
Ta sẽ trừng phạt những con dê đực, tức là những kẻ lãnh đạo
"Dê đực" tượng trưng cho những người lãnh đạo áp bức.
Đức Giê-hô-va vạn quân cũng sẽ chăm sóc bầy của Ngài, tức là nhà Giu-đa
Đức Giê-hô-va vạn quân cũng sẽ chăm sóc bầy của Ngài, tức là nhà Giu-đa
Khiến họ như ngựa chiến xông trận
Cách dịch khác: "sẽ ban chọ họ sức mạnh can đảm"
Zechariah 10:4
Từ họ sẽ xuất hiện đá góc nhà
"Đá góc nhà sẽ ra từ họ." Một nhà lãnh đạo uy quyền được ví như hòn đá móng của một tòa nhà. Cách dịch khác: "Một số hậu tự của họ sẽ là những người lãnh đạo uy quyền"
Từ họ sẽ xuất hiện cọc lều
"cọc lều sẽ ra từ họ." Những nhà lãnh đạo chủ chốt được ví như những cây cọc lớn để giữ lều. Cách dịch khác: "các nhà lãnh đạo hiệp nhất cả đất nước sẽ ra từ họ"
Từ họ sẽ xuất hiện cung nỏ chiến trận
"cung nỏ chiến trận sẽ ra từ họ." Các lãnh đạo quân sự được ví như cung nỏ dùng trong chiến trận. Cách dịch khác: "các nhà lãnh đạo quân sự sẽ ra từ họ"
Họ sẽ như những dũng sĩ
Cách dịch khác: "Họ sẽ mạnh mẽ trong chiến trận"
giày đạp quân thù trong trận chiến trong bùn đất ngoài đường phố
Cách dịch khác: "đánh bại kẻ thù hoàn toàn"
Và họ sẽ làm xấu hổ những người cưỡi ngựa chiến
Cách dịch khác: "và họ sẽ đánh bại kẻ thù cưỡi ngựa chiến đấu với họ"
Zechariah 10:6
Ta sẽ làm cho nhà Giu-đa mạnh mẽ
Cách dịch khác: "Ta sẽ làm cho nhà Giu-đa hùng mạnh"
nhà Giô-sép
Ở đây chỉ về dân cư của vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên.
Ta chưa từng ruồng bỏ chúng
Cách dịch khác: "Ta chưa từng từ bỏ chúng"
Ép-ra-im sẽ trở nên như dũng sĩ
" Ép-ra-im" chỉ về vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Ép-ra-im sẽ rất mạnh mẽ"
Lòng chúng hân hoan như khi uống rượu say
Cách dịch khác: "và chúng sẽ thật sự vui mừng"
Con cái chúng sẽ thấy và vui mừng. Lòng chúng sẽ hoan hỉ trong ta!
Cách dịch khác: "Con cái chúng sẽ thấy điều đã diễn ra và sẽ vui mừng vì việc Đức Giê-hô-va đã làm cho chúng!"
Zechariah 10:8
Ta sẽ huýt sáo
Huýt sáo là tạo ra âm thanh cao, rít lên bằng cách thổi hơi qua khe hẹp của môi.
Cho đến khi không còn chỗ cho chúng nữa
Người ta sẽ tiếp tục trở về Giu-đa và trở nên đông đúc đến nỗi không còn chỗ cho thêm người ở.
Zechariah 10:11
sẽ vượt qua biển khốn khổ của chúng
Kinh Thánh thường dùng biển làm hình ảnh của nhiều

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hoạn nạn và khó khăn.
Và sẽ làm khô đáy sông Nin
Cách dịch khác: "Ta sẽ khiến sông Nin cạn nước"
Vẻ oai nghiêm của A-si-ri sẽ bị đánh hạ
Ở đây “vẻ oai nghiêm của A-si-ri” có thể chỉ về đội quân của A-si-ri. Cách dịch khác: "Ta sẽ tiêu diệt đội quân kiêu ngạo của A-si-ri."
cây trượng của Ai Cập sẽ biến mất khỏi người Ai Cập
Cách dịch khác: "và quyền lực cai trị trên các nước của Ai Cập sẽ chấm dứt."
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Translation Questions

Zechariah 10:1
Đức Giê-hô-va sẽ làm gì cho Si-ôn?
Đức Giê-hô-va sẽ ban mưa xuống cho Si-ôn khi họ cầu xin Ngài, và ban thực vật cho đồng ruộng.
Zechariah 10:2
Điều gì khiến dân sự lang thang như những con chiên và chịu đau khổ?
Dân sự sống như đàn chiên bơ vơ lạc lõng và gặp khó khăn vì các thần tượng nói sự hư không, các thầy bói thấy sự dối trá; chúng nó rao chiêm bao phỉnh dối, và ban sự yên ủi luống nhưng. Dân sự cũng không có người chăn.
Zechariah 10:3
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ phạt ai?
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ phạt những con dê đực - tức là những lãnh đạo.
Zechariah 10:4
Đức Giê-hô-va nói điều gì sẽ ra từ nhà Giu-đa?
Đức Giê-hô-va nói đá góc nhà, cọc trại, cây cung trận, và mọi người lãnh đạo sẽ ra từ nhà Giu-đa.
Zechariah 10:6
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì cho nhà Giu-đa và Giô-sép?
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm cho nhà Giu-đa nên mạnh, và cứu nhà Giô-sép. Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ đem họ trở về, vì thương xót họ.
Zechariah 10:9
Giu-đa và Ép-ra-im sẽ làm gì khi họ nhớ Đức Giê-hô-va từ những xứ xa xăm là nơi mà Đức Giê-hô-va đã rải họ ra?
Họ và con cái sẽ sống và trở về khi họ nhớ Đức Giê-hô-va từ những xứ xa xăm là nơi mà Đức Giê-hô-va đã rải họ ra
Zechariah 10:11
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì với Ai Cập và A-sy-ri sua khi Ngài gom những người thuộc nhà Giu-đa từ những nơi đó?
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ ban đánh hạ sự oai phong của A-sy-ri và cây vương trượng của Ai-cập sẽ vĩnh viễn giã từ.

Chapter 11
Zechariah 11:1
Hỡi Li-ban, hãy mở các cửa cho lửa thiêu nuốt những cây bá hương của ngươi
Vị tiên tri đang nói với đất Li-ban như thể nó là người. Cách dịch khác: "Hỡi dân Li-ban, hãy sẵn sàng cho lửa đốt cháy những cây bá hương của ngươi"
Hỡi cây bách, hãy khóc than, vì cây bá hương đã ngã xuống
Cách dịch khác: "Nếu các cây cối là người thì chúng sẽ khóc than. Cây bách đứng một mình vì cây bá hương đã cháy và ngã xuống."
Hỡi cây sồi ở Ba-san, hãy khóc than, vì rừng rậm đã bị đốn ngã.|
Cách dịch khác: "Nếu cây sồi ở Ba-san là người thì chúng sẽ than khóc vì rừng rậm của chúng đã bị chặt xuống."
những kẻ chăn chiên gào lên
Cách dịch khác: "Những kẻ chăn chiên kêu khóc"
Vì vinh quang chúng đã bị hủy phá
"Vinh quang chúng" có thể chỉ về những đồng cỏ xanh cho người chăn dẫn chiên đến. Cách dịch khác: "vì đồng cỏ xanh tươi của chúng đã bị hủy phá."
Vì niềm kiêu hãnh của sông Giô-đanh
Cách dịch khác: "vì cây cối và bụi rậm cho chúng ở, bên sông Giô-đanh đã bị phá hủy."
Zechariah 11:4
Thông Tin Tổng Quát:
Ở đây Đức Giê-hô-va bắt đầu chỉ dạy Xa-cha-ri theo lối ẩn dụ về người chăn và chiên.
dân cư đất nầy
"dân xứ này"
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Phó ai nấy vào tay người lân cận mình
Cách dịch khác: "để mỗi người bị người khác kiểm soát"
vào tay vua mình
Cách dịch khác: "vào sự cai trị bất công của vua mình"
Chúng sẽ tàn phá xứ sở
Cách dịch khác: "chúng sẽ không thương xót dân của xứ"
Ta sẽ không giải cứu một ai khỏi tay chúng
Cách dịch khác: "nhưng ta sẽ không giải cứu dân Giu-đa khỏi thế lực của chúng"
Zechariah 11:7
Thông Tin Tổng Quát:
Tiếp tục ẩn dụ về người chăn và chiên.
bầy chiên được định để giết thịt
"bầy chiên sắp bị làm thịt."
Cây gậy
Cây gậy là cây gỗ dùng cho nhiều mục đích khác nhau bao gồm việc chăn chiên. Gậy có thể có nhiều loại móc khác nhau ở đầu gậy.
Ưa thích
Các bản khác dịch từ này là “ân điển” và “tốt đẹp”.
Hợp nhất
Từ này mang ý nghĩa về tình anh em giữa hai miền Y-sơ-ra-ên, tức là vương quốc phía bắc và vương quốc phía nam.
Ta đã hết kiên nhẫn với họ
Cách dịch khác: "Ta không thể chịu đựng những kẻ thuê ta chăn chiên được nữa."
Zechariah 11:10

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông Tin Tổng Quát:
Cách dịch khác: "Ta không thể chịu đựng những kẻ thuê ta chăn chiên được nữa."
Bẻ gãy nó để phá bỏ giao ước ta đã lập với tất cả các dân của ta
Ở đây vị tiên tri đang nói và hành động thay cho Đức Giê-hô-va.
Đã nói
Cách dịch khác: "đã truyền sứ điệp cho họ"
ba chục miếng bạc
330 gram bạc. Một seken nặng mười một gram.
Zechariah 11:13
Thông Tin Tổng Quát:
Tiếp tục ẩn dụ về người chăn và chiên.
Kho bạc
Kho trong đền thờ của Đức Giê-hô-va
Số tiền quý báu
Ở đây muốn nói đó là giá quá rẻ mạt cho người chăn làm việc của Đức Giê-hô-va. Xem bản UDB không dùng cách nói mỉa mai ở đây: “một số tiền rẻ mạt đến nực cười”.
ba chục miếng bạc
330 gram bạc. Một seken nặng mười một gram.
Zechariah 11:15
Thông Tin Tổng Quát:
Tiếp tục ẩn dụ về người chăn và chiên.
Chiên mập béo
Chiên mạnh khỏe, phát triển
xé cả móng nó
Có thể là một hành động tàn bạo
Zechariah 11:17
Thông Tin Tổng Quát:
Tiếp tục ẩn dụ về người chăn và chiên.
Khốn cho kẻ chăn vô dụng
Cách dịch khác: "Nỗi đau buồn nào chờ đợi người chăn vô dụng này"
Đến nghịch cùng tay và mắt phải nó
Cách dịch khác: "làm tay phải nó bị thương và đâm vào mắt phải nó!"
Nguyền cho gươm đến nghịch cùng
"Gươm" ở đây tượng trưng cho kẻ thù sẽ tấn công người chăn.
Tay nó
Sức lực chiến đấu của nó
Mắt phải nó
Khả năng nhìn thấy của nó trong lúc chiến đấu.

Translation Questions

Zechariah 11:3
Tại sao những người chăn chiên than khóc?
Người chăn chiên than khóc vì sự vinh hiển của họ đã bị hủy phá.
Zechariah 11:4
Đức Giê-hô-va bảo Xa-cha-ri làm gì?
Đức Giê-hô-va bảo Xa-cha-ri, "Hãy cho những con chiên sắp giết ăn cỏ!"
Zechariah 11:6
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm gì với dân cư của Giu-đa?
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ chẳng tiếc họ nữa; nhưng Ngài sẽ phó ai nấy vào trong tay người chăn chiên mình, và trong tay vua mình; chúng nó sẽ đánh đất.
Zechariah 11:7
Tên của hai cây gậy mà Xa-cha-ri dùng để chăn bầy sắp bị giết là gì?
Hai cây gậy có tên là "Tốt đẹp" và "Dây buộc".
Zechariah 11:8
Tại sao Xa-cha-ri hủy diệt ba người chăn chiên trong một tháng?
Xa-cha-ri làm như vậy vì ông đã nhàm chán những người chăn chiên và họ cũng ghét ông.
Zechariah 11:10
Tại sao Xa-cha-ri chặt đứt cây gậy "Tốt đẹp"?
Ông chặt nó đặng dứt lời giao ước mà ông đã lập với hết thảy các dân.
Zechariah 11:12
Xa-cha-ri được trả bao nhiêu?
Xa-cha-ri được trả ba chục miếng bạc.
Zechariah 11:13
Đức Giê-hô-va bảo Xa-cha-ri làm gì với ba chục miếng bạc đó?
Xa-cha-ri được bảo phải gửi số bạc đó vào kho bạc.
Zechariah 11:14
Việc bẻ gãy cây gậy thứ nhì, là gậy "Dây buộc" nhằm mục đích gì?
Việc bẻ gãy cây gậy thứ nhì làm dứt tình anh em giữa Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.
Zechariah 11:16
Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ dấy lên một người chăn trong xứ. Người chăn đó sẽ làm gì?
Người chăn đó sẽ chẳng thăm viếng chiên, chẳng tìm kiếm chiên tản lạc, không chữa con nào bị thương, không nuôi con nào mập mạnh; song nó ăn thịt con rất mập, và xé móng chúng nó.
Zechariah 11:17
Kẻ chăn vô ích bỏ bầy mình bị rủa sả thế nào?
Đây là lời rủa sả: "Gươm sẽ ở trên cánh tay nó, và trên con mắt hữu nó; cánh tay nó sẽ khô cả, và con mắt hữu nó sẽ mù cả."

Chapter 12

Zechariah 12:1
Thông Tin Tổng Quát:
Ở đây bắt đầu nói về cuộc tấn công Giê-ru-sa-lem sắp đến và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu thành.
Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Đấng giương các tầng trời
"đấng dựng nên các tầng trời"
lập nền móng của đất
Cách dịch khác: "đặt cả trái đất vào trật tự"
Tạo linh hồn bên trong loài người
Cách dịch khác: "tạo linh hồn loài người"
Chén
"chén nước"
làm cho mọi dân chung quanh choáng váng
Tức là đồ uống là rượu, sẽ khiến cho kẻ thù tấn công Giê-ru-sa-lem trở nên xay xỉn, không thể chiến đấu được.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nó
Tức là thành Giê-ru-sa-lem. Tiếng Hê-bơ-rơ thường nói về một thành hay một đất nước như thể nó là một người nữ.
tảng đá nặng nề cho mọi dân
"thứ không thể dịch chuyển"
Zechariah 12:4
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này tiếp tục nói về cuộc tấn công Giê-ru-sa-lem sắp tới và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu thành.
Vào ngày đó
Ở đây chỉ về ngày quân đội tấn công Giê-ru-sa-lem.
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Ta sẽ nhìn đầy ân huệ trên
Cách dịch khác: "ta sẽ bảo vệ"
nhà Giu-đa
"dân Giu-đa"
Nói trong lòng
Tức là họ suy nghĩ và nói với chính mình.
Vì Đức Giê-hô-va vạn quân
Cách dịch khác: "vì họ thờ phượng Đức Giê-hô-va vạn quân"
Zechariah 12:6
Thông Tin Tổng Quát:
Câu này tiếp tục nói về cuộc tấn công Giê-ru-sa-lem sắp tới và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu thành.
Vào ngày đó
Ở đây chỉ về lúc Giê-ru-sa-lem bị tấn công và Đức Chúa Trời đánh bại kẻ thù của họ.
như cái nồi đựng lửa giữa đống củi ... đứng giữa các bó lúa
"như cái nồi đựng lửa giữa đống củi ... thân rạ giữa đồng"
nồi đựng lửa
Nồi đất mà ngày xưa người ta thường dùng để đựng than đang cháy.
đuốc cháy rực
Cây củi cháy ở một đầu để thắp sáng khi đi đường hay để mang lửa đến nơi nào đó.
sẽ thiêu nuốt tất cả các dân tộc chung quanh
"sẽ tiêu diệt các dân tộc chung quanh"
Giê-ru-sa-lem sẽ lại ở trong chỗ mình
Dân Giê-ru-sa-lem sẽ lại sống trong thành của mình.
Zechariah 12:7
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này tiếp tục nói về cuộc tấn công Giê-ru-sa-lem sắp tới và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu thành.
các trại của Giu-đa
Ở đây “trại” tượng trưng cho nhà và nhà tượng trưng cho những người sống trong đó. Cách dịch khác: "dân Giu-đa."
Nhà Đa-vít
Có thể là 1) dòng dõi của Đa-vít hoặc 2) tầng lớp lãnh đạo.
Thiên sứ của Đức Giê-hô-va
Đây là thiên sứ Đức Giê-hô-va sai đến để bảo vệ dân chúng.
Zechariah 12:10
Ta sẽ đổ thần nhân từ và nài xin
Cách dịch khác: "Ta sẽ ban cho dân chúng tinh thần thương xót kẻ khác và cầu xin ơn thương xót của ta"
Đấng chúng đã đâm
Cách dịch khác: "Đấng chúng đã đâm chết"
sự than khóc tại Giê-ru-sa-lem sẽ như sự than khóc tại Ha-đát Rim-môn
Ha-đát Rim-môn có thể là nơi vua Giô-si-a, một vị vua ngay lành, đã chết vì bị thương sau trận chiến Mê-ghi-đô. Dương như người ta có phong tục để tang định kỳ cho cái chết của ông. Tuy nhiên, mốt số người lại cho rằng Ha-đát Rim-môn là tên của một tà thần chịu chết hàng năm, là một sự kiện cho những tín đồ đến than khóc.
Mê-ghi-đô
Đây là tên một đồng bằng ở Y-sơ-ra-ên. .
Zechariah 12:12
Xứ xở
Ở đây chỉ về mọi dân cư trong đất Giu-đa.
Nhà Đa-vít ... Na-than ... Lê-vi
Dòng dõi của Đa-vít ... của Na-than ... của Lê-vi.

Translation Questions

Zechariah 12:1
Đức Giê-hô-va, Đấng phán cùng Y-sơ-ra-ên, là ai?
Đức Giê-hô-va là Đấng giương các từng trời, lập nền của đất, và tạo thần trong mình người ta,
Zechariah 12:3
Ai sẽ nhóm lại nghịch cùng GIê-ru-sa-lem?
Mọi nước trên đất sẽ nhóm lại nghịch cùng Giê-ru-sa-lem.
Zechariah 12:4
Trong ngày mọi dân nhóm lại nghịch cùng Giu-đa, Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ làm những điều đặc biệt nào trên ngựa và những kỵ sĩ của quân thù?
Ngài nói rằng Ngài sẽ đánh mỗi con ngựa cho kinh hãi, những kẻ cỡi nó phải điên cuồng; Đức Giê-hô-va cũng nói Ngài sẽ đánh mỗi con ngựa của các dân cho đui đi.
Zechariah 12:6
Trong ngày đó, các lãnh đạo của Giu-đa sẽ như thế nào?
Trong ngày đó, các lãnh đạo sẽ như một bếp lửa ở giữa những bó lúa và một ngọn đuốc cháy sáng thiêu rụi lúa xung quanh.
Zechariah 12:7
Tại sao Đức Giê-hô-va trước hết sẽ cứu những trại của Giu-đa?
Đức Giê-hô-va trước hết sẽ cứu những trại của Giu-đa để sự vinh hiển của nhà Đa-vít và sự vinh hiển của dân cư Giê-ru-sa-lem không dấy lên trên Giu-đa được.
Zechariah 12:9
Đức Giê-hô-va quyết định làm gì trong ngày đó?
Đức Giê-hô-va nói rằng trong ngày đó Ngài quyết định tìm cách hủy diệt hết thảy những nước nào đến đánh Giê-ru-sa-lem.
Zechariah 12:10
Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ đổ gì trên nhà Đa-vít và dân cư Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va sẽ đổ thần của ơn phước và của sự nài xin.
Nhà Đa-vít và dân cư Giê-ru-sa-lem sẽ làm gì khi họ nhìn xem Đấng mà họ đã đâm?
Khi họ nhìn xem Đấng mình đã đâm; họ sẽ thương khóc, như là thương khóc con trai một, sẽ ở trong sự cay đắng vì cớ con đầu lòng.
Zechariah 12:12
Xứ sẽ than khóc như thế nào trong ngày đó?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong ngày đó, mỗi gia đình sẽ than khóc riêng phần mình, và trong mỗi gia đình họ sẽ than khóc riêng, vợ họ sẽ bị tách biệt riêng với đàn ông.
Zechariah 12:14

Xứ sẽ than khóc như thế nào trong ngày đó?
Trong ngày đó, mỗi gia đình sẽ than khóc riêng phần mình, và trong mỗi gia đình họ sẽ than khóc riêng, vợ họ sẽ bị tách biệt riêng với đàn ông.

Chapter 13
Zechariah 13:1
một dòng suối
Một nơi nước chảy ra tự nhiên từ lòng đất.
Vì tội lỗi và sự ô uế của chúng
Cách dịch khác: "để tẩy sạch tội lỗi và sự ô uế của chúng"
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
xóa sạch tên của các thần tượng khỏi đất nầy
Cách dịch khác: "xóa bỏ sự thờ thần tượng trên khắp xứ"
ta cũng sẽ khiến các tiên tri giả và linh ô uế ra khỏi đất nầy
Cách dịch khác: "Ta cũng sẽ trục xuất các tiên tri giả và linh ô uế ra khỏi xứ"
Zechariah 13:3
Cha và mẹ nó là người đã sinh ra nó
Cụm từ “người đã sinh ra nó” mô tả cho cụm từ “cha và mẹ nó” để bày tỏ sự kinh ngạc rằng cha mẹ ngươi đó lại đối xử với người như vậy.
Mầy sẽ không được sống nữa
Cách dịch khác: "Mầy phải chết"
Sẽ đâm
Đâm đề giết người."
Zechariah 13:4
Mỗi tiên tri
Ở đây chỉ về những tiên tri giả, không phải là tiên trị chân thật cỉa Đức Giê-hô-va.
không còn mặc áo choàng bằng lông nữa
"Áo choàng" chỉ về chiếc áo lớn mặc bên ngoài làm bằng lông thú của các tiên tri.
Làm ruộng
Tức là “cày cấy”.
Ruộng là việc của tôi khi tôi còn trẻ
Một số bản hiện đại dịch câu Hê-bơ-rơ này là “một người đã nhận tôi khi tôi còn trẻ” tức là nhận làm đầy tớ.
Những vết thương giữa hai cánh tay anh là gì vậy?
Cách dịch khác: "Vì sao anh có những vết thương trên ngực thế kia?" Ở đây chỉ về tục lệ của những tiên tri giả thường tự gây thương tích cho mình trong những kỳ lễ.
Người ấy sẽ đáp
Tức là người đó sẽ nói dối.
Zechariah 13:7
Hỡi gươm, hãy thức dậy
Cách dịch khác: "Hỡi gươm! Ngươi phải thức dậy”. Đây là mạng lệnh Đức Giê-hô-va cho tấn công và giết người chăn của Ngài.
Nghịch cùng người chăn của ta
Ở đây chỉ về một vị vua hay đầy tớ nào đó của Đức Giê-hô-va.
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Bầy chiên
"Bầy chiên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
những con bé nhỏ
Ở đây có thể chỉ về dân Y-sơ-ra-ên yếu đuối và không thể tự vệ.
Zechariah 13:8
đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dùng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.
Ta sẽ đem phần ba này qua lửa
Kim loại được đưa qua lửa để tinh chế hoặc luyện cho cứng chắc. Ở đây câu này là phép ẩn dụ chỉ về những người phải chịu khổ để trở nên trung thành hơn với Đức Chúa Trời.
luyện chúng như luyện bạc, thử chúng như thử vàng
Luyện là làm cho những kim loại quý như bạc được tinh khiết hơn. Kim loại như bạc và vàng ở đây được thử để xem chúng tinh khiết và cứng chắc đến đâu. Luyện và thử là phép ẩn dụ chỉ về việc làm cho dân chúng trung thành hơn với Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Zechariah 13:1
Suối phun ra cho nhà Đa-vít trong ngày đó nhằm mục đích gì?
Suối sẽ phun ra vì tội lỗi và sự gian ác của họ.
Zechariah 13:2
Đức Giê-hô-va sẽ trừ bỏ gì khỏi xứ và tại sao?
Đức Giê-hô-va sẽ trừ bỏ danh các thần khỏi xứ để chúng không còn được nhớ đến nữa.
Đức Giê-hô-va sẽ khiến gì ra khỏi xứ đó?
Đức Giê-hô-va sẽ khiến các tiên tri và quỉ ô uế ra khỏi đất.
Zechariah 13:3
Nếu bất kỳ ai tiếp tục nói tiên tri, cha mẹ họ sẽ làm gì với họ?
Cha mẹ là những người khiến họ buồn sẽ khiến họ chết đứng khi họ nói tiên tri.
Zechariah 13:4
Trong ngày đó, tại sao người nào nói tiên tri thì sẽ không mặc áo choàng bằng lông nữa?
Người nào nói tiên tri sẽ không còn mặc áo choàng bằng lông để dối trá nữa.
Zechariah 13:7
Ai là người chăn chiên?
Người chăn chiên là "người làm bạn hữu ta."
Điều gì sẽ xảy ra với bầy khi người chăn bị giết?
Khi người chăn bị giết, bầy chiên sẽ bị tản lạc.
Zechariah 13:8
Đức Giê-hô-va tuyên bố điều gì sẽ xảy ra khắp xứ?
Đức Giê-hô-va phán rằng hai phần của nó sẽ bị diệt và mất

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

song một phần ba sẽ được còn lại.
Zechariah 13:9
Điều gì sẽ xảy ra với một phần ba còn lại?
Một phần ba còn lại sẽ được đem vào lửa, được luyện và thử.
Một phần ba còn lại đó sẽ nói gì?
Một phần ba còn lại đó sẽ nói, "Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời tôi."

Chapter 14
Zechariah 14:1
Thông Tin Tổng Quát:
Chương này mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.
Chiến lợi phẩm cướp được của ngươi sẽ được chia ở giữa ngươi
Cách dịch khác: "kẻ thù sẽ lấy hết của cải ngươi và chia nhau trước mặt ngươi"
Ta sẽ tập hợp mọi nước lại giao chiến với Giê-ru-sa-lem
Cách dịch khác: "Ta sẽ khiến nhiều nước tấn công Giê-ru-sa-lem"
số dân còn sót lại sẽ không bị dứt bỏ khỏi thành
Cách dịch khác: "kẻ thù của ngươi sẽ để những người còn sót lại được ở lại trong thành"
Zechariah 14:3
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.
như Ngài đã giao chiến trong ngày chiến trận
Cách dịch khác: "như Ngài đã đánh trong quá khứ"
Chân Ngài sẽ đứng trên núi Ô-liu
"Chân Ngài" chỉ về chính Đức Giê-hô-va.
Zechariah 14:5
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.
Át-san
Đây là tên của một thành hay làng ở phía đông Giê-ru-sa-lem.
các thánh
Đây có thể chỉ về các thiên sứ của Đức Chúa Trời.
Zechariah 14:6
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó
Nước sống
Từ này thường chỉ về nước chảy chứ không phải nước tù động.
Biển đông
Ở đây chỉ về Biển Chết nằm ở phía đông của Giê-ru-sa-lem.
Biển tây
Ở đây chỉ về biển Địa Trung Hải.
Zechariah 14:9
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.
Khi đó Đức Giê-hô-va sẽ là Đức Chúa Trời duy nhất, và danh Ngài cũng là duy nhất
"khi đó chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất là Đức Giê-hô-va, là Đấng được thờ phượng."
A-ra-ba ... Ghê-ba cho ... Rim-môn
Đây là những địa danh.
Giê-ru-sa-lem sẽ tiếp tục được nhấc lên
Ở đây chỉ về độ cao của thành Giê-ru-sa-lem, khoảng 760m trên mực nước biển.
Nó
Giê-ru-sa-lem và các thành khác thường được ví như những người nữ.
Sẽ ở trong chỗ mình
"sẽ ở nơi nó vẫn thường ở"
cổng Bên-gia-min ... cổng thứ nhất ... Cổng Góc
Đây là tên các cổng khác nhau của tường thành Giê-ru-sa-lem.
tháp Ha-na-nê-ên
Ở đây chỉ về điểm phòng thủ trên tường thành, có thể nó được một người tên là Ha-na-nê-ên xây dựng.
hầm ép rượu của vua
Ở đây có thể chỉ về nơi làm rượu cho hoàng gia.
Zechariah 14:12
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.
Đứng trên chân mình
Cách dịch khác: "đi vòng quanh"
Tay người này giơ lên nghịch cùng tay người kia
Mỗi người sẽ đánh nhau.
Zechariah 14:14
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.
Giu-đa cũng sẽ chiến đấu với Giê-ru-sa-lem
Một số bản viết là “Giu-đa cũng sẽ chiến đấu cho Giê-ru-sa-lem”. Bản Hê-bơ-rơ không rõ nghĩa ở chỗ này.
Chúng sẽ thu lấy tài sản
Cách dịch khác: "Chúng sẽ chiếm lấy tài sản"
Rất dư dật
"số lượng lớn"
Zechariah 14:16
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.
Đến nghịch cùng Giê-ru-sa-lem
Cách dịch khác: "tấn công Giê-ru-sa-lem"
Sẽ tấn công các nước
Cách dịch khác: "sẽ trừng phạt các nước nặng nề"
Zechariah 14:19
Thông Tin Tổng Quát:|
Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.
Zechariah 14:20
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.
giống như những bát trước bàn thờ
Cách dịch khác: "thánh như cái bát được dùng trước bàn thờ"
Mọi nồi ở trong Giê-ru-sa-lem và trong Giu-đa sẽ dành cho Đức Giê-hô-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

va vạn quân
Nhiều loại nồi và vật chứa được làm ra đặc biệt để sử dụng trong đền thờ để thờ phượng Đức Giê-hô-va và dâng tế lễ. Chúng được biệt riêng, không sử dụng cho bất kì việc gì khác.

Nhà buôn sẽ không còn ở trong nhà Đức Giê-hô-va vạn quân nữa
Nhà buôn thường bán cho dân chúng những thứ họ cần để dâng tế lễ cho Đức Giê-hô-va trong đền thờ. Một số bản dịch là “người Ca-na-an” vì từ Hê-bơ-rơ ở đây có hai nghĩa: “nhà buôn” và “người Ca-na-an”.

Translation Questions

Zechariah 14:2
Tại sao những của cướp của Giê-ru-sa-lem sẽ bị chia giữa họ?
Của cướp của Giê-ru-sa-lem sẽ bị chia giữa họ vì Đức Giê-hô-va sẽ nhóm mọi nước lại tranh chiến cùng Giê-ru-sa-lem, và thành sẽ bị lấy, nhà sẽ bị cướp.
Zechariah 14:3
Điều gì sẽ xảy ra với những nước chống nghịch Giê-ru-sa-lem?
Đức Giê-hô-va sẽ ra đánh cùng các nước đó, như Ngài đã đánh trong ngày chiến trận.
Zechariah 14:4
Điều gì sẽ xảy ra với Núi Ô-li-ve khi Đức Giê-hô-va đứng trên đó?
Núi Ô-li-ve sẽ bị chia ra làm hai với một trũng rất lớn ở giữa hai bên.
Zechariah 14:5
Đức Giê-hô-va và những người thánh sẽ đến khi nào?
Đức Giê-hô-va và những người thánh sẽ đến sau khi dân cư Giê-ru-sa-lem chạy trốn xuống trũng giữa hai núi của Đức Giê-hô-va.
Zechariah 14:8
Nước uống ra từ Giê-ru-sa-lem sẽ chảy về đâu?
Phân nửa chảy về biển đông, phân nửa chảy về biển tây.
Zechariah 14:9
Ai sẽ làm vua khắp đất?
Đức Giê-hô-va sẽ làm vua khắp đất.
Zechariah 14:11
Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt Giê-ru-sa-lem không?
Đức Chúa Trời sẽ không hủy diệt họ nữa; Giê-ru-sa-lem sẽ được an ninh thịnh vượng.
Zechariah 14:12
Đức Giê-hô-va sẽ giáng tai họa gì trên tất cả những dân tranh chiến nghịch cùng Giê-ru-sa-lem?
Đối với những dân tranh chiến nghịch cùng Giê-ru-sa-lem, thịt của họ mục nát ra, mắt mục trong vành họ, lưỡi mục trong miệng.
Zechariah 14:13
Điều gì sẽ xảy ra khi Đức Giê-hô-va gieo sự rối loạn lớn trong họ?
Ai nấy sẽ nắm tay kẻ lân cận mình, và tay người nầy sẽ giá lên nghịch cùng tay người kia.
Zechariah 14:16
Tất cả những ai còn sót lại ở các nước đến dấy nghịch Giê-ru-sa-lem sẽ làm gì?
Hết thảy những kẻ nào còn sót lại trong mọi nước lên đánh Giê-ru-sa-lem, sẽ lên đó hàng năm đặng thờ lạy trước mặt Vua, là Đức Giê-hô-va vạn quân, và giữ lễ lều tạm.
Zechariah 14:17
Điều gì sẽ xảy ra nếu bất kỳ ai đến từ những nước trên đất không lên Giê-ru-sa-lem đặng thờ lạy vua, Đức Giê-hô-va vạn quân?
Nếu bất kỳ ai chẳng lên Giê-ru-sa-lem đặng thờ lạy trước mặt Vua, là Đức Giê-hô-va vạn quân, thì sẽ không có mưa trên họ. Đức Giê-hô-va sẽ giáng ôn dịch trên các nước nào không lên giữ lễ lều tạm.
Zechariah 14:18
Điều gì sẽ xảy ra nếu bất kỳ ai đến từ những nước trên đất không lên Giê-ru-sa-lem đặng thờ lạy vua, Đức Giê-hô-va vạn quân?
Nếu bất kỳ ai chẳng lên Giê-ru-sa-lem đặng thờ lạy trước mặt Vua, là Đức Giê-hô-va vạn quân, thì sẽ không có mưa trên họ. Đức Giê-hô-va sẽ giáng ôn dịch trên các nước nào không lên giữ lễ lều tạm.
Zechariah 14:21
Trong ngày đó, ai sẽ không còn ở trong nhà của Đức Giê-hô-va vạn quân?
Trong ngày đó, những thương gia sẽ không còn ở trong nhà Đức Giê-hô-va vạn quân.

Chapter 1

Malachi 1:1
Lời phán của Đức Giê-hô-va cho Y-sơ-ra-ên bởi tay Ma-la-chi
Có thể nói thành câu khẳng định. “Đây là lời phán của Đức Giê-hô-va cho Y-sơ-ra-ên bởi tay Ma-la-chi”.
bởi tay Ma-la-chi
“Tay” ở đây chỉ về hành động hay việc làm. Cách dịch khác: "qua hành động của Ma-la-chi"
Chúa yêu chúng con thế nào đâu?
Câu hỏi này cho thấy họ nghi ngờ tính chân thật trong lời Chúa phán. Có thể nói ở dạng câu khẳng định. Cách dịch khác: "Ngài không thể hiện rằng Ngài yêu chúng con."
Chẳng phải Ê-sau là anh Gia-cốp sao?
Câu hỏi này là lời đáp của Đức Giê-hô-va nhắc nhỡ họ về lịch sử của dân tộc, có thể nói ở dạng câu khẳng định. Cách dịch khác: "Các ngươi biết rằng Ê-sau là anh của Gia-cốp."
Đức Giê-hô-va phán
"Đức Giê-hô-va nghiêm nghị nói"
Ta yêu Gia-cốp
“Yêu” ở đây ngụ ý về một mối quan hệ thành tín giữa Đức Giê-hô-va và Gia-cốp, tức là giao ước giữa họ. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "các ngươi biết rằng ta buộc mình vào giao ước phải yêu Gia-cốp"
Ta yêu Gia-cốp
Ở đây tên “Gia-cốp” không chỉ chỉ về Gia-cốp mà còn là hết thảy con cháu của ông.
Ta ghét Ê-sau
“Ghét” ở đây có nghĩa là không có giao ước giữa Đức Giê-hô-va và Ê-sau chứ không có nghĩa là Đức Giê-hô-va có cảm xúc ghét Ê-sau.
Ta ghét Ê-sau
Ở đây tên “Ê-sau” không chỉ chỉ về Ê-sau mà còn là toàn bộ con cháu của ông.
đồi núi của nó
Ở đây chỉ về vùng đồi núi Ê-đôm.
Ta đã làm cho sản nghiệp nó trở thành nơi cho chó trong hoang mạc
Trong Cựu Ước, những con thú hoang như chó rừng là hình

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ảnh quen thuộc để chỉ về những vùng đất bị bỏ hoang.

sản nghiệp nó

“Sản nghiệp” ở đây chỉ về vùng mà dòng dõi của Ê-sau, tức là dân Ê-đôm chiếm giữ.

Malachi 1:4

Nếu Ê-đôm nói

“Ê-đôm” ở đây chỉ về dân Ê-đôm. Cách dịch khác: "Nếu dân Ê-đôm nói"

Ta sẽ ném xuống

“Ném xuống” ở đây có nghĩa là “phá hủy”. Cách dịch khác: "Ta sẽ phá hủy"

Đất nước gian ác

“Gian ác” ở đây chỉ về con người gian ác hoặc là những việc làm gian ác. Cách dịch khác: "đất nước của kẻ gian ác"

Chính mắt các ngươi sẽ thấy

“Mắt các ngươi” chỉ về chính dân chúng. Cách dịch khác: "Chính các ngươi sẽ thấy"

Malachi 1:6

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va quở trách các thầy tế lễ bằng cách dùng một cuộc đối thoại tưởng tượng, trong đó các thầy tế lễ quả quyết mình làm đúng còn Đức Giê-hô-va chỉ cho họ thấy họ đang làm sai điều gì.

khinh để danh ta

Ở đây “danh ta” chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "đối xử với ta như thể các ngươi ghét ta"

Chúng tôi khinh để danh Ngài thế nào đâu?

Ở đây các thầy tế lễ hỏi câu này để nói rằng họ không khinh để Đức Giê-hô-va. Có thể nói ở dạng câu khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng tôi không có khinh để danh Ngài" hoặc "Xin cho chúng tôi biết chúng tôi đã khinh để danh Ngài thế nào vì chúng tôi không nghĩ mình đã làm như thế."

bánh ô uế

“Ô uế” ở đây mô tả bất kì thứ gì không phù hợp để dâng cho Đức Chúa Trời.

Chúng tôi làm ô uế Ngài thế nào đâu?

Ở đây các thầy tế lễ hỏi câu này để nói rằng họ không làm ô uế Đức Giê-hô-va. Có thể nói thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng tôi không có làm ô uế Ngài" hoặc "Xin cho chúng tôi biết chúng tôi đã làm ô uế Ngài thế nào vì chúng tôi không nghĩ mình đã làm như thế."

làm ô uế Ngài

Câu này chỉ về việc xúc phạm Đức Chúa Trời khi dâng của tế lễ không xứng hợp cho Ngài.

Bàn

Ở đây chỉ về bàn thờ.

Khi nói rằng bàn của Đức Giê-hô-va đáng khinh bỉ

Đây lời đáp của Đức Giê-hô-va cho các thầy tế lễ, nhưng ngụ ý là một câu trọn vẹn. Có thể nói rõ cả câu. Cách dịch khác: "Các ngươi đã làm ô uế ta khi nói rằng ‘bàn của Đức Giê-hô-va đáng khinh bỉ’".

đáng khinh bỉ

Xem như vô giá trị

Malachi 1:8

Khi các ngươi dâng một con vật đui mù làm sinh tế thì đó chẳng phải là tội lỗi sao?

Ở đây Đức Giê-hô-va hỏi câu này để đưa ra lời khẳng định. Câu này là lời quở trách cho dân chúng. Cách dịch khác: "Các ngươi biết rõ rằng dâng một con vật đui mù làm sinh tế là tội lỗi!"

Khi các ngươi dâng một con vật què hoặc bệnh tật thì đó chẳng phải là tội lỗi sao?

Ở đây tác giả hỏi câu này để đưa ra lời khẳng định. Cách dịch khác: "Và các ngươi biết rất rõ rằng dâng một con vật què hoặc bệnh tật là tội lỗi!"

Hãy dâng nó cho quan tổng đốc của các ngươi;

Ở đây Đức Giê-hô-va truyền mệnh lệnh này để đưa ra ý giả định. Cách dịch khác: "Nếu các ngươi dâng nó cho quan tổng đốc của các ngươi,"

Người có chấp nhận không?

Ở đây Đức Giê-hô-va hỏi câu này để đưa ra lời quở trách. Cách dịch khác: "các ngươi biết rằng người sẽ không chấp nhận."

Người có ngẩng mặt các ngươi lên không

Ngẩng mặt một người lên chỉ về việc vui lòng chấp nhận người đó. Cách dịch khác: "người có vui lòng chấp nhận các ngươi không" hoặc "người có đồng ý giúp đỡ các ngươi không"

Dâng

Dâng của lễ thể hiện sự tôn trọng

Bây giờ, hãy cứ nài xin mặt Đức Chúa Trời, để Ngài làm ơn cho chúng ta

Ma-la-chi không còn nói thay Đức Chúa Trời nữa mà ông đang nói trực tiếp với dân Y-sơ-ra-ên, ông đang chỉ trích họ vì dám nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ thương xót họ.

hãy cứ nài xin mặt Đức Chúa Trời

“Mặt” ở đây chỉ về Đức Chúa Trời cũng như sự hiện diện của Ngài. Cách dịch khác: "hãy cứ cầu xin Đức Chúa Trời hiện diện"

Với của dâng như thế trong tay, liệu Ngài có ngẩng mặt người nào trong các ngươi lên không?

Ở đây Đức Giê-hô-va hỏi câu này để đưa ra lời quở trách. Cách dịch khác: "nếu các ngươi dâng của lễ không thể chấp nhận được thì Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ không ngẩng mặt các ngươi lên."

Với của dâng như thế trong tay

Câu khó hiểu này trong tiếng Hê-bơ-rơ được các bản hiện đại dịch theo nhiều cách khác nhau.

Trong tay

Ở đây “tay” chỉ về người đem của lễ đến. Cách dịch khác: "do các ngươi đem đến"

Malachi 1:10

Ôi, giá như

Câu này thể hiện một mong ước lớn.

để các ngươi không đốt lửa nơi bàn thờ ta vô ích

Ở đây “đốt lửa nơi bàn thờ ta” chỉ về việc dâng tế lễ trên bàn thờ Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "để các ngươi không đốt lửa dâng của lễ thiêu mà ta không chấp nhận"

Từ tay các ngươi

Ở đây “tay các ngươi” tức là “các ngươi”. Cách dịch khác: "từ các ngươi"

Từ nơi mặt trời mọc cho đến nơi mặt trời lặn

Cụm này có nghĩa là “mọi nơi”, song song với cụm từ “giữa các nước” và “khắp mọi nơi”.

danh ta là vĩ đại giữa các nước

“Danh ta” ở đây tức là “ta”. Cách dịch khác: "Ta sẽ được tôn cao trong các nước khác"

danh ta

“Danh” ở đây chỉ về “danh tiếng”, “sự tôn cao”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khắp mọi nơi hương và tế lễ tinh sạch sẽ được dâng cho danh ta

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "trong các dân này, người ta sẽ dâng hương và tế lễ tinh sạch cho ta để thờ phượng ta"

cho danh ta

“Danh” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "cho ta"

Trái nó, thức ăn nó

Có thể là 1) “thịt dâng trên bàn thờ của con vật mà các thầy tế lễ phải ăn những phần còn lại của nó” hoặc 2) "Thịt dâng trên bàn thờ."

Malachi 1:13

khịt mũi khinh miệt

Thể hiện sự khinh miệt bằng cách tạo tiếng động qua mũi

Ta có thể chấp nhận nó từ tay các ngươi được sao?

Ở đây Đức Giê-hô-va hỏi câu này để đưa ra lời quở trách. Cách dịch khác: "Ta chắc chắn sẽ không chấp nhận nó từ tay các ngươi!"

từ tay các ngươi

“Tay các ngươi” tức là “các ngươi”. Cách dịch khác: "từ ngươi"

Danh ta sẽ được tôn cao giữa các nước

Có thể nói câu này ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "dân cư các nước khác tôn kính danh ta"

Danh ta sẽ được tôn cao

“Danh ta” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "Ta sẽ được tôn cao"

Translation Questions

Malachi 1:1

Đức Giê-hô-va cậy ai phán với Y-sơ-ra-ên?

Đức Giê-hô-va phán qua Ma-la-chi.

Malachi 1:2

Đức Giê-hô-va yêu ai, và Ngài ghét ai?

Đức Giê-hô-va yêu Y-sơ-ra-ên, Gia-cốp, và Ngài ghét Ê-sau.

Malachi 1:3

Đức Giê-hô-va yêu ai, và Ngài ghét ai?

Đức Giê-hô-va yêu Y-sơ-ra-ên, Gia-cốp, và Ngài ghét Ê-sau.

Malachi 1:4

Y-sơ-ra-ên sẽ đáp ứng như thế nào khi Đức Giê-hô-va sẽ phá đổ những đống đổ nát của Ê-đôm đã được xây lại?

Y-sơ-ra-ên sẽ nói rằng, "Nguyền Đức Giê-hô-va là lớn ngoài cõi Y-sơ-ra-ên!"

Malachi 1:5

Y-sơ-ra-ên sẽ đáp ứng như thế nào khi Đức Giê-hô-va sẽ phá đổ những đống đổ nát của Ê-đôm đã được xây lại?

Y-sơ-ra-ên sẽ nói rằng, "Nguyền Đức Giê-hô-va là lớn ngoài cõi Y-sơ-ra-ên!"

Malachi 1:6

Là cha và chủ của Y-sơ-ra-ên, Đức Giê-hô-va hỏi các thầy tế lễ về điều gì?

Đức Giê-hô-va hỏi các thầy tế lễ rằng sự tôn kính và kính trọng vì danh Ngài ở đâu, và tại sao họ khinh thường danh và bàn thờ của Ngài.

Malachi 1:7

Là cha và chủ của Y-sơ-ra-ên, Đức Giê-hô-va hỏi các thầy tế lễ về điều gì?

Đức Giê-hô-va hỏi các thầy tế lễ rằng sự tôn kính và kính trọng vì danh Ngài ở đâu, và tại sao họ khinh thường danh và bàn thờ của Ngài.

Malachi 1:8

Đức Giê-hô-va đáp ứng như thế nào với những lễ vật đui, què, và bệnh tật?

Đức Giê-hô-va sẽ không nhậm những lễ vật đui, què, và bệnh tật, cũng không làm ơn hoặc thương xót cho Y-sơ-ra-ên vì cớ chúng, cũng không tiếp nhận Y-sơ-ra-ên vì đã dâng chúng.

Malachi 1:9

Đức Giê-hô-va đáp ứng như thế nào với những lễ vật đui, què, và bệnh tật?

Đức Giê-hô-va sẽ không nhậm những lễ vật đui, què, và bệnh tật, cũng không làm ơn hoặc thương xót cho Y-sơ-ra-ên vì cớ chúng, cũng không tiếp nhận Y-sơ-ra-ên vì đã dâng chúng.

Malachi 1:10

Tại sao Đức Giê-hô-va muốn giữa Y-sơ-ra-ên có một người đóng cửa đền đặng không nhen lửa vô ích nơi bàn thờ Ngài?

Vì danh Đức Giê-hô-va sẽ được vinh hiển giữa các nước, và ở khắp mọi nơi các dân sẽ dâng lễ vật tinh sạch không như những lễ vật do người Y-sơ-ra-ên dâng.

Malachi 1:11

Tại sao Đức Giê-hô-va muốn giữa Y-sơ-ra-ên có một người đóng cửa đền đặng không nhen lửa vô ích nơi bàn thờ Ngài?

Vì danh Đức Giê-hô-va sẽ được vinh hiển giữa các nước, và ở khắp mọi nơi các dân sẽ dâng lễ vật tinh sạch không như những lễ vật do người Y-sơ-ra-ên dâng.

Malachi 1:13

Các thầy tế lễ lưu tâm đến việc phục vụ Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ xem đó là một gánh nặng, và họ khinh bỉ việc ấy.

Malachi 1:14

Tại sao Chúa rủa sả kẻ lừa dối là kẻ đã hứa dâng một con đực trong bày mình nhưng lại dâng một con vật tàn tật?

Vì Đức Giê-hô-va là Vua lớn, danh Ngài là đáng sợ giữa các dân ngoại.

Chapter 2

Malachi 2:1

Đặt nó trong lòng các ngươi

Ở đây chỉ về việc xem điều gì đó là rất quan trọng. Cách dịch khác: "xem nó là rất quan trọng"

Dâng vinh quang cho danh ta

Vinh quang được ví như một đồ vật có thể đem cho ai đó.

Danh ta

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời.

Ta sẽ giáng sự rủa sả trên các ngươi

Sự rủa sả được nói như là một đồ vật có thể đặt trên ai đó.

Cách dịch khác: "Ta sẽ nguyền rủa các ngươi"

Các ngươi không đặt mạng lệnh ta trong lòng các ngươi

Ở đây chỉ về việc xem mạng lệnh của Đức Chúa Trời là quan trọng. Cách dịch khác: "các ngươi không xem mạng lệnh ta là quan trọng"

Malachi 2:3

và ta sẽ rải phân trên mặt các ngươi

“Phân trên mặt” chỉ về sự nhục nhã. Cách dịch khác: "Ta chắc chắn sẽ cho các ngươi ở trong sự nhục nhã vô cùng, sẽ tệ hại như thể rải phân trên mặt các ngươi"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

là phân của những lễ hội các ngươi
Ở đây “những lễ hội” chỉ về những con vật mà các thầy tế lễ dâng trong những lễ hội của Y-sơ-ra-ên. "Phân" ở đây có thể chỉ về phân ra từ những con vật trước khi bị giết để dâng sinh tế và cả phân ở bên trong con vật đó khi nó bị mổ ra trước khi dâng. Những người phục vụ trong đền thờ phải đem phân đó ra một nơi bên ngoài đền thờ, có lẽ là bên ngoài Giê-ru-sa-lem.
Và người sẽ đem các ngươi đi cùng với phân ấy
Câu khó hiểu này có thể được dịch là “và Đức Chúa Trời sẽ đem các ngươi đi cùng với chúng”, tức là với phân ấy. Câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ với việc giết con vật dâng sinh tế, có thể nói câu này ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "và chúng sẽ ném các ngươi vào đống phân, Đức Chúa Trời sẽ đảm bảo chắc chắn rằng chúng sẽ đem các ngươi đi khi đem chỗ phân ấy đi"
người sẽ đem các ngươi đi cùng với phân ấy
Có thể là 1) Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những thầy tế lễ bất trung bằng cách giết họ và khiến xác họ bị đem ra chỗ đống phân thú vật hoặc 2) Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những thầy tế lễ bất trung cách khủng khiếp như thể xác họ bị đem đi cùng phân động vật.
Lê-vi
Đức Giê-hô-va nói về Lê-vi như thể ông cũng chính là dòng dõi của ông, là chi phái Lê-vi. Cách dịch khác: "để giao ước ta ở cùng các ngươi, là dòng dõi Lê-vi"
Malachi 2:5
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va nói về chi phái Lê-vi như thể họ là một người.
Giao ước của ta với người là sự sống và bình an
Ở đây kết quả của giao ước được nói như thể chính nó là giao ước. Cách dịch khác: "Mục đích của giao ước với Lê-vi là để cho các thầy tế lễ được sống sung túc và bình an"
Đáng kính sợ, và người kính sợ ta
Câu này tiếp tục cùng một phép ẩn dụ nhưng mang một ẩn ý. Có thể bắt đầu thành một câu mới. Cách dịch khác: "Giao ước ta với người cũng đáng kính sợ và người sẽ kính sợ ta” hoặc "Trong giao ước của ta với người, ta đòi hỏi người phải kính sợ ta và người đã kính sợ ta"
run sợ trước danh ta
Ở đây “danh ta” chỉ về chính Đức Chúa Trời.
không tìm thấy điều giả dối nào
Ở đây tìm thấy điều gì đó có nghĩa là điều đó tồn tại. Cách dịch khác: "không có sự giả dối nào"
Trên môi người
“Môi” ở đây chỉ về khả năng nói của một người.
Người đã bước đi với ta
Bước đi ở đây chỉ về về việc sống và cư xử theo một cách nào đó.
Trong sự bình an và ngay thẳng
Ở đây ý tưởng về vị trí được dùng để chỉ về cách sống của Lê-vi. Cách dịch khác: "cách bình an và ngay thẳng"
làm cho nhiều người quay khỏi tội lỗi
Ở đây thuyết phục người ta ngừng phạm tội được nói như thể xoay họ khỏi tội lỗi. Cách dịch khác: "người thuyết phục nhiều người ngừng phạm tội"
Vì môi của thầy tế lễ phải giữ tri thức
Ở đây tri thức được ví như một đồ vật mà thầy tế lễ phải giữ. Trong câu này, “giữ tri thức” ngụ ý là rao truyền chân lí về Đức Chúa Trời.
Môi
Ở đây “môi” chỉ về khả năng nói của một người.
Tìm kiếm sự hướng dẫn
"muốn được chỉ dẫn"
Tìm kiếm sự hướng dẫn
Ở đây sự hướng dẫn được ví như một đồ vật mà người ta có thể tìm kiếm. Cách dịch khác: "muốn thầy tế lễ dạy họ cách đúng đắn"
Từ miệng người
“Miệng” ở đây chỉ về điều một người nói ra.
Malachi 2:8
các ngươi đã xây khỏi đường lối đúng đắn
Cách cư xử phải lẽ được ví như con đường đúng đắn để đi theo, sống buông thả khỏi cách cư xử đúng đắn được nói như thể xây bỏ khỏi con đường đó.
Các ngươi khiến cho nhiều người vấp ngã
Không vâng theo Đức Chúa Trời được nói như thể vấp ngã.
Các ngươi khiến cho nhiều người vấp ngã trong việc tôn trọng luật pháp
Cụm từ “trong việc tôn trọng luật pháp” đưa ra ngữ cảnh cho việc “vấp ngã”. Cách dịch khác: "Các ngươi khiến nhiều người không vâng theo luật pháp"
trước mặt mọi người
Ý tưởng về không gian ở đây chỉ về sự nhận biết của dân chúng về những hành vi gian ác của các thấy tế lễ.
tuân giữ đường lối ta
“Đường lối” ở đây chỉ về những “mong ước” và “hành vi”. Những đường lối này được nói như thể những vật người ta cần phải giữ. Cách dịch khác: "đi theo mong ước của ta cho lối sống của các ngươi"
Tỏ ra thiên vị trong luật pháp
"đưa ra tiêu chuẩn hành vi dễ dàng cho những người các ngươi thích và đặt ra những tiêu chuẩn hành vi khó khăn cho những người các ngươi không thích"
Tỏ ra thiên vị
Ở đây thói quen ưa thích người này hơn người khác được nói như thể đó là điều có thể tỏ ra cho người khác xem. Cách dịch khác: "làm cho người khác biết các ngươi ưa thích một số người hơn những người khác
Malachi 2:10
Thông Tin Tổng Quát:
Ở đây tiên tri Ma-la-chi bắt đầu nói với dân Y-sơ-ra-ên của mình.
Chẳng phải tất cả chúng ta có chung một cha sao? Chẳng phải chỉ có một Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng ta sao?
Ma-la-chi hỏi như vậy để nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những điều họ đã biết. Cách dịch khác: "Anh em biết rằng chúng ta đều có một Cha, rằng Đức Chúa Trời chúng ta đã lập chúng ta thành một dân" hoặc "Anh em biết rằng Đức Chúa Trời là cha của cả Y-sơ-ra-ên chúng ta, vì Ngài là Đấng lập nên dân tộc chúng ta."
Chẳng phải chỉ có một Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng ta sao?
Câu hỏi này muốn đưa ra một lời khẳng định. Cách dịch khác: "Chắc chắn chỉ một Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên chúng ta."
dựng nên chúng ta
Ở đây có thể chỉ về việc Đức Chúa Trời lập người Hê-bơ-rơ thành một nước.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vì sao chúng ta ai nấy gian dối với anh em mình, xúc phạm giao ước của tổ phụ chúng ta?

Ma-la-chi hỏi câu này để quở trách đồng bào Y-sơ-ra-ên của mình. Có thể nói câu này ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng ta không được đối xử tệ bạc với anh em mình và xúc phạm giao ước của Đức Chúa Trời khi bất tuân mạng lệnh của Ngài như anh em đã làm."

Giu-đa gian dối

“Giu-đa” ở đây chỉ về dân chúng ở Giu-đa, việc họ gian dối với Đức Giê-hô-va được nói như thể hết thảy họ là một người tên là “Giu-đa”. Cách dịch khác: "Dân Giu-đa gian dối"

Điều ghê tởm đã phạm trong Y-sơ-ra-ên và Giê-ru-sa-lem

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người ta đã làm điều ghê tởm trong Y-sơ-ra-ên và Giê-ru-sa-lem"

Vì Giu-đa đã làm ô uế nơi thánh của Đức Giê-hô-va

Ở đây “Giu-đa” một lần nữa chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Vì dân Giu-đa đã làm ô uế nơi thánh của Đức Giê-hô-va"

đã kết hôn với con gái của một thần ngoại

Dân sự Y-sơ-ra-ên được nhắc lại như thể họ là một người tên gọi "Giu-đa." AT: "đã kết hôn với phụ nữ từ các nước khác, những kẻ thờ tượng" (See: figs_metonymy)

Nguyện Đức Giê-hô-va cắt bỏ khỏi trại Gia-cốp người

Tiêu diệt thứ gì đó được nói như thể cắt rời nó khỏi một vật. Cách dịch khác: "Nguyện Đức Giê-hô-va tiêu diệt bất kì ai trong trại Gia-cốp” hoặc “Nguyện Đức Giê-hô-va giết bất kì ai trong cộng đồng Y-sơ-ra-ên"

trại Gia-cốp

Ở đây “trại Gia-cốp” chỉ về cộng đồng Y-sơ-ra-ên.

Gia-cốp

Ở đây “Gia-cốp” chỉ về toàn bộ Y-sơ-ra-ên, vì Gia-cốp là một trong những tộc trưởng sinh ra dòng dõi Y-sơ-ra-ên.

Người tỉnh táo và người trả lời

Câu này dường như có nghĩa là “tất cả mọi người”.

Malachi 2:13

Thông Tin Tổng Quát:

Ma-la-chi tiếp tục nói với đồng bào Y-sơ-ra-ên của mình.

Các ngươi lấy nước mắt mà che phủ bàn thờ Đức Giê-hô-va

Câu này là phép cường điệu nói về việc những người thờ phượng than khóc khi cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va cứu giúp. Câu này có ý không tán đồng với sự thờ phượng Đức Giê-hô-va cách sai lầm này.

khóc lóc và than thở

Từ “khóc lóc” và “than thở” có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh việc than khóc. Cách dịch khác: "khóc than thảm thiết"

Không nhìn đến của lễ

Nhìn đến của lễ ở đây chỉ về việc nhận nó và tỏ ra vui lòng với người dâng.

Không nhìn đến của lễ

Ở đây ngụ ý là những người than khóc tại bàn thờ của Đức Giê-hô-va đã dâng tế lễ cho Ngài.

Từ tay các ngươi

Ở đây “tay” chỉ về người dâng của lễ. Cách dịch khác: "từ các ngươi"

Malachi 2:14

Vì sao Ngài không chấp nhận?

Trọn vẹn cả câu là “Vì sao Ngài không nhìn đến của lễ hay vui lòng chấp nhận nó từ tay chúng tôi?”

vợ ngươi cưới lúc trẻ

"người nữ ngươi cưới lúc còn trẻ"

Đức Giê-hô-va làm chứng giữa ngươi với vợ ngươi cưới lúc trẻ

Câu này cho biết người nữ này vẫn còn sống.

làm chứng giữa ngươi với vợ ngươi cưới lúc trẻ

Ở đây làm chứng cho thỏa thuận giữa hai người được nói như thể đứng ở giữa họ để làm chứng về điều họ đã thống nhất trong trường hợp họ tranh cãi. Câu này còn có ý nghĩa nhắc nhỡ dân chúng rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt bất kì người Y-sơ-ra-ên nào vi phạm giao ước hôn nhân.

Ngài chẳng khiến họ thành một, với một tâm linh sao?

Có thể nói ở dạng câu khẳng định. Cách dịch khác: "Ngài chắc chắn khiến vợ và chồng trở nên một, với cùng một tâm linh."

khiến họ thành một

Câu này ngụ ý là khiến chồng và vợ trở nên một thịt. Cách dịch khác: "khiến chồng và vợ thành một thịt"

Một hậu tự từ Đức Chúa Trời

Những con cháu tôn kính và vâng phục Đức Chúa Trời.

nàng là người bạn đời và là vợ giao ước của ngươi

Câu này ngụ ý rằng có nhiều người Y-sơ-ra-ên đã li dị vợ.

Giao ước

"giao ước hôn nhân mà ngươi đã đồng ý"

Ta ghét việc ly dị

“Việc ly dị” ở đây chỉ về hành động li dị, tức là đuổi vợ mình đi hay chấm dứt hôn nhân với người. Cách dịch khác: "Ta ghét việc người nam li dị vợ mình"

người nào lấy việc bạo hành làm áo khoác cho mình

Câu này có thể chỉ về những người bạo hành vợ mình.

Vậy, hãy cẩn thận trong tâm linh các ngươi và đừng phản bội

"Vậy hãy cẩn thận chung thủy với vợ mình"

Malachi 2:17

Các ngươi làm Đức Giê-hô-va mệt mỏi

Câu này nói như thể việc làm của con người có thể khiến cho Ngài mệt mỏi, nhưng Đức Chúa Trời không thể mệt mỏi về thể xác hay tinh thần. Câu này có thể có nghĩa là Đức Giê-hô-va bực dọc hay bị xúc phạm. Cách dịch khác: "Các ngươi đã xúc phạm Đức Giê-hô-va"

Chúng tôi làm Ngài mệt mỏi thế nào đâu?

Câu hỏi này có ý chối rằng họ không làm gì sai cả. Có thể nói thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng tôi không hề làm Ngài mệt mỏi."

Bởi nói rằng

Ý cả câu là “Các ngươi làm Ngài mệt mỏi khi nói rằng”. Đây là lời đáp của vị tiên tri cho câu hỏi tu từ ở trên.

Dưới mắt Đức Giê-hô-va

“Mắt Đức Giê-hô-va” ở đây chỉ về “quan điểm của Đức Giê-hô-va”.

Đức Chúa Trời của công lý ở đâu?

Các thầy tế lễ hỏi câu này để nói rằng Đức Giê-hô-va hoặc là không quan tâm con người có làm điều ác hay không, hoặc là Ngài chẳng bao giờ trừng phạt kẻ ác. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời chắc chắn chẳng trừng phạt kẻ gian ác!"

Đức Chúa Trời của công lý

Đức Chúa Trời trừng phạt kẻ ác cách công bình.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Malachi 2:3

Bởi đâu mà các thầy tế lễ biết rằng Đức Giê-hô-va đã truyền cho họ phải dâng sự vinh hiển cho danh Ngài?

Họ sẽ biết bởi lời rủa sả của Đức Giê-hô-va trên những phước lành của họ, và qua việc Ngài rải phân trên mặt họ.

Malachi 2:4

Bởi đâu mà các thầy tế lễ biết rằng Đức Giê-hô-va đã truyền cho họ phải dâng sự vinh hiển cho danh Ngài?

Họ sẽ biết bởi lời rủa sả của Đức Giê-hô-va trên những phước lành của họ, và qua việc Ngài rải phân trên mặt họ.

Malachi 2:7

Tại sao Lê-vi tôn kính Đức Giê-hô-va, run rẩy trước danh Đức Giê-hô-va, có sự dạy dỗ chân thật trong miệng hơn là sự bất chính, bước theo Đức Giê-hô-va trong sự bình an và ngay thẳng, và từ bỏ tội lỗi?

Vì thầy tế lễ nên giữ sự thông biết như là sứ giả của Đức Giê-hô-va.

Malachi 2:8

Các thầy tế lễ làm hư hoại giao ước của Lê-vi và không giữ đường lối của Đức Giê-hô-va như thế nào?

Các thầy tế lễ làm vậy bằng cách thiên vị trong sự hướng dẫn của họ.

Malachi 2:9

Các thầy tế lễ làm hư hoại giao ước của Lê-vi và không giữ đường lối của Đức Giê-hô-va như thế nào?

Các thầy tế lễ làm vậy bằng cách thiên vị trong sự hướng dẫn của họ.

Malachi 2:10

Đức Giê-hô-va sẽ trừ ai khỏi các trại của Gia-cốp?

Đức Giê-hô-va sẽ trừ bất kỳ ai đãi anh em mình cách gian dối hoặc cưới con gái của thần ngoại bang, và sau đó dâng một của lễ cho Đức Giê-hô-va.

Malachi 2:12

Đức Giê-hô-va sẽ trừ ai khỏi các trại của Gia-cốp?

Đức Giê-hô-va sẽ trừ bất kỳ ai đãi anh em mình cách gian dối hoặc cưới con gái của thần ngoại bang, và sau đó dâng một của lễ cho Đức Giê-hô-va.

Malachi 2:14

Tại sao Đức Giê-hô-va không nhậm lễ vật của Y-sơ-ra-ên?

Vì Y-sơ-ra-ên không trung tín với vợ mình lúc tuổi trẻ.

Malachi 2:15

Tại sao Đức Giê-hô-va không nhậm lễ vật của Y-sơ-ra-ên?

Vì Y-sơ-ra-ên không trung tín với vợ mình lúc tuổi trẻ.

Tại sao Đức Giê-hô-va truyền cho người Y-sơ-ra-ên phải cẩn thận trong tâm thần mình và chớ phỉnh dối?

Vì Đức Giê-hô-va đã làm cho Y-sơ-ra-ên và vợ họ làm một đặng có một dòng dõi thánh, và vì Đức Giê-hô-va ghét ly dị và những ai lấy sự hung dữ che áo mình.

Malachi 2:16

Tại sao Đức Giê-hô-va truyền cho người Y-sơ-ra-ên phải cẩn thận trong tâm thần mình và chớ phỉnh dối?

Vì Đức Giê-hô-va đã làm cho Y-sơ-ra-ên và vợ họ làm một đặng có một dòng dõi thánh, và vì Đức Giê-hô-va ghét ly dị và những ai lấy sự hung dữ che áo mình.

Malachi 2:17

Dân Y-sơ-ra-ên làm phiền Đức Giê-hô-va bằng lời nói mình như thế nào?

Họ làm phiền Đức Giê-hô-va bằng những lời nói rằng Ai làm điều dữ thì đẹp mắt Đức Giê-hô-va, và Ngài ưa thích những người như vậy; bằng chẳng vậy, thì nào Đức Chúa Trời của sự chánh trực ở đâu?

Chapter 3

Malachi 3:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va bắt đầu nói lại với dân Y-sơ-ra-ên ở câu 1, nhưng sau đó tiên tri Ma-la-chi bắt đầu nói ở câu 2.

Nầy

"Kìa" hoặc "Hãy nghe đây" hoặc "Hãy chú ý điều ta sắp nói"

Người sẽ dọn đường trước ta

Ở đây, khiến cho mọi người sẵn sàng chào đón Đức Giê-hô-va được nói như thể con đường được dọn sẵn cho Đức Giê-hô-va đi qua.

và Chúa mà các con tìm kiếm ... sứ giả của giao ước mà các con trông mong

Một số bản hiện đại dịch theo cách hàm ý rằng hai câu này cùng chỉ về một người. Các bản hiện đại khác để cho câu này không rõ nghĩa. Chúng tôi đề nghị các bản dịch để cho câu này không rõ nghĩa như ở bản ULB và UDB.

sứ giả của giao ước

Hầu như tất cả các bản dịch đều để cho cụm từ này không được rõ nghĩa. Tuy nhiên, người dịch có thể cần làm rõ mối liên hệ giữa “sứ giả” và “giao ước”. Bản UDB cho “sứ giả” là Đấng được hứa trong giao ước của Đức Giê-hô-va với Y-sơ-ra-ên. Còn một cách dịch khác là cho sứ giả này là người sẽ xác nhận giao ước đó hoặc là người công bố giao ước mới.

Nhưng ai sẽ chịu nổi ngày Ngài đến? Ai đứng được khi Ngài hiện ra?

Những câu hỏi này ngụ ý rằng sẽ không ai có thể chống cự được Đức Giê-hô-va khi Ngài đến. Có thể gọp chúng lại thành một câu. Cách dịch khác: "Tuy nhiên, không ai có thể chống lại được Đức Giê-hô-va khi Ngài đến phán xét họ."

ngày Ngài đến

“Ngày” chỉ về thời điểm. Cách dịch khác: "lúc Ngài đến"

Đứng được

Đứng ở đây chỉ về việc kháng cự lại sự tấn công hay kết tội của ai đó.

Vì Ngài giống như lửa của thợ luyện kim, như xà phòng của thợ giặt

Câu này đưa ra lí do vì sao không ai có thể chống lại được Đức Chúa Trời khi Ngài đến. Năng quyền của Đức Chúa Trời trong việc phán xét con người và khiến họ ngừng phạm tội được ví như sức mạnh của xà phòng đậm đặc để giặt quần áo hay sức mạnh của lửa để làm tan chảy một vật.

Ngài sẽ thanh tẩy các con trai Lê-vi

Tha thứ cho các con trai Lê-vi và thuyết phục họ ngừng phạm tội được ví như tinh chế kim loại. Cách dịch khác: "và Ngài sẽ sửa trị các con trai Lê-vi và tha thứ cho tội lỗi họ"

các con trai Lê-vi

“Các con trai” ở đây chỉ về các con cháu. Các cháu trai của Lê-vi là các thầy tế lễ và người phục vụ trong đền thờ.

Ngài sẽ ngồi

Ở đây ngồi ngụ ý chỉ về việc của người thợ kim hoàn, họ ngồi để tinh luyện từng chút vàng hay bạc. Ở đây cũng ngụ ý về việc của một vị vua, vua ngồi để xét xử dân chúng và ra lệnh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài sẽ tinh luyện họ như vàng và bạc
Ở đây việc làm cho họ không phạm tội nữa được ví như người thợ kim hoàn làm cho vàng và bạc được tinh ròng hơn. .
Và họ sẽ đem của lễ của sự công bình cho Đức Giê-hô-va
Ở đây “của sự công bình” có nghĩa là “được thôi thúc bởi ước muốn đúng đắn muốn thờ phượng Đức Chúa Trời”. Cách dịch khác: "và họ sẽ đem của lễ xứng hợp đến cho Đức Giê-hô-va để thờ phượng Ngài"
Malachi 3:4
Thông Tin Tổng Quát:
Ma-la-chi tiếp tục nói ở câu 4, nhưng Đức Giê-hô-va bắt đầu phán trở lại ở câu 5.
tế lễ của Giu-đa và của Giê-ru-sa-lem
Ở đây “Giu-đa” và “Giê-ru-sa-lem” chỉ về dân chúng ở tại đó. Cách dịch khác: "của lễ của dân Giu-đa và dân Giê-ru-sa-lem"
như những ngày xa xưa, và như những năm trước kia
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng của lễ đó từng làm vui lòng Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "như ngày xa xưa"
Ta sẽ đến gần các con để phán xét
Ở đây “sự phán xét” chỉ về việc phán xét. Cách dịch khác: "Rồi ta sẽ đến gần các con để phán xét các con"
bóc lột tiền công của người làm thuê
"khiến cho người làm công phải chịu cực khổ mà không trả công cho"
Khước từ khách ngoại kiều
Tức là khiến khách ngoại kiều không có được quyền của họ. Cướp đi quyền của người khác được nói như thể quay đi khỏi họ theo nghĩa đen. Có lẽ ở đây chỉ về việc khước từ người đến khiếu nại để được được thực thi công lí. Cách dịch khác: "Chối bỏ những quyền đáng có của khách ngoại kiều ở Y-sơ-ra-ên"
Malachi 3:6
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Không đến chỗ bị tận diệt
"không bị diệt vong"
Từ ngày tổ phụ các con đã quay khỏi luật lệ ta, và không tuân giữ chúng
Không vâng theo luật lệ của Đức Chúa Trời được ví như quay khỏi chúng. Cách dịch khác: "Các con đã không vâng theo luật lệ ta từ thời tổ phụ các con"
Hãy trở lại cùng ta thì ta sẽ trở lại cùng các con
Ở đây yêu mến và trung tín được gọi là trở về. Cách dịch khác: "Hãy yêu mến ta và tôn kính ta thì ta sẽ luôn cứu giúp các con"
Chúng con trở lại thế nào?
Họ hỏi câu này để nói rằng họ chưa bao giờ ngừng vâng lời Đức Chúa Trời. Có thể nói thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng con không thể trở về với Ngài vì chúng con chưa từng lìa bỏ Ngài." hoặc "Chúng con chưa từng lìa bỏ Ngài thì thật vô nghĩa khi nói chúng con trở lại với Ngài."
Malachi 3:8
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Người ta có thể ăn trộm Đức Chúa Trời được sao?
Câu hỏi này ngụ ý rằng ăn trộm của Đức Chúa Trời là điều gian ác. Có thể nói thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Người ta chắc chắn không nên ăn trộm của Đức Chúa Trời" hoặc "Không ai nên ăn trộm ta."
Chúng con ăn trộm Chúa thế nào đâu?
Câu hỏi này ngụ ý rằng họ không nghĩ họ đã ăn trộm Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "Chúng con chắc chắn chẳng ăn trộm Chúa."
một phần mười và tế lễ
Đây là lời đáp của Đức Giê-hô-va, ngụ ý là một câu đầy đủ. Cách dịch khác: "Các con đã ăn trộm của ta khi không dâng phần mười và tế lễ cho ta"
Các con bị nguyền rủa
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta chắc chắn nguyền rủa các con!"
các con ăn trộm ta, hết cả nước
“Nước” ở đây chỉ về những người mà Đức Giê-hô-va đang phán cùng. Cách dịch khác: "tất cả các con trong cả nước đều ăn trộm ta"
Malachi 3:10
Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Trọn phần mười
"tất cả phần mười"
nhà ta
“Nhà” ở đây chỉ về đền thờ. Cách dịch khác: "đền thờ ta"
hãy lấy điều nầy mà thử ta ... xem ta có mở các cửa sổ trên trời cho các con không
Ở đây mạng lệnh “hãy thử ta” chỉ về điều người ta có thể làm và nên làm: “nếu các con thử ta”. Ở đây cũng có thể chia ra thành hai câu. Cách dịch khác: "Và nếu các con thử ta ... ta sẽ mở cửa sổ trên trời" hoặc "Và các con hãy thử ta ... Nếu các con làm vậy, ta sẽ mở các cửa số trên trời"
Mọi nước sẽ gọi các con là được phước
Ở đây, được gọi là có phước có nghĩa là được phước. Cách dịch khác: "Mọi nước sẽ biết rằng các con được phước"
Mọi nước
Ở đây chỉ về dân của mọi nước. Cách dịch khác: "Dân của mọi nước"
Xứ xở vui thích
Ở đây “vui thích” chỉ về điều kiện mà dân cư của xứ được hưởng trong xứ mình.
Malachi 3:13
Thông Tin Tổng Quát:
Những câu này bắt đầu một phần mới của sách. Ở đây Đức Giê-hô-va đang phán với dân Y-sơ-ra-ên.
Lời nói các con nghịch cùng ta nặng nề
“Nặng nề” ở đây là “gay gắt” hay “thậm tệ”. “Lời nói các con” tức là “điều các con nói”. Cách dịch khác: "Điều các con nói về ta thật thậm tệ"
Chúng con đã nói gì nghịch cùng Ngài?
Họ hỏi câu này để nói rằng họ không hề nói gì nghịch cùng Đức Chúa Trời. Có thể nói thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng con không hề nói gì nghịch cùng Ngài cả ."
Chúng tôi tuân giữ các lệnh truyền của Ngài, và bước đi một cách buồn rầu trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân thì có lợi gì?
Họ hỏi câu này để đưa ra khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng tôi tuân giữ các lệnh truyền của Ngài, và bước đi một cách buồn rầu trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân thật là vô ích."
bước đi một cách buồn rầu trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“Bước đi một cách buồn rầu” có nghĩa là “cư xử cách buồn rầu”, có thể là để thể hiện sự buồn rầu vì tội lỗi của họ.

trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân

Ở đây muốn nói đến việc Đức Chúa Trời biết điều họ đang làm.

chúng tôi gọi những kẻ kiêu ngạo là có phước

Ở đây được gọi là “có phước” có nghĩa là được phước. Cách dịch khác: "chúng tôi nói những kẻ kiêu ngạo là được phước"

chúng tôi gọi những kẻ kiêu ngạo là có phước

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "chúng tôi nói những kẻ kiêu ngạo là may mắn"

thoát khỏi

Tức là “họ thoát khỏi sự trừng phạt của Đức Chúa Trời."

Malachi 3:16

Thông Tin Tổng Quát:

Có thể là sự kiện ở đây xảy ra sau khi những người tin kính trong Y-sơ-ra-ên ăn năn tội lỗi của mình. (Xem bản UDB)

Một sách ghi nhớ được chép trước mặt Ngài về những người kính sợ Đức Giê-hô-va

Có thể là 1) dân Y-sơ-ra-ên viết một quyển sách để họ ghi nhớ họ đã hứa những gì và liệt kê tên những người kính sợ Đức Giê-hô-va hoặc 2) Đức Giê-hô-va cho ai đó trên trời viết một quyển sách ghi tên những người kính sợ Ngài.

sách ghi nhớ

Ở đây chỉ về bất kì quyển sách nào giúp người ta ghi nhớ những điều quan trọng chẳng hạn như những sự kiên hay những người đã sống trong quá khứ.

tôn kính danh Ngài

“Danh Ngài” ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời.

Malachi 3:17

Họ sẽ thuộc về ta

"Họ sẽ là dân ta"

tài sản quí báu của ta

“Tài sản” ở đây chỉ về tài sản cá nhân của một người. Có thể diễn đạt bằng một động từ. Cách dịch khác: "họ sẽ hoàn toàn thuộc về ta"

Ta hành động

Ở đây chỉ về lúc Đức Giê-hô-va phán xét và trừng phạt những người Y-sơ-ra-ên bội nghịch và ban chiến thắng cho những người Y-sơ-ra-ên trung tín. (See MAL 4:1-3)

Phân biệt giữa

"thấy sự khác biệt giữa" hoặc "đối xử khác biệt"

Translation Questions

Malachi 3:1

Điều gì sẽ xảy ra sau khi Đức Giê-hô-va sai sứ giả giao ước là người dọn đường Ngài?

Chúa, Đấng mà Y-sơ-ra-ên tìm kiếm, sẽ thình lình vào trong đền thờ Ngài.

Malachi 3:3

Khi nào thì lễ vật của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem làm hài lòng Đức Giê-hô-va?

Lễ vật đó sẽ làm hài lòng Ngài sau sự thanh tẩy của các con trai Lê-vi, khi họ được tinh luyện như vàng và bạc.

Malachi 3:4

Sau khi những của lễ của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem được Đức Giê-hô-va đẹp lòng qua sự thanh tẩy của các con trai Lê-vi,Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?

Ngài sẽ đến gần Y-sơ-ra-ên đặng đoán xét và vội vàng làm chứng nghịch cùng những kẻ không tôn kính Ngài.

Malachi 3:5

Sau khi những của lễ của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem được Đức Giê-hô-va đẹp lòng qua sự thanh tẩy của các con trai Lê-vi,Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?

Ngài sẽ đến gần Y-sơ-ra-ên đặng đoán xét và vội vàng làm chứng nghịch cùng những kẻ không tôn kính Ngài.

Malachi 3:6

Ngay cả dân của Gia-cốp đã xây bỏ khỏi những quy định của Đức Giê-hô-va, nhưng tại sao họ không bị diệt vong?

Họ không bị diệt vong vì Đức Giê-hô-va không thay đổi.

Malachi 3:7

Ngay cả dân của Gia-cốp đã xây bỏ khỏi những quy định của Đức Giê-hô-va, nhưng tại sao họ không bị diệt vong?

Họ không bị diệt vong vì Đức Giê-hô-va không thay đổi.

Y-sơ-ra-ên đã xoay bỏ Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ xoay bỏ bằng cách không vâng giữ luật lệ Ngài.

Malachi 3:8

Y-sơ-ra-ên đã ăn cắp của Đức Chúa Trời như thế nào?

Họ ăn cắp Đức Chúa Trời qua các khoản phần mười và của dâng.

Malachi 3:10

Đức Giê-hô-va hứa điều gì sẽ xảy ra nếu Y-sơ-ra-ên đem hế thảy phần mười vào kho?

Đức Giê-hô-va hứa rằng Ngài sẽ ngăn cấm kẻ cắn nuốt, và mọi nước sẽ xưng họ là có phước.

Malachi 3:12

Đức Giê-hô-va hứa điều gì sẽ xảy ra nếu Y-sơ-ra-ên đem hế thảy phần mười vào kho?

Đức Giê-hô-va hứa rằng Ngài sẽ ngăn cấm kẻ cắn nuốt, và mọi nước sẽ xưng họ là có phước.

Malachi 3:13

Y-sơ-ra-ên đã nói lời nghịch cùng Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ đã nói rằng sự hầu việc Đức Chúa Trời là vô ích vì kẻ kiêu ngạo và phạm sự hung ác thì thạnh vượng ngay cả khi họ thử Ngài.

Malachi 3:15

Y-sơ-ra-ên đã nói lời nghịch cùng Đức Giê-hô-va như thế nào?

Họ đã nói rằng sự hầu việc Đức Chúa Trời là vô ích vì kẻ kiêu ngạo và phạm sự hung ác thì thạnh vượng ngay cả khi họ thử Ngài.

Malachi 3:17

Đức Giê-hô-va nói ai sẽ thuộc về Ngài và sẽ được chừa lại?

Đức Giê-hô-va nói rằng những ai kính sợ Đức Giê-hô-va và kính mến danh Ngài thì thuộc về Ngài và được Ngài chừa lại.

Trong ngày Đức Giê-hô-va hành động, điều gì sẽ xảy ra?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ lại phân biệt giữa kẻ công bình và kẻ gian ác, giữa kẻ hầu việc Đức Chúa Trời và kẻ không hầu việc Ngài.

Malachi 3:18

Trong ngày Đức Giê-hô-va hành động, điều gì sẽ xảy ra?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ lại phân biệt giữa kẻ công bình và kẻ gian ác, giữa kẻ hầu việc Đức Chúa Trời và kẻ không hầu việc Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 4

Malachi 4:1

Nầy

"Hãy xem" hoặc "hãy nghe" hoặc "hãy chú ý đến điều ta sắp nói"

ngày ấy đang đến, cháy như lò lửa

Tai họa xảy ra lúc này được ví như một ngày bốc cháy. Sự phán xét của Đức Chúa Trời thường được ví như lửa.

kẻ kiêu ngạo ... kẻ làm ác

Dịch tương tự ở MAL 3:15.

Mọi kẻ kiêu ngạo, mọi kẻ làm ác sẽ trở thành rơm rạ

Câu này nói như thể họ sẽ trở thành những cây khô chỉ để bị đốt đi. Kinh Thánh thường ví con người với cây cối. Cách dịch khác: "Mọi kẻ kiêu ngạo, mọi kẻ làm ác sẽ cháy như cây khô"

Ngày ấy đến sẽ thiêu đốt chúng

Ở đây “ngày” chỉ về những sự kiện sẽ xảy ra vào ngày đó. Cách dịch khác: "Vào ngày đó, ta sẽ thiêu đốt chúng"

chẳng để lại cho chúng rễ hay cành

Câu này tiếp tục ví họ với cây cối. Bị chặt bỏ hết rễ và cành chỉ về việc bị tiêu diệt hoàn toàn. Cách dịch khác: "chẳng để lại gì"

các con là người kính sợ danh ta

Ở đây “danh ta” chỉ về chính Đức Giê-hô-va.

mặt trời công chính sẽ mọc lên cho các con, trong cánh nó có sự chữa lành

Có thể là 1) Vào ngày đó Đức Giê-hô-va là Đấng luôn hành động cách công chính, sẽ đến và chữa lành cho dân Ngài hoặc 2) vào ngày đó Đức Giê-hô-va sẽ tỏ ra sự công chính của dân chúng và chữa lành cho họ.

trong cánh nó có sự chữa lành

Có thể là 1) việc chữa lành ai đó được ví như một vật mà mặt trời có thể dùng cánh mình đem đến cho dân chúng hoặc 2) sự chữa lành diễn ra ở dưới cánh, tức là trong sự an ninh Đức Chúa Trời ban cho dân Ngài.

Cánh

Vùng Cận Đông xưa thường nói về hình ảnh mặt trời có cánh, băng qua bầu trời. Có thể là 1) tia sáng mang lại sự sống của mặt trời được ví như cánh hoặc 2) cánh che phủ dân Chúa để họ được an ninh và bình an.

Các con sẽ đi ra và nhảy nhót như bò tơ ra khỏi chuồng

Ở đây dân được chuộc của Đức Giê-hô-va được ví như những con bò tơ được thả khỏi chuồng để đến đồng cỏ.

Các con sẽ giày đạp những kẻ ác vì chúng sẽ như tro bụi dưới bàn chân các con

Ở đây chiến thắng của dân Chúa được nói như thể họ bước đi trên xác kẻ thù bị thiêu cháy.

chúng sẽ như tro bụi

Kẻ thù của Y-sơ-ra-ên được nói như thể cháy thành tro. (See MAL 4:01)

Malachi 4:4

Hãy nhớ lời giáo huấn của Môi-se, kẻ tôi tớ ta mà ta đã truyền

Nội dung lời dạy của Đức Chúa Trời được ví như một vật Đức Chúa Trời trao cho Môi-se.

Hãy nhớ

“Hãy nhớ” tức là “hãy nghĩ về” đồng thời cũng là “hãy vâng lời”.

Hô-rếp

Đây là tên gọi khác của Si-nai.

Trước toàn thể Y-sơ-ra-ên

"như toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đang trông đợi trước núi"

toàn thể Y-sơ-ra-ên

“Toàn thể Y-sơ-ra-ên” chỉ về toàn thể dân nước Y-sơ-ra-ên.

the statutes

Đây là luật pháp Đức Chúa Trời ban cho Y-sơ-ra-ên qua mọi thế hệ.

Phán quyết

Đây là những quyết định dựa theo luật pháp để chỉ rõ những luật lệ chung cần được áp dụng vào đời sống hằng ngày như thế nào.

ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va đến

Việc ngày này xảy ra được gọi là ngày ấy đến. Cách dịch khác: "trước khi ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va xảy ra"

ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va

Ở đây chỉ về lúc Đức Giê-hô-va hành động cách dứt khoát.

Người sẽ làm cho lòng cha ông trở lại cùng con cháu, lòng con cháu trở lại cùng cha ông

Ở đây việc thay đổi cách suy nghĩ của một người được nói như thể thay đổi lòng của họ.

Translation Questions

Malachi 4:1

Trong ngày gần đến, cháy như lò lửa, điều gì sẽ xảy ra đối với kẻ kiêu ngạo và phạm sự ác?

Kẻ kiêu ngạo và phạm sự ác sẽ như gốc rạ bị thiêu đốt.

Malachi 4:2

Trong ngày gần đến, cháy như lò lửa, điều gì sẽ xảy ra đối với kẻ kiêu ngạo và phạm sự ác?

Kẻ kiêu ngạo và phạm sự ác sẽ như gốc rạ bị thiêu đốt.

Mặt trời công bình sẽ mọc lên cho ai?

Mặt trời công bình sẽ mọc lên cho những người kính sợ danh Đức Giê-hô-va.

Trong ngày Đức Giê-hô-va hành động, những người kính sợ danh Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?

Họ sẽ đi ra và nhảy nhót như bò tơ của chuồng.

Malachi 4:3

Trong ngày Đức Giê-hô-va hành động, những người kính sợ danh Đức Giê-hô-va sẽ làm gì?

Họ sẽ đi ra và nhảy nhót như bò tơ của chuồng.

Malachi 4:4

Đức Giê-hô-va truyền bảo cả Y-sơ-ra-ên phải làm gì?

Ngài bảo họ phải vâng theo luật pháp của tôi tớ Ngài là Môi-se.

Malachi 4:5

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trước ngày của Đức Giê-hô-va?

Ngài sẽ sai Ê-li đến đặng làm cho lòng cha trở lại cùng con cái, lòng con cái trở lại cùng cha, để Đức Giê-hô-va không đến rủa sả đất này.

Malachi 4:6

Đức Giê-hô-va sẽ làm gì trước ngày của Đức Giê-hô-va?

Ngài sẽ sai Ê-li đến đặng làm cho lòng cha trở lại cùng con cái, lòng con cái trở lại cùng cha, để Đức Giê-hô-va không đến rủa sả đất này.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 1
Matthew 1:1
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả bắt đầu với bảng gia phả của Chúa Giê-xu để cho thấy Ngài là hậu tự của vua Đa-vít và của Áp-ra-ham. Gia phả được tiếp nối xuyên suốt. MAT01:15
Sách gia phả của Đức Chúa Giê-xu Christ
Có thể dịch thành một câu hoàn chỉnh. Gợi ý dịch: “Đây là danh sách các tổ phụ của của Đức Chúa Giê-xu Chrits”.
Con Đa-vít, con Áp-ra-ham
Có nhiều thế hệ khác giữa các đời của Chúa Giê-xu, Đa-vít và Áp-ra-ham. Từ “con” ở đây có nghĩa là “con cháu”. Có thể dịch là: “con cháu Đa-vít, là con cháu Áp-ra-ham”.
Con vua Đa-vít
Đôi khi cụm từ “con vua Đa-vít” được dùng như một danh hiệu, nhưng ở đây cụm từ này dường như dùng để nhận biết tổ phụ của Chúa Giê-xu.
Áp-ra-ham là cha của Y-sác
Có nhiều cách khác nhau để dịch câu này. Dù dịch theo cách nào thì tốt nhất nên thống nhất một cách duy nhất cho toàn bộ danh sách các tổ phụ của Chúa Giê-xu. Gợi ý dịch: “Áp-ra-ham cha của Y-sác” hoặc “Áp-ra-ham có con là Y-sác” hoặc “Áp-ra-ham có con tên là Y-sác”.
Phê-rệt và Sê-rách...Hết-rôn...Ram
Đây là tên người.
Phê-rệt cha...Hết-rôn cha...
Hoặc: "Phê-rệt là cha...Hết-rôn là cha..."
Matthew 1:4
Sanh-môn bởi Ra-háp là cha của Bô-ô
“Sanh-môn là cha của Bô-ô, mẹ của Bô-ô là Ra-háp” hoặc “Sanh-môn và Ra-háp là cha mẹ của Bô-ô”
Bô-ô bởi Ru-tơ là cha của Ô-bết
“Bô-ô là cha của Ô-bết, mẹ của Ô-bết là Ru-tơ” hoặc “Bô-ô và Ru-tơ là cha mẹ của Ô-bết”
Đa-vít bởi vợ của U-ri là cha của Sa-lô-môn
“Đa-vít là cha của Sa-lô-môn, mẹ của Sa-lô-môn là vợ của U-ri” hoặc “Đa-vít và vợ của U-ri là cha mẹ của Sa-lô-môn”
Vợ của U-ri
Sa-lô-môn được sinh ra sau khi U-ri chết. Hoặc “quả phụ của U-ri”.
Matthew 1:7
A-sa
Đôi khi tên của ông được dịch là “A-sáp”.
Giô-ram cha của Ô-xia Joram the father of Uzziah
Thật ra Giô-ram là ông của ông Ô-xia vì vậy từ “cha” có thể được dịch là “tổ phụ” (UDB).
Matthew 1:9
A-môn
Tên này đôi khi được dịch là “A-mốt”.
Giô-si-a là cha của Giê-cô-nia
Thật ra Giô-si-a là ông của Giê-cô-nia
Vào thời kì lưu đày sang Ba-by-lôn
"Khi họ bị bắt phải dời sang Ba-by-lôn" hoặc "khi người Ba-by-lôn chinh phục họ và buộc họ sang sống tại Ba-by-lôn". Nếu ngôn ngữ của bạn yêu cầu phải đề cập cụ thể ai sang Ba-by-lôn thì bạn có thể sử dụng là “dân Y-sơ-ra-ên” hoặc “dân Y-sơ-ra-ên sống ở Giu-đa”.
Ba-by-lôn
Ở đây có nghĩa là đất nước Ba-by-lôn chứ không chỉ là thành Ba-by-lôn.
Matthew 1:12
Sau thời kì lưu đày sang Ba-by-lôn
Sử dụng từ bạn đã dùng ở câu 1:11
Sa-anh-thi-ên cha của Xô-rô-ba-bên
Thật ra Sa-anh-thi-ên là ông của Xô-rô-ba-bên.
Matthew 1:15
Lời Dẫn :
Tác giả đưa ra kết luận về phần gia phả của Chúa Giê-xu bắt đầu từ câu 1:1.
Ma-ri, người sinh Chúa Giê-xu
Hoặc: "Ma-ri, là người sinh Chúa Giê-xu
Được gọi là Đấng Christ
Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “mà người ta gọi là Đấng Christ”.
Mười bốn
"14"
Thời kì lưu đày sang Ba-by-lôn
Sử dụng từ bạn đã dùng ở câu 1:11
Matthew 1:18
Thông Tin Tổng Quát:
Từ đây bắt đầu một phần mới của câu chuyện, tác giả mô tả những sự kiện đưa đến sự ra đời của Chúa Giê-xu.
Mẹ Ngài là Ma-ri đã hứa hôn với Giô-sép
"Mẹ Ngài là Ma-ri sẽ kết hôn với Giô-sép”. Thông thường cha mẹ là người sắp đặt hôn nhân cho con cái. Gợi ý dịch: “Cha mẹ của Ma-ri, tức là mẹ của Chúa Giê-xu, đã hứa gã nàng cho Giô-sép”.
Mẹ Ngài là Ma-ri đã hứa hôn
Khi dịch cần thể hiện rõ Chúa Giê-xu chưa được sinh ra khi Ma-ri hứa hôn với Giô-sép. Gợi ý dịch: “Ma-ri, người sẽ là mẹ của Chúa Giê-xu, đã hứa hôn”.
Trước khi họ về sống với nhau
"trước khi họ kết hôn". Câu này có thể chỉ về việc Ma-ri và Giô-sép ăn nằm với nhau. Gợi ý dịch: “trước khi họ ăn nằm với nhau”.
Nàng bị phát hiện là sẽ có thai
Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “họ nhận ra nàng sắp sửa có thai” hoặc “nàng mang thai”.
Bởi Đức Thánh Linh
Quyền năng của Đức Thánh Linh khiến Ma-ri mang thai trước khi ăn nằm với người nam.
Chồng nàng là Giô-sép
Giô-sép chưa cưới Ma-ri nhưng khi một người nam và người nữ đã hứa hôn với nhau thì người Do Thái xem họ là vợ chồng mặc dù họ chưa sống chung. Gợi ý dịch: “Giô-sép, người sắp sửa cưới Ma-ri” hoặc “Giô-sép”.
Từ hôn
"hủy bỏ kế hoạch đám cưới"
Matthew 1:20
Khi ông suy nghĩ
"Khi Giô-sép suy nghĩ"
Hiện ra cho ông trong một giấc mơ
"đến với Giô-sép khi ông đang mơ"
Con Đa-vít
Từ “con” ở đây có nghĩa là “con cháu”.
Con trẻ trong bụng nàng được thọ thai bởi Đức Thánh Linh
Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Thánh Linh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khiến Ma-ri mang thai con trẻ nầy”.

Nàng sẽ sinh một con trai

Vì thiên sứ được Đức Chúa Trời sai đến nên thiên sứ biết đó là một bé trai

Ngươi hãy gọi tên con trẻ

Đây là một mệnh lệnh. Gợi ý dịch: “ngươi phải gọi tên con trẻ” hoặc “ngươi phải đặt tên con trẻ”.

Vì con trai ấy sẽ cứu

Người dịch có thể thêm phần ghi chú: “tên Giê-xu có nghĩa là ‘Đức Chúa Trời giải cứu’”.

Dân người

Chỉ về dân Do Thái.

Matthew 1:22

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả trích dẫn lời tiên Ê-sai để cho thấy Chúa Giê-xu giáng sinh theo như lời Kinh Thánh.

Mọi việc nầy xả ra

Ở đây thiên sứ không còn là người nói, mà Ma-thi-ơ đang giải thích tầm quan trọng của điều thiên sứ đã nói.

Điều đã nói bởi Đức Chúa Trời qua nhà tiên tri

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “điều Đức Chúa Trời truyền cho tiên tri Ê-sai viết xuống từ rất lâu”.

Nầy... Em-ma-nu-ên

Ở đây Ma -thi-ơ trích dẫn lời tiên tri Ê-sai.

Nầy,

Từ này nhấn mạnh điều sắp được nói. Có thể dịch là “Hãy xem” hoặc “Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý điều tôi sắp nói cho anh em.”

Em-ma-nu-ên

Đây là tên cho nam giới.

Nghĩa là “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta”.

Điều nầy không có trong sách Ê-sai. Ma-thi-ơ đang giải thích ý nghĩa của tên gọi “Em-ma-nu-ên”. Bạn có thể dịch thành một câu riêng lẻ. Gợi ý dịch: “Tên gọi nầy có nghĩa là ‘Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta’”.

Matthew 1:24

Lời Dẫn :

Tác giả kết luận phần mô tả về những sự kiện đưa đến sự ra đời của Chúa Giê-xu.

Như điều thiên sứ của Đức Chúa Trời đã truyền

Thiên sứ đã bảo Giô-sép lấy Ma-ri làm vợ và đặt tên con trẻ là Giê-xu.

Ông cưới nàng làm vợ

"ông cưới Ma-ri"

Một con trai

Cần làm rõ Giô-sép không phải là cha thật sự. Gợi ý dịch: “một bé trai” hoặc “con trai”.

Và ông gọi tên con trẻ là Giê-xu

"Giô-sép đặt tên con trẻ là Giê-xu"

Translation Questions

Matthew 1:1

Trong gia phả của Chúa Cứu Thế Giê-xu, hai tổ phụ nào được liệt kê đầu tiên cho thấy tầm quan trọng của họ?

Hai tổ phụ được liệt kê đầu tiên là Đa-vít và Áp-ra-ham.

Matthew 1:18

Việc gì đã xảy ra với Ma-ri trước khi nàng về chung sống với Giô-sép?

Ma-ri mang thai bởi Đức Thánh Linh trước khi nàng về chung sống với Giô-sép.

Matthew 1:20

Việc gì đã xảy ra với Giô-sép khiến người quyết định giữ hôn ước với Ma-ri?

Một thiên sứ phán với Giô-sép trong giấc chiêm bao, bảo người lấy Ma-ri làm vợ vì đứa trẻ đó được hoài thai bởi Đức Thánh Linh.

Chapter 2

Matthew 2:1

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây câu chuyện bắt đầu một phần mới cho đến hết chương. Tác giả kể về việc Hê-rốt nỗ lực tìm giết vị vua mới của dân Do Thái.

Bết-lê-hem miền Giu-đê

"thành Bết-lê-hem thuộc tỉnh Giu-đê" (UDB)

Vào thời vua Hê-rốt

"khi Hê-rốt làm vua tại đó"

Hê-rốt

Chỉ về Hê-rốt Đại Đế.

Các nhà thông thái

"các nhà chiêm tinh" (UDB)

Từ phương đông

"từ một đất nước xa xôi về phía đông của Giu-đê"

Vua dân Do Thái được sinh tại đâu?

Từ việc nghiên cứu các ngôi sao, những người nầy biết rằng người sẽ làm vua đã được sinh ra. Họ tìm cách để biết được vua ấy ở đâu. Gợi ý dịch: “Con trẻ sẽ làm vua dân Do Thái đã được sinh ra. Con trẻ ấy đang ở đâu?”

Ngôi sao của Ngài

Họ không có ý nói rằng con trẻ là người sở hữu ngôi sao. Gợi ý dịch: “ngôi sao nói về Ngài” hoặc “ngôi sao liên quan đến sự ra đời của Ngài”.

ở đông phương

"mọc ở phía đông" hoặc "khi chúng tôi ở đất nước của mình"

Thờ phượng

Có thể là 1) họ định thờ phượng con trẻ như một Đấng thánh hoặc 2) họ muốn tôn vinh Ngài như tôn vinh một con người. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ bao hàm cả hai nghĩa trên thì nên sử dụng ở đây.

Ông bối rối

"ông lo lắng." Hê-rốt lo lắng con trẻ nầy sẽ chiếm vương vị của ông.

Cả Giê-ru-sa-lem

Ở đây “Giê-ru-sa-lem” chỉ về người dân. Từ “cả” có nghĩa là “nhiều”. Ma-thi-ơ cường điệu để nhấn mạnh có rất nhiều người lo lắng. Gợi ý dịch: “nhiều người ở Giê-ru-sa-lem”.

Matthew 2:4

Thông Tin Tổng Quát:

Trong câu 6, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo trích dẫn lời triên tri Mi-chê để cho biết Đấng Chrits phải được sinh ra ở Bết-lê-hem.

Tại Bết-lê-hem miền Giu-đê

"tại thành Bết-lê-hem thuộc tỉnh Giu-đê”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều nầy được chép bởi nhà tiên tri
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “đây là điều nhà tiên tri đã chép từ lâu”.
Còn ngươi, hỡi Bết-lê-hem…Y-sơ-ra-ên
Họ đang trích dẫn lời của tiên tri Mi-chê.
Còn ngươi, hỡi Bết-lê-hem...không phải là nhỏ bé nhất trong hàng lãnh đạo của Giu-đê
Mi-chê đang nói với dân cư ở Bết-lê-hem như thể họ đang ở đó với ông nhưng thực ra không phải. “Không phải là nhỏ bé nhất” có thể được dịch ở thể khẳng định. Gợi ý dịch: “còn các ngươi, hỡi dân thành Bết-lê-hem… thành của các ngươi nằm trong số những thành quan trọng nhất của Giu-đê”. (Xem: Apostrophe và Litotes)
Người sẽ chăn dắt dân Y-sơ-ra-ên của Ta
Mi-chê nói vị vua nầy như một người chăn, nghĩa là Người sẽ lãnh đạo và chăm sóc cho dân chúng. Gợi ý dịch: “Người sẽ lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên của Ta như một người chăn dẫn dắt chiên mình”.
Matthew 2:7
Hê-rốt bí mật cho gọi các nhà thông thái đến
Nghĩa là Hê-rốt nói chuyện với các nhà thông thái mà không để cho ai khác biết.
Để hỏi chính xác thời gian ngôi sao đã xuất hiện.
Có thể dịch thành câu trực tiếp. Gợi ý dịch: “và ông hỏi họ ‘ngôi sao đã xuất hiện chính xác vào khi nào?’”
Ngôi sao đã xuất hiện khi nào
Ngụ ý rằng các nhà thông thái đã nói cho ông biết thời gian ngôi sao xuất hiện. Gợi ý dịch: “ngôi sao đã xuất hiện khi nào. Các nhà thông thái nói cho Hê-rốt biết ngôi sao xuất hiện đầu tiên vào lúc nào”.
Con trẻ
Chỉ về Chúa Giê-xu.
Đem tin về cho ta
Gợi ý dịch: "cho ta biết" hoặc "nói cho ta"
Thờ phượng Ngài
Dịch giống trong câu 2:2
Matthew 2:9
Sau khi họ
"Sau khi các nhà thông thái"
Họ đã thấy bên đông phương
"họ đã thấy mọc lên ở phương đông" hoặc "họ đã thấy ở nước mình"
Đi trước họ
"hướng dẫn họ" hoặc "dẫn họ đi"
Đứng yên trên
"dừng lại trên"
Nơi con trẻ ở
"chỗ con trẻ đang ở"
Matthew 2:11
Lời Dẫn :
Câu chuyện chuyển cảnh sang nhà Ma-ri, Giô-sép và con trẻ Giê-xu đang ở.
Họ đi
"Các nhà thông thái đi"
Thờ phượng
Dịch như trong câu 1:2
Châu báu của họ
Từ “châu báu” ở đâu chỉ về những hộp hay túi đựng châu báu. Gợi ý dịch: “vật đựng châu báu”.
Đức Chúa Trời cảnh báo cho họ
"Sau đó, Đức Chúa Trời cảnh báo cho các nhà thông thái". Đức Chúa Trời biết rằng Hê-rốt muốn làm hại con trẻ.
Đừng trở lại chỗ Hê-rốt
Có thể dịch thành câu trực tiếp. Gợi ý dịch: “rằng ‘đừng trở lại chỗ vua Hê-rốt’”.
Matthew 2:13
Thông Tin Tổng Quát:
Ở câu 15, tác giả trích dẫn lời tiên tri Ô-sê để cho thấy Đấng Christ sẽ có thời gian sống tại Ai Cập.
Họ đã rời đi
"các nhà thông thái đã rời đi"
Hiện ra với Giô-sép trong một giấc mơ
"đến với Giô-sép khi ông đang mơ"
Hãy thức dậy, đem…trốn…ở đó…ngươi
Đức Chúa Trời đang phán với Giô-sép nên tất cả phải ở dạng số ít. (Xem: Forms of You)
Cho đến khi ta bảo ngươi
Ý nghĩa trọn vẹn của câu nầy có thể được nói rõ ra. Gợi ý dịch: “cho đến khi ta bảo ngươi đến lúc an toàn để trở về”.
Ta bảo ngươi
Từ “ta” ở đây chỉ về Đức Chúa Trời. Thiên sứ đang nói thay Đức Chúa Trời.
Ông cứ ở đó
Ngụ ý rằng Giô-sép, Ma-ri và Chúa Giê-xu cứ ở tại Ai Cập. Gợi ý dịch: “Họ cứ ở đó”.
Cho đến khi Hê-rốt băng hà
Hê-rốt chưa băng hà cho tới câu 2:19. Câu nói này mô tả độ dài của khoảng thời gian họ ở tại Ai Cập và không đề cập đến việc Hê-rốt băng hà vào lúc nầy.
Từ Ai Cập ta đã gọi con ta
" Ta đã gọi con ta ra khỏi Ai Cập"
Con ta
Trong Ô-sê từ nầy chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Ma-thi-ơ trích dẫn để cho thấy rằng điều nầy đã nói đúng về con Đức Chúa Trời, là Chúa Giê-xu. Sử dụng từ chỉ về con duy nhất hoặc con đầu lòng để dịch từ nầy.
Matthew 2:16
Lời Dẫn :
Ở đây câu chuyện chuyển lại cảnh Hê-rốt, kể lại việc ông đã làm khi biết tin các nhà thông thái đã lừa ông.
Thông Tin Tổng Quát:
Những sự kiện nầy xảy ra trước khi Hê-rốt băng hà được tác giả nhắc đến ở câu 2:15. (Xem: Order of Events)
Ông đã bị các nhà thông thái xem thường
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “các nhà thông thái đã lừa ông khiến ông xấu hổ”. (Xem: Active or Passive).
Ông sai người giết tất cả các bé trai
Hê-rốt không tự mình giết các con trẻ. Gợi ý dịch: “Ông ra lệnh cho quân lính giết tất cả các bé trai” hoặc “Ông sai quân lính đến đó giết tất cả các bé trai”.
Hai tuổi trở xuống
"2 tuổi và nhỏ hơn" (UDB) (Xem: Numbers)
Theo thời gian
"dựa vào thời gian"
Matthew 2:17
Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả trích dẫn lời tiên tri Giê-rê-mi để cho biết cái chết của tất cả các bé trai trong vùng Bết-lê-hem xảy ra theo lời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Kinh Thánh.

Như vậy được ứng nghiệm

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “việc nầy làm ứng nghiệm” hoặc “việc làm của Hê-rốt làm ứng nghiệm”.

Điều đã được nói qua tiên tri Giê-rê-mi

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “điều Đức Chúa Trời đã phán từ rất lâu qua tiên tri Giê-rê-mi”.

Người ta nghe... chúng không còn nữa

Ma-thi-ơ đang trích dẫn lời tiên tri Giê-rê-mi.

Người ta nghe

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “người ta nghe tiếng” hoặc “có tiếng kêu lớn”.

Ra-chên khóc các con mình

Ra-chên sống trước thời kì này rất nhiều năm. Lời tiên tri nầy cho thấy Ra-chên là người đã chết khóc than cho các con cháu của mình..

Nàng không chịu an ủi

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “không ai có thể an ủi nàng”.

Vì chúng không còn nữa

“Vì các con cái đã ra đi và không trở lại”. Từ “không còn nữa” ở đây là một cách nói nhẹ nhàng rằng chúng đã chết. Gợi ý dịch: “vì chúng đã chết”.

Matthew 2:19

Lời Dẫn :

Ở đây câu chuyện chuyển cảnh sang Ai Cập, nơi Giô-sép, Ma-ri và Chúa Giê-xu đang ở.

Kìa

Đánh dấu sự bắt đầu của một sự kiện khác trong mạch truyện lớn hơn, có thể bao gồm nhiều nhân vật khác so với các sự kiện trước. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách khác để diễn đạt điều này.

những kẻ tìm hại mạng sống con trẻ

Gợi ý dịch: "những kẻ tìm kiếm để giết con trẻ".

Những kẻ tìm

Chỉ về vua Hê-rốt và các quân sư của ông.

Matthew 2:22

Lời Dẫn :

Đây là phần kết thúc của câu chuyện được bắt đầu ở câu 2:1 về việc Hê-rốt nỗ lực tìm cách giết vị vua mới của dân Do Thái.

Nhưng khi ông nghe

"Nhưng khi Giô-sép nghe"

A-chê-la-u

Đây là tên của con Hê-rốt. (Xem: How to Translate Names)

Ông sợ

"Giô-sép sợ"

Lời đã nói qua các nhà tiên tri

Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “điều Đức Chúa Trời đã nói từ rất lâu qua các nhà tiên tri”.

Ngài sẽ được gọi là người Na-xa-rét

Từ “Ngài” ở đây chỉ về Chúa Giê-xu. Các tiên tri trước thời Chúa Giê-xu gọi Ngài là Chúa Cứu Thế hoặc Đấng Christ. Gợi ý dịch: “người ta sẽ nói rằng Đấng Christ là người Na-xa-rét”.

Translation Questions

Matthew 2:1

Chúa Giê-xu được sinh ra tại đâu?

Chúa Giê-xu được sinh ra tại thành Bết-lê-hem miền Giu-đê.

Matthew 2:9

Làm thế nào những nhà thông thái tìm được chính xác chỗ của Chúa Giê-xu?

Ngôi sao ở phương đông đi trước họ cho đến khi dừng lại ngay trên chỗ Chúa Giê-xu ở.

Matthew 2:11

Chúa Giê-xu lớn ở độ nào khi các nhà thông thái đến thăm?

Chúa Giê-xu là một con trẻ khi các nhà thông thái đến thăm.

Các nhà thông thái dâng cho Chúa Giê-xu những món quà gì?

Các nhà thông thái dâng cho Chúa Giê-xu những món quà gồm vàng, nhũ hương và mộc dược.

Matthew 2:13

Giô-sép nhận được lời chỉ dẫn gì qua giấc mơ?

Qua giấc mơ Giô-sép được chỉ dẫn phải đem Chúa Giê-xu và Ma-ry trốn sang Ai Cập, vì Hê-rốt sẽ tìm cách giết Chúa Giê-xu.

Matthew 2:16

Hê-rốt đã làm gì khi các nhà thông thái không trở lại gặp ông?

Hê-rốt cho giết tất cả những bé trai ở Bết-lê-hem từ hai tuổi trở xuống.

Matthew 2:19

Giô-sép nhận được chỉ dẫn gì qua giấc mơ sau khi Hê-rốt băng hà?

Trong giấc mơ Giô-sép được chỉ dẫn trở về đất nước Y-sơ-ra-ên.

Matthew 2:22

Giô-sép cùng Ma-ri và Chúa Giê-xu cư ngụ tại đâu?

Giô-sép cùng Ma-ri và Chúa Giê-xu cư ngụ tại thành Na-xa-rét miền Ga-li-lê.

Chapter 3

Matthew 3:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đây là đoạn mở đầu cho một phần mới của câu chuyện, trong đó tác giả kể về chức vụ của Giăng Báp-tít. Ở câu 3, tác giả trích dẫn lời tiên tri Ê-sai để cho thấy rằng Giăng Báp-tít là sứ giả được chọn để chuẩn bị cho chức vụ của Chúa Giê-xu.

Trong thời gian đó

Nhiều năm sau khi Giô-sép và gia đình ông rời khỏi Ai Cập đến Na-xa-rét. Có lẽ gần khoảng thời gian Chúa Giê-xu bắt đầu chức vụ. Gợi ý dịch “một thời gian sau đó” hoặc “vài năm sau đó”.

Ăn năn

Ở dạng số nhiều. Giăng đang nói với đám đông.

Vương quốc thiên đàng đã đến gần

Cụm từ “vương quốc thiên đàng” chỉ về việc Đức Chúa Trời làm vua cai trị. Cụm từ nầy chỉ có trong sách Ma-thi-ơ. Nếu có thể hãy dùng từ “thiên đàng” trong bản dịch. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời của chúng ta trên thiên đàng sẽ sớm bày tỏ Ngài là vua”.

Ông chính là người mà nhà tiên tri Ê-sai đã nói đến

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Vì tiên tri Ê-sai đã

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nói về Giăng Báp-tít khi nói rằng". (See:

Có tiếng người

Từ "tiếng" ở đây chỉ về tổng thể một người. Gợi ý dịch: "Có người".

Hãy dọn đường cho Chúa, làm thẳng các lối Ngài

"Hãy dọn đường cho Chúa, làm thẳng các lối Ngài". Đây là phép ẩn dụ trong sứ điệp của Giăng để kêu gọi mọi người chuẩn bị sẵn sàng cho Chúa Giê-xu đến bằng việc ăn năn tội lỗi của mình. Gợi ý dịch: "Hãy thay đổi cách sống để sẵn sàng khi Chúa đến". (See:

Matthew 3:4

Bấy giờ...mật ong rừng

Từ "bấy giờ" được dùng ở đây để đánh dấu một đoạn ngắt trong mạch truyện chính. Lúc nầy Ma-thi-ơ cho biết thông tin chung về Giăng Báp-tít.

mặc áo lông lạc đà và thắt lưng bằng dây da

cách ăn mặc nầy thể hiện Giăng là nhà tiên tri giống với các tiên tri thời xưa, đặc biệt là tiên tri Ê-li.

Giê-ru-sa-lem, cả Giu-đê và khắp vùng

Chỉ về người dân từ những khu vực nầy. Từ "cả" ở đây có nghĩa là "nhiều". Ma-thi-ơ đang nhấn mạnh có rất nhiều người đến với Giăng Báp-tít.

Họ được ông làm báp-tem cho

Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Giăng Báp-tít làm báp-tem cho họ".

Họ

Chỉ về những người đến từ Giê-ru-sa-lem, Giu-đê và khu vực quanh sông Giô-đanh.

Matthew 3:7

Thông Tin Tổng Quát:

Giăng Báp-tít bắt đầu quở trách người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê.

Hỡi dòng giống rắn độc

Đây là phép nói ẩn dụ. Rắn độc rất nguy hiểm, tượng trưng cho sự gian ác. Gợi ý dịch: "Hỡi loài rắn độc kia!" hoặc "Các ngươi gian ác như loài rắn độc".

Ai đã cảnh báo cho các ngươi biết để chạy trốn khỏi cơn thịnh nộ sắp đến

Giăng dùng một câu hỏi để khiển trách người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê vì họ xin ông làm báp-tem để Đức Chúa Trời không trừng phạt họ nhưng lại vẫn muốn tiếp tục phạm tội. Gợi ý dịch: "các ngươi không thể trốn khỏi cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời bằng cách như vậy" hoặc "đừng nghĩ rằng các ngươi có thể chạy trốn khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời chỉ vì ta làm báp-tem cho các ngươi".

Chạy trốn khỏi cơn thịnh nộ sắp đến

Từ "cơn thịnh nộ" được dùng để chỉ về sự trừng phạt của Đức Chúa Trời vì nó xuất phát từ cơn thịnh nộ của Ngài. Gợi ý dịch: "chạy trốn khỏi sự trừng phạt sẽ đến" hoặc "chạy trốn vì Đức Chúa Trời sắp trừng phạt các ngươi".

Kết quả xứng đáng với sự ăn năn

Cụm từ "kết quả" là phép ẩn dụ chỉ về hành động của một người. Gợi ý dịch: "Hành động của các ngươi phải bày tỏ rằng các ngươi thật sự ăn năn".

Chúng tôi có Áp-ra-ham là tổ phụ chúng tôi

"Áp-ra-ham là tổ phụ chúng tôi" hoặc "chúng tôi là con cháu của Áp-ra-ham". Các vị lãnh đạo Do Thái nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ không trừng phạt họ vì họ là con cháu của Áp-ra-ham.

Vì ta nói cùng các ngươi

Câu nầy nhằm nhấn mạnh thêm cho điều Giăng sắp nói.

Đức Chúa Trời có thể dấy lên con cái cho Áp-ra-ham từ những đá nầy.

"Đức Chúa Trời có thể biến những đá nầy thành con cái thuộc thể và ban cho Áp-ra-ham"

Matthew 3:10

Lời Dẫn :

Giăng Báp-tít tiếp tục quở trách người Pha-ri-si và Sa-đu-sê.

Chiếc rìu đã để kề gốc cây, tất cả các cây không sinh quả tốt đều bị đốn và ném vào lửa.

Ẩn dụ nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời đã sẵn sàng trừng phạt tội nhân. Câu này có thể được dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã cầm cây rìu, sẵn sàng đốn hạ và thiêu hủy cây nào sinh trái xấu" hoặc "như một người cầm rìu sẵn sàng đốn hạ và thiêu hủy cây sinh trái xấu, Đức Chúa Trời đã sẵn sàng để trừng phạt tội lỗi của các ngươi".

Để ăn năn

"để bày tỏ rằng các ngươi đã ăn năn"

Nhưng Đấng đến sau tôi

Chúa Giê-xu là Đấng đến sau Giăng.

Uy quyền hơn tôi

"quyền thế hơn tôi"

Ngài sẽ làm báp-têm cho các người bằng Đức Thánh Linh và lửa

Ẩn dụ nầy so sánh phép báp-tem bằng nước của Giăng với phép báp-tem bằng lửa trong tương lai. Điều nầy có nghĩa là phép báp-tem của Giăng chỉ tẩy rửa tội lỗi con người theo ý nghĩa tượng trưng. Phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa sẽ thật sự tẩy rửa tỗi lỗi cho con người. Nếu có thể hãy dùng từ "làm báp-tem" trong bài dịch để giữ ý so sánh với phép báp-tem của Giăng.

Tay Ngài cầm chĩa rê thật sạch sân đập lúa của mình

Ẩn dụ nầy so sánh Đấng Christ tách người công bình khỏi người bất chính như một người tách lúa mì ra khỏi trấu. Gợi ý dịch: "Đấng Christ giống một người tay cầm chĩa". (Xem: Simile)

Tay Ngài cầm chĩa dê lúa

"trong tay Ngài" ở đây nghĩa là Ngài sẵn sàng làm việc đó. Có thể dịch là "Đấng Christ đang cầm chĩa dê lúa bởi vì Ngài sẵn sàng rồi."

chĩa

đây là một dụng cụ để hất lúa mì lên không nhằm tách hạt lúa ra khỏi trấu. Những hạt nặng hơn sẽ rơi xuống lại còn trấu thừa sẽ bị gió thổi đi. Nó có hình dáng như một cái nĩa những có răng thưa hơn được làm bằng gỗ.

sân đập lúa của mình

"nền của mình" hoặc "nền để tách hạt khỏi trấu".

Thu gom lúa vào kho...đốt trấu trong lửa chẳng hề bị dập tắt

Đây là phép ẩn dụ cho thấy cách Đức Chúa Trời tách người công chính khỏi người gian ác. Người công chính sẽ vào thiên đàng như lúa mì được đem vào kho của người nông dân, và Ngài sẽ đốt cháy những người giống như trấu bằng ngọn lửa chẳng hề bị dập tắt.

Chẳng hề bị dập tắt

Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "sẽ không bao giờ tắt".

Matthew 3:13

Lời Dẫn :

ở đây câu chuyện chuyển cảnh sang khoảng thời gian sau đó, khi Giăng Báp-tít làm báp-tem cho Chúa Giê-xu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Để được Giăng làm báp-tem
Có thể được nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “để Giăng có thể làm báp-tem cho Ngài”.
Chính tôi cần được Ngài làm báp-tem cho, sao Ngài lại đến với tôi?
Giăng dùng một câu hỏi để bày tỏ vẻ ngạc nhiên về yêu cầu của Chúa Giê-xu. Gợi ý dịch: “Ngài uy quyền hơn tôi. Tôi không nên làm báp-tem cho Ngài mà Ngài làm báp-tem cho tôi”.
Vì chúng ta
Từ “chúng ta” ở đây chỉ về Chúa Giê-xu và Giăng.
Matthew 3:16
Lời Dẫn :
Đây là phần kết thúc cho câu chuyện về Giăng Báp-tít, mô tả việc xảy ra sau khi ông làm báp-tem cho Chúa Giê-xu.
Sau khi Ngài chịu báp-tem
Có thể nói ở thể chú động. Gợi ý dịch: “Sau khi Giăng làm báp-tem cho Chúa Giê-xu”.
Nầy
Từ “nầy” ở đây báo hiệu cho chúng ta tập trung vào thông tin gây bất ngờ theo sau.
Các tầng trời mở ra trên Ngài
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Chúa Giê-xu nhìn thấy các tầng trời mở ra” hoặc “Đức Chúa Trời mở các tầng trời trên Chúa Giê-xu”.
Ngự xuống như chim bồ câu
Có thể hiểu là 1) đây là câu khẳng định đơn thuần rằng Đức Chúa Trời có hình của một chim bồ câu hoặc 2) đây là phép so sánh Đức Thánh Linh ngự xuống trên Chúa Giê-xu nhẹ nhàng như chim bồ câu đậu.
Có tiếng từ trời phán
"Chúa Giê-xu nghe tiếng từ trời". Từ “tiếng” ở đây chỉ về tiếng Đức Chúa Trời phán. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời phán từ trời”.
Con
Đây là một danh hiệu uy quyền của Chúa Giê-xu, Con của Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Matthew 3:10
Theo Giăng thì điều gì xảy ra cho những cây không sinh quả tốt?
Giăng nói rằng tất cả những cây không sinh quả tốt đều bị đốn và ném vào lửa.

Matthew 3:16
Chúa Giê-xu nhìn thấy gì khi lên khỏi nước?
Khi lên khỏi nước, Chúa Giê-xu nhìn thấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống như chim bồ câu đậu trên Ngài.

Chapter 4
Matthew 4:1
Thông Tin Tổng Quát:
Ở đây tác giả bắt đầu một phần mới của câu chuyện kể về Chúa Giê-xu ở trong hoang mạc 40 ngày, tại đó Sa-tan cám dỗ Ngài. Trong câu 4, Chúa Giê-xu khiển trách Sa-tan bằng lời trích dẫn từ sách Phục Truyền Luật Lệ Ký.
Chúa Giê-xu được dẫn dắt bởi Đức Thánh Linh
Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Thánh Linh dẫn dắt Chúa Giê-xu”.
Để chịu ma quỷ cám dỗ
Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “để ma quỷ cám dỗ Chúa Giê-xu”.
Ma quỷ…kẻ cám dỗ
Những từ nầy chỉ về cùng một đối tượng. Bạn có thể dùng một từ để dịch cho cả hai từ nầy.
Ngài đã kiên ăn…Ngài đói
Chỉ về Chúa Giê-xu.
Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm
"40 ngày và 40 đêm". Chỉ về chu kì 24 giờ. Gợi ý dịch: “40 ngày”.
Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời thì hãy ra lệnh
Có thể hiểu là 1) cám dỗ để Chúa Giê-xu làm phép lạ vì lợi ích cá nhân. Gợi ý dịch: “ngươi là Con Đức Chúa Trời, ngươi có thể ra lệnh”. Hoặc 2) đây là một lời thách thức hoặc lên án. Gợi ý dịch: “hãy chứng minh ngươi là Con Đức Chúa Trời bằng cách ra lệnh”. Tốt nhất nên biết rằng Sa-tan đã biết Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời.
Con Đức Chúa Trời
Đây là một danh hiệu uy quyền mô tả mối quan hệ giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời.
Con Đức Chúa Trời
Đây là một danh hiệu quang trọng dành cho Chúa Giê-xu.
Ra lệnh cho những đá nầy thành bánh đi
Bạn có thể dịch thành câu nói trực tiếp. Gợi ý dịch: “hãy phán với những đá nầy rằng ‘hãy biến thành bánh!’”
Bánh
Hoặc: "thức ăn"
Có lời chép
Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Môi-se viết điều nầy trong Kinh Thánh từ rất lâu”.
Người ta không sống chỉ nhờ bánh mà thôi
Ngụ ý rằng có điều quan trọng cho cuộc sống hơn thức ăn.
nhưng nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời
Từ “lời” và “miệng” ở đây chỉ về lời Chúa nói. Gợi ý dịch: “nhưng nhờ lắng nghe mọi điều Chúa phán”.
Matthew 4:5
Thông Tin Tổng Quát:
Trong câu 6, Sa-tan trích dẫn từ Thi Thiên để cám dỗ Chúa Giê-xu.
Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời thì hãy lao mình xuống
Có thể là 1) cám dỗ làm phép lạ vì lợi ích cá nhân. Gợi ý dịch: “vì ngươi thật là con Đức Chúa Trời, nên ngươi có thể lao mình xuống”. Hoặc 2) đây là lời thách thức hoặc lên án. Hoặc 2) đây là lời thách thức hoặc lên án. Gợi ý dịch: hãy minh chứng ngươi thật sự là Con Đức Chúa Trời bằng cách lao mình xuống” (UDB). Tốt nhất cần biết rằng Sa-tan biết Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời.
Con Đức Chúa Trời
Đây là một danh hiệu uy quyền mô tả mối quan hệ giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời.
Lao mình xuống
"để mình rơi xuống đất" hoặc "nhảy xuống"
Vì có lời chép
Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “vì tác giả Thi Thiên chép trong Kinh Thánh” hoặc “Kinh Thánh chép”.
Ngài sẽ truyền các thiên sứ gìn giữ ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Đức Chúa Trời sẽ truyền các thiên sứ gìn giữ ngươi". Có thể dịch bằng câu nói trực tiếp. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời sẽ bảo với thiên sứ Ngài rằng ‘hãy gìn giữ người’”.

Họ sẽ nâng ngươi lên

"Các thiên sứ sẽ giữ lấy ngươi"

Matthew 4:7

Thông Tin Tổng Quát:

Trong câu 7, Chúa Giê-xu quở trách Sa-tan với một câu trích dẫn khác từ sách Phục Truyền Luật Lệ Ký.

Cũng có lời chép

Nghĩa là Chúa Giê-xu nói Ngài đang trích dẫn từ Kinh Thánh một lần nữa. Có thể được dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Một lần nữa, ta sẽ cho ngươi biết điều Môi-se chép trong Kinh Thánh”.

Ngươi không được thử

Từ “ngươi” ở đây chỉ về bất kì ai. Gợi ý dịch: “không được thử” hoặc “không ai được thử”.

Một lần nữa, ma quỷ

"Tiếp theo, ma quỷ"

Nó nói với Ngài

"Ma quỷ nói với Chúa Giê-xu"

Mọi điều nầy ta sẽ ban cho ngươi

"Ta sẽ ban cho ngươi mọi điều nầy". Kẻ cám dỗ đang nhấn mạnh rằng nó sẽ ban cho “mọi điều nầy” chứ không phải chỉ một vài điều.

Matthew 4:10

Lời Dẫn :

Đây là phần kết thúc của câu chuyện Sa-tan cám dỗ Chúa Giê-xu.

Thông Tin Tổng Quát:

Trong câu 10, Chúa Giê-xu khiển trách Sa-tan bằng một câu trích dẫn khác từ sách Phục Truyền Luật Lệ Ký.

Vì có lời chép

Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Vì Môi-se cũng viết trong Kinh Thánh”.

Ngươi phải

Tư “ngươi” ở đây chỉ về bất kì ai.

Kìa

Từ “kìa” ở đây báo hiệu cho chúng ta biết cần tập trung vào thông tin mới và quan trọng theo sau.

Matthew 4:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đây là đoạn mở đầu của một phần mới trong câu chuyện, tại đây tác giả mô tả khởi đầu chức vụ của Chúa Giê-xu tại Ga-li-lê. Những câu này giải thích Chúa Giê-xu đến Ga-li-lê như thế nào.

Bấy giờ

Từ nầy được dùng để dánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện chính. Ở đây Ma-thi-ơ bắt đầu kể một phần mới của câu chuyện.

Giăng đã bị bắt

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “vua đã bắt giữ Giăng”.

Trong địa phận Sa-bu-lôn và Nép-ta-li

Đây là tên của các chi phái sống tại những vùng đất nầy nhiều năm về trước khi dân ngoại chưa cai trị lãnh thổ Y-sơ-ra-ên.

Matthew 4:14

Thông Tin Tổng Quát:

Trong câu 15 và 16, tác giả trích dẫn lời tiên tri Ê-sai để cho thấy Chúa Giê-xu thi hành chức vụ tại Ga-li-lê làm ứng nghiệm lời tiên tri.

Việc nầy xảy ra

Chỉ về việc Chúa Giê-xu sắp sinh sống tại Ca-bê-na-um.

Lời đã phán

Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “lời Chúa phán”.

Đất Sa-bu-lôn và đất Nép-ta-li… Miền Ga-li-lê của dân ngoại!

Tất cả những lãnh thổ nầy đang chỉ về cùng một khu vực. Có thể dịch thành câu hoàn chỉnh. Gợi ý dịch: “Trong lãnh thổ của Sa-bu-lôn và Nép-ta-li…trong lãnh thổ của Ga-li-lê có rất nhiều dân ngoại sinh sống!”

Hướng ra biển

Đây là biển Ga-li-lê.

Dân ngồi trong bóng tối, đã thấy ánh sáng lớn

“Bóng tối” ở đây chỉ về bóng tối đạo đức hay tội lỗi phân rẽ con người với Đức Chúa Trời. “Ánh sáng” chỉ về sứ điệp chân lí của Đức Chúa Trời giải cứu con người ra khỏi tội. Đây là hình ảnh của những người tuyệt vọng bây giờ có được hy vọng từ nơi Chúa.

Ánh sáng đã mọc lên trên những kẻ ngồi trong miền và dưới bóng sự chết

Câu này cơ bản có nghĩa giống với vế đầu tiên. “Miền và bóng sự chết” ở đây chỉ về sự chết thuộc linh hay sự chia cắt khỏi Đức Chúa Trời.

Matthew 4:17

Hãy ăn năn, vì vương quốc thiên đàng đã đến gần

Xem cách dịch ở 3:2

Matthew 4:18

Thông Tin Tổng Quát:

Câu chuyện bắt đầu một cảnh mới trong phần chức vụ của Chúa Giê-xu tại Ga-li-lê. Ở đây Ngài bắt đầu kêu gọi những người làm môn đồ cho Ngài.

Thả lưới dưới biển

Hoặc: "quăng chài xuống biển để bắt cá"

Hãy theo ta

Chúa Giê-xu kêu gọi Si-môn và Anh-rê đi theo Ngài, ở với Ngài và trở nên môn đồ của Ngài. Gợi ý dịch: “Hãy làm môn đồ ta”.

Ta sẽ khiến con trở nên tay đánh lưới người

Phép ẩn dụ nầy có nghĩa là Si-môn và Anh-rê sẽ dạy dỗ mọi người sứ điệp chân lí của Đức Chúa Trời để họ cũng sẽ băt đầu theo Chúa Giê-xu. Có thể dịch là: “Ta sẽ dạy ngươi thâu góp mọi người cho ta như ngươi thường thâu góp cá”.

Matthew 4:21

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu kêu gọi thêm người làm môn đồ cho Ngài.

Ngài kêu gọi họ

"Chúa Giê-xu kêu gọi Giăng và Gia-cơ". Cụm từ nầy cũng có nghĩa là Chúa Giê-xu mời gọi họ đi theo Ngài, ở với Ngài và trở nên môn đồ của Ngài.

Lập tức

"ngay lúc đó"

Bỏ thuyền…mà theo Ngài

Cần tỏ rõ đây là một sự thay đổi trong cuộc sống. Những người nầy sẽ không còn là ngư phủ nữa, họ rời bỏ việc kinh doanh của gia đình để theo Chúa Giê-xu cả quãng đời còn lại.

Matthew 4:23

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lời Dẫn :

Đây là phần kết của câu chuyện về buổi đầu chức vụ của Chúa Giê-xu tại Ga-li-lê. Những câu này tóm tắt những gì Ngài đã làm và đáp ứng của dân chúng. (Xem: End of Story)

Dạy dỗ trong các nhà hội của họ

"dạy dỗ trong các nhà hội của người Ga-li-lê" hoặc "giảng dạy trong các nhà hội của những người đó"

Rao giảng phúc âm của vương quốc

Từ “vương quốc” ở đây chỉ về việc Chúa Giê-xu làm vua cai trị. Gợi ý dịch: “rao giảng tin lành về cách Đức Chúa Trời sẽ tỏ mình là vua”.

Mọi thứ bệnh tật và mọi thứ đau yếu

"mọi bệnh tật và mọi đau yếu". Từ “bệnh tật” và “đau yếu” có liên quan chặt chẽ với nhau nhưng cần được dịch thành hai từ riêng biệt nếu có thể. “Bệnh tật” là nguyên nhân khiến cho một người bị đau yếu. “Đau yếu” là sự ốm yếu và đau đớn về thể chất do bệnh tật gây ra.

2những người bị ám do quỷ

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “người bị quỷ ám” hoặc “người bị quỷ điều khiển”.

Những người bị động kinh

“những người bị lên cơn co giật” hoặc “những người bị bệnh làm cho lên cơn giận dữ”.

Người bại

"những người không đi được"

Đê-ca-bô-lơ

Tên nầy có nghĩa là “Mười Thành”.

Translation Questions

Matthew 4:1

Ai đã đưa Chúa Giê-xu vào đồng vắng để chịu ma quỷ cám dỗ?

Đức Thánh Linh đưa Chúa Giê-xu vào đồng vắng để chịu ma quỷ cám dỗ.

Matthew 4:5

Cám dỗ thứ hai ma quỷ đem đến cho Chúa Giê-xu là gì?

Ma quỷ cám dỗ Chúa Giê-xu gieo mình xuống từ đền thờ.

Matthew 4:7

Chúa Giê-xu trả lời như thế nào với cám dỗ thứ hai?

Chúa Giê-xu phán rằng ngươi không được thử Chúa là Đức Chúa Trời ngươi.

Matthew 4:10

Chúa Giê-xu trả lời như thế nào với cám dỗ thứ ba?

Chúa Giê-xu phán rằng ngươi phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời ngươi và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi.

Matthew 4:17

Từ đó Chúa Giê-xu bắt đầu rao giảng thông điệp gì?

Chúa Giê-xu rao giảng rằng “Hãy ăn năn vì vương quốc thiên đàng đã đến gần."

Matthew 4:18

Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng đều sống bằng nghề gì?

Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng đều là những ngư phủ.

Matthew 4:21

Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng đều sống bằng nghề gì?

Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng đều là những ngư phủ.

Matthew 4:23

Lúc nầy, Chúa Giê-xu đi giảng dạy ở đâu?

Chúa Giê-xu đi giảng dạy ở các nhà hội trong miền Ga-li-lê.

Chapter 5

Matthew 5:1

Lời Dẫn :

Đây là đoạn mở đầu của một phần mới trong câu chuyện, tại đây Chúa Giê-xu bắt đầu dạy dỗ các môn đồ. Phần nầy tiếp tục cho đến hết chương 7 và thường được gọi là Bài giảng trên núi.

Thông Tin Tổng Quát:

Trong câu 3, Chúa Giê-xu bắt đầu mô tả đặc điểm của những người được ban phước.

Ngài mở miệng

Hoặc: "Chúa Giê-xu bắt đầu nói"

Dạy dỗ họ

Từ “họ” chỉ về các môn đồ.

Những người nghèo khó tâm linh

Tức là người khiêm nhường. Gợi ý dịch: "những người nhận biết rằng họ cần Chúa".

Vì vương quốc thiên đàng thuộc về họ

Từ “vương quốc thiên đàng” ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời làm vua cai trị. Cụm từ nầy chỉ có trong sách Ma-thi-ơ. Nếu có thể hãy giữ lại từ “thiên đàng” trong bản dịch. Gợi ý dịch: “vì Đức Chúa Trời ở thiên đàng sẽ là vua của họ”.

Những người than khóc

Những lí do có thể khiến họ buồn rầu là 1) sự tràn ngập tội lỗi của thế gian hoặc 2) tội lỗi của chính họ hoặc 3) cái chết của ai đó. Không làm rõ những lí do khiến họ than khóc trừ khi ngôn ngữ của bạn yêu cầu như vậy.

Họ sẽ được an ủi

Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời sẽ an ủi họ”. See:

Matthew 5:5

Người nhu mì

"người hiền lành" hoặc "người không dựa vào quyền thế của mình"

Họ sẽ thừa hưởng đất

"Đức Chúa Trời sẽ ban cả đất cho họ"

Đói khát sự công chính

Phép ẩn dụ nầy có nghĩa là con người cần có khao khát mạnh mẽ để làm điều đúng. Gợi ý dịch: "có khao khát sống đúng như thèm đồ ăn thức uống".

Họ sẽ được no đủ

Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời sẽ cho họ no đủ” hoặc “Đức Chúa Trời sẽ làm cho họ được thỏa mãn”.

Những người trong sạch trong lòng

"những người có lòng trong sạch". Từ “lòng” ở đây chỉ về sự khao khát trong con người. Gợi ý dịch: “những người chỉ muốn hầu việc Đức Chúa Trời”.

Họ sẽ thấy

Here "see" means they will be able to live in God's presence. AT: "God will allow them to live with him."

Matthew 5:9

Người hòa giải

Đây là những người giúp người khác hòa thuận với nhau.

Vì họ sẽ được gọi là con Đức Chúa Trời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “vì Chúa sẽ gọi họ là con cái của Ngài” hoặc “họ sẽ là con của Đức Chúa Trời”.

Con Đức Chúa Trời

Tốt nhất nên dịch từ “con” bằng từ thường dùng trong ngôn ngữ của bạn để chỉ về con cái của con người.

Những người bị bắt bớ

Có thể dùng ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “những người bị người khác đối xử bất công”.

Vì sự công chính

"vì họ làm theo điều Chúa muốn"

vương quốc thiên đàng thuộc về họ

Xem cách dịch ở câu 5:3

Matthew 5:11

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu kết thúc phần mô tả đặc điểm của những người được ban phước.

Phước cho những người

Từ “người” ở số nhiều.

Vu cáo cho các ngươi mọi điều gian ác

"nói dối mọi điều gian ác về các ngươi" hoặc "nói những điều xấu xa không đúng sự thật về các ngươi"

Vì ta

"vì các ngươi theo ta" hoặc "vì các ngươi tin ta"

Hãy vui mừng và hớn hở

"Vui mừng" và "hớn hở" hầu như có nghĩa giống nhau. Chúa Giê-xu muốn người nghe không chỉ vui mừng còn hơn thế nữa.

Matthew 5:13

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu bắt đầu giảng dạy các môn đồ phải giống như muối và ánh sáng như thế nào.

Các con là muối của đất

Có thể là 1) giống như muối làm cho món ăn ngon thì môn đồ của Chúa Giê-xu cũng phải ảnh hưởng cho mọi người trong thế gian để họ là những người tốt hoặc 2) như muối giúp bảo quản thức ăn, môn đồ của Chúa Giê-xu cũng phải giữ cho người khác khỏi bị hư hoại hoàn toàn. Gợi ý dịch: “các ngươi giống như muối cho những người trong thế gian” hoặc “như muối được dùng cho thức ăn, các ngươi được dùng cho thế gian”. .

Nếu muối mất mặn

Có thể là 1) “nếu muối mất tác dụng” (UDB) hoặc 2) "nếu muối mất vị".

Làm thế nào cho nó mặn lại được?

"Làm thế nào cho nó có ích trở lại?" Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi để dạy dỗ các môn đồ. Gợi ý dịch: “Không có cách nào để nó có ích trở lại”.

Chỉ để ném bỏ và bị người ta chà đạp dưới chân

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “chỉ để người ta ném ra đường và dẫm lên”.

Các con là ánh sáng của thế gian

Tức là các mồn đồ của Chúa Giê-xu mang sứ điệp chân lí của Đức Chúa Trời cho tất cả những người không biết Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: “Các ngươi giống như ánh sáng cho mọi người trong thế gian”.

Một cái thành xây trên đồi thì không thể bị che khuất được

Ngụ ý rằng mọi người có thể nhìn thấy ánh sáng của thành ấy vào ban đêm. Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Trong đêm, không ai có thể che khuất được ánh sáng của một thành phố ở trên đồi” hoặc “Mọi người đều nhìn thấy ánh sáng của một thành phố ở trên đồi”.

Matthew 5:15

Người ta cũng không thắp đèn

"Người ta không thắp đèn"

Đặt nó dưới cái thùng

"đặt chiếc đèn dưới cái thùng". Ý muốn nói rằng thật ngu xuẩn khi thắp sáng chỉ để che giấu cho mọi người không nhìn thấy được ánh sáng của chiếc đèn.

Ánh sáng của các con hãy chiếu sáng trước mọi người

Nghĩa là môn đồ của Chúa Giê-xu phải sống thế nào để người khác có thể biết được chân lí của Chúa. Gợi ý dịch: “đời sống của các con phải giống như ánh sáng chiếu sáng trước mọi người”.

Cha của các con ở trên trời

Tốt nhất nên dịch từ “Cha” bằng từ thường dùng trong ngôn ngữ của bạn để chỉ về người cha của con người.

Matthew 5:17

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu bắt đầu dạy dỗ về việc Ngài đến để làm trọn luật pháp trong Cựu Ước như thế nào.

Lời tiên tri

Chỉ về những gì các tiên tri viết trong Kinh Thánh.

Thật ta bảo các con

"Ta bảo cho các con biết sự thật". Câu nầy được thêm vào để nhấn mạnh điều Chúa Giê-xu nói sau đó.

Trời và đất qua đi

Gợi ý dịch: "mọi thứ Đức Chúa Trời đã tạo dựng qua đi"

Một chấm hay một nét

“Chữ nhỏ nhất hoặc nét nhỏ nhất của một chữ”. Đây là phép ẩn dụ chỉ về những điều dường như không quan trọng trong Kinh Thánh. Gợi ý dịch: “cả những luật lệ dường như không quan trọng”.

Mọi sự được hoàn tất

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời hoàn thành mọi điều được chép trong luật pháp”.

Matthew 5:19

Bất kì ai vi phạm

"bất kì ai không vâng theo" hoặc "bất kì ai bác bỏ"

Điều nhỏ nhất trong các điều răn nầy

"bất kì điều nào trong các điều răn nầy kể cả điều ít quan trọng nhất"

Sẽ được gọi

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời sẽ gọi người đó” hoặc “Đức Chúa Trời sẽ gọi họ”.

Nhỏ nhất trong vương quốc thiên đàng

Cụm từ “vương quốc thiên đàng” chỉ về việc Đức Chúa Trời làm vua cai trị. Cụm từ nầy chỉ có trong Ma-thi-ơ. Nếu được nên dùng từ “thiên đàng” trong bản dịch. Gợi ý dịch: “người ít quan trọng nhất trong vương quốc thiên đàng của Ngài” hoặc “người ít quan trọng nhất dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời chúng ta trên thiên đàng”.

Giữ lấy và dạy chúng

"vâng giữ tất cả những điều răn nầy và dạy người khác làm như vậy"

Lớn

"quan trọng nhất"

Vì ta bảo các con

Nhấn mạnh cho điều Chúa Giê-xu sẽ nói sau đó.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các con...của các con

Đây là những từ số nhiều.

Rằng trừ khi sự công chính của các con trổi hơn...các con không thể vào

Có thể nói bằng câu khẳng định. Gợi ý dịch: “rằng sự công chính của các con phải trổi hơn...để được vào”.

Matthew 5:21

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ về việc Ngài đến để làm trọn luật pháp trong Cựu Ước như thế nào. Ở đây Ngài bắt đầu nói về việc giết người và giận dữ.

Thông Tin Tổng Quát:

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Từ “các con” trong câu “các con đã nghe” và “ta bảo các con” ở dạng số nhiều. Mệnh lệnh “ngươi chớ giết người” ở dạng số ít, nhưng bạn có thể dịch ở số nhiều.

Lời phán dạy cho người xưa

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Chúa phán với tổ phụ của chúng ta từ xưa”.

Hễ ai giết người thì sẽ bị xét xử

Từ “xét xử” ở đây ý nói quan tòa sẽ kết án tử hình người đó. Gợi ý dịch: “quan tòa sẽ kết án kẻ nào giết người”.

Giết

Từ này chỉ về việc giết người.

Nhưng ta bảo

Từ “ta” được nhấn mạnh, cho thấy điều Chúa Giê-xu nói cũng quan trọng như mạng lệnh ban đầu từ Đức Chúa Trời. Cố gắng dịch cụm từ nầy thể hiện sự nhấn mạnh.

Anh em

Chỉ về người cùng niềm tin, không phải là anh em theo nghĩa đen hay là người hàng xóm.

Sẽ bị xét xử

Có vẻ như ở đây Chúa Giê-xu không chỉ về quan tòa của loài người mà chính Đức Chúa Trời sẽ kết án người giận dữ với anh em mình.

Đồ vô dụng...đồ ngu ngốc

Đây là lời lăng mạ những người không thể suy nghĩ đúng đắn. “Đồ vô dụng” gần nghĩa với từ “đần độn” còn từ “ngu ngốc” có thêm ý nghĩa không vâng lời Đức Chúa Trời.

Hội đồng

Giống như hội đồng địa phương, không phải là hội đồng công luận ở Giê-ru-sa-lem.

Matthew 5:23

Con

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Tất cả những từ “con” và “của con” đều là số ít nhưng ngôn ngữ của bạn có thể yêu cầu phải dịch ở số nhiều.

Dâng lễ vật

"đem lễ vật"

Tại bàn thờ

Ngụ ý là bàn thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: “cho Đức Chúa Trời tại bàn thờ nơi đền thờ”.

Và tại đó mà nhớ

"và khi con đang đứng tại bàn thờ mà nhớ"

Anh em con có điều gì nghịch cùng con

"bất kì người nào tức giận con vì việc con làm"

Trước hết phải được hòa thuận với anh em con

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Trước hết phải làm hòa với người đó”.

Matthew 5:25

Thỏa thuận với

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Tất cả những từ “con” và “của con” đều là số ít nhưng ngôn ngữ của bạn có thể yêu cầu phải dịch ở số nhiều.

Kẻ tố cáo con

Đây là người khiển trách ai đó vì hành động sai trái. Người nầy đem người vi phạm lên tòa án để tố cáo trước quan tòa.

Sẽ nộp con cho quan tòa

Từ “nộp” ở đây có nghĩa là giao một người cho người khác quản lí. Gợi ý dịch: "sẽ để cho quan tòa xử con".

Quan tòa sẽ giao con cho viên chức

Từ “giao” có nghĩa là đưa một người cho người khác quản lí. Gợi ý dịch: “quan tòa sẽ đưa con cho viên chức”.

Viên chức

Là người có thẩm quyền thực hiện quyết định của quan tòa

Con sẽ bị ném vào tù

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “viên chức sẽ bỏ con vào tù”.

Thật ta bảo con

"Ta bảo cho con biết sự thật". Câu nầy để nhấn mạnh điều Chúa Giê-xu nói sau đó.

Khỏi đó

"khỏi tù"

Matthew 5:27

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ về việc Ngài đến để làm trọn luật pháp trong Cựu Ước như thế nào. Ở đây Ngài bắt đầu nói về tội gian dâm và lòng ham muốn.

Thông Tin Tổng Quát:

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Từ “các con” trong câu “các con đã nghe” và “ta bảo các con” ở dạng số nhiều. Mệnh lệnh “ngươi chớ phạm tội gian dâm” chỉ về “ngươi” ở số ít, nhưng bạn có thể dịch ở dạng số nhiều là “các ngươi”.

Có lời dạy

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời phán”.

Phạm

Từ nầy có nghĩa là hành động hay làm điều gì đó.

Nhưng ta bảo

Xem cách dịch ở câu 5:22

Tất cả những ai nhìn phụ nữ mà ham muốn thì trong lòng đã phạm tội gian dâm với người ấy rồi

Ẩn dụ nầy cho thấy người ham muốn một người phụ nữ thì cũng đã phạm tội gian dâm như người thực sự có hành động gian dâm.

Rồi ham muốn người ấy

"mà ham muốn người ấy" hoặc "và muốn ăn nằm với người ấy"

Trong lòng

Từ “lòng” ở đây chỉ về ý nghĩ của một người. Gợi ý dịch: “trong tâm trí” hoặc “trong ý nghĩ”.

Matthew 5:29

Nếu

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Tất cả những từ “con”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

và “của con” ở đây đều là số ít nhưng có thể bạn phải dịch ở dạng số nhiều.

Nếu mắt bên phải khiến con vấp ngã

Từ “mắt” ở đây chỉ về điều người ta nhìn thấy. “Vấp ngã” ẩn dụ cho việc “phạm tội”. Gợi ý dịch: “nếu điều con thấy khiến con vấp ngã” hoặc “nếu vì điều con thấy mà con muốn phạm tội”.

Mắt bên phải...tay phải

Là mắt và tay quan trọng nhất, ngược với mắt và tay bên trái. Có thể bạn cần dịch từ “bên phải” là “tốt nhất”.

Móc nó ra

"Mạnh mẽ loại bỏ nó" hoặc "tiêu trừ nó". Nếu không đề cập cụ thể đến mắt bên phải thì có thể cần dịch là “hủy phá mắt của con”. Nếu không đề cập đến mắt thì có thể cần dịch là “hủy phá chúng”.

Móc nó ra...chặt nó đi

Chúa Giê-xu đang làm cường điệu cách một người cần phản ứng thế nào với tội lỗi của họ để nhấn mạnh rằng Ngài rất nghiêm túc.

Ném nó đi

"từ bỏ nó"

Thà một phần của thân thể bị bỏ đi

"thà con mất một phần của thân thể"

Hơn là cả thân thể bị ném vào địa ngục

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “hơn là để Đức Chúa Trời ném cả thân thể con vào địa ngục”.

Nếu tay phải con khiến

Phép hoán dụ nầy dùng để liên hệ bàn tay với hành động của toàn bộ một con người.

Matthew 5:31

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ về việc Ngài đến để làm trọn luật pháp trong Cựu Ước như thế nào. Ở đây Ngài bắt đầu nói về việc ly dị.

Cũng có lời dạy

Đức Chúa Trời là người “phán dạy”. Chúa Giê-xu dùng dạng bị động ở đây để cho thấy rõ rằng không phải Ngài không đồng ý với Đức Chúa Trời hay lời Đức Chúa Trời, nhưng Ngài nói rằng ly dị chỉ được cho phép với lí do đúng đắng. Ly dị vẫn có thể là điều trái lẽ ngay cả khi người nam đưa ra giấy ly hôn theo mạng lệnh đã truyền. (See:.)

Cho vợ đi

Đây là phép uyển ngữ chỉ về việc ly dị.

Người ấy hãy cho

"người ấy phải cho"

Nhưng ta bảo

Xem cách dịch ở câu 5:22

Khiến người nữ ấy thành người ngoại tình

Chính người nam ly dị người nữ cách không chính đáng là người “khiến người nữ ấy phạm tội ngoại tình”. Trong nhiều nên văn hóa người nữ có thể tái hôn bình thường, nhưng nếu việc ly dị là không chính đáng thì tái hôn là ngoại tình.

Người nữ sau khi người ấy bị ly dị

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “người nữ sau khi chồng đã ly dị người” hoặc “người nữ đã li dị”.

Matthew 5:33

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ về việc Ngài đến để làm trọn luật pháp trong Cựu Ước như thế nào. Ở đây Ngài bắt đầu nói về việc thề nguyền.

Thông Tin Tổng Quát:

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Từ “các con” trong câu “các con đã nghe” và “ta bảo các con” ở dạng số nhiều. Từ “con” trong “con chớ thề” hoặc “con phải làm trọn” ở dạng số ít.

Một lần nữa các con

"Cũng vậy, các con" hoặc "Đây là một ví dụ khác. Các con"

Các con có nghe lời dạy...thề dối

Ở đây Chúa Giê-xu tỏ rõ rằng ngài đồng ý với Đức Chúa Trời và lời Đức Chúa Trời. Nhưng Ngài nói cùng người nghe rằng đừng dùng những thứ không thuộc về họ để cố gắng thuyết phục người khác tin lời họ. Gợi ý dịch: “Các vị lãnh đạo tôn giáo có nói cùng các con rằng Đức Chúa Trời phán... thề dối”.

Chớ thề dối, nhưng phải làm trọn lời thề

Có thể hiểu là 1) đừng thế với Đức Chúa Trời rằng con sẽ làm điều gì đó nhưng sau lại không làm hoặc 2) đừng lấy danh Đức Chúa Trời thể rằng con biết sự thật trong khi con biết điều đó là sai trái.

Nhưng ta bảo

Xem cách dịch ở câu 5:22

Đừng thề gì hết...thành của Vua lớn

Ở đây Chúa Giê-xu muốn nói rằng một người không nên chỉ bất cứ điều gì mà thề. Dường như có những lời giảng dạy rằng sẽ ít gây xúc phạm hơn nếu một người không giữ lời thề không chỉ Đức Chúa Trời mà chỉ những điều khác để thề chẳng hạn như trời, đất hay Giê-ru-sa-lem. Chúa Giê-xu nỏi rằng tất cả đều xúc phạm như nhau vì chúng đều thuộc về Đức Chúa Trời.

Đừng thề gì hết

Nếu ngôn ngữ của bạn có dạng số nhiều cho câu mệnh lệnh thì hãy sử dụng ở đây. “Chớ thề dối” cho người nghe được phép thề nhưng cấm thề dối còn “đừng thề gì hết” cấm mọi lời thề.

Đó là ngai của Đức Chúa Trời

Từ “ngai” ở đây chỉ về sự cai trị của Đức Chúa Trời như một vị vua. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời cai trị từ nơi đó”.

Đó là bệ chân Ngài

Phép ẩn dụ nầy có nghĩa là đất cũng thuộc về Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch “nó giống như bệ chân cho vua đặt chân”.

Vì đó là thành của Vua lớn

"vì đó là thành thuộc về Đức Chúa Trời, là vị vua lớn"

Matthew 5:36

Thông Tin Tổng Quát:

Phía trên Chúa Giê-xu nói với người nghe rằng ngai, bệ chân của Đức Chúa Trời và nơi ở trên đất không thuộc về họ để họ có thể chỉ đó mà thề. Đến đây Ngài nói rằng họ thậm chí cũng không được chỉ đầu của chính mình mà thề.

Của con...con

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Từ “con” trong “con chớ thề” và “con không thể” ở dạng số ít, nhưng có thể bạn phải dịch ở dạng số nhiều.

Thề

Xem cách dịch ở 5:34

Hãy nói “phải, phải” hay “không, không”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“nếu con thấy ‘phải’ thì nói ‘phải’ và nếu con thấy ‘không’ thì nói ‘không’”
Matthew 5:38
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ về việc Ngài đến để làm trọn luật pháp trong Cựu Ước như thế nào. Ở đây Ngài bắt đầu nói về việc trả thù.
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Từ “các con” trong “các con có nghe” và “ta bảo các con” ở dạng số nhiều. Cụm từ “hễ ai vả con” chỉ về “con” ở số ít, nhưng bạn có thể phải dịch ở dạng số nhiều là “các con”.
Các con có nghe lời dạy
Xem cách dịch ở câu 5:33
Mắt đền mắt, răng đền răng
Luật Môi-se cho phép một người làm lại những gì người khác đã hại mình, nhưng không được gây thiệt hại nhiều hơn.
Nhưng ta bảo
Xem cách dịch ở câu 5:22
Kẻ gian ác
"người gian ác" hoặc "kẻ hại con" (UDB)
Vả…má bên phải
Vả vào bên mặt của một người là một việc làm xúc phạm trong văn hóa thời Chúa Giê-xu. Cũng giống với mắt và tay, má phải là bên quan trọng, vả vào má phải là một sự xúc phạm nghiêm trọng.
Vả
"vả" có nghĩa là đánh bằng mặt sau của bàn tay đang mở ra.
Đưa luôn bên kia cho người ấy
"để cho người ấy vả luôn má bên kia"
Matthew 5:40
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Tất cả những từ “con” và “của con” trong các mệnh lệnh “hãy”, “đi”, “cho” và “đừng ngoảnh mặt đi” đều ở dạng số ít, nhưng có thể bạn phải dịch ở dạng số nhiều.
Áo trong…áo ngoài
“Áo trong” được mặt sát vào người giống như một áo sơ mi dày hoặc áo len. “Áo ngoài” có giá trị hơn gấp đôi, được mặc bên ngoài áo trong để giữ ấm, cũng được dùng làm mền để giữ ấm ban đêm.
Hãy để người ấy lấy
"hãy cho người ấy luôn"
Và hễ ai
"Và nếu một người". Ngụ ý đây là một người lính La Mã.
Một dặm
Là một ngàn bước chân, đây là quãng đường hợp pháp mà một người lính La Mã có thể buộc người khác phải mang vác vật gì đó cho mình. Nếu từ “dặm” gây khó hiểu thì có thể dịch là “một km” hoặc “một quãng đường xa”.
Với người ấy
Chỉ về người buộc con phải đi.
Hãy đi với người ấy hai dặm
“Đi một dặm mà người ấy bắt con đi rồi đi thêm một dặm nữa”. Nếu từ “dặm” gây khó hiểu thì có thể dịch là “hai km” hoặc “xa gấp đôi”.
Thì đừng ngoảnh mặt đi
"Thì đừng từ chối cho mượn". Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “thì hãy cho mượn”.
Matthew 5:43
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ về việc Ngài đến để làm trọn luật pháp trong Cựu Ước như thế nào. Ở đây Ngài bắt đầu nói về việc yêu thương kẻ thù.
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Chỉ có câu “ngươi hãy yêu thương…và hãy ghét kẻ thù nghịch ngươi” ở dạng số ít, nhưng có thể bạn phải dịch ở dạng số nhiều. Tất cả những từ “các con” khác cũng với mệnh lệnh “hãy yêu thương”, “hãy cầu nguyện” đều ở dạng số nhiều.
Các con có nghe lời dạy
Xem cách dịch ở câu 5:33
Người láng giềng
Từ “người láng giềng” ở đây chỉ về những người cùng cộng đồng hay dân tộc, người ta thường mong muốn hay đòi hỏi phải đối xử tốt với những người như vậy. Đây không chỉ đơn giản là người sống ở bên cạnh. Bạn có thể phải dịch ở dạng số nhiều.
Nhưng ta bảo
Xem cách dịch ở 5:22
Các con có thể trở nên con của Cha
Tốt nhất nên dịch từ “con” bằng từ thường dùng trong ngôn ngữ của bạn để chỉ về con cái của con người.
Cha
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.
Matthew 5:46
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu kết thúc bài giảng về việc Ngài đến để làm trọn luật pháp trong Cựu Ước như thế nào. Phần này bắt đầu từ câu 5:17.
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Tất cả những từ “các con” hay “của các con” ở đây đều ở dạng số nhiều. Các câu hỏi trong những câu này đều là câu hỏi tu từ.
Chào hỏi
Đây là cụm từ chung thể hiện mong muốn người nghe được khỏe mạnh, bình an.
Cha
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Matthew 5:5
Vì sao những người nhu mì được phước?
Những người nhu mì được phước vì họ sẽ thừa hưởng đất.
Matthew 5:11
Vì sao những người bị nhục mạ và bắt bớ vì danh Chúa Giê-xu lại được phước?
Những người bị nhục mạ và bắt bớ vì danh Chúa Giê-xu được phước vì phần thưởng của họ ở trên trời là rất lớn.
Matthew 5:15
Các Cơ Đốc nhân phải chiếu sáng trước mặt mọi người như thế nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các Cơ Đốc nhân phải chiếu sáng trước mặt mọi người bằng những việc làm tốt đẹp
Matthew 5:17
Chúa Giê-xu đến để làm gì với luật pháp và lời tiên tri của Cựu Ước?
Chúa Giê-xu đến để hoàn tất luật pháp và lời tiên tri của Cựu Ước.
Matthew 5:19
Ai sẽ được coi là lớn trong vương quốc thiên đàng?
Ai vâng giữ những điều răn của Đức Chúa Trời và dạy cho người khác nữa sẽ được coi là lớn trong vương quốc thiên đàng.
Matthew 5:21
Chúa Giê-xu dạy rằng không chỉ những ai giết người mới bị xét xử mà còn những người làm điều gì cũng sẽ bị xét xử?
Chúa Giê-xu dạy rằng không chỉ những ai giết người nhưng cả những ai tức giân anh em mình thì cũng bị xét xử.
Matthew 5:23
Chúa Giê-xu dạy chúng ta phải làm gì khi anh em có điều gì nghịch với mình?
Chúa Giê-xu dạy rằng chúng ta phải đi giải hòa với anh em khi họ có điều gì nghịch với mình.
Matthew 5:25
Chúa Giê-xu dạy chúng ta phải làm gì với kẻ tố cáo mình trước khi đến tòa án?
Chúa Giê-xu dạy rằng chúng ta phải tìm cách thỏa thuận với người tố cáo mình trước khi đến tòa án.
Matthew 5:27
Chúa Giê-xu dạy rằng không phải phạm tội tà dâm mới là sai trái mà còn việc làm gì nữa?
Chúa Giê-xu dạy rằng không chỉ những người phạm tội tà dâm nhưng ai ham muốn một người phụ nữ cũng là sai trái.
Matthew 5:29
Chúa Giê-xu dạy chúng ta phải làm gì với những điều khiến chúng ta phạm tội?
Chúa Giê-xu dạy chúng ta phải từ bỏ tất cả những gì khiến chúng ta phạm tội.
Matthew 5:33
Chúa Giê-xu dạy chúng ta phải làm gì thay vì chỉ trời, chỉ đất, chỉ Giê-ru-sa-lem hay chỉ đầu mình mà thề?
Chúa Giê-xu dạy rằng thay vì chỉ những điều đó mà thề chúng ta chỉ nên nói “Phải, phải” hay “không, không”.
Matthew 5:38
Chúa Giê-xu dạy chúng ta phải làm gì với kẻ làm ác với chúng ta?
Chúa Giê-xu dạy rằng chúng ta đừng chống cự với kẻ làm ác với chúng ta.
Matthew 5:43
Chúa Giê-xu dạy chúng ta phải làm gì với kẻ thù và những kẻ bắt bớ chúng ta?
Chúa Giê-xu dạy chúng ta phải yêu thương và cầu nguyện cho kẻ thù cùng những kẻ bắt bớ chúng ta.
Matthew 5:46
Vì sao Chúa Giê-xu dạy rằng chúng ta không chỉ yêu những người yêu mình mà còn phải yêu kẻ thù của mình?
Chúa Giê-xu phán rằng nếu chúng ta chỉ yêu những người yêu mình thì chúng ta không nhận được phần thưởng vì chúng ta cũng chỉ làm như dân ngoại đã làm.

Chapter 6
Matthew 6:1
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ các môn đồ qua Bài giảng trên núi bắt đầu từ câu 5:3. Trong phần này, Chúa Giê-xu nói về những “việc làm công chính” như bố thí, cầu nguyện và kiêng ăn.
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Tất cả những từ “các con” và “của các con” đều ở dạng số nhiều.
Trước mặt người ta để được họ nhìn thấy
Ngụ ý rằng những người nhìn thấy sẽ khen ngợi người đó. Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “trước mặt người ta để họ có thể thấy các con và khen ngợi việc các con làm”.
Cha
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.
Đừng thổi kèn trước mặt mình
Phép ẩn dụ nầy có nghĩa là làm việc gì đó với chủ đích thu hút sự chú ý của người khác. Gợi ý dịch: “đừng thu hút sự chú ý như người thổi kèn lớn giữa đám đông”.
Thật ta bảo các con
"Ta bảo cho các con biết sự thật". Câu nầy thêm nhấn mạnh cho điều Chúa Giê-xu nói sau đó.
Matthew 6:3
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ các môn đồ về việc bố thí.
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Tất cả những từ “các con” và “của các con” đều ở dạng số nhiều.
Đừng cho tay trái biết tay phải làm gì
Phép ẩn dụ này chỉ về sự kín đáo hoàn toàn. Giống như hai tay thường làm việc chung với nhau và có thể nói cho nhau “biết” chúng đang làm gì vào mọi lúc nhưng các con thậm chí không được để cho người thân nhất biết được khi con đang bố thí cho người nghèo.
Việc bố thí của các con được kín đáo
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “các con phải ban cho người nghèo mà không để cho ai khác biết”.
Sẽ báo đáp cho các con
"sẽ ban thưởng cho các con" (UDB)
Matthew 6:5
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu bắt đầu dạy dỗ về sự cầu nguyện.
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Tất cả những từ “các con” và “của các con” ở câu 5 và 7 đều ở dạng số nhiều, còn ở câu 6 là số ít nhưng bạn có thể dịch chúng theo dạng số nhiều.
Để được người ta nhìn thấy
Ngụ ý rằng những người nhìn thấy sẽ khen ngợi họ. Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “để người ta nhìn thấy họ và khen ngợi họ”.
Thật ta bảo các con
"Ta bảo cho các con biết sự thật". Câu nầy thêm nhấn mạnh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cho điều Chúa Giê-xu nói sau đó.
Vào phòng riêng, đóng cửa lại
"vào nơi kín đáo" hay "vào nơi các con có thể ở một mình"
Cha là Đấng ở nơi kín đáo
Có thể là 1) không ai có thể nhìn thấy Chúa hoặc 2) Đức Chúa Trời ở trong nơi kín đáo đó với người cầu nguyện.
Cha
Đây là danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời
Cha các con là Đấng thấy trong chỗ kín đáo
"Cha các con sẽ nhìn thấy việc con làm nơi kín đáo"
Lời lặp vô ích
"lặp lại những lời sáo rỗng"
Họ sẽ được lắng nghe
This can be stated in active form. AT: "their false gods will hear them."
Nói nhiều
"cầu nguyện dài dòng" hoặc "nhiều lời"
Matthew 6:8
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Ngài nói với họ như một nhóm người ở dạng số nhiều trong câu “các con hãy cầu nguyện như vầy”. Tất cả những từ “của Ngài” sau từ “Cha trên trời” đều ở dạng số ít. (Xem: Forms of You).
Cha
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.
Danh Cha được tôn thánh
Từ “danh” ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: “khiến muôn người biết Ngài là thánh”.
Vương quốc Cha được đến
Từ “vương quốc” ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời làm vua cai trị. Gợi ý dịch: “nguyện Ngài hoàn toàn cai trị trên muôn người muôn vật”.
Ý Cha được nên ở đất như trời
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “nguyện muôn người trên đất vâng phục ý muốn Ngài như muôn người trên trời đã vâng phục”.
Matthew 6:11
Thông Tin Tổng Quát:
Tất cả những từ “chúng con” và “của chúng con” ở đây chỉ về đám đông mà Chúa Giê-xu đang nói.
Bánh mỗi ngày
Từ “bánh” ở đây chỉ về thức ăn nói chung.
Nợ
Nợ là điều một người mắc nợ người khác. Đây là ẩn dụ cho tội lỗi.
Con nợ
Con nợ là người mắc nợ người khác. Đây là ẩn dụ cho tội nhân.
Chớ đưa chúng con vào sự cám dỗ
“Sự cám dỗ” là một danh từ trừu tượng có thể dùng như một động từ. Gợi ý dịch: “đừng để điều gì cám dỗ chúng con” hay “đừng để điều gì khiến chúng con muốn phạm tội”.
Matthew 6:14
Thông Tin Tổng Quát:
Tất cả những từ “các con” và “của các con” ở đây đều ở dạng số nhiều. Tuy nhiên, Chúa Giê-xu đang nói với họ về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân nếu mỗi người không tha thứ cho người khác.
Sự vi phạm
"sai trái" hay "tội lỗi"
Cha
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.
Matthew 6:16
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu bắt đầu dạy dỗ về việc kiêng ăn.
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Tất cả những từ “con” và “của con” ở câu 17 và 18 đều ở dạng số ít nhưng bạn có thể dịch theo dạng số nhiều để phù hợp với từ “các con” trong câu 16.
Hơn nữa
"Cũng vậy"
Họ nhăn nhó
Kẻ đạo đức giả không rửa mặt hay chải tóc để thu hút sự chú ý, người ta sẽ thấy họ và khen ngợi vì việc kiêng ăn của họ.
Thật ta bảo các con
"Ta bảo cho các con biết sự thật". Câu nầy thêm nhấn mạnh cho điều Chúa Giê-xu nói sau đó.
Xức dầu trên đầu
"cho dầu lên tóc" hay "chải tóc". “Xức dầu” lên đầu ở đây chỉ về việc chăm sóc bình thường cho đầu tóc. Từ này không liên quan gì đến “Đấng Christ” có nghĩa là “Đấng được xức dầu”. Chúa Giê-xu muốn nói rằng người ta cần có bộ dạng như nhau cho dù có kiêng ăn hay không.
Cha là Đấng ở nơi kín đáo…Đấng thấy trong nơi kín đáo
Xem cách dịch ở câu 6:6
Cha
Đây là một danh hiệu uy quyền cho Đức Chúa Trời.
Matthew 6:19
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu bắt đầu dạy dỗ về tiền bạc và của cải.
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Những từ “các con” và “của các con” ở dạng số nhiều, ngoài trừ trong câu 21, chúng ở dạng số ít. (Xem: Forms of you).
Của cải
"sự giàu có"
Nơi sâu mối và ten rét tàn phá
"nơi sâu mối và ten rét làm hư hoại của cải"
Sâu mối
Một loại côn trùng nhỏ biết bay phá hại vải
Ten rét
Chất màu nâu đóng trên kim loại
Tích trữ cho mình của cải ở trên trời
Đây là phép ẩn dụ có nghĩa là làm việc lành trên đất để Đức Chúa Trời sẽ ban phước ở trên trời.
Lòng các ngươi cũng sẽ ở đó
Từ “lòng” ở đây nghĩa là suy nghĩ và điều bận tâm của một người.
Matthew 6:22
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Những từ “con” và “của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

con” đều ở dạng số ít, nhưng có thể bạn cần phải dịch chúng ở dạng số nhiều.

Mắt là đèn của thân thể…bóng tối ấy sẽ lớn là dường nào

ở đây so sánh đối mắt khỏe mạnh giúp con người nhìn thấy và đôi mắt bệnh tật khiến một người bị mù. Phép ẩn dụ nầy chỉ về sức khỏe thuộc linh. Thông thương người Do Thái dùng từ “mắc xấu” để chỉ về thói tham lam. Nghĩa là nếu một người hoàn toàn tận hiến cho Chúa và nhìn theo cách của Ngài thì người đó đang làm điều đúng. Còn nếu một người tham sự giàu có của người khác thì người đó đang làm điều gian ác.

Mắt là đèn của thân thể

Phép ẩn dụ nầy có nghĩa là đôi mắt cho người ta nhìn thấy giống như ngọn đèn giúp người ta thấy đường trong bóng tối. Gợi ý dịch: “Giống như một chiếc đèn, mắt cho chúng ta nhìn thấy rõ ràng mọi vật”.

Mắt

Bạn có thể phải dịch ở dạng số nhiều là “đôi mắt”.

Nếu mắt con xấu

Điều này không chỉ về con mắt ma thuật. Người Do Thái thường dùng cụm từ này như một phép ẩn dụ chỉ về những người tham lam.

vì sẽ ghét người nầy mà yêu người kia, hoặc tận tụy cho người nầy mà khinh để người kia

Cả hai vế cơ bản đều có nghĩa như nhau. Chúng nhấn mạnh rằng một người không thể vừa yêu hay tận tụy với Chúa và tiền bạc cùng một lúc.

Các con không thể phục vụ cả Chúa và tiền tài

"Các con không thể yêu Đức Chúa Trời và tiền bạc cùng một lúc"

Matthew 6:25

Ta bảo các con

Thêm nhấn mạy cho điều Chúa Giê-xu nói sau đó.

Các con

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Những từ “các con” và “của các con” ở đây đều ở dạng số nhiều.

Mạng sống không quý trọng hơn thức ăn sao, thân thể không quý trọng hơn quần áo sao?

Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi để dạy dỗ dân chúng. Gợi ý dịch: “rõ ràng mạng sống quý trọng hơn vật các con ăn và thân thể quý trọng hơn đồ các con mặc”.

Kho

Nơi để thu chứa vụ mùa

Cha

Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.

Các con chẳng quý trọng hơn chúng sao?

Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi để dạy dỗ dân chúng. Gợi ý dịch: “Rõ ràng các con quý trọng hơn loài chim”.

Matthew 6:27

Thông Tin Tổng Quát:

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Những từ “các con” và “của các con” ở đây đều ở dạng số nhiều.

Có ai trong các con nhờ lo lắng mà làm cho đời mình dài thêm một khoảnh khắc không?

Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi để dạy dỗ dân chúng. Câu này có nghĩa là không ai có thể sống lâu hơn nhờ lo lắng.

Một khắc

Một “khắc” ít hơn nữa mét một chút. Ở đây nó là một phép ẩn dụ để thêm thời gian cho quãng đời của một người.

Còn tại sao các con lo lắng về quần áo?

Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi để dạy dỗ dân chúng. Gợi ý: “Các con không nên lo lắng phải mặc gì”.

Hãy nghĩ về

"Hãy xem"

Hoa huệ

Một loại hoa dại

Ta bảo các con

Thêm nhấn mạnh cho điều Chúa Giê-xu nói sau đó.

không được mặc đẹp như một trong số chúng

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “không mặc đẹp như những bông hoa huệ nầy”.

Matthew 6:30

Thông Tin Tổng Quát:

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Những từ “các con” và “của các con” ở đây đều ở dạng số nhiều.

Mặc cho hoa cỏ

Phép ẩn dụ nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời làm cho những bông hoa được xinh đẹp.

Hoa cỏ

Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ vừa chỉ về “cỏ” vừa chỉ về loài “hoa huệ” trong câu trước thì bạn có thể sử dụng ở đây.

Bị ném vào lò

Người Do thái dùng cỏ để đốt lửa nấu thức ăn. Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “người ta ném nó vào lò” hoặc “người ta đốt nó”.

Ngài sẽ mặc đẹp hơn cho các con là dường nào…đức tin?

Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi để dạy dỗ dân chúng. Gợi ý dịch: “Ngài chắc chắn sẽ mặc cho các con…đức tin”.

Hỡi những kẻ ít đức tin

"Các con thật ít đức tin". Chúa Giê-xu đang trách mắng vì họ có ít đức tin nơi Đức Chúa Trời.

Vì vậy

"Vì tất cả những điều đó"

Matthew 6:32

Vì tất cả những điều nầy các dân ngoại vẫn tìm kiếm

"vì các dân ngoại vẫn lo lắng họ sẽ ăn gì, uống gì, mặc gì"

Cha các con ở trên trời biết các con cần tất cả những thứ đó

Chúa Giê-xu ngụ ý rằng Đức Chúa Trời sẽ đảm bảo những nhu cầu cơ bản của họ sẽ được đáp ứng.

Cha

Đây là một danh xưng quan trọng của Đức Chúa Trời.

Trước hết, hãy tìm kiếm vương quốc Đức Chúa Trời và sự công chính của Ngài

Từ “vương quốc” ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời làm vua cai trị. Gợi ý dịch: “hãy quan tâm đến việc phục vụ Đức Chúa Trời, là vua của các con và làm điều đúng đắn.”

Mọi điều nầy sẽ được ban cho các con

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời sẽ ban tất cả những điều nầy cho con”.

Vì vậy

"Vì tất cả những điều nầy"

ngày mai sẽ lo cho ngày mai

Chúa Giê-xu đang mô tả “ngày mai” như thể một người biết lo lắng. Chúa Giê-xu muốn nói rằng một người sẽ có đủ điều để lo lắng khi ngày hôm sau đến.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sự nhọc nhằn ngày nào đủ cho ngày ấy
“Mỗi ngày sẽ có đủ điều tồi tệ cho ngày đó” hoặc “mỗi ngày có đủ những vấn đề cho ngày đó”

Translation Questions

Matthew 6:1
Chúng ta phải làm những việc công bình như thế nào để được Cha ban thưởng?
Chúng ta phải làm những việc công bình cách riêng tư.
Matthew 6:5
Phần thưởng của những người giả hình cầu nguyện để được người khác nhìn thấy là gì?
Những người câu nguyện giả hình để được người khác nhìn thấy sẽ nhận phần thưởng từ những người khác.
Matthew 6:8
Vì sao Chúa Giê-xu dạy chúng ta đừng cầu nguyện bằng những lời lặp vô ích?
Chúa Giê-xu dạy chúng ta đừng cầu nguyện bằng những lời lặp vô ích vì Cha biết chúng ta cần gì trước khi chúng ta cầu xin.
Matthew 6:16
Chúng ta phải kiêng ăn như thế nào để nhận được phần thưởng từ Cha?
Chúng ta phải kiêng ăn mà không tỏ vẻ cho mọi người biết thì Cha sẽ thưởng cho chúng ta.
Matthew 6:19
Chúng ta phải tích trữ của báu ở đâu, và tại sao?
Chúng ta phải tích trữ của báu ở trên trời vì sẽ không bị hư hoại hay lấy cắp.
Matthew 6:25
Vì sao chúng ta không nên lo lắng về đồ ăn, thức uống và đồ mặc?
Chúng ta không nên lo lắng về đồ ăn, thức uống và đồ mặc vì đến những con chim còn được Cha chăm sóc còn chúng ta giá trị hơn chúng nhiều.
Matthew 6:27
Chúa Giê-xu nhắc nhỡ rằng chúng ta không thể làm được điều gì bằng sự lo lắng?
Chúa Giê-xu nhắc nhỡ rằng chúng ta không thể nhờ lo lắng mà làm cho đời mình dài thêm một khoảnh khắc.

Chapter 7
Matthew 7:1
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ các môn đồ trong Bài giảng trên núi bắt đầu từ câu 5:3
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Các từ “các con” và những mệnh lệnh đều ở dạng số nhiều.
Đừng xét đoán
Ngụ ý từ “xét đoán” ở đây mang nặng nghĩa là “kết án gay gắt” hoặc “tuyên bố phạm tội”. Gợi ý dịch: “Đừng gay gắt kết án người khác”.
Các con sẽ không bị xét đoán
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời sẽ không kết án con gay gắt”.
Vì
Đảm bảo người đọc hiểu được lời khẳng định ở câu 7:2 dựa vào điều Chúa Giê-xu đã nói ở câu 7:1.
Các con xét đoán người ta thể nào thì các con cũng sẽ bị xét đoán thể ấy
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời sẽ kết án các con như cách các con kết án người khác”.
Mực
Có thể là 1) mức độ sự trừng phạt được đưa ra hoặc 2) chuẩn mực để phán xét.
Sẽ lường cho các con mực ấy
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời sẽ lường cho con mức ấy”.
Matthew 7:3
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Từ “con” và “của con” đều ở dạng số ít nhưng ban có thể dịch ở dạng số nhiều.
Sao con nhìn…sao con có thể nói
Chúa Giê-xu dùng cả hai câu hỏi này để dạy dỗ và thách thức dân chúng. Ngài muốn họ chú ý vào chính tội lỗi của họ trước khi chú ý đến tội lỗi của người khác.
Cọng rơm nhỏ
"đốm nhỏ"
Anh em
Chỉ về những người cùng niềm tin, không phải là anh em theo nghĩa đen hay người hàng xóm.
Khúc gỗ
Phần lớn nhất của cây đã được chặt ra, là một miếng gỗ rất to không thể lọt vào mắt của con người theo nghĩa đen. Đây là phép ẩn dụ chỉ về sai lầm nghiêm trọng nhất của một người.
Matthew 7:6
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Các từ “các con” và “của các con” đều ở dạng số nhiều.
Chó…heo
Người Do Thái xem những con vật nầy là dơ dáy và Đức Chúa Trời không cho phép họ ăn. Chúng là phép ẩn dụ chỉ về người gian ác không xứng với vật thánh. Tốt nhất nên dịch những từ này theo nghĩa đen.
Ngọc
Tương tự như những loại đá hay hạt tròn có giá trị. Chúng là phép ẩn dụ cho những hiểu biết về Đức Chúa Trời hoặc những thứ quý giá nói chung.
Chúng sẽ giẫm đạp
"những con heo sẽ giẫm đạp"
Và quay sang cắn xé
"và những con chó sẽ quay sang cắn xé"
Matthew 7:7
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Các từ “các con” và “của các con” đều ở dạng số nhiều.
Xin…tìm…gõ
Đây là những phép ẩn dụ chỉ về việc cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Dạng động từ cho thấy chúng ta phải cứ cầu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nguyện cho đến khi Ngài trả lời. Nếu ngôn ngữ của bạn có dạng từ chỉ về trạng thái liên tục làm việc gì đó lặp đi lặp lại thì có thể sử dụng ở đây.

Xin

Nghĩa là cầu xin Đức Chúa Trời. (UDB)

Sẽ được ban cho

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ ban cho điều các con cần".

Tìm

"Tìm kiếm điều các con cần từ Đức Chúa Trời"

Gõ

Gõ cửa là cách lịch sự để yêu cầu người trong nhà hay trong phòng mở cửa. Nếu trong văn hóa của bạn, gõ cửa là bất lịch sự thì hãy dùng từ mô tả cách người ta lịch sự yêu cầu mở cửa. Gợi ý dịch: “Hãy nói với Đức Chúa Trời rằng các con muốn Ngài mở cửa”.

Thì sẽ được mở cho các con

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời sẽ mở cho các con”.

Hay người nào trong các con…đá?

Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi để dạy dỗ dân chúng. Gợi ý dịch: “Không ai trong các con…đá”.

Một ổ bánh

Chỉ về thức ăn nói chung. Gợi ý dịch: "ít thức ăn".

Đá…cá…rắn

Những danh từ nầy cần được dịch theo nghĩa đen.

Hay là xin cá mà cho rắn chăn?

Chúa Giê-xu đưa ra một câu hỏi khác để dạy dỗ dân chúng. Cần hiểu rằng Chúa Giê-xu vẫn đang nói về một người cha và con trai. Gợi ý dịch: “Và không có ai trong các con khi con mình xin cá mà lại cho rắn”.

Matthew 7:11

Thông Tin Tổng Quát:

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người về những điều sẽ xảy ra cho họ theo từng cá nhân. Các từ “các con” và “của các con” ở dạng số nhiều.

Cha các con ở trên trời sẽ ban cho…tốt hơn là dường nào?

Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi để dạy dỗ dân chúng. Gợi ý: “thì Cha các con ở trên trời chắc chắn sẽ ban cho…điều tốt nhất”.

Cha

Đây là một danh xưng quan trọng của Đức Chúa Trời.

Bất cứ điều gì các con muốn người ta làm cho mình

"Bất cứ điều gì các con muốn người ta làm hướng về mình" (UDB)

Vì đây là luật pháp và lời tiên tri

Từ “luật pháp” và “lời tiên tri” ở đây chỉ về điều Môi-se và các nhà tiên tri đã viết. Gợi ý dịch: “Vì đây là điều Môi-se và các tiên tri dạy dỗ trong Kinh Thánh”.

Matthew 7:13

Thông Tin Tổng Quát:

Khi dịch cần dùng từ hợp lí nhất cho từ “lớn” và “rộng” khác với “hẹp” để nhấn mạnh sự khác biệt giữa hai loại cửa và đường đi này.

Hãy vào qua cửa hẹp…ít người tìm thấy

Đây là hình ảnh của một người đi trên đường bước vào một vương quốc qua một cánh cửa. Một vương quốc dễ vào còn vương quốc kia thì khó vào. Đây là phép ẩn dụ cho thấy một người phải chấp nhận cuộc sống khó khăn hơn, vâng theo Đức Chúa Trời để nhận được sự sống đời đời. Nếu chọn cuộc sống dễ dàng hơn, không vâng phục Đức Chúa Trời thì sẽ phải vào địa ngục.

Hãy vào qua cửa hẹp

Có thể chuyển vế này xuống cuối câu 14: “vì vậy, hãy vào cửa hẹp”.

Cửa …đường

Có thể là 1) cửa để bước vào một vương quốc và đường đi dẫn đến cửa. Nếu như vậy, bạn có thể đảo ngược trật tự của chúng như trong bản Kinh Thánh UDB. Hoặc 2) từ “cửa” và “đường” là phép thế đối, cả hai đều chỉ về lối vào vương quốc. Nếu như vậy thì bạn không cần phải thay đổi trật tự của chúng (Xem: Hendiadys)

Đến sự hủy diệt…đến sự sống

Những danh từ trừu tượng này có thể dịch thành động từ. Gợi ý dịch: “đến nơi các con sẽ chết…đến nơi các con sẽ sống”.

Matthew 7:15

Coi chừng

"đề phòng"

là những kẻ đội lốt chiên mà thật sự là lũ sói háu đói

phép ẩn dụ nầy chỉ về những tiên tri giả ra vẻ là người tốt và muốn giúp đỡ các con nhưng thật ra lại rất gian ác và sẽ làm hại các con.

Các con sẽ nhận biết họ nhờ bông trái của họ

Phép ẩn dụ này chỉ về những hành động của một người. Gợi ý dịch: “cũng như các con nhìn trái mà biết cây thì các con sẽ nhận biết một tiên tri giả bởi việc làm của họ”.

Người ta có hái…bụt tật lê?

Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi để dạy dỗ dân chúng. Họ biết rằng câu trả lời là không. Gợi ý dịch: “Người ta không…bụi tật lê”.

Mọi cây tốt đều sinh trái tốt

Chúa Giê-xu tiếp tục dùng ẩn dụ về trái cây để chỉ về những tiên tri tốt sinh ra những việc làm hay lời nói tốt lành.

Cây hư sinh ra trái xấu

Chúa Giê-xu tiếp tục sử dụng ẩn dụ về trái cây để chỉ về những tiên tri xấu sinh ra việc làm gian ác.

Matthew 7:18

Mọi cây không sinh ra trái tốt đều bị đốn và ném vào lửa

Chúa Giê-xu tiếp tục dùng những cây ăn trái làm ẩn dụ chỉ về các tiên tri giả. Ở đây, Ngài chỉ nói về điều xảy ra cho cây xấu, ngụ ý rằng điều tương tự cũng sẽ xảy ra cho những tiên tri giả.

Bị đốn và ném vào lửa

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “người ta sẽ đốn và đốt nó”.

Nhờ trái mà các con sẽ nhận biết được chúng

Từ “chúng” chỉ về các tiên tri hoặc cây trái. Ẩn dụ nầy ngụ ý rằng trái của cây và việc làm của tiên tri đều cho thấy được họ tốt hay xấu. Nếu có thể hãy dịch theo cách chỉ về cả hai.

Matthew 7:21

Sẽ vào vương quốc thiên đàng

Từ “vương quốc” ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời làm vua cai trị. Cụm từ “vương quốc thiên đàng” chỉ được dùng trong sách Ma-thi-ơ. Nếu có thể hãy giữ lại từ “thiên đàng” trong bản dịch. Gợi ý dịch: “sẽ ở với Chúa trong thiên đàng khi Ngài hiện đến làm vua”.

Người nào làm theo ý muốn của Cha ta

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"người nào làm điều Cha ta mong muốn"

Cha

Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.

Trong ngày đó

Khi Chúa Giê-xu “ngày đó”, Ngài biết những người nghe hiểu rằng Ngài đang chỉ về ngày phán xét. Mặt khác nếu đọc giả của bạn không hiểu được thì bạn nên dịch là “ngày phán xét”.

Chúng con chẳng phải đã nói tiên tri…đuổi quỷ…làm nhiều việc quyền năng sao?

Người ta dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ đã làm những việc đó. Gợi ý dịch: “chúng con đã nói tiên tri…đuổi quỷ…làm nhiều việc quyền năng”.

Chúng con

Từ “chúng con” không bao hàm Chúa Giê-xu.

Trong danh Ngài

Từ “danh” ở đây có nghĩa là với quyền năng và thẩm quyền của Chúa Giê-xu.

Việc quyền năng

"phép lạ"

Ta chẳng biết các ngươi bao giờ

Nghĩa là người đó không thuộc về Chúa Giê-xu. Gợi ý dịch: “Các ngươi không phải là môn đồ ta” hoặc “ta không có liên hệ gì với các người”.

Matthew 7:24

Vì vậy

"Vì lí do đó"

Lời ta

“Lời” chỉ về lời Chúa Giê-xu phán.

Giống như một người khôn ngoan xây nhà mình trên đá

Chúa Giê-xu so sánh người vâng lời Ngài với một người xây nhà ở chỗ không gì có thể gây hại được.

Đá

Đây là nền đá nằm bên dưới lớp đất mặt và đất sét chứ không phải một hòn đá lớn hay tảng đá ở trên mặt đất.

Nó được xây

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “người ấy xây nó”.

Matthew 7:26

Lời Dẫn :

Kết thúc phần Bài giảng trên núi của Chúa Giê-xu được bắt đầu từ 5:3.

Như người dại dột xây nhà mình trên cát

Chúa Giê-xu tiếp tục so sánh như câu trước. Ngài so sánh người không vâng lời Ngài như người dại dột xây nhà trên cát. Chỉ có kẻ ngu ngốc mới xây nhà trên đất cát là nơi mưa, lụt và gió có thể thổi bay chúng đi.

Sập

Dùng từ nói chung trong ngôn ngữ của bạn mô tả hiện tượng khi một ngôi nhà bị sập xuống.

Hư hoại hoàn toàn

Mưa, lụt và gió tàn phá ngôi nhà hoàn toàn.

Matthew 7:28

Thông Tin Tổng Quát:

Những câu này mô tả phản ứng của đám đông trước sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu trong Bài giảng trên núi. (See: [[End of Story]])

Khi

Cụm từ này đánh dấu phần kết thúc cho Bài giảng trên núi. Gợi ý dịch: "Sau".

Kinh ngạc bởi sự dạy dỗ của Ngài

Rõ ràng trong câu 7:29 họ không chỉ kinh ngạc về điều Chúa Giê-xu dạy mà còn về cách dạy dỗ của Ngài. Gợi ý dịch: “kinh ngạc vì cách Ngài dạy dỗ”.

Translation Questions

Matthew 7:1

Chúng ta phải làm gì trước hết để có thể nhìn thấy rõ và giúp đỡ anh em mình?

Chúng ta phải tự xét lấy mình và lấy cây đà ra khỏi mắt mình trước khi có thể giúp anh em mình.

Matthew 7:6

Điều gì sẽ xảy ra nếu bạn đem những vật thánh cho chó?

Nếu bạn cho chó những vật thánh thì chúng sẽ chà đạp dưới chân và quay sang cắn xét bạn.

Matthew 7:11

Cha ban cho những người cầu xin Cha điều gì?

Cha ban những vật tốt cho những người cầu xin Ngài.

Matthew 7:13

Đường rộng dẫn đến đâu?

Đường rộng dẫn đến sự hủy diệt.

Matthew 7:15

Làm thế nào chúng ta có thể nhận biết các tiên tri giả?

Chúng ta có thể nhận biết các tiên tri giả qua bông trái của đời sống họ.

Matthew 7:21

Ai sẽ được vào vương quốc thiên đàng?

Những ai làm theo ý muốn của Cha sẽ được vào vương quốc thiên đàng.

Matthew 7:24

Người nào giống như người khôn ngoan trong ẩn dụ về hai ngôi nhà của Chúa Giê-xu?

Người nghe lời Chúa Giê-xu và làm theo những lời đó thì giống như người khôn ngoan.

Matthew 7:26

Người nào giống như người dại dột trong ẩn dụ về hai ngôi nhà của Chúa Giê-xu?

Người nghe lời Chúa Giê-xu nhưng không làm theo thì giống như người dài dột.

Chapter 8

Matthew 8:1

Thông Tin Tổng Quát:

Bắt đầu một phần mới của câu chuyện bao gồm một số phép lạ Chúa Giê-xu chữa lành cho dân chúng. Chủ đề này tiếp tục cho đến câu 9:35.

Khi Chúa Giê-xu từ đồi đi xuống, đoán người rất đông đi theo Ngài.

"Sau khi Chúa Giê-xu từ đồi đi xuống, đoán người rất đông đi theo Ngài". Đoàn người có thể gồm cả những người đã ở với Ngài trên núi và những người mới.

Kìa

Từ “kìa” báo hiệu cho chúng ta biết có một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để thể

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hiện điều này.

Một người phung

"một người bị bệnh phung" hoặc "một người bị bệnh ngoài da" (UDB)

Quỳ trước Ngài

Đây là dấu hiệu bày tỏ sự khiêm nhường và tôn trọng trước Chúa Giê-xu.

Nếu Ngài sẵn lòng

"Nếu Ngài muốn" hoặc "nếu Ngài mong muốn". Người phung biết rằng Chúa Giê-xu có quyền năng để chữa lành cho ông, nhưng ông không biết liệu Chúa Giê-xu có muốn chạm vào ông không.

Ngài có thể khiến con được sạch

Từ “sạch” ở đây có nghĩa là được chữa lành và có thể sinh hoạt với cộng đồng trở lại. Gợi ý dịch: “Ngài có thể chữa lành cho con” hoặc “xin chữa lành cho con”

Lập tức

"Tức thì"

Ông được sạch bệnh phung

Kết quả khi Chúa Giê-xu phán “hãy sạch đi” là người đó được chữa lành. Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “ông được khỏe mạnh” hoặc “bệnh phung lìa khỏi ông” hoặc “hết bệnh phung”.

Matthew 8:4

Với ông

chỉ về người Chúa Giê-xu vừa chữa lành.

Đừng nói gì với ai

"đừng nói bất kì điều gì với bất cứ ai" hoặc "đừng nói cho ai biết ta đã chữa lành cho người"

Tỏ mình với thấy tế lễ

Luật Do Thái yêu cầu người đó phải cho thầy tế lễ thấy da của mình đã được lành, sau đó thầy tế lễ sẽ cho phép người đó được hòa nhập với những người khác.

Dâng lễ vật như Môi-se đã dạy như một lời chứng cho

Luật pháp Môi-se yêu cầu người được lành bệnh phung phải dâng của lễ tạ ơn cho thầy tế lễ. Khi thầy tế lễ chấp nhận thì người ta sẽ biết rằng người đó đã được lành.

Cho họ

Có thể là 1) các thầy tế lễ hoặc 2) tất cả mọi người hoặc 3) những người chỉ trích Chúa Giê-xu. Nếu có thể hãy dùng một đại từ có thể chỉ về bất kì nhóm người nào nói trên.

Matthew 8:5

Lời Dẫn :

Ở đây câu chuyện chuyển sang thời gian và địa điểm khác kể về việc Chúa Giê-xu chữa lành cho một người khác.

Đến và cầu xin Ngài

Từ “Ngài” ở đây chỉ về Chúa Giê-xu.

Bại

"bị bệnh không thể di chuyển được"

Chúa Giê-xu phán với ông

"Chúa Giê-xu phán với viên đội trưởng"

Ta sẽ đến, chữa lành cho nó

"Ta sẽ đến nhà ngươi và làm cho đầy tớ ngươi được khỏe mạnh"

Matthew 8:8

Ngài vào dưới mái nhà của tôi

Cụm từ “dưới mái nhà của tôi” có nghĩa là “nhà tôi”.

Phán một lời

Từ “lời” ở đây có nghĩa là ra lệnh. Gợi ý dịch: "ban lệnh".

Sẽ được lành

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “sẽ trở nên mạnh khỏe”.

Đặt dưới quyền

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "dưới quyền của người khác”.

Dưới quyền…dưới tôi

Ở “dưới” có nghĩa là ít quyền thế hơn, phải vâng theo mệnh lệnh của người có quyền thế hơn.

Quân lính

"những chiến sĩ chuyện nghiệp"

Thật ta bảo các ngươi

"Ta bảo cho các con biết sự thật". Câu nầy thêm nhấn mạnh cho điều Chúa Giê-xu nói sau đó

Ta chưa thấy ai có đức tin như vậy trong Y-sơ-ra-ên

Nhưng người nghe Chúa Giê-xu nghĩ rằng người Do Thái ở Y-sơ-ra-ên xưng là con của Đức Chúa Trời thì phải có đức tin lớn hơn bất kì người nào khác. Nhưng Chúa Giê-xu nói rằng đám đông đã sai, đức tin của viên đội trưởng còn lớn hơn.

Matthew 8:11

Các ngươi

Từ “các ngươi” ở đây ở dạng số nhiều chỉ về “những người đi theo Ngài” ở câu 8:10.

Từ phương đông và phương tây

Dùng nhưng từ đối lập “đông” và “tây” là cách để nói “tất cả mọi nơi”. Gợi ý dịch: "từ mọi nơi" hoặc "từ những nơi xa xôi ở mọi hướng".

Tựa vào bàn

Theo văn hóa ở đây người ta nằm bên bàn trong lúc ăn. Đây là cụm từ cho thấy tất cả những người ở tại bàn là người nhà và bạn bè thân thiết. Gợi ý dịch: “sống như người nhà và bạn bè”.

Trong vương quốc thiên đàng

Từ “vương quốc” ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời làm vua cai trị. Cụm từ “vương quốc thiên đàng” chỉ được dùng trong sách Ma-thi-ơ. Nếu có thể hãy giữ lại từ “thiên đàng” trong bản dịch. Gợi ý dịch: “khi Ngài hiện đến làm vua”.

Các con của vương quốc sẽ bị ném

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ ném các con của vương quốc".

Con của vương quốc

Cụm từ “con của” chỉ về những người thuộc về điều gì đó, trong trường hợp này là thuộc về vương quốc của Đức Chúa Trời. Có một sự châm biếm ở đây vì “con” sẽ bị ném đi trong khi người lạ sẽ được chào đón. Gợi ý dịch: “những người lẽ ra phải để cho Đức Chúa Trời cai trị họ”.

Chỗ tối tăm bên ngoài

Cụm từ này chỉ về số phận đời đời của những kẻ từ khước Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: “nơi tăm tối xa cách Đức Chúa Trời” hoặc “địa ngục” (UDB).

Thì sẽ được thể ấy

Có thể nói ở thể chủ động. AT: "thì ta sẽ làm thành việc ấy cho ngươi".

Người đầy tớ được chữa lành

Có thể nói ở thể chủ động. AT: "Chúa Giê-xu chữa lành cho người đầy tớ".

Ngay giờ đó

"Chính xác lúc Chúa Giê-xu nói Ngài sẽ chữa lành cho người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đầy tớ".
Matthew 8:14
Lời Dẫn :
Ở đây câu chuyện chuyển sang thời gian và địa điểm khác, kể về việc Chúa Giê-xu chữa lành cho một người khác.
Chúa Giê-xu đến
Các môn đồ có thể cũng đi cùng Chúa Giê-xu nhưng trọng tâm của câu chuyện là lời nói và việc làm của Ngài, vì vậy chỉ cần giới thiệu về các môn đồ khi cần tránh hiểu sai nghĩa.
Bà gia của Phi-e-rơ
"mẹ vợ của Phi-e-rơ"
Cơn sốt lìa khỏi bà
Nếu ngôn ngữ của bạn hiểu phép ẩn dụ này có nghĩa là cơn số có thể suy nghĩ và tự hành động được thì bạn có thể dịch là “bà khỏe lại” hoặc “Chúa Giê-xu chữa lành cho bà”.
Đứng dậy
"ra khỏi giường"
Matthew 8:16
Lời Dẫn :
Ở đây câu chuyện chuyển sang cảnh tối hôm đó, kể về việc Chúa Giê-xu tiếp tục chữa lành cho nhiều người và đuổi quỷ.
Thông Tin Tổng Quát:
Trong câu 17, tác giả trích dẫn lời tiên tri Ê-sai để cho thấy chức vụ chữa lành của Chúa Giê-xu làm ứng nghiệm lời tiên tri.
Đến tối
Có thể ngụ ý là sau ngày sa-bát vì người Do Thái không làm việc hay đi lại vào ngày Sa-bát. Họ đợi cho đến tối để đem người ta đến gặp Chúa Giê-xu. Bạn không cần phải nhắc đến ngày Sa-bát trừ khi cần tránh hiểu sai nghĩa.
Nhiều người bị quỷ ám
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "nhiều người bị quỷ kiểm soát"
Ngài dùng lời phán đuổi quỷ ra
Từ “lời phán” ở đây có nghĩa là mệnh lệnh. Gợi ý dịch: “Ngài ra lệnh cho quỷ phải xuất ra”.
Được ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai
Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Chúa Giê-xu làm ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai đã báo trước cho dân Y-sơ-ra-ên”.
Cất đi sự đau ốm của chúng ta và mang lấy bệnh tật của chúng ta
Ma-thi-ơ trích dẫn lời của tiên tri Ê-sai. Hai vế này cơ bản có cùng ý nghĩa và muốn nhấn mạnh rằng Ngài chữa lành mọi bệnh tật của chúng ta. Gợi ý dịch: “chữa lành những kẻ đau ốm và khiến họ được khỏe mạnh”.
Matthew 8:18
Lời Dẫn :
Ở đây câu chuyện chuyển cảnh thuật lại phản ứng của Chúa Giê-xu khi có một số người muốn đi theo Ngài.
Bấy giờ
Từ này dùng để đánh dấu một đoạn ngắt trong mạch truyện chính. Ở đây Ma-thi-ơ bắt đầu kể một phần mới của câu chuyện.
Ngài truyền lệnh
"Ngài bảo các môn đồ"
Sau đó
Nghĩa là sau khi Chúa Giê-xu “truyền lệnh” và trước khi ngài vào thuyền.
Hễ nơi nào
"bất cứ nơi nào"
Con cáo có hang, chim trời có tổ
Câu này có nghĩa là những động vật hoang dã còn có chỗ nghỉ ngơi.
Con cáo
Cáo là loài vật giống với chó. Chúng ăn những con chim làm tổ và các loài vật nhỏ khác. Nếu khu vực của bạn không biết loài cáo thì có thể dùng một thuật ngữ chung chỉ về loài vật nào giống với loài chó hoặc các động vật lông thú.
Hang
Cáo làm hang trên đất để trú ngụ. Hãy dùng từ phù hợp để chỉ về nơi ở của loài vật bạn dịch thay cho “con cáo”.
Con Người
Chúa Giê-xu đang nói về chính Ngài.
Không có chỗ để gối đầu
Chỉ về chỗ ngủ. Gợi ý dịch "không có chỗ riêng để ngủ".
Matthew 8:21
xin cho phép con về chôn cất cha con trước đã
Không rõ cha của người này đã chết và anh ta sẽ chôn liền hay anh ta muốn ở lại cho đến khi cha qua đời rồi chôn ông. Trọng tâm ở đây là người này muốn làm một việc khác trước khi theo Chúa Giê-xu.
để kẻ chết chôn kẻ chết của họ
Chúa Giê-xu không nói theo nghĩa đen, tức là người chết này chôn người chết kia. Từ “người chết” có thể là 1) một phép ẩn dụ chỉ về những người sắp chết hoặc 2) một phép ẩn dụ chỉ về những người không đi theo Chúa Giê-xu, chết về thuộc linh. Trọng tâm ở đây là một môn đồ không được để bất kì điều gì làm trì hoãn việc đi theo Chúa Giê-xu.
Matthew 8:23
Lời Dẫn :
Ở đây câu chuyện chuyển cảnh, thuật lại việc Chúa Giê-xu làm yên cơn bão khi Ngài và các môn đồ vượt qua Biển Ga-li-lê.
Vào thuyền
"xuống thuyền"
Các môn đồ đi theo Ngài
Dùng theo từ “môn đồ” và “đi theo” mà bạn đã dịch ở câu 8:21-22.
Kìa
Đánh dấu bắt đầu một sự kiện khác trong mạch truyện lớn. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để biểu đạt ý này. Gợi ý dịch: “thình lình” (UDB) hoặc “đột nhiên”.
một cơn bão lớn nổi lên trên biển
Hoặc: "một cơn bão dữ dội nổi lên trên biển"
Đến nỗi thuyền bị sóng phủ đầu
Có thể nói ở thể chủ động. AT: "Đến nỗi sóng phủ cả thuyền".
Đánh thức Ngài và nói rằng “xin cứu chúng con”
Có thể là 1) họ đánh thức Chúa Giê-xu dậy trước rồi nói “xin cứu chúng con” hoặc 2) trong khi đánh thức Chúa Giê-xu dậy họ nói rằng “xin cứu chúng con”.
Chúng ta
Nếu bạn cần phải dịch từ này là chúng tôi hoặc chúng ta thì cách dịch tốt nhất là chúng ta. Các môn đồ có lẽ muốn Chúa Giê-xu cứu họ và chính Ngài khỏi chết chìm.
Chúng ta sắp chết rồi
"chúng ta sẽ chết mất"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Matthew 8:26

Với họ

"với các môn đồ"

Sao các con sợ...đức tin?

Chúa Giê-xu quở trách các môn đồ bằng câu hỏi tu từ. Gợi ý dịch: “Các con không nên sợ hãi...đức tin” hoặc “Các con không có gì phải sợ...đức tin”.

Hỡi kẻ ít đức tin

Xem cách dịch ở câu 6:30

Người nầy là ai mà ngay cả gió và biển đều vâng lệnh người?

"Ngay cả gió và biển đều vâng lệnh người! Người nầy là ai?”

Đây là câu hỏi tu từ cho thấy các môn đồ rất ngạc nhiên. Gợi ý dịch: “Người này không giống với bất kì ai chúng ta từng thấy! Cả đến gió và biển đều vâng lệnh người!”.

Ngay cả gió và biển đều vâng lệnh người

Người hay động vật biết vâng lời hay không vâng lời là điều bình thường nhưng gió và nước vâng lời là điều hết sức ngạc nhiên. Phép nhân hóa này mô tả các hiện tượng tự nhiên có thể nghe được và biết đáp ứng như con người.

Matthew 8:28

Lời Dẫn :

Ở đây tác giả trở lại với chủ đề Chúa Giê-xu chữa lành cho dân chúng. Phần này mở đầu cho câu chuyện Chúa Giê-xu chữa lành cho hai người bị quỷ ám.

Sang bờ bên kia

"sang bờ bên kia của Biển Ga-li-lê"

Địa phận dân Ga-đa-ra

Tên của dân Ga-đa-ra được đặt cho xứ Ga-đa-ra.

Chúng...rất hung dữ đến nỗi không ai có thể đi qua đường đó

Những con quỷ ám hai người này rất dữ tợn đến nỗi không một ai có thể đi qua khu vực đó.

Kìa

Đánh dấu một sự kiện khác trong mạch truyện lớn bắt đầu, có thể bao gồm nhiều nhân vật khác so với sự kiện trước. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để biểu thị điều này.

Hỡi Con Đức Chúa Trời, chúng tôi có liên can gì với Ngài?

Câu hỏi tu từ thứ nhất nầy mang nghĩa chống đối.

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu uy quyền của Chúa Giê-xu, thể hiện mối liên hệ giữa Ngài và Đức Chúa Trời.

Có phải Ngài đến đây để làm khổ chúng tôi trước hạn định không?

Câu hỏi tu từ thứ hai nầy cũng mang nghĩa chống đối, ý nói rằng “Ngài không nên làm trái lời Đức Chúa Trời mà trừng phạt chúng tôi trước thời hạn Đức Chúa Trời đã định sẽ phạt chúng tôi”.

Matthew 8:30

Bấy giờ

Từ này cho thấy tác giả sẽ cho người đọc thông tin cần biết trước khi có thể tiếp tục câu chuyện. Đàn heo đã ở đó trước khi Chúa Giê-xu đến.

Nếu Ngài đuổi chúng tôi ra

Hoặc: "Vì Ngài sắp đuổi chúng tôi ra"

Chúng tôi

Mang nghĩa loại trừ, chỉ bao gồm các quỷ.

Chúng

Các quỷ ở trong người đó

Các quỷ ra khỏi và nhập vào đàn heo

Hoặc: "Các quỷ rời khỏi người đó và nhập vào đàn heo"

Kìa

Từ “kìa” ở đây báo hiệu cho chúng ta chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.

Lao xuống triền dốc

Hoặc: "chạy thật nhanh xuống triền dốc"

Chết dưới nước

Hoặc: "chúng rớt xuống nước và chết chìm"

Matthew 8:33

Lời Dẫn :

Phần này kết lại câu chuyện Chúa Giê-xu chữa lành cho hai người bị quỷ ám.

Chăn heo

"chăm sóc đàn heo"

Việc xảy ra cho những người bị quỷ ám

Hoặc: "việc Chúa Giê-xu đã làm để giúp đỡ những người bị quỷ ám"

Kìa

Đánh dấu một sự kiện khác trong mạch truyện lớn bắt đầu, có thể bao gồm nhiều nhân vật khác so với sự kiện trước. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để biểu thị điều này.

Cả thành

Nghĩa là rất hiều hay hầu hết dân thành, không nhất thiết là tất cả mọi người.

Xứ

Hoặc: "thành và vùng lân cận"

Translation Questions

Matthew 8:4

Vì sao Chúa Giê-xu bảo người phung được lành đến gặp thầy tế lễ và dâng lễ vật theo luật Môi-se?

Chúa Giê-xu bảo người phung được lành đến gặp các thấy tế lễ để làm chứng cho họ.

Matthew 8:8

Vì sao viên đội trưởng nói rằng Chúa Giê-xu không cần phải đến nhà ông?

Viên đội trưởng nói rằng ông không xứng đáng để Chúa Giê-xu vào nhà, và Ngài chỉ cần phán một lời để chữa lành cho người đầy tớ.

Matthew 8:11

Chúa Giê-xu phán ai sẽ là người đến và ngồi vào bàn trong vương quốc thiên đàng?

Chúa Giê-xu phán rằng nhiều người sẽ đến từ phương đông, phương tây và ngồi vào bàn trong vương quốc thiên đàng.

Matthew 8:14

Chúa Giê-xu chữa lành cho ai khi vào nhà của Phi-e-rơ?

Chúa Giê-xu chữa lành cho mẹ vợ của Phi-e-rơ khi Ngài vào nhà ông.

Matthew 8:21

Khi một môn đồ xin về chôn cha trước khi đi theo Chúa Giê-xu thì Ngài đã phán gì?

Chúa Giê-xu bảo môn đồ đó hãy theo Ngài và để cho người chết chôn người chết của họ.

Matthew 8:26

Khi các môn đồ gọi Chúa Giê-xu dậy vì họ sợ phải chết thì Chúa Giê-xu đã phán gì với họ?

Chúa Giê-xu phán với các môn đồ rằng “Hỡi những người ít

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đức tin, sao các con sợ?”
Matthew 8:28
Người nào đã gặp Chúa Giê-xu khi Ngài vào địa phận Ga-đa-ra?
Chúa Giê-xu gặp hai người bị quỷ ám, họ rất dữ tợn.

Chapter 9
Matthew 9:1
Lời Dẫn :
Tác giả quay lại chủ đề Chúa Giê-xu chữa lành cho dân chúng bắt đầu từ câu 8:1. Bắt đầu thuật lại việc Chúa Giê-xu chữa lành cho người bại.
Chúa Giê-xu vào thuyền
Có lẽ các môn đồ đi cùng với Chúa Giê-xu.
Thuyền
Có lẽ là cùng chiếc thuyền ở câu 8:23. Chỉ cần nói cụ thể khi muốn tránh gây hiểu lầm.
Đến thành của mình
Hoặc: "thành Ngài đang ở" (UDB)
Kìa
Đánh dấu một sự kiện khác trong mạch truyện lớn bắt đầu, có thể bao gồm nhiều nhân vật khác so với sự kiện trước. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để biểu thị điều này.
Họ…của họ
Chỉ về những người đem người bại đến gặp Chúa Giê-xu. Có thể bao gồm cả người bại.
Con
Người này không phải là con của Chúa Giê-xu. Ngài đang nói cách lịch sự với ông. Nếu điều này gây lầm lẫn thì có thể dịch là “Bạn ta” hoặc “bạn trẻ” hoặc có thể lượt bỏ.
Tội con đã được tha
Hoặc: "Đức Chúa Trời đã tha tội con" hoặc "Ta đã tha tội con"
Matthew 9:3
Kìa
Đánh dấu một sự kiện khác trong mạch truyện lớn bắt đầu, có thể bao gồm nhiều nhân vật khác so với sự kiện trước. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để biểu thị điều này.
Trong bọn họ
Có thể là “trong chính họ”, trong tâm trí của họ, hoặc “với nhau”, nói với nhau.
Phạm thượng
Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài có thể làm điều mà các thầy thông giáo nghĩ rằng chỉ có Đức Chúa Trời mới làm được.
Biết suy nghĩ của họ
Chúa Giê-xu biết họ đang nghĩ gì có thể nhờ năng lực siêu nhiên hoặc bởi vì Ngài thấy họ họ nói chuyện với nhau.
Sao các ngươi suy nghĩ điều ác trong lòng?
Chúa Giê-xu dùng câu hỏi này để quở trách các thầy thông giáo.
Các ngươi…của các ngươi
Những từ này ở dạng số nhiều.
Ác
Tức là gian ác về phẩm hạnh hay độc ác chứ không chỉ đơn giản là sai sự thật.
Cách nào dễ hơn…bước đi
Chúa Giê-xu hỏi câu này để nhắc nhỡ các thầy thông giáo rằng họ tin người này bị bại vì tội lỗi của ông và nếu tội ông được tha thì ông sẽ đi được, như vậy khi Ngài chữa lành cho người bại thì các thầy thông giáo hẳn biết rằng Ngài có thể tha tội.
Hai điều nầy, điều nào dễ hơn, ‘Tội con được tha rồi,’ hay là nói ‘Hãy đứng dậy, bước đi’?
Hoặc: “Nói ‘tội con được tha rồi’ dễ hơn? Hay nói ‘hãy đứng dậy, bước đi’ dễ hơn?”
Tội con được tha rồi
Có thể là 1) “Ta tha thứ tội lỗi của con”
Để các ngươi biết
Hoặc: "Ta sẽ chứng minh cho các ngươi thấy". Từ “các ngươi” ở dạng số nhiều.
Con….của con
Những từ này ở dạng số ít.
Trở về nhà con
Chúa Giê-xu không cấm người này đi những nơi khác. Ngài đang cho người này cơ hội trở về nhà.
Matthew 9:7
Lời Dẫn :
Phần này kết lại câu chuyện Chúa Giê-xu chữa lành cho người bại. Sau đó Chúa Giê-xu gọi một người thu thuế làm môn đồ Ngài.
Ngợi khen
Sử dụng từ bạn đã dịch ở câu 5:16.
Thẩm quyền như vậy
Thẩm quyền công bố sự tha tội
Ma-thi-ơ…ông
Truyền thống giáo hội cho rằng ông là tác giả của sách Phúc Âm này, nhưng phân đoạn Kinh Thánh không có lí do gì để thay đổi danh xưng từ “ông” sang “tôi”.
Ngài phán với ông
"Chúa Giê-xu phán với Ma-thi-ơ"
Chúa Giê-xu từ đó đi qua
Cụm từ này được dùng để đánh dấu phần giới thiệu cho sự việc xảy ra sau từ “Kìa” ở câu 9:8. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thì điều này thì có thể xem xét để sử dụng ở đây.
Đi qua
Dùng một từ chung chỉ về việc “đi lại”. Không rõ Chúa Giê-xu đi lên, đi xuống, đi về phía Ca-bê-na-um hay đi khỏi đó.
Ông đứng dậy và theo Ngài
"Ma-thi-ơ đứng dậy và theo Chúa Giê-xu" làm môn đồ của Ngài, đơn giản là cùng đi với Chúa Giê-xu đến điểm đến tiếp theo.
Matthew 9:10
Thông Tin Tổng Quát:
Những sự kiện này xảy ra tại nhà của viên thu thuế Ma-thi-ơ.
Nhà
Đây có thể là nhà của Ma-thi-ơ, nhưng cũng có thể là nhà của Chúa Giê-xu (“dùng bữa với Chúa Giê-xu và các môn đồ”). Chỉ nói cụ thể khi cần tránh gây nhầm lẫn.
Khi người Pha-ri-si thấy vậy
"Khi người Pha-ri-si thấy Chúa Giê-xu đang ăn với những người thu thuế và kẻ tội lỗi"
Matthew 9:12
Thông Tin Tổng Quát:
Những sự kiện này xảy ra tại nhà của viên thu thuế Ma-thi-ơ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khi Chúa Giê-xu nghe điều nầy
Từ “nầy” ở đây chỉ về câu hỏi mà những người Pha-ri-si hỏi về việc Chúa Giê-xu ăn với người thu thuế và kẻ tội lỗi.
Những người có thân thể mạnh khỏe
Hoặc: "những người khỏe mạnh".
Thầy thuốc
"bác sĩ" (UDB)
Những người đau ốm
"những người đau ốm cần thầy thuốc"
Các ngươi hãy đi và học xem câu này có nghĩa gì
AT: "Các ngươi hãy học ý nghĩa của câu nầy:"
Các ngươi hãy đi
Đại từ “các ngươi” chỉ về người Pha-ri-si.
Matthew 9:14
Lời Dẫn :
Các môn đồ của Giăng Báp-tít hỏi về việc các môn đồ của Chúa Giê-xu không kiêng ăn.
Không kiêng ăn
Kiêng ăn có nghĩa là không ăn, một số văn hóa không có việc kiêng ăn thì có thể dịch câu này là “tiếp tục ăn như bình thường”.
Có thể nào khách dự tiệc cưới lại buồn rầu...họ sao?
Không ai mong đợi khách dự tiệc cưới kiêng ăn trong khi chàng rể đang ở với họ. (Xem: Rhetorical Question).
Khách dự tiệc cưới
Phép ẩn dụ nầy chỉ về các môn đồ của Chúa Giê-xu.
Chàng rễ vẫn còn ở với họ...khi chàng rễ sẽ bị đem đi
“Chàng rễ” là Chúa Giê-xu vẫn còn sống, tức là “vẫn còn ở với” các môn đồ của Ngài.
Chàng rễ sẽ bị đem đi
Gợi ý dịch: "có người sẽ đem chàng rễ đi". Đây là phép ẩn dụ có nghĩa là bị giết.
Buồn rầu
"than khóc" hay "buồn" (UDB)
Matthew 9:16
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục trả lời cho câu hỏi của các môn đồ của Giăng.
Không ai vá miếng vải mới vào chiếc áo cũ
Phép ẩn dụ này có nghĩa là những người chỉ biết đến những truyền thống cũ thì không thích tiếp nhận những điều mới.
Áo
"quần áo"
Miếng vá
"Miếng vải mới" dùng để che chỗ quần áo bị rách
Matthew 9:17
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục trả lời cho câu hỏi của các môn đồ của Giăng.
Người ta cũng không đổ rượu mới vào bầu da cũ
Đây là phép ẩn dụ để trả lời cho câu hỏi của môn đồ Giăng “Tại sao chúng tôi và người Pha-ri-si thường kiêng ăn còn các môn đồ của thầy lại không kiêng ăn?”
Người ta cũng không đổ
Hoặc: "Cũng không ai đổ" (UDB) hoặc "Người ta không bao giờ đổ"
Rượi mới
Hoặc: "nước ép nho". Chỉ về rượu chưa lên men. Nếu vùng của bạn không biết trái nho thì có thể dùng từ chỉ chung về trái cây.
Bầu da cũ
Chỉ về bầu da đã qua sử dụng nhiều lần.
Bầu da
Đây là túi làm bằng da thú vật. Có thể gọi là “túi rượu” hoặc “túi da” (UDB).
Da sẽ nứt
Khi rượu mới lên men và nở ra, lớp da sẽ nứt ra vì chúng không còn khả năng giản nở.
Hư
"hỏng" (UDB)
Bầu da mới
"bầu da mới" hoặc "túi da mới", tức là bầu da chưa qua sử dụng.
Matthew 9:18
Lời Dẫn :
Phần này bắt đầu thuật lại câu chuyện Chúa Giê-xu gọi con gái của một viên chức Do Thái sống dậy.
Những lời nầy
Chỉ về câu trả lời của Chúa Giê-xu cho các môn đồ của Giăng về việc kiêng ăn.
Kìa
Từ “kìa” báo hiệu cho chúng ta biết có một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để biểu đạt điều này.
Quỳ trước Ngài
Đây là cách người ta thể hiện sự tôn trọng trong văn hóa Do Thái.
Đến và đặt tay trên cháu để cháu được sống
Điều nầy cho thấy người viên chức Do Thái tin rằng Chúa Giê-xu có quyền năng để khiến con gái ông sống lại.
Các môn đồ của Ngài
Các môn đồ của Chúa Giê-xu
Matthew 9:20
Lời Dẫn :
Phần này mô tả cách Chúa Giê-xu chữa lành cho một người phụ nữ khác trong khi đang trên đường đến nhà của viên chức Do Thái.
Kìa
Từ “kìa” báo hiệu cho chúng ta biết có một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để biểu đạt điều này.
Bị rong huyết rất nặng
Hoặc: "bị xuất huyết rất nặng." Có lẽ bà bị xuất huyết từ tử cung kể cả khi không đến kỳ như thông thường. Một số văn hóa có thể có cách nói lịch sự để thể hiện tình trạng này.
Nếu chỉ chạm được vào áo Ngài thôi, ta sẽ được lành
Chúa Giê-xu đã chữa lành cho rất nhiều người, trong đó nhiều người còn có tình trạng nghiêm trọng hơn người phụ nữ này.
Áo
"áo choàng"
Nhưng
"Thay vào đó". Điều người phụ nữ hy vọng xảy ra đã không xảy ra.
Con gái
Người phụ nữ không phải là con gái của Chúa Giê-xu. Ngài đang gọi bà theo cách lịch sự. Nếu điều này gây lầm lẫn thì

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

có thể dịch là “người nữ trẻ” hoặc lượt bỏ.
Matthew 9:23
Lời Dẫn :
Trở lại với câu chuyện Chúa Giê-xu khiến con gái của viên chức Do Thái sống lại.
Nhà của người viên chức
Đây là nhà của viên quản lí Do Thái.
Sáo
Đây là dụng cụ âm nhạc dài, rỗng, được chơi bằng cách thổi hơi vào trong hay thổi qua một đầu.
Những người thổi sáo
"những người chơi sáo"
Hãy lui ra
Chúa Giê-xu đang nói với nhiều người nên hãy dùng câu mệnh lệnh ở dạng số nhiều nếu có trong ngôn ngữ của bạn.
Bé gái không phải chết đâu nhưng nó đang ngủ thôi
Chúa Giê-xu sử dụng cách chơi chữ. Vào thời Chúa Giê-xu người ta thường gọi người chết là đang “ngủ”. Nhưng ở đây bé gái đã chết sẽ sống lại như thể nó chỉ đang ngủ.
Matthew 9:25
Lời Dẫn :
Phần này kết thúc câu chuyện Chúa Giê-xu khiến con gái của viên chức Do Thái sống lại.
Thông Tin Tổng Quát:
Câu 26 là câu tóm gọn mô tả kết quả của việc Chúa Giê-xu gọi bé gái nầy sống lại.
Khi đám đông bị đuổi ra rồi
"Sau khi Chúa Giê-xu đã cho đám đông ra ngoài” hoặc “Sau khi gia đình đã cho người ta ra ngoài”
Trỗi dậy
"ra khỏi giường". Tương tự như ở câu 8:15.
Tin nầy loan ra khắp vùng đó
Phép nhân hóa nầy có nghĩa là tin tức lan ra vì người ta đi kể cho người khác nghe. Gợi ý dịch: "Người dân của cả vùng nghe về việc đó"
Matthew 9:27
Lời Dẫn :
Phần này bắt đầu câu chuyện Chúa Giê-xu chữa lành hai người mù.
Từ đó Chúa Giê-xu đi qua
Chúa Giê-xu rời khỏi vùng đó.
Đi qua
Không rõ Chúa Giê-xu đi lên hay đi xuống, bạn có thể dùng một từ chung chỉ về việc “đi lại”.
Con Đa-vít
Chúa Giê-xu không phải là con của Đa-vít nên có thể dịch là “con cháu Đa-vít” (UDB). Tuy nhiên, “Con Đa-vít” cũng là một danh hiệu của Chúa Cứu Thế. (see MAT21:09
Khi Chúa Giê-xu vào nhà
Có thể là nhà của Chúa Giê-xu (UDB) hoặc là nhà ở câu 9:10.
Dạ có, thưa Chúa
Hoặc: "Dạ có, thưa Chúa, chúng tôi tin Ngài có thể chữa lành cho chúng tôi".
Matthew 9:29
chạm vào mắt họ và phán
Không rõ Chúa Giê-xu chạm vào mắt của cả hai người cùng lúc hay chỉ dùng tay phải để chạm lần lượt từng người. Cũng không rõ Ngài phán khi chạm vào họ hay chạm trước rồi sau đó phán với họ.
Mắt họ mở ra
Hoặc: "Đức Chúa Trời chữa lành cho mắt của họ" hoặc "hai người mù có thể nhìn thấy được".
Nhưng
"Thay vào đó". Những người đó không làm theo lời Chúa Giê-xu đã bảo họ.
Loan tin
Hoặc: "kể cho nhiều người việc đã xảy ra với họ"
Matthew 9:32
Lời Dẫn :
Phần này thuật lại việc Chúa Giê-xu chữa lành cho người bị quỷ ám không thể nói được và mô tả cách phản ứng của mọi người.
Kìa
Từ “kìa” báo hiệu cho chúng ta biết có một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để thể hiện điều này.
Câm
Không thể nói được
Người câm nói được the mute man spoke
Hoặc: "người câm bắt đầu nói" hoặc "người bị câm đã nói được" hoặc "người đó không còn câm nữa mà nói được"
Đám đông rất kinh ngạc
Hoặc: "Dân chúng rất sửng sốt"
Đây là việc chưa từng thấy
Có thể có nghĩa là “việc nầy chưa từng xảy ra” hoặc “chưa ai từng làm việc giống như thế này”.
Ông ta đuổi quỷ
Đại từ “ông ta” chỉ về Chúa Giê-xu.
Matthew 9:35
Lời Dẫn :
Câu 35 kết lại câu chuyện bắt đầu ở câu 8:1 về chức vụ chữa lành của Chúa Giê-xu tại Ga-li-lê. (Xem: End of Story)
Thông Tin Tổng Quát:
Câu 36 bắt đầu một phần mới của câu chuyện, trong đó Chúa Giê-xu dạy dỗ các môn đồ và sai họ đi rao giảng, chữa lành như Ngài đã làm.
Khắp các thành
Hoặc: "nhiều thành"
Các thành…các làng
Hoặc: "Các làng lớn…các làng nhỏ" hoặc "các thành lớn…các thành nhỏ"
Mọi thứ bệnh tật và mọi thứ đau yếu
Hoặc: "mọi bệnh tật và mọi đau yếu". Từ “bệnh tật” và “đau yếu” có liên quan chặt chẽ với nhau nhưng cần được dịch thành hai từ riêng biệt nếu có thể. “Bệnh tật” là nguyên nhân khiến cho một người bị đau yếu. “Đau yếu” là sự ốm yếu và đau đớn về thể chất do bệnh tật gây ra.
Họ như chiên không có người chăn
Hoặc: "Dân chúng không có người lãnh đạo"
Matthew 9:37
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu dùng phép ẩn dụ về mùa gặt để cho các môn đồ biết họ phải đáp ứng nhu cầu của đám đông ở phần trước như thế nào.
Mùa gặt thì thật trúng nhưng thợ gặt thì ít
Phép ẩn dụ nầy so sánh số lượng người sẽ tin Chúa và được thêm vào vương quốc của Ngài là lương thực mọc trên cánh đồng, còn những người nói về Chúa cho người khác là

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những thợ gặt. Trọng tâm của phép ẩn dụ nầy là có quá ít người để nói về Chúa cho rất nhiều người. (Xem: Metaphor).

Mùa gặt

Hoặc: "thu gom thực phẩm chín"

Thợ gặt

"nhân công"

cầu nguyện với Chúa mùa gặt

Hoặc: "cầu nguyện với Chúa là người quản lí mùa gặt"

Translation Questions

Matthew 9:3

Vì sao một số thầy thông giáo nghĩ rằng Chúa Giê-xu xúc phạm đến Đức Chúa Trời?

Một số thầy thông giáo nghĩ rằng Chúa Giê-xu xúc phạm đến Đức Chúa Trời vì Ngài nói với người bại rằng tội lỗi của anh ta đã được tha.

Matthew 9:10

Chúa Giê-xu và các môn đồ của Ngài ăn cùng ai?

Chúa Giê-xu và các môn đồ của Ngài ăn cùng những người thâu thuế và người tội lỗi.

Matthew 9:20

Người phụ nữ bị rong huyết đã làm gì và vì sao?

Người phụ nữ bị rong huyết chạm vào viền áo của Chúa Giê-xu vì nghĩ rằng chỉ cần chạm vào viền áo của Ngài thôi thì bà sẽ được lành.

Matthew 9:27

Hai người mù cứ kêu xin Chúa Giê-xu như thế nào?

Hai người mù cứ kêu lên rằng “Lạy Con vua Đa-vít, xin thương xót chúng con” !

Matthew 9:29

Chúa Giê-xu chữa lành cho hai người mù dựa vào điều gì?

Chúa Giê-xu chữa lành cho hai người mù dựa vào đức tin của họ.

Chapter 10

Matthew 10:1

Lời Dẫn :

Phần này bắt đầu thuật lại việc Chúa Giê-xu sai mười hai sứ đồ làm công việc của Ngài.

Gọi mười hai sứ đồ của Ngài lại

AT: "tụ họp mười hai sứ đồ của Ngài"

Ban cho họ thẩm quyền

Cần đảm bảo đoạn nầy cho thấy rõ đây là thẩm quyền 1) để đuổi các uế linh và 2) chữa lành bệnh tật và đau yếu.

Đuổi chúng ra

Hoặc: "khiến các uế linh ra khỏi"

Mọi thứ bệnh tật và mọi thứ đau yếu

Hoặc: "mọi bệnh tật và mọi đau yếu". Từ “bệnh tật” và “đau yếu” có liên quan chặt chẽ với nhau nhưng cần được dịch thành hai từ riêng biệt nếu có thể. “Bệnh tật” là nguyên nhân khiến cho một người bị đau yếu. “Đau yếu” là sự ốm yếu và đau đớn về thể chất do bệnh tật gây ra.

Matthew 10:2

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây tác giả đưa ra tên của mười hai sứ đồ để làm thông tin cơ sở.

Trước nhất

Theo thứ tự chứ không phải theo xếp hạng

Xê-lốt

Có thể là 1) Từ “Xê-lốt” thể hiện ông thuộc vào nhóm người muốn giải phóng dân Do Thái khỏi ách cai trị của La Mã. Gợi ý dịch: “người yêu nước” hay “người theo chủ nghĩa dân tộc” hay “người đấu tranh vì tự do”. 2) “người nhiệt thành”, ngụ ý ông nhiệt thành để danh Chúa được tôn vinh. Gợi ý dịch: "nồng nhiệt".

Ma-thi-ơ, người thu thuế

"Ma-thi-ơ là người thu thuế"

Người sẽ phản Ngài

"người sẽ phản Chúa Giê-xu"

Matthew 10:5

Lời Dẫn :

Ở đây Chúa Giê-xu bắt đầu chỉ dẫn cho các môn đồ biết cần phải thực hiện và mong đợi điều gì khi đi rao giảng.

Thông Tin Tổng Quát:

Mặc dù câu 5 nói rằng Ngài sai mười hai môn đồ ra đi, nhưng trước khi sai họ đi thì Chúa Giê-xu chỉ dẫn cho họ.

Chúa Giê-xu sai mười hai môn đồ ra đi

Hoặc: "Chúa Giê-xu sai mười hai người ra đi" hoặc "Chính mười hai người nầy được Chúa Giê-xu sai đi"

Sai đi

Chúa Giê-xu sai họ đi vì mục đích đặc biệt. “Sai đi” là từ dùng trong văn nói cho danh từ “sứ đồ” ở câu 3:2.

Ngài dặn bảo họ

Hoặc: "Ngài bảo cho họ biết điều cần phải làm” hoặc “Ngài truyền lệnh cho họ”.

chiên lạc của nhà Y-sơ-ra-ên

đây là phép ẩn dụ so sánh toàn bộ dân tộc Y-sơ-ra-ên là chiên tan lạc khỏi người người chăn.

nhà Y-sơ-ra-ên

Đây là cách nói chỉ về dân tộc Y-sơ-ra-ên. Hoặc: "dân Y-sơ-ra-ên" hoặc "dòng dõi Y-sơ-ra-ên".

Khi các con đi

Đại từ “các con” chỉ về mười hai sứ đồ.

Vương quốc thiên đàng đã đến gần

Nên dịch tương tự như ở câu 3:2.

Matthew 10:8

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ biết họ cần phải làm gì khi đi rao giảng.

Các con...của các con

Chỉ về mười hai sứ đồ.

Vàng, bạc hay đồng

Đây là những kim loại dùng để đúc tiền. Cách liệt kê nầy là phép hoán dụ chỉ về tiền, vì vậy nếu khu vực của bạn không biết những kim loại nầy thì có thể dịch là “tiền”.

Túi tiền

Tức là “dây thắt lưng” hoặc “dây thắt lưng đựng tiền”, nhưng cũng có thể chỉ về bất kì vật dùng nào dùng để đựng tiền. Dây thắt lưng là một mảnh vải hoặc mảnh da dài đeo ngang thắt lưng. Nó thường rộng đủ để gấp lại và đựng tiền trong đó.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Túi đi đường
Đây có thể là túi để mang theo đồ đạc khi đi đường hoặc túi đựng thức ăn hay đựng tiền.
Thêm áo
Dùng cùng từ “áo” ở câu 5:40.
Người làm công
"người làm việc"
Thức ăn của mình
Hoặc: "điều mình cần"
Matthew 10:11
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ biết họ cần phải làm gì khi đi rao giảng.
Các con…của các con
Những đại từ nầy chỉ về mười hai sứ đồ.
Bất cứ thành nào hay làng nào các con vào
Hoặc: “Hễ các con vào một thành hay một làng nào” hoặc “mọi thành phố hay làng mạc mà các con vào”
Thành…làng
"làng lớn…làng nhỏ" hoặc "thành lớn…thành nhỏ". Những từ nầy cũng được dùng ở câu 9:35.
ở lại nơi ấy cho đến lúc các con rời đi
Hoặc: "ở lại nhà của người đó cho đến lúc các con rời khỏi thành hay làng ấy"
Khi các con vào nhà hãy chào hỏi
Hoặc: “Khi các con vào nhà hãy chào hỏi những người sống ở đó”. Lời chào hỏi thông thường trong thời đó là “Cầu bình an cho nhà nầy!”.
Nhà ấy xứng đáng
Hoặc: “những người trong nhà ấy tử tế tiếp đón các con” (UDB) hoặc “những người trong nhà ấy đối xử tử tế với các con”.
Thì sự bình an của các con sẽ đến trên nhà ấy
Hoặc: "thì sự bình an sẽ đến trên nhà ấy" hoặc "thì những người trong nhà đó sẽ sống trong bình an"
Sự bình an của các con
Đây là sự bình an mà các môn đồ phải cầu xin Đức Chúa Trời ban cho những người ở trong nhà đó.
Nếu nhà ấy không xứng đáng
Hoặc: "nếu họ không tử tế tiếp đón các con" (UDB) hoặc "nếu họ không đối xử tử tế với các con"
sự bình an của các con sẽ trở về với các con
Có thể mang hai ý nghĩa: 1) nếu nhà ấy không xứng đáng thì Đức Chúa Trời sẽ giữ lại sự bình an hay ơn phước khỏi nhà ấy hoặc 2) nếu nhà ấy không xứng đáng thì các sứ đồ phải làm gì đó, chẳng hạn như cầu xin Đức Chúa Trời không thực hiện lời chúc của họ. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt ý nghĩa tương tự về việc rút lại lời chào thăm hay ảnh hưởng của nó thì có thể sử dụng ở đây.
Matthew 10:14
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ biết họ cần phải làm gì khi đi rao giảng.
Còn những ai không đón tiếp hay nghe lời các con
Hoặc: "Nếu không ai trong thành đó đón tiếp hay nghe lời các con"
Các con…của các con
Chỉ về mười hai sứ đồ.
Nghe lời các con
Hoặc: "nghe thông điệp của các con" (UDB) hoặc "nghe lời các con nói"
Thành
Nên dịch giống như trong câu 10:11
Phủi bụi khỏi chân các con
Hoặc: "phủi bụi của nhà hay thành ấy khỏi chân các con". Đây là dấu hiệu cho thấy Đức Chúa Trời đã từ bỏ những người ở trong nhà hay thành ấy.
Được khoan dung hơn
Hoặc: "sự khốn khổ sẽ ít hơn"
Đất Sô-đôm và Gô-mô-rơ
Hoặc: "những người sống ở thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ", đây là những người bị Chúa hủy diệt bằng lửa từ trời
Thành ấy
Chỉ về những người ở thành phố nào không chịu đón tiếp các sứ đồ hay lắng nghe sứ điệp của họ.
Matthew 10:16
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục hướng dẫn cho các môn đồ. Ở đây Ngài bắt đầu nói về sự bắt bớ mà họ phải chịu khi ra đi rao giảng.
Nầy
Từ “nầy” ở đây thêm nhấn mạnh cho điều theo sau. Có thể dịch là: “kìa” hoặc “hãy nghe đây” hoặc “hãy chú ý điều ta sắp nói với các con”.
Ta sai các con đi
Chúa Giê-xu sai họ đi cho một mục đích cụ thể.
Như chiên ở giữa bầy sói
Chúa Giê-xu so sánh các môn đồ được Ngài sai đi như những con vật không có khả năng tự vệ đi vào nơi có nhiều khả năng sẽ bị thú hoang tấn công.
Như chiên
Chiên là loài vật không có khả năng tự vệ.
Ở giữa bầy sói
Hoặc: “ở giữa những kẻ giống như loài sói nham hiểm” hoặc “ở giữa những kẻ hành động như những loài thú nguy hiểm” hoặc “ở giữa những kẻ sẽ tấn công các con” .
Hãy khôn ngoan như rắn và vô hại như chim bồ câu
Tốt nhất không nên nói tương tự nhau. Gợi ý dịch: “hãy hành động với hiểu biết và thận trọng, đồng thời phải vô tội và đức hạnh”.
Họ sẽ nộp các con cho hội đồng
Hoặc: "Vì họ sẽ nộp các con cho tòa án của họ"
Nộp các con cho
Đây là việc Giu-đa đã làm với Chúa Giê-xu. Có thể dịch là: “phản các con cho” hoặc “bỏ các con cho” hoặc “cho các con bị bắt và xét xử bởi”.
Hội đồng
Đây là các lãnh đạo tôn giáo và trưởng lão tại địa phương phối hợp giữ gìn an ninh trật tự cho cộng đồng. Có thể dịch là: “tòa án”.
Đánh đòn các con
Hoặc: "đánh các con bằng roi"
Các con sẽ bị giải
"họ sẽ giải các con" hoặc "họ sẽ lôi các con"
Vì cớ ta
Hoặc: "vì các con thuộc về ta" (UDB) hoặc "vì các con theo ta"
Cho họ và cho các dân ngoại

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Danh từ “họ” chỉ về “các tổng đốc và các vua” hoặc cho những kẻ tố cáo người Do Thái (10:17).

Matthew 10:19

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ về sự bắt bớ họ phải chịu khi ra đi rao giảng

Khi họ nộp các con

"Khi họ giao các con cho hội đồng". Từ “họ” ở đây cũng là “họ” ở câu 10:17

Các con

Các đại từ “các con” và “của các con” chỉ về mười hai sứ đồ.

Đừng lo sợ

Hoặc: "đừng lo lắng"

Phải nói như thế nào hay nói điều gì

"các con phải nói như thế nào hay các con phải nói điều gì". Hai ý nầy có thể được gọp chung là: “các con phải nói gì”.

Trong giờ đó

Hoặc: "vào lúc đó"

Thánh Linh của Cha các con

Nếu cần thiết có thể dịch là “Thánh Linh của Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng của các con” hoặc có thể thêm ghi chú để làm rõ đây là Đức Chúa Thánh Linh chứ không phải linh hồn của người cha xác thịt.

Cha

Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.

Trong các con

Hoặc: "qua các con"

Matthew 10:21

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ về sự bắt bớ họ phải chịu khi ra đi rao giảng.

Anh sẽ nộp em để bị giết, cha sẽ nộp con

Hoặc: "Anh sẽ nộp em trai mình để bị giết, cha sẽ nộp con cái mình để bị giết"

Nộp

Dịch giống ở câu 10:17

Nổi lên nghịch lại

Hoặc: "chống nghịch" (UDB) hoặc "trở mặt"

Và khiến họ phải chết

Hoặc: "và đưa họ vào chỗ chết" hoặc "và để nhà cầm quyền xử tử họ"

Các con sẽ bị mọi người ghét bỏ

Hoặc: "Mọi người sẽ ghét bỏ các con"

Các con…các con

Chỉ về mười hai sứ đồ.

Vì danh ta

Hoặc: "vì ta" hoặc "vì các con tin đến ta" (UDB)

Ai bền lòng

Hoặc: "ai giữ trung tín"

Người đó sẽ được cứu

Hoặc: "Đức Chúa Trời sẽ giải cứu người đó"

Trốn sang thành kia

"trốn sang thành kia"

Đã đến

Hoặc: "đến"

Matthew 10:24

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ về sự bắt bớ họ phải chịu khi ra đi rao giảng.

Môn đồ không lớn hơn thầy

Đây là một chân lí chung, không phải là lời khẳng định về môn đồ và thầy riêng biệt nào. Môn đồ “không uy quyền hơn” thầy có lẽ là vì môn đồ “không biết nhiều hơn” hay “không được xếp cao hơn” hay “không giỏi hơn” thầy của mình. Gợi ý dịch: “môn đồ luôn có ít uy quyền hơn thầy” hoặc “thầy luôn có uy quyền hơn môn đồ”.

Đầy tớ cũng không hơn chủ

“và đầy tớ không hơn chủ”. Đây là chân lí chung không chỉ về chủ và đầy tớ riêng biệt nào. Đầy tớ không “lớn hơn” hay “có uy quyền hơn” chủ. Gợi ý dịch: “và đầy tớ luôn ít uy quyền hơn chủ” hoặc “và chủ luôn uy quyền hơn đầy tớ”.

Đầy tớ

"nô lệ"

Chủ

"chủ nhân"

Môn đồ được như thầy thì đủ rồi

Hoặc: "Môn đồ cần biết thỏa lòng khi được như thầy"

Được như thầy

Hoặc: "biết nhiều như thầy" hoặc "giống như thầy"

Đầy tớ được như chủ

Hoặc: "và đầy tớ cần biết thỏa lòng khi được uy quyền bằng như chủ"

Nếu người ta đã gọi chủ nhà là Bê-ên-xê-bun thì huống chi là người nhà

Chúa Giê-xu đã bị ngược đãi thì các môn đồ của Ngài sẽ bị đối xử tương tự hoặc tệ hại hơn.

Nếu người ta đã gọi

Hoặc: "vì người ta đã gọi"

Chủ nhà

Chúa Giê-xu dùng hình ảnh nầy làm ẩn dụ chỉ về chính Ngài.

Bê-ên-xê-bun

Tên này có thể 1) dịch trực tiếp là “Bê-ên-xê-bun” hoặc 2) dịch với ý nghĩa gốc của nó chỉ về “Sa-tan”.

Người nhà

Đây là phép ẩn dụ chỉ về các môn đồ của Chúa Giê-xu.

Matthew 10:26

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ về sự bắt bớ họ phải chịu khi ra đi rao giảng.

Đừng sợ họ

Từ “họ” ở đây chỉ về những người ngược đãi các môn đồ của Chúa Giê-xu.

không có điều gì che giấu mà chẳng bị phơi bày; không có điều gì bí mật mà chẳng bị tiết lộ

Hoặc: "Đức Chúa Trời sẽ phơi bày điều người ta giấu kín".

Những gì ta nói với các con trong bóng tối hãy nói ra giữa ban ngày và điều gì các con nghe nhỏ nhẹ bên tai hãy công bố trên mái nhà

Hoặc: "Hãy nói cho người ta ngay giữa ban ngày điều ta nói với các con trong bóng tối và công bố trên mái nhà điều các con nghe nhỏ nhẹ bên tai".

Những gì ta nói với các con trong bóng tối

Hoặc: "Những gì ta nói với các con cách kín đáo" hoặc "Điều ta đang nói với các con cách riêng tư".

Nói giữa ban ngày

Hoặc: "nói cách thẳng thắn" hoặc "nói công khai"

Những gì các con nghe nhỏ nhẹ bên tai

Hoặc: "những gì ta nói thì thầm với các con"

Công bố trên mái nhà

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hoặc: "nói lớn tiếng để mọi người đều nghe". Ở vùng Chúa Giê-xu sinh sống, nhà có mái bằng, những người ở xa cũng có thể nghe được những tiếng nói lớn.

Matthew 10:28

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ về sự bắt bớ họ phải chịu khi ra đi rao giảng.

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây Chúa Giê-xu bắt đầu đưa ra lí do vì sao các môn đồ của Ngài không nên sợ hãi về sự bắt bớ mà có thể họ sẽ phải trải qua.

Đừng sợ những kẻ giết thân thể mà không giết được linh hồn

"Đừng sợ con người vì họ có thể giết được thân thể nhưng không giết được linh hồn".

Giết thân thể

Gây ra cái chết về thể xác. Nếu những cách nói nầy còn vụn về thì có thể dịch là “giết các con” hoặc “giết người khác”.

Thân thể

Phần có thể chạm được của con người

Giết linh hồn

Làm hại người khác sau khi họ đã chết

Linh hồn

Phần không thể chạm được của con người và vẫn tồn tại sau khi thân thể vật lý đã chết.

Không phải hai con chim sẻ giá một đồng sao

Câu hỏi tu từ nầy có thể được dịch là “Hãy xem những con chim sẻ, chúng thật kém giá trị đến nỗi các con mua được hai con chim sẻ với giá có một đồng”

Chim sẻ

Đây là loài chim ăn hạt, rất nhỏ bé, chúng được dùng làm ẩn dụ để chỉ về những thứ con người cho là không quan trọng.

Một đồng

Thường được dịch là đồng xu có giá trị nhỏ nhất trong ngôn ngữ dịch. Nó chỉ về một đồng xu làm bằng đồng trị giá khoảng một phần mười sáu tiền lương một ngày của người lao động. Có thể được dịch là “rất rẻ”.

Không một con nào trong số chúng rơi xuống đất mà Cha các con không biết

Câu nầy có thể dịch là “thậm chí một con trong số chúng rơi xuống đất chỉ khi nào Cha các con biết đến” hoặc “chỉ khi nào Cha các con biết đến thì một con trong số chúng mới rơi xuống đất”.

Không một con nào trong số chúng

"không một con chim sẻ nào"

Rơi xuống đất

"chết"

Ngay cả tóc trên đầu các con cũng được đếm hết rồi

"Thậm chí Đức Chúa Trời còn biết cả số tóc trên đầu các con"

Đếm

"đếm"

Các con quý giá hơn nhiều chim sẻ

"Đức Chúa Trời coi trọng các con hơn nhiều chim sẻ"

Matthew 10:32

Lời Dẫn

Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ lí do vì sao họ không nên sợ hãi về sự bắt bớ có thể phải trải qua.

Những ai xưng nhận ta trước mặt người ta

“Hễ ai nói cho người khác biết họ là môn đồ của ta” hoặc “hễ ai thừa nhận với người khác rằng họ trung thành với ta”.

Xưng nhận

"thừa nhận"

Trước mặt người ta

"trước mặt con người" hoặc "trước mặt người khác"

Cha

Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.

Ai chối ta trước mặt người ta

“ai không nhận ta trước mặt con người” hoặc “ai từ chối ta trước mặt con người” hoặc “ai từ chối thừa nhận với người khác rằng họ là môn đồ ta” hoặc “nếu ai từ chối nói rằng họ trung thành với ta”.

Matthew 10:34

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ lí do vì sao họ không nên sợ hãi về sự bắt bớ có thể phải trải qua.

Đừng nghĩ

"Đừng tưởng" hoặc "các con không được nghĩ"

Gươm giáo

Phép ẩn dụ nầy có thể tượng trưng cho 1) cái chết thảm khốc (xem “thập tự giá” ở câu 10:38) hoặc 2) sự xung đột gây chia rẽ. (xem: Metaphor)

Làm cho

"chuyển hướng" hoặc "chia rẽ" hoặc "tách ra"

Một người nghịch cùng cha mình

"con trai nghịch cùng cha mình"

Kẻ thù của một người

"Kẻ thù của một người" hoặc "kẻ thù độc ác nhất của một người"

Người nhà của người đó

"thành viên trong gia đình người đó"

Matthew 10:37

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ lí do vì sao họ không nên sợ hãi về sự bắt bớ có thể phải trải qua.

Người yêu...thì không xứng đáng

Hoặc: "Những ai yêu...thì không xứng đáng" hoặc "nếu các con yêu...thì các con không xứng đáng".

Người

Có thể dịch là “hễ ai” hoặc “người nào” hoặc “bất kì ai” hoặc “người nào” (UDB)

Yêu

Từ “yêu” ở đây chỉ về “tình yêu thương anh em” hoặc “tình yêu của một người bạn”. Có thể dịch là “lo lắng cho” hoặc “hết lòng” hoặc “yêu mến”.

Thì không xứng đáng với ta

Có thể dịch là “không xứng đáng thuộc về ta” hoặc “không xứng hợp làm môn đồ ta” hoặc “không xứng hợp để thuộc về ta”.

Người nào không vác...thì không

Có thể dịch là: “Những người không vác...thì không” hoặc “nếu các con không vác...thì các con không” hoặc “các con không...trừ khi các con vác”.

Vác...thập từ giá và theo

Đây là phép ẩn dụ chỉ về việc sẵn sàng chịu chết. Bạn có thể dùng những từ thường chỉ về hành động nhấc một vật lên và mang vật đó đi theo sau một người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vác
"nhấc lên" hoặc "nhấc lên và mang đi"
Người nào tìm...sẽ mất...người nào mất...sẽ tìm được
Những câu nầy cần dịch càng ngắn gọn càng tốt. Có thể dịch là: “những người tìm...sẽ mất...những người mất...sẽ tìm được” hoặc “nếu các con tìm...các con sẽ mất...nếu các con mất...các con sẽ tìm được”.
Tìm
Đây là phép hoán dụ có nghĩa là “giữ” hay “bảo vệ”. Có thể dịch là: “cố gắng giữ” hay “cố gắng bảo vệ”. (Xem: Metonymy)
Sẽ mất
Điều nầy không có nghĩa là người đó sẽ chết. Đây là phép ẩn dụ muốn nói là “sẽ không có sự sống thật”.
Người nào mất sự sống mình
Điều nầy không có nghĩa là chết nhưng là người nào xem việc vâng theo Chúa Giê-xu quan trọng hơn mạng sống mình. Gợi ý dịch: “người nào từ bỏ chính mình”.
Vì cớ ta
"Vì tin ta" hoặc "vì ta". Giống với cụm từ “vì cớ ta” ở câu 10:18.
Sẽ tìm được
Phép ẩn dụ nầy có nghĩa là “sẽ tìm được sự sống thật”.
Matthew 10:40
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục chỉ dạy cho các môn đồ lí do vì sao họ không nên sợ hãi về sự bắt bớ có thể phải trải qua.
Người nào
Có thể dịch là “ai” hoặc “bất kì ai” hoặc “người mà”.
Chào đón
Từ nầy đồng nghĩa với từ “đón tiếp” ở câu 10:14, có nghĩa là “đón tiếp một vị khách”.
Các con
Đại từ “các con” chỉ về mười hai sứ đồ là đối tượng Chúa Giê-xu đang nói chuyện.
Chào đón Đấng đã sai ta
"chào đón Đức Chúa Cha là Đấng đã sai ta"
Matthew 10:42
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu kết thúc lời chỉ dạy cho các môn đồ về việc họ nên thực hiện và mong đợi điều gì khi đi ra rao giảng.
Hễ ai cho
"Ai cho"
Một trong những người hèn mọn nầy chỉ một ly nước lạnh vì người ấy là môn đồ
Có thể dịch là “một trong những người bé nhỏ nầy một ly nước lạnh vì là môn đồ của ta” hoặc “một trong những môn đồ hèn mọn nhất của ta chỉ một ly nước lạnh”.
Người đó chắc chắn sẽ không mất phần thưởng của mình
"người đó chắc chắn sẽ nhận được phần thưởng của mình"
Mất
"bị từ chối". Điều này không mang ý nghĩa là lấy mất tài sản.

Translation Questions

Matthew 10:1
Chúa Giê-xu ban thẩm quyền gì cho mười hai môn đồ?
Chúa Giê-xu ban cho mười hai môn đồ thẩm quyền đuổi các uế linh và chữa lành các thứ bệnh.
Matthew 10:11
Các môn đồ phải ở đâu khi họ đi từ làng nầy sang làng khác?
Các môn đồ phải tìm người nào xứng đáng trong làng đó để ở lại cho đến lúc đi nơi khác.
Matthew 10:14
Sự đoán phạt dành cho những thành phố không tiếp đón các môn đồ hay không lắng nghe lời họ là gì?
Sự đoán phạt dành cho những thành không tiếp đón các môn đồ hay không lắng nghe lời họ sẽ tệ hơn cả sự đoán phạt dành cho Sô-đôm và Gô-mô-rơ.
Matthew 10:24
Những kẻ ghét Chúa Giê-xu sẽ đối xử với các môn đồ của Ngài như thế nào?
Những kẻ ghét Chúa Giê-xu cũng sẽ ghét các môn đồ của Ngài.
Matthew 10:28
Chúa Giê-xu phán chúng ta đừng sợ ai?
Chúng ta đừng sợ những kẻ giết thân thể mà không giết được linh hồn.
Chúa Giê-xu phán chúng ta phải sợ ai?
Chúng ta phải sợ Đấng có thể hủy diệt cả hồn lẫn xác trong địa ngục.
Matthew 10:32
Chúa Giê-xu sẽ làm gì cho những ai xưng nhận Ngài trước mặt mọi người?
Chúa Giê-xu sẽ xưng nhận người đó trước mặt Cha trên trời.
Matthew 10:34
Ngài đến để thực hiện sự phân rẽ nào?
Chúa Giê-xu phán rằng Ngài đến để thực hiện sự phân rẽ ngày trong các gia đình.
Matthew 10:42
Ai cho một môn đồ bình thường dù chỉ một ly nước lạnh sẽ nhận được điều gì?
Ai cho một môn đồ bình thường dù chỉ một ly nước lạnh sẽ nhận được phần thưởng của mình.

Chapter 11
Matthew 11:1
Thông Tin Tổng Quát:
Bắt đầu một phần mới của câu chuyện, tại đây tác giả thuật lại lời đáp của Chúa Giê-xu với các môn đồ của Giăng Báp-tít.
Vả
Từ nầy được dùng để cho thấy một câu chuyện mới bắt đầu. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu đạt điều này thì có thể sử dụng cách đó. Có thể dịch là “rồi đó” hoặc “sau đó”.
Chỉ dạy
Từ nầy có thể được dịch là “dạy dỗ” hoặc “truyền lệnh”.
Mười hai môn đồ của Ngài
Tức là mười hai sứ đồ được chọn của Chúa Giê-xu.
Bấy giờ
"Lúc ấy". Có thể lượt bỏ từ nầy.
Khi Giăng ở trong ngục nghe về

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể dịch là: “Khi Giăng đang ở trọng ngục nghe về” hoặc “khi có người nói với Giăng lúc ông ở trong ngục về”.

Ông sai các mồn đồ của mình mang thông điệp

Giăng Báp-tít sai các môn đồ của mình mang thông điệp đến gặp Chúa Giê-xu.

Và nói với Ngài

Đại từ “Ngài” chỉ về Chúa Giê-xu.

Thầy có phải là Đấng phải đến

Có thể dịch là “Đấng phải đến” hoặc “Đấng chúng tôi đang trông chờ sẽ đến”, đây là lối nói uyển ngữ chỉ về Chúa Cứu Thế hay Đấng Christ.

Chúng tôi phải trông chờ

"Chúng tôi phải mong đợi". Đại từ “chúng tôi” chỉ về tất cả người Do Thái chứ không chỉ là môn đồ của Giăng.

Matthew 11:4

Thuật lại cho Giăng

"nói với Giăng"

Matthew 11:7

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu bắt đầu nói với đám đông về Giăng Báp-tít.

Các ngươi đi ra…gió chăng?

Chúa Giê-xu dùng cụm từ nầy trong ba câu hỏi tu từ để khiến người nghe phải suy nghĩ Giăng Báp-tít là ai. Có thể dịch là “các ngươi đi ra để xem…gió sao? Tất nhiên là không!” hoặc “Chắc hẳn các ngươi không đi ra để xem… gió!”.

Một cây sậy bị gió rung

Điều nầy có thể 1) chỉ về một loài cây ở sông Giô-đanh hoặc 2) là phép ẩn dụ chỉ về một hạng người: “người giống như cây sậy bị gió rung”. Phép so sánh nầy có thể được diễn giải theo hai cách: đây là người 1) dễ dàng bị gió làm cho lay động, là phép ẩn dụ chỉ về việc dễ đổi ý hoặc 2) làm ồn ào khi gió thổi, là phép ẩn dụ chỉ về việc nói rất nhiều nhưng không có điều nào quan trọng.

Cây sậy

"một loại cỏ thân cao"

Mặc quần áo sang trọng

"mặc quần áo mắc tiền". Những người giàu mặc loại quần áo nầy.

Thật

Từ nầy thường được dịch là “kìa”, nhằm thêm nhấn mạnh cho điều theo sau. Có thể dịch là: “Thực tế”.

Matthew 11:9

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục nói với đám đông về Giăng Báp-tít.

Thông Tin Tổng Quát:

Trong câu 10, Chúa Giê-xu trích dẫn lời tiên tri Ma-la-chi để cho thấy cuộc đời và chức vụ của Giăng Báp-tít đã làm ứng nghiệm lời tiên tri.

Nhưng các ngươi đi ra để xem gì, xem một nhà tiên tri chăng?

Tiếp tục chuỗi câu hỏi tu từ về Giăng Báp-tít.

Nhưng các ngươi đi ra để xem gì, xem một nhà tiên tri chăng? Phải, ta nói với các ngươi

Đại từ số nhiều “các ngươi” ở hai vế đều chỉ về đám đông.

Hơn cả một nhà tiên tri

"không chỉ là một nhà tiên tri bình thường" hoặc "cao trọng hơn một nhà tiên tri bình thường"

Đây chính là người

Từ "đây" chỉ về Giăng Báp-tít.

Người mà có lời chép

Đại từ “người” chỉ về “sứ giả của ta” ở câu tiếp theo.

Ta sẽ sai sứ giả của ta

Đại từ “ta” và “của ta” chỉ về Đức Chúa Trời. Tác giả của lời tiên tri Cựu Ước nầy đang trích dẫn lời Đức Chúa Trời phán.

Trước mặt con

"trước con" hoặc "đi trước con". Đại từ “con” ở dạng số ít vì trong câu trích dẫn nầy Đức Chúa Trời đang nói với Chúa Cứu Thế.

Matthew 11:11

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục nói với đám đông về Giăng Báp-tít.

Trong số những người được sinh ra từ người nữ

"trong số những người được người nữ sinh ra" hoặc "trong tất cả những người sống"

Không ai cao trọng hơn Giăng Báp-tít

Hoặc: "Giăng Báp-tít là người cao trọng nhất"

Trong vương quốc thiên đàng

Thuộc về vương quốc thiên đàng mà Đức Chúa Trời sẽ thiết lập. Gợi ý dịch: “bước vào vương quốc thiên đàng”.

Cao trọng hơn ông ấy

"cao trọng hơn Giăng"

Từ ngày Giăng Báp-tít đến nay

"Từ thời Giăng bắt đầu rao giảng sứ điệp của ông"

Vương quốc thiên đàng chịu bức hại, và kẻ cường bạo muốn đoạt lấy vương quốc ấy

Có thể là 1) kẻ cường bạo cư xử cách bạo lực hoặc 2) “người ta bắt bớ thần dân của vương quốc thiên đàng và kẻ hung bạo cố gắng kiểm soát nó” hoặc 3) “vương quốc thiên đàng đã tấn tới cách mạnh mẽ và những kẻ quyền lực muốn được vào đó”.

Matthew 11:13

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục nói với đám đông về Giăng Báp-tít.

Luật pháp

"luật Môi-se"

Giăng

"Giăng Báp-tít"

Và nếu các ngươi

Đại từ “các ngươi” chỉ về những người trong đám đông.

Đây là Ê-li

Từ “đây” chỉ về Giăng Báp-tít. Cụm từ nầy là một phép hoán dụ muốn nói rằng Giăng Báp-tít tương đương với tiên tri Ê-li trong thời Cựu Ước, không có nghĩa là Giăng Báp-tít chính là Ê-li.

Ai có tai mà nghe, hãy nghe

Hoặc: “ai có tai, hãy nghe”.

Ai có tai mà nghe

"Ai có thể nghe" hoặc "ai nghe ta"

Hãy nghe

"hãy lắng nghe" hoặc "hãy chú ý điều ta nói"

Matthew 11:16

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu tiếp tục nói với đám đông về Giăng Báp-tít.

Ta phải so sánh…với ai

Mở đầu cho một câu hỏi tu từ. Chúa Giê-xu dùng câu hỏi nầy để đưa đến một phép so sánh giữa những người thời đó và điều bọn trẻ con nói ngoài chợ. Ngài bắt đầu với một câu hỏi tu từ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chùng giống như bọn trẻ con ngồi ngoài chợ, réo gọi nhau
Phép so sánh nầy có thể có nghĩa là 1) Chúa Giê-xu “thổi sáo” và Giăng “than vãn” nhưng “thế hệ nầy” không nhảy múa và khóc thương, tức là phép ẩn dụ chỉ về sự vâng phục, hoặc 2) người Pha-ri-si và các lãnh đạo tôn giáo khác chỉ trích những người dân thường vì không vâng giữ luật pháp mà họ đã thêm vào trong Luật Môi-se.
Thế hệ nầy
"những người đang sống đây" hoặc "những người nầy" hoặc "các ngươi là những người thuộc thế hệ nầy"
Chợ
Đây là một khu vực rộng lớn ở ngoài trời để người ta đến đây bán hàng hóa.
Chúng tôi thổi sáo cho các bạn
Từ “chúng tôi” chỉ về bọn trẻ con ngồi ngoài chợ. Từ “các bạn” chỉ về “thế hệ nầy” hoặc đám đông nghe nhạc mà không đáp ứng.
Sáo
Đây là dụng cụ âm nhạc dài, rỗng, được chơi bằng cách thổi hơi vào trong hay thổi qua một đầu.
Mà các bạn không nhảy múa
"nhưng các bạn không nhảy theo nhạc"
Mà các bạn không than khóc
"nhưng các bạn không than khóc với chúng tôi"
Matthew 11:18
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu kết lại phần nói với đám đông về Giăng Báp-tít.
Không ăn bánh
"không ăn". Không có nghĩa là Giăng không hề ăn. Có thể dịch là: “thường kiên ăn” hoặc “không ăn đồ ngon” (UDB).
Họ nói 'Ông ta bị quỷ ám'
Chúa Giê-xu trích dẫn điều người ta nói về Giăng. Có thể dịch thành câu gián tiếp: “họ nói rằng ông bị quỷ ám” hoặc “họ kết tội ông bị quỷ ám”.
Họ
Đại từ “họ” chỉ về những người thuộc thế hệ hiện tại.
Con Người
Vì Chúa Giê-xu muốn những người ở đó hiểu rằng Ngài là Con Người nên có thể dịch là “Ta, là Con Người”.
Họ nói ‘Kìa, ông ta là kẻ ham ăn
Chúa Giê-xu trích dẫn điều người ta nói về Ngài, tức là Con Người. Có thể dịch thành câu gián tiếp: “họ nói ông là kẻ ham ăn” hoặc “họ lên án ông ăn quá mức”. Nếu bạn dịch cụm từ “Con Người” là “Ta, là Con Người” thì nên dịch thành câu trích dẫn gián tiếp là “họ nói ta là kẻ ham ăn”.
Ông ta là kẻ ham ăn
“ông ta là kẻ tham ăn” hoặc “ông ta ăn quá mức và ăn liên tục”.
Kẻ say sưa
"kẻ say xỉn" hoặc "ông liên tục uống rượu quá mức"
Nhưng sự khôn ngoan được chứng minh bằng những hành động của nàng
Đây có thể là một câu châm ngôn mà Chúa Giê-xu áp dụng cho trường hợp nầy vì những người từ chối cả Ngài lẫn Giăng đều không khôn ngoan. Có thể dịch thành câu chủ động như trong bản Kinh Thánh UDB.
Sự khôn ngoan được chứng minh
Trong câu nói nầy Chúa Giê-xu mô tả sự khôn ngoan như thể nó là một người nữ. Câu nầy không có nghĩa là sự khôn ngoan được sửa cho đúng trước mặt Chúa nhưng là sự khôn ngoan được chứng minh là đúng đắn.
Hành động của nàng
Đại từ “của nàng” chỉ về sự khôn ngoan mà Chúa Giê-xu đã mô tả như thể nó là một người nữ.
Matthew 11:20
Thông Tin Tổng Quát:
Chúa Giê-xu bắt đầu quở trách dân của các thành mà Ngài đã làm phép lạ trước đó.
Quở trách các thành
Chúa Giê-xu dùng phép hoán dụ để lên án dân của các thành nầy vì những việc làm sai trái.
Các thành
"các thành phố"
Là nơi hầu hết các việc quyền năng của Ngài được thi hành
Có thể dịch ở thể chủ động: “là nơi Ngài thi hành hầu hết các việc quyền năng" .
Việc quyền năng
Hoặc: “công việc quyền năng” hoặc “công việc uy quyền” hoặc “phép lạ”.
Vì họ không ăn năn
Đại từ “họ” chỉ về dân chúng trong các thành không chịu ăn năn.
Khốn cho người, thành Cô-ra-xin! Khốn cho ngươi, thành Bết-sai-đa!
Chúa Giê-xu nói như thể dân của các thành Cô-ra-xin và Bết-sai-đa đang nghe Ngài nói nhưng thật ra là không.
Cô-ra-xin…Bết-sai-đa…Ty-rơ…Si-đôn
Tên của các thành phố được dùng làm phép hoán dụ chỉ về những người sống ở các thành đó.
Nếu những việc quyền năng được thực hiện giữa ngươi được thực hiện ở Ty-rơ và Si-đôn
Có thể dịch ở thể chủ động: “Nếu ta thực hiện ở Ty-rơ và Si-đôn những việc quyền năng mà ta đã thực hiện cho các ngươi”. .
Khốn cho ngươi…được thực hiện giữa ngươi
Đại từ “ngươi” ở dạng số ít.
Thì họ đã ăn năn từ lâu rồi
Đại từ “họ” chỉ về dân cư ở Ty-rơ và Si-đôn.
Ăn năn
"bày tỏ rằng họ hối hận về tội lỗi của mình"
Trong ngày phán xét Ty-rơ và Si-đôn sẽ được xử khoan hồng hơn ngươi
"Trong ngày phán xét Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ lòng thương xót cho Ty-rơ và Si-đôn hơn ngươi" hoặc "Trong ngày phán xét, Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt ngươi nghiêm khắc hơn dân thành Ty-rơ và Si-đôn". Câu nầy ngụ ý là “vì ngươi không ăn năn và tin ta dù đã chứng kiến ta làm phép lạ”.
Hơn ngươi
Đại từ “ngươi” ở dạng số ít chỉ về thành Cô-ra-xin và Bết-sai-đa. See:
Matthew 11:23
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục quở trách dân của các thành mà Ngài đã làm phép lạ trước đó.
Ngươi, thành Ca-bê-na-um
Bây giờ Chúa Giê-xu nói với dân thành Ca-bê-na-um như thể họ đang nghe Ngài nói nhưng thật ra không phải. Đại từ “ngươi” trong hai câu nầy ở dạng số ít, chỉ về thành Ca-bê-na-um.
Ca-bê-na-um…Sô-đôm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tên của các thành nầy được dùng làm phép hoán dụ chỉ về những người sống trong Ca-bê-na-um và Sô-đôm.

Ngươi nghĩ ngươi sẽ được tôn lên tận trời sao?

Đây là câu hỏi tu từ qua đó Chúa Giê-xu quở trách dân thành Ca-bê-na-um vì sự kiêu ngạo của họ. Có thể dịch ở thể chủ động: “ngươi sẽ lên tận trời sao?” hoặc “ngươi nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ tôn cao ngươi ư?”

Sẽ được tôn lên

"sẽ được tôn cao"

Ngươi sẽ bị hạ xuống âm phủ

"Đức Chúa Trời sẽ hạ ngươi xuống âm phủ"

Nếu tại Sô-đôm được thực hiện những việc quyền năng đã thực hiện giữa

"nếu ta thực hiện tại Sô-đôm những việc quyền năng đã thực hiện giữa ngươi"

Việc quyền năng

“công việc quyền năng” hoặc “công việc uy quyền” hoặc “phép lạ”.

Nó sẽ vẫn tồn tại

Đại từ “nó” chỉ về thành Sô-đôm.

Trong ngày phán xét đất Sô-đôm sẽ dễ chịu hơn ngươi

Có thể dịch là “Trong ngày phán xét Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ lòng thương xót cho đất Sô-đôm hơn ngươi” hoặc “Trong ngày phán xét Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt ngươi nghiêm khắc hơn dân thành Sô-đôm. Câu nầy có ngụ ý là “vì ngươi không ăn năn và tin ta dù đã chứng kiến ta làm phép lạ”.

Matthew 11:25

Thông Tin Tổng Quát:

Trong câu 25 và 26, Chúa Giê-xu cầu nguyện với Cha thiên thượng ngay giữa đám đông. Trong câu 27, Ngài bắt đầu trở lại nói với dân chúng.

Chúa Giê-xu trả lời và phán

Có thể là 1) các môn đồ được sai đi ở câu 10:5 đã trở về (xem câu 12:1) và Chúa Giê-xu đang đáp lại điều một người đã nói, hoặc 2) Chúa Giê-xu kết lại lời quở trách các thành phố không ăn năn: “hơn nữa, Chúa Giê-xu phán”.

Cha...Con

Đây là những danh hiệu uy quyền mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.

Chúa của trời và đất

Câu nầy có thể được hiểu là một phép hoán dụ mang ý nghĩa là “Chúa của mọi người và mọi vật trên trời, dưới đất” hoặc là “Chúa của cả vũ trụ”.

Cha đã giấu những điều nầy với kẻ khôn ngoan và sáng dạ, mà bày tỏ cho người ít hiểu biết như những trẻ thơ

Không rõ từ “những điều nầy” có nghĩa gì. Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải đề cập cụ thể thì tốt nhất có thể dịch là: “Cha đã bày tỏ cho những người ít học biết chân lí mà Ngài không ban cho những kẻ khôn ngoan và người có học”.

Cha đã giấu những điều nầy với

"Cha đã giấu những điều nầy với" hoặc "Cha không bày tỏ". Động từ ở đây ngược lại với từ “bày tỏ”.

Kẻ khôn ngoan và sáng dạ

"những người không ngoan và sáng dạ". Hoặc: "những người nghĩ mình là khôn ngoan và sáng dạ". (Xem: Irony)

Bày tỏ chúng

"cho biết". Đại từ “chúng” chỉ về “những điều nầy” ở trong câu trước.

Cho người ít hiểu biết như những trẻ thơ

Cả cụm từ nầy dịch ra một từ mang ý nghĩa kết hợp của “trẻ thơ”, “ít học” và “ngu dốt”. Có thể dịch là: “trẻ thơ ngu dốt”.

Như những trẻ thơ

Phép so sánh chỉ về những người không khôn ngoan, ít học, hay những người nhận biết mình thiếu khôn ngoan và ít học.

vì điều nầy đẹp ý Cha

"vì Cha thấy làm vậy là tốt lành"

Mọi sự ta đã được giao từ Cha ta

Có thể dịch ở thể chủ động: “Cha ta đã giao mọi sự cho ta” hoặc “Cha ta đã chuyển mọi sự cho ta”. Mối liên hệ mật thiết đời đời giữa Đức Chúa Cha với Đức Chúa Con là Chúa Giê-xu được mô tả qua mối liên hệ Cha-Con. “Cha” và “Con” là ý tưởng được dùng trong nguyên bản Kinh Thánh đầu tiên để mô tả về mối liên hệ nầy.

Không ai biết Con ngoài Cha

"Chỉ Cha biết Con". Cha và Con chính là những người duy nhất thật sự biết về nhau (cùng với Đức Thánh Linh).

Biết Con

Biết Con với kinh nghiệm cá nhân

Con

Chúa Giê-xu đang nói về chính Ngài bằng ngôi thứ ba.

Không ai biết Cha ngoài Con

"Chỉ Con biết Cha"

Biết Cha

Biết với kinh nghiệm cá nhân

Và người nào Con muốn bày tỏ

Hoặc: "người ta chỉ biết Cha khi nào Con muốn bày tỏ Cha cho họ"

Matthew 11:28

Lời Dẫn :

Chúa Giê-xu kết thúc phần nói với đám đông.

những ai lao khổ và gánh nặng

Phép ẩn dụ nầy chỉ về “cái ách” của luật pháp Do Thái.

Ta sẽ cho các ngươi được an nghỉ

"Ta sẽ cho các ngươi được an nghỉ khỏi lao khổ và gánh nặng"

Các ngươi hãy gánh lấy ách của Ta

Đại từ “các ngươi” trong câu nầy chỉ về “tất cả những ai mệt mỏi và gánh nặng”. Phép ẩn dụ nầy có nghĩa là “hãy nhận lấy việc ta giao cho các ngươi” hoặc “hãy làm việc cùng ta”.

Gánh ta nhẹ nhàng

Từ “nhẹ” ở đây trái nghĩa với từ nặng, không phải trái nghĩa với từ tối.

Translation Questions

Matthew 11:1

Chúa Giê-xu hoàn thành việc gì trước khi rời đi dạy dỗ và rao giảng trong các thành?

Chúa Giê-xu hoàn tất việc truyền dạy mười hai môn đồ trước khi Ngài rời đi.

Matthew 11:9

Chúa Giê-xu nói vai trò của Giăng Báp-tít trong cuộc đời của Ngài là gì?

Chúa Giê-xu nói Giăng Báp-tít là sứ giả đã được nói tiên tri từ trước, người sẽ dọn đường cho Đấng sẽ đến.

Matthew 11:18

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thế hệ nầy nói gì về Giăng Báp-tít, là người đến không ăn bánh, không uống rượu?
Thế hệ nầy nói Giăng Báp-tít bị quỷ ám.
Matthew 11:20
Chúa Giê-xu công bố điều gì trên các thành phố Ngài làm những việc quyền năng mà vẫn không ăn năn?
Chúa Giê-xu công bố sự phán xét nặng nề trên các thành phố Ngài làm những việc quyền năng mà vẫn không ăn năn.
Matthew 11:25
Chúa Giê-xu ngợi khen Cha vì Ngài đã giấu vương quốc thiên đàng khỏi ai?
Chúa Giê-xu ngợi khen Cha vì Ngài đã giấu vương quốc thiên đàng khỏi những kẻ khôn ngoan và người sáng dạ.
Chúa Giê-xu ngợi khen Cha vì Ngài bảy tỏ vương quốc thiên đàng cho ai?
Chúa Giê-xu ngợi khen Cha vì Ngài bảy tỏ vương quốc thiên đàng cho những người đơn sơ như con trẻ.
Matthew 11:28
Chúa Giê-xu hứa ban sự an nghỉ cho ai?
Chúa Giê-xu hứa ban sự an nghỉ cho những ai mệt mỏi và gánh nặng.

Chapter 12
Matthew 12:1
Thông Tin Tổng Quát:
Bắt đầu một phần mới của câu chuyện, ở đây tác giả kể lại sự chống đối chức vụ của Chúa Giê-xu đang gia tăng. Trong đoạn nầy, người Pha-ri-si chỉ trích các môn đồ của Ngài vì bứt lúa vào ngày Sa-bát.
Cánh đồng lúa
Nơi trồng lúa. Nếu từ lúa mì không được biết đến và từ “lúa” quá chung chung thì có thể dịch là “cánh đồng trồng các loại cây để làm bánh mì”.
Bứt bông lúa mì mà ăn…làm điều trái luật trong ngày Sa-bát
Bứt và ăn lúa trong cánh đồng của người khác không bị xem là ăn cắp. Câu hỏi được đặt ra là người ta có được làm việc hợp pháp nầy trong ngày Sa-bát hay không.
Chúng
Bông lúa mì
Bông lúa
Đây là phần trên cùng của cây lúa mì có những hạt chín. Lúa mì là một loại cỏ lớn.
Xem kìa
Có thể dịch là: “nhìn kìa” hoặc “nghe nầy” hoặc “hãy chú ý điều tôi sắp nói”.
Matthew 12:3
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu đáp lại lời chỉ trích của người Pha-ri-si.
Họ…các ngươi
Người Pha-ri-si
Các ngươi từng nghe
Chúa Giê-xu nhẹ nhàng quở trách người Pha-ri-si vì không học hỏi từ điều họ đã đọc. Có thể dịch là: “Các ngươi nên học từ điều mình đã đọc”.
Người
Đa-vít
Bánh cung hiến
Bánh dâng lên cho Đức Chúa Trời bày ra trước mặt ông (UBD)
Những người đi cùng ông
"những người đi cùng Đa-vít"
Chỉ hợp pháp cho các thầy tế lễ
"chỉ các thầy tế lễ mới được phép ăn"
Matthew 12:5
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục đáp lại lời của người Pha-ri-si.
Các ngươi…các ngươi
Người Pha-ri-si
Các ngươi chưa đọc trong "Các ngươi đã đọc sách luật pháp nên các ngươi biết"
Vi phạm ngày Sa-bát
"làm những việc thường ngày vào ngày Sa-bát"
Không mắc tội
"Đức Chúa Trời không trừng phạt họ"
Đấng cao trọng hơn cả đền thờ
"Đấng uy quyền hơn cả đền thờ". Chúa Giê-xu đáng nói Ngài chính là Đấng cao trọng hơn.
Matthew 12:7
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu tiếp tục đáp lại lời người Pha-ri-si.
Thông Tin Tổng Quát:
Trong câu 7, Chúa Giê-xu trích dẫn lời tiên tri Ô-sê để quở trách người Pha-ri-si.
Nếu các ngươi biết
"Các ngươi không biết"
Các ngươi
Người Pha-ri-si
Ta muốn lòng thương xót, chứ không phải sinh tế
Sinh tế là tốt nhưng lòng thương xót là tốt hơn
Điều nầy có nghĩa gì
"Đức Chúa Trời nói gì trong Kinh Thánh"
Ta muốn
Đại từ “ta” chỉ về Đức Chúa Trời.
Matthew 12:9
Thông Tin Tổng Quát:
Đến đây câu chuyện chuyển cảnh sang một thời điểm khác sau đó, lúc nầy người Pha-ri-si chỉ trích Chúa Giê-xu vì chữa lành trong ngày Sa-bát.
Rồi Chúa Giê-xu rời khỏi đó
"Chúa Giê-xu rời khỏi cánh đồng"
Tại đó
Nhà hội của người Pha-ri-si mà Chúa Giê-xu đang nói chuyện
Kìa
Từ “kìa” báo hiệu cho chúng ta biết có một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để thể hiện điều này.
Một bàn tay bị teo
"quắt lại" hay "co lại như nắm đấm"
Matthew 12:11
Lời Dẫn :
Chúa Giê-xu đáp lại lời chỉ trích của người Pha-ri-si.
Người nào trong vòng các ngươi,…không túm lấy…mà kéo lên sao?
Có thể dịch là: “Hết thảy các ngươi…sẽ túm lấy mà kéo lên”.
Họ…các ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người Pha-ri-si

Nếu có

"nếu người đó có"

Kéo lên

"kéo con chiên lên khỏi hố"

Làm việc lành là hợp pháp

“những người làm việc lành không phải là người bất tuân luật pháp” hoặc “những người làm việc lành là người vâng theo luật pháp”

Matthew 12:13

Người đàn ông

Người bị teo tay

Hãy giơ tay ra

"Hãy đưa tay ra" hoặc "Hãy duỗi tay ra"

Người ấy

Người đàn ông

Nó

tay của người đàn ông

được lành

"được chữa lành hoàn toàn" hoặc "lành mạnh trở lại"

Bàn mưu chống

"tính kế hảm hại"

Tìm cách để

"tìm phương để"

Giết Ngài

Giết Chúa Giê-xu

Matthew 12:15

Thông Tin Tổng Quát:

Phần nầy giải thích những việc làm của Chúa Giê-xu làm ứng nghiệm một trong các lời tiên tri của Ê-sai.

Điều nầy

"rằng người Pha-ri-si đang lập mưu để giết Ngài".

Lánh khỏi

"rời khỏi"

Đừng cho người khác biết về Ngài

"đừng nói về Ngài cho ai khác"

Lời phán qua tiên tri Ê-sai rằng

"lời Đức Chúa Trời phán qua điều tiên tri Ê-sai đã chép lại"

Matthew 12:18

Lời Dẫn :

Tại đây tác giả trích lời tiên tri Ê-sai để cho thấy chức vụ của Chúa Giê-xu làm ứng nghiệm lời Kinh Thánh.

Matthew 12:19

Lời Dẫn :

Tác giả tiếp tục trích dẫn lời tiên tri Ê-sai.

Người sẽ chẳng bẻ cây sậy đã giập

"Người sẽ chẳng diệt những kẻ yếu"

Giập

"bị gãy hay bị thương một phần"

Tim đèn gần tàn

Tim đèn sau khi ngọn lửa đã bị thổi tắt tượng trưng cho những người bất lực và chịu số phận bi đát

Cho đến khi

Có thể dịch thành một câu khác là: “đó là điều Người sẽ làm cho đến khi”.

Người đưa công lý đến chiến thắng

"Người thuyết phục dân chúng rằng ta là Đấng công chính"

Trong danh Người

Hoặc: "trong Người"

Matthew 12:22

Người bị mù và câm

"người không thể thấy và không thể nói được".

Cả đám đông đều kinh ngạc

"Tất cả những người nhìn thấy Chúa Giê-xu chữa lành cho người ấy đều vô cùng ngạc nhiên"

Matthew 12:24

Phép lạ nầy

Phép lạ chữa lành người bị quỷ ám, mù và điếc.

Người nầy không thể nào đuổi được quỷ nếu không nhờ Bê-ên-xê-bun

"Người nầy chỉ đuổi được quỷ vì là đầy tớ của Bê-ên-xê-bun"

Người nầy

Người Pha-ri-si không gọi Chúa Giê-xu bằng tên để cho thấy họ bác bỏ Ngài.

Của họ…họ

Người Pha-ri-si

Matthew 12:26

Nếu Sa-tan đuổi Sa-tan

"Nếu Sa-tan chống lại vương quốc của chính nó"

"Nếu Sa-tan chống lại vương quốc của chính nó"

"Vương quốc của Sa-tan không thể tồn tại được" hoặc "vương quốc của Sa-tan sẽ sụp đổ"

Đuổi

"bắt ra" hoặc "bỏ ra ngoài" hoặc "ném ra" hoặc "đem ra"

Môn đệ của các ngươi nhờ ai mà đuổi chúng

Hoặc: "ắt hẳn nhờ quyền phép của Bê-ên-xê-bun mà môn đệ của các ông đuổi được quỷ" (hoặc xem Kinh Thánh bản UDB).

Chúng sẽ là quan án xử các ngươi

Hoặc: "các môn đệ của các ngươi đuổi quỷ nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời sẽ phán xét các ngươi vì nói rằng ta đuổi quỷ nhờ quyền năng của Bê-ên-xê-bun".

Matthew 12:28

Trên các ngươi

Trên người Pha-ri-si

Mà không trói người có sức mạnh trước

"mà không kiểm soát người có sức mạnh trước"

Ai không ở với ta

"ai không ủng hộ ta" hoặc "ai không đồng công với ta"

Là chống lại ta

"làm việc chống lại ta" hoặc "phá hoại công việc của ta"

Thu gom

Đây là từ dùng cho việc thu hoạch vụ mùa.

Matthew 12:31

Với các ngươi

Với người Pha-ri-si

Mọi tội lỗi và lời phạm thượng đều được tha cho loài người

"Đức Chúa Trời sẽ tha thứ mọi tội lỗi và lời phạm thượng mà con người vấp phạm" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho tất cả những người phạm tội hay phạm thượng"

phạm thượng đến Thánh Linh sẽ chẳng được tha

"Đức Chúa Trời sẽ không tha thứ cho lời phạm thượng đến Thánh Linh"

Ai nói nghịch với Con Người thì sẽ được tha

"Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho những lời nói nghịch với Con Người"

Đời nầy…đời sẽ đến

Hoặc: "thời nầy…thời sẽ đến"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Matthew 12:33
Trồng cây tốt thì quả sẽ tốt còn trồng cây xấu thì quả sẽ xấu
"Nếu quả tốt thì cây cũng tốt, còn quả xấu thì cây cũng xấu"
Tốt…xấu
Có thể là 1) “khỏe mạnh…ốm yếu” hoặc 2) “ăn được…độc hại”.
Nhờ xem quả mà biết cây
Có thể là 1) “người ta biết được cây có khỏe mạnh hay không nhờ xem trái của nó” hoặc 2) “người ta biết đó là loài cây gì nhờ xem trái của nó”.
Các ngươi
Người Pha-ri-si
Vì chất chứa trong lòng mà miệng nói ra
"người ta nói ra điều gì ở trong lòng họ"
Kho tàng tốt…kho tàng xấu
"ý nghĩ công bình…ý nghĩ gian ác"
Matthew 12:36
Các ngươi…của các ngươi
Người Pha-ri-si
người ta sẽ khai trình
"Đức Chúa Trời sẽ hỏi họ về" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ phán xét giá trị của"
Vô ích
"vô dụng". Hoặc: "gây hại".
Họ
"người ta"
Các ngươi sẽ được minh chứng…các ngươi sẽ bị định tội
"Đức Chúa Trời sẽ minh chứng cho các ngươi…Đức Chúa Trời sẽ kết án các ngươi"
Matthew 12:38
Mong muốn
"muốn"
Thế hệ hung ác và gian dâm
Những người sống trong thời đó thích làm điều gian ác và không trung thành với Đức Chúa Trời.
Sẽ chẳng có một dấu lạ nào được ban cho chúng
"Đức Chúa Trời sẽ không ban một dấu lạ nào cho thế hệ hung ác và gian dâm nầy".
Dấu lạ của Giô-na
Hoặc: “điều xảy ra cho Giô-na” hoặc “phép lạ Đức Chúa Trời làm cho Giô-na”.
Trong lòng đất
Trong hầm mộ
Matthew 12:41
Người Ni-ni-ve sẽ đứng dậy…cùng thế hệ nầy…và kết án nó
Hoặc: "Người Ni-ni-ve sẽ lên án thế hệ nầy… Đức Chúa Trời sẽ nghe lời buộc tội của họ và kết án các ngươi” hoặc “Đức Chúa Trời sẽ phán xét cả dân Ni-ni-ve… và thế hệ nầy là phạm tội, nhưng vì họ ăn năn còn các ngươi thì không nên Ngài sẽ kết ác các ngươi mà thôi” (Xem: Metonymy).
Thế hệ nầy
Những người sống trong thời Chúa Giê-xu giảng dạy
Có một người cao trọng hơn
"có một người uy quyền hơn"
Matthew 12:42
Nữ hoàng nam phương sẽ trỗi dậy…cùng những người của thế hệ nầy mà lên án nó
Hoặc: "Nữ hoàng nam phương sẽ lên án thế hệ này...Đức Chúa Trời sẽ nghe lời buộc tội của bà và kết án họ” hoặc “Đức Chúa Trời sẽ phán xét cả nữ hoàng nam phương…và thế hệ nầy là phạm tội, nhưng vì bà đến nghe lời vua Sa-lô-môn còn các ngươi không nghe lời ta nên Ngài sẽ kết án các người mà thôi”.
Nữ hoàng nam phương
Chỉ về nữ hoàng Sê-ba, một vương quốc ngoại bang.
Bà đến từ đầu cùng trái đất
"Bà đến từ rất xa"
Thế hệ nầy
Những người sống trong thời Chúa Giê-xu giảng dạy
Có người cao trọng hơn
"có người uy quyền hơn"
Matthew 12:43
Nơi không có nước
"nơi khô cằn" hoặc "nơi không có người ở"
Không tìm được
"không tìn được chỗ nghỉ nào"
Nó nói
"uế linh nói"
Nó thấy nhà quét dọn sạch và sắp đặt ngăn nắp
Hoặc: "uế linh thấy có người đã quét dọn ngôi nhà sạch sẽ và sắp đặt mọi thứ trong nhà đâu vào đó".
Matthew 12:46
Mẹ Ngài
Mẹ về phần xác của Chúa Giê-xu
Các anh em Ngài
Có thể là 1) các anh em ruột hoặc anh em họ hoặc 2) những người bạn thân thiết trong Y-sơ-ra-ên.
Tìm
"muốn"
Matthew 12:48
Người nói với Ngài
"người báo với Chúa Giê-xu rằng mẹ và các anh em muốn gặp Ngài"
Ai là mẹ ta, ai là anh em ta?
Hoặc: "Ta sẽ cho ngươi biết ai thật sự là mẹ và anh em ta".
Ai
"hễ ai"
Cha
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Matthew 12:18
Trong lời tiên tri của Ê-sai về Chúa Giê-xu, ai sẽ là người nghe sự phán xét của Đức Chúa Trời mà tin Chúa Giê-xu?
Dân ngoại sẽ nghe sự phán xét của Đức Chúa Trời mà tin Chúa Giê-xu.
Matthew 12:19
Trong lời tiên tri của Ê-sai về Chúa Giê-xu, Chúa Giê-xu sẽ không làm gì?
Chúa Giê-xu sẽ không cải vã, không gào la, chẳng bẻ cây sậy đã giập và tắt tim đèn gần tàn.
Matthew 12:26
Chúa Giê-xu đáp lại như thế nào với lời buộc tội rằng Ngài nhờ Bê-ên-xê-bun mà đuổi quỷ?
Chúa Giê-xu đáp rằng nếu Sa-tan đuổi Sa-tan thì vương quốc của nó làm sao đứng vững được.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Matthew 12:28
Chúa Giê-xu nói điều gì xảy đến nếu Ngài nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời mà đuổi quỷ?
Chúa Giê-xu nói rằng nếu Ngài nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời mà đuổi quỷ thì vương quốc của Đức Chúa Trời đã đến với họ rồi.
Matthew 12:31
Chúa Giê-xu nói tội lỗi nào sẽ không được tha?
Chúa Giê-xu nói tội phạm thượng đến Đức Thánh Linh sẽ không được tha.
Matthew 12:33
Một cái cây được nhận biết nhờ đâu?
Một cái cây được nhận biết nhờ trái của nó.
Matthew 12:41
Chúa Giê-xu nói ai cao trọng hơn Giô-na?
Chúa Giê-xu nói Ngài cao trọng hơn Giô-na.
Tại sao người Ni-ni-ve và nữ hoàng nam phương sẽ lên án những người trong thế hệ của Chúa Giê-xu?
Người Ni-ni-ve và nữ hoàng nam phương sẽ lên án những người trong thế hệ của Chúa Giê-xu vì họ nghe lời Chúa qua Giô-na và Sa-lô-môn, còn thế hệ của Chúa Giê-xu thậm chí không chịu nghe lời Con Người, là Đấng lớn hơn cả Giô-na và Sa-lô-môn.
Matthew 12:42
Chúa Giê-xu nói ai cao trọng hơn Sa-lô-môn?
Chúa Giê-xu nói Ngài cao trọng hơn Sa-lô-môn.
Tại sao người Ni-ni-ve và nữ hoàng nam phương sẽ lên án những người trong thế hệ của Chúa Giê-xu?
Người Ni-ni-ve và nữ hoàng nam phương sẽ lên án những người trong thế hệ của Chúa Giê-xu vì họ nghe lời Chúa qua Giô-na và Sa-lô-môn, còn thế hệ của Chúa Giê-xu thậm chí không chịu nghe lời Con Người, là Đấng lớn hơn cả Giô-na và Sa-lô-môn.
Matthew 12:43
Thế hệ của Chúa Giê-xu sẽ giống với một người được uế linh ra khỏi như thế nào?
Thế hệ của Chúa Giê-xu sẽ giống với một người khi uế linh ra khỏi vì nó sẽ trở lại với bảy linh khác và tình trạng của người đó cuối cùng còn tệ hơn trước.
Matthew 12:46
Chúa Giê-xu gọi ai là anh chị em và là mẹ Ngài?
Chúa Giê-xu gọi những người thực hiện ý muốn của Cha là anh chị em và là mẹ Ngài.

Chapter 13
Matthew 13:1
Trong ngày ấy
Những sự kiện nầy xảy ra cùng một ngày với chương trước.
Ra khỏi nhà
Không đề cập Chúa Giê-xu đang ở nhà ai.
Xuống thuyền
Có thể là một chiếc thuyền buồm đánh cá bằng gỗ.
Matthew 13:3
Chúa Giê-xu dùng ẩn dụ để nói với họ nhiều điều
"Chúa Giê-xu nói với họ nhiều điều bằng ẩn dụ"
Với họ
Với dân chúng trong đám đông
Nầy
Hoặc: "kìa" hoặc "nghe đây" hoặc "hãy chú ý điều ta sắp nói".
Một người đi ra gieo giống
"một người nông dân đi ra vãi hạt giống trên cánh đồng"
Khi người đó gieo
"Khi người nông dân gieo"
bên đường
“Đường” cạnh cánh đồng. Đất sẽ cứng vì người ta đi trên đó.
Ăn chúng
"ăn hết hạt giống"
Đất đá
Đất cạn ở trên đá sỏi
Chúng liền mọc lên
"Hạt giống nhanh chóng nẩy chồi và mọc lên"
Chúng bị thiêu đốt
"mặt trời thiêu đốt cây và chúng bị nóng quá mức"
Chúng chết héo
"cây bị khô và chết"
Matthew 13:7
Rơi giữa bụi gai
"Rơi vào chỗ có bụi gai mọc"
Làm chúng nghẹt ngòi
"Làm nghẹt ngòi chồi cây mới". Dùng cách nói thông thường mô tả cách cỏ dại làm cho các cây khác không thể sinh trưởng tốt.
Kết hạt
"cho mùa màng" hoặc "sinh ra nhiều hạt hơn" hoặc "kết quả"
Ai có tai, hãy nghe
Hoặc: "Ai có tai mà nghe, hãy nghe"
Ai có tai
"Ai có thể nghe" hoặc "ai nghe ta"
Hãy nghe
"hãy lắng nghe" hoặc "hãy chú ý điều ta nói"
Matthew 13:10
Với họ
Với các môn đồ
Các con đã được ban cho đặc ân để hiểu biết về những mầu nhiệm của vương quốc thiên đàng, còn họ thì không được ban cho
Có thể dịch ở thể chủ động và làm rõ ngụ ý: “Đức Chúa Trời đã ban cho các con đặc ân để hiểu biết về những mầu nhiệm của vương quốc thiên đàng, nhưng Ngài không ban nó cho những người nầy” hoặc “Đức Chúa Trời khiến các con có thể hiểu được những mầu nhiệm của vương quốc thiên đàng, nhưng Ngài không ban cho những người nầy”.
Các con
Các môn đồ
Những mầu nhiệm
Nhưng chân lí được giấu kín mà bây giờ Chúa Giê-xu bày tỏ. Hoặc: “những bí ẩn” hoặc “những chân lí giấu kín”.
Ai có
"ai hiểu được" hoặc "ai nhận được điều ta dạy dỗ"
Sẽ được cho thêm
Có thể dịch ở thể chủ động là: “Đức Chúa Trời sẽ cho người đó thêm sự hiểu biết”.
Người đó sẽ được dư dật

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"người đó sẽ hiểu tường tận"

Ai không có

"ai không có sự hiểu biết" hoặc "ai không nhận được điều ta dạy dỗ"

Sẽ bị cất luôn điều mình có

Có thể dịch ở thể chủ động là: “Đức Chúa Trời sẽ cất luôn điều người đó có”.

Matthew 13:13

Ta nói với họ

Đại từ “họ” trong hai câu nầy chỉ về dân chúng trong đám đông.

Vì dù họ thấy nhưng không thật sự thấy, dù họ nghe nhưng không thật sự nghe

Chúa Giê-xu dùng cách nói song song nầy để cho các môn đồ biết rằng đám đông không muốn hiểu.

Dù họ thấy nhưng không thật sự thấy

"dù họ nhìn thấy nhưng không hiểu được". Từ “thấy” thứ hai có nghĩa là hiểu.

Dù họ nghe nhưng không thật sự nghe, họ cũng không hiểu được

Có thể nói rõ điều được nghe là gì. Gợi ý dịch: “dù họ nghe lời chỉ dạy nhưng không hiểu được chân lí”.

Các ngươi lắng thì nghe, nhưng hẳn chẳng hiểu chi, các ngươi xem thì thấy, nhưng hẳn chẳng nhận biết gì

Bắt đầu câu trích dẫn lời của tiên tri Ê-sai về những người vô tín trong thời Ê-sai. Chúa Giê-xu dùng câu này để mô tả đám đông đang nghe Ngài. Đây cũng là một lối nói song song.

Các ngươi lắng thì nghe, nhưng hẳn chẳng hiểu chi

“Các ngươi sẽ nghe nhưng không hiểu”. Có thể nói rõ điều được nghe là gì. Gợi ý dịch: “Các ngươi sẽ nghe lời chỉ dạy nhưng không hiểu được chân lí”.

Các ngươi xem thì thấy, nhưng hẳn chẳng nhận biết gì

"các ngươi sẽ thấy mà không hiểu”.

Matthew 13:15

Lòng dân nầy đã trở nên chậm hiểu

"dân nầy không còn học được nữa".

Họ nặng tai

"họ không muốn nghe nữa".

Họ nhắm mắt

"họ không muốn nhìn"

Để họ không thấy bằng mắt, nghe bằng tai, hay hiểu trong lòng mà trở lại

" Để họ không thể thấy được bằng mắt, nghe được bằng tai, hay hiểu được trong lòng mà nhờ đó trở lại"

Trở lại

"quay lại" hoặc "ăn năn"

Ta sẽ chữa lành cho họ

"khiến ta chữa lành cho họ". Có thể dịch là: "khiến ta lại tiếp nhận họ."

Matthew 13:16

Của các con…các con

Chúa Giê-xu đang nói với các môn đồ.

Vì chúng thấy được

"vì chúng có thể nhìn thấy" hoặc "vì chúng có khả năng nhìn thấy"

Vì chúng nghe được

"vì chúng có thể nghe" hoặc "vì chúng có khả năng nhìn thấy"

Điều các con thấy

"điều các con thấy ta làm"

Điều các con nghe

"điều các con nghe ta nói"

Matthew 13:18

quỷ dữ đến cướt lấy điều đã gieo trong lòng người

"Sa-tan khiến người ấy quên đi lời của Đức Chúa Trời họ đã nghe".

Cướp lấy

Dùng từ mang ý nghĩa tướt đoạt điều gì đó khỏi người có quyền sở hữu nó.

Điều đã gieo trong lòng người

Có thể dịch ở thể chủ động: “đạo Đức Chúa Trời đã gieo trong lòng người”.

Trong lòng người

Trong lòng người nghe

Ấy là người được gieo bên vệ đường

Nếu dịch sát theo chữ khiến câu vô nghĩa thì cố gắng dịch sao cho người nghe hiểu rằng Chúa Giê-xu là người gieo giống, sứ điệp là hạt giống và người nghe là đất dọc đường. Gợi ý dịch: “Đây là điều xảy ra cho trường hợp hạt giống được gieo bên vệ đường”.

Vệ đường

"Con đường" hoặc "đường đi". Dịch như ở câu 13:4.

Matthew 13:20

Người được gieo trên đất đá

Nếu dịch sát theo chữ khiến câu vô nghĩa thì cố gắng dịch sao cho người nghe hiểu rằng Chúa Giê-xu là người gieo giống, sứ điệp là hạt giống và người nghe là đất đá. Gợi ý dịch: “Đây là điều xảy ra cho trường hợp hạt giống được gieo trên đất đá”.

Người ấy không có rễ

"người ấy đâm rễ cạn cợt" hoặc "người ấy không chừa chỗ cho nó đâm rễ"

Vì đạo

"vì sứ điệp"

Người ấy liền vấp ngã

"lập tức người ấy vấp ngã" hoặc "người ấy liền từ bỏ đức tin"

Matthew 13:22

Người được gieo giữa bụi gai…người được gieo trên đất tốt

Nếu dịch sát theo chữ khiến câu vô nghĩa thì cố gắng dịch sao cho người nghe hiểu rằng Chúa Giê-xu là người gieo giống, sứ điệp là hạt giống và người nghe là đất mọc gai. Có thể dịch là: “Đây là điều xảy ra cho trường hợp hạt giống được gieo trên đất có gai mọc…đây là điều xảy ra cho trường hợp hạt giống được gieo trên đất tốt”.

Đạo

"sứ điệp"

Những sự lo lắng về đời nầy, sự lừa dối của giàu sang làm cho đạo bị nghẹt ngòi nên người ấy không kết quả

Hoặc: "như cỏ dại cản trở những cây tốt sinh trưởng thì sự lo lắng về đời nầy, sự lừa dối của giàu sang khiến cho người ấy không kết quả"

Những sự lo lắng về đời nầy

"những điều mà người ta lo lắng trong đời nầy"

Không kết quả

"không sinh lợi"

Đây là người thật sự kết quả và gieo trồng nó

"Đây là những người kết quả và sinh lợi" hoặc "giống như

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cây trồng khỏe sinh ra trái tốt, những người nầy cũng được kết quả".
Matthew 13:24
Chúa Giê-xu kể cho họ một ẩn dụ khác
Chúa Giê-xu kể một ẩn dụ khác cho đám đông.
Vương quốc thiên đàng giống như một người
Bản dịch cần cho thấy rõ vương quốc thiên đàng không phải là một người, nhưng vương quốc thiên đàng giống với tình huống được mô tả trong ẩn dụ. *See:
Giống tốt
"giống lương thực tốt" hoặc "giống lúa tốt". Người nghe có thể nghĩ rằng Chúa Giê-xu đang nói về lúa mì.
Kẻ thù của người ấy đến
"Kẻ thù của người ấy đi đến cánh đồng".
Cỏ dại
Khi còn nhỏ loại cỏ nầy trông giống cây lương thực nhưng sinh ra loại hạt độc hại. Có thể dịch là “giống xấu” hoặc “giống cỏ dại” (UDB).
Khi lúa mọc lên
"khi hạt lúa mì mọc lên" hoặc "khi cây mọc lên"
Kết hạt
"Tạo ra hạt" hoặc "kết hạt lúa mì"
Thì cỏ dại cũng xuất hiện
Hoặc: "thì người ta thấy trong cánh đồng cũng có cỏ dại"
Matthew 13:27
Chủ nông trại
Đây cũng là người gieo giống tốt trong cánh đồng.
Chẳng phải chủ đã gieo giống tốt trong đồng ruộng của chủ sao?
"chủ đã gieo giống tốt trong đồng ruộng". Có thể chủ nông trại sai các đầy tớ gieo trồng hạt giống. .
Chủ đáp cùng họ
"Chủ đáp cùng các đầy tớ"
Vậy chủ có muốn chúng tôi
Từ “chúng tôi” chỉ về các đầy tớ.
Matthew 13:29
Chủ đáp
"Chủ đáp cùng các đầy tớ của ông"
Ta sẽ bảo thợ gặt: “Trước hết, nhổ cỏ dại rồi bó chúng lại từng bó mà đốt đi, nhưng hãy thâu trữ lúa mì vào kho ta”
Có thể dịch thành câu gián tiếp: “Ta sẽ bảo thợ gặt trước hết, nhổ cỏ dại rồi bó chúng lại từng bó mà đốt đi, sau đó thâu trữ lúa mì vào kho ta”.
Kho ta
Kho là một căn nhà nông trại có thể dùng để thu trữ lúa.
Matthew 13:31
Chúa Giê-xu phán với họ một ẩn dụ khác
"Chúa Giê-xu phán với đám đông một ẩn dụ khác"
Vương quốc thiên đàng giống như
Xem cách dịch ở câu 13:24
Hạt cải
Một loại hạt rất nhỏ mọc lên thành cây lớn (See:
Hạt ấy thật nhỏ nhất trong tất cả các hạt giống
Theo hiểu biết của người nghe thời bấy giờ thì hạt cải là loại hạt nhỏ nhất.
Nhưng khi nó mọc lên
"Nhưng khi cây mọc lên"
Trở thành cây
"trở thành một bụi cây lớn" (See: and and
Chim trời
"chim"
Matthew 13:33
Rồi Chúa Giê-xu phán với họ một ẩn dụ khác
"Rồi Chúa Giê-xu phán với đám dông một ẩn dụ khác"
Vương quốc thiên đàng giống như
Xem cách dịch ở câu 13:24. Vương quốc không giống như men, nhưng sự lan rộng của vương quốc giống như sự lây lan của men.
Ba đấu bột
"rất nhiều bột" hoặc dùng từ ngữ trong văn hóa của bạn chỉ về một lượng bột lớn.
Cho đến khi nó dậy lên
Cho đến khi bột dậy lên. Ở đây ngụ ý là men và ba đấu bột được nhào thành bột để nướng bánh.
Matthew 13:34
Chúa Giê-xu dùng ẩn dụ để phán mọi điều đó cho dân chúng. Ngài không phán điều gì cùng họ mà không dùng ẩn dụ.
Trật tự sắp xếp từ “ẩn dụ…phán…phán…ẩn dụ” là cách để nhấn mạnh rằng Ngài phán với họ bằng ẩn dụ.
Mọi điều đó
Chỉ về những điều Chúa Giê-xu giảng dạy bắt đầu từ câu 13:1.
Ngài không phán điều gì cùng họ mà không dùng ẩn dụ.
"Ngài không phán điều gì với họ ngoại trừ qua những ẩn dụ". Hoặc: "mọi điều Ngài phán với họ Ngài đều dùng ẩn dụ".
Lời phán qua nhà tiên tri được ứng nghiệm khi ông nói rằng
Có thể dịch ở thể chủ động: “Ngài làm ứng nghiệm điều Đức Chúa Trời truyền cho một trong các tiên tri ghi lại từ xưa”
Khi ông nói rằng
"khi nhà tiên tri nói rằng"
Những điều kín giấu
Có thể dịch ở thể chủ động: “những điều Đức Chúa Trời giấu kín”.
Từ buổi sáng thế
"từ khi thế giới bắt đầu" hoặc "từ khi Đức Chúa Trời dựng nên thế giới"
Matthew 13:36
Vào nhà
"vào trong nhà" hoặc "đi vào nhà Ngài đang ở".
Người gieo
"Người gieo giống "
Con Người
Chúa Giê-xu đang chỉ về chính Ngài.
Con cái của vương quốc
"những người thuộc về vương quốc"
Con cái của quỷ dữ
"những người thuộc về quỷ dữ"
Kẻ thù gieo chúng
Kẻ thù gieo cỏ dại.
Ngày tận thế
"cuối cùng của thời đại"
Matthew 13:40
Bởi đó, như cỏ dại bị gom lại và đốt trong lửa
Có thể dịch ở thể chủ động: “Bởi đó, như người ta gom cỏ dại và đốt chúng trong lửa”.
Ngày tận thế
"cuối cùng của thời đại"
Con Người sẽ sai thiên sứ Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Giê-xu đang nói về chính Ngài. Có thể dịch là: “Ta, là Con Người, sẽ sai thiên sứ của ta”.

Những kẻ phạm tội

"những kẻ trái luật pháp" hoặc "kẻ gian ác"

Lò lửa

Hoặc: "lò lửa hực". Nếu “lò lửa” không phổ thông, thì có thể dùng từ “lò nướng”.

tỏa sáng như mặt trời

"dễ dàng nhìn thấy như mặt trời"

Ai có tai, hãy nghe

Hoặc: "người nào có tai, hãy nghe" hoặc "các ngươi có tai thì hãy nghe".

Matthew 13:44

Vương quốc thiên đàng giống như

Xem cách dịch ở câu 13:24.

Giống như kho báu chôn giấu trong một đồng ruộng

Kho báu là một vật hoặc tập hợp nhiều vật rất giá trị và quý báu. Có thể dịch ở thể chủ động: “kho báu có người chôn giấu trong một đồng ruộng”.

Giấu đi

"phủ lại"

bán mọi thứ mình có mà mua đồng ruộng ấy

Ngụ ý rằng người đó mua cánh đồng để sở hữu kho báu được chôn giấu.

Một thương gia

Thương gia là nhà buôn hay người bán sỉ, thường lấy hàng từ những nơi xa.

giống như một thương gia đi tìm ngọc trai quý

Ngụ ý rằng ông đang tìm ngọc trai quý để mua.

Ngọc trai quý

“Ngọc trai” là một loại hạt nhẵn, cứng, sáng bóng, có màu trắng hoặc màu sáng được tạo nên bên trong động vật thân mềm ở biển. Chúng được đánh giá cao như đá quý hoặc dùng để làm trang sức quý giá. Gợi ý dịch: “ngọc trai tốt” hay “ngọc trai đẹp”.

Matthew 13:47

Vương quốc thiên đàng giống như

Xem cách dịch ở câu 13:24. Vương quốc không giống như cái lưới, nhưng vương quốc thu hút mọi hạng người giống như lưới bắt mọi thứ cá.

Giống như một cái lưới được thả xuống biển

Có thể dịch ở thể chủ động: “giống như một cái lưới ngư phủ thả xuống biển”.

Một cái lưới được thả xuống biển

"một cái lưới được ném xuống hồ"

Gom đủ mọi loài

" bắt đủ mọi thứ cá"

kéo nó lên bờ

"kéo lưới lên bờ" hoặc "kéo lưới vào bờ"

Thứ tốt

"loại cá tốt"

Những thứ vô dụng

"cá xấu" hoặc "cá không ăn được"

Vứt bỏ

"không giữ lại"

Matthew 13:49

Ngày tận thế

"cuối cùng của thời đại"

Đến

"xuất hiện" hoặc "đi ra" hoặc "đến từ trời"

Ném chúng

"ném kẻ ác"

Lò lửa

Đây là phép ẩn dụ chỉ về lửa địa ngục. Có thể dịch là: “lò lửa hực”.

Nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng

"nơi kẻ ác sẽ khóc lóc và nghiến răng"

Matthew 13:51

“Các con có hiểu mọi điều đó không?” Các môn đồ thưa: “Dạ hiểu.”

Nếu cần có thể dịch thành câu gián tiếp là “Chúa Giê-xu hỏi họ có hiểu mọi điều đó không và họ trả lời là có”.

Trở thành môn đệ của

"đã học biết về"

Kho báu

Kho báu là một vật hoặc tập hợp nhiều vật rất giá trị và quý báu. Ở đây có thể chỉ về nơi chứa kho báu, tức là “kho bạc” hoặc “phòng kho”.

Matthew 13:54

Vùng của Ngài

"quê hương của Ngài"

Trong nhà hội của họ

Đại từ “của họ” chỉ về những người trong vùng đó.

Họ rất kinh ngạc

"họ rất sửng sốt"

Những phép lạ nầy

"do đâu người có quyền năng làm những phép lạ nầy"

Con trai người thợ mộc

Thợ mộc là người làm các vật bằng gỗ và đá. Nếu không biết từ “thợ mộc” thì có thể dùng từ “thợ xây”.

Matthew 13:57

Họ vấp phạm vì Ngài

“Dân chúng ở quê hương của Chúa Giê-xu xúc phạm đến Ngài” hoặc “...không chấp nhận Ngài”

Nhà tiên tri không bị xem thường

"Nhà tiên tri được tôn trọng ở mọi nơi" hoặc "Nhà tiên tri nhận được sự tôn trọng ở mọi nơi" hoặc "dân ở mọi nơi tôn trọng nhà tiên tri"

Quê hương mình

"vùng của mình" hoặc "quê nhà mình"

Gia đình mình

"nhà mình"

Ngài không làm nhiều phép lạ tại đó

“Chúa Giê-xu không làm nhiều phép lạ tại quê hương mình”

Translation Questions

Matthew 13:7

Trong ẩn dụ của Chúa Giê-xu về người gieo giống, điều gì xảy ra cho hạt giống rơi vào bụi gai?

Hạt giống rơi vào bụi gai bị chúng làm cho nghẹt ngòi.

Matthew 13:15

Những người nghe Chúa Giê-xu mà không hiểu gặp vấn đề gì?

Những người nghe Chúa Giê-xu mà không hiểu có lòng khờ dại, tai nặng và mắt nhắm.

Matthew 13:20

Trong ẩn dụ về người gieo giống, hạt giống rơi trên đất đá là loại người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nào?
Hạt giống rơi trên đất đá là người nghe đạo và vui mừng tiếp nhận ngay nhưng khi gặp bắt bớ thì liền vấp ngã.
Matthew 13:22
Trong ẩn dụ về người gieo giống, hạt giống rơi vào bụi gai là loại người nào?
Hạt giống rơi vào bụi gai là người nghe đạo, nhưng sự lo lắng về đời này và ham mê giàu sang làm cho đạo bị nghẹt ngòi.
Matthew 13:31
Trong ẩn dụ về hạt cải của Chúa Giê-xu, điều gì xảy ra cho hạt cải nhỏ?
Hạt cải trở thành một cây lớn hơn những thứ rau khác trong vườn đến nỗi chim đến làm tổ trên cành của nó
Matthew 13:33
Chúa Giê-xu nói vương quốc thiên đàng giống như men như thế nào?
Chúa Giê-xu phán rằng vương quốc thiên đàng giống như men trộn với ba đấu bột cho đến khi bột dậy cả lên.
Matthew 13:44
Trong ẩn dụ của Chúa Giê-xu, khi một người tìm được kho báu trong đồng ruộng, tượng trưng cho vương quốc thiên đàng thì người đó làm gì?
Người tìm thấy kho báu đi bán mọi thứ mình có mà mua đồng ruộng đó.
Matthew 13:47
Ẩn dụ về lưới đánh cá giống với việc xảy ra vào ngày tận thế như thế nào?
Cũng như những thứ vô giá trị trong lưới bị tách ra khỏi cá tốt rồi bị vứt bỏ, vào ngày tân thế kẻ ác cũng sẽ bị tách ra khỏi người công bình và bị ném vào lò lửa.
Matthew 13:54
Những người trong vùng của Chúa Giê-xu hỏi gì về Ngài khi nghe Ngài giảng dạy?
Người ta hỏi rằng “Nhờ đâu người này có được sự khôn ngoan và những phép lạ nầy?”
Matthew 13:57
Chúa Giê-xu nói điều gì xảy ra cho nhà tiên tri tại quê hương của người đó?
Chúa Giê-xu phán rằng nhà tiên tri không được tôn trọng ở quê hương mình.

Chapter 14
Matthew 14:1
Vào thời gian đó
"Vào thời ấy" hoặc "Khi Chúa Giê-xu đang thi hành chức vụ tại Ga-li-lê".
Vua chư hầu Hê-rốt
Hê-rốt An-ti-pa, cai trị một phần bốn lãnh thổ Y-sơ-ra-ên
Nghe tin về Chúa Giê-xu
"nghe báo cáo về Chúa Giê-xu" hoặc "nghe danh tiếng Chúa Giê-xu"
Ông bảo
"Hê-rốt bảo"
Matthew 14:3
Hê-rốt đã bắt Giăng, trói và bỏ tù ông
Nhiều khả năng là Hê-rốt ra lệnh cho người khác làm những việc đó cho ông.
Hê-rốt đã bắt Giăng
"Hê-rốt đã bắt giữ Giăng"
Vì Giăng có nói với vua rằng “Bệ hạ cưới nàng làm vợ là điều trái luật pháp".
"Vì Giăng có nói với vua rằng vua cưới nàng làm vợ là điều trái luật pháp"
Vì Giăng có nói với vua
"Vì Giăng không ngừng nói với Hê-rốt".
Trái luật pháp
Phi-líp vẫn còn sống khi Hê-rốt cưới Hê-rô-đia.
Matthew 14:6
Giữa
giữa các quan khách đang tham dự tiệc sinh nhật tại đó
Matthew 14:8
Sau khi được mẹ xui bảo
Hoặc: "Sau khi mẹ cô xui bảo".
Xui bảo
"gợi ý"
Cô tâu
Đại từ “cô” chỉ về con gái của Hê-rô-đia.
Mâm
đĩa lớn
Vua rất buồn rầu vì lời thỉnh cầu của cô
"Lời thỉnh cầu của cô khiến vua rất buồn rầu".
Vua
Vua chư hầu Hê-rốt An-ti-pa (MAT14:01
Matthew 14:10
Đầu ông được để trên một cái mâm, mang đến cho cô gái
"người ta để đầu ông trên một cái mâm, mang đến cho cô gái"
Mâm
Đây là một cái đĩa lớn.
Cô gái
Dùng từ chỉ về một cô gái trẻ, chưa kết hôn.
Các môn đồ của ông
"các môn đồ của Giăng"
Thi thể
"xác"
Họ đi báo tin cho Chúa Giê-xu
"Các môn đồ của Giăng đi thuật lại cho Chúa Giê-xu chuyện đã xảy ra cho Giăng Báp-tít"
Matthew 14:13
Nghe tin ấy
"nghe điều đã xảy ra cho Giăng" hoặc "nghe tin về Giăng".
Ngài rút khỏi
Ngài đi khỏi đám đông
Khỏi đó
"khỏi nơi đó"
Khi đám đông nghe vậy
"Khi đám đông nghe được Chúa Giê-xu đi đến đâu" hoặc "Khi đám đông nghe được Ngài đã rời đi"
Đám đông
"đoàn dân đông" hoặc "dân chúng"
Khi Chúa Giê-xu đến trước họ và thấy đoàn dân đông
"Khi Chúa Giê-xu vào bờ thì Ngài thấy một đoàn dân đông".
Matthew 14:15
Các môn đồ đến gặp Ngài
"Các môn đồ của Chúa Giê-xu đến gặp Ngài"
Matthew 14:16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ không cần phải
"Đoàn dân đông không cần phải"
Các con hãy cho họ
Từ “các con” ở dạng số nhiều, chỉ về các môn đồ.
Họ thưa cùng Ngài
"Các môn đồ thưa cùng Chúa Giê-xu"
Năm ổ bánh và hai con cá
"5 ổ bánh và 2 con cá"
Hãy đem chúng đến cho ta
"Hãy đem bánh và cá đến cho ta"
Matthew 14:19
Ngồi xuống
Hoặc "nằm xuống". Dùng từ chỉ về tư thế khi ăn trong văn hóa của bạn.
Lấy
"cầm trong tay". Ngài không ăn trộm chúng.
Bánh
"những ổ bánh" hoặc "toàn bộ số bánh"
Nhìn lên
Có thể là 1) “Trong khi nhìn lên” hoặc 2) “Sau khi nhìn lên”.
Họ thu lại
"Các môn đồ gom lại".
Những người ăn
"Những người ăn bánh và cá".
Matthew 14:22
Lập tức
"Ngay sau khi Chúa Giê-xu cho năm ngàn người ăn"
Khi bóng tối đã bao trùm
"Ban đêm" hoặc "khi trời tối"
Gần như mất kiểm soát do sóng biển
"Sóng biển đập vào thuyền".
Matthew 14:25
Đi bộ trên biển
"đi bộ trên mặt nước"
Họ khiếp sợ
"các môn đồ rất hoảng sợ"
Ma
Linh hồn rời khỏi xác của một người đã chết
Matthew 14:28
Phi-e-rơ đáp cùng Ngài
"Phi-e-rơ đáp cùng Chúa Giê-xu"
Matthew 14:31
Con thật ít đức tin
Xem cách dịch ở 6:30
sao con lại nghi ngờ?
"Lẽ ra con không được nghi ngờ".
Con Đức Chúa Trời
Đây là một danh hiệu uy quyền của Chúa Giê-xu mô tả mối liên hệ giữa Ngài và Đức Chúa Trời.
Matthew 14:34
Khi họ đã băng qua
"Khi Chúa Giê-xu và các môn đồ đã băng qua hồ"
Ghê-nê-xa-rết
Một thành nhỏ ở bờ tây bắc biển Ga-li-lê
Họ gửi tin
"những người ở vùng đó gửi tin"
Họ nài xin Ngài
"Những người đau bệnh nài xin Ngài"
Áo
"áo choàng" hoặc "đồ Ngài mặc"

Translation Questions

Matthew 14:8
Hê-rô-đia đã cầu xin điều gì?
Hê-rô-đia cầu xin đầu của Giăng Báp-tít đặt trên mâm.
Matthew 14:16
Chúa Giê-xu thách thức các môn đồ làm gì cho đoàn dân?
Chúa Giê-xu thách thức các môn đồ cung cấp thức ăn cho đoàn dân.
Matthew 14:19
Chúa Giê-xu đã làm gì với năm ổ bánh mì và hai con cá mà các môn đồ đem đến cho Ngài?
Chúa Giê-xu ngước lên trời, tạ ơn rồi bẻ bánh và trao cho các môn đồ phân phát cho đoàn dân.
Matthew 14:25
Chúa Giê-xu đến với các môn đồ bằng cách nào?
Chúa Giê-xu đi trên mặt nước để đến với các môn đồ.

Chapter 15

Matthew 15:1
vi phạm truyền thống của các bậc trưởng lão
"không tôn trọng quy định của các lãnh đạo tôn giáo xưa".
Họ không rửa tay
"họ không rửa tay theo nghi thức bắt buộc trong luật pháp của chúng ta"
Matthew 15:4
Ai
"Bất kì ai" hoặc "Nếu ai"
Không cần phải hiếu kính cha mình
Không cần phải thể hiện lòng tôn kính cha mình bằng cách chăm sóc cho ông
Các ngươi đã làm cho lời Đức Chúa Trời ra vô hiệu vì truyền thống của các ngươi
Hoặc: "các ngươi đã đặt truyền thống của các ngươi lên trên lời Đức Chúa Trời"
Matthew 15:7
Lời tiên tri của Ê-sai thật đúng
Hoặc: "Ê-sai đã nói đúng trong lời tiên tri nầy"
Khi ông nói
Hoặc: "khi ông nói điều Đức Chúa Trời phán"
Dân nầy lấy môi miệng tôn kính ta
Hoặc: "Dân nầy nói mọi điều đúng đắn"
Nhưng lòng chúng nó cách xa ta lắm
Hoặc: "nhưng chúng không thật sự yêu ta".
Chúng thờ phượng ta vô ích
Hoặc: "Sự thờ phượng của chúng không có ảnh hưởng gì với ta" hoặc "chúng chỉ giả vờ thờ phượng ta"
Luật lệ của con người
"Quy định con người đặt ra".
Matthew 15:10
Hãy nghe và hiểu
Chúa Giê-xu đang nhấn mạnh lời khẳng định quan trọng theo sau.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Matthew 15:12
Những người Pha-ri-si bị xúc phạm khi nghe lời nầy không?
Hoặc: "lời nầy khiến người Pha-ri-si tức giận không?" hoặc "lời nầy xúc phạm người Pha-ri-si không?" See:
Matthew 15:15
Cho chúng con
"cho các môn đồ chúng con"
Chuyển
"đi"
Nhà xí
Đây là từ lịch sự để chỉ về nơi người ta tiêu hủy chất thải của cơ thể
Matthew 15:18
Những gì từ miệng ra
"lời nói"
Xuất phát từ tấm lòng
"xuất phát từ cảm giác và suy nghĩ thật sự của người đó"
Giết người
Giết người vô tội
Lăng mạ
"lời nói xúc phạm người khác"
Không rửa tay
Không rửa tay theo nghi thức
Matthew 15:21
Có một người phụ nữ Ca-na-an từ vùng ấy đến
Người phụ nữ rời quê hương của mình, là vùng không thuộc lãnh thổ Y-sơ-ra-ên để đến Y-sơ-ra-ên và tìm gặp Chúa Giê-xu.
Người phụ nữ Ca-na-an
Ca-na-an không còn là một đất nước nữa: “một người phụ nữ thuộc dân tộc Ca-na-an”.
Con gái của con bị quỷ ám, khốn khổ lắm
"một con quỷ làm con gái con khốn khổ lắm"
Chẳng đáp một lời
"không nói lời nào"
Matthew 15:24
Bà đến
"người phụ nữ Ca-na-an đến"
Bánh của con cái…chó con
"điều thích đáng thuộc về dân Do Thái…dân ngoại"
Matthew 15:27
Chó con vẫn được ăn những miếng bánh vụn từ bàn chủ rơi xuống
Dân ngoại cũng được một chút điều lành mà dân Do Thái bỏ đi.
con gái bà được lành
"Chúa Giê-xu chữa lành cho con gái bà" hoặc "Chúa Giê-xu khiến con gái bà được mạnh khỏe"
Trong giờ đó
"ngay chính lúc đó" hoặc "tức thì"
Matthew 15:29
Những người què, mù, câm và tàn tật
“Những người không thể đi được, một số không thấy được, một số nữa không nói được và số khác bị thương tật ở tay và chân”. Một số bản trước đó có trật tự sắp xếp các từ này khác nhau.
Họ đem chúng đến nơi chân Chúa Giê-xu
"Đám đông đem những người đau bệnh đến cho Chúa Giê-xu"
Matthew 15:32
Sợ rằng họ xỉu
Có thể là: 1) “sợ rằng họ bất tỉnh tạm thời” hoặc 2) “sợ rằng họ đuối sức”.
Ngồi
Sử dụng từ trong ngôn ngữ của bạn mô tả tư thế người ta thường ăn khi không có bàn, có thể là ngồi hoặc nằm.
Matthew 15:36
Ngài lấy
"Chúa Giê-xu lấy". Dịch như ở câu 14:19.
Đưa cho họ
"đưa bánh và cá"
Họ gom lại
"các môn đồ gom lại"
Những người ăn
"Những người ăn"
Vùng
"một phần của đất nước"
Ma-ga-đan
Đôi khi được gọi là “Ma-đa-la”.

Translation Questions

Matthew 15:7
Ê-sai nói tiên tri thế nào về môi miệng và lòng của người Pha-ri-si?
Ê-sai nói tiên tri rằng người Pha-ri-si sẽ tôn kính Đức Chúa Trời bằng môi miệng nhưng lòng họ thì xa cách Ngài.
Matthew 15:18
Chúa Giê-xu nói điều gì làm ô uế người?
Chúa Giê-xu phán rằng những điều ra từ miệng làm ô uế người.
Matthew 15:24
Chúa Giê-xu giải thích vì sao Ngài không giúp đỡ người phụ nữ Ca-na-an?
Chúa Giê-xu giải thích rằng Ngài được sai đến chỉ vì những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên mà thôi
Matthew 15:36
Chúa Giê-xu đã làm gì với những bánh và cá?
Chúa Giê-xu lấy bánh và cá, tạ ơn rồi bẻ bánh và trao chúng cho các môn đồ.

Chapter 16
Matthew 16:1
Trời…trời
Các lãnh đạo Do Thái xin một dấu lạ từ Đức Chúa Trời nhưng Chúa Giê-xu bảo họ nhìn lên trời sẽ thấy. Dùng cùng một từ chỉ về nơi ở của Đức Chúa Trời và bầu trời nếu đọc giả hiểu sai nghĩa.
Khi chiều tối
Khoảng thời gian trong ngày khi mặt trời lặn
Thời tiết tốt
Sáng sủa, lặng gió và dễ chịu
Bầu trời đỏ
Bầu trời sáng, trong với hoàng hôn màu đỏ.
Matthew 16:3
Thời tiết xấu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"thời tiết bão, nhiều mây"

Âm u

"tối và u ám"

sẽ không có một dấu lạ nào được ban cho họ

Hoặc: "Đức Chúa Trời sẽ không ban cho các ngươi dấu lạ nào"

Matthew 16:5

Men

Ý tưởng gian ác và sự giảng dạy sai lạc

Bàn luận

"tranh luận" hoặc "bàn cãi"

Matthew 16:9

Các con không hiểu hay không nhớ năm cái bánh cho năm nghìn người và bao nhiêu giỏ bánh thừa các con thu lại sao? Hoặc bảy cái bánh cho bốn nghìn người và bao nhiêu giỏ bánh thừa các con thu lại sao?

Chúa Giê-xu đang trách họ. Có thể dịch là: “Lẽ ra các con phải hiểu và nhớ 5 cái bánh cho 5,000 người cùng bao nhiêu giỏ bánh thừa mà các con thu lại! Các con hẳn phải nhớ 7 cái bánh cho 4,000 người và bao nhiêu giỏ bánh thừa các con đã thu lại!”

Matthew 16:11

Sao các con không hiểu là ta chẳng nói về bánh?

"Lẽ ra các con phải hiểu rằng ta không nói về bánh".

Men

Ý tưởng gian ác và sự giảng dạy sai lạc

Họ

"các môn đồ"

Matthew 16:13

Còn các con nói ta là ai?

"Nhưng ta đang hỏi các con: các con nói ta là ai?"

Matthew 16:17

Si-môn Ba Giô-na

"Si-môn con Giô-na" (UDB)

không phải thịt và máu bày tỏ điều nầy cho con

"không phải con người bày tỏ điều nầy cho con" (Xem: Metonymy) Chúa Giê-xu mạnh mẽ khẳng định rằng lời Phi-e-rơ mô tả về Ngài là “Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống” là do chính Đức Chúa Trời bày tỏ cho ông chứ không đến từ loài người.

Cha ta

Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời mô tả mối iên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu

Các cửa âm phủ không thắng được nó

Có thể là: 1) “quyền lực của sự chết không thắng được nó hoặc 2) nó sẽ phá tan quyền lực của sự chết như một quân đội phá hủy thành. (Xem: Metaphor).

Matthew 16:19

Chìa khóa của vương quốc thiên đàng

Khả năng mở đường cho người khác trở nên con dân của Đức Chúa Trời theo cách người đầy tớ chào đón khách vào nhà

Buộc ở dưới đất...mở ở trên trời

Để công bố sự tha thứ hay kết tội cho con người giống như ở trên trời

Matthew 16:21

Từ lúc đó

Sau khi Chúa Giê-xu lệnh cho các môn đồ không được cho ai biết Ngài là Đấng Christ thì Ngài bắt đầu chia sẻ kế hoạch của Đức Chúa Trời dành cho Ngài.

Bị giết

Hoặc: "họ sẽ giết Ngài"

Phải sống lại vào ngày thứ ba

"vào ngày thứ ba, Đức Chúa Trời sẽ khiến Ngài sống lại"

Matthew 16:24

Theo ta

"làm một môn đồ đi cùng ta"

Từ bỏ chính mình

"không chìu theo mong muốn của bản thân" hoặc "từ bỏ mong muốn của bản thân".

Vác thập tự giá mình mà theo ta

“nhấc thập tự giá mình lên, mang đi theo ta”, sẵn sàng chịu khổ và chết như Đấng Christ.

Vì ai muốn

"vì hễ ai muốn"

Nếu người nào được cả thế gian

"nếu người nào được mọi thứ trong thế gian"

Mà mất sự sống mình

"mà chính mình phải mất đi hay bị tiêu diệt"

Matthew 16:27

Con Người...Cha người

Chúa Giê-xu đang nói về chính mình bằng ngôi thứ ba là “Con Người” và “người”. Có thể dịch là: “Ta, là Con Người... Cha ta”.

Cha người

Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Con Người là Chúa Giê-xu.

Sẽ chẳng nếm sự chết cho đến khi họ nhìn thấy Con Người đến trong vương quốc của Ngài

"sẽ thấy Con Người đến trong vương quốc của Ngài trước khi họ chết"

Sẽ chẳng nếm sự chết

"sẽ không trải qua sự chết" hoặc "sẽ không chết"

Con Người đến trong vương quốc của Ngài

Chúa Giê-xu đang nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Gợi ý dịch: “cho đến khi họ thấy ta đến trong vương quốc của ta”.

Translation Questions

Matthew 16:1

Người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê muốn xem điều gì để thử Chúa Giê-xu?

Người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê muốn xem một dấu từ trời từ Chúa Giê-xu.

Matthew 16:13

Chúa Giê-xu hỏi môn đồ điều gì khi họ đến Sê-sa-rê Phi-líp?

Chúa Giê-xu hỏi các môn đồ rằng “Người ta nói Con Người là ai?”

Matthew 16:17

Làm thế nào Phi-e-rơ trả lời được câu hỏi của Chúa Giê-xu?

Phi-e-rơ biết câu trả lời vì Cha đã bày tỏ cho ông.

Matthew 16:19

Chúa Giê-xu ban cho Phi-e-rơ thẩm quyền gì trên đất?

Chúa Giê-xu giao chìa khóa vương quốc cho Phi-e-rơ để những gì ông buộc và mở ở dưới đất cũng sẽ buộc và mở ở trên trời

Matthew 16:21

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lúc nầy, Chúa Giê-xu bắt đầu nói rõ điều gì cho các môn đồ?
Chúa Giê-xu bắt đầu nói cho các môn đồ biết rằng Ngài phải lên Giê-ru-sa-lem, chịu nhiều đau khổ, bị giết và sống lại vào ngày thứ ba
Matthew 16:24
Những ai muốn theo Chúa Giê-xu thì phải làm gì?
Những ai muốn theo Chúa Giê-xu thì phải từ bỏ bản thân và vác thập giá mình.
Matthew 16:27
Chúa Giê-xu nói Con Người sẽ đến như thế nào?
Chúa Giê-xu nói Con Người sẽ đến trong vinh quang của Cha mình cùng với các thiên sứ.
Khi Con Người đến, Ngài sẽ trả cho mỗi người như thế nào?
Con Người sẽ trả cho mỗi người tùy theo việc làm của họ.

Chapter 17
Matthew 17:1
Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng là em người
" Phi-e-rơ, Gia-cơ và em của Gia-cơ là Giăng"
Ngài hóa hình
"Đức Chúa Trời thay đổi toàn bộ diện mạo của Chúa Giê-xu"
Áo
"y phục"
Trở nên chói lòa như ánh sáng
"chiếu rực rỡ như ánh sáng"
Matthew 17:3
Kìa
Từ này báo hiệu cho chúng ta chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.
Cho họ
Cho các môn đồ đang ở cùng với Chúa Giê-xu
Nói
"thưa". Phi-e-rơ không đáp lại một câu hỏi.
Chúng ta ở đây rất tốt
Có thể là: 1) “thật tốt khi môn đồ chúng ta cùng ở đây với thầy, Môi-se và Ê-li” hoặc 2) “thật tốt khi thầy, Môi-se, Ê-li và các môn đồ chúng ta cùng ở tại đây”.
Trại
Có thể là: 1) nơi người ta đến thờ phượng hoặc 2) chỗ ngủ tạm thời.
Matthew 17:5
Kìa
Từ nầy báo hiệu cho người đọc chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.
Họ ngã sấp mặt xuống đất
"các môn đồ cúi mặt xuống đất"
Matthew 17:9
Khi họ
"Khi Chúa Giê-xu và các môn đồ"
Matthew 17:11
Phục hồi mọi sự
"đặt mọi thứ vào trật tự"
Họ…họ…họ
Có thể là: 1) các lãnh đạo Do Thái hoặc 2) tất cả những người Do Thái.
Matthew 17:14
Mắc bệnh kinh phong
Đôi khi trở thành vô thức và hoạt động mất kiểm soát
Matthew 17:17
Ta sẽ ở với các ngươi cho đến chừng nào? Ta sẽ chịu đựng các ngươi cho đến bao giờ?
Chúa Giê-xu không vui với dân chúng. Có thể dịch là: “Ta chán ghét phải ở với các ngươi! Ta chán ghét lòng vô tín và sự bại hoại của các ngươi!” (Xem: Rhetorical question).
Matthew 17:19
Chúng con
Người nói, không bao gồm người nghe (Xem: Exclusive)
Vì sao chúng con không đuổi nó được
"Vì sao chúng con không đuổi quỷ ấy được"
Chẳng có điều gì các con không làm được
"các có thể làm được mọi điều"
Matthew 17:22
Họ ở tại
"các môn đồ và Chúa Giê-xu đang ở tại"
Con Người sẽ bị nộp
Hoặc: "Người ta sẽ nộp Con Người"
Họ sẽ giết Ngài
"nhà cầm quyền sẽ giết Con Người"
Ngài sẽ sống dậy
"Đức Chúa Trời sẽ khiến Ngài sống dậy" hoặc "Ngài sẽ sống lại"
Matthew 17:24
Khi họ
Khi Chúa Giê-xu và các môn đồ
Thuế nửa siếc-lơ
Thuế dành cho mọi người nam Do Thái, đầu tiên được nộp vào để dâng cho Đức Chúa Trời
Nhà
Nơi Chúa Giê-xu đang ở.
Các vua trên đất
Các nhà cai trị nói chung
Các thần dân
Những người ở dưới quyền của vua hay nhà cai trị
Matthew 17:26
Các thần dân
Những người ở dưới quyền của vua hay nhà cai trị.
Miệng nó
"miệng con cá"
Lấy nó
"lấy đồng siếc-lơ"

Translation Questions

Matthew 17:1
Ai là người đi cùng với Chúa Giê-xu lên một ngọn núi cao?
Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng đi cùng với Chúa Giê-xu lên một ngọn núi cao.
Matthew 17:3
Ai đã hiện ra và nói chuyện với Chúa Giê-xu?
Môi-se và Ê-li đã hiện ra và nói chuyện với Chúa Giê-xu.
Matthew 17:5
Tiếng từ đám mây đã phán gì?
Tiếng từ đám mây phán rằng “Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta hoàn toàn, hãy nghe theo người”.
Matthew 17:9

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Giê-xu ra lệnh cho các môn đồ như thế nào khi họ trên đường xuống núi?
Chúa Giê-xu ra lệnh cho các môn đồ không được thuật lại cho ai điều họ đã thấy cho đến khi Con Người từ cõi chết sống lại.
Matthew 17:11
Chúa Giê-xu đã nói gì về lời các thầy thông giáo dạy rằng Ê-li phải đến trước?
Chúa Giê-xu nói rằng Ê-li thật sự phải đến và phục hồi mọi việc.
Matthew 17:14
Các môn đồ làm gì được cho cậu bé bị bệnh kinh phong?
Các môn đồ không chữa được cho cậu bé bị bệnh kinh phong.
Matthew 17:22
Chúa Giê-xu đã nói gì khiến các môn đồ buồn bã?
Chúa Giê-xu nói với các môn đồ rằng Ngài sẽ bị nộp vào tay người ta, họ sẽ giết Ngài và Ngài sẽ sống lại vào ngày thứ ba.

Chapter 18
Matthew 18:1
Trở nên như con trẻ
"suy nghĩ theo cách của con trẻ" See: MAT18:04
Matthew 18:4
Người nào khiêm nhường như đứa trẻ nầy
"người nào khiêm nhường giống như đứa trẻ nầy khiêm nhường" (Xem: Simile)
Buộc cối đá vào cổ người ấy mà bị nhấn chìm xuống biển sâu
"Buộc cối đá vào cổ người ấy, mà ném xuống biển sâu" (Xem: Active or Passive)
Cối đá
Tảng đá lớn, nặng có hình tròn dùng để giã gạo thành bột. Hoặc: "một tảng đá nặng"
Matthew 18:7
Tay của con
Chúa Giê-xu nói với người nghe như thể họ là một người.
Matthew 18:9
Móc nó ra mà ném đi
Cụm từ này cho thấy tính nghiêm trọng của sự vô tính và cần phải tránh xa nó bằng mọi giá.
Bước vào sự sống
"bước vào sự sống đời đời"
Matthew 18:10
Các con đừng xem thường
"các con đừng ghét" hoặc "các con đừng khinh thường". Hoặc: "các con phải tôn trọng".
Luôn thấy mặt
"luôn ở gần với"
Matthew 18:12
Các con nghĩ thế nào?
Hãy nghĩ về cách người ta thường làm. (Xem: Rhetorical question)
thì người ấy chẳng để...đi tìm...lạc mất sao?
"Người ấy chắc chắn sẽ để...đi tìm...lạc mất."
Chín mươi chín
"99"
Cha các con ở trên trời không muốn một ai trong những đứa trẻ nầy bị hư mất
"Cha các con ở trên trời muốn tất cả những đứa trẻ nầy được sống" (Xem: Litotes)
Matthew 18:15
Con sẽ được người anh em mình
"con sẽ phục hồi được mối liên hệ với người anh em mình"
Nhờ miệng
Nhờ lời "bởi miệng" của các nhân chứng (Xem: Idiom)
Matthew 18:17
Nghe họ
Nghe các nhân chứng (18:16)
Hãy xem người ấy như người ngoại và kẻ thu thuế
"hãy đối xử với người ấy như đối xử với một người ngoại hay kẻ thu thuế"
Matthew 18:18
Buộc...bị buộc...mở...được mở
Xem cách dịch ở 16:19.
Sẽ bị buộc...sẽ được mở
"Đức Chúa Trời sẽ buộc...Đức Chúa Trời sẽ mở". (Xem: Active or Passive)
Họ...họ
"hai người trong các con"
Hai hay ba
"hai người hoặc hơn" hoặc "ít nhất là hai người"
Hiệp lại
"nhóm lại"
Cha ta
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.
Matthew 18:21
Bảy lần
"7 lần" (Xem: Numbers)
Bảy mươi lần bảy
Có thể là 1) "70 nhân 7" (ULB) hoặc 2) "77 lần". Nếu việc sử dùng số gây nhầm lẫn thì có thể nói là "nhiều hơn số lần có thể đếm được" (Xem: Hyperbole).
Matthew 18:23
Một đầy tớ được dẫn đến
"người ta đem đến một người trong số các đầy tớ của vua" (Xem: Active or Passive)
Mười nghìn ta-lâng
"10,000 ta-lâng" hoặc "nhiều hơn số tiền người đầy tớ có thể trả được" (Xem: Biblical Money and Numbers)
Chủ ra lệnh bán người ấy ... để trả nợ
"vua ra lệnh cho các đầy tớ đem bán người ấy...và lấy số tiền ấy mà trả nợ"
Matthew 18:26
Quỵ xuống, cúi đầu
"quỳ gối và cúi đầu"
Trước người
"trước vua"
Tha cho người ấy
"thả cho người ấy đi"
Matthew 18:28
Một trăm đơ-ni-ê
"100 đơ-ni-ê" hoặc "một trăm ngày lương"
Tóm

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"bắt lại" hoặc "túm lấy" (UDB)
Quỵ xuống...xin hoãn cho tôi rồi tôi sẽ trả cho anh
Dịch giống cách dịch câu “quỵ xuống...xin hoãn cho tôi rồi tôi sẽ trả cho anh” ở câu 18:26. (Xem: Irony)
Matthew 18:32
Sau đó chủ gọi đầy tớ ấy
"Sau đó vua gọi đầy tớ thứ nhất"
Sao ngươi không
"Ngươi phải" (Xem: Double Negatives)

Translation Questions

Matthew 18:4
Chúa Giê-xu nói ai là người cao trọng nhất trong vương quốc thiên đàng?
Chúa Giê-xu phán rằng ai khiêm nhường như một đứa trẻ sẽ là người cao trọng nhất trong vương quốc thiên đàng.
Matthew 18:9
Chúa Giê-xu phán chúng ta phải làm gì với những thứ khiến chúng ta vấp phạm?
Chúa Giê-xu phán rằng chúng ta phải ném đi tất cả những thứ khiên chúng ta vấp phạm.
Matthew 18:10
Vì sao Chúa Giê-xu nói rằng chúng ta không được xem thường những đứa trẻ?
Chúng ta không được xem thường những đứa trẻ vì các thiên sứ của chúng luôn thấy mặt Cha.
Matthew 18:12
Người tìm kiếm một con chiên bị lạc giống với Cha trên trời như thế nào?
Cha cũng không muốn một ai trong những đứa trẻ đó bị hư mất.
Matthew 18:15
Nếu người anh em phạm lỗi với bạn thì điều đầu tiên bạn phải làm là gì?
Đầu tiên, bạn phải gặp riêng và cho người đó biết lỗi của họ.
Matthew 18:17
Nếu người anh em đó vẫn không nghe thì điều thứ ba bạn cần làm là gì?
Điều thứ ba, bạn cần nói vấn đề đó cho Hội Thánh.
Nếu người anh em đó vẫn không nghe thì nên làm gì?
Cuối cùng, nếu người đó không nghe hội thánh thì sẽ bị xem như dân ngoại và kẻ thu thuế.
Matthew 18:21
Chúa Giê-xu phán chúng ta phải tha thứ cho anh em chúng ta bao nhiêu lần?
Chúa Giê-xu phán chúng ta phải tha thứ cho anh em chúng ta bảy mươi lần bảy.
Matthew 18:28
Người đầy tớ đã làm gì với người bạn mắc nợ mình một trăm đơ-ni-ê?
Người đầy tớ không nhẫn nại, ném bạn mình vào tù.
Matthew 18:30
Người đầy tớ đã làm gì với người bạn mắc nợ mình một trăm đơ-ni-ê?
Người đầy tớ không nhẫn nại, ném bạn mình vào tù.
Matthew 18:34
Sau đó chủ đã làm gì với người đầy tớ?
Chủ nộp người đầy tớ cho người tra tấn cho đến khi anh ta trả hết nợ.

Chapter 19

Matthew 19:1
Khi
Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để đánh dấu một phần mới trong câu chuyện bắt đầu thì có thể xem xét để sử dụng ở đây.
Những lời ấy
Những lời từ câu 18:1-35.
Rời khỏi
"đi khỏi" hoặc "rời đi"
Trong địa phận
"trong khu vực"
Matthew 19:3
Đến gặp Ngài
"đến gặp Chúa Giê-xu"
Các ngươi chưa đọc...người nữ sao?
Chúa Giê-xu muốn những người Pha-ri-si phải hổ thẹn.
Matthew 19:5
Và Ngài cũng phán rằng...thịt hay sao?
Tiếp tục câu hỏi từ câu 19:3: “các ngươi chưa đọc lời Ngài phán....thịt hay sao? (Xem: Rhetorical Question and Ellipsis)
Kết hợp với vợ mình
"khắng khít với vợ mình"
Một thịt
"một người" (Xem: Metaphor)
Matthew 19:7
Họ nói cùng Ngài
"Người Pha-ri-si nói cùng Ngài"
Truyền bảo chúng tôi
"truyền bảo người Do Thái chúng tôi"
Giấy ly hôn
Giấy chấm dứt hôn nhân hợp pháp
từ lúc ban đầu không có như vậy
"khi Đức Chúa Trời dựng nên người nam và người nữ thì Ngài không hề định cho họ sẽ ly dị”
Còn người nào cưới một người phụ nữ bị ly dị thì cũng phạm tội ngoại tình
Nhiều bản Kinh Thánh đầu tiên không có câu này.
Matthew 19:10
Người tự hoạn
Có thể là 1) “người hoạn vì đã cắt đi bộ phận kín của mình” hoặc 2) “người quyết định không kết hôn và giữ trong sạch về chuyện tính dục” (Xem: Metaphor).
Vì vương quốc thiên đàng
"để họ có thể phục vụ Đức Chúa Trời tốt hơn"
Nhận được lời dạy này...nhận nó
Xem cách dịch câu “nhận được lời dạy này...nhận nó” ở câu 19:11.
Matthew 19:13
Một số con trẻ được đưa đến cùng Ngài
Hoặc: "một số người đem con trẻ đến cùng Chúa Giê-xu". (Xem: Active or passive)
Cho phép
"Để"
Đừng ngăn cấm chúng đến cùng ta

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"đừng cản chúng đến cùng ta"
Vì vương quốc thiên đàng thuộc về những người như chúng
"vương quốc thiên đàng thuộc về những người giống như chúng" hoặc "chỉ những người giống những đứa trẻ nầy mới được vào vương quốc thiên đàng"
Matthew 19:16
Kìa
Tác giả đưa một nhân vật mới vào câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt điều này.
Điều lành
Điều làm Đức Chúa Trời vui lòng
Chỉ có một Đấng nhân lành
"Chỉ có Đức Chúa Trời là trọn lành"
Matthew 19:20
Mong muốn
"muốn"
Matthew 19:23
Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào vương quốc Đức Chúa Trời
Người giàu rất khó vào vương quốc của Đức Chúa Trời. (Xem: Hyperbole)
Lỗ kim
Lỗ ở một đầu cây kim để xỏ chỉ qua
Matthew 19:25
Họ rất kinh ngạc
"các môn đồ sửng sốt"
Vậy thì ai có thể được cứu?
Có thể là: 1) Họ đang tìm câu giải đáp hoặc 2) Có thể dịch là: “vậy thì không ai có thể được cứu cả!” (Xem: Rquestion)
Chúng con đã bỏ lại tất cả
"chúng con đã bỏ lại mọi của cải" hoặc "chúng con đã từ bỏ mọi tài sản"
Vậy thì chúng con sẽ được gì?
"Đức Chúa Trời sẽ ban điều lành gì cho chúng con?"
Matthew 19:28
Trong sự đổi mới
"lúc mọi vật được đổi mới" hoặc "vào thời đại mới"
Ngồi trên mười hai ngôi, mà xét đoán
"Làm vua, xét đoán" (Xem: Metonymy)
Matthew 19:29
Nhận được gấp trăm lần
"nhận được gấp trăm lần những điều tốt lành mà họ đã từ bỏ"
Nhiều người hiện ở đầu sẽ trở nên cuối
Nhiều người ở đầu trong mắt thế gian, chẳng hạn như những kẻ giàu và những kẻ cai trị người khác rồi sẽ trở nên cuối trong vương quốc của Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Matthew 19:3
Người Pha-ri-si đã hỏi Chúa Giê-xu điều gì để thử Ngài?
Người Pha-ri-si hỏi Chúa Giê-xu rằng “Một người có được ly phép dị vợ vì bất cứ lí do gì không?”
Matthew 19:5
Dựa vào cách Đức Chúa Trời tạo dựng nên người nam và người nữ, Chúa Giê-xu nói người nam phải làm gì?
Chúa Giê-xu nói người nam phải lìa cha mẹ mà kết hợp với vợ mình
Chúa Giê-xu nói điều gì sẽ xảy ra khi người chồng kết hợp với vợ mình?
Chúa Giê-xu nói rằng khi người chồng kết hợp với vợ mình thì cả hai trở nên một thịt.
Matthew 19:7
Chúa Giê-xu nói vì sao Môi-se truyền cấp giấy ly hôn?
Chúa Giê-xu nói rằng Môi-se truyền cấp giấy ly hôn vì sự cứng lòng của dân Do Thái.
Matthew 19:10
Chúa Giê-xu nói ai có thể bị hoạn?
Chúa Giê-xu phán rằng những ai được chấp nhận mới có thể bị hoạn.
Matthew 19:13
Các môn đồ làm gì khi một số trẻ em được đưa đến cho Chúa Giê-xu?
Khi người ta đem một số trẻ em đến cho Chúa Giê-xu thì các môn đồ quở trách họ.
Matthew 19:16
Chúa Giê-xu nói người thanh niên phải làm gì để được sự sống đời đời?
Chúa Giê-xu nói anh ta phải tuân giữ các điều răn để được sự sống đời đời.
Matthew 19:20
Khi người thanh niên nói anh ta đã giữ các điều răn rồi thì Chúa Giê-xu bảo anh ta làm gì?
Khi người thanh niên nói anh ta đã giữ các điều răn rồi thì Chúa Giê-xu bảo anh ta bán hết những gì mình có mà ban cho người nghèo.
Matthew 19:23
Chúa Giê-xu nói gì về việc người giàu vào vương quốc thiên đàng?
Chúa Giê-xu nói rằng người giàu vào vương quốc thiên đàng rất khó, nhưng với Đức Chúa Trời thì mọi việc đều có thể.
Matthew 19:28
Chúa Giê-xu hứa ban phần thưởng gì cho các môn đồ theo Ngài?
Chúa Giê-xu hứa với các môn đồ rằng vào thời kỳ muôn vật đổi mới, họ sẽ ngồi trên mười hai ngôi mà xét đoán mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên.

Chapter 20
Matthew 20:1
Vì vương quốc thiên đàng giống như một người chủ nông trại
Đức Chúa Trời cai trị trên mọi vật giống như một người chủ nông trại cai quản đất của mình. (Xem: Simile)
Vương quốc thiên đàng giống như
Xem cách dịch ở 13:24.
Sau khi ông đã thỏa thuận
"Sau khi chủ nông trại đã thỏa thuận"
Một đơ-ni-ê
"Một ngày lương" (Xem: Biblical Money)
Matthew 20:3
Ông lại đi ra
"Chủ nông trại lại đi ra"
Đứng rảnh rỗi
"không làm gì cả" hoặc "người không có việc làm"
Matthew 20:5
Ông lại đi ra lần nữa
"Một lần nữa chủ nông trại lại đi ra"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đứng rảnh rỗi
"không làm gì cả" hoặc "người không có việc gì để làm"
Matthew 20:8
Mỗi người
"mỗi nhân công bắt đầu làm việc từ giờ thứ mười một"
Một đơ-ni-ê
"một ngày lương"
Họ tưởng
"những nhân công làm lâu nhất tưởng"
Matthew 20:11
Lúc họ nhận
"Lúc những nhân công làm lâu nhất nhận"
Chủ
"chủ nông trại" hoặc "chủ vườn nho"
Chúng tôi là những người cả ngày chịu nặng nhọc và nóng thiêu
"chúng tôi đã phải làm việc cả ngày dưới mặt trời nóng bức"
Matthew 20:13
Một người trong bọn họ
"một người trong số những nhân công làm lâu nhất"
Bạn ơi
Dùng từ mà một người dùng để gọi người khác với ý quở trách cách lịch sự.
Chẳng phải bạn đã thỏa thuận với tôi một đơ-ni-ê đó sao?
Hoặc: "Chúng ta đã thỏa thuận là tôi sẽ trả cho bạn một đơ-ni-ê". (Xem: Rhetorical Question)
Một đơ-ni-ê
"một ngày lương" (Xem: Biblical Money)
Tôi vui lòng trả cho
"Tôi vui lòng trả cho"
Matthew 20:15
Chẳng lẽ tôi không được phép sử dụng những gì tôi có tùy ý tôi sao?
Hoặc: "Tôi có thể tùy ý sử dụng những gì tôi có". (Xem: Rhetorical Question)
Chính đáng
"hợp pháp" hoặc "công bằng" hoặc "đúng đắn"
Hay mắt anh trở nên gian ác vì ta tốt lành?
"Anh không vui vì tôi làm điều lành cho người không bỏ ra công sức để đạt được". (Xem: Rhetorical Question)
Matthew 20:17
Chúng ta đang đi
Chúa Giê-xu bao gồm cả các môn đồ. (Xem: Inclusive)
Con Người sẽ bị nộp
"người ta sẽ nộp Con Người" (Xem: Active or Passive)
Họ sẽ kết án...và sẽ giao Ngài cho dân ngoại để chúng chế nhạo
Các thầy tế lễ cả và thầy thông giáo sẽ kết án và nộp Ngài cho dân ngoại và dân ngoại sẽ chế nhạo
Ngài sẽ sống lại
"Đức Chúa Trời sẽ khiến Ngài sống lại" (Xem: Active or Passive)
Matthew 20:20
Bên phải...bên trái
Vị trí quyền lực (Xem: Metonymy)
Matthew 20:22
Các con
Người mẹ và hai người con (Xem: Forms of You)
Các con có thể uống được...?
Chúa Giê-xu chỉ nói với hai người con "Các con có thể uống...?".
Uống chén ta sắp uống
"trải qua sự đau khổ ta sắp trải qua" (Xem: Idiom)
Họ
Hai con trai
Vị trí ấy dành cho những người mà Cha ta đã chuẩn bị
"chỗ ngồi danh dự bên cạnh ta dành cho những người Cha ta đã chuẩn bị cho" (Xem: Active or Passive)
Chuẩn bị
Sửa soạn sẵn
Matthew 20:25
Các nhà cầm quyền của dân ngoại thống trị họ
"các nhà cầm quyền của dân ngoại buộc dân ngoại phải làm điều họ muốn"
Những người làm lớn
những người được các nhà cầm quyền giao quyền cho
hành quyền trên
"kiểm soát trên"
Mong muốn
"muốn" hoặc "ước muốn"
Phó mạng sống mình
"sẵn sàng chịu chết"
Matthew 20:29
Khi họ đi
Chỉ về các môn đồ và Chúa Giê-xu.
Theo Ngài
"theo Chúa Giê-xu"
Họ thấy
Đôi khi được dịch là “kìa!”. Tác giả đang hướng người đọc chú ý đến thông tin gây bất ngờ theo sau. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để biểu đạt điều này.
Đi qua
"đi ngang qua họ"
Họ càng kêu lớn hơn
"người mù la lớn hơn lúc trước" hoặc "họ la to hơn"
Matthew 20:32
Gọi họ
Gọi những người mù
Mong muốn
"muốn"
Muốn mắt chúng con được mở ra
Hoặc: "chúng con muốn Ngài làm cho chúng con nhìn thấy" hoặc "chúng con muốn được nhìn thấy" (Xem: Idiom và Ellipsis)
Động lòng thương
"thương xót" hoặc "động lòng thương xót họ"

Translation Questions

Matthew 20:1
Người chủ trại đồng ý trả bao nhiêu cho những nhân công ông thuê từ sáng sớm?
Người chủ trại đồng ý trả cho những nhân công ông thuê từ sáng sớm một đơ-ni-ê một ngày.
Matthew 20:11
Những nhân công được thuê từ sáng sớm phàn nàn như thế nào?
Họ phàn nàn rằng họ đã làm cả ngày nhưng được trả lương bằng với người chỉ làm một giờ.
Matthew 20:13

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người chủ trại đáp lại thế nào với lời phàn nàn của những nhân công?
Người chủ trại đáp rằng ông trả cho những nhân công được thuê từ sáng sớm theo mức lương đã thỏa thuận là một đơ-ni-ê, ông có quyền và vui lòng trả bằng mức đó cho những nhân công khác.
Matthew 20:15
Người chủ trại đáp lại thế nào với lời phàn nàn của những nhân công?
Người chủ trại đáp rằng ông trả cho những nhân công được thuê từ sáng sớm theo mức lương đã thỏa thuận là một đơ-ni-ê, ông có quyền và vui lòng trả bằng mức đó cho những nhân công khác.
Matthew 20:17
Chúa Giê-xu báo trước cho các môn đồ biết chuyện gì sẽ xảy ra khi họ đi lên Giê-ru-sa-lem?
Chúa Giê-xu nói cùng các môn đồ rằng Ngài sẽ bị nộp cho các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo, bị kết án tử hình, bị đóng đinh trên thập tự giá và ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại.
Matthew 20:20
Người mẹ của các con trai Xê-bê-đê cầu xin Chúa Giê-xu những điều gì ?
Bà ấy xin Chúa cho hai đứa con của mình được ngồi bên tay trái và tay phải trong vương quốc của Chúa Giê-xu.

Chapter 21
Matthew 21:1
Bết-pha-giê
Một ngôi làng (Xem: How to Translate Names)
Lừa con
"Lừa con đực"
Matthew 21:4
Việc nầy xảy ra để lời phán qua nhà tiên tri được ứng nghiệm
"Đức Chúa Trời đã phán nhiều năm trước qua tiên tri của Ngài rằng điều nầy sẽ xảy ra". (Xem: Active or Passive)
Lời phán qua nhà tiên tri
"điều nhà tiên tri báo trước sẽ xảy ra" (Xem: Active or Passive)
Con gái Si-ôn
Y-sơ-ra-ên (Xem: Synecdoche)
Lừa
Một con vật do người nghèo cỡi
Lừa con
Lừa con đực
Matthew 21:6
Áo
Áo ngoài hoặc áo choàng dài
Rồi Chúa Giê-xu cưỡi lên
"Chúa Giê-xu ngồi trên áo trải trên con lừa"
Matthew 21:9
Hô-sa-na
Tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “xin cứu chúng con” hoặc còn có nghĩa là “ngợi khen Đức Chúa Trời!”
Cả thành đều xôn xao
"mọi người trong thành đều nôn nao để gặp Ngài"
Cả thành
"nhiều người trong thành" (Xem: Metonymy và Hyperbole)
Matthew 21:12
Ngài phán với họ
"Chúa Giê-xu phán với những người đổi tiền và kẻ mua, người bán"
Nhà cầu nguyện
"nơi để mọi người cầu nguyện"
Hang trộm cướp
"như chỗ ẩn nấp của kẻ cướp" (Xem: Metaphor)
Người què
Những người không thể đi lại được hoặc chân bị thương tật nghiêm trọng.
Matthew 21:15
Hô-sa-na
Xem cách dịch ở 21:09
Con Đa-vít
Xem cách dịch ở 21:09
Họ rất phẫn nộ
"họ ghét Chúa Giê-xu và trở nên tức giận"
Thầy có nghe những đứa trẻ nầy đang nói gì không?
“Thầy không nên để những đứa trẻ nầy nói như vậy về thầy!” (Xem: Rhetorical Question)
Nhưng các ngươi chưa hề đọc...ca ngợi sao?
"Có, ta nghe chúng nói, nhưng các ngươi hãy nhớ lại điều đã đọc trong Kinh Thánh...ca ngợi”. (Xem: Rhetorical Question)
Chúa Giê-xu rời khỏi họ
"Chúa Giê-xu rời khỏi các thầy tế lễ cả và thầy thông giáo"
Matthew 21:18
Khô đi
"chết"
Matthew 21:20
Các con có đức tin và chẳng nghi ngờ
Hai vế câu có ý nghĩa giống nhau, nó được lặp lại hai lần để nhấn mạnh. Một số ngôn ngữ có cách khác để nhấn mạnh. Có thể dịch là: “các con thật sự tin”. (Xem: Parallelism).
Héo đi
"khô và chết"
Matthew 21:25
Từ trời
"Từ Đức Chúa Trời ở trên trời" (Xem: Metonymy)
Ông ấy sẽ nói với chúng ta
"Chúa Giê-xu sẽ nói với chúng ta"
Chúng ta sợ dân chúng
"chúng ta sợ điều dân chúng sẽ suy nghĩ hay làm với chúng ta"
Họ đều cho Giăng là một nhà tiên tri
"họ tin Giăng là một nhà tiên tri"
Matthew 21:31
Họ đáp
"Các thầy tế lễ cả và các trưởng lão đáp"
Chúa Giê-xu phán với họ
"Chúa Giê-xu phán với các thầy tế lễ cả và các trưởng lão"
Giăng đến với các ngươi
Giăng đến và giảng cho các lãnh đạo tôn giáo cùng dân chúng.
Trong đường lối công chính
Giăng chỉ cho người ta biết phải đáp ứng với Đức Chúa Trời và sống như thế nào. (Xem: Metaphor)
Matthew 21:33
Người có đất rất rộng
"một chủ nông trại có rất nhiều tài sản".

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cho những người trồng nho thuê
"giao cho những người trồng nho coi sóc vườn". Người chủ vẫn làm chủ vườn nho.
Người trồng nho
Những người biết cách chăm sóc phù hợp cho cây nho và trái nho.
Matthew 21:35
Các đầy tớ của ông
Các đầy tớ của “người có đất rất rộng” (21:33)
Matthew 21:40
Dân chúng đáp cùng Ngài
"Dân chúng đáp cùng Chúa Giê-xu"
Matthew 21:42
Chúa Giê-xu phán với họ
"Chúa Giê-xu phán cùng dân chúng" (21:41)
Hòn đá bị thợ xây loại ra đã trở nên đá góc nhà
Hoặc: "Hòn đá bị thợ xây loại ra đã trở thành hòn đá quan trọng nhất". Các nhà cầm quyền sẽ loại bỏ Chúa Giê-xu nhưng Đức Chúa Trời sẽ lập Chúa Giê-xu đứng đầu vương quốc của Ngài. (Xem: Metaphor)
Đây là việc đến từ Chúa
"Chúa đã tạo nên sự thay đổi lớn nầy"
Matthew 21:43
Ta nói với các ngươi
Chúa Giê-xu đang nói với các thầy tế lễ cả và các trưởng lão.
Kết quả
"sẽ làm điều đúng đắn" (Xem: Metaphor)
Quả
"quả của vương quốc Đức Chúa Trời"
Ai ngã trên đá nầy
"Ai vấp ngã vì hòn đá nầy" (Xem: Metaphor)
Nó rơi vào ai
"sự phán xét nhằm trên ai" (Xem: Metaphor)
Matthew 21:45
Những ẩn dụ của Ngài
"Những ẩn dụ của Chúa Giê-xu"
Tra tay trên
"bắt"

Translation Questions

Matthew 21:4
Một tiên tri đã báo trước về sự việc nầy như thế nào?
Một tiên tri đã báo trước rằng Vua sẽ đến trên một con lừa, là một con lừa con.
Matthew 21:9
Khi Chúa Giê-xu đi vào, đám đông hô lên như thế nào?
Đám đông hô lên rằng “Hô-sa-na Con của Đa-vít! Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến! Hô-sa-na trên nơi chí cao!”
Matthew 21:12
Chúa Giê-xu làm gì khi vào đền thờ Đức Chúa Trời ở Giê-ru-sa-lem?
Chúa Giê-xu đuổi những kẻ bán, người mua trong đền thờ, lật bàn của những kẻ đổi tiền và ghế của những người bán bồ câu.
Matthew 21:15
Khi các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo khó chịu với điều những đứa trẻ reo lên về Chúa Giê-xu thì Ngài đã nói gì với họ?
Chúa Giê-xu trích dẫn lời tiên tri nói rằng Chúa đã được ca ngợi bởi miệng trẻ thơ và trẻ con đang bú.
Matthew 21:18
Chúa Giê-xu đã làm gì với cây vả và vì sao?
Chúa Giê-xu khiến cây vả khô đi vì nó không có trái.
Matthew 21:20
Chúa Giê-xu dạy gì cho các môn đồ về sự cầu nguyện từ việc Ngài làm khô cây vả?
Chúa Giê-xu dạy các môn đồ rằng nêu họ câu nguyện trong đức tin thì sẽ nhận được điều đó.
Matthew 21:23
Trong khi Chúa Giê-xu đang giảng dạy thì các thầy tế lễ cả và các trưởng lão hỏi Ngài về điều gì?
Các thầy tế lễ cả và các trưởng lão muốn biết nhờ quyền năng nào mà Ngài làm những việc đó
Matthew 21:25
Chúa Giê-xu hỏi lại các thầy tế lễ cả và các trưởng lão như thế nào?
Chúa Giê-xu hỏi họ rằng phép Báp-tem của Giăng Báp-tít đến từ trời hay từ con người.
Vì sao các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo không muốn trả lời rằng phép Báp-tem của Giăng đến từ trời?
Vì họ biết nếu nói vậy Chúa Giê-xu sẽ hỏi họ tại sao không tin Giăng.
Matthew 21:28
Trong câu chuyện của Chúa Giê-xu, ai trong số hai người con làm theo ý muốn của cha?
Là người con đầu tiên nói rằng sẽ không làm nhưng sau đó thay đổi ý định và đi.
Matthew 21:31
Trong câu chuyện của Chúa Giê-xu, ai trong số hai người con làm theo ý muốn của Cha?
Là người con đầu tiên nói rằng sẽ không làm nhưng sau đó thay đổi ý định và đi.
Vì sao Chúa Giê-xu nói rằng những người thu thuế và gái mại dâm sẽ được vào vương quốc Đức Chúa Trời trước các thầy tế lễ cả và thầy thông giáo?
Chúa Giê-xu phán rằng họ sẽ được vào vương quốc vì đã tin Giăng, còn các thầy tế lễ cả và thầy thông giáo không tin Giăng.
Matthew 21:35
Những người trồng nho đã làm gì với các đầy tớ của chủ được sai đến lấy nho?
Người trồng nho đánh, giết và ném đá những người đầy tớ.
Matthew 21:38
Những người trồng nho làm gì với người cuối cùng được sai đến?
Người trồng nho đã giết con trai của chủ.
Matthew 21:40
Những người ở đó nói người chủ sẽ làm gì?
Những người ở đó nói rằng người chủ sẽ diệt những kẻ trồng nho đầu tiên và cho những người trồng nho khác thuê.
Matthew 21:42
Trong câu Kinh Thánh mà Chúa Giê-xu trích dẫn sau đó, điều gì xảy ra cho hòn đá bị những thợ xây loại ra?
Hòn đá bị những thợ xây loại ra trở thành đá góc nhà.
Matthew 21:43
Từ câu Kinh Thánh được trích dẫn, Chúa Giê-xu nói điều gì sẽ xảy ra?
Chúa Giê-xu nói rằng vương quốc của Đức Chúa Trời sẽ bị cất khỏi các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si mà đem cho một dân kết quả cho vương quốc ấy.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 22

Matthew 22:1

Vương quốc thiên đàng giống như

Xem cách dịch ở 13:24.

Những người được mời

Hoặc: "những người đức vua đã mời" (Xem: Active or Passive)

Matthew 22:4

Nầy

Hoặc: "Kìa" hoặc "nghe nầy" hoặc "chú ý điều tôi sắp nói".

Matthew 22:5

Những người đó

"Những khách được mời" (22:4)

Không quan tâm đến lời mời của người

"phớt lờ lời mời của người"

Matthew 22:8

Các ngã đường

"chỗ đường giao nhau"

Phòng tiệc

phòng lớn

Matthew 22:15

Làm thế nào để gài bẫy Đức Chúa Jêsus trong lời nói

"làm thế nào để khiến Ngài nói điều gì đó mà họ có thể dùng để tố cáo Ngài"

Người thuộc phe Hê-rốt

Các viên chức và tín đồ của vua Hê-rốt, ông là người thân thiết với đế quốc La Mã (Xem: How to Translate Names)

Thầy không thiên vị ai

"thầy không tỏ ra đặc biệt tôn trọng với một vài người nào đó" hoặc "thầy không chú ý đến những người nào có uy hơn".

Matthew 22:18

Một đơ-ni-ê

Tiền La Mã trị giá một ngày lương. (Xem: Biblical Money)

Matthew 22:20

những gì của Sê-sa

"những gì thuộc về Sê-sa" (Xem: Metonymy)

Những gì của Đức Chúa Trời

"những gì thuộc về Đức Chúa Trời"

Matthew 22:23

Thưa Thầy, Môi-se có nói: 'Nếu một người chết

Họ đang nói về điều Môi-se viết trong Kinh Thánh. Nếu ngôn ngữ của bạn không cho phép để ngoặc kép trong ngoặc kép thì có thể dịch thành câu gián tiếp: "Môi-se có nói rằng nếu một người chết". (Xem: Quotations).

Em của người...vợ của người...anh của người

Của người chết

Matthew 22:25

Cuối cùng

"Sau khi tất cả các anh em đều cưới người đó" hoặc "Sau khi tất cả các anh em đều chết"

Matthew 22:29

Quyền năng của Đức Chúa Trời

"điều Đức Chúa Trời có thể làm được"

Matthew 22:31

Các ngươi chưa đọc...Gia-cốp' sao?

"Ta biết các ngươi đã đọc nhưng dường như các ngươi không hiểu điều....Gia-cốp". (Xem: Rhetorical Question).

Lời phán cho các ngươi

"lời Đức Chúa Trời phán cho các ngươi" (Xem: Active or Passive)

Đức Chúa Trời phán 'Ta là .... Gia-cốp' sao?

Đây là phần trích dẫn kép. "Đức Chúa Trời phán với Môi-se rằng Ngài là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp". (Xem: Quotations)

Matthew 22:34

Luật gia

Một người Pha-ri-si có kỹ năng đặc biệt trong việc thông hiểu luật pháp Môi-se.

Matthew 22:39

Giống như vậy

Giống điều răn ở câu 22:37.

Matthew 22:43

Bên phải ta

"Bên phải" thường được dùng để chỉ về vị trí danh dự. (Xem: metonymy).

Cho đến khi ta đặt kẻ thù nghịch con dưới chân con

"Cho đến khi ta chinh phục kẻ thù của con" (Xem: Idiom)

Matthew 22:45

Nếu Đa-vít gọi Đấng Christ là 'Chúa' thì làm sao Ngài là con Đa-vít được?

Hoặc: "Đa-vít gọi Ngài là Chúa cho nên Đấng Christ không chỉ đơn thuần là hậu tự của Đa-vít". (Xem: Rhetorical Question)

Nếu Đa-vít gọi Đấng Christ

Đa-vít gọi Chúa Giê-xu là "Chúa" vì Ngài không chỉ là hậu tự của Đa-vít nhưng Ngài cao trọng hơn Đa-vít.

Translation Questions

Matthew 22:11

Vua làm gì với người đến dự tiệc mà không mặc trang phục tiệc cưới?

Vua cho trói người đó lại và ném ra ngoài nơi tối tăm.

Matthew 22:13

Vua làm gì với người đến dự tiệc mà không mặc trang phục tiệc cưới?

Vua cho trói người đó lại và ném ra ngoài nơi tối tăm.

Matthew 22:15

Người Pha-ri-si tìm cách làm gì với Chúa Giê-xu?

Người Pha-ri-si tìm cách gài bẫy Chúa Giê-xu trong lời nói.

Matthew 22:23

Người Sa-đu-sê có niềm tin gì về sự sống lại?

Người Sa-đu-sê tin rằng không có sự sống lại.

Matthew 22:29

Hai điều Chúa Giê-xu nói người Sa-đu-sê không biết là gì?

Chúa Giê-xu nói người Sa-đu-sê không biết Kinh Thánh cũng không biết quyền năng của Đức Chúa Trời

Matthew 22:37

Chúa Giê-xu nói hai điều răn quan trọng nhất là gì?

Chúa Giê-xu nói: Ngươi phải hết lòng, hết linh hồn, hết tâm trí mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời ngươi và yêu người lân cận như chính mình là hai điều răn quan trọng nhất.

Matthew 22:39

Chúa Giê-xu nói hai điều răn quan trọng nhất là gì?

Chúa Giê-xu nói: Ngươi phải hết lòng, hết linh hồn, hết tâm trí mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời ngươi và yêu người lân cận như chính mình là hai điều răn quan trọng nhất.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Matthew 22:43

Câu hỏi thứ hai Chúa Giê-xu hỏi người Pha-ri-si là gì?

Sau đó Chúa Giê-xu hỏi họ rằng làm thế nào Đa-vít lại gọi con của người là Chúa Cứu Thế, là Chúa.

Matthew 22:45

Câu hỏi thứ hai Chúa Giê-xu hỏi người Pha-ri-si là gì?

Sau đó Chúa Giê-xu hỏi họ rằng làm thế nào Đa-vít lại gọi con của người là Chúa Cứu Thế, là Chúa.

Chapter 23

Matthew 23:1

ngồi trên ghế của Môi-se

"có thẩm quyền như Môi-se" hoặc "có thẩm quyền diễn giải luật pháp Môi-se" (Xem: Metaphor)

Những gì

"bất kì điều gì" hoặc "mọi điều"

Matthew 23:4

Họ buộc những gánh nặng khó mang

"Họ đặt cho các ngươi nhiều luật lệ khó tuân giữ". (Xem: Metaphor)

Chính họ chẳng đụng đến ngón tay

"họ chẳng đưa ra sự giúp đỡ nhỏ nhất" (Xem: Metaphor)

Hộp đựng kinh luật

Hộp da nhỏ đựng giấy có chép Kinh Thánh

Matthew 23:8

đừng gọi bất cứ người nào trên đất là cha

"đừng nói người nào trên đất là cha của mình"

vì các ngươi chỉ có một Cha, là Đấng ở trên trời

Đức Chúa Cha là “cha” thiên thượng của mọi tín đồ.

Cha

Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời.

các ngươi chỉ có một thầy, là Đấng Christ

Khi Chúa Giê-xu nói “Đấng Christ” là Ngài đang nói về chính mình ở ngôi thứ ba. Có thể dịch là: “Ta là Đấng Christ, là thầy duy nhất của các ngươi” (Xem: First, Second or Third Person)

Matthew 23:11

tự tôn mình lên

"tự làm cho mình quan trọng"

Đề cao

"nâng tầm quan trọng"

Matthew 23:13

Các ngươi không vào

"các ngươi không để Đức Chúa Trời cai trị các ngươi"

ăn nuốt nhà cửa của goá phụ

"cướp đoạt mọi thứ của những người phụ nữ không có đàn ông bảo vệ"

Con của địa ngục

"người thuộc về địa ngục" hoặc "người phải đi xuống địa ngục" (Xem: Idiom)

Matthew 23:16

những kẻ dẫn đường mù quáng...kẻ ngu dại

Các nhà lãnh đạo không bị mù về thể xác nhưng họ không hiểu rằng họ đang sai lầm. (Xem: Metaphor)

Bị ràng buộc vào lời thề

"phải làm điều đã hứa" (Xem: Active or Passive)

Cái nào cao trọng hơn, vàng hay đền thờ làm cho vàng thuộc về Đức Chúa Trời?

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi này để quở trách người Pha-ri-si. (Xem: Rhetorical Question)

Matthew 23:18

Những kẻ mù

Những kẻ mù thuộc linh (Xem: Metaphor)

Cái nào cao trọng hơn, lễ vật hay bàn thờ dâng lễ vật lên cho Đức Chúa Trời?

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi này để chỉ ra điều họ đã biết rồi. (Xem: Rhetorical Question).

Lễ vật

Một con vật bị giết hoặc ngũ cốc được đem đến cho Đức Chúa Trời trước khi đặt trên bàn thờ. Một khi đã đặt lên bàn thờ thì được gọi là của tế lễ. (Xem: Metonymy)

Matthew 23:23

Khốn cho các ngươi

Xem cách dịch ở 23:13.

Bạc hà, hồi hương và rau cần

Lá và hạt dùng để tạo vị ngon cho thức ăn (Xem: Translate Unknown)

Hỡi những kẻ dẫn đường mù quáng

Những người này không mù về thuộc thể. Chúa Giê-xu đang so sánh sự mù lòa thuộc linh với mù lòa thuộc thể. (Xem: Metaphor)

Các ngươi lọc con ruồi mà lại nuốt con lạc đà

Cẩn thận làm theo những luật lệ nhỏ nhặt mà bỏ qua những luật pháp quan trọng hơn cũng ngu ngốc giống như cẩn thận để không nuốt phải một vật ô uế nhỏ nhất nhưng lại ăn thịt của con vật ô uế to lớn nhất do cố ý hoặc vô tình. Gợi ý dịch: “các ngươi thật ngu ngốc giống như một người lọc con ruồi rơi vào nước nhưng lại nuốt cả con lạc đà”. (Xem: Metaphor và Hyperbole)

Lọc con ruồi

Uống qua miếng vải lọc để ruồi khỏi trôi vào miệng

Ruồi

Một loại côn trùng nhỏ biết bay

Matthew 23:25

Khốn cho các ngươi

Xem cách dịch ở 23:13.

Vì các ngươi rửa sạch bên ngoài chén đĩa

Các “thầy thông giáo” và “người Pha-ri-si” “bề ngoài có vẻ thanh sạch” trong mắt người khác. (Xem: Metaphor).

Bên trong họ thì đầy dẫy sự bóc lột và luông tuồng

"họ dùng uy lực để lấy những thứ thuộc về người khác nhằm mục đích có được nhiều hơn những gì họ cần"

Hỡi người Pha-ri-si mù quáng

Người Pha-ri-si không hiểu được chân lí, họ không bị mù về thuộc thể. (Xem: Metaphor).

Trước hết, phải rửa bên trong chén đĩa, để bên ngoài cũng được sạch

Nếu tấm lòng của họ ngay thẳng trước mặt Chúa thì đời sống của họ cũng sẽ bày tỏ điều đó ra. (Xem: Metaphor)

Matthew 23:32

Các ngươi làm đầy mức độ gian ác của tổ phụ các ngươi

"Các ngươi làm trọn những tội lỗi mà tổ phụ các ngươi gây ra" (Xem: Metonymy)

Hỡi loài rắn, dòng dõi rắn độc

"các ngươi gian ác như loài rắn độc nham hiểm" (Xem: Metaphor)

Làm sao các ngươi có thể thoát khỏi hình phạt hỏa ngục?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Các ngươi không có cách gì để thoát khỏi hình phạt hỏa ngục được!" (Xem: Rhetorical Question)
Matthew 23:34
Từ...A-bên...cho đến...Xa-cha-ri
A-bên là nạn nhân bị giết đầu tiên và Xa-cha-ri có lẽ được cho là người bị giết cuối cùng bởi người Do Thái trong đền thờ.
Xa-cha-ri
Không phải là cha của Giăng Báp-tít
Matthew 23:37
Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem
Chúa Giê-xu nói với dân cư thành Giê-ru-sa-lem như thể họ chính là thành phố đó. (Xem: Apostrophe và Metonymy)
Con cái các ngươi
Toàn dân Y-sơ-ra-ên (Xem: Synecdoche)
Nhà các ngươi sẽ bị bỏ hoang
Hoặc: "Đức Chúa Trời sẽ rời bỏ nhà các ngươi và nó sẽ trở nên trống không" (Xem: Metonymy)
Nhà các ngươi
Có thể là 1) thành Giê-ru-sa-lem hoặc 2) đền thờ. (Xem: Metonymy).

Translation Questions

Matthew 23:8
Chúa Giê-xu nói ai là Cha, là thầy duy nhất của chúng ta?
Chúa Giê-xu nói rằng Cha duy nhất của chúng ta là Đấng ở trên trời và thầy duy nhất của chúng ta là Chúa Cứu Thế.
Matthew 23:13
Tên gọi mà Chúa Giê-xu liên tục gọi các thầy thông giáo và người Pha-ri-si nói lên cách cư xử của họ là gì?
Chúa Giê-xu liên tục gọi các thầy thông giáo và người Pha-ri-si là kẻ đạo đức giả.
Matthew 23:16
Trong những lời quở trách, Chúa Giê-xu nói gì về sự giảng dạy của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si?
Chúa Giê-xu nói các thầy thông giáo và người Pha-ri-si là những kẻ dẫn đường mù quáng và những kẻ ngu dại mù quáng
Matthew 23:23
Tên gọi mà Chúa Giê-xu liên tục gọi các thầy thông giáo và người Pha-ri-si nói lên cách cư xử của họ là gì?
Chúa Giê-xu liên tục gọi các thầy thông giáo và người Pha-ri-si là kẻ đạo đức giả.
Dù họ dâng một phần mười bạc hà, hồi hương và rau cần thì các thầy thông giáo và người Pha-ri-si vẫn thiếu sót điều gì?
Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si thiếu sót những điều quan trọng hơn của luật pháp, đó là công bình, thương xót và đức tin
Matthew 23:25
Tên gọi mà Chúa Giê-xu liên tục gọi các thầy thông giáo và người Pha-ri-si nói lên cách cư xử của họ là gì?
Chúa Giê-xu liên tục gọi các thầy thông giáo và người Pha-ri-si là kẻ đạo đức giả.
Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si không làm sạch được điều gì?
Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si không làm sạch bên trong chén đĩa để bên ngoài cũng được sạch.
Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đầy dẫy điều gì bên trong?
Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đầy dẫy sự tham lam, phóng túng, đạo đức giả và tội lỗi.
Matthew 23:27
Tên gọi mà Chúa Giê-xu liên tục gọi các thầy thông giáo và người Pha-ri-si nói lên cách cư xử của họ là gì?
Chúa Giê-xu liên tục gọi các thầy thông giáo và người Pha-ri-si là kẻ đạo đức giả.
Matthew 23:29
Tên gọi mà Chúa Giê-xu liên tục gọi các thầy thông giáo và người Pha-ri-si nói lên cách cư xử của họ là gì?
Chúa Giê-xu liên tục gọi các thầy thông giáo và người Pha-ri-si là kẻ đạo đức giả.
Tổ phụ của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã làm gì với các tiên tri của Đức Chúa Trời?
Tổ phụ của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã giết các tiên tri của Đức Chúa Trời.
Matthew 23:34
Chúa Giê-xu nói các thầy thông giáo và người Pha-ri-si sẽ làm gì với các tiên tri, người khôn ngoan và các thầy thông giáo mà Ngài sai họ đến?
Chúa Giê-xu nói rằng họ sẽ giết và đóng đinh những người nầy, đánh đòn và truy lùng những người khác từ thành này này sang thành kia.
Matthew 23:37
Chúa Giê-xu mong muốn điều gì cho các con cái của Giê-ru-sa-lem và vì sao điều đó không được thực hiện?
Chúa Giê-xu mong muốn tụ họp các con cái của Giê-ru-sa-lem nhưng họ không muốn.

Chapter 24
Matthew 24:1
Các con có nhìn thấy tất cả những điều nầy không?
Có thể là: Chúa Giê-xu đang nói về 1) đền thờ (Có thể dịch là: “Ta bảo cho các con biết về những tòa nhà này) hoặc 2) sự phá hủy Ngài vừa mô tả (“Lẽ ra các con phải hiểu điều ta vừa nói, nhưng các con lại không hiểu!”). (Xem: Rhetorical Question)
Matthew 24:3
Hãy thận trọng để không ai dẫn các con đi lạc
"Hãy thận trọng để các con không tin vào những kẻ nói dối về những điều nầy"
Matthew 24:6
Các con không bị bối rối
"Đừng để những điều nầy làm các con bối rối" (Xem: Active or Passive)
Matthew 24:9
Họ sẽ nộp các con
"Những người muốn bắt bớ các con sẽ nộp các con"
Nộp các con
Xem cách dịch ở 10:17.
Matthew 24:12
Lòng yêu mến của nhiều người sẽ nguội dần
Có thể là: 1) “nhiều người sẽ không còn yêu thương người khác nữa” hoặc 2) “nhiều người sẽ không còn yêu Chúa nữa” (Xem: Idiom).
Muôn dân

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hoặc: "mọi người ở mọi nơi" (Xem: Metonymy)
Matthew 24:15
Lời phán qua tiên tri Đa-ni-ên
Hoặc: "điều tiên tri Đa-ni-ên đã viết" (Xem: Active or Passive)
Matthew 24:19
Những người có con
Phụ nữ mang thai (Xem: Euphemism)
Mùa đông
"mùa lạnh"
Loài xác thịt
Con người (Xem: Synecdoche)
Matthew 24:23
Đừng tin
"đừng tin điều giả dối họ nói với các con"
Matthew 24:26
Như chớp nhoáng...thì sự đến
Ngài sẽ đến rất nhanh và dễ thấy. (Xem: Simile)
Xác vật chết ở đâu thì kền kền bâu lại ở đó
Có thể là 1) khi Con Người đến, mọi người sẽ thấy Ngài và biết Ngài đến hoặc 2) Người chết thuộc linh ở đâu thì tiên tri giả sẽ ở đó để dối lừa họ. (Xem: Metaphor)
Kền kền
Loài chim ăn xác chết hoặc loài vật đang chết
Matthew 24:29
Liền
"Ngay"
Những ngày đó
Những ngày được mô tả trong 24:23-28
Mặt trời sẽ tối tăm
Hoặc: "Đức Chúa Trời sẽ khiến mặt trời tối tăm" (Xem: Active or Passive)
Các quyền lực trên trời sẽ bị rúng động
Hoặc: "Đức Chúa Trời sẽ làm rúng động mọi vật trong bầu trời và phía trên bầu trời" (Xem: Active or Passive)
Matthew 24:30
Đấm ngực
Đấm ngực cho thấy họ sợ hãi sự trừng phạt sắp đến
Họ sẽ tụ họp
"Các thiên sứ của Ngài sẽ tụ họp"
Người được chọn của Ngài
Người được Con Người lựa chọn
Bốn phương
Hoặc: "từ phía bắc, phía nam, phía đông và phía tây" hoặc "từ mọi nơi". (UDB) (Xem: Merism)
Matthew 24:32
Gần ngay cửa
Giống như một đội quân công kích sẵn sàng tấn công vào thành (Xem: Metaphor)
Matthew 24:34
Thế hệ nầy sẽ không qua đi
"Những người hiện đang sống sẽ không chết hết" (Xem: Euphemism)
Cho đến khi mọi điều này xảy đến
Hoặc: "cho đến khi Đức Chúa Trời khiến mọi điều này xảy đến"
Trời đất sẽ qua đi
"Trời đất sẽ không còn nữa"
Matthew 24:36
Con cũng không
"cả Con cũng không"
Matthew 24:37
Như trong thời Nô-ê thể nào thì lúc Con Người đến cũng thể ấy
"Ngày Con Người trở lại sẽ giống như thời Nô-ê" vì không ai biết được điều tệ hại sẽ xảy ra cho họ.
Vì trong những ngày trước nước lụt họ ăn và uống...đùa hết thảy chúng đi, khi Con Người đến cũng như vậy
"Những ngày trước khi Con Người đến sẽ giống như trước thời nước lụt, khi mọi người ăn và uống,...đùa chết thảy chúng đi"
Matthew 24:40
Sau đó
Khi Con Người đến.
Một người được đem đi, một người bị bỏ lại
Có thể là: 1) Đức Chúa Trời sẽ đem một người lên thiên đàng và để người kia lại trên đất để bị trừng phạt hoặc 2) Thiên sứ sẽ cất một người đi để trừng phạt và để lại người kia để được hưởng phước lành (Xem: 13:40-43).
Cối xay
Một dụng cụ để xay nghiền
Vì vậy
"Vì điều ta đã nói với ngươi"
Hãy cảnh giác
"Hãy chú ý"
Matthew 24:43
Kẻ trộm
Chúa Giê-xu đang nói rằng Ngài sẽ đến khi người ta không ngờ chứ không có nghĩa là Ngài sẽ đến để trộm cắp.
Người ấy sẽ cảnh giác
"Người ấy sẽ canh phòng nhà mình" để giữ an toàn
Và không để nhà mình bị xâm nhập
"Người ấy không để cho bất kì ai vào nhà lấy trộm đồ" (Xem: Active or Passive)
Matthew 24:45
Vậy ai là đầy tớ trung tín và khôn ngoan, được chủ...giờ?
"Vậy ai là đầy tớ trung tín và khôn ngoan? Người ấy sẽ được chủ...giờ". (Xem: Rhetorical Question)
Cấp phát thức ăn
"cấp phát thức ăn cho người trong nhà chủ mình"
Matthew 24:48
Nói trong lòng
"nghĩ trong lòng"
Khiến số phận của nó
"đối xử với nó"

Translation Questions

Matthew 24:3
Sau khi nghe lời tiên tri về đền thờ, các môn đồ hỏi Chúa Giê-xu điều gì?
Các môn đồ hỏi Chúa Giê-xu rằng khi nào những việc này xảy ra, và có dấu hiệu gì báo trước cho sự trở lại của Ngài và kỳ tận thế.
Matthew 24:6
Chúa Giê-xu nói những sự kiện nào khởi đầu cho cơn đau chuyển dạ?
Chúa Giê-xu nói rằng chiến tranh, đói kém và động đất là khởi đầu cho cơn đau chuyển dạ.
Matthew 24:9

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Giê-xu nói khi đó điều gì sẽ xảy ra cho các tín hữu?

Chúa Giê-xu nói rằng các tín hữu sẽ chịu hoạn nạn, một số sẽ vấp ngã và phản bội nhau, một số tấm lòng trở nên nguội lạnh.

Matthew 24:12

Chúa Giê-xu nói khi đó điều gì sẽ xảy ra cho các tín hữu?

Chúa Giê-xu nói rằng các tín hữu sẽ chịu hoạn nạn, một số sẽ vấp ngã và phản bội nhau, một số tấm lòng trở nên nguội lạnh.

Matthew 24:15

Chúa Giê-xu nói các tín hữu phải làm gì khi thấy điều gớm ghiếc tàn nát trong nơi thánh [24:15]?

Chúa Giê-xu nói các tín hữu chạy trốn lên núi.

Matthew 24:29

Điều gì sẽ xảy ra với mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao sau những ngày hoạn nạn đó?

Mặt trời, mặt trăng sẽ tối tăm và các ngôi sao sa xuống từ trời.

Matthew 24:30

Các dân trên đất sẽ làm gì khi thấy Con Người đến trong uy quyền và vinh quang tối cao?

Các dân trên đất sẽ đấm ngực.

Matthew 24:34

Chúa Giê-xu nói điều gì sẽ không qua đi cho đến khi mọi điều đó xảy đến?

Chúa Giê-xu nói thế hệ nầy sẽ không qua đi cho đến khi mọi điều đó xảy đến.

Matthew 24:36

Ai là người biết được khi nào những điều đó sẽ xảy đến?

Chỉ một mình Cha biết được khi nào những điều đó sẽ xảy đến.

Matthew 24:37

Sự hiện đến của Con Người giống với thời kỳ Nô-ê trước cơn nước lụt như thế nào?

Người ta sẽ ăn, uống, cưới, gã, không biết gì về sự phán xét sẽ đến hủy diệt họ.

Matthew 24:45

Người đầy tớ trung thành và khôn ngoan làm gì khi chủ đi vắng?

Người đầy tớ trung thành và khôn ngoan coi sóc cho nhà chủ khi chủ đi vắng.

Matthew 24:48

Đầy tớ gian ác làm gì khi chủ đi vắng?

Đầy tớ gian ác đánh đập các đầy tớ cùng làm, ăn uống những phường say rượu khi chủ đi vắng

---

Chapter 25

Matthew 25:1

Đèn

Đây có thể là 1) đèn hoặc 2) đuốc được làm bằng cách quấn vải xung quanh một đầu que củi và cho dầu thấm vào vải.

Năm người trong bọn họ

"Năm trinh nữ"

Không đem dầu theo

"Chỉ đem theo dầu ở trong đèn"

Matthew 25:5

Họ đều buồn ngủ

"cả mười trinh nữ đều buồn ngủ"

Matthew 25:7

Sửa soạn đèn

"điều chỉnh đèn để nó cháy sáng"

Các cô dại nói với các cô khôn

"các trinh nữ dại nói với các trinh nữ khôn"

Đèn của chúng tôi sắp tắt

"lửa trong đèn không còn cháy sáng nữa" (Xem: Idiom)

Matthew 25:10

Họ đi

"năm trinh nữ dại đi"

Những người đã sẵn sàng

Các trinh nữ có dư dầu

Cửa đóng lại

Hoặc: "người ta đóng cửa lại" (Xem: Active or Passive)

xin mở cửa cho chúng tôi

"xin mở cửa cho chúng tôi được vào trong" (Xem: Explicit)

Ta không biết các cô

"Ta không biết các cô là ai"

Matthew 25:14

Nó giống như

"Vương quốc thiên đàng giống như" (Xem: 25:1)

Sắp đi

"chuẩn bị đi" hoặc "sớm đi"

Giao tài sản của mình cho họ

"giao cho họ coi sóc tài sản của mình"

Tài sản của mình

"của cải của mình"

Năm ta-lâng

Một “ta-lâng” đáng giá tiền lương của hai mươi năm. Tránh dịch thành đơn vị tiền tệ hiện đại. Ẩn dụ nầy đang so sánh số lượng tương đối của năm, hai và một cũng như mức độ tài sản. Có thể dịch là: “năm túi vàng” (UDB) (Xem: Biblical Money).

Làm ra năm ta-lâng khác

"từ số vốn của mình, người ấy kiếm được năm ta-lâng nữa"

Matthew 25:17

Làm ra hai ta-lâng khác

"kiếm được hai ta-lâng nữa"

Matthew 25:19

Tôi đã làm được năm ta-lâng nữa

"Tôi đã kiếm được năm ta-lâng nữa"

Ta-lâng

Xem cách dịch ở câu 25:15.

Được lắm

"Ngươi làm tốt lắm" hoặc "Ngươi làm phải lắm". Văn hóa của bạn có thể có câu nói mà người chủ (hay người có quyền) thường dùng để tỏ ý bằng lòng với điều người đầy tớ (hay người dưới quyền) đã làm.

Matthew 25:22

Tôi đã làm được ... ta-lâng nữa

Xem cách dịch ở câu 25:20.

Được lắm...niềm vui của chủ ngươi

Xem cách dịch ở câu 25:21.

Matthew 25:24

gặt chỗ mình không gieo, thu chỗ mình không rải ra

Hai câu nầy có nghĩa giống nhau. Người đầy tớ đang lên án chủ vì thu gặt mùa màng không thuộc về ông. Có thể dịch là: “Chủ thu gom lương thực từ vườn không thuộc quyền của chủ” (Xem: Parallelism).

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Rải
Vào thời đó người ta thường ném một lượng hạt nhỏ xung quanh thay vì trồng theo hàng.
Đây nầy, xin hoàn lại cho chủ những gì của chủ
"Đây là vật của chủ"
Matthew 25:26
Hỡi đầy tớ gian ác và lười biếng
"Ngươi là đầy tớ gian ác và không muốn làm việc"
Ta gặt chỗ ta không gieo, và thu chỗ ta không rải ra
Xem cách dịch ở câu 25:24
Nhận lại của ta
"nhận lại vàng của ta" (Xem: Ellipsis)
Lãi
Phí trả của ngân hàng để tạm thời được sử dụng tiền của chủ
Matthew 25:28
Được dư dật thêm
"được thêm nhiều"
Nơi có khóc lóc và nghiến răng
"nơi người ta khóc lóc và nghiến rằng"
Matthew 25:31
Trước khi Ngài được tụ họp mọi dân
Hoặc: "Ngài sẽ tụ họp mọi dân trước mặt Ngài". (Xem: Active or Passive)
Trước mặt Ngài
"Ở trước Ngài"
Mọi dân
"mọi người từ mọi đất nước" (Xem: Metonymy)
Dê
Dê là loài động vật có vú, bốn chân, có kích thước trung bình giống như chiên, thường được nuôi hay chăn thành bầy giống chiên.
Ngài sẽ để
"Con Người sẽ để"
Matthew 25:34
Vua
Đây là một danh hiệu khác của Con Người mà Chúa Giê-xu nói đến ở câu 25:31.
Vua...bên phải
Chúa Giê-xu đang nói về Ngài ở ngôi thứ ba. Gợi ý dịch: “Ta, là Vua...bên phải” (Xem: First, Second or Third Person)
Hỡi những người được Cha ta ban phước, hãy đến
Hoặc: "Hỡi những người Cha ta đã ban phước, hãy đến"
(Xem: Active or Passive)
Cha
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời (See: Son of God Principles)
thừa hưởng vương quốc đã chuẩn bị sẵn cho các con
Hoặc: "thừa hưởng vương quốc mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn cho các con"
Matthew 25:37
Vua
"Con Người" (25:31)
Phán cùng họ
"phàn cùng những người bên phải"
Anh em
Nếu ngôn ngữ của bạn có từ bao gồm cả nam và nữ thì hãy sử dụng ở đây
Các con đã làm cho ta
"Ta xem đó là các con đã làm cho ta"
Matthew 25:41
Hỡi những kẻ bị nguyền rủa
"Hỡi những kẻ Đức Chúa Trời nguyền rủa"
Lửa đời đời đã chuẩn bị sẵn
Hoặc: "lửa đời đời mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn" (Xem: Active or Passive)
Quỷ sứ của nó
Những kẻ giúp đỡ nó
trần truồng nhưng các ngươi không mặc cho ta
"Ta trần truồng nhưng các ngươi không cho ta đồ mặc" (Xem: Ellipsis)
ốm đau và bị tù
"Ta ốm đau và bị tù" (Xem: Ellipsis)
Matthew 25:44
họ cũng sẽ trả lời
"những người ở bên trái" (25:41) cũng sẽ trả lời
cho một người thấp kém nhất trong những người nầy
"cho bất kì một người thấp kém nhất trong con dân của ta"
các ngươi đã không làm cho ta
“Ta xem đó là các ngươi không làm cho ta” hoặc “các ngươi đã không giúp đỡ chính ta”
Hình phạt đời đời
"hình phạt không bao giờ kết thúc"
những người công chính vào sự sống đời đời
"những người công chính sẽ bước vào sự sống đời đời"

Translation Questions

Matthew 25:5
Khi nào chú rể đến so với thời gian dự kiến ?
Chú rể đến lúc nửa đêm, trễ hơn so với thời gian dự kiến.
Matthew 25:10
Điều gì xảy ra cho những trinh nữ khôn ngoan khi chàng rể đến?
Những trinh nữ khôn ngoan cùng với chàng rể đi đến tiệc cưới.
Matthew 25:17
Những đầy tớ với năm và hai ta-lâng đã làm gì với ta-lâng của họ khi ông chủ đi xa?
Người đầy tớ có năm ta-lâng làm ra năm ta-lâng nữa, và người có hai ta-lâng làm ra hai ta-lâng nữa.
Matthew 25:19
Ông chủ đi xa bao lâu?
Ông chủ vắng nhà một thời gian dài.
Matthew 25:24
Khi trở về, ông chủ đã làm gì với người đầy tớ được giao một ta-lâng?
Ông chủ nói rằng “Hỡi đầy tớ gian ác và lười biếng”, đem anh ta ra và ném ra bên ngoài chỗ tối tăm.
Matthew 25:31
Con Người sẽ làm gì khi ngự đến và ngồi trên ngai vinh quang?
Con Người sẽ tụ họp các dân tộc và chia họ ra.
Matthew 25:34
Những người bên phải vua sẽ nhận được gì?
Những người bên phải vua sẽ nhận được vương quốc đã chuẩn bị sẵn cho họ từ khi sáng thế.
Matthew 25:41
Những người bên trái vua sẽ nhận điều gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những người bên trái vua sẽ nhận lấy lửa đời đời đã được chuẩn bị sẵn cho quỷ vương và những thiên sứ của nó.

Chapter 26

Matthew 26:1

Vả,

Nếu ngôn ngữ của bạn có cách đánh dấu một phần mới của câu chuyện bắt đầu thì hãy xem xét để sử dụng ở đây.

Mọi lời ấy

Những lời ở 24:4-25:46

Con Người sẽ bị nộp để chịu đóng đinh trên thập tự giá

"Một số người sẽ nộp Con Người vào tay những kẻ sẽ đóng đinh Ngài trên thập tự giá" (Xem: Active or Passive)

Matthew 26:3

Lén

"bí mật"

Không trong dịp lễ

Hoặc: "Chúng ta không nên giết tên Giê-xu trong dịp lễ" (Xem: Ellipsis)

Dịp lễ

Lễ Vượt Qua hằng năm

Matthew 26:6

Dựa vào

Nằm nghiêng. Có thể dùng từ diễn tả tư thế lúc ăn trong ngôn ngữ của bạn.

Một phụ nữ đến cùng Ngài

Một phụ nữ đến cùng Chúa Giê-xu

Bình ngọc

Một vật đựng rất đắt tiền làm bằng đá quý.

Dầu thơm

Loại dầu có hương thơm

Tại sao lãng phí như vậy?

“Người phụ nữ đã sai khi lãng phí dầu thơm này!” (Xem: Rhetorical Question)

Matthew 26:10

Sao các con làm phiền hà người phụ nữ ấy?

"Các con không nên làm phiền hà người phụ nữ ấy!" (Xem: Rhetorical Question)

Các con…các con…các con

Các môn đồ

Matthew 26:14

Nộp người cho các ông

"giao thầy Giê-xu cho các ông" hoặc "giúp các ông bắt thầy Giê-xu"

Ba mươi miếng bạc

Vì từ này giống với từ được nói đến trong lời tiên tri Cựu Ước nên hãy giữ nguyên thay vì đổi sang đơn vị tiền tệ hiện đại.

Nộp Ngài cho họ

"giúp các thầy tế lễ cả bắt Chúa Giê-xu"

Matthew 26:17

Ngài đáp: “Hãy vào thành, đến nhà một người kia và nói với người ấy rằng: ‘Thầy bảo: Giờ ta gần đến, ta sẽ dự lễ Vượt Qua tại nhà ngươi với các môn đồ ta’”.

Chúa Giê-xu bảo các môn đồ chuyển lời của Ngài cho một người khác. Có thể dịch là: “Ngài bảo các môn đồ vào thành, đến nhà một người nọ và bảo Thầy nói với người đó rằng: ‘Giờ ta gần đến, ta sẽ dự lễ Vượt Qua tại nhà ngươi với các môn đồ ta’”. Hoặc “Ngài bảo các môn đồ vào thành, đến nhà một người nọ và bảo với người đó rằng thầy nói giờ của thầy gần đến, thầy sẽ dự lễ Vượt Qua với các môn đồ tại nhà của người đó”.

Giờ ta

Có thể là: 1) “Giờ ta đã nói cùng ngươi" (UDB) hoặc 2) "Giờ Đức Chúa Trời đã định cho ta".

Gần

Có thể là: 1) “ở gần” (UDB) hoặc 2) “đã đến”. (Xem: Idiom).

Dự lễ Vượt Qua

"dự tiệc lễ Vượt Quá" hoặc "tổ chức lễ Vượt Qua bằng một bữa tiệc đặc biệt"

Matthew 26:20

Ngài ngồi xuống ăn

Dùng từ chỉ về tư thế khi ăn trong văn hóa của bạn.

Thưa Chúa, chắc chắn không phải là con, phải không?

"Chắc chắn không phải là con phải không thưa Chúa?" (Xem: Rhetorical Question)

Matthew 26:23

Kẻ khiến Con Người bị phản

"kẻ phản Con Người"

Chính con đã nói như thế

"Như con đã nói, con chính là người đó" hoặc "Con vừa thừa nhận điều đó" (Xem: Idiom)

Matthew 26:26

Lấy…tạ ơn…bẻ

Dịch như ở câu 14:19.

Matthew 26:27

Lấy

Dịch như ở câu 14:19.

Trao cho họ

"trao cho các môn đồ"

Huyết của giao ước

"huyết chứng tỏ giao ước có hiệu lực" hoặc "huyết khiến giao ước được thực hiện"

Đổ ra

"đổ ra trong sự chết" hoặc "sắp đổ ra từ thân thể ta" hoặc "sẽ đổ ra từ vết thương khi ta chết"

Trái nho

"rượu" (Xem: Idiom)

Khi ta sẽ cùng các con uống nước nho mới trong vương quốc của Cha ta

Huyết của Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời mua sự tha tội đời đời của Đức Chúa Cha cho những ai tin Ngài. Chính Ngài sẽ kỷ niệm sự hài lòng của Cha về sự chuộc tội của Ngài trên thập tự giá. Những từ “Cha” và “Con” trong Kinh Thánh cần được dịch sát nghĩa để cho thấy mối liên hệ gia đình mật thiết của các ngôi Đức Chúa Trời.

Matthew 26:30

Thánh ca

Bái hát ngợi khen Đức Chúa Trời

Vấp ngã

"lìa bỏ ta"

chiên trong bầy sẽ tan lạc

Hoặc: 1) "chúng sẽ làm tan lạc chiên trong bầy" (UDB) hoặc 2) "chiên trong bầy sẽ tan lạc mọi hướng"

Chiên trong bầy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các môn đồ (Xem: Metaphor)
Sau khi ta được sống lại
Hoặc: "sau khi Đức Chúa Trời khiến ta sống lại" (Xem: Active or Passive)
Ta được sống lại
Hoặc: "Đức Chúa Trời khiến ta sống lại từ cõi chết"
Matthew 26:33
Vấp ngã
Dịch như ở câu 26:31.
Trước khi gà gáy
Hoặc: "trước khi mặt trời lên"
Gà
Một loài chim kêu rất to vào khoảng thời gian mặt trời lên.
Gáy
Tiếng kêu của gà trống
Matthew 26:36
Đau buồn
Rất buồn rầu
Matthew 26:39
Sấp mặt
Chủ ý úp mặt xuống đất để cầu nguyện (Xem: Idiom)
Cha ta
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời thể hiện mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu. (Xem: Son of God Principles)
xin cho chén nầy lìa khỏi con
Cụm từ “chén nầy” chỉ về sự đau khổ mà Chúa Giê-xu sẽ trải qua.
Tuy nhiên, không theo ý con nhưng theo ý Cha.
Có thể nói thành một câu hoàn chỉnh. Gợi ý dịch: “Nhưng xin đừng làm theo điều con muốn mà làm điều Cha muốn”.
Matthew 26:42
Ngài đi
"Chúa Giê-xu đi"
Trừ khi con uống
"trừ khi con uống chén đau thương nầy"
Cha của con
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.
Mắt họ đã nặng trĩu
"họ rất buồn ngủ" (Xem: Idiom)
Matthew 26:45
Giờ đã gần
"giờ đã đến"
Tay của kẻ có tội
"những kẻ tội lỗi" (Xem: Synecdoche)
Kìa
"Hãy chú ý điều ta sắp nói"
Matthew 26:47
Khi Ngài còn đang nói
"Khi Chúa Giê-xu còn đang nói"
Rằng: "Tôi hôn người nào thì chính là người đó. Hãy bắt lấy người"
"rằng người mà hắn hôn là người họ cần bắt". (Xem: Quotations)
Người nào tôi hôn
"Người tôi sẽ hôn" (UDB)
Hôn
Cách tôn trọng để chào người thầy
Matthew 26:49
Hắn đến gần Chúa Giê-xu
"Giu-đa đến gần Chúa Giê-xu"
Hôn Ngài
"gặp Ngài với một cái hôn"
Tra tay trên Chúa Giê-xu
Giữ Chúa Giê-xu lại để làm hại Ngài (Xem: Metonymy)
Bắt Ngài
Bắt Ngài làm tù nhân
Matthew 26:51
Nầy
Tác giả đưa một nhân vật mới vào câu chuyên. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt điều nầy.
Con tưởng rằng Ta không thể xin Cha, và Ngài sẽ sai đến cho ta hơn mười hai quân đoàn thiên sứ sao?
Hoặc: "Con phải biết rằng ta có thể xin Cha và Ngài sẽ sai đến cho ta hơn mười hai quân đoàn thiên sứ". (Xem: Rhetorical Question)
Cha ta
Đây là một danh hiệu uy quyền của Đức Chúa Trời mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.
Hơn mười hai quân đoàn thiên sứ
Số lượng thiên sứ chính xác không quan trọng (Xem: Numbers)
Quân đoàn
Đơn vị quân đội La Mã khoảng sáu ngàn quân lính (Xem: Translate Unknown)
Matthew 26:55
Các ngươi đem gươm và gậy đến bắt Ta như bắt một tên cướp sao?
Hoặc: "Các ngươi biết rằng ta không phải một tên cướp, mà các ngươi đem gươm và gậy đến tìm ta là điều sai trái". (Xem: Rhetorical Question)
Gậy
Một miếng gỗ lớn, cứng để đánh người
Bỏ Ngài
Nếu ngôn ngữ của bạn có từ biểu đạt ý nghĩa là họ bỏ Ngài trong khi họ cần phải ở đó với Ngài thì hãy dùng ở đây.
Matthew 26:57
sân của thầy tế lễ thượng phẩm
khu vực ngoài trời gần nhà thầy tế lễ thượng phẩm
Matthew 26:59
Hai người tiến lên
"Hai người tiến lên" (UDB) hoặc "hai nhân chứng tiến lên"
Nói rằng “Người nầy đã nói: ‘Ta có thể phá đền thờ của Đức Chúa Trời, rồi xây lại trong ba ngày’”
Hoặc: "làm chứng rằng họ nghe Chúa Giê-xu nói Ngài có thể phá đền thờ của Đức Chúa Trời, rồi xây lại trong ba ngày" (Xem: Quotations)
Người nầy đã nói
"Giê-xu nầy đã nói"
Matthew 26:62
Họ đang làm chứng tố cáo ngươi
"những nhân chứng nầy đang làm chứng tố cáo ngươi"
Con Đức Chúa Trời
Đây là danh hiệu uy quyền mô tả mối liên hệ giữa Đấng Christ và Đức Chúa Trời
Chính ngươi đã nói thế
Chúa Giê-xu xác nhận Ngài là “Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời”. Có thể dịch là: “Đúng như ngươi đã nói” hoặc “Ngươi vừa thừa nhận điều đó”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nhưng Ta nói với các ngươi, từ nay trở đi các ngươi
Chúa Giê-xu đang nói với thầy tế lễ thượng phẩm và những người khác đang ở đó.
Từ nay trở đi các ngươi sẽ thấy Con Người
Có thể là: 1) họ sẽ thấy Con Người vào lúc nào đó trong tương lai hoặc 2) Chúa Giê-xu muốn nói "từ nay" là từ lúc Ngài chết, sống lại và thăng thiên.
Bên phải Đấng Quyền năng
"bên phải Đức Chúa Trời Toàn năng"
Đến trong đám mây từ trời
"ngự trên mây trời mà xuống đất"
Matthew 26:65
thầy tế lễ thượng phẩm xé áo mình
Xé áo là dấu hiệu của sự buồn bực tức giận.
Họ đáp
"Các lãnh đạo Do Thái đáp"
Matthew 26:67
Rồi họ
Có thể là: "Rồi một số người" hoặc "rồi các quân lính".
Vả vào mặt Ngài
Đây là một sự lăng mạ
hãy nói tiên tri cho chúng ta đi
có nghĩa là "hãy nói với chúng ta bằng năng quyền của Đức Chúa Trời", chứ không có nghĩa là "hãy nói cho chúng ta biết điều sẽ xảy ra trong tương lai".
Matthew 26:69
Tôi không biết cô đang nói gì
Phi-e-rơ hiểu được điều người tớ gái nói. Ông nói vậy để chối rằng ông không ở với Chúa Giê-xu.
Matthew 26:71
Khi ông
"Khi Phi-e-rơ"
Cửa
Chỗ mở ra trên bức tường bao quanh sân
Matthew 26:73
Một người trong số họ
"một trong số những người ở đó với Chúa Giê-xu"
vì giọng nói của ông đã tố cáo ông
"chúng ta có thể khẳng định ông đến từ Ga-li-lê vì ông nói như người Ga-li-lê"
Nguyền rủa
"tự nguyền rủa"
Thề rằng "Tôi không biết người đó"
Hoặc: "rằng ông không biết người đó" (Xem: Quotations)

Translation Questions

Matthew 26:6
Các môn đồ phản ứng như thế nào khi người phụ nữ đổ dầu thơm đắt tiền lên đầu Chúa Giê-xu?
Các môn đồ tức giận và muốn biết tại sao lại không bán dầu thơm đó để lấy tiền đem cho người nghèo.
Matthew 26:12
Chúa Giê-xu nói vì sao người phụ nữ đổ dầu thơm lên Ngài?
Chúa Giê-xu nói rằng người phụ nữ đổ dầu thơm lên Ngài để chuẩn bị cho việc chôn cất Ngài.
Matthew 26:14
Giu-đa Ích-ca-ri-ốt được trả gì để nộp Chúa Giê-xu vào tay các thầy tế lễ cả?
Giu-đa Ích-ca-ri-ốt được trả ba mươi miếng bạc để nộp Chúa Giê-xu vào tay các thầy tế lễ cả.
Matthew 26:26
Khi Chúa Giê-xu lấy bánh, tạ ơn, bẻ ra và trao cho các môn đồ, Ngài đã nói gì?
Chúa Giê-xu nói rằng "Hãy lấy, ăn đi! Đây là thân thể Ta."
Matthew 26:30
Trên núi Ô-liu, Chúa Giê-xu nói đêm đó tất cả các môn đồ sẽ như thế nào?
Chúa Giê-xu nói với các môn đồ rằng đêm đó tất cả họ sẽ vấp ngã vì Ngài.
Matthew 26:33
Khi Phi-e-rơ nói ông sẽ không bao giờ vấp ngã thì Chúa Giê-xu nói đêm đó ông sẽ làm gì?
Chúa Giê-xu nói rằng đêm đó Phi-e-rơ sẽ chối Ngài ba lần trước khi gà gáy.
Matthew 26:39
Trong lời cầu nguyện Chúa Giê-xu cầu xin Cha điều gì?
Chúa Giê-xu cầu xin rằng nếu có thể được, xin cho chén nầy lìa khỏi Ngài.
Chúa Giê-xu cầu nguyện cho điều gì được thành bất kể ý muôn của Ngài?
Chúa Giê-xu cầu nguyện cho ý Cha được nên bất kể ý muốn của Ngài.
Chúa Giê-xu rời các môn đồ đi cầu nguyện mấy lần?
Chúa Giê-xu rời các môn đồ đi cầu nguyện mấy lần ba lần.
Matthew 26:42
Chúa Giê-xu cầu nguyện cho điều gì được thành bất kể ý muôn của Ngài?
Chúa Giê-xu cầu nguyện cho ý Cha được nên bất kể ý muốn của Ngài.
Matthew 26:45
Các môn đồ đang làm gì khi Chúa Giê-xu trở lại sau khi cầu nguyện?
Các môn đồ đang ngủ khi Chúa Giê-xu trở lại sau khi cầu nguyện.
Matthew 26:47
Giu-đa làm dấu hiệu gì để đám đông nhận biết Chúa Giê-xu là người cần bắt giữ?
Giu-đa hôn Chúa Giê-xu làm dấu để đám đông nhận biết đó là Chúa Giê-xu mà bắt lấy Ngài.
Matthew 26:51
Một trong các môn đồ của Chúa Giê-xu đã làm gì khi Ngài bị bắt?
Một trong các môn đồ của Chúa Giê-xu đã rút gươm ra và cắt đứt tai của đầy tớ thầy tế lễ thượng phẩm.
Matthew 26:59
Các thầy tế lễ cả và toàn thể hội đồng tìm kiếm điều gì để kết án tử hình Ngài?
Họ tìm chứng dối chống lại Đức Chúa Giê-xu để có thể kết án tử hình Ngài.
Matthew 26:65
Sau đó các thầy tế lễ thượng phẩm buộc tội gì cho Chúa Giê-xu?
Các thầy tế lễ thượng phẩm buộc tội Chúa Giê-xu nói phạm thượng.
Matthew 26:67
Họ làm gì với Chúa Giê-xu sau khi buộc tội Ngài?
Họ nhổ trên mặt Chúa Giê-xu, đánh Ngài, dùng tay tát Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 27
Matthew 27:3
Sau đó khi Giu-đa
Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt rằng câu chuyện bị gián đoạn và một câu chuyện khác bắt đầu thì có thể sử dụng ở đây.
Ba mươi miếng bạc
Số tiền các thầy tế lễ cả đã trả cho Giu-đa để phản Chúa Giê-xu (26:15)
Máu vô tội
"một người không đáng chết" (Xem: Metonymy)
Matthew 27:6
Không hợp pháp nếu để
"Luật pháp của chúng ta không cho phép để"
Để chúng
"để số bạc nầy"
Giá của máu
Số tiền trả để một người phải chết (Xem: Metonymy)
Đồng ruộng của thợ gốm
Đây là đồng ruộng được mua để chôn những khách lạ chết ở Giê-ru-sa-lem.
Cho đến ngày nay
Cho đến thời tác giả viết
Matthew 27:9
Như vậy, lời đã phán bởi nhà tiên tri Giê-rê-mi được ứng nghiệm:
"Tiên tri Giê-rê-mi nói lời tiên tri nầy và nó đã trở thành sự thật, ông nói rằng" (Xem: Active or Passive)
Dân Y-sơ-ra-ên
Các lãnh đạo tôn giáo Y-sơ-ra-ên (Xem: Metonymy)
Truyền cho ta
Truyền cho "tiên tri Giê-rê-mi"
Matthew 27:11
Bấy giờ
Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để tiếp tục câu chuyện đang bị gián đoạn thì có thể sử dụng ở đây.
Tổng đốc
Phi-lát (27:1)
Chính ngươi đã nói thế
"Ngươi đang thừa nhận điều đó" (Xem: Idiom)
Nhưng khi Ngài bị các thầy tế lễ cả và các trưởng lão tố cáo
AT: "Nhưng khi các thầy tế lễ cả và các trưởng lão tố cáo Ngài" (Xem: Active or Passive)
Ngươi không nghe mọi lời buộc tội ngươi sao?
"Ta ngạc nhiên vì ngươi không đáp lại những người buộc tội ngươi làm điều sai trái!" (Xem: Rhetorical Question)
Một lời nào đến nỗi tổng đốc rất ngạc nhiên
Hoặc: "một lời nào, điều đó làm tổng đốc rất ngạc nhiên".
Matthew 27:15
Bấy giờ
Từ nầy được dùng ở đây đánh dấu một đoạn ngắt trong mạch truyện chính để tác giả có thể cung cấp thêm thông tin giúp người đọc hiểu được điều xảy ra bắt đầu ở Ma-thi-ơ 27:17 MAT27:17
Lễ
Lễ Vượt Qua (26:2)
Tù nhân được chọn theo ý dân chúng
Hoặc: "tù nhân do dân chúng chọn"
Khét tiếng
Nổi tiếng vì làm điều xấu
Matthew 27:17
Đã nộp Ngài
"đã đem Chúa Giê-xu đến cho ông" để Phi-lát xét xử Chúa Giê-xu
Khi ông đang ngồi
"Khi Phi-lát đang ngồi"
Ngồi trên ghế xử án
Làm nhiệm vụ là một quan chức của mình (Xem: Metaphor)
Chuyển lời
"chuyển tin"
Matthew 27:20
Hỏi họ
"hỏi dân chúng"
Matthew 27:23
Người nầy đã làm
"Giê-xu đã làm"
Họ la lên
"đám đông la lên"
Huyết
"cái chết" (Xem: Metonymy)
Matthew 27:25
Xin huyết của nó đổ trên chúng tôi và con cháu chúng tôi.
"Phải! Chúng tôi và con cháu chúng tôi sẽ vui lòng chịu trách nhiệm về việc xử tử nó!" (Xem: Metonymy)
Matthew 27:27
Dinh
Có thể là: 1) nơi binh lính ở hoặc 2) nơi tổng đốc ở
Cởi đồ Ngài
"lột đồ Ngài" (UDB)
Đỏ tươi
đỏ tươi
Chào
"Muôn tâu vua" hoặc "Vua vạn tuế"
Matthew 27:30
Chúng...chúng...chúng
Quân lính của Phi-lát
Ngài...Ngài...Ngài...Ngài...Ngài
Chúa Giê-xu
Matthew 27:32
Khi chúng đi ra
"Khi chúng đi ra khỏi Giê-ru-sa-lem" (Xem: Explicit)
Chúng bắt người đi cùng chúng để vác thập tự của Ngài
"những tên lính bắt người đi cùng chúng để vác thập tự của Chúa Giê-xu"
Chỗ được gọi là Gô-gô-tha
"chỗ người ta gọi là Gô-gô-tha"
Mật đắng
Chất lỏng màu vàng có vị đắng để uống
Matthew 27:35
Áo
Y phục Chúa Giê-xu mặc (Xem: Explicit)
Matthew 27:38
Hai tên cướp cùng bị đóng đinh với Ngài
Hoặc: "Quân lính cũng đóng đinh hai tên cướp cùng với Chúa Giê-xu" (Xem: Active or Passive)
Lắc đầu
Họ làm vậy để chế giễu Chúa Giê-xu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời, hãy xuống khỏi thập tự giá đi

Họ không tin Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời nên nếu điều đó là thật thì họ muốn Ngài phải chứng minh. Gợi ý dịch: "Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời thì hãy chứng minh bằng cách xuống khỏi thập tự". (Xem: Explicit)

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu uy quyền mô tả mối liên hệ giữa Đấng Christ và Đức Chúa Trời.

Matthew 27:41

Nó đã cứu người khác mà không thể tự cứu mình

Có thể là: 1) Các lãnh đạo Do Thái không tin Chúa Giê-xu cứu được người khác (Xem: Irony) hay cứu được chính mình, hoặc 2) Họ tin Chúa Giê-xu cứu được người khác nhưng chế nhạo vì bây giờ Ngài không cứu được chính mình.

Nó là Vua Y-sơ-ra-ên

Các nhà lãnh đạo không tin Chúa Giê-xu là Vua Y-sơ-ra-ên. (Xem: Irony)

Matthew 27:43

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu uy quyền của Chúa Giê-xu mô tả mối liên hệ giữa Ngài với Đức Chúa Trời.

Những tên cướp cùng bị đóng đinh với Ngài

"và những tên cướp mà quân lính đóng đinh cùng với Chúa Giê-xu"

Matthew 27:45

Kêu

"gọi lớn" hoặc "la"

Ê-li, Ê-li, lam-ma-sa-bách-ta-ni

Các dịch giả thường giữ nguyên từ này ở tiếng Hê-bơ-rơ (Xem: Translate Names)

Matthew 27:48

Một người trong số họ

Có thể là: 1) một trong các tên lính hoặc 2) một trong những người đứng xem gần đó

Bọt biển

Loài vật dưới biển được bắt lên dùng để hút và giữ chất lỏng, sau đó có thể ép chất lỏng ra

Đưa cho Ngài

"đưa cho Chúa Giê-xu"

Matthew 27:51

Kìa

Tác giả muốn người đọc chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.

Các mồ mả được mở ra, nhiều thi thể của các thánh đã ngủ được sống lại

"Đức Chúa Trời mở các mồ mả ra và khiến nhiều thi thể của các thánh đã chết sống lại"

Đã ngủ

"đã chết"

Mồ mã mở ra... nhiều người nhìn thấy

Thứ tự diễn ra các sự việc không rõ ràng. Có thể là sau động đất khi Chúa Giê-xu chết và những mồ mã mở ra thì 1) các thánh đều sống lại, Chúa Giê-xu sống lại, và các thánh vào thành và nhiều người nhìn thấy họ, hoặc 2) Chúa Giê-xu sống lại, các thánh sống lại, đi vào thành, và nhiều người nhìn thấy họ.

Matthew 27:54

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu uy quyền của Chúa Giê-xu mô tả mối liên hệ giữa Ngài với Đức Chúa Trời.

Matthew 27:57

Thì Phi-lát ra lệnh giao cho ông

"Thi Phi-lát ra lệnh quân lính giao xác của Chúa Giê-xu cho Giô-sép"

Matthew 27:59

Vải lanh

Một loại vải tốt, đắc tiền

Đối diện với mộ

"đối ngang mộ"

Matthew 27:62

Ngày Chuẩn Bị

Ngày chuẩn bị sẵn sàng cho lễ Vượt Qua

Khi tên lừa bịp đó còn sống

"Khi Giê-xu là kẻ lừa bịp đó còn sống"

Matthew 27:65

Đội lính canh

4 đến 16 tên lính La Mã

Niêm phong tảng đá

Có thể là: 1) Buộc dây quanh tảng đá và gắn chặt nó vào tường ở hai bên lối vào mộ hoặc 2) đặt dầu niêm phong giữa tảng đá và bức tường.

Đặt lính canh

"sai lính đứng chỗ canh gác để không ai được đụng vào ngôi mộ"

Translation Questions

Matthew 27:3

Giu-đa Ích-ca-ri-ốt đã làm gì khi thấy Chúa Giê-xu bị kết án?

Giu-đa ăn năn vì đã nộp máu vô tội, ông đem trả số bạc, đi ra và thắt cổ tự tử.

Matthew 27:6

Các thầy tế lễ cả đã làm gì với ba mươi miếng bạc đó?

Họ mua ruộng của thợ gốm để chôn những khách lạ.

Matthew 27:9

Những việc nầy đã làm ứng nghiệm lời tiên tri của ai?

Những việc nầy đã làm ứng nghiệm lời tiên tri của Giê-rê-mi.

Matthew 27:11

Phi-líp hỏi Chúa Giê-xu điều gì và Ngài trả lời như thế nào?

Phi-líp hỏi Chúa Giê-xu rằng Ngài có phải là Vua của dân Do Thái không, Chúa Giê-xu đáp “Chính ngươi đã nói thế”

Matthew 27:15

Phi-lát muốn làm gì cho Chúa Giê-xu theo thông lệ vào ngày lễ Vượt qua?

Phi-lát muốn thả Chúa Giê-xu theo thông lệ vào ngày lễ.

Matthew 27:20

Tại sao Ba-na-ba được thả theo thông lệ vào ngày lễ mà không phải là Chúa Giê-xu?

Vì các thầy tế lễ cả và trưởng lão thuyết phục đám đông xin thả Ba-na-ba thay vì thả Chúa Giê-xu.

Matthew 27:23

Đám đông la lên họ muốn làm gì với Chúa Giê-xu?

Đám đông la lên rằng họ muốn đống đinh Chúa Giê-xu.

Matthew 27:25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân chúng nói gì khi Phi-lát giao Chúa Giê-xu cho họ?

Dân chúng nói rằng “Xin huyết của nó đổ trên chúng tôi và con cháu chúng tôi”

Matthew 27:27

Sau đó quân lính của tổng đốc làm gì với Chúa Giê-xu?

Quân lính khoác một chiếc áo choàng và đội mão gai lên đầu Ngài; họ chế giễu Ngài, nhổ trên Ngài và đánh vào đầu Ngài sau đó giải Ngài đi để đóng đinh vào thập tự giá.

Matthew 27:32

Si-môn người Sy-ren bị bắt phải làm gì?

Si-môn bị bắt phải vác thập tự của Chúa Giê-xu.

Matthew 27:35

Quân lính làm gì sau khi đóng đinh Chúa Giê-xu?

Quân lính bắt thăm để chia áo của Ngài rồi ngồi đó canh giữ Ngài.

Matthew 27:38

Ai là người bị đóng đinh cùng với Chúa Giê-xu?

Hai tên cướp bị đóng đinh cùng với Chúa Giê-xu, một người bên phải, một người bên trái của Ngài

Matthew 27:45

Điều gì xảy ra từ giờ thứ sáu đến giờ thứ chín?

Bóng tối bao trùm khắp đất từ giờ thứ sáu đến giờ thứ chín.

Matthew 27:51

Điều gì xảy ra trong đền thờ sau khi Chúa Giê-xu chết?

Bức màn bên trong đền thờ bị xé làm đôi từ trên xuống dưới sau khi Chúa Giê-xu chết.

Matthew 27:54

Nhìn thấy những sự kiện nầy, viên đội trưởng đã làm chứng điều gì?

Viên đội trưởng đã làm chứng rằng “Người nầy thật là Con Đức Chúa Trời”.

Matthew 27:57

Sau khi Chúa Giê-xu bị đóng đinh, điều gì xảy ra cho thân thể của Ngài?

Một môn đồ giàu có của Chúa Giê-xu, là Giô-sép đã bọc xác Ngài bằng vải liệm và đặt vào một ngôi mộ mới của mình.

Matthew 27:62

Vì sao vào ngày hôm sau các thầy tế lễ cả và những người Pha-ri-si tụ họp lại với Phi-lát?

Các thầy tế lễ cả và những người Pha-ri-si muốn chắc chắn rằng mộ của Chúa Giê-xu được canh gác kỹ lưỡng để không ai có thể cướp xác Ngài.

Matthew 27:65

Phi-lát cho phép họ làm gì trước mộ?

Phi-lát cho phép họ niêm phong và sai lính canh giữ mộ.

Chapter 28

Matthew 28:1

Bây giờ vào cuối ngày Sa-bát, lúc bắt đầu rạng đông của ngày thứ nhất trong tuần lễ

"Sau ngày Sa-bát, lúc mặt trời mọc vào sáng Chúa nhật"

Ma-ri khác

"Một người phụ nữ khác tên là Ma-ri", Ma-ri mẹ của Gia-cơ và Giô-sép (27:56)

Kìa

Tác giả muốn báo hiệu cho người đọc biết một sự kiện gây ngạc nhiên sắp sửa xảy ra. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để thể hiện điều nầy.

Có cơn động đất dữ dội, vì thiên sứ của Chúa giáng xuống…lăn tảng đá ra

Có thể là: 1) trận động đất xảy ra vì thiên sứ đến và lăn tảng đá đi (UDB) hoặc 2) tất cả những sự kiện nầy xảy ra cùng lúc (UDB).

Động đất

Nền đất chuyển động dữ dội và bất ngờ

Matthew 28:3

Hình dung của người

"Hình dung của thiên sứ"

Giống như chớp

"sáng như chớp"

Trắng như tuyết

"vô cùng trắng sáng"

Như người chết

"không thể chuyển động được"

Matthew 28:5

Các phụ nữ

"Ma-ri Ma-đơ-len và một người nữ khác tên là Ma-ri"

Đấng đã bị đóng đinh

"Đấng mà người ta và quân lính đã đóng đinh" (Xem: Active or Passive)

Nhưng Ngài đã sống lại

"nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại"

Matthew 28:8

Các bà

"Ma-ri Ma-đơ-len và một người nữ khác tên là Ma-ri"

Kìa

Tác giả muốn báo hiệu cho người đọc biết một sự kiện gây ngạc nhiên sắp sửa xảy ra. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để thể hiện điều nầy.

ôm chân Ngài

"quỳ gối xuống và ôm chân Ngài"

Các anh em ta

Các môn đồ của Chúa Giê-xu

Matthew 28:11

Các bà

Ma-ri Ma-đơ-len và một người nữ khác tên là Ma-ri

Nầy

Đánh dấu một sự kiện khác trong câu chuyện lớn bắt đầu, bao gồm các nhân vật khác với sự kiện vừa mô tả. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt điều nầy.

Họp bàn với họ

"thống nhất đưa ra một kế hoạch". Các thầy tế lễ và các trưởng lão quyết định cho tiền những tên lính.

Hãy nói với người khác rằng “các môn đồ của Giê-xu đã đến…trong lúc chúng tôi đang ngủ”

"Những ai hỏi các ngươi thì hãy nói rằng các môn đồ của Giê-xu đã đến…trong lúc các ngươi đang ngủ"

Matthew 28:14

Tổng đốc

Phi-lát (7:2)

Làm như họ đã dặn

"làm theo những gì các thầy tế lễ đã dặn" (Xem: Active or Passive)

Ngày nay

Thời Ma-thi-ơ viết sách

Matthew 28:18

Trong danh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"bởi thẩm quyền"

Cha...Con

Đây là những danh hiệu uy quyền mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.

Translation Questions

Matthew 28:1

Ma-ri Ma-đơ-len và Ma-ri khác đến mộ của Chúa Giê-xu vào ngày giờ nào?

Lúc rạng sáng ngày thứ nhất của tuần lễ, họ đi đến mộ của Chúa Giê-xu.

Matthew 28:5

Thiên sứ nói gì về Chúa Giê-xu với hai người phụ nữ này?

Thiên sứ nói rằng Ngài đã sống lại và đang đi đến Ga-li-lê trước họ.

Matthew 28:8

Điều gì đã xảy ra với hai người phụ nữ trên đường báo tin cho các môn đồ?

Hai người phụ nữ đã gặp Chúa Giê-xu, họ ôm chân Ngài và thờ phượng Ngài.

Matthew 28:11

Khi những lính canh thuật lại cho các thầy tế lễ cả điều đã xảy ra tại ngôi mộ thì các thầy tế lễ cả đã làm gì?

Các thầy tế lễ cả trả cho những lính canh một số tiền lớn và dặn họ nói rằng các môn đồ của Chúa Giê-xu đã cướp xác Ngài.

Matthew 28:18

Chúa Giê-xu phán thẩm quyền gì đã được giao cho Ngài?

Chúa Giê-xu nói tất cả thẩm quyền trên trời dưới đất đều đã được giao cho Ngài.

Chapter 1

Mark 1:1

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu

Của con

Số ít

Hãy dọn sẵn con đường của Đức Chúa Trời, làm thẳng các lối Ngài

Từ “con đường” và “lối” ở đây so sánh cuộc đời của Chúa Giê-xu giống như một con đường. Hai mệnh lệnh nầy có ý nghĩa giống nhau. Nếu nó trùng nhau trong ngôn ngữ của bạn thì có thể lượt bỏ câu thứ hai như trong bản Kinh Thánh UDB. Gợi ý dịch: “Chuẩn bị” để gặp một người quan trọng.

Mark 1:4

Giăng đã đến

Cần đảm bảo cho người đọc hiểu rằng Giăng là người đang được đề cập đến ở đây

Ông...của ông

Những từ nầy chỉ về Giăng

Cả miền Giu-đê và hết thảy dân thành Giê-ru-sa-lem

Từ “cả” và “hết thảy” ở đây là phép nói cường điệu để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: “Nhiều người từ Giu-đê và Giê-ru-sa-lem”.

Mark 1:7

Ông giảng dạy

"Giăng giảng dạy" xem (1:2-3)

Tôi không đáng cúi xuống mở dây giày Ngài

Giăng so sánh mình với một người đầy tớ để cho thấy sự cao trong của Chúa Giê-xu. Gợi ý dịch: “Tôi thậm chí không xứng đáng làm công việc hèn mọn nhất của người đầy tớ”.

Cúi xuống

"Gập người xuống"

Làm báp-têm cho các ngươi bằng Đức Thánh Linh

Ở đây phép báp-tem thuộc linh được so sánh với phép báp-tem bằng nước. Báp-tem thuộc linh cho con người tiếp xúc với Đức Thánh Linh giống nhưng phép báp-tem bằng nước cho con người tiếp xúc với nước. Gợi ý dịch: “gắn liền các ngươi với Đức Thánh Linh”.

Mark 1:9

Con là Con yêu dấu của Ta

Tại đây Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh đều xuất hiện cùng một lúc.

Con yêu dấu

Đây là một danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu. Đức Chúa Cha gọi Chúa Giê-xu là “Con yêu dấu” vì Ngài dành cho Chúa Giê-xu một tình yêu đời đời.

Mark 1:12

Thúc giục Ngài đi ra

"Thúc ép Chúa Giê-xu đi ra"

Ngài ở trong hoang mạc

"Ngài ở lại tại hoang mạc"

Bốn mươi ngày

"40 ngày"

Ngài ở với

"Ngài sống giữa"

Mark 1:14

Sau khi Giăng bị bắt giam

"Sau khi Giăng bị bỏ tù". Hoặc: "sau khi họ bắt giữ Giăng".

Công bố phúc âm của Đức Chúa Trời

"rao giảng tin lành đến từ Đức Chúa Trời"

Giờ đã trọn

"Bây giờ"

Mark 1:16

Ngài thấy Si-môn và Anh-rê

"Chúa Giê-xu thấy Si-môn và Anh-rê"

Đang thả lưới

"đang quăng lưới"

Vì họ là ngư phủ

"bởi vì họ là ngư phủ"

Hãy đi theo ta

"Hãy theo ta"

Ta sẽ khiến các con trở nên tay đánh lưới người

Chúa Giê-xu so sánh việc đánh bắt cá với việc đánh lưới người. Có thể dịch là: “Ta sẽ dạy các con cách đánh bắt người”.

Họ bỏ lưới lưới mà đi theo Ngài

"họ rời bỏ công việc của một ngư phủ để trơ thành môn đồ của Chúa Giê-xu"

Mark 1:19

Trên thuyền

"trên thuyền của họ"

Đang vá lưới

"đang sửa lưới"

Những người làm thuê

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"những đầy tớ làm việc cho họ"

Họ đi theo Ngài

"Gia-cơ và Giăng đi theo Chúa Giê-xu"

Mark 1:23

Nhà hội của họ

Đây là nơi thờ phượng mà Chúa Giê-xu và các môn đồ đã vào, đây cũng là nơi Ngài bắt đầu giảng dạy.

Ngài đến để diệt chúng tôi sao?

Quỷ hỏi vậy để cố nài Chúa Giê-xu đừng làm hại chúng. Có thể dịch là: “Đừng diệt chúng tôi!”

Mark 1:29

Sau khi họ rời khỏi

Sau khi Chúa Giê-xu, Si-môn và Anh-rê rời khỏi

Cơn sốt lìa khỏi bà

"Mẹ vợ của Si-môn được chữa khỏi cơn sốt"

Bà bắt đầu phục vụ mọi người

Ngụ ý là phục vụ thức ăn. Có thể dịch là: “bà mang cho họ thức ăn và nước uống”.

Mark 1:32

Ngài…Ngài

Những đại từ nầy chỉ về Chúa Giê-xu.

Cả thành tụ họp trước cửa

Từ “cả” là cách nói cường điệu nhằm nhấn mạnh số người tìm kiếm Chúa Giê-xu. Có thể dịch là: “Nhiều người trong thành tụ họp trước cửa”.

Mark 1:35

Nơi thanh vắng

"Nơi Ngài có thể ở một mình"

Mọi người đang tìm thầy

Từ “mọi người” là cách nói cường điệu nhằm nhấn mạnh số người tìm kiếm Chúa Giê-xu. Có thể dịch là: “Nhiều người đang tìm thầy”.

Mark 1:38

Ngài….Ngài

Những từ nầy chỉ về Chúa Giê-xu.

Chúng ta hãy đi nơi khác

"Chúng ta cần đi đến nơi khác"

Ngài đi khắp miền Ga-li-lê

Từ “khắp” dùng để nhấn mạnh rằng Chúa Giê-xu đi rất nhiều chỗ trong suốt hành trình chức vụ của Ngài. Có thể dịch là: “Ngài đi đến nhiều nơi trong miền Ga-li-lê”.

Mark 1:40

Có một người phung đến cùng Ngài, quỳ xuống mà cầu xin rằng

"Có một người phung đến cùng Chúa Giê-xu, người phung quỳ xuống mà cầu xin Chúa Giê-xu rằng"

Nếu Ngài muốn

"Nếu Ngài muốn làm cho con được sạch”

Ngài có thể làm cho con được sạch

Từ “sạch” ở đây chỉ về sự lành mạnh. Có thể dịch là: “Ngài có thể chữa lành cho con”.

Ta muốn

"Ta muốn làm cho con được sạch"

Mark 1:43

Anh ta...anh ta

Những từ nầy chỉ về người phung được chữa lành.

Tỏ mình

Từ “mình” ở đây chỉ về da của người phung. Có thể dịch là: “cho họ xem da”.

Mark 1:45

Nói với mọi người…loan tin

Hai cụm từ nầy có ý nghĩa giống nhau, dùng để nhấn mạnh rằng anh ta nói với rất nhiều người.

Mọi người

Từ “mọi người” là cách nói cường điệu để nhấn mạnh. Có thể dịch là: “nhiều ngươi anh ta gặp”.

Chúa Giê-xu không thể tự do vào bất kì thành nào

"Đám đông cản trở Chúa Giê-xu tự do đi lại ở các thành"

Từ khắp nơi

Từ “khắp nơi” là cách nói cường điệu để nhấn mạnh hơn. Có thể dich là: “từ mọi vùng miền”. (UDB)

Translation Questions

Mark 1:4

Giăng đã đến rao giảng điều gì?

Giăng đã đến rao giảng phép báp-tem của sự ăn năn để được tha tội.

Mark 1:12

Ai đưa dẫn Chúa Giê-xu vào trong đồng vắng?

Thánh Linh đưa dẫn Chúa Giê-xu vào trong đồng vắng.

Mark 1:16

Si-môn, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng làm nghề gì?

Si-môn, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng đều là những ngư phủ.

Mark 1:19

Si-môn, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng làm nghề gì?

Si-môn, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng đều là những ngư phủ.

Mark 1:32

Việc gì đã diễn ra khi trời tối?

Khi trời tối, người ta đem tất cả những người đau ốm và bị quỷ ám đến và Chúa Giê-xu chữa lành cho họ

Mark 1:35

Chúa Giê-xu làm gì trước khi mặt trời mọc?

Trước khi mặt trời mọc, Chúa Giê-xu đi ra một nơi thanh vắng và cầu nguyện tại đó.

Mark 1:38

Chúa Giê-xu nói với Si-môn rằng Ngài đến để làm gì?

Chúa Giê-xu nói với Si-môn rằng Ngài đến để giảng dạy cho các làng xung quanh.

Mark 1:40

Chúa Giê-xu có thái độ như thế nào với người phung nài xin Ngài chữa lành cho?

Chúa Giê-xu động lòng thương xót người phung và chữa lành cho.

Chapter 2

Mark 2:1

Dân chúng tại đó nghe tin Ngài ở trong nhà

"Dân chúng tại đó nghe tin Ngài đang ở tại căn nhà lần trước"

Không còn chỗ cho họ vào

"Bên trong không còn chỗ cho họ"

Mark 2:3

Đem một người bại

"đem một người không thể cử động tay chân"

Bốn người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"4 người"

Không thể đến gần

"không thể đến gần chỗ của Chúa Giê-xu"

Mark 2:5

Thấy đức tin của họ

"Biết rằng họ có đức tin." Có thể là 1) chỉ những người khiêng người bại có đức tin hoặc 2) cả người bại và những người khiêng ông đều có đức tin.

Người bại

"người không đi được"

Con

Từ “con” ở đây thể hiện Chúa Giê-xu quan tâm đến người đó như người cha quan tâm đến con mình. Có thể dịch là: “con ta”.

Tội con đã được tha

Có thể là 1) “Đức Chúa Trời đã tha tội cho con” (xem 2:7) hoặc 2) “Ta đã tha tội cho con”.

Thắc mắc trong lòng

"thầm nghĩ"

Sao người nầy có thể nói như vậy?

Câu hỏi nầy cho thấy các thầy thông giáo nghi ngờ quyền năng tha tội của Chúa Giê-xu. Có thể dịch là: “Người nầy không được nói như vậy!”

Ngoài Đức Chúa Trời còn ai có thể tha tội được?

Câu hỏi nầy cho thấy các thầy thông giáo nghi ngờ việc Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời. Có thể dịch là: “Chỉ mình Đức Chúa Trời có thể tha tội!”

Mark 2:8

Họ nghĩ trong lòng

Các thấy thông giáo tự nghĩ trong lòng, họ không nói với nhau.

Tại sao các ngươi nghĩ trong lòng như vậy?

Chúa Giê-xu hỏi vậy để quở trách các thầy thông giáo vì họ nghi ngờ thẩm quyền của Ngài. Có thể dịch là: “Các ngươi không nên nghi ngờ thầm quyền của ta!”

Lòng

Từ “lòng” thường được dùng để chỉ về suy nghĩ, cảm xúc, mong ước hay ý muốn của một người.

Việc nào dễ hơn?

Chúa Giê-xu hỏi như vậy vì các thấy thông giáo tin rằng người bị bại vì tội lỗi của gười và nếu tội lỗi của người được tha thì người sẽ đi được. Nếu Chúa Giê-xu chữa lành cho người bại thì họ sẽ thừa nhận Chúa Giê-xu có thể tha tội. Có thể dịch là: “Nói với người bại rằng tội ngươi đã được tha là việc dễ hơn”.

Mark 2:10

Để các ngươi biết

"Ta sẽ chứng minh cho các ngươi biết"

Con Người

Chúa Giê-xu gọi mình là “Con Người”

Các ngươi

Các thầy thông giáo và đám đông

Ngài phán với kẻ bại

"Ngài phán với người không đi được"10

Trước mặt tất cả bọn họ

"trước mắt đám đông đang tụ họp ở đó"

Mark 2:13

Đám đông đến với Ngài

"dân chúng đến chỗ Ngài"

Mark 2:15

Nhà Lê-vi

"nhà của Lê-vi"

Nhiều người thu thuế và kẻ tội lỗi ăn tối cùng Chúa Giê-xu và các môn đồ vì có nhiều người đi theo Ngài

"nhiều người thu thuế và kẻ tội lỗi theo Chúa Giê-xu cùng ăn tối với Ngài và các môn đồ"

Tại sao người ăn chung với người thu thuế và kẻ tội lỗi?

Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si hỏi như vậy cho thấy họ phản đối lòng mến khách của Chúa Giê-xu. Có thể dịch là: “Ngài không nên ăn uống với kẻ tội lỗi và người thu thuế!”

Mark 2:17

Ngài nói với họ

"Ngài nói với người Pha-ri-si"

Người mạnh khỏe không cần đến thầy thuốc, nhưng là người đau ốm

Chúa Giê-xu so sánh những người nhận biết họ là tội nhân với những người biết họ bị đau ốm. Có thể dịch là: “Người cho mình công bình không tìm kiếm sự giúp đỡ, chỉ những ngươi biết mình đau ốm mới tìm sự giúp đỡ!

Ta không đến để gọi người công chính nhưng gọi kẻ tội lỗi

Chúa Giê-xu muốn người nghe hiểu rằng Ngài đến cho những ai cần được giúp đỡ. Có thể dịch là: “Ta đến cho những người nhận biết mình tội lỗi, không phải cho người xem mình là công bình”.

Mark 2:18

Còn các môn đồ của thầy lại không kiêng ăn

Kiêng ăn có nghĩa là không ăn. Trong những ngôn ngữ không dùng từ kiêng ăn thì có thể dùng câu khẳng định để nghe tự nhiên hơn. Có thể dịch là: “nhưng các môn đồ của thầy vẫn cứ ăn”.

Có thể nào khách dự tiệc cưới lại kiêng ăn khi chàng rể còn ở với họ?

Chúa Giê-xu hỏi như vậy để so sánh Ngài và các môn đồ của Ngài với chàng rể và những người bạn của chàng rể. Có thể dịch là: "Các môn đồ của ta ăn mừng khi ta còn ở đây với họ!"

Mark 2:20

Chàng rể sẽ được đem đi

Chúa Giê-xu so sánh Ngài với chàng rể khi nói về sự chết, sự phục sinh và thăng thiên của Ngài. Nếu trong ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải chỉ rõ tác nhân thì hãy nói cách chung nhất. Có thể dùng thì chủ động thay cho bị động nếu ngôn ngữ của bạn không có thì bị động. Có thể dịch là: “họ sẽ đem chàng rể đi” hoặc “chàng rể sẽ ra đi”.

Họ…họ

Khách dự tiệc cưới

Không ai vá miếng vải mới vào áo cũ

vá miếng vải mới vào áo cũ sẽ làm cho lỗ thủng trên áo cũ tệ hơn nếu miếng vải mới chưa co lại. Cả tấm vải mới và áo cũ đều sẽ bị hư.

Mark 2:22

Không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ

Chúa Giê-xu so sánh sự dạy dỗ của Ngài và các môn đồ với rượu mới và bầu da. Phép nói ẩn dụ nầy để trả lời cho câu hỏi “Tại sao các môn đồ của Giăng và môn đồ của người Pha-ri-si đều kiêng ăn, còn các môn đồ của thầy lại không kiêng ăn?”. Có thể dịch là: “không ai trao sự dạy dỗ mới cho những người đã quen với những lời dạy cũ”.

Rượu mới

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"nước ép nho". Chỉ về rượu chưa lên men. Nếu ở vùng của bạn không biết trái nho thì có thể dùng từ chỉ chung về trái cây.

Bầu da cũ

Chỉ về bầu da đã qua sử dụng nhiều lần.

Bầu da

Túi làm bằng da động vật, có thể được gọi là “túi rượu” hoặc “túi da” (UDB).

Rượu sẽ làm nứt da

Khi rượu mới lên men và nở ra, chúng sẽ làm nứt bầu vì lớp da không còn khả năng giản nở.

Mất

"hỏng" (UDB)

Bầu da mới

"bầu da mới" hoặc "túi da mới", tức là bầu da chưa qua sử dụng.

Mark 2:23

Kìa, tại sao họ làm điều trái luật trong ngày Sa-bát?

Người Pha-ri-si hỏi Chúa Giê-xu như vậy để lên án Ngài. Có thể dịch là: “Nhìn kìa, họ đang vi phạm luật định về ngày Sa-bát của người Do Thái”. (UDB)

Ngắt bông lúa mà ăn... làm điều trái luật trong ngày Sa-bát

Bứt bông lúa trong cánh đồng của người khác để ăn không bị xem là ăn cắp. Câu hỏi được đặt ra là người ta có được làm việc hợp pháp nầy trong ngày Sa-bát không.

chúng

bông lúa mì

bông lúa

Đây là phần ngọn của cây lúa mì có các hạt đã già, là một loại cỏ cao lớn.

Kìa

"Hãy chú ý đến điều tôi sắp nói"

Mark 2:25

Các ngươi chưa từng đọc về điều vua Đa-vít....với người sao? Vua đã đi

Chúa Giê-xu biết các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã đọc chuyện nầy rồi. Ngài đang lên án họ cố tình hiểu sai về nó. Có thể dịch là: “Hãy nhớ lại điều vua Đa-vít...với người và người đã đi” hoặc “nếu các ngươi hiểu điều vua Đa-vít... với người thì các ngươi biết rằng vua đã đi”

A-bia-tha

Một trong những thầy tế lễ thượng phẩm vào thời vua Đa-vít trong lịch sử Do Thái.

Người đã đi vào nhà Đức Chúa Trời

"Đa-vít đã đi vào nhà Đức Chúa Trời" (UDB)

Mark 2:27

Ngày Sa-bát được tạo nên vì loài người

Có thể dịch là: "Đức Chúa Trời lập nên ngày Sa-bát vì lợi ích của loài người"

Không phải loài người được tạo nên vì ngày Sa-bát

Có thể dịch là: "Đức Chúa Trời không tạo dựng con người để phục vụ ngày Sa-bát"

Translation Questions

Mark 2:1

Bốn người khiêng người bại đã làm gì?

Họ dỡ mái nhà và dòng người bại xuống chỗ Chúa Giê-xu.

Mark 2:5

Chúa Giê-xu đã nói gì với người bại?

Chúa Giê-xu phán “Hỡi con, tội lỗi con đã được tha.”

Mark 2:8

Chúa Giê-xu đã làm thế nào để minh chứng rằng ở thế gian Ngài có thẩm quyền tha tội?

Chúa Giê-xu phán người bại vác giường lên rồi đi về nhà và người đó làm đúng như vậy.

Mark 2:13

Lê-vi đang làm gì khi Chúa Giê-xu gọi Lê-vi đi theo Ngài?

Lê-vi đang ngồi tại chỗ thu thuế khi Chúa Giê-xu gọi ông.

Mark 2:15

Chúa Giê-xu đã làm gì ở nhà Lê-vi khiến những người Pha-ri-si bực dọc?

Chúa Giê-xu ăn tối với những người tội lỗi và người thu thuế.

Mark 2:17

Chúa Giê-xu nói Ngài đến để kêu gọi ai?

Chúa Giê-xu nói Ngài đến để kêu gọi những người tội lỗi.

Mark 2:18

Một số người hỏi Chúa Giê-xu điều gì về việc kiêng ăn?

Họ hỏi Chúa Giê-xu rằng tại sao môn đồ của Ngài không kiêng ăn trong khi môn đồ của Giăng và của người Pha-ri-si đều kiêng ăn.

Mark 2:20

Chúa Giê-xu trả lời thế nào cho câu hỏi về việc kiêng ăn?

Chúa Giê-xu phán rằng trong khi chàng rễ còn ở với khách dự tiệc thì họ không thể kiêng ăn được, đến khi nào chàng rễ bị cất đi thì họ sẽ kiêng ăn.

Mark 2:23

Môn đồ của Chúa Giê-xu đã làm gì ở một số cánh đồng vào Ngày Sa-bát khiến những người Pha-ri-si bực tức?

Môn đồ Chúa Giê-xu ngắt những ngọn lúa mì và ăn vào ngày Sa-bát.

Mark 2:25

Chúa Giê-xu đưa ra ví dụ nào về một số người đói đã ăn loại bánh lễ ra họ không được ăn?

Chúa Giê-xu đưa ra ví dụ về vua Đa-vít, vì quá đói nên ông đã ăn bánh trần thiết thường dành riêng cho các thầy tế lễ.

Mark 2:27

Chúa Giê-xu phán ngày Sa-bát được lập nên cho ai?

Chúa Giê-xu phán ngày Sa-bát được lập nên cho con người.

Chapter 3

Mark 3:1

Chúa Giê-xu đi vào nhà hội

"Chúa Giê-xu vào nhà hội"

Một người bị teo một bàn tay

"một người bị què một bàn tay"

Họ theo dõi xem Ngài có chữa cho người đó

"Người Pha-ri-si theo dõi xem Chúa Giê-xu có chữa cho người teo tay"

Mark 3:3

Hãy dậy, đứng ra đây giữa mọi người

"Hãy dậy, đứng ra đây giữa đám đông".

Có hợp pháp...giết?

Vì tác giả ghi lại rằng “họ đều im lặng” nên có vẻ như Chúa Giê-xu đang thách thức họ và chờ đợi một câu trả lời. Có thể

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch là: "Các ngươi phải biết rằng trong ngày Sa-bát được phép làm điều lành chứ không phải gây hại, được phép cứu người chứ không phải giết người".

Hợp pháp

Dựa vào luật Môi-se

Mark 3:5

Hãy duỗi tay ra

"Hãy đưa tay ra"

Chúa Giê-xu làm cho tay anh ta hồi phục

"Chúa Giê-xu chữa lành tay của anh ta" hoặc "Chúa Giê-xu khiến cho tay của anh ta trở lại như xưa"

Họp lại với những người thuộc phe Hê-rốt

Có thể dịch là: “tụ tập lại với những người thuộc phe Hê-rốt” hoặc “gặp và bàn kế hoạch với với những người thuộc phe Hê-rốt”

Mark 3:7

Nghe về mọi việc Ngài làm

"nghe về những phép lạ lớn Chúa Giê-xu làm"

Họ đến với Ngài

"đám đông đi đến chỗ của Ngài"

Mark 3:9

Ngài bảo các môn đồ chuẩn bị sẵn cho Ngài một chiếc thuyền

"Chúa Giê-xu bảo các môn đồ: Hãy chuẩn bị sẵn cho ta một chiếc thuyền".

Sức lấn ép của đám đông quá lớn

"đám đông lấn lên để chạm được Ngài" (UDB)

Những người có bệnh tật đều lấn về phía Ngài

"Tất cả những người đau ốm đều lấn lên cố chạm được Ngài"

Mark 3:11

Chúng...chúng

Những người bị uế linh ám

Ngài là Con Đức Chúa Trời

Quyền năng của Chúa Giê-xu trên các tà linh có liên quan đến danh hiệu của Ngài là “Con Đức Chúa Trời”.

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu.

Mark 3:13

Để họ có thể ở với Ngài và Ngài sẽ sai họ đi truyền giảng

"đề họ sẽ ở với Ngài và Ngài sai họ đi truyền giảng" hoặc "để ở với Ngài và Ngài sai họ đi truyền giảng" (UDB)

Mark 3:17

Tha-đê

"Tha-đê" là người được chọn làm một trong số mười hai sứ đồ của Chúa Giê-xu.

Mark 3:20

Đoàn dân lại tụ họp tại đó rất đông đến nỗi họ không thể dùng bữa được

"đoàn dân lại tụ tập rất đông đến nỗi họ không có thời gian để ăn" hoặc "đoàn dân lại tụ tập tại nơi Ngài ở. Nhiều người vây quanh Ngài. Ngài và các môn đồ thậm chí không có thời gian để ăn”. (UDB)

Họ tìm đến để giữ Ngài lại

Các thành viên trong gia đình tìm đến nhà để giữ Ngài và buộc Ngài phải đi về với họ.

Mark 3:23

Làm sao Sa-tan có thể đuổi Sa-tan?

"Sa-tan không thể tự đuổi Sa-tan" hoặc "Sa-tan sẽ không tự chống lại những ác linh của nó”

Mark 3:31

Họ cho người vào gọi Ngài

"mẹ và các em của Chúa Giê-xu cho người vào trong để nói với Ngài răng họ đang ở ngoài và muốn Ngài ra với họ".

Translation Questions

Mark 3:1

Vì sao họ theo dõi Chúa Giê-xu vào ngày Sa-bát ở nhà hội?

Họ theo dõi Chúa Giê-xu để xem Ngài có chữa bệnh trong ngày Sa-bát không, nếu có họ sẽ tố cáo Ngài.

Mark 3:5

Dân chúng đáp lại thế nào với câu hỏi của Chúa Giê-xu, sau đó thái độ của Chúa Giê-xu với họ như thế nào?

Dân chúng im lặng, và Chúa Giê-xu trở nên tức giận với họ.

Mark 3:7

Có bao nhiêu người đi theo Chúa Giê-xu khi Ngài đi ra phía biển?

Một đoàn người rất đông đi theo Chúa Giê-xu.

Mark 3:9

Có bao nhiêu người đi theo Chúa Giê-xu khi Ngài đi ra phía biển?

Một đoàn người rất đông đi theo Chúa Giê-xu.

Mark 3:11

Những con quỷ kêu lên thế nào khi chúng nhìn thấy Chúa Giê-xu?

Những con quỷ kêu lên rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời.

Mark 3:23

Chúa Giê-xu đáp lại thế nào trước lời buộc tội của các thầy thông giáo?

Chúa Giê-xu đáp rằng không có vương quốc nào tự gây chia rẽ mà có thể đứng vững.

Mark 3:26

Chúa Giê-xu đáp lại thế nào trước lời buộc tội của các thầy thông giáo?

Chúa Giê-xu đáp rằng không có vương quốc nào tự gây chia rẽ mà có thể đứng vững.

Mark 3:28

Chúa Giê-xu nói tội lỗi nào không thể được tha?

Chúa Giê-xu phán tội phạm thượng đến Đức Thánh Linh là tội không được tha.

Mark 3:33

Chúa Giê-xu nói ai là mẹ và anh em của Ngài?

Chúa Giê-xu phán rằng mẹ và anh em của Ngài là những người làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

Chapter 4

Mark 4:1

Đẩy vào hồ

"và đẩy thuyền vào hồ"

Ngài ngồi trên đó

"Ngài ngồi trên thuyền"

Mark 4:3

Chúng mọc lên

"chúng bắt đầu mọc lên thật nhanh"

Mark 4:6

Chúng bị thiêu đốt

"chúng bị nắng cháy"

Mark 4:8

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ai có tai để nghe, hãy nghe
“Ai lắng nghe kỹ càng sẽ hiểu được ý nghĩa” của ẩn dụ nầy.
Mark 4:10
Được ban cho các con
"Đức Chúa Trời đã ban cho các con" hoặc "ta đã ban cho các con"
Họ nhìn mà không thấy
"Họ nhìn mà không chịu thấy" hoặc "họ nhìn mà không hiểu"
Mark 4:13
Các con không hiểu ẩn dụ nầy sao? Vậy thì làm sao hiểu được các ẩn dụ khác?
"Nếu các con không hiểu được ẩn dụ nầy thì các con sẽ không thể hiểu được các ẩn dụ khác".
Mark 4:18
Lo lắng về thế gian
AT: "lo lắng về đời nầy"
sự lừa dối của giàu sang
Có thể dịch là: "những thích thú từ sự giàu sang chưa được thỏa mãn"
sự tham muốn những thứ khác
"sự tham muốn những thứ khác ngoài sự giàu sang"
Mark 4:21
Các con có đem đèn trong nhà đặt dưới cái thùng hay dưới gầm giường không?
"Chắc chắn các con sẽ không đem đèn trong nhà đặt dưới cái thùng hay dưới gầm giường".
Ai có tai để nghe, hãy nghe.
Dịch như trong câu 4:9
Mark 4:24
Các con đo lường mực nào thì cũng sẽ nhận lại mực đó và còn được thêm nữa
"các con càng lắng nghe Đức Chúa Trời càng ban cho sự thông hiểu"
Ai có
"ai hiểu được lời ta"
Mark 4:26
như một người gieo giống
"như một người nông dân gieo giống"
Lưỡi liềm
Lưỡi dao cong hoặc lưỡi hái bén dùng để gặt ngũ cốc
Mark 4:30
“Chúng ta có thể lấy điều gì để so sánh hoặc dùng ẩn dụ nào để giải thích về vương quốc của Đức Chúa Trời?”
"Với ẩn dụ nầy ta có thể diễn tả về vương quốc của Đức Chúa Trời”.
Mark 4:33
Tùy theo sức họ nghe
"tùy theo khả năng tiếp thu của họ"
Mark 4:38
Thầy không lo chúng ta sắp chết sao?
“Thầy cần phải chú ý đến tình cảnh nầy, tất cả chúng ta sắp chết rồi”
Chúng ta sắp chết
Từ "chúng ta" bao gồm các môn đồ và Chúa Giê-xu.
Quở trách
"nghiêm khắc khiển trách" hoặc "la rầy"
Hãy yên đi, lặng đi!
“Yên” và “lặng” đều có nghĩa giống nhau.
Mark 4:40
Sao các con sợ hãi?
"Ta thật thất vọng khi các con sợ hãi."
Vậy thì người nầy là ai
"Chúng ta cần suy nghĩ kỹ càng xem người nầy thật sự là ai!"

Translation Questions

Mark 4:1
Vì sao Chúa Giê-xu phải xuống một chiếc thuyền để giảng dạy?
Chúa Giê-xu phải xuống một chiếc thuyền để giảng dạy vì có một đoàn người rất đông tụ họp quanh Ngài.
Mark 4:6
Điều gì xảy ra cho hạt giống gieo vào nơi đất đá?
Chúng mọc lên nhưng bị khô héo vì không có rễ.
Mark 4:8
Điều gì xảy ra cho hạt giống gieo vào nơi đất tốt?
Hạt giống kết hạt ra ba chục, sáu chục, có hạt ra gấp trăm.
Mark 4:16
Hạt giống gieo vào chỗ đất đá tượng trưng cho điều gì?
Tượng trưng cho những người vui mừng nghe đạo nhưng khi bắt bớ xảy đến thì vấp ngã.
Mark 4:18
Hạt giống gieo vào bụi gai tượng trưng cho điều gì?
Tượng trưng cho những người nghe đạo nhưng những bận tâm về đời nầy làm cho đạo nghẹt ngòi.
Mark 4:26
Vương quốc của Đức Chúa Trời giống với người gieo giống trên đất như thế nào?
Người gieo giống và nó lớn lên nhưng không biết chúng lớn lên thể nào, đến khi vụ mùa đã chín vàng thì người ấy đi thu hoạch.
Mark 4:30
Vương quốc của Đức Chúa Trời giống với hạt cải như thế nào?
Hạt cải ban đầu là nhỏ nhất trong các loại hạt, nhưng sau đó phát triển thành một cây lớn mà nhiều loài chim có thể làm tổ trên đó.
Mark 4:35
Điều gì đã xảy ra khi các môn đồ và Chúa Giê-xu qua bên kia bờ hồ?
Một cơn bão lớn nổi lên, đe dọa sẽ làm ngập cả thuyền.
Mark 4:38
Khi đó Chúa Giê-xu đang làm gì trên thuyền?
Chúa Giê-xu đang ngủ.
Các môn đồ hỏi Chúa Giê-xu điều gì?
Các môn đồ hỏi Chúa Giê-xu rằng Ngài có lo họ sắp chết không.

Chapter 5

Mark 5:3
Cùm chân anh ta
"dùng dây xích sắt xiềng chân anh ta"
Chế ngự anh ta
"kiểm soát anh ta"
Mark 5:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Anh ta kêu lên
"Uế linh kêu lên"
Tôi có liên can gì với Ngài
Hoặc: "Tôi không liên can gì với Ngài"
Đừng làm khổ tôi
"đừng hành hạ tôi" (UDB)
Hỡi Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời Chí Cao. Nhân danh Đức Chúa Trời tôi xin Ngài đừng làm khổ tôi.
Chúa Giê-xu, “Con Đức Chúa Trời Chí Cao” có quyền khiến cho uế linh phải đau khổ.
Con Đức Chúa Trời Chí Cao
Đây là một danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu.
Mark 5:9
Nó nói với Ngài rằng “Tôi tên là Quân đội vì chúng tôi đông lắm”.
Uế linh trong anh ta nói với Chúa Giê-xu rằng không chỉ có một ác linh trong người anh ta mà có rất nhiều ác linh.
Mark 5:11
Ngài cho phép chúng
"Chúa Giê-xu cho phép những uế linh"
Khoảng hai ngàn con heo
"Khoảng 2000 con heo"
Mark 5:14
Có tâm trí tỉnh táo
"có tâm trí bình thường"
Mark 5:16
Người bị quỷ ám
"người do quỷ ám"
Mark 5:18
Đê-ca-bô-lơ
Khu vực ở phía đông nam Biển Ga-li-lê
Mark 5:25
Mười hai năm
"12 năm"
Mark 5:30
mà thầy lại hỏi “Ai chạm vào ta?”
Hoặc: "chúng con rất ngạc nhiên khi nghe Ngài nói có người chạm vào thầy"
Mark 5:33
Con gái
Chúa Giê-xu dùng từ nầy theo nghĩa bóng để chỉ người phụ nữ là một người có đức tin.
Mark 5:35
Còn phiền thầy làm chi?
Hoặc: "Chúng ta không nên làm phiền thầy nữa".
Mark 5:36
Kẻ khóc lóc, người than van
Từ “khóc lóc” và “than van” có cùng ý nghĩa. Gợi ý dịch: “họ vừa khóc vừa kêu la”
Mark 5:39
Sao các ngươi ồn ào và khóc lóc?
Hoặc: "Các ngươi không nên ồn ào và khóc lóc".
Mark 5:41
Bé gái được mười hai tuổi
"Bé gái được 12 tuổi"
Ngài nghiêm khắc ra lệnh cho họ
"Ngài nghiêm dặn họ"

Translation Questions

Mark 5:1
Khi họ đi vào miền Giê-ra-sê, ai đã đến gặp Chúa Giê-xu?
Một người bị uế linh ám đến gặp Chúa Giê-xu.
Mark 5:3
Một số điều người nầy đã làm là gì?
Người nầy sống nơi mồ mả, tháo bẻ xiềng xích, kêu la và tự rạch mình cả ngày lẫn đêm.
Mark 5:5
Một số điều người nầy đã làm là gì?
Người nầy sống nơi mồ mả, tháo bẻ xiềng xích, kêu la và tự rạch mình cả ngày lẫn đêm.
Mark 5:7
Uế linh gọi Chúa Giê-xu bằng danh hiệu gì?
Uế linh gọi Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời Chí Cao.
Mark 5:9
Tên của uế linh là gì?
Tên của uế linh là Quân đoàn, vì chúng rất đông.
Mark 5:25
Người phụ nữ chạm vào áo choàng của Chúa Giê-xu có vấn đề gì?
Người phụ nữ phải khổ sở với bệnh rong huyết đã mười hai năm.
Mark 5:28
Vì sao người phụ nữ chạm vào áo choàng của Chúa Giê-xu?
Người phụ nữ nghĩ rằng nếu chỉ chạm vào áo của Chúa Giê-xu thôi thì bà sẽ được lành.
Mark 5:30
Chúa Giê-xu đã làm gì khi người phụ nữ chạm vào áo choàng của Ngài?
Chúa Giê-xu biết có năng quyền xuất ra từ Ngài nên nhìn xung quanh xem ai đã chạm vào Ngài.
Mark 5:35
Tình trạng con gái của Giai-ru như thế nào khi Chúa Giê-xu đến nhà?
Con gái của Giai-ru đã chết.
Mark 5:36
Lúc đó Chúa Giê-xu nói gì với Giai-ru?
Chúa Giê-xu bảo Giai-ru đừng sợ, chỉ tin mà thôi.

Chapter 6

Mark 6:1
Chẳng phải đây là người thợ mộc, con trai Ma-ri, anh của Gia-cơ, Giô-sê, Giu-đe, và Si-môn đó sao? Các em gái ông chẳng phải đang ở đây với chúng ta sao?
"Ông ta chỉ là một thợ mộc bình thường! Chúng ta biết ông ta và gia đình ông ta! Chúng ta biết Ma-ry là mẹ ông ta! Chúng ta biết các em ông ta là Gia-cơ, Giô-sê, Giu-đe và Si-môn! Các em gái ông ta cũng sống ở đây với chúng ta! (UDB)
Đây là câu hỏi tu từ tỏ ra nghi ngờ vì sao Chúa Giê-xu có thể làm được những việc như vậy.
Mark 6:4
Nhà tiên tri không bị khinh dể, ngoại trừ
“Điều chắc chắn là ta và các tiên tri khác sẽ được tôn trọng ở nhiều nơi ngoại trừ tại quê hương mình! Thậm chí bà con và những người trong nhà cũng không tôn trọng họ!” (UDB)
Mark 6:7
Từng đôi
"2 người một cặp" or "theo cặp"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Không mặc hai áo
"không mặc thêm áo"
Mark 6:10
ở đó cho đến lúc ra đi
"ở tại nhà đó cho đến lúc rời khỏi thành".
Mark 6:14
Giăng Báp-tít đã sống lại
"Đức Chúa Trời khiến Giăng Báp-tít sống lại"
Mark 6:16
Vợ của Phi-líp em vua
"Vợ của Phi-líp, em của vua"
Mark 6:18
Bà căm ghét
"giữ lòng hận thù"
Mark 6:23
Để trên mâm
"để trên khay"
Mark 6:26
vì lời thề và vì khách dự tiệc
"vì khách của ông đã nghe lời ông hứa"
Để trên mâm
"để trên khay"
Mark 6:37
Hai trăm đơ-ni-ê
"200 đơ-ni-ê." Đơ-ni-ê là đồng tiền bằng bạc của La Mã.
Năm ổ bánh và hai con cá
"5 ổ bánh và 2 con cá"
Mark 6:39
Từng nhóm một trăm và nhóm năm chục
"nhóm 100 và nhóm 50"
Năm ổ bánh và hai con cá
"5 ổ bánh và 2 con cá"
Mark 6:42
Mười hai giỏ
"12 giỏ"
Năm ngàn người nam
Hoặc: "5,000 người nam và gia đình của họ"
Mark 6:45
Bết-sai-đa
Đây là một thành ở bờ phía bắc của Biển Ga-li-lê.
Mark 6:48
Canh tư
Đây là khoảng thời gian giữa 3 giờ sáng và lúc mặt trời mọc.
Hãy can đảm!...Đừng sợ
Hai câu nầy có ý nghĩa tương tự, được dùng để nhấn mạnh rằng “Đừng sợ ta!”
Mark 6:51
Trí họ chậm hiểu
"họ không hiểu được sức quyền năng của Ngài như họ đáng phải hiểu".
Mark 6:53
Cái cáng
"tấm thảm để khiên người trên đó"
Mark 6:56
Mép áo của Ngài
"viền áo của Ngài" hay "viền áo choàng của Ngài"

Translation Questions

Mark 6:4
Chúa Giê-xu nói nhà tiên tri không được tôn trọng ở đâu?
Chúa Giê-xu nói nhà tiên tri không được tôn trọng ở quê hương mình, giữa vòng bà con và trong chính gia đình mình.
Mark 6:7
Chúa Giê-xu ban cho mười hai sứ đồ thẩm quyền gì khi sai họ đi?
Chúa Giê-xu ban cho mười hai sứ đồ thẩm quyền trên các uế linh.
Mark 6:14
Dân chúng nghĩ Chúa Giê-xu là ai?
Dân chúng nghĩ Chúa Giê-xu là Giăng Báp-tít hoặc Ê-li hoặc một nhà tiên tri.
Mark 6:18
Giăng Báp-tít nói với Hê-rốt ông đã làm việc gì trái luật pháp?
Giăng Báp-tít nói với Hê-rốt rằng việc ông cưới vợ của em mình là trái luật pháp.
Mark 6:23
Hê-rốt đã thề với Hê-rô-đia điều gì?
Hê-rốt đã thề rằng bất kì điều gì cô xin, đến cả một nữa vương quốc cũng sẽ ban cho cô.
Mark 6:26
Hê-rốt phản ứng thế nào trước yêu cầu của Hê-rô-đia?
Hê-rốt rất ân hận, nhưng không từ chối được vì đã thề trước mặt những vị khách của ông.
Mark 6:33
Điều gì xảy ra khi Chúa Giê-xu và các sứ đồ tìm nơi tách biệt để nghỉ ngơi?
Nhiều người nhận ra họ và chạy đến nơi đó trước cả Chúa Giê-xu và các sứ đồ.
Mark 6:37
Khi Chúa Giê-xu yêu cầu, các môn đồ nghĩ họ phải làm gì để cho dân chúng ăn?
Các môn đồ nghĩ rằng họ phải đi mua hai trăm đơ-ni-ê bánh.
Mark 6:48
Chúa Giê-xu đến với các môn đồ ở giữa hồ bằng cách nào?
Chúa Giê-xu đi bộ trên mặt hồ để đến với các môn đồ.
Mark 6:56
Điều gì xảy ra cho những người chạm vào viền áo của Chúa Giê-xu?
Những người chạm vào viền áo của Chúa Giê-xu đều được chữa lành.

Chapter 7
Mark 7:2
Vật đựng thức ăn bằng đồng và thậm chí ghế trường kỷ để dùng bữa
Khi ăn người Do Thái thời bấy giờ sẽ nằm trên ghế trường kỷ. Có thể dịch là: “những vật đựng thức ăn và thậm chí là chỗ ngồi để dùng bữa”.
Mark 7:5
Tại sao môn đồ thầy không sống theo truyền thống của người xưa, cứ để tay bẩn mà dùng bánh?
"Các môn đồ của thầy không vâng theo truyền thống của người xưa! Họ phải rửa tay theo nghi lễ của chúng ta"
Bánh
Thức ăn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mark 7:6
Ê-sai đã nói tiên tri rất đúng về những kẻ giả hình các ngươi, ông viết
Những lời tiếp theo là của Ê-sai
Mark 7:8
Chặt
vững
ai chửi mắng
"ai nguyền rủa"
Mark 7:11
Những gì con có thể giúp cho cha mẹ đã là Co-ban rồi
Truyền thống của các thầy thông giáo quy định rằng tiền bạc hoặc những thứ đã hứa dâng cho đền thờ thì không được sử dụng cho mục đích nào khác.
Co-ban
Tác giả muốn người đọc biết được từ nầy đọc như thế nào, do đó hãy viết ra theo bảng chữ cái trong ngôn ngữ của bạn mô tả chính xác nhất cách đọc của từ nầy.
Mark 7:14
Tất cả hãy nghe ta và hiểu rằng
Từ “nghe” và “hiểu” có liên quan với nhau. Chúa Giê-xu dùng chung hai từ nầy để nhấn mạnh rằng người nghe phải tập trung chú ý vào điều Ngài nói.
Những gì từ trong người ra
"Điều bên trong con người" hoặc "điều con người suy nghĩ, nói và hành động"
Mark 7:17
Các con vẫn chưa hiểu sao?
Hoặc: "Sau tất cả những gì ta đã nói và làm, ta mong đợi các con hiểu ra được".
Mark 7:24
Phủ phục
"quỳ"
Thuộc chủng tộc Sy-rô-phê-ni-xi
Bà sinh ra ở thành Phê-ni-xi xứ Sy-ri.
Mark 7:27
Phải để cho con cái ăn no trước đã
"Con cái phải được ăn trước" hoặc "Ta phải cho con cái ăn trước"
Con cái
Dân Do Thái. Có thể dịch là: “Ta phải đáp ứng cho dân Do Thái trước”
Bánh
Thức ăn
Chó
Dân ngoại.
Chó dưới bàn cũng được ăn những miếng bánh vụn của con cái
"Ngài có thể cho con, là dân ngoại, một ít theo cách đó"
Mảnh vụn
Những miếng bánh rất nhỏ
Mark 7:31
Trải qua
"đi qua"
Đê-ca-bô-lơ
"Mười Thành", một khu vực ở đông nam Biển Ga-li-lê.
Người điếc
"người không nghe được"
Cà lăm
"không thể nói năng rõ ràng được"
Mark 7:33
Ép-pha-ta
Tác giả muốn người đọc biết được từ nầy đọc như thế nào, do đó hãy viết ra theo bảng chữ cái trong ngôn ngữ của bạn mô tả chính xác nhất cách đọc của từ nầy.
Thở dài
Hít vào và thở ra một hơi dài, cho thấy người đó không vui vẻ
Thứ cầm buộc lưỡi anh ta được tháo gỡ
"Chúa Giê-xu tháo gỡ thứ cầm buộc lưỡi anh ta" hoặc "Chúa Giê-xu chữa lành nguyên nhân khiến anh ta nói năng không rõ"

Translation Questions

Mark 7:2
Các môn đồ của Chúa Giê-xu đã làm gì khiến những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo bực tức?
Một số môn đồ ăn mà không rửa tay.
Mark 7:5
Các môn đồ của Chúa Giê-xu đã làm gì khiến những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo bực tức?
Một số môn đồ ăn mà không rửa tay.
Mark 7:6
Chúa Giê-xu đã nói gì với người Pha-ri-si và các thầy thông giáo về sự giảng dạy của họ trong vấn đề rửa tay?
Chúa Giê-xu nói người Pha-ri-si và các thầy thông giáo là bọn đạo đức giả, giảng dạy những luật lệ của loài người mà bỏ điều răn của Đức Chúa Trời.
Mark 7:20
Chúa Giê-xu nói điều gì khiến cho một người bị dơ dáy?
Chúa Giê-xu phán rằng điều xuất phát từ bên trong làm cho người dơ dáy.
Mark 7:29
Chúa Giê-xu đã làm gì cho người phụ nữ?
Chúa Giê-xu đuổi quỷ ra khỏi con gái của bà.
Mark 7:33
Khi người ta đem một người điếc và ngọng đến với Chúa Giê-xu thì Ngài đã làm gì để chữa lành cho người đó?
Chúa Giê-xu đặt tay vào tai anh ta, và nhổ nước bọt thấm vào lưỡi anh ta, Ngài nhìn lên trời và phán: “Hãy mở ra!”
Mark 7:36
Dân chúng làm gì khi Chúa Giê-xu bảo họ không được thuật lại cho ai biết việc Ngài đã chữa lành?
Chúa Giê-xu càng lệnh cho họ phải giữ im lặng thì họ càng nói về việc đó

Chapter 8

Mark 8:1
Ba ngày
"3 ngày"
Họ có thể lả vì đói
Có thể là: 1) “họ có thể mất ý thức tạm thời” hoặc 2) “họ có thể trở nên kiệt sức”
Trong nơi hoang vắng thế nầy tìm đâu ra bánh để họ ăn cho no?
Các môn đồ tỏ vẻ ngạc nhiên vì Chúa Giê-xu mong muốn họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tìm ra đủ thức ăn. Có thể dịch là: “Nơi nầy quá vắng vẻ đến nỗi không có chỗ nào chúng ta có thể kiếm đủ bánh mì để họ ăn cho no!” (UDB)

Mark 8:5

Ngồi xuống

Sử dụng cách nói trong ngôn ngữ của bạn mô tả cách người ta thường ăn khi không có bàn, có thể là ngồi hoặc nằm.

Mark 8:7

Đa-ma-nu-tha

Khu vực thuộc bờ tây bắc của Biển Ga-li-lê.

Mark 8:11

Tìm kiếm

"Cố gắng để có được"

Thở dài

Xem cách dịch ở câu 7:34

Tại sao thế hệ nầy lại tìm kiếm dấu lạ?

Chúa Giê-xu quở trách họ. Có thể dịch là: “Thế hệ nầy không nên tìm kiếm dấu lạ".

Thế hệ nầy

"tất cả các ngươi"

Mark 8:14

Thận trọng và đề phòng

Hai từ nầy có ý nghĩa tương tự nhưng được dùng lặp lại ở đây để nhấn mạnh ý.

Men của người Pha-ri-si và men của đảng Hê-rốt

Hoặc: "sự giảng dạy sai lạc của người Pha-ri-si và sự giảng dạy sai lạc của đảng Hê-rốt"

Mark 8:16

Sao các con lại bàn luận với nhau về việc các con không có bánh?

Chúa Giê-xu thất vọng vì họ không hiểu. Có thể dịch là: “Các con không nên nghĩ rằng ta đang nói về bánh thuộc thể”.

Mark 8:18

Sao các con có mắt mà không thấy? Có tai mà không nghe? Các con không nhớ sao?

Chúa Giê-xu thất vọng vì họ không hiểu. Có thể dịch là: “Các con có mắt mà không hiểu điều mình thấy! Có tai mà không hiểu điều mình nghe! Các con cần phải ghi nhớ!”

Mark 8:20

Các con chưa hiểu sao?

Hoặc: "Đến bây giờ các con phải hiểu rằng ta không nói về bánh thuộc thể".

Mark 8:22

Bết-sai-đa

Một thành ở phía đông Sông Giô-đanh

Mark 8:31

Con Người phải chịu nhiều đau khổ, phải bị các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo chối bỏ, phải bị giết, và sau ba ngày phải sống lại.

Hoặc: "các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo sẽ chối bỏ Con Người và giết Ngài, rồi Đức Chúa Trời sẽ khiến Ngài sống lại"

Ba ngày

"3 ngày"

Mark 8:35

Vì

Chúa Giê-xu đang giải thích lí do vì sao các môn đồ cần phải xem mình là những tội nhân sắp phải chết

Mark 8:38

Con Người...ngự đến trong vinh quang của Cha Ngài cùng với các thiên sứ thánh

Chúa Giê-xu, là Con Người cũng là Con của Đức Chúa Trời sẽ trở lại trong vinh hiển giống như vinh hiển của Cha Ngài.

Con Người

Đây là một danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu.

Translation Questions

Mark 8:1

Chúa Giê-xu nói Ngài lo lắng điều gì cho đoàn dân đông đang theo Ngài?

Chúa Giê-xu nói rằng Ngài lo đám đông không có gì ăn.

Mark 8:5

Các môn đồ có bao nhiêu ổ bánh?

Các môn đồ có bảy ổ bánh.

Mark 8:11

Những người Pha-ri-si muốn Chúa Giê-xu làm gì để thử Ngài?

Những người Pha-ri-si muốn Chúa Giê-xu cho họ một dấu lạ từ trời.

Mark 8:16

Các môn đồ nghĩ Chúa Giê-xu đang nói về điều gì?

Các môn đồ nghĩ Chúa Giê-xu đang nói về việc họ quên mang theo bánh.

Mark 8:24

Ba điều Chúa Giê-xu làm cho người mù để ông được sáng mắt hoàn toàn là gì?

Đầu tiên Chúa Giê-xu nhổ nước bọt lên mắt và đặt tay lên người mù rồi sau đó Ngài đặt tay trên mắt anh ta.

Mark 8:29

Phi-e-rơ nói Chúa Giê-xu là ai?

Phi-e-rơ nói Chúa Giê-xu là Đấng Christ.

Mark 8:31

Chúa Giê-xu bắt đầu dạy rõ cho các môn đồ về sự kiện gì trong tương lai?

Chúa Giê-xu dạy cho các môn đồ rằng Con Người phải chịu đau khổ, bị chối bỏ, bị giết và sống lại sau ba ngày.

Mark 8:33

Chúa Giê-xu nói gì khi Phi-e-rơ bắt đầu trách Ngài?

Chúa Giê-xu nói với Phi-e-rơ rằng “Hỡi Sa-tan, hãy lui ra đằng sau Ta, vì ngươi chẳng nghĩ đến việc của Đức Chúa Trời, mà chỉ nghĩ đến việc loài người."

Mark 8:38

Chúa Giê-xu nói Ngài sẽ làm gì với những người hổ thẹn về Ngài và lời Ngài?

Chúa Giê-xu nói khi Ngài trở lại Ngài cũng sẽ hổ thẹn về những người đã hổ thẹn về Ngài và lời Ngài.

Chapter 9

Mark 9:1

Ngài hóa hình

"Ngài thay đổi hình dạng" hoặc "Ngài hiện ra rất khác" (UDB)

Sáng rực

"vô cùng trắng"

Chẳng có thợ phiếu nào trên thế gian nầy có thể phiếu được

"Thuốc tẩy" là một loại hóa chất dùng để loại bỏ những vết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bẩn cho quần áo trắng sáng. “Thợ phiếu” là người giặt áo.
Mark 9:4
Khiếp sợ
"rất hoảng sợ"
Mark 9:7
Đây là Con yêu dấu của Ta, hãy nghe lời Người
Đức Chúa Cha bày tỏ tình yêu với “Con yêu dấu” của Ngài, tức là Con Đức Chúa Trời.
Con yêu dấu
Đây là một danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu, là Con Đức Chúa Trời.
Mark 9:9
Họ ghi nhớ điều ấy trong lòng
"Vậy họ không nói những điều nầy với bất kì ai không được chứng kiến".
Sống lại từ cõi chết
"Sống lại sau khi chết"
Mark 9:11
Ê-li thật sự…người ta sẽ ghét người?
Lời tiên tri báo trước rằng Ê-li sẽ trở lại từ Trời, sau đó Chúa Cứu Thế, là Con Người sẽ đến để cai trị. Các lời tiên tri khác cũng báo trước rằng Con Người sẽ chịu đau khổ, bị người ta ghét. Các môn đồ đang bối rối vì sao cả hai điều đều có thể đúng.
Ê-li đã đến rồi
Lời tiên tri thường được ứng nghiệm kép.
Mark 9:14
Tranh luận
"thảo luận" hoặc "bài cãi" hoặc "xem xét"
Mark 9:17
Đuổi nó ra khỏi
"đuổi quỷ khỏi con trai tôi" hoặc "đuổi quỷ"
Chịu đựng các ngươi
"Kiên nhẫn với các ngươi"
Mark 9:20
Xin thương xót
"xin thương tình" hoặc "xin tỏ lòng thương"
Mark 9:23
Chúa Giê-xu nói cùng ông "'Nếu thầy có thể làm được'? Mọi việc….tin"
Chúa Giê-xu quở trách sự nghi ngờ của ông ta. Gợi ý dịch “Chúa Giê-xu nói cùng ông ‘Sao ngươi lại nói “Nếu Thầy có thể làm được”? Mọi việc…tin’” hoặc “Chúa Giê-xu nói cùng ông ‘Ngươi không nên nói rằng “Nếu thầy có thể làm được”! Mọi việc…tin.’”
Mark 9:26
Đứa trẻ trông như người đã chết
"Đứa trẻ dường như đã chết" hoặc "Đứa trẻ có vẻ như đã chết"
Mark 9:28
Loại quỷ ấy không thể đuổi được ngoại trừ lời cầu nguyện
Từ “không thể” và “ngoại trừ” đều mang nghĩa phủ định. Ở một số ngôn ngữ, dùng câu khẳng định sẽ tự nhiên hơn. Có thể dịch là: “Loại quỷ ấy chỉ đuổi được bằng lời cầu nguyện”.
Mark 9:30
Trải qua
"đi qua" hoặc "đi ngang qua"
Ba ngày
"3 ngày"
Mark 9:38
Đuổi quỷ
"đuổi quỷ"
Mark 9:40
Không mất
"không mất" cả hai từ đều ở thể phủ định. Ở một số ngôn ngữ, dùng câu khẳng định sẽ tự nhiên hơn. Có thể dịch là: "nhận"
Mark 9:42
Cối đá
Một tảng đá lớn, người ta để ngũ cốc trên đó để giả thành bột
Lửa chẳng hề tắt
"lửa không thể dập tắt"
Mark 9:45
Bị ném vào địa ngục
"bị Đức Chúa Trời ném vào địa ngục"
Mark 9:47
Sâu bọ của chúng
"sâu bọ ăn xác chết của chúng"

Translation Questions

Mark 9:1
Chúa Giê-xu nói ai sẽ nhìn thấy vương quốc của Đức Chúa Trời đến với uy quyền?
Chúa Giê-xu phán rằng một số trong những người đang đứng đó với Ngài sẽ không chết trước khi thấy vương quốc Đức Chúa Trời đến với uy quyền.
Mark 9:4
Ai đang nói chuyện với Chúa Giê-xu trên núi?
Ê-li và Môi-se đang nói chuyện với Chúa Giê-xu.
Mark 9:7
Khi ở trên núi, tiếng từ trong đám mây phán điều gì?
Tiếng đó phán rằng “Đây là Con yêu dấu của Ta, hãy nghe lời Người.”
Mark 9:9
Chúa Giê-xu lệnh cho các môn đồ điều gì về việc họ đã thấy trên núi?
Chúa Giê-xu lệnh cho họ không được nói với ai về điều họ đã thấy cho đến khi Con Người từ cõi chết sống lại.
Mark 9:11
Chúa Giê-xu nói gì về sự đến của Ê-li?
Chúa Giê-xu phán rằng Ê-li thật sự phải đến trước để phục hồi mọi việc và Ê-li đã đến rồi.
Mark 9:17
Các môn đồ không làm được điều gì cho người cha và đứa con trai?
Các môn đồ không đuổi được ác linh ra khỏi người con trai.
Mark 9:23
Người cha đáp ứng thế nào khi Chúa Giê-xu phán rằng ai tin thì mọi việc đều được?
Người cha đáp “Tôi tin! Xin giúp cho sự vô tín của tôi!”
Mark 9:28
Vì sao các môn đồ không thể đuổi quỷ câm và điếc ra khỏi đứa trẻ?
Các môn đồ không làm được vì quỷ đó phải cầu nguyện mới đuổi được.
Mark 9:33
Dọc đường các môn đồ tranh luận về điều gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Các môn đồ tranh luận xem ai trong số họ là người cao trọng nhất.
Mark 9:36
Khi một người tiếp nhận một đứa trẻ trong danh Chúa Giê-xu tức là họ cũng đang tiếp nhận ai?
Khi một người tiếp nhận một đứa trẻ trong danh Chúa Giê-xu tức là người đó cũng đang tiếp nhận Chúa Giê-xu và Đấng đã sai Ngài
Mark 9:42
Điều gì là tốt hơn cho người khiến một đứa trẻ tin Chúa Giê-xu phải vấp ngã?
Thà người đó bị buộc cối đá vào cổ và ném xuống biển còn hơn.
Mark 9:47
Chúa Giê-xu nói cần phải làm gì với những điều khiến bạn vấp ngã?
Chúa Giê-xu phán phải từ bỏ tất cả những gì khiến bạn vấp ngã.

Chapter 10
Mark 10:5
Lòng cứng cỏi của các ngươi
"sự ngoan cố của các ngươi"
Mark 10:7
Họ không còn là hai nữa nhưng là một thịt
Đây là cách nói ẩn dụ để cho thấy sự hiệp một về thể xác giữa chồng và vợ.
Mark 10:13
Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng ngăn cấm chúng
Hai câu nầy có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để nhấn mạnh ý. Một số ngôn ngữ có cách nói khác để nhấn mạnh ý tự nhiên hơn. Có thể dịch là: “Hãy đảm bảo là các con sẽ để những con trẻ đến cùng ta”.
Đừng ngăn cấm
Đây là câu phủ định kép. Ở một số ngôn ngữ, sử dụng câu khẳng định sẽ tự nhiên hơn. Có thể dịch là: “cho phép”.
Mark 10:17
Sao ngươi gọi ta là nhân lành?
Hoặc: "Ngươi nên suy xét cẩn thận điều ngươi muốn nói (hoặc, ngươi đang ngụ ý rằng Ta là Đức Chúa Trời) khi gọi ta là nhân lành, vì chỉ mình Đức Chúa Trời là nhân lành!
Mark 10:23
Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào vương quốc Đức Chúa Trời.
Lạc đà không thể nào chui qua lỗ kim cũng như người giàu khó quyết định để Đức Chúa Trời cai trị đời sống của họ như vậy.
Lỗ kim
“Lỗ kim” là lỗ trên đầu của cây kim.
Mark 10:26
Vậy thì ai có thể được cứu?
"Vậy thì không ai có thể được cứu."
Mark 10:29
Không một ai từ bỏ...mà không nhận được
"bất kì ai từ bỏ...sẽ nhận được."
vì ta
"vì ích lợi cho ta"
Thế giới nầy
"đời sống nầy" hoặc "thời kì hiện tại nầy"
Thế giới sau
"đời sau" hoặc "thời kì sau"
Mark 10:32
Con Người sẽ bị nộp
"người ta sẽ nộp Con Người" hoặc "người ta sẽ giao Con Người"
Mark 10:38
Chén ta sẽ uống
Chúa Giê-xu dùng cụm từ nầy để chỉ về sự đau khổ Ngài sắp phải chịu.
Báp-tem ta sẽ chịu
Chúa Giê-xu dùng cụm từ nầy để chỉ về sự đau khổ Ngài sắp phải chịu.40
Mark 10:41
Những người được coi là người cầm quyền
"Những người được cho là người cầm quyền"
Thống trị
"kiểm soát" hoặc "có quyền trên"
Sử dụng
"dùng"
Mark 10:43
Làm lớn
"được tôn trọng" hoặc "được khen ngợi"
Người nào
"bất kì ai"
Vì Con Người đã đến không phải để được phục vụ
"Vì Con Người đã đến không phải để người ta phục vụ Ngài"
Mark 10:46
Ba-ti-mê
Tên của một người
Ti-mê
Đây là tên của cha người ăn xin bị mù.
Mark 10:49
Ra lệnh gọi anh ta
"ra lệnh cho người khác gọi anh ta"
Hãy mạnh mẽ lên
"Đừng sợ"
Mark 10:51
Sáng mắt
"khả năng nhìn thấy"
Lập tức
"Tức thì" hoặc "không chậm trễ"

Translation Questions

Mark 10:5
Vì sao Môi-se lại đưa ra luật về ly dị?
Môi-se đưa ra luật về ly dị cho người Do Thái vì sự cứng lòng của họ.
Mark 10:7
Chúa Giê-xu nói hai người, tức là người nam và vợ của mình sẽ trở nên điều gì khi họ kết hôn?
Chúa Giê-xu phán rằng hai người sẽ trở nên một thịt.
Mark 10:13
Chúa Giê-xu phản ứng thế nào khi các môn đồ trách những người đem

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

con trẻ đến với Ngài?
Chúa Giê-xu tức giận với các môn đồ và bảo họ cho những đứa trẻ đến cùng Ngài.
Mark 10:15
Chúa Giê-xu phán phải tiếp nhận vương quốc của Đức Chúa Trời như thế nào để được bước vào đó?
Chúa Giê-xu phán phải tiếp nhận vương quốc của Đức Chúa Trời như một đứa trẻ để được bước vào đó.
Mark 10:23
Chúa Giê-xu phán người nào rất khó vào vương quốc của Đức Chúa Trời?
Chúa Giê-xu phán rằng người giàu rất khó vào vương quốc của Đức Chúa Trời.
Mark 10:26
How did Jesus say even a rich person could be saved?
Chúa Giê-xu phán loài người không thể làm được, nhưng Đức Chúa Trời làm được mọi sự
Mark 10:29
Chúa Giê-xu phán những ai rời bỏ nhà cửa, gia đình và đất đai vì danh Ngài thì sẽ nhận được gì?
Chúa Giê-xu phán họ sẽ nhận được gấp trăm lần trong đời nầy khi bị bắt bớ và sự sống đời đời trong đời sau.
Mark 10:32
Chúa Giê-xu và các môn đồ đang trên đường đi đâu?
Chúa Giê-xu và các môn đồ đang trên đường đi lên Giê-ru-sa-lem.
Mark 10:35
Gia-cơ và Giăng cầu xin Chúa Giê-xu điều gì?
Gia-cơ và Giăng cầu xin được ngồi bên phải và bên trái Chúa Giê-xu trong vinh hiển.
Mark 10:43
Chúa Giê-xu phán những ai muốn làm lớn trong các môn đồ thi phải sống như thế nào?
Chúa Giê-xu phán những ai muốn làm lớn trong các môn đồ thi phải làm đầy tớ cho tất cả các môn đồ.

Chapter 11
Mark 11:1
Bết-pha-giê
Tên của một ngôi làng
Mark 11:7
Hô-sa-na
Ý nghĩa của cụm từ này không rõ ràng, nhưng tốt nhất có thể dịch thành cách nói chào mừng và ngợi khen như “hoan hô” hoặc “ngợi khen Đức Chúa Trời” (UDB).
Mark 11:17
Chẳng phải có lời chép rằng: ‘Nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc’ hay sao?
“Kinh Thánh chép Đức Chúa Trời có phán rằng: ‘Ta muốn nhà ta được gọi là nhà cho mọi dân tộc đến cầu nguyện’ nhưng những kẻ cướp các ngươi biến nơi nầy thành một cái hang để ẩn trốn! Các ngươi biết rõ điều đó!”
Mark 11:20
Cây vả đã khô đến tận rễ
Hoặc: "cây vả đã khô đến tận rễ và chết".
Mark 11:22
Nếu người ấy không nghi ngờ trong lòng mà tin
"Không nghi ngờ" là phủ định kép có nghĩa là “thật sự tin”. Cả hai mệnh đề đều có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để nhấn mạnh. Một số ngôn ngữ có cách nhấn mạnh khác. Có thể dịch là: “Nếu người ấy thật sự tin”
Mark 11:24
Khi các con đứng cầu nguyện
Văn hóa Hê-bơ-rơ thường đứng khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời.
Mark 11:27
Bởi thẩm quyền nào mà thầy làm những việc nầy
Từ “những việc nầy” chỉ về việc Chúa Giê-xu lật đổ bàn của những kẻ buôn bán trong đền thờ và lên án những việc họ đã làm và giảng dạy.
Bởi thẩm quyền nào mà thầy làm những việc nầy, hay ai đã cho thầy thẩm quyền để làm những việc ấy
Hoặc: "thầy không có quyền để làm những việc nầy vì chúng tôi không giao quyền cho thầy".
Mark 11:29
Báp-têm của Giăng đến từ trời hay từ loài người?
Mặc dù Chúa Giê-xu biết câu trả lời cho câu hỏi nầy, nhưng Ngài hỏi để thử những nhà lãnh đạo tôn giáo lí do họ chất vấn Ngài.

Translation Questions

Mark 11:11
Chúa Giê-xu đã làm gì khi Ngài đi vào khu vực đền thờ?
Chúa Giê-xu nhìn chung quanh rồi đi ra, đến Bê-tha-ny.
Mark 11:15
Lần nầy Chúa Giê-xu làm gì khi đi vào khu vực đền thờ?
Chúa Giê-xu đuổi hết những kẻ bán, người mua và không cho bất kì ai đem hàng hóa đi qua đền thờ.
Mark 11:17
Dựa vào Kinh Thánh, Chúa Giê-xu nói đền thờ phải là nơi thế nào?
Chúa Giê-xu phán đền thờ phải là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc.
Chúa Giê-xu nói các thầy tế lễ cả và thầy thông giáo đã biến đền thờ thành ra thế nào?
Chúa Giê-xu nói họ đã biến đền thờ thành hang trộm cướp.
Mark 11:20
Điều gì đã xảy ra cho cây vả mà Chúa Giê-xu đã phán?
Cây vả mà Chúa Giê-xu phán đã khô đến tận rễ.
Mark 11:24
Chúa Giê-xu đã nói gì về mọi điều chúng ta xin trong lúc cầu nguyện?
Chúa Giê-xu phán rằng mọi điều chúng ta xin trong lúc cầu nguyện, hãy tin rằng mình đã nhận được rồi, thì sẽ nhận được.
Mark 11:27
Khi ở trong đền thờ, các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo và các trưởng lão muốn biết điều gì từ Chúa Giê-xu?
Họ muốn biết nhờ thẩm quyền nào mà Chúa Giê-xu làm những việc hiện tại.
Mark 11:31
Vì sao các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo và các trưởng lão không muốn trả lời phép báp-tem của Giăng đến từ trời?
Họ không muốn trả lời như vậy vì Chúa Giê-xu sẽ hỏi vậy tại sao họ không tin Giăng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 12

Mark 12:1

Cho thuê vườn nho

Người chủ thỏa thuận cho những người khác chăm sóc nho.

Mark 12:6

Những người thuê

Những nông dân trồng nho thuê vườn nho từ người chủ

Mark 12:8

Vậy, chủ vườn nho sẽ làm gì?

Hoặc: "Vậy ta sẽ cho các ngươi biết chủ vườn nho sẽ làm gì"

Mark 12:10

Các ngươi chưa từng đọc lời Kinh Thánh nầy sao?

Hoặc: "Bây giờ hãy suy nghĩ cẩn thận về lời mà các ngươi đã đọc trong Kinh Thánh"

Mark 12:13

Sao các ngươi thử ta?

"Ta biết các ngươi chỉ tìm cách buộc ta nói điều sai trái để lên án ta"

Đơ-ni-ê

Đồng tiền nầy trị giá một ngày lương.

Mark 12:16

Họ đem một

"Những người Pha-ri-si và những người thuộc phe Hê-rốt đem một đồng tiền La Mã"

Hãy đưa cho Sê-sa những gì của Sê-sa

Hoặc: "Hãy đưa cho chính quyền La Mã những gì thuộc về chính quyền La Mã"

Mark 12:18

Môi-se đã chép cho chúng tôi rằng: 'Nếu anh của một người.... nối dõi cho anh mình'.

Hoặc: "Môi-se đã chép rằng nếu anh của một người qua đời.... nối dõi cho anh mình".

Mark 12:20

Trong ngày phục sinh, khi họ sống lại, người đàn bà đó sẽ là vợ của ai?

Hoặc: "Trong ngày phục sinh, khi họ sống lại, người đàn bà đó không thể làm vợ của cả bảy anh em được!"

Mark 12:24

Có phải lí do khiến các ngươi sai lầm....quyền năng của Đức Chúa Trời không?

"Các ngươi sai lầm vì....quyền năng của Đức Chúa Trời".

Mark 12:26

Họ được sống lại

"Đức Chúa Trời khiến họ sống lại"

Mark 12:35

Làm sao các thầy thông giáo nói Đấng Christ là con Đa-vít?

Hoặc: "Những người dạy luật Do Thái nầy hẳn đã sai khi nói rằng Đấng Christ chỉ đơn thuần là con cháu loài người của vua Đa-vít!"

Con Đa-vít

Từ “con” ở đây chỉ về một hậu tự.

Vậy làm sao Ngài là con vua Đa-vít được?

Hoặc: "vậy Ngài không thể là con vua Đa-vít được!"

Mark 12:41

Hai đồng nhỏ

"hai đồng tiền nhỏ" – đồng tiền có giá trị thấp nhất

Mark 12:43

Thật, ta bảo các con

Xem cách dịch ở câu 3:28

Thùng lạc hiến

Đây là thùng thu thập của dâng cho đền thờ của tất cả mọi người.

Dư

"thừa"

Nghèo túng

"thiếu thốn" hoặc "nghèo nàn"

Translation Questions

Mark 12:1

Sau khi đã xây dựng một vườn nho và cho thuê thì người chủ làm gì?

Sau khi đã xây dựng một vườn nho và cho thuê thì người chủ lên đường đi xa.

Mark 12:6

Cuối cùng chủ sai ai đến gặp những người trồng nho?

Cuối cùng chủ sai chính con trai yêu dấu của mình đi.

Mark 12:8

Những người trồng nho đã làm gì với người cuối cùng được chủ sai đến?

Những người trồng nho bắt người ấy, giết đi và ném ra ngoài vườn nho.

Mark 12:10

Trong Kinh Thánh, điều gì xảy ra với hòn đá bị thợ xây loại ra?

Hòn đá bị thợ xây loại ra đã trở nên đá góc nhà.

Mark 12:18

Người Sa-đu-sê không tin vào điều gì?

Người Sa-đu-sê không tin vào sự sống lại.

Mark 12:24

Chúa Giê-xu đưa ra lí do nào cho sai lầm của người Sa-đu-sê?

Chúa Giê-xu nói rằng người Sa-đu-sê không hiểu biết Kinh Thánh và quyền năng của Đức Chúa Trời.

Mark 12:26

Chúa Giê-xu cho thấy có sự sống lại dựa vào Kinh Thánh như thế nào?

Chúa Giê-xu trích dẫn từ sách của Môi-se, Đức Chúa Trời phán rằng Ngài là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, vậy tất cả những người đó ắt hẳn phải còn sống.

Mark 12:35

Chúa Giê-xu hỏi các nhà thông thái điều gì về vua Đa-vít?

Chúa Giê-xu hỏi làm thế nào vua Đa-vít lại gọi Đấng Christ là Chúa trong khi Đấng Christ là con vua ấy.

Mark 12:38

Chúa Giê-xu bảo dân chúng phải đề phòng điều gì về các thầy thông giáo?

Chúa Giê-xu nói các thầy thông giáo muốn được người ta tôn vinh nhưng họ nuốt nhà của các bà góa và cầu nguyện dài để cho người ta thấy.

Chapter 13

Mark 13:1

Thầy có thấy những tòa nhà vĩ đại nầy không?

Hoặc: "Ngài có thể thấy mức độ to lớn của các tòa nhà."

Mark 13:3

Những điều ấy

"Nhưng sự kiện ngài vừa nói"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mark 13:5

Nhiều kẻ sẽ lấy danh ta mà đến

Từ “danh” chỉ về thẩm quyền của Chúa Giê-xu. Có thể dịch là: “nhiều kẻ sẽ đến, công bố thẩm quyền và sự cho phép của ta mà nói rằng”

Mark 13:7

Tin đồn

"chuyện ngồi lê đôi mách"

Mark 13:9

Làm chứng cho họ

Cụm từ “làm chứng cho họ” có thể được dịch là “cho họ biết điều đúng” hoặc “chứng minh cho họ thấy điều đúng”.

Mark 13:11

Cha sẽ nộp con

"cha sẽ nộp con để bị giết".

Ai bền lòng cho đến cuối cùng thì sẽ được cứu

Hoặc: "Đức Chúa Trời sẽ cứu người nào bền lòng cho đến cuối cùng".

Mark 13:14

Sự hoang tàn gớm ghiếc

"sự thờ lạy thần tượng đáng ghê tởm" hoặc "sự vô dụng gian ác"

Mark 13:17

Những người được chọn, là người Ngài đã chọn

Cụm từ “người Ngài đã chọn” và “những người được chọn” có cùng ý nghĩa. Chúng đi chung để nhấn mạnh sự lựa chọn của Đức Chúa Trời trên những người đó.

Mark 13:21

Người được chọn

Đức Chúa Trời chọn lựa những người để khiến họ nên thánh, biệt riêng cho mục đích sinh ra trái tốt thuộc linh. Đó là lí do vì sao họ được gọi là “những người được chọn”.

Mark 13:24

Mặt trời sẽ tối tăm

"Đức Chúa Trời sẽ khiến mặt trời tối tăm".

Các quyền lực trên trời sẽ bị rúng động

"Đức Chúa Trời sẽ làm cho các quyền lực trên trời rúng động"

Người được chọn

Đức Chúa Trời chọn lựa những người để khiến họ nên thánh, biệt riêng cho mục đích sinh ra trái tốt thuộc linh. Đó là lí do vì sao họ được gọi là “những người được chọn”.

Mark 13:30

Thật, Ta bảo các con

Chúa Giê-xu nhấn mạnh rằng mọi điều Ngài dạy cho họ thật sự sẽ xảy ra y như Ngài đã nói.

Qua đi

"chấm dứt"

Cha

Tốt nhất nên dịch từ “Cha” giống như cách thông thường gọi một người cha của con người.

Mark 13:33

Cảnh giác

“Cảnh giác” hay “coi chừng” có nghĩa là luôn tỉnh táo và đề phòng tội lỗi cùng những điều gian ác. Từ nầy còn có nghĩa là “sẵn sàn”.

Mark 13:35

Gà

Thông thường là con chim đầu tiên kêu vào buổi sáng

Gáy

Tiếng kêu của con gà trống

Translation Questions

Mark 13:5

Chúa Giê-xu bảo các môn đồ phải cẩn thận về điều gì?

Chúa Giê-xu bảo các môn đồ phải cẩn thận để không ai dẫn họ đi lạc đường.

Mark 13:7

Chúa Giê-xu nói điều gì là khởi đầu của cơn đau chuyển dạ?

Chúa Giê-xu nói khởi đầu của cơn đau chuyển dạ là chiến tranh, tin đồn về chiến tranh, động đất và đói kém.

Mark 13:9

Chúa Giê-xu nói điều gì sẽ xảy ra cho các sứ đồ?

Chúa Giê-xu nói các môn đồ sẽ bị nộp cho các hội đồng, bị đánh đập trong các hội, phải đứng trước các thống đốc và vua để làm chứng.

Mark 13:14

Chúa Giê-xu nói những người ở miền Giu-đê phải làm gì khi thấy cảnh hoang tàn gớm ghiếc?

Chúa Giê-xu nói những người ở miền Giu-đê phải trốn lên núi khi thấy cảnh hoang tàn gớm ghiếc.

Mark 13:24

Điều gì sẽ xảy ra cho các quyền lực trên trời sau những ngày hoạn nạn?

Mặt trời và mặt trăng sẽ tối tăm, các ngôi sao sẽ từ trời sa xuống và các quyền lực trên trời sẽ bị rúng động.

Mark 13:30

Chúa Giê-xu nói điều gì sẽ không qua đi cho đến khi những việc nầy xảy đến?

Chúa Giê-xu nói thế hệ nầy sẽ không qua đi cho đến khi những việc nầy xảy đến.

Mark 13:33

Chúa Giê-xu truyền lệnh gì cho các môn đồ về sự trở lại của Ngài?

Chúa Giê-xu bảo các môn đồ phải cảnh giác và trông chừng.

Mark 13:35

Chúa Giê-xu truyền lệnh gì cho các môn đồ về sự trở lại của Ngài?

Chúa Giê-xu bảo các môn đồ phải cảnh giác và trông chừng.

Chapter 14

Mark 14:3

Si-môn là người bị phung

Người nầy trước đây bị phung nhưng giờ không còn nữa.

Ngọc thạch

"đá trắng".

Sao lại phung phí như vậy?

Hoặc: "Không có lí do gì hợp lí để phung phí dầu thơm đắt tiền như vậy".

Dầu thơm nầy có thể bán được

"Chúng ta có thể bán dầu thơm nầy" hoặc "Lẽ ra bà nên bán dầu thơm nầy"

Ba trăm đơ-ni-ê

"300 đơ-ni-ê". Đơ-ni-ê là tiền đồng bằng bạc của La Mã.

Mark 14:6

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sao các con làm khó cho người?
Hoặc: "Các con không nên làm khó cho người".
Mark 14:10
Giu-đa Ích-ca-ri-ốt
Xem cách dịch ở
Mark 14:12
Phòng khách
Phòng dư cho khác
Mark 14:17
Ngồi tựa tại bàn
Theo phong tục sẽ có những bàn ăn thấp có nệm để khách có thể ngồi nghiêng ra với tư thế nằm nữa người tại bàn ăn trong suốt bữa ăn tối.
Lần lượt
Có nghĩa là “lần lượt” từng môn đồ hỏi Ngài.
Chắc chắn không phải con, phải không?
"Chắc chắn không phải con giúp kẻ thù bắt giữ Ngài!"
Mark 14:26
Thánh ca
Thánh ca là một loại bài hát. Theo truyền thống họ thường hát một Thi Thiên Cựu Ước trong thời điểm nầy.
Mark 14:28
Dù cho tất cả đều vấp ngã, nhưng con thì không
"Con thì không" là cách nói tắt cho câu nói con sẽ không vấp ngã. “Không vấp ngã” là cụm từ phủ định kép, có nghĩa là “con sẽ ở với Ngài”.
Mark 14:30
Thật ta bảo con
Xem cách dịch ở câu 3:28
Chối ta
"nói rằng con không biết ta"
Mark 14:32
Linh hồn
Từ “linh hồn” đôi khi được dùng theo nghĩa tượng trưng chỉ về cả con người
Mark 14:35
Giờ nầy có thể qua khỏi
"Ngài được mạnh mẽ để chịu đựng sự đau khổ Ngài sắp phải trải qua"
A-ba
"A-ba" là từ Hy Lạp mà những đứa trẻ dùng để gọi cha của chúng, từ nầy thể hiện mối quan hệ thân mật. Vì từ Cha đã được sử dụng trước đó nên ở đây cần giữ lại từ tiếng Hy Lạp là “A-ba”.
Cất chén nầy khỏi con
Chén chỉ về cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời mà Chúa Giê-xu phải gánh chịu.
Chúa Giê-xu ...thưa "A-ba, lạy Cha...Xin cất chén nầy khỏi con. Nhưng không theo ý Con mà theo ý Cha".
Chúa Giê-xu cầu xin Cha cất đi nỗi đau khổ mà Ngài sẽ phải gánh chịu trên thập giá, phải chết vì tội lỗi của nhân loại trải mọi thời đại. Nhưng Đức Chúa Cha đòi hỏi Con duy nhất và hoàn hảo của Ngài phải hy sinh để đáp ứng được sự thánh khiết vô hạn của Ngài. Và vì vậy Chúa Giê-xu bước lên thập giá.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng của Đức Chúa Trời.
Mark 14:37
Và thấy họ đang ngủ
"và thấy Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng đang ngủ"
Si-môn, con ngủ ư
"Si-môn, con ngủ khi ta bảo con phải tỉnh thức ư"
Con không thể thức canh....một giờ sao?
"Con không thể tỉnh thức được"
Tâm linh thì sẵn sàng, mà xác thịt lại yếu đuối
"Thể xác ngươi không thể làm theo điều tâm trí ngươi mong muốn".
Xác thịt
"thể xác"
Mark 14:40
Thấy họ đang ngủ
"thấy Phi-e-rơ, Giăng và Gia-cơ đang ngủ"
Các con vẫn cứ ngủ và nghỉ ngơi sao?
Hoặc: "Các con vẫn cứ ngủ! Các con vẫn nghỉ ngơi!"
Mark 14:43
Ra tay
"bắt lấy"
Mark 14:47
Các ngươi đem gươm và gậy đến bắt ta như bắt một tên cướp sao?
"Các ngươi đem gươm và gậy đến bắt ta như bắt một tên cướp".
Mark 14:51
Vải lanh
Một tấm vải làm từ cây lanh
Mark 14:57
Chúng tôi nghe
Từ “chúng tôi” chỉ về những người làm chứng dối chống lại Chúa Giê-xu.
Mark 14:60
Đứng lên giữa họ
"đứng lên giữa các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo và các trưởng lão"
Chính ta
Đây cũng là cách Đức Chúa Trời xưng Ngài trong Cựu Ước.
Mark 14:63
Xé áo mình
Dấu hiệu bày tỏ sự bất bình trước lời nói của Chúa Giê-xu
Tất cả bọn họ đều kết án Ngài
"Tất cả thành viên trong Hội Đồng đều kết án Chúa Giê-xu"
Mark 14:69
Một trong số họ
"Một trong các môn đồ"
Mark 14:71
Ông tan vỡ
Đây là cách để nói rằng ông choáng váng và hoàn toàn bị sốc. 71

Translation Questions

Mark 14:1
Các thầy tế lễ cả cùng các thầy thông giáo tìm cách để làm gì?
Họ tìm cách để âm thầm bắt Chúa Giê-xu sau đó giết Ngài.
Mark 14:3
Một người phụ nữ đã làm gì cho Chúa Giê-xu tại nhà của Si-môn, là người bị phung?
Một người phụ nữ đã đập bể bình dầu đắt tiền và đổ lên đầu Chúa Giê-xu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mark 14:10
Vì sao Giu-đa Ích-ca-ri-ốt đi gặp các thầy tế lễ cả?
Giu-đa Ích-ca-ri-ốt đi gặp các thầy tế lễ cả để nộp Chúa Giê-xu cho họ.
Mark 14:12
Làm thế nào các môn đồ tìm được chỗ họ sẽ ăn lễ Vượt Qua?
Chúa Giê-xu bảo họ vào thành và đi theo một người mang vò nước, sau đó hỏi người đó phòng khách ở đâu để họ có thể ăn lễ Vượt Qua.
Mark 14:20
Chúa Giê-xu nói môn đồ nào sẽ là người phản Ngài?
Chúa Giê-xu nói môn đồ đang nhúng bánh chung đĩa với Ngài sẽ phản Ngài.
Mark 14:22
Chúa Giê-xu nói gì khi trao cho các môn đồ bánh đã bẻ ra?
Chúa Giê-xu phán “Hãy nhận lấy, đây là thân thể Ta”.
Mark 14:30
Chúa Giê-xu đã nói gì với Phi-e-rơ sau khi ông nói rằng ông sẽ không vấp ngã?
Chúa Giê-xu nói với Phi-e-rơ rằng trước khi gà gáy hai lượt, ông sẽ chối Ngài ba lần.
Mark 14:32
Chúa Giê-xu bảo ba môn đồ của Ngài làm gì khi Ngài cầu nguyện?
Chúa Giê-xu bảo họ ở đó và thức canh.
Mark 14:35
Chúa Giê-xu cầu nguyện cho điều gì?
Chúa Giê-xu cầu nguyện xin giờ nầy qua khỏi Ngài.
Mark 14:37
Chúa Giê-xu thấy gì khi quay lại chỗ ba môn đồ?
Chúa Giê-xu thấy ba môn đồ đang ngủ.
Mark 14:40
Chúa Giê-xu thấy gì vào lần thứ hai quay lại từ chỗ cầu nguyện?
Chúa Giê-xu thấy ba môn đồ đang ngủ.
Mark 14:51
Một thanh niên đi theo Chúa Giê-xu đã làm gì khi Ngài bị bắt?
Người thanh niên tuột bỏ tấm vải, trần truồn chạy trốn.
Mark 14:53
Phi-e-rơ ở đâu khi Chúa Giê-xu bị đưa đến thầy tế lễ thượng phẩm?
Phi-e-rơ ngồi với bọn lính gác, gần đống lửa để sưởi ấm.
Mark 14:55
Lời chứng chống lại Chúa Giê-xu trước Hội đồng có vấn đề gì?
Lời chứng chống lại Chúa Giê-xu là giả dối và không khớp nhau.
Mark 14:66
Phi-e-rơ trả lời thế nào khi người tớ gái nói ông đã ở với Chúa Giê-xu?
Phi-e-rơ trả lời ông không biết cũng không hiểu cô nói về điều gì.
Mark 14:71
Phi-e-rơ phản ứng thế nào khi được hỏi lần thứ ba rằng ông có phải là một trong những môn đồ của Chúa Giê-xu không?
Phi-e-rơ rủa và thề rằng ông không hề quen biết Chúa Giê-xu.

Chapter 15
Mark 15:1
Chính ông nói thế
"Chính ông đã nói như thế"
Mark 15:9
Tha
"thả" hoặc "cho đi"
Mark 15:14
Đánh đòn Chúa Giê-xu
Đánh Chúa Giê-xu bằng một loại roi đặc biệt gây đau đớn
Giao Ngài cho
Xem cách dịch cụm từ nầy ở câu 15:1
Mark 15:16
Doanh trại
Đây là nơi ở của quân lính.
Đội binh
"đông" hoặc "nhiều"
Họ khoác cho Chúa Giê-xu một chiếc áo choàng màu tía
Đây là hành động chế nhạo. Màu tía là màu tượng trưng cho hoàng gia, họ cho Ngài mặc như vậy để chế nhạo danh hiệu của Ngài là “Vua dân Do Thái”.
Chúng bắt đầu chào Ngài và nói: “Hoan hô Vua dân Do Thái!”
Một lần nữa, quân lính chế nhạo Chúa Giê-xu vì chúng không tin Ngài là vua dân Do Thái.
Mark 15:25
Tên cướp
"kẻ trộm có vũ trang"
Mark 15:36
Rượu chua
"giấm"
Bức màn trong đền thờ bị xé làm hai
Đức Chúa Trời xé đôi bức màn trong đền thờ
Mark 15:39
Con Đức Chúa Trời
Đây là danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu.
Salome
Mark 15:45
Một ngôi mộ đã được đục sẵn trong đá
"Một ngôi mộ mà trước đó đã có người đục sẵn trong đá"
Vải lanh
Một tấm vải làm từ cây lanh (Xem cách dịch ở 14:51-52.)
Nơi Chúa Giê-xu được chôn cất
"Nơi Giô-sép và những người khác chôn xác Chúa Giê-xu"

Translation Questions

Mark 15:1
Vào lúc sáng sớm, các thầy tế lễ cả đã làm gì với Chúa Giê-xu?
Vào lúc sáng sớm họ trói Chúa Giê-xu và nộp Ngài cho Phi-lát.
Mark 15:6
Phi-lát thường làm gì cho dân chúng vào dịp lễ?
Phi-lát thường trả tự do cho một tù nhân mà họ yêu cầu vào dịp lễ.
Mark 15:12
Dân chúng đòi xử thế nào với Vua dân Do Thái?
Dân chúng nói rằng Vua dân Do Thái phải bị đóng đinh trên cây thập tự.
Mark 15:14
Dân chúng đòi xử thế nào với Vua dân Do Thái?
Dân chúng nói rằng Vua dân Do Thái phải bị đóng đinh trên cây thập tự.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mark 15:22
Nơi quân lính đưa Chúa Giê-xu đến để chịu đóng đinh có tên gọi là gì?
Tên của nơi đó là Gô-gô-tha, có nghĩa là Chỗ cái sọ.
Mark 15:29
Những kẻ đi ngang qua đó thách thức Chúa Giê-xu làm gì?
Những kẻ đi ngang qua đó thách thức Chúa Giê-xu tự cứu lấy mình và xuống khỏi thập tự.
Mark 15:31
Các thầy tế lễ cả bảo Chúa Giê-xu làm gì thì họ sẽ tin?
Các thầy tế lễ cả bảo Chúa Giê-xu xuống khỏi thập tự thì họ sẽ tin.
Mark 15:33
Có điều gì xảy ra vào giờ thứ sáu?
Vào giờ thứ sáu, bóng tối đã bao trùm khắp đất.
Mark 15:39
Viên đội trưởng làm chứng điều gì khi thấy Chúa Giê-xu chết?
Viên đội trưởng làm chứng rằng người nầy thật là Con Đức Chúa Trời.
Mark 15:42
Chúa Giê-xu chết vào ngày nào?
Chúa Giê-xu chết vào ngày trước ngày Sa-bát.

Chapter 16
Mark 16:1
Thơm
"mùi thơm"
Mark 16:5
Ngài sống lại rồi!
"Ngài đã sống lại" hoặc "Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết!" hoặc "Ngài đã sống lại từ cõi chết!"
Mark 16:9
Vào ngày thứ nhất của tuần lễ
"vào ngày Chúa nhật"
Mark 16:14
Sự cứng lòng
Hoặc: "không tin"

Translation Questions

Mark 16:5
Những người phụ nữ thấy gì khi họ vào trong mộ?
Những người phụ nữ thấy một thanh niên mặc áo dài trắng, ngồi bên phải.
Mark 16:9
Sau khi sống lại Chúa Giê-xu hiện ra trước hết cho ai?
Chúa Giê-xu hiện ra trước hết cho Ma-ri Ma-đơ-len.
Mark 16:14
Khi hiện ra cho các môn đồ, Chúa Giê-xu đã nói gì về sự vô tín của họ?
Chúa Giê-xu quở trách các môn đồ về sự vô tín của họ.
Mark 16:17
Chúa Giê-xu nói những người tin sẽ được các dấu lạ nào?
Chúa Giê-xu nói những người tin sẽ đuổi quỷ, nói những ngôn ngữ mới, không bị hại bởi bất kì thứ gây chết người nào và chữa lành cho người khác.

Chapter 1
Luke 1:1
Thông tin Tổng quát:
Lu-ca giải thích lý do ông viết cho Thê-ô-phi-lơ.
Những sự việc
“những lời thuật lại" hay "những câu chuyện có thật"
chúng ta
Từ "chúng ta" trong phân đoạn nầy có thể có hoặc không bao gồm Thê-ô-phi-lơ.
Đã từng thuật những việc ấy cho chúng ta
Đại từ “chúng ta” trong cụm từ này không bao gồm Thê-ô-phi-lơ.
Những người chứng kiến
"những người quan sát” hoặc “những người theo dõi”
đã trở nên những đầy tớ của đạo Chúa
Tham khảo cách dịch: "đã phục vụ Đức Chúa Trời qua việc rao truyền sứ điệp của Ngài cho dân sự" hay "đã truyền dạy cho dân sự Tin Lành về Chúa Giê-xu”
Cẩn thận tra xét
"nghiên cứu cẩn thận" Lu-ca đã cẩn thận tìm hiểu chính xác những sự việc đã xảy ra. Chắc chắn ông nói với những người khác nhau, là những người đã chứng kiến để đảm bảo rằng điều ông viết xuống về những sự kiện này là chính xác.
Thê-ô-phi-lơ đáng kính
Lu-ca nói như vậy để tỏ lòng kính trọng đối với Thê-ô-phi-lơ. Cách nói nầy cũng có có thể nhằm ý rằngThê-ô-phi-lơ là một viên chức có quyền lực. Những cách dịch khác: “đáng tôn trọng” hoặc “cao quý”. Cũng có vài người thích đưa lời chào thăm nầy ra trước, “Gửi đến Thê-ô-phi-lơ...” hoặc “Kính gửi Thê-ô-phi-lơ...”
Khả kính
"đáng kính” hoặc “cao quý”
Thê-ô-phi-lơ
Tên gọi nầy có nghĩa là "bạn của Đức Chúa Trời". Nó có thể được dùng để mô tả về đặc điểm của người nầy hoặc có thể chính là tên thật của người đó. Hầu hết các bản dịch đều xem nó là một danh xưng (tên gọi).
General Information:
Luke explains why he writes to Theophilus.
matters
"reports" or "true stories"
among us
The word "us" in this phrase may or may not exclude Theophilus.
Luke 1:5
Câu Liên kết:
Thiên sứ nói tiên tri rằng Giăng sẽ được sinh ra.
Thông tin Tổng quát:
Trước giả giới thiệu Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét vào trong câu chuyện. Các câu này là những câu thông tin cơ bản về họ.
Trong đời Hê-rốt, vua nước Giu-đê
"Trong suốt thời kỳ vua Hê-rốt cai trị cả xứ Giu-đê"
Có một
"có một người đặc biệt" hoặc “có một người”. Đây là một

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cách giới thiệu nhân vật mới vào trong câu chuyện. Tham khảo cách dịch cụm từ này bằng ngôn ngữ của dịch giả.

ban

Từ này được dùng để nói đến các thầy tế lễ. Tham khảo: “ban thầy tế lễ” hoặc “nhóm thầy tế lễ.”

A-bi-gia

"là hậu duệ của A-bi-gia”. A-bi-gia là tổ tiên của nhóm thầy tế lễ này và tất cả họ đều là con cháu của A-rôn, là thầy tế lễ đầu tiên của dân Y-sơ-ra-ên.

Vợ ông thuộc dòng dõi A-rôn

"Vợ ông là con cháu dòng dõi A-rôn.” Cụm từ này có nghĩa bà đến từ cùng một dòng dõi các thầy tế lễ như Xa-cha-ri. Tham khảo: “Vợ ông cũng thuộc dòng dõi A-rôn” hoặc “Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét, vợ ông, đều thuộc dòng dõi A-rôn.”

Thuộc dòng dõi A-rôn

"là con cháu A-rôn"

trước Đức Chúa Trời

"trước mặt Đức Chúa Trời" hay "theo sự đánh giá của Đức Chúa Trời"

Bước đi thật trọn vẹn

"bước đi" là một ẩn dụ chỉ về cách con người sống và hành động. Tham khảo: “sống trọn vẹn” hoặc “hoàn toàn vâng phục trọn vẹn.”

mọi điều răn và lễ nghi của Chúa

Tham khảo cách dịch: "mọi điều Đức Chúa Trời đã ra lệnh và yêu cầu"

Nhưng

Từ chỉ sự tương phản nầy cho thấy những việc xảy ra sau đây sẽ trái với mong đợi. Người ta cho rằng nếu làm điều thiện thì Đức Chúa Trời sẽ cho họ có con cái. Ở đây, mặc dầu cặp vợ chồng nầy đã làm những điều phải lẽ nhưng họ vẫn chưa có đứa con nào.

Luke 1:8

Một ngày kia

Cụm từ này được dùng để biểu thị sự chuyển đổi trong câu chuyện từ thông tin bối cảnh đến những nhân vật trong đó.

Theo phiên thứ ban của mình

"khi đến lượt nhóm của ông” hoặc “khi đến lúc nhóm của ông phục vụ”

theo thông lệ và ông được chọn vào đền thờ của Chúa để dâng hương

Câu này cho chúng ta biết thông tin về các nhiệm vụ của thầy tế lễ.

Thông lệ

"phương pháp truyền thống” hoặc “cách thông thường”

bắt thăm trúng ông

Lá thăm ở đây là hòn đá đã được đánh dấu sẵn. Người ta sẽ ném hoặc lăn hòn đá đó trên nền đất để giúp họ quyết định về một việc nào đó. Các thầy tế lễ tin rằng Đức Chúa Trời sẽ qua lá thăm mà tỏ cho họ biết Ngài muốn họ chọn thầy tế lễ nào.

Để dâng hương

Các thầy tế lễ phải dâng hưa thơm cho Đức Chúa Trời vào mỗi buổi sáng và chiều trên một bàn thờ đặc biệt ở trong đền thờ.

Cả hội chúng

"rất nhiều người" hay "nhiều người"

bên ngoài

Tham khảo cách dịch: “bên ngoài đền thờ" hay "ở sân ngoài đền thờ". Cái sân là khoảng đất có tường rào bao quanh đền thờ.

Trong giờ

"trong giờ quy định." Không rõ đây là giờ buổi sáng hay giờ buổi chiều để dâng hương.

Luke 1:11

Câu Liên kết:

Khi Xa-cha-ri làm nhiệm vụ của ông trong đền thờ, một thiên sứ của Đức Chúa Trời đến ban cho ông một sứ điệp.

Bấy giờ

Từ này đánh dấu một sự bắt đầu của hành động trong câu chuyện.

hiện ra cùng người

"thình lình đến cùng ông" hay "thình lình có mặt tại đó với Xa-cha-ri".Điều này có nghĩa là thiên sứ thật sự hiện ra cùng Xa-cha-ri, không phải là mơ.

Xa-cha-ri bối rối và sợ hãi khi thấy thiên sứ

Hai cụm từ này có đồng một nghĩa, và nhấn mạnh cảm giác sợ hãi của Xa-cha-ri.

Khi thấy

"khi ông thấy thiên sứ." Nguồn gốc của sự sợ hãi chính là đặc điểm đáng sợ của thiên sứ. Xa-cha-ri đã không làm gì sai.

Sợ hãi

Sự sợ hãi được mô tả khi Xa-cha-ri bị bối rối hoặc mất kiểm soát bởi điều gì đó.

Đừng sợ

"Ngươi chớ sợ ta” hoặc “Ngươi không cần sợ ta đâu.”

lời cầu nguyện ngươi đã được nghe

"Đức Chúa Trời đã nghe điều ngươi cầu xin". Ý đưa ra sau đây là ngụ ý, dịch giả có thể thêm vào trong câu: “và sẽ nhận lời cầu xin đó”. Không những Đức Chúa Trời đã nghe những điều Xa-cha-ri cầu nguyện; mà Ngài sẽ cũng sẽ làm thành điều đó nữa.

Sinh cho ông một con trai

"sẽ mang thai một con trai cho ông” hoặc “sinh cho ông một con trai”

Luke 1:14

Vì

"Do" hay "Thêm vào đó”

Vui mừng, sung sướng

Hai từ này có đồng một nghĩa và có thể được gộp lại nếu ngôn ngữ của người dịch không có các từ tương tự. Tham khảo: “rất vui”.

Khi cậu bé ra đời

"vì sự ra đời của đứa bé"

Cậu sẽ được tôn trọng trước mặt Chúa

"Đứa bé sẽ là một người rất quan trọng cho Chúa” hoặc “Đức Chúa Trời sẽ xem người là rất quan trọng” (UDB)

Người sẽ được đầy dẫy Đức Thánh Linh

“Đức Thánh Linh sẽ trao quyền phép cho người” hay “Đức Thánh Linh sẽ dẫn dắt người”. Phải đảm bảo cách diễn đạt này nghe không tương tự như những việc mà tà linh có thể làm cho một người.

Từ khi còn trong lòng mẹ

Trước kia thì người ta được đầy dẫy Thánh Linh, nhưng chưa ai nghe đến việc một đứa trẻ chưa sanh được đầy dẫy Thánh Linh cả.

Luke 1:16

Nhiều con cái Y-sơ-ra-ên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu dùng cụm từ này mà nghe như Xa-cha-ri chẳng dính dáng gì đến thì có thể dịch thành "nhiều người trong các ngươi, con cháu Y-sơ-ra-ên” hoặc “nhiều người trong các ngươi, vốn là dân sự của Đức Chúa Trời, tức là dân Y-sơ-ra-ên”. Nếu có thay đổi như vậy thì phải chắc rằng cụm “Đức Chúa Trời của họ” cũng được đổi thành “Đức Chúa Trời của các ngươi.”

Trở về

"được trở về” hoặc “quay trở về"

Đi trước Chúa

Ông phải đi báo cho dân sự biết rằng Cứu Chúa sẽ đến cùng họ.

Trước mặt

Từ “trước mặt” ở đây là một thành ngữ nói đến việc ở trước mặt Chúa. Cụm từ nay đôi khi được lược bỏ trong bản dịch. Tham khảo: “trước”

trong tinh thần và quyền năng của Ê-li

"với cùng một tinh thần và quyền năng như Ê-li đã có”. Từ “tin thần” ở đây có thể chỉ về Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời hoặc là thái độ hay cách suy nghĩ của Ê-li. Phải đảm bảo từ “tinh thần” ở đây không nói tới ma quỷ hay tà linh.

Khiến lòng cha hướng về con cái

"thuyết phục cha quan tâm đến con cái họ lần nữa” hoặc “khiến cha phục hồi mối quan hệ với con mình”

Khiến lòng

“Khiến lòng” là một ẩn dụ nói đến việc thay đổi thái độ của một người đối với việc gì đó.

kẻ không vâng phục bước đi

"kẻ không vâng phục phải cư xử” hoặc “kẻ không vâng phục phải sống”

Kẻ ương ngạnh

"những người không vâng phục"

Chuẩn bị cho Chúa

Việc chuẩn bị không nói tình trạng họ sẵn sàng thế nào.Tài liệu này được hiểu là thêm vào.Cụm từ nầy có thể được dịch thành "sẵn lòng tin theo sứ điệp của Chúa" hay "sẵn lòng vâng phục Chúa".

Luke 1:18

Làm sao tôi biết việc nầy sẽ xảy ra?

Tham khảo cách dịch: “Làm sao tôi dám chắc những điều chúa phán sẽ xảy ra?” “Làm sao tôi biết chắc rằng những lời người nói sẽ xảy ra?” “biết” có nghĩa là biết bằng kinh nghiệm, có thể Xa-cha-ri đang xin cho một dấu hiệu. Phần này có thể được nói rõ là: Tham khảo: “Người có thể làm gì để chứng minh cho tôi rằng việc này sẽ xảy ra?”

Đã cao tuổi

"rất già"

Tôi là Gáp-ri-ên, Tôi chầu trước mặt Đức Chúa Trời

Câu này giống như lời quở trách trước mặt Xa-cha-ri. Sự hiện diện của Gáp-ri-ên đến trực tiếp từ Đức Chúa Trời phải đủ là bằng chứng cho Xa-cha-ri.

Tôi chầu

"tôi phục vụ"

tôi được sai đến để gặp ông và báo cho ông biết tin vui này

Câu này có thể được nói ở thể chủ động. Tham khảo: “Đức Chúa Trời đã sai tôi đến để báo cho ông.” =

này

Từ “này” ở đây báo cho chúng ta phải chú ý vào thông tin bất ngờ theo sau.

Bị câm và không nói được

Các từ này cùng có nghĩa, và được lặp lại để nhấn mạnh đến sự câm của ông. Tham khảo: “hoàn toàn không thể nói” hoặc “không thể nói được.”

Không tin lời tôi

"không tin lời tôi nói"

Vào thời điểm thích hợp

“vào đúng thời điểm” hay “vào giờ đã ấn định”

Luke 1:21

Trong lúc ấy

Tham khảo: “Trong thời gian đó” hoặc “Đang khi thiên sứ và Xa-cha-ri đang nói chuyện”

họ hiểu rằng ông đã thấy khải tượng trong đền thờ. Ông chỉ ra dấu cho họ mà không nói năng gì được.

Những điều này chắc chắn đã xảy ra vào cùng một lúc, và những lần ra dấu của Xa-cha-ri giúp người ta hiểu rằng ông đã nhìn thấy một khải tượng. Việc thay đổi thứ tự để hiểu điều đó có thể giúp ích cho độc giả của hiểu. Tham khảo: “Ông cứ ra dấu trước mặt họ và im lặng. Vậy họ nhận biết là ông đã thấy một khải tượng trong đền thờ.”

Sự hiện thấy

Phần mô tả trước đó ngụ ý rằng Gáp-ri-ên đã thật sự đến gặp Xa-cha-ri trong đền thờ. Dân chúng thì không biết việc đó, họ cho rằng Xa-cha-ri đã thấy một khải tượng.

Khi thời gian phục vụ đã hết

Cụm từ này đẩy câu chuyện về diễn biến tiếp theo khi Xa-cha-ri đã phục vụ xong.

Ông trở về nhà

Xa-cha-ri không sống ở Giê-ru-sa-lem là nơi có đền thờ. Ông đi về quê nhà của mình.

Luke 1:24

Sau những ngày ấy

Cụm từ “những ngày ấy” nói đến khoảng thời gian Xa-cha-ri đang phục vụ trong đền thờ. Có thể nói rõ hơn ở chỗ này. Tham khảo: “Sau khi Xa-cha-ri phục vụ ở đền thờ xong và trở về nhà.”

vợ người

"vợ Xa-cha-ri"

Bà ẩn mình

"không rời khỏi nhà” hoặc “ẩn mình trong nhà”

Đây là việc Chúa đã làm cho tôi

Câu nầy cho thấy sự thật là Chúa đã cho phép bà mang thai.

Đây là điều

Đây là một lời kêu lên tích cực. Bà rất vui với việc Chúa đã làm cho bà.

Đoái thương tôi

“đoái đến” là một thành ngữ có nghĩa là “đối xử” hoặc “đối đãi”. Tham khảo: “đoái đến tôi một cách nhân từ” hoặc “thương xót tôi”

Sự hổ nhục của tôi

Cụm từ này nói đến nỗi xấu hổ của bà vì bà không thể sanh con.

Luke 1:26

Thông tin Tổng quát:

Thiên sứ Gáp-ri-ên báo với Ma-ri rằng bà sẽ là mẹ của con trẻ, là Con Đức Chúa Trời.

Khi

Từ này biểu thị sự thay đổi trong câu chuyện sang một sự kiện mới.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Được sáu tháng

"khi Ê-li-sa-bét mang thai được sáu tháng." Có thể cần thiết phải nói điều này rõ ràng nếu như độc giả hiểu lầm là sáu tháng của một năm.

Đức Chúa Trời sai thiên sứ Gáp-ri-ên

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời truyền thiên sứ Gáp-ri-ên đi"

Thuộc dòng dõi Đa-vít

"Ngài thuộc đồng chi phái của Đa-vít" hoặc "Ngài là con cháu của Vua Đa-vít" (UDB)

hứa gả

"hứa hôn" hay "hứa cho cưới". Cha mẹ của Ma-ri đã hứa gả nàng cho Giô-sép.

Trinh nữ tên là Ma-ri

Câu này giới thiệu Ma-ri là nhân vật mới trong câu chuyện.

Thiên sứ hiện đến với cô

"Thiên sứ đến gặp Ma-ri"

Chúc mừng cô

Tham khảo cách dịch: "Hãy vui mừng" hoặc "Hãy vui lên. Đây là lời chào thông thường.

Hỡi người rất được ơn

"Hỡi cô là người rất được ơn" hay "Hỡi cô là người nhận được ân điển" hoặc "Hỡi cô là người đã nhận được sự nhân từ"

Chúa ở cùng cô

"cùng cô" là một thành ngữ có ngụ ý là hỗ trợ và chấp nhận. Tham khảo: "Chúa vui lòng ở cô."

Ma-ri rất bối rối trước lời thiên sứ nói và tự hỏi không biết lời chào ấy có nghĩa gì.

Ma-ri hiểu nghĩa của những lời nói riêng cho bà, nhưng bà không hiểu tại sao thiên sứ nói lời chào tuyệt vời này với bà.

Luke 1:30

Cô Ma-ri, xin đừng sợ

Thiên sứ không muốn Ma-ri sợ hãi khi thấy sự xuất hiện của mình, vì Đức Chúa Trời đã sai thiên sứ đến để truyền sứ điệp tích cực.

Cô đã được ơn trước mặt Đức Chúa Trời

Thành ngữ "được ơn" có nghĩa là tích cực được ai đó tiếp nhận. Câu này có thể được thay thế để cho thấy Đức Chúa Trời là nhân vật chính. Tham khảo: "Đức Chúa Trời đã quyết định ban ân sủng Ngài cho cô" hoặc "Đức Chúa Trời bày tỏ sự nhân từ Ngài đối với cô."

Cô sẽ mang thai và sinh một con trai, cô sẽ đặt tên cho con trai ấy là Giê-xu...Con của Đấng Chí cao.

Ma-ri sẽ sanh một "con trai", con trai này sẽ đợc gọi là "Con của Đấng Chí Cao" (UDB). Vậy Chúa Giê-xu là con trai của một người mẹ về phần xác, và Ngài cũng là Con Đức Chúa Trời. Các thuật ngữ này phải được dịch rất cẩn thận.

Được gọi

Có thể có nghĩa 1) "người ta sẽ gọi Ngài" hoặc 2) "Đức Chúa Trời sẽ gọi Ngài."

Con của Đấng Chí Cao

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời.

Ban cho Ngài ngôi Đa-vít, tổ phụ Ngài

Tham khảo cách dịch: "ban cho Ngài quyền cai trị ngôi vua giống như tổ phụ Ngài là Đa-vít đã làm ". Ngôi vua đại diện cho thẩm quyền cai trị của vua.

vương quốc của Ngài mãi mãi trường tồn

Cụm từ phủ định "không kết thúc" nhấn mạnh rằng vương quốc ấy sẽ kéo dài mãi mãi. Câu này có thể được nói bằng một cụm từ tích cực. Tham khảo: "Vương quốc Ngài sẽ không bao giờ chấm dứt."

Luke 1:34

Việc nầy xảy ra thế nào?

Tham khảo cách dịch: "Làm sao việc nầy có thể xảy ra". Mặc dù Ma-ri không hiểu làm sao việc nầy có thể xảy ra nhưng cô không hề nghi ngờ việc nó xảy ra hay không.

Tôi là một trinh nữ

Ma-ri dùng cách nói lịch sự này để nói rằng bà chưa có hành động tình dục nào cả. Tham khảo: "Tôi là một trinh nữ".

Đức Thánh Linh sẽ vận hành trên cô

Tiến trình Ma-ri mang thai sẽ bắt đầu bằng việc Đức Thánh Linh ngự trên bà.

Vận hành trên

"sẽ xảy đến bất thình lình" hoặc "sẽ xảy đến"

Năng quyền của Đấng Tối Cao

Quyền năng của Đức Chúa Trời sẽ hành động cách phi thường khiến Ma-ri mang thai dù bà vẫn còn là trinh nữ. Điều đó không bao phải do mang thai do tính dục tự nhiên-đó là một phép màu.

Che phủ trên cô

"Sẽ che phủ người như cái bóng"

Con thánh

Tham khảo cách dịch: "đứa con thánh" hay "đứa bé thánh"

Sẽ được gọi

Có thể có nghĩa 1) "người ta sẽ gọi Ngài" hoặc 2) "Đức Chúa Trời sẽ gọi Ngài."

Vì vậy, Con thánh sinh ra sẽ được gọi là Con Đức Chúa Trời

Dù mẹ Ma-ri của Chúa Giê-xu là con người, nhưng Đức Chúa Trời đã đặt con trẻ Giê-xu trong tử cung bà một cách siêu nhiên. Vậy, Đức Chúa Trời là Cha Ngài, và Chúa Giê-xu được gọi là "Con Đức Chúa Trời."

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu.

Luke 1:36

Và thấy

Cách diễn đạt này nhấn mạnh tầm quan trọng của lời mà Ê-li-sa-bét nói sau đó.

Ê-li-sa-bét, người bà con của cô,

Nếu dịch giả cần nói đến một mối quan hệ đặc biệt, thì chắc chắn Ê-li-sa-bét là dì hoặc dì lớn của bà Ma-ri.

Cũng đã mang thai một trai trong lúc tuổi già

"cũng đã mang thai một trai, mặc dù bà ấy đã cao tuổi rồi" hay "mặc dù bà đã già nhưng cũng đã mang thai và sẽ sanh một trai". Phải đảm bảo dịch câu này sao cho người đọc không hiểu thành cả Ma-ri và Ê-li-sa-bét đều mang thai lúc tuổi già.

Thai nhi đã được sáu tháng

"mang thai được sáu tháng"

Vì

"Bởi vì" hoặc "Do"

không có việc gì Đức Chúa Trời chẳng làm được

Câu phủ định đôi này có thể được nói bằng các từ tích cực. Tham khảo: "Việc này cho thấy rằng Đức Chúa Trời có thể làm được bất cứ việc gì." Sự mang thai của E-li-sa-bét là

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bằng chứng cho thấy rằng Đức Chúa Trời có thể làm được mọi thứ - ngay cả làm cho Ma-ri mang thai mà không phải bởi tình dục với người nam nao cả.

thăm

Ma-ri sử dụng cùng một cách diễn đạt như thiên sứ để nhấn mạnh là bà nghiêm trọng trong quyết định thuận phục Chúa.

Tôi đây là tôi tớ Chúa

"Tôi đây là đầy tớ của Chúa". Hãy chọn cách nói nào bày tỏ được thái độ khiêm nhường và vâng phục của Ma-ri trước Chúa. Cô không hề khoe khoang về việc mình là tôi tớ của Đức Giê-hô-va.

Xin việc ấy xảy ra cho tôi

Ma-ri đang bày tỏ sự sẵn lòng về những việc sẽ xảy đến mà thiên sứ đã phán bảo cũng mình.

Luke 1:39

Câu Liên kết:

Ma-ri thăm người bà con mình là Ê-li-sa-bét, là người sẽ sanh ra Giăng.

Lên đường

Thành ngữ này có nghĩa là bà hông những đứng lên, nhưng cũng “sẵn sàng”. Tham khảo: “bắt đầu” hoặc “sẵn sàng.”

miền núi

"vùng đồi núi" hoặc "vùng đồi núi của Y-sơ-ra-ên"

Vào nhà

Từ này ngụ ý rằng Ma-ri đã hoàn tất chuyến đi trước khi đến nhà Xa-cha-ri. Câu này có thể được nói rõ. Tham khảo: “Khi đã đến nơi, nàng vào"

khi

Cụm từ này được dùng để biểu thị một sự kiện mới trong câu chuyện.

Trong bụng bà

"trong bụng Ê-li-sa-bét"

nhảy nhót

"bất chợt cử động"

Luke 1:42

Bà nói lớn tiếng rằng

Hai cụm từ này cùng có một nghĩa, và được dùng để nhấn mạnh đến cảm giác hào hứng của Ê-li-sa-bét. Các cụm từ này có thể được gộp lại thành một. Tham khảo: “lớn tiếng kêu lên.” (UDB)

Nói lớn tiếng

Thành ngữ này có nghĩa là “cất tiếng nói lớn”

Cô thật là người có phước trong số chị em phụ nữ

Thành ngữ “trong số chị em phụ nữ” có nghĩa là “hơn bất kì phụ nữ nào khác.”

Bông trái của tử cung con

Tham khảo cách dịch: "con trẻ trong lòng con" hoặc "con trẻ mà con sinh ra” Con trẻ của Ma-ri được so sánh với trái do cây sanh ra. Tham khảo: “con trẻ trong bụng ngươi” hoặc “con trẻ mà ngươi sẽ sanh” (UDB)

Do đâu mà mẹ Chúa lại đến thăm ta?

Tham khảo cách dịch: "Thật tuyệt vời làm sao khi mẹ Chúa đến thăm ta!". Ở đây, không phải Ê-li-sa-bét đang tra hỏi điều gì mà đúng hơn là bà đang tỏ ra niềm kinh ngạc lẫn hạnh phúc của mình khi mẹ Chúa đến thăm bà.

mẹ Chúa

Tham khảo cách dịch: "con là mẹ của Chúa ta". Cụm từ nầy đề cập đến Ma-ri.

Vừa nghe

Cụm từ này báo chúng ta phải chú ý đến lời ngạc nhiên của Ê-li-sa-bét theo sau.

Tai tôi vừa nghe

Thành ngữ này có nghĩa “Tôi đã nghe.”

Nhảy lên vì vui mừng

"bỗng dung chuyển động vui mừng" hoặc “xoay mình vì đứa bé quá vui!”

Phước cho người đã tin

Tham khảo cách dịch: "Con được phước thay, hỡi người đã tin” hoặc “Vì con đã tin nên con sẽ được vui mừng”

những gì Chúa phán với cô đều sẽ được ứng nghiệm

"những điều này sẽ thật sự xảy ra” hoặc “những điều này sẽ xảy đến”

Những điều Chúa đã phán với con

Tham khảo cách dịch: "sứ điệp mà Chúa đã ban cho con” hoặc “những điều Chúa đã phán với con”

[[rc://vi/bible/questions/comprehension/luk/01]]

Luke 1 Translation Questions]]

Luke 1:46

Thông tin Tổng quát:

Ma-ri bắt đầu hát ngợi khen Chúa là Cứu Chúa của bà.

Linh hồn tôi ... tâm linh tôi

Ma-ri dùng thơ ca để nói lên cùng một điều theo hai cách hơi khác nhau. Nếu có thể, hãy dịch hai cách này bằng hai từ hoặc cụm từ hơi khác nhau có cùng ý nghĩa tương tự.

Linh hồn tôi...tâm linh tôi

Cả “linh hồn” và “tâm linh” đều nói đến phần linh của con người. Ma-ri nói rằng sự thờ phượng của bà xuất phát từ tận sâu trong lòng. Tham khảo: “Thể chất bên trong tôi… lòng tôi” hoặc “Tôi…Tôi"

Vui mừng về

“cảm thấy rất vui về” hoặc “rất sung sướng về”

Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa tôi

“Đức Chúa Trời, là Đấng giải cứu tôi” hoặc “Đức Chúa Trời Đấng cứu tôi”

Luke 1:48

Vì Ngài

"Bởi vì Ngài"

Để ý

"lưu tâm để ý” hoặc “quan tâm đến”

Hèn mọn

"nghèo”. Gia đình của bà Ma-ri không giàu có.

Xem

Cụm từ này khơi gợi sự chú ý đến lời nói tiếp sau.

từ nay về sau

“bây giờ và trong tương lai”

Mọi thế hệ

"những người trong mọi thế hệ"

Đấng Toàn Năng

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời, là Đấng Quyền Năng"

Danh Ngài

Ở đây "danh" chỉ về chính Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "Ngài"

Luke 1:50

Ngài thương xót

"Sự thương xót của Đức Chúa Trời"

từ đời nầy sang đời kia

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"từ thế hệ này qua thế hệ kia" hoặc "qua mọi thế hệ" hoặc "tới những người ở mỗi thời kỳ"

Tay Ngài đã làm những việc đầy quyền năng

"Tay Ngài" là một hoán dụ nói đến quyền năng của Chúa. Tham khảo: "tỏ ra rằng Ngài thật quyền năng."

Làm tản lạc

"xua đuổi hoặc "khiến chúng bỏ chạy toán lạn"

Tư tưởng của lòng họ

"lòng" là một thành ngữ nói đến tư tưởng bên trong của con người. Tham khảo: "các tư tưởng bên trong con người."

Luke 1:52

Ngài truất bỏ những kẻ thống trị khỏi ngôi mình

Tham khảo cách dịch: "Ngài tước bỏ quyền cai trị của các vua" hoặc "Ngài truất bỏ ngôi các kẻ thống trị". Ngôi là cái ghế cho vua ngồi, là biểu tượng cho thẩm quyền của vua. Nếu vị vua bị truất khỏi ngôi mình đồng nghĩa với việc ông ta không còn thẩm quyền trị vị như một vị vua nữa.

hạ các bậc vua chúa xuống... nâng những kẻ thấp hèn lên

Sự tương phản giữa hai hành động trái ngược nên được dịch rõ hơn nếu có thể.

Phận hèn mọn

Tham khảo cách dịch từ này ở LUK01:48

Nâng những kẻ thấp hèn lên

Trong khung cảnh của từ này, những người quan trọng thường cao hơn những người kém quan trọng. Tham khảo: "Ngài khiến những kẻ quan trọng phải hạ mình" hoặc "tôn trọng những người không được tôn trọn."

Ngài ban vật tốt cho người đói...đuổi kẻ giàu về tay không

Sự tương phản giữa hai hành động trái ngược nên được dịch rõ hơn nếu có thể.

Ban vật tốt cho người đó

Có thể có nghĩa 1) "ban thức ăn ngon cho người đói" hoặc 2) "ban vật tốt cho người thiếu thốn."

Luke 1:54

Thông tin Tổng quát:

Bản UDB sắp xếp lại các câu này thành một câu bắc cầu để giữ thông tin về Y-sơ-ra-ên.

Ngài đã giúp đỡ

Tham khảo cách dịch: "Chúa đã giúp đỡ"

Y-sơ-ra-ên, tôi tớ Ngài

Nếu người đọc hiểu nhầm ý ở đây thành một người đàn ông tên là Y-sơ-ra-ên thì có thể dịch thành: "nước Y-sơ-ra-ên, tôi tớ Ngài" hoặc "dân Y-sơ-ra-ên, những tôi tớ Ngài"

Để

"để"

Nhớ

Đức Chúa Trời không thể quên. Khi Chúa "nhớ", thì đây là thành ngữ có nghĩa là Ngài thực hiện lời hứa trước đó của Ngài..

như Ngài đã hứa cùng tổ phụ chúng ta

"Như Ngài đã hứa cùng tổ phụ chúng ta rằng Ngài sẽ làm." Cụm từ này cung cấp cho thông tin ngữ cảnh về lời hứa của Đức Chúa Trời đối với Áp-ra-ham. Tham khảo: "vì Ngài đã hứa với tổ phụ chúng ta rằng Ngài sẽ thương xót."

con cháu người

"con cháu Áp-ra-ham"

Luke 1:56

Câu Liên kết:

Ê-li-sa-bét sanh ra một con trẻ và Xa-cha-ri đặt tên con trẻ ấy.

trở về nhà mình

"Ma-ri trở về nhà của nàng (của Ma-ri)" hoặc "Ma-ri trở về nhà mình"

Bấy giờ

Từ này đánh dấu phần mở đầu của sự kiện tiếp theo trong câu chuyện.

Hàng xóm láng giềng và bà con thân thuộc

Tham khảo cách dịch: "hàng xóm láng giềng và bà con của Ê-li-sa-bét"

đã thương xót bà nên cùng chung vui với bà

"thương xót bà" (UDB)

Luke 1:59

Tám ngày sau đó

"bấy giờ khi đứa trẻ được tám ngày tuổi" hoặc tham khảo: "bấy giờ, vào ngày thứ tám sau khi đứa trẻ được sinh ra

họ

Từ này chắc chắn nói đến Xa-cha-ri và bạn bè và người thân của Ê-li-sa-bét.

Cắt bì cho đứa trẻ

Đây là một nghi thức khi người ta cắt bì đứa trẻ và có mặt bạn bè ở tại đó với gia đình. Tham khảo: "vì lễ cắt bì đứa trẻ."

Họ muốn đặt tên cho đứa bé là

"Họ định đặt tên đứa bé" hoặc "họ muốn đặt tên cho đứa bé." Đây là một phong tục bình thường

theo tên của cha nó

"tên của cha nó"

Theo tên nầy

"theo tên ấy" hoặc "theo cùng tên ấy"

Luke 1:62

Họ

Từ này nói đến những người có mặt ở nghi lễ cắt bì.

Ra dấu

"ra hiệu." Xa-cha-ri không thể nghe và nói, hoặc người ta cho rằng ông không thể nghe.

với cha nó

"với cha đứa trẻ"

ông muốn đặt tên gì cho con

"tên mà Xa-cha-ri muốn đặt cho đứa bé"

Ông yêu cầu đem đến một tấm bảng và viết

Có thể sẽ hữu ích nếu viết là Xa-cha-ri "yêu cầu" vì ông không thể nói. Tham khảo: "Cha đứa trẻ dùng tay để ra dấu cho mọi người biết là ông muốn họ đem đến một cái bảng để viết."

Tấm bảng viết

"thứ gì đó để viết lên"

Rất đỗi ngạc nhiên

"lấy làm lạ"

Luke 1:64

miệng người được mở ra ... lưỡi được thong thả

Hai cụm từ này là những từ tượng hình cùng nhấn mạnh rằng Xa-cha-ri đã bất ngờ có thể nói.

Miệng ông mở ra, lưỡi thong thả

Các cụm từ này cũng có thể được nói ở thể chủ động. Tham khảo: "Đức Chúa Trời mở miệng ông và làm cho lưỡi ông được thong thả."

Sự sợ hãi bao trùm hết thảy những người sống quanh họ

"Hết thảy những người sống xung quanh Xa-cha-ri và Ê-li-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sa-bét đều kinh hãi" hoặc “"Hết thảy những người sống gần họ đều kinh sợ Đức Chúa Trời". Họ nhận biết Đức Chúa Trời có quyền năng.

Hết thảy những người

"Hết thảy những người” ở đây không phải chỉ bao gồm những người hàng xóm sống gần bên cạnh mà còn có tất cả những người sống trong khu vực đó nữa.

người ta bàn tán về mọi sự ấy

Tham khảo cách dịch: “người ta bàn nhau về những việc đã xảy ra nầy”

Ai nghe đến

Cụm từ này nói đến một nhóm đông người sống ở khắp xứ Giu-đê.

Giải cứu

“ban"

Sau này, đứa trẻ nầy sẽ ra sao?

Tham khảo cách dịch: "Sau này, đứa trẻ lớn lên sẽ trở thành người vĩ đại nào?” hoặc “Đứa trẻ nầy sẽ trở thành một người vĩ địa lắm đây!”. Câu hỏi nầy cho thấy sự kinh ngạc của dân chúng tại đó. Theo những điều đã nghe nói về đứa trẻ nầy, người ta nhận biết rằng sau nầy lớn lên nó sẽ là một người quan trọng.

Tay Chúa ở cùng đứa trẻ ấy

"Quyền phép của Chúa ở cùng người" hay "Chúa làm việc trong người cách quyền năng". Cụm từ "tay Chúa" nói đến quyền phép của Chúa.

Luke 1:67

Câu Liên kết:

Xa-cha-ri thuật lại điều sẽ xảy ra với con trai ông là Giăng.

Cha cậu là Xa-cha-ri được đầy dẫy Đức Thánh Linh

Câu này có thể được nói ở thể chủ động. Tham khảo: “Đức Thánh Linh đầy dẫy trên Xa-cha-ri, cha đứa bé.”

Cha đứa bé

Cha của Giăng

Nói tiên tri, nói

Xem xét những cách tự nhiên trong việc giới thiệu những lời tường thuật trực tiếp trong ngôn ngữ đích. Tham khảo: “nói tiên tri và nói rằng” hoặc “nói tiên tri, và đây là lời ông nói”

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời là Đấng cai trị cả Y-sơ-ra-ên" hoặc “Đức Chúa Trời là Đấng mà dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng". Từ Y-sơ-ra-ên ở đây chỉ về quốc gia Y-sơ-ra-ên. Xa-cha-ri cũng như dân sự mà ông đang nói tới đều thuộc về nước Y-sơ-ra-ên.

dân Ngài

"dân sự của Đức Chúa Trời"

Mở ra con đường giải cứu cho dân Ngài

"hoàn tất sự cứu rỗi cho dân Ngài” hoặc “trả giá để giả thoát dân Ngài”

Luke 1:69

Một sừng giải cứu cho chúng ta

Cái sừng của con thú là một biểu tượng về sức mạnh tự vệ của con thú đó. Câu này có thể được ghi rõ nghĩa. Tham khảo: “một người có quyền năng giải cứu chúng ta.”

trong nhà của...từ dòng dõi của

Hai cụm từ này cùng nói đến một điều, và nhấn mạnh Đấng sẽ giải cứu họ là con cháu của Vua Đa-vít.

Trong nhà của

"bên trong gia đình của"

Từ giữa dòng dõi

"một trong những con cháu"

Như Ngài đã nói

"như Chúa đã nói"

Phán qua các đấng tiên tri thánh của Ngài

Tham khảo cách dịch: "khiến các tiên tri thánh của Ngài nói"

Bởi miệng

Thành ngữ này có nghĩa là “bởi” hoặc “qua tiếng của”

Từ xưa

"sống từ xưa"

Đem sự giải cứu

Từ này nói đến sự giải cứu thuộc thể, hơn là sự giải cứu thuộc linh.

kẻ thù...những kẻ căm ghét chúng ta

Về cơ bản thì nghĩa của hai từ này giống nhau và tác giả lặp lại để nhấn mạnh ý.

Khỏi tay của

Có thể hữu ích nếu nói lại cho rõ từ “sự giải cứu” ở đây. Tham khảo: “sự giải cứu khỏi tay của.”

tay

"quyền lực" hay "quyền kiểm soát". Chữ "tay" ở đây gắn liền với quyền lực hay quyền kiểm soát mà người ta dùng để làm tổn hại đến dân sự của Đức Chúa Trời.

Luke 1:72

to show mercy to tỏ lòng thương xót

"to be merciful to" or "to act according to his mercy toward"

nhớ

Ở đây, từ "nhớ" nói về việc giữ sự cam kết hoặc làm thành một việc gì đó.

giao ước thánh của Ngài... lời Ngài đã thề

Hai cụm này đều nói đến đồng một điều. Các cụm này được lặp lại để cho thấy tính nghiêm túc của lời hứa giữa Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham.

Cho chúng ta

"khiến cho chúng ta"

đặng chúng ta, đã được giải cứu...sẽ phục vụ Ngài mà không sợ hãi

Sẽ có thể hữu ích nếu thay đổi thứ tự của các cụm này. Tham khảo: “đặng chúng ta sẽ phục vụ Ngài mà không sợ hãi gì sau khi đã được cứu khỏi quyền lực của kẻ thù nghịch chúng ta.”

khỏi tay kẻ thù nghịch

Từ "tay" nói đến quyền kiểm soát hay quyền lực của một người gây tổn hại đến người khác. Tham khảo cách dịch: "khỏi quyền kiểm soát của kẻ thù” hay "khỏi bị bức hại và bị nô lệ bởi kẻ thù của chúng tôi".

không sợ hãi

Tham khảo cách dịch: "không bị sợ kẻ thù chúng tôi"

Trong sự thánh khiết và công bình

Tham khảo cách dịch: "khi chúng ta sống cách thánh khiết và công bình" hoặc "sống đời sống thánh khiết và làm những việc phải lẽ."

trước mặt Ngài

"trong sự hiện diện của Ngài" hoặc "theo ý muốn Ngài"

Luke 1:76

Còn con, hỡi con ta

Xa-cha-ri dùng cụm từ này để bắt đầu nói trực tiếp tới con trai của ông. Trong ngôn ngữ đích có thể có một cách tương

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tự để định hướng lời được nói.

hỡi con ta, con sẽ được gọi là đấng tiên tri

Người ta sẽ nhận ra rằng đứa bé là một tiên tri. Câu này có thể được nói ở dạng chủ động. Tham khảo: “người ta sẽ biết rằng con là một tiên tri.”

Của Đấng Chí Cao

Tham khảo cách dịch: "người phục vụ Đấng Chí Cao" hoặc "người phát ngôn của Đức Chúa Trời Chí Cao"

Đi trước Chúa

Thành ngữ này có nghĩa là “đi trước Chúa” hoặc “đến trước Chúa”.

giúp dân của Ngài nhận biết phương cách để được cứu rỗi

“giải thích sự cứu rỗi cho dân Ngài” hoặc “dân Ngài có thể nhận biết sự cứu rỗi”

Bởi sự tha tội

"qua sự tha tội." Câu này có thể được nói ở thể chủ động. Tham khảo: “Vì Đức Chúa Trời đã tha thứ họ”

Luke 1:78

Thông tin Tổng quát:

Qua các câu này, “chúng ta” bao gồm tất cả mọi người.

Bởi lòng thương xót của Ngài

Có thể hữu ích nếu nói rằng sự thương xót của Chúa giúp chúng ta. Tham khảo: “Vì Đức Chúa Trời thương xót và nhân từ với chúng ta.”

ánh mặt trời buổi sáng, sẽ từ trời xuống

Ánh sáng thường là một từ ẩn dụ để nói về lẽ thật. Ở đây, cách mà mặt trời chiếu ánh sáng trên thế gian được dùng làm ví dụ chỉ về cách Chúa Cứu Thế sẽ ban lẽ thật thuộc linh cho dân sự.

Soi sáng

"ban sự hiểu biết” hoặc “ban sự sáng thuộc linh cho”

những ai đang ngồi trong nơi tối tăm

Sự tối tăm là một phép ẩn dụ để nói về những người không có lẽ thật. Tham khảo: “những người không biết lẽ thật.”

Tối tăm…bóng của sự chết

Hai cụm từ này kết hợp với nhau để nhấn mạnh đến sự tối tăm trong tâm linh của con người trước khi Chúa thương xót họ.

Trong bóng của sự chết

Bóng là từ ẩn dụ chỉ về một việc gì đó đang đến. Ở đây, từ này nói đến sự tối tăm tâm linh là thứ sẽ khiến họ chết. Tham khảo: “những người sắp chết.”

Đưa dẫn chúng ta

Dẫn dắt con người bước đi là một phép ẩn dụ nói đến việc hướng dẫn sự hiểu biết thuộc linh của họ. Tham khảo: “hướng dẫn chúng ta” hoặc “dạy chúng ta.”

chân chúng tôi

Tham khảo cách dịch: "chúng tôi"

Vào lối bình an

“lối bình an” là một phép ẩn dụ dùng để nói về con đường sự sống mà người đi trên đó sẽ có sự bình an với Chúa. Tham khảo: “để sống một cuộc đời bình an” hoặc “bước theo đường dẫn đến sự bình an.”

Luke 1:80

Thông tin Tổng quát:

Câu này nói vắn tắt về những năm Giăng lớn lên.

Rồi

Từ này được dùng để biểu thị phần ngắt ở cốt truyện chính. Lu-ca nhanh chóng chuyển từ phần Giăng được sinh ra đến sự khởi đầu chức vụ của ông khi trưởng thành.

Tâm linh mạnh mẽ

“trở nên trưởng thành về tâm linh” hoặc “mạnh mẽ trong mối quan hệ của mình với Đức Chúa Trời”

Trong hoang mạc

"sống trong hoang mạc." Lu-ca không nói rằng Giăng bắt đầu sống trong hoang mạc từ năm mấy tuổi.

cho đến khi

“kể cả khi”. Không nhất thiết đây phải là một điểm dừng. Vì kể cả khi Giăng đã bắt đầu công khai giảng dạy thì ông vẫn tiếp tục sống trong đồng vắng.

Đến khi công khai xuất hiện

"khi ông bắt đầu công khai giảng cho"

ngày

Từ này được dùng theo nghĩa chung của “thời điểm” hoặc “dịp”.

Translation Questions

Luke 1:1

Ai là những "người chứng kiến" mà Lu-ca nhắc đến?

Người "chứng kiến" là những người đã ở với Chúa Giê-xu từ lúc Ngài bắt đầu chức vụ.

Luke 1:8

Xa-cha-ri đang làm công việc gì trong đền thờ tại thành Giê-ru-sa-lem?

Xa-cha-ri phục vụ trong vai trò thầy tế lễ.

Luke 1:11

Ai hiện ra cùng Xa-cha-ri khi ông ở trong đền thờ?

Một thiên sứ của Chúa hiện ra cùng Xa-cha-ri trong đền thờ.

Luke 1:16

Thiên sứ nói Giăng sẽ làm gì cho con cái Y-sơ-ra-ên?

Thiên sứ nói Giăng sẽ làm cho con cái Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Chúa, là Đức Chúa Trời của họ.

Luke 1:21

Thiên sứ nói điều gì sẽ xảy ra cho Xa-cha-ri vì ông không tin lời nói của thiên sứ?

Xa-cha-ri sẽ không có khả năng nói cho tới chừng con trẻ ra đời.

Luke 1:42

Ê-li-sa-bết nói ai được phước?

Ê-li-sa-bết nói rằng Ma-ri cùng con trẻ của nàng sẽ được phước.

Luke 1:54

Khi ấy Ma-ri nói rằng những việc làm đầy năng quyền của Đức Chúa Trời sẽ ứng nghiệm mọi lời hứa mà Đức Chúa Trời đã lập nên?

Chúng sẽ làm ứng nghiệm mọi lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham cùng dòng dõi của ông, họ sẽ được thương xót và được giúp đỡ cho.

Luke 1:59

Vào ngày làm phép cắt bì, họ đặt tên con trai của Ê-li-sa-bết thường là tên gì?

Xa-cha-ri.

Luke 1:64

Xa-cha-ri viết ra điều gì khi người ta hỏi phải đặt tên cho con trẻ, và điều gì đã xảy ra cho Xa-cha-ri?

Xa-cha-ri viết "tên nó là Giăng", và khi ấy Xa-cha-ri khởi sự nói được.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Luke 1:80

Giăng lớn lên và sống ở đâu cho tới chừng ông bắt đầu xuất hiện công khai?

Giăng lớn lên và sống trong các khu vực sa mạc.

Chapter 2

Luke 2:1

Thông tin Tổng quát:

Từ này cho thấy bối cảnh tại sao Ma-ri và Giô-sép phải dời đi để sinh Chúa Giê-xu.

Vào

Từ này biểu thị sự khởi đầu của phần mới trong câu chuyện.

Chuyện xảy ra như vầy

Cụm từ nầy được sử dụng để cho thấy đây là phần mở đầu của một câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để mở đầu một câu chuyền thì bạn có thể dùng cách đó. Một số bản dịch thì không có cụm từ nầy.

Sê-sa Au-gút-tơ

"Vua Au-gút-tơ" hay "Hoàng đế Au-gút-tơ". Au-gút-tơ là vị hoàng đế đầu tiên của Đế quốc La-mã.

ra chiếu chỉ

Chiếu chỉ là một yêu cầu lạc hay mạng lệnh. Cụm từ nầy có thể được dịch là "ra sắc lệnh" hoặc “yêu cầu” hoặc “ra lệnh”

phải mở cuộc điều tra dân số hết thảy những người sống dưới quyền thống trị của La-mã

Cụm từ nầy có thể được dịch thành "rằng hết thảy những người sống dưới quyền thống trị của La-mã phải đi đăng ký” hoặc “phải tính hết thảy những người sống dưới quyền thống trị của La-mã rồi ghi tên họ vào sổ sách.”

Thế giới của người La-mã

Cụm từ nầy có thể được dịch thành "một bộ phận thế giới nằm dưới sự kiểm soát của chính quyền La-mã” hoặc “những quốc gia dưới sự cai trị của hoàng đế La-mã” hoặc “đế quốc La-mã”

Qui-ri-ni-u

Qui-ri-ni-u được chỉ định làm thống đốc của xứ Sy-ri.

Mọi người đều phải trở về

“mọi người bắt đầu đi” hoặc “mọi người đi”

Quê quán mình

Có thể hữu ích khi nói rằng “mình” không chỉ về quê quán mà ông sống. Tham khảo: “quê quán của tổ tiên mình.”

Để khai tên vào sổ điều tra dân số

"để khai tên vào sổ đăng ký” hoặc “để được tính là chính thức”

Luke 2:4

Thông tin Tổng quát:

Bản UDB tái sắp xếp hai câu này thành một câu liên kết để dễ dàng rút ngắn các câu hơn.

Giô-sép cũng

Cụm từ này giới thiệu Giô-sép là nhân vật mới trong câu chuyện.

thành Na-xa-rét, xứ Ga-li-lê

“thành Na-xa-rét trong xứ Ga-li-lê”

cũng được gọi là thành Đa-vít

Đây là thông tin ngữ cảnh về tầm quan trọng của Bết-lê-hem. Dù đây là một thành phố nhỏ, nhưng Vua Đa-vít đã được sanh ra tại đây, và cũng có lời tiên tri rằng Đấng Mê-si-a sẽ được sanh tại đây. Tham khảo: “thành Vua Đa-vít.”

Vì Giô-sép thuộc dòng dõi

"vì Giô-sép là con cháu"

Để đăng ký

Từ này có nghĩa là báo với chính quyền địa phương để họ tính vào số dân. Hãy sử dụng một thuật ngữ dành cho việc tính số dân của chính quyền nếu có thể.

và tên Ma-ri

Ma-ri đã đi với Giô-sép từ thành Na-xa-rét. Giống như mọi phụ nữ cũng phải nộp thuế, Ma-ri cũng phải đi đăng ký.

là người đã hứa gã cho mình

Cụm từ nầy có thể được dịch là "vợ chưa cưới của người" hay "người đã được hứa gã cho ông". Một cặp đã đính hôn được xem là kết hôn hợp pháp, nhưng chưa có quan hệ mật thiết giữa họ.

Luke 2:6

Câu Liên kết:

Phần này nói về sự giáng sinh của Chúa Giê-xu và lời rao báo của các thiên sứ dành cho những mục đồng.

Thông tin Tổng quát:

Bản UDB tái sắp xếp các câu này thành một câu liên kết nhành giữ chi tiết về nơi chốn của họ.

Trong khi đó

Cụm từ này biểu thị phần khởi đầu của sự kiện mới trong câu chuyện.

Đang khi hai người ở nơi đó

"đang khi Ma-ri và Giô-sép ở tại thành Bết-lê-hem"

Thì Ma-ri chuyển dạ

"đã đến lúc nàng sanh con trẻ"

lấy khăn bọc con mình

Cụm từ nầy có thể được dịch là “lấy chăn bọc con mình lại hay "quấn chăn quanh Ngài". Hành động nầy là cách bày tỏ tình cảm và mối quan tâm dành coh con trẻ mới sanh.

Một máng cỏ

Đây là kiểu thùng hoặc khung nào đó, mà người ta đựng cỏ khô hoặc những thức ăn khác dùng cho động vật. Máng nầy thì sạch sẽ, có thể lót cỏ khô mềm và khô ở trong để làm đệm cho con trẻ. Người ta thường nhốt gia súc gần nhà để canh chừng và cho chúng ăn dễ dàng. Hình như Ma-ri và Giô-sép ở trong một cái chuồng dành cho gia súc.

không kiếm được chỗ trong phòng trọ

“họ không kiếm được chỗ trong phòng trọ.” Đây chắc chắn là vì có quá nhiều người đến Bết-lê-hem để đăng ký. Lu-ca thêm vào câu này để làm thông tin bối cảnh.

Luke 2:8

Một thiên sứ của Chúa

“một thiên sứ do Chúa sai đến” hoặc “một thiên sứ phục vụ Chúa”

Hiện ra với họ

"đến với các mục tử"

sự vinh hiển của Chúa

Cụm từ nầy chỉ về ánh sáng chói lòi vây quanh Chúa cũng vây quanh thiên sứ.

Luke 2:10

Đừng sợ chi

"Đừng sợ hãi nữa"

vì nầy, ta sắp sửa báo cho các ngươi một Tin lành

"vì ta đem tin tức tốt lành đến cho các ngươi" hay "ta sẽ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thuật cho các ngươi biết tin tức tốt lành"
sẽ đem đến sự vui mừng lớn cho muôn dân
Cụm từ nầy có thể được dịch là "tin lành ấy sẽ khiến muôn dân vui mừng khôn xiết."
muôn dân
Có người hiểu cụm từ nầy đề cập đến dân Do thái. Nhiều người khác lại hiểu cụm từ nầy đề cập đến mọi dân.
the city of David
Cụm từ nầy có thể được dịch là "tại Bết-lê-hem, thành của Đa-vít"
Nầy là dấu hiệu sẽ được ban cho các ngươi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời sẽ ban cho các ngươi dấu hiệu nầy" hay "các ngươi sẽ thấy dấu hiệu nầy ra từ Đức Chúa Trời"
dấu hiệu
Có thể là dấu lạ chứng minh mọi điều thiên sứ nói là thật, hoặc có thể là dấu hiệu giúp những người chăn chiên có thể nhận ra con trẻ. Từ nầy có thể được dịch là “bằng chứng” cho phù hợp với ý thứ nhất, hoặc “dấu để phân biệt” cho ý thứ hai.
bọc bằng khăn
Cụm từ nầy có thể được dịch là "con trẻ được quấn trong cái chăn"
Nằm trong máng cỏ
Tham khảo cách dịch ở LUK02:06
Luke 2:13
cả một đoàn thiên binh
Từ “đoàn thiên binh” ở đây có thể nói đến đoàn thiên sứ về nghĩa đen, hoặc có thể đó là phép ẩn dụ nói đến một nhóm các thiên sứ có tổ chức. Tham khảo: “một đoàn thiên sứ từ trời” (UDB).
ngợi khen Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ ngợi khen Đức Chúa Trời"
Vinh danh Thiên Chúa rất cao
Có thể hiểu: 1) "Quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời trên nơi chí cao" hoặc 2) "Dâng sự vinh hiển cao trọng nhất cho Đức Chúa Trời"
may there be peace on earth among people with whom he is pleased
"những người Đức Chúa Trời đẹp lòng dưới đất đều được bình an"
Luke 2:15
Khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự chuyển đổi trong câu chuyện sang việc các mục đồng làm sau khi các thiên sứ đã lìa họ lên trời.
lìa họ
"lìa mấy gã chăn chiên"
với nhau
"cùng nhau"
Chúng ta hãy ... cho chúng ta
Vì những người chăn chiên đang bàn tán với nhau, nên phải sử dụng đại từ bao quát “chúng ta”.
Chúng ta hãy
"Chúng ta nên" (UDB)
việc mới xảy ra này
Cụm từ này nói đến việc con trẻ được sinh ra, chứ không phải sự xuất hiện của các thiên sứ.
Nằm trong máng cỏ
Tham khảo cách dịch ở LUK02:06
Luke 2:17
Sau khi đã nhìn thấy như vậy
Từ “như vậy” nói đến con trẻ.
Họ cho mọi người biết
"những người chăn chiên thuật lại cho mọi người nghe"
con trẻ nầy
"Con Trẻ"
chuyện bọn chăn chiên nói với mình
"chuyện những người chăn chiên kể cho mình nghe”
gìn giữ mọi lời ấy trong lòng mình
Cụm từ nầy có thể được dịch là "cẩn thận ghi nhớ mọi điều" hay "mừng rỡ ghi nhớ mọi điều". Kho báu là những vật rất có giá trị hoặc rất quí giá. Ma-ri coi những chuyện người chăn chiên thuật lại về con mình là vô cùng quý giá.
trở về
Cụm từ nầy có thể được dịch là "trở về chỗ bầy chiên"
tôn vinh và ngợi khen Đức Chúa Trời
Đây là những hành động rất giống nhau và nhấn mạnh đến cảm nhận phấn khởi của họ về việc Đức Chúa Trời đã làm. Tham khảo: “nói và ngợi khen sự cao cả của Đức Chúa Trời.”
Luke 2:21
Thông tin Tổng quát:
Luật pháp mà Đức Chúa Trời ban cho những người theo Do Thái giáo là phải cắt bì cho bé trai và cha mẹ phải dâng của lễ.
Đến ngày thứ tám
Cụm từ này cho thấy một khoảng thời gian trôi qua trước khi đến sự kiện này.
Ngày thứ tám
“được tám ngày sau khi con trẻ được sanh ra” hoặc “con trẻ được tám ngày tuổi”
Họ đặt tên
Giô-sép và Ma-ri đặt tên cho con trẻ.
Là tên mà thiên sứ đã đem đến cho Ngài
Cụm từ nầy có thể được dịch là "tên mà thiên sứ đã gọi Ngài"
Luke 2:22
Khi những ngày thanh tẩy...đã qua
Câu này cho thấy khoảng thời gian trôi qua trước sự kiện mới này.
Số ngày đã định
Cụm từ nầy có thể được dịch là "số ngày mà Đức Chúa Trời đã định"
Về sự tinh sạch của mình
"để họ được tinh sạch về mặt nghi thức" hay "để Đức Chúa Trời nhận định họ đã được tinh sạch lại”
to present him to the Lord
"để họ được tinh sạch về mặt nghi thức" hay "để Đức Chúa Trời nhận định họ đã được tinh sạch lại”.Đây là buổi lễ cảm tạ Chúa đối với những đứa con đầu lòng là con trai.
Như lời đã chép
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Họ như vậy vì Môi-se đã chép"
Tất cả các con trai đầu lòng
"đầu lòng" là một thành ngữ nói đến con đầu tiên được sinh ra. Từ này nói đến cả động vật và con người. Tham khảo: “Mỗi con đầu lòng là con trai” hoặc “mỗi con trai đầu lòng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sẽ được biệt riêng
Câu này có thể được viết ở dạng chủ động. Tham khảo: “ngươi phải biệt riêng” hoặc “ngươi phải dành riêng”.
như đã chép trong luật pháp của Chúa
“theo như luật pháp của Chúa.” Đây là một điểm khác trong luật pháp. Điểm này nói đến tất cả con trai, dù là con đầu lầu hay không.
Luke 2:25
Câu Liên kết:
Khi Ma-ri và Giô-sép đang ở đền thờ, họ gặp hai người: Si-mê-ôn, là người ngợi khen Đức Chúa Trời và nói tiên tri về con trẻ, và nữ tiên tri An-ne.
Lúc ấy
Từ “lúc ấy” báo hiệu về một người mới trong câu chuyện. Trong ngôn ngữ của dịch giả, có thể có cách để diễn đạt điểm này.
Công bình và sốt sắng
Các từ trừu tượng này có thể được diễn tả như hành động. Tham khảo: “làm những việc vừa lòng Chúa và vâng theo luật pháp Ngài.”
Đấng Yên Ủi dân Y-sơ-ra-ên
Đây là một danh xưng khác dành cho Đấng Mê-si-a hoặc “Chúa Cứu Thế.” Tham khảo: “Đấng sẽ an ủi dân Y-sơ-ra-ên”
Đức Thánh Linh ngự trên người
"Đức Thánh Linh ở cùng Ngài". Đức Chúa Trời ở cùng Ngài trong một phương thức đặc biệt, và ban cho Ngài sự khôn ngoan và cũng như hướng dẫn đời sống Ngài.
Đức Thánh Linh đã bày tỏ cho ông biết trước
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Thánh Linh đã tỏ ra cho người" hay "Đức Thánh Linh đã bảo người".
ông sẽ không chết trước khi thấy Chúa Cứu Thế của Chúa
Cụm từ nầy có thể được dịch là "ông sẽ thấy Chúa Cứu Thế của Chúa trước khi qua đời” hoặc "người sẽ thấy Chúa Cứu Thế rồi mới qua đời”. Từ "Chúa" ở đây chỉ về Đức Chúa Trời.
Luke 2:27
Một ngày nọ
Từ này giới thiệu một sự kiện mới.
đến
Từ nầy có thể được dịch là "vào"
Vào đền thờ
"vào sân đền thờ". Chỉ những thầy tế lễ có thể vào trong đền thờ.
Được dẫn dắt bởi Đức Thánh Linh
"được hướng dẫn bởi Đức Chúa Trời". Tham khảo cách dịch: "Đức Thánh Linh hướng dẫn người"
cha mẹ
"cha mẹ của Chúa Giê-xu"
Những thủ tục mà luật pháp quy định
"luật pháp của Đức Chúa Trời quy định"
Đỡ lấy con trẻ
“ẵm con trẻ"
Bây giờ xin cho tôi tớ Chúa được qua đời bình an
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Tôi là tôi tớ Chúa. Xin cho tôi qua đời bình an". Si-mê-ôn đang nói về mình.
qua đời
Cách nói giảm nói tránh của từ "chết"
theo như lời Ngài
Cụm từ nầy có thể được dịch là "như Ngài đã phán" hay "vì Ngài phán sẽ"
Luke 2:30
Mắt con đã thấy
Cách diễn đạt này có nghĩa, “Chính con đã thấy” hoặc “Tự con đã thấy”
sự cứu rỗi của Ngài
Cụm từ nầy nói về Chúa Giê-xu, là Đấng mà Đức Chúa Trời sẽ nhờ Ngài mà cứu rỗi nhân loại.
Mà Ngài
Tùy vào cách dịch giả dịch cụm từ trước, cụm từ này có thể cần được đổi thành “người mà Ngài”.
đã chuẩn bị
"đã định" hay "khiến xảy ra"
trước mặt muôn dân
"để các mọi dân sẽ nhìn thấy"
Đấng ấy sẽ là ánh sáng
Phép ẩn dụ này có nghĩa là con trẻ ấy sẽ giúp dân sự nhìn thấy và hiểu cách sự sáng giúp họ thấy chính xác. Tham khảo: “con trẻ này sẽ giúp dân sự thông hiểu như ánh sáng giúp con người thấy chính xác.”
Bày tỏ
Cần thiết nói rõ điều gì được bày tỏ. Tham khảo: “đặng sẽ bày tỏ lẽ thật của Chúa.”
và là sự vinh hiển của dân Y-sơ-ra-ên, tức là dân sự Ngài
Cụm từ nầy có thể dịch thành "Ngài là cớ để sự vinh hiển đến trên Y-sơ-ra-ên, tức dân sự Ngài".
Luke 2:33
những lời ông nói về Ngài
Câu này có thể được nói ở thể chủ động. Tham khảo: “những lời Si-mê-ôn đã nói về Ngài.”
nói với Ma-ri, mẹ Ngài
“nói với mẹ đứa trẻ, là Ma-ri”. Hãy đảm bảo là cách dịch này không khiến độc giả nghĩ Ma-ri là mẹ của Si-mê-ôn.
Xin nghe kỹ lời tôi!
Si-mê-ôn dùng cách diễn đạt này để nói cho Ma-ri biết rằng lời mà ông sắp nói là cực kỳ quan trọng với bà.
đã định để làm cho nhiều người trong Y-sơ-ra-ên vấp ngã hoặc trỗi dậy
Cụm từ nầy có thể dịch thành: “đã được định để khiến nhiều người trong Y-sơ-ra-ên vấp ngã xa khỏi Đức Chúa Trời hoặc dấy lên gần gũi với Đức Chúa Trời hơn”. Trong cách nói ẩn dụ nầy, vấn đề xây khỏi Đức Chúa Trời và kéo đến gần Ngài hơn được diễn đạt thành "vấp ngã" và “dấy lên”. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời đã chỉ định Ngài để khiến một vài người trong Y-sơ-ra-ên xây bỏ Đức Chúa Trời và những người khác thì đến gần với Đức Chúa Trời hơn".)
là một dấu hiệu bị người ta nói phạm
“vì có một sự điệp từ Đức Chúa Trời mà nhiều người sẽ chống nghịch”
một thanh gươm sẽ đâm thấu tâm hồn cô
Ẩn dụ nầy mô tả nỗi đau buồn khôn xiết mà Ma-ri sẽ trải qua. Cụm từ nầy có thể được dịch là "ngươi sẽ chịu đau buồn khôn xiết" hay "Nỗi đau buồn sẽ khiến ngươi đau đớn như thể một thanh gươm đâm thấu tim ngươi vậy" hay "lòng ngươi sẽ tan vỡ".
tư tưởng trong lòng nhiều người phải lộ ra
Cụm từ nầy có thể được dịch là "tư tưởng của nhiều người sẽ phải lộ ra" hay "việc ấy sẽ bày tỏ ra những điều người ta thực sự nghĩ về Đức Chúa Trời"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Luke 2:36
cũng có nữ tiên tri An-ne
Câu này giới thiệu nhân vật mới trong câu chuyện.
Cũng ở đó
"cũng có mặt ở sân đền thờ"
Pha-nu-ên
Đây là tên của một người nam.
Tuổi đã cao
Thành ngữ này có nghĩa là “rất già”.
Bảy năm
"7 năm"
Sau cuộc hôn nhân của bà
"sau khi bà đã kết hôn cùng chồng"
Là goá phụ trong tám mươi bốn năm nay
84 năm – Có thể hiểu: 1) bà đã là goá phụ trong 84 năm hay 2) bà là goá phụ và giờ đây đã 84 tuổi
chẳng hề rời khỏi đền thờ
Có lẽ đây là cách nói quá, nhằm ý bà đã dành rất nhiều thời gian trong đền thờ đến nỗi tưởng như bà chẳng hề rời khỏi đó. Cụm từ nầy có thể được dịch là "luôn ở trong đền thờ" hay có thể diễn đạt: "thường xuyên có mặt tại đền thờ"
Bằng sự kiêng ăn cầu nguyện
"bằng sự kiêng ăn và sự cầu nguyện"
đến cùng họ
"approached them" or "went to Mary and Joseph"
sự cứu chuộc thành Giê-ru-sa-lem
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Ngài là Đấng sẽ cứu chuộc Giê-ru-sa-lem" hay "Đấng sẽ đem phước hạnh, ân điển của Đức Chúa Trời trở lại cùng Giê-ru-sa-lem". Ở đây cụm từ “sự cứu chuộc" được dùng đề chỉ về Đấng sẽ thực hiện công việc ấy.
Luke 2:39
Câu Liên kết:
Ma-ri, Giô-sép và Chúa Giê-su rời thành phố Bết-lê-hem và trở về thành Na-xa-rét để sinh sống.
làm xong mọi việc phải làm theo luật pháp của Chúa
Câu này có thể được nói ở thể chủ động. Tham khảo: “mà luật pháp của Chúa yêu cầu họ phải thực hiện.”
thành mình là Na-xa-rét
Cụm từ này có nghĩa là họ sống ở Na-xa-rét. Hãy đảm bảo là cụm từ này không khiến độc giả nghĩ rằng họ sở hữu thành phố này.
đầy dẫy sự khôn ngoan
"ngày càng khôn ngoan" hay "học biết những điều khôn ngoan"
Ân điển của Đức Chúa Trời ở trên Ngài
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời chúc phước cho Ngài" hay "Đức Chúa Trời ở với Ngài theo phương thức đặc biệt"
Luke 2:41
Câu Liên kết:
Khi Chúa Giê-xu được 12 tuổi, Ngài đi cùng với gia đình Ngài lên thành Giê-ru-sa-lem. Đang khi Ngài ở đó, Ngài chất vấn và trả lời câu hỏi của các giáo sư trong đền thờ.
cha mẹ Ngài thường lên…dự lễ Vượt Qua
Đây là thông tin ngữ cảnh.
cha mẹ Ngài
"cha mẹ của Chúa Giê-xu"
Họ đi lên
Thành Giê-ru-sa-lem nằm trên một ngọn đồi, vì vậy dân sự phải đi lên đó.
Theo lệ thường
"như thường lệ” hoặc “như họ làm hàng năm”
Sau khi họ đã ở lại đủ số ngày lễ rồi
"khi các ngày lễ qua rồi" hay "sau khi tổ chức lễ theo số ngày đã định rồi”
Ngày lễ
Đây là một tên khác của Lễ Vượt Qua, vì nó bao gồm việc ăn một bữa ăn theo nghi lễ.
Họ cho rằng
"họ tưởng"
Một ngày đường
"họ đi trót một ngày" hay "họ đã đi được một ngày đường"
Luke 2:45
Khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của dịch giả có cách diễn đạt này, hãy xem xét sử dụng theo cách đó.
trong đền thờ
Cụm từ nầy có thể được dịch là "trong sân đền thờ" hay "tại đền thờ"
giữa
Từ này không có nghĩa là ở ngay trung tâm. Đúng hơn là, "trong vòng" hay "cùng với" hoặc "ở giữa...".
Các giáo sư
"các giáo sư trong đền thờ" hay "những người dạy về Đức Chúa Trời cho dân sự"
Mọi người nghe Ngài nói đều kinh ngạc
Họ không thể hiểu làm sao mà một cậu bé mười hai tuổi chưa từng được dạy về tôn giáo lại có thể trả lời rất hay vậy.
về vốn hiểu biết của Ngài
Cụm từ nầy có thể được dịch là "về việc Ngài hiểu biết nhiều như thế" hay "vì Ngài hiểu biết nhiều về Đức Chúa Trời"
Những câu trả lời của Ngài
Cụm từ nầy có thể được dịch là "về cách đối đáp khôn ngoan của Ngài" hay "Ngài trả lời suông sẻ mọi thắc mắc của họ"
Luke 2:48
Khi họ thấy Ngài
"Khi Ma-ri và Giô-sép tìm thấy Chúa Giê-xu"
Cha
Đây là danh hiệu quan trọng dành cho Đức Chúa Trời.
Sao con lại đối xử với cha mẹ thế này?
Cụm từ nầy có thể dịch là "Sao con có thể làm vậy?". Có thể gọi đây là lời quở trách gián tiếp vì Chúa Giê-xu đã không cùng trở về cùng cha mẹ mình.
Nghe
Từ này thường được dùng để biểu thị phần mở đầu của một sự kiện mới hoặc quan trọng. Từ này cũng có thể được dùng để cho biết hành động đó bắt đầu từ đâu. Nếu ngôn ngữ của dịch giả có một cụm từ được dùng theo cách này, hãy xem xét liệu cụm từ đó có thể được sử dụng tự nhiên ở đây không.
Sao cha mẹ lại đi tìm con?
Chúa Giê-xu đáp lại hai câu hỏi từ sự khiển trách của cha mẹ, và Ngài bắt đầu nói về mục đích thiên thượng của Đức Chúa Cha trên Trời nhưng họ không hiểu.Cụm từ nầy có thể

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dịch là "Sao cha và mẹ cứ đi mấy chỗ khác tìm con làm chi?"

Cha mẹ không biết...nhà?

Chúa Giê-xu đặt câu hỏi lần thứ nhì này để cố gắng nói rằng cha mẹ Ngài lẽ ra nên biết về mục đích mà Cha Ngài đã sai Ngài đến. Tham khảo: “Cha mẹ lẽ ra nên biết...nhà.”

Cha Con

Khi được 12 tuổi, Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, hiểu rằng Đức Chúa Trời là Cha thật sự của Ngài (không phải Giô-sép, chồng của Ma-ri).

in my Father's house

Có thể hiểu: 1) "tại nhà Cha con" hay 2) "về việc Cha con”. Dù là trường hợp nào đi nữa thì khi Chúa Giê-xu phán: "Cha con" ấy là Ngài đang nói về Đức Chúa Trời. Nếu Ngài có ý nói "nhà", thì Ngài đang đề cập tới đền thờ. Nếu Ngài nói tới "việc" thì là Ngài đang đề cập đến công việc mà Đức Chúa Trời giao cho mình. Nhưng nếu câu tiếp theo cho thấy cha mẹ Ngài không hiểu những điều Ngài đang nói cùng mình thì tốt nhất là không giải thích gì thêm.

Luke 2:51

Ngài theo họ trở về nhà

"Chúa Giê-xu theo Ma-ri và Giô-sép trở về nhà"

vâng lời cha mẹ

"vâng phục cha mẹ” hoặc “luôn vâng phục họ”

Giữ mọi việc ấy trong lòng

"ghi nhớ cẩn thận mọi việc nầy" hoặc "vui mừng khi nghĩ về mọi việc nầy". Kho báu là vật gì đó rất có giá trị hoặc quý giá. Ma-ri xem mọi việc làm cũng như mọi lời nói của con mình là quý giá vô cùng.

Khôn ngoan càng thêm, thân hình càng lớn

"ngày càng khôn ngoan và mạnh khoẻ hơn".Ý này nói về sự tăng trưởng vật lý.

càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "mọi người càng ngày càng yêu quý Ngài, còn Đức Chúa Trời thì ban phước cho Ngài càng hơn"

Translation Questions

Luke 2:4

Giô-sép đến thành Bết-lê-hem với Ma-ri vì ông là dòng dõi của ai?

Giô-sép và Ma-ri đến thành Bết-lê-hem vì Giô-sép là dòng dõi của Đa-vít.

Luke 2:8

Thiên sứ hiện ra cùng ai?

Thiên sứ hiện ra với mấy gã chăn chiên đang chăn giữ bầy chiên của họ.

Luke 2:15

Mấy gã chăn chiên làm gì sau khi các thiên sứ rời khỏi họ?

Mấy gã chăn chiên đến thành Bết-lê-hem để gặp con trẻ mới ra đời.

Luke 2:21

Chúa Giê-xu chịu phép cắt bì vào thời điểm nào?

Chúa Giê-xu chịu phép cắt bì vào ngày thứ tám sau khi ra đời.

Luke 2:22

Tại sao Giô-sép và Ma-ri đem con trẻ Giê-xu lên đền thờ trong thành Giê-ru-sa-lem?

Họ đem Ngài lên đền thờ để dâng Ngài cho Đức Giê-hô-va và dâng của lễ, là điều đã được truyền dạy trong luật pháp Môi-se.

Luke 2:51

Đâu là thái độ của Chúa Giê-xu đối với cha mẹ Ngài khi họ trở lại thành Na-xa-rét?

Ngài chịu luỵ cha mẹ.

Chapter 3

Luke 3:1

Câu Liên kết:

Như tiên tri Ê-sai đã tiên tri, Giăng bắt đầu rao giảng tin lành cho dân chúng.

Thông tin Tổng quát:

Các câu này chứa thông tin bối cảnh để thuật lại điều xảy ra khi người anh họ Ngài là Giăng bắt đầu chức vụ mình.

Bấy giờ

Cụm từ nầy đánh dấu một phần mới của câu chuyện.

Năm thứ mười lăm

Tham khảo: Thời gian trong Kinh Thánh

Philíp...Ly-sa-ni-a

Đây là tên của hai người đàn ông.

Y-tu-rê và Tra-cô-nít...A-by-len

Tên gọi của của một số vùng lãnh thổ.

Trong thời thầy tế lễ thượng phẩm An-ne và Cai-phe

Hai người nầy cùng phục vụ với chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm. An-ne là thầy lễ thượng phẩm, và người Do Thái vẫn tiếp tục thừa nhận ông mặc dù sau đó người La-mã bổ nhiệm con rể ông là Cai-phe thay thế vị trí của ông.

Luke 3:3

giảng dạy phép báp-têm về sự ăn năn

Danh từ “báp-tem” và “sự ăn năn” được định như những hành động. Cụm từ nầy có thể được dịch là "giảng dạy mọi người phải chịu báp-têm để tỏ lòng ăn năn về tội lỗi mình".

để được tha tội

"để tội lỗi họ sẽ được tha" hay "để Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho họ". Ăn năn để được tha tội.

Luke 3:4

Thông tin Tổng quát:

Trước giả Lu-ca trích một phân đoạn mà tiên tri Ê-sai đã nói về Giăng Báp-tít.

Như lời đã chép... tiên tri

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Việc nầy xảy đến như lời tiên tri Ê-sai đã chép" hay "Giăng làm ứng nghiệm những lời tiên tri Ê-sai đã chép". Các câu 4-6 trưng dẫn từ sách tiên tri Ê-sai

Hãy dọn sẵn.... Làm thẳng các lối Ngài

Phần nầy viết theo phong cách thi ca của người Do Thái, thường dùng những từ giống nhau để lặp đi lặp lại các cụm từ quan trọng. Vì thế mà cụm từ "Hãy dọn sẵn đường Chúa" chính là một cách nói khác của "Làm thẳng các lối Ngài".

Hãy dọn sẵn đường Chúa

Ẩn dụ con đường ý nói "Hãy ăn năn và sẵn sàng cho ngày Cứu Chúa đến"

đường

"con đường" hoặc “nẻo đường”

Làm thẳng các lối Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hình ảnh về con đường này cùng là ẩn dụ với ý nghĩa: "Phải luôn ở tư thế sẵn sàng để đón Chúa ngự đến"
Luke 3:5
Mọi thung lũng sẽ được lấp đầy, Mọi núi đồi sẽ được san phẳng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Họ sẽ lấp đầy mọi chỗ trũng trên đường". Khi dọn đường để đón một nhân vật quan trọng sắp đến, người ta sẽ dùng đất lấp đầy những chỗ thấp để con đường được bằng phẳng. Đây là một phần trong ẩn dụ đã được nói đến trong câu trước.
Các núi các gò phải ban cho bằng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Họ sẽ lấp đầy mọi chỗ trũng trên đường". Khi dọn đường để đón một nhân vật quan trọng sắp đến, người ta sẽ dùng đất lấp đầy những chỗ thấp để con đường được bằng phẳng. Đây là một phần trong ẩn dụ đã được nói đến trong câu trước.
Các núi các gò phải ban cho bằng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Người ta sẽ ban bằng mọi đồi núi" hay "Người ta sẽ ban bằng mọi chỗ gồ lên trên đường"
Thấy ơn cứu của Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy có thể được dịch là "học biết cách Đức Chúa Trời cứu dân sự ra khỏi tội lỗi"
Luke 3:7
Để ông làm pháp báp-têm
"để Giăng làm phép báp-têm cho họ"
Hỡi dòng rõi rắn độc
Đây là một ẩn dụ. Những loài rắn độc rất nguy hiểm và chúng đại diện cho sự gian ác. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Hỡi các ngươi là loài rắn độc!" hay "Các ngươi gian ác như loài rắn độc"
ai đã cảnh báo cho các ngươi
Cụm từ nầy bắt đầu cho một câu hỏi tu từ. Thực ra, Giăng đang quở trách dân sự vì một mặt dân sự đòi ông làm phép báp-têm cho mình để khỏi bị Đức Chúa Trời hình phạt, nhưng mặt khác họ lại cứ phạm tội. Câu hỏi nầy có thể được dịch là: "Các ngươi chẳng thể nào tránh khỏi cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời bằng cách nầy đầu" hay "Các ngươi cho rằng chỉ cần chịu phép báp-têm là có thể tránh khỏi cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời sao?"
khỏi cơn thạnh nộ sắp đến
Cụm từ nầy có thể được dịch là "khỏi án phạt sắp xảy đến" hay "khỏi cơn thạnh nộ sắp đến của Đức Chúa Trời" hoặc "vì Đức Chúa Trời sắp sửa hình phạt các ngươi". Cụm từ "cơn thạnh nộ" được dùng để nói về sự hình phạt của Đức Chúa Trời, vì cơn thạnh nộ Ngài đi trước rồi sẽ tới sự hình phạt.
Luke 3:8
hãy kết quả đến từ sự ăn năn
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Hãy kết quả thể nào để chứng tỏ các ngươi đã săn năn" hay "Hãy làm ra những việc lành tỏ ra rằng các ngươi đã xây khỏi tội lỗi mình". Trong ẩn dụ nầy, cách xử xự của một người được ví sánh với quả. Giống như một cái cây sẽ phải ra trái phù hợp với giống của nó, thì một người tuyên bố mình đã ăn năn khỏi tội lỗi cũng phải sống một đời sống công chính.
tự nói
"nhủ thầm" hay "nói thầm" hoặc "tưởng"
Chúng ta có Áp-ra-ham là tổ phụ mình
"Áp-ra-ham là tổ phụ chúng ta" hay "Chúng ta là dòng dõi của Áp-ra-ham". Nếu không hiểu rõ lý do tại sao họ lại nói vậy thì bạn có thể them thông tin ngầm hiểu vào: “như vậy Đức Chúa Trời sẽ không hình phạt chúng ta".
Nuôi nấng những đứa trẻ của Áp-ra-ham
Thành ngữ này có nghĩa “sanh ra những đứa con của Áp-ra-ham” hoặc “khiến nhiều người trở nên dòng dõi của Áp-ra-ham”
biến những hòn đá
Chắc chắn Giăng đang nói đến những hòn đá nằm dọc Sông Giô-đanh.
Luke 3:9
Cái búa đã để kề gốc cây
Ẩn dụ nầy có ý nói rằng án phạt sắp sửa bắt đầu. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Giống như thể cái búa đã để kề gốc cây" hay "Đức Chúa Trời giống như một người kia đã kề búa mình nơi gốc cây"
cây nào không cho trái tốt thì sẽ bị đốn
Đây là một mệnh đề bị động. Cụm từ nầy có thể được dịch thành một mệnh đề chủ động: "Ngài sẽ đốn hạ những cây nào không cho trái tốt”
Bị quăng vào lò lửa
“lửa” ẩn dụ cho sự trừng phạt.Cụm từ nầy có thể được dịch thành mệnh đề chủ động "quăng nó vào lò lửa".
Luke 3:10
Câu Liên kết:
Giăng bắt đầu trả lời các câu hỏi mà những người trong đám đông hỏi ông.
hỏi Giăng, rằng
"hỏi ông và nói" hay “hỏi Giăng"
Trả lời và nói cùng họ
"trả lời họ, mà rằng" hoặc "trả lời cho họ" hoặc "nói"
làm như vậy
"làm y như vậy". Cụm từ nầy có thể được dịch là "ban phát đồ ăn cho người nào không có ".
Luke 3:12
Để chịu phép báp têm
"để Giăng đã làm phép báp-têm cho họ"
Đừng thu tiền nhiều hơn
"Đừng đòi thêm tiền" hay "Dừng ngay việc thu nhiều tiền hơn”. Những người thu thuế nầy đang thu tiền nhiều hơn so với mức quy định. Họ phải thôi làm như thế để làm bằng chứng cho sự ăn năn của mình.
mức các anh phải thu
Mệnh đề này ở thể bị động chỉ ra mức thu thuế đến từ chính quyền La-Mã."Mức các anh đã được La-Mã ban quyền để thu”
Luke 3:14
Binh lính
"những người đàn ông phục vụ trong quân đội"
Còn chúng tôi thì sao? Chúng tôi phải làm gì?
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Ông đã dạy cho đoàn dân đông và những người thu thuế biết điều họ phải làm. Còn chúng tôi là những binh lính phải làm gì?" Cụm từ “chúng tôi” không bao gồm Giăng.
Đừng buộc tội vu khống ai
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Cũng vậy, đừng vu khống ai để lấy tiền của họ" hoặc "Đừng vu cáo một người vô tội đã làm một việc gì đó bất hợp pháp". Những người lính nầy đang đưa giả những lời buộc tội không đúng với nhiều

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người hòng đoạt tiền của họ”

hãy bằng lòng về đồng lương của mình

"Hãy bằng lòng về tiền công của mình” hoặc “Hãy bằng lòng với những điều mình được trả công"

Luke 3:15

Bởi dân chúng

Cụm từ nầy cũng nói đến những người đã đến với Giăng lúc đó. Có thể dịch là "vì những người đó".

Ta làm phép báp-têm cho các ngươi bằng nước

"Ta dùng nước làm phép báp-têm" hoặc “Ta làm phép báp-têm bằng nước"

Thậm chí không xứng đáng để mở dây giày Ngài

Có thể dịch là "thậm chí không đủ quan trọng để tháo dây giày Ngài". Mở dây giày là bổn phận của những người nô lệ. Giăng đang nói rằng Đấng sắp ngự đến cao trọng đến nỗi Giăng thậm chí còn không xứng đáng để làm nô lệ cho người.

giày

"giày" hay "dép" hoặc "dép da"

Ngài sẽ làm phép báp-têm cho các ngươi bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa

Ẩn dụ nầy so sánh phép báp-têm thường thấy dìm một người trong nước với phép báp-têm thuộc linh đem con người vào mối liên hệ với Đức Thánh Linh và lửa.

lửa

Ở đây điều nầy đề cập đến quyền phép của Đức Chúa Trời.

Luke 3:17

Tay Ngài cầm chỉa rê thật sạch sân lúa mình

Như một người nông dân sẵn sàng tách lúa mì khỏi trấu, thì Chúa Cứu Thế cũng sẵn sàng đoán xét con người. Tham khảo: “Tay Ngài đang cầm chỉa vì Ngài sẵn sàng.”

Chĩa rê lúa

Loại công cụ dùng để hất đống lúa mì lên không để tách hạt lúa ra khỏi rơm rạ. Những hạt lúa nặng hơn sẽ rơi ngược xuống đất còn số vỏ trấu hoặc rơm rạ không cần đến sẽ bị gió thổi đi. Nó cũng giống với cái chĩa ba.

sân lúa mình

Tham khảo cách dịch: "nền đất của mình" hay "nền đất nơi Ngài phân lúa ra khỏi rơm rạ"

thu lúa

Cụm từ nầy có thể được dịch là “Đoạn, Ngài sẽ thu lúa”

đốt trấu trong lửa

Rơm rạ không dùng được cho việc gì, nên người ta sẽ đem nó đi đốt.

Luke 3:18

Thông tin Tổng quát:

Câu chuyện thuật lại sự việc sẽ xảy ra với Giăng nhưng hiện tại thì chưa xảy ra.

nhiều lời khuyên dạy khác

"dùng nhiều lời thúc giục khác”

Quở trách vua chư hầu Hê-rốt

"lên án vua chư hầu Hê-rốt rằng vua đã phạm tội”. Hê-rốt chỉ là một vua chư hầu, chớ không phải vua thật sự. Ông chỉ được giới hạn cai trị vùng Ga-li-lê mà thôi.

Vì đã cưới vợ của em mình

"vì Hê-rốt đã cứu vợ của em ruột mình"

Vua đã bắt Giăng bỏ tù

"Vua sai binh lính bắt Giăng bỏ vào ngục"

Luke 3:21

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu bắt đầu chức vụ của Ngài bằng việc chịu báp-têm.

Bấy giờ

Ở đây, từ nầy được sử dụng ở đây để mở đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ bạn dùng có cách giới thiệu khác thì bạn nên xem xét áp dụng ở đây.

khi hết thảy dân chúng đều chịu Giăng làm phép báp-têm

Cụm từ "hết thảy dân chúng" chỉ về những người đang ở cùng với Giăng. Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi Giăng đang làm phép báp-têm cho mọi người".

Đức Chúa Giê-xu cũng bởi Giăng mà nhận phép báp-têm

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Giăng cũng đã làm phép báp-têm cho Chúa Giê-xu"

Các tầng trời mở ra

"bầu trời mở ra". Vệc nầy không chỉ đơn thuần là các đám mây biến mất, nhưng nếu vậy sẽ không làm rõ được ý nghĩa của nó. Có lẽ câu này nhắm ý có một lổ hỗng xuất hiện trên bầu trời.

Đức Thánh Linh ngự xuống trên Ngài

"Đức Thánh Linh ngự xuống trên Chúa Giê-xu"

lấy hình chim bồ câu

"trong hình dáng như chim bồ câu"

Con là Con yêu dấu của Ta

Đức Chúa Cha phán với “Con yêu dấu Ngài” là Chúa Giê-xu, Đức Chúa Con, đang khi Đức Thánh Linh ngự trên Ngài. Ba Ngôi Đức Chúa Trời đồng yêu thương nhau và làm việc với nhau là Cha, Con, và Thánh Linh.

Con yêu dấu của Ta

Đây là một danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời.

Luke 3:23

Thông tin Tổng quát:

Lu-ca liệt kê các tổ phụ của Chúa Giê-xu qua dòng dõi của cha về phần xác của Ngài, là Giô-sép.

Bấy giờ

Ở đây, từ nầy được dùng để đánh dấu sự thay đổi sang phần thông tin bối cảnh nói về thời của Chúa Giê-xu và tổ tiên của Ngài. Phần nầy kết thúc ở Lu-ca 3:37. Nếu ngôn ngữ bạn dùng có cách để thông báo cho người đọc biết tiếp theo sẽ là thông tin bối cảnh thì nên dùng ở đây.

Chính Đức Chúa Giê-xu

"Giê-xu nầy" hay "con người Giê-xu nầy"

ba mươi tuổi

Tham khảo cách dịch: "30 tuổi"

Ngài là con (theo như đã định) của Giô-sép

"Người ta biết đến Ngài là con Giô-sép" hay "Người ta nghĩ rằng Ngài là con của Giô-sép" hay "Người ta cho rằng Ngài là con của Giô-sép"

con Hê-li, con Mát-tát, con Lê-vi

Từ “con” là thông tin ngầm hiểu. Về câu chữ, thì phân đoạn nầy chỉ đưa ra "của Hê-li, của Mát-tát, của Lê-vi…" nhưng bảng liệt kê này có thể được dịch thành "ông là con của Hê-li, Hê-li là con của Mát-tát, Mát-tát là con của Lê-vi…" hoặc "Giô-sép con Hê-li, Hê-li con Mát-tát, Mát-tát con Lê-vi" hay "cha của Hê-li là Mát-tát, cha của Mát-tát là Lê-vi …" Hãy xem xét cách người ta thường dùng để liệt kê gia phả trong ngôn ngữ của bạn rồi có thể áp dụng cho toàn bộ bảng liệt kê ở đây.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

con của Hê-li
Một số dịch giả lại bắt đầu một câu với "Giô-sép là con của Hê-li" hay "Cha của Giô-sép là Hê-li".
Luke 3:25
con Ma-ta-thia. Ma-ta-thia con A-mốt…Giô-đa
Hãy sử dụng cách dùng từ giống nhau như đã dùng trong các câu trước. Tham khảo: “là con của Ma-ta-thia, con của A-mốt…Giô-đa” hoặc “Giô-sép là con của Ma-ta-thia, Ma-ta-thia là con của A-mốt…Giô-đa” hoặc “Cha của Giô-sép là Ma-ta-thia, cha của Ma-ta-thia là A-mốt…Giô-đa.”
Luke 3:27
con Giô-a-nan. Giô-a-nan con Rê-sa…Lê-vi
Hãy sử dụng cách dùng từ giống nhau như đã dùng trong các câu trước. Tham khảo: “là con của Giô-a-nan, con của Rê-sa…Lê-vi” hoặc “Giô-đa là con của Giô-a-nan, Giô-a-nan là con của Rê-sa…Lê-vi” hoặc “Cha của Giô-đa là Giô-a-nan, cha của Giô-a-nan là Rê-sa…Lê-vi.” Đây là phần nối tiếp trong danh sách các tổ phụ của Chúa Giê-xu.
Luke 3:30
con Si-mê-ôn. Si-mê-ôn con Giu-đa
Cụm từ nầy có thể được dịch là “…con Si-mê-ôn, Si-mê-ôn con Giu-đa…” hay “Lê-vi con Si-mê-ôn, Si-mê-ôn con Giu-đa…” hoặc “cha của Lê-vi là Si-mê-ôn, cha của Si-mê-ôn là Giu-đa….”. Áp dụng cách diễn dạt như với những câu trước.
Luke 3:33
...con A-mi-na-đáp, A-mi-na-đáp con Át-min...
Cụm từ nầy có thể được dịch là “...là con của A-mi-na-đáp, A-mi-na-đáp là con của Át-min...” hay “Lê-vi con A-mi-na-đáp, Si-mê-ôn là con của Át-min...” hay “cha của Na-ách-sôn là A-mi-na-đáp, cha của A-mi-na-đáp là Át-min”. Áp dụng cách diễn dạt như với những câu trước.
Luke 3:36
...con của Cai-nam, Cai-nam con của A-bác-sát...
Cụm từ nầy có thể được dịch là “...con Cai-nam, Cai-nam con A-bác-sát...” hay “Lê-vi là con Cai-nam, Cai-nam là con A-bác-sát...” hay “cha của Sa-la là Cai-nam, cha của Cai-nam là A-bác-sát....”. Áp dụng cách diễn dạt như với những câu trước.
A-đam, con Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy có thể được dịch là: "A-đam được Đức Chúa Trời dựng nên" hay "A-đam là người ra từ Đức Chúa Trời" hoặc "Chúng ta có thể nói A-đam là con Đức Chúa Trời"

Translation Questions

Luke 3:3
Giăng đã giảng sứ điệp gì trong cả khu vực chung quanh sông Giô-đanh?
Giăng đã giảng phép báp-têm về sự ăn năn để được tha tội.
Luke 3:4
Giăng nói tới ai sẽ dọn đường?
Giăng nói ông sẵn sàng dọn đường cho Chúa.
Luke 3:8
Giăng bảo dân sự đừng tin cậy vào sự thực Áp-ra-ham là tổ phụ của họ, thay vì thế phải tin cái gì?
Giăng bảo họ phải kết quả xứng đáng với sự ăn năn.
Luke 3:9
Giăng nói điều gì xảy ra với cây nào không kết quả?
Giăng nói cây ấy phải bị đốn hạ rồi quăng vào lửa.
Luke 3:21
Điều chi xảy ra ngay sau khi Giăng làm phép báp-têm cho Chúa Giê-xu?
Sau khi Giăng làm phép báp-têm cho Chúa Giê-xu, các từng trời mở ra và Đức Thánh Linh lấy hình chim bò câu giáng xuống.
Luke 3:23
Khi Chúa Giê-xu khởi sự dạy dỗ thì Ngài được bao nhiêu tuổi?
Chúa Giê-xu khoảng 30 tuổi khi Ngài bắt đầu dạy dỗ.

Chapter 4

Luke 4:1
Câu Liên kết:
Ma quỷ đến trước mặt Chúa Giê-xu đặng cám dỗ Ngài phạm tội sau khi Ngài đã kiêng ăn được 40 ngày.
Tiếp đến
Tiếp theo phần Giăng đã làm phép báp-têm cho Chúa Giê-xu. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Sau khi Đức Chúa Giê-xu đã chịu phép báp-têm rồi".
được hướng dẫn bởi Đức Thánh Linh
Cụm từ nầy có thể được dịch bằng giọng chủ động như "Đức Thánh Linh hướng dẫn Ngài"
bốn mươi ngày
Tham khảo cách dịch: "40 ngày"
Ở bị ma quỉ cám dỗ ở đó
Cụm từ nầy có thể được dịch là "bị ma quỷ cám dỗ không vâng phục Đức Chúa Trời". Chúng ta không biết rõ Ngài bị cám dỗ trong suốt quãng thời gian bốn mươi ngày đêm đó hay chỉ vào cuối khoảng thời gian đó mà thôi. Cụm từ nầy có thể được dịch sang thể chủ động "tại đó ma quỉ cám dỗ Ngài "
Ngài không ăn
"Ngài" chỉ Chúa Giê-xu.
Luke 4:3
Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời
Có lẽ ma quỷ đang thách thức Chúa Giê-xu chứng minh mình là Con của Đức Chúa Trời.
Hòn đá nầy
Có thể ma quỉ đang thực sự một cầm hòn đá trong tay hoặc hắn chỉ đang chỉ vào một hòn đá gần đó.
có lời chép rằng
Tham khảo cách dịch: "Môi-se đã viết trong Kinh Thánh". Trưng dẫn từ sách Phục-truyền Luật-lệ ký
Loài người sẽ không sống chỉ nhờ bánh
Cụm từ nầy có thể được dịch là "người ta không thể sống chỉ nhờ bánh" hay "Chẳng phải chỉ có bánh mới khiến người ta sống". Từ "bánh" được dùng để chỉ về đồ ăn nói chung. Vấn đề là đồ ăn không đủ để duy trì sự sống cho một người. Người ta cần phải vâng phục Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu đang trưng dẫn Kinh Thánh để chỉ ra lý do tại sao Ngài không hoá đá thành bánh.
Luke 4:5
Một nơi cao
"a high mountain"
trong giây phút
"trong chốc lát" hay "tức khắc"
Chính vì vậy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Vậy nên”

nếu ngươi sấp mình xuống thờ lạy ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "nếu ngươi quỳ xuống trước mặt ta" hay "nếu ngươi chịu sấp mình xuống để thờ lạy ta" hoặc "nếu ngươi chịu thờ lạy ta bằng cách sấp mình xuống trước mặt ta"

mọi điều nầy sẽ là của ngươi

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Ta sẽ ban cho ngươi tất cả những nước nầy"

Luke 4:8

Trả lời hắn rằng

"đáp lại hắn" hay "trả lời hắn"

Có lời chép rằng

Tham khảo cách dịch: "Môi-se có chép trong Kinh Thánh". Chúa Giê-xu đang trưng dẫn trong Phục-truyền Luật-lệ ký

Ngươi phải thờ phượng Chúa, là Đức Chúa Trời ngươi

Chúa Giê-xu đang trưng dẫn một điều luật trong Kinh Thánh để nói lý do tại sao Ngài không thờ lạy ma quỉ.

Ngươi

Từ nầy chỉ những người trong thời Cựu Ước, là những người đã nhận Luật Pháp của Đức Chúa Trời. Bạn có thể sử dụng hình thức số ít 'ngươi' (you) vì mỗi người ai cũng phải vâng theo luật pháp ấy, hoặc bạn có thể sử dụng hình thức số nhiều 'các ngươi' vì hết thảy mọi người đều phải vâng theo luật pháp ấy.

Ngài

Từ nầy đề cập đến Giê-hô-va Đức Chúa Trời.

Luke 4:9

Nơi cao nhất

Đây là đỉnh của mái đền thờ. Nếu có ai trợt chơn hay nhảy từ chỗ đó xuống thì sẽ bị thương nghiêm trọng hoặc chết.

Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời

Ma quỉ có lẽ đang thách thức Chúa Giê-xu minh chứng Ngài là Con Đức Chúa Trời, chỉ duy nhất và là con độc sanh. Sa-tan đích thân đối mặt với Chúa Giê-xu và cám dỗ Ngài vào tội lỗi.

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu.

hãy lao mình xuống đi

"hãy nhảy xuống đất đi"

vì có lời chép rằng

Tham khảo cách dịch: "Tác giả sách Thi-thiên có chép”. Ma quỉ chỉ trưng dẫn một phần của Thi-thiên (Thi-thiên 91:10-12) nhằm cố gắng thuyến phục Chúa Giê-xu nhảy xuống khỏi đền thờ.

Chúa sẽ truyền

"Chúa" nói đến Đức Chúa Trời.

Luke 4:12

Có lời phán rằng

Tham khảo cách dịch: "Môi-se đã nói" hay "Môi-se đã nói trong Kinh Thánh". Chúa Giê-xu đang trưng dẫn Phục-truyền Luật-lệ ký.

Ngươi không được thử Chúa, là Đức Chúa Trời ngươi

Cụm từ nầy có thể được dịch thành "Đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời ngươi". Chúa Giê-xu đã trưng dẫn Kinh Thánh để giải thích lý do tại sao Ngài nhảy xuống từ nóc đền thờ để thử Đức Chúa Trời. Mạng lịnh nầy dành cho dân sự của Đức Chúa Trời.

Đến một lúc khác

"đến dịp khác"

Luke 4:14

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu trở về Ga-li-lê, giảng dạy ở nhà hội, và nói với dân sự rằng Ngài đang làm trọn lời tiên tri của Ê-sai.

Với quyền phép của Đức Thánh Linh

Cụm từ nầy có thể được dịch thành "và Đức Thánh Linh đã ban quyền phép cho Ngài". Đức Chúa Trời đã ở cùng Chúa Giê-xu theo một cách đặc biệt để khiến Chúa Giê-xu có thể làm được những việc mà con người thường không thể làm được.

Tin tức về Ngài truyền đi

Cụm từ nầy có thể được dịch là "người ta đồn những việc về Chúa Giê-xu ra" hay "người nầy nói với người kia về Chúa Giê-xu" hoặc "sự hiểu biết về Ngài được truyền từ người nầy sang người kia". Những kẻ đã nghe Chúa Giê-xu giảng đi nói cho những người khác biết về Ngài, và rồi những người khác đó lại đi nói cho thêm nhều người khác nữa biết về Ngài.

khắp các miền lân cận

Chỉ về đến các khu vực hay những nơi xung quanh xứ Ga-li-lê.

Mọi người đều khen ngợi Ngài

"ai nấy đều nói ra những việc lớn về Ngài" hay "hết thảy mọi người đều làm chứng tốt về Ngài"

Luke 4:16

là nơi Ngài đã lớn lên

Cụm từ nầy có thể được dịch là "nơi cha mẹ Ngài đã nuôi lớn Ngài" hay "nơi Ngài lớn lên" hoặc "nơi Ngài sinh sống khi còn nhỏ”

Theo thói quen của Ngài

"Như Ngài vẫn thường làm". Ngài vẫn thường đi đến nhà hội vào ngày Sa-bast.

Ngài được trao cho cuộn sách tiên tri Ê-sai

Cụm từ nầy có thể được dịch thành thể chủ động, như “Ngươ ta trao cho Ngài cuộn sách tiên tri Ê sai "

Cuộn sách tiên tri Ê-sai

Nói về sách Ê-sai được viết trên một cuộn giấy. Ê-sai đã viết ra những lời nầy đã nhều năm về trước, và có người khác đã chép chúng lại trên một cuộn giấy.

chỗ có chép rằng

"chỗ trong cuộn giấy có chép rằng” hoặc “có chỗ trong cuộn giấy chép rằng”

Luke 4:18

Thánh Linh của Chúa ngự trên ta

"Đức Chúa Trời ở cùng ta theo phương cách đặc biệt".

để tuyên bố tự do cho kẻ bị cầm tù

Cụm từ nầy có thể được dịch là "cho những kẻ đang chịu cảnh tù đày biết rằng họ sẽ được tha" hay "giải phóng những tù binh chiến tranh".

Khiến kẻ mù được sáng

"tuyên bố kẻ mù sẽ được nhìn thấy” hay "ban sự sáng cho kẻ mù" hoặc "khiến cho kẻ mù lại được nhìn thấy"

Trả tự do kẻ bị hà hiếp

"trả tự do cho những người bị ngược đãi"

rao ra năm tốt lành của Chúa

Cụm từ nầy có thể được dịch là "loan báo đây là năm mà Chúa sẽ tỏ ra sự nhân từ Ngài" hay "nói cho mọi người biết rằng Chúa đã sẵn sàng xuống phước cho dân sự Ngài"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Luke 4:20

Nhân viên nhà hội

Cụm từ này nói đến người làm công trong nhà hội, là người chịu trách nhiệm bảo quản và tôn trọng các cuộn Kinh Thánh khi đem ra và cất vào.

Đổ dồn về Ngài

"tập trung về Ngài" hay "nhìn Ngài"

Lời Kinh Thánh mà các ngươi vừa nghe đã được ứng nghiệm

Cụm từ nầy có thể được dịch thành “Trong khi các ngươi còn đang nghe những lời tiên tri trong sách nầy thì nó đã được ứng nghiệm rồi”. Chúa Giê-xu tuyên bố rằng qua các công việc cũng như lời giảng của mình, Ngài đã làm ứng nghiệm lời tiên tri đó.

Lấy làm lạ về các lời đầy ơn lành ra từ miệng Ngài

"ngạc nhiên về những lời đầy ơn mà Ngài đang nói". Ở đây, từ "đầy ơn" có thể chỉ về cách trình bày suôn sẻ và hùng hồn của Chúa Giê-xu. Hoặc cụm từ có ý nói rằng Chúa Giê-xu đang nói về ân điển của Đức Chúa Trời.

Đây chẳng phải là con Giô-sép ư?

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Chẳng phải người nầy chỉ là con của Giô-sép thôi sao?” hoặc “Người nầy là con Giô-sép mà!” hoặc "Cha của ông ta là Giô-sép thôi!" Dân chúng đinh ninh Giô-sép là cha của Chúa Giê-xu. Giô-sép chẳng phải là nhà lãnh đạo tôn giáo, vậy nên người ta mới lấy làm lạ khi thấy con trai ông lại đi rao giảng về những điều cha mình đã làm.

Luke 4:23

Thông tin Tổng quát:

Na-xa-rét là thành phố mà Chúa Giê-xu đã lớn lên.

không một đấng tiên tri nào được thừa nhận tại chính quê hương mình

Chúa Giê-xu đã quở trách dân chúng vì từ chối tin theo Ngài chỉ vì họ tưởng mình đã biết về Ngài.

Chính quê hương mình

Cụm từ nầy có thể được dịch là "chính thành của mình" hay "quê nhà”

Luke 4:25

Thông tin Tổng quát:

Chúa Giê-xu nhắc những người đang nghe lời Ngài giảng trong nhà hội, nhớ lại lời tiên tri Ê-li đã nói.

Ta nói thật cùng các ngươi

"Ta thành thật nói cùng các ngươi". Mệnh đề nầy được dùng để nhấn mạnh tầm quan trọng, tính chân thật và chính xác cho lời tuyên bố theo sau.

Nhiều đàn bà goá

Bà goá là người nữ có chồng đã qua đời.

Trong thời Ê-li

Cụm từ nầy có thể được dịch thành "khi Ê-li còn nói tiên tri trong Y-sơ-ra-ên". Những người đang nghe Chúa Giê-xu giảng dạy chắc hẳn phải biết Ê-li là tiên tri của Đức Chúa Trời. Nếu như độc giả của bạn không biết thông tin ngầm hiểu nầy thì bạn có thể nêu rõ luôn, như trong bản dịch UDB.

khi trời bị đóng chặt không có mưa

Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi chẳng có mưa từ trời xuống" hay "khi chẳng có mưa chi hết". Đây là một ẩn dụ trong đó bầu trời được phác họa như trần nhà đã bị đóng chặt để ngăn không cho nước từ trên cao rơi xuống đất như mưa.

Khi ấy có nạn đói lớn

"khi thức ăn bị thiếu hụt trầm trọng" hay "khi người ta không có đủ thức ăn". Nạn đói diễn ra trong một thời gian dài khi mùa màng không cung ứng đủ thức ăn cho con người.

một đàn bà goá sống ở Sa-rép-ta

Dân chúng sống trong thị trấn Sa-rép-ta là dân ngoại, chớ không phải dân Do thái. Cụm từ nầy có thể được dịch là “một bà goá ngoại bang sinh sống tại Sa-rép-ta". Những người đang nghe Chúa Giê-xu sẽ hiểu rằng dân Sa-rép-ta là dân ngoại.

Na-a-man, người Sy-ri

Người Sy-ri tức là người xuất thân từ nước Sy-ri. Dân Sy-ri là dân ngoại, không phải người Do thái. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Na-a-man là dân ngoại đến từ xứ Sy-ri".

Luke 4:28

Ép Ngài ra khỏi thành

Cụm từ nầy có thể được dịch là "buộc Ngài phải rời khỏi thành".

đỉnh núi

"đỉnh vách đá”

Qua ngay chính giữa họ

Từ “ngay” ở đây có nghĩa tương tự với từ “gần như”.Nó không có nghĩa cản trở Chúa rời khỏi đám đông. “Qua ngay chính giữa họ” hoặc “ở giữa đám đông đang cố giết Ngài”.

Tiếp tục đi

“rời khỏi”.Chúa Giê-xu tiếp tục cuộc hành trình thay vì đi đến nơi đám đông ép Ngài phải đi.

Luke 4:31

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu đi đến thành Ca-bê-na-um, dạy dỗ trong nhà hội tại đó, và đuổi quỉ ra khỏi một người đàn ông.

Ngài đi xuống

"Chúa Giê-xu đi xuống núi". Ca-bê-na-um nằm ở độ cao thấp hơn so với Na-xa-rét.

Thành Ca-bê-na-um, thuộc xứ Ga-li-lê

Bởi lúc đó, Chúa Giê-xu đã có mặt tại xứ Ga-li-lê rồi nên cụm từ nầy có thể được dịch là "Ca-bê-na-um, một thành khác trong xứ."

Kinh ngạc

"rất đỗi ngạc nhiên" hay "bị ấn tượng"

Ngài dùng quyền phép mà phán

Cụm từ nầy có thể được dịch là "lời Ngài đầy uy quyền" hay "Ngài phán giống như một người có thẩm quyền"

Luke 4:33

Hôm ấy

Từ này được dùng để biểu thị phần giới thiệu nhân vật mới trong câu chuyện, trong trường hợp này là người bị quỉ ám.

người bị tà ma ám

"người bị ám bởi một tà linh "

Người la lớn

"người kêu lớn tiếng". Một số ngôn ngữ thì có thành ngữ cho ý này, ví dụ như: “La muốn bể phổi”

Giê-xu Na-xa-rét, chúng tôi có liên quan gì đến Ngài?

Đây là câu trả lời gây chiến, có nghĩa là: “Hỡi Giê-xu người Na-xa-rét, chúng ta có liên quan gì đến ngươi?” Hoặc “Chúng ta chẳng liên quan gì đến ngươi cả, hỡi Giê-xu người Na-xa-rét!” Tham khảo: “Ngươi không có quyền làm phiền chúng ta, hỡi Giê-xu người Na-xa-rét!”

Luke 4:35

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Chúa Giê-xu quở tà linh, mà rằng
"Chúa Giê-xu mắng tà linh, mà rằng" hay "Chúa Giê-xu nghiêm khắc phán cùng ma quỉ"
ra khỏi người nầy
Cụm từ nầy có thể được dịch là "để người nầy yên" hay "không quầy rầy người nữa"
Đạo đó là gì?
Đây là câu hỏi mang tu từ. Dân chúng đang tỏ ra kinh ngạc quá đỗi khi thấy Chúa Giê-xu quyền ra lệnh cho ma quỉ phải ra khỏi một người. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Những lời nầy thật đáng kinh ngạc" hoặc "những lời của ông ta thật đáng kinh ngạc!"
Người lấy quyền phép ra lệnh cho tà ma
"Người có quyền phép ra lệnh cho tà ma"
Vậy, tin đồn về Ngài lan truyền khắp nơi trong vùng chung quanh đó
Đây là lời nhận xét về việc đã xảy ra sau câu chuyện nối tiếp theo các sự kiện trong câu chuyện đó.
Tin tức về Ngài bắt đầu đồn ra
"danh tiếng của Chúa Giê-xu bắt đầu lan truyền" hoặc "dân chúng đồn ra những tin tức về Chúa Giê-xu"
Luke 4:38
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu vẫn ở tại Ca-bê-na-um, nhưng giờ đây Ngài đang ở tại nhà của Si-môn, tại đó Ngài đã chữa lành cho bà gia của Si-môn và nhiều người khác.
Bà đang bị sốt nặng
Trong một số ngôn ngữ người ta sẽ nói "bà bị ốm và da bà rất nóng"
Bà gia Si-môn
Bà gia - "mẹ vợ của Si-môn"
Vậy Ngài đứng
Từ "vậy" biểu thị cho một sự kiện đã xảy ra theo sau sự kiện trước đó. Trong trường hợp này, người ta thay mặt cho bà gia của Si-môn mà cầu xin Chúa chữa lành cho bà.
Quở cơn rét
"nghiêm khắc ra lệnh cho cơn rét" hay "ra lệnh cho cơn rét lìa khỏi bà" (Tham khảo bản dịch UDB). Cụm từ nầy có thể được dịch là "ra lệnh cho da bà phải mát trở lại" hay "ra lệnh căn bệnh phải lìa khỏi bà"
Luke 4:40
Các quỷ...chúng la lớn lên rằng: "Ông là Con Đức Chúa Trời!"
Ma quỷ sợ Chúa Giê-xu vì Ngài là Con Đức Chúa Trời.
kêu khóc
"gào thét" hay "la lớn"
Con Đức Chúa Trời
Đây là danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu.
quở nặng ma quỷ
"nghiêm khắc phán với ma quỷ"
không để chúng
"không cho phép chúng"
Luke 4:42
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục giảng ở các nhà hội khác trong xứ Giu-đê
Vừa rạng sáng
"Khi mặt trời mọc" hay "lúc bình minh"
nơi vắng vẻ
"nơi hoang vắng" hay "nơi không có ai sinh sống" hoặc "nơi không có người"
Qua các thành phố khác
Cụm từ nầy có thể được dịch là "đến với những người ở các thành khác"
Đây chính là lí do mà ta được sai đến đây
Có thể dịch thành mệnh đề chủ động: "Đây chính là lí do Đức Chúa Trời đã sai ta đến đây"

Translation Questions

Luke 4:1
Ai đưa Chúa Giê-xu vào trong đồng vắng?
Đức Thánh Linh đưa Chúa Giê-xu vào trong đồng vắng.
Luke 4:3
Ma quỉ thách Chúa Giê-xu làm gì với những hòn đá trên mặt đất?
Ma quỉ bảo Chúa Giê-xu hoá đá thành bánh.
Luke 4:5
Ma quỉ tỏ ra điều gì với Chúa Giê-xu từ trên chỗ cao kia?
Ma quỉ tỏ ra cho Chúa Giê-xu mọi nước thế gian.
Luke 4:8
Đâu là phản ứng của Chúa Giê-xu đối với ma quỉ?
Ngươi đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời ngươi.
Luke 4:9
Ma quỉ bảo Chúa Giê-xu phải làm gì khi hắn đưa Ngài lên nóc cao của đền thờ?
Hắn bảo Chúa Giê-xu nhảy xuống từ nơi đó.
Luke 4:12
Đâu là phản ứng của Chúa Giê-xu đối với ma quỉ?
Ngươi đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời ngươi.
Luke 4:28
Dân sự trong nhà hội làm gì khi họ nghe các trường hợp nầy từ Chúa Giê-xu?
Họ tức giận lắm và muốn quăng Ngài xuống sườn núi.
Luke 4:40
Chúa Giê-xu làm gì cho kẻ đau được đưa đến cùng Ngài?
Chúa Giê-xu đặt tay lên từng người và chữa lành cho họ.

Chapter 5
Luke 5:1
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu đứng trên thuyền của Si-môn Phi-e-rơ để giảng bên hồ Ghê-nê-sa-rết.
Khi ấy, chuyện xảy ra như vầy
Cụm từ nầy được dung ở đây để mở đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách khác thì nên áp dụng ở đây.
giặt lưới mình
Họ đang làm sạch lưới đánh cá để có thể sử dụng trong lần đánh bắt tiếp theo.
bảo người chèo thuyền ra khỏi bờ
"bảo Phi-e-rơ chèo thuyền ra xa bờ một chút"
Ngài ngồi xuống mà dạy dỗ dân chúng
Ngồi là tư thế giảng dạy thường thấy ở một giáo sư.
Từ trên thuyền mà dạy dỗ dân chúng
"Ngài ngồi trên thuyền mà dạy dỗ dân chúng". Chúa Giê-xu ngồi trên chiếc thuyền ở cách xa bờ một chút mà giảng cho

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

dân chúng đang ở trên bờ.
Luke 5:4
khi Ngài đã phán xong
"khi Chúa Giê-xu giảng dạy dân chúng xong"
Chủ
Nguyên bản gốc của từ “Chủ” (master) nầy trong tiếng Hi-Lạp không có nghĩa như từ “chủ” thường thấy. Từ “Chủ” (master) trong nguyên ngữ Hi-Lạp chỉ về một người có thẩm quyền, không người sở hữu nô lệ.Bạn cũng có thể dịch thành “Ông Chủ” hoặc “Quản Đốc” hoặc dùng từ thường dùng để chỉ một người có thẩm quyền như “Ngài”.
theo lời Ngài
"vì lời Ngài" hay "vì Ngài bảo tôi làm việc nầy"
Ra hiệu
Lúc nầy, họ đang ở quá xa bờ để có thể gọi ai đó, vì vậy họ đã làm hành động nào đó, có thể là vẫy tay.
chúng gần chìm
“mấy chiếc thuyền sắp chìm”. Nếu cần thiết để giúp người đọc hiểu hơn thì có thể trình bày luôn phần thông tin ngầm hiểu: “mấy chiếc thuyền gần chìm vì nặng do cá quá nhiều”
Luke 5:8
Quỳ xuống ngang đầu gối Chúa Giê-xu
Có thể hiểu: 1) "sấp mình xuống nơi chân Chúa Giê-xu" hay 2) "nằm xuống chỗ nơi chân Chúa Giê-xu” hay 3) "quì xuống trước mặt Chúa Giê-xu". Không phải Phi-e-rơ ngẫu nhiên sấp mình xuống. Ông làm như vậy để tỏ sự hạ mình cũng như bày tỏ lòng tôn trọng dành cho Chúa Giê-xu.
người có tội
Từ ngữ ở đây nói tới "người" ý nói "một người nam trưởng thành", chứ không phải là “con người” nói chung.
Ngươi sẽ đánh lưới người
Từ “đánh lưới” ở đây được dùng như một ẩn dụ nói về việc gom người ta đi theo Chúa Cứu Thế. Cụm từ nầy có thể được dịch với ẩn dụ như trong “ngươi sẽ đánh lưới người”. Cụm từ nầy cũng có thể được dịch không cần ẩn dụ như trong “ngươi sẽ nhóm người ta lại” hoặc “ngươi sẽ đem người ta vào”
Luke 5:12
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu chữa lành một người phong ở một thành phố mà trước giả không ghi lại tên.
Khi
Cụm từ này đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.
Người sấp mặt xuống đất
"người ấy sấp mình xuống đất" (Tham khảo bản dịch UDB) hay "người ấy quì xuống và mặt người chạm đất"
nếu Chúa sẵn lòng
"nếu Chúa muốn"
Luke 5:14
Không được nói với ai
Câu trích dẫn gián tiếp, có thể dịch sang câu mệnh lệnh trực tiếp "Không được kể với ai". Phần thông tin ngầm hiểu "rằng ngươi đã được chữa lành"
dâng của lễ về sự tinh sạch
Luật pháp quy định một người sau khi đã được sạch phải dâng một loại của lễ đặc trưng. Việc nầy nhằm công nhận người ấy đã được sạch về mặt nghi thức, và lại có thể tham dự vào các lễ nghi tôn giáo.
Để làm bằng chứng cho họ
"để làm bằng chứng cho các thầy tế lễ" hay "hầu cho các thầy tế lễ sẽ biết rằng ngươi thực sự đã được lành". Các thầy tế lễ trong đền thờ sẽ đối diện với một thực tế là Chúa Giê-xu đã chữa lành bịnh phung của người nầy.
Luke 5:15
Các tin đồn về Ngài
"các tin tức về Chúa Giê-xu". Có thể hiểu một là "tin đồn về việc Chúa Giê-xu chữa lành cho người đàn ông nọ" hay "tin đồn về việc Chúa Giê-xu chữa lành con người"
Tin đồn về Ngài lan truyền ngày một xa
"tin đồn về Ngài càng ngày càng vang xa" hay "người ta cứ đồn về Ngài ở nhiều nơi khác"
Những nơi đồng vắng
"những nơi vắng vẻ" hay "những nơi yên tĩnh" hoặc "những nơi không có người"
Luke 5:17
Câu Liên kết:
Một ngày nọ khi Chúa Giê-xu đang giảng trong một ngôi nhà, một số người đem một người bại đến để Chúa chữa lành.
Chuyện xảy ra như vầy...
Ở đây, cụm từ này được sử dụng để mở đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ bạn dùng có cách để mở đầu một câu chuyện thì có thể xem xét sử dụng nó ở đây.
Luke 5:18
Bấy giờ có mấy người khiêng
Đây là những nhân vật mới trong câu chuyện. Có thể ngôn ngữ bạn dùng có cách giới thiệu đây là những nhân vật mới. Tham khảo cách dịch: “Có mấy người đàn ông khiêng đến” hoặc “Có mấy người đàn ông khiên”
chiếu
Cụm từ nầy có thể được dịch là "tấm lót để ngủ" hay "giường" hoặc "cáng" hoặc “ghế dài”.
đau bại
"không thể tự cử động"
Và họ không tìm được cách nào để khiêng người vào vì cớ đoàn dân đông
Đối với một số ngôn ngữ, thì câu văn nghe sẽ tự nhiên hơn khi hoán đổi trật tự từ. "Nhưng vì người ta đông quá nên họ không tìm được cách nào để đưa người vào trong. Vì vậy...."
họ trèo lên mái nhà
Những ngôi nhà ở đây có mái bằng phẳng, một số nhà còn có thang bắc lên hay cầu thang ở bên ngoài để đi lên được dễ dàng.
ngay trước mặt Ngài
"ngay trước mặt Chúa Giê-xu" hoặc “gần ngay trước mặt Chúa Giê-xu”
Luke 5:20
Nầy người kia
Đây là cách nói chung chung mà người ta thường dùng khi nói chuyện với một người mà họ chẳng biết tên. Cách nói nầy không bất lịch sự nhưng đồng thời cũng không bày tỏ sự tôn trọng đặc biệt nào cả. Một số ngôn ngữ có thể dịch thành "bạn" hay "anh" hoặc "ông".
tội lỗi ngươi đã được tha
"ngươi đã được tha tội" hay "ta tha tội ngươi" (Tham khảo bản dịch UDB)
Bàn về điều nầy
"ngươi đã được tha tội" hay "ta tha tội ngươi" (Tham khảo

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bản dịch UDB)

Người nầy là ai mà nói phạm thượng?

Câu hỏi tu từ nầy cho thấy họ đã kinh ngạc và giận dữ như thế nào về những lời của Chúa Giê-xu. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Người nầy đang nói phạm đến Đức Chúa Trời" hay "Hắn nói như thế là đang phạm đến Đức Chúa Trời" hoặc "Hắn nghĩ mình là ai mà dám phạm đến Đức Chúa Trời như thế?"

Ngoài Đức Chúa Trời ra, ai có quyền tha tội?

Câu hỏi tư từ nầy có thể được dịch là "Ngoài Đức Chúa Trời, chẳng có có quyền tha tội" hay "Đức Chúa Trời là Đấng duy nhất có quyền tha tội". Phần thông tin ngầm hiểu ở đây là nếu một người tuyên bố tha tội nghĩa là người đó có ý nhận mình là Đức Chúa Trời.

Luke 5:22

Sao các ngươi lại nghi ngờ điều nầy trong lòng?

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Các ngươi không nên tranh cãi điều nầy trong lòng" hay "Các ngươi không nên nghi ngờ về việc ta có quyền tha tội"

trong lòng

Đây là thành ngữ chỉ một bộ phận của con người có thể suy nghĩ. Trong một số ngôn ngữ thì lươc bỏ từ này sẽ khiến câu văn tự nhiên hơn.

Nói điều nào dễ hơn

Chúa Giê-xu sử dụng câu hỏi tu từ nầy để chuẩn bị tư tưởng cho những người nầy, giúp họ có thể liên hệ quyền tha tội của Ngài với phép lạ chữa bệnh mà Ngài sắp thực hiện đây. Câu hỏi nầy có thể được dịch thành: “Nói: “Tội ngươi đã được tha” không thôi thì dễ lắm, nhưng chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có thể khiến người bại này nầy 'đứng dậy mà đi"

để các ngươi biết

Chúa Giê-xu đang phán với các thầy thông giáo và người Pha-ri-si. Từ "các ngươi" ở dạng số nhiều.

Con Người

Chúa Giê-xu đang nói về chính mình.

Ta bảo ngươi

Chúa Giê-xu đang nói với kẻ bại. Chữ "ngươi" ở số ít.

Luke 5:25

Tức thì

"ngay tức khắc" hay "ngay lúc đó"

đầy sợ hãi

"rất sợ hãi" hay "đầy kinh hãi"

những việc lạ thường

"những việc lạ lùng" hay "những việc kỳ lạ"

Luke 5:27

Câu Liên kết:

Sau khi Chúa Giê-xu ra khỏi nhà đó, Ngài gọi Lê-vi đi theo Ngài, ông một người thâu thuế Do Thái. Lê-vi chuẩn bị một bữa tiệc đãi Chúa Giê-xu, chính việc này làm các thầy thông giáo và người Pha-ri-si khó chịu.

Sau những việc đó

Cụm từ nầy đề cập đến những việc xảy ra trong các câu trước.

thấy một người thâu thế

Nghĩa là "chú ý đến một người thâu thuế" hay "nhìn kỹ người thâu thuế"

chỗ thâu thuế

"quầy thu thuế" hay "trạm thu thuế". Đây là một cái quầy hoặc cái bàn kê ngay bên đường, dân chúng sẽ phải nộp thuế cho chính quyền tại đó.

hãy theo ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Hãy làm môn đồ ta" hay "Hãy đến và theo ta như thầy của ngươi"

bỏ hết mọi sự

"từ bỏ công việc thu thuế của người"

Luke 5:29

Câu Liên kết:

Trong bữa ăn, Chúa Giê-xu nói với người Pha-ri-si và thầy thông giáo.

tại nhà mình

"tại nhà Lê-vi"

ngồi tựa vào bàn

Cụm từ nầy có thể được dịch thành "tại bàn" hay "ngồi tại bàn". Trong một bữa tiệc, cách người Hi-lạp dùng bữa là nằm nghiêng trên một chiếc ghế dài, tay trái đặt trên mấy cái gối chống phần người trước lên.

với các môn đồ của Ngài

"với các môn đồ của Chúa Giê-xu"

Sao các ngươi ăn uống

Người Pha-ri-si và các thầy thông giáo dùng một câu hỏi tu từ để tỏ thái độ không đồng tình về việc các môn đồ của Chúa Giê-xu ăn uống chung với những kẻ có tội. Từ "các ngươi" ở dạng số nhiều. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Các ngươi không nên ăn uống với những kẻ có tội!"

thầy thuốc

"thầy thuốc" hay "bác sĩ"

Luke 5:33

họ nói với Ngài rằng

"những nhà lãnh đạo tôn giáo nói với Chúa Giê-xu"

Có ai nào ...

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi tu từ nầy khiến người nghe nghĩ đến tình huống mà mình vốn đã biết . Cụm từ nầy có thể được dịch là "Chẳng ai bảo khách dự tiệc cưới chàng rể phải kiêng ăn trong khi chàng rễ vẫn còn ở với họ"

khách dự tiệc cưới

"khách" hay "bạn bè". Những người nầy là bạn bè chung vui với người đang thành hôn.

Nhưng sẽ có một ngày khi

"Nhưng ngày nào đó" (Tham khảo bản dịch UDB) hay "Nhưng chẳng bao lâu nữa"

chàng rể sẽ bị đem đi khỏi họ

Đây là một ẩn dụ. Chúa Giê-xu đang phán về chính Ngài. Cụm nầy sẽ rõ ý hơn khi thêm vào câu "Cũng như vậy, môn đồ của ta không thể kiêng ăn đang khi ta vẫn còn đang ở với họ"

Luke 5:36

Thông tin Tổng quát:

Chúa Giê-xu kể một câu chuyện cho các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đang ở nhà Lê-vi nghe.

chẳng ai xé

"Không ai xé" hay "Người ta chẳng bao giờ xé”

vá

"repair"

không thích hợp với

"không phù hợp” hay "không giống với”

Luke 5:37

không ai đổ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Chẳng ai đổ" (Tham khảo bản dịch UDB) hay "Người ta sẽ chẳng bao bao giờ đổ”

rượu mới

"nước nho ép". Từ nầy chỉ rượu vẫn chưa lên men.

bầu da

Đây là túi làm từ da thú. Chúng cũng được gọi là "túi rượu" hay "túi da" (Tham khảo bản dịch UDB).

rượu mới sẽ làm nứt bầu

"khi rượu mới lên men và nở ra, nó sẽ làm nứt bầu da cũ vì bầu da cũ không còn khả năng giãn nở nữa". Những người ngồi nghe Chúa Giê-xu giảng biết phần thông tin ngầm nói về việc rượu lên men và nở ra.

rượu sẽ bị đổ ra

"rượu sẽ chảy khỏi bầu"

bầu mới

"bầu mới" hay "túi rượu mới". Từ nầy nói đến những túi rượu chưa được sử dụng lần nào.

rượu cũ

"rượu đã lên men"

Người ấy nói rằng: “Rượu cũ ngon hơn”

Sẽ dễ hiểu hơn khi thêm vào: "và vì thế mà người không muốn thử rượu mới". Đây là một ẩn dụ đối chiếu nhằm làm rõ sự tương phản giữa những lời dạy cổ hũ của các nhà lãnh đạo tôn giáo với những sự giảng dạy mới của Chúa Giê-xu. Vấn đề ở đây là những người đã quen với lối giảng dạy cổ hũ sẽ không muốn nghe những điều mới mà Chúa Giê-xu đang giảng dạy.

Translation Questions

Luke 5:4

Sau khi sử dụng thuyền của Si-môn làm chỗ dạy dỗ dân sự, Chúa Giê-xu yêu cầu Si-môn làm gì với thuyền của ông ta?

Hãy chèo ra ngoài sâu, thả lưới mà đánh cá.

Luke 5:8

Si-môn muốn Chúa Giê-xu phải làm gì? Tại sao?

Si-môn muốn Chúa Giê-xu lìa khỏi ông vì Si-môn biết mình là người có tội.

Luke 5:15

Vào thời điểm nầy, có bao nhiêu người đến đó đặng nghe Chúa Giê-xu dạy dỗ và được chữa lành bệnh tật của họ?

Nhiều đoàn dân đông đến với Chúa Giê-xu.

Luke 5:20

Chúa Giê-xu nói gì với người đau bại, khi bạn hữu dòng người xuống từ mái nhà?

Hỡi người, tội lỗi ngươi đã được tha.

Luke 5:36

Trong thí dụ của Chúa Giê-xu, điều gì sẽ xảy ra khi miếng vá mới vá cái áo cũ?

Cái áo mới sẽ rách đi, và không phù hợp với cái áo cũ.

Luke 5:37

Trong thí dụ thứ hai của Chúa Giê-xu, điều chi sẽ xảy ra nếu rượu mới được đổ vào bầu da cũ?

Bầu da cũ sẽ nứt đi và rượu mới sẽ chảy mất.

Chapter 6

Luke 6:1

Câu Liên kết:

Bấy giờ Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài đi ngang qua một ruộng lúa trong khi đó một số người Pha-ri-si bắt đầu chất vấn các môn đồ về việc họ đang làm trong ngày Sa-bát, mà thiếu theo luật pháp của Chúa, thì ngày đó phải được dành riêng cho Chúa.

Thông tin Tổng quát:

Đại từ “các ông” ở đây là số nhiều, nói đến các môn đồ.

Vào một ngày

Ở đây, cụm từ này được dùng để mở đâu cho một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để diễn đạt ý nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.

Những cánh đồng lúa mì

Trong trường hợp nầy, đây là những phần đất rộng lớn mà người ta đã gieo hột giống lúa mì và chúng sẽ phát triển lên tại đó.

bông lúa

Đây là phần cao nhất của cây lúa_ loại cây thân cỏ. Phần nầy chứa những hạt lúa đã chín của cây.

Sao các ngươi làm điều không nên làm trong ngày Sa-bát?

Cụm từ nầy có thể được dịch là: “Sao ngươi bứt bông lúa trong ngày Sa-bát?" Đây là câu hỏi tu từ, ngụ ý: "Bứt bông lúa trong ngày Sa-bát là trái với luật pháp của Đức Chúa Trời!" Chữ "các ngươi" ở dạng số nhiều, chỉ các môn đồ.

Luke 6:3

Các ngươi chưa đọc...

Đây là phần đầu của một câu hỏi tu từ. Chúa Giê-xu đang nhẹ nhàng quở trách họ vì không chịu học hỏi từ đó. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Chắc chắn các ngươi đã đọc" (Tham khảo bản dịch UDB) hay "Các ngươi nên học hỏi từ những gì các ngươi đã đọc"

bánh cung hiến

"bánh thánh" hay "bánh đã được dâng cho Đức Chúa Trời"

Con Người

Cụm từ nầy có thể được dịch là: "Ta, Con Người". Chúa Giê-xu đang nói về mình.

Chúa của ngày Sa-bát

"chủ của ngày Sa-bát". Cụm từ nầy có thể được dịch là "có quyền quyết định điều gì dân sự có thể làm trong ngày Sa-bát” (Tham khảo bản dịch UDB)

Luke 6:6

Câu Liên kết:

Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si dòm ngó khi Chúa Giê-xu chữa lành cho một người bị teo bàn tay phải vào ngày Sa-bát.

Thông tin Tổng quát:

Bấy giờ là một ngày Sa-bát khác và Chúa Giê-xu đang ở trong nhà hội.

Chuyện xảy ra như vầy

Cụm từ nầy được dùng để mở đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt ý nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.

bàn tay bị teo

Bàn tay của người nầy bị tổn thương thể nào đó khiến người không thể duỗi thẳng tay được. Có lẽ nó gần như bị dồn lại thành như nắm đấm vậy, khiến bàn tay người nhỏ hơn và nhăn nheo.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cẩn thận theo dõi Ngài
"theo dõi Chúa Giê-xu cách cẩn thận"
Để họ có thể tìm thấy
Cụm từ nầy có thể được dịch là "vì họ muốn tìm ra"
giữa mọi người
Cụm từ nầy có thể được dịch là "trước mặt mọi người" (Tham khảo bản dịch UDB). Chúa Giê-xu muốn người nầy đứng ra chỗ mà mọi người đều có thể nhìn thấy người.
Luke 6:9
cùng họ
"cùng những người Pha-ri-si"
...có hợp lệ không?
Đây là một phần trong câu hỏi tu từ. Chúa Giê-xu muốn người Pha-ri-si suy nghĩ và thừa nhận rằng việc chữa bệnh trong ngày Sa-bát là hợp pháp. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Điều nào là hợp pháp? Làm việc lành" hay "Luật pháp Môi-se cho phép chúng ta làm gì?"
nên làm điều lành hay làm điều dữ
"nên giúp đỡ hay làm hại ai đó"
hãy duỗi thẳng tay ngươi ra
"giơ tay ngươi ra" hay "giang rộng tay ngươi ra"
trở lại bình thường
"được chữa lành"
Luke 6:12
Thông tin Tổng quát:
Sau khi đã cầu nguyện thâu đêm, Chúa Giê-xu chọn mười hai môn đồ.
Trong lúc đó
Cụm từ nầy được dùng ở đây mở đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức diễn đạt khác thì bạn có thể xem xét áp dụng ở đây.
Trong những ngày đó
"trong khoảng thời gian đó" hay "không lâu sau đó" hoặc "một ngày không lâu sao đó”
Ngài đi ra
"Đức Chúa Giê-xu đi lên"
chọn lấy mười hai người trong bọn họ
"Ngài chọn mười hai người trong bọn họ" hay "Ngài chọn mười hai người trong vòng các môn đồ"
Những người Ngài gọi là “sứ đồ”
"và Ngài gọi họ là “sứ đồ”" hay "Ngài chỉ định họ làm các sứ đồ" hoặc "Ngài lập họ làm sứ đồ"
Luke 6:14
Tên của các môn đồ là
Cụm từ giới thiệu tên nầy được thêm vào bản dịch ULB để làm rõ nội dung của bản danh sách nói về điều gì. Có thể một vài dịch giả không đưa cụm từ nầy ra.
Em người là Anh-rê
"Anh-rê em Si-môn"
Xê-lốt
có thể hiểu: 1) "người Xê-lốt" hay 2) "người nhiệt huyết". Ý nghĩa đầu tiên ngụ ý rằng ông là thành viên trong nhóm những người muốn giải phóng dân Do thái ra khỏi ách thống trị của người Lamã. Cụm từ nầy có thể được dịch là "người yêu nước" hay "người theo chủ nghĩa dân tộc". Ý nghĩa thứ hai cho thấy rằng ông là người sốt sắng muốn làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch là "sôi nổi".
Trở thành kẻ phản Ngài
Cụm từ nầy có thể được dịch là "phản bội bạn mình" hay "nộp bạn mình cho kẻ thù" hay "đặt bạn mình vào tình thế nguy hiểm khi đi thông tin cho kẻ thù biết về người đó"
Luke 6:17
Câu Liên kết:
Dù đặc biệt Chúa Giê-xu đang nói với các môn đồ Ngài, nhưng có nhiều người cũng ở đó lắng nghe Ngài.
với họ
"với mười hai người mà Ngài đã chọn" hay "với mười hai sứ đồ của Ngài"
và để được chữa bệnh
Cụm từ nầy có thể được dịch sang thể chủ động là "và để Chúa Giê-xu chữa bệnh cho mình". Nếu như vẫn chưa rõ để người đọc hiểu rằng Chúa Giê-xu thực sự đã chữa lành cho họ, thì bạn có thể trình bày rõ ràng như sau: “và Chúa Giê-xu đã chữa lành cho họ"
gặp rắc rối với các tà linh
"bị tà linh quấy phá". Cụm từ nầy cũng có thể được dịch thành "bị tà linh điều khiển" hay "bị tà linh cầm giữ”. Tham khảo bản dịch UDB để xem cách dịch với câu chủ động.
cũng đều được lành
Cụm từ nầy có thể được dịch sang thể chủ động như "Chúa Giê-xu cũng chữa lành". Nếu nói rằng người ta đã được chữa lành khỏi các tà linh nghe không tự nhiên thì bạn có thể dịch thành "Chúa Giê-xu đã giải phóng họ” hoặc “Chúa Giê-xu khiến các tà linh lìa khỏi họ”
Quyền phép chữa lành ra từ Ngài
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Ngài có quyền phép để chữa lành cho người ta"
Luke 6:20
Phước cho các ngươi
Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại ba lần. Mỗi lần như vậy, cụm từ này cho thấy Đức Chúa Trời đang ban ơn cho ai đó hoặc hoàn cảnh của họ là khả quan hoặc suôn sẻ.
Phước cho các ngươi là những người nghèo khó
"Các ngươi là những người nghèo khó sẽ nhận lãnh ơn của Đức Chúa Trời" hay "Các ngươi là những người nghèo khó sẽ có lợi" hay "Thật lấy làm tốt thay cho các ngươi là những người nghèo khó" hoặc "Ích lợ thay cho các ngươi là những người nghèo khó"
vì vương quốc Đức Chúa Trời thuộc về anh em
Một số ngôn ngữ không có từ mô tả vương quốc, thì có thể dịch là, “vì Đức Chúa Trời là vua của các ngươi” hoặc “vì Đức Chúa Trời là Đấng cai trị của các ngươi.”
vì vương quốc của Đức Chúa Trời thuộc về các ngươi
"vương quốc của Đức Chúa Trời thuộc về các ngươi". Cụm từ nầy nghĩa 1) "các ngươi thuộc về vương quốc của Đức Chúa Trời" hay 2) "các ngươi sẽ có thẩm quyền trong vương quốc của Đức Chúa Trời". Nếu ở bạn không có từ nào để chỉ về “kingdom” (vương quốc) thì các thể nói: “Đức Chúa Trời là vua các ngươi" hay "Đức Chúa Trời là người cai trị ngươi""
các ngươi sẽ cười
"các ngươi sẽ vui cười " hay "các ngươi sẽ được vui mừng"
Luke 6:22
Phước cho các ngươi
“Các ngươi nhận được ơn của Đức Chúa Trời” hay “các ngươi có lợi” hoặc “Thật tốt cho các ngươi”
sẽ phân rẽ các ngươi ra khỏi họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"xua đuổi các ngươi" hay "chối bỏ các ngươi"
Loại bỏ tên các ngươi
Tham khảo cách dịch: "chối bỏ các ngươi"
vì cớ Con Người
"bởi vì Con Người" hay "vì các ngươi hiệp với Con Người" hoặc "vì họ chối bỏ Con Người"
Trong ngày đó
"khi họ làm những việc ấy" hay "khi điều đó xảy ra"
phần thưởng lớn lắm
"trả công hậu hĩnh" hay "những phần thưởng lớn vì cớ điều đó"
Luke 6:24
khốn thay cho các ngươi
Cụm từ nầy được lặp đi lặp lại ba lần. Cụm từ nầy trái ngược với "phước cho các ngươi". Mỗi lần như vậy, nó cho thấy cơn giận của Đức Chúa Trời nhằm thẳng vào dân sự, hoặc một điều gì đó tiêu cực hoặc xấu đang chờ đợi họ.
khốn cho các ngươi là những kẻ giàu có
“Thật khủng khiếp dường bao cho các ngươi là những kẻ giàu có” hay "hoạn nạn sẽ đến với các ngươi là người kẻ giàu có". Cụm từ nầy có thể được dịch là “Hỡi những kẻ giàu có, đáng buồn thay cho các ngươi” hoặc “Hỡi những kẻ giàu có, các ngươi sẽ có rầu rĩ dường bao”
Nguồn an ủi của mình
"điều an ủi anh em” hoặc “điều làm anh em thỏa mãn” hoặc “điều làm anh em vui”
những kẻ hiện đang no nê
"những kẻ bao tử đã no đầy" hay "những kẻ hiện ăn uống no say"
Những kẻ hiện đang cười
"những kẻ hiện đang vui vẻ"
Luke 6:26
khốn thay cho các ngươi
“Kinh khiếp thay cho các ngươi” hay “Hoạn nạn sẽ xảy đến cùng các ngươi” hoặc “Các ngươi sẽ phải buồn bã dường nào” hoặc “Các ngươi sẽ phải rầu rĩ”
khi mọi người
Nghĩa là "Khi hết thảy mọi người" hay "Khi ai nấy"
đối xử với các tiên tri giả như vậy
"khen tặng các tiên tri giả"
Luke 6:27
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục nói với các môn đồ Ngài và đoàn dân đông cũng đang lắng nghe Ngài.
Yêu ... làm ơn ... chúc phước ... cầu nguyện
Phải liên tục thực hiện từng mạng lịnh trong số bốn mạng lệnh nầy, không phải chỉ một lần là đủ.
yêu kẻ thù mình
"quan tâm đến kẻ thù mình" hay "làm ơn cho kẻ thù"
Những kẻ rủa sả mình
"kẻ nào thường rủa sả mình"
những kẻ ngược đãi mình
"những kẻ hay ngược đãi mình"
Luke 6:29
Còn những kẻ vả
"Nếu ai đánh"
má bên nầy
"một bên má của ngươi"
Cũng hãy đưa luôn má bên kia cho người
Cụm từ nầy có thể được dịch là "hãy xoay mặt để người vả luôn má bên kia"
đừng ngăn
"đừng ngăn họ giật lấy"
Hễ ai xin, hãy cho
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Nếu ai xin ngươi điều gì, hãy cho họ điều đó”
đừng đòi người
"đừng buộc người" hay "đừng yêu cầu"
Luke 6:31
Các ngươi muốn người ta làm cho mình thể nào, hãy làm cho người ta thể ấy
Trong một số ngôn ngữ, câu văn nghe sẽ tự nhiên hơn khi đảo trật tự từ trong câu. "Các ngươi nên làm cho người ta những điều các ngươi muốn họ làm cho mình" hay "Hãy đối xử với người ta theo cách các ngươi muốn họ đối xử với mình".
Có ơn nghĩa gì đâu?
Đây là câu hỏi tu từ. Có thể dịch thành lời tuyên bố "Các ngươi sẽ chẳng nhận được ơn gì cho điều đó” hoặc "Làm thế thì các ngươi sẽ được khen ngợi gì?” hay "Có ai cho rằng các ngươi đã làm một việc thật đặc biệt chăng?" hoặc "Các ngươi sẽ nhận được phần thưởng gì chứ?"
Luke 6:35
phần thưởng của các ngươi sẽ lớn
"các ngươi sẽ nhận được phần thưởng lớn" hay "các ngươi sẽ được trả công hậu hỉnh" hoặc "các ngươi sẽ nhận được nhiều sự ban cho tốt lành vì cớ việc ấy"
các ngươi sẽ là con của Đấng Chí Cao
Cụm từ "con của" là cách nói văn vẻ mang nghĩa là "giống như". Cụm từ nầy ý nói rằng những người yêu kẻ thù mình đang làm giống Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Các ngươi cư xử giống như con cái của Đức Chúa Trời Chí Cao" hay "các ngươi sẽ giống như Đức Chúa Trời Chí Cao". Phải chắc chắn rằng từ "con cái" ở dạng số nhiều để không bị nhầm lẫn với danh hiệu "Con Đức Chúa Trời" thuộc về Chúa Giê-xu.
người vô ơn và độc ác
"những kẻ không hề cảm tạ Ngài và kẻ gian ác"
Cha các ngươi
Cụm nầy nói về Đức Chúa Trời. Có thể diễn đạt rõ hơn:"Cha các ngươi ở trên trời".
Luke 6:37
Đừng xét đoán
"Đừng xét đoán người khác" hay "Đừng chỉ trích người khác"
và
Tham khảo: “Vì vậy"
Các ngươi khỏi bị đoán xét
Chúa Giê-xu không nêu rõ ai sẽ không đoán xét họ. Có thể hiểu: 1) "Đức Chúa Trời sẽ không đoán xét các ngươi" hay 2) "Không ai đoán xét các ngươi". Cả hai cách dịch đều nêu rõ ai sẽ không đoán xét họ.
đừng lên án
"Đừng lên án ai"
các ngươi khỏi bị lên án
Chúa Giê-xu không nếu rõ ai sẽ không lên án họ. Có thể hiểu: 1) "Đức Chúa Trời sẽ không lên án các ngươi" hay 2) "Không ai lên án các ngươi". Cả hai bản dịch nầy đều nêu rõ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ai sẽ không lên án họ.
các ngươi sẽ được tha thứ
Chúa Giê-xu không nói rõ ai sẽ tha thứ. Có thể hiểu: 1) "Đức Chúa Trời sẽ tha thứ các ngươi" hay 2) "Họ sẽ tha thứ các ngươi". Bản dịch thứ nhứt nêu rõ ai sẽ tha thứ cho họ.
Luke 6:38
các ngươi sẽ được cho lại
Chúa Giê-xu không nói cụ thể ai sẽ cho. có thể hiểu: 1) “ai đó sẽ cho lại các ngươi” hay 2) "Đức Chúa Trời sẽ ban lại các ngươi". Cả hai bản dịch nầy đều nêu rõ người cho.
đầy tràn ... vạt áo ngươi
Có thể đảo ngược vị trí trong câu và chuyển sang thể chủ động. "Họ sẽ đổ đầy vạt áo ngươi sau khi đã nhận xuống và lắc cho đến khi đầy tràn ra ngoài”. Chúa Giê-xu dùng ẩn dụ về người buôn gạo ban cho một số lượng gạo lớn. Có thể dùng phép so sánh để dịch câu nầy. "như một người người ép chặt gạo xuống, lắc và đổ nhiều gạo đến nỗi tràn ra ngoài, họ sẽ rời rộng ban cho các ngươi như vậy”
đầy dẫy
"một lượng lớn"
Các con sẽ được đong lại theo mức ấy
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Người ta cũng sẽ dùng đấu đó mà đong lại cho các ngươi " hay "Người ta sẽ đong lại cho các ngươi bằng đúng tiêu chuẩn đó”
Luke 6:39
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu lồng vào một số ví dụ để làm rõ điểm Ngài đang nói.
Người mù có thể dắt người mù được không?
Chúa Giê-xu đặt ra câu hỏi nầy để khiến đoàn dân nghĩ đến điều mà họ đã biết sẵn. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Người mù không thể dắt người mù, có đúng vậy không?" hay "Chúng ta đều biết rằng người mù không thể dắt một người mù khác".
Nếu người làm như vậy
Một số nơi có lẽ chọn dịch là: "nếu như vậy"
Không phải cả hai sẽ cùng té xuống hố sao?
Đây là một câu hỏi tu từ, có thể dịch thành "Lẽ nào cả hai sẽ không té xuống hố sao?" hay "Cả hai người sẽ té xuống cái hố" (Tham khảo bản dịch UDB).
Môn đồ không hơn thầy
Cụm từ nầy một là nói 1) "môn đồ không hiểu biết hơn thầy mình" hay 2) "môn đồ không có quyền hơn thầy mình". Cụm từ nầy có thể được dịch là "môn đồ không trội hơn thầy mình".
Người nào được huấn luyện đầy đủ
"môn đồ nào đã được huấn luyện tốt". Cụm từ nầy có thể được dịch sang thể chủ động: "môn đồ nào đã xong khóa huấn luyện” hoặc “môn đồ nào đã được thầy truyền đạt đầy đủ kiến thức”
Luke 6:41
Sao anh em thấy mẩu rơm bé tí
Đây là ẩn dụ cho hành động xét nét hoặc xét đoán người khác. Cụm từ nầy có thể được dịch giống như một sự sánh trong bản dịch UDB. "Sao các ngươi để ý ... Việc đó giống như ..."
vụn gỗ
Cụm từ nầy có thể được dịch là "mảnh vụn" hoặc "hạt bụi".
anh em
Ở đây cụm từ nầy chỉ về những anh em đồng hương Do thái hoặc một người anh em cũng đi theo Chúa Giê-xu.
Khúc gỗ lớn
Cụm từ nầy có thể được dịch là "cây đòn gỗ" hay "tấm ván"
Luke 6:43
Thông tin Tổng quát:
Chúa Giê-su so sánh con người với hai loại cây tốt và cây xấu.
vì
"bởi vì". Từ nầy liên kết sự thật rằng tính cách của chúng ta rồi sẽ bị phô bày như một lí do tại sao chúng ta không nên đoán xét anh em mình.
cây tốt
"cây khoẻ"
bị thối rữa
“bị thối". Từ nầy có thể được dịch là "xấu".
Từng loại cây được nhận biết
"nhận ra ". Cụm từ nầy có thể được dịch với một động từ chủ động, như "người ta biết cây" hay "người ta nhận biết một cây"
trái vả
Loại trái ngọt. Cây vả không có gai.
bụi gai
một loại cây hay cây bụi có gai
trái nho
Loại trái có vị ra từ dây nho. Cây nho không có gai.
bụi tầm xuân
Một loại dây leo hoặc cây bụi có gai.
Luke 6:45
Thông tin Tổng quát:
Chúa Giê-xu so sánh tư tưởng của con người với của cải trên đất.
người lành
"người lành". Chữ "lành" ở đây đề cập đến công bình hay sự nhơn đức về mặt đạo đức. Từ ngữ "người" ở đây đề cập đến một người, nam hay nữ. Cụm từ nầy có thể được dịch là "người lành" hay "người nhơn đức".
người lành bởi lòng chứa điều thiện
"những việc lành người giữ ở trong lòng" hay "những gì người đánh giá cao"
Sinh ra việc thiện
Tham khảo: “sống đời sống thiện lành” hoặc “sống đời sống bày tỏ điều thiện.”
điều thiện
"những việc lành"
vì do sự đầy dẫy trong lòng mà miệng nói ra
"những gì người nghĩ trong lòng tác động người nói ra với miệng mình" hay "những gì người đánh giá cao trong lòng quyết định điều người thốt ra nơi miệng mình". Cụm từ nầy có thể được dịch mà không cần tham khảo đến miệng và lòng, tỉ như "những gì một người nói ra cho thấy những gì người thường xuyên suy nghĩ đến" hay "những gì người suy nghĩ đến tác động những điều người nói ra"
Luke 6:46
một người kia cất nhà...
*Ẩn dụ nầy so sánh một người cất nhà trên vầng đá với một người sống đời sống mình chiếu theo sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu.
nền

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"cái nền" hay "nâng đỡ"

vầng đá

Đây là vầng đá rộng, cứng đặt sâu ở dưới đất.

xây nền trên vầng đá

"đào nền nhà cho sâu đủ để dựng lên" hay "xây nhà trên vầng đá". Một số xã hội có thể không quen thuộc với việc xây nhà trên nền đá. Trong các trường hợp đó, cụm từ nầy có thể được dịch theo một cách tổng quát hơn, tỉ như "đặt nền nhà vững chắc trên đất cứng".

nước tràn lan

"nước chảy nhanh" hay "sông"

dòng nước chảy mạnh xô vào

"đổ sầm vào"

vì đã cất chắc chắn

"vì người kia đã cất chắc chắn"

Luke 6:49

một người kia cất nhà...

Ẩn dụ nầy so sánh một người cất nhà không có nền với người không vâng theo sự dạy của Chúa Giê-xu.

không xây nền

Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhưng người không đào sâu xuống và dựng nền trước tiên"

nền

"cái nền" hay "nâng đỡ"

dòng nước chảy mạnh

"dòng nước chảy nhanh" hay "sông"

xô vào

"đổ sầm vào"

sụp xuống

"sụm xuống" hay "nát rời ra"

Translation Questions

Luke 6:1

Các môn đồ của Chúa Giê-xu làm gì vào ngày Sa-bát để người Pha-ri-si nói họ nghịch với luật pháp?

Họ đang bức gié lúa, lấy tay vò đi và ăn.

Luke 6:20

Chúa Giê-xu phán loại người nào sẽ được phước?

Người nào nghèo khó, đói khát, khóc lóc, và bị ghét vì cớ Con Người sẽ được phước.

Luke 6:22

Chúa Giê-xu phán loại người nào sẽ được phước?

Người nào nghèo khó, đói khát, khóc lóc, và bị ghét vì cớ Con Người sẽ được phước.

Luke 6:27

Chúa Giê-xu dạy các môn đồ Ngài phải đối xử thế nào với kẻ thù và những kẻ nào thù ghét họ?

Họ sẽ yêu thương kẻ thù của họ và làm lành cho người nào ghét họ.

Luke 6:35

Chúa Giê-xu dạy các môn đồ Ngài phải đối xử thế nào với kẻ thù và những kẻ nào thù ghét họ?

Họ sẽ yêu thương kẻ thù của họ và làm lành cho người nào ghét họ.

Đâu là thái độ của Đấng Rất Cao đối với hạng ngươi vô ơn và gian ác?

Ngài lấy nhân từ và lòng thương xót đối đãi họ.

Luke 6:45

Từ sự đầy dẫy điều lành trong tấm lòng của người lành phát ra điều gì?

Những gì phát ra từ tấm lòng của người lành là điều thiện.

Từ sự đầy dẫy điều ác trong tấm lòng của kẻ ác phát ra điều gì?

Những gì phát ra từ tấm lòng của kẻ ác là điều ác.

Luke 6:49

Lời lẽ của Chúa Giê-xu nói sao về người nào cất nhà mà không có nền?

Người ấy nghe lời của Chúa Giê-xu mà không vâng theo lời ấy.

Chapter 7

Luke 7:1

Thông tin Tổng quát:

Chúa Giê-xu vào thành Ca-bê-na-um tại đó Ngài chữa lành cho đầy tớ của viên đội trưởng.

dân chúng nghe rồi

Cụm từ nầy có thể được dịch là, “giảng cho những người đang đứng nghe” hay “cho dân chúng” hoặc “cho dân sự nghe”

Luke 7:2

đứa đầy tớ rất thiết nghĩa

"người mà thầy đội xem trọng" hay "người mà thầy đội thương mến"

nghe nói Đức Chúa Giê-xu

"vì ông ta đã nghe nói về Chúa Giê-xu"

chữa cho đầy tớ mình

"cứu đầy tớ mình để nó đừng chết" hay "giữ cho đầy tớ mình khỏi chết"

thầy đội thật đáng

"Thầy đội xứng đáng"

dân ta

"đồng bào ta". Cụm từ nầy đề cập đến dân Do thái.

Luke 7:6

Gần đến nơi

Tham khảo: “gần nhà”

đừng tự phiền

"đừng tự phiền do đi đến nhà của tôi". Cụm từ nầy có thể được dịch là "tôi không muốn quầy rầy ông". Thầy đội đang nói năng lễ phép với Chúa Giê-xu.

rước Chúa vào nhà tôi

"bước vào nhà tôi". "Bước vào nhà tôi" là một thành ngữ. Nếu ngôn ngữ của bạn có một thành ngữ ý nói "vào nhà tôi", hãy suy nghĩ thành ngữ ấy là tốt khi được sử dụng ở đây.

xin phán một lời

Cụm từ nầy có thể được dịch là "chỉ ra lịnh thôi". Người đầy tớ hiểu rõ Chúa Giê-xu có thể chữa lành qua việc “phán”.

thì đầy tớ tôi sẽ được lành

Cụm từ được dịch ở đây là "đầy tớ" thường được dịch là "con trai". Cụm từ nầy chỉ ra rằng đầy tớ hãy còn trẻ lắm, hay tỏ ra tình cảm của thầy đội dành cho nó.

đầy tới tôi

Cụm từ được dịch ở đây là "đầy tớ" là cụm từ đặc thù nói tới một tôi tớ.

Luke 7:9

Chúa Giê-xu rất ngạc nhiên về viên đội trưởng

"Ngài rất ngạc nhiên về viên đội trưởng "

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ta nói cùng các ngươi
Chúa Giê-xu thốt ra cụm từ nầy để nhấn mạnh việc đáng kinh ngạc mà Ngài sắp sửa nói với họ.
dầu trong dân Y-sơ-ra-ên, ta cũng chưa thấy một đức tin lớn dường ấy
Phần ám chỉ cho rằng Chúa Giê-xu trông mong dân Y-sơ-ra-ên phải có loại đức tin nầy, song họ không có. Ngài không mong dân Ngoại có loại đức tin nầy, tuy nhiên người nầy lại có. Bạn có thể thêm phần thông tin theo như Kinh Thánh có.
tên nầy rằng hãy đi
"người được viên sĩ quan Lamã sai đến cùng Chúa Giê-xu"
Luke 7:11
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu đến thành Na-in, tại đó Ngài chữa lành một người đã chết.
Bữa sau
Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu phần mở đầu cho chi tiết mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách mô tả nầy, bạn có thể xem xét sử dụng cách ấy ở đây.
Na-in
Đây là tên của một thành phố.
cửa thành
Cụm từ nầy có thể được dịch là "lối vào thành"
này, một người đã chết được
Chữ "khi" báo cho chúng ta phần giới thiệu người chết kia vào câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn sẽ có cách giới thiệu việc nầy. Anh ngữ sử dụng "có một người chết...".
một người chết đang được khiêng ra
Tham khảo: “người ta đang khiêng một người chết đi ra”
là con trai của mẹ goá kia
"con trai duy nhứt của một người đàn bà"
một góa phụ...Có khá nhiều người trong đoàn đưa tang cùng đi với bà
Đây là thông tin bối cảnh về người phụ nữ.
goá
Đây là người đàn bà có chồng đã qua đời.
động lòng thương xót người
"cảm thấy đau buồn cho người"
lại gần
Một số ngôn ngữ sẽ nói "rồi đi tới" hay "đến gần nhóm"
Cán gỗ dùng khiêng xác
Đây là cái cán hoặc giường được sử dụng để chuyển thi hài ra nơi chôn cất. Không phải là thứ đựng thi thể ở trong.
Ta biểu ngươi
Chúa Giê-xu phán câu nầy để nhấn mạnh thẩm quyền của Ngài. Nó có nghĩa là "hãy nghe Ta!"
người chết
"người đã chết". Người không phải mới chết; người đã chết.
Luke 7:16
Câu Liên kết:
Phần này nói đến kết quả của việc Chúa Giê-xu gọi người đã chết sống lại.
Ai nấy đều sợ hãi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "sợ hãi bắt lấy từng người một" hay "hết thảy họ đều lo sợ"
Đấng tiên tri lớn
Họ đang nói tới Chúa Giê-xu, chớ không phải nói tới vị tiên tri chưa xác định. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Vị tiên tri lỗi lạc nầy"
đã dấy lên giữa chúng ta
"đã đến ở cùng chúng ta" hay "đã hiện ra cùng chúng ta" hoặc "chúng ta đã thấy"
thăm viếng
"quan tâm đến"
Tin đồn về Chúa Giê-xu lan ra
“Tin đồn này” nói đến những việc mà người ta đã nói trong câu 16. Tham khảo: “Dân chúng đồn tin này về Chúa Giê-xu” hoặc “Người ta đồn với người khác về việc này của Chúa Giê-xu.”
Tin nầy
"Lời nầy" hay "sứ điệp nầy"
Luke 7:18
Câu Liên kết
Giăng sai hai môn đồ của ông đến hỏi Chúa Giê-xu.
trình lại
"nói cho Giăng biết"
hết cả chuyện đó
"mọi chuyện mà Chúa Giê-xu đã làm"
sai đến thưa cùng Chúa rằng
"(Giăng) sai họ đến cùng Chúa, bảo họ phải hỏi (Chúa Giê-xu)"
Đấng phải đến
Đây chắc chắn là một cách người ta nói tới Đấng sẽ đến
hay chúng tôi còn phải đợi
"chúng tôi phải đợi" hay "chúng tôi phải trông Đấng hầu đến"
Luke 7:21
Vả, chính giờ đó
"lúc bấy giờ"
mắc quỉ dữ
Cụm từ nầy có thể được dịch là "buông tha người ta ra khỏi các tà linh"
nhiều kẻ
"hạng người khốn khó"
report to John
"nói cho Giăng biết"
Phước cho kẻ không vấp phạm vì cớ ta
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Phước cho người nào tin ta không dứt vì cớ những việc làm của ta"
Kẻ nào
Một khi đây không phải là một nhân vật đặc biệt, cụm từ nầy có thể được dịch là "người nào" hay "bất kỳ ai" hoặc "hễ ai".
Không ngừng
"tiếp tục”
tin theo Ta
"hoàn toàn tin cậy ta"
Luke 7:24
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu bắt đầu nói với đoàn dân về Giăng Báp-tít.
Anh em đi xem gì...gió?
Chúa Giê-xu dùng cụm từ này trong ba câu hỏi để khiến người ta nghĩ về con người của Giăng Báp-tít. Tham khảo: “Các ngươi đi xem gì...gió? Tất nhiên là không!” hoặc “Chắc chắn các ngươi không đi xem...gió!”
cây sậy bị gió rung
Ẩn dụ nầy cũng có thể được dịch như một sự ví sánh: "một người giống như cây sậy bị gió rung". Có hai cách giải thích khả thi. 1) Loài sậy dễ bị gió rung, vì vậy nó có thể đề cập

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đến một người dễ bị tác động để đổi ý của mình. 2) Loài sậy tạo ra tiếng ồn khi gió thổi mạnh, cũng vậy nó có thể đề cập đến một người hay nói nhiều nhưng sự nói của người ấy chẳng kết quả nơi một việc gì quan trọng

ăn mặc tốt đẹp

"mặc quần áo đắt tiền". Hạng người giàu có ăn mặc loại quần áo nầy.

đền đài các vua

đền đài là ngôi nhà rộng rãi, đắt tiền có vua chúa ở trong đó.

song

"nếu các ngươi không đi ra để xem việc ấy, thế thì"

ta nói

Chúa Giê-xu phán điều nầy để nhấn mạnh tầm quan trọng của những điều Ngài sẽ phán kế đó.

trọng hơn tiên tri

"không phải một tiên tri bình thường đâu" hay "quan trọng hơn tiên tri bình thường"

Luke 7:27

Ấy là người mà lời sau đây nói đến

“Đấng tiên tri đó là Đấng mà các tiên tri đã viết về” hoặc “Giăng là người mà các tiên tri đã viết về từ đời xưa”

Này, Ta sẽ sai

Trong câu này, Chúa Giê-xu đang trích dẫn lời của tiên tri Ma-la-chi và nói rằng Giăng là sứ giả mà Ma-la-chi đã nói đến.

Trước mặt Con

“trước mặt ngươi” hoặc “đi trước mặt ngươi”

Của ngươi

Từ “của ngươi” là từ số ít vì Đức Chúa Trời đang phán với Đấng Mê-si-a trong phần trích đó.

Ta nói cùng các ngươi

Chúa Giê-xu đang phán cùng đoàn dân đông, vì vậy "các ngươi" ở số nhiều. Chúa Giê-xu phán điều nầy để nhấn mạnh sự thật về việc đáng ngạc nhiên mà Ngài sắp sửa nói tới.

những người bởi đàn bà sanh ra

"giữa vòng những người cùng với người mà một người nữ sanh ra". Đây là lối nói đề cập đến mọi người. Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "trong mọi người đã từng sống"

không có ai lớn hơn Giăng Báp-tít đâu

Cụm từ nầy có thể được dịch một cách tích cực là "Giăng là người quan trọng nhất".

người tầm thường nhất trong vương quốc Đức Chúa Trời

Câu này nói đến bất kỳ ai thuộc về vương quốc mà Đức Chúa Trời sẽ thiết lập.

còn lớn hơn

"tình trạng thuộc linh cao cả hơn Giăng"

Luke 7:29

Thông tin Tổng quát:

Lu-ca, trước giả của sách này, bình luận về cách người ta đáp ứng với Giăng và Chúa Giê-xu.

đều công nhận rằng Đức Chúa Trời là công bình

“họ nói rằng Đức Chúa Trời đã tỏ ra Ngài là Đấng công bình” hoặc “họ tuyên bố rằng Đức Chúa Trời đã hành động một cách công bình”

những người chịu Giăng làm phép báp-têm

"họ chịu Giăng làm phép báptêm" hay "Giăng đã làm phép báp-têm cho họ"

những người không chịu Giăng làm phép báptêm cho, họ đã chê bỏ ý Đức Chúa Trời định về mình

Điều nầy dường như ám chỉ rằng vì họ đã chối bỏ phép báptêm của Giăng, đã không được sửa soạn về mặt thuộc linh để tiếp nhận ý chỉ của Đức Chúa Trời dành cho họ.

những người không chịu Giăng làm phép báp-têm

“những người Giăng không làm phép báptêm cho" hay "họ đã từ chối không chịu Giăng làm phép báptêm cho" hoặc "họ đã từ chối phép báp têm của Giăng"

Chê bỏ ý định của Đức Chúa Trời định cho họ

"chọn bất tuân những gì Đức Chúa Trời đã dạy dỗ họ" hay "đã chọn không tin theo ý muốn của Đức Chúa Trời"

Luke 7:31

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu tiếp tục nói với đám đông về Giăng Báp-tít.

Tôi sẽ so sánh những người thuộc thế hệ này với ai? Họ giống

Chúa Giê-xu dùng các câu hỏi để đưa ra một sự so sánh. Tham khảo: “Ta sẽ so sánh dòng dõi này với cái gì? Họ giống như”

Những người thuộc thế hệ này

Những người hiện đang sống.

Họ giống như

Sự ví sánh nầy là phần mở đầu sự so sánh của Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu đang nói rằng dân sự thuộc thế hệ nầy sống giống như con trẻ nầy không thấy thoả lòng với cách thức con trẻ kia xử sự.

chợ

Đây là một khu vực rộng thoáng, ở đó dân chúng sẽ đến mà mua đồ dùng của họ.

mà không nhảy múa

"nhưng không nhảy múa theo điệu nhạc"

mà bay không khóc

"nhưng bay không khóc lóc với chúng ta"

Luke 7:33

Không ăn bánh

“không ăn thức ăn.” Câu này không có nghĩa là Giăng không bao giờ ăn đồ ăn. Tham khảo: “thường kiêng ăn.”

Các ngươi nói rằng: “Người mắc quỉ dữ”

Chúa Giê-xu đang trưng dẫn những điều dân chúng đã nói về Giăng. Cụm từ nầy có thể được dịch như một trưng dẫn gián tiếp: "các ngươi nói rằng người mắc quỉ dữ" hay "các ngươi cáo người về việc mắc quỉ dữ"

Con Người

Kể từ khi Chúa Giê-xu mong mỏi dân chúng ở đó hiểu rõ Ngài là Con Người, cụm từ nầy có thể được dịch là "Ta, Con Người"

Các ông bảo, “Nhìn kìa,...

Chúa Giê-xu đang trích lại lời người ta nói về Ngài là Con Người. Câu này có thể được nói gián tiếp là, “Các ngươi nói rằng Ta là người phàm ăn.”

Ngài là kẻ ham ăn mê uống

"Ngài là kẻ ăn tham" hay "Ngài ăn nhiều thức ăn theo thói quen"

sự khôn ngoan được xưng công bình bởi hết thảy con cái của nó

Có lẽ đây là một câu châm ngôn mà Chúa Giê-xu đang ứng dụng vào tình huống nầy, vì người nào chối bỏ cả hai: Ngài và Giăng Báp-tít đều không được khôn ngoan.

Luke 7:36

Câu Liên kết:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một người Pha-ri-si mời Chúa Giê-xu đến ăn tại nhà mình.

Thông tin Tổng quát:

Phong tục vào thời đó là những người đi xem đến dự những bữa ăn tối mà không ăn.

Có một người Pha-ri-si

Đây là phần khởi sự của một câu chuyện mới và giới thiệu người Pha-ra-si vào trong câu chuyện.

mời ăn tại nhà mình

"ngồi nơi bàn để ăn". Đây là phong tục dành cho một bữa ăn thoải mái như bữa tối dành cho đàn ông ăn trong khi nằm dài bên cái bàn.

người đàn bà xấu nết

"là người đã sống theo cách tội lỗi" hay "là người đã có tiếng sống một đời sống tội lỗi". Nàng có thể là một kỵ nữ.

Người phụ nữ tội lỗi

Người này có thể đã phạm tội tà dâm. Tham khảo: “một người sống đời sống tội lỗi” hoặc “một người nổi tiếng vì đời sống tội lỗi.”

một bình ngọc trắng

"cái bình bằng đá mỏng". Bình ngọc là một thứ đã mỏng màu trắng. Người ta chứa những thứ quí báu trong loại bình bằng ngọc như thế nầy.

dầu thơm

"đựng đầy dầu thơm". Dầu thơm là loại dầu có mùi vị trong đó. Người ta xức dầu ấy trên mình hoặc phun trên quần áo để ngửi cho thơm.

Lấy tóc mình mà chùi

"với mái tóc của nàng"

Luke 7:39

tự nghĩ rằng

"người nói với lòng mình"

Nếu người nầy là đấng tiên tri, chắc biết

Người Pha-ri-si tưởng rằng Chúa Giê-xu không phải là một vị tiên tri vì Ngài cho phép người đàn bà tội lỗi rờ đến Ngài. Cụm từ nầy có thể được dịch là "rõ ràng Chúa Giê-xu không phải là một vị tiên tri. Nếu Ngài là tiên tri, ắt Ngài sẽ biết".

Si-môn

Đây là tên của người Pha-ri-si đã mời Chúa Giê-xu vào trong nhà của mình. Đây không phải là Si-môn Phi-e-rơ.

Luke 7:41

Thông tin Tổng quát:

Nhằm nhấn mạnh lời Ngài sẽ phán với Si-môn người Pha-ri-si, Chúa Giê-xu kể cho ông nghe một câu chuyện.

Có hai người mắc nợ

"một chủ nợ kia có hai con nợ"

năm trăm đơ-ni-ê

"tiền công của 500 ngày". "Đơ-ni-ê" là số nhiều.

50 đơ-ni-ê

"tiền công 50 ngày"

Vì hai người không có chi mà trả

"Khi họ không có tiền để trả lại"

chủ nợ tha cả hai

"chủ nợ tha nợ của họ" hay "chủ nợ huỷ nợ của họ"

Tôi tưởng

Si-môn dè dặt nơi câu trả lời của mình. Cụm từ nầy có thể được dịch là "có lẽ".

Ngươi đoán phải lắm

"Ngươi nói đúng"

Luke 7:44

Đoạn, Ngài xây lại người đàn bà

"đối diện với người đàn bà". Chúa Giê-xu đã hướng sự chú ý của Si-môn về người đàn bà bằng cách xây về phía nàng.

Nước rửa chơn ... hôn

Đây là cách thức tỏ ra phép lịch sự dành cho khách mời. Chúa Giê-xu đang đối chiếu chỗ thiếu lịch sự của Si-môn với những hành động cực kỳ biết ơn của người đàn bà.

hôn chân ta hoài

thái độ nầy có thể được tỏ ra một cách tích cực như "tiếp tục hôn chân ta"

Luke 7:46

xức dầu đầu ta

"xức dầu lên đầu ta". Đây là cách tiếp đón một vị khách danh dự. Cụm từ nầy có thể được dịch là "tiếp đón ta bằng cách xức dầu lên đầu ta"

xức chân ta

Mặc dù có lẽ đây là cách làm phổ thông, người đàn bà đã tôn kính Chúa rất nhiều bằng cách làm nầy.

đã được tha nhiều

Cụm từ nầy cũng có thể được dịch bằng giọng chủ động với "kẻ nhận được sự tha thứ nhiều" hay "là kẻ Đức Chúa Trời đã tha thứ nhiều"

đã yêu mến nhiều

"đã yêu mến nhiều đấng đã tha thứ cho nàng" hay "cũng đã yêu mến Đức Chúa Trời nhiều". Một số ngôn ngữ đòi hỏi rằng đối tượng của "yêu mến" được nói đến.

kẻ được tha ít

"Kẻ được tha ít" hay "hễ ai được tha ít". Trong câu nầy Chúa Giê-xu đưa ra một nguyên tắc bao quát. Tuy nhiên, Si-môn cần phải hiểu rằng Chúa Giê-xu đang nói rằng Si-môn đã yêu mến ít.

Luke 7:48

Tội lỗi ngươi được tha rồi

"ngươi đã được tha". Cụm từ nầy có thể bày tỏ với một động từ chủ động: "Ta tha tội cho ngươi".

đức tin của ngươi đã cứu ngươi

"Vì cớ đức tin ngươi, ngươi đã được cứu". Ý tưởng nói tới "đức tin" có thể được dịch với một động từ: "Vì ngươi tin, ngươi đã được cứu"

hãy đi cho bình an

Đây là cách nói "tạm biệt" và thêm một lời chúc phước lúc đó. Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi ngươi đi, đừng có lo lắng nữa" hay "nguyện Đức Chúa Trời ban bình an cho ngươi khi ngươi đi".

Translation Questions

Luke 7:6

Tại sao thầy đội sai bạn hữu đến nói với Chúa Giê-xu rằng Ngài không phải đến tận nhà của ông?

Thầy đội nói ông không đáng để Chúa Giê-xu đến tận nhà ông.

Luke 7:9

Chúa Giê-xu nói gì về đức tin của thầy đội?

Chúa Giê-xu phán rằng thậm chí trong Y-sơ-ra-ên Ngài không thấy ai có đức tin lớn như vậy.

Luke 7:16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân sự nói gì về Chúa Giê-xu sau khi Ngài làm con trai bà goá sống lại từ kẻ chết?

Họ nói rằng có một tiên tri lớn đã dấy lên giữa vòng họ, và Đức Chúa Trời đã thăm viếng dân Ngài.

Luke 7:33

Lời tố cáo nào được đưa ra nghịch cùng Giăng Báp-tít vì ông không ăn bánh hay uống rượu?

Họ nói: "Người mắc quỉ dữ.”

Chapter 8

Luke 8:1

Thông tin Tổng quát:

Các câu này đưa ra thông tin bối cảnh về việc rao giảng của Chúa Giê-xu khi Ngài đang đi khắp xứ.

Kế đó

Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu phần mở đầu chi tiết mới của câu chuyện.

những người đã được cứu khỏi quỉ dữ và chữa khỏi bịnh

Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động: "những kẻ Chúa Giê-xu buông tha khỏi tà linh và chữa khỏi bịnh"

Ma-ri ... và nhiều người đàn bà khác nữa

Ba phụ nữ được kể tên: Ma-ri, Gian-nơ, và Su-xan-nơ.

Gian-nơ vợ Chu-xa, là quan nội vụ của Hê-rốt

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Gian-nơ, vợ của Chu-xa, quản gia của Hê-rốt". Gian-nơ là vợ của Cha-xa, và Chu-xa là quản gia của Hê-rốt.

Luke 8:4

Thông tin Tổng quát:

Chúa Giê-xu kể một câu chuyện ngụ ngôn về các loại đất cho đoàn dân nghe. Ngài giải thích ý nghĩa câu chuyện để các môn đồ Ngài hiểu.

Bấy giờ

Từ này đánh dấu phần khởi đầu của hành động trong câu chuyện.

Người gieo đi ra để gieo giống mình

Cụm từ nầy có thể được dịch là “Nhà nông kia đi ra để rải giống ngoài đồng”

bị giày đạp

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Chúng bị dẫm lên thường xuyên đến nỗi không mọc lên được" hay với một động từ chủ động như trong Kinh Thánh.

ăn hết

"ăn hết chúng"

héo đi

"hột giống bị khô rồi héo đi"

không có hơi ẩm

Cụm từ nầy có thể được dịch là "đất rất khô"

Luke 8:7

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu kết thúc phần kể câu chuyện ngụ ngôn cho đoàn dân đông nghe.

nghẹt ngòi

Bụi gai chiếm hết chất dinh dưỡng, nước, và ánh nắng, vị vậy giống của nhà nông không thể lớn lên được.

kết quả

"thành mùa gặt" hay "lớn lên nhiều hột"

Ai có tai mà nghe, hãy nghe

Thật là tự nhiên khi có ngôn ngữ dàng đại từ ngôi thứ hai: "Ngươi có tai mà nghe, hãy nghe"

Ai có tai mà nghe

"hễ ai có thể nghe" hay "hễ ai nghe ta"

hãy nghe

"hãy nghe cho rõ" hay "hãy khiến người chú ý những gì ta đã phán"

Luke 8:9

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu bắt đầu nói với các môn đồ Ngài.

đã ban cho các ngươi được biết

Cụm từ nầy có thể được dịch với một động từ chủ động và phần thông tin ám chỉ rằng Đức Chúa Trời là Đấng ban cho. "Đức Chúa Trời đã ban cho các ngươi ân tứ thông hiểu" hay "Đức Chúa Trời đã khiến cho các ngươi có khả năng để thông hiểu"

Những sự mầu nhiệm nước Đức Chúa Trời

Đây là những lẽ thật đã được giữ kín nhưng Chúa Giê-xu đã tỏ ra cho họ biết.

xem mà không thấy

"mặc dù họ xem, họ sẽ không thấy". Nếu động từ đòi hỏi một đối tượng, cụm từ nầy có thể được dịch là "dù họ xem nhiều thứ, họ sẽ chẳng hiểu được chúng" hay "dù họ xem nhiều thứ đang xảy ra, họ sẽ không hiểu chúng có nghĩa gì"

nghe mà không hiểu

"dù họ nghe, họ sẽ không hiểu". Nếu động từ đòi hỏi một đối tượng cụm từ nầy có thể được dịch là "dù họ nghe sự dạy, họ sẽ chẳng hiểu được lẽ thật"

Luke 8:11

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu bắt đầu giải thích cho các môn đồ Ngài nghe về ý nghĩa câu chuyện ngụ ngôn về các loại đất.

ma quỉ đến cướp lấy đạo từ trong lòng họ

Cụm từ nầy ý nói rằng hắn khiến họ quên đi Lời của Đức Chúa Trời mà họ đã nghe.

cướp lấy

Trong thí dụ, đây là ẩn dụ nói tới con chim ăn lấy hột giống.Hãy tìm cách sử dụng ngôn ngữ của bạn để giữ hình ảnh ấy.

từ trong lòng họ

Điều nầy ý nói ma quỉ tước đi ước muốn của họ muốn tin theo Lời của Đức Chúa Trời.

E rằng họ tin mà được cứu chăng

Cụm từ nầy có thể được dịch với một động từ chủ động: "e họ không tin với kết quả là Đức Chúa Trời cứu vớt họ". Kể từ khi đây là mục đích của ma quỉ, cụm từ nầy có thể được dịch là "vì ma quỉ suy nghĩ 'Họ không tin và không được cứu'"

khi sự thử thách đến, thì họ tháo lui

"khi họ kinh nghiệm sự khó nhọc họ lui đi khỏi đức tin" hay "khi họ kinh nghiệm sự nhọc nhằn họ bèn thôi không tin nữa"

Luke 8:14

they become choked with the cares

Những lo lắng và sự giàu có và sung sướng đời này làm cho họ nghẹt ngòi.Hạt giống bị ngăn trở nơi đất tốt giống như người nghe đạo bị những lo lắng, giàu có, và sự sung sướng đời này làm cho họ không trưởng thành được.

lo lắng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"những việc mà người ta hay lo lắng"
sung sướng đời nầy
"những việc trong đời nầy mà người ta vui hưởng"
đến nỗi không sanh trái nào được chín
"họ không kết quả được". Ẩn dụ nầy có thể được dịch như một sự ví sánh: "cho nên, giống như cây kia trong lớn lên được và kết quả, họ không trưởng thành và tạo ra những việc lành được"
kết quả một cách bền lòng
"Kết quả do bền đỗ". Ẩn dụ nầy có thể được dịch như một sự ví sánh: "giống như cây khoẻ tạo ra trái tốt, họ tạo ra nhiều việc lành do bền đỗ"
Luke 8:16
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục kể một câu chuyện ngụ ngôn khác và rồi Ngài kết thúc phần nói chuyện với các môn đồ Ngài khi Ngài nhấn mạnh về vai trò của gia đình Ngài trong công việc Ngài.
Bấy giờ
Từ này được dùng để đánh dấu phần khởi đầu của một câu chuyện ngụ ngôn khác.
đèn
"bàn" hay "kệ"
không có điều gì kín mà không phải lộ ra
Cụm từ nầy có thể được dịch thật tích cực là "việc gì kín rồi cũng lộ ra".
không có điều gì giấu mà chẳng bị biết và tỏ ra
Cụm từ nầy có thể được dịch là "và điều chi kín giấu sẽ được biết và bày ra trong sự sáng"
cách các ngươi nghe
Cụm từ nầy có thể được dịch là "cách các ngươi nghe những điều ta nói cho các ngươi biết" hay "cách các ngươi nghe Lời của Đức Chúa Trời"
kẻ đã có
Cụm từ nầy có thể được dịch là "người nào có sự hiểu biết" hay "hễ ai nhận lãnh điều ta dạy dỗ"
sẽ cho thêm
"sẽ cho thêm người ấy". Cụm từ nầy có thể được dịch với một động từ chủ động: "Đức Chúa Trời sẽ cho thêm người ấy".
kẻ không có
Cụm từ nầy có thể được dịch là "hễ ai không có sự hiểu biết" hay "hễ ai không nhận lãnh điều ta dạy dỗ"
Luke 8:19
anh em
Đây là các em của Chúa Giê-xu.
có kẻ báo cho Ngài
"người ta nói cho Ngài biết" hay "ai đó nói cho Ngài biết"
muốn thấy thầy
"chờ gặp Ngài" hay "họ muốn gặp Ngài"
Mẹ ta và anh em ta là kẻ nghe đạo Đức Chúa Trời và làm theo đạo ấy.
Ẩn dụ nầy có thể được dịch như một sự ví sánh: "Những người ấy nghe đạo của Đức Chúa Trời và vâng theo đạo ấy đều là mẹ và anh em ta" hay "Người nào nghe đạo Đức Chúa Trời và vâng theo đạo ấy đối với ta rất quan trọng y như mẹ và anh em ta vậy".
Luke 8:22
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài lên một chiếc thuyền bang qua Hồ Ga-li-lê. Các môn đồ được biết thêm về quyền năng của Chúa Giê-xu qua cơn bão nổi lên trên hồ.
Một ngày kia
Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu phần khởi đầu chi tiết mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.
hồ
Đây là hồ Ghê-nê-xa-rết cũng còn được gọi là Biển Ga-li-lê.
khi thuyền đang chạy
"khi họ ra khơi"
ngủ
"đã ngủ"
có cơn bão nổi lên trong hồ
"giá rất mạnh thình lình dậy lên"
Luke 8:24
Thầy ôi
Từ ngữ Hi-lạp được dịch ở đây là “thầy” không phải là từ ngữ thông thường nói tới “Thầy”. Từ ngữ nầy đề cập một nhân vật có thẩm quyền, chớ không đề cập đến người làm chủ người khác. Bạn có thể dịch từ nầy là "Chủ" hay "Quản đốc" hoặc với một từ thường được sử dụng nói tới một người đang nắm quyền hành, tỉ như “Ngài”.
quở
"nói nặng với"
liền bình tịnh
"gió và song biển bèn dừng lại"
Đức tin các ngươi ở đâu?
Đây là câu hỏi hùng biện. Chúa Giê-xu đang quở nặng họ vì họ không tin cậy Ngài đang chăm sóc họ. Cụm từ nầy có thể được dịch là "các ngươi đã có đức tin chưa" hay "các ngươi đã tin tưởng Ta"
Người nầy là ai
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đây là loại người gì vậy?"
khiến
Từ nầy có thể là khởi sự của một câu mới: "Ngài truyền dạy"
Luke 8:26
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài lên bờ vùng Giê-ra-sê, tại đó Ngài đuổi nhiều tà ma ra khỏi người bị quỷ ám.
đất của Giê-ra-sê
Giê-ra-sê là dân sống ở thành Giê-ra-sê.
ngang xứ Ga-li-lê
"bên kia hồ đối với xứ Ga-li-lê"
có một người ở thành ấy
"một người từ thành Giê-ra-sê"
bị nhiều quỉ ám
"nhiều quỉ điều khiển người nầy"
Từ lâu anh ta không mặc quần áo, cũng không ở trong nhà mà sống trong các ngôi mồ
Đây là thông tin bối cảnh về người bị quỷ ám.
người không mặc áo
"người đã không mặc quần áo"
mồ mả
Đây là chỗ chôn người chết, có lẽ là hang động. Kỳ thực, người nầy đã sống trong đó cho thấy rằng đây chẳng phải là những cái huyệt đào trong đất.
Luke 8:28

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người ấy vừa thấy Đức Chúa Giê-xu
"khi người bị quỉ ám nhìn thấy Chúa Giê-xu"
la lên inh ỏi
"người hét lên" hay "người la hét"
gieo mình nơi chơn Ngài
“phủ phục xuống đất trước mặt Chúa Giê-xu”. Người không phủ phục như thế cách tình cờ đâu. Người làm thế vì người kinh hãi Chúa Giê-xu.
nói lớn tiếng rằng
"người đã nói lớn tiếng" hay "người thét lên"
tôi với Ngài có sự chi chăng?
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Sao Ngài làm khổ tôi"
Con Đức Chúa Trời Chí Cao
Đây là một danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu.
nó đã ám từ lâu
"nó đã ám người từ lâu". Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhiều lần nó nhập vào người". Câu nầy và câu kế nói về việc ma quỉ đã làm nhiều lần trước khi Chúa Giê-xu đến gặp người.
dầu họ giữ người, xiềng và còng chân lại
Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động: "dù người ta xiềng người bằng xích và giữ người lại"
Luke 8:30
Quân đội
Hãy dịch từ ngữ nầy với một từ đề cập đến một số lớn binh lính hay người ta. Cụm từ nầy có thể được dịch là "đạo quân lớn" hay "đội quân lớn"
vực sâu
"bỏ người nầy rồi đi xuống vực sâu"
Luke 8:32
một bầy heo đông đang ăn trên núi
"một bầy heo đông đang ăn cỏ gần đó trên núi"
Đang ăn trên đồi
"đang ăn cỏ trên đồi gần đó"
Vậy đàn quỷ
Từ “vậy” được dùng ở đây để đánh dấu sự kiện xảy ra nối tiếp sự kiện trước đó. Trong trường hợp này, Chúa Giê-xu đã đuổi đàn quỷ nhập vào bầy heo.
ùa đến
"chạy rất nhanh"
Luke 8:34
chạy trốn
"họ mau mau chạy đi"
thấy người mà các quỉ mới ra khỏi
"thấy người mà ma quỉ mới ra khỏi"
mặc áo quần
"người đã mặc áo quần"
bộ tỉnh táo
"người mạnh khoẻ" hay "ngươi cư xử cách bình thường"
ngồi dưới chân Đức Chúa Giê-xu
Cụm từ nầy có thể được dịch là "ngồi dưới đất, đang lắng nghe Chúa Giê-xu"
thì sợ hãi lắm
"họ sợ Chúa Giê-xu"
Luke 8:36
Những người đã xem thấy sự lạ đó, thuật lại cho thiên hạ biết
Đây là những người đã có mặt với người kia khi Chúa Giê-xu khiến ma quỉ lìa khỏi người.
the man who was controlled by demons had been saved
“Chúa Giê-xu cứu người đàn ông đó khỏi sự điều khiển của ma quỷ" hoặc “Chúa Giê-xu chữa lành cho người ông đó.”
miền người Giê-ra-sê
"khu vực đó" hay "khu vực có người Giê-ra-sê ở"
Họ đầy kinh hãi
"họ trở nên rất sợ hãi." Hoặc tham khảo: “nỗi sợ hãi bao trùm họ.”
Luke 8:38
Người đã khỏi
Có khi cần khởi sự câu nầy với "nhưng trước khi Chúa Giê-xu cùng các môn đồ Ngài rời đi, người nầy" hay "trước khi Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài ra khơi, người nầy"
nhà ngươi
"gia đình ngươi" hay "quê nhà ngươi"
Luke 8:40
Câu Liên kết:
Khi Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài trở về Ga-li-lê ở phía bên kia hồ, Ngài đã chữa lành cho đứa con gái 12 tuổi của người cai nhà hộ cũng như chữa lành người phụ nữ bị chứng mất huyết trong 12 năm.
Thông tin Tổng quát:
Các câu này cung cấp thông tin bối cảnh về Giai-ru.
có đoàn đông rước Ngài
Cụm từ nầy có thể được dịch là "đoàn đông vui mừng đón Ngài"
Có người cai nhà hội tên là Giai-ru
Từ ngữ "kìa" báo cho chúng ta biết Giau-ru là một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách nói ra điều nầy. Anh ngữ dùng: "có một người tên là Giai-ru”
cai nhà hội
"một trong những lãnh đạo nhà hội địa phương" hay "lãnh đạo của những người đến nhóm lại ở nhà hội trong khu vực đó"
sấp mình xuống nơi chân Đức Chúa Giê-xu
“sấp mình xuống nơi chân Chúa Giê-xu” hay 2) “phủ phục xuống đất nơi chân Chúa Giê-xu”. Giai-ru dkhông sấp mình xuống cách tình cờ đâu. Ông làm vậy như một dấu hiệu khiêm nhường và tôn trọng dành cho Chúa Giê-xu.
gần chết
"nó sắp chết" hay "nó sắp sửa chết"
Khi Đức Chúa Giê-xu đang đi
Một số nhà giải kinh trước tên cần phải nói rằng: "Vậy, Chúa Giê-xu đã đồng ý đi với người"
dân chúng lấn ép Ngài tứ phía
"dân chúng là đám đông siết chặt quanh Chúa Giê-xu"
Luke 8:43
đau bịnh mất huyết
"bịnh mất huyết". Có lẽ bà bị rong kinh, không phải theo chu kỳ. Một số xã hội có cách lịch sự khi đề cập đến tình huống nầy.
không ai chữa lành được
"nhưng không ai có thể chữa lành cho bà ta được"
"nhưng không ai có thể chữa lành cho bà ta được"
"đụng đến vạt áo Ngài". Người nam Do thái mặc loại áo dài có tua như áo lễ, như đã được truyền trong Luật pháp của Đức Chúa Trời. Đây là chỗ mà bà ta đã rờ đến.
Luke 8:45
Thưa Thầy
Từ ngữ Hi-lạp được dịch ở đây là “thầy” không phải là từ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ngữ thông thường nói tới “Thầy”. Từ ngữ nầy đề cập một nhân vật có thẩm quyền, chớ không đề cập đến người làm chủ người khác. Bạn có thể dịch từ nầy là "Chủ" hay "Quản đốc" hoặc với một từ thường được sử dụng nói tới một người đang nắm quyền hành, tỉ như “Ngài”.

Đoàn dân vây lấy và ép Ngài

Bằng cách nói như vầy: Phi-e-rơ đang ám chỉ rằng bất kỳ ai đã rờ đến Chúa Giê-xu. Điều nầy ám chỉ thông tin có thể cụ thể nếu cần thiết như trong Kinh Thánh.

Vì Ta nhận biết có quyền phép từ ta mà ra

"Ta cảm thấy quyền phép chữa lành ra từ Ta". Chúa Giê-xu không mất đi quyền phép hay bị yếu đuối đâu, nhưng quyền phép của Ngài đã chữa lành cho người đàn bà kia.

Luke 8:47

Người đàn bà thấy mình không thể giấu được nữa

"bà ta không thể giữ kín nữa vì bà ta là người đã chạm đến Chúa Giê-xu"

thì run sợ

AT: "she came trembling with fear"

sấp mình xuống nơi chân Ngài

Ý nghĩa khả thi là 1) “bà ta sấp mình xuống trước mặt Chúa Giê-xu” hay 2) “bà ta phủ phục dưới đất nơi chân Chúa Giê-xu”. Bà ta không sấp mình xuống cách tình cờ đâu. Bà ta đã làm vậy như một dấu hiệu nói tới sự khiêm nhường và tôn trọng đối với Chúa Giê-xu.

trong sự hiện diện

"trước mặt" hay "khi nghe vậy" hoặc "trước mặt"

Hỡi con gái ta

Đây là lối nói tử tế đối với người đàn bà. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách nói khác để tỏ ra loại tử tế nầy.

đức tin ngươi đã chữa lành ngươi

"vì cớ đức tin ngươi, ngươi đã được lành rồi". Ý tưởng nói tới “đức tin” có thể được dịch với một động từ: “Vì ngươi tin, ngươi đã được lành”.

Hãy đi cho bình an

Đây là lối nói “tạm biệt” và ban cho một ơn phước cùng lúc. Cụm từ nầy có thể được dịch là “khi ngươi đi, đừng lo lắng chi hết” hay “nguyện Đức Chúa Trời ban cho ngươi sự bình an khi ngươi đi”.

Luke 8:49

Ngài còn đang phán

"trong khi Chúa Giê-xu hãy còn phán với người đàn bà nầy"

cai nhà hội

Cụm từ nầy đề cập đến Giai-ru. Ông ta là lãnh đạo của nhà hội địa phương.

phán cùng Giai-ru rằng

"Chúa Giê-xu trả lời cho Giai-ru". Chúa Giê-xu đã phán với người cai nhà hội, không phán với sứ giả.

con ngươi sẽ được cứu

"nó sẽ mạnh khoẻ" hay "nó sẽ sống lại"

Luke 8:51

Khi đến nhà, Ngài

Vì Chúa Giê-xu không đi một mình đến nhà ấy, cụm từ nầy đáng dịch là "khi họ đến tại nhà, Chúa Giê-xu."

Chỉ cho Phi-e-rơ, Giăng và Giacơ, và cha mẹ con ấy

"Ngài chỉ cho Phi-e-rơ, Giăng và Giacơ, và cha mẹ con ấy vào bên trong"

ai nấy đều khóc lóc than vãn về con đó

"hết thảy mọi người đều tỏ ra đau buồn, kêu khóc lớn tiếng vì đứa con gái đã chết rồi"

Luke 8:54

Con ơi, hãy chờ dậy

"Hỡi con gái gái nhỏ, hãy đứng dậy đi"

thần linh bèn hoàn lại

Cụm từ "thần linh" cũng có thể được dịch là "thở" hay "sự sống". Cụm từ nầy có thể được dịch là "nó bèn sống trở lại" hay "nó lại sống".

linh

"hơi thở” hoặc “sự sống”

Translation Questions

Luke 8:11

Trong thí dụ của Chúa Giê-xu, giống gì đã được gieo ra?

Hột giống là Lời của Đức Chúa Trời.

Luke 8:14

Ai là loại giống rơi giữa bụi gai, và điều chi xảy ra cho họ?

Họ là hạng người nghe đạo, nhưng rồi đi, để cho sự lo lắng, giàu sang, sung sướng đời nầy làm cho đạo phải nghẹt ngòi, đến nỗi không sanh trái nào được chín.

Chapter 9

Luke 9:1

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu nhắc nhở các môn đồ Ngài không phụ thuộc vào tiền hoặc những thứ khác của họ, Ngài ban cho họ quyền năng, và sai họ ra đi đến những nơi khác.

quyền năng phép tắc

Hai cụm từ nầy được sử dụng chung với nhau để tỏ ra rằng 12 môn đồ có cải hai: khả năng và suyền chữa lành cho người ta. Hãy dịch mệnh đề nầy với sự kết hợp từ ngữ có cả hai ý tưởng nầy.

Đau yếu

"bệnh tật". Cụm từ nầy đề cập đến những gì khiến cho người đau bịnh.

sai đi

Cụm từ nầy có thể được dịch là "sai họ đến các địa điểm khác" hay "bảo họ ra đi"

Luke 9:3

Ngài dạy rằng

"Chúa Giê-xu phán cùng 12 môn đồ"

chớ đem gì theo hết

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đừng đem gì theo với ngươi" hay "Đừng mang bất cứ thứ chi theo với người"

đi đường

"trong chuyến đi" hay "khi các ngươi đi". Họ không cần phải đem gì theo cho cả chuyến hành trình của họ, khi họ đi từ làng nầy đến làng kia, và cho tới chứng họ trở lại với Chúa Giê-xu.

Gậy

"cây gậy". Một cây gậy là một khúc cây dài được sử dụng để giữ thăng bằng khi leo lên cao hoặc lúc xuống dốc. Nó cũng có thể được sử dụng để bảo vệ chống lại những kẻ tấn công.

Túi xách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một cái túi mà người đi đường dùng để đem theo những vật dụng cần thiết trong chuyến đi.
bánh
Tham khảo: “đồ ăn”
hễ các ngươi vào nhà nào
"bất kỳ nhà nào các người vào"
hãy ở đó
"cứ ở lại đó" hay "tạm trú trong nhà đó như khách mời"
ở đó
"từ thành đó" hay "từ khu vực đó"
Luke 9:5
còn ai không tiếp rước các ngươi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "đây là điều các ngươi sẽ làm về hạng người không tiếp rước các ngươi"
các sứ đồ ra đi
"họ rời khổ địa điểm Chúa Giê-xu đã ở"
Mọi nơi
"bất cứ đâu họ đi"
Luke 9:7
Thông tin Tổng quát:
Trước giả thêm các câu này vào để đưa ra thông tin về vua Hê-rốt.
Lúc ấy
Từ này được dùng để đánh dấu phần ngắt quãng trong cốt truyện chính. Ở đây Lu-ca đưa ra thông tin bối cảnh về Hê-rốt.
Hê-rốt, là vua chư hầu
Cụm từ nầy đề cập đến Hê-rốt An-ti-pa, là vị vua cai trị một phần tư xứ Y-sơ-ra-ên.
thì không biết nghĩ làm sao
"chao đảo" hay "bị bối rối bởi nguồn tin" hay "bị rối trí" (UDB)
ta đã truyền chém Giăng rồi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "ta đã truyền cho binh lính chặt đầu Giăng rồi"
Luke 9:10
Câu Liên kết:
Dù các môn đồ quay trở lại với Chúa Giê-xu và họ đi đến Bết-sai-đa để dành thời gian ở với nhau, nhưng những đoàn dân đông cứ theo Chúa Giê-xu để được chữa lành và lắng nghe lời Ngài dạy. Ngài ban bánh và cá để giúp họ trước khi họ trở về nhà.
Các sứ đồ trở về trình
"12 sứ đồ Chúa Giê-xu đã sai đi"
trở về
"trở về nơi Chúa Giê-xu sinh sống"
trình cùng Ngài
"các sứ đồ nói cho Chúa Giê-xu biết"
mọi việc mình đã làm
Cụm từ đề cập đến sự dạy và sự chữa lành mà họ đã làm khi họ đến với các thành khác.
Ngài bèn đem các sứ đồ đi tẻ ra với mình
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Ngài đem họ theo với Ngài và họ cùng đi". Chúa Giê-xu và các sứ đồ Ngài đi tẻ ra.
Bết-sai-đa
Đây là danh xưng của một thành phố.
Luke 9:12
Khi gần tối
"Khi mặt trời lặn" hay "khi ban ngày kết thúc" hoặc "khi chiều xuống"
xin truyền cho dân chúng về
"bảo dân chúng đi đi"
ví thử chính mình chúng tôi không đi mua đồ ăn cho hết thảy dân nầy
Cụm từ nầy có thể được dịch là "trừ phi chúng ta phải đi ra và mua đồ ăn" hay "trừ phi chúng ta đi mua đồ ăn". Hay bạn có thể mở ra một câu mới: "nếu Ngài muốn chúng ta cho họ ăn, chúng ta phải đi mua đồ ăn"
có độ năm ngàn người
"độ 5.000 người". Con số nầy không bao gồm phụ nữ và trẻ con đang có mặt.
hãy biểu chúng ngồi xuống
"bảo họ ngồi xuống"
từng hàng năm mươi người
"50 người mỗi hàng"
Luke 9:15
Môn đồ làm theo lời
Các môn đồ bảo đoàn dân đông ngồi xuống thành từng nhóm, mỗi nhóm 50 người.
Ngài lấy
Chúa Giê-xu lấy bánh và cá.
bánh
Đây là con số đặc biệt nói tới bánh nướng. Cụm từ nầy có thể được dịch là "toàn bộ mấy cái bánh"
ngước mắt
"trong khi ngước mắt" hay "sau khi ngước mắt"
lên trời
Cụm từ nầy đề cập đến việc ngước lên, hướng lên bầu trời. Người Do thái đã tin rằng thiên đàng được đặt trên bầu trời.
bẻ ra trao cho
"trao cho" hay "chuyển cho" hoặc "ban cho"
ai nấy ăn no rồi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ đã có quá nhiều khi họ muốn ăn"
Luke 9:18
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu đang cầu nguyện cùng với các môn đồ Ngài, và họ bắt đầu nói về việc Ngài là ai. Chúa Giê-xu nói cho họ biết về sự chết và sự phục sinh của Ngài là những điều sẽ xảy đến và nói họ nên đi theo Ngài cho dù điều gì xảy ra.
Một ngày kia
Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu phần khởi sự chi tiết mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.
Khi Chúa Giê-xu cầu nguyện
"khi Chúa Giê-xu cầu nguyện"
cầu nguyện riêng
Các môn đồ có mặt với Chúa Giê-xu, nhưng Ngài đã cầu nguyện theo cách riêng và riêng tư một mình Ngài.
Thưa rằng
"và họ trả lời Ngài bằng cách nói"
Giăng Báp-tít
Một số ngôn ngữ thích thêm vào: "Có người nói thầy là Giăng Báp-tít"
đời xưa
"những người đã sống cách đây lâu lắm rồi"
sống lại
"đã trở lại với sự sống"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Luke 9:20
Ngài lại hỏi rằng
"Chúa Giê-xu phán cùng các môn đồ Ngài"
Phi-e-rơ thưa rằng
"Phi-e-rơ trả lời và nói" hay "Phi-e-rơ trả lời bằng cách nói"
Chúa Giê-xu nghiêm cấm môn đồ nói sự ấy với ai
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Nhưng Chúa Giê-xu cảnh cáo và dặn dò họ" hay "Khi ấy Chúa Giê-xu cảnh cáo họ một cách mạnh mẽ".
cấm môn đồ nói sự ấy với ai
"không cho nói với ai" hay "họ không nên nói cho ai biết". Đây là một trưng dẫn gián tiếp. Cách dịch khác: "Nhưng cảnh cáo họ, chúng ta dặn họ: Đừng nói cho ai biết"
rằng Con Người phải chịu nhiều điều khốn khổ
Cụm từ nầy có thể được dịch là "người ra sẽ khiến cho Con Người phải chịu khổ dữ lắm". Câu 22 cũng có thể dịch như một trưng dẫn trực tiếp như trong Kinh Thánh.
bị các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy dạy luật chối bỏ
Tham khảo: “và các trưởng lão, thầy tế lễ cả, và thầy dạy luật sẽ chối bỏ Ngài”
Và phải chết đi
Tham khảo: “và người ta sẽ giết Ngài."
ngày thứ ba
"ba ngày sau khi chết" hay "nhằm ngày thứ ba sau khi chết"
phải sống lại
"được làm cho sống lại một lần nữa" hoặc “người trở lại với cuộc sống”
Luke 9:23
Đoạn, Ngài
Cụm từ nầy đề cập đến Chúa Giê-xu.
phán cùng mọi người
Cụm từ đề cập đến các môn đồ đã có mặt với Chúa Giê-xu.
ai muốn theo Ta
"muốn theo Ta" hay "làm môn đồ ta" hoặc "đến với ta trong vai trò môn đồ"
tự bỏ mình đi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "đừng nhượng bộ các ham muốn riêng của mình" hay "quên đi mọi ham muốn riêng của mình"
Mỗi ngày vác thập tự giá mình mà theo ta
"nhấc thập tự giá của mình lên rồi mang nó theo mỗi ngày". Cụm từ nầy có nghĩa là "phải sẵn sàng chịu khổ mỗi ngày".Chúa Giê-xu muốn nói những người theo Ngài phải từ bỏ những điều mình muốn, chịu lụy và vâng phục Chúa Giê-xu đến chết.
Theo ta
"đi cùng với ta" hay "bắt đầu theo ta và cứ giữ việc theo ta"
thì có ích gì?
Cụm từ nầy có thể được dịch là "người ta sẽ được lợi gì chứ". Đây là chi tiết của câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "chẳng có ích cho người nào" hay "một người chẳng lãnh được điều chi tốt"
Nếu ai được cả thiên hạ
"nếu người ấy có được mọi sự trong thế gian"
mà chính mình phải mất hoặc hư đi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "chính mình bị hư mất hoặc bị huỷ diệt"
Luke 9:26
và lời ta
"và những gì ta phán" hay "và những gì ta dạy dỗ"
thì con người sẽ hổ thẹn về họ
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Con Người cũng sẽ hổ thẹn về họ"
Con Người
Chúa Giê-xu đang phán về chính mình Ngài. Tham khảo cách dịch: "Ta, Con Người"
khi Ngài ngự trong sự vinh hiển của mình
Chúa Giê-xu đang phán về chính mình Ngài ở ngôi thứ ba. Cụm từ nầy có thể được dịch trong ngôi thứ nhứt như "khi ta ngự đến trong sự vinh hiển mình"
một vài người trong các ngươi đang đứng đây
Ở đây, Chúa Giê-xu đang đề cập đến một vài người mà Ngài đang nói chuyện với. Cụm từ nầy có thể được dịch là "một vài người trong các người hiện đang đứng đây".
sẽ không chết trước khi chưa thấy Nước Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy có thể được dịch là "sẽ nhìn thấy nước của Đức Chúa Trời trước khi họ qua đời"
Luke 9:28
Câu Liên kết:
Tám ngày sau khi Chúa Giê-xu đã nói với các môn đồ rằng một số người sẽ không chết trước khi họ thấy nước Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu đi lên núi để cầu nguyện với Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng, là những người đang buồn ngủ trong khi Chúa Giê-xu hóa hình.
Trong khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của dịch giả có cách diễn đạt này, thì có thể xem xét sử dụng ở đây.
Độ tám ngày sau
Mệnh đề nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.
khi phán các lời đó
Cụm từ nầy đề cập đến những gì Chúa Giê-xu đã phán với các môn đồ Ngài trong mấy câu đứng trước.
lên trên núi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "lên sườn của một ngọn núi". Họ lên bao xa thì không rõ ràng.
sắc trắng chói loà
"chiếu sáng trưng và rực rỡ" hay "trắng rực và sáng láng" hoặc "trắng chói và sáng rực như tia chớp".
Luke 9:30
Và nầy, có hai người nói chuyện
Từ ngữ “nầy” ở đây báo cho chúng ta biết phải chú ý đến phần thông tin đáng ngạc nhiên theo sau. Cụm từ nầy có thể được dịch là "thình lình có hai người nói chuyện" hay "thình lình hai người đang trò chuyện"
hiện ra trong sự vinh hiển
Mệnh đề tương đối nầy đang them phần thông tin về Môi-se và Ê-li. Cụm từ nầy có thể được dịch là "và họ trông thật vinh hiển"
sự qua đời của Ngài
"sự ra đi của Ngài" hay "cách mà Ngài sẽ lìa thế gian nầy". Cụm từ nầy có thể được dịch là "sự chết của Ngài"
Luke 9:32
Bấy giờ
Từ này được sử dụng đánh dấu để ngắt dòng câu chuyện.Ở

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đây Lu-ca đang nói thêm về Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng.

Thấy sự vinh hiển

Cụm từ nầy đề cập đến sự sáng láng rực rỡ bao quanh họ. Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ nhìn thấy ánh sáng rực rỡ đến từ Chúa Giê-xu" hay "họ nhìn thấy sự rực rỡ sáng láng ra từ Chúa Giê-xu"

hai đấng ấy đứng gần Ngài

Cụm từ nầy đề cập Môi-se và Ê-li.

Lúc

Từ ngữ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu chỗ mà hành động khởi sự. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.

Thưa Thầy

Từ ngữ được dịch ở đây là “thầy” không phải là từ ngữ thông thường nói tới “Thầy”. Từ ngữ nầy đề cập một nhân vật có thẩm quyền, chớ không đề cập đến người làm chủ người khác. Bạn có thể dịch từ nầy là "Chủ" hay "Quản đốc" hoặc với một từ thường được sử dụng nói tới một người đang nắm quyền hành, tỉ như “Ngài”.

Trại

"lều” hoặc “túp lều"

Luke 9:34

khi người còn đang nói

"trong khi Phi-e-rơ đang nói những việc nầy"

các môn đồ đều sợ hãi

Các môn đồ trưởng thành nầy không e sợ mấy đám mây. Cụm từ nầy chỉ ra rằng có một loại sợ hãi bất thường đã đến trên họ với đám mây. Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ lấy làm kinh hãi"

Họ được che phủ bởi đám mây

“Đám mây bao phủ lấy họ”

có tiếng tự trong đám mây phán ra

Nếu nói về một giọng nói đang nói là không tự nhiên, cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời đã phán với họ từ đám mây"

Nầy là Con Ta, Người được chọn của Ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Con ta, là người mà ta đã chọn" hay "Con ta, người được chọn". Cụm từ "được chọn" đang thêm phần thông tin nói về Con của Đức Chúa Trời. Nói như thế không có nghĩa là Đức Chúa Trời có nhiều hơn một người con. (Xem: thông tin về Các Tỉnh Từ ở

Họ đều im lặng, và trong thời gian đó họ không kể với bất cứ người nào về những điều mình đã thấy

Đây là thông tin thuật lại điều đã xảy ra sau diễn biến của các sự kiện trong chính câu chuyện đó.

Bấy giờ

Cụm từ nầy đề cập đến những ngày cho tới lúc Chúa Giê-xu được cất lên trời sau khi sống lại hay những ngày trực tiếp sau khi Chúa Giê-xu đưa ra câu nói nầy.

Luke 9:37

Câu Liên kết:

Ngày kế tiếp sau khi Chúa Giê-xu đã hóa hình, Ngài chữa lành một cậu bé bị quỷ ám mà các môn đồ Ngài không thể nào đuổi được.

Bữa sau

Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu phần mở đầu chi tiết mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.

Một người trong đám đông

Từ ngữ "nầy" báo động cho chúng ta biết có nhận vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách thực hiện điều nầy. Anh ngữ sử dụng "có một người trong đám đông…”

Và kìa, một quỉ

Từ ngữ "kìa" giới thiệu với chúng ta một tà linh trong câu chuyện của nhân vật nầy. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách thực hiện điều nầy. Anh ngữ sử dụng "một quỉ ám nó…”

nhưng họ đuổi không được

Ý nghĩa khả thi cho điều nầy là 1) "không thể bỏ con tôi được" hay 2) "thật là khó khi để con tôi như thế..."

sôi bọt miếng

Khi một người bị ám, họ có thể khó thở hay nuốt nước miếng. Điều nầy làm cho nước miếng cứ trào ra ở quanh miệng người. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây

Luke 9:41

Đức Chúa Giê-xu đáp rằng

"Chúa Giê-xu đáp khi trả lời"

Hỡi dòng dõi không tin và bội nghịch kia

Câu nầy được nói với đám dân đông nhóm lại ở đó, chớ không phải nói với các môn đồ.

Ta ở với các ngươi và nhịn các ngươi cho đến chừng nào?

Đây là câu hỏi hùng biện. Chúa Giê-xu không chờ đợi và trả lời. Ý nghĩa là "Ta đã làm nhiều việc như thế mà các ngươi vẫn không tin!"

Hãy đem con của ngươi lại đây

Ở đây Chúa Giê-xu đang phán trực tiếp với người cha của đứa trẻ.

vừa lại gần

"trên đường đi tới" hay "trên đường"

quở

"nói năng nó"

Luke 9:43

Ai nấy đều lấy làm lạ về quyền phép cao trọng của Đức Chúa Trời

Chúa Giê-xu đã làm ra phép lạ, nhưng đám dân đông công nhận rằng Đức Chúa Trời là quyền phép ở đàng sau sự chữa lành.

Những gì Ngài làm

“những gì Chúa giê-xu làm”

Anh em hãy nghe cho kỹ những lời này

Tham khảo: “Hãy lắng nghe cẩn thận và ghi nhớ” hoặc “Các ngươi đừng quên điều này”

vì Con Người sẽ bị nộp vào tay người ta

Ở đây, từ “tay” nói đến quyền lực hoặc sự cai trị. Tham khảo: “Người ta sẽ nộp Con Người vào tay chính quyền.”

Con Người

Chúa Giê-xu đang phán về chính mình Ngài ở ngôi thứ ba. Tham khảo cách dịch: "Ta, Con Người".

họ không hiểu lời ấy có nghĩa gì

Tham khảo: “họ không hiểu rằng Ngài đang nói về sự chết của Ngài”

bị nộp trong tay người ta

"bị giao cho". Ở đây "nộp" đề cập đến quyền lực. Tham khảo cách dịch: "Người ta sẽ giao Con Người cho nhà cầm quyền"

Luke 9:46

Thông tin Tổng quát:

Các môn đồ tranh luận xem rằng người nào là lớn nhất

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trong số họ.

cùng nhau

"giữa vòng các môn đồ"

biện luận

"suy nghĩ theo cách riêng" hay "xem xét trong tư tưởng của riêng họ"

vì danh ta

Cụm từ nầy đề cập đến một người đang làm một việc gì đó như là đại biểu của Chúa Giê-xu. Tham khảo cách dịch: "vì cớ Ta"

Tức là tiếp Thầy

Tham khảo: “tức là người đó cũng tiếp Thầy”

Đấng đã sai Ta

"Đức Chúa Trời, Đấng đã sai Ta" (UDB)

Luke 9:49

Giăng cất tiếng nói rằng

"Khi đáp lại, Giăng nói" hay "Giăng đáp lời Chúa Giê-xu". Giăng đã đáp ứng những gì Chúa Giê-xu đã nói về người cao trọng nhất. Ông không trả lời một câu hỏi. Ông muốn biết người đuổi quỉ nầy có đẳng cấp gì giữa vòng các môn đồ.

Thầy

Từ ngữ được dịch ở đây là “thầy” không phải là từ ngữ thông thường nói tới “Thầy”. Từ ngữ nầy đề cập một nhân vật có thẩm quyền, chớ không đề cập đến người làm chủ người khác. Bạn có thể dịch từ nầy là "Chủ" hay "Quản đốc" hoặc với một từ thường được sử dụng nói tới một người đang nắm quyền hành, tỉ như “Ngài”."

Nhân danh Thầy

Cụm từ nầy ý nói người đang nói với quyền phép và thẩm quyền của Chúa Giê-xu.

Đừng ngăn cấm họ

Tham khảo: “Hãy cứ để họ làm vậy”

vì ai không nghịch cùng các ngươi, là thuận với các ngươi

Cụm từ nầy có thể được dịch là "nếu người nào không ngăn trở ngươi, họ đang giúp đỡ ngươi" hay "nếu có ai không làm ngược lại ngươi, người ấy đang làm thuận theo ngươi". Một số ngôn ngữ hiện đại có những câu nói mang ý nghĩa tương tự.

Luke 9:51

Thông tin Tổng quát:

Bấy giờ rõ ràng là Chúa Giê-xu đã quyết định đi đến Giê-ru-sa-lem.

Gần đến ngày

Cụm từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu phần mở đầu của phần mới trong câu chuyện.

Khi gần đến kỳ

Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu phần mở đầu chi tiết mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.

Kiên quyết

“nhất định” hoặc “quả quyết”

hướng mặt mình

Đây là thành ngữ ý nói "chuẩn bị tâm tư" hay "quyết ý" hoặc "nhất quyết".

để sửa soạn nhà trọ cho Ngài

Cụm từ nầy ý nói thực hiện mọi sự chuẩn bị cho sự đến của Ngài trong khu vực, có lẽ bao gồm nói để giảng dạy, nơi để ở, và thức ăn.

không tiếp rước Ngài

"không chào đón Ngài" hay "không muốn Ngài đến đó ở”

Luke 9:54

thấy vậy

"thấy rằng người Sa-ma-ri không tiếp đón Chúa Giê-xu"

khiến lửa từ trên trời xuống thiêu họ chăng

Gia-cơ và Giăng đề nghị phương pháp xét đoán nầy vì họ vốn biết rõ rằng đây là cách các vị tiên tri như Ê-li đã xét đoán những kẻ chối bỏ Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Giê-xu xây lại quở hai người

"Chúa Giê-xu xây lại và quở Giacơ và Giăng". Chúa Giê-xu không phán xét người thành Sa-ma-ri, như các môn đồ trông mong.

Luke 9:57

có kẻ

This was not one of the disciples.

Con cáo có hang ... không có chỗ gối đầu

Chúa Giê-xu ám chỉ rằng nếu người ta muốn đi theo Ngài, người ấy quá mạnh đến nỗi không có nhà cửa chi hết. Phần thông tin ám chỉ cụ thể: "Vậy đừng mong rằng ngươi sẽ có một ngôi nhà"

con cáo

Có những loại vật trong xứ tương tự như mấy con chó nhỏ. Chúng ngủ trong hang hay trong chỗ đào dưới đất.

chim trời có ổ

"loài chim bao trên không trung"

Con Người

Chúa Giê-xu đang nói tới chính mình Ngài ở ngôi thứ ba. Tham khảo cách dịch: "Ta, Con Người"

không có chỗ mà gối đầu

"không có chỗ đặt cái đầu xuống nằm" hay "không có chỗ để ngủ". Đây là phép cường điệu, Chúa Giê-xu đang nói tới điểm Ngài chẳng được hoan nghênh dù là ở đâu đi nữa.

Luke 9:59

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu tiếp tục nói chuyện với những người đến gặp Ngài dọc đường.

hãy theo Ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Hãy làm môn đồ Ta" hay "Hãy làm môn đồ ta và hãy đến cùng ta"

Xin cho tôi về chôn cha tôi trước đã

"trước khi theo Ngài, hãy để tôi đi."

Xin cho phép tôi đi chôn cha tôi trước đã

Khi con người chết thì không thể chôn người khác, điều này ám chỉ cái chết thuộc linh chôn vùi cái chết thuộc thể.

Luke 9:61

Tôi sẽ theo Chúa

"tôi sẽ hiệp với Ngài trong vai trò một môn đồ" hay "tôi sẵn sàng bước theo Ngài" hay "tôi hứa theo Ngài"

xin cho phép tôi về từ giã

Cụm từ nầy có thể được dịch là "trước khi tôi làm việc ấy, con cho tôi nói lời giã từ" hay "cho phép tôi trước tiên nói cho họ biết rằng tôi sẽ ra đi"

người trong nhà tôi

"trong nhà tôi" hay "người sống trong nhà tôi"

Ai đã ... thì không xứng đáng với Nước Đức Chúa Trời

Chúa Giê-xu nói ra câu nầy như một nguyên tắc bao quát áp dụng cho từng người. Tuy nhiên, ý nghĩa áp dụng cho

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

con người là "các ngươi sẽ không xứng đáng với Vương quốc của ta nếu các ngươi nhắm vào con người trong quá khứ của ngươi thay vì nhắm vào việc bước theo Ta".

tra tay cầm cày

"sau khi đã khởi sự cày ruộng mình". Nhà nông sử dụng cái cày để sửa soạn ruộng mình thích ứng cho việc gieo giống. Nhiều cộng đồng không biết việc cày bừa có thể dịch từ ngữ nầy theo cách chung chung: "sau khi đã sửa soạn ruộng mình"

ngó lại đàng sau

Người nào ngó lại đàng sau đang khi cày không thể cầm cày để đi cho thẳng được. Họ phải nhắm vào đáng trước để cày cho thẳng.

xứng đáng với

"thích đáng với" hay "thích nghi với"

Translation Questions

Luke 9:7

Hê-rốt nghe nói từ trong dân sự ba lời giải thích khả thi về Chúa Giê-xu là ai. Họ đã nói gì?

Có người nói Chúa Giê-xu là Giăng Báp-tít đã sống lại từ kẻ chết, có người nói Êli đã xuất hiện, và có người nói một tiên tri đời xưa đã sống lại.

Luke 9:20

Khi Chúa Giê-xu hỏi các môn đồ Ngài là ai, Phi-e-rơ đáp thế nào?

Ông đáp: "Thầy là Chúa Cứu Thế của Đức Chúa Trời."

Luke 9:23

Chúa Giê-xu phán rằng nếu ai muốn theo Ngài, người ấy phải làm gì?

Người ấy phải chối bỏ mình, mỗi ngày vác lấy thập tự giá mà theo Chúa Giê-xu.

Luke 9:30

Ai hiện ra với Chúa Giê-xu?

Môi-se và Êli đã hiện ra với Chúa Giê-xu.

Luke 9:51

Khi gần đến ngày Chúa Giê-xu sẽ về trời, Ngài đã làm gì?

Ngài tuyệt đối hướng mặt mình phải lên thành Giê-ru-sa-lem

Chapter 10

Luke 10:1

Sau những việc ấy

Từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.

bảy mươi

"70". Có bản dịch chép "bảy mươi hai" hay "72". Bạn có thể tạo một ghi chú chân trang để nhắc đến con số nầy.

sai đi từng đôi

"sai họ đi từng nhóm hai người" hay "sai họ đi với hai người trong mỗi nhóm"

Ngài phán cùng môn đồ

Việc nầy xảy có trước khi họ đi ra. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đây là những gì Ngài đã phán cùng họ" hay "Trước khi họ đi ra Ngài phán cùng họ"

Mùa gặt thì trúng, song con gặt thì ít

"Có mùa gặt lớn, nhưng không đủ con gặt để thu thập về". Ẩn dụ nầy ý nói rằng có nhiều người sẵn sang được đưa vào mùa gặt [[enobektkingdomofgod]])

Luke 10:3

Hãy đi

Cụm từ nầy có thể được dịch là "hãy vào các thành" hay "hãy đến với người ta" hoặc "hãy đi đem về nhiều người".

Khác nào như chiên con ở giữa bầy muông sói

Đây là sự ví sánh ý nói những người Chúa Giê-xu sai đi có thể bị tấn công bởi những kẻ mà họ gặp gỡ. Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi ta sai các ngươi đi, người ta sẽ muốn hãm hại các ngươi giống như bầy sói tấn công bầy chiên vậy". Tên của các loài thú có thể được hoán đổi.

bầy sói

Bầy sói tương tự như bầy chó hoang. Chúng tấn công và ăn thịt các động vật khác, tỉ như chiên con. "Bầy sói" có thể được dịch với dạng di truyền như "bầy chó hoang" hay "chó dữ" hoặc với tên thú vật đặc biệt như con chó mà dân sự của bạn vốn biết rõ, tỉ như "sói đồng cỏ" hay "chó rừng"

Đừng đem túi, bao, giày

"đừng đem túi tiền theo với các ngươi"

đừng chào ai dọc đường

Chúa Giê-xu đang nhấn mạnh rằng họ đi mau đến các thành các làng và lo làm công việc mình. Ngài không bảo họ lỗ mãng đâu.

Luke 10:5

Cầu sự bình an cho nhà nầy

"Nguyện người sống trong nhà nầy nhận được sự bình an". Câu nầy vừa là lời chào vừa là lời chúc phước.

có người nào đáng được bình an

"một người được bình an". Đây là người mong muốn sự hoà thuận với Đức Chúa Trời và với người ta.

sự bình an của các ngươi sẽ giáng cho họ

Cụm từ nầy có thể được dịch là "người ấy sẽ có sự bình an mà người đã chúc cho người"

bằng không

"nếu không có người nào đáng được bình an ở đó" hay "nếu chủ nhà không phải là người đáng được bình an"

sẽ trở về các ngươi

"ngươi sẽ có sự bình an ấy"

hãy ở nhà đó

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Cứ ngủ lại ở nhà đó". Chúa Giê-xu không nói rằng họ nên ở nhà đó suốt ngày đâu, nhưng họ nên ngủ ở cùng căn nhà mà mỗi tối họ ngủ ở đó.

vì người làm công đáng được tiền lương mình

Đây là nguyên tắc chung mà Chúa Giê-xu đem áp dụng cho những người Ngài sai phái. Một khi họ đã được dạy dỗ và chữa lành cho dân sự, người ta sẽ tiếp trợ cho họ với chỗ ở và thức ăn.

Đừng đi nhà nầy sang nhà khác

Cụm từ nầy ý nói "Đừng ngủ ở nhà khác mỗi đêm"

Luke 10:8

Và người ta tiếp rước

"nếu họ đón tiếp các ngươi"

hãy ăn đồ ăn họ dọn cho

"hãy băn bất cứ thứ gì họ trao cho các ngươi"

Nước Đức Chúa Trời đến gần các ngươi

Cụm từ nầy đề cập đến sự thực là hoạt động của Nước Trời đã diễn ra ở chung quanh họ trong sự chữa lành của các

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

môn đồ và sự dạy của Chúa Giê-xu. Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "các ngươi sẽ thấy Nước Trời đang ở cạnh các ngươi ngay lúc nầy đây"

Luke 10:10

Và họ không tiếp rước

"nếu họ từ chối các ngươi"

phủi bụi của thành ác ngươi đã dính chân chúng ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "giống như các ngươi đã chối bỏ chúng ta, chúng ta chối bỏ các ngươi. Thậm chí chúng ta chối bõ bụi từ thành các ngươi bám vào chân chúng ta". Kể từ khi Chúa Giê-xu sai phái số người đi ra cứ hai người một nhóm, hai người có thể nói điều nầy. Các thứ ngôn ngữ có cách thức tương tự “chúng ta” nên sử dụng cách nói đó.

Nhưng phải biết nước Đức Chúa Trời đã đến gần các ngươi rồi

Cụm từ nầy đưa ra một lời cảnh cáo. Ý nói "mặc dù các ngươi từ chối chúng ta, điều đó không làm thay đổ sự thực Vương quốc đang hiện hữu ở đây!"

Nước của Đức Chúa Trời đã đến gần

"Nước của Đức Chúa Trời đang ở chung quanh bạn"

ta phán cùng các ngươi

Chúa Giê-xu đang phán điều nầy với 70 người Ngài đã sai đi. Ngài phán điều nầy để tỏ ra rằng Ngài sắp sửa nói ra một việc quan trọng.

Đến ngày cuối cùng

Cụm từ muốn nói "ngày ấy". Nhưng các môn đồ vốn hiểu rõ điều nầy đề cập đến thời điểm phán xét sau cùng đối với hạng tội nhân.

Thành Sôđôm sẽ chịu nhẹ hơn thành nầy

"Sôđôm sẽ không bị phán xét nghiệt ngã như thành ấy sẽ bị xét đoán". Cụm từ nầy ý nói "thành ấy sẽ bị xét đoán nghiệt ngã hơn thành Sôđôm"

Luke 10:13

Khốn cho mầy, thành Cô-ra-xin! Khốn cho mầy, thành Bết-sai-đa

Chúa Giê-xu phán giống như thể dân sự của hai thành Côraxin và Bếtsaiđa có mặt ở đó lắng nghe Ngài, nhưng họ không có mặt.

Nếu những việc quyền năng đã làm ra giữa các ngươi được thực hiện tại thành Ty-rơ và Si-đôn

Chúa Giê-xu đang mô tả một tình huống có thể đã xảy ra trong quá khứ nhưng đã không diễn ra. Tham khảo “Nếu ai đó đã làm những việc lạ giữa những người trong thành Ty-rơ và Si-đôn là những việc mà ta đã làm”.

ăn năn từ lâu rồi

"hạng người gian ác sống ở đó sẽ tỏ ra họ hối tiếc về tội lỗi của họ"

mặc áo gai và đội tro

"mặc áo gai và ngồi trong đống tro"

thành Tyrơ và thành Si-đôn sẽ chịu nhẹ hơn thành nầy

"Đức Chúa Trời sẽ hình phạt ngươi nặng nề hơn dân sự thành Ty-rơ và thành Si-đôn". Lý do cho sự việc nầy đưa đưa ra cụ thể hơn trong Kinh Thánh "vì các ngươi trong ăn năn và tin theo ta mặc dù các ngươi thấy ta làm ra nhiều phép lạ”.

ngày phán xét

"vào ngày sau rốt khi Đức Chúa Trời phán xét mọi người"

Còn mầy, thành Ca-bê-na-um

Giờ đây Chúa Giê-xu phán cùng người thành Ca-bê-na-um giống như thể họ đang lắng nghe Ngài, nhưng họ không có mặt.

mày sẽ được nhắc lên tận trời sao

Đây là câu hỏi hùng biện, trong đó Chúa Giê-xu quở dân thành Ca-bê-na-um vì sự kiêu ngạo của họ. Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động "ngươi sẽ lên đến trời" hay "có phải ngươi tưởng rằng Đức Chúa Trời sẽ coi trọng ngươi sao?"

lên tận trời sao

Được tôn lên cao là thành ngữ ý nói "sẽ được tôn trọng"

Luke 10:16

Ai nghe các ngươi, ấy là nghe ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi ai nghe các ngươi, thì giống như thể họ đang nghe ta"

ai bỏ các ngươi, ấy là bỏ ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi ai từ chối các ngươi, thì giống nưh thể họ đang từ chối ta"

Còn ai bỏ ta, ấy là bỏ Đấng đã sai ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi ai từ chối ta, thì giống như thể họ đang từ chối Đấng đã sai ta"

Đấng đã sai ta

Cụm từ nầy đề cập đến Đức Chúa Cha là Đấng đã chỉ định Chúa Giê-xu về phần việc đặc biệt nầy. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời, Đấng đã sai ta".

Luke 10:17

Bảy mươi môn đồ trở về

Một số ngôn ngữ cần phải nói rằng bảy mươi người thực sự đi ra y như Kinh Thánh chép. Đây là phần thông tin cụ thể đã được đưa ra.

bảy mươi

Bạn có thể them chú thích chân trang "Một số bản dịch chép '72' thay vì là '70'"

vì danh Chúa

Ở đây "danh" đề cập đến quyền phép và thẩm quyền của Chúa Giê-xu.

Ta đã thấy quỉ Sa-tan từ trời sa xuống như chớp

Chúa Giê-xu sử dụng sự vì sánh để mô tả cách thức Đức Chúa Trời đánh bại Sa-tan khi 70 môn đồ Ngài đi giảng đạo trong các thành các làng.

Quyền giày đạp rắn, bò cạp

"quyền giày đạp rắn, và bò cạp". Ý nghĩa khả thi là 1) câu nầy đề cập đến loài rắn và bò cạp hay 2) loài rắn và bò cạp là ẩn dụ nói tới các tà linh. Kinh Thánh dịch câu nầy như đang đề cập đến các tà linh "ta đã ban cho các ngươi quyền tấn công các tà linh"

giày đạp rắn, bò cạp

Cụm từ nầy ám chỉ rằng họ sẽ làm việc nầy mà không bị thương. Bạn có thể nói cụ thể hơn "đạp trên rắn và bò cạp mà không bị thương"

bò cạp

con vật nhỏ với hai càng và nọc độc nơi đuôi của nó

mọi quyền của kẻ nghịch dưới chân

"ta đã ban cho các ngươi quyền chà nát quyền lực của kẻ thù" hay "ta đã ban cho các ngươi quyền đánh bại kẻ thù". Kẻ thù là Sa-tan.

đừng chỉ vui mừng vì các quỷ phục tùng anh em

"đừng chỉ vui mừng vì ma quỷ phục tùng các ngươi”

tên các ngươi đã được ghi trên thiên đàng

Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động "Đức Chúa Trời đã ghi tên các ngươi trên thiên đàng" hay "tên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

các ngươi đã ghi trên danh sách những kẻ nào là công dân thiên quốc"
Luke 10:21
Chúa của trời đất
"Chủ Tễ trên mọi người và mọi vật trên trời dưới đất"
những sự nầy
Cụm từ nầy đề cập đến sự dạy trước đây của Chúa Giê-xu về thẩm quyền của các môn đồ. Tốt nhứt là nói "những sự nầy" và để cho độc giả quyết định ý nghĩa.
kẻ khôn ngoan người sáng dạ
"từ hạng người nào là khôn ngoan và thông biết". Cụm từ nầy có thể được dịch là "từ những người nghĩ họ khôn ngoan và thông sáng"
Những người không có học thức
Câu này nói đến những người không nghĩ mình là khôn ngoan và sẽ sẵn sàng tiếp nhận lời dạy dỗ của Chúa Giê-xu.
Giống như trẻ thơ
"như trẻ thơ." Cách diễn đạt này nói đến những người biết rằng họ không khôn ngoan và không hiểu biết.
vì điều đó đẹp ý Ngài
Tham khảo “vì điều này đẹp ý Ngài”
Luke 10:22
Cha ta đã giao mọi sự cho ta
Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động "Cha ta đã giao mọi sự cho ta"
Cha...Con
Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.
Con
Chúa Giê-xu đang đề cập đến chính mình Ngài bằng ngôi thứ ba.
biết Con là ai
Từ ngữ được dịch là "biết" ý nói biết từ kinh nghiệm cá nhân. Đức Chúa Cha biết Chúa Giê-xu với cấp độ nầy.
ngoài Cha
Cụm từ nầy ý nói "Chỉ có Đức Chúa Cha mới biết Con là ai"
biết Cha là ai
Từ ngữ được dịch là "biết" ý nói biết từ kinh nghiệm cá nhân. Chúa Giê-xu biết Đức Chúa Cha theo cách thức nầy
ngoài Con
Cụm từ nầy ý nói "chỉ có Con mới biết Cha là ai"
và người nào mà Con muốn tỏ ra cùng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "người nào biết Đức Chúa Cha chỉ khi nào Con muốn tỏ Cha ra cho họ"
Luke 10:23
Quay sang các môn đồ, Ngài nói riêng với họ
Có thể việc này xảy ra ở một thời điểm sau đó. Tham khảo “Sau đó, khi các môn đồ đang ở với Ngài, Ngài nói”
phước cho mắt nào được thấy điều các ngươi thấy
Cụm từ nầy có thể được dịch là "thật lấy làm tốt cho người nào thấy những việc mà các ngươi đang thấy". Có lẽ câu nầy đề cập đến hết thảy những ai đã đến nghe Chúa Giê-xu giảng dạy.
thấy điều các ngươi thấy
"những việc các ngươi đã thấy ta làm"
những điều các ngươi nghe
"những điều các ngươi đã nghe ta nói"
Luke 10:25
Câu Liên kết
Chúa Giê-xu trả lời câu hỏi của một giáo sư Do Thái bằng một câu chuyện, đây là người muốn thử Chúa Giê-xu.
Bấy giờ, một thầy dạy luật
Cụm từ "bấy giờ" báo cho chúng ta biết một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách thức làm việc nầy. Anh ngữ sử dụng "có một thầy dạy luật ..."
Khi ấy
Từ này cho chúng ta biết có một nhân vật mới xuất hiện trong câu chuyện. Có thể ngôn ngữ của dịch giả có cách diễn đạt điều này.
thử Ngài
"thách thức Chúa Giê-xu"
Trong luật pháp có chép điều gì?
Chúa Giê-xu dùng câu hỏi để dạy giáo sư người Do Thái. Tham khảo “Hãy cho Ta biết Môi-se đã viết gì trong luật pháp.”
Ngươi đọc gì trong đó?
"Ngươi đọc gì trong đó?" hay "Ngươi hiểu sách luật chép gì không?"
yêu người lân cận như mình
Người này trích lại điều Môi-se chép trong luật pháp.
hết lòng ... hết linh hồn ... hết sức, hết trí
Hết thảy mọi sự nầy ý nói rằng một người phải kính mến Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn với hết sức sống của họ.
người lân cận như mình
Cụm từ nầy đề cập đến một thành viên trong cộng đồng của bạn. Cụm từ nầy có thể được dịch là "đồng bào của ngươi" hay "người sống trong cộng đồng của ngươi"
Luke 10:29
Song thầy ấy muốn xưng mình là công bình, nên thưa
Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhưng thầy ấy muốn tìm cách xưng mình là công bình, vì vậy thầy ấy nói" hay "nhưng mong muốn tỏ ra mình là công bình, thầy ấy nói".
Đức Chúa Giê-xu lại cất tiếng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Để đáp trả, Chúa Giê-xu nói cho người biết câu chuyện nầy"
lâm vào kẻ cướp
"bị cướp bao vây". Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động "một số kẻ cướp tấn công ông ta"
giựt lột hết
"lấy hết mọi thứ ông ta có" hay "cướp hết mọi thứ của ông ta"
Luke 10:31
Vả,
Đây không phải là việc mà bất kỳ ai đã sắp xếp.
một thầy tế lễ
Cụm từ nầy giới thiệu một nhân vật mới trong câu chuyện, không nói đích danh.
thấy người ấy
"khi thầy tế lễ thấy người bị thương". Thầy tế lễ là một người rất tôn giáo, vì vậy khan thính giả sẽ cho rằng ông sẽ cứu giúp kẻ bị thương. Một khi ông không giúp, cụm từ nầy có thể được dịch là "nhưng khi ông thấy người ấy" kêu gọi chú ý kết quả bất ngờ nầy.
qua khỏi
Cụm từ nầy ám chỉ rằng ông ta không cứu giúp người kia. Cụ thể là "ông đi qua mà không giúp đỡ kẻ bị thương kia"
Luke 10:33
Có một người Samari

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ nầy giới thiệu một nhân vật mới trong câu chuyện mà không nêu đích danh. Chúng ta chỉ biết rằng đây là một người Samari. Người Do thái xem khinh người Samari và cho rằng mình sẽ chẳng cứu giúp người Do thái bị thương tích kia.

ngó thấy

"khi người Samari thấy kẻ bị thương"

động lòng thương

"ông ta cảm thấy đau buồn cho kẻ kia"

lấy dầu và rượu xức chỗ bị thương, rồi rịt lại

Một khi ông ta trước tiên lấy dầu và rượu xức cho kẻ bị thương kia, cụm từ nầy có thể được dịch là "người lấy dầu và rượu xức cho kẻ bị thương rồi dung áo quấn người lại". Rượu được sử dụng làm sạch vết thương, và dầu có lẽ được dung để ngăn nhiễm trùng.

lấy dầu và rượu xức các vết thương

Rượu được dùng để lau vết thương, và dầu chắc chắn được dùng để ngăn nhiễm trùng.

con vật mình

"thú vật của riêng ông ta". Đây là con thú mà ông ta sử dụng để chở hang hoá. Có lẽ đây là con lừa.

hai đơ-ni-ê

"tiền công hai ngày". "Đơ-ni-ê" là số nhiều.

chủ quán

"chủ quán trọ" hay "người lo liệu cho nhà quán"

Luke 10:36

Trong ba người đó, ngươi tưởng

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Ngươi nghĩ sao? Ai trong ba người nầy"

là lân cận

"tỏ ra mình đúng là người lân cận"

là lân cận với kẻ bị cướp

"lân cận với kẻ bị cướp tấn công"

Luke 10:38

Thông tin Tổng quát

Chúa Giê-xu đến thăm gia đình của Ma-thê, tại đó chị bà là Ma-ri chăm chú lắng nghe Ngài dạy dỗ.

Bấy giờ

Từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện mới.

Khi Đức Chúa Giê-xu cùng môn đồ đi đường

"Giờ đây khi Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài đi đường". Một khi điều nầy là chi tiết mới của câu chuyện, thật là tự nhiên trong một số ngôn ngữ nói đến "họ". Ngôn ngữ của bạn có thể có cách chỉ ra đây là chi tiết mới của câu chuyện.

đến một làng kia

Cụm từ nầy giới thiệu ngôi làng như một địa điểm mới, song không nêu đích danh.

Có người đàn bà, tên là Ma-thê

Cụm từ nầy giới thiệu Ma-thê là một nhân vật mới. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách thức giới thiệu nhân vật mới.

ngồi dưới chân Chúa

Cụm từ nầy có thể được dịch là "ngồi dưới đất và lắng nghe Chúa dạy dỗ". Đây là chỗ đáng tôn trọng thường lệ dành cho học viên trong thời ấy.

Lắng nghe Lời Ngài

Tham khảo “và lắng nghe Chúa dạy dỗ”

Luke 10:40

Chúa há không nghĩ đến sao

Ma-thê đang than phiền rằng Chúa cho phép Ma-ri ngồi nghe Ngài giảng dạy khi có rất nhiều việc phải lo làm. Nàng tôn trọng Chúa, vì vậy nàng sử dụng câu hỏi hùng biện để làm dịu đi sự than vãn của nàng. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Dường như Ngài không quan tâm"

Ma-thê, Ma-thê

Chúa Giê-xu lặp lại tên của Ma-thê nhằm nhấn mạnh. Tham khảo “Hỡi Ma-thê” hoặc “Chị Ma-thê ơi”

là phần không có ai cất lấy được

Ý nghĩa khả thi là 1) "Ta không thể tước cơ hội nầy khỏi nàng được" hay 2) "nàng sẽ không đánh mất những gì nàng kiếm được khi nàng nghe ta rao giảng"

Translation Questions

Luke 10:21

Chúa Giê-xu nức lòng với Đức Chúa Cha khi tỏ Vương quốc của Đức Chúa Trời ra với ai?

Chúa Giê-xu nức lòng với Đức Chúa Cha khi tỏ ra Nước Trời cho những kẻ vô học, như trẻ nhỏ vậy.

Luke 10:31

Trong thí dụ của Chúa Giê-xu, thầy tế lễ Do thái làm gì khi ông nhìn thấy kẻ bán sống bán chết nằm trên đường?

Người đi ngang qua.

Luke 10:40

Ma-thê đã làm gì khi Chúa Giê-xu đến tại nhà nàng?

Nàng mãi lo việc vặt, lo dọn bữa ăn.

Chapter 11

Luke 11:1

Thông tin Tổng quát:

Đây là mở đầu của phần tiếp theo trong câu chuyện. Chúa Giê-xu dạy các môn đồ Ngài cầu nguyện.

Có một ngày

Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu phần mở đâu chi tiết mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức làm việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng cách ấy ở đây.

khi cầu nguyện xong

“khi cầu nguyện xong". Tự nhiên hơn nữa khi nói rằng Chúa Giê-xu đã cầu nguyện trước khi nói “khi cầu nguyện xong"

Luke 11:2

Chúa Giê-xu nói với họ: “Khi anh em cầu nguyện, hãy thưa rằng: ‘Lạy Cha, xin danh Cha được tôn thánh

Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, truyền cho các môn đồ phải tôn kính danh Đức Chúa Cha bằng cách gọi Đức Chúa Trời là “Cha” khi cầu nguyện.

Ngài phán rằng

"Chúa Giê-xu phán cùng các môn đồ Ngài"

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng dành cho Đức Chúa Trời.

danh Cha được thánh

Tham khảo cách dịch: "nguyện mọi người tôn vinh Ngài" hay "hãy khiến mọi người tôn vinh danh Ngài". Ý nói: "chúng tôi muốn mọi người tôn vinh Ngài"

nước Cha được đến

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Hãy thiết lập Nước của Ngài". Ý nói: "Chúng tôi muốn Ngài cai trị trên dân sự Ngài"

Luke 11:3

Câu liên kết:

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy các môn đồ Ngài cầu nguyện.

ngày nào đủ bánh ngày ấy

Bánh là thức ăn không đắt tiền mà người ta dung mỗi ngày. Cụm từ được sử dụng ở đây đề cập đến thức ăn chung. Có thể được dịch là "thức ăn chúng con cần mỗi ngày".

xin tha tội chúng tôi

"Xin tha cho chúng tôi việc phạm tội nghịch cùng Ngài" hay "Xin tha thứ tội lỗi chúng tôi"

vì chúng tôi cũng tha

"một khi chúng tôi cũng tha thứ"

kẻ mích lòng mình

"kẻ phạm tội nghịch cùng chúng tôi" hay "kẻ nào làm ra những việc sai trái đối với chúng tôi"

xin chớ đem chúng tôi vào sự cám dỗ

Đây là cách nói có nghĩa là: "Xin dẫn chúng tôi tránh sự cám dỗ"

Luke 11:5

Câu liên kết:

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy các môn đồ Ngài về sự cầu nguyện.

Nếu một người trong các ngươi có

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi để dạy các môn đồ. Có thể dịch là “Giả sử một người trong các ngươi”

cho tôi mượn ba cái bánh

"cho tôi mượn ba cái bánh" hay "cho tôi ba cái bánh và tôi sẽ trả lại cho bạn sau". Chủ nhà không có thứ đồ ăn nào sẵn sàng trao cho khách của mình.

ba cái bánh

có thể sử dụng thuật ngữ như "bánh đã nướng" hay "bánh có sẵn"

đi đường mới tới

Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ đi đường và mới tới nhà tôi"

không có chi đãi người

"không có đồ ăn sẵn để đãi người"

đừng khuấy rối tôi

"Chờ dậy thật không tiện cho tôi"

ta nói cùng các ngươi

Chúa Giê-xu đang phán cùng các môn đồ, vì vậy chữ "you" [các ngươi] là số nhiều.

cho bánh vì là bạn mình

Chúa Giê-xu nói với các môn đồ giống như thể họ là những kẻ xin bánh. Cụm từ nầy có thể được dịch là "hãy trao bánh cho người ấy, vì họ là bạn của người ấy"

làm rộn

Cụm từ nầy đề cập đến sự thực người xin bánh bất chấp sự thực điều không tiện để bạn mình không dậy được lúc giữa đêm để lấy bánh cho mình.

Luke 11:9

xin ... tìm ... gõ

Chúa Giê-xu đưa ra các mạng lịnh nầy để khích lệ các môn đồ Ngài phải cầu nguyện liên tục. Hãy sử dụng hình thức "các ngươi" rất thích ứng trong phân đoạn nầy. Các mạng lịnh nầy có thể được dịch là "cứ cầu xin điều con cần ... cứ tìm kiếm điều con cần từ Chúa... cứ gõ cửa".

sẽ ban cho

Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động: "Đức Chúa Trời sẽ ban dđiều đó cho ngươi" hay "ngươi sẽ nhận được điều đó"

gõ

Gõ nơi cửa là đập vào đó mấy lần để khiến cho người ở bên trong nhận ra bạn đang đứng ở ngoài. Từ nầy có thể được dịch theo văn hóa của bạn để thể hiện rằng họ đã đến, giống như "kêu" hay "ho" hoặc "đập". Ở đây, có nghĩa là một người nên tiếp tục cầu nguyện thưa với Chúa cho đến khi Ngài đáp lời.

sẽ mở cho

Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động: "Đức Chúa Trời sẽ mở cửa cho bạn" hay "Đức Chúa Trời sẽ đón bạn vào bên trong"

Luke 11:11

Câu liên kết:

Chúa Giê-xu kết thúc phần dạy các môn đồ Ngài về sự cầu nguyện.

Ai trong anh em...rắn?

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi để dạy các môn đồ Ngài. Tham khảo: “Chẳng ai trong các ngươi...rắn.”

Xin bánh

"xin một ổ bánh.” Tham khảo: “xin đồ ăn”

Hay là xin cá, mà cho rắn?

Có thể dịch thành một câu mới: "Hay, nếu nó xin cá, lẽ nào ngươi lại cho rắn?"

bò cạp

bò cạp tương tự với con nhện, nhưng nó cái đuôi với ngòi nọc độc. Nếu nơi bạn ở không biết bò cạp, bạn có thể dịch từ ngữ nầy là "nhện độc" hay "nhện có nọc độc"

nếu người là xấu, còn biết

"một khi ngươi là xấu mà còn biết" hay "mặc dù người sống tội lỗi, mà ngươi còn biết"

huống cho Cha các ngươi ở trên trời lại chẳng ban Đức Thánh Linh

“Huống chi Cha các ngươi ở trên trời lại chẳng ban Đức Thánh Linh cho người xin Ngài sao?” Chúa Giê-xu lại dùng một câu hỏi để dạy dỗ môn đồ của Ngài. Có thể dịch là “Ngươi có thể tin chắc rằng Cha thiên đàng sẽ ban Đức Thánh Linh cho ngươi.”

Luke 11:14

Thông tin tổng quát:

Đây là phần tiếp theo trong câu chuyện. Chúa Giê-xu bị chất vấn sau khi Ngài đuổi quỉ ra khỏi một người câm.

Đức Chúa Giê-xu đuổi một quỉ câm

"Và Chúa Giê-xu đuổi một con quỉ ra khỏi người" hay "và Ngài buộc con quỉ phải ra khỏi người kia"

quỉ câm

Dường như con quỉ không thể nói được. Độc giả sẽ hiểu rằng con quỉ nầy có quyền ngăn không cho người kia nói. Bạn có thể làm cho phần thông tin nầy ra cho rõ ràng: "con quỉ khiến cho người nầy không nói được"

Song

Từ ngữ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu chỗ mà sự việc khởi sự. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây. Khi con quỉ ra khỏi người ấy, có người chỉ trích Chúa Giê-xu, và điều đó khiến Chúa Giê-xu dạy dỗ về các tà linh.

khi quỉ câm ra khỏi

"khi con quỉ ra khỏi người" hay "khi con quỉ lìa khỏi người"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người câm liền nói được
"người đó không thể nói"
nhờ Bê-ên-xê-bun ... mà trừ quỉ
"Ngài đuổi quỉ bằng quyền lực của Bê-ên-xê-bun, chúa quỉ"
Luke 11:16
Thông tin tổng quát:
Chúa Giê-xu bắt đầu trả lời đoàn dân đông.
kẻ khác muốn thử Ngài
"người khác đã thử Chúa Giê-xu". Họ muốn Ngài minh chứng rằng quyền phép của Ngài ra từ Đức Chúa Trời.
xin Ngài một dấu lạ từ trời xuống
"và xin Ngài ban cho một dấu lạ xuống từ trời" hay "bằng cách đòi hỏi Ngài ban cho một dấu lạ từ trời". Đây là cách họ muốn Ngài minh chứng rằng quyền phép của Ngài đến từ Đức Chúa Trời.
Nước nào tự chia rẽ thì sẽ suy vong
Tham khảo: “Nếu dân chúng trong một vương quốc tranh chiến lẫn nhau, thì họ sẽ tự hủy diệt nước của họ”
nhà nào tự chia rẽ nhau
"một gia đình có các thành viên đánh lộn nhau sẽ bị đổ xuống" hay "một gia đình có các thành viên đánh lộn nhau sẽ thôi không còn là một gia đình nữa". Từ ngữ "nhà" được sử dụng đề cập đến một gia đình hay đến những người sống trong một ngôi nhà.
đổ xuống
"sụp đổ và bị huỷ diệt". Hình ảnh nầy nói tới ngôi nhà sụp đổ đề cập đến sự huỷ diệt một gia đình khi các thành viên đánh lộn nhau.
Luke 11:18
Nếu Satan tự chia rẽ nhau
“Sa-tan” ở đây nói đến ma quỷ, những kẻ liên hiệp với Sa-tan chống lại Đức Chúa Trời. Có thể dịch: “Nếu Sa-tan và các thành viên trong vương quốc của nó đang chiến đấu giữa vòng bọn chúng.”
thì nước nó còn sao được
Chúa Giê-xu dùng câu hỏi để dạy mọi người. Có thể dịch: “vương quốc của Sa-tan sẽ không kéo dài được.” hoặc là “vương quốc của Sa-tan sẽ sụp đổ.”
Vì các ngươi nói ta nhờ Bê-ên-xê-bun mà trừ quỉ
"Vì các ngươi nói bởi quyền lực của Bê-ên-xê-bun mà ta đuổi ra khỏi người kia". Phần kế tiếp của sự tranh luận có thể trình bày cụ thể như sau: "việc đó nghĩa là Sa-tan tự chia rẽ hẳn".
thì con các ngươi nhờ ai mà trừ quỉ
"bởi quyền lực của ai con các ngươi buộc ma quỉ lìa khỏi người kia". Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch là "chúng ta phải nhất trí rằng con các ngươi cũng trục xuất ma quỉ bởi quyền lực của Bê-ên-xê-bun". Phần đánh giá câu nói đó có thể trình bày cụ thể: "Nhưng chúng ta biết đấy chẳng phải là sự thật".
Chính con các ngươi sẽ làm quan án các ngươi
"Con các ngươi đuổi quỉ bởi quyền phép của Đức Chúa Trời sẽ xét đoán các ngươi vì nói rằng ta nhờ quyền lực của Bê-ên-xê-bun mà đuổi quỉ".
Cậy ngón tay Đức Chúa Trời
"ngón tay của Đức Chúa Trời" đề cập đến quyền phép của Đức Chúa Trời.
thì nước Đức Chúa Trời đã đến nơi các ngươi rồi
"điều nầy tỏ ra rằng nước của Đức Chúa Trời đã đến với các ngươi rồi"
Luke 11:21
Khi một người mạnh sức...
Điều này nói về Chúa Giê-xu đang đánh bại Sa-tan và ma quỷ của nó như một người mạnh hơn cướp lấy điều gì đó từ một người mạnh.
của cải nó vững vàng
"không ai cướp được của cải người"
cướp lấy khí giới người kia đã nhờ cậy
Cụm từ nầy có thể được dịch là "cướp lấy của cải người" hay "tước đi bất cứ gì người muốn"
Phàm ai không theo ta
"ai không ủng hộ ta" hay "ai không làm việc với ta"
nghịch cùng ta
"làm nghịch cùng ta". Điều nầy đề cập đến những kẻ nói Chúa Giê-xu làm việc với STham khảo cách dịch:an.
Luke 11:24
các nơi khô khan
Cụm từ nầy đề cập đến "các nơi hoang vu" nơi các tà linh lang thang.
kiếm không được
"nếu tà linh không tìm được chổ an nghỉ nào"
nhà ta là nơi ta mới ra khỏi
Đây là ẩn tụ đề cập đến người mà hắn sử dụng để trú ngụ. Cụm từ nầy có thể được dịch là "người là chỗ mà ta dùng để trú ngụ!" Kinh Thánh tiếp tục dịch câu nầy như một ví sánh ở câu 26.
thấy nhà quét sạch và dọn đẹp tử tế
Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động: "thấy ai đó đã quét dọn nhà cửa sạch sẽ và sắp đặt mọi sự gọn gàng"
quét sạch
"trống trơn". Ẩn dụ nầy đề cập đến tình trạng người nầy không đầy dẫy đời sống họ với Thánh Linh Đức Chúa Trời sau khi ma quỉ bị đuổi đi.
Luke 11:27
Thông tin tổng quát:
Đây là phần xen vào giữa lời dạy của Chúa Giê-xu. Một người nữ nói một lời chúc phước và Chúa Giê-xu trả lời.
Khi
Cụm từ này được dùng để biểu thị một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Có thể xem xét dùng cách diễn tả ở đây nếu ngôn ngữ của dịch giả có cách đó.
Người đàn bà ở giữa dân chúng cất tiếng
"nói lớn tiếng hơn tiếng ồn của đám đông"
Phước cho dạ đã mang Ngài và vú đã cho Ngài bú
Tham khảo cách dịch: "Thật là phước hạnh dường bao cho người đàn bà nào mang thai Ngài và cho Ngài bú" hay "Phước dường bao cho người đàn bà nào cho Ngài bú mớm nơi ngực mình". Các chi tiết trên thân của người phụ nữ được sử dụng đề cập đến toàn bộ người phụ nữ ấy.
Phước cho
Cụm từ nầy có thể được dịch là "phước hạnh dường bao" hay "được Đức Chúa Trời chúc phước cho".
Luke 11:29
Câu liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ đám đông.
Thế hệ này là thế hệ gian ác
"Những người đang sống trong thời nay đều gian ác” (UDB)
họ xin một dấu lạ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Họ muốn ta ban cho một dấu lạ" hay "Phần nhiều người trong các ngươi muốn ta ban cho một dấu lạ". Phần thông tin về loại dấu lạ họ muốn có thể nói cụ thể như trong Kinh Thánh.

Song sẽ không cho dấu lạ nào khác

"Đức Chúa Trời sẽ không ban cho họ một dấu lạ nào cả"

dấu lạ của the sign of Giôna

Cụm từ nầy có thể được dịch là "những gì đã xảy ra cho Giôna" hay "phép lạ mà Đức Chúa Trời đã làm cho Giôna".

Vì Giôna là dấu lạ

Cụm từ nầy ý nói rằng Chúa Giê-xu sẽ đóng vai trò như một dấu lạ đến từ Đức Chúa Trời cho người Do thái thời buổi ấy chính xác cùng một cách như Giôna đã trở làm dấu lạ đến từ Đức Chúa Trời cho dân cư thành Ni-ni-ve.

Con Người

Chúa Giê-xu đang đề cập đến chính mình Ngài.

Luke 11:31

Nữ hoàng Nam phương

Cụm từ nầy đề cập đến Nữ hoàng Sê-ba. Sê-ba là vương quốc ở phía Nam Y-sơ-ra-ên.

sẽ đứng dậy cùng với người của thế hệ này

"cũng sẽ đứng dậy và đoán xét dân của thời này"

người từ nơi các đầu cùng đất đến

"bà ta đã đến từ một nơi rất xa". "từ các đầu cùng đất" là thành ngữ ý nói "từ một chỗ rất xa xôi"

ở đây có Đấng hơn vua Solomon

Lời quở trách mà Chúa Giê-xu muốn họ phải hiểu là "nhưng các ngươi chẳng nghe ta"

Luke 11:32

dân thành Ni-ni-ve sẽ đứng dậy với thế hệ này, và sẽ lên án họ

"Dân thành Ni-ni-ve sẽ đứng dậy và đoán xét, kết án dân trong thế hệ này"

và ăn năn

Dân thành Nineve đã ăn năn.

ở đây có một Đấng còn vĩ đại hơn Giô-na

Chúa Giê-xu đang nói về chính Ngài. Tham khảo: "Ta còn lớn hơn cả Giô-na nhưng các ngươi không ăn năn."

Luke 11:33

Câu liên kết:

Chúa Giê-xu kết thúc phần dạy dỗ đám đông.

để chỗ khuất

"giấu trong chỗ khuất"

để trên chân đèn

"đặt nó trên bàn" hay "họ đặt nó trên kệ"

mắt là đèn của thân thể

Câu nầy có mấy cách nói. Mắt là hoán dụ cho sự thấy, là một ẩn dụ nói tới sự hiểu biết. Thân thể là phép cải cách nói tới đời sống của một người. Cụm từ nầy có thể được dịch là "mắt ngươi là đèn của sự sống ngươi" hay "cái thấy của ngươi là đèn của sự sống ngươi". Một khi Chúa Giê-xu đang nói tới một việc là thực cho mọi người, cụm từ nầy có thể được dịch là "mắt là đèn của thân thể một người".

Khi mắt ngươi sõi sàng

"khi cái thấy của người là rõ ràng" hay "khi ngươi thấy rõ"

cả thân thể ngươi được sáng láng

Chúa Giê-xu nói về sự lẽ thật là ánh sáng. Jesus speaks about truth as if it were light. Ánh sáng là ẩn dụ nói tới lẽ thật. Ẩn dụ nầy ý nói "cả sự sống ngươi được đầy dẫy với sự sáng láng của chân lý" hay "cả sự sống ngươi đầy dẫy với lẽ thật"

Nếu mắt ngươi xấu, thân thể ngươi phải tối tăm.

Tối tăm là ẩn dụ nói tới sự giả dối. Ẩn dụ nầy ý nói "khi cái thấy của ngươi là xấu, cả thân thể ngươi sẽ đầy dẫy với sự giả dối"

thì cả thân thể đều sáng

Chúa Giê-xu nói về những người có đầy lẽ thật như thể họ là đèn chiếu sáng rạng rỡ.

Luke 11:37

Thông tin tổng quát:

Đây là phần mở đầu của phần tiếp theo trong câu chuyện. Chúa Giê-xu được mời đến dùng bữa ăn tại nhà của một người Pha-ri-si.

dùng bữa

“ngồi nơi bàn”. Đây là thông tục nói tới bữa ăn vui vẻ như bữa ăn tối nầy dành cho cánh đàn ông nằm dài quanh bà dùng bữa.

rửa

"rửa tay" hay "rửa tay để được sạch về mặt nghi thức". Người Pha-ri-si có luật rằng người ta phải rửa tay để được sạch về mặt nghi thức trước mặt Đức Chúa Trời.

Luke 11:39

Thông tin tổng quát:

Chúa Giê-xu bắt đầu nói với người Pha-ri-si.

ngoài chén và mâm

rửa ngoài đồ chứa là chi tiết của sự thực hành nghi thức của người dòng Pha-ri-si.

Nhưng bề trong đầy sự trộm cướp và điều dữ

Đây là ẩn dụ so sánh cách họ bỏ qua bề trong của đồ đựng với cách họ bỏ qua tình trạng nội tại của chính họ.

Đấng đã làm nên bề ngoài, há không làm nên bề trong nữa sao?

Đây là câu hỏi hùng biện. Chúa Giê-xu đang quở trách người dòng Pha-ri-si vì không hiểu biết điều chi ở trong long họ mới là vấn đề với Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói đã được chép trong Kinh Thánh.

thà các ngươi lấy của mình mà bố thí

"Hãy bố thí điều gì có ở bên trong cho người nghèo". Ý nghĩa là "tập trung vào việc sử dụng bề trong cho Đức Chúa Trời thay vì lo làm sạch bề ngoài"

Luke 11:42

các ngươi nộp một phần mười về bạc hà, hồi hương cùng mọi thứ rau

"các ngươi dâng cho Đức Chúa Trời một phần mười bạc hà, hồi hương cùng mọi thứ rau khác từ vườn của các ngươi". Chúa Giê-xu đã nêu một tấm gương cực đoan mà người dòng Pha-ri-si tỏ ra trong việc dâng phần mười thu nhập của họ.

bạc hà và hồi hương

Có nhiều thứ cỏ. Người ta xen một chút lá nầy vào thức ăn của họ để có mùi thơm. Nếu người ta không biết bạc hà và hồi hương là rau gì, bạn có thể dung tên của các loại cỏ họ biết hay nói chung chúng là "các loại cỏ"

mọi thứ rau

Ý nghĩa khả thi là 1) "từng thứ rau khác" 2) "từng thứ cỏ khác trong vườn" hoặc 3) "từng thứ thực vật khác trong vườn"

cũng không nên bỏ qua các việc khác

Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói tích cực: "và luôn làm tốt các việc khác nữa"

Luke 11:43

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu liên kết:
Chúa Giê-xu kết thúc phần nói chuyện với người Pha-ri-si.
ngôi cao nhất
"chỗ ngồi tốt nhứt"
các ngươi giống như mả loạn, người ta bước lên trên mà không biết
Đây là sự ví sánh. Người dòng Pha-ri-si giống như mả loạn vì họ trông sạch sẽ về mặt nghi thức, nhưng họ khiến cho người ta ở chung quanh họ phải bị ô uế. Điểm tương tự nầy đã có ghi chép rõ rang trong Kinh Thánh.
mả loạn
Loại mả nầy là những lổ huyệt đào trong đất, người chết được chọn trong đó. Họ không có loại đá màu trắng mà người ta thường đặt trên mồ mả để người khác nhìn thấy chúng. Khi người ta bước qua một nấm mộ, họ sẽ bị ô uế về mặt nghi thức.
Luke 11:45
Thông tin tổng quát:
Chúa Giê-xu bắt đầu trả lời giáo sư người Do Thái.
các ngươi chất cho người ta gánh nặng khó mang
"Các ngươi chất trên dân sự quá nặng họ không mang nổi". Đây là ẩn dụ trong đó cung ứng cho người ta nhiều luật lệ sánh với việc trao cho họ phải mang lấy những thứ nặng nề. Cụm từ nầy có thể được dịch là "các ngươi chất nặng trên người ta bằng cách trao cho họ quá nhiều luật lệ không theo nổi".
mà tự mình không động ngón tay đến
"nhưng các ngươi thậm chí không động một ngón tay để giúp họ mang lấy gánh nặng". Ý nói "nhưng các ngươi không làm một việc gì để giúp đỡ họ vâng theo luật lệ của các ngươi"
Luke 11:47
như vậy
Cụm từ nầy kêu gọi chú ý đến phần tương phản giữa sự họ tôn vinh các đấng tiên tri trong khi bỏ qua sự thực các tổ phụ họ đã giết các đấng tiên tri.
Như vậy, các ngươi làm chứng và ưng thuận việc tổ phụ mình đã làm
Đây là lời quở trách: "nhưng các ngươi không đoạn tuyệt với họ". Họ biết rõ về việc giết các đấng tiên tri, nhưng không xét đoán các tổ phụ họ về việc giết chóc đó.
Luke 11:49
Vậy nên
Cụm từ nầy đề cập đến câu nối theo sau. Đức Chúa Trời sẽ sai nhiều vị tiên tri đến để tỏ ra rằng dòng dõi hiện nay sẽ giết chết họ, y như các tổ phục họ đã làm.
Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời đã phán
"trong sự khôn ngoan của Ngài Đức Chúa Trời đã phán" hay "Đức Chúa Trời phán một cách khôn ngoan"
Ta sẽ sai đấng tiên tri và sứ đồ
"Ta sẽ sai đấng tiên tri và sứ đồ đến cùng dân sự ta"
chúng nó sẽ giết kẻ nầy, bắt bớ kẻ kia
"dân sự ta sẽ bắt bớ và giết một số đấng tiên tri và sứ đồ"
huyết mọi đấng tiên tri đổ ra từ khi sáng thế
Huyết đã đổ ra đề cập đến việc giết các đấng tiên tri. Cụm từ nầy có thể được dịch là "chịu trách nhiệm về những cái chết của các đấng tiên tri đã bị giết"
Xa-cha-ri
Có lẽ đây là thầy tế lễ được đề cập đến ở II Sử ký 2CH24:20
máu của tất cả các tiên tri đã đổ ra
Tham khảo: “mà người ta đã giết”
Luke 11:52
Câu liên kết:
Chúa Giê-xu kết thúc phần trả lời giáo sư người Do Thái.
Các ngươi đoạt lấy chìa khoá của sự biết
Đây là một ẩn dụ. Ý nói "các ngươi đã ngăn cản người ta không bước vào chỗ mà ở đó chân lý của Đức Chúa Trời được chất chứa". Cụm từ nầy có thể được dịch như một ví sánh y như trong Kinh Thánh.
chìa khoá
Cụm từ nầy tiêu biểu cho phương tiện tiếp cận, như với một ngôi nhà hay nhà kho.
chính mình không vào
"Tự các ngươi không vào để tiếp lấy sự hiểu biết". Ẩn dụ nầy ý nói: "chính các ngươi phải nắm lấy sự tri thức"
Luke 11:53
Thông tin tổng quát:
Thông tin tổng quát: Đây là phần kết thúc của câu chuyện, chỗ mà Chúa Giê-xu đã ăn bữa tại nhà người Pha-ri-si. Những câu này cho độc giả biết sự kiện đã xảy ra sau khi phần chính của câu chuyện kết thúc.
Sau khi Đức Chúa Giê-xu ra khỏi đó rồi
"Sau khi Chúa Giê-xu rời khỏi nhà của người Pha-ri-si"
lấy nhiều câu hỏi trêu chọc Ngài
Đây là một ẩn dụ. Họ muốn Chúa Giê-xu nói ra một việc gì đó sai trật để họ cáo giác Ngài. Cụm từ nầy có thể được dịch mà không cần ẩn dụ như trong Kinh Thánh.

Translation Questions

Luke 11:2
Chúa Giê-xu dạy các môn đồ Ngài cầu nguyện bài cầu nguyện nào?
Ngài cầu: "Lạy Cha! Danh Cha được thánh; nước Cha được đến. Xin cho chúng tôi hôm nay đồ ăn đủ ngày, xin tha tội chúng tôi, để chúng tôi cũng tha kẻ mắc nợ chúng tôi. Xin chớ đưa chúng tôi vào sự cám dỗ”.
Luke 11:31
Chúa Giê-xu phán Ngài lớn hơn hai người nào trong Cựu Ước ?
Sa-lô-môn và Giô-na.
Luke 11:32
Chúa Giê-xu phán Ngài lớn hơn hai người nào trong Cựu Ước ?
Sa-lô-môn và Giô-na.
Luke 11:39
Chúa Giê-xu phán người Pha-ri-si đầy dẫy điều gì ở bề trong?
Ngài phán họ đầy dẫy sự trộm cướp và điều dữ.
Luke 11:42
Chúa Giê-xu phán người Pha-ri-si bỏ qua điều gì?
Họ bỏ qua sự công bình và sự kính mến Đức Chúa Trời.

Chapter 12
Luke 12:1
Thông tin Tổng quát
Đây là phần tiếp theo trong câu chuyện. Chúa Giê-xu bắt đầu dạy dỗ các môn đồ Ngài trước mặt hàng ngàn người.
Khi ấy
"trong khi họ đang nhóm lại"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khi có hàng ngàn người tụ tập lại đông đến nỗi dẫm đạp cả lên nhau
Đây là thông tin bối cảnh về diễn biến trong câu chuyện.
Hàng ngàn người
"một đoàn dân rất đông"
đến nỗi giày đạp nhau
Câu nầy cường điệu để tỏ ra có nhiều người ở đó. Ý nói "họ dẫm bước nhau"
trước hết phán cùng các môn đồ
"Chúa Giê-xu trước hết khởi sự phán cùng các môn đồ, và nói cùng họ"
về men của người Pha-ri-si, là sự giả hình.
Đây là một ẩn dụ. Cụm từ nầy có thể được dịch như một ví sánh "sự giả hình của người dòng Pha-ri-si, đó là men". Giống như men rải trên đống bột, sự giả hình của họ đang rải trên toàn bộ cộng đồng. Toàn bộ lời cảnh báo nầy có thể được dịch là "phải cẩn thận để các ngươi không trở nên giả hình giống như người dòng Pha-ri-si. Cách cư xử gian ác của họ ảnh hưởng mọi người giống như men tác động trên đống bột"
Luke 12:2
Chẳng có sự gì giấu mà không lộ ra
Cụm từ nầy có thể được dịch là "mọi thứ kín giấu sẽ bị bày ra" hay "người ta sẽ mở ra đủ thứ việc mà người ta làm kín đáo"
Chẳng có sự gì kín mà không được biết
Vế nầy của câu dử dụng các từ ngữ khác nhau để nói ra cùng một việc như về trước để nhấn mạnh lẽ thật của nó.
sẽ nghe được giữa ban ngày
Tham khảo “người ta sẽ nghe trong ánh sáng”
nói vào lỗ tai
Cụm từ nầy có thể được dịch là "thầm thì với người kia"
trong buồng kín
"trong phòng đã đóng cửa". Cụm từ nầy có thể được dịch là "ở đàng sau hai cánh cửa đóng kín" hoặc "riêng tư" hoặc "kín đáo"
sẽ giảng ra
"sẽ bị lộ ra lớn tiếng" hay "người ta sẽ giảng ra"
trên mái nhà
Nhà trong xứ Y-sơ-ra-ên có mái phẳng, vì vậy dân sự có thể đi lên rồi đứng trên mái ấy. Nếu độc giả bị rối khi tìm cách hình dung làm sao người ta sẽ lên được mái nhà đó, cụm từ nầy có thể được dịch với cách tỏ ra bao quát, tỉ như "từ một chỗ cao, ở đó người ta sẽ dễ nghe hơn"
Luke 12:4
Thầy nói với anh em là những người bạn của Thầy
Chúa Giê-xu nói với những người nghe Ngài để biểu thị một sự chuyển đổi trong lời Ngài dạy sang một chủ đề mới, trong trường hợp này, Ngài nói về việc đừng kinh sợ.
rồi sau không làm gì được nữa
"họ không thể làm chi khác nữa" hay "họ không thể làm hại chi được nữa" hoặc "họ không thể làm tổn thương cho ngươi được nữa"
phải sợ Đấng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Sợ Đức Chúa Trời là Đấng" hay "Sợ Đức Chúa Trời, vì"
khi đã giết rồi
"sau khi Ngài giết ngươi" hay "sau khi Ngài giết ai đó"
có quyền bỏ xuống địa ngục
Cụm từ nầy có thể được dịch là "có quyền quăng người ta vào địa ngục"
Luke 12:6
Người ta há chẳng bán năm con chim sẻ giá hai đồng tiền sao?
Đây là câu hỏi hùng biện . Cụm từ nầy có thể được dịch là "hãy suy nghĩ về chim sẻ. Chúng ít giá trị đến nỗi bạn mua năm con giá hai đồng tiền".
chim sẻ
Chim sẻ rất nhỏ, loài chim ăn hột giống.
Nhưng Đức Chúa Trời không quên một con nào hết
"Đức Chúa Trời không hề quên một con nào cả!" hay "Đức Chúa Trời không hề trễ nãi khi chăm sóc cho loài chim sẻ!"
dầu đến tóc trên đầu các ngươi cũng đã đếm cả rồi
"Đức Chúa Trời thậm chí biết có bao nhiêu tóc trên đầu ngươi"
Đừng sợ chi
"Đừng e sợ người ta mà chi" hay "Đừng sợ kẻ nào có thể làm tổn thương ngươi"
vì các ngươi trọng hơn nhiều chim sẻ
"Đức Chúa Trời đánh gia ngươi cao hơn nhiều chim sẻ"
Luke 12:8
Thầy nói để anh em biết
Chúa Giê-xu nói với những người nghe Ngài để biểu thị một sự chuyển đổi trong lời Ngài dạy sang một chủ đề mới, trong trường hợp này là nói về sự xưng nhận.
ai sẽ xưng ta trước mặt thiên hạ
"Hễ ai làm chứng cho người khác biết rằng người ấy là môn đồ ta" hay "Bất cứ ai công nhận trước mặt nhiều người khác rằng người ấy trung thành với ta"
Con Người
Chúa Giê-xu đang đề cập đến chính mình Ngài. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Ta, Con Người"
ai chối ta trước mặt thiên hạ
"người nào không nhận ta trước mặt dân sự". Cụm từ nầy có thể được dịch là "hễ ai chối không nhận với người khác người ấy là môn đồ ta" hoặc "nếu ai chối không nói rằng mình trung thành với ta"
họ sẽ bị chối
"bị bác". Cụm từ nầy có thể được dịch là "Con Người sẽ chối họ" hay "Ta sẽ chối người ấy là môn đồ ta"
ai nói nghịch cùng Con Người
"Người nào nói điều gì không tốt về Con Người"
thì sẽ được tha
"người ấy sẽ được tha" hay "Đức Chúa Trời sẽ tha thứ người vì việc ấy"
nói lộng ngôn phạm đến Đức Thánh Linh
Cụm từ nầy có thể được dịch là "nói xấu nghịch Đức Thánh Linh" hay "nói rằng Đức Thánh Linh là ác"
Sẽ không được tha thứ
Tham khảo “Đức Chúa Trời sẽ xem người đó là có tội đến đời đời”
Luke 12:11
Trước các nhà hội
"vào trong nhà hội trước mặt cấp lãnh đạo tôn giáo"
quan án và quan cai trị
"người khác có quyền trong xứ"
chính giờ đó
"lúc bấy giờ" hay "lúc ấy"
Luke 12:13
Thông tin Tổng quát

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là phần xen vào giữa những lúc Chúa Giê-xu đang dạy dỗ. Một người xin Chúa Giê-xu làm điều gì đó và Ngài trả lời với ông ấy.

một người

Có người hiểu đây là lối nói ám chỉ đến người nước ngoài. Nhiều người khác hiểu Chúa Giê-xu đang quở trách người ấy. Ngôn ngữ của bạn có cách nói tới người kia dù bằng cách nào. Có người không dịch cụm từ nầy mà chi.

Ai đặt ta làm quan xử kiện hay là chia của cho các ngươi?

Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Ta không phải quan toà hay nhà hoà giải". Một số ngôn ngữ sẽ sử dụng hình thức số nhiều dành cho "you" [các ngươi] hay "your" [của các ngươi]. Nhiều ngôn ngữ có hình thức sử dụng cho vấn đề nầy.

Đoạn, Ngài phán cùng chúng rằng

Chữ "chúng" ở đây có lẽ đề cập đến toàn bộ đám đông dân sự. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Và Chúa Giê-xu phán cùng đám đông"

Hãy giữ cẩn thận chớ hà tiện gì hết

"Hãy giữ mình đối với từng hình thức tham lam". Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đừng cho phép cái tôi yêu mến việc có đủ thứ" hoặc "đừng để bị giục giả phải có nhiều thêm"

sự sống của người ta

Đây là câu nói chung chung. Nó không đề cập đến bất kỳ nhân vật đặc biệt nào. Một số ngôn ngữ có cách biểu lộ như thế.

của cải mình dư dật đâu

"bao nhiêu thứ người ấy đang có" hay "người ấy giàu có lắm"

Luke 12:16

Câu Liên kết

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ bằng cách kể một câu chuyện ngụ ngôn.

Ngài lại phán cùng chúng

Có lẽ Chúa Giê-xu hãy còn phán với đoàn dân đông.

Sinh lợi nhiều lắm

"mùa gặt lớn lắm"

kho tàng

kho tàng là khu nhà để nhà nông chứa nông sản và thức ăn mà họ thu hoạch sau mùa gặt.

sản vật

"của cải"

nói với linh hồn ta rằng

"ta sẽ nhũ lòng"

Luke 12:20

Câu Liên kết

Chúa Giê-xu trích dẫn cách Đức Chúa Trời đối đáp người giàu, khi Ngài kết thúc phần kể câu chuyện ngụ ngôn.

Chính đêm nay linh hồn ngươi sẽ bị đòi lại

Tham khảo cách dịch "tối nay ngươi sẽ chết" hay "sự sống ngươi sẽ bị thâu hồi lại khỏi ngươi tối nay"

vậy những gì ngươi đã sắm sửa đó sẽ thuộc về ai?

"ai sẽ làm chủ những thứ ngươi đã chất chứa?" hoặc "ai sẽ có những thứ ngươi đã sắm sẵn chứ?" Đây là câu hỏi hùng biện được dự tính làm cho người kia nhận ra rằng anh ta sẽ không còn làm chủ các thứ ấy nữa.

thâu trử của

"thâu lấy các thứ có giá trị"

mà không giàu có

"nghèo nàn" hay "keo kiệt" hoặc "không rời rộng"

nơi Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy có thể được dịch là "trong nhận định về Đức Chúa Trời" hay "có quan hệ với Đức Chúa Trời". Ý nghĩa, ấy là người nầy không đầu tư vào những vụ việc có quan trọng đối với Đức Chúa Trời, hay Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho.

Luke 12:22

Câu Liên kết

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ các môn đồ Ngài trước mặt đám đông.

Bèn phán cùng các môn đồ rằng

"ấy vậy" hay "vì lý do đó" hoặc "vì cớ những gì câu chuyện nầy dạy dỗ"

phán cùng

“Ta muốn nói cho các ngươi biết một việc quan trọng” hoặc “các ngươi cần phải cẩn thận lắng nghe điều nầy”

vì sự sống các ngươi — ăn gì

Cụm từ nầy có thể được dịch là "về sự sống các ngươi và các ngươi ăn gì" hayr "về việc có đủ đồ ăn để sống"

vì thân thể — đồ mình mặc

Cụm từ nầy có thể được dịch là "về thân thể và đồ mặc của các ngươi" hay "về việc có đủ quần áo để mặc cho thân thể ngươi"

Luke 12:24

con quạ

Cụm từ đề cập đến 1) con quạ, loài chim ăn hột giống, hay 2) loài quạ, loài chim ăn thịt và xác chết động vật. Khán thính giả của Chúa Giê-xu đã xem xét loài quạ vô giá trị vì họ không thể ăn chúng được.

Có ai trong anh em...kéo dài cuộc đời?

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi để dạy các môn đồ Ngài.

Dài thêm một khắc không?

Đây là ẩn dụ vì một khắc là số đo chiều dài, thay vì là thời gian. Hình ảnh sự sống của một người trải dài ra giống như thể một tấm ván, một sợi dây, hay một món đồ gì đó.

nếu chỉ một việc nhỏ ấy thôi mà anh em còn không làm được thì sao anh em phải lo lắng về những việc khác?

Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi khác để dạy các môn đồ Ngài.

add a cubit to his lifespan

This is a metaphor because a cubit is a measure of length, rather than of time. The image is of a person's life stretched out as if it were a board, a rope, or some other physical object.

Luke 12:27

hoa huệ

Hoa huệ là loài hoa đẹp mọc hoang ngoài đồng. Nếu ngôn ngữ của bạn không có một từ nào nói tới hoa huệ, bạn có thể dùng tên của thứ hoa khác hay dịch đấy là "loài hoa"

chẳng kéo chỉ

"chúng không kéo chỉ, cũng không làm ra quần áo" hay "chúng không có dệt"

vua Sa-lô-môn sang trọng đến đâu

"Solomon có sự giàu có lớn lắm" hay "Solomon mặc nhiều áo đẹp"

mà Đức Chúa Trời còn cho mặc thể ấy

"Nếu Đức Chúa Trời mặc cho loài cỏ ngoài đồng thể ấy" hay

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"nếu Đức Chúa Trời ban cho cỏ ngoài đồng mặc đẹp thể ấy". "Mặc cho loài cỏ" là một ẩn dụ vì "làm đẹp cho loài cỏ".

Bị ném vào lò

Tham khảo “người ta quăng vào lửa”

huống chi là các ngươi

Đây là lời công bố nhấn mạnh rằng chắc chắn Ngài sẽ chăm sóc con người tốt hơn Ngài chăm sóc cho loài cỏ.

Luke 12:29

Vậy các ngươi đừng kiếm đồ ăn đồ uống

"Đừng chú tâm vào những gì các ngươi ăn và uống" hay "đừng ham muốn nhiều vào việc ăn và uống"

các dân ngoại ở thế gian

Cụm từ nầy có thể được dịch là "các dân các nước" hay "hết thảy những kẻ không tin trong thế gian". "các dân" được sử dụng ở đây là hoán dụ cho "những kẻ không tin"

Cha của anh em biết anh em cần những điều đó

Cha của Chúa Giê-xu, là Đức Chúa Cha, cũng là Cha của những người tin Chúa Giê-xu.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng dành cho Đức Chúa Trời.

Luke 12:31

Tìm kiếm nước Đức Chúa Trời

"nhắm vào nước Đức Chúa Trời" hay "ham mến nước Đức Chúa Trời"

rồi mọi sự đó sẽ được cho thêm

"những việc nầy cũng được ban cho các ngươi". "Những việc nầy" đề cập đến thức ăn và quần áo.

bầy nhỏ

Chúa Giê-xu đang gọi các môn đồ Ngài là một bầy. Một bầy là một nhóm các con chiên hay dê có một người chăn. Là người chăn chăm sóc cho bầy chiên mình, Đức Chúa Trời sẽ quan tâm đến các môn đồ của Chúa Giê-xu. Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhóm nhỏ" hay "nhóm yêu dấu"

Luke 12:33

bố thí

"và bố thí cho người nghèo số tiền ngươi kiếm được từ kinh doanh"

của báu không hề hao kém ở trên trời

Cụm từ nầy có thể được dịch là "theo cách nầy ngươi sẽ làm cho mình ra giàu có...". Sự giàu có và của cải ở trên trời là cùng một việc. Cả hai chúng tiêu biểu cho ơn phước của Đức Chúa Trời ở trên trời.

Hãy sắm cho mình

Tham khảo “bằng cách này, các ngươi hãy sắm cho mình”

của báu không hề hao kém

"những cái túi tiền không thủng đáy"

không hề hao kém

"không thu nhỏ" hay "không ít đi"

lòng

Ở đây "lòng" đề cập đến mọi suy nghĩ của một người.

Luke 12:35

Thông tin Tổng quát

Chúa Giê-xu bắt đầu kể một câu chuyện ngụ ngôn.

Lưng các ngươi phải thắt lại

Người ta mặc áo dài. Họ phải thắt lại nơi lưng để giữ cho áo không vướng khi họ làm việc. Để trình bày thông tin cụ thể nầy, cụm từ nầy có thể được dịch là “lưng phải thắt lại để sẵn sàng phục vụ” hay “Hãy mặc áo vào và sẵn sang phục vụ”

đèn các ngươi phải thắp lên

"giữ đèn các ngươi cháy luôn"

hãy làm như người chờ đợi chủ mình

Đây là một sự ví sánh. Câu nầy sánh các môn đồ đã sẵn sàng đón Chúa Giê-xu tái lâm với các tôi tớ, họ đã sẵn sàng đón chủ mình trở lại. Đây cũng là phần mở đầu của thí dụ.

ở tiệc cưới về

"trở về nhà từ tiệc cưới"

Luke 12:37

Phước cho

"thật lấy làm tốt cho"

khi chủ về thấy họ thức canh

"chủ họ thấy họ đang chờ ông khi ông trở về" hay "họ đã sẵn sàng khi chủ trở về"

chủ sẽ thắt lưng mình ... cho đầy tớ ngồi

Đây là phần đảo của những câu đi trước. Vì tôi tớ có long trung tín với chủ mình, giờ đây chủ sẽ ban thưởng cho họ bằng cách phục vụ họ.

chủ sẽ thắt lưng mình

Cụm từ nầy có thể được dịch với phần thông tin cụ thể như sau “Người sẽ sửa soạn phục vụ bằng cách thắt pưng mình lại” hay “người sẽ mặc đồ để phục vụ”

canh hai

Cụm từ nầy có thể được dịch là "đêm khuya" hay "ngay trước nửa đêm". Canh hai vào giữa 9 giờ tối và nữa đêm.

Hoặc canh ba

Cụm từ nầy có thể được dịch là "hoặc giả người đến muộn lúc ban đêm". Canh ba từ nửa đêm đên 3 giờ sáng.

Luke 12:39

Hẳn đã không để hắn xâm nhập vào nhà mình

Tham khảo “người đó hẳn sẽ không để kẻ trộm đột nhập vào nhà mình”

Vì Con Người sẽ đến trong giờ các ngươi không ngờ

Sự tương tự duy nhứt giữa một tên trộm và Con Người, ấy là người ta không biết ai sẽ đến, vì vậy họ cần phải sẵn sàng.

Con Người sẽ đến

Chúa Giê-xu đang nói tới chính mình Ngài. Vì vậy cụm từ nầy có thể được dịch là "khi Ta, Con Người, sẽ đến"

Luke 12:41

Câu Liên kết

Trong câu 42, Chúa Giê-xu tiếp tục kể câu chuyện ngụ ngôn.

Thông tin Tổng quát

Trong câu 41, có một phần xen vào trong cốt truyện khi Phi-e-rơ hỏi Chúa Giê-xu về câu chuyện ngụ ngôn.

Ai là người

Đây là phầm mở của một câu hỏi hùng biện. Chúa Giê-xu không trả lời trực tiếp thắc mắc của Phi-e-rơ, nhưng mong những ai muốn trở thành quản gia trung tín hiểu rằng thí dụ đã hướng về họ. Câu nầy có thể được trình bày bằng câu nói "Ta phán điều đó cho người nào..."

quản gia ngay thật khôn ngoan

Chúa Giê-xu nói thí dụ khác về cách thức tôi tớ sống trung tín đang khi họ chờ đợi chủ mình về.

chủ nhà đặt coi cả người nhà mình

"chủ của họ đặt họ trông coi các tôi tớ khác"

Phước cho đầy tớ ấy

"Thật lấy làm tốt cho tôi tớ ấy"

chủ nhà về, thấy làm như vậy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ nầy có thể được dịch là "nếu chủ người thấy người đang làm công việc ấy khi chủ trở về"

Luke 12:45

đầy tớ ấy

Cụm từ nầy đề cập đến tôi tớ được chủ giao quyền trông coi các tôi tớ khác.

tự nghĩ rằng

Tham khảo cách dịch "suy nghĩ trong lòng"

Chủ ta chậm đến

Tham khảo cách dịch "Chủ ta không về sớm đâu"

đầy tớ trai và gái

Cụm từ được dịch ở đây là “đầy tớ trai và gái” bình thường được dịch là “nam” và "nữ". Có thể họ chỉ ra các tôi tớ hãy còn trẻ hoặc họ rất thân thiết với chủ của họ.

đến trong ngày hắn không ngờ

"khi đầy tớ không ngờ”

đồng số phận với kẻ bất trung

"kể người với hạng người bất trung" hay "sai người đến chỗ mà ở đó người sai những kẻ nào sống bất trung"

Luke 12:47

Câu Liên kết

Chúa Giê-xu kết thúc phần kể câu chuyện ngụ ngôn.

sẽ bị đòn nhiều

"sẽ bị đánh nhiều lần" hay "sẽ bị quất nhiều roi". Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động "chủ sẽ đánh người nhiều lần" hay "chủ sẽ phạt nặng người"

vì ai được ban cho nhiều, sẽ bị đòi lại nhiều

Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động "Họ sẽ đòi nhiều bất cứ người nào nhận lãnh nhiều" hay "chủ sẽ đòi nhiều người nào mà chủ đã ban cho nhiều"

ai được giao cho nhiều

"đối với người mà họ giao cho nhiều tài sản để trông coi" hay "đối với người mà họ giao cho nhiều trách nhiệm"

Họ đã được giao cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều hơn

Chữ "họ" ở đây không đề cập đến một nhóm người đặc biệt. Cụm từ nầy có thể được dịch là "chủ giao cho ... chủ sẽ đòi". Nếu bạn dịch những câu đứng trước với động từ thụ động, hãy xem Kinh Thánh.

Luke 12:49

Câu Liên kết

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ các môn đồ Ngài.

Ta đến để quăng lửa xuống đất

"Ta đến để quăng lửa xuống đất" hay "ta đến đặng đặt đất trên ngọn lửa". Ý nghĩa khả thi cho ẩn dụ nầy là 1) sự phán xét hay 2) sự luyện lọc hoặc 3) phân rẽ.

ta còn ước ao chi nữa

Đây là lời công bố nhấn mạnh Ngài muốn điều nầy xảy ra là dường nào. Cụm từ nầy có thể được dịch là "ta ước lửa ấy cháy lên nhiều lắm" hay bao quát hơn "Ta ước lửa ấy đã khởi sự cháy lên là dường nào" (Xen Loại Câu ở.)

Có một phép báptêm mà ta phải chịu

Báptêm được sử dụng ở đây là một ẩn dụ nói tới sự thương khó. Giống như nước bao phủ một người trong phép báptêm, sự thương khó phủ lấy Chúa Giê-xu. Cụm từ nầy có thể được dịch là "ta chịu phép báptêm với sự thương khó" hay như một sự ví sánh "Ta bị áp đảo trong sự thương khó như một người chịu phép báptêm bị nước phủ lấy"

Nhưng

Chữ "nhưng" được sử dụng để tỏ ra rằng Ngài không thể quăng lửa trên đất cho tới chừng sau khi Ngài chịu phép báptêm.

Cho đến chừng nào phép ấy được hoàn thành!

Lời công bố nầy nhấn mạnh Ngài buồn rầu đến dường nào. Cụm từ nầy có thể được dịch là “ta buồn rầu lắm và cứ thể cho tới chừng sự thương khó nầy được hoàn tất!”

Luke 12:51

Các ngươi tưởng ta đến đem sự bình an cho thế gian sao?

Đây là câu hỏi hùng biện. Người ta mong Đấng Mêsi đem sự bình an đến cho họ từ kẻ thù. Cụm từ nầy có thể được dịch là "các ngươi không nên nghĩ rằng ta đến để đem lại bình an trên đất"

nhưng thà đem sự phân rẽ

"nhưng ta đã đến đem sự phân rẽ"

phân rẽ

"thù nghịch" hay "bất hoà"

nếu năm người ở chung một nhà, thì sẽ phân li nhau

Đây là một trường hợp nói tới loại phân rẽ sẽ có thậm chí trong gia đình.

Sẽ có năm người chung một nhà

Tham khảo cách dịch: Sẽ có năm người sống chung trong một ngôi nhà.

Luke 12:54

Thông tin Tổng quát

Chúa Giê-xu bắt đầu nói với đoàn dân đông.

sẽ có mưa

"Mưa sẽ đến" hay "trời sẽ mưa"

trời đất

"đất và bầu trời" hay "thời tiết"

vậy sao không biết phân biệt thời nầy?

Câu hỏi hùng biện nầy được sử dụng như một lời quở trách. Cụm từ nầy có thể được dịch là "các ngươi nên biết cách giải thích thì hiện tại"

Luke 12:57

Tại sao các ngươi cũng không tự mình xét đoán điều gì là công bình

Đây là câu hỏi hùng biện được sử dụng như một lời quở trách. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Bản thân các ngươi nên phân biệt điều chi là đúng"

tự mình

“theo sáng kiến của ngươi” hay “đang khi ngươi vẫn còn có thì giờ để làm việc ấy”. Câu nầy ám chỉ rằng khán thính giả nên hành động từ chỗ hiểu biết và khôn ngoan của họ mà không có ai khác bắt buộc họ.

khi ngươi đi

Mặc dù Chúa Giê-xu đang nói với đám đông, tình huống Ngài đang chỉ ra là tình huống mà một người sẽ một mình nếm trải. Vì vậy, trong một số ngôn ngữ chữ "you" [ngươi] sẽ là số ít.

gắng sức hoà giải với họ

"liệu định nan đề với kẻ thù"

quan toà

Cụm từ nầy đề cập đến thẩm phán, nhưng thuật ngữ ở đây thì đặc biệt hơn và đầy sự đe doạ.

không ra khỏi tù được

"không kéo ngươi qua được"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Luke 12:8
Chúa Giê-xu sẽ làm gì cho người nào xưng danh Chúa Giê-xu ra trước mặt mọi người?
Chúa Giê-xu sẽ xưng danh người ấy ra trước mặt các thiên sứ của Đức Chúa Trời.
Luke 12:20
Đức Chúa Trời phán điều gì với người giàu?
Ngài phán: "Hỡi kẻ dại, chính đêm nay linh hồn ngươi sẽ bị đòi lại; vậy những của cải ngươi đã sắm sẵn sẽ thuộc về ai”.
Luke 12:31
Thay vì lo lắng về mọi việc của đời, Chúa Giê-xu dạy chúng ta phải làm gì?
Chúng ta phải tìm kiếm Nước Đức Chúa Trời.
Luke 12:33
Chúa Giê-xu phán chúng ta phải chất chứa của cải của mình ở đâu, và tại sao?
Chúng ta phải chất chứa của cải ở trên trời, vì đấy là chỗ mà chẳng có trộm cướp nào đến được và chẳng có sâu mối nào huỷ diệt được
Luke 12:37
Theo Chúa Giê-xu, tôi tớ nào của Đức Chúa Trời được phước?
Người được phước là người được thấy đang thức canh và sẵn sàng khi Chúa Giê-xu đến.

Chapter 13
Luke 13:1
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu vẫn nói trước mặt đoàn dân đông. Đây là phần tương tự trong câu chuyện.
Thông tin Tổng quát:
Trong các câu này, một số người trong đoàn dân hỏi Chúa Giê-xu và Ngài bắt đầu trả lời.
Cũng lúc ấy
Cụm từ nầy nối biến cố nầy với phần cuối của chương 12 khi Chúa Giê-xu đang dạy dỗ đoàn dân đông.
Phi-lát giết mấy người Ga-li-lê lấy huyết trộn lộn với của lễ họ
Đây là lối nói tượng hình, trong đó sự chết của họ được nói tới bằng thuật ngữ chỉ ra huyết của họ. Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ bị Phi-lát giết khi họ đang dâng của lễ". Phi-lát có lẽ đã ra lịnh cho binh lính giết người thay vì bản thân ông ta làm việc ấy.
Các ngươi tưởng mấy người đó vì chịu khốn nạn dường ấy có tội lỗi trọng hơn
"Có phải mấy người Ga-li-lê nầy phạm tội sao" hay "Có phải việc nầy chứng minh rằng những người Ga-li-lê nầy là tội lỗi lắm sao?" Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói: "Các ngươi tưởng rằng mấy người Ga-li-lê nầy là tội lỗi lắm sao" hay như một mạng lịnh "đừng tưởng rằng mấy người Ga-li-lê nầy là tội trọng"
Ta nói cùng các ngươi, không phải
Chúa Giê-xu phán: "ta nói cùng các ngươi" ở đây để nhấn mạnh "không phải". Cụm từ nầy có thể được dịch là "Chắc chắn không phải!" Ý nghĩa khả thi là "Chắc chắn họ không phải là tội lỗi đâu" hay "nổi khổ của họ chắc chắn không chứng mình điều đó". Cụm từ nầy có thể được dịch là "các ngươi đã sai khi tưởng như vậy"
thì hết thảy sẽ bị hư mất như vậy
"hết thảy các ngươi cũng sẽ chết". Cụm từ "như vậy" ý nói "với cùng kết quả đó" không phải "bởi cùng phương pháp đó"
hư mất
"mất mạng" hay "chết"
Luke 13:4
Hay là
Đây là trường hợp thứ hai của Chúa Giê-xu nói tới những người đã cịhu khổ. Câu nầy có thể khởi sự với "Hay hãy xem" hoặc "hãy suy nghĩ về". Cụm từ nầy có thể được dịch là "Còn về những kẻ" để kết nối nó với câu hỏi hùng biện theo sau nó.
mười tám người
"18 người"
Si-lô-ê
Đây là tên của một khu vực ở Giê-ru-sa-lem.
các ngươi tưởng họ tội lỗi trọng hơn mọi kẻ khác
“Có phải họ tội trọng hơn” hay “Có phải việc nầy chứng mình rằng họ có tội trọng chăng?” Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói: “các ngươi tưởng rằng họ có tội trọng sao” hay như một mạng lịnh “đừng tưởng rằng họ pạm tội trọng”
mọi kẻ khác
"người khác"
Ta nói, không phải
Chúa Giê-xu phán “ta nói” ở đây để nhấn mạnh “không phải”. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Chắc chắn không phải!" Ý nghĩa khả thi là “chắc chắn họ không có tội trọng” hay “nổi khổ của họ chắc chắn không chứng minh điều đó”. Cụm từ nầy có thể được dịch là “các ngươi sai lầm khi tưởng như vậy”. Nếu
hư mất
"mất mạng" hay "chết"
Luke 13:6
Thông tin Tổng quát:
Chúa Giê-xu bắt đầu kể một câu chuyện ngụ ngôn và giải thích trong câu cuối của Ngài, “Nhưng nếu các ông không ăn năn, thì tất cả sẽ bị diệt vong như vậy”
Người nọ có cây vả trồng trong vườn nho
Tham khảo: “một người kia trồng một cây vả”
Ba năm
"3 năm"
Cớ sao nó choán đất vô ích?
Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói như trong Kinh Thánh hay như một mạng lịnh: "Đừng để nó choán đất vô ích"
Luke 13:8
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu kết thúc phần kể câu chuyện ngụ ngôn. Đây là phần kết trong câu chuyện bắt đầu trước đó.
xin để lại
Cụm từ nầy có thể được dịch là "đừng làm việc gì với cây ấy" hay "đừng đốn nó"
rồi đổ phân vào
"đào đất xung quanh nó rồi đổ phân vào". Phân là phân động vật. Người ta đặt phân trong đất để làm cho đến tốt cho thực vật và cây cối.
đốn nó đi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ nầy có thể được dịch là "hãy để tôi đốn nó" hay "hãy bảo tôi đốn nó". Tôi tớ đang đưa ra một đề nghị; hắn không đưa ra lịnh cho chủ.
Luke 13:10
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần tiếp theo trong câu chuyện. Các câu này đưa ra thông tin bối cảnh về diễn biến của phần này trong câu chuyện và về một người phụ nữ còng lung được trước giả giới thiệu trong đó.
Tại đó
Từ này đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.
Một ngày sa-bát
"một ngày sa-bát". Một số ngôn ngữ sẽ nói: "một ngày Sa-bát" vì chúng ta không biết đâu là ngày Sa-bát đặc biệt.
Vả, một người đàn bàn đang ở đó
Chữ “vả” ở đây báo cho chúng ta biết một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách thực hiện việc nầy. Anh ngữ dung “có người đàn bà …”
Mười tám năm
"18 năm"
mắc quỉ ám, phải đau
"một tà linh làm cho bà ta yếu sức"
Luke 13:12
ngươi đã được cứu khỏi bịnh
"ngươi đã được chữa lành khỏi bệnh tật ngươi". Bằng cách nói như vầy, Chúa Giê-xu đang làm cho việc ấy xảy ra. Cụm từ nầy có thể được dịch như một mạng lịnh hay như một câu nói.
Ngài bèn đặt tay trên mình người
"Ngài chạm đến bà ta"
Bà đứng thẳng lên
Tham khảo: “bà đứng thẳng”
nhân Đức Chúa Giê-xu đã chữa bịnh trong ngày sa-bát, thì giận
Cụm từ nầy có thể được dịch là "nổi giận vì Chúa Giê-xu đã chữa lành"
cất tiếng nói
"nói" hay "đáp ứng"
hãy đến … để được chữa cho
"hãy đến để được chữa lành trong sáu ngày kia"
Luke 13:15
Nhưng Chúa đáp rằng
"Chúa đáp trả người cai nhà hội"
Chẳng phải vào ngày Sa-bát tất cả các ông đều mở dây buộc lừa
Chúa Giê-xu đặt câu hỏi để khiến họ nghĩ về việc họ cho là mình đã biết. Tham khảo: “Các ngươi mở dây buộc lừa mình…ngày Sa-bát.”
lừa hay bò
Đây là những con thú mà người ta chăm sóc bằng cách cho chúng uống nước.
Con gái của Áp-ra-ham
"dòng dõi của Áp-ra-ham"
quỉ đã cầm buộc
Đây là một ẩn dụ. Ý nói "kẻ mà làm cho què quặt". Ẩn dụ được sử dụng và ý nghĩa rất cụ thể: "kẻ mà cầm buộc với thứ bệnh tật nầy"
mười tám năm [dài]
Chữ "dài" ở đây nhấn mạnh rằng 18 năm là một thời gian rất dài đối với người phụ nữ phải chịu khổ. Các ngôn ngữ khác có nhiều cách khác nhấn mạnh vấn đề nầy.
chẳng lẽ không nên cởi trói cho chị ấy vào ngày Sa-bát sao
Chúa Giê-xu dùng câu hỏi để dạy những người quản lý nhà hội. Chúa Giê-xu nói về căn bệnh của người phụ nữ này như thể nó đã trói buộc bà. Tham khảo: “Cởi trói cho chị ấy khỏi quỉ sa-tan là việc làm đúng…ngày” hoặc “giải thoát chị ấy khỏi sự trói buộc của căn bệnh này là đúng…ngày”
Luke 13:17
Ngài phán như vậy
"khi Chúa Giê-xu phán ra những sự nầy"
mọi việc vinh hiển Ngài đã làm
"những việc vinh hiển Chúa Giê-xu đã làm"
Luke 13:18
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu bắt đầu kể một câu chuyện ngụ ngôn cho những người trong nhà hội nghe.
Nước Đức Chúa Trời giống như gì
Đây là câu hỏi hùng biện giới thiệu những gì Chúa Giê-xu muốn nói tới. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói: "Ta sẽ nói cho các ngươi biết nước Đức Chúa Trời giống như gì"
lấy chi mà sánh với
Về cơ bản, câu nầy giống nư một câu hỏi hùng biện trước đó. Chúa Giê-xu sử dụng nó để giới thiệu những gì Ngài sẽ nói tới. Một số ngôn ngữ có thể sử dụng cả hai cách nầy, và một số sẽ sử dụng một cách thôi.
một hột cải
Hột cải thì rất nhỏ mọc thành cây lớn. Nếu chẳng ai biết loại thực vật nầy, nó có thể được dịch với tên của hột giống khácương tự như nó hay tỉ như "một hột giống nhỏ".
gieo trong vườn
"và gieo trong vườn". Người ta gieo ra một vài loại hột giống bằng cách quăng chúng rải rác ở trong vườn.
cây cối
Đây là một sự cường điệu để đưa ra quan điểm. Cụm từ nầy có thể được dịch là "một bụi rất lớn"
chim trời
"loài chim bay trên trời". Cụm từ nầy có thể được dịch là "loài chim bay trên bầu trời" hay chỉ là "loài chim"
Luke 13:20
Câu Liên kết:
Jesus finishes speaking to the people in the synagogue. This is the end of this part of the story.
Ta sánh nước Đức Chúa Trời với gì?
Đây là câu hỏi hùng biện khác giới thiệu những gì Chúa Giê-xu muốn nói tới. Cụm từ nầy có thể được dịch như trong Kinh Thánh.
Nước ấy giống như men
Chỉ có một chút men được cần đến để làm dậy cả đống bột. Sự nầy đã được nói rõ trong Kinh Thánh rồi.
ba đấu bột
Cụm từ nầy có thể được dịch là "một lượng bột lớn" hay với một từ ngữ mà văn hoá của bạn sử dụng cho việc đong đếm một lượng bột lớn.
Luke 13:22
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần tiếp theo của câu chuyện. Chúa Giê-xu trả lời câu hỏi bằng cách kể một câu chuyện ngụ ngôn về việc vào nước Đức Chúa Trời.
Chúa Giê-xu ghé vào tất cả các thành và làng mạc trên đường đi đến

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-ru-sa-lem và dạy dỗ mọi người
Đây là thông tin bối cảnh cho chúng ta biết việc Chúa Giê-xu đã làm khi sự kiện này xảy ra.
chỉ một số ít người được cứu
Tham khảo: “liệu Đức Chúa Trời sẽ chỉ cứu một ít người”
hãy gắng sức vào cửa hẹp
"Chịu khó làm việc phải nếm trải cửa hẹp". Đây là một phần của ẩn dụ nói tới Nước của Đức Chúa Trời. Trong ẩn dụ nầy, nước của Đức Chúa Trời được tiêu biểu bằng một ngôi nhà. Chúa Giê-xu đang nói tới một nhóm người. Vì vậy chữ "you" [các ngươi] ám chỉ trong mạng lịnh nầy ở vào số nhiều.
cửa hẹp
Trở nên chi thể của Vương quốc được tiêu biểu bằng cách bước vào cửa hẹp. Kỳ thực, cánh cửa ấy là hẹp ám chỉ rằng chỉ có một vài người vào một thời điểm có thể đi qua cửa ấy. Hãy dịch cụm từ nầy bằng cách giữ được ý nghĩa đấy của nó.
Luke 13:25
chủ nhà
Cụm từ nầy đề cập đến Đức Chúa Trời và có thể được dịch là “Đức Chúa Trời”
các ngươi ở ngoài
Chúa Giê-xu đáng nói với đám đông. Hình thức chữ "you" [các ngươi] là số nhiều . Ngài đang nói vối họ giống như thể họ sẽ không bước qua cánh cửa vào trong Vương quốc.
Đập cửa
"gõ cửa"
hãy lui ra khỏi ta
"hãy lui ra khỏi ta"
hết thảy những kẻ làm dữ kia
những kẻ làm** - "hạng người làm dữ"
Luke 13:28
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục nói về việc vào nước Đức Chúa Trời. Đây là phần kết của đoạn hội thoại này.
còn các ngươi sẽ bị quăng ra ngoài
"còn các ngươi, chính các ngươi sẽ bị quăng ra ngoài"
người ta sẽ đến
"người ta sẽ đến"
kẻ rốt sẽ nên đầu
Câu nầy nói tới vinh dự hay tầm quan trọng. Cụm từ nầy có thể được dịch là "có người không quan trọng bao nhiêu sẽ trở nên quan trọng nhất" hay "có người không được tôn trọng giờ được tôn trọng"
Luke 13:31
Câu Liên kết:
<b>Câu Liên kết:<b> Đây là sự kiện tiếp theo trong phần này của câu chuyện. Chúa Giê-xu vẫn đang trên đường đến Giê-ru-sa-lem, khi một số người Pha-ri-si nói với Ngài về Hê-rốt.
Cũng trong lúc đó
"Một thời gian ngắn sau khi Chúa Giê-xu giảng xong"
Thầy nên bỏ chỗ nầy đi, vì Hê-rốt muốn giết thầy
Hãy dịch câu nầy như một lời cảnh cáo cho Chúa Giê-xu. Họ đang khuyên Ngài đi chỗ khác để được an ninh.
Hê-rốt muốn giết Ngài
"Hê-rốt muốn Ngài chết đi". Hê-rốt đã ra lịnh cho người ta giết Chúa Giê-xu.
con chồn cáo
Chúa Giê-xu gọi Hê-rốt là chồn cáo. Cáo là một loài chó hoang nhỏ nhắn. Đây là một ẩn dụ. Ý nghĩa khả thi là 1) Hê-rốt không phải là một sự đe doạ lớn lao 2) Hê-rốt bị dối gạt.
Ba ngày
vì không có lẽ một đấng tiên tri phải chết ngoài thành Giê-ru-sa-lem
Cấp lãnh đạo Do thái đã giết nhiều tiên tri của Đức Chúa Trời tại thành Giê-ru-sa-lem và Chúa Giê-xu vốn biết rõ rằng họ cũng sẽ giết Ngài ở đó nữa. Tham khảo cách dịch: "Chính trong thành Giê-ru-sa-lem mà cấp lãnh đạo Do thái giết chết nhiều sứ giả của Đức Chúa Trời"
Luke 13:34
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu kết thúc trả lời người Pha-ri-si. Đây là phần cuối trong phần này của câu chuyện.
Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem
Chúa Giê-xu nói giống như thể dân sự thành Giê-ru-sa-lem có mặt ở đó lắng nghe Ngài vậy. Chúa Giê-xu phán điều nầy hai lần để tỏ ra Ngài buồng rầu cho họ là dường nào.
Ngươi giết các tiên tri, và quăng đá các đấng chịu sai đến cùng ngươi
Nếu lạ lùng khi nói tới thành nầy, bạn có thể nói rõ rằng thực sự Chúa Giê-xu đang nói với dân sự trong thành phố: "các ngươi là người giết các đấng tiên tri và ném đá những người Đức Chúa Trời sai đến cùng ngươi"
nhóm họp con cái ngươi
"nhóm dân sự của ngươi lại" hay "gom các ngươi lại"
như gà mái túc và ấp con mình dưới cánh
Ẩn dụ nầy mô tả một con gà mái bảo hộ con của nó tránh bị hại bằng cách ấp chúng dưới cánh nó.
nhà các ngươi sẽ bỏ hoang
Đây là một ẩn dụ. Ý nghĩa khả thi là 1) "Đức Chúa Trời đã từ bỏ ngươi" hay 2) "thành các ngươi hoang vu". Ý nói rằng Đức Chúa Trời đã thôi không còn bảo hộ dân sự thành Giê-ru-sa-lem, vì vậy kẻ thù có thể tấn công họ và trục xuất họ. Đây là lời tiên tri nói tới một việc không bao lâu nữa sẽ xảy ra. Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhà các ngươi sẽ bỏ hoang" hay "Đức Chúa Trời sẽ từ bỏ ngươi"
các ngươi không còn thấy ta nữa cho đến chừng nào sẽ nói rằng
"các ngươi sẽ không thấy ta cho tới chừng thì giờ đến khi các ngươi sẽ nói" hay "lần tới các ngươi thấy ta, các ngươi sẽ nói"
Danh Chúa
“Danh” ở đây nói đền quyền năng và thẩm quyền của Chúa.

Translation Questions

Luke 13:8
Trong thí dụ của Chúa Giê-xu, điều chi đã được làm cho cây vả không ra trái sau ba năm?
Cây ấy sẽ được đổ phân, thêm một năm nữa để ra trái, bằng không, nó sẽ bị đốn bỏ.
Luke 13:15
Chúa Giê-xu tỏ ra viên quan cai nhà hội là kẻ giả hình như thế nào?
Chúa Giê-xu nhắc cho ông ta nhớ rằng ông ta mở dây cột thú vật của mình trong ngày Sa-bát, tuy nhiên ông ta lại tức giận khi Chúa Giê-xu mở trói cho người đàn bà nhằm ngày Sa-bát.
Luke 13:28

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân sự khi bị quăng ra ngoài, và không có khả năng để vào trong Nước Trời, họ làm gì?
Họ khóc lóc và nghiến răng.
Ai sẽ nhóm lại ngồi cùng bàn trong nước Đức Chúa Trời?
Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, các tiên tri, và nhiều người từ Đông, Tây, Nam, Bắc.
Luke 13:34
Chúa Giê-xu ao ước làm gì với dân sự của thành Giê-ru-sa-lem?
Ngài ước ao nhóm họ lại như gà mái túc con mình dưới cánh.
Dân sự thành Giê-ru-sa-lem đáp ứng thế nào đối với ao ước của Chúa Giê-xu dành cho họ?
Họ chối bỏ điều đó.

Chapter 14
Luke 14:1
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần tiếp theo trong câu chuyện. Đó là ngày Sa-bát và Chúa Giê-xu đang ở nhà của người Pha-ri-si. Câu 1 đưa ra thông tin bối cảnh về diễn biến trong câu chuyện.
dùng bữa
"ăn" hay "dự bữa ăn". Bánh là phần quan trọng của bữa ăn và được sử dụng trong câu nầy đề cập đến bữa ăn.
dòm hành Ngài
Họ muốn xem coi không biết họ có nên tố cáo Ngài về việc al2m sai trái hay không.
Có một người ở trước mặt Ngài
Cụm từ "số là" báo cho chúng ta biết có một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách thức để trình bày việc nầy. Anh ngữ sử dụng "Có một người ở trước mặt Ngài…"
mắc bịnh thuỷ thủng
Bịnh thuỷ thủng phồng lên do nước gây ra ở các chi thể trong thân. Một số ngôn ngữ có thể có danh xưng nói tới tình trạng nầy. Cụm từ nầy có thể được dịch là “chịu khổ vì các chi thể trong thân bị phồng lên với nước”
Trong ngày Sa-bát có được phép chữa bệnh không?
“Luật pháp có cho phép chúng ta chữa bệnh…không?”
Luke 14:4
Họ đều làm thinh
Cấp lãnh đạo tôn giáo từ chối không trả lời câu hỏi của Chúa Giê-xu.
nếu có con trai hay bò mình té xuống giếng mà không kéo liền lên sao
Chúa Giê-xu sử dụng một câu hỏi hùng biện bởi vì Ngài muốn họ nhìn nhận rằng họ sẽ giúp cho con hay bò, thậm chí trong ngày sa-bát, vì lẽ đó, Ngài có quyền chữa lành dân sự thậm chí trong ngày sa-bát. Cụm từ nầy có thể được dịch là "nếu ai trong các ngươi có con hay bò té xuống giếng vào ngày sa-bát, chắc chắn các ngươi sẽ kéo nó lên ngay tức khắc đấy thôi".
Họ không đối đáp gì về điều đó được
Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ chẳng có gì để nói". Ấy chẳng phải là họ không biết câu trả lời cho câu hỏi của Chúa Giê-xu. Thay vì thế, họ vốn biết rõ Ngài đã nói đúng và họ không muốn nói gì về điều đó.
Luke 14:7
Các khác mời
Tham khảo: “khách mà người đứng đầu nhóm người Pha-ri-si đã mời đến dự bữa ăn”
Khi anh em được mời đến dự
Tham khảo: “Khi có người mời anh em"
vì biết đâu trong số khách mời có người quan trọng hơn anh em
Tham khảo: “vì biết đâu có người nào đó được mời là người quan trọng hơn anh em”
because someone may have been invited who is more honored than you
AT: "because someone may have invited a person who is more important than you are"
Và anh em sẽ xấu hổ
"Anh em sẽ cảm thấy xấu hổ và"
Luke 14:10
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục nói với những người đang có mặt tại nhà người Pha-ri-si.
Khi anh em được mời
Tham khảo: “Khi người ta mời anh em đến dự bữa ăn”
chỗ chót
"chỗ được dành cho hạng người kém quan trọng"
cao hơn
"chuyển đến chỗ ngồi cao trọng hơn"
Thì anh em sẽ được tôn trọng
Tham khảo cách dịch: "Sau đó người đã mời anh em sẽ tôn trọng anh em”
được kính trọng
"xem ra rất quan trọng" hay "người chiếm địa vị quan trọng"
sẽ được nhắc lên
"sẽ được xem là quan trọng" hay "sẽ được dành cho chỗ quan trọng". Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ nhắc lên.”
tự hạ xuống
"người chọn mình là không quan trọng" hay "người chiếm lấy vị trí không quan trọng"
sẽ phải hạ xuống
"bị tỏ ra là không quan trọng" hay "sẽ được chỉ cho chỗ không quan trọng" Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời sẽ hạ xuống."
Luke 14:12
Vì có thể họ
"vì họ có thể"
Còn ông sẽ được đền đáp
Tham khảo: “và rồi sẽ đền đáp anh em”
Luke 14:13
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục nói với người Pha-ri-si là người đã mời Ngài đến nhà.
Ông sẽ được phước
Tham khảo: “Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho ông”
vì họ không có thể trả lại
Tham khảo cách dịch: "họ không thể mời ngươi dự tiệc đáp lại"
kẻ công bình sống lại
"Khi Đức Chúa Trời làm cho người công bình được sống lại"
Luke 14:15
Thông tin Tổng quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một trong những người ngồi cùng bàn nói với Chúa Giê-xu và Ngài trả lời bằng cách kể một câu chuyện ngụ ngôn.

Phước cho kẻ

Người nầy không phải là một nhân vật đặc biệt. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Phước cho người nào" hay "thật lấy làm tốt cho người nào"

sẽ được ăn bánh

Cụm từ nầy có thể được dịch là "kẻ sẽ ăn tại bàn ăn". Chữ "bánh" được sử dụng đề cập đến toàn bộ bữa ăn.

Nhưng Chúa Giê-xu đáp

Chúa Giê-xu bắt đầu kể chuyện ngụ ngôn.

dọn tiệc lớn

Cụm từ nầy có thể được dịch là "đến giờ ăn tối" hay "khi bữa tối sắp sửa bắt đầu"

những kẻ được mời

"những kẻ người đã mời"

Luke 14:18

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu tiếp tục kể chuyện ngụ ngôn.

Thông tin Tổng quát:

Tất cả những người đã được đầy tớ mời đều đưa lý do từ chối vì không thể đến dự yến tiệc.

xin kiếu

Ở đây cụm từ nầy có nghĩa là "nói lý do tại sao họ không đến dự bữa ăn"

xin cho tôi kiếu

xin cho tôi kiếu

năm cặp bò

Bò mà dân sự sử dụng để chở nặng hay làm công việc khó nhọc. Bò thường làm việc từng đôi một.

mới cưới vợ

Sử dụng một thành ngữ thật tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. Một số ngôn ngữ có thể nói: "lập gia đình" hay "lấy vợ"

Luke 14:21

bèn nổi giận

"bèn nổi giận với người mà ông ta đã mời"

đầy tớ trình rằng

Rất cần thiết trình bày rõ phần thông tin mà người đầy tớ đã làm theo mọi điều mà chủ đã truyền cho như trong Kinh Thánh: "sau lại đầy tớ trình rằng..."

Lệnh ông đã được tôi thực hiện

Tham khảo: “Tôi đã làm theo lệnh ông”

Luke 14:23

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu kết thúc câu chuyện ngụ ngôn.

ngoài đường và dọc hàng rào

Câu nầy đề cập đến đường xá ngoài thành phố. Cụm từ nầy có thể được dịch là "các con đường chính ngoài thành phố"

Ep mời họ

"yêu cầu họ"

Cho đầy nhà ta

"để nhà ta sẽ có nhiều người"

Vì ta nói để anh biết

Đại từ “anh” nói đến đầy tớ

Những người đàn ông

Từ “đàn ông” ở đây nghĩa là "những người nam trưởng thành" và không chỉ là những thường dân.

ép mời vào

"những kẻ ta đã mời lần thứ nhứt"

nếm bữa tiệc

"thưởng thức bữa tiệc mà ta đã dọn"

Luke 14:25

Thông tin Tổng quát:

Chúa Giê-xu bắt đầu giảng dạy đoàn dân đông đang đi theo Ngài.

Nếu có ai đến theo ta mà không ghét cha mẹ, vợ con ... không được làm môn đồ ta.

Cụm từ nầy cũng có thể nói ra cách tích cực: "nếu ai đến cùng ta, người ấy có thể trở thành môn đồ ta chỉ khi người ghét cha ruột mình". AT: "If anyone comes to me and does not love me more than he loves his father...he cannot be my disciple" or "Only if a person loves me more than he loves his own father...can he be my disciple."

Phải, và cả sự sống mình nữa

"và ngay cả sự sống mình"

còn ai không vác thập tự giá mình mà theo ta, cũng không được làm môn đồ ta

Cụm từ nầy có thể biểu lộ cách tích cực hơn: "nếu ai muốn làm môn đồ ta, người ấy phải vác thập tự giá mình mà theo ta"

vác thập tự giá mình

Cụm từ nầy ý nói "phải bằng lòng chịu chết". Người nào bị xét đoán phải chết thường bị buộc vác thập tự giá mà họ sẽ bị đóng đòng trên đó mà chết. Người nào bước theo Chúa Cứu Thế sẽ phải bằng long gánh chịu sự bắt bớ sẽ xảy đến.

Luke 14:28

Vì có người nào trong các ông muốn xây một cái tháp mà trước tiên không ngồi xuống tính phí tổn để xem mình có thể hoàn thành nó hay không

Đây là phần mở đầu của câu hỏi hùng biện. Chúa Giê-xu sử dụng để buộc dân sự phải suy nghĩ về mọi điều họ sẽ làm trong một tình huống đặc biệt. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói: “nếu ai muốn xâu một toà tháp, các ngươi nhất định trước tiên phải ngồi lại rồi lượng tính phí tổn"

cái tháp

Có thể đây là cái chòi canh trong vườn nho. Một số ngôn ngữ sẽ dịch là "cái chòi cao" hay "một dàn giáo cao"

e khi

"nếu người trước tiên không tính phí tổn"

đã xây nền rồi

"khi người đã xây nền". Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi người khởi sự xây dựng"

Luke 14:31

hay

Chúa Giê-xu sử dụng từ ngữ nầy để giới thiệu một tình huống khác, ở đó người ta tính phí tổn trước khi đưa ra quyết định.

có vua nào đi đánh trận cùng vua khác ... mà trước không ngồi bàn luận

Câu nầy khởi sự một câu hỏi hùng biện khác. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói: "các ngươi biết rằng một vị vua ... trước sẽ ngồi bàn luận"

bàn luận

Ý nghĩa khả thi là 1) "cẩn thận suy nghĩ" hay 2) "lắng nghe các cố vấn của mình"

một muôn...hai muôn

"10.000...20.000"

bằng chẳng nổi

"và nếu người nhận ra rằng mình không có khả năng đáng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bại vua kia" hay "nếu người quyết định quân đội của mình không thể đáng bại quân đội kia"

nếu ai trong các ngươi không bỏ mọi sự mình có, thì không được làm môn đồ ta

Cụm từ nầy có thể trình bày cách tích cực hơn: "Chỉ ai trong các ngươi từ bỏ mọi sự các ngươi có, có thể làm môn đồ ta"

bỏ mọi sự mình có

"bỏ lại sau lưng mọi sự người có"

Luke 14:34

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu kết thúc phần dạy dỗ đám đông.

muối là giống tốt

"Muối có ích lợi". Chúa Giê-xu đang dạy một bài học về điều Ngài muốn cho những môn đồ của Ngài.

lấy chi làm cho nó mặn lại

Đây là một câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch là "không thể làm cho nó mặn lại" hay "không ai có thể làm cho nó mặn lại"

Không dùng chi được cho ruộng hoặc cho phân

"phân" có thể được dịch là "phân trộn" hay "phân hoá học". Phân được sử dụng để làm phì nhiêu vườn tượt và đồng ruộng. Lúa sẽ hoá xấu đi có thể được rãi bằng phân. Nhưng muối mất mùi đi không thể dung được thậm chí là làm phân. Nó vô dụng hoàn toàn.

Vứt bỏ đi

Tham khảo: “Người ta chỉ vứt bỏ thôi”

Ai có tai mà nghe, hãy nghe

Cụm từ nầy có thể được dịch như một mạng lịnh: "nếu các ngươi có tai để nghe, hãy nghe cho kỹ" hay "nếu các ngương nghe mọi điều ta đang phán đây, hãy chú ý"

người nào có tai để nghe

“hễ ai có thể nghe” hay “nếu ai nghe ta”

hãy nghe

“người ấy hãy nghe cho kỹ” hay “nguyện người ấy chú ý đến mọi điều ta phán đây”

Translation Questions

Luke 14:4

Đâu là giải đáp của các thầy dạy luật và người Pha-ri-si?

Họ giữ im lặng.

Luke 14:18

Trong thí dụ của Chúa Giê-xu về bữa tối, người ta đã làm gì một khi họ được mời?

Họ khởi sự xin kiếu về lý do tại sao họ không đến dự bữa ăn tối.

Luke 14:21

Khi ấy, chủ mời ai đến dự bữa ăn tối với người?

Kẻ nghèo khó, tàn tật, đui, què vào đây.

Luke 14:28

Trong thí dụ của Chúa Giê-xu điều đòi hỏi nào khi theo Ngài, trước tiên một người phải làm gì khi muốn xây một cái tháp?

Người ấy phải tính phí tổn.

Chapter 15

Luke 15:1

Thông tin Tổng quát:

Đây là phần tiếp theo trong câu chuyện. Chúng ta không biết sự kiện này xảy ra ở đâu; đó chỉ là một ngày khi Chúa Giê-xu đang dạy dỗ.

Bấy giờ

Từ này đánh dấu khởi đầu của phần mới trong câu chuyện.

Người có tội đến gần Đức Chúa Giê-xu

"Người nầy để cho tội nhân bước vào sự hiện diện của mình" hay "người nầy hiệp với hạng tội nhân"

người nầy

Họ đang nói tới Chúa Giê-xu.

và cùng ăn với họ

Chữ "cùng" tỏ ra rằng họ suy nghĩ điều đó đã xấu đủ khi Chúa Giê-xu để cho hạng tội nhân đến gần Ngài, nhưng còn tệ hại hơn nữa là Ngài cùng ăn với họ.

Luke 15:3

Thông tin Tổng quát:

Chúa Giê-xu bắt đầu kể các câu chuyện ngụ ngôn. Câu chuyện ngụ ngôn đầu tiên là nói về người chăn và bầy chiên.

Đến họ

“Họ” ở đây đang chỉ về những người lãnh đạo tôn giáo.

Trong các ngươi ai đi tìm cho kỳ được sao?

Đây là câu hỏi hùng biện. Chúa Giê-xu đang nhắc cho dân sự nhớ rằng mếu bất kỳ ai trong số họ mất một con chiên, chắc chắn họ sẽ đi tìm con chiên ấy. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói y như trong Kinh Thánh. Một số ngôn ngữ có nhiều cách để tỏ ra rằng đây là một tình huống không phải là một câu chuyện nói về một người đặc biệt đã bị mất con chiên.

Trong các ngươi ai là người có một trăm con chiên

Một khi thí dụ khởi sự với "ai trong các ngươi", một số ngôn ngữ sẽ tiếp tục thí dụ với đại danh từ ngôi thứ hai "nếu các ngươi có một tram con chiên"

Một trăm... chín mươi chín

"100...99"

Luke 15:6

đoạn, về đến nhà

"khi chủ bầy chiên về đến nhà" hay "khi ngươi về đến nhà". Đề cập đến chủ bầy chiên y như bạn đã làm trong câu đứng trước.

cũng sẽ như vậy

"cũng một thể ấy" hay "như người chăn và bạn hữu và lân cận người sẽ vui mừng"

ở trên trời sẽ vui mừng

"mọi người ở trên trời sẽ vui mừng"

chín mươi chín kẻ công bình không cần phải ăn năn

chín mươi chín kẻ công bình không cần phải ăn năn** - "chín mươi chín người, họ nghĩ rằng họ là công bình và không cần phải ăn năn". Chúa Giê-xu không nói rằng thực sự có ail à công bình hay không. Thay vì thế, Ngài đang sử dụng cách nói bằng số được gọi là châm biếm, vì Ngài đang nói với người nào cho rằng họ là công bình, nhưng họ không phải là công bình.

Luke 15:8

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu bắt đầu kể một câu chuyện ngụ ngôn khác. Câu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chuyện này nói về người phụ nữ có 10 đồng bạc.

Có người đàn bà nào ... mà không thắp đèn ... kiếm kỹ càng cho kỳ được sao?

Đây là câu hỏi hùng biện. Chúa Giê-xu đang nhắc cho dân sự nhớ rằng nếu bất kỳ ai trong số họ mất một đồng bạc, chắc chắn họ sẽ kỹ càng kiếm cho kỳ được. Cụm từ nầy có thể được dịch là: “các ngươi biết rằng nếu người đàn bà có 19 đồng bạc và mất một đồng, bà ta sẽ thắp đèn lên, quét nhà và kỹ càng kiếm cho kỳ được”

Có người đàn bà

Đây là một tình huống chớ không phải câu chuyện nói với một người đàn bà có thật. Một số ngôn ngữ có nhiều cách để chỉ ra điều nầy.

cũng như vậy

"cũng một thể ấy" hay "giống như người ta sẽ vui mừng với người đàn bà"

một kẻ có tội ăn năn

Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi một tội nhân ăn năn"

Luke 15:11

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu bắt đầu kể một chuyện ngụ ngôn khác. Câu chuyện này nói về một người thanh niên đòi cha mình chia một nửa gia tài.

Một người kia

Đây là phần mở đầu của thí dụ. Trong ngôn ngữ của bạn hạy giới thiệu thí dụ theo cách thật tự nhiên. Một số ngôn ngữ sẽ nói: "Có một ông kia"

xin chia cho tôi

Người con muốn cha mình chia phần cho nó ngay tức thì. Một số ngôn ngữ có hình thức ra lịnh cho rằng họ muốn việc ấy được thực hiện ngay tức khắc sẽ sử dụng hình thức đó.

phần của mà tôi sẽ được

"phần tài sản của ông mà ông đã tính chia cho tôi khi ông qua đời"

Luke 15:13

tóm thâu hết

"gói ghém mọi thứ của mình" hay "cho các thứ nầy vào trong túi xách của mình"

ăn chơi hoang đàng

Cụm từ nầy có thể được dịch là "bằng cách tiêu xài các thứ mà nó không cần"

trong xứ xảy có cơn đói lớn

"Có nạn đói trầm trọng" hay "chẳng có đủ thức ăn"

Bấy giờ

Cụm từ này được dùng để đánh dấu phần ngắt trong cốt truyện chính. Ở đây Chúa Giê-xu giải thích làm sao mà đứa con hoang đàng đi từ chỗ giàu có sang chỗ túng thiếu.

bị nghèo thiếu

"thiếu những thứ nó cần" hay "không có đủ"

Luke 15:15

Nó phải đi

Từ “nó” nói đến đứa con hoang đàng.

làm mướn

Cụm từ nầy có thể được dịch là "làm lao động" hay "bắt đầu lao động cho"

một người bổn xứ

"một người trong xứ ấy"

chăn heo

"cho bầy heo của ông ta ăn"

nó muốn lấy

"muốn ăn nhiều thứ"

vỏ đậu

Có nhiều vỏ đậu mọc xen với cây cà rốt. Cụm từ nầy có thể được dịch là "vỏ đậu"

Luke 15:17

tỉnh ngộ

"đến với ý thức của mình" hay "hiểu rõ tình huống của mình" hoặc "bắt đầu suy nghĩ rõ ràng"

biết bao người làm mướn được bánh ăn dư dật

Đây là một phần trong sự kêu la. Cụm từ nầy có thể được dịch là "hết thảy tôi tớ thuê của cha ta còn có đủ bánh ăn".

chết đói

Có lẽ đây không phải là cường điệu đâu. Chàng ta thực sự rất đói khát.

tôi đã đặng tội với trời

"tôi đã đặng tội với trời". Người Do thái đôi khi tránh nói từ "Đức Chúa Trời" và sử dụng từ "trời" thay vào đó.

không đáng gọi là con của cha nữa

"tôi không đáng gọi là con của cha nữa". Con có quyền hợp pháp thừa tự một phần tài sản của cha nó.

không đáng

"không còn xứng đáng nữa". Ý nói rằng trong quá khứ thì anh ta xứng đáng, còn bây giờ thì không.

xin cha đãi tôi như đứa làm mướn của cha vậy

"xin mướn tôi như kẻ làm thuê" hay "hãy thuê tôi và tôi sẽ trở thành tôi tớ của cha"

Luke 15:20

nó bèn đứng dậy mà về cùng cha mình

"Vậy nó lìa xứ ấy rồi khởi sự về cùng cha mình" The word "so" means marks an event that happened because of something else that happened first. In this case, the young man was in need and had decided to go home.

động lòng thương xót

"thương hại nó" hay "yêu thương nó tận đáy lòng"

ôm và hôn

Người cha đã làm điều nầy để tỏ ra cho con mình thấy rằng ông yêu thương nó và vui sướng khi con quay về nhà. Nếu người ta nghĩ rằng việc nầy là lạ lùng và không đúng cho một người ôm và hôn con mình, bạn có thể thay thế phương thức mà người ta trong xã hội của bạn tỏ ra tình cảm cho người khác. Hoặc bạn có thể dịch bao quát hơn như "tiếp rước nó thật tình cảm"

đặng tội với trời

"phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời"

Trong mắt cha

"trước mặt cha." Tham khảo: “cha đã thấy con phạm tội” hoặc “và cha biết việc đó.”

Con không xứng đáng được gọi là con của cha nữa

Tham khảo: “Con không xứng đáng được cha gọi con là con”

Luke 15:22

áo tốt nhứt

"áo tốt nhứt trong nhà". Chiếc áo là loại áo dài mặc ngoài các áo khác. Ở những nơi mà áo dài không ai biết đến, cụm từ nầy có thể được dịch là "áo choàng tốt nhứt" hay "áo tốt nhứt"

đeo nhẫn vào ngón tay

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nhẫn là dấu hiệu quền lực mà người ta đeo trên ngón tay.
giày
Giày là một loại giày. Ở nơi người ta không biết đến giày, cụm từ nầy có thể được dịch là "giày"
bò con mập
Bò con là bò tơ. Người ta sẽ dâng một trong bầy bò của mình làm đồ ăn đặc biệt khi nó đủ lớn, và khi ấy, lúc họ muốn có một bữa tiệc thịnh soạn, họ sẽ ăn nó. Cụm từ nầy có thể được dịch là "bò ngon nhất" hay "bò tơ chúng ta có thể làm nhiều món" hoặc "bò tơ chúng ta đã nuôi cho mập"
Làm thịt đi
Phần thông tin ám chỉ rằng họ cần phải nướng thịt đã được làm sạch: "làm thịt và nướng thịt đi"
vì con ta đây đã chết mà bây giờ lại sống
Đây là một ẩn dụ. Cụm từ nầy có thể được dịch như một sự ví sánh: "giống như con ta đây đã chết mà lại sống" hay "ta cảm thấy như con ta đã chết, mà nó còn sống"
đã mất mà bây giờ lại thấy được
Đây là một ẩn dụ. Cụm từ nầy có thể được dịch như một vì sánh: “Giống như con ta đây đã bị mất, và đã tìm lại được" hay "ta cảm thấy con ta đây đã bị mất, mà lại thấy được" hoặc "con ta đây đã bị mất mà đã trở về nhà"
Luke 15:25
Lúc này
Từ này được dùng để đánh dấu phần xen vào trong cốt truyện chính. Ở đây Chúa Giê-xu bắt đầu kể một phần mới trong câu chuyện về đứa con trai cả.
đầy tớ
Từ ngữ được dịch ở đây là “đầy tớ” thường được dịch là “con trai”. Từ nầy chỉ ra rằng đầy tớ hãy còn nhỏ.
mà hỏi cớ gì
"điều gì xảy ra vậy"
bò con mập
Cụm từ nầy có thể được dịch là “bò tốt nhứt” hay “bò tơ chúng ta có thể làm nhiều món” hay “bò tơ chúng ta đã nuôi cho mập”
Luke 15:28
chưa từng trái phép
"chưa hề bất tuân mạng lịnh nào của cha" hay "luôn luôn vâng theo mọi sự cha bảo con làm”.
ăn chơi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "vui vẻ"
con của cha kia
"con của cha kia". Người con cả đề cập đến em của mình theo cách giận.
ăn hết gia tài với phường điếm đĩ
Cụm từ nầy có thể được dịch là "phung phí tài sản với phường điếm đĩ" hay "quăng ném hết tiền bạc của cha bằng cách nuôi điếm đĩ"
bò con mập
Cụm từ nầy có thể được dịch là “bò tốt nhứt” hay “bò tơ chúng ta có thể làm nhiều món” hay “bò tơ chúng ta đã nuôi cho mập”
Luke 15:31
Người cha nói với anh
Từ “anh” chỉ về đứa con trai cả.
vì em con đây
Người cha đang nhắc cho người anh nhớ rằng kẻ mới về nhà kia là em của nó.
đã chết mà lại sống
Đây là một ẩn dụ. Việc rời khỏi gia đình trong một thời gian dài được sánh với việc đã chết, và việc trở về được sánh với việc được sống lại. Cụm từ nầy có thể được dịch như một sự ví sánh y như trong Kinh Thánh.
đã mất mà lại thấy được
Đây là một ẩn dụ. Cụm từ nầy có thể được dịch như một vì sánh: “Giống như con ta đây đã bị mất, và đã tìm lại được" hay "ta cảm thấy con ta đây đã bị mất, mà lại thấy được" hoặc "con ta đây đã bị mất mà đã trở về nhà

Translation Questions

Luke 15:8
Trong thí dụ của Chúa Giê-xu, người đàn bà làm gì khi mất một đồng bạc?
Bà cẩn thận tìm kiếm cho tới khi tìm được, khi ấy vui vẻ với bạn hữu và hàng xóm của mình.
Luke 15:13
Người em làm gì với tài sản của mình?
Anh ta phung phí tiền bạc vào cuộc sống hoan lạc.
Luke 15:15
Sau khi tiền bạc hết rồi, người em đã làm gì kiếm sống?
Anh ta được thuê nuôi heo.
Luke 15:20
Người cha đã làm gì khi ông nhìn thấy người em về đến nhà?
Ông chạy ra ôm hôn con mình.
Luke 15:22
Người cha mau làm việc gì cho người em?
Người cha ban áo, nhẫn, giày, và dọn tiệc.
Luke 15:28
Đâu là phản ứng của người anh khi hay tin dọn tiệc đãi em mình?
Anh ta giận dữ và không chịu nhập tiệc.
Luke 15:31
Đâu là phản ứng của người cha đối với đứa con lớn của mình?
Ông nói: "Con ơi, con ở cùng cha luôn, hết thảy của cha là của con.”

Chapter 16
Luke 16:1
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu bắt đầu kể một chuyện ngụ ngôn khác. Câu chuyện này nói về người chủ và người quản lý con nợ. Câu chuyện này vẫn nằm trong câu chuyện được Chúa Giê-xu bắt đầu kể trong ngày hôm đó.
Đức Chúa Giê-xu lại phán cùng môn đồ
Phần sau cùng hướng vào người Pha-ri-si và các thầy thông giáo, dù môn đồ của Chúa Giê-xu là một phần trong đám dân đông đang đứng nghe.
Có người giàu kia
Đây là phần khởi đầu của một câu chuyện ngụ ngôn khác.
bị cáo với chủ
"người ta báo cho người giàu hay"
tiêu phá của chủ
"tan rãi của cải người" hay "xài phí tài sản của người giàu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

có kia"

Ta nghe nói về ngươi

Đây là câu hỏi hùng biện. Người giàu đang nói: "Ta đã nghe biết những gì ngươi đang làm"

Hãy khai ra việc quản trị của ngươi

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Sắp đặt mọi việc để bàn giao cho người khác" hay "Lo liệu mọi việc để giao cho" hoặc "Hãy sửa soạn các bản tường trình mà ngươi đã viết về tiền bạc của ta"

Luke 16:3

Ta sẽ làm gì?

Viên quản gia hỏi câu nầy với lòng mình, như một phương tiện để ôn lại mọi điều mà mình đã làm.

Chủ ta

Điều nầy đề cập đến người giàu. Cụm từ nầy có thể được dịch là "chủ nhân ta". Viên quản gia không phải là một nô lệ.

làm ruộng thì ta không có sức làm

"Ta không đủ sức để đào đất" hay "ta không có khả năng đào đất"

để khi bị cách chức

Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi ta không còn làm quản gia nữa"

Luke 16:5

Người mắc nợ chủ mình

"những người nào có nợ với chủ mình" hay "kẻ nào mắc nợ thứ gì với chủ mình". Trong câu chuyện nầy, những kẻ mắc nợ đều nợ dầu ôlive hay nợ lúa.

trả lời ... quản gia nói rằng

“kẻ mắc nợ nói...quản gia nói với kẻ mắc nợ”

một trăm thùng dầu

"khoảng 3.400 lít dầu ôlive"

một trăm...năm chục...tám chục

"100...50...80"

một trăm hộc lúa mì

"khoảng 22.000 lít lúa khô"

Viên quản lý gọi từng con nợ...Người ấy đáp...Người ấy đáp

"viên quản lý nói với con nợ khác...Con nợ nói...Người quản lý nói với con nợ.”

Luke 16:8

Thông tin tổng quát:

Chúa Giê-xu kết thúc câu chuyện ẩn dụ về viên quản gia và những kẻ mắc nợ. Trong câu 9, Chúa Giê-xu tiếp tục dạy cho các môn đồ của Ngài.

chủ bèn khen

Những kẻ mắc nợ, viên quản gia đã hạ thấp nợ của họ, có lẽ họ nghĩ rằng chủ đã ra lệnh cho quản gia hạ thấp nợ cho họ.

khen

"ngợi khen" hay "nói tốt cho" hoặc "tán thưởng"

người đã làm khôn khéo

"người đã xử sự rất khéo léo" hay "người đã làm một việc rất nhạy bén"

con đời nầy

Điều nầy đề cập đến những kẻ giống viên quản gia bất nghĩa, họ chẳng nhìn biết hay quan tâm chi đến Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch là "hạng người của đời nầy" hay "người thế gian"

con sáng láng

Điều nầy đề cập đến hạng người công bình chẳng có gì để che giấu. Cụm từ nầy có thể được dịch là "người sáng láng" hay "người nào sống trong sự sáng”.

Còn ta nói cho các ngươi

"Ta" đề cập đến Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu đã thuật xong câu chuyện của Ngài. Cụm từ "ta nói coh các ngươi" đánh dấu sự thay đổi của Ngài báo cho dân sự biết phải áp dụng ra sao việc ấy vào đời sống của họ.

nhà đời đời

Điều nầy đề cập đến thiên đàng, nơi Đức Chúa Trời ngự.

Luke 16:10

Các ngươi không trung tín về của người khác?

Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch là "không ai tin cậy ngươi với sự giàu có thật" hay "không một ai ban cho ngươi sự giàu có thật để quản lý"

Ai sẽ cho các ngươi được của riêng mình

Đây cũng là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch là "không một ai cung ứng cho ngươi sự giàu có cho riêng mình"

Luke 16:13

Thông tin Tổng quát:

Đây là phần xen vào trong những lời dạy của Chúa Giê-xu, vì câu 14 đưa ra thông tin bối cảnh về cách người Pha-ri-si nhạo bang Chúa Giê-xu. Trong câu 15, Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ và trả lời người Pha-ri-si.

không có đầy tớ nào

Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "một đầy tớ không thể"

vì sẽ ghét

"đầy tớ sẽ ghét"

yêu

"tận hiến" hay "trung thành"

khinh chủ kia

"xem khinh người kia" hay "nhạo báng người nọ" hoặc "ghét chủ kia"

ngươi không thể làm tôi

Chúa Giê-xu đang nói với một nhóm người, vì vậy một số ngôn ngữ có hình thức “you” [các ngươi] số nhiều sẽ sử dụng ngôn ngữ ấy.

làm tôi

"làm nô lệ cho"

Luke 16:14

Lúc ấy

Từ này đánh dấu phần chuyển đổi qua thông tin bối cảnh.

ham tiền tài

"kẻ yêu mến tiền bạc" hay "kẻ ưa thích việc có tiền" hoặc "kẻ tham lam tiền bạc"

bèn chê cười Ngài

Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "người Pha-ri-si chế nhạo Chúa Giê-xu"

Ngài phán cùng họ rằng

"Chúa Giê-xu phán cùng người Pha-ri-si"

các ngươi làm bộ công bình qua mặt người ta

"các ngươi tìm cách làm cho người ta thấy mình tốt"

song Đức Chúa Trời biết lòng các ngươi

"Đức Chúa Trời bốn hiểu rõ mọi ước muốn của các ngươi" hay "Đức Chúa Trời biết mọi động lực của ngươi"

vì sự người ta tôn trọng

Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "những việc mà người ta nghĩ là rất quan trọng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

là gớm ghiếc trước mặt Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "Đức Chúa Trời ghét" hay "là những việc mà Đức Chúa Trời ghét"
Luke 16:16
Luật pháp và các lời tiên tri
Điều nầy đề cập đến hết thảy lời của Đức Chúa Trời đã được viết ra cho tới thời điểm đó.
đến đời Giăng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Giăng Báptít đã đến và đã giảng đạo"
Tin lành của nước Đức Chúa Trời được truyền ra
Cụm từ nầy có thể được dịch là "chúng ta đang dạy dỗ cho dân sự biết về Tin lành nói tới nước của Đức Chúa Trời"
ai nấy dùng sức mạnh mà vào đó
Cụm từ nầy có thể được dịch là “nhiều người đang làm mọi sự họ có thể để vào đó”. Điều nầy đề cập đến những người nào đang lắng nghe và tiếp nhận sự dạy của Chúa Giê-xu.
trời đất qua đi còn dễ hơn
“giống như các ngươi biết rằng trời đất không dễ qua đi, các ngươi dám chắc về sự ấy”
một nét chữ
"phần nhỏ nhất của một chữ". Cụm từ nầy có thể được dịch là "chi tiết nhỏ nhất của luật pháp"
Luke 16:18
Ai bỏ vợ mình
"bất kỳ ai ly dị với vợ mình" hay "bất kỳ người nào ly dị vợ mình" hoặc "nếu một người ly dị vợ mình"
phạm tội tà dâm
"là tội tà dâm"
ai cưới đàn bà
"bất kỳ người nào cưới một người đàn bà" hay "nếu một người cưới một người đàn bà"
Luke 16:19
Câu Liên kết:
Khi Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ dân chúng, Ngài bắt đầu kể một câu chuyện về người giàu và La-xa-rơ.
Thông tin Tổng quát:
Các câu này chứa thông tin bối cảnh về câu chuyện Chúa Giê-xu bắt đầu kể về người giàu và La-xa-rơ.
Bấy giờ
Từ này đánh dấu sự chuyển đổi trong lời Chúa Giê-xu nói khi Ngài bắt đầu kể một câu chuyện để giúp người ta hiểu lời Ngài dạy.
có một người giàu
Không rõ người nầy có thật không, hay chỉ là câu chuyện mà Chúa Giê-xu đã kể lại hầu đứa ra một quan điểm.
mặc áo tía bằng vải gai mịn
"có người mặc áo tía và vải gai mịn" hay "người ấy mặc quần áo rất đắt tiền". Áo tía và vải gai mịn rất đắt tiền.
hằng ngày ăn ở rất sung sướng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "tiệc tùng mỗi ngày" hay "thưởng thức bằng cách ăn đồ ăn đắt tiền mỗi ngày" hoặc "chi nhiều tiền mua bất cứ thứ chi người ấy muốn"
lại có một người nghèo, tên là Laxarơ, nằm ở noài cửa người giàu có
"người ta đem đặt gã ăn mày tên là Laxarơ nơi cổng nhà người"
có anh ăn xin tên La-xa-rơ
Cụm từ này giới thiệu một người mới trong câu chuyện của Chúa Giê-xu. Không rõ liệu đây là người thật, hay chỉ là câu chuyện mà Chúa Giê-xu kể để đưa ra điểm dạy dỗ của Ngài không.
nằm ngoài cửa
"nơi cổng nhà người giàu kia" hay "nơi lối vào dinh thự của người giàu đó"
mình đầy những ghẻ
"với ghẻ khắp người"
những đồ ở trên bàn người giàu rớt xuống
Cụm từ nầy có thể được dịch là "những mẫu vụn thức ăn tình cờ rơi xuống từ bàn của người giàu khi ông ta đang ăn" hay "phần thức ăn thừa bị quăng xuống từ bàn của người nhà giàu kia"
cũng có
Cụm từ nầy có thể được dịch là "thêm vào với việc ấy" hay "thậm chí". Điều nầy tỏ ra rằng những gì nối theo sau còn tệ hại hơn điều chi đã tường thuật lại về Laxarơ.
chó
Chó là loài vật không sạch. Laxarơ quá đau ốm không ngăn nổi mấy con chó đến liếm vết thương của ông.
Luke 16:22
Vả
Từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu phần mở đầu chi tiết mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.
Thiên sứ đem để vào lòng Áp-ra-ham
"và thiên sứ đặt Laxarơ nơi ngực của Áp-ra-ham"
lòng của Áp-ra-ham
Rõ ràng Áp-ra-ham và Laxarơ đang tựa vào nhau tại một bữa tiệc, và đầu của Laxarơ ở gần với ngực của Áp-ra-ham. Đây là phong cách tiệc tùng của Hi-lạp dành coh khách mời. Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "bên hông Áp-ra-ham" hay "kế bên Áp-ra-ham" hoặc "tựa gần Áp-ra-ham" hay "ngồi kế Áp-ra-ham".
Và người ta đem chôn
Tham khảo: “và người ta chôn ông”
Trong hỏa ngục, bị đau đớn
Tham khảo: “và ông xuống hỏa ngục, tại đó chịu đau đớn kinh khiếp”
ngước mắt lên
Đây là một ẩn dụ ý nói "ông ta nhìn lên"
và Laxarơ trong lòng người
Cụm từ nầy có thể được dịch là "còn Laxarơ đang dựa kề bên Áp-ra-ham" hay "còn Laxarơ đang ngồi gần Áp-ra-ham" hoặc "và Laxarơ với Áp-ra-ham"
Luke 16:24
bèn kêu lên rằng
"và người giàu kêu lên rằng" hay "ông ta kêu la với Áp-ra-ham"
Áp-ra-ham tổ tôi
Áp-ra-ham là tổ phụ của người giàu.
xin thương xót tôi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "làm ơn thương hại tôi", hay "làm ơn thương xót tôi"
sai Laxarơ
Cụm từ nầy có thể được dịch là "bằng cách sai Laxarơ" hay "làm ơn sai Laxarơ dùm tôi" hoặc "xin bảo Laxarơ đến với tôi"
nhúng đầu ngón tay vào nước

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Điều nầy cho thấy lượng yêu cầu nhỏ nhất. Cụm từ nầy có thể được dịch là "người ấy nhúng ướt ngón tay mình"

vì tôi bị khổ trong lửa nầy quá đỗi

"tôi đang ở trong khổ sở kinh khủng với ngọn lửa nầy" hay "tôi khổ sở lắm trong ngọn lửa nầy"

Luke 16:25

Con ơi

Người giàu cũng là một trong các dòng dõi của Áp-ra-ham.

những sự lành

"những việc tốt đẹp" hay "những thứ vui thích"

phải những sự dữ

Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhận được những việc xấu" hoặc "nhận lãnh những thứ khiến coh người phải khốn khổ"

Nó được an ủi ở đây

Tham khảo: “người được an ủi ở đây” hoặc “người hạnh phúc ở đây” (UDB)

khổ hình

"đau đớn gay gắt"

Vả lại

"Ngoài ra"

có một vực sâu

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời đã đặt một vực sâu giữa ngươi và chúng ta".

vực sâu

"một trũng sâu và rộng" hay "một sự phân cách to lớn" hoặc "cái vực khổng lồ"

ai muốn từ đây qua đó

"người nào muốn băng qua vực ấy" hay "nếu có ai muốn băng qua"

Luke 16:27

Vậy xin sai Laxarơ đến nhà cha tôi

Cụm từ nầy có thể được dịch là "xin ông bảo Laxarơ đến nhà cha tôi" hoặc "làm ơn, sai Laxarơ đến nhà cha tôi"

nhà cha tôi

"gia đình tôi". Có lẽ điều nầy không đề cập đến ngôi nhà thuộc thể. Người giàu muốn Laxarơ đến cảnh báo các thành viên trong gia đình mình, dù họ không sống trong cùng ngôi nhà của cha ông ta.

đặng người làm chứng cho họ

Cụm từ nầy có thể được dịch là "hãy bảo Laxarơ đến cảnh cáo họ"

kẻo họ cũng xuống nơi đau đớn nầy chăng

Cụm từ nầy có thể được dịch là "hầu cho họ cũng đừng xuống đây" hay "nếu họ không bị cảnh báo, họ sẽ xuống đây". Một khi điều nầy ám chỉ rằng cách thức họ tránh không xuống đây là do ăn năn, phần thông tin nầy có thể làm cho rõ ràng, như trong câu "đặng họ ăn năn mà đừng xuống đấy"

nơi đau đớn nầy

Cụm từ nầy có thể được dịch là "chỗ nầy là chỗ chúng tôi chịu khổ ải" hay "chốn nầy là chỗ chúng tôi chịu khổ sở kinh khiếp lắm" hoặc "chỗ nầy là chốn chúng tôi bị dày xéo"

Luke 16:29

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu kết thúc kể câu chuyện về người giàu và La-xa-rơ.

Chúng nó đã có Môi-se và các đấng tiên tri

"anh em ngươi đang có những gì Môi-se và các đấng tiên tri đã viết". Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "họ đã nghe những gì Môi-se và các đấng tiên tri đã viết"

chúng nó phải nghe lời các đấng ấy

"Các anh em của ngươi phải chú ý đến Môi-se và các đấng tiên tri"

nếu có kẻ chết sống lại đến cùng họ

Cụm từ nầy có thể được dịch là "nếu có người nào đã chết đến cùng họ" hoặc "nếu có ai đã chết đến mà cảnh tỉnh họ"

Nếu không nghe Môi-se và các đấng tiên tri

"nếu họ không chú ý đến những gì Môi-se và các đấng tiên tri đã chép"

dù có người chết sống lại cũng không thuyết phục được họ

Tham khảo: “dù có người sống lại từ cõi chết cũng không thể thuyết phục được họ” hoặc “họ sẽ không tin ngay cả nếu có người sống lại từ cõi chết”

Translation Questions

Luke 16:1

Người giàu nghe cáo về viên quản gia của mình ra sao?

Người nghe nói rằng viên quản gia đã tiêu phá gia tài của người giàu.

Luke 16:5

Viên quản gia đã làm gì trước khi ông ta bị buộc phải thôi việc?

Ông ta gọi từng người mắc nợ người giàu kia rồi giảm nợ của họ.

Luke 16:8

Đâu là phản ứng của người giàu đối với mọi hành động của viên quản gia?

Người khen ngợi viên quản gia vì ông ta đã hành động rất lanh lợi.

Luke 16:10

Chúa Giê-xu phán rằng người nào trung tín trong việc nhỏ cũng sẽ trung tín với việc gì khác ?

Người cũng sẽ trung tín với việc lớn.

Luke 16:13

Chúa Giê-xu phán chúng ta phải chọn phục vụ giữa hai người chủ nào?

Chúng ta phải chọn giữa Đức Chúa Trời và sự giàu có.

Luke 16:16

Theo Chúa Giê-xu, điều gì có hiệu lực cho tới khi Giăng Báp-tít xuất hiện?

Luật pháp và lời tiên tri đang có hiệu lực.

Theo Chúa Giê-xu, điều chi hiện đang được rao giảng?

Tin lành về Nước của Đức Chúa Trời giờ đây đang được rao giảng.

Luke 16:18

Theo Chúa Giê-xu, loại người nào là người ly dị vợ mình rồi cưới vợ khác ?

Người nầy là một kẻ tà dâm.

Luke 16:22

Trong câu chuyện của Chúa Giê-xu, gã ăn xin La-xa-rơ đã đi đâu sau khi người chết?

Được yên ủi bên cạnh Áp-ra-ham.

Luke 16:24

Đâu là thỉnh cầu thứ nhứt mà người giàu đưa ra cho Áp-ra-ham?

Ông ta nói: "Làm ơn sai La-xa-rơ nhúng đầu ngón tay vào nước đặng làm cho mát lưỡi tôi; vì tôi bị khổ trong lửa nầy quá đỗi”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Luke 16:25
Trong câu chuyện của Chúa Giê-xu, gã ăn xin La-xa-rơ đi đâu sau khi chết?
Được yên ủi bên cạnh Áp-ra-ham.
Luke 16:27
Đâu là lời thỉnh cầu thứ nhì mà người giàu kia đưa ra với Áp-ra-ham?
Ông ta nói: "Làm ơn sai La-xa-rơ đến cảnh cáo mấy người em của tôi về chỗ nầy".
Luke 16:29
Đâu là câu trả lời của Áp-ra-ham cho người giàu kia?
Ông nói: "Họ đã có Môi-se và các đấng tiên tri; họ phải nghe theo lời các đấng ấy".

Chapter 17
Luke 17:1
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ, nhưng Ngài hướng sự tập trung về phía các môn đồ.
Không thể khỏi xảy đến sự gây nên phạm tội được
Cụm từ nầy có thể được dịch là "những việc khiến cho người ta phạm tội chắc chắn xảy đến" hay "thật là khó ngăn sự cám dỗ đừng xảy đến" hoặc "thật là khó ngăn chặn những việc khiến co người ta phải phạm tội"
khốn thay cho kẻ làm ra sự ấy
"cho kẻ tạo ra sự cám dỗ xảy đến" hay "cho bất kỳ người nào khiến cho người ta rơi vào cám dỗ"
buộc cối đá vào cổ nó mà quăng xuống biển còn hơn
Cụm từ nầy có thể được dịch với mệnh để chủ động: "nếu họ cột cối đá quanh cổ nó rồi quăng nó" hay "nếu ai đó cột một hòn đá nặng quanh cổ nó rồi quăng nó"
cối đá
đây là một hòn đá rất lớn, rất nặng được sử dụng để xay gạo thành bột. Cụm từ nầy có thể được dịch là "một hòn đá thật nặng"
kẻ nhỏ nầy
Cụm từ nầy có thể được dịch là "bầy nhỏ" hay "số người nầy có đức tin rất nhỏ"
vấp ngã
Cụm từ nầy có thể được dịch là "phạm tội"
Luke 17:3
Nếu anh em ngươi đã phạm tội
Đây là câu nói có điều kiện, nó nói tới một sự cố có lẽ sẽ xảy ra trong tương lai.
Anh em ngươi
Cụm từ nầy bình thường gồm có "tín hữu anh em ngươi" cũng là "anh em" sanh cùng cha cùng mẹ.
hãy quở trách họ
"cảnh cáo họ cách mạnh mẽ" hay "nói với người ấy thật quả quyết rằng những gì người làm là sai trái" hay "hãy chỉnh đốn người"
họ phạm tội cùng ngươi bảy lần
Đây là tình huống trong tương lai. Có thể việc sẽ không xảy ra, nhưng nếu nó xảy ra, Chúa Giê-xu bảo người ta phải tha thứ.
Dầu trong một ngày, ... bảy lần
Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhiều lần trong một ngày". Con số 7 trong Kinh Thánh là một biểu tượng nói tới sự trọn vẹn.
Luke 17:5
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần xen ngắn trong lời dạy của Chúa Giê-xu khi các môn đồ nói với Ngài. Sau đó Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ.
Xin thêm đức tin
"xin thêm đức tin cho chúng tôi" hay "làm ơn thêm đức tin cho đức tin của chúng tôi"
nếu các ngươi có đức tin rộng bằng hột cải
Cụm từ nầy có thể được dịch là "nếu ngươi có đức tin thậm chí nhỏ như hột cải" hay "nếu đức tin của ngươi duy nhứt to như hột cải, song chẳng phải vậy". Cấu trúc của cụm từ ám chỉ rằng thực sự họ không có đức tin thậm chí kích cở của một hột cải.
cây dâu
“cây dâu [vả]”. Cây nầy cho trái nhỏ mà tròn khoảng 2, 5 cm đường kính. Cụm từ nầy có thể được dịch đơn giãn là “cây vả” hay “một cây”
hãy nhổ đi mà trồng dưới biển
Cụm từ nầy có thể được dịch là "tự ngươi hãy nhổ nó và đem trồng dưới biển" hay "hãy nhổ rễ ngươi khỏi đất, rồi đặt rễ ngươi xuống dưới biển"
thì nó sẽ vâng lời
"cây sẽ vâng theo ngươi". Kết quả nầy là có điều kiện. Việc sẽ xảy ra một khi họ có đức tin.
Luke 17:7
ai trong các ngươi có đầy tớ
Chúa Giê-xu đang hỏi một nhóm người về việc kẻ nào đó trong số họ phải làm gì nếu tình huống nhất định kia xảy ra. Cụm từ nầy có thể được dịch là "những ai trong các ngươi, nếu các ngươi có đầy tớ"
đầy tớ đi cày hoặc đi chăn
"đầy tớ cày ruộng của các ngươi hoặc chăn bầy của các ngươi"
biểu nó rằng
Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhưng thay vì thế ngươi sẽ biểu nó" hay "thay vì thế, đây là những gì các ngươi sẽ bảo hắn"
dọn cho ta ăn, thắt lưng cho ta
"cột lại áo xống các ngươi rồi hầu việc ta" hay "ăn mặc cho đàng hoàng rồi phục vụ ta". Người ta sẽ thắt lưng họ cho kỹ càng để áo xống của họ không cảm trở lúc họ phục vụ.
rồi sau
"sau khi các ngươi phục vụ ta"
Luke 17:9
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu kết thúc phần dạy dỗ. Đây là phần cuối trong câu chuyện.
chủ có biết ơn
Nương theo cách bạn dịch hai câu đứng trước, cụm từ nầy có thể được dịch là "chủ sẽ không cảm ơn" hay "ngươi sẽ không biết ơn"
việc truyền phải làm
"những việc các ngươi truyền cho hắn phải làm"
Đúng không?
Cụm từ nầy có thể được dịch là "đúng không?" hay "việc nầy không thật sao?" Với câu hỏi hùng biện nầy, Chúa Giê-xu đang khích lệ các môn đồ Ngài công nhận rằng những gì Ngài đang phán dạy rõ ràng là sự thật.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

các ngươi cũng vậy
Chúa Giê-xu đang phán cùng các môn đồ Ngài, vì vậy ngôn ngữ có hình thức [you] số nhiều.
hãy nói
"nên thưa với Đức Chúa Trời"
Phải nói
"nên nói với Đức Chúa Trời"
chúng tôi là đầy tớ vô ích
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Chúng tôi là hạng tôi tớ tầm thường" hay "chúng tôi đầy tớ làm không xứng đáng với sự ngợi khen của Ngài"
Luke 17:11
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần tiếp theo trong câu chuyện. Chúa Giê-xu chữa lành 10 người phung. Câu 11 và 12 đưa ra thông tin bối cảnh và diễn biến trong câu chuyện.
đang lên
Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu phần mở đầu chi tiết mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.
đang lên thành Giê-ru-sa-lem
"khi họ đang lên thành Giê-ru-sa-lem"
có 10 người phung đến đón rước Ngài
Cụm từ nầy có thể được dịch với một động từ chủ động: "10 người phung đón Ngài" hay "10 người có bịnh phung gặp Ngài"
lên tiếng rằng
Cụm từ nầy ý nói: "họ kêu cầu với giọng lớn tiếng" hay "họ kêu la lớn tiếng"
Thầy
Chữ được dịch ở đây là “Thầy” không phải là chữ bình thường nói tới “Thầy”. Chữ nầy đề cập đến một nhân vật có thẩm quyền, chớ không đề cập đến một người làm chủ người khác. Bạn cũng có thể dịch từ nầy là "Chủ" hay "Chủ nhân" hay với một từ thường được sử dụng để nói tới kẻ có quyền, tỉ như “Ngài”.
xin thương xót chúng tôi cùng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "làm ơn tỏ ra cho chúng tôi sự thương xót bằng cách chữa lành cho chúng tôi"
Luke 17:14
Hãy đi, tỏ mình cùng thầy tế lễ
Phần thông tin ám chỉ: "để họ khán các ngươi" được nói ra cách rõ ràng.
họ đang đi
Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.
phung lành hết thảy
Đây là sự kiện quan trọng được đánh dấu bằng cụm từ "đang đi". Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ được sạch khi họ được chữa lành bịnh phung" hay "họ được chữa lành bịnh phung của họ"
Thấy mình đã được sạch
"nhận ra mình đã được lành" hay "nhận ra Chúa Giê-xu đã chữa lành"
bèn trở lại
"người ấy trở lại với Chúa Giê-xu"
lớn tiếng khen ngợi Đức Chúa Trời
"và tôn vinh Đức Chúa Trời cách lớn tiếng"
sấp mặt xuống đất
"người ấy quì gối xuống rồi úp mặt mình sát nơi chơn Chúa Giê-xu". Người đã làm điều nầy để tôn vinh Chúa Giê-xu.
Luke 17:17
Câu Liên kết:
Đây là phần cuối trong câu chuyện về việc Chúa Giê-xu chữa lành mười người phung.
Chúa Giê-xu bèn cất tiếng phán rằng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Vì vậy, Chúa Giê-xu phán cùng đám dân đông". Chúa Giê-xu đáp lại những gì người kia đã nói, nhưng Ngài đang phán cùng nhóm người đứng xung quanh Ngài.
Không phải 10 người đều được sạch cả sao?
Đây là câu hỏi thứ nhứt trong loạt câu hỏi hùng biện. Chúa Giê-xu đã sử dụng chúng để tỏ ra cho dân sự ở chung quanh Ngài thấy Ngài rất đỗi ngạc nhiên và thất vọng khi chỉ có một trong số 10 người trở lại tôn vinh Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch là “10 người đã được lành" hay "Đức Chúa Trời đã chữa lành 10 người"
Còn chín người kia ở đâu?
Câu hỏi hùng biện nầy có thể được dịch là "Chín người cũng nên quay trở lại" hay "tại sao chín người kia không quay lại?"
Chỉ có người ngoại quốc nầy trở lại ngợi khen Đức Chúa Trời ư?
Câu hỏi hùng biện nầy có thể được dịch là "không một ai trừ ra người ngoại quốc nầy trở lại để dâng lợi ngợi khen Đức Chúa Trời" hay "10 người đã được lành, tuy nhiên chỉ có người ngoại quốc nầy trở lại để dâng sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời" hoặc "có thật là chẳng có ai trừ ra người ngoại quốc nầy quay trở lại để dâng lời ngợi khen cho Đức Chúa Trời sao?"
người ngoại quốc nầy
người Samari vốn có tổ phụ không phải là người Do thái và họ không thờ lạy Đức Chúa Trời theo cùng một phương thức mà người Do thái đã làm.
đức tin ngươi đã cứu ngươi
“vì cớ đức tin của các ngươi, các ngươi đã được lành”. Ý tưởng nói tới “đức tin” có thể được dịch với một động từ: “vì ngươi tin, ngươi đã được lành”.
Luke 17:20
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần tiếp theo trong câu chuyện. Chúng ta không biết sự việc này xảy ra tại đâu; đơn giản đó là một ngày khi Chúa Giê-xu đang nói chuyện với người Pha-ri-si.
Những người Pha-ri-si hỏi Chúa khi nào vương quốc Đức Chúa Trời sẽ đến, Ngài trả lời họ rằng
Tham khảo: “Người Pha-ri-si hỏi Chúa Giê-xu, ‘Khi nào nước Đức Chúa Trời sẽ đến?’”
Những người Pha-ri-si hỏi
Đây là mở đầu của phần mới trong câu chuyện. Một số bản dịch bắt đầu bằng “Một ngày nọ” (UDB) hoặc “Có lần nọ”.
Nước Đức Chúa Trời không đến cách rõ ràng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "mặc dù các ngươi tìm kiếm nước Đức Chúa Trời, các ngươi sẽ không nhìn thấy nước ấy". Họ sẽ chẳng nhìn thấy Chúa Giê-xu đã có mặt giữa vòng họ là vua vì họ đang tìm kiếm một nước theo đời nầy.
Nước Đức Chúa Trời ở trong các ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ nầy có thể được dịch là "nước của Đức Chúa Trời hiện đang ở đây" hay "Đức Chúa Trời đã khởi sự cai trị giữa các ngươi rồi"

Luke 17:22

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu bắt đầu dạy dỗ các môn đồ Ngài.

sẽ có kỳ

Cụm từ nầy có thể được dịch là "một thời điểm sẽ đến" hay "một ngày kia"

các ngươi ước ao thấy

"các ngươi sẽ muốn nhìn thấy rất nhiều" hay "các ngươi muốn có kinh nghiệm". Các môn đồ Ngài đã mong muốn nhìn thấy Ngài trị vì rồi. Nhưng các thời điểm bắt bớ sẽ đến và họ sẽ muốn Ngài trị vì rồi.

chỉ một ngày của Con Người

Cụm từ nầy có thể được dịch là "một trong những ngày nầy khi Con Người sẽ trị vì làm vua"

đừng theo họ

"và đừng theo họ"

vì như chớp nhoáng loè

Đây là một sự ví sánh. Cụm từ nầy có thể được dịch là "vì như chớp nhoáng mọi người đều thấy được khi nó xẹt ra" hay "vì khi chớp nhoáng loè ra cách thình lình"

thì Con Người trong ngày Ngài

Cụm từ nầy có thể được dịch là "việc giống như nhằm vào ngày mà Con Người đến để trị vì"

Luke 17:25

Nhưng Ngài trước phải chịu đau đớn nhiều

"Nhưng Ngài trước phải chịu đau đớn nhiều". Chúa Giê-xu đang phán về chính mình Ngài ở ngôi thứ ba.

và bị thế hệ này chối bỏ

Tham khảo: “và thế hệ này phải chối bỏ Ngài”

Việc đã xảy đến trong đời Nô-ê

Cụm từ nầy có thể được dịch là "như người ta sinh sống trong thời của Nô-ê" hay "như người ta đã sống khi Nô-ê còn sống". "Đời Nô-ê" đề cập đến thời điểm ngay trước khi Đức Chúa Trời phán xét dân sự thế gian.

Thì cũng sẽ xảy đến trong ngày Con Người

Cụm từ nầy có thể được dịch là "người ta sẽ làm y những việc ấy trong thời của Con Người" hay "người ta sẽ làm y những việc ấy lúc Con Người sắp sửa hiện đến". "Thời của Con Người đề cập đến thời kỳ ngay trước khi Con Người sẽ hiện đến”.

người ta ăn, uống, cưới gã,

người ta đang sinh hoạt bình thường. Họ không quan tâm việc Đức Chúa Trời sắp sửa phán xét họ.

người ta cưới gả

Tham khảo: “cha mẹ cho phép con gái cưới chồng”

vào tàu

"tàu" hay "thuyền"

Luke 17:28

việc đã xảy ra trong đời Lót cũng vậy

Cụm từ nầy có thể được dịch là "trường hợp khác, cũng như trong đời Lót" hay “như người ta sinh hoạt trong đời Lót”. “Đời Lót” đề cập đến thời điểm ngay trước khi Đức Chúa Trời sửa phạt hai thành Sô-đ6m và Gô-mô-rơ.

người ta ăn

"dân sự Sô-đôm ăn"

trời mưa lửa và diêm sinh

"lửa và diêm cháy rời từ trời xuống như mưa"

Luke 17:30

Ngày của Con Người hiện ra cũng một thể ấy

Cụm từ nầy ý nói "sẽ giống y như thế". Sự thể trong đời Lót có thể được nói rõ ràng trong Kinh Thánh: "người ta không sửa soạn"

Ngày Con Người hiện ra

"khi Con Người xuất hiện" hay "khi Con Người hiện đến"

ai ở trên mái nhà, đừng xuống

“ai đang ở trên mái nhà, đừng xuống” hay “nếu ai đang ở trên mái nhà, người ấy đừng xuống”

trên mái nhà

Mái nhà của họ thì bằng phẳng và người ta có thể ngồi trên đó.

có của

"của cải của người" hay "đồ đạt của người"

đừng trở về

Phần thông tin ám chỉ rằng họ không nên quay về nhà để lấy đồ và họ phải trốn tránh cho nhanh có thể được trình bày rõ rang trong Kinh Thánh.

Luke 17:32

Hãy nhớ lại vợ của Lót

Đây là một lời cảnh cáo. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đừng làm theo những gì vợ của Lót đã làm". Bà đã ngó lại đang sau về hướng thành Sô-đôm rồi bị phạt cùng với dân cư thành Sô-đôm.

ai kiếm cách cứu sự sống mình thì sẽ mất

"Người nào tìm ácch cứu mạng sống mình sẽ mất chúng" hay "người nào tìm cách cứu đường lối sống cũ của mình sẽ mất mạng sống mình"

ai mất sự sống mình thì sẽ được lại

"nhưng người nào mấy sự sống mình sẽ cứu được chúng" hay "nhưng hễ ai từ bỏ đường lối sống cũ của mình sẽ cứu được mạng sống mình"

Luke 17:34

Thầy nói để anh em biết

Chúa Giê-xu lại nói với những người nghe Ngài, khi Ngài đang nói với họ, để nhấn mạnh tầm quan trọng của lời Ngài đang nói.

trong đêm đó

Cụm từ nầy đề cập đến những gì sẽ xảy ra nếu Con Người đến trong ban đêm.

hai người nằm chung giường

Đây là một tình huống giả định về hai người đang làm việc lúc bấy giờ. Cụm từ nầy có thể được dịch là "sẽ có hai người trên cái giường"

giường

"giường ngủ" hay “cũi”

một người sẽ được rướt đi, còn một bị để lại

"một người sẽ bị đem đi còn một người bị để lại đàng sau". Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời sẽ đem một người đi và để lại một người", hay "thiên sứ sẽ đem người nầy đi còn để người kia lại"

hai người đàn bà xây chung cối

Đây là một tình huống giả định về những gì hai người đàn bà cùng làm lúc bấy giờ. Tham khảo cách dịch: "sẽ có hai người đàn bà xây chung cối"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Luke 17:14

Chúa Giê-xu bảo họ phải làm gì?

Ngài bảo họ đi tỏ mình cùng thầy tế lễ.

Điều chi đã xảy ra khi mấy người phung ra đi?

Họ được sạch.

Luke 17:25

Chúa Giê-xu phán điều chi sẽ xảy ra trước hết?

Ngài phải chịu khổ nhiều điều và bị chối bỏ bởi thế hệ ấy.

Luke 17:32

Sao chúng ta không nên giống như vợ của Lót?

Chúng ta không xây lại đối với của cải đời nầy vào ngày ấy, giống như bà Lót đã xây lại và bị huỷ diệt.

Chapter 18

Luke 18:1

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu bắt đầu kể một câu chuyện ngụ ngôn khi Ngài tiếp tục dạy dỗ các môn đồ Ngài. Đây là phần tương tự trong câu chuyện bắt đầu ở LUK17:20

Rồi Ngài

"Rồi Chúa Giê-xu"

cần phải cầu nguyện luôn, và đừng nản lòng

Hai mệnh đề này có ý nghĩa giống nhau khi Chúa Giê-xu dùng để nhấn mạnh luận điểm của Ngài. Một số ngôn ngữ có thể có những cách nhấn mạnh khác nhau. Tham khảo: “luôn cầu nguyện liên tục.”

phán

Từ ngữ nầy cũng bắt đầu một câu mới: "Ngài phán".

Trong thành kia, có một quan án

Từ ngữ "kia" được sử dụng như một cách để nói điều nầy đã xảy ra, song không xác định quán án hay thành phố.

vị nể

"kính trọng"

không vị nể ai hết

"không thiên vị ai cả"

Luke 18:3

Trong thành ấy có một góa phụ

Chúa Giê-xu dùng cụm từ này để giới thiệu một nhân vật mới trong câu chuyện.

đàn bà goá

Một người đàn bà goá là một phụ nữ có chồng đã qua đời. Khán thính giả của Chúa Giê-xu đã suy nghĩ đến bà ta mà không có lời biện hộ nào chống lại kẻ làm ác.

góa phụ cứ đến tìm vị quan án

Từ “quan án” nói đến quan tòa.

Xin ngài giúp phân xử công minh

Tham khảo: “Phạt” hoặc “giúp tôi”

kẻ nghịch cùng tôi

"kẻ thù tôi" hay "kẻ đang tìm cách làm hại tôi". Đây là một đối thủ trong chỗ kiện cáo. Không rõ người đàn bà đang kiện người đàn ông hay người đàn ông đang kiện người đàn bà.

kính sợ Đức Chúa Trời

"kính trọng Đức Chúa Trời"

người

Từ ngữ nầy ở đây đề cập đến "con người" nói chung.

khuấy rầy ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "làm cho ta bối rối"

làm nhức đầu ta

"làm cho ta mệt mỏi"

tới luôn

"bằng cách liên tục đến cùng ta"

Luke 18:6

Thông tin Tổng quát:

Chúa Giê-xu đã kể xong câu chuyện ngụ ngôn và giờ đây đang giải thích câu chuyện đó cho các môn đồ Ngài nghe.

nghe lời quan án không công bình

"hãy suy nghĩ những điều quan án không công bình nói". Hãy dịch câu nầy theo một phương thức mà dân sự hiểu Chúa Giê-xu đã nói rồi những gì quan án đã nói.

Rồi

Từ này cho thấy rằng Chúa Giê-xu đã kể xong câu chuyện ngụ ngôn và bắt đầu giải nghĩa.

Có lẽ nào Đức Chúa Trời chẳng xét lẽ công bình

Chúa Giê-xu đã sử dụng câu hỏi hùng biện nầy để chỉ ra rằng mọi sự Ngài giảng dạy là một việc quan trọng mà khán thính giả của Ngài đã hình dung ra được. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời nhất định sẽ xét" hay "ngươi có thể dám chắc rằng Đức Chúa Trời sẽ xét lẽ"

những người đã được chọn

"những người Ngài đã chọn"

Ngài sẽ vội vàng xét lẽ công bình cho họ

Chúa Giê-xu đã sử dụng câu hỏi hùng biện nầy để nhắc cho dân sự nhớ đến một việc mà họ đã biết rồi về Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch là "và các ngươi biết rằng Ngài đang nhịn nhục đối với họ"

Con Người

Chúa Giê-xu đang đề cập đến chính mình Ngài.

há sẽ thấy đức tin trên mặt đất chăng

Mục đích của thí dụ là khích lệ các môn đồ cứ giữ lòng tin và cầu nguyện. Chúa Giê-xu ở đây sử dụng câu hỏi hùng biện khác mong đợi một câu trả lời tiêu cực. Ý nghĩa của câu hỏi là: "Nhưng ta biết rằng khi ta, Con Người, tái lâm, ta há sẽ thấy người nào không tin nơi ta"

Luke 18:9

Thông tin Tổng quát:

Chúa Giê-xu bắt đầu kể một câu chuyện ngụ ngôn khác cho những người tự cho rằng mình là người công chính.

Ngài

"khi ấy Chúa Giê-xu"

kẻ

"một số người"

kẻ cậy mình là công bình

"kẻ tự xưng mình là công bình" hay "họ tưởng họ là công bình"

khinh dể

"xem thường" hay "tưởng họ là tốt hơn"

lên đền thờ

"vào hành làng đền thờ"

Luke 18:11

Người Pha-ri-si đứng cầu nguyện thầm như vầy

Ý nghĩa theo tiếng Hi-lạp của cụm từ nầy là không rõ ràng. Ý nghĩa khả thi là: 1) "Người Pha-ri-si đứng thầm nguyện theo thế nầy" hay 2) "Người Pha-ri-si đứng đó mà cầu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nguyện"
thâu thuế
Thâu thuế là kẻ lấy nhiều thứ bằng cách buộc người ta phải trao chúng cho người, hay bằng cách đe doạ bắt buộc họ.
thâu
"kiếm được"
Luke 18:13
Câu Liên kết:
Jesus has finishes telling his parable. In verse 14, he comments about what the parable teaches. Chúa Giê-xu đã kể xong câu chuyện ngụ ngôn. Trong câu 14, Ngài nói về ý nghĩa dạy dỗ của câu chuyện.
ngước mắt lên trời
Tham khảo cách dịch: "ngó hướng lên trời" hay "nhìn lên"
đấm ngực
Đây là cách thể hiện bề ngoài về nổi buồn rầu bên trong, và tỏ ra sự ăn năn và khiêm nhường của người nầy.
Lạy Đức Chúa Trời, xin thương xót tôi, vì tôi là kẻ có tội
Cụm từ nầy có thể được dịch là "lạy Chúa, làm ơn thương xót tôi dầu tôi là kẻ có tội nhiều lắm" hay "Đức Chúa Trời ơi, làm ơn thương xót tôi. Tôi là tội nhân lớn lắm đây"
người này khi trở về nhà mình được xưng công chính
Tham khảo: “Đức Chúa Trời tha tội cho người thâu thuế”
hơn người kia
"thay vì người kia" hay "lẽ ra người kia" hoặc "chớ không phải người kia". Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhưng người kia không được xưng công bình"
vì ai tự nhắc mình lên...
với cụm từ nầy, Chúa Giê-xu đưa câu chuyện lên chỉ ra nguyên tắc chung mà câu chuyện đang minh hoạ.
Sẽ bị hạ xuống
Tham khảo: “Đức Chúa Trời sẽ hạ xuống”
Sẽ được tôn lên
Tham khảo: “Đức Chúa Trời sẽ tôn trọng”
Luke 18:15
Câu Liên kết:
Đây là sự kiện tiếp theo trong phần này của câu chuyện, bắt đầu ở LUK17:20
rờ đến chúng nó
Cụm từ nầy có thể được dịch như hai câu phân biệt: "rờ đến chúng, nhưng"
trách
các môn đồ đã tỏ ra không tán thưởng hai người cha mẹ đã đem con trẻ đến cho Chúa Giê-xu.
Hãy để con trẻ đến với Thầy, đừng cấm chúng nó
Hai câu này có nghĩa giống nhau, và chúng được nối lại để nhấn mạnh. Một số ngôn ngữ có cách nhấn mạnh khác.
Tham khảo: “Các ngươi chắc chắn phải để con trẻ đến với Ta.”
thuộc về những người giống như con trẻ ấy
Cụm từ nầy có thể được dịch là "thuộc về những người sống y như mấy đứa trẻ đó"
Quả thật, ta nói cùng các người
"Quả thật, ta nói cùng các ngươi". Chúa Giê-xu sử dụng lối nói nầy để nhấn mạnh tầm quan trọng của những điều Ngài sắp sửa nói.
người nào không tiếp nhận vương quốc Đức Chúa Trời như một đứa trẻ
chắc chắn sẽ không được vào vương quốc ấy
Đức Chúa Trời yêu cầu con người tiếp nhận sự cai trị của họ trên Ngài bằng niềm tin cậy và khiêm nhường. Tham khảo: “người nào muốn vào nước Đức Chúa Trời phải tiếp lấy bằng sự tin cậy và khiêm nhường như đứa trẻ.”
Luke 18:18
Câu Liên kết:
Đây là sự kiện tiếp theo trong phần câu chuyện bắt đầu ở LUK17:20
tôi phải làm gì
"tôi cần phải làm gì" hay "có chi buộc tôi"
hưởng
"trở nên chủ nhân hợp pháp của". Từ nầy thường đề cập đến tài sản của ai đó đã qua đời. Lu-ca sử dụng ẩn dụ nầy để tỏ ra rằng viên quan kia vốn hiểu rõ sự sống đời đời không thể kiếm được, và không phải ai cũng được sống đời đời đâu.
Chỉ có một Đấng nhân lành, là Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy có thể được dịch làm hai câu: "không một ai thực sự là nhân lành. Chỉ có Đức Chúa Trời là nhân lành mà thôi"
chớ giết người
"chớ sát nhân"
các điều ấy
"hết thảy các điều răn nầy"
Luke 18:22
Đức Chúa Giê-xu nghe vậy
"Và khi Chúa Giê-xu nghe người nầy nói như thế"
bèn phán rằng
"Ngài đáp cùng người ấy"
còn thiếu cho ngươi một điều
"Ngươi vẫn cần phàm thêm một việc" hay "có một việc mà người vẫn chưa làm"
hãy bán hết gia tài mình
"bán hết của cải ngươi" hay "bán mọi sự ngươi có"
Phân phát cho người nghèo
"đem tiền cho người nghèo"
Anh sẽ có của cải trên trời
Tham khảo: “Anh sẽ có ơn phước của Đức Chúa Trời trên thiên đàng”
Luke 18:24
người buồn rầu
Cụm từ nầy không có từ nhiều bản thảo tiếng Hi-lạp, rồi thường bị bỏ sót trong các bản dịch Anh ngữ.
lạc đà chui qua lỗ kim
Thật là khó cho lạc đà chui qua lỗ kim. Vì lẽ đó, rõ rang là Chúa Giê-xu đang sử dụng phép ngoa dụ để nói: "thiệt là khó cực kỳ cho người giàu được cứu"
lỗ kim
Lỗ kim là cái lỗ để luồng chỉ qua.
Luke 18:26
những người nghe điều đó
Cụm từ nầy có thể được dịch là "người nào nghe điều Chúa Giê-xu đã phán dạy”.
Vậy thì ai được cứu?
Đúng là khả thi khi họ hỏi thăm để có câu trả lời. Nhưng đây là một câu hỏi hùng biện ý nói: "thế thì chẳng có người nào được cứu hết!"
Đức Chúa Trời làm được
"khả thi cho Đức Chúa Trời làm"
Luke 18:28

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu Liên kết:
Đây là phần kết trong cuộc hội thoại về việc vào nước thiên đàng.
Mọi thứ mình có
"hết thảy của cải" hay "hết thảy tài sản của chúng tôi"
Quả thật, ta nói cùng các ngươi
Chúa Giê-xu sử dụng lối nói nầy để nhấn mạnh tầm quan trọng những gì Ngài sắp sửa phán.
người nào bỏ ... lãnh nhiều hơn
Có thể nói thật tích cực câu nầy như sau: "kẻ nào từ bỏ...sẽ nhận lãnh".
và đời sau được sự sống đời đời
Cụm từ nầy có thể được dịch là "và sự sống đời đời trong đời hầu đến"
Luke 18:31
Câu Liên kết:
Đây là sự kiện tiếp theo trong câu chuyện bắt đầu ở LUK17:20
hãy xem
Cụm từ nầy chỉ ra sự thay đổi quan trọng trong chức vụ của Chúa Giê-xu khi Ngài lên thành Giê-ru-sa-lem lần sau cùng.
Mọi điều mà các tiên tri đã chép
Tham khảo: “mà các tiên tri đã chép”
các đấng tiên tri
Cụm từ nầy đề cập đến các tiên tri thời Cựu Ước.
Con Người
Chúa Giê-xu phán về chính mình Ngài là "Con Người" và sử dụng "Ngài" để cập đến chính mình Ngài.
Sẽ được ứng nghiệm
Tham khảo: “sẽ xảy ra” hoặc “sẽ xảy đến”
Vì Ngài sẽ bị nộp vào tay người ngoại bang
Tham khảo: “Vì các nhà lãnh đạo Do Thái sẽ nộp Ngài vào tay dân ngoại”
bị người ta chế giễu, nhục mạ và phỉ nhổ
Tham khảo: “Và người ta sẽ chế giễu Ngài, lăng nhục Ngài, và nhổ vào mặt Ngài”
đến ngày thứ ba
Cụm từ nầy đề cập đến ngay thứ ba sau sự chết của Ngài. Tuy nhiên, các môn đồ không hiểu điều nầy, vì vậy tốt nhứt là đừng them phần giải thích nầy khi dịch cụm từ nầy.
Luke 18:34
Thông tin Tổng quát:
Câu này không nằm trong cốt truyện chính, nhưng đó là lời bình luận về phần này trong câu chuyện (Xem: [[End of Story]])
Song các môn đồ không hiểu
"và họ không hiểu việc gì trong những việc nầy"
chi hết
Cụm từ do đến phần mô tả của Chúa Giê-xu về cách Ngài sẽ chịu khổ và chịu chết tại thành Giê-ru-sa-lem, rồi Ngài sẽ sống lại từ kẻ chết.
những lời đó kín giấu
Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời đã ngăn không cho họ hiểu ý nghĩa những điều Ngài đang nói cùng họ".
Ý Chúa Giê-xu đã nói là gì
Tham khảo cách dịch: "những điều Chúa Giê-xu đã phán"
Luke 18:35
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần tiếp theo của câu chuyện. Chúa Giê-xu chữa lành một người mù khi Ngài đang đi đến Giê-ri-cô. Các câu này đưa ra thông tin bối cảnh và thông tin về diễn biến của câu chuyện.
Khi
Từ này được dùng để đánh dấu sự bắt đầu của phần mới trong câu chuyện.
đến gần
"tiếp cận với"
có một người đui ngồi
"có một gã mù đang ngồi". Chữ "kia" ở đây ý nói chỉ có nhân vật nầy là quan trọng trong câu chuyện trừ ra danh tánh người không được ghi chép mà thôi.
xin; và nghe
Cụm từ nầy có thể được dịch làm hai câu: "ăn xin. Khi ông ta nghe nói"
người ta trả lời rằng
Dân sự trong đám đông nói cho người mù biết.
Giê-xu, người Na-xa-rét
Chúa Giê-xu đã đến từ thành Na-xa-rét nằm ở xứ Ga-li-lê.
đi qua
"đang đi ngang qua"
Luke 18:38
Vậy
Từ này đánh dấu một sự kiện xảy ra nối tiếp theo sự kiện trước đó. Trong trường hợp này, đám đông đã nói người mù biết rằng Chúa Giê-xu đang đi ngang qua.
kêu lên
"kêu la" hay "hô to lên"
con vua Đa-vít
Chúa Giê-xu là dòng dõi của vua Đa-vít, vị vua quan trọng nhất của Y-sơ-ra-ên.
xin thương xót tôi cùng
"xin tỏ ra sự thương xót trên tôi" hay "xin tỏ ra cho tôi lòng thương xót"
những kẻ
"dân sự"
nín đi
"im lặng đi" hay "đừng có la lớn"
càng kêu lớn hơn nữa
Cụm từ nầy ý nói rằng người ấy còn kêu la lớn tiếng hơn hay cứ khăng khăng hô to mãi như thế.
Luke 18:40
truyền đưa anh đến với Ngài
Tham khảo: “người ta đem người mù đến với Ngài.”
Luke 18:42
đức tin ngươi đã chữa lành ngươi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "ta đã chữa lành cho ngươi vì ngươi tin nơi ta"
Đi theo Đức Chúa Giê-xu
Cụm từ nầy có thể được dịch là "rồi khởi sự đi theo Ngài"
Ngợi khen Đức Chúa Trời
"dâng sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời" hay "ngợi khen Đức Chúa Trời"

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Luke 18:1

Chúa Giê-xu muốn dạy dỗ các môn đồ điều gì về sự cầu nguyện trong câu chuyện nầy?

Ngài muốn dạy dỗ họ phải luôn cầu nguyện và đừng nãn lòng, Đức Chúa Trời sẽ làm sự công bình cho những ai kêu cầu Ngài.

Luke 18:3

Bà goá kia cứ thưa gì với quan án không công bình kia?

Bà ta xin quan án nghịch cùng kẻ nghịch của bà ta.

Luke 18:9

Đâu là thái độ của người Pha-ri-si về sự xưng công bình riêng của người và về người khác?

Ông ta tưởng mình công bình hơn người khác.

Luke 18:11

Đâu là thái độ của người Pha-ri-si về sự xưng công bình riêng của người và về người khác?

Ông ta tưởng mình công bình hơn người khác.

Luke 18:13

Đâu là lời cầu nguyện với Đức Chúa Trời của người thu thuế trong đền thờ?

Ông ta cầu nguyện: "Lạy Đức Chúa Trời, xin thương xót tôi, vì tôi là người có tội".

Luke 18:22

Chúa Giê-xu yêu cầu vị quan kia một việc (là việc người đã tuân giữ từ thuở nhỏ) phải làm?

Chúa Giê-xu yêu cầu quan ấy bán đi mọi thứ ông ta có rồi phân phát cho kẻ nghèo.

Luke 18:38

Người đui ngồi bên đường kêu xin điều gì với Chúa Giê-xu?

Ông ta nói: "Lạy Con Vua Đa-vít, xin thương xót tôi cùng."

Chapter 19

Luke 19:1

Thông tin Tổng quát:

Đây là phần tiếp theo của câu chuyện. Xa-chê được trước giả giới thiệu vào câu chuyện. Câu 1 đưa ra thông tin bối cảnh về các chuyến đi của Chúa Giê-xu.

Tại đó, có một người

Chữ "kìa" báo cho chúng ta biết một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách nói ra điều nầy. Anh ngữ sử dụng "Tại đó, có một người ..."

Ông làm trưởng phòng thu thuế và rất giàu có

Đây là thông tin bối cảnh về Xa-chê.

Luke 19:3

Ông tìm cách

"Xa-chê đang tìm cách"

mà mình lại thấp

"vì ông ta lùn"

cây sung

"cây sung". Cây nầy cho trái có đường kính khoảng 2,5 cm. Cụm từ nầy có thể được dịch các đơn giản là "cây vả" hay "một cây"

Luke 19:5

chỗ ấy

"cây" hay "nơi Xachê đứng"

vì hôm nay ta phải ở nhà ngươi

"Chúa Giê-xu đã vào nhà của một tội nhân để thăm viếng người"

một tội nhân

"một tội nhân rõ ràng" hay "đúng là một tội nhân" hay "rõ ràng một người có tội"

Luke 19:8

Chúa

Từ nầy đề cập đến Chúa Giê-xu.

sự cứu đã vào nhà nầy

Danh từ "sự cứu rỗi" có thể được dịch với động từ "cứu": "Đức Chúa Trời đã cứu nhà nầy".

nhà nầy

Từ ngữ "nhà" ở đây đề cập đến những người sống trong ngôi nhà hay gia đình.

người nầy cũng là

"người nầy cũng" hay "Xachê cũng"

con cháu Áp-ra-ham

Ý nghĩa khả thi là 1) "dòng dõi của Áp-ra-ham" và 2) "người này có đức tin như Áp-ra-ham đã có"

kẻ bị mất

"người nào còn xa cách đối với Đức Chúa Trời" hay "người nào phạm tội sống xa cách Đức Chúa Trời"

Luke 19:11

Thông tin Tổng quát:

Chúa Giê-xu bắt đầu kể cho đoàn dân nghe câu chuyện ngụ ngôn. Câu 11 đưa ra thông tin bối cảnh về lý do Chúa kể chuyện ngụ ngôn.

Nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra ngay

"Chúa Giê-xu ngay lập tức bắt đầu trị vì nước của Đức Chúa Trời"

một vị thế tử

"nhân vật nầy là thành viên của giai cấp thống trị" hay "một nhân vật xuất thân từ một Giáng Sinh quan trọng". Cụm từ nầy có thể được dịch là "một nhân vật quan trọng" hay "một nhân vật có địa vị cao"

đặng chịu phong chức làm vua

"được lập làm vua" hay "làm vua trong xứ mà người sống ở đó"

Luke 19:13

bèn gọi

Từ ngữ "Ngài" đề cập đến vị thế tử.

giao cho họ mười nén bạc

Cụm từ nầy có thể được dịch là "giao cho họ mỗi người một nén bạc"

mười nén bạc

Cụm từ nầy có thể được dịch là "mười đồng tiền có giá trị" hay "một lượng lớn tiền bạc". Mỗi nén bạc có giá trị bằng tiền lương bốn tháng của một người.

sanh lợi

Cụm từ nầy có thể được dịch là "trao đổi với số tiền nầy" hay "sử dụng số tiền nầy sao cho có lời"

song dân xứ ấy

"dân của xứ người ấy"

sai sứ

"đại biểu" hay "sứ giả"

nói rằng

Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khi người đã chịu phong chức
"sau khi người lên làm vua"
Truyền họ đến mình
Tham khảo: “đến với ông”
mỗi người làm lợi được bao nhiêu
"họ kiếm được bao nhiêu tiền"
Luke 19:16
Đầy tớ thứ nhứt
"Tôi tớ đầu tiên"
đến trình với “người”
Từ ngữ "người" đề cập đến vị thế tử.
nén bạc
Xem cách bạn dịch từ nầy trong LUK19:13
được lắm
"Ngươi làm được lắm". Ngôn ngữ của bạn có một cụm từ mà người chủ sẽ dùng để tỏ ra sự tán thưởng, tỉ như "làm hay lắm".
Luke 19:18
Lạy Chúa, nén bạc của Chúa sanh lợi ra được năm nén
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Lạy Chúa, với số tiền Ngài giao cho tôi, tôi đã kiếm 5 lần số đó"
nén bạc
Xem cách dịch từ nầy ở LUK19:13
Ngươi được cai trị năm thành.
Cụm từ nầy có thể được dịch là "ngươi sẽ có quyền hành trên năm thành"
Luke 19:20
nén bạc
Xem cách dịch từ nầy ở LUK19:13
người nghiêm ngặt
"một người nghiêm ngặt" hay "một người trông mong nhiều nơi tôi tớ mình" hay "một người rất khó"
lấy trong nơi không để
Cụm từ nầy có thể được dịch là "chủ lấy ra những gì chủ không đặt vào" hay "chủ lấy những gì không thuộc về chủ". Đây là một câu châm ngôn mô tả một kẻ tham lam.
gặt trong chỗ không gieo
"gặt lấy thứ mà mình không có trồng". Đây là một ẩn dụ. Tôi tớ đang so sánh chủ mình với một nhà nông kia đang lấy thực phẩm mà người khác gieo.
gặt
"mùa gặt" hay "thu thập" hay "thâu lấy"
Luke 19:22
Dựa trên những lời anh vừa nói
Tham khảo: “theo những lời anh vừa nói.”
biết ta là người nghiêm ngặt, hay lấy ...
Vị thế tử đang lặp lại câu mà tôi tớ kia nói về người. Ông không nói đó là sự thật.
một người nghiêm ngặt
"một người rất nhẫn tâm"
cớ sao ngươi không giao bạc
Câu nầy khởi động một câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch là "ngươi nên lấy tiền của ta mà ..."
giao bạc ta cho hàng bạc
Cụm từ nầy có thể được dịch là "đem tiền bạc của ta gửi vào ngân hàng". Nhiều xã hội không có nhà băng sẽ dịch từ ngữ nầy là "cho ai đó vay tiền của ta"
hàng bạc
Hàng bạc là một doanh vụ giữ tiền an toàn cho người ta. Hàng bạc vay tiền của nhiều người khác để làm lợi ra. Vì lẽ đó, nó chi một lượng lớn, hay tiền lời, cho người nào giữ tiền bạc của họ trong hàng bạc.
sẽ lấy lại vốn và lời
Cụm từ nầy có thể được dịch là "ta sẽ lấy lại số bạc ấy cộng them với tiền lãi mà nó sanh ra" hay "ta sẽ kiếm lời từ số tiền ấy"
lời
Lời là số tiền mà hàng bạc trả cho người nào gửi tiền họ vào hàng bạc.
Luke 19:24
Chủ
Chủ đã lên làm vua. Hãy dịch từ nầy với một chữ sao cho rõ rang cho độc giả của bạn.
các người đứng đó
"những kẻ đứng gần đó"
nén bạc
Xem cách dịch từ nầy ở LUK19:13
Luke 19:26
Thông tin Tổng quát:
Chúa Giê-xu kể xong câu chuyện ngụ ngôn và giờ đây Ngài giải thích câu chuyện đó cho những người đang nghe ở nhà Xa-chê.
Ta nói cùng các ngươi
Đây là lời phán của nhà vua. Một số nhà giải kinh muốn khởi sự câu nầy với: "Và nhà vua đáp: 'ta nói cùng các ngươi'" hay "nhưng nhà vua nói 'ta nói cùng các ngươi'".
ai có
Cụm từ nầy có thể được dịch là "người nào sử dụng tốt số tiền họ được giao cho" hay "người nào sử dụng tốt những gì ta giao cho người ấy"
thì sẽ cho thêm
Cụm từ nầy có thể được dịch với với một động từ chủ động: "ta sẽ giao thêm cho người"
song ai không có
Cụm từ nầy có thể được dịch là "đối với kẻ nào không sử dụng tốt số tiền ta giao cho"
Sẽ bị lấy luôn
Tham khảo: “Ta sẽ lấy khỏi người đó”
những kẻ nghịch cùng ta
Một khi kẻ nghịch không có mặt ở đó, một số ngôn ngữ sẽ nói "các kẻ thù kia của ta"
Luke 19:28
Câu Liên kết:
Đây là phần cuối trong câu chuyện về Xa-chê. Câu này cho chúng ta biết việc Chúa Giê-xu đã làm sau phần này trong câu chuyện. (Xem: [[End of Story]])
Sau khi Đức Chúa Giê-xu phán điều đó
Từ ngữ "he" [Ngài] đề cập đến Chúa Giê-xu, chớ không đề cập đến nàh vua trong thí dụ đứng trước kia. Một số bản dịch nói rõ điều nầy bằng cách dịch cụm từ nầy như sau "khi Chúa Giê-xu đã phán những sự nầy"
lên thành Giê-ru-sa-lem
Thành Giê-ru-sa-lem khoảng 975 m cao hơn thành Giêricô.
Luke 19:29
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần tiếp theo của câu chuyện. Chúa Giê-xu đến thành Giê-ru-sa-lem.
Khi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ này được dùng để đánh dấu phần mở đầu của phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của dịch giả có cách diễn đạt này thì có thể sử dụng cách đó.

gần đến

Từ ngữ "he" [Ngài] đề cập đến Chúa Giê-xu. Các môn đồ Ngài cùng đi với Ngài.

Bêtphagiê

Bêphagiê là một ngôi làng nằm trên Núi Ôlive, đối ngang Trũng Kít-rôn nhìn từ thành Giê-ru-sa-lem.

Núi gọi là Ôlive

"ngọn núi có tên là Ôlive" hay "núi có tên là Núi có cây ôlive"

Một con lừa con

“một con lừa con” hoặc “một con vật con để cưỡi”

Chưa ai cưỡi

Tham khảo: “Mà chưa ai từng cưỡi”

Luke 19:32

Hai người được sai ra đi

Cụm từ nầy có thể được dịch với một động từ chủ động: "những kẻ Chúa Giê-xu sai đi" hay "hai môn đồ mà Chúa Giê-xu phái đi"

lấy áo mình trải trên con lừa

"trải áo họ trên lưng con lừa". Áo là y phục. Trong trường hợp nầy nó đề cập đến áo choàng ngoài của họ.

trải áo trên đường

Cụm từ nầy có thể được dịch là "dân chúng trải áo họ" hay "những người khác trải áo choàng của họ".

Luke 19:37

lúc đến gần dốc

"khi Chúa Giê-xu đến gần" hay "khi Chúa Giê-xu tiếp cận". Các môn đồ của Chúa Giê-xu cùng đi với Ngài.

vì những phép lạ mình đã thấy

Cụm từ nầy có thể được dịch là "những việc lớn lao họ đã xem thấy Chúa Giê-xu làm"

Đáng ngợi khen vua

Họ nói ra câu nầy về Chúa Giê-xu.

Nhân danh Chúa

“Danh” ở đây nói đến quyền năng và thẩm quyền. Cũng vậy, “Chúa” chỉ về Đức Chúa Trời.

vinh hiển trên các nơi cao

Cụm từ nầy có thể được dịch là "nguyện sự vinh hiển được ban cho Ngài ở nơi cao nhất" hay "nguyện sự ngợi khen được ban cho Đấng Cao Cả nhất". Cụm từ nầy có thể được dịch một động từ chủ động và một danh từ chỉ ra Đấng sẽ làm ra sự ngợi khen cho Đức Chúa Trời, như trong Kinh Thánh.

Luke 19:39

quở trách môn đồ thầy

Tham khảo cách dịch: "hãy bảo các môn đồ thầy thôi đừng làm những chuyện nầy"

Ta phán cùng các ngươi

Chúa Giê-xu phán câu nầy để nhấn mạnh những gì Ngài sẽ phán kế đó.

nếu họ nín lặng

Đây là tình huống giả định. Một số nhà giải kinh cần phải nói rọ những gì Chúa Giê-xu ám chỉ khi Ngài phán ra câu nầy: "Không, ta sẽ chẳng quở họ mà chi, vì nếu những người nầy im lặng ..."

đá sẽ kêu lên

"những hòn đá sẽ kêu lên những tiếng ngợi khen"

Luke 19:41

đến gần

"tiếp cận" hay "tới gần"

thành

Từ nầy đề cập đến thành Giê-ru-sa-lem.

thì khóc về thành

Từ ngữ "thành" đề cập đến thành Giê-ru-sa-lem, nhưng nó tiêu biểu cho những ai sinh sống trong thành ấy.

Ít nữa, mầy đã hiểu biết

Cụm từ nầy có thể được dịch là "ta ước ao nhiều đến nỗi các ngươi biết rõ” hay "ta rất buồn vì các ngươi không biết". Đây là lời kêu la. Chúa Giê-xu đang tỏ ra sự buồn rầu của Ngài vì dân cư thành Giê-ru-sa-lem vốn không biết những sự nầy. Phần thông tin ám chỉ ấy có thể thêm vào phần cuối của câu: "khi ấy các ngươi sẽ có sự bình an"

mầy

Từ ngữ "mầy" ở số ít vì Chúa Giê-xu đang nói với thành. Nhưng nếu điều nầy không tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể sử dụng hình thức số nhiều của "you" [các ngươi] để đề cập đến dân cư của thành.

những sự ấy kín giấu nơi mắt mầy

Cụm từ nầy có thể được dịch là "các ngươi không thấy được những sự nầy" hay "các ngươi không thể biết được".

Luke 19:43

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu tiếp tục nói.

Vì

Những việc nối theo sau là lý do cho nổi buồn của Chúa Giê-xu.

ngày xảy đến cho mầy

Cụm từ nầy chỉ ra rằng họ sẽ kinh nghiệm những thời điểm nhọc nhằn. Một số ngôn ngữ không nói tới thời điểm hầu đến. Vì vậy, cụm từ nầy có thể được dịch là "trong tương lai những việc nầy sẽ xảy ra cho các ngươi" hay "không bao lâu nữa các ngươi sẽ gánh chịu những thời điểm đầy rối rắm"

mầy

Từ ngữ "mầy" ở số ít vì Chúa Giê-xu đang nói với thành. Nhưng nếu điều nầy không tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể sử dụng hình thức số nhiều của "you" [các ngươi] để đề cập đến dân cư của thành.

hố

Một vật cản là một bức tường giữ cho dân sự không ra koh3i thành được.

Họ sẽ huỷ hết thảy

Một khi Chúa Giê-xu đang phán cùng thành, cụm từ nầy đề cập đến các bức tường và tìa nhà của thành phố. Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ sẽ huỷ diệt các bức tường ngươi" hay "họ sẽ huỷ diệt thành ngươi".

con cái ở giữa mầy nữa

Cụm từ nầy đề cập đến cư dân đã sống trong thành. Nếu bạn đã sử dụng hình thức số nhiều của “you” [các ngươi] trong phân đoạn nầy, cụm từ nầy có thể được dịch là "và họ sẽ giết các ngươi, cư dân sống trong thành".

không để cho mầy hòn đá nầy trên hòn đá kia

Đây là ngoa dụ tỏ ra kẻ thù huỷ diệt hoàn toàn thành phố là dường nào đối với một thành xây dựng bằng các hòn đá. Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ sẽ không để hòn đá nào chồng trên hòn đá khác nằm đúng vị trí"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mầy không biết
"mầy đã không biết" hay "mầy không công nhận"
Luke 19:45
Câu Liên kết:
Đây là sự kiện tiếp theo trong phần này của câu chuyện. Chúa Giê-xu bước vào đền thờ.
đuổi ra
"hất ra" hay "xua đi" hoặc "buộc họ phải rời khỏi"
có lời chép rằng
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Kinh Thánh chép" hay "một vị tiên tri viết ra mấy câu nầy trong Kinh Thánh". Đây là một trưng dẫn từ Ê-sai ISA56:06
nhà ta
Từ ngữ "ta" đề cập đến Đức Chúa Trời.
nhà cầu nguyện
"một chỗ mà ở đó dân sự cầu nguyện với ta"
hang trộm cướp
"một chỗ mà ở đó trộm cướp ẩn náu". Đây là một ẩn dụ. Cụm từ nầy có thể được dịch với một sự ví sánh "như một cái hang của những tên trộm cướp"
Luke 19:47
Câu Liên kết:
Đây là phần kết trong phần này câu chuyện này. Các câu này nói về sự việc đang diễn tiến sau khi kết thúc phần chính của câu chuyện. (Xem: [[End of Story]])
trong đền thờ
"trong hành lang đền thờ" hay "tại đền thờ"
các thầy tế lễ cả
"các thầy tế lễ đẳng cấp cao nhất" của "cấp thầy tế lễ quan trọng nhất"
chăm chỉ mà nghe Ngài nói
“chú ý kỹ những gì Chúa Giê-xu đang phán dạy”

Translation Questions

Luke 19:11
Dân sự mong đợi điều gì sẽ xảy ra khi Chúa Giê-xu đến gần thành Giê-ru-sa-lem?
Họ tưởng rằng Nước của Đức Chúa Trời sẽ hiện ra ngay lập tức.
Luke 19:24
Chủ đã làm gì với tôi tớ gian ác kia?
Chủ lấy nén bạc của gã tôi tớ gian ác.
Luke 19:41
Chúa Giê-xu làm gì khi đến gần thành?
Ngài khóc.
Luke 19:47
Ai muốn giết Chúa Giê-xu khi Ngài đứng dạy dỗ trong đền thờ?
Các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo và các cấp lãnh đạo của dân sự đều muốn giết Chúa Giê-xu.

Chapter 20
Luke 20:1
Câu Liên kết:
Các thầy tế lễ cả, thầy thông giáo, và các trưởng lão chất vấn Chúa Giê-xu trong đền thờ.
Một ngày
Cụm từ nầy được sử dụng ở đây đánh dấu phần khởi đầu chi tiết mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.
Luke 20:3
Thông tin Tổng quát:
Chúa Giê-xu trả lời các thầy tế lễ cả, thầy thông giáo, và trưởng lão.
Ngài đáp rằng
"Chúa Giê-xu đáp"
phép báptêm của Giăng, đến bởi trên trời, hay bởi người ta?"
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Quyền làm báptêm cho người ta của Giăng đến bởi trên trời hay bởi người ta?" hay "Có phải Đức Chúa Trời bảo Giăng làm phép báptêm cho người ta, hay có phải người ta bảo ông ấy làm việc đó?"
bởi trên trời
“từ Đức Chúa Trời”. Dân Do thái đã tránh đề cập đến Đức Chúa Trời bằng đích danh “Giê-hô-va”. Thường thì họ dùng chữ “trời” để đề cập đến Ngài.
Luke 20:5
bàn cùng nhau
Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "họ bàn bạc" hay "họ xem xét câu trả lời của họ"
Nếu chúng ta nói: ‘Từ trời,’
Một số ngôn ngữ có thể trích dẫn gián tiếp. Tham khảo: “Nếu chúng ta nói rằng thẩm quyền của Giăng đến từ trời,”
bởi trời
"từ Đức Chúa Trời". Nương vào cách câu hỏi được phiên dịch trong câu đứng trước, cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời đã" hay "Đức Chúa Trời uỷ quyền cho ông". Một số ngôn ngữ thích một trưng dẫn gián tiếp hơn. Phần mở đầu câu nầy có thể được dịch là "nếu chúng ta nói rằng Đức Chúa Trời đã uỷ quyền cho ông ấy"
người sẽ nói
"Chúa Giê-xu sẽ nói"
ném đá chúng ta
"giết chúng ta bằng cách ném đá trên chúng ta". Luật pháp của Đức Chúa Trời truyền rằng dân sự Ngài ném đá những kẻ nào trong dân sự Ngài chế giễu Ngài hay các đấng tiên tri của Ngài.
Luke 20:7
Vậy nên họ trả lời rằng
"các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo và các trưởng lão trả lời"
vậy nên họ trả lời rằng họ không biết
Một số ngôn ngữ có thể thích một trưng dẫn trực tiếp hơn. "Họ nói: 'chúng tôi không biết'"
phép ấy bởi đâu đến
"phép báptêm của Giăng bởi đâu đến" Cụm từ nầy có thể được dịch là "thẩm quyền làm báptêm của Giăng bởi đâu đến" hay "ai uỷ quyền cho Giăng làm phép báptêm cho người ta"
ta cũng không nói cho các ngươi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "và ta sẽ không nói cho các ngươi biết" hay "giống như các ngươi không nói cho ta biết, ta sẽ không nói cho các ngươi biết"
Luke 20:9

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin Tổng quát:
Chúa Giê-xu bắt đầu kể một câu chuyện ngụ ngôn cho những người trong đền thờ nghe.
cho kẻ trồng nho mướn
"cho phép những kẻ trồng nho sử dụng nó để kiếm tiền" hay "cho phép những kẻ trồng nho sử dụng nó để chi trả cho chủ vườn sau"
kẻ trồng nho
Đây là những người chuyên trồng nho. Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhà nông chuyên về trồng nho"
mùa nho
"mùa nho" hay "một số kết quả họ sản xuất trong vườn nho". Cụm từ nầy đề cập đến những thứ được làm từ trái nho hay tiền bạc họ kiếm được bằng cách bán nho.
đuổi về tay không
tay không** - Cụm từ nầy có thể được dịch là "đuổi đi mà chẳng trả công" hay "đuổi đi mà chẳng có nho"
Luke 20:11
Họ cũng đánh, chửi
"sĩ nhục người ấy"
đánh cho bị thương
"gây thương tích cho người"
đầy tớ thứ ba
"thậm chí là đầy tớ thứ ba". Từ ngữ "lại" nói kín rằng chủ đất đã không sai đầy tớ thứ hai, người bỏ qua điều đó rồis ai đầy tớ thứ ba.
Luke 20:13
song khi bọn trồng nho thấy con trai ấy
"khi bọn trồng nho thấy con trai của chủ"
Luke 20:15
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu kể xong câu chuyện ngụ ngôn trước mặt đoàn dân.
họ bèn liệng con trai ấy ra ngoài vườn nho
"những kẻ trồng nho đuổi con trai ấy ra khỏi vườn"
vậy, chủ vườn sẽ xử họ làm sao?
Chúa Giê-xu sử dụng câu hỏi hùng biện nầy để khiến cho khan thính gải của Ngài chú ý đến những gì chủ vườn nho sẽ làm. Cụm từ nầy có thể được dịch như một mạng lịnh: "vậy giờ đây, hãy lắng nghe những gì chủ vườn nho sẽ làm đối với họ"
Đức Chúa Trời nào nỡ vậy!
"Nguyện Đức Chúa Trời ngăn điều đó không xảy ra!" hay "có thể việc ấy không xảy ra!" Dân chúng hiểu thí dụ nấy ý nói rằng Đức Chúa Trời sẽ dời họ ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem vì họ chối bỏ Đấng Mêsi. Họ mạngh mẽ tỏ ra ước muốn của họ rằng việc nầy sẽ không xảy ra.
Luke 20:17
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ đám đông.
Đức Chúa Giê-xu bèn ngó họ
"Nhưng Chúa Giê-xu nhìn chăm họ" hay "nhưng Ngài nhìn thẳng vào họ". Ngài đã làm việc nầy để buộc họ phải trình sự hiểu biết những gì Ngài đã phán.
Vậy thì lời đã chép
Câu hỏi hùng biện nầy có thể được dịch là "vậy phần Kinh Thánh nầy nói gì chứ?" hay "các ngươi không thể hiểu phần Kinh Thánh nầy"
Hòn đá thợ xây nhà bỏ ra trở nên đá góc nhà có nghĩa gì
Ẩn dụ nầy là một lời tiên tri từ sách Thi-thiên PSA118:022
Hòn đá thợ xây nhà bỏ ra
"hòn đá mà thợ xây nhà nói không tốt đủ để đem xây". Trong thời buổi ấy, người ta xây tường của các ngôi nhà và những toà nhà đều bằng đá.
hòn đá góc
Đây là hòn đá quan trọng cho việc làm ổ định toà nhà. Cụm từ nầy có thể được dịch là "hòn đá chính" hay "hòn đá quan trọng nhất"
Hễ ai ngã nhầm đá nầy
"bất kỳ người nào ngã nhầm đá ấy". Ẩn dụ nầy là một lời tiên tri nói về những gì sẽ xảy ra cho những ai chối bỏ Đấng Mêsi.
thì sẽ bị giập nát
"sẽ tan tác thành nhiều mảnh". Đây là một kết quả của việc ngã nhầm đá ấy.
còn đá nầy ngã nhầm ai
"nhưng hễ đá nầy ngã nhầm ai". Ẩn dụ nầy là một lời tiên tri nói tới Đấng Mêsi đang xét đoán những kẻ chối bỏ Ngài.
Luke 20:19
tìm cách giết Ngài
Tham khảo cách dịch: "tìm cách bắt lấy Chúa Giê-xu"
Chính giờ đó
"ngay lập tức"
nhưng lại sợ dân chúng
Đây là lý do họ không bắt Chúa Giê-xu liền. Dân chúng vốn tôn trọng Chúa Giê-xu, cò các cấp lãnh đạo tôn giáo e sợ những gì dân chúng sẽ làm nếu họ bắt lấy Ngài. Một số bản dịch cần phải nói cụ thể điều nầy: "nhưng họ không bắt Ngài vì họ sợ dân chúng"
họ bèn dòm hành Ngài
"để nộp Ngài" hay "để họ giao Ngài cho"
bắt bẻ từng lời nói của Ngài
"vì họ muốn kết tội Chúa Giê-xu vì đã nói bậy"
Để có cớ nộp Ngài cho
"đặng nộp Ngài cho" hoặc "để họ có thể nộp Ngài cho
nộp Ngài cho kẻ cầm quyền và trong tay quan tổng đốc
"cầm quyền" và "quyền bính" là hai cách nói cùng một việc. Cụm từ nầy có thể được dịch với một hay hai biểu hiện. Lý do cho việc nộp Chúa Giê-xu cho quan tổng đốc có thể được trình bày cụ thể: "để quan tổng đốc sẽ trừng phạt Chúa Giê-xu"
Luke 20:21
Câu Liên kết:
Đây là mở đầu của sự kiện tiếp theo trong phần này của câu chuyện. Một khoảng thời gian đã trôi qua kể từ khi Chúa Giê-xu bị các thầy tế lễ cả chất vấn trong đền thờn. Những kẻ do thám này giờ đây chất vấn Chúa Giê-xu.
không tây vị ai
Ý nghĩa khả thi là 1) "ngươi nói ra chân lý thậm chí dù nhân vật quan trọng không thích điều đó" hay 2) "ngươi không thiên vị ai hết"
Lấy lẽ thật mà dạy đạo Đức Chúa Trời
Đây là chi tiết những gì thám tử đa 4no1i khi họ biết rõ về Chúa Giê-xu.
Có nên nộp thuế cho Xê-sa hay không
Họ hy vọng rằng Chúa Giê-xu một là nói "có" hoặc là "không". Nếu Ngài nói: "có", thì dân Do thái sẽ nổi giận với Ngài vì bảo họ nộp thuế cho một chính quyền ngoại bang.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu Ngài nói: "không", thì cấp lãnh đạo tôn giáo sẽ báo cho người Lamã biết Chúa Giê-xu đã dạy dỗ dân sự phá vỡ luật lệ của người Lamã.

có nên

Họ đang hỏi han về luật pháp của Đức Chúa Trời, chớ không phải luật pháp của Xê-sa. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Có phải luật lệ chúng ta cho phép chúng ta"

Sê-sa

Vì Xê-sa là nhân vật cai trị của nhà cầm quyền Lamã, có thể họ đề cập đến nhà cầm quyền Lamã bằng dân xưng Xê-sa.

Luke 20:23

song Chúa Giê-xu biết mưu họ

"Song Chúa Giê-xu hiểu rõ họ đang cài bẫy Ngài" hay "nhưng Chúa Giê-xu đã nhìn thấy họ đang gài bẫy Ngài"

một đơniê

một đồng tiền giá trị một ngày công. (Xem: [[rc://vi/obe/other/biblicalmoney]])

Trên đồng tiền ấy có khắc hình và danh hiệu của ai?

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi để trả lời những kẻ gài bẫy Ngài.

hình và hiệu

"hìanh ảnh và tên tuổi"

Luke 20:25

Câu Liên kết:

Đây là phần kết cửa sự kiện về những kẻ do thám và là phần kết của phần bắt đầu ở

Ngài bèn phán rằng

"Khi ấy, Chúa Giê-xu phán cùng họ"

Sê-sa

"Sê-sa" đề cập đến nhà cầm quyền Lamã.

Không bắt lỗi lời Ngài phán chi được

"không thể tìm đặng điều gì sai với những điều Ngài đã phán"

lấy làm lạ

"họ lấy làm ngạc nhiên" hay "họ kinh ngạc"

Luke 20:27

Thông tin Tổng quát:

Đây là phần tiếp theo của câu chuyện. Chúng ta không biết nơi chốn câu chuyện này diễn ra, dù có thể là ở trong đền thờ. Chúa Giê-xu đang nói chuyện với những người Sa-đu-sê.

vẫn quyết rằng không có sự sống lại

Cụm từ nầy xác định người Sađusê là nhóm người Do thái nói rằng không có ai sống lại từ kẻ chết. Điều nầy không ám chỉ một số người Sađusê đã tin rằng có sự sống lại và có người thì không tin.

nếu người kia có anh, cưới vợ rồi chết, không con

"nếu anh của một người chết khi anh ấy có vợ mà chưa có con"

thì người phải cưới lấy vợ goá đó

"người phải cưới vợ goá của anh mình đã quá cố"

Luke 20:29

Câu Liên kết:

Người Sa-đu-sê kết thúc chất vấn Chúa Giê-xu.

Thông tin Tổng quát:

Người Sa-đu-sê kể cho Chúa Giê-xu nghe một câu chuyện ngắn từ câu 29 đến 32. Đây là câu chuyện họ tự nghĩ ra để làm ví dụ. Trong câu 33, họ hỏi Chúa Giê-xu về câu chuyện đó.

có bảy anh em

Điều nầy có thể đã xảy ra, nhưng có lẽ đây là câu chuyện mà họ đặt ra để thử Chúa Giê-xu.

chết đi không có con

"chết đi mà chưa có đứa con nào hết" hay "đã chết, nhưng chưa có đứa con nào hết"

người thứ hai cũng lấy vợ đó

Cụm từ nầy có thể được dịch là "người thứ hai đã lấy nàng làm vợ và cũng một việc ấy xảy ra" hay "người em kế đã lấy nàng làm vợ và đã chết đi mà chưa có đứa con nào hết"

rồi đến người thứ ba

"người thứ ba lấy nàng làm vợ"

hết thảy bảy người cũng vậy, đều chết đi không có con

Cụm từ nầy có thể được dịch là "cũng y như vây bảy anh em đã lấy nàng làm vợ và chưa có con thì chết đi"

ngày sống lại

"khi người ta được sống lại từ kẻ chết" hay "khi người chết được sống lại". Một số ngôn ngữ có cách tỏ ra rằng người Sađusê không tin có sự sống lại, tỉ như "giả định đến ngày sống lại" hay "khi người chết giả sử sống lại từ kẻ chết"

Luke 20:34

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu bắt đầu trả lời người Sa-đu-sê.

Con cái của đời nầy

"Dân sự của thế giới nầy" hay "dân sự thời buổi nầy". Cụm từ nầy đối chiếu với với những kẻ sống trong thiên đàng hay người nào sống sau sự phục sinh.

lấy vợ gã chồng

Trong xã hội đó, họ nói tới đàn ông lấy vợ và phụ nữ lấy chồng trong hôn nhân. Cụm từ nầy có thể được dịch là "lập gia đình"

những kẻ đáng dự phần

"những người mà Chúa xét là xứng đáng"

đáng từ kẻ chết sống lại

"được sống lại từ kẻ chết" hay "phục sinh từ kẻ chết"

không lấy vợ gã chồng

"sẽ không kết hôn nữa". Điều nầy sau sự phục sinh.

sẽ không chết được nữa

Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ sẽ không còn chết nữa". Điều nầy sau sự phục sinh.

con của Đức Chúa Trời tức là con của sự sống lại

Cụm từ nầy có thể được dịch là "sẽ được tỏ ra là con của Đức Chúa Trời, khi họ được sống lại từ kẻ chết"

Luke 20:37

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu kết thúc phần trả lời người Sa-đu-sê.

Còn về sự kẻ chết sống lại, Môi-se đã cho biết

"Nhưng dầu Môi-se tỏ ra rằng người chết được sống lại từ kẻ chết". từ ngữ "còn về" có ở đây vì người Sađusê đã không ngạc nhiên khi có khúc Kinh Thánh chép kẻ chết được sống lại, nhưng họ không mong Môi-se đã viết ra một việc như thế.

trong câu chuyện về bụi gai

"trong phần Kinh Thánh chép về bụi gai" hay "trong Kinh Thánh nói về bụi gai cháy"

khi người gọi Chúa

"khi Môi-se gọi Chúa"

Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Ysác avà Đức Chúa Trời của Giacốp

"Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Ysác, và Giacốp". Hết thảy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

họ đã thờ lạy cùng một Đức Chúa Trời.

Còn

Từ này được dùng để biểu thị một phần ngắt quãng trong phần dạy dỗ chính của Ngài. Ở đây Chúa Giê-xu giải thích việc người chết sống lại từ cõi chết trong câu chuyện.

vậy Đức Chúa Trời không phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết

"Chúa không phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết" hay "Chúa không phải là Đức Chúa Trời của người đã chết và linh hồn của họ cũng đã chết"

nhưng của kẻ sống

"mà là Đức Chúa Trời của kẻ sống" hay "Đức Chúa Trời của hạng người mà linh hồn họ đang sống". Nếu điều nầy chưa rõ ràng, bạn có thể them vào phần thông tin cụ thể: "dầu thân thể họ đã chết"

vì ai nấy đều sống cho Ngài

"vì trước mặt Đức Chúa Trời hết thảy họ hãy còn sống". Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "vì Đức Chúa Trời biết rõ linh hồn họ còn đang sống"

Luke 20:39

Có mấy thầy thông giáo cất tiếng

"có mấy thầy thông giáo nói với Chúa Giê-xu"

họ không dám hỏi Ngài câu nào nữa

"họ sợ không dám hỏi Ngài" hay "họ không dám liều hỏi Ngài". Phần thông tin cụ thể về mục đích của câu hỏi và lý do họ không dám hỏi phải đưa ra cụ thể. "Họ đã hỏi Ngài mấy câu có tính gài bẫy vì họ sợ rằng câu trả lời khéo léo của Ngài sẽ bắt bí họ"

Luke 20:41

Thông tin Tổng quát:

Chúa Giê-xu đặt một câu hỏi đối với các thầy thông giáo.

Sao người ta có thể nói rằng...Con?

“Tại sao người ta nói...Con?” Chúa Giê-xu dùng một câu hỏi để khiến các thầy thông giáo suy nghĩ về điều Ngài đang nói. Tham khảo: “Chúng ta hãy nghĩ về việc họ nói...Con.” Hoặc “Ta sẽ nói về việc họ nói...Con”

con vua Đa-vít

"dòng dõi của vua Đa-vít". Từ ngữ "con" được sử dụng ở đây để đề cập đến một dòng dõi. Trong trường hợp nầy cụm từ nầy đề cập đến kẻ nào trị vì trên nước của Đức Chúa Trời.

Chúa phán cùng Chúa tôi rằng

Cụm từ nầy có thể được dịch là "Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán cùng Chúa tôi" hay "Đức Chúa Trời phán cùng Chúa tôi". Đây là một trưng dẫn từ Thi-thiên PSA110:001

Chúa tôi

Đa-vít đang đề cập đến Chúa Cứu Thế là "Chúa tôi".

bên hữu ta

Bên hữu là chỗ của danh dự. Đức Chúa Trời đang tôn cao Đấng Mêsi bằng cách nói "hãy ngồi bên hữu ta"

cho đến khi ta bắt kẻ nghịch ngươi làm bệ chân ngươi

Đây là một ẩn dụ. Cụm từ nầy có thể được dịch là "cho tới chừng ta bắt kẻ thù nghịch ngươi giống như bệ chơn cho ngươi" hay "cho tới chừng ta chinh phục các kẻ thù nghịch ngươi"

lẽ nào Ngài là con vua ấy được?

"vậy lẽ nào Chúa Cứu Thế lại là con của Đa-vít?" Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch là "cụm từ nầy tỏ ra rằng Chúa Cứu Thế không phải là dòng dõi của Đa-vít"

Luke 20:45

Câu Liên kết:

Bấy giờ Chúa Giê-xu hướng sự chú ý của Ngài qua các môn đồ và phán với họ.

Hãy giữ mình

"phải cẩn trọng"

là người ưa mặc áo dài đi dạo

Áo dài cho thấy rằng họ rất quan trọng. Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ thích đi lòng vòng mặc y phục quan trọng"

nuốt gia tài của đàn bà goá

"họ cũng nuốt trọng nhà cửa của đàn bà goá". Đây là một ẩn dụ ý nói "họ cũng tước hết mọi của cải khỏi đàn bà goá"

làm bộ đọc lời cầu nguyện dài

"họ làm bộ sống công bình và thốt ra những lời cầu nguyện dài" hay "họ thốt ra những lời cầu nguyện dài để người ta nhìn thấy"

làm bộ

"để người khác nghĩ rằng họ quan trọng dù họ chẳng có gì là quan trọng cả" hay "để nhiều người khác nghĩ rằng họ sống tốt hơn là họ vốn có"

họ sẽ bị đoán phạt nặng hơn

Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ sẽ nhận lãnh sự phát xét nặng hơn bao người khác" hay "Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ nghiệt ngã hơn bao người khác"

Translation Questions

Luke 20:5

Nếu họ nói "từ trời", cấp lãnh đạo Do thái nghĩ Chúa Giê-xu phán việc gì với họ?

Cấp lãnh đạo Do thái nghĩ rằng Chúa Giê-xu sẽ phán: "Vậy sao các ngươi không tin theo người.”

Luke 20:13

Sau cùng, chủ sẽ sai ai đến vườn nho?

Ông sẽ sai con yêu dấu của Ngài.

Luke 20:15

Những kẻ thuê vườn nho làm gì khi con chủ đến vườn?

Họ quăng con ấy ra khỏi vườn rồi giết người đi.

Luke 20:19

Chúa Giê-xu phán thí dụ nầy nghịch cùng ai?

Ngài nói thí dụ nầy nghịch cùng các thầy thông giáo và các thầy tế lễ cả.

Luke 20:25

Chúa Giê-xu trả lời thế nào câu hỏi về việc có nên nộp thuế cho Sê-sa hay không?

Ngài phán hãy trả cho Sê-sa những gì thuộc về Sê-sa, và trả lại Đức Chúa Trời những gì thuộc về Đức Chúa Trời.

Luke 20:27

Người Sa-đu-sê không tin sự kiện gì?

Họ không tin nơi sự sống lại của kẻ chết.

Luke 20:34

Chúa Giê-xu phán gì về hôn nhân trong đời nầy và trong cõi đời đời?

Trong đời nầy thì có hôn nhân, song chẳng có hôn nhân trong cõi đời đời.

Luke 20:37

Chúa Giê-xu kể lại câu chuyện nào trong Cựu Ước minh chứng cho lẽ thật nói tới sự sống lại?

Ngài kể lại câu chuyện nói tới Môi-se và bụi gai cháy, tại đó Môi-se gọi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham và Đức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp.

Chapter 21
Luke 21:1
Câu Liên kết:
Đây là sự kiện tiếp theo trong câu chuyện. Diễn biến có thể là: 1) việc này hẳn có thể đã xảy ra trong cùng ngày hôm đó khi người Sa-đu-sê chất vấn Chúa Giê-xu (LUK20:27
Một góa phụ nghèo
Đây là một cách giới thiệu nhân vật mới vào câu chuyện.
tiền lễ
"tiền dâng hiến"
rương
"hộp đựng tiền dâng" hay "hộp đựng tiền" hoặc "hộp dâng hiến của đền thờ". Đây là một trong nhiều cái hộp đặt tại đền thờ người ta dâng tiền ở đó như một của lễ cho Đức Chúa Trời.
hai đồng tiền
"hai đồng xu" hay "hai đồng xu nhỏ bằng đồng". Ít nhất đây là giá trị của đồng tiền mà dân sự sử dụng khi ấy. Cụm từ nầy có thể được dịch là đồng tiền có giá trị nhỏ nhất trong hệ thống tiền tệ của địa phương bạn, tỉ như "hai xu" (Xem: [[rc://vi/obe/other/biblicalmoney]])
Ta nói cùng các ngươi
Chúa Giê-xu đang phán cùng các môn đồ Ngài. Chữ "you" [các ngươi] ở số nhiều.
nhiều hơn hết mọi người khác
Cụm từ nầy có thể được dịch là "có nhiều tiền mà dâng ít thôi"
Đã bỏ nhiều hơn hết
Cụm từ nầy có thể được dịch là "có rất ít, dù vậy bà ta đã dâng hết"
của mình có
"từ những gì bà ta cần" hay "từ một ít tiền mà bà ta có"
Luke 21:5
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu chuyển từ việc nói về góa phụ sang việc dạy về đền thờ.
đồ dâng
"những thứ mà dân sự đã dâng cho Đức Chúa Trời"
những ngày sẽ đến
"sẽ có một thời kia" hay "một ngày kia"
sẽ không còn một hòn đá nào chồng trên hòn đá khác
Cụm từ nầy có thể được dịch cách tích cực: "từng hòn đá sẽ bị dời đi khỏi chỗ của nó". Cụm từ nầy có thể được dịch với một mệnh đề chủ động: "kẻ thù sẽ không để cho hòn đá nào còn cồhng trên hòn đá khác"
Mà không đổ xuống
Cụm từ nầy có thể được dịch cách tích cực là "chúng sẽ bị đổ xuống hết". Cụm từ nầy có thể được dịch với một mệnh đề chủ động: "kẻ thù sẽ gỡ xuống từng viên đá một".
Luke 21:7
Họ bèn hỏi Ngài
"các môn đồ hỏi Chúa Giê-xu" hay "các môn đồ của Chúa Giê-xu hỏi Ngài"
việc đó
những việc mà Chúa Giê-xu mới vừa phán dạy. Chúa Giê-xu mới vừa nói ra về đền thờ bị huỷ diệt.
để khỏi bị lừa dối
Chúa Giê-xu đang nói với các môn đồ Ngài. Từ “ngươi” ở đây là từ số nhiều. Tham khảo: “để các ngươi không tin vào lời dối trá” hoặc “để không ai lừa dối các ngươi.”
mạo danh ta
Tham khảo cách dịch: "xưng là ta" hay "xưng nhận với thẩm quyền của ta"
Đừng kinh hãi
"đừng để những điều này làm các ngươi hoảng sợ” hoặc “chớ sợ hãi”
chưa phải cuối cùng liền đâu
"sự cuối cùng của thế gian sẽ không xảy ra liền sau chiến tranh và loạn lạc đâu. Danh từ "sự cuối cùng" cũng có thể được dịch như một động từ: "thế gian sẽ chẳng kết thúc liền sau mọi việc ấy xảy ra đâu"
sự cuối cùng
"sự cuối cùng của thế gian" hay "sự cuối cùng của muôn vật"
Luke 21:10
Ngài cũng phán cùng họ rằng
"Khi ấy Chúa Giê-xu phán cùng các môn đồ Ngài". Một khi đây là một sự phán dạy liên tục của Chúa Giê-xu tính từ câu đứng trước, một số ngôn ngữ không thích nói: "khi ấy, Ngài phán cùng họ".
dân nầy sẽ dấy lên nghịch cùng dân khác
Cụm từ nầy có thể được dịch là "nước nầy sẽ tấn công nước kia"
dân
Từ nầy đề cập đến các nhóm chủng tộc của con người thay vì các quốc gia.
nước nó nghịch cùng nước kia
"nước nầy dấy lên nghịch cùng nước kia" hay "nước nầy sẽ tấn công nước kia"
đói kém và dịch lệ
"sẽ có đói kém và dịch lệ" hay "thời kỳ đói khát và bệnh tật làm chết nhiều người"
những điềm lạ kinh khiếp
"các biến cố làm kinh hãi người ta" hay "các biến cố khiến cho người ta phải sợ hãi"
Luke 21:12
trước những điều đó
Cụm từ nầy đề cập đến những việc kinh khủng mà Chúa Giê-xu đã nói sẽ xảy ra trong các câu LUK21:07
tra tay bắt bớ các ngươi
"họ sẽ bắt lấy các ngươi" hay "họ sẽ túm lấy các ngươi". Một số ngôn ngữ cần phải chỉ ra ai sẽ làm những việc nầy: "người ta sẽ tra tay trên các ngươi" hay "kẻ thù sẽ tra tay trên các ngươi"
Họ sẽ
"người ta sẽ” hoặc “kẻ thù sẽ”
các ngươi
Chúa Giê-xu đang nói với các môn đồ Ngài. Chữ "you" [các ngươi] ở số nhiều.
nộp tại các nhà hội
"nộp các ngươi cho cấp lãnh đạo các nhà hội". Cấp lãnh đạo các nhà hội sẽ cấm hết thảy những người Do thái khác không hiệp với các môn đồ vì họ theo Chúa Giê-xu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bỏ vào ngục
"và giao các ngươi qua mấy nhà tù" hay "bỏ các ngươi vào nhà ngục"
Vì danh Thầy
Tham khảo: “vì cớ Ta” hoặc “vì các ngươi theo Ta.” (UDB)
làm chứng cớ
"vì các ngươi nói cho họ biết chứng cớ về ta"
Luke 21:14
Vì vậy
“Vì lẽ đó”. Chúa Giê-xu dùng cụm từ này để đề cập đến những điều Ngài đã nói, bắt đầu ở
nhớ kỹ trong trí
"chuẩn bị lý trí của các ngươi" hay "quyết định chín chắn"
đừng lo trước về sự binh vực mình thể nào
"đứng hình dung những gì các ngươi sẽ nói để tự biện hộ mình đối với những lời vu cáo"
lời lẽ và sự khôn ngoan
"lời lẽ và sự khôn ngoan" hay "lời nói khôn ngoan"
để không một kẻ thù nào của anh em có thể chống lại hay phản bác được
Câu này có thể được dịch thành một câu mới. Tham khảo: “Kẻ thù các ngươi sẽ không thể phản bác các ngươi hoặc cáo buộc các ngươi đã nói sai” hoặc “kẻ thù các ngươi phải đồng ý rằng các ngươi đúng.”
Luke 21:16
Anh em cũng sẽ bị chính cha mẹ, anh em, bà con và bạn bè mình giao nộp
Tham khảo: “cha mẹ các ngươi, anh em, bà con, và bạn bè sẽ giao nộp các ngươi cho nhà cầm quyền”
họ sẽ làm cho nhiều người trong các ngươi phải chết
"họ sẽ giết một số trong các ngươi". Ý nghĩa khả thi là 1) "bậc cầm quyền sẽ giết chết một số trong các ngươi" hay 2) "người nào giao nộp các ngươi sẽ giết một số người trong các ngươi". Ý nghĩa thứ nhất thì thích ứng hơn.
vì cớ danh ta
"vì cớ ta" hay "vì các ngươi theo ta"
nhưng một sợi tóc trên đầu các ngươi cũng không mất đâu
Cụm từ nầy có thể được dịch cách tích cực là "thậm chí từng sợi tóc trên đầu các ngươi đều sẽ được an toàn". Đây là lối nói có nghĩa là: "ngươi sẽ chẳng bị hại đâu". Cụm từ nầy đề cập đến một chi thể nhỏ nhất của một người để nhấn mạnh rằng toàn bộ con người sẽ không bị hư mất. Chúa Giê-xu đã phán rồi là một số họ sẽ bị nộp cho đến chết. Vì vậy, có người hiểu câu nầy ý nói rằng họ sẽ chẳng bị tổn hại về mặt thuộc linh, như trong câu: "những các việc nầy thực sự không làm hại các ngươi đâu".
nhờ sự nhịn nhục của các ngươi
"Do nắm chắc". Cụm từ nầy có thể được dịch là "nếu các ngươi không bỏ cuộc"
mà giữ được linh hồn mình
"các ngươi sẽ nhận được sự sống" hay "các ngươi sẽ sống cho đến đời đời"
Luke 21:20
quân lính vây thành Giê-ru-sa-lem
Cụm từ nầy có thể diễn dạt với một động từ chủ động: "quân lính vây quanh thành Giê-ru-sa-lem".
hãy biết sự tàn phá thành ấy đến gần
"thành ấy không bao lâu nữa sẽ bị huỷ diệt" hay "không bao lâu nữa họ sẽ huỷ diệt thành ấy"
trốn
"chạy tránh nguy hiểm"
vì những ngày đó là ngày báo thù
"đây là những ngày của sự phán xét" hay "trong những ngày nầy dân sự sẽ bị hình phạt" hay "đây là thời điểm mà Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt thành phố"
lời đã chép
"những việc đã được chép trong Kinh Thánh"
Sẽ được ứng nghiệm
Tham khảo: “sẽ xảy ra”
Luke 21:23
sẽ có tai nạn lớn trong xứ
Ý nghĩa khả thi là 1) dân sự trong xứ sẽ bị tai hoạ lớn và 2) sẽ có tai hoạ về mặt thuộc thể trong xứ.
cơn thạnh nộ nghịch cùng dân nầy
"sẽ có cơn thạnh nộ cho dân nầy". Cụm từ nầy có thể được dịch là "dân nầy sẽ kinh nghiệm cơn giận của Đức Chúa Trời" hay "Đức Chúa Trời sẽ rất giận dữ với dân nầy". Phần thông tin ám chỉ về sự phán xét có thể được đưa ra sao cho rõ ràng: "dân nầy sẽ bị hình phạt" hay "Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt dân nầy"
họ sẽ bị ngã dưới lưỡi gươm
"họ sẽ bị giết bởi lưỡi gươm". Cụm từ nầy đề cập đến việc binh lính kẻ thù giết chóc.
sẽ bị đem đi làm phu tù giữa các dân Ngoại
Cụm từ nầy có thể được dịch với một mệnh đề chủ động: "Kẻ thù của họ sẽ bắt lấy họ rồi đưa họ đến các nước khác"
thành Giê-ru-sa-lem sẽ bị dân Ngoại giày đạp
Ý nghĩa khả thi là 1) dân Ngoại sẽ chinh phục thành Jerusalm và chiếm lấy nó hay 2) dân Ngoại sẽ huỷ diệt thành Giê-ru-sa-lem hoặc 3) dân Ngoại sẽ huỷ diệt dân sự của thành Giê-ru-sa-lem.
Kỳ của các dân ngoại được trọn
Tham khảo: “kỳ của các dân ngoại đã kết thúc”
Luke 21:25
dân các nước sầu não
Cụm từ nầy có thể được dịch là "dân các nước sẽ bị khổ ãi" hay "dân các nước sẽ rất lo sợ"
sầu não vì biển nổi tiếng om sòm và sóng đào
"vì họ sẽ bị nhầm lẫn bởi tiếng om sòm và sóng đào" hay "và họ sẽ bị hoảng sợ bởi tiếng ồn ào của biển và các lượn sóng của nó". Điều nầy dường như đề cập đến going bão hay tai vạ bất thường dính dáng đến biển cả.
việc hung dữ xảy ra cho thế gian
"những việc sẽ xảy ra trong thế gian" hay "những việc sắp xảy ra cho thế gian"
các thế lực trên trời sẽ rung động
"những việc đầy năng quyền ở trên trời sẽ bị rung động". Ý nghĩa khả thi là 1) Những thứ trên trời như mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao sẽ không di động theo lộ trình bình thường nữa hay 2) các linh trên trời sẽ sầu não. Ý thứ nhứt được tiến cử.
Luke 21:27
Con Người
Chúa Giê-xu đang đề cập đến chính mình Ngài.
đến trên đám mây
Cụm từ nầy có thể được dịch là "giáng xuống trong một đám mây"
đại quyền đại vinh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ nầy có thể được dịch là "đầy quyền phép và vinh hiển" hay "và Ngài sẽ được đầy năng quyền và rất vinh hiển". "Quyền" ở đây có lẽ đề cập đến thẩm quyền phán xét thế gian của Ngài. "Vinh hiển" ở đây có thể đề cập đến sự sáng láng. Đôi khi Đức Chúa Trời tỏ ra sự cao trọng của Ngài với một sự sáng láng rực rỡ.

hãy đứng thẳng lên

Cụm từ nầy có thể được dịch là "đứng thẳng lên với sự tin cậy". Đôi lúc khi người ta sợ hãi, họ khom mình trốn tránh không muốn xem thấy hay bị tổn thương. Khi họ không còn e sợ nữa, họ mới đứng thẳng lên.

ngước đầu lên

Đây là thành ngữ ý nói "hãy ngước mắt lên". Bằng cách nhìn lên, họ mới có thể thấy Đấng giải cứu của họ đang đến với họ.

vì sự giải cứu của các ngươi gần tới

Cụm từ nầy có thể được dịch là "vì Đấng giải cứu của các ngươi đang với các ngươi" hay "vì các ngươi không bao lâu nữ sẽ được giai cứu"

Luke 21:29

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu kể một chuyện ngụ ngôn khi đang dạy các môn đồ.

khi nó mới nứt lộc

"khi lá mới mọc ra"

các ngươi thấy thì tự biết rằng

Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "người ta tự xem thấy và nhận biết"

mùa hạ đã gần đến

"mùa hạ sắp khởi sự". Mùa hạ trong xứ Y-sơ-ra-ên rất là khô, vì vậy mùa màng đã được thu hoạch ở đầu mùa hạ. Ý nghĩa là "mùa gặt sẵn sàng khởi sự". Đây là phần thông tin ám chỉ rằng họ sẽ nhìn thấy và nhận biết.

nước Đức Chúa Trời gần đến

"nước Đức Chúa Trời khôg bao lâu nữa sẽ được thiết lập" hay "Đức Chúa Trời sẽ trị vì trên nước của Ngài"

Luke 21:32

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ các môn đồ Ngài.

dòng dõi nầy

Ý nghĩa khả thi là 1) dòng dõi nào sẽ nhìn thấy dấu hiệu thứ nhứt trong các dấu hiệu mà Chúa Giê-xu đã nói tới hay 2) dòng dõi mà Chúa Giê-xu đang nói tới. Ý thứ nhứt thích hợp hơn.

Sẽ không qua đi cho đến khi

Tham khảo: “sẽ vẫn sống khi”

Trời đất sẽ qua

"trời đất sẽ thôi không tồn tại nữa". Chữ "trời" ở đây đề cập đến bầu trời và vũ trụ bên trên nó.

song lời ta nói sẽ không qua đâu

"lời ta sẽ không bao giờ thôi không tồn tại" hay "lời ta sẽ không bao giờ luống nhưng đâu". Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là “lời ta nhất định sẽ được ứng nghiệm" hay "những gì ta phán chắc chắn sẽ xảy ra"

Luke 21:34

làm cho lòng ngươi mê mẫn chăng

"hầu cho ngươi không bị chiếm hữu với"

quá độ

"tự nuông chìu không kềm chế được" hay "nuông chìu quá mức những thứ khiến coh ngươi thoải mái". Cụm từ nầy cũng có thể được dịch với các trường hợp đặc biệt như "kiêng ăn quá nhiều"

sự lo lắng đời nầy

"lo lắng quá nhiều về đời nầy"

và e ngày ấy đến thình lình trên các ngươi

Có người cần phải thêm vào phần thông tin sau: "Vì nếu các ngươi không cẩn thận, ngày ấy sẽ thình lình đến trên các ngươi". Sự đến của ngày ấy sẽ là thình lình và bất ngờ cho những ai chưa sẵn sàng và trông đợi ngày ấy đến.

ngày ấy

Cụm từ nầy có thể được dịch đặc biệt hơn như sau "ngày mà Con Người sẽ hiện đến".

thình lình như lưới bủa

Đây là một ví sánh ý nói "khi các ngươi không trông mong ngày ấy, giống như lưới bủa thình lình chụp lấy một con vật"

đến cho mọi người

"điều đó tác động đến mọi người" hay "các biến cố của ngày ấy sẽ tác động mọi người"

ở khắp trên mặt đất

"trên bề mặt của cả địa cầu" hay "trên cả đất"

Luke 21:36

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu kết thúc phần dạy dỗ các môn đồ Ngài.

tránh khỏi các tai nạn sẽ xảy ra

Ý nghĩa khả thi là 1) "mạnh đủ để chịu đựng mọi sự nầy" hay 2) "có khả năng tránh khỏi mọi sự nầy"

Các tai nạn sẽ xảy ra

"những việc nầy sẽ xảy ra". Chúa Giê-xu mới vừa nói cho họ biết về nữhng việc khủng khiếp sẽ xảy ra như bắt bớ, chiến tranh, và phu tù.

và đứng trước mặt Con Người

"đứng với sự tin cậy trước mặt Con Người". Có lẽ điều nầy đề cập đến lúc Con Người phán xét mọi người. Người nào chưa sẵn sàng sẽ sợ hãi về Con Người và sẽ không đứng nổi với sự tin cậy.

Luke 21:37

Câu Liên kết:

Đây là kết thúc của phần câu chuyện bắt đầu ở LUK21:01

Vả, ban ngày, Đức Chúa Giê-xu dạy dỗ

"trong suốt ban ngày, Ngài dạy dỗ". Câu nối theo sau cho biết những việc mà Chúa Giê-xu và dân sự đã làm từng ngày trong tuần lễ trước khi Ngài chịu chết.

trong đền thờ

Cụm từ nầy ý nói "tại đền thờ" hay "trong hành lang đền thờ"

Đến chiều Ngài đi lên núi

"lúc ban đêm Ngài ra khỏi thành" hay "Ngài ra ngoài thành mỗi đêm"

cả dân sự

Đây là lối nói cho rằng "một số đông dân chúng" hay "hầu hết mọi người"

vừa tảng sáng

"sẽ đến sớm lúc ban sáng" hay "đã đến mỗi sáng sớm"

đặng nghe Ngài dạy

"đặng nghe Ngài dạy dỗ"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

Luke 21:7

Dân sự hỏi Chúa Giê-xu hai câu gì về đền thờ?

Họ hỏi : "Việc đó chừng nào sẽ xảy đến, và có điềm gì cho người ta biết rằng việc gần xảy đến không?”

Luke 21:16

Ai sẽ ghét các môn đồ của Chúa Giê-xu?

Cha mẹ, anh em, người thân, bạn bè, và "mọi người” sẽ ghét họ.

Luke 21:20

Sự kiện nào chỉ ra rằng sự huỷ diệt thành Giê-ru-sa-lem hầu gần?

Khi thành Giê-ru-sa-lem bị kẻ thù vây quanh, sự huỷ diệt của nó đã gần rồi.

Luke 21:25

Chúa Giê-xu nói dấu hiệu nào sẽ đi trước sự đến của Ngài với quyền phép và sự vinh hiển lớn lao?

Ngài phán sẽ có các dấu lạ nơi mặt trời, mặt trăng, cùng các ngôi sao, và sự sầu khổ của các dân trên đất.

Luke 21:34

Chúa Giê-xu cảnh cáo khán thính giả của Ngài đừng làm chi hết một khi ngày ấy sẽ đến cách thình lình?

Ngài cảnh cáo họ đừng có lòng nặng nề với sự trác táng, say sưa, cùng những lo lắng đời nầy.

Luke 21:36

Chúa Giê-xu cảnh cáo khán thính giả của Ngài làm chi hết một khi ngày ấy sẽ đến cách thình lình?

Ngài cảnh cáo họ phải cẩn trọng và cầu nguyện.

Chapter 22

Luke 22:1

Thông tin Tổng quát:

Đây là phần tiếp theo của câu chuyện. Giu-đa đồng ý phản bội Chúa Giê-xu. Các câu này đưa ra thông tin bối cảnh về phần này của câu chuyện.

Gần

Từ này được dùng để mở đầu phần mới của câu chuyện.

Lễ ăn bánh không men

Ngày lễ được gọi theo danh xưng nầy vì trong kỳ lễ, người Do thái không ăn bánh được làm với men. Cụm từ nầy có thể được dịch là "ngày lễ là lúc họ ăn bánh không men"

Bánh không men

Đây là bánh không có chút men nào trong bột để bột dậy lên. Bánh nầy được gọi là "Bánh không có men"

đến gần

"gần như là sắp sửa bắt đầu"

tìm phương giết Chúa Giê-xu

"họ sẽ tìm cách khiến cho Chúa Giê-xu bị án tử hình". Các thầy tế lễ và các thầy thông giáo không có quyền đích thân họ giết Chúa Giê-xu, nhưng họ hy vọng tìm người khác giết Ngài.

vì họ sợ dân

Ý nghĩa khả thi là 1) "sợ những gì dân chúng sẽ làm" hay 2) "sợ dân chúng tôn Chúa Giê-xu lên làm vua"

Luke 22:3

Thông tin Tổng quát:

Đây là mở đầu của hành động trong phần này của câu chuyện.

ám vào Giuđa Ích-ca-ri-ốt

Có lẽ điều nầy tương tự với việc quỉ ám.

thầy tế lễ cả

"lãnh đạo của các thầy tế lễ"

thầy đội

"lãnh đạo lính canh đền thờ"

để đồng mưu dùng cách nào nộp Ngài cho họ

Cụm từ nầy có thể được dịch là "làm cách nào ông ta giúp họ bắt lấy Chúa Giê-xu"

Luke 22:5

các ngươi kia

"các thầy tế lễ cả và thầy đội"

hứa sẽ cho nó tiền bạc

Chữ "nó" đề cập đến Giuđa.

ưng thuận

"đồng ý" mặc dù đây là sự lặp lại

tìm cơ hội giao nộp Ngài cho họ lúc không có mặt dân chúng

Đây là một hành động tiếp diễn sau khi phần này trong câu chuyện kết thúc.

nộp Đức Chúa Giê-xu

"giúp họ bắt lấy Chúa Giê-xu"

dân chúng không biết

"theo cách riêng" hay "khi chẳng có đám đông ở quanh Ngài"

Luke 22:7

Thông tin Tổng quát:

Đây là phần tiếp theo của câu chuyện. Chúa Giê-xu sai Phi-e-rơ và Giăng đi ra để chuẩn bị cho bữa ăn Lễ Vượt Qua. Câu 7 đưa ra thông tin bối cảnh về diễn biến của câu chuyện.

ngày lễ bánh không men

"Ngày lễ bánh không men" hay "ngày ăn bánh qui bột khô". Đây là ngày người Do thái hết thảy sẽ đem bánh không men ra khỏi nhà của họ. Khi ấy họ sẽ tưởng niệm Lễ Bánh Không Men trong bảy ngày.

giết con sinh làm lễ Vượt Qua

"dân sự phải giết chiên con cho bữa ăn Lễ Vượt Qua". Mỗi gia đình hay mỗi nhóm dân sự sẽ giết một chiên con và cùng ăn với nhau, vì vậy có nhiều chiên con đã bị giết.

cho chúng ta ăn

Chúa Giê-xu kể cả Phi-e-rơ và Giăng khi Ngài phán "chúng ta". Phi-e-rơ và Giăng sẽ là một phần của nhóm sẽ ăn bữa ăn đó.

dọn

Đây là từ ngữ ý nói "sửa soạn". Chúa Giê-xu không nhất thiết bảo Phi-e-rơ và Giăng lo nấu nướng.

thầy muốn chúng tôi dọn lễ ấy

Cụm từ "chúng ta" không bao gồm Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu không phải là một phần của nhóm sẽ dọn bữa ăn.

dọn lễ

"lo dọn bữa ăn" hay "sửa soạn bữa ăn"

Luke 22:10

Ngài đáp rằng

Chữ "Ngài" đề cập đến Chúa Giê-xu.

sẽ gặp một người mang vò nước

Cụm từ nầy có thể được dịch là "các ngươi sẽ gặp một người màng vò nước"

mang vò nước

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"mang cái bình có nước trong đó". Có lẽ người ấy đã vác cái vò trên vai mình.

hãy theo người vào nhà

Cụm từ nầy có thể được dịch là "hãy đi theo người, rồi vào trong nhà"

Thầy phán cùng ngươi

Điều nầy bắt đầu với một trưng dẫn trực tiếp chỗ Chúa Giê-xu nói với các môn đồ biết những gì họ sẽ nói. Kinh Thánh đề cập đến điều nầy như một trưng dẫn trực tiếp: "Thầy của chúng ta nói sẽ chỉ cho chúng ta"

Thầy

Từ nầy đề cập đến Chúa Giê-xu.

Ăn lễ Vượt Qua

"ăn lễ Vượt Qua"

Luke 22:12

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ Phi-e-rơ và Giăng.

chủ nhà sẽ chỉ cho

"chủ nhà sẽ chỉ cho các ngươi"

Hai môn đồ đi

"Vậy Phi-e-rơ và Giăng bèn đi"

Luke 22:14

Câu Liên kết:

Đây là sự kiện tiếp theo trong phần câu chuyện về Lễ Vượt Qua. Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài đang ngồi dự bữa ăn Lễ Vượt Qua.

Ta rất muốn

"ta muốn rất nhiều"

Vì, ta nói cùng các ngươi

Cụm từ nầy được sử dụng để nhấn mạnh tầm quan trọng những gì Chúa Giê-xu sẽ nói kế đó.

cho đến khi lễ ấy được trọn

Ý nghĩa khả thi là 1) "cho đến khi mục đích của Lễ Vượt Qua được hoàn tất" hay 2) "cho đến khi chúng ta kỹ niệm Lễ Vượt Qua sau cùng". Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động: "cho đến khi Đức Chúa Trời làm cho nó được ứng nghiệm" hay "cho đến khi Đức Chúa Trời hoàn tất mục đích của Lễ Vượt Qua"

Luke 22:17

Ngài bèn cầm chén, tạ ơn

"khi Ngài dâng lời cảm tạ với Đức Chúa Trời"

rồi phán rằng

"Ngài phán cùng các sứ đồ Ngài"

hãy lấy cái nầy phân phát cho nhau

Cụm từ nầy có thể được dịch là "hãy chia sẻ rượu nầy giữa vòng các ngươi" hay "hết thảy các ngươi uống một chút rượu nầy"

Vì, ta nói cùng các ngươi

Cụm từ nầy được dùng ở đây để nhấn mạnh tầm quan trọng những gì Chúa Giê-xu sẽ phán kế đó.

không uống trái nho nữa

Cụm từ nầy đề cập đến nước ép từ trái nho mọc trong vườn nho. Rượu được làm từ nước nho ép lên men.

Cho tới khi nước Đức Chúa Trời đến

Cụm từ nầy có thể được dịch là "cho đến khi nước của Đức Chúa Trời được thiết lập" hay "cho đến khi Đức Chúa Trời thiết lập vương quốc của Ngài" hoặc "cho tới khi Đức Chúa Trời trị vì trong nước của Ngài"

Luke 22:19

bánh

Bánh nầy không có men trong đó, vì vậy bánh rất mỏng.

bẻ ra

"Ngài xé ra". Ngài có thể chia bánh ấy ấy thành nhiều miếng hay Ngài có thể chia nó ra thành hai mảnh rồi ban bánh ấy cho các sứ đồ chia ra giữa vòng họ. Nếu được, hãy sử dụng cách nói có thể dùng được cho từng tình huống.

Nầy là thân thể Ta

Ý nghĩa khả thi là 1) "bánh nầy là thân thể ta" và 2) "bánh nầy tiêu biểu cho thân thể ta"

thân thể ta, đã vì các ngươi mà phó cho

"thân thể ta, mà ta đã phó cho các ngươi" hay "thân thể ta, mà ta hy sinh cho các ngươi". Vì ngôn ngữ phải trình bày cho người nghe, cụm từ nầy có thể được dịch là "thân thể ta, ta phó cho bậc cầm quyền giết đi vì cớ các ngươi".

hãy làm sự nầy

"hãy ăn bánh nầy"

để nhớ đến ta

"để nhớ ta"

lấy chén

Từ ngữ "chén" đề cập đến rượu ở trong chén. Cụm từ nầy có thể được dịch là "rượu trong chén nầy" hay "rượu nầy"

là giao ước mới trong huyết ta

"là giao ước mới, sẽ có hiệu quả nhờ huyết ta" hay "là giao ước mới, sẽ được hợp pháp bởi huyết ta" hoặc "tiêu biểu cho giao ước mới, Đức Chúa Trời sẽ thiết lập khi huyết ta đã đổ ra"

huyết ta vì các ngươi mà đổ ra

"huyết ta, đã đổ ra trong sự chết vì các ngươi" hay "huyết ta, sẽ đổ ra từ các vết thương của ta vì các ngươi khi ta chết đi". Chúa Giê-xu đã phán về sự chết của của Ngài bằng cách đề cập đến thân thể Ngài bị vỡ ra và huyết Ngài bị đổ ra. Đây là phép hoán dụ.

Luke 22:21

Câu Liên kết:

Jesus continues speaking to his apostles.

Kẻ phản ta

"kẻ phản ta"

Con Người đi

"Thật, vì Con Người sẽ đi" hay "Vì Con Người sẽ chết"

Đã định

Tham khảo: “như Đức Chúa Trời đã định” hoặc “như Đức Chúa Trời đã lên kê hoạch” (UDB)

nhưng khốn cho người nầy phản Ngài!

"nhưng khốn cho người nầy phản Con Người!" hay "nhưng khủng khiếp thay là kẻ phản Con Người!"

Luke 22:24

môn đồ lại cãi lẫn nhau

"các sứ đồ bắt đầu bàn bạc giữa vòng họ"

lớn hơn hết

"quan trọng nhất"

nhưng Ngài phán cùng môn đồ rằng

"Chúa Giê-xu phán cùng các sứ đồ"

những người cầm quyền

"cai trị khắt khe trên họ" hay "thích thi hành quyền lực trên họ"

được xưng

Cụm từ nầy có thể được dịch là "thích được xưng" hay "tự xưng mình". Có lẽ dân sự không nghĩ những bậc cầm quyền

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

là những người cai trị đáng tôn trọng.
người làm ơn
Cụm từ nầy có thể được dịch là "những nhà từ thiện" hay "cấp lãnh đạo hay giúp đỡ mọi người"
Luke 22:26
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục dạy dỗ các môn đồ Ngài.
về phần các ngươi, đừng làm như vậy
"các ngươi không nên xử sự như thế"
kẻ rất nhỏ
"ít quan trọng nhất". Khi cấp lãnh đạo thường không phải là người cao tuổi hơn và được gọi là "trưởng lão", "kẻ nhỏ nhất" sẽ là kẻ nhỏ nhất lãnh đạo.
Vì
Từ ngữ nầy nối các mạng lịnh của Chúa Giê-xu trong câu 26 với toàn bộ câu 27. Ý tưởng là "Hãy để cho nhân vật quan trọng nhất phục vụ vì ta là tôi tớ". Chúa Giê-xu, nhân vật quan trọng nhất giữa vòng họ, phục vụ họ, vì vậy nhân vật quan trọng nhất giữa vòng họ phải phục vụ.
người hầu việc
"người dọn thức ăn" hay "người phục vụ cho người đang ngồi". Điều nầy đề cập đến một tôi tớ.
lớn hơn
"người lớn hơn" hay "người quan trọng hơn". Chúa Giê-xu đã đưa ra câu hỏi mang tính hùng biện để giới thiệu câu trả lời của Ngài cho thắc mắc của các môn đồ về sự cao trọng trong câu 24. Thắc mắc mang tính hùng biện nầy is có thể được dịch là "ta muốn ngươi nghĩ đến ai là lớn hơn". (
người ngồi ăn
Cụm từ nầy có thể được dịch là "người đang dùng bữa"
Có phải là kẻ ngồi ăn không?
Đây là thắc mắc mang tính hùng biện. Câu trả lời được ám chỉ như sau: "Tất nhiên là người ngồi tại bàn thì quan trọng hơn tôi tớ!"
Nhưng ta ở giữa các ngươi như kẻ hầu việc vậy
Chữ "nhưng" xuất hiện ở đây vì có một sự thương phản giữa điều người ta trông mong Chúa Giê-xu phải trở thành và những gì Ngài vốn có. Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhưng ta đang hầu việc các ngươi đây"
Luke 22:28
Bền lòng theo ta trong mọi sự thử thách ta
"đã trụ với ta qua những phấn đấu của ta"
ta ban nước cho các ngươi, cũng như cha ta đã ban cho ta vậy
Một số ngôn ngữ sẽ cần phải thay đổi trình tự. "Giống như cha ta đã ban nước cho ta, ta ban nước ấy cho các ngươi"
ta ban nước cho các ngươi
"ta lập các ngươi làm những người cai trị trong vương quốc của Đức Chúa Trời" hay "ta ban cho các ngươi thẩm quyền để cai trị trong vương quốc" hay "ta sẽ lập các ngươi làm vua"
cũng như Cha ta đã ban cho ta vậy
"giống như Cha ta đã ban quyền cai trị làm vua trong vương quốc của Ngài"
được ngồi ngai
"ngồi trên ngai" là hoán dụ cho "làm công việc của nhà vua". Cụm từ nầy ý nói "các ngươi sẽ làm việc như nhà vua" hay "các ngươi sẽ làm công việc của bậc vua chúa"
ngai
Từ nầy có thể được dịch là "ghế của nhà vua" hay "loại ghế được làm cho bậc vua chúa"
Luke 22:31
Thông tin Tổng quát:
Chúa Giê-xu phán trực tiếp với Si-môn.
Si-môn, Si-môn
Chúa Giê-xu kêu tên nầy hai lần tỏ ra rằng điều Ngài sắp sửa nói với ông rất là quan trọng.
đòi sàng sảy ngươi
Chữ "you" [các ngươi] đề cập đến hết thảy các sứ đồ. Nhiều loại ngôn ngữ có hình thức khác về chữ "you" sẽ sử dụng hình thức số nhiều.
sàng sảy ngươi như lúc mì
Đây là ẩn dụ ý nói "thử ngươi để tìm xem có gì sai hay không". Ý nghĩa có thể được nói rõ như trong Kinh Thánh: "sàng sảy ngươi". Và cụm từ nầy có thể được dịch như một ví sánh: "giống như ai đó đang sảy gạo như trong Kinh Thánh.
song ta đã cầu nguyện cho ngươi
Chữ "you" [ngươi] ở đây đề cập đặc biệt đến Si-môn. Nhiều thứ ngôn ngữ có những hình thức khác về chữ “you” sẽ sử dụng nhình thức số ít.
hầu cho đức tin ngươi không thiếu thốn
Cụm từ nầy có thể được tỏ ra theo cách tích cực như "ngươi sẽ tiếp tục có đức tin" hay "ngươi sẽ tiếp tục tin cậy ta"
đến khi ngươi đã hối cải
"sau khi ngươi khởi sự theo ta trở lại" hay "sau khi ngươi khởi sự phục vụ ta trở lại"
anh em mình
Cụm từ nầy đề cập đến các môn đồ khác. Cụm từ nầy có thể được dịch là "các tín hữu đồng lao của ngươi" hay "anh em ngươi trong đức tin" hoặc "các môn đồ khác".
Luke 22:33
gà chưa gáy ...ngươi sẽ chối ...
Cụm từ nầy có thể nói theo cách tích cực: "gà sẽ gáy ... chỉ sau khi ngươi chối". Trật tự các chi tiết của câu nói có thể được đảo lộn lại: "ngươi sẽ chối ba lần ngươi không biết ta trước khi gà gáy hôm nay"
hôm nay trước khi gà gáy, anh sẽ ba lần chối không biết Thầy
Câu này có thể được nói tích cực: “hôm nay gà sẽ gáy sau khi ngươi chối Ta.”
gà chưa gáy
Ở đây, tiếng gáy của con gà được sử dụng như một hoán dụ cho thời điểm ban ngày đó. Gà thường hay gáy trước khi mặt trời xuất hiện vào ban sáng.
hôm nay
ban ngày của người Do thái bắt đầu lúc mặt trời lặn. Chúa Giê-xu đang nói sau khi mặt trời đã lặn. Gà sẽ gáy ngay trước khi trời sáng. Buổi sáng là một phần của "hôm nay". Cụm từ nầy có thể được dịch là "tối nay" hay "ban sáng"
Luke 22:35
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu chuyển sự chú ý của Ngài qua việc phán với tất cả các môn đồ.
Khi ta sai các ngươi đi
Chúa Giê-xu đang nói với các sứ đồ Ngài. Vì vậy, các thứ ngôn ngữ có hình thức khác về chữ "you" nên sử dụng hình thức số nhiều.
túi bạc
túi bạc là cái túi để đựng tiền. Ở đây nó được sử dụng để

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cập đến "tiền bạc"

bao

Cụm từ nầy có thể được dịch là "túi xách của du khách" hay "đồ ăn", chứa trong bao một khi họ có bao để đem theo.

Khi…có thiếu thốn gì không?" Họ thưa: "Không thiếu gì cả.

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi để giúp các sứ đồ nhớ lại người ta đã chu cấp cho họ như thế nào khi họ ra đi. Tham khảo: "Khi…nhưng các ngươi vẫn có đầy đủ.' Và các môn đồ đồng ý nói rằng, 'Vâng, chúng tôi nhận được mọi thứ mình cần.'"

không

"Chúng tôi không thiếu thốn gì cả" hoặc "Chúng tôi có mọi thứ mình cần"

ai không có gươm, hãy bán áo ngoài mà đi mua

Chúa Giê-xu không đề cập đến một người đặc biệt nào chưa có gươm. Cụm từ nầy có thể được dịch là "nếu ai chưa có gươm, người ấy nên bán áo ngoài của mình"

áo ngoài

"áo choàng" hay "áo khoác ngoài"

Luke 22:37

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu kết thúc phần nói chuyện với các môn đồ.

có lời chép rằng

"những điều tiên tri viết về ta trong Kinh Thánh"

phải ứng nghiệm

Các sứ đồ vốn hiểu rõ rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến cho mọi sự chép trong Kinh Thánh phải xảy ra. Bạn có thể làm cụ thể nguyên cụm từ: "Đức Chúa Trời sẽ khiến cho mọi sự đã được chép trong Kinh Thánh đều được ứng nghiệm"

Ngài bị kể vào hàng kẻ dữ

"Người ta xem Ngài là một trong nữhng kẻ sống phi luật pháp". Một số ngôn ngữ cần phải trình bày cụ thể: "Điều nầy đã được chép trong Kinh Thánh. 'Và Ngài bị kể vào hàng kẻ dữ"

kẻ dữ

"những kẻ phá vỡ luật pháp" hay "tội phạm"

Lời ấy phải ứng nghiệm về chính mình ta

Cụm từ nầy không rõ ràng trong tiếng Hi-lạp. Ý nghĩa khác là: "Sự sống ta đang đi đến hồi kết cuộc"

các sứ đồ thưa rằng

Cụm nầy đề cập đến ít nhất hai trong số sứ đồ của Chúa Giê-xu.

Ấy là đủ

Ý nghĩa khả thi là 1) "nghĩa là đủ gươm rồi" hay 2) "nói bấy nhiêu là đủ rồi". Khi Chúa Giê-xu phán họ nên mua gươm, Ngài chủ yếu nói với họ về mối nguy hiểm mà hết thảy hõ sẽ đối diện với. Thực sự Ngài không muốn họ mua gươm và chiến đấu.

Luke 22:39

Thông tin Tổng quát:

Đây là phần tiếp theo của câu chuyện. Chúa Giê-xu lên Núi Ô-li-ve để cầu nguyện.

Đoạn

Từ ngữ nầy đề cập đến sự trọn vẹn của bữa ăn Lễ Vượt Qua.

hầu cho các ngươi sa vào chước cám dỗ

Cụm từ nầy có thể được dịch là "để các ngươi không bị cám dỗ" hay "để các ngươi không phạm tội khi các ngươi bị cám dỗ" hoặc "để các ngươi không bị cám dỗ nghiệt ngã đến nỗi các ngươi phạm tội"

Luke 22:41

cách chừng liệng một cục đá

Cụm từ nầy ý nói: "chừng một khoảng mà người ta ném một hòn đá" Tham khảo cách dịch: "một khoảng ngắn" hay với một số đo như "chừng 30 mét".

Dầu vậy, xin ý Cha được nên, chớ không

Jesus will bear the guilt of all the sin of human history by the agony of the cross. He prays to his Father asking if there is another way.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng dành cho Đức Chúa Trời.

xin cất chén nầy khỏi tôi

Chúa Giê-xu đang đề cập đến sự thương khó mà Ngài sắp sửa gánh chịu giống như thể đây là cái chén mà Ngài sẽ phải uống. Tham khảo cách dịch: "xin cất khỏi tôi chén đau khổ nầy" hay "cất sự đau khổ nầy khỏi tôi" hoặc "giải cứu tôi không phải chịu khổ giống như vầy"

theo ý tôi

Cụm từ nầy có thể được dịch là: "Tuy nhiên, tôi muốn ý Ngài sẽ được nên hơn là ý của tôi".

Luke 22:43

hiện xuống cùng Ngài

"hiện ra với Chúa Giê-xu"

thêm sức cho Ngài

"khích lệ Ngài"

trong cơn rất đau thương, Ngài cầu nguyện

"Ngài ở trong sự đau thương, và Ngài đã cầu nguyện"

Luke 22:45

Cầu nguyện xong, Ngài đứng dậy

Cụm từ nầy có thể được dịch là "khi Chúa Giê-xu chỗi dậy sau khi cầu nguyện xong" hay "sau khi cầu nguyện xong, Chúa Giê-xu đứng dậy và"

thấy đang ngủ mê vì buồn rầu

"thấy họ đang ngủ vì họ rất buồn rầu"

Sao các ngươi ngủ?

Đây là câu hỏi hùng biện. Ý nghĩa khả thi là 1) "ta ngạc nhiên khi ácc ngươi nằm ngủ trong lúc nầy" hay 2) "các ngươi không nên ngủ trong lúc nầy!"

khỏi sa vào sự cám dỗ

"bị cám dỗ" hay "phạm tội khi các ngươi bị cám dỗ"

Luke 22:47

một lũ đông kéo đến

Chữ "behold" [kìa] báo cho chúng ta biết có một nhóm mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có lẽ có cách làm việc nầy. Anh ngữ sử dụng "có một lũ đông xuất hiện …"

đi trước hết

Cụm từ nầy có thể được dịch là "dẫn họ đến cùng Chúa Giê-xu". Giuđa sắp tỏ ra cho dân chúng biết nơi Chúa Giê-xu ở. Hắn không bảo đám đông kia những gì phải làm.

hôn Ngài

Cụm từ nầy có thể được dịch là "chào Ngài bằng một nụ hôn" hay "chào Ngài bằng cách hôn Ngài". Khi người ta chào nhau, những người khác dù là gia đình hay bạn hữu, hõ sẽ hôn họ nơi một bên má hay hai bên má. Nếu độc giả của bạn thấy kỳ kỳ khi nói rằng người đàn ông nầy hôn người đàn ông kia, bạn có thể dịch điều nầy theo cách chung chung: "dành cho Ngài một sự chào đón thân hữu"

ngươi lấy cái hôn để phản Con Người sao

Chúa Giê-xu sử dụng câu hỏi hùng biện nầy để quở Giuđa:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"đây là nụ hôn mà người sử dụng để phản Con Người sao!" Giuđa có thể chọn sử dụng một dấu hiệu bằng tay hay lời nói như "Giê-xu là người đứng gần hòn đá lớn kia" để chỉ ra Chúa Giê-xu, nhưng thay vì thế hắn ta đã hành xử dối trá khi sử dụng nụ hôn, là dấu hiệu của tình yêu thương.

Con Người

Chúa Giê-xu đang sử dụng thuật ngữ nầy để đề cập đến chính mình Ngài.

Luke 22:49

những người ở với Ngài

Cụm từ nầy đề cập đến các môn đồ của Chúa Giê-xu.

sự sắp xảy đến

Cụm từ nầy có thể được dịch là "các thầy tế lễ và binh lính đã đến đặng bắt lấy Chúa Giê-xu"

đánh đầy tớ của thầy cả thượng phẩm

"đáng đầy tớ của thầy tế lễ thượng phẩm bằng thanh gươm"

sờ tai người

Cụm từ nầy có thể được dịch là "đụng đến người chỗ tai bị chém đứt"

Luke 22:52

Các ngươi cầm gươm và gậy đến bắt ta như bắt kẻ trộm cướp?

"Có phải các ngươi ra đây với gươm và gậy vì các ngươi nghĩ ta là kẻ trộm cướp chăng?" Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch là "các ngươi biết rõ ra không phải là phường trộm cướp, tuy nhiên các ngươi ra đây với ta đem theo gươm và gậy"

hằng ngày ta ở với các ngươi

"ta ở giữa các ngươi mỗi ngày"

trong đền thờ

Cụm từ nầy có thể được dịch là "trong hành lang đền thờ" hay "tại đền thờ"

không ra tay bắt ta

Thành ngữ nầy ý nói "bắt lấy ta"

giờ của các ngươi

"thời thế của các ngươi"

quyền của sự tối tăm

Cụm từ nầy có thể được dịch là "thì giờ của chúa của sự tối tăm" hay "thì giờ mà STham khảo cách dịch:an sẽ thực hiện những việc gian ác khi hắn muốn làm". "Quyền của sự tối tăm" là hoán dụ nói tới STham khảo cách dịch:an, chúa của điều ác.

Luke 22:54

bắt Đức Chúa Giê-xu đem đi

"dẫn Chúa Giê-xu ra khỏi vườn, chỗ mà họ bắt Ngài"

họ nhúm lửa

Cụm từ nầy có thể được dịch là "mấy người trong số họ đã nhúm lửa lên". Lửa giữ cho họ được ấm.

giữa sân

Đây là sân nhà của thầy cả thượng phẩm. Có tường bao quanh, song không có mái.

Luke 22:56

ngó chăm chỉ, mà nói

"ngó thẳng vào Phi-e-rơ mà nói với người khác ở trong sân"

người nầy vốn cũng ở với người ấy

người đàn bà đang nói cho người ta biết về Phi-e-rơ đã ở với Chúa Giê-xu. Có lẽ bà ta không biết tên của Phi-e-rơ.

song Phi-e-rơ chối

"nhưng Phi-e-rơ nói rằng điều đó không thật"

hỡi đàn bà kia, ta không biết người đó

Phi-e-rơ không biết tên của người đàn bà. Ông không rủa bà ta bằng cách gọi bà ta là "hỡi đàn bà kia". Nếu người ta nghĩ ông đang rủa bà ta, bạn có thể sử dụng một cách thức khả thi về đàn ông nói với đàn bà mà không quen biết, hay bạn có thể tuỳ chọn lời lẽ.

Hỡi người, ta không thuộc

Xem chú thích trên về "đàn bà kia"

Luke 22:59

đề quyết như vậy mà rằng

"nói cách khăng khăng" hay "nói lớn tiếng"

thật người nầy

"người nầy" đề cập đến Phi-e-rơ. Người nói kia có lẽ không biết tên của Phi-e-rơ.

Hỡi người, ta không biết ngươi nói chi

Thành ngữ nầy được sử dụng để nói rất mạnh mẽ: "những gì ngươi nói chẳng thật chút nào" hay "những gì ngươi nói hoàn toàn giả dối"

Đang lúc Phi-e-rơ còn đang nói

"trong khi Phi-e-rơ đang nói"

Luke 22:61

Lời Chúa

"lời lẽ của Chúa Giê-xu" hay "những gì Chúa Giê-xu đã phán"

hôm nay

Chúa Giê-xu đã phán lúc chiều về những điều sẽ xảy ra ngắn ngủi trước khi bình minh hay lúc bình minh. Vì vậy cụm từ nầy có thể được dịch là "tối nay".

Luke 22:63

che mặt Ngài lại

"sau khi họ che mắt Ngài hầu cho Ngài không thể nhìn thấy"

hãy nói tiên tri đi, hãy đoán xem ai đánh ngươi?

Binh lính không tin rằng Chúa Giê-xu là một vị tiên tri. Thay vì thế, chúng tin rằng một tiên tri thật sẽ biết rõ ai đánh mình cho dù không thể nhìn thấy. Họ đã gọi Chúa Giê-xu là một tiên tri, nhưng họ muốn tỏ ra rằng Ngài không phải là một tiên tri. Cách dịch khác: “Hãy chứng minh ngươi là một tiên tri đi. Hãy nói cho chúng ta biết ai đánh ngươi” hay “Nào, vị tiên tri, ai đã đánh ngươi chứ?”

Hãy nói tiên tri đi!

"hãy nói ra lời lẽ từ Đức Chúa Trời!" Phần thông tin ám chỉ, ấy là Đức Chúa Trời sẽ nói cho Chúa Giê-xu biết ai đã đánh Ngài một khi Chúa Giê-xu bị che mắt mà không thể nhìn thấy.

Luke 22:66

sai đem Đức Chúa Giê-xu đến toà công luận

Ý nghĩa khả thi là 1) "các trưởng lão đưa Chúa Giê-xu đến toà công luận" hay 2) "lính canh dẫn Chúa Giê-xu đến toà công luận của các trưởng lão". Một số ngôn ngữ có thể tránh không nói ai dẫn Ngài bằng cách sử dụng đại danh từ "they" (họ) hay bằng cách sử dụng một động từ thụ động: "Chúa Giê-xu bị dẫn đi đến toà công luận".

hỏi

"các trưởng lão nói với Chúa Giê-xu"

hãy xưng ra cho chúng ta

"hãy xưng ra rằng ngươi có phải là Chúa Cứu Thế không"

nếu ta nói ... nếu ta tra gạn

Chúa Giê-xu đang nói rằng không ăn nhằm chi hết một khi Ngài nói hay tra gạn họ để nói, họ sẽ không đáp ứng cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chính xác. Hai cụm từ nầy cùng nhau chỉ ra thái độ của Chúa Giê-xu cho thấy toà công luận không thực sự tìm kiếm lẽ thật.

nếu ta nói, thì các ngươi không tin

Đây là câu thứ nhứt trong hai câu giả định bởi Chúa Giê-xu. Đây là cách thức mà Chúa Giê-xu dung để đáp ứng mà không cung ứng cho họ lý do để nói rằng Ngài mắc vào tội phạm thượng. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách thức chỉ ra rằng hành động không thực sự xảy ra.

Nếu ta tra gạn các ngươi, thì các ngươi không trả lời

Đây là câu nói giả định thứ nhì.

Luke 22:69

Từ nay về sau

"từ ngày nầy" hay "khởi sự từ hôm nay"

Con Người

Chúa Giê-xu sử dụng cụm từ nầy đề cập đến Chúa Cứu Thế. Ngài đang ám chỉ rằng Ngài đang nói đến chính mình Ngài, nhưng các trưởng lão muốn hỏi xemđấy có phải là điều thực sự Ngài đã nói hay không.

ngồi bên hữu quyền phép Đức Chúa Trời

người Do thái vốn hiểu rằng không một ai có thể ngồi ở đó. Họ đã xem điều nầy tương đương với câu nói "sẽ ở với Đức Chúa Trời như Đức Chúa Trời".

quyền phép của Đức Chúa Trời

"Đức Chúa Trời toàn năng". Ở đây "quyền phép" đề cập đến thẩm quyền tối thượng của Ngài.

Vậy, ngươi là Con Đức Chúa Trời sao?

Toà công luận đưa ra câu hỏi nầy vì họ muốn Chúa Giê-xu khẳng định cụ thể sự hiểu biết của họ rằng Ngài nói Ngài là Con của Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch là "vậy khi ngươi nói thế, có nghĩa là ngươi là Con của Đức Chúa Trời?"

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu.

Chính các ngươi nói Ta là Con Ngài

"phải, chính các ngươi nói thế"

cần chứng cớ làm chi nữa?

Đây là câu hỏi mang tính hùng biện. Ý nói "chúng ta chẳng còn cần chứng cớ chi nữa!"

nghe từ miệng nó nói ra rồi

Thành ngữ nầy sử dụng chi thể của thân thể (cái miệng) để cập đến con người. Ý nói "trực tiếp từ Ngài". Nó nhấn mạnh sự thực chính mình Chúa Giê-xu đã nói những việc mà họ đang cáo Ngài nói.

Translation Questions

Luke 22:1

Lúc nầy, lễ nào của người Do thái đang đến gần?

Lễ bánh không men, còn gọi là Lễ Vượt Qua.

Luke 22:10

Chúa Giê-xu cùng các môn đồ dự Lễ Vượt Qua ở đâu?

Họ dự lễ nầy trên một phòng cao trong thành Giê-ru-sa-lem.

Luke 22:12

Chúa Giê-xu cùng các môn đồ dự Lễ Vượt Qua ở đâu?

Họ dự lễ nầy trên một phòng cao trong thành Giê-ru-sa-lem.

Luke 22:19

Chúa Giê-xu nói gì khi Ngài bẻ bánh rồi ban bánh ấy cho các môn đồ?

Ngài phán: "Nầy là thân thể ta vì các ngươi mà phó cho. Hãy làm sự nầy để nhớ ta".

Luke 22:26

Chúa Giê-xu phán ai là người lớn hơn hết trong vòng các môn đồ Ngài?

Kẻ lớn nhất là người chuyên phục vụ.

Luke 22:37

Những tiên đoán nào đã được ghi chép về Chúa Giê-xu sắp sửa được ứng nghiệm trong các biến cố nầy?

Lời tiên đoán trong Kinh Thánh chép: "Ngài đã bị kể vào hàng kẻ dữ."

Luke 22:45

Các môn đồ làm gì khi Chúa Giê-xu trở về từ chỗ cầu nguyện?

Họ đang ngủ.

Luke 22:47

Giu-đa đã phản Chúa như thế nào trước đám đông?

Hắn phản Chúa bằng một nụ hôn.

Luke 22:54

Sau khi bắt lấy Ngài, họ đưa Chúa Giê-xu đi đâu?

Họ đưa Ngài đến nhà thầy tế lễ thượng phẩm.

Luke 22:63

Những người canh giữ Chúa Giê-xu đã làm gì với Ngài?

Họ chế nhạo và đánh đòn Ngài, và xúc phạm Ngài.

Chapter 23

Luke 23:1

cả hội đồng

"hết thảy cấp lãnh đạo người Do thái"

đồng đứng dậy

"đứng" hay "đứng trên chơn của họ"

trước mặt Philát

"trước mặt Philát". Cụm từ nầy có thể được dịch là "đứng đối mặt với Philát".

xui dân ta

"gây rối bằng cách nói những lời dối trá với dân tộc chúng tôi"

cấm nộp thuế

"bảo họ đừng đóng thuế"

Luke 23:3

Philát gạn Ngài

"Philát tra hỏi Chúa Giê-xu"

chính ngươi là

Thành ngữ nầy ý nói "điều ngươi nói là đúng". Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "đúng như ngươi đã hỏi ta".

dân chúng

"đám đông dân chúng"

ta không thấy người nầy có tội gì

"ta không tìm gặp lỗi gì nơi người nầy"

xui giục

"gây rối giữa vòng"

bắt đầu từ xứ Ga-li-lê rồi tới đây

"Hắn bắt đầu gây rối trong xứ Ga-li-lê và bây giờ đang gây rối ở đây"

Luke 23:6

nghe điều đó

"nghe rằng Chúa Giê-xu khởi sự dạy dỗ trong xứ Ga-li-lê"

thì hỏi nếu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"nếu"

người nầy

Cụm từ nầy đề cập đến Chúa Giê-xu.

thật là

"Philát đã khám phá ra"

Ngài thuộc quyền cai trị của vua Hê-rốt

Phân đoạn Kinh Thánh không nói sự thực cụ thể Hê-rốt là người cai trị xứ Ga-li-lê. Bạn có thể đưa thông tin nầy ra cụ thể: "Chúa Giê-xu ở dưới quyền của Hê-rốt vì Hê-rốt cai trị xứ Ga-li-lê"

bèn giải

"Philát đã giải"

đến cho vua Hê-rốt

Cụm từ nầy đề cập đến Hê-rốt.

trong mấy ngày đó

Cụm từ nầy có thể được dịch là "trong kỳ lễ Vượt Qua"

Luke 23:8

thì mừng lắm

"Hê-rốt rất vui vẻ"

vua muốn gặp Ngài

"Hê-rốt đã muốn gặp Chúa Giê-xu"

nhân đã nghe nói

"Hê-rốt đã nghe nói về Chúa Giê-xu"

và mong

"Hê-rốt mong mỏi"

xem Ngài làm phép lạ

Cụm từ nầy có thể được nói bằng giọng chủ động: "ông ta muốn thấy Ngài làm một phép lạ nào đó".

vua hỏi Ngài nhiều câu

Tham khảo cách dịch: "Hê-rốt hỏi Chúa Giê-xu nhiều câu"

song Ngài không trả lời chi hết

"không đáp trả" hay "không dành cho Hê-rốt một câu trả lời"

ở đó

"đang đứng ở đó"

cáo Ngài dữ lắm

"tố cáo Ngài gay gắt" hay "tố cáo Ngài hết mức"

Luke 23:11

họ mặc áo hoa hoè cho Ngài

Phần dịch thuật không ám chỉ điều nầy được làm ra vì danh dự hay quan tâm đến Chúa Giê-xu. Họ làm thế để chế giễu Chúa Giê-xu và lấy Ngài làm vui.

Trước kia Philát với vua Hê-rốt thù hiềm nhau, nhưng nội ngày ấy trở nên bạn hữu.

Phần thông tin ám chỉ rằng họ đã trở nên bạn bè vì Hê-rốt tán thưởng Philát cho phép ông ta xét xử Chúa Giê-xu. Bạn có thể nói cụ thể: "Hê-rốt và Philát trở nên bạn hữu nhau chính ngày ấy vì Philát đã giải Chúa Giê-xu qua cho Hê-rốt để xét xử".

trước kia

"trước ngày ấy"

Luke 23:13

hiệp các thầy tế lễ cả, các quan đề hình và dân chúng lại

"triệu tập các thầy tế lễ cả, các quan đề hình và dân chúng lại"

tra hỏi trước mặt các ngươi đây

"ta đã tra hỏi Giê-xu trước mặt các ngươi". Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "Ta đã tra hỏi Giê-xu với các ngươi ở đây như những nhân chứng".

ta không thấy người mắc một tội nào

"ta không nghĩ rằng người có tội"

Luke 23:15

Vua Hê-rốt cũng vậy

"ngay cả Hê-rốt cũng không nghĩ là người nầy có tội"

vì

"bởi vì" hay "chúng ta biết điều nầy vì"

vì đã giao người về cho ta

"Hê-rốt giải Giê-xu trở lại cho chúng ta". Cụm từ "chúng ta" ở đây rất đặc biệt: nó đề cập đến Philát và binh lính của ông ta, không đề cập đến các thầy tế lễ và thần thông giáo đã qua cùng Hê-rốt với Chúa Giê-xu, cũng không đề cập đến đám dân đông.

người nầy đã không làm điều gì đáng chết

Cụm từ nầy có thể được dịch bằng giọng chủ động: "Người không làm điều gì đáng bị án chết"

nên ta sẽ đánh đòn

Vì Philát không tìm thấy lỗi lầm gì nơi Chúa Giê-xu, ông ta phải thả Ngài mà không có phạt vạ. Đúng là không cần thiết khi tìm cách làm cho câu nói nầy phù hợp về mặt lý luận trong phần dịch thuật. Philát đã đánh phạt Chúa Giê-xu, là người mà ông ta biết rõ là vô tội, chỉ vì ông ta sợ đoàn dân đông.

Luke 23:18

chúng bèn đồng thanh kêu lên rằng

"hết thảy người ta trong đám đông đã hô to lên"

hãy giết người nầy đi

"người nầy phải loại bỏ đi!" Bởi câu nầy đám đông muốn nói: "đem người nầy đi mà hành hình"

Là kẻ bị bắt giam

Tham khảo: “là kẻ bị người La Mã bắt giam”

vì

"vì cớ hắn tham gia vào" hay "vì cớ tội ác hắn"

vì dấy loạn

"tìm cách thuyết phục dân cư thành phố dấy loạn chống lại nhà cầm quyền Lamã"

Luke 23:20

nên lại nói cùng dân chúng nữa

"nói với họ một lần nữa" hay "nói một lần nữa với đám đông dân chúng"

có ý muốn tha Đức Chúa Giê-xu

"vì ông ta muốn tha Chúa Giê-xu"

nói đến lần thứ ba

"Philát lại nói với đám đông, lần thứ ba"

Luke 23:23

nhưng chúng cố nài

"đám đông khăng khăng"

kêu lớn tiếng

"hô to lên"

đóng đinh nó trên cây thập tự

"để Giê-xu phải chịu đóng đinh trên thập tự giá"

Và tiếng của họ đã thắng

Tham khảo: “và đám đông cứ la lên cho đến khi thuyết phục được Phi-lát.”

làm y như lời chúng xin

"làm theo yêu cầu của đám đông"

bèn tha tên tù, là người chúng xin tha

"Philát thả Baraba là người mà đám đông xin tha"

Là kẻ bị bắt giam

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo: “là kẻ bị người La Mã bắt giam”
Phi-lát truyền làm y như lời chúng xin
"Philát để cho đám đông làm cho Chúa Giê-xu bất cứ điều chi họ muốn" hay "Philát trao Chúa Giê-xu cho đám đông và để cho đám đông làm cho Chúa Giê-xu bất cứ điều chi họ muốn làm"
Luke 23:26
khi chúng điệu Đức Chúa Giê-xu đi
"khi binh lính điệu Chúa Giê-xu đi khỏi chỗ Philát ở"
bắt một người xứ Syren, tên là Si-môn
Binh lính Lamã có quyền buộc người ta phải vác lấy gánh nặng của họ. Đừng dịch câu nầy theo cách chỉ ra rằng Si-môn bị bắt hay đã làm điều chi sai trái.
một người
"một người có tên là"
từ ngoài đồng về
"người sắp bước vào thành Giê-ru-sa-lem từ ngoại ô"
vác thập tự giá theo sau Ngài
"vác thập tự giá trên vai ông ta"
Luke 23:27
khóc về Ngài
"khóc vì Chúa Giê-xu"
đi theo
"đi theo Chúa Giê-xu"
con gái thành Giê-ru-sa-lem
"hỡi con gái thành Giê-ru-sa-lem"
khóc về ta
"hãy khóc về tình huống của các ngươi"
song khóc về chính mình các ngươi và về con cái các ngươi
"thay vì khóc cho những điều sắp sửa xảy ra cho các ngươi và cho con cái các ngươi"
Luke 23:29
người ta sẽ nói rằng
"khi người ta sẽ nói"
đàn bà son
"những người đàn bà không có sanh con cái"
bấy giờ
"lúc bấy giờ"
nói với núi
"họ sẽ nói với núi"
vì nếu người ta làm những sự ấy cho cây xanh, thì cây khô sẽ ra làm sao?
Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói: "các ngươi có thể thấy rằng họ sẽ làm những việc xấu xa nầy trong khi cây còn xanh, vì vậy các ngươi dám chắc rằng họ sẽ làm việc tệ hại hơn nữa khi cây bị khô đi". Ý nói: "các ngươi thấy họ sẽ làm những điều tồi tệ trong lúc tốt đẹp trong hiện tại, vậy các ngươi dám chắc rằng họ sẽ làm những việc tệ hại nhất trong những thời điểm xấu xa trong tương lai".
cây xanh
cây xanh là ẩn dụ nói tới một việc tốt lành trong hiện tại. Nếu ngôn ngữ của bạn có ẩn dụ tương tự, bạn nên sử dụng ácch nói ấy ở đây.
cây khô
cây khô là ẩn dụ nói tới một việc tồi tệ trong tương lai.
chúng
Từ ngữ nầy có thể đề cập đến một là người Lamã hay cấp lãnh đạo người Do thái hoặc đặc biệt không đề cập đến ai cả.
Luke 23:32
hai tên trộm cướp
"hai người khác đều là tội phạm" "đem đi cùng với Chúa Giê-xu" hay "binh lính dẫn Chúa Giê-xu cùng với hai gã tội phạm kia"
Luke 23:33
khi đến
Từ ngữ "họ" bao gồm binh lính, hai gã tội phạm, và Chúa Giê-xu.
họ đóng đinh Ngài trên cây thập tự
"mấy tên lính đã đóng đinh Chúa Giê-xu trên thập tự giá"
một tên bên hữu
"một tên tội phạm bị đóng đinh trên thập tự giá đặt phía bên phải của Chúa Giê-xu"
một tên bên tả
"tên tội phạm kia bị đóng đinh trên cây thập tự đặt ở bên trái của Chúa Giê-xu"
xin tha cho họ
Chữ "họ" đề cập đến những ai đang đóng đinh Chúa Giê-xu trên cây thập tự.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng dành cho Đức Chúa Trời.
vì họ không biết mình làm điều gì
"vì họ không hiểu điều họ đang làm". Binh lính không hiểu rằng họ đang đóng đinh Con của Đức Chúa Trời trên thập tự giá. Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "vì họ thực sự không biết người mà họ đang đóng đinh trên thập tự giá là ai"
họ bắt thăm
Binh lính tham dự vào một trò chơi. Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ bày ra một trò chơi".
chia nhau áo xống Ngài
"quyết định giữa vòng họ ai sẽ lấy áo xống đó"
Luke 23:35
đứng
"đứng đó"
Ngài
Từ nầy đề cập đến Chúa Giê-xu.
thì hãy tự cứu mình đi
"Giê-xu có thể tự cứu lấy mình" hay "chúng ta muốn thấy Ngài minh chứng mình là ai bằng cách tự cứu lấy thân tránh khỏi thập tự giá"
Đấng Đức Chúa Trời đã lựa
Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "Đấng mà Đức Chúa Trời đã chọn"
Luke 23:36
Ngươi
"Chúa Giê-xu"
giỡn cợt Ngài
"đến gần Chúa Giê-xu"
đưa giấm
"trao giấm cho Chúa Giê-xu để uống". NHiều học viên Kinh Thánh tin mấy tên lính đã làm điều nầy để chế giễu Ngài: họ biết rõ Ngài đang khát nước, vì vậy họ đưa giấm gần môi miệng Ngài nhưng không để cho Ngài uống giấm đó.
tấm bảng trên đầu Ngài
"một tấm biển nhỏ trên trên đấu của Chúa Giê-xu, trên đó có viết"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ĐÂY LÀ VUA DÂN DO THÁI
Người ta đóng cái bảng này trên cây thập tự để nhạo báng Chúa Giê-xu. Họ thật sự không cho rằng Ngài là vua.
Luke 23:39
Một trong hai tên tội phạm bị đóng đinh
Tham khảo: “là người cũng đang bị treo trên thập tự”
mắng nhiếc Ngài
"sỉ nhục Chúa Giê-xu"
ngươi không phải là Chúa Cứu Thế sao?
Câu hỏi nầy được dự trù không phải thu thập thông tin mà để thố lộ sự nghi ngờ rằng thực sự Chúa Giê-xu có phải là Chúa Cứu Thế hay không!?!.
Hãy tự cứu mình và cả chúng tôi nữa
Tên tội phạm thật sự không nghĩ rằng Chúa Giê-xu có thể giúp họ xuống khỏi thập tự.
nhưng tên kia trách nó
"tên tội phạm kia đáp"
trách nó rằng
"và quở trách tên tội phạm kia bằng cách nói"
Mày đã chịu cùng một bản án mà còn không biết sợ Đức Chúa Trời sao?
Tên tội phạm dùng câu hỏi để trách tên kia. Tham khảo: “Ngươi hẳn không sợ Đức Chúa Trời, vì ngươi nhạo báng Chúa Giê-xu khi ngươi đang bị đóng đinh trên thập tự như chúng ta.”
vì hình ta chịu xứng với việc ta làm
"Chúng ta thực sự đáng với án phạt nầy"
người nầy
Tội phạm đang sử dụng lời lẽ nầy đề cập đến Chúa Giê-xu.
Luke 23:42
lại nói rằng
"tội phạm cũng nói"
đến trong nước mình rồi
"bắt đầu cai trị làm vua"
quả thật, ta nói cùng ngươi
"quả thật" them vào để nhấn mạnh những điều Chúa Giê-xu đang phán. Cụm từ nầy có thể được dịch là: "ta muốn ngươi nhìn biết rằng"
Ba-ra-đi
Đây là chỗ mà hạng người công bình đi đến khi họ qua đời. Cụm từ nầy có thể được dịch là "chốn hạnh phước" "chỗ của người công bình" hay "chỗ mà người ta sống mạnh giỏi". Chúa Giê-xu đang bảo đảm cho người nầy anh ta sẽ ở với Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời sẽ nhận lấy anh ta.
Luke 23:44
Khi đó, ước giờ thứ sáu
"khi ấy, khoảng giữa trưa". Điều nầy phản ảnh thói tục tính giờ bắt đầu với ban sáng lúc 6 giờ sáng
khắp xứ đều tối tăm
"toàn bộ xứ trở nên tối tăm"
cho đến giờ thứ chín
"cho tới 3 giờ chiều". Điều nầy phản ánh thói tục tính giờ với ban sáng lúc 6 giờ sáng.
màn trong đền thờ
"bức màn trong đền thờ"
xé chính giữa ra làm hai
"bị xé thành hai mảnh". Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời đã xé bức màn trong đền thờ ra làm hai"
Luke 23:46
kêu lớn lên rằng: “Lạy Cha, Con giao linh hồn Con trong tay Cha.”
Đức Chúa Cha đã sai Đức Chúa Con lên cây thập tự để chết như con sinh chuộc tội của con người. Nhưng, Con vẫn yêu Cha và giao phó sự sống Ngài cho Cha.
kêu
"hô to lên"
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng dành cho Đức Chúa Trời.
tôi giao linh hồn lại trong tay Cha
Tham khảo cách dịch: "tôi phó linh hồn vào sự quan tâm của Ngài" hay "tôi giao linh hồn cho Ngài, với sự nhìn biết Ngài sẽ chăm sóc nó"
vừa nói xong
"sau khi Chúa Giê-xu đã nói điều nầy"
thì tắt hơi
"Chúa Giê-xu qua đời"
sự đã xảy ra
"những gì đã xảy ra"
Luke 23:48
cả dân chúng
"đám đông dân chúng"
thấy
"sự cố" hay "những gì đã xảy ra"
đi xem
"họ cùng nhau nhóm lại"
nông nổi làm vậy
"những điều đã xảy ra"
mà trở về
"trở về nhà họ"
đấm ngực
điều nầy ý nói "đấm ngực của chính mình để tỏ ra rằng họ rất đau lòng".
những kẻ quen biết
“những ai biết Chúa Giê-xu” hay “những kẻ đã gặp gỡ Chúa Giê-xu”
theo Ngài
"đi theo Chúa Giê-xu"
đứng đằng xa
"một khoảng xa xa đối với Chúa Giê-xu"
những điều nầy
"việc đã xảy ra"
Luke 23:50
Kìa
Chữ “kìa” báo cho chúng ta biết một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có lẻ có cách thức để nói ra điều nầy. Anh ngữ dùng “có một người kia …”
Nghị viên Toà Công Luận
"và ông là thành viên của Toà Công Luận "
là người chánh trực công bình
"ông là người chánh trực và công bình"
không đồng ý và cũng không dự việc các người kia đã làm
"Giôsép không đồng ý với quyết định giết Chúa Giê-xu của Toà Công Luận và hành động của Toà Công Luận"
ở A-ri-ma-thê, là thành thuộc về xứ Giuđê
"Giôsép xuất thân từ một thành phố của người Do thái có tên gọi là A-ri-ma-thê"
vẫn trông đợi
"Giôsép đang trông đợi"
Luke 23:52
Người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Giôsép"
đi đến Philát, xin
"đến gặp Philát và xin"
xin xác Đức Chúa Giê-xu
"Giôsép đã đem xác Chúa Giê-xu xuống khỏi thập tự giá"
lấy vải liệm mà bọc
"quân thi thể bằng vải liệm"
chôn trong huyệt
"đặt thi thể Chúa Giê-xu vào mộ địa" hay "đặt thi thể Chúa Giê-xu vào chỗ chôn cất"
đã đục nơi đá
"một ngôi mộ có người đục trong đá"
là huyệt chưa chôn ai hết
"chưa có ai từng được chôn ở đó"
Luke 23:54
ngày sắm sửa
"ngày mà người ta sẵn sàng đón ngày yên nghỉ của người Do thái gọi là ngày Sa-bát" (UDB)
ngày Sa-bát gần tới
"Mặt trời không bao lâu nữa thì lặn rồi, khởi sự ngày Sa-bát". Bình minh ở đây là một ẩn dụ nói tới chỗ bắt đầu của một ngày. Đối với người Do thái, ngày khởi sự lúc mặt trời lặn.
từ xứ Ga-li-lê đến với Đức Chúa Giê-xu
"họ cùng đi với Chúa Giê-xu từ khu vực xứ Ga-li-lê"
theo Giôsép
"theo sau Giôsép và những người ở với ông"
xem mả
"mấy người đàn bà xem mả"
cũng xem xác Ngài đặt thể nào
"mấy người đàn bà xem cách người ta đặt thi hài Chúa Giê-xu vào trong mả"
Khi trở về
"mấy người đàn bà đi về nhà mình"
sắm sửa những thuốc thơm và sáp thơm
"sửa soạn thuốc thơm và sáp thơm để sửa soạ thi hài Chúa Giê-xu đem chôn cất"
họ nghỉ ngơi
"mấy người đàn bà không có lao động"
theo luật lệ
"theo luật pháp của người Do thái" hay "như luật lệ của người Do thái buộc" hoặc "như bắt buộc bởi luật pháp do Môi-se ban ra"

Translation Questions

Luke 23:8
Tại sao Hê-rốt muốn gặp Chúa Giê-xu?
Hê-rốt muốn thấy Chúa Giê-xu làm phép lạ.
Luke 23:18
Đám dân đông muốn phóng thích ai khỏi ngục tù trong dịp Lễ Vượt Qua?
Họ muốn thả Baraba, một tên tội phạm.
Luke 23:26
Ai vác lấy thập tự giá của Chúa Giê-xu, rồi đi theo đằng sau Ngài?
Si-môn người Si-ren đã vác lấy thập tự giá của Chúa Giê-xu.
Luke 23:32
Ai bị đóng đinh cùng với Chúa Giê-xu?
Hai tên tội phạm bị đóng đinh cùng với Chúa Giê-xu.
Luke 23:35
Dân chúng, binh lính, và một trong hai tên tội phạm đã thách thức Chúa Giê-xu làm gì, một khi Chúa Giê-xu xưng mình là Chúa Cứu Thế?
Họ thách Ngài tự cứu lấy mình.
Luke 23:39
Dân chúng, binh lính, và một trong hai tên tội phạm đã thách thức Chúa Giê-xu làm gì, một khi Chúa Giê-xu xưng mình là Chúa Cứu Thế?
Họ thách Ngài tự cứu lấy mình.
Luke 23:42
Tên tội phạm thứ hai đưa ra thỉnh cầu gì với Chúa Giê-xu?
Hắn ta nói: "Khi Ngài đến trong nước mình rồi, hãy nhớ đến tôi.”
Luke 23:44
Những biến cố lạ lùng nào đã xảy ra ngay trước khi Chúa Giê-xu gục chết?
Bóng tối tăm phủ lên xứ và bức màn trong đền thờ bị xé làm hai từ chính giữa.
Luke 23:52
Giô-sép người A-ri-Ma-thê đã làm gì sau khi Chúa Giê-xu gục chết?
Ông đến xin Phi-lát cho lấy xác và đặt xác ấy trong một ngôi mộ.
Luke 23:54
Ngày gì sắp sửa bắt đầu khi họ đem chôn Chúa Giê-xu?
Ngày Sa-bát sắp sửa bắt đầu.

Chapter 24
Luke 24:1
Ngay thứ nhứt trong tuần lễ, khi mờ sáng
"trước khi bình mình ngày thứ bảy"
đem đến
"đến tại". Người thuật chuyện như đã có mặt tại mồ và nhìn thấy mấy người đàn bà đền đó. Phân đoạn Kinh Thánh được chép lại giống như người thuật chuyện nhìn thấy mấy người đàn bà rời khỏi địa điểm kia rồi đi đến mồ.
mồ
mồ nầy được đục từ đá trên vách núi.
hòn đá đã lăn ra
một hòn đá tròn to, được đục ra, đủ để khoá ngay cửa mồ. Nó đòi hỏi mấy người đàn ông mới lăn đi được.
tảng đá
Đây là một tảng đá lớn, tròn, được đẻo đủ để chặn lối vào mộ. Cần có phải có vài người lăn tảng đá đó.
Luke 24:4
Đang khi không biết nghĩ làm sao
Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.
sáng như chớp
"mặc loại áo xống rực rỡ, sáng loà"
thất kinh
"bật sợ hãi"
sao các ngươi tìm người sống trong vòng kẻ chết?
Đây là câu hỏi hùng biện. Cụm từ nầy có thể được dịch là

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"các ngươi đang tìm kiếm một người sống giữa vòng kẻ chết" hay "các ngươi không nên tìm một người đang sống ở chỗ mà họ chôn kẻ chết sao!"

sao các ngươi tìm

"các ngươi" ở đây là số nhiều, đề cập đến mấy người đàn bà mới đến kia.

Luke 24:6

hãy nhớ khi

"hãy nhớ những gì"

phán cùng các ngươi

Chúa Giê-xu đã nói việc nầy ít nhất là một tuần lễ trước đó.

cùng các ngươi

Cụm từ "các ngươi" ở số nhiều. Cụm từ nầy đề cập đến mấy người đàn bà và các môn đồ khác.

Con Người

Đây là phần mở đầu của một trưng dẫn gián tiếp. Cụm từ nầy có thể được dịch với một trưng dẫn trực tiếp như trong Kinh Thánh.

Con Người phải bị nộp vào tay những người tội lỗi, phải bị đóng đinh trên cây thập tự

Đây là một điều sẽ chắc chắn xảy ra vì Đức Chúa Trời đã quyết định rằng việc đó sẽ xảy đến. Tham khảo: “nhất thiết họ phải nộp Con Người vào tay những người tội lỗi để họ có thể đóng đinh Ngài.”

nộp trong tay

"giao cho" hay "được giao cho". Ở đây "nộp" đề cập đến quyền lực hoặc sự khống chế. Câu nói cũng được dịch với một động từ chủ động: "họ sẽ nộp ta, Con Người, cho kẻ có tội" hay "có ai đó chắc chắn giúp cho kẻ có tội đến bắt lấy Con Người”.

họ bèn nhớ lại những lời

"nhớ lại lời lẽ của Chúa Giê-xu"

Luke 24:8

ở mồ trở về

Điểm quan sát của người thuật chuyện là từ con đường giữa mồ và các sứ đồ. Kinh Thánh có điểm quan sát tại mồ, lưu ý rằng mấy người đàn bà rời đi. Trong từng trường hợp, mấy người đàn bà đã rời mồ rồi đi đến chỗ ở của các sứ đồ.

những người khác

"phần còn lại các môn đồ ở với 11 sứ đồ"

Bấy giờ

Từ này được dùng để đánh dấu phần xen vào cốt truyện chính. Ở đây Lu-ca ghi lại tên của một vài người phụ nữ và giải thích cách các môn đồ phản ứng với những gì họ nói.

Bấy giờ

This word is used here to mark a break in the main storyline. Here Luke gives the names of some of the women and explains how the apostles reacted to what they said.

Luke 24:11

song các sứ đồ không tin, cho lời ấy như là hư không

"nhưng các sứ đồ nghĩ rằng những gì mấy người đàn bà nói là chuyện hảo"

đứng dậy

Đây là thành ngữ Hybálai ý nói "bắt đầu hành động". Dù là Phi-e-rơ đang ngồi hay đang đứng khi ông quyết định hành động là không quan trọng. Cụm từ nầy có thể được dịch là "khởi sự".

cúi xuống

"khom mình" để nhìn vào trong mồ

chỉ thấy vải liệm

"chỉ có vải liệm"

Luke 24:13

Cũng

Từ ngữ nầy đánh dấu phần mở đầu của sự cố khác, khác với những những gì từ mấy người đàn bà và Phi-e-rơ.

trong ngày ấy

"trong chính ngày đó"

Emmaút

Đây là tên của một thị trấn.

60 ếch-ta-đơ

"11 km". Một "ếchtađơ" bằng 185m.

Luke 24:15

Đang khi

Cụm từ nầy được sử dụng ở đây đánh dấu chỗ hành động khởi sự. Nó khởi sự với Chúa Giê-xu tiếp cận họ. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét xử dụng nó ở đây.

Chính Đức Chúa Giê-xu

Từ ngữ "chính" nhắm vào Chúa Giê-xu và sự ngạc nhiên của Chúa Giê-xu khi hiện ra với họ. Mấy người đàn bà đã nhìn thấy các thiên sứ, nhưng chưa có người nào nhìn thấy Chúa Giê-xu.

nhưng mắt hai người ấy bị che khuất không nhìn biết Ngài được

"Mắt của họ bị ngăn trở không nhận ra Chúa Giê-xu". Khả năng nhận ra Chúa Giê-xu của hai người nầy được nói tới như khả năng nhận ra Ngài của mắt họ. Cụm từ nầy có thể được dịch là "họ bị chặn không nhận ra Ngài" hay "Có cái gì đó đã ngăn họ hầu cho họ không thể nhận ra Ngài".

Luke 24:17

Cờ-lê-ô-ba

Đây là tên của một người.

Có phải chỉ ngươi

"ngươi" đề cập đến Chúa Giê-xu, ngươi là số ít. Đây là phần mở đầu của câu hỏi hùng biện. Cờ-lê-ô-ba đã tỏ ra sự ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu hiện ra chưa biết những việc đã xảy ra tạo thành Giê-ru-sa-lem. Cụm từ nầy có thể được dịch là "người là người duy nhứt"

Luke 24:19

"việc gì vậy?"

"Những việc gì đã xảy ra vậy?" hay "Việc gì đã diễn ra chứ?"

có quyền phép trong việc làm và trong lời nói, trước mặt Đức Chúa Trời và cả chúng dân

Câu nầy ý nói rằng Đức Chúa Trời đã khiến cho Chúa Giê-xu có quyền phép và dân chúng đã nhìn thấy Ngài có quyền phép. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài quyền phép để làm và dạy rỗ những việc lớn và dân chúng lấy làm kinh ngạc"

đã nộp Ngài để xử tử

Tham khảo cách dịch: "nộp Chúa Giê-xu cho quan Tổng đốc Lamã để quan Tổng đốc tử hình Chúa Giê-xu"

Luke 24:21

Ngài sẽ cứu lấy dân Y-sơ-ra-ên

Người Do thái bị người Lamã cai trị. Các môn đồ muốn nói: "Đấng sẽ giải phóng Y-sơ-ra-ên ra khỏi kẻ thù Lamã của họ"

việc xảy ra rồi

"từ khi Ngài bị giết"

Luke 24:22

Thật

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mấy người đàn ông đã xem tường trình của mấy người đàn bà là việc tốt lành, chớ không phải việc xấu xa nói tới sự chết của Chúa Giê-xu.

họ đến mồ

mấy người đàn bà là những người có mặt tại mồ.

thiên sứ hiện đến

"thiên sứ trong một sự hiện thấy"

Luke 24:25

Đức Chúa Giê-xu bèn phán rằng

Sử dụng hình thức kép của "họ".

có lòng chậm tin

Tham khảo cách dịch: "lý trí các ngươi chậm tin" hay "các ngươi thiệt là chậm tin"

Há chẳng phải

Đây là câu hỏi hùng biện ý nói "Đúng là cần thiết" Chúa Giê-xu đã làm đúng do chịu khổ và đã sai trái do không chịu khổ.

mới được vào sự vinh hiển mình sao?

Câu nầy đề cập đến thời điểm Chúa Giê-xu tỏ ra cho mọi người thấy vẻ đẹp và sự cao trọng của Ngài và nhận được sự vinh hiển và thờ lạy.

Đoạn, Ngài ... cắt nghĩa cho hai người

Sử dụng hình thức kép của "them" [họ].

Luke 24:28

khi hai người đi gần

"khi họ đến gần"

thì Đức Chúa Giê-xu dường như muốn đi xa hơn nữa

Hai người hiểu rõ từ mọi hành động của Ngài cho thấy Ngài sẽ đi tiếp đến nơi khác. Có lẽ Ngài cứ đi trên con đường khi họ dừng lại để vào trong làng. Không có điều gì cho thấy Chúa Giê-xu lừa dối họ bằng lời nói.

họ ép Ngài

"họ mạnh mẽ giục giã Ngài". Từ ngữ Hi-lạp ý nói sử dụng sức mạnh vật lý đối với thời gian đã dự định, song dường như sự việc hơi cường điệu. Cần có thời gian và nỗ lực để thuyết phục Ngài.

Chúa Giê-xu vào

"Chúa Giê-xu vào nhà"

ở lại cùng họ

Sử dụng hình thức kép của "them" [họ]

Luke 24:30

đang khi

Cụm từ nầy được sử dụng ở đây đánh dấu sự kiện quan trọng trong lịch sử. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thức để làm công việc nầy, bạn có thể xem xét sử dụng nó ở đây.

lấy bánh

Cụm từ nầy đề cập đến bánh được làm với men. Nó không đề cập đến thức ăn nói chung.

chúc tạ

Cụm từ nầy có thể được dịch là "dâng lời cảm tạ" hay "cảm tạ Đức Chúa Trời về bánh ấy"

song Ngài thoạt biến đi không thấy

Cụm từ nầy ý nói thình lình Ngài không còn có ở đó nữa. Nó không có ý nói rằng không thấy Ngài đâu nữa.

Ngài biến mất

Câu này có nghĩa là bỗng nhiên Ngài không ở đó nữa. Như vậy không có nghĩa là Ngài trở thành vô hình.

lòng chúng ta há chẳng nóng nảy sao ...

"Lòng chúng ta nung nấu trong chúng ta". Đây là câu hỏi hùng biện.

lòng chúng ta há chẳng nóng nảy

Đây là ẩn dụ mô tả cảm xúc họ đã có khi trao đổi với Chúa Giê-xu. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Chúng ta có những cảm xúc dậy lên khi Ngài phán cùng chúng ta..."

trong chúng ta

Hai người đang nói với nhau. Vì vậy, chữ "us" [chúng ta] bao hàm kép cho thứ ngôn ngữ tạo sự phân biệt ở đây.

nói cùng chúng ta và cắt nghĩa Kinh Thánh

"trong khi Ngài giải thích Kinh Thánh cho chúng ta". Chúa Giê-xu không có mở một quyển sách hay cuộn giấy nào hết.

Luke 24:33

họ liền đứng dậy

"họ" đề cập đến hai người. Ngôn ngữ nào có hình thức kép của "they" [họ] sẽ sử dụng nó ở đây.

đứng dậy

"chỗi dậy" hay "đứng lên"

mười một

Cụm từ nầy đề cập đến các sứ đồ của Chúa Giê-xu. Giuđa không ở với họ.

Chúa thật đã sống lại

mười một sứ đồ và những ai có mặt với họ đang nói ra điều nầy.

nói với họ rằng

"vậy hai người nói"

sự xảy ra trên đường

Cụm từ nầy đề cập đến Chúa Giê-xu hiện ra với họ trong khi họ đi đường về làng Emmaút.

thế nào họ đã nhận ra Ngài

Tham khảo: “làm thế nào họ đã nhận ra Chúa Giê-xu”

lúc bẻ bánh

"khi Chúa Giê-xu bẻ bánh" hay "khi Chúa Giê-xu xé bánh ra"

Luke 24:36

chính Đức Chúa Giê-xu

Từ ngữ “chính” nhằm vào Chúa Giê-xu và sự kinh ngạc của Chúa Giê-xu khi hiện ra với họ. Hầu hết họ đều không gặp Ngài sau sự sống lại của Ngài.

hiện ra giữa đó

Cụm từ nầy có thể được dịch là "ở đó hết thảy họ đều thấy Ngài"

bình an cho các ngươi

"nguyện các ngươi có sự bình an" hay "nguyện Đức Chúa Trời ban bình an cho các ngươi!" Chữ "you" [các ngươi] ở số nhiều.

nhưng môn đồ đều sửng sốt rụng rời

"họ giật mình và sợ hãi"

tưởng thấy thần

Họ thực sự không hiểu Chúa Giê-xu quả thực còn sống.

thần

Ở đây từ nầy đề cập đến linh hồn của một người đã chết.

Luke 24:38

sao các ngươi bối rối

Đây là câu hỏi hùng biện được sử dụng để yên ủi họ. Cụm từ nầy có thể được dịch là "đừng lo sợ"

sao trong lòng các ngươi nghi làm vậy?

"Sao các ngươi nghi trong lòng chứ?" Câu hỏi hùng biện nầy là một lời quở trách. Cụm từ nầy có thể được dịch là "thôi đừng nghi ngờ ở trong lòng nữa". Chúa Giê-xu đang nói cho họ biết đừng nghi ngờ việc Ngài còn sống. Điều nầy có thể

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

rất cụ thể như trong Kinh Thánh.

thịt xương

Đây là cách đề cập đến thân thể.

Luke 24:41

vì cớ môn đồ vui mừng

"vẫn không thể tin rằng điều nầy là sự thật!" Họ rất phấn khích, nhưng đồng thời, tin việc ấy thực sự đã xảy ra thì thật là khó.

và lấy làm lạ

"và rất kinh ngạc" hay "lấy làm lạ sao có thể có việc nầy chứ"

trước mặt môn đồ

"trước mặt họ" hay "đang khi họ quan sát"

Luke 24:44

khi ta còn ở với các ngươi

"khi ta còn ở với các ngươi trước đây"

mọi sự đã chép về ta trong luật pháp Môi-se, các sách tiên tri, cùng các Thi-thiên

Cụm từ nầy có thể được dịch với động từ chủ động: "mọi sự mà Môi-se, các tiên tri, và tác giả Thi-thiên đã chép"

phải được ứng nghiệm

"Đức Chúa Trời sẽ làm ứng nghiệm hết thảy"

Luke 24:45

Rồi Ngài mở tâm trí họ để họ hiểu Kinh Thánh

Tham khảo: “rồi Ngài khiến họ có thể hiểu Kinh Thánh”

Có lời chép rằng

Tham khảo cách dịch: "Đây là những điều mà người ta đã chép từ lâu"

ngày thứ ba

"sau hai đêm"

nhân danh Ngài mà rao giảng cho dân các nước sự ăn năn để được tha tội

Cụm từ nầy có thể được dịch là với động từ chủ động: "các môn đồ của Đấng Mêsi sẽ rao giảng người ta cần phải ăn năn và Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi của họ"

Nhân danh Ngài

Tham khảo: “đại diện cho Ngài” hoặc “bằng thẩm quyền của Ngài”

dân các nước

"mọi cộng đồng chủng tộc" hay "hết thảy các nhóm dân tộc"

Luke 24:48

các ngươi làm chứng

"các ngươi cần phải nói cho nhiều người khác biết mọi điều các ngươi đã thấy về ta là sự thật". Các môn đồ đã trông thấy sự sống, sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu, và có thể mô tả những điều Ngài đã làm cho người khác.

Ta đây sẽ ban cho các ngươi điều Cha ta đã hứa

"ta ban cho các ngươi những gì Cha ta đã hứa ban cho các ngươi"

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

mặc lấy quyền phép từ trên cao

"được mặc lấy quyền phép" hay "nhận lãnh quyền phép". Quyền phép của Đức Chúa Trời sẽ bao phủ họ theo cùng một cách với quần áo bao phủ lấy một người.

từ trên cao

"từ trên cao" hay "từ Đức Chúa Trời"

Luke 24:50

Đang khi

"Như đã xảy ra”

đang khi ban phước

"trong khi Chúa Giê-xu cầu xin Đức Chúa Trời làm lành cho họ"

được đem lên trời

Kể từ khi Lu-ca không nói rõ ai đem Chúa Giê-xu về trời, chúng ta không biết có phải đấy là chính Đức Chúa Trời hay nhiều vị thiên sứ. Nếu ngôn ngữ của bạn phải nói rõ ai làm việc nầy, tốt nhứt là sử dụng như Kinh Thánh "lên"

Translation Questions

Luke 24:1

Mấy người đàn bà đến mộ của Chúa Giê-xu vào lúc nào?

Họ đến rất sớm vào ngày thứ nhứt của tuần lễ.

Luke 24:6

Hai người [thiên sứ] nói điều gì đã xảy ra cho Chúa Giê-xu?

Họ nói Chúa Giê-xu đã sống lại..

Luke 24:11

Đâu là phản ứng của các sứ đồ khi mấy người đàn bà thuật lại kinh nghiệm của họ tại phần mộ?

Họ cho lời ấy như là hư không.

Luke 24:21

Trong khi Chúa Giê-xu còn sống, các môn đồ mong Ngài sẽ làm gì?

Họ hy vọng rằng Ngài sẽ giải phóng Y-sơ-ra-ên khỏi tay kẻ thù của họ.

Luke 24:30

Hai người sau cùng đã nhận ra Chúa Giê-xu vào lúc nào?

Họ nhận ra Ngài khi Ngài chúc phước cho bánh, bẻ nó ra, rồi ban bánh cho họ.

Luke 24:36

Chúa Giê-xu phán điều gì trước tiên khi Ngai hiện ra cùng các môn đồ tại thành Giê-ru-sa-lem?

Ngài phán: "Bình an cho các ngươi.”

Luke 24:45

Khi ấy các môn đồ hiểu Kinh Thánh như thế nào?

Chúa Giê-xu mở trí họ ra để họ có thể hiểu được.

Chapter 1

John 1:1

Ban đầu

Cụm từ nầy nói về thời điểm khởi nguyên trước khi Đức Chúa Trời sáng tạo trời đất.

Ngôi Lời

Chỉ về Chúa Giê-xu. Nếu được thì hãy dịch là “Ngôi Lời”. Nếu trong ngôn ngữ của bạn, từ “Ngôi Lời” là từ chỉ giống cái thì nên dịch từ nầy thành “Đấng được gọi là Ngôi Lời”.

Muôn vật đều được dựng nên bởi Ngài

Có thể dịch sang thể chủ động. “Đức Chúa Trời đã dựng nên muôn vật bởi Ngài”

Không bởi Ngài thì chẳng có vật chi hiện hữu được tạo dựng

"Đức Chúa Trời không hề dựng nên bất cứ vật chỉ mà không có Ngài” hoặc “Đức Chúa Trời đã cùng Ngài dựng nên mọi vật”

John 1:4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong Ngài có sự sống
“Đây là Đấng được gọi là Ngôi Lời- Ngài là Đấng đã khiến muôn vật được sống”
Sự sống
Từ “sự sống” ở đây là một thuật ngữ chung. Nếu bạn muốn từ này mang nghĩa đặc trưng hơn, hãy dịch là “sự sống thuộc linh”.
Sự sống đó là ánh sáng cho loài người
Tham khảo cách dịch: “Ngài đã bày tỏ lẽ thật về Đức Chúa Trời cho chúng ta như ánh sáng phô bày những điều trong tối”
Sự sáng soi trong bóng tối và bóng tối đã không dập tắt được nó
“Người ta không hề muốn Ngài bày tỏ những việc làm của họ là gian ác giống như bóng tối là xấu, nhưng cũng giống như bóng tối không thể dập tắt ánh sáng, những người gian ác cũng chẳng bao giờ ngăn cản được những người giống như sự sáng bày tỏ lẽ thật của Đức Chúa Trời”
John 1:6
Làm chứng về sự sáng
Từ “sự sáng” ở đây là một phép ẩn dụ nói đến sự bày tỏ của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-xu. Tham khảo: “bày tỏ Chúa Giê-xu là sự sáng thật của Đức Chúa Trời.”
John 1:9
Sự sáng thật
Từ “sự sáng” ở đây là phép ẩn dụ ý nói Chúa Giê-xu là sự mặc khải thật của Đức Chúa Trời.
Chiếu sáng
"soi sáng cho"
John 1:10
Ngài ở trong thế gian và thế gian đã được làm nên bởi Ngài nhưng thế gian không nhận biết Ngài
“Nhưng kể cả khi Ngài ở trong thế gian nầy và Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên tất cả những điều nầy bởi Ngài, người ta vẫn không hề nhận biết Ngài”
Thế gian chẳng nhận biết Ngài
“Thế gian” là một từ hoán dụ, tượng trưng cho tất cả loài người sống trên thế giới. Tham khảo: "con người không biết Ngài thật sự là ai.”
Ngài đã đến với những điều vốn thuộc về mình, song dân Ngài chẳng hề tiếp nhận Ngài
"Ngài đã đến với dân mình, nhưng chính dân Ngài lại không hề tiếp nhận Ngài”
Tiếp nhận
Từ này có nghĩa là chấp nhận một người. Ví dụ, tiếp khách có nghĩa là đón chào họ và vinh dự đối đãi họ nhằm xây dựng một mối quan hệ tốt.
John 1:12
Tin vào
Từ này có nghĩa là tin cậy Chúa Giê-xu làm Đấng Cứu Thế và sống một đời sống làm vinh danh Ngài.
danh
“Danh” là một từ hoán dụ chỉ về danh tánh của Chúa Giê-xu và mọi điều thuộc về Ngài. Tham khảo: "Chúa Giê-xu"
Ngài ban quyền
“Ngài ban cho họ quyền” hoặc “Ngài khiến họ có thể”
Con cái Đức Chúa Trời
“Con cái” là một phép ẩn dụ tượng trưng cho mối quan hệ với Đức Chúa Trời, như mối quan hệ cha con.
John 1:14
Ngôi Lời
Đây là một từ ẩn dụ chỉ về Chúa Giê-xu. Ngài là Đấng bày tỏ mọi sự về Đức Chúa Trời.
Cha
Đây là danh hiệu quan trọng dành cho Đức Chúa Trời.
Đầy ân điển
“luôn luôn đối xử tốt lành với chúng ta theo những cách mà chúng ta chẳng hề xứng đáng”
Đấng đến sau ta
Giăng đang nói về Chúa Giê-xu. Cụm từ “đến sau ta” có nghĩa là chức vụ của Giăng đã bắt đầu rồi và chức vụ của Chúa Giê-xu sẽ bắt đầu sau ông.
Vượt trội hơn ta
“lớn hơn ta” hoặc “quan trọng hơn ta”
Vì Ngài vốn có trước ta
Cẩn thận không dịch từ này theo cách đưa ra giả định rằng Chúa Giê-xu quan trọng hơn Giăng vì Ngài lớn tuổi hơn ông. Chúa Giê-xu lớn hơn, quan trọng hơn Giăng bởi vì Ngài là Đức Chúa Con, là Đấng luôn luôn sống và cai trị mọi vật cùng với Cha mình là Đức Chúa Trời.
John 1:16
Sự đầy dẫy
Từ này nói đến ân điển của Đức Chúa Trời chẳng bao giờ dứt.
Ân điển này đến ân điển khác
“phước lành đến phước lành khác”
Chỉ một người duy nhất, chính là Đức Chúa Trời
Có thể hiểu: 1) “Đức Chúa Trời chỉ một và duy nhất” hoặc “Con Một và duy nhất”
Là Đấng ở trong lòng Cha
“Đấng hằng ở cùng Cha” chỉ về một mối liên hệ gần gũi.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng dành cho Đức Chúa Trời.
John 1:19
những người Do Thái sai...từ Giê-ru-sa-lem đến hỏi người rằng
Ở đây trước giả dùng một biện pháp tu từ gọi là phép cải dung. Danh từ “người Do Thái” được dung để tượng trưng cho “giới lãnh đạo Do Thái.” Tham khảo: "những nhà lãnh đạo Do Thái sai người từ Giê-ru-sa-lem đến gặp ông”
Ông thẳng thắn tuyên bố, không hề từ chối
Cụm từ hai diễn đạt bằng những từ phủ định có cùng ý nghĩa với cụm thứ nhất diễn đạt bằng những từ khẳng định. Điều này để nhấn mạnh rằng Giăng đang nói sự thật. Tham khảo cách dịch: “Ông thẳng thắn nói với họ sự thật”
Vậy thì ông là ai?
“Nếu ông không phải là Đấng Cứu Thế, thì chuyện này là sao?” hoặc “Vậy thì chuyện gì đang diễn ra?” hoặc “Vậy thì ông đã làm gì?”
John 1:22
Câu Liên kết:
Giăng tiếp tục nói với các thầy tế lễ và người Lê-vi.
Họ nói cùng ông
“các thầy tế lễ và người Lê-vi nói cùng Giăng”
Chúng tôi... chúng tôi
Các thấy tế lễ và người Lê-vi, không có Giăng
Người trả lời
“Giăng trả lời”
Tôi là tiếng của người kêu khóc nơi đồng vắng
“Tôi giống như một người la lớn tiếng nơi chẳng ai có thể

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nghe tôi”

Hãy làm cho thẳng con đường của Chúa

“Hãy chuẩn bị chính các ngươi cho việc Chúa đến như ngươi ta dọn đường cho một nhân vật quan trọng đi”

John 1:24

Có những người được người Pha-ri-si sai đến

Đây là thông tin bổ trợ về những người chất vấn Chúa Giê-xu.

John 1:26

Thông tin chung:

Câu 28 cho chúng ta biết thông tin bổ trợ về bối cảnh câu chuyện.

Đây là Đấng sẽ đến sau ta

“Ngài sẽ giảng dạy các ngươi sau khi ta đi khỏi”

Ta không xứng đáng để mở dây giày cho Ngài

Giăng đang nói rằng ông không xứng đáng để làm công việc khó chịu nhất của một người đầy tớ.

John 1:29

Chiên Con của Đức Chúa Trời

Đây là từ ẩn dụ tượng trưng cho của tế lễ hoàn hảo của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu được gọi là “Chiên Con của Đức Chúa Trời” vì Ngài chính là của lễ chuộc tội con người.

Thế gian

“Thế gian” là một từ hoán dụ dung để chỉ về tất cả con người sống trên thế giới.

Đấng đến sau ta vượt trội hơn ta, vì Ngài có trước ta

Dịch như trong Giăng 01:14-15

John 1:32

Đi xuống

"giáng xuống”

Như chim bồ câu

Cụm từ này là cụm từ theo lối so sánh. “Thánh Linh” ngự xuống như chim bồ câu đậu trên đầu người.

Thiên đàng

“Thiên đàng” chỉ về “bầu trời”.

Con của Đức Chúa Trời

Một vài bản sao chép của đoạn này ghi rằng “Con của Đức Chúa Trời”, số khác lại ghi rằng “người được chọn lựa của Đức Chúa Trời”

Con Đức Chúa Trời

Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời002E

John 1:35

ngày hôm sau

Đây là một ngày khác, là ngày thứ nhì mà Giăng thấy Chúa Giê-xu.

Chiên Con của Đức Chúa Trời

Đây là từ ngữ ẩn dụ hàm ý nói đến của lễ vẹn toàn của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu được gọi là “Chiên Con của Đức Chúa Trời” vì Ngài đã phải hy sinh để chuộc tội con người. Tham khảo cách dịch ở JHN01:29

John 1:37

Đi Giờ thứ mười

Cụm từ nầy chỉ về thời gian vào buổi chiều, trước khi trời tối, lúc này sẽ là quá trễ để có thể di chuyển qua thành khác.

John 1:40

Thông tin Tổng quát:

Các câu này cho chúng ta biết thông tin về Anh-rê và ông đã dẫn anh mình là Phi-e-rơ đến gặp Chúa Giê-xu ra sao. Việc này đã xảy ra trước khi họ đi và nhìn thấy nơi Chúa Giê-xu đang ở. JHN01:37

Con trai của Giăng

Đây không phải là Giăng Báp-tít; Giăng là tên phổ biến.

John 1:43

Phi-líp đến từ Bết-sai-đa, thành của Anh-rê và Phi-e-rơ sống

Đây là thông tin cơ bản về Phi-líp.

John 1:46

Na-tha-na-ên nói cùng người

"Na-tha-na-ên nói với Phi-líp"

Có gì tốt ra từ Na-xa-rét ư?

Lời nhận xét này ở dạng câu hỏi nhằm thêm vào sự nhấn mạnh. Tham khảo: "Chẳng có sự gì tốt đến từ Na-xa-rét cả."

Trong người không có chi dối trá

Câu này có thể được nói theo một cách tích cực. Tham khảo: "một người hoàn toàn thật thà."

John 1:49

Ra-bi, Ngài là Con Đức Chúa Trời! Ngài là Vua của Y-sơ-ra-ên!

Na-tha-na-ên xưng Chúa Giê-xu là “Con Đức Chúa Trời” vì Chúa Giê-xu đã biết Na-tha-na-ên trước khi gặp ông.

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu.

Bởi vì Ta nói...ngươi tin phải không?

Chúa nói lời nhận xét này ở dạng câu nghi vấn nhằm nhấn mạnh. Có thể xem xét việc dịch câu nghi vấn này thì câu nói. Tham khảo: "Ngươi tin vì đã nghe Ta nói, ‘Ta đã thấy ngươi ngồi dưới cây vả’!”

Quả thật, quả thật

Dịch theo cách nào đó để nhấn mạnh những ý theo sau là quan trọng và chân thật.

Translation Questions

John 1:1

Ban đầu có gì?

Ban đầu có Ngôi Lời.

Ngôi Lời ở với ai?

Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời.

Ngôi Lời là gì?

Ngôi Lời là Đức Chúa Trời.

John 1:4

Trong Ngôi Lời có gì?

Trong Ngài có sự sống.

John 1:6

Tên của người được Đức Chúa Trời sai đến là gì?

Tên của người là Giăng.

John 1:10

Thế gian có nhận biết hay tiếp nhận sự sáng mà Giăng là chứng không?

Thế gian không hề nhận biết sự sáng mà Giăng đã đến để làm chứng về sự sáng ấy và dân sự của sự sáng ấy cũng không hề tiếp nhận Ngài.

John 1:14

Có ai hay đã từng có người nào khác giống như Ngôi Lời đến từ Cha hay không?

Không hề! Ngôi Lời là một người duy nhất độc nhất đến từ nơi Cha.

John 1:16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúng ta nhận được gì từ nguồn sung mãn của người mà Giăng đã làm chứng nầy?
Từ nguồn sung mãn của Ngài, chúng ta tất cả đều nhận được hết ấn điển nầy đến ân điển khác.
John 1:19
Khi những thầy tế lễ và người Lê-vi đến từ Giê-ru-sa-lem tra hỏi, Giăng đã nói ông là ai?
Ông nói: “Ta là tiếng kêu khóc trong nơi đồng vắng: “Hãy làm cho thẳng con đường của Chúa” như lời tiên tri Ê-sai đã nói”.
John 1:29
Khi thấy Chúa Giê-xu đến với mình, Giăng đã nói gì?
Ông nói rằng: “Nhìn kìa, ấy là Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội lỗi của thế gian đi”.
John 1:32
Có dấu lạ nào tỏ cho Giăng biết Chúa Giê-xu là Con của Đức Chúa Trời?
Dấu lạ ấy là bất cứ người nào mà Giăng thấy Đức Thánh Linh ngự xuống và ở trên người đó, ấy chính là người chịu phép báp têm bằng Đức Thánh Linh.
John 1:35
Hai môn đồ của Giăng đã làm gì khi họ nghe Giăng gọi Chúa Giê-xu là “Chiên Con của Đức Chúa Trời”?
Họ đi theo Chúa Giê-xu.
John 1:37
Hai môn đồ của Giăng đã làm gì khi họ nghe Giăng gọi Chúa Giê-xu là “Chiên Con của Đức Chúa Trời”?
Họ đi theo Chúa Giê-xu.
John 1:40
Tên của một trong số hai người đã nghe lời Giăng nói và rồi đi theo Chúa Giê-xu?
Tên của một trong số hai người đó là Anh-rê.
John 1:49
Na-tha-na-ên đã nói gì về Chúa Giê-xu?
Na-tha-na-ên nói rằng: “Thưa thầy, Thầy là Con Đức Chúa Trời! Thầy là vua Y-sơ-ra-ên!”

Chapter 2
John 2:1
Thông tin Tổng quát:
Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài được mời dự tiệc cưới. Các câu này cho thấy thông tin cơ bản về bối cảnh câu chuyện.
Ngày thứ ba
Hầu hết các dịch giả dịch câu này là vào ngày thứ ba sau khi Chúa Giê-xu kêu gọi Phi-líp và Na-tha-na-ên theo Ngài. Ngày thứ nhất được chép trong Giăng 1:35 và ngày thứ hai được chép trong Giăng 1:43.
Chúa Giê-xu và các môn đồ của Ngài cũng được mời đến dự đám cưới
Câu này có thể được dịnh ở dạng chủ động. Tham khảo: "Có người đã mời Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài đến dự tiệc cưới.”
John 2:3
Thưa bà
Từ này chỉ về bà Ma-ri. Trong ngôn ngữ của người dịch, nếu một người con trai gọi mẹ mình là “thưa bà” được cho là bất lịch sự, hãy dùng một từ khác lịch sự hơn.
Việc nầy có liên quan gì đến tôi?
“Việc này chẳng liên quan gì đến tôi” hoặc “đừng bảo tôi phải làm gì”
Giờ tôi chưa đến
Từ “giờ” là một từ ngữ hoán dụ nói đến thời điểm mà Chúa Giê-xu bày tỏ rằng Ngài là Đấng Mê-si-a bằng việc thực hiện các phép lạ. Tham khảo: "Đây không phải là thời điểm mà Con bày tỏ việc quyền năng."
John 2:6
Hai đến ba vuông nước
"80 đến 120 lít”. 1 “vuông nước” = 40 lít nước
Tới miệng
Nghĩa là “đầy tới miệng” hoặc “đầy tràn”
Người quản tiệc
Chỉ người chịu trách nhiệm về đồ ăn thức uống.
John 2:9
(nhưng những người phục vụ đã múc nước thì biết)
Đây là thông tin nền.
say
không còn khả năng phân biệt rượu rẻ tiền và rượu mắc tiền vì đã uống quá nhiều rượu rồi.
John 2:11
Câu Liên kết:
Câu này không thuộc bố cục chính trong câu chuyện, trái lại, câu này đưa ra một lời nhận định về câu chuyện.
Ca-na
Tên địa danh
Bày tỏ sự vinh hiển của Ngài
Ở đây, từ ngữ “sự vinh quang” là một từ hoán dụ, nói đến quyền năng to lớn của Chúa Giê-xu. Tham khảo: "bày tỏ sự vinh quang Ngài"
John 2:12
Ngài đi xuống
Có nghĩa là họ đi từ nơi cao xuống chỗ thấp hơn. Thành Ca-na thuộc phía Tây Nam của Ca-bê-na-um, nhưng ở vị trí cao hơn.
Các em Ngài
Từ này bao gồm cả em trai và em gái. Tất cả những anh chị em của Chúa Giê-xu đều nhỏ tuổi hơn Ngài.
John 2:13
Thông tin Tổng quát:
Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài đi lên thành Giê-ru-sa-lem để đến đền thờ.
Lên Giê-ru-sa-lem
Có nghĩa là ho đi từ chỗ thấp lên nơi cao hơn. Thành Giê-ru-sa-lem được xây dựng trên một ngọn đồi.
Trong đền thờ
Đề cập đến phần sân ngoài của đền thờ nơi những người ta cho phép dân ngoại thờ phượng tại đó.
Những kẻ bán
Người ta có thể mua các con sinh tế tại đền thờ rồi dâng chúng là của dâng tôn kính Đức Chúa Trời.
Những kẻ đổi tiền
Bậc cầm quyền Do Thái yêu cầu những ai muốn mua con sinh tế phải đổi tiền họ dùng bên ngoài thành loại tiền đặc biệt từ “những kẻ đổi tiền”.
John 2:15
Vậy
Từ này đánh dấu một sự việc đã xảy ra bởi vì đã có một việc xảy ra trước đó. Trong trường hợp này, Chúa Giê-xu đã

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thấy những kẻ đổi tiền ngồi nơi đền thờ.

Đừng biến nhà Cha ta thành ra nơi buôn bán

Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, đuổi những kẻ lái buôn trong đền thờ ra khỏi hành lang vốn là nơi dành cho sự thờ phượng Cha Ngài, là Đức Chúa Cha, nhằm tôn cao Ngài.

Nhà Cha ta

Đây là cụm từ Chúa Giê-xu dùng để chỉ về đền thờ.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

John 2:17

Điều đã chép

Câu này có thể được nói ở dạng chủ động. Tham khảo: "Có người đã chép"

Nhà Chúa

Từ này chỉ về đền thờ, nhà của Đức Chúa Trời.

Thiêu đốt

Từ ngữ “thiêu đốt” mang tính ẩn dụ về “lửa”. Tình yêu của Chúa Giê-xu dành cho đền thờ giống như ngọn lửa cháy bừng trong Ngài.

Dấu hiệu

Từ này nói đến một sự việc chứng minh một điều gì đó là đúng.

Những việc nầy

Nói về những việc Chúa Giê-xu làm chống đối những người đổi tiền trong đền thờ.

Hãy phá đền thờ nầy đi, trong ba ngày Ta sẽ dựng lại

Chúa Giê-xu nhắc đến thân thể của Ngài như đền thờ nầy sẽ chết và ba ngày sau sẽ sống lại. Nhưng điều quan trọng là phải dịch thành những từ thường được dùng để mô tả việc kéo đổ và dựng lại một công trình.

Dựng lại

Từ này có nghĩa là “tái dựng” hoặc “phục hồi.”

John 2:20

Thông tin Tổng quát:

Câu 21 và 22 không thuộc bố cục chính trong câu chuyện, trái lại, chúng giải thích cho câu chuyện và cho biết về sự việc sẽ xảy ra sau đó. (Xem: Kết thúc Câu chuyện)

Phải mất bốn mươi sáu năm... ông sẽ xây lại nó trong ba ngày ư?

Sáu năm...ông sẽ xây lại nó trong ba ngày sao?** - Lời nhận xét này được đưa ra ở dạng câu nghi vấn nhằm cho thấy rằng giới cầm quyền Do Thái hiểu rằng Chúa Giê-xu muốn phá bỏ đền thờ và dựng lại trong ba ngày. Người dịch có thể dịch lời nói đó thành một câu. Tham khảo: "Thầy chắc chắn không thể dựng lại trong ba ngày được!"

Bốn mươi sáu năm...ba ngày

Sáu năm...ba ngày** - "46 năm...3 ngày"

Đã tin

“Tin” ở đây có nghĩa là chấp nhận điều gì đó hoặc xem điều đó là đúng.

Lời tuyên bố nầy

Nhắc lại lời Chúa Giê-xu tuyên bố trong Giăng 2:17.

John 2:23

Khi Ngài ở Giê-ru-sa-lem

Từ “khi” giới thiệu cho chúng ta một diễn biến mới trong câu chuyện.

Tin nơi danh Ngài

Ở đây, từ “danh” là một hoán dụ, tượng trưng cho thân vị của Chúa Giê-xu. Tham khảo: "tin Ngài" hoặc “tin cậy nơi Ngài"

Những phép lạ

Các phép lạ cũng có thể được gọi là “dấu” vì chúng được dùng như những chứng cứ cho thấy rằng Đức Chúa Trời là Đấng đầy quyền năng, Ngài hoàn toàn cầm quyền trên muôn vật.

Translation Questions

John 2:1

Who was at the wedding in Cana of Galilee?

Jesus, his mother, and his disciples were at the wedding in Cana of Galilee.

John 2:11

Phản ứng của các môn đồ của Chúa Giê-xu khi xem thấy dấu lạ nầy là gì?

Các môn đồ của Chúa Giê-xu tin nơi Ngài.

John 2:15

Chúa Giê-xu đã làm gì với những kẻ buôn bán và những kẻ đổi bạc?

Ngài bện một con roi bằng dây và đuổi tất cả bọn họ ra khỏi đền giờ, luôn cả chiên và bò. Ngài cũng đổ tiền của những kẻ đổi tiền và lật bàn của họ.

John 2:23

Tại sao nhiều người tin nơi danh của Chúa Giê-xu?

Họ tin bởi vì họ đã thấy tất cả những dấu lạ mà Ngài đã làm.

Chapter 3

John 3:1

Thông tin Tổng quát:

Ni-cô-đem đến gặp Chúa Giê-xu.

Bấy giờ

Từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu một phần mới trong câu chuyện và giới thiệu Ni-cô-đem.

Thành viên

Một phần của nhóm

Hội đồng Do Thái

Hội Đồng Do Thái được gọi là "Sinhedrin." Đây là hội đồng tối cao trong số tất cả những hội đồng của người Do Thái.

Chúng tôi biết

Ở đây, từ “chúng tôi” là từ riêng biệt, chỉ nói đến Ni-cô-đem và những thành viên khác trong Hội Đồng Do Thái.

John 3:3

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu và Ni-cô-đem tiếp tục nói chuyện.

Quả thật, quả thật

Dịch như trong Giăng 1:49-51

Sinh lại

“sinh từ trên” hoặc “sinh bởi Đức Chúa Trời”

Nước Đức Chúa Trời

Từ ngữ “nước” là một phép ẩn dụ nói đến sự cai trị của Đức Chúa Trời. Tham khảo: "nơi Đức Chúa Trời cai trị."

Người đã già thì được sinh ra thể nào?

Ông đặt ra câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng chuyện này không thể xảy ra. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn một điều người đã già thì không thể sinh lại được”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Lẽ nào người có thể trở vào lòng mẹ và sinh ra lần hai sao?
“Chắc chắn, người không thể trở vào lòng mẹ lần thứ hai được”
Lên thứ hai
“lại” hoặc “hai lần”
Lòng mẹ
Đây là phần cơ thể người phụ nữ nơi một thai nhi phát triển. Tham khảo cách dịch: “tử cung” hoặc “bụng”
John 3:5
Quả thật, quả thật
Bạn có thể dịch như đã làm trong Giăng 3:3.
Sinh bởi nước và Đức Thánh Linh
Có thể hiểu theo 3 cách: 1) “được làm phép báp têm trong nước” hoặc 2) “sinh lại cách tự nhiên” hoặc 3) “sinh bởi Đức Thánh Linh”. Tham khảo cách dịch: “được sinh lại về mặt thuộc linh bởi Đức Thánh Linh”
Nước Đức Chúa Trời
Từ ngữ “nước” là một từ ẩn dụ nói đến sự cai trị của Đức Chúa Trời trong đời sống tín hữu. Tham khảo: "người không thể kinh nghiệm sự cai trị của Đức Chúa Trời trong đời sống mình. "
John 3:7
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục trò chuyện với Ni-cô-đem.
ngươi phải sinh lại
"Các ngươi phải sinh lại từ trên cao”
Gió muốn thổi đâu thì thôi
Đây là câu hai nghĩa. Trong ngôn ngữ nguồn thì hai từ gió và Đức Thánh Linh là một. Tham khảo cách dịch: “Thánh Linh giống như gió, Ngài muốn thổi đâu thì thổi”
John 3:9
Làm sao những việc này có thể xảy ra?
Đây là câu hỏi tu từ thêm sự nhấn mạnh cho lời tuyên bố nầy. Tham khảo cách dịch: “Chuyện này là không thể!” hoặc “Chuyện này không thể nào xảy ra”
Ngươi là giáo sư của dân Y-sơ-ra-ên mà không hiểu những điều nầy sao?
Đây là câu hỏi tu từ thêm sự nhấn mạnh cho lời tuyên bố nầy. Tham khảo cách dịch: “Ngươi là giáo sư của dân Y-sơ-ra-ên, nên ta thật ngạc nhiên khi ngươi lại không hiểu những điều nầy”
Quả thật, quả thật
Dịch như đã làm trong Giăng 1:49-51.
Chúng ta nói
Khi Chúa Giê-xu nói “chúng ta”, Ngài không hề kể đến Ni-cô-đem trong đó.
John 3:12
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục trả lời Ni-cô-đem.
làm sao các ngươi tin những điều thuộc về trời?
“Chắc chắn ngươi sẽ không tin khi ta nói cùng ngươi những việc ở trên trời”
Làm sao ngươi tin được nếu ta bảo cùng ngươi
Trong cả hai chỗ, từ “ngươi” ở dạng số ít.
Những việc ở trên trời
Những việc thuộc linh
Trời
Từ này có nghĩa là nơi Đức Chúa Trời ngự.
John 3:14
Như Môi-se treo con rắn trong nơi đồng vắng như thế nào, thì Con Người cũng phải bị treo lên như vậy
Biện pháp tu từ này được gọi là phép so sánh. Một số người sẽ “treo” Chúa Giê-xu như Môi-se đã “treo” con rắn bằng đồng trong nơi hoang mạc.
Trong đồng vắng
Đồng vắng là một nơi khô hạn, vắng vẻ, nhưng ở đây chính xác là đồng vắng nơi Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên đã lang thang trong suốt 40 năm.
John 3:16
Đức Chúa Trời yêu thương thế gian
“thế gian” ở đây nói đến tất cả những người tin nơi Chúa Giê-xu trên thế giới hơn là bao gồm tất cả những người đang sống trên đất.
yêu
Đây là loại tình yêu đến từ Đức Chúa Trời và tập trung vào lợi ích của người khác, ngay cả khi chính tình yêu đó không nhận được lợi ích. Chính Đức Chúa Trời là tình yêu thương và là nguồn tình yêu thật sự.
Con độc nhất
“Con Một và duy nhất”
Vì Đức Chúa Trời không sai Con đến thế gian để lên án thế gian, nhưng để thế gian nhờ con ấy được cứu.
Hai mệnh đề này hầu như có đồng một nghĩa, được nói hai lần để nhấn mạnh, lần thứ nhất là ở dạng phủ định và lần thứ nhì là ở dạng khẳng định. Một số ngôn ngữ có thể biểu lộ sự nhấn mạnh theo một cách khác. Tham khảo: Lý do thật sự của Đức Chúa Trời khi ban Con Ngài đến thế gian là để cứu chuộc con người."
Kết án
"trừng phạt"
Không bị lên án
“được xét là vô tội”
Con Đức Chúa Trời
Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu.
John 3:19
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu kết thúc phần trả lời Ni-cô-đem.
Sự sáng đã đến trong thế gian
Từ ngữ “sự sáng” là một từ ẩn dụ có ý nói chân lý của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ trong Chúa Giê-xu. Từ “thế gian” là một từ hoán dụ chỉ về tất cả những người sống trên “thế gian”. Tham khảo: Đấng là sự sáng đã bày tỏ chân lý của Đức Chúa Trời cho con người.”
Con người yêu tối tăm
Từ “bóng tối” ở đây là một từ ẩn dụ nói đến chỗ không nhận được “ánh sáng” của sự bày tỏ của Đức Chúa Trời qua Chúa Cứu Thế.
Như vậy công việc của người sẽ không bị bày tỏ ra
Tham khảo cách dịch: “như vậy ánh sáng sẽ không phơi bày những việc người làm” hoặc “như vậy ánh sáng sẽ không làm sáng tỏ những công việc người làm”
Các việc mình làm sẽ được nhìn thấy rõ ràng
Tham khảo cách dịch: “người ta sẽ nhìn thấy rõ ràng những công việc của người” hoặc “mọi người sẽ thấy rõ những việc người làm”
John 3:22
Sau việc này
Trạng từ này có nghĩa là sau khi Chúa Giê-xu đã nói chuyện với Ni-cô-đem. Tham khảo cách dịch từ này ở JHN02:12.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ạt-nôn
Từ này có nghĩa là “nhiều suối nước”
Sa-lim
Một ngôi làng hoặc một thị trấn gần sông Giô-đanh.
Bởi vì ở đó có nhiều nước
“bởi vì ở nơi đó có nhiều suối nước”
Chịu phép báp têm
“Giăng làm phép báp têm cho họ” hoặc “ông đang làm phép báp têm cho họ”
John 3:25
Bấy giờ, có sự tranh cãi nổi lên giữa các môn đồ của Giăng và một người Do Thái
“Bấy giờ, các môn đồ của Giăng và một người Do Thái bắt đầu tranh cãi”
Sự tranh cãi
Một cuộc đấu khẩu
Hãy nhìn xem, người đang làm phép báp têm
Trong cụm từ này, từ “hãy nhìn xem” là câu mệnh lệnh với ý là “hãy chú ý”. Tham khảo cách dịch: “Nhìn kìa! Người đang làm phép báp têm” hoặc “Hãy nhìn xem! Người đang làm phép báp têm”
John 3:27
Một người không thể nhận được bất cứ điều gì nếu không
“Chẳng ai nhận được bất kỳ năng quyền nào nếu không”
Từ trời ban cho
Ở đây từ ngữ “trời” được dùng làm từ hoán dụ để chỉ về Đức Chúa Trời. Câu này có thể được nói ở dạng chủ động. Tham khảo: "Đức Chúa Trời đã ban cho người."
Chính anh em
Từ “anh em” ở đây ở dạng số nhiều đề cập đến tất cả những người mà Giăng đang nói chuyện với họ. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi hết thảy” hoặc “Tất cả các ngươi”
Tôi đã được sai đến trước Ngài
“Đức Chúa Trời đã sai tôi đến trước”
John 3:29
Câu Liên kết:
Giăng Báp-tít tiếp tục nói.
Người nào có vợ thì là chàng rể
Ở đây, từ “cô dâu” và “chàng rể” là từ ẩn dụ. Chúa Giê-xu được ví như “chàng rể” và Giăng là bạn của “cô dâu.” Tham khảo: "Chàng rể cưới cô dâu" hoặc “chàng rể có cô dâu."
Vậy thì, đây chính là niềm vui trọn vẹn của tôi
“Vậy nên tôi lấy làm mừng rỡ” hoặc “Vậy nên tôi rất vui mừng”
Niềm vui của tôi
Từ “của tôi” ở đây chỉ về Giăng Báp-tít, là người đang nói.
Ngài phải được tôn cao
“Ngài” ở đây chỉ về chàng rể, chính là Chúa Giê-xu.
John 3:31
Đấng đến từ trời và trên tất cả
Giăng đang nói về Chúa Giê-xu Tham khảo: "Đấng đến từ trời còn cao trọng hơn mọi người.”
Người thuộc về đất ra từ đất và nói những việc thuộc về đất
Giăng đang đối chiếu để làm rõ sự tương phản giữa ông với Chúa Giê-xu. Giăng không hề có ý nói rằng ông sinh trên đất nghĩa là ông là gian ác. Ý ông ở đây là Chúa Giê-xu cao trọng hơn ông vì Ngài đến từ trời còn ông thì được sinh ra trên đất. Tham khảo cách dịch: “Người sinh ra trên đất này cũng giống nhưng mọi người khác đang sống trên đất nầy và người nói về những điều đang diễn ra trên đất”
Đấng đến từ trời thì trên tất cả
Điều này có nghĩa giống như câu đầu tiên. Giăng lặp lại câu này để nhấn mạnh.
Ngài làm chứng về những gì Ngài đã thấy và đã nghe
Giăng đang nói về Chúa Giê-xu. Tham khảo cách dịch: “Đấng đến từ trời thuật lại những điều Ngài đã thấy và đã nghe trên trời”
Không ai tiếp nhận lời chứng của Ngài
Tham khảo cách dịch: “rất ít người tin Ngài”
Người tiếp nhận lời chứng của Ngài
“Người” ở đây chỉ về bất kỳ một người nào. “một người tin những gì Chúa Giê-xu”
Đã xác nhận
“chứng minh” hoặc “đồng ý”
John 3:34
Câu Liên kết:
Giăng Báp-tít kết thúc buổi nói chuyện.
Vì Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến
“Giê-xu này, Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến để đại diện cho Ngài”
Bởi vì Đức Chúa Trời ban cho Đức Thánh Linh cho Ngài không giới hạn
“Bởi vì Ngài là Đấng mà Đức Chúa Trời đã ban cho mọi năng quyền của Thánh Linh Ngài”
Cha…Con
Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.
Ban…trong tay Ngài
Câu này có nghĩa là trao cho Ngài quyền năng hoặc sự kiểm soát.
Người nào tin
“Người tin” hoặc “Hễ ai tin”
Cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời ở trên người
“cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời ở cùng người”

Translation Questions

John 3:1
Ni-cô-đem là ai?
Ni-cô-đem là một người Pha-ri-si, thành viên của Tòa Công Luận Do Thái.
John 3:3
Chúa Giê-xu đã nói điều gì khiến cho Ni-cô-đem bối rối và khó hiểu?
Chúa Giê-xu phán với Ni-cô-đem rằng một người phải được sinh lại bằng nước và bằng Đức Thánh Linh để được vào nước của Đức Chúa Trời.
John 3:7
Chúa Giê-xu đã nói điều gì khiến cho Ni-cô-đem bối rối và khó hiểu?
Chúa Giê-xu phán với Ni-cô-đem rằng một người phải được sinh lại bằng nước và bằng Đức Thánh Linh để được vào nước của Đức Chúa Trời.
John 3:9
Ni-cô-đem hỏi điều gì mà chúng ta biết qua câu trả lời của Chúa đã làm ông bối rối và lúng túng?
Ni-cô-đem đã hỏi: “Làm thế nào một người được sinh lại khi đã già? Người đó có thể trở vào lòng mẹ và sanh lần thứ hai không?”, ông cũng hỏi: “Điều đó làm thế nào được?”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

John 3:12

Chúa Giê-xu đã quở trách Ni-cô-đem ra sao?

Ngài quở trách Ni-cô-đem rằng: “Ngươi là giáo sư của dân Y-sơ-ra-ên mà lại không hiểu những điều nầy sao?” Ngài cũng quở trách ông rằng:”. Nếu ta nói cho loài người các ngươi những việc thuộc về đất các ngươi còn không tin, huống chi nếu ta nói với các ngươi những chuyện trên trời thì các người sẽ tin thể này?”.

John 3:14

Tại sao Con Người phải bị treo lên?

Ngài phải bị treo lên đặng tất cả những ai tin Ngài sẽ có được sự sống đời đời.

John 3:16

Đức Chúa Trời đã tỏ lòng yêu thương Ngài đối với thế gian bằng cách nào?

Ngài đã tỏ lòng yêu thương của Ngài bằng cách ban Con Một Duy Nhất của Ngài, đặng những ai tin nơi Con ấy sẽ không bị hư mất nhưng được sự sống đời đời.

John 3:19

Tại sao con người bị kết tội?

Con người bị kết tội bởi vì sự sáng đã đến trong thế gian, và người ta yêu sự tối tăm hơn sự sáng vì các việc làm của họ là xấu xa.

Chapter 4

John 4:1

Thông tin Tổng quát:

Đây là phần tiếp theo của câu chuyện nói về Chúa Giê-xu và người nữ Sa-ma-ri. Các câu này cho biết thông tin bối cảnh về phần này của câu chuyện.

Bấy giờ, khi Đức Chúa Giê-xu biết được

Từ “bấy giờ” được dùng ở đây để đánh dấu sự thay đổi chủ đề trong câu chuyện; câu chuyện chuyển từ lời của Giăng Báp-tít trong những câu trước sang những việc làm của Chúa Giê-xu ở đây.

Không phải chính Đức Chúa Giê-xu làm phép báp têm

“Thực sự không phải Chúa Giê-xu làm phép báp têm cho người ta”. Từ “chính” ở đây được thêm vào để nhấn mạnh vào Chúa Giê-xu.

John 4:4

Phần đất

"khoảng đất" hoặc “miếng đất”

John 4:6

Cho Ta xin chút nước

Một lời yêu cầu lịch sự, chứ không phải mệnh lệnh

John 4:9

Người phụ nữ Sa-ma-ri nói cùng Ngài

Đại từ “Ngài” chỉ về Chúa Giê-xu.

Làm sao ông, là một người Do Thái, lại hỏi…xin nước uống?

Lời nhận xét này được nói ở dạng câu hỏi nhằm diễn đạt sự ngạc nhiên của người nữ Sa-ma-ri khi Chúa Giê-xu xin bà cho nước uống. Tham khảo: "Tôi không thể tin là ông, một người Do Thái, lại xin một người Sa-ma-ri cho nước uống!"

Không giao thiệp với

“không kết giao với”

Nước hằng sống

Chúa Giê-xu dùng từ ẩn dụ “nước hằng sống” để nói đến Đức Thánh Linh là Đấng hành động bên trong con người để biến đổi và ban cho sự sống mới.

John 4:11

Chẳng lẽ ông lớn hơn cả tổ tiên chúng tôi là Gia-cốp sao…gia súc?

Câu nhận xét này được thể hiện ở dạng câu hỏi nhằm nhấn mạnh them. Tham khảo: "Ông không lớn hơn tổ tiên chúng tôi là Gia-cốp…gia súc.”

Và tổ tiên chúng tôi là Gia-cốp

“tổ tiên Gia-cốp của chúng tôi”

Uống ở đó

"uống nước chảy ra từ đó"

John 4:13

Sẽ lại khát

"sẽ cần uống nước nữa."

Nước ta cho sẽ trở thành một mạch nước trào dâng cho đến sự sống đời đời

Từ ngữ “suối nước” ở đây là từ ẩn dụ chỉ về nước sự sống. Tham khảo: "nước mà Ta ban cho sẽ trở thành mạch nước trong người ấy."

Sự sống đời đời

“Sự sống” ở đây có nghĩa là “sự sống thuộc linh” mà chỉ Đức Chúa Trời mới có thể ban.

John 4:15

Thưa ông

Theo ngữ cảnh này, người nữ Sa-ma-ri gọi Chúa Giê-xu là “thưa Ngài,” đây là thuật ngữ chỉ về sự tôn trọng hoặc lịch sự.

Lấy nước

"múc nước" hoặc “lấy nước từ giếng” bằng cái thùng chứa và dây

John 4:17

Chị nói phải,…điều này chị nói đúng

Chúa Giê-xu lặp lại câu này để nhấn mạnh là Ngài biết người nữ này đang nói thật.

John 4:19

Thưa ông

Theo ngữ cảnh này, người nữ Sa-ma-ri gọi Chúa Giê-xu là “thưa Ngài,” đây là thuật ngữ chỉ về sự tôn trọng hoặc lịch sự.

Tôi nhận biết ông là một nhà tiên tri

“Tôi có thể hiểu rằng ông là một nhà tiên tri”

Tổ tiên

"tổ tiên"

John 4:21

Tin Ta

Tin người nào đó có nghĩa là xem lời người đó nói là đúng.

Các ngươi thờ phượng điều các ngươi không biết. Chúng ta thờ phượng điều chúng ta biết

Chúa Giê-xu có ý rằng Đức Chúa Trời đã bảy tỏ chính mình Ngài cũng như những mạng lịnh của Ngài cho người Do Thái, không phải cho người Sa-ma-ri. Nhờ Kinh Thánh, người Do Thái biết rõ về Đức Chúa Trời hơn người Sa-ma-ri.

các ngươi sẽ thờ phượng Cha...vì sự cứu rỗi ra từ người Do Thái

Sự cứu rỗi đời đời khỏi tội lỗi đến từ Đức Chúa Cha, là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của dân Do Thái.

Cha

Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Vì sự cứu rỗi đến từ người Do Thái

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu này không có ý là người Do Thái sẽ cứu những người khác ra khỏi tội của họ. Nhưng nó có nghĩa là Đức Chúa Trời đã chọn người Do Thái làm tuyển dân của Ngài để nói cho tất cả những dân tộc khác về sự cứu rỗi của Ngài. Tham khảo cách dịch: “vì mọi dân sẽ biết về sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời bởi người Do Thái”
John 4:23
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục nói chuyện với người nữ Sa-ma-ri.
Tuy nhiên, thời điểm đang đến, và ngay ở đây, khi những người thờ phượng chân thật sẽ
"Tuy vậy, giờ chính là lúc những người thờ phượng thật”
Cha
Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Thờ phượng bằng tâm linh
“thờ phượng khi Thánh Linh của người đó dẫn dắt”
John 4:25
Tôi biết Đấng Mê-si-a...Chúa Cứu Thế
Cả hai từ này có nghĩa là “Vua được hứa của Đức Chúa Trời”. Tham khảo: "Tôi biết rằng Vua được hứa của Đức Chúa Trời sẽ đến.”
Ngài sẽ công bố mọi việc cho chúng ta
Cụm từ “rao truyền mọi sự” ngụ ý rằng đó là tất cả những gì con người cần biết. Tham khảo: "Ngài sẽ truyền cho chúng ta mọi sự chúng ta cần biết."
John 4:27
Ngay lúc đó, các môn đồ Ngài trở lại
"Khi Chúa Giê-xu còn đang nói về việc này, các môn đồ Ngài cũng từ phố về tới.”
Họ thắc mắc sao Ngài nói chuyện với người phụ nữ ấy
Việc một người Do Thái nói chuyện với một người nữ mà mình không biết là một sự bất thường, đặc biệt nếu người nữ đó là người Sa-ma-ri. Đây là lý do vì sao các môn đồ “ngạc nhiên” hoặc “thắc mắc.”
John 4:28
Hãy đến xem người mà đã nói với tôi mọi việc tôi đã làm
Đây là sự cường điệu. Người nữ Sa-ma-ri quá ấn tượng với Chúa Giê-xu đến nỗi bà tin rằng Ngài hẳn phải biết mọi thứ về bà. Tham khảo: "Hãy đến xem người đã biết rất nhiều về tôi, ngay cả khi tôi chưa bao giờ gặp người trước đó!”
Đây không phải là Chúa Cứu Thế sao?
Người nữ này không chắc chắn rằng Chúa Giê-xu là Chúa Cứu Thế, vì vậy bà đặt câu hỏi mà bà chờ đợi câu trả lời là “không,” nhưng bà cũng đặt một câu hỏi thay vì một câu nói vì bà muốn mọi người tự quyết định.
John 4:31
Trong lúc đó
"đang khi người nữ đang đi vào phố”
Các môn đồ hỏi Ngài
"các môn đồ thưa với Ngài” hoặc “các môn đồ nài nỉ Chúa Giê-xu
Ta có lương thực mà các con không biết
Ở đây Chúa Giê-xu không nói đến “thức ăn” theo nghĩa đen, nhưng Ngài đang chuẩn bị các môn đồ Ngài cho một bài học thuộc linh JHN04:34.
Có ai đó đã đem đồ ăn đến cho Ngài rồi phải không ?
Các môn đồ nghĩ rằng Chúa Giê-xu đang nói về “thức ăn” theo nghĩa đen. Họ bắt đầu hỏi với nhau câu hỏi này, nghĩ rằng câu trả lời sẽ là “không”. Tham khảo: "Chắc chắn không có ai đem thức ăn gì đến cho Ngài đang khi chúng ta còn ở phố!”
John 4:34
Thức ăn của ta là làm theo ý muốn của Đấng đã sai ta và hoàn thành công việc của Ngài
“thức ăn là thỏa mãn người đói thể nào thì sự vâng lời theo ý muốn của Đức Chúa Trời cũng làm thỏa mãn ta như vậy”
Chẳng phải các ngươi nói
“Có phải đây là một trong số những câu nói phổ biến của các ngươi”
hãy nhìn lên và xem cánh đồng, vì chúng đã chín sẵn sàng cho mùa gặt!
Các từ “cánh đồng” và “mùa gặt lúa chín” là những ẩn dụ. “Cánh đồng” tượng trưng cho dân ngoại quốc hoặc dân không phải là người Do Thái. Cụm từ “mùa gặt lúa chín” có nghĩa là dân ngoại đã sẵn sàng đón nhận sứ điệp của Chúa Giê-xu, giống như đồng ruộng đã sẵn sàng được gặt hái. Tham khảo: "hãy ngước lên và xem những người ngoại này! Họ đã sẵn sàng tiếp nhận sứ điệp của Ta, như cây trên đồng đã sẵn sàng cho mùa thu hoạch.”
Người thợ gặt đã nhận tiền công và thu gom hoa lợi cho sự sống đời đời
Chúa Giê-xu ngụ ý rằng người “làm việc trên cánh đồng của Ngài” và chia sẻ sứ điệp của Ngài sẽ được nhận phần thưởng. Người nào tiếp nhận sứ điệp của Ngài cũng sẽ hưởng được sự sống đời đời mà Đức Chúa Trời ban cho.
John 4:37
Câu Liên kết
Chúa Giê-xu tiếp tục nói chuyện với các môn đồ Ngài.
Người này gieo, người kia gặt
Các từ “gieo” và “gặt” là những từ ẩn dụ. Người “gieo” là người chia sẻ sứ điệp của Chúa Giê-xu. Người “gặt” là người giúp người khác tiếp nhận sứ điệp của Chúa Giê-xu. Tham khảo: "Người này gieo hạt, người kia thu hoạch.”
Chính các ngươi đã tham dự vào trong sự khó nhọc của họ
Từ “chính” nhấn mạnh thêm cho từ “các ngươi” theo sau. Để dịch từ này bạn nên sử dụng từ nào có thể nhấn mạnh vào một người.
John 4:39
Tin nơi Ngài
“Tin nơi” ai đó nghĩa là “tin cậy” người đó. Từ này cũng có nghĩa là họ tin Ngài là Con Đức Chúa Trời.
Ngài đã nói với tôi mọi việc mà tôi làm
Đây là lối nói cường điệu. Người nữ này rất ấn tượng với Chúa Giê-xu và cảm thấy rằng ắt hẳn Ngài biết hết mọi thứ về bà. Tham khảo: "Ngài đã nói với tôi về mọi điều trong cuộc đời tôi."
John 4:41
Lời Ngài
“Lời” là một từ hoán dụ, tượng trưng cho sứ điệp mà Chúa Giê-xu rao ra. Tham khảo: "sứ điệp của Ngài." (Xem: [[rc://vi/ta/vol2;translate/figs-metonymy]])
Thế gian
“Thế gian” là một từ hoán dụ chỉ về tất cả những người đang sống trên thế giới. Tham khảo: "tất cả mọi người trên thế giới."
John 4:43
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần tiếp theo trong câu chuyện khi Chúa Giê-xu đi xuống Ga-li-lê và chữa lành một cậu bé. Câu 44 cho chúng ta biết thông tin bối cảnh về điều mà Chúa Giê-xu đã nói

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trước đó.

Vì chính mình Chúa Giê-xu đã tuyên bố

Từ “chính mình” được thêm vào để nhấn mạnh.

Đấng tiên tri không được tôn trọng ở quê hương mình

“người ta không hề tôn trọng hay vị nể một đấng tiên tri ở quê mình” hoặc “đấng tiên tri không được những người trong cộng đồng của mình vị nể”

Ngày lễ

Ngày lễ ở đây là Lễ Vượt qua.

John 4:46

Bấy giờ

Từ này được dùng để đánh dấu phần phân chia trong mạch truyện chính và chuyển sang phần mới của câu chuyện. Dịch giả có thể dùng từ thay thế cho từ này trong ngôn ngữ dịch.

Viên quan thuộc hoàng gia

Người phục vụ nhà vua

Hấp hối

"sắp chết."

John 4:48

Nếu ông không thấy phép lạ và điều kỳ diệu thì anh sẽ không tin.

“Nếu không…không tin” là một dạng câu phủ định kép. Trong một số ngôn ngữ, dịch câu này ở dạng khẳng định sẽ tự nhiên hơn. Tham khảo: "Chỉ nếu các ngươi thấy phép lạ, các ngươi sẽ tin.”

Tin Lời

“Lời” là một từ hoán dụ nói đến thông điệp mà Chúa Giê-xu phán. Tham khảo: "tin các sứ điệp"

John 4:51

Trong khi

Từ này được dùng để đánh dấu hai sự kiện đang xảy ra cùng một lúc. Đang khi viên quan đó đang về nhà, các tôi tớ của ông đến gặp ông trên đường.

John 4:53

Vậy ông và cả nhà mình đều tin

Đại từ phản thân “chính Ngài” được dùng để nhấn mạnh từ “Ngài.” Nếu dịch giả có cách dịch từ này trong ngôn ngữ đích, thì có thể xem xét sử dụng từ đó.

Dấu hiệu

Phép lạ có thể được gọi là “dấu hiệu” vì chúng được dùng như những chỉ thị hoặc bằng chứng cho thấy rằng Đức Chúa Trời thật là Đấng giàu quyền năng, Đấng cầm quyền trên vạn vật.

Translation Questions

John 4:1

Chúa Giê-xu rời Giu-đê trở về xứ Ga-li-lê khi nào?

Chúa Giê-xu đã rời miền Giu-đê mà trở về xứ Ga-li-lê sau khi Ngài biết những người Pha-ri-si đã nghe rằng Ngài đang thu nạp và làm phép báp têm cho nhiều môn đồ hơn Giăng.

John 4:6

Chúa Giê-xu đã dừng lại ở đâu trên đường trở về Ga-li-lê?

Chúa Giê-xu đã dừng lại tại giếng Gia-cốp gần thành của người Sa-ma-ri, gọi là Si-kha.

John 4:9

Tại sao người đàn bà Sa-ma-ri lại ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu nói chuyện với bà?

Bà ngạc nhiên bởi vì người Do Thái không hề giao thiệp với người Sa-ma-ri.

John 4:11

Câu nói nào của người đàn bà nầy cho thấy bà không hiểu bản chất thuộc linh trong lời của Chúa Giê-xu?

Người đàn bà đáp: “Thưa ông, ông không có gầu múc nước, mà giếng thì sâu. Vậy ông lấy nước sống ấy ở đâu?”.

John 4:15

Chúa Giê-xu nói gì với người đàn bà về nước mà Ngài sẽ ban cho?

Chúa Giê-xu nói cùng người đàn bà rằng những người uống nước Ngài ban sẽ không bao giờ khác nữa và nước ấy sẽ như một mạch nước tuôn chảy đến tận sự sống đời đời.

Tại sao lúc nầy người đàn bà lại muốn nước mà Chúa Giê-xu ban cho đó?

Bà muốn ước ấy để mình không bị khát nữa và cũng không cần phải tới giếng nầy để múc nước nữa.

John 4:17

Người đàn bà đã trả lời Chúa Giê-xu ra sao khi Ngài kêu bà gọi chồng mình ra?

Bà trả lời Chúa Giê-xu rằng mình không có chồng.

John 4:19

Chúa Giê-xu đã nói gì khiến người đàn bà tin rằng Chúa Giê-xu là một đấng tiên tri?

Ngài bảo cùng bà rằng bà đã có năm đời chồng và người đang ở với bà hiện tại không phải là chồng của bà.

John 4:23

Chúa Giê-xu nói gì với người đàn bà về những người thờ phượng mà Cha đang tìm kiếm?

Chúa Giê-xu bảo cùng bà rằng Đức Chúa Trời là thần và một người thờ phượng thật sẽ lấy tâm trí và lẽ thật mà thờ lạy Ngài.

John 4:25

Khi người đàn bà thưa cùng Chúa Giê-xu rằng khi Đấng Mê-si-a (nghĩa là Chúa Cứu Thế) đến, Ngài sẽ công bố mọi điều cho họ thì Ngài nói với bà điều gì?

Ngài bảo cùng bà rằng Ngài chính là Đấng Mê-si-a (Chúa Cứu Thế).

John 4:28

Sau cuộc trò chuyện với Chúa Giê-xu, người đàn bà đã làm gì?

Người đàn bà bỏ vò nước của mình lại và đi ngược vào thành, nói với mọi người rằng: “Hãy đến mà xem một người đã nói mọi điề mà tôi đã làm. Đây chẳng là phải Chúa Cứu Thế sao?

John 4:34

Chúa Giê-xu nói rằng đồ ăn của Ngài là gì?

Chúa Giê-xu nói rằng đồ ăn của Ngài là làm theo ý muốn của Đấng đã sai Ngài đến và làm trọn công việc của Ngài.

John 4:39

Hai điều gì khiến người Sa-ma-ri ở thành đó tin Chúa Giê-xu?

Người đàn bà làm chứng cho nhiều người Sa-ma-ri ở thành đó tin vào Chúa Giê-xu. Nhiều người nữa tin bởi lời Chúa nói ra.

John 4:41

Hai điều gì khiến người Sa-ma-ri ở thành đó tin Chúa Giê-xu?

Người đàn bà làm chứng cho nhiều người Sa-ma-ri ở thành đó tin vào Chúa Giê-xu. Nhiều người nữa tin bởi lời Chúa nói ra.

John 4:46

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sau khi Chúa Giê-xu rời khỏi Giu-đa và trở về xứ Ga-li-lê, ai đã đến gặp Chúa Giê-xu và ông ấy muốn điều gì?

Một viên quan kia có con trai đang mắc bệnh tìm đến Chúa Giê-xu, và xin Ngài xuống chữa lành cho con ông ấy.

John 4:48

Chúa Giê-xu đã phán với viên quan điều gì về dấu lạ và phép mầu?

Chúa Giê-xu bảo với ông rằng người ra sẽ chẳng tin nếu họ không thấy dấu lạ và phép mầu.

John 4:53

Sau khi người cha của đứa trẻ bị ốm biết rằng con trai ông hiện đang sống và cơn sốt đã dứt vào ngày hôm qua khoảng giờ thứ bảy, tức là giờ mà Chúa Giê-xu đã bảo cùng ông rằng: “Con người sẽ sống”, kết quả là gì?

Kết quả là viên quan và cả nhà ông đều tin.

Chapter 5

John 5:1

Thông tin Tổng quát

Đây là sự việc tiếp theo trong câu chuyện, trong đó Chúa Giê-xu đi lên thành Giê-ru-sa-lem và chữa lành cho một người. Các câu này cho thấy thông tin coc7 bản về buổi cảnh của câu chuyện.

Sau việc này

Từ này nói đến sau khi Chúa Giê-xu đã chữa lành cho con của quan triều đình. Xem cách dịch JHN03:22.

Có một lễ hội của người Do Thái

"Người Do Thái đang tổ chức một kì lễ"

Đi lên thành Giê-ru-sa-lem

Thành Giê-ru-sa-lem nằm trên đỉnh một ngọn đồi. Đường đi đến Giê-ru-sa-lem thì phải lên xuống những ngọn đồi nhỏ, nhưng nếu ngôn ngữ của bạn có từ nào khác diễn tả việc đi lên đồi thì nên dùng ở đây.

Hồ

Một cái hố trên đất chứa đầy nước.

Bê-tết-đa

“Bê-tết-đa” có nghĩa là nhà của sự thương xót

Vòm cổng

Cấu trúc cổng vòm sẽ được xây nối liền thông vào trong tòa nhà.

Đông người

"Nhiều người"

John 5:5

Thông tin Tổng quát

Câu 5 giới thiệu câu chuyện về một người nằm bên cạnh cái ao.

ở đó

“tại hồ Bê-tết-đa”

Một người bị què

"người bại liệt"

Ba mươi tám tuổi

38 tuổi

Ngài nhận ra

“Ngài hiểu”

Ngài hỏi người ấy rằng

"Chúa Giê-xu phán cùng người bại"

John 5:7

Thưa ông, tôi không

Từ “thưa ông” ở đây mang sắc thái trang trọng. Tham khảo:

"Thưa Ngài, không có ai"

Khi mặt nước bị khuấy động

“khi thiên sứ làm động mặt nước”

Xuống hồ

Đây là một chỗ trũng dưới đất mà người ta đổ đầy nước. Đôi khi người ta lát đá hoặc xây đá quanh ao.

Người khác đã xuống trước thôi

“người khác luôn xuống nước trước trôi”. Người ta sẽ đi bằng cầu thang xuống dưới chỗ nước trong hồ.

Hãy dậy

“Hãy đứng lên”

Hãy đứng dậy vác giường anh và đi

"Hãy vác chiếu của ngươi và đi!"

John 5:9

Người ấy được chữa lành

“người ấy được khỏe mạnh trở lại”

Bấy giờ

Từ “bấy giờ” được Giăng dùng để cung cấp thông tin bối cảnh mà sự kiện này diễn ra vào ngày Sa-bát.

John 5:10

Vì vậy

Từ này biểu thị một sự việc xảy ra theo sau một sự việc khác đã diễn ra trước đó. Trong trường hợp này, Chúa Giê-xu đã chữa lành cho một người vào ngày Sa-bát.

Người đã chữa lành cho tôi

“Người đã khiến tôi được lành”

John 5:12

Họ hỏi người

“Các nhà lãnh đạo Do Thái hỏi người đàn ông đã được chữa lành”

John 5:14

Chúa Giê-xu gặp người

“Chúa Giê-xu gặp người đàn ông mà Ngài đã chữa lành”

Hãy xem

Tham khảo cách dịch: “Nhìn xem” hoặc “Hãy lắng nghe” hoặc “Hãy chú ý vào những điều ta sắp sửa phán cùng ngươi”

John 5:16

Bấy giờ

“Bấy giờ” biểu thị cho việc Giăng đưa ra kết luận về thái độ của những nhà lãnh đạo Do Thái đối với Chúa Giê-xu.

Việc

Từ này nói đến việc lao động hoặc bất cứ việc nào được thực hiện để phục vụ người khác.

Tự cho mình là bình đẳng với Đức Chúa Trời

“cho rằng người giống với Đức Chúa Trời” hoặc “tuyên bố người có thẩm quyền như Đức Chúa Trời”

Cha Ta

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

John 5:19

Câu Liên kết:

Chúa Giê-xu tiếp tục nói chuyện với những nhà lãnh đạo Do Thái

Quả thật, quả thật

Hãy dịch từ này như đã dịch trong JHN01:49

Các con phải kinh ngạc

"các ngươi sẽ kinh ngạc” hoặc “các ngươi sẽ sửng sốt”

việc gì Cha đang làm thì Con cũng làm những việc ấy. Vì Cha yêu Con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Giê-xu, là Con Đức Chúa Trời, noi theo và tuân theo sự hướng dẫn của Cha Ngài trên thế gian, vì Ngài biết rằng Cha yêu Ngài.

Con…Cha

Đây là danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời.

yêu

Tình yêu đến từ Đức Chúa Trời chú trọng vào lợi ích của người khác, ngay cả khi người mang tình yêu đó phải hy sinh. Chính Đức Chúa Trời là tình yêu và là nguồn tình yêu thật sự.

John 5:21

Vì như Cha khiến người chết sống lại và ban cho họ sự sống…Con cũng ban sự sống cho bất cứ ai Con muốn thể ấy

Từ “vì” thể hiện một sự so sánh. Con Đức Chúa Trời (Đức Chúa Con) ban sự sống như Đức Chúa Cha ban sự sống.

Con…Cha

Đây là danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời.

Sự sống

Từ này có nghĩa là “sự sống thuộc linh”

Vì Cha không phán xét bất cứ ai, nhưng giao tất cả quyền phán xét cho Con

Từ “vì” thể hiện một sự so sánh. Con Đức Chúa Trời thi hành sự phán xét thay cho Đức Chúa Cha.

tôn kính Con thì tôn kính Cha. Ai không tôn kính Con thì cùng không tôn kính Cha

Đức Chúa Con phải được tôn kính và thờ phượng như Đức Chúa Cha. Nếu chúng ta không tôn kính Đức Chúa Con, thì chúng ta cũng sẽ không tôn kính Đức Chúa Cha.

John 5:24

Quả thật, quả thật

Dịch như trong Giăng 1:49-51

Sẽ không bị phán xét nhưng

Tham khảo: "sẽ được xét là công bình và”

John 5:25

Quả thật, quả thật

Đây là cách để nhấn mạnh. Hãy dịch cụm từ này nhưng bạn hãy thêm ý nhấn mạnh cho cụm từ quan trọng.

người chết nghe tiếng Ta, là Con Đức Chúa Trời, và những người nghe sẽ sống.

Tiếng Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, sẽ khiến người chết sống lại khỏi mồ.

Đức Chúa Con

Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu.

John 5:26

Như Cha có sự sống trong mình như thể nào, thì Ngài ban cho Con sự sống trong Ngài thể ấy

Từ “vì” cho biết đây là một lối so sánh. Con Đức Chúa Trời có cùng một sự sống trong Ngài như Đức Chúa Cha có.

Cha…Con Người

Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.

Sự sống

Từ này có nghĩa là sự sống tâm linh

Cha đã ban cho Con quyền để thực hành sự phán xét

Con Đức Chúa Trời được Đức Chúa Cha ban cho quyền đoán xét.

John 5:28

Nghe tiếng Ngài

“nghe tiếng Con Người”

John 5:30

Chẳng làm được gì bởi

Dịch như trong Giăng 05:19

Ý muốn của Đấng đã sai Ta

Đại từ “Đấng” nói về Đức Chúa Cha.

John 5:33

Lời chứng mà ta nhận lấy chẳng phải từ loài người

“ta không cần lời chứng của loài người”

Được cứu

Từ này có nghĩa là “được cứu” theo nghĩa thuộc linh. Nếu một người đã “được cứu”, thì có nghĩa là Đức Chúa Trời đã tha thứ cho người và giải cứu người khỏi bị hình phạt ở địa ngục vì tội mình đã phạm.

Giăng là ngọn đèn được thắp lên và soi sáng

Giăng bày tỏ sự thánh khiết của Đức Chúa Trời như ngọn đèn chiếu sáng.

John 5:36

Làm xong việc Cha đã giao Ta…làm chứng…rằng Cha đã sai Ta

Đức Chúa Cha đã sai Đức Chúa Con, là Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, xuống thế gian. Chúa Giê-xu đã hoàn tất việc Cha giao cho Ngài.

Cha

Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Các ngươi không có lời Ngài vì các ngươi không tin nơi người mà Ngài đã sai đến

Tham khảo: "Các ngươi không tin Đấng đã được Ngài sai đến. Đó là làm sao mà Ta biết rằng trong các ngươi không có Lời Ngài.” Để nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, con người phải tin Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, là Đấng mà Cha đã sai đến. Các danh từ “Cha” và “Con” phải được dịch chính xác để xác định Đấng mà chúng ta phải tin.

ở trong các ngươi

“ở với các ngươi”

John 5:39

Trong đó các ngươi có sự sống đời đời

“các ngươi sẽ tìm được sự sống đời đời nếu các ngươi đọc Kinh Thánh” hoặc “Kinh Thánh sẽ cho các ngươi biết cách để có được sự sống đời đời”

Để các ngươi có thể có sự sống

“Sự sống” ở đây là “sự sống đời đời”

John 5:41

Tiếp nhận

“chấp nhận”

Các ngươi không có tình yêu thương của Đức Chúa Trời ở trong mình

Có thể hiểu: 1) “Thực sự các ngươi chẳng hề yêu mến Đức Chúa Trời” (xem bản dịch UDB) hoặc 2) “Thực sự các ngươi chẳng hề tiếp nhận tình yêu của Đức Chúa Trời”

John 5:43

Nhân danh Cha

Từ “danh” chỉ về quyền năng và thẩm quyền của Cha.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Tiếp nhận

“chấp nhận”

Làm sao các ngươi tin khi các ngươi chỉ nhận sự ca tụng... Đức Chúa Trời?

“Các ngươi chẳng thể tin, bởi vì các người chỉ nhận sự ca

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tụng... Đức Chúa Trời!”
tin
Từ này có nghĩa là tin Chúa Giê-xu.
Ta nhân danh Cha Ta mà đến...từ Đức Chúa Trời duy nhất
Chúa Giê-xu đã đến thế gian nhân danh Đức Chúa Cha, là Đức Chúa Trời duy nhất.
John 5:45
Có một người khác buộc tội các ngươi
Đức Chúa Trời đã ban luật pháp, đó là, những điều kiện trong giao ước, cho dân Y-sơ-ra-ên qua Môi-se. Đây là điều người Do Thái có hàm ý khi họ thường nói, “Môi-se đã ban luật pháp cho chúng tôi.” Nhưng đối với dân Y-sơ-ra-ên là những người không vâng theo luật pháp, Chúa Giê-xu ngụ ý rằng Môi-se sẽ tố cáo họ vì sự bất tuân của họ. Nhưng danh từ “Môi-se” ở đây tượng trưng cho chính luật pháp.
Niềm hy vọng của các ngươi
Tham khảo: "sự tin của các ngươi
Nếu các ngươi không tin những lời Môi-se đã viết thì làm sao các ngươi tin lời Ta được?
“Các ngươi chẳng tin những lời người đã viết, nên các người sẽ chẳng bao giờ tin lời Ta”
Lời Ta?
“những điều ta nói”

Translation Questions

John 5:5
Tại Bê-tết-đa, Chúa Giê-xu đã hỏi người nào: “Người có muốn được lành không?”
Chúa Giê-xu đã hỏi một người đàn ông tàn tật trong suốt ba mươi tám năm, là người đã nằm ở đó một thời gian dài.
John 5:7
Người đàn ông tật nguyền đó đã đáp lại câu hỏi: “Ngươi có muốn được lành” của Chúa Giê-xu ra sao?
Người đó đáp rằng: “Thưa ông, tôi chẳng có ai quăng tôi xuống hồ nước khi mặt nước động cả. Khi tôi cố đi đến đó thì đã có người khác xuống trước tôi rồi”.
John 5:9
Chuyện gì đã xảy ra khi Chúa Giê-xu phán với người đàn ông ấy là: “Hãy đứng dậy, vác giường ngươi mà đi”?
Lập tức, người đó được chữa lành, vác giường mình lên mà đi.
Tại sao các nhà lãnh đạo Do Thái lại tỏ ra khó chịu khi họ nhìn thấy người đàn ông đau yếu nầy vác giường mình mà đi?
Họ cảm thấy khó chịu bởi vì hôm đó là ngày Sa-bát, và họ cho rằng người đó không được phép vác giường mình trong ngày Sa-bát.
John 5:10
Tại sao các nhà lãnh đạo Do Thái lại tỏ ra khó chịu khi họ nhìn thấy người đàn ông đau yếu nầy vác giường mình mà đi?
Họ cảm thấy khó chịu bởi vì hôm đó là ngày Sa-bát, và họ cho rằng người đó không được phép vác giường mình trong ngày Sa-bát.
John 5:14
Chúa Giê-xu đã phán gì với người đàn ông đau yếu đã được chữa lành sau khi Ngài bắt gặp ông trong đền thờ?
Chúa Giê-xu phán cùng người: “Nầy, ngươi đã được lành bệnh rồi, đừng phạm tội nữa, e có điều càng tồi tệ hơn xảy đến cho ngươi chăng”.
John 5:19
Chúa Giê-xu đã làm gì?
Ngài làm những việc Ngài đã thấy Cha mình làm.
John 5:21
Những việc lớn lao hơn mà Đức Chúa Cha đã tỏ cho Con khiến những người lãnh đạo Do Thái phải ngạc nhiên là gì?
Đức Chúa Cha đã khiến người chết sống lại và ban cho họ sự sống, giống vậy Con cũng có thể ban sự sống cho bất cứ ai Ngài muốn.
John 5:24
Chuyện gì xảy ra nếu các ngươi tin lời Chúa Giê-xu và tin nơi Cha là Đấng đã sai Ngài đến?
Nếu vậy, các ngươi sẽ có được sự sống đời đời và sẽ không bị phán xét, nhưng vượt khỏi sự chết mà vào sự sống.
John 5:26
Đức Chúa Cha đã ban cho Con điều gì có liên quan đến sự sống?
Đức Chúa Cha đã ban cho Con sự sống trong chính mình Ngài.
John 5:28
Chuyện gì xảy ra nếu tất cả những kẻ trong phần mộ nghe tiếng Đức Chúa Cha?
Họ sẽ bước ra. Những người đã làm điều lành thì sống lại để được sự sống, còn những kẻ làm dữ thì sống lại để bị phán xét.
John 5:30
Tại sao sự phán xét của Chúa Giê-xu là công bình?
Sự phán xét của Ngài là công bình bởi vì Ngài không tìm ý riếng mình, nhưng tìm ý muốn của Đấng đã sai Ngài đến.
John 5:39
Tại sao các nhà lãnh đạo Do Thái tra cứu Kinh Thánh?
Họ tra cứu Kinh Thánh bởi vì họ nghĩ rằng trong đó có sự sống đời đời.
Kinh Thánh làm chứng về ai?
Kinh Thánh làm chứng về Chúa Giê-xu.
John 5:45
Ai sẽ tố cáo các nhà lãnh đạo Do Thái trước mặt Đức Chúa Cha?
Môi-se sẽ tố cáo các nhà lãnh đạo Do Thái trước mặt Đức Chúa Cha.

Chapter 6

John 6:1
Thông tin Tổng quát:
Đây là phần tiếp theo trong câu chuyện. Một đám đông đi theo Chúa Giê-xu lên dốc một ngọn núi. Các câu này cho thấy bối cảnh của phần này trong câu chuyện.
Sau những việc nầy
Cụm từ “những việc nầy” chỉ những sự kiện trong Giăng 05:1-46. Tham khảo cách dịch: “Ít lâu sau”
Chúa Giê-xu đi ra
"Chúa Giê-xu đi qua” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc “Chúa Giê-xu đi”
Một đoàn dân đông
“Rất nhiều người”
Dấu lạ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ này nói đến kiểu phép lạ được dùng như những thứ biểu thị hoặc bằng chứng cho rằng Đức Chúa Trời là Đấng đầy quyền năng, Ngài hoàn toàn cầm quyền trên vạn vật.
John 6:4
Thông tin Tổng quát:
Hành động trong câu chuyện bắt đầu từ câu 5.
Lúc ấy, lễ Vượt Qua, là đại lễ của dân Do Thái, đã gần tới
Giăng ngưng lại một chút không đề cập đến những sự kiện trong câu chuyện để cung cấp thông tin nền về bối cảnh xảy ra nhưng việc đó.
Lúc ấy, Chúa Giê-xu nói như vậy để thử Phi-líp, vì chính Ngài đã biết điều mình sẽ làm rồi
Giăng dừng việc kể chuyện một lúc để giải thích lí do tại sao Chúa Giê-xu lại hỏi Phi-líp mua bánh ở đâu.
Vì chính Ngài đã biết
Từ "chính Ngài" làm rõ từ "Ngài" ở đây chính là chỉ về Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu biết điều mình sẽ làm.
John 6:7
Hai trăm đơ-ni-ê mua bánh
"bánh giá bằng tiền lương của hai trăm ngày làm việc".
Bánh mì lúa mạch
Những ổ bánh mì nhỏ, đặc, tròn được làm từ lúa mì.
Chừng nầy có thấm vào đâu?
"số bánh và cá ít ỏi nầy chẳng đủ để cho ngần nấy người ăn"
John 6:10
Ngồi xuống
Hoặc "nằm xuống", tùy thuộc vào văn hóa vùng miền nơi bạn.
Bấy giờ, chỗ nầy có nhiều cỏ
Đây là một nơi thoải mái để ngồi
Mọi người... dân chúng.... dân chúng
Đoàn dân đông
Năm ngàn
Có thể lúc đó đám đông có cả phụ nữ và trẻ em nhưng người ta chỉ tính những người nam.
Tạ ơn
Chúa Giê-xu cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha và cảm ơn Ngài về số bánh và cá.
Ngài phân phát
Trước tiên, Chúa Giê-xu bẻ bánh và cá chuyền cho các môn đồ. Các môn đồ chuyền bánh và cá đến cho dân chúng.
John 6:13
Thông tin tổng quát:
Chúa Giê-xu rời khỏi đám đông. Đây là phần cuối của câu chuyện nói về việc Chúa Giê-xu cho đoàn dân ăn trên núi.
Họ thu gom
"các môn đồ thu gom"
Miếng thừa
Số đồ ăn người ta chưa dùng.
Dấu lạ nầy
Chúa Giê-xu cho 5,000 người ăn với 5 ổ bánh lúa mạch và hai con cá.
John 6:16
Câu Liên kết
Đây là sự kiện tiếp theo trong câu chuyện; các môn đồ của Chúa Giê-xu chèo thuyền trên hồ.
Lúc nầy, trời đã tối nhưng Chúa Giê-xu vẫn chưa đến với họ
Dùng cách diễn đạt trong ngôn ngữ của bạn để cho thấy đây là thông tin bối cảnh.
John 6:19
Các môn đồ đã chèo
Thường thường trên thuyền, mỗi bên thuyền sẽ có 4 hoặc 6 người cầm chèo để chèo cùng nhau. Có thể văn hóa nơi sẽ có những để dùng thuyền vượt qua những chỗ nước lớn.
Khoảng hai mươi lăm hoặc ba mươi ếch-ta-đơ
"khoảng năm hoặc sáu ki-lô-mét". 1 ếch-ta-đơ = 185m
John 6:22
Biển
Biển Ga-li-lê
Nhưng, có những.... Chúa đã tạ ơn
Sử dụng cách diễn đạt nào cho thấy đây là thông tin bối cảnh.
Những chiếc thuyền đến từ Ti-bê-ri-át
Những chiếc thuyền đến sau khi các môn đồ rời đi, nhưng trước đó người ta "không thấy chiếc thuyền nào khác ở đó"
John 6:24
Thông tin Tổng quát:
Đám đông bắt đầu chất vấn Chúa Giê-xu.
John 6:26
Quả thật, quả thật
Dịch như trong Giăng 1:49-51
sự sống đời đời mà Con Người sẽ ban cho các ngươi, vì Đức Chúa Trời là Cha đã ấn chứng trên Ngài
Đức Chúa Cha đã chấp thuận để Chúa Giê-xu, là Con Người và Con Đức Chúa Trời, ban sự sống đời đời cho những ai tin nơi Ngài. Cha và Con đã hoàn tất sự tha thứ và sự sống đời đời.
Con Người…Đức Chúa Cha
Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời.
ấn chứng trên Ngài
"Đóng ấn" một vật gì đó có nghĩa là đóng dấu lên vật đó để cho biết rằng đã có người sở hữu vật đó. Từ này có nghĩa là Con thuộc về Cha.
John 6:30
Tổ tiên
"tổ tiên"
Thiên đàng
Từ này chỉ về nơi Đức Chúa Trời ngự.
John 6:32
Quả thật, quả thật
Dịch như trong Giăng 1:49-51
là Cha ta là đấng đã ban cho các ngươi bánh từ trời
Cha ban "bánh thật" từ trời, là Chúa Giê-xu, Con Ngài. Cha và Con, cùng với Thánh Linh, ban sự sống thuộc thể, sự sống thuộc linh, và sự sống đời đời.
Cha Ta
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Bánh thật
Chúa Giê-xu so sánh chính Ngài với bánh. Bánh (đồ ăn) cần thiết cho sự sống trên đất này ra sao thì Chúa Giê-xu cũng cần thiết cho đời sống thuộc linh của chúng ta như vậy.
Sự sống
Từ này nói đến sự sống thuộc linh
John 6:35
Ta là bánh của sự sống
Chúa Giê-xu đang so sánh chính mình Ngài với bánh. Bánh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

(đồ ăn) cần thiết cho sự sống trên đất này ra sao thì Chúa Giê-xu cũng cần thiết cho đời sống thuộc linh của chúng ta như vậy.
tin
Từ này có nghĩa là tin rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, tin cậy Ngài là Đấng Cứu Thế, và sống một đời sống tôn kính Ngài.
Tất cả những ai mà Cha ban cho Ta sẽ đến cùng Ta
Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con đồng thực hiện công việc cứu những người tin nơi Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Cha.
Cha
Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Người nào đến cùng Ta, Ta tuyệt đối sẽ không xua đuổi đâu
“Ta sẽ giữ mọi kẻ đến cùng Ta”
John 6:38
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục nói với đám đông.
Đấng đã sai Ta
“Cha Ta là Đấng đã sai Ta”
Không để mất một ai
Tham khảo: "Ta phải giữ tất cả bọn họ"
Ý muốn của Cha Ta...mọi người nhìn Ta và tin Ta là Con thì sẽ có sự sống đời đời
Chúa Giê-xu giải thích rằng kế hoạch của Cha đem lại sự sống đời đời cho những ai tin “Con”, là Con Đức Chúa Trời, Chúa Cứu Thế Giê-xu, Đấng sẽ làm sống lại và ban vinh hiển cho thân thể của những ai tin Ngài.
John 6:41
Câu Liên kết:
Các nhà lãnh đạo Do Thái ngắt lời Chúa Giê-xu khi Ngài đang giảng cho đám đông.
Càu nhàu
Nói cách không vui
Ta là bánh
Dịch như trong Giăng 6:35
John 6:43
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục nói chuyện với đám đông và bây giờ là với những nhà lãnh đạo Do Thái.
kéo
Có thể hiểu: 1) “lôi kéo” (Giăng 21:4-6) hoặc 2) “thu hút” (Giăng 12:32)
Có lời chép trong các sách tiên tri
“Các nhà tiên tri đã viết”
Người nào đã nghe và biết Cha thì đến cùng Ta
Người Do Thái nghĩ Chúa Giê-xu là “con của Giô-sép” (see JHN06:41
Cha
Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
John 6:46
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục nói với đoàn dân và các nhà lãnh đạo Do Thái.
Quả thật, quả thật
Dịch như trong Giăng 1:49-51
Không ai thấy được Cha, ngoại trừ Đấng được Đức Chúa Trời sai đến
Dù không ai sống trên đất từng thấy Đức Chúa Cha, nhưng Chúa Giê-xu, là Con Đức Chúa Trời, đã thấy Cha.
Cha
Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Ai tin thì có sự sống đời đời
"sự sống đời đời" là kết quả của việc tin Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời
John 6:48
Ta là bánh của sự sống
Dịch như trong Giăng 6:35
Tổ tiên
"tổ phụ
Chết
Từ này nói đến sự sống thuộc thể.
John 6:50
Đây là bánh
Tham khảo: Giăng 6:35
Không chết
"sống đời đời." Ở đây, từ “chết” nói đến sự chết thuộc linh.
Bánh sự sống
Có thể hiểu: 1) giống như “bánh của sự sống” (Giăng 6:35) hoặc 2) “bánh đương sống động” giống như thể người ta con sống, trái ngược với “chết”
John 6:52
Câu Liên kết:
Một số người Do Thái có mặt tại đó bắt đầu cãi vã nhau và Chúa Giê-xu trả lời câu hỏi của họ.
Quả thật, quả thật
Dịch như trong Giăng 1:49-51
Ăn thịt và uống huyết Con Người
Tiếp nhận Con Người trong đức tin giống như tiếp nhận đồ ăn thức uống vậy.
John 6:54
Câu Liên kết:
Chúa Giê-xu tiếp tục nói với những ai đang lắng nghe Ngài.
Đồ ăn thật... thức uống thật
Tin nhận Chúa Giê-xu đem đến sự sống đời đời y như cách đồ ăn thức uống nuôi dưỡng thân thể vật lí nầy vậy.
John 6:57
Cha hằng sống
Có thể hiểu: 1) “Đức Chúa Cha là Đấng ban sự sống” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “Đức Chúa Cha là Đấng hiện đương sống” như loài người và động vật sống động, trái ngược với “chết” (Giăng 06:50-51)
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Cha hằng sống đã sai Ta đến...vì Cha...người ăn thịt Ta...sẽ... vì Ta mà sống
Chúa Giê-xu được Cha Ngài sai đến thế gian, và Ngài sống như một con người vì cớ Đức Chúa Cha. Vì Đức Chúa Con được Đức Chúa Cha sai đến, nên Chúa Giê-xu là nguồn sự sống đời đời.
Tổ tiên
"tổ phụ"
Chúa Giê-xu phán những điều này trong nhà hội, trong khi Ngài dạy dỗ ở Ca-bê-na-um
Đây là thông tin bối cảnh về thời điểm sự kiện này xảy ra.
John 6:60
Ai có thể chấp nhận được những lời nầy?
“Không ai có thể chấp nhận được những lời đó” hoặc “Những lời nầy thật không thể chấp nhận được”
Điều này làm cho các ngươi vấp phạm sao?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo cách dịch: “Ta lấy làm ngạc nhiên khi điều này làm cho các người vấp phạm”

Làm cho các ngươi vấp phạm

“khiến các ngươi từ bỏ niềm tin của mình” hoặc “khiến các ngươi căm phẫn”

John 6:62

Vậy, nếu như các ngươi thấy Con Người ngự lên nơi Ngài vốn ở trước kia thì sao?

“Có lẽ các ngươi sẽ tin sứ điệp của ta nếu các ngươi thấy Ta, là Đấng từ trời xuống, thăng thiên về trời nơi ta vốn ở trước đây”

Ích lợi

Từ này có nghĩa là đem đến những sự tốt đẹp.

Những lời

“sứ điệp”. Có thể hiểu: 1) những lời Ngài phán trong Giăng 06:32-58 hoặc 2) tất cả những điều Ngài dạy

Lời Ta đã nói cùng các ngươi

"Những lời mà Ta đã phán cùng các ngươi"

Thần linh

Có thể mang nghĩa 1) Đức Thánh Linh hoặc 2) những điều thiêng liêng.

Là thần linh và sự sống

Cả hai từ này đều có chung nghĩa giống nhau. Tham khảo cách dịch: “Những điều ta đã bảo cùng các ngươi đem đến sự sống thuộc linh”

John 6:64

không ai có thể đến cùng ta trừ khi được Cha cho phép

Sự đến gần Chúa Giê-xu, là Đức Chúa Con, được ban cho bởi Cha Ngài. Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con đồng là con đường dẫn đến sự cứu chuộc và sự tha thứ đời đời. Bất cứ ai muốn tin phải đến với Đức Chúa Trời qua Cha và Con.

Đến với Ta

“theo Ta”

Cha

Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

John 6:66

Môn đồ của Ngài

Ở đây, “môn đồ của Ngài” chỉ đến một nhóm những người đã theo Chúa Giê-xu nói chung.

Mười hai người

Đây là một nhóm riêng biệt gồm mười hai người đã theo Chúa Giê-xu trong suốt thời gian chức vụ của Ngài. Có thể dịch thành “mười hai môn đồ”

John 6:70

Chẳng phải Ta đã chọn các ngươi là mười hai môn đồ sao mà một người trong các ngươi là quỷ?

"Chính ta đã chọn hết thảy các ngươi, nhưng một trong số các ngươi là đầy tớ của Sa-tan”

Translation Questions

John 6:1

Tên gọi khác của biển hồ Ga-li-lê là gì?

Biển hồ Ga-li-lê hay còn được gọi là biển Ti-bê-ri-át.

John 6:4

Khi Chúa Giê-xu đi lên núi và ngồi đó với các môn đồ, Ngài ngước mắt lên và nhìn thấy điều gì?

Ngài nhìn thấy một đoàn dân đông đi đến cùng mình.

John 6:7

Phản ứng của Phi-líp ra sao trước câu hỏi của Chúa Giê-xu “Chúng ta sẽ mua bánh ở đâu để cho những người nầy ăn?

Phi-líp thưa rằng: “Hai trăm đơ-ni-ê bánh cũng không đủ cho mỗi người một ít”.

John 6:10

Có khoảng bao nhiêu người nam có mặt tại đó?

Có khoảng năm ngàn người tại đó.

John 6:13

Sau bữa ăn, số bánh mì thu nhặt lại là bao nhiêu?

Các sứ đồ đã lượm được 12 giỏ đầy bánh thừa từ năm ổ bánh, những phần bánh còn thừa lại từ những người đã ăn.

John 6:19

Tại sao các môn đồ bắt đầu sợ hãi?

Họ sợ hãi bởi vì họ thấy Chúa Giê-xu đi bộ trên biển mà đến gần con tàu.

John 6:26

Chúa Giê-xu nói lí do mà đoàn dân đông tìm Ngài là gì?

Chúa Giê-xu phán rằng họ tìm kiếm Ngài chẳng phải vì họ đã thấy dấu lạ, nhưng vì họ đã ăn ít bánh và được no nê.

John 6:30

Đoàn dân đông đòi Chúa Giê-xu dấu lạ như ma-na tức là bánh từ trời mà tổ phụ đã cho họ ăn. Sau đó, Chúa Giê-xu đã phán với họ về bánh gì?

Chúa Giê-xu nói về bánh thật từ trời của Đức Chúa Trời để ban sự sống cho thế gian. Đoạn, Chúa Giê-xu nói với họ rằng Ngài chính là bánh sự sống đó.

John 6:35

Đoàn dân đông đòi Chúa Giê-xu dấu lạ như ma-na tức là bánh từ trời mà tổ phụ đã cho họ ăn. Sau đó, Chúa Giê-xu đã phán với họ về bánh gì?

Chúa Giê-xu nói về bánh thật từ trời của Đức Chúa Trời để ban sự sống cho thế gian. Đoạn, Chúa Giê-xu nói với họ rằng Ngài chính là bánh sự sống đó.

John 6:46

Ai đã thấy Cha?

Chỉ duy nhất Ngài là Đấng đến từ Đức Chúa Trời mà đến đã nhìn thấy Cha.

John 6:57

Tại sao Chúa Giê-xu sống?

Chúa Giê-xu sống nhờ Đức Chúa Cha.

John 6:60

Những môn đồ phản ứng như thế nào sau khi nghe Chúa Giê-xu giảng về việc ăn thịt và uống huyết của Ngài?

Khi các môn đồ nghe những lời dạy dỗ thì họ nói rằng: “Lời dạy dỗ này thật khó; ai có thể chấp nhận được?”. Sau đó có nhiều môn đồ quay đi và không đi với Chúa nữa.

John 6:64

Ngay từ đầu, Chúa Giê-xu đã biết gì về con người?

Chúa Giê-xu biết ngay từ thuở ban đầu ai là người sẽ không tin và ai là kẻ phản Ngài.

John 6:70

Chúa Giê-xu đang nhắm tới ai khi Ngài phán rằng một trong số mười hai môn đồ là quỷ?

Chúa Giê-xu nói về Giu-đa, con của Si-môn Ích-ca-ri-ốt, vì ông chính là kẻ sẽ phản Chúa Giê-xu trong số mười hai sứ đồ.

Chapter 7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

John 7:1
Sau việc này
Tham khảo: "Và sau khi Ngài đã dạy các môn đồ" (JHN06:66
Đi
"đi bộ"
John 7:3
Anh em
Từ này nói đến anh em ruột thịt, là các con trai của Ma-ri và Giô-sép.
Thiên hạ
“hết thảy mọi người” hoặc “tất cả mọi người”
John 7:8
Các ngươi
ở dạng số nhiều
John 7:10
Ngài cũng đi lên
Thành Giê-ru-sa-lem ở một nơi cao hơn
nhưng Ngài cẩn thận không cho bất cứ ai biết
Hai cụm từ này có đồng một nghĩa, được lặp lại nhằm nhấn mạnh. Một số ngôn ngữ nhấn mạnh theo một cách khác.
Tham khảo: "rất kín đáo."
John 7:12
Sợ
Từ này nói đến cảm giác khó chịu khi một người đối diện với mối nguy đến chính mình hoặc người khác.
John 7:14
Làm sao người nầy biết nhiều như vậy?
“Ông ta không thể biết Kinh Thánh nhiều như vật được”
Của Đấng đã sai Ta đến
Từ “Đấng” ở đây chỉ về Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha
John 7:17
Nhưng kẻ nào tìm kiếm vinh quang của Đấng đã sai mình đến là người chân bật, trong người ấy chẳng có điều gì bất chính
“Nhưng ta làm những việc nầy đặng người ta sẽ tôn vinh Đấng đã sai Ta, và Ta là người nói lẽ thật. Ta chẳng bao giờ nói dối”
John 7:19
Chẳng phải Môi-se đã ban luật pháp cho các ngươi sao?
“Chính là Môi-se đã ban luật pháp cho các ngươi”
Sao các ngươi lại muốn giết Ta?
“Các ngươi lại cố giết Ta”
Ông bị quỷ ám
“Ông điên rồi”
Có ai muốn giết ông đâu?
“Chẳng ai cố giết ông cả!”
John 7:21
Một việc
“một phép lạ” hoặc “một dấu lạ”
(không phải từ Môi-se, mà từ các tổ phụ)
Ở đây, tác giả đang cung cấp thêm thông tin.
John 7:23
Sao các ngươi nổi giận cùng ta khi Ta chữa lành cho một người trong ngày Sa-bát?
“Các ngươi chẳng nên nổi giận cùng Ta khi Ta chữa lành cho một người trong ngày Sa-bát”
John 7:25
Đây chẳng phải là người mà người ta tìm giết sao?
“Đây chính là Giê-xu mà người ta đang tìm giết”
John 7:28
Các ngươi biết Ta và cũng biết Ta từ đâu đến
Các ngươi- ở dạng số nhiều
Là Đấng chân thật
Tham khảo: "là chứng cớ thật”
John 7:30
Khi Chúa Cứu Thế đến, Ngài sẽ làm nhiều dấu lạ hơn người nầy đã làm không?
“Khi Chúa Cứu Thế đến, Ngài sẽ không thể nào làm nhiều dấu lạ hơn người nầy đã làm”
phép lạ
Từ này nói đến các phép lạ chứng minh rằng Ngài là Chúa Cứu Thế.
John 7:33
Đấng đã sai Ta
Tham khảo: Đức Chúa Cha
John 7:35
Tản lạc
Người Do Thái bị tản lạc khắp thế giới thời Hy Lạp, bên ngoài xứ Pa-lét-tin.
John 7:37
Bấy giờ
Từ “bấy giờ” ở đây được dùng để đánh dấu chuyển biến trong cốt truyện
Ngày trọng thể
Đó là ngày “trọng thể” bởi vì đó là ngày cuối cùng, hay là ngày quan trọng nhất trong kỳ lễ.
Nếu người nào khát
Mong muốn những điều thuộc về Đức Chúa Trời, giống như một người mong muốn hoặc “khát” nước vậy.
Hãy để người đến cùng Ta mà uống
Từ “người” ở đây chỉ đến về “bất cứ một người nào”. Từ “khát” ở đây tượng trưng cho việc tìm kiếm sự thỏa mãn tâm linh trong Chúa Cứu Thế.
Kinh Thánh
“Kinh Thánh” đại diện cho những lời tiên tri về Chúa Cứu Thế. Đây không phải là câu trích dẫn trực tiếp từ bất cứ một phân đoạn Cựu Ước nào.
Những sông nước hằng sống về tuôn tràn
Chúa Cứu Thế sẽ đáp ứng đầy tràn cho những người “khát” thuộc linh nhiều tuôn tràn cho những người xung quanh.
Nước hằng sống
Có thể hiểu: 1) “dòng nước mang đến sự sống” hoặc “dòng nước khiến người ta được sống” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) nước tự nhiên chảy từ suối ra, đối nghịch với nước múc lên từ giếng.
John 7:39
Nhưng Ngài
“Ngài” ở đây chỉ về Chúa Giê-xu
John 7:40
Không thể tin được, chẳng lẽ Chúa Cứu Thế lại đến từ miền Ga-li-lê sao?
"Chúa Cứu Thế không thể đến từ miền Ga-li-lê" (Tham khảo bản dịch UDB)
Chẳng phải Kinh Thánh đã nói rằng Chúa Cứu Thế xuất thân từ dòng dõi vua Đa-vít và đến từ Bết-lê-hem là làng của vua Đa-vít sao?
“Kinh Thánh dạy rằng Chúa Cứu Thế sẽ xuất thân từ dòng dõi Đa-vít và đến từ làng Bết-lê-hem là làng của vua Đa-vít”
Chẳng phải Kinh Thánh đã nói
“Các đấng tiên tri đã ghi trong Kinh Thánh”
John 7:43

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dấy lên sự chia rẽ

Đám đông không đồng tình về vai vế của Chúa Giê-xu.

Nhưng không ai tra tay trên Ngài

“nhưng chẳng ai bắt lấy Ngài”

John 7:45

Các viên chức

Chỉ các lính canh đền thờ.

Sao các ngươi không giải ông ta

“các ngươi” ở đây chỉ các viên lính bảo vệ đền thờ.

John 7:47

Chính vì vậy, những người Pha-ri-si đáp cùng họ rằng

“họ” ở đây chỉ về những người lính bảo vệ đền thờ.

“Các ngươi cùng bị dẫn dụ sao?”

“Thật các ngươi cũng bị dẫn dụ rồi”

Dẫn dụ

Lừa dối

Có ai trong số những người cầm quyền hay những người Pha-ri-si tin ông ta không?

“Chẳng một ai trong số những người cầm quyền hay những người Pha-ri-si tin nơi ông ta”

Luật pháp

Đây là từ nói đến luật pháp của người Pha-ri-si (bản UDB) chứ không phải luật pháp Môi-se.

John 7:50

Luật pháp của chúng ta có kết tội một người

Ý của Ni-cô-đem là những người theo luật pháp không nên kết tội người nào trước tòa án.

Luật pháp của chúng ta có kết tội một người...?

“Luật pháp của người Do Thái chúng ta không cho phép chúng ta kết tội một người”

Ông cũng đến từ Ga-li-lê sao?

“Chắc hẳn ông cũng là một trong số những kẻ thấp kém đến từ Ga-li-lê”

Không một tiên tri nào xuất thân từ Ga-li-lê

Đây chắc chắn nói đến một quan niệm rằng Đấng Mê-si-a đã không được sinh ra tại Ga-li-lê.

John 7:53

7:53 - 8:11

8:11** - Một số bản dịch trước kia thì không có những câu này. Bản dịch tiếng anh ULB đã để riêng những câu này ra bằng những dấu ngoặc vuông ([ ]) để cho thấy Giăng không phải là người đã viết chúng. Khuyến khích người dịch dịch những câu này ra, sau đó để chúng riêng trong dấu ngoặc vuông, và cũng ghi chú ở cuối trang giống như người đã làm trong Giăng 08:9-11.

Translation Questions

John 7:1

Tại sao Chúa Giê-xu không muốn đi vào xứ Giu-đê?

Ngài không muốn đi đến đó bởi vì người Do Thái đang muốn giết Ngài.

John 7:10

Chúa Giê-xu đi lên dự lễ lúc nào và như thế nào?

Chúa Giê-xu đi lên sau khi các em Ngài đã đi lên dự lễ rồi, nhưng Ngài đi cách âm thầm chứ không công khai.

John 7:12

Nhiều người trong đám đông nói gì về Chúa Giê-xu?

Một vài người nói: “Ông ấy là người tốt”. Người khác lại nói: “Không, ông ta sẽ kẻ dẫn dụ dân chúng lạc lối!”

John 7:14

Khi nào thì Chúa Giê-xu đi lên đền thờ và bắt đầu dạy dỗ?

Khi kỳ lễ đã diễn ra được một nửa thì Chúa Giê-xu đi lên đền thờ và bắt đầu dạy dỗ.

John 7:17

Chúa Giê-xu phán làm thế nào để một người có thể nhận biết lời Chúa Giê-xu phán dạy là đến từ Đức Chúa Trời hay là tự Ngài nói theo ý mình?

Chúa Giê-xu phán rằng nếu ai muốn làm theo ý muốn của Đấng đã sai Chúa Giê-xu đến, thì người đó sẽ biết lời dạy nầy có phải đến từ Đức Chúa Trời hay không.

John 7:19

Theo Chúa Giê-xu thì ai tuân theo luật pháp?

Chúa Giê-xu phán chẳng ai trong các ngươi làm theo luật pháp.

John 7:23

Lý lẽ của Chúa Giê-xu về việc chữa bệnh trong ngày Sa-bát là gì?

Ý của Chúa Giê-xu là: Phần các ngươi sẽ làm phép cắt bì cho một người nam trong ngày Sa-bát để khỏi phạm luật Môi-se. Vậy thì tại sao các ngươi lại nổi giận khi ta chữa lành cho cả thân thể cho một người trong ngày Sa-bát.

John 7:35

Người Do Thái có hiểu ý Chúa Giê-xu khi Ngài phán rằng: “Ta còn ở với các ngươi một thời gian ngắn nữa, rồi Ta sẽ trở về với Đấng đã sai Ta. Các ngươi sẽ tìm ra những không gặp được, nơi Ta ở các ngươi sẽ không thể đến được?”

Qua cuộc nói chuyện của họ với nhau đã chứng tỏ rằng họ không hề hiểu lời phán của Chúa Giê-xu.

John 7:39

Chúa Giê-xu muốn nói đến điều gì khi Ngài phán: “Nếu người nào khát, hãy đến cùng Ta mà uống. Người nào tin Ta thì những dòng sống sự sống sẽ tuôn tràn từ trong lòng người ý như lời Kinh Thánh đã nói”?

Chúa Giê-xu nói về Đức Thánh Linh, là Đấng mà những người tin Ngài sẽ nhận được.

John 7:45

Bọn lính đã trả lời với các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si như thế nào khi họ hỏi: “Tại sao các anh không giải ông ta (Chúa Giê-xu) về?”

Bọn lính đã trả lời: “Chưa bao giờ có người nào đã nói như người nầy.”

John 7:50

Ni-cô-đem đã trả lời người Pha-ri-si như thế nào khi họ đòi sai lính đi bắt Chúa Giê-xu, mà rằng: “Các ngươi cũng bị phỉnh gạt rồi sao? Có ai trong số những người lãnh đạo hay có người Pha-ri-si nào tin ông ta không?”

Ni-cô-đem đáp lời người Pha-ri-si rằng: “Luật pháp của chúng ta có kết tội một người mà trước đó chưa nghe lời khai và chưa biết những việc người ấy làm sao?”

Chapter 8

John 8:1

7:53 - 8:11

8:11** -Một vài bản dịch trước đây có những câu này, trong khi số khác thì không.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tất cả mọi người
“nhiều người”
Một phụ nữ bị bắt gặp đang ngoại tình
“một phụ nữ mà họ bắt gặp đang phạm tội ngoại tình”
John 8:4
7:53 - 8:11
8:11** - Một số bản dịch trước đây có những câu này, số khác thì không.
Bấy giờ, trong luật pháp
“Bấy giờ” nêu thông tin bối cảnh mà cả Chúa Giê-xu và những người lãnh đạo Do Thái đều hiểu.
Những người như vậy
“những người như thế” hoặc “những người làm việc đó”
Còn thầy nói sao về người?
Câu này cũng có thể được dịch thành câu mệnh lệnh. “Vậy thì thầy hãy cho chúng tôi biết. Chúng tôi nên xử người sao?”
Để bẫy Ngài
“để lừa Ngài”. Có nghĩa là dùng một câu hỏi bẫy.
Để họ có cớ buộc tội Ngài
Có thể nói rõ luôn cớ mà họ định buộc tội Ngài: “để họ có thể buộc tội Ngài vì nói những điều sai trái” hoặc “để họ có thể buộc tội Ngài không tuân giữ luật pháp Môi-se hoặc không luật pháp La-mã”
John 8:7
7:53 - 8:11
8:11** - Một số bản dịch trước kia có câu này, số khác thì không.
Khi họ cứ
Từ “họ” ở đây chỉ về những thầy thông giáo và người Pha-ri-si.
Ai trong số các ngươi là người không có tội
“Nếu ai trong số các ngươi không có tôi” hoặc “Nếu ai trong số các ngươi chưa từng phạm tội”
Trong số các ngươi
Chúa Giê-xu đang nói với các thầy thông giáo và người Pha-ri-si, và rõ ràng là có cả đoàn dân đông nữa.
Hãy để người
“hãy để người đó”
Ngài cúi xuống
“Ngài cúi xuống để tay Ngài có thể viết chữ trên đất”
John 8:9
7:53 - 8:11
8:11** - Một số bản dịch trước kia có những câu này, số khác thì không.
Từng người một
“người này kế tiếp người kia”
Hỡi đàn bà kia, những người kết tội chị đâu
Khi Chúa Giê-xu gọi người phụ nữ đó là “đàn bà kia”, Ngài không hề có ý hạ thấp hay khiến bà cảm thấy thấp hèn. Nếu người như đọc sẽ nghĩ Ngài làm như vậy thì khi dịch có thể lược bỏ từ “hỡi đàn bà kia”
John 8:12
Ta là ánh sáng của thế gian
“Ta là người đem sự sáng đến cho thế gian”. Điều này có nghĩa là Chúa Giê-xu đem sứ điệp chân thật của Đức Chúa Trời đến cho thế gian này đặng giải cứu con người khỏi bóng tối của tội ác họ.
Thế gian
Tham khảo cách dịch: “những người trong thế gian”
Người nào theo ta
“Hết thảy những người theo ta”. Đây là cách nói bóng bẩy cho việc “Người nào làm theo những điều Ta dạy” hoặc “Tất cả những người vâng phục Ta’
Sẽ không đi trong bóng tối
“đi trong bóng tối” là cách nói chỉ đời sống đầy tội lỗi. Tham khảo cách dịch: “sẽ không sống như thể đang sống trong bóng tối”
Sự sống
Từ này nói đến sự sống thuộc linh.
Thầy tự làm chứng về mình
“Thầy chỉ đang tự nói mọi thứ về mình”
Lời chứng của thầy không thật
“lời chứng của thầy không có giá trị”. “Thầy không thể tự làm chứng cho mình được” hoặc “những điều thầy nói về chính mình có thể không chân thật”
John 8:14
Cho dù ta tự làm chứng cho mình
“Thậm chí nếu ta nói những điều này về mình”
Xác thịt
“những tiêu chuẩn và luật pháp của loài người” (Tham khảo bản dịch UDB)
Ta không xét đoán ai hết
Có thể hiểu: 1) “Ta vẫn chưa xét đoán ai hết” hoặc 2) “Lúc nầy, ta chẳng xét đoán ai hết”
Nếu ta xét đoán
“Nếu ta xét đoán con người”. Có thể hiểu: 1) “khi ta xét đoán loài người” (lúc nào đó trong tương lai) hoặc 2) “bất cứ khi nào ta xét đoán loài người” (hiện tại) hoặc 3) nếu ta xét đoán loài người (hiện tại)
Sự xét đoán của ta là thật
Có thể hiểu: 1) “sự xét đoán của Ta sẽ là phải lẽ” hoặc “sự xét đoán của Ta là phải lẽ”
Ta không ở một mình, nhưng Ta ở với Cha là Đấng đã sai Ta
Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, có thẩm quyền vì cớ mối quan hệ đặc biệt của Ngài với Cha Ngài, là Đấng đã sai Ngài. Thuật ngữ “Cha” và “Con” cho thấy sự thân mật của các thân vị của Đức Chúa Trời với nhau.
Ta không chỉ có một mình
Thông tin ẩn ý là Ngài không hề xét đoán một mình. Tham khảo cách dịch: “Ta không chỉ có một mình trong cách ta xét đoán” hoặc “Ta không xét đoán một mình”
Ta ở cùng với Cha
“Cha cũng sẽ xét đoán cùng Ta” hoặc “Cha sẽ xét đoán như Ta”
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng đối với Đức Chúa Trời.
Cha là Đấng đã sai Ta
Cụm từ “Đấng đã sai Ta” cung cấp thêm thông tin về Đức Chúa Cha. Tham khảo cách dịch: “Cha là Đấng đã sai Ta đến”
John 8:17
Đúng, trong luật pháp của các ngươi
Từ “phải” ở đây cho thấy Chúa Giê-xu đang nói thêm những gì Ngài đã nói phía trước.
Có chép
“Môi-se đã chép”
Lời chứng của hai người là xác thực

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

“Nếu hai người làm chứng giống nhau thì người ta có thể biết đó là sự thật”

Ta là người tự làm chứng cho mình

“Ta tự làm chứng về mình’ hoặc “Ta đưa ra cho các ngươi những chứng cớ về Ta” (Tham khảo bản dịch UDB)

John 8:19

Các ông không biết ta cũng không biết Cha ta; nếu các ông biết ta, thì cũng biết Cha ta

Chúa Giê-xu ngụ ý rằng biết Ngài cũng là biết Cha. Cả Cha và Con đều là Đức Chúa Trời, vì vậy biết Đấng này cũng là biết Đấng kia.

Cha Ta

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

John 8:21

Chết trong tội lỗi mình

“chết trong khi các ngươi còn đầy tội lỗi” hoặc “các ngươi sẽ chết đương khi các ngươi vẫn còn đang phạm tội”

Các ngươi không thể đến được

“các ngươi không thể nào đến được”

Liệu ông ta sẽ tự tự chăng, khi nói rằng

Có thể dịch thành hai câu tách biệt. “Ông ta sẽ tự tử ư? Có phải đó là lí do tại sao ông ta nói rằng”

John 8:23

Nếu các ngươi không tin Ta là Đấng Hằng Hữu thì các ngươi sẽ chết

“nếu các ngươi không tin Ta là Đấng Hằng Hữu”

Ta là Đấng Hằng Hữu

“Ta là Đức Chúa Trời” (Tham khảo bản dịch UDB)

John 8:25

Họ thưa rằng

Từ “họ" chỉ về những người lãnh đạo Do Thái.

Đức Chúa Cha

“Cha Ngài”

John 8:28

Khi các ngươi treo

“Khi các ngươi treo”. Nghĩa là chuyện này vẫn chưa xảy ra.

Con Người…Cha

Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời.

TA LÀ…Cha đã dạy Ta

Là Đức Chúa Con, Chúa Giê-xu biết rõ Đức Chúa Cha. Các danh từ “Cha” và “Con” cho thấy mối quan hệ vĩnh cửu và gần gũi.

Theo Cha đã dạy Ta

“theo như cách mà Cha đã dạy Ta”

Đấng đã sai Ta

Từ “Đấng” ở đây chỉ về Đức Chúa Cha

Khi Chúa Giê-xu đang nói

“Trong khi Chúa Giê-xu đang nói”

John 8:31

ở trong lời của Ta

“vâng theo những điều ta đã dạy”

Lẽ thật sẽ giải phóng các ngươii

“Nếu các ngươi vâng theo lẽ thật thì Đức Chúa Trời sẽ giải phóng các ngươi”

John 8:34

Quả thật, quả thật

Dịch như bạn đã làm trong Giăng 01:49-51

Là nô lệ cho tội lỗi

“giống như nô lệ của tội lỗi”. Câu này ngụ ý rằng tội lỗi giống như một người nô lệ của chủ.

Trong nhà

"trong gia đình”

Nếu Con giải phóng các ngươi thì các ngươi thật sự được tự do

Theo như truyền thống của người Do Thái thì người con trai đầu lòng có thể trả tự do cho một nô lệ trong nhà mình. Cũng giống như vậy, Con Đức Chúa Trời cũng có thể trả tự do cho con người.

Con

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời.

John 8:37

Lời ta

Những lời dạy của ta

John 8:39

Tổ phụ

"tổ tiên"

Áp-ra-ham đã không làm những việc như thế

Tham khảo cách dịch: “Áp-ra-ham chưa bao giờ cố tìm giết người nào truyền dạy cho ông lẽ thật từ Đức Chúa Trời”

Chúng tôi không phải là con hoang

Tham khảo: "Chúng tôi được sinh ra từ những cuộc hôn nhân hợp pháp”

John 8:42

Tình yêu

Đây là loại tình yêu đến từ Đức Chúa Trời và tập trung vào lợi ích của người khác, ngay cả khi người có tình yêu thương đó phải hy sinh.

Tại sao các ngươi không chịu hiểu những lời của Ta?

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi nầy chủ yếu là để quở trách mấy nhà lãnh đạo Do Thái vì không chịu lắng nghe Ngài.

John 8:45

Có ai trong các ngươi kết tội Ta được?

"Chẳng ai trong các ngươi có thể kết tội ta được”. Chúa Giê-xu đặt ra câu hỏi nầy để nhấn mạnh Ngài là vô tội.

Sao các ngươi không hiểu lời Ta?

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi này chủ yếu nhằm quở trách những nhà lãnh đạo Do Thái đã không nghe Ngài.

John 8:50

Giữ lời Ta

“vâng giữ những điều Ta đã dạy”

Sự chết

Từ này nói đến sự chết thuộc linh

John 8:52

Tổ tiên

"tổ phụ"

John 8:54

Chính Cha là Đấng tôn vinh Ta

Không ai biết Đức Chúa Cha như Đức Chúa Con, là Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời. Đức Chúa Cha tôn vinh Con vì cả Cha và Con đều mãi mãi là Đức Chúa Trời.

Cha

Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

John 8:57

Thầy chưa đầy năm mươi tuổi mà đã thấy Áp-ra-ham sao?

“Thầy chưa được năm mươi tuổi. Thầy không thể thấy Áp-ra-ham được”

Quả thật, quả thật

Dịch như trong Giăng 01:49-51

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

John 8:7

Chúa Giê-xu đã nói gì với mấy thầy thông giáo và người Pha-ri-si sau khi họ cứ hỏi Ngài về người đàn bà bị bắt gặp đang ngoại tình?

Chúa Giê-xu phán cùng họ rằng: “Ai trong số ai người không có tội thì hãy lấy đá ném người nầy trước đi”.

John 8:9

Đoàn dân đã làm gì sau khi Chúa Giê-xu phán với họ về việc ai nên là người đầu tiên ném đá người phụ nữ bị bắt gặp phạm tội ngoại tình nầy?

Sau khi Chúa Giê-xu phán như vậy thì từng người một lần lượt bỏ đi, những người cao tuổi đi trước và những người khác cũng bỏ đi.

John 8:17

Chúa Giê-xu đã bảo vệ lời chứng của mình là xác thực bằng cách nào?

Chúa Giê-xu phán rằng trong luật pháp của họ có chép rằng lời chứng của hai người là xác thực. Sau đó, Chúa Giê-xu nói rõ rằng chính Ngài và Cha là Đấng đã sai Ngài đến đồng làm chứng cho Ngài.

John 8:23

Dựa vào đâu mà Chúa Giê-xu tuyên bố rằng người Pha-ri-se sẽ chết trong tội lỗi của họ?

Chúa Giê-xu tuyên bố như vậy dựa vào sự hiểu biết của Ngài về họ, rằng họ ra từ dưới, còn Ngài đến từ trên. Họ thuộc về thế gian nầy, còn Ngài thì không thuộc về thế gian nầy.

John 8:31

Chúa Giê-xu phán với những người Do Thái đã tin Ngài làm thể nào để họ có thể nhận biết mình thật là môn đồ của Ngài?

Họ có thể nhận biết mình thật là môn đồ của Chúa Giê-xu bằng cách cứ ở trong lời Ngài.

John 8:34

Chúa Giê-xu đang nói đề cập đến vấn đề gì khi Ngài phán rằng: “... và nếu các ngươi biết lẽ thật thì lẽ thật sẽ buông tha các ngươi”?

Chúa Giê-xu đang đề cập tới vấn đề được tự do khỏi việc làm nô lệ của tội lỗi.

John 8:37

Theo Chúa Giê-xu thì vì lý do gì mà người Do Thái tìm cách giết Chúa Giê-xu?

Họ tìm cách giết Chúa Giê-xu bởi vì lời Ngài không có chỗ trong họ.

John 8:39

Tại sao Chúa Giê-xu lại nói rằng những người Do Thái nầy chẳng phải là con cháu Áp-ra-ham?

Chúa Giê-xu phán rằng họ chẳng phải là con cháu Áp-ra-ham bởi vì họ không làm những việc mà Áp-ra-ham làm. Thay vào đó, họ lại tìm cách giết Chúa Giê-xu.

John 8:42

Khi những người Do Thái nầy khẳng định họ có một Cha, là Đức Chúa Trời thì Chúa Giê-xu đã bẻ lại họ như thế nào?

Chúa Giê-xu phán cùng họ: “Nếu Đức Chúa Trời là Cha các ngươi thì các ngươi sẽ yêu mến Ta, vì Ta ra từ Đức Chúa Trời và từ Ngài mà đến; bởi vì Ta không tự mình đến nhưng chính Ngài đã sai Ta”.

John 8:52

Tại sao những người Do Thái nầy lại cho rằng Chúa Giê-xu bị quỷ ám?

Họ nói như vậy bởi vì Chúa Giê-xu có nói: “Quả thật, quả thật, nếu ai giữ lời Ta thì sẽ chẳng bao giờ thấy sự chết”.

Tại sao những người Do Thái nầy cho rằng lời tuyên bố của Chúa Giê-xu về việc không bao giờ nhìn thấy sự chết là lạ lùng?

Họ nghĩ như vậy bởi vì họ nghĩ đến cái thết thuộc thể về mặt thân xác. Ngay cả Áp-ra-ham và các đấng tiên tri cũng đã chết (thân thể của họ).

Chapter 9

John 9:3

Chúng ta

Từ “chúng ta” bao gồm cả Chúa Giê-xu và các môn đồ mà Ngài đang phán với họ.

Ban ngày... ban đêm

Chúa Giê-xu đang so sánh thời điểm con người có thể làm công việc của Đức Chúa Trời với lúc ban ngày khi người ta làm việc. Chúa Giê-xu so sánh thời điểm chúng ta không thể làm công việc của Đức Chúa Trời với lúc ban đêm.

Ánh sáng của thế gian

“một người bày tỏ những điều chân thật cũng giống như ánh sáng phô bày điều gì là thật”

John 9:8

Chẳng phải đây là người...ăn xin?

Tham khảo: "Người này là người...ăn xin, chẳng phải vậy sao?” hoặc “Đây là người...ăn xin. Vâng, chính người đó!”

John 9:10

Bôi... mắt

Xem cách bạn đã dịch trong Giăng 09:06

John 9:16

Người này không giữ ngày Sa-bát

Câu này có nghĩa là Ngài không tuân theo luật ngày Sa-bát.

Dấu lạ

Các phép lạ cũng có thể được gọi là “dấu lạ” vì chúng được dùng làm sự chỉ thị hoặc bằng chứng cho thấy rằng Đức Chúa Trời là Đấng toàn năng, Ngài hoàn toàn cầm quyền trên muôn vật.

John 9:22

Sợ

Từ này nói đến cảm giác khó chịu khi một người đối diện với mối nguy đến chính mình hoặc người khác.

John 9:24

Họ gọi người nầy

Người Do Thái gọi người nầy

Người nầy

Chỉ về Chúa Giê-xu

Người đó

Người đã bị mù

Ta không biết ông ấy có phải là kẻ có tội hay không

“Không không biết liệu người có phải là kẻ có tội hay không”

John 9:30

Nghe những kẻ có tội.... nghe người

“đáp lời cầu nguyện của kẻ có tội... đáp lời cầu xin của người”

John 9:32

chưa từng nghe người nào mở mắt

Tham khảo: "chưa ai từng nghe có người mở mắt”

Mở mắt người mù từ thuở sinh ra

“chữa lành mắt của người mù từ thuở sinh ra để người có

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thể nhìn thấy được”

Nếu người này không phải từ Đức Chúa Trời đến, thì ông ta không thể làm được điều như thế!

"Nếu người này không đến từ Đức Chúa Trời, thì người không thể làm được chi hết, nhưng người đã chữa lành tôi, nên người hẳn phải đến từ Đức Chúa Trời”

Cả con người mầy vốn sinh ra trong tội lỗi mà giờ còn muốn dạy chúng ta sao?

“Người hoàn toàn sinh ra trong tội lỗi. Người không đủ tư cách mà dạy chúng ta”

John 9:35

tin

Từ này có nghĩa là tin cậy Chúa Giê-xu làm Đấng Cứu Thế và sống một đời sống làm vinh danh Ngài.

John 9:39

Để những kẻ mù được thấy, còn kẻ thấy lại hóa mù

Để những kẻ mắt mù lòa sẽ nhận biết Đức Chúa Trời, còn những kẻ sáng mắt thì chẳng nhận biết Ngài

Translation Questions

John 9:3

Chúa Giê-xu nói rằng lí do người đàn ông này bị mù từ thuở sinh ra là gì?

Chúa Giê-xu nói rằng người nầy bị mù từ thuở sinh ra để công việc của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong ông.

John 9:6

Chúa Giê-xu đã làm và nói gì với người đàn ông bị mù?

Chúa Giê-xu nhổ nước bọt xuống đất, hòa thành bùn rồi bôi vào mắt người mù. Đoạn, Chúa Giê-xu bảo người đi đến hồ Si-lô-ê để rửa.

John 9:13

Những người trước kia từng thấy người ăn xin mù nầy đã làm gì?

Họ dẫn người đến chỗ những người Pha-ri-si.

John 9:16

Có sự chia rẽ nào nổi lên giữa những người Pha-ri-si?

Một vài người Pha-ri-si cho rằng Chúa Giê-xu không đến từ Đức Chúa Trời vì Ngài chẳng hề giữ ngày Sa-bát (Chúa Giê-xu đã chữa bệnh trong ngày Sa-bát) trong khi một số người Pha-ri-si lại cho rằng làm sao một người tội lỗi có thể làm được những dấu lạ như vậy.

John 9:19

Tại sao những người Do Thái đó lại cho gọi cha mẹ của người mù đã được sáng mắt đến?

Họ gọi cha mẹ người đến vì họ vẫn không tin người nầy là người đã từng bị mù.

John 9:22

Tại sao cha mẹ người lại đáp rằng: “Người đã khôn lớn rồi. Xin hãy hỏi nó đi”

Họ nói như vậy bởi vì họ sợ người Do Thái. Vì những người Do Thái nầy vốn đã thỏa thuận với nhau rằng nếu ai xưng Chúa Giê-xu là Chúa Cứu Thế thì sẽ bị khai trừ khỏi nhà hội.

John 9:24

Những người Pha-ri-si lại gọi người trước đây từng bị mù và nói gì với người?

Họ nói rằng: “Hãy tôn vinh Đức Chúa Trời! Chúng tôi biết người nầy (Chúa Giê-xu) là kẻ có tội”.

John 9:26

Tại sao người Pha-ri-si lại mắng nhiếc người trước đây từng bị mù?

Người Pha-ri-si mắng nhiếc người bởi vì người nói rằng: “Tôi đã nói với các ông rồi mà các ông không chịu nghe! Tại sao các ông lại muốn nghe nữa? Có phải các ông cũng muốn trở nên môn đồ của ông ấy không?

John 9:30

Khi người Pha-ri-si mắng nhiếc người nầy thì ông đã đáp trả ra sao?

Người đáp rằng: “Lạ chưa kìa, người (Chúa Giê-xu) đã mở mắt cho tôi mà các ông lại không biết người từ đâu đến. Chúng ta đều biết Đức Chúa Trời chẳng nghe lời những kẻ có tội, nhưng người nào thờ phượng và làm theo ý muốn của Ngài thì Đức Chúa Trời sẽ lắng nghe người. Từ xưa đến nay, chưa hề nghe nói có ai mở mắt cho người mù từ lúc mới sinh. Nếu người nầy không đến từ Đức Chúa Trời thì không thể làm được gì cả”.

John 9:35

Chúa Giê-xu đã làm gì khi Ngài nghe rằng người đàn ông từng bị mù trước kia đã bị đuổi khỏi nhà hội?

Chúa Giê-xu đi tìm và gặp người.

Chúa Giê-xu đã nói gì với người đàn ông trước kia từng bị mù khi Ngài tìm gặp Ngài?

Chúa Giê-xu hỏi xem liệu người có tin nơi Con Người và rồi khẳng định với người rằng Ngài (Chúa Giê-xu) chính là Con Người.

Chapter 10

John 10:1

Quả thật, quả thật

Dịch như trong Giăng 01:49-51

Chuồng chiên

Đây là khu vực có hàng rào bao quanh mà người chăn chiên giữ chiên mình tại đó.

Kẻ trộm và kẻ cướp

Dùng hai từ có ý nghĩa tương tự để thêm ý nhấn mạnh.

John 10:5

Họ không hiểu

Có thể hiểu: 1) “Các môn đồ không hiểu” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “đoàn dân đông không hiểu”. Nếu dịch như bình thường thì vẫn chấp nhận được.

John 10:7

Quả thật, quả thật

Dịch như trong Giăng 01:49-51

Ta là cái cửa của chiên

“Ta là cái cửa để chiên đi vào chuồng”. Chúa Giê-xu nói rằng Ngài là Đấng cho phép ra vào. Từ “chiên” ở đây chỉ về dân sự của Đức Chúa Trời.

Tất cả những người đến trước ta đều là kẻ trộm, kẻ cướp

Cụm từ “tất cả những người đến trước Ta” đề cập đến những người giảng dạy trước Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu gọi họ là “kẻ trộm, kẻ cướp” bởi vì lời giảng dạy của họ là sai trật và đang cố gắng dẫn dắt dân sự của Đức Chúa Trời trong khi họ không hiểu về lẽ thật.

Kẻ trộm và kẻ cướp

Chúa Giê-xu gọi họ là “kẻ trộm và kẻ cướp” vì những sự dạy dỗ của họ là giả dối, và họ cố tìm cách dẫn dắt dân sự của Chúa trong khi không hiểu chân lý.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

John 10:9

Ta là cái cửa

Bằng cách nói mình là “cái cửa”, Chúa Giê-xu cho thấy rằng Ngài đang đưa ra con đường thật để nhận lấy điều mà chuồng chiên nắm giữ.

Đồng cỏ

Từ “đồng cỏ” chỉ một nơi mọc đầy cỏ nơi chiên ăn uống.

Không đến ngoại trừ

Đây là lối phủ định kép. Trong một số ngôn ngữ, sẽ tự nhiên hơn khi sử dụng câu nói khẳng định. Tham khảo: "chỉ đến"

Để họ có thể nhận được sự sống

Từ “họ” ở đây chỉ về chiên. “sự sống” ở đây là sự sống đời đời.

John 10:11

Ta là người chăn hiền lành

“Ta giống như một người chăn hiền lành”

Từ bỏ sự sống mình

Từ bỏ điều gì đó nghĩa là từ bỏ quyền kiểm soát nó. Đây là cảnh nói giảm cho việc chết đi. Tham khảo cách dịch: “chết”

John 10:14

Ta là người chăn hiền lành

“Ta giống như một người chăn hiền lành”

Cha biết Ta, và Ta biết Cha

Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con (và Đức Chúa Thánh Linh) biết rõ về nhau, không như bất kì ai khác biết về Ba Ngôi vì Ba Ngôi đều là mỗi thân vị của Đức Chúa Trời.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Ta phó sự sống mình vì chiên

Đây là cách nói giảm để Chúa Giê-xu có thể nói rằng Ngài sẽ chịu chết để bảo vệ chiên của Ngài. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ chết thay cho chiên”

Chuồng

Một bầy chiên thuộc về người chăn. Từ “chuồng” trong chữ “chuồng chiên” là nơi chiên ở.

John 10:17

Tình yêu

Kiểu tình yêu này đến từ Đức Chúa Trời và tập trung vào lợi ích của người khác, ngay cả khi người có tình yêu này phải hy sinh. Loại tình yêu này quan tâm đến người khác dù họ làm gì.

Lý do Cha yêu Ta là vì Ta sẽ hy sinh mạng sống mình

Kế hoạch vĩnh cửu của Đức Chúa Trời chính là Đức Chúa Con hy sinh mạng sống Ngài để chuộc tội cho con người. Sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự cho thấy tình yêu mãnh liệt của Con đối với Cha và của Cha đối với Con.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Ta hi sinh mạng sống mình để rồi Ta nhận lại được

Đây là cách nói giảm để Chúa Giê-xu có thể bày tỏ rằng Ngài sẽ chết và rồi Ngài sẽ sống lại. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ chịu chết để rồi ta sẽ sống lại”

John 10:19

Sao các ngươi còn nghe ông ta?

Tham khảo cách dịch: “Đừng nghe lời ông ta”

Quỷ có thể mở mắt cho người mù được sao?

Tham khảo cách dịch: “Quỷ không thể khiến người mù được thấy”

John 10:22

Lễ kỷ niệm Cung Hiến Đền Thờ

Đây là kỳ lễ mùa đông kéo dài trong tám ngày mà người Do Thái dùng để nhớ lại phép lạ mà Đức Chúa Trời đã khiến một lượng nhỏ dầu vẫn thắp sáng trong chân đèn trong tám ngày cho đến khi họ có nhiều dầu hơn. Chân đèn được thắp sáng để dâng đền thờ Do Thái cho Đức Chúa Trời. Dâng điều gì đó có nghĩa là hứa nguyện sẽ chỉ dùng nó cho một mục đích nhất định.

Hành lang

Một cấu trúc nối liền với lối ra vào tòa nhà, có mái che và có thể có hoặc không có tường chạy dọc theo.

John 10:25

Nhân danh Cha Ta

Câu này có nghĩa là Chúa Giê-xu thực hiện những việc này bởi quyền năng và thẩm quyền của Cha Ngài. Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời trọn vẹn, thánh khiết, Ngài có quyền năng đời đời từ Cha Ngài để cứu chuộc con người khỏi tội lỗi mãi mãi và tha thứ cho ai tin nhận Ngài.

Những việc này đều làm chứng về ta

Những phép lạ của Ngài đưa ra chứng cớ về Ngài giống như một người nhân chứng cung cấp chứng cớ trước tòa án. Tham khảo cách dịch: “Những phép lạ nầy đưa ra bằng chứng về Ta”

Không phải chiên của Ta

Tham khảo cách dịch: “Không phải những người theo Ta” hoặc “không phải là môn đồ của Ta” hoặc “không phải dân Ta”

John 10:29

Cha Ta…đã ban cho Ta…không ai có thể cướp chúng khỏi Ngài.

Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con dùng quyền năng của Ngài để bảo vệ những người tin Ngài.

Cha Ta

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Tay Cha

Từ “tay” ở đây được dùng để chỉ về quyền chiếm hữu của Đức Chúa Trời hoặc sự kiểm soát cũng như sự bảo vệ của Ngài.

Ta với Cha là một

Chúa Giê-xu, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Cha là một. Ngài với Cha đều là một Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật (cùng với Đức Thánh Linh). Cha và Con đều có đồng mục đích, quyền năng, uy quyền, lòng thương xót, và thánh khiết. Ngài là Đức Chúa Trời.

John 10:32

Chúa Giê-xu phán cùng họ rằng, “Ta đã tỏ cho các ngươi những việc lành từ Cha”

Các công việc của Chúa Giê-xu được hoàn tất trong quyền năng Ngài, vì Ngài là Đức Chúa Con, hiệp một với Đức Chúa Cha. Các công việc của Chúa Giê-xu cũng là việc của Cha (và Thánh Linh).

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Tự cho mình là Đức Chúa Trời

“xưng là Đức Chúa Trời”

Chúng tôi…ném đá ông vì…phạm thượng, vì ông, là con người, lại xưng mình là Đức Chúa Trời

Lời tuyên bố của Chúa Giê-xu rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời bị người Do Thái cho là phạm thượng vì họ nghĩ Chúa Giê-xu đang tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời – và thật sự

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài là Đức Chúa Trời!

John 10:34

Các ngươi là thần

Thường thì từ “thần” thường được dùng cho các tà thần nếu như chữ “G” không được viết hoa, G (God_ chỉ về Đức Chúa Trời chân thần duy nhất) trong khi chữ g (god_ thường dùng để chỉ về các tà thần). Ở đây, Chúa Giê-xu trích dẫn Kinh Thánh chỗ Đức Chúa Trời gọi những kẻ theo Ngài là thần bởi vì Ngài đã chọn họ để đại diện cho Ngài trên đất.

Há chẳng phải Kinh Thánh có chép rằng…các thần?”

"Các ngươi nên biết rằng Kinh Thánh có chép rằng…"

Lời Kinh Thánh không thể bị phá bỏ

Có thể mang nghĩa 1) “không ai có thể thay đổi lời Kinh Thánh” hoặc 2) “Lời Kinh Thánh sẽ luôn luôn đúng.”

‘Ngươi lộng ngôn’ bởi vì ta đã nói ‘Ta là Con Đức Chúa Trời’

Những kẻ chống đối Chúa Giê-xu tin rằng Chúa Giê-xu đang lộng ngôn khi tự xưng mình là “Con Đức Chúa Trời”, vì nói như vậy có nghĩa là xưng mình ngang bằng với Đức Chúa Trời.

Cha…Con Đức Chúa Trời

Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.

John 10:37

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Tin Ta

Từ “tin” có nghĩa là chấp nhận hoặc tin lời người khác nói là đúng.

Tin nơi việc

Từ “tin nơi” có nghĩa là tin rằng điều gì đó là có thật và hành động theo cách bày tỏ niềm tin đó.

Cha ở trong Ta và Ta ở trong Cha

Đức Chúa Cha ở trong Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Con ở trong Đức Chúa Cha. Vì là những thân vị của Đức Chúa Trời, Cha và Con đều là một Đức Chúa Trời, cùng với Đức Thánh Linh.

Tay họ

"bị bắt trong tay họ.” Cụm từ này có nghĩa là rơi vào một vị trí dễ tổn thương hoặc không an toàn và có thể bị tóm bắt

John 10:40

Thật tình thì Giăng không làm dấu hiệu nào, nhưng tất cả những gì Giăng đã nói về người này là có thật

Tham khảo: "Thật sự là Giăng không làm dấu lạ nào, nhưng chắc chắn ông đã nói đúng về người này, là người làm các dấu lạ”

Dấu lạ

các phép lạ chứng minh điều gì là đúng hoặc khiến cho người khác tin chắc

Translation Questions

John 10:1

Theo Chúa Giê-xu thì ai là kẻ trộm và kẻ cướp?

Người nào không bởi cửa mà vào chuồng chiên, nhưng lại trèo vào bằng lối khác thì người đó chính là kẻ trộm cướp.

John 10:3

Tại sao chiên lại theo người chiên khi người gọi chúng?

Chiên theo người chăn bởi vì chúng nhận biết tiếng của người.

John 10:5

Chiên có theo người lạ không?

Không. Chiên sẽ không theo người lạ.

John 10:7

Những kẻ đến trước Chúa Giê-xu gọi là gì?

Tất cả những kẻ đến trước Chúa Giê-xu đều là trộm cướp và chiên không nghe họ.

John 10:9

Chúa Giê-xu phán Ngài là cái cửa. Vậy chuyện gì xảy ra với những kẻ bởi cửa mà vào?

Những kẻ bởi Chúa Giê-xu, là cái cửa, mà vào thì sẽ được cứ, người đó sẽ vào và ra và tìm được đồng cỏ.

John 10:11

What was Jesus, the good shepherd, willing to do and what did he do for the sheep?

Chúa Giê-xu, Người chăn chiên nhân lành vui lòng phó sự sống mình cho bầy chiên.

John 10:17

Tại sao Cha lại yêu mến Chúa Giê-xu?

Đức Chúa Cha yêu mến Chúa Giê-xu bởi vì Chúa Giê-xu đã từ bỏ chính mạng sống mình để được nhận lại.

John 10:19

Vì những lời Chúa Giê-xu phán, người Do Thái đã nói gì?

Nhiều người nói: “Ông ta bị quỷ ám nên điên rồi. Sao còn nghe ông ta làm gì?”. Một số khác lại nói: “Đây không phải là những lời nói của một người bị quỷ ám. Làm sao quỷ có thể mở mắt cho người mù?”

John 10:25

Tại hành lang Sa-lô-môn, Chúa Giê-xu đã trả lời những người Do Thái nầy ra sao?

Chúa Giê-xu phán rằng Ngài đã nói cho họ rồi (rằng Ngài chính là Chúa Cứu Thế) nhưng họ không tin Ngài bởi vì họ chẳng phải là chiên của Ngài.

John 10:29

Ai đã ban chiên cho Chúa Giê-xu?

Đức Chúa Cha đã ban chiên đó cho Chúa Giê-xu.

Có ai vĩ đại hơn Cha không?

Đức Chúa Cha vĩ đại hơn tất cả.

John 10:34

Lời phản biện của Chúa Giê-xu chống lại lời buộc tội phạm thượng là gì?

Chúa Giê-xu bảo vệ mình qua lời Ngài phán: “Chẳng phải trong luật pháp của các ngươi có chép: “Ta đã nói, “Các ngươi là thần” sao? Nếu Ngài gọi các ngươi là thần là những người nhận được lời của Đức Chúa Trời (và Kinh Thánh không thể bị phá bỏ) thì các ngươi có thể nói Ngài là Đấng mà Cha đã biệt ra thánh và đã sai đến thế gian rằng “Ngươi nói phạm thượng” vì Ta nói rằng “Ta là Con Đức Chúa Trời”?

John 10:37

Chúa Giê-xu bảo người Do Thái phải làm gì để quyết định xem liệu có tin Ngài hay không?

Chúa Giê-xu bảo người Do Thái hãy nhìn những công việc Ngài làm. Nếu Chúa Giê-xu không làm những công việc của Cha Ngài thì đừng tin Ngài. Còn nếu Ngài thực đang làm công việc của Cha thì hãy tin Ngài.

John 10:40

Sau sự kiện này thì Chúa Giê-xu đã đi đâu?

Chúa Giê-xu lại đi qua bên kia sống Giô-đanh đến nơi Giăng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đã làm báp têm đầu tiên.

Chapter 11
John 11:1
Chính là Ma-ri
John 11:3
Nhắn lời đến Chúa Giê-xu
"báo tin cho Chúa Giê-xu"
yêu
Từ “yêu” ở đây nói đến tình yêu giữa anh em, một tình yêu bình thường, tự nhiên, giữa bạn bè hoặc người thân.
Sự chết
Từ này nói đến sự chết thuộc thể.
vì vinh hiển Đức Chúa Trời để Con Đức Chúa Trời sẽ được tôn vinh bởi điều đó
Chúa Giê-xu, là Con Đức Chúa Trời, có đồng sự vinh hiển như Đức Chúa Trời.
Con Đức Chúa Trời
Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu.
John 11:5
yêu
Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.
John 11:8
Thưa thầy, bây giờ người Do Thái chỉ tìm cách để ném đá Thầy, sao thầy còn trở lại nơi ấy?
Tham khảo cách dịch: “Thưa thầy, chắc chắn thấy không muốn trở lại đó đâu vì người Do Thái đang tìm cách ném đá thầy”
Không phải mỗi ngày có mười hai giờ ban ngày sao?
Tham khảo cách dịch: “Một ngày thì có mười hai giờ ban ngày”
John 11:10
Sự sáng không ở trong người
Có thể hiểu: 1) “người ấy không thể nhìn thấy” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc “người ấy không có ánh sáng”
La-xa-rơ, bạn của chúng ta đang ngủ
La-xa-rơ đã chết, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn thôi.
Nhưng Ta sẽ đi để đánh thức người dậy
Chúa Giê-xu đang bày tỏ kế hoạch khiến La-xa-rơ sống lại của Ngài.
John 11:15
Vì các ngươi
“vì lợi ích của các ngươi”
Người được gọi là Đi-đim
Đi-đim là tên của người nam, có nghĩa là “sinh đôi”
John 11:17
Mười lăm ếch-ta-đơ
“khoảng ba ki-lô-mét”. 1 ếch-ta-đơ=185m
John 11:21
Anh con sẽ không chết
Tham khảo: "anh con sẽ vẫn còn sống"
Sống lại
Từ này có nghĩa là khiến cho một người chết sống lại.
John 11:24
Dù đã chết rồi
Từ “chết” ở đây chỉ về sự sống thuộc thể.
Nhưng sẽ sống
Từ “sống” ở đây nói đến sự sống thuộc linh.
Và người nào đang sống mà tin ta sẽ chẳng bao giờ chết
Tham khảo cách dịch: “và như những kẻ tin Ta, họ sẽ chẳng bao giờ bị phân rẽ khỏi Đức Chúa Trời, cho đến đời đời”
Sẽ không hề chết
Từ “chết” ở đây nói đến sự chết thuộc linh.
John 11:27
Vâng, thưa Chúa, con tin Ngài là Chúa Cứu Thế, Con Đức Chúa Trời và là đấng đến thế gian
Ma-thê tin rằng Chúa Giê-xu là Chúa, Chúa Cứu Thế (Đấng Mê-si-a), Con Đức Chúa Trời.
Con Đức Chúa Trời
Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu.
Thầy
Đây là danh hiệu chỉ về Chúa Giê-xu.
John 11:30
Sấp mình xuống dưới chân Ngài
Ma-ri cúi sấp mình xuống hoặc quỳ xuống dưới chân Chúa Giê-xu là một hành động bày tỏ sự tôn kính, kính trọng.
nếu có Ngài ở đây, thì anh của con sẽ không chết
Tham khảo cách dịch câu này ở JHN11:21
John 11:36
Đã yêu
Từ “yêu” ở đây nói đến tình yêu giữa anh em, một tình yêu bình thường, tự nhiên, giữa bạn bè hoặc người thân.
Ông ấy đã mở mắt người mù, lại không thể khiến người nầy khỏi chết sao?
Tham khảo cách dịch: “Ông ấy đã có thể chữa cho người mù sáng mắt thì ông ấy cũng có thể khiến La-xa-rơ khỏi chết”
Mở mắt
Chữa lành mắt
John 11:38
Ta đã chẳng nói với con rằng, nếu con tin thì sẽ thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời sao?
Tham khảo cách dịch: “Hãy nhớ lại những lời Ta đã nói với con, nếu con tin ta thì con sẽ thấy Đức Chúa Trời là lớn lao dường nào”
John 11:41
Thưa Cha, Con cám ơn Cha vì đã lắng nghe lời cầu xin của con
Chúa Giê-xu cầu nguyện trực tiếp với Cha như một lời làm chứng đối với những người đang ở xung quanh Ngài khi đó.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
John 11:43
Chân tay buộc vả liệm, mặt thì phủ một tấm khăn
Tập tục chôn cất thời đó là quấn người chết bằng một miếng vải dài.
Chúa Giê-xu phán với họ
Từ “họ” ở đây chỉ những người ở đó chứng kiến phép lạ.
John 11:49
Các ông chẳng biết gì cả
Cai-phe nói như vậy không phải vì ông cho rằng họ không biết gì hết nhưng bởi vì họ không nghĩ đến giải pháp giống ông. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi nói như thể các ngươi chẳng biết phải làm gì”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

John 11:51

Bấy giờ, ông nói điều nầy

Bấy giờ, những gợi ý của Cai-phe được giải thích và được xem như là một lời tiên tri mặc dầu chính ông cũng không nhận ra mình đang nói tiên tri. Đây là thông tin cơ bản, dùng bất cứ cách diễn đạt nào có thể để đánh dấu rõ điều nầy.

Vì dân chịu chết

Từ “dân’ được dùng ở đây để chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Con cái của Đức Chúa Trời

Cụm từ này nói đến những người thuộc về Chúa bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu và là con cái của Ngài về mặt thuộc linh.

John 11:54

Miền

vùng ngoại ô, nơi ít người sống

John 11:56

Họ đang tìm Chúa Giê-xu

Từ “họ” chỉ về những người Do Thái đã đến Giê-ru-sa-lem

Anh em nghĩ thế nào? Ông ấy sẽ không đến dự lễ sao?

Người phát ngôn ở đây đang băn khoăn không biết liệu Chúa Giê-xu, với mỗi nguy hiểm có thể bị bắt giữ, Ngài có đến tham dự kỳ lễ hay không. Ông đang hỏi những người xung quanh để xem họ nghĩ thế nào. Tham khảo cách dịch: “Anh em có cho rằng Chúa Giê-xu quá sợ hãi đến nỗi không dám đến tham dự kỳ lễ không?”

Bấy giờ, các thầy tế lễ cả

Đây là thông tin cơ bản giải thích lí do tại sao những người thờ phượng Do Thái lại thắc mắc xem liệu Chúa Giê-xu có đến kỳ lễ hay không. Nếu bạn có cách nào để đánh dấu số thông tin nầy thì nên dùng ở đây.

Translation Questions

John 11:1

La-xa-rơ nầy là ai?

La-xa-rơ là một người đàn ông ở Bê-tha-ni. Em gái của ông là Ma-ri và Ma-thê. Đây cũng chính là Ma-ri người đã xức dầu thơm cho Chúa và dùng tóc mình lau chân Ngài.

John 11:8

Các môn đệ của Chúa Giê-xu nói gì khi Ngài bảo họ: “Chúng ta trở lại Giu-da.”?

Các môn đồ thưa với Chúa Giê-xu rằng: “Thưa thầy, người Do Thái muốn ném đá Ngài mà Ngài còn muốn quay lại sao?”

John 11:10

Chúa Giê-xu nói gì về việc đi giữa ban ngày và đi lúc ban đêm?

Chúa Giê-xu phán rằng nếu người nào đi giữa ban ngày thì sẽ không bị vấp bởi vì nhờ ánh sáng mà thấy được. Tuy nhiên, nếu người bước đi lúc ban đêm thì sẽ vấp chân bởi vì người không có ánh sáng.

John 11:12

Khi Chúa Giê-xu nói với các môn đồ rằng La-xa-rơ đã ngủ và Ngài sẽ đi đánh thức người thì các môn đồ đã nghĩ Ngài có gì?

Các môn đồ cho rằng Chúa Giê-xu muốn nói đến giấc ngủ bình thường vì họ thưa cùng Chúa Giê-xu rằng: “Thưa Chúa, nếu anh ấy ngủ thì chắc sẽ hồi phục lại thôi”

John 11:15

Tại sao Chúa Giê-xu lại mừng khi Ngài không ở đó lúc La-xa-xơ mất?

Chúa Giê-xu phán: “Ta mừng vì cớ các ngươi, vì Ta không ở đó đặng các ngươi tin”

John 11:17

Khi Chúa Giê-xu đến thì La-xa-rơ đã ở trong mộ được bao lâu rồi?

La-xa-rơ đã ở trong mộ được bốn ngày.

John 11:24

Khi Chúa Giê-xu phán với Ma-thê rằng: “Anh con sẽ sống lại” thì người phản ứng như thế nào với Chúa Giê-xu?

Cô thưa với Chúa Giê-xu rằng: “Con biết rằng anh con sẽ sống lại trong ngày cuối cùng.”

John 11:27

Ma-thê làm chứng rằng Chúa Giê-xu là ai?

Ma-thê thưa cùng Chúa Giê-xu rằng: “Vâng, thưa Chúa. Con tin rằng Chúa là Chúa Cứu Thế, Con của Đức Chúa Trời là Đấng đang đến thế gian.”

John 11:33

What seems to have prompted Jesus to groan in the spirit and be troubled and weep?

Chúa Giê-xu đau lòng cảm động và khóc sau khi Ngài những người Do Thái khóc cùng Mari.

John 11:36

Những người Do Thái khi thấy Chúa Giê-xu khóc thì kết luận điều gì?

Họ kết luận rằng Chúa Giê-xu yêu thương La-xa-rơ.

John 11:41

Ngay sau khi hòn đã được dời đi khỏi mộ thì Chúa Giê-xu đã làm gì?

Chúa Giê-xu ngước mắt lên và cầu nguyện lớn tiếng với Cha Ngài.

John 11:45

Phản ứng của người Do Thái ra sao khi họ thấy La-xa-rơ bước ra khỏi mộ?

Nhiều người trong số những người Do Thái chứng kiến việc Chúa Giê-xu làm thì tin Ngài, những một số người lại đi đến chỗ người Pha-ri-si và thuật lại cho họ những điều Chúa Giê-xu đã làm.

John 11:51

Tại Hội đồng công luận của các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si thì Cai-phe đã nói tiên tri về điều gì?

Cai-phe cho rằng điều đó là ích lợi cho họ khi một người phải chết thay cho dân, còn hơn cả dân tộc phải bị hủy diệt

John 11:54

Chúa Giê-xu đã làm gì sau khi Ngài khiến La-xa-rơ sống lại?

Chúa Giê-xu không còn đi lại cách công khai giữa những người Do Thái nữa nhưng Ngài rời Bê-tha-ni mà đi vào một vùng gần hoang mạc đến một thành gọi là Ép-ra-im. Ngài ở đó với các môn đồ.

Chapter 12

John 12:1

Lít

Một “lít” là đơn vị đo lượng về trọng lượng, 1 pao của người La-mã bằng khoảng 12 auxo hoặc bằng 327,5 gram.

Nước hoa

Đây là loại chất lỏng được tạo ra từ tinh dầu của những loại cây có mùi dễ chịu.

Dầu thơm cam tùng

Đây là loại dầu thơm được làm từ loại hoa có hình dạng giống những chiếc chuông màu hồng mọc trên núi ở Nê-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

pan, Trung Quốc và Ấn Độ.
Cả nhà sực nức mùi dầu thơm
"Mùi dầu thơm của bà lan khắp nhà"
John 12:4
Người sẽ phản Chúa Giê-xu
Tham khảo cách dịch: “Người sau này sẽ khiến cho kẻ thù bắt giữ Chúa Giê-xu”
Bấy giờ anh ta nói như vậy... lấy bớt tiền dâng làm của riêng
Giăng đang giải thích việc tại sao Giu-đa lại hỏi về người nghèo như vậy. Dùng cách của bạn để dịch thông tin bối cảnh nầy một khi có đưa ra ý đó.
Người nói vậy, không phải vì lo cho người nghèo nhưng vì người là một tên trộm
Tham khảo: "người nói vậy vì người là tên trộm. Người không lo cho người nghèo.”
John 12:9
Bấy giờ
Từ này được dùng để đánh dấu sự thay đổi trong cốt truyện chính. Ở đây, Giăng đang nói về một nhóm nhân vật mới trong câu chuyện.
Vì tại ông
Sự kiện La-xa-rơ còn sống đã khiến nhiều người Do Thái tin nơi Chúa Giê-xu.
Vì Ngài
Việc La-xa-rơ được sống lại khiến nhiều người Do Thái tin Chúa Giê-xu.
John 12:12
Hô-sa-na
Có nghĩa là “Nguyện Đức Chúa Trời giải cứu”
Chúc tụng
Từ này diễn tả niềm ao ước Đức Chúa Trời ban phước cho người đó.
Đến trong danh Chúa
Đến trong danh một người nào đó có nghĩa được sai đến với thẩm quyền và năng lực của người đó, hoặc là người đại diện hay là sứ giả của người đó. Tham khảo cách dịch: “đến với tư cách là người đại diện của Chúa”
John 12:14
Con gái của Si-ôn
“Con gái của Si-ôn” là một cái nói khác về dân Y-sơ-ra-ên
“con cái Y-sơ-ra-ên” hoặc “những người đến từ Giê-ru-sa-lem”
John 12:16
Khi Chúa Giê-xu được ca ngợi
Tham khảo cách dịch: “khi Đức Chúa Trời ca ngợi Chúa Giê-xu’
Họ nhớ rằng những điều nầy đã được viết về Ngài
Giăng, tác giả, đã ngắt quãng ở đây để cung cấp cho người đọc một số thông tin cơ bản về những điều mà sau này các môn đồ mới hiểu được.
John 12:17
Dấu lạ
Đây là một sự kiện hoặc một việc xảy ra chứng minh điều nào đó là đúng; trong trường hợp này, dấu lạ ấy chứng minh rằng Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a.
Cả thiên hạ đều theo ông
Tham khảo cách dịch: “Dường như mọi người đều trở thành môn đồ của ông ta”
John 12:23
Quả thật, quả thật, ta nói cùng các con, nếu hột giống rơi xuống đất mà không chết đi, thì nó chỉ vẫn là hột lúa mì; nhưng nếu nó chết đi thì sẽ sanh nhiều kết quả.
Tham khảo cách dịch: “Hãy chú ý kỹ câu chuyện ngụ ngôn mà ta kể cho các ngươi. Sự sống của ta giống như một hạt giống được gieo vào đất và chết đi. Nếu nó không được gieo xuống thì mãi nó vẫn chỉ là một hạt giống. Nhưng khi hạt giống đó được gieo xuống thì thay đổi, lớn lên và kết nhiều hạt”
John 12:25
Ai yêu sự sống mình thì sẽ mất, còn ai ghét sự sống mình trong đời nầy thì sẽ giữ được nó cho sự sống đời đời.
Tham khảo cách dịch: “Cũng giống như vậy, người nào thích sống theo ý riêng ấy là đang hủy hoại sự sống của mình. Nhưng người nào bỏ qua những ý riêng đó, bởi vì người quy phục ta thì người sẽ được sống với Đức Chúa Trời đời đời”
Yêu mạng sống mình…ghét mạng sống mình
Cụm từ này nói đến sự sống thuộc thể.
John 12:27
Ta sẽ nói gì đây? “Cha ơi, xin cứu con khỏi giờ nầy?”
“Ta sẽ không cầu nguyện rằng: “Cha ơi, xin cứu con khỏi giờ nầy”
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Tôn vinh danh Cha
Từ “danh” ở đây nói đến Đức Chúa Trời. Tham khảo: "làm danh Cha được vinh hiển” hoặc “bày tỏ sự vinh hiển của Cha”
Thưa Cha…Con đã đến vì lý do này…Lạy Cha, xin danh Cha được vinh hiển
Sự thân mật vĩnh cửu và lòng yêu thương giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được thể hiện trong lời cầu nguyện của Chúa Giê-xu. Cha và Con cùng tôn vinh nhau và luôn như vậy.
có tiếng từ trời…Ta đã tôn vinh cả hai…đám đông…nói rằng đó là tiếng sấm
The Father answers the Son with a voice as strong as thunder.
John 12:30
Kẻ cầm quyền
Từ này nói đến sa-tan.
Thế gian
Từ này nói đến tất cả mọi người sống trên thế giới.
John 12:32
Sẽ kéo mọi người đến với Ta
“sẽ buộc mọi thứ lại cùng ta- đặng ta sẽ cai trị họ”
Ngài phán điều nầy để chỉ cho thấy Ngài sẽ chết cách nào
John 12:34
Đoạn, Chúa Giê-xu phán cùng họ rằng: “Sự sáng còn ở với ít lấy. Hãy bước đi trong lúc các ngươi còn có ánh sáng, đặng bóng tối không phủ lấy các ngươi. Người nào đi trong bóng tối thì không biết mình đi đâu”
Tham khảo cách dịch: “Đoạn, Chúa Giê-xu kể với các môn đồ câu chuyện ngụ ngôn nầy: “Lời Ta giống như sự sáng cho các ngươi, để giúp các ngươi hiểu được làm sao để sống như Đức Chúa Trời muốn mình như vậy. Các ngươi cần làm theo những lời dạy của ta trong lúc ta còn đang ở với các ngươi. Nếu các ngươi chối bỏ lời Ta, việc đó giống như bóng tối thình lình phủ lấy trên các ngươi đến nỗi các ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chẳng thể thấy được mình đang đi đâu”
John 12:37
Lạy Chúa, ai đã tin điều chúng tôi rao giảng? Và cánh tay của Chúa đã tỏ ra cho ai?
Tham khảo cách dịch: “Lạy Chúa, chẳng ai chịu tin lời tôi rao giảng, kể cả khi họ nhận biết rằng Chúa có năng quyền để cứu chuộc họ”
Cánh tay của Chúa
Điều này chỉ về năng lực giải cứu của Chúa với quyền năng nầy.
John 12:41
Bị đuổi khỏi nhà hội
“không được phép vào nhà hội”
John 12:44
Người nào thấy ta tức là thấy Đấng đã sai ta
Tham khảo cách dịch: “người nào thấy ta tức là thấy Đức Chúa Trời là Đấng đã sai ta”
John 12:46
Ta đã đến với tư cách là ánh sáng
Một lần nữa, Chúa Giê-xu gọi mình là sự sáng để tương phản với bóng tối của thế gian nầy.
Cứ ở trong sự tối tăm
"cứ ở trong tình trạng mù lòa thuộc linh”
Nếu người nào nghe lời Ta mà không giữ lấy thì ta sẽ không xét đoán họ, vì ta đến chẳng phải để xét đoán thế gian đâu, bèn là cứu chuộc.
Tham khảo cách dịch: “Nếu người nào nghe lời dạy của Ta mà chối bỏ chúng thì ta không cần phải lên án người. Vì chính lời giảng của Ta, tức là những lời người đã chối bỏ, đã lên án người rồi. Còn về phần ta, ta đến chẳng phải để kết tội nhưng để cứu những người tin nơi Ta”
John 12:48
Ngày cuối cùng
“thời điểm lúc Đức Chúa Trời phán xét tội lỗi loài người”
Ta biết rằng mệnh lệnh của Ngài là sự sống đời đời
“Ta biết rằng những lời Ngài đã truyền cho ta phải nói, ấy là những lời đem đến sự sống đời đời”
mà là theo ý Cha…Ngài đã truyền cho Ta…điều Ta nên nói…sự sống đời đời
Chúa Giê-xu, Đức Chúa Con, phán lời mà Đức Chúa Cha đã truyền cho Ngài. Cha và Con đều có lời của sự sống đời đời.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Translation Questions

John 12:1
Chúa Giê-xu đã trở Bê-tha-ni khi nào?
Ngài đến Bê-tha-ni sáu ngày sau lễ Vượt Qua.
John 12:4
Tại sao Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, một trong số những môn đồ của Chúa Giê-xu lại phàn nàn rằng đang lẽ ra phải bán số dầu thơm đó đi lấy tiền mà phân phát cho người nghèo?
Giu-đa nói vậy, không phải vì người quan tâm đến những người nghèo, những vì người là một tên trộm: Người có trách nhiệm giữ túi tiền và thường lấy trộm tiền để làm của riêng.
John 12:7
Chúa Giê-xu đã bênh vực cách sử dụng số dầu thơm đó của Ma-ri ra sao?
Chúa Giê-xu phán rằng: “Hãy để người làm những việc người đã chuẩn bị cho ngày chôn cất Ta. Người nghèo có các ngươi ở cùng họ luôn, nhưng các ngươi sẽ không có Ta ở bên mãi đâu.”
John 12:9
Tại sao đám đông lại tụ tập ở Bê-tha-ni?
Họ đến vì Chúa Giê-xu và cũng để xem La-xa-rơ là người mà Chúa Giê-xu đã khiến sống lại từ kẻ chết.
John 12:16
Thoạt đầu, các môn đồ của Chúa Giê-xu không hiểu điều gì nhưng sau khi Chúa Giê-xu được tôn vinh thì họ mới nhớ lại rằng họ đã làm những điều đó cho Ngài?
Các môn đồ nhớ lại có lời chép về Chúa Giê-xu: “Hỡi con gái Si-ôn, đừng sợ! Kìa, vua người đang đến, cưỡi trên lừa con!”
John 12:17
Tại sao đoàn dân đông tại kỳ lễ lại đi ra để gặp Chúa Giê-xu?
Họ đi ra để gặp Chúa Giê-xu bởi vì họ nghe từ những người đã tận mắt chứng kiến rằng Chúa Giê-xu đã kêu La-xa-rơ ra khỏi mộ phần và khiến người từ kẻ chết sống lại.
John 12:23
Điều trước hết mà Chúa Giê-xu đã nói gì sau khi Anh-rê và Phi-líp thưa với Ngài rằng có một vài người La-mã muốn gặp Ngài?
Chúa Giê-xu trả lời họ mà rằng: “Giờ Con Người được tôn vinh đã đến”
John 12:25
Chúa Giê-xu phán chuyện gì sẽ xảy ra cho những kẻ yêu mạng sống mình và cho những kẻ ghét mạng sống mình trong đời nầy?
Chúa Giê-xu phán người nào yêu mạng sống mình thì sẽ mất, nhưng ai ghét mạng sống mình trong đời nầy thì sẽ giữ lại được cho sự sống đời đời.
John 12:30
Chúa Giê-xu phán rằng lí do có tiếng ra từ trời là gì?
Chúa Giê-xu phán: “Tiếng đó không phải đến vì Ta, nhưng vì các ngươi (người Do Thái)”
John 12:37
Tại sao những người nào không tin nơi Chúa Giê-xu?
Họ không tin để lời của tiên tri Ê-sai được ứng nghiệm: “Lạy Chúa, ai đã tin điều chúng tôi rao giảng? Và cánh ta của Chúa đã được tỏ ra cho ai?”
John 12:39
Tại sao những người nầy không thể tin nơi Chúa Giê-xu?
Họ không thể tin bởi vì tiên tri Ê-sai đã nói: “Chúa đã khiến mắt họ đui mù, lòng hò chai đá kẻo mắt họ thấy được, lòng họ hiểu được và hối cải mà ta phải chữa lành cho họ"
John 12:41
Tại sao Ê-sai lại nói những lời nầy?
Ông nói những lời nầy vì ông đã thấy sự vinh hiển của Chúa Giê-xu.
John 12:44
Chúa Giê-xu tuyên bố gì về chính mình Ngài và Cha Ngài?
Chúa Giê-xu phán: “Người nào tin Ta, không phải chỉ tin Ta, nhưng cũng tin Đấng đã sai Ta”
John 12:48
Điều gì sẽ phán xét những người đã chối bỏ Chúa Giê-xu và không chịu tiếp nhận lời của Ngài?
Trong ngày cuối cùng, chính những lời Chúa Giê-xu phán dạy sẽ phán xét những người đã chối bỏ Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 13

John 13:1

Bấy giờ, trước lễ Vượt Qua

Cụm từ này là thông tin cơ bản để giải thích về bối cảnh. Có thể sử dụng bất hình thức nào trong ngôn ngữ của bạn để truyền đạt số thông tin nầy.

Chúa Giê-xu biết...và Ngài phải rời khỏi thế gian này để trở về cùng Cha

Sau khi Chúa Giê-xu hy sinh mạng sống mình để trả giá cho tội lỗi của thế gian, Ngài trở về với Cha Ngài, Đấng đã sai Ngài đến thế gian.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

yêu

Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.

Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, con của Si-môn

Tham khảo cách dịch: “Giu-đa, con trái của Si-môn người Kê-ri-ốt.

John 13:3

Chúa Giê-xu biết...Cha...Ngài đến từ Đức Chúa Trời thì sẽ trở về cùng Đức Chúa Trời

Đức Chúa Con đã luôn ở cùng Cha, nhưng Ngài đến thế gian để chịu chết vì tội lỗi của nhân loại.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Ngài đứng dậy khỏi bàn ăn, cởi áo ngoài ra

Bởi vì đây là vùng rất nhiều bụi bặm nên phong tục của chủ nhà là chuẩn bị một người đầy tớ rửa chân cho khách.

John 13:6

Thưa Chúa, Ngài lại đi rửa chân cho tôi

Tham khảo cách dịch: “Thưa Chúa, chắc chắn là Ngài sẽ không rửa chân cho con”

Nếu Ta không rửa chân cho con, thì con không có phần gì với Ta.

"Con có thể dự phần với Ta nếu Ta rửa chân cho con"

John 13:10

Các ngươi...các ngươi...các ngươi

Từ “các ngươi” nói đến các môn đồ

Không phải tất cả các con đều tinh sạch

Tham khảo cách dịch: “Không phải tất cả các con đều được tự do khỏi tội lỗi”

John 13:12

Các con có hiểu những điều ta đã làm cho các con không?

Tham khảo cách dịch: “Các con cần phải hiểu những điều ta đã làm cho các con’

John 13:16

Lớn hơn

"quan trọng hơn"

Các con được phước

Tham khảo: "Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho các ngươi.”

Từ “ban phước” ở đây có nghĩa là đem lại những điều tốt lành và ích lợi cho người đó.

John 13:19

Đấng Hằng Hữu

Đây là cách Đức Chúa Trời gọi mình trước Môi-se. Đây là danh xưng thánh của Đức Chúa Trời và được nhiều người Do Thái biết đến.

John 13:21

Lo lắng

lo lắng, lo ngại

John 13:23

Tại bàn, có một người ngồi tựa

Trong nền văn hóa đó, người ta thường ăn trên một bàn thấp trong khi nằm tựa lưng. (Xem:

Ngực Chúa Giê-xu

Ngực Chúa Giê-xu

yêu

Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.

Ngực của Chúa Giê-xu

Ngực của Chúa Giê-xu

Người được Chúa Giê-xu yêu thương

Ở đây chỉ về Giăng

John 13:26

Ích-ca-ri-ốt

Từ làng của người Kê-ri-ốt

John 13:28

Anh ta phải đi phân phát gì đó cho người nghèo

Có thể dịch thành câu trực tiếp: “Hãy đi và phân phát ít tiền cho người nghèo”

John 13:31

Con cái bé nhỏ

Chúa Giê-xu dùng từ “con cái bé nhỏ” để bày tỏ rằng Ngài yêu các môn đồ như thể họ là con cái của Ngài vậy.

John 13:34

yêu

Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.

Mọi người

Từ “Mọi người” chỉ về những ai nhìn thấy tình yêu thương mà các môn đò dành cho nhau.

John 13:36

Hi sinh mạng sống con

“từ bỏ mạng sống của con” hoặc “chịu chết”

Con sẽ hi sinh mạng sống con vì Ta sao?

Tham khảo cách dịch: “Con nói là con sẽ chết vì Ta”

trước khi gà gáy, con sẽ chối Ta ba lần

Tham khảo: "con sẽ chối Ta ba lần trước khi gà gáy”

Translation Questions

John 13:1

Chúa Giê-xu yêu thương những người thuộc về mình trong bao lâu?

Chúa Giê-xu yêu họ cho đến cuối cùng.

John 13:3

Đức Chúa Cha đã ban cho Chúa Giê-xu điều gì?

Đức Chúa Cha đã ban mọi điều vào tay Chúa Giê-xu.

Chúa Giê-xu đến từ đâu và Ngài sẽ đi đâu?

Chúa Giê-xu đã đến từ Đức Chúa Trời và sẽ trở lại cùng Đức Chúa Trời.

John 13:16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đầy tớ có lớn hơn chủ mình không hay sứ giả có lớn hơn người sai phái mình không?
Đầy tớ không lớn hơn chủ cũng như sứ giả không lớn hơn người sai phái mình.
John 13:19
Tại sao Chúa Giê-xu lại phán với các môn đồ của Ngài rằng: “Chẳng phải các người đều sạch” và “Kẻ ăn bánh của Ta, trở gót chống lại Ta”?
Chúa Giê-xu nói với họ điều này trước khi nó thực sự xảy ra thì họ nhận biết Ngài là Đấng Hằng Hữu.
John 13:26
Chúa Giê-xu đã trả lời môn đồ Ngài yêu ra sao khi người ấy hỏi ai là người sẽ phản Ngài?
Chúa Giê-xu đáp rằng: “Đó là người mà Ta sẽ nhúng miếng bánh nầy và trao cho người”. Đoạn Chúa Giê-xu nhúng miếng bánh và trao nó cho Giu-đa, con của Si-môn Ích-ca-ri-ốt.
John 13:31
Đức Chúa Trời sẽ được vinh hiển thể nào?
Đức Chúa Trời sẽ được vinh hiển trong Con Người. Khi Con Người được vinh hiển thì ấy cũng là làm vinh hiển Đức Chúa Trời.
John 13:34
Mạng lệnh mới mà Chúa Giê-xu ban cho các môn đồ là gì?
Mạng lệnh mới ấy là các môn đồ phải yêu nhau như chính Chúa Giê-xu đã yêu họ.

Chapter 14
John 14:1
Đừng bối rối. Con hãy tin nơi Đức Chúa Trời; cũng hãy tin nơi Ta
Tin Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, cũng chính là tin Đức Chúa Trời.
Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở…Ta đi để chuẩn bị một chỗ cho con
Cha của Chúa Giê-xu đã chuẩn bị một chỗ trên thiên đàng cho mỗi người là những ai tin Ngài, để sống với Ngài và Con Ngài đời đời.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
John 14:4
Làm sao chúng con biết đường đi
Tham khảo: "làm sao chúng con biết đường đến đó?"
Đường đi
Từ này có thể mang nghĩa 1) “đường đến Đức Chúa Trời” hoặc 2) “người dẫn người khác đến với Đức Chúa Trời”.
Lẽ thật
Từ này có thể mang nghĩa 1) “Đấng chân thật” hoặc 2) “Đấng nói những lời chân thật.”
Sự sống
Tham khảo: "Đấng có thể khiến cho con người sống”
Chúa Giê-xu phán cùng người rằng: “ Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống; không ai đến cùng Cha ngoại trừ Ta
Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, là đường đi duy nhất dến Đức Chúa Cha.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
John 14:8
“Phi-líp ơi, Ta đã ở với các con lâu rồi, vậy mà con vẫn không biết Ta sao?”
Tham khảo cách dịch: “Hỡi Phi-líp, Ta đã ở với các con một thời gian dài, mà dường như con vẫn chưa nhận biết Ta”
Sao con có thể nói: “Xin chỉ Cha cho chúng tôi?”
Tham khảo cách dịch: “vì vậy con chẳng nên nói: “Xin chỉ Cha cho chúng tôi”
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Thưa Chúa, hãy chỉ Cha chúng con là đủ rồi…Chúa Giê-xu phán cùng người… Ai đã thấy ta là đã thấy Cha
Thấy Đức Chúa Con, Chúa Giê-xu, tức là thấy Đức Chúa Cha.
John 14:10
Có phải con không tin?
Có phải con (số ít) không tin
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Những lời Ta nói với các con chẳng phải Ta tự nói
“Sứ điệp mà Ta truyền cho các con chẳng phải từ Ta mà đến”
Ta ở trong Cha, và Cha ở trong Ta
Tin Chúa Giê-xu, Đức Chúa Con, tức là tin Đức Chúa Cha. Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều hiệp làm một vì mỗi Ngôi là Đức Chúa Trời và hoàn toàn là Đức Chúa Trời, dù Ba Ngôi đều có vai trò khác nhau.
John 14:12
Tin vào
Từ này có nghĩa là tin nơi Chúa Giê-xu, tức là, tin rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời, tin Ngài là Đấng Cứu Thế, và sống một đời sống tôn kính Ngài.
Bất cứ điều gì các con nhơn danh ta cầu xin, ta sẽ làm điều đó để Cha được vinh hiển trong Con.
Chúa Giê-xu trở về cùng Đức Chúa Cha sau khi sống lại và thăng thiên. Nhưng, Chúa Giê-xu vẫn ở cùng với những người theo Ngài vì Ngài nhậm lời cầu nguyện để Cha Ngài được vinh hiển trong Ngài, là Con Đức Chúa Trời.
Cha…Con
Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.
John 14:15
Ta sẽ cầu xin Cha, Ngài sẽ ban cho các con Đấng yên ủi khác…đời đời, Thần lẽ thật
Đức Chúa Con, là Chúa Giê-xu, cầu xin Đức Chúa Cha ban Đức Chúa Thánh Linh đến ở với những người tin Chúa GIê—u.
Đấng An Ủi
Đức Thánh Linh. “Đấng ở gần đặng giúp đỡ” hoặc “Đấng an ủi” hoặc “Đấng giúp đỡ”
Thần Lẽ Thật
Đức Thánh Linh
Thế gian
Những người không tin nơi Chúa Giê-xu
John 14:18
Thế gian
Những người không thuộc về Đức Chúa Trời
các con sẽ biết rằng Ta ở cùng Cha ta, và các con ở cùng ta, và Ta ở trong các con
Bởi thật sự tin Chúa Cứu Thế Giê-xu, Cha và Con đồng sống trong người tin Ngài qua Thánh Linh.
Cha Ta

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
John 14:21
yêu
Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.
người yêu mến ta sẽ được Cha ta yêu lại
Khi người nào yêu mến Chúa Giê-xu, thì Cha sẽ yêu người đó.
Cha Ta
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
John 14:23
yêu
Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.
Cha Ta
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Lời các ngươi nghe không phải của Ta, nhưng là của Cha là đấng sai Ta đến
Chúa Giê-xu giải thích rằng lời Ngài nói đến từ Cha. Sứ điệp của Chúa Giê-xu cũng là sứ điệp của Cha vì Cha và Con luôn hoàn toan hiệp một với nhau.
John 14:25
Đấng an ủi
Tham khảo cách dịch từ này ở JHN14:15
Thế gian
Từ này nói đến những người đang sống trên thế giới.
Nhơn danh Ta
Từ "danh" ở đây nói đến quyền năng và thẩm quyền của Chúa Giê-xu.
Đức Thánh Linh, là đấng mà Cha sẽ nhơn danh ta sai đến...nhắc các con nhớ tất cả những gì Ta phán cùng các con
Đức Chúa Cha, Con, và Thánh Linh đều tham gia vào việc ban lời của Đức Chúa Trời về những gì Chúa Giê-xu đã dạy.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
John 14:28
yêu
Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.
Cao trọng hơn Ta
"Có thẩm quyền cao trọng hơn Ta tại đây"
Ta đi đến cùng Cha, vì Cha lớn hơn Ta
Chúa Giê-xu trở về cùng Cha sau khi đã hoàn tất công việc cứu chuộc. Đức Chúa Cha lớn hơn Chúa Giê-xu, Đấng đã giáng sinh làm người, nhưng mãi mãi là đồng đẳng với Đức Chúa Trời.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Translation Questions

John 14:1
Tại sao lòng các môn đồ chớ nên bối rối?
Lòng họ chớ nên bối rối bởi vì Chúa Giê-xu sẽ đi sắm sẵn một chỗ cho họ và Ngài sẽ trở lại để đem họ đi với Ngài hầu cho Chúa Giê-xu ở đâu thì họ cũng sẽ ở đó.
John 14:8
Phi-líp thưa với Chúa Giê-xu làm điều gì là đủ cho các môn đồ?
Phi-líp thưa với Chúa Giê-xu: "Lạy Chúa, xin chỉ Cha cho chúng con thì đủ rồi"
John 14:10
Có phải Chúa Giê-xu tự mình nói ra những lời đó cho các môn đồ?
Chúa Giê-xu không tự mình nói ra những điều đó, nhưng chính Đức Chúa Cha là Đấng ở trong Chúa Giê-xu đang làm những việc của Ngài.
John 14:12
Tại sao Chúa Giê-xu lại nói rằng các môn đồ sẽ có thể làm những việc lớn hơn những việc Ngài đã làm?
Chúa Giê-xu phán các môn đồ sẽ làm những việc thậm chí còn lớn lao hơn bởi vì Chúa Giê-xu sẽ trở về cùng Cha.
John 14:15
Chúa Giê-xu phán rằng nếu bạn yêu Chúa thì bạn phải làm điều gì?
Chúa Giê-xu phán rằng nếu bạn yêu Ngài thì sẽ giữ những mạng lệnh của Ngài.
John 14:21
Chuyện gì xảy đến cho những kẻ có lời của Chúa Giê-xu và vâng giữ lấy?
Những người đó sẽ được Chúa Giê-xu và Đức Chúa Cha yêu mến, và Chúa Giê-xu sẽ bày tỏ chính mình Ngài cho họ.
John 14:28
Tại sao các môn đồ nên vui mừng vì Chúa Giê-xu đi?
Chúa Giê-xu phán rằng họ nên vui mừng bởi vì Chúa Giê-xu sẽ đi về cùng Đức Chúa Cha và Cha cao trọng hơn Ngài.

Chapter 15
John 15:1
Ta là cây nho thật
Chúa Giê-xu so sánh chính mình Ngài với cây nho. Ý Ngài là Ngài chính là nguồn sự sống có thể khiến con người sống đẹp lòng Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "Ta là cây nho đáng tin cậy sẽ cho ra trái tốt"
Và Cha ta là người trồng nho
"Người trồng nho" là người chăm sóc cây nho để đảm bảo rằng nó sẽ kết quả hết sức có thể. Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha sẽ chăm sóc Chúa Giê-xu để đảm bảo rằng những người theo Ngài sẽ sống cách làm vui lòng Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "Cha Ta là người làm vườn"
Hễ nhánh nào trong Ta không kết quả thì Ngài cất đi, còn những nhành nào kết quả thì Ngài tỉa sửa để kết nhiều quả hơn
Con người giống như những nhành nho liên kết với cây nho vậy, Đức Chúa Trời chăm sóc họ để những người thuộc về Chúa Giê-xu sẽ có thể sống đẹp lòng Ngài.
Cất đi
Hầu hết các bản dịch đều hiểu cụm này có nghĩa là "chặt và vứt đi" (Tham khảo bản dịch UDB). Ngoài ra, cũng có một số ít bản dịch cho rằng việc nầy có nghĩa là nâng nhánh cho lên khỏi mặt đất để chúng có thể cho trái.
John 15:3
Các ngươi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ “các ngươi” trong suốt đoạn Kinh Thánh nầy luôn ở số nhiều và chỉ về các môn đồ của Chúa Giê-xu.

Các ngươi đã được tinh sạch nhờ lời Ta đã truyền dạy cho các ngươi

Tham khảo cách dịch: “Điều nầy giống như thể các ngươi đã được cắt tỉa để thành những nhánh khéo đẹp bởi vì các ngươi đã vâng giữ những lời ta truyền dạy cho các ngươi”

John 15:5

Ta là cây nho, các ngươi là nhánh

Tham khảo cách dịch: “Ta giống như cây nho, còn các ngươi là nhánh”

Người bị ném ra ngoài như nhánh nho

“Người trồng nho ném người đi như ném bỏ một nhánh nho”

John 15:8

Cha Ta

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Các ngươi là môn đồ ta

“tỏ ra các ngươi là môn đồ Ta” hoặc “chứng tỏ các ngươi là môn đồ Ta”

Cứ ở trong tình yêu thương của Ta

"tiếp tục nhận biết ta yêu thương các ngươi nhiều dường bao”

Như Cha đã yêu thương ta thể nào, thì Ta cũng yêu thương các con thể ấy

Chúa Giê-xu yêu những ai tin Ngài bằng tình yêu mà Đức Chúa Cha dành cho Ngài, là Đức Chúa Con.

John 15:10

Nếu các ngươi vâng giữ các điều răn của Ta thì sẽ ở trong tình yêu thương của Ta, cũng như Ta đã vâng giữ các điều răn của Cha Ta và cứ ở trong tình yêu thương của Ngài

“Nếu các ngươi vâng giữ những điều Ta đã truyền dạy thì các ngươi sẽ tiếp tục nhận biết tình yêu mà Ta dành cho các ngươi, cùng như Ta đã vâng giữ những mạng lệnh của Cha Ta và cứ luôn nhận biết tình yêu thương của Ngài vậy”

John 15:12

Sự sống

Từ này nói đến sự sống thuộc thể

John 15:16

Nhơn danh Ta

Cha sẽ nhậm lời cầu xin của họ vì mối quan hệ giữa họ với Chúa Giê-xu. Tham khảo: “như những người theo Ta” hoặc “bởi thẩm quyền của Ta”.

Bất cứ điều gì các con nhơn danh ta cầu xin Cha, thì Ngài sẽ ban cho các con

Danh của Con Đức Chúa Trời, là “Chúa Giê-xu”, Đức Chúa Con, thật đầy quyền năng đến nỗi Đức Chúa Cha sẽ nhậm lời cầu nguyện của những ai nhân danh Ngài mà cầu xin.

John 15:18

Nếu thế gian ghét bỏ các ngươi... lí do thế gian ghét các ngươi

Chúa Giê-xu sử dụng từ “thế gian” để chỉ tất cả những người không thuộc về Đức Chúa Trời.

yêu

Từ nay nói đến tình yêu giữa con người với nhau, giữa anh em hoặc tình yêu dành cho một người bạn hoặc một thành viên gia đình.

John 15:20

Nếu ta không đến và phán với họ, thì họ sẽ không có tội; nhưng

Tham khảo: “Vì Ta đã đến và phán với họ, họ có tội, và”

họ sẽ không có tội

Tham khảo: "họ sẽ không có tội"

John 15:23

Người nào ghét ta thì cũng ghét Cha ta...nhưng bây giờ họ đã thấy và ghét cả ta lẫn Cha Ta.

Ghét Đức Chúa Con cũng chính là ghét Đức Chúa Cha.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Nếu ta không thực hiện giữa họ những điều mà chưa có người nào làm, thì họ sẽ không có tội ; nhưng

Tham khảo: "Vì Ta đã làm ở giữa họ những việc mà không ai khác làm được, nên họ có tội, và”

Họ sẽ không có tội

Tham khảo cách dịch câu này ở JHN15:20

Luật pháp

Từ này thường chỉ đến toàn bộ Cựu Ước, là những sách chứa đựng tất cả những giáo huấn của Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài.

John 15:26

Đấng An Ủi

Đức Thánh Linh, “Đấng khích lệ” hoặc “Đấng giúp đỡ”

sẽ từ Cha...sai đến...Thần của lẽ thật...Ngài sẽ làm chứng về Ta

Đức Chúa Cha sai Đức Chúa Thánh Linh đến để bày tỏ cho thế gian biết rằng Chúa Giê-xu là Đức Chúa Con.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Translation Questions

John 15:1

Ai là cây nho thật?

Chúa Giê-xu là cây nho thật.

Ai là người trồng nho?

Đức Chúa Cha là người trồng nho.

John 15:3

Nhờ đâu mà các môn đồ được tinh sạch?

Họ được tinh sạch nhờ lời mà Chúa Giê-xu đã truyền dạy cho họ.

John 15:5

Ai là nhánh nho?

Chúng ta là nhánh nho.

Để kết quả thì chúng ta phải làm gì?

Để kết quả thì chúng ta phải cứ ở trong Chúa Giê-xu.

John 15:8

Hai cách để Đức Chúa Cha được tôn vinh là gì?

Đức Chúa Cha được tôn vinh khi chúng ta kết nhiều quả và khi chúng ta trở nên môn đồ của Chúa Giê-xu.

John 15:10

Chúng ta phải làm gì để cứ ở trong tình yêu thương của Chúa Giê-xu?

Chúng ta phải giữ các điều răn của Ngài.

John 15:14

Làm thế nào chúng ta biết được mình có phải là bạn hữu của Chúa Giê-xu hay không?

Chúng ta là bạn hữu của Chúa Giê-xu nếu chúng ta làm theo những điều Ngài đã truyền cho chúng ta.

John 15:26

Ai sẽ làm chứng về Chúa Giê-xu?

Đấng An ủi, tức là Thần Lẽ Thật và các môn đồ của Chúa Giê-xu sẽ làm chứng về Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 16

John 16:3

Họ sẽ làm những điều này bởi vì họ không biết Cha hay ta

Một số những người tin Chúa có thể sẽ bị giết vì cớ những kẻ không biết Đức Chúa Cha và cũng không biết hoặc hiểu Đức Chúa Con, là Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Vào lúc đầu

Tham khảo cách dịch “vào lúc đầu” ở JHN15:26

John 16:5

nếu Ta không đi, Đấng An ủi sẽ không đến cùng các con

Tham khảo: "Đấng An ủi sẽ đến cùng các con nếu Ta đi"

Đấng An ủi

Tham khảo cách dịch từ này ở JHN14:25

John 16:8

the Comforter will convict the world regarding...righteousness...I am going to the Father

When Jesus left earth and returned to God the Father, then God the Spirit began to show people they are sinners and need the eternal forgiveness found only in Jesus Christ.

Đấng An ủi

Tham khảo cách dịch từ này ở JHN14:25

Thế gian

Từ này nói đến những người đang sống trên thế gian.

Về sự công bình, vì Ta sẽ đi đến với Cha và các ngươi sẽ không còn thấy Ta nữa

“Ngài sẽ khiến con người biết rằng vì Ta sẽ trở về cùng Cha Ta, và các ngươi sẽ không còn thấy Ta nữa, nên các ngươi sẽ biết rằng Ta thật là Đấng công bình”

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Kẻ cai trị thế gian nầy

Sa-tan, là kẻ thống trị những điều hư hoại trong thế gian. Bạn nên dịch cụm từ “kẻ cai trị thế gian nầy” y như cách bạn đã dịch trong Giăng 12:30

John 16:12

nhiều điều nói cùng các con

"những sứ điệp dành cho các con"

John 16:15

Tất cả những gì Cha có là của ta… Đức Thánh Linh sẽ lấy những điều của ta

Đức Chúa Cha, Con, và Thánh Linh đều cùng cai quản vạn vật với nhau. Tất cả đều là một và chỉ một Đức Chúa Trời.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Ít lâu nữa

"Sớm” hoặc “không lâu nữa"

John 16:19

Có phải các ngươi đang tự hỏi về điều Ta đã phán

Chúa Giê-xu dùng câu hỏi nầy để hướng các môn đồ của Ngài vào những điều Ngài vừa phán với họ để có thể giải thích kỹ càng hơn. Tham khảo cách dịch: “Các ngươi đang tự hỏi Ta nói như vậy có ý gì”

John 16:22

nếu các con cầu xin bất cứ điều gì nơi Cha, Ngài sẽ nhơn danh ta ban cho các con

Cha và Con cùng trả lời cầu nguyện. Những người tin Chúa Giê-xu nhận được sự tha thứ tội lỗi đời đời và có thể nhơn danh Con mà cầu nguyện với Cha, và Cha sẽ nhậm lời cầu xin.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Trong danh Ta

Cha sẽ đáp lời cầu xin của họ vì mối quan hệ giữa họ với Chúa Giê-xu. “bằng thẩm quyền của Ta” hoặc “thay cho Ta”

John 16:25

Bằng ngôn ngữ khó hiểu

"bằng ngôn ngữ khó hiểu"

Ta sẽ nói với các con một cách rõ ràng về Cha

Con người nhận biết Đức Chúa Cha qua Con Đức Chúa Trời, là Chúa Giê-xu. Biết Con cũng là biết Cha.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

John 16:26

chính Cha yêu thương các con bởi vì các con đã yêu mến Ta

Khi một người yêu mến Chúa Giê-xu, là Con, họ cũng yêu mến Cha, vì Cha và Con là một.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Yêu thương…đã yêu mến

Từ này nói đến tình yêu anh em hoặc tình yêu dành cho bạn bè hoặc người thân trong gia đình. Đây là tình yêu tự nhiên của con người giữa bạn bè hoặc người thân.

Ta từ Cha đến…Ta lìa khỏi thế gian này và đi về cùng Cha

Cha sai Con đến thế gian để chết trên thập tự giá và cứu những người tin Ngài khỏi tội lỗi và địa ngục, Ngài sống lại từ cõi chết, và trở về thiên đàng.

Thế gian

"đất". Từ này nói đến nơi con người sinh sống.

John 16:29

Bây giờ các ngươi có tin không?

Tham khảo cách dịch: “Bây giờ, cuối cùng các ngươi cũng đặt niềm tin nơi Ta!”

John 16:32

Ta không một mình bởi vì Cha ở cùng Ta

Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, không bao giờ ở một mình trên đất, hoặc mãi mãi, vì Đức Chúa Cha luôn bên cạnh Ngài.

Cha

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Ta đã thắng thế gian rồi

“Ta đã đánh bại những kẻ chống nghịch với Đức Chúa Trời”

Translation Questions

John 16:1

Tại sao Chúa Giê-xu lại phán cùng các môn đồ những điều nầy?

Chúa Giê-xu phán những điều nầy với họ để họ khỏi bị vấp ngã.

John 16:3

Tại sao người ta sẽ khai trừ các môn đồ của Chúa Giê-xu ra khỏi nhà hội và giết một vài trong số họ?

Người ta sẽ làm vậy bởi vì họ không nhận biết Đức Chúa Cha hay Đức Chúa Giê-xu.

John 16:8

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đấng An Ủi sẽ cáo trách thế gian về những vấn đề gì?
Đấng An Ủi sẽ cáo trách thế gian về tội lỗi, sự công bình và về sự phán xét.
John 16:15
Thần Lẽ Thật sẽ lấy đi những điều gì thuộc về Chúa Giê-xu?
Thần Lẽ Thật sẽ lất tất cả những gì của Cha. Tất cả những gì Đức Chúa Cha có thì cũng thuộc về Chúa Giê-xu.
John 16:22
Chuyện gì sẽ xảy ra và khiến các môn đồ vui mừng?
Họ sẽ được gặp lại Chúa Giê-xu và lòng họ sẽ vui mừng.
John 16:32
Chúa Giê-xu nói rằng con mồn đồ sẽ làm gì trong giờ đó?
Chúa Giê-xu phán rằng các môn đồ sẽ bị tản lạc, ai đi đường nấy và họ sẽ bỏ Ngài lại một mình.
Ai vẫn ở cùng Chúa Giê-xu sau khi các môn đồ đã bỏ Ngài lại một mình?
Đức Chúa Cha sẽ cứ ở với Chúa Giê-xu.

Chapter 17
John 17:1
Thưa Cha…làm vinh hiển Con của Cha để Con sẽ làm vinh hiển Cha
Chúa Giê-xu cầu xin Cha Ngài, là Đức Chúa Cha, làm vinh hiển Ngài, là Con Đức Chúa Trời.
Cha…Con
Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.
Trời
Từ này nói đến bầu trời.
John 17:3
Sự sống đời đời…biết cha, là Đức Chúa Trời chân thật duy nhất, và Chúa Cứu Thế Giê-xu
Sự sống đời đời chính là nhìn biết một Đức Chúa Trời chân thật duy nhất, là Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con (và Đức Chúa Thánh Linh).
Họ cần biết Cha
Câu này có nghĩa là nhận biết Đức Chúa Trời bằng sự kinh nghiệm hơn là chỉ biết những điều nói về Đức Chúa Trời.
Công việc mà Cha đã giao cho con
“Công việc” ở đây nói đến toàn bộ chức vụ truyền bá Tin Lành của Ngài trên đất.
Cha ơi…làm vinh hiển con bằng sự vinh hiển mà con đã có trước khi thế gian này được tạo dựng nên
Chúa Giê-xu có sự vinh hiển cùng với Đức Chúa Cha “trước khi thế gian này được dựng nên” vì Chúa Giê-xu là Đức Chúa Con. Cha, Con, và Thánh Linh đều là một Đức Chúa Trời chân thật duy nhất, là Đấng đã sống muôn đời và sẽ mãi mãi sống đời đời.
Cha…Con
Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.
John 17:6
ra khỏi thế gian này
Từ “thế gian” chỉ về những người sống trên thế giới. Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời đã biệt riêng họ về mặt thuộc linh khỏi những người không tin Ngài.
Giữ lời Cha
“vâng giữ những lời dạy của Cha”
John 17:9
Con không cầu nguyện cho thế gian
Từ “thế gian” ở đây nói đến những người gian ác trên đất hoặc những người không vâng phục Đức Chúa Trời.
ở thế gian
Cụm từ này nói đến việc sống trên đất và sống giữa những người khác.
Lạy Cha Thánh, xin gìn giữ…để họ sẽ được nên một, như chúng ta là một
Chúa Giê-xu cầu xin Cha gìn giữ những người tin Ngài. Đức Chúa Cha gìn giữ những người tin Đức Chúa Con và khiến họ hiệp làm một với Đức Chúa Trời trong Ba Ngôi.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
giữ họ trong danh Cha là danh đã ban cho Con
Từ “danh” ở đây nói đến sự bảo vệ và quan phòng của Đức Chúa Trời. Tham khảo: “bảo vệ họ trong danh Cha như Cha đã bảo vệ Con” hoặc “bảo vệ họ bằng quyền năng của danh Cha mà Cha đã ban cho Con.”
John 17:12
không một ai trong họ bị hư mất, ngoại trừ đứa con của sự diệt vong
Tham khảo: "kẻ duy nhất bị hư mất ở giữa họ chính là đứa con của sự diệt vong
Đứa con của sự diệt vong
Tham khảo: "kẻ mà Cha đã quyết định sẽ hủy diệt từ trước”
Để Kinh Thánh
Tham khảo: "để những lời được chép trong Kinh Thánh”
John 17:18
Vào trong thế gian
Tất cả những người cùng những nơi trên đất nầy
Vì họ
“vì ích lợi của họ” hoặc “vì lợi ích của họ”
John 17:20
họ nên một, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha… họ cũng ở trong chúng ta
Đức Chúa Cha ở trong Đức Chúa Con và Con ở trong Cha. Những ai tin Chúa Giê-xu, là Đức Chúa Con, sẽ trở nên một với Cha và Con khi họ tin Ngài.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Thế gian
Từ này nói đến những người sống trên thế giới.
John 17:22
được hiệp nhất trọn vẹn
Tham khảo: "trọn vẹn làm một"
yêu
Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.
John 17:24
Cha đã yêu thương Con từ trước khi thiết lập nên thế gian
Đức Chúa Cha luôn luôn yêu Đức Chúa Con. Trước khi Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật, Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều yêu thương nhau, và cả Ba Ngôi sẽ luôn yêu thương nhau đời đời.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
John 17:25
Thế gian không nhận biết Cha, nhưng Con đã biết Cha; và những người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nầy biết rằng Cha đã sai con
“Thế gian không có được những kinh nghiệm nhận biết Cha như Con nhận biết Ngài; và họ biết rằng chính Ngài đã sai Con đến”
danh
Từ này nói đến Đức Chúa Trời
Yêu…đã yêu
Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.
Cha Công bình
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.

Translation Questions

John 17:3
Sự sống đời đời là gì?
Sự sống đời đời là nhận biết Cha là Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, cùng Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc là Đấng mà Cha đã sai đến.
John 17:6
Chúa Giê-xu đã bày tỏ danh Cha cho những ai?
Chúa Giê-xu đã bày tỏ danh Cha cho những người mà Cha đã ban cho Chúa Giê-xu từ giữa thế gian nầy.
John 17:9
Chúa Giê-xu phán Ngài không cầu nguyện cho những ai?
Chúa Giê-xu phán Ngài không cầu nguyện cho thế gian.
John 17:12
Trong lúc Chúa Giê-xu còn đang ở trên đất, Ngài đã làm gì cho những kẻ mà Cha đã giao cho mình?
Ngài đã gìn giữ họ.
John 17:20
Chúa Giê-xu cầu nguyện cho những người nào nữa?
Chúa Giê-xu cầu nguyện cho những người sẽ tin vào Ngài qua những lời chứng của những kẻ đã theo Ngài lúc đó.

Chapter 18

John 18:1
Thung lũng Kết-rôn
Một thung lũng ở Giê-ru-sa-lem phân cách giữa Đền thờ trên Núi và Núi Ô-li-ve
John 18:4
Các ngươi tìm ai
“Các ngươi đang tìm ai?”
Chính ta đây
Ở đây, từ “người đó” không có trong bản gốc, nhưng đó là ngụ ý. Tham khảo cách dịch: “Ta chính là người đó” hoặc “Ta chính là người ấy”
John 18:6
Chính ta đây
Ở đây, từ “người đó” không có trong bản gốc, nhưng đó là ngụ ý. Tham khảo cách dịch: “Ta chính là người đó” hoặc “Ta chính là người ấy”
John 18:8
Ta là người đó
Từ “người” ở đây không có trong bản văn gốc, nhưng có ngụ ý.
John 18:10
Man-chu
Man-chu là một đầy tớ nam của thầy tế lễ thượng phẩm.
Vào vỏ
Vỏ bọc cho dao hoặc kiếm sắc nhọn để nó không cắt nhằm phải người chủ mang nó.
Chén
Có thể nói đến: 1) những khổ nạn mà Chúa Giê-xu phải nhận lấy (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời mà Chúa Giê-xu phải trải qua để cứu chuộc dân Ngài.
Ta lại không uống sao?
Chúa Giê-xu đưa ra câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng Ngài thực sự phải chịu khổ nạn. Tham khảo cách dịch: “Ta phải uống chén đó”
Chén mà Cha đã ban cho Ta, Ta lại không uống sao?
Đức Chúa Cha đã trao cho Chúa Giê-xu, là Đức Chúa Con, “chén” để uống, chén này chứa đựng sự đau khổ và sự chết trên thập tự.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
John 18:15
Môn đồ khác. Bấy giờ, môn đồ nầy
Đây chính là sứ đồ Giăng, tác giả sacshh Tin Lành nầy.
John 18:17
Chẳng phải ông cũng là một trong số những môn đồ của người nầy sao?
Tham khảo cách dịch: “Ông là một trong số môn đồ của người nầy”
John 18:19
Thầy tế lễ thượng phẩm
Đây chính là Cai-phe
Nói rõ cho cả thiên hạ
Chúa Giê-xu đã tiến hành chức vụ của Ngài cách công khai.
Những người nầy
Những người nghe Chúa Giê-xu giảng
John 18:22
Đây là cách ngươi trả lời thầy tế lễ thượng phẩm sao?
Tham khảo cách dịch: “Ngươi không được phép trả lời thầy tế lễ thượng phẩm như vậy”
Chỉ ra chỗ sai
"cho ta biết ta đã nói gì sai”
Nếu ta đã trả lời đúng, tại sao các ngươi lại đánh ta?
“Nếu ta đã thành thật trả lời, các ngươi không nên đánh ta”
John 18:28
Nếu người nầy không phải là kẻ làm ác, thì chúng tôi đã không nộp người cho quan
“Người nầy chính là kẻ làm ác nên chắc chắn chúng tôi phải giải người đến cho quan trừng trị”
Nộp
Từ “nộp” có nghĩa là giao nộp cho kẻ thù.
John 18:36
Vương quốc của Ta không thuộc về thế gian này
Có thể có nghĩa 1) “Vương quốc của Ta không nằm trong thế gian này” (UDB) hoặc 2) "Ta không cần thế gian cho phép Ta làm vua cai trị chúng” hoặc “Quyền làm vua của Ta không đến từ thế gian này"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

để ta không bị giao nộp cho người Do thái

Tham khảo: "và sẽ ngăn giới lãnh đạo Do Thái bắt Ta”

Tiếng Ta

Tham khảo: "những lời Ta nói" hoặc “Ta"

John 18:38

Lẽ thật là gì?

“Chẳng ai có thể biết điều gì là thật cả!”

Translation Questions

John 18:1

Sau khi Chúa Giê-xu phán những lời đó rồi thì Ngài đi đâu?

Chúa Giê-xu cùng với các môn đồ băng qua suối Kết-rôn để đi đến một khu vườn và Ngài vào đó.

John 18:4

Chúa Giê-xu đã hỏi nhóm người nầy trong vườn điều gì?

Chúa Giê-xu hỏi họ: “Các ngươi đang tìm ai?”

John 18:6

Chuyện gì xảy ra với nhóm người bảo rằng mình đang tìm Giê-xu người Na-xa-rét và Chúa Giê-xu đáp lời rằng: “Chính là Ta”?

Bọn lính và những kẻ khác đi cùng mình đều lùi lại và ngã xuống đất.

John 18:8

Tại sao Chúa Giê-xu lại nói rằng: “Ta đã bảo với các ngươi chính là Ta đây. Vậy, nếu các ngươi tìm bắt Ta thì hãy để cho những người nầy đi”?

Chúa Giê-xu nói như vậy đặng ứng nghiệm những lời Ngài đã nói: “Con không để mất một ai trong những người mà Cha đã ban cho con.”

John 18:10

Sau khi Phi-e-rơ chém đứt tai Man-chu, đầy tớ của thầy tế lễ thượng phẩm, thì Chúa Giê-xu đã phán gì với ông?

Chúa Giê-xu phán cùng Phi-e-rơ rằng: “Hãy tra gươm ngươi vào vỏ. Chén mà Cha đã ban cho Ta, Ta lại không uống sao?”

John 18:17

Những ai đã hỏi liệu Phi-e-rơ có phải là môn đồ của Chúa Giê-xu hoặc ở cùng Chúa Giê-xu?

Người phụ nữ canh cửa vào sân trong, những người đứng quanh đống lửa than cùng một trong số những đầy tớ của thầy tế lễ thượng phẩm, là người họ hàng với người mà Phi-e-rơ đã chém đứt tai; tất cả đều hỏi Phi-e-rơ liệu ông có ở cùng hay ông là môn đồ của Chúa Giê-xu.

John 18:19

Nói một cách ngắn gọn, Chúa Giê-xu đã trả lời thầy tế lễ thượng phẩm ra sao khi ông hỏi Ngài về các môn đồ cũng sự dạy dỗ của Ngài?

Chúa Giê-xu đáp rằng Ngài đã công khai nói rõ với thiên hạ. Ngài đề nghị thầy tế lễ thượng phẩm chất vấn những kẻ đã nghe lời Ngài dạy.

John 18:28

Tại sao những người giải Chúa Giê-xu đến dinh tổng đốc lại không vào trong?

Họ không vào dinh tổng đốc để khỏi bị ô uế và để họ có thể ăn lễ Vượt Qua.

John 18:31

Tại sao người Do Thái lại giải Chúa Giê-xu đến chỗ Phi-lát thay vì tự mình trừng phạt Ngài?

Người Do Thái muốn giết Chúa Giê-xu nhưng luật pháp không cho phép họ giết bất cứ người nào mà không có sự chấp thuận của những nhà cầm quyền La-mã (Phi-lát).

John 18:33

Phi-lát đã hỏi Chúa Giê-xu điều gì?

Phi-lát hỏi Chúa Giê-xu có phải là Vua của dân Do Thái hay không, và Ngài đã làm điều gì.

John 18:36

Chúa Giê-xu nói gì với Phi-lát về nước của Ngài?

Chúa Giê-xu bảo với Phi-lát rằng nước Ngài chẳng thuộc về thế gian nầy và cũng chẳng phải đến từ đó.

John 18:38

Lời phán quyết của Phi-lát cho Chúa Giê-xu sau khi chất vấn Ngài là gì?

Chúa Giê-xu nói với người Do Thái: “Ta không tìm thấy ông ấy có tội gì cả.”

Chapter 19

John 19:1

Vạn tuế, vua dân Do Thái

Cách chào “vạn tuế” và tay giơ lên cao chỉ được dùng cho Sê-sa. Trong khi những tên lính dùng “mũ miền” và “áo choàng tím” để chế nhạo Chúa Giê-xu, họ không hề nhận ra rằng Ngài là một vị vua thực sự.

John 19:4

vương miện bằng gai và áo choàng màu tím

Vương miện và áo choàng màu tím là những thứ chỉ có vua mặc. Xem JHN19:01

John 19:7

người này phải chết bởi vì người đã tự cho mình là Con Đức Chúa Trời

Chúa Giê-xu bị nhận hình phạt tử hình bằng cách bị đóng đinh vì Ngài xưng mình là “Con Đức Chúa Trời.”

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu.

Ngươi từ đâu đến?

“Người từ đâu đến?” Phi-lát đang tra hỏi về nhân dạng của Chúa Giê-xu. Văn hóa của bạn có thể có cách riêng để hỏi về thông tin cơ bản của một người.

John 19:10

Ngươi không nói gì với ta sao?

Phi-lát bày tỏ sự ngạc nhiên vì Chúa Giê-xu không hề nắm bắt cơ hội để bào chữa cho mình. “Hãy trả lời Ta”

Ông không có quyền gây bất lợi cho Ta nếu ông không được ban cho quyền đó từ trên

Tham khảo: "Ngươi chỉ có quyền gây bất lợi cho Ta vì quyền đó được ban cho ngươi”

Nộp

Từ “nộp” có nghĩa là giao nộp cho kẻ thù, như khi Giu-đa nộp Chúa Giê-xu cho giới lãnh đạo Do Thái.

John 19:12

Tự xưng là vua

Tuyên rằng mình là vua

Đem Chúa Giê-xu ra

Sai lính đem Chúa Giê-xu ra trình diện trước đám đông

Ngồi xuống

Những người quan trọng thì được ngồi trong khi những người không có vai vế phải đứng

Chỗ xử án

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một chiếc ghế riêng biệt để người quan trọng ngồi khi người đang xử án. Văn hóa ở bạn có thể có cách riêng để mô tả hành động nầy.

Chỗ Lát Đá

Một cái bục đá đặc biệt nơi chỉ có những người quan trọng mới được phép đi trên đó. Có thể ở bạn có những nơi đặc biệt như vậy.

Hê-bơ-rơ

Từ này nói đến tiếng Hê-bơ-rơ mà người ta dùng.

John 19:14

Người Do Thái

Từ này có nghĩa là “những nhà lãnh đạo Do Thái”

Chúng tôi không có vua nào khác, ngoài Sê-sa

Tham khảo: "Sê-sa là vua duy nhất của chúng tôi"

John 19:19

La-tinh

Đây là ngôn ngữ của chính quyền La Mã.

John 19:25

Môn đồ Ngài yêu thương

Giăng, tác giả của sách Tin Lành nầy

Thưa bà, hãy xem, đây là con của bà

Tham khảo cách dịch: “Thưa bà, hãy xem người nầy như con của mình”

Đây là mẹ ngươi

Tham khảo cách dịch: “Hãy xem người đàn bà nầy là mẹ ngươi”

John 19:28

Giấm

Một thức uống từ nho, giữ được men trong một thời gian dài.

Họ đặt

Bọn lính La-mã đặt

Miếng bọt biển

Một vật nhỏ có khả năng thấm hút và giữ được nhiều chất lỏng.

Trút linh hồn mình

Chúa Giê-xu giao phó linh hồn mình cho Đức Chúa Trời và để cho thân thể mình chết đi.

John 19:31

Ngày Chuẩn Bị

Thời gian trước lễ Vượt Qua, khi thức ăn đã được chuẩn bị

John 19:34

Người đã chứng kiến việc nầy

Câu nầy tách biệt với câu chuyện. Ở đây, người viết (sứ đồ Giăng) đang cho chúng ta biết rằng ông đã có mặt tại đó và chúng ta có thể tin tưởng nơi những điều ông đã viết.

John 19:36

Chẳng một xương nào của Ngài sẽ bị gãy

Tham khảo: "Sẽ không ai đánh gãy xương Ngài.”

John 19:38

Giô-sép người A-ri-ma-thê

“Giô-sép đến từ thành A-ri-ma-thê”

Vì sợ người Do Thái

“vì sợ những nhà lãnh đạo Do Thái”

Ni-cô-đem

Xem cách bạn dịch tên nầy trong Giăng 03:01

Nhựa thơm với lô hội

Những chất tẩm ướp được dùng để ướp xác một người chuẩn bị đi chôn.

Một trăm

"100"

lít

Một “lít” thì có khối lượng khoảng bằng 31gram.

Translation Questions

John 19:4

Tại sao Phi-lát lại mang Chúa Giê-xu ra trước dân chúng?

Phi-lát đem Chúa Giê-xu ra trước dân chúng đặng tỏ cho họ biết rằng ông chẳng tìm thấy lỗi gì nơi Chúa Giê-xu cả.

John 19:7

Người Do Thái đã nói gì khiến Phi-lát càng thêm sợ hãi?

Người Do Thái bảo với Phi-lát: “Chúng tôi có luật pháp, chiếu theo luật ấy thì hắn phải chết bởi vì hắn tự xưng là Con Đức Chúa Trời.”

John 19:12

Mặc dầu Phi-lát muốn thả Chúa Giê-xu, những người Do Thái đã nói gì để cản ông?

Người Do Thái kêu gào: “Nếu quan tha cho người nầy thì quan không phải trung thần của Sê-sa: Người nào tự xưng mình là vua đều là kẻ chống lại Sê-sa.”

John 19:17

Người ta đã đóng đinh Chúa Giê-xu tại đâu?

Họ đóng đinh Chúa Giê-xu tại đồi Gô-gô-tha, nghĩa là đồi cái sọ.

John 19:19

Phi-lát đã viết gì trên tấm bảng treo trên thập tự giá của Chúa Giê-xu?

Trên tấm bảng có ghi: “GIÊ-XU NGƯỜI NA-XA-RÉT, VUA DÂN DO THÁI.”

John 19:23

Bọn lính đã làm gì với y phục của Chúa Giê-xu?

Bọn lính chia y phục của Ngài thành bốn phần, mỗi người lấy một phần. Nhưng họ bắt thăm để xem ai sẽ nhận được áo dài của Ngài là áo không có đường may.

Tại sao bọn lính lại làm như vậy với áo ngoài của Chúa Giê-xu?

Chuyện này xảy ra để ứng nghiệm lời Kinh Thánh: “Họ chia nhau y phục của Ta, bắt thăm lấy áo dài của Ta.”

John 19:25

Ai đứng gần thập tự giá của Chúa Giê-xu?

Mẹ Chúa Giê-xu, chị của mẹ Ngài, Ma-ri vợ của Cơ-lê-ô-pa, Ma-ri Ma-đơ-len và môn đồ Ngài yêu đứng gần thập tự giá của Chúa Giê-xu.

John 19:28

Tại sao Chúa Giê-xu lại nói rằng: “Ta khát.”

Chúa Giê-xu nói như vậy để lời Kinh Thánh được ứng nghiệm.

John 19:31

Tại sao người Do Thái lại muốn Phi-lát đánh gãy chân của những người bị hành hình?

Vì hôm đó là ngày Chuẩn Bị, và để những xác chết không còn bị treo trên thập tự giá trong ngày Sa-bát (vì ngày Sa-bát là một ngày trọng đại) nên người Do Thái đã yêu cầu Phi-lát cho đánh gãy ống chân của những người chịu hình và hạ xác họ xuống.

John 19:34

Bọn lính đã làm gì với Chúa Giê-xu sau khi thấy Ngài đã chết?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một trong số bọn lính đã lấy giáo đâm vào sườn Chúa Giê-xu.
John 19:36
Tại sao chân Chúa Giê-xu không bị gãy và tại sao Ngài lại bị đâm bằng một cây giáo?
Những việc nầy xảy ra để lời Kinh Thánh được ứng nghiệm: “Không một xương nào của Ngài sẽ bị gãy” và lại có lời: “Họ sẽ nhìn thấy người mình đã đâm.”
John 19:38
Người nào đã đến và xin đem xác Chúa Giê-xu đi?
Giô-sép, người A-ri-ma-thê đã đến xin Phi-lát để có thể đem xác Chúa Giê-xu đi.

Chapter 20
John 20:1
Ngày thứ nhất trong tuần lễ
Tham khảo cách dịch: “ngày Chúa Nhật”
Môn đồ Chúa Giê-xu yêu
Dường như đây là cụm từ mà Giăng dùng để gọi chính mình trong sách nầy.
Họ đã lấy
“Ai đó đã lấy”
John 20:3
Những môn đồ khác
Dường như Giăng đang thể hiện sự khiêm tốn qua việc gọi chính mình theo cách nầy hơn là nêu rõ tên mình ra.
Vải liệm
Đây là những vải dùng cho việc chôn cất được dùng để quấn xác Chúa Giê-xu.
John 20:6
Những miếng vải liệm
Xem cách bạn đã dịch từ “những miếng vải liệm” trong Giăng 20:3-5
Miếng vải che mặt
Một miếng vải nhỏ được dùng riêng để lau mồ hôi trên mặt những cũng được dùng để che phủ mặt của người chết.
John 20:8
Những môn đồ khác
Dường như Giăng đang thể hiện sự khiêm tốn bằng cách gọi chính mình theo cách nầy hơn là nêu rõ tên mình ra.
Người nhìn thấy nó
Phi-e-rơ nhìn thấy ngôi mộ
John 20:14
Đem Ngài đi
Từ “Ngài” chỉ về thân xác của Chúa Giê-xu.
John 20:16
Ra-bu-ni
Trong tiếng Hê-bo-rơ, từ “Ra-bu-ni” là từ địa phương của bà Ma-ri, cũng có nghĩa tương tự như ra-bi hoặc là thầy và được gọi là tiếng A-ram.
Các anh em
Chúa Giê-xu dùng từ “các anh em” để nói đến các môn đồ Ngài.
Ta sẽ lên cùng Cha ta và Cha của các con, Chúa ta và Chúa của các con
Chúa Giê-xu đã sống lại từ cõi chết và báo trước rằng Ngài sẽ trở về trời, về bên Cha Ngài, là Đức Chúa Cha.
Cha Ta và Cha của các con
Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối quan hệ giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời, và giữa những tín hữu và Đức Chúa Trời.
John 20:19
Ngày hôm đó, ngày thứ nhất trong tuần
Nói về ngày Chúa Nhật
Bình an cho các con
Đây là lời chào thông thường
Ngài cho họ thấy tay và hông mình
“Ngài cho họ thấy những vết thương nơi tay và hông của mình”
John 20:21
Bình an cho các con
Xem ghi chú trong Giăng 20:19
Như Cha đã sai ta thể nào thì ta cũng sai các ngươi thể ấy…và phán: “Hãy nhận lãnh Đức Thánh Linh
Đức Chúa Cha sai Đức Chúa Con là Đấng sai những tín hữu trong quyền năng của Đức Chúa Thánh Linh.
Cha
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Đức Chúa Trời.
Tội của các ngươi sẽ được tha
“Đức Chúa Trời sẽ tha thứ tội của các ngươi”
Tội của người ấy sẽ bị cầm lại
“Đức Chúa Trời sẽ không tha thứ”
John 20:24
Đi-đim
Xem các bản đã dịch tên nầy trong Giăng 11:15
Sau đó, các môn đồ đã thuật lại với ông
Từ “ông” ở đây chỉ về Thô-ma
Nếu tôi không thấy…sườn của Ngài, thì tôi sẽ không tin
"Tôi sẽ chỉ tin nếu tôi thấy…sườn Ngài”
Trong tay Ngài
Từ “Ngài” ở đây chỉ về Chúa Giê-xu
John 20:26
Các môn đồ của Ngài lại
Từ “của Ngài” ở đây chỉ về Chúa Giê-xu
Bình an cho các con
Xem ghi chú trong Giăng 20:19
Vô tín
“không tin” hoặ c”không có niềm tin”
John 20:28
Con đã tin
Tham khảo cách dịch: “con đã tin rằng ta còn sống”
Những người không thấy
Tham khảo cách dịch: “những người không chứng kiến ta đương còn sống”
John 20:30
Phép lạ
Từ này nói đến những phép lạ được dùng như những dấu chỉ hoặc bằng chứng cho thấy rằng Đức Chúa Trời là Đấng đầy năng quyền và cầm quyền trên cả vạn vật.
Con Đức Chúa Trời
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu.
Sự sống trong danh Ngài
Tham khảo cách dịch: “anh em có thể nhờ Chúa Giê-xu mà được sự sống”
Sự sống
Từ này nói đến sự sống thuộc linh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

John 20:1

Ma-ri Ma-đơ-len đi thăm mộ khi nào?

Bà đi mộ vào rạng sáng ngày thứ nhất trong tuần lễ.

Ma-ri Ma-đơ-len đã thấy gì khi bà tới mộ?

Bà thấy hòn đá chắn ngang của mộ đã bị lăn qua một bên.

John 20:3

Sau khi nghe lời Ma-ri Ma-đơ-len thuật lại, Si-môn Phi-e-rơ và một môn đồ khác đã làm gì?

Cả hai cùng chạy tới mộ.

John 20:8

Phản ứng của các môn khác trước những điều họ thấy trong mộ là gì?

Họ thấy và tin.

John 20:14

Khi Ma-ri xoay lại thì bà thấy gì?

Bà thấy Chúa Giê-xu đang đứng ở đó, nhưng bà không biết đó là Chúa Giê-xu.

John 20:16

Ma-ri nhận ra Chúa Giê-xu khi nào?

Bà nhận ra Chúa Giê-xu khi Ngài gọi tên bà: “Hỡi Ma-ri”

John 20:19

Chiều ngày thứ nhất trong tuần lễ, chuyện gì đã xảy ra nơi các môn đồ ở?

Chúa Giê-xu đến và đứng giữa họ.

John 20:21

Chúa Giê-xu phán Ngài sẽ làm gì với các môn đồ?

Chúa Giê-xu phán rằng Ngài sẽ sai phái các môn đồ như Cha đã sai Ngài vậy.

John 20:24

Môn đồ nào không có mặt với những môn đồ khác khi họ thấy Chúa Giê-xu?

Chính là Thô-ma, một trong mười hai sứ đồ, còn được gọi là Đi-đim, đã không ở đó với các sứ đồ khác khi Chúa Giê-xu hiện đến.

John 20:26

Thô-ma thấy Chúa Giê-xu khi nào?

Tám ngày sau khi, khi Thô-ma đang ở với các môn đồ khác thì Chúa Giê-xu đến giữa họ dù các cửa ra vào đều đang đóng.

John 20:28

Thô-ma đã thưa với Chúa Giê-xu điều gì?

Thô-ma thưa rằng: “Lạy Chúa cả con và Đức Chúa Trời con.”

John 20:30

Chúa Giê-xu có làm những dấu lạ nào khác không có ghi chép trong sách nầy không?

Có, Chúa Giê-xu đã làm nhiều dấu lạ khác trước mặt các môn đồ mà không có ghi chép trong sách Giăng.

Chapter 21

John 21:1

Sau những điều này

Tham khảo: "Một ít lâu sau"

John 21:4

Trời vừa rạng sáng

“trời vừa sáng”

John 21:7

Yêu thương

Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.

(vì ông đang ở trần)

Đây là thông tin bối cảnh

(vì họ đang ở cách bờ khoảng chừng hai trăm cu-đê, không quá xa)

Đây là thông tin bối cảnh. “chín chục mét”. Một cu-đe chưa được nửa mét.

Hai trăm cu-đê

"chín mươi mét." Một cu-đê có chiều dài ít hơn nửa mét.

John 21:12

Ăn sáng

Bữa điểm tâm

John 21:15

con yêu Ta chăng…con yêu Ngài

Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.

Ngài biết rằng con yêu Ngài

Khi Phi-e-rơ trả lời, ông dùng từ “yêu” là từ chỉ về tình yêu anh em, hoặc tình yêu bạn bè hay tình yêu với những người trong gia đình.

Hãy chăm sóc chiên của Ta

Tham khảo cách dịch: “Hãy chăm sóc những người mà ta quan tâm”

Hãy chăn chiên ta

Tham khảo cách dịch: “Hãy chăm sóc những người mà ta quan tâm”

John 21:17

Con yêu Ta chăng

Lần này khi Chúa Giê-xu đặt câu hỏi này, Ngài dùng từ “yêu” là từ chỉ về tình yêu anh em, hoặc tình yêu bạn bè, hoặc tình yêu với người trong gia đình.

Hãy chăm sóc chiên ta

Tham khảo cách dịch: “Chăm sóc những người mà ta quan tâm”

Quả thật, quả thật

Dịch như trong Giăng 01:49-51

John 21:19

Bấy giờ

Giăng dùng từ này để cho thấy rằng ông đang đưa ra thông tin bối cảnh trước khi tiếp tục câu chuyện.

John 21:20

Yêu thương

Từ này nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời, đây là tình yêu tập trung vào lợi ích của người khác, và ngay cả khi người đó phải hy sinh. Loại tình yêu này là quan tâm đến người khác, cho dù họ làm gì đi nữa.

Tại bữa tiệc

Nói đến bữa ăn cuối cùng

Phi-e-rơ thấy người ấy

“người ấy” chỉ về “môn đồ Chúa Giê-xu yêu”

John 21:22

Người ấy đợi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ở đây từ “người ấy” chỉ về “môn đồ Ngài yêu” trong Giăng 21:20

Ta đến

Sự hiện đến lần hai của Chúa Giê-xu, sự trở lại từ trời của Ngài

Có liên hệ gì đến con

Tham khảo cách dịch: “đừng bận tâm về điều đó”

Anh em

Chúa Giê-xu nói đến các môn đồ Ngài là anh em.

Translation Questions

John 21:1

Khi Chúa Giê-xu tỏ mình cho các môn đồ lần nữa, thì họ đang ở đâu?

Lúc ấy Chúa Giê-xu tỏ mình cho các môn đồ lần nữa thì đang ở tại biển Ti-bê-ri-át.

John 21:7

Si-môn Phi-e-rơ đã làm gì khi môn đồ Chúa Giê-xu yêu bảo rằng: “Ấy chính là Chúa”?

Ông xắn áo ngoài lên rồi nhảy xuống biển.

John 21:10

Hai điều mà Chúa Giê-xu bảo các môn đồ làm là gì?

Chúa Giê-xu nói với các môn đồ mang số cá mà họ bắt được và bảo họ đến ăn sáng.

John 21:12

Hai điều mà Chúa Giê-xu bảo các môn đồ làm là gì?

Chúa Giê-xu nói với các môn đồ mang số cá mà họ bắt được và bảo họ đến ăn sáng.

John 21:15

Sau bữa sáng, Chúa Giê-xu đã hỏi Si-môn Phi-e-rơ điều gì?

Một lần, Chúa Giê-xu hỏi Si-môn Phi-e-rơ có yêu Ngài hơn những người nầy chăng, và hai lần Ngài hỏi ông: “Ngươi yêu Ta chăng?”

Mỗi lần Chúa Giê-xu hỏi Phi-e-rơ ông có yêu Ngài không thì Si-môn Phi-e-rơ trả lời như thế nào?

Lần nào Chúa Giê-xu hỏi, Phi-e-rơ cũng đáp rằng: “Vâng, thưa Chúa; Chúa biết rằng con yêu Chúa.”

Mỗi lần Phi-e-rơ trả lời câu hỏi của Chúa Giê-xu “Ngươi yêu ta chăng?” thì Chúa Giê-xu bảo ông phải làm gì?

Lần thứ nhất, Chúa Giê-xu bảo Phi-e-rơ: “Hãy chăm sóc chiên của Ta”. Lần thứ hai, Chúa Giê-xu phán: “Hãy chăn chiên Ta”. Lần thứ ba, Ngài bảo ông: “Hãy chăm sóc chiên Ta.”

John 21:17

Sau bữa sáng, Chúa Giê-xu đã hỏi Si-môn Phi-e-rơ điều gì?

Một lần, Chúa Giê-xu hỏi Si-môn Phi-e-rơ có yêu Ngài hơn những người nầy chăng, và hai lần Ngài hỏi ông: “Ngươi yêu Ta chăng?”

Mỗi lần Chúa Giê-xu hỏi Phi-e-rơ ông có yêu Ngài không thì Si-môn Phi-e-rơ trả lời như thế nào?

Lần nào Chúa Giê-xu hỏi, Phi-e-rơ cũng đáp rằng: “Vâng, thưa Chúa; Chúa biết rằng con yêu Chúa.”

Mỗi lần Phi-e-rơ trả lời câu hỏi của Chúa Giê-xu “Ngươi yêu ta chăng?” thì Chúa Giê-xu bảo ông phải làm gì?

Lần thứ nhất, Chúa Giê-xu bảo Phi-e-rơ: “Hãy chăm sóc chiên của Ta”. Lần thứ hai, Chúa Giê-xu phán: “Hãy chăn chiên Ta”. Lần thứ ba, Ngài bảo ông: “Hãy chăm sóc chiên Ta.”

John 21:19

Tại sao Chúa Giê-xu lại bảo với Phi-e-rơ những điều sẽ xảy đến với ông khi ông về già?

Chúa Giê-xu nói như vậy để chỉ về việc Phi-e-rơ sẽ chết thể nào để làm vinh hiển Đức Chúa Trời.

John 21:22

Chúa Giê-xu đã đáp lại câu hỏi của Phi-e-rơ: “Lạy Chúa, người nầy sẽ làm gì?” như thế nào?

Chúa Giê-xu bảo Phi-e-rơ: “Hãy theo Ta.”

Chapter 1

Acts 1:1

Câu Liên kết:

Lu-ca giải thích lý do ông viết sách này cho Thê-ô-phi-lơ.

Sách trước

Sách trước là sách Phúc âm Lu-ca.

Thưa ngài Thê-ô-phi-lơ

Lu-ca viết sách này cho một người tên là Thê-ô-phi-lơ. Dùng từ “thưa” vì Lu-ca đang gọi ông. Một số bản dịch sử dụng cách gọi trong văn hóa của họ và viết “kính gửi Thê-ô-phi-lơ” ở đầu câu. Thê-ô-phi-lơ có nghĩa là “bạn của Đức Chúa Trời”. (Xem: How to Translate Names)

Cho đến ngày Ngài được cất lên

Chỉ về sự thăng thiên về trời của Chúa Giê-xu.

Răn dạy qua Đức Thánh Linh

Đức Thánh Linh hướng dẫn Chúa Giê-xu răn dạy các sứ đồ về một điều nào đó.

Sau sự thương khó của Ngài

Chỉ về sự thương khó và chết trên thập tự của Chúa Giê-xu.

Hiện ra cho nhiều người khác

Chúa Giê-xu hiện ra cho nhiều môn đồ nhiều hơn số 12 sứ đồ.

Acts 1:4

Câu liên kết:

Sự kiện này xảy ra trong khoảng thời gian 40 ngày khi Chúa Giê-xu hiện ra với các môn đồ sau khi Ngài đã sống lại từ cõi chết.

Khi Ngài...

“Ngài” chỉ về Chúa Giê-xu.

Với họ...

“Họ” chỉ về 11 sứ đồ.

Điều Cha đã hứa

Điều này chỉ về Đức Thánh Linh.

Báp tem bằng nước...báp tem bằng Đức Thánh Linh

Chúa Giê-xu làm tương phản giữa phép báp tem của Giăng bằng nước và phép báp tem của Chúa bằng Đức Thánh Linh.

Giăng làm báp tem bằng nước

"Giăng thật sự làm phép báp-têm bằng nước"

Các con sẽ được báp tem

Câu này có thể được dịch ở thể chủ động là: “Chúa sẽ làm báp tem cho các con”. (Xem: Active or Passive)

Acts 1:6

Có phải lúc nầy Ngài sẽ tái lập vương quốc Y-sơ-ra-ên

“Có phải lúc nầy Ngài sẽ khôi phục vương quốc Y-sơ-ra-ên?”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thì giờ hay thời kỳ
“Kỳ hạn hay ngày giờ”
Các con sẽ nhận được quyền năng
"Các con sẽ được mạnh mẽ tâm linh”.
Các con sẽ làm chứng nhân cho ta
Câu này cũng có thể được dịch là “để làm nhân chứng cho ta”
Cho đến cùng trái đất
“Khắp thế giới” hay “đến cả những nơi xa xôi trên trái đất”
Acts 1:9
Khi họ đang nhìn lên
"Khi các sứ đồ đang nhìn lên trời”
Ngài khuất vào đám mây khỏi tầm mắt họ
"Ngài cất lên trời, một đám mây che khuất Ngài khỏi tầm mắt và họ không thể nhìn thấy Ngài nữa”.
Chăm chăm nhìn lên trời
"Nhìn chằm chằm lên bầu trời” hay “chăm chú nhìn lên trời”
Hỡi người Ga-li-lê
“hỡi các sứ đồ”.
Acts 1:12
Sau đó họ trở về
"Các sứ đồ trở về."
Quãng đường đi trong ngày sa-bát
Đây là một quy định do người Pha-ri-si đặt ra để ngăn người dân làm việc trong ngày sa-bát.
Khi họ đến nơi
"Khi họ đến nơi tại Giê-ru-sa-lem”
Phòng cao
"Một căn phòng ở tầng cao của ngôi nhà”
Si-môn Xê-lốt
"Si-môn thuộc nhóm Ca-na-nê-an”. Có rất nhiều người theo tổ chức Xê-lốt nhưng có thể Si-môn là vị sứ đồ duy nhất theo tổ chức này. Nhóm Xê-lốt muốn đế quốc La Mã phải ngừng cai trị Y-sơ-ra-ên.
Họ đều hiệp nhau như một
Nhóm hiệp lại cùng nhau, không có sự chia rẻ hay xung đột.
Khi họ chuyên tâm cầu nguyện không ngừng
"Khi họ cùng nhau hết lòng cầu nguyện"
Acts 1:15
Câu liên kết:
Sự kiện này xảy ra trong lúc Phi-e-rơ và những tín hữu khác đang ở trên phòng cao.
Trong những này đó
"Trong những ngày sau khi Chúa Giê-xu vừa về trời”
Ở giữa anh em
Từ “anh em” thường chỉ về những tín hữu bao gồm cả nam và nữ.
Kinh Thánh phải được ứng nghiệm
Phi-e-rơ đặc biệt nói đến các lời tiên tri chỉ về Giu-đa.
Bởi miệng Đa-vít
“Những lời của Đa-vít”. Từ “miệng” được dùng để chỉ về “lời nói” mặc dù Đa-vít đã viết ra chúng. (See: metonymy)
Acts 1:17
Câu liên kết:
Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho các tín hữu được bắt đầu từ chương 1 câu 16.
Thông tin tổng quát:
Câu 18-19 là bối cảnh về việc Giu-đa đã làm và cách ông chết.
Hiện người này
“Hiện, Giu-đa"
Số tiền kiếm được từ hành động gian ác của mình
Các từ “số tiền kiếm được” và “hành động” là những danh từ trừu tượng. Tham khảo: “số tiền hắn đã nhận cho hành động gian ác của mình”
Tội ác
"Tội ác dẫn kẻ thù đến bắt Chúa Giê-xu”. Cách diễn đạt này chỉ rõ tội ác đó là gì. (Xem: Explicit and Implicit Information)
Rồi ngã đâm đầu xuống, nứt bụng và ruột đổ ra.
Trên phần đất đó, Giu-đa đâm đầu xuống làm cả thân vỡ ra. Các bản Kinh Thánh khác chép rằng ông đã treo cổ.
Nó bắt đầu được gọi là…ruộng máu.
Vì cái chết của ông, người ta bắt đầu gọi cánh đồng với tên gọi khác.
Acts 1:20
Câu liên kết:
Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho các tín hữu được bắt đầu từ chương 1 câu 16.
Thông tin tổng quát:
Theo tình huống của Giu-đa mà ông đã thuật lại, Phi-e-rơ nhắc lại một phân đoạn trong Sách Thi Thiên mà ông tin là có liên quan đến tình huống hiện tại. Đoạn trích dẫn kết luận cho câu này.
Vì trong sách Thi Thiên có chép
Phi-e-rơ nhớ lại một phân đoạn trong sách Thi Thiên mà ông nhận thấy có liên quan đến tình hình hiện tại.
Sách Thi Thiên
Có thể được dịch là “sách Thánh Thi” hay “sách Thơ Ca”. Sách này là một phần của Kinh Thánh.
Nguyền cho đồng ruộng nó phải hoang tàn
Tài sản bị đổ vỡ và cây cỏ mọc um tùm cho thấy người chủ đã chết.
Đừng để ai cư trú ở đó
Đất ô uế (cấm kỵ) hay không thích hợp để sinh sống.
Để một người khác nhận lấy vị trí lãnh đạo của nó
"nguyền cho vị trí lãnh đạo của nó được thay thế”
Acts 1:21
Câu liên kết:
Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho các tín hữu được bắt đầu từ chương 1 câu 16.
Vậy nên, cần phải
Phi-e-rơ muốn chỉ ra vì sao ông trích dẫn những câu Kinh Thánh ở sách Thi Thiên và họ nên làm gì với điều đó.
Đó phải là người đồng hành cùng chúng ta…một người cùng chúng ta làm chứng về sự phục sinh của Ngài
Phi-e-rơ xác định những điều kiện dành cho người sẽ làm sứ đồ thay thế Giu-đa.
Họ đề ra hai người
Khi họ tìm người thay thế Giu-đa thì thấy có hai người thỏa mãn điều kiện.
Giô-sép gọi là Ba-na-ba hay còn có tên là Giúc-tu
Giô-sép còn có tên gọi là Ba-na-ba và Giúc-tu.
Acts 1:24
Họ cầu nguyện
"Rồi các tín hữu cầu nguyện”
Lạy Chúa, Ngài biết tấm lòng của mọi người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Lạy Chúa, Ngài biết động cơ và suy nghĩ bên trong của mọi người".

Vậy xin hãy bày tỏ trong hai người này ai là người được chọn để nhận công tác và chức sứ đồ này

“Vậy xin Chúa bày tỏ cho chúng con biết trong những người này ai là người được Ngài chọn lựa để đứng vào vị trí này giữa các sứ đồ”.

Từ đó Giu-đa phạm tội để đi đến nơi riêng của nó

Chức vụ bị để trống vì Giu-đa phản bội Chúa Giê-xu, bỏ đi và chết.

Họ bắt thăm

Họ bắt thăm để quyết định chọn giữa Giô-sép và Ma-thia.

Thăm nhằm Ma-thia

Thăm chỉ ra Ma-thia là người được chọn.

Ông được kể vào với mười một sứ đồ

"Các môn đồ kể ông là một trong các sứ đồ"

Translation Questions

Acts 1:1

Lu-ca đã viết hai sách nào trong Tân Ước?

Lu-ca viết sách Phúc âm Lu-ca và sách Công vụ các Sứ đồ.

Acts 1:4

Chúa Giê-xu truyền bảo các sứ đồ phải chờ đợi điều gì?

Chúa Giê-xu bảo các sứ đồ của Ngài phải chờ đợi lời hứa của Đức Chúa Cha.

Acts 1:9

Chúa Giê-xu rời khỏi các sứ đồ như thế nào?

Chúa Giê-xu được cất lên và một đám mây che khuất Ngài khỏi mắt họ.

Acts 1:20

Sách Thi Thiên viết điều gì sẽ xảy ra với vị trí lãnh đạo của Giu-đa?

Sách Thi Thiên chép rằng vị trí lãnh đạo của Giu-đa sẽ được một người khác đảm nhiệm.

Acts 1:21

Những yêu cầu dành cho người đảm nhiệm vị trí lãnh đạo của Giu-đa là gì?

Người đảm nhiệm vị trí này phải là người đã đồng hành cùng các sứ đồ từ thời điểm Chúa Giê-xu nhận báp tem của Giăng và từng làm chứng về sự sống lại của Chúa Giê-xu.

Acts 1:24

Các sứ đồ đã làm thế nào để xác định ai trong số hai ứng viên sẽ nhận vị trí của Giu-đa?

Các sứ đồ cầu nguyện xin Đức Chúa Trời bày tỏ sự lựa chọn của Ngài rồi sau đó họ bắt thăm.

Chapter 2

Acts 2:1

Thông tin tổng quát:

Đây là một sự kiện mới; bấy giờ là Ngày lễ Ngũ tuần.

Họ đều họp lại một chỗ

Từ “họ” có thể chỉ về một nhóm khoảng 120 tín hữu nhóm họp với nhau như trong Lu-ca 1:15-26, bảo gồm cả mười hai sứ đồ.

Bất ngờ

Từ này được sử dụng để biểu thị một sự kiện xảy ra thình lình.

Có tiếng động từ trời

"Một tiếng động từ trời"

Như tiếng gió thổi dữ dội

"như tiếng thổi của một cơn gió lớn” hay “như một cơn gió thổi rất mạnh”

Cả căn nhà

Đây có thể là một căn nhà hay một tòa nhà.

Những lưỡi như lửa

Ý nghĩa của nó có thể là 1) lưỡi trông giống như được làm từ lửa, hay 2) ngọn lửa nhỏ trông giống như cái lưỡi. Khi đốt ngọn lửa nhỏ chẳng hạn như một ngọn đèn thì ngọn lửa có thể có hình như một cái lưỡi.

Nói những thứ tiếng khác

Đây là những thứ tiếng họ chưa từng biết.

Acts 2:5

Thông tin tổng quát:

Câu 5 là thông tin bối cảnh về số lượng lớn người Do Thái đang sống tại Giê-ru-sa-lem, nhiều người trong số đó đang có mặt ở sự kiện này.

Bấy giờ

Từ này được sử dụng để biểu thị một sự thay đổi từ câu chuyện đến thông tin bối cảnh.

Những người tin kính

Những người muốn tôn vinh và thờ phượng Đức Chúa Trời

Mọi nước dưới trời

"Mọi nước trên thế giới"

Khi nghe tiếng nầy

Chỉ về tiếng như tiếng gió thổi mạnh. Có thể dịch ở thể chủ động là “khi họ nghe tiếng nầy”. (Xem: Active or Passive)

Dân chúng

"Đám đông người”

Thuộc Ga-li-lê

Có thể dịch là “từ Ga-li-lê”.

Acts 2:8

Vì sao chúng ta nghe họ...

Ý nghĩa của nó có thể là 1) một câu hỏi cần được giải đáp hay 2) một câu hỏi tu từ thể hiện sự ngạc nhiên. Bản Kinh Thánh UDB dịch thành một câu khẳng định thể hiện sự ngạc nhiên của họ. (Xem: Rhetorical Question)

Người Bạt-thê, Mê-đi và Ê-la-mít

"Người đến từ Bạt-thê, Mê-đi và Ê-la-mít”.

Người cải đạo

"Người ngoại ban đã trở thành người Do Thái” hay “người theo đạo Do Thái”

Acts 2:12

Kinh ngạc và hỗn loạn

Người ta không biết phải nghĩ thế nào về việc đang xảy ra (UDB). Có thể dịch là “ngạc nhiên và bối rối”.

Việc nầy có nghĩa gì?

Một số người kinh ngạc về điều đang xảy ra. (Xem: question)

Nhưng những người khác chế nhạo

"Nhưng những người khác sĩ nhục” hay “khinh thường”

Họ say rượu mới

Có thể dịch là “họ bị say rượu”. Một số người không tin phép lạ mà chế giễu các sứ đồ.

Rượu mới

Một loại thức uống mạnh hơn rượu bình thường

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 2:14

Câu liên kết:

Phi-e-rơ bắt đầu giảng cho những người Do Thái đang có mặt trong Ngày lễ Ngũ tuần.

Đứng với mười một sứ đồ

Tất cả các sứ đồ đứng lên hỗ trợ bài giảng của Phi-e-rơ.

Mới là giờ thứ ba ban ngày

"Chỉ mới chín giờ sáng" (UDB). Phi-e-rơ muốn người nghe biết rằng người ta không say rượu khi mới ban ngày. Đây là một hàm ý, có thể làm sáng tỏ nếu thấy cần thiết.

Giờ thứ ba ban ngày

"Chín giờ sáng" (UDB). (Xem: biblical time)

Acts 2:16

Câu liên kết:

Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho dân Do Thái được bắt đầu từ chương 2 câu 14.

Thông tin tổng quát:

Ở đây Phi-e-rơ nhắc lại một phân đoạn được tiên tri Giô-ên chép có liên quan đến hoàn cảnh hiện tại.

Đây là điều được báo trước qua tiên tri Giô-ên

Thể chủ động: "Đây là điều Đức Chúa Trời phán cho tiên tri Giô-ên chép lại" hay "Tiên tri Giô-ên chép lại những điều Đức Chúa Trời đã phán".

Điều được phán

Có thể dịch ở thể chủ động: "điều Đức Chúa Trời phán". (Xem: Active or Passive)

Vào những ngày cuối cùng

Có thể dịch là "trong những ngày sau cùng". Điều Ngài sắp nói sẽ xảy ra vào những ngày cuối cùng. Đây là phần đầu của lời Chúa phán. Từ "Chúa phán" có thể đảo lên đầu như trong bản Kinh Thánh UDB.

Đổ Thánh Linh trên mọi xác thịt

Đây là một phép tu từ muốn nói Đức Chúa Trời sẽ ban Thánh Linh cho mọi người cách dư dật.

Mọi xác thịt

"Mọi người'. Từ "xác thịt" chỉ về con người vì con người được làm bằng da thịt. (Xem: Synecdoche)

Acts 2:18

Câu liên kết:

Phi-e-rơ tiếp tục trích dẫn lời tiên tri Giô-ên

Đầy tớ...đầy tớ gái

Trong Cựu Ước, tiên tri của Đức Chúa Trời và những người thờ phượng Đức Chúa Trời được gọi là "đầy tớ" của Ngài.

Ta sẽ đổ Thánh Linh ta

Đức Chúa Trời sẽ ban Thánh Linh Ngài cách rộng rãi.

Nói tiên tri

Đức Chúa Trời thúc dục họ nói lên chân lý của Ngài.

Luồng khói

"Sương mù" hay "màn sương"

Acts 2:20

Câu liên kết:

Phi-e-rơ tiếp tục trích dẫn lời tiên tri Giô-ên

Mặt trời sẽ trở nên tối tăm và mặt trăng hóa ra máu

Ý nghĩa chính xác của câu này không rõ ràng nên hãy dịch càng sát nghĩa đen càng tốt.

Những ai kêu cầu danh Chúa

Gợi ý dịch: "những ai kêu cầu Chúa" (Xem: metonymy)

Kêu cầu

Cầu nguyện hay cầu khẩn

Acts 2:22

Câu liên kết:

Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho người Do Thái được bắt đầu từ đoạn 1 câu 16.

Kế hoạch đã định và sự biết trước của Đức Chúa Trời

Sự chết của Chúa Giê-xu được hoàn tất theo kế hoạch đã định và sự biết trước của Đức Chúa Trời.

Của các ngươi

Đây là số nhiều của từ "của ngươi". (Xem: Forms of You)

Ngài bị nộp

"Con người đã nộp Ngài" hay "người ta đã nộp Ngài"

Giải thoát Ngài khỏi nỗi thống khổ của sự chết

"Cởi trói hay giải phóng khỏi nỗi thống khổ của sự chết"

Giải thoát

Từ này có nghĩa là cởi trói giống như cởi một sợi dây thừng.

Cầm giữ

Cuối cùng sự chết không thể giữ Chúa Giê-xu lại dưới quyền của nó.

Acts 2:25

Câu liên kết:

Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho người Do Thái

Thông tin tổng quát:

Ở đây Phi-e-rơ nhắc lại một đoạn mà Đa-vít đã nói có liên quan đến việc Chúa Giê-xu bị đóng đinh và sống lại từ phần mộ.

Tôi thấy

Đa-vít thấy trước được Chúa hành động trong đời sống của ông trước những biến cố xảy ra.

Trước mặt tôi

"Trong nơi tôi hiện diện" hay "với tôi" (Xem: metonymy)

Bên tay phải tôi

Tay phải được xem là mạnh nhất. Người bên tay phải là người đầy tớ khỏe mạnh nhất hay người giúp đỡ mạnh mẽ nhất. (Xem: synecdoche)

Lòng tôi vui vẻ và lưỡi tôi mừng rỡ

Gợi ý dịch: "Tôi vui vẻ và tôi mừng rỡ"

Thể xác tôi sẽ sống trong sự hy vọng

Gợi ý dịch: "Dù tôi chỉ là loài người hay chết nhưng tôi có hy vọng nơi Chúa".

Acts 2:27

Câu liên kết:

Phi-e-rơ kết thúc phần trích dẫn từ Thi Thiên của Đa-vít.

Đấng thánh của Ngài

"Đấng được chọn hay được xức dầu của Ngài"

Thấy sự hư nát

Thân thể của Ngài sẽ không chết đến khi bị phân hủy. Có thể dịch là "thối rữa".

Con đường sự sống

"Chân lý ban sự sống"

Acts 2:29

Câu liên kết:

Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho người Do Thái được bắt đầu từ đoạn 1 câu 16.

Tổ phụ

Là tổ tiên hay người đã sống từ rất lâu. Thông thường, tộc trưởng là người đứng đầu dòng họ hoặc là vua đầu tiên trong số nhiều người.

Lời tuyên thệ

Lời tuyên thệ là một lời khẳng định hay tuyên bố trang

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trọng.

Tuyên thệ

Tuyên thệ là khẳng định cách nghiêm túc rằng điều người đó hứa là chính xác.

Người đã thấy trước

Đa-vít đã thấy trước và nói về Đấng Cứu Thế.

Acts 2:32

Tay phải của Đức Chúa Trời

Đây là vị trí được tin tưởng, vinh dự, được yêu chuộng, tin cậy, quyền lực và đặc ân.

Acts 2:34

Câu liên kết:

Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho người Do Thái được bắt đầu từ đoạn 1 câu 16.

Chúa đã phán với Chúa tôi

"Chúa (Đức Chúa Trời) đã phán với Chúa tôi (Chúa Cứu Thế)"

Hãy ngồi bên phải Ta

"Hãy ngồi vào chỗ vinh dự, được tin cậy, đặc ân và quyền lực bên cạnh Ta" (Xem: metonymy)

Cho đến khi Ta khiến kẻ thù con làm bệ chân cho con

"Cho đến khi Ta đặt kẻ thù con vào chỗ thất bại" (Xem: metaphor)

Acts 2:37

Câu liên kết:

Người Do Thái đáp ứng với lời giảng của Phi-e-rơ, và Phi-e-rơ trả lời họ.

Đâm vào tim họ

Lu-ca dùng phép ẩn dụ "đâm vào" để nhấn mạnh nỗi đau của họ khi nghe lời giảng này. (Xem: metaphor)

Lời hứa cho anh em

"Lời hứa dành cho anh em"

Acts 2:40

Câu liên kết:

Đây là phần kết của câu chuyện đã xảy ra vào Ngày lễ Ngũ tuần.

Thông tin tổng quát:

Câu 42 bắt đầu một mục giải thích cách các tín hữu tiếp tục sống sau Ngày lễ Ngũ tuần. (Xem: [[End of Story]])

Ông làm chứng

Trong Tân Ước, từ "làm chứng" thường được dùng để nói đến việc các môn đồ của Chúa Giê-xu thuật lại những sự kiện về cuộc đời, sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu.

Thế hệ gian tà

"Thế hệ rất gian ác"

Tiếp nhận

"Tin" hay "thừa nhận"

Được báp tem

Các môn đồ của Chúa Giê-xu làm báp tem cho họ.

Khoảng ba ngàn linh hồn

Gợi ý dịch: "khoảng 3,000 người" (Xem: synecdoche)

Acts 2:43

Nỗi sợ hãi giáng trên mọi người

Gợi ý dịch: "Mọi người đều sợ hãi" (Xem: synecdoche)

Kính sợ

"Cung kính sợ hãi"

Hiệp lại với nhau

"Cùng tin vào một điều"

Lấy mọi thứ làm của chung

"Chia sẻ mọi tài sản"

Đóng góp cho

"Cho" hay "dâng tiền cho"

Tùy theo nhu cầu của mỗi người

Khi nhận thấy một nhu cầu thì các tín hữu sẽ phân phát để đáp ứng nhu cầu đó.

Acts 2:46

Họ tiếp tục

"Các tín hữu tiếp tục"

Cùng mục đích

"Hiệp ý"

Bẻ bánh

Họ dùng bữa chung với nhau (Xem: synecdoche)

Lòng khiêm nhường

Nghĩa là mộc mạc, không kiêu ngạo, không khách sáo, không nề hà địa vị hay quyền hạn.

Được yêu mến

"Được tôn trọng"

Translation Questions

Acts 2:1

Các môn đồ nhóm họp cùng nhau vào ngày lễ nào của người Do Thái?

Các môn đồ nhóm họp cùng nhau vào ngày lễ Ngũ Tuần.

Acts 2:5

Những người Do Thái tin kính có mặt tại Giê-ru-sa-lem vào thời điểm này đến từ đâu?

Những người Do Thái tin kính đến từ mọi nước trên thế giới.

Acts 2:16

Phi-e-rơ nói điều gì được ứng nghiệm vào thời điểm đó?

Phi-e-rơ nói những lời tiên tri của Giô-ên đang được ứng nghiệm, tức là Đức Chúa Trời đổ Thánh Linh của Ngài trên mọi loài xác thịt.

Acts 2:22

Chức vụ của Chúa Giê-xu được Đức Chúa Trời chứng thực như thế nào?

Chức vụ của Chúa Giê-xu được chứng thực bằng những việc làm quyền năng, những dấu kì phép là mà Đức Chúa Trời hành động qua Ngài.

Acts 2:25

Trong Cựu Ước, vua Đa-vít đã nói tiên tri như thế nào về Người Thánh của Đức Chúa Trời?

Vua Đa-vít nói rằng Đức Chúa Trời sẽ không để cho Người Thánh của Ngài thấy sự rữa nát.

Acts 2:27

Trong Cựu Ước, vua Đa-vít đã nói tiên tri như thế nào về Người Thánh của Đức Chúa Trời?

Vua Đa-vít nói rằng Đức Chúa Trời sẽ không để cho Người Thánh của Ngài thấy sự rữa nát.

Acts 2:32

Ai là người Thánh của Đức Chúa Trời không nhìn thấy sự rữa nát và ngồi trên ngai?

Chúa Giê-xu chính là Người Thánh và vị Vua được tiên tri.

Acts 2:37

Khi nghe lời giảng dạy của Phi-e-rơ thì đám đông có đáp ứng như thế nào?

Đám đông hỏi họ nên làm gì.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 2:46
Lúc này các tín hữu nhóm lại tại đâu?

Các tín hữu nhóm lại tại đền thờ.

Chapter 3
Acts 3:1
Thông tin tổng quát:
Đây là một ngày mới; Phi-e-rơ và Giăng đang đi lên đền thờ. Câu 2 là câu ngữ cảnh về người què.
Vào đền thờ
"Vào khu vực đền thờ" hay "đến đền thờ". Họ không đi vào bên trong tòa nhà là khu vực chỉ dành riêng cho các thầy tế lễ hầu việc.
Giờ thứ chín
"Ba giờ chiều" (UDB). (Xem: biblicaltime)
Của bố thí
"Của bố thí" là số tiền người ta đem cho người nghèo.
Acts 3:4
Dán mắt vào anh ta
"Nhìn chăm chăm vào anh ta" hay "nhìn chăm chú vào anh ta"
Người què nhìn họ
"Người què chăm chú nhìn họ"
Vàng bạc
Cụm từ "vàng bạc" chỉ về tiền. (Xem: metonymy)
Nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-xu
"Qua quyền năng của Chúa Cứu Thế Giê-xu" (Xem: metonymy)
Acts 3:7
Anh đi...vào đền thờ
Người đó đi vào sân đền thờ. Chỉ có các thầy tế lễ mới được vào bên trong đền thờ.
Acts 3:9
Chú ý thấy
"Nhận thấy" hay "nhìn thấy"
Cửa Đẹp
"Cửa có tên là Đẹp"
Acts 3:11
Khi
"Trong khi"
Hành lang được gọi là của Sa-lô-môn
"Hành lang của Sa-lô-môn". Sa-lô-môn là một vị vua của Y-sơ-ra-ên sống rất lâu trước đó. Hành lang là một hàng các cây cột có mái che và trống ở một bên.
Vô cùng ngạc nhiên
"Đầy bất ngờ" hay "kinh ngạc"
Khi Phi-e-rơ nhìn thấy vậy
"Khi Phi-e-rơ nhìn thấy đám đông tụ tập" hay "khi Phi-e-rơ nhìn thấy dân chúng" (UDB)
Hỡi người Y-sơ-ra-ên
"Hỡi đồng bào Y-sơ-ra-ên" (UDB). Phi-e-rơ gọi đám đông. Từ "người" trong ngữ cảnh này bao gồm tất cả mọi người đang có mặt tại đó.
Vì sao anh em kinh ngạc?
Có thể dịch là "Anh em không nên kinh ngạc" (UDB). (Xem: Rhetorical Question)
Sao anh em nhìn chằm vào chúng tôi
Có thể dịch là "anh em không nên tập trung vào chúng tôi" hay "không có lý do gì để anh em tập trung vào chúng tôi". (Xem: Rhetorical Question)
Chúng tôi
Từ "chúng tôi" chỉ về Phi-e-rơ và Giăng.
Chúng tôi
Từ "chúng tôi" chỉ về Phi-e-rơ và Giăng.
Như thể chúng tôi khiến anh ta đi được bằng quyền năng hay đức độ riêng của chúng tôi vậy?
Có thể dịch là "Chúng tôi không làm cho anh ta đi được bằng quyền năng hay đức độ riêng của mình". (Xem: Rhetorical Question)
Acts 3:13
Câu liên kết:
Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho người Do Thái được bắt đầu từ chương 3 câu 13.
Là người anh em đã nộp
"Là người anh em đã bắt giải cho Phi-lát"
Phủ nhận trước mặt Phi-lát
"Và anh em đã chối bỏ Ngài trước sự có mặt của Phi-lát"
Khi ông ấy quyết định thả Ngài
"Khi Phi-lát quyết định phóng thích Ngài"
Để xin cho một kẻ sát nhân được thả
Có thể dịch ở thể chủ động: "để Phi-lát phóng thích một kẻ sát nhân".
Acts 3:15
Chúa của sự sống
"Đấng ban sự sống" (UDB) hay "Đấng quản trị sự sống".
Bây giờ
Từ này được dùng để gây sự chú ý của mọi người về người què.
Đã làm cho người nầy được mạnh.
"Đã làm cho người này được lành"
Acts 3:17
Bây giờ
Ở đây Phi-e-rơ chuyển sự chú ý của mọi người về phía người què lui đi, và ông tiếp tục giảng thuyết trực tiếp với họ.
Bởi miệng của tất cả các đấng tiên tri
"Qua các đấng tiên tri" (Xem: Metonymy)
Acts 3:19
Trở lại
"Trở lại với Đức Chúa Trời"
Bôi xóa
"Tẩy sạch" hay "xóa bỏ"
Để cho kỳ tươi mới được đến từ sự hiện diện của Chúa
"Để Chúa làm cho anh em mạnh mẽ"
Acts 3:21
Câu liên kết:
Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho người Do Thái được bắt đầu từ chương 3 câu 13.
Thông tin tổng quát:
Trong câu 22-23, Phi-e-rơ trích dẫn lời Môi-se đã nói trước về Đấng Mê-si-a.
Trời phải tiếp nhận
Chúa Giê-xu sẽ ở lại trên trời vì đó là điều đã được báo trước.
Cho đến thời kỳ phục hồi muôn vật

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Cho đến khi Đức Chúa Trời phục hồi muôn vật”
Là lời Đức Chúa Trời phán bởi miệng các tiên tri thánh của Ngài
"Đức Chúa Trời truyền cho các tiên tri thánh của Ngài rao truyền về sự phục hồi". (Xem: synecdoche)
Các tiên tri thánh của Ngài từ thời xưa
"Các tiên tri thánh của Ngài sống từ rất lâu”
Sẽ dấy lên một nhà tiên tri
"Sẽ chọn một người làm nhà tiên tri”
Bị tiêu diệt
"Bị khai trừ” hay “bị truất khỏi”
Acts 3:24
Câu liên kết:
Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho người Do Thái được bắt đầu từ chương 3 câu 13.
Tất cả những người sau ông
"Tất cả những tiên tri sống sau thời Sa-mu-ên”
Những ngày nầy
"Thời kỳ nầy" hay "những việc đang xảy ra”
Anh em là con cháu của các nhà tiên tri
"Anh em là người kế tự của các nhà tiên tri”. Có thể dịch là “anh em sẽ nhận được điều Đức Chúa Trời đã hứa qua các đấng tiên tri của Ngài”.
Và của giao ước
"Và là con trai của giao ước”. Có thể dịch là “Anh em sẽ nhận được điều Đức Chúa Trời hứa trong giao ước của Ngài”.
Trong dòng dõi của con
"Nhờ hậu tự của con"
Sau khi Đức Chúa Trời dấy Đầy Tớ Ngài lên
"Sau khi Đức Chúa Trời chọn Đầy Tớ Ngài” hay “sau khi Đức Chúa Trời ban thẩm quyền cho Đấy Tớ Ngài”.
Đầy Tớ Ngài
Chỉ về Chúa Cứu Thế của Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Acts 3:7
Phi-e-ơ đã cho người đó điều gì?
Phi-e-rơ cho anh ta khả năng bước đi.
Acts 3:13
Phi-e-rơ nhắc lại với dân chúng họ đã làm điều gì với Chúa Giê-xu?
Phi-e-rơ nhắc lại với dân chúng rằng họ đã nộp Chúa Giê-xu cho Phi-lát và đã giết Ngài.
Acts 3:15
Phi-e-rơ nhắc lại với dân chúng họ đã làm điều gì với Chúa Giê-xu?
Phi-e-rơ nhắc lại với dân chúng rằng họ đã nộp Chúa Giê-xu cho Phi-lát, đã từ chối Ngài và giết Ngài.
Acts 3:19
Phi-e-rơ kêu gọi mọi người làm gì?
Phi-e-rơ kêu gọi mọi người ăn năn.
Acts 3:21
Phi-e-rơ nói Chúa Giê-xu sẽ được giữ lại trên trời cho đến khi nào?
Phi-e-rơ nói rằng Chúa Giê-xu sẽ được giữ lại trên trời cho đến khi muôn vật phục hồi.

Chapter 4

Acts 4:1
Viên quản lý đền thờ
Chỉ huy vệ binh đền thờ
Ập đến
"Xông đến" hay "kéo đến"
Họ rất bực tức
Phi-e-rơ giảng về Chúa Giê-xu và sự phục sinh của Ngài. Điều này làm cho những người Sa-đu-sê bực tức vì họ không tin vào sự sống lại của Chúa Giê-xu.
Số người
Cụ thể là nam giới. Phụ nữ và trẻ em có mặt ở đó không được kể vào số này.
Vì lúc này trời đã tối
Có một phong tục không được tra hỏi người vào ban đêm.
Khoảng năm ngàn
"Lên đến khoảng năm ngàn” hay “tăng đến khoảng năm ngàn”.
Acts 4:5
Nhờ quyền năng nào
"Ai ban quyền năng cho các ông” (UDB) hay “điều gì ban quyền năng cho các ông”. Họ biết Phi-e-rơ và Giăng không thể tự chữa lành cho người này.
Nhân danh ai
"Ai cho các ông thẩm quyền”
Acts 4:8
Dân Y-sơ-ra-ên
Những công dân của nước Y-sơ-ra-ên
Acts 4:11
Câu liên kết:
Phi-e-rơ tiếp tục bài giảng cho các nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái bắt đầu từ chương 4 câu 8.11
Chúa Cứu Thế Giê-xu là hòn đá
Đây là một phép so sánh. Như chỉ có một hòn đá góc được đặt làm nền móng và điểm tham chiếu cho một tòa nhà thì Chúa Giê-xu là nền tảng duy nhất cho sự cứu rỗi.
Acts 4:13
Khi họ thấy sự dạn dĩ
"Họ" chỉ về nhóm các nhà lãnh đạo.
Nhận ra rằng họ
"Nhận biết" hay "biết"
Họ là những người tầm thường
"Họ" chỉ về hai người Phi-e-rơ và Giăng.
Người ít học
"Chưa qua đào tạo” hay “không có trường lớp”.
Acts 4:15
Hội đồng
Từ “hội đồng” thường xuất hiện trong Công vụ. Trong tất cả những lần xuất hiện, ngoại trừ 25:12, thì từ này nói đến Tòa công luận Do Thái.
Họ
Chỉ về Phi-e-rơ và Phao-lô.
Acts 4:19
Có chính đáng không
Công bình và làm vinh hiển Đức Chúa Trời
Chúng tôi không thể không nói
Chúng tôi buộc phải nói
Acts 4:21
Thông tin tổng quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu 22 là câu bối cảnh về tuổi của người què đã được chữa lành.

Sau khi cảnh cáo thêm

Các nhà lãnh đạo đe dọa sẽ phạt họ nặng hơn.

Họ không tìm được cớ để trừng phạt hai ông

Các nhà lãnh đạo không tìm được cách để trừng phạt Phi-e-rơ và Giăng mà không gây náo loạn những người nhìn thấy người què được chữa lành.

Acts 4:23

Đến với các anh em mình

Họ đến với các tín hữu khác.

Cùng cất tiếng

Tất cả họ hiệp một trong suy nghĩ và tư tưởng.

Bởi miệng của tổ phụ Đa-vít chúng tôi là đầy tớ Ngài

"Qua tổ phụ Đa-vít của chúng tôi là đầy tớ Ngài" (Xem: Metonymy)

Đầy tớ

Trong Cựu Ước, các tiên tri của Đức Chúa Trời và những người thờ phượng Đức Chúa Trời thường được gọi là “đầy tớ” của Ngài.

Acts 4:26

Câu liên kết:

Phi-e-rơ tiếp tục trích dẫn lời vua Đa-vít trong sách Thi Thiên bắt đầu từ chương 4 câu 25.

Họp nhau lại

"Kết hợp các lực lượng quân đội" (Xem: Synecdoche)

Đấng Christ

Đây là lời trích dẫn từ Thi Thiên 2:1-2. Tiếng Hê-bơ-rơ “Mê-si-a” được dịch là “Đấng Christ”, nghĩa là “Đấng Được Xức Dầu.”

Acts 4:27

Hê-rốt và Pôn-xơ Phi-lát cùng với các dân ngoại và dân Y-sơ-ra-ên

Trong Thi Thiên, Đa-vít chỉ đề cập đến các dân ngoại nhưng Phi-e-rơ kể dân Y-sơ-ra-ên và các nhà lãnh đạo của họ cũng nằm trong số những người chống lại Chúa Cứu Thế.

Tại thành nầy

Tại Giê-ru-sa-lem.

Tay Ngài và ý Ngài đã định

"Ngài đã định" (UDB) (Xem: Synecdoche)

Acts 4:29

Câu liên kết:

Các tín hữu cùng nhau tiếp tục bài cầu nguyện bắt đầu ở chương 4 câu 24

Họ dạn dĩ rao giảng lời của Đức Chúa Trời

Đây là kết quả khi các môn đồ được đầy dẫy Đức Thánh Linh.

Acts 4:32

Làm chứng

Trong Tân Ước, từ này thường được dùng để nói đến việc các môn đồ của Chúa Giê-xu thuật lại những sự kiện về cuộc đời, sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu.

Và ân điển lớn lao đổ trên họ

Có thể hiểu là: 1) Đức Chúa Trời đổ nhiều ân tứ và sự dạn dĩ trên mọi tín hữu, hay 2) các tín hữu được dân chúng ở thành Giê-ru-sa-lem rất tôn trọng.

Acts 4:34

Đặt dưới chân các sứ đồ

Đây là cách các tín hữu: 1) công khai bày tỏ tấm lòng đã được thay đổi và 2) giao cho các sứ đồ quyền phân phát món tiền.

Acts 4:36

Ba-na-ba

Bạn có thể suy xét xem ngôn ngữ của bạn giới thiệu những người mới tham gia trong câu chuyện như thế nào.

Đặt dưới chân các sứ đồ

Đây là cách các tín hữu: 1) công khai bày tỏ tấm lòng đã được thay đổi và 2) giao cho các sứ đồ quyền phân phát món tiền.

Translation Questions

Acts 4:29

What did the believers ask for from God in response to the warnings from the Jewish leaders?

Các tín hữu cầu xin được dạn dĩ nói lời của Chúa và những dấu kỳ phép lạ được thực hiện qua danh Chúa Giê-xu.

Acts 4:32

Nhu cầu của các tín hữu được đáp ứng như thế nào?

Các tín hữu góp mọi thứ làm của chung, những người có tài sản thì bán đi và góp vào để phân phát cho mọi người theo nhu cầu.

Acts 4:34

Nhu cầu của các tín hữu được đáp ứng như thế nào?

Các tín hữu góp mọi thứ làm của chung, những người có tài sản thì bán đi và góp vào để phân phát cho mọi người theo nhu cầu.

Acts 4:36

Tên gọi mới có nghĩa là “con trai của sự an ủi” được đặt cho người đã bán ruộng và dâng tiền cho các sứ đồ là gì?

Người này được đặt tên là “con trai của sự ai ủi”, tức là Ba-na-ba.

Chapter 5

Acts 5:1

Thông tin tổng quát:

Đây là khởi đầu của một phần mới trong câu chuyện. Những câu này cung cấp thông tin về A-na-nia và Sa-phi-ra.

Đến đây

"Nhưng đến đây...." Cụm từ nầy đánh dấu một phần mới của câu chuyện. Có thể dịch bằng một cụm từ dùng để giới thiệu sang một câu chuyện tương phản trong ngôn ngữ dịch.

Có một người

Đây là cách giới thiệu một nhân vật mới. Có thể dịch theo cách một nhân vật mới được giới thiệu trong câu chuyện ở ngôn ngữ dịch

Ông giữ lại một phần số tiền bán được

Ông không trung thực khi nói đã dâng toàn bộ số tiền bán được cho các sứ đồ. Có thể làm rõ ngụ ý của câu: “Ông bí mật giữ lại một phần tiền bán được”. (Xem: Explicit)

Vợ ông cũng biết điều đó

Có thể dịch là “vợ ông cũng biết và đồng tình”.

Đặt dưới chân các sứ đồ

Đặt món tiền dưới chân các sứ đồ thể hiện việc trao cho họ quyền quyết định cách sử dụng món tiền. (Xem: Metonymy)

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 5:3

Sao Sa-tan đầy dẫy lòng ngươi

Phi-e-rơ dùng câu hỏi tu từ để quở trách A-na-nia. Có thể dịch là “Đáng ra người không nên bị Sa-tan cám dỗ để nói dối.”

Nó chẳng phải là của ngươi sao…nó chẳng thuộc quyền sử dụng của anh sao?

Phi-e-rơ dùng những cầu hỏi tu từ này để nhắc A-na-nia điều lẽ ra ông đã biết rồi: rằng số tiền vẫn thuộc về A-na-nia và thuộc quyền sử dụng của ông. (Xem: Rhetorical Question)

Làm sao anh có thể suy tính điều đó trong lòng?

Phi-e-rơ dùng câu hỏi tu từ này để quở trách A-na-nia. Có thể dịch là “Đáng ra anh không nên để cho tiền bạc của anh điều khiển anh.”

Các thanh niên tiến đến

Dịch sát nghĩa là “Các thanh niên đứng dậy…” Đây là cách miêu tả cử chỉ lúc khởi động.

Họ đem ông đi chôn

Khi một người chết, thông thường sẽ có một quá trình chuẩn bị xác trước khi chôn. Có vẻ như A-na-nia không được an táng như vậy.

Acts 5:7

Việc mới xảy ra

"Là việc chồng bà vừa chết"

Acts 5:9

Câu liên kết:

Đây là kết thúc của câu chuyện về A-na-nia và Sa-phi-ra.

Làm sao các ngươi có thể đồng mưu thử Thánh Linh của Chúa?

Có thể dịch thành một lời khẳng định mạnh mẽ. Gợi ý dịch: “Các ngươi đã hiệp nhau thử Đức Thánh Linh!” (Xem: Rhetorical Question)

Chân của những người

Từ “chân” ở đây chỉ về những người đã chôn A-na-nia. (Xem: Synecdoche)

Tắt hơi

Đây là cách tế nhị để nói “bà đã chết”. (Xem: Euphemism)

Acts 5:12

Hành lang của Sa-lô-môn

Khu vực này nằm bên trong sân đền thờ.

Không một ai khác

"Không một ai không thuộc hội thánh"

Rất nể trọng

"Rất kính sợ và tôn trọng"

Acts 5:14

Bóng của ông có thể phủ lên một số người

Ngụ ý là họ sẽ được chữa lành nếu bóng của Phi-e-rơ chạm đến họ.

Acts 5:17

Nhưng

Mở đầu một câu chuyện tương phản. Có thể dịch theo cách giới thiệu một câu chuyện tương phản ở ngôn ngữ dịch.

Ganh tị

"Đố kỵ" hay "oán giận"

Tra tay bắt các sứ đồ

"Bắt giam các sứ đồ" (Xem: Idiom)

Acts 5:19

Đưa họ ra

"Đưa các sứ đồ ra khỏi ngục"

Khoảng rạng đông

Đền thờ đóng cửa vào ban đêm. Các sứ đồ vâng theo lời thiên sứ sớm nhất có thể.

Acts 5:24

Rất lúng túng

"Hoang mang" hay "bối rối"

Về chúng

"Về những lời họ vừa nghe" (báo cáo các sứ đồ đã biến mất khỏi ngục)

Những người các ông đã bỏ tù

Từ “các ông” ở số nhiều. (Xem: Forms of You)

Acts 5:26

Nghiêm cấm các ngươi

Từ “các ngươi” nầy ở số nhiều. (Xem: Forms of You)

Các ngươi làm tràn ngập

Từ “các ngươi” nầy ở số nhiều. (Xem: Forms of You)

Khiến huyết của người ấy đổ trên đầu chúng tôi

"Bắt chúng tôi chịu trách nhiệm cho cái chết của người ấy " (Xem: Metonymy)

Acts 5:29

Ban sự ăn năn và sự tha tội cho dân Y-sơ-ra-ên

Có thể dịch là “ban cho dân Y-sơ-ra-ên cơ hội từ bỏ tội lỗi và tiếp nhận ơn tha tội".

Cũng như Đức Thánh Linh

Đức Thánh Linh được nhắc đến như một người có thể làm chứng xác nhận những công việc lạ lùng của Chúa Giê-xu.

Acts 5:33

Họ phẫn nộ

Những thành viên hội đồng trở nên vô cùng tức giận vì các sứ đồ đã lên án họ.

Thầy dạy luật, người được tất cả mọi người tôn trọng.

Đây là thông tin cá nhân về Ga-ma-li-ên, để độc giả biết ông là ai.

Acts 5:35

Thông tin tổng quát:

Ga-ma-li-ên nói chuyện với những thành viên của hội đồng.

Cẩn thận về

"Suy nghĩ cẩn thận về” (UDB), hay "thận trọng về"

Acts 5:38

Câu nối kết:

Ga-ma-li-ên tiếp tục nói chuyện với các thành viên của hội đồng.

Acts 5:40

Sau đó họ gọi

Từ “họ” chỉ về những thành viên của hội đồng.

Được kể là xứng đáng

Đó là đặc ân được chịu sỉ nhục vì danh Chúa Giê-xu.

Trong những ngày đó

Đây là cách giới thiệu một chương mới. Cần xem xét cách giới thiệu một chương mới trong ngôn ngữ dịch như thế nào.

Họ giảng dạy liên tục.

Có thể dịch là “Họ không bao giờ ngừng giảng dạy.”

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 5:1

A-na-nia và Sa-phi-ra đã phạm tội gì?

A-na-nia và Sa-phia-ra nói dối là đã đưa toàn bộ số tiền bán tài sản nhưng thật ra họ chỉ đưa một phần.

Acts 5:3

A-na-nia và Sa-phi-ra đã phạm tội gì?

A-na-nia và Sa-phia-ra nói dối là đã đưa toàn bộ số tiền bán tài sản nhưng thật ra họ chỉ đưa một phần.

Phi-e-rơ nói A-na-nia và Sa-phi-ra đã lừa dối ai?

Phi-e-rơ nói rằng A-na-nia và Sa-phi-ra đã lừa dối Đức Thánh Linh.

Acts 5:17

Người Sa-đu-sê đã phản ứng thế nào trước việc những người đau bệnh được chữa lành ở Giê-ru-sa-lem?

Người Sa-đu-sê đầy lòng ganh tị và bắt các sứ đồ giam vào ngục.

Acts 5:19

Các sứ đồ đã ra khỏi ngục như thế nào?

Một thiên sứ đến mở cửa ngục cho họ đi ra.

Acts 5:26

Vì sao những quan viên giải các sứ đồ trở lại cho thầy tế lễ thượng phẩm và hội đồng mà không dùng bạo lực?

Vì những quan viên này sợ bị dân chúng ném đá.

Acts 5:29

Khi được hỏi tại sao lại giảng dạy trong danh Chúa Giê-xu khi đã bị nghiêm cấm thì các sứ đồ đã nói gì?

Các sứ đồ đáp rằng “Chúng tôi phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời người ta”.

Acts 5:33

Các thành viên hội đồng đã phản ứng như thế nào trước lời khẳng định họ là những người giết hại Chúa Giê-xu?

Các thành viên hội đồng giận dữ và muốn giết các sứ đồ.

Acts 5:38

Lời khuyên của Ga-ma-li-ên dành cho hội đồng là gì?

Ga-ma-li-ên khuyên hội đồng để yên cho các sứ đồ.

Acts 5:40

Cuối cùng hội đồng đã làm gì với các sứ đồ?

Hội đồng sai đánh đòn và cấm nói về danh Chúa Giê-xu rồi thả họ đi.

Chapter 6

Acts 6:1

Thông tin tổng quát:

Đây là bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Ở đây thông tin cá nhân rất cần thiết để hiểu được câu chuyện.

Trong những ngày đó

Đây là cách giới thiệu một chương mới. Cần xem xét cách giới thiệu một chương mới trong ngôn ngữ dịch như thế nào.

Nhân lên

"Gia tăng đáng kể"

Người Do Thái nói tiếng Hi Lạp

Đây là những người Do Thái hầu như sống ở các vùng thuộc đế quốc La Mã nằm ngoài Y-sơ-ra-ên, họ lớn lên và nói tiếng Hy Lạp. Ngôn ngữ và văn hóa của họ có phần nào khác với những người lớn lên ở Y-sơ-ra-ên.

Người Hê-bơ-rơ

Đây là những người Do Thái lớn lên ở Y-sơ-ra-ên nói tiếng A-ram. Lúc này hội thánh chỉ bao gồm những người Do Thái và những người cải đạo Do Thái.

Góa phụ

Góa phụ đúng nghĩa là một phụ nữ đã mất chồng, quá lớn tuổi không thể tái hôn và không có bà con thân thuộc để chăm sóc cho.

Bị bỏ bê

"Bị bỏ lơ" hay "bị bỏ quên". Có quá nhiều người cần giúp đỡ đến nỗi một số người bị bỏ sót.

Việc phát thức ăn mỗi ngày

Tiền được đem đến cho các sứ đồ được sử dụng một phần để mua thức ăn cho các góa phụ trong hội thánh đầu tiên.

Acts 6:2

Lo việc bàn ăn

Đây là phép hoán dụ chỉ về việc phục vụ đồ ăn. (Xem: Metonymy)

Người có tiếng tốt, đầy dẫy Thánh Linh và khôn ngoan

Có thể hiểu là 1) những người có ba phẩm chất – có tiếng tốt, đầy dẫy Thánh Linh, và đầy khôn ngoan, hoặc 2) những người có tiếng tốt về hai phẩm chất – đầy dẫy Thánh Linh, và đầy khôn ngoan (UDB).

Danh tiếng tốt

“Những người được người khác biết đến là người tốt” hay “những người được mọi người tin cậy”.

Anh em

Sử dụng từ ở dạng số nhiều của ngôn ngữ dịch vào những chỗ phù hợp.

Chúng tôi…chúng tôi

Sử dụng những hình thức từ riêng của ngôn ngữ dịch vào những chỗ phù hợp.

Acts 6:5

Lời đề nghị của họ làm hài lòng

Lời đề nghị của họ được tán thành

Ê-tiên… và Ni-cô-la

Đây là những cái tên Hy-lạp, và giả thuyết rằng những người này hoàn toàn được chọn từ nhốm tín hữu Do Thái nói tiếng Hy-lạp.

Người cải đạo

Người ngoại giáo chuyển sang Do Thái giáo.

Đặt tay trên họ

Chúc phước, giao trách nhiệm và thẩm quyền thực hiện công việc cho nhóm bảy người.

Acts 6:7

Thông tin tổng quát:

Câu này là một nhận định cập nhật về sự phát triển của Hội Thánh.

Đạo Đức Chúa Trời phát triển

Ảnh hưởng của đạo lan rộng hơn

Vâng theo đức tin

"Đi theo con đường niềm tin mới"

Acts 6:8

Thông tin tổng quát:

Đây là bắt đầu phần mới của câu chuyện. Những câu này cho biết thông tin cá nhân về Ê-tiên, và những người khác để giúp hiểu được câu chuyện.

Nhà hội của những người tự do

Những nô lệ từ các vùng khác nhau. Không rõ những người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

được liệt kê khác có phải là hội viên nhà hội không hay họ chỉ tham gia vào cuộc tranh luận với Ê-tiên.

Tranh luận với Ê-tiên

"Tranh cãi với Ê-tiên" (UDB) hay "thảo luận với Ê-tiên"

Acts 6:10

Câu liên kết:

Các thông tin cơ bản bắt đầu trong sách công vụ các sứ đồ 6:8-10.

Kế đó

Từ này cho biết bắt đầu sự việc trong câu chuyện.

Không thể chống lại

"Không thể tranh luận lại"

Thánh Linh

"Đức Thánh Linh"

Ngầm thuyết phục

"Ngầm lôi kéo"

Những lời xúc phạm

Có thể dịch là “những lời chống lại luật pháp của Đức Chúa Trời và Môi-se".

Acts 6:12

Xúi giục dân chúng

Kích động cho dân chúng giận dữ

Bắt giữ

"Bắt lấy"

Không rời mắt khỏi ông

"Chăm chú nhìn ông". Đây là thành ngữ cho cụm từ “chăm chăm nhìn ông”. (Xem: Idiom)

Giống như mặt thiên sứ

Đây là một ví von so sánh nét “chiếu sáng” tương đồng không được đề cập đến. Có thể dịch là “chiếu sáng như mặt thiên sứ” (UDB). (Xem: Simile)

Translation Questions

Acts 6:1

Những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp phàn nàn điều gì về người Hê-bơ-rơ?

Những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp phàn nàn rằng những quá phụ của họ bị bỏ bê, không được phân phát thức ăn hằng ngày.

Acts 6:7

Điều gì đã xảy ra với những môn đồ tại Giê-ru-sa-lem?

Số môn đồ gia tăng rất nhiều trong đó có rất nhiều thầy tế lễ.

Acts 6:10

Giữa người Do Thái không tin và Ê-tiên ai là người chiếm ưu thế trong cuộc tranh luận?

Những người Do Thái không tin không thể nào chống nổi sự khôn ngoan và Đức Thánh Linh mà Ê-tiên nhờ cậy để nói.

Chapter 7

Acts 7:1

Câu liên kết:

Phần câu chuyện về Ê-tiên tiếp tục bắt đầu trong Công vụ các sứ đồ 6:8.

Thông tin tổng quát:

Trong câu 2, Ê-tiên bắt đầu bắt đầu bài nói chuyện để trả lời thầy tế lễ thượng phẩm và hội đồng. Ông bắt đầu bài nói chuyện bằng việc nói về những điều đã xảy ra trong lịch sử của dân Y-sơ-ra-ên.

Thưa các anh, các cha, xin hãy nghe tôi nói

Ê-tiên rất tôn trọng hội động bằng cách chào họ như những người bà con.

Tổ phụ của chúng ta

Ê-tiên bao hàm cả những người nghe khi nói “tổ phụ Áp-ra-ham của chúng ta”.

Rời khỏi quê hương và bà con ngươi

"Ngươi” chỉ về Áp-ra-ham (số ít).

Acts 7:4

Là xứ quý vị đang ở

“Quý vị” là hội đồng Do Thái và những người nghe.

Làm sản nghiệp của ông

Vùng đất sẽ mãi mãi thuộc về Áp-ra-ham.

Acts 7:6

Bắt họ làm nô lệ

"Bắt dòng dõi ngươi làm nô lệ"

Và Áp-ra-ham sanh Y-sác...

Câu chuyện bắt đầu chuyển sang dòng dõi của Áp-ra-ham.

Acts 7:9

Các tổ phụ

"Các con trai lớn của Gia-cốp” hay “các anh trai của Giô-sép”

Acts 7:11

Có một nạn đói

"Một nạn đói xảy ra". Đất không sinh sản hoa màu.

Các tổ phụ của chúng ta

"Các anh trai của Giô-sép"

Lương thực

Có thể dịch là “thức ăn”.

Tỏ mình ra

Giô-sép cho các anh nhận biết ông là em của họ.

Acts 7:14

Ông và các tổ phụ chúng ta

"Gia-cốp và các con trai, tổ phụ của chúng ta"

Họ được đưa đến

"Các con cháu của Gia-cốp mang xác ông và các con trai đến" (Xem: Active or Passive)

Bằng bạc

Bằng tiền

Acts 7:17

Thời kỳ của lời hứa

Gần đến thời điểm Đức Chúa Trời làm ứng nghiệm lời hứa với Áp-ra-ham.

Người không biết Giô-sép

“Giô-sép” muốn nói về danh tiếng của Giô-sép. Có thể dịch là “người không biết về uy quyền của Giô-sép ở tại Ai-cập.”

Dân sự của chúng ta

"Chúng ta" bao gồm Ê-tiên và các thính giả.

Ngược đãi các tổ phục của chúng ta.

“Đối xử với các tổ phụ của chúng ta rất tệ hại” hoặc “ hay lợi dụng ông bà của chúng ta.”

Vứt bỏ các trẻ sơ sinh

Vứt bỏ các trẻ sơ sinh của họ cho chúng chết đi.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 7:20

Lúc đó

Đây là cách giới thiệu nhân vật mới, Môi-se.

Rất xinh tốt trước mặt Chúa

"Trước mặt Chúa" là phép so sánh bậc nhất để nói Môi-se vô cùng xinh tốt.

Khi đứa trẻ bị đem đi bỏ

Môi-se đã bị ném bỏ theo lệnh của Pha-ra-ôn.

Nhận lấy đứa trẻ

"Nhận nuôi đứa trẻ" (có lẽ là không chính thức)

Làm con trai mình

"Như thể đó là con trai ruột của mình"

Acts 7:22

Môi-se được dạy

"Người Ai Cập dạy dỗ Môi-se". (Xem: Active or Passive)

Mọi tri thức của người Ai Cập

Đây là cách nói cường điệu có ý nghĩa là “nhiều thứ mà người Ai Cập biết”.

Có năng lực trong lời nói và việc làm

"Việc làm và lời nói có ảnh hưởng”, “mạnh mẽ trong lời nói và việc làm” (UDB) hay “có tầm ảnh hưởng trong việc làm và lời nói”

Thăm các anh em

Để tìm hiểu điều kiện sống của họ

Đánh người Ai Cập

Môi-se đánh người Ai Cập rất nặng đến nỗi chết.

Ông nghĩ

Ông tưởng

Nhờ tay ông

Qua ông

Giải cứu họ

Có thể dịch là “giải cứu họ trong lúc đó”.

Acts 7:26

Nầy, các anh là anh em

Chỉ về hai người Y-sơ-ra-ên đang đánh nhau.

Xử tệ

Xử tệ là đối xử không chính đáng hay bất lương.

Ai lập anh làm người cai trị và xét xử chúng ta?

Đây là câu hỏi tu từ có ý quở trách Môi-se rằng “Anh không có quyền gì trong chúng ta!” (Xem: Rhetorical Question)

Xét xử chúng ta?

Người Y-sơ-ra-ên bao hàm Môi-se thuộc trong số họ.

Acts 7:29

Sau khi nghe lời đó

Tức là “Môi-se nghe thấy những người Y-sơ-ra-ên biết ông đã giết một người Ai Cập vào ngày hôm trước”. (Xem: Explicit and Implicit)

Cha của hai con trai

Các thính giả của Ê-tiên đã biết “Môi-se cưới một người nữ Ma-đi-an”. (Xem: Explicit and Implicit)

Sau bốn mươi năm

"Bốn mươi năm sau khi Môi-se trốn khỏi Ai Cập". (Xem: Explicit and Implicit)

Acts 7:31

Ông kinh ngạc khi nhìn thấy

Môi-se ngạc nhiên khi thấy bụi gai không bị cháy trong lửa. Điều này các thính giả của Ê-tiên cũng đã biết trước đó. (Xem: Explicit)

Khi ông lại gần để xem…run sợ chẳng dám nhìn

Có thể là ban đầu Môi-se đi đến gần bụi gai để tìm hiểu nhưng sau đó ông sợ hãi bước lui lại.

Run sợ

Môi-se run vì sợ.

Acts 7:33

Vì nơi con đang đứng là đất thánh

Tức là nơi Đức Chúa Trời hiện diện, khu vực ngay xung quanh Ngài được xem là thánh hay được Đức Chúa Trời làm nên thánh. (Xem: Explicit and Implicit Information)

Thấy rõ

Trạng ngữ nhấn mạnh từ “thấy”.

Dân Ta

Con cháu của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp.

Ta xuống

Sẽ tận mắt thấy họ được giải phóng

Acts 7:35

Thông tin tổng quát:

Câu 35 đến 38 có một loạt những cụm từ liên kết nhắc đến Môi-se. Mỗi cụm từ đứng đầu một câu như “Môi-se nầy”, “cũng Môi-se nầy”, “ông là người” hay “cũng chính là Môi-se”. Nếu được nên dùng những câu tương tự để nhấn mạnh đến Môi-se.

Môi-se nầy là người họ đã từ chối

Câu này nhắc lại sự kiện đã được viết ở chương 7 câu 26 đến 28.

Ai lập anh làm người cai trị và xét xử chúng ta?

Xem cách dịch ở chương 7 câu 26.

Làm người cai trị và giải cứu

"Cai trị họ và giải phóng họ khỏi ách nô lệ"

Bởi tay thiên sứ

"Qua thiên sứ"

Trong suốt bốn mươi năm

"Trong suốt bốn mươi năm dân Y-sơ-ra-ên sống trong đồng vắng" (UDB)

Trong vòng anh em các ngươi

"Từ giữa dân sự các ngươi" (UDB)

Acts 7:38

Thông tin tổng quát:

Câu 35-38 chứa đựng một loạt những cụm từ liên hệ về Môi-se. Mỗi cụm từ bắt đầu với các câu như là “Môi-se này” hay “Cũng là Môi-se này” hay “Chính người này” hay “Chính là Môi-se đó”. Nếu có thể, hãy dùng những câu tương tự để nhấn mạnh Môi-se.

Ông chính là người ở giữa hội chúng

"Người nầy là Môi-se thuộc trong dân Y-sơ-ra-ên" (UDB)

Ông cũng là người nhận lấy lời sống đề truyền cho chúng ta

Có thể dịch ở thể chủ động là “đây là người Đức Chúa Trời ban lời hằng sống để truyền cho chúng ta”. (Xem: Active or Passive)

Lời sống

Có thể hiểu là 1) “một thông điệp trường tồn” hay 2) “lời ban sự sống”.

Gạt ông ra khỏi họ

Đây là phép ẩn dụ nhấn mạnh việc họ từ chối Môi-se. Có thể dịch là “Họ từ chối ông làm người lãnh đạo của họ” (UDB). (Xem: Metaphor)

Khi đó

"Khi họ quyết định trở về Ai Cập"

Acts 7:41

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin tổng quát:

Trong câu 42, Ê-tiên bắt đầu trích dẫn sách tiên tri A-mốt.

Họ làm một con bê

"Họ đúc một bức tượng trông giống con bê"

Thờ phượng những ngôi sao trên trời.

“Thờ các sao trời là thần tượng"

Các ngươi có dâng sinh tế và của lễ cho Ta...?

Đây là câu hỏi tu từ khẳng định những của lễ của họ không được dâng lên cho Đức Chúa Trời. Có thể dịch là “Các ngươi không dâng sinh tế và của lễ cho Ta...” (Xem: Rhetorical Question)

Nhà của Y-sơ-ra-ên

Đây là hoán dụ nói về cả dân tộc Y-sơ-ra-ên. (see:

Acts 7:43

Câu liên kết:

Ê-tiên tiếp tục bài phát biểu trả lời các thầy tế lễ thượng phẩm và hội đồng bắt đầu từ chương 7 câu 2. Ê-tiên cũng kết thúc câu trích dẫn từ sách tiên tri bắt đầu ở chương 7 câu 42.

Nhà tạm của thần Mo-lóc

Nhà tạm hay lều là nơi ở của tà thần Mo-lóc.

Ngôi sao của thần Rom-phan

Ngôi sao tượng trưng cho tà thần Rom-phan

Những hình tượng các ngươi làm ra

Họ làm ra những bức tượng và hình ảnh của thần Mo-lóc và Rom-phan để thờ lạy chúng.

4Ta sẽ đày các ngươi sang bên kia Ba-by-lôn

"Ta sẽ loại bỏ các ngươi sang Ba-by-lôn"

Acts 7:44

Lều chứng ước

Lều đặt hòm giao ước (một cái hộp) đựng bản đá khắc mười điều răn.

Tài sản của các dân

Có thể bao gồm đất đai, nhà cửa, mùa màng, súc vật và mọi tài sản của những dân mà Y-sơ-ra-ên chinh phục.

Cứ như thế cho đến đời vua Đa-vít

Hòm giao ước cứ ở trong lều cho đến hết thời Đa-vít, vua Y-sơ-ra-ên.

Nơi ở cho Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Đa-vít muốn hòm giao ước cố định trong Giê-ru-sa-lem, không phải ở trong lều đi vòng quanh Y-sơ-ra-ên.

Acts 7:47

Thông tin tổng quát:

Câu 49 và 50, Ê-tiên tiếp tục trức dẫn từ sách tiên tri Ê-sai. Trong trích dẫn này, Đức Chúa Trời nói về chính Ngài.

Do tay người làm

Đây là phép chuyện nghĩa ngụ ý là “do con người làm ra”.

Trời là ngai Ta...đất là bệ chân Ta

Nhà tiên tri đang so sánh sự hiện diện của Đức Chúa Trời rất vĩ đại đến nỗi cả vũ trụ là ngôi của Ngài với tính bất khả thi khi con người xây dựng một nơi cho Chúa ngự trên đất vì cả trái đất không là gì cả ngoại trừ làm bệ chân cho Ngài.

Nhà nào các ngươi có thể cất cho ta?

Chúa hỏi câu hỏi này để cho thấy rằng nổ lực của con người không xứng đáng so với bản chất của Chúa. Có thể dịch là “Các ngươi không thể xây một ngôi nhà xứng đáng cho ta!”

Đâu là nơi cho ta nghỉ ngơi?

Chúa hỏi câu này để cho con người thấy rằng họ không thể cho Chúa chỗ nghỉ ngơi nào.

Không phải tay ta đã làm nên mọi vật sao?

Chúa đặt câu hỏi này để tỏ bày rằng con người không tọa dựng nên bất cứ điều gì. Có thể dịch là: Tay tôi làm nên mọi thứ này!

Acts 7:51

Câu liên kết:

Ê-tiên tiếp tục lời bào chữa trước hội đồng Do Thái bắt đầu từ chương 7 câu 2.

Các ông là những người cứng cổ...

Ê-tiên chuyển từ chỗ đồng nhất với các nhà lãnh đạo Do Thái sang quở trách họ.

Lòng chưa được cắt bì

"Tấm lòng không vâng phục". Ê-tiên so sánh họ với các dân ngoại, điều này khiến họ thấy là một sự xúc phạm.

Có nhà tiên tri nào mà tổ phụ quý vị không bắt bớ?

Đây là một câu hỏi tu từ Ê-tiên dùng để quở trách họ. Có thể dịch là “Tổ phụ của quý vị bắt bớ tất cả các nhà tiên tri!” (Xem: Rhetorical Question)

Đấng Công Chính

Chỉ về Đấng Cứu Thế, Chúa Cứu Thế.

Những kẻ giết Ngài

"Những kẻ giết Đấng Công Chính" hay "những kẻ giết Đấng Cứu Thế"

Acts 7:54

Nghe thấy những điều này.

Đây là bước rẽ, bài chia sẻ kết thúc và hội đồng phản ứng.

Giận dữ trong lòng

Đây là một thành ngữ ý nói “giải quyết bằng sự tức giận”.

Nghiến răng

Đây là một thành ngữ thể hiện sự tức giận dữ dội hay thù hận. Có thể dịch là “họ rất giận dữ đến nỗi hết thảy đều nghiến răng”.

Nhìn...lên trời

"Nhìn...lên trời”. Có vẻ như không ai khác trong đám đông ngoài Ê-tiên có thể nhìn thấy được khải tượng này.

Vinh quang của Đức Chúa Trời

Vinh quang hay sự uy nghi của Đức Chúa Trời như ánh sáng. Có thể dịch là “ánh sáng chói từ Đức Chúa Trời”.

Ông thấy Chúa Giê-xu đang đứng

Lưu ý rằng Chúa Giê-xu đang “đứng” chứ không phải “ngồi” bên phải Đức Chúa Trời. Thật là vinh dự khi một vị vua đứng lên chào đón khách.

Con Người

Ê-tiên gọi Chúa Giê-xu bằng danh hiệu “Con Người”.

Acts 7:57

Bịt tai

Họ bịt tai lại để không nghe Ê-tiên nói nữa.

Họ lôi ông ra ngoài thành

"Các thành viên trong hội đồng bắt Ê-tiên và đem ông ra ngoài thành"

Áo ngoài

Đây là áo choàng mặc ở bên ngoài để giữ ấm tương tự như áo khoác.

Đặt ở chân

"Đặt ở phía trước" để trông coi

Acts 7:59

Nhận lấy linh hồn con

"Tiếp lấy linh hồn con"

Ngủ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là cách nói tế nhị thay cho từ “chết”.

Translation Questions

Acts 7:6

Đức Chúa Trời phán điều gì sẽ xảy ra đầu tiên cho dòng dõi Áp-ra-ham trong bốn trăm năm?

Đức Chúa Trời phán rằng dòng dõi của Áp-ra-ham sẽ làm nô lệ ở ngoại quốc trong bốn trăm năm.

Acts 7:9

Làm thế nào Giô-sép lại trở thành nô lệ Ai Cập?

Các anh ganh tị với ông và bán ông sang Ai Cập.

Acts 7:14

Tại sao Gia-cốp cùng dòng họ chuyển đến Ai Cập?

Vì Giô-sép cho các anh trở về nói Gia-cốp sang Ai Cập.

Acts 7:17

Điều gì đã xảy ra với số dân Y-sơ-ra-ên ở Ai Cập khi thời kỳ lời hứa của Áp-ra-ham được ứng nghiệm đã cận kề?

Số dân Y-sơ-ra-ên ở Ai Cập gia tăng và nhân lên rất nhiều.

Acts 7:22

Môi-se được giáo dục như thế nào?

Môi-se được học tất cả những tri thức của Ai Cập.

Acts 7:29

Môi-se đã chạy trốn đến đâu?

Môi-se chạy trốn đến Ma-đi-an.

Acts 7:41

Dân Y-sơ-ra-ên đã trở lại với Ai Cập như thế nào?

Dân Y-sơ-ra-ên đã làm một con bò con và hiến tế cho thần tượng đó.

Acts 7:43

Đức Chúa Trời phán sẽ đem dân Y-sơ-ra-ên đi đâu?

Đức Chúa Trời phán sẽ đem dân Y-sơ-ra-ên sang Ba-by-lôn.

Acts 7:44

Trong đồng vắng, Đức Chúa Trời truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải xây dựng thứ gì mà sau đó họ đem vào đất hứa?

Trong đồng vắng, dân Y-sơ-ra-ên xây dựng lều chứng ước.

Acts 7:47

Ai đã cầu xin xây một nơi ngự cho Đức Chúa Trời và ai là người xây nhà cho Chúa?

Đa-vít cầu xin xây một nơi ngự cho Đức Chúa Trời, nhưng Sa-lô-môn là người xây nhà cho Chúa.

Acts 7:51

Ê-tiên buộc tội dân sự luôn làm điều gì giống như tổ phụ họ đã làm?

Ê-tiên buộc tội họ chống lại Đức Thánh Linh.

Acts 7:54

Các thành viên hội đồng phản ứng thế nào trước lời buộc tội của Ê-tiên?

Các thành viên hội đồng giận dữ trong lòng và nghiến răng với Ê-tiên.

Acts 7:57

Sau đó các thành viên hội đồng đã làm gì với Ê-tiên?

Các thành viên hội đồng xông vào bắt Ê-tiên quăng ra khỏi thành rồi ném đá ông.

Chapter 8

Acts 8:1

Câu liên kết:

Phần câu chuyện về Ê-tiên đi qua đến câu 1. Bây giờ, Lu-ca chuyển câu chuyện từ Ê-tiên sang Sau-lơ.

Vậy, tại đó bắt đầu

Từ “vậy” đánh dấu một sự thay đổi mạnh mẽ trong câu chuyện. Sự bắt bớ đột ngột bằng cách ném đá Ê-tiên, bắt giam các sứ đồ. Có thể dịch là: “Bởi việc đã bắt đầu xảy ra ở đó.”

Ngày đó

Ngày Ê-tiên chết

Tất cả các tín hữu đều bị tan lạc

Đây là một phép cường điệu ý nói nhiều hay hầu hết các tín hữu ở Giê-ru-sa-lem trốn chạy khỏi cơn bắt bớ.

Ngoại trừ các sứ đồ.

Ngụ ý rằng các sứ đồ vẫn ở lại Giê-ru-sa-lem và không chịu hoạn nạn trong cơn bắt bớ dữ dội này.

Những người mộ đạo

"Những người tin kính Chúa" hay "những người kính sợ Chúa"

Khóc thương rất nhiều

"Than khóc rất nhiều...cho ông" (UDB)

Lôi cả đàn ông và đàn bà

Sau-lơ đến nhà bắt các tín hữu Do Thái bỏ vào ngục.

Kéo ra

“thực hiện bằng vũ lực”

Acts 8:4

Những người bị tản lạc

"Những người bị tản lạc do cơn bắt bớ dữ dội". Lí do bị tản lạc là cơn bắt bớ đã được nói cụ thể ở phía trước.

Thành Sa-ma-ri

It is unclear if the city of Samaria refers to "the city" (ULB) or "a city" (UDB). AT: "the city."

Acts 8:6

Khi đoàn dân...

"Khi đoàn dân từ thành Sa-ma-ri”. Địa điểm được đề cập cụ thể ở phía trước.

Họ chăm chú

Lý do đoàn dân chăm chú là vì những sự chữa lành Phi-líp đã làm. Điều này cần được nói rõ.

Rất vui mừng

Dân chúng vui mừng vì sự chữa lành Phi-líp đã làm.

Acts 8:9

Thông tin tổng quát:

Si-môn được giới thiệu câu chuyện. Cũng vậy, câu 9-11 là thông tin cơ bản về Si-môn và ông đang ở giữa vòng người Sa-ma-ri.

Nhưng có một người mới... tên Si-môn.

Đây là cách giới thiệu một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể dùng từ khác để giới thiệu nhân vật mới trong câu chuyện.

Thành đó

"Thành ở Sa-ma-ri"

Tất cả người Sa-ma-ri

Đây là phép cường điệu ý nói “nhiều người Sa-ma-ri trong thành”.

Người nầy là quyền năng của Đức Chúa Trời, gọi là Đại Năng

Người dân nói rằng Si-môn là quyền năng thiêng liêng được gọi là Đại Năng.

Acts 8:12

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin tổng quát:
Câu 12 và 13 cũng chứa đựng thông tin cơ bản về Si-môn và một vài người Sa-ma-ri tin nhận Chúa Giê-xu.
Họ chịu báp tem
Phi-líp làm báp tem cho các tân tín hữu. (Xem: Active or Passive)
Khi ông nhìn thấy những dấu kì và phép lạ lớn lao thì rất kinh ngạc
"Si-môn rất kinh ngạc khi thấy Phi-líp làm những dấu kì và phép lạ lớn lao". (Xem: Active or Passive)
Acts 8:14
Now
Từ này biểu thị sự bắt đầu trong câu chuyện.
Dân Sa-ma-ri
Đây là phép cường điệu ý nói rất nhiều người ở khắp thành Sa-ma-ri (UDB).
Khi họ đến nơi
"Khi Phi-e-rơ và Giăng đến nơi"
Hai người cầu nguyện cho họ
"Phi-e-rơ và Giăng cầu nguyện cho các tín hữu Sa-ma-ri".
Để họ được nhận Đức Thánh Linh.
"Để các tín hữu Sa-ma-ri được nhận Đức Thánh Linh"
Họ chỉ mới được làm báp tem
"Phi-líp chỉ mới làm báp tem cho các tín hữu Sa-ma-ri". (Xem: Active or Passive)
Rồi Phi-e-rơ và Giăng đặt tay trên họ
Tức là những người Sa-ma-ri tin vào sứ điệp phúc âm của Ê-tiên.
Acts 8:18
Đức Thánh Linh được ban xuống qua sự đặt tay của các sứ đồ
các sứ đồ ban Đức Thánh Linh bằng cách đặt tay trên họ
Để bất kì ai tôi đặt tay lên thì được nhận Đức Thánh Linh.
"Để khi tôi đặt tay trên ai thì người đó nhận được Đức Thánh Linh"
Acts 8:20
Ông...của ngươi...ngươi
Những đại từ này đều chỉ về Si-môn.
Sự ban cho của Đức Chúa Trời
Khả năng tương giao với Đức Thánh Linh bằng việc đặt tay.
Lòng ngươi không ngay thẳng
"Suy nghĩ của ngươi không ngay thẳng"
Mong muốn của ngươi
"Muốn mua khả năng ban Đức Thánh Linh cho người khác"
Mật đắng
Đây là cách nói theo nghĩa bóng có nghĩa là “vô cùng ghen tị” (UDB)
Xiềng xích tội lỗi
"Tù nhân của tội lỗi" hay "chỉ làm được những điều tội lỗi"
Acts 8:24
Không điều nào ông đã nói
Chỉ về sự quở trách của Phi-e-rơ “tiền bạc của ngươi hãy hư mất với ngươi”.
Các ông đã nói
Từ “các ông” chỉ về Phi-e-rơ và Giăng.
Acts 8:25
Câu liên kết:
Đây là kết thúc phần câu chuyện về Si-môn và những người Sa-ma-ri.
Làm chứng
Phi-e-rơ và Giăng nói về những điều cá nhân họ biết về Chúa Giê-xu cho những người Sa-ma-ri.
Giảng đạo Chúa
Phi-e-rơ và Giăng giải thích những điều Kinh Thánh nói về Chúa Giê-xu cho người Sa-ma-ri.
cho nhiều làng của người Sa-ma-ri
"to the people in many Samaritan villages"
Acts 8:26
Thông tin tổng quát:
Đây là bắt đầu câu chuyện về Phi-líp và người đàn ông Ê-thi-ô-pi. Câu 27 cho biết thông tin về người đàn ông Ê-thi-ô-pi đó.
Lúc nầy
Đây là một mốc chuyển trong câu chuyện.
Kìa
Từ “kìa” báo cho chúng ta biết có một nhân vật mới xuất hiện trong câu chuyện. Trong ngôn ngữ dịch có thể có nhiều cách để giới thiệu. Tiếng Anh dùng cách nói “có một người...”
Hoạn quan
Từ “hoạn quan” ở đây chỉ về một người Ê-thi-ô-pi có chức vụ cao trong chính phủ, chứ không chỉ về tình trạng vật lí là người đó bị thiến.
Can-đác
Đây là danh hiệu của nữ hoàng nước Ê-thi-ô-pi, tương tự như Pha-ra-ôn là danh hiệu của vua Ai Cập. (Xem: How to Translate Names)
Chiến mã
Từ "xe ngựa" hay "toa xe ngựa" phù hợp hơn trong ngữ cảnh này. Chiến mã thường là một phương tiện dùng trong chiến tranh chứ không phải là một phương tiện để đi xa.
Đọc lời tiên tri Ê-sai
Có thể dịch là “Đọc sách của tiên tri Ê-sai”. Đây là sách Cựu Ước Ê-sai.
Acts 8:29
Ông có hiểu điều mình đang đọc không?
Có thể dịch là “Ông có hiểu ý nghĩa của điều mình đang đọc không? Người Ê-thi-ô-pi này có thể đọc được và rất khôn ngoan, nhưng đây là sự hiểu biết về vấn đề thuộc linh.
"Làm sao tôi hiểu được nếu không có người hướng dẫn cho tôi?"
Đây là câu hỏi tu từ ý nói “Tôi không thể hiểu được nếu không có ai hướng dẫn cho tôi”. Câu này được sử dụng để nhấn mạnh rõ ràng là ông không thể hiểu được. (Xem: Rhetorical Question)
Ông mời Phi-líp...ngồi với ông.
Điều này cũng ngụ ý rằng Phi-líp đồng ý đi đường cùng ông. (Xem: Explicit and Implicit)
Acts 8:32
Thông tin tổng quát:
Đây là một đoạn trong sách Ê-sai.
Như chiên con câm lặng trước kẻ hớt lông
Người hớt lông là người cắt lông chiên để sử dụng.
Trong khi Người chịu sỉ nhục thì sự xét đoán Người bị cất đi
"Ngài chịu sỉ nhục và họ không xét xử công bằng cho Ngài"
Acts 8:34
Ông giảng về Chúa Giê-xu cho hoạn quan
"Ông giảng dạy tin lành về Chúa Giê-xu cho hoạn quan"
Acts 8:36
Có điều gì ngăn trở tôi nhận phép báp tem chăng?
Đây là câu hỏi tù từ ý nói “Không có điều gì ngăn trở ông

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

làm báp tem cho tôi". (Xem: Rhetorical Question) và (Xem: Active or Passive)

Acts 8:39

Câu liên kết:

Đây là kết thúc câu chuyện về Phi-líp và người đàn ông Ê-thi-ô-pi.

Hoạn quan không thấy ông nữa

"Hoạn quan không thấy Phi-líp nữa"

Phi-líp xuất hiện tại A-xốt

Không có mô tả nào về việc Phi-líp di chuyển giữa nơi ông gặp người Ê-thi-ô-pi và A-xốt. Ông chỉ đột ngột biến mất trên đường đến Ga-xa và xuất hiện lại ở A-xốt.

Cho đến khi ông tới Sê-sa-rê

Câu chuyện về Phi-líp kết thúc ở Sê-sa-rê.

Translation Questions

Acts 8:1

Sau-lơ nghĩ gì về việc ném đá Ê-tiên?

Sau-lơ đồng tình về cái chết của Ê-tiên.

Điều gì diễn ra từ ngày Ê-tiên bị ném đá?

Từ ngày Ê-tiên bị ném đá, hội thánh ở Giê-ru-sa-lem bị bắt bớ dữ dội.

Các tín hữu ở Giê-ru-sa-lem đã làm gì?

Các tín hữu ở Giê-ru-sa-lem bị tản lạc khắp các vùng Giu-đê và Sa-ma-ri rao giảng về phúc âm.

Acts 8:4

Các tín hữu ở Giê-ru-sa-lem đã làm gì?

Các tín hữu ở Giê-ru-sa-lem bị tản lạc khắp các vùng Giu-đê và Sa-ma-ri rao giảng về phúc âm.

Acts 8:6

Vì sao người Sa-ma-ri chăm chú nghe điều Phi-líp nói?

Người dân chăm chú nghe điều Phi-líp nói khi thấy những dấu lạ Phi-líp làm.

Acts 8:9

Vì sao người Sa-ma-ri chăm chú ngheo theo Si-môn?

Người dân chăm chú nghe theo Si-môn khi thấy ông làm những tà thuật.

Acts 8:18

Si-môn đã dâng gì cho các sứ đồ?

Si-môn dâng tiền cho các sứ đồ để đổi lấy năng quyền đặt tay ban Đức Thánh Linh.

Acts 8:26

Thiên sứ nói gì với Phi-líp?

Thiên sứ bảo Phi-líp đi về phía nam đến con đường hoang mạc dẫn tới Ga-xa.

Acts 8:32

Điều gì xảy ra cho người được mô tả trong phân đoạn Kinh Thánh sách Ê-sai đang được đọc?

Người này bị dắt như chiên đến hàng làm thịt nhưng không hề mở miệng.

Acts 8:34

Người đàn ông hỏi Phi-líp điều gì về phần Kinh Thánh ông đang đọc?

Người đàn ông hỏi rằng vị tiên tri đang nói về chính mình hay nói về ai khác.

Acts 8:39

Điều gì xảy ra với Phi-líp khi ông lên khỏi nước?

Khi Phi-líp ra khỏi nước thì Thánh linh của Đức Chúa Trời đem ông đi.

Vị hoạn quan đã làm gì khi lên khỏi nước?

Khi lên khỏi nước vị hoạn quan vui mừng tiếp tục hành trình.

Chapter 9

Acts 9:1

Thông tin tổng quát:

Câu chuyện trở lại với Sau-lơ. Những câu này cho biết thông tin cơ bản về công việc Sau-lơ đang làm kể từ khi ném đá Ê-tiên.

Vẫn cứ hăm dọa, thậm chí trở thành người sát hại các môn đồ

Danh từ “người sát hại” có thể dịch thành động từ là: “vẫn cứ hăm dọa, thậm chí là sát hại các môn đồ”. (Xem: Abstract Nouns)

Xin ông viết thư giới thiệu

"Xin thầy tế lễ thượng phẩm viết thư giới thiệu"

Nếu gặp...thì ông sẽ bắt giải

Từ “ông” chỉ về Sau-lơ.

Người nào thuộc về Đạo

"Người nào đi theo sự giảng dạy về Chúa Cứu Thế Giê-xu”

Ông sẽ bắt trói giải về Giê-ru-sa-lem

"Ông sẽ bắt làm tù nhân giải về Giê-ru-sa-lem". Có thể làm sáng tỏ mục đích của Phao-lô là “để cho các nhà lãnh đạo Do Thái có thể xét xử và trừng phạt họ” (UDB). (Xem: Explicit and Implicit)

Acts 9:3

Khi ông đang đi trên đường

Sau-lơ rời khỏi Giê-ru-sa-lem và đang trên đường đến Đa-mách.

Thì

Đây là cách nói đánh dấu một sự thay đổi trong câu chuyện, tức là có một vấn đề khác sắp xảy ra.

Có ánh sáng từ trời chiếu lòa chung quanh ông

"Ánh sáng từ trời chiếu lòa quanh ông"

Ông ngã xuống đất

Ý nghĩa ở đây chưa rõ ràng là 1) “Sau-lơ tự ngã mình xuống đất” hay 2) “Ánh sáng khiến ông ngã xuống đất” hay 3) “Sau-lơ ngã xuống đất giống như bị ngất xỉu và ngã xuống”. Sau-lơ không phải vô tình bị ngã.

Vì sao ngươi bắt bớ ta?

Chúa quở trách Sau-lơ bằng một câu hỏi. Có thể dịch là “Ngươi đang bắt bớ ta!” (Xem: Rhetorical Question)

Acts 9:5

“Lạy Chúa, Ngài là ai?”

Sau-lơ chưa biết Chúa Giê-xu là Chúa. Lúc này ông nhận biết mình đang ở trong sự hiện diện của một năng lực siêu nhiên.

Nhưng hãy đứng dậy, vào trong thành...

"Hãy đứng dậy và đi vào thành Đa-mách..."

Ngươi sẽ được chỉ dẫn

Có người sẽ chỉ dẫn cho ngươi

Ngươi

Tất cả đều ở dạng số ít.

Nhưng không thấy ai hết

Chỉ mình Sau-lơ nhìn thấy ánh sáng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 9:8

Ông không thấy gì cả

Sau-lơ bị mù.

Ông không ăn cũng không uống

"Ông chọn không ăn, không uống" tức là "ông nhịn ăn" hoặc "ông không ăn uống" tức là "ông không đói"

Acts 9:10

Thông tin tổng quát:

Câu chuyện trở lại với người đàn ông tên A-na-nia, người đã được giới thiệu trong câu chuyện. Đây không phải A-na-nia đã nhắc đến trước đây trong sách Công vụ các sứ đồ.

Lúc này có

Đây là cách bắt đầu một phần mới của câu chuyện, giới thiệu một nhân vật mới.

Môn đồ

Bất kì ai tin Chúa Giê-xu và vâng theo lời Ngài dạy đều được gọi là môn đồ của Chúa Giê-xu.

A-na-nia

Một môn đồ của Chúa Giê-xu vâng theo lời Chúa đến gặp Sau-lơ và chữa lành bằng cách đặt tay trên ông.

"Ông nói..."

"A-na-nia nói..."

Nhà Giu-đa

Giu-đa là tên của một chủ nhà tại Đa-mách, là nơi A-na-ni đang sinh sống. Mặc dù cũng có một số người tên Giu-đa được nhắc đến trong Tân Ước, nhưng có lẽ đây là lần xuất hiện duy nhất của nhân vật Giu-đa nầy.

Một người từ Tát-sơ

"Một người đến từ thành Tạt-sơ"

Acts 9:13

Quyền từ các thầy tế lễ cả

Ngụ ý rằng đến thời điểm nầy, phạm vi quyền lực và thẩm quyền giao cho Phao-lô được giới hạn trong vòng những người Do Thái. (Xem: Explicit and Implicit)

Người là công cụ ta lựa chọn

"Công cụ được chọn" ý nói được biệt riêng để hầu việc. Có thể dịch là "Ta đã chọn người để phục vụ ta".

Để đem danh ta

"Để đem danh ta" tức là để rao giảng về Chúa Giê-xu. Có thể dịch là "để người rao giảng về ta". (UDB)

Vì danh ta

Tức là "vì rao giảng danh ta cho mọi người".

Acts 9:17

Câu liên kết:

A-na-nia đi đến nhà Sau-lơ, nơi Sau-lơ đang ở. Sau đó Sau-lơ được chữa lành, câu chuyện quay trở lại từ A-na-nia chuyển sang Sau-lơ.

Đặt tay trên ông

A-na-nia đặt tay trên Sau-lơ.

Đấng đã hiện ra cho anh

Từ "anh" (số ít) chỉ về Sau-lơ mặc dù trong chuyến đi này nhiều người khác cũng đi với ông.

Đã sai tôi đến để anh được sáng mắt lại và được đầy dẫy Đức Thánh Linh

Có thể diễn đạt theo thể chủ động là "đã sai tôi để anh được sáng mắt lại và Đức Thánh Linh đầy dẫy trong anh".

Có vật gì như cái vảy rơi xuống

"Có vật gì có vẻ như vảy cá rơi xuống"

Ông đứng dậy và nhận báp tem

Có thể dịch là "ông đứng dậy và A-na-nia làm báp tem cho ông".

Acts 9:20

Lập tức ông bắt đầu giảng dạy

Từ "ông" chỉ về Sau-lơ.

Rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời

Từ "Ngài" ở đây chỉ về Chúa Giê-xu. Sau-lơ, Saul, không bao lâu sau khi tin Chúa Giê-xu, thì ra giảng Chúa Giê-xu là "Con Đức Chúa Trời."

Con Đức Chúa Trời

This is an important title for Jesus.

Tất cả những người nghe ông nói

Đây là phép cường điệu ý nói "nhiều người nghe ông nói". Nếu bạn có cách nói cường điệu khác thì có thể sử dụng cách của bạn.

Đây chẳng phải là người giết hại những người cầu khẩn danh ấy tại Giê-ru-sa-lem sao?

Đây là câu hỏi phủ định và là câu hỏi tu từ nhấn mạnh Sau-lơ thật sự là người đã bắt bớ các tín hữu. Có thể nói là "Đây là người đã giết hại những người cầu khẩn danh Chúa Giê-xu tại Giê-ru-sa-lem!" (Xem: Rhetorical Question)

Acts 9:23

Người Do Thái lập mưu với nhau để giết ông

Từ "ông" chỉ về Sau-lơ.

Nhưng âm mưu của họ được tiết lộ cho Sau-lơ

Có thể cần phải dịch theo thể chủ động là "nhưng có người báo cho Sau-lơ biết âm mưu của họ". (Xem: Active or Passive)

Họ canh gác các cổng thành

Thành phố này có tường bao quanh. Người ta phải đi qua cổng để có thể ra vào thành phố.

Các môn đồ của ông

Là những người tin vào thông điệp của ông về Chúa Giê-xu và đi theo lời dạy của ông.

Acts 9:26

Nhưng tất cả đều nghi sợ ông

"Tất cả đều" là cách nói cường điệu ý nói rất nhiều người hay hầu hết. Có thể dịch lại là "hầu hết tất cả bọn họ đều". (UDB)

Nhưng Ba-na-ba đem ông

"Nhưng Ba-na-ba đem Sau-lơ"

Sau-lơ mạnh dạn rao giảng danh Chúa Giê-xu

Đây là phép hoán dụ ý nói Sau-lơ rao giảng hay dạy dỗ thông điệp phúc âm của Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Acts 9:28

Ông gặp gỡ họ

"Sau-lơ gặp gỡ các sứ đồ"

Trong danh Đức Chúa Giê-xu

Đây là phép hoán dụ chỉ về thông điệp phúc âm về Chúa Cứu Thế Giê-xu(Xem: metonymy)

Tranh luận với những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp

Sau-lơ tìm cách lí luận với những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp.

Đi xuống Sê-sa-rê

Có một sự thay đổi độ cao từ Giê-ru-sa-lem xuống Sê-sa-rê. Tuy nhiên, thông thường người ta có thể nói là đi lên Giê-ru-sa-lem, đi lên đền thờ và dùng từ đi xuống khi đi từ Giê-ru-sa-lem sang nơi khác.

Acts 9:31

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin tổng quát:
Câu 31 là một câu cung cấp thông tin về sự tăng trưởng của Hội Thánh. Câu 32, câu chuyện từ Sau-lơ chuyển sáng một nhân vật mới là Phi-e-rơ.
Bấy giờ,
Cụm từ này dùng để nói về một phần mới của câu chuyện.
Được gây dựng
Đức Chúa Trời làm cho họ tăng trưởng
Bước đi trong sự kính sợ Chúa
"Tiếp tục tôn vinh danh Chúa"
Trong sự an ủi của Đức Thánh Linh
"Đức Thánh Linh làm mạnh mẽ và khích lệ họ"
Khắp nơi
Đây là phép cường điệu ý nói Phi-e-rơ đi thăm các tín hữu ở khắp Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri.
Ly-đa
Ly-đa là một thành phố nằm cách Giốp-bê khoảng 18 km về phía đông nam. Thành này được gọi là Lót trong thời Cựu Ước và Y-sơ-ra-ên ngày nay.
Acts 9:33
Tại đó ông thấy một người
"Tại đó Phi-e-rơ gặp một người". Phi-e-rơ không cố ý tìm một người bị bại liệt nhưng ông tình cờ gặp.
Người ở trên giường... bị bại.
Đây là thông tin về Ê-nê.
Bại liệt
Không thể đi lại, có thể là không cử động được từ phần thắt lưng trở xuống.
Dọn giường đi
"Cuốn chiếu lại" (UDB)
Tất cả những cư dân...
Đây là phép cường điệu ý nói "nhiều cư dân..."
Acts 9:36
Thông tin tổng quát:
Đây là sự kiện mới trong phần câu chuyện về Phi-e-rơ. Những câu này cho chúng ta biết thông tin cơ bản về phụ nữ tên Ta-bi-tha.
Bấy giờ
Từ này giới thiệu một phần mới trong câu chuyện.
Môn đồ
Bất kì ai tin Chúa Giê-xu và vâng theo lời Ngài dạy đều được gọi là môn đồ của Chúa Giê-xu.
Ta-bi-tha, được dịch là "Đô-ca".
Ta-bi-tha là tên của bà theo tiếng A-ram và Đô-ca là tên theo tiếng Hy Lạp. Cả hai đều có nghĩa là "con linh dương".
Đầy dẫy việc lành
"Làm nhiều việc lành"
Trong những ngày đó
Tức là "trong khi Phi-e-rơ đang ở Ly-đa".
Acts 9:38
Họ sai hai người đến gặp ông
"Các môn đồ sai hai người đến gặp Phi-e-rơ"
Góa phụ
Người phụ nữ đã mất chồng.
Khi bà còn ở với họ
"Khi bà vẫn còn sống với các môn đồ" (UDB)
Acts 9:40
Câu liên kết:
Câu chuyện Ta-bi-tha kết thúc ở câu 42 và 43. Câu 43 cho chúng ta biết việc đã xảy ra với Phi-e-rơ sau đó.
Cho họ ra ngoài
Trong trường hợp này, Phi-e-rơ cho tất cả mọi người ra ngoài hết để có thể ở lại một mình cầu nguyện cho Ta-bi-tha.
Việc nầy loan truyền
Phép lạ Phi-e-rơ gọi Ta-bi-tha sống lại.
Tin theo Chúa
Đây là phép hoán dụ ý nói là "tin theo phúc âm về Đức Chúa Giê-xu".
Khi đó Phi-e-rơ ở lại
"Bởi đó Phi-e-rơ ở lại"

Translation Questions

Acts 9:1
Sau-lơ xin thầy tế lễ thượng phẩm ở Giê-ru-sa-lem cho phép ông làm gì?
Sau-lơ xin một bức thư giới thiệu để có thể đi đến Đa-mách và giải về bất kỳ ai thuộc về Đạo.
Acts 9:3
Khi Sau-lơ đi đến gần Đa-mách, ông đã nhìn thấy gì?
Khi Sau-lơ đến gần Đa-mách, ông nhìn thấy ánh sáng từ trời.
Acts 9:5
Khi Sau-lơ hỏi người đang nói với ông là ai thì câu trả lời ông nhận được là gì?
Câu trả lời là "Ta là Giê-xu mà ngươi đang bắt bớ".
Acts 9:8
Khi Sau-lơ từ dưới đất đứng dậy thì chuyện gì xảy ra với ông?
Khi Sau-lơ đứng dậy ông không nhìn thấy gì hết.
Acts 9:13
A-na-nia bày tỏ điều lo lắng nào với Đức Chúa Trời?
A-na-nia lo lắng vì biết Sau-lơ đến Đa-mách để bắt giữ bất kỳ ai cầu khẩn danh Chúa.
Acts 9:20
Ngay lập tức Sau-lơ bắt đầu làm gì?
Ngay lập tức Sau-lơ bắt đầu rao giảng về Chúa Giê-xu trong các nhà hội rằng Ngài là con Đức Chúa Trời.
Acts 9:26
Khi Sau-lơ đến Giê-ru-sa-lem thì các môn đồ đã tiếp nhận ông như thế nào?
Tại Giê-ru-sa-lem, các môn đồ đều nghi sợ Sau-lơ.
Acts 9:31
Sau khi Sau-lơ được đưa đến Tạt-sơ thì tình hình của hội thánh tại Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri như thế nào?
Hội thánh tại Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri được bình an, được gây dựng và số lượng tín hữu gia tăng.
Acts 9:33
Việc gì xảy ra tại Ly-đa khiến tất cả cư dân tại đây trở về cùng Chúa?
Tại Ly-đa, Phi-e-rơ truyền cho một người bị bại liệt được Chúa Giê-xu chữa lành.
Acts 9:36
Việc gì đã xảy ra tại Giốp-bê khiến nhiều người tin nhận Chúa?
Phi-e-rơ cầu nguyện cho một người phụ nữ đã chết tên là Ta-bi-tha được sống lại.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 10

Acts 10:1

Thông tin tổng quát:

Đây là bắt đầu câu chuyện về Cọt-nây. Những câu này cho chúng ta biết thông tin cơ bản về ông ấy.

Bấy giờ có một người

Đây là cách giới thiệu một nhân vật mới trong câu chuyện. Ở đây là nhân vật Cọt-nây.

Tên là Cọt-nây, đội trưởng của binh đoàn Ý.

"Tên của ông là Cọt-nây. Ông là một sĩ quan phụ trách 100 binh sĩ của đoàn Ý thuộc quân đội La Mã".

Ông là một người mộ đạo, kính sợ Chúa

"Ông tin Chúa và tìm cách tôn vinh, thờ phượng Chúa qua đời sống"

Cùng cả gia đình

"Cùng tất cả các thành viên trong gia đình ông".

Acts 10:3

Giờ thứ chín

Đây là giờ cầu nguyện thông thường vào buổi chiều của người Do Thái.

Ông thấy rõ

"Cọt-nây thấy rõ"

Thợ thuộc da

Người làm các sản phẩm từ da thú.

Acts 10:7

Khi thiên sứ phán cùng ông đã đi khỏi

"Khi khải tượng của Cọt-nây đã kết thúc"

Kể lại cho họ mọi điều đã xảy ra

Cọt-nây giải thích khải tượng của ông cho hai đầy tớ và một người lính nghe.

Sai họ đến Giốp-bê

Sai hai trong số các đầy tớ của ông và một người lính đến Giốp-bê.

Acts 10:9

Thông tin tổng quát:

Câu chuyện từ chỗ Cọt-nây chuyển sang nói cho chúng biết sự việc đang xảy ra với Phi-e-rơ.

Trong lúc họ đang đi đường

Khi hai đầy tớ và người lính của Cọt-nây theo lệnh của ông đang trên đường đến Giốp-bê.

Ông thấy trời mở ra

Đây là phần mở đầu của khải tưởng Phi-e-rơ nhìn thấy.

Vật gì giống tấm khăn lớn

Vật đựng các con vật trông giống một tấm khăn lớn.

Acts 10:13

Có tiếng phán với ông

Người phán không được đề cập đến, nhưng có thể hiểu nguồn gốc của tiếng phán xuất phát từ Chúa chứ không phải từ Sa-tan.

Chúa

Phi-e-rơ sử dụng cụm từ thể hiện sự tôn kính có thể dịch là “Chúa” hay “Ngài”.

Con chẳng bao giờ ăn vật gì ô uế hay không tinh sạch.

Ngụ ý là những con vật ông nhìn thấy là không tinh sạch dựa vào luật pháp của Môi-se và không được phép ăn. (Xem: Explicit)

Acts 10:17

Trông thấy

Từ “trông thấy” ở đây tạo sự chú ý về thông tin bất ngờ theo sau, trong hoàn cảnh này, 2 người đàn ông đang đứng ở tại cổng.

Đứng trước cửa

"Đứng trước cửa nhà". Ngụ ý là căn nhà này có tường và có cửa ra vào.

Họ gọi

Những người của Cọt-nây vẫn đứng ngoài cửa trong khi hỏi về Phi-e-rơ.

Acts 10:19

Trong khi Phi-e-rơ còn đang suy nghĩ về khải tượng đó

"Trong khi Phi-e-rơ vẫn đang suy gẫm về khải tượng"

Thánh Linh

"Đức Thánh Linh"

Thấy

"Chú ý" or "Thức dậy"

Acts 10:22

Họ trả lời

Ba sứ giả của Cọt-nây đáp cùng Phi-e-rơ

Cọt-nây ... được cả dân Do Thái làm chứng tốt.

Nhiều người Do Thái làm chứng tốt về Cọt-nây. (Xem: Active or Passive)

Cả dân Do Thái

Đây là phép cường điệu ý nói cách sống tốt của Cọt-nây được nhiều người Do Thái biết đến.

Acts 10:24

Họ đến

Phi-e-rơ, những người từ Giốp-bê đi cùng Phao-lô và các đầy tớ của Cọt-nây.

Ông họp các bà con và bạn hữu của ông lại.

Từ "ông" và "của ông" chỉ về Cọt-nây.

Acts 10:25

Quỳ dưới chân ông

Cọt-nây quỳ dưới chân Phi-e-rơ là một hành động thờ phượng (UDB), chứ không chỉ là một hành động bày tỏ sự tôn trọng (ULB).

"Hãy đứng dậy; tôi cũng chỉ là người mà thôi".

Đây là một lời quở trách nhẹ hay chỉnh sửa để Cọt-nây không thờ phượng Phi-e-rơ.

Acts 10:27

Câu liên kết:

Phi-e-rơ nói chuyện với những người tụ hợp trong nhà của Cọt-nây.

Nói chuyện với ông

Nói chuyện với Cọt-nây

Thấy nhiều người nhóm lại

"Thấy nhiều người ngoại bang nhóm lại". Ý muốn nói rằng những người Cọt-nây mời đến là người ngoại bang. (Xem: Explicit)

Bất hợp pháp khi người Do Thái

"Người Do Thái không được phép"

Chính các ông biết

Phi-e-rơ chỉ về Cọt-nây và những người khách của ông.

Vì vậy tôi xin hỏi vì sao các ông sai tìm tôi

Mặc dù Phi-e-rơ trực tiếp hỏi Cọt-nây nhưng từ “các ông” bao gồm cả những người ngoại bang hiện đang có mặt (số nhiều).

Acts 10:30

Câu liên kết:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cọt-nây trả lời câu hỏi của Phi-e-rơ.

Thông tin tổng quát:

Trong câu 31 và 32, Cọt-nây trích dẫn lời thiên sứ đã nói với ông khi thiên sứ hiện ra với ông vào giờ thứ chín.

Bốn ngày trước

Văn hóa thời Kinh Thánh tính luôn cả ngày hiện tại. Trong văn hóa phương tây ngày nay sẽ là “ba ngày trước”.

Cầu nguyện

Một số nhà cầm quyền xưa nói “kiêng ăn và cầu nguyện” thay vì nói cách ngắn gọn “cầu nguyện”.

Giờ cầu nguyện thứ chín

Giờ cầu nguyện thông thường vào buổi chiều của người Do Thái.

Lời cầu nguyện của ngươi

Chỉ về mình Cọt-nây (số ít)

Đức Chúa Trời nhớ đến ngươi

"Đức Chúa Trời chú ý đến"

Hãy mời một người tên là Si-môn cũng gọi là Phi-e-rơ

"Hãy bảo Si-môn, còn gọi là Phi-e-rơ đến cùng ngươi"

Tôi sai mời ông

Từ "ông" chỉ về một mình Phi-e-rơ (số ít).

Tất cả chúng tôi đều ở đây

Từ "chúng tôi" chỉ về những người Cọt-nây mời đến nhà để nghe Phi-e-rơ giảng ngoài trừ Phi-e-rơ.

Acts 10:34

Câu liên kết:

Phi-e-rơ bắt đầu giảng dạy mọi người trong nhà Cọt-nây.

Rồi Phi-e-rơ mở miệng nói rằng

"Phi-e-rơ bắt đầu nói cùng họ" (UDB).

Bất kì ai kính sợ Chúa và làm điều công chính đều được Ngài chấp nhận

"Ngài chấp nhận bất kì ai kính sợ Ngài và làm điều công chính". (Xem: Active or Passive)

Acts 10:36

Các ông biết sứ điệp

"Các ông biết đạo Chúa"

Là Chúa của mọi người

Bao gồm tất cả, cả người Hê-bơ-rơ và người Hy Lạp.

Chính các ông

Chỉ về Cọt-nây và khách của ông (số nhiều).

Acts 10:39

Chúng tôi là những nhân chứng

"Các sứ đồ chúng tôi là những nhân chứng". Phi-e-rơ không bao hàm người nghe khi nói “chúng tôi”.

Ngài đã làm

"Chúa Giê-xu đã làm"

Là người họ đã giết

"Là người mà các nhà lãnh đạo Do Thái đã giết"

Người nầy

"Chúa Giê-xu nầy"

Đức Chúa Trời làm cho sống lại

Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-xu sống lại.

Làm cho Ngài hiện ra...

Đức Chúa Trời cho phép Ngài tỏ mình...cho chúng ta.

Acts 10:42

Câu liên kết:

Phi-e-rơ giảng dạy người nhà Cọt-nây xong, là những điều ông đã bắt đầu nói trong Công vụ các sứ đồ 10:34.

Ngài đã truyền dạy chúng tôi

Chúa đã truyền dạy chúng tôi làm chứng nhân hay làm sứ đồ. Từ “chúng tôi” ở đây không bao gồm các thính giả của Phi-e-rơ.

Ngài là Đấng Đức Chúa Trời đã chọn

Chúa Giê-xu là Đấng Đức Chúa Trời đã chọn

Người sống và kẻ chết

Người vẫn còn sống và người đã chết rồi

Tất cả các nhà tiên tri đều làm chứng về Ngài

"Tất cả các nhà tiên tri đều làm chứng về Chúa Giê-xu"

Acts 10:44

Giáng trên mọi người nghe

Từ "mọi" có vẻ chỉ về tất cả những người ngoại bang ở trong nhà tin vào lời Phi-e-rơ.

Đức Thánh Linh tuôn đổ trên

Đức Chúa Trời tuôn đổ Đức Thánh Linh. (Xem: Active or Passive)

Quà tặng

"Quà tặng miễn phí"

Acts 10:46

Câu liên kết:

Đây là kết thúc phần câu chuyện về Cọt-nây.

Những người ngoại bang nói tiếng ngoại quốc và ngợi khen Đức Chúa Trời

Đây là những ngôn ngữ người Do Thái có thể nhận diện được để biết rằng những người ngoại bang này thật sự đang ngợi khen Đức Chúa Trời.

Ai có thể đem nước khỏi những người này để họ không được báp-têm, những người này là đã tin nhận...?

Có thể dịch là “Chẳng ai có quyền giữ những người đó khỏi nước để chịup báp têm?” Chúng ta nên làm báp têm cho họ bởi vì họ đã tiếp nhận... chúng ta phải làm!

Ông bảo họ nhận báp-tem

"Phi-e-rơ bảo những người ngoại bang nhận báp-tem" (bị động) hay "Phi-e-rơ bảo các tín hữu Do Thái làm báp-tem cho các tín hữu ngoại bang". (Xem: Active or Passive)

Rồi họ mời ông

"Những người ngoại bang mời Phi-e-rơ"

Translation Questions

Acts 10:13

Khi Phi-e-rơ nhìn thấy khải tượng, có tiếng phán với ông điều gì?

Có tiếng phán với Phi-e-rơ “Hỡi Phi-e-rơ, hãy dậy, làm thịt mà ăn”.

Acts 10:22

Những người từ nhà Cọt-nây muốn Phi-e-rơ đến và làm gì cho gia đình Cọt-nây?

Những người từ nhà Cọt-nây muốn Phi-e-rơ đến và giảng dạy cho gia đình Cọt-nây.

Acts 10:42

Phi-e-rơ nói Chúa Giê-xu truyền cho họ phải rao giảng điều gì cho dân chúng?

Chúa Giê-xu truyền cho họ phải rao giảng rằng Chúa Giê-xu được Đức Chúa Trời chọn làm quan xét cho người sống và kẻ chết.

Acts 10:44

Điều gì xảy ra cho những người nghe khi Phi-e-rơ đang nói?

Đức Thánh Linh ngự trên tất cả những người nghe Phi-e-rơ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nói.

Họ nói những ngôn ngữ khác nhau và ngợi khen Đức Chúa Trời cho thấy Đức Thánh Linh ngự trên họ.

Acts 10:46

Những người nghe đã làm gì cho thấy Đức Thánh Linh ngự trên họ?

Chapter 11

Acts 11:1

Thông tin tổng quát:

Đây là khởi đầu một sự kiện mới trong câu chuyện; Phi-e-rơ đến Giê-ru-sa-lem và bắt đầu giảng dạy người Do Thái ở tại đó.

Lúc ấy, ...

Đánh dấu một phần mới của câu chuyện.

Những người ở tại Giu-đê

"Những người ở xứ Giu-đê"

Đã tiếp nhận đạo Đức Chúa Trời

Chỉ về việc dân ngoại tin vào phúc âm về Chúa Cứu Thế Giê-xu, Đức Thánh Linh giáng trên họ và họ được báp-tem.

Khi Phi-e-rơ lên Giê-ru-sa-lem

Giê-ru-sa-lem nằm trên một ngọn đồi.

Nhóm tín hữu đã chịu cắt bì

Đây là nhóm những người Do Thái được dạy rằng mọi tín hữu của Chúa Cứu Thế phải chịu phép cắt bì và tuân theo luật pháp Môi-se.

Chỉ trích ông

"Họ không đồng ý với ông"

Ăn cùng họ

Theo luật Do Thái, người chịu cắt bì không được phép ăn chung với người không chịu cắt bì.

Acts 11:4

Câu liên kết:

Phi-e-rơ trả lời người Do Thái bằng cách giải thích cho họ ảo tượng của ông và về sự việc đã xảy ra tại nhà của Cọt – nây.

Phi-e-rơ bắt đầu giải thích

Phi-e-rơ không chỉ trích các tín hữu Do Thái mà giải thích lại cách thân thiện.

Các loài vật bốn chân trên đất

Chúng có lẽ là những con vật được con người thuần hóa.

Các thú rừng

Đây có lẽ là những con vật mà con người không hoặc không thể thuần hóa.

Các loài côn trùng

Đây là những loài bò sát.

Acts 11:7

Những thứ ô uế và không tinh sạch chẳng bao giờ vào miệng con

Có lẽ những con vật trong tấm khăn là những vật bị cấm ăn đối với người Do Thái dựa theo luật Do Thái ở Cựu Ước. Có thể dịch: “Tôi đã ăn chỉ những con vật sạch và thánh thôi.”

Chớ xem là ô uế vật gì Đức Chúa Trời đã khẳng định là tinh sạch

Tức là “con vật nào đã được Đức Chúa Trời khẳng định là tinh sạch thì đừng xem chúng là ô uế”.

Ô uế

Theo luật Do Thái ở Cựu Ước, một người trở nên “ô uế” về hình thức theo nhiều cách chẳng hạn như ăn thịt một số loài vật bị cấm.

Acts 11:11

Kìa

"Lập tức" hay "ngay lúc đó" (UDB). Từ này đánh dấu sự bắt đầu của một sự kiện khác trong câu chuyện. Ngôn ngữ dịch có thể có cách nói khác trong ngữ cảnh này.

Họ được sai đến

Có người đã sai họ đi. (Xem: Active or Passive)

Tôi không nên có sự phân biệt nào với họ

"Tôi không nên phân biệt họ là dân ngoại hay dân Do Thái"

Sáu anh em đây

"Sáu tín hữu Do Thái đây"

Mời Si-môn, còn gọi là Phi-e-rơ về

"Mời Si-môn gọi là Phi-e-rơ về"

Ngươi sẽ được cứu

"Đức Chúa Trời sẽ cứu ngươi". (Xem: Active or Passive)

Acts 11:15

Đức Thánh Linh giáng trên họ như đã giáng trên chúng ta lúc ban đầu

"Đức Thánh Linh giáng trên những tín hữu ngoại bang như đã giáng trên các tín hữu Do Thái vào ngày lễ Ngũ Tuần"

Trên chúng ta lúc ban đầu

Từ “chúng ta” chỉ về Phi-e-rơ và những tín hữu Do Thái có mặt vào ngày lễ Ngũ Tuần, nhưng không phải tất cả những người trong phòng đều có mặt vào ngày hôm đó. Nếu ngôn ngữ dịch cần phải phân định rõ thì nên dùng cách loại trừ.

Vào lúc ban đầu

Phi-e-rơ đang nói về ngày lễ Ngũ Tuần.

Các con sẽ được báp-tem bằng Đức Thánh Linh

"Đức Chúa Trời sẽ làm báp-tem cho các con bằng Đức Thánh Linh". (Xem: Active or Passive)

Acts 11:17

Câu liên kết:

Phi-e-rơ giảng dạy những người Do Thái đó về ảo tượng và về những điều đã xảy ra ở nhà Cọt-nây, từ Công Vụ các sứ đồ 11:4.

Đức Chúa Trời đã ban cho họ

Từ "họ" trong ngữ cảnh nầy của câu chuyện là Cọt-nây và những người bạn ngoại bang của ông. Tuy nhiên, Phi-e-rơ không gọi họ là dân ngoại khi giải thích với các tín hữu Do Thái tại Giê-ru-sa-lem.

Cùng một quà tặng

Phi-e-rơ chỉ về quà tặng là Đức Thánh Linh.

Tôi là ai mà dám chống lại Đức Chúa Trời?

Tôi không thể chống lại Đức Chúa Trời. (Xem: Rhetorical Question)

Khi họ nghe những điều này

Từ "họ" chỉ về nhóm tín hữu được cắt bì đang chỉ trích Phi-e-rơ

Ban sự ăn năn để được sống

"Ban sự ăn năn dẫn đến sự sống"

Acts 11:19

Câu liên kết:

Đây là phần mới của câu chuyện; kể về những điều xảy ra với những tín hữu lưu lạc sau sự việc Ê-tiên bị ném đá.

Bởi vậy,

Giới thiệu phần mới của câu chuyện.

Các tín hữu chịu bắt bớ sau cái chết của Ê-tiên tản lạc khỏi Giê-ru-sa-lem

"Nhiều tín hữu bắt đầu chịu bắt bớ từ sau vụ các lãnh đạo

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Do Thái giết Ê-tiên. Các tín hữu này rời khỏi Giê-ru-sa-lem và đi đến những nơi khác..."
Chỉ cho người Do Thái chứ không cho ai khác
Họ nghĩ rằng sứ điệp của Chúa chỉ dành cho người Do Thái, không dành cho dân ngoại (người Hy Lạp).
Tay Chúa
Ý nói là “Chúa ban cho họ năng lực mạnh mẽ”. (UDB)
Acts 11:22
Câu liên kết:
Trong những câu này, từ “ông ấy” nói đến Ba-na-ba.
Tin tức về họ
Từ "họ" chỉ về những tân tín hữu tại An-ti-ốt.
Tai của hội thánh
“Tai” ý nói các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem nghe tin về sự việc. Có thể dịch: “những tín hữu ở Giê-ru-sa-lem nghe tin về họ.”
Họ cử
Các tín hữu ở hội thánh Giê-ru-sa-lem cử.
Thấy quà tặng của Đức Chúa Trời
"Thấy ân điển của Đức Chúa Trời" hay "Đức Chúa Trời hành động cách tốt lành qua những người tin" (UDB)
Ông khích lệ họ
"Ông liên tục khích lệ họ."
Cứ ở trong Chúa
"Cứ trung tín với Chúa"
Với cả tấm lòng
"Tận hiến cho Chúa" hay "hoàn toàn tin cậy nơi Chúa" (UDB)
Đầy dẫy Đức Thánh Linh
Đức Thánh Linh điều khiển Ba-na-ba vì ông vâng theo Đức Thánh Linh.
Có nhiều người thêm cho Chúa
“Thêm vào” nghĩ là tin nhận. Có thể dịch là “Tức là “nhiều người tin theo Chúa”.
Acts 11:25
Đi đến Tạt-sơ
"Đi đến thành Tạt-sơ"
Khi ông tìm được người thì đem người đi
"Khi Ba-na-ba tìm được Sau-lơ thì Ba-na-ba đem Sau-lơ đi"
Họ nhóm họp với
"Ba-na-ba và Sau-lơ nhóm họp với" hay "Ba-na-ba và Sau-lơ thường xuyên gặp gỡ với"
Các môn đồ được gọi là Cơ Đốc nhân
"Những người ở An-ti-ốt gọi các môn đồ là Cơ Đốc nhân". (Xem: Active or Passive)
Acts 11:27
Bấy giờ,
Từ này được dùng đánh dấu một sự thay đổi trong câu chuyện. Ở đây Lu-ca cho chúng ta thông tin cơ bản về lời tiên tri đã xảy ra tại thành An-ti-ốt.
Từ Giê-ru-sa-lem xuống An-ti-ốt
Có một sự thay đổi độ cao từ Giê-ru-sa-lem xuống An-ti-ốt. Mặt khác, Giê-ru-sa-lem và nhất là Đền thờ có một tầm quan trọng đặc biệt nên kể cả khi không tính đến độ cao, người ta vẫn gọi là đi lên Giê-ru-sa-lem, đi lên đền thờ và gọi là đi xuống khi rời khỏi đó.
Một nạn đói lớn sẽ xảy ra
"Đợt thiếu lương thực trầm trọng sẽ diễn ra"
Trên khắp đất
Đây là sự phóng đại nói về đế quốc La Mã. Có thể dịch “toàn bộ đế quốc La Mã”
Acts 11:29
Cho nên,
Từ này đánh dấu một sự kiện đã xảy ra bởi vì một sự việc khác đã xảy ra trước đó. Trong trường hợp này, họ đã gửi tiền bởi lời tiên tri của A-ga-bút.
Tùy khả năng mỗi người
Người giàu có hơn thì gửi nhiều hơn, người khó khăn thì gửi ít hơn.
Họ làm việc nầy và gửi số tiền đi
"Các tín hữu ở An-ti-ốt quyên góp tiền và gửi số tiền đó..."
Qua tay Ba-na-ba và Sau-lơ
Ở đây muốn nói là “Đích thân Ba-na-ba và Sau-lơ mang tiền đến cho các trưởng lão của hội thánh tại Giê-ru-sa-lem".

Translation Questions

Acts 11:1
Các sứ đồ và các anh em tại Giu-đê nghe được tin tức gì?
Các sứ đồ và các anh em tại Giu-đê nghe tin dân ngoại cũng tiếp nhận lời của Chúa.
Acts 11:4
Phi-e-rơ đối đáp thế nào với những lời chỉ trích ông?
Phi-e-rơ đáp lại lời chỉ trích bằng cách giải thích khải tượng về chiếc khăn và việc dân ngoại được nhận báp tem bằng Đức Thánh Linh.
Acts 11:19
Hầu hết các tín hữu bị tản lạc sau cái chết của Ê-tiên đã làm gì?
Hầu hết các tín hữu bị tản lạc chỉ rao truyền thông điệp về Chúa Giê-xu cho người Do Thái.
Acts 11:22
Ba-na-ba từ Giê-ru-sa-lem đã nói điều gì với những tín hữu người Hy Lạp tại An-ti-ốt?
Ba-na-ba khích lệ người Hy Lạp cứ vững lòng theo Chúa.
Acts 11:29
Các môn đồ đáp ứng thế nào trước lời tiên tri của A-ga-bút?
Các môn đồ gửi viện trợ cho những anh em ở Giu-đê qua Ba-na-ba và Sau-lơ.

Chapter 12

Acts 12:1
Câu liên kết:
Đây là phần mới của câu chuyện về việc Phi-e-rơ bị bỏ tù. Đây là thông tin cơ bản về Hê-rốt giết Gia-cơ.
Bấy giờ
Bắt đầu một phần mới của câu chuyện
Vào lúc ấy
Khi những môn đồ ở An-ti-ốt gửi tiền giúp đỡ những anh em ở Giu-đê.
Ra tay trên
Nghĩa là “sai binh lính bắt giữ” hay “sai binh lính bắt bỏ tù”.
Một số người trong hội chúng
Muốn nói rằng điều này liên quan tới những lãnh đạo của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hội đồng. Có thể dịch: “những lãnh đạo của hội đồng.”
Ngược đãi họ
"Làm cho các tín hữu phải khổ sở"
Ông giết Gia-cơ...bằng gươm.
Câu này nói rõ cách Gia-cơ bị giết.
Ông giết
"Vua Hê-rốt giết" hay "Vua Hê-rốt ra lệnh giết”
Acts 12:3
Câu liên kết:
Lu-ca tiếp tục cho biết thông tin về việc Phi-e-rơ bị bỏ tù.
Sau khi ông thấy điều đó làm vừa lòng người Do Thái
"Sau khi vua Hê-rốt nhận thấy việc xử tử Gia-cơ làm vừa lòng người Do Thái"
Làm vừa lòng người Do Thái
"Làm những nhà lãnh đạo Do Thái vui lòng"
Ông cũng cho bắt Phi-e-rơ
"Sau đó Hê-rốt cũng ra lệnh bắt giữ Phi-e-rơ"
Đó là
"Việc này xảy ra" hay "Hê-rốt làm việc này"
Sau khi bắt giữ ông, vua sai giam ông vào ngục
"Sau khi binh lính bắt giữ Phi-e-rơ, Hê-rốt ra lệnh cho chúng giam ông vào ngục"
Bốn toán lính
"Bốn nhóm lính" (Xem UDB). Mỗi nhóm có bốn tên, các nhóm chia ngày thành nhiều ca, thay phiên nhau canh giữ Phi-e-rơ. Hai tên canh gác bên cạnh ông và hai tên còn lại gác ở lối vào.
Canh giữ ông
"Canh giữ Phi-e-rơ"
Ông định đem người ra xử trước dân chúng
"Hê-rốt định xét xử Phi-e-rơ trước mặt dân chúng" hay "Hê-rốt định xét xử Phi-e-rơ trước mặt dân Do Thái"
Acts 12:5
Câu liên kết:
Lu-ca kết thúc cung cấp thông tin về việc Phi-e-rơ bị bỏ tù.
Vậy nên Phi-e-rơ bị giam trong ngục
Ngụ ý rằng các binh lính tiếp tục canh giữ Phi-e-rơ trong ngục
Khẩn thiết
"Liên tục tận tâm" hay "không ngừng hết lòng"
Bởi hội đồng
Các tín hữu Giê-ru-sa-lem cầu nguyện hay hội thánh tại Giê-ru-sa-lem cầu nguyện.
Cho ông
"Cho Phi-e-rơ"
Hê-rốt định đem ông ra
"Hê-rốt định đem Phi-e-rơ ra khỏi ngục để xét xử"
Mang hai cái xiềng
"Bị xích bằng hai cái xiềng" hay "bị khóa chặt vào hai cái xiềng"
Trông coi
"Canh gác"
Acts 12:7
Thông tin tổng quát:
Đây là phần chính của câu chuyện; đây là nơi sự việc bắt đầu.
Kìa
Từ “kìa” ở đây báo hiệu cho chúng ta chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.
by him
"Kề bên Phi-e-rơ" hay "bên cạnh Phi-e-rơ"
Trong ngục
"Trong phòng giam"
Người đập Phi-e-rơ
"Thiên sứ vỗ vào Phi-e-rơ" hay "thiên sứ thúc Phi-e-rơ"
Đánh thức ông
"Đánh thức Phi-e-rơ"
Xiềng rơi ra khỏi tay ông
Thiên sứ khiến xiềng rơi ra khỏi Phi-e-rơ mà không chạm vào chúng. Có thể dịch là “xiềng của Phi-e-rơ rơi ra khỏi tay ông” hay “xiềng rơi ra khỏi tay Phi-e-rơ”.
Nói cùng ông
"Nói cùng Phi-e-rơ"
Phi-e-rơ làm theo như vậy
"Phi-e-rơ làm theo những gì thiên sứ nói cùng ông" hay "Phi-e-rơ vâng lời"
Thiên sứ nói cùng ông
"Thiên sứ nói cùng Phi-e-rơ"
Theo ta
Hành động được mô tả ở đây có nghĩa là Phi-e-rơ phải tập trung sự chú ý vào thiên sứ khi thiên sứ và ông bước ra.
Acts 12:9
Ông không biết
"Phi-e-rơ không biết" hay "Phi-e-rơ không hiểu"
Việc thiên sứ làm là thật-
"Việc làm của thiên sứ là thật" hay "việc thiên sứ làm thật sự xảy ra"
Ông nghĩ rằng mình đang thấy
"Phi-e-rơ nghĩ rằng ông đang thấy"
Sau khi họ
"Sau khi thiên sứ và Phi-e-rơ"
Đã qua khỏi
"Đã đi qua khỏi"
Thứ hai
"Vọng canh thứ hai"
Họ đến
"Thiên sứ và Phi-e-rơ đến"
Dẫn vào thành phố
"Lối vào thành phố"
Nó tự mở ra cho họ
"Cổng mở ra cho họ" hay "cổng tự mở ra cho họ"
Họ đi ra
"Thiên sứ và Phi-e-rơ đi qua cánh cửa"
Đi xuống một đường phố
"Đi dọc theo một con đường"
Liền rời khỏi ông
"Đột nhiên rời khỏi Phi-e-rơ" hay "đột nhiên biến mất"
Acts 12:11
Khi Phi-e-rơ tỉnh lại
"Khi Phi-e-rơ hoàn toàn tỉnh táo và nhận ra" hay "Khi Phi-e-rơ bắt đầu nhận thức được những điều xảy ra là thật"
Giải cứu tôi khỏi tay Hê-rốt
"...tay Hê-rốt" nghĩa là "giải cứu tôi khỏi kế hoạch nguy hại của Hê-rốt đã định cho tôi".
Mong đợi của dân Do Thái
"Điều các nhà lãnh đạo Do Thái nghĩ sẽ xảy đến cho tôi"
Nhận ra được điều này
"Nhận thức được sự thật"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mẹ của Giăng, họ là Mác
"...còn gọi là Mác"
Acts 12:13
Ông gõ cửa
"Phi-e-rơ gõ cửa". Gõ cửa là phòng tục thông thường của người Do Thái để cho những người khác biết bạn đang mong muốn được thăm họ.
Cửa cổng
"Cửa ngoài" hay "cửa từ đường cái vào sân nhà"
Ra trả lời
"Ra cổng để xem ai đang gõ cửa"
Cô nhận ra
"Rô-đơ nhận ra"
Quá vui mừng
"Vì cô quá vui mừng" hay "quá phấn khởi"
Đứng ở cửa
"Đứng ngoài cửa". Phi-e-rơ vẫn đứng bên ngoài.
Họ nói với cô
"Các tín hữu trong nhà nói với người tớ gái Rô-đa"
Cô mất trí rồi
Mọi người không chỉ không tin mà còn quở trách cô, bảo rằng cô bị điên. Có thể dịch là “cô điên rồi”.
Cô quả quyết đó là thật
"Rô-đa quả quyết điều cô nói là thật"
Họ nói
"Những người trong nhà trả lời"
Đó là thiên sứ của ông
"Người cô thấy là thiên sứ của Phi-e-rơ". Một số người Do Thái tin có thiên sứ bảo hộ và có lẽ đã nghĩ rằng thiên sứ của Phi-e-rơ đến với họ.
Acts 12:16
Nhưng Phi-e-rơ tiếp tục gõ cửa
Từ tiếp tục ở đây có nghĩa là Phi-e-rơ liên tục gõ cửa suốt thời gian những người trong nhà đang nói chuyện.
Khi mở cửa ra, họ nhìn thấy ông và rất sửng sốt
"Sau khi mở cửa, những người trong nhà nhìn thấy Phi-e-rơ và rất sửng sốt"
Ra hiệu cho họ... và bảo
"Ra hiệu cho những người trong nhà...và bảo họ”
Báo lại những việc nầy
"Kể lại những việc nầy"
Ông ra đi
"Phi-e-rơ ra đi"
Acts 12:18
Lúc nầy,
Từ này được dùng để đánh dấu chỗ thay đổi trong câu chuyện. Thời gian trôi qua, lúc này là ngày kế tiếp.
Sáng ra
Gợi ý dịch: "đến sáng"
Sự náo động không nhỏ
Đây là cách nói nhấn mạnh. Có thể dịch là “sự náo động dữ dội” hay “rất náo động”.
Náo động
Từ này mang nghĩa tiêu cực như buồn thảm, hết sức căng thẳng, sợ hãi hay hỗn loạn.
Về
"Liên quan đến"
Sau khi Hê-rốt đã tìm kiếm nhưng không thấy ông
Có thể dịch là “sau khi Hê-rốt đã tìm kiếm nhưng không thấy Phi-e-rơ”.
Sau khi Hê-rốt đã tìm kiếm ông
Có thể hiểu là 1) “Khi nghe tin Phi-e-rơ biến mất, Hê-rốt đã đích thân vào ngục để lục soát” hoặc 2) “Khi nghe tin Phi-e-rơ biến mất, Hê-rốt sai các binh lính lục soát trong ngục”.
Ông tra hỏi rồi ra lệnh giết chúng
"Hê-rốt tra hỏi những kẻ cảnh gác rồi ra lệnh cho quân lính giết chúng”
Sau đó ông đi xuống
"Sau đó Hê-rốt đi xuống". Khi xuất phát từ Giê-ru-sa-lem thì tất cả những nơi khác đều được xem là đi xuống vì Giê-ru-sa-lem nằm trên một ngọn đồi.
Acts 12:20
Thông tin tổng quát:
Đây là phần khác của câu chuyện về sự kiện khác trong cuộc đời của Hê-rốt.
Bấy giờ,
Từ này được dùng ở đây để đánh dấu sự kiện kế tiếp trong câu chuyện.
Họ cùng đến gặp ông
"Những người đại diện cho dân Ty-rơ và Si-đôn cùng đến thương thuyết với Hê-rốt"
Họ thuyết phục
"Những người này thuyết phục"
Ba-la-tút
Ba-la-tút là một trợ lý hay quan thị vệ cho vua Hê-rốt. Ông được nhắc tên một lần duy nhất ở đây. (Xem: Translate Names)
Họ xin hòa
"Những người này cầu hòa"
Vào ngày đã định
"Vào ngày đã hẹn" cho cuộc gặp gỡ
Ông phát biểu trước họ
"Hê-rốt phát biểu trước những người đó" hay "Hê-rốt nói với những người đó"
Ngồi trên ngai
Đây là nơi Hê-rốt trang trọng tiếp những người đến gặp ông. "Hê-rốt ngồi trên ngai mình" (UDB).
Acts 12:22
Thông tin tổng quát:
Đây là kết thúc phần chuyện về Hê-rốt.
Lập tức
Trong khi dân chúng đang ca ngợi Hê-rốt.
Đánh ông
"Làm cho Hê-rốt bị đau đớn" hay "làm cho Hê-rốt bị bệnh nặng"
Ông không dâng vinh hiển cho Đức Chúa Trời
Hê-rốt để những người đó thờ phượng ông thay vì chuyển hướng sự thờ phượng của họ đến Đức Chúa Trời.
Ông bị trùng ăn mà chết
"Trùng ăn Hê-rốt và Hê-rốt chết".
Acts 12:24
Thông tin tổng quát:
Đây là thông tin về sự rao giảng lời Chúa, và về Ba-na-ba và Sau-lơ.
Đạo Đức Chúa Trời gia tăng và nhân rộng
Tức là “sứ điệp cứu rỗi về Chúa Giê-xu lan rộng và số người tin theo sứ điệp được nhân lên”. Có thể dịch là “đạo Đức Chúa Trời lan rộng và số tín hữu được nhân lên”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hoàn tất nhiệm vụ ở Giê-ru-sa-lem
Tức là “đã giao số tiền cho các trưởng lão hội thánh ở Giê-ru-sa-lem”. (Xem: Explicit and Implicit)
Họ trở về
"Ba-na-ba và Sau-lơ trở về An-ti-ốt". (Xem: Explicit and Implicit)
Họ dẫn Giăng đi cùng
"Ba-na-ba và Sau-lơ đem giăng đi cùng với họ"
Họ là Mác
"Gọi là Mác"

Translation Questions

Acts 12:3
Vua Hê-rốt đã làm gì Phi-e-rơ?
Vua Hê-rốt bắt Phi-e-rơ giam trong ngục định đem ra xử trước dân chúng sau lễ Vượt Qua.
Acts 12:5
Hội thánh đã làm gì cho Phi-e-rơ?
Hội thánh khẩn thiết cầu nguyện cho Phi-e-rơ.
Acts 12:7
Phi-e-rơ đã ra khỏi ngục như thế nào?
Một thiên sứ hiện đến cùng ông, xiềng xích bị rơi ra và ông đi theo thiên sứ ra khỏi ngục.
Acts 12:13
Khi Phi-e-rơ đến nhà các tín hữu đang cầu nguyện thì ai là người ra mở cửa và bà đã làm gì?
Một đầy tớ gái tên là Rô-đơ ra mở cửa, cô báo tin Phi-e-rơ đang đứng phía trước mà quên mở cửa.
Acts 12:16
Các tín hữu phản ứng thế nào khi nghe cô báo tin?
Đầu tiên họ nghĩ Rô-đơ bị mất trí nhưng sau đó họ mở cửa và nhìn thấy Phi-e-rơ.
Acts 12:22
Dân chúng la lên như thế nào khi Hê-rốt truyền phán cho họ?
Dân chúng la lên rằng: “Đây là tiếng của một vị thần chứ không phải con người”.
Acts 12:24
Điều gì xảy ra với lời Chúa trong suốt thời kỳ này?
Lời Chúa phát triển và nhân rộng trong suốt thời kỳ này.

Chapter 13

Acts 13:1
Thông tin tổng quát:
Tình tiết câu chuyện trở lại Hội Thánh tại An-ti-ốt. Câu 1 cho chúng ta biết thông tin về những người trong hội đồng.
Bấy giờ, trong hội thánh tại An-ti-ốt
"Lúc đó, trong hội thánh ở An-ti-ốt"
Si-mê-ôn... vua chư hầu
(See: [[rc://vi/ta/workbench/translate/translatenames]])
Trong lúc
Từ này dùng đánh dấu 2 sự kiện đang xảy ra trong cùng một lúc.
Em nuôi của Hê-rốt
Ma-na-hem có lẽ là bạn cùng trang lứa hay bạn thân cùng lớn lên với Hê-rốt.
Biệt riêng cho Ta
"Bổ nhiệm để hầu việc Ta" hay "làm nên thánh".
Đã kêu gọi họ
Động từ ở đây có nghĩa là trước đó Đức Chúa Trời đã chọn họ để thực hiện công việc này.
Hội thánh
"Hội nhóm" hay "nhóm tín hữu"
Đặt tay trên những người này
"Đặt tay trên những người được biệt riêng để hầu việc Chúa". Nhưng đây là một thông lệ để các trưởng lão xác nhận sự kêu gọi của Đức Thánh Linh trên Ba-na-ba và Sau-lơ.
Sai họ đi
"Sai những người này đi" hay "sai những người này đi thực hiện công tác Đức Thánh Linh phán với họ"
Acts 13:4
Vậy
Từ này đánh dấu một sự kiện đã xảy ra bởi vì một sự kiện khác đã xảy ra trước đó. Trong trường hợp này, sự kiện trước đó là Ba-na-ba và Sau-lơ để riêng ra bởi Đức Thánh Linh.
Họ đi xuống
Đây có lẽ là một sự thay đổi về độ cao.
Sê-lơ-xi
Sê-lơ-xi là một thành phố gần biển.
Họ
Trong mỗi sự kiện xảy ra, “họ” ý nhắc tới Ba-na-ba và Sau-lơ.
Thành Sa-la-min
Thành Sa-la-min thuộc đảo Chíp-rơ.
Các nhà hội của người Do Thái
Có thể hiểu là 1) “Ba-na-ba và Sau-lơ giảng cho rất nhiều nhà hội Do Thái ở thành Sa-la-min” hoặc 2) “Ba-na-ba và Sau-lơ bắt đầu từ nhà hội tại Sa-la-min sau đó tiếp tục giảng ở tất cả những nhà hội khác mà họ tìm thấy trên đường đi quanh đảo Chíp-rơ”
Acts 13:6
Họ đã đi
"Họ" chỉ về Ba-na-ba, Sau-lơ và Giăng Mác
Khắp đảo
Họ đi từ đầu bên này tới đầu bên kia của đảo. Có thể họ không thăm được tất cả từng thành một nhưng họ đã chia sẻ sứ điệp phúc âm cho từng thành họ ghé thăm.
Pa-phô
Là thành phố chính của đảo Chíp-rơ, vị thống đốc cai trị sống tại đây.
Họ thấy
Từ thấy ở đây mang ý nghĩa tình cờ chứ không có chủ ý tìm kiếm, có thể dịch là “họ gặp” (xem UDB) hoặc “họ gặp phải”.
Một thuật sĩ nọ
"Một người sử dụng ma thuật" hay "một người sử dụng những yêu thuật siêu nhiên"
Tên là Ba-giê-xu
Tên này theo tiếng Hy Lạp có nghĩa là “Con trai của Giê-xu”. Tuy nhiên người này không có liên quan gì với Chúa Cứu Thế Giê-xu. Giê-xu được xem là một tên gọi thông thường vào thời đó. (Xem: How to Translate Names)
Phù thủy này hiệp sức với... là một người thông minh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là thông tin về Ba-Giê-xu.
Kết hợp với
"Thường xuyên với" or "thường hay trong hội"
Quan tổng đốc
Thống đốc phụ trách tỉnh La Mã. Có thể dịch là “thống đốc”.
Người nầy
"Sê-giút Phao-lút"
Ê-ly-ma “thuật sĩ”
Đây là thuật sĩ Ba-giê-xu.
(Tên ông được dịch như vậy)
"Đây là tên của ông trong tiếng Hy Lạp"
Chống đối họ; ông tìm cách làm
"Chống lại họ bằng cách cố gắng làm" hay "đối đầu với họ bằng cách cố gắng làm"
Ông muốn
"Sê-giút Phao-lút muốn"
Ông cố gắng
"Ê-ly-ma cố gắng"
Cố gắng làm cho tổng đốc không tin đạo
"Cố gắng thuyết phục tổng đốc không tin theo sứ điệp Phúc âm"
Acts 13:9
Sau-lơ, gọi là Phao-lô
"Mọi người gọi là Phao-lô" hay "tự gọi mình là Phao-lô (UDB)".
Ông nhìn chằm vào người
"Sau-lơ nhìn chăm vào thuật sĩ Ê-ly-ma"
Ngươi là con của ma quỷ
"Con của" là một thuật ngữ chỉ ra sự giống nhau. Có thể dịch là 1) “ngươi là con cái của ma quỷ” hoặc 2) “ngươi giống như ma quỷ” hay 3) “ngươi hành động như ma quỷ”.
Lòng ngươi đầy xảo trá và gian ác
"Ngươi luôn cố tâm lừa dối để người ta tin vào những điều sai trật và luôn làm điều sai trái"
Gian ác
Trong ngữ cảnh này thì từ gian ác có nghĩa là lười nhác và không chuyên tâm làm theo luật pháp Chúa.
Ngươi là kẻ thù của mọi điều công chính
Phao-lô liệt Ê-li-ma vào hàng với ma quỷ. Cũng như ma quỷ là kẻ thù của Đức Chúa Trời và chống lại sự công chính thì Ê-ly-ma cũng chống lại Đức Chúa Trời và sự công chính của Ngài.
Ngươi cứ bẻ cong con đường ngay thẳng của Chúa mãi sao?
Phao-lô quở trách tên thuật sĩ vì bước theo ma quỷ. Có thể dịch là “ngươi phải thôi bát bỏ chân lí về Đức Chúa Trời” (UDB). (Xem: Rhetorical Question)
Con đường ngay thẳng của Chúa
Tức là “điều chân thật về Đức Chúa Trời”. Phao-lô quở trách tên thuật sĩ vì gọi những điều chân thật về Đức Chúa Trời là giả dối.
Acts 13:11
Câu liên kết:
Phao-lô đã nói chuyện với Ê-ly-ma.
Tay Chúa giáng trên ngươi
Tức là quyền năng của Chúa sẵn sàng để trừng phạt ngươi. Có thể dịch là “Chúa sẽ trừng phạt ngươi”. (Xem: Metonymy)
Ngươi sẽ bị mù
"Chúa sẽ khiến ngươi bị mù"
Ngươi sẽ không thấy mặt trời
Ê-ly-mas sẽ bị mù hoàn toàn.
Trong ít lâu
"Trong một khoảng thời gian" hay "cho đến thời điểm Chúa chỉ định"
Có sự mù mịt, tối tăm giáng trên Ê-ly-ma.
"Sự mù mịt và tối tăm giáng trên Ê-ly-ma", "một màn sương đen tối giáng trên Ê-ly-ma", "mắt của Ê-ly-ma trở nên mờ rồi tối đen" hay "Ê-ly-ma bắt đầu không thấy rõ rồi sau đó không thể nhìn thấy gì nữa"
Ông bắt đầu đi loạng choạng
"Ê-ly-ma quờ quạng" hay "Ê-ly-ma bắt đầu dò dẫm chung quanh"
Quan tổng đốc
Thống đốc phụ trách tỉnh La Mã. Có thể dịch là “thống đốc”.
Ông tin
"Quan tổng đốc tin" hay "quan tổng đốc tin Chúa Giê-xu"
Ông kinh ngạc về
"Quan tổng đốc kinh ngạc về" hay "quan tổng đốc cảm thấy vô cùng ngạc nhiên"
Acts 13:13
Thông tin tổng quát:
Đây là phần mới của câu chuyện về Phao-lô ở tại Bi-xi-đi An-ti-ốt. Câu 13, 14 cho biết thông tin về phần chuyện này.
Bấy giờ
Bắt đầu một phần mới của câu chuyện.
Phao-lô và các bạn của ông bắt tàu từ Pa-phô
"Phao-lô và các bạn đồng hành với ông đi tàu từ Pa-phô". Những người bạn này là Ba-na-ba và Giăng Mác.
Nhưng Giăng lìa họ
"Nhưng Giăng Mác tách khỏi Phao-lô và Ba-na-ba"
Đến Pẹt-giê ở Pam-phi-ly
"Đến Pẹt-giê trong xứ Pam-phi-ly"
Sau khi đọc luật pháp và tiên tri
“Luật pháp và lời tiên tri” muốn nói đến những phần trong Kinh Thánh Do Thái đã được đọc. Có thể dịch là “sau khi một người đọc các sách về luật pháp và các sách về tiên tri”.
Gởi thông điệp cho họ
"Bảo một người nói với Phao-lô và các bạn đồng hành của ông"
Các anh em
“Anh em” ý nói tới những Cơ Đốc Nhân, cả đàn ông lẫn đàn bà.
Nếu các ông có lời khích lệ nào
"Nếu ai trong vòng các ông có lời khích lệ nào"
Hãy nói ra
"Xin hãy nói" hay "xin hãy nói với chúng tôi"
Acts 13:16
Thông tin tổng quát:
Phao-lô bắt đầu giảng dạy trong nhà hội tại Bi-xi-đi An-ti-ốt. Ông bắt đầu nói về những sự việc đã xảy ra trong lịch sử Y-sơ-ra-ên.
Ông đưa tay
Ông đưa tay có ý là đưa tay ra hiệu ông đã sẵn sàng để nói. Có thể dịch là “đưa tay ra hiệu ông sắp sửa nói”.
Những người tôn kính Đức Chúa Trời
Chỉ về những người ngoại bang đã quy đạo, tin và thờ phượng Chúa. Có thể dịch là “những người không thuộc về dân Y-sơ-ra-ên nhưng thờ phượng Đức Chúa Trời”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hãy nghe
"Hãy nghe tôi" hay "hãy nghe điều tôi sẽ nói"
Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên nầy
"Đức Chúa Trời mà dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng"
Đã chọn tổ phụ của chúng ta
Đại từ “chúng ta” chỉ riêng về Phao-lô và đồng bào người Do Thái. Có thể dịch là “đã chọn người Do Thái từ xưa”.
Khi họ cư ngụ
"Khi dân Y-sơ-ra-ên cư ngụ"
Ngài dẫn họ ra khỏi đó
"Đức Chúa Trời dẫn dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi đất Ai Cập"
Ngài chịu đựng họ
"Đức Chúa Trời khoan dung với họ" hay "Đức Chúa Trời chịu đựng sự bất tuân của họ"
Acts 13:19
Sau khi Ngài đã
Sau khi Đức Chúa Trời đã
Các dân tộc
Đôi khi, ở đây “các dân tộc” nói đến những nhóm người khác nhau và không ranh giới địa lý rõ ràng.
Ngài ban cho dân tộc chúng ta
"Đức Chúa Trời ban cho dân tộc của Phao-lô" hay "Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên"
Đất của họ
"Quê hương của dân Y-sơ-ra-ên"
Diễn ra trong hơn bốn trăm năm mươi năm
"Xảy ra trong hơn 450 năm"
Đức Chúa Trời ban cho họ
"Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên"
Cho đến đời tiên tri Sa-mu-ên
"Cho đến thời tiên tri Sa-mu-ên"
Acts 13:21
Trong bốn mươi năm
"Làm vua của họ trong thời gian bốn mươi (40) năm"
Ngài đưa Đa-vít lên
"Đức Chúa Trời chọn Đa-vít"
Vua của họ
"Vua của Y-sơ-ra-ên" hay "vua trên Y-sơ-ra-ên"
Đó là về Đa-vít mà Đức Chúa Trời phán
"Đức Chúa Trời phán điều này về Đa-vít"
Ta đã tìm thấy Đa-vít con trai của Giê-se là
"Ta đã quan sát thấy Đa-vít, con trai của Giê-se là"
Người vừa lòng ta
Có nghĩa là “người mong muốn điều ta mong muốn" (UDB).
Acts 13:23
Từ dòng dõi của người nầy
"Từ dòng dõi của Đa-vít"
Như Ngài đã hứa
"Như Đức Chúa Trời đã hứa sẽ thực hiện"
Báp-tem về sự ăn năn
"Báp-tem bày tỏ sự ăn năn"
Các ông nghĩ tôi là ai?
Giăng Báp-tít hỏi câu này khi đang dạy dỗ dân chúng để khiến họ phải suy nghĩ ông là ai. Có thể dịch là “hãy nghĩ xem tôi là ai”.
Đến giày của Ngài tôi cũng không xứng đáng để mở dây
"Tôi thậm chí không xứng đáng mở dây giày Ngài"
Acts 13:26
Các anh em, con cháu của Áp-ra-ham… những kẻ thờ phượng Đức Chúa Trời.
Phao-lô giảng dạy những người nghe ông lần nữa để đánh dấu rằng ông sắp nói cho họ điều quan trọng.
Cho chúng ta
Từ "chúng ta" bao gồm cả Phao-lô và toàn bộ các thính giả trong nhà hội.
Sứ điệp cứu rỗi nầy đã được gửi
"Đức Chúa Trời đã gửi sứ điệp về sự cứu rỗi nầy".
Không thật sự biết Ngài
"Không thật sự biết Chúa Giê-xu"
Tiếng của các tiên tri
“Tiếng nói” tiêu biểu cho sứ điệp của các tiên tri. Có thể dịch là “Những bài viết hay sách của các tiên tri.”
Được đọc
"Người ta đọc".
Họ đã làm ứng nghiệm sứ điệp của các tiên tri
"Vậy là những người lãnh đạo ở Giê-ru-sa-lem đã làm như các nhà tiên tri đã báo trước "
Acts 13:28
Họ chẳng tìm thấy lý do gì đáng chết
“Những nhà lãnh đạo Do Thái không tìm thấy lý do nào chính đáng để xử tử Chúa Giê-xu”.
Họ
Nhiều từ “họ” chỉ về các nhà lãnh đạo Do Thái
Ngài
Nhiều từ “Ngài” chỉ về Chúa Giê-xu
Họ đòi Phi-lát
Từ “đòi” ở đây là một động từ mạnh có nghĩa là yêu cầu, nài nỉ hay cầu xin.
Khi họ đã thực hiện xong mọi điều chép về Ngài
"Khi các nhà lãnh đạo Do Thái đã thực hiện mọi điều với Chúa Giê-xu như được chép trong các sách tiên tri, trong đó có cả sự chết của Ngài"
Họ hạ Ngài xuống khỏi cây gỗ
"Một số nhà lãnh đạo đem Chúa Giê-xu xuống khỏi cây thập tự sau khi Ngài đã chết"
Acts 13:30
Nhưng Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại
"Nhưng Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-xu sống lại"
Ngài hiện ra
"Chúa Giê-xu hiện ra"
Hiện nay làm chứng nhân của Ngài cho dân chúng
"Hiên nay làm chứng cho dân chúng về Chúa Giê-xu"
Acts 13:32
Vậy nên
Từ này cho biết một sự kiện đã xảy ra bởi vì sự kiện đã xảy ra trước đó. Trong trường hợp này, sự kiện trước đó là Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Giê-xu ra khỏi sự chết.
Lời hứa dành cho tổ phụ chúng ta
"Lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho tổ phụ chúng ta"
Đức Chúa Trời đã giữ những lời hứa đó
"Đức Chúa Trời đã làm ứng nghiệm những lời hứa đó"
Cho chúng ta, là con cháu của họ
"Cho chúng ta, là con cháu của tổ phụ chúng ta"
Trong việc Ngài khiến Chúa Giê-xu sống lại từ cõi chết
"Bằng cách khiến Chúa Giê-xu sống lại từ kẻ chết"
Điều này cũng được chép
"Chân lí này cũng được chép"
Con... Cha.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối liên hệ giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời.

Về việc Ngài khiến Chúa Giê-xu sống lại để thân thể Người không bị rữa nát thì Ngài có phán như vầy.

Đức Chúa Trời phán những lời sau về việc khiến Chúa Giê-xu sống lại để thân thể Ngài không bị rữa nát

Những ơn phước thánh và chắc chắn

"Những ơn phước thánh và chắc chắn"

Acts 13:35

Ông cũng có nói

"Đa-vít cũng có nói"

Chúa

Đa-vít đang nói với Đức Chúa Trời

Trải qua sự rữa nát

"Để thân thể Ngài bị thối rữa"

Trong thế hệ của Ngài

"Trong đời của Ngài"

Phục vụ cho ý muốn của Đức Chúa Trời

"Phục vụ Đức Chúa Trời" hay "tìm cách làm vui lòng Đức Chúa Trời"

Ông an giấc

"Ông qua đời"

Nằm cùng các tổ phụ mình

"được chôn cất với các tổ phụ đã qua đời"

Nhưng Ngài

"Nhưng Chúa Giê-xu"

Không bị rữa nát

"Thân thể Ngài không bị rữa nát"

Acts 13:38

Anh em hãy biết

"Hãy biết điều này" hay "anh em phải biết"

Rằng qua Đấng đó mà sự tha tội được công bố cho anh em

"Rằng chúng tôi công bố tội lỗi của anh em được tha qua Chúa Cứu Thế Giê-xu"

Nhờ Ngài

"Nhờ Chúa Giê-xu" hay "Qua Chúa Giê-xu"

Điều

"Tội"

Acts 13:40

Câu liên kết:

Phao-lô hoàn tất bài nói chuyện trong nhà hội tại Bi-xi-đi An-ti-ốt, bắt đầu từ công vụ các sứ đồ 13:16

Để điều các nhà tiên tri đã nói

"Để điều các nhà tiên tri đã nói"

Nầy, các ông những kẻ coi thường có ai nói cho các ông

Phao-lô trích lời của một tiên tri.

'Nầy những kẻ ngạo mạn

"Những kẻ khinh thường hãy chú ý" hay "những kẻ chế nhạo ta hãy chú ý"

Và biến mất đi

"Và rồi chết đi"

Vì Ta

Từ "ta" chỉ về Đức Chúa Trời.

Sẽ làm một việc

"Sẽ làm một điều"

Trong ngày các ngươi

"Trong đời các ngươi"

Một việc mà

"Ta sẽ làm một việc mà"

Ngay cả khi có ai thuật lại cho ngươi

"Ngay cả khi có ai nói lại cho người"

Acts 13:42

Khi Phao-lô và Ba-na-ba đi ra

"Khi Phao-lô và Ba-na-ba đang đi ra"

Nài họ

"Nài họ"

Người cải đạo

Những người ngoại bang theo Do Thái giáo.

Nói chuyện với họ và kêu gọi họ

"Phao-lô và Ba-na-ba nói chuyện với những người đó và kêu gọi họ"

Cứ ở trong ân điển của Đức Chúa Trời

"Cứ tin cậy vào ân điển của Đức Chúa Trời"

Acts 13:44

Gần như cả thành phố

Đây là một phép cường điệu: “cả thành phố” là phép cường điệu, còn từ “gần như” cho thấy ý nghĩa thực sự.

Người Do Thái

Đây là phép hoán dụ chỉ về “các nhà lãnh đạo Do Thái”.

Họ đầy lòng ghen tị

"Các nhà lãnh đạo Do Thái đầy long ghen tị" hay "các nhà lãnh đạo Do Thái trở nên ganh ghét"

Nhạo báng ông

"Nhạo báng Phao-lô"

Acts 13:46

Lời Chúa được giảng cho anh em trước hết

"Chúng tôi phải giảng lời Chúa cho anh em trước hết". (Xem: Active or Passive)

Giảng cho anh em trước hết

"Giảng cho người Do Thái trước hết"

Vì thấy anh em khước từ

"Vì thấy anh em từ chối lời Chúa"

Tự xét mình không xứng đáng với sự sống đời đời

Người Do Thái từ chối sứ điệp về sự sống đời đời qua Chúa Cứu Thế Giê-xucủa Phao-lô.

Chúng tôi sẽ quay sang

Từ "chúng tôi" chỉ về Phao-lô và Ba-na-ba chứ không phải đám đông đang ở đó.

Ta đã lập ngươi làm ánh sáng

Câu này được trích dẫn từ Cựu Ước, “Ta” là Đức Chúa Trời và từ “ngươi” chỉ về Chúa Cứu Thế Giê-xu. Phao-lô cho thấy câu này cũng được áp dụng cho ông và Ba-na-ba, tức là họ cũng phải chia sẻ lời Chúa cho các dân ngoại.

Acts 13:48

Hễ ai được định cho sự sống đời đời

"Tất cả những người được Đức Chúa Trời chọn để nhận sự sống đời đời"

Được định cho sự sống đời đời

"Đức Chúa Trời đã chọn để ban sự sống đời đời"

Lời Chúa được lan ra

Những người tin Chúa đi ra rao giảng sứ điệp về Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Acts 13:50

Người Do Thái

"Các nhà lãnh đạo Do Thái"

Xúi giục

"Thuyết phục" hay một động từ mang tính ẩn dụ chẳng hạn như “khuấy động”, “thổi bùng lên”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những người nầy dấy lên cơn bắt bớ
"Những người phụ nữ và nam giới có chức quyền nầy kích động cuộc bắt bớ"
Ném họ ra khỏi địa phận thành phố
"Đuổi Phao-lô và Ba-na-ba ra khỏi thành phố" hay "trục xuất Phao-lô và Ba-na-ba ra khỏi khu vực của họ"
Phủi bụi nơi chân đối với họ
Một hành động mang nghĩa tượng trưng để thể hiện cho những người vô tín ở đó biết rằng Đức Chúa Trời đã từ chối họ và sẽ trừng phạt họ.
Họ đi
"Phao-lô và Ba-na-ba đi"

Translation Questions

Acts 13:6
Ba-giê-xu là ai?
Ba-giê-xu là một tiên tri giả người Do Thái đang ở cùng quan tổng đốc.
Acts 13:9
Sau-lơ được biết đến với một tên gọi khác là gì?
Sau-lơ còn được gọi là Phao-lô.
Acts 13:11
Phao-lô đã làm gì khi Ba-giê-xu cố gắng làm cho quan tổng đốc không tin?
Phao-lô nói với Ba-giê-xu rằng ông là con của quỷ dữ, ông sẽ bị mù trong một thời gian.
Acts 13:13
Giăng Mác đã làm gì khi Phao-lô và các bạn của ông đi thuyền đến Pẹt-giê?
Giăng Mác đã rời khỏi Phao-lô và các bạn đồng hành mà trở về Giê-ru-sa-lem.
Acts 13:23
Đức Chúa Trời ban Đấng Cứu Chuộc Y-sơ-ra-ên từ ai?
Đức Chúa Trời ban Đấng Cứu Chuộc Y-sơ-ra-ên từ vua Đa-vít.
Acts 13:35
Trong Thi Thiên Đức Chúa Trời hứa điều gì cho Đấng Thánh?
Đức Chúa Trời hứa rằng Đấng Thánh sẽ không thấy sự rữa nát.
Acts 13:38
Phao-lô công bố điều gì cho tất cả những người tin Chúa Giê-xu?
Phao-lô công bố sự tha thứ tội lỗi cho bất kỳ ai tin nhận Chúa Giê-xu.
Acts 13:40
Phao-lô cũng cảnh báo điều gì cho các thính giả?
Phao-lô cảnh báo các thính giả đừng như những người được các nhà tiên tri nói đến, họ nghe những việc Đức Chúa Trời làm nhưng không tin.
Acts 13:44
Tại An-ti-ốt, ai đã đến nghe lời Đức Chúa Trời vào ngày Sa-bát sau?
Gần như cả thành đều đến nghe lời Chúa vào ngày Sa-bát sau.
Acts 13:46
Phao-lô nói người Do Thái đã làm gì với lời Chúa được rao truyền cho họ?
Phao-lô nói rằng người Do Thái gạt đi lời Chúa được rao truyền cho họ.
Acts 13:48
Những người ngoại đáp ứng thế nào khi nghe thấy rằng Phao-lô quay sang đến với họ?
Những người ngoại rất vui mừng và ngợi khen lời Chúa.
Có bao nhiêu người ngoại tin theo Chúa?
Hễ những ai được định cho sự sống đời đời đều tin theo.
Acts 13:50
Sau đó những người Do Thái đã làm gì với Phao-lô và Ba-na-ba?
Người Do Thái dấy lên một cuộc bắt bớ chống lại Phao-lô và Ba-na-ba và ném họ ra khỏi thành phố.

Chapter 14

Acts 14:1
Thông tin tổng quát:
Câu chuyện về Phao-lô và Ba-na-ba tiếp tục, bây giờ họ đang ở I-cô-ni.
Tương tự ở I-cô-ni
"Điều tương tự cũng xảy ra ở I-cô-ni"
Nhưng người Do Thái không chịu vâng phục xúi giục tâm trí những người ngoại và khiến họ cay nghiệt với các anh em
“Nhưng người Do Thái không vâng phục đầu độc tâm trí khiến những người ngoại căm ghét chống lại các tín hữu”
Acts 14:3
Vậy họ ở lại đó
Phao-lô và Ba-na-ba ở lại I-cô-ni để thêm nhiều tín hữu. Từ “vậy” có thể được lược bỏ nếu nó làm cho phân đoạn trở nên khó hiểu.
Ngài ban bằng chứng
"Đức Chúa Trời ban bằng chứng"
Bằng chứng về sứ điệp
"Bằng chứng xác minh sứ điệp là chân thật"
Sứ điệp về ân điển của Ngài
“Sứ điệp ân điển của Thượng Đế”
Bởi tay của Phao-lô và Ba-na-ba
Từ “tay” ở đây chỉ về ý muốn và nỗ lực của hai người dưới sự chỉ dẫn của Đức Thánh Linh. Gợi ý dịch: “Qua công tác của Phao-lô và Ba-na-ba”. (Xem: Synecdoche)
Cùng phe với
"Hỗ trợ" hay "ưa thích"
Với các sứ đồ
Trong trường hợp này Lu-ca gọi Phao-lô và Ba-na-ba là các sứ đồ, đặt họ ngang hàng với mười hai sứ đồ.
Acts 14:5
Thuyết phục các nhà lãnh đạo của họ
"Thuyết phục các nhà lãnh đạo ở I-cô-ni"
Họ nhận biết được điều đó
"Phao-lô và Ba-na-ba nhận biết được kế hoạch hãm hại họ"
Ly-cao-ni
Một tỉnh ở Tiểu A-si.
Lít-trơ
Một thành phố ở Tiểu A-si, phía nam I-cô-ni và phía bắc Đẹt-bơ.
Đẹt-bơ
Một thành phố ở Tiểu A-si, phía nam I-cô-ni và Lít-trơ.
Và họ rao giảng phúc âm tại đó
"Và Phao-lô cùng Ba-na-ba cũng rao giảng phúc âm tại đó"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 14:8
Thông tin tổng quát:
Đây là phần mới của câu chuyện về Phao-lô và Ba-na-ba; họ đang ở Lít-trơ.
Một người què từ trong bụng mẹ, chưa bao giờ đi được
"Người què từ lúc mới sinh, không thể đi được".
Phao-lô nhìn chăm chăm vào anh ta
"Phao-lô nhìn thẳng vào anh ta"
Thấy rằng anh
"Thấy rằng người que"
Để được phục hồi
"Để được chữa lành"
Ông nói với ông ta
"Phao-lô nói với người què"
Acts 14:11
Các thần đã hiện xuống cùng chúng ta
Rất đông người tin rằng Phao-lô và Ba-na-ba là các thần ngoại giáo của họ giáng xuống từ trời hay thiên đàng. Có thể dịch là “Các thần từ trời đã hiện xuống cùng chúng ta”.
Trong hình người
Những người này tin rằng các thần không thể có hình dạng con người hoàn toàn.
Vì ông là
"Vì Phao-lô là"
Bò đực và vòng hoa
Những con vật để dâng tế lễ còn vòng hoa để làm vương miện cho Phao-lô và Ba-na-ba hoặc để đeo vào con vật đem dâng sinh tế.
Acts 14:14
Các sứ đồ
Lu-ca gọi Phao-lô và Ba-na-ba là “các sứ đồ”, đặt họ ngang hàng với mười hai sứ đồ. (Xem: Câu 14:04)
Hỡi các ông, sao các ông lại làm những điều nầy?
Phao-lô và Ba-na-ba đang quở trách dân chúng vì họ cố dâng của tế lễ cho hai ông. Có thể dịch là “Hỡi các ông, các ông không được làm những việc nầy!”
Xác thịt như các ông
Có thể dịch là “giống hệt các ông”.
Xây bỏ những thứ vô ích nầy
"Ngừng thờ phượng những thần tượng vô giá trị nầy" hay "ngừng thờ phượng những tà thần nầy"
Đức Chúa Trời hằng sống
"Thay vào đó, hãy thờ phượng Đức Chúa Trời hằng sống"
Đi theo
"Sống theo"
Acts 14:17
Câu liên kết:
Phao-lô và Ba-na-ba tiếp tục nói chuyện với đám đông.
Ngài chẳng hề thôi
"Đức Chúa Trời chẳng hề thôi "
Bằng cách
Có thể dịch là “qua bằng chứng là”.
Ban cho các ông...khiến lòng các ông tràn ngập
Phao-lô dùng từ “các ông” để chỉ về toàn bộ thính giả.
Khiến lòng các ông được no nê và tràn đầy vui mừng
"Ban cho các ông đầy thức ăn và niềm vui"
Phao-lô và Ba-na-ba chỉ ngăn được dân chúng không dâng tế lễ cho hai ông
Dân chúng gần như dâng bò đực làm của tế lễ cho Phao-lô và Ba-na-ba.
Acts 14:19
Thuyết phục đám đông
"Làm cho đám đông chống lại Phao-lô"
Quanh ông...ông vùng dậy...ông đi
Chỉ về Phao-lô
Đi vào thành
"Phao-lô vào lại Lýt-trơ với các tín hữu"
Ông đi đến Đẹt-bơ
"Phao-lô đi đến Đẹt-bơ"
Acts 14:21
Họ đã rao truyền...họ quay lại...họ cứ...họ bảo rằng
Chỉ về Phao-lô và Ba-na-ba
Thành đó
"Đẹt-bơ"
Họ cứ làm vững tâm các môn đồ
Phao-lô và Ba-na-ba khiến các tín hữu tin theo và vững vàng tăng trưởng trong chân lý phúc âm.
Khích lệ họ cứ ở trong đức tin
Phao-lô và Ba-na-ba khích lệ họ cứ tin cậy nơi Chúa Giê-xu.
Họ bảo rằng chúng ta phải trải qua nhiều khó khăn để bước vào vương quốc của Đức Chúa Trời
Đây là câu trích dẫn gián tiếp. Có thể dịch bằng câu trích dẫn trực tiếp là “Hai người bảo cùng họ ‘Chúng ta phải trải qua nhiều khó khăn để bước vào vương quốc của Đức Chúa Trời’”
Hai người bảo cùng họ
"Phao-lô và Ba-na-ba bảo cùng các tín hữu ở Lýt-trơ, I-cô-ni và An-ti-ốt"
Chúng ta phải
Phao-lô bao hàm cả ông, Ba-na-ba và các tín hữu.
Acts 14:23
Khi hai người đã bổ nhiệm cho họ
"Khi Phao-lô và Ba-na-ba đã bổ nhiệm các trưởng lão cho những nhóm tín hữu mới"
Hai người giao phó họ
"Phao-lô và Ba-na-ba giao phó các trưởng lão đã được bổ nhiệm"
Là Đấng họ đã tin
"Là Đấng các tân tín hữu đã tin"
Rồi họ vượt qua...khi họ đã giảng dạy...họ đi xuống...từ đó họ đi tàu...nơi trước đây họ đã...bây giờ họ đã hoàn tất
Từ "họ" chỉ về Phao-lô và Ba-na-ba
Nơi họ đã được phó thác cho ân điển của Đức Chúa Trời
"Nơi những người An-ti-ốt cầu nguyện xin Chúa chăm sóc và gìn giữ Phao-lô cùng Ba-na-ba"
Acts 14:27
Khi họ đến
"Khi Phao-lô và Ba-na-ba đến"
Đức Chúa Trời đã làm với họ
"Đức Chúa Trời đã làm qua Phao-lô và Ba-na-ba"
Ngài đã mở cửa đức tin cho dân ngoại
Đây là phép ẩn dụ có thể dịch là “Đức Chúa Trời đã mở ra một con đường để dân ngoại có thể tin”, “Đức Chúa Trời đã cho dân ngoại được tin” hay “Đức Chúa Trời cho dân ngoại cơ hội để tin”. Cũng giống như một người không thể đi qua cánh cửa đã đóng kín nếu không có ai mở nó ra thì dân ngoại cũng không thể có đức tin nơi Đức Chúa Trời trừ khi Ngài cho phép.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thể nào Ngài đã
"Thể nào Đức Chúa Trời đã"

Họ ở lại
"Phao-lô và Ba-na-ba ở lại"

Translation Questions

Acts 14:1

Những người Do Thái không tin tại I-cô-ni đã làm gì sau khi rất nhiều người tin theo lời giảng của Phao-lô và Ba-na-ba?

Những người Do Thái không tin xúi giục tâm trí những người ngoại khiến họ cay nghiệt với các anh em.

Acts 14:3

Đức Chúa Trời bày tỏ bằng chứng về đạo ân điển của Ngài như thế nào?

Đức Chúa Trời bày tỏ bằng chứng về đạo ân điển của Ngài bằng các dấu lạ, phép mầu qua Phao-lô và Ba-na-ba.

Acts 14:5

Vì sao Phao-lô và Ba-na-ba rời khỏi I-cô-ni?

Vì một số người ngoại và người Do Thái ra sức thuyết phục các nhà lãnh đạo ngược đãi và ném đá Phao-lô và Ba-na-ba.

Acts 14:8

Phao-lô đã làm gì gây náo động ở Lít-trơ?

Phao-lô chữa lành cho một người bị què từ lúc sinh ra.

Acts 14:11

Người dân Lít-trơ muốn làm gì cho Phao-lô và Ba-na-ba?

Người dân muốn dâng tế lễ cho Phao-lô và Ba-na-ba qua thầy tế lễ của thần Giu-bi-tê.

Acts 14:14

Ba-na-ba và Phao-lô phản ứng thế nào trước điều người dân muốn làm cho họ?

Ba-na-ba và Phao-lô xé áo mình, đi vào giữa đám đông và kêu lên rằng họ cần phải xoay bỏ những điều vô nghĩa này mà trở về cùng Đức Chúa Trời hằng sống.

Acts 14:17

Phao-lô và Ba-na-ba nói trong quá khứ Đức Chúa Trời đã làm gì cho các dân tộc thậm chí khi họ đi theo đường lối riêng của mình?

Đức Chúa Trời ban cho mưa, mùa màng nhiều kết quả, thức ăn dư dật và khiến lòng họ ngập tràn niềm vui.

Acts 14:19

Sau đó đám đông ở Lít-trơ đã làm gì cho Phao-lô?

Sau đó đám đông tại Lít-trơ ném đá Phao-lô rồi kéo ông ra ngoài thành.

Acts 14:23

Phao-lô và Ba-na-ba làm gì trong mỗi lần nhóm họp các tín hữu trước khi họ rời đi?

Trong mỗi lần nhóm họp, Phao-lô và Ba-na-ba bổ nhiệm các trưởng lão, kiên ăn cầu nguyện và giao phó các tín hữu cho Chúa.

Acts 14:27

Phao-lô và Ba-na-ba đã làm gì khi trở lại An-ti-ốt?

Khi trở lại An-ti-ốt, họ kể lại mọi điều Đức Chúa Trời đã làm qua họ và Ngài đã mở cánh cửa đức tin cho dân ngoại như thế nào.

Chapter 15

Acts 15:1

Thông tin tổng quát:

Đây là một sự kiện mới trong câu chuyện. Phao-lô và Ba-na-ba vẫn đang ở tại An-ti-ốt khi đó có 1 cuộc bàn cãi về người ngoại và phép cắt bì.

Một vài người
"Một số người"

Đi xuống từ Giu-đê

Cụm từ "đi xuống từ" ít mang ý nghĩa về độ cao (Giu-đê cao hơn An-ti-ốt về địa lý), nhưng phần nhiều là cách nhìn của người Do Thái. Người Do Thái xem đi đến Giê-ru-sa-lem và đến đền thờ là đi “lên”, còn đi ra khỏi Giê-ru-sa-lem và đền thờ là đi “xuống”.

Dạy các anh em
"Tiếp tục dạy các tín hữu ở An-ti-ốt" hay "để dạy các tín hữu ở An-ti-ốt"

Như tục lệ
"Theo tục lệ" hay "theo lời dạy"

Với họ
"Với những người từ Giu-đê"

Đi lên Giê-ru-sa-lem
(Xem ghi chú ở trên, cụm từ “đi xuống…”)

Tranh luận này
"Vấn đề nầy"

Acts 15:3

Vậy được hội thánh tiễn lên đường, họ vượt qua

Đây là câu bị động có thể được dịch là “Vậy hội thánh tiễn Phao-lô, Ba-na-ba và một số tín hữu khác từ An-ti-ốt đến Giê-ru-sa-lem. Họ vượt qua…”.

Vượt qua…thuật lại

Từ “vượt qua” và “thuật lại” ở đây có nghĩa là họ dành thời gian ở một số nơi và chia sẻ cụ thể về việc Đức Chúa Trời đã làm.

Sự quy đạo của dân ngoại

Nhiều người ngoại đã thay đổi niềm tin của họ từ các vị thần Hy Lạp và Rô Ma sang tin cậy nơi Chúa Giê-xu.

Họ được hội thánh tiếp đón...

Đây là câu bị động có thể dịch là “các thành viên trong hội thánh tiếp đón họ bao gồm…”

Với họ
"Qua họ"

Acts 15:5

Thông tin tổng quát:

Phao-lô và Ba-na-ba bây giờ đang ở Giê-ru-sa-lem để họp với các sứ đồ và các trưởng lão tại đó.

Nhưng những người đó

Lu-ca cho thấy sự tương phản giữa những người tin rằng “chỉ nhờ Chúa Giê-xu mà được cứu” và những người thuộc phái Pha-ri-si tin Chúa Giê-xu nhưng cho rằng “phải chịu cắt bì mới được cứu”.

Phải làm phép cắt bì cho họ và truyền họ phải

Từ "họ" chỉ về những tín hữu ngoại bang chưa được cắt bì.

Tuân giữ luật pháp
"Vâng theo luật pháp" hay "giữ theo luật pháp"

Xem xét vấn đề nầy
"Thảo luận về những khác biệt trong niềm tin". Tức là, tranh luận về những sứ điệp cứu rỗi khác nhau giữa phúc âm của Phao-lô (sự cứu rỗi nhờ Chúa Giê-xu) và phúc âm của người Pha-ri-si (sự cứu rỗi nhờ phép cắt bì và luật pháp).

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 15:7
Thông tin tổng quát:
Phi-e-rơ bắt đầu nói chuyện với các sứ đồ và trưởng lão.
Nói với họ
"Nói với nhóm các sứ đồ, trưởng lão và những tín hữu khác đang có mặt"
Anh em
Cụ thể Phi-e-rơ chỉ về những người đang có mặt.
Giữa anh em
Giữa các tín hữu Do Thái
Bởi miệng tôi
Phi-e-rơ nói vậy để chỉ về chính ông.
Dân ngoại được nghe
"Dân ngoại có thể nghe"
Làm chứng cho họ
"Làm chứng cho dân ngoại"
Và Ngài đã làm
“và Đức Chúa Trời đã làm”
Không phân biệt
Đức Chúa Trời không xem là khác biệt và không phân biệt đối xử giữa các tín hữu Do Thái với các tín hữu ngoại bang.
Giữa chúng ta và họ
Phi-e-rơ bao hàm người nghe trong từ “chúng ta”. Từ “họ” chỉ về dân ngoại.
Acts 15:10
Câu liên kết:
Phi-e-rơ kết thúc bài nói chuyện với các sứ đồ và trưởng lão.
Vì sao anh em thử Đức Chúa Trời, gán vào cổ các môn đồ cái ách mà tổ phụ chúng ta và cả chúng ta cũng không mang nổi?
Đây là câu hỏi tu từ Phi-e-rơ muốn nói với các tín hữu Do Thái rằng họ không nên bắt những tín hữu ngoại bang tuân giữ luật Môi-se và đặc biệt là phép cắt bì. Có thể dịch là “Đừng thử Chúa bằng việc chất trên các tín hữu ngoại bang gánh nặng mà chúng ta không thể mang nổi!”
Cả tổ phụ chúng ta và chúng ta đều không
Phi-e-rơ bao hàm cả người nghe khi dùng từ “chúng ta”.
Nhưng chúng ta tin rằng chúng ta được cứu
Phi-e-rơ bao hàm các thính giả Do Thái cùng với ông.
Cũng như họ
"Cũng như các tín hữu ngoại bang"
Acts 15:12
Cả hội chúng
Các sứ đồ, trưởng lão và nhiều tín hữu không xác định khác đang có mặt
Đức Chúa Trời đã hành động
"Đức Chúa Trời đã làm"
Qua họ
Từ "họ" chỉ về Phao-lô và Ba-na-ba
Acts 15:13
Thông tin tổng quát:
Gia-cơ bắt đầu nói chuyện với các sứ đồ và trưởng lão.
Sau khi họ dứt lời
"Sau khi Ba-na-ba và Phao-lô nói xong"
Lấy ra từ họ
"Chọn ra trong số họ"
Một dân tộc
"Một nhóm người"
Cho danh Ngài
Tức là cho chính Ngài. Có thể dịch là “cho chính Ngài”.
Acts 15:15
Câu liên kết:
Gia-cơ trích dẫn lời tiên tri trong sách A-mốt.
Phù hợp với
"Chứng thực chân lý nầy" hay "phù hợp với chân lý nầy"
Ta sẽ trở lại...ta sẽ xây dựng...ta sẽ dựng
Từ "Ta" chỉ về Đức Chúa Trời là Đấng đang nói qua lời của Đấng tiên tri.
Ta sẽ xây dựng lại lều của Đa-vít
Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ lập một vua từ dòng dõi của vua Đa-vít. (UDB)
Ta sẽ dựng lên và phục hồi những chỗ đổ nát, để những người còn lại tìm kiếm Chúa.
"Ta sẽ lập một vị vua từ dòng dõi của Đa-vít để dân sự có cơ hội tìm kiếm Chúa"
Phục hồi những chỗ đổ nát
"Những chỗ đổ nát" chỉ về những tòa nhà, bức tường, và những vật dụng còn sót lại sau khi thành phố bị phá hủy hay bị mục nát qua nhiều năm.
Acts 15:19
Câu liên kết:
Gia-cơ kết thúc bài nói chuyện với các sứ đồ và trưởng lão.
Chúng ta không nên gây phiền hà cho những dân ngoại nầy
"Chúng ta không nên bắt dân ngoại chịu cắt bì và tuân giữ luật Môi-se".
Chúng ta không nên gây phiền hà
Gia-cơ bao hàm cả các sứ đồ, trưởng lão và nhóm người được cắt bì trong từ “chúng ta”.
Thần tượng...sự gian dâm...chết ngạt...huyết
Dâm loạn, siết cổ động vật và uống huyết thường là một phần trong nghi lễ thờ cùng thần tượng và tà thần.
Acts 15:22
Cả Hội Thánh
Nghĩa là các thành viên trong Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem đồng ý với các sứ đồ và các trưởng lão. Có thể dịch là “cả Hội Thánh Giê-ru-sa-lem”.
Giu-đe Ba-sa-ba
Một lãnh đạo trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem
Si-la
Một lãnh đạo trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem
Cử họ
"Cử Giu-đe và Si-la"
Họ viết thư thế nầy
"Các sứ đồ, trưởng lão và các tín hữu ở Giê-ru-sa-lem viết những lời nầy"
Si-li-si
Một tỉnh nằm trên bờ biển Tiểu A-si, phía bắc đảo Chíp-rơ
Acts 15:24
Câu liên kết:
Bức thư từ Hội Thánh Giê-ru-sa-lem gửi cho những tín hữu ngoại bang ở tại An-ti-ốt.
Có một vài người
"Có một số người"
Những người chúng tôi không giao chỉ thị nào
Chúng tôi không cử họ đi ra rao giảng những lời đó.
Có lẽ tất cả chúng tôi nên
Chúng tôi đều nhất trí
Acts 15:27

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu liên kết :

Đây là phần cuối thư từ Hội Thánh Giê-ru-sa-lem gửi cho tín hữu dân ngoại ở An-ti-ốt.

Chúng tôi do vậy đã cử Giu-đe và Si-la

"Vì vậy chúng tôi đã cử Giu-đe và Si-la" hay "Do đó chúng tôi đã cử Giu-đa và Si-la"

Là những người sẽ nói cho anh em những điều tương tự

"Họ sẽ trực tiếp nói cho anh em những điều chúng tôi đã viết trong thư"

Huyết

Chỉ về việc uống hay ăn huyết động vật.

Vật chết ngạt

Động vật bị giết mà chưa thọc huyết.

Chào từ biệt

Lời chào cuối cùng hay lời tạm biệt ở cuối thư. Có thể dịch là “tạm biệt”.

Acts 15:30

Vậy họ, khi họ…sau khi họ…họ trao

Từ "họ" chỉ về Giu-đe, Si-la, Phao-lô và Ba-na-ba

Được tiễn biệt

"Được phép rời đi" hay "được phái đi"

Xuống thành An-ti-ốt

Thay đổi về độ cao. Bên canh đó, miễn là đi ra khỏi Giê-ru-sa-lem bất kể độ cao của điểm đến như thế nào đều được gọi là “xuống”.

Khi họ đã đọc thư rồi thì rất vui mừng

Từ "họ" ở đây chỉ về những tín hữu ngoại bang ở An-ti-ốt.

Cũng là những tiên tri

Là tiên tri mang thẩm quyền từ Chúa một cách đặc biệt. Có thể dịch là “vì họ là những nhà tiên tri” hay “là những tiên tri” UDB.

Khích lệ anh em

"Khích lệ các tín hữu tại An-ti-ốt"

Acts 15:33

Sau khi họ…họ được tiễn

Từ "họ" chỉ về Giu-đe và Si-la.

Một thời gian

"Một khoảng thời gian" hay "một vài tuần"

Họ được các anh em tiễn đi cách bình an

"Các tín hữu chào tam biệt khi họ rời đi"

Các anh em tiễn đi cách bình an

Hội Thánh An-ti-ốt tiễn đi như những người bạn

Trở về cùng những người đã sai họ đi

"Trở về Hội Thánh Giê-ru-sa-lem đã sai Giu-đe và Si-la đi"

Nhưng Phao-lô và Ba-na-ba ở lại

"Trong khi đó Phao-lô và Ba-na-ba vẫn ở lại"

Acts 15:36

Chúng ta hãy

"Tôi đề nghị chúng ta"

Thăm các anh em

"Thăm" có nghĩa là "chăm sóc" hay "xem có thể giúp như thế nào".

Xem họ như thế nào

"Tìm hiểu tình trạng hiện tại của các anh em và mức độ vững vàng trong chân lí họ được truyền cho như thế nào"

Đem theo Giăng, gọi là Mác

"Đem Giăng, còn gọi là Mác, theo cùng Phao-lô và ông (Ba-na-ba)"

Phao-lô nghĩ đem Mác theo thì không tốt.

Từ “không tốt” được dùng để nói về sự ngược lại. Có thể dịch là “Phao-lô nghĩ rằng đem Mác theo sẽ có hại.”

Acts 15:39

Bất đồng gay gắt

Phao-lô và Ba-na-ba không thể đi đến một thỏa thuận hay thông cảm.

Đến nỗi họ phân rẽ nhau

"Đến nỗi Ba-na-ba và Phao-lô phân rẽ nhau"

Và bắt tàu đi

"Và họ bắt tàu đi"

Được anh em

"Được các tín hữu tại An-ti-ốt"

Đi qua Sy-ri và Si-li-si

Đây là các tỉnh ở Tiểu A-si, phía bắt đảo Chíp-rơ.

Làm cho các Hội Thánh được vững mạnh

"Làm cho các Hội Thánh được vững mạnh về thuộc linh"

Translation Questions

Acts 15:1

Một số người từ Giu-đê đến dạy các anh em điều gì?

Một số người từ Giu-đê dạy rằng anh em sẽ không được cứu nếu không chịu cắt bì.

Acts 15:3

Trải qua Phê-ni-xi và Sa-ma-ri, Phao-lô và các bạn đồng hành đã thuật lại điều gì?

Phao-lô và các bạn đồng hành thuật lại sự quy đạo của các dân ngoại.

Acts 15:5

Nhóm tín hữu nào cho rằng dân ngoại phải chịu cắt bì và giữ luật pháp Môi-se?

Nhóm người Pha-ri-si cho rằng dân ngoại phải chịu cắt bì và giữ theo luật pháp của Môi-se.

Acts 15:12

Phao-lô và Ba-na-ba đã thuật lại điều gì cho hội chúng?

Phao-lô và Ba-na-ba thuật lại những dấu lạ, phép màu mà Đức Chúa Trời thực hiện giữa dân ngoại.

Acts 15:13

Lời tiên tri mà Gia-cơ trích dẫn nói rằng Chúa sẽ xây dựng lại điều gì? Và liên quan đến những ai?

Lời tiên tri nói rằng Chúa sẽ dựng lại lều tạm của Đa-vít bị đổ đổ nát, và nó liên quan đến Dân ngoại.

Acts 15:36

Phao-lô nói với Ba-na-ba ông muốn làm điều gì?

Phao-lô nói với Ba-na-ba rằng ông muốn trở lại thăm các anh em trong mỗi thành mà họ đã rao giảng đạo Chúa.

Acts 15:39

Tại sao Phao-lô và Ba-na-ba phân rẽ nhau và đi về hai hướng khác nhau?

Ba-na-ba muốn đem theo Mác còn Phao-lô thì nghĩ không nên đem Mác theo.

Chapter 16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 16:1

Thông tin tổng quát:

Phần này của chuyện nói về chuyến đi của Phao-lô với Si-la. Ở đây Ti-mô-thê được giới thiệu vào câu chuyện và tham gia cùng Phao-lô và Si-la. Câu 1 và 2 cho chúng ta biết thông tin về Ti-mô-thê.

Kìa

Từ “kìa” hướng chúng ta chú ý đến một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ dịch có thể có cách để giới thiệu như vậy. Trong Tiếng Anh người ta dùng cách kể “có một người…”.

Con trai của một phụ nữ Do Thái tin Chúa

"Con trai của một người nữ Do Thái tin Chúa Cứu Thế"

Anh được làm chứng tốt

"Ti-mô-thê có tiếng tốt" hay "các tín hữu nói tốt về anh"

Phao-lô muốn anh đi cùng ông nên đưa anh đi

"Phao-lô muốn Ti-mô-thê đi cùng ông (Phao-lô); nên Phao-lô đưa Ti-mô-thê đi". Tất cả những đại từ chỉ người ở ngôi thứ ba (anh ta, của anh ta) trong câu này đều chỉ về Ti-mô-thê.

Cha anh là người Hy Lạp

Vì là người Hy Lạp nên cha của Ti-mô-thê không làm phép cắt bì cho Ti-mô-thê, do đó Phao-lô làm phép cắt bì cho anh. Phép cắt bì thường được thực hiện bởi một Rabbi Do Thái như Phao-lô.

Acts 16:4

Họ đi

Đại từ ở đây chỉ về Phao-lô, Si-la và Ti-mô-thê.

Cho họ tuân giữ

"Cho các thành viên Hội Thánh vâng giữ" hay "cho các tín hữu vâng giữ"

Được lập ra bởi các sứ đồ và trưởng lão ở Giê-ru-sa-lem

"Do các sứ đồ và trưởng lão ở Giê-ru-sa-lem lập ra".

Các Hội Thánh được vững mạnh

"Phao-lô, Si-la và Ti-mô-thê làm vững mạnh các Hội Thánh".

Acts 16:6

Phi-ri-gi và Ga-la-ti

Đây là các tỉnh ở A-si.

Họ bị Đức Thánh Linh ngăn cấm

"Đức Thánh Linh ngăn cấm họ" hay "Đức Thánh Linh không cho phép họ" (Xem: Active or Passive)

My-si-a… Bi-thi-ni

Đây là hai tỉnh khác ở A-si.

Thánh Linh của Chúa Giê-xu

"Đức Thánh Linh"

Acts 16:9

Một khải tượng hiện ra cho Phao-lô

Phao-lô nhìn thấy một khải tượng không phải là một giấc mơ.

Gọi ông

"Cầu xin Phao-lô" hay "nài Phao-lô"

Giúp đỡ chúng tôi

Từ "chúng tôi" không bao hàm Phao-lô vào đối tượng cần được giúp đỡ. “Hãy giúp đỡ tôi và những người khác ở Ma-xê-đô-ni-a”.

Chúng tôi tìm cách

Đại từ “chúng tôi” chỉ về Phao-lô và những người bạn đồng hành với ông. Lu-ca, tác giả của sách Công-vụ, là một trong số những người cùng đi với ông vào thời điểm nầy. Đại từ nầy bao gồm cả tác giả và những người có mặt.

Đức Chúa Trời đã kêu gọi chúng tôi

Đại từ “chúng tôi” chỉ về Phao-lô và những người bạn đồng hành với ông. Lu-ca, tác giả của sách Công-vụ, là một trong số những người cùng đi với ông vào thời điểm nầy. Đại từ nầy bao gồm tất cả những người đi cùng ông.

Giảng phúc âm cho họ

"Giảng phúc âm cho người Ma-xê-đô-ni-a".

Acts 16:11

Thông tin tổng quát:

Câu 13 là mở đầu câu chuyện về Ly-đi. Đây là một mẫu chuyện đã xảy ra trong suốt hành trình của Phao-lô.

Chúng tôi làm

Từ "chúng tôi" trong những câu này chỉ về Phao-lô và những người bạn đồng hành với ông. Lu-ca, tác giả của sách Công-vụ, là một trong số những người cùng đi với ông vào thời điểm nầy.

Samothrace...Neapolis

Các thành phố ven biển gần Phi-líp.

Thuộc địa nước Rô-ma

Nơi Rô-ma chinh phục và chiếm đóng vào thời điểm đó, cụ thể là các binh lính Rô-ma.

Acts 16:14

Câu liên kết:

Đây là phần kết của câu chuyện về Ly-đi.

Một người phụ nữ nọ tên là Ly-đi

"Có một người phụ nữ tên là Ly-đi"

Một người bán vải sắc tía

"Một thương nhân bán vải sắc tía"

Thờ phượng Đức Chúa Trời

Người thờ phượng Đức Chúa Trời ở đây là người ngoại tôn vinh Chúa và đi theo Ngài nhưng không tuân giữ tất cả các luật Do Thái.

Lắng nghe chúng tôi

"Bà lắng nghe chúng tôi"

Những điều nói ra từ Phao-lô

"Những điều Phao-lô nói".

Khi bà chịu báp-tem cùng với nhà mình

"Khi bà chịu báp-tem cùng với các thành viên trong nhà mình".

Acts 16:16

Thông tin tổng quát:

Đây là mở đầu mẫu chuyện khác trong chuyến đi của Phao-lô. Đây là sự kiện đầu tiên trong câu chuyện, nó kể về một thầy bói trẻ.

Một phụ nữ trẻ tuổi

"Có một phụ nữ trẻ tuổi"

Linh bói toán

Một linh ác thường nói cho cô biết tương lai trước mắt của mọi người.

Bà ta làm lợi rất nhiều cho chủ của bà bởi việc xem bói

Đây là thông tin về phụ nữ trẻ đó.

Rất bực mình vì cô

"Rất phiền vì cô" hay "trở nên rất phiền muộn vì việc cô làm"

Quay

"Phao-lô quay lại" hay "di chuyển để đối mặt với người phụ nữ đằng sau ông"

Nó liền ra khỏi

“Và linh đó liền ra khỏi ngay lặp tức”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 16:19
Các chủ của cô
Những người chủ của đầy tớ gái
Hy vọng kiếm lợi của họ
Chỉ về khả năng bói toán của người tớ gái vì người ta phải trả tiền để cô nói tiên tri.
Kéo họ
"Kéo Phao-lô và Si-la", không có những người còn lại trong đoàn của Lu-ca và Ti-mô-thê.
Trước các nhà chức trách
"Trước mặt các nhà chức trách" hay "để các nhà chức trách xét xử"
Khi họ đã đem hai ông đến quan tòa thì họ nói
"Khi những người chủ đã đem Phao-lô và Si-la đến quan tòa thì họ nói"
Họ dạy dỗ
"Phao-lô và Si-la dạy dỗ"
Trái luật pháp chúng ta
Những người chủ bao hàm cả các nhà chức trách trong lời buộc tội của họ vì tất cả họ đều là người Rô-ma.
Acts 16:22
Các quan tòa xé áo họ
Các quan tòa xé áo Phao-lô và Si-la.
Ra lệnh đánh đòn họ
"Ra lệnh cho lính đánh đòn Phao-lô và Si-la". (Xem: Thể chủ động hay thể bị động)
Họ tống hai người
"Các quan tòa bỏ Phao-lô và Si-la" hay "các quan tòa ra lệnh cho quân lính bỏ Phao-lô và Si-la".
Lệnh cho cai ngục canh giữ họ nghiêm ngặt
"Dặn cai ngục đảm bảo không để họ ra ngoài". Cai ngục là người chịu trách nhiệm cho tất cả tù nhân bị giam trong ngục hay nhà tù.
Cùm
Khóa kỹ tại chỗ
Cái cùm
Là một miếng gỗ có lỗ để đặt chân tù nhân vào không cho họ di chuyển (Xem UDB).
Acts 16:25
Thông tin tổng quát:
Đây là sự kiện thứ hai trong câu chuyện, nói về Phao-lô và Si-la ở trong tù và người cai ngục.
Nghe họ
Từ “họ” chỉ về Phao-lô và Si-la đang cầu nguyện và hát ca ngợi Chúa.
Đến nỗi nền ngục rúng động
“Làm rúng động nền ngục"
Xiềng của tất cả tù nhân đều được tháo ra
"Xiềng của tất cả tù nhân đều rời ra”
Acts 16:27
Định tự sát
"Chuẩn bị tự sát". Người cai ngục thà tự sát hơn là chịu hậu quả vì để những tù nhân trốn thoát.
Chúng tôi đều còn cả đây
Từ “chúng tôi” bao hàm cả Phao-lô, Si-la và tất cả các tù nhân khác.
Acts 16:29
Chạy nhanh vào
"Vội vã chạy vào ngục"
Sấp mình trước Phao-lô và Si-la
Người cai ngục khiêm nhường quỳ dưới chân Phao-lô và Si-la.
Đưa họ ra ngoài
Dẫn họ ra khỏi ngục
Acts 16:32
Thông tin tổng quát:
Ở đây, từ “họ” chỉ về Phao-lô và Si-la.
Trong nhà ông
"Trong gia đình ông". Người cai ngục đưa Phao-lô và Si-la đến gặp gia đình ông.
Ông và cả nhà ông đều chịu báp tem
Câu này có thể được chuyển từ thể bị động sang chủ động: “Phao-lô và Si-la làm báp tem cho người cai ngục và tất cả các thành viên trong gia đình ông”. (Xem: Active or Passive)
Ông, của ông
Những đại từ này chỉ về người cai ngục.
Vì họ đều đã tin
"Vì tất cả thành viên trong gia đình ông đều đã tin"
Acts 16:35
Thông tin tổng quát:
Đây là sự kiện cuối cùng trong câu chuyện, kể về Phao-lô và Si-la được phóng thích.
Đến sáng
Đây là khởi đầu của một phân đoạn mới.
Gửi lời
"Gửi thông điệp" hay "truyền lệnh"
Để những người đó đi
"Thả những người đó ra" hay "cho những người đó đi"
Hãy ra
"Hãy ra khỏi ngục"
Acts 16:37
Nói với họ
"Nói với những lính canh"
Họ đã công khai
"Các quan tòa đã công khai"
Đánh chúng tôi là những người
Từ “chúng tôi” chỉ bao gồm Phao-lô và Si-la.
Thật sự không được
Phao-lô đang phản ứng lại với các quan tòa hay những nhà lãnh đạo thành phố mặc dù ông đang nói với người cai ngục. Có thể dịch là "Chắc chắn là không được!"
Romans
Chỉ về người dân trên khắp Đế quốc có quyền công dân hợp pháp. Trong số các quyền lợi của một công dân Rô-ma, họ có quyền không bị tra tấn và có quyền được xét xử qua tòa án. Các lãnh đạo thành phố lo sợ những hậu quả sẽ xảy ra nếu Đế quốc biết được họ đã ngược đãi Phao-lô và Si-la. (Xem: Explicit and Implicit)
Phải để họ đến
"Các lãnh đạo thành phố phải đến"
Các quan tòa đến năn nỉ họ
Các quan tòa đến năn nỉ Phao-lô và Si-la
Khi họ đã đưa hai người ra
Khi các quan tòa đã đưa Phao-lô và Si-la ra
Acts 16:40
Thông tin tổng quát:
Đây là phần kết của câu chuyện về Phao-lô và Si-la ở trong tù.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nhà Ly-đi
"Gia đình của Ly-đi"
Hai người khích lệ họ
"Phao-lô và Si-la khích lệ các anh em" hay "Phao-lô và Si-la khích lệ các tín hữu"

Translation Questions

Acts 16:4
Phao-lô mang đến những quy định nào cho các hội thánh trên hành trình của mình?
Phao-lô mang đến những quy định của các sứ đồ và trưởng lão ở Giê-ru-sa-lem.
Acts 16:9
Làm thế nào Phao-lô biết Đức Chúa Trời kêu gọi ông đến giảng phúc âm ở Ma-xê-đô-ni-a?
Phao-lô nhìn thấy khải tượng về một người Ma-xê-đô-ni-a nài xin ông đến cứu giúp họ.
Acts 16:14
Chúa đã làm gì cho Ly-đi khi Phao-lô nói?
Chúa mở lòng Ly-đi cho bà chăm chú nghe điều Phao-lô nói.
Acts 16:16
Nhờ vào tà linh, người tớ gái đã làm gì để kiếm tiền cho chủ?
Cô kiếm tiền cho chủ bằng việc bói toán.
Acts 16:22
Án phạt các quan tòa dành cho Phao-lô và Si-la là gì?
Họ bị đánh đòn, ném vào ngục và bị cùm.
Acts 16:25
Phao-lô và Si-la làm gì trong ngục vào lúc nửa đêm?
Họ cầu nguyện và hát thánh ca ngợi khen Chúa.
Acts 16:35
Điều gì khiến các quan tòa sợ hãi sau khi ra lệnh thả Phao-lô và Si-la?
Các quan tòa sợ hãi vì biết rằng họ đã đánh đòn hai công dân La Mã trước dân chúng khi chưa định tội.
Acts 16:40
Sau khi các quan tòa yêu cầu họ rời khỏi thành phố thì Phao-lô và Si-la đã làm gì?
Phao-lô và Si-la đến nhà Ly-đi, khích lệ các anh em rồi rời khỏi Phi-líp.

Chapter 17
Acts 17:1
Thông tin tổng quát:
Đây là một phần khác trong câu chuyện về hành trình của Phao-lô và Si-la. Bây giờ họ đang ở Tê-sa-lô-ni-ca. Ti-mô-thê và Lu-ca không ở cùng với họ.
Vượt qua
"Đi qua"
Thành Am-phi-pô-lít và A-pô-lô-ni-a
Đây là các thành phố ven biển ở Ma-xê-đô-ni-a. (Xem: How to Translate Names)
Theo thông lệ của ông
"Theo thói quen của ông" hay "theo thói thường của ông". Phao-lô thường đến nhà hội vào ngày Sa-bát, là lúc người Do Thái có mặt ở đó.
Đi vào đó
Từ “đó” chỉ về nhà hội và những người Do Thái nhóm tại đó.
Bàn luận với họ
"Tranh luận với những người Do Thái trong nhà hội" hay "thảo luận với những người Do Thái trong nhà hội".
Acts 17:3
Ông mở Kinh Thánh
Có thể hiểu là 1) “Phao-lô giải thích Kinh Thánh một cách rõ ràng để mọi người có thể hiểu được điều ông đang dạy” hay 2) “Phao-lô mở sách Kinh Thánh hoặc cuộn giấy da”.
Cần phải
"Nằm trong kế hoạch" hay "phải xảy ra như vậy"
Sống dậy
"Sống lại"
Người Do Thái được thuyết phục
"Người Do Thái được chinh phục"
Và tham gia với Phao-lô
"Và kết hợp với Phao-lô"
Những người Hy Lạp tin kính
Những người thờ phượng Chúa nhưng chưa chuyển sang Do Thái giáo bằng phép cắt bì
a great crowd
"Một đám đông lớn"
Acts 17:5
Bị kích động bởi
"Bị thúc đẩy bởi"
Những tên hung hãn
"Một số kẻ ác ôn", ở đây đặc biệt chỉ về nam giới.
Ngoài phố chợ
Đây là nơi buôn bán công cộng, là nơi diễn ra các hoạt động mua bán hàng hóa, súc vật và các dịch vụ, “từ quãng trường công cộng” (UDB).
Khiến thành phố
"Làm cho thành phố"
Tấn công nhà
"Hung bạo lao vào nhà"
Chúng muốn đưa
Đại từ ở đây chỉ về những người Do Thái không tin và những tên hung hãn ngoài chợ.
Ra trước dân chúng
"Trước một nhóm công dân hợp pháp hay có liên quan đến chính phủ tụ tập để đưa ra quyết định mang tính tập thể"
Trước các nhà cầm quyền
"Trước mặt các nhà cầm quyền"
Những người này
Các nhà lãnh đạo Do Thái đang nói và chỉ về Phao-lô và Si-la khi gọi họ là “những người này”.
Làm đảo lộn thiên hạ
Thành ngữ này có nghĩa là “gây rối” (UDB). Các nhà lãnh đạo Do Thái thể hiện sự ganh ghét của họ bằng cách thổi phồng những ảnh hưởng từ sự giảng dạy của Phao-lô và Si-la.
Gia-sôn đã tiếp đón
Ý nói rằng Gia-sôn cũng đồng lõa với thông điệp gây rối của các sứ đồ.
Acts 17:8
Họ xôn xao

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Lo lắng" hay "lo âu"

Phạt tiền bảo lãnh

"Trái phiếu" hay "tiền cọc" hay "phạt tiền" (UDB). Đây là tiền cọc hứa sẽ có hành vi đúng đắng, sẽ được trả lại nếu cải tạo tốt hoặc dùng để bồi thường khi có hành vi xấu gây ra thiệt hại.

Và những người còn lại

"Các tín hữu khác ngoài Gia-sôn"

Để họ đi

"Các nhà cầm quyền thả Gia-sôn và những tín hữu bị bắt giữ khác"

Acts 17:10

Thông tin tổng quát:

Đây là phần khác của câu chuyện về hành trình của Phao-lô và Si-la. Bây giờ, họ đang ở Bê-rê.

Các anh em

Từ “anh em” ở đây chỉ về tín hữu đàn ông lẫn đàn bà.

Có tinh thần hơn

“Có tinh thần cởi mở hơn” hay “sẵn sàng lắng nghe hơn". “Sẵn sàng lắng nghe” là đặc điểm của những người được sinh ra và giáo dục trong các gia đình thuộc tầng lớp thượng lưu, ở đây các ý tưởng mới ít bị đe dọa hơn.

Tiếp nhận đạo

"Lắng nghe sự giảng dạy"

Tâm trí sẵn sàng

Những người Bê-rê nầy luôn chuẩn bị sẵn sàng tra xét lời dạy của Phao-lô với Kinh Thánh.

Tra xem Kinh Thánh mỗi ngày

"Mỗi ngày cẩn thận đọc và xem xét các phân đoạn Kinh Thánh có liên quan"

Acts 17:13

Học

"Được biết", "được báo" hay "nghe tin" (UDB)

Đến đó và quấy rối

"Đến đó và kích động" hay "đến đó và gây nghi ngờ"

Và làm cho dân chúng xôn xao

"Khiến dân chúng sợ hãi"

Anh em

Từ “anh em” ở đây chỉ về những tín hữu cả nam lẫn nữ.

Những người dẫn Phao-lô

"Những người đồng hành với Phao-lô" hay "những người đi cùng với Phao-lô"

Acts 17:16

Thông tin tổng quát:

Đây là phần kahsc của câu chuyện về Phao-lô và Si-la. Phao-lô đang ở tại A-thên chờ Si-la và Ti-mô-thê cùng đi với ông.

Lòng ông buồn bực

"Ông phiền não" hay "ông lo phiền" hay "ông rất buồn rầu" (UDB)

Nên ông biện luận

"Nên ông tranh luận" hay "nên ông thảo luận". Động từ này ngụ ý ở đây có sự tương tác từ phía người nghe nhiều hơn so với việc giảng dạy.

Ngoài phố chợ

Đây là quảng trường công cộng để buôn bán, là nơi diễn ra việc mua bán sản phẩm, gia súc và dịch vụ; “quảng trường công cộng” (UDB).

Acts 17:18

Các triết gia phái Ê-pi-cu-riên

Những người nầy tin rằng mọi vật tình cờ mà có. Họ cũng tin rằng các vị thần lúc nào cũng vui vẻ và đầy phước lành không thể bị quấy rầy bởi việc phải cai quản vũ trụ. Họ cũng bác bỏ sự sống lại.

Các triết gia phái Xtô-xi-ên

Những người nầy tin rằng tự do đến từ việc phó mình cho số phận. Họ bác bỏ việc Đức Chúa Trời yêu thương mỗi cá nhân và sự sống lại.

Đối đầu cùng ông

"Đối đầu cùng Phao-lô"

Một số kẻ nói

"Một số các triết gia nói"

Kẻ già mép

“người hay bép xép” được dùng để chỉ những con chim nhặt hạt làm thức ăn. Đây là thuật ngữ tiêu cực chỉ về những người lẻo mép. Các triết gia nói Phao-lô luyên thuyên những điều không đáng nghe.

Những kẻ khác thì nói

"Những triết gia khác thì nói"

Có vẻ ông ta là người diễn thuyết

"Có vẻ ông ta là người tuyên bố" hay "Có vẻ ông ta đang làm nhiệm vụ truyền ba sứ điệp"

Những thần lạ

Ở đây không có nghĩa là “kì lạ” mà có nghĩa là “ngoại quốc”, tức là không phải là các thần Rô-ma hay Hy Lạp.

Acts 17:19

Họ đem Phao-lô

"Các triết gia phái Ê-pi-cu-riên và Xtô-xi-ên đem Phao-lô"

Đến A-rê-ô-pa

Một cái đồi ở A-thên, có vẻ tòa án tối cao được triệu tập ở đây.

Chúng tôi muốn biết những điều đó có ý nghĩa gì

Từ "chúng tôi" chỉ riêng về những triết gia. Có thể dịch là “chúng tôi muốn suy xét về điều ông đang nói”. (Xem: Exclusive)

Tất cả người A-thên

"Người A-thên" là những người sống ở A-thên, một thành phố nằm gần bờ biển ở Ma-xê-đô-ni-a. (Hy Lạp thời hiện đại). (Xem: How to Translate Names)

Và ngoại kiều

"Dân ngoại quốc" hay "người mới đến sống với cộng đồng A-thên"

Dành thời gian

"Sử dụng thời gian" hay "để thời gian"

Nói và nghe những điều mới lạ

"Thảo luận về những ý tưởng triết học mới" hay "nói về những điều mới lạ với họ" (UDB)

Acts 17:22

Thông tin tổng quát:

Phao-lô bắt đầu nói chuyện với các triết gia ở tại A-rê-ô-ba.

Rất sùng đạo theo nhiều cách

Phao-lô nói đến việc cộng đồng người A-thên thể hiện sự tôn kính các thần qua lời cầu nguyện, lập bàn thờ và dâng tế lễ.

Vì khi tôi dạo qua

"Vì khi tôi đi qua"

THỜ THẦN CHƯA BIẾT

Có thể hiểu là 1) “một thần nào đó chưa được biết” hay 2) “thờ bất kì thần nào mà chúng tôi không biết”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Acts 17:24

Thế giới

Trong ý nghĩa tổng quan nhất, “thế giới” chỉ về trời và đất, cùng mọi thứ trong đó.

Vì Ngài là Chúa

Từ "Ngài" chỉ về vị thần chưa biết mà Phao-lô đang rao giảng, đó là Đức Chúa Trời. Có thể dịch là “bởi vì Ngài là Chúa”.

Do tay người xây dựng

"Do việc làm của con người"

Hầu việc Ngài

Từ "phục vụ" ở đây có ý nghĩa là một bác sĩ điều trị cho bệnh nhân được khỏe lại. Có thể dịch là: “chăm sóc cho”.

Bởi tay người

"Bởi tay con người"

Vì chính Ngài

"Bởi vì chính Ngài"

Acts 17:26

Một người

Có thể hiểu là 1) “một người chỉ về A-đam được Đức Chúa Trời dựng nên” hay 2) “Có thể bao gồm cả A-đam và Ê-va được Đức Chúa Trời dựng nên”.

Ngài đã làm nên mọi dân tộc

"Đức Chúa Trời, là Đấng tạo hóa, đã làm nên mọi dân tộc"

Của họ…họ

Những đại từ nầy chỉ về mọi dân tộc sống trên mặt đất.

Bởi vậy

Từ này đánh dấu 1 câu mà câu đó được nói đến bởi vì sự việc được nói đến trước đó.

Tìm kiếm Đức Chúa Trời

"Tìm kiếm Đức Chúa Trời"

Tìm cách đến gần Ngài

"Nhìn thấy nhu cầu cần có Ngài"

Ông ấy không cách xa

Phao-lô nói ngược lại điều ông muốn nhấn mạnh. Có thể dịch là “ông ấy rất gần”

Mỗi người chúng ta

Phao-lô bao hàm chính ông, các thính giả và tất cả các dân tộc khi dùng từ “chúng ta”.

Acts 17:28

Vì trong Ngài

"Vì trong Đức Chúa Trời"

Chúng ta sống và hoạt động

Phao-lô bao hàm người nghe luôn với ông. (Xem: Inclusive “We”)

Là dòng dõi của người

Dòng dõi không nhất thiết phải là con cháu trực tiếp nhưng họ là những người có cùng một số điểm chung với tổ phụ. Từ “của người” là một đại từ không xác định trong lời trích dẫn nầy.

Bản tính Thiên Chúa

Ở đây “thần tính” chỉ về bản chất hay thuộc thính của Đức Chúa Trời.

Acts 17:30

Câu liên kết:

Phao-lô kết thúc bài nói chuyện với các triết gia ở A-rê-ô-ba, là bài nói chuyện đã bắt đầu trong Công vụ các sứ đồ 17:22.

Bởi vậy

Từ này đánh dấu một phát biểu được nói bởi vì điều đã được nói trước đó.

Ngu dại

Có thể hiểu là 1) “đơn giản là không biết về điều đó” hay 2) “cố ý từ chối”.

Thế gian

Ở đây, từ “thế gian” chỉ về con người sống trong thế gian.

Bởi Người Ngài đã chọn

"Bởi Người Đức Chúa Trời đã chọn"

Đức Chúa Trời đã minh chứng cho Người nầy

"Đức Chúa Trời đã chứng minh Ngài lựa chọn Người nầy"

Acts 17:32

Câu liên kết:

Đây là kết thúc phần câu chuyện về Phao-lô tại A-thên.

Người A-thên

Đây là những người có mặt tại A-rê-ô-pa nghe Phao-lô giảng.

Một số người chế giễu Phao-lô

"Một số người nhạo báng Phao-lô" hay "một số người cười nhạo Phao-lô". Những người nầy không tin một người chết rồi có thể sống lại được.

Chúng tôi sẽ nghe

Từ "chúng tôi" chỉ về những người A-thên muốn nghe Phao-lô nói. Họ nói trực tiếp với Phao-lô nhưng không bao hàm ông trong nhóm của họ.

Đi-ô-ni-si-u A-rê-ô-pa, một phụ nữ tên là Đa-ma-ri

Đi-ô-ni-si-u là tên của một người nam, A-rê-ô-pa nghĩa là Đi-ô-ni-si-u là một thẩm phán ở A-rê-ô-pa. (Xem: How to Translate Names)

Translation Questions

Acts 17:1

Khi đến Tê-sa-lô-ni-ca, Phao-lô đến nơi nào đầu tiên để dùng Kinh Thánh giảng dạy về Chúa Giê-xu?

Phao-lô đi đến nhà hội đầu tiên để dùng Kinh Thánh giảng dạy về Chúa Giê-xu.

Acts 17:3

Dựa vào Kinh Thánh, Phao-lô chỉ ra điều gì là quan trọng?

Phao-lô chỉ ra điều quan trọng là Đấng Cứu Thế phải chịu thương khó rồi sống lại từ cõi chết.

Acts 17:10

Phao-lô và Si-la đi đâu khi đến Bê-rê?

Phao-lô và Si-la vào nhà hội của người Do Thái.

Acts 17:13

Vì sao Phao-lô phải rời khỏi Bê-rê và ông đã đi đâu?

Phao-lô rời khỏi Bê-rê vì những người Do Thái ở Tê-sa-lô-ni-ca đến kích động đám đông tại Bê-rê, Phao-lô đi đến A-thên.

Acts 17:19

Phao-lô được đưa đến đâu để trình bày rõ hơn về điều ông rao giảng?

Phao-lô được đưa đến A-rê-ô-pa để diễn giải điều ông đang rao giảng.

Acts 17:26

Đức Chúa Trời đã lập nên mọi dân tộc từ đâu?

Đức Chúa Trời đã lập nên mọi dân tộc từ một người.

Acts 17:30

Bây giờ Đức Chúa Trời kêu gọi mọi người ở khắp mọi nơi phải làm gì?

Bây giờ Đức Chúa Trời kêu gọi mọi người ở khắp mọi nơi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phải ăn năn.
Acts 17:32
Một số người đã làm gì khi nghe Phao-lô nói về sự sống lại từ cõi chết?
Một số người chế nhạo Phao-lô khi nghe ông nói về sự sống lại từ cõi chết.

Chapter 18
Acts 18:1
Thông tin tổng quát:
Đây là phần khác của câu chuyện về các hành trình của Phao-lô; ông đang ở tại Cô-rinh-tô. A-qui-la và Bê-rít-sin được giới thiệu trong câu chuyện; câu 2 và 3 cho biết thông tin về họ.
Sau những việc đó
"Sau những sự kiện xảy đã ra ở A-thên"
Tại đó ông gặp
Có thể hiểu là 1) “Tại đó Phao-lô tình cờ gặp” hay 2) “Tại đó Phao-lô có chủ ý đi tìm và gặp được”.
Thuộc chủng tộc ở xứ Pông
Bông là một xứ ở bờ nam của Biển Đen.
Mới đến
Có lẽ chỉ về một thời điểm trong quá khứ.
Vì Cơ-lốt đã ra lệnh
Hoàng đế Rô-ma đương thời. (Xem: How to Translate Names)
Truyền lệnh cho tất cả người Do Thái
"Ra lệnh" hay "chỉ thị"
Acts 18:4
Thông tin tổng quát:
Si-la và Ti-mô-thê tham giam trở lại với Phao-lô.
Vậy Phao-lô biện giải
Từ "biện giải" cho thấy Phao-lô có cuộc đối thoại hai chiều. Có thể dịch là “Vậy Phao-lô tranh luận” hay “Vậy Phao-lô thảo luận”.
Ông thuyết phục
Có thể dịch à “ông luôn cố thuyết phục”.
Được buộc bởi Đức Thánh Linh
Cụm từ nầy có thể chuyển sang thể chủ động. “Đức Thánh Linh buộc ông”. (Xem: Active or Passive)
Giũ áo
Đây là một hành động mang tính biểu tượng thể hiện rằng Phao-lô cắt đứt mối quan hệ với những người Do Thái không tin và phó họ cho sự xét xử của Đức Chúa Trời.
"Máu các ông đổ lại trên đầu các ông;
Đây là phép ẩn dụ, có nghĩa là người Do Thái phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự phán xét họ phải đối diện do sự cứng đầu không chịu ăn năn của họ. (Xem: Metaphor)
Acts 18:7
Rồi ông đi khỏi
"Rồi Phao-lô đi khỏi"
Ti-ti-u Giút-tu
Một tín hữu người Do Thái. (Xem: How to Translate Names)
Đứng đầu nhà hội
"Một tín hữu bình thường chịu trách nhiệm và quản lý nhà hội, không nhất thiết là một thầy dạy đạo"
Cả nhà ông
"Những người sống với ông, bao gồm cả đại gia đình của ông "
Nhiều người Cô-rinh-tô
Những người Cô-rinh-tô nầy không phải là người Do Thái.
Acts 18:9
Đừng e ngại, mà hãy nói. Đừng yên lặng.
Chúa đưa ra mệnh lệnh theo hai cách – “đừng sợ” và “hãy nói và đừng yên lặng” – để tăng thêm cường độ cho Lời Ngài. Tham khảo: "Dĩ nhiên ngươi đừng sợ, thay vì vậy, hãy cứ nói và đừng yên lặng.”
Hãy nói, đừng yên lặng
Chúa truyền cho Phao-lô phải nói. Tham khảo: "Chắc chắn ngươi phải nói."
Chớ làm thinh
"Cứ tiếp tục nói về phúc âm"
Vì Ta
Từ "Ta" chỉ về Chúa đang phán với Phao-lô.
Ở với ngươi
Từ "ngươi" chỉ về Phao-lô, Đức Chúa Trời đang phán với ông trong khải tượng.
Ta có nhiều người trong thành nầy
"Có nhiều người trong thành nầy tin kính Ta"
Phao-lô ở đó…truyền dạy Lời của Đức Chúa Trời ở giữa họ
Đây là câu kết cho phần này trong câu chuyện. (Xem: [[End of Story]])
Acts 18:12
Thông tin Tổng quát:
Đây là một sự kiện mới trong câu chuyện. Phao-lô bị đưa ra xét xử trước mặt Ga-li-ôn.
Ga-li-ôn làm tổng đốc của A-chai
A-chai là một tỉnh thuộc Rô-ma, trong đó bao gồm Cô-rinh-tô, nằm ở phía nam Hy Lạp thời hiện đại. (Xem: Translate Names)
Đưa ông ra trước tòa án
Người Do Thái dùng bạo lực bắt Phao-lô đem đến trước tòa. Có thể dịch là “đưa ông ra chính quyền xét xử”.
Trái luật pháp
Người Do Thái cố tình làm cho tội vi phạm luật lệ và phong tục Do Thái của Phao-lô nghe giống như tội ác chống lại luật Rô-ma.
Acts 18:14
Ga-li-ôn nói
Tổng đốc Rô-ma ở tỉnh đó.
Luật pháp của riêng các ngươi
Đây là luật Môi-se và các phong tục Do Thái khác trong thời Phao-lô.
Ta không muốn làm quan xử án cho những việc nầy.
"Ta không xét xử những việc nầy."
Acts 18:16
Họ cùng bắt
"Tất cả mọi người bắt" hay "tất cả bọn họ tóm lấy". Đây là một phép cường điệu vì từng người trong đám đông không thể cùng nắm lấy ông. (Xem: Hyperbole)
Sốt-then, người quản lí nhà hội
Một viên quản lí nhà hội người Do Thái tại Cô-rinh-tô. (Xem: How to Translate Names)
Đánh ông
"Đánh ông" hay "đánh đòn ông". Sốt-then bị đánh đập.
Acts 18:18

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin Tổng quát:
Phao-lô, cùng với Bê-rít-xin và A-qui-la, rời thành Cô-rinh-tô và tiếp tục chuyến đi của ông.
Anh em
Từ “anh em” nói đến các tín hữu nam và nữ.
Đi tàu đến Sy-ri cùng với Pê-rít-sin và A-qui-la
Phao-lô lên tàu đi đến Sy-ri. Pê-rít-sin và A-qui-la đi cùng với ông.
Thành phố cảng, Sen-cơ-rê
Sen-cơ-rê là một thành phố cảng thuộc khu vực thành phố lơn hơn là Cô-rinh-tô. (Xem: How to Translate Names)
Lời nguyện Na-xi-rê
Đây là một lời hứa hoặc lời thề tuân theo điều Đức Chúa Trời quy định trong luật pháp Môi-se để một người không thuộc chi phái Lê-vi có thể hầu việc Chúa.
Khi họ đến Ê-phê-sô
"Khi Phao-lô, Pê-rít-sin và A-qui-la đến Ê-phê-sô"
Biện luận với
"Thảo luận với" hay "tranh luận với"
Acts 18:20
Họ mời
"Người Do Thái mời"
Từ giã họ
"Từ biệt họ"
Acts 18:22
Cặp bến Sê-sa-rê
"Đến Sê-sa-rê"
Ông đi lên
"Phao-lô đi đến thành Giê-ru-sa-lem"
Chào Hội Thánh Giê-ru-sa-lem
"Chào các thành viên trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem"
Rồi đi xuống
"Rồi đi xuống khỏi Giê-ru-sa-lem". Mặc dù Giê-ru-sa-lem nằm trên một ngọn đồi nhưng hướng đi lên hay đi xuống nói đến tầm quan trọng về mặt thuộc linh của Giê-ru-sa-lem hơn là độ cao vật lí.
Phao-lô rời khỏi
"Phao-lô ra đi" hay "Phao-lô rời đi"
Các vùng thuộc Ga-la-ti và Phi-ri-gi
Các tỉnh ở A-si ngày nay là Thổ Nhĩ Kỳ. (Xem: How to Translate Names)
Acts 18:24
Thông tin Tổng quát:
A-bô-lô được đưa vào câu chuyện, câu 24 và 25 đưa ra thông tin ngữ cảnh về ông.
Sinh ở A-léc-xan-đờ-ri-a
"Một người sinh ở thành A-léc-xan-đờ-ri-a". Có thể là 1) “A-léc-xan-đờ-ri-a ở Ai Cập thuộc bờ biển phía bắc” hay 2) “A-léc-xan-đờ-ri-a ở A-si thuộc bờ biển phía tây”.
Thuyết giảng hùng hồn
"Một diễn giả có tài"
Có tinh thần sốt sắng
Ông hết lòng nhiệt thành và giảng dạy.
Phép báp tem của Giăng
"Phép báp tem do Giăng thực hiện"
Đúng đắn hơn
"Thấu triệt hơn"
Acts 18:27
Khi ông muốn
"Khi A-pô-lô muốn"
Đi qua A-chai
"Đi đến vùng A-chai". A-chai là một tỉnh thuộc Rô-ma ở phía nam của Hy Lạp thời hiện đại.
Anh em
Từ “anh em” chỉ về các tín hữu nam và nữ.
Viết cho các môn đồ
"Viết thư cho các Cơ Đốc nhân ở A-chai"
Khi ông đến nơi
"Khi A-pô-lô đến nơi"
A-pô-lô công khai áp đảo
A-pô-lô lập luận đánh bại người Do Thái trước mặt những người khác.

Translation Questions

Acts 18:9
Phao-lô được Đức Chúa Trời khích lệ như thế nào tại Cô-rinh-tô?
Đức Chúa Trời bảo Phao-lô cứ tiếp tục nói vì không ai có thể làm hại ông.
Acts 18:12
Người Do Thái tố cáo Phao-lô làm gì trước mặt quan tổng đốc?
The Jews accused Paul of teaching people to worship contrary to the law.
Acts 18:18
Cặp vợ chồng nào đồng hành cùng Phao-lô đến Ê-phê-sô?
A-qui-la và Pê-rít-sin đồng hành cùng Phao-lô đến Ê-phê-sô.
Acts 18:22
Phao-lô đi đến hai nơi nào đầu tiên sau khi rời khỏi Ê-phê-sô?
Sau khi rời khỏi Ê-phê-sô, Phao-lô đi đến Giê-ru-sa-lem rồi đến An-ti-ốt.

Chapter 19
Acts 19:1
Thông tin tổng quát:
Đây là một phần khác trong câu chuyện về các chuyến đi của Phao-lô; bấy giờ ông đang ở tại Ê-phê-sô.
Việc diễn ra
"Việc xảy ra"
Trải qua
"Đi qua"
Miền trên
Đây là một khu vực thuộc A-si (Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay) ở phía bắc Ê-phê-sô và A-léc-xan-đờ-ri-a Trô-ách, phía đông đất liền.
Nhận Đức Thánh Linh
Có được hay nhận lấy Đức Thánh Linh
Chúng tôi không nghe nói về Đức Thánh Linh nào cả
"Chúng tôi chưa nghe về Đức Thánh Linh".
Acts 19:3
Câu liên kết:
Phao-lô tiếp tục thảo luận với các tân tín hữu tại Ê-phê-sô.
Vậy anh em đã nhận báp tem nào?
"Vậy anh em đã nhận báp tem của ai?" hay "Anh em đã nhận báp tem nhân danh ai?"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ đáp
"Các môn đồ đáp"
Báp tem của Giăng
Bằng báp tem của Giăng"
Báp tem của sự ăn năn
"Người ta nhận báp tem nầy khi muốn xoay bỏ khỏi tội lỗi"
Đến sau ông
"Đến sau Giăng Báp-tít về thời gian" không phải là người đi phía sau ông về mặt vật lí.
Acts 19:5
Câu liên kết:
Đây là phần cuối trong câu chuyện về các tân tín hữu ở Ê-phê-sô.
Khi người ta
Các tín hữu Ê-phê-sô đang nói chuyện với Phao-lô.
Đặt tay
"Đặt tay ông lên đầu họ khi ông cầu nguyện" (UDB)
Họ nói các thứ tiếng khác và nói tiên tri
Không có chi tiết nào cho thấy người khác có thể hiểu được những điều họ nói, không giống như ở Công vụ 2:3-4.
Tổng cộng khoảng mười hai người.
"... được Phao-lô làm báp tem cho và nhận lấy Đức Thánh Linh" (UDB) là ngụ ý không được nói đến cụ thể trong bảng ULB. (Xem: Explicit)
Acts 19:8
Phao-lô vào nhà hội và giảng dạy cách dạn dĩ suốt ba tháng.
Có thể dịch là “Phao-lô thường xuyên tham dự nhóm tại nhà hội trong ba tháng và dạn dĩ giảng dạy tại đó”.
Thuyết phục mọi người
"Cố thuyết phục mọi người về chân lí ông đang rao truyền"
Một số người Do Thái cứng lòng
"Một số người Do Thái cứng đầu từ chối tiếp nhận sứ điệp".
Gièm chê
"Nói xấu"
Đạo của Chúa Cứu Thế
"Sự cứu chuộc qua Chúa Cứu Thế Giê-xu"
Mọi người ở A-si đều nghe
Có thể hiểu là 1) “Phao-lô chia sẻ phúc âm với nhiều người trên khắp A-si” hay 2) “Từ Ê-phê-sô sứ điệp của Phao-lô lan khắp A-si, bắt đầu từ những người ghé thăm Ê-phê-sô lan ra khắp A-si”.
Acts 19:11
Bởi tay Phao-lô
"Qua Phao-lô"
Khi họ lấy khăn và áo choàng từ người Phao-lô
Có thể dịch là “khi khăn và áo choàng đã được Phao-lô chạm đến đặt trên những người khốn khổ”.
Acts 19:13
Thông tin tổng quát:
Đây là mở đầu của một sự kiện khác đã xảy ra trong lúc Phao-lô đang ở tại Ê-phê-sô. Sự kiện này nói về các thầy phù thủy người Do Thái.
Thầy trừ quỷ người Do Thái
Người đuổi quỷ ra khỏi một người hay một nơi nào đó
Lấy danh Chúa Giê-xu dùng theo ý riêng
Mặc dù họ không tin Chúa Giê-xu nhưng cố dùng danh Ngài như một câu thần chú.
Nói trên
"Nói với"
Những người có tà linh
"Những người bị tà linh ám"
Acts 19:15
Ta biết Chúa Giê-xu và ta biết Phao-lô
"Ta biết Chúa Giê-xu và Phao-lô;" hay "Ta đã nghe về danh Chúa Giê-xu và Phao-lô"
Các ngươi là ai
Đây là câu hỏi tu từ chứng tỏ sự hoài nghi về thẩm quyền của họ trên tà linh. Có thể dịch là “các ngươi có thẩm quyền gì?” hay “các ngươi không có thẩm quyền gì cả”. (Xem: Rhetorical Question)
Các thầy trừ tà
Dịch tương tự như câu phía trước ở Công vụ 19:13.
Họ chạy trốn...trần truồng
Các thầy trừ tà chạy trốn, trên người bị lột một ít hoặc hết cả quần áo.
Họ rất sợ hãi
"Người Do Thái và Hy Lạp ở Ê-phê-sô rất sợ hãi"
Acts 19:18
Câu liên kết:
Đây là phần cuối trong câu chuyện về các thầy phù thủy Do Thái. (Xem: [[End of Story]])
Đem sách vở của họ
Những cuộn giấy ghi các câu thần chú và công thức ma thuật
Trước mắt mọi người
"Trước mọi người"
Miếng bạc
Một miếng bạc trị giá một ngày lượng lao động phổ thông.
Vậy đạo Chúa lan rộng mạnh mẽ
"Sứ điệp về Chúa rất quyền năng đến nỗi nó cứ lan rộng và càng có ảnh hưởng nhiều hơn”.
Acts 19:21
Câu liên kết:
Phao-lô nói về quyết định của ông đi đến thành Giê-ru-sa-lem, nhưng ông vẫn chưa rời thành Ê-phê-sô.
Phao-lô hoàn thành sứ mạng
Phao-lô hoàn thành công tác Đức Chúa Trời giao phó cho ông thực hiện ở Ê-phê-sô.
Ông quyết định trong Đức Thánh Linh
Có thể hiểu là 1) Phao-lô quyết định với sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh hay 2) Đức Thánh Linh hướng dẫn Phao-lô quyết định.
Ma-xê-đô-ni-a và A-chai
Những tỉnh nầy là Hy Lạp thời hiện đại.
Tôi cũng phải thăm Rô-ma
"Tôi cũng phải đi đến Rô-ma"
Còn ông ở lại A-si một thời gian.
Chỉ rõ những câu tiếp theo là câu chuyện khi Phao-lô đang ở Ê-phê-sô.
Acts 19:23
Thông tin tổng quát:
Đây là phần mở đầu trong câu chuyện nói về sự náo loạn đã xảy ra trong khi Phao-lô đang ở Ê-phê-sô. Đê-mê-triu được đưa vào câu chuyện.
Một cuộc rối loạn lớn
Gần như bạo loạn
Đạo
Đây là thuật ngữ được dùng để chỉ về Cơ Đốc giáo.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

A certain silversmith
Thợ bạc là một thợ thủ công dùng kim loại bạc để làm tượng và đồ trang sức.
Tên là Đê-mê-triu
Một thợ bạc ở Ê-phê-sô chống lại Phao-lô và Hội Thánh địa phương. (Xem: How to Translate Names)
người làm những bức tượng nữ thần Đi-anh bằng bạc, đem lại nhiều công ăn việc làm cho những người thợ thủ công
Đây là thông tin ngữ cảnh về Đê-mê-triu.
Tượng nữ thần Đi-anh bằng bạc
Tại thành Ê-phê-sô có một đền thờ lớn được dùng để tế lễ cho nữ thần Đi-anh. (Xem:
Đem lại nhiều công ăn việc làm
"bán nhiều tượng nữ thần Đi-anh bằng bạc"
Acts 19:26
Câu liên kết:
Đê-mê-triu tiếp tục nói với những thợ thủ công.
Anh em đã thấy và nghe rằng
"Anh em biết và hiểu"
Khiến nhiều người thay đổi
Nữ thần cũng không còn vĩ đại#ulb_act/19_26/notes/3
Được toàn A-si và thế giới thờ phượng.
Đây là phép cường điệu cho thấy sự phổ biến của nữ thần Đi-anh và sự thật là có nhiều người thờ phượng bà. (Xem: Hyperbole)
Acts 19:28
Khi họ nghe
"Khi những người thợ nghe"
Đầy tức giận
"Trở nên rất tức giận"
Và kêu lên rằng
"Và hét lên rằng"
Dân chúng ùa nhau
Đây là một đám đông hỗn tạp gần như là bạo loạn.
Vào nhà hát
Nhà hát Ê-phê-sô được dùng cho các cuộc họp công cộng và để giải trí chẳng hạn như kịch và âm nhạc.
Họ bắt những người bạn đồng hành của Phao-lô
"Người ta bắt những người bạn đồng hành của Phao-lô"
Gai-út và A-ri-tạt
Đây là tên của những người nam. (Xem:
Là người Ma-xê-đoan
Gai-út và A-ri-tạt đến từ Ma-xê-đoan nhưng đang làm việc với Phao-lô tại thành Ê-phê-sô vào thời điểm này.
Acts 19:30
Nhà hát
Một phức hợp hình bán nguyệt ở ngoài trời có nhiều băng ghế với sức chứa hàng ngàn người.
Acts 19:33
Người Do Thái đưa A-léc-xan-đơ
Phao-lô cảnh báo Ti-mô-thê về thợ đúc đồng A-léc-xan-đơ (2 Timothy 4:14). Không rõ hai người nầy có phải là một.
Dùng tay ra hiệu
"Ra hiệu cho người nghe"
Giải thích
Ông muốn “đưa ra lời bào chữa” nhưng không rõ ông định nói gì.
Acts 19:35
Thông tin tổng quát:
Viên thư ký thành phố nói
Hỡi người Ê-phê-sô
Chỉ về tất cả những người ở Ê-phê-sô đang có mặt tại đó. (Xem: Forms of You)
Ai không biết thành Ê-phê-sô là người canh giữ đền thờ của đại nữ thần Đi-anh và bức tượng từ trời rơi xuống?
Đây là câu hỏi tu từ nhằm xoa dịu đám đông. Có thể dịch là “tất cả mọi người đều biết rằng thành Ê-phê-sô là người canh giữ đền thờ của đại nữ thần Đi-anh và bức tượng từ trời rơi xuống”. (Xem: Rhetorical question).
Người canh giữ đền
Người Ê-phê-sô bảo dưỡng và canh giữ đền thần Ạt-tê-mít.
Bức tượng từ trời rơi xuống
Trong đền thờ Ạt-tê-mít có một bức tượng nữ thần làm từ thiên thạch, loại đá được cho là do thần Giu-bi-tê đã trực tiếp ban xuống.
Acts 19:38
Câu liên kết:
Viên thư ký thành phố kết thúc phần nói chuyện với đám đông.
Vậy
Từ này dùng để đánh dấu lời tiếp theo được nói theo sau việc đã được nói trước đó. Trong trường hợp này, Đe-mê-triu đã nói ở ACT19:35
Tổng đốc
Đây là từ tiếng La Mã chỉ về một thống đốc hay người cai trị.

Translation Questions

Acts 19:5
Phao-lô làm báp tem cho các môn đồ ở Ê-phê-sô nhân danh ai?
Phao-lô làm báp tem cho họ trong danh Chúa Giê-xu.
Acts 19:21
Phao-lô nói ông sẽ đi đâu sau khi đến Giê-ru-sa-lem?
Phao-lô nói ông sẽ đi đến Rô-ma sau khi đến Giê-ru-sa-lem.
Acts 19:26
Người thợ bạc tên Đê-mê-triu bày tỏ điều lo lắng nào với những người thợ khác?
Đê-mê-triu lo lắng việc Phao-lô giảng dạy cho dân chúng rằng không có thần nào được làm từ tay người và nữ thần Đi-anh cũng bị xem là vô giá trị.
Acts 19:28
Những người nghe phản ứng thế nào trước Đê-mê-triu lo lắng?
Họ nổi giận, la lên rằng nữ thần Đi-anh vĩ đại khiến cả thành phố đầy rối loạn.
Acts 19:30
Vì sao Phao-lô không nói chuyện cùng đám đông mặc dù ông muốn làm như vậy?
Vì các môn đồ và một số người lãnh đạo địa phương can ngăn ông nói chuyện cùng đám đông.
Acts 19:38
Thư ký thành phố bảo người dân làm gì thay vì bạo loạn?
Thư ký thành phố bảo người dân đem những cáo buộc của họ tới tòa án.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 20

Acts 20:1

Thông tin tổng quát:

Phao-lô tiếp tục lên đường.

Sau sự rối loạn

"Sau cuộc nổi dậy" hay "sau cuộc bạo loạn"

Ông từ biệt

"Ông chào tạm biệt". Câu này được dùng khi một người rời khỏi sự hiện diện của người khác.

Khích lệ các tín hữu rất nhiều

"Nói nhiều điều khích lệ các tín hữu"

Ông dành ba tháng ở đó

"Ông ở đó ba tháng"

Âm mưu chống lại ông của người Do Thái

"Người Do Thái lập mưu hại ông" (Xem: Active or Passive)

Lập âm mưu

"Lập kế hoạch bí mật"

Ông sắp xuống tàu đi Sy-ri

"Ông sửa soạn bắt tàu đi Sy-ri"

Acts 20:4

Đồng hành cùng ông

"Cùng đi với ông"

Sô-ba-tê quê ở Bê-rê, con trai của Pi-ru

(Xem: How to Translate Names)

Bê-rê…Đẹt-bơ…Trô-ách

Đây là tên của các địa danh.

A-ri-tạc… Gai-út

Tham khảo cách dịch các tên này ở ACT19:28

Những người nầy đi trước chúng tôi

Lu-ca, tác giả của sách Công vụ gia nhập lại với đoàn. Có thể dịch là: “những người nầy đi phía trước chúng tôi”.

Acts 20:7

Thông tin tổng quát:

Đây là mở đầu trong câu chuyện về việc Phao-lô giảng đạo tại Trô-ách và Ơ-tích.

Ngày đầu tiên của tuần lễ

"Ngày Chúa nhật"

Bẻ bánh

Bánh được bẻ và ăn trong bữa tối cuối cùng của Chúa (UDB)

Ông cứ giảng

"Ông tiếp tục giảng"

Phòng cao

Có thể là ở lầu ba của một chung cư.

Acts 20:9

Ngủ say

Anh ta không còn tỉnh nữa nhưng đã ngủ rất sâu.

Tầng ba

"Hai tầng nữa phía trên tầng trệt"

Khi đỡ dậy thì đã chết

Khi họ đi xuống xem thì thấy anh đã chết.

Rồi ông nói

"Rồi Phao-lô nói"

Anh ta còn sống

"Ơ-tích còn sống"

Acts 20:11

Câu liên kết:

Đây là phần kết trong câu chuyện về việc Phao-lô giảng đạo tại Trô-ách và Ơ-tích.

Ông đi lên lầu

"Phao-lô đi lên lầu"

Bẻ bánh

"Cùng ăn". Bao gồm việc phân chia các ổ bánh cho tất cả mọi người.

Ông rời đi

"Ông ra đi"

Cậu ta

Có thể là 1) một thanh thiếu niên trên 14 tuổi (UDB), 2) một đầy tớ hay nô lệ, 3) một cậu bé từ 9 đến 14 tuổi.

Acts 20:13

Thông tin tổng quát:

Phao-lô và các bạn đồng hành của ông tiếp tục lên đường.

Chỉ mình chúng tôi đi

Từ "chỉ mình" dùng để nhấn mạnh và tách biệt Lu-ca và những người đồng hành cùng ông với Phao-lô, vì Phao-lô không đi bằng thuyền. (Xem: Reflexive Pronouns and Exclusive “We”)

Đi tàu đến A-sốt

A-sốt là một thành nằm ngay bên dưới Behram, Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay trên bờ biển Aegean. (Xem: How to Translate Names)

Ý của ông

"Phao-lô muốn" (Xem:

Chúng tôi đón ông

Từ “chúng tôi” chỉ về Lu-ca và những người đi cùng ông, nhưng không có Phao-lô. (Xem: Exclusive “We”)

Đi đến Mi-ti-len

Mi-ti-len là một thành năm ở Mytilini, Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay trên bờ biển Aegean. (Xem: How to Translate Names)

Acts 20:15

Từ đó chúng tôi đi tàu

Từ “chúng tôi” chỉ về Phao-lô, Lu-ca và những người đi cùng họ. (Xem: Inclusive “We”)

Đảo Chi-ô

Chi-ô là một hòn đảo ngoài khơi của Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay thuộc biển Aegean. (Xem: How to Translate Names)

Chúng tôi cặp vào đảo Sa-mốt

Sa-mốt là một hòn đảo ở phía nam Chi-ô nằm ngoài khơi biển Aegean của Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Có thể dịch là “chúng tôi đến đảo Sa-mốt”. (Xem: Inclusive “we” và How to Translate Names)

Thành Mi-lê

Mi-lê là một thành phố cảng ở phía tây Tiểu A-si gần cửa sông Meander. (Xem: How to Translate Names)

Vì Phao-lô đã quyết định đi ngang qua Ê-phê-sô

Phao-lô đi tàu về phía nam vượt qua thành phố cảng Ê-phê-sô, tiến xa hơn nữa về phía nam để đến vùng Mi-lê. (Xem: How to Translate Names)

Acts 20:17

Thông tin tổng quát:

Phao-lô bắt đầu nói với các trưởng lão hội thánh Ê-phê-sô.

Từ Mi-lê

Xem cách dịch từ Mi-lê ở Công vụ 20:15.

Đặt chân đến A-si.

"Vào vùng A-si"

Tâm trí khiêm nhu

"Khiêm nhường" hay "khiêm tốn"

Với nước mắt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đôi khi tôi đã khóc trong lúc phục vụ Chúa.

did not keep back

"Từ chối" hay "giấu"

Đi từ nhà nầy sang nhà khác

Nghĩa là ông giảng dạy dân chúng trong những nhà riêng.

Ăn năn với Đức Chúa Trời

"Xoay bỏ tội lỗi mà hướng về Đức Chúa Trời"

Acts 20:22

Bị ràng buộc trong Đức Thánh Linh phải đi đến Giê-ru-sa-lem

"Đức Thánh Linh ràng buộc tôi đi đến Giê-ru-sa-lem"

Đức Thánh Linh làm chứng cho tôi

"Đức Thánh Linh cảnh báo cho tôi biết"

Xiềng xích và hoạn nạn đang chờ tôi

"Tôi sẽ bị tù và chịu những hình phạt về thể xác" (Xem: Assumed Knowledge and Implicit Information)

Hoàn tất cuộc đua của tôi

"Hoàn thành công tác Chúa giao cho tôi" (Xem: Metaphor)

Làm chứng

"Đưa ra lời chứng"

Acts 20:25

Tôi biết rằng anh em hết thảy

"Tôi biết rằng tất cả các anh em"

Trong những người tôi đã rao giảng về vương quốc

"Là những người tôi đã rao giảng sứ điệp về vương quốc Đức Chúa Trời"

Sẽ không thấy mặt tôi nữa

Từ “mặt” ở đây muốn nói đến thân thể vật lý của Phao-lô. Có thể dịch là "sẽ không thấy tôi trong thân xác này trên đất nữa"

Tôi vô tội về huyết của hết thảy anh em

"Tôi không thể bị trách cứ khi bất kì anh em nào bị Đức Chúa Trời định tội" (Xem: Metaphor và Assumed Knowledge and Implicit Information)

Acts 20:28

Vì vậy

Từ này biểu thị lời được nói tiếp kế sau lời đã nói trước đó. Trong trường hợp này, từ này nhắc lại tất cả những gì Phao-lô đã nói về việc ông sẽ rời xa họ.

Và cả bầy ... chẳng tiếc bầy chiên.

Đây là phép ẩn dụ mở rộng. Các nhà lãnh đạo Hội Thánh phải chăm sóc cho những người ở dưới họ, bảo vệ họ khỏi kẻ thù như người chăn chăm sóc đàn chiên và bảo vệ chúng khỏi muôn sói. (Xem: Metaphor)

Hội Thánh của Đức Chúa Trời mà Ngài đã mua bằng chính huyết Ngài

"Những người được Chúa Cứu Thế mua bằng việc đổ huyết Ngài trên cây thập tự". (Xem: Metaphor)

Lôi cuốn các môn đồ theo họ

"Thuyết phục các tín hữu của Chúa Cứu Thế đi theo sự giảng dạy sai lạc của họ"

Acts 20:31

Hãy cảnh giác. Nhớ rằng

Có thể dịch là 1) “hãy cảnh giác và nhớ rằng” hay 2) “hãy cảnh giác khi nhớ rằng” hay 3) “hãy cảnh giác bằng cách ghi nhớ rằng”.

Hãy cảnh giác.

"Hãy tỉnh táo và cảnh giác" hay "hãy coi chừng" (UDB) hay "hãy cảnh tỉnh"

Nhớ

"Tiếp tục nhớ" hay "không quên".

Trong ba năm tôi không ngừng dạy dỗ

Phao-lô không dạy họ liên tục ba năm nhưng trong khoảng ba năm (Xem: Hyperbole)

Tôi không ngừng dạy dỗ

Có thể hiểu là 1) “tôi không ngừng cảnh báo” hay 2) “tôi không ngừng khích lệ sửa đổi”.

Acts 20:33

Câu liên kết:

Phao-lô kết thúc phần nói chuyện với các trưởng lão hội thánh Ê-phê-sô, mà ông đã bắt đầu nói ở ACT20:17

Tôi chẳng ham bạc của ai

"Tôi chẳng thèm khát bạc của ai" hay "tôi không muốn lấy bạc của ai"

Bạc, vàng hay quần áo của ai

Quần áo được xem là tài sản tích lũy được, càng có nhiều quần áo thì bạn càng giàu có.

Chính anh em

Từ “chính” được dùng để nhấn mạnh. (Xem: Reflexive Pronouns)

Bàn tay này đã cung ứng nhu cầu của tôi

Từ “hand” ở đây tượng trưng cả tâm linh và thân xác của Phao-lô. "Tôi đã làm việc bằng chính tay mình để kiếm tiền và chỉ trả các chi phí của bản thân". (Xem: Metonymy)

Làm việc để giúp đỡ người đau yếu

"Làm việc để có tiền giúp đỡ những người không thể kiếm sống"

Ban cho có phước hơn nhận lãnh

Một người làm vui lòng Chúa và kinh nghiệm niềm vui nhiều hơn khi biết ban cho.

Acts 20:36

Câu liên kết:

Đây là phần kết trong câu chuyện về việc Phao-lô cầu nguyện với các trưởng lão hội thánh Ê-phê-sô.

Ôm lấy cổ Phao-lô

"Ôm chặc ông" hay "choàng tay quanh người ông"

Hôn ông

Hôn má là cách thể hiện tình yêu thương anh em hay bạn bè ở Trung Đông.

Họ sẽ không còn thấy mặt ông nữa

"Họ sẽ không còn thấy (ông) Phao-lô trên thế giới này nữa". Từ "mặt ông" được dùng ở đây để chỉ về chính Phao-lô. (UDB) (Xem: Metonymy)

Translation Questions

Acts 20:7

Phao-lô và các tín hữu nhóm lại để bẻ bánh vào ngày nào trong tuần lễ?

Phao-lô và các tín hữu nhóm lại để bẻ bánh vào ngày thứ nhất trong tuần lễ.

Acts 20:9

Điều gì xảy ra cho người thanh niên ngã qua cửa sổ khi Phao-lô đang giảng?

Người thanh niên ngã xuống từ lầu ba, khi được đỡ dậy thì đã chết, nhưng Phao-lô nghiêng mình trên anh và anh sống lại.

Acts 20:28

Phao-lô căn dặn các trưởng lão tại Ê-phê-sô phải cẩn thận làm việc gì

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sau khi ông đi?
Phao-lô căn dặn các trưởng lão phải cẩn thận chăn bầy.

Chapter 21
Acts 21:1
Thông tin tổng quát:
Phao-lô và các bạn đồng hành của ông tiếp tục lên đường.
Chúng tôi từ giã
Từ “chúng tôi” chỉ về Lu-ca, Phao-lô và những người đi cùng với họ. (Xem: Exclusive “We”)
Chúng tôi đi thẳng đến thành Cốt
"Chúng tôi đến thẳng thành Cốt" hay "chúng tôi đi trực tiếp đến thành Cốt" (Xem: Exclusive “We”)
Thành Cốt
Cốt là một hòn đảo của Hy Lạp nằm ngoài khơi vùng biển nam Aegean thuộc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. (Xem: How to Translate Names)
Thành Rô-đơ
Rô-đơ là một hòn đảo của Hy Lạp nằm ngoài khơi vùng biển nam Aegean thuộc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, ở phía nam đảo Cốt và đông bắc đảo Cơ-rết. (Xem: How to Translate Names)
Thành Pa-ta-ra
Pa-ta-ra là một thành nằm trên bờ biển tây nam của Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, phía nam của biển Aegean thuộc vùng biển Địa Trung Hải. (Xem: How to Translate Names)
Acts 21:3
Chúng tôi đến
Từ “chúng tôi” chỉ về Lu-ca, Phao-lô và những người đi cùng với họ.
Bỏ nó ở bên trái,
"Rẻ phải vượt qua hòn đảo".
Nhờ Đức Thánh Linh các môn đồ nói với Phao-lô
"Các môn đồ nói với Phao-lô điều Đức Chúa Trời bày tỏ cho họ".
Acts 21:5
Sau những ngày ở đó
"Đã đến lúc phải lên đường"
Tất cả họ
Từ “họ” chỉ về các tín hữu ở Ty-rơ. Sau đó, Lu-ca tiếp tục dùng từ “họ” để chỉ về cả phụ nữ và con cái của các tín hữu.
Tất cả chúng tôi đều nói lời từ biệt
Đây là sự từ biệt giữa những người bạn.
Acts 21:7
Khi chúng tôi đã kết thúc chặng đường thủy
Từ “chúng tôi” chỉ về Lu-ca, Phao-lô và những người đi cùng với họ. (Xem: Exclusive “We”)
Chúng tôi đến Pê-tô-lê-mai
Pê-tô-lê-mai là một thành ở phía nam Ty-rơ, nước Lebanon. Pê-tô-lê-mai là Acre, Y-sơ-ra-ên ngày nay. (Xem: How to Translate Names)
Một trong bảy
Một trong bảy người trước đó được chọn để phân phát thức ăn và giúp đỡ các quả phụ ở Công vụ 6:5.
Người nầy
"Phi-líp"
Bốn người con gái đồng trinh có ơn nói tiên tri
"four virgin daughters who were known as people who regularly received and passed along messages from God."
Đây là thông tin về Phi-líp
Acts 21:10
Thông tin tổng quát:
Đây là mở đầu của một sự kiện khác trong câu chuyện nói về Phao-lô; sự kiện này nói về lời tiên tri của tiên tri A-ga-bút.
Một tiên tri nọ
Tức là người thường nhận và truyền đạt sứ điệp từ Chúa.
Tên là A-ga-bút
A-ga-bút là một người từ Giu-đê. (Xem: How to Translate Names)
Lấy dây thắt lưng của Phao-lô
"Mở dây thắt lưng từ hông Phao-lô"
Ông dùng nó để trói
"Ông dùng dây thắt lưng của Phao-lô để buộc"
Nộp ông
"Bỏ mặc ông" hay "giao ông"
Vào tay của
"Vào sự giam giữ hợp pháp của". Dân ngoại sẽ tra tay bắt giữ Phao-lô. (Xem: Metonymy và Metaphor)
Acts 21:12
Anh em làm gì vậy, khóc lóc chi cho tôi đau lòng?
Phao-lô muốn họ ngừng thuyết phục ông từ bỏ ý định lên Giê-ru-sa-lem, vì họ khóc làm ông buồn lòng. Có thể dịch là: “hãy ngừng lại, đừng khóc khiến tôi đau lòng nữa”. (Xem: Rhetorical question)
Xin ý Chúa được nên
"Bây giờ chúng tôi chấp nhận mọi kế hoạch của Đức Chúa Trời dành cho Phao-lô tại Giê-ru-sa-lem" hay "bây giờ chúng tôi sẵn sàng chấp nhận mọi điều Chúa muốn cho Phao-lô ở Giê-ru-sa-lem".
Acts 21:15
Chúng tôi xách đồ lên
Từ “chúng tôi” chỉ về Lu-ca, Phao-lô và những người đi cùng với họ. (Xem: Exclusive)
Họ dẫn theo
Từ “họ” chỉ về một số môn đồ từ Sê-sa-rê.
1Ma-na-sôn, một người quê ở Chíp-rơ
Ma-na-sôn là một người quê ở đảo Chíp-rơ. (Xem: How to Translate Names)
Acts 21:17
Thông tin tổng quát:
Phao-lô và các bạn đồng hành của ông bấy giờ đang ở tại Giê-ru-sa-lem.
Các anh em tiếp đón chúng tôi
Đây là những tín hữu Do Thái còn lại ở Giê-ru-sa-lem, cả đàn ông lẫn đàn bà, sau khi xảy ra cơn bách hại dữ dội.
Sau khi chào thăm, ông thuật lại
"Sau khi Phao-lô chào thăm các trưởng lão, ông thuật lại" hay "sau khi chào thăm các trưởng lão, Phao-lô thuật lại"
Ông thuật lại từng điều một mà Đức Chúa Trời
Phao-lô thuật lại chi tiết mọi điều mà Đức Chúa Trời
Chức vụ của ông
"Chức vụ của Phao-lô"
Acts 21:20

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thông tin tổng quát:

Các trưởng lão ở Giê-ru-sa-lem bắt đầu trả lời Phao-lô.

Khi họ nghe những điều đó, họ ngợi khen Đức Chúa Trời và nói cùng ông,

"Khi các trưởng lão nghe điều đó, các trưởng lão ngợi khen Chúa và nói với Phao-lô,"

Họ đều quyết chí

"Các tín hữu Do Thái đều quyết chí"

Họ đã nghe

"Người ta nói với các tín hữu Do Thái" (Xem: Active or Passive]])

Ông dạy họ

"Ông dạy người Do Thái"

Acts 21:22

Chúng ta phải làm sao?

Từ “chúng ta” chỉ về các trưởng lão. (Xem: Exclusive “We”)

Bốn người có lời khấn nguyện

Đây là lời một người khấn nguyện không uống rượu hay cắt tóc cho đến khi mãn hạn. Có thể dịch là: “bốn người có lời hứa nguyện với Đức Chúa Trời”.

Chịu chi phí cho họ

Chi phí để mua một con chiên đực và một chiên cái, một con chiên đực nữa, cùng với ngũ cốc và thức uống tế lễ. Có thể dịch là “chi trả cho những thứ họ cần”.

Giữ luật pháp

"Sống tuân thủ luật Môi-se và các phong tục khác của người Do Thái"

Acts 21:25

Câu liên kết:

Các trưởng lão ở Giê-ru-sa-lem kết thúc phần trả lời với Phao-lô.

Chúng tôi đã viết

Từ “chúng tôi” chỉ về các trưởng lão. (Xem: Exclusive “We”)

Vật chết ngạt

"Động vật bị giết thịt mà chưa thọc tiết"

Làm lễ thanh tẩy với họ

Trước khi bước vào khu vực đền thờ người Do Thái phải được tinh sạch về mặt nghi thức. Lễ thanh tẩy này áp dụng cho những người Do Thái có liên hệ với dân ngoại.

Những ngày thanh tẩy

Đây là quá trình thanh tẩy riêng liên quan đến lời khấn nguyện, hoàn toàn tách biệt với quá trình thanh tẩy bắt buộc để được vào khu vực đền thờ.

Cho đến ngày trình dâng của tế lễ

"Cho đến ngày họ trình vật dâng tế lễ"

Acts 21:27

Thông tin tổng quát:

Đây là mở đầu trong câu chuyện nói về việc Phao-lô bị bắt. Câu 29 là câu ngữ cảnh về người Do Thái đến từ Châu Á.

Khích động cả đám đông

"Khiến rất đông người nỗi dậy chống đối"

Tra tay trên ông

"Bắt lấy ông"

Bên cạnh đó, hắn còn dẫn người Hy Lạp vào đền thờ

Chỉ những người nam Do Thái mới được phép vào sân bên trong của đền thờ Giê-ru-sa-lem.

Trô-phim

Đây là người Hy Lạp mà Phao-lô bị buộc tội là đã dẫn vào bên trong khu vực đền thờ, nơi chỉ dành cho người Do Thái.

Acts 21:30

Cả thành đều náo động

Từ “tất cả” ở đây là một sự cường điệu nhằm nhấn mạnh. Từ “thành phố” đại diện cho dân trong thành phố. Có thể dịch là "Nhiều người trong thành phố rất tức giận Phao-lô" (Xem: Hyperbole và Metonymy)

Lập tức các cửa được đóng lại

Những người coi sóc đền thờ nhanh chóng đóng các cửa đền thờ sau khi đám đông kéo Phao-lô ra ngoài. “Người Do Thái lập tức đóng các cửa đề thờ”. (Xem: Active or Passive)

Viên chỉ huy

Sĩ quan quân sự hay chỉ huy của khoảng 600 binh sĩ.

Cả thành Giê-ru-sa-lem đều hỗn loạn

"Rất nhiều người ở Giê-ru-sa-lem trở nên hỗn loạn". Đây là phép cường điệu để nhấn mạnh rằng rất đông người náo loạn vì sự kiện nầy. (Xem: Hyperbole và Metonymy)

Acts 21:32

Lập tức ông đem

"Lập tức viên chỉ huy"

Chạy xuống

Từ đồn canh có cầu thang dẫn xuống dưới sân.

Viên chỉ huy

Sĩ quan quân sự hay chỉ huy của khoảng 600 binh sĩ.

Giữ lấy Phao-lô

"Nắm lấy Phao-lô" hay "bắt lấy Phao-lô"

Acts 21:34

Viên chỉ huy

Sĩ quan quân sự hay chỉ huy của khoảng 600 binh sĩ.

Vào đồn canh

Đồn canh là một tòa nhà được bảo vệ nghiêm ngặt do quân đội sử dụng.

Khi ông bước đến thềm, ông được khiêng đi

"Khi Phao-lô bước đến thềm, quân lính phải khiêng ông" (Xem: Active or Passive) Quân lính dùng sức khiêng Phao-lô và đưa ông lên cầu thang.

Hãy trừ hắn đi

"Hãy giết hắn đi". Đám đông dùng từ tế nhị để yêu cầu giết Phao-lô. (Xem: Euphemism)

Acts 21:37

Khi Phao-lô sắp được đem đi

"Khi quân lính định đem Phao-lô" (Xem: Active or Passive) hay "Khi quân lính đã sẵn sàng đem Phao-lô"

Đồn canh

Xem cách dịch ở Công vụ 21:34.

Viên chỉ huy

Sĩ quan quân sự của khoảng 600 binh sĩ

"Ông biết nói tiếng Hy Lạp sao? Vậy ngươi không phải là tên Ai Cập dẫn đầu cuộc nỗi loạn trước đây, kéo bốn ngàn quân khủng bố vào đồng vắng sao?"

Viên chỉ huy hỏi những câu này bày tỏ sự ngạc nhiên. Phao-lô không phải là người ông nghĩ. Có thể dịch: Ông nói tiếng Hy-lạp, vậy hẳn ông phải là người Ai-cập đã khởi nghĩa cuộc nổi dậy trong nơi hoang vắng cùng với bốn ngàn quân khủng bố khác” (Xem: Rhetorical Question)

Vậy ngươi không phải là tên Ai Cập

Ngay trước khi Phao-lô đến, có một người Ai Cập không rõ danh tính đã phát động cuộc nỗi loạn chống lại Rô-ma ở Giê-ru-sa-lem. Sau đó hắn ta tẩu thoát “vào hoang mạc”, viên chỉ huy phân vân không biết Phao-lô có phải là người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đó không.

Bốn ngàn quân khủng bố

"4000 tên giết hại những người không đồng tình với chúng" (Xem: Numbers)

Acts 21:39

Tôi xin ông

"Tôi cầu xin ông" hay "Tôi nài xin ông"

Cho tôi

"Xin cho tôi" hay "xin cho phép tôi"

Viên chỉ huy

Sĩ quan quân sự của khoảng 600 binh sĩ.

Phao-lô đứng trên thềm

Chỉ về bậc thềm cầu thang đi lên đồn canh.

Translation Questions

Acts 21:25

Gia-cơ nói những người ngoại đã tin nên làm gì?

Gia-cơ nói những người ngoại đã tin nên giữ mình khỏi của cúng thần tượng, huyết, thú vật chết ngạt và tội gian dâm.

Acts 21:39

Phao-lô yêu cầu viên chỉ huy điều gì?

Phao-lô yêu cầu cho phép ông nói với dân chúng.

Chapter 22

Acts 22:1

Thông tin tổng quát:

Phao-lô bắt đầu nói với đám đông ở thành Giê-ru-sa-lem. Trong câu 2, Phao-lô không nói, trái lại, câu này là câu ngữ cảnh.

Các anh và các cha

Đây là cách lịch sự để gọi những người bằng tuổi và lớn tuổi hơn Phao-lô.

Nghe tôi biện hộ

"Xin hãy nghe tôi biện hộ"

Bây giờ tôi sẽ nói

"Bây giờ tôi sẽ trình bày cho quý vị" (Xem: Forms of You)

Tiếng Hê-bơ-rơ

"Tiếng Hê-bơ-rơ của họ"

Acts 22:3

Được học trong thành nầy dưới chân Ga-ma-li-ên

"Là học trò của thầy Ga-ma-li-ên tại Giê-ru-sa-lem nầy"

Tôi được dạy dỗ nghiêm ngặt theo luật pháp của tổ phụ chúng ta

"Họ dạy tôi cách nghiêm ngặt theo luật pháp của tổ phụ chúng ta" hay "Tôi được dạy dỗ chính xác từng chi tiết trong luật pháp của tổ phụ chúng ta" (Xem: Active or Passive)

Tôi nhiệt thành cho Đức Chúa Trời

"Tôi có cảm nhận rất mạnh mẽ và làm theo những gì tôi tin là ý Chúa" hay "Tôi nhiệt huyết về sự phục vụ Chúa"

Cũng như tất cả quý vị ngày nay

"Giống như tất cả quý vị ngày nay" hay "cũng như quý vị ngày nay". Phao-lô so sánh mình với đám đông.

Đạo nầy

"Đạo" là tên gọi dành cho nhóm các tín hữu địa phương tại Giê-ru-sa-lem sau lễ ngũ tuần. (Xem Công vụ 9:2)

Cho đến chết

Phao-lô sẵn sàng giết những người theo Đạo.

Làm chứng

"Đưa ra lời chứng"

Tôi đã nhận thư giới thiệu từ họ

"Tôi đã nhận thư giới thiệu từ các thầy tế lễ thượng phẩm và trưởng lão"

Tôi phải bắt giải về

"Họ yêu cầu tôi phải bắt giải về" (Xem: Active or Passive)

Acts 22:6

Chuyện đã xảy ra

Phao-lô dùng cụm từ này để biểu thị phần chuyển đổi trong lời nói của ông từ việc nói về danh tính của ông trước khi ông đi theo Con đường cho đến việc ông được Chúa kêu gọi trên đường đến Đa-mách.

Acts 22:9

Tiếng của Ngài

"Tiếng của Chúa Giê-xu"

Tôi không thấy đường vì ánh sáng chói lóa

"Tôi bị mù vì ánh sáng chói lóa".

Acts 22:12

Người nhiệt thành theo luật pháp

A-na-nia rất nghiêm túc tuân giữ luật pháp của Đức Chúa Trời.

Được làm chứng tốt

"Có tiếng tốt giữa mọi người"

Ngay chính giờ đó

“Ngay lúc đó” hay “lập tức”. Đây là thành ngữ có nghĩa là xảy ra ngay lập tức. (Xem: Idiom)

Acts 22:14

Câu liên kết:

Phao-lô kể lại lúc ở với A-na-nia khi ông tiếp tục thuật lại câu chuyện. Đây vẫn là một phần trong lời ông nói với đám đông tại Giê-ru-sa-lem.

Rồi ông nói

"Rồi A-na-nia nói"

Ý muốn Ngài

"Điều Đức Chúa Trời đã định và sẽ thực hiện"

Anh còn chờ gì nữa?

Có thể dịch là: “Đừng chờ đợi!” hay “Đừng chần chờ!” (UDB). Đây là câu hỏi tu từ thúc giục Phao-lô nhận báp tem. (Xem: Rhetorical Question)

Rửa sạch tội đi

Cũng giống như khi tắm rửa làm sạch thân thể khỏi bụi bẩn, tội lỗi bên trong được rửa sạch khi kêu cầu danh Chúa Giê-xu để được tha thứ. (Xem: Metaphor)

Acts 22:17

Câu liên kết:

Phao-lô bắt đầu kể cho đám đông nghe về việc ông gặp Chúa Giê-xu.

Tôi bị ngất trí

"Một khải tượng hiện ra cho tôi" hay "Đức Chúa Trời cho tôi thấy một khải tượng"

Tôi thấy Ngài phán với tôi

"Tôi thấy Chúa Giê-xu khi Ngài phán với tôi"

Họ sẽ không chấp nhận

"Những người ở Giê-ru-sa-lem sẽ không chấp nhận"

Acts 22:19

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu liên kết:
Phao-lô kết thúc phần thuật lại việc ông gặp Chúa Giê-xu. Đây cũng là phần kết trong lời ông nói với đám đông ở Giê-ru-sa-lem.
Chính họ biết
Những người Do Thái không tin ở Giê-ru-sa-lem.
Đánh đòn những người
"Sắp xếp để họ bị phạt đòn"
Mọi nhà hội
Phao-lô lùng sục tất cả các tín hữu Do Thái tham dự ở bất kì nhà hội nào quanh Giê-ru-sa-lem.
Máu của Ê-tiên...bị đổ
Cách nói nầy thể hiện việc đánh đập tàn nhẫn một người cho đến chết. (Xem: Idiom)
Acts 22:22
Hãy diệt hạng người đó khỏi mặt đất
"Hãy giết ông ta"
Khi họ còn đang
"Đang khi họ còn" (UDB.) Từ này được dùng để đánh dấu hai sự kiện xảy ra cùng một lúc.
Ra lệnh đem Phao-lô
"Ra lệnh quân lính đem Phao-lô" (Xem: Active or Passive)
Đồn canh
Xem cách dịch ở câu 21:34.
Để chính ông
"Để chính viên chỉ huy"
Acts 22:25
Dây da
Đây là những mảnh da thuộc hay da sống của động vật.
"Đánh đòn một công dân Rô-ma khi chưa xét xử thì có hợp pháp không?"
Đây là câu hỏi tu từ để viên đội trưởng tự xét lại việc đánh đòn Phao-lô. Có thể dịch là: “Đánh đòn một công dân Rô-ma khi chưa xét xử là không hợp pháp!” (Xem: Rhetorical Question)
"Ông tính làm gì đây?"
Đây là câu hỏi tu từ để viên chỉ huy suy xét có đánh đòn Phao-lô không. “Ông không nên làm vậy!” (Xem: Rhetorical Question)
Acts 22:27
Nói với ông
"Nói với Phao-lô"
Tôi đã mua quyền công dân
"Tôi có được quyền công dân" hay "Tôi đã trở thành công dân"
"Tôi sinh ra là công dân Rô-ma"
"Tôi được sinh ra trong một gia đình công dân Rô-ma nên dĩ nhiên tôi là công dân Rô-ma"
Những kẻ sắp sửa
"Những kẻ dự định" hay "những kẻ chuẩn bị"
Acts 22:30
Viên chỉ huy
Sĩ quan quân sự của khoảng 600 binh sĩ.
Ông đưa Phao-lô xuống
Từ đồn canh có một cầu thang dẫn xuống sân đền thờ.

Translation Questions

Acts 22:3
Phao-lô được học ở đâu và ai là giáo sư của ông?
Phao-lô được học tại Giê-ru-sa-lem và Ga-ma-li-ên là giáo sư của ông.
Acts 22:12
Làm thế nào Phao-lô được sáng mắt lại?
Một người mộ đạo tên là A-na-nia đến, đứng bên cạnh Phao-lô và nói “Hỡi anh Sau-lơ, hãy sáng mắt lại”.
Acts 22:25
Phao-lô hỏi viện đội trưởng điều gì ngay trước khi ông bị đánh đòn?
Phao-lô hỏi việc đánh đòn một công dân Rô-ma khi chưa định tội có hợp pháp hay không.
Acts 22:30
Viên chỉ huy đã làm gì sau khi biết Phao-lô là một công dân Rô-ma?
Viên chỉ huy sai mở trói cho Phao-lô và ra lệnh cho các thầy tế lễ cả cùng toàn thể hội đồng họp lại rồi dẫn Phao-lô ra giữa họ.

Chapter 23
Acts 23:1
Câu liên kết:
Phao-lô bị đem ra đứng trước các thành viên hội đồng và thầy tế lễ cả ở ACT22:30
Thầy tế lễ thượng phẩm A-na-nia
(Xem: How to Translate Names)
Bức tường quét vôi trắng
Thông thường người ta sơn bức tường màu trắng để nhìn cho sạch sẻ. Cũng giống như một bức tường được sơn cho đẹp mắt, một người có thể mang bề ngoài tốt đẹp nhưng bên trong lại đầy dẫy ý đồ xấu xa. (Xem: Metaphor)1
Ra lệnh đánh tôi
"Ra lệnh cho người đánh tôi" hay "ra lệnh cho những kẻ nầy đánh tôi"
Acts 23:4
Ngươi xúc phạm cả thầy tế lễ thượng phẩm của Đức Chúa Trời sao
Những người nầy chửi mắng Phao-lô vì điều ông nói. Có thể dịch là: “Đừng xúc phạm thầy tế lễ thượng phẩm của Đức Chúa Trời!”. (Xem: Rhetorical Question)
Thưa anh em, tôi không biết ông ấy là thầy tế lễ thượng phẩm
Có thể hiểu là 1) “Phao-lô không biết vì một thầy tế lễ không nên có hành động giống như người nầy” hoặc 2) “Phao-lô đã đi khỏi Giê-ru-sa-lem một thời gian rất dài, người ta đã lập nên thầy tế lễ thượng phẩm mới nên ông không biết”. (Xem: Irony)
Acts 23:6
Tôi bị xét xử
"Anh em xét xử tôi"
Hội đồng bị chia rẽ
"Các thành viên hội đồng không đồng tình"7
Không có sự sống lại, không có thiên sứ và thần linh
Có thể hiểu là 1) Họ không tin vào sự sống lại, thiên sứ hay thần linh hoặc 2) Đức Chúa Trời không khiến người chết sống lại, thiên sứ và thần linh cũng vậy.
Acts 23:9
Một sự náo loạn rất lớn xảy ra

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ “Vậy” đánh dấu một sự kiện đã xảy ra theo sau sự việc trước đó. Trong trường hợp này, sự kiện trước chính là lúc Phao-lô đang nói về niềm tin của mình vào sự sống lại.

"Nếu thần linh hay thiên sứ đã nói với ông ta thì sao?"

Người Pha-ri-si quở trách người Sa-đu-sê khi khẳng định rằng thần linh và thiên sứ thật sự tồn tại và có thể phán với con người. Có thể dịch là: “Có lẽ thần linh hay thiên sứ đã phán với ông ta”. (Xem: Hypothetical Situations)9

Phao-lô sẽ bị họ xé xác

"Họ sẽ khiến ông bị thương tích nghiêm trọng".

Dùng vũ lực đưa ông ra

"Dùng sức mạnh vũ lực để đưa Phao-lô ra"

Vào đồn canh

Đây là tòa nhà quân sự quan trọng và vững chắc, thường có nhà ở cho quân lính hay doanh trại (UDB). Xem cách dịch ở câu 21:34.

Acts 23:11

Làm chứng

Có thể hiểu là 1) “nói” hay “đưa ra” lời làm chứng cá nhân về sự cứu rỗi hay 2) nói ra sứ điệp về sự cứu rỗi.

Acts 23:12

Thông tin tổng quát:

Thông tin Tổng quát: Đây là một sự kiện mới trong câu chuyện về Phao-lô. Người Do Thái thề độc, và âm mưu giết ông.

Lập ước

"Chính thức đồng ý làm điều gì đó"

Bốn mươi người

40 người (Xem: Numbers)

Acts 23:14

Họ đến

"Bốn mươi người Do Thái đến".

Vì vậy

Từ này biểu thị cho lời được nói tiếp theo sau lời đã được nói trước đó. Trong trường hợp này, người Do Thái đã nói với hội đồng về lời thề độc của họ.

Giải hắn xuống cho các ông

"Đem Phao-lô từ đồn canh xuống gặp thành viên Hội đồng các ông trong đền thờ nầy"

Acts 23:16

Họ đang rình đợi

Những người âm mưu và thề giết Phao-lô, đã sẵn sang phục kích ông.

Đồn canh

Xem cách dịch ở chương 21:34.

Anh ta có điều muốn báo quan

Người thanh niên có điều muốn nói với viên chỉ huy.

Acts 23:18

1Tên tù Phao-lô gọi tôi

"Tên tù Phao-lô gọi tôi đến và nói"

Thanh niên nầy

Vì viên chỉ huy nắm tay dẫn thanh niên nầy đi nên có lẽ cháu của Phao-lô còn nhỏ, khoảng từ 12 đến 15 tuổi.

Acts 23:20

Thông tin tổng quát:

Cháu của Phao-lô trả lời câu hỏi của viên chỉ huy trưởng.

Bốn mươi người

"40 người"

Phục sẵn

"Sẵn sàng để phục kích Phao-lô"

Acts 23:22

Hai đội trưởng

2 đội trưởng

Bảy mươi kỵ binh

70 kỵ binh

Hai trăm lính cầm giáo

200 lính được trang bị giáo.

Giờ thứ ba ban đêm

Khoảng 9:00 đêm. (Xem: Biblicaltime)22

Tổng đốc Phê-lít

Phê-lít là một tổng đốc khu vực của Rô-ma cư trú ở Sê-sa-rê.

Acts 23:25

Thông tin tổng quát:

Đây là mở đầu trong thư của đội trưởng gửi cho tổng đốc Phê-lít.

Cơ-lốt Ly-sia gởi lời chào thăm đến ngài tổng đốc khả kính Phê-lít

Đây là phần mở đầu trang trọng trong thư. Cơ-lố Ly-sia là tên của viên đội trưởng.

Tổng đống Phê-lít

Phê-lít là tổng đốc Rô-ma trên toàn khu vực.

Sắp bị giết

Người Do Thái sắp giết Phao-lô.

Đến

"Tìm đến" hay "đến ngay chỗ họ"

Acts 23:28

Câu liên kết:

Đây là phần kết trong thư của viên đội trưởng gửi cho Tổng đốc Phê-lít.

Tôi muốn biết

Từ “tôi” chỉ về Cơ-lốt Ly-si-a

Họ tố cáo ông

"Người Do Thái tố cáo Phao-lô"

Rồi tôi hay tin

"Sau đó tôi hay tin"

Acts 23:31

Những người lính vâng theo lệnh đó

Từ “vậy” đánh dấu một sự kiện đã xảy ra theo sau sự kiện trước đó. Trong trường hợp này, sự kiện trước đó chính là viên đội trưởng ra lệnh những người lính hộ tống Phao-lô.

An-ti-pa-tri

Là thành phố được Hê-rốt xây dựng để ghi danh cha của ông là An-ti-pa. Khu vực này ngày nay nằm ở miền trung Y-sơ-ra-ên.

Acts 23:34

Khi ông biết người quê ở Si-li-si

"Khi tổng đốc biết Phao-lô xuất thân từ Si-li-si".34

Ra lệnh bắt giữ ông

"Ra lệnh cho quân lính bắt giữ Phao-lô" hay "ra lệnh cho quân lính giam Phao-lô".

Translation Questions

Acts 23:1

Vì sao thầy tế lễ thượng phẩm bảo những người đứng gần Phao-lô vả miệng ông?

Vì thầy tế lễ thượng phẩm tức giận khi nghe Phao-lô nói

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ông đã sống với cả lương tâm trong sạch trước mặt Đức Chúa Trời.
Acts 23:6
Phao-lô nói vì lí do gì mà ông bị xét xử trước hội đồng?
Phao-lô nói ông bị xét xử vì niềm tin vào sự sống lại.
Acts 23:11
Chúa hứa với Phao-lô điều gì vào đêm hôm sau?
Chúa bảo Phao-lô đừng sợ vì ông sẽ làm chứng tại Giê-ru-sa-lem và tại Rô-ma.
Acts 23:12
Một số người Do Thái thề hứa điều gì có liên qua đến Phao-lô?
Khoảng bốn mươi người Do Thái thề với nhau rằng họ sẽ không ăn uống gì cho đến khi giết được Phao-lô.
Acts 23:14
Kế hoạch mà bốn mươi người Do Thái trình bày với các thầy tế lễ cả và các trưởng lão là gì?
Họ xin các thầy tế lễ cả và các trưởng lão yêu cầu đem Phao-lô đến trước hội đồng để họ có thể giết Phao-lô trước khi ông đến được đó.
Acts 23:16
Làm thế nào viên chỉ huy biết được kế hoạch của bốn mươi người Do Thái này?
Con trai của chị Phao-lô nghe được kế hoạch đó và trình cho viên chỉ huy biết.

Chapter 24
Acts 24:1
Thông tin tổng quát:
Phao-lô đang bị xét xử ở Sê-sa-rê. Tẹt-tu-lu tố cáo với Tổng đốc Phê-lít về Phao-lô.
Sau năm ngày
Năm ngày sau khi quân lính Rô-ma đưa ông tới Sê-sa-rê.
Thấy tế lễ thượng phẩm A-na-nia
Xem cách dịch A-na-nia trong đoạn 23:1.
Một nhà phát ngôn
“một luật sư” hoặc “người biện hộ ở tòa”
Đi đến đó
"Đi đến Sê-sa-rê, chỗ Phao-lô đang ở."
Tên là Tẹt-tu-lu
Tên của một người.
Khi Phao-lô đứng trước mặt tổng đốc
"Khi Phao-lô ở trước mặt tổng đốc, là thẩm phán tại tòa án"
Bắt đầu buộc tội ông
"Bắt đầu tố cáo ông" hay "bắt đầu buộc tội ông vi phạm luật Rô-ma"
Nhờ ngài
Từ “ngài” chỉ về tổng đốc.
Chúng tôi được bình an
"Dân chúng dưới sự cai quản của ngài được bình an"
Tổng đốc Phê-lít
Xem cách dịch tên Phê-lít ở chương 23:25.
Acts 24:4
Để tôi không làm phiền ngài thêm nữa
Có thể hiểu là 1) Để tôi không làm mất nhiều thời gian của ngài (UDB) hay 2) “để không làm ngài mất kiên nhẫn” 4
Nghe ngắn gọn
"Nghe lời trình bày ngắn gọn"
Chúng tôi đã thấy người này
"Chúng tôi nhận thấy Phao-lô" hay "chúng tôi phát hiện ra Phao-lô" Từ “chúng tôi” chỉ về A-na-nia, một số trưởng lão và Tẹt-tu-lu. (Xem: Exclusive “We”)
Hết thảy những người Do Thái trên khắp thế giới
"Nhiều người Do Thái trên khắp thế giới" (Xem: Hyperbole)
Acts 24:7
Câu liên kết:
Tẹt-tu-lu kết thúc phần buộc tội Phao-lô trước mặt Tổng đốc Phê-lít.
Khi ngài tra hỏi Phao-lô
"Khi ngài chất vấn Phao-lô" hay "hỏi trong phiên tòa"
Chúng tôi tố cáo nó
"Tố cáo Phao-lô" hay "tố cáo Phao-lô phạm tội"
Acts 24:10
Thông tin tổng quát:
Phao-lô trả lời Tổng đốc Phê-lít về những lời buộc tội chống lại ông.
Tổng đốc ra hiệu
"Tổng đốc ra dấu"
Tự biện hộ
"Trình bày trường hợp của mình"
Ngài có thể xác minh
"Ngài có thể kiểm chứng"
Mười hai ngày kể từ khi
"12 ngày kể từ khi" (Xem: Numbers)11
Tôi không gây rối loạn
"Tôi không gây rối" hay "tôi không kích động"
Những cáo buộc
"Những lời buộc tội" hay “những lời tố cáo về tội ác"
Acts 24:14
Tôi thừa nhận trước ngài
"Tôi công nhận trước ngài" hay "tôi thú nhận trước ngài"
Họ gọi là giáo phái
“Họ gọi là dị giáo”.
"Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng tôi"
Có nghĩa là Phao-lô khẳng định ông đi theo tôn giáo từ xưa, không phải tôn giáo mới mang tiếng là “giáo phái”.
Người công chính
"Người công chính"
Tôi làm việc để có
"Tôi rèn tập để có" hay "Tôi thực hành để có"
Trước mặt Đức Chúa Trời
"Trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời"
Acts 24:17
Giúp đỡ đất nước và mang tiền viện trợ.
"Sự giúp đỡ bao gồm cả tiền viện trợ".
Chẳng có đám đông nào
"Tôi chẳng tụ tập đám đông nào để làm điều sai quấy"8
Những người đó
"Những người Do Thái từ A-si"
Nếu họ có điều gì
"Nếu họ có điều gì muốn nói"
Acts 24:20
Câu liên kết:
Phao-lô kết thúc phần trả lời Tổng đốc Phê-lít về những cáo buộc chống lại ông.
Những người này
Thành viên Hội đồng có mặt ở Sê-sa-rê tại buổi xét xử Phao-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lô.
Acts 24:22
Khi nào Ly-si-a xuống
"Khi Ly-si-a xuống" hay "lúc Ly-si-a xuống"
Ta sẽ quyết định vụ việc của ngươi
"Ta sẽ đưa ra quyết định với những lời buộc tội ngươi" hay "ta sẽ xét xử liệu ngươi có tội hay không"
Được khoan hồng
Cho Phao-lô một số quyền tự do mà tù nhân không có.
Acts 24:24
Một vài ngày sau
"Sau một vài ngày"
Phê-lít trở lại
Xem cách dịch tên Phê-lít ở chương 23:24
Vợ ông là Đơ-ru-si
Đơ-ru-si là tên của phụ nữ. (Xem: How to Translate Names)
Phê-lít trở nên sợ hãi
Có thể Phê-lít cảm thấy cáo trách về tội lỗi của mình.
Bây giờ
"Lúc này" hay "tạm thời"
Acts 24:26
Phao-lô sẽ đút tiền cho ông
"Phao-lô sẽ đút tiền cho Phê-lít". Phê-lít hy vọng Phao-lô sẽ đưa hối lộ để được thả tự do.
Nên thường đòi ông đến và nói chuyện với ông
"Nên Phê-lít thường đòi Phao-lô đến và nói chuyện với Phao-lô"
Pốt-tiu Phê-tu
Tổng đốc Rô-ma mới thay thế cho Phê-lít.

Translation Questions

Acts 24:14
Phao-lô nói ông trung thành với điều gì?
Phao-lô nói ông trung thành với tất cả mọi điều trong luật pháp và các sách tiên tri.
Acts 24:17
Phao-lô nói vì sao ông đến Giê-ru-sa-lem?
Phao-lô nói ông đến để giúp đỡ và đem tiền viện trợ cho dân tộc.
Acts 24:22
Tổng đốc Phê-lít biết rõ về điều gì?
Tổng đốc Phê-lít biết rõ về đạo mà Phao-lô nói.
Phê-lít nói khi nào ông sẽ quyết định trường hợp của Phao-lô?
Phê-lít nói ông sẽ quyết định trường hợp của Phao-lô khi viên chỉ huy Ly-si-a từ Giê-ru-sa-lem đến.
Acts 24:24
Vài ngày sau, Phao-lô nói với Phê-lít điều gì?
Phao-lô nói với Phê-lít về đức tin nơi Chúa Giê-xu, sự công bình, tiết độ và sự phán xét tương lai.

Chapter 25
Acts 25:1
Thông tin tổng quát:
Bấy giờ Phê-tu là tổng đốc ở Sê-sa-rê.
Bấy giờ
Từ này đánh dấu phần mở đầu của sự kiện tiếp theo trong câu chuyện.
Phê-tu đến tỉnh hạt
Có thể là 1) “Phê-tu đến khu vực” hoặc 2) “Phê-tu đến khu vực và bắt đầu cai trị”. (UDB)
Ông đi từ Sê-sa-rê lên Giê-ru-sa-lem
Có thể là 1) “đi lên chỉ về tầm quan trọng của Giê-ru-sa-lem” hoặc 2) “đi lên về độ cao vì Giê-ru-sa-lem nằm trên một ngọn đồi”.
Tố cáo Phao-lô
Đây là cách nói theo ngôn ngữ của tòa án. Có thể dịch là: “buộc tội Phao-lô vi phạm pháp luật”. 2
Họ rất khẩn khoản với Phê-tu
"Họ cứ nài xin Phê-tu" hay "họ nài xin Phê-tu"
Để ông cho giải Phao-lô...để họ có thể giết người
"Để Phê-tu cho giải Phao-lô...để người Do Thái có thể giết Phao-lô"
Cho giải ông
"Đưa ông"
Họ có thể giết ông dọc đường
Họ định phục kích giết Phao-lô dọc đường.
Acts 25:4
Rằng Phao-lô là tù nhân ở Sê-sa-rê
Đây là câu gián tiếp. Có thể dịch là: “Phao-lô là tù nhân ở Sê-sa-rê và chính ta sẽ sớm về lại đó”. (Xem: Direct and Indirect Quotations)
Nếu người ấy có tội gì
"Nếu Phao-lô có phạm điều gì sai trái"
Thì ngươi hãy tố cáo
"Thì ngươi hãy buộc tội" hay "thì ngươi hãy tố cáo người ấy vi phạm pháp luật"
Acts 25:6
Sau khi ông ở lại
"Sau khi Phê-tu ở lại"
Ngồi trên ghế xử án
"Ông ngồi vào ghế thẩm phán"
Phao-lô được giải tới chỗ ông
"Họ dẫn Phao-lô vào gặp ông" (Xem: Active or Passive)
Khi ông đến
"Khi Phao-lô đến trước mặt Phê-tu"
Luật pháp của người Do Thái
"Luật pháp của người Do Thái" (UDB)
Không chống lại đền thờ
Có nghĩa là ông không hề phạm luật định về đối tượng được vào đền thờ Giê-ru-sa-lem. (Xem: Synecdoche)
Acts 25:9
Muốn được lòng người Do Thái
"Muốn làm hài lòng người Do Thái"
Và ta sẽ xét xử những cáo buộc nầy tại đó
"Tại đó ta sẽ xét xử ngươi với những lời tố cáo nầy?" (Xem: Active or Passive)
Là nơi tôi phải bị xét xử
"Là nơi ngài phải xét xử tôi" (Xem: Active or Passive)
Acts 25:11
Câu liên kết:
Phao-lô tiếp tục nói chuyện với Phê-tu.
Nếu tôi có làm điều gì đáng chết
"Nếu tôi có phạm tội gì đáng bị xử tử"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu lời buộc tội của họ không có thật
"Nếu lời cáo buộc của họ không đúng"
Không ai có thể nộp tôi cho họ
Có thể là 1) Phê-tu không có quyền hợp pháp để nộp Phao-lô cho bên cáo buộc sai sự thật, hoặc 2) Phao-lô muốn nói rằng nếu ông không làm gì sai trái thì tổng đốc không thể làm theo yêu cầu của người Do Thái.
Tôi kêu nài lên Sê-sa
"Tôi yêu cầu lên trước Sê-sa xét xử"
Phê-tu bàn luận với hội đồng
dịch thiếu - This is not the Sanhedrin which is referred to as "council" throughout Acts. This is a political council in the Roman government. Có thể dịch là "Phê-tu bàn luận với các cố vấn của mình"
Acts 25:13
Thông tin tổng quát:
Phê-tu bắt đầu giải thích với Vua Ạc-ríp-ba về trường hợp của Phao-lô.
Bấy giờ
Từ này báo hiệu phần mở đầu của sự kiện mới trong câu chuyện.
Vua Ạc-ríp-pa và Bê-rê-nít
Ạc-ríp-pa là vua đương thời và Bê-rê-nít là chị em của ông. (Xem: How to Translate Name).
Chính thức đến thăm Phê-tu
"Đến thăm Phê-tu theo nghi thức"
Một tù nhân mà tổng đốc Phê-lít để lại
Khi Phê-lít rời nhiệm sở, ông để lại một người trong tù. (Xem: Active or Passive)
Acts 25:17
Vì vậy
Từ này biểu thị một lời nói được phát ngôn theo sau điều đã được nói trước đó. Trong trường hợp này, Phê-tu đã nói trước đó rằng bị cáo phải được gặp bên nguyên cáo của mình để bào chữa.
Khi họ cùng đến đây
"Khi các lãnh đạo Do Thái đến đây gặp tôi"
Tôi ngồi trên ghế xử án
"Tôi ngồi vào ghế thẩm phán" (Xem: Công vụ 25:6)
Tôi ra lệnh dẫn người ấy đến
"Tôi ra lệnh cho quân lính dẫn Phao-lô đến trước mặt tôi" (Xem: Active or Passive)
Tôn giáo của riêng họ
"Tôn giáo" là hệ thống niềm tin của con người về cuộc sống và cõi siêu nhiên.
Để được xét xử những việc nầy tại đó
"Tại đó hội đồng Do Thái sẽ định đoạt liệu ông có tội theo những cáo buộc nầy hay không" (Xem: Active or Passive)
Acts 25:21
Câu liên kết:
Phê-tu kết thúc giải thích cho Vua Ạc-ríp-ba nghe về trường hợp của Phao-lô.
Tôi ra lệnh giam anh ta
"Tôi ra lệnh cho quân lính giam anh ta vào ngục" (Xem: Active or Passive)
Phê-tu đáp lời: “Ngày mai ngài sẽ được nghe.”
Phê-tu đáp, “Ngày mai tôi sẽ sắp xếp cho ngài được nghe Phao-lô trình bày.”
Acts 25:23
Ạc-ríp-pa và Bê-rê-nít đến
Xem cách dịch tên Ạc-ríp-pa và Bê-rê-nít ở chương 25:13.
Phao-lô được giải đến trước họ
Họ đưa Phao-lô đến trước mặt. (Xem: Active or Passive)
Họ kêu la cùng tôi
"Dân Do Thái kêu gào cùng tôi"
Đừng nên để cho gã này sống nữa
Câu này được dùng để nhấn mạnh về điểm đối lập của điều đã nói. Tham khảo: "nên giết hắn ngay đi."
Acts 25:25
Câu liên kết:
Phê-tu tiếp tục nói với Vua Ạc-ríp-ba.
Tôi đã đem anh ta đến trước mặt quý vị, đặc biệt là ngài, thưa vua Ạc-ríp-pa.
"Tôi đã đem Phao-lô đến trước mặt tất cả quý vị, đặc biệt là ngài, thưa vua Ạc-ríp-pa. (Xem: Forms of You)
Để tôi có thể có dữ liệu mà viết tờ trình
"Để tôi có dữ liệu mà viết tờ trình" hay "để tôi biết cần phải viết sớ trình điều gì".
thật vô lý nếu giải một phạm nhân đi mà chẳng có lời cáo buộc nào chống lại hắn cả
"dường như sẽ có lý nếu giải một phạm nhân mà ta đã cáo buộc"
Những cáo trạng của anh ta.
Có thể là 1) những điều các nhà lãnh đạo Do Thái cáo buộc anh ta hay 2) những cáo trạng theo luật pháp Rô-ma áp dụng cho vụ việc của Phao-lô.

Translation Questions

Acts 25:9
Khi xét xử trường hợp của Phao-lô tại Sê-sa-rê, Phê-tu đã hỏi Phao-lô điều gì?
Phê-tu hỏi Phao-lô có muốn lên Giê-ru-sa-lem để xét xử tại đó không.
Vì sao Phê-tu hỏi Phao-lô như vậy?
Phê-tu hỏi Phao-lô như vậy vì muốn được lòng dân Do Thái.
Acts 25:11
Phao-lô trả lời Phê-tu như thế nào?
Phao-lô nói rằng ông không có tội gì với người Do Thái và yêu cầu được Sê-sa xét xử.

Chapter 26

Acts 26:1
Câu liên kết:
Phê-tu đã dẫn Phao-lô đến trước mặt Vua Ạc-ríp-ba. Trong câu 2, Phao-lô bắt đầu biện hộ trước mặt Vua Ạc-ríp-ba.
Giơ tay ra
"giơ tay ra trước đám đông để khiến họ chú ý"
Tự biện hộ
"Ông bắt đầu biện hộ cho mình trước những lời buộc tội"
Tôi lấy làm vui mừng
Phao-lô vui mừng vì ông xem việc diện kiến vua Ạc-ríp-pa là một cơ hội để nói về Phúc Âm.
Acts 26:4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mọi người Do Thái
Có thể là 1) Những người Pha-ri-si lớn lên với Phao-lô và biết ông cũng là người Pha-ri-si, hay 2) “Phao-lô nổi tiếng trong vòng người Do Thái vì là một người Pha-ri-si nhiệt thành và bây giờ là một tín hữu nhiệt thành”.
Trong vòng dân tộc tôi
Có thể là: 1) giữa dân tộc của ông, không nhất thiết phải ở trong lãnh thổ Y-sơ-ra-ên, hoặc 2) trong lãnh thổ Y-sơ-ra-ên.
Acts 26:6
Bây giờ
Phao-lô dùng từ này để đánh dấu sự chuyển đổi sang một điểm khác trong lời biện hộ của ông.
Tôi đứng đây để bị xét xử
"Tôi ở đây, là nơi họ muốn xét xử tôi" (Xem: Active or Passive)
Tôi trông chờ lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho tổ phụ chúng tôi
Phao-lô hy vọng vào sự xuất hiện của Chúa Cứu Thế.
Chúng tôi hy vọng đạt được điều đó
"Chúng tôi hy vọng nhận được điều Đức Chúa Trời đã hứa"
Tại sao quý vị không tin Đức Chúa Trời có thể khiến người chết sống lại?
Phao-lô nói vậy để Ạc-ríp-pa có thể kết nối điều Phao-lô đang nói với điều Ạc-ríp-pa đã tin rằng Chúa có thể khiến người chết sống lại. (Xem: Rhetorical Question).
Acts 26:9
Có một thời gian
Phao-lô dùng cụm từ này để biểu thị một sự chuyển đổi khác trong lời biện hộ của ông. Ông đang thuật lại việc ông từng bắt bớ các thánh đồ.
Chống đối danh Giê-xu
dịch thiếu - The word "name" here stands for the message of Jesus. "Chống đối những người tin theo Chúa Giê-xu" (Xem: Synecdoche)
Bỏ phiếu chống lại họ
"Bỏ phiếu ủng hộ trừng phạt họ"
Tôi thường trừng phạt họ
Có thể là 1) Phao-lô trừng phạt một số tín hữu nhiều lần, hoặc 2) Phao-lô trừng phạt nhiều tín hữu khác nhau.
Acts 26:12
Khi tôi đang làm việc này
Phao-lô dùng cụm từ này để biểu thị một sự chuyển đổi khác trong lời biện hộ của ông. Ông đang kể về cách Chúa Giê-xu kêu gọi ông ra khỏi sự bắt bớ thánh đồ để đi theo Ngài.
Khi
Từ này được dùng để đánh dấu hai sự kiện xảy ra cùng một thời điểm. Trong trường hợp này, Phao-lô đang bắt bớ các thánh đồ trong khi ông đi đến Đa-mách.
Với thẩm quyền và mệnh lệnh
Phao-lô nhận được bức thơ tay của các lãnh đạo Do Thái cấp quyền cho ông để đàn áp những tín hữu Do Thái.
Ngươi đá vào mũi nhọn thì thật là khó khăn
Đức Chúa Trời so sánh sự chống đối của Phao-lô với kế hoạch của Đức Chúa Trời như một con bò đá vào cây thúc nhọn của người nông dân. Xem bản UDB. Tức là Phao-lô khó có thể thoát khỏi kế hoạch mà Đức Chúa Trời đã dành cho ông. (Xem: Metaphor).
Acts 26:15
Câu liên kết:
Phao-lô tiếp tục biện hộ trước mặt Vua Ạc-ríp-ba. Trong các câu này, ông tiếp tục thuật lại cuộc đối thoại giữa ông với Chúa.
Biệt riêng cho ta
"Khiến thuộc riêng về ta" (UDB) hay "tận hiến cho ta"
Nhờ đức tin trong ta
Chỉ về đức tin đặt nơi Chúa của những người được Ngài biệt riêng cho chính Ngài.
kẻ mà ta đã biệt riêng cho chính ta bởi đức tin họ đặt nơi ta
Phao-lô kết thúc phần thuật lại lời phán của Chúa.
Acts 26:19
Therefore #dịch thiếu
This word marks a statement that is said because of what was said previously. In this case, Paul had just explained what the Lord had commanded him in his vision.
Tôi không chống lại khải tượng từ trời
"Tôi đã vâng theo sứ điệp được truyền phán trong khải tượng từ trời". (Xem: Double Negatives)
Acts 26:22
Câu liên kết:
Phao-lô kết thúc phần biện hộ trước mặt Vua Ạc-ríp-ba.
Những điều các nhà tiên tri
Phao-lô chỉ về tập hợp những bài viết của các nhà tiên tri thời cựu ước.
Rằng Đấng Cứu Thế phải chịu khổ nạn
"Rằng Đấng Cứu Thế phải chịu khổ nạn và chịu chết"
Để rao truyền ánh sáng
"Để rao truyền sứ điệp về sự cứu rỗi"
Acts 26:24
Anh mất trí rồi
"Anh đang nói những điều ngớ ngẩn" hay "anh điên rồi"
Tôi không điên
"Tôi nói đúng” hoặc “tôi có thể nghĩ đúng”
Tỉnh táo
"Nghiêm túc" hay "về một vấn đề nghiêm túc".
Tôi mạnh dạng tâu với người
"Tôi mạnh dạng tâu với vua Ạc-ríp-pa".
Không làm trong góc khuất
Nó phải lộ ra. Có thể dịch là: “không làm trong chỗ bí mật”.
Acts 26:27
Tâu vua Ạc-ríp-ba, ngài có tin lời các tiên tri chăng?
Phao-lô đặt câu hỏi này để nhắc Ạc-ríp-ba nhớ rằng Ạc-ríp-ba đã tin lời tiên tri về Chúa Giê-xu. Tham khảo: “Ngài đã tin lời các đấng tiên tri Do Thái nói rồi, tâu Vua Ạc-ríp-ba!”
Trong một thời gian ngắn mà anh muốn thuyết phục ta trở thành Cơ Đốc nhân sao?
Ạc-ríp-pa muốn nói rằng Phao-lô không thể nào khiến ông tin Đấng Cứu Thế dựa vào một bài phát biểu ngắn như vậy. (Xem: Rhetorical Question)
Acts 26:30
Sau đó đức vua và tổng đốc đứng lên
"Sau đó vua Ạc-ríp-pa và tổng đốc Phê-tu đứng lên".

Translation Questions

Acts 26:6
Phao-lô nói cả ông và người Do Thái đều hy vọng nhận được lời hứa nào của Chúa?
Phao-lô nói ông và người Do Thái đều hy vọng nhận được

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lời hứa về sự sống lại.
Acts 26:9
Trước khi quy đạo, Phao-lô đã làm gì để chống đối danh Giê-xu người Na-xa-rét?
Phao-lô bỏ tù nhiều thánh đồ, đồng thuận khi họ bị giết và truy tìm họ ở các thành ngoại quốc.
Acts 26:15
Ai đã phán với Phao-lô trên đường đến Đa-mách?
Chúa Giê-xu đã phán với Phao-lô trên đường ông đến Đa-mách.
Acts 26:22
Các đấng tiên tri và Môi-se báo trước điều gì sẽ xảy ra?
Các đấng tiên tri và Môi-se báo trước rằng Đấng Cứu Thế phải chịu thương khó và sống lại từ cõi chết để rao truyền ánh sáng cho người Do Thái và cho dân ngoại.
Acts 26:24
Phê-tu nghĩ gì về Phao-lô sau khi ông nghe lời biên luận của Phao-lô?
Phê-tu nghĩ rằng Phao-lô bị mất trí.

Chapter 27
Acts 27:1
Thông tin tổng quát:
Phao-lô bắt đầu hành trình đến Rô-ma.
Khi đã được quyết định
"Khi tổng đốc đã quyết định" (Xem: Active or Passive)
Chúng tôi đi tàu
Từ “chúng tôi” chỉ về tác giả Lu-ca và Phao-lô. Ông cùng đi với Phao-lô trên hành trình đến Rô-ma. (Xem: Exclusive “We”)
Xuống thuyền đến Ý
Ý là tên của một tỉnh mà thủ đô Rô-ma được đặt tại đó.
Một viên đội trưởng tên là Giu-lơ
Giu-lơ là tên của nam giới. (Xem: How to Translate Names)
the Augustan Regiment #dịch thiếu
This was the name of the battalion or army name the centurion was from.
Một chiếc tàu từ A-tra-mít
Có thể là: 1) Một chiếc tàu đi từ A-tra-mít, hoặc 2) Một chiếc tàu được đăng ký hay cấp phép ở A-tra-mít. Đây có lẽ là khu vực nằm ở bờ tây Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay (Xem: How to Translate Names).
Sắp đi
"Sẽ sớm đi" hay "sẽ sớm khởi hành".
Ra khơi
"Bắt đầu cuộc hành trình trên biển"
A-ri-tạc quê ở Tê-sa-lô-ni-ca
Xem cách dịch tên A-ri-tạc ở câu 19:29 và 20:4.
Acts 27:3
Giu-lơ đối xử tử tế với Phao-lô
"Giu-lơ quan tâm và thân thiện với Phao-lô". Xem cách dịch tên Giu-lơ ở câu 27:1.
Đến gặp các bạn hữu và được họ chăm sóc
"Đến gặp các bạn hữu để họ lo cho ông những thứ cần dùng" hay "đến gặp các bạn hữu để họ giúp đỡ những điều ông cần".
Đi tàu quanh đảo Chíp-rơ để tránh gió
“Đi dọc theo bờ biển đảo Chíp-rơ để gió không đùa chúng tôi đi sai đường” (UDB)
Và Pam-phi-ly
Xem cách dịch tên Pam-phi-ly ở câu 2:10.
Đến Mi-ra, một thành của Ly-si-a.
Mi-ra là một thành thuộc tỉnh Ly-si-a, nằm trên bờ biển phía tây nam của Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. (Xem: How to Translate Names)
Một thành của Ly-si-a
Ly-si-a là một tỉnh Rô-ma nằm trên bờ biển phía tây nam của Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. (Xem: How to Translate Names).
Alexandria - dịch thiếu
This is the name of a city.
Đi đến Ý.
Xem cách dịch từ “Ý” ở câu 27:1.
Acts 27:7
Gần Cơ-nít
Đây là một khu định cư cổ xưa thuộc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. (Xem: How to Translate Names)
Đối ngang Sa-môn
"Sa-môn" là một thành phố ven biển ở Cơ-rết. (Xem: How to Translate Names)
Mỹ Cảng
Một cảng gần La-sê nằm trên bờ biển phía nam của Cơ-rết. (Xem: How to Translate Names)
Gần thành La-sê
"La-sê" là một thành phố ven biển ở Cơ-rết. (Xem: How to Translate Names)
Acts 27:9
Chúng tôi đã mất nhiều thời gian
Do hướng gió nên hành trình từ Sê-sa-rê đến Mỹ Cảng mất nhiều thời gian hơn dự định.
Kỳ kiêng ăn của người Do Thái đã qua
Kỳ kiêng ăn này diễn ra vào ngày Đại Lễ Chuộc Tội tháng chín hoặc tháng mười hằng năm. Sau thời gian này, nguy cơ gặp bão theo mùa cao hơn.
Acts 27:12
Hải cảng khó neo đậu vào mùa đông
“Hải cảng không đủ an toàn để tàu có thể neo đậu qua những cơn bão mùa đông”
Thành Phê-nít
Phê-nít là một thành phố cảng trên bờ biển của Cơ-rết. (Xem: How to Translate Names)
Nhổ neo
Đây là một thuật ngữ đi biển, có nghĩa là kéo neo tàu lên khỏi nước. Neo là một vật nặng gắn vào sợi dây buộc chặt với chiếc tàu. Khi vào cảng, người ta thả neo cho nó chìm xuống đáy biển để giữ tàu khỏi bị đẩy trôi.
Acts 27:14
Cuồng phong
"Một trận gió rất mạnh và nguy hiểm"
Phía khuất gió
"phía tránh gió”
Một đảo nhỏ gọi là Cơ-lô-đa
Hòn đảo nầy nằm ở bở biển phía nam của Cơ-rết. (Xem: How to Translate Names)
Acts 27:17
Họ đã trục nó lên
"Họ đã kéo nó lên"
Dải cát Si-rơ-tơ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dải cát là khu vực rất cạn trên biển khiến tàu bè có thể bị mắc kẹt trong cát. “Si-rơ-tơ” nằm trên bờ biển của Li-bi, phía bắc Châu Phi. (Xem: How to Translate Names)

Được đưa đi

“Để mặc theo hướng gió" (Xem: Active or Passive)

Acts 27:19

Hy vọng được cứu sống không còn nữa

“Mọi người không còn hy vọng sẽ sống sót” (Xem: Active or Passive)

Acts 27:21

Giữa các thủy thủ

"Giữa mọi người"

Để nhận lấy thiệt hại và mất mát nầy

"Để bây giờ chúng ta phải đối diện với thiệt hại và mất mát"

Acts 27:23

Câu liên kết:

Phao-lô tiếp tục nói với các thủy thủ.

Đã ban cho ngươi tất cả những người đi cùng với ngươi

"Đã định cho những người đi cùng với ngươi được sống"

Chúng ta chắc hẳn phải bị đắm tàu và dạt vào một đảo nào đó

"Chiếc tàu chắc hẳn sẽ bị dạt vào một đảo nào đó"

Acts 27:27

Biển A-đờ-ri-a-tích

Biển nằm giữa Ý và Hy Lạp. (Xem: How to Translate Names)

Họ thả dây dò

Họ đo độ sâu của mực nước biển. (UDB)

Thì thấy hai chục sải

"Thì thấy 20 sải" hay "thì thấy 40 mét". Đây là một đơn vị đo lường. (UDB) (Xem: How to Translate Numbers)

Thì thấy mười lăm sải

"Thì thấy 15 sải" hay "thì thấy 30 mét" (Xem: How to Translate Numbers)

Từ phía đuôi tàu

"Từ phía sau tàu"

Acts 27:33

Chẳng một sợi tóc nào trên đầu các ông sẽ mất cả

dịch thiếu - This was a customary way of saying no harm would come upon them. AT: "Tất cả các ông sẽ sống sót, thảm họa này không làm tổn hại gì" (Xem: Synecdoche)

Bẻ bánh

“Xé bánh mì thành hai hay nhiều miếng” hoặc “xé một miếng từ ổ bánh mì”.

Acts 27:36

Chúng tôi có tất cả 276 người trên tàu

“Chúng tôi có tất cả hai trăm bảy mươi sáu người trên tàu.” Đây là thông tin ngữ cảnh.

Acts 27:39

Không nhận ra là vùng đất nào

"Nhìn thấy đất liền nhưng không nhận ra đó là vùng đất nào trong số những nơi họ biết"

Cắt dây neo và bỏ lại dưới biển

"Cắt dây và bỏ neo lại"

Tiến thẳng vào bờ biển

"Lái tàu hướng vào bờ biển"

Acts 27:42

Kế hoạch của quân lính là

"Quân lính định"

Nhảy xuống biển

"Nhảy từ trên tàu xuống nước"

Translation Questions

Acts 27:3

Đội trưởng Giu-lơ đối xử với Phao-lô như thế nào vào đầu chuyến hành trình đi đến Rô-ma?

Giu-lơ đối xử tử tế với Phao-lô, cho phép ông đến thăm các bạn hữu và để họ chăm sóc ông.

Acts 27:7

Tàu của Phao-lô vất vả cặp vào đảo nào?

Con tàu vất vả áp sát bờ đảo Cơ-rết.

Acts 27:14

Sau khi nhẹ nhàng khởi hành, cơn gió nào bắt đầu quật xuống tàu?

Sau khi nhẹ nhàng khởi hành, một cơn gió gọi là Đông Bắc bắt đầu quật xuống tàu.

Acts 27:27

Vào nữa đêm thứ mười bốn, các thủy thủ nghĩ điều gì đang xảy ra với chiếc tàu?

Các thủy thủ nghĩ con tàu đang đến gần đất liền.

Acts 27:30

Các thủy thủ tìm cách làm gì?

Các thủy thủ tìm cách trốn khỏi tàu.

Acts 27:33

Khi trời sắp sáng, Phao-lô khuyên mọi người làm gì?

Phao-lô khuyên mọi người hãy ăn.

Acts 27:39

Các thủy thủ quyết định cặp thuyền vào bờ bằng cách nào và điều gì đã xảy ra?

Các thủy thủ quyết định cặp thuyền vào bờ bằng cách thả neo trực tiếp xuống biển, nhưng mũi tàu bị mắc cạn và đuôi tàu bắt đầu bể ra.

Acts 27:42

Lúc này các quân lính định làm gì với những tù nhân?

Quân lính định giết các tù nhân để không ai có thể trốn thoát.

Chapter 28

Acts 28:1

Chúng tôi biết

"Nhờ người dân chúng tôi biết" hay "nhờ những cư dân chúng tôi phát hiện ra". Từ “chúng tôi” chỉ về Phao-lô và Lu-ca, là tác giả của sách Công vụ, ông cùng đi với Phao-lô trong hành trình này. (Xem: Exclusive).

Hòn đảo có tên là Man-tơ

"Man-tơ" là hòn đảo nằm ở phía nam đảo Sicily ngày nay. (Xem: How to Translate Names)

Dân địa phương

Từ “dân địa phương” chỉ về người không nói tiếng Hy Lạp hay không du nhập văn hóa Hy Lạp.

Đặc biệt tử tế

dịch thiếu - This phrase is used to emphasize the opposite of what is said. AT: "Vô cùng tử tế" (Xem: Litotes)

Họ đốt một đám lửa

"Họ nhóm các cành cây, nhánh cây lại và đốt chúng lên"

Tiếp đón tất cả chúng tôi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể là 1) “tiếp đón tất cả những người từ trên tàu” hay 2) “tiếp đón Phao-lô và tất cả những người bạn đồng hành với ông”.
Acts 28:3
Một con rắn lục bò ra
"Một con rắn độc bò ra từ bó củi"
Quấn chặt vào tay ông
"Cắn vào tay Phao-lô và không chịu buông ra"
Người nầy chắc chắn là một kẻ sát nhân
"Chắc chắn người nầy là một kẻ sát nhân" hay "Người nầy thật đúng là một kẻ sát nhân"
Công lý không cho ông sống sót
"Nữ thần Công Lý không cho ông ta thoát khỏi cái chết"
Acts 28:5
Rảy con vật đó vào lửa
"Giũ tay để con rắn từ tay ông rơi vào lửa"
Bị sưng tấy và sốt
Có thể là 1) “bị sốt cao” hay 2) “bị sưng lên”.
Chẳng có gì bất thường xảy ra với ông
Tham khảo: "lẽ ra ông ấy phải có triệu chứng chứ."
Nói ông là một vị thần
Người ta tin rằng những người còn sống sau khi bị rắn độc cắn là một vị thánh hay một vị thần.
Acts 28:7
Bấy giờ ở gần đó
Từ "bấy giờ" được dùng để giới thiệu một nhân vật mới hay sự kiện mới trong câu chuyện.
Tù trưởng của đảo
Có thể là 1) người lãnh đạo chính của dân chúng hay 2) người có tầm quan trọng nhất trên đảo có thể là vì sự giàu có của ông ta.
Một người tên là Púp-li-u
Púp-li-u là viên quan lớn nhất của đảo. (Xem: How to Translate Names)
Tiếp đón chúng tôi
"Tiếp đón Phao-lô và những người bạn đồng hành của ông"
Chiêu đãi chúng tôi cách niềm nở
"Thể hiện lòng tốt và hiếu khách với chúng tôi là những người xa lạ"
Lúc đó, cha của Búp-li-u bị sốt kèm kiết lỵ
Đây là thông tin ngũ cảnh về cha của Búp-li-u, thông tin này rất quan trọng để hiểu câu chuyện.
Đang bị bệnh
"Bị bệnh"
Bệnh sốt và kiết lỵ
"Lỵ là bệnh truyền nhiễm mắc ở đường ruột"
Đặt tay trên ông
"Dùng tay chạm vào ông"
Và được chữa lành
"Và ông cũng chữa lành cho họ" (Xem: Active or Passive) (UDB)
Acts 28:11
Thông tin tổng quát:
Phao-lô tiếp tục hành trình của mình đến Rô-ma.
Thuyền A-léc-xan-tri
Có thể có nghĩa 1) “thuyền đến từ A-léc-xan-tri” hoặc 2) “một thuyền được đăng ký với tên gọi A-léc-xan-tri” Tham khảo cách dịch từ “A-léc-xan-tri” ở ACT06:08
Thần Sinh Đôi...Castor và Pollux
Chỉ về Castor và Polluxa là hai con trai sinh đôi của Zeus, một vị thần Hy Lạp. Họ được tôn sùng là thần hộ vệ cho tàu thuyền. (Xem: How to Translate Names)
Thành Sy-ra-cu-sơ
Sy-ra-cu-sơ là một thành phố nằm trên bờ biển đông nam của đảo Sicily ngày nay, nằm về phía tây nam nước Ý. (Xem: How to Translate Names)
Acts 28:13
Thành Rê-ghi-um
Đây là thành phố cảng nằm ở mũi tây nam Ý. (Xem: How to Translate Names)
Gió nam thổi lên
"Gió bắt đầu thổi từ phía nam"
Thành Pu-xô-lơ
"Pu-xô-lơ" nằm ở Napoli ngày nay, trên bờ tây của nước Ý. (Xem: How to Translate Names)
Anh em
Đây là những người theo Chúa Giê-xu, bao gồm cả nam và nữ.
Từ đó chúng tôi đi đến Rô-ma
"Sau khi ở lại với họ bảy ngày, chúng tôi đi đến Rô-ma". Sau khi Phao-lô tới Pu-xô-lơ thì phần còn lại của cuộc hành trình đi đến Rô-ma là đường bộ.
Ba Quán
Đây là trạm dừng chân trên đường cao tốc lớn tên là Appian Way cách thành Rô-ma khoảng 50km về phía nam.
Acts 28:16
Khi chúng tôi vào thành Rô-ma, Phao-lô được phép
"Sau khi chúng tôi đến thành Rô-ma, chính quyền cho phép ông" (Xem: Active or Passive)
Các nhà lãnh đạo của người Do Thái
Các nhà lãnh đạo tôn giáo hay dân sự của người Do Thái có mặt ở Rô-ma.
Không có lý do gì để xử tử tôi
“Tôi không làm điều gì đáng bị kết án tử hình”
Acts 28:19
Câu liên kết:
Phao-lô tiếp tục nói với các lãnh đạo Do Thái ở Rô-ma.
Người Do Thái nói
"Người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem nói"
Phản đối ý của họ
"Phản đối ý của các nhà lãnh đạo Rô-ma"
Tôi buộc phải kháng cáo
"Tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc kháng cáo" (Xem: Active or Passive)
Điều dân Y-sơ-ra-ên trông cậy
Rằng Đức Chúa Trời sẽ bạn Chúa Cứu Thế cho dân Y-sơ-ra-ên, hay Đức Chúa Trời sẽ khiến người chết sống lại.
Acts 28:21
Câu liên kết:
Các lãnh đạo Do Thái trả lời Phao-lô.
Anh suy nghĩ về giáo phái nầy
"Anh suy nghĩ về nhóm tự lập lên nầy"
Bị chống đối khắp nơi
Những người Do Thái từ chối sứ điệp phúc âm trên khắp đế quốc Rô-ma đều nói xấu về Đạo. Những người Do Thái gốc Rô-ma nghe thuật lại những thông điệp nầy.
Acts 28:23
Thông tin tổng quát:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong các câu này, các từ “ông” nói đến Phao-lô.
When they had set - dịch thiếu
The word "they" refers to the Jewish leaders.
Một số người được thuyết phục
"Phao-lô thuyết phục được một vài người trong số họ" (Xem: Active or Passive)
Acts 28:25
Thông tin tổng quát:
Trong các câu này, các từ “họ” và “các ngươi” nói đến những người mà Phao-lô đang nói. Trong câu 26, Phao-lô bắt đầu trích dẫn lời của tiên tri Ê-sai.
Acts 28:27
Câu liên kết:
Phao-lô kết thúc phần trích dẫn lời của tiên tri Ê-sai.
Acts 28:28
Câu liên kết:
Phao-lô kết thúc phần nói với các nhà lãnh đạo Do Thái tại Rô-ma.
Họ sẽ lắng nghe
"Một vài người trong số họ sẽ nghe"

Translation Questions

Acts 28:11
Phao-lô và các thủy thủ ở trên đảo Man-tơ bao lâu?
Phao-lô và các thủy thủ ở trên đảo Man-tơ ba tháng.
Acts 28:16
Phao-lô được sắp xếp chỗ ở như thế nào khi bị tù tại Rô-ma?
Phao-lô được phép ở riêng với một người lính canh giữ.
Acts 28:23
Khi các bậc lãnh đạo Do Thái trở lại gặp Phao-lô tại nơi ông ở, Phao-lô cố gắng làm gì từ sáng đến tối?
Phao-lô cố gắng thuyết phục họ về Chúa Giê-xu dựa vào luật pháp Môi-se và các nhà tiên tri.
Acts 28:25
Phần Kinh Thánh cuối cùng mà Phao-lô trích dẫn nói gì về các bậc lãnh đạo Do Thái không tin Chúa?
Phần Kinh Thánh cuối cùng mà Phao-lô trích dẫn nói rằng những người không tin đã bịt mắt và tai trước lời Chúa.
Acts 28:27
Phần Kinh Thánh cuối cùng mà Phao-lô trích dẫn nói gì về các bậc lãnh đạo Do Thái không tin Chúa?
Phần Kinh Thánh cuối cùng mà Phao-lô trích dẫn nói rằng những người không tin đã bịt mắt và tai trước lời Chúa.
Acts 28:28
Phao-lô nói phúc âm về sự cứu rỗi của Chúa đã được truyền đến đâu và đáp ứng là gì?
Phao-lô nói rằng phúc âm về sự cứu rỗi của Chúa đã được truyền đến cho dân ngoại và họ sẽ lắng nghe.

Chapter 1
Romans 1:1
Phao lô
“Thư tín của Phao lô.” Có thể có cách khác trong ngôn ngữ của bạn để giới thiệu tác giả của thư tín. Có thể dịch cụm từ nầy là “Tôi, Phao lô, viết thư tín nầy.” Bạn cũng có thể cần phải cho biết thư nầy gửi cho ai (ROM01:01
được kêu gọi làm sứ đồ và được biệt riêng cho Tin Lành của Đức Chúa Trời
Tham khảo: “Đức Chúa Trời kêu gọi tôi làm sứ đồ và chọn tôi rao truyền phúc âm cho mọi người (Xin xem:
được kêu gọi
“được kêu gọi” ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã chỉ định hoặc là chọn mọi người làm con cái Ngài, tôi tớ Ngài và người công bố sứ điệp cứu rỗi của Ngài qua Chúa Giê su.
Ngài phán hứa từ trước qua các nhà tiên tri của Ngài trong Kinh Thánh
Đức Chúa Trời hứa với dân Ngài rằng Ngài sẽ thành lập vương quốc Ngài. Ngài truyền cho các tiên tri chép lại những lời hứa nầy trong thánh kinh.
về Con Ngài,
Cụm từ nầy ám chỉ “phúc âm của Đức Chúa Trời”, là tin lành cho biết Đức Chúa Trời sẽ sai Con Ngài đến thế gian.
Con trai
Đây là một danh xưng quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời.
là Đấng về mặt thể xác được sinh ra từ dòng vua Đa vít
Ở đây từ ngữ “thể xác” nói đến thân thể về phần thuộc thể.
Tham khảo: “là con cháu của Đa vít về phương diện thuộc thể” hoặc là “người được sinh ra trong dòng dõi Đa vít”.
Romans 1:4
Câu Liên kết:
Phao-lô nói về bổn phận của ông phải rao giảng.
Ngài được tuyên xưng là Con Đức Chúa Trời
Từ ngữ “Ngài” nói về Chúa Giê su Christ. Cụm từ “được tuyên xưng” có thể trình bày lại cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “Đức Chúa Trời công bố về Con Ngài (Xin xem:
Con Đức Chúa Trời
Sự sống lại của Chúa Giê-xu chứng tỏ rằng Ngài đã và đang là “Con Đức Chúa Trời.” Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu.
thần linh thánh khiết
”thần linh” ở đây ám chỉ Đức Thánh Linh5
Bởi sự sống lại của Ngài từ kẻ chết
Tham khảo: "bằng cách phục sinh Ngài sau khi Ngài chịu chết”
chúng tôi đã nhận ân điển và chức vụ sứ đồ
Tham khảo: "Đức Chúa Trời nhân từ ban ơn cho tôi. Ngài chọn tôi làm sứ đồ” hoặc là “Đức Chúa Trời đã ban ơn cho tôi để trở thành sứ đồ” (Xin xem:
chúng tôi
Từ ngữ “chúng tôi” ở đây nói về Phao lô và 12 sứ đồ theo Chúa Giê su, nhưng loại trừ những tín hữu ở hội thánh Rô ma. (Xin xem:
để vì danh Ngài đem mọi dân tộc đến sự vâng phục do đức tin
Phao lô dùng từ ngữ “danh” để nói đến Chúa Giê su. Tham khảo: “để dạy dỗ mọi dân tộc vâng phục nhờ đức tin của họ nơi Ngài” (Xin xem:
Romans 1:7
Gửi đến tất cả những người yêu dấu của Đức Chúa Trời tại thành Rô-ma, là những người được gọi làm thánh đồ.
Có thể dịch lại cụm từ nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “Tôi viết thư nầy gửi cho tất cả anh em ở Rô ma là những người Đức Chúa Trời yêu thương và chọn lựa để trở thành dân Ngài”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ban ân điển và bình an cho anh em
Có thể dịch lại cụm từ nầy. Tham khảo: “Cầu xin Đức Chúa Trời ban ân điển và sự bình an cho anh em”.
Romans 1:8
khắp thế giới
Đây là cách nói cường điệu về thế giới theo sự hiểu biết của họ, trong trường hợp nầy là đế quốc La mã. (Xin xem:
Vì Đức Chúa Trời làm chứng cho tôi
Phao lô nhấn mạnh rằng ông hết lòng cầu thay cho họ và Đức Chúa Trời làm chứng cho ông. Thông thường người ta không dịch từ ngữ “vì”.
trong tâm linh tôi
Ở đây có nghĩa là phần tâm linh của một con người có thể biết Đức Chúa Trời và tin Ngài.
Phúc Âm của Con Ngài
Tin Lành (Phúc âm) trong Kinh Thánh chính là Con Đức Chúa Trời đã phó mình làm Đấng Cứu chuộc thế gian.
Con trai
Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời
tôi luôn nhắc đến anh em
”Tôi thưa chuyện với Đức Chúa Trời về anh em”
mỗi khi cầu nguyện tôi nài xin Đức Chúa Trời... cho tôi có dịp đến thăm anh em
Tham khảo: "mỗi khi cầu nguyện, tôi cầu xin Đức Chúa Trời rằng....tôi có thể sắp xếp...để đến thăm anh em”
Bất cứ cách nào
Tham khảo: "bằng bất cứ cách nào Đức Chúa Trời cho phép”
sau cùng
Tham khảo: "cuối cùng” hoặc “rốt cuộc”
Bởi ý muốn Đức Chúa Trời
Tham khảo: "bởi vì ý Đức Chúa Trời muốn điều đó”
Romans 1:11
Câu Liên kết:
Phao-lô tiếp tục nói những lời mở đầu với những người La Mã bằng cách đề cập đến việc ông ước muốn thăm họ.
Vì tôi rất mong đến thăm anh em
"Vì tôi muốn đến thăm anh em”
Vì
Tham khảo: "bởi vì”
sự ban cho thiêng liêng, nhờ đó anh em được vững mạnh
Tham khảo: "sự ban cho của Đức Thánh Linh sẽ giúp đở và làm cho anh em thêm vững vàng”
nghĩa là để chúng ta có thể khích lệ nhau bằng đức tin của chúng ta, tức là của anh em và của tôi
Tham khảo: "Ý tôi muốn nói rằng chúng ta hãy khích lệ lẫn nhau bằng cách chia sẻ những trải nghiệm trong đức tin trong Chúa Giê su” (Xin xem:
Romans 1:13
Tôi chẳng muốn anh em không biết
Phao lô nhấn mạnh rằng ông muốn cho họ biết về điều nầy.
Tham khảo: “Tôi muốn anh em biết những điều sau đây:
Anh em
Ở đây có nghĩa là những anh em tín hữu Cơ Đốc, kể cả nam lẫn nữ.
nhưng đến nay còn bị ngăn trở
"có việc xảy ra ngăn trở tôi” (Xin xem:
để được ít nhiều quả
”Quả” tượng trưng cho những người ở thành Rô ma mà Phao lô muốn dẫn dắt họ tin Chúa.
cũng như trong các dân ngoại khác
"giống như những người khác trong vòng dân ngoại đã tin phúc âm”
Tôi mắc nợ cả người Hi-lạp lẫn
"Tôi phải đem phúc âm đến “
Romans 1:16
Tôi không hổ thẹn về Tin Lành
Tham khảo: "Tôi có lòng tin khi tôi nói về phúc âm, cho dù có nhiều người không chấp nhận” (Xin xem:
#Dịch thiếu# For I am not ashamed
Paul explains why he wants to preach the gospel in Rome.
Vì trong Tin Lành nầy
"Tin Lành" ngụ ý nói về phúc âm. Phao lô giải thích lý do ông giảng phúc âm bằng sự tin tưởng.
bởi ấy là quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin
Tham khảo: "chính nhờ phúc âm Đức Chúa Trời đầy quyền năng cứu bất cứ ai tin Đấng Christ”
trước là người Do Thái sau là người Hy Lạp
Tham khảo: "trước là người Do Thái rồi mới tới người Hy Lạp”
trước hết
Những ý nghĩa có thể sử dụng là 1) trước hết theo trình tự thời gian” hoặc là 2) quan trọng nhất”.
sự công chính của Đức Chúa Trời được tỏ ra nhờ đức tin
"Đức Chúa Trời đã bày tỏ rằng chính nhờ đức tin từ đầu đến cuối khiến mọi người trở nên công bình” Tham khảo: “Đức Chúa Trời đã bày tỏ sự công bình của Ngài với những người có đức tin và do đó họ có thêm đức tin” (Xin xem:
Người công chính sẽ sống nhờ đức tin
Tham khảo: "Chính những người tin cậy Đức Chúa Trời được Ngài kể là công bình và họ sẽ sống đời đời.
Romans 1:18
Câu Liên kết:
Phao-lô luận về cơn thạnh nộ dữ dội của Chúa giáng trên tội nhân.
Vì cơn thịnh nộ
Phao lô giải thích tại sao người ta cần phải vâng theo phúc âm
cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời bày tỏ
Tham khảo: "Đức Chúa Trời bày tỏ sự thịnh nộ của Ngài”
chống lại
Tham khảo: "đối với”
cho tất cả những người không tin kính, những người bất chính
Tham khảo: "mọi sự không tin kính và không công bình mọi người đã làm”
che giấu lẽ thật
Tham khảo: "họ che giấu những lẽ thật về Đức Chúa Trời”
Vì những gì người ta có thể biết về Đức Chúa Trời thì đã rõ ràng
Tham khảo: "họ có thể biết về Đức Chúa Trời nhờ những điều họ có thể trông thấy”
bởi vì Đức Chúa Trời
Phao lô trình bày lý do tại sao mọi người biết về Đức Chúa Trời.
Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho họ rồi
Tham khảo: "Đức Chúa Trời đã tỏ ra cho họ thấy”
Romans 1:20
Vì

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Phao lô giải thích tại sao Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài với nhân loại.

những bản tính vô hình của Đức Chúa Trời đều đã được bày tỏ rõ ràng

Những “bản tính vô hình” nói đến những điều không thể thấy bằng mắt thường. Những điều “có thể thấy rõ ràng” bởi vì người ta hiểu được sự hiện hữu của nó cho dù không thấy được bằng mắt thường. (Xin xem:

vũ trụ

Từ ngữ nầy nói về trời và đất cũng như mọi sự trong trời đất.

thần tánh

Tham khảo: "tất cả thuộc tính và đặc điểm của Đức Chúa Trời” hoặc là “bản tánh thiêng liêng của Đức Chúa Trời”

nhận thức rõ ràng khi quan sát các tạo vật của Ngài

Tham khảo: “người ta có thể hiểu về Đức Chúa Trời bằng cách nhìn vào những công việc Ngài đã làm” (Xin xem:

cho nên họ không thể bào chữa được.

Tham khảo: "họ không bao giờ có thể nói rằng họ không biết”

họ suy nghĩ viển vông

Tham khảo: "bắt đầu suy nghĩ về những điều dại dột” (UDB) (Xin xem:

lòng dạ ngu muội trở nên tăm tối

Cụm từ nầy sử dụng ý tưởng về lòng tăm tối có nghĩa là họ thiếu hiểu biết. Tham khảo: “lòng họ không còn có thể hiểu được”

Romans 1:22

Họ tự xưng là khôn ngoan, mà trở nên ngu dại,

Tham khảo: "Trong khi họ tự xưng là khôn ngoan, họ lại trở nên dại dột”

Tự họ...họ

“loại người” như họ ROM01:18

đổi vinh hiển của Đức Chúa Trời không hay hư nát

Tham khảo: "trao đổi chân lý về Đức Chúa Trời vinh hiển không hay hư nát” hoặc là “không còn tin rằng Đức Chúa Trời vinh hiển và không hề chết”.

ra giống như hình tượng của

Tham khảo: "và thay vào đó là quyết định thờ lạy những thần tượng họ làm giống như”

Loài người hay hư nát

Tham khảo: "con người sẽ phải chết”

Romans 1:24

Vì thế

Tham khảo: "Vì lý do nầy”

Đức Chúa Trời bỏ mặc họ

Tham khảo: "Đức Chúa Trời để cho họ thỏa mãn (xem thêm “Đức Chúa Trời để cho họ” ROM01:26

họ...của họ...tự họ...họ

“loại người” như họ ROM01:18

dục vọng ô uế

Tham khảo: "những điều ô uế về đạo đức mà họ mong muốn”

làm nhục thân thể của nhau

Họ có hành vi trái đạo đức và hèn hạ về tình dục (Xin xem:

thay vì

Ý nghĩa có thể chấp nhận là 1) “hơn là” hoặc là 2) “cùng với”

Romans 1:26

(lý do) nầy

Tham khảo: "tội thờ thần tượng và tội tà dâm”

Đức Chúa Trời đã phó mặc họ cho

Tham khảo: "Đức Chúa Trời để cho họ chiều theo”

tình dục đáng xấu hổ

Tham khảo: "dục vọng đáng xấu hổ”

vì đàn bà của họ

Tham khảo: "vì những người đàn bà của họ”

đàn bà của họ

những người đàn bà của “loại người” như họ ROM01:18

đã đổi cách quan hệ tự nhiên ra cách phản tự nhiên

Tham khảo: "khởi sự có những hoạt động tình dục theo cách Đức Chúa Trời không hề dự kiến”

Nung nấu ham muốn tình dục

Tham khảo: "trải nghiệm những ham muốn tình dục mãnh liệt”

không thích hợp

Tham khảo: "đáng hổ thẹn” hoặc “không đứng đắn” hoặc “tội lỗi”

chuốc vào thân hình phạt xứng đáng với sự lầm lạc của mình.

Có thể bắt đầu một câu mới như “Họ nhận lãnh hình phạt đích đáng của Đức Chúa Trời dành cho họ về sự lầm lạc của mình.

sự lầm lạc

hành động tồi tệ và gớm ghiếc

Romans 1:28

Vì họ cho là không cần nhận biết Đức Chúa Trời

Tham khảo: "Họ không nghĩ rằng điều cần thiết là phải biết về Đức Chúa Trời.

Họ...của họ...họ

“loại người” như họ ROM01:18

Ngài bỏ mặc cho tâm trí họ sa đọa

Tham khảo: “Đức Chúa Trời để cho tâm trí tràn đầy những sự trái đạo đức kiểm soát họ”

không chính đáng

Tham khảo: "đáng hổ thẹn” hoặc “không đứng đắn” hoặc “tội lỗi”.

Romans 1:29

Lòng họ tràn đầy

"lòng họ tràn đầy những ham muốn mãnh liệt” hoặc là “họ có những ham muốn mãnh liệt làm những việc” (xem UDB)

Romans 1:32

Họ thừa biết luật của Đức Chúa Trời

Họ biết Đức Chúa Trời muốn họ sống theo đường lối công chính của Ngài.

phạm các tội như thế

Tham khảo: "làm những điều gớm ghiếc”

đáng chết

Tham khảo: "Họ đáng phải chết”

Translation Questions

Romans 1:1

Đức Chúa Trời đã hứa ban phúc âm trước thời đại của Phao lô bằng cách nào?

Trước thời đại của Phao lô, Đức Chúa Trời hứa ban phúc âm qua các tiên tri của Ngài.

Romans 1:4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Cứu Thế Giê-xu được công bố là Con Đức Chúa Trời qua sự kiện nào?
Chúa Cứu Thế Giê-xu được công bố là Con Đức Chúa Trời qua sự kiện Ngài sống lại sau khi chết.
Romans 1:8
Phao lô cảm tạ Chúa về điều gì liên quan đến tín hữu ở Rô-ma?
Phao lô cảm tạ Đức Chúa Trời vì đức tin của anh em tín hữu ở Rô ma được loan truyền khắp nơi trên thế gian.
Romans 1:11
Tại sao Phao-lô muốn đi thăm tín hữu ở Rô-ma?
Phao-lô muốn đến thăm họ để thông công với họ về ơn thiêng liêng ban cho ông nhằm giữ vững đức tin cho họ.
Romans 1:13
Lý do gì cho đến lúc đó Phao-lô chưa có thể đến thăm tín hữu ở Rô-ma?
Cho đến lúc đó, Phao-lô vẫn không thể đến thăm họ vì có một số ngăn trở.
Romans 1:16
Phao-lô có ý kiến gì về phúc âm?
Phao-lô nói rằng phúc âm là quyền năng Đức Chúa Trời để cứu rỗi mọi người tin Ngài.
Romans 1:18
Người không tin kính và không công bình làm điều gì cho dù mọi sự về Đức Chúa Trời họ đều có thể nhìn thấy được?
Người không tin kính và không công bình giấu kín lẽ thật về Đức Chúa Trời cho dù họ có thể nhìn thấy được mọi sự về Ngài.
Romans 1:20
Có thể nhìn thấy những điều không thể trông thấy về Đức Chúa Trời bằng cách nào?
Những điều không thể trông thấy được về Đức Chúa Trời đã bày tỏ rõ ràng qua mọi sự Ngài tạo dựng.
Có thể nhìn thấy rõ ràng đặc điểm nào của Đức Chúa Trời?
Có thể trông thấy rõ ràng quyền năng bất diệt và bản tánh thiêng liêng của Đức Chúa Trời.
Romans 1:24
Đức Chúa Trời làm điều gì đối với những kẻ đổi vinh hiển Ngài để lấy hình tượng của người và vật hay hư nát?
Đức Chúa Trời để cho sự ham muốn trong lòng họ trở nên xấu xa, để thân thể họ bị ô nhục với nhau.
Romans 1:26
Những người đàn ông và đàn bà nầy có những ham muốn tình dục đáng hổ thẹn nào?
Đàn bà ham muốn tình dục với người cùng giới tính và đàn ông cũng vậy.
Romans 1:28
Đức Chúa Trời làm gì với những kẻ không nhìn biết Ngài?
Đức Chúa Trời khiến họ có tâm địa xấu xa để làm những việc không đúng đắn.
Romans 1:29
Đặc điểm của những kẻ có tâm địa xấu xa là gì?
Những người có tâm địa xấu xa là những người đầy lòng ganh tị, sát nhân, tranh cạnh, lừa đối và ý đồ độc ác.
Romans 1:32
Những kẻ có tâm địa xấu xa hiểu biết mạng lịnh của Đức Chúa Trời như thế nào?
Người có tâm địa xấu xa hiểu rằng ai vâng theo mạng lịnh Ngài là đáng chết.
Dù hiểu được mạng lịnh của Đức Chúa Trời, những kẻ có tâm địa xấu xa sẽ làm gì thay vào đó?
Thay vào đó, họ còn làm những điều không công bình, và chấp thuận cho người khác làm nữa.

Chapter 2
Romans 2:1
Câu Liên kết:
dịch thiếu - Paul has affirmed all men are sinners and continues to remind them that all people are wicked.
#dịch thiếu# Therefore you are without excuse
The word "therefore" marks a new section of the letter. It also makes a concluding statement based on what was said in ROM 1:32
bạn là
Phao lô không nói chuyện với một người thật. Ông đang hành động như thể đang tranh luận với một người Do Thái. Phao lô làm việc nầy nhằm dạy dỗ khán giả của ông rằng Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt người nào cứ tiếp tục phạm tội, bất kể là Do Thái hay dân ngoại. (Xin xem:
bạn
Ở đây từ ngữ “bạn” ở dạng số ít.
hỡi người, là người lên án
Ở đây, từ ngữ “người” được dùng để trách mắng hoặc chế giễu một người nghĩ rằng họ có thể hành động giống như Đức Chúa Trời và đoán xét kẻ khác. Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: "Chẳng qua anh chỉ là con người, nhưng anh lại đoán xét kẻ khác và nói rằng họ đáng bị Đức Chúa Trời đoán phạt”
for what you judge in another you condemn in yourself - dịch thiếu
Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: "Nhưng anh em chỉ nên đoán xét riêng mình mà thôi, bởi vì anh em cũng có những hành động gớm ghiếc như vậy”
But we know - dịch thiếu
This may include Christian believers and also Jews who are not Christians.
Đức Chúa Trời sẽ theo lẽ thật mà xét đoán
Tham khảo: "Đức Chúa Trời sẽ đoán xét những người đó một cách thích đáng và công bình. (Xin xem:
những kẻ làm những việc thể ấy.
Tham khảo: "Những kẻ làm những điều gớm ghiếc đó”
Romans 2:3
Nhưng
Tham khảo: "Vì thế”(UDB)
Hãy suy nghĩ về điều nầy
Tham khảo: "Hãy suy nghĩ về những điều tôi sắp nói với anh em”
người
Sử dụng từ ngữ nói chung về một con người. Tham khảo: "Bất cứ anh em là ai”
Hỡi người kia, khi bạn lên án người khác làm những việc như vậy mà chính bạn cũng làm
Tham khảo: "anh em là người cho rằng người khác đáng bị Đức Chúa Trời đoán phạt, trong khi anh cũng làm những điều gớm ghiếc tương tự”
bạn tưởng rằng mình sẽ thoát khỏi sự phán xét của Đức Chúa Trời sao?
Tham khảo: "Chắc chắn anh em sẽ bị Đức Chúa Trời đoán phạt!” (Xin xem:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hay là bạn coi thường sự dư dật của lòng nhân từ, nhịn nhục và khoan dung của Ngài?
Tham khảo: "Anh em hành động như thể việc làm đó không có quan trọng gì đối với Đức Chúa Trời vì Ngài nhân từ và sẽ kiên nhẫn chờ đợi dài lâu trước khi Ngài đoán phạt mọi người (Xin xem:
coi thường sự dư dật của lòng nhân từ , nhịn nhục và khoan dung của Ngài
Tham khảo: "coi sự dư dật.....nhịn nhục không quan trọng" hoặc là "coi.....không tốt"
không nhận biết lòng nhân từ của Ngài để đem bạn đến sự ăn năn sao?
Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: "Anh em phải biết rằng Đức Chúa Trời cho anh em thấy Ngài có lòng nhân từ để anh em có cơ hội ăn năn"
Romans 2:5
Câu Liên kết:
Phao-lô tiếp tục nhắc nhở độc giả rằng mọi người đều gian ác.
Nhưng tấm lòng cứng cỏi, không ăn năn của bạn
Phao lô so sánh một người từ chối không vâng theo Đức Chúa Trời với một vật dụng cứng như là đá. Lòng ở đây tượng trưng cho một người. Tham khảo: "Chính vì anh em từ chối không vâng theo và ăn năn"
lòng cứng cỏi và không ăn năn
Cụm từ "lòng không ăn năn"
bạn đang tích lũy cho mình sự giận dữ
Cụm từ "tích lũy" thường đề cập đến một người thâu góp của cải và đem cất vào một nơi an toàn. Phao lô nói rằng thay vì thâu góp của cải, người đó thâu góp sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Càng không ăn năn càng bị đoán phạt nghiêm nghặt. Tham khảo: "anh em đang làm cho sự đoán phạt Đức Chúa Trời dành cho anh em càng ngày càng tệ.
trong ngày thịnh nộ, là khi sự phán xét công bằng của Đức Chúa Trời được bày tỏ
Những ngày nầy đều ám chỉ cùng một ngày. Tham khảo: "khi Đức Chúa Trời tỏ ra cho mọi người thấy về cơn thịnh nộ của Ngài và Ngài sẽ đoán phạt mọi người một cách công bình" (xem UDB).
báo ứng
Tham khảo: "thưởng phạt công bằng"
cho mỗi người tùy theo công việc họ làm
Tham khảo: "tùy theo công việc người đó làm"
tìm kiếm
Có nghĩa là họ hành động sao cho dẫn đến quyết định xác đáng của Đức Chúa Trời vào Ngày phán xét.
sự vinh hiển, sự tôn trọng và sự chẳng hay hư nát
Họ muốn Đức Chúa Trời khen ngợi, tôn trọng, và họ có sự sống đời đời.
chẳng hay hư nát
Sự không hư nát ở đây là về phương diện thuộc thể, không phải phương diện đạo đức.
Romans 2:8
Câu Liên kết:
phần này đề cập đến người ngoại đạo gian ác, Phao-lô tóm tắt bằng lời nói rằng cả dân ngoại và dân Do Thái đều là người gian ác trước mặt Chúa.
ích kỷ, vị kỷ
vị kỷ ** - Tham khảo: "vị kỷ" (UDB) hoặc là "chỉ làm hài lòng chính mình"
không vâng phục chân lý mà vâng phục sự bất chính
Hai cụm từ nầy về phương diện căn bản là một. Cụm từ thứ nhì nhấn mạnh thêm cho cụm thứ nhất.
chuốc lấy sự giận dữ và cơn thịnh nộ
Từ ngữ "sự giận dữ" và "cơn thịnh nộ" về phương diện căn bản chỉ là một và nhấn mạnh vào sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Tham khảo: "Đức Chúa Trời sẽ cho thấy cơn thịnh nộ của Ngài"
Sự hoạn nạn khốn khổ
Từ ngữ "hoạn nạn" và "khốn khổ" ở đây có cùng ý nghĩa về phương diện căn bản và nhấn mạnh về sự đoán phạt của Ngài sẽ khủng khiếp như thế nào. Tham khảo: "sự đoán phạt khủng khiếp sẽ xảy ra"
trên mỗi linh hồn con người
Ở đây Phao lô dùng từ ngữ "linh hồn" ngụ ý nói về tổng thể con người. Tham khảo: " (giáng xuống) cho mỗi người" (Xin xem:
làm ác
Tham khảo: "cứ luôn làm điều ác"
trước trên người Do Thái, sau trên người Hy Lạp
Có thể đây là một câu mới. Tham khảo: Đức Chúa Trời sẽ đoán xét người Do Thái trước, rồi mới đến các dân tộc không phải dân Do Thái"
Trước
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1) "trước nhất theo trình tự thời gian" hoặc là "chắc chắn nhất" (xem UDB) hoặc là "quan trọng nhất".
Romans 2:10
nhưng vinh hiển, tôn trọng, bình an
Tham khảo: "Nhưng Đức Chúa Trời sẽ ban sự ngợi khen, tôn trọng và bình an"
làm điều thiện
Tham khảo: "luôn làm điều lành"
trước cho người Do-thái, sau cho người Hi-lạp
Có thể đây là một câu mới. Tham khảo: "Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho người Do Thái trước, rồi mới đến các dân khác"
Trước
Bạn nên dịch từ ngữ nầy giống như bạn đã dịch trong ROM02:08
Vì Đức Chúa Trời không thiên vị ai cả.
Tham khảo: "Vì Đức Chúa Trời không thiên vị một dân tộc nào" hoặc là "Đức Chúa Trời đối đãi với mọi người giống nhau"
Vì những ai phạm tội,
Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: "Vì đối với những người đã phạm tội"
không có luật pháp mà phạm tội cũng sẽ không có luật pháp mà hư mất
Phao lô lặp lại cụm từ "không có luật pháp" để nhấn mạnh rằng nếu không biết luật Môi se thì không quan trọng. Nếu họ phạm tội, Đức Chúa Trời sẽ đoán xét họ. Tham khảo: " không biết luật Môi se chắc chắn vẫn sẽ chết về phần thuộc linh"
và những ai đã phạm tội
Có thể dịch lại cụm từ nầy. Tham khảo: "Và tất cả mọi người đó đều phạm tội"
có luật pháp mà phạm tội, thì sẽ bị phán xét bởi luật pháp
Tham khảo: "và biết luật Môi se, Đức Chúa Trời sẽ đoán xét họ theo luật Môi se"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Romans 2:13

Câu Liên kết:

Phao-lô tiếp tục cho độc giả biết rằng nhất thiết phải vâng phục luật pháp của Đức Chúa Trời trọn vẹn ngay cả những người chưa từng có luật pháp của Ngài cũng vậy.

Vì

“Bởi vì”. Nếu bạn có cách chứng tỏ rằng câu 14 và ROM02:15

chẳng phải người nghe đọc luật pháp

Tham khảo: "không phải những người nghe đọc luật pháp Môi se”

được kể là công chính trước mặt Đức Chúa Trời

Tham khảo: là những người làm Đức Chúa Trời vui lòng”

nhưng người làm theo luật pháp

Tham khảo: "nhưng chính là những người tuân theo luật Môi se”

mới là người được xưng công chính

Có thể dịch cụm từ nầy với một động từ chủ động. Tham khảo: “Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận” (Xin xem:

họ là luật pháp cho chính mình rồi

Tham khảo: "luật pháp Đức Chúa Trời đã sẵn có trong họ”

Romans 2:15

Họ cho thấy rằng

Tham khảo: "Họ chứng tỏ họ tuân theo luật pháp một cách tự nhiên”

những gì luật pháp đòi hỏi đã được khắc ghi trong lòng họ

Tham khảo: "Đức Chúa Trời ghi trong lòng họ những điều luật pháp đòi hỏi” hoặc là “Họ biết chính xác những điều luật pháp đòi hỏi họ phải làm theo” (Xin xem:

luật pháp đòi hỏi

Có thể dịch lại câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “luật pháp quy định rằng” hoặc là “Đức Chúa Trời quy định những điều đó qua luật pháp”

chứng thực điều đó; tư tưởng họ khi thì cáo buộc, khi thì biện hộ cho họ

Tham khảo: "cho họ biết hoặc là họ không tuân hoặc là tuân theo luật pháp của Đức Chúa Trời” (Xin xem:

Vào Ngày ấy, Đức Chúa Trời sẽ phán xét

Cụm từ nầy chấm dứt ý tưởng của Phao lô từ ROM02:13

Romans 2:17

Nếu bạn tự nhận mình là người Do Thái

Câu nầy bắt đầu phân đoạn mới của thư tín. Ở đây từ ngữ “nếu”không có nghĩa là Phao lô nghi ngờ hoặc không chắc chắn. Ông chỉ muốn nhấn mạnh rằng những lời nói nầy là có thật. Tham khảo: “Bây giờ anh em nghĩ rằng mình là thành viên của dân tộc Do Thái”

ỷ lại về luật pháp, tự hào về Đức Chúa Trời

Tham khảo: "và anh em tin cậy luật Môi se và rất vui mừng, tự hào vì Đức Chúa Trời”

hiểu biết ý muốn Ngài

Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: “Và anh em biết ý định của Đức Chúa Trời”

đã được dạy dỗ từ trong luật pháp

Có thể dịch lại câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “bởi vì anh em hiểu được những điều dạy dỗ trong luật Môi se”

nếu bạn tin chắc rằng .....trong luật pháp.

Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách chứng tỏ câu 2:19-20 ngắt lời tranh luận của Phao lô trong ROM02:17

là người dẫn đường cho kẻ mù,là ánh sáng cho những ai đang ở trong tăm tối,

Về phương diện căn bản, cả hai cụm từ có cùng ý nghĩa. Phao lô so sánh một thầy dạy luật người Do Thái với sự giúp đở một người không thể trông thấy. Tham khảo: “rằng anh em là kẻ dẫn đường cho một người mù, và anh em còn là ánh sáng cho người lạc lối trong bóng tối” (Xin xem: và

là thầy kẻ ngu, là người dạy kẻ ấu trĩ

Có thể dịch lại cụm từ nầy. Tham khảo: “Anh em sửa sai những người làm sai trái” (Xin xem:

là người dạy kẻ ấu trĩ

Ở đây Phao lô ví sánh người không biết luật pháp như trẻ con. Tham khảo: “và làm thầy cho những kẻ không biết luật pháp” (Xin xem:

và đã có tất cả tri thức và chân lý chứa đựng trong luật pháp.

Tham khảo: "bởi vì anh em tin chắc rằng mình thông hiểu lẽ thật chép trong luật pháp”

Romans 2:21

vậy thì tại sao bạn dạy dỗ người khác mà không dạy dỗ chính mình?

Phao lô dùng một câu hỏi để trách mắng thính giả của mình. Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: “Nhưng anh em không tự dạy mình mà còn đi dạy dỗ kẻ khác” (Xin xem:

Bạn giảng đừng trộm cắp mà sao bạn lại trộm cắp?

Phao lô vẫn sử dụng một câu hỏi để trách mắng thính giả của ông. Có thể dịch thành một câu mới. Tham khảo: “Anh em dạy người ta không được ăn cắp, nhưng chính anh em đi ăn cắp!” (Xin xem:

Bạn nói rằng đừng phạm tội ngoại tình mà sao bạn lại ngoại tình?

Phao lô vẫn sử dụng loại câu hỏi đó để trách mắng thính giả của ông. Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: “Anh em bảo mọi người đừng phạm tội tà dâm, nhưng anh em lại phạm tội tà dâm!” (Xin xem:

Bạn ghét thần tượng,mà lại đánh cắp hình tượng trong đền thờ

Phao lô tiếp tục dùng câu hỏi để trách mắng thính giả của ông. Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: “Anh nói rằng mình ghét hình tượng, nhưng anh em lại đi cướp của trong đền thờ!” (Xin xem:

đánh cắp (hình tượng) trong đền thờ

Những ý nghĩa có thể sử dụng là 1) trộm cắp những đồ dùng trong đền thờ ngoại giáo ở địa phương để bán hầu kiếm lợi nhuận” hoặc là “không gửi về đền thờ Giê ru sa lem tất cả số tiền thuộc về Đức Chúa Trời” hoặc là 3) “nói đùa về các thần ở địa phương”

Romans 2:23

Bạn tự hào về luật pháp mà sao bạn vi phạm luật pháp, làm nhục Đức Chúa Trời?

Phao lô dùng một câu hỏi để trách mắng người nghe. Tham khảo: “Anh thật tồi tệ khi tự hào là biết luật pháp, nhưng đồng thời không tuân theo luật pháp làm ô danh Đức Chúa Trời” (Xin xem:

danh Đức Chúa Trời bị sỉ nhục giữa các dân ngoại.”

Có thể dịch cụm từ nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “Hành động xấu xa của anh làm ô danh Đức Chúa Trời trong sự suy nghĩ của người ngoại. (Xin xem:

danh Đức Chúa Trời

Từ ngữ “danh” ám chỉ tổng thể về Đức Chúa Trời, không hẳn chỉ có tên Ngài.

Romans 2:25

Câu Liên kết:

Phao-lô tiếp tục chỉ ra rằng qua luật pháp Ngài, Đức Chúa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trời thậm chí đoán xét dân Do Thái là dân có luật pháp của Ngài.

(Nếu bạn vâng giữ luật pháp) thì việc cắt bì thực sự có giá trị

Tham khảo: “Tôi nói hết những điều nầy bởi vì sự chịu cắt bì chẳng có ich gì cho anh em”

nếu bạn vi phạm luật pháp

Tham khảo: "nếu anh em không tuân theo những điều răn cung cấp trong luật pháp”

dù bạn có cắt bì cũng như không

Câu nầy so sánh một người Do Thái không tuân theo luật pháp với một người chịu phép cắt bì thuộc thể nhưng tác dụng của sự chịu cắt bì phải đảo ngược lại: Người đó có thể là Do Thái, nhưng trông giống như người ngoại. Tham khảo: “giống như anh em chưa hề chịu cắt bì”

nếu một người không chịu cắt bì

Tham khảo: "người chưa chịu phép cắt bì”

mà tuân giữ điều răn của luật pháp

Tham khảo: "tuân theo những yêu cầu trong luật pháp.

thì việc không chịu cắt bì của người đó lại không được kể như đã chịu cắt bì rồi sao? Những người vốn không cắt bì về mặt thể xác nhưng tuân giữ luật pháp, sẽ đoán xét bạn

Phao lô đưa ra câu hỏi để nhấn mạnh rằng phép cắt bì không giúp người ta được xưng công chính trước Đức Chúa Trời. Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động: “Đức Chúa Trời sẽ coi người đó đã chịu phép cắt bì. Người chưa chịu phép cắt bì về phần thuộc thể ...sẽ đoán xét anh em”

Romans 2:28

bề ngoài

Từ nầy nói về nghi lễ Do Thái là điều ai cũng trông thấy.

về mặt thể xác bên ngoài

Từ nầy ám chỉ sự thay đổi về phần thuộc thể của thân thể một con người.

một người bên trong là người Do Thái mới thật sự là người Do Thái; sự cắt bì thật phát xuất từ tấm lòng

Hai cụm từ nầy có cùng ý nghĩa. Cụm từ “bề trong người đó là Do Thái” giải thích cho ẩn dụ “phép cắt bì ở tại trong lòng”.

bên trong

Từ ngữ nầy nói về giá trị và động cơ của một người được Đức Chúa Trời biến đổi.

không theo chữ nghĩa

“Mẫu tự” là thành phần nhỏ nhất trong văn ngôn. Ở đây nói về văn bản thánh kinh. Tham khảo: “nhờ công việc của Đức Thánh Linh, chứ không phải vì anh em biết thánh kinh”

bởi thánh linh

Ở đây có lẽ nói về bề trong, là phần thuộc linh của một người tương phản với những “chữ nghĩa” bề ngoài của luật pháp. Tuy nhiên cũng có thể nói về Đức Thánh Linh. (xem UDB).

Translation Questions

Romans 2:1

Tại sao có người không có lý do biện minh cho sự xét đoán về mình?

Một số người không có lý do bào chữa trong sự xét đoán của mình bởi vì họ xét đoán điều gì ở người khác thì chính họ cũng làm điều đó.

Romans 2:5

Những kẻ có lòng cứng cỏi, không ăn năn chất chứa điều gì trong lòng mình?

Những người có lòng cứng cỏi, không ăn năn chất chứa trong lòng mình sự tức giận về ngày phán xét công bình của Đức Chúa Trời.

Romans 2:8

Những người vâng theo sự không công bình nhận lãnh điều gì?

Ai vâng theo sự không công bình sẽ nhận lãnh sự tức giận, cơn thịnh nộ, khốn khó và buồn thảm.

Romans 2:13

Ai được xưng công bình trước mặt Đức Chúa Trời?

Những người làm theo luật pháp được xưng công bình trước mặt Đức Chúa Trời.

Romans 2:15

Một người ngoại chứng tỏ rằng những điều luật pháp đòi hỏi đã được chép trong lòng người đó bằng cách nào?

Một người ngoại chứng tỏ rằng những việc luật pháp đòi hỏi đã được ghi chép trong lòng khi người đó làm theo sự đòi hỏi của luật pháp.

Romans 2:17

Phao-lô thách thức những người Do Thái tin theo luật pháp làm điều gì khi dạy dỗ người khác?

Phao-lô thách thức họ rằng nếu họ dạy luật pháp cho người khác, họ cũng nên dạy cho chính mình.

Romans 2:21

Phao-lô thách thức người Do Thái tin theo luật pháp làm gì khi dạy dỗ kẻ khác?

Phao-lô thách thức họ rằng nếu họ dạy luật pháp cho người khác, họ cũng nên dạy cho chính mình.

Phao-lô đề cập đến tội lỗi nào mà các thầy dạy luật người Do Thái không nên vi phạm nữa?

Phao-lô đề cập đến tội trộm cắp, tà dâm và cướp của ở đền thờ.

Romans 2:23

Tại sao danh Đức Chúa Trời bị xúc phạm trong vòng người ngoại bởi vì các thầy dạy luật người Do Thái?

Danh Đức Chúa Trời bị xúc phạm vì những thầy dạy luật người Do Thái đã vi phạm luật pháp.

Romans 2:25

Phao-lô nói rằng một người Do Thái chịu cắt bì có thể trở thành người không chịu cắt bì bằng cách nào?

Phao-lô nói rằng một người Do Thái đã chịu phép cắt bì sẽ kể như chưa chịu cắt bì nếu người đó vi phạm luật pháp.

Romans 2:28

Phao-lô nói ai là một người Do Thái thật?

Phao-lô nói rằng một người Do Thái thật là một người Do Thái có biểu hiện từ bên trong cùng với sự chịu phép cắt bì từ trong lòng.

Chapter 3

Romans 3:1

Câu Liên kết:

Phao-lô tuyên bố về lợi thế mà dân Do Thái có vì Đức Chúa Trời đã ban cho họ luật pháp của Ngài.

Vậy, người Do-thái có ưu thế gì, phép cắt bì có lợi ích gì?

Tham khảo: "Vậy dân Do Thái không có ích lợi gì từ giao

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ước của Đức Chúa Trời, mặc dù Đức Chúa Trời có hứa rằng họ sẽ được hưởng!" (Xin xem:

Ích lợi đủ mọi mặt

Tham khảo: "Có nhiều ích lợi"

Trước hết

Tham khảo: 1) "Trước hết theo trình tự thời gian" hoặc 2) "Chính xác nhất" (xem UDB) hoặc 3) "Quan trọng nhất"

Romans 3:3

Nhưng việc gì sẽ xảy ra nếu một vài người trong số họ không tin? Liệu sự vô tín của họ có vô hiệu hóa sự thành tín của Đức Chúa Trời không?

Phao lô sử dụng những câu hỏi tu từ nầy để làm cho người ta suy nghĩ. Một số người Do Thái không trung tín với Đức Chúa Trời, do đó có một số người sẽ kết luận rằng Đức Chúa Trời sẽ không hoàn thành lời hứa. (Xin xem:

Chẳng hề như vậy

Cụm từ nầy hoàn toàn phủ nhận rằng điều nầy có thể xảy ra. Bạn có thể có cụm từ tương tự trong ngôn ngữ của bạn để có thể sử dụng ở đây. Tham khảo: "Không thể như thế" hoặc là 'Tất nhiên là không".

Để thay thế

Tham khảo: "Chúng ta nên nói điều nầy thay vào đó:"

Như có lời chép

Tham khảo: "Tự bản chất của Kinh Thánh Do Thái phù hợp với lời tôi nói"

Romans 3:5

Nhưng nếu sự không công chính của chúng ta chứng tỏ sự công chính của Đức Chúa Trời thì chúng ta sẽ nói làm sao?

Phao lô đang đặt những lời nói nầy trong miệng của người Do Thái tưởng tượng mà ông đang trò chuyện. Tham khảo: "Vì sự không công bình của chúng ta chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời công bình, tôi có một câu hỏi"

Có phải Đức Chúa Trời bất công khi Ngài giáng cơn giận trên chúng ta không?

Tham khảo: "Có phải Đức Chúa Trời khi giáng cơn thịnh nộ của Ngài trên mọi người thì Ngài không công bình hay sao? (Xin xem:

Tôi nói theo cách nói của người đời

Tham khảo: "Tôi nói điều nầy như một người không công bình có thể nói"

vậy thì làm sao Đức Chúa Trời phán xét thế gian được?

Phao lô sử dụng câu hỏi tu từ để chứng tỏ rằng sự tranh luận chống lại phúc âm Cơ Đốc là buồn cười, vì tất cả những người Do Thái đều tin rằng Đức Chúa Trời có thể và sẽ đoán xét mọi người. Tham khảo: "Và chúng ta đều biết rằng Đức Chúa Trời sẽ thật sự đoán xét thế gian!" (Xin xem:

Romans 3:7

Còn nếu nhờ sự dối trá của tôi mà chân lý của Đức Chúa Trời thêm vinh quang, thì tại sao tôi còn bị kết án như một tội nhân?

Ở đây Phao lô tưởng tượng có người cứ mãi từ chối phúc âm Cơ Đốc; đối thủ đó tranh luận rằng Đức Chúa Trời không nên tuyên bố người đó là kẻ có tội vào ngày phán xét, nếu thí dụ như người đó nói dối.

Vậy tại sao không nói....?

Ở đây Phao lô đưa ra câu hỏi của riêng mình để chứng tỏ sự tranh luận của đối thủ tưởng tượng là buồn cười như thế nào. Tham khảo: "Tôi cũng có thể nói rằng chúng ta nên làm điều ác để điều lành do đó có thể xảy ra!"

như một số người đã vu cáo rằng

Tham khảo: Một số người nói dối nói với người khác rằng đây là những điều chúng tôi nói"

Họ bị phán xét là phải lắm

Chỉ có sự công bình khi Đức Chúa Trời đoán phạt những kẻ thù nghịch của Phao lô vì tội nói dối về những điều Phao lô đã dạy dỗ.

Romans 3:9

Câu Liên kết:

Phao-lô kết luận rằng mọi người đều đầy dẫy tội lỗi, không một ai công chính, và không một ai tìm kiếm Đức Chúa Trời.

Vậy thì sao? Chúng ta có gì hơn họ chăng?

Ý nghĩa có thể sử dụng là 1) "Cơ Đốc nhân chúng tôi không tìm cách che giấu những điều tồi tệ giả sử như chúng tôi có làm!" hay là 2) "Người Do Thái chúng ta chớ nên tưởng tượng rằng chúng ta sẽ thoát được sự đoán xét của Đức Chúa Trời, chỉ vì chúng ta là dân Do Thái!"

Chẳng có một người

Những từ ngữ nầy mạnh mẽ hơn câu trả lời "không" đơn giản nhưng không mạnh mẽ bằng "Tất nhiên là không!"(absolutely not!).

Romans 3:11

chẳng có một người nào hiểu biết

Tham khảo: "Chẳng có một người nào hiểu lẽ thật của Đức Chúa Trời"

Chẳng có một người nào tìm kiếm Đức Chúa Trời

Tham khảo: "Chẳng có một người nào thật tình tìm kiếm mối tương giao công bình với Đức Chúa Trời"

lầm lạc

Ở đây có nghĩa là không tiếp tục làm điều gì. Tham khảo: "từ chối Đức Chúa Trời và ý muốn công bình của Ngài dành cho họ"

trở nên vô ích

Tham khảo: "đã trở nên vô ích đối với ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho họ"

Romans 3:13

Của chúng nó...của chúng

của người "Do Thái và Hy Lạp" ROM03:09

Họng chúng nó như mồ mả mở toan

Phao lô dùng một ẩn dụ có ý nghĩa là mọi sự người ta nói thì không công bình và gớm ghiếc.

Chúng dùng lưỡi mình để dối gạt;

Tham khảo: "Người ta nói dối"

Miệng chúng nó đầy những lời nguyền rủa và cay đắng

Tham khảo: "Phần nhiều những điều họ nói thì có hại và có ý làm tổn thương người ta"

Romans 3:15

Của chúng...của chúng...Chúng...của chúng

Của người "Do Thái và Hy Lạp" ROM03:09

Chúng nhanh chân để gây đổ máu,

Tham khảo: "Họ dễ dàng gây tổn hại và giết người"

Nơi nào chúng đi đều gây ra tai hại và đau khổ.

Tham khảo: "Mọi người sống theo cách cố tình hủy hoại người khác và làm cho họ đau khổ"

con đường bình an

"con đường" là "đường đi" hoặc "lối đi". Tham khảo: "cách sống hòa thuận với mọi người"

Chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời trước mắt chúng

Tham khảo: "Mọi người không muốn dành sự tôn trọng xứng đáng cho Đức Chúa Trời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Romans 3:19
những điều luật pháp nói, là nói
"mọi sự luật pháp nói người ta nên làm là dành cho" hoặc là "mọi mạng lịnh Môi se viết trong luật pháp là dành cho" (Xin xem:
để mọi người đều phải nín lặng
Tham khảo: "để không ai có thể nói điều gì có cơ sở để tự bênh vực mình" (Xin xem:
xác thịt
"xác thịt" ở đây có ý nghĩa trừu tượng nói về con người hoặc là tất cả các sinh vật.
Vì
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1) "Vì thế" hoặc là 2) "bởi vì đây là" hoặc là "Thay vào đó".
vì nhờ luật pháp người ta nhận biết tội lỗi
Tham khảo: "khi có người biết về luật pháp Đức Chúa Trời, người đó biết rằng họ không công chính nhưng đúng hơn là biết mình có tội trước Đức Chúa Trời"
Romans 3:21
Câu Liên kết:
Từ "nhưng" ở đây có hàm ý rằng Phao-lô đã giới thiệu xong và giờ đây ông bắt đầu đi vào điểm chính.
bây giờ
Từ ngữ "bây giờ" nói về khoảng thời gian từ khi Chúa Giê su đến thế gian.
sự công chính của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ ngoài luật pháp.
Có thể dịch cụm từ nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: "Đức Chúa Trời đã bày tỏ phương pháp để trở nên công bình mà không cần tuân theo luật pháp".(Xin xem:
được luật pháp và các nhà tiên tri làm chứng
Từ ngữ "luật pháp và các nhà tiên tri" đê cập đến một số sách trong thánh kinh do Môi se và và các tiên tri viết ra tượng trưng cho kinh thánh Do Thái được mô tả ở đây khi người ta cần làm chứng tại tòa án. Tham khảo: "và những điều Môi se và các tiên tri viết ra xác định được điều nầy. (Xin xem:
đó là sự công chính của Đức Chúa Trời, bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ, ban cho mọi người có lòng tin
Có thể dịch lại cụm từ nầy. Tham khảo: "Tôi đang đề cập tới sự công bình Đức Chúa Trời ban cho chúng ta khi chúng ta tin Chúa Giê su Christ.
vì không phân biệt ai cả
Tham khảo: "Vì Đức Chúa Trời coi người Do Thái không khác gì người ngoại. (Xin xem:
Romans 3:23
nhờ ân điển Ngài, bởi sự cứu chuộc trong Đấng Christ Jêsus, họ được xưng công chính mà không phải trả một giá nào.
Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động: "Đức Chúa Trời xưng công bình cho họ bằng ân điển của Ngài bởi vì Đức Chúa Trời đã cứu chuộc họ"
Romans 3:25
bỏ qua
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1) làm ngơ, không chấp hoặc là 2)khoan dung, tha thứ
Tất cả mọi sự xảy ra nhằm thể hiện sự công chính trong thời hiện tại, để chứng tỏ Ngài công bình, và chứng tỏ rằng Ngài là Đấng xưng công bình cho người nào có đức tin nơi Chúa Giê su
"Ngài làm điều đó để thể hiện sự công bình của Ngài trong thời hiện tại; Ngài chứng tỏ rằng Ngài là Đấng công bình và là Đấng xưng công bình cho bất cứ ai có đức tin ở Chúa Giê su."
Romans 3:27
căn cứ vào đâu? Bởi việc làm? Không, nhưng dựa vào đức tin
Phao-lô trả lời những câu hỏi tu từ nhằm nhấn mạnh rằng mỗi điểm mà ông nói là hiển nhiên đúng. Tham khảo: "Anh em dựa vào đâu mà khoe khoang? Có phải bởi việc làm mà khoe khoang không? Không, đúng hơn là bởi đức tin."
Dựa vào luật nào?
"Về lý do gì?"
Luật của việc làm chăng?
Tham khảo: "Có phải sự kiêu căng khoác lác bị loại trừ là do chúng ta tuân theo luật pháp không?"
dựa vào luật của đức tin
Tham khảo: "bởi vì chúng ta tin Chúa Giê su"
trừ phi
Tham khảo: "ngoại trừ"
Romans 3:29
Phải chăng Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của dân Do Thái thôi?
Tham khảo: "Nếu Đức Chúa Trời chỉ xưng công bình cho người tuân theo luật pháp, thì hóa ra Ngài chỉ là Đức Chúa Trời của dân Do Thái hay sao?
Romans 3:31
Câu Liên kết:
Phao-lô xác nhận luật pháp qua đức tin.
Vậy, chúng ta vì đức tin mà loại bỏ luật pháp hay sao?
Tham khảo: "Chúng ta có nên bỏ qua luật pháp bởi vì chúng ta có đức tin hay không?"
Không hề như vậy
Tham khảo: "Dĩ nhiên là không đúng!" hoặc là "Tất nhiên là không!" (UDB) Cụm từ nầy cho câu trả lời phủ định hợp lý đanh thép nhất với câu hỏi tu từ trước đó. Trong ngôn ngữ của bạn cũng có thể có một cụm từ tương tự dùng để sử dụng ở đây.
chúng ta làm vững bền luật pháp
Tham khảo: "chúng ta tuân theo luật pháp"
Chúng ta
Đại từ nầy ám chỉ đến Phao lô, các tín hữu khác và độc giả"

Translation Questions

Romans 3:1
Thuận lợi trước hết trong số các thuận lợi của người Do Thái là gì?
Thuận lợi trước hết của người Do Thái là họ được ủy thác mặc khải của Đức Chúa Trời.
Romans 3:5
Vì (bản tánh) Đức Chúa Trời là công bình, Ngài có thể làm điều gì?
Bởi vì Đức Chúa Trời công bình, Ngài có thể đoán xét thế gian.
Romans 3:9
Kinh Thánh chép điều gì về sự công bình trong tất cả mọi người, kể cả người Do Thái lẫn Hy Lạp?
Kinh Thánh chép rằng không có ai là người công bình, cho dù là chỉ một người.
Romans 3:11
Theo Kinh Thánh, ai là người tìm hiểu và tìm kiếm Đức Chúa Trời?
Theo Kinh Thánh, không ai tìm hiểu và tìm kiếm Đức Chúa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trời.
Romans 3:21
Do sự làm chứng nào mà sự công bình không bởi luật pháp đã được bày tỏ?
Do sự làm chứng của luật pháp và các tiên tri, sự công bình không nhờ tuân theo luật pháp đã được bày tỏ.
Romans 3:25
Đức Chúa Trời ban tặng Chúa Cứu Thế Giê-xu với mục đích gì?
Đức Chúa Trời ban tặng Chúa Cứu Thế Giê-xu như một sự giải hòa nhờ đức tin nơi huyết Ngài.
Romans 3:31
Chúng ta làm gì với luật pháp nhờ đức tin?
Chúng ta giữ vững luật pháp nhờ đức tin.

Chapter 4
Romans 4:1
Câu Liên kết:
Phao-lô xác nhận rằng ngay cả khi xưa, các thánh đồ cũng được xưng công chính bởi đức tin chứ không bởi luật pháp.
Vậy, chúng ta sẽ nói Áp-ra-ham, tổ phụ về phần xác của chúng ta, đã nhận được gì?
"Đây là điều Áp ra ham, tổ phụ về phần xác của chúng ta nhận được". Phao lô sử dụng những câu hỏi để tập trung sự chú ý của người đọc và bắt đầu nói về một điều mới. (Xin xem:
Vì Kinh Thánh nói gì?
"Vì chúng ta có thể đọc trong thánh kinh" (Xin xem:
ông được kể là công chính
"và Đức Chúa Trời kể như Áp ra ham là người công bình" (Xin xem:
Romans 4:4
Đối với người làm việc, tiền công không được kể là ân huệ,nhưng phải kể là nợ
Đây là trường hợp một người làm việc muốn được trả công. Người đó không xem tiền công là sự ban cho hay là "ân điển".
tiền công
Tham khảo: "tiền công" hoặc "tiền lương" hoặc "lợi ích kiếm được bằng cách làm việc"
(kể) là nợ
Tham khảo: "tiền công' người chủ chưa trả cho người đó"
vào Đấng xưng công chính
Tham khảo: "trong Đức Chúa Trời là Đấng xưng công bình"
thì đức tin của người ấy được kể là công chính
Tham khảo: "Đức Chúa Trời xem đức tin của người đó như là sự công bình" hoặc là "Đức Chúa Trời kể người đó là công bình vì đức tin của người đó"
Romans 4:6
Khi đề cập về phước hạnh của người được Đức Chúa Trời nhìn nhận là công chính không bởi việc làm, Đa-vít nói:
Tham khảo: "Tương tự, Đa vít viết về sự kiện Đức Chúa Trời ban phước cho người Ngài đã xưng công bình không phải do việc làm của người đó"
người nào lỗi lầm được thứ tha....tội lỗi được khỏa lấp...người mà Chúa không kể là có tội
Khái niệm nầy cũng được trình bày bằng ba cách khác nhau. Tham khảo: "Chúa tha thứ mọi lỗi lầm của người đó" hoặc là "Đức Chúa Trời che khuất tội lỗi của người đó" hoặc là " Đức Chúa Trời không kể đến tội lỗi người đó"
Romans 4:9
Phước hạnh đó chỉ dành cho những ai chịu cắt bì mà thôi hay cũng cho cả người không chịu cắt bì nữa?
Tham khảo: "Phải Đức Chúa Trời ban phước cho người chịu phép cắt bì cũng như cho người không chịu phép cắt bì hay không?"
chúng ta nói rằng
Phao lô đang đề cập cả tín hữu người Do Thái lẫn người ngoại.
bởi đức tin, Áp ra ham được kể là công chính
Tham khảo: "Đức Chúa Trời kể đức tin của Áp ra ham là sự công bình"
Romans 4:11
dấu cắt bì như ấn chứng của sự công chính mà ông đã có được bởi đức tin từ lúc ông chưa chịu cắt bì.
Tham khảo: "một dấu hiệu hữu hình cho biết Đức Chúa Trời đã kể công bình bởi vì người đó đã tin Đức Chúa Trời trước khi chịu phép cắt bì"
(những người tin) mà không cắt bì
Tham khảo: "cho dù họ không chịu phép cắt bì"
họ cũng được kể là công chính
Tham khảo: "để cho Đức Chúa Trời có thể kể họ là công bình"
Romans 4:13
lời hứa cho Áp-ra-ham và dòng dõi ông được nhận thế gian làm cơ nghiệp,
Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: "Đức Chúa Trời hứa với Áp ra ham và dòng dõi ông rằng họ sẽ thừa hưởng cả thế gian" (Xin xem:
nhưng nhờ sự công chính của đức tin
Cụm từ "Đức Chúa Trời hứa" bị xóa khỏi câu nầy nầy nhưng được hiểu ngầm. Tham khảo: "Nhưng Đức Chúa Trời hứa về sự xưng công bình bởi đức tin" (Xin xem:
nếu nhờ luật pháp mà được hưởng cơ nghiệp
Tham khảo: "nếu chính những người tuân theo luật pháp sẽ thừa hưởng thế gian"
đức tin trở thành vô ích và lời hứa cũng mất hiệu lực
Tham khảo: "đức tin không có giá trị và lời hứa trở nên vô nghĩa"
nơi nào không có luật pháp thì cũng không có sự phạm pháp
Tham khảo: "nhưng khi không có luật pháp thì không có gì để tuân theo". Có thể dịch câu nầy thành câu xác định.
Tham khảo: "bởi vì chổ nào có luật pháp, chổ đó sẽ có người không tuân theo" (Xin xem:
Romans 4:16
Bởi lẽ đó, dựa trên ân điển, nhờ đức tin mà lời hứa được bảo đảm cho toàn thể dòng dõi Áp-ra-ham
Tham khảo: "Đây là lý do chúng ta nhận lãnh lời hứa khi tin cậy Đức Chúa Trời, vì như vậy lời hứa mới là sự ban tặng"
Vì vậy, tất cả con cháu đều chắc chắn nhận lãnh lời hứa
Tham khảo: "hầu cho tất cả con cháu Áp-ra-ham có thể chắc chắn nhận lãnh lời hứa"
những người có luật pháp
Đây là những người Do Thái tuân giữ luật Môi se.
những người có đức tin của Áp ra ham
Đây là những người có đức tin như Áp ra ham trước khi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chịu phép cắt bì.
là cha của tất cả chúng ta
Từ ngữ “chúng ta” ở đây ám chỉ Phao lô kể cả những tín hữu trong Đấng Christ người Do Thái và người ngoại. Áp ra ham là tổ phụ thuộc thể của dân Do Thái và cũng là cha thuộc linh của những người có đức tin. (Xin xem:
như có lời chép
Chổ chép về điểm nầy có thể làm rõ: Tham khảo: “như có chép trong Kinh Thánh” (Xin xem:
Ta đã lập con
Từ ngữ “con” viết theo số ít và ám chỉ Áp ra ham.
Áp ra ham trước mặt Đức Chúa Trời, Đấng ông đã tin, là Đấng ban sự sống cho kẻ chết
Tham khảo: "Áp ra ham ở trước mặt Đức Chúa Trời là Đấng ông đã tin, là Đấng ban sự sống cho kẻ chết”
Romans 4:18
Cho dù điều kiện bên ngoài (Cho dù không còn lý do để hi vọng)
Có thể làm rõ hơn ý nghĩa trọn vẹn của cụm từ “điều kiện bên ngoài
để trở thành cha của nhiều dân tộc
Có thể dịch lại câu nầy: Tham khảo: “Và đức tin của Áp ra ham khiến ông trở thành cha của nhiều dân tộc”
theo như lời đã phán
Tham khảo: "y như lời Đức Chúa Trời phán cùng Áp ra ham”18
"...Dòng dõi con sẽ như thế".
Lời hứa trọn vẹn của Đức Chúa Trời ban cho Áp ra ham có thể làm rõ hơn: Tham khảo: “Ngươi sẽ có nhiều con cháu đến nỗi không thể đếm hết được”
đức tin chẳng hề suy giảm
Tham khảo: "Trong khi đức tin của ông vẫn còn mạnh mẽ”
Áp ra ham thấy thân thể mình chết mòn vì đã gần một trăm tuổi, và thấy Sa-ra không thể sinh con được nữa
Ở đây tuổi già của Áp ra ham và sự hiếm muộn của Sa ra có thể ví sánh như điều gì đã chết. Trường hợp nầy đặt tầm quan trọng vào sự kiện họ không thể có con. Tham khảo: “Áp ra ham nhận thấy chính ông tuổi đã cao và Sa ra thì không thể có con”
Romans 4:20
không để lòng vô tín làm cho mình nghi ngờ
Tham khảo: "không chút nghi ngờ”
nhưng càng mạnh mẽ trong đức tin
Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “nhưng ông trở nên mạnh mẽ hơn trong đức tin của mình”
Ông hoàn toàn tin chắc rằng
Tham khảo: "Áp ra ham hoàn toàn tin chắc rằng”
Ngài có thể thực hiện
Tham khảo: "Đức Chúa Trời có thể hoàn thành”
đức tin của ông được kể là công chính.
Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: Đức Chúa Trời kể đức tin Áp ra ham là sự công bình” hoặc là “Đức Chúa Trời kể Áp ra ham là công bình vì Áp ra ham tin Ngài”
Romans 4:23
Bây giờ
Dùng từ ngữ nầy ở đây để đánh dấu giai đoạn mới của thư tín. Phao lô thay đổi đối tượng bàn luận từ Áp ra ham sang các tín hữu trong Đấng Christ. (Xin xem: [[rc://vi/ta/workbench/discourse/home]]
chỉ được ghi lại cho một mình ông
Tham khảo: "chỉ dành cho Áp ra ham”
ông được kể là công chính
Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “Đức Chúa Trời kể sự công bình cho ông” hay là “Đức Chúa Trời kể ông là công bình” (Xin xem:
cho chúng ta
Từ ngữ “chúng ta ” nói về Phao lô và bao gồm tất cả tín hữu trong Đấng Christ. (Xin xem:
sẽ được kể là công chính cho chúng ta, là những người tin
Có thể dịch lại câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “Chính cũng vì ích lợi của chúng ta, Đức Chúa Trời sẽ kể như chúng ta công bình nếu chúng ta tin Ngài. (Xin xem:
nơi Đấng làm cho sống lại
Tham khảo: "Đức Chúa Trời, Đấng phục sinh (Chúa Giê su).
Đây là Đấng đã bị giao nộp vì những sự vi phạm của chúng ta
Có thể dịch lại câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “...là Đấng nộp Chúa Giê su cho kẻ giết Ngài” (Xin xem:
và sống lại để chúng ta được xưng công chính
Có thể dịch lại cùng với động từ chủ động. Tham khảo: “...là Đấng khiến cho Chúa Giê su sống lại để chúng ta được xưng công bình. (Xin xem:

Translation Questions

Romans 4:6
Theo Đa-vít, một người có phước là người như thế nào?
Theo Đa vít, người có phước là người được Chúa tha thứ và chẳng kể đến tội lỗi của người đó.
Romans 4:9
Đức tin của Áp ra ham được kể là công bình trước hay sau khi ông chịu phép cắt bì?
Đức tin của Áp ra ham được kể là công bình trước khi ông chịu cắt bì.
Romans 4:11
Áp-ra-ham là cha của dân tộc nào?
Áp-ra-ham là cha của mọi người có đức tin, kể cả người chịu cắt bì lẫn không chịu cắt bì.
Romans 4:13
Áp-ra-ham và dòng dõi ông được hứa điều gì nhờ đức tin?
Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham và dòng dõi ông rằng họ sẽ làm người kế tự của cả thế giới.
Romans 4:16
Vì lý do gì lời hứa được ban bởi đức tin?
Lời hứa được ban bởi đức tin để cho sự ban cho chính là nhờ ân điển và được chắc chắn.
Romans 4:18
Hoàn cảnh đáng chú ý nào làm cho Áp-ra-ham khó có thể tin vào lời hứa của Đức Chúa Trời là ông sẽ là cha của nhiều dân tộc?
Khi Đức Chúa Trời ban lời hứa cho Áp-ra-ham lúc đó ông độ một trăm tuổi, còn Sa-ra vẫn hiếm muộn.
Áp-ra-ham phản ứng như thế nào đối với lời hứa của Đức Chúa Trời dù đang ở trong hoàn cảnh trước mắt nầy?
Áp-ra-ham tin chắc vào lời hứa của Đức Chúa Trời và đức tin của ông không hề dao động.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Romans 4:23
Tường thuật về Áp-ra-ham được chép lại để cho ai?
Tường thuật về Áp-ra-ham được chép lại vì giúp ích cho ông và cho cả chúng ta.

Chapter 5
Romans 5:1
Câu Liên kết:
Phao-lô bắt đầu nói về nhiều điều khác nhau xảy ra khi Đức Chúa Trời xưng tín đồ là người công chính.
Vì
Tham khảo: "Bởi vì"
Chúng ta...của chúng ta
Tất cả các trường hợp có từ ngữ “chúng ta” và “của chúng ta” đều đề cập đến tất cả các tín hữu. (Xin xem:
qua Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ
Tham khảo: "vì Chúa Giê su Christ của chúng ta”
Chúa
Ở đây có nghĩa là Chúa Giê su là Đức Chúa Trời
Nhờ Ngài, chúng ta bởi đức tin được bước vào trong ân điển nầy, là ân điển mà nhờ đó chúng ta đang đứng vững
Phao lô ví sánh tín hữu nhận lãnh ân điển với một người có thể đứng trước mặt vua. Tham khảo: “Bởi vì chính nhờ Chúa Giê su là Đấng chúng ta tin, Đức Chúa Trời ban ân điển cho chúng ta đứng trước mặt Ngài”.
Romans 5:3
Không những thế
Từ ngữ “thế” nói về những ý tưởng mô tả trong ROM05:01
Chúng ta...của chúng ta...chúng ta
Tất cả mọi trường hợp liên quan đến từ ngữ “chúng ta” và “của chúng ta” ngụ ý bao gồm tất cả tín hữu.
hài lòng
Từ ngữ “hài lòng” ở đây nói về lời phán “điều đó tốt lành” của Đức Chúa Trời.
hy vọng trong tương lai
Đây là sự tin chắc rằng Đức Chúa Trời sẽ thực hiện mọi lời hứa của Ngài cho bất cứ một ai tin nhận Đấng Christ.
Romans 5:6
Chúng ta
Từ ngữ “chúng ta” ở đây bao gồm tất cả các tín hữu. (Xin xem:
Romans 5:8
Chứng tỏ
Tham khảo: ”thể hiện” hoặc “chứng tỏ”
Chúng ta...chúng ta
Tất cả mọi trường hợp về “chúng ta” và “chúng ta” ám chỉ tất cả mọi tín hữu vì thế nên phải kể đến họ.
Huống chi, bây giờ chúng ta đã được xưng công chính bởi huyết của Ngài
Tham khảo: "Ngài còn làm cho chúng ta bao nhiêu nữa vì bây giờ chúng ta được xưng công bình nhờ huyết Ngài? ”
được cứu
Ở đây “được cứu” có nghĩa là nhờ sự chết của Chúa Giê su trên thập tự, Đức Chúa Trời tha tội cho ông và cứu ông khỏi bị đoán phạt trong địa ngục vì tội lỗi mình.
Romans 5:10
chúng ta...chúng ta
Tất cả các trường hợp về từ ngữ “chúng ta” phải bao gồm tất cả mọi tín hữu.
Con Ngài...sự sống Con Ngài
Tham khảo: “Con Đức Chúa Trời....sự sống của Con Đức Chúa Trời”
chúng ta được hòa thuận với Đức Chúa Trời qua sự chết của Con Ngài
Sự chết của Đức Chúa Con đem đến sự tha thứ vĩnh cửu và khiến chúng ta, là tất cả những người tin Chúa Giê-xu, được làm bạn với Đức Chúa Trời.
Con trai
Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời.
sau khi được hòa giải
Tham khảo: "vì bây giờ Đức Chúa Trời đã kể chúng ta là bạn của Ngài”
Romans 5:12
Câu Liên kết:
Phao-lô giải thích lý do có sự chết ngay cả trước khi luật pháp của Đức Chúa Trời được ban ra.
bởi một người mà tội lỗi đã vào trong thế gian,và bởi tội lỗi mà có sự chết
Phao lô mô tả “tội lỗi” như một nguy cơ có thể xâm nhập thế gian qua quá trình gây nên bởi hành động của “một người” là A đam. “Tội lỗi” nầy trở thành cửa ngỏ cho sự chết, một mối nguy hiểm khác, cũng xâm nhập thế gian. (Xin xem:
Romans 5:14
Tuy nhiên
Tham khảo: "Tuy nhiên” hay là “Không có văn bản luật pháp nào từ thời A đam cho đến Môi se, nhưng” (xin xem ROM05:12
sự chết ngự trị từ A đam đến Môi se
Phao lô đang ví sánh sự chết với một nhà vua Tham khảo: “sự chết tiếp tục xảy ra với con người từ thời A đam cho đến thời Môi se vì hậu quả tội lỗi của họ”
những người không phạm cùng một tội với A-đam
Tham khảo: "thậm chí người không có tội giống như tội của A đam cũng phải chịu chết”
là người làm hình bóng về Đấng phải đến.
A đam là hình ảnh của Đấng Christ, là Đấng xuất hiện sau đó một thời gian khá dài. Ngài có nhiều đặc điểm giống như A đam.
Vì nếu bởi tội của chỉ một người mà nhiều người phải chết thì ân điển của Đức Chúa Trời càng lớn hơn
Điều quan trọng là “mọi người phải chết” nhưng quan trọng hơn là “ân điển của Đức Chúa Trời và sự ban cho” thì dư dật.
và quà tặng bởi ân điển của một Người là Đức Chúa Jêsus Christ lại càng dư dật cho nhiều người khác nữa
"ân điển...sự ban cho” lớn hơn và quan trọng hơn “tội lỗi”.
Romans 5:16
Tặng phẩm thì không như hệ quả của một người phạm tội
Tham khảo: "sự ban cho không giống như hậu quả do tội lỗi của A đam”
vì một mặt
Tham khảo: "Bởi vì một mặt thì”
vì một mặt, sự phán xét một người phạm tội đưa đến hình phạt; mặt khác
Cụm từ “một mặt” và “mặt khác” giới thiệu hai cách suy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nghĩ khác nhau về một điều nào đó. Tham khảo: “Sự đoán xét và định tội xảy đến bởi vì tội lỗi của một người, nhưng”
sau nhiều tội phạm
Tham khảo: "sau tội lỗi của nhiều người”
tội của một người
tội lỗi của A đam
sự chết thống trị
Tham khảo: "mọi người phải chịu chết
sự sống của một người
sự sống của Chúa Giê su Christ
Romans 5:18
bởi sự phạm tội của chỉ một người
vì một tội mà A đam đã phạm. Tham khảo: “bởi vì tội lỗi của A đam”
một hành động
sự hy sinh của Chúa Giê su Christ
bởi sự không vâng phục của một người
sự không vâng lời của A đam
bởi sự vâng phục của một người
sự vâng lời của Chúa Giê su
Romans 5:20
Luật pháp đã đến
Tham khảo: "luật pháp xen vào”
tội lỗi gia tăng
Cụm từ nầy vừa có nghĩa “con người có thể nhận thức rằng họ phạm tội nghiêm trọng như thế nào” (UDB) vừa có nghĩa là “con người có thể vi phạm nhiều tội lỗi hơn”
dư dật
Tham khảo: "tăng thêm”
tội lỗi thống trị bằng sự chết
Tham khảo: "vì tội lỗi mang lại sự chết”
còn ân điển cai trị bằng sự công chính để đem lại sự sống đời đời qua Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta
Tham khảo: "ân điển ban cho mọi người sự sống đời đời nhờ sự công bình của Chúa Giê su Christ của chúng ta”
Chúa chúng ta
Phao lô kể đến độc giả của ông và tất cả tín hữu”

Translation Questions

Romans 5:1
Tín đồ có được gì nhờ được xưng công bình bởi đức tin?
Vì được xưng công bình bởi đức tin, tín hữu được hòa thuận với Đức Chúa Trời qua Chúa Cứu Thế Giê-xu.
Romans 5:3
Sự khốn khổ sinh ra ba điều gì?
Sự khốn khổ sinh ra sự nhẫn nại, chấp nhận và tin cậy.
Romans 5:8
Đức Chúa Trời chứng tỏ tình yêu thương của Ngài đối với chúng ta như thế nào?
Đức Chúa Trời chứng tỏ tình yêu thương Ngài với chúng ta, bởi vì trong khi chúng ta hãy còn là kẻ tội lỗi, Chúa Cứu Thế chết thay chúng ta.
Romans 5:10
Những người không tin Chúa có mối quan hệ gì với Đức Chúa Trời trước khi họ được giải hòa với Ngài qua Chúa Giê-xu?
Người không tin Chúa là kẻ thù nghịch với Đức Chua Trời trước khi họ được giải hòa với Ngài nhờ Chúa Giê-xu.
Romans 5:12
Việc gì xảy ra vì cớ tội lỗi của một người?
Vì tội lỗi của một người, tội lỗi xâm nhập thế gian, sự chết bước vào qua tội lỗi và sự chết lan rộng đến tất cả mọi người.
Romans 5:14
Tội lỗi xâm nhập thế gian qua người nào?
Tội lỗi nhờ A-đam xâm nhập thế gian.
Romans 5:16
Sự vi phạm của A-đam gây ra điều gì và kết quả của sự ban tặng của Đức Chúa Trời là gì?
Sự phán xét để định tội là kết quả của sự vi phạm của A-đam, nhưng sự xưng công bình là kết quả của sự ban tặng của Đức Chúa Trời.
Romans 5:20
Vì sao luật pháp xen vào bên cạnh?
Luật pháp xen vào để sự vi phạm càng thêm đầy dẫy.
Điều gì dư dật hơn sự vi phạm?
Ân điển Đức Chúa Trời dư dật hơn sự vi phạm.

Chapter 6
Romans 6:1
Câu Liên kết:
Bởi ân sủng, Phao-lô khuyên những người tin Chúa Giê-xu nên sống một đời sống mới như thể đã chết về phần tội lỗi và sống động với Chúa.
Vậy chúng ta sẽ nói làm sao? Chúng ta cứ tiếp tục sống trong tội lỗi để ân điển được dư dật sao?
Phao lô đang mong đợi một câu hỏi người ta có thể nêu ra về những điều ông đã viết về ân điển trong ROM05:20
chúng ta...chúng ta
Đại từ “chúng ta” và “chúng ta” ám chỉ Phao lô, độc giả của ông và những người khác.
dư dật
Tham khảo: "tăng thêm rất nhiều”
Romans 6:4
đã được chôn vào trong sự chết với Ngài
Đây là sự so sánh sự chịu báp tem bằng nước của một tín đồ và sự chịu chết và chôn trong mộ của Chúa Giê su. Điểm nầy nhấn mạnh rằng một tín đồ trong Đấng Christ sẽ có chung ích lợi từ sự chết của Ngài, có nghĩa là tội lỗi không còn cai trị trên các tín hữu nữa.
để rồi như Đấng Christ nhờ vinh quang của Cha được sống lại từ cõi chết thể nào thì chúng ta cũng được sống trong đời mới thể ấy.
Đây là sự so sánh giữa sự sống lại về phần thuộc linh của tín đồ với phục sinh của Chúa Giê su về phần thuộc thể. Sự sống mới về phần thuộc linh của tín đồ khiến cho người đó vâng phục Đức Chúa Trời. Tham khảo: “giống như Cha khiến Chúa Giê su sống lại sau khi chết, chúng ta có thể có sự sống mới về phần thuộc linh và vâng phục Đức Chúa Trời”
được hiệp nhất với Ngài trong sự chết giống như sự chết của Ngài, thì chắc chắn chúng ta cũng sẽ được hiệp nhất với Ngài trong sự sống lại giống như sự sống lại của Ngài
Tham khảo: "cùng chịu chết như Ngài...cùng sống lại sau

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khi chết như Ngài" hoặc là "đồng chết với Ngài...đồng sống lại với Ngài sau khi chết"
Romans 6:6
con người cũ của chúng ta đã cùng bị đóng đinh vào thập tự giá với Ngài..., để con người(k) tội lỗi bị tiêu diệt, và chúng ta không còn làm nô lệ cho tội lỗi nữa
Ở đây Phao lô nói về một tín hữu như một người trước khi tin Chúa Giê su và một người khác sau khi tin Chúa Giê su. Người "cũ" nói về một người trước khi tin Chúa Giê su. Người đó chết về phần thuộc linh và tội lỗi kiểm soát người đó. Phao lô mô tả con người tội lỗi trước kia của chúng ta như đã chết trên thập giá cùng với Chúa Giê su khi chúng ta tin Ngài. Tham khảo: "con người tội lỗi của chúng ta chết trên thập tự với Chúa Giê su"
con người cũ
Đây là bản chất của con người trước đây nhưng bây giờ bản chất đó không còn nữa. Tham khảo: "con người trước đây"
con người tội lỗi
con người tội lỗi
bị tiêu diệt
Tham khảo: "có thể chết"
chúng ta không còn làm nô lệ cho tội lỗi nữa
Phao lô so sánh quyền lực mà tội lỗi kiểm soát con người với một người chủ kiểm soát một nô lệ: một người không có Đức Thánh Linh luôn luôn quyết định làm điều tội lỗi. Người đó không được tự do làm điều đẹp lòng Đức Chúa Trời. Tham khảo: "chúng ta không còn làm nô lệ của tội lỗi" hoặc là "chúng ta chớ nên quyết định làm điều tội lỗi"
ai đã chết thì được giải thoát khỏi tội lỗi.
Tham khảo: "Đức Chúa Trời sẽ xưng công bình cho bất cứ ai chết về quyền lực của tội lỗi"
Romans 6:8
chúng ta đã cùng chết với Đấng Christ
Mặc dù Đấng Christ chết về phần thuộc thể, ở đây "died" nói tới những tín hữu chết về phần thuộc linh đối với quyền lực của ma quỷ. Tham khảo: "Về phương diện thuộc linh chúng ta đồng chết với Đấng Christ"
Chúng ta biết rằng Đấng Christ đã sống lại từ kẻ chết
Tham khảo: "Đức Chúa Trời phục sinh Đấng Christ sau khi Ngài đã chết" (Xin xem:
sự chết không còn cai trị Ngài
Ở đây "sự chết" được mô tả như vua hay quan có quyền cai trị mọi người". Tham khảo: "Ngài sẽ không bao giờ chịu chết nữa" (Xin xem:
Romans 6:10
Vì Ngài đã chết, là chết cho tội lỗi một lần đủ cả
Cụm từ "một lần đủ cả" có nghĩa là chấm dứt hoàn toàn. Có thể làm cho ý nghĩa được rõ hơn. Tham khảo: "Vì khi Ngài chết, Ngài hoàn toàn phá tan quyền lực của tội lỗi" (Xin xem:
Vậy anh em cũng phải kể
Tham khảo: "Cũng vậy, hãy xem như" hoặc là "Vì lý do nầy hãy xem như"
kể mình
Tham khảo: "anh em hãy nghĩ mình như" hoặc là "anh em hãy coi mình như"
đã chết đối với tội lỗi
Ở đây "tội lỗi" nói về quyền lực đang hoạt động ở trong chúng ta và làm cho chúng ta muốn phạm tội. Tham khảo: "chết về quyền lực của tội lỗi" (Xin xem:
một mặt chết đối với tội lỗi và mặt khác đang sống cho Đức Chúa Trời
Cụm từ "một mặt" và "mặt khác" giới thiệu hai cách suy nghĩ về một vấn đề nào đó. Tham khảo: "chết về tội lỗi nhưng sống cho Đức Chúa Trời"
sống cho Đức Chúa Trời trong Chúa Giê su Christ
Tham khảo: "sống vâng phục Đức Chúa Trời bằng quyền năng của Chúa Giê su Christ ban cho anh em"
Romans 6:12
Câu Liên kết:
Phao-lô nhắc chúng ta rằng ân sủng cai trị chúng ta, chứ không phải luật pháp; chúng ta không còn là nô lệ của tội lỗi, nhưng là tôi tớ của Đức Chúa Trời.
đừng để tội lỗi cai trị ...Đừng để tội lỗi cai trị anh em
"Tội lỗi" được mô tả như vua hay chủ của một người.
thân thể hay chết của anh em
Cụm từ nầy nói về phần thuộc thể của một người, là phần sẽ phải chết. Tham khảo: "anh em"
khiến anh em phải chiều theo dục vọng của nó
Chủ, là "tội lỗi" muốn tội nhân vâng lịnh chủ làm điều ác.
Đừng dâng chi thể mình làm công cụ gian ác
Hình ảnh về một kẻ có tội dâng "thân thể" mình cho chủ hoặc vua" Tham khảo: "Anh em đừng dâng mình cho tội lỗi để không làm điều sai trái"
dâng chính mình cho Đức Chúa Trời như những con người từ kẻ chết sống lại
Tham khảo: "nhưng dâng mình cho Đức Chúa Trời bởi vì Ngài sẽ ban cho anh em sự sống mới về phần thuộc linh"
dâng chi thể mình làm công cụ công chính cho Đức Chúa Trời.
Tham khảo: "hãy để Đức Chúa Trời sử dụng anh em trong những điều làm vui lòng Ngài"
Đừng để tội lỗi cai trị anh em
Tham khảo: "Đừng để tư dục tội lỗi kiểm soát những việc làm của anh em" hoặc là "Đừng tự cho phép làm điều tội lỗi theo ý muốn của anh em"
bởi anh em không ở dưới luật pháp
Có thể làm cho ý nghĩa đầy đủ được rõ nét hơn. Tham khảo: "vì anh em không còn thuộc luật pháp Môi se, là luật pháp không thể ngăn anh em phạm tội.
mà ở dưới ân điển
Có thể làm cho ý nghĩa đầy đủ được rõ nét hơn. Tham khảo: "nhưng anh em thuộc về ân điển Đức Chúa Trời, là ân điển ban cho để giúp anh em không phạm tội nữa.
Romans 6:15
Vậy thì sao? Có phải vì chúng ta không ở dưới luật pháp,nhưng ở dưới ân điển, nên chúng ta sẽ cứ phạm tội không? Chẳng hề như vậy
Phao lô dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng sống dưới ân điển không phải là lý do khiến người ta phạm tội. Tham khảo: "Tuy nhiên, vì chúng ta thuộc ân điển thay vì thuộc luật pháp Môi se tất nhiên không có nghĩa là chúng ta được phép phạm tội". (Xin xem:
Chẳng hề như vậy
"Chúng ta sẽ chẳng bao giờ muốn sự đó xảy ra!" hoặc là "Cầu xin Đức Chúa Trời giúp tôi không làm điều đó". Ý nghĩa của cụm từ có thể là rất không mong muốn điều đó xảy ra. Có thể có một cụm từ tương tự trong ngôn ngữ của bạn để có thể sử dụng ở đây. Để xem bạn có thể dịch câu nầy như thế nào trong ROM03:31
Anh em không biết rằng nếu anh em đem thân làm nô lệ để vâng phục

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người nào thì anh em là nô lệ cho người mình vâng phục sao?
Phao lô sử dụng một câu hỏi để trách mắng người nào nghĩ rằng ân điển của Đức Chúa Trời là lý do để họ tiếp tục phạm tội". Tham khảo: "Anh em nên biết rằng anh em là nô lệ của người chủ mà anh em đã chọn để vâng theo". (Xin xem:
hoặc nô lệ của tội lỗi dẫn đến sự chết, hoặc nô lệ của sự vâng phục dẫn đến sự công chính
Ở đây, "tội lỗi" và "sự vâng phục" được mô tả là những người chủ mà một người nô lệ sẽ phục vụ. Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: "Anh em hoặc làm nô lệ của tội lỗi và phải chết về phần thuộc linh, hoặc làm nô lệ của sự vâng phục, mang lại sự xưng công bình bởi Đức Chúa Trời" (Xin xem:
Romans 6:17
Nhưng tạ ơn Đức Chúa Trời
Tham khảo: "Nhưng tôi cảm tạ Đức Chúa Trời!"
vì anh em đã từng làm nô lệ cho tội lỗi
Ở đây "tội lỗi" được mô tả là người chủ mà người nô lệ phải phục vụ. "Tội lỗi " cũng nói về quyền lực sống ở trong chúng ta khiến chúng ta làm điều tội lỗi. Tham khảo: "Vì anh em là nô lệ của quyền lực của tội lỗi"
thật lòng vâng phục
Từ ngữ "lòng" ở đây nói về động cơ thành thật hay lương thiện khiến chúng ta có hành động nào đó. Tham khảo: "nhưng anh em thật sự vâng phục"
hình thức giáo huấn đã được ủy thác
Ở đây "hình thức" nói về cách sống hay nếp sống dẫn đến sự công bình. Tín hữu thay đổi cách sống cũ để phù hợp với cách sống mới mà lãnh đạo Cơ Đốc dạy dỗ họ. Tham khảo: "đạo lý các lãnh đạo Cơ Đốc dạy dỗ anh em"
anh em đã được giải phóng khỏi tội lỗi
Tham khảo: "Đấng Christ đã giải cứu anh em khỏi quyền lực của tội lỗi" (Xin xem:
trở thành nô lệ cho sự công chính
Tham khảo: "bây giờ anh em là nô lệ của sự công bình"
Romans 6:19
Tôi nói theo cách loài người
Phao lô mô tả "tội lỗi" và "sự vâng phục" như "tình trạng nô lệ". Tham khảo: "Tôi đang nói về tình trạng nô lệ để mô tả tội lỗi và sự vâng phục"20
vì xác thịt anh em yếu đuối
Thông thường Phao lô sử dụng từ "xác thịt" như một từ trái nghĩa của từ "thuộc linh". Tham khảo: "bởi vì anh em không hiểu rõ về những điều thuộc linh".
dâng chi thể mình làm nô lệ cho sự ô uế và sự gian ác
Ở đây "chi thể" nói đến tất cả bộ phận trong cơ thể của một con người. Tham khảo: "dâng mình làm nô lệ cho mọi sự xấu xa và không đẹp lòng Đức Chúa Trời" (Xin xem:
dâng chi thể mình làm nô lệ cho sự công chính để được thánh hóa thể ấy.
Tham khảo: "dâng mình làm nô lệ cho sự công bình trước mặt Đức Chúa Trời để Ngài có thể biệt riêng và ban cho anh em quyền năng để phục vụ Ngài".
Lúc ấy anh em thu được kết quả gì mà bây giờ anh em lại phải hổ thẹn?
Phao lô dùng một câu hỏi để để nhấn mạnh rằng làm điều tội lỗi không đem lại điều gì tốt đẹp. Tham khảo: "Anh em không đạt được điều gì bằng cách làm những việc đó cốt chỉ nhận lấy sự hổ thẹn mà thôi". (Xin xem:
Romans 6:22
Nhưng bây giờ anh em đã được giải phóng khỏi tội lỗi và trở nên nô lệ của Đức Chúa Trời
Có thể dịch lại câu nầy để ý nghĩa được đầy đủ cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: "Nhưng bây giờ Đấng Christ đã giải cứu anh em khỏi tội lỗi và khiến anh em thuộc về Đức Chúa Trời" (Xin xem:
kết quả là sự sống đời đời.
Tham khảo: "và kết quả của mọi sự anh em đã làm là anh em sẽ sống đời đời với Đức Chúa Trời".
Vì tiền công của tội lỗi là sự chết
Từ ngữ "tiền công" nói về số tiền để trả công cho một người làm việc. Tham khảo: "Bởi vì nếu anh em phục vụ tội lỗi thì tiền công anh em nhận lấy là sự chết" hoặc là "Bởi vì nếu tiếp tục phạm tội, Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt anh em bằng sự chết thuộc linh"
nhưng sự ban cho của Đức Chúa Trời là sự sống đời đời trong Đấng Christ Jêsus, Chúa chúng ta.
Tham khảo: "Nhưng Đức Chúa Trời ban sự sống đời đời cho những người thuộc về Chúa Giê su Christ, Chúa chúng ta"

Translation Questions

Romans 6:1
Tín đồ có nên tiếp tục phạm tội để cho ân điển của Đức Chúa Trời có thể dư dật không?
Tất nhiên là không nên.
Romans 6:4
Tín đồ nên làm điều gì vì Đấng Cứu Thế phục sinh sau khi chết?
Tín đồ nên sống sự sống mới.
Romans 6:6
Điều gì đã được thực hiện để chúng ta để không còn làm nô lệ của tội lỗi?
Con người cũ của chúng ta phải bị đóng đinh với Chúa Cứu Thế để chúng ta không còn làm nô lệ cho tội lỗi.
Romans 6:10
Đấng Cứu Thế phải chịu chết về tội lỗi bao nhiêu lần và Ngài chịu chết cho bao nhiêu người?
Đấng Cứu Thế chỉ chết về tội lỗi một lần là đủ cho mọi người.
Một tín đồ suy nghĩ về mình về phương diện tội lỗi như thế nào?
Tín đồ nên nghĩ rằng mình chết về tội lỗi.
Một tín đồ nên sống đời sống của chính mình vì ai?
Tín đồ sống đời sống của chính mình vì Đức Chúa Trời;
Romans 6:22
Tôi tớ của Đức Chúa Trời có kết quả về mục đích gì?
Tôi tớ của Đức Chúa Trời có kết quả là sự thánh hóa (thừa nhận).

Chapter 7
Romans 7:1
Câu Liên kết:
Phao-lô giải thích sự cai trị của luật pháp trên những người muốn sống dưới luật pháp.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

luật pháp chỉ cai trị người ta đang khi họ còn sống
Phao lô cho một thí dụ về điều nầy trong ROM07:02
Romans 7:2
Người đó sẽ bị gọi là đàn bà ngoại tình
Người “bị gọi”
Romans 7:4
Cũng vậy
Từ ngữ nầy có liên quan đến những sự kiện trước đó ROM07:01
để chúng ta kết quả cho Đức Chúa Trời
Tham khảo: "Chúng ta có thể làm điều đẹp lòng Đức Chúa Trời”
kết quả
Ở đây có nghĩa là thay đổi tình trạng thuộc linh từ bên trong.
Romans 7:6
Câu Liên kết:
Phao-lô nhắc chúng ta rằng Đức Chúa Trời không khiến chúng ta nên thánh bởi luật pháp.
chúng ta
Đại từ nầy ám chỉ Phao lô và các tín hữu.
văn tự
Tham khảo: "luật Môi se”
Romans 7:7
Vậy chúng ta sẽ nói làm sao?
Phao lô giới thiệu một chủ đề mới. (Xin xem:
Chẳng hề như vậy
"Tất nhiên là không đúng!” Thành ngữ nầy cho chúng ta một câu trả lời phủ định mạnh mẽ nhất đối với câu hỏi tu từ trước đó. Ở đây bạn có thể dùng một cụm từ tương tự trong ngôn ngữ của bạn. Để xem bạn dịch câu nầy như thế nào trong ROM09:14
Tôi không biết đến tội lỗi.... tội lỗi đã nắm lấy cơ hội trong .....khơi dậy trong tôi đủ mọi thứ
Phao lô ví sánh tội lỗi như một người có thể hành động. (Xin xem:
tội lỗi đã nắm lấy cơ hội trong điều răn, khơi dậy trong tôi đủ mọi thứ tham dục
Khi luật pháp Đức Chúa Trời không cho chúng ta làm điều gì chính là vì chúng ta được dạy bảo không tiếp tục làm thêm điều đó. Tham khảo: “tội lỗi nhắc tôi nhớ lại một điều răn là chớ tham lam, và cứ thế tôi lại càng muốn tham lam càng ngày càng nhiều” hoặc là “bởi vì tôi muốn phạm tội, khi tôi nghe điều răn dạy chớ tham lam, tôi lại muốn...”
tội lỗi
Tham khảo: "ý muốn phạm tội của tôi”
tham dục(dục vọng)
Từ ngữ nầy bao hàm ý muốn tham lam tài sản của người khác (xem UDB) và sự ham muốn tình dục sai trái.
vì không có luật pháp thì tội lỗi chết.
Tham khảo: "nếu không có luật pháp, sẽ không có sự vi phạm luật pháp, và như vậy sẽ không có tội lỗi”
Romans 7:9
tội lỗi lại sống
Cụm từ nầy có thể có ý nghĩa 1)Tôi biết rằng tôi đã phạm tội
lẽ ra điều răn đem sự sống đến cho tôi lại đưa tôi đến sự chết
Phao lô không chết theo nghĩa đen. Tham khảo: “Đức Chúa Trời ban điều răn cho tôi để tôi sẽ sống, nhưng thay vào đó tôi phải chết”
Romans 7:11
tội lỗi nắm lấy cơ hội, dùng điều răn lừa dối tôi và nhân đó giết chết tôi
Như trong ROM07:07
tội lỗi
Tham khảo: “ý muốn phạm tội của tôi” (Xin xem:
tội lỗi nắm lấy cơ hội, dùng điều răn
Để xem bạn dịch cụm từ nầy như thế nào trong ROM07:07
giết chết tôi
Tham khảo: "tội lỗi làm tôi xa cách Đức Chúa Trời”
Romans 7:13
Câu Liên kết:
Phao-lô nói về sự tranh chiến bên trong cái tôi của ông, giữa tội lỗi trong con người bề trong và tâm trí của ông với luật pháp của Đức Chúa Trời – giữa điều thiện và điều ác.
Vậy
Phao lô giới thiệu một chủ đề mới
điều tốt đẹp
Điều tốt đẹp ở đây nói tới luật pháp của Đức Chúa Trời
làm cho tôi chết
Tham khảo: "khiến tôi phải chết”
Chẳng hề như vậy
Tham khảo: "Tất nhiên là không đúng!” Thành ngữ nầy cho chúng ta một câu trả lời phủ định khả dĩ mạnh mẽ nhất đối với câu hỏi tu từ ở trên. Có thể bạn có một cụm từ tương tự trong ngôn ngữ bạn để sử dụng ở đây.
tội lỗi....làm cho tôi chết
Phao lô coi tội lỗi như một con người có thể hành động.
làm cho tôi chết
Tham khảo: "làm tôi xa cách Đức Chúa Trời”
qua điều răn
Tham khảo: "vì tôi không vâng giữ điều răn”
Romans 7:15
Câu Liên kết:
Phao-lô nói về sự tranh chiến bên trong con người bề trong của ông giữa xác thịt của ông và luật pháp của Đức Chúa Trời – giữa điều thiện và điều ác.
Tôi không hiểu điều mình làm
Tham khảo: "Tôi không biết chắc lý do tại sao tôi có ý làm điều tôi muốn
Vì
Tham khảo: "Tôi không hiểu tại sao tôi làm điều tôi muốn làm bởi vì”
Tôi làm điều mình ghét
Tham khảo: "Tôi biết điều tôi làm là điều không tốt”
Nhưng
"Tuy nhiên”
Tôi nhìn nhận luật pháp
Tham khảo: "Tôi biết luật pháp Đức Chúa Trời là tốt lành”
Romans 7:17
chính tội lỗi ở trong tôi
Phao lô mô tả tội lỗi như một con người có quyền lực tác động đến ông.
xác thịt tôi
Tham khảo: "bản chất con người của tôi”
Romans 7:19
điều thiện
Tham khảo: "điều thiện” hay là “hành động tốt”
điều ác
Tham khảo: "điều ác” hoặc “hành động ác đức”20

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Romans 7:22
Vì bên trong con người
Phần
trong chi thể tôi có một luật khác giao chiến với luật trong tâm trí tôi, bắt tôi phải làm nô lệ
Tham khảo: "Tôi chỉ có thể làm theo bản chất cũ của tôi mà không có đời sống mới do Đức Thánh Linh chỉ dẫn”
luật mới
Đây là đời sống thuộc linh theo bản chất mới.
trong chi thể tôi có một luật khác
Đây là bản chất cũ, là bản chất vốn có từ lúc mới sinh.
luật của tội lỗi, là luật ở trong chi thể tôi.
Tham khảo: “bản chất tội lỗi của tôi”
Romans 7:24
Khốn nạn cho tôi! Ai sẽ giải cứu tôi khỏi thân thể hay chết nầy?
"Tôi muốn có người giải cứu tôi khỏi sự kiểm soát của ý muốn của tôi”
Cảm tạ Đức Chúa Trời,nhờ Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta!
Đây là câu trả lời cho câu hỏi ở câu 7:24. (Xem UDB)
Như vậy, một đằng tôi lấy tâm trí tuân hành luật pháp của Đức Chúa Trời, đằng khác, tôi lấy xác thịt tuân hành luật của tội lỗi.
Trí khôn và xác thịt được dùng ở đây cho thấy họ ví sánh hoặc phục vụ luật pháp của Đức Chúa Trời hoặc phục vụ luật của tội lỗi. Người có trí khôn hay trí tuệ có thể chọn cách làm vui lòng và vâng theo Đức Chúa Trời với xác thịt hay bản chất thuộc thể để phục vụ tội lỗi. Tham khảo: “Trí tôi chọn cách làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, nhưng xác thịt tôi chọn cách vâng lời tội lỗi

Translation Questions

Romans 7:1
Một người chịu sự kiểm soát của luật pháp trong bao lâu?
Người đó còn sống bao lâu thì luật pháp kiểm soát họ bấy lâu.
Romans 7:2
Một phụ nữ đã kết hôn sẽ chịu sự ràng buộc của luật hôn nhân trong bao lâu?
Một phụ nữ đã kết hôn sẽ chịu sự ràng buộc của luật hôn nhân cho đến khi người chồng chết.
Romans 7:4
Tín đồ chịu chết về luật pháp bằng cách nào?
Tín đồ chết về luật pháp bởi thân thể Đấng Christ.
Sau khi chịu chết về luật pháp, tín đồ có thể làm gì?
Sau khi chết về luật pháp, tín đồ mới có thể hiệp cùng Đấng Christ.
Romans 7:7
Luật pháp có nhiệm vụ gì?
Luật pháp làm cho tội lỗi lộ diện.
Luật pháp là tội lỗi hay thánh?
Luật pháp là thánh, và điều răn là thánh, công bình và tốt lành.
Romans 7:13
Phao-lô nói rằng tội lỗi làm gì với ông?
Phao-lô nói rằng tội lỗi qua luật pháp mang lại sự chết trong ông.
Romans 7:17
Ai làm điều Phao-lô đã làm dù ông không muốn làm?
Tội lỗi sống trong Phao-lô làm những điều ông không mong muốn.

Chapter 8
Romans 8:1
Câu Liên kết:
Phao-lô đưa ra câu trả lời cho sự tranh chiến giữa điều thiện và điều ác bên trong ông.
cho nên
"vì lý do đó” hoặc là “bởi vì những điều tôi nói với anh em là có thật”
Luật...luật
Từ ngữ “luật” ở đây nói về nhưng công việc theo bản tính, không có liên quan gì đến quy luật người ta làm ra.
Romans 8:3
Vì điều gì luật pháp không thể làm được do xác thịt làm cho suy yếu thì Đức Chúa Trời đã làm rồi
Ở đây luật pháp được mô tả như một con người có quyền năng phá vỡ quyền lực của tội lỗi. Tham khảo: “Vì luật pháp không có quyền năng để ngăn chúng ta phạm tội, bởi vì quyền lực của tội lỗi ở bên trong chúng ta quá mạnh mẽ. Nhưng chính Đức Chúa Trời ngăn chúng ta khỏi phạm tội” (Xin xem:
do xác thịt
Tham khảo: "do bản chất tội lỗi của con người”
Ngài...đã sai Con Ngài đến trong xác thịt giống như xác thịt tội lỗi...một của lễ chuộc tội...Ngài đoán phạt tội lỗi
Đức Chúa Con đã mãi mãi làm vừa lòng Đức Chúa Trời trong cơn thạnh nộ thánh khiết của Ngài giáng trên tội lỗi chúng ta bằng cách hy sinh chính thân Ngài và sự sống Ngài để làm của lễ chuộc tội đời đời.
Đức Chúa Con
Đây là danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời.
giống như xác thịt tội lỗi
Có thể viết cụm từ nầy thành một câu mới. Tham khảo: “Ngài trông giống như bất cứ một con người tội lỗi nào.
là của lễ chuộc tội
Tham khảo:"để Ngài có thể chịu chết như một của lễ do vì tội lỗi của cho chúng ta.
và Ngài kết án tội lỗi trong xác thịt
Tham khảo: "và Đức Chúa Trời phá tan quyền lực của tội lỗi qua thân thể của Con Ngài”
luật pháp đòi hỏi được thực hiện đầy đủ trong chúng ta
Tham khảo: "chúng ta có thể thực hiện những quy định của luật pháp” (Xin xem:
chúng ta là những người không sống theo xác thịt
Tham khảo: "chúng ta không nên chiều theo những ước muốn tội lỗi”
nhưng sống theo Thánh Linh
Tham khảo: "nhưng là người vâng theo Đức Thánh Linh”
Romans 8:6
Câu Liên kết:
Phao-lô tiếp tục đưa ra hình ảnh tương phản giữa xác thịt mà chúng ta là tín đồ đang sống và Thánh Linh hiện đang ngự trong chúng ta.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tâm trí hướng về xác thịt...tâm trí hướng về Thánh Linh
"cách nghĩ của kẻ có tội...cách nghĩ của người nghe theo Đức Thánh Linh"
sự chết
Ở đây nói về sự xa cách Đức Chúa Trời của một người.
Romans 8:9
(không) theo xác thịt mà theoThánh Linh
Hãy xem những cụm từ nầy được dịch như thế nào trong ROM08:03
Thánh Linh...Thánh Linh của Đức Chúa Trời.....Thánh Linh của Đấng Christ
Những từ nầy đều ngụ ý nói về Đức Thánh Linh.
Nếu như vậy
Cụm từ nầy không có nghĩa là Phao lô không chắc chắn có một số người có Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Phao lô muốn họ biết rằng họ đều có Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Tham khảo: “bởi vì” hoặc là “vì”.
Nếu Đấng Christ ở trong anh em
Có thể nói rõ về phương cách Đấng Christ sống trong một người như thế nào. Tham khảo: “Nếu Đấng Christ ở trong anh em qua Đức Thánh Linh”
một mặt, thân thể anh em chết vì tội lỗi, mặt khác, tâm linh anh em vẫn sống nhờ sự công chính.
Cụm từ “một mặt” và “mặt khác” giới thiệu hai cách suy nghĩ khác nhau về một vấn đề. Tham khảo: “thân thể chết vì cớ tội lỗi, nhưng”
thân thể chết vì tội lỗi
Những ý nghĩa có thể sử dụng là 1) một người chết về phần thuộc linh vì quyền lực của tội lỗi hoặc là 2) thân thể thuộc thể vẫn sẽ chết vì tội lỗi”
tâm linh vẫn sống nhờ sự công chính
Những ý nghĩa có thể sử dụng là 1) một người có sự sống thuộc linh thì Đức Chúa Trời sẽ ban cho quyền năng để làm điều lành hoặc là 2) Đức Chúa Trời sẽ khiến người đó sống lại sau khi chết bởi vì Đức Chúa Trời công bình sẽ ban cho người tin Ngài sự sống đời đời.
Romans 8:11
Nếu Thánh Linh..... đang ở trong anh em
Phao lô nghĩ rằng Đức Thánh Linh sống trong độc giả của ông. Tham khảo: “Vì Thánh Linh...sống trong anh em”.
(Thánh Linh) của Ngài là Đấng khiến (Đấng Christ) sống lại
Tham khảo: "của Đức Chúa Trời, là Đấng làm cho (Chúa Giê su) sống lại
khiến sống lại
Từ ngữ nầy có nghĩa là làm cho một người chết được sống lại.
thân thể hay chết
Tham khảo: "thân thể thuộc thể” hoặc là “thân thể sẽ phải chết trong tương lai”
Romans 8:12
Cho nên
Tham khảo: "Bởi vì những điều tôi nói với anh em đều có thật”
anh em
Tham khảo: "các anh em tín hữu”
chúng ta mắc nợ
Phao lô đang ví sánh sự vâng phục giống như sự trả nợ.
Tham khảo: “chúng ta cần phải vâng phục”
không mắc nợ xác thịt để sống theo các thịt
Tham khảo: “nhưng chúng ta không cần vâng phục những ý muốn tội lỗi”
Vì nếu anh em sống theo xác thịt
Tham khảo: "Bởi vì nếu anh em sống chỉ để chìu theo tư dục tội lỗi”
thì anh em phải chết
Tham khảo: "chắc chắn anh em sẽ phải xa cách Đức Chúa Trời”
nhưng nếu anh em nhờ Thánh Linh làm cho chết công việc của thân thể
AT, như một câu mới: "Nhưng nếu nhờ Thánh Linh mà anh em không còn chiều theo tư dục”
Romans 8:14
Vì tất cả những ai được Thánh Linh của Đức Chúa Trời dẫn dắt
Tham khảo: "Vì mọi người đều nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời hướng dẫn’
con của Đức Chúa Trời
Con của Đức Chúa Trời ở đây có nghĩa tất cả tín hữu trong Chúa Giê su và thường được dịch là “con cái Đức Chúa Trời”
vì anh em đã không nhận lấy tinh thần làm nô lệ để cứ sống trong sự sợ hãi
Tham khảo: "Vì Đức Chúa Trời không ban cho anh em một thánh linh để anh em phải làm nô lệ của quyền lực tội lỗi và sợ sự đoán xét của Đức Chúa Trời”
nhờ đó, chúng ta gọi rằng
Tham khảo: "khiến chúng ta gọi”
A ba, Cha
"Abba" là “Cha” theo tiếng A ram
Romans 8:16
một mặt là người thừa kế của Đức Chúa Trời, mặt khác là người cùng thừa kế với Đấng Christ
Cụm từ “một mặt” và “mặt khác” giới thiệu hai cách suy nghĩ khác nhau về một vấn đề. Tham khảo: “kế tự của Đức Chúa Trời đồng thời cũng là đồng kế tự với Đấng Christ”
chúng ta sẽ cùng được vinh quang với Ngài.
Tham khảo: "Đức Chúa Trời làm vinh hiển chúng ta cùng với Ngài”
Romans 8:18
Câu Liên kết:
Trong phần này, Phao-lô nhắc chúng ta là những người tin Chúa rằng thân thể chúng ta sẽ được biến hóa khi chúng ta được cứu chuộc ROM08:23
Vì
Từ nầy dùng để nhấn mạnh câu “Tôi nghĩ rằng”. Không có nghĩa là “bởi vì”
Tôi nghĩ rằng ....không đáng so sánh với
Tham khảo: "Tôi không nghĩ rằng ...không đáng so sánh với”
sẽ được tỏ ra
Tham khảo: "Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ ra” hoặc là “Đức Chúa Trời sẽ nói rõ”
muôn vật thiết tha trông mong
Mọi vật Đức Chúa Trời tạo dựng được mô tả là một con người nóng lòng trông đợi điều gì.
sự hiện ra của con (cái) Đức Chúa Trời
Tham khảo: "vì tới lúc Đức Chúa Trời sẽ tỏ ra cho con cái Ngài”
con Đức Chúa Trời
”con Đức Chúa Trời” ở đây nghĩa là tất cả các tín hữu trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Giê su và thường được dịch là “con cái Đức Chúa Trời”

Romans 8:20

Vì muôn vật đã bị lệ thuộc sự hư không

Tham khảo: "Vì Đức Chúa Trời khiến cho mọi tạo vật không thể đạt được mục đích Ngài tạo dựng”

chẳng phải tự ý, nhưng bởi Đấng muốn chúng lệ thuộc

Ở đây mọi tạo vật được mô tả như một con người có thể có ý muốn. Tham khảo: “không phải bởi vì đây là ý muốn của người đó, nhưng là vì ý muốn của Đức Chúa Trời”

với hi vọng rằng chính muôn vật rồi đây cũng sẽ được giải phóng

Tham khảo: “Bởi vì Đức Chúa Trời biết rằng Ngài sẽ cứu mọi vật Ngài dựng nên”

khỏi thân phận nô lệ cho sự hư nát

Phao lô ví mọi sự trong sự sáng thế như là nô lệ và “sự hư nát” là người chủ. Tham khảo: “từ sự hư nát đến sự chết”

sự tự do trong vinh quang của con cái Đức Chúa Trời

Tham khảo: "và Ngài sẽ giải cứu họ khi ban sự vinh hiển cho con cái Ngài”

Vì chúng ta biết rằng tất cả tạo vật đều than thở và quặn thắt cho đến ngày nay

Mọi vật Ngài tạo dựng được ví sánh với một người đàn bà phải chịu đau đớn khi sinh nở. Tham khảo: “Vì chúng ta biết rằng mọi vật Đức Chúa Trời tạo dựng đều muốn được thoát khỏi sự đau đớn như một người đàn bà đang sinh con”

Romans 8:23

những người có Thánh Linh là trái đầu mùa

Phao lô ví sánh tín hữu nhận lãnh Đức Thánh Linh như rau quả đầu mùa. Điều nầy nhấn mạnh rằng Đức Thánh Linh chỉ là sự khởi đầu của những ân tứ Đức Chúa Trời ban cho tín đồ.

khi mong đợi được làm con nuôi, là sự cứu chuộc thân thể chúng ta

Tham khảo: "trông đợi cho đến khi chúng ta hoàn toàn là người trong nhà Đức Chúa Trời và Ngài sẽ cứu thân thể chúng ta khỏi sự hư nát và sự chết”

Trong niềm hi vọng đó, chúng ta được cứu

Tham khảo: "Vì Đức Chúa Trời cứu chúng ta do chúng ta tin cậy Ngài”

Nhưng khi đã thấy được điều mình hi vọng rồi thì không còn là hi vọng nữa. Vì ai lại hi vọng vào điều mình đã thấy

Phao lô dùng một câu hỏi để giúp khán giả hiểu “hy vọng” là gì. Tham khảo: “Nhưng nếu chúng ta chờ đợi hy vọng đó có nghĩa là chúng ta chưa có được điều chúng ta muốn. Không ai có thể chờ đợi một cách tin tưởng nếu người đó đã có điều mình muốn rồi”. .

Romans 8:26

Câu Liên kết:

Dù Phao-lô đang nhấn mạnh rằng có một sự tranh chiến trong các tín hữu giữa xác thịt và Thánh Linh, nhưng ông khẳng định rằng Thánh Linh đang giúp đỡ chúng ta.

những sự thở than không thể diễn tả

Tham khảo: "sự than van không thể diễn tả bằng lời”

Romans 8:28

Câu liên kết:

Phao-lô nhắc các tín hữu rằng không gì có thể ngăn cách họ khỏi tình yêu của Chúa.

cho những người được gọi

Tham khảo: "đối với những người Đức Chúa Trời đã chọn”

những người Ngài đã biết trước

Tham khảo: "những người Ngài đã biết trước khi Ngài tạo dựng họ”

Ngài cũng đã định sẵn

Tham khảo: "Ngài cũng đã định sẵn số phận của họ trước” hoặc là “Ngài cũng dự kiến trước”

trở nên giống như hình ảnh Con Ngài

dịch thiếu - God planned from before the beginning of creation to grow those who believe in Jesus, the Son of God, into persons who are like Jesus. Tham khảo: "rằng Ngài sẽ thay đổi họ để họ giống như Con Ngài”

Con trai

Đây là một danh hiệu quan trọng chỉ về Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời.

để Con ấy được làm Con trưởng

Tham khảo: "để con Ngài trở thành con trưởng”

giữa nhiều anh em

Tham khảo: "của nhiều anh chị em khác trong nhà Đức Chúa Trời” (

Những người Ngài đã định sẵn

Tham khảo: "Những người Đức Chúa Trời đã định trước”

thì Ngài cũng đã làm cho vinh quang

Từ ngữ “làm cho vinh quang” viết theo thì quá khứ dùng để nhấn mạnh rằng điều nầy chắc chắn xảy ra. Tham khảo: “Ngài cũng sẽ làm cho những người nầy vinh hiển”

Romans 8:31

Vậy chúng ta sẽ nói gì về những sự này? Nếu Đức Chúa Trời ở với chúng ta, ai dám chống lại chúng ta?

Phao lô sử dụng những câu hỏi để nhấn mạnh những điểm chính ông đã trình bày trước đó. Tham khảo: “Đây là điều chúng ta nên biết trước hết: vì Đức Chúa Trời giúp đở, không ai có thể đánh thắng chúng ta”

Son Ngài đã không tiếc chính Con Ngài

Đức Chúa Cha đã sai Đức Chúa Con, là Chúa Cứu Thế Giê-xu, đến thế gian, Ngài là Đấng Thánh và là của lễ toàn vẹn khi hy sinh trên thập tự giá để thỏa mãn bản tính thánh khiết và toàn vẹn của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi con người.

mà phó Con ấy cho

Tham khảo: "nhưng giao nộp Ngài cho kẻ thù”

Ngài lại không ban mọi sự cùng với Con ấy cho chúng ta sao?

Phao lô sử dụng một câu hỏi để nhấn mạnh. Tham khảo: “Chắc chắn Ngài sẽ ban cho chúng ta mọi sự”

Romans 8:33

Ai sẽ kiện những người được Đức Chúa Trời tuyển chọn? Đức Chúa Trời là Đấng xưng công chính

Phao lô dùng một câu hỏi để nhấn mạnh. Tham khảo: “Không ai có thể kiện cáo chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời bởi vì Ngài chính là người làm chúng ta hòa thuận với Đức Chúa Trời” (Xin xem:

Ai sẽ là người kết án họ? Có phải Đấng Christ ….và là Đấng cầu thay cho chúng ta không?

Phao lô dùng một câu hỏi để nhấn mạnh. Tham khảo: “Không ai có thể định tội chúng ta bởi vì chính Chúa Giê su Christ…và cũng là Đấng vì chúng ta mà cầu thay” (Xin xem:

quan trọng hơn là Đấng đã chết và cũng đã sống lại,

Tham khảo: "quan trọng hơn Ngài là Đấng được Đức Chúa Trời khiến cho sống lại sau khi chết” hoặc là “quan trọng hơn, Ngài là Đấng sống lại” (Xin xem:

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Romans 8:35

Ai sẽ phân rẽ chúng ta khỏi tình yêu của Chúa Cứu Thế?

Dường như câu hỏi này nhắm về một cá nhân, nhưng câu trả lời theo sau cho thấy đó là những sự việc, chứ không phải con người. Vì vậy có thể Phao-lô đang nói đến các sự kiện như thể đó chính là con người.

Có phải hoạn nạn, khốn cùng, bắt bớ, đói khát, trần truồng, nguy hiểm, hay là gươm giáo không?

Tham khảo: "Cho dù có người làm chúng ta khốn khổ, gây tổn hại, lấy hết quần áo, thức ăn thậm chí còn giết hại chúng ta cũng không thể" (Xin xem:

Hoạn nạn hay khốn cùng

Hai từ nầy đồng nghĩa với nhau (Xin xem

Vì cớ Ngài

Ở đây "của Ngài" ở dạng số ít và ám chỉ Đức Chúa Trời"

Tham khảo: "Vì Ngài"

chúng con bị giết hằng ngày

Ở đây "chúng con" nói về người viết phần Kinh Thánh nầy kể cả những người trung thành với Đức Chúa Trời. Cụm từ "hằng ngày" là sự sự diễn tả cường điệu nhằm nhấn mạnh về tình trạng nguy hiểm họ đang gặp phải. Phao lô sử dụng phân đoạn Kinh Thánh nầy để trình bày rằng mọi người thuộc Đức Chúa Trời nên biết rằng có nhiều lúc khó khăn sẽ xảy ra. Tham khảo: "kẻ thù cứ luôn tìm cách giết chúng ta" (Xin xem:

Chúng con bị coi như chiên đem đi làm thịt

Những người bị giết vì trung thành với Đức Chúa Trời được ví sánh như chiên trong bầy của Ngài" (Xin xem:

Romans 8:37

chúng ta toàn thắng

Tham khảo: "chúng ta chiến thắng hoàn toàn"

nhờ Đấng yêu thương mình

Có thể nói rõ hơn về tình yêu Chúa Giê su ban cho chúng ta. Tham khảo: "Vì Chúa Giê su yêu thương chúng ta đến nỗi sẵn sàng chết thay cho chúng ta"

Chúng tôi tin chắc rằng

Tham khảo: "Tôi tin rằng" hoặc là "Tôi tin chắc rằng"

các bậc cầm quyền

Những ý nghĩa có thể dùng là 1)ma quỷ (UDB) hoặc là 2) vua và quan cai trị của con người.

các quyền lực (cũng không)

Những ý nghĩa có thể dùng là 1) hữu thể thuộc linh có quyền năng hoặc là 2) con người có quyền lực.

Translation Questions

Romans 8:3

Tại sao luật pháp không thể giải thoát cho mọi người khỏi nguyên tắc/ quy luật của tội lỗi và sự chết?

Luật pháp không thể bởi vì nó yếu đuối trong xác thịt.

Romans 8:9

Người không thuộc về Đức Chúa Trời thiếu điều gì?

Người không thuộc về Đức Chúa Trời thiếu Thánh Linh của Đấng Cứu Thế ngự trong lòng.

Romans 8:11

Đức Chúa Trời ban sự sống cho thân thể hay chết của tín đồ bằng cách nào?

Đức Chúa Trời ban cho thân thể hay chết của tín đồ qua Thánh Linh Ngài ngự trong lòng tín đồ đó.

Romans 8:14

Con cái của Đức Chúa Trời được dẫn dắt để sống bằng cách nào?

Con của Đức Chúa Trời được Thánh Linh Ngài dẫn dắt.

Romans 8:23

Tín đồ trông đợi sự cứu chuộc của thân thể bằng cách nào?

Tín đồ sẽ trông đợi sự cứu chuộc của thân thể bằng sự tin chắc và lòng kiên nhẫn.

Romans 8:26

Thánh Linh làm điều gì để giúp thánh đồ thoát khỏi sự yếu đuối của họ?

Chính Thánh Linh Ngài sẽ cầu thay cho các thánh đồ theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

Romans 8:28

Đức Chúa Trời hiệp lại mọi sự ra sao cho kẻ yêu mến Ngài và được kêu gọi theo mục đích Ngài?

Đức Chúa Trời hiệp lại mọi sự có ích cho kẻ yêu mến Ngài và được Ngài kêu gọi theo mục đích của Ngài.

Romans 8:35

Tín đồ thắng hơn như thế nào trong sự khốn khó, bắt bớ thậm chí là sự chết?

Tín đồ luôn là người thắng hơn nhờ Đấng yêu thương họ.

Romans 8:37

Tín đồ thắng hơn như thế nào trong sự khốn khó, bắt bớ, thậm chí là sự chết?

Tín đồ luôn là người thắng hơn nhờ Đấng yêu thương họ.

Chapter 9

Romans 9:1

Câu liên kết:

Phao-lô nói về điều bản thân ông ao ước là dân Do Thái sẽ được cứu, nhưng sau đó ông nhấn mạnh đến những phương cách khác nhau mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị tấm lòng họ cho sự tin đạo.

lương tâm tôi cũng làm chứng cho tôi trong Đức Thánh Linh

Cụm từ nầy có thể chia làm hai câu riêng biệt. "Đức Thánh Linh kiểm soát lương tâm tôi và xác nhận những điều tôi nói"

rằng lòng tôi rất buồn và đau xót triền miên.

Có thể đây là một câu riêng biệt. Tham khảo: "Tôi nói cho anh em biết rằng tôi hết sức buồn lòng." Nếu cần nói ra người làm cho Phao lô buồn lòng, xin xem UDB.

rất buồn và đau xót triền miên

Hai cụm từ nầy về phương diện căn bản là đồng nghĩa. Phao lô dùng chúng để nhấn mạnh sự dâng trào cảm xúc của ông như thế nào.

Romans 9:3

Vì tôi ước ao có thể chính mình bị nguyền rủa và dứt bỏ khỏi Đấng Christ thay cho anh em là đồng bào của tôi

Tham khảo: "Riêng tôi, tôi sẵn lòng để Đức Chúa Trời rủa sả tôi, và tôi lìa khỏi Đấng Christ mãi mãi nếu điều đó giúp anh em Y sơ ra ên của tôi, dân tộc tôi tin vào Đấng Christ" (Xin xem:

Họ là người Y sơ ra ên

Tham khảo: "Họ, cũng như tôi, là dân Y sơ ra ên. Đức Chúa Trời chọn họ trở thành dòng dõi của Gia cốp (UDB)

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

là dân được sinh ra bởi các tổ phụ và từ dòng dõi nầy, về phần xác
Tham khảo: "Về phần thuộc thể, Đấng Christ thuộc dòng dõi của các tổ phụ của họ”
Romans 9:6
Câu liên kết:
Phao-lô nhấn mạnh rằng những ai sinh ra trong gia đình Y-sơ-ra-ên đều thật sự có thể thuộc về dân Y-sơ-ra-ên bởi đức tin.
Nói như vậy không có nghĩa là lời Đức Chúa Trời đã thất bại;
Tham khảo: "Nhưng Đức Chúa Trời không thể không giữ lời hứa”
Vì không phải tất cả những ai ra từ Y-sơ-ra-ên đều là người Y-sơ-ra-ên
Đức Chúa Trời không hứa với dòng dõi Y sơ ra ên (hoặc là Gia cốp) thuộc thể, nhưng với dòng dõi thuộc linh, đó chính là những người có đức tin ở Chúa Giê su.
Cũng không phải tất cả những ai thuộc dòng dõi Áp-ra-ham đều là con cái của ông
Tham khảo: "Cũng không phải họ là con cái Đức Chúa Trời chỉ vì họ là dòng dõi Áp ra ham”
Romans 9:8
con cái theo phần xác
Con cái ở đây nói về dòng dõi thuộc thể của Áp ra ham.
con cái Đức Chúa Trời
Đây là những người là dòng dõi thuộc linh là những người tin Chúa Giê su.
con cái của lời hứa
Đây là những người sẽ thừa hưởng lời hứa.
Sa ra sẽ có một con trai
Tham khảo: "Ta sẽ ban cho Sa ra một con trai” (Xin xem:
Romans 9:10
Y sác, tổ phụ của chúng ta...công bình
Có lẽ bạn cần đặt câu 9:11 sau câu 9:12. Tham khảo: “Y sác, tổ phụ của chúng ta, thì người mẹ được báo trước rằng: ‘Đứa lớn sẽ phục vụ đứa nhỏ’. ‘dù hai con chưa được sanh ra...(vì việc lựa chọn) tùy thuộc Đấng kêu gọi. Như vậy thì công bình.”
tổ phụ của chúng ta
Y sác là tổ phụ của Phao lô và các tín hữu người Do Thái ở Rô ma.
mang thai
Tham khảo: "có thai”
dù hai con chưa được sinh ra, chưa làm điều lành hay điều dữ nào
Tham khảo: "Trước khi hai trẻ chưa sanh ra và chưa làm điều lành hoặc điều dữ gì”
để duy trì mục đích của Đức Chúa Trời trong việc lựa chọn
Tham khảo: "để điều Đức Chúa Trời muốn xảy ra theo sự chọn lựa đã định sẵn của Ngài”
vì cả hai con trẻ đều chưa được sinh ra
Tham khảo: "trước khi các đứa trẻ chưa sanh ra”
chưa làm điều lành hay điều dữ nào
Tham khảo: "không phải vì bất cứ hành động nào của chúng”
do Ngài
vì Đức Chúa Trời
người mẹ đã được bảo trước rằng: “Đứa lớn sẽ phục dịch đứa nhỏ.”
Tham khảo: "Đức Chúa Trời phán cùng Rê bê ca: ‘Đứa lớn sẽ phục vụ đứa nhỏ’
"Ta yêu Gia cốp nhưng ghét Ê sau"
Đức Chúa Trời ghét Ê sau chỉ là một cách so sánh để nói lên tình yêu Ngài dành cho Gia cốp nhiều hơn. (Xin xem:
Romans 9:14
Vậy chúng ta sẽ nói như thế nào?
Phao lô dùng một câu hỏi để sửa sai kết luận cho rằng Đức Chúa Trời không công bình. (Xin xem:
Không hề như vậy!
Tham khảo: "Không thể như thế được!” hoặc là “Tất nhiên là không đúng!”. Thành ngữ nầy hoàn toàn phủ nhận rằng việc nầy có thể xảy ra. Có thể bạn cần một cụm từ tương tự để sử dụng ở đây.
Vì Ngài phán với Môi se
Tham khảo: "Vì Ngài phán với Môi se”
Vậy điều đó không tùy thuộc vào ước muốn hay sức cố gắng của con người
Tham khảo: "Chẳng phải vì người ta mong muốn hoặc nỗ lực mà có được”
cũng không tùy thuộc vào sức cố gắng
Phao lô so sánh một người chạy đua với một người làm mọi nỗ lực để đạt mục đích. (Xin xem:
Romans 9:17
Vì Kinh Thánh nói
Here the scripture is personified as God talking to Pharaoh. "The scripture records that God said"
Ta...(danh của) ta
Đức Chúa Trời đang nói về chính mình
ngươi
số ít
để danh Ta được truyền rao khắp đất.”
Tham khảo: "và để mọi người công bố danh ta khắp nơi trên thế gian”
Ngài muốn làm cứng lòng ai thì làm.
Đức Chúa Trời làm cứng lòng người nào Ngài muốn họ cứng lòng.
Romans 9:19
Vậy anh em sẽ nói với tôi
Phao lô đang nói với những người phê bình sự dạy dỗ của ông như thể đang nói với một người. Bạn có thể cần phải dùng số nhiều ở đây. 19
Ngài...(ý muốn) của Ngài
Hai từ nầy ngụ ý nói về Đức Chúa Trời.
Liệu vật đã được nắn lên sẽ nói...sử dụng hàng ngày?
Phao lô dùng quyền của người thợ gốm làm ra những vật dụng có sức chứa bằng đất sét như một ẩn dụ nói rằng Đấng Tạo hóa có quyền làm bất cứ điều gì theo ý Ngài muốn. (Xin xem:
Tại sao ông nắn nên tôi như vầy
Đại từ “ông” ở đây nói đến Đức Chúa Trời.
Romans 9:22
Ngài...của Ngài
"Đức Chúa Trời....của Đức Chúa Trời”
Những chiếc bình đáng chịu thịnh nộ...những chiếc bình đáng thương xót
Tham khảo: "người đáng nhận cơn thịnh nộ...người đáng nhận ơn thương xót” (Xin xem:
sự giàu có của vinh quang Ngài
Tham khảo: " vinh hiển của Ngài là vinh hiển có giá trị rất lớn” (Xin xem:
mà Ngài đã chuẩn bị cho sự vinh quang
Tham khảo: "người Ngài chuẩn bị trước để ban sự vinh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hiển”

(trong đó) cũng có chúng ta

Phao lô và các anh em tín hữu.

đã gọi

Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã định hoặc chọn sẵn ai sẽ là người sẽ trở thành con cái Ngài, tôi tớ Ngài và là người công bố sứ điệp cứu rỗi của Ngài qua Chúa Giê su.

Romans 9:25

Câu liên kết:

Trong phần này, Phao-lô giải thích làm thế nào mà tiên tri Ô-sê đã tiên báo rằng những người không tin sẽ được gọi là dân

Như Ngài phán trong sách Ô sê

Tham khảo: "Như Đức Chúa Trời có phán trong sách Ô sê rằng”

Ô-sê

Ô sê là một tiên tri. (Xin xem:

"Ta sẽ gọi những người chẳng phải dân Ta là dân Ta”,

Tham khảo: "Ta sẽ chọn người không phải dân ta trở thành dân ta”

những người không được yêu dấu là yêu dấu;”

Tham khảo: "và ta sẽ chọn người ta chẳng yêu thương để trở thành người ta yêu thương”

con cái Đức Chúa Trời hằng sống

Từ ngữ “hằng sống” có thể nói về sự kiện Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời chân chính duy nhất, không phải như các thần tượng giả mạo. Tham khảo: “con cái của Đức Chúa trời chân chính” (UDB).

Romans 9:27

lớn tiếng nói lên

Tham khảo: "kêu gọi”

đông như cát biển

Tham khảo: "quá nhiều nên không thể đếm nỗi” (Xin xem:

sẽ được cứu

Được cứu ở đây được dùng theo ý nghĩa thuộc linh. Nếu một người đã “được cứu” có nghĩa là nhờ sự chết của Chúa Giê su trên thập giá, Đức Chúa Trời đã tha thứ cho người đó và cứu người đó khỏi bị đoán phạt vì tội lỗi mình.

lời (Ngài)

Lời Ngài ở đây ám chỉ đến mọi sự Chúa phán truyền.

chúng ta...chúng ta

Hai từ nầy nói về Ê sai và bao gồm cả dân Y sơ ra ên. (Xin xem:

chúng ta đã trở nên như thành Sô-đôm và giống như thành Gô-mô-rơ rồi

Bạn có thể làm rõ nghĩa hơn về sự kiện dân Y sơ ra ên sẽ giống như dân thành Sô đôm và Gô mô rơ. Tham khảo: “tất cả chúng ta sẽ bị hủy diệt như thành Sô đôm và Gô mô rơ” (UDB). (Xin xem:

Romans 9:30

Vậy chúng ta sẽ nói làm sao?

Tham khảo: "Đây là điều chúng ta cần phải nói”

Các dân ngoại

Tham khảo: "Chúng ta sẽ nói rằng dân ngoại”

tìm kiếm sự công chính

Tham khảo: "cố gắng làm vui lòng Đức Chúa Trời”

không đạt được (sự công chính)

không đạt được sự công bình bằng cách vâng giữ luật pháp”

Romans 9:32

Tại sao?

Tham khảo: "Tại sao họ không có được sự công bình?

bằng việc làm

Tham khảo: "bằng cách cố gắng làm những điều đẹp lòng Đức Chúa Trời”

hòn đá ngăn trở

Tham khảo: "hòn đá làm cho người ta vấp chân”

như có chép

Tham khảo: "như tiên tri Ê sai đã viết”

tin vào đó

Bởi vì hòn đá thay thế cho một người

Translation Questions

Romans 9:1

Tại sao Phao-lô buồn rầu và đau đớn trong lòng không thôi?

Phao-lô buồn rầu và đau đớn vì anh em về phần xác của ông là dân Y-sơ-ra-ên.

Romans 9:6

Phao-lô không thừa nhận điều gì về mọi người trong Y-sơ-ra-ên và tất cả dòng dõi Áp-ra-ham?

Phao-lô nói rằng không phải mọi người ở Y-sơ-ra-ên thuộc về Y-sơ-ra-ên và không phải mọi dòng dõi Áp-ra-ham thật sự là con cháu của ông.

Romans 9:8

Người nào không được kể là con cái Đức Chúa Trời?

Con cái thuộc về xác thịt không được kể là con cái Đức Chúa Trời.

Người nào được kể là con cái Đức Chúa Trời?

Con cái thuộc về lời hứa là con cái Đức Chúa Trời.

Romans 9:10

Nguyên nhân đàng sau lời phán của Đức Chúa Trời với Rê bê ca: “Đứa lớn sẽ phục vụ đứa nhỏ” trước khi bà sinh con là gì?

Mục đích của Đức Chúa Trời theo sự chọn lựa là nguyên nhân đàng sau lới phán của Chúa với Rê-bê-ca.

Romans 9:14

Nguyên nhân đàng sau sự làm ơn và sự thương xót của Đức Chúa Trời là gì?

Nguyên nhân đàng sau sự làm ơn và sự thương xót của Đức Chúa Trời là sự chọn lựa của Ngài.

Romans 9:22

Đức Chúa Trời làm gì với những người Ngài đã định sẽ chịu sự hủy diệt?

Đức Chúa Trời rất kiên nhẫn chịu đựng những người Ngài đã định sẽ chịu sự hủy diệt.

Romans 9:27

Trong số con cái Y-sơ-ra-ên, có bao nhiêu người sẽ được cứu?

Trong số con cái của Y-sơ-ra-ên, chỉ có số dân còn sót lại sẽ được cứu.

Romans 9:30

Dân ngoại là những người không tìm kiếm sự công bình lại có được sự công bình bằng cách nào?

Dân ngoại có được sự công bình nhờ đức tin.

Romans 9:32

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên dù có tìm kiếm luật pháp của sự công bình lại không đạt được điều đó?

Dân Y-sơ-ra-ên không tìm được sự công bình bởi vì họ theo đuổi bằng việc làm, không bằng đức tin.

Dân Y-sơ-ra-ên vấp phải điều gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dân Y-sơ-ra-ên vấp phải hòn đá ngăn trở tức là hòn đá vấp phạm.

Chapter 10

Romans 10:1

Câu liên kết:

Phao-lô tiếp tục mong ước dân Y-sơ-ra-ên sẽ tin Chúa nhưng nhấn mạnh rằng cả người Do Thái cũng như mỗi người chỉ có thể được cứu bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu.

Thưa anh em

Ở đây có nghĩa là anh em tín hữu Cơ Đốc kể cả nam lẫn nữ.

sự ao ước của lòng tôi

Tham khảo: "tôi rất ước ao”

vì họ, để họ được cứu rỗi

Tham khảo: "rằng Đức Chúa Trời sẽ cứu dân Do Thái”

Romans 10:4

Vì Chúa Cứu Thế là sự trọn vẹn của luật pháp

Tham khảo: "Vì Đấng Christ đã thi hành luật pháp một cách trọn vẹn”

để mọi người tin đều được xưng công chính.

Tham khảo: "để Ngài có thể xưng công bình cho người tin Ngài”

tin

Ở đây có nghĩa là tin, hay chấp nhận hay tin cậy một điều gì có thật.

sự công chính đến từ luật pháp

Tham khảo: "cách thức luật pháp làm cho một người được công bình trước Đức Chúa Trời”

ai làm theo những điều nầy thì sẽ nhờ đó mà sống

Tham khảo: "Người hoàn toàn tin vào luật pháp sẽ sống bởi vì luật pháp sẽ làm cho người đó được công bình trước mặt Đức Chúa Trời”

sẽ sống

Sự sống ở đây có thể là 1) sự sống đời đời (xem UDB) hoặc là 2)sự sống vĩnh hằng trong sự thông công với Đức Chúa Trời.

Romans 10:6

Nhưng sự công chính đến từ đức tin nói thế nầy

Ở đây “sự công chính” được mô tả là một người có thể nói. Tham khảo: Nhưng Môi se viết sự công bình ở đây là nói về đức tin làm cho một người trở nên công bình trước Đức Chúa Trời” (Xin xem:

Đừng nói trong lòng mình rằng

Môi se nói về mọi người như thể họ là một người. Tham khảo: “Đừng tự nhủ rằng” (Xin xem:

Ai sẽ lên trời?

Môi se dùng một câu hỏi để dạy khán giả của mình. Sự dạy dỗ trước đó của ông là “Đừng tự nhủ lòng” đòi hỏi một câu phủ định để trả lời câu hỏi nầy. Tham khảo: “Không ai có thể tự mình lên được thiên đàng” (Xin xem:

có nghĩa là đem Đấng Christ xuống

Tham khảo: "để họ có thể đem Đấng Christ xuống thế gian”

Ai sẽ xuống vực sâu

Môi se dùng một câu hỏi để dạy khán giả của mình. Sự dạy dỗ trước đó của ông là “Đừng tự nhủ lòng” cần có một câu phủ định để trả lời câu hỏi nầy. Tham khảo: “Không ai tìm cách đi xuống và vào nơi ở của những linh hồn và người chết” (Xin xem:

tức là để đem Đấng Christ từ cõi chết lên

Tham khảo: "để họ có thể đưa Đấng Christ lên”

kẻ chết

Ở đây có nghĩa là khi thân thể thuộc thể của một người không còn sống nữa.

Romans 10:8

Nhưng lời ấy nói gì?

Từ ngữ “lời ấy” nói về sự công bình trong câu 10:6. Ở đây Phao lô mô tả sự công bình” như một người có thể nói chuyện. Phao lô dùng một câu hỏi để nhấn mạnh câu trả lời ông sắp sửa đưa ra. Tham khảo: “Nhưng đây là điều Môi se nói”

Đạo ở gần anh em

Tham khảo: "Sứ điệp ở ngay tại đây”

trên môi miệng

Từ ngữ “miệng” ám chỉ lời nói của một người. Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: “Điều đó ở trong những điều anh em nói”

và trong lòng anh em

Từ ngữ “lòng” nói về tâm trí của một người hoặc là sự suy nghĩ của người đó. Tham khảo: “và điều đó ở trong sự suy nghĩ của anh em”

Nếu miệng anh em xưng Đức Chúa Jêsus là Chúa,

Tham khảo: "nếu anh em xưng Chúa Giê su là Chúa”

anh em tin rằng

Tham khảo: "thừa nhận là đúng”

khiến Ngài từ cõi chết sống lại

Ở đây có nghĩa là khiến cho một người chết được sống lại.

anh em sẽ được cứu

Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “Đức Chúa Trời sẽ cứu anh em”

Vì ai tin trong lòng thì được xưng công chính, ai tuyên xưng nơi miệng thì được cứu rỗi

Tham khảo: "Vì người nào tin cậy từ trong lòng sẽ được công bình trước Đức Chúa Trời và người nào xưng Chúa ra sẽ được cứu”

Romans 10:11

Người nào tin Ngài sẽ không bị hổ thẹn

Có thể dịch câu nầy theo cách chủ động. Tham khảo: “Đức Chúa Trời sẽ tôn trọng người nào tin Ngài”

Không có sự phân biệt giữa người Do Thái và người Hi Lạp

Tham khảo: "Bằng cách nầy, Đức Chúa Trời sẽ đối đãi người Do Thái và người ngoại như nhau” (UDB)

ban ơn dư dật cho mọi người kêu cầu Ngài

Tham khảo: "và Ngài ban ơn dư dật cho bất cứ ai tin cậy nơi Ngài”

Vì ai kêu cầu danh Chúa đều sẽ được cứu.”

Từ ngữ “danh” ngụ ý nói cả tổng thể một người . Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “Chúa sẽ cứu mọi người tin cậy Ngài”

Romans 10:14

Nhưng họ chưa tin Ngài thì kêu cầu sao được?

Phao lô dùng một câu hỏi để nhấn mạnh về sự quan trọng của sự rao truyền tin lành của Đấng Christ cho những ai chưa nghe về Ngài. Từ ngữ “họ ” nói về những người chưa thuộc về Ngài. Tham khảo: “Ai chưa tin Đức Chúa Trời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không thể kêu cầu Ngài”. (Xin xem:

Chưa nghe nói về Ngài thì làm thể nào mà tin?

Phao lô lại dùng một câu hỏi khác vì cùng một lý do. Tham khảo: Và họ không thể tin Ngài nếu họ chưa nghe sứ điệp về Ngài” (Xin xem:

tin

Ở đây có nghĩa là thừa nhận rằng điều người đó nói là có thật.

Không có người rao giảng thì nghe cách nào?

Phao lô sử dụng một câu hỏi khác với cùng một lý do. Tham khảo: “Và họ không thể nghe sứ điệp nếu không ai nói cho họ nghe” (Xin xem:

Nếu chẳng có ai được sai đi thì làm sao rao giảng?

Phao lô sử dụng một câu hỏi khác với cùng một lý do. Từ ngữ “ai (Xin xem:

Bàn chân của những người truyền rao Tin Lành thật xinh đẹp biết bao?

Phao lô dùng từ “bàn chân” ở đây để miêu tả những người đi ra rao truyền tin lành cho những người chưa nghe về Ngài. Tham khảo: “Thật tuyệt vời khi các sứ giả ra đi và nói cho chúng ta biết về tin lành” (Xin xem:

Romans 10:16

Nhưng không phải mọi người đều vâng theo

Tham khảo: "Nhưng không hẳn là tất cả người Do Thái đều nghe (sứ điệp)

Lạy Chúa,ai chịu tin lời chúng con rao giảng?

Phao lô dùng một câu hỏi để nhấn mạnh về lời tiên tri của Ê sai trong Kinh Thánh cho biết nhiều người Do Thái sẽ không tin Chúa Giê su. Ở đây, “

Lời giảng của chúng ta

Đại từ sở hữu “của chúng ta” ở đây nói đến Đức Chúa Trời và Ê-sai.

tin

chấp nhận hoặc tin một điều gì đó là đúng

Romans 10:18

Nhưng tôi xin hỏi: Có phải là họ chưa được nghe không? Thực ra thì họ đã nghe

Phao lô dùng một câu hỏi để nhấn mạnh. Tham khảo: “Nhưng tôi nói rằng người Do Thái chắc chắn đã nghe sứ điệp về Đấng Christ” (Xin xem:

Tiếng của các sứ giả đã vang ra khắp đất,và lời của họ đã truyền đến tận cùng thế giới.”

Cả hai câu nầy về phương diện căn bản đều có cùng ý nghĩa và được dùng để nhấn mạnh. Từ ngữ “của họ” nói về mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao. Ở đây chúng được mô tả như những sứ giả con người nói với mọi người về Đức Chúa Trời. Điều nầy ngụ ý cho biết sự hiện hữu của chúng làm chứng cho quyền năng và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Cũng có thể làm rõ hơn trong việc Phao lô sử dụng trích đoạn Kinh Thánh ở đây. Tham khảo: “Như có chép trong Kinh Thánh. ‘mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao là chứng cớ về quyền năng và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, và mọi người trên thế gian sẽ trông thấy và và biết sự thật về Đức Chúa Trời”

Romans 10:19

Tôi lại hỏi: Phải chăng dân Y-sơ-ra-ên không hiểu?

Phao lô dùng một câu hỏi để nhấn mạnh. Từ ngữ “Y sơ ra ên” nói về những người sinh sống ở nước Y sơ ra ên. Tham khảo: “Tôi lại nói dân Y sơ ra ên không biết sứ điệp” (Xin xem:

Trước hết, Môi-se đã nói:“Ta sẽ làm cho các ngươi ganh tị ….Ta sẽ làm cho các ngươi tức giận….

Câu nầy có nghĩa là Môi se viết lại tất cả những điều Đức Chúa Trời phán. “Ta” ngụ ý nói về Đức Chúa Trời, và “các ngươi” nói về dân Y sơ ra ên” Tham khảo: “Trước hết Môi se nói rằng Đức Chúa Trời sẽ chọc giận ngươi…Đức Chúa Trời sẽ giục lòng ngươi…” (Xin xem:

dân không phải là dân

Tham khảo: "bởi những người không được coi là một dân tộc thật sự” (xem UDB) hoặc là “bởi những người không thuộc một dân nào”.

bởi một dân không hiểu

Tham khảo: "bởi một dân chẳng biết Ta hoặc các mạng lệnh Ta"

Ta sẽ chọc giận các ngươi

Tham khảo: "Ta sẽ làm cho các ngươi tức giận”

các ngươi

Ở đây là nước Y sơ ra ên.

Romans 10:20

Thông tin chung:

Các đại từ “Ta”, “Ta” và “của Ta” có ý nói đến Đức Chúa Trời.

Ê-sai lại mạnh dạn nói rằng

Có nghĩa là Ê sai viết ra những điều Đức Chúa Trời đã phán.

Những người không tìm kiếm Ta thì đã gặp được Ta;

Từ ngữ “Ta” và “ta” nói về Đức Chúa Trời. Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động. Các tiên tri cũng thường nói về những việc sẽ xảy ra trong tương lai như thể những việc đó đã xảy ra. Điểm nầy nhấn mạnh rằng lời tiên tri chắc chắn sẽ xảy ra. Tham khảo:”Dù cho dân ngoại không tìm kiếm ta, họ sẽ tìm thấy ta”.

Ta đã tỏ mình ra

Tham khảo: "Ta đã bày tỏ chính mình”

Ngài phán

"Ngài” là Đức Chúa Trời, đang nói qua Ê sai.

Suốt ngày

Cụm từ nầy được dùng để nhấn mạnh về sự kiên trì của Đức Chúa Trời. Tham khảo: “không ngừng”

Ta dang tay hướng về một dân bất tuân và ngoan cố.”

Tham khảo: "Ta cố gắng tiếp đón và giúp đỡ ngươi, nhưng ngươi từ chối sự giúp đỡ của ta và cứ luôn không vâng phục ta”

Translation Questions

Romans 10:1

Phao-lô ao ước điều gì cho anh em của ông là dân Y-sơ-ra-ên?

Mong ước của Phao-lô là dân Y-sơ-ra-ên được cứu rỗi.

Romans 10:4

Chúa Cứu Thế đã làm điều gì về phương diện luật pháp?

Chúa Cứu Thế đã thi hành luật pháp để xưng công bình cho mọi kẻ tin Ngài.

Romans 10:8

Lời của đức tin mà Phao-lô công bố ở đâu?

Lời của đức tin thì ở gần, ở trong miệng và ở trong lòng.

Romans 10:14

Phao-lô cho rằng công việc nào là một loạt biện pháp đem tin lành đến

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

cho một người để người đó có thể kêu cầu danh Chúa?
Phao-lô nói rằng trước tiên là sai người đi rao giảng, để người nghe và tin phúc âm có thể kêu cầu danh Chúa.
Romans 10:18
Dân Y-sơ-ra-ên có nghe và biết phúc âm không?
Có, dân Y-sơ-ra-ên đã nghe và biết phúc âm.
Romans 10:19
Dân Y-sơ-ra-ên có nghe và biết phúc âm không?
Có, dân Y-sơ-ra-ên đã nghe và biết phúc âm
Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ khơi dậy lòng ganh tị của Y-sơ-ra-ên bằng cách nào?
Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ khơi dậy lòng ganh tị của dân Y-sơ-ra-ên bằng cách xuất hiện với những người không kêu cầu Ngài.
Romans 10:20
Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ khơi dậy lòng ganh tị của Y-sơ-ra-ên bằng cách nào?
Đức Chúa Trời nói rằng Ngài sẽ khơi dậy lòng ganh tị của Y-sơ-ra-ên bằng cách đến với người không cầu xin Ngài.

Chapter 11
Romans 11:1
Câu Liên kết:
Dù Y-sơ-ra-ên là một quốc gia đã khước từ Đức Chúa Trời, nhưng Ngài muốn họ hiểu rằng sự cứu rỗi đến bởi ân sủng chứ không bởi việc làm.
Vậy tôi xin hỏi
Tham khảo: "Vậy, Tôi là Phao lô, nói rằng”
Đức Chúa Trời có từ bỏ dân Ngài không?
Phao lô hỏi câu nầy để có thể trả lời câu hỏi của các người Do Thái khác vốn là những người cảm thấy thất vọng vì người ngoại được kể là dân Đức Chúa Trời, trong khi lòng của người Do Thái thì cứng cỏi. (Xin xem:
Chẳng hề như vậy
"Không thể như thế được” hoặc là “Tất nhiên là không!”Cụm từ nầy không cho rằng điều nầy có thể xảy ra. Có thể bạn cần một câu tương tự trong ngôn ngữ bạn để sử dụng ở đây. Để xem bạn dịch như thế nào trong ROM09:14
chi phái Bên-gia-min
Đây là chi phái thuộc dòng dõi Bên gia min, một trong 12 chi phái Đức Chúa Trời chia ra trong dân Y sơ ra ên.
dân mà Ngài đã biết trước
Tham khảo: "những người Ngài biết trước”
Anh em có biết Kinh Thánh chép về chuyện Ê-li đã phàn nàn dân Y-sơ-ra-ên trước mặt Đức Chúa Trời như thế nào không?
Tham khảo: "Chắc chắn anh em biết Kinh Thánh chép những gì. Anh em nhớ rằng Ê li kiện cáo dân Y sơ ra ên với Đức Chúa Trời” (Xin xem:
Kinh Thánh chép về chuyện
Phao lô nói về những việc chép trong Kinh Thánh. (Xin xem:
họ đã giết
"Họ" là dân Y sơ ra ên.
chỉ còn lại một mình con
Đại từ “con” ám chỉ đến Ê li
Romans 11:4
Nhưng Đức Chúa Trời đáp lại ông thế nào?
Phao lô dùng một câu hỏi để đưa tới điểm nhấn kế tiếp.
Đức Chúa Trời trả lời như thế nào
Tham khảo: "Đức Chúa Trời trả lời như thế nào”
ông
Đại từ “ông” ám chỉ Ê li.
bảy nghìn người nam
7.000 người nam
phần còn sót lại
Ở đây có nghĩa là chỉ có một số ít dân chúng được Đức Chúa Trời chọn để nhận lãnh ân điển.
Romans 11:6
Nhưng nếu bởi ân điển
Phao lô tiếp tục giải thích cách thực hiện sự thương xót của Đức Chúa Trời. Tham khảo: Nhưng vì sự thương xót của Đức Chúa Trời….
Vậy thì sao?
"Chúng ta nên kết luận như thế nào? Tham khảo: “Đây là điều chúng ta cần phải ghi nhớ”
Đức Chúa Trời đã cho họ một tâm linh mê muội, mắt mù, tai điếc
Đây là một ẩn dụ về tình trạng ngu muội của họ về phương diện thuộc linh. Họ không thể thấy hoặc nghe về lẽ thật thuộc linh.
tâm linh
Ở đây có nghĩa là “có đặc tính/đặc điểm của” chẳng hạn như “tinh thần hiểu biết”.
mắt mù
Khái niệm về sự trông thấy bằng mắt được xem như tương đương với sự hiểu biết có được.
tai điếc
Khái niệm về sự nghe bằng tai được xem tương đương với sự vâng lời.
Romans 11:9
Mong cho bàn tiệc của họ trở thành cạm bẫy và lưới bủa,
"bàn tiệc" tượng trưng cho sự thết đãi, và “lưới bủa” và “cạm bẫy” tượng trưng cho sự đoán phạt. Tham khảo: “Đức Chúa Trời ôi, xin Ngài làm ơn bắt và bẫy họ tại bàn tiệc”
đá vấp chân
Tham khảo: "tình huống/ cơ hội làm cho họ phạm tội”
và sự báo ứng cho họ
Tham khảo: "tình huống /cơ hội cho phép trả thù
lưng họ cứ mãi cong khom
Đa vít cầu xin Đức Chúa Trời khiến kẻ thù nghịch Ngài trở thành nô lệ bởi vì nô lệ vốn là những người phải khom lưng khuân vác nặng nề
Romans 11:11
Câu Liên kết:
Với việc quốc gia Y-sơ-ra-ên từ chối Đức Chúa Trời, Phao-lô cảnh báo dân ngoại phải cẩn thận để không phạm lỗi tương tự.
Có phải dân Y-sơ-ra-ên đã vấp chân đến nỗi phải ngã nhào không?
Tham khảo: "Đức Chúa Trời có từ bỏ họ mãi mãi vì họ phạm tội hay không?” (Xin xem:
Chẳng hề như vậy!
"Không thể như thế được” hoặc là “Tất nhiên là không!”Thành ngữ nầy nói rằng sự việc nầy tất không xảy ra. Có thể bạn cần một cụm từ tương tự trong ngôn ngữ của bạn để sử dụng ở đây. Để xem bạn dịch câu nầy như thế nào trong ROM09:14

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Khơi dậy...ganh đua
Dịch cụm từ nầy theo cách bạn đã làm trong ROM10:19
Thế gian
Ở đây có nghĩa là mọi người trên thế giới.
Romans 11:13
khơi dậy lòng ganh đua
Dịch cụm từ nầy theo cách bạn đã làm trong ROM10:19
Romans 11:15
Họ
Đại từ nầy ngụ ý nói về những người Do Thái chưa tin Chúa.
thế gian
Ở đây từ nầy có nghĩa là mọi người trên thế giới.
việc họ được tiếp nhận chẳng phải là sự sống đến từ cõi chết sao?
Tham khảo: "Vậy thì Đức Chúa Trời sẽ tiếp họ như thế nào khi họ tin nhận Đấng Christ? Giống như họ sống lại sau khi chết!" (Xin xem:
Nếu phần bột dâng lên như trái đầu mùa là thánh, thì cả khối bột cũng thánh
Phao lô ví sánh Áp ra ham, Y sác, và Gia cốp, những tổ phụ của dân Y sơ ra ên với thu hoạch đầu mùa, và dân Y sơ ra ên là dòng dõi của những người đó là khối bột làm từ nguyên liệu đã thu hoạch sau nầy.
Nếu rễ cây là thánh, cành cây cũng thánh
Phao lô ví sánh những tổ phụ của dân Y sơ ra ên như Áp ra ham, Y sác và Gia cốp như rễ cây và dòng dõi của những tổ phụ đó là dân Y sơ ra ên giống như cành cây.
thánh
Những vụ mùa đầu tiên được thu hoạch luôn "thánh", nghĩa là, được biệt riêng cho Chúa. "Trái đầu mùa" ở đây tượng trưng cho những người đầu tiên tin Chúa Cứu Thế.
Romans 11:17
Và bạn là cây ô liu hoang
Đại từ "bạn" và cụm từ "cây ô liu hoang", ngụ ý nói đến dân ngoại đã chấp nhận sự cứu rỗi qua Chúa Giê su.
được tháp vào một số cành
Tham khảo: "được tháp hoặc ghép vào cành cây giữa những cành cây khác"
nhựa sống dồi dào từ cây ô liu
Đây là lời hứa của Đức Chúa Trời.
đừng lấy làm kiêu hãnh với những cành cây đó
Tham khảo: "đừng nói rằng anh em tốt hơn người Do Thái mà Đức Chúa Trời từ bỏ"
không phải bạn chịu đựng cái rễ, nhưng là cái rễ chịu đựng bạn
Tham khảo: "anh em được phước nhờ Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời không được ngợi khen là nhờ anh em"
Romans 11:19
các cành đã bị cắt đi
Tham khảo: "Đức Chúa Trời chặt bỏ những cành đó"
Các cành (cây)
Cụm từ nầy thường ám chỉ những người Do Thái bị Đức Chúa Trời từ bỏ.
để ta được ghép vào
Cụm từ nầy ngụ ý nói về các tín hữu người ngoại được Đức Chúa Trời chấp nhận. Tham khảo: "Tôi có thể được Ngài ghép vào đó"
các cành đó đã bị cắt đi
Tham khảo: "Ngài cắt bỏ nó"
của chúng...chúng
Đại từ "(của) chúng" và "chúng " ám chỉ những người Do Thái không tin Chúa.
bạn đứng vững nhờ đức tin
Tham khảo: "nhưng bạn không bị cắt bỏ nhờ đức tin"
Vì nếu Đức Chúa Trời đã không tiếc các cành tự nhiên thì Ngài cũng chẳng tiếc bạn đâu.
Tham khảo: "Vì nếu Đức Chúa Trời không tha thứ cho những cành cây tự nhiên, Ngài cũng không tha thứ bạn"
các cành tự nhiên
Cụm từ nầy ám chỉ dân Do Thái.
Romans 11:22
hành động nhân từ và sự nghiêm khắc của Đức Chúa Trời
Phao lô nhắc nhở các tín hữu người ngoại rằng cho dù Đức Chúa Trời đối đãi họ một cách nhân từ, Ngài sẽ không do dự đoán xét và trừng phạt họ.
Nếu không bạn cũng sẽ bị cắt bỏ
Tham khảo: "Nếu không anh em cũng sẽ bị chặt bỏ"
Romans 11:23
nếu họ không miệt mài trong sự chẳng tin
Tham khảo: "Nếu người Do Thái bắt đầu tin nhận Đấng Christ"
sẽ được ghép vào
Tham khảo: "Đức Chúa Trời sẽ ghép họ trở lại" (Xin xem : Ghép
Đây là quy trình phổ biến khi đem phần cuối của một cành cây tươi tháp hoặc ghép vào một cây khác để nó tiếp tục sống trong cây mới đó.
Vì nếu tự bản chất, bạn vốn là cây ô-liu hoang mà được cắt và ghép vào cây ô-liu tốt, trái với tự nhiên, huống chi họ vốn là những cành tự nhiên lại đáng được ghép vào chính cây ô-liu của mình càng hơn.
Tham khảo: "Vì nếu Đức Chúa Trời có thể chặt bỏ anh em khỏi cây ô liu hoang không cùng bản chất và ghép anh em vào cây ô liu tốt, huống chi là những người Do Thái nầy, vốn là những cành cây cùng bản chất, Ngài cũng sẽ ghép họ vào cây ô liu của chính mình?
cành cây
Phao lô ví sánh những thành viên của dân Đức Chúa Trời với những cành cây. (Xin xem:
Họ...họ
Tất cả những sự xảy ra với họ đều ám chỉ về người Do Thái.
Romans 11:25
Tôi không muốn anh em chẳng biết
Tham khảo: "Tôi thật muốn anh em biết"
Tôi
Đại từ "tôi" ám chỉ Phao lô.
anh em...anh em... (của) anh em
Đại từ "anh em" và "(của) anh emr" nói về các tín hữu người ngoại.
tôi muốn anh em hiểu sự mầu nhiệm nầy để anh em không tự cho mình là khôn ngoan
Tín hữu người ngoại có thể nghĩ rằng họ khôn ngoan hơn tín hữu người Do Thái. Tham khảo: "để anh em sẽ không nghĩ rằng anh em khôn ngoan hơn mình tưởng"
một phần dân Y sơ ra ên cứ cứng lòng
Một số người Do Thái đã từ chối chấp nhận sự cứu rỗi qua Chúa Giê su. (Xin xem:
cho đến khi số dân ngoại gia nhập đầy đủ
Từ ngữ "cho đến khi" ở đây ngụ ý nói rằng sẽ có nhiều người Do Thái tin Chúa sau khi Đức Chúa Trời chấm dứt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

công việc đưa người ngoại vào hội thánh.
Romans 11:26
Câu Liên kết:
Paul says that a deliverer will come out of Israel to the glory of God. Phao-lô nói rằng một Đấng giải cứu sẽ ra từ Y-sơ-ra-ên vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.
Như vậy cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu
Tham khảo: "Do đó Đức Chúa Trời sẽ cứu tất cả dân Y sơ ra ên”
cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu
Đây là cách nói cường điệu: nhiều người Do Thái sẽ được cứu.
Romans 11:28
Một mặt...mặt khác
Đây là cặp cụm từ được dùng để so sánh hai sự kiện khác nhau nhưng có cùng một chủ đề. Phao lô dùng những cụm từ nầy để giải thích rằng tuy Đức Chúa Trời đã từ bỏ người Do Thái, Ngài vẫn yêu thương họ.
họ là kẻ thù của Đức Chúa Trời, điều đó có lợi cho anh em
Tình yêu thương của Đức Chúa Trời dành cho người ngoại quá sâu rộng đến nỗi tình yêu thương của Ngài dành cho người Do Thái bề ngoài giống như là sự ghét bỏ khi đem ra so sánh.
họ bị ghét
Tham khảo: "Đức Chúa Trời ghét người Do Thái”
Vì các sự ban tặng và sự kêu gọi của Đức Chúa Trời không bao giờ thay đổi
Tham khảo: "Bởi vì sự ban cho và sự kêu gọi của Đức Chúa Trời không hề thay đổi”
Romans 11:30
anh em trước kia không vâng phục
Tham khảo: "trước kia anh em không vâng phục Ngài”
anh em
Từ nầy nói về tín hữu người ngoại, và ở dạng số nhiều.
Đức Chúa Trời đã nhốt mọi người trong chỗ không vâng phục,
Cũng có thể là có nghĩa là Đức Chúa Trời khiến mọi người cứ tiếp tục không vâng phục Ngài, giống như tù nhân không thể thoát khỏi nhà tù. Tham khảo: “Đức Chúa Trời khiến mọi người làm tù nhân của sự không vâng phục của họ”
Romans 11:33
Ôi! Sự giàu có, khôn ngoan và hiểu biết của Đức Chúa Trời thật sâu nhiệm biết bao!
Tham khảo: "Sự khôn ngoan và thông hiểu của Đức Chúa Trời thật rất kỳ diệu và quý báu thay”
Sự phán xét của Ngài làm sao biết được, đường lối Ngài làm sao hiểu được
Tham khảo: "Chúng ta hoàn toàn không thể hiểu được những điều Ngài đã quyết định và phát hiện phương cách Ngài hành động đối với chúng ta”
Romans 11:35
để được Ngài trả lại
Tham khảo: "vậy Đức Chúa Trời sẽ đáp trả lại người đó”
Báo đáp lại cho người
Đại từ “người” ở đây có ý nói đến người đem dâng cho Chúa.
Ngài
Những lần xuất hiện khác của từ “Ngài” nói đến Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Romans 11:1
Vậy Đức Chúa Trời có từ bỏ dân Y-sơ-ra-ên không?
Tất nhiên là không.
Romans 11:11
Điều tốt lành nào xảy ra vì sự từ chối nhận lãnh phúc âm của dân Y-sơ-ra-ên?
Sự cứu rỗi đã đến với dân ngoại.
Sự cứu rỗi cho dân ngoại có tác dụng gì đối với dân Y-sơ-ra-ên?
Sự cứu rỗi đến với dân ngoại sẽ khơi dậy lòng ganh tị của dân Y-sơ-ra-ên.
Romans 11:13
Trong ẩn dụ về gốc cây ô liu và cành cây ô liu hoang, ai là gốc cây và ai là cây ô liu hoang?
Gốc cây ô liu là Y-sơ-ra-ên, và cành cây ô liu hoang là dân ngoại.
Romans 11:17
Trong ẩn dụ về gốc cây ô liu và cành cây ô liu hoang, ai là gốc cây ô liu, ai là cành ô liu hoang?
Gốc cây ô liu là Y-sơ-ra-ên, và cành cây ô liu hoang là dân ngoại.
Romans 11:22
Phao-lô cảnh báo cành ô liu hoang điều gì?
Phao-lô cảnh báo cành cây ô liu hoang rằng nếu Đức Chúa Trời không tha những cành cây ô liu gốc, Ngài cũng sẽ không tha họ nếu họ không tin.
Romans 11:23
Đức Chúa Trời có thể làm gì với cành ô liu gốc nếu họ không tiếp tục từ chối Ngài?
Đức Chúa Trời có thể ghép lại cành ô liu vào gốc của nó nếu họ không tiếp tục từ chối Ngài.
Romans 11:25
Số dân Y-sơ-ra-ên cứng lòng sẽ kéo dài trong bao lâu?
Số dân Y-sơ-ra-ên cứng lòng sẽ kéo dài cho đến khi số dân ngoại được cứu đầy đủ.
Romans 11:28
Dù cho dân Y-sơ-ra-ên chống nghịch Đức Chúa Trời, tại sao Ngài vẫn yêu thương họ?
Đức Chúa Trời vẫn yêu thương dân Y-sơ-ra-ên vì tổ phụ của họ và vì sự kêu gọi của Ngài không hề thay đổi.
Romans 11:30
Người Do Thái và người ngoại tỏ ra điều gì đối với Đức Chúa Trời?
Cả người Do Thái lẫn người ngoại đều không vâng phục Đức Chúa Trời.
Đức Chúa Trời bày tỏ điều gì với kẻ chống nghịch Ngài?
Đức Chúa Trời bày tỏ sự thương xót của Ngài với dân bội nghịch, cả người Do Thái và người ngoại.
Romans 11:33
Ai có thể dò xét được sự phán xét của Đức Chúa Trời và góp ý với Ngài?
Không ai có thể dò xét về sự phán xét của Đức Chúa Trời và góp ý với Ngài.

Chapter 12

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Romans 12:1

Câu Liên kết:

Phao-lô nói đến kết quả đời sống của một tín hữu và cách tín hữu phải phục vụ.

Vậy thưa anh em, bởi sự thương xót của Đức Chúa Trời,

Tham khảo: "Hỡi anh em, vì sự thương xót rất lớn mà Đức Chúa Trời ban cho anh em, tôi rất muốn anh em"

dâng thân thể mình làm sinh tế sống

Ở đây Phao lô dùng từ ngữ "thân thể " để nói về toàn thể con người. Phao lô đang ví sánh một tín hữu trong Đấng Christ là người tuyệt đối vâng theo Đức Chúa Trời với những con sinh tế người Do Thái dùng làm của tế lễ dâng lên Đức Chúa Trời. Tham khảo: "hãy dâng chính mình anh em cho Đức Chúa Trời trong khi còn sống như thể anh em là của lễ chịu chết đặt trên bàn thờ trong đền thờ" (Xin xem:

thánh khiết và đẹp lòng Đức Chúa Trời

Những ý nghĩa có thể sử dụng là 1) một con sinh tế chỉ dâng cho một mình Đức Chúa Trời và làm đẹp lòng Ngài

là sự thờ phượng phải lẽ của anh em

Những ý nghĩa có thể dùng là 1) cách suy nghĩ đúng đắn về sự thờ phượng Đức Chúa Trời" hoặc là 2) cách thờ phượng Chúa bằng tâm thần của anh em".

Đừng rập khuôn theo đời nầy

Những ý nghĩa có thể sử dụng là 1) Đừng cư xử giống như người đời nầy" (xem UDB) hoặc là 2) Đừng suy nghĩ theo đời nầy".

Đừng rập khuôn theo

Câu nầy có nghĩa là 1)Đừng nghe theo sự chỉ bảo của người đời nầy" "hoặc là " Đừng buộc mình hành động như người đời nầy "hoặc là "Đừng bắt chước cách suy nghĩ của đời nầy". (Xin xem:

đời nầy

Ở đây nói đến người chưa tin Chúa đang sống trên thế giới. (Xin xem:

nhưng phải được biến hóa bởi sự đổi mới của tâm trí mình

Tham khảo: "nhưng hãy để Đức Chúa Trời thay đổi cách suy nghĩ của anh em" hoặc là "hãy để Đức Chúa Trời thay đổi cách cư xử của anh em bằng cách thay đổi cách suy nghĩ của anh em trước".

Romans 12:3

vì nhờ ân điển đã ban cho tôi

"Ân điển" ở đây nói về sự kiện Đức Chúa Trời chọn Phao lô làm sứ đồ và lãnh đạo hội thánh. Tham khảo: "Vì Đức Chúa Trời chọn tôi làm sứ đồ"

mỗi người trong anh em đừng nghĩ quá cao về chính mình,

Tham khảo: "để không ai có thể nghĩ rằng họ tốt hơn người khác.

nhưng phải suy nghĩ đúng mực

Có thể dịch lại câu nầy: "Nhưng anh em hãy trở nên khôn ngoan về cách suy nghĩ của chính mình.

tùy theo lượng đức tin mà Đức Chúa Trời đã ban cho từng người

Tham khảo: "Vì Đức Chúa Trời đã ban cho anh em một lượng đức tin vừa đủ để suy nghĩ cho đúng đắn"

Romans 12:4

Vì

Phao lô giải thích lý do tại sao tín đồ Cơ Đốc chớ nên nghĩ rằng mình hơn người khác.

Giống như trong một thân thể, chúng ta có nhiều chi thể

Phao lô ví sánh tất cả tín hữu trong Đấng Christ với những chi thể khác nhau của thân thể. Sự so sánh dùng để nhấn mạnh rằng dù cho các tín hữu phục vụ Đấng Christ bằng nhiều cách, mỗi người đều thuộc về Ngài và phục vụ Ngài và quan trọng như nhau. (Xin xem:

Các chi thể

Những người nầy có nhiệm vụ giống như nhiệm vụ của mắt, dạ dày và tay.

mỗi chúng ta đều là các chi thể của nhau.

Tham khảo: "mỗi tín hữu là chi thể của mỗi thân thể của mỗi tín hữu với nhau" (Xin xem:

Romans 12:6

Chúng ta có các ân tứ khác nhau, tùy theo ân điển Chúa ban

Tham khảo: "Đức Chúa Trời ban cho chúng ta khả năng để làm những việc khác nhau cho Ngài".

hãy sử dụng theo lượng đức tin

Những ý nghĩa có thể sử dụng là 1) hãy nói tiên tri không ngoài lượng đức tin Đức Chúa Trời ban cho người đó" hoặc là "hãy để người đó nói tiên tri phù hợp với sự dạy dỗ của đức tin chúng ta".

người được ân tứ làm việc từ thiện

Có thể làm rõ ý nghĩa hơn. Tham khảo: "nếu người được ơn chia sẽ tiền bạc hoặc là thức ăn cho người thiếu thốn"

Romans 12:9

Tình yêu thương phải thành thật

Tham khảo: "Hãy để lòng yêu thương được thành thật" hoặc là "hãy để tình yêu thương có thật"

tình yêu thương

Yêu thương ở đây là một từ ngữ khác có nghĩa là tình cảm anh em, tình cảm bạn bè, tình cảm gia đình. Đây là tình cảm tự nhiên của con người giữa bạn bè, bà con".

Trong tình anh em, hãy yêu thương nhau thân thiết

Phao lô bắt đầu một danh sách gồm chín để mục, mỗi một đề mục viết theo mẫu câu " Trong (tình anh em)...hãy..." để nói với các tín hữu họ thuộc hạng người nào. Có thể bạn cần dịch vài đề mục như "Trong tình anh em...hãy..." Danh sách cứ tiếp tục đi tới ROM12:11

Trong tình anh em

Tham khảo: "Về cách yêu thương giữa anh em tín hữu với nhau"

yêu thương thân thiết

Tham khảo: "hãy yêu mến nhau" như người trong nhà.

trong sự tôn trọng, hãy kính nhường nhau

Tham khảo: "hãy tôn trọng và kính nhường nhau" hoặc là dùng một câu mới như "Trong sự tôn trọng lẫn nhau, hãy kính nhường nhau"

Romans 12:11

Hãy siêng năng, đừng lười biếng; hãy có tinh thần hăng say phục vụ Chúa

Tham khảo: "Đừng lười biếng trong nhiệm vụ mình, nhưng sốt sắng nghe theo Thánh Linh để phục vụ Chúa"

Hãy vui mừng trong hi vọng

Tham khảo: "Hãy vui vẻ bởi vì lòng tin của anh em ở trong Đức Chúa Trời"

hãy kiên nhẫn trong hoạn nạn

Có thể dịch lại câu khác: "Hãy kiên nhẫn khi khó khăn xảy đến"

Hãy bền lòng cầu nguyện

Có thể dịch lại câu nầy: "Hãy nhớ cầu nguyện không thôi"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hãy chia sẽ các thứ cần dùng cho thánh đồ
Đây là đề mục cuối cùng trong danh sách bắt đầu trong ROM12:09
Hãy ân cần tiếp khách
Tham khảo: "luôn tiếp khách khi họ cần chổ để nghĩ chân”
Romans 12:14
Hãy đồng lòng hợp ý với nhau
Tham khảo: "Hãy hòa thuận với nhau” hoặc là “Hãy sống trong sự đoàn kết với nhau”
Đừng tự phụ
Tham khảo: "Anh em đừng nghĩ rằng mình quan trọng hơn người khác”
hòa mình với những người tầm thường
Tham khảo: "hãy tiếp đón những người tầm thường”
Đừng tự cho mình là khôn ngoan
Tham khảo: "Đừng cho rằng mình khôn ngoan hơn người khác”
Romans 12:17
Chớ lấy ác trả ác cho ai
Tham khảo: "Đừng lấy ác trả ác”
Hãy làm điều thiện trước mặt mọi người
Tham khảo: "Hãy làm điều thiện trước mặt mọi người ”
Nếu có thể được, hãy hết sức sống hòa thuận với mọi người
Tham khảo: “cố gắng sống hòa thuận với mọi người”
nếu có thể được
Tham khảo: "Về những điều anh em có thể kiểm soát và có trách nhiệm”
Romans 12:19
Sự trả thù thuộc về Ta, Ta sẽ báo ứng.”
Hai cụm từ nầy về căn bản là một và nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ báo ứng cho dân Ngài. Tham khảo: “Ta chắc chắn sẽ trả thù cho các ngươi”
kẻ thù anh em...hãy cho họ ăn...hãy cho họ uống..... vì làm như vậy khác nào anh em đặt than lửa hồng trên đầu họ.....Đừng để điều ác thắng mình, nhưng hãy lấy điều thiện thắng điều ác.
Tất cả những dạng “anh em” hay “
nhưng nếu kẻ thù anh em đói...trên đầu người
Trong câu 12:20, Phao lô có trích một phân đoạn Kinh Thánh khác. Tham khảo: “Nhưng Lời Chúa chép rằng: ‘nếu kẻ thù mình có đói...trên đầu người”
Hãy cho họ ăn
Tham khảo: "hãy cho nó ăn”
đặt than lửa hồng trên đầu họ
Phao lô ví sánh sự đoán phạt mà kẻ thù sẽ nhận lãnh như là than đang cháy đổ lên đầu họ. Ý nghĩa có thể sử dụng là 1)làm cho người gây hãm hại anh em cảm thấy tệ hại hơn cách người đó ngược đãi anh em” hoặc là 2) cho Đức Chúa Trời lý do để Ngài đoán xét kẻ thù của anh em nghiêm khắc hơn“
Đừng để điều ác thắng mình, nhưng hãy lấy điều thiện thắng điều ác.
Phao lô mô tả “điều ác” như thể đó là một người. Tham khảo: “Đừng để điều ác đánh bại anh em, nhưng hãy lấy điều thiện để thắng điều ác”

Translation Questions

Romans 12:1
Một tín đồ thờ phượng Đức Chúa Trời một cách phải lẽ như thế nào?
Sự thờ phượng phải lẽ/hợp đạo lý của một tín đồ là dâng mình làm của lễ sống cho Đức Chúa Trời.
Romans 12:3
Một tín đồ không nên tự nghĩ về mình như thế nào?
Một tín đồ không nên tự nghĩ rằng mình giỏi hơn người.
Romans 12:4
Nhiều tín đồ hiệp nhau trong Chúa Cứu Thế bằng cách nào?
Nhiều tín đồ hiệp nhau thành một thân thể trong Đấng Christ, mỗi thành viên là chi thể của nhau.
Romans 12:6
Mỗi tín đồ nên làm gì với những ân tứ Đức Chúa Trời ban cho họ?
Mỗi tín đồ nên thực hành ân tứ tùy theo lượng đức tin được ban cho của mình..
Romans 12:14
Tín đồ nên phản ứng như thế nào đối với kẻ bắt bớ mình?
Tín đồ nên chúc phước, không nên nguyền rủa kẻ bắt bớ mình.
Romans 12:19
Tại sao tín đồ không nên tự mình trả thù?
Tín đồ chớ nên tự mình trả thù ai bởi vì sự báo ứng thuộc về Chúa.

Chapter 13
Romans 13:1
Câu Liên kết:
Phao-lô cho tín hữu biết phải sống vâng phục những nhà cầm quyền mình như thế nào.
Mọi người phải phục tùng
Tham khảo: "Mọi tín đồ nên vâng phục”
nhà cầm quyền
Tham khảo: "nhà cầm quyền”
vì
Tham khảo: "bởi vì”
chẳng có thẩm quyền nào mà không đến từ Đức Chúa Trời
Tham khảo: "nhà cầm quyền tồn tại là do Đức Chúa Trời chỉ định họ ở vị trí đó” (Xin xem:
chính Đức Chúa Trời lập nên những nhà cầm quyền hiện nay
Tham khảo: "vì chính Chúa đã lập nên những người cầm quyền”
thẩm quyền đó
Tham khảo: "quyền cai trị đó”
ai chống đối thẩm nhà cầm quyền
Tham khảo: "người nào chống đối nhà cầm quyền”
Romans 13:3
Vì
Phao lô giải thích ROM13:01
những người cầm quyền không làm người ta sợ
Người cầm quyền không làm cho người tốt sợ hãi
Điều thiện...điều ác
Cách xác định một người là xem họ làm “điều thiện” hoặc “điều ác”
Bạn muốn khỏi sợ nhà cầm quyền chăng?
Tham khảo: "Để tôi cho bạn biết làm cách nào để khỏi sợ nhà cầm quyền”
bạn sẽ được khen thưởng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nhà cầm quyền sẽ khen ngợi người làm điều thiện.

vì họ mang gươm không phải là vô cớ đâu

Tham khảo: "vì họ có quyền trừng phạt người ta và họ sẽ trừng phạt người ta.

mang gươm

Các tổng đốc La mã thường mang gươm ngắn như một biểu tượng cho quyền lực của họ.

Vì sự thịnh nộ

Tham khảo: "người trừng phạt một người khác biểu hiện sự tức giận của người cầm quyền đối với người làm điều ác.

Chẳng những vì sự thạnh nộ mà thôi nhưng cũng vì lương tâm nữa.

Tham khảo: "chẳng những người cầm quyền sẽ không trừng phạt anh em, mà lương tâm anh em cũng được trong sáng trước mắt Đức Chúa Trời"

Romans 13:6

Cũng vì lý do đó

Tham khảo: "Bởi vì người cầm quyền trừng phạt người làm điều ác"

Anh em....Hãy trả cho mọi người

Phao lô đang nói với các tín hữu ở đây.

vì

Tham khảo: "Đây là lý do anh em phải nộp thuế"

chăm lo

Tham khảo: "thi hành" hay "thực thi"

Thuế

Đây là thuế hải quan.

Romans 13:8

Câu Liên kết:

Phao-lô truyền dạy các tín hữu lối cư xử với người lân cận.

Đừng mắc nợ ai điều gì

Tham khảo: "Hãy trả nợ cho nhà cầm quyền và mọi người khác" (Xin xem:

mắc nợ

Động từ nầy ở dạng số nhiều và áp dụng cho tất cả tín hữu Cơ Đốc người Rô ma.

ngoại trừ

Câu mới: Yêu thương anh em tín hữu Cơ đốc là một món nợ anh em chưa trả"

(món nợ) yêu thương

Từ đây cho đến câu 10 có nghĩa là dạng tình yêu thương đến từ Đức Chúa Trời, là tình yêu chú trọng vào ích lợi cho người khác, thậm chí không có ích lợi gì cho mình.

Ngươi phải

Tất cả những sự kiện xảy ra về "ngươi" trong câu 13: 9 ở dạng số ít, nhưng người nói đang nói về một số người như thể họ là một người, thì bạn cần có hình thức số nhiều ở đây.

Tham lam

Thèm muốn có hoặc sở hữu một vật không phải của mình.

Tình yêu thương không làm hại

Cụm từ nầy mô tả tình yêu thương như một người đối xử tử tế với người khác. Tham khảo: "Người biết yêu người lân cận không gây tổn hại cho họ"

Vì vậy

Tham khảo: "Bởi vì yêu thương không gây tổn hại cho người lân cận"

Romans 13:11

Đêm đã khuya

Tham khảo: "thời kỳ tội lỗi hiện tại gần chấm dứt rồi"

ngày gần đến

Tham khảo: "Đấng Christ sẽ mau chóng trở lại"

những việc tối tăm

Đây là những việc làm gian ác nên người ta thích thực hiện vào ban đêm khi không ai có thể trông thấy họ.

chúng ta hãy mặc áo giáp sáng láng

Tham khảo: "chúng ta nên để cho Đức Chúa Trời bảo vệ bằng cách làm những điều mọi người có thể trông thấy chúng ta đang làm"

Romans 13:13

Hãy

Phao lô kể cả độc giả của ông và các tín hữu khác cùng với chính ông. (Xin xem:

giữa ban ngày

Tham khảo: "cách có thể trông thấy" hoặc là "biết rằng mọi người có thể thấy chúng ta"

gây gỗ

Từ ngữ nầy nói về sự âm mưu chống đối hoặc tranh cãi với người khác.

ganh tị

Đây là cảm giác không chấp nhận thành công hay ưu thế của kẻ khác.

mặc lấy Chúa Giê su Christ

Có nghĩa là chấp nhận bản tánh thuộc linh của Đấng Christ như thể Ngài là áo khoác chúng ta mặc bên ngoài để cho mọi người có thể trông thấy.

mặc lấy

Nếu ngôn ngữ của bạn có một hình thức số nhiều cho những câu mệnh lệnh, hãy sử dụng ở đây.

đừng tìm cách làm thỏa mãn các dục vọng xác thịt.

Tham khảo: "Đừng để cho lòng tối tăm trước kia còn có cơ hội làm điều ác.

xác thịt

Ở đây có nghĩa là bản chất tội lỗi của con người.

Translation Questions

Romans 13:1

Thẩm quyền của nhà cầm quyền trên thế gian xuất phát từ đâu?

Đức Chúa Trời chỉ định, và ban thẩm quyền cho các nhà cầm quyền trên thế gian.

Romans 13:3

Phao-lô khuyên tín đồ nên làm gì để không còn sợ hãi nhà cầm quyền?

Phao-lô khuyên tín đồ hãy làm điều thiện để khỏi phải sợ những người cai trị mình.

Romans 13:6

Đức Chúa Trời ban cho nhà cầm quyền một thẩm quyền liên quan đến tiền bạc là gì?

Đức Chúa Trời cho phép nhà cầm quyền có quyền thu thuế.

Romans 13:8

Phao-lô khuyên tín đồ nên mắc nợ gì với nhau?

Phao-lô nói rằng tín đồ nên mắc nợ yêu thương lẫn nhau.

Tín đồ thi hành luật pháp như thế nào?

Một tín đồ thi hành luật pháp bằng cách yêu thương người lân cận.

Romans 13:13

Tín đồ không nên tham gia những hoạt động nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tín đồ không sống luông tuồng, say sưa, tình dục bất chính, hoang dâm vô độ, tranh cạnh và ghen ghét.

Chapter 14

Romans 14:1

Câu Liên kết:

Phao-lô khuyến khích các tín hữu nhớ rằng họ có thể trả lời trước mặt Đức Chúa Trời.

yếu đức tin

Đây là những người cảm thấy có lỗi khi ăn uống một số thức ăn

đừng tranh luận với họ về các quan điểm

Tham khảo: "nhưng không phải vì thế mà anh em tranh cãi về những việc đó”

một mặt, có người tin có thể ăn được mọi thứ;mặt khác

Cụm từ “một mặt” và “mặt khác” giới thiệu hai cách suy nghĩ về một vấn đề. Tham khảo: “Một người có đức tin để ăn một loại thức ăn nhưng”

Romans 14:3

Bạn là ai mà xét đoán đầy tớ của người khác?

Phao lô dùng một câu hỏi để trách mắng những người đoán xét kẻ khác. Tham khảo: “Bạn không phải là Đức Chúa Trời, và bạn không được phép đoán xét một trong bầy tôi của Ngài.

Bạn, bạn

số ít

Nó đứng hay ngã, đó là việc của chủ nó

Tham khảo: "Chỉ có chủ mới có thể quyết định xem có nên chấp nhận tôi tớ của mình hay không”

Nhưng nó sẽ đứng, vì Chúa có quyền cho nó đứng.

Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “Nhưng Chúa sẽ chấp nhận người đó bởi vì chỉ có người chủ mới có thể làm cho người đó được chấp nhận”

Romans 14:5

Cụm từ “một mặt” và “mặt khác” giới thiệu hai cách suy nghĩ về một vấn đề.

Cụm từ “một mặt” và “mặt khác giới thiệu hai cách suy nghĩ về một vấn đề. Tham khảo: Người nầy cho rằng ngày nầy tốt hơn ngày kia, còn người khác thì thì coi mọi ngày đều như nhau.

Mỗi người hãy tin chắc ở trí mình

Có thể làm rõ để có ý nghĩa đầy đủ. Tham khảo: “Hãy để mỗi người khẳng định việc họ đang làm là để làm vinh hiển Chúa.

Người giữ ngày là giữ vì Chúa

Tham khảo: "Người giữ sự thờ phượng Chúa vào một ngày cố định để làm vinh hiển Chúa”

Người ăn cũng ăn vì Chúa

Tham khảo: "Người ăn hết các loại thức ăn cũng làm vinh hiển Chúa

Người không ăn cũng không ăn vì Chúa

Tham khảo: "Người không ăn một số thức ăn cũng làm vinh hiển Chúa”

Romans 14:7

Chúng ta...chúng ta

Phao lô kể cả độc giả của ông.

kẻ chết lẫn người sống

Tham khảo: "người đã chết và người đang sống”

Romans 14:10

Nhưng bạn, sao lại xét đoán….? Còn bạn, sao lại khinh bỉ...?

Phao lô giải thích cách thức ông có thể trách mắng các cá nhân độc giả của ông. Tham khảo: "thái độ xét đoán kẻ khác thì không đúng...khinh dễ kẻ khác thì sai

Vì tất cả chúng ta đều sẽ ứng hầu trước tòa án của Đức Chúa Trời.

"tòa án” ngụ ý nói về thẩm quyền xét đoán của Đức Chúa Trời. Tham khảo: “Vì Đức Chúa Trời sẽ xét đoán chúng ta”

Thật như Ta hằng sống

Cụm từ nầy được dùng để bắt đầu một lời thề hay một lời hứa nghiêm túc. Tham khảo: “Anh em có thể chắc chắn rằng điều nầy là đúng”

mọi đầu gối sẽ quỳ trước mặt Ta, Và mọi lưỡi sẽ ca ngợi Đức Chúa Trời.”

Phao lô dùng từ ngữ “đầu gối” và “lưỡi” để nhắc đến toàn thể một con người. Chúa cũng dùng từ ngữ “Đức Chúa Trời” để nói về chính mình. Tham khảo: “Mọi người sẽ đầu phục và ngợi khen ta”

Romans 14:12

sẽ tường trình về chính mình với Đức Chúa Trời.

Tham khảo: "sẽ phải giải thích hành động của chúng ta với Đức Chúa Trời”

nhưng tốt hơn cả là quyết định không đặt hòn đá làm vấp chân hoặc gây cản trở cho anh em mình

Ở đây “hòn đá làm vấp chân’ Và “bẫy” về căn bản có cùng ý nghĩa. Tham khảo: “nhưng thay vào đó, hãy coi như có mục đích không làm hay nói điều gì có thể làm cho một anh em tín hữu phạm tội” 12

anh em

Ở đây có nghĩa là anh em tín hữu Cơ Đốc, kể cả nam lẫn nữ.

Romans 14:14

Trong Đức Chúa Jêsus, tôi biết và tin chắc rằng

Từ ngữ “biết” và “tin chắc” về căn bản là đồng nghĩa; Phao lô dùng để nhấn mạnh sự chắc chắn. Tham khảo: “Tôi chắc chắn bởi vì sự thông công của tôi với Chúa Giê su”

nhưng nó là ô uế đối với ai xem nó là ô uế

Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: “Nhưng nếu một người nghĩ rằng một điều gì không tinh sạch thì điều đó không tinh sạch đối với người đó và người đó phải tránh xa nó ra.”

Tự nó

"tự bản chất của nó" hoặc “vì chính nó”

Only for him who considers anything to be unclean, for him it is unclean

AT: "But if a person thinks something is unclean, then for that person it is unclean and he should stay away from it"

Nếu vì một thức ăn mà bạn làm tổn thương anh em mình

Tham khảo: "Nếu anh em làm tổn thương đức tin của anh em tín hữu về vấn đề thức ăn”. Từ ngữ “của bạn” ở đây nói đên những người mạnh mẽ trong đức tin và “anh em” nói về những người kém đức tin.

bạn đã không cư xử theo tình yêu thương

Tham khảo: "vậy anh em không thể hiện được tình yêu thương”

Romans 14:16

đừng để việc tốt của anh em bị (người khác) gièm chê

Tham khảo: "Đừng có hành động gì cho dù anh em nghĩ rằng là tốt, nếu có người nói rằng những điều đó là xấu.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

việc tốt của anh em
Đây là hành động của những người có đức tin mạnh mẽ.
người khác
Quan sát ngữ cảnh, rất có thể đây là những tín hữu khác (xem UDB).
Vì vương quốc Đức Chúa Trời không phải là chuyện ăn uống,nhưng là sự công chính, bình an, vui mừng trong Đức Thánh Linh
Tham khảo: "Vì Đức Chúa Trời không thành lập vương quốc Ngài để có thể cai trị về thức ăn thức uống. Ngài thiết lập vương quốc Ngài để chúng ta có mối tương giao phải lẽ với Ngài và Đức Thánh Linh có thể ban cho chúng ta sự bình an và vui mừng"
Romans 14:18
được loài người tôn trọng
Có thể dịch lại cụm từ nầy cùng với động từ chủ động.
Tham khảo: "người ta sẽ chấp nhận người đó" hoặc là "người ta sẽ kính trọng người đó"
chúng ta hãy theo đuổi những gì đem lại sự hòa thuận và xây dựng cho nhau
Tham khảo: "chúng ta hãy tìm cách sống hòa thuận và giúp đở lẫn nhau để có đức tin manh mẽ hơn."
Romans 14:20
Tốt nhất là không ăn thịt, không uống rượu hoặc làm điều gì gây vấp phạm cho anh em mình
Tham khảo: "Tốt hơn không nên ăn thịt, uống rượu hay làm điều gì làm cho anh em tín hữu mình phạm tội.
(anh em) của mình
Từ ngữ nầy nói về anh em có đức tin mạnh mẽ và "anh em" nói về anh em kém đức tin.
Romans 14:22
Bạn có đức tin thể nào
Cụm từ nầy nhắc lại niềm tin về thức ăn, thức uống của câu trước.
Bạn...bạn...chính mình
Số ít. Bởi vì Phao lô đang nói về các tín hữu, bạn có thể dịch câu nầy theo số nhiều.
Phước cho người nào không tự lên án mình về những gì mình đã chấp nhận.
Tham khảo: "Phước thay cho người không cảm thấy có lỗi về những điều họ đã quyết định phải làm".
Người nào còn nghi ngại mà cứ ăn thì bị lên án rồi
Có thể dịch lại câu nầy cùng với một động từ chủ động.
Tham khảo: "Đức Chúa Trời sẽ định tội một người nếu người đó không chắc chắn rằng mình làm đúng nếu ăn một loại thức ăn nào đó mà vẫn cứ ăn"
vì không hành động bởi đức tin
Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: "Đức Chúa Trời sẽ định tội người nào ăn một loại thức ăn người đó tin rằng Đức Chúa Trời không muốn họ ăn"
Việc gì không đến từ đức tin đều là tội lỗi.
Tham khảo: "Anh em sẽ phạm tội nếu làm điều gì mà không tin rằng Đức Chúa Trời muốn anh em làm.

Translation Questions

Romans 14:1
Các tín đồ bất đồng về một số thức ăn nên có thái độ gì với nhau?
Các tín đồ bất đồng về thức ăn không nên khinh rẽ hay xét đoán lẫn nhau.
Romans 14:3
Các tín đồ bất đồng về một số thức ăn nên có thái độ gì đối với nhau?
Tín đồ bất đồng về thức ăn không nên khinh rẽ và xét đoán lẫn nhau.
Ai đã tiếp nhận người ăn được mọi thứ thực phẩm và người chỉ ăn rau mà thôi?
Đức Chúa Trời tiếp nhận cả người có thể ăn mọi thứ thực phẩm lẫn người chỉ ăn rau.
Romans 14:5
Phao-lô đã đề cập một vấn đề gây tranh luận nào giữa cá nhân với nhau?
Phao-lô đề cập đến một vấn đề gây tranh luận giữa cá nhân với nhau là quan niệm ngày nầy hơn các ngày khác hoặc là các ngày đều như nhau.
Romans 14:7
Tín đồ sống và chết cho ai?
Tín đồ sống và chết cho Chúa.
Romans 14:10
Tất cả cá tín đồ cuối cùng sẽ đứng đâu và sẽ làm gì ở đó?
Mọi tín đồ cuối cùng sẽ ứng hầu trước tòa án của Đức Chúa Trời để tự khai trình với Ngài.
Romans 14:12
Tất cả tín đồ cuối cùng sẽ đứng đâu và làm gì ở đó?
Mọi tín đồ cuối cùng ứng hầu trước tòa án của Đức Chúa Trời để tự khai trình với Ngài.
Romans 14:14
Theo Phao-lô trong Chúa Cứu Thế Giê-xu loại thực phẩm nào là ô uế?
Phao-lô tin rằng không có thức ăn nào là ô uế.

Chapter 15
Romans 15:1
Câu Liên kết:
Phao-lô kết luận phần này khi nói rằng tín hữu phải làm vui lòng anh em mình và nhắc họ về cách sống của Chúa Cứu Thế.
Bây giờ
Dịch từ nầy sử dụng từ ngữ trong ngôn ngữ bạn để giới thiệu một ý tưởng mới cho cuộc tranh luận nầy.
Chúng ta là người mạnh
Tham khảo: "chúng ta là những người có đức tin mạnh mẽ"
chúng ta
"We" ở đây là Phao lô, độc giả của ông và các tín hữu khác.
người yếu
Tham khảo: "những người kém đức tin"
xây dựng họ
Tham khảo: "để giữ vững đức tin"
Romans 15:3
Lời nhục mạ của những kẻ phỉ báng Ngài đã đổ trên con
Tham khảo: "Lời xúc phạm của những kẻ xúc phạm Đức Chúa Trời đều đổ trên mình Đấng Christ"
Những gì đã được chép từ xưa đều nhằm dạy dỗ chúng ta
Tham khảo: "Bởi vì mọi điều chép trong Kinh Thánh trong quá khứ dùng để báo cho chúng ta biết"
của chúng ta...chúng ta
Phao lô tính đến độc giả của ông và các tín hữu khác"
Romans 15:5

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Câu Liên kết:

Phao-lô khuyến khích các tín hữu phải nhớ rằng cả tín đồ dân ngoại và dân Do Thái tin Chúa Giê-xu đều được hiệp làm một trong Chúa Cứu Thế.

Cầu xin Đức Chúa Trời ….giúp anh em

Tham khảo: "Tôi cầu xin…Đức Chúa Trời…sẽ ban”

để anh em đồng một lòng

Tham khảo: "đồng lòng với nhau” hoặc là “đoàn kết với nhau”

một miệng mà tôn vinh

Tham khảo: "đồng lòng ngợi khen như thể chỉ có một người lên tiếng”

Romans 15:8

Tôi xin nói

”Tôi” ở đây là Phao lô.

Đấng Christ trở thành đầy tớ của những người được cắt bì

Tham khảo: "Chúa Giê su Christ đến để giúp dân Do Thái”

để khẳng định những lời hứa đã ban cho các tổ phụ

Tham khảo: "Đức Chúa Trời có thể xác nhận lời hứa Ngài ban cho tổ phụ dân Do Thái”

Như có lời chép

Tham khảo: "như có chép trong Kinh Thánh”

và dân ngoại

Tham khảo: "Và Đấng Christ trở nên tôi tớ cho dân ngoại”

Romans 15:10

và có lời chép:

Tham khảo: "Một lần nữa Kinh Thánh nói rằng” hoặc là “Một lần nữa Môi se nói rằng”

với dân Chúa

Tham khảo: "cùng với dân Đức Chúa Trời”

hãy ca ngợi Chúa

Tham khảo: "ngợi khen Chúa”

Romans 15:12

Từ Gie sê sẽ ra một cái rễ

Gie sê là cha về phần thuộc thể của vua Đa vít. Tham khảo: “dòng dõi của Gie sê”

Romans 15:13

Cầu xin Đức Chúa Trời là nguồn hy vọng

Tham khảo: "Đức Chúa Trời là Đấng anh em trông cậy”

ngập tràn niềm vui và bình an

Tham khảo: "làm cho anh em đầy lòng vui mừng và sự bình an”

anh em được chứa chan hy vọng

Tham khảo: "anh em hoàn toàn tin cậy”

Romans 15:14

Câu Liên kết:

Phao-lô nhắc các tín hữu ở thành La Mã rằng Đức Chúa Trời đã chọn ông để rao giảng cho dân ngoại.

đầy sự hiểu biết, và có khả năng khuyên bảo lẫn nhau

Tham khảo: "có đầy đủ hiểu biết để có thể tin theo Đức Chúa Trời”

có khả năng khuyên bảo lẫn nhau

Tham khảo: "có thể dạy dỗ lẫn nhau”

Romans 15:15

Đức Chúa Trời ban ân điển cho tôi

Ơn nầy là sự chọn lựa làm sứ đồ dù cho trước khi cải đạo, ông đã bắt bớ các tín đồ. Tham khảo: “ ơn Đức Chúa Trời ban cho tôi”

dân ngoại trở thành lễ vật đẹp lòng Chúa

Tham khảo: "Đức Chúa Trời có thể đẹp lòng với người ngoại khi họ vâng phục Ngài”

Romans 15:17

trong Đấng Christ Jêsus tôi hãnh diện về công tác phục vụ Đức Chúa Trời

Tham khảo: "Do đó tôi có lý do để tự hào trong Đấng Christ về công việc Đức Chúa Trời ban cho tôi”

Vì tôi không dám nói điều gì khác ngoài những gì mà Đấng Christ đã thực hiện qua tôi để khiến dân ngoại vâng phục Ngài. Bằng lời nói và việc làm, bằng quyền năng của dấu kỳ phép lạ, bằng quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời, tôi đã công bố rộng rãi Tin Lành của Đấng Christ khắp nơi, từ Giê-ru-sa-lem và miền phụ cận cho đến xứ I-ly-ri.

Tham khảo: "Vì sự vâng phục của dân ngoại, tôi chỉ có thể nói về công việc Đấng Christ hoàn thành trong tôi qua lời nói và hành động và bằng dấu kỳ phép lạ qua quyền năng của Đức Thánh Linh.

dấu kỳ phép lạ

Về căn bản hai từ nầy có cùng ý nghĩa.

từ Giê-ru-sa-lem và miền phụ cận cho đến xứ I-ly-ri

Từ thành Giê ru sa lem cho đến tận xứ I ly ri, một khu vực gần nước Ý.

Romans 15:20

Nguyện vọng của tôi là truyền giảng Tin lành tại nơi nào danh Đấng Christ chưa được công bố

Tham khảo: "Vì lý do nầy, Tôi muốn rao giảng tin lành ở những nơi chưa hề nghe giảng về Đấng Christ”

Những người chưa được loan báo về Ngài

Tham khảo: "những nơi không ai nghe nói về Ngài”

Romans 15:22

Câu Liên kết:

Phao-lô cho các tín hữu ở thành La Mã biết các kế hoạch của ông đến thành Giê-ru-sa-lem và xin họ cầu thay cho ông.

Tôi bị ngăn trở

Xác định ai ngăn trở Phao lô không quan trọng. Tham khảo: “họ ngăn trở tôi” hoặc là “người ta ngăn trở tôi”

Romans 15:24

ghé thăm

Tham khảo: "khi tôi đi ngang qua Rô ma” hoặc là “trên đường đi tới Rô ma”

ở lại với anh em

Tham khảo: "thích đến thăm anh em”

Tây ban Nha

Đây là một tỉnh thành thuộc La mã về phía tây thành Rô ma là nơi Phao lo ao ước đến thăm. (Xin xem: and

Romans 15:26

Họ vui lòng làm việc đó

Tham khảo: "Tín hữu ở Ma xê đoan và A chai rất vui lòng làm điều đó” hoặc là “…thích làm điều đó”.

thật ra họ cũng mắc nợ những người đó nữa

Tham khảo: "thật ra người ở Ma xê đoan và A chai đều chịu ơn các tín hữu ở Giê ru sa lem”.

nếu người ngoại đã được chia sẻ của cải thuộc linh, thì họ cũng phải đem của cải vật chất mà giúp đỡ lại

Tham khảo: "vì người ngoại đã dự phần về những điều tốt lành thuộc linh với tín hữu ở Giê ru sa lem, người ngoại có nghĩa vụ chăm sóc tín hữu Giê ru sa lem”

Romans 15:28

chắc chắn(nhận được)

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo: "giao một cách an toàn”

bông trái

“bông trái” ở đây là nói về tiền

tôi sẽ đến với ân phước dồi dào của Đấng Christ..

Tham khảo: "Tôi sẽ đến mang theo ơn phước dồi dào của Đấng Christ”

Romans 15:30

Bây giờ

Nếu ngôn ngữ của bạn có cách chứng tỏ rằng Phao lô không nói thêm điều gì về những điều tốt lành mà ông tin chắc về

(ROM15:28

Tôi nài xin

Tham khảo: "Tôi khuyến khích anh em”

anh em

Ở đây có nghĩa là anh em tín hữu Cơ Đốc, kể cả nam lẫn nữ.

chiến đấu

Tham khảo: "làm việc vất vả” hay là “phấn đấu”

được giải cứu

Tham khảo: "được cứu” hoặc “được bảo vệ”

Translation Questions

Romans 15:1

Tín đồ có đức tin mạnh mẽ nên có thái độ nào với người kém đức tin?

Tín hữu có đức tin mạnh mẽ nên chịu đựng sự yếu đuối của anh em kém đức tin, nhằm gây dựng họ.

Romans 15:3

Theo Phao-lô, người nêu gương không có đời sống làm vui lòng mình nhưng phục vụ kẻ khác là ai?

Chúa Cứu Thế không sống để làm vui lòng mình, nhưng Ngài sống để phục vụ người khác.

Romans 15:5

Phao-lô ao ước tín đồ làm điều gì qua sự kiên nhẫn và khích lệ lẫn nhau?

Phao-lô ao ước các tín hữu có đồng tâm tình với nhau.

Romans 15:10

Kinh Thánh nói dân ngoại sẽ làm điều gì nhờ ơn thương xót của Đức Chúa Trời với họ?

Kinh Thánh chép rằng dân ngoại sẽ mừng vui và ngợi khen Chúa, và có lòng tin chắc ở Ngài.

Romans 15:12

Kinh Thánh nói dân ngoại sẽ làm điều gì nhờ ơn thương xót của Đức Chúa Trời đối với họ?

Kinh Thánh chép rằng dân ngoại sẽ mừng vui và ngợi khen Chúa, và có lòng tin chắc ở Ngài.

Romans 15:13

Phao-lô nói rằng tín đồ sẽ có thể làm điều gì bởi quyền năng của Đức Thánh Linh?

Tín hữu sẽ đầy dẫy sự vui mừng và bình an và dư dật trong sự tin cậy.

Romans 15:20

Phao-lô ao ước công bố phúc âm ở đâu?

Phao-lô ao ước công bố phúc âm tới những nơi chưa có ai biết danh Đấng Christ.

Romans 15:24

Phao-lô dự định đi đâu để nhân dịp đó đến thăm tín hữu ở Rô-ma?

Phao-lô dự định đi Tây Ban Nha, đồng thời có dịp đến thăm tín hữu ở Rô-ma.

Romans 15:26

Tại sao lúc đó Phao-lô lại đi đến Giê ru sa lem?

Phao-lô lúc đó sẽ đi tới Giê ru sa lem để chuyển số tiền quyên góp của tín đồ người ngoại để giúp những thánh đồ đang nghèo khó ở Giê ru sa lem.

Romans 15:28

Phao-lô dự định đi đâu để nhân dịp đó đến thăm tín hữu ở Rô-ma?

Phao-lô dự định đi Tây ban Nha, đồng thời có dịp đến thăm tín hữu ở Rô-ma.

Chapter 16

Romans 16:1

Câu Liên kết:

Sau đó Phao-lô liệt kê tên của nhiều tín hữu ở thành La Mã để chào thăm họ

Tôi xin giới thiệu với anh em, chị Phê-bê

Tham khảo: "Tôi xin anh em hãy quý trọng Phê bê”

Phê bê

Là tên của một phụ nữ.

người chị em chúng tôi

Ở đây chỉ về Phao lô và tất cả tín hữu. Tham khảo: “người chị em của chúng ta trong Đấng Christ” (Xin xem:

Sen cơ rê

Đây là tên của một thành phố cảng ở Hy Lạp.

Hãy tiếp nhận bà trong Chúa

Tham khảo: "tiếp đón bà bởi vì chúng ta đều thuộc về Chúa”

Và giúp đỡ bà

Tham khảo: "và giúp bà"

đã từng giúp nhiều người, và cả tôi nữa.

Tham khảo: "đã giúp đở cho nhiều người và người chị em nầy cũng đã giúp đở tôi”

Romans 16:3

Bê rít xin và A qui la

Prisca, hoặc thường được gọi là Bê rít xin, là vợ của A qui la.

những người cùng làm việc với tôi trong Đấng Christ Giê su

bạn đồng sự trong Chúa Giê su Christ** Tham khảo: “người cùng làm việc với tôi trong công việc rao giảng về Chúa Giê su Christ”

Xin kính lời chào thăm Hội Thánh nhóm tại nhà hai người

Tham khảo: "Chào thăm những tín hữu nhóm thờ phượng tại nhà của họ”

Ê bai nết

Đây là tên của một người đàn ông.

trái đầu mùa trong vùng A sia

Cụm từ nầy có nghĩa là Ê bai nết là người đầu tiên tin Chúa tại A sia.

Romans 16:6

Ma ri

Đây là tên một người phụ nữ.

Giu nia

”Junias” ở đây có thể là 1) Giu nia, tên của một phụ nữ (xem UDB) hoặc là không thể là 2) Giu nia, tên của một người đàn ông.7

An trô ni cơ...Am lia

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây là tên của đàn ông.
người rất yêu quý của tôi trong Chúa
Tham khảo: "bạn thân và anh em tín hữu của tôi”
Romans 16:9
Urơ banh...Ếch ta chy...A be lơ...A rít tô bu...Hê rô đi ôn...Nạt xích
Đây là tên của đàn ông. (Xin xem:
người được tiếp nhận trong Đấng Christ
Từ ngữ “được tiếp nhận” ngụ ý nói về người đã được kiểm tra và chứng tỏ là thật. Tham khảo: “người Đấng Christ tiếp nhận”
Romans 16:12
Try phe nơ...Try phô sơ...Bẹt xi đơ
Đây là tên của phụ nữ.
Ru phu...A sin cơ rít...Phơ lê gôn...Hẹt me...Ba trô ba...Hẹt ma
Đây là tên của đàn ông.
người được Chúa chọn
Có thể dịch câu nầy cùng với động từ chủ động. Tham khảo: “người Chúa đã chọn” vì có có những phẩm chất đặc biệt 12
thân mẫu của anh cũng là thân mẫu của tôi
Tham khảo: "mẹ của của người đó và cũng là mẹ tôi”
Romans 16:15
Phi lô lô gơ...Nê rê...Ô lim
Đây là tên của đàn ông
Giu li
Tên của một phụ nữ có thể là người đã kết hôn với Phơ lê gôn
Romans 16:17
Câu Liên kết:
Phao-lô đưa ra một lời cảnh báo sau cùng với các tín hữu về sự hiệp một và sống vì Chúa.
hãy coi chừng
Tham khảo: "đề phòng”
những kẻ lập bè đảng và gây vấp phạm
Tham khảo: "người làm cho tín hữu tranh cãi với nhau và không còn đức tin nơi Đức Chúa Trời”
chống lại sự dạy dỗ mà anh em đã học
Có thể dịch lại câu nầy. Tham khảo: “Họ dạy dỗ những điều trái với lẽ thật mà anh em đã học hỏi”
Hãy tránh xa họ đi
Tham khảo: "Hãy tránh xa họ ra”
nhưng (phục vụ) chính cái bụng của họ
“Bụng” ở đây là những ham muốn thuộc thể. Tham khảo: “Nhưng họ chỉ muốn làm vừa lòng những ham muốn ích kỷ của mình” (Xin xem:
dùng lời lẽ đường mật, dua nịnh để lừa dối những tấm lòng thật thà.
Từ ngữ “đường mật” và “dua nịnh” về căn bản có cùng ý nghĩa. Phao lô nhấn mạnh rằng những người nầy đang lừa dối tín hữu như thế nào. Tham khảo: “Bằng cách nói những điều nghe có vẻ tốt lành và chân thật”
thật thà (ngây thơ)
đơn sơ, không kinh nghiệm, ngây thơ. Tham khảo: “những người nhẹ dạ dễ tin” hay là “những người không hề biết những giáo sư giả nầy đang phỉnh gạt họ”
Romans 16:19
Mọi người đều biết lòng vâng phục của anh em
Tham khảo: "Vì khi anh em vâng lời Chúa thì mọi người đều biết”
Đức Chúa Trời bình an sẽ sớm giày đạp Sa-tan dưới chân anh em
Cụm từ “giày đạp dưới chân anh em” nói tới sự hoàn toàn chiến thắng kẻ thù. Tham khảo: “Chẳng bao lâu, Đức Chúa Trời sẽ ban bình an cho anh em và đánh bại Satan hoàn toàn” (Xin xem:
thanh sạch với điều dữ
Tham khảo: "chớ nên dính líu tới điều ác”
Romans 16:21
Câu Liên kết:
Phao-lô chuyển lời chào thăm từ những tín hữu ở cùng với ông.
Lu xi út, Gia sôn, Sô xi ba tê...Tẹt tiu
Đây là tên của đàn ông. (Xin xem:
Tẹt tiu, người chép thư nầy
Tẹt tiu là người chép lại lời Phao lô đọc cho ông viết lại thư tín nầy.
kính chào anh em trong Chúa
Tham khảo: "xin chào anh em với tư cách là anh em tín hữu trong Chúa”
Romans 16:23
Gai út...Ê rát...Qua rơ tu
Đây là tên của đàn ông. Xin xem:
người tiếp đãi
Có nghĩa là các tin hữu nhóm thờ phượng tại nhà của ông ta
người quản lý
Đây là người quản lý tiền bạc cho một nhóm người.
Romans 16:25
Câu Liên kết:
Phao-lô kết thúc bức thư bằng lời cầu nguyện chúc phước.
Bây giờ
Từ ngữ “bây giờ” ở đây đánh dấu phần kết thúc của thư tín.
25
làm vững mạnh anh em
Tham khảo: "khiến cho đức tin anh em được vững vàng”
theo Tin Lành của tôi và lời giảng của Đức Chúa Jêsus Christ
Tham khảo: "theo tin lành tôi đã rao giảng về Chúa Giê su Christ”
theo sự mặc khải về điều mầu nhiệm vốn đã được giấu kín từ nghìn xưa
Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “vì Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho các tín hữu chúng ta về sự huyền nhiệm đã giữ lại từ lâu đời” (Xin xem:
Nhưng bây giờ qua các sách tiên tri điều mầu nhiệm đã được tỏ bày cho mọi dân tộc đều biết, để đem họ đến đức tin vâng phục
Có thể dịch câu nầy cùng với một động từ chủ động. Tham khảo: “nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đời đời đã cho biết qua thánh kinh”
để đem họ (mọi dân tộc) đến đức tin vâng phục
người Do Thái** - Tham khảo: “để các nước sẽ vâng phục Đức Chúa Trời bởi vì họ tin nhận Ngài”.

Translation Questions

Romans 16:1
Đối với Phao-lô, người chị em Phê bê trở thành người như thế nào?
Người chị em Phê-bê đã trở thành người giúp đở Phao-lô và nhiều người khác nữa.
Romans 16:17
Có một số người đang làm điều gì để gây bè đảng và vấp phạm?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Một số người đã dạy dỗ trái nghịch với những điều đã học hỏi, đánh mất lòng tin của những người thật thà.

Phao-lô khuyên tín đồ nên làm gì đối với những người gây bè đảng và vấp phạm?

Phao-lô khuyên các tín hữu tránh xa những kẻ gây bè đảng và gây vấp phạm.

Romans 16:19

Phao-lô khuyên tín hữu nên có thái độ nào đối với điều thiện và điều ác?

Phao-lô Phao-lô muốn tín đồ phải khôn ngoan với điều thiện và trong sạch với điều ác.

Romans 16:23

Nghề nghiệp của tín hữu Ê-rát là gì?

Ê-rát là người trông coi ngân khố của thành phố.

Romans 16:25

Phao-lô đang giảng về mặc khải nào vốn đã giấu kín từ xưa?

Phao-lô đang giảng mặc khải về phúc âm của Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Chapter 1

1 Corinthians 1:1

Sốt-then, anh em chúng ta

Cụm từ này cho thấy cả Phao-lô và các tín hữu tại Cô-rinh-tô đều biết Sốt-then. Tham khảo cách dịch: “Sốt-then, người anh em mà tôi và các anh em đều biết”.

được gọi làm thánh đồ

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã gọi họ trở nên thánh đồ”

Chúa của họ và của chúng ta

Chúa Giê-xu là Chúa của Phao-lô và các tín hữu Cô-rinh-tô và cũng là Chúa của mọi hội thánh.

cho anh em

Từ “anh em” chỉ những tín hữu tại Cô-rinh-tô.

1 Corinthians 1:4

ân điển của Đức Chúa Trời mà Chúa Cứu Thế Giê-xu đã ban cho anh em

“ân điển mà Đức Chúa Trời đã ban cho anh em là những người ở trong Chúa Cứu Thế Giê-xu”

Ngài đã làm cho anh em được giàu có

Có thể hiểu 1) “Chúa Cứu Thế đã làm cho anh em được giàu có” hoặc 2) “Đức Chúa Trời đã làm cho anh em được giàu có”

đã làm cho anh em được giàu có về mọi mặt

"đã làm cho anh em được giàu có về nhiều ơn phước thuộc linh”

trong mọi lời nói

Đức Chúa Trời khiến anh em có thể truyền rao sứ điệp của Đức Chúa Trời cho người khác bằng nhiều cách.

mọi sự hiểu biết

Đức Chúa Trời khiến anh em hiểu được sứ điệp của Đức Chúa Trời theo nhiều cách.

Lời chứng về Chúa Cứu Thế

"thông điệp về Chúa Cứu Thế”

đã được vững bền ở giữa anh em

Tham khảo cách dịch: “đã thay đổi cuộc đời anh em cách rõ ràng”

1 Corinthians 1:7

Bởi vậy cho nên

"Kết quả là"

không thiếu bất cứ ân tứ thuộc linh nào

"có mọi ân tứ thuộc linh"

sự hiện đến của Chúa Cứu Thế Giê-xu Chúa chúng ta

Có thể hiểu 1) “thời điểm Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ Chúa Cứu Thế Giê-xu” hoặc 2) “thời điểm Chúa Cứu Thế Giê-xu Chúa chúng ta sẽ bày tỏ chính mình Ngài”

anh em sẽ trở nên không chỗ trách được

Sẽ chẳng có lí do nào để Đức Chúa Trời chê trách anh em.

Đức Chúa Trời là thành tín, Ngài đã kêu gọi anh em vào trong mối liên hệ với Con Ngài, là Chúa Cứu thế Giê-xu, Chúa chúng ta.

Đức Chúa Trời đã kêu gọi anh em tham dự vào sự sống mới trong Con Ngài, là Chúa Cứu Thế Giê-xu.

1 Corinthians 1:10

rằng anh em hết thảy đều hòa thuận

"rằng anh em hãy sống hòa hợp với nhau”

để trong anh em không có sự chia rẽ nào

“để anh em không chia phe phái riêng biệt với nhau”

hiệp một với nhau trong tâm trí và mục tiêu

"sống đoàn kết"

người nhà Cơ-lô-ê

Chỉ những thành viên trong gia đình, đầy tớ và mọi kẻ thuộc hộ gia đình mà bà Cơ-lô-ê làm chủ.

trong vòng anh em đang xuất hiện nhiều phe phái

"anh em chia phe phái mà gây gỗ với nhau”

1 Corinthians 1:12

mỗi người trong anh em đều nói

Phao-lô nói rõ thái độ thường có khi có sự chia rẽ.

Chúa Cứu Thế có bị phân rẽ không?

Phao-lô muốn nhấn mạnh sự thật rằng Chúa Cứu Thế không hề bị phân rẽ nhưng hiệp nhất. “Không thể chia cắt Chúa Cứu Thế như cách anh em đang làm”.

Có phải Phao-lô đã bị đóng đinh trên thập tự giá vì anh em không?

Phao-lô muốn nhấn mạnh rằng không phải ông hay A-bô-lô mà chính là Chúa Cứu Thế đã bị đóng đinh vào thập tự giá. “Người ta chẳng hề đóng đinh Phao-lô vào thập tự giá cho đến chết vì sự cứu rỗi của anh em”.

Anh em có nhân danh Phao-lô mà chịu phép báp-têm không?

Phao-lô muốn nhấn mạnh rằng chúng ta hết thảy đều chịu phép báp-têm trong danh của Chúa Cứu Thế. “Người ta chẳng hề làm phép báp-têm cho anh em trong danh Phao-lô”.

1 Corinthians 1:14

Tôi tạ ơn Đức Chúa Trời

Phao-lô phóng đại việc ông biết ơn ra sao khi ông đã không làm phép báp-têm cho nhiều người nữa tại Cô-rinh-tô.

Cơ-rít-bu

Ông là người chủ nhà hội đã trở thành Cơ Đốc Nhân.

Gai-út

Ông đã đi cùng với sứ đồ Phao-lô.

Như thế để không ai có thể nói rằng anh em đã chịu phép báp-têm trong danh tôi

"Tôi ngưng không làm phép báp-têm cho nhiều người nữa, vì tôi sợ ít lâu sau họ sẽ khoe rằng chính tôi đã làm phép báp-têm cho họ”.

Gia đình Sê-pha-na

Chỉ những người trong gia đình và cả những người nô lệ làm việc trong nhà do ông Sê-pha-na làm chủ.

1 Corinthians 1:17

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Cứu Thế đã không sai tôi đến để làm phép báp-têm
Điều này có nghĩa là phép báp-têm không phải là mục đích chính yếu trong chức vụ của sứ đồ Phao-lô.
thập tự giá của Chúa Cứu Thế sẽ không trở nên vô hiệu
Tham khảo cách dịch: “sự khôn ngoan của loài người sẽ không vô hiệu hóa quyền năng của thập tự giá Chúa Cứu Thế”.
1 Corinthians 1:18
sứ điệp về thập tự giá
“những bài giảng về sự đóng đinh” hoặc “sứ điệp về Chúa Cứu Thế chịu chết trên thập tự giá” (Tham khảo bản dịch UDB)
là khờ dại
“là vô nghĩa” hoặc “là ngu dại”
đối với những người đang chết mất
Ở đây “chết” nói về tiến trình của sự chết thuộc linh.
đó là quyền năng của Đức Chúa Trời
“đó là Đức Chúa Trời đang hành động cách quyền năng trong chúng ta”
Tôi sẽ phá hủy sự hiểu biết của những người khôn ngoan
Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ làm cho người khôn ngoan rối trí” hoặc “khiến những kế hoạch của người khôn ngoan thất bại hoàn toàn”
1 Corinthians 1:20
Người khôn ngoan đâu rồi? Các học giả đâu rồi? Những nhà hùng biện của đời nầy đâu rồi?
Phao-lô nhấn mạnh rằng chẳng tìm thấy người khôn ngoan thật ở đâu cả. Tham khảo cách dịch: “Nếu đem so sánh với sự khôn ngoan của phúc âm thì chẳng có một người khôn ngoan nào, cũng chẳng có học giả hay nhà hùng biện nào hết!”
học giả
Người được cho là đã học tập và nghiên cứu rất nhiều.
nhà hùng biện
Một người dùng lí lẽ để bảo vệ cho những điều mình biết hoặc người có kỹ năng trong những cuộc tranh luận như thế.
Có phải Đức Chúa Trời đã làm cho sự khôn ngoan của thế gian thành ra ngu dại?
Phao-lô dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh việc Đức Chúa Trời đã làm đối với sự khôn ngoan đời nầy. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời thật đã biến sự khôn ngoan đời nầy thành ra ngu dại” hoặc “Đức Chúa Trời vui lòng sử dụng những sứ điệp mà họ cho là ngu dại” (Tham khảo bản dịch UDB).
Những người tin
Có thể hiểu 1) “tất cả những ai tin vào điều đó” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “những người tin nơi Ngài”
1 Corinthians 1:22
chúng ta rao giảng
Từ “chúng ta” ở đây chỉ Phao-lô và các nhà truyền giáo khác.
Chúa Cứu Thế đã bị đóng đinh trên cây thập tự
“về Chúa Cứu Thế là Đấng đã chết trên thập tự giá”
hòn đá làm vấp chân
Một người có thể vấp phải hòn đá trên đường như thế nào thì sứ điệp về sự cứu rỗi qua việc Chúa Cứu Thế bị đóng đinh trên cây thập tự giá cũng khiến cho người Do Thái bị vấp ngã như vậy. Tham khảo cách dịch: “không thể chấp nhận được” hoặc “rất khó chịu”.
1 Corinthians 1:24
đối với những ai Đức Chúa Trời đã kêu gọi
"đối với những người Đức Chúa Trời kêu gọi”
chúng ta rao giảng về Chúa Cứu Thế
“chúng ta giảng dạy về Chúa Cứu Thế” hoặc “chúng ta nói về Chúa Cứu Thế cho hết thảy mọi người”
Chúa Cứu Thế là quyền phép và là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời
Chúa Cứu Thế là Đấng mà qua đó Đức Chúa Trời bày tỏ quyền năng và sự khôn ngoan của Ngài.
điều dại dột của Đức Chúa Trời... sự yếu đuối của Đức Chúa Trời
Đây là sự so sánh giữa bản chất của Đức Chúa Trời và bản chất của loài người. Thậm chí nếu như có điều gì dại dột hoặc yếu đuối trong Đức Chúa Trời thì sự yếu đuối của Ngài vẫn tốt đẹp hơn gấp rất nhiều nhiều lần bản chất tốt đẹp nhất của loài người.
1 Corinthians 1:26
sự kêu gọi của Đức Chúa Trời trên anh em
"cách Đức Chúa Trời đã kêu gọi anh em trở nên các thánh đồ”
không nhiều người trong anh em
"chỉ một số rất ít trong anh em”.
những tiêu chuẩn loài người
"cách nhìn nhận của loài người” hoặc “những quan niệm của loài người về điều gì là tốt”
thuộc dòng dõi quý tộc
"đặc biệt vì gia đình mình có thế lực” hoặc “thuộc dòng dõi hoàng gia”
Đức Chúa Trời đã chọn những điều ngu dại ở thế gian để làm hổ thẹn những người khôn ngoan
Đức Chúa Trời quyết định dùng những người khiêm nhường vốn bị các nhà lãnh đạo Do Thái coi thường để khẳng định rằng đối với Đức Chúa Trời những bậc lãnh đạo này chẳng quan trọng hơn những người khác.
Đức Chúa Trời đã chọn những người yếu đuối của thế gian để làm hổ thẹn người mạnh mẽ
Câu này lặp lại ý của câu trước bằng những từ ngữ khác.
1 Corinthians 1:28
những người thấp kém và bị khinh bỉ
Những người bị thế gian chối bỏ. Tham khảo cách dịch: “những người hèn mọn và bị chối bỏ”
những điều bị coi là không ra gì
"những điều mà người ta thường cho là không có giá trị”
làm ra hư không
"để loại bỏ tầm quan trọng của"
những điều được cho là có giá trị
"những điều người ta thường xem là có giá trị” hoặc “những điều người ta nghĩ là đáng giá hoặc đáng trân trọng”
Ngài đã làm như vậy
"Đức Chúa Trời đã làm như vậy"
1 Corinthians 1:30
Nhờ những việc Đức Chúa Trời đã làm
Nói đến công việc của Chúa Cứu Thế trên thập tự giá.
chúng ta... của chúng ta
Phao-lô bao gồm cả các tín hữu tại Cô-rinh-tô trong từ “chúng ta”.
anh em hiện đang ở trong Chúa Cứu Thế Giê-xu
"anh em hiện đã nhận được sự cứu rỗi qua Chúa Cứu Thế

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Giê-xu"

Chúa Cứu Thế Giê-xu, là Đấng đã trở nên sự khôn ngoan từ Đức Chúa Trời cho chúng ta

“Chúa Cứu Thế Giê-xu là Đấng khiến chúng ta hiểu rõ Đức Chúa Trời khôn ngoan”

Ai khoe mình, hãy khoe mình trong Chúa

“Nếu một người khoe mình, người đó nên khoe về sự lớn lao của Chúa là dường nào”

Translation Questions

1 Corinthians 1:1

Ai đã kêu gọi Phao-lô và Phao-lô đã được kêu gọi trở nên gì?

Chúa Cứu Thế Giê-xu đã kêu gọi Phao-lô trở nên một sứ đồ

1 Corinthians 1:7

Hội Thánh tại Cô-rinh-tô không thiếu điều gì?

Họ không thiếu bất kỳ một ân tứ thuộc linh nào

1 Corinthians 1:10

Phao-lô đã khuyên giục Hội Thánh tại Cô-rinh-tô làm điều gì?

Phao-lô giục họ phải đồng lòng với nhau, và như thế giữa họ mới không có sự chia rẽ, mà hiệp nhất với nhau trong tâm trí và mục tiêu

1 Corinthians 1:12

Phao-lô nói phe phái là có ý gì?

Phao-lô có ý rằng: Mỗi một người trong anh em đều nói: “Tôi theo Phao-lô” hoặc “Tôi theo A-bô-lô” hoặc “Tôi theo Sê-pha” hoặc “Tôi theo Chúa Cứu Thế”

1 Corinthians 1:14

Tại sao Phao-lô lại tạ ơn Đức Chúa Trời vì ông đã không làm phép báp têm cho bất kỳ ai trong số họ, ngoại trừ Cơ-rít-pu và Gai-út?

Phao-lô tạ ơn Đức Chúa Trời về điều này bởi vì như vậy các tín hữu tại Cô-rinh-tô sẽ chẳng có lý do nào để tuyên bố rằng họ đã được làm phép báp-têm trong danh của Phao-lô.

1 Corinthians 1:17

Chúa Cứu Thế đã sai Phao-lô làm gì?

Chúa Cứu Thế đã sai Phao-lô đi rao giảng Tin Lành.

1 Corinthians 1:18

Những người hư mất xem sứ điệp của thập tự giá là gì?

Những người đang hư mất xem sứ điệp của thập tự giá là điên rồ.

Còn với những người được Đức Chúa Trời cứu chuộc thì sứ điệp của thập tự giá là gì?

Ấy là quyền năng của Đức Chúa Trời giữa những người mà Ngài cứu chuộc.

1 Corinthians 1:20

Đức Chúa Trời đã khiến sự khôn ngoan của thế gian trở nên gì?

Đức Chúa Trời đã biến sự khôn ngoan của thế gian nên sự ngu dại.

1 Corinthians 1:26

Đức Chúa Trời đã kêu gọi bao nhiêu người khôn ngoan theo chuẩn mực của loài người hoặc những người quyền thế hoặc những người thuộc dòng dõi quý tộc?

Đức Chúa Trời không hề kêu gọi nhiều kẻ như thế. .

1 Corinthians 1:28

Đức Chúa Trời đã làm gì để không một ai có thể khoe khoang trước mặt Ngài?

Đức Chúa Trời chọn những điều thấp kém và bị khinh miệt trong thế gian, thậm chỉ cả những điều không ra gì.

1 Corinthians 1:30

Nhờ đâu mà các tín hữu được ở trong Chúa Cứu Thế Giê-xu?

Họ ở trong Chúa Cứu Thế GIê-xu nhờ những điều Đức Chúa Trời đã làm.

Chúa Cứu Thế Giê-xu đã trở nên điều gì cho chúng ta?

Ngài đã trở nên sự khôn ngoan, công chính, thánh khiết và sự cứu chuộc đến từ Đức Chúa Trời cho chúng ta.

Chapter 2

1 Corinthians 2:1

lời lẽ hùng hồn

Cách nói tao nhã đầy sức thuyết phục.

Tôi đã quyết không biết điều chi khác...ngoại trừ Chúa Cứu thế Giê-xu

Phao-lô tập trung chú ý vào sự đóng đinh của Chúa Cứu Thế trên thập giá hơn là vào ý kiến của con người. Tham khảo: “Tôi đã quyết chỉ nói...về Chúa Cứu Thế Giê-xu.”

1 Corinthians 2:3

Tôi ở với anh em

"Tôi đến với anh em"

trong sự yếu đuối

Có thể hiểu 1) “sự yếu đuối trong thân thể” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “cảm thấy yếu đuối”

có sức thuyết phục

Thuyết phục hoặc có thể khiến người ta làm hoặc tin vào điều gì đó.

chúng

Thông điệp và sự rao giảng tin lành của Phao-lô.

1 Corinthians 2:6

rao giảng sự khôn ngoan

"rao giảng những lời của sự khôn ngoan”

người trưởng thành

Tham khảo cách dịch: “các tín hữu trưởng thành”

cho sự vinh hiển của chúng ta

"để đảm bảo cho sự vinh hiển của chúng ta trong tương lại”

1 Corinthians 2:8

Chúa vinh hiển

“Chúa Giê-xu, Chúa đầy vinh hiển”

Những điều chưa mắt nào thấy, chưa tai nào nghe và chưa trí nào hình dung được

Bộ ba này chỉ tất cả những bộ phận của một người để nhấn mạnh rằng chưa từng có một người nào nhận biết những điều Đức Chúa Trời đã chuẩn bị.

những điều Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho những ai yêu mến Ngài

Chúa đã đã tạo nên những điều ngạc nhiên rất đỗi tuyệt vời ở trên trời cho những người yêu mến Ngài.

1 Corinthians 2:10

Đây là những điều

Những lẽ thật về Chúa Giê-xu và thập tự giá.

Vì ai biết được tư tưởng của một người ngoại trừ thần linh ở trong người ấy?

Phao-lô dùng câu hỏi này để nhấn mạnh một điều chẳng ai biết được một người đang nghĩ gì ngoại trừ chính người đó. Tham khảo cách dịch: “Chẳng ai biết một người nghĩ gì ngoại trừ chính thần linh trong người đó”

thần linh ở trong người ấy

Chỉ còn người bề trong, bản tính thuộc linh của người đó.

không ai biết những điều sâu nhiệm của Đức Chúa Trời ngoài Thánh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Linh của Ngài
Tham khảo: “chỉ Thánh Linh của Đức Chúa Trời mới biết những điều sâu nhiệm của Ngài”.
1 Corinthians 2:12
Nhưng chúng ta
“chúng ta” ở đây gồm cả Phao-lô và độc giả của ông.
được tự do ban cho chúng ta bởi Đức Chúa Trời
"mà Đức Chúa Trời đã tự do ban cho chúng ta” hoặc “mà Đức Chúa Trời đã và đang tự do ban cho chúng ta”.
Thánh Linh dùng sự khôn ngoan thuộc linh giảng giải những lời thuộc linh
Đức Thánh Linh truyền đạt lẽ thật của Đức Chúa Trời đến những người tin Ngài bằng lời lẽ của chính Thánh Linh và ban cho họ sự khôn ngoan của Ngài.
1 Corinthians 2:14
người không có Thánh Linh
Người không phải là Cơ Đốc Nhân, không nhận được Đức Thánh Linh.
Bởi vì những điều này phải được nhận biết cách thuộc linh
"bởi vì phải nhờ Đức Thánh Linh mới có thể hiểu được những điều này”
Người thuộc linh
Tham khảo cách dịch: “những tín hữu đã nhận được Đức Thánh Linh”
Vì ai có thể biết được tâm trí của Chúa, để chỉ bảo Ngài?
Phao-lô dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh một điều không ai biết được tâm trí của Chúa. Tham khảo cách dịch: “Chẳng người nào có thể hiểu được tâm trí của Chúa. Vì vậy nên chẳng ai có thể dạy Ngài những điều người đó vốn đã không biết”.

Translation Questions

1 Corinthians 2:1
Phao-lô đã đến với Hội Thánh Cô-rinh-tô với thái độ như thế nào khi ông công bố lẽ mầu nhiệm của Đức Chúa Trời?
Phao-lô không đến bằng với những lời lẽ hùng hồn hay khôn ngoan khi ông công bố lẽ mầu nhiệm của Đức Chúa Trời.
1 Corinthians 2:8
Nếu các nhà lãnh đạo trong thời Phao-lô biết được sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, họ đã không làm điều gì?
Nếu những nhà lãnh đạo đó biết sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, họ đã không đóng đinh Chúa vinh quang vào thập tự giá.
1 Corinthians 2:10
Làm thế nào mà Phao-lô và những người ở với ông biết được sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời?
Chính Đức Chúa Trời đã bày tỏ những điều đó cho họ qua Đức Thánh Linh
1 Corinthians 2:12
Lí do nào mà Phao-lô và những người ở với ông nhận được Đức Thánh Linh từ Đức Chúa Trời?
Họ đã nhận được Đức Thánh Linh từ Đức Chúa Trời để họ có thể hiểu được những điều họ được Đức Chúa Trời bạn cho cách nhưng không.
1 Corinthians 2:14
Tại sao những người không có Đức Thánh Linh không thể nhận hay hiểu được những điều thuộc về Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời?
Những người không có Đức Thánh Linh không thể nhận được những điều đó bởi họ xem chúng là điên rồ và người đó không thể hiểu được chúng vì họ không nhận biết chúng cách thuộc linh.

Chapter 3
1 Corinthians 3:1
người thuộc linh
Những người sống trong quyền phép của Đức Thánh Linh
người xác thịt
Những người làm theo điều mình muốn
như những trẻ sơ sinh trong Chúa Cứu Thế
Các tín hữu tại Cô-rinh-tô được ví như những con trẻ còn nhỏ và chưa hiểu biết nhiều. Tham khảo cách dịch: “như những tin hữu còn non trẻ trong Chúa Cứu Thế”.
Tôi đã nuôi anh em bằng sữa, chứ không phải bằng thịt
Các tín hữu tại Cô-rinh-tô chỉ có thể hiểu được những lẽ thật đơn giản giống như em bé chỉ có thể uống sữa. Họ không đủ trưởng thành để có thể hiểu được những chân lí sâu nhiệm hơn như những đưa trẻ đã lớn nay có thể ăn thức ăn cứng.
Anh em chưa sẵn sàng
"anh em chưa sẵn sàng để hiểu những bài giảng khó hơn về việc theo Chúa”.
1 Corinthians 3:3
vẫn còn xác thịt
Ăn ở theo những điều ham muốn tội lỗi hoặc những ham muốn thuộc về thế gian.
chẳng phải anh em không sống theo xác thịt...và những tiêu chuẩn của xác thịt sao?
Phao-lô quở trách các tín hữu Cô-rinh-tô vì lối sống tội lỗi của họ. Tham khảo: “Anh em phải xấu hổ vì đang nuông chiều theo những tư dục tội lỗi...những tiêu chuẩn của thế gian!”.
anh em không bước đi theo những tiêu chuẩn của loài người sao?
Phao-lô đang quở trách các tín hữu Cô-rinh-tô vì cách sống theo tiêu chuẩn loài người của họ. Tham khảo cách dịch: “anh em nên thấy xấu hổ vì anh em đang theo những tiêu chuẩn của loài người!"
anh em không sống như người thế gian sao?
Tham khảo cách dịch: “Anh em nên thấy xấu hổ vì anh em đang sống y như cách mà những người không có Thánh Linh sống”
Vậy thì A-bô-lô là ai? Và Phao-lô là ai?
Phao-lô đang nhấn mạnh một điều ông và A-bô-lô đều không phải là cội nguồn của Phúc Âm, chính vì vậy đừng chia phe phái các tín hữu với nhau. Tham khảo cách dịch: “Chia phe hoặc theo A-bô-lô hoặc theo Phao-lô là không đúng”
những đầy tớ mà bởi họ anh em đã tin
Phao-lô trả lời câu hỏi chính mình đặt ra như vầy ông và A-bô-lô đều là đầy tớ của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Phao-lô và A-bô-lô đều là đầy tớ của Chúa Cứu Thế , và anh em đã tin nơi Chúa Cứu Thế vì chúng tôi phục sự Ngài”
đã tin, mỗi người được Đức Chúa Trời giao phần công việc

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo: “đã tin. Chúng tôi chỉ là những người nhận công việc từ nơi Chúa.”

1 Corinthians 3:6

trồng

Sự hiểu biết về Đức Chúa Trời được ví như hạt giống phải được gieo xuống để mọc lên.

tưới

Như hạt giống cần nước, đức tin cũng cần nhiều sự giảng dạy nữa để có thể lớn lên.

lớn lên

Như cây trồng lớn lên và phát triển thì đức tin và sự hiểu biết trong Đức Chúa Trời cũng cần phải được lớn lên và sâu sắc hơn và mạnh mẽ hơn.

Người trồng… đều không là gì. Nhưng chính Đức Chúa Trời làm cho lớn lên.

Phao-lô nhấn mạnh cả ông và A-bô-lô đều không chịu trách nhiệm về sự tăng trưởng thuộc linh của các tín hữu, đó là công việc của Đức Chúa Trời.

[[rc://vi/bible/note/1co/03/03]] | [[rc://vi/bible/note/1co/03/08]]

[[rc://vi/bible/note/1co/03/03]] | [[rc://vi/bible/note/1co/03/08]]

1 Corinthians 3:8

người trồng, kẻ tưới là một

Trồng và tưới được coi là cùng một công việc, Phao-lô dùng hai công việc này để so sánh với mình và A-bô-lô trong chức vụ đối với hội thánh Cô-rinh-tô.

tiền công

Số tiền mà một người làm công được trả dựa trên thành quả mình đã làm.

chúng tôi

Chỉ Phao-lô và A-bô-lô, không phải hội thánh Cô-rinh-tô.

những người cùng làm việc của Đức Chúa Trời

Phao-lô nhận định ông và A-bô-lô là những người cùng làm việc cho Đức Chúa Trời.

vườn của Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời chăm sóc những tín hữu tại Cô-rinh-tô, giống như người chăm sóc khu vườn để cây trồng được kết nhiều quả.

nhà của Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời đã phác họa và tạo nên những tín hữu Cô-rinh-tô, giống như một người thiết kế nhà.

1 Corinthians 3:10

Theo ân điển của Đức Chúa Trời đã ban cho tôi

"Theo công việc mà Đức Chúa Trời đã tùy ý giao cho tôi làm”

Tôi đã đặt nền

Phao-lô đặt những bài giảng của mình về đức tin và sự cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế Giê-xu ngang hàng với việc đặt nền móng cho một ngôi nhà.

người khác xây cất lên trên nó

Một người thợ khác tiếp tục “xây dựng” công việc trong hội thánh bằng cách giúp đỡ các tín hữu về mặt tâm linh.

để mỗi người

Cụm này chỉ những người làm việc cho Đức Chúa Trời nói chung. Tham khảo cách dịch: “Hãy để những người phục sự Đức Chúa Trời”

không ai có thể đặt một nền nào khác ngoài nền đã được đặt

Tham khảo: “Tôi đã đặt một nền duy nhất mà không ai có thể đặt” hoặc “nền mà tôi, Phao-lô, đã đặt”

1 Corinthians 3:12

Bây giờ, nếu có người nào lấy vàng, bạc, đá quý, gỗ, cỏ khô hay rơm rạ để xây nhà trên nền ấy

Những vật liệu xây dựng dùng để xây một tòa nhà mới được so sánh với những giá trị thuộc linh xây nên cách hành xử và việc làm của một người trong suốt cuộc đời mình. Tham khảo cách dịch: “nếu một người dùng những vật liệu đắt tiền và bền hoặc dùng những vật liệu rẻ và dễ cháy mà xây”

đá quý

"những loại đá mắc tiền”

công việc của người sẽ được bày ra trước ánh sáng.

Giống như ánh sáng ban ngày cho thấy những nỗ lực của người thợ xây dựng thì ánh sáng trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời cũng sẽ bày tỏ chất lượng của những nỗ lực và việc làm của một người. Tham khảo cách dịch: “ánh sáng sẽ bày tỏ chất lượng công việc người”

Vì nó sẽ được tỏ ra trong lửa, lửa sẽ thử chất lượng công việc mà mỗi người đã làm.

Giống như lửa sẽ cho thấy độ bền chắc hoặc sẽ phá hủy sự yếu ớt của một tòa nhà, lửa của Đức Chúa Trời sẽ đánh giá những nỗ lực và công việc của con người. Tham khảo cách dịch: “lửa sẽ chỉ ra chất lượng công việc của người”

1 Corinthians 3:14

còn lại

"tồn tại” hoặc "sống sót" (Tham khảo bản dịch UDB)

nếu công việc của người nào bị thiêu hủy

Tham khảo cách dịch: “nếu lửa phá hủy công việc của người nào” hoặc “nếu lửa thiêu hủy công việc của người nào”

của người nào… người… người

Những từ này đều chỉ về cùng một “người”. Tham khảo cách dịch: “người” hoặc “anh ta” (Tham khảo bản dịch UDB)

người sẽ chịu mất mát. Nhưng về phần người ấy thì sẽ được cứu.

"người ấy sẽ mất những công việc mình đã làm cùng với những phần thưởng mà mình có thể nhận được nếu những việc đó không bị lửa thiêu rụi, nhưng Đức Chúa Trời sẽ cứu người”.

1 Corinthians 3:16

Anh em không biết rằng mình là đền thờ của Đức Chúa Trời và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ở trong anh em sao?

Tham khảo cách dịch: “Anh em hành động như thể không biết mình là đền thờ của Đức Chúa Trời và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ở trong anh em!"

phá hủy

"tàn phá” hoặc “hủy hoại”

Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt người đó. Vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, và anh em cũng vậy.

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt người đó, vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh và anh em cũng thánh vậy”.

1 Corinthians 3:18

Đừng ai tự dối mình

Đừng ai tin vào lời tự dối rằng mình là khôn ngoan trên đất nầy.

trong thời nầy

"hiện nay"

người đó hãy trở nên “dại dột” để được khôn ngoan

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"người đó nên chấp nhận những điều thế gian cho là dại dột để được sự khôn ngoan thật của Đức Chúa Trời”

Ngài bắt kẻ khôn ngoan bằng chính mưu mô của họ

Đức Chúa Trời dùng chính những mưu mô của những kẻ tự cho mình là khôn ngoan để bẫy họ.

Chúa biết những lý lẽ của người khôn ngoan là

Tham khảo cách dịch: “Chúa biết kế hoạch của những người tự cho mình là khôn ngoan” hoặc “Chúa nghe được mọi kế hoạch của người khôn ngoan và biết nó là gì” (Tham khảo bản dịch UDB)

vô ích

"vô dụng”. Tham khảo cách dịch: “không có giá trị” hoặc “vô nghĩa”

1 Corinthians 3:21

Vậy nên đừng ai khoe khoang về loài người nữa!

Phao-lô đang ra lệnh cho các tín hữu Cô-rinh-tô. Tham khảo cách dịch: “Vậy nên đừng khoe khoang rằng người lãnh đạo này tốt hơn người kia như thế nào nữa”

khoe khoang

“bày tỏ sự hãnh diện quá mức”. Các tín hữu Cô-rinh-tô đang tâng bốc Phao-lô hoặc A-bô-lô hoặc Sê-pha trong khi đáng lẽ ra họ phải đang thờ phượng Chúa Cứu Thế Giê-xu .

anh em là của Chúa Cứu Thế, và Chúa Cứu Thế là của Đức Chúa Trời

"anh em thuộc về Chúa Cứu Thế và Chúa Cứu Thế thuộc về Đức Chúa Trời”

Translation Questions

1 Corinthians 3:1

Tại sao Phao-lô không thể nói với các tín hữu Cô-rinh-tô như thể nói với những người thuộc linh?

Phao-lô không thể nói với các tín hữu Cô-rinh-tô như với người thuộc linh bởi vì họ vẫn còn xác thịt, giữa họ vẫn có những điều ghen ghét và xung đột.

1 Corinthians 3:3

Tại sao Phao-lô không thể nói với các tín hữu Cô-rinh-tô như thể nói với những người thuộc linh?

Phao-lô không thể nói với các tín hữu Cô-rinh-tô như với người thuộc linh bởi vì họ vẫn còn xác thịt, giữa họ vẫn có những điều ghen ghét và xung đột.

1 Corinthians 3:12

Chuyện gì sẽ xảy ra với công việc của những người xây trên nền là Chúa Giê-xu Cơ Đốc?

Công việc của người đó sẽ được bày tỏ và trong ánh sáng ban ngày và trong lửa.

1 Corinthians 3:14

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu những điều mà người ta xây vẫn còn lại sau khi bị đưa qua lửa?

Người đó sẽ nhận được phần thưởng

1 Corinthians 3:16

Chúng ta là ai và ai ở trong chúng ta là những người tin nơi Chúa Giê-xu Cơ Đốc?

Chúng ta là đền thờ của Đức Chúa Trời và Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong lòng chúng ta

1 Corinthians 3:18

Phao-lô nói gì với người tự cho là khôn ngoan trong đời nầy?

Phao-lô nói với người “hãy trở nên “dại dột” để người có thể trở nên khôn ngoan.

1 Corinthians 3:21

Tại sao Phao-lô dặn các tín hữu Cô-rinh-tô đừng khoe khoang về loài người?

Ông dặn họ ngừng khoe khoang, “vì mọi sự đều thuộc về anh em” và bởi vì “anh em thuộc về Chúa Cứu Thế và Chúa Cứu Thế thuộc về Đức Chúa Trời”

Chapter 4

1 Corinthians 4:1

Về điều này

Tham khảo cách dịch: “Bởi vì chúng tôi là những quản gia ấy”

Một người quản gia cần phải

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi cần phải”

1 Corinthians 4:3

dù tôi bị anh em xét đoán thì cũng chẳng đáng gì.

Phao-lô đang so sánh điểm khác biệt giữa sự đoán xét của con người và sự đoán xét của Đức Chúa Trời. Sự đoán xét của loài người chẳng đáng là gì so với sự đoán xét thật của Đức Chúa Trời trên loài người.

Tôi không nhận thấy bất cứ lời buộc tội nào

Tham khảo cách dịch: “Tôi không nghe thấy bất cứ lời buộc tội nào”

điều đó không có nghĩa là tôi vô tội đâu. Chính Chúa là Đấng xét đoán tôi.

"không có lời buộc tội không chứng minh tôi vô tội. Chính Chúa biết liệu tôi vô tội hay đầy tội lỗi”.

1 Corinthians 4:5

Vì vậy đừng đoán xét

Bởi vì Đức Chúa Trời sẽ đoán xét khi Ngài đến, nên chúng ta không nên đoán xét ai.

Trước khi Chúa đến

Nói về sự đến thứ hai của Chúa Cứu Thế

đem những điều ẩn giấu trong bóng tối ra ánh sáng, và phơi bày những ý định trong lòng

Đức Chúa Trời sẽ bày ra những suy nghĩ và ý định của con người. Chẳng việc chi còn giấu kín trước mặt Chúa.

của tấm lòng

"của lòng người"

1 Corinthians 4:6

vì anh em

"vì ích lợi của anh em”

Đừng vượt ra ngoài những gì đã chép

"Đừng làm ngược lại những điều đã chép trong Kinh Thánh (Tham khảo bản dịch TFT)

Vì ai nhận thấy sự khác biệt nào giữa anh em và kẻ khác?

Phao-lô quở trách các tín hữu Cô-rinh-tô vì họ cho rằng mình tốt đẹp hơn nhớ mình đã tin Phúc Âm bởi Phao-lô hay bởi A-bô-lô. Tham khảo cách dịch: “Anh em chẳng hơn kẻ khác”

Có điều gì anh em có mà không do nhận lãnh sao?

Phao-lô nhấn mạnh một điều rằng chính Đức Chúa Trời đã ban tặng cho họ những họ đang có. Tham khảo cách dịch: “Mọi điều anh em có là do Đức Chúa Trời đã ban cho anh em!”

Sao anh em lại khoe khoang như thể anh em chưa hề được nhận lãnh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vậy?

Phao-lô đang quở trách các tín hữu vì họ khoe khoang về những điều mình đã nhận được. Tham khảo cách dịch: “Anh em không có quyền khoe khoang” hoặc “Đừng khoe khoang chi hết”

[[rc://vi/bible/note/1co/04/05]] | [[rc://vi/bible/note/1co/04/08]]

[[rc://vi/bible/note/1co/04/05]] | [[rc://vi/bible/note/1co/04/08]]

1 Corinthians 4:8

Đức Chúa Trời đã phô bày sứ đồ chúng tôi

Phao-lô diễn tả hai cách thức Đức Chúa Trời đã phô bày các sứ đồ Ngài để thế gian nhìn thấy.

đã phô bày sứ đồ chúng tôi

Đức Chúa Trời đã bày các sứ đồ ra như những tù nhân bị dẫn đi ở phía cuối đạo binh diễu dành La-mã để bị nhục mạ trước khi bị hành hình.

như những kẻ bị tuyên án tử hình

Đức Chúa Trời đã phơi bày các sứ đồ ra như những người sắp bị hành hình.

cho cả thiên sứ và loài người

cho cả các tạo vật siêu nhiên và loài người

1 Corinthians 4:10

Chúng tôi là những kẻ dại vì cớ Chúa Cứu Thế, còn anh em được khôn ngoan trong Chúa Cứu Thế

Phao-lô dùng những điều trái ngược để làm tương phản cách nhìn nhận của thế gian với cách nhìn nhận của các Cơ Đốc Nhân về việc tin nơi Chúa Cứu Thế.

Chúng tôi yếu đuối, còn anh em mạnh mẽ

Phao-lô dùng những điều trái ngược để làm tương phản cách nhìn nhận của thế gian với cách nhìn nhận của Cơ Đốc Nhân về niềm tin nơi Chúa Cứu Thế.

Anh em được tôn trọng

"Người ta coi trọng anh em, các tín hữu tại Cô-rinh-tô”

chúng tôi bị khinh thường

"người ta khinh thường các sứ đồ”

Cho đến giờ nầy

Tham khảo cách dịch: “Cho đến nay” hoặc “Đến bây giờ”

bị đánh đập tàn nhẫn

Tham khảo cách dịch: “bị hành hạ bằng những trận đòn khắc nghiệt”

1 Corinthians 4:12

Khi chúng tôi bị mắng nhiếc, chúng tôi chúc phước

"Khi người ta mắng nhiếc chúng tôi, chúng tôi chúc phước cho họ”

mắng nhiếc

Tham khảo cách dịch: “khinh bỉ”. Có thể dịch là “lăng mạ” hoặc “nguyền rủa” (Tham khảo bản dịch UDB)

Khi chúng tôi bị bắt bớ

"Khi người ta bắt bớ chúng tôi”

Khi chúng tôi bị vu khống

"Khi người ta vu khống chúng tôi”

Chúng tôi trở nên rác rưởi của thế gian, và giờ vẫn còn bị coi là như vậy

"Chúng tôi đã trở nên rác rưởi của thế gian, và cho đến nay người ta vẫn coi chúng tôi như vậy”

1 Corinthians 4:14

Tôi viết những điều này không phải để khiến anh em xấu hổ, nhưng để khuyên răn anh em

Tham khảo cách dịch: “Tôi không có ý làm anh em xấu hổ, nhưng để giúp anh em trở nên tốt hơn” hoặc “Tôi không cố gắng làm anh em phải xấu hổ, nhưng tôi muốn khuyên răn anh em” (Tham khảo bản dịch UDB)

khuyên răn

“cải thiện” hoặc “làm cho tốt hơn”

mười ngàn ông thầy

Con số phóng đại về những người hướng dẫn các tín hữu, nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của một người cha thuộc linh.

con… cha

Bởi vì Phao-lô đã dẫn các tín hữu Cô-rinh-tô đến với Chúa Cứu Thế, nên ông giống như cha của họ vậy.

nài khuyên

Tham khảo cách dịch: “hết lòng động viên” hoặc “hết lòng khuyên dạy”

1 Corinthians 4:17

Bây giờ

Từ này chỉ ra rằng Phao-lô đang thay đổi chủ đề sang quở trách tính kiêu căng ngạo mạn của các tín hữu Cô-rinh-tô.

1 Corinthians 4:19

Tôi sẽ đến cùng anh em

"Tôi sẽ đến thăm anh em”

không phải ở tại lời nói

Tham khảo cách dịch: “không do lời nói” hoặc “không phải về những điều anh em nói” (Tham khảo bản dịch UDB)

Anh em muốn điều gì?

Phao-lô đưa ra lời kêu gọi cuối cùng đến các tín hữu Cô-rinh-tô khi ông quở trách họ về những lỗi lầm họ phạm phải. Tham khảo cách dịch: “Cho tôi biết anh em mong muốn chuyện gì xảy ra”

Tôi có nên cầm roi đến cùng anh em hay là đến với lòng yêu thương và tinh thần dịu dàng

Phao-lô đưa ra cho các tín hữu tại Cô-rinh-tô hai thái độ trái ngược nhau mà ông có thể dùng khi đến với họ. Tham khảo cách dịch: “Anh em có muốn tôi đến dạy anh em cách hà khắc, hay anh em muốn tôi đến bày tỏ lòng yêu thương anh em và đối xử với anh em cách dịu dàng?”

dịu dàng

Tham khảo cách dịch: "ân cần” hoặc “mềm mại”

Translation Questions

1 Corinthians 4:1

Phao-lô dặn Hội Thánh Cô-rinh-tô xem ông và đoàn của ông ra sao?

Hội Thánh Cô-rinh-tô nên xem họ như những đầy tớ của Chúa Cứu Thế, những người quản trị các sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời

1 Corinthians 4:5

Chúa sẽ làm gì khi Ngài trở lại?

Ngài sẽ đưa ra ánh sáng những điều đang được che giấu trong bóng tối, và phơi bày những mưu định trong lòng.

1 Corinthians 4:6

Tại sao Phao-lô lại áp dụng những điều này cho chính mình và cho A-bô-lô?

Phao-lô làm như vậy vì các tín hữu tại Cô-rinh-tô để họ có thể học được ý nghĩa của cây: “Đừng vượt ra ngoài những lời đã chép”, như vậy không ai trong họ sinh lòng keei căng mà ủng hộ người nầy và chống lại người kia.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Corinthians 4:8

Tại sao Phao-lô lại mong ước các tín hữu Cô-rinh-tô cai trị?

Phao-lô ước các tín hữu Cô-rinh-tô cầm quyền thống trị để Phao-lô và những người bạn của ông có thể cai trị cùng họ

1 Corinthians 4:10

Ba điều trái ngược giữa Phao-lô và người trong đoàn của ông với các tín hữu Cô-rinh-tô?

Phao-lô nói rằng: “Chúng tôi là những kẻ khờ dại vì cơ Chúa Cứu Thế, còn anh em được khôn ngoan trong Chúa Cứu Thế. Chúng tôi yếu đuối, còn anh em mạnh mẽ. Anh em được tôn trọng còn chúng tôi bị khinh khi”

1 Corinthians 4:12

Phao-lô và những người trong đoàn của ông đã phản ứng như thế nào khi bị ngược đãi?

Khi bị chửi rủa, họ chúc phước lại. Khi bị bắt bớ, họ chịu đựng điều đó. Khi bị vu khống, họ đáp lại cánh ôn tồn.

1 Corinthians 4:14

Tại sao Phao-lô viết những điều này cho các tín hữu Cô-rinh-tô?

Ông viết những điều này để sửa dạy họ như những người con yêu quý của mình.

1 Corinthians 4:17

Phao-lô sai Ti-mô-thê đến cùng các tín hữu Cô-rinh-tô để nhắc họ điều gì?

Phao-lô sai Ti-mô-thê đến Cô-rinh-tô để nhắc các tín hữu tại đó về đường lối của Phao-lô trong Chúa Cứu Thế.

Chapter 5

1 Corinthians 5:1

điều này ngay cả dân ngoại cũng không cho phép

"điều đó ngay cả dân ngoại cũng không cho phép”

vợ của cha

Vợ của cha người, nhưng có thể không phải là mẹ ruột của người.

Thay vào đó anh em chẳng phải nên than khóc sao?

Câu hỏi tu từ này được dùng để quở trách Hội Thánh Cô-rinh-tô. “Lẽ ra thay vào đó anh em phải than khóc”

Kẻ làm điều này phải bị loại bỏ khỏi vòng anh em

"Anh em phải loại bỏ kẻ làm điều này ra khỏi mình”

1 Corinthians 5:3

hiện diện trong tâm trí

Trong suy nghĩ của mình, Phao-lô vẫn nhớ đến họ. “Tôi vẫn nhớ đến anh em”

Tôi đã xử phạt kẻ đó rồi

"Tôi đã xác mình và tuyên bố người này phạm tội”

nhóm lại cùng nhau

"gặp”

trong danh Chúa Giê-xu Chúa chúng ta

Cụm từ dùng cho sự nhóm họp lại với nhau để thờ phượng Chúa Cứu Thế Giê-xu

giao người ấy cho Sa-tan

Nói về việc trục xuất người đó ra khỏi những người thuộc về Đức Chúa Trời, như vậy người đó sẽ sống trong vương quốc của Sa-tan, tức là thế giới ngoài Hội Thánh.

để hủy hoại phần thân xác

Để người đó trở nên bệnh tật về phần thể xác khi Đức Chúa Trời trừng phạt người vì cớ tội lỗi của người.

1 Corinthians 5:6

Sự khoe khoang của anh em chẳng tốt đẹp gì

“Sự khoe khoang của anh em là xấu”

Anh em không biết rằng một chút men làm dậy cả đống bột sao?

Giống như chút men lan khắp ổ bánh, một chút tội lỗi cũng ảnh hưởng đến toàn bộ mối liên hệ giữa các tín hữu như vậy.

đã được dâng làm sinh tế

"Chính Đức Chúa Trời đã dâng Chúa Cứu Thế Giê-xu làm con sinh tế”.

Vì Chúa Cứu Thế, là Chiên Con lễ Vượt Qua, đã được dâng làm sinh tế.

Giống như Chiên Con dùng cho lễ Vượt Qua bởi đức tin đã che đậy tội của dân Y-sơ-ra-ên hằng năm, thì cũng bởi đức tin sự chết của Chúa Cứu Thế cũng che đậy tội lỗi của những ai tin nơi Chúa Cứu Thế đến đời đời.

1 Corinthians 5:9

những kẻ gian dâm

Chỉ những người tuyên bố tin nơi Chúa Cứu Thế nhưng lại sống theo cách này.

những kẻ gian dâm của thế giới này

Những người đã chọn sống lối sống đồi bại, họ không phải là Cơ Đốc Nhân.

kẻ tham lam

"những kẻ tham lam” hoặc “nhưng kẻ muốn có mọi thứ mà những người khác có”

những kẻ lừa đảo

Cụm từ này có nghĩa là những người “lừa gạt hoặc ăn gian tiền bạc hay của cải của người khác”

để tránh xa những người nầy anh em sẽ cần phải ra khỏi thế gian

Trên thế gian này, không một nơi nào không có những việc làm như thế. Tham khảo cách dịch: “để tránh xa những loại người nầy, anh em sẽ phải tránh mọi người trên thế gian nầy”

1 Corinthians 5:11

người nào tự xưng

những người tự xưng mình là tín hữu của Chúa Cứu Thế

vì tôi có can hệ gì đến việc xét xử những kẻ ở ngoài Hội Thánh?

Tham khảo cách dịch: “Tôi không xét xử những người không thuộc về Hội Thánh”

Anh em sẽ không xét xử những người trong Hội Thánh sao?

"Anh em nên xét xử những người trong Hội Thánh”

Translation Questions

1 Corinthians 5:1

Phao-lô đã nghe tin đồn gì về hội thánh tại Cô-rinh-tô?

Phao-lô nghe rằng có sự dâm loạn ở đó. Một trong số họ đã ăn nằm với vợ của cha mình.

1 Corinthians 5:9

Phao-lô căn dặn các tín hữu Cô-rinh-tô không được kết giao với ai?

Phao-lô viết thư dăn họ không kết giao với những kẻ gian dâm.

1 Corinthians 5:11

Phao-lô dặn các tín hữu Cô-rinh-tô không kết giao với người nào?

Ông viết những lời nầy dặn họ không được kết giao với người nào tự xưng là anh chị em trong Chúa Cứu Thế mà lại gian dâm hoặc tham lam hoặc chửi rủa, hoặc say sưa hoặc lừa đảo hoặc thờ hình tượng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 6

1 Corinthians 6:1

tranh chấp

Tham khảo cách dịch: “bất hòa” hoặc “cãi vả”

Liệu người ấy có dám đi đến tòa án trước mặt kẻ vô tín, hơn là đến trước mặt các tín đồ?

Phao-lô cho rằng các tín hữu phải tự giải quyết bất hòa với nhau. Tham khảo cách dịch: “Đừng buộc tội anh em cùng niềm tin trước mặt kẻ phân xử vô tín. Các tín hữu trong Hội Thánh phải tự giải quyết các bất hòa với nhau”.

tòa án

Nơi những người thẩm phán thuộc chính quyền địa phương xem xét các vụ kiện cáo và quyết định ai là người đúng.

Anh em không biết rằng các tín đồ sẽ xét xử thế gian sao?

Phao-lô đang đề cập đến sự xét xử thế giới này trong tương lai.

Nếu thật anh em sẽ xét xử thế gian, chẳng lẽ anh em lại không thể giải quyết những vấn đề nhỏ nhặt được sao?

Phao-lô khẳng định trong tương lai họ sẽ được trao cho trách nhiệm và năng lực để xét xử cả thế gian, chính vì vậy hiện giờ họ nên tự xét xử những tranh chấp nhỏ hơn với nhau. Tham khảo cách dịch: “Trong lương lai anh em sẽ xét xử cả thế gian, nên hiện giờ anh em có thể giải quyết được vấn đề này” .

những vấn đề

"những tranh chấp” hoặc “những bất hòa”

Anh em không biết rằng chúng ta sẽ xét xử các thiên sứ sao?

"Anh em biết rằng chúng ta sẽ xét xử các thiên sứ."

chúng ta

Phao-lô bao gồm chính mình và các tín hữu Cô-rinh-tô.

Vậy thì chúng ta không thể xét xử những việc của đời nầy được sao?

Tham khảo cách dịch: “Bởi vì chúng ta sẽ được ban cho trách nhiệm và năng lực để xét xử các thiên sứ, nên chúng ta chắc chắn có thể xét xử những việc đời này.”

1 Corinthians 6:4

Vậy thì nếu anh em phải xét xử những vấn đề trong cuộc sống hằng ngày

Tham khảo cách dịch: “Nếu anh em được kêu gọi quyết định những vấn đề trong cuộc sống thường ngày” hoặc “Nếu anh em phải giải quyết những vấn đề quan trọng trong đời này” (Tham khảo bản dịch UDB)

tại sao anh em lại giao những vụ kiện đó

"Anh em không nên giao những vụ kiện đó”

những người không được kính trọng trong Hội Thánh

Phao-lô đang quở trách các tín hữu tại Cô-rinh-tô về cách họ giải quyết những vụ kiện này. Có thể hiểu 1) “Anh em phải dừng ngay việc giao những vụ kiện cáo như vậy cho những người không đủ tư cách trong Hội Thánh quyết định” hoặc 2) “Anh em phải dừng ngay việc giao những vụ kiện cáo như vậy cho những người ngoài Hội Thánh” hoặc 3) “Thậm chí anh em còn giao những vụ kiện cáo như vậy cho những người chẳng được tín nhiệm trong Hội Thánh giải quyết”

khiến anh em phải xấu hổ

Tham khảo cách dịch: “khiến anh em phải cảm thấy xấu hổ” hoặc “để tỏ cho biết anh em đã sai trong vấn đề này ra sao

Chẳng lẽ trong anh em không có người nào đủ khôn ngoan để phân xử các vụ tranh chấp trong vòng anh chị em mình sao?

Tham khảo cách dịch: “ Anh em có thể tìm một người khôn ngoan trong Hội Thánh để giải quyết những bất hòa giữa các tín hữu.”

cuộc tranh chấp

"cuộc tranh cãi” hoặc “mối bất hòa”

Nhưng đằng này lại

Tham khảo cách dịch: “Nhưng nây giờ nó lại” hoặc “Thay vào đó” (Tham khảo bản dịch UDB)

tín hữu này ra tòa án kiện tín hữu khác, và vụ việc này được trình trước người thẩm phán vô tín

Tham khảo cách dịch: “Những tín hữu có tranh chấp với các tín hữu khác yêu cầu các thẩm phán vô tín quyết định cho mình"

vụ việc này được trình

"một tín hữu trình vụ kiện đó”

1 Corinthians 6:7

thất bại

Tham khảo cách dịch: “bại trận” hoặc “thua”

Sao anh chị em chẳng thà chịu bất công đi? Sao anh chị em chẳng thà để mình bị lừa gạt đi?

Tham khảo cách dịch: “Thà để người khác đối đãi bất công và lừa gạt mình hơn là kiện họ ra tòa”

lừa gạt

Tham khảo cách dịch: “lừa” hoặc “đánh lừa”

anh chị em mình

Tất cả những người tin nơi Chúa Cứu Thế đều là anh chị em với nhau. Tham khảo cách dịch: “những anh chị em cùng đức tin”

1 Corinthians 6:9

anh em không biết rằng

Phao-lô nhấn mạnh là họ phải biết lẽ thật này rồi: Tham khảo cách dịch: “Anh em vốn đã biết”

người bất chính sẽ không được hưởng

“chỉ duy người công chính sẽ được hưởng”

hưởng nước Đức Chúa Trời

Trong ngày đoán xét, Đức Chúa Trời sẽ không xử những người này như những người công bình và họ sẽ không vào được sự sống đời đời.

mại dâm nam

Đây là những người nam làm mại dâm ngủ với người nam khác.

những người đồng tính luyến ái

một người nam ngủ với một người nam khác

kẻ trộm cắp

"kẻ trộm đồ của người khác” hoặc “kẻ trộm”

kẻ tham lam

Tham khảo cách dịch: những người lấy quá nhiều đến nỗi người khác không lấy đủ phần”

kẻ lừa đảo

Tham khảo cách dịch: “kẻ lừa gạt” hoặc “những kẻ cướp từ những người tin tưởng nơi mình” (Tham khảo bản dịch UDB)

anh chị em đã được tinh sạch

Đức Chúa Trời đã khiến anh chị em trở nên tinh sạch.

anh em đã được thánh hóa

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã khiến anh em trở nên thánh” hoặc “Đức Chúa Trời đã khiến anh em nên thánh”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

anh em đã được giảng hòa với Đức Chúa Trời
Đức Chúa Trời đã khiến anh em hòa lại với Ngài
1 Corinthians 6:12
Tôi được phép làm mọi điều
Tham khảo cách dịch: “Vài người nói: Tôi có thể làm mọi điều” hoặc “Tôi được phép làm mọi điều”
nhưng không phải mọi điều đều có ích
"những không phải điều nào cũng tốt cho tôi”
Tôi sẽ không để bất cứ điều nào làm chủ mình
Tham khảo cách dịch: “Những điều này sẽ không cai trị trên tôi như một người chủ”
"Đồ ăn vì bụng, và bụng vì đồ ăn”, nhưng Đức Chúa Trời sẽ hủy hoại cả hai
Tham khảo cách dịch: “Có người cho rằng: “Đồ ăn vì bụng, bụng vì đồ ăn’, nhưng Đức Chúa Trời sẽ hủy hoại cả bụng và đồ ăn”
bụng
thân thể vật lí
hủy hoại
"phá hủy”
1 Corinthians 6:14
khiến Chúa sống lại
khiến Chúa Giê-xu sống lại
Anh em không biết rằng thân thể anh em là chi thể của Chúa Cứu Thế sao?
Giống như tay chân là chi thể của thân thể chúng ta, thì thân thể của chúng ta cũng là chi thể trong thân thể của Chúa Cứu Thế tức là Hội Thánh. “Thân thể anh em là chi thể của Chúa Cứu Thế”
Vậy thì tôi có nên lấy chi thể của Chúa Cứu Thế làm thành chi thể của gái mại dâm không?
Tham khảo cách dịch: “Anh em là chi thể của Chúa Cứu Thế. Tôi sẽ không kết hợp anh em với gái mại dâm"
Không bao giờ!
Tham khảo cách dịch: “Chuyện đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra”
1 Corinthians 6:16
Anh em không biết rằng
“Anh em vốn biết rằng”. Phao-lô đang nhấn mạnh sự thật là họ đều biết.
Còn ai kết hiệp với Chúa sẽ trở nên một tâm linh với Ngài
Tham khảo cách dịch: “Người nào kết hiệp với Chúa thì trở nên một tâm linh với Ngài”
1 Corinthians 6:18
Chạy khỏi
Hình ảnh thực tế một người chạy khỏi mối nguy hiểm được so sánh với hình ảnh thuộc linh về một người từ chối tội lỗi. Tham khảo cách dịch: “đi xa khỏi”
phạm phải
Tham khảo cách dịch: “làm” hoặc “thực hiện”
"Mọi tội khác mà người ta phạm đều ở ngoài thân thể”, nhưng những kẻ gian dâm thì phạm tội đến chính thân thể mình.
Tội về tính dục có thể gây hậu quả trong chính thân thể của người đó, người đó trở nên ốm yếu với bệnh tật, nhưng những tội khác thì không làm hại đến thân thể như vậy.
1 Corinthians 6:19
Anh em không biết rằng
"Anh em vốn biết rằng”. Phao-lô nhấn mạnh rằng họ vốn đã biết chân lí này.
thân thể của anh em
Thân thể của mỗi một Cơ Đốc Nhân là đền thờ của Đức Thánh Linh.
đền thờ của Đức Thánh Linh
Đền thờ được dành riêng cho thần thánh và cũng là nơi thần thánh ngự. Cũng vậy, mỗi thân thể của một tín hữu Cô-rinh-tô giống như đền thờ bởi vì Đức Thánh Linh hiện diện trong họ.
Vì anh em đã được mua bằng giá rất cao rồi
Đức Chúa Trời trả cái giá cho sự tự do của các tín hữu Cô-rinh-tô ra khỏi ách nô lệ của tội lỗi. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã trả giá rất cao cho sự tự do của anh em”
Vậy nên
Tham khảo cách dịch: “chính vì vậy” hoặc “bởi điều này là thật” hoặc “vì cớ điều này”

Translation Questions

1 Corinthians 6:1
Phao-lô cho rằng các thánh đồ tại Cô-rinh-tô có thể xét xử những việc gì?
Phao-lô cho rằng họ có thể xét xử những tranh chấp giữa các thánh đồ về những việc liên quan đến đời này.
1 Corinthians 6:7
Việc tranh chấp giữa các tín hữu Cô-rinh-tô cho thấy điều gì?
Nó cho thấy tình trạng này là một thất bại cho họ
1 Corinthians 6:9
Người nào sẽ không được hưởng vương quốc của Đức Chúa Trời?
Những kẻ ác, kẻ tà dâm, kẻ thờ thần tượng, kẻ ngoại tình, người nam mại dâm, kẻ đồng tính luyến ái, kẻ trộm cắp, kẻ tham lam, kẻ say sưa, kẻ vu khống, kẻ chửi rủa sẽ không được hưởng nước Đức Chúa Trời.
1 Corinthians 6:12
Hai điều mà Phao-lô khẳng định mình sẽ không để làm chủ mình là gì?
Phao-lô khẳng định ông sẽ không để đồ ăn hoặc tình dục cai trị mình.
1 Corinthians 6:16
Chuyện gì xảy ra khi một người kết hợp với gái mại dâm?
Người sẽ trở nên một thịt với người nữ đó.
1 Corinthians 6:18
Khi một người phạm tội dâm dục thì phạm đến ai?
Họ sẽ phạm đến chính thân thể mình khi là kẻ dâm dục
1 Corinthians 6:19
Tại sao các tín hữu phải dùng thân thể mình mà tôn vinh Đức Chúa Trời?
Họ nên dùng thân thể mình mà ngợi khen Đức Chúa Trời bởi vì thân thể họ chính là đền thờ của Đức Thánh Linh và bởi vì họ đã được chuộc bằng giá rất cao rồi.

Chapter 7

1 Corinthians 7:1
Bây giờ
Phao-lô đang nêu một chủ đề mới trong lời dạy của mình.
những điều anh anh đã viết cho tôi
Các tín hữu tại Cô-rinh-viết một lá thư gửi cho Phao-lô để xin ông giải đáp một số thắc mắc.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

vì một người nam
Ở đây, từ này được dùng để chỉ về người chồng.
ấy là tốt lành
Tham khảo cách dịch: “Ấy là điều phải lẽ và có thể chấp nhận được”
Nhưng vì cớ những cám dỗ xui phạm nhiều việc làm sai trái
Tham khảo cách dịch: “Nhưng vì người trải những cám dỗ phạm tội tà dâm”
Mỗi người nam nên có vợ, và mỗi người nữ nên có chồng
Để làm rõ vấn đề này khỏi phong tục có nhiều vợ hoặc nhiều chồng, nên dịch “mỗi người nam nên có một vợ và mỗi người nữ nên có một chồng”
1 Corinthians 7:3
quyền vợ chồng
Cả chồng và vợ buộc phải thường xuyên ngủ với người phối ngẫu của mình.
1 Corinthians 7:5
Đừng từ chối ngủ cùng nhau
Tham khảo cách dịch: “đừng từ chối ngủ với vợ hoặc chồng mình”
để anh chị em có thể chuyên tâm cầu nguyện
Vợ chồng cùng quyết định từ chối không ngủ chung với nhau trong một vài ngày để có thể dành một khoảng thời gian chuyên tâm cầu nguyện đặc biệt. Trong Do Thái giáo, thời gian này có thể là 1-2 tuần.
chuyên tâm
"hết lòng”
trở lại với nhau
Tham khảo cách dịch: “lại ngủ cùng nhau”
bởi vì anh em thiếu tự chủ
Tự chủ
Tôi nói những điều này cho anh em ấy là sự nhân nhượng chứ không phải là mệnh lệnh.
Phao-lô khuyên các tín hữu Cô-rinh-tô rằng họ có thể dành ra một khoảng thời gian ngắn không ngủ với nhau vì mục đích cầu nguyện, nhưng ông cũng nói rằng đây chỉ là một trường hợp đặc biệt chứ không phải yêu cầu liên tục.
giống như tôi
Ở vậy (trước đây từng lập gia đình hoặc không bao giờ lập gia đình) giống như Phao-lô.
Nhưng mỗi người có ân tứ riêng từ Đức Chúa Trời. Người ân tứ nầy, người kia ân tứ khác.
Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã ban cho người khả năng nầy, người kia khả năng khác”
1 Corinthians 7:8
độc thân
“hiện tại chưa lập gia đình”. Có thể là sẽ không bao giờ lập gia đình hoặc cũng có thể trước đây đã từng lập gia
quả phụ
Người đàn bà có chồng đã qua đời
Ấy là điều tốt
Từ “tốt” ở đây có nghĩa là phải lẽ và có thể chấp nhận được.
Tham khảo cách dịch: “Ấy là điều phải lẽ và có thể chấp nhận được”
kết hôn
Thành vợ chồng
un đốt
Tham khảo cách dịch: “sống với khao khát liên tục được ngủ với người nào đó”
1 Corinthians 7:10
đã lập gia đình
Có người phối ngẫu (vợ hoặc chồng)
không nên phân rẽ
Hầu hết người La-mã không phân biệt được giữa li hôn hợp pháp và sự phân rẽ đơn thuần, “phân rẽ” đối với hầu hết các cặp vợ chồng có nghĩa là cuộc hôn nhân của họ đã không còn tồn tại nữa.
làm hòa lại với chồng
"vợ nên cùng chồng giải quyết những vấn đề của mình rồi quay lại với chồng”
không nên li hôn
Tương tự với “không nên phân rẽ” (xem note ở trên). Từ này có thể bao hàm cả li hôn hợp pháp và sự phân rẽ thông thường.
1 Corinthians 7:12
bằng lòng
"sẵn lòng” hoặc “hài lòng”
Vì người chồng không tin Chúa được để riêng
"vì Đức Chúa Trời đã để riêng chồng không tin Chúa”
họ đều được thánh hóa
"Đức Chúa Trời đã thánh hóa họ”
1 Corinthians 7:15
Trong những trường hợp nầy, anh em hay chị em không bị ràng buộc với lời thề nguyện của mình
"trong những trường hợp như vậy, nguyện ước hôn nhân của các cặp vợ chồng tin Chúa không còn còn bắt buộc nữa”
hỡi người làm vợ, biết đâu chị em sẽ cứu được chồng mình?
"chị em không nhận biết rằng biết đâu mình sẽ cứu được người chồng không tin Chúa của mình”
hỡi người làm chồng, biết đâu các ông sẽ cứu được vợ mình
"anh em không biết rằng biết đâu mình sẽ cứu được người vợ không tin Chúa của mình”
1 Corinthians 7:17
mỗi người
"mỗi tín hữu”
Đây là nguyên tắc của tôi cho tất cả các Hội Thánh
Phao-lô dạy các tín hữu trong tất cả các Hội Thánh phải làm theo cách này
Có ai khi được kêu gọi tin Chúa thì đã chịu phép cắt bì rồi
Phao-lô đang nhắm đến những người đã chịu phép cắt bì
Có ai chưa chịu phép cắt bì mà được kêu gọi đến đức tin chăng?
Phao-lô đang nhắm đến những người chưa chịu phép cắt bì. Tham khảo cách dịch: “Đối với những người chưa chịu phép cắt bì, khi Đức Chúa Trời kêu gọi anh em tin Ngài thì anh em vốn vẫn chưa chịu phép cắt bì.”
1 Corinthians 7:20
trong sự kêu gọi
Trong trường hợp này, “sự kêu gọi” chỉ công việc hoặc địa vị xã hội mà bạn đang làm; Tham khảo cách dịch: “sống và làm việc như anh em đã làm trước đây” (Tham khảo bản dịch UDB)
Anh em là nô lệ khi Đức Chúa Trời kêu gọi anh em sao?
Tham khảo cách dịch: “Đối với anh em nào là nô lệ khi được Đức Chúa Trời kêu gọi để tin Ngài?”
người tự do của Chúa
Đức Chúa Trời đã tha thứ người này, chính vì vậy họ được tự do khỏi Sa-tan và tội lỗi
Anh em đã được chuộc bằng giá rất cao

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo cách dịch: “Chúa Cứu Thế đã chuộc anh em bằng cách chết thay cho anh em”

khi chúng ta được gọi tin nhận Chúa

"khi Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta tin nơi Ngài”

chúng ta...chúng ta

Chỉ toàn bộ Cơ Đốc Nhân

1 Corinthians 7:25

Bây giờ, liên quan đến những người chưa lập gia đình, tôi chưa nhận được lời dạy nào từ Chúa

Phao-lô không biết bài giảng nào của Chúa Giê-xu về hoàn cảnh này. Tham khảo cách dịch: “Tôi chưa nhận được lời dạy nào từ Chúa về những người chưa lập gia đình”

ý kiến của tôi

Phao-lô nhấn mạnh rằng đây là những suy nghĩ của ông về vấn đề hôn nhân gia đình- không phải lời dạy trực tiếp đến từ Chúa.

Vì thế

Tham khảo cách dịch: “Vì vậy nên” hoặc “Vì cớ điều nầy”

khủng hoảng sắp tới

Tham khảo cách dịch: “tai họa sắp tới”

1 Corinthians 7:27

Có phải anh em đang bị ràng buộc với một người nữ bởi lời thề nguyện hôn nhân?

Phao-lô đang nói đến những nam đã lập gia đình. Tham khảo cách dịch: “Nếu anh em đã lập gia đình,”

Đừng tìm cách thoát khỏi nó

Tham khảo cách dịch: “Đừng cố để thoát khỏi lời thề nguyện trong hôn nhân”

Có phải anh chưa bị ràng buộc với vợ hoặc chưa lập gia đình?

Phao-lô đang nhắm tới những người hiện tại chưa lập gia đình. Tham khảo cách dịch: “Nếu hiện nay anh em vẫn chưa lập gia đình”

Đừng kiếm vợ

Tham khảo cách dịch: “Đừng cố lấy vợ”

phạm phải

"làm” hoặc “thực hiện”

Tôi muốn anh chị em tránh khỏi điều đó

Tham khảo cách dịch: “Tôi không muốn anh chị em bị những điều đó”

1 Corinthians 7:29

Thì giờ ngắn ngủi

Tham khảo cách dịch: “Chỉ còn ít thời gian” hoặc “Thì giờ đã gần hết”

than khóc

Tham khảo cách dịch: “khóc” hoặc “khóc lóc đau buồn”

những kẻ ăn ở với thế gian

Tham khảo cách dịch: “những kẻ ăn ở hằng ngày với người vô tín”

như thể không can hệ gì với nó

Tham khảo cách dịch: “giống như họ chẳng có liên hệ gì với kẻ vô tín”

Vì hình trạng của thế gian này sẽ chấm dứt

Bởi vì sự kiểm soát của Sa-tan trên thế gian này sắp không còn nữa.

1 Corinthians 7:32

không bận tâm lo lắng

Tham khảo cách dịch: “bình tĩnh” và”không lo lắng”

lo về

Tham khảo cách dịch: “tập trung vào”

Người ấy bị chi phối

Tham khảo cách dịch: “Người ấy đang cố gắng làm vừa lòng Đức Chúa Trời và vừa lòng vợ”

1 Corinthians 7:35

ràng buộc

"gánh nặng” hoặc “hạn chế"

có thể tận tâm với

“có thể tập trung vào”

1 Corinthians 7:36

Thông tin chung:

Một số người nghĩ rằng Phao-lô đang nói với những người nam độc thân về những người nữ mà họ muốn kết hôn (xem bản ULB và UDB). Một số khác thì nghĩ rằng Phao-lô đang nói với cha của những người nữ độc thân (xem các phần giải nghĩa có thể có trong phần note.)

không đối xử.... với sự tôn trọng

"không tử tế” hoặc “không tôn trọng”

vị hôn thê

Có thể hiểu 1) “người nữ mình hứa sẽ cưới” hoặc 2) “cô con gái đồng trinh của mình”

hôn thê

người nữ mà người nam đã đồng ý kết hôn

tình cảm quá nồng nàn

Có thể mang nghĩa là 1) vì cớ những ham muốn tình dục của người đó (bản UDB) hoặc 2) “vì nàng không còn trẻ nữa.”

hãy để người ấy cưới nàng

Có thể hiểu 1) “hãy để người ấy cưới vị hôn thê của mình” (UDB) hoặc “hãy để người ấy gả con gái của mình”

người đã quyết định không kết hôn

Có thể có nghĩa là 1) “nếu người đã quyết định rằng mình không muốn kết hôn” (UDB) hoặc 2) “nếu người đã quyết định không gả con gái mình.”

người đã làm đúng nếu không cưới nàng

Có thể có nghĩa là 1) “người đã quyết định đúng khi không cưới nàng” (bản UDB) hoặc 2) “người đã quyết định hợp lí nếu không gả con gái mình.”

cưới vị hôn thê của mình

Có thể có nghĩa: “gả con gái của mình”

quyết định không kết hôn

Có thể có nghĩa: “quyết định không gả con gái mình”

1 Corinthians 7:39

chừng nào chồng còn sống

"cho đến khi người chồng qua đời”

người nàng muốn

Tham khảo cách dịch: “bất cứ người nào nàng muốn”

trong Chúa

Tham khảo cách dịch: “miễn là người chồng mới phải là người đã tin Chúa”

sự phân xử của tôi

"sự hiểu biết của tôi về lời của Đức Chúa Trời”

hạnh phúc hơn

Hài lòng hơn, vui vẻ hơn

nàng cứ ở vậy

Tham khảo cách dịch: “vẫn không lập gia đình”

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Corinthians 7:5

Thời điểm thích đáng để người chồng và vợ từ chối nhau về mặt tính dục?

Việc này là chính đáng, nếu chồng và vợ đồng ý với nhau và lập ra một khoảng thời gian nhất định để có thể chuyên tâm cầu nguyện.

1 Corinthians 7:8

Điều gì Phao-lô cho rằng các quả phụ và những người chưa kết hôn làm thì tốt?

Phao-lô cho rằng sẽ tốt cho họ nếu cứ ở độc thân.

1 Corinthians 7:10

Mạng lệnh nào Chúa dành cho những người đã kết hôn?

Vợ không được bỏ chồng. Nếu vợ đã bỏ chồng thì nàng nên ở vậy hoặc phải làm hòa lại với chồng. Cũng vậy, người chồng không được li dị vợ.

1 Corinthians 7:12

Một người chồng hoặc ngượi vợ tin Chúa có nên li dị người phối ngẫu không tin Chúa của mình?

Nếu người chồng hoặc vợ không tin Chúa bằng lòng chung sống với người phối ngẫu của mình thì không nên li dị người không tin đó.

1 Corinthians 7:15

Một người tin Chúa nên làm gì nếu người phối ngẫu không tin Chúa của mình muốn phân rẽ?

Người tin Chúa sẽ để cho người phối ngẫu không tin của mình đi.

1 Corinthians 7:17

Nguyên tắc nào mà Phao-lô đã lập ra trong tất cả các Hội Thánh?

Ấy là nguyên tắc: Mỗi người phải sống cuộc đời mà Chúa đã định cho mình, là điều mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ đến.

1 Corinthians 7:27

Một người tin Chúa nên làm gì nếu bị ràng buộc với vợ bởi lời thề nguyện hôn nhân?

Họ không nên tìm cách bỏ vợ.

1 Corinthians 7:39

Người vợ phải ràng buộc với chồng trong bao lâu?

Chồng còn sống bao lâu thì vợ phải ràng buộc với chồng bấy lâu.

Nếu người chồng tin Chúa qua đời, thì người vợ có thể kết hôn với người nào?

Nàng có thể kết hôn với người nào mình muốn, miễn là ở trong Chúa.

Chapter 8

1 Corinthians 8:1

Bây giờ, về

Phao-lô dùng cụm nầy để qua câu hỏi tiếp theo mà các tín hữu Cô-rinh-tô đã hỏi ông.

của cúng thần tượng

Các tín đồ tà giáo sẽ dâng lúa, cá, gà hoặt thịt lên cho thần của mình. Các thầy tế lễ của họ sẽ thiêu một phần của dâng đó trên bàn thờ. Phao-lô đang nói đến phần của dâng còn lại, là phần sẽ được trả lại cho người tín đồ hoặc được bày bán ngoài chợ.

Chúng ta biết rằng “Tất cả chúng ta đều hiểu biết”

Phao-lô trích lời của một vài tín hữu Cô-rinh-tô. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi đều biết, như anh em vẫn nói, rằng “Tất cả chúng ta đều hiểu biết”

sinh kiêu căng

"khiến người ta tự hào” hoặc “khiến người ta quá lo nghĩ về bản thân”

tưởng mình biết điều gì

"tin rằng mình biết mọi thứ về vấn đề gì đó”

người ấy được Chúa biết đến

"Đức Chúa Trời biết người ấy" (See:)

1 Corinthians 8:4

Chúng ta biết

Đại từ “Chúng ta” bao gồm Phao-lô và các tín hữu Cô-rinh-tô.

Chúng ta biết rằng “thần tượng trên thế gian là hư không”

Phao-lô trích dẫn lời một vài tín hữu Cô-rinh-tô đã nói. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta đều biết, như anh em thường nói rằng: “thần tượng chẳng có quyền hay ý nghĩa gì đối với chúng ta”

thần tượng trên thế gian là hư không

Tham khảo cách dịch: “thần tượng chẳng có quyền lực trên thế gian này”

nhiều thần nhiều chúa

Phao-lô không tin nhiều vị thần, nhưng ông nhận thấy các tín hữu đa thần thì tin vào những thần đó.

chúng ta

Từ “chúng ta” chỉ Phao-lô và các tín hữu Cô-rinh-tô.

đối với chúng ta thì có

“chúng ta tin vào”

1 Corinthians 8:7

mọi người… một số người

"hết thảy mọi người… một vài người trong số đó”

hư hoại

"hư hỏng” hoặc “bị tổn hại”

1 Corinthians 8:8

đồ ăn sẽ không làm cho chúng ta được đẹp lòng Đức Chúa Trời

"đồ ăn không khiến Đức Chúa Trời chấp nhận chúng ta” hoặc “đồ chúng ta ăn không khiến Đức Chúa Trời hài lòng về chúng ta”

Chúng ta chẳng xấu hơn nếu không ăn, mà ăn thì cũng chẳng tốt hơn.

“Có thể vài người cho rằng nếu không ăn thì chúng ta sẽ không được đẹp lòng Đức Chúa Trời. Nhưng họ đã lầm. Còn những người cho Chúa sẽ yêu chúng ta hơn nếu chúng ta ăn những đồ ăn đó cũng không đúng.”

những anh chị em yếu đuối

Những anh chị em tín hữu không vững vàng trong đức tin của mình

khuyến khích ăn

"cổ vũ ăn”

1 Corinthians 8:11

những anh chị em yếu đuối hơn… bị hư mất

Những anh chị em tín hữu không vững vàng trong đức tin của mình sẽ phạm tội hoặc mất niềm tin.

Vì vậy

"Vì nguyên tắc cuối cùng này”

nếu đồ ăn gây cho

"nếu đồ ăn dẫn đến” hoặc “nếu đồ ăn khuyến khích”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

1 Corinthians 8:1

Trong phân đoạn này, Phao-lô bắt đầu nói đến chủ đề gì?

Phao-lô nói đến của cúng thần tượng

Kết quả của sự hiểu biết và tình yêu thương là gì?

Sự hiểu biết sinh kiêu căng, còn tình yêu thương thì xây dựng

1 Corinthians 8:4

Trong phân đoạn này, Phao-lô bắt đầu nói đến chủ đề gì?

Phao-lô nhấn mạnh chủ đề về của cúng thần tượng

Thần tượng có ngang bằng với Đức Chúa Trời không?

Không. Thần tượng trong thế gian chỉ là hư không, chỉ có một Đức Chúa Trời chứ không có thần nào khác.

1 Corinthians 8:7

Chuyện gì xảy ra khi một người thờ lạy thần tượng ăn đồ cúng tế đó?

Lương tâm của họ bị hư hoại vì lương tâm đó yếu đuối.

1 Corinthians 8:8

Đồ ăn có giúp chúng ta tốt hơn hay tệ hơn trước mặt Đức Chúa Trời?

Đồ ăn sẽ không khiến chúng ta được yêu mến trước mặt Đức Chúa Trời. Nếu không ăn cũng chẳng xấu, mà ăn cũng chẳng tốt hơn.

1 Corinthians 8:11

Chuyện gì xảy ra khi một anh chị em với lương tâm yếu đuối về của cúng thần tượng và ăn đồ ăn đó bởi vì người đã thấy chúng ta ăn nó?

Chúng ta khiến cho người anh em hoặc chị em mình là những người có lương tâm yếu đuối bị hủy hoại.

Chúng ta phạm tội với ai khi cố ý khiến anh chị em trong Chúa Cứu Thế vấp phạm vì lương tâm yếu đuối của họ?

Chúng ta phạm tội với anh chị em mình, khiến họ vấp phạm, và chúng ta đã phạm tội với Chúa Cứu Thế.

Chapter 9

1 Corinthians 9:1

Tôi không được tự do sao?

Phao-lô dùng câu hỏi tu từ này để nhắc các tín hữu Cô-rinh-tô về những quyền mà ông có. Tham khảo cách dịch: “Tôi đang tự do”

Tôi không phải là sứ đồ sao?

Phao-lô dùng câu hỏi tu từ này để nhắc các tín hữu Cô-rinh-tô nhớ ông là ai và ông có những quyền lợi nào. Tham khảo cách dịch: “Tôi là sứ đồ”

Tôi chẳng từng nhìn thấy Chúa Giê-xu Chúa chúng ta sao?

Phao-lô dùng câu hỏi tu từ này để nhắc các tín hữu Cô-rinh-tô nhớ ông là ai. Tham khảo cách dịch: “Tôi đã từng nhìn thấy Chúa Giê-xu Cứu Chúa chúng ta”.

Anh em không phải là thành quả của tôi trong Chúa sao?

Phao-lô dùng câu hỏi tu từ này để nhắc các tín hữu Cô-rinh-tô về mối liên hệ của họ với ông. Tham khảo cách dịch: “Đức tin của anh em trong Chúa Cứu Thế là kết quả của công việc tôi làm trong Chúa”

anh em là bằng chứng về

Tham khảo cách dịch: "đức tin của anh em trong Chúa Cứu Thế xác nhận”

1 Corinthians 9:3

Chúng tôi không có quyền ăn uống sao?

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi có quyền chính đáng nhận đồ ăn thức uống từ các Hội Thánh”

chúng tôi

Chỉ Phao-lô và Ba-ba-ba. .

Có phải chúng tôi không có quyền dẫn người vợ tin Chúa theo với mình, như các sứ đồ khác vẫn làm hay như các em của Chúa và Sê-pha đã làm hay sao?

Tham khảo cách dịch: “Nếu chúng tôi có người vợ tin Chúa thì chúng tôi có quyền đem họ theo với chúng tôi, bởi vì các sứ đồ khác, các em của Chúa và Sê-pha cũng làm như vậy”

Hay chỉ có Ba-na-ba và tôi là phải làm việc?

Tham khảo cách dịch: “Ba-na-ba và tôi có quyền không làm việc” hoặc “Nhưng anh em lại cho rằng Ba-na-ba và tôi phải làm việc để kiếm tiền”

1 Corinthians 9:7

Có người lính nào đi đánh giặc bằng chính tiền của mình không?

Tham khảo cách dịch: “Môt người lính sẽ không dùng tiền của mình đi đánh giặc” .

Có ai trồng vườn nho mà lại không được ăn trái của nó không?

Tham khảo cách dịch: “Người trồng vườn nho sẽ ăn trái của vườn mình” hoặc “Chẳng ai lại nghĩ rằng người trồng vườn nho sẽ không ăn trái của vườn mình”

Hay có ai chăn bầy mà không được uống sữa của bầy mình không?

Tham khảo cách dịch: “Một người chăn bầy gia súc sẽ uống sữa từ bầy của mình” hoặc “Chẳng ai lại cho rằng một người chăn bầy thì không được uống sữa của bầy mình cả”

Có phải tôi nói những điều này dựa theo cách của người đời không?

Tham khảo cách dịch: “Tôi không nói những điều này dựa trên những thói quen của người đời”

Luật pháp cũng nói như vậy sao?

Tham khảo cách dịch: “Đây là điều được chép trong luật pháp"

1 Corinthians 9:9

Có thật là Đức Chúa Trời lo cho con bò không?

Tham khảo cách dịch: “Không phải Đức Chúa Trời quan tâm con bò nhất” (See:;

Ngài không nói về chúng tôi sao?

Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn Đức Chúa Trời đang nói về chúng tôi”

về chúng tôi

Từ “chúng tôi” ở đây chỉ Phao-lô và Ba-na-ba.

Có phải chúng tôi nhận của vật chất từ anh em là quá đáng?

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi chẳng quá đáng khi nhận sự hỗ trợ vật chất từ anh em”

1 Corinthians 9:12

những người khác

những người khác cũng làm việc vì cớ phúc âm.

quyền nầy

Quyền mà Phao-lô nhắc tới là quyền để cho rằng các tín hữu tại Cô-rinh-tô sẽ chu cấp chi phí sống cho Phao-lô bởi vì ông là người truyền bá Phúc Âm đến với họ đầu tiên.

Chúng tôi lại chẳng có quyền đó hơn sao?

Từ “chúng tôi” chỉ Phao-lô và Ba-na-ba. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi thậm chí còn có quyền đó hơn”

là trở ngại cho

"là gánh nặng cho” hoặc “ngăn chặn sự lan truyền của”

được nuôi sống nhờ tin lành

"nhận được sự hỗ trợ hằng ngày cho việc truyền bá Tin Lành”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Corinthians 9:15

những quyền nầy

Tham khảo cách dịch: “những lợi ích này” hoặc “những điều mà chúng tôi đáng được nhận”

để tôi nhận được điều gì đó

Tham khảo cách dịch: “để nhận được điều gì đó từ anh em” hoặc “để anh em sẽ chu cấp nguồn hỗ trợ hằng ngày cho tôi”

lấy đi

Tham khảo cách dịch: “mang đi” hoặc “giấu đi”

Tôi phải làm như vậy

"Tôi phải rao truyền Phúc Âm”

khốn thay cho tôi nếu

Tham khảo cách dịch: “Nguyện những điều không may xảy ra cho tôi nếu”

1 Corinthians 9:17

nếu tôi sẵn lòng làm điều này

"nếu tôi sẵn lòng rao giảng’

cách sẵn lòng

Tham khảo cách dịch: “cách vui lòng” hoặc “cách thoải mái”

Tôi vẫn còn trách nhiệm đã được giao cho tôi

Tham khảo cách dịch: “Tôi phải làm công việc mà Đức Chúa Trời đã giao cho tôi hoàn thành”

Vậy thì phần thưởng của tôi là gì?

Tham khảo cách dịch: “Đây là phần thưởng của tôi”

Đó là khi tôi giảng Tin Lành, tôi giảng không công

Tham khảo cách dịch: “Phần thưởng của tôi về sự giảng Tin Lành ấy là tôi có thể rao giảng mà không phải chịu ơn ai”

đem Tinh Lành đến

Tham khảo cách dịch: “rao giảng Tin Lành”

và do đó không tận dụng hết những quyền lợi của mình trong Tin Lành

Tham khảo cách dịch: “và do đó không đòi hỏi các tín hữu phải hỗ trợ cho tôi khi tôi đi đây đó để rao giảng Tin Lành”

1 Corinthians 9:19

chinh phục được nhiều hơn

"thuyết phục những người khác tin nhận” hoặc “giúp đỡ những người khác tin nơi Chúa Cứu Thế”

Tôi đã trở nên như người Do Thái

Tham khảo cách dịch: “Tôi hành xử như người Do Thái” hoặc “Tôi làm theo những phong tục của người Do Thái”

Tôi trở nên như người sống dưới luật pháp

Tham khảo: “Tôi trở nên như người tuân theo luật Do Thái, chấp nhận sự hiểu biết của họ về sự dạy dỗ trong Kinh Thánh Do Thái.”

1 Corinthians 9:21

ngoài Luật Pháp

Những người này không tuân giữ luật pháp của Môi-se. Đây là những nước ngoại bang. Tham khảo cách dịch: “nằm ngoài tầm kiểm soát của luật pháp Do Thái”

1 Corinthians 9:24

Anh em không biết rằng trong cuộc chạy đua mọi người đều chạy, nhưng chỉ có một người đoạt giải sao?

Phản ứng mong đợi

chạy đua

Phao-lô so sánh việc sống đời sống của một Cơ Đốc Nhân và làm việc cho Đức Chúa Trời giống như tham gia cuộc chạy đua và trở nên một vận động viên. Cũng giống như trong cuộc đua, đời sống và việc làm của các Cơ Đốc Nhân đòi hỏi những kỷ luật nghiêm khắc với tư cách là một vận động viên, và trong cuộc đua này các Cơ Đốc Nhân có một mục đích rõ ràng.

chạy để thắng giải

Chạy với cam kết nỗ lực hết sức được so sánh với cam kết làm những điều Đức Chúa Trời muốn bạn làm.

vòng hoa chiến thắng

Vòng hòa là vật để ghi lại sự thành công hoặc việc đã hoàn thành cuộc đua, được những người có thẩm quyền hoặc sự kiện đó trao cho. Hình ảnh ẩn dụ này chỉ về đời sống sống tôn cao Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đã ban cho người đó mão miện đời đời về sự cứu rỗi.

Tôi không chạy mà không có mục đích

"Tôi biết rất rõ tại sao mình chạy”

Chính mình tôi sẽ không bị loại

Thể bị động được chuyển lại thành thể chủ động trong câu sau. Tham khảo cách dịch: “Đấng phán xét sẽ không loại bỏ tôi”

Translation Questions

1 Corinthians 9:1

Phao-lô đã đưa ra những bằng chứng nào cho thấy ông là sứ đồ?

Phao-lô nói rằng bởi vì các tín hữu tại Cô-rinh-tô là kết quả trong công việc của ông trong Chúa, chính họ là bằng chứng Phao-lô là sứ đồ trong Chúa.

1 Corinthians 9:7

Phao-lô đã đưa những ví dụ nào về những người nhận được ích lợi hoặc trược trả công xứng đáng với công việc mình làm?

Phao-lô nhắc đến những người lính, người trồng vườn nho, người chăn bầy như những ví dụ về những người nhận được ích lời hoặc được trả công xứng đáng cho việc mình làm.

1 Corinthians 9:9

Ví dụ nào từ luật Môi-se mà Phao-lô đưa ra để bổ trợ cho ý nhận được ích lợi hoặc tiền lương xứng đáng cho công việc của người đó?

Phao-lô trích dẫn mạng lệnh: “Chớ khớp miệng con bò đang đạp lúa” để bổ trợ cho lý lẽ của mình.

1 Corinthians 9:12

Quyền lợi nào mà Phao-lô và những người trong đoàn của ông có trong vòng các tín hữu Cô-rinh-tô, mặc dầu họ không hề đòi hỏi quyền đó?

Phao-lô và những người trong đoàn của mình có quyền hưởng vật chất từ các tín hữu Cô-rinh-tô bởi vì họ là những người điều thuộc linh trong vòng các tín hữu Cô-rinh-tô.

1 Corinthians 9:19

Tại sao Phao-lô lại trở thành đầy tớ cho hết thảy mọi người?

Phao-lô trở nên đầy tớ cho hết thảy mọi người để ông có thể chinh phục nhiều người cho Đức Chúa Trời.

1 Corinthians 9:24

Phao-lô nói về việc chạy như thế nào?

Phao-lô cho rằng chạy để giựt giải.

Chapter 10

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Corinthians 10:1

tổ phụ của chúng ta

Phao-lô nhắc đến thời Môi-se trong sách Xuất Ê-díp-tô ký khi dân Y-sơ-ra-ên chạy trốn qua Biển Đỏ và quân Ê-díp-tô đuổi theo họ. “chúng ta” ở đây là từ chỉ chung, bao gồm tất cả mọi người. Tham khảo cách dịch: “tổ phụ của người Do Thái”

vượt qua biển

Cả dân sự cùng Môi-se vượt qua Biển Đỏ sau khi đã ra khỏi Ê-díp-tô.

tất cả đều chịu Môi-se làm phép báp-têm

Tham khảo cách dịch: “hết thảy đều đi theo và tin tưởng Môi-se”

trong đám mây

Trong đám mây đã dẫn dân Y-sơ-đi đi trong suốt những ngày ấy, tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời

tảng đá ấy chính là Chúa Cứu Thế

“tảng đá’ đại diện cho sức mạnh vững chắc của Chúa Cứu Thế, Đấng đã ở cùng họ trong suốt cuộc hành trình. Họ có thể nương dựa nơi sự bảo vệ và an ủi của Ngài.

1 Corinthians 10:5

không đẹp lòng

"làm trái ý” hoặc “chọc giận”

đa số họ

Những tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên

trong đồng vắng

Vùng đất hoang vu giữa Ai-cập và Y-sơ-ra-ên mà dân Y-sơ-ra-ên đã đi lang thang trong đó suốt 40 năm.

là gương mẫu

Là bài học hoặc hình ảnh tượng trưng mà qua đó người Y-sơ-ra-ên có thể học tập.

chúng ta đừng ham muốn những điều gian ác

Chúng ta đừng muốn làm hoặc giành được những vật làm ô danh Đức Chúa Trời

1 Corinthians 10:7

những kẻ thờ hình tượng

"những người thờ lạy hình tượng”

ngồi lại ăn uống

"ngồi lại dùng bữa”

Một ngày có hai mươi ba nghìn người chết

"Đức Chúa Trời đã giết hai mươi ba nghìn người trong một ngày”

vì cớ điều đó

Tham khảo cách dịch: “vì họ đã phạm những việc gian dâm trái lẽ đó”

1 Corinthians 10:9

đừng lằm bằm

“thể hiện hoặc nói lẩm bẩm trong miệng hoặc than vãn”

và bị thiên sứ của sự chết hủy diệt

Tham khảo cách dịch: “thiên sứ của sự chết hủy diệt họ”

hủy diệt

Tham khảo cách dịch: “kết thúc” hoặc “giết chết”

1 Corinthians 10:11

những điều này xảy ra

Sự trừng phạt là kết quả của những hành vi gian ác

gương mẫu cho chúng ta

Từ “chúng ta” ở đây chỉ hết thảy cả tín đồ.

thời kỳ cuối cùng

"những ngày cuối cùng”

không ngã

Không phạm tội hoặc chối bỏ Đức Chúa Trời

Chẳng một thử thách nào thình lình xảy đến cho anh em mà không phải là chung cho toàn nhân loại

Tham khảo cách dịch: “Những thử thách xảy đến cho anh em đều là những thử thách mà hết thảy mọi người đang trải qua”

khả năng của anh em

sức bền bỉ về thể chất hoặc cảm xúc của anh em

1 Corinthians 10:14

tránh xa sự thờ hình tượng

"dứt khoát tránh xa việc thờ lạy hình tượng”

chén phước hạnh

Phao-lô dùng cách diễn đạt này để mô tả chén rượu nho được dùng trong nghi lễ tại bữa ăn phòng cao của Chúa.

không dự phần trong huyết của Chúa Cứu Thế sao?

Chén rượu nho mà chúng ta dự phần vào tượng trưng cho việc chúng ta dự phần trong huyết của Chúa Cứu Thế.

Tham khảo cách dịch: “Chúng ta dự phần trong huyết của Chúa Cứu Thế”

Bánh mà chúng ta bẻ chẳng phải là dự phần trong thân thể của Chúa Cứu Thế sao?

Tham khảo cách dịch: “Chúng ta dự phần trong thân thể của Chúa Cứu Thế khi bẻ bánh”

dự phần trong

"tham dự vào” hoặc “cùng với những người khác tham dự vào”

miếng bánh

Một mẩu của ổ bánh mì nướng đã được cắt lát hoặc bẻ ra thành từng mẩu nhỏ trước khi ăn.

1 Corinthians 10:18

ấy chẳng phải là những người đã ăn thịt con sinh tế thì được dự phần với bàn thờ sao?

Tham khảo cách dịch: “Họ là những người đã ăn của cúng thần tượng nghĩa là đang thờ phượng tại bàn thờ của thần tượng"

Vậy thì tôi đang nói gì?

Tham khảo cách dịch: “Nhìn lại những điều tôi đang nói’ hoặc “Đây là ý tôi muốn nói”

Thần tượng có là gì?

Tham khảo cách dịch: “Thần tượng không phải là thứ có thật” hoặc “Thần tượng thật chẳng đáng gì”

Hoặc của cúng thần tượng có là gì?

Tham khảo cách dịch: “Của cúng thần tượng chẳng là gì cả” hoặc “Của cúng thần tượng là vô nghĩa”

1 Corinthians 10:20

uống chén của

Hành động uống nước từ cái chén dùng chung với nhau giống như việc có những giá trị như người khác.

Anh em không thể ngồi chung bàn của Chúa và cả của ma quỷ.

Tham khảo cách dịch: “Nếu anh em thờ phượng cả Chúa và ma quỷ thì sự thờ phượng của anh em với Chúa là không thành thật”

chọc giận

Tham khảo cách dịch: “chọc tức” hoặc “làm phát cáu”

Chúng ta mạnh hơn Ngài sao?

Tham khảo cách dịch: “Chúng ta có thể nào có mối thông công với ma quỷ trong khi Đức Chúa Trời thì không?” hoặc “chúng ta không mạnh hơn Đức Chúa Trời”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Corinthians 10:23

Mọi sự đều có phép làm

Phao-lô trích dẫn câu khẩu hiệu quen thuộc của một số tín hữu Cô-rinh-tô. Tham khảo cách dịch: “Tôi có thể làm mọi điều mình muốn”

Đừng ai tìm điều tốt cho riêng mình. Thay vào đó, mỗi người nên tìm điều tốt cho người lân cận mình.

Làm điều tốt cho người khác hơn là làm những điều tốt cho chính mình

tốt

Tham khảo cách dịch: “ích lợi”

1 Corinthians 10:25

ở chợ

nơi hội họp của những người muốn mua bán hàng hóa, chẳng hạn như thức ăn.

Vì đất và mọi vật trên đất đều thuộc về Chúa

Chính Chúa đã dựng nên đất và mọi vật trên đất

đừng vì lương tâm mà thắc mắc

Vì lương tâm, tốt hơn hết là không biết những đồ ăn đó từ đâu mà có. Chúng ta thừa nhận mọi đồ ăn đề đến từ Chúa bất kể liệu nó đã được dâng cho thần tượng hay chưa.

1 Corinthians 10:28

Vì tại sao sự tự do của tôi lại bị lương tâm kẻ khác xét đoán.

Tham khảo cách dịch: “Những lựa chọn cá nhân của tôi sẽ không bị thay đổi bởi điều người khác cho rằng điều đó là đúng hay sai”

Nếu tôi ăn

Từ “tôi” không chỉ Phao-lô nhưng được dùng đại diện cho những người tạ ơn rồi ăn. Tham khảo cách dịch: “Nếu người nào ăn” hoặc “khi người nào ăn”

với lòng biết ơn

Có thể hiểu 1) “với lòng cảm kích hoặc biết ơn Đức Chúa Trời” hoặc 2) “với lòng cảm kích hoặc biết ơn người chủ nhà”

tại sao tôi phải bị sỉ nhục vì thức ăn mà tôi đã tạ ơn?

“Tại sao anh em buông những lời độc ác về tôi khi tôi tạ ơn về thức ăn mà mình đã nhận lãnh?” Tham khảo: “Tôi sẽ không cho phép bất kì ai lên án tôi.”

1 Corinthians 10:31

Đừng gây cớ vấp phạm cho người Do Thái, hay là người Hi Lạp

Tham khảo cách dịch: “Đừng khiến người Do Thái, hay là người Hi Lạp bực mình” hoặc “Đừng chọc giận người Do Thái, hay là người Hi Lạp”

làm vừa lòng mọi người

Tham khảo cách dịch: “khiến mọi người đều vui vẻ”

Tôi không tìm lợi cho riêng mình

Tham khảo cách dịch: “Đừng làm những điều mình mong muốn cho bản thân mình”

nhiều người

Càng nhiều người càng tốt

Translation Questions

1 Corinthians 10:1

Có những trải nghiệm chung nào mà các tổ phụ của họ đã trải qua trong thời Môi-se?

Tất cả đều ở dưới đám mây và vượt qua biển. Tất cả bọn họ đều được Môi-se làm phép báp têm trong đám mây và trong biển, và tất cả cùng ăn một thức ăn thuộc linh và cùng uống một thức uống thuộc linh.

1 Corinthians 10:11

Tại sao những điều nầy lại xảy ra và được ghi chép lại?

Những điều này xảy ra để làm gương cho chúng ta, và được ghi chép lại để hướng dẫn chúng ta.

1 Corinthians 10:14

Phao-lô răn bảo các tín hữu Cô-rinh-tô phải tránh xa điều gì?

Ông răn bảo họ phải tránh xa việc thờ lạy thần tượng.

1 Corinthians 10:20

Những người ngoại đạo dâng của cúng cho ai?

Họ dâng những điều đó cho ma quỷ, không phải cho Đức Chúa Trời

Khi Phao-lô không muốn các tín hữu Cô-rinh-tô dự phần với các quỷ, ông bảo họ không thể làm điều gì?

Phao-lô cho họ biết họ không thể vừa uống chén của Chúa vừa chén của ma quỷ được, họ không thể dự tiệc của Chúa và cũng dự tiệc của ma quỷ.

1 Corinthians 10:28

Nếu người chủ nhà không tin Chúa cho biết thức ăn bạn sắp dùng là từ của cúng thần tượng thì tại sao bạn không được ăn những đồ đó?

Bạn không nên ăn thức ăn đó vì chính người đã báo tin và cũng vì lương tâm của người chủ nhà nữa.

1 Corinthians 10:31

Chúng ta phải làm gì cho vinh hiển của Đức Chúa Trời?

Mọi việc chúng ta làm, kể cả ăn và uống, cũng đều phải vì vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Chapter 11

1 Corinthians 11:1

nhớ

Tham khảo cách dịch: “nghĩ về” hoặc “xuy xét”

Hiện giờ tôi muốn

Có thể hiểu 1) “Vì điều này, tôi muốn” hoặc 2) “Tuy nhiên, tôi muốn”

trùm đầu

"và làm như vậy sau khi lấy vải hoặc mạng che mặc trùm đầu mình lại”

làm nhục đầu mình

Có thể hiểu 1) “làm hổ thẹn chính mình” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “làm hổ thẹn Chúa Cứu Thế, là Đấng làm đầu mình”

1 Corinthians 11:5

trùm đầu mình

Có nghĩa là không có tấm mạng che mặt, tức là miếng vải được trùm trên đầu phủ dài xuống khỏi vai, nhưng không che khuôn mặt.

làm nhục đầu mình

Có thể hiểu 1) “tự làm nhục mình” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “làm nhục chồng mình”

như thể đầu người đã bị cạo

Như thể nàng đã dùng dao mà cạo hết tóc trên đầu mình

Nếu điều đó là sỉ nhục cho người nữ

Nếu người nữ cạo đầu hoặc hớt tóc ngắn bị coi là điều sỉ nhục cho nàng.

trùm đầu nàng lại

"lấy vải hoặc mạng che mặt mà trùm đầu lại”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Corinthians 11:7
không được trùm đầu
Tham khảo cách dịch: “không được trùm vải hoặc mạng che mặt lên đầu”
vinh quang của người nam
Giống như người nào phản ảnh sự vĩ đại của Đức Chúa Trời thì người nữ cũng phản ánh đặc tính của người nam.
Vì người nam không được tạo dựng từ người nữ, nhưng người nữ từ người nam
Lúc sáng tạo, Đức Chúa Trời đã lấy xương sườn của người nam mà tạo nên người nữ
1 Corinthians 11:9
có dấu hiệu của uy quyền trên đầu mình
Có thể hiểu 1) “tượng trưng rằng người nữ coi người nam như đầu mình” hoặc 2) “tượng trưng cho việc người nữ có uy quyền cầu nguyện và nói tiên tri”
1 Corinthians 11:11
Tuy nhiên
Tham khảo: “Điều quan trọng nhất là vầy:”
trong Chúa
Có thể hiểu 1) “giữa các Cơ Đốc Nhân là những người thuộc về Chúa” hoặc 2) “trong thế giới mà Chúa đã dựng nên”
mọi sự đều ra từ Đức Chúa Trời
Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sáng tạo mọi vật”
1 Corinthians 11:13
Hãy tự suy xét
Tham khảo cách dịch: "suy xét vấn đề này dựa trên những phong tục địa phương và những lệ thường trong các hội thánh mà anh em biết”
Một người nữ không trùm đầu cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời là phải lẽ sao?
"Để tôn kính Đức Chúa Trời, người nữ phải trùm đầu khi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời”
Liệu việc...
Từ “việc” chỉ phần nội dung còn lại của câu.
Không phải chính thiên nhiên cũng dạy anh em
Tham khảo cách dịch: “Chính thiên nhiên dạy anh em”
chính thiên nhiên
Nói về cách trật tự xã hội được thiết lập. Tham khảo cách dịch: “những điều anh em biết là đúng trên thế giới này” hoặc “quan điểm chung của xã hội”
Vì tóc của người nữ được ban cho nàng
“vì Đức Chúa Trời đã tạo nên người nữ với mái tóc”
tranh luận
"tranh cãi"
1 Corinthians 11:17
những lời chỉ dạy
Tham khảo cách dịch: “những chỉ dẫn” hoặc “những cách giải quyết”
đến với nhau
Tham khảo cách dịch: “nhóm họp lại cùng nhau”
có những sự chia rẽ
Có nhiều nhóm khác nhau, có nhóm có tiếng nói (có thể là nhóm giàu có) và nhóm khác thì không (nghèo khó hoặc nô lệ)
như vậy mới nhận biết được những người được chấp thuận trong vòng anh em
Có thể hiểu 1) “để mọi người biết tín hữu nào được kính trọng nhất trong vòng anh em” hoặc 2) “để mọi người chấp nhận những người đó trong vòng anh em”
được chấp thuận
Được những người cầm quyền chấp nhận, mà ở trong trường hợp này chính là hội thánh địa phương.
1 Corinthians 11:20
ấy chẳng phải anh em dự bữa ăn trên phòng cao của Chúa
Tham khảo cách dịch: “có thể anh em tin rằng mình đang thiết lập lại bữa tiệc trên phòng cao của Chúa, nhưng anh em lại không coi trọng điều đó như bắt buộc phải có”
đến với nhau
"nhóm họp lại với nhau”
để ăn uống
Tham khảo cách dịch: “tại đó nhóm họp lại để dùng bữa”
khinh miệt
Ghét bỏ hoặc xem thường hoặc không tôn trọng
sỉ nhục những người
Có nghĩa là coi thường hoặc khiến người khác phải xấu hổ khi hội thánh đương nhóm họp lại với nhau.
1 Corinthians 11:23
Vì tôi có nhận nơi Chúa điều tôi đã truyền lại cho anh em?
Tham khảo cách dịch: “Vì Chúa ban cho tôi những điều này và tôi đã trao nó lại cho anh em”
trong đêm Ngài bị phản
Tham khảo cách dịch: “trong đêm Giu-đa Ích-ca-ri-ốt phản Ngài”
Ngài bẻ bánh
Tham khảo: “Ngài bẻ từng miếng bánh nhỏ”
Nầy là thân thể Ta
Tham khảo cách dịch: “Bánh mà Ta đang giữ đây chính là thân thể Ta”
1 Corinthians 11:25
Ngài lấy chén
Tham khảo cách dịch: “Ngài cầm chén rượu nho lên”
Khi các ngươi uống, hãy thường làm điều nầy
"Hãy uống chén này, và khi các ngươi uống chén ấy”
các ngươi rao sự chết của Chúa
"các ngươi day dỗ về sự chết của Chúa”. Nói đến sự chết của Chúa Giê-xu tức là nói đến sự đóng đinh và sự sống lại của Chúa.
cho đến lúc Ngài đến
Tham khảo cách dịch: “Cho đến lúc Chúa Giê-xu trở lại đất”
1 Corinthians 11:27
ăn bánh hoặc uống chén của Chúa
Tham khảo cách dịch: “tham dự vào lễ Tiệc Thánh của Chúa”
xét
"xem xét” hoặc “thử”
không phân biệt thân Chúa
Có thể hiểu 1) “Không nhận biết hội thánh là thân thể của Chúa” hoặc “không suy xét rằng mình đang cầm thân Chúa” (Tham khảo bản dịch UDB)
1 Corinthians 11:31
chúng ta tự xét lấy mình
"chúng ta nhìn kỹ lại để đánh giá hành vi cũng như việc làm của mình”
1 Corinthians 11:33
đến cùng nhau để ăn
Họp lại để ăn cùng nhau trước khi tổ chức lễ Tiệc Thánh
hãy chờ đợi nhau

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"để những người khác kịp đến trước khi bắt đầu bữa tiệc”
hãy để người ăn ở nhà
Tham khảo cách dịch: “hãy để người ăn ở nhà trước khi đến nhóm họp lại"
việc đó sẽ không bị đoán xét
Tham khảo cách dịch: “việc nhóm họp sẽ không dẫn đến sự đoán xét vì thiếu tự chủ”
Còn những việc khác mà anh em đã viết
Cụm từ "anh em đã viết” rõ ràng là Phao-lô đang nói đến những thắc mắc và những lo ngại mà các tín hữu Cô-rinh-tô đã viết thư cho ông.

Translation Questions

1 Corinthians 11:1
Phao-lô khuyên các tín hữu Cô-rinh-tô nên bắt chước ai?
Phao-lô khuyên họ hãy bắt chước ông
Còn Phao-lô thì bắt chước ai?
Phao-lô là người bắt chước Chúa Cứu Thế
1 Corinthians 11:5
Chuyện gì xảy ra nếu một người nữ cầu nguyện mà không trùm đầu?
Người nữ nào cầu nguyện mà không trùm đầu thì làm nhục đầu mình
1 Corinthians 11:7
Vì sao người nam không được trùm đầu?
Người nam không được trùm đầu vì người là hình ảnh và vinh quang của Đức Chúa Trời
1 Corinthians 11:9
Người nữ được tạo dựng vì ai?
Người nữ được tạo dựng vì người nam
1 Corinthians 11:11
Tại sao cả người nữ và người nam đều phụ thuộc vào nhau?
Vì người nữ từ người nam mà ra, và người nam từ người nữ mà có
1 Corinthians 11:13
Quan niệm chung của Phao-lô, những người cộng tác với ông, và hội thánh của Đức Chúa Trời về người nữ cầu nguyện là gì?
Họ cho rằng người nữ khi cầu nguyện phải trùm đầu lại.
1 Corinthians 11:23
Trong đêm Chúa Giê-xu bị phản, Ngài đã nói gì sau khi bẻ bánh?
Ngài phán: “Nầy là thân thể ta, vì các ngươi mà phó cho, hãy làm điều nầy để nhớ đến ta”
1 Corinthians 11:25
Sau khi ăn bữa tối, Chúa Giê-xu cầm lấy chén và phán điều gì?
Ngài phán: “Chén nầy là sự giao ước mới trong huyết ta. Hễ khi nào các ngươi uống, hãy làm điều nầy để nhớ đến ta”
1 Corinthians 11:27
Tại sao một người không nên ăn bánh hoặc uống chén của Chúa cách không xứng đáng?
Vì làm như thế là mắc tội với thân và huyết của Chúa. Khi ấy, anh em đang ăn và uống sự xét đoán cho chính mình.
1 Corinthians 11:33
Phao-lô căn dặn các tín hữu Cô-rinh-tô làm gì khi họp lại để ăn chung với nhau?
Ông dặn họ phải chờ đợi nhau.

Chapter 12

1 Corinthians 12:1
Tôi không muốn anh em chẳng biết gì
Tham khảo cách dịch: “tôi muốn anh em biết”
anh em đã bị các thần tượng câm dẫn đi sai lạc
Tham khảo cách dịch: “những người khác đã tác động đến anh em khiến anh em thờ phượng các thần tượng câm”
anh em bị họ dẫn dụ
Tham khảo cách dịch: “họ đã dẫn dụ anh em”
không ai được Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời hướng dẫn mà lại nói
Có thể hiểu: 1) “không một Cơ Đốc Nhân nào có Thánh Linh của Đức Chúa Trời trong mình lại nói” hoặc 2) “không người nào nói tiên tri bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời lại cho rằng”
1 Corinthians 12:4
khiến mọi người đều có công việc đó
khiến cho mỗi người có các công việc đó”
1 Corinthians 12:7
được ban cho mỗi người
Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời ban cho mỗi người"
1 Corinthians 12:9
nhiều lưỡi khác nhau
Cụm từ này chỉ ân tứ nói được nhiều thứ tiếng khác nhau
luỡi thông giải
"khả năng giảng giải các ngôn ngữ”
1 Corinthians 12:12
chúng ta hết thảy đều đã chịu phép báp têm
Tham khảo cách dịch: “Thánh Linh đã làm phép báp têm cho hết thảy chúng ta”
tất cả được dựng nên để uống chung một Thánh Linh
Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời ban cho tất cả chúng ta cùng một Thánh Linh, và chúng ta dự phần trong Thánh Linh như thể người ta cùng uống chung chén”
1 Corinthians 12:14
Sự nghe ở đâu? ... sự ngửi ở đâu?
Tham khảo cách dịch: “anh em không thể nghe được gì... Anh em không thể ngửi được gì”
1 Corinthians 12:18
tất cả chỉ là một chi thể
Ví dụ, nếu phần chi thể nào cũng là bàn chân, thì sẽ không có cánh tay, bàn tay, ống chân, ngực hay là đầu_đây đều là nhưng bộ phận cần thiết để cấu thành một cơ thể hoàn chỉnh. Chúng ta sẽ toàn là chân, chứ không phải là một cơ thể hoàn chỉnh.
thân ở đâu?
Tham khảo cách dịch: “sẽ chẳng có thân”
Như vậy, chi thể thì nhiều, nhưng
Tham khảo cách dịch: “Có nhiều bộ phận, nhưng”
1 Corinthians 12:21
có vẻ kém tôn trọng
"có vẻ thấp kém”
không thể bày ra
Rõ ràng là chỉ đến những phần cơ thể kín mà con người phải che đậy lại.
1 Corinthians 12:25
hầu cho không có sự chia rẽ nào trong thân, nhưng
Tham khảo cách dịch: “cả thân thể được hiệp nhất, và”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

một chi thể được tôn trọng
Tham khảo cách dịch: “một chi thể nhận được sự tôn trọng”
Vậy, bây giờ anh em là
Ở đây, từ “bây giờ” được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào những thông tin quan trọng tiếp theo
1 Corinthians 12:28
sứ đồ thứ nhất
Có thể hiểu: 1) “Người đầu tiên mà tôi nói đến là các sứ đồ” hoặc 2) “chức vụ quan trọng đầu tiên là chức sứ đồ”
những người giúp đỡ
Tham khảo cách dịch: “những người giúp đỡ các anh em tín hữu khác”
những người làm công việc quản trị
Tham khảo cách dịch: “Những người quản lí hội thánh”
và những người nói nhiều thứ tiếng khác nhau
Một cá nhân có thể nói một hoặc nhiều ngôn ngữ nước ngoài mà không cần phải học.
Có phải tất cả chúng ta đều là sứ đồ?.. Tất cả chúng ta đều làm các việc quyền năng sao?
Tham khảo cách dịch: “Không phải mọi người đều là sứ đồ... Chỉ có một vài người có thể làm được các việc quyền năng”
1 Corinthians 12:30
Có phải tất cả chúng ta đều được ân tứ chữa bệnh sao?
Tham khảo cách dịch: “Không phải tất cả chúng ta đều có ân tứ chữa bệnh”
Hãy nhiệt thành cầu xin ân tứ cao trọng hơn
Có thể hiểu: 1) “Anh em phải thiết tha cầu xin Đức Chúa Trời những ân tứ giúp được nhiều nhất cho Hội Thánh” hoặc 2) “Anh em đang thiết tha tìm kiếm những ân tứ mình cho là cao trọng hơn, vì anh em nghĩ sở hữu những ân tứ đó hứng thú hơn”

Translation Questions

1 Corinthians 12:1
Phao-lô muốn các tín hữu Cô-rinh-tô phải được biết về điều gì?
Phao-lô muốn họ biết về các ân tứ thuộc linh.
1 Corinthians 12:4
Đức Chúa Trời đã ban cho mỗi Cơ Đốc Nhân điều gì?
Ngài ban cho mỗi người những ân tứ, sứ mạng và công việc khác nhau.
1 Corinthians 12:7
Tại sao sự biểu hiện của Đức Thánh Linh lại được ban cho?
Điều đó được ban cho vì lợi ích chung.
1 Corinthians 12:18
Ai đã sắp đặt và thiết kế từng bộ phận của cơ thể?
Đức Chúa Trời đã sắp đặt mỗi bộ phận của cơ thể cũng như chính Ngài tạo nên nó.
1 Corinthians 12:25
Tại sao Đức Chúa Trời lại ban sự tôn trọng nhiều hơn cho những chi thể yếu kém?
Ngài làm như vậy để trong thân thể không có sự chia rẽ, nhưng các chi thể có cùng mối quan tâm cho nhau.
1 Corinthians 12:28
Đức Chúa Trời đã định những người nào trong Hội Thánh?
Trong Hội Thánh, Đức Chúa Trời đã định: Thứ nhất là các sứ đồ, thứ nhì là nhà tiên tri, thứu ba là các giáo sư, những người làm phép lạ, những người được ân tứ chữa bệnh, người giúp đỡ, người quản trị, người nói các thứ tiếng lạ.

Chapter 13
1 Corinthians 13:1
các thứ tiếng thiên sứ
Có thể hiểu: 1) Phao-lô đang sử dụng biện pháp cường điệu, ông không tin rằng con người nói được tiếng của các thiên sứ đang dùng or 2) Paul thinks that some who speak in tongues actually speak the language that angels use.
Tôi trở nên như cồng chiêng kêu lên hoặc chập chõa vang tiếng.
Tôi trở nên giống như những thứ nhạc cụ tạo nên những tiếng kêu lớn và ồn ào
cồng chiêng
là một cái dĩa bằng kim loại hình tròn, mỏng và lớn, được dùng để tạo âm thanh lớn khi gõ bằng cái dùi có đầu tròn
chập chỏa vang rền
là hai cái dĩa kim loại tròn và mỏng được vỗ vào nhau để tạo nên anh thanh lớn
1 Corinthians 13:4
Tình yêu thương hay nhịn nhục và nhân từ
Ở đây, Phao-lô nói về tình yêu như thể tình yêu là một con người.
Tình yêu thương chẳng vui trong điều bất chính, nhưng vui trong lẽ thật
“Tình yêu thương chỉ vui trong sự công chính và lẽ thật”
1 Corinthians 13:11
Vì hiện nay chúng ta chỉ thấy trong gương cách mập mờ
Câu này chỉ những tấm gương soi trong thế kỷ đầu tiên được làm từ một loại kim loại nhẵn bóng hơn kính, hình ảnh phản chiếu lại trong gương rất mờ, không thấy rõ.
mặt đối mặt
Cụm từ này có nghĩa là chúng ta sẽ thực sự được ở với Chúa Cứu Thế.
như tôi đã được biết rõ vậy
Tham khảo cách dịch: “như Chúa Cứu Thế đã biết rõ tôi vậy”

Translation Questions

1 Corinthians 13:1
Phao-lô trở nên giống cái gì nếu ông nói được tiếng loài người và thiên sứ nhưng lại không có tình yêu thương?
Ông sẽ trở nên như cồng chiêng kêu lên hoặc là chập chõa vang tiếng inh ỏi.
1 Corinthians 13:4
Một số đặc điểm của tình yêu thương là gì?
Tình yêu thương nhịn nhục và nhân từ, không ghen tị hoặc khoe khoang, không kiêu ngạo và khiếm nhã. Tình yêu thương không kiếm tư lợi, không dễ nóng giận, không ghi nhớ lỗi lầm. Không vui về điều không công bình nhưng vui về lẽ thật. Tình yêu thương dung thứ mọi sự, tin mọi sự, tin mọi sự và chịu đựng mọi sự. Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ.

1 Corinthians 13:8

Một số đặc điểm của tình yêu thương là gì?

Tình yêu thương nhịn nhục và nhân từ, không ghen tị hoặc khoe khoang, không kiêu ngạo và khiếm nhã. Tình yêu thương không kiếm tư lợi, không dễ nóng giận, không ghi nhớ lỗi lầm. Không vui về điều không công bình nhưng vui về lẽ thật. Tình yêu thương dung thứ mọi sự, tin mọi sự, tin mọi sự và chịu đựng mọi sự. Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ.

Những điều nào sẽ qua đi hoặc chấm dứt?

Các lời tiên tri, sự hiểu biết và những việc đã trọn sẽ qua đi, ân tứ nói tiếng lạ sẽ chấm dứt.

Điều gì sẽ không bao giờ hư mất?

Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ.

1 Corinthians 13:11

Phao-lô nói ông sẽ làm gì khi đã trưởng thành?

Phao-lô chia sẻ khi ông đã trưởng thành, ông sẽ bỏ những điều thuộc về con trẻ.

Chapter 14

1 Corinthians 14:1

Theo đuổi tình yêu thương

"theo sau tình yêu thương" hoặc "đi theo cách của tình yêu thương"

đặc biệt là anh em có thể nói tiên tri

Phao-lô tiếp tục đưa ra lời tranh luận về việc tại sao đối với Đức Chúa Trời ơn nói tiên tri lại giá trị hơn người nói tiếng lạ

1 Corinthians 14:5

Người nói tiên tri lớn lơn

Phao-lô đang nhấn mạnh rằng ân tứ nói tiên tri lại lớn hơn ân tứ nói tiếng lạ. Tham khảo cách dịch: "Người nói tiên tri có ân tứ trội hơn"

Tôi sẽ làm ích lợi gì cho anh em?

Tham khảo cách dịch: "Tôi sẽ không làm ích lợi cho anh em"

1 Corinthians 14:7

Người ta làm sao biết nhạc cụ nào đang được chơi?

Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai có thể chỉ ra được loại nhạc cụ mà tôi đang chơi"

1 Corinthians 14:12

sự bày tỏ của Đức Thánh Linh

Ở đây, cụm từ này nói đến các ân tứ thuộc linh.

tâm trí tôi chẳng được kết quả gì

Điều này có nghĩa là tôi không hiểu những lời mình đang nói.

1 Corinthians 14:15

Tôi phải làm gì?

Tham khảo cách dịch: "Đây là điều tôi sẽ làm"

Cầu nguyện bằng tâm linh tôi... hát bằng tâm trí của mình

Khi cầu nguyện và hát cùng với những người khác, bài hát và lời cầu nguyện phải là ngôn ngữ mà những người khác có thể hiểu được.

bằng tâm trí mình

Có nghĩa là bằng những từ ngữ mà tôi hiểu được

anh em ngợi khen Đức Chúa Trời..... dâng lời tạ ơn... anh em nói

Mặc dầu từ "you" trong trường hợp này là số ít, Phao-lô đang nói đến tất cả những người cầu nguyện bằng tâm linh chứ không phải bằng trí óc.

người ngoài

Tham khảo cách dịch: "người khác"

1 Corinthians 14:17

trong hội thánh

Nói đến những buổi nhóm họp tại Hội Thánh. Tham khảo cách dịch: "trong những buổi nhóm họp của Hội Thánh"

mười ngàn từ

Tham khảo cách dịch: "10,000 từ " hoặc "nhiều từ"

1 Corinthians 14:20

Qua những người nói tiếng lạ và môi miệng của người ngoại quốc

Về cơ bản, hai cụm này cùng chỉ về một điều và được dùng chung để thêm ý nhấn mạnh.

1 Corinthians 14:22

không phải cho người vô tín, nhưng dành cho người tin Ngài

Tham khảo: "chỉ dành cho những người tin"

họ không nói rằng anh em điên sao?

Tham khảo cách dịch: "họ sẽ nói rằng anh em bị điên"

1 Corinthians 14:24

người ấy sẽ bị buộc tội bởi mọi điều mình nghe. Người sẽ bị xét đoán bởi mọi lời đã được nói ra

Về cơ bản Phao-lô lặp lại một ý hai lần để nhấn mạnh.

Những điều bí mật trong lòng người ấy sẽ bị phơi bày

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ những điều bí mật trong lòng người ấy"

1 Corinthians 14:26

thông dịch những lời đã nói

Tham khảo cách dịch: "thông dịch những điều họ đã nói"

1 Corinthians 14:29

Hãy để hai hoặc ba tiên tri nói

Có thể hiểu: 1) chỉ có hai hoặc ba nhà tiên tri nói tại buổi thờ phượng hoặc 2) chỉ có hai hoặc ba đấng tiên tri nói cùng một lúc

với những điều đã nói ra

Tham khảo cách dịch: "với những điều họ nói"

nếu có sự mặc khải nào được ban cho

Nếu Đức Chúa Trời ban sự mặc khải hoặc sự hiểu biết cho một người ngồi tại đó liên quan đến những lời của đấng tiên tri.

1 Corinthians 14:31

lần lượt nói tiên tri

Mỗi lần chỉ nên có một người nói tiên tri

ai nấy đều được khích lệ

Tham khảo cách dịch: "anh em có thể khích lệ hết thảy mọi người"

Đức Chúa Trời không phải là Chúa của sự hỗn loạn

Đức Chúa Trời không để xảy ra cảnh hỗn loạn bằng cách để cho mọi người đồng nói cùng một lúc.

1 Corinthians 14:34

giữ yên lặng

Có thể hiểu: 1) ngưng nói hoặc 2) không nói khi người khác đang nói tiên tri hoặc 2) hoàn toàn giữ im lặng trong suốt buổi thờ phượng của Hội Thánh.

Có phải lời Đức Chúa Trời xuất phát từ anh em? Có phải những lời đó chỉ đến với anh em?

Phao-lô nhấn mạnh rằng không phải các tín hữu Cô-rinh-tô là những người duy nhất hiểu được những điều Đức Chúa Trời muốn Cơ Đốc Nhân làm. Tham khảo cách dịch: "lời của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Chúa Trời chẳng xuất phát từ anh em tại Cô-rinh-tô, anh em cũng chẳng phải người duy nhất hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời”

xuất phát từ anh em

Từ “anh em” ở số nhiều, chỉ những tín hữu tại Cô-rinh-tô.

1 Corinthians 14:37

người ấy cần hiểu

Phao-lô làm một thử nghiệm nhỏ cho các tiên tri thật và các tiên tri giả dựa trên sự tiếp nhận của họ đối với thư của ông.

người đó không được công nhận

"mọi người đừng công nhân người"

1 Corinthians 14:39

đừng ngăn cấm ai nói tiếng lạ

Phao-lô làm rõ rằng nói tiếng lạ tại buổi nhóm lại của Hội Thánh là được phép và có thể chấp nhận được.

Nhưng mọi sự phải được thực hiện cách tươm tất và trật tự

Phao-lô đang nhấn mạnh rằng buổi nhóm họp của Hội Thánh phải được tổ chức cách có trật tự. Tham khảo cách dịch: “Nhưng phải làm mọi việc cách tươm tất và trật tự” hoặc “nhưng phải làm một việc cách trật tự và thích hợp”

Translation Questions

1 Corinthians 14:1

Phao-lô cho rằng chúng ta phải đặc biệt lưu tâm đến ân tứ thuộc linh nào?

Phao-lô cho rằng chúng ta phải đặc biệt lưu tâm đến ân tứ nói tiên tri

1 Corinthians 14:5

Tại sao ơn nói tiên tri lại cao hơn ân tứ nói tiếng lạ?

Người nói tiếng lạ tự đề cao mình, nhưng người nói tiên tri thì xây dựng Hội Thánh. Chính vì vậy, người nói tiên tri cao trọng hơn.

1 Corinthians 14:7

Phao-lô so sánh lời nói khó hiểu với điều gì?

Ông so sánh nó với những loại nhạc cụ như sáo hoặc đàn hạc không phát ra âm thanh riêng biệt, ông cũng so sánh với kèn nhưng không phát ra tiếng rõ ràng.

1 Corinthians 14:12

Phao-lô khuyên các tín hữu Cô-rinh-tô phải sốt sắng làm điều gì?

Ông khuyên họ phải sốt sắng tìm cầu cho được dư dật các ân tứ để xây dựng Hội Thánh.

1 Corinthians 14:15

Phao-lô diễn tả ông cầu nguyện và hát như thế nào?

Phao-lô chia sẻ rằng ông sẽ cầu nguyện và hát không chỉ bằng tâm linh không thôi, nhưng còn bằng tâm trí nữa.

1 Corinthians 14:22

Các tiếng lạ và lời tiên tri là dấu hiệu cho những người nào?

Các tiếng lạ là dấu hiệucho người không tin và lời tiên tri là dấu hiệu cho người tin.

1 Corinthians 14:24

Phao-lô cho rằng chuyện gì sẽ xảy ra nếu như cả hội thánh đều nói tiên tri mà có người không tin và người bên ngoài bước vào?

Phao-lô cho rằng người không tin và người bên ngoài sẽ bị thuyết phục vởi những điều mình nghe và sẽ bị đoán xét bởi tất cả những lời được nói ra.

1 Corinthians 14:29

Lời dạy của Phao-lô cho các nhà tiên tri khi Hội Thánh nhóm lại là gì?

Phao-lô khuyên để cho hai hoặc ba người nói tiên tri trong khi những người khác thì phải tập trung lắng nghe những lời được nói ra. Nếu có nhà tiên tri nào khác nhận được sự mặc khải thì người đang nói phải yên lặng. Họ nên nói tiên tri từng người một.

1 Corinthians 14:31

Lời dạy của Phao-lô cho các nhà tiên tri khi Hội Thánh nhóm lại là gì?

Phao-lô khuyên để cho hai hoặc ba người nói tiên tri trong khi những người khác thì phải tập trung lắng nghe những lời được nói ra. Nếu có nhà tiên tri nào khác nhận được sự mặc khải thì người đang nói phải yên lặng. Họ nên nói tiên tri từng người một.

1 Corinthians 14:34

Trong những Hội Thánh nào, Phao-lô nói rằng phụ nữ không được phép nói?

Phao-lô cho rằng trong tất cả các hội thánh của các thánh đồ, phụ nữ không được phép nói.

1 Corinthians 14:37

Phao-lô đã nói những người nghĩ rằng mình là nhà tiên tri hay có các ân tứ thuộc linh cần phải hiểu những điều gì?

Phao-lô cho rằng họ phải hiểu những điều ông đã viết cho các tín hữu Cô-rinh-tô là mạng lệnh của Chúa.

Chapter 15

1 Corinthians 15:1

nhắc nhở anh em

“giúp anh em nhớ lại”

anh em sẽ được cứu

“Đức Chúa Trời sẽ cứu anh em”

vững vàng

"cách đảm bảo”

1 Corinthians 15:3

Chúa Cứu Thế chịu chết vì tội lỗi của chúng ta

"Chúa Cứu Thế chịu chết trên thập tự giá vì cớ chúng ta đã phạm tội”

theo lời Kinh Thánh

Phao-lô đang nói tới những lời được chép trong Cựu Ước

1 Corinthians 15:5

hiện ra với

"tỏ chính mình Ngài cho”

năm trăm

500

1 Corinthians 15:8

Sau cùng

Tham khảo cách dịch: “Cuối cùng, sau khi đã hiện ra với những kẻ khác”

thai sinh non

Đây là cách nói mà theo đó có thể Phao-lô muốn nói rằng ông đã trở nên một Cơ Đốc nhân trễ hơn rất nhiều so với các sứ đồ khác. Hoặc có thể ông có ý rằng, không giống như những sứ đồ khác, ông không được chứng kiến chức vụ kéo dài trong ba năm liền của Chúa Giê-xu. Tham khảo cách dịch: “một người đã không có được những trải nghiệm như những sứ đồ khác”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Corinthians 15:10

ân điển của Đức Chúa Trời mà tôi được như ngày nay

Ân điển hoặc lòng nhân ái của Đức Chúa Trời đã khiến Phao-lô được như hiện tại.

không phải là vô ích

Phao-lô quyết định sống theo lòng nhân từ của Đức Chúa Trời

ân điển của Đức Chúa Trời ở với tôi

Phao-lô dâng cuộc đời mình lòng thương xót mà Đức Chúa Trời đối cùng mình.

1 Corinthians 15:12

sao một vài người trong anh em lại nói rằng chẳng có sự sống lại cho những kẻ chết?

Lời rao giảng của Phao-lô về Chúa Cứu Thế đã sống lại từ kẻ chết trái ngược với ý chẳng có sự sống lại cho những kẻ chết. Tham khảo cách dịch: “anh em không thể nói rằng chẳng có sự sống lại cho những kẻ chết!”

nếu không có sự sống lại cho kẻ chết thì ngay cả Chúa Cứu Thế cũng đã không sống lại

Nói rằng chẳng có sự sống lại cho những kẻ khác chẳng khác nào khẳng định Chúa Cứu Thế không hề sống lại từ kẻ chết

1 Corinthians 15:15

Và chúng tôi bị xem như làm chứng dối về Đức Chúa Trời

Phao-lô đang tranh luận rằng nếu Chúa Cứu Thế không sống lại từ kẻ chết thì họ đang làm chứng dối, hoặc nói dối rằng Chúa Cứu Thế đã sống lại từ kẻ chết.

đức tin của anh em cũng ra vô ích và anh em vẫn còn ở trong tội lỗi của mình

Phao-lô cho rằng bởi vì đức tin của các tín hữu dựa trên việc Chúa Cứu Thế sống lại từ kẻ chết, và nếu điều đó đã không xảy ra thì đức tin của họ cũng thành ra vô ích.

1 Corinthians 15:18

trong tất cả mọi người

"trong tất cả mọi người, gồm cả những người tin và những người không tin”

chúng ta là thảm hại hơn hết

Tham khảo cách dịch: “người ta sẽ thấy tiếc cho chúng ta, hơn là cho những kẻ khác”

1 Corinthians 15:24

Vì Ngài phải cầm quyền

Chỉ về Chúa Cứu Thế

Cho đến khi Ngài đặt mọi kẻ thù dưới chân Ngài

Tượng trưng cho việc Chúa Cứu Thế đã chiến thắng mọi kẻ thù. Tham khảo cách dịch: “cho đến khi Đức Chúa Trời khiến mọi kẻ thù của Chúa Cứu Thế sấp mình xuống trước Ngài”

bị hủy diệt

"bị đánh bại hoàn toàn”

1 Corinthians 15:27

Ngài đã đặt muôn vật dưới chân mình

Đức Chúa Cha đã đặt mọi vật dưới sự kiểm soát của Chúa Cứu Thế.

chính Đức Chúa Con

Trong các câu trước, Ngài được xem là “Chúa Cứu Thế.” Tham khảo: “Chúa Cứu Thế, là Đức Chúa Con”

Con… Cha

Đây là những danh hiệu quan trọng dùng để mô tả mối quan hệ giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời.

1 Corinthians 15:29

Nếu chẳng vậy thì những người nhận báp têm cho người chết sẽ làm gì?

Tham khảo cách dịch: “Nếu chẳng vậy thì những Cơ Đốc Nhân nhận báp têm cho người chết cũng chẳng ích gì”

họ có nhận phép báp têm cho những người đó

"họ có nhận phép báp têm thay cho người chết”

Tại sao chính chúng tôi giờ nào cũng phải đối diện với nguy hiểm?

Nếu Chúa Giê-xu không sống lại từ kẻ chết thì chẳng có lý nào biện hộ cho việc Phao-lô và các Cơ Đốc Nhân khác lại phải đối mặt với nguy hiểm vì những việc liên quan đến niềm tin cũng như những lời giảng dạy của mình.

1 Corinthians 15:31

Tôi chết mỗi ngày

Phao-lô đang nói tới việc từ chối những ước muốn của tội lỗi

nếu tôi chiến đấu với các thú dữ tại Ê-phê-sô

Có thể hiểu: 1) Phao-lô đang nói hình bóng về những cuộc tranh luận giữa ông với những học giả theo tà giáo hoặc 2) ông bị đưa vào trong trường đấu để chiến đấu với những loài thú nguy hiểm

Chúng ta hãy ăn và uống đi, vì ngày mai chúng ta sẽ chết

Phao-lô kết luận rằng nếu chẳng có sự sống nào sau cái chết, thì tốt hơn hết chúng ta nên tận hưởng cuộc sống này khi còn có thể, vì ngày mai sự sống của chúng ta sẽ kết thúc mà không có bất kỳ hi vọng xa hơn nào.

1 Corinthians 15:33

Bạn bè xấu làm hư tính nết tốt

Nếu bạn sống với những người xấu thì bạn sẽ làm giống như họ

Hãy tỉnh táo lại

Tham khảo cách dịch: “anh em phải suy nghĩ nghiêm túc về vấn đề này”

Vì một số người trong anh em chẳng biết gì về Đức Chúa Trời

Một số người tham gia vào trong hội thánh lại không thực sự là người tin Chúa. Họ không hiểu sứ điệp Tin Lành.

để anh em xấu hổ

Tham khảo cách dịch: “và anh em thấy hổ thẹn và nhục nhã”

1 Corinthians 15:35

Nhưng có người sẽ nói: “Người chết thì sống lại cách nào? Và họ sẽ trở lại với thân thể nào?

Tham khảo cách dịch: “Nhưng có người sẽ nói rằng họ không hình dung được Đức Chúa Trời sẽ khiến kẻ chết sống lại như thế nào, và Ngài sẽ ban cho những kẻ đó thân thể nào trong sự sống lại đó”

có người

Tham khảo cách dịch: ai đó hỏi về sự sống lại”

thân thể nào

Loại thân thể nào: thuộc linh hay thuộc thể hay có hình dạng và thân thể vật chất.

Anh em thật khờ dại

Tham khảo cách dịch: “anh em chẳng biết gì về điều này cả”

Vật gì anh em gieo, nếu không chết đi thì không nảy mầm được

Hạt giống sẽ không nảy mầm nếu như nó không được chôn xuống đất trước. Cũng giống như vậy, một người phải chết trước khi Đức Chúa Trời có thể làm cho người sống lại.

1 Corinthians 15:37

còn vật anh em gieo không phải là hình thể sẽ…

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hình ảnh ẩn dụ về hạt giống lại được sử dụng, có nghĩa là thân thể đã chết của người tin Chúa sẽ được làm cho sống lại, và sẽ không giống như hình dạng ban đầu.

Đức Chúa Trời sẽ ban cho nó hình thể như Ngài chọn

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ quyết định hình thể nào”

xác thịt

Theo ngữ cảnh nói về con vật, “xác thịt” có thể được dịch là “thân thể,” “da,” hay “thịt”.

1 Corinthians 15:40

thân thể thuộc về trời

Có thể hiểu: 1) chỉ về mặt trời, mặt trăng, các ngôi và và những vì sáng có thể nhìn thấy được trên trời hoặc 2) chỉ về sinh vật thuộc về trời như các thiên sứ và các sinh vật siêu nhiên khác.

thân thể thuộc về đất

Chỉ về con người

vinh quang của những hình thể thuộc về trời là một kiểu và vinh quang của những hình thể thuộc về đất là kiểu khác.

Tham khảo cách dịch: “Vinh quang mà các hình thể thuộc về trời có khác với vinh quang mà loài người có”

vinh quang

Cách dùng từ “vinh quang” ở đây chỉ về độ sáng tương đối của những vật thể trên trời đến mặt người.

1 Corinthians 15:45

Nhưng chẳng phải con người thuộc linh đến trước mà là con người tự nhiên rồi mới đến con người thuộc linh.

Tham khảo cách dịch: “Con người tự nhiên đến trước. Con người thuộc linh đến từ Đức Chúa Trời đến sau”

tự nhiên

Được tạo dựng theo tiến trình trên đất, chưa được kết nối với Đức Chúa Trời

1 Corinthians 15:47

Con người đầu tiên ra từ bụi đất thì thuộc về đất

Câu này nói đến việc Đức Chúa Trời dựng nên A-đam từ bụi đất.

bụi đất

Tham khảo cách dịch: “vật chất cơ bản có dạng bột tạo thành mặt đất”

người thuộc về trời

Chúa Giê-xu Cơ Đốc

những người thuộc về trời

"những người tin nơi Chúa Cứu Thế”

mang

"chấp nhận và phản ánh”

1 Corinthians 15:50

rằng thịt và huyết không thể hưởng được vương quốc Đức Chúa Trời

Phao-lô nói đến những người chưa được sanh lại hoặc những người không phải là tạo vật mới

Sự hay hư nát không thể hưởng được sự không hay hư nát

Phao-lô tuyên bố rằng thân thể cũ của chúng ta sẽ hư nát nhưng chúng ta sẽ được biến đổi thành thân thể không hư nát.

chúng ta đều sẽ được biến hóa

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ biến đổi hết thảy chúng ta”

1 Corinthians 15:52

Chúng ta sẽ được biến hóa

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ biến đổi chúng ta”

trong nháy mắt

Việc này xảy ra nhanh như người ta nháy mắt.

vào lúc tiếng kèn cuối cùng… kèn sẽ trỗi tiếng

Việc thổi kèn thường trỗi lên trước khi bắt đầu các sự kiện trọng thể. Trong trường hợp này, đó sẽ là sự kiện trọng thể cuối cùng trong lịch sử loài người mà Phao-lô đang nói đến.

bản chất hay chết này phải mặc lấy bản chất không bao giờ chết

Đức Chúa Trời sẽ biến đổi thân thể hay chết của chúng ta thành thân thể không bao giờ chết

1 Corinthians 15:54

Hỡi sự chết, sự đắc thắng của mầy ở đâu? Hỡi sự chết, cái nọc của mầy ở đâu?

Phao-lô nói điều này để chế nhạo quyền lực của sự chết đã bị Chúa Cứu Thế đánh bại. Tham khảo cách dịch: “Sự chết chẳng có chiến thắng nào. Sự chết chẳng còn cái nọc nào”

1 Corinthians 15:56

Cái nọc của sự chết chính là tội lỗi

Chính bởi tội lỗi mà chúng ta bị định phải đối diện với sự chết, nghĩa là phải chết.

sức mạnh của tội lỗi là luật pháp

Luật pháp của Đức Chúa Trời đã được ban cho chúng ta qua Môi-se định nghĩa tội lỗi và cho thấy chúng ta đã phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời.

ban cho chúng ta sự đắc thắng

"đã đánh bại sự chết cho chúng ta”

1 Corinthians 15:58

hãy vững vàng, chớ rung động, hãy làm công việc Chúa luôn luôn

Tham khảo cách dịch: “phải kiên định, và trung thành làm công việc Chúa”

Translation Questions

1 Corinthians 15:1

Phao-lô nhắc nhở các anh chị em tín hữu điều gì?

Ông nhắc họ về tin lành mà ông đã rao giảng cho họ.

1 Corinthians 15:3

Những phần nào quan trọng trước hết trong tin lành đó?

Những phần quan trọng trước nhất đó là Chúa Cứu Thế đã chịu chết vì tội chúng ta theo lời Kinh Thánh và Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba Ngài sống lại theo lời Kinh Thánh.

1 Corinthians 15:8

Chúa Cứu Thế đã hiện ra với những ai sau khi Ngài sống lại từ kẻ chết?

Sau khi Ngài sống lại từ kẻ chết, Chúa Cứu Thế đã hiện ra với Sê-pha, mười hai sứ đồ và cùng một lúc với hơn năm trăm môn đồ khác, Ngài cũng hiện ra với Gia-cơ, các sứ đồ và với Phao-lô.

1 Corinthians 15:12

Phao-lô ngụ ý gì về một số tín hữu đã nói về sự sống lại?

Ông ngụ ý rằng một vài trong số họ cho rằng không có sự sống lại từ kẻ chết.

1 Corinthians 15:18

Nếu như Chúa Cứu Thế đã không sống lại thì chuyện gì đã xảy ra cho những người đã chết trong Ngài?

Họ đã bị hư mất.

1 Corinthians 15:20

Phao-lô gọi Chúa Cứu Thế là gì?

Ông gọi Chúa Cứu Thế là “trái đầu mùa của những kẻ chết”

1 Corinthians 15:22

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Bởi người nào mà sự chết vào trong thế gian và bởi người nào mà có sự sống lại từ kẻ chết?
A-đam đã đem sự chết vào trong thế gian và bởi Chúa Cứu Thế mà nói người đều sẽ được sống, sẽ được sống lại.
1 Corinthians 15:24
Đến cuối cùng chuyện gì sẽ xảy ra?
Chúa Cứu Thế sẽ giao vương quốc lại cho Đức Chúa Trời là Cha, khi Ngài đã hủy diệt mọi thế lực cai trị, mọi thẩm quyền.
1 Corinthians 15:27
Khi nói rằng: “Ngài đã đặt muôn vật dưới chân Ngài” thì không bao hàm ai?
Đấng đã đặt muôn vật thuận phục trước Đức Chúa Con (chính Ngài) thì không phải thuận phục (trước Đức Chúa Con).
1 Corinthians 15:35
Phao-lô so sánh sự sống lại từ kẻ chết với điều gì?
Ông so sánh điều đó với hạt giống được gieo xuống đất.
1 Corinthians 15:37
Liệu hạt giống gieo xuống đất có giống với thân (cây trồng) lớn lên từ hạt giống đó?
Hạt giống bạn gieo sẽ khác với hình dạng thân thể của nó lúc lớn lên.
1 Corinthians 15:40
Còn có kiểu thân thể nào khác không?
Còn có thân thể thuộc về trên trời và thân thể thuộc về đất.
1 Corinthians 15:42
Phao-lô so sánh sự sống lại từ kẻ chết với điều gì?
Ông so sánh nó với hạt giống được gieo xuống đất.
Thân thể hay hư nát của chúng ta gieo cách như thế nào?
Chúng được gieo như những thân thể tự nhiên, nhục nhã và yếu đuối.
Tình trạng của chúng ta khi sống lại từ kẻ chết là gì?
Được làm cho sống lại là thân thể thuộc linh không hay hư nát, được làm cho sống lại trong vinh hiển và quyền thế.
1 Corinthians 15:45
A-đam đầu tiên đã trở nên điều gì?
Người đã trở nên một linh hồn sống
A-đam sau cùng sẽ trở nên gì?
Ngài sẽ trở nên thần linh ban sự sống.
1 Corinthians 15:47
A-đam đầu tiên từ đâu mà có và A-đam thứ hai từ đâu mà đến?
Người đầu tiên thuộc về đất, ra từ bụi đất. Người thứ hai từ trời mà đến.
1 Corinthians 15:50
Điều nào không thể hưởng được vương quốc Đức Chúa Trời?
Thịt và huyết thì không thể hưởng vương quốc Đức Chúa Trời.
1 Corinthians 15:52
Chúng ra sẽ được biến đổi khi nào và nhanh chóng ra sao?
Khi tiếng kèn cuối cùng thổi lên thì chúng ta sẽ được biến đổi trong nháy mắt.
1 Corinthians 15:54
Chuyện gì sẽ xảy ra khi bản chất hay hư nát này mặc lấy bản chất không hay hư nát và bản chất hay chết mặc lấy bản chất không hay chết?
Sự chết bị nuốt chửng trong chiến thắng.
1 Corinthians 15:56
Nọc của sự chết và sức mạnh của tội lỗi là gì?
Nọc của sự chết là tội lỗi và sức mạnh của tội lỗi là luật pháp.
1 Corinthians 15:58
Phao-lô đã đưa ra lí do nào để khuyên các anh chị em tín hữu Cô-rinh-tô phải vững vàng, không rung động và làm công việc Chúa cách dư dật luôn?
Ông bảo họ là điều này bởi vì họ biết rằng công khó của họ trong Chúa không phải là vô ích.

Chapter 16
1 Corinthians 16:1
cho các tín đồ
Phao-lô đang thu gom tiền bạc từ các Hội Thánh của mình cho các tín hữu Do Thái nghèo khổ tại Giê-ru-sa-lem và Giu-đa.
như tôi đã chỉ dẫn
"như tôi đã đưa ra những chỉ dẫn rõ ràng”
dành ra một phần
Có thể hiểu: 1) “giữ nó ở nhà” hoặc 2) “đem đến cho Hội Thánh”
như thế khi tôi đến sẽ không phải quyên góp nữa
Tham khảo cách dịch: “Như vậy, anh em sẽ chẳng phải quyên góp thêm tiền khi tôi ở cùng anh em”
1 Corinthians 16:3
người mà anh em tín nhiệm
Phao-lô để cho Hội Thánh biết rằng họ có thể bổ nhiệm một người trong vòng anh em mình để đem phần dâng hiến của mình đến Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “người mà anh em đã chỉ định”
Tôi sẽ gửi thư đi cùng
Có thể hiểu: 1) “Tôi sẽ gửi kèm thư mà tôi sẽ viết” hoặc “tôi sẽ gửi kèm những lá thư anh em sẽ viết”
1 Corinthians 16:5
Anh em có thể giúp đỡ tôi trong chuyến hành trình của tôi
Có thể chu cấp sự hỗ trợ về tài chính hoặc vật chất cho Phao-lô và đoàn truyền giáo của ông
1 Corinthians 16:7
Hiện giờ tôi chưa muốn đi gặp anh em
Phao-lô nói rằng ông không muốn đi thăm họ chỉ trong một chuyến thăm ngắn ngủi, nhưng để dành cho chuyến đi dài ngày sau này.
Lễ Ngũ Tuần
Phao-lô sẽ ở lại Ê-phê-sô cho đến kỳ lễ này (Tháng 5 hoặc tháng 6), sau đó sẽ đi qua xứ Ma-xê-đoan, và rồi cố gắng tới Cô-rinh-tô trước khi mùa đông bắt đầu vào tháng 11.
một cánh cửa lớn đã mở
Điều này có nghĩa là Chúa đã ban cho ông một cơ hội thuận tiện để đem người ta tiếp nhận Tin Lành.
1 Corinthians 16:10
đừng để anh ấy e sợ gì khi ở với anh em
Tham khảo cách dịch: “hãy khiến anh ấy thấy thoải mái khi ở với anh em”
Đừng ai xem thường anh ấy
Ti-mô-thê trẻ hơn Phao-lô rất nhiều, nên có thể anh sẽ không được chào đón cách tôn trọng giống như đối với những nhà truyền giáo như Phao-lô và A-bô-lô.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

anh em chúng ta là A-bô-lô
Phao-lô tôn trọng A-bô-lô như một người anh em cùng niềm tin và như một nhà truyền giáo trong Chúa Cứu Thế, Phao-lô cũng ủng hộ ông trở lại Cô-rinh-tô để truyền giáo cho họ.
1 Corinthians 16:13
Hãy tỉnh thức
Phao-lô cảnh báo các tín hữu phải nhận thức được rằng không phải người nào đến xưng danh Chúa Cứu Thế cũng đều ở trong Ngài.
hãy đứng vững trong đức tin
Phao-lô cổ vũ các tín hữu không để những lời giảng dạy giả dối làm nao núng đức tin của mình.
hãy hành động như một người đấng nam nhi, hãy mạnh mẽ
Phao-lô khuyến khích họ lớn lên trưởng thành trong Chúa Cứu Thế.
1 Corinthians 16:15
gia đình Sê-pha-na
Sê-pha-na là một trong những tín hữu đầu tiên tại Hội Thánh Cô-rinh-tô.
phục vụ những người nầy
Phao-lô khuyến khích các tín hữu tôn trọng và quan tâm đến những người phục vụ các tín hữu tại đó, đối với họ như với các trưởng lão đã gửi họ đến.
1 Corinthians 16:17
Sê-pha-na, Phốt-tu-na và A-chai-cơ
Những người nầy hoặc là một trong số những tín hữu đầu tiên tại Cô-rinh-tô hoặc là những trưởng lão Hội Thánh có mối liên hệ gần gũi với Phao-lô.
Phốt-tu-na… A-chai-cơ
Tên của những người nam.
Vì những người ấy làm phấn chấn tinh thần của tôi
Phao-lô vui mừng hân hoan vì chuyến thăm của họ.
1 Corinthians 16:19
Các hội thánh tại vùng A-si-a
Đại đa số các Hội Thánh tại vùng A-si-a đều nằm ở bờ biển Đông của biển Aegean cắt ngang Cô-rinh-tô.
A-qui-la và Pê-rít-sin
Hai người này là tín hữu từ Rô-ma, những người đi rao giảng Phúc Âm và hướng dẫn A-bô-lô trong đường lối của Chúa Cứu Thế.

Translation Questions

1 Corinthians 16:1
Phao-lô đã hướng dẫn những ai y như cách ông đã hướng dẫn Hội Thánh tại Cô-rinh-tô về việc quyên góp tiền cho các thánh đồ?
Phao-lô đã hướng dẫn các Hội Thánh tại Ga-la-ti y như cách ông hướng dẫn Hội Thánh tại Cô-rinh-tô.
Số tiền dâng hiến này sẽ đến với những ai?
Nó sẽ được đem đến cho các thánh đồ tại Giê-ru-sa-lem.
1 Corinthians 16:3
Số tiền dâng hiến này sẽ đến với những ai?
Nó sẽ được đem đến cho các thánh đồ tại Giê-ru-sa-lem.
1 Corinthians 16:5
Khi nào thì Phao-lô sẽ đến Hội Thánh tại Cô-rinh-tô?
Ông hứa rằng ông sẽ đến thăm họ khi đi qua xứ Ma-xê-đoan.
1 Corinthians 16:7
Tại sao Phao-lô không muốn ngay lập tức được gặp các thánh đồ tại Cô-rinh-tô trong thời gian ngắn?
Phao-lô muốn thăm họ trong quãng thời gian dài hơn và có lẽ sẽ dành cả mùa đông để ở với họ.
1 Corinthians 16:10
Ti-mô-thê đang làm công việc gì?
Ông đang làm công việc Chúa giống như Phao-lô.
Phao-lô căn dặn Hội Thánh tại Cô-rinh-tô đối xử với Ti-mô-thê như thế nào?
Phao-lô căn dặn Hội Thánh tại Cô-rinh-tô đừng để Ti-mô-thê phải e sợ gì và cũng ôn tồn giúp cho Ti-mô-thê làm công việc của mình.
1 Corinthians 16:15
Trong vòng các tín hữu Cô-rinh-tô, ai là người đã hết lòng phục vụ các thánh đồ?
Gia đình Sê-pha-na đã hết lòng phục vụ các thánh đồ
1 Corinthians 16:17
Sê-pha-na, Phô-tu-na và A-chai đã làm gì cho Phao-lô?
Họ đã bù lại sự thiếu vắng của các thánh đồ Cô-rinh-tô và khiến tinh thần của Phao-lô tươi tỉnh trở lại.
1 Corinthians 16:19
Ai đã gửi lời chào thăm đến Hội Thánh tại Cô-rinh-tô?
Các Hội Thánh Tiểu Á, A-qui-la và Bê-rít-sin cùng toàn thể anh chị em tín hữu gửi lời chào thăm đến Hội Thánh tại Cô-rinh-tô.

Chapter 1

2 Corinthians 1:1
Này là Phao-lô
Ngôn ngữ bạn dùng có thể có cách giới thiệu riêng cho tác giả của lá thư. Có thể dịch thành: “Tôi, Phao-lô, đã viết thư này”.
anh em
Trong Tân Ước, các sứ đồ thường dùng từ “anh em” để chỉ các tín hữu trong Hội Thánh, bởi vì tất cả những tín hữu trong Chúa Cứu Thế là thành viên trong một gia đình thuộc lin và Đức Chúa Trời là Cha trên trời của họ.
A-chai
Đây là tên một tỉnh của Rô-ma, nằm ở phía Nam của Hi-lạp ngày nay.
nguyện ân điển và sự bình an cho anh em
Từ “anh em” chỉ những tín hữu trong Hội Thánh tại Cô-rinh-tô cũng như các tín hữu khác trong vùng đó. Đây là cách chào thăm mà Phao-lô thường dùng trong các lá thư của mình
2 Corinthians 1:3
Đức Chúa Trời và Cha
"Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha”
Cha của mọi sự nhân từ và Đức Chúa Trời của mọi sự an ủi
Đây là những cụm từ giống nhau nói về cùng một ý. Từ “Cha” và “Đức Chúa Trời” được dùng để mô tả về Đức Chúa Trời giống như “một Đấng ban cho” hoặc là “nguồn” bởi vì Đức Chúa Trời là nguồn gốc của mọi sự. Tham khảo cách dịch: “Nguồn của mọi sự nhân từ và an ủi”.
an ủi chúng tôi trong mọi sự hoạn nạn của chúng tôi
"chúng tôi” và “của chúng tôi” bao gồm các tín hữu Cô-rinh-tô.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Corinthians 1:5
Vì như những khổ nạn mà Chúa Cứu Thế đã chịu vì cớ chúng tôi
"Vì như Chúa Cứu Thế đã chịu nhiều đau đớn cho chúng tôi thể nào”
Nhưng nếu chúng tôi có chịu đau đớn
Phao-lô đang mô tả những hoạn nạn của chính họ bên cạnh những hoạn nạn của các tín hữu Cô-rinh-tô.
Những sự an ủi của anh em
"Anh em được an ủi”
2 Corinthians 1:8
chúng tôi không muốn anh em không biết
"chúng tôi muốn anh em biết”
bị đè nén quá mức
Từ “bị đè nén” nói đến cảm giác tuyệt vọng. Tham khảo cách dịch: “hoàn toàn tuyệt vọng”
quá sức chịu đựng của chúng tôi
Phao-lô và Ti-mô-thê ví sánh cảm giác tuyệt vọng của mình như một vật rất nặng nề mà họ phải mang.
án tử hình ở trên chúng tôi
Phao-lô và Ti-mô-thê đang so sánh cảm giác tuyệt vọng của mình với cảm giác tuyệt vọng của một người tử tù. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi tuyệt vọng như một kẻ nhận án tử hình”.
nhưng thay vào đó là nơi Đức Chúa Trời
Trong phần này, cụm từ “đặt lòng tin cậy mình” đã bị lược bỏ. Tham khảo cách dịch: “Nhưng thay vào đó, chúng tôi đặt lòng tin cậy mình nơi Đức Chúa Trời”
Đấng khiến kẻ chết sống lại
"Đấng đem kẻ chết sống lại”
cái chết cận kề
Phao-lô và Ti-mô-thê so sánh cảm giác tuyệt vọng của mình như cái chết cận kề hoặc mối nguy hiểm kinh khiếp (Tham khảo bản dịch UDB). Tham khảo cách dịch: “tuyệt vọng”.
2 Corinthians 1:11
Chúa sẽ làm điều này khi anh em cũng giúp đỡ chúng tôi
"Đức Chúa Trời sẽ giải cứu chúng tôi khỏi nguy hiểm khi anh em, những tín hữu tại Hội Thánh Cô-rinh-tô, cầu thay cho chúng tôi”
2 Corinthians 1:12
lời chứng của lương tâm chúng tôi
Những suy nghĩ của Phao-lô và Ti-mô-thê làm chứng cho việc làm của họ.
sự khôn ngoan trên đất
"sự khôn ngoan của loài người”
Chúng tôi không viết cho anh em những điều nào anh em không thể đọc được hay không hiểu được
"mọi điều chúng tôi viết cho anh em, anh em đều có thể đọc và hiểu được”
cũng như anh em sẽ là niềm tự hào của chúng tôi
Tham khảo cách dịch: “cũng như anh em sẽ là lí do để chúng tôi tự hào”
2 Corinthians 1:15
Bởi vì tôi tin tưởng như vậy
Nói về những lời nhận xét trước đó của Phao-lô về các tín hữu Cô-rinh-tô
đưa tôi đến Giu-đa
"giúp tôi đi đến Giu-đa”
2 Corinthians 1:17
Khi dự tính như vậy, tôi có do dự không?
Phao-lô và Ti-mô-thê dùng câu hỏi này để thể hiện sự chắc chắn về quyết định của mình. Tham khảo cách dịch: “Khi tôi dự tính như vậy, tôi rất chắc chắn với quyết định của mình”
tôi có do dự không?
"tôi có lưỡng lự không?”
Tôi có dự định theo tiêu chuẩn loài người, rồi cùng một lúc cứ nói “Có, có” và “Không, không” không?
Phao-lô bênh vực cho tính chính trực của mình. Tham khảo cách dịch: “Tôi hoạch định mọi việc như Đức Chúa Trời muốn mình làm. Tôi sẽ nói có hoặc không chỉ khi nào tôi biết chắc câu trả lời của mình là thật.”
2 Corinthians 1:19
Con Đức Chúa Trời
Đây là danh xưng quan trọng dành cho Chúa Giê-xu mô tả mối liên hệ của Ngài với Đức Chúa Trời.
chẳng bao giờ vừa “Có” vừa “Không”
Câu này nói về cách Chúa Giê-xu đáp lại những lời yêu cầu. Tham khảo cách dịch: “không bao giờ trả lời vừa “Có” vừa “Không”
nhưng tất cả những lời hứa của Đức Chúa Trời là “có” nơi Ngài
Câu này có nghĩa là Ngài sẽ làm mọi điều Đức Chúa Trời đã hứa. Tham khảo cách dịch: “tất cả những lời hứa của Đức Chúa Trời chắn chắn chúng ta sẽ nhận được bởi vì những điều Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã làm”
“có” nơi Ngài… quá Ngài
Từ “Ngài” ở đây nói đến Chúa Giê-xu Cơ Đốc.
2 Corinthians 1:21
đã đóng ấn Ngài trên chúng ta
Cụm từ “ấn Ngài” chỉ về sự chấp thuận của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “chấp thuận chúng ta”
2 Corinthians 1:23
Tôi cầu xin Đức Chúa Trời làm chứng cho tôi
Cụm từ “làm chứng” chỉ về một người thuật lại những điều mình đã thấy hoặc đã nghe để giải quyết cuộc tranh cãi. “Tôi cầu xin Đức Chúa Trời bày tỏ những điều tôi nói là thật”
đứng vững trong đức tin anh em
Từ “đứng vững” chỉ về một điều gì đó không thay đổi. Tham khảo cách dịch: “hãy cứ vững vàng trong đức tin anh em”

Translation Questions

2 Corinthians 1:1
Ai đã viết lá thư nầy?
Phao-lô là Ti-mô-thê đã viết lá thư nầy.
Lá thư này được viết cho ai?
Nó được viết cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời tại Cô-rinh-tô cùng gửi đến các sứ đồ trong cả xứ A-chai.
2 Corinthians 1:3
Phao-lô mô tả Đức Chúa Trời như thế nào?
Phao-lô mô tả Đức Chúa Trời là Cha của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc là Cứu Chúa chúng ta, Cha của sự nhân từ và là Đức Chúa Trời của mọi niềm an ủi.
2 Corinthians 1:8
Phao-lô và những người bạn của ông đã gặp những khó khăn nào ở A-si-a?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Họ bị đè nén quá mức, vượt quá sức chịu đựng của mình. Họ cảm thấy như mình đã nhận án tử hình.
2 Corinthians 1:11
Phao-lô cho rằng Hội Thánh Cô-rinh-tô có thể giúp đỡ họ bằng cách nào?
Phao-lô cho rằng Hội Thánh Cô-rinh-tô có thể giúp đỡ họ bằng sự cầu nguyện.
2 Corinthians 1:12
Phao-lô kể rằng ông và những người cộng sự đã hãnh diện về điều gì?
Họ hãnh diện về lời chứng của lương tâm mình về cách cư xử trong thế gian, đặc biệt là đối với Hội Thánh Cô-rinh-tô, với sự thánh khiết và thành thật đến từ Đức Chúa Trời, không dựa vào sự khôn ngoan đời nầy nhưng nhờ ân điển của Đức Chúa Trời. .
2 Corinthians 1:15
Đã bao nhiêu lần Phao-lô dự định đến thăm các tín hữu tại Cô-rinh-tô?
Ông đã định đến thăm họ hai lần.
2 Corinthians 1:23
Tại sao Phao-lô đã không đến Cô-rinh-tô?
Ông không đến Cô-rinh-tô để có thể dung thứ cho họ.

Chapter 2
2 Corinthians 2:1
Vì vậy về phần tôi, tôi quyết định
"Tôi đã quyết định”
giữa những lúc đau buồn
Tham khảo cách dịch: “khi anh em làm những việc mà tôi kiên quyết phản đối”
Vì nếu tôi làm cho anh em đau buồn, thì ai có thể làm cho tôi phấn chấn lên nếu không phải là những người mà tôi đã làm buồn lòng?
Phao-lô khẳng định với các tín hữu Cô-rinh-tô rằng họ khiến ông cảm thấy hạnh phúc và việc làm tổn thương họ sẽ khiến cho cả hai bên đau buồn. Tham khảo cách dịch: “Nếu tôi khiến anh em phải đau buồn thì phần tôi cũng chẳng vui vẻ gì khi anh em như vậy”
2 Corinthians 2:3
Tôi sẽ không đau lòng bởi những kẻ
Phao-lô đang nói về cách ứng xử của một số tín hữu Cô-rinh-tô khiến ông đau lòng. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ không đau lòng trước việc làm của những kẻ”
từ nỗi đau đớn, với tấm lòng quặn thắt và nước mắt đầm đìa
Những cụm từ này diễn tả nỗi đau buồn khôn xiết của Phao-lô cũng như việc cũng như ông rất khó khăn để viết ra những lời nầy vì tình thương mà ông dành cho người Cô-rinh-tô. Tham khảo cách dịch: “rất khó khăn vì tôi quan tâm anh em nên đau buồn khôn xiết”
2 Corinthians 2:5
trong một chừng mực nào đó
"trong một phần nào đó’
quá khắc nghiệt
"không đủ lòng nhân từ” hoặc “quá tàn nhẫn”
bị chìm ngập trong sự đau buồn quá mức
Đây là cảm xúc mạnh mẽ phản ứng lại khi quá đau buồn.
2 Corinthians 2:8
công khai xác nhận lòng yêu thương anh em với người ấy
Nghĩa là chào mừng người đó quay trở lại trong cộng đồng Cơ Đốc. Tham khảo cách dịch: “thông báo trong buổi nhóm rằng anh em vẫn yêu mến người như thể yêu mến gia đình mình vậy”
anh em vâng phục trong mọi việc
Đề cập đến cả hai việc: sửa trị những người phạm tội và sau đó tha thứ cho họ. Tham khảo cách dịch: “Anh em vâng phục trong mọi điều tôi đã dạy anh em phải làm”
2 Corinthians 2:10
tha thứ vì anh em
Có thể hiểu: 1) “tha thứ vì lòng yêu thương của tôi đối với anh em” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “tha thứ vì lợi ích của anh em”
Vì chúng không ta không phải không biết mưu đồ của nó
"Vì chúng ta biết mưu đồ của nó”
2 Corinthians 2:12
Cánh cửa đã mở ra cho tôi
Giống như cánh cửa đã mở sẵn để người ta có thể bước qua, Phao-lô cũng được ban cho cơ hội để chia sẻ Phúc Âm tại Trô-ách. Tham khảo cách dịch: “Tôi được ban cho cơ hội”
anh em tôi là Tít
Phao-lô thường nhắc đến những người dự phần với ông trong chức vụ như những người anh em trong Chúa Cứu Thế.
Vì vậy tôi đã từ giã họ
"Vì vậy tôi đã từ giã những người tại Trô-ách”
2 Corinthians 2:14
dẫn dắt chúng tôi trong chiến thắng
Phao-lô nhắc đến Chúa Cứu Thế như thể Ngài là vị tướng dẫn dắt binh lính của mình đến chiến thắng. Tham khảo cách dịch: “ban chiến thắng cho chúng tôi”
hương thơm ngọt ngào về sự hiểu biết
"hương thơm dễ chịu về sự hiểu biết”. Phao-lô sử dụng cụm từ “hương thơm ngọt ngào” để nói đến sự hiểu biết mà người ta ưa thích. Tham khảo cách dịch: “sự hiểu biết mà người ta yêu thích”
hương thơm ngạt ngào của Chúa Cứu Thế
"hương thơm dễ chịu của Chúa Cứu Thế”. Phao-lô sử dụng cụm từ “hương thơm ngạt ngào của Cứu Thế mà người ta ưa thích”. Tham khảo cách dịch: “sự hiểu biết dễ chịu về Chúa Cứu Thế”
2 Corinthians 2:16
mùi sự chết dẫn đến sự chết
Từ “mùi” ở đây chỉ sự hiểu biết về Chúa Cứu Thế. Đối với những người chết mất về phần thuộc linh, sự hiểu biết về Chúa Cứu Thế giống như thể mùi của xác chết thối rữa. Tham khảo cách dịch: “hiểu biết về sự chết đối với những kẻ chết mất”
mùi sự sống dẫn đến sự sống
Từ “mùi” ở đây chỉ sự hiểu biết về Chúa Cứu Thế. Đối với những người đang sống động về mặt thuộc linh, sự hiểu biết về Chúa Cứu Thế giống như mùi thơm ngào ngạt dễ chịu. Tham khảo cách dịch: “hiểu biết về sự sống đối với những người hiện đang sống”
Ai xứng đáng với những điều nầy?
Phao-lô sử dụng câu hỏi nầy để cho thấy sự hiểu biết về Chúa Cứu Thế là món quà từ Đức Chúa Trời mà không một ai xứng đáng được nhận. Tham khảo cách dịch: “Không ai xứng đáng với những điều nầy”
những động sơ trong sạch
"những ước muốn thành thật”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúng tôi rao giảng trong Chúa Cứu Thế
"chúng tôi rao giảng vì cớ niềm tin nơi Chúa Cứu Thế”

Translation Questions

2 Corinthians 2:1
Phao-lô đang cố gắng tránh những hoàn cảnh nào qua việc ông không đến Hội Thánh Cô-rinh-tô?
Phao-lô tránh việc đi đến Hội Thánh Cô-rinh-tô trong những hoàn cảnh đau lòng.
2 Corinthians 2:3
Tại sao Phao-lô lại viết như ông đã làm trong bức thư trước gửi đến Hội Thánh Cô-rinh-tô?
Ông viết như ông đã làm trong bức thư trước gửi đến Hội Thánh Cô-rinh-tô để khi trở lại cùng họ, ông sẽ không đau buồn vì họ, những người lẽ ra phải khiến ông vui mừng mới đúng.
2 Corinthians 2:14
Đức Chúa Trời đã làm gì qua Phao-lô và những người cộng sự của mình?
Qua Phao-lô và những người cộng sự của ông, Đức Chúa Trời đã làm cho hương thơm về sự hiểu biết Chúa Cứu Thế lan tỏa khắp nơi.

Chapter 3
2 Corinthians 3:1
Có phải chúng tôi lại bắt đầu tự đề cao mình không?
Phao-lô đặt câu hỏi này để bày tỏ rằng họ không cố gắng để khiến cho mình có vẻ tốt đẹp hơn.
Hay như những người khác, chúng tôi cần thư giới thiệu tới anh em hoặc thư anh em giới thiệu chúng tôi chăng?
Phao-lô nói điều nầy để bày tỏ rằng người Cô-rinh-tô vốn biết về danh tiếng tốt của ông và Ti-mô-thê.
thư giới thiệu
Tình yêu thương của Phao-lô và Ti-mô-thê dành cho các tín hữu Hội Thánh Cô-rinh-tô được ví sánh như bức thư giới thiệu đến các Hội Thánh khác chứng thực rằng Phao-lô và Ti-mô-thê là đáng tin cậy.
anh em là bức thư của Chúa Cứu Thế gửi qua chúng tôi, được viết… bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời hằng sống… trên những bảng lòng của con người
Phao-lô nói rằng các tín hữu tại Hội Thánh Cô-rinh-tô giống như những bức thư thuật lại gương mẫu của họ cũng như cách mà sứ điệp về Chúa Cứu Thế, là sứ điệp mà Phao-lô và Ti-mô-thê đã chia sẻ với các tín hữu tại đó, qua Đức Thánh Linh có quyền năng thay đổi những con người như họ ra sao.
Là thư đó không phải được viết trên những bảng bằng đá mà trên những bảng lòng của con người
Từ “đá” chỉ về một điều gì đó không thay đổi. Cụm từ “lòng của con người” được dùng ở đây vì nó mềm và dùng để chỉ tính hay thay đổi của con người.
những bảng
Đây là những miếng đá hoặc đất sét phẳng được dùng để ghi chép.
2 Corinthians 3:4
đây là lòng tin chắc
Từ “đây” chỉ nhận thức của Phao-lô và Ti-mô-thê đối với cách thức sự hiểu biết về Chúa Cứu Thế đã và đang thay đổi đời sống của các tín hữu Hội Thánh Cô-rinh-tô như thế nào.
chúng tôi có thẩm quyền
"chúng tôi có đủ tư cách”
sự xứng đáng của chúng tôi
"tư cách của chúng tôi”
không phải bằng chữ cái nhưng bằng Đức Thánh Linh
Phao-lô dùng từ “chữ cái” để chỉ về những luật lệ trong thời Cựu Ước bởi vì chữ cái cấu thành từ. Cụm từ “chữ trong luật pháp”chỉ về tất cả các mục trong luật pháp Cựu Ước. Tham khảo cách dịch: “không phải bằng việc tuân thủ luật pháp nhưng là sự ban cho của Đức Thánh Linh”
chữ viết làm cho chết
Cụm từ này có nghĩa là cố gắng tuân thủ trọn vẹn luật pháp Cựu Ước và vi phạm luật sẽ dẫn đến sự chết thuộc linh.
2 Corinthians 3:7
Vậy bây giờ nếu… chức vụ của Đức Thánh Linh lại không được vinh hiển bội phần hơn sao?
Phao-lô dùng câu hỏi nầy để giải thích tại sao câu trả lời lại dễ hiểu đến như vậy. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì… chức vụ của Đức Thánh Linh thậm chí còn được vinh hiển hơn nữa”
khắc chữ
"chạm chữ"
chức vụ của sự chết… chức vụ của Đức Thánh Linh
Phao-lô dùng cụm từ “chức vụ của” để chỉ về những lựa chọn mà Đức Chúa Trời đưa ra cho chúng ta hoặc bởi luật pháp nhận lấy sự chết thuộc linh hoặc bởi Thánh Linh nhận lấy sự sống đời đời. Tham khảo cách dịch: “con đường dẫn đến sự chết… con đường nhận lãnh Đức Thánh Linh”.
2 Corinthians 3:9
chức vụ về sự kết án
Cụm từ này nói về Luật Pháp mà Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se. Luật pháp chỉ có thể chỉ ra sự bất tuân của con người trước Đức Chúa Trời, do đó nó định con người phải chết.
chức vụ về sự công bình
Cụm từ này nói đến sứ điệp về sự tha thứ được ban cho qua Chúa Giê-xu Cơ Đốc. Thông điệp này đem đến sự tha thứ và đời sống mới không giống như luật pháp chỉ định con người đến sự chết.
đầy vinh hiển
Chức vụ của Chúa Cứu Thế về sự công bình vinh hiển hơn nhiều so với Luật Pháp vốn cũng có sự vinh hiển của nó.
những điều đã từng được… Vì nếu điều đó
Từ “điều” ở đây chỉ về Luật Pháp Môi-se.
về phương diện nầy
"theo cách nầy”
vượt trội hơn nó
"tốt hơn nó”
qua đi
"đã xong mục đích của nó”
2 Corinthians 3:12
phần còn lại của vinh quang đó qua đi
Ánh sáng của sự vinh hiển Đức Chúa Trời ở trên mặt Môi-se

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khiến ông phải lấy một cái mạng che mặt lại đặng dân Y-sơ-ra-ên không nhìn thấy vinh hiển đó phai tàn dần. Tham khảo cách dịch: “Phần còn lại của sự sáng trong vinh hiển của Đức Chúa Trời trên mặt Môi-se đang phai dần”

2 Corinthians 3:14

họ

"người Y-sơ-ra-ên”

tấm màn ấy

Giống như tấm màn che đi khuôn mặt của một người, Phao-lô nói về tấm màn thuộc linh ngăn cách không cho người Do Thái hiểu được sứ điệp của Đức Chúa Trời.

mỗi khi người ta đọc sách Môi-se

Nói đến những sách mà Môi-se đã viết. Tham khảo cách dịch: “Mỗi khi người ta đọc các bản ghi chép của Môi-se”

trở lại với Chúa

Từ “trở lại” nói đến sự thay đổi thái độ. Tham khảo cách dịch: “thay đổi từ tin tưởng bản thân sang tin cậy nơi Chúa”

tấm màn ấy được cất đi

Từ “tấm màn” chỉ tình trạng không có khả năng để hiểu được thông điệp của Đức Chúa Trời của những người nầy. “Được cất đi” có nghĩa là bây giờ họ được ban cho khả năng hiểu những lời ấy.

2 Corinthians 3:17

mặt trần không che màn, chiêm ngưỡng vinh quang Chúa

Mở tấm màn che mặt của một người ra thì họ có thể nhìn thấy mọi thứ rõ ràng; cụm từ nầy được dùng để chỉ khả năng thông hiểu. Từ “chiêm ngưỡng” được dùng để chỉ khả năng hiểu điều gì đó.

cùng một sự vinh quang

Điều gì đó có cùng sự vinh quang giống như Chúa hoặc điều gì đó tỏ ra vinh quang của Đức Chúa Trời.

từ mức độ vinh quang này đến vinh quang khác

"từ lượng vinh quang này đến lượng vinh quang khác"

Translation Questions

2 Corinthians 3:4

Đâu là điều mà Phao-lô và các cộng sự của mình tin chắc nơi Đức Chúa Trời nhờ Chúa Cứu Thế?

Niềm tin của họ không ở những tài năng mình có nhưng trong sự chu cấp đầy đủ của Đức Chúa Trời ban cho mình.

2 Corinthians 3:7

Tại sao dân Y-sơ-ra-ên không thể nhìn thẳng vào mặt Môi-se?

Họ không thể nhìn thẳng vào mặt Môi-se bởi vì có sự vinh quang trên mặt ông và vinh quang đó đang phai dần.

2 Corinthians 3:14

Làm thế nào để tâm trí dân Y-sơ-ra-ên được mở ra và tấm màn trong lòng họ được cất đi?

Chỉ khi nào dân Y-sơ-ra-ên xoay lại với Chúa Cứu Thế thì trí họ mới được mở ra và tấm màn che khuất được cất đi.

2 Corinthians 3:17

Điều gì hiện diện cùng với Thánh Linh của Chúa?

Nơi nào có Thánh Linh của Chúa, nơi đó có sự tự do.

Chapter 4

2 Corinthians 4:1

chúng tôi

Có thể hiểu nghĩa của từ “chúng tôi” ở đây bao gồm: 1) Phao-lô và đoàn truyền giáo của ông hoặc 2) Phao-lô và các sứ đồ khác hoặc 3) Phao-lô và các tín hữu Cô-rinh-tô.

chúng tôi có được chức vụ này... chúng tôi nhận được sự thương xót

Cả hai cụm từ này đều chỉ về cách thức Đức Chúa Trời giao chức vụ cho chúng ta và tỏ lòng thương xót Ngài đối với chúng ta bằng cách biến đổi chúng ta trở nên giống Ngài hơn.

chúng tôi đã từ bỏ

"chúng tôi đã bỏ”

đáng xấu hổ và mờ ám

Hai từ này cùng thể hiện một ý. Tham khảo cách dịch: “giấu giếm đáng hổ thẹn”

sống bằng sự xảo trá

"sống bằng sự dối trá”

chúng tôi không xuyên tạc lời của Đức Chúa Trời

Cụm từ này dùng hai ý tiêu cực để thể hiện một ý tích cực. Tham khảo cách dịch: “chúng tôi áp dụng đúng lời của Đức Chúa Trời”

trước mặt Đức Chúa Trời

Việc Đức Chúa Trời hiểu sự trung tín của tác giả cho thấy Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy được họ.

2 Corinthians 4:3

Tin Lành của chúng tôi có bị che khuất thì chỉ bị che khuất đối với những kẻ

Từ “bị che khuất” nói đến khả năng không thể hiểu được. Nếu một vật gì đó bị che khuất thì người ta sẽ không thể thấy nó được. Không thể thấy được ở đây được dùng để chỉ về khả năng không thể hiểu được.

thần của đời nầy

Cụm từ này dùng để chỉ về Sa-tan. Các bản dịch Tiếng Anh thường ghi chữ thường “g” (god) để chỉ các tà thần và dùng chữ in hoa “G” (God) để chỉ về Đức Chúa Trời chân thần duy nhất.

đã làm mù lòa

Tham khảo cách dịch: “đã ngăn không cho hiểu”

ánh sáng

Từ “ánh sáng” ở đây chỉ về lẽ thật.

2 Corinthians 4:5

mà rao giảng về Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc là Chúa; và chính chúng tôi là đầy tớ của anh em

Ý này đề cập đến những lời tuyên bố của tác giả sách Hê-bơ-rơ. Tham khảo cách dịch: “nhưng chúng tôi tuyên bố Chúa Cứu Thế Giê-xu là Chúa, và chúng tôi sẽ làm việc vì cớ lợi ích của anh em”

vì Chúa Giê-xu

Tham khảo cách dịch: “để quy vinh hiển cho Chúa Giê-xu”

Ánh sáng phải chiếu ra từ trong bóng tối

Ánh sáng được dùng để chỉ về sự hiểu biết. Tham khảo cách dịch: “những người trước kia không hiểu bây giờ sẽ hiểu”

Ngài đã soi sáng

Từ “soi sáng” có nghĩa là tạo ra ánh sáng và nói đến việc Đức Chúa Trời khiến người ta hiểu được. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã ban sự hiểu biết”

trong lòng của chúng ta

Từ “lòng” chỉ nơi một người hiểu rằng những điều mình tin

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

là thật. Tham khảo cách dịch: “cho chúng ta”

2 Corinthians 4:7

báu vật này

Tác giả đang nhắm đến “sự hiểu biết về vinh quang của Đức Chúa Trời trên mặt Chúa Cứu Thế Giê-xu”

bình đất

Tác giả dùng cùm từ này để chỉ về thân thể con người.

Chúng tôi bị khốn khổ mọi đường, nhưng không bị đè bẹp. Chúng tôi bị bối rối nhưng không tuyệt vọng, bị bắt bớ nhưng không bị bỏ rơi; bị quật ngã nhưng không bị tiêu diệt.

Tất cả những cụm từ này đều chỉ về một người vật lộn với thử thách nhưng không bị đánh bại.

Chúng tôi luôn mang trong mình sự chết của Chúa Giê-xu

Cụm từ “sự chết của Chúa Giê-xu” nói về hiểu biết của chúng ta về việc Chúa Giê-xu đã chết đặng tội lỗi của loài người được tha. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi luôn mang trong mình hiểu biết về sự chết của Chúa Giê-xu”

sự sống của Chúa Giê-xu cũng được bày tỏ trong thân thể chúng tôi

Cụm từ “trong thân thể chúng tôi” nói về cách sống của một người tin nơi Chúa Giê-xu. Tham khảo cách dịch: “sự sống của Chúa Giê-xu cũng được bày tỏ qua đời sống của chúng tôi”

2 Corinthians 4:11

Chúng tôi là những người đang sống

Phao-lô đang nói đến hết thảy những người tin nơi Chúa Giê-xu và rao giảng về Ngài mà còn sống.

bị nộp cho

"bị nguy hiểm"

sự sống của Chúa Giê-xu được bày tỏ ra

Cụm từ này chỉ về sự sống đời đời của Chúa Giê-xu và ý nghĩa của điều với tác giả sách Hê-bơ-rơ cũng như hết thảy tín hữu là những người có thể bị giết vì niềm tin nơi Chúa Giê-xu là Chúa. Tham khảo cách dịch: “đức tin của chúng tôi tin rằng Chúa Giê-xu đã sống lại từ kẻ chết và Ngài hứa ban cho chúng ta sự sống đời đời sẽ được chứng minh.

thân thể hay chết của chúng ta

Như trong 4:10, cụm từ này nói về cách sống của một người hoặc những lựa chọn mà họ đã đưa ra.

sự chết đang làm việc trong chúng tôi

Phao-lô nhắc đến sự chết như thể nó có thể hành động. Điều này để nói lên rằng việc con người luôn bị sự chết rình rập có thể có ảnh hưởng tích cực trên người khác.

sự sống đang làm việc trong anh em

Phao-lô nhắc đến sự sống như thể nó có thể hành động. Điều này để nói lên rằng những hiểu biết về sự sống đời đời đang có những tác động tích cực đến cuộc đời của những tín hữu Do Thái.

2 Corinthians 4:13

chúng tôi có cùng một

Từ “chúng tôi” bao gồm Phao-lô, Ti-mô-thê và Hội Thánh tại Cô-rinh-tô.

cùng một tinh thần đức tin

"cùng quan điểm niềm tin”. Từ “tinh thần” chỉ về cách suy nghĩ và đưa ra quyết định của một người. Phao-lô và Ti-mô-thê đang khẳng định mình có cùng quan điểm tin cậy nơi Đức Chúa Trời như các tín hữu Cô-rinh-tô.

Tôi tin, nên tôi nói

Đây là câu trích dẫn từ vua Đa-vít.

sẽ đem chúng ta với anh em

Từ “chúng ta” bao gồm cả các tín hữu Cô-rinh-tô.

tạ ơn

Hiểu được những điều tốt lành mà Đức Chúa Trời đã làm và tạ ơn Ngài về những điều đó.

2 Corinthians 4:16

Vậy nên chúng tôi không nản lòng

Tham khảo cách dịch: “Vậy nên chúng tôi được khích lệ”

con người bề ngoài đang hao mòn

Cụm từ này nói về diện mạo của Phao-lô và Ti-mô-thê. “đang hao mòn” chỉ về một người mà thân thể không còn vẻ mạnh khỏe nữa.

con người bên trong càng ngày càng được đổi mới

Từ “bên trong” chỉ về con người bề trong, thuộc về tinh thần, chỗ người ta suy nghĩ. Từ “được đổi mới” chỉ về việc họ suy nghĩ tích cực trở lại.

vì sự vinh hiển đời đời vượt quá mọi chừng mực

Sự vinh hiển của Phao-lô và Ti-mô-thê được ví như một vật nặng không thể đo lường được. Đây là cách nói khác về việc họ được rất tôn trọng vì những điều mình đã làm. Tham khảo cách dịch: “được rất tôn trọng trong thiên đàng đời đời”

mong chờ

Cụm từ này chỉ về một người mong muốn và trông đợi một điều gì đó xảy ra. Tham khảo cách dịch: “mong muốn”

vì những điều thấy được

Điều này chỉ về tài sản dành dụm được cả đời. Tham khảo cách dịch: “tài sản”

vì những điều không thấy được

Điều này chỉ về những phần thưởng ở trên trời. Tham khảo cách dịch: “những phần thưởng lớn ở trên trời” . Có thể suy ra được từ cụm từ trước, đây là những điều Phao-lô và Ti-mô-thê đang mong chờ.

Translation Questions

2 Corinthians 4:1

Tại sao Phao-lô và những cộng sự của ông không nản lòng?

Họ không nản lòng bởi vì bên trong họ đang được đổi mới từng ngày. Còn những sự hoạn nạn nhẹ và tạm chuẩn bị họ cho sự vinh hiển cao trọng đời đời vượt quá mọi sự đo lường. Cuối cùng, họ đang trông đợi những điều không thấy được thuộc về cõi đời đời.

2 Corinthians 4:3

Tin Lành bị che khuất đối với những ai?

Tin Lành bị che khuất đối với những người đang bị hư mất.

2 Corinthians 4:5

Phao-lô và những cộng sự của ông rao giảng gì về Chúa Giê-xu và về chính họ?

Họ rao giàng Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc là Chúa và bản thân họ là đầy tớ của Hội Thánh Cô-rinh-tô vì Đức Chúa Giê-xu.

2 Corinthians 4:7

Tại sao Phao-lô và những cộng sự của ông đựng báu vật nầy trong những bình đất?

Họ đựng báu vật trong những bình đất để có thể thấy rõ ràng rằng quyền năng lớn lao vượt trội đó là thuộc về Đức Chúa Trời chứ không thuộc về họ.

2 Corinthians 4:16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tại sao Phao-lô và những cộng sự của ông có lí do để nản lòng?
Họ có lí do để nản lòng vì con người bên ngoài của họ đang suy mòn dần.
Tại sao Phao-lô và những cộng sự của ông đã không nản lòng?
Họ không nản lòng bởi vì bên trong họ đang được đổi mới từng ngày. Còn những sự hoạn nạn nhẹ và tạm chuẩn bị họ cho sự vinh hiển cao trọng đời đời vượt quá mọi sự đo lường. Cuối cùng, họ đang trông đợi những điều không thấy được thuộc về cõi đời đời.

Chapter 5
2 Corinthians 5:1
nhà trên đất
Thân thể vật lý của chúng ta
mà chúng ta đang ở bị phá hủy
Khi thân thể vật lý của chúng ta bị phá hủy.
chúng ta có nhà đời đời ở trên trời từ Đức Chúa Trời, chẳng phải bởi tay loài người dựng nên
Đức Chúa Trời sẽ cho chúng ta sống trong một thân thể đời đời mới.
Vì chúng ta than thở trong nhà tạm nầy
Tham khảo cách dịch: “Vì chúng ta vật lộn trong thân thể trên đất nầy”
vì được mặc lấy nhà ấy chúng ta sẽ không bị trần truồng
Có thể hiểu: 1) Chúng ta sẽ được mặc lấy sự công chính của Đức Chúa Trời hoặc 2) Đức Chúa Trời sẽ ban thân thể mới và y phục mới cho chúng ta.
2 Corinthians 5:4
chúng ta ở trong nhà tạm nầy
"đương khi chúng ta còn ở trong thân thể trên đất nầy”
chúng ta than thở dưới những gánh nặng
Tham khảo cách dịch: “chúng ta đấu tranh với tội lỗi”
bị lột trần
Tham khảo cách dịch: “chết”
được mặc lấy
Tham khảo cách dịch: “được sống trong thân thể đời đời”
những sự gì hay chết bị sự sống nuốt đi
Tham khảo cách dịch: “thân thể trên đất của chúng ta sẽ được biến hóa thành thân thể mới trên trời”
2 Corinthians 5:6
đương khi chúng ta còn đang ở trong thân thể nầy
Tham khảo cách dịch: “đương khi chúng ta còn sống trong thân thể trên đất nầy”
chúng ta cách xa Chúa
Tham khảo cách dịch: “chúng ta không ở với Chúa” hoặc “chúng ta không ở trên trời với Chúa”
ở với Chúa
Tham khảo cách dịch: “sống với Chúa trên trời”
2 Corinthians 5:9
ở trong nhà nầy hoặc ra khỏi
Tham khảo cách dịch: “trong thân thể trên đất hoặc ở trên trời”
trước tòa án của Chúa Cứu Thế
"trước Chúa Cứu Thế để bị đoán xét"
nhận được những điều tương xứng
Tham khảo cách dịch: “nhận được phần thưởng hoặc hậu quả”
những việc đã làm lúc còn trong thân thể này
Tham khảo cách dịch: “những việc chúng ta đã làm khi còn đang ở trong thân thể trên đất nầy”
hoặc điều thiện hoặc ác
"những việc đó là thiện hoặc gian ác”
2 Corinthians 5:11
biết kính sợ Chúa
Tham khảo cách dịch: “biết rằng Đức Chúa Trời ghét tội lỗi và sẽ xét đoán chúng ta vì cớ tội lỗi”
rằng điều này cũng được tỏ rõ cho lương tâm anh em nữa
Tham khảo cách dịch: “rằng anh em cũng sẽ biết rõ chúng tôi”
Chúng tôi không...
Phao-lô đang nhắc đến đoàn truyền giáo của mình, bao gồm cả những tín hữu Cô-rinh-tô.
2 Corinthians 5:13
tình yêu thương của Chúa Cứu Thế thôi thúc chúng tôi
"tình yêu thương Chúa Cứu Thế dành cho chúng tôi thúc đẩy chúng tôi”
thì mọi người đều đã chết
Chúng ta cũng được tính là đã chết.
Chúa Cứu Thế đã chết thay cho tất cả
Chúa Cứu Thế đã chết thay cho mọi người.
vì chính mình
Vì những ước muốn tội lỗi của mình.
và được làm cho sống lại
"và đã sống lại”
2 Corinthians 5:16
nếu ai ở trong Chúa Cứu Thế
Tham khảo cách dịch: “nếu ai tin nơi Chúa Cứu Thế”
là tạo vật mới
Tham khảo cách dịch: “có bản chất mới”
Những sự cũ đã qua đi
Tham khảo cách dịch: “Lối sống và cách suy nghĩ cũ không còn”
mọi sự đã trở nên mới
Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sống và suy nghĩ khác với trước khi nhận biết Chúa Cứu Thế”
2 Corinthians 5:18
Đấng đã làm cho chúng ta hòa thuận lại
"Đấng đã đem chúng ta trở lại” hoặc “Đấng đã phục hồi chúng ta”
chức vụ giảng hòa
Chức vụ dẫn dắt mọi người trở lại trong mối liên hệ với Chúa Cứu Thế.
nhờ Chúa Cứu Thế, Đức Chúa Trời làm hòa với thế gian
Qua sự chết của Chúa Cứu Thế trên thập tự giá, Đức Chúa Trời đem người trở lại với Ngài.
giao cho chúng tôi chức vụ giảng hòa
Đức Chúa Trời đã ban cho Phao-lô trách nhiệm truyền giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời để tìm kếm sự phục hồi trong mối liên hệ giữa con người với Đức Chúa Trời.
2 Corinthians 5:20
được hòa thuận lại với Đức Chúa Trời
Tham khảo cách dịch: “trở lại cùng Đức Chúa Trời”
Ngài khiến Chúa Cứu Thế trở nên của tế lễ
"Đức Chúa Trời đã khiến sự chết của Chúa Cứu Thế trên thập tự giá trở nên của dâng có thể chấp nhận được”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đặng qua Chúa Cứu Thế, chúng ta có thể trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời

Tham khảo cách dịch: “đặng chúng ta có sự công bình của Chúa Cứu Thế trong mình”

Translation Questions

2 Corinthians 5:1

Phao-lô khẳng định nếu nhà trên đất của chúng ta bị phá hủy thì chúng ta vẫn có điều gì?

Phao-lô khẳng định rằng chúng ta có nhà từ Đức Chúa Trời, ngôi nhà không bởi tay người làm ra, nhưng là nhà đời đời ở trên trời.

2 Corinthians 5:4

Tại sao Phao-lô nói rằng chúng ta than thở khi ở trong nhà tạm nầy?

Phao-lô nói như vậy bởi vì lúc còn ở trong nhà tạm nầy, chúng ta có những gánh nặng và muốn được mặc quần áo, để những gì hay chết bị sự sống nuốt đi.

2 Corinthians 5:9

Mục tiêu của Phao-lô là gì?

Phao-lô đề ra mục tiêu là làm vui lòng Chúa.

2 Corinthians 5:11

Tại sao Phao-lô và những cộng sự của ông lại đi thuyết phục mọi người?

Họ thuyết phục mọi người vì họ biết kính sợ Chúa.

2 Corinthians 5:16

Tại sao Phao-lô nói rằng chúng tôi sẽ không đánh giá một ai dựa theo những tiêu chuẩn của loài người nữa?

Bởi vì Chúa Cứu Thế đã chết vì mọi người, và chúng ta sống chẳng phải cho chính mình nữa, nhưng cho Chúa Cứu Thế.

2 Corinthians 5:20

Với tư cách là đại sứ của Chúa Cứu Thế, đâu là lời nài xin của Phao-lô và các cộng sự của ông dành cho Hội Thánh Cô-rinh-tô?

Lời nài xin của họ đối với Hội Thánh Cô-rinh-tô ấy là hãy hòa thuận lại với Đức Chúa Trời vì Chúa Cứu Thế.

Chapter 6

2 Corinthians 6:1

cùng làm việc

"làm việc với Đức Chúa Trời”. Phao-lô đang nói đến việc ông và Ti-mô-thê cùng làm việc với Đức Chúa Trời.

chúng tôi nài xin anh em đừng nhận ân điển của Đức Chúa Trời cách vô ích

Phao-lô đang khuyến khích các tín hữu Cô-rinh-tô để ân điển của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong đời sống của họ.

Tham khảo cách dịch: “chúng tôi nài xin anh em để chắc rằng anh em sống sao cho người ta có thể thấy rằng Đức Chúa Trời đã bày tỏ ân điển của Ngài cho anh em”

Trong thời điểm thuận tiện, ta chú ý đến ngươi

Tham khảo cách dịch: “Ta nghe lời cầu nguyện ngươi tại thời điểm thích hợp”

Kìa, hiện nay là lúc thuận tiện; kìa, hiện nay là ngày cứu rỗi.

Tham khảo cách dịch: “Quả thật, bây giờ thời điểm thích hợp, hiện nay là ngày cứu rỗi”

Chúng tôi không làm cớ vấp phạm cho ai, vì chúng tôi không muốn chức vụ mình bị tiếng xấu

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi sống sao không để không ai vấp phạm vì cớ mình hoặc chê trách chức vụ của chúng tôi”

2 Corinthians 6:4

chúng tôi

Phao-lô đang nói đến chính mình và Ti-mô-thê.

chúng tôi chứng tỏ mình là đầy tớ của Đức Chúa Trời qua mọi việc mình làm

Tham khảo cách dịch: “chúng tôi chứng tỏ mình là những đầy tớ của Đức Chúa Trời qua cách chúng tôi sống và rao giảng”

trong lời của lẽ thật

"trung tín rao giảng lẽ thật”

Chúng tôi cầm vũ khí công bình trong cả tay phải lẫn tay trái

Phao-lô đang nói đến việc được Đức Chúa Trời trang bị đầy đủ các năng lực thuộc linh cho mọi hoàn cảnh.

2 Corinthians 6:8

Chúng tôi rao giảng

“chúng tôi” nói đến Phao-lô và Ti-mô-thê

dù được tôn trọng hay bị nhục mạ

Đây là những thái cực khác nhau trong cách người ta nhìn nhận về công việc và chức vụ của Phao-lô.

dù mang tiếng xấu hay được tiếng tốt

Đây là những thái cực khác nhau trong cách người ta nói về công việc và chức vụ của Phao-lô.

như sắp chết, nhưng nhìn xem, chúng tôi vẫn sống

Tham khảo cách dịch: “như sắp chết nhưng vẫn còn sống, như anh em thấy đó”

nhưng chúng tôi luôn vui mừng

Tham khảo cách dịch: “nhưng luôn vui mừng vì cớ Tin Lành về Chúa Giê-xu Cơ Đốc”

như không có gì nhưng lại sở hữu mọi thứ

Tham khảo cách dịch: “như chẳng có gì nhưng chúng ta lại có mọi sự giàu có của Đức Chúa Trời”

2 Corinthians 6:11

nói với anh em toàn bộ sự thật

"thật lòng nói với anh em”

lòng chúng tôi rộng mở

Tham khảo cách dịch: “chúng tôi hết lòng yêu mến anh em”

Chúng tôi không ngăn trở lòng anh em

Tham khảo cách dịch: “Chẳng hề thiếu tình yêu thương từ chúng tôi”

chính cảm xúc của anh em ngăn trở anh em

Tham khảo cách dịch: “anh em không yêu thương chúng tôi vì lí do nào đó”

Hãy đối xử công bằng với chúng tôi- tôi nói với anh em như nói với con cái mình- anh em hãy mở rộng lòng mình

Tham khảo cách dịch: “Bằng những lời lẽ dễ hiểu của con trẻ, chúng tôi nói rằng chỉ công bằng khi anh em cũng bày tỏ tình yêu thương mình đối với chúng tôi”

2 Corinthians 6:14

Chớ mang ách chung với kẻ chẳng tin

"chỉ được ràng buộc với người đã tin”

Mang ách chung

"cùng chung với” hoặc “có mối quan hệ gần gũi với”

Ánh sáng với bóng tối có giao hảo gì không?

Ánh sáng không thể tồn tại chung với bóng tối. Khi có ánh sáng hiện diện thì bóng tối biến mất.

Bê-li-an

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Bê-li-an" là một tên gọi khác của quỷ Sa-tan.

Hay người tin có phần gì chung với người không tin

Những người tin và những người không tin có những tiêu chuẩn hoàn toàn khác và trái ngược nhau.

chúng ta là đền thờ của Đức Chúa Trời hằng sống

Phao-lô nói đến hết thảy Cơ Đốc Nhân như hợp thành đền thờ cho Đức Chúa Trời ngự ở giữa. Tham khảo cách dịch: "chúng ta có Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong mình"

2 Corinthians 6:17

Đừng động đến đồ ô uế

Luật Pháp Môi-se có ghi rõ chạm vào những vật nào thì bị coi là ô uế. Tham khảo cách dịch: "Chỉ được đụng vào những vật tinh sạch"

Ta sẽ làm Cha các ngươi

Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ chăm sóc các ngươi như một người cha yêu thương săn sóc con mình"

và các ngươi sẽ làm con trai con gái Ta

"và các ngươi sẽ làm con cái Ta"

Translation Questions

2 Corinthians 6:1

Phao-lô và những cộng sự của ông nài xin các tín hữu Cô-rinh-tô không được làm gì?

Họ nài xin các tín hữu Cô-rinh-tô không nhận ân điển của Đức Chúa Trời cách vô ích.

2 Corinthians 6:4

Những việc làm của Phao-lô và các cộng sự của ông chứng tỏ điều gì?

Những việc làm của họ chứng tỏ họ là đầy tớ của Đức Chúa Trời.

Đâu là một vài trong số những điều mà Phao-lô cùng các cộng sự của ông đã chịu đựng?

Họ đã chịu đựng những hoạn nạn, đau đớn, khó khăn, roi vọt, tù đày, công việc cực nhọc, những đêm không ngủ và cơn đói.

2 Corinthians 6:8

Mặc dầu Phao-lô và các cộng sự của ông là những người chân thật, họ lại bị buộc tội gì?

Họ bị buộc tội là dối trá.

2 Corinthians 6:11

Phao-lô mong muốn có sự trao đổi qua lại nào với các tín hữu Cô-rinh-tô?

Phao-lô nói rằng lòng họ rộng mở đối với các tín hữu Cô-rinh-tô và Phao-lô cũng muốn các tín hữu Cô-rinh-tô cũng phải đáp trả công bằng bằng cách các tín hữu tại Cô-rinh-tô cũng phải mở rộng lòng mình đối với Phao-lô và những người cộng sự của ông.

2 Corinthians 6:14

Phao-lô đưa ra những lí do nào về việc tại sao các tín hữu tại Cô-rinh-tô không nên mang ách chung với những người không tin?

Phao-lô đưa ra những lí do sau đây: Những người công bình thì có liên hệ gì với những kẻ gian ác? Ánh sáng có dung hòa được với bóng tối chăng? Chúa Cứu Thế có hòa hợp với Bê-li-an được không? Người tin có thì phần gì chung với người không tin? Có thể nào hòa hợp đền thờ của Đức Chúa Trời với các thần tượng không?

2 Corinthians 6:17

Chúa phán rằng Ngài sẽ làm gì với những người "ra khỏi và phân rẽ khỏi chúng nó, và không động đến đồ ô uế.."?

Chúa phán rằng Ngài sẽ tiếp nhận những người đó. Ngài sẽ làm Cha của họ và họ sẽ là những con trai con gái của Ngài.

Chapter 7

2 Corinthians 7:1

Anh em yêu dấu

Phao-lô đang nói đến các tín hữu Cô-rinh-tô

chúng ta hãy thanh tẩy chính mình

Ở đây, Phao-lô đang nói đến việc tránh xa mọi hình thức của tội lỗi làm ảnh hưởng đến mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời.

Chúng ta hãy theo đuổi sự thánh khiết

Tham khảo: Hãy theo đuổi một đời sống thánh khiết.

trong sự kính sợ Đức Chúa Trời

Phải hạ mình trước mặt Chúa.

2 Corinthians 7:2

Hãy dành cho chúng tôi một chỗ

"Xin hãy dành cho chúng tôi một chỗ trong đời sống anh em"

Tôi không nói điều nầy để buộc tội anh em

Tham khảo cách dịch: "Tôi không quở trách anh em"

rằng anh em ở trong lòng tôi, cùng chết cùng sống với nhau

Tham khảo cách dịch: "rằng chúng tôi yêu thương anh em nhiều đến nỗi cùng chết cùng sống với anh em"

thậm chí trong mọi hoạn nạn của chúng tôi

Tham khảo cách dịch: "bất chấp mọi khó khăn của chúng tôi"

2 Corinthians 7:5

thân thể chúng tôi chẳng được nghỉ chút nào

Tham khảo cách dịch: "chúng tôi rất mệt mỏi" hoặc "chúng tôi đã kiệt sức"

sự an ủi mà Tít đã nhận nơi anh em

Tham khảo cách dịch: "những tin khích lệ mà anh ấy đã nhận từ anh em là các tín hữu tại Cô-rinh-tô"

Khi anh ấy nói với chúng tôi về tình cảm sâu nặng của anh em cũng như nỗi lo buồn và lòng quan tâm sâu sắc của anh em dành cho tôi

Tham khảo cách dịch: "Anh ấy kể cho chúng tôi về tình yêu thương anh em dành cho tôi cũng như nỗi buồn rầu của anh em về những việc đã xảy ra và lòng quan tâm sâu sắc của anh em về lợi ích của tôi"

Nên tôi càng vui mừng hơn nữa

Tham khảo cách dịch: "Lòng tôi đầy mừng rỡ"

2 Corinthians 7:8

khi tôi thấy lá thư của mình

Tham khảo cách dịch: "khi tôi biết được rằng lá thư của mình"

Những anh em chỉ buồn trong ít lâu

Tham khảo cách dịch: "nhưng anh em chỉ buồn trong ít lâu"

trải qua sự đau buồn theo ý Đức Chúa Trời

Sự đau buồn theo ý Đức Chúa Trời dẫn đến lòng ăn năn.

sự đau buồn theo ý Đức Chúa Trời đem lại lòng ăn năn

Tham khảo cách dịch: "Sự đau buồn theo ý Đức Chúa Trời dẫn chúng ta tránh xa khỏi tội lỗi"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đạt được sự cứu rỗi
Tham khảo cách dịch: “dẫn chúng ta vào sự cứu rỗi”
Nhưng sự đau buồn theo thế gian dẫn đến sự chết
Tham khảo cách dịch: “tuy nhiên, sự đau buồn theo thế gian không hề ăn năn nhưng dẫn đến cái chết thuộc linh”
2 Corinthians 7:11
Hãy xem lòng nhiệt thành
"Phải hiểu lòng nhiệt thành”
sinh ra trong anh em- lòng quyết tâm cao độ chứng minh mình vô tội
Tham khảo cách dịch: “sinh ra trong anh em để chứng minh anh em vô tội”
Sự phẫn nộ của anh em nhiều dường nào
"Sự giận dữ của anh em rất lớn”
sự phẫn nộ của anh em
Tham khảo cách dịch: “sự giận dữ của anh em”
nỗi sợ hãi của anh em
Tham khảo cách dịch: “sự lo lắng” hoặc “mất tinh thần”
niềm ao ước của anh em
Tham khảo cách dịch: "Anh em ao ước được gặp tôi”
lòng sốt sắng của anh em
AT: "Anh em nôn nả làm điều đúng”
để lòng nhiệt thành của anh em đối với chúng tôi được bày tỏ ra cho anh em trước mặt Đức Chúa Trời
Tham khảo cách dịch: “nhưng để anh em và cả Đức Chúa Trời biết được lòng trung thành của anh em đối cùng chúng tôi là thể nào”
2 Corinthians 7:13
Bởi điều này mà chúng tôi được khích lệ
Tham khảo cách dịch: “chúng tôi được khích lệ bởi vì thái độ tích cực mà anh em có nơi Đức Chúa Trời và chúng tôi”
Vì nếu tôi có khoe với Tít điều gì về anh em
"Tôi đã khoe với Tít về anh em”
Tôi cũng không xấu hổ
Tham khảo cách dịch: “và anh em cũng không làm tôi thất vọng”
được chứng tỏ là chân thật
"được bày tỏ là chân thật”
2 Corinthians 7:15
và tình yêu thương của Tít dành cho anh em càng thắm thiết hơn
Tham khảo cách dịch: “Bây giờ, Tít quan tâm đến anh em còn sâu đậm hơn trước nhiều”
Khi anh em sợ sệt và run rẩy tiếp đón người
Tham khảo cách dịch: “khi anh em ngại ngùng và lo sợ như vậy khi chào đón người và vâng lời người” hoặc “khi anh em chào đón người bằng lòng kính trọng”

Translation Questions

2 Corinthians 7:1
Phao-lô khuyên chúng ta phải thanh tẩy chính mình khỏi những điều gì?
Chúng ta cần phải thanh tẩy chính mình khỏi những điều khiến cho thể xác và tâm linh của chúng ta bị ô uế.
2 Corinthians 7:2
Phao-lô muốn các tín hữu tại Cô-rinh-tô làm gì cho ông và những cộng sự của mình?
Phao-lô muốn họ phải “Dành chỗ cho chúng tôi!”
2 Corinthians 7:8
Lá thư trước của Phao-lô đã gây ra điều gì cho các tín hữu tại Cô-rinh-tô?
Các tín hữu tại Cô-rinh-tô đã trải qua sự buồn rầu, sự than khóc thuộc linh đáp lại lá thư trước của Phao-lô.
2 Corinthians 7:11
Sự than khóc thuộc linh đem mang lại trong các tín hữu tại Cô-rinh-tô điều gì?
Sự than khóc thuộc linh đã đem lại trong họ sự ăn năn và lòng quyết tâm lớn để chứng minh mình vô tội.
2 Corinthians 7:13
Tại sao Tít lại vui mừng?
Ông vui mừng bởi vì các tín hữu tại Cô-rinh-tô đã làm cho tâm trí người được thanh thản.
2 Corinthians 7:15
Tại sao tình cảm của Tít dành cho các tín hữu tại Cô-rinh-tô thậm chí càng thắm thiết hơn?
Tình cảm của Tít dành cho các tín hữu tại Cô-rinh-tô ngày càng thắm thiết hơn khi ông nhớ lại sự vâng phục của hết thảy tín hữu tại Cô-rinh-tô lúc họ sợ hãi và run rẩy mà tiếp đón ông.

Chapter 8

2 Corinthians 8:1
ân điển của Đức Chúa Trời
Sự ban cho của Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta vốn không xứng đáng với những điều đó.
Nghèo khổ cùng cực... lòng rộng rãi dư dật
Mặc dầu Hội Thánh tại Ma-xê-đoan đã và đang phải trải qua những thử thách về tai họa và sự nghèo khó, nhưng bởi ân điển của Đức Chúa Trời họ đã có thể quyên góp tiền bạc gửi cho các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem.
2 Corinthians 8:3
họ dâng
Chỉ về Hội Thánh tại Ma-xê-đoan.
theo tinh thần tự nguyện
"tự nguyện"
cho các thánh đồ
Ở đây, Phao-lô đnag nói đế các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem.
2 Corinthians 8:6
vốn đã bắt đầu làm công việc nầy
Phao-lô đang nói đến việc quyên góp tiền bạc từ các tín hữu Cô-rinh-tô cho các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “ngay từ đầu đã khích lệ sự dâng hiến của anh em”
hãy hoàn thành công việc nhân đức này ở giữa anh em
Tham khảo cách dịch: “hãy trở lại và khuyến khích anh em hoàn thành công việc ban cho nầy”
Và như anh em đã vượt trội trong mọi việc
Tham khảo cách dịch: “bởi vì bằng nhiều cách anh em đã làm tốt hơn mong đợi"
trong đức tin
Tham khảo cách dịch: “trong lòng trung thành của anh em cùng Đức Chúa Trời và chúng tôi”
trong lời nói
Tham khảo cách dịch: “trong cách truyền đạt của anh em”
trong sự tri thức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo cách dịch: “trong nhận thức” hoặc “trong sự hiểu biết”

trong mọi sự siêng năng

Tham khảo cách dịch: “trong sự hăng hái” hoặc “lòng kiên nhẫn không ngừng nghỉ”

và trong tình yêu thương anh em dành cho chúng tôi

Tham khảo cách dịch: “và trong cách anh em thể hiện lòng yêu thương anh em đối với chúng tôi”

cũng hãy vượt trội trong việc làm tử tế này

Tham khảo cách dịch: “cũng hãy dâng hiến cách rời rộng cho những thánh đồ tại Giê-ru-sa-lem”

2 Corinthians 8:8

ân điển của Chúa chúng ta

Tham khảo cách dịch: “tình yêu thương và ân điển của Chúa”

Ngài vốn giàu có

Tham khảo cách dịch: “Ngài có và sở hữu mọi thứ”

nhưng Ngài đã trở nên nghèo vì cớ anh em

Tham khảo cách dịch: “vì anh em Ngài đã từ bỏ nhà trên trời cũng như những thuộc tính của mình để xuống thế gian như một người bình thường”

Bởi sự nghèo khó của Ngài, anh em trở nên giàu có

Tham khảo cách dịch: “qua cuộc đời hạ mình mà anh em trở nên giàu có và được phước dư dật”

2 Corinthians 8:10

vấn đề này

"vấn đề nầy” nói đến việc quyên góp tiền của cho các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem.

2 Corinthians 8:13

Vì công việc nầy

Tham khảo cách dịch: “khuyên giục anh em dâng hiến”

phải công bằng

Tham khảo cách dịch: “phải có sự đồng đều”

Việc này cũng để khi họ dư dật cũng có thể tiếp trợ nhu cầu của anh em

Tham khảo cách dịch: “Để sau này họ có đủ để có thể chia sẻ cùng anh em lúc anh em túng thiếu”

như có chép rằng

“như trong Kinh Thánh có chép”

did not have any lack

AT: "had all he needed"

2 Corinthians 8:16

cùng một lòng quan tâm nhiệt thành như thế

"cùng một lòng nhiệt tình như thế” hoặc “cùng một sự quan tâm sâu sắc như thế”

Vì người không chỉ nhận lời kêu gọi của chúng tôi

Tham khảo cách dịch: “Người đã vui lòng chấp nhận lời yêu cầu của chúng tôi để đến thăm anh em lần nữa”

người cũng rất sốt sắng về việc đó nữa

Tham khảo cách dịch: “người cũng rất háo hức để đến thăm anh em”

2 Corinthians 8:18

với người

“với Tít”

Không chỉ vậy, người còn được chọn

Tham khảo cách dịch: “Người anh em trong Chúa này đã được chỉ định”

in our carrying out this act of generosity

This refers to taking the offering to Jerusalem. AT: "to carry out this act of kindness"

Vì vinh quang

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi làm chức vụ nầy vì sự vinh hiển”

2 Corinthians 8:20

về số tiền khá lớn mà chúng tôi quyên góp được

Tham khảo cách dịch: “về cách chúng tôi sử dụng số tiền quyên góp khá lớn nầy”

Chúng tôi cẩn thận làm điều ngay thẳng

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi thận trọng sử dụng món tiền này cách ngay thẳng”

không chỉ trước mặt Chúa

Đặng những việc làm của Phao-lô là ngay thẳng trước mặt Chúa

mà còn trước mặt người ta nữa

Để người ta biết rằng Phao-lô là người có thể tin tưởng được.

2 Corinthians 8:22

và cùng với họ

“họ” ở đây nói đến Tít và những anh em khác được nhắc đến trước đó.

người đồng sự và là người cùng làm việc cho anh em

Tham khảo cách dịch: “người cộng sự cùng làm việc với tôi để giúp đỡ anh em”

Như cho anh em của chúng ta

"Như cho những anh em khác của chúng ta”

Translation Questions

2 Corinthians 8:1

Phao-lô muốn những anh chị em tại Cô-rinh-tô biết điều gì?

Phao-lô muốn họ biết về ân điển Đức Chúa Trời đã ban cho các hội thánh tại Ma-xê-đoan.

2 Corinthians 8:6

Phao-lô đã khuyên giục Tít làm gì?

Phao-lô khuyên giục Tít hoàn tất công việc nhân đức này thay cho các tín hữu tại Cô-rinh-tô.

2 Corinthians 8:8

Tại Phao-lô lại bảo các tín hữu Cô-rinh-tô “đảm bảo rằng họ cũng phải vượt trội trong việc tử tế nầy”?

Phao-lô nói ra điều nầy để chứng tỏ sự thành thật trong tình cảm của họ bằng cách so sánh nó với sự siêng năng của những người khác.

2 Corinthians 8:13

Phao-lô có muốn công việc nầy được hoàn thành để những người khác giảm bớt gánh nặng còn các tín hữu tại Cô-rinh-tô thì lại thêm gánh nặng?

Không hề. Phao-lô nói rằng sự giàu có của các tín hữu Cô-rinh-tô sẽ tiếp trợ cho những điều họ (những thánh đồ khác) cần. Và ngược lại sự giàu có của họ cũng có thể đáp ứng những nhu cầu của các tín hữu ngay tại Cô-rinh-tô, và như thế để có sự công bằng.

2 Corinthians 8:16

Tít đã làm những việc gì sau khi Đức Chúa Trời đã đặt vào lòng ông cùng một sự quan tâm hết mực như Phao-lô đã có đối với các tín hữu tại Cô-rinh-tô?

Tít đã chấp nhận lời yêu cầu của Phao-lô, và đã rất sốt sắng về việc nầy, ông tình nguyện đến với các tín hữu tại Cô-rinh-tô.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Corinthians 8:18

Phao-lô và những thánh đồ khác đã làm gì để không ai có thể tìm ra lí do phàn nàn về số tiền lớn mà họ quyên góp được?

Phao-lô và những thánh đồ khác không chỉ gửi tiền nầy cho Tít, mà còn cho các anh em khác là những người được khen ngợi trong vòng các tín hữu trong Hội Thánh về công việc truyền giảng Phúc Âm. Tít và những anh em nầy sẽ giúp đỡ trong việc phân phát món quà nầy (công việc của ân điển)

2 Corinthians 8:22

Phao-lô và những thánh đồ khác đã làm gì để không ai có thể tìm ra lí do phàn nàn về số tiền lớn mà họ quyên góp được?

Phao-lô và những thánh đồ khác không chỉ gửi tiền nầy cho Tít, mà còn cho các anh em khác là những người được khen ngợi trong vòng các tín hữu trong Hội Thánh về công việc truyền giảng Phúc Âm. Tít và những anh em nầy sẽ giúp đỡ trong việc phân phát món quà nầy (công việc của ân điển)

Chapter 9

2 Corinthians 9:1

A-chai

Phao-lô đang nói đến khu vực phía Nam Hi-lạp, bao gồm Cô-rinh-tô và các vùng phụ cận.

2 Corinthians 9:3

các anh em nầy

Nói đến Tít và hai người không rõ họ tên khác.

các anh em nầy đến cùng anh em

"các anh em nầy đi đến cùng anh em"

2 Corinthians 9:6

Ai gieo ít thì gặt ít, và ai gieo vì cớ phước lành cũng sẽ gặt hái phước lành

Phao-lô sử dụng hình ảnh một người nông dân gieo giống để nói về việc dâng hiến của các tín hữu Cô-rinh-tô. Sản lượng thu hoạch được của người nông dân kia dựa trên số hạt giống mà người đã gieo; cũng giống vậy, phước lành của Đức Chúa Trời ban cho nhiều hay ít dựa trên việc Hội Thánh Cô-rinh-tô đã dâng hiến được bao nhiêu.

Vì Đức Chúa Trời yêu mến người dâng hiến cách vui lòng

Đức Chúa Trời tìm kiếm trong vòng dân sự mình người nào dâng hiến cách tự nguyện và vui lòng để giúp đỡ các nhu cầu của những người anh em cùng niềm tin ở khắp nơi.

2 Corinthians 9:8

Đức Chúa Trời có thể khiến cho mọi ân điển được dư dật trong anh em

Phao-lô bày tỏ rằng một người dâng hiến tiền bạc giúp đỡ cho các anh em tín hữu khác thì Đức Chúa Trời cũng sẽ ban cho người những ân điển lớn lao hơn để người sẽ chẳng lâm vào cảnh túng quẫn.

2 Corinthians 9:10

Đấng chu cấp hạt giống cho người gieo và bánh để làm thức ăn cũng sẽ ban hạt giống cho anh em và làm cho sinh sôi nảy nở, cũng sẽ gia tăng bông trái công chính của anh em

Phao-lô đang dùng hình ảnh ẩn dụ này để chỉ về sự sắm sẵn của Đức Chúa Trời cho công cuộc cứu chuộc dân Ngài. .

hạt giống để anh em gieo

Tham khảo cách dịch: “nguồn chu cấp của anh em”

vụ mùa về sự công chính của anh em

"bông trái của sự công chính anh em”

Để qua chúng ta, người khác sẽ cảm tạ Đức Chúa Trời

Tham khảo cách dịch: “và khi chúng tôi trao số tiền quyên góp của anh em cho những người đang cần, họ sẽ cảm tạ Đức Chúa Trời”

2 Corinthians 9:12

Vì làm công việc nầy

Tham khảo cách dịch: “vì công việc ban cho nầy của anh em”

nhu cầu của các thánh đồ

"những nhu cầu của các thánh đồ ở Giê-ru-sa-lem”

Nhưng cũng đem lại nhiều lời cảm tạ Đức Chúa Trời

Tham khảo cách dịch: ‘Việc làm đó cũng khiến người cảm tạ Đức Chúa Trời”

Bởi vì anh em đã được thử nghiệm qua công việc này

Tham khảo cách dịch: “Lòng rộng rãi của anh em đã chứng tỏ sự vâng phục và tình yêu thương anh em”

anh em cũng đã tôn vinh Đức Chúa Trời qua sự vâng phục rao giảng Tin Lành của Chúa Cứu Thế và qua sự trợ giúp rộng rãi của anh em đối với họ và với mọi người

Tham khảo cách dịch: “anh em cũng tôn vinh Đức Chúa Trời, không chỉ bằng sự vâng phục và lòng rộng rãi của mình, nhưng qua việc rao giảng Tin Lành của Chúa Cứu Thế”

vì sự ban cho của Ngài không tả xiết

Tham khảo cách dịch: “vì sự ban cho không sao diễn đạt thành lời, hỡi Chúa Cứu Thế Giê-xu”

Translation Questions

2 Corinthians 9:1

Phao-lô nói rằng ông không cần phải viết thêm cho các tín hữu tại Cô-rinh-tô điều gì?

Phao-lô nói rằng không cần phải viết thêm về việc trợ giúp các thánh đồ nữa.

2 Corinthians 9:3

Tại sao Phao-lô lại phái các anh em nầy đến Cô-rinh-tô?

Ông phái các anh em nầy đến để niềm tự hào của ông về các tín hữu tại Cô-rinh-tô không thành ra vô ích, và để các tín hữu tại Cô-rinh-tô có thể sẵn sàng, như lời ông đã nói.

2 Corinthians 9:6

Phao-lô nhận định điều gì là trọng tâm trong sự ban cho của họ?

Phao-lô nhận định điểm trọng tâm là: “Ai gieo ít thì gặt ít, ai gieo nhiều thì gặt nhiều”

2 Corinthians 9:10

Đấng cung cấp hạt giống cho người gieo và bánh làm thức ăn sẽ làm gì cho các tín hữu Cô-rinh-tô?

Đấng ấy sẽ chu cấp hạt giống cho họ và làm cho chúng sinh sôi nảy nở, cũng sẽ thêm lên bông trái công bình của anh em. Họ sẽ được giàu có để có thể rộng rãi ban cho.

Chapter 10

2 Corinthians 10:1

Hỡi anh em, bởi sự nhu mì

“hỡi anh em, trong sự nhu mì”

mấy kẻ cho rằng

"mấy kẻ nghĩ rằng”

chúng tôi sống theo xác thịt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo cách dịch: “chúng tôi làm vì động cơ xác thịt”
2 Corinthians 10:3
chiến đấu theo xác thịt
Tham khảo cách dịch: “chiến đấu bằng những vũ khí xác thịt”
Vì vũ khí chúng tôi dùng để chiến đấu không thuộc về xác thịt
Tham khảo cách dịch: “Vì chúng tôi dùng những vũ khí hùng mạnh của Đức Chúa Trời để chiến đấu, chứ chẳng phải những vũ khí thuộc về thế gian nầy”
Thay vào đó, chúng tôi có quyền năng thiêng liêng để phá hủy các đồn lũy
“Họ có quyền năng thiêng liêng để đánh hạ các đồn lũy”
2 Corinthians 10:5
mọi sự kiêu căng
Tham khảo cách dịch: “mọi đồn lũy kiêu ngạo trong lập luận của loài người” hoặc “mọi lý lẽ dối trá”
nổi lên chống lại sự hiểu biết về Đức Chúa Trời
“nói nghịch cùng Đức Chúa Trời”
Chúng tôi buộc mọi tư tưởng phải vâng phục Chúa Cứu Thế
Tham khảo cách dịch: “chúng tôi đưa dẫn mọi ý tưởng trở lại vâng phục cùng Chúa Cứu Thế” hoặc “chúng tôi bắt hết mọi tư tưởng chống nghịch và dạy họ vâng phục Chúa Cứu Thế”
2 Corinthians 10:7
Hãy nhìn những điều rõ ràng trước mắt mình.
Tham khảo cách dịch: “Hãy suy nghĩ kỹ về những điều anh em phải hiểu rõ”
chính người phải nghĩ lại
“hãy để người nhớ lại”
rằng người thuộc về Chúa Cứu Thế thể nào thì chúng tôi cũng vậy
Tham khảo cách dịch: “rằng chúng tôi cũng thuộc về Chúa Cứu Thế như người vậy”
gây dựng anh em
“làm cho anh em lớn lên như một người theo Chúa Cứu Thế” hoặc “giúp anh em lớn lên như những người tin theo Chúa Cứu Thế”
2 Corinthians 10:9
Tôi đang khiến anh em khiếp sợ
"tôi đang cố gắng khiến anh em hoảng sợ”
nghiêm khắc và mạnh mẽ
“khắt khe và mạnh bạo”
2 Corinthians 10:11
Những điều chúng tôi nói
“chúng tôi” ở đây chỉ về đoàn truyền giáo của Phao-lô.
cúng tôi nói qua thư từ... là những điều chúng tôi sẽ làm khi ở đó
Phao-lô tuyên bố rằng ông cố gắng sống làm theo những lời dạy mà ông đã viết.
tự sếp mình vào hay so sánh
"cho rằng chúng tôi cũng tốt đẹp như”
thiếu hiểu biết
“cho thấy sự thiếu hiểu biết của họ” hoặc “cho thấy họ thiếu sự nhận thức sâu sắc”
2 Corinthians 10:13
quá mức
Tham khảo cách dịch: "về những việc xảy ra bên ngoài thẩm quyền của chúng tôi”
trong giới giạn của những điều Đức Chúa Trời
Tham khảo cách dịch: “những ranh giới trong công việc mà Đức Chúa Trời”
không quá giới hạn của mình
Tham khảo cách dịch: “không vượt quá những ranh giới nầy”
2 Corinthians 10:15
rằng phần công việc của chúng tôi
Tham khảo cách dịch: “đặng những giới hạn về công việc của chúng tôi trong anh em”
khu vực của người khác
Tham khảo cách dịch:”khu vực đã được ấn định cho người khác”
2 Corinthians 10:17
Nhưng ai khoe mình, thì hãy khoe mình trong Chúa
Chỉ duy nhất trong Chúa mới thật sự khoe mình về những điều mà mình đã làm

Translation Questions

2 Corinthians 10:5
Những vũ khí Phao-lô đã dùng có sức mạnh để làm những việc gì?
Những vũ khí mà Phao-lô dùng có quyền năng thiên thượng để đánh đổ các đồn lũy- khiến những lý lẽ sai lầm thành ra vô ích, và cũng phá hủy mọi sự kiêu căng nổi lên chống lại sự hiểu biết Đức Chúa Trời.
2 Corinthians 10:11
Phao-lô nói gì với những người cho rằng con người thật của ông rất khác biệt so với những gì ông thể hiện trong thư?
Phao-lô cho rằng những điều ông viết trong thư lúc ông ở xa thể nào thì ông cũng sẽ hành động như thể ấy khi có mặt ở đó cùng với các tín hữu Cô-rinh-tô.
2 Corinthians 10:13
Đâu là những giới hạn trong niềm tự hào của Phao-lô?
Phao-lô nói rằng niềm tự hào của ông và các cộng sự của mình sẽ chỉ khoanh vùng trong chỗ mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ mà thôi, trong đó có cả những tín hữu Cô-rinh-tô. Phao-lô khẳng định sẽ không khoe mình về công khó của những người khác hay những công việc mà những người khác đã hoàn thành trong chỗ của họ.
2 Corinthians 10:15
Đâu là những giới hạn trong niềm tự hào của Phao-lô?
Phao-lô nói rằng niềm tự hào của ông và các cộng sự của mình sẽ chỉ khoanh vùng trong chỗ mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ mà thôi, trong đó có cả những tín hữu Cô-rinh-tô. Phao-lô khẳng định sẽ không khoe mình về công khó của những người khác hay những công việc mà những người khác đã hoàn thành trong chỗ của họ.

Chapter 11
2 Corinthians 11:1
kiên nhẫn chịu đựng
"chịu đựng”
với tôi trong một vài sự điên rồ
Tham khảo cách dịch: “với sự điên rồ của tôi”
Mà thật ra anh em đang chịu đựng tôi!
Tham khảo cách dịch: “Quả thật, anh em đã làm như vậy”
Tôi đã hứa với anh em về hôn nhân với một người chồng- sẽ trình diện

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

anh em như một trinh nữ tinh sạch cho Chúa Cứu Thế
Tham khảo cách dịch: “Tôi đã hứa sẽ trình diện anh em như một trinh nữ tinh sạch cho một người chồng là Chúa Cứu Thế”
2 Corinthians 11:3
Như tôi sợ rằng bằng một cách nào đó... lòng tận hiến tinh sạch với Chúa Cứu Thế
Tham khảo cách dịch: “Nhưng tôi sợ rằng bằng cách nào đó tư tưởng của anh em... lòng tận hiến với Chúa Cứu Thế như thể con rắn đã dùng sự xảo quyệt mà lừa dối Ê-va thể nào”
Vì nếu có ai đến và
“Khi người nào đó”
Hoặc nếu anh em nhận một linh khác với Thánh Linh mà anh em đã nhận, hoặc một tin lành khác với Tin Lành anh em đã nhận
Tham khảo cách dịch: “một linh khác với Đức Thánh Linh hoặc một tin lành khác với Tin Lành anh em đã nhận từ chúng tôi”
Thì chắc anh em cũng đã chịu đựng những điều đó đủ rồi!
Tham khảo cách dịch: “anh em chịu đựng điều đó”
2 Corinthians 11:5
những người được gọi là các sứ đồ siêu đẳng
Các sứ đồ siêu đẳng- Tham khảo cách dịch: “những thầy dạy giả dối cho mình là các sứ đồ đặc biệt vượt trội”
2 Corinthians 11:7
Của Đức Chúa Trời cho anh em?
Tham khảo cách dịch: “của Đức Chúa Trời cho anh em mà không trông mong sẽ nhận lại điều gì?
Tôi đã vơ vét các Hội Thánh khác
Tham khảo cách dịch: “tôi đã nhận tiền bạc từ các Hội Thánh khác”
Tôi có thể phục vụ anh em
Tham khảo cách dịch: “Tôi có thể phục vụ anh em mà không nhận điều gì”
Và trong bất cứ việc gì tôi cũng không để mình là gánh nặng cho anh em
Tham khảo cách dịch: “Tôi không bao giờ là gánh nặng về tài chính cho anh em”
Và tôi sẽ cứ làm như vậy
AT: "Tôi sẽ không bao giờ trở thành gánh nặng cho anh em”
2 Corinthians 11:10
sự khoe mình nầy... sẽ không im lặng
Phao-lô sẽ tiếp tục khoe mình khắp vùng A-chai, một vùng đất phía nam La-mã ngày nay.
Tại sao? Vì tôi không yêu thương anh em sao?
Tham khảo cách dịch: “Tôi vẫn sẽ không để anh em phải chi trả cho các nhu cầu của tôi, bởi vì điều đó để người khác thấy rằng tôi yêu thương anh em”
2 Corinthians 11:12
loại bỏ cơ hội.... theo đó họ khoe khoang về
Ngăn không cho mọi người khoe khoang rằng họ đã làm được nhiều như chúng tôi đã làm trong vòng anh em.
những người muốn người khác thấy họ ngang bằng với chúng tôi qua những điều điều họ khoe khoang
Những người nầy thích khoe khang rằng công việc của họ cũng giống như công việc Phao-lô.
Vì những kẻ như vậy
Tham khảo cách dịch: “Những kẻ đó”
những kẻ làm công lừa dối
“hoặc những kẻ làm công không ngay thật”
Họ giả làm sứ đồ của Chúa Cứu Thế
Những người nầy giả làm môn đồ của Chúa Cứu Thế
2 Corinthians 11:14
Chuyện này chẳng có gì lạ .... Chuyện này chẳng có gì lạ nếu
"Và chúng tôi phải mong đợi điều này.... Chúng tôi nhất định mong rằng”
Chính mình Sa-tan cũng giả làm thiên sứ của sự sáng
“Sa-tan cũng giả làm thiên sứ của sự sáng”
2 Corinthians 11:16
Đừng ai nghĩ tôi là kẻ điên rồ
Có sự khác biệt giữa việc Phao-lô có chút khoe khoang điên rồ và việc thực sự là một kẻ điên rồ có thể bị lừa dối dễ dàng.
chấp nhận tôi như kẻ điên rồ
Bị nhận định là điên rồ khi tự khoe khoang về mình.
để tôi được tự hào đôi chút
Tham khảo cách dịch: “Trong khi tôi tự hào một chút”
Những điều tôi đang kể lể về sự tự tin khoe mình này không được Chúa tha thứ
Tham khảo cách dịch: “Kiểu khoe mình này Chúa không hề chấp nhận”
Theo xác thịt
Tham khảo cách dịch: “về những thành tựu của mình”
2 Corinthians 11:19
Vì anh em vui lòng chịu đựng những kẻ điên rồ
“Vì anh em vui lòng chịu đựng những kẻ điên rồ”
Anh em là người khôn ngoan!
Tham khảo cách dịch: “Anh em cho rằng mình khôn ngoan”
gây sự chia rẽ
Khiến mọi người bất hòa với nhau
Tôi lấy làm xấu hổi mà nói rằng chúng tôi quá yếu đuối để làm điều đó
Tham khảo cách dịch: “Tôi lấy làm xấu hổ mà thừa nhận rằng chúng tôi không không đủ cương quyết để đối xử với anh em như thế”
Nhưng nếu ai tự hào
Tham khảo cách dịch: “Bất cứ điều gì người ta tự hào về”
Tôi cũng sẽ tự hào
Tham khảo cách dịch: “Tôi cũng sẽ dám tự hào về điều đó”
2 Corinthians 11:22
Họ là người Hê-bơ-rơ sao? Tôi cũng vậy. Họ là người Y-sơ-ra-ên sao? Tôi cũng vậy. Họ là con cháu Áp-ra-ham sao? Tôi cũng vậy. Họ là tôi tớ của Chúa Cứu Thế sao?
Hê-bơ-rơ, Y-sơ-ra-ên, con cháu Áp-ra-ham là những cách gọi khác nhau cho người Do Thái.
như thể tôi là người mất trí
"như thể tôi là người điên”
Tôi còn hơn
Tham khảo cách dịch: “Tôi là một đầy tớ của Chúa Cứu Thế còn hơn họ nữa”
thậm chí trong những công việc khó nhọc hơn nhiều
Tham khảo cách dịch: “Tôi đã từng làm việc khó khọc hơn thế”
bị tù tội nhiều hơn thế
Tham khảo cách dịch: “Tôi đã từng bị giam hãm thường xuyên hơn thế”
bị đòn roi nhiều vô số nhiều
Tham khảo cách dịch: “Tôi đã bị đánh đập nhiều vô số kể”
nhiều phen suýt chết
Tham khảo cách dịch: “và tôi đã từng nhiều lần suýt chết”
2 Corinthians 11:24

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

thiếu một roi đầy bốn chục
Đây là cách nói thông thường cho việc bị đánh bằng roi 39 lần. 40 đòn roi thiếu có thể giết chết một người.
Tôi đã từng ở trên biển một ngày một đêm
Phao-lô đang nói đến việc bị trôi giạt trên biển sau khi tàu của ông bị chìm.
Gặp nguy hiểm từ những kẻ giả danh anh em
Tham khảo cách dịch: “và gặp nguy hiểm từ những kẻ xưng mình là anh em trong Chúa Cứu Thế nhưng lại phản bội chúng tôi”
2 Corinthians 11:27
và trần truồng
Tham khảo cách dịch: “và không đủ quần áo giữ ấm”
Có ai yếu đuối mà tôi không thấy yếu đuối sao?
Tham khảo cách dịch: “Khi ai đó yếu đuối, tôi lại chẳng thấy mình cũng yếu đuối như vậy sao”
Ai khiến cho người khác sa vào tội lỗi mà lòng tôi không như lửa đốt sao?
Tham khảo cách dịch: “Khi một người khiến anh em mình phạm tội thì tôi cảm thấy giận dữ”
2 Corinthians 11:30
điều gì tỏ ra sự yếu đuối của tôi
Tham khảo cách dịch: “Tôi yếu đuối như thế nào”
Tôi không nói dối
AT: "Tôi đang nói sự thật hoàn toàn”
2 Corinthians 11:32
canh giữ thành Đa-mách
Canh giữ cổng thành Đa-mách
để bắt tôi
Tham khảo cách dịch: “đặng họ có thể bắt giữ tôi”

Translation Questions

2 Corinthians 11:3
Phao-lô lo sợ điều gì về các tín hữu Cô-rinh-tô?
Phao-lô lo sợ rằng tư tưởng của họ sẽ bị dẫn dụ khỏi lòng thành thật và tinh sạch đối với Chúa Cứu Thế.
2 Corinthians 11:7
Phao-lô đã rao giảng Tin Lành cho người Cô-rinh-tô như thế nào?
Phao-lô đã tình nguyện rao giảng Tin Lành cho người Cô-rinh-tô.
2 Corinthians 11:14
Sa-tan đã cải trang như thế nào?
Nó cải trang thành thiên sứ của sự sáng.
2 Corinthians 11:16
Tại sao Phao-lô lại yêu cầu các tín hữu Cô-rinh-tô chấp nhận ông như một kẻ điên rồ?
Phao-lô yêu cầu họ chấp nhận ông như một kẻ điên rồ để ông có thể được tự hào đôi chút.
2 Corinthians 11:19
Phao-lô nói rằng các tín hữu Cô-rinh-tô vui lòng chịu đựng những kẻ nào?
Phao-lô nói rằng các tín hữu Cô-rinh-tô vui lòng chịu đựng những kẻ điên rồ, những kẻ bắt họ làm nô lệ, những kẻ gây nên những sự chia rẽ trong vòng bọn họ, nhưng kẻ lợi dụng họ, những kẻ lên mặt ngạo nghễ, hoặc những kẻ tát vào mặt họ.
2 Corinthians 11:22
Phao-lô tự hào về điều gì khi so sánh mình với những kẻ mong muốn được ngang bằng với ông qua những lời khoe khang của họ?
Phao-lô tự hào rằng ông cũng là người Hê-bơ-rơ, thuộc dân Y-sơ-ra-ên và là con cháu Áp-ra-ham giống như những kẻ xưng mình ngang bằng với ông. Phao-lô cho rằng ông là một đầy tớ của Chúa Cứu Thế còn hơn họ nữa- ông đã chịu khó nhọc nhiều hơn, tù đày nhiều hơn, đòn roi vô số kể và nhiều lần suýt mất mạng.
2 Corinthians 11:24
Một vài trong số những nguy hiểm mà Phao-lô đã chịu là gì?
Phao-lô đã năm lần bị người Do Thái đánh, “mỗi lần thiếu một roi đầy bốn chục”. Ba lần bị đánh bằng roi. Một lần bị ném đá. Ba lần bị chìm tàu. Một ngày một đêm lênh đên trên biển. Ông từng gặp nguy hiểm trên sông, gặp nguy hiểm với bọn trộm cướp, với dân mình, với dân ngoại. Ông gặp nguy hiểm trong thành phố, trong hoang mạc, trên biển và cả với những kẻ giả danh anh em. Ông cũng gặp nguy hiểm với những nhà cầm quyền tại Đa-mách.
2 Corinthians 11:30
Phao-lô nói rằng nếu ông tự hào thì ông sẽ tự hào về điều gì?
Phao-lô nói rằng nếu phải tự hào thì ông sẽ từ hào về những việc bày tỏ ra sự yếu đuối của mình.
2 Corinthians 11:32
Một vài trong số những nguy hiểm mà Phao-lô đã chịu là gì?
Phao-lô đã năm lần bị người Do Thái đánh, “mỗi lần thiếu một roi đầy bốn chục”. Ba lần bị đánh bằng roi. Một lần bị ném đá. Ba lần bị chìm tàu. Một ngày một đêm lênh đên trên biển. Ông từng gặp nguy hiểm trên sông, gặp nguy hiểm với bọn trộm cướp, với dân mình, với dân ngoại. Ông gặp nguy hiểm trong thành phố, trong hoang mạc, trên biển và cả với những kẻ giả danh anh em. Ông cũng gặp nguy hiểm với những nhà cầm quyền tại Đa-mách.

Chapter 12

2 Corinthians 12:1
Tôi sẽ tiếp tục
"Tôi sẽ miễn cưỡng tiếp tục”
những mặc khải từ Chúa
Sự khôn ngoan, tri thức và sự hiểu biết đến từ Chúa
Tôi biết một người trong Chúa Cứu Thế, người mà cách đây mười bốn năm...
Phao-lô đang mô tả ngắn gọn về chính mình
hoặc trong thân thể hoặc ngoài thân thể người, tôi không biết
Phao-lô tiếp tục mô tả chính mình như thể những chuyện nầy đang xảy ra cho một người khác. Tham khảo cách dịch: “Tôi không biết người nầy đang ở trong thân thể vật lí hay thân thể thuộc linh của mình”
Đức Chúa Trời biết
Tham khảo cách dịch: “Chỉ duy nhất Đức Chúa Trời biết”
tầng trời thứ ba
Ý này nói về nơi Đức Chúa Trời ngự hơn là bầu trời hoặc không gian ngoài kia (các hành tinh, ngôi sao cả vũ trụ)
2 Corinthians 12:3
Và tôi biết người nầy
“Và tôi biết rằng người nầy”
Pa-ra-đi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ này cũng được chỉ về thiên đàng (hoặc từng trời thứ ba) hoặc một nơi đặc biệt trên thiên đàng.

Về con người ấy

“về người đó”

Tôi sẽ không khoe mình, ngoại trừ nói về sự yếu đuối của mình

"Tôi sẽ chỉ khoe khoang về sự yếu đuối của mình”

2 Corinthians 12:6

sẽ nghĩ về tôi hơn điều họ thấy

"nghĩ tốt về tôi nhiều hơn điều đã thấy”

Chính vì vậy, để tôi không kiêu ngạo

"để giữ tôi không đầy dẫy sự kiêu ngạo”

một cái gai trong thịt tôi

"một nỗi đau đớn’ hoặc “vấn đề thân thể”

sứ giả từ Sa-tan

“đầy tớ của Sa-tan”

để quấy nhiễu tôi

“để giày vò tôi”

2 Corinthians 12:8

Chúa về điều này

Tham khảo cách dịch: “Chúa về cái gai trong thịt mình” hoặc “Chúa về sự đau đớn nầy”

Ân điển Ta đủ cho người rồi

“Ân điển ta là mọi thứ ngươi cần”

vì sức mạnh của ta được trọn vẹn trong sự yếu đuối

Tham khảo cách dịch: “vì quyền năng của Ta thể hiện rõ nhất khi ngươi yếu đuối”

Vì vậy, tôi thỏa lòng vì cớ Chúa Cứu Thế

Tham khảo cách dịch: “Đó là lí do khiến tôi vui lòng trong sự yếu đuối của mình”

trong những lúc khốn cùng

Tham khảo cách dịch: “trong những lúc tôi chịu khổ vì cớ Chúa Cứu Thế”

Vì khi tôi yếu đuối chính là lúc tôi mạnh mẽ

Tham khảo cách dịch: “vì khi tôi yếu đuối chính là lúc sức mạnh của Chúa Cứu Thế dấy lên trong tôi”

2 Corinthians 12:11

Tôi đã thành kẻ điên rồ!

“Tôi hành động như một kẻ điên rồ”

Anh em buộc tôi phải như thế, vì đáng lẽ ra anh em phải khen tôi

Tham khảo cách dịch: “Anh em đã buộc tội nói như vậy, mặc dầu lẽ ra anh em phải khen ngợi tôi”

Vì tôi cũng không thua kém gì

Tham khảo cách dịch: “Vì tôi không kém hơn”

siêu sứ đồ

sứ đồ

Vì anh em kém quan trọng hơn các hội thánh khác

Tham khảo: “Điểm khác biệt duy nhất giữa các hội thánh mà tôi đã làm việc và anh em”

Ngoài việc chính tôi không là gánh nặng cho anh em?

Tham khảo cách dịch: “ấy là tôi đã không đòi hỏi anh em phải chi trả tiền bạc cho những chi phí của tôi”

Xin thứ lỗi cho tôi về điều bất công nầy!

Phao-lô đang xin sự tha thứ vì đã không yêu cầu Hội Thánh Cô-rinh-tô cấp dưỡng cho mình.

2 Corinthians 12:14

Tôi muốn anh em

Tham khảo cách dịch: “Tôi muốn chính mình anh em” hoặc “những điều tôi muốn ấy là tình yêu thương của anh em và sự chấp nhận trong Chúa Cứu Thế”

Tôi rất vui lòng được được tiêu phí tiền của và cả đời mình vì linh hồn anh em

Phao-lô nói về việc đáp ứng những nhu cầu của họ, dù là về mặt thuộc thể hay mặt thuộc linh. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ vui lòng dành cả đời mình cùng mọi thứ tôi có cho anh em”

Nếu tôi yêu thương anh em nhiều hơn, lẽ nào tôi lại được yêu thương ít lại sao?

Tham khảo cách dịch: “Ngay cả khi dường như tôi càng yêu thương anh em nhiều thì anh em lại càng yêu thương tôi ít lại”

2 Corinthians 12:16

Bởi vì tôi là người quỷ quyệt, đã dùng mưu mẹo mà bắt lấy anh em

Tham khảo cách dịch: “nhưng người khác nghĩ rằng tôi là kẻ dối trá đã dùng những mánh khóe của mình”

Vậy thì tôi có dùng người nào trong số những người tôi phái đến cùng anh em không để lợi dụng anh em không?

Tham khảo cách dịch: “Không người nào trong số những người tôi phái đến cùng anh em lợi dụng anh em"

Vậy Tít có lợi dụng anh em không?

Tham khảo cách dịch: “Tít cũng không hề lợi dụng anh em”

Chẳng phải chúng tôi sống theo cùng một đường lối sao?

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi có cùng thái độ và cách sống giống nhau”

Chẳng phải chúng tôi đồng bước đi sao?

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi làm việc theo những cách giống nhau”

2 Corinthians 12:19

Anh em nghĩ toàn bộ lúc nầy đay chúng tôi đang biện hộ cho mình trước mặt anh em sao?

Phao-lô làm rõ rằng ông không đang bào chữa cho những hành động của mình. Tham khảo cách dịch: “Đừng tưởng rằng toàn bộ lúc nầy đây chúng tôi đang bào chữa cho chính mình trước mặt anh em”

nói tất cả để xây dựng anh em

Tham khảo cách dịch: “nói tất cả những điều này vì sự lớn lên thuộc linh của anh em”

2 Corinthians 12:20

Tôi không thấy anh em như mình mong đợi

Tham khảo cách dịch: “Tôi không thích những điều mình nhận thấy”

anh em không thấy tôi như anh em mong muốn

Tham khảo cách dịch: “anh em có thể không thích cách tôi phản ứng”

Rằng sẽ có

Tham khảo cách dịch: “Tôi hi vọng rằng mình sẽ chẳng thấy”

Bây giờ tôi phải than khóc về nhiều người trong bọn họ đã phạm tội trước đây

Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ đau lòng vì nhiều người trong anh em vẫn không chịu từ bỏ tội lỗi xưa cũ của mình”

và những người không chịu ăn năn về những việc ô uế, gian dâm, trụy lạc mà mình đã phạm

Tham khảo cách dịch: “và đã không ăn năn về những tội tà dâm mà họ đã phạm”

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Corinthians 12:1

Phao-lô nói rằng bây giờ ông sẽ tự hào về điều gì?

Phao-lô nói rằng ông sẽ tiếp tục tự hào về những khải tượng và mặc khải từ Chúa.

2 Corinthians 12:6

Tại sao Phao-lô lại cho rằng cho dù ông có tự hào đi chăng nữa thì ông cũng chẳng phải kẻ điên rồ?

Phao-lô khẳng định ông không phải là kẻ điên rồ khi lên tiếng tự hào bởi vì ông nói sự thật.

2 Corinthians 12:14

Tại sao Phao-lô lại nói với các tín hữu Cô-rinh-tô rằng ông sẽ không làm gánh nặng cho họ?

Phao-lô nói với họ điều này để tỏ cho họ biết rằng ông không muốn những điều thuộc về họ. Nhưng ông muốn chính họ.

2 Corinthians 12:19

Phao-lô nói tất cả những điều nầy với các tín hữu Cô-rinh-tô vì mục đích gì?

Phao-lô nói những điều nầy nhằm xây dựng các tín hữu Cô-rinh-tô.

2 Corinthians 12:20

Phao-lô sợ rằng ông sẽ thấy điều gì khi quay trở lại thăm các tín hữu Cô-rinh-tô?

Phao-lô sợ rằng ông sẽ thấy trong vòng họ có sự cãi vả, ghen tị, nóng giận, ích kỷ, nói xấu, ngồi lê đôi mách, kiêu căng và hỗn loạn.

Chapter 13

2 Corinthians 13:1

Tất cả những người còn lại

Cách diễn đạt này có ý là số còn lại hoặc mọi người khác. Tham khảo cách dịch: “tất cả những người khác”

Và tôi lại nói nữa

"và tôi lặp lại”

2 Corinthians 13:3

nhưng chúng ta sẽ sống với Ngài nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời ban cho chúng ta sức mạnh và năng lực để sống một cuộc đời trong Ngài và với Ngài

2 Corinthians 13:5

Anh em không nhận ra rằng Chúa Cứu Thế Giê-xu đang ở trong mình sao?

"Anh em nên biết rằng Chúa Cứu Thế Giê-xu đang ở trong anh em!” hoặc “Chúa Cứu Thế Giê-xu ở trong anh em. Đáng lẽ ra anh em phải biết điều đó rồi!”

trong anh em

Có thể hiểu 1) đang sống trong mỗi người (UDB) hoặc 2) “trong vòng anh em”, một phần và là thanh viên quan trọng nhất trong nhóm.

anh em không được nhận

Tham khảo cách dịch: “anh em không được cứu bởi đức tin”

chúng tôi không phải không được nhận

Phao-lô đang xác nhận rằng ông và đoàn truyền giáo của mình được cứu bởi niềm tin nơi Chúa Giê-xu. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi đã được nhận”

2 Corinthians 13:7

Để anh em không làm điều gì sai trái

“để anh em không phạm tội” hoặc “để anh em làm những điều đúng đắn”

để vượt qua thử nghiệm

Tham khảo cách dịch: “để trở nên những người giảng dạy vĩ đại và sống với lẽ thật”

Chúng tôi không thể làm những điều gì nghịch cùng lẽ thật

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi không thể chống lại lẽ thật của Đức Chúa Trời”

nhưng chỉ vì lẽ thật

Tham khảo cách dịch: “nhưng phải đứng vững vì lẽ thật”

2 Corinthians 13:9

được nên trọn vẹn

Tham khảo cách dịch: “được trưởng thành về mặt thuộc linh”

2 Corinthians 13:11

công việc phục hồi

Tham khảo cách dịch: “công việc hướng đến sự trưởng thành”

hòa thuận với nhau

Tham khảo cách dịch: “sống hòa thuận với nhau”

bằng cái hôn thánh

"bằng tình yêu thương trong Chúa”

Translation Questions

2 Corinthians 13:1

Lúc viết thư II Cô-rinh-tô, Phao-lô đã đến thăm các tín hữu Cô-rinh-tô được mấy lần rồi?

Thời điểm viết thư II Cô-rinh-tô, Phao-lô đã đến thăm họ được hai lần.

2 Corinthians 13:3

Tại sao Phao-lô lại cảnh báo các tín hữu Cô-rinh-tô đã phạm tội và hết thảy những người khác rằng nếu ông đến lần nữa, ông sẽ không dung thứ cho họ?

Phao-lô nói với họ như thế bởi vì các tín hữu Cô-rinh-tô đang tìm kiếm bằng chứng cho thấy Chúa Cứu Thế đang phán qua Phao-lô.

2 Corinthians 13:5

Phao-lô khuyên các tín hữu Cô-rinh-tô phải tự tra xét mình về điều gì?

Phao-lô khuyên họ phải tự tra xét mình để xem mình còn ở trong đức tin hay không.

2 Corinthians 13:11

Trong phần cuối thư, Phao-lô muốn các tín hữu Cô-rinh-tô làm gì?

Phao-lô muốn họ vui mừng, cố gắng phục hồi lại như ban đầu, phải đồng một tâm trí với nhau, phải sống hòa thuận và lấy cái hôn thánh mà chào nhau.

Chapter 1

Galatians 1:1

Đây là sứ đồ Phao-lô

Tham khảo cách dịch: “Lá thư này gửi từ Phao-lô, là sứ đồ”

Đấng đã khiến Ngài sống lại

"Đấng đã khiến Chúa Giê-xu Cơ Đốc sống lại”

sống lại

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ này ở đây có nghĩa là khiến người chết sống lại.
anh em
Ở đây chỉ về những người anh em tín hữu, bao gồm cả nam lẫn nữ, bởi vì tất cả những người tin nơi Chúa Cứu Thế đều là thành viên trong cùng một gia đình thuộc linh, với Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng.
Galatians 1:3
vì tội lỗi chúng ta
“để chịu hình phạt mà chúng ta đáng phải chịu vì tội lỗi mình”
để Ngài có thể cứu chúng ta khỏi thời đại gian ác nầy
“để Ngài có thể khiến chúng ta được tự do khỏi những quyền lực xấu xa trong thế giới hiện nay”
Đức Chúa Trời chúng ta và Cha
Ý này là “Đức Chúa Trời là Cha chúng ta”. Ngài là Đức Chúa Trời của chúng ta và cũng là cha chúng ta.
Galatians 1:6
Câu nối:
Phao-lô đưa ra lí do mình viết lá thư này- ông nhắc nhở họ phải tiếp tục hiểu Tin Lành.
Tôi lấy làm ngạc nhiên rằng anh em nhanh chóng xây khỏi
Có thể hiểu: “Tôi rất ngạc nhiên với cách thay đổi nhanh chóng của anh em”
lấy làm ngạc nhiên rằng
"lấy làm ngạc nhiên khi nhận thấy”
anh em xoay khỏi
Có thể hiểu: 1) “anh em thay đổi ý định” hoặc 2) “anh em đã thay đổi lòng trung thành của mình”
Đấng đã gọi anh em
“Đức Chúa Trời là Đấng đã gọi anh em”
gọi
Ở đây, từ này có nghĩa là Đức Chúa Trời đã chỉ định hoặc chọn con người làm con cái Ngài, làm đầy tớ và là người rao truyền sứ điệp cứu rỗi của Ngài qua Chúa Giê-xu.
bởi ân điển của Chúa Cứu Thế
Tham khảo cách dịch: “nhờ ân điển của Chúa Cứu Thế” hoặc “nhờ của tễ lễ về ân điển của Chúa Cứu Thế”
loài người
"con người”
Galatians 1:8
Rao giảng
"sẽ rao giảng” hoặc “rao giảng”. Đây là cách diễn đạt một điều gì đó đã không xảy ra và không nên xảy ra.
khác với cái
“khác với tin lành” hoặc “khác với sứ điệp”
người ấy đáng bị rủa sả
"Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt kẻ rao ra tin lành giả dối đời đời” (Xem bản dịch UDB). Nếu ngôn ngữ bạn dùng có cách nào thường dùng để chỉ việc rủa sả một người thì nên sử dụng ở đây.
Còn bây giờ, tôi muốn được lòng loài người hay được lòng Đức Chúa Trời? Hay tôi đang cố gắng làm đẹp lòng loài người?
Những câu hỏi tu từ này sẽ có câu trả lời là “Không”. Tham khảo cách dịch: “Tôi không hề cố gắng để được lòng loài người, nhưng tôi cố gắng để được lòng Đức Chúa Trời. Tôi không hề nỗ lực để làm đẹp lòng loài người”.
Nếu tôi vẫn cố làm đẹp lòng loài người thì tôi không phải là đầy tớ của Chúa Cứu Thế.
Cả hai cụm từ theo sau “Nếu”- “Thì” đều trái với thực tế, Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ không cố để làm đẹp lòng loài người, tôi là đầy tớ của Chúa Cứu Thế” hoặc “Nếu tôi cần cố để làm đẹp lòng loài người thì tôi chẳng phải là đầy tớ của Chúa Cứu Thế”
Galatians 1:11
Câu nối:
Phao-lô giải thích rằng ông không học Tin Lành từ kẻ khác mà ông học nó từ Chúa Giê-xu Cơ Đốc.
anh em
Ở đây chỉ về những người anh em tín hữu, bao gồm cả nam lẫn nữ, bởi vì tất cả những người tin nơi Chúa Cứu Thế đều là thành viên trong cùng một gia đình thuộc linh, với Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng.
Tôi không hề học hay nhận điều đó từ loài người
“Tôi không học hay nghe Tinh Lành từ loài người”
Điều đó là bởi sự mặc khải của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc bày tỏ cho tôi
Có thể hiểu là 1) “Chính Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã bày tỏ Tin Lành nầy cho tôi” hoặc 2) “Đức Chúa Trời đã khiến rôi hiểu biết Tin Lành khi Ngài tỏ cho tôi thấy Chúa Cứu Thế Giê-xu là ai”
chỉ loài người
"căn nguyên loài người"
Galatians 1:13
nếp sống trước kia
“cách ăn ở trước kia” hoặc “đời sống trước kia” hoặc “đời sống lúc trước”
tàn phá
"phá hủy”
tấn tới
Ẩn dụ này nhìn nhận rằng lúc bấy giờ, Phao-lô vượt trội hơn tất cả những người Do Thái khác trong việc trở thành một người Do Thái hoàn toàn. Tham khảo cách dịch: "tiến bộ” hoặc “tiến tới”.
đồng bào Do Thái
"những người Do Thái cùng thời”
Tổ tiên
Hoặc “tổ phụ”
Galatians 1:15
Đấng đã lấy ân điển gọi tôi
Có thể hiểu: 1) “Đức Chúa Trời đã kêu gọi tôi phục vụ Ngài bởi vì Ngài là Đấng nhân từ” hoặc “Ngài đã lấy ân điển mình kêu gọi tôi”
bày tỏ Con Ngài trong tôi
Có thể hiểu: 1) “cho tôi được nhận biết Con Ngài (Đức Chúa Trời)” hoặc 2) “qua tôi bày tỏ cho thế gian biết rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời”
Con
Đây là danh xưng quan trọng của Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời
bày tỏ Ngài
“bày tỏ Con Đức Chúa Trời” hoặc “rao giảng Tinh Lành về Con Đức Chúa Trời”
bàn với thịt và huyết
Đây là cách diễn đạt cho việc nói chuyện với người khác. Tham khảo cách dịch: “xin người ta giúp tôi hiểu được sứ điệp nầy”.
đi lên
"đi"
Galatians 1:18

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tôi không gặp sứ đồ nào khác ngoài Gia-cơ
"Tôi chỉ gặp duy nhất một vị sứ đồ là Gia-cơ”
Thật, trước mặt Đức Chúa Trời
Phao-lô muốn người Ga-la-ti hiểu rằng ông đang rất nghiêm túc cũng như ông biết rằng Đức Chúa Trời nghe thấy mọi lời mình nói ra và Ngài sẽ xét đoán ông nếu như ông nói dối.
Thật
Tham khảo cách dịch: “Hãy chú ý đến những lời quan trọng mà tôi sắp nói cùng anh em”
Tôi không nói dối về mọi điều tôi đã viết cho anh em
Tham khảo cách dịch: “Tôi không nói dối trong thông điệp tôi viết cho anh em” hoặc “những điều tôi viết cho anh em ấy là tôi đang nói với anh em lẽ thật”
Galatians 1:21
các miền thuộc
“một khu vực của thế giới gọi là”
vẫn
AT: "vào lúc đó”
Mà họ chỉ nghe nói
Tham khảo cách dịch: “mà họ chỉ biết những điều nghe người khác nói về tôi”
Các Hội Thánh vẫn chưa biết mặt tôi
Tham khảo cách dịch: “chưa một ai trong số những tín hữu trong các Hội Thánh này từng gặp tôi”

Translation Questions

Galatians 1:1
Phao-lô đã trở thành sứ đồ như thế nào?
Pau đã trở thành sứ đồ qua Chúa Cứu Thế Giê-xu và qua Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha.
Galatians 1:6
Phao-lô lấy làm ngạc nhiên về điều gì tại Hội Thánh ở Ga-la-ti?
Phao-lô lấy làm ngạc nhiên khi họ đã xoay sang một tin lành khác.
Galatians 1:8
Phao-lô cho rằng một người công bố một tin lành khác với Tin Lành của Chúa Cứu Thế thì người ấy sẽ bị gì?
Phao-lô cho rằng hễ ai công bố một tin lành khác thì đáng bị rủa sả.
Galatians 1:13
Trước khi nhận được mặc khải về Tin Lành của Chúa Cứu Thế, Phao-lô đang làm gì?
Phao-lô sốt sắng theo Do Thái giáo mà bắt bớ các Hội Thánh của Đức Chúa Trời.
Galatians 1:15
Đức Chúa Trời đã chọn Phao-lô trở thành sứ đồ của Ngài khi nào?
Đức Chúa Trời đã vui lòng chọn Phao-lô từ trong lòng mẹ để trở thành sứ đồ của Ngài.

Chapter 2
Galatians 2:1
Câu nối:
Phao-lô tiếp tục kể lại quá trình ông học biết Tin Lành từ Đức Chúa Trời, không phải từ các sứ đồ.
đi lên
Hoặc “đi”. Giê-ru-sa-lem ở quốc gia có nhiều vùng đồi núi. Người Do Thái cũng xem Giê-ru-sa-lem là nơi gần với thiên đàng nhất trên đất nầy, chính vì vậy mà Phao-lô cũng nói diễn đạt ý này theo nghĩa bóng.
Tôi phải đi
Tham khảo cách dịch: “đi đến Giê-ru-sa-lem” hoặc “đi đến đó”
những người lãnh đạo chủ chốt
“những người lãnh đạo cao nhất trong các Hội Thánh”
Tôi đã và đang chạy, chẳng phải là vô ích
Tham khảo cách dịch: “Tôi đã và đang làm những việc có ích”
vô ích
Tham khảo cách dịch: “không ích lợi gì” hoặc “làm vô ích” (UDB)
Galatians 2:3
mấy người giả làm anh em lén trà trộn vào
Tham khảo cách dịch: “những kẻ giả làm Cơ Đốc Nhân lẻn vào Hội Thánh để gây thiệt hại”
theo dõi
Từ này có nghĩa là bí mật quan sát các tín hữu để xem các tín hữu đang làm gì để làm hại họ.
sự tự do
tự do
Họ muốn
Tham khảo cách dịch: “những kẻ gián điệp nầy muốn” hoặc “những kẻ giả làm anh em nầy muốn”
để bắt chúng tôi làm nô lệ cho luật pháp
Tham khảo cách dịch: “để buộc chúng tôi phải tuân giữ luật pháp”. “Luật pháp” ở đây nói đến việc tuân giữ những lễ nghi Do Thái, mà quan trọng nhất là phép cắt bì.
Chịu khuất phục
"phục tùng” hoặc “lắng nghe”
được vững bền cho anh em
Tham khảo cách dịch: “sẽ còn tiếp tục ở trong anh em” hoặc “sẽ được vững bền cho anh em” hoặc “sẽ cứ vững bền cho anh em”
anh em
số nhiều
Galatians 2:6
Thay vào đó, họ
“thay vào đó, những nhà lãnh đạo”
Tôi đã được giao phó
Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã giao phó cho tôi”
để công bố
“để rao giảng”
Galatians 2:9
trao tay phải giao kết
"hoan nghênh như những người bạn cùng làm việc” hoặc “tiếp đón trong sự tôn trọng”
tay phải
Tham khảo cách dịch: “tay phải của họ”
nhớ đến người nghèo khó
“chăm lo cho nhu cầu của những người nghèo khó”
Galatians 2:11
Tôi đã trực tiếp phản đối ông
Tham khảo cách dịch: "Tôi đã trực tiếp đối mặt với ông”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hoặc “Tôi công khai bác bỏ những việc làm của ông”

Trước lúc

Nói về thời gian

ông ngưng lại

Tham khảo cách dịch: "ông không ăn chung với họ nữa”

Ông sợ những người nầy

Tham khảo cách dịch: “vì ông sợ những người nầy sẽ chỉ trích ông đang làm điều sai trái” hoặc “vì ông sợ những người nầy sẽ khiển trách ông vì làm điều sai trái”

những kẻ đã chịu phép cắt bì

Những người Do Thái đã trở thành tín hữu, nhưng họ lại yêu cầu những người tin nơi Chúa Cứu Thế phải chịu phép cắt bì.

tránh xa

"đứng riêng ra” hoặc “né tránh”

Galatians 2:13

Sao anh có thể ép dân ngoại phải sống như dân Do Thái?

Tham khảo cách dịch: “Anh đã sai khi ép dân ngoại sống như người Do Thái”

Ép

Bắt ép bằng lời nói

Galatians 2:15

Câu nối:

Phao-lô nói với các tín hữu rằng những người Do Thái biết luật pháp, cũng như những người dân ngoại không biết luật pháp, đều chỉ được cứu nhờ đức tin nơi Chúa Cứu Thế chứ không phải bằng việc giữ luật pháp.

Chúng ta đã đến với niềm tin trong Chúa Giê-xu Cơ Đốc

Tham khảo cách dịch: “Chúng ta đã tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu”

chúng tôi

Chắc hẳn đang nói đến Phao-lô và Phi-e-rơ.

chẳng một xác thịt nào

Tham khảo cách dịch: “chẳng một người nào”

Galatians 2:17

Tuyệt đối không!

“Đương nhiên không phải như vậy!”. Cách diễn đạt này đưa ra lời phủ nhận mạnh mẽ nhất cho câu hỏi tu từ trước đó. Bạn có thể dùng cách diễn đạt tương tự bằng ngôn ngữ của mình.

Galatians 2:20

Hiện tôi sống trong xác thịt này là bởi đức tin nơi Con Đức Chúa Trời

Phao-lô sử dụng hình ảnh Chúa Cứu Thế chịu đóng đinh để mô tả đời sống đặt “niềm tin nơi Con Đức Chúa Trời”

Con Đức Chúa Trời

Đây là danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu.

Tôi không hề phủ nhận

Tham khảo cách dịch: “Tôi không hề gạt bỏ” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc “Tôi không biến nó thành ra vô ích”

nếu nhờ luật pháp mà có được sự công bình, thì Chúa Cứu Thế chịu chết là vô ích

Nghĩa là bởi vì sự công bình không hề có được qua luật pháp nên sự chết của Chúa Cứu Thế chẳng phải là vô ích.

chịu chết là vô ích

“chẳng đạt được điều qua sự chết”

Translation Questions

Galatians 2:1

Sau mười bốn năm, Phao-lô đã lên Giê-ru-sa-lem làm gì?

Phao-lô gặp riêng các nhà lãnh đạo Hội Thánh để trình bày với họ về Tin Lành mà ông đang rao giảng.

Galatians 2:3

Dù Tít dân ngoại bang nhưng ông không bị buộc phải là gì?

Tít không bị ép buộc phải chịu phép cắt bì.

Galatians 2:6

Các lãnh đạo nhà thờ tại Chúa Giê-xu có thay đổi sứ điệp của Phao-lô không?

Không, họ không đóng góp gì thêm cho sứ điệp của Phao-lô

Galatians 2:9

Các nhà lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem đã thể hiện sự chấp thuận cho chức vụ của Phao-lô bằng cách nào?

Các nhà lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem đã bắt tay Phao-lô và Ba-na-ba bày tỏ tình thân nhằm cho thấy sự tán thành của mình.

Galatians 2:11

Phi-e-rơ đã mắc lỗi gì khi đến An-ti-ốt?

Phi-e-rơ không ăn chung với các tín hữu ngoại bang vì ông sợ những người đã được cắt bì.

Galatians 2:20

Phao-lô khẳng định bây giờ ai đang sống trong ông?

Phao-lô khẳng định rằng hiện giờ Chúa Cứu Thế đang sống trong ông.

Phao-lô cho rằng Con Đức Chúa Trời đã làm gì cho ông?

Phao-lô cho rằng Con Đức Chúa Trời đã yêu thương ông và phó chính mình Ngài vì ông.

Chapter 3

Galatians 3:1

Câu nối:

Phao-lô đang nhắc nhở các tín hữu tại Ga-la-ti rằng Đức Chúa Trời đã ban cho họ Đức Thánh Linh khi họ nhờ đức tin mà tin vào Phúc Âm, chứ không phải nhờ việc họ tuân giữ luật pháp của Đức Chúa Trời.

Con mắt gian ác của ai đã hại các ngươi?

Phao-lô dùng câu hỏi hài hước này để nói rằng các tín hữu Ga-la-ti cư xử như thể có người nào đó bùa ếm họ. Ông không tin rằng thực sự có ai đó đang bùa ếm họ.

con mắt gian ác

Từ này có liên hệ đến ma thuật và với việc đặt bùa chú. Ở đây từ nầy được dùng theo nghĩa bóng. Nếu ngôn ngữ bạn dùng có cạch diễn đạt khác cho việc ếm bùa lên người khác, thì bạn có thể dùng ở đây.

Chẳng phải hình ảnh Chúa Giê-xu Cơ Đốc bị đóng đinh trên thập tự giá đã được bày tỏ ra trước mắt anh em sao?

Đây là một câu hỏi tu từ khác: “Ta đã thuật lại chính xác cho anh em người ta đã đóng đinh Chúa Giê-xu Cơ Đốc như thế nào”

Tôi chỉ muốn anh em cho tôi biết điều này

Câu này tiếp tục ý châm biếm ở câu 1. Phao-lô vốn biết rõ đáp án cho câu hỏi mà ông sắp đưa ra. Khi dịch, nhớ nhấn mạnh từ “điều này” và “chỉ”, bởi vì đây những từ quan trọng nhất trong câu.

điều nầy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chỉ 3 câu hỏi tiếp theo.

Tham khảo cách dịch: “Anh em đã nhận lãnh Đức Thánh Linh, chẳng phải nhờ làm theo những gì luật pháp quy định, nhưng bởi tin theo những điều mình nghe”. Nếu có thể bạn nên dịch ý này thành câu hỏi, bởi vì theo logic người đọc sẽ cho rằng có một câu hỏi ở phần nầy. Cũng vậy, phải chắc chắn rằng người đọc hiểu câu trả lời cho câu hỏi nầy là “bởi tin những điều mình đã nghe”, chứ không phải “bởi làm theo những quy định của luật pháp”

AT: "You received the Spirit, not by doing what the law says, but by believing what you heard." Translate this rhetorical question as a question if you can, because the reader will be expecting a question here. Also, be sure that the reader knows that the answer to the question is "by believing what you heard," not "by doing what the law says."

Sao anh em dại dột đến thế?

Câu hỏi tu từ này không chỉ nói rằng “Anh em

bằng xác thịt

Tham khảo cách dịch: “những việc làm của mình”

Galatians 3:4

Anh em đã chịu.... để chẳng được gì sao?

Phao-lô đưa ra câu hỏi nầy để nhắc các tín hữu Cô-rinh-tô nhớ lại những gian khổ mà họ đã trải qua. (See:.)

chịu biết bao điều

Tham khảo cách dịch: 1) “đã trải qua biết bao chuyện tốt lẫn chuyện xấu” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “chịu đựng bao” sự bắt bớ bởi vì cam kết ban đầu của mình với Chúa Cứu Thế hoặc 3) “cố gắng hết mình” đặng giữ luật pháp.

nếu quả thực những điều đó là vô ích

Tham khảo cách dịch: 1) “những việc đó có lẽ đã thành ra vô ích nếu như anh em không tin nơi Ngài” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) giả sử rằng các tín hữu Ga-la-ti đã nỗ lực để giữ trọn luật pháp và “nếu những việc anh em làm chỉ là vô ích” thì có nghĩa là họ đang dựa vào việc làm, chứ chẳng phải vào Chúa Cứu Thế, và Đức Chúa Trời sẽ không kể họ là người tin theo Ngài.

Có phải Đấng..... làm điều đó nhờ công việc làm của luật pháp hay bởi nghe với đức tin?

Phao-lô đang đặt ra một câu hỏi tu từ khác để nhắc các tín hữu Ga-la-ti về việc người ta nhận Đức Thánh Linh bằng cách nào. Tham khảo cách dịch: “Ngài.. không làm điều đó bởi việc làm của luật pháp, Ngài làm điều đó bởi việc lấy đức tin mà nghe”

bởi việc làm của luật pháp

Tham khảo cách dịch: “khi chúng ta tuân thủ những quy định của luật pháp”

bởi việc nghe với đức tin

“khi chúng ta nghe Tin Lành và đặt niềm tin mình nơi Chúa Giê-xu”

Galatians 3:6

Câu nối:

Phao-lô nhắc nhở các tín hữu Ga-la-ti một điều kể cả Áp-ra-ham cũng được xưng công bình bởi đức tin chứ chẳng phải bởi luật pháp.

Điều đó kể ông là công bình

Đức Chúa Trời đã nhìn thấy đức tin của Áp-ra-ham nơi Ngài, nên Đức Chúa Trời đã nhận định ông là công bình.

những người tin

“những ai tin”

con cái của Áp-ra-ham

“con cháu Áp-ra-ham”, không phải con thuộc thể của ông, nhưng họ là những người công bình giống như Áp-ra-ham.

thấy trước

“nói trước” hoặc “biết trước khi việc đó sẽ xảy ra”. Bởi vì Đức Chúa Trời đã lập lời hứa với Áp-ra-ham và viết những lời đó xuống trước khi lời hứa đó được thực hiện qua Chúa Cứu Thế, Kinh Thánh giống như một người biết trước được tương lại trước khi chuyện đó thực sự xảy ra.

Trong ngươi

“Bởi vì tất cả những việc ngươi đã làm” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc “Bởi vì ta đã chúc phước cho ngươi”

mọi nước

“mọi nhóm người trên thế giới” (Tham khảo bản dịch UDB). Đức Chúa Trời đang nhấn mạnh rằng Ngài không thiên vị người Do Thái, là tuyển dân của Ngài, không thôi. Chương trình cứu rỗi của Ngài dành cho cả người Do Thái và người ngoại.

có đức tin

tin Đức Chúa Trời

Galatians 3:10

Những ai nhờ cậy vào... luật pháp bị rủa sả

“Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt đời đời những người nhờ cậy vào... luật pháp”

Hiện nay, rõ ràng là Đức Chúa Trời nhận

“Đức Chúa Trời đã phán rõ ràng rằng Ngài nhận”

Những ai

"Những người" hoặc “người”

việc làm của luật pháp

Tuân giữ luật pháp của Đức Chúa Trời

tuân giữ

“sống theo” hoặc “phục tùng” hoặc “trung thành với” hoặc “vâng giữ” hoặc “tuân theo”

tuân giữ mọi điều

“giữ mọi điều trong luật pháp”

Người công bình

“Những người Đức Chúa Trời nhận là công bình” hoặc “những người công bình’

những điều trong luật pháp

“Những điều chép trong luật pháp”

sẽ sống bởi luật pháp

Có thể hiểu: 1)”phải tuân giữ mọi điều trong luật pháp” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “sẽ sống bởi vì người làm theo mọi điều luật pháp quy định”

Galatians 3:13

Câu nối:

Phao-lô lại một lần nữa nhắc nhở những tín hữu này rằng việc tuân giữ luật pháp không thể nào cứu được một người và luật háp không thêm điều kiện nào mới vào trong lời hứa bởi đức tin được ban cho Áp-ra-ham.

Ngài đã bị rủa sả thay cho chúng ta

“Đức Chúa Trời đã kết tội Ngài thay vì kết tội chúng ta”

bị treo trên cây gỗ

Phao-lô cho rằng độc giả của ông sẽ hiểu được rằng ông đang nói đến việc Chúa Giê-xu bị treo trên thập tự giá.

có thể

Tham khảo cách dịch: “sẽ”

Chúng ta

Bao gồm cả chính Phao-lô và dân ngoại.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Galatians 3:15

theo cách nói của loài người

Tham khảo cách dịch: “như loài người” hoặc “như một người”

cho nhiều người

Tham khảo cách dịch: “Cho nhiều con cháu”

Bây giờ

Phao-lô đã bắt đầu một nguyên tắc chung và bây giờ đang giới thiệu một trường hợp cụ thể.

Galatians 3:19

Câu nối:

Phao-lô cho các tín hữu tại Ga-la-ti biết tại sao Đức Chúa Trời ban luật pháp.

Vậy thì tại sao luật pháp được ban cho?

"Vậy thì tại sao Đức Chúa Trời lại ban luật pháp?”

Nó được thêm vào

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã thêm nó vào” hoặc “Đức Chúa Trời đã thêm luật pháp vào”

những người đó

Tham khảo cách dịch: “những người”

Luật pháp được ban hành nhờ các thiên sứ qua tay một người trung gian

Tham khảo cách dịch: “Các thiên sứ ban hành luật pháp và người trung gian bắt đầu áp thi hành nó”

thi hành

Tham khảo cách dịch: “làm cho có hiệu lực”

người trung gian

Môi-se

người trung gian không chỉ đại diện cho một người

Tham khảo cách dịch: "sự hiện diện của người trung gian hàm ý không chỉ có một người làm

Galatians 3:21

nghịch lại

Tham khảo cách dịch: Hoặc “chống lại” hoặc “chống nghịch với”

nếu luật pháp được ban bố có thể đem lại sự sống thì công bình chắc chắn phải đến từ luật pháp

Điều này cũng có nghĩa: “Nếu Đức Chúa Trời đã ban bố luật pháp có thể khiến những ai vâng giữ nó được sống, thì chúng ta cũng có thể trở nên công chính bằng cách tuân giữ luật pháp đó” (

luật pháp đã nhốt mọi sự dưới tội lỗi. Vì vậy, lời hứa của Đức Chúa Trời sẽ cứu chúng ta qua đức tin nơi Chúa Giê-xu được ban cho những kẻ tin

Cũng có thể hiểu: 1) “Bởi vì chúng ta phạm tội, nên Đức Chúa Trời đã đặt mọi thứ dưới sự kiểm soát của luật pháp như thể đang giam những sự đó lại, đặng những điều mà Ngài đã hứa với những người đặt niềm tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu thì Ngài cũng ban cho những kẻ tin” hoặc 2) “Bởi vì chúng ta phạm tội nên Đức Chúa Trời đã đặt mọi thứ dưới sự kiểm soát của luật pháp như thể giam những sự đó lại. Ngài làm như vậy bởi vì những điều Ngài đã hứa với những ai có niềm tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu thì Ngài cũng muốn ban những điều đó cho những kẻ tin”

chúng ta

Từ “chúng ta” trong phân đoạn này chỉ đến hết thảy Cơ Đốc Nhân.

luật pháp

“Đức Chúa Trời”, người thiết lập luật pháp

Galatians 3:23

Câu nối:

Phao-lô nhắc nhở những người tại Ga-la-ti rằng người tin Chúa được tự do trong gia đình của Đức Chúa Trời, không còn là nô lệ dưới luật pháp.

chúng ta đều bị luật pháp nhốt và canh giữ

Tham khảo cách dịch: "Luật pháp kiểm soát chúng ta như một viên quản ngục”

cho đến khi đức tin được bày tỏ

Tham khảo cách dịch: “cho đến khi Đức Chúa Trời bày tỏ rằng Ngài sẽ biện hộ cho những kẻ tin nơi Chúa Cứu Thế” hoặc “cho đến khi Đức Chúa Trời bày tỏ rằng Ngài sẽ biện hộ cho những ai đặt niềm tin nơi Chúa Cứu Thế”

đến khi Chúa Cứu Thế đến

“cho đến khi Chúa Cứu Thế đến”

đặng chúng ta được biện hộ

Tham khảo cách dịch: "đặng Đức Chúa Trời sẽ xưng chúng ta là công bình. Đức Chúa Trời đã hoạch định kế hoạch xưng công bình cho chúng ta trước “kỳ của Chúa Cứu Thế”, khi thời giờ ấy đến Ngài sẽ thực hiện kế hoạch đó của mình.

người giám hộ

Có lúc từ này được dịch thành “người hướng dẫn” nhưng mà nghĩa của nó không chỉ đơn thuần là một giáo viên. Người giám hộ thường là một nô lệ có trách nhiệm dạy dỗ người thừa kế sống đạo đức và hữu ích.

Galatians 3:27

anh em... đã được mặc lấy Chúa Cứu Thế

Có thể hiểu: 1) “anh em.... đã trở nên giống như Chúa Cứu Thế” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “anh em.... có mối liên hệ với Đức Chúa Trời như Chúa Cứu Thế đã có”

anh em

Trong đoạn nầy, từ “you” luôn ở dạng số nhiều

Không có

“Không có sự phân biệt giữa” hoặc “Đức Chúa Trời không hề phân biệt giữa”

Translation Questions

Galatians 3:6

Làm thế nào mà Áp-ra-ham được kể là công chính trước mặt Đức Chúa Trời?

Áp-ra-ham đã tin nơi Đức Chúa Trời và chính điều đó đã công nhận ông là công chính.

Galatians 3:10

Những kẻ nhờ cậy vào công việc của luật pháp được cho là sẽ chịu điều gì?

Những kẻ nhờ cậy nơi công việc của luật pháp sẽ bị rủa sả.

Galatians 3:17

Luật pháp Do Thái sau thời Áp-ra-ham 430 năm có phá bỏ lời hứa mà Đức Chúa Trời đã lập cùng Áp-ra-ham không?

Không, luật pháp ấy không hề phá bỏ lời đã được hứa cho Áp-ra-ham.

Galatians 3:19

Vậy thì luật pháp để làm gì?

Luật pháp được áp dụng vì cớ những vi phạm của loài người cho đến chừng nào dòng dõi của Áp-ra-ham đến

Galatians 3:23

Chúng ta được giải thoát khỏi sự giam hãm của luật pháp bằng cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nào?
Chúng ta được giải thoát khỏi sự giam hãm của luật pháp qua đức tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu.
Galatians 3:27
Người nào đã được mặc lấy trong Chúa Cứu Thế?
Tất cả những người đã chịu phép báp têm trong Chúa Cứu Thế thì được mặc lấy trong Ngài.

Chapter 4
Galatians 4:1
Câu nối:
Phao-lô tiếp tục nhắc các tín hữu Ga-la-ti rằng Chúa Cứu Thế đã đến để cứu chuộc những người ở dưới luật pháp, và Ngài khiến họ trở nên con cái của Ngài, không còn là nô lệ nữa.
Galatians 4:3
chúng tôi
Toàn thể Cơ Đốc Nhân, bao gồm cả những độc giả của Phao-lô
những yếu tố căn bản của vũ trụ
Câu này có thể có ý nói đến mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao, là những điều mà người ra cho rằng chúng kiểm soát mọi điều diễn ra trên đất, hoặc chúng có thể nói đến những thứ không thuộc về con người như: luật pháp và các nguyên tắc đạo đức.
Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài... để cứu chuộc... đặng chúng ta được nhận làm con nuôi
Đức Chúa Trời (Đức Chúa Cha) đã sai Con Đức Chúa Trời đến để "cứu chuộc" những người tin nơi Ngài. Chúa Giê-xu đã chuộc mua những người tin Ngài ra khỏi cảnh nô lệ tội lỗi và sự kết án. Những người tin Ngài được tự do bởi vì Đức Chúa Trời nhận họ làm con trong gia đình Ngài.
Con
Đây là danh xưng quan trọng của Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời
Galatians 4:6
Đức Chúa Trời đã sai Thánh Linh của con Ngài ngự vào lòng của chúng ta, Đấng kêu lên rằng: "Aba, Cha"
Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha đã sai Thánh Linh của Con Đức Chúa Trời vào trong lòng của những người tin Ngài. Bây giờ, họ nhận biết Đức Chúa Trời luôn êuGod the Father sent the Spirit of the Son of God into the hearts of his believers. Now they know God always loves them like a kind father loves his children.
A-ba
Đây là cách đứa trẻ gọi cha mình trong tiếng ở quê Phao-lô, không được dùng trong ngôn ngữ của những độc giả người Ga-la-ti. Để giữ được ý nghĩa của tiếng nước ngoài, nên dịch từ này sang từ nào nghe âm giống như "A-ba" trong tiếng của bạn.
sai Thánh Linh của con Ngài ngự vào lòng của chúng ta
"sai Thánh Linh của con Ngài đến để hướng dẫn chúng ta cách suy nghĩ và hành động ra sao"
Con
Đây là danh xưng quan trọng của Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời
Đấng kêu lên rằng
Chính Đức Thánh Linh là Đấng kêu lên.
Các con trai... con trai... con trai
Ở đây, Phao-lô dùng từ dành cho bé trai vì chủ đề là sự thừa kế. Trong văn hóa nơi ông ở và của các độc giả thì của thừa kế thông thường, nhưng không phải lúc nào cũng vậy, được để lại cho bé trai. Ở đây, ông không quy định cụ thể cũng không loại bỏ con gái
Galatians 4:8
Câu nối:
Phao-lô nhắc nhở họ rằng họ đang một lần nữa sống dưới luật pháp của Đức Chúa Trời thay vì sống bởi đức tin.
những vị
"những thứ" hoặc "những linh"
anh em đã được Đức Chúa Trời biết
"Đức Chúa Trời biết anh em"
anh em
Ở đây, tất cả những trường hợp của "you" đều ở dạng số nhiều
Sao anh em lại muốn trở lại... những nguyên tắc?
Đây là câu đầu tiên trong số hai câu hỏi tu từ. Tham khảo cách dịch: "Anh em không nên trở lại... những nguyên tắc" (See:.)
những nhân tố căn bản
Dịch giống như trong 4:3 GAL 4:3.
Có phải anh em lại muốn làm nô lệ như trước?
Tham khảo cách dịch: "Anh em không nên muốn lại trở thành nô lệ..." hoặc "Dường như anh em thực sự muốn trở thành nô lệ như trước" (See:.)
Galatians 4:10
cẩn thận giữ
"giữ" hoặc "tổ chức". Phao-lô đang nói về bữa tiệc và sự ăn kiêng.
labored over you
"chăm chỉ dạy dỗ anh em về Chúa Giê-xu". Từ "khó nhọc" này trong một số ngôn ngữ chỉ về sự sinh đẻ, nhưng chưa bao giờ được sử dụng để nói về việc sinh đẻ trong Tân Ước.
vô ích
Tham khảo cách dịch: "không có tác dụng" hoặc "chẳng đi đến đâu"
anh em
Dạng số nhiều
Galatians 4:12
Câu nối:
Phao-lô nhắc họ nhớ về việc họ đã đối xử tử tế với ông ra sao khi ông ở với họ, và ông khích lệ các tín hữu cứ tiếp tục tin tưởng ông ngay khi ông không có ở đó với họ.
nài xin
Yêu cầu hoặc cố gắng thuyết phục (Tham khảo bản dịch UDB). Từ này không được dùng để hỏi xin tiền hay thức ăn hay vật chất nào.
anh em
Ở đây, từ này chỉ các anh em tín hữu, gồm cả nam lẫn nữ, bởi vì tất cả những người tin nơi Chúa Cứu Thế đều là thành viên trong một gia đình thuộc linh, và Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng của họ.
Anh em đã không đối xử tệ với tôi
Tham khảo cách dịch: "anh em đã đối xử với tôi rất tốt" hoặc "Anh em đã đối xử với tôi như phải làm"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Mặc dầu tình trạng thân thể tôi thử thách anh em
Tham khảo cách dịch: “Thật khó khăn cho anh em khi nhìn tôi đau ốm như thế”
anh em
số nhiều
khinh miệt
"rất ghét”
Galatians 4:15
tôi đã trở thành kẻ thù của anh em...sự thật sao?
“Dường như anh em cho rằng tôi đã trở thành kẻ thù của anh em…sự thật”
Galatians 4:17
sốt sắng thuyết phục anh em .... theo mình... nhiệt tình vì những lí do tốt
Tham khảo cách dịch: “theo anh em... theo họ... theo những điều tốt lành” để giữ được cách Phao-lô dùng cùng một từ cho cả ba trường hợp.
phân rẽ
Về lòng trung thành, không phải khoảng cách địa lý
theo họ
“làm những điều họ bảo anh em phải làm”
Galatians 4:19
Câu nối:
Phao-lô khẳng định cùng các tín hữu rằng ân điển và luật pháp không thể làm việc cùng nhau.
con cái
Ở đây, từ này chỉ các môn đồ hoặc những người tin Chúa.
Ta lại phải chịu đau đớn vì cớ các con, cho đến khi Chúa Cứu Thế được hình thành trong các con
Giống như một phụ nữ mang thai trong cơn đau đớn khi sinh con, Phao-lô sẽ quan tâm lo lắng các tín hữu Ga-la-ti như vậy cho đến chừng họ trở nên giống như Chúa Cứu Thế.
Galatians 4:21
Nói cho tôi
"Tôi muốn hỏi một điều”. Tham khảo cách dịch: “Tôi muốn kể với anh em vài điều”
Anh em không nghe luật pháp nói gì sao?
Tham khảo cách dịch: "Anh em không nghe những gì luật pháp nói sao?” hoặc “Anh em cần phải học biết luật pháp thực sự nói gì” hoặc “hãy để tôi nói cho anh em biết luật pháp nói gì”. Phao-lô đang giới thiệu những điều ông sắp sửa nói trong những câu 22-23.
Galatians 4:24
Câu nối:
Phao-lô bắt đầu câu chuyện minh họa một sự thật- rằng luật pháp và ân điển không thể tồn tại cùng nhau.
Những điều nầy có thể được giải thích bằng câu chuyện ngụ ngôn
"Câu chuyện về hai người con trai nầy giống như bức họa cho những điều tôi sẽ kể cho anh em bây giờ”
bằng câu chuyện ngụ ngôn
“Câu chuyện ngụ ngôn” là cách viết đàm luận về một vấn đề nào đó (câu chuyện đưa ra ý nghĩa cụ thể về Giê-ru-sa-lem và A-ga). Nó so sánh những điểm tương đồng của những hoàn cảnh khác nhau, như một phép ẩn dụ mở rộng.
Núi Si-nai
Tham khảo cách dịch: “Núi Si-nai, nơi Môi-se trao bảng luật pháp cho dân Y-sơ-ra-ên”
Người sinh con ra để làm nô lệ
Tham khảo cách dịch: “những người ở dưới giao ước này giống như những nô lệ buộc phải tuân theo luật pháp”
tượng trưng
"là hình ảnh về”
bà cùng với con cái mình đều làm nô lệ
A-ga là một nô lệ và con cái của bà cũng làm nô lệ chung với bà. Tham khảo cách dịch: “Giê-ru-sa-lem, cũng giống như A-ga, là một nô lệ và con cái bà cũng chịu cảnh nô lệ chung với bà” (Tham khảo bản dịch UDB)
Galatians 4:26
tự do
Không hề bị ràng buộc, không phải là một nô lệ.
vui mừng
hạnh phúc
Bật dậy và reo hò
đang im lặng đột nhiên trở nên rất ầm ĩ
Galatians 4:28
anh em
Ở đây chỉ về những người anh em tín hữu, bao gồm cả nam lẫn nữ, bởi vì tất cả những người tin nơi Chúa Cứu Thế đều là thành viên trong cùng một gia đình thuộc linh, với Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng.
theo xác thịt
Tham khảo cách dịch: “theo những cách của loài người” hoặc “bởi những điều người ta làm”. Điều này nói về việc Áp-ra-ham trở thành cha của Ích-ma-ên khi ông lấy A-ga làm vợ.
theo Thánh Linh
Tham khảo cách dịch: “bởi những điều Đức Thánh Linh đã làm”
Galatians 4:30
anh em
Ở đây chỉ về những người anh em tín hữu, bao gồm cả nam lẫn nữ, bởi vì tất cả những người tin nơi Chúa Cứu Thế đều là thành viên trong cùng một gia đình thuộc linh, với Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng.

Translation Questions

Galatians 4:1
Một người thừa kế còn nhỏ tuổi sẽ sống ra sao?
Người thừa kế đó sẽ sống dưới sự hướng dẫn và trông nom cho đến kỳ hạn mà cha người đã định.
Galatians 4:6
Trước khi nhận biết Đức Chúa Trời, chúng ta là nô lệ cho ai?
Trước khi nhận biết Đức Chúa Trời, chúng ta là nô lệ cho những linh cai trị thế gia nầy, chúng chẳng phải là thần.
Galatians 4:8
Trước khi chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời, chúng ta là nô lệ của ai?
Trước khi chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời, chúng ta là nô lệ cho những thần cai trị thế gian nầy, nhưng vốn không phải là thần.
Galatians 4:17
Những thầy giảng giả dối tại Ga-la-ti cố gắng phân rẽ những ai?
Những thầy giảng giả dối đang cố gắng phân rẽ các tín hữu Ga-la-ti ra khỏi Phao-lô.
Galatians 4:21
Những thầy giảng giả dối đó cố gắng áp đặt các tín hữu Ga-la-ti dưới điều gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những thầy giảng giả dối đó đang cố gắng đặt các tín hữu Ga-la-ti trở lại dưới luật pháp.
Galatians 4:26
Ai là mẹ tượng trưng của Phao-lô và các tín hữu Ga-la-ti?
Chính thành Giê-ru-sa-lem trên cao, là người nữ tự do, là mẹ tượng trưng của Phao-lô và các tín hữu Ga-la-ti.
Galatians 4:28
Những người tin nơi Chúa Cứu Thế là con của xác thịt hay là con của lời hứa?
Những người tin nơi Chúa Cứu Thế là con của lời hứa.
Galatians 4:30
Đứa con của người nữ nô lệ sẽ thừa hưởng điều gì?
Đứa con của người nữ nô lệ không được chia gia tài với đứa con của người nữ tự do.

Chapter 5
Galatians 5:1
Câu nối:
Phao-lô áp dụng câu chuyện này bằng cách nhắc nhở các tín hữu phải dùng sự tự do của họ trong Chúa Cứu Thế bởi vì trọn luật pháp ấy là yêu kẻ lân cận như mình.
Ấy là cho sự tự do
Bản dịch cần nhấn mạnh từ “tự do” trong ý tương phản với sự nô lệ đã được nói trong những câu trước.
Ấy là cho sự tự do mà Chúa Cứu Thế đã cứu chuộc chúng ta
“Ấy là để chúng ta có thể được tự do mà Chúa Cứu Thế đã chuộc chúng ta”
đứng vững
“đứng im ở chỗ của anh em”, cho dù những người khác đang cố gắng tìm cách buộc anh em phải dời đi chỗ khác.
Nếu anh em chịu phép cắt bì
Tham khảo cách dịch: “nếu anh em quay lại với tín ngưỡng của người Do Thái”. Phao-lô đang sử dụng phép cắt bì làm hình ảnh hoán dụ cho đạo Do Thái giáo.
Galatians 5:3
làm chứng
"công bố” hoặc “làm nhân chứng”
với tất cả những ai đã chịu phép cắt bì
Tham khảo cách dịch: “với tất cả những người đã trở thành người Do Thái”. Phao-lô đang sử dụng phép cắt bì làm hình ảnh hoán dụ cho việc là một người Do Thái.
bị bắt buộc
"bị buộc" hoặc “bị nô lệ”
Anh em đã lìa khỏi Chúa Cứu Thế
“Anh em đã chấm mối liên hệ của mình với Chúa Cứu Thế”
tất cả anh em là những người “được xưng công bình” bởi luật pháp
Phao-lô sử dụng cách nói châm biếm ở đây. Thực sự ông đang dạy rằng không một người Do Thái nào có thể được xưng công bình bằng cách cố gắng làm những công việc mà luật pháp yêu cầu. Tham khảo cách dịch: “tất cả anh em là những người cho rằng mình có thể được xưng công bình bằng cách làm những việc mà luật pháp yêu cầu”
Anh em đã rơi khỏi ân điển
Phao-lô đang so sánh một người quyết định rằng mình không cần hoặc không muốn ân điển của Chúa Cứu Thế với một người rơi từ một nơi cao đẹp đẽ xuống một chỗ tồi tệ thấp hơn.
Galatians 5:5
Bởi vì
“Ấy là vì”.
Bởi đức tin chúng ta chờ đợi niềm hi vọng về sự công bình
Có thể hiểu: 1) “bởi đức tin, chúng ta chờ đợi niềm hi vọng về sự công bình” hoặc 2) “chúng ta đang chờ đợi niềm hi vọng về sự công bình đến bởi đức tin”
Chúng tôi
Từ này chỉ về Phao-lô và những người phản đối phép cắt bì cho Cơ Đốc Nhân. Rõ ràng ông cũng bao gồm cả các tín hữu Ga-la-ti.
đang chờ đợi
Chờ đợi trong hi vọng, xúc động, kiên nhẫn
niềm hi vọng về sự công bình
Tham khảo cách dịch: “chúng ta tin chắc rằng Đức Chúa Trời sẽ xưng mình là công bình”
không phải là cắt bì hay không cắt bì
Hình ảnh ẩn dụ cho việc là một người Do Thái hay là dân ngoại bang.
chỉ duy đức tin hành động qua tình yêu thương
“nhưng thay vào đó, Đức Chúa Trời quan tâm đến đức tin của chúng ta trong Ngài, được thể hiện qua tình yêu thương người lân cận”
có ý nghĩa gì đó
là xứng đáng
Anh em đang chạy
“anh em đang thực hành những điều Chúa Giê-xu đã dạy”
Sự thuyết phục để làm điều đó không đến từ Đấng gọi anh em
“Người thuyết phục anh em làm điều đó không phải là Đức Chúa Trời, là Đấng đã gọi anh em” trở nên dân sự Ngài.
sự thuyết phục
Để thuyết phục người nào đó thay đổi niềm tin của mình và hành động khác đi.
Galatians 5:9
Trong Chúa, tôi tin chắc anh em
“Tôi có niềm tin nơi anh em vì Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ anh em”
Anh em sẽ không suy nghĩ khác
Tham khảo cách dịch: “anh em sẽ không suy nghĩ điều gì khác với những điều tôi đang nói với anh em”
suy nghĩ
“tin”
Những kẻ làm cho anh em rối trí, bất luận là người nào sẽ chịu hình phạt cho mình
“Tôi không biết ai là người đang làm cho anh em rối trí, nhưng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt người đó”
làm rối trí anh em
“khiến anh em không chắc chắn lẽ thật là gì” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc “gây rối trong vòng anh em”
sẽ chịu hình phạt của mình
“sẽ bị Đức Chúa Trời hình phạt”
bất luận là người nào
Có thể hiểu: 1) Phao-lô không biết tên của những người đi khuyên các tín hữu cần phải tuân giữ luật pháp Môi-se hoặc 2) Phao-lô không muốn các tín hữu Ga-la-ti bận tâm đến việc người “làm rối trí” họ giàu hay nghèo, có danh tiếng hay không, có tôn giáo hay không tôn giáo.
Galatians 5:11
Hỡi anh em, nếu tôi còn rao giảng về phép cắt bì thì tại sao tôi vẫn còn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bị bắt bớ
“Nhưng hỡi anh em, về phần tôi, nếu tôi vẫn cứ dạy những người đó chịu phép cắt bì thì đáng lẽ ra họ không nên bắt bớ tôi như vầy”. Phao-lô đang quả quyết rằng ông (“về phần tôi”), không giống như những người mà ông đã nhắc đến trong những câu trước, ông không bảo các tín hữu Ga-la-ti phải chịu phép cắt bì.
anh em
“anh chị em”. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ nào bao gồm cả nam và nữ thì nên dùng nó ở đây.
Trong trường hợp đó, hòn đá vấp chân về thập tự giá sẽ bị phá hủy
Câu này có thể nói ở dạng chủ động. “Thì phép cắt bì sẽ phá hủy hòn đá vấp chân về thập tự giá”
hòn đá vấp chân về thập tự giá
Hình ảnh ẩn dụ này nói lên thông điệp về thập tự giá ngăn cảnh người ta tin, cũng giống như một hòn đá vấp chân khiến một người vấp ngã khi đi trên đường.
anh em
số nhiều
tự cắt mình
Có thể hiểu: 1) cắt bộ phận nam tính của mình để có thể trở nên hoạn quan hoặc 2) cắt bỏ về mặt tâm linh tách rời khỏi dân sự của Đức Chúa Trời
Galatians 5:13
vì
Phao-lô đang đưa ra lí do cho những lời ông đã nói trong Ga-la-ti 5:12. GAL 5:12.
Đức Chúa Trời đã gọi anh em... đến với sự tự do
Có thể hiểu: 1) “Đức Chúa Trời đã chọn anh em trở nên dân sự Ngài đặng anh em (ở số nhiều) có thể được tự do” hoặc 2) “Đức Chúa Trời đã định sẵn cho anh em được tự do”
anh em
“anh chị em”
Chỉ
Hoặc “Nhưng”. Phao-lô đang nói rằng sự tự do không bao gồm “cơ hội cho xác thịt”
cơ hội cho xác thịt
“cơ hội để làm những điều ưa muốn của xác thịt anh em”, cụ thể là những điều gây tổn hại đến chính bản thân hoặc người lân cận mình.
cả luật pháp được tóm gọn trong một mệnh lệnh nầy
Có thể hiểu: 1) “anh em có thể tóm gọn cả luật pháp trong một mạng lệnh nầy” hoặc 2) “qua việc tuân giữ một mạng lệnh thì anh em tuân giữ cả luật pháp rồi, mạng lệnh ấy là”
Galatians 5:16
Câu nối:
Phao-lô giải thích tại sao Thánh Linh kiểm soát tội lỗi.
anh em
số nhiều
bước đi bởi Thánh Linh
Bước đi là một cách nói ẩn dụ cho việc sống. Có thể dịch thành: “sống trong năng quyền của Đức Thánh Linh” hoặc “sống trong sự phụ thuộc vào Đức Thánh Linh
anh em đừng thỏa mãn những dục vọng xác thịt
“anh em đừng thỏa mãn những điều ưa muốn trong bản chất loài người mà phạm tội”
không ở dưới luật pháp
"không bị buộc phải tuân giữ luật pháp Môi-se”
Galatians 5:19
những việc làm của xác thịt
“những việc xảy ra là hệ quả của bản chất tội lỗi của loài người”
kẻ nào phạm phải những điều như vậy sẽ không được hưởng vương quốc Đức Chúa Trời
“Đức Chúa Trời sẽ không thưởng cho những người làm những việc như vậy” hoặc “Đức Chúa Trời sẽ không thương cho những kẻ cứ làm những điều nầy”
Galatians 5:22
bông trái Đức Thánh Linh
“những điều Đức Thánh Linh mang lại”
Luật pháp không chống lại những điều như vậy
Có thể hiểu: 1) “Luật pháp Môi-se không hề cấm những việc như vậy” hoặc 2) “chẳng có luật pháp nào cấm người ta suy nghĩ và hành động như vậy” (Tham khảo bản dịch UDB)
đã đóng đinh xác thịt cùng với các đam mê và dục vọng của nó
“đã giết chết bản chất thuộc về đất của họ cùng với mọi đam mê và dục vọng của nó như thể đóng đinh nó lên thập tự giá vậy”
Galatians 5:25
Nếu chúng ta sống bởi Thánh Linh
“Chúng ta đang sống bởi Thánh Linh” hoặc “Bởi vì Thánh Linh của Đức Chúa Trời khiến chúng ta được sống”
bước đi
Ở đây, từ này có nghĩa là được Thánh Linh dẫn dắt để có thể làm vui lòng và tôn kính Đức Chúa Trời
Chúng ta hãy
“chúng ta phải”

Translation Questions

Galatians 5:1
Chúa Cứu Thế đã giải phóng chúng ta vì mục đích gì?
Chúa Cứu Thế đã giải phóng chúng ta để chúng ta được tự do.
Galatians 5:11
Phao-lô nói rằng phép cắt bì phá hỏng điều gì?
Phao-lô nói rằng phép cắt bì phá hỏng sự vấp phạm về thập tự giá.
Galatians 5:13
Các tín hữu không được dùng sự tự do mình có trong Chúa Cứu Thế ra sao?
Các tín hữu không được dùng sự tư do mình có trong Chúa Cứu Thế như một cơ hội cho các thịt.
Các tín hữu phải dùng sự tự do mình có trong Chúa Cứu Thế như thế nào?
Các tín hữu phải dùng sự tự do mình có trong Chúa Cứu Thế để phục vụ nhau trong tình yêu thương.
Galatians 5:16
Làm sao để các tín hữu không thỏa mãn những dục vọng của xác thịt?
Các tín hữu phải sống nhờ Đức Thánh Linh và không được làm trọn những điều ưa muốn của xác thịt.
Galatians 5:22
Bông trái của Đức Thánh Linh là gì?
Bông trái của Đức Thánh Linh ấy là yêu thương, vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, mềm mại và tiết độ.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 6

Galatians 6:1

Câu nối:

Phao-lô dạy các tín hữu phải đối xử với các tín hữu khác ra sao và Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho họ thế nào.

anh em

Ở đây chỉ về những người anh em tín hữu, bao gồm cả nam lẫn nữ, bởi vì tất cả những người tin nơi Chúa Cứu Thế đều là thành viên trong cùng một gia đình thuộc linh, với Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng.

Nếu một người

“nếu người nào” hoặc “nếu ai trong vòng anh em”

bị bắt gặp làm điều gì sai trái

Có thể hiểu: 1) người nào đó phát hiện người khác đang làm điều sai trái, “bị phát hiện đang phạm tội” hoặc 2) người đó vô ý phạm tội “vô tình phạm tội”

anh em là những người thuộc linh

“anh em

sửa họ lại

“sửa những người đã phạm tội” hoặc “ủng hộ những người đã phạm tội trở lại con đường đúng đắn” hoặc phục hồi mối liên hệ với Đức Chúa Trời

lấy tinh thần khiêm nhu

Có thể hiểu rằng Đức Thánh Linh đang hướng dẫn người đưa ra hướng sửa đổi (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc 2) “với lòng mềm mại” hoặc “bằng cách tử tế”

Chính mình anh em cũng phải thận trọng.... để anh em

Những lời nầy coi các tín hữu Ga-la-ti như thể là một người để nhấn mạnh rằng ông đang nói chuyện với từng người trong bọn họ. Tham khảo cách dịch: “chính mình anh em... anh em” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc “Tôi nói với từng người trong anh em: Chính mình anh em phải đề phòng”

để anh em không bị cám dỗ

“vì sợ rằng anh em cũng sẽ bị cám dỗ mà phạm tội” hoặc “để anh em không bị cám dỗ mà phạm tội”. Nếu bạn cần nói những lời nầy ở dạng chủ động, tốt nhất không nên đề cập đến “Sa-tan” hoặc “ma quỷ” bởi vì trong bức thư này chẳng có chỗ nào đề cập tới chúng. Tham khảo cách dịch: “đặng kẻ cám dỗ không cám dỗ anh em”

Galatians 6:3

Vì

“Bởi vì”. Từ này chỉ về những lời sau đây giải thích tại sao các tín hữu Ga-la-ti phải 1) “mang lấy gánh nặng cho nhau” (GAL 6:2](./01.md)) hoặc 2) cẩn thận kẻo mình bị cám dỗ (GAL 6:1).hoặc 3) “không kiêu ngạo” ([GAL 5:26).

mình ra chi

“mình là người quan trọng” hoặc “mình tốt hơn những người khác”

người ấy chẳng ra gì

“người ấy không quan trọng” hoặc “người ấy không tốt hơn kẻ khác”

Mỗi người nên

AT: "mỗi người phải”

mỗi người sẽ phải mang gánh nặng của riêng mình

“mỗi người sẽ bị đoán xét vì công việc của người đó mà thôi” hoặc “mỗi người sẽ phải chịu trách nhiệm cho việc làm của mình mà thôi”

mỗi người sẽ

“mỗi một người sẽ”

Galatians 6:6

Người

“Người”

lời

Ở đây, từ này chỉ về mọi điều mà Đức Chúa Trời đã phán hoặc đã ra lệnh, như trong “lời của Đức Chúa Trời” hoặc “lời của lẽ thật”

gieo

Hình ảnh ẩn dụ cho những việc mà người ấy làm.

gặt

Hình ảnh ẩn dụ cho những việc sẽ xảy đến cho một người như là kết quả sau những điều ông hoặc bà ấy đã làm.

ông... ông đó

"người... người đó”. Ở đây Phao-lô không xác định rõ là người nam.

gieo cho xác thịt

“làm những việc mà bản chất tội lỗi của người đó muốn”

bởi xác thịt mà gặt sự hư nát

"nhận hình phạt cho những gì mà con người tội lỗi của người đó đã làm”

gieo cho Thánh Linh

"làm những việc mà Thánh Linh của Đức Chúa Trời ưa thích”

bởi Thánh Linh mà gặt sự sống đời đời

"nhận được sự sống đời đời như là phần thưởng từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời”

Galatians 6:9

Chúng ta chớ mệt mỏi về

Tham khảo cách dịch: “Chúng ta phải tiếp tục”

làm điều thiện

Làm những điều thiện cho người khác vì họ là những người ngay lành

Vì đến kỳ

"vì đến thời điểm thích hợp” hoặc “bởi vì, vào thời điểm mà Đức Chúa Trời đã chọn”

Vậy thì

“kết quả của việc nầy” hoặc ‘bởi vì điều nầy”

Đặc biệt cho những kẻ

"nhất là cho những kẻ” hoặc “đặc biệt cho những người”

Trong gia đình đức tin

“những thành viên trong gia đình Đức Chúa Trời qua đức tin nơi Chúa Cứu Thế”

Galatians 6:11

Câu nối:

Khi kết thúc bức thư này, Phao-lô đưa ra thêm một lời nhắc nhở rằng luật pháp không hề cứu rỗi, và họ phải nhớ đến thập tự giá của Chúa Cứu Thế.

những dòng chữ lớn

Có thể hiểu rằng Phao-lô đang muốn nhấn mạnh đến 1) những lời tuyên bố sau đó hoặc 2) lá thư này là do ông viết

chính tay tôi đã viết

Có thể hiểu: 1) rõ ràng Phao-lô có một người giúp ông viết gần như toàn bộ lá thư nầy, khi ông đọc cho người những điều phải viết, nhưng chỗ này chính Phao-lô đã viết đoạn cuối của bức thư hoặc 2) Chính tay Phao-lô đã viết bức thư nầy.

tạo ấn tượng tốt

“khiến người khác nghĩ tốt về mình” hoặc “khiến người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khác nghĩ rằng họ là những người tốt”
về xác thịt
"với những bằng chứng rõ ràng” hoặc “bằng những nỗ lực của họ”
buộc
"bắt ép” hoặc “tác động mạnh mẽ"
để họ sẽ không bị bắt bớ vì thập tự giá của Chúa Cứu Thế
“để người Do Thái sẽ không bắt bớ họ vì họ tuyên bố rằng chỉ duy nhất thập tự giá mới cứu rỗi”
thập tự giá
“công việc mà Chúa Giê-xu đã làm trên thập tự giá” hoặc “sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu”. Không hề có ý nói đến cây thập tự theo nghĩa đen.
họ muốn
“những người giục anh em chịu phép cắt bì muốn”
để họ có thể tự hào
“như vậy những người giục anh em chịu phép cắt bì có lí do để tự hào đã thêm anh em vào trong những kẻ giữ luật pháp”
Galatians 6:14
Tôi chẳng khoe về điều gì ngoài thập tự giá
“Tôi chỉ khoe về thập tự giá”
Tôi chẳng bao giờ
"Tôi chẳng bao giờ mong điều đó xảy ra” hoặc “Nguyện Chúa giúp tôi không làm điều đó”. Cách diễn đạt nầy cho thấy ước muốn mãnh liệt của Phao-lô mong cho việc này sẽ không xảy ra. Nếu bạn có cách diễn đạt tương tự trong tiếng của mình thì bạn có thể dùng nó ở đây”
thế gian đối với tôi đã bị đóng đinh rồi
“Tôi nghĩ về thế gian như thế nó đã chết rồi” hoặc “Tôi coi thế gian như một tên tội phạm mà Đức Chúa Trời đã giết trên thập tự giá rồi”
Đối với thế gian, tôi
“thế gian xem tôi như đã chết rồi” hoặc “thế gian xem tôi tội nhân mà Đức Chúa Trời đã giết trên thập tự giá rồi”
thế gian
Có thể hiểu: 1) những người sống trong thế gian là những người không quan tâm gì đến Đức Chúa Trời hoặc 1) những điều mà những người không bận tâm đến Đức Chúa Trời cho là quan trọng.
chẳng là gì cả
“quan trọng” với Đức Chúa Trời
một tạo vật mới
Có thể hiểu: 1) môt người tin mới trong Chúa Cứu Thế Giê-xu hoặc 2) đời sống mới trong một người đã tin Chúa.
Nguyện sự bình an và sự thương xót ở trên anh em, và trên dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời
Có thể hiểu: 1) những Cơ Đốc Nhân nói chung là dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc “nguyện xin sự bình an và sự thương xót ở trên những tín hữu ngoại bang cũng như trên tuyển dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời” hoặc 3) “nguyện xin sự bình an ở trên những người giữ đúng luật lệ nầy, và xin sự thương xót ở trên cả dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời”

Translation Questions

Galatians 6:1
Những người thuộc linh khi bắt gặp một người đang phạm lỗi nào đó thì nên làm gì?
Những người thuộc linh phải sửa đổi người đó trong tinh thần khiêm nhu.
Những người thuộc linh đó phải coi chừng mối nguy hiểm nào?
Những người thuộc linh đó phải coi chừng kẻo mình cũng bị cám dỗ.
Galatians 6:6
Một người được dạy dỗ phải làm gì đối với người dạy dỗ mình?
Người được dạy dỗ phải chia sẻ mọi thứ tốt đẹp với người dạy dỗ mình.
Galatians 6:9
Nếu một tín hữu không bỏ cuộc và cứ tiếp tục làm việc thiện thì người đó sẽ nhận được gì?
Một tín hữu tiếp tục làm việc thiện sẽ gặt hoa lợi mình.
Galatians 6:14
Phao-lô nói rằng ông khoe về điều gì?
Phao-lô nói rằng ông khoe về thập tự giá của Chúa Cứu Thế Giê-xu Cứu Chúa chúng ta

Chapter 1
Ephesians 1:1
Câu liên kết:
Phao-lô tự gọi ông là trước giả của thư tín này, là thư được gửi cho các tín đồ tại hội thánh Ê-phê-sô.
Qua ý muốn của Đức Chúa Trời
Tham khảo: “được Đức Chúa Trời chọn” hoặc là “do ý muốn của Đức Chúa Trời”
Được hiến dâng cho Chúa
Tham khảo: "trong sạch về mặt đạo đức" hoặc “những người thánh"
người trung tín trong Chúa Cứu Thế Giê-xu
Trong “Chúa Cứu Thế Giê-xu” và những thành ngữ tương tự chính là phép ẩn dụ thường xuất hiện trong các thư tín Tân Ước. Chúng biểu thị kiểu quan hệ mạnh mẽ nhất có thể có giữa Chúa Cứu Thế và những ai tin Ngài. (Xem: [[rc://vi/obe/kt/inchrist]])
Nguyền xin ân sủng và sự bình an được ban cho anh em
Đây là lời chào thăm và chúc phước mà Phao-lô quen dùng trong thư tín của ông.
Ephesians 1:3
Câu liên kết:
Phao-lô mở đầu thư này bằng cách đề cập đến vị trí của tín đồ và sự an toàn của họ trước mặt Chúa.
Ngợi khen Đức Chúa Trời, Chua của Chúa Cứu Thế Giê-xu chúng ta
Có thể diễn tả cụm từ nầy qua dạng chủ động. Tham khảo: “Chúng ta hãy ngợi khen Đức Chúa Trời và Cha của Chúa Giê-xu Christ của chúng ta”
Ngài đã ban phước cho chúng ta
Tham khảo: "vì Đức Chúa Trời đã ban phước cho chúng ta”
Đã ban phước cho chúng ta
Đây là một đại từ bao gồm Phao-lô và tất cả các tín đồ ở Ê phê sô.
Mọi ơn phước thiêng liêng
Tham khảo: "mọi phước hạnh xuất phát từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời”.
Trong Chúa Cứu Thế

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Trong “Chúa Cứu Thế” và những thành ngữ tương tự chính là phép ẩn dụ thường xuất hiện trong các thư tín Tân Ước. Chúng biểu thị kiểu quan hệ mạnh mẽ nhất có thể có giữa Chúa Cứu Thế và những ai tin Ngài. (Xem: [[rc://vi/obe/kt/inchrist]])

để chúng ta được nên thánh và không chỗ trách được

Phao-lô nêu lên hai điểm mà chúng ta có thể trở nên trong Đức Chúa Trời.

Ephesians 1:5

Đức Chúa Trời đã định trước chúng ta cho sự làm con nuôi

Tham khảo: “Đức Chúa Trời đã định trước để nhận chúng ta làm con nuôi”

Cho sự làm con nuôi

"Sự làm con nuôi" ngụ ý nói được đưa vào nhà Đức Chúa Trời.

Qua Chúa Cứu Thế Giê-xu

Đức Chúa Trời mang tín đồ vào gia đình nhà Ngài qua công việc của Chúa Giê-xu Christ.

Ngài đã làm việc này… Ngài đẹp lòng… Ngài muốn… ân sủng vinh quang của Ngài

"Ngài” và “của Ngài" ngụ ý nói về Đức Chúa Trời.

Con yêu dấu của Ngài

"Con yêu dấu của Đức Chúa Trời”, ám chỉ Chúa Giê-xu Christ.

Ephesians 1:7

Trong Con yêu dấu của Ngài

Tham khảo: "trong Con yêu dấu của Đức Chúa Trời, là Chúa Giê-xu Christ”.

Chúng ta được cứu chuộc

"Chúng ta" ám chỉ đến tất cả các tín đồ.

Sự dư dật ân sủng Ngài

Tham khảo: "sự cả thể của ân điển của Đức Chúa Trời” hoặc là “sự dư dật trong ân điển của Đức Chúa Trời”.

Trong sự khôn ngoan và hiểu biết trọn vẹn

Đức Chúa Trời đã ban cho tín đồ sự khôn ngoan và hiểu biết sâu rộng. Tham khảo: “nhiều sự khôn ngoan và hiểu biết”

Ephesians 1:9

Theo ý muốn của Ngài

Tham khảo: "vì làm Ngài vui lòng” (UDB)9

Trong Chúa Cứu Thế

Trong “Chúa Cứu Thế” và những thành ngữ tương tự chính là phép ẩn dụ thường xuất hiện trong các thư tín Tân Ước. Chúng biểu thị kiểu quan hệ mạnh mẽ nhất có thể có giữa Chúa Cứu Thế và những ai tin Ngài. (Xem: [[rc://vi/obe/kt/inchrist]])

Khi thời hạn được trọn

Tham khảo: "khi mọi sự xảy ra như dự định”

Vì sự hoàn tất của kế hoạch Ngài

Tham khảo: "vì chương trình của Ngài được hoàn tất”

Ephesians 1:11

Chúng ta được chọn

Tham khảo: “chúng ta được làm người thừa kế của Đức Chúa Trời” hoặc là “chúng ta được chọn để nhận lãnh của thừa kế”

Chúng ta được chọn…chúng ta là những người đầu tiên

Từ ngữ “chúng ta” bây giờ nói đến Phao-lô, những anh em Do Thái của ông trong Chúa Cứu Thế nhưng không phải những tín đồ người ngoại

Kế hoạch của

Tham khảo: "Chương trình của Đức Chúa Trời”

Mục đích theo ý muốn Ngài

Tham khảo: "mục đích theo ý muốn của Đức Chúa Trời”

Ephesians 1:13

Chính bởi Chúa Cứu Thế mà an hem cũng được nghe lời chân lý

Tham khảo: "chính nhờ tin nhận Chúa Cứu Thế là Đấng anh em đã nghe giảng nên anh em được Ngài cứu rỗi”

Chúa Cứu Thế là phúc âm về sự cứu rỗi anh em

Tham khảo: "Chúa Cứu Thế là phúc âm của sự cứu rỗi của anh em”

Trong Ngài mà anh em cũng đã tin

Tham khảo: "và anh em cũng đã tin Chúa Cứu Thế”

Được đóng ấn bằng Đức Thánh Linh đã được hứa

Giống như một loại chất sáp dùng để niêm một bức thư kèm theo một dấu hiệu thay mặt cho người gửi thư, Đức Chúa Trời ấn chứng sự cứu rỗi của chúng ta bằng Đức Thánh Linh có ý nghĩa về chủ quyền của Ngài đối với chúng ta.

Thánh Linh là Đấng bảo đảm

Đức Chúa Trời ban Đức Thánh Linh cho chúng ta như một sự ban tặng về sự sống đời đời vào thời điểm thích hợp. Tham khảo: “Đức Thánh Linh là một lời hứa/sự thế chấp”

Cho đến khi nhận lấy cơ nghiệp

Tham khảo: "cho đến khi chúng ta được sở hữu cơ nghiệp của mình” hoặc “cho đến khi chúng ta nhận được cơ nghiệp của mình”

Ephesians 1:15

Câu liên kết:

Phao-lô cầu thay cho các tín đồ Ê-phê-sô và ngợi khen Chúa vì năng lực mà họ có qua Chúa Cứu Thế.

Vì vậy

Tham khảo: “Vì lý do nầy”

Tình yêu thương của anh em đối với những người thánh của Ngài

Tình yêu thương của anh em đối với các tín hữu trong Chúa Cứu Thế. Tham khảo: “tình yêu thương của anh em đối với các thánh đồ trong Chúa Cứu Thế”.

Tôi tạ ơn Chúa không thôi

Có thể dịch câu nầy ở dạng xác định. Tham khảo: “Tôi tiếp tục cảm tạ Đức Chúa Trời”

Ephesians 1:17

tâm linh của sự khôn ngoan và khải thị về sự nhận biết Ngài

Tham khảo: "sự khôn ngoan thiêng liêng để hiểu được mặc khải của Ngài.

Để có thể soi sáng con mắt của lòng anh em

Cụm từ “con mắt của lòng” diễn tả khả năng có sự hiểu biết của một người. Tham khảo: “để anh em có thể có được sự hiểu biết và được soi sáng”

Sự tin chắc về sự kêu gọi của chúng ta

Tham khảo: "hy vọng về sự kêu gọi của chúng ta”

Sự dư dật của cơ nghiệp vinh quang Ngài

Tham khảo: "sự trọng đại của cơ nghiệp vinh hiển của Ngài” hoặc là “sự dư dật của cơ nghiệp vinh hiển Ngài”

Người thánh của Ngài

Cụm từ nầy bao gồm khái niệm về sự không chổ chê trách, thánh hóa, thánh khiết. Tham khảo: “trong thánh đồ”

Ephesians 1:19

Là quyền năng lớn lao vượt trội của Ngài

Quyền năng của Đức Chúa Trời vượt quá các quyền năng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khác.

sự vận hành của quyền năng lớn lao Ngài

Tham khảo: "quyền năng lớn lao của Ngài đang hành động trong chúng ta”

Ngài được đặt ngồi bên hữu Đức Chúa Trời

"Đấng Christ được đặt ngồi bên hữu Đức Chúa Trời". Đây là ngôi vị danh dự cao nhất.

vượt trên cả mọi phép tắc, quyền thế, quyền lực, quyền cai trị

Đây là những thành ngữ khác nhau chỉ về các thể siêu nhiên, gồm cả thiên sứ và ma quỷ. Tham khảo: "vượt trội hơn mọi thể siêu nhiên.”

Trong đời này

Tham khảo: "ở thời điểm nầy”

Trong đời sau

Tham khảo: "trong tương lai”

Ephesians 1:22

Đức Chúa Trời đã bắt phải

Tham khảo: “Đức Chúa Trời bắt phải” (UDB) hoặc là “Đức Chúa Trời buộc phải”

Mọi sự dưới chân Chúa Cứu Thế

Câu nầy tiêu biểu cho sự tễ trị, thẩm quyền và quyền năng của Đấng Christ. Tham khảo: “Mọi sự chịu phục dưới quyền năng của Đấng Christ” (Xin xem:

Đã đặt Ngài làm đầu...là thân thể Ngài

Cũng như cơ thể con người, cái đầu điều khiển mọi hoạt động liên quan đến thân, vậy Chúa Cứu Thế là đầu của hội thánh, hội thánh là thân của Ngài.

Làm đầu muôn sự trong Hội Thánh

"Đầu" ngụ ý nói về lãnh đạo hoặc là người chịu trách nhiệm. Tham khảo: “điều hành mọi sự trong Hội thánh”

Là thân thể Ngài

Hội thánh đôi khi được đề cập như thân thể của Đấng Cứu Thế.

sự đầy trọn của Đấng làm trọn mọi sự trên mọi phương diện

Đấng Cứu Thế đổ đầy quyền năng và sự sống của Ngài vào hội thánh. Tham khảo: “Đấng Cứu Thế đổ đầy quyền năng và đời sống của Ngài trên Hội thánh Ngài y như Ngài ban sự sống và bảo tồn sự sống cho mọi vật”.

Translation Questions

Ephesians 1:1

Phao lô mô tả người nhận thư tín ông đang viết như thế nào?

Phao lô mô tả người nhận thư của ông là những người biệt riêng cho Đức Chúa Trời và trung tín tin cậy Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Ephesians 1:3

Đức Chúa Cha đã ban phước gì cho tín đồ?

Đức Chúa Cha đã ban cho tín đồ trong Đấng Cứu Thế mọi ơn phước thiêng liêng ở mọi nơi trên trời.

Ephesians 1:5

Lý do gì Đức Chúa Trời định sẵn địa vị làm tín đồ cho chúng ta?

Đức Chúa Trời định sẵn địa vị làm tín đồ cho chúng ta bởi vì Ngài vui lòng làm như vậy và để được sự ngợi khen về ân điển vinh hiển của Ngài.

Ephesians 1:7

Tín đồ nhận lãnh điều gì nhờ huyết của Chúa Cứu Thế Giê-xu, Con yêu dấu của Đức Chúa Trời?

Tín đồ nhận lãnh sự cứu chuộc, sự tha tội nhờ huyết Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Ephesians 1:13

Tín đồ nhận được ấn chứng gì khi họ nghe Lời chân thật?

Tín đồ nhận được ấn chứng của Đức Thánh Linh là Đấng Chúa đã hứa.

Ephesians 1:19

Phao lô cầu nguyện cho người Ê phê sô được soi sáng để hiểu về điều gì?

Phao lô cầu nguyện cho người Ê phê sô được soi sáng để hiểu về sự tin cậy trong sự kêu gọi, sự giàu có của cơ nghiệp vinh hiển của Ngài và sự cả thể của quyền năng Đức Chúa Trời trong họ.

Ephesians 1:22

Đức Chúa Trời đặt dưới chân Chúa Cứu Thế điều gì?

Đức Chúa Trời đặt để muôn vật dưới chân Chúa Cứu Thế.

Vị thế của Chúa Cứu Thế trong Hội thánh là gì?

Christ is the head over all things in the Church.

Chapter 2

Ephesians 2:1

Câu liên kết:

Phao-lô nhắc các tín đồ nhớ về quá khứ của họ trước kia và bây giờ là cách sống của họ trước mặt Chúa.

anh em đã chết trong sự vi phạm và tội lỗi của mình

Đây là điều chứng tỏ con người tội lỗi không thể vâng lời Chúa giống như một người chết không thể phản ứng một cách cụ thể. (Xin xem:

Sự vi phạm và tội lỗi của anh em

Từ ngữ “trepasses” và “sins” về phương diện căn bản là giống nhau. Phao-lô sử dụng một lúc cả hai từ nhằm mục đích nhấn mạnh về sự nghiêm trọng của tội lỗi của con người.

Anh em từng bước đi

Cụm từ diễn tả thái độ sống của con người như thế nào. Tham khảo: “anh em đã từng sống”

Theo thói quen của thế gian này

Các sứ đồ dùng từ ngữ “thế gian” để đề cập đến thái độ ích kỷ và tiêu chuẩn đồi bại của con người đang sống trên thế gian. Tham khảo: “theo các tiêu chuẩn của con người sống trên thế gian” hoặc là “theo những nguyên tắc của thế giới hiện tại”

Kẻ cầm quyền chốn không trung

Ở đây nói về ma quỷ hay là Sa tan.

Linh của kẻ

Cụm từ “linh của kẻ” cũng nói đến ma quỉ hay Sa tan

buông mình theo những ham muốn xấu xa của xác thịt, chiều theo xác thịt và tâm trí

Từ ngữ “xác thịt” và “tâm trí” được dùng theo cách hoán dụ cho cả thân thể. (Xin xem:

Con của sự thạnh nộ

Dân bị Chúa nổi cơn thạnh nộ

Ephesians 2:4

Đức Chúa Trời giàu lòng thương xót

Tham khảo: "Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót” hoặc là “Đức Chúa Trời đối xử rất nhân từ với chúng ta”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vì tình yêu lớn lao của Ngài dành cho chúng ta

Tham khảo: "vì tình yêu cao cả của Ngài dành cho chúng ta" hay là "bởi vì Ngài yêu thương chúng ta quá đổi"

Ngài đã ban cho chúng ta sự sống mới đang khi chúng ta chết vì sự vi phạm

Điểm nầy cho thấy con người tội lỗi không thể vâng phục Đức Chúa Trời như thế nào cho đến khi được Chúa ban cho đời sống thuộc linh mới giống như một người chết không thể phản ứng một cách cụ thể trừ phi được Ngài khiến cho sống lại sau khi chết.

Ngài ban cho chúng ta sự sống mới trong Chúa Cứu Thế

Đức Chúa Trời ban cho chúng ta đời sống mới trong Đấng Cứu Thế.

Anh em đã được cứu bởi ân sủng

Tham khảo: "Đức Chúa Trời cứu chúng ta do sự nhân từ lớn lao của Ngài đối với chúng ta".

và khiến chúng ta đồng sống lại, đặt chúng ta ngồi ở các nơi cao trên trời với Chúa Cứu Thế Giê-xu

Giống như Ngài phục sinh Chúa Cứu Thế, Ngài cũng khiến chúng ta sống lại và ở cùng với Chúa Cứu Thế trên thiên đàng.

Trong Chúa Cứu Thế Giê-xu

Trong "Chúa Cứu Thế Giê-xu" và những thành ngữ tương tự chính là phép ẩn dụ thường xuất hiện trong các thư tín Tân Ước. Chúng biểu thị kiểu quan hệ mạnh mẽ nhất có thể có giữa Chúa Cứu Thế và những ai tin Ngài. (Xem: [[rc://vi/obe/kt/inchrist]])

Trong những đời sau

Tham khảo: "trong tương lai"

Ephesians 2:8

Vì nhờ ân điển anh em được cứu bởi đức tin

Sự nhân từ của Đức Chúa Trời đối với chúng ta là lý do Ngài tạo điều kiện để chúng ta được cứu khỏi sự đoán xét nếu chúng ta chỉ tin ở Chúa Giê-xu.

Và điều này không phải

Từ ngữ "điều này" nhắc lại cụm từ "nhờ ân điển anh em được cứu bởi đức tin"

Do chúng ta làm nên

Đại từ "chúng ta" ám chỉ Phao-lô và tín hữu ở Ê phê sô.

Không đến bởi việc làm

Tham khảo: "Sự cứu rỗi nầy không xuất phát từ việc làm của chúng ta".

Chúng ta là tác phẩm của Đức Chúa Trời

Đại từ "chúng ta" nói đến Phao-lô và tất cả các tín đồ tại Ê-phê-sô.

Trong Chúa Cứu Thế Giê-xu

Trong "Chúa Cứu Thế Giê-xu" và những thành ngữ tương tự chính là phép ẩn dụ thường xuất hiện trong các thư tín Tân Ước. Chúng biểu thị kiểu quan hệ mạnh mẽ nhất có thể có giữa Chúa Cứu Thế và những ai tin Ngài. (Xem: [[rc://vi/obe/kt/inchrist]])

Bước đi trong

Tham khảo: "sống trong" hoặc là "theo"

Ephesians 2:11

Câu liên kết:

Phao-lô nhắc các tín đồ này nhớ lại rằng Đức Chúa Trời giờ đây đã khiến cho dân ngoại và dân Do Thái hiệp thành một thân qua Chúa Cứu Thế và thập tự của Ngài.

Dân ngoại về phần xác

Người sinh ra không thuộc dòng dõi người Do Thái

Người không chịu phép cắt bì

Người ngoại không chịu phép cắt bì như trẻ con và do đó được coi như là người không theo Đức Chúa Trời.

Phép cắt bì

Đây là một từ ngữ khác dành cho người Do Thái bởi vì tất cả bé trai đều phải chịu cắt bì khi được tám ngày tuổi.

Bị ngăn cách khỏi Chúa Cứu Thế

Tham khảo: "người không tin Chúa"

"phép cắt bì" về phần xác

Những em bé trai phải trải qua phép cắt dương bì.

Dân Y-sơ-ra-ên

"dân Y-sơ-ra-ên"

Những người xa lạ đối với giao ước của lời hứa

Tham khảo: "anh em không biết lời hứa của Đức Chúa Trời trong giao ước"

Ephesians 2:13

Nhưng bây giờ trong Chúa Cứu Thế Giê-xu

Phao-lô đang trình bày một sự tương phản hoàn toàn giữa thời điểm trước và sau khi người Ê phê sô tin Chúa Cứu Thế.

anh em đã từng bị xa cách Đức Chúa Trời nhưng đã được đem đến gần Ngài

Vì tội lỗi, các tín đồ bị xa cách Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, bây giờ Chúa Giê-xu đem họ lại gần Đức Chúa Trời nhờ huyết Ngài.

Ngài là sự bình an của chúng ta

Tham khảo: "Chúa Giê-xu ban sự bình an cho chúng ta"

Bởi thân xác Ngài

Tham khảo: "Bởi sự chết của Ngài trên thập tự giá"

Bức tường ngăn cách

Tham khảo: "bức tường thù nghịch" hoặc "ý muốn gian ác"

Đã ngăn cách chúng ta

Đại từ "chúng ta" nói đến cả Phao-lô và người Ê-phê-sô, là những người đã phân cách các tín đố Do Thái khỏi tín đồ ngoại quốc. (Xem

Ngài đã hủy bỏ luật pháp giới răn và quy luật

Huyết của Chúa Giê-xu đáp ứng được yêu cầu của luật Môi se để cho người Do Thái và người ngoại có thể sống hòa thuận với nhau trong Ngài.

Một con người mới

Một dân mới, là dân được chuộc.

Trong chính Ngài

Chính bởi sự hiệp một với Chúa Cứu Thế mà dân ngoại và dân Do Thái được làm hòa với nhau.

Làm hòa cả hai dân

Tham khảo: "đem người Do Thái và người ngoại lại gần với nhau"

Qua thập giá...bởi thập giá

Nghĩa là, bởi sự chết của Chúa Cứu Thế trên thập giá.

Tiêu diệt sự thù nghịch giữa hai bên

Chúa Giê-xu loại bỏ được lý do làm cho người Do Thái và người ngoại thù nghịch với nhau. Đó là vì họ không còn bị đòi hỏi sống theo luật Môi se.

Ephesians 2:17

Câu liên kết:

Phao-lô cho các tín đồ Ê-phê-sô biết rằng những tín đồ ngoại quốc hiện tại giờ đây cũng được hiệp làm một với các sứ đồ và tiên tri, và là đền thờ của Đức Chúa Trời trong

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thánh Linh.

Sự bình an được công bố

Tham khảo: “rao truyền phúc âm” hoặc là “công bố phúc âm”

Anh em là người từng bị xa cách

Ý ở đây nói đến dân ngoại hoặc người không phải người Do Thái

Những người từng ở gần

Kẻ ở gần là người Do Thái.

vì qua Chúa Giê-xu, cả hai bên chúng ta đều có

"cả hai bên chúng ta" ngụ ý nói đến Phao-lô và tín hữu người Do Thái lẫn tín hữu người ngoại

Trong một Thánh Linh

Bởi đồng một Đức Thánh Linh, tất cả tín đồ, cả người Do Thái và dân ngoại, đều được quyền bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Cha.

Ephesians 2:19

Anh em không còn là người xa lạ hoặc là người ngoại quốc nữa, nhưng anh em là những công dân đồng quốc tịch với các thánh đồ, là những người trong nhà của Đức Chúa Trời

i không phải là công dân của một nước nay trở thành là công dân của nước đó. (Xin xem:

không còn là người xa lạ

Tham khảo: "không còn là người ngoài cuộc”

Và người ngoại quốc

Tham khảo: "và người từ nước ngoài”

Anh em đã được xây trên một nền

Phao-lô so sánh gia đình của Đức Chúa Trời với một tòa nhà. Chúa Cứu Thế là hòn đá góc nhà, các sứ đồ là nền, và các tín đồ chính là kết cấu.

Cả ngôi nhà gia đình Ngài được kết hợp chặt chẽ với nhau và phát triển thành đền thờ

Phao-lô tiếp tục sự so sánh về gia đình của Chúa Cứu Thế với một tòa nhà theo cách người thợ xây lắp ghép các tảng đá để xây dựng nhà để cho Chúa Cứu Thế kết hợp chúng ta với nhau.

trong Ngài...trong Chúa...trong Đấng

Các thành ngữ này là những phép ẩn dụ của cách nói “trong Chúa Cứu Thế Giê-xu”. Chúng thường xuất hiện trong các thư tín Tân Ước, diễn tả kiểu quan hệ mạnh mẽ nhất giữa Chúa Cứu Thế và những ai tin Ngài. (Xem: [[rc://vi/obe/kt/inchrist]])

trong Ngài anh em cũng được xây với nhau thành một nơi Đức Chúa Trời ngự qua Thánh Linh

Ở đây mô tả sự hiệp lại của các tín đồ sao cho trở thành một nơi để làm nơi Đức Chúa Trời ngự đời đời trong Thánh Linh giống như một căn nhà là nơi ở của người ta trên trái đất.

Translation Questions

Ephesians 2:1

Tình trạng thuộc linh của người không tin Chúa là gì?

Người không tin Chúa chịu chết vì sự vi phạm và tội lỗi mình.

Ephesians 2:4

Tại sao Đức Chúa Trời đưa một số người chưa tin Chúa đến với sự sống mới trong Chúa Cứu Thế?

Đức Chúa Trời đưa một số người chưa tin Chúa đến với sự sống mới trong Chúa Cứu Thế vì ơn thương xót dồi dào và tình yêu thương lớn lao của Ngài.

Ephesians 2:8

Không có tín đồ nào có thể khoe khoang về điều gì? Và vì lý do gì?

Không có tín đồ nào có thể khoe khoang về việc làm của mình bởi vì họ được cứu nhờ ân điển Đức Chúa Trời ban cho họ.

Ephesians 2:13

Điều gì đem một số người ngoại không tin Chúa đến gần Đức Chúa Trời?

Một số người ngoại không tin Chúa được đưa đến gần Đức Chúa Trời nhờ huyết Chúa Cứu Thế.

Chapter 3

Ephesians 3:1

Câu liên kết:

Phao-lô đề cập lại sự hiệp một của người Do Thái và dân ngoại và đền thờ của các tín đồ giờ đây trở nên làm một nhằm làm sáng tỏ chân lý kín nhiệm về hội thánh và tín đồ.

Vì vậy

Tham khảo: "Bởi vì ân điển của Đức Chúa Trời ban cho anh em”

Việc quản trị ân tứ mà Ngài đã vì anh em mà giao cho tôi

Tham khảo: "trách nhiệm Đức Chúa Trời giao cho tôi để tôi quản trị (cung cấp) ân điển Ngài cho anh em”

Ephesians 3:3

Theo sự khải thị mà tôi được biết

Tham khảo: "Đức Chúa Trời cho tôi biết về mặc khải của Ngài” hoặc là “Đức Chúa Trời bày tỏ cho tôi”

mà tôi đã viết vắn tắt trong một thư khác

Phao-lô đã gửi một thư ngắn cho những tín đồ này, và ông đang nhắc đến lá thư đó.

Khi anh em đọc điều này

"Điều này" ngụ ý nói về những lẽ thật chưa bày tỏ mà Phao-lô cho người Ê phê sô biết.

sự hiểu biết sâu sắc của tôi về chân lý kín nhiệm của Chúa Cứu Thế

Tham khảo: "sự hiểu biết của tôi về những lẽ thật kín giấu trước đây”

chân lý này không được bày tỏ cho nhân loại trong những thế hệ trước

Tham khảo: "lẽ thật chưa bày tỏ cho ai biết trong quá khứ”

chân lý mà giờ đây được Thánh Linh khải thị

Tham khảo: "nay Thánh Linh đã khải thị” hoặc “giờ đây Thánh Linh đã bày tỏ”

Ephesians 3:6

dân ngoại là những người đồng kế tự...qua phúc âm

Đây là chân lý kín nhiệm mà Phao-lô đã bắt đầu giải thích trong câu trước. Dân ngoại tiếp nhận Chúa Cứu Thế cũng sẽ nhận cùng một cơ nghiệp như các tín đồ Do Thái đã nhận.

Các chi trong một thân

Phao-lô tiếp tục dùng ẩn dụ về một thân thể cụ thể trong sự mô tả về các tín hữu trong Chúa Cứu Thế.

Trong Chúa Cứu Thế Giê-xu

Trong “Chúa Cứu Thế Giê-xu” và những thành ngữ tương tự chính là phép ẩn dụ thường xuất hiện trong các thư tín Tân Ước. Chúng biểu thị kiểu quan hệ mạnh mẽ nhất có thể có giữa Chúa Cứu Thế và những ai tin Ngài. (Xem: [[rc://vi/obe/

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

kt/inchrist]])
Vì lý do này, tôi đã trở thành người phục vụ
Tham khảo: "bây giờ tôi đang phục vụ Đức Chúa Trời trong công việc rao truyền phúc âm”
Ephesians 3:8
Đức Chúa Trời đã ban cho tôi đặc ân này, dù tôi hèn mọn nhất trong số những người được biệt riêng cho Ngài
Tham khảo: "Thậm chí dù tôi thấp kém nhất giữa dân Chúa, nhưng Ngài đã ban cho tôi đặc ân này.”
để soi sáng mọi người và cho họ biết chương trình nhiệm mầu của Đức Chúa Trời
“để khiến muôn dân nhận biết chương trình của Đức Chúa Trời”
để bày tỏ cho họ về chương trình huyền nhiệm của Đức Chúa Trời – là chương trình mà Ngài (Đấng dựng nên muôn vật) đã giấu kín trải qua các thời đại
Tham khảo: "một điều mà Đức Chúa Trời đã giấu kín từ ngàn xưa, từ khi Ngài dựng nên muôn vật”
Ephesians 3:10
các bậc thống lĩnh và cầm quyền ở các nơi trên trời nhận biết sự khôn ngoan muôn hình vạn trạng của Đức Chúa Trời
sự khôn ngoan đa dạng của Đức Chúa Trời
sự khôn ngoan muôn hình vạn trạng của Đức Chúa Trời
sự khôn ngoan đa dạng của Đức Chúa Trời
Các bậc cầm quyền và thống trị
Những từ ngữ nầy có ý nghĩa như nhau, Phao-lô sử dụng cả hai để nhấn mạnh rằng mỗi hữu thể thuộc linh sẽ biết sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời.
Theo chương trình đời
Tham khảo: "theo chương trình đời đời” hoặc “thích hợp với chương trình đời đời”
Trong Chúa Cứu Thế Giê-xu Chúa chúng ta
Bởi Chúa Cứu Thế
Ephesians 3:12
Câu liên kết:
Phao-lô ngợi khen Đức Chúa Trời trong lúc ông chịu đau khổ và cầu thay cho các tín đồ Ê-phê-sô này.
Tự tin đến gần
Tham khảo: "phương tiện đến gần sự hiện diện của Đức Chúa Trời một cách tự tin” hoặc là sự tự do bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời một cách tự tin”
Nhờ đức tin của chúng ta ở nơi Ngài
Tham khảo: "nhờ đức tin ở Chúa Cứu Thế của chúng ta”
Ephesians 3:14
Bởi vậy
Tham khảo: "Bởi vì Đức Chúa Trời đã làm hết mọi điều nầy cho anh em”
Tôi quỳ gối trước mặt Cha
Tham khảo: "Tôi quỳ gối cầu nguyện cùng Cha” hoặc là “Tôi khiêm cung cầu nguyện cùng Cha”
nhờ Ngài mà mọi gia đình trên trời và dưới đất được đặt tên
Hành động đặt tên ở đây hầu như chắc chắn cũng tượng trưng cho hành động tạo dựng. Tham khảo: "Đấng đã tạo dựng và đặt tên cả gia đình trên trời và dưới đất”
Xin Ngài ban cho anh em
Tham khảo: "xin Ngài ban cho anh em”
Ephesians 3:17
Trong lòng qua đức tin
"Qua" mang ý tưởng của một ống dẫn hay là con đường, cho thấy Chúa Cứu Thế sống trong lòng các tín hữu bằng đức tin Đức Chúa Trời ban cho họ.
Đặng anh em được đâm rễ và lập nền trong tình yêu thương
Phao-lô ví sánh đức tin của họ như một cây bén rễ sâu hoặc là một ngôi nhà xây trên nền vững chắc. Tham khảo: “anh em như một cây bén rễ vững chắc và ngôi nhà xây trên nền bằng đá”
Tất cả tín đồ
"tất cả tín đồ trong Chúa Cứu Thế" hoặc “tất cả các thánh đồ"
để anh em nhận biết sự lớn lao vượt trội của tình yêu Chúa Cứu Thế
Tham khảo: "để anh em có thể biết rằng tình yêu của Chúa Cứu Thế cao sâu hơn bất cứ điều gì anh em đã trải nghiệm”.
Ephesians 3:20
Giờ đây nguyện Ngài
Tham khảo: "Bây giờ đối với Đức Chúa Trời”
Mọi việc vượt quá, vượt hơn
Đức Chúa Trời có thể làm nhiều điều kỳ diệu hơn mọi sự chúng ta cầu xin hay tưởng tượng.
Mà chúng ta cầu xin hoặc suy nghĩ đến
"Chúng ta" bao gồm cả Phao-lô và khán giả của ông. (Xin xem:

Translation Questions

Ephesians 3:1
Đức Chúa Trời ban ơn cho Phao lô để giúp ích cho ai?
Đức Chúa Trời ban ơn cho Phao lô để giúp ích cho dân ngoại.
Ephesians 3:3
Điều gì chưa được bày tỏ với loài người trong những thế hệ trước?
Lẽ thật kín giấu về Chúa Cứu Thế chưa được bày tỏ ở các thế hệ trước.
Ephesians 3:6
Lẽ thật kín giấu chưa được bày tỏ là lẽ thật gì?
Đó là lẽ thật cho biết dân ngoại sẽ trở nên người thừa kế, và là những chi thể trong cùng thân thể, cùng dự phần về lời hứa trong Chúa Cứu Thế Giê-xu.
Ephesians 3:10
Sự khôn ngoan vô hạn của Đức Chúa Trời sẽ được bày tỏ qua điều gì?
Qua hội thánh, sự khôn ngoan vô hạn của Đức Chúa Trời sẽ được bày tỏ.
Ephesians 3:12
Phao lô nói rằng tín đồ sẽ có điều gì nhờ đức tin của họ trong Chúa Cứu Thế?
Phao lô nói rằng tín đồ sẽ có sự bạo dạn và đến với Ngài trong sự tin cậy nhờ đức tin trong Chúa Cứu Thế.
Ephesians 3:14
Cha đặt tên và ban tên đó cho ai?
Cha đặt tên và ban tên đó cho mọi gia đình trên trời cũng như dưới đất.
Ephesians 3:17
Phao lô cầu nguyện cho tín đồ được mạnh mẽ bằng cách nào?
Phao lô cầu nguyện cho tín đồ được mạnh mẽ nhờ quyền năng của Đấng sống trong họ, là Thánh Linh Đức Chúa Trời.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 4

Ephesians 4:1

Câu liên kết:

Vì nội dung mà Phao-lô đang viết cho tín đồ Ê-phê-sô, nên ông khuyến khích họ bày tỏ cách sống của người tin Chúa và cũng lại nhấn mạnh sự hiệp nhất của các tín hữu.

Như tù nhân vì Chúa

Tham khảo: "như người bị giam cầm bởi vì sự chọn lựa hầu việc Chúa của ông".

Tôi nài xin anh em sống cho thật xứng đáng với sự kêu gọi

Trong tất cả những câu nầy, đại từ "anh em" ngụ ý nói về tất cả tín hữu ở Ê phê sô. Tham khảo: "Tôi khuyến khích anh em hãy cư xử theo cách đúng đắn của sự kêu gọi"

với tất cả sự khiêm nhường, mềm mại và kiên nhẫn, chấp nhận nhau bằng tình yêu thương

Tham khảo: "Anh em phải học cách khiêm nhường, mềm mại, kiên nhẫn để chấp nhận lẫn nhau trong tình yêu thương"

giữ sự hiệp nhất của Thánh Linh trong sự hòa thuận

Tham khảo: "tìm cách sống trong hòa bình để duy trì sự hiệp một của Thánh Linh"

Ephesians 4:4

Một thân

Tất cả tín hữu trong gia đình của Đức Chúa Trời giống như những chi thể khác nhau trong một thân thể con người.

Một Thánh Linh

Chỉ có một Đức Thánh Linh

Anh em cũng đã được gọi đến trong một sự trông cậy

"Đức Chúa Trời đã chọn anh em đến trong một sự hy vọng chắc chắn"

Cha của mọi sự…trong mọi sự

Tham khảo: "Cha của mọi sự …trên mọi sự …giữa mọi sự ….trong mọi sự"

Ephesians 4:7

Câu liên kết:

Phao-lô nhắc các tín đồ nhớ lại những ân tứ mà Chúa Cứu Thế ban cho họ để sử dụng trong hội thánh, là nơi mà tất cả tín đồ đều hiệp lại thành một thân.

Cho mỗi người trong chúng ta

Từ ngữ "chúng ta" bao gồm cả Phao-lô và tất cả tín hữu ở Ê phê sô.

Mỗi người chúng ta nhận được ơn

Tham khảo: "Ơn ban cho từng tín đồ" hoặc là "Đức Chúa Trời ban ơn cho mỗi một chúng ta"

Khi Ngài lên nơi cao

"Khi Chúa Cứu Thế lên trên cao" – Từ ngữ "he" ngụ ý nói về Chúa Cứu Thế trong câu 11.

Ephesians 4:9

Ngài đã lên

Tham khảo: "Ngài đi lên"

Ngài cũng đã xuống

Tham khảo: "Ngài cũng đi xuống" hoặc là "Ngài cũng đã xuống"

Trong các nơi thấp dưới đất

Ý nghĩa có thể sử dụng bao gồm 1)xuống miền đất thấp, trái đất" hoặc là 2) xuống dưới thấp, trái đất"

Ngài có thể làm trọn mọi ự

Tham khảo: "Ngài có thể hoàn thành mọi việc" hoặc là "mọi sự được Ngài làm trọn"

Ephesians 4:11

Chúa Cứu Thế đã ban những ơn này

Tham khảo: "Chúa Cứu Thế ban những ơn nầy cho Hội thánh

Công việc phục vụ

Tham khảo: "phục vụ người khác"

Để xây dựng thân thể Chúa Cứu Thế

Ẩn dụ nầy so sánh sự trưởng thành thuộc linh như sự tập thể dục để làm cho thân thể con người được khỏe mạnh.

đạt được sự hiệp nhất của đức tin và sự thông biết Con Đức Chúa Trời

Sự nhận biết Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời là điều cần thiết để đạt được sự hiệp nhất của đức tin và sự trưởng thành khi tin nhận Ngài.

Đạt được sự hiệp nhất của đức tin

Tham khảo: "đồng thời trở nên mạnh mẽ trong đức tin"

Con Đức Chúa Trời

Đây là một danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu.

Trở nên trưởng thành

Tham khảo: "trở nên những tín đồ trưởng thành"

Ephesians 4:14

Như vậy chúng ta sẽ

Tham khảo: "Rồi chúng ta sẽ"

Như con trẻ

Đây là sự so sánh một tín hữu chưa trưởng thành thuộc linh với một đứa trẻ không có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống.

bị cuốn và xuôi theo cơn gió giáo lý

Ẩn dụ nầy so sánh một tín hữu chưa trưởng thành thuộc linh và nghe đạo lý sai lạc như một con thuyền bị gió cuốn trôi lênh đênh trên biển.

bởi thủ đoạn gian trá của những kẻ xảo quyệt chuyên đi lừa dối

Tham khảo: "do những người xảo quyệt, đánh lừa tín hữu bằng sự dối gạt tinh vi"

Thay vì vậy chúng ta sẽ nói

Tham khảo: "Thay vào đó chúng ta sẽ nói"

trong Đấng làm đầu…cả thân thể tăng trưởng và gây dựng

Phao-lô dung hình ảnh cơ thể con người để mô tả cách Chúa Cứu Thế làm cho các tín đồ cùng làm việc hài hòa với nhau như cái đầu điều khiển các phần khác trong cơ thể để làm cho thân thể lớn lên khỏe mạnh.

để cả thân thể tăng trưởng và xây dựng trong tình yêu thương

"để các tín đồ có thể giúp nhau cùng lớn lên trong tình yêu thương"

Ephesians 4:17

Câu liên kết:

Phao-lô nhắc các tín đồ không nên sống theo lối sống cũ, vì giờ đây họ là những người tin Chúa đã được đóng ấn bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

Vậy đây là điều tôi nói, và trong danh Chúa tôi nài xin anh em

Tham khảo: "Vì thế tôi mạnh dạn khuyến khích anh em trong Chúa"

đừng cứ sống như người ngoại theo tâm trí phù phiếm của họ

Tham khảo: "đừng sống như người ngoại cùng những ý tưởng vô ích của họ"

tư tưởng của họ trở nên tối tăm, họ xa cách sự sống của Đức Chúa Trời bởi không nhìn nhận và cứng lòng

Tham khảo: "Họ không thể kinh nghiệm được sự sống của Đức Chúa Trời bởi vì tâm trí họ mù lòa và lòng họ cứng cỏi"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tư tưởng tăm tối
Họ không còn suy nghĩ hay lý luận sáng suốt.
họ xa lạ với sự sống của Đức Chúa Trời vì sự ngu dốt trong lòng
Tham khảo: "sự ngu dốt của họ ngăn cách họ khỏi sự sống của Đức Chúa Trời" hoặcr "vì không nhận biết Đức Chúa Trời, nên họ không thể kinh nghiệm sự sống của Ngài"
Bởi sự cứng cỏi trong lòng họ
Họ không chịu nghe Đức Chúa Trời và theo sự dạy dỗ của Ngài"
Họ buông mình theo sự trác táng qua những hành động ô uế và long tham lam
Tham khảo: "Họ đã giao phó đời sống mình cho những thú vui quá độ bằng những hành động xấu xa và sự mê tham mọi thứ họ thường mong ước"
Ephesians 4:20
Nhưng đây không phải là cách anh em đã học về Chúa Cứu Thế
Tham khảo: "Nhưng anh em không học theo Chúa Cứu Thế bằng cách nầy"
Nếu anh em đã nghe về Ngài và được dạy trong Ngài, rằng đây là chân lý về Chúa Giê-xu
Tham khảo: "Bởi vì anh em đã nghe giảng về Ngài và đã học lẽ thật về Ngài.
anh em phải lột bỏ con người cũ – vốn thuộc về lối sống cũ bị hư hoại bởi những ham muốn dối trá
Tham khảo: "anh em phải bỏ đi cách cư xử thông thường theo lối sống trước kia vốn đã xấu xa hơn vì ý muốn xấu xa của anh em lừa dối mình"
Anh em phải lột bỏ con người cũ
Anh em phải loại bỏ lối sống tội lỗi trước kia giống như cởi bỏ lớp y phục . Tham khảo: "Anh em phải thay đổi cách cư xử của mình"
Lối sống của cách ăn ở trước kia
Tham khảo: "cách cư xử phù hợp với bản chất cũ của anh em" hoặc là 'cách cư xử phù hợp với con người cũ của anh em"
Bị hư hoại bởi những tham muốn lừa dối
Tham khảo: "càng trở nên xấu xa hơn do ý muốn của xác thịt dối lừa anh em"
Ephesians 4:23
Anh em có thể được biến đổi
Tham khảo: "anh em có thể được thay đổi" hoặc là "anh em có thể được biến đổi"
Để anh em có thể mặc lấy con người mới
Điều nầy cho thấy một người chưa tin Chúa trở thành một người mới khi tin Chúa bằng quyền năng của Đức Chúa Trời, như thể mặc bộ y phục mới và trông có vẻ hoàn toàn khác hẳn.
Ephesians 4:25
Bỏ sự nói dối
Tham khảo: "anh em đừng nên nói dối nữa"
Mỗi người phải nói thật với người lân cận mình
Tham khảo: "tín đồ phải nói thật với người chung quanh mình"
Chúng ta là chi thể của nhau
Tham khảo: "tất cả chúng ta là thành viên trong nhà Đức Chúa Trời"
Giận, nhưng đừng phạm tội
Tham khảo: "Anh em có thể tức giận nhưng không được phạm tội"
Đừng giận đến khi mặt trời lặn
Tham khảo: "Anh em phải dằn cơn tức giận cho đến khi trời tối"
Ephesians 4:28
Không có lời thô lỗ nào ra từ miệng anh em
Tham khảo: "Chớ thốt ra lời nói thô lỗ nào" hoặc là "đừng nói lời thô tục"
thay vì vậy, hãy nói những lời hữu ích để gây dựng người khác
Tham khảo: "thay vào đó nói lời có ích để gây dựng hay thêm sức cho anh em tín hữu khác"
Ban ân sủng cho người nghe
Tham khảo: "bằng cách nầy anh em làm ơn cho những người nghe đạo"
Đừng làm buồn Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời
Tham khảo: "đừng làm cho Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời buồn lòng do lời nói thô thiển của anh em"
Bởi Ngài mà anh em đã được đóng ấn
Tham khảo: "vì Ngài đã ấn chứng cho anh em"
Ephesians 4:31
Cơn thịnh nộ và tức giận
Từ ngữ "cơn thịnh nộ" và "tức giận" diễn tả sự tức giận cao độ. Tham khảo: "cơn giận không thể kiềm chế được"
Gây gổ...lăng mạ
Từ ngữ "gây gổ" làm sâu sắc them tính lỗ mãng của từ "lăng mạ." Tham khảo: "lời nói lỗ mãng."
Đối đãi với nhau cách nhân từ, mềm mại
Tham khảo: "Thay vào đó anh em phải đối đãi với nhau một cách nhân từ, mềm mại" hoặc là "Thay vào đó anh em phải đối xử với nhau bằng lòng nhân từ và đầy dẫy sự thương xót".

Translation Questions

Ephesians 4:1
Phao lô khuyên tín đồ nên sống như thế nào?
Phao lô khuyên tín hữu sống một cách khiêm nhường, mềm mại, và kiên nhẫn, chấp nhận lẫn nhau trong tình yêu thương.
Ephesians 4:4
Phao lô đặt tên gì trong danh sách chỉ có một trong mọi sự?
Phao lô nói rằng chỉ có một thân thể, một Thánh Linh, một hy vọng chắc chắn, một Chúa, một đức tin, một báp tem và Đức Chúa Trời là Cha.
Ephesians 4:7
Chúa Cứu Thế ban cho mỗi tín đồ điều gì sau khi Ngài thăng thiên?
Chúa Cứu Thế ban cho mỗi tín đồ ân điển theo mức độ của sự ban cho của Ngài.
Ephesians 4:11
Phao lô đặt tên năm ân tứ của Chúa Cứu Thế ban cho thân thể là gì?
Chúa Cứu Thế ban cho mỗi thân thể ơn làm sứ đồ, tiên tri, truyền giáo, mục sư và giáo sư.
Ephesians 4:14
Phao lô nói rằng các tín hữu có thể giống như trẻ con bằng cách nào?
Tín đồ có thể giống như trẻ con vì bị tung ném và lôi cuốn bằng những thủ đoạn xảo quyệt của con người và những mánh khóe gian đối của họ.
Ephesians 4:17

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Phao lô nói người ngoại có nếp sống ra sao?
Người ngoại có những ý nghĩ đen tối, xa lánh Đức Chúa Trời và buông mình trong những hành động ô uế.
Ephesians 4:28
Tín hữu nên làm gì thay vì trộm cắp?
Tín hữu phải lao động để có thể chia sẻ với người thiếu thốn.

Chapter 5
Ephesians 5:1
Câu liên kết:
Phao-lô tiếp tục nói với các tín đồ về những việc họ nên và không nên làm khi được làm con của Chúa.
Vậy anh em hãy trở nên những người bắt chước Đức Chúa Trời
Tham khảo: "Vậy anh em hãy làm những điều giống như Đức Chúa Trời đã làm”
Như con cái yêu dấu của Ngài
Ý Đức Chúa Trời muốn chúng ta bắt chước Ngài vì chúng ta là con cái Ngài.
Sống trong tình yêu thương
Tham khảo: "hãy sống đời sống đầy tình yêu thương”
một của lễ và của dâng, có mùi thơm cho Đức Chúa Trời
Tham khảo: "của tế lễ có hương thơm dâng lên Đức Chúa Trời”
Ephesians 5:3
anh em chớ nói đến sự gian dâm, bẩn thỉu hoặc tham muốn nhục dục, theo như cách xứng đáng của các thánh đồ
Tham khảo: “Đừng bộc lộ những tư tưởng về sự gian dâm, ô uế hoặc tham lam giữa vòng con dân của Đức Chúa Trời”
Bất kỳ sự ô uế nào
Tham khảo: "bất cứ sự trái đạo đức nào”
Tham muốn nhục dục
Tham khảo: "tham muốn những thứ thuộc về người khác”
Không được đề cập giữa anh em
Tham khảo: "không được đề cập giữa vòng anh em” hoặc là “không được phát hiện giữa vòng anh em”
Theo như cách xứng đáng với các tín đồ
Tham khảo: "Cách đối xử của anh em phải luôn luôn thích hợp với tư cách dân thánh của Đức Chúa Trời”
chớ nói lời khiêu dâm, phát ngôn ngu dại, hoặc bỡn cợt thoái hóa, là những điều không thích đáng, nhưng thà tạ ơn Chúa
Tham khảo: "Lời nói của anh em luôn đầy dẫy sự cảm tạ, không nói lời thô tục, dại dột hoặc đùa cợt vô ý thức”
Ephesians 5:5
Chớ để ai lấy lời trống rỗng lừa dối anh em
Tham khảo: "Đừng để bất cứ ai đánh lừa anh em bằng lập luận giả trá” hoặc là Đừng để bất cứ người nào làm anh em mê muội bằng những lời nói vô nghĩa”
vì những điều này mà cơn giận của Đức Chúa Trời giáng trên con cái bất tuân
Tham khảo: "Cơn giận của Đức Chúa Trời sẽ giáng trên những người không vâng phục Ngài khi họ làm những việc nầy”
Vậy chớ hùa theo họ
Tham khảo: "Hãy nhớ đừng tham gia với họ trong cách ăn ở xấu xa nầy” (Xin xem:}
Ephesians 5:8
Vì khi trước anh em từng ở trong sự tối tăm
Giống như tình trạng chúng ta không thể trông thấy gì trong bóng tối, nên người sống trong tội lỗi thiếu sự hiểu biết về phần thuộc linh
Nhưng bây giờ anh em là ánh sáng trong Chúa
Người ta có thể trông thấy khi có ánh sáng, nên người sống trong sự công bình có sự hiểu biết về phương diện thuộc linh.
vì bông trái của sự sáng ấy là sự tốt lành, công chính, và chân thật
Công việc đến từ đời sống của tín đồ (sự nhân từ, sự công bình và sự thật) giống như trái ngon sinh ra từ cây tốt.
Chớ tham dự vào những việc vô ích của bóng tối
Tham khảo: "không được dính líu đến việc làm không kết quả của tội lỗi hoặc của kẻ không tin”
Những việc vô ích của bóng tối
Công việc của người sống trong sự tối tăm về phần thuộc linh giống như hành động xấu xa của người làm việc gian ác kín giấu trong bóng tối ban đêm.
Nhưng thà phô bày chúng ra
Tham khảo: "nhưng thà cho họ thấy họ đã sai thì hơn”
Ephesians 5:13
Mọi việc đều được phơi bày dưới ánh sáng
Giống như ánh sáng phơi bày những việc làm kín giấu trong thế giới thuộc thể, sự sáng của Chúa Cứu Thế sẽ tiết lộ những hành vi xấu xa về phần thuộc linh của kẻ không tin Chúa trong thế giới thuộc linh.
hỡi những người đang ngủ, hãy thức dậy và ra khỏi cõi chết
Người không tin Chúa phải bừng tỉnh khỏi sự chết thuộc linh giống như một người đã chết bây giờ sống lại để có thể có phản ứng cụ thể.
Chúa Cứu Thế sẽ soi sáng anh em
Chúa Cứu Thế sẽ khiến cho người chưa tin Chúa hiểu được sự chu cấp của Ngài về sự tha thứ và đời sống mới giống như ánh sáng phơi bày những việc làm thực sự được giấu kín trong sự tối tăm.
Ephesians 5:15
vậy anh em hãy cẩn thận về cách sống, chớ sống như người dại dột nhưng như người khôn ngoan
Những kẻ dại dột không cẩn thận giữ mình khỏi tội lỗi. Tuy nhiên người khôn ngoan có thể nhận diện tội lỗi và tránh xa nó. Tham khảo: “Vậy anh em hãy cẩn thận sống như người khôn ngoan hơn là người dại dột”
Hãy tận dụng thời gian
Chúng ta có thể chọn cách sống trong tội lỗi giống như chúng ta sử dụng thì giờ một cách dại dột. Hoặc là chúng ta có thể sống làm những những điều theo ý muốn của Chúa và dùng thì giờ một cách khôn ngoan. Tham khảo: “Hãy sử dụng thời giờ một cách khôn ngoan”
Vì những ngày là xấu
Từ ngữ “những ngày” có ngĩa là khoảng thời gian chúng ta còn sống.
Ephesians 5:18
Đừng say rượu
Tham khảo: "Và anh em chớ nên say sưa vì uống rượu”
Nhưng phải đầy dẫy Đức Thánh Linh
Tham khảo: "thay vào đó nên đầy dẫy Đức Thánh Linh”
bằng ca vịnh, thánh ca và bài hát thiêng liêng
Tham khảo: "với mọi hình thức lời ca tiếng hát để ngợi

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khen Đức Chúa Trời”
Luôn cảm tạ Chúa
Tham khảo: "Luôn cảm tạ ơn Ngài”
Thuận phục nhau
Tham khảo: "Hãy vâng phục nhau một cách khiêm nhường”
Ephesians 5:22
Câu liên kết:
Phao-lô hướng dẫn những n về cách đối đãi với nhau.
Ngài là Đấng Cứu chuộc của hội thánh
Tham khảo: "Chúa Cứu Thế là Cứu Chúa của hội thánh Ngài
người vợ cũng phải thuận phục chồng mình trong mọi sự
Tham khảo: "vậy người vợ phải vâng phục người chồng trong mọi sự”
Ephesians 5:25
Hãy yêu vợ mình
"Yêu” ở đây là tình yêu thương vị tha, phục vụ hoặc cho đi
Hy sinh vì hội thánh, đặng khiến hội thánh trở nên thánh khiết vì Ngài đã làm sạch chúng ta
Từ ngữ “chính mình Ngài” và “Ngài” ám chỉ Chúa Cứu Thế trong khi từ ngữ “hội thánh” và “chúng ta” nói đến Hội thánh (hoặc là tất cả tín đồ trong Hội thánh).
Hy sinh vì hội thánh
Tham khảo: "Chúa Cứu Thế hy sinh mọi sự cho hội thánh”
Ngài thanh tẩy chúng ta bằng nước, tức là Lời Ngài
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1)Phao-lô đang nói về sự tinh sạch của hội thánh qua Lời Đức Chúa Trời và nhờ phép báp têm bằng nước trong Chúa Cứu Thế hay là 2)Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời làm chúng ta tinh sạch khỏi tội lỗi về phần thuộc linh bằng Lời Đức Chúa Trời y như cách chúng ta làm cho thân thể được sạch bằng cách dùng nước để rửa.
để trình ra trước mặt Ngài một Hội Thánh
"Chúa Cứu Thế có thể giao phó chính mình cho Hội thánh”
Không tỳ ố và vết nhăn
Phao-lô nói về hội thánh như bộ quần áo sạch sẽ và còn tốt. Ông dùng cả hai ý tưởng để nhấn mạnh về sự tinh sạch của Hội thánh.
Thánh sạch và toàn vẹn
Cụm từ “toàn vẹn” về phương diện căn bản có nghĩa là “thánh”. Phao-lô dùng cả hai từ để nhấn mạnh về sự tinh sạch của Hội thánh.
Ephesians 5:28
Như chính bản thân họ
Tham khảo: "như yêu chính thân thể của họ”
Thay vì vậy, người nuôi dưỡng
Tham khảo: "để thay thế, người đó nuôi nấng” hoặc “người đó chăm sóc”
Chúng ta là chi thể trong một thân
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1)chúng ta là chi thể trong thân thể các tín đồ của Ngài”
Ephesians 5:31
Vì vậy
Tham khảo: "Vì lý do nầy”
Phải yêu vợ như yêu chính mình
Từ ngữ “he” và himself” ám chỉ một nam tín hữu đã kết hôn.
Người vợ phải tôn trọng người chồng
Tham khảo: "người vợ phải tôn trọng người chồng” hoặc là “người vợ phải kính trọng chồng mình”

Translation Questions

Ephesians 5:1
Tín đồ nên bắt chước ai?
Tín đồ nên bắt chước Đức Chúa Trời là Cha vì chúng ta là con cái của Ngài.
Ephesians 5:3
Trong vòng các tín hữu không nên đề cập đến điều gì?
Sự gian dâm, bất khiết và tham lam theo xác thịt không được đề cập giữa vòng các tín hữu.
Ephesians 5:5
Ai không có quyền thừa kế trong vương quốc của Chúa Cứu Thế và Đức Chúa Trời?
Kẻ gian dâm, bất khiết và tham lam không có quyền thừa kế trong vương quốc Chúa Cứu Thế và Đức Chúa Trời.
Ephesians 5:13
Ánh sáng sẽ phơi bày điều gì?
Mọi sự đều được phơi bày trong ánh sáng.
Ephesians 5:18
Điều gì dẫn đến sự hủy hoại?
Say rượu sẽ dẫn đến sự hủy hoại.
Ephesians 5:22
Người vợ nên thuận phục người chồng bằng cách nào?
Người vợ phải thuận phục chồng như vâng phục Chúa.
Ephesians 5:28
Người chồng yêu thương người vợ như thế nào?
Người chồng nên yêu vợ như yêu chính mình.
Ephesians 5:31
Việc gì xảy ra khi người nam gắn bó với vợ mình?
Khi một người nam gắn bó với vợ mình họ trở nên một thịt.

Chapter 6
Ephesians 6:1
Câu liên kết:
Phao-lô đưa ra lời dạy dỗ cho con cái, cha mẹ, người làm công, và chủ.
Hỡi người làm con, hãy vâng phục cha mẹ mình trong Chúa
Phao-lô nhắc đến sự vâng lời của con cái đối với cha mẹ thuộc thể.
hầu cho con được phước và sống lâu trên đất
Đại từ “anh em” ám chỉ con cái của Y sơ ra ên mà Môi se đang đề cập. Tham khảo: “để anh em có thể được thịnh vượng và sống lâu trên thế gian”
Ephesians 6:4
và hỡi người làm cha, chớ chọc giận con cái mình
Tham khảo: "Người làm cha chớ nên làm cho con cái mình tức giận” hoặc là “Người làm cha chớ nên khiến cho con cái mình tức giận”
hãy nuôi nấng chúng theo kỷ luật và sự khuyên dạy của Chúa
Tham khảo: "hãy nuôi nấng chúng theo sự dạy dỗ và đường lối Chúa”
Ephesians 6:5
Hỡi những người làm tôi tớ, hãy vâng phục
Tham khảo: "Người làm tôi tớ phải biết vâng phục”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thành thật tôn trọng và kính sợ

Đây là hai cách tương tự biểu lộ sự tôn trọng của tôi tớ đối với người chủ.

và kính sợ thật lòng như kính sợ Chúa Cứu Thế vậy

Tham khảo: "và kính sợ chủ như vâng phục Chúa Cứu Thế vậy"

không chỉ để làm vừa lòng chủ khi họ quan sát anh em

Tham khảo: "Hãy luôn làm việc như thể làm việc cho chính Chúa Cứu Thế, ngay cả lúc chủ không có mặt"

Như đầy tớ của Chúa Cứu Thế

Hãy phục vụ chủ trên thế gian như phục vụ chính Chúa Cứu Thế.

vui vẻ phục vụ như làm cho Chúa chứ không phải làm cho người ta

Tham khảo: "Hãy làm việc vui vẻ vì anh em đang làm việc cho Chúa chứ không hẳn chỉ làm việc cho người.

Ephesians 6:9

hãy đối đãi tương tự với đầy tớ mình, đừng đe dọa họ

Tham khảo: "hãy đối đãi tôi tớ mình một cách ôn hòa giống như Chúa Cứu Thế đối đãi họ vậy".

biết rằng Chủ của họ và anh em đang ngự trên thiên đàng

Tham khảo: "bởi vì anh em đều biết Chúa Cứu Thế là Chủ của tôi tớ lẫn người chủ của họ"

Ngài chẳng thiên vị ai cả

Tham khảo: "và Ngài không thiên vị bất cứ ai"

Ephesians 6:10

Câu liên kết:

Phao-lô đưa ra lời dạy dỗ về sự mạnh mẽ trong trận chiến mà chúng ta đang sống cho Chúa.

hãy mạnh mẽ trong Chúa và sức mạnh của quyền năng Ngài

Tham khảo: "hãy nhờ cậy Chúa hoàn toàn để anh em được thêm sức về phần thuộc linh"

hãy mặc lấy khí giới của Chúa, đặng anh em có thể đứng vững chống lại các mưu kế của ma quỷ

Tín hữu Cơ đốc nên sử dụng tất cả nguồn lực Đức Chúa Trời ban cho để đứng vững hầu chống lại ma quỷ như một người lính mang theo khí giới để bảo vệ mình khỏi sự tấn công của kẻ thù.

Ephesians 6:12

Thịt và huyết

Cụm từ nầy mô tả con người, tương phản với hữu thể thuộc linh không có thân thể con người.

Vậy hãy mặc lấy khí giới của Chúa

Tín hữu Cơ Đốc nên sử dụng hết những nguồn lực bảo vệ Đức Chúa Trời ban cho trong sự chiến đấu chống lại ma quỷ giống như một người lính mang theo khí giới để tự bảo vệ khỏi sự tấn công của kẻ thù.

Ephesians 6:14

Dây đai chân lý

Lẽ thật giữ chặt mọi sự với nhau cho một tín hữu giống như dây thắt lưng giúp giữ quần áo của một người lính.

Áo giáp công chính

Sự công bình Chúa ban che phủ lòng người tín đồ giống như áo giáp bảo vệ phần ngực của người lính.

mang giày sẵn sang rao báo phúc âm của sự bình an

Giống như một người lính mang giày để cho chân được vững vàng, tín đồ phải có sự hiểu biết về tin lành bình an để có thể sẵn sàng công bố.

Luôn lấy đức tin làm khiên

Đức tin Đức Chúa Trời ban cho tín đồ sẽ được dùng để bảo vệ khi ma quỷ tấn công giống như cái thuẫn người lính cần dùng để bảo vệ khỏi sự tấn công của kẻ thù.

tên lửa của ma quỷ

Sự tấn công của ma quỷ chống lại tín hữu giống như tên lữa của kẻ thù bắn vào người lính.

Ephesians 6:17

Đội mũ sắt bằng sự cứu rỗi

Sự cứu rỗi Đức Chúa Trời ban cho dùng để bảo vệ tâm trí tín đồ giống như mão trụ bảo vệ đầu của một người lính.

gươm của Thánh Linh, là Lời của Đức Chúa Trời

Lời Đức Chúa Trời, được cảm thúc bởi Đức Thánh Linh, được dùng để chống lại và bảo vệ tín đồ khỏi ma quỷ như một người lính dùng gươm để đánh trận và bảo vệ khỏi sự tấn công của kẻ thù.

qua mọi lời cầu nguyện và luôn nài xin trong Thánh Linh

Tham khảo: "Hãy nhờ cậy Thánh Linh mỗi khi cầu nguyện và cầu xin những điều cụ thể".

luôn bền đỗ và cầu thay cho các thánh đồ

Tham khảo: "cùng với sự tỉnh thức không thôi và cũng cầu nguyện cho tất cả mọi tín đồ".

Ephesians 6:19

Câu liên kết:

Phao-lô kêu gọi các tín hữu cầu thay cho ông có sự dạn dĩ trong việc rao báo Phúc Âm đang khi ông bị tù đày và nói rằng ông sẽ phái Ti-chi-cơ đến an ủi họ. Sau đó ông xin Chúa ban sự bình an và ân sủng trên tất cả những ai yêu mến Chúa Cứu Thế.

Để Lời Ngài được ban cho tôi

Tham khảo: "để Đức Chúa Trời ban lời Ngài cho tôi" hoặc là "Đức Chúa Trời ban cho tôi sứ điệp"

tôi dạn dĩ rao giảng

Tham khảo: "khi tôi mạnh dạn bày tỏ"

tôi làm đại sứ của phúc âm trong xiềng xích

Tham khảo: "bây giờ tôi đang bị giam cầm vì tôi đại diện cho phúc âm"

hầu cho tôi có thể mạnh dạn rao giảng như tôi phải làm khi đang bị cầm tù

Tham khảo: "để tôi có thể rao giảng phúc âm một cách mạnh dạn như tôi thường làm cho dù tôi đang bị giam cầm".

Ephesians 6:21

Những việc của tôi

Tham khảo: "tình trạng của tôi" hoặc là "hoàn cảnh của tôi"

Ti-chi-cơ

Ti chi cơ là một trong số người hầu việc Chúa với Phao-lô.

Sẽ kể mọi sự cho anh em

Tham khảo: "sẽ kể cho anh em nghe mọi sự" (Xem UDB)

Translation Questions

Ephesians 6:1

Con cái tin Chúa nên đối xử với cha mẹ mình như thế nào?

Con cái tin Chúa nên vâng lời và kính trọng cha mẹ mình.

Ephesians 6:4

Người cha tin Chúa sẽ làm gì cho con cái mình?

Người cha tin Chúa sẽ nuôi nấng con cái trong kỷ luật và sự dạy dỗ của Chúa.

Ephesians 6:5

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tôi tớ tin Chúa vâng phục chủ mình bằng thái độ nào?
Tôi tớ tin Chúa nên vâng phục chủ mình bằng lòng thành thật, phục vụ vui vẻ như phục vụ Chúa.
Ephesians 6:9
Người chủ tin Chúa nên nhớ về điều gì về Chủ của mình?
Người chủ tin Chúa nên nhớ rằng Chủ của người đó và tôi tớ của họ ở trên trời và không có sự thiên vị nào dành cho người đó.
Ephesians 6:12
Người tín đồ chiến đấu chống lại ai?
Người tín đồ chiến đấu chống lại quyền lực thế tục và thần quyền trong vương quốc của sự tối tăm.
Ephesians 6:14
Tại sao tín đồ phải trang bị mọi khí giới của Đức Chúa Trời?
Người tín đồ phải trang bị tất cả khí giới của Đức Chúa Trời để chống lại những mưu đồ của ma quỷ.
Mọi khí giới của Đức Chúa Trời gồm có những gì?
Khí giới của Đức Chúa Trời bao gồm thắt lưng của lẽ thật, áo giáp của sự công bình, giày sẵn sàng công bố phúc âm, thuẫn của đức tin, mão của sự cứu rỗi và gươm của Thánh Linh.
Ephesians 6:17
Mọi khí giới của Đức Chúa Trời gồm có những gì?
Khí giới của Đức Chúa Trời bao gồm thắt lưng của lẽ thật, áo giáp của sự công bình, giày sẵn sàng công bố phúc âm, thuẫn của đức tin, mão của sự cứu rỗi và gươm của Thánh Linh.
Gươm của Thánh Linh là gì?
Gươm của Thánh Linh là Lời Đức Chúa Trời.
Ephesians 6:19
Phao lô muốn có điều gì qua lời cầu nguyện của người Ê phê sô?
Phao lô muốn có lời Chúa ban cho ông cùng với sự bạo dạn mỗi khi ông rao giảng phúc âm.

Chapter 1
Philippians 1:1
Phao-lô và Ti-mô-thê
Bạn có thể dùng cách khác để giới thiệu tác giả của bức thư, nếu có. Tham khảo cách dịch: “Thư gửi từ Phao-lô và Ti-mô-thê” hoặc “Chúng tôi là Phao-lô và Ti-mô-thê đã viết bức thư nầy”
những đầy tớ của Chúa Cứu Thế Giê-xu
“Chúng tôi là những đầy tớ của Chúa Giê-xu Giê-xu”
gửi đến toàn thể những người đã được biệt riêng ra trong Chúa Cứu Thế Giê-xu
"gửi đến toàn thể tín đồ trong Chúa Cứu Thế Giê-xu”
quý giám mục và các chấp sự
Tham khảo cách dịch: “quý lãnh đạo Hội Thánh”
Nguyện xin ân điển cho anh em
Đây là cách chúc phước cho người khác.
cho anh em
Ở đây, từ “anh em” chỉ về các tín hữu trong Hội Thánh Phi-líp.
Đức Chúa Trời, Cha chúng ta
Ở đây, rõ ràng từ “chúng ta” chỉ về toàn thể những người tin nơi Chúa Cứu Thế, bao gồm cả Phao-lô, Ti-mô-thê và các tín hữu Phi-líp.
Philippians 1:3
Tôi cảm tạ... Tôi cầu nguyện... Tôi dâng lời cảm tạ
Ở đây, từ “tôi” chỉ về Phao-lô.
anh em
Ở đây, từ “anh em” chỉ về các tín hữu Phi-líp.
Tôi dâng lời cảm tạ vì sự dự phần của anh em trong Tin Lành.
Phao-lô đang bày tỏ lòng biết ơn đối với Đức Chúa Trời khi các tín hữu Phi-líp cũng rao truyền Tin Làm. Tham khảo cách dịch: “Tôi cảm tạ Đức Chúa Trời vì anh em đã rao truyền Tin Lành”
Tôi tin chắc
“Tôi chắc chắn”
Đấng đã bắt đầu
“Đức Chúa Trời Đấng đã bắt đầu”
sẽ làm trọn việc ấy
“sẽ tiếp tục để làm trọn việc ấy”
Philippians 1:7
Cũng đúng cho tôi
“Cũng thích hợp lắm cho tôi” hoặc “Cũng tốt cho tôi”
Anh em ở trong lòng tôi
Tham khảo cách dịch: “Tôi hết mực yêu thương anh em”
là những người bạn đồng hành với tôi trong ân điển
Tham khảo cách dịch: “là những người dự phần trong ân điển với tôi” hoặc “đã cùng tôi chia sẻ ân điển”
Đức Chúa Trời làm chứng cho tôi
Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời biết rõ” hoặc “Đức Chúa Trời hiểu rõ”
tận sâu trong tình yêu thương của Chúa Cứu Thế Giê-xu
Cụm từ “tận sâu trong tình yêu thương” chỉ về nơi bên trong chúng ta, nơi xuất phát của những tình cảm cảm xúc. Tham khảo cách dịch: “với tất cả tình yêu thương mà Chúa Cứu Thế Giê-xu đã ban cho tôi”
Philippians 1:9
Câu chuyển:
Phao-lô cầu nguyện cho các tín hữu tại Phi-líp và nói về niềm vui tại đó là chịu khổ vì Chúa.
được đầy dẫy
"được đầy tràn”
trong sự hiểu biết và thông hiểu trọn vẹn
Tham khảo cách dịch: “như anh em học và hiểu biết ngày càng rõ ràng hơn về những điều đẹp lòng Đức Chúa Trời”
Tôi làm điều nầy
“Tôi cầu nguyện như vầy”
những điều tốt đẹp nhất
Tham khảo cách dịch: “những điều làm vui lòng Đức Chúa Trời nhất”
chân thật và không chỗ chê trách được
Hai từ “chân thật” và “không chỗ chê trách được” về cơ bản thì có cùng một ý. Phao-lô kết hợp cả hai để nhấn mạnh sự trong sạch về mặt đạo đức. Tham khảo cách dịch: “hoàn toàn không chỗ trách được”
trong ngày của Chúa Cứu Thế
“trong ngày của Chúa” hoặc “trong ngày phán xét”
anh em sẽ được đầy dẫy
Tham khảo cách dịch: “Chúa Giê-xu Cơ Đốc sẽ khiến anh em ngày càng vâng phục Đức Chúa Trời hơn”
được đầy dẫy bông trái công chính
Câu này so sánh trái chín trên cây với một tín hữu ngày

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

càng vâng phục Đức Chúa Trời hơn.

để tôn vinh và ca ngợi Đức Chúa Trời

Có thể dịch thành câu riêng biệt: Tham khảo cách dịch: “Vậy thì người ta sẽ ca ngợi và tôn vinh Đức Chúa Trời vì những việc tốt lành mà họ nhìn thấy anh em làm”

Philippians 1:12

Bây giờ tôi muốn

Ở đây, từ “bây giờ” được dùng để đánh dấu một phần mới của bức thư.

anh em

Ở đây, từ này chỉ những anh em tín hữu, gồm cả nam và nữ, bởi vì tất cả đều là thành viên của một gia đình thuộc linh, và Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng của họ.

những điều đã xảy đến cho tôi

Phao-lô đang nói về khoảng thời gian ở trong tù của mình. Tham khảo cách dịch: “những điều tôi đã trả qua khi bị bắt vào tù vì cớ rao giảng về Chúa Giê-xu” (

thúc đẩy sự phát triển của Tin Lành

Tham khảo cách dịch: “khiến nhiều người tin nơi Chúa Cứu Thế hơn”

những người khác đều biết... xiềng xích mà tôi chịu vì cớ Chúa Cứu Thế

Tham khảo cách dịch: “những lính canh trong cung và những người khác tại Rô-ma đều biết rằng tôi ở đây vì cớ tôi đã đi nói với người khác về Chúa Cứu Thế”

những lính canh trong cung

Đây là toán lính bảo vệ hoàng đế La-mã.

Và cũng để phần đông anh em ... rao giảng lời Chúa

Tham khảo cách dịch: “cũng bởi vì tôi chịu giam hãm mà phần đông anh em trong Chúa rao giảng lời Ngài”

mạnh dạn hơn và không chút sợ hãi

Phao-lô dùng cả ý ích cực lẫn tiêu cực để nhấn mạnh lòng dũng cảm mạnh mẽ của các tín hữu khi đi rao giảng trong những hoàn cảnh nguy hiểm. Tham khảo cách dịch: “với sự mạnh dạn và can đảm lớn”

Philippians 1:15

Quả thật, thậm chí có vài người rao giảng Chúa Cứu Thế

Tham khảo cách dịch: “Một vài người rao giảng Tin Lành về Chúa Cứu Thế”

vì ganh tị và tranh cạnh

Tham khảo cách dịch: “bởi vì họ không muốn người khác lắng nghe tôi và họ muốn gây rắc rối”

và cũng có những người khác vì ý tốt

Tham khảo cách dịch: “nhưng những người khác rao giảng vì họ tử tế và muốn giúp đỡ”

Những người nầy

“Những người”

Tôi đã được chỉ định

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã chọn tôi”

để bênh vực Tin Lành

Tham khảo cách dịch: “để dạy mọi người biết rằng sứ điệp của Chúa Giê-xu là thật”

Còn những người kia rao giảng Chúa Cứu Thế

“Còn những người kia dạy về Chúa Cứu Thế”

vì lòng ích kỷ và những động cơ giả dối. Họ tưởng rằng mình đang gây đau khổ thêm cho sự tù đày của tôi

Tham khảo cách dịch: “không phải vì họ yêu mến Chúa Giê-xu, nhưng vì họ tưởng rằng họ đang tạo thêm nhiều rắc rối khi tôi còn đang ở trong tù”

Philippians 1:18

Vậy thì sao

Phao-lô đang khẳng định rằng việc tại sao một vài trong số họ lại đi giảng dạy về Chúa Giê-xu chẳng quan trọng. Tham khảo cách dịch: “Tôi không quan tâm”

Cách nào cũng được, dù là giả vờ hay thành thật thì Chúa Cứu Thế vẫn được rao giảng

Tham khảo cách dịch: “Miễn là người ta rao giảng về Chúa Cứu Thế, còn người ta làm vì lí do tốt hay xấu cũng chẳng quan trọng”

Tôi vui mừng về điều đó

Tham khảo cách dịch: “Tôi vui mừng vì người ta đang rao giảng về Chúa Giê-xu”

Tôi sẽ vui mừng

"Tôi sẽ ca tụng” hoặc “Tôi sẽ vui lòng”

điều này sẽ đem lại sự giải thoát cho tôi

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ giải thoát tôi khỏi cảnh ngục tù”

nhờ sự cầu nguyện của anh em và sự tiếp trợ từ Thánh Linh của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc

Tham khảo cách dịch: “bởi vì anh em cầu nguyện cho tôi và Thánh Linh của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc giúp đỡ tôi”

Thánh Linh của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc

Tham khảo cách dịch: “Đức Thánh Linh”

Philippians 1:20

Lòng trông cậy vững vàng và niềm tin chắc của tôi

Ở đây, những từ “lòng trông cậy vững vàng” và “niềm tin chắc” cơ bản có ý giống nhau. Phao-lô kết hợp dùng cả hai từ để nhấn mạnh ông chắc chắn về điều mình trông mong như thế nào. Tham khảo cách dịch: “Tôi hoàn toàn tin chắc”

Nhưng với tất cả lòng can đảm, như thường ngày và đặc biệt là ngay bây giờ

Tham khảo cách dịch: “Nhưng bây giờ tôi sẽ đủ can đảm như mọi khi”

Tôi sẽ tôn vinh Chúa Cứu Thế qua thân thể mình

Ở đây, Phao-lô sử dụng “thân thể” để đại diện cho cuộc đời hoặc cách sống của ông. Tham khảo cách dịch: “đặng tôi sẽ tôn vinh Chúa Cứu Thế qua mọi việc tôi làm”

dù sống hay chết

Tham khảo cách dịch: “dù là khi tôi còn sống hoặc chết”

Vì đối với tôi, sống là Chúa Cứu Thế, còn chết là ích lợi

Tham khảo cách dịch: “Bởi vì nếu tôi tiếp tục sống, tôi sẽ sống cho Chúa Cứu Thế, và nếu tôi chết thì thậm chí điều đó còn tốt hơn nữa”

Philippians 1:22

Nhưng nếu tôi còn sống trong xác thịt đem lại bông trái cho công việc của tôi

Từ “bông trái” ở đây chỉ về những kết quả tốt trong công việc của Phao-lô. Tham khảo cách dịch: “những nếu việc sống trong thân thể này lại đem đến cho tôi nhiều cơ hội để khích lệ mọi người tin nơi Chúa Cứu Thế hơn”

Vì tôi bị giằng có giữa hai lựa chọn

Tham khảo cách dịch: “Tôi đang bị căng thẳng giữa việc nên chọn sống hoặc chết”

Tôi muốn ra đi và ở với Chúa Cứu Thế

Tham khảo cách dịch: “Tôi muốn được chết vì như thế tôi sẽ được đi ở với Chúa Cứu Thế”

Nhưng tôi còn ở trong xác thịt nầy thì cần thiết hơn cho anh em

Tham khảo cách dịch: “Nhưng sống trong thân xác nầy thì giúp ích được cho anh em nhiều hơn”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Philippians 1:25

Vì tôi tin chắc điều nầy

“vì tôi chắc chắn về điều nầy”

Tôi biết rằng tôi sẽ còn ở lại

"Tôi biết rằng tôi sẽ tiếp tục sống” hoặc “Tôi biết rằng tôi sẽ cứ sống”

và rằng tôi còn tiếp tục ở với tất cả anh em

“và rằng tôi sẽ còn tiếp tục phục vụ hết thảy anh em”

Như thế anh em sẽ hãnh diện về tôi trong Chúa Cứu Thế Giê-xu khi tôi còn trở lại với anh em

Tham khảo cách dịch: “Như vậy, khi tôi trở lại thăm anh em, anh em sẽ tự hào về tôi vì những việc tôi đã làm cho Chúa Cứu Thế Giê-xu”

Duy anh em phải ăn ở cách xứng đáng

“Duy anh em phải sống cách xứng đáng”

đứng vững. đồng tâm, đồng lòng đấu tranh

Hai cụm từ này cùng một ý và nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hiệp một. Từ “tâm” và “lòng” nói về tâm trí và tình cảm. Tham khảo cách dịch: “tất cả quyết định cũng một mục đích và làm cùng nhau làm việc với chung ước muốn”

vì đức tin của Tin Lành

Tham khảo cách dịch: “để rao truyền đức tin dựa trên Tin Lành” hoặc “để tin và sống như Tin Lành dạy chúng ta” (Tham khảo bản dịch UDB)

Philippians 1:28

Và đừng sợ bất cứ việc gì

Đây là mạng lệnh dành cho các tín hữu Phi-líp.

từ những người chống đối anh em

“từ những người phản đối việc anh em làm”

đó là bằng chứng cho thấy họ sẽ bị hủy diệt, còn anh em thì được cứu rỗi, sự cứu rỗi đến từ Đức Chúa Trời

Tham khảo cách dịch: “bởi vì lòng dũng cảm của anh em sẽ cho họ thấy rằng Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt họ, nhưng Ngài sẽ cứu anh em”

Vì anh em phải chịu sự cùng một chống đối mà anh em đã nhìn thấy nơi tôi, và hiện nay anh em nghe rằng hiện nay tôi vẫn đang gặp phải

Tham khảo cách dịch: “Đó là lí do tại sao anh em đang trải qua cùng một cuộc chiến mà anh em đã thấy tôi từng trải qua và anh em nghe rằng tới bây giờ tôi vẫn còn chiết đấu”

Translation Questions

Philippians 1:1

Bức thư của Phao-lô gửi cho những người nào?

Phao-lô gửi thư này cho tất cả những người đã được biệt riêng ra cho Chúa Cứu Thế Giê-xu tại Phi-líp, bao gồm cả những giám mục và các chấp sự.

Philippians 1:7

Các tín hữu Phi-líp trở thành bạn cùng làm việc với Phao-lô trong hoàn cảnh nào?

Trong lúc Phao-lô chịu cảnh tù đày, lúc ông bênh vực và chứng thực về Tin Lành thì các tín hữu Phi-líp đã trở nên bạn cùng làm việc với ông.

Philippians 1:9

Phao-lô cầu nguyện điều gì sẽ ngày một gia tăng trong vòng các tín hữu Phi-líp?

Phao-lô cầu nguyện cho tình yêu thương sẽ ngày một gia tăng trong vòng các tín hữu Phi-líp.

Philippians 1:12

Việc Phao-lô chịu ngục tù đã giúp ích cho sự phát triển của Tin Lành ra sao?

Việc Phao-lô chịu cảnh ngục tù vì cớ Chúa Cứu Thế đã được nhiều người biết đến cách rộng rãi, và đa số các anh em đã dạn dĩ hơn khi rao giảng.

Philippians 1:18

Phao-lô phản ứng ra sao trước những lời chứng thành thật và giả dối về Chúa Cứu Thế?

Ông vui mừng về điều đó, vì bằng cách nào đi chăng nữa thì Chúa Cứu Thế cũng được rao truyền.

Philippians 1:20

Phao-lô mong muốn làm gì trong lúc ông sống hoặc lúc ông chết?

Phao-lô mong muốn làm vinh hiển Đức Chúa Trời kể cả khi sống hoặc chết.

Philippians 1:22

Những lựa chọn nào đang giằng co trong Phao-lô?

Phao-lô bị giằng có bởi những lựa chọn hoặc được ở với Chúa Cứu Thế trong sự chết của mình, hoặc vẫn cứ ở trong thân xác hiện tại để tiếp tục công khó của mình.

Philippians 1:25

Phao-lô tin chắc rằng ông sẽ ở lại với các tín hữu Phi-líp vì mục đích gì?

Phao-lô tin chắc rằng ông sẽ ở lại với các tín hữu Phi-líp Linh vì sự tăng trưởng và niềm vui mừng của họ trong đức tin.

Philippians 1:28

Khi các tín hữu Phi-líp không sợ những kẻ chống đối mình, ấy là bằng chứng cho điều gì?

Khi các tín hữu Phi-líp không sợ hãi, đó là bằng chứng cho thấy những người chống đối họ sẽ bị hủy diệt, còn họ sẽ được cứu rỗi.

Chapter 2

Philippians 2:1

Câu chuyển:

Phao-lô khuyên các tín hữu phải đoàn kết và khiêm nhường, và nhắc họ nhớ về gương của Chúa Cứu Thế.

Vậy nếu có điều nào... nếu có điều nào... nếu có điều nào....nếu có điều nào

Phao-lô dùng cấu trúc “nếu” để nhấn mạnh rằng chắc chắc tất cả những điều này có tồn tại. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì có”

sự thông công nơi Đức Thánh Linh

“sự thông công với Đức Thánh Linh”

Philippians 2:3

Đừng làm điều gì vì lòng ích kỷ hoặc vì hư vinh

Tham khảo cách dịch: “Đừng làm điều gì chỉ khiến anh em cảm thấy vui vẻ hoặc khiến anh em thấy mình quan trọng hơn người khác”

Đừng chỉ tìm kiếm lợi ích cho riêng mình

Tham khảo cách dịch: “đừng chỉ quan tâm đến những nhu cầu của anh em không thôi”

Philippians 2:5

Anh em phải có tinh thần này, là điều cũng có trong Chúa Cứu Thế Giê-xu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây, từ “tinh thần” chỉ về thái độ của một người hoặc cách suy nghĩ của họ. Tham khảo cách dịch: “Hãy có đồng một tâm trí như Chúa Cứu Thế Giê-xu” hoặc “Hãy suy nghĩ như cách Chúa Cứu Thế Giê-xu đã làm”

Philippians 2:9

Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên rất cao

“Đức Chúa Trời đã tôn Chúa Giê-xu lên rất cao”

danh trên hết mọi danh

Ở đây, từ “danh” chỉ về địa vị hoặc sự tôn trọng. Tham khảo cách dịch: “địa vị cao hơn hết” hoặc “sự tôn trọng hơn hết”

mọi đầu gối

Ở đây, từ “đầu gối” dùng để chỉ một người. Tham khảo cách dịch: “Mọi người” hoặc “mọi vật”

bên dưới đất

Chỉ về nơi người ta đi đến sau khi qua đời, còn được gọi là “âm phủ”, và đây cũng là nơi trú ngụ của ma quỷ, hay còn gọi là “vực sâu”.

mọi lưỡi

Ở đây, từ “lưỡi” chỉ về một người. Tham khảo cách dịch: “mọi người”

Philippians 2:12

Câu chuyển:

Phao-lô khuyến khích các tín hữu tại Phi-líp cách sống nếp sống Cơ Đốc trước những người khác và nhắc họ nhớ về tấm gương của ông.

anh em yêu dấu

Tham khảo cách dịch: “những người anh em dấu của tôi”

khi tôi có mặt

Tham khảo cách dịch: “khi tôi ở với anh em”

khi tôi vắng mặt

Tham khảo cách dịch: “khi tôi không ở đó với anh em”

hoàn tất sự cứu chuộc mình

Tham khảo cách dịch: “cứ tiếp tục vâng phục Đức Chúa Trời”

sợ sệt và run rẩy

Hai từ “sợ sệt” và “run rẩy” về cơ bản là giống nhau. Phao-lô dùng chúng để nhấn mạnh lòng kính sợ trước mặt Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “vô cùng kính sợ”

vừa muốn vừa làm

Đức Chúa Trời vừa thúc đẩy vừa cho phép chúng ta làm công việc Ngài.

Philippians 2:14

không chỗ trách được và thành thực

Phao-lô vừa dùng cách nói phủ định lẫn khẳng định để bày tỏ cùng một ý. Tham khảo cách dịch: “hoàn toàn vô tội”

không tì vết

Tham khảo cách dịch: “không lỗi lầm” hoặc “trọn vẹn”

chiếu rạng như ánh sáng

Cụm từ này so sánh người tin Chúa có nếp sống kính sợ Đức Chúa Trời giữa những người không kính sợ Ngài như ánh sáng chiếu ra trong đêm tối. Tham khảo cách dịch: “sống tôn kính Đức Chúa Trời”

trong thế gian

Ở đây, từ “thế gian” chỉ về tất cả những giá trị và cách ứng xử không tôn trọng Đức Chúa Trời

lươn lẹo và sa đọa

Hai từ này về cơ bản chỉ về cùng một ý. Phao-lô dùng chúng để nhấn mạnh sự gian ác của dòng dõi nầy. Tham khảo cách dịch: “gian ác mọi bề”

để hãnh diện

“để vui mừng” hoặc “để hân hoan”

trong ngày của Chúa Cứu Thế

Điều này chỉ về lúc Chúa Giê-xu trở lại để thiết lập vương quốc của Ngài trên đất. Tham khảo cách dịch: “khi Chúa Cứu Thế trở lại’

Tôi đã không chạy vô ích và khó nhọc vô ích

Cụm từ “chạy vô ích” và “khó nhọc vô ích” ở đây chỉ về cùng một điều. Phao-lô sử dụng chúng chung với nhau để nhấn mạnh ông đã làm việc cật lực ra sao để giúp đỡ người khác tin nơi Chúa Cứu Thế. Tham khảo cách dịch: “Tôi không làm việc cực nhọc vô ích”

Philippians 2:17

Nhưng cho dù nếu mạng sống tôi phải đổ ra như của lễ dâng rưới trên con sinh tế và sự phục vụ của đức tin anh em, tôi cũng vui lòng chia sẻ niềm vui với tất cả anh chị em

Phao-lô so sánh sự chết của ông với những lễ nghi thời Cựu Ước, trong đó người ta đổ rượu hoặc dầu ô-liu lên trên hoặc bên cạnh những con sinh tế mà những người thờ phượng dâng lên cho Đức Chúa Trời. Ý của Phao-lô ở đây là ông vui lòng chịu chết vì các tín hữu Phi-líp, nếu điều đó khiến họ được đẹp lòng Đức Chúa Trời hơn. Tham khảo cách dịch: “Nhưng, thậm chí nếu người Rô-ma quyết định giết tôi, tôi cũng sẽ vui lòng nếu sự chết của tôi khiến đức tin và sự vâng lời của anh em càng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời"

và giống như như vậy

Tham khảo cách dịch: “cũng vậy”

anh em cũng hãy vui mừng chung vui với tôi

Cụm từ "vui mừng chung vui” dùng để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: “Tôi muốn anh em hãy vui mừng hết sức cùng tôi”

Philippians 2:19

Câu chuyển:

Phao-lô kể cho họ biết kế hoạch sớm sai Ti-mô-tê đến và rằng họ phải đối xử đặc biệt với Ép-ba-phô-đích.

Nhưn tôi mong chờ trong Cứu Chúa Giê-xu

Tham khảo cách dịch: “Nhưng, nếu Cứu Chúa Giê-xu muốn, tôi hi vọng”

Vì tất cả bọn họ

Ở đây, từ “bọn họ”chỉ đến nhóm người mà Phao-lô không cảm thấy tin tưởng mà sai họ đến Phi-líp. Phao-lô cũng bày tỏ thái độ không hài lòng của ông với nhóm người này, những người đáng lẽ ra phải sẵn lòng đi, nhưng Phao-lô lại không tin tưởng bọn họ sẽ làm trọn sứ mạng của mình.

Philippians 2:22

Ti-mô-thê đã chứng tỏ chính mình

Tham khảo cách dịch: “Ti-mô-thê cho thấy người quan tâm đến những việc của Chúa Cứu Thế”

như con phục vụ cha mình, cùng tôi phục vụ

Phao-lô so sánh sự phục vụ của Ti-mô-thê cùng mình như một người con phục vụ cha mình vậy. Phao-lô đang nhấn mạnh mối liên hệ cha con gắn bó giữa ông và Ti-mô-thê khi phục vụ Chúa Cứu Thế.

trong việc rao truyền phúc âm

Tham khảo cách dịch: “trong việc nói cho người ta biết về phúc âm”

Tôi tin chắc trong Chúa rằng chính tôi sẽ sớm đến

Tham khảo cách dịch: “Tôi chắc chắn, nếu đó là ý muốn của Chúa, thì tôi sẽ sớm đến”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Philippians 2:25
Ép-ba-phô-đích
Đây là tên của người đàn ông mà hội thánh Phi-líp đã gửi đến để giúp đỡ Phao-lô trong tù.
người đồng làm việc và người chiến hữu
Ở đây, từ “chiến hữu” so sánh một người đi đánh trận thực thụ với một người tín hữu đang đánh trận thuộc linh. Phao-lô nhấn mạnh cuộc tranh đấu của người tin Chúa với ma quỷ để truyền bá phúc âm. Tham khảo cách dịch: “một người tín hữu anh em cùng làm việc và chiến đấy với chúng ta”
và sứ giả cuả em gửi đến để lo cho các nhu cầu của tôi
Tham khảo cách dịch: “người đem lời nhắn của anh em gửi đến tôi và giúp đỡ tôi khi tôi có nhu cầu”
Anh rất lo lắngvà muốn được gặp tất cả anh chị em
Tham khảo cách dịch: “người đã rất lo lắng và muốn được gặp tất cả anh chị em”
đau buồn chồng chất
Tham khảo cách dịch: “lại thêm đau buồn vào nỗi đau buồn của tôi vì phải ở trong tù” "
Philippians 2:28
chào đón Ép-ba-phô-đích
"Tiếp đón Ép-ba-phô-đích"
trong Chúa với tất cả niềm vui mừng
Tham khảo cách dịch: “như một người anh em trong Chúa với tất cả vui mừng” hoặc “với niềm vui mừng lớn vì Chúa Giê-xu yêu thương chúng ta” (UDB)
làm công việc của Chúa Cứu Thế
Tham khảo cách dịch: “làm cho Chúa Cứu Thế” (UDB)
chu cấp những nhu cầu của tôi
Tham khảo cách dịch: “cung cấp những điều tôi cần”

Translation Questions

Philippians 2:3
Phao-lô khuyên các tín hữu Phi-líp phải xem người khác ra sao?
Các tín hữu Phi-líp phải xem người khác tôn trọng hơn mình. .
Philippians 2:5
Phao-lô nói rằng chúng ta cần phải có tâm trí của ai?
Phao-lô nói rằng chúng ta phải có đồng một tâm trí như Chúa Cứu Thế Giê-xu
Philippians 2:9
Sau đó, Đức Chúa Trời đã làm gì cho Chúa Giê-xu?
Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên rất cao và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh.
Philippians 2:12
Các tín hữu Phi-líp được kêu gọi hoàn tất sự cứu rỗi của chính mình như thế nào?
Các tín hữu Phi-líp phải hoàn tất sự cứu rỗi của mình với lòng sợ sệt và run rẩy.
Philippians 2:14
Phải làm mọi việc mà không được có thái độ như thế nào?
Phải làm mọi việc mà không cằn nhằn hay tranh cãi.
Philippians 2:17
Phao-lô đổ sự sống mình ra vì mục đích gì?
Phao-lô đổ sự sống mình ra làm của lễ và phục vụ cho đức tin của các tín hữu Phi-líp.
Phao-lô có thái độ như thế nào mà ông cũng muốn kêu gọi người Phi-líp phải có thái độ như vậy?
Ông vui mừng khôn xiết.

Chapter 3
Philippians 3:1
Câu chuyển:
Để cảnh giác những người anh em tín hữu về người Do Thái cố gắng khiến họ phải theo luật pháp cũ, Phao-lô gửi đến họ lời làm chứng của chính mình ông về sự bắt bớ mà ông chịu từ các tín hữu.
Cuối cùng, hỡi anh em của tôi
“Bây giờ, hỡi anh em, chúng ta sẽ tiếp tục” hoặc “Hỡi anh em, về những vấn đề khác”
hãy vui mừng trong Chúa
“Hãy vui mừng vì mọi điều mà Chúa đã làm”
Đối với tôi, nhắc lại những điều này cho anh em chẳng sao cả
“Tôi vui lòng nhắc lại những lời dạy nầy cho anh em”
và chúng sẽ giữ anh em được an toàn
Đại từ “chúng” ở đây chỉ về những lời giảng dạy của Phao-lô. Cách chúng giữ cho các tín hữu được an toàn có thể dịch thẳng thành: “Bởi vì những điều này sẽ bảo vệ anh em khỏi những kẻ dạy điều sai trái"
Hãy coi chừng
"Phải cẩn thận” hoặc “Phải chú ý”
bọn chó… kẻ làm công gian ác… kẻ cắt da thịt
Đây là những cách mô tả khác nhau về một nhóm người là giáo sư giả.
chó
Từ “chó” được người Do Thái dùng để chỉ những người không phải là người Do Thái. Họ bị cho là ô uế. Phao-lô so sánh những giáo sư giả với bọn chó như một lời nhục mạ. Nếu trong văn hóa của bạn có loài vật nào khác bị coi là ô uế hoặc dùng như một sỉ nhục thì bạn có thể dùng loài vật đó ở đây.
kẻ cắt da thịt
“cắt da thịt” nghĩa là giết mổ hoặc cắt xẻo một cách thô bạo. Phao-lô đang nói quá về hành động làm phép cắt bì để lăng nhục những giáo sư giả. Những giáo sư giả cho rằng Đức Chúa Trời chỉ cứu những người làm phép cắt bì, những người cắt bao quy đầu.
vì chúng ta là
Phao-lô dùng từ “chúng ta” để chỉ chính mình và những tín hữu thật trong Chúa Cứu Thế, bao gồm cả những tín hữu Phi-líp.
phép cắt bì thật
Phao-lô dùng cụm từ này để chỉ những tín hữu trong Chúa Cứu Thế là những người không chịu phép cắt bì về phần xác nhưng chịu phép cắt bì thuộc linh, có nghĩa là họ đã bởi đức tin mà nhận Đức Thánh Linh. Tham khảo cách dịch: “người thực sự thuộc về Đức Chúa Trời”
không nhờ cậy nơi xác thịt
Tham khảo cách dịch: “không tin rằng việc cắt da thịt sẽ làm vui lòng Đức Chúa Trời”
Philippians 3:4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngay cả như vậy

“Nhưng” hoặc “Tuy nhiên”

Chính tôi có lí do để tin cậy nơi xác thịt. Nếu ai nghĩ rằng mình có thể tin cậy nơi xác thịt thì tôi lại càng có lí do hơn.

Đây là tính huống giả định mà Phao-lô không cho rằng có thể xảy ra. Phao-lô nói rằng nếu quả thực rằng Đức Chúa Trời cứu con người dựa vào những việc họ làm thì chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ phải cứu ông. Có thể dịch thành: “Nếu ai có thể làm những chuyện đủ để làm hài lòng Đức Chúa Trời, thì người đó sẽ là tôi”

Chính tôi

Phao-lô dùng đại từ phản thân chính mình “tôi” để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn tôi”

Tôi được cắt bì

Có thể dịch sang thể chủ động: “Thầy tế lễ đã làm phép cắt bì cho tôi”

ngày thứ tám

“bảy ngày sau khi tôi ra đời” (Tham khảo bản dịch UDB)

người Hê-bơ-rơ, con của người Hê-bơ-rơ

“người nam Hê-bơ-rơ, cha mẹ cũng là người Hê-bơ-rơ”

về luật pháp, tôi là người Pha-ri-si

“với tư cách là một người Pha-ri-si, tôi dành cả đời mình cho luật pháp”

Philippians 3:6

Tôi sốt sắng bắt bớ các Hội Thánh

“Tôi kiên quyết làm hại các tín hữu Cơ Đốc”

về sự công chính của luật pháp thì tôi không chỗ trách được

“tuân giữ luật pháp trọn vẹn”

Tôi xem những điều đó như không ra gì

Phao-lô kết luận rằng, tất cả những việc làm công bình về tôn giáo của ông trước mặt Chúa Cứu Thế thật chẳng có giá trị gì.

Philippians 3:8

Thực tế là

"thực ra” hoặc “thật vậy”

Bây giờ tôi coi

Từ “bây giờ” đánh dấu sự thay đổi của Phao-lô từ khi ông từ bỏ việc làm một người Pha-ri-si đặng trở nên người tin theo Chúa Cứu Thế. Có thể nói thẳng là: “hiện nay, tôi đã tin nơi Chúa Cứu Thế”

Tôi mọi hết thảy như là sự lỗ

Phao-lô khẳng định rằng tin một điều gì khác ngoài Chúa Cứu Thế thì thật vô ích. Có thể dịch thành: “Tôi coi mọi sự như vô dụng”

Bởi vì sự nhận biết Chúa Cứu Thế Giê-xu, Chúa tôi

“bởi vì nhận biết Chúa Cứu Thế Giê-xu, Chúa tôi đáng giá hơn nhiều”

Vì Ngài tôi vứt bỏ mọi sự

Có thể dịch thành: “Vì Ngài, tôi sẵn lòng từ bỏ mọi sự khác”

Tôi xem chúng như rác rưởi

Phao-lô so sánh những điều mà người ta tin như rác rưởi bị vứt đi. Ông nhấn mạnh sự vô dụng, vô giá trị của chúng. Có thể dịch thành: “Tôi coi chúng như rác” hoặc “Tôi coi chúng như chẳng có giá trị gì”

để tôi được Chúa Cứu Thế

“để tôi được mình Chúa Cứu Thế”

Và giờ tôi được ở trong Ngài

Cụm từ “được ở trong Ngài” cho thấy mối liên hệ gần gũi hoặc sự hòa hợp với Ngài. Có thể dịch sang thể chủ động: “và giờ tôi có được mối liên hệ với Chúa Cứu Thế” hoặc “và giờ tôi được hòa hợp với Chúa Cứu Thế”

Tôi không được xưng công bình nhờ luật pháp

“Tôi không cố gắng làm vui lòng Đức Chúa Trời dựa trên việc tuân giữ luật pháp”

Thay vào đó, tôi được

"Hơn thế, tôi được” hoặc “Hoàn toàn ngược lại, tôi được”

Tôi có được xưng công bình bởi Đức Chúa Trời nhờ đức tin nơi Chúa Cứu Thế

“Đức Chúa Trời đã nhận tôi bởi vì tôi đặt niềm tin mình nơi Chúa Cứu Thế”

quyền năng của sự sống lại của Ngài

“và nhận biết Ngài có quyền ban sự sống cho chúng ta”

dự phần trong những sự đau khổ của Ngài

“và dự phần trong những đau đớn của Ngài”

và tôi được Chúa Cứu Thế biến đổi để trở nên giống như Ngài trong sự chết Ngài

Từ “biến đổi” có nghĩa là thay đổi một điều gì đó thành một điều khác. Cách Chúa Giê-xu chết đem đến sự sống đời đời. Chính vì vậy, Phao-lô muốn sự chết của ông cũng sẽ giống như sự chết của Ngài đặng ông có thể cũng nhận được sự sống đời đời. Có thể dịch thành cụm chủ động: “và Chúa Cứu Thế đã biến đổi tôi trở nên giống như trong sự chết của Ngài”

để vì lí do nào đó tôi có thể kinh nghiệm được sự sống lại từ cõi chết

Từ “vì lí do nào đó” nghĩa là Phao-lô không biết chuyện gì sẽ xảy đến cho ông trong đời này, nhưng cho dù có chuyện gì xảy ra, bằng một cách nào đó chuyện đó sẽ được kết quả trong sự sống đời đời. Tham khảo cách dịch: “vậy nên, không cần biết chuyện gì sẽ xảy ra cho tôi bây giờ, tôi sẽ được sống trở lại sau khi tôi chết”

Philippians 3:12

Câu chuyển:

Phao-lô khuyên giục họ theo gương mẫu của ông hiện tại bởi vì trời và thân thể mới đang chờ đợi dành cho các tín hữu.

nhận những điều nầy

Những điều nầy bao gồm: sự nhận biết Chúa Cứu Thế, nhận biết năng quyền trong sự sống lại của Ngài, sự phần trong sự thương khó của Ngài và được hòa thuận với Chúa Cứu Thế trong sự chết và sự sống lại của Ngài.

vậy nên tôi vẫn chưa trở nên trọn vẹn

“vì vậy tôi vẫn chưa trọng vẹn” hoặc “vậy tôi vẫn chưa trưởng thành”

Nhưng tôi cứ tiếp tục cố gắng

"nhưng tôi sẽ cứ cố gắng” (Tham khảo bản dịch UDB)

Tôi có thể đoạt được

"Tôi nhận được những điều nầy”

vì chính điều đó mà tôi đã được Chúa Cứu Thế đoạt lấy rồi

Tham khảo cách dịch: “bởi vì đó là lí do tại sao Chúa Giê-xu tuyên bố tôi thuộc về Ngài”

Anh em

Phao-lô đang nói đến các tín hữu Phi-líp. Tham khảo cách dịch: “các anh em tín hữu”

Tôi đã đoạt được điều đó rồi

“tất cả những điều này đã thuộc về tôi rồi”

Tôi quên lửng sự ở đằng sau và bươn theo sự ở đằng trước

Giống như một tuyển thủ trong cuộc đua không còn quan tâm đến những đoạn đua mà mình đã hoàn thành nữa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhưng chỉ tập trung vào những đoạn đua sắp tới, Phao-lô nói về việc ông dẹp bỏ tất cả những việc làm tôn giáo của mình qua một bên và chỉ tập trung vào cuộc đua sự sống mà Chúa Cứu Thế đã đặt ra trước mặt ông để hoàn thành. Tham khảo cách dịch: “Tôi không quan tâm đến những điều mình đã làm được trước kia”

Tôi cứ nhắm mục đích mà chạy để đoạt giải về sự kêu gọi ở trên trời trong Chúa Cứu Thế Giê-xu

Phao-lô tiếp tục phép so sánh trên, một tuyển thủ nhắm tới việc thắng giải thể nào thì Phao-lô cũng nhắm tới việc phục vụ và bước đi trong sự vâng phục Chúa Cứu Thế. “Tôi cứ tin nơi Chúa Cứu Thế đặng tôi được thuộc về Ngài và sau khi tôi chết Đức Chúa Trời sẽ gọi tôi đến với Ngài”

Philippians 3:15

Vậy nên, những ai trong chúng ta đã trưởng thành phải suy nghĩ như vầy

“Tôi khuyến khích hết thảy chúng ta, là những tín hữu mạnh mẽ trong đức tin, cũng phải nghĩ như vậy”. Phao-lô muốn các tín hữu phải có những ước muốn mà ông đã liệt kê ra trong 03:8-11 PHP 3:8-11.

nếu anh em nghĩ

Từ “anh em” ở đây chỉ các tín hữu suy nghĩ khác hoặc không đồng tình với Phao-lô.

Đức Chúa Trời cũng sẽ bày tỏ điều đó cho anh em

“Đức Chúa Trời cũng sẽ bày tỏ rõ ràng ra cho anh em”

dù chúng ta đã đạt đến tiêu chuẩn nào, chúng ta phải theo đó mà bước đi

Có thể dịch thành “chúng ta hết thảy phải cứ tiếp tục vâng phục lẽ thật mà mình đã nhận được”

Philippians 3:17

Hỡi anh em, hãy cùng tôi

Phao-lô đang diễn đạt rằng ông coi các tín hữu Phi-líp như anh em trong Chúa Cứu Thế.

bắt chước tôi

“làm những điều tôi là” hoặc “sống như cách tôi sống”

để ý kỹ

“xem xét cẩn thận”

những người đang bước đi theo gương chúng tôi

“những người đã sống như tôi” hoặc “những người đã làm theo những điều tôi làm”

Tôi đã thường nói với anh em

“Tôi đã từng nhiều lần nói với anh em”

và bây giờ tôi lại khóc mà nói với anh em

“và bây giờ tôi buồn rầu mà nói với anh em”

rằng có nhiều người đang sống như kẻ thù của thập tự giá Chúa Cứu Thế

Ở đây, “thập tự giá Chúa Cứu Thế” nói về sự khổ nạn và sự chết của Chúa Cứu Thế. Kẻ thù ở đây là những kẻ nói rằng mình tin nơi Chúa Giê-xu nhưng lại không sẵn lòng chịu khổ hoặc chết như Chúa Giê-xu đã làm. Có thể dịch thành: “rằng nhiều người cho rằng mình tin nơi Chúa Giê-xu, nhưng cách họ sống lại thực sự cho thấy rằng họ đang chống lại Chúa Giê-xu là Đấng sẵn lòng chịu khổ và chịu chết trên thập tự giá”

Số phận của họ là sự hủy diệt

“Một ngày nào đó, Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt họ”

họ lấy bụng mình làm chúa mình

Ở đây, từ “bụng” chỉ những mong muốn về những thú vui đời nầy. Có thể dịch thành: “Họ muốn đồ ăn và những thú vui khác hơn là muốn vâng phục Đức Chúa Trời”

lấy xấu hổ làm vinh quang

“họ tự hào về những việc mà đáng lẽ ra họ phải thấy xấu hổ”

Họ nghĩ về những việc thế gian

Ở đây, từ “thế gian” chỉ về tất cả những việc đem đến những vui thú xác thịt nhưng không tôn kính Đức Chúa Trời. Có thể dịch thành: “Tất cả những gì họ nghĩ đến là thỏa mãn chính mình hơn là làm vui lòng Đức Chúa Trời”

Philippians 3:20

của chúng ta… chúng ta

Phao-lô tính luôn cả độc giả của mình khi sử dụng từ “chúng ta”

chúng ta là công dân trên trời

"quê hương của chúng ta ở trên trời” hoặc “nhà thật sự của chúng ta ở trên trời”

từ nơi ấy, chúng ta cũng chờ đợi một cứu Chúa, là Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc

“và chúng ta đang chờ đợi một cứu chúa, là Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc, từ trời trở lại đất

Ngài sẽ biến hóa thân thể thấp hèn của chúng ta

“Ngài sẽ thay đổi thân thể yếu đuối, thuộc về đất nầy của chúng ta”

trở nên giống như thân thể vinh quang của Ngài

“trở nên thân thể giống như thân thể vinh quang của Ngài”

được dựng nên bởi quyền năng Ngài để thống trị muôn vật

Có thể dịch sang một câu mới theo thể chủ động. “Ngài sẽ biến đổi thân thể của chúng ta bằng chính quyền năng mà Ngài dùng để thống trị muôn vật”

Translation Questions

Philippians 3:6

Về phương diện công bình của luật pháp thì Phao-lô mô tả những việc làm của mình như thế nào?

Phao-lô mô tả những việc làm trước đây của ông là không chỗ trách được về sự công bình của luật pháp.

Philippians 3:8

Vì mục đích gì mà hiện giờ Phao-lô lại coi mọi sự trước kia là rác rưởi?

Phao-lô xem tất cả những chuyện trước kia là rác rưởi để ông có thể nhận lấy Chúa Cứu Thế.

Philippians 3:12

Mặc dầu ông vẫn chưa trọn vẹn, nhưng Phao-lô vẫn tiếp tục làm gì?

Phao-lô tiếp tục tiến về phía trước

Philippians 3:17

Phao-lô khuyên các tín hữu Phi-líp phải làm gì với gương mẫu về đời sống của ông?

Phao-lô khuyên người Phi-líp phải cùng bắt chước nếp sống của ông.

Philippians 3:20

Phao-lô khẳng định rằng người tin Chúa là công dân ở đâu?

Phao-lô khẳng định rằng người tin Chúa là công dân ở trên trời.

Chapter 4

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Philippians 4:1

Câu chuyển:

Phao-lô tiếp tục với một số hướng dẫn cụ thể cho các tín hữu Phi-líp về sự hiệp một và rồi hướng dẫn họ sống cho Chúa.

Vì vậy, hỡi anh em yêu dấu của tôi, là những người mà tôi mong mỏi

“Hỡi anh em của tôi, tôi yêu mến anh em và mong mỏi được gặp anh em”

niềm vui và mão triều thiên của tôi

Phao-lô dùng từ “niềm vui” nghĩa là Hội Thánh Phi-líp là những người khiến ông vui mừng. “mão” được làm từ lá cây và người ta đội nó trên đầu như một dấu hiệu của sự tôn trọng sau khi thắng một cuộc thi đấu nào đó. Ở đây từ “mão triều thiên” được dùng có nghĩ là Hội Thánh Phi-líp đem lại sự tôn trọng cho Phao-lô trước mặt Đức Chúa Trời. Có thể dịch thành một câu mới: “anh em khiến tôi vui mừng vì anh em đã tin nơi Chúa Giê-xu và anh em chính là phần thưởng cũng như sự tôn trọng cho công việc của tôi”

hãy cứ đứng vững trong Chúa, hỡi anh em yêu dấu

Có thể dịch thành một câu mới: “Thế thì hỡi anh em yêu dấu, hãy cứ sống cho Chúa theo cách mà tôi đã dạy cho anh em”

Tôi khuyên Ê-vô-đi và cũng khuyên Sin-ty-cơ

Đây là hai nữ tín hữu đã giúp đỡ Phao-lô tại Hội Thánh Phi-líp. Có thể hiểu: “Tôi nài xin Ê-vô-đi và cũng nài xin Sin-ty-cơ”

phải hiệp một ý trong Chúa

Cụm từ “phải hiệp một ý” có nghĩa là phải có cùng thái độ và ý kiến. Có thể dịch thành “đồng ý với nhau vì hai chị đều tin cùng một Chúa”

Thực vậy, tôi cũng nài xin anh, người bạn đồng lao chân thành của tôi

Người bạn lao

cùng với Cơ-lê-măn

Ông này là một tín hữu và là nhân sự trong Hội Thánh tại Phi-líp.

tên của họ có trong sách sự sống

“tên của họ được viết vào Sách Sự Sống”

Philippians 4:4

Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn; tôi lại còn nói nữa: Hãy vui mừng đi!

Phao-lô đang nói với toàn thể tín hữu Phi-líp. Ông lặp lại mạng lệnh phải vui mừng nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của nó. Tham khảo cách dịch: “Hãy vui mừng vì những điều Chúa đã làm! Ta lại bảo các người hãy vui mừng lên!”

Chúa đã gần

Có thể hiểu: 1) Chúa Giê-xu đã gần với các tín hữu trong tâm thần hoặc 2) ngày Chúa Giê-xu trở lại đất đã gần kề.

trong mọi sự hãy dùng lời cầu nguyện cầu xin Đức Chúa Trời những điều anh em cần cũng như cảm tạ Ngài

“dùng lời cầu nguyện nài xin Đức Chúa Trời mọi điều anh em cần và lời tạ ơn”

vượt quá mọi sự hiểu biết

“vượt quá sự hiểu biết của chúng ta”

sẽ gìn giữ lòng và ý tưởng của anh em

Câu này bày tỏ sự bình an của Đức Chúa Trời như một người lính giữ những cảm xúc và cảm xúc của chúng ta khỏi sự lo lắng. Có thể nói thẳng ý nghĩa trọn vẹn của câu nầy: “sẽ như một người lính bảo vệ những cảm xúc và ý tưởng anh em khỏi lo lắng về những khó nhọc của đời nầy”

Philippians 4:8

Cuối cùng

Kết lại phần nầy của bức thư. Bây giờ, Phao-lô tiếp tục tóm tắt cách các tín hữu sống sao để hòa thuận với Đức Chúa Trời.

anh em

Ở đây, từ này chỉ những anh em tín hữu, gồm cả nam và nữ, bởi vì tất cả đều là thành viên của một gia đình thuộc linh, và Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng của họ.

điều gì đáng yêu

“bất cứ điều gì vui lòng”

điều gì có tiếng tốt

“điều gì mà người ta ngưỡng mộ” hoặc “điều gì người ta tôn trọng”

nếu có điều gì vượt trội

"nếu đó là những điều tốt về mặt đạo đức”

và nếu có điều gì đáng khen trong người

"và nếu có điều gì khiến người ta khen ngợi”

suy ngẫm về những điều nầy

“suy nghĩ về những điều nầy”

mà anh em đã học, đã nhận, đã nghe và đã thấy nơi tôi

“tôi đã dạy và đã bày tỏ cho anh em”

Philippians 4:10

Câu chuyển:

Phao-lô nói về việc họ đã giúp đỡ ông về mặt tài chính và kết thư với lời chào thăm và cảm tạ.

Mặc dầu lâu nay anh em vẫn nghĩ đến tôi nhưng lại không có dịp để giúp đỡ tôi

“Tôi biết trước giờ anh em vẫn nghĩ đến tôi, nhưng lại chẳng có lí do để anh em có thể giúp đỡ rôi”

thỏa lòng

“hài lòng” hoặc “vui lòng”

trong mọi hoàn cảnh

“cho dù hoàn cảnh của tôi là gì đi nữa”

Tôi biết cách sống

Tham khảo cách dịch: “Tôi biết cách cư xử sao cho phải”

trong những lúc thiếu thốn

“khi tôi thiếu thốn mọi bề”

trong những lúc dư dật

“khi tôi có nhiều hơn mình cần”

dù no hay đói, dù dư hay thiếu

Về cơ bản thì hai cụm từ này có nghĩa giống nhau. Phao-lô dùng chúng để nhấn mạnh rằng ông đã học cách thoải lòng trong mọi hoàn cảnh.

Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi

“Tôi làm được mọi sự vì Chúa Cứu Thế ban bức cho tôi”

Philippians 4:14

trong những khó khăn của tôi

“khi mọi thứ trở nên khó khăn”

công cuộc truyền bá Tin Lành

Từ này nói về lúc Phao-lô đi qua các thành phố khó khăn để nói cho người ta về Chúa Giê-xu.

ngoài anh em ra, không một Hội Thánh nào hỗ trợ tôi trong vấn đề thu chi

"anh em là Hội Thánh duy nhất trợ cấp hoặc là giúp đỡ cho tôi”

Tôi mong lợi tức được gia tăng trong tài khoản của anh em

Phao-lô đang ví sánh món quà của Hội Thánh giống như sự

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

giàu có của một người đang ngày một tăng thêm. Phao-lô muốn thấy Hội Thánh Phi-líp trao đi những món quà đặng họ có thể nhận lấy những ân phước thuộc linh. Tham khảo cách dịch: “Tôi muốn thấy Đức Chúa Trời ngày càng ban cho anh em nhiều ân phước thuộc linh hơn nữa”

Philippians 4:18

Tôi có đầy đủ mọi sự và còn dư dật nữa. Tôi được đầy dẫy

“Tôi có mọi thứ mình cần và còn hơn thế nữa”

Chúng như một lễ vật tỏa hương thơm dễ chịu được vui nhận và đẹp lòng Đức Chúa Trời

Phao-lô đang so sánh những món quà từ Hội Thánh Phi-líp với những của lễ dâng trong thời Cựu Ước. Các thầy tế lễ sẽ thiêu những của lễ đó và chúng sẽ có mùi thơm cho Đức Chúa Trời. Phao-lô đang nhấn mạnh rằng món quà của Hội Thánh rất có giá trị đối với Đức Chúa Trời. Có thể dịch thành: “Tôi tin chắc rằng những món quà nầy rất đẹp lòng Đức Chúa Trời”

sẽ cung ứng cho mọi nhu cầu của anh em

“sẽ cung cấp mọi thứ anh em cần”

theo như sự giàu có trong vinh quang của Chúa Cứu Thế Giê-xu

Có thể dịch thành “từ sự giàu có đầy vinh hiển của Ngài ban cho chúng ta qua Chúa Cứu Thế Giê-xu”

Hiện nay thuộc về Đức Chúa Trời

Từ “hiện nay” đánh dấu lời cầu nguyện kết thúc và đoạn kết cho phần nầy của bức thư.

Translation Questions

Philippians 4:1

Phao-lô muốn những anh em yêu dấu của ông tại Phi-líp làm gì?

Ông muốn họ đứng vững trong Chúa.

Philippians 4:4

Phao-lô khuyên các tín hữu Phi-líp phải luôn làm điều gì?

Phao-lô khuyên họ phải vui mừng trong Chúa luôn luôn.

Philippians 4:8

Phao-lô khuyên phải nghĩ về những điều gì?

Phao-lô khuyên phải nghĩ về những điều đáng tôn trọng, công bình, thánh khiết, đáng yêu, có tiếng tốt, vượt trội và được khen ngợi.

Philippians 4:10

Hiện giờ, tín hữu Phi-líp có thể đổi mới điều gì?

Họ có thể đổi mới sự quan tâm của mình dành cho Phao-lô.

Philippians 4:14

Phao-lô mong muốn điều gì cho người Phi-líp khi họ dâng hiến để cung cấp cho những nhu cầu của ông?

Ông mong họ sẽ được nhiều kết quả hơn thêm vào thành tích của họ.

Philippians 4:18

Đức Chúa Trời nhìn xem món quà mà người Phi-líp gửi cho Phao-lô như thế nào?

Đức Chúa Trời vui lòng về sự hi sinh mà người Phi-líp đã làm cho Phao-lô.

Chapter 1

Colossians 1:1

Thông tin chung:

Đây là lá thư Phao-lô và Ti-mô-thê gửi cho các tín hữu Cô-lô-se.

sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-xu bởi ý muốn của Đức Chúa Trời

“được Đức Chúa Trời lựa chọn để trở nên sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-xu”

anh em chúng ta

Phao-lô bao gồm cả những người đọc thư ông trong từ “chúng ta”.

Ân điển cho anh em

ban cho hoặc ao ước phước lành cho người khác.

anh em

Từ “anh em” ở đây chỉ những thánh đồ Cô-lô-se và những người anh em trung tín trong niềm tin.

chúng tôi luôn cầu nguyện cho anh em

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi thường cầu nguyện chân thành cho anh em”

Colossians 1:4

Thông tin chung:

Từ “anh em” ở đây ở số nhiều, chỉ các tín đồ tại Cô-lô-se.

Chúng tôi đã nghe

Phao-lô không đề cập đến những người đọc thư ông trong từ “chúng tôi”.

đức tin của anh em trong Chúa Cứu Thế Giê-xu

"niềm tin của anh em trong Chúa Cứu Thế Giê-xu”

về lòng yêu thương của anh em đối với tất cả những

“rằng anh em yêu thương tất cả những” (Tham khảo bản dịch UDB)

bởi vì niềm hi vọng chắc chắn dành sẵn cho anh em ở trên trời

“là kết quả của niềm hi vọng chắc chắn mà anh em có nơi những điều Đức Chúa Trời giữ ở trên trời”

niềm hi vọng chắc chắn

“niềm hi vọng mà anh em vững vàng giữ lấy”

đang kết quả và phát triển

Hình ảnh ẩn dụ so sánh một cái cây hoặc loài thực vật kết trái và lớn lên với Tin Lành là điều sẽ thay đổi con người và truyền ra khắp thế giới khi ngày càng có nhiều người tin theo.

trên khắp thế giới

Đây là phép cường điệu. Tin Lành truyền ra và phát triển khắp những nơi được biết đến.

ân điển của Đức Chúa Trời trong lẽ thật

“ân điển thực sự của Đức Chúa Trời” hoặc “đặc ân thực sự của Đức Chúa Trời”

Colossians 1:7

Điều này y như anh em đã học nơi Ê-pháp-ra

“Giống như điều Ê-pháp-ra đã dạy cho anh em” hoặc “anh em đã hiểu thấu đáo những gì Ê-pháp-ra đã dạy cho anh em”

Điều này

“điều nầy” chỉ về những tác động hoặc những kết quả mà sứ điệp Tin Lành đem đến trong cuộc đời của họ (các tín hữu Cô-lô-se)

anh em đã học

Các tín hữu Cô-lô-se đã học

Ê-pháp-ra

Ê-pháp-ra là người rao giảng Tin Lành cho những người tại Cô-lô-se.

Ê-pháp-ra, người đầy tớ cùng làm việc yêu dấu của chúng tôi, một người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

phục vụ Chúa Cứu Thế cho chúng ta
Điều này có nghĩa là Ê-pháp-ra đang làm việc cho Chúa Cứu Thế mà nếu Phao-lô không ở trong tù thì chình mình ông đã hoàn thành điều đó rồi.
Người đã tỏ cho chúng tôi
“Ê-pháp-ra đã khiến chúng tôi nhận biết”
lòng yêu thương của anh em trong Thánh Linh
“Chính Đức Thánh Linh đã khiến anh em yêu mến những tín hữu khác”
Colossians 1:9
Câu nối:
Phao-lô cầu nguyện cho họ bởi vì niềm tin của họ nơi Chúa Cứu Thế và tình yêu trong Đức Thánh Linh.
Bởi lòng yêu thương nầy
“bởi vì Đức Thánh Linh đã khiến anh em có thể yêu thương những tín hữu khác”
từ ngày chúng tôi nghe về anh em
“từ ngày Ê-pháp-ra kể cho chúng tôi nghe về anh em”
chúng tôi nghe
Chỉ về Phao-lô và Ti-mô-thê, chứ không nói đến các tín hữu Cô-lô-se.
chúng tôi đã không ngừng cầu nguyện
“chúng tôi vẫn thường cầu nguyện chân thành với Đức Chúa Trời”
cầu nguyện cho anh em hiểu biết tường tận về ý muốn của Ngài
“chúng tôi cầu xin Đức Chúa Trời ban cho anh em sự hiểu biết trọn vẹn đặng làm theo ý muốn của Ngài"
trong mọi sự khôn ngoan và hiểu biết thuộc linh
“khôn ngoan và sự hiểu biết từ Đức Thánh Linh”
để anh em bước đi cách xứng đáng cho Chúa, đẹp lòng Ngài trong mọi việc
“để anh em sống cách nào cho được đẹp lòng Đức Chúa Trời”
kết quả
Hình ảnh ẩn dụ so sánh loại cây kết nhiều quả với những việc làm của một người tin Chúa. Cái cây lớn lên và kết quả thể nào thì một người tin Chúa cùng phải lớn lên trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời và kết quả bằng cách làm những việc lành.
Colossians 1:11
Chúng tôi cầu nguyện cho anh em
“Chúng tôi” bao gồm Phao-lô và Ti-mô-thê chứ không phải các tín hữu Cô-lô-se.
được mạnh mẽ trong mọi năng lực theo như quyền năng của vinh hiển Ngài
“được mạnh mẽ trong mọi năng lực nhờ quyền năng vinh hiển Ngài”
trong mọi sự chịu đựng và nhẫn nại
“để không bao giờ từ bỏ niềm tin và luôn nhẫn nại”
khi anh em vui vẻ ngợi khen Đức Chúa Cha
“khi anh em lấy lòng vui vẻ mà ngợi khen Đức Chúa Cha”
để khiến chúng ta được xứng đáng dự phần
Đức Chúa Cha đã cho chúng ta được dự phần
đã khiến chúng ta được xứng đáng
Ở đây, Phao-lô đang tập trung vào các độc giả của mình những người nhận được phước của Đức Chúa Trời. Ông không hề nói rằng bản thân ông không có phần trong những phước lành đó.
dự phần cơ nghiệp
“nhận được một phần cơ nghiệp”
trong ánh sáng
“trong vinh hiển từ sự hiện diện của Ngài”
cho những người tin
“cho những người thánh” hoặc “được chọn vì mục đích đặc biệt”.
cho Ngài
“cho Đức Chúa Cha”
Colossians 1:13
Câu nối:
Phao-lô nói về những đường lối mà Chúa Cứu Thế vượt trội.
Ngài đã giải cứu
“Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha đã giải cứu”
dời chúng ta
“đem chúng ta đi”. Chúng ta ở đây bao gồm cả Phao-lô và các tín hữu Cô-lô-se.
Con yêu dấu của Ngài
“Con yêu dấu của Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha, tức là Chúa Giê-xu Cơ Đốc”
Trong Con Ngài chúng ta có sự cứu chuộc
“Con Ngài cứu chuộc chúng ta”
sự tha tội
“Con Ngài tha tội cho chúng ta” hoặc “Đức Chúa Cha đã tha thứ cho chúng ta qua Con Ngài”
Colossians 1:15
Đức Chúa Con là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được
Qua sự nhận biết Chúa Giê-xu là Đức Chúa Con, chúng ta có thể nhận biết Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha
Con
Đây là danh xưng quang trọng cho Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời.
Ngài là con trưởng
“Đức Chúa Con là con trưởng”. Chúa Giê-xu là “Con” độc nhất và quan trọng nhất của Đức Chúa Trời. Ngài là Đức Chúa Trời. Từ “Con” ở đây cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Cha. Mối liên hệ đó không thể nào hiểu được nếu bạn không dùng từ “con” và “cha” trong ngôn ngữ của mình.
bởi vì nhờ Ngài mà muôn vật được dựng nên
“bởi vì Đức Chúa Con đã dựng nên muôn vật”
Hoặc ngôi vua, hoặc quyền cai trị, hoặc hoàng tử, hoặc các nhà cầm quyền, tất cả đều được dựng nên bởi Ngài và vì Ngài
Đức Chúa Con đã dựng nên mọi thứ vì chính Ngài, bao gồm cả ngôi vua, quyền thống trị, hoàng tử cùng các nhà cầm quyền.
Ngài có trước muôn vật
“Ngài tồn tại trước muôn vật”
trong Ngài muôn vật gắn kết với nhau
"Ngài gắn kết muôn vật lại với nhau” (Tham khảo bản dịch UDB)
Colossians 1:18
Ngài là đầu
“Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc, Con Đức Chúa Trời, là đầu”
Ngài là đầu của Hội Thánh, tức là thân thể Ngài
Hình ảnh ẩn dụ so sánh vị trí của Chúa Giê-xu đối với Hội Thánh với hình ảnh đầu của thân thể con người. Đầu cai trị thân thể ra sao Chúa Giê-xu cũng cai trị trên Hội Thánh như vậy.
uy quyền ban đầu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người đứng đầu đầu tiên hoặc người sáng lập. Chúa Giê-xu đã thành lập Hội Thánh

sinh trước nhất từ những kẻ chết

Chúa Giê-xu là người đầu tiên chết đi và sống lại, Ngài chẳng bao giờ chết nữa.

Điều nầy là vì Đức Chúa Trời vui lòng để tất cả sự trọn vẹn của Ngài ở trong Ngài

“Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha vui lòng để mọi thuộc tính của Ngài đều ở trong Chúa Cứu Thế”

bởi dòng huyết Con Ngài trên thập tự giá

Từ nguyên gốc của từ “bởi” có nghĩa là một kênh chuyển hoặc phương cách bày tỏ rằng Đức Chúa Trời đem đến sự bình an và sự hòa thuận lại với con người qua huyết của Chúa Giê-xu khi Ngài chịu chết trên thập tự giá.

Con

Đây là danh xưng quang trọng cho Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời.

Colossians 1:21

Câu nối:

Chúa Cứu Thế đổi tội lỗi của dân ngoại Christ exchanges the sin of Gentile believers for his holiness.

Và anh em cũng

“và anh em là những tín hữu Cô-lô-se cũng”

là những người xa lạ đối với Đức Chúa Trời

Tham khảo cách dịch: “bị xa lánh khỏi Đức Chúa Trời” hoặc “đã đẩy Đức Chúa Trời ra xa”

là kẻ thù của Ngài trong ý tưởng và bởi những việc làm gian ác của anh em

“là kẻ thù của Ngài bởi vì anh em suy nghĩ xấu xa và làm những việc gian ác” (Tham khảo bản dịch UDB)

Đức Chúa Trời đã hòa giải với anh em trong thân thể xác thịt của Chúa Cứu Thế qua sự chết của Ngài

Khi Đức Chúa Trời khiến anh em hòa thuận lại với Chúa Cứu Thế, và khi Chúa Cứu Thế chết trên cây thập tự, Ngài không xem là Chúa Cứu Thế đã chết nhưng là chính anh em đã chết vậy.

không chỗ trách được

"không có lỗi lầm gì”

không chê trách được về bất cứ lỗi lầm nào

"không bị kết tội”

trước mặt Ngài

“trước mặt chính Đức Chúa Trời”

tiếp tục vững vàng

“tiếp tục đứng vững” hoặc “tiếp tục vững vàng”

vững vàng trong đức tin

"kiên định” hoặc “buộc chặt”

sự tin quyết của Tin Lành

“tin chắc vào Tin Lành”

được rao giảng cho mọi tạo vật dưới trời, là Tin Lành mà tôi, Phao-lô, đã trở nên người phục vụ

“mà người ta đã rao giảng Tin Lành đó cho mọi tạo vật dưới trời. Cũng là Tin Lành mà tôi, Phao-lô, rao giảng trong sự phục vụ Đức Chúa Trời”

Colossians 1:24

Hiện nay tôi vui mừng

“hiện nay, tôi, Phao-lô, vui mừng”

trong những sự khổ nạn mà tôi đã trải qua vì anh em

"vì tôi đang chịu khổ vì lợi ích của anh em” (Tham khảo bản dịch UDB)

vì anh em

"vì anh em là những tín hữu Cô-lô-se”

thân thể tôi chịu nhận lấy những gì còn thiếu trong sự thương khó của Chúa Cứu Thế vì thân thể của Ngài

Phao-lô đang nói về những kháng cự và bắt bớ mà ông vẫn đang tiếp tục chịu đựng vì cớ Hội Thánh. Chúa Cứu Thế đã bày tỏ những gian khổ nầy cho Phao-lô khi ông mới tin nhận Ngài.

Tôi phục vụ Hội Thánh

“Tôi, là Phao-lô, mong mỏi đáp ứng nhu cầu của Hội Thánh”

lẽ thật mầu nhiệm

"sự mầu nhiệm”

được giấu kín trải qua các thời đại

Từ lúc sáng thế cho đến khi Phi-e-rơ rao giảng Tin Lành cho dân ngoại.

được bày tỏ cho các thánh đồ của Ngài

Tham khảo cách dịch: “giảng giải rõ ràng cho các môn đồ của Ngài”. Bao gồm cả người Do Thái và dân ngoại.

Đức Chúa Trời muốn tỏ sự phong phú về vinh hiển trong lẽ mầu nhiệm nầy cho họ biết giữa dân ngoại

Đức Chúa Trời muốn dân Ngài biết kế hoạch của Ngài dành cho người ngoại thực sự kỳ diệu như thế nào.

niềm hi vọng về vinh quang trong tương lai

“điều anh mong đợi cách chắn chắn được dự phần trong vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Tham khảo bản dịch UDB)

Colossians 1:28

Chính Ngài là Đấng chúng tôi rao giảng

“Đây chính là Chúa Cứu Thế, là Đấng mà chúng tôi là Phao-lô và Ti-mô-thê rao giảng”

Chúng tôi răn bảo mọi người

“Chúng tôi khuyên răn mọi người”

để chúng tôi có thể trình diện mọi người

“để chúng tôi có thể trình diện mọi người với Đức Chúa Trời”

hoàn hảo

“trưởng thành về mặt thuộc linh”

điều này mà tôi nỗ lực

Điều nầy mà tôi, Phao-lô, nỗ lực”

theo như vai trò của Ngài đang hành động trong tôi

“theo như những mục đích của Chúa Cứu Thế đang hành động trong tôi”

Translation Questions

Colossians 1:1

Phao-lô đã trở nên sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-xu như thế nào?

Phao-lô đã trở thành sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-xu bởi ý muốn của Đức Chúa Trời

Colossians 1:7

Ai đã bày tỏ Tin Lành cho người Cô-lô-se?

Là Ê-pháp-ra, đầy tớ trung thành của Chúa Cứu Thế đã giới thiệu Tin Lành đến cho người Cô-lô-se.

Colossians 1:9

Phao-lô đã cầu nguyện cho các tín hữu Cô-lô-se được đầy dẫy điều gì?

Phao-lô cầu nguyện rằng các tín hữu Cô-lô-se sẽ được đầy dẫy sự hiểu biết về ý muốn của Đức Chúa Trời trong mọi sự khôn ngoan và hiểu biết thuộc linh.

Colossians 1:13

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Chúa Cha đã giải cứu những người được dành riêng cho Ngài khỏi điều gì?
Ngài đã giải cứu họ khỏi quyền lực của sự tối tăm và đem họ vào vương quốc của Con Ngài.
Colossians 1:15
Đức Chúa Con là hình ảnh của ai?
Đức Chúa Con là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được.
Colossians 1:21
Mối liên hệ giữa người Cô-lô-se với Đức Chúa Trời là gì trước khi họ tin nhận Tin Lành?
Trước khi tiếp nhận Tin Lành, người Cô-lô-se là những người xa cách Đức Chúa Trời và là kẻ thù của Ngài.
Colossians 1:24
Phao-lô chịu hoạn nạn vì những ai, và thái độ của ông ra sao?
Phao-lô đang chịu khổ vì lợi ích của Hội Thánh, và ông vui mừng trong những điều đó.
Colossians 1:28
Mục đích của những lời cảnh báo và dạy dỗ của Phao-lô là gì?
Mục đích của Phao-lô là trình diện mỗi người cách trọn vẹn trong Chúa Cứu Thế.

Chapter 2
Colossians 2:1
Câu nối:
Phao-lô tiếp tục khuyến khích các tín hữu tại Cô-lô-se và Lao-đi-xê hiểu rằng Chúa Cứu Thế llaf Đức Chúa Trời và rằng Ngài đang sống trông các tín hữu để họ có thể sống như cách mà họ đã nhận Ngài.
Vì tôi muốn anh em biết
“Vì tôi, Phao-lô, muốn anh em là các tín hữu Cô-lô-se biết”
tôi đã vì anh em mà chiến đấu gay gắt thể nào
Phao-lô đã gắng hết sức để làm lớn mạnh sự thánh sạch cũng như sự hiểu biết của họ về Tin Lành.
những người ở Lao-đi-xê
Đây là một thành phố rất gần với Cô-lô-se, nơi nầy cùng có một Hội Thánh mà Phao-lô đang cầu nguyện cho họ.
những người chưa từng thấy mặt tôi về phần xác
“nhiều người mà tôi chưa bao giờ được gặp mặt riêng” hoặc “nhiều người mà tôi chưa từng trực tiếp gặp mặt”
để lòng họ
“để lòng của tất cả tín hữu mà Phao-lô chưa từng gặp mặt đó”
hiệp một
Hiệp một trong một mối liên hệ thật sự gần gũi. Tham khảo cách dịch: “gắn chặt với nhau” hoặc gắn bó chặt chẽ với nhau”
từ sự hiểu biết chắc chắn
Biết chắc chắn những điều nầy
sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời
Đây là sự hiểu biết chỉ có thể được bày tỏ bởi Đức Chúa Trời mà thôi
tức là Chúa Cứu Thế
Chúa Giê-xu Cơ Đốc chính là sự mầu nhiệm mà Đức Chúa Trời bày tỏ.
ẩn chứa những kho tàng của sự khôn ngoan và tri thức
Sự giàu có hoặc sự phong phú của sự khôn ngoan và tri thức.
sự khôn ngoan và tri thức
Về cơ bản thì hai từ này có nghĩa tương tự nhau. Ở đây, Phao-lô dùng chung để nhấn mạnh sự hiểu biết thuộc linh đến từ Chúa Cứu Thế.
ở trong Ngài
Từ “Ngài” chỉ về Chúa Cứu Thế
Colossians 2:4
Tôi nói điều nầy
“Tôi, Phao-lô, nói điều nầy”
lừa dối anh em
“dẫn anh em là các tín hữu Cô-lô-se đến sai chỗ hoặc cách giải quyết sai”
lời nói đầy thuyết phục
Lời nói sẽ thuyết phuc bạn về một điều gì đó hoặc khiến một khái niệm trở nên đáng tin cậy.
không ở với anh em về thân xác
“không ở cùng anh em”
Tâm linh tôi vẫn ở cùng anh em
“Tôi vẫn thường nghĩ về anh em”
có trật tự tốt
Phao-lô đang tán dương hoặc là khen ngợi họ vì sự hiệp một và vững vàng về đức tin của họ nơi Chúa Cứu Thế
Colossians 2:6
Bước đi trong Chúa Cứu Thế Giê-xu
Đây là cách diễn đạt cho việc sống theo một cách chắc chắn hoặc kiên định.
mà anh em đã nhận Ngài
“anh em là các tín hữu Cô-lô-se đã tin nhận Chúa Cứu Thế”
Hãy đâm rễ chắc chắn và lập nền trên Ngài
Phao-lô sử dụng hai hình ảnh ẩn dụ
được củng cố trong đức tin
“hãy sống dựa trên đức tin của anh em nơi Chúa Giê-xu Cơ Đốc”
dư dật trong sự cảm tạ
“hết lòng cảm tạ Đức Chúa Trời”
Colossians 2:8
Câu nối:
Phao-lô giục lòng các tín hữu phải cẩn thận, không quay trở lại với những luật lệ hay lời của những kẻ khác, bởi vì không điều gì có thể thêm vào trong sự trọn vẹn của Đức Chúa Trời mà các tín hữu đã có trong Chúa Cứu Thế.
Hãy nhìn xem
Tham khảo cách dịch: “Phải đề phòng” hoặc “Phải coi chừng”
bắt anh em
“bắt anh em, là các tín hữu Cô-lô-se”
triết học
Các học thuyết tôn giáo, tín ngưỡng những không đến từ lời Đức Chúa Trời mà dựa trên những suy nghĩ của con người về Đức Chúa Trời và về đời sống.
lời giả dối rỗng tuếch
Những ý tưởng lừa dối không đưa đến đời sống trong Chúa Cứu Thế. Những lời nầy chẳng đem lại điều gì, chúng toàn xáo rỗng và chẳng có giá trị gì.
truyền thống của loài người và trên hệ thống tín ngưỡng đầy tội lỗi của thế gian
Cả truyền thống của người Do Thái và hệ thống tín ngưỡng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của những người thuộc tà giáo (người ngoại) đều không ra gì.

không theo Chúa Cứu Thế

"không theo Chúa Cứu Thế" hoặc "không dựa trên Chúa Cứu Thế"

vì sự đầy trọn trong thuộc tánh của Đức Chúa Trời hiện diện trong thân thể của Ngài

"bởi vì thuộc tánh đầy đủ của Đức Chúa Trời hiện diện trong thân thể của Chúa Cứu Thế".

Colossians 2:10

Trong Ngài

"trong Chúa Giê-xu Cơ Đốc'

Anh em được

"anh em, tức là các tín hữu Cô-lô-se, được"

đầy đủ mọi sự

"trở nên trọn vẹn"

Đức Chúa Trời đã làm phép cắt bì cho anh em

Hình ảnh ẩn dụ này cho thấy Đức Chúa Trời đã loại bỏ hoặc cất đi tội lỗi của người tin Ngài giống như trong phép cắt bì người ta dùng dao cắt đi hoặc loại bỏ đi một phần thịt.

được chôn với Ngài

Hình ảnh ẩn dụ mô tả cách thức mà bản chất cũ bị loại bỏ đời đời ngay thời điểm tiếp nhận sự cứu rỗi giống như thân xác con người bị chôn vào đất khi chết vậy.

được sống lại với Ngài

Hình ảnh ẩn dụ này mô tả cách thức một người tin Chúa được ban cho một bản chất mới giống như một người sống lại từ kẻ chết lại một lần nữa được ban cho sự sống.

Colossians 2:13

khi anh em đã chết

"Khi các tín hữu Cô-lô-se đã chết về mặt thuộc linh"

chết trong sự vi phạm mình và sự không chịu cắt bì của xác thịt mình

Anh em đã chết theo hai nguyên nhân: 1) anh em đã chết về mặt thuộc linh khi sống một đời sống tội lỗi chống nghịch lại cùng Chúa Cứu Thế và 2) anh em không chịu phép cắt bì theo như Luật Pháp Môi-se.

Ngài đã khiến anh em

"Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã khiến các anh em tín hữu Cô-lô-se"

tha thứ mọi sự vi phạm của chúng ta

"Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã tha thứ mọi sự vi phạm của chúng ta, cả người Do Thái và dân ngoại"

Anh em đã chết... Ngài đã khiến anh em sống động

Hình ảnh ẩn dụ nầy cho thấy cách từ đời sống tội lỗi bước vào trong đời sống thuộc linh mới giống như một người đã chết được sống trở lại.

Ngài đã xóa bỏ giấy nợ chống lại chúng ta cùng những quy định kèm theo nó

Hình ảnh ẩn dụ nầy so sánh cách Đức Chúa Trời cất bỏ tội lỗi (món nợ) của chúng ta cùng tha thứ cho chúng ta vì đã vi phạm luật pháp (quy định) của Đức Chúa Trời giống như một người có thể xóa bỏ các điều khoản được ghi trên tờ danh sách liệt kê.

dẫn họ đi trong cuộc diễu binh thắng trận

Trong thời của người La-mã, các đội quân La-mã khi quay trở về nhà thường có những cuộc "diễu hành chiến thắng" để bày ra phô trương những tù nhân mình đã bắt giữ cùng mọi chiến lợi phẩm thu được.

Colossians 2:16

đừng để ai xét đoán anh em

Phao-lô răn bảo các tín hữu phải chống đối những người Do Thái muốn buộc dân ngoại tuân giữ Luật Pháp Môi-se

về đồ ăn thức uống

Luật Pháp Môi-se có ghi rõ những gì một người có thể ăn và uống. Tham khảo cách dịch: "về những đồ anh em hoặc uống"

về ngày lễ, ngày trăng mới hoặc về ngày Sa-bát

Luật Pháp Môi-se định rõ ngày nào thì tổ chức lễ, ngày nào thờ phượng và ngày nào thì dâng của tế lễ.

bóng của những điều sẽ đến

Hình ảnh ẩn dụ này so sánh rằng một cái bóng chỉ có thể giúp người ta hình dung cách mơ hồ về hình dáng cũng như bản chất của một vật nào đó, cũng giống như vậy những truyền thống tôn giáo như Luật Pháp Môi-se chỉ có thể bày tỏ được phần nào thực tế về Chúa Giê-xu Cơ Đốc mà thôi.

Colossians 2:18

đừng ai để bị cướp mất phần thưởng

"Đừng ai để bị lừa mất phần thưởng mình". Ẩn dụ này so sánh những người dạy về sự khiêm nhường giả dối và thờ lạy các thiên sứ với những kẻ cướp đã lấy mất sự cứu chuộc của các tín hữu Cô-lô-se. Tham khảo cách dịch: "Đừng để kẻ nào cướp mất phần thưởng của ai"

sự khiêm nhường giả tạo

"cố làm ra vẻ khiêm nhường". Làm những việc khiến bạn có vẻ khiêm nhường trước người khác. Tham khảo cách dịch: "cố làm bộ khiêm nhường"

bị ám ảnh về những điều

Có những suy nghĩ luôn luôn kiểm soát tâm trí của họ hoặc điều gì đó khiến họ bị chi phối, bận tâm quá mức.

tư tưởng xác thịt

Suy nghĩ theo con người xác thịt hoặc con người tự nhiên hơn là theo con người thuộc linh.

Họ không bám chặt vào

"Họ không giữ chặt" hoặc "họ không bám lấy", như một đứa trẻ bám chặt cha mình.

Chúa Cứu Thế, là đầu, từ Ngài mà cả thân thể được nuôi dưỡng và được gắn bó với nhau bằng những khớp xương và dây chằng

Ẩn dụ này so sánh năng quyền của Chúa Cứu Thế trên Hội Thánh như đầu người kiểm soát và chi phối toàn bộ thân thể.

Colossians 2:20

Nếu anh em đã chết với Chúa Cứu Thế về các nguyên tắc niềm tin đầy tội lỗi của thế gian nầy

Ẩn dụ nầy cho thấy, một người đã chết thì không cần phải tuân theo những nhu cầu vật chất của thế giới nầy nữa

Sao anh em còn sống phục theo niềm tin của thế gian nầy?

Phao-lô dùng câu hỏi nầy để quở trách người Cô-lô-se vì còn vâng theo những niềm tin sai trật của thế gian nầy. Tham khảo cách dịch: "Đừng nộp mình trong niềm tin của thế gian nầy nữa"

Sống phục theo

"chịu phục tùng" hoặc "chịu khuất phục" hoặc "vâng phục"

lụi tàn

"sụp đổ"

Các quy tắc ấy có vẻ ngoài "khôn ngoan" của những tôn giáo do con người lập nên, có sự hạ mình giả tạo và sống khổ hạnh

"Dưới cách nhìn của con người thì những quy tắc này có vẻ là khôn ngoan vì nó có vẻ hạ mình và đối đãi thân thể cách

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khắt nghiệt”
khổ hạnh
"khắc khe" hoặc “hà khắc”
chẳng có giá trị gì trong việc chống lại những đam mê của xác thịt
"chúng chẳng giúp anh em thôi chiều theo những ước muốn xác thịt của mình”

Translation Questions

Colossians 2:4
Phao-lô lo lắng điều gì có thể xảy đến cho các tín hữu Cô-lô-se?
Phao-lô lo lắng các tín hữu Cô-lô-se sẽ bị dẫn dụ bởi những lời đầy sức thuyết phục.
Colossians 2:6
Phao-lô kêu gọi các tín hữu Cô-lô-se làm gì lúc nầy khi họ đã tiếp nhận Chúa Cứu Thế Giê-xu?
Phao-lô kêu gọi các tín hữu Cô-lô-se đã tiếp nhận Chúa Cứu Thế Giê-xu như thế nào thì cũng hãy bước đi trong Ngài thể ấy.
Colossians 2:8
Những lời giả dối xáo rỗng mà Phao-lô đang lo ngại dựa trên điều gì?
Những lời giả dối xáo rỗng đó dựa trên truyền thống của loài người và trên những hệ thống niềm tin đầy tội lỗi của đời nầy.
Colossians 2:10
Ai là đầu của mọi quyền thống trị và quyền phép?
Chúa Cứu Thế là đầu của mọi quyền thống trị và quyền phép?
Colossians 2:13
Tình trạng của một người trước khi Chúa Cứu Thế khiến họ được sống động là gì?
Một người chết mất trong sự vi phạm mình trước khi Chúa Cứu Thế khiến người đó được sống lại.
Colossians 2:20
Những loại quy tắc nào mà Phao-lô cho rằng đó là một phần của niềm tin thuộc về đời nầy?
Những quy tắc như không được sờ đến, không được nếm và không được chạm vào là một phần trong niềm tin thuộc về đời nầy.

Chapter 3
Colossians 3:1
Câu nối:
Phao-lô răn bảo các tín hữu rằng, bởi vì họ đã nên một với Chúa Cứu Thế, có những điều mà họ không nên làm.
Đức Chúa Trời đã khiến anh em được sống lại với Chúa Cứu Thế
Ẩn dụ này so sánh các tín hữu Cô-lô-se với Chúa Cứu Thế. Như Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Cứu Thế sống lại từ kẻ chết thì Ngài cũng coi họ như đã được làm cho sống lại từ kẻ chết.
đã khiến anh em được sống lại
Từ “anh em” ở đây chỉ về các tín hữu Cô-lô-se
những điều ở trên trời
“những điều thuộc về trời” hoặc “những điều thánh”
những gì trên đất
“những điều thuộc về đất” hoặc “những điều dưới đất”
vì anh em đã chết
Như Chúa Cứu Thế đã chết thì Đức Chúa Trời cũng coi họ như đã chết với Chúa Cứu Thế vậy.
Đức Chúa Trời đã giấu kín
“Đức Chúa Trời đã giấu”
với Ngài trong vinh hiển
Từ “Ngài” chỉ về Chúa Cứu Thế
Colossians 3:5
Vậy hãy làm chết những ước muốn tội lỗi của anh em
Ẩn dụ này cho thấy những ước muốn tội lỗi cuối cùng phải hoàn toàn bị xử như một kẻ ác bị giết.
ô uế
“hành vi ô uế”
ham muốn
“dục vọng mạnh mẽ"
và tham lam, tức là thờ thần tượng
“và tham lam, giống như sự thờ hình tượng” hoặc “không được tham lam, bởi vì điều đó cũng giống như việc thờ hình tượng” (Tham khảo bản dịch UDB)
Vì những điều đó mà cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên những đứa con không vâng phục
“cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên những kẻ vô tín đã phạm những việc ấy”
Anh em cũng đã từng bước đi trong những điều này khi anh em sống bởi chúng
“Anh em đã từng sống theo những điều đó khi anh em tích cực tham gia vào những việc đó”
cơn thạnh nộ
"sự giận dữ”
sự giận dữ
"cơn giận dữ"
những ý định xấu xa
Tham khảo cách dịch: “Sự gian ác của tấm lòng, đời sống và bản chất”
lăng mạ
"phạm thượng” hoặc “báng bổ” hoặc “phỉ báng”. Lời nói chủ ý làm tổn thương hoặc hạ bệ người khác.
lời nói đáng xấu hổ, bẩn thỉu
Tham khảo cách dịch: “lời nói tục tĩu”
Colossians 3:9
Câu nối:
Phao-lô tiếp tục chỉ các tín hữu Cô-lô-se cách sống ra làm sao và nhắc họ rằng Chúa Cứu Thế phá bỏ bức tường ngăn cách giữa người ngoại và người Do Thái, giữa nô lệ và người tự do.
anh em đã lột bỏ
Từ “anh em” chỉ về các tín hữu Cô-lô-se
Anh em đã lột bỏ người cũ cùng các công việc của nó, mà mặc lấy người mới
Ẩn dụ này so sánh đối chiếu hình ảnh một Cơ Đốc Nhân sẽ loại bỏ những hành vi không tin kính để bắt đầu sống đời sống tin kính với một người cởi bỏ quần áo bẩn và mặc quần áo mới, sạch sẽ vào.
hình ảnh của Ngài
Đây là hình ảnh hoán dụ cho Chúa Giê-xu Cơ Đốc.
sự nhận biết về hình ảnh của Ngài
Biết và hiểu Chúa Giê-xu Cơ Đốc
không còn người Hi-lạp và người Do Thái, người được cắt bì và người không được cắt bì, người dã man, người Sy-the, người nô lệ hay người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tự do
Điều này nói lên Đức Chúa Trời xem mọi người như nhau; không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch hay đẳng cấp (địa vị xã hội). Tham khảo cách dịch: “Tại đây, chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch hay địa vị xã hội không quan trọng”
Chúa Cứu Thế là tất cả và ở trong tất cả
Chẳng có điều gì bị loại trừ hay bị bỏ ra khỏi sự hiện diện của Chúa Cứu Thế. Tham khảo cách dịch: “Chúa Cứu Thế là quan trọng nhất”
Colossians 3:12
mặc lấy... lòng thương xót
Người ta mặc quần áo vào ra sao thì những người tin Chúa cũng phải mặc lấy sự thương xót, khiêm tốn và nhiều điều khác nữa cho những hành vi của mình đối với người khác như vậy.
Vậy thì hãy mặc lấy
Từ “Vậy thì” xác định sự thay đổi trong hành động hay hành vi dựa trên những lời thảo luận hoặc lời dạy trước đó. (See: [[rc://vi/ta/workbench/discourse/home]])
là những người được chọn của Đức Chúa Trời- thánh và rất yêu dấu
Thánh khiết và rất yêu dấu- “là những người thánh, rất yêu dấu mà Đức Chúa Trời đã chọn”
lòng thương xót, nhân từ, nhiêm nhường, hiền lành và nhẫn nại
“con người bề trong đầy lòng thương xót, nhân từ, khiêm nhường, hiền lành và nhẫn nại”
lòng thương xót
“lòng thấu cảm” hoặc “lòng quan tâm”
nhân từ
“lòng tốt” hoặc “hiền lành”
khiêm nhường
“trí khiêm nhường” hoặc “hạ mình trong tâm
hiền lành
“dịu dàng”. Sự điềm tĩnh trong tấm lòng hướng về Đức Chúa Trời hơn là thể hiện cảm xúc ra bên ngoài.
nhẫn nại
“kiên cường chịu đựng” hoặc “kiên nhẫn” hoặc “tự kiềm chế”
Chịu đựng nhau
Làm việc với nhau cách hòa thuận và yêu thương. Tham khảo cách dịch: “chịu đựng hoặc cam chịu nhau”
có sự phàn nàn cùng
“phàn nàn với”
có tình yêu thương
“mặc lấy tình yêu thương”
là dây liên kết của sự trọn lành
“kết hiệp chúng ta lại với nhau cách hoàn toàn” hoặc “kết chúng ta lại với nhau trong sự hòa thuận trọn vẹn”
Colossians 3:15
cai trị trong lòng anh em
“có quyền trên lòng anh em”
trong lòng anh em
Từ “anh em” ở đây chỉ về các tín hữu Cô-lô-se
sống trong anh em
“ngự trong anh em” hoặc “ở trong anh em”
khuyên bảo nhau
“cảnh báo nhau”
dùng thi thiên, thánh ca, và bài hát tâm linh
"dùng mọi hình thức bài hát để ca ngợi Đức Chúa Trời”
sự cảm tạ trong lòng anh em
“tấm lòng biết ơn”
nhờ Ngài
“nhờ Đức Chúa Giê-xu”
Colossians 3:18
Câu nối:
Sau đó, Phao-lô đưa ra một số hướng dẫn đặc biệt cho những người làm vợ, là chồng, con cái, cha mẹ, nô lệ và những người chủ nô lệ.
Hỡi người làm vợ, hãy chịu phục tùng
“Hỡi người làm vợ, hãy vâng phục”
Điều này là thích hợp
“điều này là thích đáng” hoặc “điều nầy là phải lẽ”
đừng gay gắt với
“đừng khắc nghiệt với” hoặc “đừng nổi giận cùng”
vì điều nầy đẹp lòng Chúa
Đẹp lòng Chúa
đừng chọc giận con cái mình
"đừng làm cho con cái mình cáu giận” hoặc “đừng khiến con cái mình nổi giận”
Colossians 3:22
vâng phục chủ mình
Từ “mình” chỉ về các tín hữu Cô-lô-se vốn là nô lệ.
vâng phục chủ mình về phần xác
“vâng phục những người chủ trên đất của mình”
không phải chỉ hầu việc trước mắt
Không chỉ vâng phục khi nào chủ quan sát mà thôi.
đẹp lòng người
Đây là những người làm việc gì đó chỉ để có được sự chấp thuận của người khác hơn là từ Đức Chúa Trời (Tham khảo bản dịch UDB)
Bất cứ điều gì anh em làm
Từ ‘anh em” chỉ những người nô lệ, nhưng có thể bao gồm toàn bộ các tín hữu Cô-lô-se.
từ tấm lòng
“hết lòng” (Tham khảo bản dịch UDB)
như cho Chúa
“Cho Chúa” (Tham khảo bản dịch UDB)
phần thưởng từ cơ nghiệp
“phần của chúng ta trong những điều mà Chúa đã hứa” (Tham khảo bản dịch UDB)
ai làm điều không công bình
Chỉ về những người làm sai về bất cứ phương diện nào (đạo đức, xã hội hoặc thân thể). Tham khảo cách dịch: “Những người làm sai trái” hoặc “những người làm ác”
nhận hình phạt
Tham khảo cách dịch: “sẽ bị trừng phạt”
không thiên vị
“không thiên vị” hoặc “không ưa chuộng” hoặc “không ưa chuộng ai”

Translation Questions

Colossians 3:1
Chúa Cứu Thế đã được đem lên đâu?
Chúa Cứu Thế đã được đem lên ngồi bên tay phải của Đức Chúa Trời
Những người tin Chúa cần phải tìm kiếm và không được tìm kiếm điều gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những người tin Chúa phải tìm kiếm những điều ở trên trời chứ không phải những điều thuộc về đất.
Colossians 3:5
Người tin Chúa phải làm cho chết những điều gì?
Người tin Chúa phải làm cho chết những ham muốn tội lỗi thuộc về đời nầy.
Colossians 3:9
Một vài trong số những điều thuộc về con người cũ mà Phao-lô khuyên các tín hữu phải lột bỏ đi là gì?
Các tín hữu phải lột bỏ khỏi mình sự thịnh nộ, giận dữ, ý định gian ác, lời lăng mạ, lời tục tĩu và sự nói dối.
Colossians 3:12
Một vài trong số những điều thuộc về con người mới mà Phao-lô khuyên các tín hữu phải mặc lấy là gì?
Các tín hữu phải mặc lấy lòng thương xót, nhân từ, khiêm nhường, hiền lành và nhẫn nại.
Colossians 3:15
Điều gì phải cai trị trong lòng các tín hữu?
Sự bình an của Chúa Cứu Thế phải cai trị trong lòng các tín hữu.
Các tín hữu phải dâng lên Đức Chúa Trời điều gì trong mọi thái độ, lời nói và việc làm của mình?
Các tín hữu phải dâng lời tạ ơn Đức Chúa Trời trong những thái độ, bài hát, lời nói và việc làm của mình.
Colossians 3:18
Vợ phải đối cùng chồng ra sao?
Vợ phải vâng phục chồng mình

Chapter 4
Colossians 4:1
Câu nối:
Nói với những người chủ, Phao-lô kết thúc những lời dạy dỗ đặc biệt của mình với những cá nhân này.
đối xử với đầy tớ mình
Từ “mình” ở đây chỉ về các tín hữu Cô-lô-se, là người sở hữu các nô lệ.
phải lẽ và công bằng
Đây là cách diễn đạt về việc người chủ phải đối xử với các nô lệ của mình cách phải lẽ và công bằng.
chủ ở trên trời
Đức Chúa Trời là chủ của họ, ý nói là 1) “Đức Chúa Trời sẽ đối xử với các người chủ nô lệ y như cách họ đối xử với các nô lệ của mình trên đất” hoặc 2) “các ngươi đối xử với những nô lệ của mình thế nào thì Đức Chúa Trời cũng sẽ đối với các ngươi như vậy”
Colossians 4:2
Câu nối:
Phao-lô tiếp tục đưa ra những lời dạy dỗ cho các tín hữu về cách họ phải sống và nói ra làm sao.
Hãy cứ kiên nhẫn trong sự cầu nguyện
“Cứ trung tín cầu nguyện” hoặc “cứ bền đỗ cầu nguyện”
cũng cho chúng tôi nữa
Từ “chúng tôi” chỉ về Phao-lô và Ti-mô-thê, không đề cập đến các tín hữu Cô-lô-se.
Đức Chúa Trời mở cửa
Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời ban cơ hội”
sự mầu nhiệm của Chúa Cứu Thế
Chỉ sứ điệp về Chúa Giê-xu Cơ Đốc, cho đến chừng Chúa Cứu Thế đến thì người ta mới hiểu được sứ điệp này.
Vì sự đó mà tôi bị xiềng xích
“Ấy là vì rao giảng sứ điệp về Chúa Giê-xu Cơ Đốc mà hiện nay tôi bị tù”
cầu nguyện để tôi có thể công bố sứ điệp đó rõ ràng và để tôi có thể nói những đều tôi phải nói
“cầu nguyện để tôi có thể công bố sứ điệp về Chúa Giê-xu Cơ Đốc cách rõ ràng như tôi phải nói”
Colossians 4:5
Sống khôn ngoan với
“phải khôn khéo với”
những người ngoại
“những người không tin”
sử dụng thời giờ cách khôn ngoan
“phải khôn khéo về mọi việc mình làm”
Lời nói của anh em phải luôn có ân hậu và nêm thêm muối
“Lời nói của anh em phải luôn đầy sự nhân từ và thu hút”
biết anh em phải trả lời như thế nào
“anh em biết phải trả lời những câu hỏi của mọi người về Chúa Cứu Thế Giê-xu ra sao?
Colossians 4:7
Câu nối:
Phao-lô kết thúc với phần hướng dẫn đặc biệt cho những người nhất định cũng như chào thăm đến và từ các cá nhân các tín hữu.
cho anh em biết mọi chuyện về tôi
“nói cho anh em biết mọi chuyện đang diễn ra cho tôi” (Tham khảo bản dịch UDB)
cho em anh em biết
Từ “anh em” ở đây chỉ về các tín hữu Cô-lô-se
người anh em nô lệ
Nô lệ
có thể biết về chúng tôi
Từ “chúng tôi” chỉ về Phao-lô và những người cộng sự của mình, nhưng không phải là các tín hữu Cô-lô-se.
khích lệ lòng anh em
“lòng anh em” là cách diễn đạt chỉ về con người. “khích lệ anh em”
Ô-nê-sim
Ô-nê-sim là nô lệ của Phi-lê-môn tại Cô-lô-se. Người nầy đã trộm tiền của Phi-lê-môn sau đó chạy trốn sang Rô-ma, là nơi ông đã trở nên một Cơ Đốc Nhân nhờ chức vụ của Phao-lô. Bấy giờ, Ty-chi-cơ và Ô-nê-sim là những người mang thư của Phao-lô đến Cô-lô-se.
anh em trung thành và yêu quý
Phao-lô coi Ô-nê-sim là một người anh em trong Chúa và là đầy tớ của Chúa Cứu Thế.
Họ sẽ tỏ cho biết
“Ty-chi-cơ và Ô-nê-sim sẽ nói”
đã xảy ra tại đây
Họ sẽ nói cho các tín hữu Cô-lô-se biết mọi việc đang diễn ra tại nơi Phao-lô hiện đang ở. Có người cho rằng Phao-lô bị quản chế tại gia hoặc là bị cầm tù.
Colossians 4:10
A-ri-tạc
Người nầy đã ở trong tù cùng với Phao-lô tại Ê-phê-sô khi Phao-lô viết lá thư nầy cho người Cô-lô-se

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nếu người đến
“nếu Mác đến”
Giê-xu gọi là Giúc-tu
Đây là một người đàn ông cũng làm việc cùng với Phao-lô.
Trong số những người chịu cắt bì, chỉ có những người nầy cùng làm việc với tôi vì vương quốc của Đức Chúa Trời
Người làm việc vì vương quốc của Đức Chúa Trời
Trong số những người cắt bì chỉ có những người nầy
“Chỉ có A-ri-tạc, Mác và Giúc-tu trong số những người chịu phép cắt bì”
Colossians 4:12
Ê-pháp-ra
Ê-pháp-ra là người đã truyền bá Tin Lành cho những người tại Cô-lô-se (See COL 1:7)
một người trong anh em
“từ thành của anh em” hoặc “người đồng hương với anh em” (Tham khảo bản dịch UDB)
một nô lệ của Chúa Cứu Thế Giê-xu
“một môn đồ tận tâm của Chúa Cứu Thế Giê-xu”
luôn vì anh em mà chiến đấu trong sự cầu nguyện
“nghiêm túc cầu nguyện cho anh em”
để anh em trở nên trọn vẹn và hoàn toàn tin chắc
"anh em được trưởng thành và tin cậy”
Tôi làm chứng cho anh ấy rằng anh em đã làm việc khó nhọc vì anh em
“Tôi đã quan sát thấy người đã làm việc khó nhọc vì anh em” (Tham khảo bản dịch UDB)
những người ở Lao-đi-xê
Hội Thánh tại thành phố Lao-đi-xê. Lao-đi-xê rất gần với Cô-lô-se.
những người ở Hi-e-ra-bô-li
Hội thánh tại thành Hi-e-ra-bô-li.
Đê-ma
Một người cộng sự khác của Phao-lô
chào thăm anh em
“chào anh em”
Colossians 4:15
Hãy chào thăm những anh em
“Hãy chào thăm những người anh em trong Chúa”
ở Lao-đi-xê
Một thành phố rất gần với Cô-lô-se, nơi đó cũng có một Hội Thánh
Nim-pha, cùng Hội Thánh nhóm lại trong nhà bà
Một người phụ nữ tên là Nim-pha là chủ ngôi nhà được dùng làm Hội Thánh ở Lao-đi-xê. Tham khảo cách dịch: “Nim-pha và nhóm tín hữu nhóm lại trong nhà bà” (Tham khảo bản dịch UDB)
đọc giữa anh em
Từ “anh em” ở đây chỉ về các tín hữu Cô-lô-se
Hãy nói với A-chíp: “Hãy chú ý và làm trọn chức vụ mà anh đã nhận nơi Chúa”
Phao-lô nhắc nhở A-chíp về nhiệm vụ mà Đức Chúa Trời đã ban cho ông, và ông, tức là A-chíp, có trách nhiệm trước Chúa là phải làm trọn sứ mạng đó.

Translation Questions

Colossians 4:1
Phao-lô nhắc những người chủ trên đất nầy rằng họ còn có điều gì?
Phao-lô nhắc những người chủ trên đất nầy nhớ rằng họ còn có một Chủ ở trên trời.
Colossians 4:2
Phao-lô muốn các tín hữu phải luôn làm điều gì?
Phao-lô muốn các tín hữu Cô-lô-se phải cứ tiếp tục dốc lòng trong sự cầu nguyện.
Colossians 4:5
Phao-lô hướng dẫn các tín hữu Cô-lô-se phải đối đãi với người ngoài như thế nào?
Phao-lô dạy họ phải ăn ở khôn ngoan, nói lời có ân hậu với những người ngoài.
Colossians 4:7
Nhiệm vụ mà Phao-lô giao cho Ty-chi-cơ và Ô-nê-sim là gì?
Phao-lô giao cho họ nhiệm vụ cho các tín hữu Cô-lô-se biết mọi việc về ông.
Colossians 4:10
Lời hướng dẫn nào mà Phao-lô đưa ra có liên quan đến Mác, em họ của Ba-na-ba?
Phao-lô dặn các tín hữu Cô-lô-se phải tiếp đón Mác nếu ông có đến cùng họ.
Colossians 4:12
Ê-pháp-ra cầu nguyện gì cho các tín hữu Cô-lô-se?
Ông cầu nguyện cho các tín hữu Cô-lô-se để họ có thể được trọn vẹn và hoàn toàn tin cậy trong mọi ý muốn của Đức Chúa Trời.
Colossians 4:15
Hội Thánh tại Lao-đi-xê nhóm họp tại đâu?
Hội Thánh tại Lao-đi-xê nhóm họp tại nhà.

Chapter 1
1 Thessalonians 1:1
Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê gửi đến Hội Thánh
Bản dịch UDB thì nói rõ chính Phao-lô là người đã viết bức thư này
Bình an cho anh em
Từ "anh em" ở đây là các tín hữu tại Tê-sa-lô-ni-ca.
1 Thessalonians 1:2
Chúng tôi luôn cảm tạ Đức Chúa Trời
Đây là cách nói cường điệu. Có thể dịch thành "chúng tôi thường xuyên cảm tạ Đức Chúa Trời"
Chúng tôi luôn
Từ "chúng tôi" chỉ về Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê chứ không nói đến các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
Chúng tôi nhắc đến anh em trong lời cầu nguyện của mình
"chúng tôi cầu nguyện cho anh em"
Chúng tôi hằng nhớ
"chúng tôi thường xuyên nhớ"
Công việc của đức tin
"việc làm của đức tin" hoặc "công việc của anh em cho Đức Chúa Trời vì anh em tin nơi Ngài" (Tham khảo bản dịch UDB)
sự nhẫn nại tin cậy
"sự bền lòng tin cậy"
1 Thessalonians 1:4
Anh em
"anh em cùng đức tin"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúng tôi biết sự kêu gọi của anh em
"chúng tôi biết rằng Đức Chúa Trời đã kêu gọi anh em trở nên dân Ngài" (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc "chúng tôi biết rằng Đức Chúa Trời đã chọn anh em để phục vụ Ngài theo cách đặc biệt"
Chúng tôi biết
Từ "chúng tôi" chỉ về Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê chứ không nói đến các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
Nhưng cũng bằng quyền năng, trong Đức Thánh Linh
Có thể hiểu: 1) "Phao-lô và đoàn của mình rao giảng cách mạnh mẽ vì được ban cho quyền phép bởi Đức Thánh Linh" hoặc 2) "Tin Lành có ảnh hưởng mạnh mẽ trên những người tin bởi sự cáo trách của Đức Thánh Linh"
Với sự tin chắc
"cũng như vậy" (Tham khảo bản dịch UDB)
Loại người
"chúng tôi đã ăn ở ra sao" (Tham khảo bản dịch UDB)
1 Thessalonians 1:6
Anh em đã trở thành người bắt chước
Bắt chước có nghĩa là hành động giống hệt hoặc làm theo. Tham khảo: "Anh em đã noi gương chúng tôi."
Tiếp nhận đạo
"tiếp nhận lời giảng dạy" hoặc "chấp nhận lời giảng dạy"
Trong nhiều khốn khó
"trong suốt thời gian hoạn nạn lớn" hoặc "trong những sự bắt bớ"
A-chai
Một khu vực cổ xưa thuộc La-mã ngày nay.
1 Thessalonians 1:8
Đã vang ra
"đã truyền ra ngoài"
A-chai
Một khu vực cổ xưa thuộc La-mã ngày nay.
Trong mọi miền
"ở nhiều nơi trong vùng"
Vì chính họ
Phao-lô đang nói đến những Hội Thánh vốn đã có ở những vùng phụ cận là những người đã nghe về các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
Vì chính họ
Phao-lô dùng từ "chính họ" để nhấn mạnh đến những người đã nghe về các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
Anh em đã tiếp đãi chúng tôi thể nào
"anh em đã chào đón chúng tôi ân cần thể nào" (Tham khảo bản dịch UDB)
Con Ngài
Đây là một danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu dùng để mô tả về mối quan hệ giữa Ngài với Đức Chúa Trời.
Là Đấng Ngài đã làm cho sống lại
"là Đấng Đức Chúa Trời đã làm cho sống lại"
Là Đấng giải cứu chúng ta
Phao-lô bao gồm luôn các Cơ Đốc Nhân trong từ "chúng ta"

Translation Questions

1 Thessalonians 1:6
Chuyện gì xảy ra cho người Tê-sa-lô-ni-ca khi họ tiếp nhận đạo?
Các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca tiếp nhận đạo giữa nhiều khốn khó.
Thái độ của người Tê-sa-lô-ni-ca khi tiếp nhận đạo ra sao?
Người Tê-sa-lô-ni-ca tiếp nhận đạo với niềm vui trong Đức Thánh Linh.
1 Thessalonians 1:8
Chuyện gì xảy ra với đạo của Chúa sau khi người Tê-sa-lô-ni-ca tiếp nhận đạo?
Đạo của Chúa đã vang ra mọi nơi, đức tin của họ cũng lan truyền khắp nơi.

Chapter 2

1 Thessalonians 2:1
Chính anh em
Từ "anh em" chỉ về các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
Anh em
Ý ở đây nói đến các Cơ đốc nhân, bao gồm nam và nữ, vì tất cả các tín đồ trong Chúa Cứu Thế đều là thành viên trong một gia đình thuộc linh, với Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng của họ.
Việc chúng tôi đến
Từ "chúng tôi" chỉ về Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê chứ không phải các tín hữu tại đó.
Không phải là vô ích
"rất quan trọng"
Chịu đau khổ và bị đối xử các nhục nhã
Phao-lô đã bị đánh và bị giam vào ngục tại Phi-líp. Tham khảo cách dịch: "bị ngược đãi và chịu sỉ nhục"
Giữa nhiều chống đối
"trong khi gặp nhiều sự chống đối dữ dội"
1 Thessalonians 2:3
Vì sự kêu gọi của chúng tôi
Đại từ "chúng tôi" chỉ về Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê
Chẳng phải từ những sai lầm, cũng không từ sự ô uế, cũng chẳng phải để lừa dối
"là chính xác, thanh sách và thành thật"
nhưng Đức Chúa Trời
"nhưng để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời"
Đức Chúa Trời, đấng thử nghiệm lòng chúng tôi
"Đức Chúa Trời là Đấng dò xét tâm trí và công việc của chúng tôi"
1 Thessalonians 2:5
Vì chúng tôi
Đại từ "chúng tôi" hàm ý nói đến Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê nhưng không bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
Dùng như lời xu nịnh
"ca tụng anh em cách giả dối"
cũng không phải viện cớ cho lòng tham
"chúng tôi cũng không dùng lời nói biện minh cho lòng tham muốn anh em quyên góp cho chúng tôi"
Đã có thể đòi hỏi những đặc quyền
"đã có thể khiến anh em đưa cho chúng tôi nhiều thứ"
1 Thessalonians 2:7
Như một người mẹ dỗ dành con mình
Người mẹ nhẹ nhàng dỗ dành con mình ra sao thì Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê cũng nhẹ nhàng khuyên bảo các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca như vậy.
Chúng tôi đã yêu mến anh em

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"chúng tôi yêu thương anh em"

Anh em đã trở nên rất đỗi thân thiết đối với chúng tôi

"chúng tôi hết mực quan tâm anh em"

Anh em

Ý ở đây nói đến các Cơ đốc nhân, bao gồm nam và nữ, vì tất cả các tín đồ trong Chúa Cứu Thế đều là thành viên trong một gia đình thuộc linh, với Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng của họ.

Sự gắng sức và sự khó nhọc của chúng tôi

Hai từ "gắng sức" và "khó nhọc" về cơ bản thì giống nhau. Phao-lô dùng chúng để nhấn mạnh họ đã dốc sức làm việc như thế nào. Tham khảo cách dịch: "chúng tôi đã dốc sức làm việc như thế nào"

Chúng tôi đã làm việc ngày đêm để không trở thành gánh nặng cho người nào trong anh em.

"chúng tôi đã gắng sức làm việc để sống đặng anh em không cần phải chu cấp cho chúng tôi"

1 Thessalonians 2:10

Thánh sạch, công bình và không chỗ trách được

Phao-lô sử dụng ba từ có nét nghĩa cơ bản giống nhau để nhấn mạnh rằng họ đã hành xử rất đúng mực.

Cha đối với với con mình

Phao-lô so sánh người cha dạy dỗ con mình cách hành xử ra sao, cũng vật Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê động viên khích lệ các tín hữu bước đi cách xứng đáng trước mặt Đức Chúa Trời.

Chúng tôi đã động viên khích lệ anh em

Về cơ bản "động viên" và "khích lệ" có nghĩa giống nhau. Phao-lô dùng những từ này để nhấn mạnh họ đã khích nồng nhiệt khích lệ các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca ra sao. Tham khảo cách dịch: "chúng tôi đã hết lòng khích lệ anh em"

Với vương quốc và sự vinh hiển của Ngài

Từ "vinh hiển" mô tả về "vương quốc". Tham khảo cách dịch: "với vương quốc đầy vinh hiển của Ngài"

1 Thessalonians 2:13

Bởi đó chúng tôi cũng hằng tạ ơn Đức Chúa Trời, vì

"Chúng tôi vẫn luôn tạ ơn Đức Chúa Trời vì"

Khi anh em tiếp nhận

Người Tê-sa-lô-ni-ca tin rằng sứ điệp mà Phao-lô rao giảng là đến từ Đức Chúa Trời, chứ không phải từ thẩm quyền của chính ông.

1 Thessalonians 2:14

Anh em

Ý ở đây nói đến các Cơ đốc nhân trong cùng Hội Thánh.

Trở nên những người bắt chước của những Hội Thánh...

Họ cũng trải qua những sự chống đối tương tự từ những người Tê-sa-lô-ni-ca khác giống như các tín hữu đầu tiên đã chịu bắt bớ từ các nhà lãnh đạo Do Thái. Tham khảo cách dịch: "trở nên giống như các Hội Thánh"

Từ những người cùng xứ mình

"từ những người Tê-sa-lô-ni-ca khác"

Họ cấm chúng tôi rao giảng

"Họ cố khiên chúng tôi ngừng rao giảng"

Luôn làm cho tội lỗi mình đầy thêm

"cứ tiếp tục phạm tội"

Cơn thạnh nộ đã giáng trên họ

"sự trừng phạt của Đức Chúa Trời đã giáng trên họ" "cơn giận của Đức Chúa Trời đã giáng trên họ"

1 Thessalonians 2:17

anh em

Ý ở đây nói đến các Cơ đốc nhân trong cùng Hội Thánh.

Xa mặt, chứ không cách lòng

"ở xa nhưng vẫn tiếp tục cầu nguyện cho anh em"

Thấy mặt anh em

"thăm anh em" hoặc "ở cùng anh em"

Tôi là Phao-lô đã một lần rồi lần nữa

"Tôi là Phao-lô đã thử hai lần"

Vì sự tin cậy của chúng tôi là... khi Ngài trở lại?

Tham khảo cách dịch: "Sự tin tưởng của chúng tôi về tương lai, sự vui mừng và mão triều thiên chính là anh em và những người khác khi Chúa Giê-xu, Chúa chúng ta trở lại"

Translation Questions

1 Thessalonians 2:13

Người Tê-sa-lô-ni-ca tiếp nhận sứ điệp mà Phao-lô rao giảng cho họ ở dạng nào?

Người Tê-sa-lô-ni-ca tiếp nhận sứ điệp đó như lời của Đức Chúa Trời, chứ không phải như lời của loài người.

1 Thessalonians 2:14

Điều nào những người Do Thái vô tín đã làm không đẹp lòng Đức Chúa Trời?

Những người Do Thái vô tín đã bắt bớ các Hội Thánh tại Giu-đê, giết Chúa Giê-xu và các đấng tiên tri, xua đuổi Phao-lô và cấm ông không được rao giảng cho dân ngoại.

1 Thessalonians 2:17

Tại sao Phao-lô không thể đến thăm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca mặc dầu đó là mong ước của ông?

Phao-lô không thể đến bởi vì Sa-tan đã ngăn trở ông.

Chapter 3

1 Thessalonians 3:1

Chúng tôi không thể chịu thêm được nữa

"chúng tôi không thể chịu được nỗi lo lắng cho anh em thêm nữa". Từ "chúng tôi" chỉ về Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê, không bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.

Tốt nhất là ở lại A-thên một mình.

"tốt nhất là Sin-vanh và tôi ở lại A-thên"

Tốt đẹp

"thích hợp" hoặc "hợp lý"

A-then

Một thành phố thuộc tỉnh A-chai, thuộc La-mã ngày nay.

anh em chúng ta

"những Cơ Đốc Nhân cùng niềm tin với chúng ta"

Không một người nào bị nao núng

"không một người nào lo lắng" hoặc "không một người nào bị nao núng"

Chúng ta được chọn

"chúng ta được định"

1 Thessalonians 3:4

Thật vậy

Tham khảo: "Tất nhiên" hoặc "Chắc chắn"

Chúng tôi ở với anh em

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đại từ "chúng tôi" hàm ý nói đến Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê nhưng không bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.

Chịu sự hoạn nạn

"bị kẻ khác ngược đãi"

Tôi không thể chịu đựng điều này thêm được nữa

Đại từ "Tôi" hàm ý đó là Phao-lô. Tham khảo: "Tôi rất muốn biết."

Tôi đã sai

"Tôi đã sai Ti-mô-thê"

Vô ích

"vô dụng"

1 Thessalonians 3:6

Đến cùng chúng tôi

Từ "chúng tôi" chỉ về Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê chứ không hề nói đến các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.

Tin tức tốt lành về đức tin

"tin tốt về đức tin anh em"

Anh em luôn giữ những kỉ niệm đẹp

"anh em thường xuyên nhớ đến những kỉ niệm đẹp"

Anh em mong mỏi được gặp chúng tôi

"anh em ao ước được gặp chúng tôi"

Anh em

Ý muốn nói "anh em" có nghĩa là các Cơ đốc nhân trong cùng Hội Thánh.

Qua đức tin anh em

"qua đức tin anh em trong Chúa Cứu Thế" hoặc "qua đức tin không ngừng nghỉ của anh em trong Chúa Cứu Thế"

Trong mọi sự gian khổ và hoạn nạn của chúng tôi

Từ "hoạn nạn" giải thích tại sao họ lại "gian khổ". Tham khảo cách dịch: "Trong mọi sử gian khổ mà người ta đã làm khổ chúng tôi"

1 Thessalonians 3:8

"Chúng tôi được khích lệ rất nhiều"

Đại từ "chúng tôi" hàm ý nói đến Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê nhưng không bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca. Tham khảo: "Chúng tôi rất được khích lệ."

Anh em đứng vững

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: "Anh em đã rất tin cậy" (Tham khảo bản dịch UDB)

Làm sao chúng tôi có đủ lời tạ ơn Đức Chúa Trời về anh em, về tất cả những sự vui mừng mà chúng tôi có được trước mặt Đức Chúa Trời chúng ta?

Đây là một câu hỏi tu từ thể hiện lòng biết ơn. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi không đủ lời cảm tạ Đức Chúa Trời về những việc Ngài đã làm cho anh em! Chúng tôi vui mừng hớn hở về anh em khi chúng tôi cầu nguyện với Đức Chúa Trời chúng ta."

Đêm ngày

"thường xuyên"

Rất nhiều

"nhiệt thành"

Thấy anh em

"thăm viếng anh em"

1 Thessalonians 3:11

Nguyện xin Đức Chúa Trời chúng ta

"chúng tôi cầu nguyện với Đức Chúa Trời chúng ta rằng"

Nguyện xin Đức Chúa Trời chúng ta.. Đức Chúa Cứu Thế Giê-xu chúng ta

Đại từ sở hữu "của chúng ta" mang hàm ý nói đến tất cả các tín hữu.

Chính Ngài là Đức Chúa Cha

Từ "chính Ngài" chỉ ngược lại "Đức Chúa Cha" để nhấn mạnh

Dẫn đường chúng tôi đến với anh em

Đại từ sở hữu "của chúng tôi" hàm ý nói đến Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê nhưng không bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.

Chúng tôi cũng làm

Đại từ "chúng tôi" hàm ý nói đến Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê nhưng không bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.

Nguyện Ngài làm

"Chúng tôi cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ làm"

Trong sự hiện đến của Đức Chúa Giê-xu Chúa chúng ta

"khi Chúa Giê-xu trở lại đất"

Với tất cả các thánh đồ của Ngài

"cùng với tất cả những người thuộc về Ngài" (Tham khảo bản dịch UDB)

Translation Questions

1 Thessalonians 3:1

Mặc dầu bị bỏ lại A-thên, Phao-lô đã làm gì?

Phao-lô sai Ti-mô-thê đến để làm cho các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca được vững vàng và an ủi họ.

1 Thessalonians 3:6

Điều gì đã an ủi Phao-lô khi Ti-mô-thê trở về từ Tê-sa-lô-ni-ca?

Phao-lô được an ủi khi nghe tin mừng về đức tin và tình yêu thương của các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca cũng như biết họ mong muốn được gặp ông.

1 Thessalonians 3:8

Phao-lô cho rằng ông sẽ sống nếu các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca làm gì?

Phao-lô cho rằng ông sống nếu các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca đứng vững trong Chúa.

Chapter 4

1 Thessalonians 4:1

Anh em

Từ "anh em" ở đây có nghĩa là các Cơ đốc nhân trong cùng Hội Thánh.

Chúng tôi khích lệ và cổ vũ anh em

Ở đây, từ "chúng tôi" chỉ về Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê chứ không hề nói đến các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca. Về cơ bản thì hai từ "khích lệ" và "cổ vũ" là giống nhau. Phao-lô sử dụng hai từ này để nhấn mạnh mấy người bọn họ đã cổ vũ các tín hữu nhiệt thành ra sao. Tham khảo cách dịch: "chúng tôi hết lòng khích lệ anh em"

Anh em đã nhận những lời dạy bảo từ

"anh em được dạy bởi"

Anh em phải bước đi

Từ "bước đi" là cách diễn tả cách mà một người phải sống. Tham khảo cách dịch: "anh em phải sống"

1 Thessalonians 4:3

Anh em lánh xa sự gian dâm

"anh em phải tránh xa các việc làm gian dâm"

Biết cách giữ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"biết cách sống với"

Đam mê dục vọng

"ước muốn tình dục trái lẽ"

Không một người nào

"không ai" hoặc "không người nào"

Vi phạm và làm hại

Cặp từ này nói về cùng một ý theo hai cách khác nhau để củng cố cho khái niệm này. Tham khảo cách dịch: "làm thiệt hai"

Chúa là Đấng báo oán

"Chúa sẽ trừng phạt kẻ nào vi phạm và bảo vệ những người bị hại"

Nói trước cùng anh em và đã làm chứng rồi

"nói cho anh em và ra sức cảnh báo anh em không được làm"

1 Thessalonians 4:7

Đức Chúa Trời không gọi chúng ta đến sự ô uế, nhưng Ngài gọi chúng ta đến sự nên thánh.

"Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta trở nên hoàn toàn thánh sạch"

Đức Chúa Trời không gọi chúng ta

Từ "chúng ta" chỉ đến toàn thể các tín hữu.

Người nào chối bỏ điều này

"người nào xem thường lời dạy này" hoặc "người nào phớt lờ lời dạy này"

1 Thessalonians 4:9

Tình huynh đệ

"tình yêu thương giữa các tín hữu với nhau"

Anh em làm vậy cho tất cả anh em khắp miền Ma-xê-đoan

"anh em bày tỏ tình yêu thương đến các tín hữu toàn xứ Ma-sê-đoan"

Anh em

Từ ngữ "anh em" ở đây có nghĩa là các Cơ đốc nhân trong cùng Hội Thánh.

Khao khát

"cứ tiếp tục" hoặc "gắng sức"

Chăm lo công việc riêng của mình

Ý ở đây có nghĩa là không can thiệp vào việc của người khác. Tham khảo: "chú tâm lo cho việc riêng mình."

Tự tay làm việc

"làm công việc của anh em để trang trải cho những nhu cầu sống"

Bước đi cách hẳng hoi

"Hành xử cách tôn trọng và xứng đáng"

Những người ngoại

"những người không tin nơi Chúa Cứu Thế"

Anh em không cần gì cả

"anh em không thiếu thốn gì"

1 Thessalonians 4:13

Chúng tôi không muốn anh em hiểu sai

"Chúng tôi muốn anh em hiểu"

Chúng tôi không

Đại từ "chúng tôi" hàm ý nói đến Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê nhưng không bao hàm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.

Anh em

Từ ngữ "anh em" ở đây có nghĩa là các Cơ đốc nhân trong cùng Hội Thánh.

Ngủ

Từ này có nghĩa là "đã chết."

Anh em không đau buồn

"anh em không than khóc"

Nhưng những người không có niềm hi vọng khác

"như những người không tin"

Nếu chúng ta tin

Đại từ "chúng ta" chỉ về Phao-lô và những người nghe ông

Sống lại

"lại được sống"

Đem những những người đã ngủ trong Chúa Giê-xu theo với Ngài

"sẽ làm sống lại những tín đồ đã chết trong danh Chúa Giê-xu khi Ngài tái lâm." "ngủ là một lối nói uyển ngữ mang hàm ý là đã chết."

Vì đây là lời chúng tôi nói

Đại từ "chúng tôi" hàm ý nói đến Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê nhưng không bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.

Trong sự trở lại của Chúa

"vào ngày Chúa Cứu Thế trở lại"

Chắc chắn sẽ không lên trước

"chắc chắn sẽ không đi trước"

1 Thessalonians 4:16

Chính Chúa sẽ hiện xuống

"Chính Chúa sẽ ngự xuống"

Thiên sứ trưởng

"vị thiên sứ đứng đầu"

Những kẻ chết trong Chúa Cứu Thế sẽ sống lại trước hết

Ý ở đây nói đến những người đã chết về mặt thân xác.

"Những ai tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu, nhưng những người đã chết sẽ sống lại trước nhất."

Chúng ta là những người còn sống

Đại tư "chúng ta" chỉ đến toàn thể tín hữu

Với họ

Đại từ "họ" mang hàm ý nói đến những tín đồ đã qua đời.

Đuổi kịp trong những đám mây để gặp Chúa nơi không trung

"gặp Chúa trên không trung"

Translation Questions

1 Thessalonians 4:1

Phao-lô muốn các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca làm gì với những lời ông đã dạy họ về cách phải sống và làm đẹp lòng Đức Chúa Trời?

Phao-lô muốn các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca cứ tiếp tục sống đẹp lòng Đức Chúa Trời, và thậm chỉ còn phải tấn tới hơn nữa.

1 Thessalonians 4:3

Phao-lô cho rằng ý muốn của Đức Chúa Trời đối với các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca là gì?

Phao-lô cho rằng ý muốn của Đức Chúa Trời cho người Tê-sa-lô-ni-ca là sự thánh sạch của họ.

1 Thessalonians 4:9

Điều gì các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca đang làm mà Phao-lô muốn họ phải làm nhiều hơn nữa?

Phao-lô muốn các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca phải yêu thương nhau nhiều hơn nữa.

1 Thessalonians 4:13

Các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca có thể hiểu lầm về vấn đề nào?

Các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca có thể đã hiểu lầm về những việc xảy ra với những người đã ngủ.

1 Thessalonians 4:16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa sẽ ngự xuống từ trời như thế nào?

Chúa sẽ ngự xuống từ trời với tiếng hô lớn và với tiếng kèn của Đức Chúa Trời.

Những ai sẽ sống lại trước hết, và tiếp đến những người nào sẽ cùng sống lại với họ?

Những kẻ chết trong Chúa Cứu Thế sẽ sống lại trước hết, kế đó những người đang sống sẽ được cất lên cùng họ.

Chapter 5

1 Thessalonians 5:1

Thì giờ và thời kỳ

"thời điểm lúc Chúa Giê-xu sẽ trở lại" (Tham khảo bản dịch UDB)

Anh em

Từ ngữ "anh em" ở đây nói đến các Cơ đốc nhân trong cùng Hội Thánh.

Kỹ càng

"rất rõ" hoặc "rất chính xác" (Tham khảo bản dịch UDB)

Giống như kẻ trộm trong đêm

Như một người không biết kẻ trộm sẽ đột nhập vào nhà mà ăn trộm vào đêm nào, chúng ta cũng không biết Ngài Chúa sẽ đến "cách thình lình"

Khi họ nói

"khi người ta nói"

Sự hủy diệt thình lình

"thì sự hủy diệt bất ngờ"

Như con đau chuyển dạ xảy đến cho người phụ nữ mang thai

Giống như cơn đau chuyển dạ của người phụ nữ mang thai đến cách thình lình và cứ tiếp diễn cho đến khi sinh xong, sự hủy diệt cũng sẽ đến như vậy và họ sẽ không thể tránh được.

1 Thessalonians 5:4

thưa anh em, anh em không sống trong sự tối tăm

Từ ngữ "anh em" ở đây có ý nói đến những Cơ đốc nhân trong cùng Hội Thánh. "Anh em chẳng thuộc về thế giới gian ác này, nghĩa là anh em không sống trong sự tối tăm"

nên nỗi ngày đó xảy đến thình lình với anh em như kẻ trộm

Ngày Chúa trở lại sẽ không phải là một sự kiện đáng ngạc nhiên như khi kẻ trộm đột nhập vào nhà nạn nhân. "xảy đến với anh em khi chưa sẵn sàng."

Anh em là con của sự sáng... không phải là con của bóng tối

"con của sự sáng" chỉ về những người theo Chúa Cứu Thế và "con của bóng tối" chỉ về những người sống theo thế gian nầy.

Chúng ta chớ ngủ như những kẻ khác vẫn làm

Phao-lô coi việc ngủ say như việc không nhận thức được rằng Chúa Giê-xu sẽ trở lại để xét đoán thế gian. Tham khảo cách dịch: "Chúng ta chớ như những kẻ không nhận biết suwj trở lại của Chúa Giê-xu"

Chúng ta chớ

Đại từ "chúng ta" bao gồm Phao-lô và tất cả các tín hữu.

Đề phòng và tỉnh táo

Người tin Chúa Cứu Thế phải trông chừng về sự tái lâm của Ngài và phải biết tiết độ.

Vì những kẻ ngủ thì ngủ ban đêm

Như khi đêm, khi người ta đi ngủ vaf không còn biết chuyện gì đang xảy ra, thế gian này cũng vậy, họ không biết rằng Chúa Cứu Thế sẽ trở lại.

Những kẻ say thì say ban ngày

Phao-lô xem việc vào ban ngày người ta thường say xỉn như việc người ta không nhận thức được sự trở lại của Chúa Cứu Thế sống cuộc đời buông tuồng.

1 Thessalonians 5:8

Con của ban ngày

Đây là cách nói về những người tin nơi Chúa Cứu Thế. Tham khảo cách dịch: "những người tin nơi Chúa Cứu Thế" hoặc "người của sự sáng"

Chúng ta phải tỉnh táo

"chúng ta phải luôn biết tự chủ"

Mặc áo giáp bằng

Như một người lính sẽ mặc áo giáp để bảo về thân thể mình, một người sống bởi tức tin và tình yêu thương cũng sẽ tìm sự che chắn. Tham khảo cách dịch: "bảo bảo vệ chính mình bằng"

Làm mũ trận

Một cái mũ trận bảo về đầu của người lính như thế nào thì sự đảm bảo của sự cứu rỗi sẽ bảo vệ người tin Chúa thể ấy. Tham khảo cách dịch: "và biết"

Nhưng để hưởng được sự cứu rỗi

"nhưng để nhận được sự cứu rỗi"

Chúng ta hoặc thức hoặc ngủ

"chúng ta hoặc còn sống hay đã chết"

Gây dựng nhau

"khích lệ nhau"

1 Thessalonians 5:12

Anh em

Từ ngữ "anh em" ở đây có nghĩa là các tín hữu trong cùng Hội Thánh.

Hãy tỏ lòng biết ơn đến những người đang làm

Kính mến và cảm kích trước những người tham gia vào việc lãnh đạo hội thánh địa phương tại đó

Những người nhân danh Chúa mà lãnh đạo anh em

Đây là những người đã được chỉ định để phục vụ như các trưởng lão và mực sư tại các nơi thờ phượng địa phương của các tín hữu.

Hãy hết lòng yêu thương mà tôn kính họ

Tham khảo: "kính trọng và tôn trọng họ đối với công việc của họ vì anh em yêu thương họ"

1 Thessalonians 5:15

Hãy vui mừng mãi mãi, cầu nguyện không thôi, làm việc gì cũng phải tạ ơn

Phao-lô đang coi những người tin Chúa cứ giữ thái độ thuộc linh là vui mừng trong mọi sự, thận trọng trong lời cầu nguyện và luôn bày tỏ lòng biết ơn trong mọi việc.

1 Thessalonians 5:19

Chớ dập tắt Thánh Linh

"Chớ ngăn cản Thánh Linh làm việc trong anh em"

Chớ khinh dể các lời tiên tris

"Chớ có sự coi thường các lời tiên tri" hoặc "chớ ghét điều nào Thánh Linh bày tỏ cho người nào đó"

Phải xem xét mọi việc

"Phải đảm bảo rằng mọi lời tiên tri đều là thật và đến từ Đức Chúa Trời"

1 Thessalonians 5:23

dâng anh em cho Ngài một cách trọn vẹn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Tham khảo: "biệt riêng anh em" hoặc "khiến anh em lánh xa khỏi tội lỗi, đặng không phạm tội" (bản UDB)

Cả tâm linh, linh hồn và thể xác của anh em

Đây là lối nói song song, trong đó các thuật ngữ "linh," "hồn," và "thân" có ý nghĩa tương tự nhưng được dùng ở đây để nhấn mạnh.

Được giữ cho không chỗ trách được

"được giữ khỏi phạm tội cho đến khi"

Thành tín thay là Đấng gọi anh em

Tham khảo cách dịch: "Đấng gọi anh em là thành tín"

Chính Ngài cũng sẽ làm điều đó

"chính Ngài đang giúp đỡ anh em"

Translation Questions

1 Thessalonians 5:4

Tại sao Phao-lô lại cho rằng ngày của Chúa không nên xảy đến với những người tin Chúa thình lình như kẻ trộm?

Bởi vì những người tin Chúa không ở trong bóng tối, nhưng là con của sự sáng, nên ngày của Chúa không xảy đến với họ thình lình như kẻ trộm.

1 Thessalonians 5:8

Phao-lô bảo các tín hữu làm gì đối với ngày Chúa trở lại?

Phao-lô khuyên các tín hữu phải thức canh và phải tỉnh táo, phải mặc lấy đức tin, tình yêu thương và hi vọng.

1 Thessalonians 5:12

Phao-lô khuyên các tín hữu phải có thái độ như thế nào đối với những người có vị trí cao hơn mình trong Chúa?

Phao-lô khuyên các tín hữu phải tỏ lòng biết ơn và kính trọng họ trong tình yêu thương.

1 Thessalonians 5:15

Phao-lô dạy rằng không ai được làm gì cho những kẻ làm ác với mình?

Phao-lô dạy rằng không ai được phép lấy ác trả ác cho ai.

1 Thessalonians 5:23

Phao-lô cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ làm gì cho những người tin Ngài?

Phao-lô cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ thánh hóa các tín hữu cách toàn diện, cả về tâm linh, linh hồn lẫn thân thể.

Chapter 1

2 Thessalonians 1:1

Sin-vanh

"Sin-vanh" là từ theo tiếng La-tinh của "Si-la". Ông cũng chính là Si-la, người đồng hành với Phao-lô trong sách Công-vụ Các sứ-đồ.

Anh em

"anh em" ở đây chỉ các tín hữu tại Hội Thánh Tê-sa-lô-ni-ca.

2 Thessalonians 1:3

Chúng ta phải

"Chúng ta" ở đây chỉ Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê, không bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.

Luôn cảm tạ Đức Chúa Trời

"thường xuyên cảm tạ Đức Chúa Trời"

Đối với nhau

"đối với những người cùng đức tin trong Hội Thánh của anh em"

Vì anh em

Nói đến các tín hữu tại Tê-sa-lô-ni-ca.

Vì điều nầy là thích đáng

"vì đây là điều đáng phải làm" hoặc "vì đây là điều đúng"

Hướng đến nhau

"Hướng đến những người tin"

Chính bản thân chúng tôi

Đại từ phản thân "chính chúng tôi" được dùng ở đây để nhấn mạnh về niềm tự hào của Phao-lô. Một số bản dịch chỉ để "chúng tôi".

Những bắt bớ và hoạn nạn

Về cơ bản, những từ này có nghĩa giống nhau. Phao-lô dùng cả hai từ để nhấn mạnh ý họ đã chịu đau đớn nặng nề dường nào.

Để anh em được kể là xứng đáng

Để Đức Chúa Trời coi anh em có giá trị cho Ngài trong vương quốc của Ngài.

2 Thessalonians 1:6

Sự công bình thuộc về Đức Chúa Trời

"Đức Chúa Trời ngay thẳng" hoặc "Đức Chúa Trời công bình"

Và cứu giúp anh em

Tham khảo: "và vì Đức Chúa Trời sẽ cứu giúp anh em"

Các thiên sứ của quyền năng Ngài

Các sứ giả đầy quyền năng của Đức Chúa Trời

Giữa ngọn lửa hừng, Ngài sẽ báo thù

"Rồi Ngài sẽ trừng phạt với lửa hừng" (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc "Cứu Chúa Giê-xu sẽ trừng phạt bằng lửa hừng"

2 Thessalonians 1:9

Họ sẽ chịu

"Những người không vâng theo Tin Lành sẽ chịu đau khổ"

Khi Ngài đến trong ngày đó

Khi Chúa Giê-xu đến trong Ngày của Chúa

để được tán dương bởi các thánh đồ Ngài

Tham khảo: "các thánh đồ Ngài sẽ tôn vinh Ngài"

Được vinh hiển bởi các thánh đồ

Cụm bị động này có thể được phát biểu lại thành "Những người tin Chúa Giê-xu sẽ ca ngợi Ngài"

Vì anh em

Vì các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca

được chiêm ngưỡng bởi những người tin Ngài

Tham khảo: "tất cả những ai tin Ngài sẽ kinh ngạc" hoặc "tất cả những ai đã tin sẽ kính phục Ngài"

2 Thessalonians 1:11

Vì lẽ ấy chúng tôi luôn luôn cầu nguyện cho anh em

"Chúng tôi cũng thường cầu nguyện cho anh em"

Chúng tôi

Đại từ "chúng tôi" chỉ về Phao-lô, Sin-vanh và Ti-mô-thê

Anh em

Tất cả các đại từ danh xưng ngôi thứ hai số nhiều "you" đều nói đến các tín hữu tại Hội Thánh Tê-sa-lô-ni-ca.

Sự kêu gọi

Ý ở đây là Đức Chúa Trời đã chỉ định hoặc chọn họ làm con cái Ngài, là đầy tớ của Ngài và là những người rao báo sứ điệp cứu rỗi của Ngài qua Chúa Giê-xu.

Làm trọn mọi ước muốn tốt lành

"khiến anh em make you able to do good in every way that you desire". (ULB)

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Để danh của Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-xu nhờ anh em mà được vinh hiển
"để anh em làm vinh hiển danh của Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-xu”

Và anh em nhờ Ngài mà được vinh hiển
"và Chúa Giê-xu làm cho anh em được vinh hiển”
Nhờ ân điển nơi Đức Chúa Trời của chúng ta
"nhờ ân điển của Đức Chúa Trời chúng ta”

Translation Questions

2 Thessalonians 1:3
Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời về hai điều gì ở Hội Thánh tại Tê-sa-lô-ni-ca?
Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời về sự tăng trưởng đức tin và tình yêu thương nhau của các tín hữu tại đó.
2 Thessalonians 1:6
Đức Chúa Trời sẽ làm gì đối với những kẻ gây đau khổ cho các tín hữu?
Đức Chúa Trời sẽ làm đau khổ những kẻ đã làm đau khổ các tín hữu, và Ngài sẽ trừng phạt họ bằng lửa hừng.
2 Thessalonians 1:9
Hình phạt cho những kẻ không chịu nhận biết Đức Chúa Trời sẽ kéo dài trong bao lâu?
Hình phạt cho những kẻ không chịu nhận biết Đức Chúa Trời sẽ kéo dài đời đời.
Một phần của án phạt dành cho những kẻ không chịu nhận biết Đức Chúa Trời là họ sẽ bị phân rẽ khỏi khỏi điều gì?
Những kẻ không chịu nhận biết Đức Chúa Trời sẽ bị phân rẽ khỏi sự hiện diện của Chúa như một phần trong hình phạt dành cho họ.
2 Thessalonians 1:11
Kết quả cho những công việc tốt lành của đức tin mà các tín hữu đã làm trong quyền năng của Đức Chúa Trời là gì?
Kết quả cho những công việc tốt lành của họ ấy là danh của Chúa Cứu Thế Giê-xu, Cứu Chúa chúng ta được vinh hiển.

Chapter 2

2 Thessalonians 2:1
Bấy giờ
Phao-lô dùng từ này để chuyển ý trong đề tài ông đang nói.
chúng tôi xin anh em
Từ ngữ “chúng tôi” nói đến Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê.
Tham khảo: “Tôi nài xin anh em.” (bản ULB)
Anh em
“anh em” ở đây nói đến các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca
Anh em
Từ này có nghĩa là các Cơ đốc nhân trong Hội Thánh.
đặng anh em không dễ bị bối rối hoặc phiền muộn
Tham khảo: “đặng anh em không dễ bị phiền muộn bởi những sự này”
bởi thông điệp, hoặc thư nào như thể do chúng tôi đã viết
"bởi lời nói hoặc thư từ như thế đến từ chúng tôi”
ngày của Chúa
Ý ở đây nói đến ngày Chúa đoán xét những người chống nghịch lại Đức Giê-hô-va và khước từ Đấng Cứu Thế.
2 Thessalonians 2:3
Lừa dối anh em
Nói đến các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca
Ngày ấy sẽ chẳng đến
"Ngày của Chúa sẽ chẳng đến”
Và kẻ bất chấp luật pháp phải lộ ra
"và Đức Chúa Trời sẽ phơi bày những kẻ bất chấp luật pháp”
Đứa con của sự hủy diệt
"kẻ hủy diệt mọi thứ mình có thể hủy diệt” hoặc “Kẻ Hủy Diệt”.
Tất cả những gì người ta xưng là Đức Chúa Trời hoặc thờ lạy chúng nó
Tham khảo: “những gì được người ta xem là thần và những gì được người ta thờ lạy” (bản ULB)
2 Thessalonians 2:5
Anh em không nhớ rằng
Câu hỏi tu từ này được dùng để nhắc các tín hữu về những lời dạy của Phao-lô. Có thể được dịch thành: “Ta tin chắc anh em còn nhớ”
Những việc nầy
Nói về sự trở lại của Chúa Giê-xu, Ngày của Chúa, và kẻ gian ác.
kẻ ấy sẽ chỉ xuất hiện vào đúng thời điểm của nó
Tham khảo: “Đức Chúa Trời sẽ để kẻ vô luật đó xuất hiện vào đúng thời điểm”
Sự mầu nhiệm của điều bội nghịch
Ý ở đây nói đến sự mầu nhiệm thiêng liêng mà chỉ Đức Chúa Trời mới có thể mặc khải.
2 Thessalonians 2:8
Bấy giờ kẻ bất chấp luật pháp sẽ lộ ra
"Bấy giờ Đức Chúa Trời sẽ phơi bày kẻ bất chấp luật pháp”.
Kẻ bất chấp luật pháp là tên gọi khác của AntiChirst.
bằng hơi thở của miệng Ngài
"bằng quyền năng từ lời phán của Ngài”
Hủy diệt nó bằng hào quang trong sự hiện đến của Ngài
Chúa Giê-xu sẽ hủy diệt kẻ bất chấp luật pháp khi Ngài hiện đến trong sự trở lại của mình.
Kẻ bất chấp luật pháp sẽ đến bởi công việc của quỷ Sa-tan
Sa-tan sẽ cho phép Kẻ bất chấp luật pháp hành động trong tất cả năng quyền, dấu kỳ và phép lạ giả dối.
2 Thessalonians 2:11
Vì lí do này
"Bởi vì con người không yêu mến lẽ thật”
Đức Chúa Trời phó mặc họ cho sự lầm lạc, khiến họ tin vào điều giả dối
"Đức Chúa Trời cho phép kẻ bất chấp luật pháp lừa dối họ”
Để rồi hết thảy những kẻ đó đều sẽ bị kết án
"và Đức Chúa Trời sẽ kết án họ”
những kẻ không tin lẽ thật nhưng tỏ lòng vui thích trong sự không công chính
“những kẻ vui thích trong sự bất chính vì họ không tin lẽ thật”
2 Thessalonians 2:13
Nhưng
Phao-lô dùng từ này để chuyển ý trong chủ đề đang nói.
Chúng tôi phải luôn luôn cảm tạ
"Chúng tôi phải thường xuyên cảm tạ”
Chúng tôi
Đại từ “chúng tôi” chỉ về Phao-lô, Si-la và Ti-mô-thê
Anh em
Từ “anh em” ở số nhiều, chỉ các tín hữu tại Hội Thánh Tê-

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

sa-lô-ni-ca.
Anh em yêu dấu của Chúa
"vì Chúa yêu anh em”
Anh em
Ý ở đây nói đến những Cơ đốc nhân trong Hội Thánh.
Là trái đầu mùa của sự cứu rỗi
"trở thành một trong số những người đầu tiên tin nhận Ngài” (Tham khảo bản dịch ULB)
Trong sự thánh hóa của Đức Thánh Linh
"Đức Chúa Trời cứu và biệt riêng anh em cho Ngài bởi công việc của Thánh Linh Ngài” (Tham khảo bản dịch ULB)
Lòng tin vào chân lý
"lòng tin cậy nơi lẽ thật” hoặc “đã tin nơi lẽ thật”
Vâng giữ những truyền thống
Những truyền thống này chính là những lời dạy dỗ được truyền xuống (được dạy dỗ) bởi Phao-lô và cũng có thể bởi các sứ đồ khác liên quan đến các lẽ thật của Chúa Cứu Thế. Tham khảo: “ghi nhớ những lẽ thật.”
Anh em đã được dạy
"chúng tôi đã dạy cho anh em” (Tham khảo bản dịch ULB)
Bằng lời nói hoặc bằng thư từ của chúng tôi
Bằng những điều mà đích thân chúng tôi đã dạy cho anh em hoặc những lời chúng tôi đã viết trong thư gửi đến cho anh em.
2 Thessalonians 2:16
Bấy giờ
Đánh dấu sự thay đổi chủ đề
Cầu xin Chúa của chúng ta... đã yêu chúng ta và ban cho chúng ta
Đại từ “của chúng ta” và “chúng ta” bao gồm tất cả những người tin Chúa.
Chính mình Chúa, là Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc
"chính mình” được thêm vào để nhấn mạnh cụm “Chúa, là Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc”
Yên ủi và khiến anh em vững lòng trong
Đại từ sở hữu “của anh em” hàm ý nói đến các tín hữu ở hội thánh Tê-sa-lô-ni-ca. “yên ủi anh em và thêm sức cho anh em.”

Translation Questions

2 Thessalonians 2:1
Phao-lô nói rằng bấy giờ ông sẽ viết về sự kiện nào?
Phao-lô nói rằng ông sẽ viết những điều liên quan đến sự trở lại của Chúa Cứu Thế Giê-xu.
2 Thessalonians 2:3
Phao-lô viết điều gì phải xảy ra trước Ngày của Chúa?
Sự bội đạo và sự phô bày kẻ bất chấp luật pháp phải đến trước Ngày của Chúa.
2 Thessalonians 2:8
Khi Chúa Giê-xu trở lại, Ngài sẽ làm gì đối với kẻ bất chấp luật pháp?
Khi Chúa Giê-xu trở lại, Ngài sẽ hủy diệt kẻ bất chấp luật pháp.
2 Thessalonians 2:13
Đức Chúa Trời đã ban cho các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca điều gì qua Tin Lành?
Đức Chúa Trời khiến các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca nhận được sự vinh hiển của Chúa Cứu Thế Giê-xu qua Tin Lành.

Chapter 3

2 Thessalonians 3:1
Bây giờ
Phao-lô dùng từ “bây giờ” để chuyển ý trong chủ đề đang nói.
Anh em
Ý ở đây nói đến các Cơ đốc nhân trong Hội thánh.
Cầu nguyện cho chúng tôi.. để chúng tôi
Đại từ “chúng tôi” chỉ về Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê nhưng không bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
Đạo Chúa được truyền bá nhanh chóng
Để nhiều người sẽ được nghe sứ điệp về Chúa Giê-xu, Cứu Chúa chúng ta
Được ca ngợi
Đặng người ta sẽ tôn trọng sứ điệp về Chúa Cứu Thế, Cứu Chúa chúng ta
ở cùng anh em... làm cho anh em mạnh mẽ
nói đến các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
đặng chúng tôi được giải thoát
"đặng Đức Chúa Trời sẽ giải cứu chúng tôi” hoặc “đặng Đức Chúa Trời sẽ giải thoát chúng tôi”
Đấng sẽ làm cho anh em mạnh mẽ
"Đấng sẽ thêm sức trên anh em”
Kẻ gian ác
“là quỷ Sa-tan”
2 Thessalonians 3:4
Chúng tôi tin chắc
Đại từ “chúng tôi” hàm ý nói đến Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê nhưng không bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
Trong Chúa
"hiệp lại trong Chúa” (Tham khảo bản dịch ULB)
Về việc
"về”
Anh em
Từ “anh em” và “của anh em” chỉ các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
Hướng dẫn tấm lòng anh em
Cách diễn đạt nói về chính các tín hữu, chứ không đơn thuần là một phần của cơ thể, “hướng dẫn lòng anh em” “soi dẫn anh em” hoặc “hướng dẫn anh em”
2 Thessalonians 3:6
Bấy giờ
Phao-lô dùng từ này để chuyển ý trong chủ đề đang nói.
Nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-xu chúng ta
Phao-lô xác nhận rằng đây chính là điều Chúa Giê-xu muốn họ thực hiện.
Chúng tôi truyền... từ chúng tôi
Hai từ “chúng tôi” đều chỉ về Phao-lô, Si-la và Ti-mô-thê.
Truyền cho anh em...anh em tránh
Từ “anh em” chỉ về các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.
Anh em
Ý ở đây nói đến các Cơ đốc nhân trong Hội Thánh.
Chúa chúng ta
Từ “chúng ta” chỉ về các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca
Sống biếng nhác
"lười biếng và không chịu làm việc” (Tham khảo bản dịch

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ULB)

Bắt chước chúng tôi

"sống theo chúng tôi”

lao động vất vả và gian khổ

Lao động vất vả mang hàm ý là công việc đòi hỏi phải nỗ lực nhiều. Gian khổ có hàm ý là những điều kiện rất khó khăn. Tham khảo: “chúng tôi đã làm việc rất vất vả trong những hoàn cảnh khốn khó.”

Đêm ngày

"cả đêm lẫn ngày” hoặc “suốt cả ngày”

Ấy chẳng phải là chúng tôi không có quyền

“Chúng tôi hẳn nhiên có quyền”

2 Thessalonians 3:10

Khi chúng tôi còn

Đại từ “chúng tôi” bao gồm Phao-lô, Sin-vanh, và Ti-mô-thê.

với anh em

Đại từ “anh em” bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.

Những kẻ sống lười biếng

"những kẻ sống nhàn rỗi, biếng nhác” hoặc “những kẻ lười biếng”

Giữ yên lặng

"cách kín đáo, yên lặng và lịch sự”

2 Thessalonians 3:13

Nhưng

Phao-lô dùng từ này để làm đối lập hình ảnh giữa những tín hữu biếng nhác và những tín hữu siêng năng.

thưa anh em, về phần anh em

Từ ngữ “anh em” bao gồm các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca.

Chớ ngã lòng

“chớ nản lòng” hoặc “chớ dừng”

Hãy lưu ý người

"công khai chỉ rõ người đó trước mọi người” (Tham khảo bản dịch ULB)

Translation Questions

2 Thessalonians 3:1

Phao-lô muốn các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca cầu nguyện điều gì liên quan đến đạo Chúa?

Phao-lô muốn các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca cầu nguyện rằng đạo Chúa sẽ truyền ra nhanh chóng và được vinh hiển.

2 Thessalonians 3:4

Phao-lô khuyên các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca phải tiếp tục làm điều gì?

Phao-lô khuyên các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca phải tiếp tục làm những việc mà ông đã truyền cho họ.

2 Thessalonians 3:6

Các tín hữu sẽ phải làm gì với những người anh em sống biếng nhác?

Các tín hữu sẽ phải lánh xa những người anh em sống biếng nhác.

2 Thessalonians 3:10

Phao-lô đã truyền dạy điều gì liên quan đến những người không muốn làm việc?

Phao-lô truyền dạy rằng những người không muốn làm việc thì cũng đừng ăn.

Chapter 1

1 Timothy 1:1

Phao-lô

"Từ Phao-lô” hoặc “Tôi, là Phao-lô, viết lá thư này”

Theo mệnh lệnh của

"theo như mệnh lệnh của” hoặc “bởi quyền phép của” hoặc “bởi Đức Chúa Trời đã truyền cho tôi trở nên sứ đồ”

Của chúng ta... của chúng ta... của chúng ta

Phao-lô đang nói về chính ông, Ti-mô-thê và cũng có thể gồm cả những người khác nữa.

Đức Chúa Trời, Cứu Chúa của chúng ta

"Đức Chúa Trời, Đấng đã cứu chúng ta”

Chúa Cứu Thế Giê-xu, niềm hi vọng của chúng ta

“Chúa Cứu Thế Giê-xu, niềm hy vọng của chúng ta” hoặc “Chúa Cứu Thế Giê-xu, Đấng chúng ta trông cậy”

Gửi cho Ti-mô-thê

"Đây là thư gửi cho Ti-mô-thê”

Con thật

Cụm từ này so sánh mối liên hệ gần gũi giữa Ti-mô-thê và Phao-lô như cha với con. Ti-mô-thê không phải là con trai thật sự của Phao-lô, nhưng ông kính trọng, vâng phục cũng như giúp đỡ Phao-lô như cách một người con trai vẫn thường làm đối với cha mình. Tham khảo cách dịch: “Đối với ta, con giống như con thật của ta vậy”

Ân điển, sự thương xót và bình an từ

"Nguyện xin ân điển, sự thương xót và bình an từ... ở cùng con” hoặc “Nguyện con hưởng được sự nhân từ, thương xót và bình an từ”

Đức Chúa Trời là Cha chúng ta

"Đức Chúa Trời, Ngài là Cha của chúng ta”

Và Chúa Cứu Thế Giê-xu Chúa chúng ta

"và Chúa Cứu Thế Giê-xu, Ngài là Chúa của chúng ta”

1 Timothy 1:3

Câu liên kết:

Phao-lô khuyến khích Ti-mô-thê đừng chú tâm đến sự vận dụng sai luật pháp nhưng phải làm theo sự dạy dỗ tốt lành của Đức Chúa Trời.

Ta đã khuyên con

"Như ta đã bảo con” hoặc “như ta đã yêu cầu con” hoặc “Ta đã bảo con”

con

số ít

ở lại Ê-phê-sô

“chờ ta tại đó, trong thành Ê-phê-sô”

Họ cũng không cần phải chú ý

"Họ cũng không cần phải để tâm” hoặc “cũng truyền cho họ không phải chú ý đến”

Gia phả

Gia phả là nơi lưu lại những thông tin về cha mẹ hoặc tổ tiên của một người trên văn bản hoặc bằng lời nói (truyền miệng). Trong văn hóa của người Do Thái, bản gia phả là phần rất quan trọng khi người ta xác minh lại chi phái nào thuộc về dân Y-sơ-ra-ên. Ma-thi-ơ đoạn 1 và Lu-ca đoạn 3 là những thí dụ rõ ràng trong Kinh Thánh.

Những điều gây tranh cãi

"những điều khiến người ta bất bình với nhau”. Người ta tranh cãi về những câu chuyện hoặc những bản gia phả ghi chép về những việc mà không ai có thể chắc chắn được tính chân thật của nó..

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hơn là giúp ích cho chương trình của Đức Chúa Trời
"hơn là xúc tiến chương trình của Đức Chúa Trời" hoặc "hơn là quản lí những điều đến từ Đức Chúa Trời"
Là việc bởi đức tin
"điều nhận được bởi đức tin" hoặc "điều được hoàn thành bởi đức tin"
1 Timothy 1:5
Mục đích của lời răn bảo
"mục đích của lời chỉ dạy" hoặc "những việc mà sứ đồ chúng tôi truyền cho anh em phải làm là gì"
Lời răn bảo
Hoặc "lời ra lệnh". Ở đây, từ này không có có nghĩa những mạng lệnh thời Cựu Ước hoặc Mười Điều Răn nhưng đúng hơn là trách nhiệm đã được Phao-lô giao cho trong 1:3.
Tình yêu thương
Có thể hiểu: 1) "tình yêu thương đối với Đức Chúa Trời" (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc "yêu thương người lân cận mình".
Đến từ tấm lòng trong sạch
"từ lòng khao khát sống trong sạch"
Lương tâm tốt
"lương tâm chọn điều phải lẽ hơn là việc sai trái" hoặc "lương tâm có thể chọn việc phải lẽ hơn là việc sai trái"
Chân thành
"chân thật" hoặc "thành khẩn" hoặc "không giả tạo".
Luật pháp
Ý đề cập đến Luật pháp Môi-se.
Nhưng họ không hiểu
"mặc dầu vậy họ vẫn không hiểu" hoặc "và họ vẫn chưa hiểu được"
Điều mình quả quyết
"điều mình khẳng định" hoặc "điều mình tự tin tuyên bố"
nhưng
"bây giờ"
Chúng ta biết rằng luật pháp là tốt lành
"chúng ta hiểu rằng luật pháp hữu ích" hoặc "chúng ta hiểu rằng luật pháp có ích lợi"
Nếu người ta dùng nó cách hợp pháp
"nếu ai sử dụng nó cách đúng đắn" hoặc "nếu ai sử dụng đúng theo cách nó được lập ra"
1 Timothy 1:9
Và chúng ta biết điều này
"Và rằng, chúng ta biết điều này" hoặc "Bởi vì chúng ta nhận ra điều này" hoặc "chúng ta cũng biết điều này"
Không được đặt ra cho người công bình
"không được lập ra cho người công bình" hoặc "không lập ra cho những người tuân thủ nó" hoặc "không lập ra cho người công bình trước mặt Đức Chúa Trời"
Cho những kẻ giết cha mẹ mình
"cho những kẻ giết cha mình và cũng cho những kẻ giết mẹ mình" hoặc "những kẻ làm bị thương thân thể của cha mẹ mình"
Những kẻ tà dâm
Thực sụ, đây là từ chỉ giống đực cho nghề mại dâm nữ. Ở những chỗ khác, từ này được dùng như hình ảnh ẩn dụ cho những người không trung thành với Đức Chúa Trời, nhưng trong trường hợp này, nghĩa của nó dường như được mở rộng ra bao gồm cả những kẻ ngủ cùng người khác mà không phải là vợ hoặc chồng mình.
Đồng tính luyến ái
"người nam ngủ cùng một người nam khác"
Những kẻ buôn nô lệ
"những kẻ bắt cóc người khác và bán làm nô lệ" hoặc "những kẻ bắt người để bán làm nô lệ"
Tin Lành vinh hiển của Đức Chúa Trời phước hạnh
"Tin Lành về sự vinh hiển thuộc về Đức Chúa Trời phước hạnh" hoặc "Tin Lành của Đức Chúa Trời vinh hiển và phước hạnh"
Là điều mà ta đã được giao phó
"là điều Đức Chúa Trời đã giao phó cho ta chịu trách nhiệm"
1 Timothy 1:12
Câu liên kết:
Phao-lô làm chứng về quá khứ đầy tội lỗi của ông và khích lệ Ti-mô-thê tin cậy Chúa.
tôi cảm tạ
"Tôi biết ơn" hoặc "tôi biết ơn"
Ngài xét thấy ta trung tín
"Ngài xét thấy ta đáng tin cậy" hoặc "Ngài cho rằng ta đáng tin cậy"
Và đặt để ta vào sự phục vụ
"vì vậy Ngài đã chỉ định ta cho chức vụ này" hoặc "bởi vậy Ngài đặt ta vào chỗ phục vụ"
Ta, trước kia vốn là người phạm thượng
"mặc dầu ta nói nghịch cùng Chúa Cứu Thế" hoặc "một người vốn trước kia là người phạm thượng"
Người hung bạo
"người làm tổn thương người khác". Đây là người tin rằng mình có quyền làm người khác bị thương.
Nhưng Chúa thương xót ta vì ta đã có hành động ngu dốt trong sự vô tín
Tham khảo: "Nhưng vì ta không tin Chúa Giê-xu và không nhận biết điều mình đang làm, ta đã nhận ơn thương xót từ Ngài"
Ta đã nhận ơn thương xót
Tham khảo: "Chúa Giê-xu tỏ lòng nhân từ đối với ta" hoặc "Chúa Giê-xu thương xót ta"
Nhưng ân sủng
"Và ân sủng"
Đầy tràn đức tin và tình yêu thương
"được dư dật bội phần" hoặc "được dư dật"
1 Timothy 1:15
Sứ điệp này thật đáng tin cậy
"Lời tuyên bố này là chân thật"
Đáng được mọi người tin nhận
"có thể được tiếp nhận mà không nghi ngờ gì" hoặc "xứng đáng được tiếp nhận với lòng tin tưởng trọn vẹn"
Ta là người đầu tiên được thương xót
"Đức Chúa Trời đã tỏ lòng lòng thương xót cùng tôi trước hết" hoặc "tôi đã nhận đươc ơn thương xót của Đức Chúa Trời trước nhất"
Vua của mọi thời đại
"Vua đời đời" hoặc "Đấng cai trị đời đời"
Được tôn kính và vinh hiển
"Nguyện Ngài được tôn kính và vinh hiển" hoặc "Nguyện người ta sẽ tôn kính quy vinh hiển về Ngài"
1 Timothy 1:18
Ta truyền mạng lệnh này cho con
"Mạng lệnh này ta truyền cho con" hoặc "Ta giao phó mạng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

lệnh này cho con”

con

Từ nầy chung chung hơn “con trai” hoặc “con gái” nhưng vẫn thể hiện được mối liên hệ ruột thịt với người cha. Phao-lô dùng từ này như cách nói ẩn dụ cho tình yêu của ông đối cùng Ti-mô-thê.

Đánh trận tốt lành

"tham gia vào cuộc chiến xứng đáng với nỗ lực bỏ ra” hoặc “ra sức đánh bại kẻ thù”. Đây là hình ảnh ẩn dụ mang nghĩa “nỗ lực làm việc cho Chúa” (Tham khảo bản dịch ULB)

Đã bị sụp đổ đức tin

Phao-lô sử dụng hình ảnh ẩn dụ khác để so sáng tình trạng đức tin của họ với một con tàu đâm phải đá mà chìm. Hình ảnh ẩn dụ này có nghĩa là “”những chuyện đã xảy ra cho đức tin của họ thật là một thảm họa” (Tham khảo bản dịch ULB). Bạn nên dùng hình ảnh này hoặc hình ảnh ẩn dụ tương tự nếu nó dễ hiểu trong ngôn ngữ của bạn.

Họ có thể được dạy

"rằng Đức Chúa Trời sẽ dạy họ”

Translation Questions

1 Timothy 1:1

Phao-lô được lập làm sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-xu như thế nào?

Phao-lô được lập làm sứ đồ theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời.

1 Timothy 1:3

Ti-mô-thê sẽ ở lại nơi nào?

Ti-mô-thê sẽ ở lại thành Ê-phê-sô.

Ti-mô-thê sẽ răn bảo mọi người không được làm điều gì?

Ông sẽ răn bảo mọi người không được dạy một giáo lý nào khác.

1 Timothy 1:5

Phao-lô đã nói gì về mục đích của những lời răn bảo và dạy dỗ?

Mục đích của ông đến từ tấm lòng trong sạch, lương tâm tốt và đức tin chân thành.

1 Timothy 1:9

Luật pháp được đặt ra cho ai?

Luật pháp là dành cho những kẻ trái luật, nổi loạn, những kẻ bất khiết và kẻ phạm tội.

Bốn ví dụ về tội mà những người nầy phạm phải là gì?

Họ phạm tội giết người, tà dâm, bắt cóc và nói dối.

1 Timothy 1:15

Chúa Cứu Thế Giê-xu đến trong thế gian để cứu những ai?

Chúa Cứu Thế Giê-xu đến trong thế gian để cứu tội nhân.

Tại sao Phao-lô lại nói rằng ông là ví dụ cho lòng thương xót của Đức Chúa Trời?

Phao-lô nói rằng ông là ví dụ bởi vì ông là kẻ tồi tệ nhất trong số các tội nhân, nhưng đã nhận được sự thương xót của Đức Chúa Trời trước hết.

1 Timothy 1:18

Phao-lô đồng ý với những lời nào nói về Ti-mô-thê?

Phao-lô đồng ý với những lời tiên tri nói về Ti-mô-thê, liên quan đến trận chiến tốt lành của Ti-mô-thê giữ vững đức tin và lương tâm trong sáng.

Chapter 2

1 Timothy 2:1

Câu liên kết:

Phao-lô khuyến khích Ti-mô-thê cầu thay cho tất cả mọi người.

Trước hết

"quan trọng hơn hết” hoặc “trước mọi điều khác”.

Ta khuyên

"Ta cầu khẩn” hoặc “Ta yêu cầu”

Phẩm giá

“nếp sống khiến người ta tôn trọng chúng ta”. Khi đi với “tin kính”, từ ‘phẩm giá” có nghĩa là: “nếp sống khiến người ta tôn kính Đức Chúa Trời và tôn trọng chúng ta”

1 Timothy 2:5

Một Đấng Trung Gian ở giữa Đức Chúa Trời và loài người

Người trung gian là người dàn xếp một giải pháp hòa bình cho hai bên đang bất đồng quan điểm với nhau. Ở đây, từ này được dùng cho Chúa Giê-xu, là Đấng giúp tội nhân bước vào mối liên hệ hòa hảo với Đức Chúa Trời.

Hi sinh chính mình

"sẵn lòng chết”

Làm giá chuộc

"làm giá chuộc tự do” hoặc “là giá chuộc mua sự tự do”

Lời chứng đúng thời điểm

"đây là lời chứng đúng thời điểm của Ngài” hoặc”lời chứng trong những lúc này”

Vì mục đích này

"Vì điều này” hoặc “vì lý do này’ hoặc “vì lời chứng nầy”

Được lập làm người rao giảng

"được chỉ định làm người rao giảng” hoặc “được Chúa Cứu Thế lập làm người rao giảng”

Ta nói thật

"Ta nói sự thật” hoặc “Ta nói ra sự thật”

Ta không nói dối

"Ta không lừa dối”

Trong đức tin và chân lí

"về đức tin và chân lí” hoặc “với đức tin và chân lí”

1 Timothy 2:8

Câu liên kết:

Phao-lô đưa ra lời dạy dỗ đặc biệt đối với người nữ.

Người nam mọi nơi

"người nam khắp nơi” hoặc “người nam ở khắp mọi nơi”

giơ lên

“đưa lên”

Tay thánh

"những bàn tay được biệt riêng cho Đức Chúa Trời”. Đây là hình ảnh hoán dụ cho những người xa lánh tội lỗi.

Không giận dữ và nghi ngờ

"không giận dữ và cãi cọ với người khác” hoặc “không giận dữ với người khác, cũng không nghi ngờ Đức Chúa Trời”

Thùy mị

“không khiến người khác quá chú ý đến mình” hoặc “theo cách bày tỏ sự tôn trọng thích hợp với mọi người và Đức Chúa Trời”

không thắt tóc cầu kỳ

“thắt tóc quá kỹ nhằm làm đẹp.” Thắt tóc là cách duy nhất mà người nữ có thể gây sự chú ý thái quá đối với người

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

khác.

Bày tỏ nếp sống tin kính qua các việc lành

"muốn bày tỏ họ thuộc về Đức Chúa Trời qua các việc lành họ làm"

1 Timothy 2:11

Phụ nữ phải học

"Hãy để phụ nữ học" hoặc "Phụ nữ phải học"

Trong yên lặng

"trong yên lặng" hoặc "trong thái độ giữ im lặng"

Hoàn toàn vâng phục

"sẵn lòng vâng phục mọi điều Đức Chúa Trời truyền"

Ta không cho phép người nữ

"Và ta không cho phép người nữ"

1 Timothy 2:13

A-đam được dựng nên trước hết

"A-đam là người Đức Chúa Trời dựng nên đầu tiên" hoặc "A-đam được Đức Chúa Trời dựng nên đầu tiên"

Rồi mới đến Ê-va

"rồi đến Ê-va được dựng nên" hoặc "kế đến là Ê-va"

Và A-đam không bị lừa gạt

"Và A-đam không phải là người bị con rắn lừa gạt"

Hoàn toàn bị lừa gạt và phạm tội

"không vâng phục mạng lệnh của Đức Chúa Trời, hoàn toàn bị lừa". Ý chính của cụm này là Ê-va, chứ không phải A-đam, mới là người (đầu tiên) không vâng phục luật của Đức Chúa Trời.

Người sẽ được cứu nhờ sinh con cái

"Đức Chúa Trời sẽ bảo hộ người trong cuộc sống thường nhật"

Nếu họ cứ tiếp tục

"nếu họ vẫn" hoặc "nếu họ tiếp tục sống"

Trong đức tin, tình yêu thương và sự thánh khiết sự nên thánh

"trong sự tin cậy nơi Chúa Giê-xu, yêu thương nhau và sống cuộc đời thánh khiết"

Tâm trí tốt

"với sự tự chủ" hoặc "với nhận biết điều gì là tốt nhất"

Translation Questions

1 Timothy 2:1

Phao-lô yêu cầu phải cầu nguyện cho những người nào?

Phao-lô đề nghị cầu nguyện cho tất cả mọi người, cho các vua và hết thảy những người lãnh đạo.

1 Timothy 2:5

Vị trí của Chúa Cứu Thế Giê-xu giữa Đức Chúa Trời và con người là gì?

Chúa Cứu Thế Giê-xu là Đấng Trung Gian giữa Đức Chúa Trời và con người.

1 Timothy 2:8

Phao-lô muốn những người đàn ông phải làm gì?

Phao-lô muốn những người đàn ông phải đưa tay thánh sạch lên trời mà cầu nguyện.

Chapter 3

1 Timothy 3:1

Câu liên kết:

Phao-lô đưa ra một số lời dạy dỗ đặc biệt về cách hành xử của giám mục hội thánh.

một việc tốt đẹp

"một việc đáng kính"

Chồng của một vợ

Người giám mục chỉ được có một vợ. Ở đây không nói rõ liệu lời dạy dỗ của Phao-lô có miễn trừ người nam nào đã từng góa vợ hay ly hôn hoặc chưa tưng kết hôn không.

Có chừng mực

"không làm việc gì quá mức"

Khôn ngoan

"người suy nghĩ sáng suốt" hoặc "người xét xử phải lẽ" hoặc "có lý trí" hoặc "thông minh"

Có kỷ luật

"hành xử đúng mực"

Hiếu khách

"ân cần tiếp đón khách lạ"

Không nghiện rượu

"không phải là người nghiện rượu" hoặc "không phải là người uống quá nhiều rượu"

Không phải là người gây gỗ

"không phải là người thích cãi cọ và tranh chiến"

không phải là người ham tiền

Không phải là người ăn cắp trực tiếp hoặc gian lận hoặc không phải là người làm việc lương thiện để kiếm tiền nhưng không quan tâm đúng mực đến người khác.

1 Timothy 3:4

Khéo quản trị nhà mình, con cái người lấy lòng kính trọng mà vâng phục người

Có thể hiểu: 1) giống như con cái của người giám mục phục tùng cha mình thì chúng cũng sẽ tôn trọng người khác (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc 2) người giám mục phải tôn trọng gia đình mình khi người quản trị nó.

Quản trị nhà mình

"chăm lo cho gia đình mình" hoặc "hướng dẫn những người sống trong gia đình mình"

Bằng tất cả sự tôn trọng

Từ "tất cả" có thể chỉ "tất cả mọi người" hoặc "mọi lúc" hoặc "trong mọi hoàn cảnh".

Vì nếu một người không biết

"vì nếu người nào không biết cách" hoặc "vì khi người nào không thể" hoặc "nhưng giả sử người nào không thể"

Người đó sẽ chăm sóc cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời ra sao

Tham khảo cách dịch: "người sẽ không thể chăm sóc cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời" hoặc "người sẽ không thể dẫn dắt Hội Thánh của Đức Chúa Trời"

1 Timothy 3:6

Người đó không nên là người mới cải đạo

"người đó không nên là tân tín hữu" hoặc "người đó không nên là người mới tin Chúa trong một thời gian ngắn" hoặc "người đó phải là tín hữu trưởng thành"

Mà rơi vào án phạt như ma quỷ

"trở nên kiêu ngạo như ma quỷ và vì cớ đó mà bị án phạt như ma quỷ vậy"

Người cũng phải có tiếng tốt với người ngoại

"ấy là điều cần thiết khi những người không tin nơi Chúa Giê-xu nghĩ tốt về người" hoặc "Những người ngoài Hội Thánh cũng phải nghĩ tốt về người" (Tham khảo bản dịch ULB)

Rơi vào sự sỉ nhục

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"tự khiến mình xấu hổ" hoặc "khiến người khác có lí do để chê bai người"

Rơi vào... cạm bẫy của ma quỷ

"cho phép ma quỹ bẫy người". Sa-tan lập ra một cái bẫy hoặc cài bẫy là hình ảnh ẩn dụ cho việc ma quỷ lừa người tin Chúa khiến người vô ý phạm tội.

1 Timothy 3:8

Câu liên kết:

Phao-lô đưa ra những lời dạy dỗ đặc biệt về cách hành xử củ chấp sự hội thánh và vợ của họ.

Cũng vậy, các chấp sự

"Các chấp sự, cũng như giám mục"

Phải nghiêm trang

"phải đáng được tôn trọng"

Không là người nói hai lời

Người nói không nghĩ một đằng nói một nẻo" hoặc "không nói với người này ý này nhưng với người khác thì ý khác

Không uống quá nhiều rượu

"không nghiện rượu" hoặc "không uống quá nhiều rượu"

Không tham lam

"không tìm lợi bất nghĩa"

Họ phải giữ chân lí mầu nhiệm của đức tin

"Họ phải tiếp tục vào sứ điệp chân thật mà Đức Chúa Trời đã tỏ ra cho chúng ta và chúng ta tin" Điều này nói đến một lẽ thật đã tồn tại được ít lâu nhưng vào thời điểm đó, Đức Chúa Trời đang bày tỏ cho họ.

Với lương tâm trong sách

"với lương tâm nhận biết rằng họ đã không làm điều gì sai trái"

Họ phải... được phê chuẩn trước

"Họ phải được đánh giá để quyết định xem có xứng đáng để phục vụ không" hoặc "Họ phải tự chứng minh trước"

Bởi vì họ không chỗ trách được

"nếu không ai có thể tìm được lỗi nào nơi họ" hoặc "bởi vì họ không có lỗi" hoặc "bởi vì họ không làm việc gì sai trái cả"

1 Timothy 3:11

Phụ nữ cũng vậy

Từ "phụ nữ" ở đây có thể bao gồm phụ nữ nói chung, nhưng dường như từ này hàm ý nhấn mạnh đặc biệt đến vợ của các chấp sự hoặc là nữ chấp sự. Tham khảo: "Cũng vậy, các bà vợ cũng phải" hoặc "Các nữ chấp sự cũng giống như các chấp sự, phải"

Phải nghiêm trang

"cử xử đúng mực"

Không phải là kẻ hay nói xấu

"Họ không được nói xấu về người khác"

Tiết độ

"họ không được làm điều gì quá mức"

Chồng của một vợ

Một người nam chỉ được có một vợ. Ở đây không ghi rõ có loại trừ trường hợp người nam đã từng góa vợ hoặc đã li hôn hoặc chưa kết hôn hay không.

Khéo quản trị con cái và gia đình mình

"chăm sóc và hướng dẫn con cái cùng những người trong nhà mình tốt"

Vì những người đó

"Vì những chấp sự đó" hoặc "vì những giám mục, chấp sự, nữ chấp sự đó" hoặc "vì những người lãnh đạo Hội Thánh đó"

Đạt được cho mình

"chính mình nhận được" hoặc "chính mình được"

1 Timothy 3:14

Ta viết cho con những lời nầy

"Ta viết những lời khuyên dạy này cho con"

Và ta hi vọng sẽ sớm đến thăm con

"mặc dầu ta mong sớm đến thăm con"

Nhưng nếu ta chậm trễ

"nhưng phòng trường hợp ta không thế đến đó sớm" hoặc "nhưng nếu có điều gì đó ngăn trở khiến ta không đến đó sớm được"

Ta vẫn viết để

"Ta vẫn viết nhằm mục đích"

Nhà của Đức Chúa Trời ... phải được hướng dẫn

"cách con phải hướng dẫn gia đình của Đức Chúa Trời ra sao"

Rường cột của chân lí

Hình ảnh ẩn dụ về một bệ đỡ rộng lớn và vững chãi để Đức Chúa Trời phô bày chân lí trên đó. Bệ đỡ này lần lượt được dùng thay thế cho các phần của nó, phần móng và các trụ đứng.

1 Timothy 3:16

Trong xác thịt

"như con người thực sự"

chân lý mầu nhiệm của sự tin kính là lớn lắm

"Lẽ thật mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ ra cho chúng ta về cách sống đời sống đẹp đạo thật quá lớn lao"

Được Thánh Linh xưng là

"Đức Thánh Linh xác nhận Chúa Giê-xu thật là Đấng như lời Ngài đã phán"

Được công bố ra giữa các nước

"Người dân ở nhiều nước nói nói về Chúa Giê-xu cho kẻ khác"

Được tin nhận khắp thế giới

"Người dân ở nhiều nơi trên thế giới tin nhận Chúa Giê-xu"

Translation Questions

1 Timothy 3:1

Công việc của người giám mục là công việc như thế nào?

Công việc của người giám mục là việc tốt lành.

1 Timothy 3:4

Con cái của người giám mục phải đối xử với người ra sao?

Con cái của người giám mục phải vâng phục và kính trọng cha mình.

1 Timothy 3:6

Có những mối nguy hại nào khi giám mục là một tân tín hữu?

Mối nguy hại ở đây là người sẽ trở nên kiêu căng mà bị xử phạt.

1 Timothy 3:11

Đâu là những đặc điểm của một người nữ tin kính?

Người nữ tin kính là người nghiêm trang, không nói xấu, là người ôn hoài và trung tín trong mọi việc.

1 Timothy 3:16

Sau khi Chúa Giê-xu hiện ra trong xác thịt, được Đức Thánh Linh xưng công chính, và được các thiên sứ ngắm nhìn thì Ngài sẽ làm gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Giê-xu được rao giảng giữa muôn dân, được mọi người tin nhận và được cất lên trong vinh quang.

Chapter 4

1 Timothy 4:1

Câu liên kết:

Phao-lô cho Ti-mô-thê biết rằng lời Đức Thánh Linh phán sẽ xảy đến và ông khích lệ Ti-mô-thê cứ rao giảng lời của lẽ thật.

Thời kỳ sau rốt

Có thể hiểu: 1) Thời kỳ sau thời của Phao-lô ime hoặc “trong thời kỳ sẽ đến” hoặc “trong tương lai” hoặc 2) trong chính thời của Phao-lô, “trong suốt giai đoạn trước kỳ tận thế”

Chối bỏ đức tin

"không còn tin Chúa Giê-xu” hoặc “phân rẽ khỏi những điều mình tin”

Và chú ý tới

"và hướng sự chú ý vào” hoặc “bởi vì họ đang chú ý đến” hoặc “đương lúc đang nghe” hoặc “đây là những người chú ý tới”

Các thần giả dối và giáo lý của ma quỷ

"các linh lừa gạt người ta và những điều mà ma quỷ truyền dạy”

Qua những lời dạy giả dối

"được dạy dỗ bởi những kẻ giả hình chuyên nói lời dối trá”

Lương tâm của họ đã bị đóng dấu

Hình ảnh ẩn dụ về những người chủ dùng kim loại nóng ấn vào người nô lệ hoặc súc vật để làm nên các vết sẹo đánh dấu quyền sở hữu của mình. Có thể hiểu: 1) dấu đóng đó là dấu hiệu đánh dấu để nhận dạng, “Họ làm điều này mặc dầu chính họ biết rằng mình vốn là kẻ giả hình” hoặc 2) lương tâm của họ đã tê liệt “như thể họ đã ấn miếng kim loại nóng vào lương tâm của mình để khiến nó bị tê liệt đi”

1 Timothy 4:3

Họ sẽ

"Những kẻ nầy sẽ”

Cấm cưới gả

“cấm người tin Chúa cưới gả” hoặc “ngăn cả người tin Chúa cưới gả”

Cấm… nhận thức ăn

"yêu cầu mọi người… kiêng cữ những thức ăn” hoặc “ngăn mọi người… không ăn những thức ăn” hoặc “không cho phép mọi người.. dùng những loại thức ăn nhất định”. Rõ ràng “mọi người” ở đây chính là “những người tin Chúa” (Tham khảo bản dịch ULB).

Các tín hữu là người đến để nhận biết lẽ thật

"các tín hữu là những biết lẽ thật” hoặc “các tín hữu là những người học biết về lẽ thật”

Không vật gì đáng bị bỏ khi chúng ta đã nhận lãnh với lòng biết ơn

"Chúng ta không vứt bỏ điều gì mình đã cảm tạ Đức Chúa Trời” hoặc “chúng ta không chê bai những điều mình đã tạ ơn Đức Chúa Trời” hoặc “mọi thứ chúng ăn với lòng biết ơn đều được chấp nhận”

Vật đó được thánh hóa bởi lời của Đức Chúa Trời và lời cầu nguyện

"chúng ta biệt riêng những vật đó cho Đức Chúa Trời sử dụng bằng cách vâng lời Ngài và cầu nguyện với Ngài” hoặc “chúng ta biệt riêng những vật đó cho Đức Chúa Trời bằng lời cầu nguyện chấp thuận lẽ thật mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ”

1 Timothy 4:6

Trình bày những điều này trước

"khiến các tín hữu ghi nhớ những ý tưởng nầy” hoặc “giúp các tín hữu khác ghi nhớ những lời nầy”. Từ “ý tưởng” và “lời” chỉ về các lời dạy ở trên.

Được nuôi

“được dạy dỗ” (Tham khảo bản dịch ULB). Đức Chúa Trời đang khiến Ti-mô-thê trở nên mạnh mẽ hơn và dạy ông làm những việc đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Lời của đức tin

“những lời khiến người ta tin”

Những câu chuyện phàm tục mà các cụ bà ưa thích

"những câu chuyện phàm tục hoang đường của các cụ bà”. Từ dùng cho “câu chuyện” tương tự như từ dùng cho “câu chuyện hoang đường”, vì vậy ở đây bạn cũng nên dịch dùng từ tương tự. Nghĩa ám chỉ của từ “các cụ bà” có thể là cách nói ẩn dụ cho tính “ngớ ngẩn” hoặc “vô lí”. Ở đây, Phao-lô không hề có ý xúc phạm phụ nữ trong nghĩa hàm ý của từ “các cụ bà”. Thay vào đó, ông và độc giả của mình đều biết rằng nam giới thì thường chết trẻ hơn phụ nữ, chính vì vậy số lượng những cụ bà lẩn trí vì tuổi già sẽ nhiều hơn số cụ ông.

Tự tập tành lòng tin kính

"tập cho mình thêm lên lòng tin kính” hoặc “tập tành cho mình hành động theo cách làm vui lòng Đức Chúa Trời” hoặc “nỗ lực để sống đẹp đạo hơn”

Sự luyện tập thân thể

"tập thể dục”

Nắm giữ lời hứa cho đời nầy

"làm ích lợi cho đời nầy” hoặc “khiến cuộc sống đời nầy trở nên tốt đẹp hơn”

1 Timothy 4:9

Đáng được mọi người tin nhận

"xứng đáng với niềm tin trọn vẹn của con” hoặc “xứng đáng với niềm tin cậy đầy trọn của con”

Chính vì điều nầy

"Đây là lí do”

Gắng sức và nỗ lực

Về cơ bản, hai từ “gắng sức” và “nỗ lực” có nghĩa giống nhau. Phao-lô sử dụng hai từ này để nhấn mạnh rằng họ đã làm việc cật lực ra sao.

Chúng ta có lòng tin cậy nơi Đức Chúa Trời hằng sống

"chúng ta đã đặt hi vọng trong Đức Chúa Trời hằng sống” hoặc “chúng ta đã đặt hi vọng nơi Đức Chúa Trời hằng sống”

Mà đặc biệt là của những người tin

"mà đặc biệt là Đấng giải cứu cho những người tin Ngài”

1 Timothy 4:11

Rao ra và giảng dạy những điều nầy

"Hãy rao truyền và giảng dạy những điều nầy” hoặc “Hãy rao truyền và giảng dạy những điều mà ta vừa đề cập đến”

Đừng để người ta khinh con vì trẻ tuổi

"đừng để người nào đánh giá thấp con vì con còn trẻ”

Chú trọng đến việc đọc

"hãy đọc Kinh Thánh” hoặc “cứ tiếp tục tuyên đọc lời của

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Chúa Trời trước nhiều người”

Cổ vũ

"cổ vũ người khác” hoặc “khích lệ người khác áp dụng Lời của Đức Chúa Trời trong đời sống mình”

1 Timothy 4:14

Đừng xao lãng ân tứ trong con

"Hãy sử dụng ân tứ mà Đức Chúa Trời đã ban cho con”

Qua lời tiên tri

"khi các nhà lãnh đaoh Hội Thánh đọc Lời của Đức Chúa Trời"

Các trưởng lão đặt tay

Đây là nghi lễ mà ở đó các trưởng lão của Hội Thánh đặt tay trên Ti-mô-thê và cầu nguyện xin Chúa ban năng lực cho anh ta để thực hiện công việc đã được giao cho.

Hãy chuyên tâm vào những điều này

"Hãy làm và sống với những điều nầy”

Đặng mọi người nhận thấy sự tiến bộ của con

"đặng những người khác sẽ nhận thấy sự tăng trưởng của con” hoặc “đặng những người khác sẽ thấy sự tiến bộ của con trong khi làm những việc ấy”

Phải cẩn trọng với chính con

"phải thận trọng trong cách ăn ở con” hoặc “Phải biết kiểm soát hành vi của mình”

Phải kiên trì trong mọi sự đó

"Phải tiếp tục làm mọi điều đó”

Con sẽ cứu được cả chính mình lẫn những kẻ nghe con nữa

“Con sẽ giữ cho mình và những kẻ nghe con khỏi tin theo những sứ điệp giả dối mà làm những việc sai trái”. Những người tin vào các sứ điệp giả dối và làm điều sai trái đến cuối cùng phải chịu đau đớn. Phao-lô không muốn Ti-mô-thê và bạn hữu của ông phải chịu đựng những điều đó vì tin và làm những điều sai trái.

Translation Questions

1 Timothy 4:1

Theo như Đức Thánh Linh, một vài người trong thời kỳ cuối cùng sẽ làm gì?

Một vài người sẽ chối bỏ đức tin mà chạy theo các linh giả dối.

1 Timothy 4:6

Phao-lô khuyên Ti-mô-thê làm gì với mọi lời dạy tốt lành mà ông đã nhận được?

Phao-lô khuyên Ti-mô-thê rao giảng và dạy mọi điều ấy cho những người khác.

1 Timothy 4:11

Phao-lô khuyên Ti-mô-thê làm gì với mọi lời dạy tốt lành mà ông đã nhận được?

Phao-lô khuyên Ti-mô-thê rao giảng và dạy mọi điều ấy cho những người khác.

1 Timothy 4:14

Ti-mô-thê đã nhận những ân tứ thuộc linh mà ông đang có như thế nào?

Những ân tứ được ban cho Ti-mô-thê qua lời tiên tri khi các trưởng lão đặt tay trên ông.

Chapter 5

1 Timothy 5:1

Câu liên kết:

Phao-lô tiếp tục khuyên bảo Ti-mô-thê về cách đối xử với người nam, người nữ, góa phụ và những phụ nữ trẻ trong hội thánh.

Thông tin chung:

Phao-lô viết những lời dạy dỗ này cho một người, là Ti-mô-thê. Ngôn ngữ nào có các dạng đại từ “bạn” khác nhau hoặc các dạng mệnh lệnh khác nhau nên dùng đại từ dạng số ít ở đây.

Chớ trách mắng người già cả

"Chớ nói lời cay nghiệt với người già cả”

Nhưng hãy khuyên dỗ họ như cha

"nhưng hãy động viên người như thể con nói với cha mình vậy”

Hãy khuyên bảo những người trẻ như anh em mình

"hãy động viên những người trẻ như thể họ là anh em con” hoặc “Hãy đối xử với những người trẻ như anh em”

Hãy khuyên bảo các bà cao tuổi như mẹ

"Hãy đối xử với các bà cao tuổi như thể họ là mẹ con” hoặc “Hãy khích lệ các bà cao tuổi như cách con khuyên bảo mẹ mình” cư xử nhã nhặn với họ

Các thiếu nữ như chị em

"gọi các thiếu nữ theo cách gọi chị em mình” hoặc “đối xử với các thiếu nữ như đối cùng chị em mình”

Trong tất cả sự thánh khiết

"với suy nghĩ và hành động thánh khiết” hoặc “một cách thánh khiết”

1 Timothy 5:3

Kính trọng

"Kính trọng và chu cấp”

Những quả phụ thật sự góa bụa

"những quả phụ thực sự có nhu cầu” hoặc “những quả phụ, quả phụ không có ai cấp dưỡng họ.”

Nhưng nếu một quả phụ

"nhưng khi một quả phụ”

Con cái

"người nào bà coi như con” hoặc “người nào gọi bà là mẹ”

cháu

"người nào bà xem như con cháu” hoặc “người nào gọi bà là mẹ hoặc bà”

Thì trước hết hãy để họ

"Thì trước hết họ phải” hoặc “Hãy để họ ưu tiên để”

Học cách bày tỏ lòng hiếu thảo

"bày tỏ lòng hiếu thảo của mình” hoặc “bày tỏ nếp sống đạo của mình” hoặc “chứng minh tín ngưỡng của mình” hoặc “học cách thực hiện bổn phận của mình”

Trong chính gia đình mình

"với chính gia đình mình” hoặc “với những người sống trong gia đình”

Và đền đáp công ơn cha mẹ mình

“và báo đáp cha mẹ mình” hoặc “đền đáp lại cho cha mẹ về những điều tốt lành mà cha mẹ đã dành cho mình”

Bởi vì điều nầy đẹp lòng Đức Chúa Trời

"vì Đức Chúa Trời sẽ vui lòng khi họ làm những việc nầy” hoặc “vì sự hiếu thảo nầy làm đẹp lòng Đức Chúa Trời”

1 Timothy 5:5

Nhưng một người góa bụa thực sự sống một mình

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Nhưng một người thực sự góa bụa không còn gia đình”

Bà luôn chờ đợi Ngài đáp lời nài xin và khẩn nguyện

"Bà kiên nhẫn chờ đợi Đức Chúa Trời đáp lời kêu xin và cầu nguyện của mình”

Nài xin và khẩn nguyện

Về cơ bản thì hai từ này có nghĩa như nhau. Phao-lô sử dụng chúng chung với nhau nhằm nhấn mạnh sự chuyên tâm cầu nguyện của những góa phụ này.

Cả ngày lẫn đêm

Tham khảo cách dịch: “mọi lúc”

Tuy nhiên

“nhưng”

Chết

Phép ẩn dụ này hàm ý bà không thể đáp ứng lại lời kêu gọi của Đức Chúa Trời được nữa. Tham khảo cách dịch: “giống như một người chết, bà không thể đáp lại lời kêu gọi của Đức Chúa Trời”. Đang nói đến sự sống thuộc thể.

Còn sống

Nói đến sự sống vật lý.

1 Timothy 5:7

Và truyền dạy những điều ấy

"cũng phải truyền dạy những lời ấy nữa” hoặc “cũng phải dùng uy quyền mà truyền dạy những điều nầy”. Chính mình Ti-mô-thê phải vâng theo lời dạy của Phao-lô đồng thời phải truyền cho các tín hữu khác cũng vâng giữ những lời đó

Để họ không bị chê trách

"để không ai có thể bắt lỗi họ”. Có thể hiểu “họ” ở đây là: 1) “những quả phụ và gia đình của họ” (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc 2) “Hội Thánh”. Có lẽ tốt nhất là cứ giữ nguyên chủ ngữ ở đây là “họ”

Không cấp dưỡng cho bà con mình

“không cấp dưỡng cho bà con mình những điều họ cần” hoặc “không giúp đỡ cho nhu cầu của bà con mình”

Cho bà con mình

"cho mọi thành viên trong gia đình mình” hoặc “cho những người sống trong nhà mình”

cho những người trong gia đình mình

"cho gia đình mình” hoặc “cho các thành viên sống trong nhà mình”

Người ấy đã chối bỏ đức tin

"người ấy đã hành xử như thể chối bỏ đức tin” hoặc “người ấy đã hành xử ngược với lẽ thật mà chúng ta đang tin” hoặc “người ấy đã xây lưng lại với chính niềm tin của mình”

... còn tệ hơn người không tin

"... còn tệ hơn những người không tin Chúa Giê-xu” hoặc “những người không tin nơi Chúa Giê-xu còn tốt hơn..”. Ngay cả những người không tin nơi Chúa Giê-xu còn biết chăm lo cho gia đình mình, thì những người tin Chúa còn phải làm nhiều hơn thế!

1 Timothy 5:9

Được ghi tên vào sổ quả phụ

Dường như đã có một danh sách các quả phụ, bằng văn bản hoặc không. Hội Thánh đáp ứng các nhu cầu có cần của những người nầy về chỗ ở, quần áo cũng như thức ăn; và những quả phụ này được cho phải dâng cuộc đời mình để lo công việc của Hội Thánh.

Những người không dưới sáu mươi tuổi

Những quả phụ ở độ tuổi nhỏ hơn sáu mươi có thể tái hôn, còn Hội Thánh sẽ chăm lo cho những quả phụ trên sáu mươi tuổi.

Là vợ của một chồng

"người nữ chung thủy với chồng mình”

Bà phải có tiếng tốt về các việc lành

Tiếp nối câu này là một những loạt ví dụ các việc nhân đức bà đã làm khiến nhiều người biết đến.

Rửa chân

"làm những việc tầm thường để giúp đỡ”. Rửa chân bẩn cho những người đi trên đường bụi bặm và lầy lội là hình ảnh hoán dụ hoặc ẩn dụ cho việc tiếp trợ nhu cầu của người khác và khiến cuộc đời họ thêm vui thỏa hơn

Tín đồ

“Dân thánh của Chúa”

Và làm đủ mọi việc lành

"được biết đến vì làm nhiều việc lành”

1 Timothy 5:11

Nhưng hãy từ chối ghi tên những quả phụ còn trẻ vào danh sách

"Nhưng đừng tính đến các quả phụ trẻ vào danh sách”. Danh sách này gồm những quả phụ từ sáu mươi tuổi trở lên mà Hội Thánh sẽ giúp đỡ.

Bị nhục dục thắng hơn mà chống lại Chúa Cứu Thế

“sao lãng khỏi Chúa Cứu Thế vì những ham muốn tình dục của mình” hoặc “những ham muốn tình dục khiến họ muốn từ bỏ những cam kết thuộc linh”

Rút lại những cam kết trước kia của mình

"không giữ những cam kết trước đó của mình” hoặc “không làm theo những điều trước đó họ đã hứa nguyện”

Cam kết

Cam kết của các quả phụ là nếu Hội Thánh chu cấp nhu cầu của họ thì họ bằng lòng phục vụ trong Hội Thánh đến cuối đời.

Ngồi lê đôi mách

Đây là những người đi kể ra những chuyện trong đời sống riêng tư của người khác.

Hay xen vào việc của người khác

Người hay dính vào chuyện của người khác. Đây là những người xen vào đời sống của người khác.

Những điều mình không nên nói

"những điều thậm chí không nên nhắn đến”

1 Timothy 5:14

Buộc tội chúng ta

Từ “chúng ta” có thể mang nghĩa 1) những người nữ trẻ hoặc 2) sứ đồ Phao-lô và các trưởng lão là những người giám sát những người nữ trẻ hoặc 3) tất cả các Cơ đốc nhân đồng cảm với những người nữ trẻ.

Xoay theo Sa-tan

“rời bỏ con đường của Chúa Cứu Thế mà đi theo Sa-tan”

Nữ tín hữu nào

“nữ Cơ Đốc Nhân nào” hoặc “người nữ nào tin theo Chúa Cứu Thế'"

Có quả phụ

"trong vòng bà con mình có quả phụ”

Những người thực sự góa bụa

"những người đàn bà không có ai chu cấp cho mình”

1 Timothy 5:17

Câu liên kết:

Phao-lô lại đề cập về cách đối xử với các bậc trưởng lão (giám mục)

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hãy... là xứng đáng
"Tất cả các ngươi là các tín hữu phải nghĩ đến... xứng đáng”
Kính trọng bội phần
Có thể hiểu: 1) “cả hai kiểu kính trọng: tôn trọng và chu cấp” hoặc 2) “được kính trọng hơn những kẻ khác”
Những người truyền đạo và dạy dỗ
"những người rao truyền và dạy dỗ Lời của Đức Chúa Trời"
bịt mõm con bò
Rọ bịt mõm là một ống bọc được bịt vào mõm và miệng con vật để ngăn nó ăn trong khi đang làm việc.
Bò
Một loài vật to lớn và khỏe mạnh như bò.
Đạp lúa
Đi trên hoặc kéo một vật nặng trên những cây lúa đã cắt để tách phần hạt lúa ăn được khỏi phần thân. Các con bò được phép ăn một ít lúa khi đương làm việc.
Đáng với
“xứng đáng"
1 Timothy 5:19
Nhận
"nghe” hoặc “chấp thuận”
Hai hoặc ba
"ít nhất là hai” hoặc “hai hoặc nhiều hơn”
Khiển trách
"quở trách” hoặc “trách mắng”
tội nhân
Ý ở đây là bất cứ ai làm gì mà không vâng phục hoặc làm hài lòng Chúa, ngay cả làm những việc mà người khác không biết.
Trước sự chứng kiến của tất cả
"nơi mọi người đều nhìn thấy”
Để những người khác phải sợ
"để những người khác phải sợ phạm tội”
1 Timothy 5:21
Con
Phao-lô đang nói đến một người là Ti-mô-thê, vì vậy tất cả các hình thức của “you” và các kiểu câu mệnh lệnh phải ở số ít.
Thành kiến
"chỉ trích trước” hoặc “ra quyết định trước khi con lắng nghe mọi người thuật lại câu chuyện theo cách nhìn của họ”. Ti-mô-thê phải lắng nghe sự thật rồi mới xét xử.
Thiên vị
"nghiêng về những người con thích” hoặc “dựa trên nên tảng ai là bạn hữu con”. Ti-mô-thê phải xét xử dựa trên sự thật, chứ không bởi những người có liên quan.
Đặt tay
Đây là một nghi thức mà trong đó một hoặc nhiều lãnh đạo hội thánh sẽ đặt tay trên một số người và cầu nguyện xin Đức Chúa Trời ban năng lực giúp họ phục vụ hội thánh theo cách làm đẹp lòng Ngài. Ti-mô-thê phải đợi trong một thời gian dài cho đến khi người đó đã thể hiện đức tính tốt trước khi chính thức biệt riêng họ ra để phục vụ hội thánh.
Dự phần trong tội lỗi của người khác
“Đừng tham dự và tội lỗi của kẻ khác”. Có thể hiểu: 1) nếu Ti-mô-thê chọn một người phạm tội trở thành người làm việc trong Hội Thánh thì Đức Chúa Trời sẽ cầm Ti-mô-thê chịu trách nhiệm cho tội lỗi của người đó hoặc 2) Ti-mô-thê không nên tái phạm những tội lỗi mà ông đã thấy kẻ khác phạm phải.
1 Timothy 5:23
Thông tin tổng quát:
Có vẻ như câu 23 là phần lưu ý riêng mà Phao-lô nói với Ti-mô-thê. Sau đó trong câu 24, ông tiếp tục đề cập điều mà ông đang nói ở câu 22.
Con đừng nên chỉ uống nước
Hoặc “con không nên là người chỉ uống nước không thôi”, một người chỉ uống nước (Tham khảo bản dịch ULB). Phao-lô đang đề nghị Ti-mô-thê sử dụng rượu như vị thuốc. Nước trong vùng đó thường làm cho người uống bị bệnh.
Chúng đã bày ra quá rõ ràng trước khi bị xét xử
“tội lỗi của họ đã bày ra trước khi những người đó bị xét xử”. Có thể hiểu: 1) Tội lỗi của người đó đã cho thấy người bản chất của người đó thậm chí trước cả lúc Hội Thánh xét xem người đó có trở thành một người lãnh đạo hay không, hoặc 2) Tội lỗi của người đó cho thấy con người của họ ra sao trước khi hội thánh xét xem người đó có phạm tội hay không, hoặc 3) Tội lỗi của họ là bằng chứng và Đức Chúa Trời sẽ xét đoán họ bây giờ.
Một số tội lỗi sau này mới lộ ra
“Nhưng một số tội lỗi sau này xuất hiện ở những người nầy”. Có thể hiểu: 1) Ti-mô-thê sẽ không biết về một số tội lỗi mãi cho đến sau này hoặc 2) Mãi về sau Hội Thánh mới phát hiện ra một số tội lỗi, hoặc 3) Đức Chúa Trời sẽ không đoán phạt một số tội lỗi cho đến kỳ đoán phạt cuối cùng.
Lành
Ở đây từ này có nghĩa là nó phù hợp với bản chất, mục đích và ý muốn của Đức Chúa Trời.
những việc lành khác cũng không thể giấu được
"những việc lành khác rồi cũng sẽ lộ ra”

Translation Questions

1 Timothy 5:1
Phao-lô khuyên Phao-lô phải đối xử với những người cao tuổi trong Hội Thánh ra sao?
Phao-lô khuyên Ti-mô-thê phải đối xử với họ như cha mình.
1 Timothy 5:11
Khi một quả phụ còn trẻ hứa nguyện cứ ở vậy cho đến cuối đời thì có nguy cơ gì phát sinh?
Nguy cơ là ít lâu sau người quả phụ trẻ ấy muốn kết hôn thì người sẽ hủy bỏ lời hứa nguyện trước đó của mình.
1 Timothy 5:14
Phao-lô muốn những quả phụ trẻ làm gì?
Phao-lô muốn các quả phụ trẻ lấy chồng, sinh con và quản trị gia đình mình.
1 Timothy 5:17
Phải làm gì cho các trưởng lão khéo lãnh đạo Hội Thánh?
Các trưởng lão khéo lãnh đạo Hội Thánh xứng đánh nhận được sự kính trọng bội phần.
1 Timothy 5:19
Cần có những điều nào trước lời tố cáo chống lại một trưởng lão?
Phải có hai hoặc ba người làm chứng cho lời tố cáo chống lại một trưởng lão.
1 Timothy 5:21
Phao-lô truyền cho Ti-mô-thê phải cẩn thận giữ những nguyên tắc này theo cách nào?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Phao-lô truyền cho Ti-mô-thê phải cẩn thận giữ những nguyên tắc nầy, không thiên vị ai.

Chapter 6

1 Timothy 6:1

Câu liên kết:

Phao-lô đưa ra một số lời dạy dỗ đặc biệt đối với đầy tớ và chủ sau đó ông tiếp tục dạy dỗ về nếp sống tin kính.

Dưới ách nô lệ

Có thể dịch như một phép ẩn dụ xem một người nô lệ như một con bò hoặc loài động vật mạnh sức khác đeo một khúc gỗ trên vai để có thể kéo cày. Nếu cảm thấy quá khó khi sử dụng hình ảnh ẩn dụ nầy thì bạn có thể lược bỏ. Cũng có thể dịch thành hình ảnh ẩn dụ là một Cơ Đốc Nhân (Tham khảo bản dịch ULB)

danh Đức Chúa Trời và đạo lý không bị báng bổ

“đặng người ngoài hội thánh luôn tỏ sự kính trọng đối với danh Đức Chúa Trời và đạo lý của Ngài”

1 Timothy 6:3

Nếu người nào dạy dỗ

"Nếu có ai dạy” hoặc “Những người dạy”. Phao-lô thừa nhận rằng trên thực tế mọi người giảng dạy khác nhau, nhưng đây không phải là một tình huống giả định.

Người nào… người đó… người

Bản dịch ULB sử dụng hình thức số nhiều “một vài người… những người đó” để nói rằng “người nào” “dạy” ở đây có thể là nam hoặc nữ, một người hoặc nhiều người. Sử dụng từ nào có thể nói được hết loạt nghĩa này đề dịch.

Người mắc bệnh ham những cuộc tranh luận

"Tất cả những gì người muốn là tranh luận” hoặc “họ mong muốn những cuộc tranh luận”. Những người như vậy rất muốn tranh luận, mà không thực sự mong muốn tìm cách để chấp thuận.

Ghen tị

"mong muốn có những gì mà người khác có”

Xung đột

"sự cãi cọ trong vòng các tín hữu”

Xúc phạm

"người ta giả dối khi nói xấu về nhau”

Những nghi ngờ xấu xa

Cho rằng ai không đồng tình với họ nghĩa là đang làm điều ác.

xung đột triền miên với người khác

“bất hòa với bất kì ai”

Tâm trí hư hoại

"tâm trí bị những suy nghĩ không tốt làm cho hư hoại”

1 Timothy 6:6

Là một lợi lớn

"đem đến những nguồn lợi lớn” hoặc “đem đến nhiều điều tốt cho chúng ta”

Chẳng mang gì vào trong thế gian

"chúng ta ra đời chẳng mang gì vào trong thế gian”

Cũng không thể mang gì đi được

"và chúng ta chết cũng chẳng đem gì theo được”

Chúng ta hãy

"Chúng ta phải”

1 Timothy 6:9

Ngã vào

Hình ảnh ẩn dụ cho tiến trình mất kiểm soát cuộc đời của ai đó hoặc mất lí trí.

Sa vào sự cám dỗ

"đối diện với nhiều cám dỗ hơn khả năng chống chịu của họ”

ngã.. vào bẫy

"mắc bẫy”. Đây là hình ảnh ẩn dụ cho việc không thể hành động vì lợi ích riêng của một người và không thể giúp gì cho những người làm hại kẻ khác.

Ngã… vào trong nhiều ước muốn dại dột và nguy hại

"bị chi phối bởi những ước muốn làm điều dại dột và nguy hại”

Khiến con người chìm

"nhận chìm con người trong”

Vì lòng tham tiền bạc là cội rễ của mọi điều ác

"bởi vì tham tiền bạc là nguyên nhân của mọi điều ác”

Người ham muốn điều đó

"người ham muốn tiền bạc”

Lìa bỏ đức tin

"từ bỏ con đường của chân lí” hoặc “không tin vào chân lí nữa”

Tự đâm mình bằng… đau khổ

Hình ảnh ẩn dụ so sánh nỗi đau khi một người dùng dao hoặc ngọn giáo tự đâm qua người mình

1 Timothy 6:11

Người của Đức Chúa Trời

"đầy tớ của Đức Chúa Trời” hoặc “người thuộc về Đức Chúa Trời”

Tránh xa khỏi những điều đó

"coi những điều nầy như những sinh vật muốn làm hại bạn”. Có thể hiểu “những điều nầy” là: 1) lòng “tham tiền bạc” (Tham khảo bản dịch ULB); 2) những giáo lý khác, kiêu ngạo và tranh cãi trong 6:3-4 và “lòng tham tiền bạc”

Theo đuổi

"chạy theo” hoặc “đeo đuổi” hoặc “Nỗ lực hết sức để hành động theo”

Đánh trận tốt lành… giành lấy…. sự sống

Có người hiểu phân đoạn này là phép ẩn dụ về trận đấu thể thao trong đó người thắng cuộc của “trận” đấu có thể “giành lấy” giải thưởng.

Giành lấy… sự sống

Có người hiểu phép ẩn dụ này là cách nói khác của “đánh trận tốt lành”. “Mọi mọi việc có thể để giành được… sự sống”

Làm chứng

"đưa ra lời chứng” hoặc “gave testimony" hoặc “xác nhận”

Trước

"trong sự hiện diện của”

Về những điều tốt lành

"về điều con tin”

1 Timothy 6:13

Trước Đức Chúa Trời

"trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời” hoặc “trước sự chứng kiến của Đức Chúa Trời”

Trước mặt Chúa Cứu Thế

"trong sự hiện diện của Chúa Cứu Thế” hoặc “trước sự

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chứng kiến của Chúa Cứu Thế”

Trước Bôn-xơ Phi-lát

“khi đứng trong sự hiện diện của Bôn-xơ Phi-lát”

Không chỗ trách được

Có thể hiểu: 1) Đức Chúa Trời sẽ không tra xét lỗi ở Ti-mô-thê (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc 2) những người khác không thể Ti-mô-thê ra lỗi ở Ti-mô-thê.

Sự hiện diện của Chúa Cứu Thế Giê-xu, Chúa chúng ta

"cho đến khi Chúa Cứu Thế Giê-xu, Cứu Chúa chúng ta trở lại”

1 Timothy 6:15

Vào đúng thời điểm

"vào thời điểm thích hợp” (Tham khảo bản dịch ULB)

Được định trước bởi

"được lập bởi” hoặc “được chọn bởi”

Đấng phước hạnh

"Đấng có mọi phước lành trong mình” hoặc “Đức Chúa Trời là Đấng ban mọi phước lành”. Từ này chỉ về Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha, là Đấng khiến Chúa Giê-xu được bày tỏ ra.

1 Timothy 6:17

Sự giàu có không chắc chắn

“phục vụ và cứu giúp người khác bằng nhiều cách.” Đặng cũng xây dựng hội thánh.

Sự giàu có thật

"những điều sẽ khiến chúng ta thật sự hạnh phúc”. Ý ở đây có thể bao gồm những vật có thể cầm nắm được, nhưng đúng hơn là nói về những trạng thái như yêu thương, vui mừng và bình an, là những điều con người cố gắng dùng của cải vật chất để đạt được.

Giàu có về những việc lành

"tìm cơ hội để làm việc lành như cách bạn muốn tìm kiếm sự giàu có vật chất” hoặc “vui thích làm việc lành giống như cách bạn yêu thích sự giàu có vật chất vậy”

Nền tảng

Phần đầu tiên của ngôi nhà được xây. Đây là hình ảnh ẩn dụ cho nền móng đầu tiên của “sự giàu có thật” và bắt đầu một “sự sống thật” mà Đức Chúa Trời sẽ ban cho con dân Ngài trong cõi đời đời.

Nắm chắc lấy sự sống thật

Câu này nhắc lại phép ẩn dụ liên quan đến thể thao trong 6:12, nơi chỉ có người chiến thắng mới cầm được phần thưởng trong tay. “Phần thưởng” ở đây chính là sự sống thật.

Translation Questions

1 Timothy 6:1

Phao-lô dạy các nô lệ phải đối cùng chủ mình như thế nào?

Phao-lô dạy rằng các nô lệ phải tôn trọng chủ mình.

1 Timothy 6:3

Những người nào từ chối lời chân chính và giáo lý tin kính?

Những người từ chối lời chân chính và giáp lí tin kính là những người kiêu ngạo và không hiểu biết gì.

1 Timothy 6:6

Phao-lô gọi điều gì là một nguồn lợi lớn?

Phao-lô gọi sự tin kính cùng sự thỏa lòng là một lợi lớn.

1 Timothy 6:9

Những người muốn giàu có thì sẽ sa vào điều gì?

Những người ham làm giàu thì sa vào sự cám dỗ và mắc vào cạm bẫy.

1 Timothy 6:17

Tại sao phải người giàu có phải đặt hi vọng nơi Đức Chúa Trời chứ không phải nơi của cải không chắc chắn?

Những người giàu có phải đặt hi vọng nơi Đức Chúa Trời bởi vì Ngài là Đấng ban cho mọi sự giàu có thật.

Chapter 1

2 Timothy 1:1

Phao-lô

"Từ Phao-lô” hoặc “Tôi, là Phao-lô, viết thư nầy”

Bởi ý muốn của Đức Chúa Trời

"do ý muốn của Đức Chúa Trời” hoặc “bởi vì Đức Chúa Trời muốn tôi làm theo cách nầy”. Phao-lô đã trở thành sứ đồ bởi vì Đức Chúa Trời muốn Phao-lô trở thành sứ đồ, chứ không phải vì con người đã chọn ông.

Theo như

Có thể hiểu: 1) “phù hợp với”, nghĩa là như lời Đức Chúa Trời đã hứa rằng Chúa Giê-xu sẽ ban sự sống mình, Ngài cũng sẽ khiến Phao-lô trở nên sứ đồ; 2) “vì mục đích của”, nghĩa là Đức Chúa Trời đã chỉ định Phao-lô để nói cho người khác biết lời hứa của Đức Chúa Trời về sự sống trong Chúa Giê-xu.

Lời hứa về sự sống trong Chúa Cứu Thế Giê-xu

"Đức Chúa Trời đã hứa khiến những người ở trong Chúa Cứu Thế Giê-xu được sống”

Con rất yêu dấu

“con yêu quý” hoặc “đứa con được yêu mến” hoặc “đứa con mà ta yêu mến”. Ti-mô-thê đã nhờ Phao-lô mà tin nơi Chúa Cứu Thế, và cũng chính vì lí do này mà Phao-lô coi ông như con của mình.

Ân điển, sự thương xót và bình an từ

"Nguyện xin ân điển, sự thương xót và bình an từ… ở cùng con” hoặc “Nguyện con kinh nghiệm được sự nhân từ, thương xót và bình an từ”

Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha

"Đức Chúa Trời là Cha của chúng ta”

Và Chúa Cứu Thế Giê-xu, Cứu Chúa chúng ta

"và Chúa Cứu Thế Giê-xu, chính Ngài là Cứu Chúa của chúng ta”

2 Timothy 1:3

Ta phục vụ, như các tổ phụ ta

Phao-lô thờ phượng cùng một Đức Chúa Trời như tổ tiên ông từ xưa đã làm. Tham khảo cách dịch: “Vì ta thực hiện trách nhiệm của một Cơ Đốc Nhân với Đấng ấy như các tổ phụ là những người đi trước ta cũng đã từng làm”

Với lương tâm thánh sạch

"với lương tâm trong sạch”. Ông không bị phiền hà bởi những suy nghĩ làm điều sai quấy bởi vì ông luôn cố gắng làm điều đúng.

Như ta vẫn hằng nhớ đến con

"khi ta luôn nhớ đến con” hoặc “khi lúc nào ta cũng nhớ đến con”

Đêm ngày

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Có thể hiểu: 1) “lời cầu nguyện của ta lúc ban đêm và khi ban ngày” hoặc 2) “Ngày đêm ta luôn nhớ đến con” hoặc 3) “ngày đêm ta mong muốn được gặp con”

Ước ao được gặp con

"rất muốn được gặp con”

Nhớ đến nước mắt con

"nhớ mọi điều khốn khó mà con đã trải qua”

Được tràn ngập niềm vui

"có nhiều niềm vui” hoặc “được vui thỏa”

Nhớ lại

"bởi vì ta nhớ lại” hoặc “Khi ta nhớ lại” hoặc “vì ta nhớ lại” hoặc “và nhớ lại”

Đức tin chân thành của con

"đức tin con là thật” hoặc “đức tin con không hề giả dối”. Nói về tính thành thật hoặc xác thực.

Đức tin… đã sống trong bà ngoại con… nay sống trong con

Bà ngoại của Ti-mô-thê là một người nữ tin kính, ở đây Phao-lô đang so sánh đức tin của Ti-mô-thê với đức tin của bà ngoại ông.

2 Timothy 1:6

Câu liên kết:

Phao-lô khích lệ Ti-mô-thê sống trong sự mạnh mẽ, tình yêu thương, và sự kỷ luật, và không hổ thẹn vì sự chịu đựng của Phao-lô trong tù bởi đức tin của Phao-lô trong Chúa Cứu Thế.

Đây là lí do

"Vì lí do nầy” hoặc “Bởi vì đức tin chân thành của con trong Chúa Giê-xu” hoặc “Bởi vì con có niềm tin chân thành nơi Chúa Giê-xu”

Ta nhắc con

"Ta đang nhắc con” hoặc “Ta đang gợi lại cho con”

Nhen nhóm lại những ân tứ của Đức Chúa Trời mà con đã nhận được qua sự đặt tay của ta

Phao-lô đã đặt tay trên Ti-mô-thê để ban Đức Thánh Linh và các khả năng hay các ân tứ thuộc linh trên ông. Phao-lô khuyên Ti-mô-thê phải “thắp sáng lại” hoặc “nhen nhóm lại’ những năng lực thuộc linh trong công việc của ông cho Chúa Cứu Thế. Hình ảnh thổi hoặc quạt lò than là hình ảnh ẩn dụ về những năng lực và ân tứ thuộc linh mà Ti-mô-thê đã bỏ qua hoặc không sử dụng.

Vì Đức Chúa Trời

"Bởi vì Đức Chúa Trời” hoặc “Do Đức Chúa Trời”

Đức Chúa Trời không ban cho chúng ta tinh thần nhút nhát

Phao-lô đã nhận lãnh Đức Thánh Linh từ Đức Chúa Trời. Khi ông đặt tay trên Ti-mô-thê thì Đức Thánh Linh cũng giáng trên Ti-mô-thê. Thánh Linh này không khiến họ khiếp sợ Đức Chúa Trời hay những người khác.

Tinh thần… kỷ luật

Chúa Cứu Thế là “Thánh Linh của Đức Chúa Trời khiến chúng ta có thể làm soát được mình” (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc 2) “Thánh Linh của Đức Chúa Trời khiến chúng ta có thể sửa trị những người làm điều sai trái”

2 Timothy 1:8

Vậy chớ hổ thẹn

"Vì vậy đừng sợ hãi” hoặc “Vậy nên đừng sợ sệt”

Cùng chịu khổ vì Tin Lành

Phao-lô đã chịu khổ cách bất công vì lợi ích của Tin Lành. Ông đang khuyên dạy Ti-mô-thê không sợ chịu khổ vì Tin Lành như vậy.

Nhờ quyền phép của Đức Chúa Trời

"để Đức Chúa Trời khiến con được mạnh mẽ”

Không phải theo việc làm của chúng ta

“Chúng ta được cứu không bởi số việc lành mà chúng ta đã làm” hoặc “Đức Chúa Trời không cứu chúng ta dựa trên nền tảng những việc lành mà chúng ta làm” hoặc “Đức Chúa Trời cứu chúng ta cho dù chúng ta đã từng làm những việc sai trái”

Đấng đã cứu chúng ta… theo chương trình của Ngài

"Đức Chúa Trời đã lên kế hoạch giải cứu chúng ta và hiện nay Ngài đã cứu chúng ta” hoặc “Đức Chúa Trời đã định sẽ cứu chúng ta cùng cách thực hiện điều đó và hiện giờ đã cứu chúng ta” hoặc “Đấng đã cứu chúng ta… cách mà Ngài đã định để cứu chúng ta”

Trước khi vạn vật xuất hiện

"trước khi thế gian bắt đầu” hoặc “trước khi mọi thứ bắt đầu” hoặc “trước khi sáng thế”

Vạn vật

Đây là phép hoán dụ chỉ cả vụ trụ, mọi vật tồn tại trong đó.

Sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ qua sự hiện đến của Chúa Cứu Thế Giê-xu, Cứu Chúa chúng ta.

"Đức Chúa Trời đã bày tỏ phương cách Ngài sẽ cứu chúng ta qua việc Chúa Cứu Thế Giê-xu, Cứu Chúa chúng ta hiện đến”

Đấng đã tiêu diệt sự chết

"Đấng đã tiêu diệt quyền lực của sự chết trên chúng ta”

Nhờ Tin Lành làm sáng tỏ sự sống đời đời

"nhờ sự rao giảng Tin Lành mà dạy về sự sống đời đời”

Ta đã được lập làm người truyền giảng

"Đức Chúa Trời chọn ta để rao giảng sứ điệp”

2 Timothy 1:12

Chính vì lý do nầy

"Vì ta là sứ đồ”

Ta cũng chịu khổ những điều này

Phao-lô đang đề cập đến sự tù đày.

Ta đã tin

"Ta đã bị thuyết phục”

Ngày ấy

Có thể hiểu: 1) Ngày Chúa trở lại hoặc 2) Ngày Đức Chúa Trời xét xử loài người

Giữ lấy mẫu mực của các lời dạy chân chính mà con đã nghe nơi ta

"Cứ giảng dạy những điều đúng đắn mà ta đã dạy cho con” hoặc “Hãy lấy những lời dạy cùng các phương pháp giảng dạy của ta làm mẫu mực cho nội dung cũng như cách thức mà con phải giảng dạy”

Những điều tốt đẹp đó

Nói đến công việc rao giảng Tin Lành cách đúng đắn.

Gìn giữ nó

Ti-mô-thê cần phải cảnh giác bởi vì người ta sẽ chống đối công việc của ông, cố gắng ngăn cản ông và xuyên tạc những lời dạy của ông.

Nhờ Đức Thánh Linh

"Hãy chỉ làm mọi điều mà Đức Thánh Linh bảo con phải làm”

2 Timothy 1:15

Lìa bỏ ta

Họ bỏ mặc ông vì ông bị bắt và bị giam vào ngục.

Không hổ thẹn về xiềng xích ta

Ô-nê-si-phô-rơ đã không xấu hổ về Phao-lô khi ông bị bỏ tù

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

bởi vì người vẫn đến thăm Phao-lô thường xuyên. “xiềng xích” là hình ảnh hoán dụ cho tình trạng bị giam trong ngục.

Cho người tìm được sự thương xót.. trong ngày đó

Phao-lô ước ao Ô-nê-si-phô-rơ nhận được sự thương xót và không bị xét đoán tron cả 1) ngày Chúa trở lại và cả 2) ngày Đức Chúa Trời xét đoán loài người.

Translation Questions

2 Timothy 1:1

Phao-lô đã trở thành sứ đồ của Chúa Cứu Thế như thế nào?

Phao-lô đã trở thành sứ đồ của Chúa Cứu Thế bởi ý muốn của Đức Chúa Trời.

2 Timothy 1:8

Phao-lô khuyên Ti-mô-thê không nên làm gì?

Phao-lô khuyên Ti-mô-thê không nên hổ thẹn khi làm chứng về Chúa.

Thay vào đó, Phao-lô khuyên Ti-mô-thê làm gì?

Thay vào đó, Phao-lô khuyên Ti-mô-thê nên dự phần cùng ông chịu khổ vì Tin Lành.

2 Timothy 1:12

Phao-lô không hổ thẹn về Tin Lành vì ông tin rằng Đức Chúa Trời có thể làm điều gì cho mình?

Phao-lô tin rằng Đức Chúa Trời sẽ giữ những điều Phao-lô đã tin nơi Ngài cho đến ngày ấy.

2 Timothy 1:15

Tất cả những người cộng sự trong miền A-si-a của Phao-lô đã làm gì đối với ông?

Tất cả những người tại A-si-a đã lìa bỏ Phao-lô.

Chapter 2

2 Timothy 2:1

Câu liên kết:

Phao-lô phác họa đời sống Cơ đốc của Ti-mô-thê như đời sống của người lính, người nông dân, và một vận động viên.

Được mạnh mẽ trong ân điển của Chúa Cứu Thế Giê-xu

Có thể hiểu: 1) “Hãy để Đức Chúa Trời làm cho con được mạnh mẽ nhờ ân điển mà Ngài đã ban cho con trong Chúa Cứu Thế Giê-xu” (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc “Hãy khích lệ bản thân, vì biết rằng Đức Chúa Trời đã ban cho con ân điển chỉ đến từ Chúa Cứu Thế Giê-xu”

Giữa nhiều người làm chứng

"với nhiều người làm chứng tại đó rằng lời ta là chân thật”

Đáng tin

"đáng tin cậy”

2 Timothy 2:3

Chịu khổ cùng ta

Có thể hiểu: 1) “chịu gian khổ như tôi” (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc 2) “dự phần trong sự gian khổ của tôi”.

Không một người lính nào đang làm nhiệm vụ mà còn vướng bận các vấn đề trong đời này.

“Không một người lính nào đang làm nhiệm vụ mà lại dồn hết tâm trí vào những công việc thường nhật trong đời nầy” hoặc “Khi một người lính đang làm nhiệm vụ, họ không nên bị xao lãng bởi những việc thường nhật mà người ta phải làm”. Đây là hình ảnh đầu tiên trong ba hình ảnh ẩn dụ. Người đọc phải hiểu rằng người phục vụ Chúa Cứu Thế không được để đời sống thường ngày làm mình xao lãng công việc của Chúa Cứu Thế”.

Vướng bận

Bị ngăn trở trong sự phục vụ vì lo làm việc khác được cho là giống như bị mắc lưới.

Chỉ huy

"người tuyển anh ta vào lính”

Một vận động viên... không được đội mão miện nếu anh ta không tranh tài đúng luật

Người phục vụ Chúa Cứu Thế cần phải làm những việc Chúa Cứu Thế bảo mình làm.

vận động viên sẽ không được đội vòng hoa chiến thắng nếu không thi đấu đúng luật

Tham khảo: “Họ sẽ đội vòng hoa chiến thắng cho người nếu người thi đấu đúng luật”

Anh ta đã không được đội mão miện.

“Anh ta đã không giành được phần thưởng.”

Tranh tài đúng luật

"nghiêm túc tuân thủ luật lệ” hoặc “thi đấu nghiêm túc theo đúng luật”

2 Timothy 2:6

Người nông dân làm việc khó nhọc phải được hưởng hoa lợi mình trước hết

Đây là hình ảnh ẩn dụ thứ ba mà Phao-lô gửi cho Ti-mô-thê. Người đọc phải hiểu rằng người phục vụ Chúa Cứu Thế cần phải làm việc chăm chỉ.

Hãy suy nghĩ về những điều ta nói

Phao-lô đã đưa ra cho Ti-mô-thê ba hình ảnh ẩn dụ, nhưng ông không giảng giải ý nghĩa của chúng. Ông mong đợi Ti-mô-thê hiểu được những điều ông nói về tôi tớ của Chúa Cứu Thế.

Vì Chúa

"bởi vì Chúa”

2 Timothy 2:8

Câu liên kết:

Phao-lô dạy Ti-mô-thê cách sống vì Chúa Cứu Thế, cách chịu khổ vì Chúa Cứu Thế, và cách dạy người khác sống vì Chúa Cứu Thế.

Theo như Tin Lành mà ta đã rao giảng

“y theo sứ điệp phúc âm mà ta đã rao ra”

Vì điều đó mà ta chịu khổ

"Vì sứ điệp Tin Lành mà ta chịu khổ”

Bị xiềng xích

"bị giam cầm”

Đạo của Đức Chúa Trời không hề bị xiềng xích

"không bị giới hạn” hoặc “không bị giam hãm” hoặc “được tự do hoàn toàn”

Vì những người được chọn

"Vì những người Đức Chúa Trời đã chọn”

Có thể nhận được sự cứu rỗi

"sẽ nhận được sự cứu rỗi” hoặc “Đức Chúa Trời sẽ cứu họ”

Với sự vinh hiển đời đời

"làm vinh hiển Đức Chúa Trời đời đời” hoặc “hướng người ta đến với Đức Chúa Trời đời đời”

2 Timothy 2:11

Lời nầy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"những lời nầy"

Đã chết

Ở đây có nghĩa là một người từ bỏ chính mình, phó dâng đời sống mình cho Chúa. Hay nói cách khác, từ chối nộp mình cho những ước muốn bản của bản thân.

Nếu chúng ta không trung tín

"thậm chí nếu chúng ta từ bỏ Đức Chúa Trời" hoặc "thậm chí nếu chúng ta không còn muốn làm những điều mình tin rằng Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm"

Ngài không thể tự chối bỏ mình được

"Ngài phải luôn luôn hành động theo đúng bản chất của Ngài" hoặc "Ngài không thể hành động cách trái ngược với bản chất thật của mình"

2 Timothy 2:14

Họ

Có thể hiểu: 1) "những người giảng dạy" (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc 2) "các tín hữu trong hội thánh"

Trước mặt Đức Chúa Trời

"trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời" hoặc "nhận biết rằng Đức Chúa Trời đang theo dõi anh em và họ"

Không tranh cãi về chữ nghĩa

"không đi tranh cãi những lời đó có nghĩa gì" hoặc "không nói những lời gây tranh cãi" hoặc "không nói những lời làm tổn thương người khác"

Chẳng ích lời gì

"chẳng đem lại điều tốt lành nào cho ai" hoặc "vô ích"

Làm tổn hại

Đây là hình ảnh về việc phá hủy một công trình. Những người nghe thấy các cuộc cãi vả sẽ không còn tôn trọng sứ điệp Cơ Đốc nữa..

Những người lắng nghe

"những người vô tình nghe thấy"

Trình diện trước mặt Đức Chúa Trời, được Ngài chấp nhận

"trình diện trước mặt Đức Chúa Trời như một người Ngài đã nhận là xứng đáng"

Như người làm công

"giống như người làm công" hoặc "như người thợ"

Giảng dạy chính xác

"giải thích chính xác"

2 Timothy 2:16

Lời nói của họ sẽ lan truyền như bệnh hoại tử

"Những lời họ nói sẽ truyền ra như căn bệnh truyền nhiễm". Chứng hoại tử lan nhanh trên cơ thể một người và phá hủy nó nhanh đến mức nào, thì lời những người này nói cũng lan truyền từ người này sang người khác và làm tổn hại đến đức tin của người nghe như vậy. Tham khảo cách dịch: "Lời của họ sẽ truyền đi nhanh chóng và gây tổn hại như căn bệnh hoại tử" hoặc "Người ta sẽ nhanh chóng nghe được những lời bọn họ nói và bị tổn hại bởi những lời đó"

Bệnh hoại tử

Thịt bị chết và thối rữa. Cách duy nhất để ngăn không cho bệnh này lây lan và giết chết người bệnh là cắt bỏ những vùng lây nhiễm đó đi.

Đi chệch khỏi lẽ thật

Có thể hiểu: 1) "đã phạm nhiều lỗi về lẽ thật" hoặc "như một mũi tên không có điểm đích" hoặc "đã không còn tin nơi lẽ thật nữa"

Sự sống lại đã xảy ra rồi

"Đức Chúa Trời đã thực sự khiến những người tin Ngài sống lại và vào sự sống đời đời rồi"

Làm đảo lộn đức tin của một số người

"khiến một vài tín hữu nghi ngờ" hoặc "thuyết phục một vài tín hữu không tin"

2 Timothy 2:19

Nền tảng của Đức Chúa Trời

Có thể hiểu: 1) "Hội Thánh mà Đức Chúa Trời đã lập từ buổi ban đầu"; hoặc 2) "lẽ thật về Đức Chúa Trời" (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc 3) "sự thành tín của Đức Chúa Trời"

Người nào kêu cầu danh Chúa

"người nào xưng mình là tín hữu trong Chúa Cứu Thế"

Tránh xa những điều bất chính

Có thể hiểu: 1) "không sống gian ác nữa" hoặc 2) "ngưng làm những điều sai trái"

bình

Đây là từ dùng chung cho những vật như bát, dĩa và nồi mà người ta dùng để đựng đồ ở trên hoặc trong chúng. Nếu như ở bạn không có từ nào chỉ chung như vậy thì có thể dùng từ chỉ "bát" hoặc "nồi". Đây là hình ảnh ẩn dụ chỉ con người.

Tôn trọng... thấp hèn

Có thể hiểu: 1) "những dịp đặc biệt... những lúc bình thường" (Tham khảo bản dịch ULB); 2) "những việc làm công khai của những người lành... những việc kín giấu của những người lành"

Tẩy sạch mình khỏi những việc làm ô uế

Có thể hiểu: 1) "phân rẽ mình ra khỏi những người ô uế"; 2) "làm cho mình trong sạch"

Chiếc bình tôn trọng

"hữu ích cho những dịp quan trọng" hoặc "hữu ích cho những việc công khai mà những người lành làm"

2 Timothy 2:22

Chạy trốn... theo đuổi

Hai hình ảnh ẩn dụ này đều nói cùng một ý là chạy càng nhanh càng tốt. Chạy trốn là chạy khỏi những điều sẽ làm tổn hại đến bạn, theo đuổi là chạy theo những điều đem lại ích lợi cho bạn.

Chạy trốn khỏi những dục vọng của tuổi trẻ

"chạy khỏi những dục vọng cám dỗ người trẻ", chạy như cách người ta chạy trốn khỏi con thú đang tấn công mình hoặc khỏi kẻ giết người. Nếu ngôn ngữ của bạn không có từ "dục vọng" ở dạng danh từ thì có thể tham khảo cách dịch: "dứt khoát từ chối làm những điều mà người trẻ rất mong muốn làm" hoặc "làm mọi việc có thể để giữ mình khỏi làm"

theo đuổi sự công chính

"tìm kiếm sự công chính"

Với

Có thể hiểu: 1)"cùng với" có nghĩa là "cùng với các Cơ Đốc Nhân khác theo đuổi sự công bình..."; 2) "vì con có mối liên hệ với" có nghĩa là "làm mọi việc có thể để... con được hòa thuận với các Cơ Đốc Nhân khác"

Những người kêu cầu Chúa

"Cơ Đốc Nhân" hoặc "những người gọi mình là người của Đức Chúa Trời"

Bằng tấm lòng trong sạch

"với động cơ chân thành" hoặc "vì những lí do phải lẽ"

Từ chối những câu hỏi ngu xuẩn và thiếu hiểu biết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"từ chối trả lời những câu hỏi ngu xuẩn và những câu hỏi thiếu hiểu biết”

Những câu hỏi... ngu xuẩn

"những câu hỏi người ta đặt ra không chút tôn kính Đức Chúa Trời”

Những câu hỏi thiếu hiểu biết

"những câu hỏi được đặt ra bởi những người không hề muốn biết về lẽ thật”

2 Timothy 2:24

Nhu mì

"cách ngu mì” hoặc “cách nhẹ nhàng

Dạy

"hướng dẫn” hoặc “dạy dỗ” hoặc “sửa trị”

Ban cho họ sự ăn năn

"giúp họ xoay bỏ tội lỗi mình”

Để nhận biết lẽ thật”

"đặng họ sẽ biết về lẽ thật”

Họ tỉnh ngộ

"họ sẽ không suy nghĩ sai lạc nữa” hoặc “họ bắt đầu lại lắng nghe Đức Chúa Trời”

Cạm bẫy của ma quỷ

Hình ảnh ẩn dụ về những người nghĩ rằng mình đang theo Đức Chúa Trời trong khi thực sự thì họ đang theo ma quỷ.

Đã bị ma quỷ bắt giữ để làm theo ý nó

"ma quỷ đã bắt giữ họ và hiện đang khiến họ phải làm mọi điều nó muốn”

Translation Questions

2 Timothy 2:1

Mối quan hệ giữa Phao-lô và Ti-mô-thê là gì?

Ti-mô-thê là con về mặt thuộc linh của Phao-lô.

2 Timothy 2:14

Ti-mô-thê khuyên các tín hữu tránh phải tranh cãi về vấn đề gì?

Ti-mô-thê phải răn bảo các tín hữu tránh tranh cãi về chữ nghĩa là những điều chẳng đem lại ích lợi gì.

2 Timothy 2:22

Ti-mô-thê phải tránh xa điều gì?

Ti-mô-thê sẽ phải tránh xa những dục vọng của tuổi trẻ.

2 Timothy 2:24

Một người đầy tớ của Chúa phải có những đặc tính nào?

Một người đầy tớ của Chúa phải hòa nhã, có tài dạy dỗ, nhịn nhục và sửa dạy những người chống đối mình cách nhu mì.

Chapter 3

2 Timothy 3:1

Câu liên kết:

Phao-lô cho Ti-mô-thê biết rằng trong thời sau này người ta sẽ quay lưng khỏi lẽ thật và sẽ có sự bắt bớ, nhưng Ti-mô-thê có thể nương cậy vào lời Kinh Thánh của Đức Chúa Trời.

Những thời kỳ nguy hiểm

Đây là những ngày, những tháng hoặc là những năm mà các Cơ Đốc Nhân sẽ ở gặp nguy hại từ những người mà Phao-lô sẽ mô tả trong các câu 2-4.

những người yêu chính mình

Ý ở đây dùng từ “những người yêu” có nghĩa đó là tình yêu anh em, hoặc tình yêu bạn hữu hoặc tình yêu người trong gia đình, một tình yêu tự nhiên của con người giữa bạn bè hoặc họ hàng. Đây không phải là loại tình yêu đến từ Chúa.

Khoe khoang

người ta khoe khoang về chính mình

không có tình nghĩa

"không hề yêu thương những người trong gia đình mình”

Bất nhân

"không hòa thuận với mọi người” hoặc “không sống hòa thuận với mọi người”

Kẻ vu khống

"kẻ vu cáo”

Dữ tợn

"hung tợn’ hoặc "tàn ác” hoặc “họ sẽ thường làm những việc gây tổn thương cho người khác”

Không thích điều lành

"ghét điều lành”

Cứng lòng

"khinh dễ”

Kiêu ngạo

"Họ cho rằng mình tốt hơn nhiều so với chính bản thất của họ”

2 Timothy 3:5

Giữ hình thức tin kính

"xuất hiện với vẻ tin kính” hoặc “xuất hiện với vẻ công bình” hoặc “xuất hiện với vẻ tốt đẹp”

Họ sẽ chối bỏ quyền năng của nó

Có thể hiểu: 1) “họ sẽ từ chối không chấp nhận quyền năng mà Đức Chúa Trời thực sự muốn ban cho họ” (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc 2) “đời sống của họ chẳng bày tỏ điều gì là tin kính như lời họ nói”

Xoay khỏi

"tránh xa”

Những kẻ vào

"những kẻ lẻn vào”

nhà

Có thể hiểu: 1) “các hộ gia đình” hoặc “gia đình sống trong ngôi nhà đó” hoặc 2) “ngôi nhà” vật lí (Tham khảo bản dịch ULB).

Quyến dụ

"có khả năng ảnh hưởng”

Những phụ nữ ngu dại

"những người nữ yếu đuối thuộc linh”. Điều này có thể xảy ra bởi vì họ đã thất bại trong việc trở nên thánh hoặc bởi vì họ quá nhàn rỗi hoặc bởi vì họ “bị chôn vùi trong tội lỗi”.

Chìm ngập trong tội lỗi

Có thể hiểu: 1) “sa đọa trong hàng đống tội lỗi” hoặc 2) “người thường phạm tội”. Ý ở đây muốn nói là chúng ta không thể tránh khỏi việc phạm tội.

Người... bị dẫn dụ bởi nhiều ước muốn

Tham khảo cách dịch: “Những người nữ này mong muốn những điều khác nhiều đến nỗi họ không còn vâng theo Chúa Cứu Thế nữa” hoặc “Những người nữ này không vâng phục Chúa Cứu Thế nữa mà thay vào đó họ theo đuổi những điều mình mong muốn”

Hiểu biết

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ này nói về những gì bạn biết về một người sau một thời gian dài cẩn thận quan sát họ.

2 Timothy 3:8

Gian-nét và Giam-be

Hai cái tên này chỉ được tìm thấy tại phân đoạn này trong Kinh Thánh. Ngày xưa, họ được gọi là các thầy phù thủy Ai-cập, là những người chống đối Môi-se trong Xuất 7-8.

Chống đối

"chống lại”

Như thế

"y như vậy”

Lẽ thật

"Tin Lành về Chúa Giê-xu”

Tâm trí họ bại hoại

"Họ không còn suy nghĩ đúng đắn được nữa”

Tiến tới

“đi tới”

Dại dột

“thiếu hiểu biết” hoặc “điên rồ”

Rõ ràng

“dễ dàng nhận thấy” hoặc “dễ dàng nhận ra”

2 Timothy 3:10

Nhưng con đã theo

"nhưng con đã cẩn thận theo dõi”

Lời dạy dỗ

“lời chỉ dạy”

Cách cư xử

“cách sống"

Tính quả quyết

“lòng quyết tâm” hoặc “sự quyết định”

Kiên nhẫn

“kiên nhẫn với mọi người”

Kiên nhẫn

Có thể mang nghĩa là 1) “Ta cứ hầu việc Đức Chúa Trời ngay cả khi khó khăn” (bản ULB) hoặc 2) “Ta giữ vững thái độ tích cực trong những nghịch cảnh.”

Giải cứu

“cứu”

Muốn

“ao ước”

Những kẻ lừa đảo

“những kẻ lừa người khác về mình” hoặc “những người giả bộ khác với con người thật của họ”

2 Timothy 3:14

Tiếp tục trong những điều con đã học

“chớ quên điều con đã học.”

Kinh Thánh, vốn có thể khiến con khôn ngoan

“Lời của Đức Chúa Trời ban cho con sự khôn ngoan mà con cần.”

Đến sự cứu rỗi qua đức tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu

“đặng Đức Chúa Trời sẽ dùng đức tin của con nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu mà cứu con”

Sự cứu rỗi

Có thể hiểu: 1) “Đức Chúa Trời sẽ ban cho con sự sống đời đời” hoặc 2) “Đức Chúa Trời sẽ cứu con khỏi sự ngu dại của đời nầy”

2 Timothy 3:16

Cả Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời cảm thúc

“Đức Chúa Trời đã phán mọi lời trong Kinh Thánh nhờ Thánh Linh của Ngài” (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc “cả Kinh Thánh là sự hà hơi của Đức Chúa Trời” kết quả bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời phán cùng con người những điều họ phải viết.

Có ích

“hữu ích”, “ích lợi”

Khiển trách

“chỉ ra lỗi sai”

Sửa trị

“sửa lỗi”

Huấn luyện

“môn đồ hóa” hoặc “dạy dỗ”

Có khả năng

"trọn vẹn”

Translation Questions

2 Timothy 3:1

Phao-lô nói trong những ngày cuối cùng sẽ có những điều gì xảy đến?

Phao-lô nói rằng trong những ngày cuối cùng, những thời kỳ khó khăn sẽ xảy đến.

2 Timothy 3:5

Phao-lô khuyên Ti-mô-thê làm gì với những người chỉ có vẻ ngoài tin kính?

Phao-lô khuyên Ti-mô-thê phải tránh xa những kẻ chỉ có vẻ ngoài tin kính.

2 Timothy 3:8

Những kẻ vô tín giống như Gian-nét và Giam-be trong thời Cựu Ước là những kẻ như thế nào?

Những kẻ vô tín giống như Gian-nét và Giam-be là những giáo sư giả chống đối lẽ thật.

2 Timothy 3:10

Thay vì những giáo sư giả, Ti-mô-thê đã theo ai?

Ti-mô-thê đã theo Phao-lô.

2 Timothy 3:16

Cả Kinh Thánh đã được ban cho con người như thế nào?

Cả Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời soi dẫn.

Cả Kinh Thánh có ích lợi cho điều gì?

Cả Kinh Thánh ích lời sự dạy dỗ, khiển trách, sửa trị và huấn luyện trong sự công chính.

Chapter 4

2 Timothy 4:1

Câu Liên kết:

Phao-lô tiếp tục nhắc nhở Ti-mô-thê phải trung tín và cũng nói rằng ông đã sẵn sàng đối diện sự chết.

Trước mặt Đức Chúa Trời và Chúa Cứu Thế Giê-xu

“Trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời và Chúa Cứu Thế Giê-xu.” Hãy tham khảo cách bản dịch ULB dịch và sắp xếp lại câu này.

Đấng sẽ phán xét

"Đấng sẽ sớm đến để phán xét”

Long trọng

"cách quả quyết” hoặc “cách nghiêm túc” hoặc “or "chú

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

trọng đến từng từ”

Nghịch cảnh

"những lúc bất lợi”

Khiển trách

“Cho họ biết rằng họ có tội” hoặc “cho họ biết những việc làm sai trái của họ”

Quở trách

“nghiêm khắc răn bảo”

Với tất cả lòng nhẫn nại và dạy dỗ

Có thể hiểu: 1) Đây là cách Ti-mô-thê nên khuyên bảo người ta hoặc 2) Đây là cách để Ti-mô-thê làm mọi việc trong câu 2 hoặc 3) đây là cách Ti-mô-thê làm mọi việc trong câu cuối.

Lòng nhẫn nại

“tính nhẫn nại”

with all patience

"với lòng rất nhẫn nại” hoặc “bằng tính nhẫn nại rất lớn”

2 Timothy 4:3

Vì sẽ đến thời điểm khi

"Vì sẽ có một lúc nào đó trong tương lai”

Người ta

Văn cảnh cho thấy đây là những người trong Hội Thánh (Tham khảo bản dịch ULB).

Giáo lí chân chính

Giáo lí mà cả Hội Thánh nhận định là chân thật và chuẩn xác.

Nhóm họp quanh mình những giáo sư dạy những điều hợp với tư dục mình. Theo đó, họ sẽ được nghe những lời êm tai.

Có thể hiểu: 1) “vì cớ tư dục mình, họ sẽ tập hợp các giáo sư dạy những điều họ muốn nghe” hoặc 2) “họ sẽ tập hợp các giáo sư đồng tình với những tư dục mình lại đặng dạy những điều họ muốn nghe” hoặc 3) “chiều theo tư dục mình, họ sẽ nhóm hợp các giáo sư giảng dạy những lời họ muốn nghe”.

Tư dục mình

"những ước muốn cá nhân của họ”

Họ sẽ được nghe những lời êm tai

"Họ sẽ tìm những lời dạy êm tai”. “Êm tai” là cách nói ẩn dụ cho thấy họ sẽ vui lòng lắng nghe, những điều khiến họ cảm thấy dễ chịu, hạnh phúc.

Công việc của một nhà truyền giáo

Ý ở đây có nghĩa là nói cho người ta biết về Chúa Giê-xu, những việc Ngài đã làm cho họ, và cách sống vì Ngài.

Chức vụ

Từ này có nghĩa là phục vụ họ về mặt thuộc linh bằng cách dạy dỗ họ về Đức Chúa Trời.

2 Timothy 4:6

Đã đến lúc tôi phải ra đi

"tôi sẽ sớm qua đời và rời khỏi thế gian nầy” (Tham khảo bản dịch ULB). Phao-lô nhận ra rằng ông sẽ không còn sống được bao lâu nữa.

Tôi đã xong trận chiến tốt lành.

Đây là ẩn dụ về cuộc thi đấu, môn đấu vật, hay môn võ quyền anh. Phao-lô đã chiến đấu hết sức. Câu nay có thể được dịch là “Tôi đã chiến đấu hết sức mình” hay “Tôi đã dốc hết sức”.

Ta đã hoàn tất cuộc chạy đua

Hình ảnh ẩn dụ việc qua đời như chạm đến đường đích của cuộc chạy đua. Tham khảo cách dịch: “Ta đã hoàn thành những việc cần phải làm”

Ta đã giữ được đức tin

Có thể hiểu: 1) “Ta đã giữ những giáo lí niềm tin của chúng ta khỏi mọi sai trật” hoặc 2) “Ta đã trung tín hoàn thành sứ mạng của mình” (Tham khảo bản dịch ULB)

Mão triều thiên công chính đã dành sẵn cho ta

Tham khảo cách dịch: “Mão triều thiên công chính sẽ được ban cho ta”

Mão triều thiên công chính

Có thể hiểu: 1) Mão triều thiên là phần thưởng mà Đức Chúa Trời ban cho những người đã sống ngay thẳng (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc 2) Mão triều thiên là hình ảnh ẩn dụ cho sự công bình; trọng tài của một trấn đấu trao vòng nguyệt quế cho người chiến thắng ra sao thì Đức Chúa Trời cũng sẽ công bố Phao-lô là công chính khi ông đã xong cuộc đời mình thể ấy.

Mão

Vòng hoa được làm từ lá nguyệt quế để trao cho những người chiến thắng trong các cuộc đua điền kinh.

Trong ngày đó

"trong ngày Chúa trở lại” hoặc “trong ngày Chúa sẽ phán xét loài người”

2 Timothy 4:9

Câu liên kết:

Trong phần kết của bức thư, Phao-lô khuyến khích Ti-mô-thê đến thăm ông, nhờ ông dẫn Lu-ca theo, đề cập đến một vài người đã lìa bỏ khỏi Chúa, và chào thăm những người đang ở với Ti-mô-thê.

Mau chóng

Tham khảo cách dịch: “càng sớm càng tốt”

vì

bởi vì

Đời nầy

Có thể hiểu: 1) những điều tạm bợ của đời nầy, “những thú vui và tiện nghi của đời nầy” hoặc 2) đời sống hiện tại và khỏi bị chết (Có thể Đê-ma sợ người ta sẽ giết mình nếu còn ở với Phao-lô)

Cơ-rết-xen đi... còn Tít thì đi

Hai người đàn ông này đã lìa bỏ Phao-lô, nhưng Phao-lô không nói rằng họ cũng “yêu mến đời nầy” như Đê-ma.

2 Timothy 4:11

Người hữu ích cho ta trong chức vụ

Có thể hiểu: 1) “người có thể giúp đỡ ta trong chức vụ” hoặc 2) “người có thể giúp đỡ về sự hầu việc ta”

2 Timothy 4:14

Đã làm hại ta nhiều lắm

“đã làm nhiều điều xấu nghịch cùng ta” hoặc “đã làm những điều gây hại cho ta”

Con cũng phải cảnh giác người đó

"Chính mình con cũng phải đề phòng người” hoặc “Chính mình con cũng phải rất cẩn thận với người” hoặc “Con phải tự bảo vệ mình khỏi người”

Hắn... của hắn...hắn... hắn

Tất cả đều chỉ về A-léc-xan-đơ.

Hắn quyết liệt chống đối lời rao giảng của chúng ta

"Hắn nỗ lực hết sức để chống đối lời giảng của chúng ta” hoặc “hắn kiên quyết phản đối lời rao giảng của chúng ta”

Không ai ủng hộ ra, nhưng tất cả đều rời bỏ ta

"không ai ở lại đặng giúp ta. Thay vào đó, tất cả đều rời bỏ ta”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nguyện những điều đó không kể nghịch cùng họ
"Ta không muốn Đức Chúa Trời trừng phạt những tín hữu đó vì đã rời bỏ ta”
2 Timothy 4:17
Đứng bên ta
"đứng bên cạnh đặng cứu giúp ta”
Rao truyền Tin Lành cách trọn vẹn cho toàn dân ngoại
Có thể hiểu: 1) Việc này đã thực sự xảy ra (Tham khảo bản dịch ULB) hoặc 2) điều này đối với Phao-lô vẫn là còn ở tương lai “đặng ta có thể rao giảng lời Ngài cách trọn vẹn và toàn thể dân ngoại sẽ được nghe những lời ấy”
Ta đã được giải cứu khỏi hàm sư tử
Mối nguy hiểm này có thể thuộc về thân thể hoặc tinh thần hoặc cả hai. Tham khảo cách dịch: “Ta đã được giải cứu khỏi những nguy hiểm kinh khiếp”

Translation Questions

2 Timothy 4:1
Chúa Giê-xu là Đấng phán xét cho những ai?
Chúa Giê-xu Cơ Đốc là Đấng phán xét người sống và kẻ chết.
2 Timothy 4:3
Phao-lô cảnh báo sẽ có thời điểm người ta sẽ làm gì?
Người ta sẽ không chịu nghe những giáo lí chân chính, nhưng sẽ lắng nghe những giáo lí đồng tình với những dục vọng của mình.
2 Timothy 4:6
Phao-lô cho rằng thời điểm nào trong đời mình đã đến?
Phao-lô cho rằng giờ qua đời của ông đã đến.
2 Timothy 4:11
Người cộng sự duy nhất nào vẫn bên cạnh Phao-lô?
Chỉ duy nhất mình Lu-ca vẫn bên cạnh Phao-lô.
2 Timothy 4:14
Phao-lô cho rằng những người chống đối ông sẽ bị báo trả dựa theo điều gì?
Phao-lô cho rằng người chống đối mình sẽ bị báo trả tùy theo những việc người đó đã làm.
2 Timothy 4:17
Ai là người đã đứng bên cạnh Phao-lô để bảo vệ cho ông đầu tiên?
Chính Chúa là Đấng đã đứng bên cạnh để bảo vệ Phao-lô đầu tiên.

Chapter 1
Titus 1:1
Phao-lô
"Từ Phao-lô”. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách cụ thể để giới thiệu tác giả của lá thư. Tham khảo cách dịch: “Tôi, là Phao-lô, đã viết thư nầy”
Đầy tớ của Đức Chúa Trời và sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-xu
Cụm từ “tôi là” đã bị lược bỏ. Tham khảo cách dịch: “Tôi là đầy tớ của Đức Chúa Trời và sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-xu”
để làm vững chắc
Tham khảo: “Tôi làm việc để xây dựng”
Người được chọn của Đức Chúa Trời
“những người được chọn của Đức Chúa Trời” hoặc “những người được chọn lựa bởi Đức Chúa Trời”
Điều phù hợp với lòng tin kính
“điều phù hợp với những quy tắc của Đức Chúa Trời” hoặc "điều tốt cho những người thánh”
Đức Chúa Trời, Đấng không bao giờ nói dối
“Đức Chúa Trời chẳng bao giờ nói dối”
Từ muôn đời trước
“trước khi thời gian bắt đầu”
Vào đúng thời điểm
“vào thời điểm thích hợp”
Ngài giao cho ta đi rao giảng
Tham khảo cách dịch: “Tôi được giao phó đi rao giảng” hoặc “Ngài giao cho tôi trách nhiệm rao giảng”
Đức Chúa Trời là Cứu Chúa chúng ta
“Đức Chúa Trời, Đấng cứu chúng ta” (Tham khảo bản dịch UDB)
Titus 1:4
Con thật
Tít không phải là con của Phao-lô. Tham khảo cách dịch: “con như con trai của ta” (Tham khảo bản dịch UDB)
Đức tin chung của chúng ta
Tham khảo cách dịch: “niềm tin nơi Chúa Cứu Thế mà chúng ta cùng dự phần” hoặc “cùng sự dạy dỗ mà chúng ta đặt niềm tin vào”
Ân điển, sự thương xót và bình an
Đây là cách chào thăm thông thường. Tham khảo cách dịch: “Nguyện xin ân điển, sự thương xót và sự bình an cho con” hoặc “Nguyện con được kinh nghiệm sự tốt lành, thương xót và ân điển”
Chúa Cứu Thế Giê-xu Cứu Chúa chúng ta
“Chúa Cứu Thế Giê-xu Cứu Chúa chúng ta”
Vì mục đích nầy
Tham khảo cách dịch: “Đây chính là lí do”
Ta để con lại Cơ-rết
Tham khảo cách dịch: “Ta đã bảo con ở lại Cơ-rết”
Để con sắp xếp những việc còn dang dở
“để con có thể thu xếp xong những việc cần phải hoàn thành”
Bổ nhiệm các trưởng lão
Nghĩa là “lập các trưởng lão” (Tham khảo bản dịch UDB) hoặc “lựa chọn các trưởng lão”
Các trưởng lão
Vào thời hội thánh đầu tiên, các trưởng lão Cơ đốc lãnh đạo tín hữu về vấn đề tâm linh.
Titus 1:6
Câu liên kết:
Sau khi đã bảo Tít bổ nhiệm các trưởng lão ở từng thành phố trên đảo Cơ-rết, Phao-lô đưa ra những yêu cầu đối với trưởng lão.
Trưởng lão phải là người không có gì đáng trách
Đây là câu phủ định kép nhằm nhấn mạnh vấn đề đạo đức của người đó. Tham khảo cách dịch: “có tính chính trực” hoặc “có tiếng tốt”
Chồng của một vợ
Một người nam chỉ được có một vợ. Trường hợp nầy không rõ có loại trừ những người đàn ông đã từng góa vợ hoặc đã li hôn hoặc không bao giờ kết hôn hay không.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Con cái trung tín
Có thể hiểu: 1) con cái tin nơi Chúa Giê-xu hoặc 2) con cái đáng tin cậy
Không bị xếp như
“không bị cho là” hoặc “không mang tiếng là”
Vô kỷ luật
"hay chống đối” hoặc “không theo quy tắc”
Ấy là điều cần thiết cho người giám mục
Tham khảo cách dịch: “Người giám mục phải”
Người quản lí nhà Đức Chúa Trời
"quản gia của Đức Chúa Trời” hoặc “với tư cách là một người chịu trách nhiệm về nhà Đức Chúa Trời”
Không nghiện rượu
“không phải là người nghiện rượu” hoặc “không phải là người hay say xỉn” hoặc “không uống quá nhiều rượu”
Người ưa tranh cãi
“người hung bạo” hoặc “người thích gây gổ” (Tham khảo bản dịch UDB)
Titus 1:8
Bạn của những điều lành
“yêu mến điều lành” (Tham khảo bản dịch UDB)
Giữ vững
“tận tâm với” hoặc “biết rõ” hoặc “hiểu rõ về”
Điều gì đúng đắn
“điều gì lành mạnh” hoặc “điều gì phải lẽ”
Titus 1:10
Câu liên kết:
Vì cớ những người chống nghịch lời Chúa, Phao-lô cho Tít biết lý do phải giảng lời Chúa và răn bảo ông về những giáo sư giả.
Những người chịu phép cắt bì
“những kẻ đã chịu phép cắt bì” hoặc “những kẻ thực hành sự cắt bì”. Chỉ những người Do Thái đã chịu cắt bì.
Những lời của họ là vô ích
“lời của họ chẳng đem ích lợi cho ai”
Cần phải ngăn chặn họ
“Phải ngăn họ truyền bá những giáo lí của mình” hoặc “Phải ngăn họ dùng lời nói của mình ảnh hưởng đến người khác”
Những điều họ không nên dạy
“những điều không đáng dạy”
Vì lợi lộc đáng xấu hổ
“đặng nhận tiền từ người khác. Thật đáng xấu hổ!” (Tham khảo bản dịch UDB). Chỉ về những lợi lộc mà người ta có được khi làm những chuyện chẳng đáng tôn trọn.
Gây đổ vỡ cả gia đình người khác
"phá đổ cả gia đình người khác”. Tham khảo cách dịch: “hủy hoại niềm tin của cả gia đình người khác”
Titus 1:12
Một người họ
“Một trong số những người Cơ-rết” hoặc “Một vài trong số những người Cơ-rết”
Một học giả của chính họ
Tham khảo cách dịch: “Một người nào đó được dân mình xem là nhà tiên tri” (Tham khảo bản dịch UDB)
Người Cơ-rết luôn là những kẻ nói dối
“Người Cơ-rết lúc nào cũng nói dối” hoặc “Người Cơ-rết chẳng bao giờ ngừng nói dối’. Đây là cách nói quá.
Những con thú xấu xa và hung dữ
Ẩn dụ này so sánh người Cơ-rết với những loài thú hung dữ.
Bụng dạ lười biếng
"ham ăn mà lại lười biếng” hoặc “”người chẳng làm gì mà lại ăn quá nhiều”. Phép tu từ này dùng bụng để chỉ về cả con người họ.
Vậy hãy nghiêm khắc khiển trách họ
“Vậy phải kiên quyết chỉ cho họ thấy mình đã sai”
Để họ được mạnh mẽ trong đức tin
“để họ có một đức tin lành mạnh” hoặc “để họ tin nơi lẽ thật” hoặc “để đức tin họ được đúng đắn”
Titus 1:14
Đừng phí thời giờ vào
“Vậy nên đừng dành thời giờ nghe”
Những chuyện hoang đường của người Do Thái
Chỉ về những tín lí của người Do Thái
Xoay bỏ khỏi
“khiến người ta không còn tin vào”
Titus 1:15
Với người trong sạch, mọi sự điều trong sạch
Tham khảo cách dịch: “Mọi sự đều trong sạch đối với những người trong sạch” hoặc “Nếu người nào bề trong trong sạch thì mọi việc người làm đều trong sạch:
Với người trong sạch
“tinh sạch” hoặc “có thể chấp nhận được trước mặt Đức Chúa Trời”
Với người ô uế và không tin, thì không điều gì là trong sạch cả
Tham khảo cách dịch: “với kẻ đạo đức bại hoại và người không tin thì chẳng thể trong sạch được”
Đồi bại
"hư hoại" hoặc “không thể hiểu biết"
Những việc họ làm lại từ chối Ngài
“việc làm của họ lại cho thấy họ chẳng nhận biết Ngài”
Đáng ghét
“đáng ghê tởm”
Cho thấy chẳng thể làm được việc gì tốt đẹp
“cho thấy họ chẳng đủ để làm việc lành” hoặc “cho thấy họ chẳng thể làm được bất cứ điều lành nào”

Translation Questions

Titus 1:1
Mục đích của Phao-lô trong sự hầu việc Đức Chúa Trời của ông là gì?
Mục đích của ông là gây dựng đức tin cho những người được chọn của Đức Chúa Trời cũng như sự hiểu biết của họ về lẽ thật.
Titus 1:4
Mối quan hệ giữa Tít và Phao-lô là gì?
Tít là con thật của Phao-lô trong niềm tin chung của họ.
(Con thật về mặt thuộc linh)
Titus 1:6
Cuộc sống gia đình của một trưởng lão phải như thế nào?
Ông phải là chồng của một vợ, con cái phải tin kính và có kỷ luật.
Titus 1:8
Một vài trong số tính cách phải có của một trưởng lão là gì?
Ông phải là người tự chủ, không nghiện rượu, không ưa

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

tranh cãi, không tham lam và phải là người hiếu khách, khôn ngoan và công bình.
Titus 1:10
Các giáo sư giả với những lời dạy của mình đã làm gì?
Họ đã lừa dối mọi người và gây đổ vỡ nhiều gia đình.
Titus 1:14
Phao-lô khuyên rằng họ không nên phí thời gian vào những việc gì?
Họ không nên phí thời gian vào những chuyện hoang đường của người Do Thái cũng như những điều răn dạy của con người.
Titus 1:15
Điều gì đã bại hoại trong một người không tin?
Cả tâm trí và lương tâm của họ đều bại hoại.

Chapter 2
Titus 2:1
Câu liên kết:
Phao-lô tiếp tục cho Tít biết lý do phải giảng lời Chúa, khuyên những người già cả, người trẻ, và nô lệ hoặc tôi tớ phải sống đúng với đức tin.
Nhưng phần con
Tham khảo cách dịch: “Nhưng hỡi Tít, về phần con thì trái ngược với những giáo sư giả đó”
Với giáo lí lành mạnh
“với giáo lí chân chính” hoặc “với những lời dạy đúng đắn”
Có chừng mực
"điềm đạm” hoặc “tiết độ”. Tham khảo cách dịch: “tiết chế”
Khôn ngoan
"tiết độ” hoặc “kiểm soát được những ước muốn của mình”
Vững vàng
“vững vàng” có nghĩa là phải “lành mạnh”
(vững vàng) trong đức tin
“với đức tin lành mạnh” hoặc “đúng đắn trong niềm tin của mình”
(vững vàng) trong yêu thương
“với tình thương lành mạnh”
(vững vàng) trong kiên nhẫn
"kiên định” hoặc "không mệt mỏi”
Titus 2:3
Cũng vậy
“y như vậy”. Tham khảo cách dịch: “con khuyên những cụ ông ra sao thì cũng hãy khuyên các cụ bà như vậy”
Phải luôn thể hiện mình
“phải” hoặc “phải sống như”
Kẻ ngồi lê đôi mách
Có thể dịch từ nầy thành “kẻ gian ác” hoặc “kẻ nói xấu” hoặc “kẻ thù”. Ở đây, từ nầy chỉ về những người chuyên đi nói xấu về người khác cho dù người bị nói xấu có thật như vậy hay không.
Kêu gọi
“dạy” hoặc “huấn luyện” hoặc “động viên”
Cân nhắc kỹ
"suy nghĩ khôn ngoan”
Phải thánh khiết
Tham khảo cách dịch: “suy nghĩ và làm những điều đúng đắn” hoặc “suy nghĩ trong sạch và làm việc thiện”
Đặng lời của Đức Chúa Trời không bị chỉ trích
“để sứ điệp của Đức Chúa Trời sẽ không bị chối bỏ”. Tham khảo cách dịch: “để lời của Đức Chúa Trời không bị chỉ trách hay chối bỏ vì những việc người nữ đó làm”
Titus 2:6
Cũng như vậy
Từ này đề cập lại những lời dạy cho những người nữ trong Hội Thánh. Tít cũng dẽ dạy những người nam theo cách tương tự như vậy.
Kêu gọi
“dạy” hoặc “bảo” hoặc “cổ vũ”
Thể hiện mình
Tham khảo cách dịch: “Con phải” hoặc “Con phải tỏ mình là”
Gương mẫu của các việc lành
“gương mẫu về làm những việc đúng đắn và thích hợp”
Sẽ làm hổ thẹn những kẻ muốn chống đối con
Đây là tình huống giả định nếu có người nào đó chống đối Tít và kết cuộc là chính người đó phải hổ thẹn. Ý này không hề nói đến một sự kiện hiện tại. Có thể bạn có cách để diễn đạt ý này.
Titus 2:9
Chủ mình
“chủ của chính mình”
Trong mọi sự
“trong mọi hoàn cảnh” hoặc “luôn luôn”
Hài lòng họ
Tham khảo cách dịch: “khiến chủ mình vui” hoặc “làm hài lòng chủ mình”
Bày tỏ lòng trung thành trọn vẹn
Tham khảo cách dịch: “phải trung thành với chủ mình” hoặc “chứng tỏ mình xứng đáng với sự tin cậy của chủ”
Đức Chúa Trời Cứu Chúa chúng ta
“Đức Chúa Trời là Đấng đã cứu chúng ta”
Thu hút
Từ dịch như “thu hút” có nghĩa chỉ một thứ gì đó, chẳng hạn như một món quà được trang trí để trông đáng mong ước hơn.
Trong mọi lãnh vực
“trong mọi việc họ làm”
Titus 2:11
Câu liên kết:
Phao-lô khích lệ Tít trông cậy vào sự trở lại của Chúa Giê-xu và nhớ đến thẩm quyền của ông qua Chúa Giê-xu.
Con thấy đó
“Tít, con hiểu”
Ân điển cứu chuộc của Đức Chúa Trời dành cho mọi người đã được bày tỏ
Tham khảo cách dịch: “ân điển cứu chuộc của Đức Chúa Trời đã đến để soi sáng mọi người”
Đã được bày tỏ
“đến đặng soi sáng” hoặc “trở nên thấy được”
Dạy chúng ta từ bỏ sự không tin kính
“dạy chúng ta làm những điều phải lẽ”. Tham khảo cách dịch: “dạy chúng ta chống trả cám dỗ làm những điều sai trái”
Dạy chúng ta
Phép tu từ sánh ân điển của Đức Chúa Trời như một người dạy dỗ và rèn luyện con người sống nên thánh.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dục vọng trần gian
“những ước muốn mãnh liệt về những việc thuộc về đời nầy” hoặc “những ước muốn mãnh liệt về những dục vọng đời nầy”
Trong thời đại nầy
“khi chúng ta còn sống trên đất nầy” hoặc “trong suốt thời kỳ nầy”
Chúng ta chờ đợi để đón nhận
“chúng ta chờ đợi để tiếp đón”
Sự xuất hiện của vinh quang của
Từ “sự xuất hiện” và “vinh quang” có thể gộp lại thành “sự xuất hiện vinh quang của”
Titus 2:14
Hi sinh vì chúng ta
“chịu chết vì chúng ta”
Để khiến chúng ta được tự do khỏi mọi điều bất chính
"để giải thoát chúng ta khỏi tình trạng tội lỗi của mình”. Ẩn dụ nầy so sánh việc được giải thoát khỏi sự kiểm soát của tội tỗi với sự tự do của một nô lệ được một người nào đó chuộc lại.
Tinh luyện
"làm cho sạch”
Dân quý trọng
Tham khảo cách dịch: “một nhóm người mà Ngài quý trọng”
Sốt sắng
“có ước muốn mãnh liệt”
Titus 2:15
Dạy và khích lệ những điều nầy
Tham khảo cách dịch: “dạy và khích lệ người nghe làm theo những điều nầy”
Khiển trách
“khiển trách những người không làm những điều đó”
Đừng để một ai
“không cho phép người nào”
Khinh dễ con
Tham khảo cách dịch: “từ chối nghe lời con dạy” hoặc “không chịu tôn trọng con”

Translation Questions

Titus 2:3
Một cụ bà trong Hội Thánh phải thể hiện một số nét tính cách gì?
Họ phải bày tỏ sự tôn kính, không đi nói xấu người khác, phải điềm đạm và dạy điều hay lẽ phải.
Titus 2:9
Một người nô lệ tin Chúa phải cư xử ra sao?
Họ phải vâng phục chủ mình, không lấy cắp của họ, và phải bày bỏ lòng trung thành trọn vẹn.
Titus 2:11
Ân điển của Đức Chúa Trời có thể cứu những ai?
Ân điển của Đức Chúa Trời có thể cứu mọi người.
Titus 2:14
Tại sao Chúa Giê-xu lại hi sinh vì chúng ta?
Ngài hi sinh chính mình Ngài đặng trả cái giá để đem chúng ta khỏi sự gian ác, và để tinh luyện chúng ta khiến chúng ta sốt sắng làm các việc lành.

Chapter 3
Titus 3:1
Câu liên kết:
Phao-lô tiếp tục hướng dẫn Tít nhắc nhở các trưởng lão và tín đồ do ông chăm sóc tại Cơ-rết.
Nhắc nhở họ
“Thuật lại cho những người trong Hội Thánh những việc họ vốn đã biết” hoặc “Hãy cứ nhắc nhở họ”
Vâng phục các người lãnh đạo và chính quyền, phải vâng lời họ
Tham khảo cách dịch: “làm theo chỉ đạo của các nhà lãnh đạo chính trị và những nhà cầm truyền qua việc vâng phục họ”
Các người lãnh đạo và chính quyền
Những từ này có nghĩa tương tự nhau và được dùng chung để bao gồm tất cả những người nắm quyền lực trong chính phủ.
Sẵn sàng làm mọi việc lành
“sẵn sàng để làm mọi việc lành bất cứ khi nào có cơ hội”
Chửi rủa
"nói xấu về”
Đối xử với người khác cách ôn hòa
Tham khảo cách dịch: “phải tử tế”
Titus 3:3
Vì
“bởi vì”
Trước kia
"trước đây” hoặc “có một lúc nào đó” hoặc “trước”
Nhẹ dạ
"ngu muội” hoặc “" or "dại dột”
Bị dẫn dụ và làm nô lệ cho đủ thứ dục vọng và lạc thú
Ẩn dụ nầy so sánh cách những ước muốn tội lỗi của chúng ta điều khiển chúng ta vào vòng nô lệ. Tham khảo cách dịch: “những ước muốn tội lỗi khiến chúng ta làm nô lệ cho những ham muốn lạc thú mãnh liệt”
Bị dẫn dụ
Tham khảo cách dịch: “bị lừa dối”
Những dục vọng
“những tham muốn” hoặc “những thèm muốn”
Sống trong sự gian ác và đố kỵ
Tham khảo cách dịch: “Chúng ta luôn làm những điều sai trái và muốn những gì người khác sở hữu”
Chúng ta thật đáng ghét
“Chúng ta đáng bị ghét bỏ”. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta khiến mọi người ghét bỏ mình”
Titus 3:4
Khi lòng nhân từ và yêu thương đối với con người của Đức Chúa Trời là Cứu Chúa chúng ta được bày tỏ
Tham khảo cách dịch: “Khi Đức Chúa Trời là Cứu Chúa chúng ta bày tỏ tình yêu và lòng nhân từ của Ngài cùng con người”
Đối với con người
“cho con người”
cứu chúng ta…không phải vì việc công chính chúng ta đã làm nhưng theo lòng nhân từ Ngài
“cứu chúng ta. Ấy là không phải vì những việc lành chúng ta đã làm mà Ngài cứu chúng ta, nhưng chúng ta được cứu bởi lòng nhân từ Ngài.”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cứu chúng ta bởi
“cứu chúng ta bằng cách” hoặc “cứu chúng ta nhờ”
Thanh tẩy của sự tái sanh
Tham khảo cách dịch: “sửa soạn lại con người bề trong của chúng ta qua sự sinh lại thuộc linh của chúng ta”
Đổi mới
"được làm nên mới”. Tham khảo cách dịch: “Đức Thánh Linh khiến chúng ta trở nên mới” hoặc “Đức Thánh Linh khiến chúng ta trở nên những con người mới”
according to his mercy
"in the same measure as his mercy" or "because he had mercy on us"
Titus 3:6
Dồi dào
“dư dật” hay “rời rộng”
Đã đổ Đức Thánh Linh trên chúng ta
Ẩn dụ nầy giống với việc xức dầu của các thầy tế lễ. Tham khảo cách dịch: “ban Đức Thánh Linh cho chúng ta các rộng rãi”
Bởi Cứu Chúa chúng ta là Chúa Cứu Thế Giê-xu
“khi Chúa Giê-xu cứu chúng ta”
Đã được làm cho công bình
Tham khảo cách dịch: “Chúng ta đã được Đức Chúa Trời làm cho công bình”
Chúng ta trở nên kế tự
Có thể dịch là “Đức Chúa Trời tạo dựng nên chúng ta là những con cái được đặc quyền thừa kế.
Của hi vọng về sự sống đời đời
“và chúng ta biết chắc rằng mình có sự sống đời đời”
Titus 3:8
Những lời nầy
Chỉ về những lời nói về việc Đức Chúa Trời ban Đức Thánh Linh cho chúng ta qua Chúa Giê-xu trong những câu trước.
Hướng trí mình về
"tập trung vào” hoặc “cứ suy nghĩ về”
Mà Ngài đã đặt trước họ
Tham khảo cách dịch: “mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ làm”
Titus 3:9
Câu liên kết:
Phao-lô giải thích cho Tít nên tránh xa điều gì và nên cư xử thế nào với những người gây tranh cãi giữa vòng các tín hữu.
Nhưng
“Nhưng hỡi con, Tít”
Những cuộc tranh cãi dại dột
“những tranh cãi về những vấn đề không quan trọng”
Xung đột
"bất hòa"
Luật pháp
“luật pháp của Đức Chúa Trời”
Loại bỏ
Tham khảo cách dịch: “Không giao thiệp với” hoặc “Không tốn thời gian với” hoặc “tránh xa”
Sau một hai lần khiển trách
“sau khi anh em đã đôi lần khiển trách người đó”
Như như thế
“một người như thế”
Tự kết án mình
Tham khảo cách dịch: “tự đem đến sự kết án cho mình”
Titus 3:12
Câu liên kết:
Phao-lô kết thúc bức thư bảo Tít điều cần phải làm sau khi xức dầu cho các trưởng lão ở đảo Cơ-rết, và kết thúc bằng lời chào từ những người ở với ông.
Khi tôi gửi
“Sau khi tôi gửi”
Át-tê-ma, Ni-cô-pô-li, Xê-na
(Tham khảo cách dịch tên riêng)
Dành mùa đông
“ở qua mùa đông”
Hãy mau đến
“Con hãy mau đến” hoặc “Đến mau chóng”
Hãy nhanh sai
"Con mau” hoặc “Đừng trì hoãn trong việc sai”
Và A-bô-lô
“và cũng sai A-bô-lô”
Titus 3:14
Hướng mình về
"chú tâm làm”
Để họ khỏi không kết quả
Tham khảo cách dịch: “để họ sẽ kết quả” hoặc “để họ có thể kết quả cho Đức Chúa Trời” hoặc “để đời sống họ trở nên hữu ích”

Translation Questions

Titus 3:1
Thái độ của một người tin Chúa đối với các người lãnh đạo và chính quyền ra sao?
Các tín hữu phải thuận phục và vâng lời, sẵn sàng để làm mọi việc lành.
Titus 3:3
Những điều gì dẫn dụ và khiến những người không tin vào cảnh nô lệ?
Những dục vọng và lạc thú dẫn dụ họ .
Titus 3:8
Những người tin Chúa phải hướng lòng mình về những điều gì?
Những người tin Chúa phải hướng lòng mình về những việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho mình làm theo.
Titus 3:9
Những người tin Chúa phải tránh xa điều gì?
Những người tin Chúa phải tránh xa những cuộc tranh cãi dại dột.
Titus 3:14
Những người tin Chúa phải chú tâm vào những điều gì để được kết quả?
Những người tin Chúa phải chú tâm làm những việc lành đặng cung ứng những nhu cầu cấp bách.

Chapter 1
Philemon 1:1
Phao-lô, kẻ tù của Chúa Cứu Thế Giê-xu, và Ti-mô-thê, anh em chúng ta, gửi cho Phi-lê-môn
Có thể ngôn ngữ của bạn có cách riêng để giới thiệu tác giả

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

của bức thư. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi, Phao-lô, kẻ tù của Chúa Cứu Thế Giê-xu, và Ti-mô-thê, anh em chúng ta, viết thư này gửi cho Phi-lê-môn”

kẻ tù của Chúa Cứu Thế Giê-xu

"người đang bị tù vì giảng dạy về Chúa Giê-xu Cơ Đốc”. Người ta không thích Chúa Giê-xu phạt Phao-lô bằng cách bỏ ông vào tù.

anh em

Ở đây chỉ về anh em tín hữu.

người bạn yêu quý của chúng tôi

"người bạn tín hữu yêu quý của chúng tôi” hoặc “người anh em thuộc linh mà chúng tôi yêu mến”

và người bạn đồng làm việc

"người cũng làm việc để rao giảng Tin Lành như chúng tôi”

chị Áp-bi của chúng tôi

Cụm từ này có nghĩa là “người chị tín hữu Áp-bi của chúng tôi” hoặc “người chị thuộc linh Áp-bi của chúng tôi”

A-chíp

Đây là tên của một người nam.

người bạn cùng làm việc của chúng tôi

Ở đây, “người lính” là hình ảnh ẩn dụ mô tả một người đang đấu tranh để rao giảng Tin Lành. Tham khảo cách dịch: “người chiến hữu của chúng tôi” hoặc “người cũng chiến đấu trên chiến trường thuộc linh với chúng tôi”

hội thánh nhóm họp trong nhà anh

"nhóm tín hữu nhóm họp trong nhà anh” (UDB)

nhà anh

Từ “anh” ở dạng số ít và chỉ Phi-lê-môn.

Nguyện ân điển và bình an từ Đức Chúa Trời Cha chúng ta và Chúa Giê-xu Cơ Đốc

"Nguyện Đức Chúa Trời Cha chúng ta và Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc chúng ta bạn ân điển và sự bình an cho anh em”. Từ “anh em” ở dạng số nhiều, chỉ toàn thể những người Phao-lô chào trong câu 1 và 2.

Philemon 1:4

Tôi

Phao-lô viết lá thư này. Toàn bộ từ “tôi” trong lá thư này chỉ về Phao-lô.

anh

Ở đây và trong hầu hết lá thư, từ “anh” chỉ Phi-lê-môn.

mà thuộc về chúng ta trong Chúa Cứu Thế

Ý nghĩa thích hợp nhất là “mà chúng ta có bởi vì Chúa Cứu Thế”

lòng

Ở đây, từ “lòng” chỉ về lòng can đảm của người tín hữu.

Thưa anh

Phao-lô gọi Phi-lê-môn là "anh" bởi vì họ đều là tín hữu. Rõ ràng, ông cũng nhấn mạnh đến tình bằng hữu của họ. Tham khảo cách dịch: “anh yêu quý” hoặc “bạn yêu quý”

Philemon 1:8

mọi sự can đảm trong Chúa Cứu Thế

Có thể hiểu: “quyền do Chúa Cứu Thế” hoặc “cản đảm do Chúa Cứu Thế”. Tham khảo cách dịch: “quyền bởi vì tôi là sứ đồ của Chúa Cứu Thế”

nhưng vì tình yêu thương

Có thể hiểu: “bởi vì tôi biết rằng anh mến người của Đức Chúa Trời”, 2) “bởi vì anh yêu quý tôi” hoặc 3) “bởi vì tôi quý mến anh”

Philemon 1:10

đứa con của tôi là Ô-nê-sim

"con trai Ô-nê-sim của tôi”. Phao-lô so sánh mối liên hệ gần gũi giữa mình với Ô-nê-sim với mối liên hệ cha con. Ô-nê-sim không phải là con thực sự của Phao-lô nhưng ông đã nhận được sự sống thuộc linh khi Phao-lô giảng dạy cho ông về Chúa Giê-xu và Phao-lô đã yêu thương ông. Tham khảo cách dịch: “con trai yêu dấu Ô-nê-sim của tôi” hoặc “đứa con trai thuộc linh Ô-nê-sim của tôi”

Ô-nê-sim

Đây là tên của một người nam.

đứa con mà tôi đã sinh

Có thể nói rõ việc Ô-nê-sim trở thành con trai cho Phao-lô ra sao. “người đã trở thành đứa con trai thuộc linh của tôi khi tôi dạy cho nó biết về Chúa Cứu Thế và nó đã nhận được sự sống mới”. Tham khảo cách dịch: “người đã trở thành con trai tôi”

tron vòng xiềng xích của tôi

"trong vòng xiềng xích của tôi”in my chains." Người tù thường bị xiềng lại bằng dây xích. Phao-lô đang ở trong tù khi ông giảng dạy cho Ô-nê-sim, và lúc viết bức thư này ông vẫn còn đang ở trong tù. Tham khảo cách dịch: “khi đang ở trong tù”

trước kia nó thật vô dụng

Cụm từ này có thể dịch thành một câu mới: “Trước kia, nó thật vô dụng.”

nhưng bây giờ đã trở nên ích lợi

"nhưng bây giờ nó đã hữu dụng”. Người dịch có thể thêm phần ghi chú với nội dung: “Ô-nê-sim có nghĩa là “hữu ích” hoặc “có ích lợi”

Tôi đã sai nó về với anh- nó như là tấm lòng của tôi vậy.

Phao-lô chắc đã viết lá thư này ngay trước khi sai Ô-nê-sim trở về.

nó như là tấm lòng của tôi

Ở đây từ “tấm lòng” được dùng để cho một người rất được yêu mến. Phao-lô đang dùng ý này để nói về Ô-nê-sim. Tham khảo cách dịch: “người là tôi rất mực yêu thương”

để nó có thể thay anh phục vụ tôi

"ấy là bởi vì anh không thể đến đây, nên nó có thể giúp đỡ cho tôi”. Cụm từ này có thể được dịch thành một câu riêng biệt: Nó sẽ thay anh giúp đỡ cho tôi.

tôi bị xiềng xích

Tham khảo cách dịch: “trong khi tôi đang ở tù” hoặc “bởi vì tôi đã bị tù đày”

vì cớ Tin Lành

Tham khảo cách dịch: “vì tôi rao giảng Tin Lành”

Philemon 1:14

Nhưng tôi không muốn làm điều gì mà không có sự ưng thuận của anh

"Nhưng tôi không muốn giữ người ở lại đây mà không có sự chấp thuận của anh” hoặc “Nhưng tôi muốn giữ người bên mình chỉ khi nào được anh đồng ý”

của anh...anh

Những tại từ này ở đây đều ở dạng số ít, chỉ Phi-lê-môn.

để không một việc lành nào anh làm là vì tôi ép anh

Tham khảo cách dịch: “để anh sẽ làm việc đúng đắn, không phải vì tôi ép buộc anh”

nhưng vì anh muốn làm điều đó

"nhưng vì anh thoải mái quyết định làm điều đúng”

Có lẽ, lí do mà nó bị phân rẽ khỏi anh

Cụm từ bị động này có thể được dịch thành cụm từ chủ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

động: “Có lẽ lí do Đức Chúa Trời đem Ô-nê-sim xa anh”
Có lẽ
“Có thể”
trong ít lâu
"trong suốt thời gian này”
hơn hẳn một nô lệ
"giá trị hơn một nô lệ nhiều”
người anh em thân yêu
"người anh em yêu quý” hoặc “người anh em quý giá trong Chúa Cứu Thế”
thì đối với anh càng thân thiết hơn biết bao
"thì người đối với anh còn có ý nghĩa nhiều hơn”
trong mối quan hệ con người
Có thể nói rõ mối quan hệ con người này. Tham khảo cách dịch: “bởi vì nó là nô lệ của anh”. Tham khảo cách dịch: “như một con người” hoặc ‘trong tình người”
và trong Chúa
Tham khảo cách dịch: “và như anh em trong Chúa” hoặc “và bởi vì người thuộc về Đức Chúa Trời”
Philemon 1:17
nếu anh xem tôi là bạn đồng sự
"nếu anh xem tôi như một người bạn cùng làm việc cho Chúa Cứu Thế”
tính cho tôi
Tham khảo cách dịch: “tính nó cho tôi” hoặc “cho rằng tôi là người nợ anh”
Tôi, Phao-lô, chính tay tôi viết điều này
Phao-lô viết câu này để Phi-lê-môn biết rằng những lời này là thật, Phao-lô thực sự sẽ trả cho ông. Tham khảo cách dịch: “Chính tôi, Phao-lô viết điều này”
Tôi không nói với anh
"Tôi không cần nhắn anh”. Tham khảo cách dịch: “Anh biết”
anh mắc nợ tôi về chính sự sống của mình
"anh mắc nợ tôi sự sống của anh”. Có thể làm rõ lí do tại sao Phi-lê-môn lại nợ Phao-lô sự sống của ông. “anh mắc tôi rất nhiều bởi vì những lời giảng của tôi cho anh đã cứu sự sống anh”. Phao-lô hàm ý rằng Phi-lê-môn không nên cho rằng Ô-nê-sim hay Phao-lô nợ g bất cứ điều gì bởi vì bản thân Ô-nê-sim mắc nợ Phao-lô còn nhiều hơn thế.
làm tươi tỉnh lòng tôi
Có thể làm rõ Phao-lô mong muốn Ô-nê-sim làm điều này đến dường nào. “làm tươi mới lòng tôi bằng cách vui lòng chấp thuận Ô-nê-sim”. Tham khảo cách dịch: “khiến lòng tôi vui mừng” hoặc “khiến tôi vui” hoặc “an ủi tôi”
Philemon 1:21
Tin chắc về sự vâng phục của anh
"Bởi vì tôi biết chắc anh sẽ làm điều tôi yêu cầu”
sự vâng phục của anh... viết cho anh... anh sẽ làm
Phao-lô đang viết những điều này cho Phi-lê-môn.
biết
"và tôi biết”
Đồng thời
"Ngoài ra"
chuẩn bị chỗ trọ cho tôi
"dọn sẵn một phòng trong nhà anh cho tôi”. Phao-lô hỏi ý Phi-lê-môn làm việc này.
nhờ lời cầu nguyện của anh chị em.... đến thăm anh chị em
Từ “của anh chị em” và “anh chị em” ở đây chỉ Phi-lê-môn cùng những tín hữu nhóm họp trong nhà của ông.
nhờ lời cầu nguyện của anh chị em
Tham khảo cách dịch: “là kết quả sau lời cầu nguyện của anh chị em” hoặc “bởi vì anh chị em đang cầu thay cho tôi”
Tôi sẽ sớm có thể đến thăm anh em
"Đức Chúa Trời sẽ sớm khiến những người đang giam giữ tôi trong tù thả tôi ra để tôi có thể đến cùng anh em”

Translation Questions

Philemon 1:1
Lúc viết thư nầy thì Phao-lô đang ở đâu?
Phao-lô đang ở trong tù khi ông viết thư nầy
Lá thư nầy được viết cho ai?
Lá thư nầy được viết cho Phi-lê-môn, người anh em và người cộng sự yêu dấu của Phao-lô
Philemon 1:10
Ô-nê-sim được Phao-lô nhận là con khi nào?
Phao-lô nhận Ô-nê-sim là con khi Phao-lô đang ở trong tù
Philemon 1:14
Phao-lô muốn Phi-lê-môn làm gì với Ô-nê-sim?
Phao-lô muốn Phi-lê-môn trả tự do cho Ô-nê-sim khỏi cảnh nô lệ và đồng ý cho Ô-nê-sim trở lại với Phao-lô.
Philemon 1:21
Phao-lô có mong đợi Phi-lê-môn sai Ô-nê-sim quay trở lại cùng mình?
Có. Phao-lô tin chắc rằng Phi-lê-môn sẽ sai Ô-nê-sim trở lại.

Chapter 1
Hebrews 1:1
ánh sáng chói lòi
"ánh sáng”
hình ảnh trung thực của bản thể Ngài
Khi mọi người nhìn Con, họ sẽ thấy Đức Chúa Trời ra sao.
lời của quyền năng Ngài
"Lời đầy quyền năng của Ngài”
Ngài đã hoàn thành việc tẩy sạch tội lỗi
"sau khi Ngài hoàn tất công việc tẩy sạch tội lỗi của chúng ta”
Đức Chúa Trời đã phán với chúng ta bởi Con... qua Đấng... đã tạo nên vũ trụ
Con Đức Chúa Trời chính là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Con. Đức Chúa Con đã sáng tạo vũ trụ.
Con
Đây là danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời
Con Ngài là ánh sáng chói lòi của vinh quang Ngài, hình ảnh trung thực của bản thể Ngài.... Ngài đã duy trì mọi vật
Con tỏa ra vinh quang của Đức Chúa Trời, có những đặc tính và bản thể của Ngài, và giữ vũ trụ mà Ngài đã dựng nên ràng buộc với nhau, bởi vì Ngài là Đức Chúa Trời.
Hebrews 1:4
Ngài đã trở nên
"Chúa Giê-xu đã trở nên”
Vì Đức Chúa Trời có bao giờ phán với thiên sứ nào.. Cha?
"Vì Đức Chúa Trời không bao giờ phán với bất cứ thiên sứ nào rằng...Cha”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài có bao giờ phán
"Đức Chúa Trời, tức là Cha, có bao giờ phán”
Và lại phán… Ta
"Và, Ngài cũng chẳng bao giờ phán với bất kỳ một thiên sứ nào, … Ta?”
Ngươi là Con ta… Ta đã trở thành cha ngươi… Ta sẽ là cha người… và người sẽ là Con ta
Mối liên hệ đặc biệt mà Đức Chúa Trời, tức là Đức Chúa Cha có với Đức Chúa Con được mô tả trong Cựu ước hàng trăm năm trước khi Chúa Giê-xu được sinh ra.
Hebrews 1:6
Con đầu lòng
Ở đây, chỉ Chúa Giê-xu. Con Đức Chúa Trời được gọi là Con đầu lòng của Đức Chúa Trời bởi vì tầm quan trọng và thẩm quyền của Ngài vượt trên hết tất cả mọi người.
các đầy tớ Ngài
các thiên sứ
thiên sứ …..ngọn lửa
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1)Ngài khiến thiên sứ phục vụ Ngài như những ngọn lửa (UDB), 2) Ngài khiến gió và ngọn lửa làm sứ giả của Ngài.
Hebrews 1:8
về Con, Ngài phán: “Hỡi Đức Chúa Trời, ngôi Ngài còn đến đời đời….
nên, Đức Chúa Trời, cũng là Đức Chúa Trời của Chúa
Đức Chúa Con cai trị đến đời đời.
về Con, Ngài phán
"Về Con, Đức Chúa Trời phán”
Con
Đây là danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời
cây vương trượng
Một cái gậy đặc biệt mà vua hoặc hoàng hậu nắm giữ để bày tỏ quyền lực.
đã xức dầu vui mừng cho anh em nhiều hơn
" ban cho anh em nhiều sự vui mừng hơn"
dầu vui mừng
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1)dầu thơm người ta thương dùng khi có lễ hội (UDB) hoặc là 2) dầu xức cho người được phong làm vua, trong đó “sự vui mừng” xuất phát từ vinh dự Đức Chúa Trời ban cho.
Hebrews 1:10
cũ mòn
trở nên hao mòn (già cỗi)
chiếc áo
quần áo
cuốn chúng lại
Dùng một động từ để diễn tả cách xử lý của bạn đối với những quần áo bạn không mặc nữa.
áo choàng
áo choàng hay áo khoác ngoài
không hề chấm dứt
"không bao giờ chấm dứt” Tham khảo cách dịch: “tiếp tục cho đến đời đời”
Hebrews 1:13
bệ chân
chổ để chân khi ngồi
những người sẽ
những người sẽ
Không phải tất cả các thiên sứ
Tham khảo cách dịch: "Tất cả thiên sứ đều là những thần”

Translation Questions

Hebrews 1:1
Trong quá khứ Đức Chúa Trời đã phán dạy bằng cách nào?
Đức Chúa Trời đã dùng các tiên tri để phán dạy nhiều lần và nhiều cách.
Hebrews 1:4
So sánh với các thiên sứ thì Con Đức Chúa Trời được mô tả như thế nào?
Con Đức Chúa Trời cao trọng hơn các thiên sứ.
Hebrews 1:6
Đức Chúa Trời truyền cho các thiên sứ làm gì khi Con được đưa vào thế gian?
Đức Chúa Trời truyền cho các thiên sứ thờ phượng Con khi Ngài được đưa vào thế gian.
Hebrews 1:8
Con Đức Chúa Trời sẽ làm vua ngự trị trong bao lâu?
Con sẽ làm Vua cai trị đời đời.
Hebrews 1:10
Việc gì xảy ra với đất và trời qua thời gian?
Đất và trời sẽ hao mòn như y phục (sờn rách) và tiêu vong.
Hebrews 1:13
Đức Chúa Trời cho biết Con sẽ ngự ở đâu và cho đến khi việc gì xảy ra?
Đức Chúa Trời cho biết Con sẽ ngồi bên hữu Ngài cho đến khi Đức Chúa Trời khiến cho kẻ thù nghịch Con Ngài phải phủ phục dưới chân Ngài.

Chapter 2

Hebrews 2:1
để chúng ta không trôi lạc
“để chúng ta không bị lạc lối”
Hebrews 2:2
chắc chắn
chứng tỏ là đúng
mọi sự vi phạm hay bất tuân đều bị báo ứng thích đáng
AT: "mọi kẻ phạm tội và không vâng phục sẽ nhận lãnh hình phạt xứng đáng”
sự vi phạm hay bất tuân
Về nghĩa, hai từ này cơ bản tương tự nhau và nhấn mạnh rằng mọi trường hợp không vâng phục đều sẽ nhận hình phạt.
xem thường
"không quan tâm” hoặc là “không chấp nhận”
ban phát
đưa ra, phân phát
theo ý muốn Ngài
"theo cách mà Ngài muốn hoàn thành nó’
Hebrews 2:7
con người
con người
Ngài chẳng để một vật nào không phục Ngài
AT: "Ngài làm cho mọi vật đầu phục Ngài”
Hebrews 2:9
thấp hơn các thiên sứ ….vinh quang và tôn trọng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Dịch câu nầy giống như bạn đã dịch trong HEB 2:7.
con
Ở đây chỉ những tín hữu trong Chúa Cứu Thế.
Hebrews 2:11
không thẹn mà gọi họ là anh em
"vui lòng gọi họ là anh em”
anh em
Ở đây, chỉ những anh em tín hữu, bởi vì tất cả tín hữu trong Chúa Cứu Thế đều là thành viên trong một gia đình thuộc linh, với Đức Chúa Trời là Cha thiên thượng của mình.
Hebrews 2:13
Ngài lại phán
AT: "Và một tiên tri viết một phân đoạn Kinh Thánh khác về những điều Đấng Christ nói về Đức Chúa Trời: “ (UDB)
con cái Đức Chúa Trời
Ở đây, chỉ những người giống như con cái về phần thuộc linh. Ví dụ: “con cái Đức Chúa Trời” chỉ những người thuộc về Đức Chúa Trời qua niềm tin nơi Chúa Giê-xu.
đều dự phần trong thịt và huyết
AT: "đều là con người
đều sống trong cảnh nô lệ
Cụm từ nầy có ý nghĩa trừu tượng và đề cập đến cảnh nô lệ cho nỗi lo sợ về sự chết.
Hebrews 2:16
hoàn thành
Tham khảo cách dịch: "đạt được”

Translation Questions

Hebrews 2:1
Tại sao tín đồ phải chú ý tới những điều mình đã nghe ?
Tín đồ phải chú ý tới những điều đã nghe để không bị trôi dạt khỏi những điều đó.
Hebrews 2:2
Mọi sự vi phạm và không vâng phục nhận lãnh điều gì?
Mọi sự vi phạm và không vâng phục đều chịu hình phạt đích đáng.
Hebrews 2:5
Ai sẽ không cai trị thế giới tương lai?
Thiên sứ sẽ không cai trị thế giới tương lai
Hebrews 2:9
Tại sao Chúa Giê-xu được đội vương miện vinh hiển và cao trọng?
Chúa Giê-xu được đội vương miện vinh hiển và cao trọng vì sự thương khó và sự chết của Ngài
Chúa Giê-xu nếm trải sự chết vì ai?
Chúa Giê-xu nếm trải sự chết vì mọi người.
Hebrews 2:11
Hai dạng người nào đều đến từ Đức Chúa Trời?
Cả Đấng thánh hóa lẫn người được thánh hóa đều đến từ một nguồn là Đức Chúa Trời.

Chapter 3
Hebrews 3:1
anh em
Ở đây chỉ những người anh em tín hữu, bao gồm cả nam lẫn nữ, bởi vì tất cả đều là thành viên trong một gia đình thuộc linh, và Đức Chúa Trời là Cha trên trời của họ.
(Đấng) chúng ta xưng nhận
AT: "Đấng chúng ta tuyên xưng đức tin hoặc là “Đấng chúng ta tin”
Hebrews 3:5
nhà Đức Chúa Trời
những người trong gia đình Đức Chúa Trời
Con
Đây là danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời
niềm tự hào về hy vọng
"điều chúng ta có thể tự hào rằng chúng ta có hy vọng về nó”
Hebrews 3:7
tiếng
Ở đây, có nghĩa là khi Đức Chúa Trời phán với anh em
Chớ cứng lòng như người Y-sơ-ra-ên đã làm trong lúc nổi loạn
"Đừng ngoan cố hay bất tuân Ngài như dân Y-sơ-ra-ên đã làm khi họ nổi loạn chống nghịch Đức Chúa Trời” hoặc “Hãy vâng phục Đức Chúa Trời. Đừng như dân Y-sơ-ra-ên đã nổi loạn chống nghịch Ngài”
Hebrews 3:9
không hài lòng
"không vui"
Chúng nó luôn lầm lạc trong lòng mình
Tham khảo cách dịch: “Họ luôn từ chối không chịu theo Ta”
chúng sẽ chẳng bước vào sự an nghỉ của Ta
"Ta sẽ không cho họ vào yên nghĩ nơi Ta ở”
Hebrews 3:12
anh em
Ở đây chỉ những người anh em tín hữu, bao gồm cả nam lẫn nữ, bởi vì tất cả đều là thành viên trong một gia đình thuộc linh, và Đức Chúa Trời là Cha trên trời của họ.
trong anh em có lòng dữ và chẳng tin
"lòng dạ hiểm ác và không tin trong anh em” hoặc là “lòng không tin khiến anh em làm điều ác”
lòng sẽ xây bỏ
"tấm lòng làm cho anh em sẽ xây bỏ Chúa”.
Đức Chúa Trời hằng sống
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1)Đức Chúa Trời chân chính là Đấng sống thật sự” (xem UDB) hoặc là “Đức Chúa Trời là Đấng ban sự sống”
đang khi còn gọi là ngày nay
trong khi hãy còn có cơ hội
để không một ai trong anh em bị tội lỗi lừa dối mà cứng lòng
Tham khảo cách dịch: "trở nên cứng lòng, để cho kẻ khác lừa dối khiến anh em phạm tội” (xem UDB) hoặc là ‘anh em đừng phạm tội, tự lừa dối mình và trở nên cứng lòng”
Hebrews 3:14
Vì chúng ta đã trở nên
cả tác giả lẫn độc giả
lòng tin quyết
sự tin cậy hoàn toàn/sự tin chắc chắn
cho đến cuối cùng
tiếng Ngài
“Đức Chúa Trời” hoặc “những lời Đức Chúa Trời phán”
Chớ cứng lòng như dân Y-sơ-ra-ên đã làm trong lúc nổi loạn
Xem cách bạn đã dịch trong HEB 3:8.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hebrews 3:16
sự an nghỉ của Ngài
Một nơi mà con dân của Đức Chúa Trời sẽ vui mừng nhìn thấy Đức Chúa Trời làm trọn những lời hứa của Ngài và không còn phải vật lộn điều gì nữa.
chúng ta
tác giả và độc giả

Translation Questions

Hebrews 3:1
Tác giả sách Hê-bơ-rơ dành cho Chúa Giê-xu hai danh hiệu gì?
Tác giả dành cho Chúa Giê-xu hai danh hiệu là Sứ Đồ và Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm.
Hebrews 3:5
Vai trò của Môi-se trong nhà Đức Chúa Trời là gì?
Môi-se là tôi tớ trong nhà Đức Chúa Trời.
Môi-se làm chứng về điều gì?
Môi-se làm chứng về những điều sẽ được rao truyền trong tương lai.
Hebrews 3:7
Khi còn ở trong đồng vắng dân Y-sơ-ra-ên làm gì khi nghe tiếng của Đức Chúa Trời?
Dân Y-sơ-ra-ên trở nên cứng lòng
Hebrews 3:12
Anh em được cảnh báo phải cẩn thận về điều gì?
Anh em được cảnh báo phải cẩn thận chớ xây khỏi Đức Chúa Trời hằng sống vì sự không tin.
Hebrews 3:14
Là những người dự phần với Chúa Cứu Thế, tín đồ phải làm gì?
Là những người dự phần với Chúa Cứu Thế, tín đồ phải giữ vững lòng tin của mình từ đầu cho đến cuối.

Chapter 4
Hebrews 4:1
Vì thế
bởi vì Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ đoán phạt những kẻ không vâng phục Ngài. (HEB 3:19)
trong khi lời hứa cho vào sự an nghỉ của Chúa vẫn còn đó, dường như không một ai trong chúng ta không đạt được tiêu chuẩn
AT: "Đức Chúa Trời sẽ chẳng nói người nào không vào nơi yên nghỉ Ngài" hoặc là "Đức Chúa Trời sẽ nói rằng anh em có thể vào nơi an nghỉ Ngài.
chúng ta phải là
tác giả và độc giả phải là
về phần chúng ta
cả tác giả và độc giả
những kẻ đã nghe rao giảng mà không tiếp nhận lời ấy với đức tin
Tham khảo cách dịch: "những kẻ nghe sứ điệp của Đấng Christ mà không tin"
Hebrews 4:3
công việc sáng tạo của Ngài đã hoàn tất từ khi bắt đầu thế giới
Tham khảo cách dịch: "chương trình Ngài đã hoàn thành trước khi Ngài tạo dựng thế gian".
Chúng sẽ chẳng được bước vào sự an nghĩ của Ta
"Họ sẽ không vào nơi an nghỉ của ta"
Hebrews 4:6
Sự an nghỉ của Đức Chúa Trời vẫn còn dành cho một số người vào đó
"Đức Chúa Trời tiếp tục cho phép một số người yên nghỉ với Ngài trong nơi ở của Ngài"
tiếng Ngài
"Đức Chúa Trời" hoặc là "lời Đức Chúa Trời phán"
chớ cứng lòng
Xem cách bạn đã dịch những từ này trong HEB 3:8.
Hebrews 4:8
ai bước vào sự an nghỉ của Đức Chúa Trời
"những người đang yên nghỉ với Ngài trong nơi ở của Ngài"
chúng ta phải nỗ lực bước vào sự an nghỉ đó
"chúng ta cũng nên làm mọi sự có thể để vào nơi an nghỉ với Đức Chúa Trời"
nỗ lực
"rất cố gắng"
rơi vào tình trạng không vâng lời
AT: "không vâng phục giống như vậy"
mà họ đã làm
mà dân Y-sơ-ra-ên là những người nổi loạn chống nghịch Đức Chúa Trời trong đồng vắng đã làm.
Hebrews 4:12
lời Đức Chúa Trời
sứ điệp bằng chữ hoặc bằng lời của Đức Chúa Trời.
sống động và linh nghiệm
Lời Đức Chúa Trời như là lời sống động; cũng là lời có quyền phép.
sắc hơn gươm hai lưỡi
gươm có lưỡi sắc bén
phán đoán các tư tưởng và ý định trong lòng
Lời Đức Chúa Trời bộc lộ cả những tư tưởng thầm kín của chúng ta and
tất cả đều trần trụi và phơi bày trước mắt Đấng mà chúng ta phải khai trình
"Đức Chúa Trời là Đấng hiểu thấu mọi sự, sẽ đoán xét cách ăn nết ở của chúng ta"
trần trụi và phơi bày
Về cơ bản, hai từ này có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh ý chẳng việc gì giấu được khỏi Đức Chúa Trời.
Hebrews 4:14
Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, nên chúng ta hãy giữ vững niềm tin
Những người tin Chúa phải 'giữ vững" "Chúa Giê-xu Con Đức Chúa Trời"
Con của Đức Chúa Trời
Đây là danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu.
chúng ta không có một thầy tế lễ thượng phẩm chẳng có thể cảm thông
"chúng ta có thầy tế lễ thượng phẩm là người có thể thông cảm với chúng ta".
Ngài chẳng hề phạm tội
AT: "Ngài không hề phạm tội"
ngôi ân điển
AT: "ngôi Đức Chúa Trời, ngôi ân điển" hoặc là "Đức Chúa Trời là Đấng hay làm ơn, đang ngự trên ngôi Ngài

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Hebrews 4:3
Ai sẽ vào nơi yên nghỉ của Đức Chúa Trời?
Những người nghe và tin Phúc Âm sẽ vào nơi yên nghỉ của Đức Chúa Trời.
Đức Chúa Trời đã làm xong công việc sáng tạo của Ngài khi nào và Ngài nghỉ lúc nào?
Đức Chúa Trời đã hoàn thành công việc sáng tạo của Ngài lúc sáng thế và rồi Đức Chúa Trời nghỉ vào ngày thứ bảy.
Hebrews 4:12
Lời Đức Chúa Trời sắc bén hơn vật gì?
Lời Đức Chúa Trời sắc hơn gươm hai lưỡi.
Lời Đức Chúa Trời có thể phân chia vật gì?
Lời Đức Chúa Trời có thể chia hồn với linh, xương khớp với tủy
Lời Đức Chúa Trời giúp nhận biết điều gì?
Lời Đức Chúa Trời có thể nhận biết tư tưởng và ý định trong lòng
Hebrews 4:14
Ai phục vụ tín đồ với tư cách là thầy tế lễ cả thượng phẩm?
Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời phục vụ tín đồ với tư cách là thầy tế lễ cả thượng phẩm.

Chapter 5
Hebrews 5:1
thay cho họ để phục vụ
AT: "thay mặt cho họ”
buộc phải
AT: "bắt buộc”
Hebrews 5:4
Con... Cha
Đây là những danh hiệu mô tả mối liên hệ giữa Chúa Giê-xu và Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha.
Hebrews 5:6
Ngài cũng phán
Đức Chúa Trời cũng nói rằng (HEB 5:5)
Hebrews 5:7
Khi còn mang thân xác con người
AT: “Trong khi Ngài sống trên đất”
Con,
Ở đây, từ này chỉ về Chúa Giê-xu, Lời của Đức Chúa Trời, là Đấng đã đến trong thế gian như một con người.
Hebrews 5:9
hoàn hảo
Ở đây, từ này có nghĩa là “được trọn vẹn” hoặc “đầy đủ”
anh em đã trở nên chậm hiểu
"anh em chậm hiểu” (xem UDB) hoặc là “anh em không muốn nghe”
Hebrews 5:12
những nguyên tắc
Ở đây, từ này có nghĩa là những chỉ dẫn hoặc những tiêu chuẩn để ra quyết định.
sữa
Lẽ thật thuộc linh cơ bản
thức ăn đặc
"chân lý thuộc linh khó hơn”

Translation Questions

Hebrews 5:1
Mọi thầy tế lễ thượng phẩm đều làm điều gì thay cho mọi người?
Thay cho mọi người, mỗi thầy tế lễ thượng phẩm dâng lễ vật và sinh tế để chuộc tội.
Hebrews 5:4
Làm cách nào để một người được vinh dự làm thầy tế lễ?
Người đó phải được Đức Chúa Trời kêu gọi để làm thầy tế lễ thượng phẩm của Ngài.
Hebrews 5:6
Chúa Cứu Thế làm thầy tế lễ thượng phẩm của Đức Chúa Trời trong bao lâu?
Chúa Cứu Thế là thầy tế lễ thượng phẩm đời đời của Đức Chúa Trời.
Chúa Cứu Thế làm thầy tế lễ thượng phẩm theo ban thứ nào?
Chúa Cứu Thế là thầy tế lễ thượng phẩm theo ban Mên-chi-xê-đéc.
Hebrews 5:7
Tại sao Đức Chúa Trời nghe lời cầu xin của Chúa Cứu Thế?
Đức Chúa Trời nghe Chúa Cứu Thế cầu nguyện bởi vì Ngài tôn kính Đức Chúa Trời.
Hebrews 5:9
Vì ai Chúa Cứu Thế trở thành nguồn cội của sự cứu rỗi đời đời ?
Vì những người vâng phục Ngài, Chúa Cứu Thế trở thành nguồn cội của sự cứu rỗi đời đời.
Hebrews 5:12
Tình trạng thuộc linh của những độc giả ban đầu của thư tín nầy là gì?
Những độc giả ban đầu nghe nhưng chậm hiểu nên họ cần học những nguyên tắc cơ bản của Lời Đức Chúa Trời.

Chapter 6
Hebrews 6:1
chúng ta phải tiến tới
Tham khảo cách dịch: "chúng ta phải tiến về phía trước”
đặt tay
Hành động nầy đặt ra như một cách thức để biệt riêng một công việc hoặc vị trí đặc biệt.
Hebrews 6:4
những người đã nếm sự ban tặng từ trời
Ở đây đề cập đến những tín đồ Đức Chúa Trời đã cứu.
những người đã nếm sự tốt đẹp của lời Đức Chúa Trời
Đây là các tín hữu đã kinh nghiệm Lời Đức Chúa Trời cho chính mình.
chính họ đóng đinh Con Đức Chúa Trời một lần nữa
Khi mọi người xây bỏ Đức Chúa Trời, thì chính họ đã đóng đinh Chúa Giê-xu một lần nữa.
vấp ngã
Tham khảo cách dịch: "xây khỏi Đức Chúa Trời”
Hebrews 6:9
Vì Đức Chúa Trời không phải là bất công mà quên
Tham khảo cách dịch: "Vì Đức Chúa Trời công bình và sẽ không quên”
Hebrews 6:11
nhiệt thành
chuyên cần làm việc cẩn thận

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

biếng nhác
lười biếng
kẻ bắt chước
người bắt chước cách cư xử của người khác
Hebrews 6:13
Ngài phán
Đức Chúa Trời phán
Hebrews 6:19
một cái neo kiên cố và chắc chắn
Ở đây, từ “chắc chắn” và “kiên cố” về cơ bản cùng chỉ về một ý và dùng để nhấn mạnh tính chắc chắn tuyệt đối của cái neo. Tham khảo cách dịch: “một cái neo chắc chắn tuyệt đối”
cái neo của linh hồn chúng ta
Như một cái neo giữ cho chiếc thuyền không bị nước cuốn trôi, Chúa Giê-xu cũng sẽ giữ chúng ta được an toàn trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời.
người tiên phong cho chúng ta
"người đã đi trước chúng ta”

Translation Questions

Hebrews 6:1
Tác giả thư Hê-bơ-rơ muốn tín đồ hãy chú trọng vào điều gì?
Tác giả Hê-bơ-rơ muốn tín đồ chú trọng về sự trưởng thành.
Tác giả kể ra sự dạy dỗ nào làm cơ sở cho sứ điệp của Chúa Cứu Thế?
Sự dạy dỗ cơ bàn là ăn năn về những việc chết, đức tin ở Đức Chúa Trời, phép báp têm, sự đặt tay, sự sống lại từ kẻ chết và sự đoán xét đời đời.
Hebrews 6:4
Người dự phần trong Đức Thánh Linh rồi vấp ngã thì không thể làm điều gì?
Người dự phần trong Đức Thánh Linh, rồi lại vấp ngã không được phục hồi để ăn năn nữa.
Những người đã được soi sáng nầy đã nếm trải điều gì?
Những người được soi sáng nầy đã nếm trải sự ban cho trên trời, là Lời Đức Chúa Trời và quyền phép của thời hầu đến.
Hebrews 6:7
Theo ẩn dụ của tác giả, điều gì xảy ra ở vùng đất tuy có mưa nhưng chỉ có gai và cỏ dại mọc lên?
Đất có mưa nhưng chỉ có cây gai và cỏ dại mọc lên thì cuối cùng sẽ bị đem đốt.
Hebrews 6:9
Tác giả mong đợi điều gì ở những tín đồ mà ông viết thư cho họ?
Tác giả mong đợi những điều tốt đẹp hơn đến với họ, là những điều về sự cứu rỗi.
Hebrews 6:13
Áp-ra-ham phải làm gì để nhận lãnh điều Dức Chúa Trời hứa ban cho ông?
Áp-ra-ham phải kiên nhẫn chờ đợi để nhận lãnh sự ban cho từ lời hứa của Đức Chúa Trời.
Hebrews 6:19
Sự tin cậy Đức Chúa Trời của tín đồ giúp cho linh hồn họ điều gì?
Sự tin cậy Đức Chúa Trời của tín đồ là chiếc neo vững chắc và đáng tin cậy cho linh hồn mình.

Chapter 7

Hebrews 7:1
Ông không có cha
Mên-chi-xê-đéc không có cha
không có ngày sinh ra cũng không có ngày qua đời
Không có thông tin về sự ra đời cũng như thời điểm qua đời của Mên-chi-xê-đéc.
Hebrews 7:4
con cháu Lê-vi đang giữ chức tế lễ
Tham khảo cách dịch: "con cháu Lê-vi chịu chức tế lễ”.
Không phải tất cả dòng dõi của người Lê-vi đều làm thấy tế lễ”
Hebrews 7:7
còn ở trong lòng tổ phụ Áp ra ham
Tham khảo cách dịch: "chưa được sinh ra”
Hebrews 7:11
tại sao còn cần phải lập một thầy tế lễ khác theo dòng Mên-chi-xê-đéc, chứ không theo dòng A rôn?
Tham khảo cách dịch: "không cần lập một thầy thầy lễ khác, là người giống như Mên chi xê đéc, và không giống A rôn”
Hebrews 7:15
luật của loài người
Chúa Cứu Thế có thể là thầy tế lễ mà không thuộc dòng dõi người Lê-vi.
theo ban Mên-chi-xê-đéc
Tham khảo cách dịch: "giống như Mên-chi-xê-đéc
Hebrews 7:18
luật pháp không khiến điều gì trở nên toàn hảo được
Cụm từ nầy cho thấy luật pháp “yếu kém và vô dụng” và cần phải gạt bỏ.
kéo đến gần
"đến gần"
Hebrews 7:20
niềm hi vọng tốt hơn này không đến mà không có lời thề
"người ta phải thề để chúng ta có thể đó điều gì tốt đẹp hơn mà trông cậy vào” hoặc “..để Chúa Cứu Thế được lập làm thầy tế lễ”
Con là thầy tế lễ đời đời
"Ngài giữ chức thầy tế lễ hiện này và đến mãi mãi” (xem UDB).
Hebrews 7:22
bảo đảm
"sự đảm bảo” hoặc “lời hứa’
chức vụ thầy tế lễ của Ngài chẳng đổi thay
"Ngài sẽ là thầy tế lễ thượng phẩm đời đời”.
Hebrews 7:25
Bởi đó
"Bởi vì Chúa Cứu Thế sẽ là thầy tế lễ thượng phẩm đời đời của chúng ta”
nhờ Ngài
"nhờ vào những việc Ngài đã làm”
Hebrews 7:27
Ngài không cần phải
Tham khảo cách dịch: "Chúa Cứu Thế không cần phải”
luật pháp định
"Đức Chúa Trời đã định trong luật pháp”
còn lời thề có sau luật pháp thì lập Con

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"sau khi Ngài ban luật pháp, Đức Chúa Trời có lập lời thề và chọn Con Ngài”

Đấng được toàn hảo

"là Đấng hoàn toàn vâng phục Đức Chúa Trời và được trưởng thành”

Ngài đã dâng hiến chính bản thâm mình... Con, là Đấng được toàn hảo đời đời

Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, đã dâng chính mình Ngài như một của lễ dâng hoàn hảo duy nhất cho tội lỗi của cả thế gian. Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ chấp nhận một của lễ nào khác cho tội lỗi của loài người bởi vì không một của lễ nào khác lại hoàn hảo, trọn vẹn, thiêng liên và thánh khiết như Ngài. Chính mình Đức Chúa Trời phải trở nên của lễ dâng, vì vậy Đức Chúa Con đã ban chính mình Ngài vì cớ sự tha tội đời đời cho chúng ta.

Con

Đây là danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời

Translation Questions

Hebrews 7:1

Mên-chi-xê-đéc có hai danh hiệu nào?

Mên-chi-xê-đéc là vua của Sa-lem và là thầy tế lễ của Đức Chúa Trời chí cao.

Hebrews 7:7

Ai là người lớn hơn, Áp-ra-ham hay Mên-chi-xê-đéc?

Mên-chi-xê-đéc lớn hơn bởi vì ông chúc phước cho Áp-ra-ham.

Hebrews 7:11

Tại sao cần phải có một thầy tế lễ khác nổi lên theo ban Mên-chi-xê-đéc?

Phải cần có một thầy tế lễ khác nổi lên theo ban Mên-chi-xê-đéc vì chức vụ thầy tế lễ thuộc dòng Lê-vi không hoàn hảo.

Hebrews 7:18

Điều gì phải bãi bỏ vì yếu kém và vô ích?

Điều răn trước kia, tức là luật pháp, đã bị bãi bỏ vì yếu kém và vô ích.

Hebrews 7:22

Chúa Giê-xu là Đấng bảo lãnh về điều gì?

Chúa Giê-xu là Đấng bảo lãnh về một giao ước tốt hơn.

Hebrews 7:25

Tại sao Chúa Giê-xu có thể cứu những người đến gần Đức Chúa Trời nhờ Ngài?

Chúa Giê-xu có thể cứu trọn vẹn những người đến gần Đức Chúa Trời nhờ Ngài vì Ngài luôn sống để cầu thay cho họ.

Hebrews 7:27

Chúa Giê-xu dâng của tế lễ gì để đền tội thay cho mọi người?

Chúa Giê-xu dâng chính mình một lần để đền tội thay cho mọi người.

Chúa Giê-xu dâng của tế lễ gì để đền tội cho chính mình?

Chúa Giê-xu không cần phải dâng của tế lễ nào để đền tội cho chính mình vì Ngài không hề có tội.

Chapter 8

Hebrews 8:3

mô phỏng và cái bóng

Những từ này về cơ bản đều chỉ cùng một ý và nhấn mạnh rằng đền tạm chính là hình ảnh duy nhất về đền tạm thực sự trên trời. Tham khảo cách dịch: “mô hình”

kiểu mẫu

"bản phác họa"

Hebrews 8:6

Chúa Cứu Thế đã nhận lãnh

"Đức Chúa Trời đã ban Chúa Cứu Thế”

hoàn hảo

trọn vẹn

Hebrews 8:8

Nhìn xem

Tham khảo cách dịch: “Xem kìa” hay là “Nghe đây” hoặc “Hãy chú ý về những điều ta sắp nói với các ngươi”.

Translation Questions

Hebrews 8:1

Thấy tế lễ thượng thẩm của tín đồ ngồi ở đâu?

Thầy tế lễ thượng phẩm của tín đồ đang ngự bên hữu ngai vua uy nghi trên trời.

Hebrews 8:3

Mỗi thầy tế lễ cần phải có gì?

Mỗi thầy tế lễ cần phải có của tế lễ để dâng .

Hebrews 8:6

Tại sao Chúa Cứu Thế có chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm cao trọng hơn?

Chúa Cứu Thế có chức vụ thầy tế lễ cao trọng hơn bởi vì Ngài là Đấng trung bảo của một giao ước tốt hơn được thiết lập trên lời hứa tốt hơn.

Hebrews 8:8

Đức Chúa Trời hứa điều gì khi Ngài nhận thấy có khuyết điểm trong dân sự dưới giao ước thứ nhất?

Đức Chúa Trời hứa lập một giao ước mới với nhà Y-sơ-ra-ên và với nhà Giu-đa.

Hebrews 8:10

Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ làm gì trong giao ước mới?

Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ để luật pháp Ngài trong trí họ và viết vào lòng họ

Hebrews 8:11

Trong giao ước mới ai sẽ biết Chúa?

Trong giao ước mới, tất cả đều biết Chúa, từ kẻ nhỏ nhất cho đến người lớn nhất

Hebrews 8:13

Trong sự thông báo về giao ước mới, Đức Chúa Trời khiến cho giao ước thứ nhất như thế nào?

Trong sự thông báo về giao ước mới, Đức Chúa Trời khiến cho giao ước thứ nhất trở nên xưa cũ và sẵn sàng biến mất.

Chapter 9

Hebrews 9:1

giao ước thứ nhất

Dịch cụm từ nầy như bạn đã dịch trong [[:en/bible/notes/heb/08/06|8:7]].

những quy định

"sự chỉ dẫn chi tiết” hoặc là “điều lệ” hoặc “hướng dẫn”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Vì
Tác giả tiếp tục thảo luận bắt đầu trong HEB 8:7.
Có một chỗ chuẩn bị cho
"dân Y sơ ra ên chuẩn bị một chỗ"
bánh trần thiết
"loại bánh bày biện trước Đức Chúa Trời" (UDB) hoặc là "loại bánh thầy tế lễ dâng lên Đức Chúa Trời"
Hebrews 9:3
phía sau bức màn thứ nhì
Bức màn thứ nhất là phần bên ngoài đền tạm, nên "màn thứ nhì" là màn giữa "nơi thánh" và "nơi chí thánh".
Trong hòm
"Bên trong hòm giao ước"
trổ hoa
"ra hoa" hay là "ra búp hoa" hoặc là "lớn và phát triển"
bảng đá
Một phiến đá phẳng có chữ viết trên đó.
tượng
biểu tượng tượng trưng cho hình dáng của một vật.
chê-ru-bim che phủ bên trên
"chê-ru-bim ở phía trên"
nắp thi ân
phần trên cùng của hòm giao ước
Hebrews 9:6
Sau khi mọi sự được xếp đặt như thế
Tham khảo cách dịch: "Sau khi thầy tế lễ chuẩn bị những việc nầy"
xếp đặt
"làm sẵn trước"
đem theo của tế lễ
"luôn luôn dâng của tế lễ" hoặc là "người đó luôn phải dâng"
Hebrews 9:8
đường vào....vẫn chưa được tỏ ra
Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời vẫn chưa bày tỏ phương cách"
nơi chí thánh
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1) gian bên trong của đền tạm trên thế gian (xem UDB) hoặc là 2) sự hiện diện của Đức Chúa Trời trên thiên đàng.
đền tạm thứ nhất vẫn còn
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1) gian bên ngoài đền tạm vẫn còn đó"
hình ảnh tượng trưng
"hình ảnh"
thời hiện tại
"bây giờ"
không thể làm cho lương tâm của người thờ phượng toàn hảo
"không thể làm cho người thờ phượng được sạch tội"
nghi thức tẩy sạch
"luật lệ" hoặc là "những hành động tượng trưng"
quy luật quy định cho xác thịt
"luật lệ cho thân thể"
Đây là các luật lệ được ban ra buộc xác thịt phải tuân thủ
Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời đã ban mọi luật lệ này cho xác thịt"
nghi thức mới
"giao ước mới"
Hebrews 9:11
những điều tốt đẹp
"trật tự mới" (HEB 9:8)
nơi chí thánh
sự hiện diện của Đức Chúa Trời trên thiên đàng
Hebrews 9:13
rải....tro lên kẻ bị ô uế
Thầy tế lễ sẽ rải một ít tro lên người bị ô uế
huống chi huyết của Chúa Cứu Thế, là Đấng nhờ Thánh Linh đời đời, dâng chính mình không tì vết cho Đức Chúa Trời, sẽ tẩy sạch lương tâm anh em khỏi công việc chết, để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống bội phần hơn là dường nào?
"Chúa Cứu Thế là Đấng toàn hảo, dâng chính mình Ngài cho Đức Chúa Trời qua Thánh Linh đời đời, và huyết Ngài sẽ tẩy sạch lương tâm từ những việc làm chết của chúng ta để hầu việc Đức Chúa Trời hằng sống"
huyết của Chúa Cứu Thế...tẩy sạch lương tâm chúng ta
Nhờ Chúa Giê su hy sinh thân mình, chúng ta không còn cảm thấy lỗi lầm về những tội chúng ta đã phạm.
lương tâm của chúng ta
lương tâm của tác giả và độc giả
Vì lý do đó
"Do đó" hoặc là "Vì lý do nầy"
án phạt
"hình phạt"
những người được Đức Chúa Trời kêu gọi
những người Đức Chúa Trời đã định hoặc chọn để lập nên con cái Ngài.
Hebrews 9:16
di chúc
một tài liệu hợp pháp trong đó người viết di chúc cho biết người nào sẽ nhận lãnh gia tài khi người đó chết.
Hebrews 9:18
Do đó, ngay cả giao ước thứ nhất cũng không hiệu lực nếu không có huyết.
Tham khảo cách dịch: "Vậy ngay cả giao ước thứ nhất Đức Chúa Trời cũng lập nên bằng huyết"
Lấy huyết...với nước...và rảy trên...cuộn sách...và trên cả dân chúng
Thầy tế lễ nhúng cành bài hương vào huyết và nước rồi rảy trên cuộn sách và trên dân sự, để nước và huyết rơi trên cuộn sách và trên dân chúng.
cây bài hương
một loại cây dùng để rảy trong nghi lễ
Hebrews 9:21
rảy
Xem cách bạn dịch từ nầy trong HEB 9:19
bình chứa
"vật dụng có thể chứa đựng" hay là "cái bình"
sự phục vụ của thầy tế lễ
"công việc của thầy tế lễ"
mọi vật đều nhờ huyết mà được tinh sạch
"thầy tế lễ dùng huyết để tẩy sạch mọi vật"
Không có sự đổ huyết thì không có sự tha tội
"Đức Chúa Trời tha thứ cho tội lỗi của con người chỉ khi thầy tế lễ giết con sinh tế và dâng nó lên thay cho họ"
Hebrews 9:23
vật mô phỏng theo các vật trên trời phải nhờ con sinh tế ấy mà được sạch
Tham khảo cách dịch: "Thầy tế lễ sẽ dùng những con sinh tế nầy để thanh tẩy các biểu tượng về các vật ở trên trời"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chính các vật trên trời lại càng phải được tẩy sạch với những sinh tế tốt hơn nhiều
Tham khảo cách dịch: "đối với những vật ở trên trời, Đức Chúa Trời phải thanh tẩy bằng của tế lễ tốt nhiều hơn" của tế lễ dùng để thanh tẩy những biểu tượng của những vật trên thế gian.
Ngài... đến trước mặt Đức Chúa Trời
Ngài... vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời
Hebrews 9:25
Ngài không vào đó
"Ngài không vào thiên đàng" (UDB)
Vì nếu thật vậy
"Nếu Ngài phải dâng mình nhiều lần"
sự khởi đầu của thế gian
"Đức Chúa Trời tạo dựng thế gian"
Ngài đã được bày tỏ
Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời bày tỏ Ngài"
Hebrews 9:27
Chúa Cứu Thế đã dâng mình
Tham khảo cách dịch: "Chúa Cứu Thế, Đấng dâng chính mình"

Translation Questions

Hebrews 9:1
Nơi thờ phượng trong giao ước thứ nhất là gì?
Nơi thờ phượng cho giao ước thứ nhất là đền tạm trên thế gian.
Hebrews 9:11
Nơi thánh là nơi Chúa Cứu Thế phục vụ có gì khác lạ?
Nơi thánh Chúa Cứu Thế phục vụ hoàn hảo hơn, không do tay con người làm ra, và không thuộc về thế gian được tạo dựng nầy.
Hebrews 9:18
Giao ước thứ nhất đòi hỏi cái chết của vật gì?
Giao ước thứ nhất cần có cái chết của bê con và dê.
Hebrews 9:27
Việc gì xảy ra với một người sau khi chết?
Mỗi người sau khi chết phải đối diện với sự đoán xét.

Chapter 10
Hebrews 10:1
không phải là những điều có thật đó
"không phải là vật có thật"
đến gần
"đến thờ phượng" (UDB) hoặc là "đến gần"
sao họ không chấm dứt việc dâng sinh tế?
"Họ sẽ thôi không dâng các sinh tế đó"
chấm dứt
"dừng lại"
trường hợp
"tình huống"
được thanh tẩy một lần
"Người Đức Chúa Trời đã thanh tẩy"
sự nhận biết
"hiểu biết về sự tồn tại"
Có sự nhắc nhở nhắc người ta nhớ lại tội mình đã phạm
"Đức Chúa Trời nhắc nhở mọi người về tội lỗi họ đã phạm"
năm nầy qua năm khác
"mỗi năm"
Vì huyết bò, huyết dê không thể nào cất bỏ tội lỗi đi được
"Vì huyết của bò và dê không thể cất đi tội lỗi"
Hebrews 10:5
Chúa đã chuẩn bị một thân thể cho tôi
"Ngài đã sắm sẵn một thân thể cho tôi"
Hebrews 10:8
như đã phán trên ở trên
Tham khảo cách dịch: "Như tôi đã viết, Chúa Giê-xu phán:"
sinh tế, lễ vật hoặc tế lễ toàn thiêu
Dịch những từ nầy theo cách bạn đã dịch trong HEB 10:5-6.
chúng_ những sinh tế được dâng lên Chúa
Tham khảo cách dịch: "chúng". Đây là những sinh tế người ta dâng lên"
Nầy,
"Hãy chú ý về những điều ta sắp sửa nói cho ngươi"
chúng ta đã được dâng lên cho Đức Chúa Trời bởi ý muốn của Ngài
Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời muốn Chúa Cứu Thế dâng chính mình Ngài làm của lễ, và chính của lễ đó dâng chúng ta lên cho Đức Chúa Trời"
Hebrews 10:11
Thật vậy
Từ ngữ nầy nối kết HEB 10:1-4 với những từ ngữ theo sau.
kẻ thù hạ mình và làm bệ chân cho Ngài
"Đức Chúa Trời làm kẻ thù của Chúa Cứu Thế phải hạ mình và xấu hổ". Thật quá xấu hổ cho người nào bị đặt dưới bệ chân của người khác.
những người được dâng lên cho Đức Chúa Trời
Tham khảo cách dịch: "những người Đức Chúa Trời đã thánh hóa"
Hebrews 10:15
trước
trước những điều Ngài nói trong HEB 10:17
họ
những người được thánh hóa (HEB 10:14)
sau những ngày đó
"khi giao ước thứ nhất đã hoàn thành"
Hebrews 10:17
Kế tiếp
sau những điều Ngài nói trong HEB 10:16
Ta sẽ chẳng còn nhớ đến
"Ta sẽ không nhớ nữa"
tội lỗi và những việc làm sai trái
Từ "tội lỗi" và "những việc làm sai trái" về cơ bản có cùng một ý và nhấn mạnh tội lỗi tồi tệ ra sao.
nơi nào có sự tha thứ cho những điều này
"khi Đức Chúa Trời đã tha thứ những điều này"
nơi đó, không cần phải dâng của tế lễ chuộc tội nữa
Tham khảo cách dịch: "tại đó, người ta không còn phải dâng của tễ lễ chuộc tội nữa"
Hebrews 10:19
anh em
Ở đây, từ này có nghĩa là các anh em tín hữu,, bao gồm cả nam lẫn nữ, bởi vì tất cả những tín hữu trong Chúa Cứu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Thế đều là thành viên trong một gia đình thuộc linh, và Đức Chúa Trời là Cha trên trời của họ.

nơi chí thánh

sự hiện diện của Đức Chúa Trời

thân xác của Ngài

Tham khảo cách dịch: "sự chết của Ngài"

ngang qua cái màn

Bức màn trong đền thờ thế gian tiêu biểu cho sự ngăn cách giữa con người và sự hiện diện thật sự của Đức Chúa Trời.

nhà Đức Chúa Trời

tất cả tín đồ

niềm tin vững chắc

"sự tin cậy chắc chắn"

lòng được tẩy sạch

Tham khảo cách dịch: "lòng được Đức Chúa Trời tẩy sạch bằng huyết Chúa Giê-xu Cơ Đốc

rửa

Xem cách bạn dịch từ ngữ nầy trong HEB 9:19

Hebrews 10:23

hãy giữ vững lời tuyên xưng về niềm hi vọng chắc chắn của chúng ta

"tiếp tục nói cho mọi người biết rằng chúng ta có lòng tin vững chắc bởi vì chúng ta tin rằng Đức Chúa Trời sẽ thực hiện mọi điều Ngài đã hứa"

chuyển lay

"trở nên không chắc chắn"

ngày của Chúa càng gần

Tham khảo cách dịch: "ngày Chúa Giê-xu tái lâm càng gần"

Hebrews 10:26

cố ý

"hoàn toàn hiểu rõ"

không còn có sinh tế nào chuộc tội được nữa

"không ai có thể dâng một của tế lễ để nhờ đó Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho chúng ta"

Hebrews 10:28

hai hoặc ba

"2 hoặc 3"

Anh chị em nghĩ kẻ ấy không đáng bị hình phạt nặng nề hơn sao……ân điển?

Tham khảo cách dịch: "Đây là hình phạt nghiêm khắc. Nhưng hình phạt thậm chí sẽ còn nặng nề hơn cho người nào… ân điển!"

giày đạp Con Đức Chúa Trời

Từ này minh họa tính nghiêm trọng của việc xem thường Chúa Cứu Thế và công việc mà Ngài đã làm. Tham khảo cách dịch: "chối bỏ Con Đức Chúa Trời và công việc mà Ngài đã làm"

giày đạp

"dẫm đạp"

Con của Đức Chúa Trời

Đây là danh hiệu quan trọng dành cho Chúa Giê-xu.

dòng huyết mà nhờ đó người đã được dâng lên cho Đức Chúa Trời

Tham khảo cách dịch: "huyết Đức Chúa Trời dùng để thánh hóa kẻ đó"

Thánh Linh của ân điển

"Thánh Linh của Đức Chúa Trời là Đấng ban cho ân điển"

Hebrews 10:30

chúng ta biết

tác giả và tất cả tín hữu đều biết

sa vào tay

Tham khảo cách dịch: "ở dưới sự đoán xét đầy đủ"

Hebrews 10:32

sau khi anh em đã được soi sáng

"sau khi anh em biết lẽ thật"

Anh em chịu sự sỉ nhục công khai khi bị người ta lăng mạ và bắt bớ

"Người ta nhạo báng anh em bằng cách công khai sỉ nhục và bắt bớ anh em"

chính anh em

độc giả, không giống như những kẻ nhạo báng, bắt bớ, giam cầm và cướp của cải của họ.

Hebrews 10:35

vứt bỏ

như đồ vật vô giá trị và vô ích

chỉ còn ít lâu

"chẳng bao lâu"

Hebrews 10:38

Người công chính của ta

"Tín đồ trung tín của ta"

Translation Questions

Hebrews 10:1

Luật pháp là gì khi được so sánh với những điều có thật trong Chúa Cứu Thế?

Luật pháp chỉ là cái bóng của những điều có thật trong Chúa Cứu Thế.

Hebrews 10:5

Đức Chúa Trời đã chuẩn bị điều gì Cho Chúa Cứu Thế khi Ngài đến trong thế gian?

Đức Chúa Trời chuẩn bị một thân thể cho Chúa Cứu Thế

Hebrews 10:8

Đức Chúa Trời bãi bỏ tập tục nào khi Chúa Cứu Thế vào trong thế gian?

Đức Chúa Trời hủy bỏ tập tục đầu tiên về sự dâng của tế lễ theo luật pháp

Hebrews 10:19

Tín đồ bây giờ có thể vào nơi nào nhờ huyết của Chúa Giê-xu?

Bây giờ tín đồ có thể vào nơi chí thánh nhờ huyết của Chúa Giê-xu

Hebrews 10:23

Tín đồ phải giữ vững điều gì?

Tín đồ phải giữ vững sự tuyên xưng của niềm hy vọng chắc chắn của mình.

Hebrews 10:26

Viễn cảnh của những người cố ý phạm tội liên tục sau khi đã biết lẽ thật là gì?

Viễn cảnh của những người cố ý phạm tội liên tục sau khi đã biết lẽ thật là sự đoán phạt và lửa thiêu đốt kẻ thù nghịch Đức Chúa Trời.

Hebrews 10:28

Người nhờ huyết của Chúa Cứu Thế được thánh hóa nhưng lại cho rằng huyết Ngài không thánh khiết đáng bị đối xử như thế nào ?

Người nhờ huyết của Đấng Chirst được thánh hóa nhưng lại cho rằng huyết Ngài không thánh khiết thì đáng bị hình phạt không thương xót, nặng nề hơn hình phạt theo luật Môi-se.

Hebrews 10:30

Sự báo thù thuộc về ai?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sự báo thù thuộc về Đức Chúa Trời
Hebrews 10:35
Tín đồ cần làm gì để có thể nhận lãnh điều Đức Chúa Trời đã hứa?
Tín đồ cần có sự tin vậy và kiên nhẫn để có thể nhận lãnh điều Đức Chúa Trời đã hứa
Hebrews 10:38
Người công bình sống như thế nào?
Người công bình sống bởi đức tin
Đức Chúa Trời nghĩ gì đối với những người thối lui?
Đức Chúa Trời không vui lòng đối với những người thối lui.

Chapter 11
Hebrews 11:1
đức tin là sự tin chắc vững vàng về những điều mình đang trông mong
"đức tin là nền tảng về những điều người ta trông đợi chắc chắn”
chắc chắn
Ở đây, từ này cụ thể chỉ về lời hứa chắc chắn của Đức Chúa Trời, đặc biệt sự tin chắc rằng một ngày nào đó hết thảy những người tin nơi Chúa Giê-xu sẽ được ở với Đức Chúa Trời trên thiên đàng mãi mãi.
Vì nhờ đức tin
"Bởi vì họ tin chắc về những điều mình chưa trông thấy”
nhờ đức tin tổ phụ của chúng ta đã được lời chứng tốt
"Đức Chúa Trời chấp nhận tổ phụ chúng ta vì họ có đức tin”
Hebrews 11:4
thích hợp hơn
"tốt hơn”
A-bên vẫn còn nói
Tham khảo cách dịch: "điều A-bên đã làm vẫn có thể dạy dỗ chúng ta”
Hebrews 11:5
bởi đức tin, Hê-nóc được cất lên và không hề thấy sự chết
Tham khảo cách dịch: "nhờ đức tin Hê-nóc không chết bởi vì Đức Chúa Trời đã cất người đi”
thấy sự chết
"chết”
ông được chứng nhận là đã sống đẹp lòng Đức Chúa Trời
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1)Đức Chúa Trời nói rằng Hê nóc làm vui lòng Ngài” (xem UDB) hoặc là 2)”người ta nói rằng Hê nóc làm vui lòng Đức Chúa Trời”
trước khi ông được tiếp lên
"trước khi Đức Chúa Trời cất ông lên”
Hebrews 11:7
được Đức Chúa Trời cảnh báo
Tham khảo cách dịch: "bởi vì Đức Chúa Trời cảnh báo ông”
những việc chưa thấy
Tham khảo cách dịch: "những điều chưa ai từng thấy trước đó”
thế gian
những dân khác đang sống trên thế gian ở thời điểm đó.
Hebrews 11:8
đi ra đến
"rời khỏi nhà để đi đến”
Ông đi đến
"Ông ra khỏi nhà”
đất hứa
"vùng đất Đức Chúa Trời hứa ban cho ông”
người đồng thừa kế
"cùng kế thừa”
thiết kế
người thiết kế cho một công trình xây dựng
Hebrews 11:11
năng lực thụ thai
"khả năng mang thai”
xem Đức Chúa Trời là
"tin rằng Đức Chúa Trời sẽ”
muôn vàn con cháu ….. đông như sao trên trời, như cát bãi biển, không thể đếm được.
rất nhiều
Hebrews 11:13
trông thấy và chào mừng những điều ấy từ đằng xa,
Cụm từ nầy ví sánh sự hiểu biết của các tiên tri về những sự kiện xảy ra trong tương lai với việc tiếp đón của một lữ khách đến từ phương xa. Tham khảo cách dịch: “sau khi đã hiểu công việc của Đức Chúa Trời sẽ làm trong tương lai”
thừa nhận
"thừa nhận” hoặc “chấp nhận”
người xa lạ
"người nước ngoài” hoặc là “người ngoài cuộc”
quê hương
"một quốc gia”
Hebrews 11:15
Thật vậy
"Thật ra” hay là “Chắc chắn” hoặc là “Hãy chú ý để nầy:”
quê hương trên trời
"quê hương thuộc về trời” hoặc là “quê hương trên trời”
Đức Chúa Trời không hổ thẹn mà xưng mình là Đức Chúa Trời của họ
Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời vui lòng để họ gọi Ngài là Đức Chúa Trời của họ” hoặc là “…cho phép người khác xưng Ngài là…”
Hebrews 11:17
dâng lên...dâng lên
như một của lễ hoặc là của tế lễ dâng lên Đức Chúa Trời
Chính qua Y-sác, con sẽ có một dòng dõi được gọi bằng tên con
“Dòng dõi của Y-sác là những người Đức Chúa Trời coi là dòng dõi của con”
ông thật đã nhận lại con mình
"Áp-ra-ham đã nhận lại Y-sác”
Hebrews 11:20
Gia-cốp thờ lạy
"Gia-cốp thờ lạy Đức Chúa Trời”
sự cuối cùng của ông
"sự chết của ông”
Hebrews 11:23
Khi Môi-se mới sinh ra, cha mẹ ông đem đi giấu trong ba tháng
Tham khảo cách dịch: "Lúc Môi se ra đời, ông được cha mẹ đem đi giấu trong ba tháng”
khôn lớn
"trưởng thành”
chịu ngược đãi cùng con dân Đức Chúa Trời
"chịu ngược đãi cùng với dân sự Đức Chúa Trời”
sự sỉ nhục vì theo Chúa Cứu Thế
"những người nầy không tôn trọng ông vì ông đã làm những điều theo ý muốn của Chúa Cứu Thế”
ông trông mong phần thưởng sau này

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"làm những điều ông biết rằng sẽ được ban thưởng trên thiên đàng”
Hebrews 11:27
Ông không …. vì ông chịu đựng …..ông thấy
Môi-se
nhờ nhìn xem Đấng không thấy được
"bằng cách nhờ cậy vào sự trợ giúp của Đức Chúa Trời”
không thấy được
"không thể trông thấy được”
Hebrews 11:29
họ băng qua
dân Y sơ ra ên đã đi qua được
họ bị nhấn chìm
Tham khảo cách dịch: "nước đã nhấn chìm họ” hoặc “họ chìm xuống nước”
họ đã đi vòng quanh bảy ngày
Tham khảo cách dịch: "dân Y sơ ra ên đi vòng quanh tường thành trong bảy ngày”
đã đón tiếp các thám tử được an toàn
Tham khảo cách dịch: "giấu các thám tử để họ được an toàn”
Hebrews 11:32
Và tôi còn nói thêm được điều gì nữa?
Tham khảo cách dịch: "Và còn nhiều thí dụ nữa”
Tôi không đủ thì giờ
Tham khảo cách dịch: "Tôi sẽ không có đủ thời gian”
chinh phục
"đánh bại”
bịt mồm sư tử …. tắt ngọn lửa hừng…..thoát khỏi lưỡi gươm
cách cứu dân Y sơ ra ên thoát chết. Tham khảo cách dịch: “sư tử sẽ không ăn thịt họ….lửa sẽ không đốt cháy họ… gươm sẽ không giết họ”
được chữa lành
Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời chữa lành cho họ”
Hebrews 11:35
Có các phụ nữ nhận lại thân nhân mình từ cõi chết sống lại
"Có một số phụ nữ nhận lại người nhà đã chết khi Đức Chúa Trời phục sinh cho họ”
Những người khác bị hành hạ ….Có người bị chế giễu và đánh đập …Họ bị ném đá…. Họ bị cưa đôi…..Họ bị giết
Tham khảo cách dịch: "Những người khác chịu người ta tra tấn…Có người phải chịu người ta chế nhạo và đánh đập….Có người chết vì bị người ta ném đá…Có người chết vì bị người ta cưa đôi…Người ta giết họ”
bị tra tấn
khiến người ta phải chịu đau đớn khổ sở
không chịu giải cứu
Tham khảo cách dịch: "không chịu chối bỏ Chúa Cứu Thế để người ta thả mình”
thậm chí bị xiềng xích và lao tù
"người ta thậm chí còn trói họ bằng xiềng xích và giam cầm họ”
lưu lạc đây đó
"đi lưu lạc” hoặc là “luôn luôn sống”
thiếu thốn
"chẳng có gì” hoặc “chẳng có gì” hoặc “nghèo khó”
Hebrews 11:39
Mặc dầu tất cả những người ấy đã được Đức Chúa Trời chứng tốt nhờ đức tin của mình, nhưng họ vẫn chưa nhận lãnh điều đã hứa cho mình.
Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời coi trọng những người nầy bởi vì đức tin của họ nhưng chính họ vẫn chưa nhận được điều Ngài hứa.

Translation Questions

Hebrews 11:1
Người có đức tin có thái độ nào đối với lời hứa chưa được thực hiện của Đức Chúa Trời?
Người có đức tin biết chắc điều mình mong đợi và tin tưởng về lời hứa chưa thực hiện của Đức Chúa Trời
Hebrews 11:4
Tại sao Đức Chúa Trời khen ngợi A-bên là người công bình?
Đức Chúa Trời khen ngợi A-bên bởi vì bởi đức tin ông dâng lên Đức Chúa Trời của lễ thích hợp hơn Ca-in.
Hebrews 11:7
Nô-ê thể hiện đức tin của mình như thế nào?
Nô-ê thể hiện đức tin của mình bằng cách làm một chiếc tàu để cứu cả nhà ông theo sự cảnh báo của Đức Chúa Trời.
Hebrews 11:11
Bởi đức tin, Áp-ra-ham và Sa-ra nhận lãnh lời hứa gì?
Bởi đức tin Áp-ra-ham và Sa-ra còn có khả năng sanh con cho dù hai người đã quá già.
Hebrews 11:13
Những vị tổ phụ của đức tin đã nhìn thấy gì từ đàng xa?
Những vị tổ phụ của đức tin đã nhìn thấy và hoan nghinh lời hứa của Đức Chúa Trời từ đàng xa.
Những vị tổ phụ của đức tin coi mình là gì trên thế gian?
Họ coi mình là khách lạ hoặc người ngoại quốc trên thế gian.
Hebrews 11:17
Áp-ra-ham tin rằng Đức Chúa Trời sẽ có thể làm gì khi ông dâng con trai duy nhất của mình là Y sác?
Áp-ra-ham tin rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến Y sác sống lại từ kẻ chết
Hebrews 11:35
Một số các vị tổ phụ đức tin phải chịu điều gì?
Họ phải chịu hành hạ, chế nhạo, đánh đập, xiềng xích, lao tù, ném đá, cưa đôi, chết và sống thiếu thốn
Hebrews 11:39
Dù có đức tin, những vị tiền bối nầy không nhận lãnh điều gì trong thời gian còn sống trên thế gian?
Dù cho có đức tin, các vị tiền bối nầy không nhận lãnh điều Đức Chúa Trời đã hứa trong thời gian còn sống trên thế gian

Chapter 12
Hebrews 12:1
chúng ta...chúng ta
tác giả và độc giả
có vô số nhân chứng đang vây quanh chúng ta
Tham khảo cách dịch: "có vô số nhân chứng bao quanh chúng ta như vậy” hay là “vô số nhân chứng đang hành động như một gương tốt cho chúng ta”.
nhân chứng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

những tín đồ trong Cựu Ước đó đang quan sát “cuộc đua”
mọi gánh nặng
Thái độ hoặc thói quen ngăn không cho chúng ta tin cậy và vâng lời Đức Chúa Trời giống như quần áo dày hoặc vật nặng mang theo khiến chúng ta khó chạy trên đường đua.
vấn vương
"khiến chạy khó khăn” hoặc là “làm cho khó vâng lời Đức Chúa Trời”
nhìn xem
"nhìn thẳng vào” hoặc là “chỉ nghĩ về điều đó”
Đấng khởi đầu và hoàn thiện
Tham khảo cách dịch: "Đấng sáng tạo và hoàn thiện”
mỏi mệt
như người chạy đua trong thời gian dài
ngã lòng
như người không còn muốn tiếp tục chạy nữa
Hebrews 12:4
Anh em vẫn chưa chống trả hoặc chiến đấu với tội lỗi đến mức phải đổ huyết
"Anh em đã chống cự và chiến đấu với tội lỗi, nhưng những người khác đã phải chiến đấu đến mức phải đổ huyết”
chống trả…đến mức ….huyết
"chống trả …chết”. Người làm điều phải lẽ dù cho phải chết vì điều đó.
lời khuyên dạy dành cho anh em
Thi văn của Sa-lô-môn trong Cựu Ước là sách giúp hiểu được cách làm thế nào để được khích lệ trong những lúc chịu kỷ luật của Chúa.
chớ xem thường sự sửa phạt
"phải nghiêm túc nhận sự sửa phạt"
sự sửa phạt của Chúa
"khi Chúa kỷ luật anh em”
ngã lòng
Tham khảo cách dịch: ""trở nên nản lòng”
Hebrews 12:7
Hãy chịu thử thách như sự sửa phạt
nghĩ về những lúc khó khăn như thể nghĩ về những lúc chịu kỷ luật.
có người con nào mà cha không sửa phạt?
Tham khảo cách dịch: "người cha nào cũng sửa phạt con cái mình”
con ngoài giá thú
con sinh ra do một người đàn ông và đàn bả chưa (chính thức) kết hôn với nhau.
Hebrews 12:9
Cha về phần hồn
Đức Chúa Trời, là Đấng tạo dựng và ban cho chúng ta linh hồn và cũng tạo dựng các linh hồn khác.
bông trái công chính
Thành quả của sự công bình từ kỷ luật giống như cây có trái.
chịu huấn luyện bởi điều đó
được huấn luyện bằng kỷ luật
Hebrews 12:12
hãy giơ bàn tay yếu đuối của anh em lên và làm vững mạnh đầu gối lỏng lẻo nữa
Một người phải đối diện với những thử thách trong cuộc đời giống như một vận động viên mệt mỏi khi tay và chân không còn mạnh sức. Tham khảo cách dịch: “hãy mạnh mẽ lên như một tay đua rèn luyện thân thể mình khi quyết định kết thúc một cuộc đua”
hãy làm đường thẳng cho chân anh em
Vâng lời Đức Chúa Trời giống như đi trên con đường bằng phẳng êm ái. Tham khảo cách dịch: “hãy làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời”
người què
Tham khảo cách dịch: "người muốn bỏ cuộc”
sẽ không bị lầm lạc
"sẽ không đi theo một người vào con đường lầm lạc” Tham khảo cách dịch: “sẽ không quyết định làm những điều dễ dàng nhưng lại không tôn kính Đức Chúa Trời”
hơn là được chữa lành
"thay vào đó hãy trở nên mạnh mẽ”
Hebrews 12:14
và cả sự thánh hóa mà không có sự thánh hóa thì không ai được thấy Chúa
Tham khảo cách dịch: “và cũng hãy gắng sức để nên thánh, bởi vì chỉ những người thánh mới thấy Đức Chúa Trời”
và cả sự thánh khiết
Tham khảo cách dịch: "cũng theo đuổi sự thánh khiết”
Hãy cẩn trọng…. có ai không nhận được ….kẻo rễ đắng đâm ra…..để không có
Độc giả sẽ “phải cẩn thận” về ba điều. Tham khảo cách dịch: “Đừng để ai bị loại khỏi…Đừng để rễ đắng mọc ra… Đừng để có…”
không nhận được ân điển của Đức Chua Trời
Tham khảo cách dịch: "nhận lãnh ân điển của Đức Chúa Trời rồi lại bỏ đi”
rễ đắng
người làm cho người khác làm điều ác, giống như đem rễ đắng để vào thức ăn
Hãy coi chừng …. như Ê-sau
Tham khảo cách dịch: "Hãy cẩn thận….như Ê-sau giữa vòng anh em”
khóc lóc thành tâm cầu xin được chúc phước
"thành khẩn khóc lóc cầu xin”
Hebrews 12:18
anh em
độc giả
họ không chịu nổi mạng lịnh nầy
Chấp nhận mạng lịnh của Đức Chúa Trời như chấp nhận một gánh nặng phải mang. Tham khảo cách dịch: “Dân Y sơ ra ên không thể chấp nhận mạng lịnh của Đức Chúa Trời.
Hebrews 12:22
anh em
Độc giả
đã đến
"đã đến tại”
muôn nghìn thiên sứ
Tham khảo cách dịch: "muôn vàn thiên sứ”
Đức Chúa Trời là Đấng Phán xét… Chúa Giê-xu là Đấng trung bảo
Chúa Giê-xu giống như một luật sư tại tòa án có Đức Chúa Trời là chánh án cho thấy huyết Ngài đổ ra để tha thứ lỗi lầm cho mọi người như thế nào.
huyết rưới ra nói về huyết tốt hơn huyết của A-bên.
Tham khảo cách dịch: "huyết rưới ra của Chúa Giê-xu có ý nghĩa tốt hơn huyết của A-bên là người bị Ca-in giết.
Hebrews 12:25

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

rúng động...rúng động
Dùng từ ngữ để miêu tả sự động đất và phá hủy nhà cửa như thế nào trong một trận động đất.
anh em
Độc giả
nếu họ không tránh khỏi
Tham khảo cách dịch: "nếu dân Y sơ ra ên không thoát khỏi sự đoán phạt"
chúng ta
tác giả và độc giả
Đấng cảnh báo ...Ngài đã hứa
"Đức Chúa Trời, Đấng cảnh báo...Đức Chúa Trời đã hứa"

Hebrews 12:27
rúng động
Xem cách bạn dịch "shook" và "shake" trong HEB 12:26.
chúng ta hãy biết ơn
"chúng ta hãy tạ ơn"
với lòng tôn kính và kính sợ
Hai từ "tôn kính" và "kính sợ" có chung ý nghĩa và nhấn mạnh lòng kính sợ. Tham khảo cách dịch: "với lòng rất kính sợ"
Đức Chúa Trời của chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt
Đức Chúa Trời có quyền phép phá hủy bất cứ việc gì nghịch lại với mục đích của Ngài giống như ngọn lửa thiêu đốt.

Translation Questions

Hebrews 12:1
Tại sao tín đồ nên vứt bỏ tội lỗi dễ vấn vương mình?
Vì được rất nhiều chứng nhân vây quanh, tín đồ nên vứt bỏ mọi tội lỗi dễ vấn vương mình
Hebrews 12:14
Tín đồ nên cùng với mọi người theo đuổi điều gì?
Tín đồ nên theo đuổi sự hòa thuận với nhau
Hebrews 12:22
Tín đồ trong Chúa Cứu Thế đi đâu thay vì lên núi nơi dân Y-sơ-ra-ên từng nghe tiếng phán của Đức Chúa Trời?
Tín đồ trong Chúa Cứu Thế đi đến núi Si-ôn và thành phố của Đức Chúa Trời hằng sống
Hebrews 12:25
Việc gì sẽ xảy ra với người từ chối Đấng cảnh báo mình trên trời?
Những người từ chối sẽ không thoát khỏi Đức Chúa Trời
Hebrews 12:27
Đức Chúa hứa làm rúng động và cất bỏ vật gì?
Đức Chúa Trời đã hứa làm rúng động và cất bỏ mọi vật được dựng nên

Chapter 13
Hebrews 13:1
Hãy cứ yêu thương nhau như anh em
Tham khảo cách dịch: "Anh em hãy luôn yêu thương các tín hữu khác như yêu thương người trong gia đình của mình vậy"
Đừng quên
Tham khảo cách dịch: "Hãy nhớ"
hãy tiếp đãi khách lạ
Tham khảo cách dịch: "đối đãi với người không quen biết như bạn hữu"
Hebrews 13:3
như chính mình cũng đang bị cầm tù với họ ...như thể thân thể anh em đang bị ngược đãi giống như họ.
Hai cụm từ nầy khuyến khích tín hữu hãy suy nghĩ về sự đau khổ của người khác như suy nghĩ về sự đau khổ của chính mình. Tham khảo cách dịch: "như thể anh em cùng chịu cảnh lao tù và bị bạc đãi như họ".
phải giữ chốn huê phòng được thánh khiết
Điều này có nghĩa là vợ và chồng phải tôn trọng mối liên hệ trong hôn nhân của mình và không được ăn nằm với người khác.
Hebrews 13:5
hãy hài lòng về những gì mình có
"Hãy vui hưởng những điều Đức Chúa Trời ban cho anh em"
Hebrews 13:7
kết quả cuộc đời họ
Có thể hiểu: 1) "cách họ sống" hoặc 2) "cách họ sống hoặc chết" hoặc "cách họ sống trọn đời mình" mà vẫn tin nơi Chúa Giê-xu.
Hebrews 13:9
nhiều giáo lý khác lạ
"có nhiều đạo giáo khác và lạ và không phải tin lành chúng tôi dạy cho anh em"
Điều tốt hơn cả là tấm lòng anh em được củng cố bởi ân điển, chứ không phải bởi các qui tắc về thức ăn.
Tham khảo cách dịch: "chúng ta sẽ trở nên mạnh mẽ hơn khi nghĩ về sự nhân từ của Đức Chúa Trời đã đãi chúng ta, nhưng chúng ta không mạnh mẽ hơn khi tuân theo những quy tắc về đồ ăn"
đang làm tế lễ để chuộc tội
"đã hy sinh để Đức Chúa Trời sẽ tha tội"
bên ngoài trại quân
cách xa nơi ở của mọi người
Hebrews 13:12
Vì lý do đó
"Giống như vậy" (xem UDB) hoặc là "Bởi vì xác các sinh tế đều được đốt bên ngoài trại. (HEB 13:11)
Vì lý do đó, chúng ta hãy đi
"Vì Chúa Giê-xu ở bên ngoài cổng thành"
bên ngoài trại quân
Xem cách bạn dịch cụm từ nầy trong HEB 13:11.
Hebrews 13:15
lời ngợi ca là bông trái của môi miệng
Cụm từ nầy có nghĩa là sự ngợi khen nếu là sản phẩm có giá trị phát xuất từ môi miệng chúng ta, giống như trái/ quả là là sản phẩm có giá trị phát xuất từ cây trồng.
tuyên xưng danh Ngài
Tham khảo cách dịch: "công khai tuyên bố rằng chúng ta tin cậy Chúa Giê-xu"
Hebrews 13:20
bởi huyết của giao ước đời đời
Ý nghĩa có thể sử dụng là 1) Đức Chúa Trời xác định giao ước đời đời của Ngài với chúng ta nhờ huyết (Chúa Giê-xu) (xem UDB) hoặc là 2) chính nhờ "huyết của giao ước đời đời" Chúa Giê-xu trở thành "Chúa của chúng ta" hoặc là

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

3)chính nhờ “huyết…” Đức Chúa Trời “phục sinh” Chúa Giê-xu “từ kẻ chết”

cung ứng anh em...thực hiện trong chúng ta

tác giả và độc giả

Translation Questions

Hebrews 13:3

Tín đồ nên nhớ đến những người trong lao tù như thế nào?

Tín đồ nên nhớ đến họ như thể đồng chịu lao tù như họ và đồng chịu ngược đãi như họ

Hebrews 13:5

Tín đồ làm thế nào để thoát khỏi lòng tham tiền?

Tín đồ có thể thoát khỏi lòng tham tiền bởi vì Đức Chúa Trời hứa sẽ không rời họ và từ bỏ họ

Hebrews 13:7

Tín đồ nên bắt chước đức tin của ai?

Tín đồ nên bắt chước đức tin của những người dẫn dắt họ và những người dạy Lời Chúa cho họ

Hebrews 13:9

Tác giả cảnh báo tín đồ về loại tín lý khác lạ nào?

Tác giả cảnh báo tín đồ về thứ tín lý khác lạ liên quan đến luật lệ về thức ăn

Hebrews 13:12

Chúa Giê-xu đã chịu thương khó ở đâu?

Chúa Giê-xu đã chịu thương khó ngoài cổng thành

Hebrews 13:15

Tín đồ nên dâng lên Đức Chúa Trời của lễ gì?

Tín đồ nên luôn dâng của lễ bằng lời ngợi khen Đức Chúa Trời

Chapter 1

James 1:1

Câu nối:

Sau phần chào thăm, Gia-cơ nói cùng các tín hữu rằng mục đích của những khó khăn là để thử đức tin.

Gia-cơ

Gia-cơ là anh em cùng mẹ với Chúa Giê-xu. AT: “Tôi là Gia-cơ”.

đầy tớ của Đức Chúa Trời và của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc

Cụm từ “Tôi là” được hiểu ngầm. AT: “Tôi là tôi tớ của Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu Christ”.

kính gửi mười hai chi phái đang sống tản lạc khắp nơi

Gia-cơ viết thư gửi cho tín đồ người Do Thái tản lạc khắp các thành phố Rô-ma ngoài xứ Giu-đa đang trốn khỏi sự bắt bớ nổi lên sau khi Ê-tiên bị ném đá.

mười hai chi phái

Tìm cách viết các con số một cách nhất quán. Có thể trình bày là “12 chi phái”

xin kính chào anh em

Đây là lời chào hỏi cơ bản chẳng hạn như “Chào” hoặc “Xin chào”

Hãy xem mọi sự thử thách xảy đến cho anh em như là điều vui mừng trọn vẹn

"Xin anh em hãy nghĩ rằng tất cả những sự khó khăn trăm bề như là một việc để vui mừng”

biết rằng sự thử thách đức tin anh em sinh ra sự chịu đựng

"bởi vì anh em nên biết rằng Đức Chúa Trời dùng sự thử thách để làm cho đức tin của anh em mạnh mẽ hơn”

James 1:4

Hãy để sự kiên nhẫn phải phát huy hết hiệu lực của nó

Hãy luôn mạnh mẽ trong mọi hoàn cảnh khó khăn”. AT: “hãy cứ mạnh mẽ trong lúc khó khăn”

để anh em có thể

"để Đức Chúa Trời có thể làm cho đức tin của anh em”

để anh em

Từ ngữ “anh em” ám chỉ đến những tín đồ người Do Thái.

trưởng thành trọn vẹn

"hoàn hảo trọn vẹn”

không thiếu sót điều gì

Đây là cụm từ phủ định có thể đổi sang thể xác định như” Có nhiều”

hãy cầu xin Đức Chúa Trời, là Đấng ban cho điều đó

"hãy cầu xin Đức Chúa Trời về điều đó. Ngài là Đấng ban cho sự khôn ngoan”

một cách rộng rãi, không quở trách

"không quở trách" là một cụm từ phủ định có thể đổi sang thể xác định là “một cách rộng rãi và rất vui lòng”

Ngài sẽ ban cho điều đó

"Đức Chúa Trời sẽ làm điều đó” hoặc là “Đức Chúa Trời sẽ nhậm lời cầu xin của anh em”

James 1:6

bằng đức tin không chút nghi ngờ

"không chút nghi ngờ" là cụm từ phủ định có thể đổi sang thể xác định là “hoàn toàn chắc chắn rằng Đức Chúa Trời sẽ nhậm lời”

vì kẻ hay nghi ngờ giống như sóng biển, bị gió dập dồi và cuốn đi đây đó

Ở đây ví sánh người nghi ngờ như dòng nước chảy và cứ luôn luôn đổi hướng. AT: “người nghi ngờ luôn dao động giữa sự tin và không tin” hoặc là “người nghi ngờ luôn thay đổi niềm tin của mình”.

sự cầu xin của người

"điều người cầu xin”

của Chúa

"từ nơi Chúa”

là người phân tâm

Từ ngữ “phân tâm” nói về những ý nghĩ của một người không thể quyết định điều gì. AT: “không thể quyết định theo hay không theo Chúa Giê-xu”.

không ổn định trong mọi đường lối mình

"không chắc chắn về bất cứ điều gì cả”

James 1:9

người anh em nghèo khó

"Người tín hữu không có nhiều tiền bạc”

nên tự hào về vị trí cao trọng của mình

"nên vui mừng vì Đức Chúa Trời đã ban vinh dự cho người đó”

còn người anh em giàu có

"Và người anh em có nhiều tiền”

trong địa vị thấp kém của mình

Cụm từ “nên tự hào trong sự thấp kém của mình”đã bị lược bỏ”. AT: “nên vui mừng vì Đức Chúa Trời đã dạy người đó sự khiêm nhường”.

họ sẽ qua đi như hoa cỏ ngoài đồng

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Sự so sánh nầy cho thấy ngay cả những người giàu có cũng sẽ chết, giống như mọi sinh vật khác. Điều đó nhấn mạnh lý do tại sao người giàu có phải nên hạ mình.

người giàu cũng sẽ héo tàn trong công việc của mình

"người giàu sẽ chết khi đang làm việc khó nhọc để kiếm thêm tiền”

James 1:12

Câu nối:

Gia-cơ nhắc nhở các tín hữu đã chạy trốn rằng Đức Chúa Trời không gây ra cá dỗ, ông cho họ biết cách thức để tránh xa các cám dỗ.

Phước cho người

"hạnh phúc thay cho người”

chịu đựng sự thử thách

"vẫn vững vàng khi khó khăn xảy ra”

vượt qua thử thách

"vẫn giữ vững qua những khó khăn đó”

người sẽ nhận

"Đức Chúa Trời sẽ ban cho người đó”

nhận mão sự sống

"mão sự sống" là một cụm từ trừu tượng ngụ ý nói về sự ban thưởng của Đức Chúa Trời là sự sống đời đời. AT: “nhận lãnh phần thưởng là sự sống đời đời”

Đức Chúa Trời đã hứa cho những người yêu mến Ngài

"Đức Chúa Trời hứa sẽ ban thưởng mão sự sống cho những ai yêu mến Ngài”

khi người bị cám dỗ

"khi người đó có ý muốn làm điều xấu”

Sự cám dỗ nầy đến từ Chúa

"Đức Chúa Trời đang cố khiến tôi làm điều xấu”

Đức Chúa Trời không bị điều ác cám dỗ

"Đức Chúa Trời không hề có ý muốn làm điều ác”

Đức Chúa Trời...không cám dỗ một ai

"Đức Chúa Trời không cố gắng khiến ai làm điều xấu”

James 1:14

Mỗi người bị cám dỗ bởi chính dục vọng xấu xa của mình

Ý muốn làm điều ác ở bên trong mỗi người.

lôi cuốn và quyến dụ người

"sự ham muốn xấu xa lôi cuốn và dẫn dắt người đó”

rồi khi dục vọng đã cưu mang thì sinh ra tội lỗi; tội lỗi đã trưởng thành thì sinh ra sự chết

"dục vọng”, “tội lỗi” và “sự chết” là đặc tính của con người. Ở đây “dục vọng” được mô tả như một tình nhân dụ dỗ người đàn ông quan hệ tình dục. “tội lỗi” là con của họ. “Sự chết” là khi đứa bé khôn lớn. Cách so sánh nầy cho thấy dục vọng khởi sự bằng sự vui thích, nhưng niềm vui đó biến thành tội lỗi trong con người và cuối cùng dẫn đến sự chết thuộc linh và thuộc thể của người đó.

Đừng để bị lừa dối

"Đừng để bất cứ ai lừa dối anh em” hoặc là “đừng tự dối mình nữa” (UDB)

James 1:17

Mọi sự ban cho tốt đẹp và toàn hảo

Về phương diện căn bản, hai cụm từ nầy có ý nghĩa giống nhau. Gia-cơ muốn nhấn mạnh rằng mọi điều tốt đẹp mà người ta có đều đến từ Đúc Chúa Trời.

đều đến từ trên cao

"từ thiên đàng”

Cha của mọi sự sáng

Chúa là Đấng sáng tạo mọi nguồn sáng trên bầu trời (mặt trời, mặt trăng và ngôi sao).

Ngài không hề thay đổi như bóng chập chờn

Đây là sự ví sánh Đức Chúa Trời không hề thay đổi là sự sáng bất biến với những vì sáng hay thay đổi và di chuyển trên bầu trời

ban xuống cho chúng ta

Từ ngữ “chúng ta” đề cập đến Gia-cơ và khán giả của ông.

ban sự sống cho chúng ta

"ban cho chúng ta sự sống thuộc linh” (UDB)

lời chân lý

"Phúc âm” hay còn gọi là “sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu”.

giống như trái đầu mùa

Gia-cơ nhấn mạnh rằng giống như trái đầu mùa, độc giả của ông là những tín đồ đầu tiên sẽ thành ra rất nhiều tín đồ trong tương lai.

trong các tạo vật của Ngài

"giữa con dân của Ngài”

James 1:19

Anh em phải biết điều nầy

Ý nghĩa có thể sử dụng là 1) cụm từ “biết điều nầy” như một mạng lịnh nhắc phải chú ý tới điều tôi sắp sửa viết ra hoặc 2) “Anh em biết điều nầy” giống như một lời nhắc nhở anh em về điều anh em đã biết.

Mọi người đều phải mau nghe, chậm nói,

Trước tiên mọi người phải chăm chú nghe và kế đó cân nhắc cẩn thận điều họ nói ra.

chậm giận

"đừng tức giận dễ dàng”

cơn giận của loài người không thực hiện sự công chính của Đức Chúa Trời

Khi tức giận, người ta có thể không cư xử theo cách Đức Chúa Trời muốn.

hãy loại bỏ mọi điều ô uế và gian ác

Những từ ngữ “điều ô uế” và “điều gian ác” có cùng ý nghĩa. Gia-cơ sử dụng những từ nầy để nhấn mạnh tội lỗi xấu xa như thế nào. AT: “đừng làm những điều xấu xa gian ác”.

trong sự nhu mì

"không kiêu căng” hoặc “không ngạo mạn”

tiếp nhận lời đã trồng trong anh em

Từ ngữ “trồng” có nghĩa là đặt một vật vào trong một vật khác. Đây là ẩn dụ mô tả lời Đức Chúa Trời như một vật được gieo trồng trong lòng mọi người”.

cứu chuộc linh hồn anh em

Ở đây “linh hồn” là từ hoán dụ ngụ ý nói đến con người tổng thể. Cũng có thể nói rõ một người được cứu khỏi điều gì. AT: “cứu anh em khỏi sự đoán xét của Đức Chúa Trời”

James 1:22

Hãy làm theo lời

Vâng lời Đức Chúa Trời” hoặc là “vâng theo sứ điệp của Đức Chúa Trời ban phát cho anh em”

lừa dối mình

"lừa dối chính mình” hoặc là “lừa gạt chính mình”

Vì nếu người nào nghe lời mà không làm theo thì giống như người kia

soi mặt mình trong gương

Gia-cơ so sánh một người nghe Lời Đức Chúa Trời nhưng không vâng theo giống như một người ngắm mình trong gương và rồi không nhớ mặt mình ra sao.

soi mặt mình trong gương....và rồi mau chóng quên mất

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người nhìn vào mặt mình rồi không nhớ mình đã trông thấy gì thì giống như một người nghe Lời Đức Chúa Trời và quên những điều mình đã nghe.
luật toàn hảo, luật pháp đem lại sự tự do
"luật pháp trọn vẹn đem lại tự do”
không phải chỉ nghe rồi quên đi
"không phải chỉ vừa mới nghe đã vội quên”
người nầy sẽ được phước trong công việc mình
AT: "Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho người nầy vì đã vâng theo luật pháp”
James 1:26
tưởng mình là người tin đạo
"nghĩ rằng mình thờ phượng Đức Chúa Trời một cách đúng đắn”
lưỡi mình
Tham khảo cách dịch: “điều người đó nói”
dối
"lừa gạt” hoặc “đánh lừa” hoặc “lừa dối”
lòng mình
Ở đây “lòng” là từ ngữ dùng theo hình thức tu từ có ý nghĩa là toàn thể một con người. AT: “chính mình”
sự tin đạo của người ấy thật vô ích
"sự thờ phượng của người đó là vô ích”
Sự tin đạo thuần khiết, không ô uế trước mặt Đức Chúa Trời, Cha chúng ta là
AT: "Đây là tín ngưỡng Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận”
thuần khiết, không ô uế
Gia-cơ diễn tả một ý nghĩa vừa xác định vừa phủ định để nhấn mạnh về một giáo lý chân chính ra sao. AT: “hoàn toàn trong sạch”
trẻ mồ côi cha
"những người không có cha” hoặc “trẻ mồ côi”
người góa bụa trong cơn hoạn nạn của họ
những người phụ nữ chịu đau khổ vì chồng của họ đã chết.
để giữ mình khỏi sự bại hoại của thế gian
không để cho điều ác trên thế gian xui khiến anh em phạm tội.

Translation Questions

James 1:1
Gia-cơ viết thư tín nầy gửi cho ai?
Gia-cơ viết thư nầy gửi cho mười hai chi phái đang tản lạc khắp nơi.
James 1:4
Sự thử thách của đức tin mang lại điều gì?
Sự thử thách của đức tin khiến chúng ta biết chịu đựng và trưởng thành.
James 1:6
Chúng ta nên cầu xin điều gì trong đức tin?
Chúng ta nên cầu xin Đức Chúa Trời ban cho sự khôn ngoan trong đức tin.
Người cầu xin nhưng còn nghi ngờ mong muốn nhận lãnh điều gì?
Người cầu xin mà còn nghi ngờ không nên hy vọng nhận lãnh điều gì của Chúa.
James 1:12
Người vượt qua sự thử thách của đức tin sẽ nhận lãnh điều gì?
Những người vượt qua sự thử thách của đức tin sẽ nhận lãnh mão của sự sống.
James 1:14
Nguyên nhân nào khiến người ta bị điều ác cám dỗ là gì?
Những ham muốn xấu xa của người đó khiến họ bị điều ác cám dỗ
James 1:17
Điều gì đến từ Cha của sự sáng?
Mọi ân huệ tốt đẹp và ân tứ toàn hảo đều đến từ Cha của sự sáng.
James 1:19
Gia-cơ dạy chúng ta làm gì khi nghe, nói, và bộc lộ cảm xúc?
Gia-cơ dạy chúng ta mau nghe, chậm nói, và chậm giận.
James 1:22
Gia-cơ nói rằng chúng ta có thể tự gạt mình bằng cách nào?
Gia-cơ nói rằng chúng ta có thể tự gạt mình bằng cách nghe Lời Chúa mà không thực hành.
James 1:26
Chúng ta cần phải kiểm soát vật gì để thể hiện minh thật có đạo?
Chúng ta phải kiểm soát cái lưỡi để thể hiện sự tin đạo thật sự của mình.

Chapter 2
James 2:1
Câu nối:
Gia-cơ tiếp tục nói cho những tín hữu Do Thái bị tản lạc biết cách sống yêu thương nhau ra sao và nhắc họ không yêu người này hơn người khác.
Thưa anh em của tôi
Gia-cơ xem khán giả của mình là những tín hữu người Do Thái. AT: “anh em tín hữu của tôi” hoặc “anh chị em trong Chúa Cứu Thế của tôi”
Chúa Cứu Thế Giê-xu của chúng ta
từ ngữ “chúng ta” bao gồm Gia-cơ và anh em tín hữu”
thiên vị một số người
"đối xử đặc biệt” hoặc “đối xử tốt hơn” hoặc “tôn trọng hơn”
Nếu có người
Gia-cơ bắt đầu một trường hợp có tính cách giả thuyết và tiếp tục cho đến cuối câu 4. Ông mô tả một tình huống trong đó tín đồ tôn trọng người giàu hơn người nghèo.
đeo nhẫn vàng và ăn mặc sang trọng
"ăn mặc như một người giàu có”
xin hãy ngồi chổ đàng hoàng nầy
"ngồi nơi chổ danh dự”
đứng đó
"đi qua chỗ thấp kém”
ngồi dưới chân tôi
"dời sang chỗ thấp hơn ”
có phải anh em đã phân biệt đối xử và lấy ý xấu mà xét đoán không
Gia-cơ dùng một câu hỏi để dạy dỗ và có lẽ trách mắng độc giả của mình. AT: “Anh em đang xét đoán nhau với với ý xấu xa”.
James 2:5
Xin anh em thân mến hãy chú ý
Gia-cơ đang khuyên nhủ độc giả của mình như người trong gia đình. “Anh em thân mến hãy chú ý”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

chẳng phải Đức Chúa Trời đã chọn
Ở đây Gia-cơ dùng một câu hỏi tu từ để trách cứ độc giả của mình. AT: “Đức Chúa Trời đã chọn…”
giàu trong đức tin
"có nhiều đức tin”. “Giàu” hàm ý nói về người có nhiều đức tin. Đối tượng của đức tin có thể phải được định rõ. AT: “có đức tin mạnh mẽ trong Chúa Cứu Thế”.
thừa kế vương quốc
"vào vương quốc thiên đàng”
Nhưng anh em đã
Gia-cơ đang nói với toàn thể khán giả của mình
khinh dễ người nghèo
"đừng coi khinh người nghèo” hoặc “ đã đối xử tệ hại với người nghèo”
Chẳng phải kẻ giàu
Ở đây Gia-cơ dùng một câu hỏi tu từ để trách mắng độc giả của ông. AT: “Chính người giàu”.
kẻ giàu
"người giàu có” (UDB)
kẻ ức hiếp anh em
"người đã hiếp đáp anh em” hoặc “người đối xử tệ hại với anh em”
chẳng phải họ là kẻ
Ở đây Gia-cơ dùng một câu hỏi tu từ để trách mắng độc giả của ông. AT: “Họ là những người”
kéo anh em đến trước tòa án
"buộc anh em ra tòa để tố cáo với quan tòa”
Chẳng phải người giàu có
Đây là một câu hỏi tu từ Gia-cơ dùng để trách mắng độc giả của ông. AT: “người giàu” hoặc “người giàu có”.
danh cao quý
"danh Chúa Cứu Thế”
James 2:8
nếu anh em giữ trọn
Từ ngữ “anh em” ngụ ý nói đến tín hữu người Do Thái.
giữ trọn điều luật quan trọng của Chúa
Ban đầu Đức Chúa Trời ban cho Môi se luật pháp được ghi chép trong các sách Cựu Ước. AT: “tuân theo luật pháp của Đức Chúa Trời” hoặc “tuân theo luật pháp của Vua chí cao của chúng ta”
Ngươi hãy yêu người lân cận như chính mình
(Xem: Lê vi ký LEV 19:18)
người lân cận
"tất cả mọi người” hay là “mọi người”
anh em làm đúng lắm
"anh em làm tốt” hoặc “anh em làm điều đúng”
Nếu anh em thiên vị
"cư xử đặc biệt với” hoặc “dành sự tôn trọng cho riêng ai”
phạm tội
Có nghĩa là vi phạm pháp luật. AT: “phạm tội”
tội lỗi bị luật pháp kết án như người phạm pháp
Ở đây luật pháp có những thuộc tính của một quan tòa con người. AT: “tội vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời”
James 2:10
Vì người nào vâng theo
"Vì bất cứ người nào vâng theo”
nhưng vấp ngã.... toàn bộ luật pháp!
Vấp ngã nghĩa là té ngã xuống đất khi đang cố bước đi. Tương tự như vậy, một khi vi phạm một điều luật thì cũng như vi phạm cả bộ luật.
Đừng phạm...
động từ “phạm” là làm một hành động nào đó.
Nếu anh em...Nhưng anh em...anh em cũng đã...
Dù cho Gia-cơ đang gửi thư cho nhiều tín hữu Do Thái, trong trường hợp nầy, dường như ông viết cho từng cá nhân. AT: “mỗi một người trong anh em”
James 2:12
Vậy anh em hãy nói và làm...
những người sẽ chịu phán xét theo luật pháp của sự tự do
"người biết rằng luật pháp của sự tự do sẽ sớm phán xét họ”.
bởi luật pháp
Ở đây luật pháp được gắn theo những đặc điểm của một quan tòa.
luật pháp của sự tự do
"luật pháp cho chúng ta sự tự do thật”
sự thương xót chiến thắng
"sự thương xót tốt hơn” hay là “sự thương xót chiến thắng”
James 2:14
Câu nối:
Gia-cơ khuyến khích các tín hữu bị tản lạc phải bày tỏ đức tin của mình trước những người khác, như Áp-ra-ham, qua việc làm của mình, đã bày tỏ đức tin của mình trước người khác.
Thưa anh em, nếu một người bảo mình có đức tin nhưng không có hành động thì có ích gì không?
Gia-cơ đang dùng một câu hỏi tu từ để dạy khán giả của mình. AT: “Anh em tín hữu, nếu ai nói rằng người đó có đức tin nhưng không có hành động thì chẳng có ich gì”.
một người nói rằng mình
Gia-cơ gián tiếp trích lời của một người đang nói. “mình” ám chỉ đến người đang nói. (
Đức tin đó có cứu người ấy được không?
Đây là một câu hỏi tu từ dùng để dạy dỗ người nghe của Gia-cơ. AT: “Loại đức tin đó sẽ không cứu được người đó”
cứu người ấy
"tha mạng người đó khỏi sự đoán xét của Đức Chúa Trời”
Nếu một người anh em...thì có ích gì không?
Gia-cơ đang dùng câu hỏi tu từ dạy dỗ người đọc. AT: “nếu một anh em ....thì vô ích mà thôi”.
anh em hoặc chị em
"anh chị em trong Chúa Cứu Thế”
một người trong anh em nói
"anh em nói”
chết
"là vô ích”
James 2:18
Nhưng có người sẽ nói
Gia-cơ mô tả một trường hợp giả thiết trong đó có người phản đối sự dạy dỗ của ông trong 2:14-17. Gia-cơ đặt tên cho người nầy là “người khờ dại” trong câu 20. Mục đích trong sự bàn luận về giả thuyết nầy là sửa sai sự hiểu biết của độc giả của ông về đức tin và việc làm.
Anh có đức tin, còn tôi có hành động.
Gia-cơ đang mô tả một sự phản đối có thể xảy ra đối với sự dạy dỗ của ông. AT: “Nếu một người có đức tin, một người khác thì làm việc lành thì có thể được chấp nhận.
Hãy chỉ cho tôi đức tin của anh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ “tôi” nói về Gia-cơ.

ngay cả ma quỷ .....run sợ

"run sợ”

Anh bạn khờ khạo của tôi ơi, anh có muốn biết rằng đức tin không có hành động là vô ích không?

Đây là câu hỏi tu từ dùng để trách mắng người không muốn nghe theo Gia-cơ. Tham khảo cách dịch: “Anh chàng khờ dại kia! Anh không muốn nghe tôi giải thích rằng đức tin không có việc làm là vô ích sao”.

James 2:21

Thông tin chung:

Bởi vì đây là những tín hữu Do Thái, họ biết câu chuyện về Áp-ra-ham, tổ phụ của người Do Thái, về những điều mà Đức Chúa Trời đã phán với họ rất lâu về trước trong lời của Đức Chúa Trời.

Chẳng phải Áp-ra-ham, tổ phụ chúng ta, đã được xưng công chính hay sao

Câu hỏi tu từ nầy dùng để bác bỏ sự tranh luận của người khờ dại trong sách Gia-cơ JAS 2:18 là người không chịu tin rằng đức tin và việc làm đi đôi với nhau. Bạn có thể dịch là “Tổ phụ đáng kính Áp ra ham tất nhiên đã được xưng công bình”

Anh em thấy đức tin đó

“thấy” là một từ ngữ viết theo hình thức hoán dụ, có thể dịch nghĩa là “hiểu”.

nhờ hành động mà đức tin trở nên trọn vẹn

"hành động của ông làm cho đức tin trở nên trọn vẹn”

Lời Kinh Thánh đã được ứng nghiệm

Đây là một câu bị động có thể dịch là ‘Điều nầy ứng nghiệm lời Kinh Thánh”.

nhờ đó ông được kể là công chính

"Đức Chúa Trời kể đức tin của ông là sự công bình”

Anh em thấy đó bởi hành động

Một lần nữa Gia-cơ nói trực tiếp với độc giả của mình bằng dại từ “anh em” ở hình thức số nhiều.

được xưng công chinh bởi hành động

"hành động và đức tin sẽ làm cho một người được xưng công bình”.

James 2:25

Cũng vậy

"Cũng vậy" là một cách để giới thiệu một khái niệm tương tự. (See: [[rc://vi/ta/workbench/discourse/home]])

chẳng phải kỹ nữ Ra-háp đã được xưng công chính bởi hành động sao?

Gia-cơ dùng một câu hỏi tu từ để dạy dỗ độc giả của ông. Đây cũng là một câu bị động, có thể dịch là “chính việc làm của kỹ nữ Ra-háp làm cho bà được xưng công bình”.

kỹ nữ Ra-háp

"kỹ nữ Ra háp” là một câu chuyện trong Cựu Ước mà Gia-cơ hy vọng độc giả của ông sẽ biết.

các sứ giả

người mang tin từ một nơi khác đến.

đưa họ đi bằng con đường khác

"rồi giúp họ trốn thoát khỏi thành phố”

Vì xác không có hồn thì chết, đức tin không có hành động cũng chết như vậy

Gia-cơ nói rằng người không sử dụng hành động cùng với đức tin giống như một thân xác không có linh hồn. Cả hai đều đã chết và vô ích.

Translation Questions

James 2:1

Gia-cơ dạy anh em tín hữu chớ nên làm gì khi có người đến nhóm?

Gia-cơ dạy họ không được thiên vị một số người vì bề ngoài của họ.

James 2:5

Gia-cơ nói gì về sự chọn lựa người nghèo của Đức Chúa Trời ?

Gia-cơ nói rằng Đức Chúa Trời chọn người nghèo để được giàu có trong đức tin và thừa hưởng vương quốc Ngài.

James 2:8

Vương luật trong Kinh Thánh là gì?

Vương luật đó là: “Anh em hãy yêu người lân cận như chính mình”

James 2:10

Người nào vi phạm một điều luật của Đức Chúa Trời thì coi như vi phạm điều gì?

Hễ ai vi phạm một điều luật của Đức Chúa Trời thì người đó coi như vi phạm toàn bộ luật pháp

James 2:14

Gia-cơ nói gì về những người xưng mình có đức tin nhưng không giúp đỡ người thiếu thốn?

Gia-cơ nói rằng người nào xưng mình là có đức tin, nhưng không giúp đỡ người nghèo túng thì đức tin đó không cứu được họ.

James 2:18

Gia-cơ nói rằng chúng ta phải thể hiện đức tin bằng cách nào?

Gia-cơ nói rằng chúng ta phải thể hiện đức tin bằng việc làm

James 2:21

Áp-ra-ham thể hiện đức của ông bằng việc làm như thế nào?

Áp-ra-ham thể hiện đức tin qua việc làm khi ông dâng Y sác lên bàn thờ.

James 2:25

Ra-háp thể hiện đức tin của bà bằng việc làm ra sao?

Ra-háp thể hiện đức tin qua việc làm khi bà tiếp đón các sứ giả và đưa họ trốn thoát bằng con đường khác.

Chapter 3

James 3:1

Câu nối:

Gia-cơ nhắc nhở những tín hữu này rằng chỉ sự khôn ngoan đến từ Đức Chúa Trời mới có thể kiểm soát được những lời của môi miệng loài người.

Không nhiều người trong anh em

Từ ngữ “anh em” ngụ ý nói đến độc giả của Gia-cơ.

anh em của tôi

"anh em tín hữu của tôi”

vì biết rằng

"bởi vì”

chúng ta sẽ phải chịu phán xét nghiêm khắc hơn

Lý do Đức Chúa Trời sẽ đoán xét người làm thầy có thể dịch thêm cùng với thông tin cụ thể như “Đức Chúa Trời sẽ đoán xét chúng ta nghiêm khắc hơn bởi vì chúng ta cũng không được miễn trừ khi phạm tội vì chúng ta hiểu biết Lời Ngài

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

nhiều hơn người khác.

chúng ta sẽ nhận lãnh

Gia-cơ nhóm những người dạy giáo lý cùng với ông thành một nhóm. Cho dù có một số tín hữu là người nhận thư nầy sẽ là thầy dạy giáo lý, nhưng đa số thì không.

Vì tất cả chúng ta đều vấp phạm

Gia-cơ trở lại nói về tất cả độc giả của ông.

vấp phạm theo nhiều cách

Đây là một ẩn dụ nhằm so sánh sự thất bại đạo đức của một người với một người vấp ngã trên đường đi. Có thể dịch câu nầy là “thất bại” hay “phạm tội”.

không vấp phạm trong lời nói của người

"không phạm tội về lời nói của mình”

đó là người trọn vẹn

"người đó trưởng thành về phương diện thuộc linh”

kiềm chế được thân thể mình

Gia-cơ nhắc đến tấm lòng, tình cảm và hành động của ông. Có thể dịch là “kiểm soát hành vi của mình” hoặc “kiểm soát hành động của mình”.

James 3:3

Bây giờ nếu chúng ta tra hàm thiếc của ngựa

Gia-cơ so sánh lưỡi của một người với một hàm thiếc nhỏ đặt trong miệng một con ngựa để kiểm soát nơi nó đi. Điều nầy mô tả vật nhỏ có quyền đối với vật lớn hơn. Gia-cơ cho thấy lời nói của một người chi phối đời sống của họ và đời sống của những người họ quen biết.

Bây giờ nếu

"nếu” hoặc “khi”

nếu chúng ta tra hàm thiếc vào trong miệng ngựa

“Ngựa” là một con vật to lớn dùng để chuyên chở. Có thể dịch là “nếu chúng ta để hàm thiếc vào trong miệng ngựa”

Hãy nhìn những chiếc tàu..... chỉ một bánh lái rất nhỏ cũng đủ điều khiển chúng

Kế đó, Gia-cơ so sánh lưỡi của một người với một bánh lái của một chiếc tàu. Một “chiếc tàu” giống như chiếc xe tải nổi trên mặt nước. “Bánh lái” là một mảnh gỗ hay miếng kim loại ở phía sau chiếc tàu dùng để kiểm soát nơi tàu đi. Có thể dịch từ ngữ “bánh lái” là dụng cụ”. Gia-cơ trình bày cùng một quan điểm như sự so sánh nầy với cái hàm thiếc trong miệng ngựa. Một vật nhỏ có thể có quyền hạn đối với một vật lớn hơn.

chúng thật lớn

Từ ngữ “chúng” ngụ ý nói đến chiếc tàu.

bị trôi giạt bởi gió mạnh

Có thể dịch lại ý nầy cùng với một động từ chủ động “những cơn gió to sẽ làm cho chúng trôi dạt đi”

chỉ một bánh lái rất nhỏ cũng đủ điều khiển chúng theo ý người cầm lái

Có thể dịch lại cùng với một động từ chủ động là “có một thiết bị nhỏ có thể dùng để kiểm soát lộ trình của chiếc tàu”

James 3:5

Cũng thế

"Tương tự như vậy”. Cụm từ nầy so sánh cái lưỡi như chiếc hàm thiết của ngựa và bánh lái của chiếc tàu ở những câu trước đó.

khoe khoang những việc lớn

"người ta có thể dùng lưỡi để nói những điều xấu”

Hãy xem...lớn như thế nào

"Hãy nghĩ đến sự lớn lao..”

một mồi lửa nhỏ đốt cháy cả khu rừng lớn như thế nào!

Có thể dịch cụm từ nầy như một mệnh đề chủ động “một tia lửa có thể bốc cháy và thiêu đốt cả một khu rừng”

cái lưỡi cũng là ngọn lửa

Giống như một ngọn lửa thiêu đốt và phá hủy tất cả, cái lưỡi, ngụ ý nói về lời nói của một người

trong các chi thể của chúng ta, lưỡi là thế giới của tội ác

Cách dịch thay thế là “Đó là một chi thể rất nhỏ trong cơ thể chúng ta nhưng có thể phạm mọi tội lỗi.

làm ô uế toàn thân

Có thể dịch thành một câu mới: “Cái lưỡi có thể làm cho chúng ta không đẹp lòng Đức Chúa Trời” hoặc “Cái lưỡi có thể làm cho chúng ta không được Đức Chúa Trời chấp nhận”

và đốt cháy cả đường đời

Cụm từ “đường đời” là một ẩn dụ ngụ ý nói trọn đời con người. Có thể dịch cụm từ nầy là “cái lưỡi có thể hủy hoại một đời người”

và chính nó cũng bị lửa địa ngục đốt cháy

Từ “chính nó” chỉ về cái lưỡi. Cũng vậy, “địa ngục” là một hình thức hoán dụ nói đến quyền lực của điều ác hoặc ma quỷ. Có thể dịch lại câu nầy thành một mệnh đề chủ động là “bởi vì ma quỷ dùng nó cho điều ác”.

James 3:7

Mọi loài thú vật và chim muông, loài bò sát và sinh vật biển đều có thể chế ngự được, và đã từng bị loài người chế ngự rồi;

Cụm từ “mọi loài” là một cách nói cường điệu có nghĩa là “nhiều loại”. Có thể dịch lại cụm từ nầy thành một mệnh đề chủ động “Người ta học biết cách kiểm soát nhiều loại động vật hoang dã, loài chim, loài bò sát, hoặc sinh vật biển”

loài bò sát

Đây là loài sinh vật bò trên mặt đất.

sinh vật biển

Đây là loài sinh vật sống dưới nước.

không ai chế ngự được cái lưỡi

Ở đây từ ngữ “lưỡi” là một loại tu từ ám chỉ đến lời nói của một người. Ý nghĩa trọn vẹn có thể trình bày cụ thể như “không ai có thể kiểm soát cái lưỡi của mình nếu không có sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời”.

một vật xấu xa không sao kiểm soát được, đầy dẫy những chất độc chết người.

Đây là một ẩn dụ mô tả một người có thể dùng lời nói của mình làm tổn thương người khác. Có thể dịch lại là ‘giống như một tạo vật độc ác không bao giờ ngơi nghỉ và sẵn sàng tấn công”.

James 3:9

Chúng ta dùng lưỡi để

"Chúng ta dùng lưỡi để nói những lời”

chúng ta cũng dùng nó để

"chúng ta dùng nó để nói những lời”

chúng ta nguyền rủa loài người

Cầu xin Đức Chúa Trời làm tổn hại người khác. (UDB).

là loài được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời

"những người được tạo dựng theo hình ảnh Ngài”

Từ một miệng mà ra

"Cùng một miệng nói hai lời”

Thưa anh em của tôi

"anh em tín hữu Cơ Đốc”

đừng như vậy

"điều nầy không đúng”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

James 3:11

Câu nối:

Sau khi Gia-cơ nhấn mạnh rằng những lời của các tín hữu không nên vừa chúc phước lại vừa rủa sả, Gia-cơ cho chúng ta thí dụ từ thiên nhiên cho thấy không thể thực hiện cả hai.

Dòng suối xuất phát từ một mạch nước lại có thể chảy ra cả nước ngọt lẫn nước đắng được sao?

Gia-cơ dùng một câu hỏi tu từ để dạy độc giả của ông về luật tự nhiên hợp lý. Cách dịch thay thế: “Một dòng suối không thể vừa có nước ngọt lẫn nước đắng chảy ra.

thưa anh em

"anh em tín hữu”

cây vả có thể ra trái ô-liu hoặc cây nho có thể ra trái vả được không?

Gia-cơ dùng một câu hỏi tu từ để dạy độc giả về quy luật hợp lí của tự nhiên. Cách dịch thay thế là “một cây vả không thể ra trái ô liu, cũng như một cây nho không thể ra trái vả”.

James 3:13

Trong anh em, ai là người khôn ngoan hiểu biết? Người đó hãy

Gia-cơ dùng câu hỏi nầy để dạy độc giả về cách cư xử đúng đắn. Từ ngữ “khôn ngoan” và “hiểu biết” về cơ bản có cùng ý nghĩa. AT: “Ai cho rằng mình khôn ngoan nên”

thể hiện nếp sống tốt đẹp của mình

"thể hiện qua cách cư xử tốt” hoặc “chứng tỏ về điều đó”

bằng những hành động khiêm nhu xuất phát từ sự khôn ngoan

"bằng những việc lành và sự khiêm nhường xuất phát từ sự khôn ngoan thật”.

có lòng ghen ghét một cách đắng cay và tranh cạnh trong lòng anh em

"lòng” ám chỉ tình cảm và tư tưởng. Cách dịch thay thế là “sẽ không chia sẻ với người khác và anh em luôn nghĩ về mình trước nhất”

chớ khoe khoang hay dùng lời dối trá chống lại chân lý

"không nói dối về điều đó và hành động như thể mình khôn ngoan”

James 3:15

Điều này không phải

“Điều này” ở đây nói đến sự ganh tị và tham vọng ích kỷ thiếu khôn ngoan được mô tả trong những câu trước.

xuống từ trên cao

"xuống từ Đức Chúa Trời” hoặc “xuống từ trên trời”

thuộc về thế gian

Cụm từ “thuộc thế gian” ám chỉ giá trị và cách cư xử của những người không tôn kính Đức Chúa Trời”. Cách dịch thay thế: “không tôn kính Đức Chúa Trời”.

xác thịt

"không xuất phát từ Đức Thánh Linh” hoặc “không thuộc linh”.

thuộc về ma quỷ

"nhưng từ ma quỷ”.

Vì ở đâu có sự ghen ghét và tranh cạnh

"Vì nơi nào có những người chỉ biết lo cho chính mình và không quan tâm người khác”

có sự xáo trộn

"Có sự lộn xộn” hoặc “có sự rối loạn”

đủ mọi việc ác

"mọi hành vi xấu xa” hoặc “mọi việc làm gian ác”

trước hết là thanh sạch

"trước hết là sự thánh khiết”

kế đến là hòa hảo

yêu thương

dịu dàng

tử tế

và bông trái tốt lành

Đây là cách so sánh về trái ngon giống như người làm việc lành. Cách dịch thay thế là “việc lành”.

thành thật

"chân thành”” hay là “chân thật”

Và những người giải hòa thì gặt hái bông trái công chính đã gieo trong hòa bình.

Ẩn dụ nầy so sánh sự hòa thuận và sự công bình trong đời sống cùa chúng ta giống như trồng cây và thu hoạch tốt. Cách dịch thay thế là “Người sống trong sự hòa thuận là làm theo sự dạy dỗ đúng đắn của Đức Chúa Trời”

Translation Questions

James 3:1

Tại sao Gia-cơ nói rằng không nên có nhiều người làm thầy?

Không nên có nhiều người làm thầy bởi vì họ sẽ nhận hình phạt nghiêm khắc hơn.

James 3:3

Gia-cơ dùng hai ví dụ nào để minh họa rằng một vật nhỏ có thể kiểm soát được vật lớn như thế nào?

Gia-cơ sử dụng những ví dụ về chiếc hàm thiếc tra vào miệng ngựa và cái bánh lái tàu.

James 3:9

Hai điều gì thốt ra từ cùng một môi miệng?

Cả phước hạnh và sự rủa sả đều được thốt ra từ cùng một môi miệng

James 3:13

Người ta thể hiện sự khôn ngoan và hiểu biết bằng cách nào?

Người ta thể hiện sự khôn ngoan và hiểu biết của mình bằng việc làm trong sự khiêm nhường.

Chapter 4

James 4:1

Câu nối:

Gia-cơ quở trách những tín hữu này về tính trần tục và thiếu lòng khiêm nhường của họ, lại một lần nữa ông giục họ phải xem cách nói với anh em cũng như nói về anh em mình ra sao.

Thông tin chung:

Trong phần này, từ “chính anh em”, “của anh em’ và “anh em” đều ở dạng số nhiều và chỉ những tín hữu mà Gia-cơ đang viết thư cho họ.

Những sự tranh chiến, xung đột giữa anh em đến từ đâu?

Đây là câu hỏi tu từ Gia-cơ dùng để dạy dỗ và quở trách độc giả của mình. AT: “Tôi biết lý do tại sao anh em luôn tranh cãi với nhau”

tranh chiến và xung đột

Từ ngữ “tranh chiến” và “xung đột” về căn bản có cùng ý nghĩa. Gia-cơ dùng những từ nầy để nhấn mạnh rằng ông đang nói về mọi loại xung đột giữa mọi người.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chẳng phải chúng nổi lên từ những dục vọng đang tranh chiến của anh em sao

Đây là câu hỏi tu từ Gia-cơ dùng để quở trách độc giả của mình. Có thể dịch câu hỏi nầy sang câu phát biểu như sau: “Sự tranh chấp nảy sinh từ ý muốn xấu xa trong lòng” hoặc “Đó là do tư dục xấu xa của anh em”.

dục vọng đang giao tranh

Ở đây Gia-cơ nhân cách hóa “dục vọng”như một người lính đánh nhau với tín đồ. Có thể dịch lại là ‘những điều anh em muốn là xấu xa và anh em không quan tâm tới nhu cầu của các tín hữu khác”.

giữ các anh em tín hữu của anh em sao?

"trong chi thể của anh em”. Ý nghĩa có thể sử dụng là 1)Có sự tranh chiến giữa các tin đồ địa phương” hoặc 2) sự tranh chiến xảy ra bên trong giữa ý muốn làm điều thiện và điều ác’

Anh em thèm muốn điều mình không có

"Anh em luôn muốn sở hữu những điều anh em không có”

Anh em giết và đuổi theo

Từ "Anh em giết” là một cách nói cường điệu dùng để nhấn mạnh về các cư xử xấu xa nhằm mục đích đạt được điều mình muốn. Có thể dịch lại là ‘anh em làm mọi điều gian ác để đạt được những gì anh em không có”.

anh em tranh chiến và gây gỗ

Từ “tranh chiến” và “gây gỗ” về căn bản có cùng ý nghĩa. Gia-cơ dùng chúng để nhấn mạnh sự kiện mọi người tranh cãi với nhau nhiều như thế nào. AT: “Anh em cứ luôn tranh chiến”.

anh em cầu xin những điều xấu

"anh em cầu xin cách gian ác”. Ý nghĩa có thể sử dụng là 1) động cơ khiến anh em cầu xin là sai, thái độ của anh em là xấu” hoặc 2) “anh em cầu xin những điều xấu”

tiêu phí chúng

"lãng phí chúng”

James 4:4

Nầy những kẻ ngoại tình kia!

Đây là một ẩn dụ so sánh tín đồ không vâng theo Đức Chúa Trời với một người vợ có quan hệ yêu đương với một người không phải là chồng mình. Có thể dịch lại là “Anh em không trung thành với Đức Chúa Trời”

Anh em không biết rằng…Đức Chúa Trời?

Đây là một câu hỏi tu từ Gia-cơ dùng để dạy dỗ độc giả của mình. Cách dịch thay thế là “Anh em biết rằng…Đức Chúa Trời!”

kết bạn với thế gian

"Kết bạn với thế gian” ngụ ý nói về sự đồng nhất hoặc tham gia vào trong hệ thống giá trị và cách cư xử của thế gian. .

kết bạn với thế gian tức là thù nghịch với Đức Chúa Trời

Là một thành phần trong hệ thống giá trị của thế gian là chống nghịch Đức Chúa Trời. Cách dịch thay thế là “hành động như những người không tôn kính Đức Chúa Trời và là người chống đối Đức Chúa Trời”.

Hay anh em tưởng lời Kinh Thánh này vô nghĩa sao?

Đây là một câu hỏi tu từ Gia-cơ dùng để khích lệ độc giả của mình. Có thể dịch lại như một câu phát biểu là “Kinh Thánh là chân thật”.

Thánh Linh mà Đức Chúa Trời đã đặt ở trong chúng ta

Một vài bản dịch bày tỏ điều này như “linh hồn” chỉ về linh hồn của con người, là ý nghĩa có thể có trong bản gốc. Chúng tôi đề nghị bạn hãy sử dụng ý nghĩa được trình bày trong các bản dịch khác của độc giả của bạn.

James 4:6

Nhưng ân điển Đức Chúa Trời ban cho là lớn hơn

Cụm từ có liên quan đến 4:5 nầy như thế nào có thể được làm rõ hơn như “Nhưng dù linh hồn chúng ta có ham mến những thứ không thuộc sở hữu của chúng ta, Đức Chúa Trời ban thêm ân điển cho chúng ta nếu chúng ta biết khiêm nhường.

Đức Chúa Trời chống cự

"Đức Chúa Trời chống lại”

kẻ kiêu ngạo

"những người kiêu ngạo”

người khiêm nhường

"những kẻ khiêm nhường”

Vậy

"Vì lý do nầy”

hãy thuận phục Đức Chúa Trời

"hãy đầu phục Đức Chúa Trời” hoặc “vâng phục Đức Chúa Trời”

anh em…anh em

Những đại từ nầy có hình thức số nhiều và ám chỉ độc giả của Gia-cơ.

kháng cự ma quỷ

"chống lại ma quỷ” Có thể dịch lại là “đừng làm theo ý muốn của ma quỷ’

nó sẽ chạy trốn

"ma quỷ sẽ phải chạy trốn”

James 4:8

Thông tin chung:

Từ “anh em” ở đây chỉ những tín hữu mà Gia-cơ đang viết thư gửi cho họ.

Người có tội hãy rửa sạch tay mình; ai hai lòng, hãy thanh tẩy lòng mình

Có thể trình bày cụm từ “hãy rửa sạch tay” theo một cách khác như “Anh em hãy làm cho lòng mình trong sạch” và “người có tội” là “anh em là những kẻ hai lòng”.

hãy rửa sạch tay mình

Ý nghĩa có thể sử dụng là 1)để cho người ta có thể điều chỉnh cách cư xử hay hành động của mình hoặc 2) để cho người ta ăn năn và xưng ra cử chỉ hay hành vi tội lỗi của mình. Có thể dịch là “cư xử sao cho thể hiện sự tôn kính Đức Chúa Trời”.

hãy thanh tẩy lòng mình

Ở đây, “lòng” là một từ ngữ có hình thức tu từ, đề cập đến ý tưởng và tình cảm của một người. Có thể dịch câu nầy là “anh em hãy có ý nghĩ tôn kính Đức Chúa Trời”

kẻ hai lòng

“kẻ hai lòng” cũng là một từ ngữ có hình thức tu từ ám chỉ về sự suy nghĩ của một người khi không thể ra quyết định. Ở đây có thể dịch từ nầy là “người hai lòng” hoặc “người không thể quyết định xem có nên vâng theo Đức Chúa Trời hay không.

Hãy buồn rầu,, hãy than van, khóc lóc

Từ ngữ “buồn rầu” và “than van” về căn bản có cùng ý nghĩa. Gia-cơ sử dụng cả hai từ để nhấn mạnh rằng người ta rất đau lòng. Từ ngữ ‘khóc lóc” chứng tỏ mọi người đang rất đau buồn. AT: “ Hãy buồn rầu và khóc lóc”

Hãy đổi cười ra khóc, đổi vui ra buồn

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đây cũng là hai cách nói khác nhau về một sự việc nhưng có cùng ý nghĩa" Có thể dịch câu nầy là "Ngay lập tức đừng cười nữa và bắt đầu thưa với Đức Chúa Trời rằng anh em đang rất hối tiếc buồn rầu".

Hãy hạ mình xuống trước mặt Chúa -
Ngài sẽ nhấc anh em lên

Đây là một thành ngữ có thể dịch là "Ngài sẽ tôn trọng anh em"

James 4:11

Thông tin chung:

Từ 'anh em" và "của anh em" trong phần này chỉ những tín hữu mà Gia-cơ đang viết thư cho họ.

nói nghịch

"nói xấu về" hoặc "chống đối"

Thưa anh em

"anh em tín hữu"

nhưng là người xét đoán luật pháp

Có thể dịch câu nầy là "nhưng anh em hành động giống như người ban hành luật pháp"

Chỉ có một Đấng ban bố luật pháp, và chỉ có một Đấng phán xét là Đức Chúa Trời

"Chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng ban hành luật pháp và xét đoán mọi người, bởi vì chỉ có Ngài là Đấng phán xét"

Anh em là ai mà dám xét đoán người lân cận?

Đây là một câu hỏi tu từ Gia-cơ dùng để khiển trách độc giả của mình. Có thể dịch câu nầy thành một câu phát biểu: "Anh em chỉ là con người không thể xét đoán một con người khác"

James 4:13

Nghe nầy, anh em nói -
dành một năm

Tham khảo cách dịch: 'ở tại đó trong một năm"

Ai biết ngày mai chuyện gì sẽ xảy ra

Gia-cơ dùng câu hỏi tu từ nầy để trách mắng độc giả mình. Có thể dịch lại là "Không ai biết ngày mai sẽ xảy ra việc gì".

Và cuộc sống của anh em là gì

Đây là câu hỏi tu từ Gia-cơ dùng để dạy độc giả của ông về đời sống thuộc thể. Có thể dịch lại với dạng câu xác định như "Hãy suy nghĩ về đời sống thuộc thể của anh em".

Vì anh em chẳng qua chỉ như hơi nước mới xuất hiện rồi lại biến mất.

Đây là cách so sánh đời sống thuộc thể ngắn ngủi ví như sương mù hiện ra trong chốc lát rồi tan biến ngay. Có thể dịch lại ý nầy là "Anh em chỉ sống trong đời nầy trong khoảng thời gian ngắn và anh em cũng không biết khi nào mình qua đời.

James 4:15

chúng ta sẽ sống

Từ ngữ "chúng ta" không trực tiếp đề cập đến Gia-cơ hoặc độc giả của ông như ng được sử dụng như một thí dụ để độc giả của ông có thể biết cách đối xử.

chúng ta sẽ làm việc nầy việc kia

Có thể dịch cụm từ nầy lại là "chúng ta làm những điều mình đã lên kế hoạch".

người nào biết

Gia-cơ không trực tiếp nói về bất cứ người nào khi ông dùng từ ngữ "người nào" nhưng ông nói với bất cứ ai là người biết điều tốt mà không làm.

Translation Questions

James 4:1

Gia-cơ nói nguyên nhân của sự xung đột và tranh cãi giữa các tín hữu là gì?

Nguyên nhân là do sự ham muốn xấu xa đang tranh chiến trong vòng anh em

James 4:4

Nếu một người quyết định chọn thế gian làm bạn thì mối quan hệ giữa người đó với Đức Chúa Trời là gì?

Người quyết định làm bạn với thế gian sẽ trở thành kẻ thù nghịch với Đức Chúa Trời.

James 4:6

Đức Chúa Trời chống lại ai và ban ân điển cho ai?

Đức Chúa Trời chống lại kẻ kiêu ngạo và ban ân điển cho người khiêm nhường

James 4:8

Đức Chúa Trời sẽ làm gì cho những người đến gần Ngài?

Đức Chúa Trời sẽ đến gần người đến gần Ngài.

James 4:11

Gia-cơ dạy các tín hữu không nên làm gì?

Gia-cơ dạy các tín hữu không nên nói xấu lẫn nhau

James 4:13

Gia-cơ dạy các tín hữu nói điều gì về những việc sẽ xảy ra trong tương lai?

Gia-cơ dạy các tín hữu nói rằng nếu Chúa cho phép, chúng ta sẽ sống và làm việc nầy việc kia.

James 4:15

Gia-cơ dạy các tín hữu nói gì về những việc sẽ xảy ra trong tương lai?

Gia-cơ nói với các tín hữu rằng nếu Chúa cho pháp chúng ta sẽ sống và làm việc nầy việc kia.

Chapter 5

James 5:1

Câu nối:

Gia-cơ cảnh bảo các tín hữu về sự giàu có và tiện nghi.

Hỡi anh em là những người giàu có -
vì hoạn nạn sẽ đến với anh em

"những việc kinh khủng sẽ đến với anh em khi Đức Chúa Trời phán xét mọi người".

Tài sản của anh em đã mục nát, áo quần anh em đã bị mối ăn. Vàng bạc của anh em trở nên vô ích.

(mối) ăn. Vàng bạc của anh em sẽ không còn giá trị

và sự sét rỉ sẽ là bằng chứng chống lại anh em

Ở đây, cụm từ "bằng chứng chống lại anh em" mô tả những tài sản bị hủy hoại giống như một người ra tòa và tố cáo một người khác vi phạm pháp luật. Có thể dịch lại ý nầy như "và khi Đức Chúa Trời phán xét anh em thì tất cả những tài sản đã hư hoại của anh em sẽ như một người tố cáo chính anh em.

sẽ thiêu hủy thịt anh em như lửa đốt

Ở đây, tài sản bị hư hỏng ví như lửa phá hủy mọi thứ. Cũng vậy, "lửa" là một ẩn dụ ám chỉ đến sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Có thể dịch lại ý nầy là "và chúng sẽ là lý do Đức Chúa Trời trừng phạt anh em"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đã lo tích trữ của cải
"anh em dự trữ tất cả tài sản nầy cho riêng mình và không chia sẻ cho người khác”
trong những ngày cuối cùng
Đây là một từ ngữ viết theo hình thức tu từ ám chỉ thời điểm ngay trước khi Đức Chúa Trời đến để đoán xét mọi người. Có thể dịch lại ý nầy là “khi Đức Chúa Trời sắp sửa đoán xét anh em”
James 5:4
tiền công của những người làm công thu hoạch đồng ruộng của anh em, mà anh em đã không trả cho họ
Sự chú ý đầu tiên là vào số tiền công hoặc tiền lương đã không được trả cho những người thợ. Tham khảo cách dịch: “sự thật rằng anh em đã không trả tiền công cho những người anh em đã thuê để làm việc trên đồng của mình là bản cáo trạng chống lại anh em”
Và tiếng kêu khóc các thợ gặt
Tham khảo cách dịch: “anh em đã không trả tiền công cho những người thợ gặt đồng mình và họ đã kêu khóc về tiền công của mình”
thấu đến tai của Chúa vạn quân
Có thể dịch lại ý nầy là “Chúa vạn quân đã nghe tiếng kêu than của những thợ gặt làm việc trong đồng ruộng của anh em”
lòng anh em no nê thỏa thích trong ngày tàn sát
Ý nầy so sánh sự tham lam và ham muốn có thêm của cải của một người giàu có với một con bò được vỗ béo cho đến khi đem ra làm thịt. Có thể dịch lại là “Sự tham lam của anh em chẳng qua được chuẩn bị cho sự đoán xét đời đời một cách nghiêm ngặt”.
người công chính
"người làm điều đúng”
không kháng cự lại anh em
"không chống đối anh em”
James 5:7
Câu nối:
Trong phần kết, Gia-cơ nhắc các tín hữu về sự đến của Chúa và đưa ra một số bài học nhỏ về cách sống cho Chúa.
Vậy hãy kiên nhẫn
"Vì lý do nầy hãy bình tĩnh và chờ đợi”
cho tới lúc Chúa trở lại
Cụm từ nầy ngụ ý nói về sự tái lâm của Chúa Giê-xu khi Ngài thành lập vương quốc Ngài trên thế gian và xét đoán họ. Có thể dich lại ý nầy: “cho đến khi Chúa Cứu Thế tái lâm”
như người nông dân
Gia-cơ so sánh tín hữu với người làm ruộng để nhấn mạnh ý nghĩa của sự kiên nhẫn.
hãy vững lòng
Có thể dịch lại thành ngữ nầy như “giữ lòng trung tín” hoặc “giữ vững đức tin”
vì Chúa gần đến rồi.
"Chúa Cứu Thế sẽ sớm trở lại”
James 5:9
Thưa anh em, đừng phiền trách nhau …. anh em
Gia-cơ trở lại viết thư gửi cho các tín hữu người Do Thái.
chống lẫn nhau
"chống đối lẫn nhau”
anh em khỏi bị phán xét
Có thể dịch câu nầy cùng với động từ chủ động là “Đấng Christ sẽ không đoán xét anh em”
Đấng phán xét đang đứng trước cửa
Gia-cơ so sánh Chúa Giê-xu, tức là Đấng xét đoán, với một người sắp sửa bước vào cửa để nhấn mạnh rằng không bao lâu Chúa Giê-xu sẽ trở lại đế xét đoán thế gian. Có thể dịch câu nầy là “Đấng phán xét sắp sửa đến ”.
chịu khổ và kiên nhẫn của các nhà tiên tri
"các tiên tri chịu bắt bớ trong sự kiên trì chịu đựng”
nhân danh Chúa mà nói
"nhân danh Chúa mà nói cho mọi người”
Nghe nầy
Từ ngữ “nghe nầy” ở đây thêm phần nhấn mạnh cho phần tiếp theo. Có thể dịch là “Xin lắng nghe” hoặc “Xin nhớ rằng”
những người kiên nhẫn
"Những kẻ chịu khổ” hoặc “Những người kiên trì chịu khổ”
Chúa giàu lòng nhân từ, thương xót
"Chúa luôn đầy lòng thương xót và khoan dung”.
James 5:12
Trên hết
Có thể dịch lại thành ngữ nầy là “Điều nầy thật quan trọng” hoặc “Đặc biệt là”
thưa anh em
"anh em tín hữu của tôi”
đừng thề
“thề” là hứa sẽ làm một việc gì và nhờ một quyền lực cao hơn chịu trách nhiệm. Cách dịch thay thế là “Đừng thề thốt” hoặc “Đừng hứa hẹn gì”
đừng chỉ trời chỉ đất -
Nhưng phải thì nói phải, không nói không
Có thể dịch ý nầy là “Hãy thực hiện lời nói của mình mà không cần phải thề”
để anh em khỏi bị kết án
"để Đức Chúa Trời sẽ không đoán phạt anh em”
James 5:13
Trong anh em có ai chịu đựng gian khổ không? Người đó hãy cầu nguyện.
"Nếu có ai đau khổ, người đó nên cầu nguyện”
Có ai vui mừng không? Hãy ca hát tôn vinh Chúa.
"Nếu có ai vui mừng, người đó hãy ngợi khen Chúa”
Trong anh em có ai đau yếu không? Người đó hãy kêu cầu
"Nếu có ai đau ốm,người đó hãy kêu cầu Chúa”
Lời cầu nguyện bởi đức tin sẽ cứu người bệnh, và Chúa sẽ đỡ người ấy dậy..
khi tín hữu cầu nguyện cho người bệnh, Chúa nghe tiếng cầu nguyện của họ và chữa lành cho. Có thể dịch câu nầy là “Chúa sẽ nghe tiếng cầu nguyện của tín hữu bằng đức tin, Ngài sẽ chữa lành cho người đau ốm”
James 5:16
Thông tin chung:
Bởi vì những người này là các tín hữu Do Thái, Gia-cơ nhắc nhở họ cầu nguyện bằng cách nhắc lại một trong số những đấng tiên tri xưa cũng như lời cầu nguyện thường xuyên của tiên tri ấy.
cùng nhau
"với nhau”
cho nhau
"cho nhau”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

để anh em được lành bệnh

Có thể dịch cụm từ nầy cùng với một động từ chủ động: “để Đức Chúa Trời có thể chữa lành cho anh em”

Lời cầu nguyện của người công chính rất linh nghiệm.

Có thể dịch là: “Khi một người vâng lời Đức Chúa Trời cầu nguyện, Đức Chúa Trời sẽ làm nhiều điều lạ lùng”

Thiết tha

"hết sức cố gắng” hoặc “rất thiết tha”

ba...sáu

"3...6"

trời liền đổ mưa

Ở đây “trời” ngụ ý nói đến Đức Chúa Trời. Có thể dịch cụm từ nầy là “Đức Chúa Trời khiến cho trời mưa”.

Translation Questions

James 5:4

Người giàu đã đối xử với người làm công của họ như thế nào?

Người giàu không trả lương cho người làm công cho mình.

James 5:7

Gia-cơ nói các tín hữu nên có thái độ gì đối với sự tái lâm của Chúa?

Tín hữu nên kiên nhẫn chờ đợi sự tái lâm của Chúa

James 5:12

Gia-cơ nói gì về độ đáng tin cậy trong những câu trả lời “Phải” và Không phải” của các tín hữu?

Câu trả lời “Phải” của tín hữu phải thực sự có nghĩa là “Phải” và câu trả lời “Không phải” của người đó phải thực sự có nghĩa là “Không phải”.

James 5:16

Gia-cơ nói tín hữu nên làm hai điều gì để được chữa lành?

Tín hữu nên xưng tội với nhau và cầu nguyện cho nhau.

Gia-cơ nói gương của Ê li cho chúng ta thấy điều gì về sự cầu nguyện?

Gương của Ê li cho chúng ta thấy sự cầu nguyện của người công bình sẽ mang lại hiệu quả lớn.

Chapter 1

1 Peter 1:1

Phi-e-rơ, sứ đồ của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc

Phi-e-rơ đang nhận dạng chính mình. “Tôi, Phi-e-rơ, sứ giả của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc đang viết cho anh em (số nhiều)”

Bông

Đây là phía Bắc Thổ nhĩ kỳ ngày nay. `

Ga-la-ti

Đây là miền Trung Thổ nhĩ kỳ ngày nay.

Cáp-ba-đốc

Đây là miền trung Đông Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay.

A-si-a

Đây là miền Trung Tây Thổ nhĩ kỳ ngày nay.

Bi-thi-ni

Đây là phía Tây Bắc Thổ Nhĩ kỳ ngày nay.

sự biết trước

Ý nghĩa khả thi: 1) Đức Chúa Trời biết rõ một sự kiện trước khi nó xảy ra hoặc 2) Đức Chúa Trời “đã định trước”. (UDB).

rảy huyết Ngài

Câu này nhắc đến huyết của Chúa Jêsus như một của lễ dâng và đề cập đến lúc Môise rải huyết trên dân Y-sơ-ra-ên.
.

Nguyền xin ân điển ban cho anh em

Cụm từ: “Nguyền xin ân điển ban cho anh em” là lời chào thăm thường lệ của những người mà ông đang viết thư cho họ. Đối với một số ngôn ngữ, cách diễn đạt nghe sẽ tự nhiên hơn nếu bạn dùng câu chào hỏi thông thường ở nơi vùng của mình tại đây. Cụm từ “anh em” và “của anh em” đề cập đến các tín hữu sống ở các địa danh được nhắc đến phía trên.

1 Peter 1:3

Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc Chúa chúng ta

Cụm từ “chúng ta” chỉ tác giả là Phi-e-rơ và các tín hữu được nhắc tới ở 1:1. 1PE01:01

Ngài ban cho chúng ta sự sanh lại

Tác giả đang nói tới sự sanh lại thuộc linh được ban cho chúng ta chỉ bởi Chúa Jêsus mà thôi. Tham khảo cách dịch: “Ngài khiến chúng ta được sống lại”

vì sự trông cậy về cơ nghiệp

“chúng ta biết Ngài sẽ làm cho chúng ta những gì Ngài đã hứa” (UDB)

để dành

“giữ lại cho chúng ta” hay “giữ lấy cho chúng ta” (UDB)

sẽ không trở nên ô uế

“không bị xâm hại bởi tội lỗi” hoặc “tội lỗi không thể đụng tới được”

trong lúc cuối cùng

“khi Chúa Cứu Thế trở lại đất”

1 Peter 1:6

Anh em vui mừng về điều đó

Câu nầy đề cập đến mọi ơn phước của 1:3-5 “anh em vui mừng vì những gì Đức Chúa Trời đã làm cho”

hiện nay anh em buộc phải buồn bã

“hiện nay anh em cảm thấy buồn bã là phải lắm”

quí hơn vàng

“Đức Chúa Trời đánh giá đức tin anh em quí hơn cả vàng”

bị lụi tàn trong lửa thử đức tin anh em

“mặc dù vàng bị thử bằng lửa, nó không tồn tại mãi mãi”

khi Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc hiện ra

“khi Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc tái lâm”

1 Peter 1:8

Anh em chưa hề thấy Ngài

“anh em không nhìn thấy Ngài bằng mắt thường” hoặc “anh em không thấy Ngài theo phần xác”. Hết thảy những lần xuất hiện của “anh em” đề cập đến các tín hữu ở 1:1. 1PE01:01

1 Peter 1:11

Họ tìm tòi cho biết

“Họ cố để biết” hoặc “Họ tìm hiểu về”

Họ

Từ họ chỉ các tiên tri.

Các tiên tri ấy đã được bày tỏ cho

"Đức Chúa Trời đã bày tỏ các lời tiên tri về Chúa Cứu Thế cho các đấng tiên tri”

họ đang phục vụ những điều này, không phải cho chính mình, nhưng cho anh em

Trong một số ngôn ngữ, thường thì người ta sẽ đặt ý khẳng định trước ý phủ định. “Họ đang làm những việc nầy là vì

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

anh em, chứ không phải vì họ”

phục vụ những điều này

Họ đã tìm tòi để hiểu được những lời tiên tri liên quan đến Chúa Cứu Thế.

1 Peter 1:13

bền chí như thể thắt lưng

“sửa soạn tâm trí để làm việc”. Khi mặc chiếc áo choàng, người ta vén áo tới thắt lưng để sửa soạn làm việc.

Tiết độ trong suy nghĩ của anh em

Tham khảo cách dịch: “kiểm soát tư tưởng của anh em” hoặc “Cẩn thận về những điều anh em nghĩ”

1 Peter 1:15

Đấng

“Đức Chúa Trời”

Vì có chép rằng

Tham khảo cách dịch: “Vì như Môi-se có ghi chép từ trước”

công bằng

"không thiên vị"

lấy lòng kính trọng mà ăn ở trong hành trình của anh em

“sống kính trọng Đức Chúa Trời trong khi anh em còn ở trên đất”

1 Peter 1:18

anh em đã được chuộc khỏi

“Đức Chúa Trời đã chuộc anh em khỏi” hay “Đức Chúa Trời đã cứu anh em khỏi”

như huyết của chiên con

Chúa Giê-xu chịu chết như một của lễ hi sinh để Đức Chúa Trời tha thứ cho tội lỗi loài người.

không tì không vít

Phao-lô dùng hai cách nói khác nhau cho cùng một ý để nhấn mạnh sự thánh khiết của Chúa Cứu Thế. “toàn hảo”

1 Peter 1:20

Chúa Cứu Thế đã được chọn

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã chọn Chúa Cứu Thế”

trước khi tạo lập thế gian

Tham khảo cách dịch: “trước khi sáng thế”

Ngài đã được bày tỏ cho anh em

“Đức Chúa Trời đã làm cho anh em nhận biết Ngài”

1 Peter 1:22

lòng yêu thương anh em

Đây là tình cảm tự nhiên của con người giữa bạn bè hay người thân với nhau.

yêu nhau sốt sắng hết lòng

“yêu nhau sâu sắc và thành thật”

Anh em đã được sinh lại.... từ hạt giống không hay hư nát

Phi-e-rơ đặt ngang bằng sự sinh lại thuộc linh với hạt giống không bao giờ chết. Chúng sẽ sống cho đến đời đời.

không hay hư nát

"không bị hư nát” hoặc “lâu bền”

qua lời hằng sống.... của Đức Chúa Trời

Lời hằng sống của Đức Chúa Trời chỉ về lời của Đức Chúa Trời có năng quyền thay đổi đời sống của con người qua thời gian có thể là một người chân chính rao truyền và dạy dỗ người khác về Đức Chúa Trời.

1 Peter 1:24

mọi xác thịt ví như cỏ

Tham khảo cách dịch: “mọi người sẽ hư mất giống như cỏ lụi tàn”

mọi sự vinh hiển của nó ví như hoa cỏ

Tham khảo cách dịch: “và mọi sự cao trọng mà con người có sẽ chẳng kéo dài cho đến đời đời”

sứ điệp Tin lành đã được rao ra

Tham khảo cách dịch: “sứ điệp mà chúng ta đã rao giảng”

Translation Questions

1 Peter 1:1

Phi-e-rơ là sứ đồ của ai?

Phi-e-rơ là sứ đồ của Chúa Giê-xu Cơ Đốc.

Phi-e-rơ viết thư cho ai?

Phi-e-rơ viết thư cho những kiều bào đang sống phân tán ở nước ngoài, những người được chọn, trải khắp các xứ Bông, Ga-la-ti, Cáp-ba-đốc, Tiểu Á và Bi-thi-ni.

Làm sao những người kiều bào này trở thành người được chọn?

Những người này trở thành những người được chọn theo sự hiểu biết về Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha, và bởi sự thánh hóa của Đức Thánh Linh.

1 Peter 1:3

Phi-e-rơ muốn các tín hữu này có điều gì?

Phi-e-rơ muốn họ có ân điển và sự bình an gia tăng thêm nhiều.

Phi-e-rơ muốn ai được tôn vinh?

Phi-e-rơ muốn Đức Chúa Trời và Cha của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc của họ được tôn vinh.

Làm sao Đức Chúa Trời ban cho họ được tái sinh?

Đức Chúa Trời ban cho họ sự tái sinh bởi lòng thương xót lớn lao của Ngài.

1 Peter 1:8

Mặc dầu những tín hữu này chưa hề thấy Chúa Giê-xu, nhưng họ đã làm gì?

Họ yêu mến Ngài, tin Ngài, và vui vẻ hết mực trong niềm vui khó tả đầy vinh quang rực rỡ.

1 Peter 1:11

Thánh Linh của Chúa Cứu Thế nói trước cho các tiên tri về điều gì?

Ngài phán cũng họ về những sự chịu khổ của Chúa Cứu Thế và những vinh quanng theo sau Ngài.

1 Peter 1:13

Phi-e-rơ truyền cho các tín hữu phải làm điều gì như con cái biết vâng lời?

Ông truyền cho họ phải chuẩn bị tâm trí vâng phục Đức Chúa Trời, tỉnh táo trong suy nghĩ, và có sự tin chắc tuyệt đối vào ân điển sẽ được ban cho họ và không được làm theo những tư dục trước kia của mình.

1 Peter 1:15

Tại sao Phi-e-rơ lại cho rằng các tín hữu phải được nên thánh?

Bởi vì Đấng gọi họ là Đấng thánh.

1 Peter 1:18

Các tín hữu được cứu chuộc bởi điều gì?

Họ được cứu chuộc không phải bởi vàng hay là bạc, nhưng bởi huyết tôn trọng của Chúa Cứu Thế, như của một chiên con không vít, không tì.

1 Peter 1:20

Khi nào Chúa Cứu Thế được chọn, và khi nào Ngài được bày tỏ?

Ngài đã được chọn trước khi sáng thế; Ngài đã được bày tỏ cho các dân ngoại, là những người được chọn, trong thời kỳ cuối cùng.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Làm sao các tín hữu tin vào Đức Chúa Trời, có đức tin và sự tin cậy nơi Đức Chúa Trời?

Nhờ Chúa Cứu Thế, là Đấng Đức Chúa Trời đã khiến từ kẻ chết sống lại và Đấng là Đức Chúa Trời đã ban vinh hiển cho Ngài.

1 Peter 1:22

Làm sao các tín hữu khiến linh hồn mình được trong sạch?

Họ khiến linh hồn mình được trong sạch bởi sự vâng lời để yêu mến anh em mình.

1 Peter 1:24

Hết thảy xác thịt giống như điều gì, và vinh hiển của nó là gì?

Xác thịt giống như cây cỏ, vinh hiển của nó giống như hoa dại.

Chapter 2

1 Peter 2:1

Vậy hãy từ bỏ

“Vậy đừng làm”

Như trẻ con mới đẻ vậy, ham thích sữa thuộc linh tinh khiết

Như trẻ con mới đẻ mong ước sữa mẹ, các tín đỗ non trẻ về mặt thuộc linh cũng phải khao khát lời của Đức Chúa Trời. Lời của Đức Chúa Trời cũng được xem như sữa thuộc linh tinh khiết.

Như trẻ con mới đẻ

Khi một người được sinh lại về mặt thuộc linh, họ cần phải đọc lời của Đức Chúa Trời để sống và lớn lên như đứa trẻ mới đẻ cần uống sữa để sống và lớn lên vậy.

ham thích

"mong muốn mãnh liệt” hoặc “khao khát”

anh em có thể lớn lên trong sự cứu rỗi

“anh em có thể lớn lên về mặt thuộc linh”. Từ “anh em” đề cập đến các tín hữu được nhắc tới trong chương 1.

nếu anh em đã nếm biết Chúa là nhân từ

“vì anh em đã kinh nghiệm được Chúa đối xử với anh em cách nhân từ” (UDB)

1 Peter 2:4

Hãy đến gần Ngài là hòn đá sống

Phi-e-rơ so sánh Chúa Jêsus với vầng đá quan trọng nhất trong móng nhà.

đã bị người ta loại ra

“mà nhiều người chối bỏ”

nhưng đã được lựa chọn bởi Đức Chúa Trời

Tham khảo cách dịch: “nhưng Đức Chúa Trời đã chọn lựa”

Anh em cũng giống như…. nhà thuộc linh

Giống như những hòn đá được dùng để xây nhà, Đức Chúa Trời dùng chúng ta lại để xây dựng nhà thuộc linh hoặc gia đình thuộc linh của Ngài.

đang được dùng để xây dựng nhà thiêng liêng

Tham khảo cách dịch: “mà Đức Chúa Trời đang dùng để xây dựng nhà thuộc linh”

1 Peter 2:6

Kinh thánh có chép rằng

Tham khảo cách dịch: “Đây là những gì đấng tiên tri đã viết trong Kinh Thánh rất lâu về trước”

Nầy

“Ta nói cho các ngươi biết một việc quan trọng” hay “Nghe nầy!” Từ “Nầy” ở đây báo động cho chúng ta biết phải chú ý đến phần thông tin đáng ngạc nhiên sau đây. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách dẫn đạt khác cho ý này.

hòn đá góc nhà, chính yếu và được chọn và quí báu

Những từ “chính yếu” và “quý giá” mô tả giá trị của “hòn đá góc nhà”. Tham khảo cách dịch: “hòn đã góc nhà quan trọng nhất mà Ta đã chọn”

hòn đã góc nhà

Đấng tiên tri đang viết về Chúa Cứu Thế, chính là Chúa Giê-xu.

1 Peter 2:7

hòn đá bị thợ xây nhà loại ra

Phi-e-rơ đang nói đến những gì mà đấng tiên tri đã viết rất lâu về trước. “hòn đá” chính là hòn đá góc nhà, cũng chính là tảng đã quan trọng nhất trong ngôi nhà. Điều này chỉ về Chúa Giê-xu là Đấng mà nhiều người đã chối bỏ. Tham khảo cách dịch: “hòn đá mà những người thờ xây đã loại ra”

đá gây gây vấp chân và tảng đá gây vấp chân

Lại một lần nữa, Phi-e-rơ nói đến những lời tiên tri thời xưa. Hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, được kết hợp để nhấn mạnh ý con người sẽ phạm đến “đá” này, tức là Chúa Giê-xu.

không làm theo lời

Tham khảo cách dịch: “không vâng theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời”

vì việc đó họ cũng đã được định sẵn

Tham khảo cách dịch: “vì Đức Chúa Trời đã định sẵn điều đó cho họ”

1 Peter 2:9

anh em là dòng giống được chọn

Cụm từ “anh em” đề cập đến các tín đồ trong Chúa Cứu Thế.

gọi anh em ra khỏi

“gọi anh em ra khỏi” hay “gọi anh em xây khỏi”

khỏi sự tối tăm mà vào ánh sáng láng diện kỳ của Ngài

Ở đây, “sự tối tăm” có nghĩa là con người đầy tội lỗi và không hề biết Đức Chúa Trời. Và “ánh sáng” nghĩa là Đức Chúa Trời đã khiến họ nhận viết Ngài và bắt đầu làm những điều làm vui lòng Ngài.

1 Peter 2:11

những người khách lạ và kẻ lưu lạc

Hai từ này về nghĩa thì giống nhau và Phi-e-rơ dùng để nhấn mạnh rằng nhà thực sự của họ là ở trên trời chứ không phải trên đất này.

tranh chiến cùng linh hồn anh em

"cố gắng phá hủy đức tin của anh em nơi Đức Chúa Trời”

1 Peter 2:13

chớ lấy sự tự do của anh em

"chớ dùng sự tự do của anh em”

như cái màn che đậy sự gian ác

Tham khảo cách dịch: “để làm lời bào chữa khi làm điều ác”

Yêu thương anh em

Tham khảo cách dịch: “yêu thương anh em tín hữu”

1 Peter 2:18

Tôi tớ

Phi-e-rơ đang nói với những tín hữu là tôi tớ trong nhà của người nào đó.

những người chủ khắc nghiệt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"những người chủ gian ác” hoặc “những người chủ độc ác”

đó là điều đáng khen

"đó là điều đáng khen ngợi” hoặc “đó là điều đẹp lòng Đức Chúa Trời”

1 Peter 2:21

anh em đã được kêu gọi đến sự đó

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã chọn anh em để chịu khổ vì Ngài”

nơi miệng Ngài không thấy điều dối trá

Tham khảo cách dịch: “Ngài cũng không hề nói dối lời nào”

Khi Ngài bị mắng nhiếc, Ngài không hề mắng nhiếc trở lại

Tham khảo cách dịch: “Khi người ta lăng nhục Chúa Giê-xu, Ngài không hề lăng nhục lại họ”

1 Peter 2:24

chính mình Ngài

Cụm từ nầy đề cập đến Chúa Jêsus để nhấn mạnh.

mang lấy tội lỗi chúng ta

Có nghĩa là Chúa Giê-xu nhận lỗi và sự trừng phạt thay cho tội lỗi của con người.

tội lỗi chúng ta

Tất cả những lần xuất hiện của từ “của chúng ta” và “chúng ta” đều chỉ Phi-e-rơ và các tín đồ mà ông viết thư cho họ.

trong thân thể Ngài trên cây gỗ

Chỉ thời điểm khi người ta đóng đinh Chúa Giê-xu lên thập tự giá.

nhờ những vết thương của Ngài, anh em được chữa lành

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã chữa lành anh em bởi vì người ta đã làm Chúa Giê-xu bị thương”

Hết thảy anh em

Từ “anh em” chỉ các tín hữu mà Phi-e-rơ đang viết thư cho họ.

anh em đã đi lang thang như chiên lạc

Phi-e-rơ so sánh các tín hữu nếu không có Chúa Cứu Thế thì như chiên đi lạc, không phương hướng.

nhưng hiện nay anh em đã trở lại với Đấng chăn chiên và Đấng coi sóc linh hồn anh em

Giống như chiên sẽ trở lại với người chiên, các tín hữu cũng sẽ trở lại với Chúa Giê-xu, là đấng chu cấp và bảo vệ họ.

Translation Questions

1 Peter 2:1

Các tín hữu được dặn phải dẹp bỏ điều gì?

Họ được dặn phải dẹp bỏ những điều gian ác, đạo đức giả, ghen tị và mọi chuyện vu cáo.

1 Peter 2:4

Ai là tảng đá sống đã bị người ta chối bỏ nhưng Đức Chúa Trời lại chọn người?

Chúa Giê-xu Cơ Đốc chính là tảng đá sống đó.

1 Peter 2:7

Tại sao những người thợ xây nhà lại vấp ngã, không chịu vâng theo Lời?

Những người thợ xây vấp ngã bởi vì họ được định để làm như vậy.

1 Peter 2:9

Tại sao các tín hữu này lại là dòng giống được lựa chọn, là thầy tế lễ của nhà vua, một dân thánh và là dân thuộc về Đức Chúa Trời?

Họ đã được chọn để có thể rao truyền những công việc lạ lùng của Đức Chúa Trời.

1 Peter 2:11

Tại sao Phi-e-rơ lại kêu gọi các anh em yêu dấu tránh xa những dục vọng tội lỗi?

Ông kêu gọi họ tránh xa những điều đó để những người cho rằng các tín hữu đã làm những điều gian ác sẽ nhìn thấy những việc lành của các tín hữu mà ngợi khen Đức Chúa Trời.

1 Peter 2:13

Tại sao các tín hữu phải vâng phục các nhà cầm quyền loài người?

Họ phải vâng phục các nhà cầm quyền loài người bởi vì Đức Chúa Trời muốn dùng sự vâng phục của họ để làm nín lặng những lời ngu dốt của những kẻ ngu dại.

1 Peter 2:18

Tại sao các đầy tớ được cho là phải phục chủ mình, kể cả những người chủ độc ác nữa?

Các đầy tớ phải phục cả những người chủ độc ác bởi vì làm điều lành và rồi chịu khổ, bị phạt bởi điều đó là đáng khen trước mặt Đức Chúa Trời.

1 Peter 2:21

Tại sao những đầy tớ nầy được kêu gọi chịu khổ vì làm điều lành?

Bởi vì Chúa Cứu Thế đã chịu khổ vì họ để lại môt tấm gương tốt cho họ noi theo, và Ngài cũng đã nộp mình cho Đấng xét đoán công bình.

1 Peter 2:24

Tại sao Chúa Cứu Thế lại mang lấy tội lỗi của Phi-e-rơ, các tín hữu và những người đầy tớ vào thân thể Ngài trên cây gỗ?

Ngài mang lấy những tội lỗi của họ để họ không còn phần chi trong tội lỗi nữa mà sống cho sự công bình, và bởi vì họ đã được chữa lành nhờ vết thương của Ngài.

Chapter 3

1 Peter 3:1

Cùng một cách ấy, các chị em là những người làm vợ phải thuận phục chồng mình

"Vậy, hỡi những người làm vợ, hãy vâng phục chồng mình”

nếu chồng không vâng theo lời Chúa

Tham khảo cách dịch: “Nếu có người chồng nào không vâng theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời” hoặc “nếu có người chồng nào không tin theo sứ điệp về Chúa Cứu Thế”

họ thấy

Từ “họ”chỉ những người chồng không tin Chúa.

1 Peter 3:3

Chỉ em đừng

Từ “chị em” chỉ những người vợ kính trọng chồng mình.

1 Peter 3:5

Bấy giờ, chị em là con gái của người

Câu này có nghĩa là những người vợ tin kính Chúa, nếu sống theo như Sa-ra thì họ giống như con cái về phần thuộc linh của Sa-ra.

1 Peter 3:7

Cũng như vậy

Tham khảo cách dịch: “Như vợ của anh em phải kính trọng anh em”

biết rằng phái nữ yếu đuối hơn

"biết rằng vợ mình là phái yếu hơn”

hãy làm điều này

Ở đây, từ “điều này” chỉ cách người chồng đối xử với vợ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mình. Tham khảo cách dịch: “Hãy vâng theo những mạng lệnh này”

để lời cầu nguyện của anh em không bị cản trở

“cản trở” là chặn đứng, hoặc ngăn cản lời cầu nguyện của người đó không được thành. Tham khảo cách dịch: để không điều gì có thể ngăn trở lời cầu nguyện của anh em”

1 Peter 3:8

hết thảy anh chị em

Ba phân đoạn trước nói tới những nô lệ, những người làm vợ, và những người làm chồng. Phân đoạn nầy cũng nói tới ba nhóm người nầy cộng thêm các tín hữu khác nữa.

lăng nhục

Có nghĩa là nói hoặc làm điều gì khiếm nhã với người khác.

trái lại

“theo hướng ngược lại”

anh em được gọi

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã kêu gọi anh em”

để anh em có thể hưởng phước lành

“để Đức Chúa Trời sẽ chúc phước cho anh em”

1 Peter 3:10

Ai muốn yệ sự sống

Phi-e-rơ đang nói đến những lời của người soạn thánh thi đã viết trong Kinh Thánh thuở xưa.

phải giữ gìn miệng lưỡi, đừng nói điều ác và lời dối trá

“không đừng nói điều ác và sự dối trá”

Người ấy phải lánh khỏi những điều ác

"Người ấy không được làm điều gian ác nữa”

Con mắt của Chúa nhìn xem người công bình

"Chúa nhìn xem người công bình” hoặc “Chúa giữ và chăm sóc người công bình”

và tai Ngài lắng nghe lời cầu xin của họ

"và Ngài nghe lời cầu nguyện của họ”

mặt Chúa chống lại

"Chúa nghịch cùng”

1 Peter 3:13

Nếu anh em muốn làm điều lành thì có ai làm hại anh em?

Từ “anh em” chỉ các tín hữu. Tham khảo cách dịch: “Nếu anh em làm điều lành, sẽ chẳng ai làm hại anh em”

Chớ sợ điều họ sợ và đừng rối trí

Hai cụm từ nầy có nghĩa tương tự và được kết hợp để nhấn mạnh rằng các tín hữu không nên sợ những người bắt bớ mình. Tham khảo cách dịch: “Đừng sợ điều người ta sẽ làm cho anh em”.

1 Peter 3:15

Thay vào đó, hãy biệt riêng Chúa Cứu Thế ra thánh trong lòng anh em

Ở đây, “tấm lòng” chỉ còn người bề trong. Tham khảo cách dịch: “Thay vào đó, anh em phải tôn kính và yêu mến Chúa Cứu Thế”

1 Peter 3:18

đã chịu khổ vì chúng ta

Từ “chúng ta” ở đây bao gồm cả người nói là Phi-e-rơ và người nghe.

Ngài đã chịu chết về phần xác

Chúa Cứu Thế đã chịu chết về phần xác và chết trên cây gỗ của người La-mã. Tham khảo cách dịch: “Người ta đã giết chết Ngài về phần xác”

nhưng Ngài được làm cho sống về phần tâm linh

Chúa Cứu Thế đã được sống lại về phần xác hoặc được sống lại nhờ quyền phép của Đức Thánh Linh.

Trong tâm linh đó, Ngài đi rao giảng cho những linh hồn bị tù

Sau khi Chúa Cứu Thế chịu chết, Ngài đi đến nơi của những người chết và rao giảng cho linh hồn của những người chết trước Ngài hiện đang bị cầm tù.

1 Peter 3:21

để cứu anh em

Cụm từ “anh em” đề cập đến các tín hữu mà Phi-e-rơ đang nhắc đến

đầu phục Ngài

"đầu phục Chúa Giê-xu Cơ Đốc”

Translation Questions

1 Peter 3:1

Tại sao vợ phải phục chồng mình?

Vợ phải phục chồng để những người chồng không tin đạo đó có thể được chinh phục mà không cần phải dùng đến lời nói.

1 Peter 3:3

Vợ nên chinh phục chồng mình bằng cách nào?

Người vợ nên chinh phục chồng mình bởi con người bề trong xuất phát từ tấm lòng, chứ không phải bởi sự trang điểm bên ngoài.

1 Peter 3:5

Người nữ thánh nào mà Phi-e-rơ đã đề cập đến như một gương tốt của một người vợ có niềm tin chắc nơi Đức Chúa Trời và phục chồng mình?

Phi-e-rơ nhắc đến Sa-ra như một gương tốt.

1 Peter 3:7

Tại sao người chồng phải sống xứng đáng với vợ mình trong tinh thần hiểu biết?

Người chồng phải sống với vợ mình trong tinh thần hiểu biết để lời cầu nguyện của họ không bị cản trở.

1 Peter 3:8

Tại sao Phi-e-rơ lại hướng dẫn những người anh em kiều bào, tức là những người được chọn phải đồng tinh thần thần hiệp nhất và phải luôn luôn chúc phước?

Bởi vì họ hết thảy đều được gọi để làm điều đó, để họ có thể hưởng được phước lành.

1 Peter 3:10

Tại sao một người muốn yêu sự sống mình phải giữ lưỡi mình khỏi điều ác, và xây khỏi những điều gì xấu xa mà làm những điều tốt lành?

Bởi vì con mắt Đức Giê-hô-va xem người công bình.

1 Peter 3:15

Thay vì sợ hãi những người làm điều ác sợ hoặc lo lắng, những người tín hữu này, tức là những người được chọn, nên làm gì?

Họ nên biệt riêng Chúa Cứu Thế như một điều quý giá trong lòng mình.

Các tín hữu phải luôn luôn trả lời những người hỏi mình về niềm tin cậy nơi Đức Chúa Trời của mình ra sao?

Họ phải luôn trả lời trong sự nhu mì và kính trọng.

1 Peter 3:18

Tại sao Chúa Cứu Thế lại chịu khổ một lần đủ cả cho tội lỗi?

Chúa Cứu Thế đã chịu khổ để Ngài có thể đem Phi-e-rơ và những người tin Ngài đến với Đức Chúa Trời.

1 Peter 3:21

Việc Đức Chúa Trời cứu một số ít người qua nước là hình bóng về điều gì?

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Nó biểu tượng cho phép báp têm để cứu những tín hữu như một lời nguyện ước từ lương tâm trong sạch qua sự sống lại của Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Chapter 4

1 Peter 4:1

Vì vậy

Từ ngữ nầy đánh dấu kết luận phần tư tưởng của Phi-e-rơ với khán thính giả của ông.

trong xác thịt

trong thân thể Ngài"

hãy trang bị cho chính mình anh chị em bằng thái độ như thế

Cụm từ "trang bị cho chính mình anh em" chỉ những người lính mang lấy khí giới của mình và chuẩn bị cho trận chiến. Ở đây, đối với các tín hữu phải định trong trí mình chịu khổ như Chúa Giê-xu đã làm. Tham khảo cách dịch: "hãy chuẩn bị chính mình để làm những việc như vậy"

chính mình anh em

chỉ đến những tín hữu trong chương một.

1 Peter 4:3

sống trụy lạc, tham dục, say sưa, chè chén, tiệc tùng trác táng, và thờ lạy thần tượng gớm ghiếc

"tội tình dục. ham muốn gian ác, say sưa, tiệc tùng chè chén trác tán, thờ hình tượng mà Đức Chúa Trời ghét"

kẻ sống và kẻ chết

Có nghĩa là hết thảy mọi người, cho dù họ còn sống hay đã chết.

Tin lành cũng đã giảng ra

"Chúa Cứu Thế đã rao giảng tin tức tốt lành"

dù họ bị xét xử về phần xác như loài người

Tham khảo cách dịch: "dù Đức Chúa Trời đã xét xử họ khi họ còn sống"

1 Peter 4:7

Sự cuối cùng của muôn vật đã gần

Tham khảo cách dịch: "Chúa Giê-xu sẽ sớm trở lại và hủy diệt mọi thứ trên đất này"

Hãy có một tâm trí sáng suốt và tiết độ trong suy nghĩ của mình

Hai cụm từ này về nghĩa giống nhau. Phi-e-rơ dùng hai cụm từ này để nhấn mạnh nhu cầu cần phải suy nghĩ rõ ràng về cuộc sống bởi vì sự cuối cùng đã gần kề.

suy nghĩ của mình

Từ "mình" chỉ đến toàn thể các tín hữu.

vì tình yêu thương không phơi bày tội lỗi của người khác

Phi-e-rơ mô tả "tình yêu thương" như thể nó là một con người. Tham khảo cách dịch: "vì một người yêu mến kẻ khác sẽ không cố gắng tìm xem liệu người đó có phạm tội gì hay không"

hiếu khách

bày tỏ sự tử tế đối với những người khách và người khách đi đường.

1 Peter 4:10

Mỗi một người trong anh em đã nhận lãnh ân tứ

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời đã bạn cho mỗi một người trong anh em khả năng đặc biệt, vậy"

hãy rao truyền như sấm ngôn của Đức Chúa Trời

"hãy rao truyền như rao truyền lời mà Đức Chúa Trời đã phán cùng người"

Đức Chúa Trời được vinh hiển

Tham khảo cách dịch: "mọi người có thể làm vinh hiển Đức Chúa Trời"

1 Peter 4:12

nhưng anh em có phần trong sự thương khó của Chúa Cứu Thế bao nhiêu, thì hãy vui mừng bấy nhiêu

Tham khảo cách dịch: "Thay vào đó, hãy vui mừng rằng anh em đang chịu khổ những điều mà Chúa Cứu Thế đã chịu" (UDB)

khi vinh quang của Ngài được bày tỏ

"khi Chúa Giê-xu bày tỏ vinh quang của Ngài"

Nếu anh em bị nhục mà vì danh Chúa Cứu Thế

Tham khảo cách dịch: "Nếu người ta nhục mạ anh em vì anh em tin nơi Chúa Cứu Thế"

Thánh Linh của sự vinh hiển và Thánh Linh của Đức Chúa Trời

Cả hai cụm từ này đều chỉ đến Đức Thánh Linh. Tham khảo cách dịch: "Thánh Linh đầy vinh hiển của Đức Chúa Trời" hoặc "Thánh Linh là Đấng bày tỏ sự vinh hiển của Đức Chúa Trời"

1 Peter 4:15

trong danh đó

Tham khảo cách dịch: "bởi vì người ra gọi người là Cơ Đốc Nhân" hoặc "bởi vì người là một Cơ Đốc Nhân"

1 Peter 4:17

nhà của Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy đề cập đến những người tin Chúa, những người bước theo Đức Giê-hô-va nhờ Chúa Cứu Thế.

hậu quả cho những kẻ chẳng vâng theo Tin Lành Đức Chúa Trời sẽ ra thế nào? Hậu quả của những kẻ không tin kính và những tội nhân sẽ ra sao?

Phi-e-rơ dùng những câu hỏi để nhắc các tín hữu nhớ lại khi Đức Chúa Trời xét xử các tội nhận thì những tội nhân đó sẽ khốn khổ ra sao. Tham khảo cách dịch: "... hậu quả thật kiinh khiếp thay cho những kẻ không vaag theo Tinh Lành của Đức Chúa Trời... rồi những người không tin kính cùng những tội nhân sẽ phải đối mặt với những hoạn nạn kinh khiếp hơn nữa trong tương lai"

Translation Questions

1 Peter 4:1

Phi-e-rơ truyền cho các tín hữu phải trang bị cho mình những gì?

Ông truyền cho họ phải trang bị cho chính mình cùng một tinh thần mà Chúa Cứu Thế đã có khi Ngài chịu khổ trong con người xác thịt.

1 Peter 4:3

Tại sao dân ngoại lại nói những điều ác về các tín hữu?

Họ nói điều ác về các kiểu bào này, tức là những người được chọn, bởi vì các tín hữu không tham dự vào lối trống trụy lạc, dục vọng, say sưa, chè chén trác táng, chơi bời và thờ hình tượng gớm ghiếc giống như người ngoại.

1 Peter 4:7

Tại sao các tín hữu này phải có một tâm trí sáng suốt và tình yêu thương nhau nhiệt thành?

Họ sẽ làm những điều đó bởi vì thời kỳ cuối cùng của muôn vật gần đến, và vì lời cầu nguyện của mình. s

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 Peter 4:10

Tại sao mỗi một tín hữu phải dùng các ân tứ mà mình đã nhận để phục vụ nhau?

Họ phải dùng những ân tứ của mình để Đức Chúa Trời có thể được vinh hiển qua Chúa Giê-xu Cơ Đốc.

1 Peter 4:12

Tại sao các tín hữu được khuyên bảo phải vui mừng nếu như họ có chịu sự đau khổ của Chúa Cứu Thế hoặc bị nhục mạ vì danh của Chúa Cứu Thế?

Bởi vì họ sẽ được phước nếu như bị nhục mạ như vậy.

1 Peter 4:15

Tại sao các tín hữu không được chịu khổ như một kẻ giết người, trộm cướp, một kẻ hay làm điều gian ác hoặc một người hay xen vào việc của người khác?

Bởi vì đã đến thời giờ phán xét, bắt đầu với gia đình của Đức Chúa Trời.

1 Peter 4:17

Tại sao các tín hữu không được chịu khổ như một kẻ giết người, trộm cướp, một kẻ hay làm điều gian ác hoặc một người hay xen vào việc của người khác?

Bởi vì đã đến thời giờ phán xét, bắt đầu với gia đình của Đức Chúa Trời.

Tại sao những người không tin và những tội nhân nên vâng phục Tin Lành của Đức Chúa Trời?

Bởi vì kể cả người công bình còn khó được cứu rỗi.

Chapter 5

1 Peter 5:1

bậc trưởng lão trong anh em

Cụm từ “anh em” đề cập đến những người tin Chúa trong Chúa Cứu Thế.

sẽ được bày tỏ

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ”

Vì vậy

"Vì lí do này”

bầy của Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy sánh Hội thánh với một bầy chiên.

coi sóc

"chăm sóc” hoặc ‘chăn dắt”

Đừng hành xử như một người chủ

"Đừng hành xử như một người chủ gian ác”

Khi Đấng Chăn Chiên Tối Cao được bày tỏ

Tham khảo cách dịch: “Khi Chúa Giê-xu, Đấng như người chăn chiên tối cao của chúng ta, hiện đến”

mão triều thiên vinh hiển không phai tàn

Ở đây, mão triều thiên chỉ phần thưởng nhận được sau chiến thắng. Tham khảo cách dịch: “phần thưởng vinh hiển còn đến đời đời”

1 Peter 5:5

Tất cả anh em

Chỉ hết thảy tín hữu, không riêng những người trẻ.

mặc lấy sự khiêm nhường

Tham khảo cách dịch: “phải đối xử với nhau cách khiêm nhường”

dưới tay quyền năng của Đức Chúa Trời

"dưới quyền năng của Đức Chúa Trời”

Hãy trao mọi điều lo lắng mình cho Ngài

Tham khảo cách dịch: “Hãy trông cậy Ngài về mọi điều mà anh em đang lo lắng” hoặc “Hãy để Ngài chăm sóc mọi điều đang khiến anh em lo lắng”

Ngài chăm sóc anh em

"Ngài lo lắng cho anh em”

1 Peter 5:8

như sư tử rống

Phi-e-rơ đang so sánh ma quỷ với sư tử nhằm nhấn mạnh rằng ma quỷ độc ác và dữ tợn.

lén rình mò xung quanh

"đi quanh” hoặc “đi quanh và săn”

Hãy chống cự nó

“Hãy chống trả nó”

trong thế gian

"ở mọi nơi trên thế giới”

1 Peter 5:10

trong ít lâu

"trong một khoảng thời gian ngắn”

Đức Chúa Trời của mọi ân điển

"Đức Chúa Trời là Đấng nhân từ”

Đấng gọi anh em vào trong sự vinh hiển đời đời của Ngài trong Chúa Cứu Thế

"Đấng chọn chúng ta để dự phần trong sự vinh hiển đời đời của Ngài trên trời bởi vì chúng ta đã dự phần với Chúa Cứu Thế” (UDB)

là cho anh em trở nên trọn vẹn

"phục hồi anh em”

làm cho anh em được vững vàng

"giữ anh em được vững vàng”

Translation Questions

1 Peter 5:1

Phi-e-rơ là ai

Phi-e-rơ là một trưởng lão, một nhân chứng về sự chịu khổ của Chúa Cứu Thế, và mộ người dự phần trong ân điển sắp được bày tỏ.

Phi-e-rơ khuyên giục những người trưởng lão đồng sự của mình làm gì?

Ông khuyên giục họ phải chăn giữ bầy chiên của Đức Chúa Trời và chăm sóc họ.

1 Peter 5:5

Những người trẻ hơn phải phục ai?

Họ phải phục các trưởng lão.

Tại sao hết thảy bọn họ cần phải có tinh thần khiêm nhường và phục vụ nhau?

Bởi vì Đức Chúa Trời ban ân điển cho những người khiêm nhường, và để Đức Chúa Trời có thể nâng họ lên trong kỳ hầu đến.

1 Peter 5:10

Chuyện gì sẽ xảy ra đối với những người này sau khi họ đã chịu khổ ít lâu như các anh em mình đã chịu như vậy?

Đức Chúa Trời sẽ sẽ làm cho họ được toàn hảo, thêm sức và thiết lập họ.

---

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 1

2 Peter 1:1

Si-môn Phi-e-rơ

“Từ Si-môn Phi-e-rơ” Ngôn ngữ của bạn có thể có cách giới thiệu đặc biệt cho người viết thư. Câu nầy có thể được dịch là: “Tôi, Si-môn Phi-e-rơ, đã viết thư nầy”.

làm tôi tớ và sứ đồ của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc

Phi-e-rơ nói tới thái độ của ông là tôi tớ của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc. Ông cũng đưa ra địa vị và thẩm quyền của việc trở thành sứ đồ của Chúa Cứu Thế.

gởi cho những người

Dường như Phi-e-rơ đang nói tới hết thảy các tín hữu nào đang đọc thư tín nầy. Cách dịch khác: “gởi cho những người tin Chúa”.

chúng ta đã nhận

“chúng ta là các sứ đồ đã nhận”

ân điển cho anh em

Cụm từ “anh em” đề cập tới hết thảy những người tin Chúa nói chung.

Đức Chúa Giê-xu là Chúa chúng ta

Chúa Giê-xu là Chúa của những người tin Chúa và các sứ đồ.

Nguyền xin ân điển và sự bình an được gia thêm cho anh em bởi sự nhận biết Đức Chúa Trời và Đức Chúa Giê-xu, là Chúa chúng ta

Cách dịch khác: “nguyện sự nhân từ và sự bình của Ngài thêm lên cho anh em vì anh em thực sự nhận biết Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu là Chúa chúng ta”.

2 Peter 1:3

Ngài gọi chúng ta

Đức Chúa Trời đã đến với chúng ta trước. “chúng ta” đề cập đến Phi-e-rơ và khán thính giả của ông.

qua vinh hiển và nhân đức của Ngài

“nhờ sự cao trọng và trọn vẹn của Ngài”

và bởi vinh hiển nhân đức ấy, Ngài lại ban lời hứa rất quí rất lớn cho chúng ta

“lời hứa rất quí rất lớn của Đức Chúa Trời đã đến qua sự tôn trọng và trọn vẹn của Ngài”

bản tánh thiêng liêng

“bản tánh trọn vẹn của Đức Chúa Trời”

như anh em lánh khỏi sự hư nát của thế gian bởi tư dục đến

Tham khảo cách dịch: “như anh em lánh khỏi những ham muốn xấu xa của thế gian.

2 Peter 1:5

Vì lí do này

Tham khảo cách dịch: “vì cớ mọi điều Đức Chúa Trời đã làm”

nhân đức

“đạo đức ưu tú”

thêm cho nhân đức sự học thức

Nhờ sống đạo đức làm tăng thêm sự hiểu biết của anh em.

thêm cho tình yêu thương anh em

“sống tử tế với nhau”

2 Peter 1:8

những điều này

Nghĩa là, đức tin, nhân đức, học thức, tiết độ, nhịn nhục, sự tin kính, tình yêu thương anh em, và sự yêu thương.

anh em sẽ không trở nên vô dụng hoặc không kết quả

“anh em sẽ được kết quả”

nhưng ai thiếu những điều đó

bất kỳ người nào không có những điều nầy.

chỉ thấy những gì gần trước mắt, người ấy bị mù

Cụm từ nầy sánh một người chỉ suy nghĩ về các vụ việc thuộc đời nầy ngay trước mặt mình như một người không thấy.

2 Peter 1:10

Vậy

Chữ “vậy” bắt đầu cho phần đáp ứng của người tin Chúa đối với những gì đã được nói trước đó.

Hãy chắc chắn về sự Chúa kêu gọi và chọn lựa mình

Từ “kêu gọi” đề cập đến lời mời về sự cứu rỗi bởi Đức Chúa Trời đối với các hết thảy mọi người. Từ “chọn lựa” đề cập tới những người cụ thể mà Đức Chúa Trời đã chọn. Hai từ ngữ nầy đều có ý nghĩa tương tự nhau.

anh em sẽ không hề vấp ngã

Anh em sẽ không thất bại về mặt đạo đức hay về mặt thuộc linh.

2 Peter 1:12

Bởi vậy

Tác giả sắp sửa đưa ra lời phát biểu dựa trên những gì ông đã viết ra trước đây.

Tôi cũng sẽ sẵn sàng không ngừng nhắc lại những điều đó cho anh em

Phi-e-rơ đang nói rằng ông sẽ nhắc lại cho các tín hữu nhớ bước theo Chúa Cứu Thế là thế nào.

về những điều đó

các tín hữu sẽ phải lớn lên trong Chúa Cứu Thế như thế nào.

để thức tỉnh anh em

Đây là cụm từ “khiến anh em phải chú ý”

Tôi còn ở trong nhà tạm này

Đây là cách nói “chừng nào tôi còn sống”.

Tôi sẽ lìa nhà tạm nầy

Đây là cách nói “tôi sẽ chết”

Tôi sẽ cố hết sức để anh em luôn nhớ những điều này

“Tôi sẽ làm hết sức mình để dạy dỗ anh em những điều nầy để anh em sẽ luôn nhớ điều tôi đã nói”

sau khi tôi đi

Đây là cách nói “sau khi tôi qua đời”

2 Peter 1:16

Vì chúng tôi không theo những chuyện bịa đặt khéo léo

Vì chúng tôi là các sứ đồ không theo những câu chuyện bịa đặt cách khéo léo.

của chúng ta

tất cả các tín đồ kể cả chúng ta các sứ đồ.

Chúng tôi cũng từng nghe tiếng ấy đến từ trời

Phi-e-rơ đang đề cập tới việc bản thân ông và các môn đồ khác, Giacơ và Giăng, đã nghe thấy tiếng phán của Đức Chúa Trời. See: (

lúc chúng tôi ở với Ngài trên hòn núi thánh

Phi-e-rơ đang đề cập đến thời điểm khi Chúa Giê-xu hiện ra rực sáng trước mặt Phi-e-rơ, Giacơ và Giăng. (See Matthew MAT 17:1-8).

2 Peter 1:19

Chúng tôi càng tin lời các đấng tiên tri chắc chắn hơn

Phi-e-rơ đang đề cập đến các sứ đồ. Các sứ đồ đều có sứ điệp từ các đấng tiên tri mà họ biết rõ là lẽ thật đến từ Đức Chúa Trời.

anh em nên chú ý lời đó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Phi-e-rơ đang nói với các tín đồ phải chú ý cho kỹ sứ điệp có tính tiên tri.

Lời ấy như cái đèn soi sáng trong nơi tối tăm, cho đến khi trời sáng

Lời lẽ tiên tri được sánh với cái đèn chiếu sáng trong chỗ tối tăm cho tới chừng nào sự sáng đến lúc ban mai.

và sao mai mọc trong lòng anh em

Sao mai là Chúa Cứu Thế ngự đến sống trong tấm long của người tin Chúa.

nhưng ấy là bởi Đức Thánh Linh cảm động mà người ta đã nói bởi Đức Chúa Trời

Những người này được Đức Thánh Linh kiểm soát và nói ra những gì Đức Chúa Trời căn dặn họ.

Translation Questions

2 Peter 1:1

Ai viết thư 2 Phi-e-rơ?

Si-môn Phi-e-rơ, một nô lệ và sứ đồ của Chúa Giê-xu Cơ Đốc.

Phi-e-rơ viết thư cho ai?

Phi-e-rơ viết cho những người đã nhận lãnh cùng một đức tin quý giá.

2 Peter 1:3

Làm sao mà tất cả những điều thuộc về quyền năng thiên thượng để sống và sống tin kính được ban cho Phi-e-rơ và những người đồng nhận được đức tin đó?

Những điều đó được ban cho họ qua sự hiểu biết về Đức Chúa Trời.

Tại sao Đức Chúa Trời lại ban cho Phi-e-rơ và những người đồng nhận được đức tin đó mọi điều thuộc về quyền năng thiên thượng để sống và sống một đời tin kính, cùng với những lời hứa lớn và quý giá đó?

Ngài làm như vậy để họ có thể trở nên những người dự phần trong bản tánh thiên thượng của Ngài.

2 Peter 1:5

Những người nhận lãnh được đức tin sau cùng sẽ nhận được điều gì qua đức tin của họ?

Sau cùng họ sẽ nhờ đức tin mà có được tình yêu thương.

Những người không có đức tin, đạo đức, tri thức, tự chủ, nhẫn nại, lòng tin kính, tình huynh đệ và tình yêu thương?

Họ chỉ nhìn thấy những điều trước mắt, họ bị mù lòa.

2 Peter 1:10

Nếu anh chị em nỗ lực hết sức để khiến sự kêu gọi và sự chọn lựa của mình được chắc chắn thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Họ sẽ không vấp ngã, và con đường vào nước đời đời của Chúa Cứu Thế Giê-xu Cơ Đốc Chúa của họ sẽ được ban cho họ.

2 Peter 1:12

Phi-e-rơ cho rằng ông nhắc nhở các tín hữu về những điều này là đúng?

Bởi vì Chúa Giê-xu Cơ Đốc, Cứu Chúa của họ đã tỏ cho ông biết rằng ông sẽ sớm dỡ lều tạm của mình.

2 Peter 1:16

Những người đã tận mắt chứng kiến sự oai nghi của Chúa Giê-xu làm gì?

Họ thấy rằng Ngài đã nhận được sự tôn trọng và vinh hiển từ Đức Chúa Trời.

2 Peter 1:19

Làm sao chúng ta chắc chắn rằng lời tiên tri đó là chắc chắn?

Bởi vì những lời tiên tri được viết ra không đến từ ý riêng của các đấng tiên tri, cũng không có lời tiên tri nào từ ý muốn của loài người, nhưng người ta được Đức Thánh Linh tác động nói ra từ Đức Chúa Trời.

Chapter 2

2 Peter 2:1

Các tiên tri giả đã đến trong Y-sơ-ra-ên, và các giáo sư giả cũng sẽ đến cùng anh em

Giống như các tiên tri giả đến lừa gạt dân Y-sơ-ra-ên bằng lời lẽ của mình, cũng một thể ấy các giáo sư giả đến dạy dỗ láo khoét về Chúa Cứu Thế.

tà giáo nguy hại

những tư tưởng trái ngược với sự dạy của Chúa Cứu Thế và các sứ đồ.

Chúa đã chuộc họ

Chúa Giê-xu là Chúa đã trả giá cho tội lỗi của nhân loại qua sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài.

dục vọng của họ

“họ” chỉ các tiên tri và các giáo sư giả. Tham khảo cách dịch: “họ đã sống cách bại hoại”

sự kết án nghịch cùng họ sẽ không chờ lâu nữa, và sự hủy diệt của họ chẳng hề ngủ

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã sẵn sàng xử phạt họ, Ngài đang hành động để hủy diệt họ” hoặc “Đức Chúa Trời đang hành động để kết án và hủy diệt họ”

2 Peter 2:4

Vì nếu Đức Chúa Trời chẳng tiếc các thiên sứ đã phạm tội

Câu nầy bắt đầu một loạt chữ lời phát biểu “nếu”

xuống vực sâu

Nguyên văn“Tartarus” là tiếng Hy-lạp nói tới địa ngục được rút ra từ tôn giáo Hy-lạp và La-mã.

bị trói bằng xiềng trong nơi tối tăm để chờ sự phán xét

Đức Chúa Trời giữ họ trong một nhà ngục kiên cố chờ đợi sự phán xét sau cùng của Đức Chúa Trời.

nếu Ngài chẳng tiếc thế gian xưa, trong khi sai nước lụt phạt đời gian ác nầy

Đức Chúa Trời đã huỷ diệt thế gian xưa và loài người bất kính bằng một trận lụt.

nhưng gìn giữ Nô-ê

Đức Chúa Trời đã cứu Nô-ê công bình ra khỏi nạn lụt.

khiến thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ hóa ra tro

Đức Chúa Trời đã dùng lửa để huỷ diệt những kẻ bất kính trong hai thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ.

để làm gương cho người gian ác về sau

Giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ bị huỷ diệt bằng lửa, vào cuối thời đại Đức Chúa Trời sẽ huỷ diệt mọi kẻ bất kỉnh bằng hồ lửa.

2 Peter 2:7

Và Ngài đã giải cứu người công bình là Lót

Đức Chúa Trời đã giải cứu Lót, là người đã sống một cách đạo đức.

linh hồn ông đau khổ vì những điều mình thấy và nghe

Lót cứ lo lắng hoặc ưu phiền bởi những việc làm vô đạo đức của dân thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ.

cách sống thô tục của những người không làm theo luật pháp

"cách sống vô đạo đức và thoái hóa của những người vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

người công bình nầy
Câu nầy đề cập đến Lót sống công bình.
những người tin kính
“những người biết vâng theo Đức Chúa Trời”
linh hồn người công bình lấy làm đau xót
Người lấy làm lo lắng trong lòng.
để giữ những người không công bình cho sự hình phạt cho đến ngày phán xét
Những người không công bình sẽ không trốn khỏi được sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Khi họ chết họ sẽ bị cầm giữ cho đến ngày phán xét.
2 Peter 2:10
Đây đặc biệt là sự thật
Chữ “nầy” đề cập Đức Chúa Trời đang cầm giữ những ké bất kỉnh trong ngục cho tới ngày phán xét ở 2:9.
những kẻ cứ theo lòng tư dục ô uế của xác thịt, khinh dể quyền phép rất cao
Những người không tin kính cứ tiếp tục bước theo bản tánh tội lỗi và chọc tức bậc cầm quyền đương thời.
xác thịt
Cụm từ “xác thịt” đề cập tới bản tánh tội lỗi theo phần xác của con người.
Bọn họ cả gan, tự đắc
Cụm từ “bọn họ” đề cập tới người nào tiếp tục sống trong ham muốn đồi bại của bản tánh tội lỗi và không tôn trọng quyền phép thuộc linh của các thiên sứ.
Bọn họ không sợ mà nói phạm đến các bậc tôn trọng
Kẻ bất kính không e sợ khi sỉ nhục và nói ra điều ác về các thiên sứ.
các thiên sứ, là đấng có sức mạnh quyền phép hơn hết thảy loài người
Các thiên sứ về mặt thuộc thể mạnh mẽ hơn và có nhiều uy quyền và ảnh hưởng hơn con người.
nhưng họ không hề lấy lời nguyền rủa mà xử đoán các bậc đó trước mặt Chúa
“nhưng các thiên sứ không giáng sự phán xét nghịch lại những người nầy trước mặt Chúa”
2 Peter 2:12
con vật không biết chi này
Giống như loài vật không biết chi, số người nầy không thể biện luận với. “các giáo sư giả nầy sống y như loài vật không biết chi”
Họ không biết điều mình đang lăng nhục
Họ nói điều ác về những gì họ không biết hay không hiểu.
Họ sẽ bị huỷ diệt
“Đức Chúa Trời sẽ huỷ diệt hạng người nầy”
chúng nó sẽ bị tổn hại như lãnh lấy tiền công về tội ác mình
“những điều họ nghĩ là tốt cho họ thực sự là xấu cho họ”
Họ lấm bẩn và nhơ nhớp
Hai từ “lấm bẩn” và “nhơ nhớp” có nghĩa tương tự nhau. Các giáo sư giả thì mất ơn và không được tôn trọng giống như những vết bẩn hay vết nhơ mà người ta không thể dễ dàng tẩy bỏ được.
Họ ưa thích sự dối trá mình đang khi ăn tiệc với anh em
Họ cứ tiếp tục hài lòng khi dối gạt kẻ vô tội và khi nhìn vào mắt những người đó họ không hề cảm thấy tội lỗi.
cặp mắt chúng nó đầy sự gian dâm, chúng nó phạm tội không bao giờ chán
“Họ phạm tội tà dâm với từng người nữ mà họ gặp, và không hề chán”.
lòng họ đầy tham muốn
“lòng” đại diện cho toàn bộ con người, đầy những suy nghĩ và hành động tham lam. Họ ham muốn sự giàu có hay của cải cách sai trái. (See:
2 Peter 2:15
chúng nó đã bỏ đường thẳng mà đi sai lạc theo đường
“các giáo sư giả đã bỏ … đi sai lạc …theo đường”. Các giáo sư giả đã từ chối không vâng theo Đức Chúa Trời bằng cách chối bỏ những điều đúng đắn.
nhưng người bị trách về sự phạm tội của mình
Người bị chỉnh sửa nghiêm khắc vì sự bất tuân của mình.
ngăn cấm sự điên cuồng của người tiên tri đó
Đức Chúa Trời dùng một con lừa để ngăn chận hành động dại dột của vị tiên tri.
2 Peter 2:17
Những người này như những suối không nước
Giống như dòng suối cạn không cung cấp nước cho đời sống thuộc thể, sự dạy của họ không dẫn tới sự sống thuộc linh. “Họ là một chỗ tươi mát giả dối, một ốc đốc hoang vu”
họ những đám mây bị cơn bão đưa đi
Những đám mây bão đem mưa đến. Cơn mưa nầy có thể đem lại nước nuôi sống con người hoặc những trận lụt huỷ diệt. Những người nầy sống giống như các đám mây đen đem lại sự huỷ diệt.
Chúng nó nói những lời văn hoa vô ích
Lời lẽ của họ đầy khoe khoang vô nghĩa.
Họ dụ dỗ con người bởi những ham muốn của xác thịt
Họ lôi cuốn những kẻ có bản tánh tội lỗi phạm những việc làm bại hoại và tội lỗi.
Họ dụ dỗ những người đang cố gắng thoát khỏi những kẻ sống lầm lạc
Họ tìm cách huỷ diệt những người mới trong đức tin.
Chúng nó hứa sự tự do cho người, mà chính mình thì làm tôi mọi sự hư nát
Họ hứa sự tự do giả dối, tự do phạm tội cho người tin Chúa. Nhưng đó chính là làm nô lệ cho tội lỗi.
Vì người làm tôi mọi cho sự chi đã thắng hơn người
Một người sẽ đeo đuổi những ham muốn mà người thiếu tiết độ, không đủ sức kềm chế.
2 Peter 2:20
Người nào bởi sự nhận biết Chúa và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc mà thoát khỏi sự ô uế của thế gian
Bất kỳ người nào đã tiếp nhận Chúa và Cứu Chúa Giê-xu Christ rồi xây khỏi đời sống ô uế và bất khiết.
thì số phận sau cùng của chúng nó trở xấu hơn lúc đầu
Họ tồi tệ hơn trước vì họ đã có sự hiểu biết về việc sống thánh khiết mà chọn trở lại với đời sống tội lỗi.
đã biết đường công bình
Sống một đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời.
lời răn thánh đã truyền cho mình
phép tắc và luật pháp của Đức Chúa Trời đã được ban cho họ để họ nhận biết cách sống cho Đức Chúa Trời.
lời tục ngữ rằng.. Chó liếm lại đồ nó đã mửa. Heo đã rửa sạch rồi, lại lăn lóc trong vũng bùn
Một câu ngạn ngữ ví sánh cách những người đã nhìn biết lẽ thật nầy song trở lại với đời sống bất kính. “Khác nào con chó đã mửa ra, rồi liếm lại” đề cập tới Châm ngôn 26:11. Trong trường hợp nầy thì có nghĩa là “không thể dạy một loài vật đừng làm ô uế mình”.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Translation Questions

2 Peter 2:1

Các giáo sư giả sẽ bí mật đem điều gì đến cho các tín hữu?

Các giáo sư giả sẽ đem những tà giáo hủy hoại và chối bỏ Chúa là Đấng đã mua chuộc họ.

Điều gì sẽ đến cho các giáo sư giả?

Sự hủy diệt và sự đoán phạt nhanh chóng sẽ đến trên các giáo sư giả.

Các giáo sư giả sẽ làm gì với những lời giả dối?

Các giáo sư giả sẽ tham lam làm lợi ra từ các anh em tín hữu.

2 Peter 2:4

Đức Chúa Trời không tha cho ai?

Đức Chúa Trời không tha cho các thiên sứ phạm tội, thế giới xưa, và thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ.

2 Peter 2:7

Đức Chúa Trời đã giữ lại ai?

Đức Chúa Trời đã giữ lại Nô-ê cùng với bảy người khác và Lót.

2 Peter 2:10

Ai là đấng vinh quang mà những người không tin không sợ phạm đến?

Các đấng vinh quang là các thiên sứ, những người không dám dùng lời lăng nhục tố cáo các bậc ấy trước Chúa.

2 Peter 2:15

Ai đã ngăn chặn sự điên rồ của tiên tri Ba-la-am?

Con lừa câm biết nói tiếng người đã chặn Ba-la-am.

2 Peter 2:20

Đối với những người thoát khỏi sự gian ác của thế gian nhờ sự nhận biết Chúa Giê-xu Cơ Đốc và rồi trở lại cùng những điều đó, thì điều gì là tốt hơn cho họ?

Điều tốt hơn cho họ ấy là họ thà không biết con đường công chính còn hơn.

Chapter 3

2 Peter 3:1

Hỡi anh em yêu dấu, bây giờ, tôi viết cho anh em lá thư thứ hai này để gợi lại tâm trí thành thật của anh em

Phi-e-rơ thay đổi cuộc tranh luận của ông và giờ ông nhắc cho khán thính giả của mình nhớ lại đây là thơ thứ hai ông viết cho họ để khích lệ suy nghĩ cùng các hành động trong đức tin của họ.

để anh em nhớ lại những lời đã nói trước kia

Lý do để làm tươi mới lại những ký ức của họ về các sự dạy dỗ của các sứ đồ, lời của các tiên tri thánh và mạng lịnh của Chúa Giê-xu.

2 Peter 3:3

Trước hết phải biết rằng

“điều nầy là quan trọng nhất phải hiểu rõ”

Lời hứa về sự Chúa trở lại ở đâu?

Kẻ chế nhạo đang giễu cợt khi hỏi như vầy và không mong có câu trả lời. “Lời hứa Chúa Giê-xu sẽ tái lâm là giả dối”

muôn vật vẫn còn nguyên như lúc bắt đầu sáng thế

Câu nầy liên quan đến trình tự cơ bản của sự sống kể từ sự sa ngã của con người đầu tiên. Con người được sanh ra rồi chết đi. Họ kết hôn và dính díu trong hôn nhân. Họ cứ tiếp tục đấu tranh sinh tồn và tội lỗi cứ tiếp tục. “những nhọc nhằn của cuộc sống vẫn như vậy kể từ thuở ban đầu, sự trị vì của Đấng Mê-si-a đã không đến để khiến cuộc sống dễ dàng hơn”.

2 Peter 3:5

Chúng nó có ý quên lững đi

Những kẻ chế giễu nói rằng chẳng có gì thay đổi kể từ khi sáng thế và họ cố ý quên đi.

rằng buổi xưa các từng trời và trái đất được thiết lập nên từ nước và bởi nước nhờ lời phán của Đức Chúa Trời

“Đức Chúa Trời phán thì các từng trời liền có và đất lộ ra từ nước rồi bị phân chia bởi nước”

và rằng cũng bởi lời Ngài và nước mà thế gian lúc bấy giờ bị hủy diệt bởi chìm trong nước lụt

“Cũng chính những lời Đức Chúa Trời đã dùng để dựng nên thế gian, Ngài dùng chúng để huỷ diệt thế giới hiện hữu bằng một trận lụt”

chính lời ấy

“Lời của Đức Chúa Trời”

và rằng cũng bởi lời ấy, trời đất hiện nay được để dành cho lửa

“Lời của Đức Chúa Trời đang giữ các từng trời và đất hiện này để dành cho lửa”

được giữ lại cho ngày phán xét và sự hủy diệt những kẻ vô đạo

Các từng trời và đất bị giữ lại cho tới chừng Đức Chúa Trời xét đoán kẻ bất kính. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đang giữ chúng lại cho đến ngày Ngài đoán két tất cả mọi người và hủy diệt những kẻ không tin kính”

2 Peter 3:8

Hỡi kẻ rất yêu dấu, chớ quên điều này

“Hỡi kẻ yêu dấu, xin đừng quên”

rằng ở trước mặt Chúa một ngày như ngàn năm, ngàn năm như một ngày

Đức Chúa Trời không bị ràng buộc bởi thời gian.

như mấy người kia tưởng là chậm chạp đâu, nhưng Ngài đang kiên nhẫn đối với anh em

Nơi vài người tưởng Đức Chúa Trời chậm trễ thực hiện những lời hứa của Ngà, ấy là Chúa đang kiên nhẫn đối với anh em.

nhưng Ngài muốn dành thời gian để cho mọi người đều ăn năn

Đức Chúa Trời đang ban cho mọi người thời gian để ăn năn trước ngày phán xét của Ngài.

2 Peter 3:10

Tuy nhiên

Mặc dù Đức Chúa Trời đang kiên nhẫn và mong muốn mọi người đều ăn năn, rồi Chúa sẽ tái lâm và đem theo sự phán xét.

ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm

Giống như kẻ trộm không thông báo trước mình sẽ đến trộm, Chúa Giê-xu cũng sẽ hiện ra mà không loan báo trước.

Bấy giờ các từng trời sẽ có tiếng vang rầm mà qua đi. Các thể chất sẽ bị thiêu rụi

Tiếng vang rầm và lửa là phẩn mô tả sống động về sự huỷ diệt trời và đất. Ai nấy đều phải chú ý!

đất và mọi công việc trong nó đều sẽ được bày tỏ

Đức Chúa Trời sẽ thấy cả trái đất cùng với mọi việc làm của hết thảy mọi người, và Ngài sẽ đoán xét tất cả. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ mọi việc mà những người trên đất đã làm”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

2 Peter 3:11
mọi điều đó sẽ bị hủy diệt theo cách này
Tham khảo cách dịch: “Bởi vì những điều Đức Chúa Trời sẽ làm trong ngày ấy, các từng trời sẽ bị lụi tàn”
2 Peter 3:14
hãy hết sức sống thể nào để được nhận là không vết không tì không chỗ trách được
Từ “không vết không tì” và “không chỗ trách được” có nghĩa như nhau và dùng để nhấn mạnh sự trong sạch về mặt đạo đức. Tham khảo cách dịch: “hãy sống hết sức để Đức Chúa Trời thấy anh em là hoàn toàn trong sạch”
và được nhận thấy là hòa thuận với Ngài
"và được ở hòa thuận với Đức Chúa Trời”
và hãy xem sự kiên nhẫn của Chúa chúng ta là vì sự cứu rỗi
Chúa chờ đợi để ban sự sống đời đời cho những kẻ sẽ tin nơi Chúa Giê-xu.
Phao-lô, anh rất yêu dấu của chúng ta
Một vị sứ đồ cũng đã viết thư cho các tín hữu mà Phi-e-rơ đang nhắc tới.
theo sự khôn ngoan được ban cho người
Tham khảo cách dịch: “Theo sự hiểu biết mà Đức Chúa Trời đã ban cho Phao-lô
Phao-lô đã nói đến những điều này trong tất cả những lá thư của người
“Phao-lô nói đến sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời dẫn tới sự cứu rỗi trong mọi lá thư của ông”
trong đó có mấy điều khó hiểu
Trong thư của Phao-lô có những điều không dễ dàng mà hiểu được.
Những kẻ dốt nát và không vững vàng xuyên tạc những lời ấy
Những người không tin đã lí giải sai những việc trong những ngày cuối cùng cũng như bóp méo những phân đoạn Kinh Thánh khác, họ sẽ bị đoán xét về những việc làm nầy
dốt nát
"dốt nát” hoặc “không có học thức”

Translation Questions

2 Peter 3:1
Tại sao Phi-e-rơ lại viết lá thư thứ hai này?
Ông viết để những người yêu mến có thể những lại những lời đã phán trước kia bởi các đấng tiên tri và về những mạng lệnh của Chúa Cứu Thế là Cứu Chúa của họ.
2 Peter 3:3
Kẻ nhạo báng nói gì trong ngày cuối cùng?
Những kẻ nhạo báng sẽ đặt vấn đề về sự trở lại của Chúa Giê-xu, và nói rằng mọi vật vẫn còn y nguyên từ thuở sáng thế đến giờ.
2 Peter 3:5
Trời và đất được thiết lập như thế nào, và chúng được để dành cho lửa và cho ngày đoán xét và hủy diệt của những người vô đạo ra sao?
Chúng được thiết lập và giữ lại nhờ lời của Đức Chúa Trời.
2 Peter 3:10
Ngày của Chúa sẽ đến như thế nào?
Ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm.
2 Peter 3:11
Tại sao Phi-e-rơ lại hỏi những anh em tín hữu yêu dấu họ nên trở nên loại người nào về phương diện đời sống nên thánh và sống tin kính?
Bởi vì trời và đất rồi sẽ bị hủy diệt, và bởi vì họ mong đợi người công bình sẽ sống trong trời mới và đất mới.

Chapter 1
1 John 1:1
Điều có từ ban đầu
Cụm từ “điều có từ ban đầu” chỉ về Chúa Giê-xu, là Đấng có trước khi muôn vật được dựng nên. Bạn có thể dịch thành: “Chúng tôi viết cho anh em về Đấng có trước khi sáng thế”
ban đầu
“khởi đầu của muôn vật” hay “sự dựng nên thế gian”
điều chúng tôi đã nghe
cụm từ “điều chúng tôi đã nghe” nói đến những điều Chúa Giê-xu đã truyền dạy cho họ. Cụm từ nầy có thể dịch là “chúng tôi đã nghe Ngài dạy dỗ”.
chúng tôi
Ở đây, cụm từ “chúng tôi” nói đến Giăng và những người biết về Chúa Giê-xu khi Ngài còn sống trên đất, nhưng không bao gồm những người mà Giăng đang viết thư gửi cho họ.
điều mắt chúng tôi đã thấy, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng
“Chính chúng tôi đã thấy Ngài”
và tay chúng tôi đã chạm đến
“chúng tôi đã chạm đến Ngài bằng tay của mình”
Lời sự sống
Cụm từ nầy nói đến Chúa Giê-xu. “Ngài là Đấng khiến cho con người sống đời đời”.
sự sống này đã được bày tỏ
cụm từ nầy nói về việc Chúa Giê-xu đến trên đất. Cụm từ nầy có thể được dịch là “Đức Chúa Trời đã sai Ngài đến thế gian”
chúng tôi đã thấy
“và chúng tôi đã thấy Ngài”
và làm chứng
“và đang thuật lại cho anh em về Ngài”
sự sống đời đời
Cụm từ nầy cũng nói đến Chúa Giê-xu, Ngài khiến cho chúng ta sống đời đời. Cụm từ nầy có thể được dịch là “Ngài khiến cho chúng ta được sống đời đời”.
ở với Đức Chúa Cha
“Ngài ở cùng Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha”
và đã được bày tỏ ra cho chúng tôi
“nhưng Ngài đã đến sống giữa chúng ta” (UDB)
1 John 1:3
Những điều chúng tôi đã thấy, đã nghe thì chúng tôi đã công bố cho anh em
“Chúng tôi cũng công bố cho anh em những điều chúng tôi đã thấy và nghe”
chúng tôi ... chúng tôi ... của chúng tôi
Các đại từ nầy chỉ Giăng và những người đã từng thấy Chúa Giê-xu khi Ngài còn sống và giờ đây những người nầy đang dạy lại những điều đó cho các tín hữu.
anh em
Cụm từ “anh em” ở số nhiều và nói đến các tín hữu mà Giăng đã viết thư gửi cho họ.
có mối tương giao với chúng tôi, và mối tương giao của chúng tôi với

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Đức Chúa Cha

Cụm từ “mối tương giao” ở đây nói về tình bằng hữu thắm thiết. Những mệnh đề nầy có thể được dịch là “là bạn hữu thân thiết của chúng tôi và chúng tôi là bạn với Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha”

mối tương giao của chúng tôi

Chúng ta không rõ liệu Giăng có bao gồm hay loại trừ các độc giả của ông trong nầy. Bạn có thể chọn một trong hai hướng để dịch.

Chúa Cứu Thế

Chữ Chúa Cứu Thế là một tước hiệu, chớ không phải danh xưng và nó có nghĩa là “người được chọn”. Ở đây chữ nầy chỉ về Đức Chúa Trời chọn Chúa Giê-xu làm Cứu Chúa của chúng ta.

Cha… Con

Đây là những danh hiệu quan trọng mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.

để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn

“làm cho sự vui mừng của chúng ta được trọn vẹn” hoặc “khiến chúng ta được vui mừng trọn vẹn"

1 John 1:5

chúng tôi đã nghe

ở đây cụm từ “chúng tôi” nói đến Giăng và những người biết Chúa Giê-xu khi Ngài còn sống trên đất.

anh em

Cụm từ “anh em” ở số nhiều và nói đến các tín hữu mà Giăng đã viết thư gửi cho họ.

Đức Chúa Trời là sự sáng

Câu nầy có ý nói rằng Đức Chúa Trời thánh khiết trọn vẹn. Câu nầy có thể được dịch là “Đức Chúa Trời là thánh sạch công bình như ánh sáng thuần khiết”. Đối với những nơi thường liên tưởng điều thiện lành với ánh sáng thì có thể giữ ý so sánh Đức Chúa Trời với ánh sáng mà không cần phải giải thích ẩn dụ đó.

trong Ngài chẳng có sự tối tăm đâu

Câu nầy có ý nói rằng Đức Chúa Trời không hề phạm tội và không hề gian ác dù ở bất kỳ phương diện nào. Câu nầy có thể được dịch là “trong Ngài không hề có sự tăm tối của tội lỗi”. Đối với những nơi thường liên tưởng điều ác với bóng tối thì có thể giữ lại ý so sánh với sự tối tăm ở đây mà không cần phải giải thích ẩn dụ.

chúng ta … chúng ta

Trong các câu 6-7 đại từ “chúng ta” nói về các tín hữu, bao gồm các tín hữu mà Giăng đang viết thư cho họ.

bước đi trong sự tối tăm

Cụm từ này nghĩa là “làm ác” hay “luôn luôn làm ác”.

bước đi trong ánh sáng

Cụm từ này có nghĩa là “làm lành” hoặc “luôn luôn làm lành”.

huyết của Đức Chúa Giê-xu

Câu nầy nói đến sự chết của Chúa Giê-xu.

Con

Đây là danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời

1 John 1:8

chúng ta … chúng ta

Ở đây, đại từ “chúng ta” nói đến hết thảy các tín hữu.

không có tội chi hết

“không bao giờ phạm tội” hay “chưa bao giờ phạm tội” (UDB)

lừa dối

“lừa gạt” hay “đánh lừa”

lẽ thật không ở trong chúng ta

“chúng ta không tin những gì người ấy nói là thật”

Ngài … Ngài … Ngài

Các chữ nầy nói đến Đức Chúa Trời.

thành tín công bình

“trung thành và tốt lành”

để tha tội cho chúng ta, và làm sạch chúng ta khỏi mọi điều bất chính

Về nghĩa cơ bản thì hai cụm từ này tương tự nhau. Giăng dùng cả hai từ để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ tha tội cho chúng ta. Tham khảo cách dịch: “và sẽ tha thứ mọi điều sai trái mà chúng ta đã phạm”

chúng ta cho Ngài là người nói dối

“chẳng khác nào gọi Ngài là người nói dối, vì Ngài phán rằng chúng ta hết thảy đề phạm tội”. Cụm từ “vì Ngài phán rằng chúng ta hết thảy đều đã phạm tội” là thông tin ngầm hiểu.

lời Ngài không ở trong chúng ta

Câu nầy có thể được dịch “chúng ta không hiểu cũng không vâng theo lời Ngài phán dạy”.

Translation Questions

1 John 1:1

Ai đã kêu gọi Phao-lô và Phao-lô đã được kêu gọi trở nên gì?

Chúa Cứu Thế Giê-xu đã kêu gọi Phao-lô trở nên một sứ đồ

1 John 1:7

Hội Thánh tại Cô-rinh-tô không thiếu điều gì?

Họ không thiếu bất kỳ một ân tứ thuộc linh nào

1 John 1:10

Phao-lô đã khuyên giục Hội Thánh tại Cô-rinh-tô làm điều gì?

Phao-lô giục họ phải đồng lòng với nhau, và như thế giữa họ mới không có sự chia rẽ, mà hiệp nhất với nhau trong tâm trí và mục tiêu

1 John 1:12

Phao-lô nói phe phái là có ý gì?

Phao-lô có ý rằng: Mỗi một người trong anh em đều nói: “Tôi theo Phao-lô” hoặc “Tôi theo A-bô-lô” hoặc “Tôi theo Sê-pha” hoặc “Tôi theo Chúa Cứu Thế”

1 John 1:14

Tại sao Phao-lô lại tạ ơn Đức Chúa Trời vì ông đã không làm phép báp têm cho bất kỳ ai trong số họ, ngoại trừ Cơ-rít-pu và Gai-út?

Phao-lô tạ ơn Đức Chúa Trời về điều này bởi vì như vậy các tín hữu tại Cô-rinh-tô sẽ chẳng có lý do nào để tuyên bố rằng họ đã được làm phép báp-têm trong danh của Phao-lô.

1 John 1:17

Chúa Cứu Thế đã sai Phao-lô làm gì?

Chúa Cứu Thế đã sai Phao-lô đi rao giảng Tin Lành.

1 John 1:18

Những người hư mất xem sứ điệp của thập tự giá là gì?

Những người đang hư mất xem sứ điệp của thập tự giá là điên rồ.

Còn với những người được Đức Chúa Trời cứu chuộc thì sứ điệp của thập tự giá là gì?

Ấy là quyền năng của Đức Chúa Trời giữa những người mà

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ngài cứu chuộc.
1 John 1:20
Đức Chúa Trời đã khiến sự khôn ngoan của thế gian trở nên gì?
Đức Chúa Trời đã biến sự khôn ngoan của thế gian nên sự ngu dại.
1 John 1:26
Đức Chúa Trời đã kêu gọi bao nhiêu người khôn ngoan theo chuẩn mực của loài người hoặc những người quyền thế hoặc những người thuộc dòng dõi quý tộc?
Đức Chúa Trời không hề kêu gọi nhiều kẻ như thế. .
1 John 1:28
Đức Chúa Trời đã làm gì để không một ai có thể khoe khoang trước mặt Ngài?
Đức Chúa Trời chọn những điều thấp kém và bị khinh miệt trong thế gian, thậm chỉ cả những điều không ra gì.
1 John 1:30
Nhờ đâu mà các tín hữu được ở trong Chúa Cứu Thế Giê-xu?
Họ ở trong Chúa Cứu Thế GIê-xu nhờ những điều Đức Chúa Trời đã làm.
Chúa Cứu Thế Giê-xu đã trở nên điều gì cho chúng ta?
Ngài đã trở nên sự khôn ngoan, công chính, thánh khiết và sự cứu chuộc đến từ Đức Chúa Trời cho chúng ta.

Chapter 2
1 John 2:1
Hỡi các con cái bé nhỏ ta
Giăng là cụ ông đã lớn tuổi và cũng là lãnh đạo của họ. Ông sử dụng cách diễn đạt nầy để bày tỏ tình yêu thương ông dành cho họ. Câu nầy có thể được dịch là “Hỡi các con cái yêu dấu của ta trong Chúa Cứu Thế” hay “Anh em đối với tôi vốn rất yêu dấu với tôi như con cái của tôi vậy”
Ta viết những điều nầy
“Ta đang viết thư nầy”
Nhưng nếu có ai phạm tội
Đây là điều có thể sẽ xảy ra. “Nhưng khi có ai phạm tội”
chúng ta ... chúng ta
Ở đây, từ “chúng ta” chỉ Giăng và những người ông đang viết thư cho họ.
Đấng biện hộ với Đức Chúa Cha
“Đấng thưa cùng Đức Chúa Cha và cầu xin Ngài tha thứ cho chúng ta”
Ngài là của lễ chuộc tội chúng ta
“Đức Chúa Giê-xu đã bằng lòng hi sinh mạng sống Ngài vì chúng ta, để Đức Chúa Trời tha tội cho chúng ta” (UDB)
Nhờ vậy mà chúng ta biết rằng mình đã nhận biết Ngài, nếu chúng ta giữ các điều răn của Ngài
Cụm từ “chúng ta nhận biết Ngài” ý nói “chúng ta có mối liên hệ với Ngài”. Câu nầy có thể được dịch là “nếu chúng ta làm theo những điều Ngài truyền, khi ấy chúng ta có thể dám chắc rằng mình có một liên hệ mật thiết với Ngài”.
Ngài ... của Ngài
Những từ nầy có thể nói đến Đức Chúa Trời hoặc nói đến Chúa Giê-xu.
1 John 2:4
Người nào nói
“Hễ ai nói” hay “Người cho rằng”
Tôi biết Đức Chúa Trời
Câu nầy có thể được dịch là: “Tôi có mối liên hệ tốt với Đức Chúa Trời”.
mà không vâng giữ
“không làm theo” hay “bất tuân”
các điều răn Ngài
“những điều Đức Chúa Trời bảo người làm theo”
lẽ thật không ở trong người
“người không hề tin những gì Đức Chúa Trời phán là thật”
giữ
“làm theo” hay “vâng theo”
Lời Ngài
“những điều Đức Chúa Trời bảo người phải làm”
tình yêu Đức Chúa Trời
Có thể hiểu: 1) “tình yêu chúng ta dành cho Đức Chúa Trời” hay 2) “tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta”
tình yêu Đức Chúa Trời thật trọn vẹn trong người ấy
Câu nầy có thể được dịch như một câu chủ động: “Nhưng người nào vâng giữ những điều Đức Chúa Trời truyền cho họ là những người kính mến Đức Chúa Trời trong mọi đường”
Bởi đó, chúng ta biết mình ở trong Ngài.
Cụm từ “chúng ta ở trong Ngài” nghĩa rằng người tin Chúa luôn luôn hòa hợp với Đức Chúa Trời hoặc có mối tương giao liên tục với Đức Chúa Trời. Thường trong I Giăng cụm từ “vẫn ở trong Ngài” được sử dụng để nói về cùng một việc. Câu nầy có thể được dịch là “Khi chúng ta vâng giữ những điều Đức Chúa Trời phán dạy, chúng ta có thể dám chắc rằng mình đang có mối tương giao với Ngài”.
người ấy cứ ở trong
“người ấy có mối liên hệ với”
thì cũng phải bước đi như chính Đức Chúa Giê-xu đã bước đi
“phải sống như Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã sống” hoặc “cũng phải vâng theo Đức Chúa Trời giống như Đức Chúa Giê-xu làm”
1 John 2:7
Yêu dấu
cụm từ nầy có thể được dịch là “Bạn hữu” hay “Những tín hữu yêu dấu trong Chúa Cứu Thế”
Tôi không viết cho anh em điều răn mới, nhưng là điều răn cũ
Giăng đang đề cập tới mạng lịnh mà Chúa Giê-xu truyền phải yêu thương nhau. Câu nầy có thể được dịch là “Tôi đang viết khuyên anh em phải yêu thương nhau. Đây không phải là điều gì mới phải làm theo mà là điều răn cũ đã được truyền cho anh em rồi”.
từ lúc ban đầu
“từ khi anh em lần đầu tin nhận Chúa Cứu Thế”
Nhưng tôi cũng viết cho anh em một điều răn mới
Câu nầy có thể được dịch là “nhưng theo một cách nào đó, điều răn tôi viết cho anh em là điều răn mới”
là điều chân thật trong Chúa Cứu Thế và trong anh em
Câu nầy có thể được dịch là “Điều răn nầy mới bởi vì những việc Chúa Cứu Thế đã làm và những gì anh em đang làm là mới”
sự tối tăm đã tan rồi, và ánh sáng thật đang chiếu sáng
Ở đây “sự tối tăm” nói đến điều ác và “sự sáng” nói đến điều thiện lành. Câu nầy có thể được dịch là “vì anh em đã thôi không làm theo điều ác và ngày càng làm nhiều điều lành”
1 John 2:9

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người nào nói:
“Ai nói” hoặc “người nào tuyên bố” (UDB). Câu này không nói đến người cụ thể nào.
mình ở trong ánh sáng
Đây là lối nói về nếp sống phải lẽ. Khi làm điều phải lẽ người ta có thể làm cách công khai trong ánh sáng, chứ không che giấu trong bóng tối. Câu nầy có thể được dịch là “mình đang làm điều phải lẽ” hay “mình đang ở trong ánh sáng làm theo điều phải lẽ”
còn ở trong bóng tối
Đây là cách nói về nếp sống đầy tội lỗi. Khi người ta làm điều sai trái, họ thích ẩn nấp trong bóng tối. Câu nầy có thể được dịch là “còn ở trong bóng tối, làm điều gian ác”.
anh em
Ở đây chỉ các anh em tín hữu.
nơi người ấy không có điều gì gây cho vấp phạm
“không có điều gì khiến người vấp phạm”. Cụm từ “vấp phạm” là một ẩn dụ nói về thất bại thuộc linh hay về mặt đạo đức. Câu nầy có thể được dịch là “không một điều gì khiến người phạm tội” hay “người sẽ chẳng bao giờ thất bại trong việc làm đẹp lòng Đức Chúa Trời”.
ở trong bóng tối, bước đi trong bóng tối
Cũng một ý được lặp lại hai lần nhằm thu hút sự chú ý vào việc ghét một anh em tín hữu độc là việc gian ác dường nào. Câu nầy có thể được dịch là “đang sống trong tối tăm” hoặc “đang sống trong bóng tối tội lỗi”
và không biết mình đi đâu
Đây là ẩn dụ có thể được dịch là “thậm chí người không biết mình đang làm điều ác”.
vì bóng tối đã làm mù mắt người
“bóng tối khiến người không thể nhìn thấy được”. Câu nầy có thể được dịch là “tội lỗi khiến cho người không thể hiểu được lẽ thật”.
1 John 2:12
Hỡi con cái
Xem cách bạn dịch cụm từ nầy ở 2:1. 1JN 2:1.
tội các con đã được tha
Cụm từ nầy có thể được dịch với mệnh đề chủ động: “Đức Chúa Trời đã tha tội cho các con”.
nhờ danh Chúa
“danh Chúa Cứu Thế” là hoán dụ đề cập tới Chúa Cứu Thế và mọi điều Ngài đã làm. Cụm từ nầy có thể được dịch là “vì cớ những gì Chúa Cứu Thế đã làm cho các con”.
Thưa các phụ lão, tôi viết cho các ông
Cụm từ “phụ lão” ở đây là một ẩn dụ chỉ các tín hữu trưởng thành. Cụm từ nầy có thể được địch là “Tôi viết cho các ông, hỡi các tín hữu đã trưởng thành”.
các ông đã biết
“các ông có mối liên hệ với”
Đấng có từ lúc ban đầu
“Đấng hằng sống” hoặc “Đấng hằng hữu”. Cụm từ nầy nói đến “Chúa Giê-xu” hay đến “Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha”
kẻ trẻ tuổi
Ẩn dụ nầy nói đến những người không phải là tân tín hữu nữa và đang tấn tới trong sự trưởng thành thuộc linh. Cụm từ nầy có thể được dịch là “các tín hữu trẻ tuổi”.
Lời Đức Chúa Trời ở trong các ngươi
Cụm từ nầy có thể được dịch là “các ngươi vốn biết rõ Lời của Đức Chúa Trời”.
thắng
“chiến thắng” hay “thắng hơn” hoặc “đã đánh bại” (Tham khảo bản dịch UDB)
1 John 2:15
Do not love the world
Trong 2:15-17 cụm từ “thế gian” chỉ hết thảy những điều mà người ta làm và những vụ việc họ muốn làm không tôn vinh Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch là “Đừng ăn ở giống như hạng người trong thế gian không tôn vinh Đức Chúa Trời”.
cũng đừng yêu những gì trong thế gian nữa
“và đừng muốn những thứ giống như những kẻ bất kính cùng Đức Chúa Trời muốn
sự kính mến Đức Chúa Cha chẳng ở trong người ấy
Cụm từ nầy ý nói “người ấy không yêu mến Đức Chúa Cha”
nếu ai yêu thế gian, thì sự kính mến Đức Chúa Cha chẳng ở trong người ấy
Cụm từ nầy có thể được dịch là “Một người không thể vừa yêu mến đời nầy và mọi điều làm ô danh Đức Chúa Trời lại vừa kính mến Đức Chúa Cha được”.
Dục vọng của xác thịt, ham muốn của mắt, và sự kiêu ngạo của đời
Đây là danh sách một số việc trong thế gian giải thích ý nghĩa của cụm từ “mọi điều ở trong thế gian”
dục vọng của xác thịt
“ham muốn mãnh liệt muốn thỏa mãn những khoái lạc thể xác”
ham muốn của mắt
“tham muốn sở hữu những thứ mình thấy”
sự kiêu ngạo của đời
“khoe khoang về những điều mình có” hay “những người kiêu ngạo lên mình về những điều mình có”
đời
Từ nầy nói đến mọi thứ mà người ta có để sống, ví dụ như của cải và sự giàu có.
không thuộc về Đức Chúa Cha
Cụm từ nầy có thể được dịch là “không đến từ Đức Chúa Cha” hay “không phải cách Đức Chúa Cha dạy chúng ta phải sống”
qua đi
“một ngày nào đó sẽ không còn”
1 John 2:18
Các con cái bé nhỏ
Xem cách bạn dịch cụm từ nầy ở 2:1 1JN 2:1.
đây là giờ cuối cùng
Cụm từ “giờ cuối cùng” chỉ thời điểm ngay trước khi Chúa Giê-xu tái lâm và xét đoán mọi người. Cụm từ nầy có thể được dịch là “Chúa Giê-xu sẽ sớm trở lại”
nhờ đó chúng ta biết
Cụm từ nầy có thể được dịch là “và vì cớ điều nầy chúng ta biết” hay “và vì có nhiều kẻ chống Chúa Cứu Thế đã đến, chúng ta biết rằng”.
nhiều kẻ chống Chúa Cứu Thế đã đến
“có nhiều người chống lại Chúa Cứu Thế”.
Chúng ra từ giữa chúng ta
“chúng ra khỏi từ chúng ta”
nhưng chúng không thuộc về chúng ta
“Nhưng chúng không thực sự thuộc về chúng ta” hoặc “ngay từ đầu họ vốn không thuộc về chúng ta”. Lý do họ

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không thuộc về ấy là vì họ không phải là những người tin theo Chúa Giê-xu.

Vì nếu chúng thuộc về chúng ta, thì đã tiếp tục ở cùng chúng ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là “Bởi vì, nếu họ thực sự là tín hữu thì đã không rời bỏ chúng ta”.

1 John 2:20

Nhưng các con đã chịu xức dầu từ nơi Đấng thánh

“Nhưng Đấng Thánh đã xức dầu cho các con”. Trong thời Cựu Ước, “xức dầu” chỉ về hành động đổ dầu lên một người để biệt riêng người đó ra đặng hầu việc Đức Chúa Trời. Ở đây “xức dầu” nói về việc Chúa Giê-xu ban Đức Thánh Linh cho các tín hữu đặng biệt riêng họ ra để phục vụ Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch là “Nhưng Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc, tức là Đấng Thánh, đã ban Thánh Linh Ngài cho các con”

chẳng có điều gì dối trá ra từ lẽ thật

“không một lời dối trá nào ra từ lẽ thật”. Cụm từ “lẽ thật” có thể nói đến Đức Chúa Trời, Ngài là Đấng đầy dẫy lẽ thật. Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là “Không một lời dối trá nào ra từ Đấng Chân Thật”.

1 John 2:22

Ai là kẻ nói dối nếu không phải kẻ phủ nhận việc Đức Chúa Giê-xu là Chúa Cứu Thế?

Giăng sử dụng một câu hỏi thật hùng biện để nhấn mạnh ai là kẻ nói dối. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu hỏi với một câu trả lời: “Ai là kẻ nói dối? Ấy là kẻ phủ nhận việc Chúa Giê-xu là Chúa Cứu Thế”

phủ nhận việc Đức Chúa Giê-xu là Chúa Cứu Thế

“không chịu xưng Chúa Giê-xu là Chúa Cứu Thế” hay “cho rằng Chúa Giê-xu không phải là Chúa Cứu Thế”

Không nhận Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con!

Cụm từ nầy có thể được dịch là “từ chối không nói ra sự thật về Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con” hay “chối bỏ Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con”.

Cha... Con

Đây là những danh xưng quan trọng mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu

có Cha

“thuộc về Đức Chúa Cha”

xưng nhận Con

“nói ra lẽ thật về Đức Giê-hô-va Chúa Con”

1 John 2:24

Về phần các con

Trong 2:24-26 cụm từ “các con” ở dạng số nhiều chỉ những người mà Giăng đang viết thư gửi cho họ.

Hãy giữ điều các con đã nghe từ lúc ban đầu ở trong các con

“hãy ghi nhớ và tin những điều các con đã nghe từ lúc ban đầu”. Cách họ nghe, điều họ đã nghe, cũng như “lúc ban đầu” là gì; có thể nói rõ những ý này ra: “hãy tiếp tục tin cậy những điều chúng ta đã dạy cho các con về Chúa Giê-xu giống như các con đã tin cậy từ ban đầu khi trở nên các tín đồ”

điều mình đã nghe từ lúc ban đầu

Cụm từ nầy có thể được dịch là “những điều chúng ta đã dạy cho các con về Chúa Giê-xu khi các con trở thành tín hữu”

Nếu những điều đã nghe từ lúc ban đầu luôn ở trong các con

“Nếu các con tiếp tục tin cậy những điều chúng ta đã dạy cho các con”

cũng sẽ ở trong Con và trong Cha

Xem cụm từ nầy được dịch thể nào trong 2:5-6 1JN 2:5-6

Và đây là lời hứa mà Ngài đã hứa cùng chúng ta, ấy là sự sống đời đời

“Và đây là những gì Ngài đã hứa ban cho chúng ta; sự sống đời đời” hay “Và Ngài hứa khiến cho chúng ta sống cho đến đời đời”.

Ngài đã hứa cùng chúng ta

Ở đây chữ “Ngài” được nhấn mạnh chỉ về Chúa Cứu Thế. Chữ “us” [chúng ta] nói đến Giăng và hết thảy những người tin Chúa, bao gồm những người mà ông đang viết thư gửi cho.

dẫn các con đi lầm lạc

“ra sức khiến các con tin vào lời dối trá” hay “muốn kéo các con ra khỏi Đức Chúa Trời và lẽ thật của Ngài”

1 John 2:27

Về phần các con

Trong 2:27-29 cụm từ “các con” ở số nhiều và nói đến các tín hữu mà Giăng đang viết thư gửi cho họ.

sự xức dầu

Cụm từ nầy đề cập tới “Thánh Linh của Đức Chúa Trời”. Xem chú thích nói tới “sự xức dầu” ở 2:20. 1JN 2:20.

vì sự xức dầu của Ngài dạy các con

“Bởi vì sự xức dầu của Ngài dạy cho các con”

mọi điều

Ở đây, cụm từ nầy là một cách nói cường điệu. Cụm từ nầy có thể được dịch là “mọi sự mà các con cần phải biết”

ở trong Ngài

Xem cụm từ nầy được dịch ở 2:5-6. Cách thức một người cứ ở trong Chúa Giê-xu có thể được làm rõ: “ở trong Ngài khi tin và vâng theo Ngài”.

Vậy bây giờ

Cụm từ nầy được sử dụng ở đây để đánh dấu một phần mới của bức thư

Hỡi các con cái bé nhỏ ta

Xem cách bạn dịch cụm từ nầy ở 2:1 1JN 2:1.

Ngài hiện đến

“chúng ta thấy Ngài”

dạn dĩ

“tự tin”

trước mặt Ngài lúc Ngài đến

Cụm từ “Ngài đến” đề cập tới thời điểm Chúa Giê-xu tái lâm làm vua và quan án của thế gian. Cụm từ nầy được dịch là “khi Ngài tái lâm để xét đoán mọi người”.

bởi Ngài mà sinh ra

“sinh từ Đức Chúa Trời” hay “là con cái của Đức Chúa Trời”

Translation Questions

1 John 2:1

Phao-lô đã đến với Hội Thánh Cô-rinh-tô với thái độ như thế nào khi ông công bố lẽ mầu nhiệm của Đức Chúa Trời?

Phao-lô không đến bằng với những lời lẽ hùng hồn hay khôn ngoan khi ông công bố lẽ mầu nhiệm của Đức Chúa Trời.

1 John 2:8

Nếu các nhà lãnh đạo trong thời Phao-lô biết được sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, họ đã không làm điều gì?

Nếu những nhà lãnh đạo đó biết sự khôn ngoan của Đức

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa Trời, họ đã không đóng đinh Chúa vinh quang vào thập tự giá.

1 John 2:10

Làm thế nào mà Phao-lô và những người ở với ông biết được sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời?

Chính Đức Chúa Trời đã bày tỏ những điều đó cho họ qua Đức Thánh Linh

1 John 2:12

Lí do nào mà Phao-lô và những người ở với ông nhận được Đức Thánh Linh từ Đức Chúa Trời?

Họ đã nhận được Đức Thánh Linh từ Đức Chúa Trời để họ có thể hiểu được những điều họ được Đức Chúa Trời bạn cho cách nhưng không.

1 John 2:14

Tại sao những người không có Đức Thánh Linh không thể nhận hay hiểu được những điều thuộc về Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời?

Những người không có Đức Thánh Linh không thể nhận được những điều đó bởi họ xem chúng là điên rồ và người đó không thể hiểu được chúng vì họ không nhận biết chúng cách thuộc linh.

Chapter 3

1 John 3:1

Hãy xem tình yêu Đức Chúa Cha đã ban cho chúng ta

“Hãy nghĩ đến việc Đức Chúa Cha yêu thương chúng ta dường nào”

Chúng ta … chúng ta

Trong 3:1-3 các đại từ nầy đề cập tới Giăng, khán thính giả của ông, và hết thảy các tín hữu.

chúng ta được gọi là con cái Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy có thể được dịch với một động từ chủ động: “Đức Chúa Cha gọi chúng ta là con cái của Ngài”

Con cái

Ở đây chỉ những người thuộc về Đức Chúa Trời bởi niềm tin nơi Chúa Giê-xu.

thế gian không biết chúng ta, vì thế gian không biết Ngài

Ở đây “thế gian” chỉ những người không tôn kính Đức Chúa Trời. Những gì thế gian không biết có thể nói rõ ra: “Những kẻ không tôn kính Đức Chúa Trời không biết rằng chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời, vì họ không nhìn biết Đức Chúa Trời”

thì điều đó chưa được bày tỏ

Cụm từ nầy có thể được dịch với một động từ chủ động: “Đức Chúa Trời chưa bày tỏ”

Và ai có niềm hi vọng về tương lai ở trong Ngài thì trong lòng thì phải giữ mình thanh sạch, như Ngài là thanh sạch

Cụm từ nầy có thể được dịch: “Người nào tin chắc mình sẽ nhìn thấy Chúa Cứu Thế sẽ giữ mình thanh sạch vì Chúa Cứu Thế là thanh sạch”.

1 John 3:4

làm điều trái luật pháp

“không chịu vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời”

các con

Ở đây “các con” là số nhiều và đề cập tới những người mà Giăng đang viết thư gửi cho họ.

Chúa Cứu Thế đã được bày tỏ

Cụm từ nầy có thể được dịch với một động từ chủ động: “Chúa Cứu Thế đã hiện ra” hay “Đức Chúa Cha đã tỏ Chúa Cứu Thế ra”

ở trong Ngài

Xem cách cụm từ nầy được dịch ở 2:5-6 1JN 2:5-6

Không ai… thấy hoặc biết Ngài

Giăng dùng cả hai cụm từ “thấy” và “biết” để nhấn mạnh rằng về phương diện thuộc linh, người cứ tiếp tục phạm tội thì chẳng từng nhận biết Chúa Cứu Thế. Cụm từ nầy có thể được dịch là “Không ai… chưa hề thực sự tin theo Ngài”

1 John 3:7

Hỡi các con cái bé nhỏ

Xem cách bạn dịch cụm từ nầy ở 2:1. 1JN 2:1.

Chớ để ai dẫn dụ các con

Cụm từ nầy có thể được dịch là “đừng để ai lừa dối các con” hay “đừng để ai dối gạt các con”

Ai làm điều công bình là người công bình, như chính mình Chúa Cứu Thế là công bình

Cụm từ nầy có thể được dịch là “Người nào làm điều phải lẽ làm đẹp lòng Đức Chúa Trời như Chúa Cứu Thế làm đẹp lòng Đức Chúa Trời vậy”.

phạm tội

“cứ tiếp tục phạm tội” (Tham khảo bản dịch UDB)

là thuộc về ma quỷ

“thuộc về ma quỷ” hay “giống như ma quỷ” (UDB)

từ lúc ban đầu

Cụm từ nầy nói về những thời điểm khởi nguyên của sự sáng tạo trước khi những người đầu tiên phạm tội. Cụm từ nầy có thể được dịch là “từ thuở ban đầu của sự sáng tạo”

Con Đức Chúa Trời đã được bày tỏ

Cụm từ nầy có thể được dịch với một mệnh để chủ động: “Đức Chúa Trời đã bày tỏ Con của Ngài”

Con Đức Chúa Trời

Đây là danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu, mô tả mối liên hệ của Ngài với Đức Chúa Trời

1 John 3:9

Ai sinh bởi Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy có thể được dịch với một mệnh đề chủ động: “Hễ người nào Đức Chúa Trời lập làm con cái Ngài”

thì không phạm tội

“không thể phạm tội liên tục” (Tham khảo bản dịch UDB)

hạt giống của Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy so sánh hạt giống được gieo ra trên đất rồi lớn lên với Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời đã đặt trong các tín hữu, Ngài chính là Đấng ban cho họ năng lực kháng cự lại tội lỗi và làm điều chi đẹp lòng Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch là “Đức Thánh Linh”

người đã sinh bởi Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy có thể được dịch thành một mệnh để chủ động: “Đức Chúa Trời đã ban cho người sự sống thuộc linh mới” hay “người là con cái của Đức Chúa Trời”.

Nhờ vậy mà con cái Đức Chúa Trời và con cái ma quỷ đều bị tỏ ra

Cụm từ nầy có thể được dịch với một câu chủ động: “Đây là cách chúng ta nhìn biết con cái của Đức Chúa Trời và con cái của ma quỷ”.

Người nào không làm điều công bình thì không thuộc về Đức Chúa Trời, kẻ không yêu mến anh em mình cũng vậy

Ở đây, “anh em” chỉ những anh em tín hữu. “chỉ những người làm điều công bình và yêu mến anh em mình mới là con của Đức Chúa Trời”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

1 John 3:11

chúng ta phải yêu thương

Ở đây, cụm từ "chúng ta" đề cập tới hết thảy các tín hữu.

em

Trong trường hợp này chỉ A-bên, là em của Ca-in.

Vì sao người giết em mình? Bởi vì

Giăng sử dụng một câu hỏi để dạy dỗ khán thính giả của mình. Cụm từ nầy có thể được dịch như một lời phát biểu: "Người giết em mình vì"

việc làm của người là gian ác, còn việc làm của em người là công bình

Cụm từ nầy có thể được dịch là "vì người luôn luôn làm việc ác, còn em người lo làm việc lành".

1 John 3:13

anh em

"các anh em tín hữu"

nếu thế gian ghét anh em

Ở đây, cụm từ "thế gian" chỉ những người không kính mến Đức Chúa Trời. Cụm từ nầy có thể được dịch là "nếu những kẻ không tôn kính Đức Chúa Trời ghét anh em, là những người tôn kính Đức Chúa Trời"

Chúng ta đã vượt khỏi sự chết mà vào sự sống

"chúng ta không còn chết mất về mặt thuộc linh nữa nhưng hiện đang sống động về mặt thuộc linh"

ở trong sự chết

"vẫn còn chết mất về mặt thuộc linh"

Ai ghét anh em mình, là kẻ giết người

Cụm từ nầy sánh một người ghét tín hữu khác với một kẻ giết người. Vì lòng ghen ghét là nguyên nhân dẫn đến hành động giết người, Đức Chúa Trời xem người nào ghét kẻ khác là phạm tội như kẻ giết người vậy. Cụm từ nầy có thể được dịch là "Hễ ai ghét tín hữu khác thì phạm tội như kẻ giết người vậy"

sự sống đời đời không ở trong kẻ giết người

"Sự sống đời đời" là điều Đức Chúa Trời ban cho người tin Ngài sau khi qua đời, nhưng đây cũng là năng lực mà Đức Chúa Trời ban cho người kẻ tin Ngài để giúp cho họ không phạm tội nữa và làm theo những gì đẹp lòng Ngài trong đời nầy. Cụm từ nầy cũng có thể được dịch là "kẻ giết người thì không có năng quyền của sự sống thuộc linh hành động bên trong người"

1 John 3:16

Chúa Cứu Thế đã hi sinh mạng sống Ngài vì chúng ta

Cách diễn đạt nầy nhằm ý: "Chúa Cứu Thế bằng lòng phó sự sống mình vì chúng ta" hay "Chúa Cứu Thế bằng lòng chịu chết vì chúng ta"

Của cải đời nầy

Cụm từ nầy có thể được dịch là "của cải vật chất như tiền bạc, đồ ăn, hay quần áo".

thấy anh em mình đang lúc khó khăn

"và nhận ra anh em tín hữu đang cần giúp đỡ"

mà chẳng động lòng thương xót

Cụm từ nầy có ý nói "nhưng chẳng tỏ lòng thương xót người" hoặc "không sẵn lòng giúp đỡ người"

thì làm thế nào lòng yêu mến Đức Chúa Trời ở trong người ấy được?

Giăng sử dụng một câu hỏi để dạy dỗ khán thính giả của mình. Cụm từ nầy có thể được dịch như một câu nói: "Lòng yêu mến Đức Chúa Trời không ở trong người".

Hỡi các con cái bé nhỏ

Xem cách bạn dịch cụm từ nầy ở 2:1. 1JN 2:1.

chớ yêu mến bằng lời nói và miệng lưỡi

Cụm từ "bằng lời nói" và "bằng lưỡi" đều chỉ về những điều người ta nói. Cụm từ nầy có thể được dịch là "đừng chỉ nói miệng con yêu thương người khác"

nhưng bằng việc làm và lẽ thật

Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhưng hãy tỏ ra rằng bạn thực sự yêu người bằng cách giúp đỡ họ".

1 John 3:19

chúng ta thuộc về lẽ thật

Cụm từ nầy có thể được dịch là "chúng ta đang sống theo cách Chúa Giê-xu dạy mình"

Làm vững lòng mình

Trong 3:19-22 chữ "lòng" nói đến lương tâm của một người hoặc phần trong suy nghĩ của một người để qua đó Đức Chúa Trời khiến cho người đó nhận biết mình đang làm một việc tội lỗi. Cụm từ nầy có thể được dịch là "chúng ta sẽ không cảm thấy tội lỗi trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời"

Đức Chúa Trời còn vĩ đại hơn lòng chúng ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là "chúng ta biết Đức Chúa Trời là quan án tốt hơn lòng mình"

và làm những điều đẹp lòng Ngài.

Cụm từ nầy có thể được dịch là "chúng ta làm những điều đẹp lòng Ngài"

1 John 3:23

đây là điều răn của Ngài

Cụm từ nầy có thể được dịch là "đây là điều Đức Chúa Trời muốn chúng ta phải làm theo"

Con

Đây là danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời

ở trong Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời ở trong người ấy

Xem cách cụm từ nầy được dịch ở 2:5-6. 1JN 2:5-6.

Translation Questions

1 John 3:1

Tại sao Phao-lô không thể nói với các tín hữu Cô-rinh-tô như thể nói với những người thuộc linh?

Phao-lô không thể nói với các tín hữu Cô-rinh-tô như với người thuộc linh bởi vì họ vẫn còn xác thịt, giữa họ vẫn có những điều ghen ghét và xung đột.

1 John 3:3

Tại sao Phao-lô không thể nói với các tín hữu Cô-rinh-tô như thể nói với những người thuộc linh?

Phao-lô không thể nói với các tín hữu Cô-rinh-tô như với người thuộc linh bởi vì họ vẫn còn xác thịt, giữa họ vẫn có những điều ghen ghét và xung đột.

1 John 3:12

Chuyện gì sẽ xảy ra với công việc của những người xây trên nền là Chúa Giê-xu Cơ Đốc?

Công việc của người đó sẽ được bày tỏ và trong ánh sáng ban ngày và trong lửa.

1 John 3:14

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu những điều mà người ta xây vẫn còn lại sau khi bị đưa qua lửa?

Người đó sẽ nhận được phần thưởng

1 John 3:16

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúng ta là ai và ai ở trong chúng ta là những người tin nơi Chúa Giê-xu Cơ Đốc?
Chúng ta là đền thờ của Đức Chúa Trời và Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong lòng chúng ta
1 John 3:18
Phao-lô nói gì với người tự cho là khôn ngoan trong đời nầy?
Phao-lô nói với người "hãy trở nên "dại dột" để người có thể trở nên khôn ngoan.
1 John 3:21
Tại sao Phao-lô dặn các tín hữu Cô-rinh-tô đừng khoe khoang về loài người?
Ông dặn họ ngừng khoe khoang, "vì mọi sự đều thuộc về anh em" và bởi vì "anh em thuộc về Chúa Cứu Thế và Chúa Cứu Thế thuộc về Đức Chúa Trời"

Chapter 4
1 John 4:1
đừng tin tất cả thần linh
Trong 4:1-3 từ "thần" chỉ về quyền phép hay hữu thể thuộc linh ban cho một người sứ điệp hay lời tiên tri. Cụm từ nầy có thể được dịch là "đừng tin mọi tiên tri tự nhận mình có sứ điệp từ một thần nào đó".
nhưng hãy thử xem các thần linh đó
Cụm từ nầy có thể được dịch là "nhưng phải chắc chắn lắng nghe cẩn thận những lời tiên tri đó nói".
đã đến trong thân xác
"đã mang lấy hình dạng con người" hoặc "đã đến trong một thân thể vật lý"
Đây là thần linh của kẻ chống lại Chúa Cứu Thế
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Chúng ta những giáo sư chống lại Chúa Cứu Thế" (UDB)
mà anh em nghe nói sắp đến
Cụm từ nầy có thể được dịch là "anh em đã nghe rằng những người như vậy đang đến giữa vòng chúng ta"
và hiện nay đã ở trong thế gian rồi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Thậm chí bây giờ họ đã có mặt ở đây rồi!" (UDB)
1 John 4:4
Các là của Đức Chúa Trời
"các con thuộc về Đức Chúa Trời"
Hỡi các con cái bé nhỏ
Xem cách bạn dịch cụm từ nầy ở 2:1. 1JN 2:1.
đã chiến thắng những linh đó rồi
Cụm từ nầy có thể được dịch là "đã không tin nơi các giáo sư giả"
Đấng ở trong các con
"Đấng" nói đến Đức Chúa Trời.
kẻ ở trong thế gian
"kẻ" nói đến Satan.
thế gian
Cụm từ "thế gian" nói đến những người không vâng phục Đức Chúa Trời.
Chúng thuộc về thế gian
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Các giáo sư giả đó là những kẻ không vâng phục Đức Chúa Trời "
cho nên họ nói những việc thuộc về thế gian
Cụm từ nầy có thể được dịch là "vì vậy họ dạy dỗ các ý tưởng chống nghịch Đức Chúa Trời"
và thế gian nghe họ
Cụm từ nầy có thể được dịch là "và những kẻ không vâng theo Đức Chúa Trời nghe theo họ"
1 John 4:7
Kẻ rất yêu dấu
"Bạn thân yêu" (Tham khảo bản dịch UDB)
chúng ta hãy yêu mến lẫn nhau
"Các tín hữu phải yêu thương các tín hữu khác"
Đức Chúa Trời là sự yêu thương
Đây là ẩn dụ ý nói "bản tánh của Đức Chúa Trời là sự yêu thương"
vì sự yêu thương thuộc về Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy có thể được dịch là "vì Đức Chúa Trời khiến chúng ta yêu thương nhau"
sinh bởi Đức Chúa Trời
Đây là ẩn dụ nói về mối quan hệ với Đức Chúa Trời giống như con đối với cha vậy.
và ai yêu thương thì sinh bởi Đức Chúa Trời và nhận biết Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy có thể được dịch là "vì người nào yêu thương các anh em tín hữu khác vốn đã trở nên con cái của Đức Chúa Trời và nhận biết Ngài" (UDB)
Ai chẳng yêu, thì không biết Đức Chúa Trời; vì Đức Chúa Trời là sự yêu thương
Cụm từ nầy có thể được dịch là "bản tánh của Đức Chúa Trời là yêu thương mọi người. Kẻ nào không yêu thương các anh em tín hữu khác thì không nhìn biết Đức Chúa Trời vì bản tánh của Đức Chúa Trời là yêu thương con người".
1 John 4:9
Tình yêu thương của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta đã được bày tỏ ra trong điều nầy
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời bày tỏ rằng Ngài yêu chúng ta"
để chúng ta nhờ Con được sống
Cụm từ nầy có thể được dịch là "để chúng ta có thể sống đời đời vì cớ mọi điều Chúa Giê-xu đã làm"
Tình yêu thương ở trong điều nầy
Cụm từ nầy có thể được dịch là "Đức Chúa Trời tỏ ra cho chúng ta biết tình yêu thương thật là gì
không như chúng ta đã yêu Đức Chúa Trời
Cụm từ nầy có thể được dịch là "không giống như cách chúng ta yêu Đức Chúa Trời"
của lễ chuộc tội
ý nói một sự hy sinh chuộc tội.
và sai Con Ngài làm của lễ chuộc tội cho chúng ta
Cụm từ nầy có thể được dịch là "và sai Con Ngài chịu chết để Đức Chúa Trời có thể tha tội cho chúng ta"
1 John 4:11
Kẻ rất yêu dấu
"Bạn thân mến" (Tham khảo bản dịch UDB)
nếu Đức Chúa Trời đã yêu chúng ta như thế
Cụm từ nầy có thể được dịch là "vì Đức Chúa Trời rất yêu thương chúng ta"
yêu nhau
"các tín hữu cần phải yêu thương các tín hữu khác"
Đức Chúa Trời ở trong chúng ta ... chúng ta ở trong Ngài và Ngài ở trong chúng ta
Xem cách cụm từ nầy được dịch ở 2:5-6. 1JN 2:5-6.
tình yêu thương của Ngài được trọn vẹn trong chúng ta

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ nầy có thể được dịch là “tình yêu thương của Đức Chúa Trời được trọn vẹn trong chúng ta”

Vì Ngài đã ban Thánh Linh Ngài cho chúng ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là “vì Ngài đã đặt Thánh Linh Ngài trong chúng ta”

Và chúng ta đã thấy và làm chứng rằng Đức Chúa Cha đã sai Đức Chúa Con làm Cứu Chúa của thế gian

Cụm từ nầy có thể được dịch là “và chúng ta, các sứ đồ, đã thấy Con Đức Chúa Trời và thuật lại cho mọi người biết rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha đã sai Con của Ngài đến cứu mọi người trên đất nầy”

Cha... Con

Đây là những danh xưng quan trọng mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu

1 John 4:15

Nếu ai xưng nhận Đức Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời

“những người nào nói ra lẽ thật về Chúa Giê-xu, rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời”

Con Đức Chúa Trời

Đây là danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu, mô tả mối liên hệ của Ngài với Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời ở trong người, và người ở trong Đức Chúa Trời

Xem cách cụm từ nầy được dịch ở 2:5-6. 1JN 2:5-6.

Đức Chúa Trời là sự yêu thương

Đây là ẩn dụ ý nói “bản tánh của Đức Chúa Trời là sự yêu thương”

ai ở trong sự yêu thương, là ở trong Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời ở trong người ấy

Cụm từ nầy có thể được dịch là “ai cứ yêu người khác tức là có mối liên hệ với Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời có một mối liên hệ mật thiết với họ”

1 John 4:17

Bởi điều nầy, tình yêu thương được trọn vẹn trong chúng ta, để chúng ta được vững tâm trong ngày phán xét

Có thể hiểu: 1) chữ “nầy” chỉ ngược về 4:16. Cách dịch khác: “Và khi một người sống trong tình yêu thương, thì người ở trong Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời ở trong người ấy, tình yêu thương của chúng ta được trọn vẹn. Và, chúng ta có thể có sự trông cậy trọn vẹn trong ngày phán xét”. Hoặc 2) chữ “nầy” nói đến “sự trông cậy”. Cách dịch khác: “Khi chúng ta có lòng trông cậy rằng Đức Chúa Trời sẽ tiếp nhận chúng ta trong ngày Ngài phán xét thiên hạ, khi ấy chúng ta nhận biết tình yêu thương của chúng ta là trọn vẹn giữa vòng chúng ta”.

Vì Ngài thể nào thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian nầy

“vì mối liên hệ mà Chúa Giê-xu có với Đức Chúa Trời cũng chính là mối liên hệ chúng ta có với Đức Chúa Trời trong thế gian nầy”

tình yêu thương trọn vẹn vứt bỏ sự sợ hãi

Ở đây “sự yêu thương” được mô tả như một người có sức mạnh loại bỏ sự sợ hãi. Cách dịch khác: “Nhưng khi tình yêu thương của chúng ta là trọn vẹn chúng ta không còn sợ hãi nữa”

vì sự sợ hãi có liên quan đến hình phạt

“vì chúng ta sợ hãi nếu nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ hình phạt chúng ta khi Ngài ngự đến đoán xét mọi người”

và ai sợ hãi thì không được trọn vẹn trong tình yêu thương

“Khi một người lo sợ rằng Đức Chúa Trời sẽ hình phạt mình thì có nghĩa là tình yêu thương của người ấy chưa trọn vẹn”

1 John 4:19

Chúng ta

Điều nầy nói đến Giăng, những người mà ông đang viết thư cho, và các tín hữu ở khắp mọi nơi

ghét anh em mình

“ghét các anh em tín hữu” (UDB)

ai chẳng yêu anh em mình thấy được thì chẳng thể yêu Đức Chúa Trời không thể nhìn thấy đươc

"chỉ người nào yêu mến anh em mình, là những người mình nhìn thấy được, thì mới có thể yêu mến Đức Chúa Trời, Đấng mình không thể thấy”

điều răn chúnh ta nhận từ Ngài

“Ngài” nói đến Đức Chúa Trời.

Translation Questions

1 John 4:1

Phao-lô dặn Hội Thánh Cô-rinh-tô xem ông và đoàn của ông ra sao?

Hội Thánh Cô-rinh-tô nên xem họ như những đầy tớ của Chúa Cứu Thế, những người quản trị các sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời

1 John 4:5

Chúa sẽ làm gì khi Ngài trở lại?

Ngài sẽ đưa ra ánh sáng những điều đang được che giấu trong bóng tối, và phơi bày những mưu định trong lòng.

1 John 4:6

Tại sao Phao-lô lại áp dụng những điều này cho chính mình và cho A-bô-lô?

Phao-lô làm như vậy vì các tín hữu tại Cô-rinh-tô để họ có thể học được ý nghĩa của cây: “Đừng vượt ra ngoài những lời đã chép”, như vậy không ai trong họ sinh lòng keei căng mà ủng hộ người nầy và chống lại người kia.

1 John 4:8

Tại sao Phao-lô lại mong ước các tín hữu Cô-rinh-tô cai trị?

Phao-lô ước các tín hữu Cô-rinh-tô cầm quyền thống trị để Phao-lô và những người bạn của ông có thể cai trị cùng họ

1 John 4:10

Ba điều trái ngược giữa Phao-lô và người trong đoàn của ông với các tín hữu Cô-rinh-tô?

Phao-lô nói rằng: “Chúng tôi là những kẻ khờ dại vì cơ Chúa Cứu Thế, còn anh em được khôn ngoan trong Chúa Cứu Thế. Chúng tôi yếu đuối, còn anh em mạnh mẽ. Anh em được tôn trọng còn chúng tôi bị khinh khi”

1 John 4:12

Phao-lô và những người trong đoàn của ông đã phản ứng như thế nào khi bị ngược đãi?

Khi bị chửi rủa, họ chúc phước lại. Khi bị bắt bớ, họ chịu đựng điều đó. Khi bị vu khống, họ đáp lại cánh ôn tồn.

1 John 4:14

Tại sao Phao-lô viết những điều này cho các tín hữu Cô-rinh-tô?

Ông viết những điều này để sửa dạy họ như những người con yêu quý của mình.

1 John 4:17

Phao-lô sai Ti-mô-thê đến cùng các tín hữu Cô-rinh-tô để nhắc họ điều gì?

Phao-lô sai Ti-mô-thê đến Cô-rinh-tô để nhắc các tín hữu tại đó về đường lối của Phao-lô trong Chúa Cứu Thế.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chapter 5

1 John 5:1

sinh bởi Đức Chúa Trời

“là con cái của Đức Chúa Trời”

Ngài trở nên cha

“Ngài là Đấng khiến cho chúng ta trở nên con cái của Ngài”

Bởi điều này chúng ta biết mình yêu thương con cái Đức Chúa Trời, khi chúng ta yêu Đức Chúa Trời và giữ các điều răn Ngài

“Khi chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời và làm theo những điều Ngài truyền dạy, khi ấy chúng ta biết rằng chúng ta yêu mến con cái của Đức Chúa Trời”

Vì nầy là sự yêu mến Đức Chúa Trời, tức là chúng ta vâng giữ điều răn Ngài

“Vì khi chúng ta làm theo những gì Ngài truyền, đó là tình yêu thật dành cho Đức Chúa Trời”

Điều răn của Ngài không phải là nặng nề

“Và những điều Ngài đã truyền không phải là gánh nặng” hoặc “Những gì Ngài truyền không phải là khó làm”

1 John 5:4

những kẻ sinh bởi Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy nói đến hết thảy con cái của Đức Chúa Trời.

chiến thắng thế gian

Cụm từ nầy có thể được dịch là “từ chối không làm theo những việc ác mà người không tin Chúa làm”

và đây là chiến thắng....đức tin của chúng ta

Cụm từ nầy có thể được dịch là “Đức tin của chúng ta cho chúng ta năng lực kháng cự lại sự phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời”

Ai là người thắng hơn thế gian?

Giăng dùng câu hỏi này để giới thiệu điều mà ông muốn dạy dỗ. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ cho anh em biết ai là người thắng hơn thế gian”

Người tin rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời

Câu này không chỉ một người cụ thể nào nhưng nói chung toàn bộ những người tin điều này. Tham khảo cách dịch: “Người nào tin rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời”

thế gian

Chỉ mọi vật trong thế gian chống nghịch cùng Đức Chúa Trời.

Con Đức Chúa Trời

Đây là danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu, mô tả mối liên hệ của Ngài với Đức Chúa Trời

1 John 5:6

Ấy chính Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã đến bởi nước và huyết

“Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc là Đấng đã đến bởi nước và huyết”. Ở đây “nước” nói đến phép báp têm của Chúa Giê-xu. “Huyết” nói đến sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự giá. Cách dịch khác: “Đức Chúa Trời đã tỏ ra rằng Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc là Con Ngài qua phép báp têm của Chúa Giê-xu và sự chết của Ngài trên thập tự giá”

không phải chỉ bởi nước mà thôi, nhưng bởi nước và huyết

Nước chỉ đến sự báp têm của Chúa Giê-xu và huyết nói đến sự chết của Ngài trên thập tự giá. Cách dịch khác: “Đức Chúa Trời không chỉ tỏ cho chúng ta thấy Chúa Giê-xu là Con Ngài qua phép báp têm mà Chúa Giê-xu đã chịu, nhưng qua phép báp têm và cả sự chết của Ngài trên thập tự giá nữa”.

1 John 5:9

Nếu chúng ta nhận lời chứng của loài người, thì lời chứng của Đức Chúa Trời còn cao trọng hơn

Chúng ta có thể nói rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây là chúng ta nên tin vào những lời của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: “Nếu chúng ta tin những gì người ta nói, thì chúng ta nên tin theo những gì Đức Chúa Trời phán vì Ngài luôn luôn nói sự thật”

Con

Đây là danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời

Ai tin nơi Con Đức Chúa Trời thì có lời chứng ấy trong mình

Tham khảo cách dịch: “Ai tin nơi Chúa Giê-xu thì biết rõ rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời”

khiến Ngài thành kẻ nói dối

“gọi Đức Chúa Trời là kẻ nói dối”

vì chẳng tin lời Đức Chúa Trời đã làm chứng về Con Ngài

“vì người không tin Đức Chúa Trời đã nói ra sự thật về Con Ngài”

1 John 5:11

Đây là lời chứng

“Đây là điều Đức Chúa Trời phán” (Tham khảo bản dịch UDB)

sự sống nầy ở trong Con Ngài

“Chúng ta sẽ sống đời đời nếu hiệp với Con Ngài”, hay “Chúng ta sẽ sống đời đời nếu chúng ta hiệp một với Con Ngài”.

Con

Đây là danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời

Ai có Đức Chúa Con thì có sự sống

Cụm từ nầy có thể được dịch là “Người nào tin theo Chúa Giê-xu đều có sự sống đời đời”.

1 John 5:13

Những điều nầy

“bức thư nầy”

cho anh em là những người tin đến danh Con Đức Chúa Trời

Từ “danh” nói đến Con của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: “cho anh em là người tin cậy nơi Con Đức Chúa Trời”

Con Đức Chúa Trời

Đây là danh hiệu quan trọng của Chúa Giê-xu, mô tả mối liên hệ của Ngài với Đức Chúa Trời

Đây là sự dạn dĩ của chúng ta có trước mặt Ngài

“Và vì chúng ta tin cậy nơi Con của Đức Chúa Trời nên chúng ta có thể dám chắc về điều nầy”

nếu chúng ta cầu xin theo ý muốn Ngài

“nếu chúng ta cầu xin những việc mà Con Đức Chúa Trời mong muốn”

chúng ta biết mình đã nhận được điều cầu xin rồi

“chúng ta biết rằng mình sẽ nhận lãnh những điều đã cầu xin nơi Ngài”

1 John 5:16

anh em

“anh em tín hữu”

Đức Chúa Trời sẽ ban sự sống cho người

“sự sống” ở đây nói đến sự sống đời đời.

1 John 5:18

cả thế gian đều nói dối

"Thế gian” là cách nói mà một số tác giả Kinh Thánh dùng để chỉ đến những người chống nghịch cùng Đức Chúa Trời

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

ở trong thế gian, và hệ thống thế gian này bị ảnh hưởng bởi quyền lực tàn phá của tội tội theo mọi cách.

kẻ ác
“kẻ ác” là một hoán dụ nói đến Sa-tan.

Translation Questions

1 John 5:1

Phao-lô đã nghe tin đồn gì về hội thánh tại Cô-rinh-tô?

Phao-lô nghe rằng có sự dâm loạn ở đó. Một trong số họ đã ăn nằm với vợ của cha mình.

1 John 5:9

Phao-lô căn dặn các tín hữu Cô-rinh-tô không được kết giao với ai?

Phao-lô viết thư dăn họ không kết giao với những kẻ gian dâm.

1 John 5:11

Phao-lô dặn các tín hữu Cô-rinh-tô không kết giao với người nào?

Ông viết những lời nầy dặn họ không được kết giao với người nào tự xưng là anh chị em trong Chúa Cứu Thế mà lại gian dâm hoặc tham lam hoặc chửi rủa, hoặc say sưa hoặc lừa đảo hoặc thờ hình tượng.

Chapter 1

2 John 1:1

Trưởng lão

Cụm từ nầy đề cập đến Giăng, vị sứ đồ và là môn đồ của Chúa Jêsus. Ông đề cập đến chính mình là “trưởng lão”, một là vì tuổi tác của ông hoặc vì ông là cấp lãnh đạo trong Hội thánh.

Trưởng lão kính thăm bà, người được chọn, cùng các con của bà

Đây là cách mở đầu thư trong tiếng Hy-lạp. Cụm từ nầy có thể được dịch là: “Tôi là Giăng, là trưởng lão đang viết thư thư nầy quý bà được chọn cùng các con của người”

bà, người được chọn, cùng các con của bà

Đây có lẽ chỉ một hội chúng và những tín hữu thuộc hội chúng đó.

người mà tôi quý mến trong lẽ thật

Cụm từ nầy có thể được dịch là “những người tôi thực sự yêu mến“

vì lẽ thật ở trong chúng ta và sẽ ở với chúng ta đời đời

Cụm từ nầy có thể được dịch là “vì chúng ta còn tiếp tục và sẽ mãi mãi tin theo lẽ thật”

lẽ thật

Chỉ lẽ thật trong lời dạy của Chúa Giê-xu.

Cha... Con

Đây là những danh xưng quan trọng mô tả mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu.

trong lẽ thật và tình yêu thương

Cụm từ nầy có thể được dịch là “vì chúng là thật và chúng yêu mến chúng ta”. Cách dịch khác: “vì chúng thực sự yêu mến chúng ta”

2 John 1:4

một số các con của bà

Chữ “bà” ở số ít.

như chúng ta đã nhận điều răn này từ Đức Chúa Cha

“như Đức Chúa Cha đã truyền cho chúng ta”

không phải tôi viết cho bà một điều răn mới

“không phải tôi đang truyền cho bà phải làm điều gì đó mới”

mà là điều chúng ta đã nhận từ ban đầu

“nhưng tôi viết cho bà những gì Chúa Cứu Thế đã truyền cho chúng ta phải làm theo ngay từ ban đầu khi chúng ta tin nơi Ngài”

ấy là chúng ta phải yêu thương nhau

Cụm từ nầy có thể được dịch thành một câu mới: “Và Ngài truyền rằng chúng ta phải yêu thương nhau”

Đây là điều răn mà ngay khi anh em đã nghe từ ban đầu thì anh em phải bước theo nó

Cụm từ “nó” đề cập đến tình yêu thương. Cách dịch khác: “Và Ngài đã truyền cho anh em ngay khi anh em tin Ngài rằng phải phải yêu thương nhau”.

anh em phải bước

Cụm từ “anh em” ở số nhiều. (See: [[Forms of 'You' - Dual/Plural]])

2 John 1:7

Vì có nhiều kẻ lừa dối đã đến trong thế gian

Cụm từ nầy có thể được dịch là “nhiều giáo sư giả đã lìa khỏi hội chúng”

nhiều kẻ lừa dối

Cụm từ nầy có thể được dịch là “nhiều giáo sư giả” hay “nhiều kẻ lừa đảo”

Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã đến trong xác thịt

Đây là lối nói hoán dụ ý nói “Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã đến như một con người thực sự”

Đó là kẻ dỗ dành và kẻ chống Chúa Cứu Thế

Cụm từ nầy có thể được dịch là “họ là những người dối gạt người khác và chống nghịch lại Chúa Cứu Thế”

Chính các ngươi coi chừng

“Hãy coi chừng” hoặc “Hãy chú ý”

mất những gì

Cụm từ nầy có thể được dịch là “mất các phần thưởng trong tương lai ở trên trời”

phần thưởng đầy đủ

Cụm từ nầy có thể được dịch là “phần thưởng trọn vẹn ở trên trời”

2 John 1:9

Ai đi quá xa

Cụm từ nầy đề cập đến người nào tự cho mình biết nhiều về Đức Chúa Trời và lẽ thật hơn những người khác. Cách dịch khác: “hễ ai tự cho mình biết nhiều về Đức Chúa Trời”

Ai cứ ở trong sự dạy dỗ đó thì có được cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con

"Những người theo sự dạy dỗ của Chúa Cứu Thế thì thuộc về cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con.

không ở trong sự dạy dỗ của Chúa Cứu Thế

“không tiếp tục tin theo những lời dạy dỗ của Chúa Cứu Thế”

không có Đức Chúa Trời

“không thuộc về Đức Chúa Trời”

đến với anh em

Cụm từ “anh em” ở số nhiều.

tiếp người vào nhà anh em

Ở đây có nghĩa là chào đón họ và đối xử với họ cách tôn kính nhằm xây dựng mối liên hệ với họ.

nhà anh em

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Cụm từ “các ngươi” ở số nhiều.

tham dự vào những việc ác của người

“dự phần với người ấy trong những việc ác của người” hoặc “giúp người ấy trong các việc ác của người”

Translation Questions

2 John 1:1

Giăng dùng danh hiệu nào để giới thiệu mình trong thư?

Giăng giới thiệu mình như một trưởng lão.

Lá thư nầy được viết cho ai?

Lá thư nầy được viết cho người nữ được chọn và con của bà.

2 John 1:4

Tại sao Giăng vui mừng?

Giăng vui mừng bởi vì ông nhận thấy một số người con của người đàn bà đang bước đi trong lẽ thật.

2 John 1:7

Giăng gọi những người không thừa nhận rằng Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã đến trong thân xác là gì?

Giăng gọi những kẻ không thừa nhận rằng Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã đến trong thân xác là những kẻ lừa đảo và những kẻ chống lại Chúa Cứu Thế.

Chapter 1

3 John 1:1

Trưởng lão

Cụm từ nói tới Giăng, là sứ đồ và là môn đồ của Chúa Giê-xu. Ông đề cập đến bản thân mình là “trưởng lão”, một là vì tuổi tác của ông hoặc vì ông là cấp lãnh đạo trong Hội Thánh. Danh xưng của tác giả có thể nói rõ: “Ta, là Giăng trưởng lão, đang viết”

Gai-út

Đây là một tín hữu mà Giăng đang viết thư nầy gửi cho người.

người mà tôi quý mến trong lẽ thật

Cách dịch khác: “người mà tôi thực sự yêu thương” (Tham khảo bản dịch UDB)

anh được thịnh vượng mọi mặt, và được khỏe mạnh phần xác

“nguyện anh làm mọi việc đều được tốt và được khỏe mạnh”

cũng như được thịnh vượng về phần hồn

“cũng như anh làm tốt về phần thuộc linh vậy”

anh em

“các anh em tín hữu”

làm chứng về lẽ thật của anh em cũng như anh em bước đi trong lẽ thật vậy

“cho tôi biết rằng anh em đang sống theo lẽ thật của Đức Chúa Trời”

không điều gì làm tôi vui mừng hơn điều này

các con tôi

Giăng so sánh những người mà ông dạy dỗ tin theo Chúa Giê-xu với con cái. Điều nầy nhấn mạnh tình cảm và mối quan tâm của ông dành cho họ. Cách dịch khác: “con cái của tôi về mặt thuộc linh”

3 John 1:5

Thưa anh quý mến

Ở đây, từ này được dùng như một từ bày tỏ lòng yêu mến cho những người anh em tín hữu.

anh ăn ở trung tín

“anh đang làm những việc trung tín với Đức Chúa Trời” hay “anh em trung thành với Đức Chúa Trời”

làm cho các anh em cũng như cho các khách lạ

“giúp đỡ các anh em tín hữu và những người anh không quen biết”

những người đã làm chứng về lòng yêu thương của anh ở trước Hội thánh

Cụm từ nầy có thể được dịch thành một câu mới: “Họ đã thuật lại cho các tín hữu trong Hội thánh biết về cách anh em đã yêu thương họ”

Anh sẽ giúp họ tiếp tục cuộc hành trình một cách xứng đáng với Đức Chúa Trời

“Xin hãy giúp họ trong cuộc hành trình của họ sao cho làm vinh hiển cho Đức Chúa Trời”

bởi vì họ đã ra đi vì danh Ngài

Ở đây “danh” đề cập đến Chúa Giê-xu. Cách dịch khác: “vì họ ra đi làm chứng với mọi người về Chúa Giê-xu

không nhận gì từ người ngoại

Ở đây “người ngoại” không phải chỉ những người không thuộc dân Do Thái mà chỉ về những người không tin theo Chúa Giê-xu. Cách dịch khác: “và họ chẳng lấy gì từ những kẻ họ đang làm chứng về Chúa Giê-xu”

Vì thế, chúng ta

Ở đây “chúng ta” đề cập đến Giăng và tất cả các tín hữu.

để chúng ta có thể trở thành những người cùng làm việc vì lẽ thật

“chúng ta có thể giúp đỡ họ trong công việc của họ làm chứng cho người ta về lẽ thật của Đức Chúa Trời”

3 John 1:9

Hội thánh

Cụm từ nầy đề cập đến Gai-út và nhóm tín đồ nhóm lại đặng thờ phượng Đức Chúa Trời.

Đi-ô-trép

Ông là một thuộc viên của Hội thánh.

là người thích đứng đầu Hội thánh

“người thích hành xử như lãnh đạo của Hội Thánh”

không chấp nhận chúng tôi

Cụm từ “chúng tôi” đề cập đến Giăng và những người ở với ông, không bao gồm Gai-út.

cách người dùng những lời độc ác nói những điều lố bịch chống lại chúng ta

“và cách người bịa ra những điều xấu xa về chúng ta”

chính người

Từ “chính” nhấn mạnh rằng chính Đi-ô-trép làm những việc nầy.

còn không không tiếp rước các anh em

“không hoan nghênh các anh em tín hữu”

và ngăn cản những người muốn

Trong vế nầy, có những từ đã bị lược bỏ nhưng vẫn có thể hiểu được chúng trong câu. Cách dịch khác: “và người ngăn cản những người muốn tiếp rước các tín đồ”

và đuổi họ ra khỏi

“và người buộc họ ra khỏi”. Từ “họ” đề cập đến những người muốn hoan nghênh các tín đồ.

3 John 1:11

Hỡi anh em yêu dấu

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ở đây, từ bày tỏ tình yêu mến này chỉ về các anh em tín hữu.

đừng bắt chước điều dữ

“đừng làm theo những việc ác mà người ta đang làm”

bèn là điều lành

Có những từ đã bị lược bỏ, nhưng chúng rất dễ hiểu. Cách dịch khác: “nhưng hãy bắt chước những việc lành mà người ta làm”

là của Đức Chúa Trời

“thuộc về Đức Chúa Trời”

không hề thấy Đức Chúa Trời

Cách dịch khác: “không thuộc về Đức Chúa Trời” hay “không tin theo Đức Chúa Trời”

Mọi người đều làm chứng tốt cho Đê-mê-triu

Cách dịch khác: “Tất cả những tín hữu quen biết Đê-mê-triu đều nói tốt về ông”

Đê-mê-triu

Đây là một người Giăng muốn Gai-út và hội chúng phải tiếp rước khi ông đến thăm.

và chính lẽ thật

“và chính lẽ thật cũng làm chứng tốt về người”. Ở đây “lẽ thật” được mô tả là một người đang phát biểu. Cách dịch khác: “và mọi điều họ nói về ông là thật”.)

Chúng tôi cũng làm chứng

Ở đây “chúng tôi” đề cập đến Giăng và những người ở cùng ông. Không bao gồm Gai-út. Cách dịch khác: “Chúng tôi nói tốt về Đê-mê-triu”

Anh biết rằng

Từ ngữ “anh” ở số ít và đề cập đến Gai-út.

Translation Questions

3 John 1:1

Trong thư, tác giả Giăng giới thiệu mình vơi danh hiệu nào?

Giăng giới thiệu mình là một trưởng lão.

Mối quan hệ giữa Giăng và Gai-út, người nhận thư, là gì?

Giăng yêu mến Gai-út trong lẽ thật.

3 John 1:9

Đi-trô-ép thích điều gì?

Đi-trô-ép thích làm người đứng đầu trong Hội Thánh

Thái độ của Đi-trô-ép với Giăng ra sao?

Đi-trô-ép không tiếp đón Giăng.

3 John 1:11

Giăng khuyên Gai-út phải bắt chước điều gì?

Giăng khuyên Gai-út phải bắt chước điều lành.

Chapter 1

Jude 1:1

Giu-đe, đầy tớ của

Giu-đe là em của Gia-cơ. Có thể dịch là: “Tôi là Giu-đe, đầy tớ của”.

và là em của Gia-cơ

Gia-cơ và Giu-đe là các em cùng mẹ với Chúa Giê-xu.

được yêu thương trong Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha

"Đức Chúa Cha yêu thương anh em"

sự thương xót, bình an và tình yêu thương càng gấp bội cho anh em

"Anh em" chỉ về tất cả những Cơ Đốc nhân nhận được bức thư nầy. Có thể dịch là: “Nguyền xin sự thương xót, bình an và tình yêu thương gia tăng gấp bội cho anh em”.

Jude 1:3

Tôi cố gắng mọi cách để viết thư cho anh em

"Tôi mong mỏi viết thứ cho anh em"

sự cứu rỗi chung của chúng ta

"Chúng ta có cùng sự cứu rỗi"

Tôi phải viết

"Tôi thấy rất cần phải viết" hay "Tôi thấy nhu cầu cấp bách cần phải viết"

để thúc giục anh em sốt sắng chiến đấu vì đức tin

"Để khích lệ anh em bênh vực cho lời dạy phải lẽ”

truyền xuống cho

"Đức Chúa Trời đã ban những lời dạy phải lẽ này”

Vì có mấy kẻ lẻn vào

"Vì có một số người âm thầm trà trộn vào giữa các tín hữu"

hình phạt của họ đã được định từ lâu

"Từ lâu những người này đã định sẽ bị đoán phạt"

là những kẻ biến vinh hiển của Đức Chúa Trời ra tội tà dâm

"là những kẻ dạy rằng ân điển của Đức Chúa Trời cho phép một người tiếp tục ở trong nếp sống trụy lạc"

là những kẻ chối bỏ Đấng Chủ Tể duy nhất và Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc

Những người nầy dạy rằng Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc không phải là con đường đúng đắng hay duy nhất đến với Đức Chúa Trời.

chối bỏ

Nói rằng điều gì đó là không đúng.

Jude 1:5

Tôi muốn nhắc nhở anh em

"Tôi muốn anh em nhớ rằng"

anh em biết tất cả rồi

Giu-đe chủ yếu chỉ về các sách của Môi-se mà họ đã được học. Có thể dịch là: “anh em biết các sách của Môi-se rồi”.

Chúa đã từng giải cứu một dân tộc ra khỏi đất Ai Cập

"Xưa kia Chúa đã từng giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập"

nhưng sau đó

"Sau một thời gian" hay "sau một việc gì đó"

chức vị của họ

"vị trí của họ” hoặc “trách nhiệm đã được giao phó cho họ”

lìa bỏ chỗ ở riêng mình

"Họ từ bỏ nơi dành cho mình"

Đức Chúa Trời dùng xiềng đời đời mà giam họ trong bóng tối

"Đức Chúa Trời giam những thiên sứ nầy trong bóng tối"

ngày lớn

Ngày cuối cùng khi Đức Chúa Trời phán xét mọi người.

Jude 1:7

cũng trong cách đó, họ buông mình vào

Sô-đôm và Gô-mô-rơ sống trong tội lỗi dâm dục cũng giống như các thiên sứ đi theo con đường gian ác.

làm gương cho những kẻ chịu hình phạt bằng lửa đời đời

Sự hủy diệt dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ trở thành một tấm gương cho số phận của những kẻ chối bỏ Đức Chúa Trời.

những kẻ nầy cũng làm ô uế

"Những kẻ nầy" chỉ về những người chối bỏ Đức Chúa Trời,

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

làm ô uế thân thể mình bởi sự dâm loạn tương tự như việc ném rác vào suối làm cho nước uống bị ô nhiễm.

về các đấng vinh quang

"về các thiên sứ tuyệt diệu của Đức Chúa Trời"

Jude 1:9

tranh chấp về xác

Họ tranh chấp xem ai sẽ được lấy xác. Có thể dịch là: “tranh chấp xem ai sẽ được lấy xác”.

Mi-ca-ên... không dám nhiếc móc nó

Gợi ý dịch: “Mi-ca-ên... giữ mình không nhiếc móc ma quỷ”

lời lên án hay xúc phạm

"chỉ trích mạnh mẽ hay những lời thiếu tôn trọng"

Nhưng những kẻ nầy

"Những kẻ nầy" là những người bất kính được đề cập trước đó.

lăng mạ tất cả những điều họ không hiểu

"nói xúc phạm những điều họ không biết ý nghĩa"

con đường của Ca-in

Ca-in giết em mình là A-bên.

lỗi lầm của Ba-la-am để được tiền

Ba-la-am cố gắng nguyền rủa Y-sơ-ra-ên để được tiền.

sự phản nghịch của Cô-ra

Cô-ra chống lại quyền lãnh đạo của Môi-se và chức thầy tế lễ của A-rôn.

Jude 1:12

Họ là những người

Từ "họ" chỉ về những người không tin kính.

cây mùa thu không có trái

Như một số loại cây không ra trái vào cuối mùa hè, những người không tin kính cũng không có đức tin hay việc làm công bình.

không có trái, chết hai lần

Như cây chẳng hạn do sương giá bị chết hai lần sẽ không ra trái, thì những người không tin kính cũng không có giá trị và không mang sự sống trong mình.

bị nhổ bật rễ

Giống như cây bị nhổ rễ lên khỏi đất, thì người không tin kính bị tách biệt với Đức Chúa Trời là nguồn của sự sống.

sóng cuồng của biển

Như những cơn sóng cuồng của biển bị thổi đi bởi gió mạnh thì người không tin kính không có nền tảng đức tin, dễ dàng bị đưa đi nhiều hướng.

sôi bọt nhục nhã của mình

Như gió khiến sóng cuồng tạo nên bọt bẩn, thì những người nầy bị những lời dạy và việc làm sai trái của mình làm cho nhục nhã. Có thể dịch là: “như những cơn sóng tạo nên bọt bẩn, những kẻ nầy làm cho người khác bị ô uế bởi những sự đáng nhục nhã của mình”.

những vì sao lạc mà bóng tối mù mịt đã dành cho họ đời đời

Như những ngôi sao di chuyển vòng quanh bầu trời rất khó lần theo, anh em không nên đi theo những người như vậy.

Jude 1:14

những người nầy...những việc....họ đã

Những điều này chỉ về những người không tin kính.

cháu bảy đời của A-đam

Thế hệ thứ bảy tính từ A-đam. Một số bản dịch có thể ghi là cháu sáu đời tùy thuộc A-đam có được tính là một thế hệ hay không.

Trông kìa, Chúa...

"Kìa, Chúa", hay "nầy, Chúa"

mọi thứ bất kính

"mọi lời xấc xược"

những kẻ hay cằn nhằn, những kẻ hay phàn nàn

Những kẻ có tấm lòng không vâng phục. Người cằn nhằn thể hiện trong yên lặng, còn người phàn nàn thể hiện cách công khai hơn.

những kẻ nói huênh hoang

Những kẻ ca ngợi bản thân để người khác nghe thấy.

Jude 1:17

Họ đã nói với anh em

"Các sứ đồ đã nói với anh em"

đi theo...của họ...chúng là

Giu-đe đang chỉ về những kẻ nhạo báng.

chúng gây chia rẽ

"Những kẻ nhạo báng gây ra mâu thuẫn giữa các tín hữu"

họ thuộc về xác thịt

"những kẻ nhạo báng theo đuổi tội lỗi dâm dục"

Jude 1:20

như anh em xây dựng chính mình

Như anh em có thể lớn lên và khỏe mạnh về mặt thân thể, anh em cũng có thể làm cho vững mạnh tâm trí và thuộc linh trong sự hiểu biết về Đức Chúa Trời

trông đợi...

"háo hức mong chờ..."

Jude 1:22

một số người hay nghi ngờ

"một số người vẫn chưa tin Chúa là Đức Chúa Trời"

giật họ ra khỏi lửa

"để họ không đi vào hồ lửa"

với những người khác nữa hãy thương xót lẫn sợ hãi

"hãy đối xử nhân lành với những người khác nữa nhưng phải sợ phạm tội giống như họ."

như anh em ghét đến cái áo bị xác thịt làm hoen ố

"thậm chí ghét đến áo quần của họ vì chúng bị tội lỗi làm cho ô uế”. Họ đầy tội lỗi đến nỗi áo quần của họ cũng bị xem là ô uế.

Translation Questions

Jude 1:1

Giu-đe là đầy tớ của ai?

Giu-đe là đầy tớ của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc

Anh của Giu-đe là ai?

Giu-đe là em của Gia-cơ

Giu-đe viết cho ai?

Ông viết cho những người được kêu gọi, được Đức Chúa Cha yêu thương và được gìn giữ cho Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc

Jude 1:3

Đầu tiên Giu-đe muốn viết về điều gì?

Đầu tiên Giu-đe muốn viết về sự cứu rỗi chung

Thật ra Giu-đe đã viết về điều gì?

Thật ra Giu-đe đã viết về sự cần thiết phải chiến đấu vì đức tin của các thánh đồ

Jude 1:5

Chúa đã giải cứu dân sự ra khỏi đâu?

Chúa đã giải cứu họ ra khỏi đất Ai Cập

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa đã làm gì với những kẻ không tin?
Chúa đã hủy diệt những kẻ không tin
Jude 1:7
Sô-đôm, Gô-mô-rơ và các thành phụ cận đã làm gì?
Họ phạm tội gian dâm và theo đuổi thú vui xác thịt trái tự nhiên
Jude 1:9
Thiên sứ trưởng Mi-ca-ên đã nói gì với ma quỷ?
Thiên sứ trưởng Mi-ca-ên nói rằng “Cầu Chúa quở trách ngươi”.
Jude 1:12
Những kẻ không tin kính, bị lên án trở trẽn lo cho ai?
Họ trơ trẽn lo cho chính mình
Jude 1:14
Hê-nóc là cháu đời thứ mấy của A-đam?
Hê-nóc là cháu đời thứ bảy của A-đam
Jude 1:17
Ai đã nói từ trước về những kẻ nhạo báng?
Các sứ đồ của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc đã nói trước về những kẻ nhạo báng
Jude 1:20
Những anh em yêu dấu xây dựng bản thân và cầu nguyện như thế nào?
Những anh em yêu dấu xây dựng bản thân trên đức tin rất thánh của họ và cầu nguyện trong Đức Thánh Linh
Jude 1:22
Những anh em yêu dấu phải có lòng thương xót và giải cứu ai?
Những anh em yêu dấu phải có lòng thương xót và giải cứu những người còn nghi ngờ hoặc mặc áo hoen ố bởi xác thịt và những người ở trong lửa

---

Chapter 1
Revelation 1:1
các đầy tớ Ngài
Các tín hữu trong Chúa Cứu Thế
việc sắp phải xảy đến
Hoặc: “những sự kiện sắp phải xảy đến”
tỏ điều đó cho
"truyền điều đó cho"
thì giờ đã gần rồi
Hoặc: "những điều phải xảy ra sẽ sớm xảy ra” See:
Revelation 1:4
bình an từ Ngài là Đấng
"Bình an từ Đức Chúa Trời, là Đấng"
các linh
Linh này hàm ý chỉ về các thiên sứ vì họ ở trước ngôi của Đức Chúa Trời.
giải thoát chúng ta
Hoặc: "giải phóng chúng ta"
làm cho chúng ta trở nên một vương quốc
"biệt riêng chúng ta và bắt đầu cai trị trên chúng ta"
Revelation 1:7
mọi mắt
Tham khảo cách dịch: “mọi người”
đâm Ngài
Giết Ngài
đâm
tạo nên một lỗ hổng
An-pha và Ô-mê-ga
Đây là những ký tự đầu tiên và cuối cùng trong bảng chữ cái Hy-lạp. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời bắt đầu và kết thúc muôn vật và cai trị trên mọi vật ở giữa.
An-pha và Ô-mê-ga
Cần được dịch dựa vào văn hóa. Chẳng hạn như những người không biết bản chữ cái Hy Lạp sẽ không hiểu An-pha và Ô-mê-ga có nghĩa là gì, nên người ta phải tìm một từ khác tương đương trong ngôn ngữ hay văn hóa của họ để thay thế.
Revelation 1:9
của anh em...anh em
Các tín hữu của bảy Hội Thánh
người cùng chia sẻ hoạn nạn, vương quốc và sự nhẫn nhục với anh em
trong Đức Chúa Giê-xu
Hoặc: "người cùng chia sẻ với anh em trong vương quốc của Đức Chúa Trời. Tôi cũng gặp hoạn nạn và kiên trì chịu đựng thử thách cùng với anh em vì chúng ta thuộc về Đức Chúa Giê-xu"
vì lời của Đức Chúa Trời
"vì tôi nói về lời của Đức Chúa Trời"
trong Thánh Linh
Có nghĩa là được tác động bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời.
ngày của Chúa
Ngày thờ phượng dành có các tín hữu trong Chúa Cứu Thế.
tiếng lớn như tiếng kèn
Tiếng rất lớn nghe như tiếng của một chiếc kèn.
cho Si-miệc-nơ, Pẹt-găm, Thi-a-ti-rơ, Sạt-đe, Phi-la-đen-phi-a và Lao-đi-xê
Đây là tên các thành phố ở Tiểu Á, ngày nay là Thổ Nhĩ Kỳ.
Revelation 1:12
tiếng của ai
“Tiếng” ở đây chỉ về tiếng người đang nói.
đai
Miếng vải thắt ngang eo hoặc chéo ngang ngực
Revelation 1:14
Đầu và tóc người trắng như lông chiên, trắng như tuyết
Lặp lại cụm từ “trắng như” để nhấn mạnh đầu và tóc của người rất trắng.
tiếng của nhiều dòng nước chảy mạnh
Giống như tiếng của dòng sông lớn, nước chảy nhanh, mặt nước trắng xóa.
Revelation 1:17
Ngài đặt tay phải của Ngài trên tôi
Hoặc: "Tay phải Ngài chạm vào tôi"
Ta là Đầu tiên và Cuối cùng
Tức là là người sống đầu tiên cũng là người sống cuối cùng, điều nầy ngụ ý chỉ về bản chất đời đời của Ngài.
Revelation 1:19
những chân đèn bằng vàng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong câu 1:12 REV 1:12.
bảy hội thánh
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong câu 1:11. REV 1:11.

Translation Questions

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Revelation 1:1
Sự mặc khải nầy ban đầu đến từ ai và sau đó được bày tỏ cho ai?
Sự mặc khải của Đức Chúa Giê-xu Cơ Đốc đến từ Đức Chúa Trời và được bày tỏ cho các đầy tớ của Ngài
Những sự kiện của sự mặc khải nầy khi nào sẽ xảy ra?
Những sự kiện của sự mặc khải nầy sắp phải xảy ra
Revelation 1:4
Sách nầy do ai viết và viết cho ai?
Giăng là người viết sách và ông viết cho bảy hội thánh ở Tiểu Á
Revelation 1:7
Ai sẽ nhìn thấy Chúa Giê-xu khi Ngài đến?
Mọi mắt sẽ nhìn thấy Chúa Giê-xu khi Ngài đến, kể cả những kẻ đã đâm Ngài
Revelation 1:9
Vì sao Giăng ở trên đảo Bát-mô?
Giăng ở trên đảo Bát-mô vì lời của Đức Chúa Trời và lời chứng của Đức Chúa Giê-xu
Revelation 1:14
Người mà Giăng nhìn thấy có tóc và mắt như thế nào?
Người mà Giăng nhìn thấy có tóc trắng như lông chiên và mắt như ngọn lửa
Revelation 1:17
Giăng đã làm gì khi nhìn thấy người đó?
Giăng ngã quỵ xuống chân người như chết

Chapter 2
Revelation 2:1
những người tự xưng mình là sứ đồ
Tham khảo cách dịch: "những người nói mình là sứ đồ"
Revelation 2:3
tình yêu ban đầu
Nghĩa là “tình yêu thuở ban đầu mà ngươi dành cho Chúa Cứu Thế”.
cất chân đèn của con
Mỗi chân đèn đại diện cho một trong bảy Hội thánh.
Revelation 2:6
phái Ni-cô-la
Những người đi theo lời giáo huấn của một người tên là Ni-cô-la.
Nếu các con có tai thì hãy nghe
Tai thuộc linh. Tức là người có thể lắng nghe Đức Chúa Trời và hiểu được sứ điệp của Ngài.
Ta sẽ cho ăn
"Ta sẽ cho họ ăn"
Revelation 2:8
Si-miệc-nơ
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:11.
đầu tiên và cuối cùng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:17.
Revelation 2:10
Ma quỷ sắp ném một số người trong các con vào ngục
Hoặc: "Ma quỷ sắp khiến cho một số người trong các con phải vào ngục"
Nếu các con có tai
Xem bản dịch tại REV 2:7.
Revelation 2:12
Bẹt-găm
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:11.
An-ti-ba
Đây là tên của một người nam.
Revelation 2:14
Ba-lác
Đây là tên của một vị vua.
người đã dạy Ba-lác ném hòn đá vấp chân trước mặt các con cái Y-sơ-ra-ên
Hoặc: "người chỉ cho Ba-lác cách khiến dân Y-sơ-ra-ên phạm tội"
ăn của cúng thần tượng
Hoặc: "dâng đồ ăn cho thần tượng rồi ăn đồ ăn đó"
gian dâm
Hoặc: "phạm tội dâm dục" hay "phạm tội tà dâm"
Revelation 2:16
Nếu con không làm như thế, Ta
"Nếu con không ăn năn, Ta”
với thanh gươm ra từ miệng ta
Chỉ “gươm” trong REV 1:16.
Nếu các con có tai
Xem bản dịch tại REV 2:7.
Người nào thắng
Hoặc: "Bất kì người nào chiến thắng"
Revelation 2:18
Thi-a-ti-rơ
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:11.
Đây là lời của Con Đức Chúa Trời
Chúa Giê-xu, là Con Đức Chúa Trời đã sống lại từ kẻ chết, vẫn còn đang phán với các tín hữu, Jesus, thâm chí rất nhiều năm sau khi Ngài đã được cất về trời.
Con Đức Chúa Trời
Đây là một danh xưng quan trọng của Chúa Giê-xu.
Revelation 2:20
Nhưng ta có điều nầy trách con
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 2:4.
Revelation 2:22
ném nó trên giường bệnh
Hoặc: "Ta sẽ khiến nó ngã bệnh" hoặc "Ta sẽ phạt cho nó bị bệnh"
phạm tội ngoại tình
"ngoại tình"
chúng ăn năn việc nó đã làm
Hoặc: "chúng ăn năn vì trở nên giống như nó"
Ta sẽ đánh chết các con của nó
Hoặc: "Ta sẽ giết các con của nó"
Ta là Đấng dò xét tâm trí và lòng dạ
Hoặc: "Ta dò xét tâm trí và lòng dạ” hoặc “Ta dò xét tư tưởng và tấm lòng”
Revelation 2:24
những điều thâm hiểm của Sa-tan
Tham khảo cách dịch:: "những việc làm sai trái của Sa-tan" hoặc "những điều dối trá của Sa-tan". Hoặc “những điều mà các giáo sư đó mỉa mai gọi là điều bí mật, những việc làm thâm hiểm mà Sa-tan xúi giục”
Revelation 2:26
Người nào chiến thắng
Hoặc: "Bất kì người nào thắng"

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Ta cũng sẽ ban cho người
Từ “người” ở đây chỉ về người chiến thắng.

ngôi sao mai
Đây là một ngôi sao sáng rỡ chỉ xuất hiện trước bình minh.

Translation Questions

Revelation 2:1

Phần tiếp theo của sách được viết cho thiên sứ nào?
Phần tiếp theo của sách được viết cho thiên sứ của Hội Thánh ở Si-miệc-nơ

Revelation 2:8

Phần tiếp theo của sách được viết cho thiên sứ nào?
Phần tiếp theo của sách được viết cho thiên sứ của Hội Thánh ở Si-miệc-nơ

Revelation 2:10

Chúa Cứu Thế hứa ban điều gì cho những người trung tín đến chết và người đắc thắng?
Chúa Cứu Thế hứa rằng những người trung tín đến chết và đắc thắng sẽ nhận được mão triều thiên của sự sống và không bị hại bởi sự chết thứ hai.

Revelation 2:14

Một số người trong Hội Thánh Pẹt-găm giữ theo hai sự dạy dỗ nào?
Một số người trong Hội Thánh Pẹt-găm giữ theo sự dạy dỗ của Ba-la-am và sự dạy dỗ của Ni-cô-la

Revelation 2:16

Chúa Cứu Thế cảnh báo Ngài sẽ làm gì nếu những người giữ theo những dạy sỗ sai trật đó không ăn năn?
Chúa Cứu Thế cảnh báo rằng Ngài sẽ đến và giao chiến với những ai giữ theo những sự dạy dỗ sai trật đó

Revelation 2:20

Chúa Cứu Thế quở trách điều gì ở Hội Thánh Thi-a-ti-rơ?
Chúa Cứu Thế quở trách Hội Thánh ở Thi-a-ti-rơ vì họ dung túng cho nữ tiên tri giả vô đạo đức là Giê-sa-bên

Revelation 2:22

Chúa Cứu Thế cảnh báo Ngài sẽ làm gì nếu Giê-sa-bên không ăn năn?
Chúa Cứu Thế cảnh báo rằng Ngài sẽ ném Giê-sa-bên vào giường bệnh và đánh chết các con của bà nếu bà không ăn năn

Revelation 2:26

Chúa Cứu Thế hứa ban điều gì cho người đắc thắng?
Chúa Cứu Thế hứa ban thẩm quyền trên các nước và trên sao mai cho người nào đắc thắng

Chapter 3

Revelation 3:1

Sạt-đe
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:11.

Những lời của
"Đây là những lời của"

Ta không thấy các công việc của con là trọn vẹn
"Ta nhận thấy công việc của con không trọn vẹn"

Revelation 3:3

tỉnh thức
Tức là họ nên bắt đầu hành động cho đúng đắng.

Ta sẽ đến như kẻ trộm
Chúa Giê-xu sẽ đến vào thời điểm bất ngờ cũng như một kẻ trộm không ai ngờ trước.

không làm dơ bẩn quần áo mình
Quần áo bẩn tượng trưng cho tội lỗi trong đời sống của người đó.

mặc đồ trắng
Đồ trắng tượng trưng cho đời sống thanh sạch.

Revelation 3:5

Người nào chiến thắng
“Bất kỳ người nào chiến thắng”

mặc áo trắng
Trang phục màu trắng tượng trưng cho đời sống thanh sạch.

xóa tên người ấy khỏi sách sự sống
Xóa tên một người khỏi sách tượng trưng cho việc cất bỏ sự sống của người đó.

Nếu các con có tai…các Hội thánh
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 3:7.

Revelation 3:7

Phi-la-đen-phi
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:11.

chìa khóa của Đa-vít
Từ “chìa khóa” tượng trưng cho thẩm quyền hay quyện lực thuộc linh.

mở cửa
Tượng trưng cho một cơ hội để phục vụ Đức Chúa Trời.

không chối
Hoặc: "thừa nhận”

danh ta
"ta"

Revelation 3:9

nhà hội của Sa-tan…Do Thái mà không phải
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 2:9.

cúi mình
Đây là dấu hiệu của sự phục tùng, không phải là sự thờ phượng.

trước chân con
Hoặc: "trước con"

để thử nghiệm những người
Hoặc: "sẽ thử nghiệm những người"

Nắm chắc
Hoặc: "Tiếp tục tin"

Revelation 3:12

Người nào chiến thắng
AT: “Bất kỳ người nào chiến thắng”

trụ trong đền thờ của Đức Chúa Trời Ta
“Trụ” tức là trở thành một phần quan trọng, lâu dài trong vương quốc của Đức Chúa Trời.

Revelation 3:14

Lao-đi-xê
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:11.

Lời của Đấng A-men
Giăng đang giới thiệu một tên khác của Chúa Giê-xu Cơ Đốc, là Đấng A-men. Hoặc: "Đây là những lời của Đấng được gọi là A-men"

nóng hay lạnh
Đại diện cho hai thái cực của tâm linh. “Lạnh” là hoàn toàn chống nghịch Đức Chúa Trời, và “nóng” là nhiệt tâm phục vụ Ngài.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

hâm hẩm
"Hơi ấm" Điều này mô tả những người chỉ quan tâm một chút về tâm tinh hay có một chút đức tin.
Revelation 3:17
cùng khổ, đáng thương, nghèo ngặt, đui mù và lõa lồ.
Những từ này chỉ về một người đang ở trong tình trạng rất tệ hại về thuộc linh mà không nhận ra.
trở nên giàu có
Tức là trở nên trong sạch trong tâm linh và có mối liên hệ tốt với Đức Chúa Trời.
những áo trắng rực rỡ
Áo trắng tượng trưng cho sự trong sạch thuộc linh.
Revelation 3:19
hãy nghiêm túc và ăn năn
"Hãy nghiêm chỉnh và ăn năn"
Ta đứng ngoài cửa mà gõ
“Cửa” tượng trưng cho đời sống hay linh hồn của chúng ta mà Chúa Cứu Thế muốn bước vào.
nghe tiếng ta
Từ “tiếng” tượng trưng cho lời kêu gọi của Chúa Cứu Thế.
mở cửa
Tượng trưng cho quyết định chào đón và mời Chúa Cứu Thế vào.
dùng bữa với người
Tượng trưng cho mối quan hệ, tình bạn, mối thông công.
Revelation 3:21
Người nào chiến thắng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 2:7. AT: “Bất kỳ người nào chiến thắng”.
ngồi với Ta trên ngai Ta
Ngồi trên ngai nghĩa là cai trị.
Nếu các con có tai
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 2:7.

Translation Questions

Revelation 3:1
Phần tiếp theo của sách được viết cho thiên sứ nào?
Phần tiếp theo của sách được viết cho thiên sứ của Hội Thánh Lao-di-xê
Hội Thánh ở Sạt-đe có danh tiếng gì? Nhưng sự thật về họ là gì?
Hội Thánh Sạt-đe có tiếng là sống nhưng thật ra là chết
Revelation 3:3
Chúa Cứu Thế cảnh báo cho Hội Thánh ở Sạt-đe biết họ cần phải làm gì?
Chúa Cứu Thế cảnh báo rằng họ phải tỉnh thức và củng cố những gì còn lại, ghi nhớ, vâng phục và ăn năn.
Revelation 3:5
Chúa Cứu Thế hứa điều gì cho những người đắc thắng?
Những người đắc thắng sẽ được mặc áo trắng, giữ tên trong sách sự sống và được công bố tên trước mặt Đức Chúa Cha
Revelation 3:7
Phần tiếp theo của sách được viết cho thiên sứ nào?
Phần tiếp theo của sách được viết cho thiên sứ của Hội Thánh Lao-đi-xê.
Revelation 3:9
Chúa Cứu Thế sẽ khiến những người thuộc về nhà hội của Sa-tan làm gì?
Chúa Cứu Thế sẽ khiến những người thuộc về nhà hội của Sa-tan quỳ xuống trước chân của các thánh đồ
Revelation 3:12
Chúa Cứu Thế hứa điều gì cho những người đắc thắng?
Những người đắc thắng sẽ làm cột trụ trong đền thờ của Đức Chúa Trời
Revelation 3:14
Phần tiếp theo của sách được viết cho thiên sứ nào?
Phần tiếp theo của sách được viết cho thiên sứ của Hội Thánh Lao-đi-xê.
Revelation 3:17
Hội Thánh Lao-đi-xê nói gì về bản thân mình?
Hội Thánh Lao-đi-xê nói rằng họ giàu có và không cần gì nữa
Chúa Cứu Thế nói gì về Hội Thánh ở Lao-đi-xê?
Chúa Cứu Thế nói rằng Hội Thánh ở Lao-đi-xê đang cùng khổ, đáng thương, nghèo ngặt, đui mù và lõa lồ
Revelation 3:19
Chúa Cứu Thế làm gì cho những người Ngài yêu?
Chúa Cứu Thế huấn luyện và dạy bảo những người Ngài yêu
Revelation 3:21
Chúa Cứu Thế hứa điều gì cho những người đắc thắng?
Những người đắc thắng sẽ ngồi trên ngai với Chúa Cứu Thế

Chapter 4

Revelation 4:1
sau những việc đó
Sau những gì Giăng đã thấy sau khi Chúa Giê-xu nói với bảy Hội thánh (2:1-3:22). (REV 2:1-3:22).
một cánh cửa lên trời mở ra
Hoặc: "một lối lên trời"
bích ngọc và mã não
Những loại đá quý. Chúng ta không biết chắc nó màu gì.
cầu vồng
Những màu sắc con người có thể thấy được khi mặt trời chiếu sáng phía sau và mưa rơi ở phía trước chúng
lục bửu thạch
Một loại đá bán quý màu xanh
Revelation 4:4
những ánh chớp
Dùng từ trong ngôn ngữ dịch chỉ về tia chớp trông như thế nào mỗi khi chúng xuất hiện.
tiếng nói và tiếng sấm
"Nghe như tiếng sấm"
Revelation 4:6
pha lê
vật thể cứng nhưng trong suốt hoàn toàn. Tham khảo cách dịch: “thủy tinh” hoặc “băng”
Revelation 4:7
Đấng đã có, hiện có và đang đến
Đức Chúa Trời hiện hữu trong mọi thời điểm.
Revelation 4:9
Đấng sống đời đời và vô cùng
Hai từ “đời đời và vô cùng” có ý nghĩa giống nhau, có nghĩa là “cho đến đời đời”

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúa của chúng con, là Đức Chúa Trời của chúng con
Chỉ về người nói, không bao gồm người nghe
chúng hiện hữu và được tạo dựng
Từ “hiện hữu” và “được tạo dựng” có cùng ý nghĩa, được kết hợp lại để nhấn mạnh ý Đức Chúa Trời sáng tạo mọi vật.

Translation Questions

Revelation 4:1
Giăng thấy vật gì mở ra?
Giăng thấy có một cái cửa mở ra ở trên trời
Tiếng nói phán sẽ cho Giăng thấy điều gì?
Tiếng nói phán sẽ cho Giăng thấy những gì phải xảy ra sau các việc nầy
Revelation 4:4
Xung quanh ngai trên trời có gì?
Xung quanh ngai trên trời là hai mươi bốn ngai với hai mươi bốn trưởng lão ngồi trên đó
Revelation 4:6
Bốn vật xung quanh ngai là gì?
Có bốn sinh vật ở xung quanh ngai
Revelation 4:9
Bốn sinh vật nầy ngày đêm làm gì?
Ngày và đêm bốn sinh vật không ngừng dâng vinh quang, tôn trọng và cảm tạ lên cho Đức Chúa Trời

Chapter 5
Revelation 5:1
Đoạn, tôi thấy
"Sau khi tôi đã thấy những điều đó, tôi thấy”
Đấng đã ngồi trên ngai
Đây chính là Đấng ở trong REV 4:2-3.
công bố
Dùng một từ phù hợp với câu hỏi tu từ theo sau.
Revelation 5:3
trên trời hoặc dưới đất hoặc bên dưới đất
"trong mọi nơi được tạo dựng nên” hoặc “mọi nơi”. Đây là những nơi mà Đức Chúa Trời và các thiên sứ sống, và thế giới của người chết.
Kìa
Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý những điều mà Ta sắp sửa nói cho ngươi”
Revelation 5:8
Ngài lấy
"Chiên Con lấy”
Mỗi một người trong số họ
Có thể hiểu: 1) “từng vị trưởng lão và sinh vật sống” hoặc 2) “mỗi một trưởng lão”
Revelation 5:9
Vì Ngài đã bị giết
Tham khảo cách dịch: “Vì họ đã giết Ngài”
giết
Nếu ngôn ngữ của bạn có từ nào dùng cho việc giết động vật để làm của lễ dâng, nên xem xét dùng ở đây.
Ngài đã mua chuộc cho Đức Chúa Trời những người
"Ngài đã trả một giá rất cao để con người có thể thuộc về Đức Chúa Trời”
mua chuộc
Câu này không nói rằng một người nào đó nhận giá chuộc này. Tham khảo cách dịch: “giải cứu” (UDB).
cho Đức Chúa Trời những người thuộc mọi bộ tộc, ngôn ngữ, mọi dân và mọi nước
Tham khảo cách dịch: “tất cả loại người’ hoặc “những người từ khắp mọi nơi”
Revelation 5:11
200,000,000
Revelation 5:13
trên trời, dưới đất và bên dưới đất
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 5:3.
trong biển
trên thuyền

Translation Questions

Revelation 5:1
Giăng nhìn thấy gì trong tay phải của Đấng ngồi trên ngai?
Giăng nhìn thấy một cuộn sách được niêm phong bằng bảy ấn
Revelation 5:6
Ai đang đứng giữa các trưởng lão ở trước ngai?
Chiên Con, trông như đã bị giết, đang đứng giữa các trưởng lão ở trước ngai
Bảy sừng và bảy mắt của Chiên Con là gì?
Bảy sừng và bảy mắt là bảy Linh của Đức Chúa Trời được sai đi khắp đất
Revelation 5:8
Những bát bằng vàng đựng đầy hương của các trưởng lão là gì?
Những bát bằng vàng đựng đầy hương là lời cầu nguyện của các thánh đồ
Revelation 5:9
Vì sao Chiên Con xưng đáng mở cuộn sách đó ra?
Chiên Con xưng đáng mở cuộn sách đó ra vì Ngài đã mua cho Đức Chúa Trời những người từ mọi bộ tộc, mọi ngôn ngữ, mọi dân và mọi nước bằng huyết của Ngài.
Revelation 5:13
Ai là người nói Đấng ngồi trên ngai và Chiên Con phải được tôn vinh đời đời vô cùng?
Mọi tạo vật nói rằng Đấng ngồi trên ngai và Chiên Con phải được tôn vinh đời đời vô cùng

Chapter 6
Revelation 6:1
Tôi
Tất cả những từ “Tôi’ ở đây đều chỉ đến Giăng, là tác giả.
mở một trong bảy ấn
Mở ấn số một trong số bảy ấn
Revelation 6:3
mở ấn thứ hai
Mở ấn số hai

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

đỏ rực
Hoặc: "đỏ tươi"
người cưỡi nó được phép
Hoặc: "Đức Chúa Trời cho phép người cưỡi nó ..."
Revelation 6:5
mở ấn thứ ba
Mở ấn số ba
một cân lúa mì
Đây là một đơn vị đo lường riêng tương đương với một lít.
một đơ-ni-ê
Đây là loại tiền xu trị giá một ngày lương.
Revelation 6:9
họ giữ vững đức tin
Hoặc: "họ tin chắc" hay "họ vững tin"
Revelation 6:12
Mặt trời trở nên tối đen như vải bao gai
Mặt trời trở nên vô cùng tối tăm.
Revelation 6:15
các tướng lĩnh
Tức là những binh sĩ chỉ huy trận chiến
trốn trong các hang
Hoặc: “trốn trong một hốc lớn bên sườn đồi” hay “trốn trong một cái hố đào dưới đất”
mặt Ngài
Từ “Ngài” chỉ về Đức Chúa Trời.

Translation Questions

Revelation 6:1
Chiên Con làm gì với cuộn sách?
Chiên Con mở một trong bảy ấn trên cuộn sách ra
Revelation 6:5
Giăng nhìn thấy gì sau khi ấn thứ ba được mở ra?
Giăng nhìn thấy một con ngựa đen, người cưỡi ngựa tay cầm chiếc cân
Revelation 6:9
Giăng nhìn thấy gì sau khi ấn thứ năm được mở ra?
Giăng nhìn thấy linh hồn của những người đã bị giết vì lời của Đức Chúa Trời
Revelation 6:12
Giăng nhìn thấy gì sau khi ấn thứ sáu được mở ra?
Giăng nhìn thấy một trận động đất, mặt trời trở nên tối tăm, mặt trăng giống như máu và các ngôi sao sa xuống đất
Revelation 6:15
Giăng nhìn thấy các vua, các tướng, người giàu có, kẻ quyền lực và những người khác nữa đang làm gì?
Giăng nhìn thấy họ đang trốn trong các hang và cầu xin các tảng đá rơi xuống trên họ để giấu họ lại

Chapter 7

Revelation 7:4
những người được đóng ấn
Hoặc: "những người có dấu của Đức Chúa Trời trên mình"
12,000
Mỗi chi phái 12,000 người
144,000
Đây là tổng mười hai nhóm từ mười hai chi phái, mỗi chi phái 12,000 người.
mọi chi phái của dân Y-sơ-ra-ên
Y-sơ-ra-ên có mười hai chi phái, mỗi chi phái ứng với tên của một trong các con trai Gia-cốp.
Revelation 7:9
đứng trước ngai và trước Chiên Con
Hoặc: "đứng trước ngai và Chiên Con”
ao choàng trắng
Màu “trắng” ở đây tượng trưng cho sự thanh sạch.
Sự cứu rỗi thuộc về... Chiên Con
Hoặc: "Đức Chúa Trời của chúng ta là Đấng ngồi trên ngai và Chiên Con cứu rỗi chúng ta" hay "Sự cứu rỗi đến từ Đức Chúa Trời là Đấng ngồi trên ngai và từ Chiên Con”
Revelation 7:11
Tất cả các thiên sứ...sinh vật sống
Hoặc: "Tất cả các thiên sứ đứng quanh ngai cùng với các trưởng lão và bốn sinh vật"
bốn sinh vật sống
Đây là bốn vật được nhắc đến ở REV 4:6-8.
Nguyện sự chúc tụng, vinh quang...quy về Đức Chúa Trời chúng ta
Hoặc: "Đức Chúa Trời chúng ta đáng được chúc tụng, vinh quang, khôn ngoan, cảm tạ, tôn kính, quyền năng và uy lực"
đời đời và vô cùng
Về cơ bản, hai từ này có ý nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng mọi vật sống sẽ thờ phượng Đức Chúa Trời cho đến đời đời.
Revelation 7:13
Họ đã giặt và tẩy trắng áo mình trong huyết của Chiên Con
Màu “trắng” tượng trưng cho sự thanh sạch và “huyết” được so sánh với nước để rửa sạch mọi thứ. Một người được thanh sạch khi được huyết của Chúa Cứu Thế “tẩy rửa” hoặc bao phủ.
Revelation 7:15
họ...họ... của họ
Tất cả những đại từ nầy chỉ về những người đã trải qua cơn Đại Nạn.
Mặt trời sẽ không đổ xuống
Nghĩa là mặt trời sẽ không khiến con người phải khổ sở vì hơi nóng.

Translation Questions

Revelation 7:1
Giăng nhìn thấy bốn thiên sứ đứng ở bốn góc đất đang làm gì?
Bốn thiên sứ đang giữ bốn ngọn gió của đất lại
Revelation 7:4
Có bao nhiêu người từ bộ tộc nào được đóng ấn?
Số người được đóng ấn là 144,000 người từ tất cả các bộ tộc của Y-sơ-ra-ên
Revelation 7:9
Sau đó Giăng nhìn thấy gì trước ngai của Đức Chúa Trời và trước Chiên Con?
Giăng nhìn thấy một đoàn người rất đông từ mọi nước, bộ tộc, dân tộc và ngôn ngữ ở trước ngai

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Revelation 7:11
Các thiên sứ, trưởng lão và các sinh vật thờ phượng Đức Chúa Trời ở tư thế nào?
Họ sấp người và úp mặt trên nền đất khi thờ phượng Đức Chúa Trời

Revelation 7:15
Vị trưởng lão nói Đức Chúa Trời sẽ làm gì cho những người mặc áo choàng trắng?
Đức Chúa Trời sẽ căng lều của Ngài trên họ và họ không còn đau khổ nữa

---

Chapter 8

Revelation 8:1
họ được trao cho bảy chiếc kèn
Có thể là: 1) Đức Chúa Trời ban cho họ bảy chiếc kèn hoặc 2) Chiên Con ban cho họ bảy chiếc kèn.

Revelation 8:6
Nó bị ném xuống đất
Hoặc: "Thiên sứ ném nó xuống đất."
Một phần ba đất bị thiêu cháy, một phần ba cây cối bị thiêu cháy, và tất cả cỏ xanh đều bị thiêu cháy
Hoặc: "nó thiêu cháy một phần ba đất, nó thiêu cháy một phần ba cây cối và nó thiêu cháy tất cả có xanh"

Revelation 8:8
có vật gì giống như một hòn núi lớn cháy rực bị ném xuống
"Thiên sứ ném vật gì giống như một hòn núi lớn cháy rực"
Một phần ba biển biến thành máu, một phần ba sinh vật trong biển bị chết, và một phần ba tàu thuyền bị phá hủy
Hoặc: "Nó khiến một phần ba biển biến thành máu, một phần ba sinh vật trong biển bị chết, và một phần ba tàu thuyền bị phá hủy"
biến thành máu
Có thể là: 1) "biến thành màu đỏ giống máu" (Xem: simile and UDB) hoặc 2) "biến thành máu" theo nghĩa đen.

Revelation 8:10
và một ngôi sao lớn từ trời rơi xuống cháy như đuốc
"Thì một ngôi sao lớn cháy như đuốc từ trời rơi xuống".
Ngọn lửa của ngôi sao lớn trông giống như một ngọn đuốc.
đuốc
Một khúc cây đốt cháy một đầu để cung cấp ánh sáng
Tên ngôi sao ấy là Ngải Cứu
Ngôi sao được đặt tên là "Ngải Cứu", theo tên của một loại cây có vị đắng.
ngải cứu
Bị ngôi sao làm cho nhiễm độc. Hoặc: "đắng"

Revelation 8:12
một phần ba mặt trời bị đánh
Hoặc: "bóng tối bao phủ một phần ba mặt trời"

Revelation 8:13
vì cớ những tiếng kèn còn lại mà ba thiên sứ sắp thổi lên
Hoặc: "vì ba thiên sứ chưa thổi kèn của mình sắp sửa thổi những chiếc kèn còn lại"

Translation Questions

Revelation 8:1
Điều gì khiến trời yên lặng?
Khi Chiên Con mở ấn thứ bảy thì trên trời yên lặng

Revelation 8:8
Điều gì xảy ra khi tiếng kèn thứ hai được thổi lên?
Khi tiếng kèn thứ hai được thổi lên thì một phần ba biển biến thành máu, một phần ba sinh vật trong biển bị chết, và một phần ba tàu thuyền bị phá hủy

Revelation 8:10
Điều gì xảy ra khi tiếng kèn thứ ba được thổi lên?
Khi tiếng kèn thứ ba được thổi lên thì một phần ba nước hóa thành ngải cứu và nhiều người chết

Revelation 8:12
Điều gì xảy ra khi tiếng kèn thứ tư được thổi lên?
Khi tiếng kèn thứ tư được thổi lên thì một phần ba ban ngày và một phần ba ban đêm không có ánh sáng

Revelation 8:13
Vì sao chim đại bàng lại kêu lên "Khốn thay, khốn thay, khốn thay" cho những người trên đất?
Chim đại bàng kêu lên "Khốn thay, khốn thay, khốn thay" cho những người trên đất vì còn lại ba tiếng kèn nữa

---

Chapter 9

Revelation 9:1
hầm
Lối đi dài và hẹp dưới lòng đất
sâu và vô tận
Hoặc: "sâu vô tận"
cột khói
Một đám khói cao bốc lên từ đám lửa

Revelation 9:3
những châu chấu
những côn trùng bay thành nhiều đàn đông đúc
khả năng giống như của bò cạp
Bò cạp có khả năng chích và truyền độc vào các loài vật khác.
bò cạp
Loài vật nhỏ có loại châm nọc độc ở đuôi giống với loại kim châm ở đuôi của ong.
trán
Phần trên cùng của khuôn mặt, phía trên mắt

Revelation 9:5
Chúng
Châu chấu (REV 9:03)
những người đó
Những người bị châu chấu châm.
người ta, nhưng chỉ được hành hạ
"người ta, chúng chỉ được phép hành hạ"
muốn
mong muốn

Revelation 9:7
Những châu chấu
Những châu chấu được mô tả bằng cách so sánh chúng với những vật khác tương tự.

Revelation 9:10
sâu và vô tận
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 9:1.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

A-ba-đôn...A-pô-li-ôn
Cả hai tên gọi đều có nghĩa là “sự hủy diệt”.
Revelation 9:13
sừng của bàn thờ bằng vàng
Vật có hình giống chiếc sừng ở bốn góc trên đỉnh bàn thờ.
cho đến đúng vào giờ, ngày, tháng và năm đó
Những từ này được dùng để cho thấy đó là một thời điểm chính xác, không phải là thời gian chung chung. Hoặc: "cho đến đúng thời điểm đó".
Revelation 9:16
200,000,00
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 5:11.
Revelation 9:18
đuôi của chúng giống như rắn
Đuôi ngựa được so sánh giống như rắn. Có thể là: 1) “đuôi của chúng có đầu như rắn”
Revelation 9:20
những người không bị giết bởi các tai nạn nầy
"những người không bị các tai nạn nầy giết"
những vật không thể thấy, nghe hoặc đi được
Những hình tượng. Hoặc: "những vật không hề sống động"

Translation Questions

Revelation 9:1
Giăng nhìn thấy ngôi sao gì khi tiếng kèn thứ năm được thổi lên?
Khi tiếng kèn thứ năm được thổi lên, Giăng nhìn thấy một ngôi sao từ trời sa xuống đất
Revelation 9:3
Những châu chấu bay lên từ hố được lệnh phải làm gì?
Những châu chấu được lệnh không làm hại đất, chỉ làm hại những người không có ấn của Đức Chúa Trời
Revelation 9:13
Giăng nghe thấy tiếng gì khi tiếng kèn thứ sáu được thổi lên?
Khi tiếng kèn thứ sáu được thổi lên thì Giăng nghe thấy tiếng ra từ bàn thờ bằng vàng ở trước mặt Đức Chúa Trời
Revelation 9:16
Giăng nhìn thấy có bao nhiêu binh sĩ trên lưng ngựa?
Giăng nhìn thấy 200,000,000 binh sĩ trên lưng ngựa
Revelation 9:18
Những tai nạn nào giết một phần ba loài người?
Tai nạn lửa, khói và lưu huỳnh từ miệng ngựa giết một phần ba loài người
Revelation 9:20
Những người không bị chết bởi các tai nạn nầy phản ứng thế nào?
Những người không bị chết bởi các tai nạn nầy không ăn năn những công việc của họ cũng không ngừng việc thờ lạy ma quỷ

Chapter 10

Revelation 10:5
Ngài là Đấng sống đời đời vô cùng
"Ngài" chỉ về Đức Chúa Trời.
Mọi vật trong đó
Chỉ về mọi loại cây cối, động vật và loài người sống trên trời, dưới biển và trên mặt đất.
sẽ được hoàn tất
"sắp xảy ra"
Revelation 10:8
Tôi
Từ này chỉ về Giăng.
đắng
Nghĩa là thông điệp của sách sẽ gây buồn bã và khó chịu.

Translation Questions

Revelation 10:1
Giăng thấy mặt và chân của vị thiên sứ đầy uy lực trông như thế nào?
Vị thiên sứ có mặt như mặt trời và chân như trụ lửa
Revelation 10:8
Giăng được bảo phải lấy thứ gì từ vị thiên sứ đầy uy lực?
Giăng được bảo phải lấy cuộn sách đã mở từ tay thiên sứ

Chapter 11

Revelation 11:1
được ban cho tôi...tôi được bảo
Từ “tôi” chỉ về Giăng.
dẫm đạp
Xem một vật là vô giá trị bằng cách đạp lên nó.
bốn mươi hai tháng
Hoặc: "42 tháng"
Revelation 11:3
Những nhân chứng nầy là hai cây ô-liu và hai chân đèn
Hai nhân chứng nầy trước đó đã được nhắc đến là cây ô-liu và chân đèn.
Revelation 11:6
đánh phạt trái đất bằng mọi thứ tai họa
Cụm từ nầy chỉ về việc khiến mọi tai họa xảy ra trên trái đất.
Sâu và vô tận
Từ “vô tận” có nghĩa là không có đáy. Cả hai từ đều chỉ về cái hố rất sâu.
Revelation 11:8
ba ngày rưỡi
"3 ngày trọn và nửa ngày” hay "3.5 ngày" hay "3 1/2 ngày"
Revelation 11:10
ba ngày rưỡi
"3 ngày trọn và nửa ngày” hay "3.5 ngày" hay "3 1/2 ngày"
Revelation 11:13
Bảy ngàn người
"7,000 người"
Revelation 11:16
hai mươi bốn trưởng lão
"24 trưởng lão"
sấp mặt xuống
Phần người phía trước của cả người được gọi là “mặt”
Revelation 11:18
cơn thịnh nộ của Ngài...đầy tớ của Ngài...danh Ngài
Từ “của Ngài” trong những cụm từ nầy chỉ về Đức Chúa Trời.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

không quan trọng
Hoặc: "thấp kém" hoặc "hèn mọn" hoặc "địa vị thấp hèn"

Translation Questions

Revelation 11:1
Giăng được bảo phải đo vật gì?
Giăng được bảo phải đo đền thờ của Đức Chúa Trời và bàn thờ cùng với những người thờ phượng trong đó
Revelation 11:3
Hai chứng nhân được trao quyền để làm gì?
Hai chứng nhân được trao quyền để nói tiên tri trong 1,260 ngày, để tiêu diệt những kẻ thù của họ, đóng trời lại và đánh phạt trái đất bằng mọi thứ tai họa
Revelation 11:6
Hai chứng nhân được trao quyền để làm gì?
Hai chứng nhân được trao quyền để nói tiên tri trong 1,260 ngày, để tiêu diệt những kẻ thù của họ, đóng trời lại và đánh phạt trái đất bằng mọi thứ tai họa
Revelation 11:8
Xác của hai chứng nhân nầy nằm ở đâu?
Xác của họ sẽ nằm trên đường của thành phố được gọi theo nghĩa tượng trưng là Sô-đôm và Ai Cập, nơi Chúa của họ bị đóng đinh
Revelation 11:10
Nhưng người trên đất sẽ phản ứng thế nào khi hai chứng nhân này bị giết?
Nhưng người trên đất sẽ hớn hở và ăn mừng khi hai chứng nhân bị giết
Revelation 11:15
Khi tiếng kèn thứ bảy được thổi lên thì từ trời có tiếng phán gì?
Khi tiếng kèn thứ bảy được thổi lên thì có tiếng phán rằng vương quốc của thế gian đã trở nên vương quốc của Chúa chúng ta và Chúa Cứu Thế của Ngài
Revelation 11:18
Theo các trưởng lão, bây giờ là thời điểm nào?
Bây giờ là thời điểm phán xét kẻ chết, ban thưởng cho các đầy tớ của Đức Chúa Trời và Ngài sẽ tiêu diệt những kẻ đã phá hoại thế giới
Revelation 11:19
Sau đó vật gì mở ra ở trên trời?
Đền thờ của Đức Chúa Trời ở trên trời mở ra

Chapter 12
Revelation 12:1
Dấu lạ lớn thấy ở trên trời
Hoặc: "dấu lạ lớn xuất hiện trên trời" hoặc "Tôi, Giăng, nhìn thấy một dấu lạ lớn trên trời"
một phủ nữ mặc đồ bằng mặt trời
Hoặc: "một phụ nữ mặc mặt trời"
mười hai ngôi sao
"12 ngôi sao"
Revelation 12:3
con rồng
Một loài bò sát lớn, hung dữ, trông giống con thằn lằn. Theo người Do Thái, đó là biểu tượng của cái ác và sự hỗn loạn.
Revelation 12:5
Con nàng được cất đi với Đức Chúa Trời
Hoặc: "Đức Chúa Trời nhanh chóng đem con nàng đi".
Revelation 12:7
con rồng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 12:3. Đây là con rồng được nói đến trong câu 9 như “ma quỷ hoặc Sa-tan”
Con rồng lớn... bị ném xuống đất... và các sứ giả của nó
Hoặc: Đức Chúa Trời ném con rồng lớn và các sứ giả của nó từ trời xuống đất.
Revelation 12:10
Tôi
Từ này chỉ về Giăng.
ngày và đêm
Từ “ngày và đêm” đi chung có nghĩa là trọn thời gian; chúng liên tục tố cáo anh em.
Revelation 12:13
Rồng thấy mình bị ném xuống đất
Hoặc: "rồng thấy Đức Chúa Trời đã ném mình từ trời xuống đất"
con rồng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 12:3.
Một thì, các thì, và nửa thì
Hoặc: "3.5 năm" hoặc "3 1/2 năm" hoặc "trọn ba năm và nửa năm"
Revelation 12:15
con rắn
Cùng loài với con rồng theo REV 12:9.
như sông
Hoặc: "lượng lớn"
con rồng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 12:3.
Đất hả miệng nuốt dòng sông mà con rồng đã phun ra từ miệng nó
Hoặc: "Một cái hố giữa đất mở ra và nước chảy xuống đó".

Translation Questions

Revelation 12:1
Dấu lạ lớn được nhìn thấy trên trời là gì?
Trên trời xuất hiện một phụ nữ mang thai, trang phục bằng mặt trời và mặt trăng ở dưới chân nàng, cùng với mười hai ngôi sao trên đầu kêu khóc trong cơn đau chuyển dạ
Revelation 12:3
Còn dấu lạ lớn nào khác được nhìn thấy trên trời?
Trên trời xuất hiện một con rồng lớn màu đỏ có bảy đầu và mười sừng, cùng với bảy vương miện trên đầu
Revelation 12:5
Con trai ấy sẽ làm gì?
Con trai ấy sẽ dùng gậy sắt mà cai trị tất cả các dân tộc
Con trai ấy đã đi đâu?
Con trai ấy được cất lên cùng Đức Chúa Trời và ngai vủa Ngài
Revelation 12:7

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Những ai giao chiến ở trên trời?
Mi-ca-ên và các thiên sứ của người giao chiến với con rồng và các thiên sứ của nó
Revelation 12:11
Các anh em chiến thắng con rồng bằng cách nào?
Các anh em chiến thắng con rồng bằng huyết của Chiên Con và lời chứng của họ
Revelation 12:13
Người phụ nữ được ban cho điều gì khi con rồng đuổi theo nàng?
Người phụ nữ được ban cho đôi cánh để bay vào chỗ đã chuẩn bị sẵn cho nàng được chăm sóc
Revelation 12:15
Khi không thể cuốn trôi người phụ nữ được thì con rồng đã làm gì?
Con rồng bỏ đi giao chiến với những người vâng theo điều răn của Đức Chúa Trời và giữ lời chứng về Chúa Giê-xu

Chapter 13

Revelation 13:1
Sau đó tôi thấy
Ở đây, từ “tôi’ chỉ về Giăng.
con rồng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 12:3.
Revelation 13:3
Nhưng vết thương đó đã được lành
Hoặc: " Nhưng vết thương đó được lành"
đi theo con thú
"Vâng theo con thú"
con rồng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 12:3.
Ai có thể đánh lại nó?
Hoặc: "Không ai có thể đánh bại con thú đó!”
Revelation 13:5
Con thú được ban cho… Nó được phép
Hoặc: "Đức Chúa Trời ban cho con thú... Đức Chúa Trời cho phép con thú”
bốn mươi hai tháng
“42 tháng”
xúc phạm đến danh Ngài
Hoặc: "xúc phạm uy danh và bản tính của Đức Chúa"
Revelation 13:7
nó được ban cho thẩm quyền
Hoặc: "Đức Chúa Trời ban thẩm quyền cho con thú"
những người không được ghi tên
Hoặc: "những người mà Chiên Con không ghi tên" hoặc "những người mà Chúa Giê-xu không ghi tên"
Chiên Con
Chỉ về Chúa Giê-xu. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 5:6.
Đấng đã bị giết
Hoặc: "người ta đã giết Ngài"
Revelation 13:9
Ai có tai
Nghĩa là có khả năng nghe và hiểu sứ điệp của Đức Chúa Trời.
Revelation 13:11
con rồng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 12:3.
và khiến đất cùng mọi người sống trên đó
"Và khiến mọi người trên đất"
là con thú bị trọng thương được chữa lành
Hoặc: "là con thú có vết tử thương được chữa lành"
Revelation 13:13
Nó thực hiện
"Con thú lên từ đất đất thực hiện"
là con thú bị thương bằng gươm
Hoặc: "là con thú người ta làm cho bị thương bằng gươm"
Revelation 13:15
Nó được phép
Hoặc: "Đức Chúa Trời cho phép con thú từ đất"
ban hơi thở cho hình tượng
Hoặc: "ban sự sống cho hình tượng"
khiến những ai không thờ lạy con thú phải bị giết
Hoặc: "bắt giết bất kì ai không thời lạy con thú"
Revelation 13:18
là số của con người
Có thể là 1) số đại diện cho một người hoặc 2) số đại diện cho toàn bộ loài người.
666
"Sáu trăm sáu mươi sáu"

Translation Questions

Revelation 13:1
Giăng nhìn thấy con thú đến từ đâu?
Con thú từ dưới biển đi lên
Revelation 13:3
Vì sao cả thế gian đều kinh ngạc và đi theo con thú?
Cả thế gian đều kinh ngạc và đi theo con thú vì nó bị tử thương nhưng đã được lành
Revelation 13:5
Con thú có cái miệng nói những gì?
Con thú nói những lời ngạo mạn và xúc phạm đến Đức Chúa Trời, danh của Ngài, nơi Ngài ngự và những ngươi ở trên trời
Revelation 13:7
Con thú được phép làm gì với những người thánh?
Con thú được phép giao chiến với những người thánh và chiến thắng họ
Revelation 13:11
Giăng nhìn thấy một con thú khác đến từ đâu?
Một con thú khác từ đất lên
Con thú nầy có loại sừng và nói như thế nào?
Con thú nầy có sừng như chiên con và nói như một con rồng
Revelation 13:15
Điều gì xảy ra cho những người không chịu thờ lạy con thú?
Những người không chịu thờ lạy con thú sẽ bị giết
Revelation 13:18
Số của con thú là gì?
Số của con thú là 666

Chapter 14

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Revelation 14:1

Tôi nhìn

Ở đây, từ “tôi’ chỉ về Giăng.

Chiên Con

Chỉ về Chúa Giê-xu. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 5:6.

144,000

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 7:4.

Người có danh của Ngài và danh của Cha Ngài ghi trên trán

Tham khảo cách dịch: "người được ghi lên trán danh Chiên Con và danh Cha của Chiên Con"

Revelation 14:3

Họ hát

"144,000 người hát"

Đó là những người không bị ô uế với phụ nữ

Hoặc: "144,000 người đó là những người có thuộc linh thanh sạch, như những trinh nữ thanh sạch về đạo đức. Họ không làm ô uế bản thân bằng việc thờ lạy bất cứ tà thần nào."

Revelation 14:8

đã sụp đổ, đã sụp đổ

Từ nầy được lặp lại để nhấn mạnh.

Đã sụp đổ….mang đến nhiều thạnh nộ cho nó

"Các thành phố

Revelation 14:9

sẽ uống rượu thịnh nộ của Đức Chúa Trời

“uống rượu” ở đây có nghĩa là nếm trải cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời.

đã được chuẩn bị

Hoặc: "Đức Chúa Trời đã chuẩn bị"

chén thịnh nộ của Ngài

Chén đầy rượu tượng trưng cho sự tức giận của Đức Chúa Trời.

không pha

Chỉ về loại rượu không pha với nước. Nghĩa là họ sẽ phải nếm trải toàn bộ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời.

thiên sứ thánh của Ngài

"Thiên sứ thánh của Đức Chúa Trời"

Revelation 14:11

từ sự đau đớn của họ

"từ sự đau đớn liên tục của họ"

Revelation 14:13

vì những công việc của họ sẽ đi theo họ

Hoặc: "vì Đức Chúa Trời sẽ thưởng cho họ vì công việc họ làm"

Revelation 14:14

Đấng giống như Con Người

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:13.

Hãy lấy lưỡi liềm của Ngài… cả đất đều bị gặt

Ẩn dụ này chỉ về sự hình phạt của Đức Chúa Trời trên tất cả những người trên đất.

lưỡi liềm

Một dụng cụ có lưỡi cong dùng để cắt cỏ, lúa và cây dây leo.

ra khỏi đền thờ

"Ra khỏi đền thờ trên trời"

cả đất được gặt

Hoặc: "Ngài gặt cả đất"

Revelation 14:19

thùng ép lớn….thùng ép rượu

Cùng chỉ về một loại vật chứa.

cương ngựa

Một vật dụng đeo quanh đầu ngựa, được dùng để điều chỉnh phương hướng ngựa chạy

1,600 dặm Ết-ta-đơ

1 Ết-ta-đơ=185m

Translation Questions

Revelation 14:1

Giăng nhìn thấy ai đứng trước ông?

Giăng nhìn thấy Chiên Con đứng trước ông trên núi Si-ôn

Revelation 14:3

Ai có thể học được bài ca mới được hát ở trước ngai?

Chỉ có 144,000 người đã được cứu chuộc khỏi đất mới có thể học được bài ca mới nầy

Revelation 14:6

Thiên sứ ban sứ điệp tin lành đời đời cho ai?

Thiên sứ ban sứ điệp tin lành đời đời cho mọi nước, mọi bộ tộc, mọi ngôn ngữ và mọi dân trên đất

Revelation 14:8

Vị thiên sứ thứ hai thông báo điều gì?

Vị thiên sứ thứ hai thông báo rằng Ba-by-lôn vĩ đại đã sụp đổ

Revelation 14:9

Vị thiên sứ thứ ba cho biết điều gì sẽ xảy ra cho những người nhận dấu của con thú?

Những người nhận dấu của con thú sẽ bị đau đớn đời đời trong lửa và lưu huỳnh

Revelation 14:11

Vị thiên sứ thứ ba cho biết điều gì sẽ xảy ra cho những người nhận dấu của con thú?

Những người nhận dấu của con thú sẽ bị đau đớn đời đời trong lửa và lưu huỳnh

Revelation 14:14

Giăng nhìn thấy ai ngồi trên đám mây?

Giăng nhìn thấy có ai giống như Con Người ngồi trên đám mây

Revelation 14:19

Vị thiên sứ có lưỡi liềm bén đã làm gì?

Vị thiên sứ có lưỡi liềm bén thu gom mùa gặt nho trên đất và ném chúng vào thùng ép rượu của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời

Chapter 15

Revelation 15:1

Sau đó tôi thấy…đã hoàn tất

Câu 15:1 tóm tắt những gì sẽ xảy ra ở 15:2-16:21.

vĩ đại và kỳ diệu

Hoặc: "điều khiến tôi vô cùng ngạc nhiên"

bởi chúng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã hoàn tất

Hoặc: "vì những tai họa này làm hoàn tất cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời".

Revelation 15:2

con số biểu tượng của tên nó

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Người đọc phải hiểu được rằng đó là con số được mô tả trong REV 13:18.

Revelation 15:3

những việc công chính của Ngài đã được tỏ ra

Hoặc: "tất cả mọi người đều nhìn thấy và hiểu được những việc công chính của Ngài".

Revelation 15:5

Sau mọi việc đó

"Sau khi người ta hát xong"

đai

Miếng vải trang trí đeo ở phần trên của cơ thể

Revelation 15:7

bốn sinh vật sống

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 4:6.

Translation Questions

Revelation 15:1

Giăng nhìn thấy bảy thiên sứ cầm theo những gì?

Bảy thiên sứ có bảy tai họa cuối cùng

Revelation 15:2

Ai đang đứng bên biển?

Những người chiến thắng con thú và hình tượng của nó đang đứng bên biển

Revelation 15:3

Những người đứng bên biển hát bài ca của ai?

Những người đứng bên biển hát bài ca của Môi-se và bài ca của Chiên Con

Đường lối của Đức Chúa Trời được mô tả như thế nào trong bài hát?

Đường lối của Đức Chúa Trời được mô tả là công chính và chân thật

Revelation 15:7

Bảy thiên sứ được ban cho điều gì?

Bảy thiên sứ được ban cho bảy bát đựng đầy sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời

Chapter 16

Revelation 16:1

Tôi nghe

Tác giả, là Giăng (REV 1:9) nghe

bát thịnh nộ của Đức Chúa Trời

Xem cách bạn dịch cụm từ tương tự trong REV 15:7.

Revelation 16:2

đổ bát của Ngài xuống

Hoặc: "đổ rượu trong bát của Ngài xuống" hoặc "đổ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời từ trong bát xuống"

vết loét gây đau nhức

"Vết thương gây đau nhức". Chúng có thể bị nhiễm khuẩn do bệnh hay vết thương không được chữa lành.

dấu của con thú

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 13:17.

Revelation 16:3

đổ bát của Ngài xuống

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 16:2

biển

Chỉ về tất cả các vùng nước mặn trên thế giới.

như máu của người chết

Nghĩa là nước hóa màu đỏ, đặc và hôi thối.

Revelation 16:4

đổ bát của Ngài xuống

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 16:2.

các sông và các nguồn nước

Chỉ về mọi vùng nước ngọt.

thiên sứ của các vùng nước

Chỉ về thiên sứ thứ ba. Người chịu trách nhiệm đổ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời lên các sông và các nguồn nước.

Ngài là công chính

Từ "Ngài" chỉ về Đức Chúa Trời.

Đấng hiện có và đã có

Xem cách bạn dịch cụm từ tương tự trong REV 1:4.

Chúng đã làm đổ máu những thánh đồ và các nhà tiên

Hoặc: "những kẻ gian ác đã giết những thánh đồ và các nhà tiên tri".

Ngài đã cho chúng uống máu

Đức Chúa Trời sẽ khiến kẻ gian ác uống nước bị hóa thành máu.

Tôi nghe bàn thờ đáp lại

Có thể là 1) “Tôi nghe thiên sứ ở gần bàn thờ nói” hoặc 2) “Tôi nghe những linh hồn của các thánh đồ ở dưới bàn thờ nói”

Revelation 16:8

đổ bát của Ngài xuống

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 16:2.

nó được phép thiêu đốt loài người

Giăng nói về mặt trời như thể một con người. Gợi ý dịch: “và khiến mặt trời thiêu đốt loài người”.

Họ bị thiêu đốt bởi sức nóng kinh khiếp

Hoặc: "Sức nóng dữ dội thiêu đốt họ"

họ nói phạm đến danh Đức Chúa Trời

Hoặc: "họ phạm thượng đến Đức Chúa Trời"

Revelation 16:10

đổ bát của Ngài xuống

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 16:2.

ngai của con thú

Trung tâm quyền lực của con thú, có thể là thành phố thủ đô của vương quốc

Họ cắn

Những người trong vương quốc của con thú cắn.

Họ xúc phạm

"Họ nguyền rủa"

Revelation 16:12

Sông Ơ-phơ-rát và nước của nó khô cạn

Hoặc: "sông Ơ-phơ-rát và khiến nước khô cạn"

trông như ếch nhái

Ếch là một loài vật nhỏ sống gần nước. Người Do Thái xem chúng là loài vật ô uế.

con rồng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 12:3.

Revelation 16:15

Ta đến như kẻ trộm

Xem cách bạn dịch cụm từ tương tự trong REV 3:3.

họ thấy sự xấu hổ của người đó

Từ “họ” ở đây chỉ về những người khác.

Chúng tụ họp họ lại

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"Các linh của ma quỷ tụ họp các vua và quân lính của họ lại"

Chỗ được gọi là

"Chỗ người ta gọi là"

Hạc-ma-ghê-đôn

Đây là tên của một địa điểm.

Revelation 16:17

đổ bát của Ngài xuống

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 16:2.

Thì có một tiếng lớn vang ra từ nơi chí thánh và từ ngai

Nghĩa là có người ngồi trên ngai hoặc người đứng gần ngai nói lớn tiếng. Không rõ ai là người nói.

Thành phố vĩ đại bị tách ra

Hoặc: "Động đất làm thành phố vĩ đại tách ra"

Đức Chúa Trời nhớ lại

"Đoạn, Đức Chúa Trời nhớ đến" hoặc "Đoạn, Đức Chúa Trời nghĩ về" hoặc “Đoạn, Đức Chúa Trời bắt đầu chú ý đến”. Tránh cho gười đọc hiểu rằng Đức Chúa Trời nhớ lại điều gì đó mà Ngài đã quên.

Ngài cho thành phố đó một chén rượu đầy từ cơn thịnh nộ kinh khiếp của Ngài

Đức Chúa Trời trừng phạt dân thành cách nghiêm khắc và khiến họ phải đau khổ cùng cực.

Ngài ban chén cho thành phố đó

"Ngài bắt thành phố đó phải uống chén"

Rượu làm từ

Hoặc: "rượu tượng trưng cho"

Revelation 16:20

ta-lâng

Một ta-lâng bằng 34 kg.

Translation Questions

Revelation 16:1

Bảy thiên sứ được truyền lệnh phải làm gì?

Bảy thiên sứ được truyền lệnh phải đi ra và đổ bảy bát thịnh nộ của Đức Chúa Trời xuống đất

Revelation 16:2

Điều gì xảy ra khi chén thạnh nộ thứ nhất của Đức Chúa Trời được đổ xuống?

Những ung nhọt độc và đau nhức xuất hiện trên những người có dấu của con thú

Revelation 16:3

Điều gì xảy ra khi chén thạnh nộ thứ hai của Đức Chúa Trời được đổ xuống?

Biển trở nên như máu người chết

Revelation 16:4

Điều gì xảy ra khi chén thạnh nộ thứ ba của Đức Chúa Trời được đổ xuống?

Các sông và các nguồn nước biến thành máu

Revelation 16:8

Điều gì xảy ra khi chén thạnh nộ thứ tư của Đức Chúa Trời được đổ xuống?

Mặt trời dùng lửa thiêu đốt loài người

Revelation 16:10

Điều gì xảy ra khi chén thạnh nộ thứ năm của Đức Chúa Trời được đổ xuống?

Bóng tối bao trùm vương quốc của con thú

Revelation 16:12

Điều gì xảy ra khi chén thạnh nộ thứ sáu của Đức Chúa Trời được đổ xuống?

Nước sông Ơ-phơ-rát khô cạn để chuẩn bị lối đi cho các vua từ phương đông

Revelation 16:17

Điều gì xảy ra khi chén thạnh nộ thứ bảy của Đức Chúa Trời được đổ xuống?

Có một tiếng lớn phán rằng: “Xong rồi!” và có chớp, sấm và động đất

Chapter 17

Revelation 17:1

con đại kỵ nữ đang ngồi trên nhiều dòng nước

Thiên sứ đang nói về người đàn bà mà Giăng không thể nhìn thấy. Bà đại diện cho thành phố được nhắc đến trong REV 17:5 và REV 17:18.

con đại kỵ nữ

Tham khảo cách dịch: “người kỵ nữ mà ai ai cũng biết đến” hoặc “người kỵ nữ mọi người đều ghét”

trên nhiều dòng nước

"nơi có nhiều sông” hoặc “gần nhiều con sông” hoặc “gần sông biển”

Revelation 17:3

đá quý và ngọc trai

Tham khảo cách dịch: “nhiều loại đá đắt tiền”

ngọc trai

Hạt nhẵn, cứng và trắng

Trên trán nàng có ghi một tên

Tham khảo cách dịch: “Ai đó ghi trên trán nàng một tên” .

BA-BY-LÔN VĨ ĐẠI

Tham khảo cách dịch: “TA LÀ BA-BY-LÔN, NƯỚC HÙNG MẠNH”

Revelation 17:6

say máu

Nghĩa là bà đã làm hại và giết nhiều người tin theo Chúa Giê-xu.

những người tử đạo vì Chúa Giê-xu

" những tín hữu chịu chết vì họ nói cho những người khác về Chúa Giê-xu”

Sao ngươi lại kinh ngạc?

Tham khảo cách dịch: "Ngươi không nên kinh ngạc." hoặc “Ngươi phải hiểu những điều này”

Revelation 17:8

sắp đi lên

sắp đi từ nơi thấp lên nơi cao

đi lên từ vực thẳm, để vào địa ngục

Xem cách bạn đã dịch “đi lên từ vực thẳm, để vào địa ngục” trong REV 11:7.

những người không được ghi tên... từ khi đặt nền vũ trụ

Tham khảo cách dịch: "Những người không được Chúa Giê-xu ghi tên...trước khi Ngài bắt đầu sáng tạo nên thế giới”

sắp đi lên

sắp đến và còn lại

Revelation 17:9

bảy ngọn đồi mà người phụ nữ ngồi lên

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Từ “ngồi” ở đây có nghĩa là bà có quyền lực trên những nơi nầy và dân cư trong đó.
bảy ông vua
Đây là những vị vua nối tiếp nhau. Họ không sống cùng thời với nhau.
một vị vua đang trị vì
"một người đang làm vua”
Revelation 17:11
Con thú… chính nó là vua thứ tám, nhưng nó là một trong số bảy vị vua kia
Con thú đã cai trị hoặc sẽ cai trị như một trong bảy vị vua, và rồi nó sẽ lại cai trị như vị vua thứ tám. Tham khảo cách dịch: “Con thú đã sống trước đó và rồi không còn sống nữa sẽ là người cai trị thứ tám. Nó sẽ gian ác giống như bảy vị vua trước kia, nhưng chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt nó”
Revelation 17:12
mười vị vua
Những vua này sẽ cai trị trong cùng một thời điểm, cùng với con thú.
trong một giờ
Nếu ngôn ngữ của bạn không chia một ngày thành 24 giờ, bạn có thể dùng một hoạt động nào đó có thời gian diễn ra trong một giờ trong văn hóa của mình để nói cho ý này.
Chiên Con sẽ chiến thắng chúng… và với Ngài là những người được gọi.
những người được chọn và những người trung tín
"Chiên Con- với những người được gọi, được chọn và trung tín- sẽ chiến thắng chúng”
Revelation 17:15
Những dòng nước mà ngươi thấy kỹ nữ ngồi lên
Xem cách bạn dịch cụm từ tương tự trong REV 17:1.
các dân tộc, các nhóm người, các nước và các thứ tiếng
Tất cả những từ nầy có ý nghĩa tương tự, được liệt kê để nhấn mạnh ý. Có thể dịch là “tất cả mọi người trên thế giới”.
Revelation 17:16
ghét
Dịch từ này như bạn đã dịch trong REV 2:6.
khiến nó phải đơn độc và trần truồng
"cướp hết của nó mọi thứ, không để lại gì cả"
chúng sẽ ăn thịt nó và thiêu rụi nó trong lửa
Cả hai câu đều có nghĩa là chúng sẽ tiêu diệt người phụ nữ đó hoàn toàn.
cho đến khi lời của Đức Chúa Trời được ứng nghiệm
Hoặc: "cho đến khi Đức Chúa Trời làm ứng nghiệm những điều Ngài đã báo trước"

Translation Questions

Revelation 17:1
Vị thiên sứ bảo sẽ cho Giăng thấy điều gì?
Vị thiên sứ bảo sẽ cho Giăng thấy sự phán xét dành cho đại kỹ nữ
Revelation 17:3
Người phụ nữ ngồi trên vật gì?
Người phụ nữ ngồi trên con thú có bảy đầu và mười sừng
Revelation 17:6
Người phụ nữ say bởi thứ gì?
Người phụ nữ say máu các thánh đồ và những người tử đạo vì Chúa Giê-xu
Revelation 17:8
Con thú mà người phụ nữ ngồi lên đến từ đâu?
Con thú đó đi lên từ hố sâu không đáy
Con thú sắp đi đến đâu?
Con thú sắp đi đến chỗ hủy diệt
Revelation 17:9
Bảy đầu của con thú là gì?
Bảy đầu của con thú là bảy ngọn đồi mà người phụ nữ ngồi lên, đó cũng là bảy vị vua
Revelation 17:12
Mười cái sừng của con thú là gì?
Mười cái sừng của con thú là mười vị vua
Revelation 17:15
Những dòng nước mà kỹ nữ ngồi lên là gì?
Những dòng nước đó là các dân tộc, các nhóm người, các nước và các ngôn ngữ
Revelation 17:16
Các vị vua và con thú làm gì với người phụ nữ?
Chúng sẽ khiến người phụ nữ phải đơn độc và trần truồng, chúng sẽ ăn thịt và thiêu trụi nó trong lửa
Revelation 17:18
Người phụ nữ mà Giăng nhìn thấy là ai?
Người phụ nữ mà Giăng nhìn thấy là thành phố vĩ đại cai trị trên các vua của thế gian

Chapter 18

Revelation 18:1
loài chim gớm ghiếc
"Loài chim ghê tởm" hoặc "loài chim gớm ghê"
Vì tất cả các dân tộc
"vì người dân của mọi nước”
đã say rượu…dâm loạn với nó
"đã tham gia với thành Ba-by-lôn và dự phần trong tội lỗi của nó”
đem thịnh nộ đến cho nó
"khiến Đức Chúa Trời trừng phạt nó"
thương gia
Người bán hàng hóa
nhờ quyền lực lối sống xa xỉ của nó
Hoặc: "vì nó đã tiêu tốn nhiều tiền cho sự xa hoa"
Revelation 18:4
tiếng khác
"ai đó khác”, rõ ràng là Chúa Giê-xu hoặc Đức Chúa Trời
nhớ
Dịch cụm từ này như bạn dịch "nhớ" trong REV 16:19.
Báo trả cho nó
Có thể người phán đang phán với các thiên sứ hoặc mười vị vua (REV 17:16) hoặc nó với chính mình
pha gấp đôi
Tham khảo cách dịch: “pha mạnh gấp đôi”
Revelation 18:7
Nó tự tôn vinh mình… cho mình… nó nói… Ta là… Ta là… Ta sẽ chẳng bao giờ thấy… các tai họa của nó đều sẽ xảy đến cho nó
Tham khảo cách dịch: “dân thành Ba-by-lôn tự tôn vinh

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

mình… cho mình… chúng nói…chúng ta là… chúng ta là… chúng ta sẽ không bao giờ thấy… những tai họa của chúng đều sẽ xảy đến cho chúng”

Ta ngôi như một nữ hoàng, ta không phải là một góa phụ

Nó là người cai trị, dựa trên chính thẩm quyền của mình, nó sẽ chẳng bao giờ phải dựa vào một người nào khác (nó nghĩ).

Nó sẽ bị lửa thiêu cháy

Tham khảo cách dịch: “Lửa sẽ thiêu rụi nó”

Revelation 18:9

những kẻ đã phạm tội tà dâm với nó và nổi loạn với nó

Câu này có nghĩa là các vua và các dân của họ đã phạm tội mà nổi loạn chống nghịch cùng Đức Chúa Trời như dân Ba-by-lôn đã làm..

Khốn thay, khốn thay

Hai cụm từ được lặp đi lặp lại để nhấn mạnh.

Revelation 18:11

than khóc cho nó

"Than khóc cho dân Ba-by-lôn"

cẩm thạch

Một loại đá quý dùng để xây nhà

hương liệu

Chất dùng để thêm hương vị cho thức ăn

Revelation 18:14

Trái mà ngươi

Từ “ngươi” ở đây chỉ về dân Ba-by-lôn.

hết lòng ao ước

"Rất muốn"

không bao giờ còn tìm thấy nữa

Hoặc: "ngươi sẽ không bao giờ có được nó nữa"

Revelation 18:15

và trang điểm

Hoặc: "và họ trang điểm cho mình" hay "và họ đeo"

đá quý

"Đá quý" hay "ngọc quý"

ngọc trai

Xem cách đã dịch cụm từ này trong REV 17:4.

Revelation 18:18

lửa thiêu đốt nó

Từ “nó” chỉ về thành Ba-by-lôn.

Có thành nào giống như thành lớn nầy chăng?

Hoặc: "Không có thành nào giống như thành lớn Ba-by-lôn".

Revelation 18:21

đá cối xay

tảng đá lớn được dùng để đè xát lúa mì.

Thành phố lớn Ba-by-lôn sẽ bị ném xuống cách dữ dội và sẽ chẳng còn ai trông thấy nó nữa

Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt thành này hoàn toàn. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ ném Ba-by-lô cách dữ dội và nó sẽ không còn tồn tại nữa”

Tiếng đàn hạc, nhạc khí, sáo, kèn sẽ chẳng bao giờ được nghe trong ngươi nữa

Tham khảo cách dịch: “Sẽ chẳng ai lại được nghe tiếng nhạc trong thành của ngươi”

Ngươi ta sẽ chẳng tìm thấy một người thợ thủ công nào trong ngươi nữa. Cũng không còn nghe thấy tiếng cối xay nữa.

Tham khảo cách dịch: “Sẽ không còn ai lại được thấy hoặc nghe những người làm việc trong thành của ngươi nữa”

Revelation 18:23

Sẽ chẳng còn nghe tiếng nói của chàng rể, cô dâu trong ngươi nữa

Tham khảo cách dịch: “Sẽ không ai còn được nghe tiếng nói hạnh phúc của cô dâu và chú rể nữa”

các thương gia của ngươi là những người có thế lực trên thế giới

"Những người ở các nước khác rất kính nể các thương gia của ngươi”

và các nước đều bị tà thuật của ngươi lừa dối

Tham khảo cách dịch: “và ngươi lừa dối người dân các nước bằng tà thuật của mình”

Trong nó, ngươi ta tìm thấy máu của các tiên tri và các thánh đồ cùng máu của mọi người bị tàn sát trên đất

Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã công bố những tội lỗi của ngươi vì đã giết những tiên tri cùng các thánh đồ và mọi người khác trên đất”

Translation Questions

Revelation 18:1

Vị thiên sứ có thẩm quyền lớn thông báo điều gì?

Vị thiên sứ thông báo rằng Ba-by-lôn vĩ đại đã sụp đổ

Revelation 18:4

Tiếng phán từ trời bảo con dân của Đức Chúa Trời phải làm gì?

Tiếng phán từ trời bảo con dân của Đức Chúa Trời phải ra khỏi Ba-by-lôn và không phạm tội với chúng

Revelation 18:9

Các vua và thương gia trên đất phản ứng thế nào khi nhìn thấy sự phán xét trên Ba-by-lôn?

Khi các vua và thương gia trên đất nhìn thấy sự phán xét trên Ba-by-lôn thì họ than khóc và đau buồn cho nó

Revelation 18:11

Các vua và thương gia trên đất phản ứng thế nào khi nhìn thấy sự phán xét trên Ba-by-lôn?

Khi các vua và thương gia trên đất nhìn thấy sự phán xét trên Ba-by-lôn thì họ than khóc và đau buồn cho nó

Revelation 18:14

Những điều Ba-by-lôn ao ước bị tan biến trong một giờ đó là gì?

Ba-by-lôn ao ước sự xa hoa lộng lẫy và chúng đều tan biết trong một giờ

Revelation 18:18

Các thuyền trưởng hỏi gì về Ba-by-lôn?

Các thuyền trưởng hỏi rằng “Có thành nào giống như thành lớn nầy chăng?”

Revelation 18:21

Sau khi bị phán xét, khi nào Ba-by-lôn sẽ xuất hiên trở lại?

Sau khi bị phán xét, Ba-by-lôn sẽ không được tìm thấy nữa

Chapter 19

Revelation 19:1

Tôi nghe

Ở đây, từ “tôi’ chỉ về Giăng.

Ha-lê-lu-gia

Từ nầy có nghĩa là “ngợi khen Đức Chúa Trời” hay “chúng ta hãy ngợi khen Đức Chúa Trời”.

đại kỵ nữ

Chỉ về kẻ gian ác cai trị những người khác trên đất, dẫn dắt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

họ thờ lạy tà thần.
kẻ làm bại hoại thế gian
Hoặc: "kẻ làm bại hoại con người ở thế gian"
Revelation 19:3
Ha-lê-lu-gia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 19:1
từ nó đời đời vô cùng
"Từ những kẻ thờ thần tượng đời đời vô cùng". Hoặc: "từ những kẻ tà dâm và chúng sẽ chịu đau khổ đời đời vô cùng"
hai mươi bốn trưởng lão
24 trưởng lão
Revelation 19:5
Ngợi khen Đức Chúa Trời của chúng ta
Từ “chúng ta” ở đây chỉ về người nói và tất cả đầy tớ của Đức Chúa Trời.
cả người hèn mọn lẫn người mạnh mẽ
Người nói dùng những từ nầy chung với nhau để chỉ về tất cả con dân của Đức Chúa Trời.
Revelation 19:6
Ha-lê-lu-gia
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 19:1.
Revelation 19:7
Chúng ta hãy vui mừng
Từ “chúng ta” ở đây chỉ về tất cả đầy tớ của Đức Chúa Trời.
dâng vinh hiển cho Ngài
"Dâng vinh hiển cho Đức Chúa Trời"
lễ cưới của Chiên Con...cô dâu của Ngài đã chuẩn bị sẵn sàng
Chỉ về sự kết hiệp đời đời của Chúa Giê-xu và con dân Ngài.
Chiên Con
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 5:6.
Revelation 19:9
tiệc cưới của Chiên Con
Lễ cưới chỉ về sự kết hiệp đời đời của Chúa Giê-xu và con dân Ngài.
Tôi sấp mình
Sấp mình là sấp người xuống đất, mặt úp xuống để thể hiện lòng tôn kính và sẵn sàng phục vụ. Xem ghi chú ở 19:3.
Revelation 19:11
Rồi tôi thấy trời mở ra
Hình ảnh nầy thường được dùng để đánh dấu một khải tượng mới bắt đầu. Xem cách dịch cho ý nầy ở 4:1, 11:19 và 15:5. REV 4:1, REV 11:19, và REV 15:5.
Ngài khoác một chiếc áo choàng nhuốm máu
Hoặc: "Ngài khoác một chiếc áo choàng được nhuộm bằng máu” hoặc “Ngài khoác một chiếc áo choàng đẫm máu"
Revelation 19:14
Một lưỡi gươm bén ra từ miệng Ngài
Xem cách bạn dịch cụm từ tương tự trong REV 1:16.
đánh các nước
"Tiêu diệt các nước" hoặc "bắt các nước phải vâng phục"
cai trị họ bằng một cây gậy sắt
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 12:5.
Ngài ghi trên áo choàng và trên đùi Ngài một danh
Hoặc: "Trên áo choàng và trên đùi Ngài là danh"
Revelation 19:17
cả người tự do lẫn nô lệ, người hèn mọn lẫn người mạnh mẽ
Thiên sứ dùng chung những từ nầy với nhau để chỉ về tất cả mọi người.
Revelation 19:21
Những kẻ còn lại
"Những kẻ còn lại trong đội quân của con thú"
lưỡi gươm ra từ miệng
Xem cách bạn dịch cụm từ tương tự trong REV 1:16.

Translation Questions

Revelation 19:1
Tiếng lớn từ trời nói gì về sự phán xét của Đức Chúa Trời?
Tiếng lớn đó nói rằng sự phán xét của Đức Chúa Trời là chân thật và công chính
Revelation 19:3
Điều gì sẽ xảy ra đời đời cho đại kỹ nữ?
Khói từ đại kỹ nữ sẽ bốc lên đời đời
Revelation 19:5
Các đầy tớ kính sợ Đức Chúa Trời được truyền phải làm gì?
Các đầy tớ của Đức Chúa Trời được truyền phải ca ngợi Ngài
Revelation 19:7
Vì sao tiếng phán kêu gọi các đầy tớ của Đức Chúa Trời hãy vui mừng hớn hở?
Các đầy tớ của Đức Chúa Trời phải vui mừng vì lễ cưới Chiên Con đã đến
Revelation 19:11
Tên của người cưỡi ngựa trắng mà Giăng nhìn thấy là gì?
Giăng nhìn thấy Lời Đức Chúa Trời cưỡi ngựa trắng
Revelation 19:19
Con thú và các vua trên đất đang chuẩn bị để làm gì?
Chúng đang chuẩn bị để giao chiến với Lời Đức Chúa Trời và quân đội của Ngài
Revelation 19:21
Điều gì xảy ra cho những kẻ giao chiến với Lời Đức Chúa Trời còn sót lại?
Những kẻ còn lại đều bị giết bằng thanh gươm ra từ miệng của Lời Đức Chúa Trời

Chapter 20

Revelation 20:1
Rồi tôi thấy
Ở đây, từ “tôi’ chỉ về Giăng.
hố sâu và vô tận
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 9:1.
con rồng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 12:3.
một ngàn năm
"1,000 năm”
Ngài phải thả
Hoặc: "Đức Chúa Trời sẽ ra lệnh cho thiên sứ thả nó"
Revelation 20:4
những người bị chém đầu
Hoặc: "những người bị người ta chém đầu"
Revelation 20:5
Những người chết còn lại
"Tất cả những người chết khác"
một ngàn năm chấm dứt

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

"kết thúc 1,000 năm"

Sự chết thứ hai không có quyền gì trên họ

Ở đây Giăng mô tả “sự chết” như một người có quyền lực. Có thể dịch là: “Những người nầy sẽ không nếm trải sự chết thứ hai”.

Sự chết thứ hai

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 2:11.

Revelation 20:7

tại bốn góc đất

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV07:01.

Gót và Ma-gót

Đây là những tên gọi mà tiên tri Ê-xê-chi-ên dùng để đại diện cho các nước ở xa.

Chúng sẽ đông như cát bờ biển

Nhấn mạnh số lượng quân lính rất đông trong đội quân của Sa-tan.

Revelation 20:9

Chúng kéo lên

"Quân đội của Sa-tan kéo lên"

hồ lửa lưu huỳnh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 19:20.

Revelation 20:11

Đất và trời đều chạy trốn khỏi sự hiện diện của Ngài, nhưng không có nơi nào để đi

Giăng mô tả trời và đất như một người tìm cách thoát khỏi sự phán xét của Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là sự hiện diện của Đức Chúa Trời hủy diệt hoàn toàn trời và đất cũ.

người uy quyền và người hèn mọn

Giăng kết hợp những từ nầy để chỉ về tất cả những người chết.

sách được mở ra

Tham khảo cách dịch: “và sách được mở ra"

Revelation 20:13

những người chết bị phán xét

Hoặc: "Đức Chúa Trời phán xét những người chết"

Sự chết thứ hai

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 2:11.

Translation Questions

Revelation 20:1

Vị thiên sứ từ trời xuống đem theo vật gì?

Vị thiên sứ cầm chìa khóa của hố không đáy và một cái xiềng lớn

Revelation 20:4

Điều gì xảy ra với những người từ chối nhận dấu của con thú?

Những người từ chối nhận dấu của con thú được sống lại và cai trị với Chúa Cứu Thế trong một ngàn năm

Revelation 20:5

Khi nào những người chết còn lại được sống lại?

Những người còn lại sẽ được sống lại khi một ngàn năm kết thúc

Revelation 20:9

Điều gì sẽ xảy ra khi trại của các thánh đồ bị bao vây?

Khi trại của các thánh đồ bị bao vây thì lửa từ trời giáng xuống thiêu nuốt dân Gót và Ma-gót

Revelation 20:13

Những người chết bị phán xét dựa vào đâu trước ngai lớn và trắng?

Những người chết bị phán xét theo những gì được chép trong sách và kết quả của những việc họ đã làm

Chapter 21

Revelation 21:1

Tôi thấy

Ở đây, từ “tôi’ chỉ về Giăng.

như cô dâu trang điểm chờ chồng mình

Điều này nhấn mạnh rằng Giê-ru-sa-lem mới rất đẹp đẽ.

Revelation 21:5

An-pha và Ô-mê-ga, Khởi Nguyên và Cuối Cùng

Đây là hai cụm từ đồng nghĩa, được kết hợp để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời là đời đời. .

An-pha và Ô-mê-ga

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:8.

Cho người nào khát.....nước sự sống

Nghĩa là Đức Chúa Trời ban sự sống đời đời dư dật cho những ai thật sự khao khát nó.

Revelation 21:7

những kẻ hèn nhát

"những kẻ quá sợ hãi đến nổi không dám làm điều đúng"

những kẻ đáng ghê tởm

"những kẻ làm những việc kinh tởm"

hồ lửa lưu huỳnh đang bừng cháy

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 19:20.

Sự chết thứ hai

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 2:11.

Revelation 21:9

cô dâu, là vợ của Chiên Con

Hình ảnh về một cuộc hôn nhân ở đây tượng trưng cho sự hiệp nhất đời đời của Chúa Giê-xu với con dân Ngài và thành thánh của Ngài.

Chiên Con

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 5:6.

Rồi người đem tôi đi trong Thánh Linh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 17:3.

Revelation 21:11

Giê-ru-sa-lem

"Giê-ru-sa-lem trên trời" hay "Giê-ru-sa-lem mới"

pha lê

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 4:6.

ngọc thạch anh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 4:3.

mười hai cửa

"12 cửa"

đã được viết

Hoặc: "Đức Chúa Trời đã viết"

Revelation 21:14

Chiên Con

Chỉ về Chúa Giê-xu. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 5:6.

Revelation 21:16

dặm Ết-ta-đơ

1 Ết-ta-đơ =185 m

cu-bít

1 cu-bít=46m

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Revelation 21:18
ngọc thạch anh…ngọc bích…ngọc hồng mã não
Xem cách bạn đã dịch những từ này trong REV 4:3.
ngọc lam…mã não…hồng mã não…ngọc hoàng bích…ngọc thủy thương…ngọc hồng bích…ngọc phỉ túy…ngọc hồng bửu …ngọc thạch anh tím
Tất cả đều là đá quý.
Revelation 21:21
ngọc trai
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 17:4.
Chúa là Đức Chúa Trời…và Chiên Con là đền thờ của thành
Đền thờ đại diện cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Điều nầy có nghĩa là Giê-ru-sa-lem mới không cần có đền thờ nữa vì Đức Chúa Trời và Chiên Con sẽ ở đó.
Revelation 21:23
đèn của thành là Chiên Con
Nghĩa là vinh hiển của Chúa Giê-xu làm ánh sáng của thành.
Cửa của thành sẽ không đóng lại
Hoặc: "Sẽ không ai đóng cửa thành"
Revelation 21:26
sẽ không có vật gì ô uế được vào đó
"chỉ những vật tinh sạch mới được vào”
nhưng chỉ những ai được ghi tên trong sách sự sống của Chiên Con
Hoặc: "nhưng chỉ những ai được Chiên Con ghi tên vào sách sự sống của Ngài"
Chiên Con
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 5:6.

Translation Questions

Revelation 21:1
Giăng thấy điều gì xảy ra cho trời và đất thứ nhất?
Giăng thấy trời và đất thứ nhất qua đi
Điều gì thay thế cho trời và đất thứ nhất?
Trời và đất mới thay thế cho trời và đất thứ nhất
Revelation 21:3
Tiếng từ ngai phán rằng Đức Chúa Trời bây giờ sẽ ở đâu?
Tiếng ấy phán rằng Đức Chúa Trời bây giờ sẽ ở với loài người
Revelation 21:14
Trên nền của Giê-ru-sa-lem mới được viết gì?
Tên của mười hai sứ đồ của Chiên Con được viết trên nền của Giê-ru-sa-lem mới
Revelation 21:16
Giê-ru-sa-lem mới được xây dựng theo hình gì?
Giê-ru-sa-lem mới được xây dựng theo hình vuông
Revelation 21:18
Thành và đường phố được xây dựng bằng gì?
Thành và đường phố được xây dựng bằng vàng ròng trong như thủy tinh
Revelation 21:21
Thành và đường phố được xây dựng bằng gì?
Thành và đường phố được xây dựng bằng vàng ròng trong như thủy tinh
Revelation 21:23
Nguồn ánh sáng cho Giê-ru-sa-lem mới là gì?
Nguồn ánh sáng cho Giê-ru-sa-lem mới là vinh quang của Đức Chúa Trời và Chiên Con

Chapter 22
Revelation 22:1
cho tôi thấy
Từ “tôi” ở đây chỉ về Giăng.
trong suốt như pha lê
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 4:6.
Chiên Con
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 5:6.
mười hai loại quả
"12 loại quả"
Revelation 22:3
các đầy tớ Ngài sẽ phục vụ Ngài
Từ Ngài có thể là 1) Đức Chúa Cha 2) Chiên Con 3) Cả Đức Chúa Cha và Chiên Con đồng cai trị như một.
Revelation 22:6
Những lời nầy là đáng tin cậy và chân thật
Xem cách bạn dịch cụm từ tương tự trong REV 21:5.
Kìa! Ta đến mau chóng
Dấu ngoặc kép ở đầu câu cho thấy người nói đã thay đổi giữa câu 6 và câu 7. Chúa Giê-xu là người nói ở câu 7 như được đề cập trong bản Kinh Thánh UDB.
Revelation 22:8
sấp mình
sấp mình là sấp người xuống đất và vươn dài. Đây là một cử chỉ quan trọng trong việc thờ phượng để tỏ lòng tôn kính và sẵn sàng phục vụ.
Revelation 22:10
Người phán với tôi
"Thiên sứ phán với tôi"
Revelation 22:12
An-pha và Ô-mê-ga, Đầu Tiên và Cuối Cùng, Khởi Nguyên và Tận Cùng
Ba cụm từ nầy có ý nghĩa giống nhau, được kết hợp để nhấn mạnh Chúa Giê-xu tồn tại suốt thời gian. .
An-pha và Ô-mê-ga
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:8.
Đầu Tiên và Cuối Cùng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 1:17.
Khởi Nguyên và Tận Cùng
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong REV 21:6.
Revelation 22:14
giặt áo choàng của mình...ăn nơi cây sự sống
Những người có tâm linh trong sạch được vui hưởng trái cây sự sống đời đời, tức là được ở với Đức Chúa Trời đời đời.
Ở ngoài
Nghĩa là chúng ở ngoài thành phố và không được phép bước vào.
là những loài chó
Theo văn hóa ở đây, chó là một loài vật ô uế và đáng khinh, đại diện cho những kẻ gian ác.
Revelation 22:16
để làm chứng cho các ngươi
Từ “các ngươi” ở dạng số nhiều.
cội rễ và hậu tự của Đa-vít
Những từ “cội rễ” và “hậu tự” cơ bản có nghĩa tương tự.

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025

Chúng nhấn mạnh rằng Chúa Giê-xu thuộc gia tộc của vua Đa-vít. .

Sao Mai sáng ngời

Chỉ về ngôi sao rực rỡ xuất hiện vào sáng sớm, báo hiệu ánh sáng ban ngày sắp sửa xuất hiện. Hình ảnh này cũng tượng trưng cho Chúa Giê-xu là Chúa Cứu Thế.

Revelation 22:17

Người nào khát...nước sự sống

Nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ ban sự sống đời đời dư dật cho những ai thật sự khao khát nó.

Revelation 22:18

Tôi làm chứng

Ở đây, từ “tôi’ chỉ về Giăng.

Nếu ai thêm vào...nếu ai bớt đi

Đây là một lời cảnh báo mạnh mẽ không được thay đổi bất kì điều gì trong lời tiên tri nầy.

được viết trong sách nầy

"mà tôi đã viết trong sách nầy"

Translation Questions

Revelation 22:1

Giăng nhìn thấy gì chảy ra từ ngai của Đức Chúa Trời?

Giăng nhìn thấy sông nước sự sống chảy ra từ ngai của Đức Chúa Trời

Revelation 22:3

Điều gì sẽ không còn tồn tại trong thành phố nữa?

Sẽ không còn có sự nguyền rủa và không còn đêm tối nữa

Ngai của Đức Chúa Trời và ngai của Chiên Con sẽ ở đâu?

Ngai của Đức Chúa Trời và ngai của Chiên Con sẽ ở trong thành phố

Revelation 22:8

Thiên sứ bảo Giăng làm gì khi ông phủ phục dưới chân của thiên sứ?

Thiên sứ bảo Giăng hãy thờ phượng Đức Chúa Trời

Revelation 22:10

Vì sao Giăng không được niêm phong những lời tiên tri trong sách nầy?

Giăng không được niêm phong những lời tiên tri trong sách nầy vì thì giờ đã gần rồi

Revelation 22:12

Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ mang theo điều gì khi Ngài đến?

Đức Chúa Trời phán Ngài sẽ mang theo phần thưởng khi Ngài đến

Revelation 22:14

Những người muốn có quyền ăn nơi cây sự sống cần phải làm gì?

Những người muốn có quyền ăn nơi cây sự sống cần phải giặt áo choàng của mình

Revelation 22:16

Chúa Giê-xu phán Ngài có mối quan hệ như thế nào với vua Đa-vít?

Chúa Giê-xu phán Ngài là cội rễ và hậu tự của vua Đa-vít

Revelation 22:18

Điều gì sẽ xảy ra cho những ai thêm vào lời tiên tri trong sách nầy?

Bất kì ai thêm điều gì vào lời tiên tri trong sách nầy sẽ nhận lấy những tai họa chép trong sách nầy

generated on Thu Feb 13 14:44:23 2025